

BIỂU MẪU 18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019-2020

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Năm Xuất bản	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Bước đầu đánh giá khả năng ứng dụng hệ thống FCC (Fertility Capability Classification) trong phân loại đánh giá độ phì đất huyện Trà Ôn - Vĩnh Long	Lê, Thị Anh Thư	Võ Quang Minh, Huỳnh Thị Thu Hương, Phạm Thanh Vũ		Đề tài nghiên cứu đánh giá khả năng ứng dụng hệ thống FCC của Sanchez trong phân loại đánh giá độ phì nhiêu trên đất tại huyện Trà Ôn - Vĩnh Long. Xác định các trở ngại về độ phì đất và đề ra các khuyến cáo trên cơ sở độ phì đó.
2	Đại học	Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	Phạm, Ngọc Thiên Hương	Thạch Huân		Qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của đề tài, cho thấy được vai trò cũng như tầm quan trọng của việc giải quyết tranh chấp giữa các nước trên thế giới hiện nay. Nhằm nghiên cứu một cách sâu rộng hơn về cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Quá trình vận dụng cơ chế giải quyết này tại các nước trên thế giới. Cụ thể về cơ sở pháp lý về cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO và những thực tiễn giải quyết tranh chấp của WTO.
3	Đại học	Đánh giá hiệu quả sử dụng bã thải túi ủ biogas lên sinh khối cây rau muống	Ngô, Quốc Vinh	Nguyễn Võ Châu Ngân ; Đỗ Thị Mỹ Phượng		Đề tài “Đánh giá hiệu quả sử dụng bã thải túi ủ biogas lên sinh khối cây rau muống” với các mục tiêu: (i) Đánh giá năng suất cây rau muống từ việc sử dụng các nguồn bã thải túi ủ biogas; (ii) Đánh giá hiệu quả phân bón của các loại bã thải túi ủ biogas với nguyên liệu nạp khác nhau; (iii) Đánh giá khả năng cải tạo đất sau sử dụng nguồn phân hữu cơ này.
4	Đại học	Động cơ điện không đồng bộ	Nguyễn, Thị Bích Trâm	Lê Văn Nhạn		Đề tài nghiên cứu về các loại cấu tạo; nguyên lý hoạt động và về các đường đặc tính của động cơ không đồng bộ và thực hành cách đo tốc độ của động cơ. Nhằm hướng đến cách ứng dụng của động cơ không đồng bộ trong sinh hoạt và kỹ thuật.
5	Đại học	Etude la processus de fabrication de la sauce tamarin	Doan Anh Dung	Doan Anh Dung		L’objectif de cette recherche est l’étude de la processus de fabrication de la sauce tamarin sur la matière première c’est le tamarin commercial et d’étude le processus de conservation de la sauce tamarin avec le sorbate de potassium.
6	Đại học	Hình tượng nhân vật phụ nữ trung lưu, trí thức trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh	Phan, Đặng Kiều Trang	Huỳnh Thị Lan Phương		Cảm nhận sâu sắc hơn những đặc điểm t nh cách, số phận của người ph nữ trung lưu, trí thức Nam bộ và những yếu tố đã tác động đến cuộc đời của họ trong những năm đầu thế k XX.

7	Đại học	Hoàn thiện và nâng cao quy trình sản xuất rượu vang thốt nốt ở quy mô pilot	Nguyễn Minh Thủy	Nguyễn Minh Thủy	Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở khảo sát thời gian nhân giống nấm men đạt mật số yêu cầu (108 CFU/ml) ở các thể tích môi trường nuôi cấy khác nhau (10, 50, 100, 200 ml) thực hiện quá trình lên men và so sánh chất lượng rượu vang thốt nốt ở các thể tích lên men khác nhau (5 lít và 150 lít), khả năng làm trong rượu vang thốt nốt bằng tác động của enzyme pectinase với các nồng độ thay đổi từ 0,02 đến 0,1% (v/v) và (iv) biến đổi chất lượng rượu vang thốt nốt tồn trữ ở nhiệt độ mát (15÷20°C)
8	Đại học	Hoàn thuế giá trị gia tăng	Diệp, Bích Nga	Lê Thị Nguyệt Châu	Mục tiêu nghiên cứu đề tài, giúp người viết hiểu được quy định của Thủ tục hoàn thuế GTGT, những vướng mắc đang tồn tại để từ đó đưa ra ý kiến cá nhân về một số quy định, nêu quan điểm, đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần làm cho công tác hoàn thuế GTGT được thực hiện tốt.
9	Đại học	Khảo sát tình hình ô nhiễm vi sinh vật đường ruột trên một số vùng chuyên canh rau ăn lá ở Đồng bằng sông Cửu Long và biện pháp giảm thiểu	Lê, Thị Triều Tiên	Dương Minh Viễn	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu: (1) Khảo sát tập quán canh tác rau ăn lá và tình hình ô nhiễm vi sinh vật đường ruột ở một số vùng chuyên canh rau; (2) Đánh giá hiệu quả của phân hữu cơ ủ hoai và vôi xử lý đất, nước nhằm giảm sự ô nhiễm vi sinh vật đường ruột trên rau.
10	Đại học	Mô hình hóa công nghệ sấy ớt bằng đèn hồng ngoại	Huyềnh, Thị Kim Ngân	Võ Tấn Thành	Khảo sát sự biến đổi độ ẩm theo nhiệt độ và vận tốc gió để mô hình hóa quá trình sấy ớt bằng đèn hồng ngoại. Sử dụng các mô hình để phỏng đoán quá trình sấy nhằm tìm ra mô hình có khả năng phỏng đoán chính xác quá trình sấy. Ảnh hưởng của nhiệt độ và vận tốc gió đến màu sắc của ớt
11	Đại học	Một số giải pháp nâng cao năng lực sản xuất tại công ty cổ phần xi măng Tây Đô (Ô Môn - Cần Thơ)	Lê, Hoàng Em	Phạm Thị Vân	Giới thiệu công ty cổ phần xi măng Tây Đô, hoạt động của công ty đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất.
12	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trồng bưởi của nông hộ ở huyện Châu Thành, Hậu Giang	Nguyễn, Phúc Thịnh	Mai Văn Nam	Đánh giá thực trạng trồng bưởi Năm Roi trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính trồng bưởi Năm Roi của nông hộ ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất bưởi Năm Roi, tăng thu nhập cho nông hộ.
13	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn quận Cái Răng	Mai, Hoàng Tuấn	Thái Văn Đại	Phân tích, đánh giá tổng quát kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian qua (2008 – 2010). Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn của ngân hàng. Đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn của ngân hàng thông qua một số chỉ tiêu về hiệu quả tín dụng. Đề xuất một số giải pháp mở rộng tín dụng ngắn hạn và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quận Cái Răng.
14	Đại học	Phân tích mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ thẻ của Ngân hàng Đông Á, phòng giao dịch Xuân Khánh, thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Cẩm Hằng	Lê Thị Thu Trang	Phân tích mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ thẻ của Ngân hàng Đông Á, phòng giao dịch Xuân Khánh, thành phố Cần Thơ. Từ đó, đưa ra giải pháp để hoàn thiện chất lượng dịch vụ thẻ thanh toán của ngân hàng trong thời gian tới.

15	Đại học	Phân tích thực trạng và biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Trịnh, Mỹ Phương	Trương Thị Tuý Hằng		Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiện trạng hoạt động tín dụng, đánh giá chung về tình hình rủi ro tín dụng tại ngân hàng, đồng thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng từ đó tìm ra giải pháp để hạn chế rủi ro nhằm để tối thiểu hóa rủi ro tín dụng gây ra cho ngân hàng.
16	Đại học	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai trong hoạt động tín dụng ngân hàng, lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Thị Tuyết Nhung	Tăng Thanh Phương		Đề tài nhằm làm sáng tỏ những quy định liên quan về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai trong hoạt động tín dụng ngân hàng, phân tích các yếu tố pháp lý cấu thành biện pháp thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, đưa ra khái niệm tương đối về vấn đề tài sản hình thành trong tương lai và thế chấp tài sản hình thành trong tương lai. Đồng thời phân tích thực tiễn áp dụng biện pháp thế chấp tài sản hình thành trong tương lai trong hoạt động tín dụng ngân hàng. Trên cơ sở đó, tìm ra những điểm phù hợp và bất cập, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai nói riêng. Từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả tín dụng, giảm thiểu tối đa rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng khi cung cấp loại dịch vụ này.
17	Đại học	Thiết kế cung cấp điện công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Quốc Việt	Nguyễn, Ngọc Kim Ngân	Nguyễn Đăng Khoa		Giới thiệu tổng quan về cung cấp điện, công ty cổ phần thủy hải sản Quốc Việt. Xác định phụ tải tính toán, thiết kế hệ thống cung cấp điện như thiết kế chiếu sáng, nâng cao hệ số công suất, chọn máy biến áp, máy dự phòng...
18	Đại học	Thiết kế kỹ thuật cao ốc Đất Phương Nam, TP. Hồ Chí Minh (phần thuyết minh)	Vũ, Minh Trọng	Đặng Trâm Anh		Thiết kế kỹ thuật cao ốc Đất Phương Nam, TP. Hồ Chí Minh (phần thuyết minh) nhằm giới thiệu kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu thượng tầng và hạ tầng của công trình
19	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng định giá bất động sản để đảm bảo nợ vay tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ	Quách, Văn Thuận	Trần Ái Kết		Phân tích thực trạng và đề ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng định giá BĐS để đảm bảo nợ vay tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ. Cụ thể : Phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn của ngân hàng qua 3 năm (2007 - 2009) ; Nghiên cứu sơ lược về thị trường BĐS Cần Thơ ; Tìm hiểu phương pháp định giá BĐS để đảm bảo nợ vay mà Ngân hàng đang sử dụng ; nghiên cứu quy trình tiến hành và những quy định liên quan đến định giá tài sản đảm bảo là BĐS để cho vay và đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định giá BĐS tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ.
20	Đại học	Tôpô yếu và tôpô * yếu	Trần, Chánh Nghĩa	Lê Hồng Đức		Nội dung đề tài “Tôpô yếu và tôpô * yếu” nhằm tìm hiểu và làm rõ các khái niệm nội dung liên quan đến tôpô yếu và tôpô * yếu. Thể hiện đặc điểm chung của không gian tôpô và cái riêng đặc biệt của tôpô yếu và tôpô * yếu
21	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng để xây dựng nhân cách sống cao đẹp cho thế hệ trẻ Đồng Bằng Sông Cửu Long trong giai đoạn đổi mới	Huỳnh, Thuý Duy	Trần Kim Trung		Luận văn nghiên cứu những vấn đề xoay quanh tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng nhằm lấy đó làm nền tảng cho việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ kế thừa có đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp và quan điểm sống tích cực, phục vụ cho dân tộc, cho đất nước

22	Đại học	Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến giá đất và thực trạng giá trị sử dụng đất làm cơ sở cho việc định giá đất ở quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	Trương, Văn Long	Lê Tấn Lợi		Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến giá đất và thực trạng giá trị sử dụng đất làm cơ sở cho việc định giá đất ở quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ được thực hiện nhằm xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến giá đất nơi đây để phục vụ cho công tác định giá đất. Qua quan sát và ghi nhận thực tế cũng như sử dụng phiếu điều tra để phỏng vấn trực tiếp người dân đang sống và sinh hoạt trên các tuyến đường trong địa bàn
23	Đại học	Phân lập và tuyển chọn những dòng xạ khuẩn trong phòng trừ bệnh bướu rể do tuyến trùng <i>Meloidogyne</i> spp. Gây ra trên cây cà chua (<i>Lycopersi con esculentum</i>)	Dương, Chí Tâm	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Phân lập và tuyển chọn những dòng xạ khuẩn trong phòng trừ bệnh bướu rể do tuyến trùng <i>Meloidogyne</i> spp. gây ra trên cây cà chua (<i>Lycopersi con esculentum</i>).
24	Đại học	Đánh giá hiệu lực của dầu neem <i>Azadirachta indica</i> A. Jus và thuốc xử lý hạt giống đối với bộ trĩ hại lúa <i>Stenchaetothrips biformis</i> bagnall trong điều kiện phòng thí nghiệm	Đoàn, Thanh Phúc	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá hiệu lực của dầu neem <i>Azadirachta indica</i> A. Jus và thuốc xử lý hạt giống đối với bộ trĩ hại lúa <i>Stenchaetothrips biformis</i> bagnall trong điều kiện phòng thí nghiệm.
25	Đại học	Khảo sát một số cơ chế đối kháng với vi khuẩn <i>xanthomonas sampestris</i> pv. <i>Citri</i> gây bệnh loét trên cam, quýt của các chủng xạ khuẩn triển vọng	Huỳnh, Hào Quang	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát một số cơ chế đối kháng với vi khuẩn <i>xanthomonas sampestris</i> pv. <i>Citri</i> gây bệnh loét trên cam, quýt của các chủng xạ khuẩn triển vọng.
26	Đại học	Khảo sát hiệu lực của nấm trắng <i>Beauveria bassiana</i> (Bals) Vuillemin, nấm xanh <i>Metarhizum</i> , nấm tím <i>Paecilomyces lilacinuc</i> (Thom) Samson lên sâu xanh da láng <i>Spodopteria exigua</i> hubner gây hại trên cải xanh <i>Brassica juncea</i> L tại Cần Thơ	Lê, Phương Duy Huỳnh, Ngọc Triết	Trần, Văn Hai	2018	Khảo sát hiệu lực của nấm trắng <i>Beauveria bassiana</i> (Bals) Vuillemin, nấm xanh <i>Metarhizum</i> , nấm tím <i>Paecilomyces lilacinuc</i> (Thom) Samson lên sâu xanh da láng <i>Spodopteria exigua</i> hubner gây hại trên cải xanh <i>Brassica juncea</i> L tại Cần Thơ
27	Đại học	Nghiên cứu pheromone giới tính của bộ nhậy, <i>Phyllotreta striolata</i> Fabricius (Coleoptera Chrysomelidae) gây hại trên học thập tự	Lã, Văn Dũng	Lê, Văn Vàng	2018	Nghiên cứu pheromone giới tính của bộ nhậy, <i>Phyllotreta striolata</i> Fabricius (Coleoptera Chrysomelidae) gây hại trên học thập tự.
28	Đại học	Đánh giá khả năng gây hại của các dòng nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên chuối xiêm và nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng <i>Oligochitosan</i> , Chlorine và nước vôi trong ở điều kiện Invitro	Lâm, Sô Phil	Lê, Thị Ngọc Xuân	2018	Đánh giá khả năng gây hại của các dòng nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên chuối xiêm và nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng <i>Oligochitosan</i> , Chlorine và nước vôi trong ở điều kiện Invitro
29	Đại học	Khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu, dầu neem đối với sâu tơ <i>Plutella xylostella</i> Curtis, khả năng ăn mồi của một số thiên địch trong điều kiện phòng thí nghiệm	Lê, Bình Khiêm	Phạm, Kim Sơn	2018	Khảo sát hiệu lực của một số loại thuốc trừ sâu, dầu neem đối với sâu tơ <i>Plutella xylostella</i> Curtis, khả năng ăn mồi của một số thiên địch trong điều kiện phòng thí nghiệm.

30	Đại học	Anh hưởng của một số loại thuốc bảo thực vật đối với ong <i>Copidosomopsis nacoieiae</i> (Eady) (Hymenoptera: Encyrtidae) ký sinh trên trứng và sâu cuốn lá nhỏ <i>Cnaphalocrocis medinalis</i> guenée (Lepidoptera: Crambidae) ở điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Lê, Minh Trí	Lê, Văn Vàng	2018	Ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo thực vật đối với ong <i>Copidosomopsis nacoieiae</i> (Eady) (Hymenoptera: Encyrtidae) ký sinh trên trứng và sâu cuốn lá nhỏ <i>Cnaphalocrocis medinalis</i> guenée (Lepidoptera: Crambidae) ở điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.
31	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ <i>cnaphalocrocis medinalis</i> guenée (Lepidoptera: Crambidae) của ong đa phôi, <i>Copidosomopsis nacoieiae</i> (Eady) (Hymenoptera: Encyrtidae) ở điều kiện ngoài đồng	Nguyễn, Lê Phong	Lê, Văn Vàng	2018	Đánh giá khả năng phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ <i>cnaphalocrocis medinalis</i> guenée (Lepidoptera: Crambidae) của ong đa phôi, <i>Copidosomopsis nacoieiae</i> (Eady) (Hymenoptera: Encyrtidae) ở điều kiện ngoài đồng
32	Đại học	Khảo sát một số loại thức ăn và ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đến bộ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegates</i> (Dermaptera: Chelisochidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm	Nguyễn, Khánh Linh	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Khảo sát một số loại thức ăn và ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đến bộ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegates</i> (Dermaptera: Chelisochidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm.
33	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh đạo ôn hại lúa do nấm <i>Pyricularia eryzae</i> của chủng xạ khuẩn trong vụ Thu Đông năm 2017 tại huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ	Lê, Phước Sang	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh đạo ôn hại lúa do nấm <i>Pyricularia eryzae</i> của chủng xạ khuẩn trong vụ Thu Đông năm 2017 tại huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ
34	Đại học	Đánh giá hiệu lực của nấm xanh <i>Metarhizium anisopliae</i> sorokin, nấm trắng <i>Beauvenia bassiana</i> (Bals) Vuillemin, nấm tím <i>Paecilomyces</i> sp. và một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với rầy chổng cánh <i>Diaphorina citri</i> Kuwayona trong điều kiện phòng thí nghiệm	Lê, Thị Huỳnh Như	Phạm, Kim Sơn	2018	Đánh giá hiệu lực của nấm xanh <i>Metarhizium anisopliae</i> sorokin, nấm trắng <i>Beauvenia bassiana</i> (Bals) Vuillemin, nấm tím <i>Paecilomyces</i> sp. và một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với rầy chổng cánh <i>Diaphorina citri</i> Kuwayona trong điều kiện phòng thí nghiệm.
35	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với ong mắt đỏ <i>Tricogramma</i> sp (Trichogrammatidae: Hymenoptera) ký sinh sau cuốn lá nhỏ <i>Cnaphatolocrosis medinalis</i> Quenee	Lê, Quốc Việt	Phạm, Kim Sơn	2018	Khảo sát ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với ong mắt đỏ <i>Tricogramma</i> sp (Trichogrammatidae: Hymenoptera) ký sinh sau cuốn lá nhỏ <i>Cnaphatolocrosis medinalis</i> Quenee.

36	Đại học	Điều tra sự gây hại, quy luật phát triển của muỗi hành Orseolia Oryzae Wood-Mason và tác động của một số nông dược đối với muỗi hành gây hại lúa và ong ký sinh tại Cần Thơ	Lê, Thái Hưng Võ, Phú Hữu	Trần, Văn Hai	2018	Điều tra sự gây hại, quy luật phát triển của muỗi hành Orseolia Oryzae Wood-Mason và tác động của một số nông dược đối với muỗi hành gây hại lúa và ong ký sinh tại Cần Thơ
37	Đại học	Khảo sát vòng đời sâu cắn gié (Mythimna separate Walker) và độ hữu hiệu của nấm tím Paecilomyces lilacinus (Thom) Samson ký sinh trên sâu cắn gié gây hại lúa tại Cần Thơ	Võ, Văn Thân Nguyễn, Quốc Sĩ	Trần, Văn Hai Nguyễn, Thị Diệu Hương	2018	Khảo sát vòng đời sâu cắn gié (Mythimna separate Walker) và độ hữu hiệu của nấm tím Paecilomyces lilacinus (Thom) Samson ký sinh trên sâu cắn gié gây hại lúa tại Cần Thơ.
38	Đại học	Định danh hai chủng xạ khuẩn đối kháng và đánh giá khả năng ức chế của một số thuốc hóa học đối với nấm Fusarium Oxysporum gây bệnh héo rũ trên mè	Lương, Thị Đoan Trang	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Định danh hai chủng xạ khuẩn đối kháng và đánh giá khả năng ức chế của một số thuốc hóa học đối với nấm Fusarium Oxysporum gây bệnh héo rũ trên mè
39	Đại học	Nghiên cứu khả năng bay hơi và quấy rối đẻ trứng của tinh dầu sả đối với ngài sâu kéo màng Hellula undalis Fabricius (Lepidostera: pyralidae) hại cải họ thập tự trong điều kiện nhà lưới	Phan, Châu Vinh Nguyễn, Cao Trí	Lê, Văn Vàng	2018	Nghiên cứu khả năng bay hơi và quấy rối đẻ trứng của tinh dầu sả đối với ngài sâu kéo màng Hellula undalis Fabricius (Lepidostera: pyralidae) hại cải họ thập tự trong điều kiện nhà lưới.
40	Đại học	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp enzyme chitinase và hiệu quả phòng trị bệnh của các chủng xạ khuẩn ở điều kiện nhà lưới	Trần, Bình An	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp enzyme chitinase và hiệu quả phòng trị bệnh của các chủng xạ khuẩn ở điều kiện nhà lưới.
41	Đại học	Khảo sát hiệu quả của thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn Burlcholderia glumae trên cây lúa ở điều kiện ngoài đồng	Nguyễn, Minh Phú	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Khảo sát hiệu quả của thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn Burlcholderia glumae trên cây lúa ở điều kiện ngoài đồng.
42	Đại học	Đánh giá khả năng dẫn dụ của hương nhu tía (Ocimum sanctum L.) và hiệu quả tiêu diệt của một số loại trích thực vật đối với ruồi đục trái (Bactrocera dorsalis Hendel) ở vườn quả và khuôn viên Khoa NN&SHƯĐ – ĐHCT	Nguyễn, Lý Thanh Duy Lê, Thị Bảo Duyên	Trần, Văn Hai	2018	Đánh giá khả năng dẫn dụ của hương nhu tía (Ocimum sanctum L.) và hiệu quả tiêu diệt của một số loại trích thực vật đối với ruồi đục trái (Bactrocera dorsalis Hendel) ở vườn quả và khuôn viên Khoa NN&SHƯĐ – ĐHCT.
43	Đại học	Hiệu quả Invitro của một số nông dược và dịch trích thực vật đối với vi khuẩn gây thối thân xì mù trên mít Changrai (Artocarpus hetero phyllus)	Nguyễn, Văn Chí Hải	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả Invitro của một số nông dược và dịch trích thực vật đối với vi khuẩn gây thối thân xì mù trên mít Changrai (Artocarpus hetero phyllus)

44	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa bằng thực khuẩn thể ở điều kiện ngoài đồng vụ hè thu năm 2019	Nguyễn, Văn Hùng	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa bằng thực khuẩn thể ở điều kiện ngoài đồng vụ hè thu năm 2019
45	Đại học	Khả năng nhện đói và sự mẫn cảm đối với một số loại thuốc bảo vệ thực vật của bọ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegates</i> (Dermaptera: Chelosoichidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm	Nguyễn, Văn Hữu	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Khả năng nhện đói và sự mẫn cảm đối với một số loại thuốc bảo vệ thực vật của bọ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegates</i> (Dermaptera: Chelosoichidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm
46	Đại học	Hiệu quả của dịch trích thực vật đối với nấm <i>Fusarium oxysporum</i> f. sp <i>cucumerinum</i> gây bệnh héo rũ trên dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L)	Lê, Văn Lai	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả của dịch trích thực vật đối với nấm <i>Fusarium oxysporum</i> f. sp <i>cucumerinum</i> gây bệnh héo rũ trên dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L)
47	Đại học	Đánh giá khả năng gây hại của nấm <i>Collectotrichum</i> sp gây thán thư trên trái xoài cát chu và khả năng ức chế nấm bằng dịch trích ly bạch đàn trắng	Kiều, Công Vĩnh	Trần, Thị Thu Thủy	2018	Đánh giá khả năng gây hại của nấm <i>Collectotrichum</i> sp gây thán thư trên trái xoài cát chu và khả năng ức chế nấm bằng dịch trích ly bạch đàn trắng
48	Đại học	Hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với nấm <i>curvularia</i> sp gây bệnh vết nâu trên lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Nguyễn, Hòa Nam	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với nấm <i>curvularia</i> sp gây bệnh vết nâu trên lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới
49	Đại học	Tình hình gây hại và các biện pháp phòng trị nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki</i> smiley trên lúa vụ đông xuân 2017-2018 tại tỉnh Đồng Tháp	Chau, Rốt Thia Ny	Lăng, Cảnh Phú	2018	Tình hình gây hại và các biện pháp phòng trị nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki</i> smiley trên lúa vụ đông xuân 2017-2018 tại tỉnh Đồng Tháp.
50	Đại học	Khảo sát khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng đối với nấm <i>Tricoconis padwickii</i> gây bệnh lem lép hạt trên lúa	Lê, Quang Toàn	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng đối với nấm <i>Tricoconis padwickii</i> gây bệnh lem lép hạt trên lúa.
51	Đại học	Giám định tác nhân gây thối thân xì mù trên cây mít Changrai (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)	Lê, Thị Thu Hà	Lê, Thanh Toàn	2018	Giám định tác nhân gây thối thân xì mù trên cây mít Changrai (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)
52	Đại học	Hiệu quả dịch trích dưa cạm – húng – quế - tỏi đối với bệnh héo xanh do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> trên ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Nguyễn, Quốc Thư	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả dịch trích dưa cạm – húng – quế - tỏi đối với bệnh héo xanh do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> trên ớt trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới

53	Đại học	Sự biểu hiện polyphenol trong tính kháng bệnh vết nâu lá lúa của acid salicylic và dịch trích cỏ cắt heo ở khía cạnh mô học	Lương, Thị Kim Y	Lê, Thành Toàn	2018	Sự biểu hiện polyphenol trong tính kháng bệnh vết nâu lá lúa của acid salicylic và dịch trích cỏ cắt heo ở khía cạnh mô học.
54	Đại học	Thành phần nấm gây lem lép hạt lúa tại huyện Hòn Đất - Kiên Giang và hiệu quả của một số dịch trích thực vật đối với nấm <i>Curvularia</i> sp và <i>Fusarium</i> sp hại hạt lúa	Thị, Sứ	Lê, Thành Toàn	2018	Thành phần nấm gây lem lép hạt lúa tại huyện Hòn Đất- Kiên Giang và hiệu quả của một số dịch trích thực vật đối với nấm <i>Curvularia</i> sp và <i>Fusarium</i> sp hại hạt lúa.
55	Đại học	Hiệu quả của một số thuốc hóa học đối với nấm <i>Collectotrichum</i> sp gây thối cuống trái cam sành	Trần, Thành Đạt	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả của một số thuốc hóa học đối với nấm <i>Collectotrichum</i> sp gây thối cuống trái cam sành
56	Đại học	Nghiên cứu biện pháp áp dụng thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa trong điều kiện nhà lưới	Ngô, Ngọc Tài	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Nghiên cứu biện pháp áp dụng thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa trong điều kiện nhà lưới.
57	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh cháy bìa lá lúa trong điều kiện nhà lưới do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv <i>oryzae</i> gây ra của các chủng <i>Bacillus</i> spp phân lập từ huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Ngô, Minh Mẫn	Trần, Vũ Phấn	2018	Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh cháy bìa lá lúa trong điều kiện nhà lưới do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv <i>oryzae</i> gây ra của các chủng <i>Bacillus</i> spp phân lập từ huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
58	Đại học	Đánh giá hiệu quả của dịch trích lá ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) trên sâu xanh da láng (<i>Spodoptera EXIGUA</i> Hubner) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Trương, Hoàng Thái Nguyễn, Bảo Linh	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá hiệu quả của dịch trích lá ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) trên sâu xanh da láng (<i>Spodoptera EXIGUA</i> Hubner) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.
59	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của nhện gié <i>Stenestartsonemus spinki</i> tại tỉnh An Giang	Nguyễn, Đăng Khoa	Lăng, Cảnh Phú	2018	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của nhện gié <i>Stenestartsonemus spinki</i> tại tỉnh An Giang
60	Đại học	Khả năng kích kháng bệnh cháy bìa lá lúa (<i>Xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i>) của 02 loại dịch trích thực vật ở khía cạnh mô học	Văng, Viết Bình	Lê, Thanh Toàn	2018	Khả năng kích kháng bệnh cháy bìa lá lúa (<i>Xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i>) của 02 loại dịch trích thực vật ở khía cạnh mô học
61	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh loét trên cây có múi do vi khuẩn <i>Xanthomonas campestris</i> pv <i>citri</i> gây ra trong điều kiện nhà lưới	Ngô, Thị Thanh Trúc	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh loét trên cây có múi do vi khuẩn <i>Xanthomonas campestris</i> pv <i>citri</i> gây ra trong điều kiện nhà lưới

62	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh đốm lá chảy nhựa thân do nấm <i>Didymella bryoniae</i> trên dưa hấu bằng biện pháp sinh học và hóa học	Lê, Văn Nhánh	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh đốm lá chảy nhựa thân do nấm <i>Didymella bryoniae</i> trên dưa hấu bằng biện pháp sinh học và hóa học
63	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích các chủng xạ khuẩn được tách chiết bằng Ethy acetate đối với nấm <i>Fusarium solam</i> gây bệnh vàng lá, thối rễ trên cây có múi	Lư, Quốc Khánh	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích các chủng xạ khuẩn được tách chiết bằng Ethy acetate đối với nấm <i>Fusarium solam</i> gây bệnh vàng lá, thối rễ trên cây có múi
64	Đại học	Khảo sát sự đa dạng về đặc điểm hình thái của các chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên cây có múi ở một số tỉnh ĐBSCL	Fath, Ab Dul Ra	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát sự đa dạng về đặc điểm hình thái của các chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên cây có múi ở một số tỉnh ĐBSCL
65	Đại học	Đánh giá khả năng phát triển mật số của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> trên một số giống lúa trồng phổ biến ở ĐBSCL	Châu, Thế Anh	Lăng, Cảnh Phú	2018	Đánh giá khả năng phát triển mật số của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> trên một số giống lúa trồng phổ biến ở ĐBSCL.
66	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh cháy bìa lá lúa trong điều kiện nhà lưới do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv. gây ra của các chủng <i>Bacillus</i> spp phân lập từ huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Quốc Nhanh	Trần, Vũ Phấn	2018	Đánh giá hiệu quả phòng trừ bệnh cháy bìa lá lúa trong điều kiện nhà lưới do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv. Gây ra của các chủng <i>Bacillus</i> spp phân lập từ huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
67	Đại học	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể, chất kích kháng, thuốc hóa học trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng vụ hè thu 2018	Lê, Tấn Tài	Nguyễn Thị Thu Nga, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể, chất kích kháng, thuốc hóa học trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng vụ hè thu 2018
68	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của nhện <i>Steneotarsonemus furcatus</i> de Leon và thiên địch trên một số loài cỏ phổ biến xung quanh ruộng lúa	Đặng, Thị Ngọc Duyên Trần, Thị Tuyết Nghi	Lăng, Cảnh Phú	2018	Khảo sát sự hiện diện của nhện <i>Steneotarsonemus furcatus</i> de Leon và thiên địch trên một số loài cỏ phổ biến xung quanh ruộng lúa
69	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên khoai môn và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Lê, Thành Luân	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên khoai môn và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn.
70	Đại học	Khảo sát khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với nấm <i>Pithomyces chartarum</i> gây bệnh lem lép hạt trên lúa	Nguyễn, Trọng Nhân	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với nấm <i>Pithomyces chartarum</i> gây bệnh lem lép hạt trên lúa.

71	Đại học	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể, chất kích kháng, thuốc hóa học trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng vụ Thu – Đông 2018	Nguyễn, Thanh Phong	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể, chất kích kháng, thuốc hóa học trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Xanthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng vụ Thu – Đông 2018
72	Đại học	Khảo sát khả năng đối kháng với nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên khoai môn của các chủng xạ khuẩn triển vọng	Lê, Văn Mẫn	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng đối kháng với nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh thán thư trên khoai môn của các chủng xạ khuẩn triển vọng.
73	Đại học	Hiệu quả của 03 loại dịch trích thực vật đối với vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh cây ớt trong điều kiện <i>Invitro</i> và nhà lưới	Trần, Anh Vũ	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả của 03 loại dịch trích thực vật đối với vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh cây ớt trong điều kiện <i>Invitro</i> và nhà lưới
74	Đại học	Đánh giá hiệu lực gây chết và ngăn ăn của dầu Neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) lên sâu ăn tạp <i>Spodoptera litura</i> (Lepidoptera: Noctuidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm	Võ, Chí Em Nguyễn, Thị Ngọc Yến	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá và chọn được nồng độ tối ưu của dầu neem để phòng trừ sâu ăn tạp, đồng thời đánh giá để chọn ra cách tác động có hiệu quả diệt sâu cao nhất.
75	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác tình hình gây hại của muỗi hành <i>Orseolia Oryzae</i> Wood mason trên lúa tại tỉnh An Giang	Danh, Lei	Lăng, Cảnh Phú	2018	Điều tra hiện trạng canh tác tình hình gây hại của muỗi hành <i>Orseolia Oryzae</i> Wood mason trên lúa tại tỉnh An Giang
76	Đại học	Khảo sát mật số và thời gian gây hiện tượng chổi rồng của nhện lông nhung trên nhãn	Phạm, Đăng Phước Vinh	Lăng, Cảnh Phú	2018	Khảo sát mật số và thời gian gây hiện tượng chổi rồng của nhện lông nhung trên nhãn.
77	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích các chủng xạ khuẩn được tách chiết bằng Ethyl acetate đối với nấm <i>Pyricularia Oryzae</i> gây bệnh đạo ôn trên lúa	Nguyễn, Trí Toàn	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát ảnh hưởng của dịch trích các chủng xạ khuẩn được tách chiết bằng Ethyl acetate đối với nấm <i>Pyricularia Oryzae</i> gây bệnh đạo ôn trên lúa
78	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của muỗi hành <i>Orseolia Oryzae</i> Wood-Mason trên lúa tại tỉnh An Giang	Lê, Trọng Hữu	Lăng, Cảnh Phú	2018	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của muỗi hành <i>Orseolia oryzae</i> Wood – Mason trên lúa tại tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu tình hình gây hại và biện pháp phòng trị muỗi hành của nông dân tại tỉnh An Giang.
79	Đại học	Tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> tại tỉnh Hậu Giang	Trần, Duy Linh	Lăng, Cảnh Phú	2018	Tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> tại tỉnh Hậu Giang.
80	Đại học	Đánh giá khả năng gây hại của một số chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên xoài cát chu và nghiên cứu biện pháp quản lý bệnh bằng <i>Oligochitosan</i> , <i>Chlorine</i> và nước vô trong điều kiện <i>In vitro</i>	Trần, Thị Thanh Thảo	Lê, Thị Ngọc Xuân	2018	Đánh giá khả năng gây hại của một số chủng nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên xoài cát chu và nghiên cứu biện pháp quản lý bệnh bằng <i>Oligochitosan</i> , <i>Chlorine</i> và nước vô trong điều kiện <i>In vitro</i>

81	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng Pheromone giới tính tổng hợp và Allyl isothiocyanate (AITC) trong việc quản lý sâu tơ, <i>Plutella xylostella</i> Linnacus (Lepidoptera: Lutellidae) gây hại trên cải bắp tại huyện Mỹ Xuyên- Sóc Trăng	Trịnh, Hoàng Thành	Lê, Văn Vàng Đinh, Thị Chi	2018	Nghiên cứu ứng dụng Pheromone giới tính tổng hợp và Allyl isothiocyanate (AITC) trong việc quản lý sâu tơ, <i>Plutella xylostella</i> Linnacus (Lepidoptera: Lutellidae) gây hại trên cải bắp tại huyện Mỹ Xuyên - Sóc Trăng.
82	Đại học	Đánh giá hiệu quả của dịch trích lá ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) trên sâu xanh da láng (<i>Spodoptera EXIGUA</i> Hubner) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Nguyễn, Bảo Linh Trương, Hoàng Thái	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá hiệu quả của dịch trích lá ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) trên sâu xanh da láng (<i>Spodoptera EXIGUA</i> Hubner) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.
83	Đại học	Khảo sát khả năng đối kháng và hiệu quả phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm <i>Sclerotium</i> sp. gây bệnh thối gốc thân trên khoai môn.	Trương, Văn Phụng	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng đối kháng và hiệu quả phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm <i>Sclerotium</i> sp. gây bệnh thối gốc thân trên khoai môn.
84	Đại học	Khảo sát thành phần côn trùng và đánh giá khả năng hấp dẫn của pheromone giới tính tổng hợp đối với ngài sâu kéo màng, <i>Hellula undalis</i> Fabricius (Lepidoptera : Crambidae) gây hại trên cây cải họ thập tự tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang	Trần, Hiệp Sung	Lê, Văn Vàng	2018	Khảo sát thành phần côn trùng và đánh giá khả năng hấp dẫn của pheromone giới tính tổng hợp đối với ngài sâu kéo màng, <i>Hellula undalis</i> Fabricius (Lepidoptera : Crambidae) gây hại trên cây cải họ thập tự tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang.
85	Đại học	Hiệu lực thuốc trừ cỏ Nominee 100OF đối với cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa chinensis</i>) được thu tại thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang trong điều kiện nhà lưới	Trần, Việt Hùng Nguyễn, Tuấn Anh	Nguyễn, Chí Cường	2017	Đề tài nhằm khảo sát mức độ chống chịu thuốc của loại cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa chinensis</i>) ở khu vực trên để biết được cỏ đuôi phụng đã chống chịu loại thuốc này, đồng thời góp phần bảo vệ năng suất cho cây lúa.
86	Đại học	Giám định và khảo sát ảnh hưởng của tác nhân gây bệnh cháy lá chết cây trên rau má	Nguyễn, Huy Hoàng	Lê, Thanh Toàn	2018	Giám định và khảo sát ảnh hưởng của tác nhân gây bệnh chết cây rau má
87	Đại học	Khảo sát một số loại thức ăn và ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật đến bọ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegatus</i> (Dermaptera : Chelisochidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm	Nguyễn, Kháng Linh	Phạm, Kim Sơn	2018	Khảo sát một số loại thức ăn và ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật đến bọ đuôi kim màu vàng <i>Chelisoches variegatus</i> (Dermaptera : Chelisochidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm.
88	Đại học	Khảo sát một số đặc điểm hình thái nuôi cấy và sinh hóa lý của các chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trừ bệnh đạo ôn trên lúa	Hồ, Gia An	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát một số đặc điểm hình thái nuôi cấy và sinh hóa lý của các chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trừ bệnh đạo ôn trên lúa.

89	Đại học	Bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị vi khuẩn <i>Acidovarax</i> sp gây bệnh cháy gân lá trên dưa hấu bằng thực khuẩn thể và thuốc hóa học trong điều kiện In vitro và nhà lưới	Nguyễn, Hoàng Phúc	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị vi khuẩn <i>Acidovarax</i> sp gây bệnh cháy gân lá trên dưa hấu bằng thực khuẩn thể và thuốc hóa học trong điều kiện In vitro và nhà lưới.
90	Đại học	Khảo sát khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Lasiodiplodia</i> gây bệnh cháy lá, thối trái trên chôm chôm và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Lasiodiplodia</i> gây bệnh cháy lá, thối trái trên chôm chôm và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn.
91	Đại học	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh héo xanh trên cây khoai lang của các chủng xạ khuẩn có triển vọng trong điều kiện nhà lưới	Lý, Như Hạnh	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh héo xanh trên cây khoai lang của các chủng xạ khuẩn có triển vọng trong điều kiện nhà lưới.
92	Đại học	Đánh giá hiệu quả của một số biện pháp phòng trị bệnh héo xanh trên cây vụn thọt do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> ở điều kiện ngoài đồng tại khu thực nghiệm trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của một số biện pháp phòng trị bệnh héo xanh trên cây vụn thọt do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> ở điều kiện ngoài đồng tại khu thực nghiệm trường Đại học Cần Thơ
93	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa bằng biện pháp hóa học trong điều kiện nhà lưới	Nguyễn, Nhựt Thanh	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả phòng trị bệnh thối hạt do vi khuẩn <i>Burkholderia glumae</i> trên cây lúa bằng biện pháp hóa học trong điều kiện nhà lưới.
94	Đại học	Khảo sát khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh đốm nâu trên lúa do nấm <i>bipolaris oryzae</i> gây ra trong điều kiện nhà lưới	Lê, Phước Duyên	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh đốm nâu trên lúa do nấm <i>bipolaris oryzae</i> gây ra trong điều kiện nhà lưới.
95	Đại học	Đánh giá tính miễn cảm của ong <i>Copidosomopsis nacoletiae</i> Eady (Hymenoptera: Encyrtidae đối với một số loại thuốc trừ sâu trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới	Trương, Minh Thông	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá tính miễn cảm của ong <i>Copidosomopsis nacoletiae</i> Eady (Hymenoptera: Encyrtidae đối với một số loại thuốc trừ sâu trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới
96	Đại học	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> năng suất ớt hiểm lai trồng phủ rơm tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Phạm, Đặng Quỳnh Anh	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> năng suất ớt hiểm lai trồng phủ rơm tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

97	Đại học	Đánh giá hiệu quả của canxi và silic trong phòng trừ bệnh cháy lá hành do vi khuẩn <i>Xanthomonas</i> sp ở điều kiện ngoài đồng	Khổng, Văn Phú Luân	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của canxi và silic trong phòng trừ bệnh cháy lá hành do vi khuẩn <i>Xanthomonas</i> sp ở điều kiện ngoài đồng.
98	Đại học	Đánh giá hiệu quả của xạ khuẩn và chất kích kháng trong phòng trừ bệnh rỉ sắt do nấm <i>Puccinia arachidis</i> trên cây đậu phộng ở điều kiện nhà lưới	Nguyễn, Quốc Việt	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của xạ khuẩn và chất kích kháng trong phòng trừ bệnh rỉ sắt do nấm <i>Puccinia arachidis</i> trên cây đậu phộng ở điều kiện nhà lưới
99	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>curvularia</i> spp gây bệnh lem lép hạt trên lúa và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Lê, Thị Quỳnh Như	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>curvularia</i> spp gây bệnh lem lép hạt trên lúa và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn
100	Đại học	Khảo sát cơ chế đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng với nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên sầu riêng	Nguyễn, Ngọc Anh	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát cơ chế đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng với nấm <i>Colletotrichum</i> spp gây bệnh thán thư trên sầu riêng.
101	Đại học	Ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật và khả năng không chế rầy mềm hoa cải <i>Myzus persicae</i> sulzer của bộ rùa đỏ <i>Micraspis discolor</i> Fabricius (Coleoptera: Coccinellidae)	Trịnh, Ngọc Linh	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật và khả năng không chế rầy mềm hoa cải <i>Myzus persicae</i> sulzer của bộ rùa đỏ <i>Micraspis discolor</i> Fabricius (Coleoptera: Coccinellidae).
102	Đại học	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> và năng suất ớt hiểm lai trồng có màng phủ tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thu Trang	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> và năng suất ớt hiểm lai trồng có màng phủ tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
103	Đại học	Đánh giá hiệu lực gây chết và ngăn ăn của dầu Neem <i>Azadirachta indica</i> A. Juss) lên sâu ăn tạp <i>Spodoptera litura</i> (Lepidoptera: Noctuidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm	Võ, Chí Em Nguyễn, Thị Ngọc Yến	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá hiệu lực gây chết và ngăn ăn của dầu Neem <i>Azadirachta indica</i> A. Juss) lên sâu ăn tạp <i>Spodoptera litura</i> (Lepidoptera: Noctuidae) trong điều kiện phòng thí nghiệm.
104	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trị của các biện pháp sinh học, kích kháng, hóa học và kết hợp đối với bệnh cháy lá trên hành do vi khuẩn <i>Xanthomonas</i> sp ở điều kiện ngoài đồng	Nguyễn, Hữu Huệ	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả phòng trị của các biện pháp sinh học, kích kháng, hóa học và kết hợp đối với bệnh cháy lá trên hành do vi khuẩn <i>Xanthomonas</i> sp ở điều kiện ngoài đồng.

105	Đại học	Đánh giá hiệu quả phòng trừ của dịch trích tỏi (<i>Allium sativum</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) đối với bọ rùa 28 chấm (<i>Enpilachna Vigintioctopunctata</i>) gây hại trên họ bầu bí đưa trong điều kiện phòng thí nghiệm	Võ, Minh Hiền	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Đánh giá hiệu quả phòng trừ của dịch trích tỏi (<i>Allium sativum</i> L) và dầu neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) đối với bọ rùa 28 chấm (<i>Enpilachna Vigintioctopunctata</i>) gây hại trên họ bầu bí đưa trong điều kiện phòng thí nghiệm.
106	Đại học	Khảo sát một số đặc tính của các chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh héo rũ trên cây khoai lang	Võ, Ngọc Phụng Tiên	Lê, Minh Tường Nguyễn, Văn Tập	2018	Khảo sát một số đặc tính của các chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh héo rũ trên cây khoai lang.
107	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các chủng xạ khuẩn triển vọng và thử nghiệm thuốc hóa học có khả năng ức chế tuyến trùng <i>Pratylenchus</i> sp gây bệnh thối khô đầu củ trên cây khoai mỡ trong điều kiện phòng thí nghiệm	Võ, Quốc Cảnh	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Phân lập và tuyển chọn các chủng xạ khuẩn triển vọng và thử nghiệm thuốc hóa học có khả năng ức chế tuyến trùng <i>Pratylenchus</i> sp gây bệnh thối khô đầu củ trên cây khoai mỡ trong điều kiện phòng thí nghiệm.
108	Đại học	Khảo sát đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng đối với nấm <i>Fusarium moniliforme</i> gây bệnh lúa von trên lúa	Nguyễn, Thị Kiều Tiên	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn triển vọng đối với nấm <i>Fusarium moniliforme</i> gây bệnh lúa von trên lúa.
109	Đại học	Hiệu quả của chế phẩm từ nấm <i>Trichoderma</i> vi khuẩn <i>Bacillus</i> và xạ khuẩn trong phòng trị đốm đen trên trái đậu phộng do tuyến trùng tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Trần, Hoàng Em	Trần, Vũ Phấn	2018	Hiệu quả của chế phẩm từ nấm <i>Trichoderma</i> vi khuẩn <i>Bacillus</i> và xạ khuẩn trong phòng trị đốm đen trên trái đậu phộng do tuyến trùng tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
110	Đại học	Đánh giá khả năng gây hại của các chủng nấm <i>fusarium moniliforme</i> gây hại lúa von và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Nguyễn, Thị Tý	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng gây hại của các chủng nấm <i>fusarium moniliforme</i> gây hại lúa von và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn.
111	Đại học	Đánh giá khả năng quản lý bệnh vàng lá, thối rễ trên cam sành của 02 chủng xạ khuẩn ở điều kiện ngoài đồng tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Văn Chí	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng quản lý bệnh vàng lá, thối rễ trên cam sành của 02 chủng xạ khuẩn ở điều kiện ngoài đồng tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
112	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneostairsonemus spinki smiley</i> trên lúa tại Kiên Giang	Nguyễn, Văn Nghiệm	Lăng, Cảnh Phú	2018	Điều tra hiện trạng canh tác và tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneostairsonemus spinki smiley</i> trên lúa tại Kiên Giang
113	Đại học	Hiệu quả của các dịch trích thực vật đối với nấm <i>Curvularia</i> sp gây bệnh vết nâu trên lúa (<i>Oryzae sativa</i> L.)	Nguyễn, Văn Phi	Lê, Thanh Toàn	2018	Hiệu quả của các dịch trích thực vật đối với nấm <i>Curvularia</i> sp gây bệnh vết nâu trên lúa (<i>Oryzae sativa</i> L.)

114	Đại học	Khảo sát hiệu lực của dầu Neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) đối với rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal) hại lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm	Nguyễn, Văn Lê Hùng	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Khảo sát hiệu lực của dầu Neem (<i>Azadirachta indica</i> A. Juss) đối với rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal) hại lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm.
115	Đại học	Khảo sát đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với vi khuẩn <i>Erwinia</i> gây bệnh thối nhũn trên khoai môn	Lâm, Thanh Mến	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với vi khuẩn <i>Erwinia</i> gây bệnh thối nhũn trên khoai môn.
116	Đại học	Khảo sát một số đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với nấm <i>Curvularia lunata</i> AG3 gây bệnh lem lép hạt trên lúa	Huỳnh, Thị Diễm My	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát một số đặc tính đối kháng của các chủng xạ khuẩn đối với nấm <i>Curvularia lunata</i> AG3 gây bệnh lem lép hạt trên lúa.
117	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Pithomyces</i> spp gây bệnh lem lép hạt trên lúa và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Bùi, Tuyết Nhi	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Pithomyces</i> spp gây bệnh lem lép hạt trên lúa và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn
118	Đại học	Đánh giá khả năng quản lý của 02 chủng xạ khuẩn BL7 và BL15 với bệnh đạo ôn hại lúa canh tác vùng đất nhiễm mặn vụ Thu – Đông 2017 tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Trương, Đình Nhứt	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng quản lý của 02 chủng xạ khuẩn BL7 và BL15 với bệnh đạo ôn hại lúa canh tác vùng đất nhiễm mặn vụ Thu – Đông 2017 tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
119	Đại học	Khảo sát khả năng kích kháng của Calcium silicat & Salicylic acid đối với bệnh rỉ trên cây họ do nấm <i>Puccinia</i> sp trong điều kiện nhà lưới	Bùi, Ngọc Mạnh	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Khảo sát khả năng kích kháng của Calcium silicat & Salicylic acid đối với bệnh rỉ trên cây họ do nấm <i>Puccinia</i> sp trong điều kiện nhà lưới.
120	Đại học	Đánh giá hiệu lực của Chess 50 WG và AC Nypyram 50 WP trên rầy nâu <i>Nilaparvata Lygens</i> stal trong điều kiện nhà lưới	Nguyễn, Thanh Phong	Lăng, Cảnh Phú	2018	Đánh giá hiệu lực của Chess 50 WG và AC Nypyram 50 WP trên rầy nâu <i>Nilaparvata Lygens</i> stal trong điều kiện nhà lưới
121	Đại học	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Canthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng	Đào, Văn Bảo	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Đánh giá hiệu quả của thực khuẩn thể trong phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Canthomonas oryzae</i> pv <i>oryzae</i> ở điều kiện ngoài đồng
122	Đại học	Tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> tại tỉnh Sóc Trăng, vụ Đông Xuân 2017-2018	Đào, Như Nguyên	Lăng, Cảnh Phú	2018	Tình hình gây hại của nhện gié <i>Steneotarsonemus spinki smiley</i> tại tỉnh Sóc Trăng, vụ Đông Xuân 2017-2.018
123	Đại học	Khảo sát hiệu quả quản lý bệnh thán thư trên khoai môn của các chủng xạ khuẩn triển vọng	Đặng, Hoàng Mỹ	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát hiệu quả quản lý bệnh thán thư trên khoai môn của các chủng xạ khuẩn triển vọng.

124	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số loại dịch trích thực vật đối với vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv. <i>Oryzae</i> và nấm <i>Rhizoctonia solani</i> Kuhn trong điều kiện phòng thí nghiệm	Đặng, Hoàng Phi	Nguyễn, Chí Cương Đào, Thị Hồng Xuyên	2018	Khảo sát ảnh hưởng của một số loại dịch trích thực vật đối với vi khuẩn <i>Xanthomonas Oryzae</i> pv. <i>Oryzae</i> và nấm <i>Rhizoctonia solani</i> Kuhn trong điều kiện phòng thí nghiệm
125	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các dòng thực khuẩn thể có hiệu quả trong tiêu hủy các dòng vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh trên một số loại cây trồng	Nguyễn, Thị Ngọc Diễm	Nguyễn, Thị Thu Nga	2018	Phân lập và tuyển chọn các dòng thực khuẩn thể có hiệu quả trong tiêu hủy các dòng vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh trên một số loại cây trồng.
126	Đại học	Khả năng ký sinh và ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với ong mắt đỏ <i>Trichogramma</i> sp. (Hymenoptera <i>Trichogrammatidae</i>) ký sinh trên trứng sâu đục thân bắp <i>Ostrinia Furnacalis</i> Queneé	Nguyễn, Ngọc Có	Phạm, Kim Sơn Lâm, Thị Xuân Mai	2018	Khả năng ký sinh và ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với ong mắt đỏ <i>Trichogramma</i> sp. (Hymenoptera <i>Trichogrammatidae</i>) ký sinh trên trứng sâu đục thân bắp <i>Ostrinia Furnacalis</i> Queneé
127	Đại học	Đánh giá khả năng quản lý bệnh héo rũ trên khoai lang do nấm <i>Fusarium oxysporum</i> gây ra của hai chủng xạ khuẩn trong vụ Đông – Xuân năm 2017 – 2018 tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Danh, Phúc Lộc	Lê, Minh Tường	2018	Đánh giá khả năng quản lý bệnh héo rũ trên khoai lang do nấm <i>Fusarium oxysporum</i> gây ra của hai chủng xạ khuẩn trong vụ Đông – Xuân năm 2017 – 2018 tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
128	Đại học	Hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với nấm <i>Colletotrichum</i> sp. gây bệnh thán thư trên ớt	Mai, Hữu Tín	Lê, Thanh Toàn	2019	Hiệu quả của một số loại dịch trích thực vật đối với nấm <i>Colletotrichum</i> sp. gây bệnh thán thư trên ớt
129	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Helminthosporium maydis</i> gây bệnh đốm lá nhỏ trên bắp và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn	Nguyễn, Ngọc Quỳnh	Lê, Minh Tường	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái, khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Helminthosporium maydis</i> gây bệnh đốm lá nhỏ trên bắp và bước đầu nghiên cứu biện pháp phòng trị bằng xạ khuẩn
130	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng thích ứng với điều kiện stress của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột	Trần, Thanh Tân	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Ảnh hưởng của độ mặn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng thích ứng với điều kiện stress của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột

131	Đại học	Biến động chất lượng nước trong mô hình nuôi luân canh tôm-lúa ở Bạc Liêu	Đào, Tiến Nghiệm	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Đề tài “Biến động chất lượng nước trong mô hình nuôi tôm (<i>Penaeus monodon</i>) - Lúa ở Bạc Liêu” đã được thực hiện từ tháng 10-2017 đến tháng 5-2018. Nghiên cứu gồm hai nghiệm thức: tôm sú-lúa địa phương (giống lúa Một Bụi Đỏ) làm lúa đối chứng (ĐC) và tôm sú-lúa lai (giống lúa Arize TEJ vàng) làm thí nghiệm (TN). Mục tiêu của đề tài là đánh giá chất lượng nước trong mô hình tôm-lúa luân canh nhằm cung cấp thêm thông tin hữu ích cho việc quản lí và phát triển bền vững mô hình này ở Bạc Liêu nói riêng và Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) nói chung. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố nhiệt độ, độ mặn, pH, DO của 2 ruộng đều nằm trong khoảng thích hợp cho lúa-tôm. Độ kiềm ở ruộng thí nghiệm nằm trong khoảng thích hợp cho tôm sú hơn so với độ kiềm ở ruộng đối chứng, độ cứng ở cả 2 ruộng đều rất cao tuy nhiên không ảnh hưởng đến phát triển của tôm sú. Như vậy giống lúa lai không có khả năng cải tạo hàm lượng COD, AN, N-NO₃-, H₂S, Chlorophyll-a, TSS, P-PO₄3-,TN, TP tốt hơn so với giống lúa địa phương. Tuy nhiên, các yếu tố TN, TP trong nước, TAN ở ruộng thí nghiệm ít biến động hơn ruộng đối chứng, hàm lượng tích tụ vào cuối vụ thấp hơn. Từ khóa: tôm lúa luân canh, chất lượng nước, Bạc Liêu.
132	Đại học	Khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng nhiễm trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn ương giống	Dương, Phú Đức	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng được thực hiện ở các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long và Đồng Tháp từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2018. Tổng cộng có 393 mẫu cá tra giống được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Hầu hết các mẫu cá được phân tích đều là cá khỏe, không có dấu hiệu bệnh lý. Kết quả cho thấy có 9 giống ký sinh trùng là <i>Myxobolus</i>, <i>Henneguya</i>, <i>Trichodina</i>, <i>Epistylis</i>, <i>Apiosoma</i>, <i>Ichthyonectus</i>, <i>Dactylogyrus</i>, <i>Spinitectus</i> và <i>Metacercaria</i>. Các giống ký sinh trùng này đều ký sinh trên da, mang của cá, không tìm thấy nội ký sinh trùng trên cá tra giống. Số lượng ký sinh trùng nhiễm trên cá tra giống phụ thuộc vào thành phần giống loài và cơ quan ký sinh. Tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng của các ao nuôi phần lớn cao hơn 50%. Ký sinh trùng có cường độ nhiễm cao nhất là <i>Trichodina</i> (1-205trùng/lame) và thấp nhất là ấu trùng giun tròn <i>Spinitectus</i> (1 trùng/lame). Từ khóa: cá tra giống, ký sinh trùng, <i>Trichodina</i>, <i>Myxobolus</i>

133	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung <i>Lactobacillus plantarum</i> lên một số chỉ tiêu miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Cao, Đăng Phụng	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung <i>Lactobacillus plantarum</i> (L. <i>plantarum</i>) (107 CFU/g) vào thức ăn lên hệ miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT) bao gồm NT1: đối chứng; NT2: bổ sung L. <i>plantarum</i> trong 2 tuần đầu; NT3: bổ sung L. <i>plantarum</i> cách mỗi hai tuần; NT4: bổ sung L. <i>plantarum</i> trong 4 tuần đầu; NT5: bổ sung L. <i>plantarum</i> trong 8 tuần, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tiến hành thu mẫu sau 4, 6 và 8 tuần bổ sung L. <i>plantarum</i> . Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ tổng hồng cầu, mật độ tổng bạch cầu, định lượng từng loại bạch cầu và hoạt tính của lyozyme được phân tích để đánh giá đáp ứng miễn dịch của cá. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu tăng trưởng, huyết học và hoạt tính lyozyme, ở NT3, NT4 và NT5 đều tốt hơn đối chứng sau 8 tuần. NT5 và NT3 cho kết quả tăng trưởng, đáp ứng miễn dịch và khả năng kháng vi hu n E. ictaluri tốt nhất. Từ khóa: Cá tra, đáp ứng miễn dịch, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> , <i>Lactobacillus plantarum</i> .
134	Đại học	Khảo sát độc lực của vi nấm <i>Saprolegnia</i> sp. trên cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Đào, Thị Huỳnh Như	Đặng, Thụy Mai Thy	2018	Nghiên cứu nhằm khảo sát khả năng gây bệnh của <i>Saprolegnia</i> trên cá lóc (<i>Channa striata</i>). Thí nghiệm được thực hiện bằng phương pháp ngâm cá lóc với 5 chủng vi nấm <i>Saprolegnia</i> ở mật độ 104 bào tử/mL trong 14 ngày . Kết quả cho thấy tỉ lệ chết tích lũy của cá lóc ở nghiệm thức cảm nhiễm vi nấm <i>Saprolegnia</i> chủng S1712 cao hơn nghiệm thức cảm nhiễm chủng S1702, S1704, S1707 và S1701 lần lượt là 66,67%, 63,33%, 56,67%, 50%, 56,67% ở mật độ 104 bào tử/mL sau 14 ngày. Thí nghiệm ngâm cá lóc với <i>Saprolegnia</i> S1712 ở mật độ 101, 102, 103,104 bào tử/mL cho thấy tỉ lệ chết tích lũy lần lượt là 30%, 43,33%, 60%, 76,67%. Cá có dấu hiệu bơi lơ dờ, gầy, bỏ ăn, có nhiều sợi nấm bao quanh cơ thể. Kết quả cho thấy vi nấm <i>Saprolegnia</i> có độc lực tương đối cao.
135	Đại học	Khảo sát thành phần ký sinh trùng nhiễm trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong môi trường tự nhiên và ao nuôi	Nguyễn, Thị Diễm Trinh	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài khảo sát thành phần ký sinh trùng trên cá tra tự nhiên và cá tra ao nuôi ở tỉnh Cần Thơ được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018. Tổng cộng có 164 mẫu cá tra (120 mẫu cá ao nuôi và 44 mẫu cá tự nhiên) được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Kết quả phân tích có 6 giống ký sinh trùng ký sinh trên cá tra tự nhiên và cá tra nuôi ao là <i>Trichodina</i> , <i>Myxobolus</i> , <i>Dactylogyrus</i> , <i>Metacercaria</i> , <i>Ichthyonytus</i> và <i>Bucephalosis gracilescens</i> . Ở nhóm cá tra tự nhiên có 4 giống ký sinh trên mang và 2 giống ký sinh trong ruột, tỷ lệ nhiễm cao nhất là <i>Dactylogyrus</i> (86,8%) với cường độ nhiễm khoảng 3-16 trùng/lame và thấp nhất là <i>Ichthyonytus</i> (15,9%). Đối với, cá tra ao nuôi có 4 giống ký sinh trên da và mang, 2 giống ký sinh trong ruột, ký sinh trùng có tỷ lệ nhiễm cao nhất là <i>Dactylogyrus</i> (83,3%; 2-32 trùng/lame) và thấp nhất là <i>Metacercaria</i> (11,1%; 1-2 trùng/lame). Số lượng ký sinh trùng nhiễm trên cá tra tự nhiên và ao nuôi phụ thuộc vào thành phần giống loài và cơ quan ký sinh. Từ khóa: ao nuôi, cá tra, ký sinh trùng, tự nhiên.

136	Đại học	Khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng nhiễm trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn nuôi thương phẩm ở Cần Thơ	Nguyễn, Nhựt Thanh	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài nhằm khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng nhiễm trên cá tra nuôi thương phẩm ở quận Ô Môn thành phố Cần Thơ trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2018. Tổng cộng có 114 mẫu cá tra được quan sát và ghi nhận dấu hiệu bệnh lý bên ngoài trước khi tiến hành kiểm tra nội và ngoại ký sinh. Kết quả phân tích ghi nhận được 5 giống ký sinh trùng thuộc nhóm Protozoa gồm có Trichodina, Epistylis, Myxobolus, Henneguya, Ichthyonectus. Nhóm Metazoa gồm 1 giống sán lá đơn chủ Dactylogyrus, 1 loài sán lá song chủ Bucephalopsis gracilescens; 2 ấu trùng Metacercaria loài Centrocestus formosanus và Haplorchis taichui. Cường độ nhiễm của cao nhất là sán Dactylogyrus (2,17-15,89 trùng/lame), thấp nhất là Henneguya với 1 bào nang/cung mang. Từ khóa: cá tra, cường độ nhiễm, ký sinh trùng.
137	Đại học	Khảo sát mầm bệnh vi nấm nhiễm trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn ương giống	Nguyễn, Tuấn Anh	Đặng, Thụy Mai Thy	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định thành phần vi nấm nhiễm trên cá tra giai đoạn ương giống ở Cần Thơ, Vĩnh Long và Đồng Tháp. Tổng số 333 mẫu cá được thu định kỳ 2 tuần/lần trong thời gian từ 3/2018 đến 5/2018. Kết quả cho thấy ba giống nấm đã được định danh gồm Fusarium sp., Aspergillus sp. và Mucor sp.. Tỷ lệ nhiễm cao nhất là Aspergillus sp. (57,5%), Fusarium sp. (37,5%) và thấp nhất Mucor sp. (5%). Tỷ lệ nhiễm Aspergillus sp. ở mang là cao nhất 29,17%, da (15,63%), bóng hơi (8,33%), thận (4,17%) và gan (2,08%). Fusarium sp. nhiễm ở mang, da, bóng hơi, thận và gan với tỷ lệ lần lượt là 32,29%, 2,08%, 2,08% và 4,17%, 0%. Từ khóa: Cá tra giống, Pangasianodon hypophthalmus, vi nấm, cơ quan.
138	Đại học	Nghiên cứu về ấu trùng sán lá song chủ (Metacercaria) nhiễm trong mang cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Lê, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài nghiên cứu về các loài metacercaria trên mang cá tra được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018. Tổng cộng có 352 mẫu cá (262 mẫu cá giống, 90 mẫu cá thịt) được thu từ cá tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp. Cá được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Qua kết quả điều tra cho thấy độ nhiễm ấu trùng metacercaria trên cá tra giống tại Vĩnh Long là 13,3% cao hơn so với kết quả ở Cần Thơ và Đồng Tháp với tỷ lệ nhiễm lần lượt là 8,9% và 8,5%. Bên cạnh đó, tỷ lệ nhiễm ấu trùng metacercaria trên cá thịt tại Đồng Tháp là 17,8% cao hơn so với tỷ lệ nhiễm trên cá giống. Kết quả định danh có 2 loài metacercaria là Haplorchis taichui và Centrocestus formosanus. Trong đó Haplorchis taichui có tỷ lệ nhiễm cao hơn so với Centrocestus formosanus. Từ khóa: cá tra, Centrocestus formosanus, Haplorchis taichui, ký sinh trùng, metacercaria.

139	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn ương ở một số tỉnh ĐBSCL	Thái, Phong	Trần, Thị Tuyết Hoa	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thông tin về các bệnh thường gặp và xác định các yếu tố môi nguy dẫn đến bệnh xảy ra trong giai đoạn ương cá tra, nhằm góp phần trong công tác phòng bệnh cho các ao ương cá. Thông tin được thu thập từ các nguồn ấn phẩm khác nhau và phỏng vấn trực tiếp 63 hộ ương nuôi cá tra ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ. Kết quả ghi nhận: (i) các bệnh thường xảy ra trên cá tra giai đoạn ương gồm: gan thận mũ (32%), xuất huyết (26%), ký sinh trùng (20%); (ii) Các yếu tố môi nguy được xác định bao gồm: ao đã sử dụng ương hơn 1 vụ (ao cũ); diện tích ương lớn (> 4.000 m ²); mật độ ương cao (> 1.000 con/m ²); lượng vôi cải tạo ao thấp (< 5 kg/100m ²); không hút bùn đáy; không phơi đáy ao hay có phơi đáy ≤ 3 ngày; tập cá gom cầu sớm trước 3 tuần tuổi); ương theo phương pháp giữ nguyên lượng nước đến 14 – 30 ngày ương. Từ khóa: bệnh cá, cá tra, dịch tễ học, giai đoạn ương, yếu tố môi nguy.
140	Đại học	Khảo sát mầm bệnh vi khuẩn trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn bột lên hương	Trần, Anh Thư	Trần, Thị Mỹ Duyên	2018	Mục đích của nghiên cứu nhằm khảo sát sự hiện diện của mầm bệnh vi khuẩn trên cá tra ương trong giai đoạn bột lên hương tại các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long và Đồng Tháp. Tổng cộng đề tài thu được 37 mẫu (12 mẫu cá bột và 25 mẫu cá hương) trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2018. Các mẫu thu được kiểm tra sự hiện diện của vi khuẩn bằng phương pháp cấy vi sinh trên đĩa thạch. Kết quả cho thấy có 23 mẫu có sự hiện diện của vi khuẩn, chiếm 62,2% (10 cá bột, 13 cá hương). Một số mẫu có sự hiện diện của vi khuẩn được chọn để xác định sự hiện diện của 3 loại vi khuẩn Aeromonas hydrophila, Edwardsiella ictaluri và Flavobacterium columnare bằng kỹ thuật PCR. Kết quả cho thấy không có sự hiện diện của 3 loài vi khuẩn trên trong các mẫu phân tích sử dụng DNA chiết tách từ thận cá. Tuy nhiên, kết quả PCR cho thấy sự hiện diện của vi khuẩn E. ictaluri (1 mẫu) khi sử dụng DNA chiết tách từ khuẩn lạc. Kết quả cho thấy chưa xác định được sự hiện diện của 3 loại vi khuẩn gây bệnh phổ biến mặc dù có sự xuất hiện của vi khuẩn trên cá tra trong giai đoạn bột lên hương.

141	Đại học	Đặc điểm mô bệnh học của bệnh phù mắt xuất huyết do Streptococcus agalactiae gây ra trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi trong bè ở tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Thu Trúc	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Tổng cộng có 140 mẫu cá, bao gồm cá khỏe và cá bệnh có các biểu hiện bệnh lý điển hình của bệnh phù mắt xuất huyết do Streptococcus agalactiae được thu định kỳ mỗi tháng 1 lần trong 4 tháng trên địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Cá bệnh có màu sắc cơ thể nhợt nhạt, có những đốm xuất huyết ở các gốc vây, mắt bị lồi và đục, bụng trương to, xoang bụng chứa dịch và nội quan nhạt màu hoặc xuất huyết, não nhũn. Kết quả phân tích mô học các cơ quan cho thấy có những biến đổi đặc trưng về mặt tế bào như mô gan, thận, tỷ tạng và não có nhiều vùng bị xung huyết, xuất huyết, hoại tử và biến đổi cấu trúc. Trên mô gan xuất hiện nhiều không bào và các đảo tụy biến đổi cấu trúc, mô thận và tỷ tạng xuất hiện nhiều trung tâm đại thực bào sắc tố, mô não bị nhiễm khuẩn. Ở mang quan sát được các hiện tượng tăng sinh tế bào, các sợi mang thứ cấp phình to và dính lại, một số sợi mang thứ cấp bị thoái hóa đồng thời ghi nhận được có kí sinh trùng kí sinh. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp thêm cơ sở khoa học trong việc chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh phù mắt xuất huyết trên cá điêu hồng.
142	Đại học	So sánh đặc điểm mô bệnh học của bệnh gan thận mù do edwardsiella ictaluri gây ra trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) và cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) trong điều kiện nuôi tự nhiên và trong phòng thí nghiệm	Nguyễn, Hồng Nhung	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm so sánh đặc điểm mô bệnh học các cơ quan gan, thận và tỷ tạng của cá điêu hồng và cá tra bệnh gan thận mù thu trong ao nuôi và cảm nhiễm trong phòng thí nghiệm. Cá tra và cá điêu hồng bệnh có các dấu hiệu bệnh lý đặc trưng như bỏ ăn, tách đàn bơi lơ dờ, trên nội quan xuất hiện các đốm trắng tròn có đường kính từ 0,5 – 3 mm. Kết quả mô bệnh học cho thấy, sự biến đổi cấu trúc mô gan, thận, tỷ tạng của cá tra bệnh và cá điêu hồng bệnh tương tự nhau như vùng mô có hiện tượng xung huyết, xuất huyết, thoái hóa và hoại tử biến đổi cấu trúc. Các trung tâm đại thực bào sắc tố gia tăng về số lượng và kích thước trên mô thận và tỷ tạng. Ở gan cá điêu hồng còn quan sát thấy sự xuất hiện của nhiều không bào lipid và các u hạt trên thận và tỷ tạng.

143	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn vibrio spp. gây bệnh trên tôm nuôi của một số chiết xuất thảo dược	Nguyễn, Thị Quế Anh	Trần, Thị Tuyết Hoa	2018	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng khuẩn của 7 loại thảo dược (thầu dầu, lười rần, mật gấu, chùm ngây, lược vàng, ô rô, sài đất) trên nhóm Vibrio spp. gây bệnh cho tôm. Các chỉ tiêu phân tích được thực hiện bao gồm kiểm tra hoạt tính kháng khuẩn, xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) bằng phương pháp pha loãng đa nồng độ, xác định nồng độ diệt khuẩn tối thiểu (MBC) trên 2 chủng vi khuẩn Vibrio harveyi và Vibrio parahaemolyticus. Kết quả ghi nhận: (i) 7 loại cao chiết có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết thầu dầu (Ricinus communis L.) cho hiệu quả cao nhất với đường kính vòng vô khuẩn dao động từ 17 mm đến 18 mm, kế đến là chất chiết cao lá đắng - mật gấu (Vernonia amygdalina del.), chùm ngây (Moringa oleifera), ô rô (Acanthus ilicifolius L.) và sài đất (Wedelia calendulacea L.) với đường kính vòng kháng khuẩn ở mức trung bình từ 9 - 11 mm. ương tự, đường kính vòng kháng khuẩn thấp nhất trên cả hai chủng vi khuẩn thu được từ chất chiết cây lười rần (Hedyotis corymbosa L.) và lược vàng (Callisia fragrans) với vòng kháng khuẩn tương ứng là 7 mm và 8 mm; (ii) Kết quả ghi nhận nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu cũng được xác định hiệu quả ở chất chiết thầu dầu.
144	Đại học	Biến động mật độ vi khuẩn trong mô hình nuôi luân canh tôm-lúa ở Bạc Liêu	Lâm, Dù Nền	Phạm, Thị Tuyết Hoa	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá tác động của giống lúa lên hệ vi sinh trong mô hình luân canh tôm – lúa. Thí nghiệm được thực hiện ở huyện Phước Long - Bạc Liêu trên 2 ruộng sử dụng giống lúa địa phương (Một Bụi Đỏ) để làm đối chứng và giống lúa của Công ty Bayer (Arize Tej Vàng). Mẫu nước và bùn được thu vào thời điểm trước khi gieo sạ, trước khi thu hoạch lúa và trước khi thả tôm nhằm đánh giá mật độ của tổng vi khuẩn, các nhóm vi khuẩn Bacillus, Vibrio, Nitrosomonas và Nitrobacter trong suốt quá trình thí nghiệm. Kết quả thu được sau thí nghiệm cho thấy mật độ vi khuẩn trong bùn luôn cao hơn trong nước. Tổng vi khuẩn và nhóm vi khuẩn Bacillus tăng mật độ về sau thí nghiệm. Nhóm Vibrio có sự biến động tăng ở giữa đợt và giảm dần khi về cuối thí nghiệm. Tuy nhiên, các nhóm này không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ($P>0,05$). Nhóm vi khuẩn nitrate có xu hướng giảm về cuối thí nghiệm. Mật độ khuẩn trên ruộng thực nghiệm vượt trội hơn ở cuối thí nghiệm cho thấy được ưu điểm về giống lúa Arize Tej Vàng của Bayer so với giống lúa Một Bụi Đỏ.

145	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung inulin lên một số chỉ tiêu miễn dịch của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Phan, Ngọc Đô	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung 1% inulin vào thức ăn lên một số chỉ tiêu miễn dịch của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT) bao gồm NT1: đối chứng; NT2: bổ sung 1% inulin trong 2 tuần đầu; NT3: bổ sung 1% inulin cách mỗi hai tuần; NT4: bổ sung 1% inulin trong 4 tuần đầu; NT5: bổ sung 1% inulin trong 8 tuần), mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần, thí nghiệm được thực hiện trong 8 tuần. Tiến hành thu mẫu (3 cá/bể) sau 4 tuần, 6 tuần và 8 tuần bổ sung 1% inulin. Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ tổng hồng cầu, mật độ tổng bạch cầu, định lượng từng loại bạch cầu (tế bào đơn nhân, bạch cầu trung tính, lympho và tiểu cầu) và hoạt tính lysozyme được phân tích để đánh giá đáp ứng miễn dịch của cá. Sau 8 tuần thí nghiệm, cá được cảm nhiễm với vi khuẩn Edwardsiella ictaluri và theo dõi tỷ lệ chết trong 2 tuần. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu tăng trưởng, huyết học và hoạt tính lysozyme ở các nghiệm thức NT3, NT4, NT5 cao hơn nghiệm thức đối chứng (NT1) sau 8 tuần. Nghiệm thức 5 (bổ sung inulin vào thức ăn 8 tuần) cho kết quả về các chỉ tiêu tăng trưởng và miễn dịch tốt nhất. Bên cạnh đó, nghiệm thức 3 (bổ sung 1% inulin vào thức ăn cách mỗi 2 tuần) cho kết quả tăng trưởng, mật độ tổng bạch cầu, bạch cầu đơn nhân, trung tính, lympho, tiểu cầu và hoạt tính lysozyme tăng cao; hệ số FCR và tỷ lệ chết sau cảm nhiễm (E.ictaluri) thấp và khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức 5 ($p>0,05$) sau 8 tuần thí nghiệm.
146	Đại học	So sánh đặc điểm bệnh học của vi khuẩn Bacillus thurigiensis và Vibrio parahaemolyticus gây hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Nguyễn, Hồ Hoàng Hào	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm so sánh đặc điểm bệnh học của vi khuẩn Bacillus thurigiensis và Vibrio parahaemolyticus gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 6 nghiệm thức lặp lại 3 lần gồm: (NT1) nghiệm thức đối chứng không cảm nhiễm; (NT2) cảm nhiễm V. parahaemolyticus 16ml (108 CFU/ml); (NT3) cảm nhiễm B. thurigiensis 16ml (108 CFU/ml); (NT4) cảm nhiễm Bacillus thurigiensis 8ml; (NT5) cảm nhiễm B. thurigiensis 4ml và (NT6) cảm nhiễm vi khuẩn B. thurigiensis 2ml. Kết thúc thí nghiệm, tỷ lệ chết ở các nghiệm thức NT1, NT4, NT5, NT6 là 0% ở NT2 tỷ lệ này là 70% và NT3 là 26.67%. Dấu hiện bệnh lý ghi nhận ở 2 nghiệm thức NT2 và NT3 đều tương tự như những dấu hiệu đặc trưng của bệnh hoại tử gan tụy cấp. Kết quả phân tích mô bệnh học cho thấy mô gan tụy tôm ở NT2, NT3 đều có những biến đổi về cấu trúc các ống gan tụy có, các tế bào gan tụy biến mất và có nhiều tế bào máu tập trung xung quanh các vùng tổn thương.

147	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm lây lan của vi khuẩn gây bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Trương, Thị Mỹ Hạnh	Từ, Thanh Dung	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định khả năng lây lan của vi khuẩn gây bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (<i>Channa striata</i>). Vi khuẩn gây bệnh đốm trắng nội tạng đã được định danh là vi khuẩn <i>Aeromonas schubertii</i> dựa trên những đặc điểm sinh lý, sinh hóa, PCR và giai trình tự gen 16s rRNA. Thí nghiệm cảm nhiễm bằng các phương pháp ngâm trong nước cá bệnh, sốc nhiệt và cho ăn cá bệnh đều có khả năng gây bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc với các dấu hiệu bệnh lý giống như thu được trong ao nuôi. Kết quả ở thí nghiệm ngâm cho tỷ lệ chết tích lũy của các nghiệm thức 1,2 x 10 ⁶ , 1,2 x 10 ⁷ , và 1,2 x 10 ⁸ CFU/ml lần lượt 40%, 50% và 65%. Tỷ lệ chết tích lũy của thí nghiệm sốc nhiệt ở mật độ 1,2 x 10 ⁵ CFU/ml của 30°C là 55% và của 35°C là 40%. Tỷ lệ chết tích lũy ở 3 mật độ 1,2 x 10 ³ , 1,2 x 10 ⁴ , và 1,2 x 10 ⁵ CFU/ml lần lượt 83,3%, 86,7% và 93,3%.
148	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ao thâm canh ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Nhất Huy	Phạm, Minh Đức	2018	Để nắm được tình hình dịch bệnh cũng như tìm hiểu sâu hơn việc phòng và trị bệnh trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) giúp các hộ nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao hơn nên đề tài” Khảo sát tình hình bệnh cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ao thâm canh ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh” được thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 5/2018. Kết quả điều tra cho thấy các hộ nuôi gặp không ít khó khăn về dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định. Các bệnh thường xuất hiện vào mùa mưa, tần suất xuất hiện của các bệnh được ghi nhận là: xuất huyết (31,6%), gan thận mủ (25%), lở loét (13,2%), trắng mình (10,5%), ký sinh trùng (10,5%), nấm (6,6%) và vảy xù (2,6%). Những bệnh này nếu không phát hiện sớm và có phương pháp điều trị hợp lý sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh tế của các hộ nuôi.
149	Đại học	Phát hiện sự đa nhiễm mầm bệnh trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi thương phẩm trên bè ở tỉnh Vĩnh Long bằng phương pháp PCR	Võ, Thị Ngọc Rằm	Nguyễn, Ngọc Dung Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài khảo sát sự đa nhiễm các mầm bệnh vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri ictaluri</i> , <i>Streptococcus agalactiae</i> , và <i>Aeromonas hydrophila</i> trên cá điêu hồng thu được từ 3 lần thu mẫu. Tổng cộng có 27 mẫu cá thương phẩm được chọn để thực hiện chiết tách DNA và phát hiện với mỗi đặc hiệu bằng phương pháp PCR. Cá bệnh có dấu hiệu bệnh lý là phù mắt và xuất huyết hay chỉ xuất huyết hoặc không có dấu hiệu bệnh lý bên ngoài rõ ràng nhưng có đốm trắng ở các nội quan. Kết quả PCR phát hiện 13/27 mẫu dương tính với <i>S. agalactiae</i> , 6/27 dương tính với <i>E. ictaluri</i> và tất cả 27 mẫu âm tính với <i>A. hydrophila</i> trong đó chỉ có 2 mẫu đồng thời dương tính với <i>E. ictaluri</i> và <i>S. Agalactiae</i> .

150	Đại học	Ảnh hưởng promac lên khả năng kháng hoại tử gan tụy cấp tính do vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây ra ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Trần, Ngọc Nhân	Trương, Quốc Phú Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Thí nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của Promac để phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) trên tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>). Tôm được cảm nhiễm bằng cách ngâm vi khuẩn. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 7 nghiệm thức lặp lại 4 lần. Đối chứng không cảm nhiễm (NT1), đối chứng (NT2) cảm nhiễm cho ăn thức ăn viên, các nghiệm thức còn lại cảm nhiễm và sử dụng thức ăn có bổ sung Promac với liều lượng lần lượt là: 0.1, 0.3, 0.6, 0.9, 1.2g/kg BW/ngày (liên tục 2 tuần trước khi cảm nhiễm). Kết quả cho thấy NT2 có tỷ lệ tôm chết là 54,98% cao nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức NT1 (7,85%), NT3 (40,82%), NT4 (39,95%), NT5 (31,45%), NT6 (29,27%) và NT7 (32,13%) ($P<0,05$). Tỷ lệ tôm chết ở NT1 khác biệt có ý nghĩa so với các NT3, NT4, NT5, NT6, NT7 ($P<0,05$). Tuy nhiên tỷ lệ tôm chết ở NT3, NT4 khác biệt không có ý nghĩa thống kê và cũng khác biệt có ý nghĩa với các NT5, NT6, NT7. Trong đó NT5, NT6, NT7 khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Giá trị sinh tồn tương đối (RPS%) của tôm thí nghiệm dao động từ 25,06-46,26% trong đó giá trị thấp nhất đối với 2 liều sử dụng 0,1 g/kg BW/ngày và 0,3 g/kg BW/ngày và cao nhất ở liều 0,9 g/kg BW/ngày. Ở 2 liều 1,2 g/kg BW/ngày và 0,6 g/kg BW/ngày cũng thể hiện được khả năng bảo hộ cao với tỉ lệ 42,03 và 42,26%
151	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất phòng trị bệnh ca lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thâm canh tỉnh An Giang	Bùi, Minh Tân	Phạm, Minh Đức	2018	Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trong nuôi thương phẩm cá lóc ở tỉnh An Giang. Hiện trạng sử dụng thuốc và hóa chất được thu nhập thông qua phỏng vấn 30 hộ nuôi cá lóc ở huyện Châu Phú và Thoại Sơn tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy 16 loại kháng sinh được dùng để trị bệnh cho cá, 19 sản phẩm thuốc dùng để trị bệnh cho cá, 16 sản phẩm thuốc hóa chất được dùng để khử trùng và cải tạo môi trường ao nuôi, 28 sản phẩm được sử dụng như chất bổ sung được sử dụng trong một vụ nuôi. Trong đó, có E Enrofloxacin và Ciprofloxacin là kháng sinh cấm sử dụng được sử dụng phổ biến và 8 loại kháng sinh nằm trong danh mục hạn chế sử dụng trong nuôi trồng thủy sản như amoxicillin, colistin, florfenicol, flumequine, oxytetracycline, trimethoprim, tetracycline, sulfadimethoxine cũng được sử dụng rộng rãi.

152	Đại học	Ảnh hưởng của độ kiềm, độ cứng và thuốc bảo vệ thực vật lên sự phát triển của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) và tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Lưu, Đình Khang	Trương, Quốc Phú Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của độ kiềm, độ cứng cao và thuốc bảo vệ thực vật lên sự phát triển của tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Ở độ kiềm và độ cứng gấp hai và ba lần độ kiềm và độ cứng thích hợp không gây ảnh hưởng đến khả năng sống của tôm nhưng ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu sinh trưởng như vỏ cứng, ít lột xác, mất một số phụ bộ. Các hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Cypermethrin và Dipterex 5%, 10%, 15%, 20% và 25% LC50 của từng loại hoạt chất được cho vào bể thí nghiệm và theo dõi trong 50 ngày, qua tỉ lệ chết cao cho thấy độ độc cao của Cypermethrin và Dipterex lên tôm thẻ chân. Ngoài ra thí nghiệm cũng được tiến hành với Deltamethrine trên lên tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) và tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) nồng độ thí nghiệm là 5%, 10%, 15%, 20% và 25% LC50 của từng loại tôm. Kết quả ghi nhận được ảnh hưởng cấp tính lên tôm thẻ và tôm sú ở hàm lượng cao và gây ảnh hưởng mãn tính ở hàm lượng thấp.
153	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên sự miễn cảm của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) với bệnh gan thận mũ	Tạ, Cẩm Tú	Trương, Quốc Phú Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của độ mặn lên sự miễn cảm của cá tra (có trọng lượng 25-30 g) với bệnh gan thận mũ. Cá được cảm nhiễm bằng phương pháp tiêm vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> với nồng độ 105 CFU/ml ở các độ mặn khác nhau 0‰, 3‰, 5‰, 8‰, 11‰ và 14‰. Cá thí nghiệm được theo dõi liên tục trong 14 ngày. Ghi nhận tỉ lệ chết và thu mẫu những cá có dấu hiệu lơ lờ, bơi lội kém linh hoạt để quan sát dấu hiệu bệnh í và tái phân lập vi khuẩn từ thận. Sau 14 ngày theo dõi, tỉ lệ chết của các nghiệm thức lần lượt là 70,6%; 96,7%; 98,3%; 100%; 98,2% và 96,7. Các nghiệm thức có bổ sung nồng độ muối tỉ lệ chết khác biệt không có ý nghĩa thống kê với nhau ($p>0,05$), chết cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức đối chứng dương ($p<0,05$). Những mẫu cá thu được đều có nhiều đốm trắng nhỏ li ti trên gan, thận, tỉ tạng. Tái phân lập vi khuẩn từ thận và sử dụng phương pháp PCR thì thấy đây là vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> .
154	Đại học	Đặc điểm mô bệnh học trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) và cá lóc (<i>Channa striata</i>) nhiễm vi nấm	Nguyễn, Hữu Nhơn	Đặng, Thụy Mai Thy	2018	Vi nấm là một trong những tác nhân gây bệnh trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) và cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thâm canh. Thí nghiệm cảm nhiễm bằng phương pháp ngâm cá điêu hồng và cá lóc với vi nấm <i>Achlya sp.</i> (C17.01.A) và <i>Saprolegnia sp.</i> (C18.01.S) ở mật độ 104 bào tử/mL và nghiệm thức đối chứng ngâm nước muối sinh lý. Mẫu da cơ và mang được thu vào ngày thứ 1, 3, 5, 7 và 14 sau cảm nhiễm để phân tích mô học. Kết quả cho thấy tỉ lệ chết tích lũy cá điêu hồng cao hơn cá lóc ở nghiệm thức ngâm <i>Saprolegnia sp.</i> và <i>Achlya sp.</i> lần lượt là 96,7%, 80%, 30% và 26,67%. Cá có dấu hiệu có nhiều nốt trên da, có nhiều sợi nấm bao quanh cơ thể ở phần đầu, thân và đuôi. Cá lóc cảm nhiễm bị mất vảy trên bề mặt cơ thể và đuôi, thân bị lở loét. Mô da-cơ cá điêu hồng xuất hiện bào tử vi nấm ở các vùng bị hoại tử, mất cấu trúc. Mô da cá lóc bị tổn thương, thoái hóa và lở loét. Bào tử nấm nảy mầm trong lớp biểu mô da và cơ cá.

155	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên sự miễn cảm của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) với bệnh xuất huyết	Dương, Thị Diễm Kiều	Trương, Quốc Phú Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của độ mặn lên sự miễn cảm của cá tra với vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh xuất huyết. Cá thí nghiệm được bố trí trong bể nhựa với các độ mặn là 0, 3, 5, 8, 11 và 14‰ và được gây cảm nhiễm bằng phương pháp tiêm chủng vi khuẩn <i>A. hydrophila</i> với liều LD50. Cá sau khi cảm nhiễm được theo dõi, ghi nhận dấu hiệu bệnh lý và tỉ lệ chết trong vòng 14 ngày. Những con cá có dấu hiệu lơ lờ, có hiện tượng xuất huyết ở các vị và hậu môn, xoang màng bụng, tỷ tạng và bóng hơi được chọn để tái phân lập và tái định danh vi khuẩn. Sau 14 ngày cảm nhiễm, tỉ lệ chết của các nghiệm thức lần lượt là 86,7%; 86,7%; 76,7%; 17,4%; 6,77% và 13,3%; nghiệm thức độ mặn 11‰ có tỉ lệ chết thấp nhất và thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại ở mức ý nghĩa $p < 0,05$. Kết quả tái phân lập và định danh vi khuẩn từ cá cảm nhiễm xác định đây là vi khuẩn <i>A. hydrophila</i> .
156	Đại học	Khảo sát đánh giá hiện trạng bệnh trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi trong bè ở Vĩnh Long	Nguyễn, Văn Triệu	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Tình hình xuất hiện bệnh trên cá điêu hồng nuôi thâm canh trong bè ở Vĩnh Long được ghi nhận qua điều tra 50 hộ nuôi ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Kiểm tra một số các chỉ tiêu môi trường, ký sinh trùng và vi khuẩn. Kết quả ghi nhận được tình hình dịch bệnh diễn ra suốt vụ nuôi, tập trung nhiều ở hai tháng đầu sau khi thả giống, trong đó bệnh phù mắt/xuất huyết và bệnh gan thận mủ xuất hiện với tỷ lệ cao. Các chỉ tiêu môi trường bao gồm: nhiệt độ dao động từ 29,5-32°C, oxy ổn định 5mg/l, NH3 từ 0,003-0,009, NH4+ và NO2 nằm trong khoảng 0-0,5. Kết quả kiểm tra ký sinh trùng ghi nhận được 4 giống <i>Myxobolus sp.</i> , <i>Trichodina sp.</i> , <i>Dactylogyrus sp.</i> , <i>Gyrodactylus sp.</i> . Đồng thời phân lập được 3 nhóm vi khuẩn tương ứng với 3 nhóm dấu hiệu bệnh lý phù mắt, gan thận mủ và xuất huyết.
157	Đại học	Thử nghiệm qui trình phòng bệnh tổng hợp cho cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi thương phẩm trong bè ở Vĩnh Long	Tạ, Hoàng Dũng	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Nghiên cứu thử nghiệm quy trình phòng bệnh trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi thương phẩm trong bè được thực hiện tại Vĩnh Long. Hai cặp bè với kích thước mỗi bè là 6×12×3,5 m (252m³/bè) được thử nghiệm. Cặp bè thứ nhất (Bè 7 và 17) được bố trí từ ngày 26/4/2017 đến 18/9/2017 với mật độ cá 155 con/m³ (1000 kg cá giống) và kích cỡ là 39 con/kg. Tương tự, cặp bè thứ 2 (Bè 4 và 6) được bố trí từ ngày 19/7/2017 đến 28/11/2017 với mật độ là 70 con/m³ (600kg cá giống) và kích cỡ là 30 con/kg. Trong quá trình theo dõi thí nghiệm ghi nhận được một số bệnh trên cá nuôi như: bệnh do ký sinh trùng, phù mắt xuất huyết, gan thận mủ. Bên cạnh đó còn phát hiện được một số bệnh chưa rõ tác nhân như: bệnh thối mang, mang bẩn và xuất huyết nội tạng. Hiệu quả của quy trình phòng bệnh được thể hiện rõ qua tỉ lệ sống của cá khi kết thúc thí nghiệm. Hai bè đối chứng có tỉ lệ sống thấp hơn từ 6 đến 8% so với bè thử nghiệm.

158	Đại học	Khảo sát bệnh tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) và tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) ở Trà Vinh	Lê, Dương Tuấn Thành	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát một số bệnh phổ biến ở các ao nuôi thâm canh tại hai huyện Trà Cú và Cầu Ngang thuộc tỉnh Trà Vinh. Tổng cộng có 63 mẫu tôm bệnh thu từ 11 ao nuôi. Tôm bệnh có các dấu hiệu bệnh lý là: (1) gan tụy teo, nhạt màu ruột rỗng, (2) gan tụy nhạt màu, ruột rỗng, mềm vỏ, (3) đốm đen trên thân, ruột rỗng, (4) vảnh mang và (5) đường ruột không liên tục hoặc rỗng. Tổng cộng có 48 chủng vi khuẩn được phân lập từ gan tụy và ruột tôm bệnh thu được. Kết quả phát hiện vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) bằng KIT IQ Plus dương tính với 6/23 chủng vi khuẩn bao gồm 5 chủng phân lập từ tôm AHPND và 1 chủng phân lập từ tôm bệnh đường ruột. Kết quả phân tích mô bệnh học ghi nhận dấu hiệu mô học đặc trưng của tôm nhiễm AHPND là: ống gan tụy teo, mất cấu trúc, ống gan tụy thoái hóa rơi vào lòng ống, tế bào máu tập trung xung quanh khối gan tụy kèm theo hiện tượng melanin hóa.
159	Đại học	Xác định độc lực của vi khuẩn gây bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thâm canh	Nguyễn, Quỳnh Nga	Từ, Thanh Dung	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định độc lực của vi khuẩn <i>Aeromonas schubertii</i> gây bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi thâm canh. Thí nghiệm cảm nhiễm bằng phương pháp tiêm với 3 chủng vi khuẩn <i>A.schubertii</i> (STC95, STC99, STC111) được thực hiện trên cá lóc giống khỏe (trọng lượng trung bình $12 \pm 1,5g$). Tương tự, phương pháp ngâm được tiến hành với 2 chủng vi khuẩn STC99 và STC111. Kết quả thí nghiệm hoàn toàn thỏa mãn các nguyên tắc của định đề Koch và giá trị LD50 của 3 chủng vi khuẩn STC95; STC99; STC111 trong phương pháp tiêm lần lượt là $5,37 \times 10^3$; $4,17 \times 10^3$; $2,29 \times 10^3$ CFU/mL; Tương tự, giá trị LD50 của 2 chủng vi khuẩn STC99 và STC111 trong phương pháp ngâm $6,74 \times 10^6$; $5,18 \times 10^6$ CFU/mL. Kết quả cho thấy độc lực của chủng vi khuẩn STC111 là cao nhất, tiếp theo là chủng STC99 và thấp nhất là chủng STC95.
160	Đại học	Phân lập và xác định đặc điểm của các chủng vi khuẩn từ cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) bệnh gan thận mũ	Nguyễn, Thị Kim Ngọc	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định một số đặc điểm hình thái, sinh lý và sinh hóa của các chủng vi khuẩn phân lập từ cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) bệnh gan thận mũ. Cá điêu hồng bệnh gan thận mũ có biểu hiện những đốm trắng trên gan, thận và tỷ tạng. Vi khuẩn phân lập từ cá bệnh có khuẩn lạc tròn, màu kem, đường kính khoảng 1mm phát triển trên môi trường TSA. Vi khuẩn có hình que, Gram âm và dựa trên các chỉ tiêu về sinh lý và sinh hóa định danh các chủng vi khuẩn này là <i>Edwardsiella ictaluri</i> . Kết quả PCR sử dụng mồi đặc hiệu với <i>Edwardsiella ictaluri</i> hiện vạch 407 bp khẳng định kết quả định danh bằng phương pháp sinh hóa. Vi khuẩn nhạy với 8 loại kháng sinh là Flumequine, Norfloxacin, Enrofloxacin, Levofloxacin, Oxytetracyclin, Doxycycline, Rifampicin, Gentamycin và có hiện tượng đa kháng thuốc với 12 loại kháng sinh Amoxycilin, Colistin, Trimethoprim + Sulfamethoxazole, Trime + Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim + Sulfadiazin, Trimethoprim + Sulfaguanidine, Trimethoprim + Sulfamethorazin, Erythromycin, Tylosin, Trimethoprim + Sulfadimidine, Kanamycin và Florfenicol.

161	Đại học	Biến động của các chỉ tiêu môi trường nước và sức khỏe cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi trong bè ở Vĩnh Long	Phan, Thanh Nhã	Trương, Quốc Phú Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm theo dõi sự biến động của các chỉ tiêu môi trường và sức khỏe cá điêu hồng nuôi trong bè ở tỉnh Vĩnh Long. Thí nghiệm được thực hiện trên 2 cặp bè với kích thước mỗi bè là 6×12×3,5 m (252m³/bè). Cặp bè thứ nhất (bè 7&17) được bố trí từ ngày 26/4/2017 đến 18/9/2017 với mật độ cá 155 con/m³(1000 kg cá giống) và kích cỡ là 39 con/kg. Cặp bè thứ 2 (bè 4&6) được bố trí từ ngày 19/7/2017 đến 28/11/2017 với mật độ là 70 con/m³(600kg cá giống) và kích cỡ là 30 con/kg. Các chỉ tiêu môi trường được đo hàng ngày. Trừ nhiệt độ được đo bằng nhiệt kế, các chỉ tiêu môi trường gồm pH, DO, NO₂⁻, NH₄⁺ và NH₃ được đo bằng bộ kit Sera (Đức). Kết quả ghi nhận được, dù có sự biến động, các chỉ tiêu môi trường nằm trong giới hạn phù hợp cho sự phát triển của cá điêu hồng. Trong quá trình theo dõi, ghi nhận ở cá nuôi có xuất hiện một vài dấu hiệu bệnh lý là: phù mắt xuất huyết, tổn thương ngoài da kết hợp với mang bị bám bẩn, xuất huyết ruột, gan thận mũ và hoại tử mang.
162	Đại học	Ảnh hưởng nuôi kết hợp tôm với rong câu lên khả năng đề kháng bệnh của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Tổng, Quốc Tuấn	Trần, Thị Tuyết Hoa	2018	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc nuôi tôm kết hợp với rong câu <i>Gracilaria sp.</i> đến khả năng giúp tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) kháng lại vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (<i>Vibrio parahaemolyticus</i>). Thí nghiệm cảm nhiễm bao gồm 5 nghiệm thức và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, nghiệm thức đối chứng âm (không cảm nhiễm <i>V. parahaemolyticus</i> và bổ sung rong câu 10, 15, 20g/10 lít nước), và bốn nghiệm thức còn lại được bổ sung rong câu lần lượt là 0, 10, 15 và 20g/10 lít nước (cảm nhiễm <i>V. parahaemolyticus</i>). Kết quả cho thấy: tỉ lệ chết tích lũy của tôm ở nghiệm thức đối chứng dương (0g/10L) cao nhất với 69,3% khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại. Đặc biệt, nghiệm thức bổ sung rong câu 15g/10 lít nước ghi nhận tôm có tỉ lệ chết là 30,7% thấp nhất so với các nghiệm thức cảm nhiễm <i>V. parahaemolyticus</i>. Kết quả mô học cũng ghi nhận về sự biến đổi cấu trúc ống gan tụy khác biệt giữa các nghiệm thức thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm xác định nuôi tôm kết hợp với rong câu giúp cải thiện tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng khi cảm nhiễm với <i>V. parahaemolyticus</i>.

163	Đại học	Xác định độc lực của vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh gan thận mù trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long	Lê, Thị Kim Thoa	Từ, Thanh Dung	2018	Đề tài nghiên cứu nhằm thực hiện khảo sát độc lực của vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i>. Tổng cộng 20 chủng vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> đã được phân lập và định danh từ cá tra bệnh gan thận mù. Hơn nữa các chỉ tiêu hình thái, sinh hóa, sinh lý và bộ kiểm tra API 20E cũng được thực hiện để định danh tất cả các chủng phân lập đều giống với <i>E. ictaluri</i>. Chọn ra 10 chủng vi khuẩn thực hiện thí nghiệm cảm nhiễm bằng phương pháp tiêm. Kết quả cho thấy cá có biểu hiện điển hình của bệnh gan thận mù với các đặc điểm lâm sàng giống với bệnh xuất hiện ngoài tự nhiên. Các đốm trắng nhỏ xuất hiện trên các cơ quan nội tạng của cá bệnh như gan, thận và tỷ tạng. Nghiên cứu xác định nhóm vi khuẩn có độc lực cao gồm các chủng ED-01; ED-04; với giá trị LD50 lần lượt là 1,68x10⁴; 3,30x10⁴ CFU/mL. Độc lực trung bình với các chủng ED-08; ED-09; ED-07; ED-06; ED-10; ED-02; ED-05 với LD50 lần lượt 5,83x10⁴; 5,84x10⁴; 7,73x10⁴ 1,00x10⁵; 1,25x10⁵; 1,58x10⁵; 1,58x10⁵ CFU/mL. Riêng chủng ED-04 có độc lực cao nhất với giá trị LD50 đạt 1,68x10⁴, đây có thể là ứng viên tiềm năng cho các nghiên cứu phát triển vaccine sau này.
164	Đại học	Ảnh hưởng độ mặn lên đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Huỳnh, Thị Kim Thoa	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của độ mặn lên đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Thí nghiệm được bố trí trong hệ thống tuần hoàn, hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (đối chứng 0o/oo, 5o/oo, 10o/oo , 15o/oo và 20o/oo) và mỗi nghiệm thức được lặp lại 4 lần. Thu mẫu được tiến hành vào ngày 20 sau khi nâng độ mặn và ngày thứ 23 (sau khi cảm nhiễm với vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> 3 ngày), 3 cá/bể được thu để phân tích miễn dịch. Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ hồng cầu, tổng bạch cầu, tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính, tiểu cầu và hoạt tính lysozyme được thực hiện. Kết quả cho thấy, sau 20 ngày nâng độ mặn, các chỉ tiêu huyết học bao gồm tổng hồng cầu, bạch cầu và lympho ở các độ mặn 5, 10, 15 và 20o/oo giảm thấp hơn so với nghiệm thức 0o/oo. Trong đó, mật độ của tế bào trung tính, đơn nhân và hoạt tính lysozyme tương ứng với các độ mặn 20, 15 và 10o/oo tăng cao hơn so với nghiệm thức 0o/oo; mật độ tế bào tiểu cầu ở nghiệm thức 5o/oo (164,02 x 10³ tb/mm³) cao nhất và thấp nhất ở nghiệm thức 15o/oo (108,01 x 10³ tb/mm³), khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Sau 3 ngày cảm nhiễm với vi khuẩn <i>E. ictaluri</i>, các chỉ tiêu huyết học tổng bạch cầu, tiểu cầu ở độ mặn 20o/oo giảm thấp hơn so với nghiệm thức 0o/oo. Trong đó, hoạt tính lysozyme ở nghiệm thức 10, 15o/oo (797,17, 673,5 U/ml) tăng cao hơn so với nghiệm thức 0o/oo (364,17 U/ml) và khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Mặt khác, số lượng tế bào trung tính cao nhất ở 20o/oo (3,74 x 10³ tb/mm³), thấp nhất ở 10o/oo (1,15 x 10³ tb/mm³); số lượng tế bào lympho ở nghiệm thức 15o/oo tăng cao hơn so với nghiệm thức 0o/oo; số lượng tế bào đơn nhân ở nghiệm thức 20o/oo (23,06 x 10³ tb/mm³) tăng gấp 3 lần so với nghiệm thức 0o/oo (7,42 x 10³ tb/mm³) và khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Tóm lại, độ mặn làm ảnh hưởng đến một số chức năng miễn dịch ở cá tra, tiếp xúc kéo dài sẽ làm cho cá stress và ảnh hưởng đến khả năng chống chịu bệnh của cá.

165	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng vi khuẩn bacillus sp. lên mật độ vi khuẩn vibrio trong hệ tiêu hóa của tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Luu, Thị Thanh Nhân	Nguyễn, Ngọc Dung Đặng, Thị Hoàng Oanh	2018	Thí nghiệm được tiến hành để đánh giá ảnh hưởng của vi khuẩn Bacillus sp có trong sản phẩm Promac (VIRBAC, Pháp) lên mật độ vi khuẩn Vibrio trong hệ tiêu hóa của tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Trong đó, NT1: Bổ sung sản phẩm Promac liều lượng 0.6g/KgBW/ngày liên tục 25 ngày; NT2: Bổ sung sản phẩm Promac liều lượng 0.9g/KgBW/ngày từ ngày 1 đến ngày 7 và ngày 15 đến ngày 21; NT3: Bổ sung sản phẩm Promac liều lượng 0.6g/KgBW/ngày từ ngày 1 đến ngày 7 và ngày 15 đến ngày 21; NT4: Nghiệm thức đối chứng (không bổ sung sản phẩm Promac). Thí nghiệm được bố trí trong hệ thống gồm 12 bể nhựa có thể tích là 150L/bể và nuôi với mật độ 100con/bể. Sau 36 ngày nuôi, kết quả nghiên cứu cho thấy bổ sung Promac vào thức ăn sẽ làm mật số Bacillus sp tăng và Vibrio giảm đáng kể. Nổi bật là NT1 mật số Bacillus sp trong ruột tăng khác biệt đáng kể bắt đầu từ lần thu T1 và kéo dài đến cuối thí nghiệm ($2 \times 10^1 - 8.1 \times 10^5$ CFU/g) so với nghiệm thức đối chứng ($2 \times 10^1 - 4.3 \times 10^4$ CFU/g) và số vi khuẩn Vibrio ở gan tụy trên môi trường Chrome Agar và TCBS lần lượt là ($7.5 \times 10^3 - 0.37 \times 10^3$ CFU/g); ($4.8 \times 10^3 - 0.42 \times 10^3$ CFU/g), ở ruột trên môi trường Chrome Agar và TCBS ($45 \times 10^3 - 5140$ CFU/g); ($40 \times 10^3 - 6.6 \times 10^3$ CFU/g) giảm khác biệt đáng kể bắt đầu từ lần thu T2 và kéo dài đến cuối thí nghiệm.
166	Đại học	Ảnh hưởng của kháng thể lòng đỏ trứng gà đến khả năng đề kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính của tôm thẻ chân trắng (Penaeus vannamei)	Nguyễn, Thị Hải My	Trần, Thị Tuyết Hoa	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của kháng thể lòng đỏ trứng gà (IgY) trong việc giúp tôm thẻ chân trắng kháng Vibrio parahaemolyticus, tác nhân gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (Acute hepatopancreatic necrosis disease - AHPND). Nghiên cứu đánh giá các chỉ tiêu miễn dịch và tỉ lệ sống của tôm sau khi cảm nhiễm. Thí nghiệm bao gồm 4 nghiệm thức: (1) Đối chứng âm (không bổ sung IgY và không cảm nhiễm V. parahaemolyticus); (2) Đối chứng dương (không bổ sung IgY và cảm nhiễm với V. parahaemolyticus); (3) Nghiệm thức IgYA 0,5% (bổ sung IgYA 0,5% và cảm nhiễm với V. parahaemolyticus) và (4) Nghiệm thức IgYB 0,5% (bổ sung IgYB 0,5% và cảm nhiễm với V. parahaemolyticus). Kết quả thí nghiệm ghi nhận, tỉ lệ chết tích lũy của tôm ở nghiệm thức đối chứng âm (1,11%) và tôm ở nghiệm thức IgYB 0,5% (21,11%) thấp nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức đối chứng dương (52,22%) và nghiệm thức bổ sung IgYA 0,5% (45,56%). Một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm bao gồm tổng tế bào máu, định loại bạch cầu và hoạt tính phenoloxidase ở nghiệm thức bổ sung IgYB 0,5% gia tăng khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả nghiên cứu cho thấy chế độ cho ăn có bổ sung IgYB 0,5% giúp cải thiện tỉ lệ sống và tăng cường miễn dịch ở tôm thẻ chân trắng khi cảm nhiễm với V. parahaemolyticus.

167	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh trên cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở giai đoạn ương giống	Kiều, T Cẩm Tiên	Đặng, Thụy Mai Thy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thông tin về các bệnh thường gặp và xác định các yếu tố môi nguy dẫn đến bệnh xảy ra trong giai đoạn ương cá lóc. Thông tin được thu thập từ các nguồn ấn phẩm khác nhau và phỏng vấn trực tiếp 30 hộ ương cá lóc ở tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Kết quả cho thấy giai đoạn cá hương xuất hiện bệnh do nội kí sinh (85%) và ngoại kí sinh (65%). Giai đoạn cá giống nhiễm bệnh trắng da (75%), xuất huyết (83%), lở loét (71%). Yếu tố môi nguy tác động dẫn đến bệnh xảy ra trong qua trình ương cá lóc là mật độ ương (>3500con/m2).
168	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết thảo dược lên tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Võ, Thị Hồng Đăng	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của các chất chiết của 3 loại thảo dược ổi, cỏ mực, chùm ngây lên tăng trưởng, các chỉ tiêu huyết học như mật độ hồng cầu, tổng bạch cầu, từng loại bạch cầu và hoạt tính lysozyme trên cá lóc (<i>Channa striata</i>). Kết quả cho thấy các chất chiết xuất ổi, cỏ mực, chùm ngây ở nồng độ 0,01%, 0,1% và 1% không có ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng của cá lóc. Mật độ tổng hồng cầu và tổng bạch cầu tăng ở các nghiệm thức bổ sung chiết xuất thảo dược và tăng cao sau 4 tuần, khác biệt có ý nghĩa so với đối chứng ($p<0,05$). Mật độ hồng cầu và bạch cầu tăng cao nhất ở nghiệm thức bổ sung chiết xuất chùm ngây 1% ($4,22 \times 10^6$ tế bào/mm ³), ($5,08 \times 10^5$ tế bào/mm ³). Hoạt tính lysozyme được kích thích tăng cao sau 2 tuần thí nghiệm, dao động từ 96,67 đến 193,67 U/mL ở các nghiệm thức bổ sung chiết xuất thảo dược. Tuần 4 đạt giá trị cao nhất ở nghiệm thức bổ sung chiết xuất ổi 1% (209,69 U/mL), chùm ngây 1% (198,17 U/mL), ổi 0,1% (152,83 U/mL) khác biệt có ý nghĩa so với đối chứng (95,67 U/mL), ($p<0,05$). Hoạt tính lysozyme càng cao thì khả năng kháng bệnh càng cao.
169	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung chất chiết thầu dầu (<i>Ricinus communis</i> L) lên một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Mạch, Minh Tâm	Trần, Thị Tuyết Hoa	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của cao chiết thầu dầu lên sự gia tăng miễn dịch trên tôm thẻ chân trắng trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức với các hàm lượng cao chiết thầu dầu khác nhau, bao gồm nghiệm thức đối chứng (không bổ sung cao chiết), nghiệm thức bổ sung 0,5%, nghiệm thức bổ sung 1% và nghiệm thức bổ sung 1,5%. Sau 30 và 60 ngày bổ sung cao chiết, kết quả ghi nhận chỉ số huyết học (tổng tế bào hồng cầu, bạch cầu có hạt) và hoạt tính phenoloxidase (PO) có sự khác biệt giữa các nghiệm thức bổ sung cao chiết và nghiệm thức đối chứng. Trong đó, các chỉ tiêu này đạt kết quả cao nhất ở nghiệm thức bổ sung 1%; tiếp theo là nghiệm thức bổ sung 0,5% và khác biệt so với các nghiệm thức còn lại ($p<0,05$). Kết quả cho thấy khi bổ sung cao chiết thầu dầu giúp gia tăng một số chỉ tiêu miễn dịch trên tôm thẻ chân trắng.

170	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết gừng (<i>Zingiber officinale</i>) và ôi (<i>Psidium guajava</i>) lên đáp ứng miễn dịch của tế bào bạch cầu cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Ngô, Hồng Ánh	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của chất chiết lá ôi (<i>Psidium guajava</i>) và củ gừng (<i>Zingiber officinale</i>) bằng dung môi ethanol lên một số chỉ tiêu miễn dịch của tế bào bạch cầu thu từ cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Nghiên cứu gồm hai thí nghiệm, mỗi thí nghiệm được bố trí với 6 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Các tế bào bạch cầu cá tra (5×10^6 tế bào/mL) được bổ sung chất chiết riêng lẻ từ ôi và gừng tại các nồng độ khác nhau 0, 10, 25, 50, 75, và 100 $\mu\text{g/mL}$. Sau 24 giờ nuôi, tế bào được thu để phân tích các chỉ tiêu miễn dịch (lysozyme, bổ thể và ROS). Kết quả ghi nhận chất chiết từ lá ôi có ảnh hưởng tích cực đến hoạt tính lysozyme, bổ thể và ROS của tế bào bạch cầu cá tra. Trong đó, hoạt tính lysozyme và bổ thể tăng khác biệt có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$) khi tế bào bạch cầu cá tra được bổ sung 10, 25 và 50 $\mu\text{g/mL}$ chất chiết ôi, hoạt tính ROS tăng đáng kể ở các nghiệm thức được bổ sung 25, 50 và 75 $\mu\text{g/mL}$ chất chiết ôi ($p < 0,05$). Ngoài ra, các nghiệm thức nuôi tế bào được bổ sung chất chiết từ củ gừng cũng làm tăng khác biệt có ý nghĩa thống kê hoạt tính lysozyme và ROS so với nghiệm thức đối chứng tại các nồng độ 25 và 50 $\mu\text{g/mL}$ ($p < 0,05$). Chất chiết từ củ gừng cũng tác động làm tăng hoạt tính bổ thể của tế bào bạch cầu nhưng khác biệt này không có ý nghĩa thống kê so với đối chứng.
171	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp</i>) nuôi ở tỉnh An Giang	Viên, Thị Hồng Y	Phạm, Minh Đức	2018	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất của 32 hộ nuôi cá điêu hồng trên bè ở địa bàn tỉnh An Giang thông qua phỏng vấn. Kết quả khảo sát cho thấy các bệnh thường gặp trên cá điêu hồng là xuất huyết, phù đầu (94%), lở mắt (46,9%), kí sinh trùng và nấm (34,4%), thối mang (21,9%) và trắng da (3,1%). Hầu hết người nuôi không biết tác nhân gây bệnh cho cá, vì vậy chọn thuốc và hóa chất điều trị đều dựa trên kinh nghiệm nuôi. Có 6 loại kháng sinh và 1 sản phẩm dạng tổng hợp được người nuôi sử dụng là: Amoxicillin (44%), Enrofloxacin (31%), oxytetracycline (22%), Florfenicol (19%), Oxytetracycline (13%), Ampicillin (3%) và Cotrimoxazol (sulfamethoxazole+trimethoprim) (22%), bên cạnh đó còn có các hóa chất xử lý nước và trị ngoại ký sinh cho cá. Đa số người nuôi cá điêu hồng không ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch, cá thương phẩm được bán trực tiếp cho thương lái không được kiểm kháng sinh. Người nuôi vẫn chưa ý thức được ảnh hưởng nghiêm trọng của tồn lưu kháng sinh trong thịt cá đến sức khỏe người tiêu dùng và thị trường tiêu thụ. Người nuôi thu về lợi nhuận sau mỗi vụ cao hơn so với những năm trước đây, lợi nhuận đạt từ 0,17-1,7 triệu đồng/m³. Tuy nhiên chi phí sản xuất ngày càng cao qua các năm, đặc biệt chi phí thuốc lên đến 0,14 triệu đồng/m³.

172	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng thích ứng với điều kiện stress của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột	Trần, Thanh Tân	Bùi, Thị Bích Hằng	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của độ mặn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng chịu đựng với điều kiện nhiệt độ cao của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (đối chứng 0‰, 5‰, 10‰, 15‰, 20‰) và mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Thu mẫu được tiến hành vào ngày thứ 10 sau khi nâng độ mặn và 30 phút sau khi sốc nhiệt. Thu 3 mẫu mỗi bể để phân tích các chỉ tiêu bao gồm nồng độ glucose, hoạt tính lysozyme và hoạt tính bổ thể. Kết quả cho thấy, sau 10 ngày nâng độ mặn, các chỉ tiêu lysozyme, glucose có xu hướng tăng dần theo độ mặn. Trong đó hoạt tính lysozyme cao nhất ở 20‰ (32,54 U/mg protein) và thấp nhất ở nghiệm thức 5‰ (10,14 U/mg protein) ($p < 0,05$); hàm lượng glucose ở nghiệm thức 20‰ (49,01 mg/dL) tăng cao hơn so với các nghiệm thức còn lại ($p > 0,05$); hoạt tính bổ thể tăng dần từ 0 đến 10‰, sau đó giảm xuống ở độ mặn 15 và 20‰ ($p > 0,05$). Sau khi sốc nhiệt, tất cả các chỉ tiêu miễn dịch có xu hướng giảm so với khi trước khi sốc nhiệt, ở chỉ tiêu lysozyme và glucose, hàm lượng giữa các nghiệm thức tăng dần theo độ mặn, cao nhất ở nghiệm thức 15‰ và thấp nhất ở nghiệm thức 0‰. Giá trị bổ thể giữa các nghiệm thức có sự chênh lệch nhưng không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Tóm lại, độ mặn có ảnh hưởng đến một số chức năng miễn dịch và khả năng đáp ứng stress của cá tra bột.
173	Đại học	Khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng nhiễm trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn ương giống	Cao, Hữu Phước	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng được thực hiện ở các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long Đồng Tháp và An Giang từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2018. Tổng cộng có 840 mẫu được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Hầu hết các mẫu cá được phân tích đều là cá khỏe, không có dấu hiệu bệnh lý. Kết quả cho thấy có 8 giống ký sinh trùng là <i>Myxobolus</i> , <i>Henneguya</i> , <i>Trichodina</i> , <i>Epistylis</i> , <i>Apiosoma</i> , <i>Dactylogyrus</i> , <i>Metacercaria</i> và <i>Copepoda</i> . Các giống ký sinh trùng này ký sinh chủ yếu trên da, mang của cá, không tìm thấy nội ký sinh trùng trên cá tra giống. Số lượng ký sinh trùng nhiễm trên cá tra giống phụ thuộc vào thành phần giống loài và cơ quan ký sinh. Tỷ lệ nhiễm ký sinh trùng của các vùng nuôi vào mùa khô dao động 57,7- 100% và mùa mưa dao động từ 23,2-100%. Cường độ nhiễm <i>Trichodina</i> cao nhất vào mùa mưa (1-205 trùng/TT10X); <i>Henneguya</i> trên da (121 trùng/TT10X), cường độ nhiễm <i>Trichodina</i> cao nhất vào mùa mưa (117 trùng/TT10X).

174	Đại học	Khảo sát hiện trạng vẩy mang trên tôm nước lợ nuôi tại tỉnh Trà Vinh	Trần, Kiều Mỹ	Trương, Quốc Phú	2018	Đề tài khảo sát hiện trạng vẩy mang trên tôm nước lợ được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018 nhằm điều tra đánh giá hiện trạng tôm vẩy mang nuôi tại tỉnh Trà Vinh. Đồng thời thu thập thông tin về quy trình quản lý sức khỏe trong ao nuôi có tôm bệnh làm cơ sở cho các nghiên cứu xác định tìm ra nguyên nhân và giải pháp phòng trị thích hợp. Tổng số có ba huyện được khảo sát với 40 hộ nuôi, trong đó có 10 hộ nuôi không có tôm vẩy mang và 30 hộ nuôi có tôm vẩy mang. Kết quả khảo sát ghi nhận được bệnh thường xuất hiện ở 40 đến 75 ngày nuôi, kích cỡ 100 đến 300 con/kg. Bệnh có các biểu hiện như đóng rong, mang bám bẩn, mòn chũy, không lột vỏ được. Bệnh gây tỉ lệ hao hụt trung bình đến 48%. Các yếu tố môi trường khi bệnh xảy ra đều bình thường, trong quá trình nuôi nông hộ sử dụng nhiều loại hóa chất xử lý nước.
175	Đại học	Ảnh hưởng của kháng thể lòng đỏ trứng gà lên một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>)	Nguyễn, Thị Huyền My		2018	Thử nghiệm được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của kháng thể lòng đỏ trứng gà (IgY) lên một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) ở giai đoạn nuôi bể và giai đoạn nuôi ngoài ao. Tôm thí nghiệm được xác định các chỉ tiêu tổng tế bào máu, định loại bạch cầu và hoạt tính phenoloxidase ở thời điểm sau 35 ngày (giai đoạn nuôi bể) và ở thời điểm sau 2 tháng (giai đoạn nuôi ao) bổ sung kháng thể IgYA 0,5% và IgYB 0,5%. Kết quả ghi nhận: (i) ở giai đoạn nuôi bể, một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm thẻ chân trắng tăng cao nhất ở nghiệm thức bổ sung kháng thể IgYB 0,5%, với
176	Đại học	Đặc điểm bệnh học bệnh trướng bóng hơi trên lươn cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi thâm canh ở một số tỉnh ĐBSCL	Bùi, Mai Yến Như	Từ, Thanh Dung	2018	Nghiên cứu thực hiện nhằm xác định mức độ nhiễm 1 số mầm bệnh cũng như đặc điểm mô học trên cá tra bị trướng bóng hơi nuôi thâm canh ở 1 số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Cá bệnh trướng bóng hơi có dấu hiệu bệnh lý bên ngoài như cơ thể ốm yếu, bỏ ăn, bơi lội nổi đầu trên mặt nước và dấu hiệu bên trong là bóng hơi trướng và chứa dịch. Kết quả phân lập vi nấm được 2 giống nấm là <i>Fusarium</i> sp. (chiếm 63.04%) và <i>Aspergillus</i> sp. (chiếm 13.05%). Kết quả nhuộm Hematocytin & Eosin, cho thấy sự thay đổi cấu trúc tế bào các cơ quan nội tạng, tiêu biểu nhất là sự trướng to tế bào bóng hơi.
177	Đại học	Xác định độc lực của vi khuẩn gây bệnh xuất huyết trên cá tra nuôi thâm canh ở Đồng Tháp và Cần Thơ	Huỳnh, Văn Anh	Từ, Thanh Dung	2019	Đề tài nghiên cứu nhằm thực hiện khảo sát độc lực của vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> . Tổng cộng 11 chủng vi khuẩn <i>A. hydrophila</i> đã được phân lập và định danh từ cá tra bệnh xuất huyết, phù đầu. Hơn nữa, các chỉ tiêu hình thái, sinh hóa, sinh lý, qui trình PCR cũng được thực hiện để định danh tất cả các chủng phân lập đều giống với <i>A. hydrophila</i> . Chọn 4 chủng vi khuẩn thực hiện thí nghiệm cảm nhiễm bằng phương pháp tiêm. Kết quả cho thấy cá có biểu hiện điển hình của bệnh xuất huyết, phù đầu với các đặc điểm lâm sàng giống với bệnh xuất hiện ngoài tự nhiên. Cá bệnh có biểu hiện xuất huyết ở da, vây, da, thận, tỷ tạng và xoang bụng có dịch hồng. Nghiên cứu xác định nhóm vi khuẩn có độc lực gồm các chủng Ae-2; Ae-4 với giá trị LD50 lần lượt là 0,18×10 ² ; 0,10×10 ² CFU/mL. Hai chủng Ae-1 và Ae-3 có độc lực cao nhất (Ae-3>Ae-1), đây có thể là ứng viên tiềm năng cho các nghiên cứu phát triển vaccine sau này.

178	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các dòng xạ khuẩn có tính kháng Vibrio sp. Phục vụ nuôi trồng thủy sản	Lý, Văn Tịnh	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2019	Một nghiên cứu nhằm xác định những chủng xạ khuẩn có tính đối kháng với vi khuẩn Vibrio và có khả năng tiết enzyme ngoại bào cao đã được thực hiện. Từ 56 mẫu đất khác nhau thu tại Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Trà Vinh, đã phân lập và làm thuần được 192 chủng xạ khuẩn, phân thành 5 nhóm màu với tỷ lệ khác nhau. Kết quả thu được nhóm màu trắng chiếm 50,52%; xám: 24,48%; nâu: 1,4%; vàng: 20,31% và hồng: 3,65%. Trong số đó đã chọn lọc được 6 chủng có khả năng đối kháng với vi khuẩn Vibrio và 16 chủng có khả năng tiết enzyme protease, amylase, cellulose. Khảo sát khả năng sinh trưởng trên môi trường ISP2 cho thấy chủng TV3.2, CM1.1 và CN7.2 có khả năng sử dụng các nguồn đường khác nhau: D - glucose, saccharose, D - xylose, rhamnose, raffinose, mannitol và không hình thành sắc tố tan trên môi trường ISP2.
179	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng gây mê bằng aquis trong vận chuyển cá tra(Pangasianodon hypophthalmus) giống qui mô phòng thí nghiệm	Đặng, Nguyễn Bảo Châu	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của thuốc gây mê Aquis lên tỷ lệ sống và các chỉ tiêu sinh lý của cá tra giống trong và sau quá trình vận chuyển nhằm giảm tỷ lệ hao hụt. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 9 nghiệm thức, với 3 nồng độ thuốc gây mê Aquis lần lượt là: 10 mg/L, 20 mg/L và 30 mg/L kết hợp vận chuyển ở 3 khoảng thời gian 2 giờ, 4 giờ và 6 giờ. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và được thực hiện trong bể 200 L với mật độ 120 con/bể. Thu mẫu máu cá sau khi đạt thời gian vận chuyển ở thời điểm: 2 giờ, 4 giờ, 6 giờ. Sau thời gian vận chuyển (2 giờ, 4 giờ, 6 giờ), cá sẽ được phục hồi trong bể 500 L và thu mẫu máu cá sau 72 giờ để phân tích các chỉ tiêu hemotocrit, hemoglobin, glucose và hồng cầu, đồng thời ghi nhận tỷ lệ chết của cá trong và sau vận chuyển. Kết quả thí nghiệm cho thấy số lượng hồng cầu tăng cao nhất ở nghiệm thức 10 mg/L- 2 giờ ($3,18 \pm 0,08 \times 10^6$ tb/mm ³), thấp nhất ở nghiệm thức 30 mg/L-4 giờ ($2,23 \pm 0,05 \times 10^6$ tb/mm ³) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Hàm lượng hemoglobin cao ở các nghiệm thức nồng độ 10 mg/L khác biệt có ý nghĩa với hàm lượng hemoglobin ở các nghiệm thức 20 mg/L và 30 mg/L. Sau phục hồi 72 giờ hàm lượng hemoglobin khác biệt không có ý nghĩa ở các nghiệm thức ($p > 0,05$). Tỷ lệ hematocrit ở các nghiệm thức 2 giờ và 6 giờ tăng cao so với các nghiệm thức 4 giờ ($p < 0,05$). Hàm lượng glucose trong huyết tương của máu cá tra tăng cao ở các nghiệm thức nồng độ thuốc mê 30 mg/L ($187 \pm 6,23$ mg/100 mL) có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức 10 mg/L ($92,9 \pm 4,95$ mg/100mL ($p < 0,05$)). Hàm lượng miễn dịch trong huyết tương của cá khi vận chuyển giảm nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Tỷ lệ sống của cá sau khi vận chuyển có sự khác biệt rõ rệt. Ở nghiệm thức 10 mg/L có tỷ lệ sống cao nhất khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức 20 mg/L ($p < 0,05$).

180	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn vibrio harveyi gây bệnh phát sáng trên tôm của một số chất chiết xuất thảo dược	Hà, Thị Tuyết Nhi	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng khuẩn của 10 loại thảo dược (diệp hạ châu thân đỏ, lựu, trà xanh, hồng ri, cỏ hôi, cỏ lào, tra, tía tô, đu đủ, chùm ngây) trên vi khuẩn <i>Vibrio harveyi</i> gây bệnh phát sáng trên tôm. Hoạt tính kháng khuẩn, nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu đối với chủng vi khuẩn <i>Vibrio harveyi</i> của các loại thảo dược được xác định bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch và phương pháp pha loãng đa nồng độ. Kết quả ghi nhận: (i) 10 loại chất chiết có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết diệp hạ châu thân đỏ (<i>Phyllanthus urinaria</i> L.) và chất chiết lựu (<i>Punica granatum</i>) cho hiệu quả cao nhất với đường kính vòng vô khuẩn dao động từ 18 mm đến 19 mm, kể đến là chất chiết trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>), hồng ri (<i>Cleome spinosa</i>), cỏ hôi (<i>Ageratum conyzoides</i>) và cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i>) với đường kính vòng kháng khuẩn ở mức trung bình từ 9 mm đến 12 mm. Tương tự, đường kính vòng kháng khuẩn thấp nhất thu được từ chất chiết cây tra (<i>Thespesia</i>), tía tô (<i>Perilla frutescens</i>), đu đủ (<i>Carica papaya</i>) và chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i>) với vòng kháng khuẩn là 0 mm; (ii) Nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu cũng được xác định hiệu quả ở chất chiết diệp hạ châu và lựu.
181	Đại học	Chuẩn hóa quy trình khuếch đại gen mã hóa protein tín hiệu, ứng dụng phát triển cảm biến sinh học nhận diện kháng sinh	Ngô, Thị Yến Ngọc	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Đề tài được thực hiện nhằm phát triển quy trình khuếch đại gen mã hóa protein NanoLuc, protein tín hiệu sử dụng trong nghiên cứu phát triển cảm biến sinh học nhận diện kháng sinh. Quy trình chuẩn hoá bao gồm chuẩn hoá thành phần hoá chất và chu kỳ nhiệt. Quy trình tối ưu có thành phần hoá chất gồm 1X PCR buffer, 1 mM MgCl ₂ , 200µM dNTPs, 0,1µM mỗi T7 pro, 0,1µM mỗi T7 ter, 1U Taq polymerase, 10 ng plasmid pET21a-Nluc và chu kỳ nhiệt như sau biến tính ở 94°C trong 2 phút; lặp lại 30 chu kỳ cho 94°C trong 30 giây, 57°C trong 30 giây và 72°C trong 1 phút; giai đoạn kéo dài ở 72°C trong 5 phút.
182	Đại học	Đặc điểm mô học của bệnh đốm trắng nội tạng trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.)	Nguyễn, Hoàng Kha	Từ, Thanh Dung	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu đặc điểm mô học của bệnh đốm nội tạng trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> spp). Trong nghiên cứu này, 2 loài vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Aeromonas schubertii</i> được tiêm vào gốc vây ngực. Nghiên cứu gồm 2 thí nghiệm, với 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Thí nghiệm 1 cảm nhiễm vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> với mật độ lần lượt là 10 ³ , 10 ⁴ , 10 ⁵ CFU/ml và nghiệm thức đối chứng. Thí nghiệm 2 cảm nhiễm vi khuẩn <i>A. schubertii</i> với mật độ lần lượt là 10 ² , 10 ³ , 10 ⁴ CFU/ml và nghiệm thức đối chứng. Sau 4 ngày cảm nhiễm quan sát được thí nghiệm 1 xuất hiện đốm trắng nội tạng trên gan thận tỷ tạng. Thí nghiệm 2 không gây chết và không xuất hiện dấu hiệu bệnh lý của bệnh đốm trắng nội tạng trên cá điêu hồng. Kết quả mô bệnh học trên cơ quan gan thận tỷ tạng được nhuộm bằng phương pháp Haematoxyline & Eosin (H&E), quan sát thấy có hoại tử và biến đổi cấu trúc mô. Ngoài ra, quan sát được sự hình thành u hạt trên gan, thận, tỷ tạng và hiện tượng xuất huyết, sung huyết.

183	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên sự miễn cảm của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) với vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	Trần, Lưu Khoang	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ lên sự miễn cảm của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) với vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được bố trí gồm 8 nghiệm thức ở các nhiệt độ 28°C, 30°C, 32°C và 34°C, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Nhiệt độ được giữ ổn định ở các nghiệm thức bằng dụng cụ nâng nhiệt. Tôm thí nghiệm được cho ăn thức ăn Grobest. Sau đó cảm nhiễm với vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> . Kết quả sau 14 ngày thí nghiệm ghi nhận có sự khác biệt có ý nghĩa về tỉ lệ tôm chết (dao động từ 18 - 46,7%) do <i>V. parahaemolyticus</i> ở các nghiệm thức thí nghiệm. Mật độ vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> tỉ lệ thuận với nhiệt độ nước ở các nghiệm thức thí nghiệm. Kết quả cho thấy nhiệt độ ảnh hưởng đến sự miễn cảm của tôm thẻ chân trắng với vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> , ở nhiệt độ $34 \pm 0,5$ có cảm nhiễm tỷ lệ chết cao nhất và mật độ vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> ở nghiệm thức này cao hơn so với các nghiệm thức có nhiệt độ thấp hơn.
184	Đại học	Khảo sát mầm bệnh vi nấm nhiễm trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn ương giống	Trần, Công Lý	Phạm, Minh Đức Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xác định thành phần vi nấm nhiễm trên cá tra giai đoạn ương giống ở Cần Thơ, Vĩnh Long và An Giang. Tổng số 371 mẫu cá được thu trong thời gian từ 1/2019 đến 5/2019. Kết quả cho thấy hai giống nấm được định danh gồm <i>Fusarium</i> sp. và <i>Aspergillus</i> sp. nhiễm trên cá tra bột, hương và giống. Tỉ lệ nhiễm là <i>Fusarium</i> sp. (52%) cao hơn <i>Aspergillus</i> sp. (48%). Tỉ lệ nhiễm <i>Fusarium</i> sp. ở mang là cao nhất (20,39%). Tỉ lệ nhiễm là <i>Fusarium</i> sp. ở bóng hơi, da, gan và thận lần lượt là 13,44%, 8,45%, 5,97% và 1,5%. Tỉ lệ nhiễm <i>Aspergillus</i> sp. thấp hơn tỉ lệ nhiễm <i>Fusarium</i> sp. ở da, mang, bóng hơi, gan, thận (17,41%, 16,41%, 6,46%, 8,95% và 1%). <i>Fusarium</i> sp. và <i>Aspergillus</i> sp. phát triển ở nhiệt độ từ 28-33°C và độ mặn 00,5‰.
185	Đại học	Ảnh hưởng của hỗn hợp chiết xuất thảo dược (<i>Yucca</i> và <i>Quillaja</i>) lên tăng trưởng và khả năng kháng khuẩn trên cá điêu hồng nuôi bể	Nguyễn, Hoàng Dũng	Từ, Thanh Dung	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của việc bổ sung vào thức ăn chiết xuất thảo dược <i>yucca</i> và <i>quillaja</i> lên tăng trưởng và khả năng kháng lại mầm bệnh vi khuẩn trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp.</i>) nuôi bể. Thí nghiệm tiến hành với 3 nghiệm thức, bao gồm thức ăn có bổ sung chiết xuất thảo dược với hai nồng độ 0,2 g/kg và 0,5 g/kg thức ăn và một nghiệm thức đối chứng không bổ sung, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Vèo nuôi có kích thước 17,5 m3. Cá điêu hồng có khối lượng trung bình là $39 \pm 1,6$ g (chiều dài $11,9 \pm 1,3$ cm). Sau 90 ngày, cá tăng trưởng nhanh về khối lượng ở nghiệm thức có bổ sung chiết xuất thảo dược và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với đối chứng. Bên cạnh đó, tỉ lệ chết và khả năng kháng mầm bệnh vi khuẩn giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

186	Đại học	Khảo sát bệnh ở cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.) nuôi trong bè tại tỉnh Vĩnh Long	Dương, Hoàng Nhã	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm theo dõi bệnh ở 3 bè nuôi cá điêu hồng ở tỉnh Vĩnh Long từ ngày 6/1/2019 đến 6/3/2019. Bè nuôi thâm canh cá điêu hồng có thể tích 252 m ³ với mật độ từ 98 đến 104 con/m ³ . Trong quá trình khảo sát, cả 3 bè có hai lần bùng phát bệnh mạnh, tỷ lệ chết tích lũy của từng bè là bè 3 và bè 5 là 23,7% và 21,7 %, bè 3 trại mới 15,7 % số cá chết hàng ngày có thể lên đến vài trăm con/ngày, lần. Số cá chết nhiều nhất của bè 3 là 517 con/ngày, bè 5 là 414 con/ngày và bè 3 trại mới là 320 con/ngày. Thu mẫu cá quan sát dấu hiệu bệnh lý bên ngoài và bên trong nội quan ghi nhận được bệnh chiếm tỷ lệ cao là ruột bị xuất huyết, gan có biểu hiện to bất thường và trắng, phù mắt xuất huyết bên cạnh đó xuất hiện cùng với một số bệnh như mang bị bám bẩn, da xuất huyết, bụng trương chứa nhiều dịch
187	Đại học	Ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược lên sự phát triển của vi nấm <i>Achlya</i> và <i>Saprolegnia</i>	Đinh, Thị Quỳnh Như	Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Nghiên cứu nhằm khảo sát ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược đến khả năng phát triển của <i>Achlya</i> sp. và <i>Saprolegnia</i> sp. Các chiết xuất thảo dược gồm cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i>), cỏ xước (<i>Achyranthes aspera</i>), đu đủ (<i>Carica papaya</i>), tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) và trứng cá (<i>Muntingia calabura</i>) được thực hiện ở các độ pha loãng 1:50; 1:100 và 1:200. Kết quả cho thấy tía tô ức chế sự phát triển của <i>Achlya</i> sp. và <i>Saprolegnia</i> sp. thấp nhất ở nồng độ pha loãng 1:100. Cỏ lào, cỏ xước và trứng cá ức chế sự phát triển của <i>Achlya</i> sp. và <i>Saprolegnia</i> sp. ở nồng độ pha loãng 1:50. Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) và nồng độ diệt nấm tối thiểu (MFC) của cỏ lào, cỏ xước và trứng cá là 3,13 mg/mL và tía tô là 1,56 mg/mL.
188	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hoạt tính enzyme tiêu hóa của cua giống	Lê, Nhựt Kiều	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hoạt tính enzyme tiêu hóa của cua giống. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần, cua được bố trí ở giai đoạn cua 1 mật độ 100 con/m ³ , thể tích bể ương là 500 lít, độ mặn 25‰, thời gian nuôi 20 ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng trưởng khối lượng và chiều rộng của cua ở nghiệm thức 27-280C nhỏ nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tiếp theo là nghiệm thức 30-310C và 33-340C khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) nhưng khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức 36-370C. Kết thúc thí nghiệm, tăng trưởng đạt tốt nhất ở nghiệm thức nhiệt độ 36-370C tuy nhiên tỷ lệ sống lại thấp nhất. Tỷ lệ sống của cua ở nghiệm thức 27-280C và 30-310C khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Mật độ vi khuẩn tổng dao động từ $1,3 \times 10^4$ - $1,7 \times 10^4$ CFU/mL, mật độ virbio thấp hơn rất nhiều từ $0,15 \times 10^4$ - $0,94 \times 10^4$ CFU/mL. Số lần lột xác của cua sau 20 ngày nuôi ở các nghiệm thức dao động trung bình từ 2,04 - 3,49 lần và chu kỳ lột xác trung bình từ 3,55 - 6,77 ngày. Hoạt tính enzyme (chymotrypsine, α -amylase và trypsin) tăng khi nhiệt độ tăng và khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Kết quả nghiên cứu cho thấy khi tăng nhiệt độ có ảnh hưởng đến tỷ lệ sống, tăng trưởng nhưng không ảnh hưởng đến hoạt tính enzyme tiêu hóa của cua.

189	Đại học	Theo dõi sự xuất hiện bệnh phân trắng và bệnh chậm lớn do EHP trên tôm nước lợ nuôi tại Trà Vinh	Lê, Hoàng Phúc	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được tiến hành nhằm mục đích khảo sát sự xuất hiện tôm chậm lớn do Enterocytozoon hepatopenaei (EHP) và bệnh phân trắng trên 4 ao tôm nuôi tại xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang (ao 1 và 2) và xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải (ao 3 và 4) tỉnh Trà Vinh. Tổng số mẫu tôm bệnh thu được là 60 mẫu và các chỉ tiêu môi trường nước được đo tại chỗ bao gồm: nhiệt độ, pH, NH₃/NH₄⁺ và NO₂⁻. Mẫu tôm sau khi thu được lấy mẫu gan tụy làm tiêu bản kính phết, phân lập vi khuẩn và trử trong ethanol 95% để xét nghiệm PCR. Kết quả ghi nhận tôm nuôi có những dấu hiệu bệnh lý gồm: (1) ruột yếu thức ăn 4 hoặc ruột rỗng, (2) gan tụy nhạt màu và (3) tôm thải phân trắng trong ao nuôi. Các chỉ số môi trường ở các ao đa số có hàm lượng NH₃ và NO₂⁻ ở mức cao. Kết quả quan sát tiêu bản kính phết ghi nhận 100% tiêu bản của các mẫu tôm thu đều phát hiện sự hiện diện của ký sinh trùng vermiform và vi bào tử trùng Enterocytozoon hepatopenaei (EHP). Kết quả phân lập vi khuẩn không phát hiện tôm nhiễm vi khuẩn <i>Vibrio</i> ở gan tụy. Kết quả phân tích PCR không phát hiện sự hiện diện của vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> mang gen độc lực AP3 nhưng có sự hiện diện của EHP trên các mẫu tôm thu được.
190	Đại học	Ảnh hưởng của hỗn hợp chiết xuất thảo dược Yucca và Quillaja lên tăng trưởng và khả năng kháng bệnh do vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> trên cá điêu hồng ở trong bể	Lê, Thanh Huy	Từ, Thanh Dung	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá tác động của hỗn hợp Yucca và Quillaja lên sự tăng trưởng và khả năng kháng bệnh đối với vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> trên cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp.</i>). Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức với 6 lần lặp lại trên mỗi nghiệm thức. Cá điêu hồng giống được cho ăn với thức ăn bổ sung thảo dược với nồng độ lần lượt là 0,2 g/kg và 0,5 g/kg, nghiệm thức đối chứng không bổ sung thảo dược. Cá được ghi nhận các chỉ tiêu trọng lượng và chiều dài mỗi 2 tuần. Kết quả cho thấy hệ số tăng trưởng của cá ở nghiệm thức cho ăn thức ăn bổ sung thảo dược cao hơn so với ở nghiệm thức đối chứng. Trong khi đó, hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) của 2 nghiệm thức cho ăn thảo dược thấp hơn so với nghiệm thức không bổ sung. Sau 13 tuần, cá được cảm nhiễm với vi khuẩn <i>Streptococcus agalactiae</i> với nồng độ 0,8×10² CFU/mL. Tỷ lệ cá chết tích lũy thấp được ghi nhận khi cảm nhiễm ở nghiệm thức được bổ sung hỗn hợp thảo dược Yucca và Quillaja 0,5 g/kg là 46,7%. Trong khi, nghiệm thức không bổ sung thảo dược là 56,7%
191	Đại học	Đặc điểm mô học bệnh xù vảy đầu trên cá lóc	Mai, Thị Ý Như	Từ, Thanh Dung	2019	Nghiên cứu nhằm xác định đặc điểm mô bệnh học của cá lóc (<i>Channa striata</i>) bị bệnh xù vảy đầu. Tổng số mẫu thu được là 33 mẫu từ 12 ao nuôi cá thương phẩm ở các địa điểm thuộc các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ và Tiền Giang. Cá bệnh có dấu hiệu xù vảy đầu, nội quan không có dấu hiệu rõ ràng, chỉ có gan cá nhợt nhạt. Kết quả phân tích mẫu mô bệnh học ghi nhận vùng mô của các cơ quan (cơ, mang và nội quan) bị thay đổi cấu trúc, có hiện tượng xung huyết, xuất huyết ở mô cơ và mô thận. Kết quả nhuộm Giemsa cho thấy biến đổi mô học nhưng chưa tìm được tế bào vi khuẩn, sợi nấm hay bào tử nấm

192	Đại học	Ảnh hưởng của hỗn hợp chiết xuất thảo dược Yucca và Quillaja lên khả năng phòng bệnh kí sinh trùng và mô học của cá điêu hồng	Nguyễn, Phương Huỳnh Anh	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2019	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của hợp chất Yucca và Quillaja bổ sung vào thức ăn lên cấu trúc mô học của các nội quan và khả năng phòng bệnh ký sinh trùng của cá điêu hồng nuôi trong trại thực nghiệm và bè. Thí nghiệm được bố trí tại trại thực nghiệm và tại bè với 3 nghiệm thức gồm nghiệm thức đối chứng (không sử dụng chiết xuất); nghiệm thức bổ sung 200mg chất chiết xuất/kg thức ăn; nghiệm thức bổ sung 500mg chất chiết xuất/kg thức ăn. Thành phần ký sinh trùng phát hiện trong quá trình thí nghiệm gồm có 2 giống ngoại ký sinh là Trichodina và Dactylogyrus. Ngoài ra còn có bào nang Myxozoa, tất cả đều ký sinh trên da và mang với cường độ nhiễm thấp, không tìm thấy nội ký sinh. Kết quả phân tích mô học các cơ quan gan, thận, tỷ tạng, ruột không có biểu hiện bất thường ở các nghiệm thức trong bể và bè. Ở mô ruột, kết quả cho thấy liều lượng 500mg/kg thức ăn thì lớp niêm mạc ruột nhô cao hơn và mật độ các nếp gấp cũng nhiều hơn, diện tích bề mặt tiếp xúc với dưỡng chất được tăng lên, giúp cá tăng trưởng tốt hơn. Qua đó, chứng tỏ hiệu quả của Yucca và Quillaja lên khả năng phòng bệnh ký sinh trùng và ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng của cá.
193	Đại học	Xác định thành phần loài kí sinh trùng trên cá tra ương trong ao từ giai đoạn cá bột đến giống	Phan, Hoàng Hưng	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xác định thành phần ký sinh trùng trên cá tra ương trong ao từ giai đoạn bột đến giống ở các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Long An, Cần Thơ và Đồng Tháp. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2018 đến tháng 7/2019, tổng cộng có 867 mẫu cá được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi mẫu tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Hầu hết mẫu cá được phân tích đều là cá khỏe không có cá dấu hiệu bệnh lý. Kết quả kiểm tra thu được 12 nhóm ký sinh trùng là Copepoda, Trichodina, Balantidium, bào nang Myxozoa, Myxobolus, Hennenuya, Dactylogyrus, Apiosoma, Epistylis, Cryptopia, Metacercaria và ấu trùng giun tròn. Các giống ký sinh này chủ yếu ký sinh trên da và mang cá. Trong đó, trùng mặt trời Trichodina ở tỷ lệ nhiễm cao nhất (47,7%) với cường độ nhiễm dao động 1-181 trùng/thị trường 10X và thấp nhất là ấu trùng Metacercaria (0,3%) với cường độ nhiễm là 1 ấu trùng/cung mang.
194	Đại học	Khảo sát mầm bệnh trên cá lóc bị xù vảy đầu nuôi thâm canh ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	Mai, Thị Thu Ngân	Từ, Thanh Dung	2019	Đề tài khảo sát mầm bệnh trên cá lóc bị xù vảy đầu nuôi thâm canh ở một số tỉnh ĐBSCL. Tổng số thu được 33 mẫu cá (30 cá bệnh và 3 cá khỏe), từ 12 ao nuôi thuộc tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ và Tiền Giang. Dấu hiệu bệnh lý đặc trưng tại vùng đầu, cá có các lớp vảy đầu bị xù lên tạo thành hình dạng đối xứng tỏa tròn như hình "bông hoa" bên trong không có dấu hiệu rõ ràng chỉ có gan nhợt nhạt. Kết quả phân lập được 3 chủng vi khuẩn thuộc giống aeromonas sp. với tỉ lệ nhiễm là 10%(3/30). Đã xác định được 5 chủng vi nấm thuộc vi nấm bậc cao fusarium sp. với tỉ lệ nhiễm là 16,7%(5/30)

195	Đại học	Theo dõi sự xuất hiện bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trong ao nuôi tôm nước lợ ở tỉnh Trà Vinh	Dương, Phấn	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được thực hiện với mục tiêu đánh giá sự xuất hiện của bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trên địa bàn huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh. Tiến hành thu mẫu 10 ao nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh. Tôm bệnh có dấu hiệu gan tụy teo, dai, nhạt màu, ruột rỗng và đường ruột bị đứt quãng. Kết quả kính hiển vi phát hiện trùng hai tế bào gregarine. Kết quả phân lập vi khuẩn kết hợp phân tích PCR xác định tôm nhiễm vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Các chỉ tiêu môi trường gồm: pH, nhiệt độ, độ mặn, NO ₂ , NH ₃ /NH ₄ ⁺ , DO đều ở trong khoảng thích hợp.
196	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của chiết chất silymarin (<i>Silybum marianum</i>) lên một số chỉ tiêu huyết học của cá điêu hồng	Nguyễn, Hữu Phúc	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của chiết chất Silymarin lên một số chỉ tiêu huyết học của cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được bố trí bao gồm 3 nghiệm thức: (1) nghiệm thức đối chứng, (2) nghiệm thức bổ sung silymarin liều 0,05 g/kg thức ăn và (3) nghiệm thức bổ sung Silymarin liều 0,025 g/kg thức ăn trong thời gian 4 tuần. Kết quả phân tích một số chỉ tiêu huyết học tổng hồng cầu, tổng bạch cầu, hemoglobin và hematocrit cho thấy bổ sung Silymarin có tác dụng nâng cao các chỉ tiêu huyết học khác biệt có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức đối chứng không bổ sung Silymarin.
197	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh và quản lý sức khỏe cá trê vàng nuôi thâm canh	Nguyễn, Thị Nhung	Trần, Lê Cẩm Tú	2019	Khảo sát tình hình bệnh và quản lý sức khỏe của 30 hộ nuôi cá trê vàng thâm canh ở địa bàn tỉnh An Giang thông qua phỏng vấn. Tình hình bệnh trên cá trê vàng nuôi thâm canh trong ao hiện nay khá phức tạp và có xu hướng tăng tần số xuất hiện. Diện tích nuôi trung bình của các hộ nuôi là 2000 m ² , mật độ thả con bột 926 con/m ² , mật độ thả con giống là 118 con/m ² . Cải tạo và xử lý ao nuôi chủ yếu là vôi 63 %, CuSO ₄ 50 %, iodine 27 % và KMnO ₄ 20 %. Có 100 % hộ sử dụng TACN hoàn toàn. Kết quả khảo sát cho thấy các bệnh thường gặp trên cá trê vàng là bệnh xuất huyết (100%), bệnh "gù lưng" (90%), ngoại kí sinh trùng (20%), nội kí sinh trùng (10%). Hầu hết người nuôi không biết tác nhân gây bệnh cho cá, vì vậy chọn thuốc và hóa chất điều trị đều dựa trên kinh nghiệm nuôi. Đa số người nuôi cá trê vàng không ngừng sử dụng kháng sinh trước khi thu hoạch, cá thương phẩm được bán trực tiếp cho thương lái không được kiểm kháng sinh. Các loại thuốc, hóa chất được sử dụng phổ biến để phòng và trị bệnh trên cá trê vàng như: CuSO ₄ (50%), men tiêu hóa (40%), TetraCyclin (37%), iodine (27%), và một số loại thuốc hóa chất khác.

198	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh và sức khỏe cá thát lát cườm nuôi thâm canh ở Hậu Giang	Nguyễn, Thị Yến Quỳnh	Phạm, Minh Đức Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Khảo sát tình hình bệnh và quản lý sức khỏe của 30 hộ nuôi cá thát lát cườm thâm canh ở địa bàn tỉnh Hậu Giang. Để nắm bắt được tình hình dịch bệnh cũng như tìm hiểu sâu hơn việc phòng và trị bệnh trên cá thát lát cườm (<i>Chitala chitala</i>) giúp các hộ nuôi đạt hiệu kinh tế cao hơn. Nghiên cứu được thực hiện từ ngày 1 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 7 năm 2019. Tình hình bệnh trên cá thát lát cườm nuôi thâm canh trong ao hiện nay hầu hết người nuôi không biết tác nhân gây bệnh cho cá, vì vậy chọn thuốc và hóa chất điều trị đều dựa trên kinh nghiệm. Kết quả khảo sát cho thấy các hộ gia đình gặp nhiều khó khăn trong tình hình dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định. Bệnh thường xảy ra vào mùa mưa đến các giai đoạn khác nhau của cá thát lát cườm như xuất huyết, hoại tử, ký sinh trùng là chủ yếu. Nếu những bệnh này không được phát hiện sớm và điều trị thích hợp, chúng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các hộ nông dân.
199	Đại học	Dược động lực học của Flofenicol trên cá tra	Nguyễn, Quang Sáng	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được động lực học của florfenicol trên cá tra được thực hiện nhằm mục tiêu xác định các thông số dược động học trong máu, gan và thận cá. Cá tra (125 ± 16 g) được bố trí vào 8 bể 500L, mật độ cá bố trí là 10 con/bể. Thức ăn được nghiền mịn và trộn với nước và florfenicol với nồng độ 9 mg/kg cá. Thức ăn sau khi chuẩn bị xong được bơm vào dạ dày cá. Thu mẫu được thực hiện ở các thời điểm 30 phút, 1 giờ, 2, 6, 12, 24, 48 và 96h sau khi bơm thức ăn. Thu mẫu huyết tương, gan và thận từng con. Hàm lượng florfenicol trong mẫu được phân tích bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ. Kết quả cho thấy giá trị Tmax của florfenicol trên cá tra là 3,7 h và giá trị Cmax là 342 ng/mL. Thời gian bán đào thải của florfenicol trên cá tra là 2,56 giờ. Giá trị AUC đạt 3440 ng.h/kg. Nồng độ florfenicol tối đa ở gan và thận là 70.2 ± 34.6 và 216 ± 95.4 ng/g và thời gian đạt nồng độ tối đa ở gan là 0,5 giờ và ở thận là 2 giờ.

200	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra của một số chất chiết thảo dược	Lưu, Hằng Sơn Trúc	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát khả năng ức chế vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> của 10 chất chiết thảo dược (lựu, trà, trà xanh, hoa ngũ sắc, cỏ lào, tía tô, bìm bịp, chùm ngây, đu đủ và cỏ xọc). Hoạt tính kháng khuẩn được khảo sát bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch, nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu (MBC) được xác định bằng phương pháp pha loãng. Kết quả ghi nhận: (i) 10 loại cao chiết có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết lựu (<i>Punica granatum</i>), trà (<i>Thespesia</i>), trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>), hoa ngũ sắc (<i>Agerantun conyzoides</i>) có hoạt tính kháng khuẩn cao nhất với đường kính vòng vô khuẩn dao động từ 20,6 đến 26,6 mm, kể đến là chất chiết từ cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i>), tía tô (<i>Perilla frutescens</i>), có hoạt tính kháng khuẩn trung bình với đường kính vòng vô khuẩn dao động từ 14 đến 15 mm. Chất chiết bìm bịp (<i>Clinacanthus nutans</i>), chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i>) có đường kính vòng kháng khuẩn thấp nhất với đường kính từ 7 đến 8 mm. Cuối cùng, chất chiết đu đủ (<i>Carica papaya</i>), cỏ xọc (<i>Achras aspera</i>) không thể hiện hoạt tính kháng vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> với đường kính vòng kháng khuẩn là 0 mm; (ii) nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu của 4 chất chiết có hoạt tính kháng khuẩn cao bao gồm lựu, trà, trà xanh, hoa ngũ sắc cũng được xác định
201	Đại học	Đặc điểm mô học trên cá tra nuôi ở môi trường nước mặn và môi trường nước ngọt	Phạm, Thị Yến Nhi	Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu biến đổi cấu trúc mô ở các cơ quan của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi trong môi trường khác nhau. Mẫu cá tra được thu ở môi trường nước ngọt, môi trường nước mặn 10‰ và cá chuyển từ môi trường nước mặn về nước ngọt. Kết quả cho thấy biến đổi mô học trên cơ quan của cá tra nuôi trong môi trường nước mặn bao gồm mang có sự tăng sinh trên tế bào biểu mô so với mang cá tra nuôi trong nước ngọt, các mô gan, thận đều có hiện tượng xung huyết và thoái hoá tế bào. Cá chuyển từ môi trường nước mặn về nước ngọt cho thấy trên mang cũng có sự tăng sinh trên tế bào biểu mô nhưng ít hơn so với mang cá tra trong nước mặn, các mô gan, thận có hiện tượng xuất huyết và thoái hoá. Tỷ tạng của cá tra trong môi trường nước mặn và cá tra chuyển từ nước mặn về nước ngọt đều có hiện tượng xuất huyết.
202	Đại học	Ảnh hưởng của một số hóa chất xử lý nước lên tôm thẻ chân trắng trong môi trường có các hàm lượng Deltamethrin khác nhau	Bùi, Công Minh	Trương, Quốc Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định được sự ảnh hưởng của chlorine, thuốc tím và than hoạt tính đến tôm thẻ chân trắng trong điều kiện có chứa Deltamethrin với các nồng độ khác nhau. Thí nghiệm gồm 9 nghiệm thức với hai mức hàm lượng deltamethrin là 5% và 10% kết hợp lần lượt với các hóa chất gồm: chlorine 0,2mg/L, thuốc tím 0,13mg/L và than hoạt tính 1mg/L. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và theo dõi trong 30 ngày. Kết quả cho thấy việc bổ sung chlorine, thuốc tím và than hoạt tính đã ảnh hưởng đến hoạt tính của deltamethrin làm giảm tỉ lệ chết và mắc bệnh vẩy mang của tôm thẻ. Bên cạnh đó cũng tìm thấy dấu hiệu tôm bị ăn mòn phụ bộ như chân bò, đuôi, chủy, râu ở đa số các nghiệm thức

203	Đại học	Xác định đặc điểm hình thái ấu trùng metacercaria nhiễm trong mang và cơ cá tra nuôi thương phẩm	Phạm, Cẩm Giang		2019	Đề tài nghiên cứu về ấu trùng Metacercaria trên mang cá tra thương phẩm được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Tổng cộng có 108 mẫu cá được thu từ các quận huyện của Thành Phố Cần Thơ: Bình Thủy, Thốt Nốt, Ô Môn. Cá được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra kí sinh trùng. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy độ nhiễm ấu trùng Metacercaria trên cá tra thương phẩm tại Thốt Nốt là 11,8% cao hơn so với kết quả ở Cồn Sơn và Ô Môn với tỷ lệ nhiễm lần lượt là 8,6% và 9,3%. Cường độ cảm nhiễm chung ở các ao khảo sát là 1-2 Metacercaria/cá. Hầu hết các mẫu cá tra thu từ ao nuôi đều là cá không có dấu hiệu bệnh lý. Kết quả định danh có 2 loài Metacercaria là Centrocestus formosanus và Haplosporidium plathelium. Trong đó Haplosporidium plathelium có tỷ lệ nhiễm cao hơn so với Centrocestus formosanus.
204	Đại học	Đặc điểm bệnh học của bệnh do vi khuẩn ở cá điêu hồng (Oreochromis sp.) nuôi trong bè ở Vĩnh Long	Dương, Tài Lộc	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát sự xuất hiện bệnh do vi khuẩn ở cá điêu hồng nuôi trong bè ở tỉnh Vĩnh Long. Chọn 3 bè nuôi cá điêu hồng thương phẩm ở vùng nuôi có bệnh theo dõi tình trạng sức khỏe từ tháng 01 đến tháng 03/2019. Kết quả ghi nhận được cho thấy nhiệt độ, pH, DO ở các bè nuôi theo dõi phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá điêu hồng nuôi trong bè. Trong thời gian theo dõi cá điêu hồng nuôi bè có sự xuất hiện bệnh diễn ra và liên tục. Các bệnh thường gặp như là: phù mắt và xuất huyết, gan thận mủ và thối mang
205	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết xuất thảo dược lên sự phát triển của achlya và saprolegnia gây bệnh trên cá lóc (Channa striata)	Nguyễn, Lê Như Ý	Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Nghiên cứu nhằm khảo sát ảnh hưởng của chiết xuất thảo dược đến khả năng phát triển vi nấm Achlya sp. và Saprolegnia sp. Các chiết xuất thảo dược gồm cây diệp hạ châu đắng (Phyllanthus niruri), cây cỏ mực (Eclipta prostrata), tỏi (Allium sativum) và cây ngải cứu (Artemisia vulgaris) được thực hiện ở nồng độ 125 mg/mL, 250 mg/mL, 500 mg/mL và 1000 mg/mL. Kết quả cho thấy nồng độ tỏi và diệp hạ châu đắng diệt Achlya sp. và Saprolegnia sp. là 125 mg/mL trong thời gian 24 giờ. Cỏ mực và ngải cứu ức chế sự phát triển của Saprolegnia là 500 mg/mL trong 24 giờ. Tuy nhiên, cỏ mực và ngải cứu không ảnh hưởng đến sự phát triển của Achlya sp. ở nồng độ 1.000 mg/mL. Như vậy tỏi và diệp hạ châu có hiệu quả đối với vi nấm Achlya sp. và Saprolegnia sp.

206	Đại học	Ảnh hưởng của <i>Lactobacillus</i> sp. lên khả năng phòng bệnh streptococcosis của cá điều hồng (<i>Oreochromis</i> sp.)	Bùi, Văn Phiên	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	Thử nghiệm được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của <i>Lactobacillus plantarum</i> lên khả năng phòng Streptococcosis trên cá điều hồng từ giai đoạn cá giống lên cá thương phẩm. Cá điều hồng được bổ sung <i>L. plantarum</i> ở các nồng độ khác nhau, 10 ppm và 25 ppm trong thời gian 50 ngày và 2 ppm trong giai đoạn 50 ngày tiếp theo. Cá được gây cảm nhiễm với <i>Streptococcus agalactiae</i> ở thời điểm ngày 50 và ngày 100 của thí nghiệm. Kết quả ghi nhận: (i) Cá điều hồng được bổ sung nồng độ 10 và 25 ppm <i>L. plantarum</i> thể hiện sức đề kháng với <i>S. agalactiae</i> khác biệt không có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng; (ii) Cá điều hồng được bổ sung nồng độ 10/2 ppm và 25/2 ppm <i>L. plantarum</i> thể hiện sức đề kháng với <i>S. agalactiae</i> khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng, tương ứng với 23,33±11,5% của nghiệm thức 1 và 30±10% của nghiệm thức 2 so với 50±10% của nghiệm thức đối chứng. Như vậy, việc bổ sung <i>L. plantarum</i> vào thức ăn giúp cá điều hồng kháng Streptococcosis tốt hơn khi sử dụng thức ăn không bổ sung.
207	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của một số chất chiết thảo dược	Lê, Cẩm Mừng	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu khả năng gây ức chế vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của 10 chất chiết thảo dược bao gồm bìm bịp (<i>Clinacanthus nutans</i>), tra (<i>Thespiea</i>), tía tô (<i>Perilla frutescens</i>), đu đủ (<i>Carica papaya</i>), cỏ hôi (<i>Ageratum conyzoides</i>), cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i>), trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>), cỏ xước (<i>Achyranthes aspera</i>), chùm ngây thân đỏ (<i>Moringa oleifera</i>) và lựu (<i>Punica granatum</i>). Các chất chiết có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết từ trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) và lựu (<i>Punica granatum</i>) có hoạt tính kháng khuẩn cao nhất, chất chiết từ tra (<i>Thespiea</i>) có hoạt tính kháng khuẩn trung bình, nhóm chất chiết bao gồm chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i>), cỏ xước (<i>Achyranthes aspera</i>), đu đủ (<i>Carica papaya</i>), cỏ hôi (<i>Ageratum conyzoides</i>), cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i>), tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) và bìm bịp (<i>Clinacanthus nutans</i>) không thể hiện hoạt tính kháng khuẩn. Đường kính vòng kháng khuẩn của chất chiết trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) và lựu (<i>Punica granatum</i>) lần lượt là 17,7±0,58 mm và 16,8±0,45 mm. Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của hai chất chiết được xác định là 1,55 mg/mL và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu (MBC) của chất chiết từ trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) và lựu (<i>Punica granatum</i>) lần lượt là 6,25 mg/mL và 25 mg/mL.

208	Đại học	Ảnh hưởng của men vi sinh hữu ích lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	Nông, Văn Vinh	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung men vi sinh vào trong thức ăn lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>). Lươn giống nhân tạo ($21,4 \pm 0,41$ cm; $7,9 \pm 0,09$ gam) được bố trí nuôi trong bể nhựa 250L với mật độ nuôi là 40 con/bể. Thí nghiệm được thực hiện với 4 nghiệm thức với thành phần trong thức ăn Grobest (40%) được trộn với Natri-citrate (NT2), men vi sinh hữu ích (NT3), và hỗn hợp men vi sinh và Natri-citrane (NT4) so sánh với thức ăn đơn thuần (NT1). Sau 30 ngày nuôi, kết quả cho thấy lươn tăng trưởng về chiều dài tốt nhất (2,8 cm/cá thể) ở nghiệm thức NT4, và tăng trưởng về khối lượng cao nhất (3g/cá thể) ở NT2, cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với NT1 (1,5 cm/cá thể ;1,3 g/cá thể). Nhìn chung, chiều dài và khối lượng ở các nghiệm thức có bổ sung men và Natri-citrate có sự tăng trưởng tốt hơn nghiệm thức đối chứng.
209	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung dưỡng chất vào thức ăn lên tăng trưởng và một số chỉ tiêu miễn dịch của cá trê vàng	Huỳnh, Văn Khởi Minh	Phạm, Minh Đức	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá việc bổ sung Guar gum, LP20, Phytase lên tăng trưởng và một số chỉ tiêu miễn dịch cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giống có khối lượng trung bình từ 9-11g/cá. Thí nghiệm được thực hiện trong 8 tuần, có 5 nghiệm thức thức ăn có bổ sung dưỡng chất với: (1) đối chứng; (2) Guar gum 0,5%; (3) Guar gum 0,5% + LP20 100ppm; (4) Guar gum 0,5% + Phytase 150ppm; (5) Guar gum 0,5% + LP20 100ppm + Phytase 150ppm, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại, bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Sau 8 tuần thu mẫu, đếm số lượng, cân khối lượng để tính tốc độ tăng trưởng và các chỉ tiêu huyết học, hoạt tính lysozyme của cá cũng được xác định. Kết quả tỷ lệ sống (SR), hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR), hiệu quả sử dụng protein (PER) khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Tăng trưởng tương đối của cá ở nghiệm thức 5 có kết quả cao nhất (3,26 %/ngày) có sự khác biệt ở mức ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tổng bạch cầu, hoạt tính lysozyme đều tăng và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) ở nghiệm thức 5. Kết quả nghiên cứu cho thấy thức ăn có bổ sung cả 3 dưỡng chất Guar gum (0,5%), LP20 (100ppm), Phytase (150ppm) giúp cải thiện được tăng trưởng và một số đáp ứng miễn dịch cho cá trê vàng.
210	Đại học	Ảnh hưởng của nấm men lên sự phát triển của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> trong điều kiện in vitro	Lê, Bằng Phi	Trương, Quốc Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của nấm men đến sự phát triển của vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> trong điều kiện in vitro. Nấm men bánh mì và nấm men nguyên bào được chuẩn bị ở 2 dạng là men sống và men bất hoạt có nồng độ 1024ppm, dùng phương pháp pha loãng 2 lần để được dãy 10 ống nghiệm có nồng độ từ 1-512ppm. Đồng thời cho vào các ống nghiệm dung dịch vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> có mật độ 106 CFU/ml (trừ ống nghiệm Đối chứng (-)) và ủ ở 28°C trong 24 giờ. Sau đó đếm mật độ vi khuẩn bằng cách trải lên môi trường TCBS. Dựa vào độ đục của dãy ống nghiệm cho thấy mật độ vi khuẩn tăng dần theo độ tăng của nồng độ nấm men.

211	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của mầm bệnh Vibrio và vi bào tử trùng trong đường ruột tôm nước lợ nuôi ở tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Lê Nguyên Khang	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xác định sự hiện diện của mầm bệnh Vibrio parahaemolyticus và vi bào tử trùng (EHP) ở tôm thẻ nước lợ mắc bệnh đường ruột. Mẫu được thu ở huyện Đầm Dơi, Cái Nước và Phú Tân thuộc tỉnh Cà Mau. Thu mẫu tôm có các biểu hiện bệnh đường ruột sau đó tiến hành quan sát ghi nhận dấu hiệu bệnh lý bên ngoài, tiến hành thực hiện kính phết mô cơ quan gan tụy và cố định bằng acid acetic 1%. Thu mẫu gan tụy trữ trong ethanol (95%) để xét nghiệm Vibrio parahaemolyticus và EHP bằng kỹ thuật PCR. Kết quả ghi nhận dấu hiệu hoại tử gan tụy chiếm tỷ lệ 86% và tôm bị bệnh đường ruột chiếm tỷ lệ 14%. Không phát hiện được EHP trong các mẫu tôm có dấu hiệu bệnh đã được thu.
212	Đại học	Thử nghiệm phòng bệnh hoại tử gan tụy trên tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) bằng hỗn hợp thảo dược và acid amin (Carnifocyl)	Trần, Lê Phú	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	Thí nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của hỗn hợp thảo dược và Acid Amin (Carnifocyl) để phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) trên tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Tôm được cảm nhiễm bằng cách ngâm vi khuẩn. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 7 nghiệm thức lặp lại 3 lần. Đối chứng Không cảm nhiễm AHPND cho ăn thức ăn thường (NT1), Cho ăn thức ăn không bổ sung hỗn hợp thảo dược và acid amin (NT2), các nghiệm thức còn lại cảm nhiễm và sử dụng thức ăn có bổ sung Hỗn hợp thảo dược và acid amin (Carnifocyl) với liều lượng lần lượt là: 2,5, 5, 7,5, 10, 12,5 mg/kg (liên tục 4 tuần trước khi cảm nhiễm). Kết quả cho thấy NT2 có tỉ lệ chết là 62,5% cao nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức NT1 (7,5%), NT3 (60%), NT4 (48,3%), NT5 (46,6%), NT6 (39,1%), NT7 (37,5%) (P<0,05). Tỉ lệ tôm chết ở NT1 khác biệt có ý nghĩa so với NT3, NT4, NT5, NT6, NT7 (P<0,05). Giá trị sinh tồn tương đối (RPS) của tôm thí nghiệm dao động từ 4 - 40% trong đó giá trị thấp nhất đối với liều lượng sử dụng 2,5 ml/kg và cao nhất với liều lượng sử dụng 12,5 ml/kg.
213	Đại học	Khảo sát mầm bệnh vi khuẩn trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn bột lên giống	Trần, Thị Anh Thư	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Thí nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của hỗn hợp thảo dược và Acid Amin (Carnifocyl) để phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) trên tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Tôm được cảm nhiễm bằng cách ngâm vi khuẩn. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 7 nghiệm thức lặp lại 3 lần. Đối chứng Không cảm nhiễm AHPND cho ăn thức ăn thường (NT1), Cho ăn thức ăn không bổ sung hỗn hợp thảo dược và acid amin (NT2), các nghiệm thức còn lại cảm nhiễm và sử dụng thức ăn có bổ sung Hỗn hợp thảo dược và acid amin (Carnifocyl) với liều lượng lần lượt là: 2,5, 5, 7,5, 10, 12,5 mg/kg (liên tục 4 tuần trước khi cảm nhiễm). Kết quả cho thấy NT2 có tỉ lệ chết là 62,5% cao nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức NT1 (7,5%), NT3 (60%), NT4 (48,3%), NT5 (46,6%), NT6 (39,1%), NT7 (37,5%) (P<0,05). Tỉ lệ tôm chết ở NT1 khác biệt có ý nghĩa so với NT3, NT4, NT5, NT6, NT7 (P<0,05). Giá trị sinh tồn tương đối (RPS) của tôm thí nghiệm dao động từ 4 - 40% trong đó giá trị thấp nhất đối với liều lượng sử dụng 2,5 ml/kg và cao nhất với liều lượng sử dụng 12,5 ml/kg. Từ

214	Đại học	Ảnh hưởng của <i>Lactobacillus</i> sp. lên một số chỉ tiêu miễn dịch của cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.)	Cao, Ngọc Phương Quyên	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của <i>Lactobacillus plantarum</i> lên khả năng tăng cường miễn dịch trên cá điêu hồng trong điều kiện phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được thực hiện với các nồng độ bổ sung khác nhau, bao gồm nghiệm thức bổ sung nồng độ 100 ppm, nghiệm thức bổ sung nồng độ 250 ppm và nghiệm thức đối chứng (không bổ sung <i>L. plantarum</i>). Sau 30 và 60 ngày bổ sung <i>L. plantarum</i> , kết quả ghi nhận chỉ số huyết học (tổng tế bào hồng cầu, tổng tế bào bạch cầu và định loại bạch cầu) và hoạt tính lysozyme có sự khác biệt giữa các nghiệm thức có bổ sung <i>L. plantarum</i> và nghiệm thức đối chứng. Trong đó, các chỉ tiêu khảo sát đạt kết quả cao nhất ở nghiệm thức bổ sung 250 ppm; tiếp theo là nghiệm thức bổ sung 100 ppm và khác biệt so với nghiệm thức đối chứng ($P < 0,05$). Kết quả nghiên cứu cho thấy việc bổ sung vi khuẩn <i>L. plantarum</i> ở nồng độ 100 ppm và 250 ppm trong 60 ngày giúp gia tăng các một số chỉ tiêu miễn dịch không đặc hiệu trên cá điêu hồng.
215	Đại học	Ảnh hưởng của protein và lipid lên sinh trưởng và thành phần hóa học của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i> , Zuiew, 1793	Võ, Minh Hiền	Trần, Lê Cẩm Tú	2019	Thí nghiệm được thực hiện với 12 nghiệm thức thức ăn, bao gồm 4 nghiệm thức có hàm lượng đạm (35%, 40%, 45% và 50%) ở 3 mức chất béo (6%, 9%, 12%) tương ứng với 3 mức năng lượng 19, 20 và 21 KJ/g. Lươn giống được bố trí trong bể nhựa thể tích là 40L và nuôi trong 8 tuần. Tốc độ tăng trưởng của lươn, hệ số chuyển hóa thức ăn và hiệu quả sử dụng protein ảnh hưởng bởi sự tương tác của protein và lipid trong thức ăn ($p < 0,05$). Nghiệm thức 45% protein và 6% có tăng trưởng ($9,21 \pm 0,23$) và hệ số tiêu tốn thức ăn FCR ($0,97 \pm 0,02$) tốt nhất. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của protein và lipid trong thức ăn lên thành phần hóa học của lươn cũng đã được đánh giá. Ẩm độ ở các nghiệm thức có xu hướng giảm khi tăng hàm lượng lipid trong thức ăn. Hàm lượng protein trong cơ thể lươn có xu hướng tăng dần theo hàm lượng protein trong thức ăn, cao nhất là nghiệm thức 50% protein và 6% lipid (16,6%), hàm lượng protein thấp ở các nghiệm thức 35% protein. Lipid trong cơ thể lươn có khuynh hướng giảm dần theo mức tăng hàm lượng protein trong thức ăn và tăng theo mức tăng hàm lượng lipid trong thức ăn. Hàm lượng lipid cao nhất ở nghiệm thức 35% protein và 12% lipid (7,68%), thấp nhất là nghiệm thức 50% protein và 6% lipid (4,31%).
216	Đại học	Khảo sát bệnh ở cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.) nuôi trong bè tại tỉnh Vĩnh Long	Dương, Thanh Nhã	Đặng, Thị Hoàng Oanh	2019	

217	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết cây cúc tần (<i>Pluchea indica</i> Less) lên tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Nguyễn, Thanh Nhân	Bùi, Thị Bích Hằng	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của việc bổ sung chất chiết cây cúc tần (<i>Pluchea indica</i> Less) vào thức ăn lên tăng trưởng và hệ miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức bao gồm nghiệm thức bổ sung 0,02%, 0,1% và 0,5% chất chiết từ cây cúc tần và nghiệm thức đối chứng (0% chất chiết từ cây cúc tần), mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ hồng cầu, tổng bạch cầu, tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính, tiểu cầu và hoạt tính lysozyme được theo dõi vào tuần thứ 3 và tuần thứ 6 sau khi bổ sung chất chiết cúc tần. Kết quả cho thấy chất chiết cây cúc tần ở nồng độ 0,02%, 0,1% và 0,5% không ảnh hưởng đến tăng trưởng cá tra. Mật độ tổng hồng cầu và tổng bạch cầu tăng đáng kể ở các nghiệm thức bổ sung chất chiết cúc tần sau 6 tuần so với đối chứng ($p < 0,05$). Sau 6 tuần cho ăn, hoạt tính lysozyme đạt giá trị cao nhất (90,67 U/mL) ở nghiệm thức được bổ sung 0,5% chất chiết, khác biệt có ý nghĩa so với đối chứng (57,83 U/mL), ($p < 0,05$). Sau cảm nhiễm với <i>Edwardsiella ictaluri</i> cho thấy các nghiệm thức có bổ sung 0,1% và 0,5% chất chiết cúc tần đều có tỷ lệ sống cao. Kết quả chỉ ra rằng chất chiết từ cây cúc tần giúp cải thiện hệ thống miễn dịch và giảm tỉ lệ chết của cá tra khi kháng tác nhân vi khuẩn gây bệnh.
218	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung beta-glucan và nấm men lên khả năng kháng bệnh của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Nguyễn, Quý Nhân	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động tích cực của chế độ cho ăn thức ăn có bổ sung β -Glucan và nấm men đến khả năng kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>). Thí nghiệm bao gồm 5 nghiệm thức với chế độ bổ sung khác nhau, nghiệm thức 1 (nghiệm thức đối chứng chỉ bổ sung 2% dầu mực), nghiệm thức 2 (bổ sung chế phẩm 5 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 3 (bổ sung chế phẩm 1 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 4 (bổ sung chế phẩm 2 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 5 (bổ sung chế phẩm 5 g/kg thức ăn và 2% dầu mực). Kết quả nghiên cứu ghi nhận (i) nghiệm thức 4 (bổ sung chế phẩm 2 g/kg thức ăn và 2% dầu mực) cho tỉ lệ chết tích lũy thấp nhất (32,5%) và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với đối chứng (72,5%), tiếp theo là nghiệm thức 5 (45%), nghiệm thức 2 (50,5%), nghiệm thức 3 (77,5%). Ngoài ra, mẫu tôm cảm nhiễm được xác định có nhiễm <i>V. parahaemolyticus</i> bằng phương pháp PCR và phương pháp mô học; (ii) Chế độ bổ sung β -glucan và nấm men (2g/kg thức ăn) cho thấy có hiệu quả trong việc giảm mật độ <i>Vibrio</i> spp. trong ruột tôm. Kết quả cho thấy việc bổ sung β -Glucan và nấm men (2 g/kg thức ăn) trong chế độ cho ăn đã tăng cường sức đề kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>).

219	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của một số chất chiết thảo dược	Cao, Thị Mỹ Huyền	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra của mười chất chiết thảo dược bao gồm cỏ xay, thốt nốt, diệp hạ châu, rau muống, trứng cá, cam thảo đất, phèn đen, huyết giác, bạch đầu ông, me đất. Hoạt tính kháng khuẩn, nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu của các chất chiết được xác định bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch và phương pháp pha loãng đa nồng độ. Kết quả ghi nhận: (i) 10 loại chất chiết xuất có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết cỏ xay (<i>Abutilon indicum</i> (L.)) và thốt nốt (<i>Borassus flabellifer</i>) có khả năng kháng vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> rất cao với đường kính vòng vô trùng tương ứng $40,6 \pm 1,15$ mm và $38,66 \pm 2,3$ mm, tiếp theo là chất chiết từ trứng cá (<i>Muntingia calabura</i>), rau muống (<i>Lewisia octovalis</i> hoặc <i>Jussiaea suffruticosa</i>) và diệp hạ châu thân đỏ (<i>Phyllanthus urinaria</i> L.) cũng có hoạt tính kháng <i>E. ictaluri</i> tương đối cao với đường kính vòng vô trùng từ 28 mm đến 30 mm, nhóm chất chiết còn lại như huyết giác (<i>Pleomele cochinchinensis</i> Merr), me đất (<i>Oxalis corniculata</i>), bạch đầu ông (<i>Vernonia cinerea</i> (L.) Less), phèn đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i>) và cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i>) đều có hoạt tính kháng khuẩn nhưng thấp hơn so với 5 chất chiết trên với đường kính vòng vô trùng chỉ từ 10 mm đến 14,6 mm (ii) Ngoài ra, nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu cũng được xác định hiệu quả ở chất chiết cỏ xay và thốt nốt.
220	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết thảo dược lên hệ miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Nguyễn, Ngọc Tài	Bùi, Thị Bích Hằng	2019	Nghiên cứu bổ sung chiết xuất cây lựu (<i>Punica granatum</i>) vào thức ăn cá tra được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng chất chiết lựu lên tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức bao gồm bổ sung 0% (đối chứng); 1,5% và 3% chất chiết lựu, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần trong 4 tuần. Sau 4 tuần thí nghiệm, cá được cảm nhiễm với vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> . Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ hồng cầu, tổng bạch cầu, tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính, tiểu cầu và hoạt tính lysozyme được theo dõi vào tuần thứ 2, 4 sau khi bổ sung chất chiết lựu và 3 ngày sau cảm nhiễm. Kết quả cho thấy bổ sung chất chiết lựu ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng cá tra. Mật độ bạch cầu, tế bào đơn nhân, lympho và hoạt tính lysozyme gia tăng đáng kể ở các nghiệm thức bổ sung lựu so với đối chứng ($p < 0,05$). Sau cảm nhiễm với <i>E. ictaluri</i> , cá được bổ sung 1,5% và 3% chất chiết lựu đều có tỷ lệ chết thấp hơn đối chứng. Nghiên cứu cho thấy bổ sung 1,5% chất chiết lựu vào thức ăn giúp cải thiện hệ miễn dịch của cá và bảo vệ cá kháng lại vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> .

221	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết thảo dược lên khả năng phòng bệnh vi khuẩn của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Châu, Như Vĩ	Bùi, Thị Bích Hằng	2019	Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung chất chiết điệp hạ châu vào thức ăn lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng phòng bệnh gan thận mũ của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức: 0 (đối chứng), 1 và 2% chất chiết điệp hạ châu, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tiến hành thu mẫu vào tuần thứ 2 và 4 của thí nghiệm. Kết thúc thí nghiệm vào tuần 4 và tiến hành cảm nhiễm cá với vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> , thu mẫu sau 3 ngày cảm nhiễm. Các chỉ tiêu miễn dịch bao gồm mật độ tổng hồng cầu, tổng bạch cầu, tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính, tiểu cầu, hoạt tính lysozyme và tỉ lệ chết của cá sau cảm nhiễm với vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> được phân tích. Kết quả cho thấy, mật độ tổng hồng cầu, tổng mật độ bạch cầu, tế bào đơn nhân, lympho và hoạt tính lysozyme của cá ở các nghiệm thức được bổ sung chất chiết điệp hạ châu đều tăng cao hơn nghiệm thức đối chứng ($P<0,05$). Sau khi cảm nhiễm với vi khuẩn <i>E. ictaluri</i> , tỉ lệ chết của cá được cho ăn thức ăn có bổ sung điệp hạ châu thấp hơn cá đối chứng (57%). Cá ở nghiệm thức bổ sung 2% có tỉ lệ chết thấp nhất (19%). Kết quả thí nghiệm cho thấy bổ sung 2% chất chiết điệp hạ châu vào thức ăn làm tăng đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu, phòng bệnh gan thận mũ cho cá tra.
222	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) của một số chất chiết thảo dược	Phạm, Yến Nhi	Trần, Thị Mỹ Duyên	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây bệnh trên cá tra của 10 loại thảo dược gồm điệp hạ châu thân đỏ, trứng cá, me đất, bạch đầu ông, phèn đen, huyết giác, cam thảo đất, rau mương, cỏ xay, thốt nốt. Các chỉ tiêu phân tích được thực hiện bao gồm kiểm tra hoạt tính kháng khuẩn bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch, xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) bằng phương pháp pha loãng đa nồng độ, xác định nồng độ diệt khuẩn tối thiểu (MBC). Kết quả ghi nhận: (i) 10 loại cao chiết có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết rau mương, chất chiết trứng cá và điệp hạ châu thể hiện hoạt tính cao nhất với đường kính vòng kháng khuẩn tương ứng là $18,7 \pm 2,08$ mm; $17,3 \pm 4,6$ mm và 17 ± 1 ; (ii) tiếp là các chất chiết từ thốt nốt, cỏ xay, cam thảo đất, phèn đen, huyết giác thể hiện hoạt tính kháng khuẩn trung bình với đường kính vòng kháng khuẩn từ 8 đến 15 mm; (iii) chất chiết từ cây me đất, bạch đầu ông không có hoạt tính kháng khuẩn. Kết quả nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu cũng được xác định ở chất chiết rau mương và trứng cá.
223	Đại học	Khảo sát mầm bệnh ký sinh trùng, vi khuẩn và vi nấm trên lươn (<i>Monopterus albus</i>) giai đoạn giống	Trần, Phi Hải	Đặng, Thụy Mai Thy	2019	Nghiên cứu thực hiện nhằm khảo sát mầm bệnh nhiễm trên lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) ở Cần Thơ. Tổng số 45 mẫu lươn giai đoạn giống (trong đó có 28 mẫu có bệnh và 17 mẫu khỏe) được thu có dấu hiệu bơi lơ dờ, giảm ăn, xuất huyết trên thân và nhiễm nấm. Kết quả đã xác định 2 giống ký sinh trùng gồm <i>Dactylogyrus</i> và <i>Epistylis</i> nhiễm trên da với tỉ lệ nhiễm thấp. Tổng số 5 chủng vi nấm phân lập ở da cơ thuộc giống vi nấm <i>Saprolegnia</i> và <i>Aspergillus</i> . Vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> được phân lập từ gan và thận của lươn.

224	Đại học	Khảo sát mầm bệnh vi khuẩn và ký sinh trùng trên ếch (<i>Rana rugulosa</i>) nuôi thương phẩm ở Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2019	Mục tiêu đề tài nhằm khảo sát tình hình bệnh trên ếch Thái Lan (<i>Rana rugulosa</i>) nuôi thương phẩm ở tỉnh Đồng Tháp nhằm cung cấp thông tin, đồng thời làm cơ sở cho việc phòng và trị bệnh. Tổng cộng có 57 mẫu ếch nuôi thương phẩm được thu để xác định mầm bệnh ký sinh trùng và vi khuẩn. Kết quả kiểm tra ký sinh trùng cho thấy có 2 giống ký sinh trên ếch là sán lá và trùng lông. Kết quả kiểm tra đặc điểm hình thái, sinh lý, sinh hóa, định danh 4 chủng vi khuẩn bằng kit API20E đã xác định 3 giống vi khuẩn trên ếch bị lỗi hậu môn, xuất huyết và chướng bụng là <i>Citrobacter</i> sp., <i>Enterobacter</i> sp. và <i>Pseudomonas</i> sp. Nghiên cứu thực hiện kháng sinh đồ 4 chủng vi khuẩn thuộc giống <i>Pseudomonas</i> sp. với 6 loại kháng sinh bằng phương pháp đĩa khuếch tán. Kết quả cho thấy chủng vi khuẩn <i>Citrobacter</i> sp. trên mẫu bệnh lỗi hậu môn kháng hoàn toàn với 6 loại kháng sinh Kanamycin (30µg); Tetracycline (30µg); Doxycycline (30µg); Flofenicol (30µg); Sulfamethoxazol (23,75µg) & Trimethoprim (1,25µg); Gentamycine (10µg). Ngược lại, Kanamycin (30µg) và Gentamycin (30µg) thì khá nhạy với chủng <i>Pseudomonas</i> sp.
225	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh và quản lý sức khỏe lươn (<i>Monopterus albus</i>) nuôi thâm canh	Trương, Phước Hoài	Phạm, Minh Đức	2019	Đề tài điều tra đã được thực hiện nhằm nắm thông tin về tình hình bệnh và tình hình sử dụng thuốc, hoá chất trong quá trình nuôi lươn (<i>Monopterus albus</i>) thâm canh tại An Giang và Cần Thơ thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 60 hộ nuôi lươn từ tháng 8 đến tháng 1 năm 2019. Kết quả điều tra cho thấy có 2 mô hình nuôi là nuôi có bùn và mô hình nuôi không bùn, các hộ sử dụng nguồn giống tự nhiên có tỷ lệ hao hụt lươn giống cao trong lúc thuần dưỡng gây thiệt hại đến năng suất. Ngoài ra các bể trong quá trình nuôi hao hụt do bệnh, thường xuất hiện bệnh đường ruột (42,7%), bệnh lở loét (25,8%), bệnh phù đầu (19,5%), riêng bệnh đĩa bám (12,7%) chỉ ghi nhận được trên mô hình nuôi có bùn. Khi bệnh xuất hiện người nuôi thường sử dụng các loại thuốc như và hoá chất như: Oxytetracycline (30,6%), Amoxicilin (34,6%), Muối (38,3%),... để điều trị cho lươn. Để nâng cao năng suất và rút ngắn thời gian nuôi người dân còn bổ sung thêm các vitamin, men tiêu hoá, sữa bột. Để mô hình được bền vững người nuôi cần phải tìm được thị trường thu mua với giá cao để đạt lại lợi nhuận cao nhất cho vụ nuôi.

226	Đại học	Khả năng ức chế vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm của một số chất chiết xuất thảo dược	Phạm, Văn Khỏe	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng khuẩn của các chất chiết xuất (diệp hạ châu thân xanh, ổi, huyết giác, phèn đen, me đất, bạch đầu ông, cam thảo đất, mần ri, thù lù, tỏi) với <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh trên tôm. Hoạt tính kháng khuẩn, nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu của các chất chiết xuất với <i>V. parahaemolyticus</i> được xác định bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch và phương pháp pha loãng đa nồng độ. Kết quả ghi nhận: (i) 10 loại chất chiết xuất có hoạt tính kháng khuẩn khác nhau, trong đó chất chiết diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amarus</i>) và chất chiết ổi (<i>Psidium guajava</i> L.) cho hiệu quả cao nhất với đường kính vòng vô khuẩn tương ứng là $14,7 \pm 1,53$ mm và $17,7 \pm 0,58$ mm. Kế đến, chất chiết huyết giác (<i>Pleomele cochinchinensis</i> Merr.), phèn đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i>), me đất (<i>Oxalis corniculata</i>), bạch đầu ông (<i>Vernonia cinerea</i> (L.) Less) và cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i>) với đường kính vòng kháng khuẩn ở mức trung bình từ 7,4 đến 8,3 mm. Bên cạnh đó, chất chiết từ tỏi (<i>Allium sativum</i> (L.)), mần ri (<i>Cleome chelidonii</i>) và thù lù (<i>Physalis angulata</i> L.) không có hoạt tính kháng chủng <i>V. parahaemolyticus</i> (ii) Ngoài ra, nồng độ ức chế tối thiểu và nồng độ diệt khuẩn tối thiểu cũng được xác định hiệu quả ở chất chiết diệp hạ châu và chất chiết ổi.
227	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung beta-glucan và nấm men lên một số chỉ tiêu miễn dịch của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Phạm, Kim Khá	Trần, Thị Tuyết Hoa	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động tích cực của chế độ cho ăn thức ăn có bổ sung β -glucan và nấm men đến khả năng tăng cường miễn dịch ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>). Thí nghiệm bao gồm 5 nghiệm thức với chế độ bổ sung khác nhau, nghiệm thức 1 (nghiệm thức đối chứng chỉ bổ sung 2% dầu mực), nghiệm thức 2 (bổ sung 5 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 3 (bổ sung chế phẩm 3 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 4 (bổ sung chế phẩm 2,5 g/kg thức ăn và 2% dầu mực), nghiệm thức 5 (bổ sung chế phẩm 0,6 g/kg thức ăn và 2% dầu mực). Kết quả nghiên cứu ghi nhận: (i) Chế độ cho ăn có bổ sung β -glucan và nấm men (chế phẩm E - 0,6 g/kg thức ăn) giúp gia tăng chỉ tiêu huyết học ở tôm thẻ chân trắng, đặc biệt là chỉ tiêu bạch cầu có hạt; (ii) Chế độ cho ăn có bổ sung β -glucan và nấm men (chế phẩm E - 0,6 g/kg thức ăn) cho thấy có hiệu quả trong tăng cường một số chỉ tiêu miễn dịch (hoạt tính PO và hoạt tính SOD) trên tôm thẻ chân trắng. Kết quả cho thấy việc bổ sung β -glucan và nấm men (chế phẩm E - 0,6 g/kg thức ăn) trong chế độ cho ăn đã tăng cường đáp ứng miễn dịch ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>).

228	Đại học	Zoning and mapping diseases in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) farms in the the Mekong delta	Pham, Trang Thanh Nguyen	Dang, Thi Hoang Oanh	2019	Striped catfish farming in the Mekong Delta have developed strongly. In recent years, the disease situation of striped catfish have increased sharply and it's affecting the farming process negatively. Therefore, the aim of this study is to map diseases in two locations: An Giang and Can Tho, to provide the essential data for striped catfish farmers to help them in diseases management in the local areas. In the total of 65 ponds sampled (21 ponds in An Giang, 44 ponds in Can Tho), the highest incidence in both locations was bacillary necrosis disease with 43.1% and hemorrhagic disease at 36.9%. . In An Giang, the result recorded that the presence of bacillary necrosis disease and hemorrhagic disease accounted for the majority, with the incidence of bacillary necrosis disease concentrated mainly in Chau Phu with 33.3% and Long Xuyen with 42.8%. For hemorrhagic disease, it occurred dispersively in Chau Thanh and Cho Moi with 14.2% and 4.7%, respectively. In Can Tho the presence of all 3 kinds of diseases. In which, the bacillary necrosis disease occurred mainly in Vinh Thanh and Co Do with 11.3% and 9.1%, respectively. The incidence of hemorrhagic disease in Can Tho higher than An Giang and it concentrated in Vinh Thanh was 22.7% and Thot Not 13.6%. Particularly, the whitist gill and liver concentrated mainly in Binh Thuy with 15.9%. Fish samples were observed for clinical signs to detect the bacteria by using the streak plate method and PCR technique. PCR results showed positive results with <i>E.ictaluri</i> and <i>A.hydrophilla</i> . Moreover, this study detected 4 groups of parasites such as: <i>Dactylogyrus</i> sp.; <i>Myxobolus</i> sp.; <i>Trichodina</i> sp. and <i>Epistilis</i> sp.
229	Đại học	Study on effect of salinity and temperature on biofilm formation of <i>flavobacterium columnare</i> causing columnaris disease on striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Nguyen, Thi Kim My	Tu, Thanh Dung	2019	Bacterial isolated from striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) at Cantho University was identified as yellow- filamentous gliding bacteria, known as <i>Flavobacterium columnare</i> , which was used to investigate the effects of various sodium chloride concentrations and temperature levels on biofilm formation of this typical bacteria. The study was tested biofilm formation on microtiter plates at different salt concentrations and temperatures during 48 h. The result showed that biofilm formation of <i>F.columnare</i> on microtiter was significantly inhibited from 3ppt. At higher salinities, biofilm formation greatly decreased. In the same trend, the higher temperature the lower biofilm formation but at 35°C the formed biofilm was greatly inhibited and it was strongly produced at 25°C and 28°C. Interestingly, there are not significant difference of biofilm production between 28 and 31°C ($P>0.05$). In conclusion, biofilm formation was inhibited at 3ppt and almost controlled at 9, 12 and 15 ppt on microtiter plate and was also greatly inhibited at 35°C.

230	Đại học	Effects of dietary supplementation of punica granatum L. and alpinia officinarum extracts on the innate immunity of red tilapia (oreochromis sp.)	Nguyen, Quoc Khanh	Tran, Thi Tuyet Hoa	2019	Red tilapia (<i>Oreochromis</i> sp.) is well known for its appealing taste, short cultured period, and high tolerance to adverse environmental stimulants. However, due to the intensification of aquaculture and environmental degradation, tilapia farming has been threatened by diseases such as Streptococcosis, which results in high mortality. Herbal extracts are now recognized for their medicinal activities in combating pathogens for both human and animals. Besides, due to the high availability in nature, ease of preparation and administration, and role as immunostimulants, these herbs can be considered as antibiotics alternatives. This study was carried out to determine the effectiveness supplemented schedule of <i>Punica granatum</i> L. and <i>Alpinia officinarum</i> extracts in order to improve the innate immunity of red tilapia. The experiment lasted for eight weeks and was divided into five treatments with three replications each. In these treatments, <i>P. granatum</i> L. (T1 of 1%) and <i>A. officinarum</i> (T2 of 1%) extracts were mixed separately with commercial pellets then altered to control diet, fed for two weeks intervals (T1-2 and T2-2), and four weeks intervals (T1-4 and T2-4), and commercial feed without additives (Control diet). Fish of each treatment was sampled for blood, plasma at the 2nd, 4th, 8th week to check for the immune responses of experimental fish. There was significant different ($P<0.05$) with positive effects for all additives added treatments on haematological parameters, lysozyme activity, immune related genes expression, and <i>Streptococcus agalactiae</i> resistance in fish, with two weeks feeding alteration interval exhibited better result, especially for <i>A. officinarum</i> extract.
231	Đại học	Observations of common disease in shrimp farming area of the Mekong delta	Nguyen, T Thanh Truc	Dang, Thị Hoang Oanh	2019	This study was conducted to determine the occurrence of shrimp disease in coastal area in the Mekong Delta. Samples were collected in Soc Trang, Bac Lieu and Ca Mau province. Shrimp samples with intestinal disease were observed and recorded clinical signs and tissue samples were preserved by 95% ethanol for PCR detection of bacterial pathogens. Clinical signs of infected shrimp included an empty gut or discontinued content, an atrophied, pale hepatopancreatic. The result of parasite test detected gregarine and vermiform in gut and hepatopancreas. Bacterial isolation determined infection of <i>Vibrio</i> spp in affected shrimp samples. The water parameters in infected shrimp ponds including pH, temperature, salinity, concentration of ammoni and nitrite were within acceptable range for shrimp culture in all test ponds.

232	Đại học	Antibacterial activity of some herbal extracts against fish pathogenic bacteria	Le, Kim Ngoc	Tran, Thi Tuyet Hoa	2019	The study was conducted to determine the antibacterial activity of ten methanol herbal extracts (<i>Psidium guajava</i> , <i>Eclipta prostrata</i> , <i>Houttuynia cordata</i> , <i>Andrographis paniculata</i> , <i>Couroupita guianensis</i> , <i>Elsholtzia ciliata</i> , <i>Artemisia vulgaris</i> , <i>Terminalia catappa</i> , <i>Wedelia chinensis</i> , and <i>Alpinia officinarum</i>) against fish pathogenic bacteria (<i>Streptococcus agalactiae</i> , <i>Edwardsiella ictaluri</i> and <i>Aeromonas hydrophila</i>). The antibacterial activity was evaluated by disc diffusion method, minimum inhibitory concentration (MIC) and minimum bactericidal concentration (MBC). The results indicated that: (i) The tested herbal extracts had different antibacterial activity on the three tested bacteria. The extracts of <i>A. officinarum</i> , <i>T. catappa</i> , and <i>W. chinensis</i> showed a broad spectrum antibacterial activity against all tested bacteria; (ii) The extracts of <i>A. officinarum</i> , <i>T. catappa</i> , and <i>W. chinensis</i> had the strongest antibacterial activity against <i>S. agalactiae</i> (MIC of 0.39 mg/mL, MBC of 12.5 mg/mL), <i>E. ictaluri</i> (MIC of 0.024 mg/mL, MBC of 3.13 mg/mL) and <i>A. hydrophila</i> (MIC of 1.56 mg/mL, MBC of 6.25 mg/mL), respectively. The obtained results showed that the extracts of <i>A. officinarum</i> , <i>T. catappa</i> , and <i>W. chinensis</i> will be good candidates for further studies in order to find out an alternative method for antibiotics in prevention and treatments in fish disease.
233	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Trà My	Nguyễn, Quốc Thịnh Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trong nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) xen canh trên ruộng lúa thông qua phỏng vấn 30 hộ nuôi huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Các nội dung bao gồm thông tin chung về kỹ thuật nuôi, các dấu hiệu bệnh lý và cách phòng trị theo nhận biết của người nuôi và các loại thuốc, hóa chất được sử dụng trong quá trình nuôi. Kết quả khảo sát cho thấy người nuôi không sử dụng kháng sinh trong nuôi tôm càng xanh. Các loại biểu hiện bệnh phổ biến như đóng rong (51,6%) và mềm vỏ (29%). Các biểu hiện như ký sinh, đốm nâu, đen mang xuất hiện với tần số thấp. Người nuôi nhận biết bệnh hầu hết qua các dấu hiệu bên ngoài của tôm và điều trị theo sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông trong các lần tập huấn. Tất cả các hộ nuôi đều sử dụng chế phẩm sinh học 2 lần/tháng nhằm cải tạo chất lượng nước trong quá trình nuôi. Tất cả các hộ nuôi đều sử dụng saponin, phân gây màu và vôi trong quá trình cải tạo ao. Một số hóa chất diệt khuẩn cũng được sử dụng để xử lý nước và điều trị bệnh tôm như Iodine, TCCA, BKC. Cần tập huấn cho người dân về cách nhận biết và tác nhân gây bệnh cũng như cách xử lý đối với từng loại bệnh nhằm nâng cao tỷ lệ sống và năng suất cho người nuôi.

234	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) theo phương pháp thủy phân enzyme	Phạm, Thị Kim Cương	Trần, Minh Phú	2018	Ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như nồng độ enzyme Tegalase, điều kiện nâng nhiệt và chế độ sấy đến chất lượng của bột cá từ cá rô phi đã được nghiên cứu. Thí nghiệm thủy phân được thực hiện ở nhiệt độ 50°C bởi enzyme Tegalase nồng độ là 0,2% cho thấy hàm lượng đạm amin và liên kết peptide cao nhất (28,4g/l và 3797 liên kết). Mẫu sau khi thủy phân, được đem nâng nhiệt đến 95-100°C trong 2 phút thì thu được hàm lượng đạm amin cao nhất (31,5g/l). Ẩm độ, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan của mẫu lần lượt là 8,94; 16,5 và 48,7% với chế độ sấy ở 60°C trong 2 ngày. Sản phẩm bột cá có chất lượng tốt, mùi đặc trưng cho sản phẩm bột cá, tổng số vi sinh vật hiếu khí ở mức chấp nhận được và có thể ứng dụng trong thực phẩm.
235	Đại học	Nghiên cứu sản xuất alginate từ rong mơ (<i>Sargassum henslowianum</i>)	Lê, Thị Thu Thảo	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như khả năng khử khoáng, điều kiện chiết rút, chế độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng của alginate từ rong mơ <i>Sargassum henslowianum</i> đã được nghiên cứu. Kết quả cho thấy rong mơ được xử lí trong HCl 0,1N với thời gian 2 giờ lặp lại 2 lần thì loại được 67,39% khoáng. Mẫu đã qua xử lí được chiết rút trong Na ₂ CO ₃ có pH=11 ở nhiệt độ thường trong thời gian 6 giờ, tỉ lệ rong:dung dịch là 1:25 thì cho dịch chiết có độ nhớt là 1,20 mPas và hiệu suất thu hồi là 2,78%. Dung dịch sau nấu chiết được sấy ở 60°C trong thời gian 6 giờ cho sản phẩm có độ ẩm tốt nhất, hiệu suất thu hồi và độ bền gel cao nhất lần lượt là (9,67%, 3,42% và 17,7 N). Sản phẩm alginate được bảo quản trong túi zip 2 tuần ở nhiệt độ phòng thì độ ẩm và độ bền gel hầu như không thay đổi. Alginate từ rong mơ có độ bền gel cao gấp 236 lần so với alginate thương mại. Kết quả này cho thấy alginate sản xuất theo quy trình trên có khả năng ứng dụng cao trên thực tế bởi khả năng tạo gel cao và có thể sử dụng làm môi trường cố định enzyme trong giai đoạn hiện nay.
236	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất chả cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) kết hợp với ốc đá (<i>Pila sp.</i>)	Hà, Phương Toàn	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất chả cá điêu hồng kết hợp với ốc đá được thực hiện nhằm tạo ra một sản phẩm chả cá mới có giá trị dinh dưỡng và cảm quan cao đồng thời nâng cao giá trị của cá điêu hồng, ốc đá và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng hiện nay. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa thịt cá điêu hồng và ốc đá đến chất lượng sản phẩm (ii) khảo sát ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp phụ gia sorbitol và đường sucrose tỷ lệ 1:1 đến chất lượng của sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp và (iv) khảo sát thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chả cá có độ bền gel cao và giá trị cảm quan cao nhất khi phối trộn từ 60% thịt cá điêu hồng, 40% thịt ốc đá và bổ sung 3% hỗn hợp phụ gia đường sucrose và sorbitol ở tỷ lệ 1:1. Sản phẩm được hấp trong 10 phút và duy trì được chất lượng sau 3 tuần bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0-5°C.

237	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) cắt lát tẩm mật ong xông khói	Triệu, Nguyễn Trúc Quỳnh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài “Nghiên cứu sản xuất cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) cắt lát tẩm mật ong xông khói” được thực hiện nhằm đa dạng các sản phẩm thủy sản, nâng cao giá trị kinh tế của cá rô phi, tạo khẩu vị mới phù hợp với người tiêu dùng. Nghiên cứu được tiến hành gồm 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát ảnh hưởng thời gian sấy sơ bộ ở các mốc thời gian 40, 50 và 60 phút, (ii) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian xông khói với các mốc thời gian 15, 25 và 35 phút, (iii) Khảo sát tỷ lệ (%) mật ong trong quá trình ướp, (iv) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0-5oC đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sản phẩm có ẩm độ và điểm cảm quan tốt nhất khi sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60±5oC trong 50 phút, xông khói 65±5oC trong 25 phút và tẩm 8% mật ong. Sản phẩm cá rô phi cắt lát tẩm mật ong xông khói được bao gói PA hút chân không vẫn duy trì chất lượng tốt sau 5 tuần bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0-5oC.
238	Đại học	Nghiên cứu tận dụng xương cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) sản xuất bột canxi bằng phương pháp thủy phân enzyme	Trần, Thị Ngân Hà	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, điều kiện thủy phân, chế độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng của bột canxi từ xương cá điêu hồng. Kết quả cho thấy, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 10 giờ đạt độ ẩm 22,8%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Tegalase nồng độ 0,2% ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 24 giờ cho hiệu quả loại protein là 52,1% so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu được sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 1,5 giờ thu được bột canxi có độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 10,8; 9,84 và 67,4%. Sản phẩm bột canxi từ xương cá điêu hồng có hàm lượng khoáng là 62,3%, độ ẩm 10,8% và canxi chiếm 23,5%. Sản phẩm vẫn duy trì chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng.
239	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ đầu cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudinues</i>)	Nguyễn, Thị Thanh Nhã	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất bột canxi từ đầu cá rô đầu vuông được thực hiện nhằm tận dụng nguồn phụ phẩm cá tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế. Đề tài được thực hiện qua bốn thí nghiệm: khảo sát sự ảnh hưởng thời gian nấu bằng nồi thanh trùng đến khả năng loại bỏ protein và lipid trong nguyên liệu, khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ và thời gian ngâm NaOH đến khả năng loại bỏ protein và lipid trong nguyên liệu, khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ nguyên liệu:dung dịch NaOH đến khả năng loại bỏ protein và lipid trong nguyên liệu, khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy, nấu đầu cá rô đầu vuông trong nồi thanh trùng ở nhiệt độ 110°C trong thời gian 40 phút loại được 50% protein và 70,7% lipid so với nguyên liệu ban đầu, tiếp theo xử lý xương đầu cá rô đầu vuông trong NaOH 2% với thời gian 90 phút và tỉ lệ nguyên liệu:dung dịch NaOH là 1:5 cho hiệu quả loại protein và lipid tối ưu, loại bỏ được 24,9% protein và 36,9% lipid. Mẫu sau khi xử lý được sấy ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 1,5 giờ thu được bột canxi có các chỉ tiêu ẩm độ, protein, lipid và khoáng lần lượt là: 10,2%; 12,8%; 3,61%; 75,5%, trong đó hàm lượng canxi là 27,7% trong tổng hàm lượng khoáng.

240	Đại học	Nghiên cứu sản xuất lập xương xông khói từ thịt vụn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Phan, Thị Bích Phượng	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất lập xương xông khói từ thịt vụn cá tra Pangasianodon hypophthalmus) được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, có giá trị cao về mặt kinh tế và dinh dưỡng. Đề tài bao gồm 4 thí nghiệm: (i) khảo sát tỉ lệ phối trộn thịt heo : thịt vụn cá tra, (ii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian xông khói, (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy chín, (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả cho thấy, tỉ lệ phối trộn 50% thịt heo và 50% thịt vụn cá tra tạo sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất. Sản phẩm có chất lượng cảm quan và độ ẩm thích hợp khi xông khói ở 60 - 65°C trong vòng 45 phút, sấy chín ở 85 - 90°C trong vòng 150 phút. Cuối cùng, sản phẩm lập xương xông khói từ thịt vụn cá tra được bao gói hút chân không trong túi PA và bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 0 – 5°C trong 5 tuần vẫn đảm bảo an toàn về mặt cảm quan, tổng số vi sinh vật hiếu khí, chỉ số PV và chỉ số TBARS.
241	Đại học	Nghiên cứu sản xuất snack ăn liền từ da cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Từ, Thị Bích Trâm	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sản xuất snack ăn liền từ da cá tra” được thực hiện nhằm tận dụng và đa dạng sản phẩm từ nguồn phụ phẩm cá tra. Đề tài được thực hiện gồm 3 thí nghiệm: (i) Khảo sát thời gian ngâm gia vị, (ii) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian sấy, (iii) khảo sát thời gian bảo quản ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Các kết quả thí nghiệm cho thấy, sản phẩm snack đạt chất lượng tốt nhất khi da cá được ngâm trong dung dịch gia vị trong 20 phút. Sau đó, mẫu sấy ở nhiệt độ 60±5°C trong 4 giờ và độ ẩm đạt 9,26%. Tiếp theo mẫu được đem đi chiên trong dầu ở 190-200°C trong 10-12 giây cho sản phẩm có độ giòn và màu sắc tối ưu. Cuối cùng, sự thay đổi chất lượng sản phẩm trong quá trình bảo quản được đánh giá thông qua các chỉ tiêu: giá trị cảm quan, vi sinh, peroxide và TBARS. Sản phẩm snack da cá tra được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong thời gian 15 ngày vẫn đảm bảo chất lượng.
242	Đại học	Nghiên cứu sản xuất xúc xích từ thịt cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) phối trộn paste cà rốt	Huỳnh, Ngọc Thùy Trang	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài “Nghiên cứu chế biến xúc xích từ thịt cá tra phối trộn paste từ cà rốt” được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giữa cá tra và cà rốt đến cấu trúc và giá trị cảm quan của sản phẩm, (ii) ảnh hưởng của tỉ lệ bột bắp đến cấu trúc của sản phẩm, (iii) ảnh hưởng của thời gian quét mịn đến cấu trúc sản phẩm và (iv) ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng cảm quan và vi sinh trong sản phẩm. Kết quả cho thấy tỉ lệ cá và cà rốt là 8:2 (w/w) cho cấu trúc phù hợp và điểm cảm quan cao. Khi phối trộn bột bắp với tỉ lệ 5% và quét trong 10 phút giúp cải thiện cấu trúc cũng như các chỉ tiêu cảm quan khác của sản phẩm được tốt hơn. Cuối cùng, sản phẩm bao gói hút chân không và được bảo quản lạnh ở nhiệt độ 4 ± 1oC trong 3 tuần vẫn đảm bảo an toàn về vi sinh và chất lượng sản phẩm.

243	Đại học	Nghiên cứu sản xuất lập xương cá điều hồng(Oreochromis sp.) xông khói	Phạm, Ngọc Thuận	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất sản phẩm lập xương cá điều hồng xông khói được thực hiện nhằm đa dạng hóa sản phẩm từ cá điều hồng, giúp người tiêu dùng có thêm nhiều lựa chọn, nâng cao giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế của cá điều hồng. Nghiên cứu được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm (i) khảo sát tỷ lệ phối trộn thịt heo và thịt cá điều hồng, (ii) khảo sát thời gian xông khói ở $65\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong 30, 45 và 60 phút, (iii) khảo sát thời gian sấy chín ở nhiệt độ $85\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong 2, 2,5 và 3 giờ , (iv) khảo sát thời gian bảo quản lạnh ở $0-5^{\circ}\text{C}$ đến chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy, mẫu được phối trộn với tỷ lệ giữa cá và thịt là 70:30, sấy sơ bộ ở nhiệt độ $60\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong 45 phút, xông khói ở $65\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong 45 phút và sấy chín ở $85\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong 2,5 giờ cho sản phẩm đạt giá trị cảm quan và ẩm độ thích hợp. Sản phẩm được bảo quản trong 5 tuần ở nhiệt độ $0-5^{\circ}\text{C}$ vẫn đảm bảo chất lượng tốt và an toàn vệ sinh thực phẩm.
244	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá cam(Seriola dumerili) sốt cà đóng hộp	Nguyễn, Thị Thảo Nhi	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu sản xuất đồ hộp cá cam sốt cà được thực hiện nhằm mục đích đa dạng hóa sản phẩm và làm tăng giá trị của cá cam. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm (i) Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian ngâm đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (ii) Khảo sát thời gian hấp ảnh hưởng đến chất lượng cảm quan của sản phẩm, (iii) Khảo sát sự ảnh hưởng của thể tích nước sốt trong quá trình cô đặc đến chất lượng cảm quan của sản phẩm và (iv) Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian thanh trùng đến chất lượng cảm quan của sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy khúc cá đạt cấu trúc săn chắc, nguyên vẹn, màu sắc đẹp và mang lại giá trị cảm quan cao khi ngâm cá trong thời gian 60 phút và hấp ở nhiệt độ 100°C trong 10 phút. Nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng khi cô đặc ở nhiệt độ 100°C với thể tích 80 ml. Thanh trùng ở nhiệt độ 121°C và giữ nhiệt trong 60 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan và vi sinh.
245	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dịch chiết lá cây lược vàng (Callisia fragrans) đến chất lượng cá lóc (Channa striata) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Văn Bình	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của dịch chiết cây lược vàng (Callisia fragrans) đến chất lượng cá lóc (Channa striata) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm bao gồm ba nghiệm thức: (1) cá lóc phi lê được ngâm trong dịch chiết cây lược vàng ở nồng độ $260\text{ }\mu\text{g/mL}$ (IC50), (2) cá lóc phi lê được ngâm trong dịch chiết cây lược vàng ở nồng độ $876\text{ }\mu\text{g/mL}$ (IC100) và (3) cá lóc phi lê được ngâm trong nước đá. Cá lóc phi lê (60 miếng) được phân bố ngẫu nhiên vào 3 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức bao gồm 20 miếng cá lóc phi lê, mỗi miếng cá lóc phi lê cho vào 1 túi PE nhỏ, 5 túi PE nhỏ cho vào 1 túi PE lớn và bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá:cá là 1:1. Thu mẫu được thực hiện vào các ngày 0, 5, 10 và 15. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh, giá trị cảm quan, cấu trúc, pH, WHC, TVB-N và PV. Kết quả cho thấy sản phẩm có thể sử dụng đến 10 ngày cho cả ba nghiệm thức. Sử dụng dịch chiết lá cây lược vàng đã làm hạn chế sự oxy hóa chất béo.

246	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất chả cá từ cá thát lát còm (Chitala Chitala) và thịt vụn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Lê, Quốc Vũ	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất chả cá từ cá thát lát còm (Chitala chitala) và thịt vụn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) được thực hiện nhằm mục để nâng cao chất lượng chả cá, giảm giá thành sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm. (1) Khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ dung dịch nước muối NaCl để xử lý thịt vụn cá tra. (2) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa thịt cá thát lát còm với thịt vụn cá tra. (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ bột bắp đến chất lượng sản phẩm. (4) Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể sử dụng nồng độ dung dịch nước muối NaCl 0,5% trong 5 phút, tỷ lệ phối trộn 70% cá thát lát còm 30% thịt vụn cá tra, bổ sung 5% bột bắp, làm cho chả cá đạt cấu trúc dẻo dai đàn hồi, có giá trị cảm quan cao nhất. Sản phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ 0-4°C trong thời gian 1 tuần.
247	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất chả tôm từ surimi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) kết hợp tôm sú (Penaeus monodon)	Trịnh, Nguyễn Ngọc Huyền	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất chả tôm từ surimi cá tra kết hợp tôm sú được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới có giá trị dinh dưỡng cao và góp phần đa dạng hơn sản phẩm chả. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: khảo sát tỷ lệ (%) phối trộn tôm sú và surimi cá tra, tỉ lệ (%) bột bắp và gelatin, tỉ lệ sorbitol và khảo sát thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy surimi cá tra và thịt tôm được phối trộn với tỉ lệ 60%:40% cho sản phẩm đạt giá trị cảm quan cao nhất. Chả tôm được bổ sung bột bắp 5%, gelatin 0,5% và bổ sung sorbitol 2% cho sản phẩm có chất lượng cảm quan và cấu trúc như mong muốn. Chả tôm được bảo quản ở nhiệt độ lạnh (0-4oC) sau 2 tuần vẫn đảm bảo về mặt vi sinh và độ tươi.
248	Đại học	Nghiên cứu chiết rút gelatin từ vảy cá chép(Cyprinus carpio)	Huỳnh, Văn Thái	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của của các điều kiện công nghệ như khả năng khử khoáng, điều kiện nấu chiết, sấy khô và thời gian bảo quản đến chất lượng của gelatin từ vảy cá chép đã được thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vảy cá chép được ngâm trong dung dịch CH ₃ COOH 1,5M trong thời gian 5 giờ khử được 93,9% khoáng. Mẫu sau khi xử lý được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 80°C với thời gian 1,5 giờ thu được dung dịch gelatin có độ nhớt và hiệu suất thu hồi cao nhất (5,45 mPas và 8,99%). Dung dịch sau nấu chiết được đem đi làm đông tách nước rồi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 10 giờ cho sản phẩm cho độ ẩm, hiệu suất thu hồi và độ bền gel cao nhất (10,9%; 13,7% và 150 g). Mẫu gelatin sau khi sấy được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 4 tuần thì chất lượng của gelatin thành phẩm vẫn được đảm bảo. Gelatin từ vảy cá chép có độ hòa tan cao (93,1%) và độ bền gel cao gấp 1,55 lần so với gelatin thương mại. Kết quả này góp phần nâng cao khả năng tận dụng vảy cá chép làm nguồn nguyên liệu để sản xuất gelatin.

249	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá mè trắng (Hypophthalmichthys harmandi) theo phương pháp thủy phân enzyme	Huỳnh, Diễm Hương	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm sản xuất ra bột canxi từ xương cá mè trắng góp phần nâng cao giá trị kinh tế sử dụng của phụ phẩm này. Đầu tiên, xương cá được sấy sơ bộ trong thời gian 12 giờ với nhiệt độ thích hợp 60°C đạt được ẩm độ 2,4%. Tiếp theo, ảnh hưởng của nồng độ thủy phân và khả năng thu hồi khoáng của nguyên liệu đã được thực hiện. Kết quả cho thấy thủy phân mẫu ở 50°C trong 28 giờ với nồng độ enzyme Tegalase là 0,2% loại được 73,3% protein và hàm lượng khoáng 45,8% tăng so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu tiếp tục được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 2 giờ cho ra bột canxi có độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi tốt nhất lần lượt là: 10,3; 13,8 và 77,7%. Cuối cùng, sự biến đổi chất lượng bột canxi được thể hiện ở các chỉ tiêu như: tổng số vi sinh vật hiếu khí, khoáng và ẩm độ. Mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong khoảng 4 tuần cho ẩm độ, khoáng không thay đổi đáng kể và tổng số vi sinh vật hiếu khí thấp hơn 106 CFU/g. Sản phẩm bột canxi thu được hàm lượng khoáng là 57,9% và canxi chiếm khoảng 20,05%.
250	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá chột sọc (Mystus mysticetus)	Đỗ, Thị Diễm	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá chột được thực hiện nhằm nâng cao giá trị kinh tế cho loài cá này. Nghiên cứu gồm 4 thí nghiệm: (i) khảo sát nồng độ enzyme Tegalase thủy phân, (ii) thời gian nâng nhiệt – trung hòa, (iii) ảnh hưởng của chế độ sấy và (iv) ảnh hưởng của điều kiện bảo quản ở nhiệt độ phòng đến chất lượng bột cá. Kết quả cho thấy khi mẫu thủy phân ở nhiệt độ 50°C với nồng độ enzyme Tegalase là 0,2% trong 7 ngày thu được số liên kết peptide, hàm lượng đạm amin và hoạt tính enzyme tốt nhất lần lượt là: 3598 liên kết/50g, 26,9 g/L và 1,27 TU/mL. Mẫu sau khi thủy phân được nâng nhiệt lên 90 – 95°C trong thời gian 2 phút cho hàm lượng đạm amin tối ưu nhất 31,1 g/L. Sau đó dịch đậm được sấy ở 60°C trong 48 giờ đạt độ ẩm, hàm lượng đạm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là: 9,24; 71,3; 47,2 và 4,49%. Cuối cùng mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong thời gian 2 tuần đạt ẩm độ 9,83% và tổng vi khuẩn hiếu khí là 1,02x10 ⁵ CFU/g.
251	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá tráo mắt to (Selar crumenophthalmus)	Lý, Kim Yến	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu tận dụng xương cá tráo mắt to như là một nguồn nguyên liệu mới để sản xuất bột canxi nhằm góp phần nâng cao giá trị của phụ phẩm này. Đề tài được thực hiện qua bốn thí nghiệm: (i) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian thanh trùng đến khả năng loại bỏ protein và lipid trong nguyên liệu ở 110°C, (ii) khảo sát nồng độ và thời gian ngâm NaOH đến khả năng loại bỏ protein và lipid trong nguyên liệu, (iii) xác định thể tích HCl để trung hòa lượng NaOH dư, (iv) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy thanh trùng ở 110°C trong thời gian 40 phút loại được 51% protein và 46,4% lipid. Khi ngâm dung dịch NaOH 2% với tỉ lệ 1:5 (w/v) trong 90 phút làm giảm 19,2% protein và 58% lipid. Sản phẩm cuối cùng sau khi sấy khô trong 1,5 giờ ở nhiệt độ 60°C tạo ra bột canxi tốt nhất với độ ẩm 10,7%; 70,9% khoáng; 24,7% canxi; 13% protein và 4,3% lipid.

252	Đại học	Nghiên cứu sử dụng dịch chiết lá dứa (<i>Pandanus amaryllifolius</i>) để nâng cao chất lượng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) tẩm bột trong điều kiện bảo quản lạnh	Lê, Huỳnh Nguyễn Thái Chân	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Ảnh hưởng của loại dung môi chiết rút (ethanol 70%, acetone 70%) và nước cất đến hàm lượng polyphenol và flavonoid của dịch chiết lá dứa đã được khảo sát. Kết quả cho thấy, dung môi ethanol 70% cho dịch chiết lá dứa có hàm lượng polyphenol ($160 \pm 4,47$ mg GAE/g) và flavonoid ($23,6 \pm 0,493$ mg/g) là cao hơn. Bổ sung dịch chiết thu được vào sản phẩm tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) tẩm bột và phân tích sự thay đổi chất lượng thông qua phân tích giá trị PV, TBARS, TVB-N, cấu trúc, điểm cảm quan và vi sinh vật trong 18 ngày bảo quản lạnh ($4 \pm 1^\circ\text{C}$). Trong suốt quá trình bảo quản lạnh, mẫu tôm có thêm 2% dịch chiết lá dứa đã ngăn chặn được sự oxy hóa lipid với giá trị PV là 6,92 meq/kg ở ngày thứ 9 và TBARS là 6,20 mg MDA/kg ở ngày thứ 18, trong khi giá trị PV và TBARS của mẫu đối chứng lần lượt là 8,75 meq/kg và 7,51 mg MDA/kg.
253	Đại học	Nghiên cứu quy trình chế biến chà bông từ thịt tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Nguyễn, Minh Nguyệt	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài “Nghiên cứu quy trình chế biến chà bông từ thịt tôm sú” nhằm tạo ra sản phẩm mới và góp phần đa dạng hóa các sản phẩm. Đề tài được thực hiện gồm các thí nghiệm sau: khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ tẩm thịt tôm khi hấp, khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nước mắm– sorbitol vào sản phẩm chà bông tôm sú, khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ sao thịt tôm thích hợp và khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản sản phẩm đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy: nhiệt độ tẩm thịt tôm khi hấp ở 80°C cho hiệu suất thu hồi thịt tôm và sản phẩm cao, tỷ lệ nước mắm và sorbitol bổ sung thích hợp là 7% và 2% cho sản phẩm có giá trị cảm quan tốt, khi sao thịt tôm ở 75°C thì sản phẩm đạt chất lượng tốt, hoạt độ nước thấp hơn 0,70 và đảm bảo về mặt vi sinh. Sản phẩm chà bông được bao gói bằng túi PA hút chân không kết hợp với bảo quản lạnh giúp duy trì chất lượng và đảm bảo an toàn vi sinh cho sản phẩm đến tuần thứ 3.
254	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ thịt cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i>)	Nguyễn, Thị Mộng Huyền	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ thịt cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i>) được thực hiện nhằm tăng sự đa dạng của bột cá, bổ sung dinh dưỡng vào khẩu phần ăn của con người, ứng dụng vào công nghệ thực phẩm. Đề tài được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát nồng độ enzyme thủy phân; (ii) thời gian nâng nhiệt-trung hòa; (iii) thời gian sấy và (iv) thời gian bảo quản thích hợp. Mẫu được thủy phân ở nhiệt độ 50°C bởi enzyme Tegalase nồng độ 0,2% trong 7 ngày cho hàm lượng đạm amin, số liên kết peptide và hoạt tính enzyme cao nhất lần lượt là 1,22 g/L, 2730 liên kết và 28,73 TU/ml. Sau khi thủy phân, mẫu được giữ nhiệt ở $90-95^\circ\text{C}$ trong thời gian 2 phút cho hàm lượng đạm amin cao nhất 32,2 g/L. Sau đó mẫu được sấy ở 60°C trong 36 giờ đạt ẩm độ, độ hòa tan tối ưu nhất lần lượt là 8,26%; 51,3% và hiệu suất thu hồi là 7,50%. Cuối cùng sản phẩm bột cá được bảo quản trong 2 tuần ở nhiệt độ phòng có tổng số vi sinh hiếu khí là $1,08 \times 10^5$ cfu/g, ẩm độ là 9,98%. Sản phẩm bột cá có hàm lượng đạm 78,5%, ẩm 8,26%, lipid 5,18%, khoáng 1,37%.

255	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ thịt cá sặc bươm (Trichogaster trichopterrus) theo phương pháp thủy phân enzyme	Nguyễn, Thị Phước Trâm	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Sản xuất bột cá từ thịt cá sặc bươm theo phương pháp thủy phân enzyme đã được thực hiện nhằm tìm ra thông số kỹ thuật như nồng độ enzyme, thời gian nâng nhiệt, thời gian sấy và thời gian bảo quản. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi nồng độ enzyme Tegalase 0,1% được bổ sung trong quá trình thủy phân ở nhiệt độ 50oC cho hoạt tính enzyme và số liên kết peptide cao nhất lần lượt là 1,27 TU/mL và 3992 liên kết/50g. Mẫu sau khi thủy phân tiến hành trung hòa tạo môi trường trung tính pH= 6 – 7, tiếp tục nâng nhiệt lên 90 – 95o C giữ trong 2 phút thu được hàm lượng đạm amin cao nhất (40,95 g/L). Mẫu được sấy khô trong 48 giờ ở nhiệt độ 60o C thu được hàm lượng ẩm, hiệu suất thu hồi, độ hòa tan và hàm lượng protein lần lượt là 9,92; 3,60; 54,1 và 76,1%. Sản phẩm bột cá bảo quản ở nhiệt độ phòng sau 15 ngày chất lượng bột cá thay đổi không nhiều với hàm lượng vi sinh vật và ẩm độ lần lượt là 12,09×103 CFU/g và 8,40%.
256	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá nục nhật (Decapterus Lajang) sốt kim chi đóng hộp	Lê, Thị Ngọc Giáo	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất cá nục Nhật sốt kim chi đóng hộp được thực hiện để làm phong phú các sản phẩm đồ hộp có trên thị trường, đạt chất lượng về cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm (i) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian hấp đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (ii) khảo sát tỉ lệ kim chi trong dung dịch nước sốt ảnh hưởng đến giá trị cảm quan của nước sốt, (iii) khảo sát sự ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng của sản phẩm, (iv) khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ phòng. Kết quả thí nghiệm cho thấy khúc cá đạt cấu trúc săn chắc, cơ thịt nguyên vẹn, màu sắc đẹp và mang lại giá trị cảm quan cao khi hấp ở nhiệt độ 100° C trong vòng 3 phút. Nước sốt đạt mùi vị hài hòa cho ra chất lượng nước sốt tốt nhất khi tỷ lệ kim chi là 25% kim chi trong dung dịch nước sốt và bổ sung thêm 1,3% muối, 4% đường. Với chế độ thanh trùng, thanh trùng ở nhiệt độ 118°C và giữ nhiệt trong 45 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chắc lượng cảm quan. Sản phẩm vẫn đảm bảo tốt về chất lượng cảm quan và vi sinh cho người sử dụng sau khi bảo quản ở nhiệt độ phòng trong vòng 3 tháng.
257	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chả cá từ thịt cá tráo (Sclar crumenophthalmus)	Thạch, Thị Huyền	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất chả cá từ thịt cá tráo được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng và đa dạng hóa việc sử dụng cá biển. Đề tài được thực hiện thông qua 5 thí nghiệm: Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn gia vị đến chất lượng cảm quan sản phẩm; tỷ lệ hàm lượng bột bắp; tỷ lệ cá rô; ảnh hưởng của thời gian hấp; thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy sản phẩm chả cá đạt cảm quan tốt khi phối trộn nguyên liệu với muối 1,5% và đường 2,5% cho vị hài hòa, tỷ lệ bột bắp 2% và 4% cá rô tạo cho sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất, cấu trúc dẻo dai, màu sắc và đàn hồi tốt. Sản phẩm được hấp trong 10 phút và vẫn đảm bảo chất lượng về cảm quan và vi sinh trong 8 ngày bảo quản ở nhiệt độ lạnh 0 - 5°C.

258	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá tuyết (Gadus Morhua) bằng phương pháp thủy phân enzyme	Nguyễn, Ngọc Hà	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Sự ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, nồng độ enzyme Tegalase, thời gian thủy phân và chế độ sấy khô đến quá trình thủy phân protein tạo ra sản phẩm bột canxi từ xương cá tuyết đã được khảo sát. Kết quả cho thấy khi mẫu được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60oC trong thời gian 19 giờ đạt được ẩm độ là 22,8%. Sau đó, xương cá được thủy phân loại protein ở nhiệt độ 50oC bằng enzyme Tegalase nồng độ 0,3% trong thời gian 46 giờ thì khả năng khử protein đạt tốt nhất loại được 39,8% protein và thu hồi được 69,5% hàm lượng khoáng. Mẫu được sấy khô ở nhiệt độ 60oC trong thời gian 2,5 giờ cho bột canxi có độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi tốt nhất lần lượt là 11,9; 10,6 và 59,2%. Cuối cùng, bột canxi được bảo quản trong 4 tuần ở nhiệt độ phòng. Sản phẩm bột canxi từ xương cá tuyết có hàm lượng canxi là 23,7% và khoáng là 71,7%
259	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá chim trắng nước ngọt (Colossoma brachypomum)	Nguyễn, Thị Thúy Oanh	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, ảnh hưởng của nồng độ enzyme Alcalase đến khả năng loại protein, thời gian sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng bột canxi từ xương cá chim trắng nước ngọt. Kết quả cho thấy, xương cá chim trắng nước ngọt được sấy sơ bộ ở 60oC trong thời gian 4,5 giờ cho độ ẩm thích hợp là 22,87%. Mẫu sau khi sấy sơ bộ được xử lý loại protein ở nhiệt độ 50oC trong thời gian 27 giờ bằng enzyme Alcalase 0,2% cho hiệu quả loại protein là 37,12% so với nguyên liệu ban đầu. Tiếp theo, mẫu được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60oC trong thời gian 1,5 giờ cho bột canxi có độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 10,48; 61,40; 7,26 và 74,04%. Sản phẩm bột canxi từ xương cá chim trắng nước ngọt có hàm lượng canxi chiếm 27,23% và sản phẩm vẫn duy trì chất lượng sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng.
260	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút đến chất lượng gelatin từ vây cá rô phi (Oreochromis niloticus)	Tăng, Huỳnh Như	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài được thực hiện nhằm lựa chọn phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút để thu được gelatin từ vây cá rô phi có chất lượng tốt nhất. Kết quả thu được cho thấy hiệu quả khử khoáng là cao nhất khi ngâm vây cá rô phi trong dung dịch CH3COOH 0,5 M trong 5 giờ thì hàm lượng khoáng giảm từ 19,05 còn 12,75%. Mẫu sau khi khử khoáng được đem đi nấu chiết trong nước cất với tỉ lệ (w/v) là 1:7 ở nhiệt độ 80°C trong 3 giờ cho hiệu suất thu hồi, độ nhớt và độ bền gel tốt nhất lần lượt là 4,51%; 6,84 mPas và 140 g. Dung dịch sau nấu chiết được làm đông, tách nước sau đó tiến hành sấy ở 60°C trong 20 giờ, gelatin thu được có ẩm độ thích hợp, độ hòa tan cao và hiệu suất thu hồi cao nhất lần lượt là 9,16; 90,26 và 6,09%. Sản phẩm gelatin từ vây cá rô phi có chất lượng đáp ứng yêu cầu của gelatin thương mại trên thị trường góp phần nâng cao khả năng tận dụng nguồn phụ phẩm này là nguồn nguyên liệu để chiết rút gelatin.

261	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	Nguyễn, Trần Huyền Trang	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy Sản, Khoa Thủy Sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018. Nghiên cứu nhằm tận dụng xương cá rô phi như nguồn nguyên liệu mới để sản xuất bột canxi góp phần nâng cao giá trị kinh tế từ nguồn phụ phẩm này. Kết quả cho thấy, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 5,5 giờ đạt ẩm độ là 21,6%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase ở 50°C trong thời gian 27 giờ với nồng độ enzyme là 0,2% cho hiệu quả khử protein là tốt nhất, loại bỏ được 23,6% protein so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu tiếp tục được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 1,5 giờ thu được bột canxi có độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi tốt nhất lần lượt là 10,3; 65,4; 11,2 và 73,9%. Cuối cùng, mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 4 tuần vẫn duy trì được chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm bột canxi từ xương cá rô phi có hàm lượng khoáng là 65,4% và canxi chiếm 23,01%.
262	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết lá chanh(<i>Citrus aurantifolia</i>) kết hợp màng bao chitosan đến chất lượng chả cá thác lác (<i>Chitala chitala</i>) bảo quản lạnh	Nguyễn, Ngô Ngân Ngọc	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích khảo sát ảnh hưởng của dịch chiết lá chanh kết hợp màng bao chitosan đến chất lượng chả cá thác lác bảo quản lạnh ($4\pm 1^{\circ}\text{C}$) trong vòng 18 ngày. Kết quả đạt được cho thấy dịch chiết lá chanh được chiết tách với tỉ lệ lá chanh : nước cất (w/v) là 1:1,5 cho hiệu quả chống oxy hoá tối ưu với hàm lượng polyphenol, hàm lượng flavonoid và khả năng khử 50% gốc tự do IC50 đạt lần lượt là 170 mg GAE/g, 63,2 µg QE/g và IC50= 171 µg/ml. Sau 15 ngày bảo quản lạnh, mẫu đối chứng và mẫu bao gói bằng màng bao chitosan kết hợp dịch chiết chanh 4% vẫn giữ được giá trị cảm quan (11,8 và 13,8) và vi sinh nằm trong giới hạn cho phép ($8,17 \times 10^5$ và $6,69 \times 10^5$ cfu/g). Khả năng hạn chế sự oxy hoá lipid trong quá trình bảo quản thông qua chỉ số PV cho thấy màng có bổ sung dịch chiết chanh có chỉ số PV là 0,607 meq/kg thấp so với mẫu đối chứng là 1,29 meq/kg. Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy, khuynh hướng kết hợp giữa màng chitosan với các hợp chất tự nhiên từ thực vật có thể kéo dài thời gian bảo quản các sản phẩm thủy sản.
263	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột đậm từ thịt cá mè vinh(<i>Barbonymus gonionotus</i>)	Nguyễn, Thành Công	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá mè vinh được thực hiện nhằm tạo ra bột cá có giá trị dinh dưỡng cao và đa dạng hóa sản phẩm của loài cá này. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm: nồng độ enzyme Alcalase thủy phân, thời gian nâng nhiệt – trung hòa, thời gian sấy, thời gian bảo quản lạnh của sản phẩm. Kết quả cho thấy mẫu thủy phân với nồng độ enzyme Alcalase 0,1% ở 50°C trong 7 ngày, thu được số liên kết peptid và hàm lượng đạm amin tối ưu lần lượt là 26.509 liên kết/50g và 30,8 g/L. Sau đó mẫu được nâng nhiệt lên 95 - 100°C trong 2 phút cho hàm lượng đạm amin cao nhất (35,18 g/L). Mẫu được sấy ở 60°C trong 36 giờ đạt ẩm độ, độ hòa tan, hiệu suất thu hồi, hàm lượng protein lần lượt là 7,73; 50,27; 5,17 và 78,19%. Cuối cùng, sản phẩm được bảo quản trong 28 ngày ở nhiệt độ lạnh thì chất lượng vẫn được đảm bảo và tổng số vi sinh vật hiếu khí là $9,38 \times 10^3$ cfu/g.

264	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Thị Minh Thơ	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, điều kiện thủy phân, chế độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng bột canxi từ xương cá tra. Kết quả cho thấy, xương cá tra được sấy sơ bộ ở 60°C trong 6 giờ đạt độ ẩm 20,3%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,3% ở nhiệt độ 50°C trong 24 giờ cho hiệu quả loại protein là 43,5% so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu được sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 4 giờ thu được bột canxi có ẩm độ, độ hòa tan, hiệu suất thu hồi và hàm lượng khoáng lần lượt là 10,1; 13,8; 69,1 và 61,8%. Cuối cùng, mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 4 tuần cho ẩm độ, hàm lượng khoáng thay đổi không đáng kể và tổng số vi sinh vật hiếu khí thấp hơn 106 cfu/g. Sản phẩm bột canxi từ xương cá tra có hàm lượng khoáng là 61,2% và canxi chiếm 27,4%.
265	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Nguyễn, Thành Đạt	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá lóc bằng phương pháp thủy phân enzyme nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của phụ phẩm này. Đầu tiên, mẫu được sấy sơ bộ ở 60°C trong 5 giờ đạt ẩm độ thích hợp là 20,7%. Tiếp theo, khảo sát ảnh hưởng của nồng độ enzyme Alcalase đến hiệu quả khử protein và khả năng thu hồi khoáng trong mẫu thủy phân. Kết quả cho thấy, mẫu được thủy phân ở 50°C trong 27 giờ với nồng độ enzyme 0,2% đã loại được 22,4% protein và hàm lượng khoáng đạt 59,8%. Sau đó, mẫu đã thủy phân được sấy ở 60°C trong 1,5 giờ cho ẩm độ, độ hòa tan, hàm lượng khoáng và hiệu suất thu hồi lần lượt là 10,5; 10,4; 62,2 và 72,9%. Cuối cùng, sự biến đổi chất lượng bột canxi được đánh giá thông qua tổng số vi sinh vật hiếu khí, hàm lượng khoáng và ẩm độ. Sản phẩm vẫn duy trì được chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng. Bột canxi thành phẩm có hàm lượng khoáng là 62,2%, trong đó canxi chiếm 25,5 %.
266	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ cua đồng (<i>Somanniathelphusa sinensis</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Nguyễn, Hồng Nga	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ cua đồng bằng phương pháp enzyme được thực hiện thông qua các thí nghiệm sau: khử khoáng, khử protein, cũng như deacetyl hóa và sấy đến chất lượng chitosan. Kết quả cho thấy mẫu được xử lý bằng CH ₃ COOH 5% với thời gian 12 giờ và dung dịch HCL 10% trong 15 giờ ở nhiệt độ phòng cho hiệu quả khử khoáng là cao nhất (khoáng giảm từ 61,45 còn 0,39%). Sau đó, mẫu được loại protein bằng enzyme Alcalase ở nồng độ 0,2%, trong thời gian 12 giờ và nhiệt độ 50°C cho hiệu quả khử protein là cao nhất (protein giảm từ 23,97 còn 19,85%). Chitin được deacetyl hóa bằng dung dịch NaOH ở nồng độ 50%, trong 48 giờ với nhiệt độ 65-70°C cho độ deacetyl là 84,91%. Sản phẩm chitosan có hiệu suất thu hồi, độ ẩm, độ nhớt và độ hòa tan lần lượt là 32,37%, 9,42%, 32,59mPas và 96,07% khi sấy ở 60°C trong 4 giờ. Chất lượng của chitosan thành phẩm với độ nhớt là 32,59mPas và độ hòa tan là 96,07% phù hợp với yêu cầu chitosan thương mại trên thị trường.

267	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút đến chất lượng của gelatin từ vảy cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Nguyễn, Thị Kiều Tiên	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như khả năng khử khoáng, điều kiện chiết rút và chế độ sấy khô đến chất lượng của gelatin từ vảy cá lóc đã được thực hiện. Kết quả cho thấy để tăng hiệu quả cho quá trình chiết rút gelatin, trước hết vảy cá lóc phải được xử lý trong CH_3COOH 0,5 M với thời gian 5 giờ thì khử được 48,3% khoáng. Sau đó, mẫu được nấu chiết trong nước cất ở 80°C với thời gian 2 giờ thu được dung dịch gelatin có độ nhớt, hiệu suất thu hồi và độ bền gel cao nhất lần lượt là 7,28 mPas; 3,91% và 155 g. Dung dịch sau khi nấu chiết được đem làm đông tách nước rồi sấy ở 60°C trong 18 giờ thu được sản phẩm có độ ẩm, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan tốt nhất (11,2; 8,57 và 96,2%). Độ bền gel của gelatin từ vảy cá lóc cao hơn 1,89 lần so với gelatin thương mại của Trung Quốc. Kết quả này góp phần nâng cao khả năng tận dụng vảy cá lóc như nguồn nguyên liệu để chiết rút gelatin.
268	Đại học	Nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Nguyễn, Thị Ngọc Giàu	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm thẻ chân trắng được thực hiện nhằm sản xuất sản phẩm có chất lượng và giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu thông qua 4 thí nghiệm: khử khoáng, khử protein, chuyển chitin thành glucosamin hydroclorua bằng dung dịch HCL và sấy. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi ngâm vỏ tôm trong dung dịch HCL 6% với thời gian 12 giờ và dung dịch NaOH 8% trong 36 giờ cho hiệu quả khử khoáng và protein cao nhất (khoáng giảm từ 25,33 còn 0,86% và protein giảm từ 49,43 còn 4,13%). Mẫu sau khi xử lý được chuyển thành glucosamin hydroclorua bằng cách ngâm HCL 12M trong 5 giờ ở nhiệt độ 85°C . Sản phẩm được đem đi sấy ở nhiệt độ 50°C trong 10 giờ có độ ẩm, hiệu suất thu hồi và độ tinh khiết cao nhất lần lượt là (6,57, 61,87 và 84,67%). Phổ FTIR cho thấy glucosamin hydroclorua thành phẩm tương đồng với glucosamin hydroclorua thương mại.
269	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút đến chất lượng gelatin từ vảy cá thát lát còm (<i>Chitala ornata</i>)	Trần, Ngọc Thùy Dung	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm ra những thông số thích hợp cho quy trình chiết rút gelatin như phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút đến chất lượng gelatin thành phẩm. Kết quả đã cho thấy, xử lý da cá thát lát còm trong NaOH 0,1 M với thời gian 2 giờ ở nhiệt độ phòng cho hiệu quả khử protein không phải là collagen là tối ưu (giảm từ 31,3 xuống 23,0%). Da cá sau xử lý, được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 70°C trong 60 phút thì thu được dung dịch gelatin có độ bền gel là 131 g, độ nhớt là 6,14 mPas và hiệu suất thu hồi cao nhất là 16,4%. Dung dịch sau nấu chiết được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 22 giờ thì thu được sản phẩm gelatin có ẩm độ phù hợp, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi là cao nhất lần lượt là (10,6; 99,3 và 20,8%). Gelatin từ da cá thát lát còm có độ bền gel là 151 g cao gấp 2 lần so với gelatin Trung Quốc là 75,8 g và hoàn toàn đáp ứng các tiêu chuẩn của gelatin thương mại.

270	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá thát lát (<i>Chitala ornata</i>)	Nguyễn, Anh Khoa	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu tận dụng xương cá thát lát còm để sản xuất bột canxi được thực hiện nhằm xác định thời gian sấy sơ bộ, điều kiện thủy phân, quá trình sấy khô và thời gian bảo quản đến chất lượng của bột canxi. Đầu tiên, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 3 giờ đạt được ẩm độ 20,9%. Mẫu sau khi sấy sơ bộ được thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,3% ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 24 giờ cho hiệu quả loại protein tốt nhất (loại bỏ được 29,6% protein so với nguyên liệu ban đầu). Tiếp theo, mẫu được sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 2 giờ thu được bột canxi có độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 10,1; 15,7 và 72,4%. Cuối cùng, mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong khoảng 4 tuần vẫn duy trì chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm bột canxi thu được hàm lượng khoáng là 64,6% và canxi chiếm khoảng 21,6%.
271	Đại học	Khảo sát khả năng chống oxi hóa của dịch chiết tỏi (<i>Allium sativum</i> L) đến chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Hoàng Nhiên	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Ảnh hưởng của các loại dung môi chiết rút (nước cất, ethanol 70% và aceton 70%) đến hàm lượng polyphenol, flavonoid và chỉ số IC50 của dịch chiết tỏi đã được khảo sát. Kết quả cho thấy, dung môi ethanol 70% cho dịch chiết tỏi có hàm lượng polyphenol, flavonoid và chỉ số IC50 thu được hiệu quả tốt nhất lần lượt là (176 mg/g; 49,8 mg GAE/g và 218 µg/ml). Bổ sung dịch chiết tỏi với tỉ lệ 2% vào sản phẩm chả cá tra và đánh giá sự thay đổi chất lượng sản phẩm khi có bổ sung dịch chiết tỏi thông qua các chỉ số Peroxide, TBARS, TVB-N, cấu trúc, điểm cảm quan và vi sinh vật trong 18 ngày bảo quản ở nhiệt độ lạnh (4±1°C). Trong quá trình bảo quản lạnh, mẫu chả cá có bổ sung thêm 2% dịch chiết tỏi đã ngăn chặn được quá trình oxy hóa lipid với giá trị Peroxide và TBARS ở ngày thứ 9 lần lượt là 20,1 meq/kg và 4,67 mg MDA/kg, trong khi giá trị Peroxide và TBARS của mẫu đối chứng lần lượt là 24,32 meq/kg và 12,6 mg MDA/kg.
272	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột đậm từ thịt cá chẽm (<i>Lates calcarifer</i>)	Võ, Chí Bền	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sử dụng enzyme Alcalase sản xuất bột đậm từ thịt cá chẽm bao gồm 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát nồng độ enzyme, (ii) thời gian nâng nhiệt - trung hòa, (iii) ảnh hưởng của chế độ sấy đến chất lượng của đậm, (iv) thời gian bảo quản lạnh của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy mẫu thủy phân ở nhiệt độ 50oC với nồng độ enzyme Alcalase 0,1% thu được số liên kết peptid và hàm lượng đậm amin tốt nhất lần lượt là: 22.369 liên kết/50g và 26,9 g/L. Mẫu sau thủy phân được nâng nhiệt ở 95 – 100oC trong 2 phút cho hàm lượng đậm amin cao nhất là 34,7 g/L. Sau đó mẫu được sấy ở 60oC trong thời gian 48h cho ẩm độ, hàm lượng đậm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 9,82; 80,1; 47,9 và 10,7%. Sản phẩm được bảo quản lạnh trong 28 ngày vẫn đảm bảo chất lượng với hàm lượng vi sinh vật là 3,37x104 CFU/g đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

273	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Trần, T Cẩm Tiên	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Ảnh hưởng của các phương pháp xử lý và điều kiện công nghệ đến chất lượng chitosan từ vỏ tôm sú đã được nghiên cứu nhằm tạo ra sản phẩm chitosan có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu này được thực hiện thông qua bốn thí nghiệm thí nghiệm: (i) khử khoáng, (ii) khử protein, (iii) deacetyl hóa và (iv) sấy đến chất lượng chitosan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mẫu được xử lý bằng HCl 8% với thời gian 9h ở nhiệt độ phòng và loại protein bằng enzyme Alcalase ở nồng độ 0,1% trong thời gian 12h ở nhiệt độ 50oC cho hiệu quả khử khoáng và protein là cao nhất (khoáng giảm từ 28,71 còn 0,89% và protein giảm từ 49,53 còn 43,34%). Chitin được deacetyl hóa bằng dung dịch NaOH ở nồng độ 50% trong thời gian 48h ở nhiệt độ 65 – 70oC cho độ deacetyl là 84,50%. Sản phẩm chitosan có ẩm độ, hiệu suất thu hồi và độ nhớt lần lượt là 8,99%; 26,11% và 31,80mPas. Chitosan thành phẩm có độ hòa tan là 95,39% gần tương đương với chitosan thương mại.
274	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá rô đầu vuông(<i>Anabas testudineus</i>)	Lê, Miinh Sang	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá rô đầu vuông được thực hiện nhằm tận dụng nguồn phụ phẩm và tăng giá trị kinh tế của loài cá này. Kết quả cho thấy, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 5 giờ đạt độ ẩm 22,53%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,2% ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 24 giờ cho hiệu quả loại protein là 27,83% so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu tiếp tục được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 1,5 giờ cho ra bột canxi có độ ẩm là 10,41%, hàm lượng khoáng hiệu suất thu hồi và độ hòa tan lần lượt là 65,46; 66,13 và 9,59%. Cuối cùng, mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong khoảng 4 tuần cho ẩm độ, khoáng thay đổi không đáng kể và tổng số vi sinh vật hiếu khí thấp hơn 106 cfu/g. Sản phẩm bột canxi từ xương cá rô đầu vuông có hàm lượng khoáng 65,31% và canxi chiếm 25,71%.
275	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột đạm từ thịt cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	Đỗ, Trung Dương	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến chất lượng bột cá từ thịt cá rô phi. Nghiên cứu bao gồm bốn thí nghiệm: Nồng độ enzyme Alcalase đến quá trình thủy phân; thời gian nâng nhiệt trung hòa; chế độ sấy; ảnh hưởng của điều kiện bảo quản ở nhiệt độ lạnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy thịt cá được thủy phân ở nhiệt độ 50 C trong 7 ngày bởi enzyme Alcalase nồng độ 0,1% số liên kết peptide và đạm amin là cao nhất lần lượt là 23.547 liên kết/50g và 30,45g/L. Sau đó mẫu được đem đi nâng nhiệt 95-100 C trong 2 phút cho hàm lượng đạm amin cao nhất (35,17g/L). Ẩm độ, hiệu suất thu hồi, độ hòa tan và hàm lượng protein lần lượt là 9,5; 50,5; 7,36 và 78% với chế độ sấy 60 C trong 36h . Bột cá được bảo quản ở nhiệt độ lạnh sau 28 ngày vẫn đảm bảo được chất lượng và tổng số vi sinh vật hiếu khí 7,2 103 CFU/g.

276	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý và điều kiện chiết rút đến chất lượng của gelatin từ da cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	Võ, Thị Trúc Mai	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của phương pháp xử lý và các yếu tố công nghệ như khả năng khử protein không phải là collagen, điều kiện nấu chiết và chế độ sấy đến chất lượng gelatin từ da cá rô phi. Kết quả cho thấy, da cá rô phi được xử lý trong dung dịch NaOH 0,1M với thời gian 2 giờ thì loại được 7,51% protein không phải là collagen. Mẫu đã qua xử lý được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 60°C với thời gian 3 giờ thu được dung dịch gelatin có độ bền gel cao nhất (246g), độ hòa tan và hiệu suất thu hồi là 12,5mPas và 13,2%. Dung dịch sau chiết rút đem đi làm đông tách nước rồi sấy ở 60°C trong 20 giờ cho hiệu suất cao nhất, độ ẩm và độ hòa tan lần lượt là 18,9; 9,56 và 90,1%. Gelatin từ da cá rô phi có độ bền gel cao hơn gấp 3,3 lần gelatin thương mại. Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy rằng có thể tận dụng da cá rô phi là một nguồn nguyên liệu để sản xuất gelatin.
277	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá mè vinh(<i>Barbonymus gonionotus</i>)	Lương, Ngọc Tiểu Don	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, điều kiện thủy phân, chế độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng của bột canxi từ xương cá mè vinh với mục đích góp phần nâng cao giá trị kinh tế của phụ phẩm này. Kết quả cho thấy, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60oC trong thời gian 5 giờ đạt được ẩm độ 20,1%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,2% ở nhiệt độ 50oC trong thời gian 24 giờ loại được 36,1% protein và hàm lượng khoáng còn lại là 62,1% so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu tiếp tục được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 3 giờ thu được bột canxi có độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 10,4; 16,6 và 73,3%. Sản phẩm bột canxi từ xương cá mè vinh có hàm lượng khoáng là 62,1%, độ ẩm 10,4% và canxi chiếm 19,7%. Sản phẩm vẫn duy trì chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng.
278	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột đậm từ thịt cá chim trắng nước ngọt (<i>Colossoma brachypomum</i>)	Lý, Thị Yến Nhi	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như: nồng độ enzyme, điều kiện nâng nhiệt trung hòa, chế độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng bột đậm từ thịt cá chim trắng nước ngọt đã được nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm cho thấy mẫu thủy phân ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 7 ngày với nồng độ enzyme Alcalase là 0,2% cho số liên kết peptid và hàm lượng đạm amin cao nhất lần lượt là 23.166 liên kết/50g và 32,2 g/L. Mẫu sau khi thủy phân được nâng nhiệt ở 95-100°C trong thời gian 4 phút thu được hàm lượng đạm amin cao nhất là 32,9 g/L. Ẩm độ, hiệu suất thu hồi, hàm lượng đạm và độ hòa tan của mẫu sau khi thủy phân, sấy ở 60°C trong 48 giờ cho kết quả lần lượt là 9,59;10,67; 79,76 và 45,39%. Cuối cùng sản phẩm bột đậm được bảo quản trong 28 ngày ở nhiệt độ lạnh có tổng số vi sinh vật hiếu khí là 1,63x105 CFU/g, ẩm độ là 11,31% và đạm amin 78,48%. Sản phẩm có màu vàng và mùi đặc trưng của bột đậm có thể sử dụng làm thực phẩm cho con người.

279	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột đậm từ cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i>)	Quách, Kim Tịnh	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Sản xuất bột cá từ thịt cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i>) theo phương pháp thủy phân enzyme đã được thực hiện nhằm tìm thông số kỹ thuật như nồng độ enzyme, thời gian nâng nhiệt-trung hòa, thời gian sấy và điều kiện bảo quản lạnh đến chất lượng bột cá thành phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi nồng độ enzyme Alcalase 0,1% được bổ sung trong quá trình thủy phân ở nhiệt độ 50oC cho hàm lượng đạm amin và số liên kết peptid tốt nhất lần lượt là 32,7 g/L và 22.745 liên kết/50g. Sau khi thủy phân mẫu được tiếp tục nâng nhiệt lên 95-100°C trong thời gian 2 phút cho hàm lượng đạm amin cao nhất 35,4 g/L. Mẫu được sấy khô trong 48 giờ ở nhiệt độ 60oC thu được hàm lượng ẩm, hiệu suất thu hồi, độ hòa tan và hàm lượng protein lần lượt là 8,85; 8,91; 50,9 và 79,2%. Cuối cùng mẫu được bảo quản ở nhiệt độ lạnh trong thời gian 28 ngày đạt 9,50% ẩm độ, hàm lượng vi sinh vật là 1,69x104 CFU/g và hàm lượng protein là 77.8%.
280	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ ghẹ (<i>Portunus pelagicus</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Huỳnh, Thị Hồng Thắm	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ ghẹ (<i>Portunus pelagicus</i>) bằng phương pháp enzyme được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm chitosan có giá trị kinh tế cao. Đề tài được nghiên cứu sản xuất chitosan được thực hiện thông qua các thí nghiệm: khử khoáng, khử protein, deacetyl hóa và sấy đến chất lượng của chitosan. Kết quả cho thấy mẫu khử khoáng trong HCL 8% với thời gian 20h và xử lý enzyme Alcalas nồng độ 0,2% trong 15h ở nhiệt độ 50oC thì hàm lượng khoáng và protein còn lại thấp nhất lần lượt là 0,63% và 33,16%. Chitin được deacetyl hóa bằng NaOH 50% trong 48h ở nhiệt độ 70oC cho độ deacetyl cao nhất là 84,48%. Sản phẩm chitosan có độ ẩm, hiệu suất thu hồi, độ nhớt và độ hòa tan lần lượt là 9.32%, 35.46% 29.10mPas và 96.60% khi được sấy ở 60oC trong 6h. Chất lượng của chitosan thành phẩm với độ deacetyl là 84,48% phù hợp với yêu cầu của chitosan thương mại.
281	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Ngô, Hoài Thu	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu lượng hóa chất thải ra và nâng cao giá trị cho phụ phẩm. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (i) khử khoáng, (ii) khử protein, (iii) deacetyl hóa và (iv) chế độ sấy đến chất lượng chitosan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi vỏ tôm thẻ ngâm trong HCL 6% trong 12h thì hàm lượng khoáng còn lại là 0,865%, mẫu tiếp tục thủy phân bằng enzyme Alcalase 0,2% trong 12h ở 50°C cho hàm lượng protein thu được là 35,63%. Nguyên liệu được deacetyl hóa bằng NaOH 50% trong 36h ở 65-70°C cho độ deacetyl là 92,55%. Mẫu sau đó được đem đi sấy ở 60°C trong 4h cho độ ẩm và hiệu suất thu hồi lần lượt là 8,11% và 26,63%. Chitosan thành phẩm thu được có độ deacetyl (92,55%), độ nhớt (33,15mPas) và độ hòa tan (94,5%) đạt yêu cầu so với chitosan thương mại trên thị trường.

282	Đại học	Nghiên cứu chiết xuất glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Lê, Kiều My	Lê, Thị Minh Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng các yếu tố công nghệ đến chất lượng sản phẩm glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm sú. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm: (i) Khử khoáng bằng HCL 8%; (ii) Khử protein bằng NaOH 10%; (iii) Ảnh hưởng của nồng độ HCL để chuyển chitin thành glucosamin hydroclorua; (iv) Chế độ sấy của sản phẩm. Từ kết quả thí nghiệm cho thấy khi khử khoáng nồng độ HCL 8% trong 9h thì hàm lượng khoáng thấp nhất còn lại là 0,89%. Khử protein ở nồng độ NaOH 10% trong 16h hàm lượng protein còn lại thấp nhất là 6,43%. Chitin được chuyển thành glucosamin hydroclorua trong HCL 12M cho hiệu suất thu hồi cao nhất là 57,30%, phổ FTIR cho thấy sản phẩm glucosamin hydroclorua thu được trong nghiên cứu này gần giống với sản phẩm thương mại. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 50°C trong 10h có ẩm độ, hiệu suất thu hồi cao nhất và độ hòa tan lần lượt là 3,92, 60,83 và 84,00%.
283	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của quá trình tiền xử lý đến hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ thịt quả gấc (<i>Momordica cochinchinensis</i> Spreng)	Kim, Ánh Nguyên	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát ảnh hưởng của quá trình tiền xử lý đến khả năng chống oxy hóa của cao chiết từ thịt gấc (<i>Momordica cochinchinensis</i> Spreng). Từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết từ thịt quả gấc trong việc bảo quản các sản phẩm thủy sản. Thịt gấc được tiền xử lý bằng acid ascorbic, sau đó được chiết bằng dung môi là ethanol 96%. Mẫu không qua xử lý acid ascorbic là mẫu đối chứng. Hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết được đánh giá thông qua khả năng khử gốc tự do 1,1-diphenyl-2-picrylhydrazyl (DPPH) và tổng hàm lượng phenolic có trong cao chiết. Dầu cá hồi và dầu cá biển được bổ sung cao chiết từ thịt gấc nhằm đánh giá khả năng chống oxy hóa ở nhiệt độ 60°C được thực hiện thông qua xác định chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy cao chiết từ thịt gấc đã xử lý acid ascorbic có hoạt tính chống oxy hóa khử gốc tự do DPPH cao hơn (IC50 = 2,29 mg/mL) so với cao chiết không xử lý acid ascorbic. Đồng thời, tổng hàm lượng phenolic của cao chiết từ thịt gấc đã qua tiền xử lý đạt giá trị 0,9 mgGAE/g cao khô, cao hơn mẫu đối chứng. Chỉ số PV và TBARS khác biệt trong suốt 12 ngày bảo quản các mẫu dầu cá biển và cá hồi ở 60°C cho thấy tiềm năng ứng dụng bảo quản các loại dầu khác nhau của cao chiết từ thịt gấc đã qua xử lý acid ascorbic.
284	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chả cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) kết hợp với tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) chiên cốm	Đặng, Thị Sâm Khỏe	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chả cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) kết hợp với tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) chiên cốm được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 tại phòng thí nghiệm Bộ môn Dinh Dưỡng và Chế Biến Thủy Sản, Khoa Thủy Sản, Trường Đại Học Cần Thơ. Thí nghiệm bao gồm 5 nghiệm thức (1) khảo sát tỉ lệ phối trộn cá rô phi và tôm sú, (2) tỉ lệ bột bắp, (3) tỉ lệ cốm, (4) chế độ chiên, (5) thời gian bảo quản lạnh ảnh hưởng lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi phối trộn 60% cá rô phi và 40% tôm sú, bột bắp 5%, cốm 20% và chiên ở nhiệt độ 150°C trong 7 phút sản phẩm có giá trị cảm quan cao, lớp áo bột bên ngoài vàng đều, tạo mùi thơm. Sản phẩm được bảo quản lạnh ở nhiệt độ 2-5°C trong 9 ngày vẫn đảm bảo chất lượng tốt.

285	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết từ cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i>) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Huỳnh, Thị Bảo Châu	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của dịch chiết cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i>) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Các mẫu cá được nhúng trong dịch chiết bạc hà với nồng độ 81µg/ml, 181µg/ml và nước trong 30 phút ở 4oC. Tỷ lệ cá dịch chiết là 1:1 (v/w) sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Phi lê cá lóc (90-100g), được bao gói bằng bao PE. Mỗi bao chứa 1 miếng cá và mỗi nghiệm thức gồm 25 miếng cá phi lê. Thu mẫu vào các ngày 1, 3, 6, 9, và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm pH, nhiệt độ, cấu trúc, đánh giá cảm quan, vi sinh, khả năng giữ nước, PV và ẩm độ. Kết quả cho thấy sản phẩm có thể sử dụng đến 6 ngày cho cả 3 nghiệm thức. Sử dụng dịch chiết cây bạc hà làm tăng giá trị cảm quan và hạn chế oxy hóa chất béo.
286	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của quá trình tiền xử lý đến hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ màng hạt gấc (<i>Momordica cochinchinensis</i> Spreng)	Đinh, Thị Ý Nhi	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Màng hạt gấc được biết đến là một chất nhuộm màu tự nhiên có chứa hàm lượng dinh dưỡng cao. Đề tài được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của quá trình tiền xử lý đến hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ màng hạt gấc. Từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết trong việc bảo quản các sản phẩm thủy sản. Trong nghiên cứu này, màng hạt gấc được tiền xử lý với acid ascorbic trong 96h. Mẫu không ngâm trong acid ascorbic là mẫu đối chứng. Sau đó các mẫu được tiếp tục chiết trong dung môi ethanol 96% để thu được cao chiết từ màng hạt gấc. Việc đánh giá ảnh hưởng của quá trình tiền xử lý đến hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết được xác định thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng phenolic có trong cao chiết. Cao chiết được bổ sung vào dầu cá biển và dầu cá hồi nhằm xác định khả năng chống oxy hóa các mẫu dầu ở nhiệt độ 60°C qua các chỉ số Peroxide (PV) và TBARS. Kết quả cho thấy, việc tiền xử lý màng hạt gấc bằng acid ascorbic có khả năng bảo vệ hoạt tính chống oxy hóa tốt hơn so với mẫu đối chứng. Sự khác biệt về chỉ số peroxide và TBARS trong 12 ngày bảo quản mẫu dầu cá biển và dầu cá hồi ở 60oC cho thấy khả năng ứng dụng cao chiết từ màng hạt gấc đã qua xử lý acid ascorbic trong bảo quản các loại dầu khác nhau.

287	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cây tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i>)	Dương, Thị Thúy Hằng	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i>), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết tần dày lá trong bảo quản sản phẩm thủy sản. Đề tài được thực hiện thông qua 2 thí nghiệm: (1) khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng và ethanol 96% thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng phenolic có trong dịch chiết, (2) khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết tần dày lá khi bổ sung vào dầu cá hồi và dầu cá biển ở 60°C thông qua chỉ số PV và TBARS. Kết quả cho thấy cao chiết thu được từ dung môi nước nóng có hoạt tính khử gốc tự do DPPH (IC₅₀= 1,34 mg/mL) cao hơn so với cao chiết bằng ethanol 96% (IC₅₀= 2,43 mg/mL). Tổng hàm lượng phenolic của cao chiết bằng ethanol không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với hàm lượng phenolic bằng nước nóng (p>0,05). Cao chiết thu được từ dung môi nước nóng sử dụng bảo quản dầu cá hồi và dầu cá biển thông qua sự khác biệt về giá trị PV và TBARS trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.
288	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá ổi (<i>Psidium guajava</i>) lên bảo quản lạnh tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Nguyễn, Thị Diễm My	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết lá ổi đến chất lượng của tôm sú trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: (1) ngâm tôm sú vào nước lạnh (mẫu đối chứng), (2) ngâm tôm sú vào dịch chiết lá ổi 5,04 µg/mL, (3) ngâm tôm sú vào dung dịch chiết lá ổi 313 µg/mL. Tôm được ngâm trong 30 phút (nhiệt độ là ≤4°C) sau đó đem bảo quản bằng nước đá trong thùng xốp. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Sự biến đổi chất lượng tôm được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, tổng lượng nitơ bazơ bay hơi, chỉ số peroxide và chỉ số thiobarbituric acid reactive substances (TBARS), nhiệt độ, ẩm độ và pH. Kết quả cho thấy rằng bảo quản lạnh tôm sú bằng dịch chiết lá ổi 5,04 µg/mL và 313 µg/mL đã cải thiện giá trị cảm quan và làm chậm quá trình hình thành các sản phẩm oxy hóa thứ cấp. Dựa trên giá trị TVC và giá trị cảm quan, cho thấy tôm sú ở cả ba nghiệm thức có thể bảo quản lạnh trong 8 ngày. Tuy nhiên mẫu ngâm dịch chiết có giá trị cảm quan cao hơn và giá trị tổng số vi khuẩn hiếu khí thấp hơn so với mẫu đối chứng. Sau 12 ngày bảo quản giá trị TVC đã vượt giới hạn cho phép <10⁶ cfu/g theo quy định của Bộ Y tế (Bộ Y Tế, 2012).

289	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ vỏ tôm tít (<i>Oratosuillina interrupta</i>) theo phương pháp sinh hóa kết hợp	Huỳnh, Thị Tú Cẩm	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu chiết tách chitosan từ vỏ tôm tít được thực hiện nhằm tìm ra các điều kiện thích hợp để tạo ra sản phẩm chitosan có chất lượng cao. Đề tài được tiến hành thông qua các thí nghiệm: khử khoáng hai lần, khử protein và deacetyl hóa. Kết quả cho thấy vỏ tôm tít được ngâm với CH ₃ COOH 8% trong 24 h, thì lượng khoáng giảm từ 42,32 còn 19,47%. Vì đã được khử khoáng sơ bộ bằng CH ₃ COOH nên khi khử khoáng lại bằng HCL 3% trong 24 h và ngâm mẫu trong enzyme Alcalase 0,2% ở nhiệt độ 50-55°C trong 15 h cho kết quả khử khoáng và protein là cao nhất (khoáng giảm còn 0,34% và protein giảm từ 24,24 xuống 14,79%. Điều kiện tốt nhất để deacetyl hóa là NaOH 60% ở nhiệt độ 65-70 °C trong 48 h cho độ deacetyl là 86,12%. Cuối cùng mẫu được sấy ở 55-60°C trong 6 h thu được chitosan có độ hòa tan và độ nhớt lần lượt là 92,5% và 32,35mPas. Kết quả thu được chitosan có chất lượng gần tương đương với chitosan thương mại.
290	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất khô cá tai tượng (<i>Osphronemus goramy</i>) tẩm gia vị	Lê, Thị Thảo Sương	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất khô cá tai tượng tẩm gia vị nhằm tạo ra một sản phẩm tốt có giá trị dinh dưỡng, đa dạng hóa thực phẩm cũng như tăng giá trị kinh tế cho cá tai tượng. Đề tài được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài bao gồm các thí nghiệm:(i) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ muối và thời gian ngâm đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng của các loại gia vị đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng của sản phẩm, (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi ngâm mẫu với dung dịch gia vị có nồng độ muối 8%, đường 10%, bột ngọt 0,5%, tỏi 1%, ớt 2%, tiêu 2% trong 40 phút và sấy trong 20 giờ ở 60 °C thì sản phẩm khô có cấu trúc cơ thịt dẻo dai độ ẩm phù hợp, màu vàng đồng đặc trưng và có mùi thơm của gia vị. Sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng trong 3 tuần bảo quản ở nhiệt độ thường 27°C – 30°C và trong 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ lạnh 0°C – 5°C
291	Đại học	Bảo quản cá tra (<i>Pangasiandon hypophthalmus</i>) phi lê bằng dịch chiết cây diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Đỗ, Minh Dương	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết cây diếp cá đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết diếp cá với nồng độ IC ₅₀ (107µg/mL), nồng độ IC ₇₅ (178µg/mL) và nước trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 1, 6, 9 và 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước và chỉ số Peroxide. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết diếp cá IC ₅₀ và IC ₇₅ có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của cá tra phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 9 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.

292	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) lên bảo quản lạnh tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius)	Nguyễn, Thu Hoàng	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện để xác định sự ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh đối với chất lượng của tôm sú nguyên con trong quá trình bảo quản lạnh. Nghiên cứu được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ từ 8/2018 đến 12/2018. Tôm được ngâm trong dịch chiết lá trà xanh với nồng độ khác nhau 625 μg/mL, 7,63 μg/mL và ngâm trong nước đá (nghiệm thức đối chứng) ở 4°C trong 30 phút. Tỷ lệ tôm và dịch chiết (w/v) là 1 : 1. Tôm sau khi ngâm được bảo quản bằng nước đá và thu mẫu được thực hiện vào các ngày: 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm: nhiệt độ, cấu trúc, tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, khả năng giữ nước, ẩm độ, tổng nitơ bay hơi, chỉ số peroxide, chỉ số TBARs và pH. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết trà xanh 7,63 μg/mL và 625 μg/mL có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của tôm trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Tôm xử lý với dịch chiết trà xanh cho thấy sản phẩm oxy hóa thứ cấp và tổng số vi khuẩn thấp hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản. Tôm bảo quản được đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
293	Đại học	Nghiên cứu sử dụng cao chiết quả gấc (<i>Momordica cochinchinensis</i>) trong bảo quản khô cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Nguyễn, Thị Băng Giang	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết quả gấc đến chất lượng khô cá lóc trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức (1) mẫu cá được ngâm trong dung dịch gia vị không có bổ sung cao chiết quả gấc; (2) mẫu cá được ngâm trong dung dịch có bổ sung cao chiết quả gấc (được tiền xử lý bằng axit ascorbic) nồng độ IC50=756 μg/mL và (3) mẫu cá được ngâm trong dung dịch có bổ sung cao chiết quả gấc (không tiền xử lý bằng axit ascorbic) nồng độ IC50=696 μg/mL. Sự biến đổi chất lượng của khô cá lóc trong suốt 30 ngày bảo quản được đánh giá qua các chỉ tiêu ẩm độ, tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, nhiệt độ, pH, tổng lượng nitơ bazơ bay hơi (TVB-N) và chỉ số peroxide (PV). Kết quả cho thấy việc sử dụng cao chiết quả gấc trong bảo quản lạnh khô cá không thể hiện khả năng chống oxy hóa rõ ràng, tuy nhiên nâng cao chất lượng giá trị cảm quan của khô cá lóc.
294	Đại học	Nghiên cứu chế biến sản phẩm chả cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) nhân phô mai	Nguyễn, Thị Thu Vân	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài “Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chả cá rô phi nhân phô mai” được thực hiện nhằm nâng cao giá trị kinh tế của cá rô phi, đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra khẩu vị mới cho người tiêu dùng. Đề tài được thực hiện thông qua 5 thí nghiệm: (i) khảo sát bổ sung tỉ lệ bột bắp, (ii) khảo sát tỉ lệ phối trộn gia vị, (iii) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ phô mai, (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp, (v) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng chả cá. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ phối trộn bột bắp 5%, tỉ lệ gia vị bổ sung là 4% đường và 1.5% muối, tỉ lệ phô mai 10%, hấp trong vòng 10 phút tạo ra sản phẩm có cấu trúc dẻo dai, độ đàn hồi và chất lượng cảm quan tốt nhất. Cuối cùng, sản phẩm được bao gói hút chân không trong túi PA và bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 0 – 50C trong 9 ngày vẫn đảm bảo an toàn về chất lượng cảm quan và tổng số vi sinh vật hiếu khí

295	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i> L.)	Nguyễn, Thị Kim Tuyền	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i>), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng dịch chiết bạc hà trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Cao chiết được chiết bằng dung môi là nước nóng 100oC trong 3 giờ và ngâm ethanol 96% trong 24 giờ. Hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết được thể hiện thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng phenolic có trong cao chiết. Cao chiết được bổ sung vào dầu cá biển và dầu cá hồi ở 60oC nhằm đánh giá khả năng chống oxy hóa thông qua việc xác định chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy cao chiết thu được từ dung môi nước nóng có hoạt tính khử gốc tự do DPP (IC50= 0,081 mg/mL) và tổng hàm lượng phenolic đạt giá trị 47 mg acid gallic (GAE)/g cao chiết, cao hơn so với cao chiết bằng dung môi ethanol 96%. Sự khác biệt về hàm lượng peroxide trong mẫu dầu qua các ngày bảo quản ở 60oC cho thấy cao chiết bạc hà từ nước nóng có tiềm năng để ứng dụng trong quá trình bảo quản các loại dầu khác nhau.
296	Đại học	Ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây húng quế (<i>Ocimum basilicum</i> L.)	Nguyễn, Hoàng Đệ	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây húng quế (<i>Ocimum basilicum</i> L.), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết trong quá trình bảo quản các sản phẩm thủy sản. Cao chiết được chiết bằng cách đun trong nước nóng 100°C với thời gian 3 giờ và ngâm trong ethanol 96% trong 24 giờ . Hoạt tính chống oxy hóa được thể hiện thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng phenolic có trong cao chiết. Thêm cao chiết thu được vào dầu cá biển và dầu cá hồi giữ ở nhiệt độ 60°C để đánh giá khả năng chống oxy hóa thông qua chỉ số peroxide và TBARS. Kết quả cho thấy cao chiết cây húng quế được chiết tách bằng nước nóng có hoạt tính chống oxy hóa, khử gốc tự do DPPH (IC50=0,04 mg/mL), cao hơn so với cao chiết ngâm trong ethanol 96% và hàm lượng phenolic cao chiết bằng ngâm trong nước nóng cao hơn (4.0 mg GAE/100mg cao chiết). Cao chiết thu được khi đun trong nước nóng 100°C có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá biển và dầu cá hồi thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV, Tbar trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.

297	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất bánh tráng khô cá cơm (Corica sorborna)	Nguyễn, Thanh Hồng	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất bánh tráng khô cá cơm nhằm mục đích tạo ra sản phẩm đạt chất lượng tốt góp phần đa dạng hóa sản phẩm cá khô. Đề tài được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát ảnh hưởng tỉ lệ muối, đường ảnh hưởng đến chất lượng cảm quan của bánh tráng khô cá cơm, (ii) Khảo sát ảnh hưởng của khối lượng cá đến giá trị cảm quan sản phẩm, (iii) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy lên chất lượng bánh tráng khô cá cơm, (iv) Khảo sát ảnh hưởng của các phương pháp bảo quản lên chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy, với tỉ lệ gia vị 10% đường, 5% muối, 2% tỏi, 2% bột ớt, 0,5% bột ngọt và ngâm trong thời gian 10 phút tạo nên sản phẩm thơm ngon, hài hòa, màu sắc hấp dẫn đặc trưng của khô. Thời gian sấy sản phẩm là 4,5 giờ ở nhiệt độ 60oC là thích hợp để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng tốt có giá trị cảm quan cao và độ ẩm thích hợp. Sản phẩm được bao gói gút chân không bảo quản nhiệt độ lạnh để so sánh trong 3 tuần, đảm bảo an toàn về vi sinh và chất lượng của sản phẩm..
298	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bột thịt đầu tôm sú (Penaeus monodon)	Nguyễn, Thị Ngọc Trâm	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bột thịt đầu tôm sú (Penaeus monodon) như loại và nồng độ acid hữu cơ ngâm nguyên liệu, nhiệt độ sấy và điều kiện bảo quản. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi ngâm nguyên liệu trong dung dịch acid acetic 0,15% với tỷ lệ 1:1 trong thời gian 2 phút giúp giảm pH cơ thịt tôm (7,84). Đồng thời duy trì được hàm lượng protein hợp lý và các đặc tính cảm quan của sản phẩm. Bột thịt đầu tôm thu được khi sấy ở 65°C có màu đỏ cam đặc trưng, hàm lượng đạm hòa tan cao (14,8%) và thời gian sấy được rút ngắn. Sản phẩm vẫn giữ được chất lượng tốt, màu sắc đẹp, tổng số vi sinh vật hiếu khí ở mức chấp nhận được sau 3 tuần bảo quản trong túi PA hút chân không ở điều kiện nhiệt độ phòng.
299	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bánh mì sandwich cuộn chả cá basa (Pangasius bocourti) với thịt heo nhân phô mai chiên xù	Nguyễn, Thị Yến Ngọc	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất bánh mì sandwich cuộn chả cá ba sa (Pangasius bocourti) với thịt heo nhân phô mai chiên xù được thực hiện nhằm nâng cao chất lượng chả cá, có giá trị dinh dưỡng và cảm quan cao, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm chả cá. Nghiên cứu được thực hiện gồm 4 nghiệm thức: khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn thịt cá basa với thịt heo nạc đến chất lượng sản phẩm; tỉ lệ phối trộn bột bắp đến cấu trúc sản phẩm; ảnh hưởng của thời gian chiên đến chất lượng sản phẩm; ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm chiên. Kết quả thí nghiệm cho thấy, sản phẩm có độ bền gel cao và giá trị cảm quan cao nhất khi phối trộn từ 50% thịt cá ba sa với 50% thịt heo nạc và bổ sung 5% bột bắp tạo cho sản phẩm có cấu trúc dẻo dai, độ đàn hồi tốt. Sản phẩm được chiên ở 1600C trong 8 phút thì sản phẩm có màu sắc, giá trị cảm quan là tốt nhất, sản phẩm khi được bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0-50C trong 12 ngày vẫn giữ được chất lượng.

300	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i> L.)	Nguyễn, Thị Thanh Nhi	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i>). Đề tài được thực hiện thông qua 2 thí nghiệm: (i) Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng 100oC trong 3 giờ và ngâm trong ethanol 96% trong 24 giờ thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolic có trong dịch chiết, (ii) Khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết khi bổ sung vào dầu cá hồi và dầu cá biển ở nhiệt độ 60oC thông qua chỉ số peroxide và Tbars. Kết quả cho thấy dịch chiết được thu được từ dung môi chiết là nước nóng 100oC với giá trị nồng độ chất chống oxy hóa mà hoạt tính đạt được 50% (IC50 = 24,1 µg/mL) cao hơn so với dịch chiết bằng dung môi ethanol 96%, tổng hàm lượng phenolic của dịch chiết bằng nước nóng 100oC cao hơn (60,9 mgGAE/g). Cao chiết thu được từ dung môi nước nóng 100°C có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá biển và dầu cá hồi thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản. Những kết quả thu được trong nghiên cứu này chỉ ra rằng <i>Mentha crispa</i> có tiềm năng để sử dụng như một tác nhân chống oxy hóa tự nhiên
301	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất sản phẩm tôm thẻ chân trắng (<i>Litopennaeus vannamei</i>) xê bướm tằm gia vị sấy	Nguyễn, Thị Mỹ Lộc.	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất tôm thẻ chân trắng (<i>Litopennaeus vannamei</i>) xê bướm tằm gia vị sấy nhằm tạo ra sản phẩm mới, có chất lượng tốt và đa dạng hóa các sản phẩm về khô cũng như nâng cao được giá trị kinh tế của loài tôm thẻ chân trắng. Đề tài thực hiện bao gồm 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của loại dung dịch rửa nguyên liệu đến chất lượng của sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ gia vị đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng của sản phẩm, (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi tiền xử lý (rửa) nguyên liệu bằng dung dịch acid citric 0,1% và ngâm nguyên liệu trong dung dịch gia vị có nồng độ 5% muối, 3% sorbitol, 4% đường, 3% tỏi, 0,5% tiêu và 1% ớt bột trong thời gian 30 phút. Sau đó, mẫu được sấy ở 60°C trong 4 giờ tạo nên sản phẩm tôm thẻ xê bướm tằm gia vị sấy có giá trị cảm quan cao, sản phẩm có màu cam đặc trưng, mùi vị thơm ngon, hấp dẫn. Sản phẩm được bao gói, hút chân không vẫn đạt chất lượng tốt trong suốt 5 ngày khi bảo quản lạnh.

302	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá xương xanh (Tylosurus acus melanotus) sốt chua ngọt đóng hộp	Ngũ, Kiều Trinh	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất cá xương xanh sốt chua ngọt được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của thời gian chiên sơ bộ đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ cà chua:khóm và tỷ lệ muối:đường trong nước sốt đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng cảm quan và vi sinh của sản phẩm, (iv) khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm đến chất lượng sản phẩm đồ hộp ở nhiệt độ phòng. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi chiên cá ở 160°C trong 2 phút, sản phẩm đạt chất lượng cảm quan tốt nhất. Nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng khi dùng tỷ lệ % muối:đường là 3:6 và tỷ lệ % cà chua:khóm là 40:60. Thanh trùng ở nhiệt độ 118°C và giữ nhiệt trong 60 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan, vi sinh. Sản phẩm vẫn đảm bảo tốt nhất về cảm quan và an toàn cho người sử dụng khi bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 7 tuần.
303	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây ngò rí (Coriandrum sativum) lên bảo quản lạnh cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) phi lê	Nguyễn, Thị Thảo Linh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết cây ngò rí đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản lạnh. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết ngò rí với nồng độ 384 µg/mL, 599 µg/mL và nước lạnh trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 sau đó cho vào túi PE (3 miếng cá/ túi) bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 6, 9 và 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như ẩm độ, nhiệt độ, pH, tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước và chỉ số peroxide. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết ngò rí với nồng độ 384 µg/mL và 599 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của cá tra phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 9 ngày cho hai nghiệm thức (384 µg/mL dịch chiết và nghiệm thức đối chứng). Ngoài ra, cá phi lê có thể sử dụng đến 12 ngày cho nghiệm thức 599 µg/mL dịch chiết dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
304	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây tần dày lá (Plectranthus amboinicus) đến chất lượng của tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Thị Tú Hảo	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định sự ảnh hưởng của dịch chiết tần dày lá đến chất lượng của tôm thẻ nguyên con trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức bảo quản lạnh (i) tôm thẻ được nhúng qua dịch chiết tần dày lá ở nồng độ 134 µg/mL (IC50), (ii) tôm thẻ được nhúng qua dịch chiết tần dày lá ở nồng độ 293 µg/mL (IC100) và (iii) tôm thẻ được nhúng qua nước lạnh (nghiệm thức đối chứng) ngâm trong 30 phút ở 40C với tỉ lệ tôm:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 4, 8, 12. Sự biến đổi chất lượng tôm được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, chỉ số Peroxide. Nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy sản phẩm có thể sử dụng đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức. Sử dụng dịch chiết tần dày lá đã làm tăng giá trị cảm quan, tăng khả năng kháng khuẩn của sản phẩm. Ngoài ra, dịch chiết ở nồng độ 293 µg/mL đã hạn chế sự oxy hóa chất béo.

305	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây quế vị (<i>Limnophila rugosa</i>)	Nguyễn, Thi Ngọc Hân	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài thực hiện nhằm khảo sát khả năng chống oxy hóa của cây quế vị (<i>Limnophila rugosa</i>), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết cây quế vị trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Nghiên cứu được thực hiện tại bộ môn Chế Biến Thủy Sản, Khoa Thủy Sản, Trường Đại Học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018. Đề tài thực hiện thông qua 2 thí nghiệm : (1) khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng ở 100oC và ethanol 90% thông khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolic có trong dịch chiết, (2) khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết cây quế vị khi bổ sung vào dầu cá biển và dầu cá hồi ở nhiệt độ 60oC thông qua chỉ số Peroxide và Tbars. Kết quả cho thấy cao chiết cây quế vị được chiết tách bằng nước nóng 100oC có hoạt tính chống oxy hóa, khử gốc tự do DPPH (IC50= 0,27 mg/mL), cao hơn so với cao chiết bằng dung môi ethanol 90% (IC50=0.78 mg/mL) dù hàm lượng phenolic của ca chiết bằng ethanol cao hơn (2.4 mgGAE/100mg cao chiết). Cao chiết thu được từ dung môi nước nóng 100oC có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá biển và dầu cá hồi thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV, Tbar trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.
306	Đại học	Nghiên cứu sản xuất đồ hộp cá cam (<i>Seriola dumerili</i>) sốt chua cay	Nguyễn, Thị Tiên	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất đồ hộp cá cam sốt chua cay được thực hiện để tạo ra sản phẩm đồ hộp phong phú, đa dạng đạt chất lượng về mặt cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đề tài được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (ii) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ gia vị đến mùi vị nước sốt chua cay, (iii) Khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng sản phẩm, (iv) Khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy thời gian hấp là 8 phút và tỉ lệ gia vị với muối 1,5%, đường 4%, thanh trùng ở nhiệt độ 121°C trong 60 phút và bảo quản trong 7 tuần thì sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về vệ sinh thực phẩm.
307	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm khoai tây nhân chả cá điều hồng (Oreochromis sp) tẩm bột chiên xù	Ngô, Thị Kim Ngân	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất sản phẩm khoai tây nhân chả cá điều hồng tẩm bột chiên xù được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, phong phú và tiện lợi. Nghiên cứu được thực hiện thông qua bốn thí nghiệm: (I) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn cá điều hồng và thịt ba chỉ đến cấu trúc và cảm quan của sản phẩm, (II) tỉ lệ chả cá và khoai tây, (III) ảnh hưởng của thời gian chiên (6,8 và 10 phút) ở nhiệt độ 160°C đến chất lượng sản phẩm, (IV) ảnh hưởng thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng của sản phẩm đã qua chiên sơ bộ, các chỉ tiêu về cảm quan, chỉ số peroxit và vi sinh được khảo sát. Kết quả cho thấy, tỉ lệ cá điều hồng : thịt ba chỉ là 50% : 50% và tỉ lệ chả cá : khoai tây là 1 : 1,5 đạt giá trị cảm quan và cấu trúc cao nhất. Thời gian chiên thích hợp nhất cho sản phẩm là 8 phút ở nhiệt độ 160°C và sản phẩm có thể đảm bảo chất lượng trong 9 ngày ở nhiệt độ lạnh (3 - 5°C).

308	Đại học	Nghiên cứu sản xuất khô cá nhệch (Pisodonophis boro) tẩm gia vị sấy	Nguyễn, Thị Nguyệt Minh	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu sản xuất khô cá nhệch tẩm gia vị được thực hiện nhằm đa dạng hóa các sản phẩm khô và làm tăng giá trị của cá nhệch. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm (i) ảnh hưởng của nồng độ acid acetic trong khử mùi và nhót, (ii) tỷ lệ muối và đường trong công đoạn ngâm gia vị, (iii) thời gian sấy khô và (iv) thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm khô cá nhệch tẩm gia vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá được ngâm trong dung dịch acid acetic 2% trong thời gian 5 phút đạt hiệu quả khử nhót và mùi cao nhất. Sau đó, cá được ngâm trong dung dịch với nồng độ muối 6%, đường 9% trong thời gian 30 phút rồi đem sấy khô ở nhiệt độ 60-65 trong 10 giờ tạo sản phẩm có màu sắc đẹp, mùi thơm đặc trưng, vị hài hòa, cấu trúc giòn đều. Sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiêu chuẩn vi sinh trong 4 tuần bảo quản ở 0-4 C.
309	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá nục (Decapterus lajang) sốt mía đóng hộp	Nguyễn, Kim Chung	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài “nghiên cứu sản xuất cá nục (Decapterus lajang) sốt mía đóng hộp” được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị của cá nục. Thí nghiệm được tiến hành tại Bộ môn Chế biến Thủy Sản, Khoa Thủy Sản, Trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu được tiến hành với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp đến chất lượng của sản phẩm. (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nước mía đến chất lượng của sản phẩm. (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian thanh trùng đến chất lượng sản phẩm. (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm và vi sinh. Kết quả cho thấy, sản phẩm cá nục sốt mía đạt giá trị cảm quan tốt nhất khi hấp sơ bộ 4 phút, tỷ lệ nước mía trong sốt là 75%, thanh trùng ở 118°C trong 45 phút, đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn vi sinh trong 7 tuần khi bảo quản ở nhiệt độ thường.
310	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây diếp cá (Houttuynia cordata)	Nguyễn, Tuấn Cảnh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài nhằm mục đích khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây diếp cá (Houttuynia cordata), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng dịch chiết cây diếp cá trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Cao chiết được chiết bởi nước nóng trong 3 giờ và ngâm trong ethanol 96% trong 24 giờ. Hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết được thể hiện thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolic có trong cao chiết. Bổ sung cao chiết thu được vào dầu cá hồi và dầu cá biển và giữ ở nhiệt độ 60°C để khảo sát khả năng chống oxy hóa trong bảo quản dầu thông qua chỉ số peroxides và TBARS. Kết quả cho thấy, cao chiết cây diếp cá được chiết bằng ethanol 96% có hoạt tính chống oxy hóa, khử gốc tự do DPPH (IC50 = 0,11 mg/mL) và tổng hàm lượng hợp chất phenolic (4,50 mg GAE/100mg dịch chiết) đều cao hơn so với cao chiết bằng nước nóng. Cao chiết thu được từ dung môi ethanol 96% có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá hồi và dầu cá biển thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.

311	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia hirta</i> L.) lên bảo quản lạnh cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê	Nguyễn, Văn Phô	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi chất lượng của phi lê cá bớp xử lý bằng cao chiết cây cỏ sữa 0,06% và trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm hai nghiệm thức. Nghiệm thức 1 (NT1), 16 miếng cá phi lê (0,8-1,2 kg) ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, để ráo, sau đó cho vào túi PE, bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá:cá là 1:1. Nghiệm thức 2 (NT2), 16 miếng cá phi lê (0,8-1,2 kg) được ngâm trong dung dịch cao chiết cây cỏ sữa 0,06% trong 30 phút, để ráo sau đó cho vào túi PE, bảo quản tương tự NT1. Thu mẫu vào các ngày 1, 5, 10, và 15. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, ẩm độ, khả năng giữ nước (WHC), độ đàn hồi, hàm lượng nitơ bazo bay hơi (Total Volatile Base Nitrogen, TVB-N), Peroxide value (PV), Thiobarbituric Acid Reactive substances (TBARS), màu sắc cơ thịt, giá trị cảm quan, tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC). Kết quả cho thấy phi lê cá bớp xử lý với cao chiết cỏ sữa 0,06% có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 10 ngày cho cả hai nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
312	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia hirta</i>) đến chất lượng cá basa (<i>Pangasius bocourti</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá những thay đổi về chất lượng của cá basa fillet (<i>Pangasius bocourti</i>) nhúng trong dịch chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia hirta</i>) trong suốt 16 ngày bảo quản lạnh bằng nước đá. Phi lê cá được nhúng vào dịch chiết cỏ sữa với nồng độ 0,06% và 0,2% (w/v), mẫu đối chứng được nhúng trong nước. Việc thu mẫu được thực hiện vào các ngày 0, 4, 8, 12 và 16. Sự thay đổi chất lượng của cá basa phi lê được đánh giá thông qua các chỉ tiêu tổng vi sinh vật hiếu khí (TVC), pH, tổng lượng bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số peroxide (PV), TBARS, khả năng giữ nước (WHC), cấu trúc và cảm quan. Kết quả chỉ ra rằng mẫu cá được xử lý với dịch chiết cỏ sữa cho chất lượng cảm quan tốt hơn so với mẫu đối chứng. Chất lượng của miếng cá basa phi lê có thể được duy trì trong thời gian 8 ngày bảo quản lạnh thông qua chỉ tiêu tổng vi sinh vật hiếu khí và cảm quan.
313	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của cao chiết từ cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i> L.) đến khả năng bảo quản lạnh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê	Nguyễn, Thị Thúy An	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của dịch chiết cây húng lủi đến chất lượng cá tra phi lê bảo quản lạnh. Thí nghiệm nhúng được bố trí gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong nước lạnh (đối chứng), dịch chiết húng lủi với nồng độ 24 µg/mL (IC50) và nồng độ 84 µg/mL (IC100) ở nhiệt độ là 4oC trong 30 phút. Thu mẫu vào các ngày 1, 6, 9, 12. Sự biến đổi chất lượng cá tra phi lê được đánh giá qua các chỉ tiêu nhiệt độ, pH, tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước (WHC) và chỉ số eroxid (PV). Kết quả cho thấy, cá tra phi lê được ngâm trong dịch chiết cây húng lủi có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản lạnh. Chất lượng của phi lê cá tra có thể được duy trì tốt hơn trong thời gian 9 ngày khi được nhúng trong dịch chiết húng lủi có nồng độ IC100 (84 µg/mL).

314	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm tôm viên chiên giòn nhân phô mai	Phạm, Hồng Trâm	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm tôm viên chiên giòn nhân phô mai được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và góp phần phong phú thêm sản phẩm từ nguyên liệu tôm thẻ chân trắng. Nghiên cứu gồm 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát ảnh hưởng của bột bắp đến chất lượng sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ nhân phô mai so với chả tôm đến chất lượng sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian chiên đến chất lượng sản phẩm, (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy sản phẩm có tỉ lệ phối trộn 70% tôm, 30% thịt bổ sung 7% bột bắp và tỉ lệ phô mai : tôm là 1:6, chiên ở 140°C trong dầu 8 phút tạo ra sản phẩm có bề mặt giòn, xốp, cấu trúc dẻo dai, đàn hồi, màu sắc, mùi vị đặc trưng. Sản phẩm sau khi bảo quản trong 6 ngày ở điều kiện nhiệt độ lạnh (0- 5°C) đảm bảo chất lượng cảm quan và an toàn cho người sử dụng.
315	Đại học	Ảnh hưởng dịch chiết rau ngò om (<i>Limnophila aromatica</i>) đến chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Phạm, Văn Giàu	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết rau ngò om đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết ngò om với 93,9 µg/mL, 146 µg/mL và nước cất trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 (w/v) sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 6, 9 và 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, ẩm độ, chỉ số Peroxide. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết ngò om 93,9 µg/mL và 146 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của cá tra phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm dịch chiết ngò om 146 µg/mL có thể bảo quản đến 12 ngày dựa vào giá trị cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
316	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây quế đất (<i>Limnophila rugosa</i>) đến chất lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) fillet trong điều kiện bảo quản lạnh	Phạm, Thị Huyền Trâm	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng bảo quản của dịch chiết quế đất (<i>Limnophila rugosa</i>) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức bảo quản lạnh (1) cá lóc phi lê được nhúng qua dịch chiết cây quế đất ở nồng độ 265 µg/mL (IC50), (2) cá lóc phi lê được nhúng qua dịch chiết cây quế đất ở nồng độ 410 µg/mL (IC100) và cá lóc phi lê được nhúng qua nước lạnh (nghiệm thức đối chứng). Cá lóc phi lê (80-100g), được bao gói bằng bao PE. Mỗi bao chứa 1 miếng cá và mỗi nghiệm thức gồm 25 miếng cá. Cá sau khi chuẩn bị được bảo quản trong thùng xốp với tỷ lệ đá:cá là 1:1. Thu mẫu vào các ngày 1, 3, 6, 9 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, ẩm độ, giá trị cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước (WHC), pH và PV. Kết quả cho thấy sản phẩm có thể sử dụng đến 6 ngày cho cả ba nghiệm thức. Sử dụng dịch chiết lá cây quế đất cho giá trị cảm quan tốt hơn và hạn chế sự oxy hóa chất béo.

317	Đại học	Thử nghiệm sản xuất đồ hộp pate từ gan và thịt cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Phạm, Thị Diễm Phương	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài thử nghiệm sản xuất đồ hộp pate từ gan và thịt cá tra được thực hiện góp phần làm đa dạng hóa các mặt hàng đồ hộp từ nguyên liệu thủy sản và tạo ra sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) Khảo sát tỉ lệ phối trộn của gan cá và thịt cá ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. (ii) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ muối - đường đến cấu trúc và giá trị cảm quan của sản phẩm. (iii) Khảo sát sự ảnh hưởng của nhiệt độ thanh trùng đến giá trị cảm quan và vi sinh của sản phẩm. (iv) Khảo sát sự biến đổi của chất lượng sản phẩm trong thời gian bảo quản. Kết quả thí nghiệm cho thấy cấu trúc sản phẩm tốt và giá trị cảm quan cao ở tỉ lệ gan cá và thịt cá là 6:4. Mùi vị hài hòa, đặc trưng khi bổ sung 1,5% muối, 1% đường, 0,5% bột ngọt và 2% tiêu sọ. Thanh trùng ở nhiệt độ 118⁰C trong thời gian 45 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt chất lượng tốt về cảm quan và vi sinh. Sau thời gian 7 tuần ở nhiệt độ phòng sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng cảm quan và an toàn cho người sử dụng.
318	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết từ cây ôi (Psidium guajava) bổ sung thức ăn trong nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) đến khả năng bảo quản lạnh cơ thịt	Trần, Quang Huy	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết ôi được bổ sung vào thức ăn đến sự biến đổi chất lượng của cá tra (Pangasiannodon hyphohthalmus) phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Thức ăn được bổ sung cao chiết ôi với các nồng độ 0,08%, 0,2% và 0,5%. Mẫu đối chứng là mẫu thức ăn không bổ sung cao chiết. Sau 2,5 tháng cá được thu hoạch, phi lê và bảo quản bằng nước đá. Sự biến đổi chất lượng cá trong suốt 16 ngày được đánh giá qua các chỉ tiêu như cảm quan, pH, tổng số vi sinh vật hiếu khí (TVC), giá trị peroxide (PV) và chỉ số TBARS. Kết quả cho thấy phi lê cá tra thu được từ nghiệm thức thức ăn bổ sung cao chiết ôi 0,5% đạt giá trị cảm quan tốt nhất, đồng thời giúp hạn chế biến đổi về mặt vi sinh và oxy hóa chất béo. Chất lượng cơ thịt cá tra phi lê có thể được kéo dài trong thời gian 8 ngày bảo quản.
319	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết từ cây diệp hạ châu (Phyllanthus amarus) bổ sung ở các nồng độ khác nhau trong thức ăn nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) đến khả năng bảo quản lạnh cơ thịt cá	Phạm, Thị Ngọc Như	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết cây diệp hạ châu được bổ sung vào thức ăn nuôi cá tra đến chất lượng cơ thịt cá trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm nuôi được bố trí với bốn nghiệm thức: thức ăn đối chứng không có bổ sung cao chiết và thức ăn chứa cao chiết diệp hạ châu với các nồng độ 0,08%, 0,2%, 0,5%. Cá được nuôi 2 tháng và cho ăn mỗi ngày với lượng thức ăn 3-5% trọng lượng cá. Sau 2 tháng, cá được thu hoạch, phi lê và bảo quản trong thùng xốp bằng nước đá với tỷ lệ cá: đá là 1: 1. Thu mẫu cơ thịt cá vào các ngày 0, 4, 8, 12, 16. Sự biến đổi chất lượng của cá trong thời gian bảo quản được đánh giá bằng các chỉ tiêu pH, tổng vi sinh vật hiếu khí (TVC), giá trị peroxide (PV), chỉ số Thiobarbituric acid

320	Đại học	Khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết cây hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i>)	Trần, Thị Ngọc Như	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết hương thảo từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng cao chiết hương thảo trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Đề tài bao gồm hai thí nghiệm: (1) khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng và ethanol 96% thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolics có trong cao chiết, (2) khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết hương thảo khi bổ sung vào dầu cá biển và dầu cá hồi ở nhiệt độ 60°C thông qua đánh giá chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy, cao chiết thu được từ hai loại dung môi nước nóng và ethanol 96% đều cho khả năng khử gốc tự do DPPH cao với giá trị IC50 lần lượt là 13,0 và 17,8 µg/mL tổng hàm lượng hợp chất phenolics lần lượt là 77,3 và 67,5 mgGAE/g nguyên liệu khô. Sự khác biệt về chỉ số peroxide giữa hai mẫu dầu trong suốt 12 ngày bảo quản ở nhiệt độ 60°C cho thấy tiềm năng của việc ứng dụng cao chiết hương thảo trong quá trình bảo quản các loại dầu khác nhau.
321	Đại học	Đánh giá chất lượng sản phẩm cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) nuôi trong môi trường nước ngọt và nước lợ	Trần, Thúy Vy	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát chất lượng sản phẩm cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê nuôi trong môi trường nước ngọt và nước lợ ở điều kiện bể nuôi tuần hoàn. Thí nghiệm được thực hiện gồm hai nghiệm thứ là cá tra nuôi trong môi trường nước ngọt và trong môi trường nước lợ ở bể nuôi tuần hoàn, mẫu có khối lượng (<700g) rồi tiến hành phi lê và đem bảo quản bằng nước đá trong 5 ngày. Mỗi nghiệm thức gồm 18 miếng cá phi lê. Thu mẫu vào cả ngày 0 và ngày 5. Sự biến đổi chất lượng sản phẩm cá tra phi lê nuôi ở bể nuôi tuần hoàn được đánh giá qua các chỉ tiêu điểm cảm quan, tổng số vi khuẩn hiếu khí, chỉ số Peroxide và chỉ số Thiobarbituric acid reactive substances, cấu trúc, định mức, nhiệt độ. Ngoài ra đo màu và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy sản phẩm cá tra phi lê nuôi trong môi trường nước lợ có điểm cảm quan cao hơn sản phẩm cá tra phi lê nuôi trong môi trường nước ngọt trong suốt quá trình bảo quản. Bên cạnh đó, sản phẩm có thể bảo quản 5 ngày cho cả hai nghiệm thức dựa trên tiêu chí tổng số vi sinh vật hiếu khí và điểm cảm quan.

322	Đại học	Nghiên cứu sản xuất khô cá sấu (Crocodylus siamesis) tẩm gia vị ăn liền	Trần, Thị Thúy Hằng	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu sản xuất khô cá sấu (Crocodylus siamesis) tẩm gia vị ăn liền được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị của cá sấu. Nghiên cứu được thực hiện tại Bộ môn Chế Biến Thủy Sản, khoa Thủy Sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018. Nghiên cứu được tiến hành với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ gia vị cay lên chất lượng cảm quan của sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ tẩm ướp gia vị Teriyaki lên chất lượng cảm quan của sản phẩm, (iii) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian sấy lên chất lượng sản phẩm và (iv) khảo sát sự ảnh hưởng của các thời gian bảo quản lên chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy, sản phẩm có màu sắc và điểm cảm quan cao nhất khi ướp với tỷ lệ gia vị 7% muối, 14% đường, 2% tỏi, 1% tiêu, 4% ớt trong 30 phút hay khi ướp cá với tỷ lệ 20% sốt teriyaki, 1.5% tiêu trong 1 giờ. Sản phẩm đạt giá trị cảm quan cao nhất khi sấy ở nhiệt độ 60 - 65°C trong 7 giờ. Sản phẩm vẫn duy trì chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng sau 4 tuần bảo quản lạnh ở nhiệt độ 0 - 5°C
323	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá sa ba (Scomber japonicus) sốt chanh dây đóng hộp	Trương, Thị Huỳnh Nương	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất cá sa ba sốt chanh dây đóng hộp được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của thời gian chiên sơ bộ đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (ii) khảo sát tỷ lệ chanh dây trong nước sốt đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng cảm quan và vi sinh của sản phẩm, (iv) khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm đến chất lượng sản phẩm đồ hộp ở nhiệt độ phòng. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi chiên cá ở 140°C trong 3 phút, sản phẩm đạt chất lượng cảm quan tốt nhất. Nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng khi bổ sung 15% đường, 3% muối, 0,5% bột ngọt, 51,5% nước và 30% chanh dây. Thanh trùng ở nhiệt độ 115°C và giữ nhiệt trong 60 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan, vi sinh. Sản phẩm vẫn đảm bảo tốt nhất về cảm quan và an toàn cho người sử dụng khi bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 7 tuần.

324	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amarus</i> Schum.et Thonn) lên bảo quản lạnh tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius)	Trà, Thị Lệ	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng cao chiết Diệp Hạ Châu trong bảo quản lạnh tôm sú. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức. Nghiệm thức (1), 100 con tôm ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, để ráo 5 phút, sau đó cho vào túi PA, 25 con tôm/túi, bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá: tôm là 1:1 trong thùng xốp. Nghiệm thức (2), 100 con tôm được ngâm trong dịch chiết Diệp Hạ Châu 7,71 □g/mL trong 30 phút, bảo quản tương tự như nghiệm thức 1. Nghiệm thức (3), 100 con tôm ngâm trong dịch chiết Diệp Hạ Châu 151 □g/mL trong 30 phút sau đó thực hiện tương tự như nghiệm thức 1 và 2. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, ẩm độ, pH, TVB-N, PV và TBARs. Kết quả cho thấy tôm sú có xử lý diệp hạ châu 7,71 □g/mL và 156 □g/mL có giá trị cảm quan cao hơn tôm sú ở mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản lạnh. Tuy nhiên ở nồng độ này cao chiết diệp hạ châu không thể hiện rõ tác dụng kháng khuẩn. Sản phẩm có thể sử dụng đến 8 ngày cho tôm có hay không có xử lý diệp hạ châu.
325	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour, Spreng) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Trần, Minh Tuyền	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của dịch chiết cây tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour. Spreng) đến chất lượng của cá lóc phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức. Nghiệm thức (1), 20 miếng cá phi lê (100 - 150 g) ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, để ráo 10 phút, để khô trong 10 phút sau đó cho vào túi PE, 5 miếng cá/túi, bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá:cá là 1:1 trong thùng xốp. Nghiệm thức (2), 20 miếng cá phi lê (100 - 150 g) được ngâm trong dịch chiết tần dày lá ở nồng độ 134 µg/mL trong 30 phút, để ráo 10 phút, sau đó cho vào túi PE, 5 miếng cá/túi, bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá:cá là 1:1 trong thùng xốp. Nghiệm thức (3), 20 miếng cá phi lê (100 - 150 g) được ngâm trong dịch chiết tần dày lá ở nồng độ 293 µg/mL và thực hiện tương tự nghiệm thức (1) và (2). Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, pH và PV. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết tần dày lá ở nồng độ 134 µg/mL và ở nồng độ 293 µg/mL có vi sinh tổng số và PV thấp hơn, có giá trị cảm quan cao hơn so với mẫu đối chứng của cá lóc phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sau 12 ngày bảo quản, mẫu xử lý với dịch chiết vẫn giữ được chất lượng tốt trong khi đối với mẫu không xử lý dịch chiết chỉ có thể sử dụng đến 8 ngày.

326	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh (<i>Camelha sinensis</i>) đến chất lượng cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Võ, Hoàng Kha	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi chất lượng của cá bớp phi lê xử lý ngâm dịch chiết trà xanh và bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 2 nghiệm thức (1) bảo quản trong điều kiện nước đá và (2) bảo quản trong điều kiện nước đá có ngâm dịch chiết trà xanh nồng độ 0,06%. Nghiệm thức (1), 16 miếng cá phi lê (800-1200 g) ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, để ráo 10 phút, sau đó cho vào túi PE, bảo quản bằng nước đá trong thùng xốp. Nghiệm thức (2), 16 miếng cá phi lê được ngâm trong dịch chiết trà xanh nồng độ 0,06% trong 30 phút, để ráo 10 phút, sau đó cho vào túi PE, bảo quản tương tự nghiệm thức 1. Thu mẫu vào các ngày 1, 5, 10 và 15. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, pH, TVB-N, PV, TBARs và đo màu. Kết quả cho thấy phi lê cá bớp có xử lý ngâm dịch chiết trà xanh (0,06%) có giá trị cảm quan cao hơn và hía trị PV và TBARs thấp hơn so với cá đối chứng trong quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 10 ngày cho cả xử lý hay không xử lý ngâm trong dịch chiết trà xanh. Sau 15 ngày bảo quản, số lượng vi khuẩn hiếu khí vượt quá mức cho phép 106 CFU/g (Bộ Y Tế, 2012). Sử dụng dịch chiết trà xanh đã làm giảm tổng số vi sinh vật hiếu khí so với mẫu đối chứng.
327	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây ngò om (<i>Limnophila aromatica</i>)	Võ, Huyền Phương Trúc	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết từ bột cây ngò om (<i>Limnophila aromatica</i>), từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng dịch chiết ngò om trong việc bảo quản các sản phẩm thủy sản. Cao chiết được chuẩn bị từ dung môi chiết là nước nóng trong 6 giờ và ethanol 96% trong 48 giờ. Đề tài được thực hiện thông qua hai thí nghiệm: (1) hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết được đánh giá thông qua khả năng khử gốc tự do 2,2-diphenyl-2-picrylhydrazyl (DPPH) và tổng hàm lượng phenolic có trong dịch chiết. (2) Dịch chiết từ bột ngò om được bổ sung vào dầu cá hồi và dầu cá biển nhằm đánh giá khả năng chống oxy hóa ở nhiệt độ 60°C được thực hiện thông qua việc xác định chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy dịch chiết cây ngò om được chiết tách bằng nước nóng có hoạt tính chống oxy hóa, khử gốc tự do DPPH (IC50 = 93,9 µg/mL), cao hơn so với dịch chiết bằng dung môi ethanol 96% dù hàm lượng phenolic của dịch chiết bằng ethanol cao hơn (45,3 mgGAE/g dịch chiết). Dịch chiết thu được từ dung môi nước nóng có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá hồi và dầu cá biển thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.

328	Đại học	Nghiên cứu sản xuất mực (<i>Loligo forbesii</i>) nhồi chả cá mè trắng sốt kim chi đóng hộp	Võ, Huyền Trân	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất mực nhồi chả cá mè trắng sốt kim chi đóng hộp được thực hiện nhằm làm phong phú các sản phẩm đồ hộp có trên thị trường, đạt chất lượng về cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ mực: chả đến chất lượng cảm quan của sản phẩm, (ii) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian cô đặc đến chất lượng cảm quan của sản phẩm, (iii) khảo sát sự ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng của sản phẩm, (iv) khảo sát thời gian bảo quản sản phẩm ở nhiệt độ phòng. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ mực:chả là 1: 0,65 cho nhân sản phẩm có cấu trúc săn chắc. Nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng khi cô đặc ở 100°C trong 5 phút. Quá trình thanh trùng được thực hiện ở nhiệt độ 115°C và giữ nhiệt trong 15 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan. Sản phẩm vẫn đảm bảo tốt về chất lượng cảm quan và vi sinh cho người sử dụng sau khi bảo quản ở nhiệt độ phòng trong vòng 7 tuần.
329	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chả bông tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Huỳnh, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chả bông tôm sú” nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình chế biến sản phẩm chả bông từ thịt tôm sú. Đề tài được thực hiện gồm 4 thí nghiệm như sau: khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ (%) glycerol và nước mắm, khảo sát sự ảnh hưởng của phương thức sao thích hợp, khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian bảo quản ở nhiệt độ phòng (28 - 30°C) và khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian bảo quản ở nhiệt độ lạnh (0 - 4°C) đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả cho thấy, tỷ lệ glycerol và nước mắm bổ sung thích hợp là 2% và 6% cho sản phẩm có giá trị cảm quan tốt, nhiệt độ sao ở $70 \pm 2^\circ\text{C}$ theo phương thức 2 (sao đến độ ẩm 29,95%, đánh tơi và ủ 1 giờ, sao đến độ ẩm 19,95%) thu được sản phẩm chả bông có hoạt độ nước và hiệu suất thu hồi ổn định. Sản phẩm được đóng gói bằng bao bì PA, hút chân không kết hợp với bảo quản lạnh (0 - 4°C) giúp duy trì chất lượng và đảm bảo an toàn vi sinh cho sản phẩm đến tuần thứ 3

330	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây diệp hạ châu đến chất lượng cá bóp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Trần, Tường Duy	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu trong bảo quản lạnh cá bóp. Nghiên cứu có hai nghiệm thức (1) cá bóp phi lê được nhúng trong nước lạnh và (2) cá bóp phi lê được nhúng trong dịch chiết diệp hạ châu nồng độ 0,02%. Trong nghiệm thức (1), 16 miếng cá phi lê (800-1200 g) được ngâm trong nước đá lạnh trong 30 phút với nhiệt độ $\leq 4^{\circ}\text{C}$ sau đó vớt ra để ráo và cho vào túi PE và được bảo quản bằng nước đá trong thùng xốp. Nghiệm thức (2), 16 miếng cá bóp phi lê được nhúng trong dịch chiết diệp hạ châu nồng độ 0,02% trong 30 phút với nhiệt độ $\leq 4^{\circ}\text{C}$ sau đó vớt ra để ráo và bảo quản lạnh tương tự như nghiệm thức (1). Việc lấy mẫu được thực hiện vào những ngày 1, 5, 10 và 15. Các thông số được đánh giá bao gồm pH, nhiệt độ, cấu trúc, cảm quan, hàm nitơ bazo bay hơi (TBV-N), tổng số vi khuẩn hiếu khí, chỉ số peroxyde (PV), chỉ số TBARS, khả năng giữ nước (WHC), đo màu và ẩm độ. Kết quả cho thấy cá bóp phi lê của cả hai nghiệm thức chỉ giữ được chất lượng và độ an toàn tốt trong suốt 10 ngày bảo quản. Sau 15 ngày bảo quản số lượng vi khuẩn hiếu khí vượt quá mức cho phép 106CFU/g (TCVN 5649:2006). Nghiệm thức có sử dụng dịch chiết diệp hạ châu có chất lượng cảm quan tốt hơn và tổng vi sinh vật hiếu khí thấp hơn so với mẫu đối chứng.
331	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia thymifolia</i> Burm) lên bảo quản lạnh tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Võ, Thị Quốc Hương	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa đến chất lượng của tôm sú nguyên con trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức, ngâm tôm sú trong dịch chiết cỏ sữa với nồng độ 652 $\mu\text{g/mL}$ và 14,08 $\mu\text{g/mL}$ và nước trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C. Mẫu sau đó được bảo quản bằng nước đá trong 12 ngày và thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Sự biến đổi chất lượng tôm được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, tổng lượng nitơ bazo bay hơi, chỉ số Peroxide và chỉ số Thiobarbituric acid reactive substances. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy cao chiết cỏ sữa thể hiện khả năng ức chế sự hình thành sản phẩm oxy hóa sơ cấp và thứ cấp. Thêm vào đó, xử lý tôm sú trong dịch chiết cỏ sữa có tác dụng làm tăng giá trị cảm quan tôm trong quá trình bảo quản.

332	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây ngò rí(<i>Coriandrum sativum</i>)	Văn, Thị Liễu	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát ảnh hưởng của dung môi chiết đến hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây ngò rí (<i>Coriandrum sativum</i>) từ đó làm tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng dịch chiết cây ngò rí trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Đề tài được thực hiện thông qua 2 thí nghiệm: (1) đánh giá hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết cây ngò rí bằng nấu chiết trong nước nóng và ngâm trong ethanol 96% thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolic có trong dịch chiết, (2) khảo sát khả năng chống oxy hóa của dịch chiết cây ngò rí thu được từ thí nghiệm 1 khi bổ sung vào dầu cá biển và dầu cá hồi ở 60°C thông qua chỉ số PV và TBARS. Kết quả cho thấy dịch chiết ngò rí thu được từ nấu chiết trong nước nóng có hoạt tính chống oxy hóa ($IC_{50} = 0,38\text{mg/ml}$) cao hơn so với dịch chiết thu được từ dung môi chiết ethanol 96% ($IC_{50} = 1,17\text{mg/ml}$) dù hàm lượng phenolic của dịch chiết thu được bằng ethanol 96% cao hơn (1,4 mg GAE/100mg). Cao chiết thu được từ dung môi nước nóng có thể sử dụng trong bảo quản dầu cá biển và dầu cá hồi thông qua sự khác biệt về hàm lượng PV và Tbars trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.
333	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá ổi (<i>Psidium guajava</i>) lên bảo quản lạnh cá bớp (<i>Rachycentron canadum</i>) phi lê	Thạch, Bảo Toàn	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết ổi đến chất lượng cá bớp phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm hai nghiệm thức (i) 16 miếng cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó vớt cá ra cho từng miếng cá vào từng túi riêng rồi đem bảo quản trong điều kiện nước đá với tỷ lệ nước đá:cá là 1:1. (ii) 16 miếng cá phi lê được nhúng cao chiết lá ổi với nồng độ 0,03% trong 30 phút ở điều kiện lạnh, sau đó vớt ra để ráo và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Cả hai nghiệm thức đều bảo quản lạnh trong 15 ngày và được đánh giá sự thay đổi chất lượng trong quá trình bảo quản thông qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cá trúc, màu sắc, khả năng giữ nước (WHC), tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR) trong các ngày 1, 5, 10, 15. Ngoài ra, nhiệt độ, pH, ẩm độ cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Chỉ số PV và TBAR được dùng để đánh giá khả năng chống oxy hóa của cao chiết lá ổi trên phi lê cá bớp. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBAR và TVB-N của mẫu được xử lý với cao chiết ổi thấp hơn mẫu đối chứng trong bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể sử dụng đến 10 ngày cho cả 2 mẫu dựa vào kết quả vi sinh và điểm cảm quan.

334	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây diệp hạ châu(<i>Phyllanthus amarus</i> Schum.et Thonn) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Trương, Thái Huy	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết cây diệp hạ châu đến chất lượng của cá lóc phi lê trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết diệp hạ châu với nồng độ 7,71µg/mL, nồng độ 156 µg/mL và nước trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, độ đàn hồi, khả năng giữ nước, tổng lượng nitơ bazơ bay hơi, chỉ số Peroxide và chỉ số Thiobarbituric acid reactive substances. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết diệp hạ châu 7,71µg/mL và 156 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của cá lóc phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Mẫu cá lóc phi lê xử lý diệp hạ châu 7,71µg/mL và 156 µg/mL có thể sử dụng đến 8 ngày, còn đối với mẫu đối chứng có thể sử dụng trong thời gian ngắn hơn 8 ngày dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
335	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chả ốc (<i>Pila polita</i>) trộn rau củ sốt kim chi đóng hộp	Trần, Thị Mỹ Tiên	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất đồ hộp chả ốc trộn rau củ sốt kim chi được thực hiện để tạo ra sự đa dạng cho sản phẩm đồ hộp, nhưng đạt được chất lượng cảm quan, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng thị yếu người tiêu dùng và nâng cao giá trị cho ốc bưu. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (1) Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa thịt ốc bưu và giò sống đến chất lượng sản phẩm, (2) khảo sát tỉ lệ % rau củ đến chất lượng cảm quan của sản phẩm, (3) khảo sát tỉ lệ % kim chi trong dung dịch nước sốt ảnh hưởng đến giá trị cảm quan, (4) Khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng cảm quan. Kết quả thí nghiệm cho thấy có thể sử dụng tỷ lệ phối trộn 40% thịt ốc, 60% giò sống. Bổ sung thêm 10% cà rốt và 10% bắp cải. Nước sốt tạo vị hài hòa cho ra chất lượng nước sốt tốt nhất khi tỷ lệ kim chi là 25% và bổ sung thêm 1,3% muối, 4% đường. Với chế độ thanh trùng là 118oC, thời gian giữ nhiệt 45 phút là chế độ tốt nhất, đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan, vừa đạt chất lượng về vi sinh.

336	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour.Spreng) đến chất lượng của cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Văn Yến Thanh	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng của dịch chiết tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour. Spreng) đến chất lượng cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức, ngâm cá rô phi phi lê trong nước đá, ngâm trong dịch chiết tần dày lá với nồng độ 134 µg/mL và 293 µg/mL trong 30 phút ở nhiệt độ 4°C. Phi lê cá rô phi được bao gói bằng PE. Mỗi ao chứa 1 miếng cá phi lê và mỗi nghiệm thức gồm 20 miếng cá. Phi lê cá sau khi chuẩn bị được bảo quản trong thùng xốp với tỉ lệ cá:đá là 1:1. Mẫu được thu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Sự thay đổi chất lượng của cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi sinh vật hiếu khí, điểm cảm quan, độ đàn hồi cơ thịt cá, khả năng giữ nước, chỉ số peroxide, pH và nhiệt độ. Kết quả cho thấy mẫu xử lí với dịch chiết tần dày lá 134 µg/mL và 293 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn so với mẫu đối chứng của cá rô phi phi lê trong suốt quá trình bảo quản. Sản phẩm có thể sử dụng đến 8 ngày cho cả 3 nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi sinh vật hiếu khí.
337	Đại học	Ảnh hưởng của kích cỡ đến chất lượng sản phẩm cá tra (<i>Pangasianodon hypotphthalmus</i>) nuôi ở điều kiện độ mặn trong bể nuôi tuần hoàn	Lê, Thị Ngọc Huyền	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của kích cỡ đến chất lượng cá tra fillet nuôi ở điều kiện độ mặn khoảng 7-10‰ trong bể nuôi tuần hoàn trong điều kiện bảo quản lạnh. Các miếng cá fillet cỡ nhỏ (khối lượng mỗi con <700 gram), cỡ trung bình (khối lượng mỗi con từ 750 – 1100 gram) và cỡ lớn (khối lượng mỗi con > 1150 gram) được bảo quản bằng nước đá trong thùng xốp với tỉ lệ nước đá và cá là 1:1. Mẫu được thu vào các ngày 0 và 5. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, đo màu, cấu trúc, định mức fillet, các thành phần hoá học của cá (ẩm độ, khoáng, lipid, protein), chỉ số Peroxide (PV) và chỉ số Thiobarbituric acid reactive substances (TBARs). Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy mẫu cá cỡ lớn có giá trị cảm quan cao hơn hai mẫu còn lại. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 5 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí

338	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chả cá tra (Pangasianodon hypotphthalmus) kết hợp thịt ốc bươu (Pila polita) sốt cà ri đóng hộp	Hồ, Thị Băng Tâm	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất đồ hộp chả cá tra kết hợp thịt ốc bươu sốt cà ri được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, có giá trị cao về mặt kinh tế và dinh dưỡng. Đề tài bao gồm 4 thí nghiệm (i) khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn thịt cá tra và thịt ốc, (ii) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian hấp, (iii) khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ bột cà ri, (iv) khảo sát sự ảnh hưởng của nhiệt độ thanh trùng, (v) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm đồ hộp. Kết quả cho thấy có thể sử dụng tỉ lệ phối trộn 70 thịt cá tra và 30% ốc cho sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất. Hấp trong thời gian 7 phút đạt được cấu trúc dẻo dai và độ đàn hồi tốt. Tỉ lệ bột cà ri để tạo vị hài hòa cho nước sốt là 2% cho sản phẩm có chất lượng cảm quan tốt. Thanh trùng ở nhiệt độ 118 °C và giữ nhiệt trong 45 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất. Cuối cùng, sản phẩm chả cá tra kết hợp thịt ốc bươu sốt cà ri vẫn đảm bảo tốt về chất lượng cảm quan và vi sinh cho người sử dụng sau khi bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 7 tuần.
339	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của cao chiết trà xanh (Camellia sinensis) đến chất lượng chả cá điêu hồng (Oreochromis sp) trong điều kiện bảo quản lạnh.	Nguyễn, Ngọc Huyền Trân	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của khả năng chống oxy hóa của cao chiết trà xanh đến chất lượng chả cá điêu hồng trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức bảo quản lạnh. Thịt cá xay nhuyễn được phối trộn với cao chiết trà xanh với các nồng độ khác nhau: 0% (nghiệm thức đối chứng), 7,63 mg/kg, 600 mg/kg. Mẫu sau đó được quét mịn trong 15 phút và định hình mẫu. Sau đó, mẫu được hấp trong 10 phút để nguội. Khối lượng mỗi mẫu là 20 g. Mỗi nghiệm thức gồm 60 mẫu (20 g) chia đều cho 4 túi PE và bảo quản lạnh trong tủ mát. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, cảm quan, độ đàn hồi, pH, WHC, ẩm độ và PV. Kết quả cho thấy mẫu có phối trộn với cao chiết trà xanh nồng độ 7,63 mg/kg và 600 mg/kg có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của chả cá trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan, tổng số vi khuẩn hiếu khí và oxy hóa chất béo.
340	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chả cá tai tượng (Osphronemus gouramy Lacepede)	Lâm, Sơn Hiệp	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài sản xuất sản phẩm chả cá tai tượng được thực hiện với mục đích tạo ra sản phẩm chả cá mới với chất lượng và giá trị cảm quan cao và nâng cao giá trị của cá tai tượng. Đề tài này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018. Nghiên cứu được thực hiện thông qua các khảo sát về tỉ lệ bột bắp, sorbitol, gelatin, gluten bổ sung vào chả và ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến sự thay đổi chất lượng của sản phẩm. Kết quả cho thấy tỉ lệ bổ sung của bột bắp, sorbitol, gelatin, gluten vào chả cá lần lượt là 5%, 1%, 1% và 2% cho giá trị cảm quan cao nhất và độ dẻo dai tốt nhất. Chả cá có thể đảm bảo chất lượng trong 6 ngày khi bảo quản lạnh ở nhiệt độ (0-5 °C).

341	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết trà xanh (Camellia sinensis) đến chất lượng của cá lóc (Channa striata) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Hứa, Thị Cẩm Thu	Trần, Minh Phú	2018	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết trà xanh đến chất lượng của cá lóc phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Nghiệm thức (1), 32 miếng cá phi lê (80-90 g) ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, để ráo trong 10 phút sau đó cho vào túi PE, 8 miếng cá/túi, bảo quản bằng nước đá, tỷ lệ đá:cá là 1:1 trong thùng xốp. Nghiệm thức (2), 32 miếng cá phi lê được nhúng trong cao chiết trà xanh nồng độ 7,63µg/mL, bảo quản tương tự nghiệm thức 1 Nghiệm thức (3), 32 miếng cá phi lê được nhúng trong cao chiết trà xanh nồng độ 25µg/mL bảo quản tương tự nghiệm thức 1 và 2. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, ẩm độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, đo màu, WHC, pH, TVB-N, PV và TBARS. Kết quả cho thấy phi lê cá lóc có xử lý cao chiết có giá trị cảm quan cao, PV và TBARS thấp hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 8 ngày cho hai nghiệm thức xử lý với cao chiết trà xanh dựa vào kết quả vi sinh và điểm cảm quan trong khi mẫu đối chứng chỉ có thể sử dụng ít hơn 8 ngày.
342	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá ổi lên chất lượng của cá lóc (Channa striata) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Đinh, Thị Bích Loan	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết lá ổi lên chất lượng cá lóc phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức (1) bảo quản cá lóc phi lê (100-150 g) trong điều kiện nước đá có kết hợp xử lý bằng cao chiết lá ổi với nồng độ MIC (312 µg/mL) (2) nồng độ IC50 (5,04µg/mL) và (3) nước lạnh trong thời gian 30 phút ở nhiệt độ dưới 40C với tỉ lệ cá:đá lần lượt là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá trong thùng xốp. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, độ đàn hồi, WHC, pH, TVB-N, ẩm độ, xác định thông số màu, chỉ số PV và TBARS, TVC, giá trị cảm quan. Kết quả cho thấy rằng, khi bổ sung cao chiết lá ổi đã cải thiện được giá trị cảm quan của sản phẩm so với mẫu không có xử lý cao chiết trong quá trình bảo quản lạnh. Thêm vào đó, cao chiết lá ổi có tác dụng làm giảm quá trình oxy hóa chất béo. Xét về mặt vi sinh, sản phẩm có xử lý cao chiết lá ổi có thể bảo quản được 8 ngày. Trong khi đó, mẫu không xử lý cao chiết lá ổi chỉ thời hạn sử dụng ngắn hơn 8 ngày.
343	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết cây diệp hạ châu (Phyllanthus) đến chất lượng cá basa (Pangasius bocourti) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Đặng, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi chất lượng của cá basa phi lê nhúng trong dịch chiết diệp hạ châu trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm được bố trí với ba nghiệm thức: phi lê cá basa lần lượt được ngâm trong nước lạnh (đối chứng), dịch diệp hạ châu ở nồng độ 0,02% và 0,04% (w/v). Cá được bao gói trong túi PE và trữ lạnh với tỷ lệ cá:đá là 1:1. Sự biến đổi chất lượng của cá basa phi lê được đánh giá thông qua các chỉ tiêu về nhiệt độ, pH, tổng vi sinh vật hiếu khí, cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, tổng lượng nitơ bazơ bay hơi, peroxide và TBARS. Kết quả cho thấy sử dụng dịch chiết diệp hạ châu mẫu có thể giúp cải thiện chất lượng cá basa phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể sử dụng đến 8 ngày cho nghiệm thức sử dụng dịch chiết diệp hạ châu 0,04%.

344	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm đồ hộp chả cá đánh (Puntioplites falcifer) nhân hạt sen sốt thái	Cao, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Lê Anh Đào	2018	Đề tài nghiên cứu sản xuất đồ hộp chả cá đánh nhân hạt sen sốt thái được thực hiện để tạo ra sự đa dạng cho sản phẩm đồ hộp, nhưng vẫn đạt chất lượng về cảm quan, an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị hiếu người tiêu dùng và nâng cao giá trị cho cá đánh. Đề tài được thực hiện thông qua 5 thí nghiệm: (1) Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bột bắp đến chất lượng chả cá, (2) Khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ chả cá và hạt sen đến chất lượng cảm quan của sản phẩm, (3) Khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ nước sốt thái và nước cốt me trong nước sốt, (4) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian cô đặc nước sốt, (5) Khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng cảm quan và độ bền gel của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy bổ sung 5% bột bắp làm cho chả cá đạt cấu trúc dẻo dai đàn hồi, có giá trị cảm quan cao nhất, tỷ lệ một hạt sen với 15g chả cá. Bổ sung 40% nước sốt thái và 10% nước cốt me, cô đặc thời gian 5 phút thì nước sốt có vị hài hòa cho sản phẩm có chất lượng cảm quan tốt. Sau cùng, với chế độ thanh trùng là 115°C, thời gian giữ nhiệt 10 phút là chế độ tốt nhất, vừa đảm bảo chất lượng cảm quan và vi sinh cho sản phẩm
345	Đại học	Nghiên cứu sản xuất xúc xích hồ lô nhân phô mai trứng muối từ thịt cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Trần, Nhật Bình	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất xúc xích hồ lô nhân phô mai trứng muối từ thịt cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) được thực hiện nhằm đa dạng hóa sản phẩm từ cá tra, giúp người tiêu dùng có thêm nhiều lựa chọn, nâng cao giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế của cá tra. Nghiên cứu thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (i) khảo sát tỷ lệ phối trộn của thịt cá tra và thịt heo, (ii) ảnh hưởng của thời gian quét, (iii) sự ảnh hưởng của thời gian hấp đến cấu trúc và giá trị cảm quan của sản phẩm, (iv) khảo sát sự biến đổi của chất lượng sản phẩm trong suốt thời gian bảo quản lạnh. Kết quả cho thấy ở tỷ lệ thịt cá và thịt heo là 60:30 (%), thời gian quét trong 10 phút và hấp trong 15 phút ở 100°C cho sản phẩm có cấu trúc và điểm cảm quan tốt nhất. Cuối cùng, sản phẩm bao gói hút chân không và được bảo quản lạnh ở nhiệt độ $4 \pm 1^\circ\text{C}$ trong 15 ngày vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng.
346	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá sa pa (Scomber japonicus)	Lâm, Thị Tuyền	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	“Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá saba (Scomber japonicus)” được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm tận dụng xương cá saba tạo ra bột canxi có giá trị cao đồng thời bảo vệ môi trường. Đầu tiên, xương cá saba được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 2 giờ đạt độ ẩm là 22,8%. Sau khi sấy khô, xương cá saba được ngâm trong NaOH nồng độ 2 M trong 24 giờ cho hiệu quả khử protein cao nhất (hàm lượng protein giảm 75,9% và hàm lượng khoáng tăng 52,3% so với nguyên liệu ban đầu). Sau đó, xương cá được tiếp tục ngâm trong acid citric nồng độ 0,1% trong 30 phút cho hiệu quả loại được 54,1% protein hòa tan. Xương cá được tẩy màu bằng H₂O₂ 5% trong 30 phút và sấy khô ở 60°C trong 3 giờ. Sau đó được nghiền, thu được bột canxi có độ ẩm là 10,7%, 1,94% protein, 70,2% khoáng trong đó hàm lượng canxi chiếm 26,7%.

347	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ nang mực nang(<i>Sepia esculenta</i>) theo phương pháp hóa sinh kết hợp	Trần, Thị Anh Thư	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các điều kiện tối ưu của chiết tách chitosan từ nang mực bằng phương pháp sử dụng enzyme để nâng cao giá trị nang mực, giảm thiểu chất thải hóa chất thải ra môi trường. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm: khử khoáng, khử protein, deacetyl hóa và sấy. Kết quả nghiên cứu cho thấy: nang mực ngâm trong CH ₃ COOH 5% trong 15h rồi xử lý HCL 8% trong 24h, loại protein bằng enzyme Alcalase 0,2% trong 15h ở 50-55°C thì hàm lượng khoáng và protein còn lại trong nguyên liệu là thấp nhất lần lượt là 0,64 và 27,36%; Đạt độ deacetyl hóa cao nhất là 93,07% khi xử lý bằng NaOH 50% trong 36h ở 65-70°C; Sấy chitosan ở 60°C trong 5h thì đạt độ ẩm thích hợp, hiệu suất thu hồi và độ nhớt là cao nhất (lần lượt là 6,99, 25,73% và 32,25mPas). Chitosan thành phẩm có độ deacetyl là 93,07% và độ nhớt 32,25mPas phù hợp yêu cầu của sản phẩm chitosan thương mại.
348	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm đầu tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) tẩm gia vị sấy khô ăn liền	Chung, Văn Ngoan	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài được thực hiện nhằm đa dạng hóa các sản phẩm sấy khô ăn liền. Các nhân tố ảnh hưởng như loại và nồng độ acid hữu cơ, tỷ lệ gia vị, nhiệt độ sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm được nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm cho thấy thịt đầu tôm ngâm trong dung dịch acid acetic 0,15% trong thời gian 2 phút giúp giảm pH thịt đầu tôm từ 7,96 xuống 7,88 và duy trì được hàm lượng protein (7,93%). Thịt đầu tôm được ngâm trong dung dịch 3% muối và 10% đường, sau đó sấy ở 65°C đạt chất lượng cảm quan cao nhất (19,5). Sản phẩm vẫn giữ được chất lượng cảm quan tốt, tổng số vi sinh vật hiếu khí ở mức chấp nhận được sau 3 tuần bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng.
349	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao chiết cây bạc hà (<i>Mentha arvensis</i> L.) và cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i> L.)	Nguyễn, Thị Thúy Hòa	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của các loại cao chiết từ cây bạc hà và cây húng lủi. Khả năng kháng khuẩn của các loại cao chiết được đánh giá bằng phương pháp pha loãng sử dụng chất chỉ thị màu Resazurin và phương pháp đĩa giấy khuếch tán trên môi trường thạch. Kết quả cho thấy, tất cả các loại cao chiết từ cây bạc hà và cây húng lủi đều có hoạt tính kháng <i>A. hydrophila</i> tốt hơn <i>E. coli</i> với giá trị MIC lần lượt là 10 mg/mL và 22,5 mg/mL. Các loại cao chiết này không có khả năng kháng <i>S. aureus</i> trong khi Chloramphenicol có hoạt tính kháng cả 3 dòng vi khuẩn khảo sát (MIC <i>A. hydrophila</i> = 3,13 µg/mL, MIC <i>E. coli</i> = MIC <i>S. aureus</i> = 6,25 µg/mL). Cả 4 loại cao chiết đều cho kết quả vòng kháng khuẩn trên <i>A. hydrophila</i> nhỏ hơn so với Chloramphenicol và không cho kết quả vòng kháng khuẩn đối với 2 dòng vi khuẩn <i>E. coli</i> và <i>S. aureus</i> . Trong khi khả năng ức chế của Chloramphenicol trên 2 dòng vi khuẩn này là khá cao (D <i>E. coli</i> = 18,3±0,52 mm, D <i>S. aureus</i> = 17,5±1,05 mm). Các kết quả thu được từ nghiên cứu này đã chỉ ra rằng cao chiết từ cây bạc hà và cây húng lủi có tiềm năng sử dụng như các chất kháng khuẩn tự nhiên.

350	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất sản phẩm cá trê (<i>Clarias gariepinus</i> x <i>C. macrocephalus</i>) fillet tẩm gia vị xông khói	Nguyễn, Văn Bảo	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2019. Các nhân tố ảnh hưởng như loại dung dịch ngâm hóa chất, tỷ lệ hỗn hợp gừng tỏi, loại củi xông khói, thời gian sấy chín và thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm được nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm cho thấy miếng fillet được ngâm trong dung dịch potassium sorbate (5%) trong 10 phút đạt giá trị cảm quan (18,1) và vi sinh tốt nhất, trộn cá với hỗn hợp 3% gừng tỏi (tỷ lệ gừng : tỏi là 1:1) và xông khói vớ gỗ mít ở nhiệt độ 80-85°C cho giá trị cảm quan tốt nhất, sấy chín trong 4 giờ ở nhiệt độ 80-85°C sẽ cho chất lượng cảm quan cao nhất (18,7), ẩm độ (49,1%) và hiệu suất thu hồi sản phẩm (19,3%). Sản phẩm được bảo quản ở nhiệt độ 0- 5°C trong 25 ngày vẫn đạt được chất lượng cảm quan và vi sinh tốt.
351	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chà bông rau củ cá bạc má (<i>Rastrelliger kanagurta</i>)	Phạm, Phúc Kha	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài “Nghiên cứu sản xuất sản phẩm chà bông rau củ cá bạc má (<i>Rastrelliger kanagurta</i>)” nhằm đa dạng hóa sản phẩm sấy khô từ nguyên liệu cá. Các nhân tố ảnh hưởng như loại dung dịch hấp và nhiệt độ tâm của nguyên liệu, thời gian sấy carrot và bắp non, thời gian sấy hoặc sao chà bông cá, tỷ lệ phối trộn rau củ: chà bông cá, thời gian bảo quản ở nhiệt độ phòng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm được nghiên cứu. Kết quả cho thấy, hấp cá với dung dịch gừng 10% ở nhiệt độ tâm cá là 83-87°C cho giá trị cảm quan tốt (17,4) và hiệu suất thu hồi cao (26,2). Sấy carrot và bắp non ở 75°C ở các mức thời gian lần lượt là 180 phút và 240 phút cho ẩm độ và cảm quan tối ưu. Sấy thịt cá ở 80-85°C trong 180 phút cho sản phẩm có cảm quan (17,1), độ tơi (55,8), ẩm độ tốt nhất (5,67). Tỷ lệ phối trộn giữa rau củ: chà bông là 20% rau củ: 80% chà bông cá cho giá trị cảm quan cao nhất (thêm số). Sản phẩm được bao gói và bảo quản ở tuần thứ 3 ở nhiệt độ phòng vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn về mặt vi sinh.
352	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amarus</i> Schum, et Thonn) lên bảo quản đông tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius)	Nguyễn, Thị Mỹ Trân	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá về những thay đổi của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius) khi nhúng trong dịch chiết diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amarus</i> Schum. Et Thonn) trong điều kiện bảo quản đông. Thí nghiệm bao gồm 3 nghiệm thức: Nghiệm thức (1), tôm ngâm bằng nước lạnh trong 30 phút, nghiệm thức (2), tôm được ngâm trong dịch chiết Diệp Hạ Châu 7,71 g/mL trong 30 phút, nghiệm thức (3), tôm ngâm trong dịch chiết Diệp Hạ Châu 156 g/mL trong 30 phút. Sau đó cả ba mẫu đều được đem đi bảo quản đông, nhiệt độ của tủ đông được duy trì ở nhiệt độ từ -18°C đến -20°C. Tiến hành thu mẫu vào các ngày 0, 30 và 90 thông qua các chỉ tiêu phân tích bao gồm: nhiệt độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, ẩm độ, pH, TVB-N, PV và TBARs. Kết quả cho thấy, tôm sú có xử lý diệp hạ châu 7,71 g/mL và 156 g/mL có tổng vi khuẩn hiếu khí, chỉ số PV và TBARs thấp hơn so với mẫu đối chứng còn lại không có sự khác biệt đáng kể. Ở thí nghiệm này, cao chiết diệp hạ châu đã thể hiện rõ tác dụng kháng khuẩn của mình.

353	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu (Phyllanthus amarus Schum, et Phonn) đến chất lượng cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) phi lê trong điều kiện bảo quản đông	Huỳnh, Nguyễn Đức Thiện	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết cây diệp hạ châu đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) cá phi lê được nhúng cao chiết diệp hạ châu với nồng độ 7,71 g/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 156 g/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Thời gian bảo quản đông lạnh là 90 ngày. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR) ở các ngày 0, ngày 30 và ngày 90. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARs và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết diệp hạ châu cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê được duy trì tốt trong suốt 90 ngày bảo quản đông.
354	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của cao chiết lá ổi (Psidium guajava) lên bảo quản đông tôm sú (Penaeus monodon)	Nguyễn, Mộng Kiều Phương	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng cao chiết lá ổi đến chất lượng của tôm sú trong bảo quản đông. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: (i) tôm được ngâm trong nước lạnh (mẫu đối chứng), (ii) tôm được ngâm trong dịch chiết lá ổi với nồng độ 5,04 µg/mL, (iii) và dịch chiết lá ổi với nồng độ 313 µg/mL. Tôm được ngâm trong 30 phút ở điều kiện lạnh, và cho vào túi PE (mỗi túi 17 con tôm) và hà miệng túi lại rồi đem bảo quản trong tủ đông ở nhiệt độ -18oC đến -20oC. Mẫu được thu vào các ngày 0, 30 và 90. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, ẩm độ, pH, TVB-N, PV và TBARs. Kết quả cho thấy sau 90 ngày bảo quản đông tôm sú bằng dịch chiết lá ổi 5,04 µg/mL và 313 µg/mL có tác dụng làm giảm quá trình oxy hóa chất béo. Ở ngày 30 cao chiết lá ổi thể hiện tác dụng kháng khuẩn. Giá trị cảm quan của tôm sú được duy trì tốt trong suốt 90 ngày bảo quản đông. Tuy nhiên, cao chiết lá ổi không ảnh hưởng đến pH, khả năng giữ nước, ẩm độ, độ đàn hồi, TVB-N của tôm sú trong bảo quản đông.
355	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa (Euphorbia thymifolia Burm) lên bảo quản đông lạnh tôm sú (Penaeus monodon Fabricius)	Nguyễn, Thanh Phú	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết cỏ sữa đến chất lượng tôm sú nguyên con trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) tôm sú được nhúng trong nước sạch ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), (ii) tôm sú được nhúng cao chiết cỏ sữa với nồng độ 14,08 g/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 625 g/mL và tiến hành bảo quản trong tủ đông -20oC. Thời gian bảo quản đông lạnh là 90 ngày. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBARs) ở các ngày 0, ngày 30 và ngày 90. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARs và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết cỏ sữa cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của tôm sú nguyên con được duy trì tốt trong suốt 90 ngày bảo quản đông.

356	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) đến chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản đông	Nguyễn, Cẩm Thu	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh đến chất lượng cá tra phi lê trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) cá phi lê được nhúng cao chiết lá trà xanh với nồng độ 7,63µg/mL và (iii) nhúng cao chiết lá trà xanh ở nồng độ 62563µg/mL và sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. Thời gian bảo quản đông lạnh là 90 ngày. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBARS) ở các ngày 0, ngày 30 và ngày 90. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARS và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết lá trà xanh cho kết quartooost hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê được duy trì tốt trong suốt 90 ngày bảo quản đông.
357	Đại học	Khảo sát khả năng kháng khuẩn của cao chiết cây hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i>)	Lê, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định khả năng kháng khuẩn của cao chiết từ cây hương thảo đối với các chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Aeromonas hydrophila</i> . Khả năng kháng vi khuẩn <i>E. coli</i> , <i>S. aureus</i> và <i>A. hydrophila</i> của các cao chiết từ cây hương thảo được xác định bằng phương pháp xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) và xác định vòng kháng khuẩn. Kết quả cho thấy cao chiết hương thảo từ cò và nước có khả năng kháng khuẩn khác nhau đối với các vi khuẩn khác nhau. Tác động của cao chiết từ nước lên hai loài vi khuẩn <i>E. coli</i> và <i>S. aureus</i> mạnh hơn cao chiết từ cò với nồng độ tối thiểu ức chế sự phát triển của hai loài vi khuẩn là 22500 µg/ml. Đối với <i>A. hydrophila</i> thì khả năng kháng khuẩn của cao chiết thể hiện tốt hơn với giá trị MIC = 625 µg/mL đối với cao chiết từ nước và MIC = 156,25 µg/mL đối với cao chiết từ cò.
358	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá húng quế (<i>Ocimum basilicum</i> L) đến khả năng bảo quản lạnh cá tra phi lê (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Tăng, Thị Ngọc Hiền	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết cây húng quế đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết húng quế với nồng độ 39,2 µg/mL và 86 µg/mL và nước trong 30 phút ở nhiệt độ là 4°C với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 4, 8, 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết húng quế 39,2 µg/mL và 86 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng của cá tra phi lê trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm cá tra phi lê nhúng trong dịch chiết có thể được sử dụng đến 12 ngày dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.

359	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa lên bảo quản đông lạnh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê	Trần, Thị Cẩm Thu	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết cỏ sữa đến chất lượng cá tra phi lê trong quá trình bảo quản đông. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: (i) ngâm cá phi lê trong nước, (ii) ngâm cá phi lê trong cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 14,08 µg/mL và (iii) ở nồng độ 625 µg/mL trong 30 phút ở nhiệt độ dưới 4°C và bảo quản đông ở nhiệt độ < -18°C. Thu mẫu vào các ngày 0, 30 và 90. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, ẩm độ, khả năng giữ nước (WHC), độ đàn hồi, hàm lượng nitơ bazơ bay hơi (TVB-N), Peroxide value (PV), Thiobarbituric Acid Reactive substances (TBARs), màu sắc cơ thịt, giá trị cảm quan, tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC). Mẫu sử dụng cao chiết cỏ sữa không ảnh hưởng đến giá trị pH, ẩm độ, khả năng giữ nước, độ đàn hồi, hàm lượng nitơ bazo bay hơi. Xử lý mẫu với cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 625 µg/mL có khả năng làm giảm hàm lượng sản phẩm oxy hóa thứ cấp cao hơn và ức chế vi sinh vật hiếu khí tốt hơn so với mẫu đối chứng. Giá trị cảm quan của mẫu ở tất cả các nghiệm thức vẫn giữ được chất lượng cao. Như vậy, có thể sử dụng cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 625 µg/mL trong bảo quản cá tra phi lê đông lạnh
360	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của cao chiết từ lá tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) đến khả năng bảo quản lạnh cá tra phi lê (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Thị Kim Lài	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá những thay đổi về chất lượng của cá tra phi lê (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) được nhúng trong dịch chiết cây tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) trong quá trình bảo quản bằng nước đá. Miếng cá fillet được nhúng trong dịch chiết cây tía tô ở nồng độ 29,2 µg/mL (IC50), 85 µg/mL (IC100) và mẫu đối chứng được nhúng trong nước ở 4oC trong 30 phút. Tiến hành thu mẫu vào các ngày 0, 4, 8, 12 trong quá trình bảo quản. Sự thay đổi chất lượng của cá tra được đánh giá dựa trên các chỉ tiêu tổng số vi sinh vật hiếu khí (TVC), chỉ số peroxide (PV), khả năng giữ nước (WHC), pH, cấu trúc, đánh giá cảm quan. Kết quả cho thấy, sau 12 ngày bảo quản, cá tra phi lê được xử lý trong dịch chiết cây tía tô ở các nồng độ khác nhau vẫn giữ được chất lượng tốt về chỉ tiêu tổng số vi sinh vật hiếu khí và cảm quan trong khi mẫu đối chứng chỉ có thể sử dụng đến 8 ngày.
361	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá ổi (<i>Psidium guajava</i>) lên bảo quản đông lạnh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê	Trần, Thị Mỹ Huyền	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá ổi đến chất lượng cá tra phi lê trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) cá phi lê được nhúng cao chiết lá ổi với nồng độ 5,04 g/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 313 g/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Thời gian bảo quản đông lạnh là 90 ngày. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nitơ bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR) ở các ngày 0, ngày 30 và ngày 90. Kết quả cho thấy chỉ s PV, TBARs, TVB-N và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết ổi cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê được duy trì tốt trong suốt 90 ngày bảo quản đông.

362	Đại học	Khảo sát khả năng chống oxi hóa dịch chiết gốc (Momordica cochinchinensis) đến chất lượng chả cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Thanh Duy	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của loại dung môi chiết rút (ethanol 70% và nước cất) đến hàm lượng polyphenol và flavonoid của dịch chiết gốc. Kết quả cho thấy dung môi ethanol 70% cho dịch chiết gaascos hàm lượng polyphenol(173±5,62mg GAE/g) và flavonoid(51,4 ±6,82mg/g) là cao nhất. Sau đó bổ sung dịch chiết thu được vào sản phẩm chả cá tra và phân tích sự thay đổi chất lượng thông qua phân tích giá trị PV, TBARS, TVB-N cấu trúc, điểm cảm quan và vi sinh vật trong 18 ngày bảo quản lạnh(4±1oC). trong suốt khoảng thời gian bảo quản lạnh mẫu chả cá có bổ sung 2% dịch chiết gốc đã trì hoãn tốc độ quá trình oxy hóa lipid, chỉ số peroxide(PV) và TBARS tăng chậm và đạt cực đại lần lượt là 20,44meq/kg và 4,67mgMDA/kg, còn mẫu đối chứng là 24,38meq/kg và 7,42 mgMDA/kg. Vi sinh vật cũng được ức chế ở mẫu có bổ sung 2% dịch gốc và kéo dài thời gian sử dụng khoảng 9 ngày trong điều kiện bảo quản lạnh so với 6 ngày ở mẫu đối chứng
363	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý đến chất lượng của collagen từ da cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, Thị Cẩm Bình	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Ảnh hưởng của chế độ khử protein phi collagen, lipid và chế độ sấy đến chất lượng của collagen từ da cá tra đã được nghiên cứu. Kết quả cho thấy, da cá tra được xử lý trong NaOH 0,1 M trong 4 giờ và CH3COOH 0,5 M trong 1 giờ cho hiệu quả khử protein phi collagen và lipid tốt nhất (khử được 16,1% protein phi collagen và 83,4% lipid). Mẫu sau khi xử lý, được chiết rút bằng CH3COOH 0,5 M trong 3 ngày ở nhiệt độ 4°C, dịch chiết được kết tủa collagen bằng NaCl 2,5 M. Kết tủa collagen được lọc, hòa tan trong CH3COOH 0,5 M và thẩm tách trong CH3COOH 0,1 M và nước cất. Sau đó mẫu được đem đi sấy lạnh trong 36 giờ cho hiệu suất thu hồi, độ ẩm và độ nhớt lần lượt là 9,7%; 11,6% và 23,8 mPas cùng với độ hòa tan cực đại ở pH 2. Thành phần acid amin của collagen từ da cá tra tương thích với collagen type I từ các loài da khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể tận dụng da cá tra là một nguồn nguyên liệu để sản xuất collagen.
364	Đại học	Thử nghiệm quy trình sản xuất tôm sú (Penaeus monodon) xê bướm tằm gia vị xông khói	Nguyễn, Thị Mỹ Hạnh	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất tôm sú xê bướm tằm gia vị xông khói được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, góp phần đa dạng hóa các mặt hàng giá trị gia tăng từ tôm sú, tạo ra sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao và gia tăng sự lựa chọn cho người tiêu dùng. Nghiên cứu được thực hiện tại Bộ môn Chế biến Thủy sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019. Nghiên cứu được tiến hành với 4 nghiệm thức: (i) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian sấy sơ bộ, (ii) thời gian xông khói, (iii) thời gian sấy chín và (iv) thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy, sản phẩm đạt ẩm độ thích hợp và giá trị cảm quan cao nhất khi sấy sơ bộ ở nhiệt độ 80 – 85°C trong 20 phút, xông khói ở nhiệt độ 80 – 85°C trong 15 phút và sấy chín ở nhiệt độ 80 – 85°C trong 2 giờ. Sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn vi sinh sau 30 ngày bảo quản ở nhiệt độ lạnh (4±1°C).

365	Đại học	Hoàn thiện quy trình sản xuất chả cá từ cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i>) và dè cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Huỳnh, Hữu Nghĩa	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài “Hoàn thiện quy trình sản xuất chả cá từ cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i>) và dè cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) với mục đích tận dụng nguồn dè cá tra làm nguồn nguyên liệu trong chế biến chả cá để hạ giá thành sản phẩm chả cá thát lát và góp phần làm giảm chất thải gây ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu được thực hiện với 3 thí nghiệm: (1) Khảo sát sự ảnh hưởng của dung dịch nước rửa dè cá tra đến chất lượng cảm quan của sản phẩm; (2) Khảo sát sự ảnh hưởng loại tinh bột bổ sung đến chất lượng cảm quan của sản phẩm; (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ cao chiết hương thảo và thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể sử dụng dung dịch NaCl 0,5% để rửa dè cá tra, bổ sung bột bắp tỷ lệ 5% làm cho chả cá đạt cấu trúc dẻo dai đàn hồi, có giá trị cảm quan cao nhất. Sản phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ 0-4°C trong 2 tuần khi bổ sung cao chiết hương thảo nồng độ 156,2mg/kg.
366	Đại học	Nghiên cứu quy trình chế biến bánh bông lan nhân cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Thị Kim Đồng	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài nghiên cứu quy trình chế biến bánh bông lan nhân cá tra được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, mang hương vị mới lạ, tạo sự đa dạng cho sản phẩm bánh bông lan. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (1) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa khoai tây và cá tra đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (2) Khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ muối và đường đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian nướng đến chất lượng sản phẩm, (4) Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh (0 - 4oC) đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cá tra và khoai tây được phối trộn với tỷ lệ 5: 5 cho sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất. Tỷ lệ gia vị 2% đường, 1,5% muối, 1% bột ngọt, 1% tiêu, 1,5% hành tây phi tạo cho sản phẩm thơm ngon, vị hài hòa. Thời gian nướng thích hợp nhất cho sản phẩm là 35 phút ở nhiệt độ 180oC và sản phẩm có thể đảm bảo chất lượng trong 5 ngày ở nhiệt độ lạnh (0 - 4oC).

367	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở An Giang và Trà Vinh	Nguyễn, Quan Tiến	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trên cá lóc <i>Channa striata</i> nuôi thâm canh thông qua phỏng vấn 74 hộ nuôi ở 2 tỉnh An Giang, Trà Vinh. Các thông tin cần thu thập bao gồm: thông tin chung về diện tích, mật độ, số lượng cá thả,.. các biểu hiện bệnh theo mô tả của người nuôi, tần suất xuất hiện bệnh, các loại thuốc và hóa chất đã sử dụng và quan điểm của người nuôi về sử dụng thuốc hóa chất. Kết quả khảo sát cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên cá lóc là bệnh gan mù với 82 - 87,5%, bệnh trắng mình với 40 - 70,83% và ghê lở với 60 - 75% do người nuôi báo cáo. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng vẫn dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn và sử dụng các hóa chất để trị các biểu hiện nhiễm ký sinh trùng. Hầu hết các hộ nuôi không biết về kháng sinh đồ trong điều trị bệnh cá. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là florfenicol (20,83 - 76%), doxycycline (16,67 - 68%), florfenicol kết hợp doxycycline (16,67 - 40%), sulpha kết hợp trimethoprim (26 - 33,33%), amoxicillin (29,17 - 30%). Những loại thuốc kháng sinh và hóa chất mà các hộ nuôi cá lóc sử dụng có 2 loại nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ NN&PTNT gồm enrofloxacin và malachite green đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng từ năm 2012 và hóa chất cấm sử dụng từ năm 2009. Cá bán cho các thương lái thì không có kiểm tra kháng sinh dẫn đến mối nguy về tồn lưu kháng sinh trong sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng nội địa. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần thiết phải tổ chức tập huấn cho người nuôi về chẩn đoán bệnh, sử dụng thuốc và hóa chất đúng cách và an toàn.
368	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) đến chất lượng của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius) trong điều kiện bảo quản lạnh đông	Huỳnh, Thị Ngọc Yến	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện để xác định sự ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh đối với chất lượng của tôm sú nguyên con trong quá trình bảo quản lạnh. Tôm được ngâm trong dịch chiết lá trà xanh với nồng độ khác nhau 625 μg/mL, 7,63 μg/mL và ngâm trong nước đá (nghiệm thức đối chứng) ở 4°C trong 30 phút và được bảo quản bằng tủ đông -20°C. Thu mẫu được thực hiện vào các ngày 0, 30 và 90. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm: nhiệt độ, cấu trúc, tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, khả năng giữ nước, ẩm độ, tổng nitơ bay hơi, chỉ số peroxide, chỉ số TBARs và pH. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết trà xanh 7,63 μg/mL và 625 μg/mL có tác dụng trong việc hạn chế hình thành sản phẩm oxy hóa sơ cấp và thứ cấp. Tôm sú sau 90 ngày bảo quản ở cả ba nghiệm thức đều cho kết quả tốt về mặt cảm quan, hóa học và vi sinh.

369	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý và điều kiện rút đến chất lượng của gelatin từ da cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Đường, Thị Hồng Phúc	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như điều kiện khử protein không phải là collagen, điều kiện chiết rút và chế độ sấy đến chất lượng của gelatin từ da cá Tra đã được khảo sát. Kết quả cho thấy da cá được xử lý trong NaOH 0,1M với thời gian 1 giờ đã loại được 11,2% protein không phải là collagen. Mẫu đã qua xử lý được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 70oC với thời gian 1 giờ thu được dung dịch gelatin có độ nhớt, hiệu suất thu hồi và độ bền gel là cao nhất (lần lượt là: 7,64 mPas, 13,1% và 149 g). Dung dịch sau nấu chiết được đem đi làm đông tách nước rồi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 22 giờ cho sản phẩm cho ẩm độ phù hợp, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất (lần lượt là: 11,2; 17,4 và 97,0%). Độ bền gel của gelatin từ da cá Tra cao gấp 1,98 so với gelatin thương mại. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng của gelatin từ da cá Tra đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của gelatin thương mại trên thị trường.
370	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng dịch chiết từ thân cây bắp (Zea mays L) trong bảo quản lạnh cá tra phi lê (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, Thị Bé Hai	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu khả năng sử dụng và ảnh hưởng của dịch chiết thân bắp đến chất lượng cá tra phi lê trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: ngâm cá phi lê trong dịch chiết thân bắp với nồng độ 307 µg/mL (IC50), nồng độ 705 µg/mL (IC100) và nước trong 30 phút ở nhiệt độ 4oC với tỉ lệ cá:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào ngày 0, 4, 8 và 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số v khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, khả năng giữ nước, chỉ số peroxide. Ngoài ra, nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt trong các chỉ tiêu pH, cấu trúc, WHC giữa hai mẫu xử lý dịch chiết và mẫu đối chứng. Bên cạnh đó, hai mẫu có xử lý dịch chiết cũng thể hiện được khả năng chống oxy hóa qua chỉ tiêu PV và TVKHK. Tuy nhiên, hai mẫu xử lý dịch chiết không giúp cải thiện giá trị cảm quan cho sản phẩm. Do đó, dịch chiết từ thân bắp không phù hợp ứng dụng trong bảo quản lạnh c tra phi lê.

371	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết lá cây tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Bùi, Đức Tài	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết lá tía tô (<i>Perilla frutescens</i>) đến chất lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Dịch chiết lá cây tía tô được chiết từ nước đã cho thấy hoạt tính chống oxy hóa và hàm lượng phenolic là cao nhất. Thí nghiệm có 3 nghiệm thức: (1) cá lóc phi lê được ngâm trong nước lạnh, (2) cá lóc phi lê được ngâm trong dịch chiết lá cây tía tô nồng độ 29,2 µg/mL (IC50) và (3) cá lóc phi lê được ngâm trong dịch chiết lá cây tía tô ở nồng độ 89 µg/mL (IC100). Cá lóc phi lê (75 miếng) được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên vào 3 nghiệm thức và bảo quản bằng nước đá với tỷ lệ 1:1. Thu mẫu được vào các ngày bảo quản thứ 1, 3, 6, 9 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh, giá trị cảm quan, cấu trúc, pH, khả năng giữ nước, ẩm độ và PV. Kết quả thí nghiệm cho thấy cá lóc phi lê của 3 nghiệm thức vẫn giữ được chất lượng và độ an toàn tốt trong suốt 6 ngày bảo quản. Cá lóc phi lê có bổ sung dịch chiết lá tía tô nồng độ IC50 và IC100 có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong suốt thời gian bảo quản. Ngoài ra dịch chiết lá tía tô có tác dụng làm hạn chế sự oxy hóa chất béo.
372	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ nang mực tươi (<i>sepia esculenta</i>) bằng phương pháp thủy phân enzyme	Trần, Thị Anh Thư	Lê, Thị Minh Thủy	2019	The research was investigated with purpose to determine dried mode time, Alcalase enzyme concentration and hydrolysis time, dried time and the effect of storing time at room temperature on the quality of calcium powder product. The result showed that, material was dried at 60°C for 2 hours have moisture content of 22.7%. Next to, the sample was hydrolyzed at 50°C for 29 hours and Alcalase enzyme concentration of 0.3% give to deproteinization efficiency of 72.1% and keep mineral content of 91.3%. After that, the sample was dried a 60°C for 4 hours to obtain calcium powder with moisture content, solubility, mineral content and recovery yield were 5.11; 18.6; 90.9 and 77.9% respectively, the calcium content of product account for 34.3% of total mineral Finally, sample were stored at room temperature for 4 weeks still maintained good quality, food hygiene and safety.
373	Đại học	Nghiên cứu sử dụng màng chitosan kết hợp tinh dầu bưởi (<i>citrus grandis</i>) để bảo quản lạnh cá lóc (<i>channa striata</i>) cắt khúc	Võ, Thị Xuân Hương	Lê, Thị Minh Thủy	2019	The effect of chitosan film with pomelo essential oil on the quality of snakehead fish slice were examined during 18 days at cold storage (4±1°C). The result showed that the pomelo peel was soaked in ethanol 70% at 60 °C for 3 hours can reach the highest antioxidant activity based on the total polyphenol content, flavonoid compounds and IC50 were 288 mgGAE/kg, 434 mgQE/kg and 37.8 µg/mL, respectively. After 15 days store at cold condition, the sample wrapped in chitosan film enriched with 4% pumelo essential oil showed the lower lipid oxidation with a peroxyde value was 2.20 meq/kg and TBARS was 7.01 mgMDA/kg while peroxyde value and TBARS of the control sample were 2.98 meq/kg and 9.4 mgMDA/kg respectively. Besides, the sample wrapped in chitosan film enriched with 4% pumelo essential oil still kept the sensory quality and hardness, microbial growth were delayed and extended shelf-life about 15 days while the control sample was 12 days.

374	Đại học	Nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm càng xanh (<i>macrobrachium rosenbergii</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Trần, Thị Cẩm Nhung	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ vỏ tôm càng xanh bằng phương pháp hóa sinh kết hợp được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu thông qua 4 thí nghiệm: (i) Khử khoáng bằng HCl; (ii) Khử protein bằng enzyme Alcalase; (iii) Sử dụng HCl để chuyển chitin thành glucosamin hydroclorua; (iv) chế độ sấy đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả cho thấy khi ngâm vỏ tôm càng xanh trong dung dịch HCl 4% với thời gian 6 giờ thì hàm lượng khoáng còn lại là 0,586%, mẫu tiếp tục thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,3% trong 6 giờ ở nhiệt độ 50-55°C cho hàm lượng protein còn lại thấp nhất là 51,4%. Chitin được chuyển thành glucosamin hydroclorua bằng dung dịch HCl 10M ở nhiệt độ 85°C trong 6 giờ cho hiệu suất thu hồi là 48,1%, rồi đem đi sấy ở nhiệt độ 60°C trong 3 giờ có ẩm độ, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất lần lượt là (7,78; 57,7 và 83,3%). Phổ FT-IR cho thấy glucosamin hydroclorua thành phẩm tương đồng với glucosamin hydroclorua thương mại.
375	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá thực phẩm từ cá mè trắng (<i>hypophthalmichthys harmandi</i>) bằng phương pháp thủy phân enzyme	Trần, Phương Vy	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Nghiên cứu sản xuất bột cá từ thịt cá mè trắng bằng phương pháp thủy phân enzyme được thực hiện nhằm xác định nồng độ enzyme Alcalase, thời gian nâng nhiệt, thời gian sấy và thời gian bảo quản lạnh của sản phẩm. Kết quả cho thấy mẫu thủy phân với nồng độ enzyme Alcalase 0,3% ở 50°C trong 3 ngày thu được số liên kết peptide, hàm lượng đạm amon và hàm lượng đạm amin tối ưu lần lượt là 25.381 liên kết/50g; 0,715 g/L và 12,0 g/L. Sau đó, mẫu được nâng nhiệt lên 90 - 95°C trong 2 phút cho hàm lượng đạm amin cao nhất 13,1 g/L. Mẫu tiếp tục được sấy ở 60°C trong 24 giờ đạt ẩm độ, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi lần lượt là 7,52; 58,27 và 22,23%. Cuối cùng, sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ lạnh, sản phẩm bột đạm có tổng số vi sinh vật hiếu khí là 5,09x10 ³ CFU/g, ẩm độ là 7,40% và đạm nitơ formol 28,7%.
376	Đại học	Nghiên cứu so sánh ảnh hưởng của enzyme tegralase và acalase đến chất lượng bột cá thực phẩm từ thịt vụn cá tra (<i>pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Tiểu Băng	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tận dụng thịt vụn cá tra để sản xuất bột đạm và góp phần nâng cao giá trị kinh tế của phụ phẩm này. Thịt vụn cá tra được thủy phân bằng enzyme Tegalase hoặc Alcalase sau đó nâng nhiệt lên 90-95oC rồi đem đi sấy và bảo quản lạnh. Kết quả cho thấy, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase với nồng độ 0,2% ở 50oC trong 6 ngày thu được số liên kết peptit và hàm lượng đạm axit amin tối ưu lần lượt là 22.587 liên kết/50 g và 15,4 g/L. Sau đó, mẫu được nâng nhiệt lên 90-95oC trong 4 phút cho hàm lượng protein và đạm axit amin cao nhất (72,4% và 18,2 g/L). Mẫu được sấy ở 60oC trong 24 giờ đạt ẩm độ, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi tốt nhất (8,35; 60,8 và 24,8%). Sản phẩm bột cá được bảo quản ở nhiệt độ lạnh (4±1oC) sau 5 tuần vẫn được đảm bảo chất lượng và tổng số vi sinh vật hiếu khí là 2,28x10 ⁴ cfu/g

377	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu chanh dây (<i>passiflora incarnata</i>) đến chất lượng chả cá tai tượng (<i>osphronemus gouramy</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Lưu, Nguyễn Anh Hào	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Nghiên cứu được thực hiện để xác định ảnh hưởng của nồng độ ethanol và thời gian ngâm đến hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu chanh dây. Kết quả cho thấy, vỏ chanh được ngâm bằng ethanol 70% trong 3 giờ cho tinh dầu chanh dây có chứa hàm lượng polyphenol là (169 mg GAE/g) và flavonoid là (44,9 mg QE/g). Chả cá tai tượng được bổ sung 2% tinh dầu chanh dây đạt chất lượng cảm quan và cấu trúc tốt. Đánh giá sự thay đổi chất lượng sản phẩm khi có bổ sung tinh dầu chanh dây thông qua các chỉ số Peroxide, TBARS, cấu trúc, điểm cảm quan và vi sinh vật trong 18 ngày bảo quản lạnh ($4\pm 1^{\circ}\text{C}$). Sau 9 ngày bảo quản lạnh, mẫu chả cá tai được bổ sung thêm 2% tinh dầu chanh dây đã ngăn chặn được sự oxy hóa lipid với giá trị PV là ,98 meq/kg và TBARS là 15,2 mg MDA/kg, trong khi giá trị PV và TBARS của mẫu đối chứng lần lượt là 9,33 meq/kg và 16,3 mg MDA/kg. Ngoài ra, mẫu chả cá tai tượng có bổ sung tinh dầu còn có giá trị cảm quan tốt, màu sắc hấp dẫn, ức chế sự phát triển của vi sinh vật và kéo dài thời gian bảo quản lạnh lên đến 12 ngày so với mẫu đối chứng là 9 ngày.
378	Đại học	Nghiên cứu sản xuất glucosamine hydroclorua từ vỏ tôm tít (<i>oratosquilla interrupta</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Tạ, Thị Ngọc Trâm	Lê, Thị Minh Thùy	2019	Ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như điều kiện khử khoáng, khử protein, điều kiện để chuyển chitin thành glucosamine hydroclorua và chế độ sấy đến chất lượng của glucosamine hydroclorua từ vỏ tôm tít đã được nghiên cứu. Từ kết quả thí nghiệm cho thấy vỏ tôm tít được xử lý trong HCl 4% với thời gian 36 giờ và trong dung dịch enzyme Alcalase 0,3% với thời gian là 6 giờ thì loại được 99,58% khoáng và 34,65% protein. Mẫu đã qua xử lý được nấu trong HCl 10 M ở nhiệt độ 85°C trong 6 giờ để chuyển chitin thành glucosamine hydroclorua. Sản phẩm thu được đem đi sấy ở nhiệt độ 60°C trong 3 giờ có độ ẩm, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất lần lượt là 4,00%; 61,4% và 87,4%. Kết quả phân tích phổ FTIR cho thấy sản phẩm phù hợp với yêu cầu glucosamine hydroclorua thương mại.
379	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá trê lai (<i>clarias macrocephalus</i>)×(<i>clarias gariepinus</i>)	Châu, Diễm Thùy	Lê, Thị Minh Thùy	2019	The research on the utilization of hybrid catfish bone as a new material to produce calcium powder to enhance the value of by-product was investigated. The study was conducted to determine the effect of fish step drying time, hydrolysis conditions, dry mode and storage time on the quality of calcium powder. The results showed that fish bone was dried at 60°C for 3 hours to achieve moisture content of 23.7%. Next to, the sample was hydrolyzed with the Alcalase enzyme at the concentration of 0.3% at 50°C for 24 hours to remove 30.5% of protein. After that, the sample was dried at 60°C for 4 hours to obtain the calcium powder with moisture content, solubility and recovery yield were 4.81; 14.5 và 74.9%, respectively. Calcium powder product from catfish bone had mineral content of 63.2%, moisture content of 5.06% and calcium content account for 22.4%. The product still maintained good quality, food hygiene and safety after 2 weeks stored at room temperature.

380	Đại học	Nghiên cứu sản xuất glucosamine hydroclorua từ vỏ tôm thẻ chân trắng (<i>litopenaeus vannamei</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Trần, Thị Nôi	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như điều kiện khử khoáng, khử protein, sử dụng HCl để chuyển chitin thành glucosamine hydroclorua và chế độ sấy đến chất lượng của glucosamine hydroclorua từ vỏ tôm thẻ chân trắng đã được nghiên cứu. Kết quả cho thấy vỏ tôm thẻ được xử lý trong HCl 8% với thời gian 12h và trong enzyme Alcalase 0,3% với thời gian 6h thì cho hiệu quả khử khoáng và protein là cao nhất (khoáng giảm từ 26,12 còn 0,91% và protein giảm từ 57,76 còn 44,51%). Chitin được chuyển thành glucosamine hydroclorua trong HCl 10M ở nhiệt độ 85°C trong 6h cho hiệu suất thu hồi cao nhất là 45,47%, phổ FTIR cho thấy sản phẩm phù hợp với yêu cầu glucosamine hydroclorua thương mại. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 3h có độ ẩm, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất lần lượt là (6,74%, 57,65%, 84,9%).
381	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột đậm thực phẩm từ thịt cá trê lai ((<i>clarias macrocephalus</i>)×(<i>clarias gariepinus</i>)) bằng phương pháp thủy phân enzyme	Trần, Thị Trúc Linh	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ như: nồng độ enzyme, thời gian nâng nhiệt, chế độ sấy và ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng bột cá từ thịt cá trê lai đã được nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi mẫu được thủy phân ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 6 ngày và nồng độ enzyme Alcalase là 0,1% cho số liên kết peptide, đậm acid amin là cao nhất lần lượt là 22.385 liên kết/50g và 15,4 g/L; hàm lượng đạm amon là 0,658 g/L. Mẫu sau khi thủy phân được đem đi nâng nhiệt 90-95°C trong thời gian 2 phút cho hàm lượng đậm acid amin cao nhất 18,4 g/L. Ẩm độ, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan của mẫu sau khi thủy phân, sấy 60°C trong 24h cho kết quả lần lượt là 9,09; 10,8; 50,2%. Bột cá thành phẩm được bảo quản ở nhiệt độ lạnh (4±1°C) sau 4 tuần vẫn đảm bảo được chất lượng và tổng số vi sinh vật hiếu khí 6,84x10 ¹ CFU/g.
382	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu cam sành (<i>citrusnonbillislour</i>) đến chất lượng chả cá lóc (<i>channastriata</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Thị Thúy Huỳnh	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Anh hưởng nồng độ dung môi ethanol (70 và 80%) và thời gian ngâm (1, 2 và 3 giờ) đến hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu cam sành đã được khảo sát. Kết quả cho thấy, dung môi ethanol 70% và thời gian 3 giờ cho tinh dầu có hàm lượng polyphenol (159 mgGAE/g), flavonoid (153 mgQE/g) và giá trị IC ₅₀ đạt 19,8 µg/ml là tốt nhất. Sau 12 ngày bảo quản lạnh, mẫu chả cá lóc có bổ sung 1,5% tinh dầu đã ngăn chặn được sự oxy hóa lipid với giá trị Peroxide (PV) là 3,73 meq/kg, Thiobarbituric acid reactive substances (TBARS) là 9,04 mg MDA/kg, đạt điểm cảm quan tốt 15,1 điểm với tổng số vi sinh vật 9,45x10 ⁵ cfu/g. Trong khi giá trị PV, TBARS, tổng số vi sinh vật hiếu khí và điểm cảm quan của mẫu đối chứng lần lượt là 4,09 meq/kg; 17,6 mgMDA/kg; 2,55x10 ⁶ cfu/g và 11,4 điểm ở cùng thời gian bảo quản. Qua kết quả cho thấy sử dụng tinh dầu cam sành sẽ kéo dài thời gian bảo quản cho chả cá lóc.

383	Đại học	Nghiên cứu chiết rút glucosamine hydroclorua từ vỏ cua biển (scylla paramamosain) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Dương, Kim Diên	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất glucosamine hydrochlorua từ vỏ cua biển bằng phương pháp hóa sinh kết hợp được thực hiện nhằm mục đích tận dụng nguồn phụ phẩm để sản xuất được phẩm có hoạt tính cao. Bên cạnh đó còn góp phần làm hạn chế ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm thu được kết quả như sau: i) khử khoáng bằng HCl 6% trong 24 giờ thì hàm lượng khoáng còn lại là 0,54%; ii) hàm lượng protein còn lại là 44,9% sau khi khử protein bằng enzyme Alcalase 0,3% trong 4 giờ; iii) để hiệu suất thu hồi đạt được 60,8% thì nấu trong HCl 10M trong 6 giờ và qua phân tích phổ FTIR cho thấy lucosamine hydrochlorua hoàn toàn tương thích với glucosamine hydrochlorua thương mại; iv) sấy sản phẩm ở 60°C trong 9 giờ cho sản phẩm có hiệu suất thu hồi là 52,7%, ẩm độ là 4,70% và độ hòa tan là 85,1%.
384	Đại học	Nghiên cứu sử dụng enzyme alcalase sản xuất bột canxi từ xương cá mè trắng (hypophthalmichthys harmandi)	Nguyễn, Tuyết Mai	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Nghiên cứu sản xuất bột canxi từ xương cá mè trắng được thực hiện nhằm tận dụng nguồn phụ phẩm và tăng giá trị kinh tế của loài cá này. Kết quả cho thấy, xương cá được sấy sơ bộ ở nhiệt độ 60°C trong thời gian 3 giờ đạt độ ẩm 24,7%. Tiếp theo, mẫu được thủy phân bằng enzyme Alcalase nồng độ 0,3% ở nhiệt độ 50°C trong thời gian 18 giờ cho hiệu quả loại protein là 30,7% so với nguyên liệu ban đầu. Sau đó, mẫu tiếp tục được đem đi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 4 giờ cho ra bột canxi có độ ẩm là 5,58%, hàm lượng khoáng, hiệu suất thu hồi và độ hòa tan lần lượt là 63,7; 65,8 và 15,9%. Cuối cùng, mẫu được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong khoảng 4 tuần cho ẩm độ, khoáng thay đổi không đáng kể và tổng số vi sinh vật hiếu khí thấp hơn 106 cfu/g. Sản phẩm bột canxi từ xương cá mè trắng có hàm lượng khoáng 64,8% và canxi chiếm 21,0%.
385	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp xử lý đến tính chất của collagen từ da cá thát lát còm (chitala ornata)	Nguyễn, Hoàng Hải	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Anh hưởng của chế độ khử protein phi collagen, lipid và chế độ sấy đông khô đến tính chất của collagen từ da cá thát lát còm đã được nghiên cứu. Kết quả cho thấy, da cá thát lát còm được xử lý trong NaOH 0,1 M trong 4 giờ và CH ₃ COOH 0,5 M trong 60 phút cho hiệu quả khử protein phi collagen và lipid tốt nhất (khử được 13,9% protein phi collagen và 64,5% lipid). Mẫu sau khi xử lý, được chiết rút bằng CH ₃ COOH 0,5 M trong 3 ngày ở nhiệt độ 4 ± 1°C, dịch chiết được kết tủa collagen bằng NaCl 2,5 M. Kết tủa collagen được lọc, hòa tan trong CH ₃ COOH 0,5 M và thẩm tách trong CH ₃ COOH 0,1 M và nước cất. Sau đó mẫu được đem đi sấy đông khô trong 48 giờ cho hiệu suất thu hồi và độ ẩm lần lượt là 13,8 và 11,7% cùng với độ hòa tan cực đại ở pH 2 và NaCl 0,2 M. Thành phần acid amin của collagen từ da cá thát lát còm tương thích với collagen type I từ các loài da khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể tận dụng da cá thát lát còm là một nguồn nguyên liệu để sản xuất collagen.

386	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của dịch chiết lá cẩm (<i>peristrophe roxborghiana</i>) kết hợp màng bao chitosan đến chất lượng chả cá thát lát (<i>chitala chitala</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Ngô, Thị Thùy Dương	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu khảo sát ảnh hưởng của màng chitosan kết hợp với dịch chiết lá cẩm đến chất lượng chả cá thát lát trong quá trình bảo quản lạnh ($4\pm 1^{\circ}\text{C}$). Kết quả đạt được cho thấy dịch chiết lá cẩm được chiết tách với ethanol 60% trong 2 giờ ở nhiệt độ phòng cho hiệu quả chống oxy hoá tối ưu với hàm lượng polyphenol, hàm lượng flavonoid và chỉ số IC50 đạt lần lượt là 109 mgGAE/g, 69,2 mgQE/g và 32,8 $\mu\text{g/mL}$. Sau 15 ngày bảo quản lạnh, mẫu đối chứng và mẫu bao gói bằng màng bao chitosan kết hợp 4% dịch chiết cẩm vẫn giữ được giá trị cảm quan (10,8 và 12,3 điểm) và vi sinh nằm trong giới hạn cho phép ($7,84\times 10^5$ và $4,43\times 10^5$ cfu/g). Khả năng hạn chế sự oxy hoá lipid của mẫu có bổ sung 4% dịch chiết tốt hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản thông qua chỉ số PV (0,759 và 1,25 meq/kg) và TBARS (5,56 và 6,61 mgMDA/kg). Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy, kết hợp giữa màng chitosan với các hợp chất tự nhiên từ thực vật có thể kéo dài thời gian bảo quản các sản phẩm thủy sản.
387	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan tan trong nước từ vỏ tôm thẻ chân trắng (<i>litopenaeus vannamei</i>)	Phạm, Văn Dũ	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các phương pháp xử lý và điều kiện công nghệ đến chất lượng chitosan tan trong nước từ vỏ tôm thẻ chân trắng thông qua sự khử khoáng và khử protein để thu chitin. Sau đó, chitin được tiến hành deacetyl hóa bằng NaOH. Tiếp theo, chitosan được xử lý bằng CH_3COOH với các nồng độ khác nhau để sản xuất chitosan tan trong nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy vỏ tôm thẻ chân trắng deacetyl hóa trong NaOH 50% ở nhiệt độ $65\text{-}70^{\circ}\text{C}$ trong 36 giờ thu được dung dịch chitosan có độ deacetyl là 93,1% và độ nhớt là 20,0 mPas. Chitosan sau khi sấy được xử lý trong CH_3COOH 2% với H_2O_2 4% trong 4 giờ thì cho sản phẩm có hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất lần lượt là 98,3% và 88,6%. Qua phân tích phổ FTIR cho thấy sản phẩm chitosan tan trong nước thu được trong nghiên cứu này gần giống với chitosan thô. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 22 giờ có ẩm độ và hiệu suất thu hồi cao nhất lần lượt là 8,83% và 98,3%.
388	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện chế biến và bảo quản đến chất lượng nhân hamburger từ thịt cá tra (<i>pangasianodon hypophthalmus</i>)	Nguyễn, Thị Phoe	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện chế biến và bảo quản đến chất lượng nhân hamburger từ thịt cá tra được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới có giá trị cao về dinh dưỡng, an toàn và tiện lợi cho người sử dụng. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (i) khảo sát tỉ lệ phối trộn thịt cá tra và thịt heo đến cấu trúc và tính chất cảm quan của sản phẩm, (ii) sự ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn phô mai, (iii) sự ảnh hưởng của thời gian nướng đến chất lượng sản phẩm và ẩm độ, (iv) khảo sát sự biến đổi của chất lượng sản phẩm trong suốt thời gian bảo quản lạnh. Kết quả cho thấy tỉ lệ cá tra và thịt heo là 50:50 cho điểm cảm quan cao và cấu trúc phù hợp. Khi bổ sung 10% phô mai và nướng sản phẩm ở 180°C trong thời gian 90 phút sẽ cho chất lượng cảm quan cao nhất. Cuối cùng, sản phẩm được bao gói hút chân không và bảo quản lạnh ($4\pm 1^{\circ}\text{C}$) trong 21 ngày vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn cho người sử dụng.

389	Đại học	Nghiên cứu chiết rút chitosan tan trong nước từ vỏ tôm sú (<i>penaeus monodon</i>)	Nguyễn, Thị Lan Anh	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Ảnh hưởng của các phương pháp xử lý và điều kiện công nghệ đến chất lượng chitosan từ vỏ tôm sú đã được nghiên cứu nhằm tạo ra sản phẩm chitosan tan trong nước có hiệu quả ứng dụng cao. Nghiên cứu chiết rút chitosan tan trong nước được thực hiện thông qua 3 thí nghiệm: (i) deacetyl hóa chitin, (ii) xử lý trong CH ₃ COOH tạo chitosan tan trong nước, (iii) chế độ sấy đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chitin được deacetyl hóa bằng dung dịch NaOH ở nồng độ 50% trong thời gian 36h ở nhiệt độ 65 – 70°C cho độ deacetyl là 92,1%, chitosan có hiệu suất thu hồi, độ hòa tan và độ nhớt lần lượt là 59,1%, 95,7% và 15,2 mPas. Chitosan sau khi sấy được xử lý trong CH ₃ COOH 2% trong 6h cho hiệu suất thu hồi và độ hòa tan cao nhất là 97,7 và 86,4%. Qua phân tích phổ FTIR cho thấy sản phẩm chitosan tan trong nước thu được trong nghiên cứu này có cấu trúc gần giống với chitosan thô. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 22h có ẩm độ phù hợp là 9,62% và hiệu suất thu hồi cao nhất là 95,7%.
390	Đại học	Nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ mai cua đồng (<i>somanniathelphusa sinensis</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Nguyễn, Thanh Huy	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất glucosamin hydroclorua từ mai cua đồng bằng phương pháp hóa sinh kết hợp được thực hiện nhằm giảm thiểu lượng hóa chất và tạo ra sản phẩm glucosamin hydroclorua có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu thông qua 4 thí nghiệm: (i) khử khoáng, (ii) khử protein, (iii) chuyển chitin thành glucosamin hydroclorua bằng dung dịch HCl và (iv) chế độ sấy đến chất lượng của glucosamin hydroclorua. Kết quả cho thấy mẫu được xử lý bằng CH ₃ COOH 5% với thời gian 12 giờ và dung dịch HCl 4% trong 15 giờ thì hàm lượng khoáng còn lại là 0,757% và loại protein bằng enzyme Alcalase ở nồng độ 0,3% trong 5 giờ hàm lượng protein còn lại là 44,3%. Chitin được chuyển thành glucosamin hydroclorua trong HCL 10M ở 6 giờ cho hiệu suất thu hồi và độ nhớt lần lượt là 53,1% và 0,925mPas và phổ FT-IR cho thấy sản phẩm glucosamin hydroclorua thu được có các nhóm chức năng tương thích với glucosamin thương mại. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 3 giờ có ẩm độ, hiệu suất thu hồi cao nhất và độ hòa tan lần lượt là 8,20; 61,0 và 89.1%.
391	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chitosan từ nang mực tươi (<i>sepia esculenta</i>) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Lê, Thị Huỳnh Như	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất chitosan từ nang mực tươi bằng phương pháp hóa sinh kết hợp nhằm nâng cao chất lượng chitosan và giá trị của nang mực. Nghiên cứu này thông qua 4 thí nghiệm: khử khoáng, khử protein, deacetyl hóa và sấy khô. Kết quả nghiên cứu cho thấy nang mực tươi ngâm trong HCl 10% với 48h và xử lý enzyme Alcalase nồng độ 0,3% trong 18h ở 50-55°C thì cho hàm lượng khoáng và protein thấp nhất lần lượt là 0,554 và 49,5%. Mẫu đã qua xử lý được deacetyl hóa bằng NaOH 60% trong 48h ở 65-70°C thì đạt được độ deacetyl hóa là cao nhất. Sau đó đem chitosan thu được sấy ở 60°C trong 5h thì thu được chitosan có ẩm độ, độ nhớt và hiệu suất thu hồi lần lượt là 6,4%, 48,9mPas và 25,8%. Chitosan thành phẩm thu được có độ deacetyl là 93,7 và độ nhớt là 48,9mPas có chất lượng gần tương đương với chitosan thương mại.

392	Đại học	Nghiên cứu chiết rút glucosamine hydroclorua từ vỏ ghẹ (portulus pelagicus) bằng phương pháp hóa sinh kết hợp	Lại, Thị Phụng	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ HCL, enzyme Alcalase đến mức độ khử khoáng, khử protein trong vỏ ghẹ để thu chitin . Sau đó chitin được tiến hành thủy phân bởi HCL với các nồng độ và thời gian khác nhau để thu được glucosamine hydroclorua. Glucosamine hydroclorua được sấy ở nhiệt độ 60°C ở các mốc thời gian khác nhau nhằm chọn chế độ sấy phù hợp. Từ kết quả thí nghiệm cho thấy khi khử khoáng với nồng độ HCL 6% trong 30h thì hàm lượng khoáng còn lại là thấp nhất chỉ 0,48% và hàm lượng protein còn lại 48,05% khi sử dụng enzyme Alcalase nồng độ 0,3% trong 6h để khử protein. Chitin được chuyển thành glucosamine hydroclorua bằng HCL 10 M trong 6h cho hiệu suất thu hồi glucosamine hydroclorua cao nhất là 49,77% . Qua phân tích phổ FTIR cho thấy, sản phẩm glucosamine hydroclorua từ vỏ ghẹ thu được trong nghiên cứu này gần giống với sản phẩm thương mại. Sản phẩm được sấy ở nhiệt độ 60°C trong 9h có ẩm độ, hiệu suất thu hồi cao nhất và độ hòa tan lần lượt là 4,96; 50,47 và 84,15%.
393	Đại học	Nghiên cứu sử dụng màng chitosan kết hợp tinh dầu sả chanh (cymbopogon citratus) bảo quản lạnh cá điêu hồng (oreochromis spp) cắt khúc	Lê, Long Hoa	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Nghiên cứu sử dụng màng chitosan kết hợp tinh dầu sả chanh bảo quản lạnh cá điêu hồng cắt khúc đã được thực hiện. Kết quả cho thấy, mẫu sả được ngâm với nồng độ ethanol 50% trong 4 giờ và mẫu chanh được ngâm 2 giờ ở nồng độ ethanol là 70% sẽ cho hàm lượng polyphenol, flavonoid và IC50 là tốt nhất. Sau 18 ngày bảo quản lạnh, mẫu cá điêu hồng cắt khúc bao gói bằng màng chitosan kết hợp với 4% tinh dầu sả chanh cho chỉ số Peroxide, TBARS lần lượt là 2,75 meq/kg và 4,90 mgMDA/kg thấp hơn so với mẫu đối chứng là 3,08 meq/kg và 5,41 mgMDA/kg. Ngoài ra, độ cứng, chất lượng cảm quan được cải thiện, vi sinh vật cũng bị ức chế, kéo dài thời gian bảo quản lên đến 15 ngày ở mẫu màng chitosan có bổ sung 4% tinh dầu trong khi mẫu đối chứng chỉ bảo quản được 12 ngày. Vì thế, sản phẩm cá điêu hồng cắt khúc bao gói bằng màng bao chitosan kết hợp tinh dầu sả chanh vẫn đảm bảo được chất lượng và an toàn với người tiêu dùng.
394	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu quýt (citrus reticulata blanco) đến chất lượng chả cá điêu hồng (oreochromis spp) trong điều kiện bảo quản lạnh	Phạm, Thị Diễm My	Lê, Thị Minh Thủy	2019	Anh hưởng của nồng độ ethanol và thời gian ngâm đến hoạt tính chống oxy hóa của tinh dầu quýt đã được nghiên cứu. Sự thay đổi chất lượng của chả cá điêu hồng có phối trộn 2% tinh dầu quýt trong 18 ngày bảo quản lạnh (4±1°C) đã được khảo sát. Kết quả cho thấy, vỏ quýt ngâm trong ethanol 80% ở 3 giờ thì thu được hàm lượng flavonoid, polyphenol và IC50 lần lượt là 267 mgQE/g, 159 mgGAE/g và 25,1 µg/mL. Mẫu bổ sung 2% tinh dầu quýt, có khả năng trì hoãn sự oxy hóa lipid tốt với chỉ số peroxide và TBARS tăng chậm và đạt cực đại lần lượt là 4,01 meq/kg và 16,26 mgMDA/kg trong khi mẫu đối chứng thì hai giá trị này lần lượt là 6,38 meq/kg và 21,21 mgMDA/kg. Ngoài ra, mẫu phối trộn 2% tinh dầu quýt vẫn đảm bảo chất lượng cảm quan, vi sinh vật cũng bị ức chế sau 12 ngày bảo quản lạnh so với mẫu đối chứng là 9 ngày.

395	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng enzyme alcalase và flavourzyme sản xuất bột nêm thực phẩm từ thịt cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, T Linh Tâm	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát các thông số ảnh hưởng trong quá trình sản xuất bột nêm như tỷ lệ hỗn hợp enzyme Alcalase : Flavourzyme so với cơ chất, thời gian thủy phân, tỷ lệ phối trộn dịch mía : dịch đậm và thời gian bảo quản đến chất lượng của bột nêm từ thịt cá tra. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hỗn hợp enzyme so với cơ chất là 0,2% và thời gian thủy phân 26 giờ thì dịch thủy phân thu được có hàm lượng đạm amon (0,472 g/L), hàm lượng đạm amin và số liên kết peptit cao nhất tương ứng là 10,2 g/L và 21103 liên kết/50g. Dịch thủy phân được phối trộn với tỷ lệ dịch mía : dịch đậm (%:%) là 25:40, sấy ở 60°C trong 72 giờ thì mẫu có hàm lượng protein (17,2%), hàm lượng ẩm (4,72%), hiệu suất thu hồi (41,3%) và chất lượng cảm quan tốt nhất. Cuối cùng sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng cảm quan tốt và vi sinh nằm trong giới hạn cho phép sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng.
396	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm bánh phồng cá thát lát (chitala chitala) bổ sung dịch chiết lá dứa	Mai, Thị Cẩm Giang	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất bánh phồng cá thát lát (Chitala Chitala) bổ sung dịch chiết lá dứa được thực hiện nhằm tạo ra sự đa dạng cho sản phẩm bánh phồng, nhưng vẫn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng và giá thành hợp lý. Đề tài được thực hiện thông qua 5 thí nghiệm: (1) Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ bột năng%: dịch chiết lá dứa%: lòng trắng trứng% đến chất lượng sản phẩm, (2) Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ hỗn hợp bột: thịt cá đến chất lượng của sản phẩm, (3) Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian hấp đến chất lượng sản phẩm, (4) Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy mẫu có tỷ lệ (bột năng%: dịch chiết lá dứa%: lòng trắng trứng%) là (65:10:15), tỷ lệ (thịt cá%: hỗn hợp bột%) là (0,6:1), thời gian hấp 60 phút, thời gian sấy 16 giờ cho sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất.
397	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng enzyme alcalase và flavourzyme sản xuất bột nêm thực phẩm từ thịt cá lau kiếng (Hypostomus punctatus)	Trần, Thị Tuyết Trâm	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng như tỷ lệ hỗn hợp enzyme alcalase và flavouzyme so với cơ chất, thời gian thủy phân, tỷ lệ phối trộn của dịch đậm : dịch cá rô và thời gian bảo quản đến chất lượng của bột nêm từ thịt cá lau kiếng. Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện thủy phân thích hợp là: tỷ lệ hỗn hợp alcalase và flavourzyme so với cơ chất là 0,2% và thời gian 20 giờ thì dịch đậm có tổng số liên kết peptide (6844 liên kết) và hàm lượng nitơ acid amin (20,2 g/L) cao nhất, đạm amon (0,214 g/L) thấp nhất. Dịch thủy phân được phối trộn với tỷ lệ dịch đậm : dịch cá rô (%:%) là 30:35, sấy ở 60°C trong 72 giờ thì bột nêm có hàm lượng protein cao (14,4%), hàm lượng ẩm (5,69%), hiệu suất thu hồi (47,5%) và chất lượng cảm quan tốt nhất. Cuối cùng sản phẩm vẫn duy trì chất lượng cảm quan và vi sinh sau 4 tuần bảo quản ở nhiệt độ phòng.

398	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng enzyme alcalase và flavourzyme sản xuất bột nêm thực phẩm từ thịt cá lóc (Channa striata)	Quách, Huệ Trinh	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Nghiên cứu ứng dụng enzyme Alcalase và Flavourzyme sản xuất bột nêm thực phẩm từ thịt cá lóc bao gồm 3 thí nghiệm: (i) Khảo sát tỷ lệ hỗn hợp 2 enzyme so với cơ chất và thời gian thủy phân, (ii) Tỷ lệ của dịch đậm và dung dịch củ cải trắng, (iii) Thời gian bảo quản của sản phẩm ở nhiệt độ phòng đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy mẫu thủy phân ở nhiệt độ 55°C trong thời gian 20 giờ với tỷ lệ hỗn hợp 2 enzyme Alcalase và Flavourzyme so với cơ chất là 0,2% thu được dịch đậm có số liên kết peptid và hàm lượng đạ amin tốt nhất lần lượt là: 25444 liên kết/50g và 11,4g/L. Mẫu sau khi thủy phân được phối trộn với tỷ lệ dịch đậm:dung dịch củ cải là 40%:25% cho ẩm độ, hàm lượng đạm tổng số, hiệu suất thu hồi và giá trị cảm quan lần lượt là 4,88%; 17,1%; 42,5% và 18,9 tương ứng. Sản phẩm được bảo quản ở nhiệt độ phòng trong 4 tuần vẫn đảm bảo chất lượng cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm.
399	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của hóa chất, phụ gia và thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm khô cá cơm(Engraulis encrasicolus) tẩm gia vị	Trương, Thị Loan	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của hóa chất, phụ gia và thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm khô cá cơm (Engraulis encrasicolus) tẩm gia vị nhằm khảo sát các nhân tố ảnh hưởng như ngâm potassium sorbate trong công đoạn xử lý, tỉ lệ hỗn hợp gừng tỏi trong công đoạn phối trộn phụ gia, hoặc kết hợp ngâm potassium sorbate và trộn hỗn hợp gừng tỏi, cũng như thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm. Cả 3 loại sản phẩm (sản phẩm khô cá cơm tẩm gia vị ngâm 5% potassium sorbate, trộn 3% hỗn hợp gừng tỏi, kết hợp ngâm 5 potassium sorbate và trộn 3% hỗn hợp gừng tỏi) được bao gói bằng bao PE, bảo quản ở nhiệt độ thường trong 8 tuần vẫn đạt được chất lượng cảm quan khá, chỉ số peroxide value và ẩm độ vẫn đạt tiêu chuẩn của sản phẩm thủy sản khô; tổng số vi khuẩn hiếu khí nằm trong giới hạn cho phép <106 cfu/g đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.
400	Đại học	Nghiên cứu kết hợp cá lau kiếng (Hypostomus punctatus) và ốc bươu vàng (Pomacea canaliculata) sản xuất sản phẩm chả ốc sốt chua cay đóng hộp	Đoàn, Diễm My	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài nghiên cứu kết hợp cá lau kiếng và ốc bươu vàng sản xuất sản phẩm chả ốc sốt chua cay đóng hộp được thực hiện nhằm tạo sự đa dạng cho sản phẩm đồ hộp, tận dụng nguồn nguyên liệu có sẵn để sản xuất sản phẩm đạt được chất lượng cảm quan, an toàn vệ sinh thực phẩm. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (1) Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn giữa thịt cá lau kiếng và thịt ốc bươu vàng, (2) khảo sát ảnh hưởng của thời gian quết, (3) khảo sát ảnh hưởng của các loại nước sốt chua cay và (4) khảo sát ảnh hưởng của thời gian thanh trùng đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ phối trộn 60% thịt cá lau kiếng, 40% thịt ốc bươu vàng, thời gian quết 15 phút, sốt chua cay tạo vị hài hòa là sốt chanh ớt và thời gian thanh trùng 30 phút ở nhiệt độ 1180C cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan tốt và vi sinh thấp.

401	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm bánh phồng tôm (<i>Penaeus monodon</i>) bổ sung dịch chiết tôm	Trần, Kiều Mỹ	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất sản phẩm bánh phồng tôm (<i>Penaeus monodon</i>) bổ sung dịch chiết tôm với mục đích đa dạng hóa sản phẩm bánh phồng tôm cũng như các sản phẩm snack. Đề tài thực hiện bao gồm 4 thí nghiệm: (i) nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ bột năng: dịch chiết tôm: lòng trắng trứng, (ii) nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ hỗn hợp bột: thịt tôm, (iii) nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian hấp, (iv) nghiên cứu sự ảnh hưởng của thời gian sấy bánh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi phối trộn tỉ lệ bột năng:dịch chiết tôm:lòng trắng trứng là 65%:10%:15%, tỉ lệ hỗn hợp bột: thịt tôm là 1:0,6 (w:w), hấp 60 phút và sấy 16 giờ thì sản phẩm có giá trị cảm quan cao, ẩm độ thấp, độ nở lớn và số vi sinh vật hiếu khí nằm trong giới hạn cho phép.
402	Đại học	Nghiên cứu kết hợp thịt mực (<i>Teuthida</i>) và thịt cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp</i>) sản xuất sản phẩm đồ hộp chả mực sốt chua cay	Lâm, Trúc Ngân	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài nghiên cứu kết hợp thịt mực (<i>Teuthida</i>) và thịt cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp</i>) sản xuất sản phẩm đồ hộp chả mực sốt chua cay được thực hiện nhằm khảo sát các yếu tố như tỷ lệ thịt cá: thịt mực, tỷ lệ bột bắp, tỷ lệ c chua: nước, thời gian thanh trùng đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy sản phẩm giá trị cảm quan 18,8 cao nhất, khi phối trộn tỷ lệ thịt cá điêu hồng : thịt mực là 50%: 40%. Bổ sung 5% bột bắp cho điểm cảm quan và độ bền gel cao nhất là 18,8 and 567g.cm. Nước sốt với cá chua 55% và nước 30%, thì cho điểm cảm quan cao nhất và pH thấp nhất. Sản phẩm được thanh trùng ở nhiệt độ 118°C trong 30 phút cho điểm cảm quan cao nhất là 18,9 và tổng số vi sinh vật hiếu khí thấp.
403	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của các phương pháp chế biến nhiệt đến sự biến đổi chất lượng của sản phẩm khô cá cơm (<i>Engraulis encrasicolus</i>) tẩm gia vị ăn liền	Lâm, Thị Kiều Trúc	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các phương pháp chế biến nhiệt đến chất lượng khô cá cơm tẩm gia vị ăn liền theo thời gian bảo quản. Khô cá cơm được gia nhiệt bằng 3 phương pháp khác nhau, chiên ngập dầu 140-150°C trong 1 phút, nướng ở 160 °C trong 20 phút, microwave ở mức medium trong 2 phút và được bao gói PE, bảo quản ở nhiệt độ phòng trong thời gian 8 tuần. Sau 8 tuần, giá trị peroxide value của mẫu chiên là cao nhất 10,7 meqO₂/kg>10 meqO₂/kg vượt quá giới hạn cho phép, thấp nhất là mẫu nướng 6,55 meqO₂/kg. Mẫu chiên và nướng sau 6 tuần; mẫu microwave sau 8 tuần có tổng số vi khuẩn hiếu khí lần lượt là 1,5x10⁴ cfu/g và 1,6x10³ cfu/g; 3,2x10⁴ cfu/g, tương ứng <5x10⁴ cfu/g và còn nằm trong giới hạn cho phép. Ẩm ở tất cả các mẫu đều tăng nhẹ theo thời gian.

404	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng enzyme alcalase và flavourzyme sản xuất bột nêm thực phẩm từ thịt cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	Huỳnh, Thị Ý	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến chất lượng bột nêm thành phẩm từ thịt cá rô phi. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm: (i) tỷ lệ hỗn hợp enzyme Alcalase : Flavourzyme so với cơ chất và thời gian thủy phân; (ii) tỷ lệ dịch bắp:dịch đậm; (iii) ảnh hưởng của thời gian bảo quản ở nhiệt độ phòng đến chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy thịt cá rô phi được thủy phân ở nhiệt độ 55°C trong 20 giờ với tỷ lệ hỗn hợp enzyme so với cơ chất là 0,3% cho số liên kết peptide và đạm amin cao nhất lần lượt là (28441 liên kết/50g và 9,22g/L), tương ứng. Mẫu được sấy 60°C trong 3 ngày với tỷ lệ dịch bắp : dịch đậm 25% : 40% cho hiệu suất thu hồi, protein và điểm cảm quan cao lần lượt là 37,6%; 16,9% và 19,3) tương ứng và ẩm thấp nhất là 3,84%. Bột nêm thực phẩm được bảo quản ở nhiệt độ phòng sau 4 tuần vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
405	Đại học	Nghiên cứu kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) với cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) sản xuất chả tôm rau củ	Nguyễn, Thị Bé Hiền	Trương, Thị Mộng Thu	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất sản phẩm chả tôm rau củ từ tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) kết hợp với cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao và góp phần đa dạng hơn sản phẩm chả. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm: (1) khảo sát tỷ lệ (%) phù hợp của tôm sú và cá tra, (2) tỷ lệ bột bắp, (3) tỷ lệ cá rô, (4) ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm. Kết quả cho thấy tỷ lệ phối trộn giữa tôm sú và cá tra là 45:45 (%) cho sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất (18,7), tỷ lệ bột bắp là 7% và 5% cá rô cho cấu trúc cao và điểm cảm quan tốt nhất. Sản phẩm được bảo quản ở 4±1°C trong 12 tuần đảm bảo cảm quan và vệ sinh.
406	Đại học	Nghiên cứu sản xuất xù mại từ thịt cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) sốt cà chua đóng hộp	Trần, Bé Hai	Lê, Thị Minh Thủy	2019	The study was conducted to produce a canned meatball product from Tra Catfish meat incorporate with pork meat and tomato sauce was studied in order to produce a new and diversified canned food products from Tra Catfish. This study included four experiments: (i) investigation mixing ratio of Tra Catfish meat and pork meat, (ii) the effect of steaming time, (iii) the effect of sterilization temperature, (iv) the effect of storage time on the quality of products. The results showed that 60% Tra Catfish meat and 40% pork meat is the appropriate ratio for the best sensory property of the product. Steaming for 2 minutes to gain tough structure and good elasticity. Sterilization at 115°C for 45 minutes showed the best of sterilization mode. Finally, a canned product from Tra Catfish meat and pork meat with tomato sauce still maintained the sensory qualification and food safety for customer after storage at room temperature for 7 weeks.

407	Đại học	Nghiên cứu chiết rút alginate từ rong phổ tai (<i>Laminaria japonica</i>)	Võ, Thị Trúc Thơ	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích tối ưu hóa các điều kiện chiết rút alginate từ rong phổ tai (<i>Laminaria japonica</i>). Nghiên cứu được thực hiện thông qua bốn thí nghiệm (i) ảnh hưởng của nồng độ HCl đến khả năng khử khoáng trong nguyên liệu, (ii) ảnh hưởng của nồng độ NaOH đến khả năng khử protein trong nguyên liệu, (iii) ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian nấu chiết đến độ nhớt và hiệu suất thu hồi của sản phẩm, (iv) ảnh hưởng của thời gian sấy đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy rong phổ tai ngâm trong dung dịch HCl 0,5% (w:v) với thời gian 20 phút, ở nhiệt độ $60\pm 5^{\circ}\text{C}$ thì hàm lượng khoáng còn lại là thấp nhất (1,95%), đạt hiệu suất khử khoáng cao nhất (91,9%). Khử protein bằng dung dịch NaOH 0,3M ở nhiệt độ phòng trong 30 phút cho hiệu quả khử protein là cao nhất (protein giảm từ 13,1% còn 5,56% với hiệu suất khử đạt 57,6%). Mẫu sau xử lý được nấu chiết trong dung dịch Na_2SO_3 15% (w:w) ở nhiệt độ $60\pm 5^{\circ}\text{C}$ trong thời gian 3 giờ thu được dung dịch alginate có độ nhớt và hiệu suất thu hồi cao nhất (14,8 mPas và 13,4%). Dung dịch sau nấu chiết được sấy ở $60\pm 2^{\circ}\text{C}$ trong 18 giờ cho sản phẩm có độ ẩm và hiệu suất thu hồi tốt nhất (10,7% và 3,77%). Alginate thành phẩm thu được có độ ẩm (10,7%) tương đương và độ nhớt cao hơn (30,1 mPas) so với alginate thương mại.
408	Đại học	Nghiên cứu chế biến sản phẩm đồ hộp cá sa ba (<i>Scomber japonicus</i>) sốt Thái	Phan, Thảo Du Tử	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài nghiên cứu quy trình chế biến sản phẩm đồ hộp cá sa ba sốt Thái được thực hiện với bốn thí nghiệm như: (1) khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp đến chất lượng cảm quan của sản phẩm (2) khảo sát tỷ lệ nước sốt Thái và nước cốt me (3) khảo sát tỷ lệ cá và nước sốt Thái đến chất lượng cảm quan của sản phẩm (4) khảo sát ảnh hưởng về thời gian thanh trùng đến chất lượng cảm quan của sản phẩm. Kết quả cho thấy với thời gian hấp 3 phút, tỷ lệ nước sốt Thái 30% và nước cốt me 20% tạo nên hương vị hài hòa của sản phẩm. Tỷ lệ 50% cá với 50% nước sốt Thái có chất lượng cảm quan tốt nhất. Cuối cùng, thanh trùng 121 trong 40 phút đảm bảo chất lượng cảm quan và vi sinh vật của sản phẩm.
409	Đại học	Sản xuất bột nêm từ cá mè vinh (<i>Barbonymus goionotus</i>)	Lê, Thị Tú Trinh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến chất lượng bột nêm cá từ cá mè vinh. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm: (i) ảnh hưởng của thời gian thủy phân đến chất lượng bột nêm cá từ cá mè vinh, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ muối và đường đến chất lượng cảm quan của sản phẩm và (iii) ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng bột nêm cá từ cá mè vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy thịt cá được thủy phân ở nhiệt độ 50°C trong 24 giờ với nồng độ enzyme Alcalase là 0,4% cho số liên kết peptid và hàm lượng đạm acid amin cao nhất là 18.071 liên kết/50g và 16,45 g/L. Mẫu sau khi thủy phân được nâng nhiệt ở $90 - 95^{\circ}\text{C}$ trong thời gian 2 phút, mẫu được đem đi phối trộn với đường (3%), muối (4%) và các gia vị khác cho kết quả điểm cảm quan cao nhất. Cuối cùng sản phẩm bột nêm được bảo quản trong 21 ngày ở nhiệt độ phòng có tổng số vi sinh vật là $4,73 \times 10^3$ CFU/g và vẫn đảm bảo chất lượng.

410	Đại học	Sản xuất bột nê-m từ cá mè vinh (Barbonymus goinonotus)	Lê, Thị Tú Trinh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến chất lượng bột nê-m cá từ cá mè vinh. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm: (i) ảnh hưởng của thời gian thủy phân đến chất lượng bột nê-m cá từ cá mè vinh, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ muối và đường đến chất lượng cảm quan của sản phẩm và (iii) ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng bột nê-m cá từ cá mè vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy thịt cá được thủy phân ở nhiệt độ 50°C trong 24 giờ với nồng độ enzyme Alcalase là 0,4% cho số liên kết peptid và hàm lượng đạm acid amin cao nhất là 18.071 liên kết/50g và 16,45 g/L. Mẫu sau khi thủy phân được nâng nhiệt ở 90 - 95°C trong thời gian 2 phút, mẫu được đem đi phối trộn với đường (3%), muối (4%) và các gia vị khác cho kết quả điểm cảm quan cao nhất. Cuối cùng sản phẩm bột nê-m được bảo quản trong 21 ngày ở nhiệt độ phòng có tổng số vi sinh vật là 4,73x10 ³ CFU/g và vẫn đảm bảo chất lượng.
411	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết trà xanh (Camellia sinensis) đến chất lượng chả cá từ thịt vụn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) trong điều kiện bảo quản lạnh	Tăng, Thị Ngọc Quyên	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá dự ảnh hưởng của cao chiết trà xanh đến chất lượng chả cá từ thịt vụn cá tra trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức bảo quản lạnh: chả cá sẽ được phối trộn với cao chiết trà xanh ở các tỷ lệ khác nhau như: 0% (mẫu đối chứng), 7,63 mg/kg và 0,6 g/kg. Chất lượng của chả cá được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như nhiệt độ, ẩm độ, pH, cấu trúc, khả năng giữ nước (WHC), chỉ tiêu peroxide, tổng số vi khuẩn hiếu khí và đánh giá cảm quan. Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8, và ngày 12. Kết quả cho thấy, mẫu có sử dụng cao chiết trà xanh có giá trị cảm quan hơn so với mẫu đối chứng trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Chả cá có thể sử dụng đến ngày 8 mà vẫn đảm bảo về chỉ tiêu vi sinh. Thêm vào đó, chả cá được phối trộn cao chiết trà xanh 7,63 mg/kg giúp làm giảm vi sinh và giá trị peroxide và cho giá trị cảm quan cao nhất.
412	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất gelatin từ da cá dứa (Pangasius kunyit)	Lâm, Thị Huỳnh Nhi	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu chiết rút gelatin từ da cá dứa được thực hiện nhằm khảo sát và tìm các thông số tối ưu trong quy trình xử lý, chiết rút và sấy khô gelatin. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm: khảo sát ảnh hưởng của nồng độ NaOH đến khả năng khử các hợp chất protein không phải gelatin, khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian và nhiệt độ nấu chiết đến hiệu suất thu hồi và độ nhớt của sản phẩm và ảnh hưởng của thời gian sấy đến độ ẩm, độ bền gel, hiệu suất thu hồi của gelatin. Kết quả nghiên cứu cho thấy, da cá dứa ngâm trong NaOH 0,3 M với thời gian 3 giờ cho hiệu quả loại protein không phải gelatin là 34,7%. Sau đó, mẫu được nấu chiết trong nước với thời gian 30 phút ở 80°C và sấy ở 60°C trong 20 giờ cho ra sản phẩm có chất lượng tốt nhất với độ nhớt là 2,22 mPas và hiệu suất thu hồi cao nhất là 17,1%. Gelatin thành phẩm có độ bền gel là 168 g cao gấp lần 2,2 gelatin thương mại.

413	Đại học	Xác định thời gian bảo quản lạnh khô cá dứa trong các điều kiện hút chân không kết hợp với cao chiết cây húng lủi (<i>Mentha crispera</i>)	Lâm, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết húng lủi (<i>Mentha crispera</i>) đến chất lượng khô cá dứa (<i>Pangasius kunyit</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 2 nghiệm thức (i) mẫu cá được ngâm trong dung dịch không bổ sung cao chiết húng lủi (ii) mẫu cá được ngâm trong dung dịch có bổ sung cao chiết húng lủi với nồng độ (IC50) 24,12 µg/mL. Sự biến đổi chất lượng khô cá dứa trong suốt 38 ngày bảo quản được đánh giá qua các chỉ tiêu ẩm độ, pH, nhiệt độ, tổng số vi sinh vật hiếu khí, khả năng giữ nước (WHC), chỉ số peroxide (PV), giá trị cảm quan. Từ kết quả cho thấy việc sử dụng cao chiết húng lủi trong bảo quản lạnh khô cá dứa có tác dụng làm hạn chế oxy hóa chất béo và đảm bảo giá trị cảm quan cho sản phẩm.
414	Đại học	Nghiên cứu quy trình chiết rút gelatin từ xương cá dứa (<i>Pangasius kunyit</i>)	Huỳnh, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài “Nghiên cứu chiết rút gelatin từ xương cá dứa” được thực hiện nhằm tìm ra nguồn nguyên liệu mới cho việc sản xuất gelatin. Đề tài được tiến hành với 3 thí nghiệm chính: (i) khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ và thời gian ngâm HCl đến khả năng khử khoáng trong xương cá dứa; (ii) khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ và thời gian ngâm NaOH đến khả năng khử protein không phải gelatin trong xương cá dứa; (iii) khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian nấu chiết đến độ nhớt và hiệu suất thu hồi sản phẩm gelatin. Kết quả cho thấy, xử lý xương cá dứa trong HCl 4% với thời gian 1 ngày và NaOH 0,4% trong thời gian 22 giờ cho hiệu quả khử khoáng và protein tốt nhất (khử được 98,5% khoáng và 16,7% protein). Mẫu sau khi xử lý được tiến hành nấu chiết ở nhiệt độ 800C trong 3 giờ thu được dung dịch gelatin có độ nhớt và hiệu suất thu hồi cao (1,09 mPas và 4,74%). Kết quả này góp phần nâng cao khả năng tận dụng xương cá dứa như nguồn nguyên liệu sản xuất gelatin.
415	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) kết hợp màng bao alginate đến chất lượng của chả cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Trương, Thị Thùy Trang	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng chống oxy hóa và kháng khuẩn của cao chiết hoa cúc vàng đến chất lượng chả cá tra trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm bốn nghiệm thức: Thịt cá xay nhuyễn không phối trộn cao chiết hoa cúc vàng và màng bao alginate (nghiệm thức đối chứng) (i), phối trộn cao chiết hoa cúc vàng 49,09 mg/kg (ii), phối trộn cao chiết hoa cúc vàng 49,09 mg/kg kết hợp màng bao alginate 0,5% (iii), nhúng màng bao alginate 0,5% (iv). Mỗi nghiệm thức gồm 75 mẫu (20 g/mẫu) chia đều cho bốn túi PE và bảo quản lạnh (<5°C). Thu mẫu vào các ngày 1, 6, 9, 12 và 16. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC), giá trị cảm quan, độ đàn hồi, pH, WHC, ẩm độ và PV. Kết quả cho thấy sản phẩm phối trộn cao chiết hoa cúc vàng 49,09 mg/kg có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 12 ngày cho cả bốn nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu TVC và giá trị cảm quan của sản phẩm. Mẫu có trộn cao chiết hoa cúc vàng thì sử dụng được 16 ngày.

416	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia hirta</i> L.) đến chất lượng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius) trong điều kiện bảo quản đông	Trần, Thị Ngọc Huyền	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá về những thay đổi của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius) khi nhúng trong dịch chiết cỏ sữa (<i>Euphorbia thymifolia</i> Burm) trong điều kiện bảo quản đông. Thí nghiệm bao gồm 3 nghiệm thức: Nghiệm thức (1), tôm được ngâm trong nước lạnh trong 30 phút, nghiệm thức (2), tôm được ngâm trong dịch chiết cỏ sữa 14,08 $\mu\text{g/mL}$ trong 30 phút, nghiệm thức (3), tôm ngâm trong dịch chiết cỏ sữa 625 $\mu\text{g/mL}$ trong 30 phút. Sau đó cả ba mẫu đều được đem đi bảo quản đông ở nhiệt độ từ -18°C đến -20°C . Mẫu được thu vào các tháng 6, 9 và 12 thông qua các chỉ tiêu phân tích bao gồm: nhiệt độ, tổng số vi sinh vật hiếu khí, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, ẩm độ, pH, TVB-N, PV và TBARs. Kết quả cho thấy sản phẩm oxy hóa sơ cấp và thứ cấp của mẫu xử lý với cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 625 $\mu\text{g/mL}$ thấp hơn so với mẫu đối chứng có ý nghĩa thống kê ($p < 0,5$) và giữ được đặc tính cảm quan tốt hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản đông. Ở thí nghiệm này, dịch chiết cỏ sữa đã thể hiện rõ tác dụng kháng khuẩn của mình.
417	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cây cỏ sữa (<i>Euphorbia hirta</i> L.) lên bảo quản đông cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê	Thái, Hồng Ngọc	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết cỏ sữa đến chất lượng cá tra phi lê trong quá trình bảo quản đông. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: (i) ngâm cá phi lê trong nước, (ii) ngâm cá phi lê trong cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 14,08 $\mu\text{g/mL}$ và (iii) ở nồng độ 625 $\mu\text{g/mL}$ trong 30 phút ở nhiệt độ dưới 4°C và bảo quản đông ở nhiệt độ $< -18^{\circ}\text{C}$. Mẫu được thu vào các tháng 6, 9 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, ẩm độ, khả năng giữ nước (WHC), độ đàn hồi, hàm lượng nitơ bazơ bay hơi (TVB-N), Peroxide value (PV), Thiobarbituric Acid Reactive substances (TBARs), màu sắc cơ thịt, giá trị cảm quan, tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC). Mẫu sử dụng cao chiết cỏ sữa không ảnh hưởng đến giá trị pH, ẩm độ, khả năng giữ nước, độ đàn hồi, hàm lượng nitơ bazơ bay hơi. Xử lý mẫu với cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 625 $\mu\text{g/mL}$ có khả năng làm giảm hàm lượng sản phẩm oxy hóa thứ cấp cao hơn và ức chế vi sinh vật hiếu khí tốt hơn so với mẫu đối chứng. Giá trị cảm quan của mẫu ở tất cả các nghiệm thức vẫn giữ được chất lượng. Như vậy, có thể sử dụng cao chiết cỏ sữa ở nồng độ 625 $\mu\text{g/mL}$ trong bảo quản cá tra phi lê đông lạnh.

418	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá ổi (<i>Psidium guajava</i> L.) lên bảo quản đông lạnh cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê	Trần, Cẩm Tiên	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá ổi đến chất lượng cá tra phi lê trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) cá phi lê được nhúng cao chiết lá ổi với nồng độ 5,04 ƣg/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 313 ƣg/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Thời gian bảo quản đông lạnh là 365 ngày. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR). Thu mẫu được tiếp tục thực hiện vào tháng 6 tháng 9 và tháng 12. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARs và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết ổi cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê được duy trì chất lượng trong suốt thời gian bảo quản đông.
419	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) kết hợp dung dịch alginate đến chất lượng cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Lâm, Minh Đạt	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng của cao chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i> L) đến chất lượng cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức: ngâm cá rô phi phi lê trong nước đá, ngâm trong dịch chiết hoa cúc vàng với nồng độ 49,1 ƣg/mL và dịch chiết hoa cúc vàng 49,1 ƣg/mL kết hợp với dung dịch alginate 0,5% trong 30 phút ở nhiệt độ 40C. Cá rô phi phi lê được bao gói bằng túi PE. Mỗi túi nhỏ chứa 1 miếng cá phi lê và mỗi nghiệm thức gồm 32 miếng cá. Cá phi lê sau khi chuẩn bị được bảo quản trong thùng xốp với tỉ lệ cá:đá là 1:1. Mẫu được thu vào các ngày 1, 6, 9 và 12. Sự thay đổi chất lượng của cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi sinh vật hiếu khí, điểm cảm quan, độ đàn hồi cơ thịt cá, khả năng giữ nước, chỉ số peroxide, pH và nhiệt độ. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với cao chiết hoa cúc vàng với nồng độ 49,1 ƣg/mL kết hợp với dung dịch alginate 0,5% có giá trị cảm quan cao hơn so với mẫu đối chứng của cá rô phi phi lê trong suốt quá trình bảo quản. Sản phẩm có thể sử dụng đến 9 ngày cho cả 3 nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi sinh vật hiếu khí.
420	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh (<i>Camellia sinensis</i>) đến chất lượng của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius) trong điều kiện bảo quản lạnh đông	Phan, Văn Đông	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết cây trà xanh đến chất lượng của tôm sú trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) tôm sú được nhúng trong nước 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) tôm sú được nhúng cao chiết trà xanh với nồng độ 7,63 ƣg/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 625 ƣg/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm: nhiệt độ, pH, tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, ẩm độ, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBARs) sau 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARs và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết trà xanh cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu.

421	Đại học	Sử dụng dịch chiết rau răm (<i>Persicaria odorata</i>) để bảo quản cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh	Trần, Thị Như Ý	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết rau răm (<i>Persicaria odorata</i>) đến chất lượng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê trong quá trình bảo quản lạnh. Đề tài được thực hiện thông qua hai thí nghiệm: (i) Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của dịch chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng 100°C trong 3h và ngâm trong ethanol 96% trong 24h thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng phenolic có trong dịch chiết. (ii) Khảo sát sự ảnh hưởng của dịch chiết trong bảo quản lạnh cá tra phi lê gồm 3 nghiệm thức: đối chứng và ngâm cá tra phi lê trong dịch chiết rau răm với nồng độ IC50, IC100 trong 30 phút ở nhiệt độ 4°C với tỉ lệ cá: dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 6, 8, 10, 12. Sự biến đổi chất lượng cá được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như tổng số v khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, khả năng giữ nước, chỉ số Peroxit. Ngoài ra nhiệt độ và pH cũng được xác định trong quá trình bảo quản. Kết quả cho thấy dịch chiết thu được từ dung môi ethanol 96% có khả năng chống oxy hóa cao hơn dịch chiết trong nước nóng với giá trị IC50, IC100 và hàm lượng phenolic lần lượt là (18,43 µg/mL, 49,97 µg/mL và 147 mg GAE/g). Mẫu xử lý với dịch chiết rau răm IC50 và IC100 có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi khuẩn hiếu khí.
422	Đại học	Ảnh hưởng của xử lý plasma lạnh lên chất lượng phi lê của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong quá trình bảo quản lạnh	Cái, Thị Phương Ly	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu sự ảnh hưởng của xử lý plasma lạnh lên chất lượng phi lê của cá tra trong quá trình bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm được thực hiện gồm ba nghiệm thức: rửa cá phi lê bằng nước sạch không qua xử lý, ngâm cá phi lê trong dung dịch plasma với công suất 80W trong 5 phút và rửa bằng nước lạnh có nồng độ chlorine 30ppm sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào các ngày 0, 4 và 8. Sự biến đổi chất lượng của cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, chỉ số peroxide, chỉ số TBARS, nhiệt độ, pH, chỉ số màu và ẩm độ. Kết quả cho thấy, mẫu xử lý với dung dịch plasma công suất 80W đạt hiệu quả bảo quản lạnh cao hơn so với các mẫu xử lý khác. Mẫu cá ngâm trong dung dịch plasma lạnh công suất 80W thể hiện được khả năng khử khuẩn, hạn chế hoạt động của vi sinh vật và làm chậm quá trình oxy hóa lipid của plasma. Ngoài ra, dung dịch plasma lạnh công suất 80W còn có tác dụng khử màu nâng cao giá trị cảm quan cho sản phẩm. Tuy nhiên, việc xử lý cá trong thời gian quá lâu đã làm ảnh hưởng đến ẩm độ cũng như vị của sản phẩm.

423	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) sấy tầm gia vị ăn liền	Nguyễn, Văn Thu	Trần, Minh Phú Nguyễn, Đỗ Quỳnh	2019	Nghiên cứu sản xuất tôm thẻ chân trắng (<i>litopenaeus vannamei</i>) sấy tầm gia vị ăn liền được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, đa dạng hóa các sản phẩm và làm tăng kinh tế giá trị của tôm. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm (i) ảnh hưởng của nồng độ muối, (ii) phần trăm ẩm của sản phẩm và (iii) thời gian bảo quản đến chất lượng sản phẩm tôm thẻ chân trắng sấy tầm gia vị ăn liền. Kết quả nghiên cứu cho thấy tôm thẻ được ngâm trong dung dịch muối với nồng độ 3%, đường 3%, tiêu 0,5%, bột ớt 0,5%, tỏi 0,5%, bột ngọt 0,5% trong thời gian 45 phút và sấy trong thời gian 8,5 giờ với nhiệt độ 60 0C là có màu vàng cam sáng đẹp, mùi thơm đặc trưng, vị hài hòa và cấu trúc săn chắc. Sản phẩm vẫn đảm bảo chất lượng và đáp ứng tiêu chuẩn vi sinh trong 3 tuần bảo quản lạnh ở 0-4oC.
424	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu (<i>Phyllanthus amrus</i> Schum.et Thonn) đến chất lượng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản đông	Nguyễn, Thị Bình Nhi	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết diệp hạ châu đến chất lượng của cá tra phi lê trong quá trình bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước sạch 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -20oC. (ii) cá phi lê được nhúng dịch chiết diệp hạ châu với nồng độ 7,71 µg/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 156 µg/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Thời gian bảo quản đông lạnh là 12 tháng. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR) ở các tháng 6, tháng 9 và tháng 12. Kết quả cho thấy chỉ số PV, TBARs và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý dịch chiết diệp hạ châu cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê có xử lý dịch chiết có chất lượng tốt hơn mẫu đối chứng.
425	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết củ cải trắng (<i>Raphanus sativus</i> L) cá tra(<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Hồ Cẩm Lý	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của cao chiết củ cải trắng đến chất lượng của chả cá tra trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm được thực hiện gồm 3 nghiệm thức, chả cá xay nhuyễn được phối trộn với cao chiết củ cải trắng ở các nồng độ khác nhau: 0% (mẫu đối chứng), 524 mg/kg và 6,25 g/kg. Mẫu được quét, định hình và hấp trong 10 phút và để nguội. Mỗi nghiệm thức gồm 64 mẫu (20 g/mẫu), chia đều cho 4 túi PE, chả cá được bảo quản lạnh bằng nước đá (<40C). Thu mẫu vào các ngày 1, 4, 8, 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, ẩm độ, giá trị cảm quan, chỉ số Peroxide (PV), khả năng giữ nước (WHC), tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC), cấu trúc. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt trong các chỉ tiêu pH, cấu trúc, WHC giữa hai mẫu xử lý cao chiết và mẫu đối chứng. Dựa trên chỉ tiêu TVC cho thấy mẫu có phối trộn cao chiết củ cải trắng với nồng độ 524 mg/kg (5,55 log10cfu/g) và nồng độ 6,25 g/kg (5,45 log10cfu/g) đạt chất lượng tốt hơn trong suốt 12 ngày bảo quản. Tuy nhiên, mẫu có xử lý cao chiết không giúp cải thiện giá trị cảm quan cho sản phẩm.

426	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết điệp hạ châu (Phyllanthus amrus Schum.et Thonn) đến chất lượng tôm sú (Penaeus monodon Fabricius) trong điều kiện bảo quản đông	Nguyễn, Quốc Tính	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá về những thay đổi của tôm sú (Penaeus monodon Fabricius) khi nhúng trong dịch chiết điệp hạ châu (Phyllanthus amarus Schum. et Thonn) trong điều kiện bảo quản đông. Thí nghiệm bao gồm 3 nghiệm thức: Nghiệm thức (1), tôm được ngâm trong nước lạnh trong 30 phút, nghiệm thức (2), tôm được ngâm trong cao chiết Diệp Hạ Châu 7,71 µg/mL trong 30 phút, nghiệm thức (3), tôm ngâm trong dịch chiết Diệp Hạ Châu 156 µg/mL trong 30 phút. Sau đó cả ba mẫu đều được đem đ bảo quản đông ở nhiệt độ từ -18°C đến -20°C. Mẫu được thu vào các tháng 6, 9 và 12 thông qua các chỉ tiêu phân tích bao gồm: nhiệt độ, tổng số vi sinh vật hiếu khí, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, WHC, ẩm độ, pH, TVB-N, PV và TBARS. Kết quả cho thấy sản phẩm oxy hóa sơ cấp và thứ cấp của mẫu xử lý với cao chiết điệp hạ châu ở nồng độ 156 µg/mL thấp hơn so với mẫu đối chứng có ý nghĩa thống kê (p<0,5) và giữ được đặc tính cảm quan tốt hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản đông. Ở thí nghiệm này, dịch chiết điệp hạ châu đã thể hiện rõ tác dụng kháng khuẩn của nó.
427	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm đồ hộp cá bóp (Rachycentron candum) sốt chua ngọt	Nguyễn, Thị Huyền	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất đồ hộp cá bóp sốt chua ngọt được thực hiện để tạo ra sản phẩm đồ hộp phong phú, đa dạng đạt chất lượng về mặt cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đề tài được thực hiện với 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của thời gian chiên sơ bộ đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (ii) khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ cá chua:khóm trong nước sốt đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (iii) khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ muối:đường trong nước sốt đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (iv) khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng cảm quan và vi sinh của sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi chiên cá ở 160°C trong 2 phút, sản phẩm đạt chất lượng cảm quan tốt nhất. Nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng khi tỷ lệ % theo thể tích của cá chua:khóm là 2:1 và tỷ lệ % theo khối lượng của muối:đường là 2:4. Thanh trùng ở nhiệt độ 118°C và giữ nhiệt trong 50 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất, đảm bảo cho sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan và vi sinh.
428	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết cỏ tranh (Imperata cylindrical) kết hợp màng bao alginate trong bảo quản lạnh chả cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, Thị Hoa Mơ	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xác định sự biến đổi chất lượng của sản phẩm chả cá tra khi phối trộn cao chiết cỏ tranh kết hợp với màng bao alginate trong suốt 12 ngày bảo quản lạnh. Thí nghiệm bảo quản lạnh chả cá sử dụng cao chiết cỏ tranh kết hợp với màng bao alginate gồm 3 nghiệm thức: Chả cá phối trộn với cao chiết cỏ tranh ở 3 nồng độ khác nhau: 0% (nghiệm thức đối chứng), 48,84 mg/kg, 48,84 mg/kg kết hợp với màng bao alginate. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào tổng số vi khuẩn hiếu khí (TVC). Mẫu chả cá được phối trộn cao chiết cỏ tranh 48,84 mg/kg kết hợp với màng bao alginate đảm bảo được giá trị cảm quan, cấu trúc, tổng số vi khuẩn hiếu khí và có chỉ số peroxide (PV) tốt hơn so với mẫu đối chứng. Kết quả này cho thấy sự kết hợp giữa màng bao alginate với cao chiết cỏ tranh có thể sử dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm chả cá trong bảo quản lạnh.

429	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh (Camellia sinensis) đến chất lượng cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) phi lê trong điều kiện bảo quản đông	Nguyễn, Mỹ Phúc	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá trà xanh đến chất lượng cá tra phi lê trong điều kiện bảo quản đông lạnh. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức: (i) cá phi lê được nhúng trong nước lạnh 30 phút ở điều kiện lạnh (mẫu đối chứng), sau đó bảo quản trong tủ đông -18oC. (ii) cá phi lê được nhúng cao chiết lá trà xanh với nồng độ 7,63 g/mL và (iii) nhúng ở nồng độ 625 g/mL và tiến hành bảo quản tương tự như nghiệm thức (i). Thời gian bảo quản đông lạnh là 12 tháng. Các chỉ tiêu đánh giá bao gồm tổng số vi khuẩn hiếu khí, giá trị cảm quan, cấu trúc, màu sắc, khả năng giữ nước, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số Peroxide (PV), chỉ số axit Thiobarbituric (TBAR). Trong nghiên cứu này mẫu được thu vào tháng 6, 9 và 12. Kết quả cho thấy khả năng giữ nước, TBAR và tổng vi khuẩn hiếu khí của mẫu được xử lý cao chiết lá trà xanh cho kết quả tốt hơn so với mẫu đối chứng ở các lần thu mẫu. Giá trị cảm quan của miếng cá phi lê được duy trì tốt trong suốt thời gian bảo quản đông.
430	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột cá từ thịt cá trê phi (Clarias gariepinus)	Nguyễn, Thị Kim Anh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu sản xuất bột cá từ thịt cá trê phi được thực hiện nhằm tạo ra bột cá có giá trị dinh dưỡng cao và đa dạng hóa sản phẩm của loài cá này. Nghiên cứu được thực hiện với 3 thí nghiệm: Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian thủy phân, thời gian sấy và thời gian bảo quản đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả cho thấy mẫu thủy phân với nồng độ enzyme Alcalase 0,2% ở 50°C trong 6 ngày thu được số liên kết peptid và hàm lượng đạm amin tối ưu lần lượt là 28367 liên kết/50 g và 23,2 g/L. Sau đó mẫu được nâng nhiệt lên 95-100° trong 2 phút. Mẫu được sấy ở 60°C trong 48 giờ đạt ẩm độ, độ hòa tan, hiệu suất thu hồi và hàm lượng protein lần lượt là 9,85%; 47,7%; 7,07% và 81%. Cuối cùng, sản phẩm được bảo quản trong 21 ngày ở nhiệt độ phòng thì chất lượng vẫn được đảm bảo và tổng số vi sinh vật hiếu khí là 3,8x104 cfu/g.
431	Đại học	Nghiên cứu sản xuất dầu cá và bột đậm từ đầu cá hồi (Salmon salar) bằng phương pháp thủy phân enzyme	Nguyễn, Thị Phương	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu “Sản xuất dầu cá và bột đậm từ đầu cá hồi (Salmon salar) bằng phương pháp thủy phân enzyme” được thực hiện nhằm tận dụng nguồn đầu cá hồi trong quá trình chế biến đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nhà sản xuất, cung cấp cho con người một nguồn dầu cá giàu dinh dưỡng, an toàn sức khỏe người tiêu dùng và nguồn bột đậm dễ tiêu hóa. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm i) xác định thời gian thủy phân thích hợp cho quá trình thủy phân, ii) xác định ảnh hưởng của chế độ sấy đến chất lượng bột cá, iii) xác định nồng độ dung dịch NaOH sử dụng trong quá trình trung hòa dầu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mẫu thủy phân trong thời gian 24 giờ cho số liên kết peptide và hàm lượng đạm acid amin nhiều nhất lần lượt là 13399 liên kết trên 50g và 13,97 g/l. Ẩm độ, hiệu suất thu hồi, hàm lượng đạm và độ hòa tan của mẫu sau khi thủy phân, sấy ở 60oC trong 2 ngày cho kết quả lần lượt là 7,52%; 16,71%; 70,24%; 77,21%. Sau khi thủy phân, dầu thô được trung hòa bằng dung dịch NaOH 10% trong thời gian 20 phút ở nhiệt độ phòng tỉ lệ NaOH sử dụng là 3,78 NaOH/30g dầu thì cho hiệu suất thu hồi là cao nhất (41,4%) và chỉ số acid là thấp nhất (0,17 mgKOH/g) đạt tiêu chuẩn theo mức giới hạn tối đa cho phép của dầu tinh luyện (QCVN:3215/BYT, 2015).

432	Đại học	Sản xuất bột đạm và bột canxi từ xương đầu cá dứa(Pangasius kunyit)	Nguyễn, Thị Diễm My	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu sản xuất bột đạm và bột canxi từ xương và đầu cá dứa bao gồm 3 thí nghiệm: (i) ảnh hưởng của thời gian thủy phân với enzyme Alcalase đến quá trình thủy phân protein và hàm lượng khoáng trong cá, (ii) chế độ sấy đến chất lượng của bột đạm và (iii) chế độ sấy đến chất lượng bột canxi thành phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy, khi mẫu được thủy phân với nồng độ enzyme Alcalase 0,2% ở 50°C trong 24 giờ, thu được hàm lượng đạm amin là cao nhất (11,91%) và số liên kết peptid là 11755 liên kết. Bên cạnh đó mẫu xương cá thu được cũng đạt hàm lượng khoáng cao (61,43%). Sau đó dịch đạm sấy ở 60°C trong 48 giờ có độ ẩm, độ hòa tan, hiệu suất thu hồi và hàm lượng đạm lần lượt là 7,52%; 62,3%; 9,59% và 72,6%. Mẫu xương cá đượ sấy ở 60°C trong 4 giờ cho bột canxi có độ ẩm tốt nhất (9,91%), độ hòa tan 13,89%, hiệu suất thu hồi 13,51% và hàm lượng canxi là 21,75%.
433	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi lươn đồng (Monopterus albus) ở tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Hồng Phú	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trên lươn đồng (Monopterus albus) thông qua phỏng vấn 30 hộ nuôi ở xã Vĩnh Viễn A, Long Mỹ, Hậu Giang. Khảo sát bao gồm: thông tin chung về kỹ thuật nuôi: các dấu hiệu bệnh lý và các loại thuốc, hóa chất được sử dụng trong quá trình nuôi. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh xuất hiện nhiều trên lươn nuôi là, bệnh xuất huyết (36,6%), bệnh đường ruột (33,3%), bệnh nấm thủy mi (20%), bệnh lở loét (6,6%). Hóa chất xử lý môi trường nước ao nuôi bao gồm vôi, muối, thuốc tím, iodine. Có 3 loại kháng sinh đã sử dụng để điều trị bệnh cá nhọt: tetracycline (20%), ampicillin (10%), sulphamethoxazole + trimethoprim (13,4%). Các loại thuốc bồi dưỡng nhọt: vitamin, men tiêu hóa được sử dụng nhiều để tăng sức đề kháng, hỗ trợ tiêu hóa. Lươn bán cho thương lái thì không cần kiểm tra kháng sinh dẫn đến mối nguy về tồn lưu kháng sinh trong sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Qua kết quả khảo sát cho thấy người nuôi chưa có kiến thức nhiều về tác nhân gây bệnh và cách điều trị. Cần tiến hành các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi nhận biết về tác nhân gây bệnh cũng như phương pháp điều trị bệnh để nâng cao hiệu quả và chất lượng trong việc nuôi lươn.
434	Đại học	Nghiên cứu sản xuất cá thát lát (Chitala chitala) rút xương tẩm gia vị	Nguyễn, Thị Trúc Ly	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất cá thát lát (Chitala chitala) rút xương tẩm gia vị được thực hiện nhằm mục đích để nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm. Nghiên cứu được thực hiện với 4 thí nghiệm: (1) khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ muối phối trộn vào thịt cá thát lát ảnh hưởng đến cấu trúc và giá trị cảm quan của sản phẩm, (2) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bột ớt đến giá trị cảm quan của sản phẩm, (3) ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng sản phẩm ở nhiệt độ 4±10C, (4) ảnh hưởng của thời gian bảo quản đông đến chất lượng sản phẩm ở nhiệt độ -18±20C. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể sử dụng tỉ lệ muối 2%, tỉ lệ bột ớt 1% tạo được sản phẩm có giá trị cảm quan và chất lượng tốt. Sản phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ 4±10C trong 9 ngày và bảo quản ở nhiệt độ -18±20C hơn 45 ngày

435	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của cao chiết cỏ tranh (<i>Imperata cylindrica</i>) kết hợp với màng bao alginate trong điều kiện bảo quản lạnh cá thác lác còm (<i>Chitala Ornala</i>)	Lê, Thị Cẩm Xuyên	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu khảo sát ảnh hưởng của cao chiết lá cỏ tranh kết hợp với màng alginate đến chất lượng chả cá thác lác (<i>Chitala ornata</i>) trong quá trình bảo quản lạnh. Thí nghiệm sử dụng cao chiết cỏ tranh kết hợp màng bao alginate trong bảo quản chả cá thác lác gồm 3 nghiệm thức: thịt cá xay nhuyễn được phối trộn với cao chiết cỏ tranh với các nồng độ khác nhau: 0% (mẫu đối chứng), 48,84 µg/g và 48,84 µg/g kết hợp màng bao alginate. Sản phẩm có thể được sử dụng đến 8 ngày cho cả ba nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu tổng số vi sinh vật hiếu khí. Mẫu chả cá được phối trộn cao chiết cỏ tranh 48,84 µg/g kết hợp màng bao alginate, đảm bảo được giá trị cảm quan, độ đàn hồi và có chỉ số peroxide tốt hơn so với hai mẫu còn lại. Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy, khuynh hướng kết hợp giữa màng alginate với cao chiết từ lá cỏ tranh có thể cải thiện tính chất cảm quan của sản phẩm và đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.
436	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại phụ gia đến chất lượng chả cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>)	Bùi, Bảo Xuyên	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện với mục đích tạo ra sản phẩm chả cá mới với chất lượng cao và nâng cao giá trị của cá rô phi. Trong nghiên cứu này, tác động của tỷ lệ các phụ gia như bột bắp, gelatin, polyphosphate và ảnh hưởng của thời gian bảo quản đến chất lượng cảm quan và độ bền gel của chả cá rô phi đã được nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ bổ sung bột bắp 5% và polyphosphate 0,2% cho độ bền gel và giá trị cảm quan cao nhất (lần lượt là 788 g*cm và 18,8). Chả cá có thể đảm bảo chất lượng trong 9 ngày khi bảo quản ở nhiệt độ lạnh (0-5°C) với tổng số vi sinh vật hiếu khí trong mẫu là 3,09x10 ³ cfu/g.
437	Đại học	Ảnh hưởng của xử lý nhiệt đến bảo quản lạnh đông tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Huỳnh, Như Huỳnh	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của xử lý nhiệt đến chất lượng của tôm sú trong bảo quản đông. Thí nghiệm được thực hiện gồm 2 nghiệm thức: (i) tôm được ngâm trong nước lạnh trong 30 phút (mẫu đối chứng), (ii) tôm được ngâm trong nước lạnh 30 phút và đem xử lý nhiệt (hấp) trong 5 phút. Mẫu sau đó cho vào túi PE (25 con/túi) và hàn miệng và bảo quản trong tủ đông ở nhiệt độ -18oC đến -20oC. Mẫu được thu vào các tháng 0, 1, 3, 6 và 12. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, tổng số vi sinh vật hiếu khí, giá trị cảm quan, độ đàn hồi, khả năng giữ nước (WHC), ẩm độ, pH, tổng lượng nito bazo bay hơi (TVB-N), chỉ số peroxit PV và chỉ số axit Thiobarbituric TBARS. Kết quả nghiên cứu cho thấy mẫu xử lý nhiệt có giá trị PV thấp hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với mẫu đối chứng trong khi giá trị TBARS cao hơn mẫu đối chứng. Xử lý nhiệt giúp làm giảm tổng số vi khuẩn hiếu khí so với mẫu đối chứng. Sau 12 tháng bảo quản, mẫu đối chứng bị sạm màu, có xuất hiện hiện tượng đốm đen và long dầu trong khi đó mẫu có xử lý nhiệt có màu đỏ tự nhiên. Như vậy, sản phẩm tôm cấp đông xử lý nhiệt có thể bảo quản lên đến 12 tháng trong khi sản phẩm tôm tươi cấp đông chỉ có thể bảo quản đến 9 tháng mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm

438	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) kết hợp màng bao alginate đến chất lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Danh, Hoàng Khang	Trần, Minh Phú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng của dịch chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) đến chất lượng cá lóc (<i>Channa striata</i>) phi lê trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức: ngâm trong dịch chiết hoa cúc vàng với nồng độ 49,1 µg/mL, dịch chiết hoa cúc vàng 49,1 µg/mL kết hợp dung dịch Alginate 0,5% và ngâm cá lóc phi lê trong nước đá nghiệm thức đối chứng, trong 30 phút ở nhiệt độ 4oC. Cá lóc phi lê được bao gói bằng túi PE. Mỗi túi chứa 1 miếng cá phi lê và mỗi nghiệm thức gồm 32 miếng cá. Phi lê cá sau khi chuẩn bị được bảo quản trong thùng xốp với tỷ lệ cá:đá là 1:1. Mẫu được thu vào các ngày 1, 6, 9 và 12. Sự thay đổi chất lượng của cá được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi sinh vật hiếu khí, điểm cảm quan, độ đàn hồi cơ thịt cá, khả năng giữ nước, chỉ số peroxide, pH và nhiệt độ. Kết quả cho thấy mẫu xử lý với dịch chiết hoa cúc vàng 49,1 µg/mL có giá trị cảm quan cao hơn so với mẫu đối chứng của lóc phi lê trong suốt quá trình bảo quản. Cá lóc xử lý với dịch chiết hoa cúc cho thấy sản phẩm oxy hóa sơ cấp và tổng số vi khuẩn thấp hơn mẫu đối chứng trong quá trình bảo quản. Sản phẩm có thể sử dụng đến 9 ngày cho cả 3 nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và tổng số vi sinh vật hiếu khí
439	Đại học	Nghiên cứu chiết xuất gelatin từ vảy cá mè vinh (<i>Barbonymus goionotus</i>)	Trương, Kim Đoàn	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của của các điều kiện công nghệ như khả năng khử khoáng, khử protein, điều kiện nấu chiết đến chất lượng của gelatin từ vảy cá mè vinh (<i>Barbonymus gonionotus</i>) đã được thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vảy cá mè vinh được ngâm trong dung dịch CH₃COOH 1,5M trong thời gian 5 giờ khử được 94,7% khoáng. Mẫu sau khi xử lý được ngâm trong dung dịch NaOH 0,2M trong 60 phút khử được 18,1% protein. Mẫu đã qua xử lý được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 80°C với thời gian 1,5 giờ thu được dung dịch gelatin có độ nhớt và hiệu suất thu hồi cao nhất (7,74mPas và 9,15%). Dung dịch gelatin sau khi nấu chiết được đem đi làm đông tách nước rồi sấy khô ở nhiệt độ 60°C trong 1 ngày cho đến khi có độ ẩm từ 8 đến 12%. Gelatin từ vảy cá mè vinh có độ hòa tan cao (90,4%) và độ bền gel cao gấp 1,91 lần so với gelatin thương mại. Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy rằng có thể tận dụng vảy cá mè vinh là một nguồn nguyên liệu để sản xuất gelatin.

440	Đại học	Ảnh hưởng của dịch chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) kết hợp với màng bao alginate đến chất lượng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Đào, Châu Sĩ Liêm	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xác định sự ảnh hưởng của dịch chiết hoa cúc vàng kết hợp với màng bao alginate đến chất lượng của tôm thẻ chân trắng nguyên con trong điều kiện bảo quản lạnh bằng nước đá. Thí nghiệm gồm ba nghiệm thức bảo quản lạnh (i) tôm thẻ được nhúng qua nước lạnh (nghiệm thức đối các ngày 0, 4, 8, 12 và 16. Sự biến đổi chất lượng tôm được đánh giá qua các chỉ tiêu như tổng số vi khuẩn hiếu khí, điểm cảm quan, cấu trúc, nhiệt độ, pH, ẩm độ, khả năng giữ nước và chỉ số Peroxide. Kết quả cho thấy sản phẩm có thể sử dụng đến 12 ngày cho cả ba nghiệm thức. Sử dụng dịch chiết hoa cúc vàng đã làm tăng giá trị cảm quan, tăng khả năng kháng khuẩn của sản phẩm. Ngoài ra, dịch chiết hoa cúc vàng ở nồng độ 49,09 µg/mL đã hạn chế sự oxy hóa chất béo chứng), (ii) tôm thẻ được nhúng qua dịch chiết hoa cúc vàng ở nồng độ 49,01 µg/mL (IC50) kết hợp với màng bao alginate nồng độ 0,5% và (iii) tôm thẻ đượ nhúng qua hoa cúc vàng ở nồng độ 49,09 µg/mL (IC50) ngâm trong 3 phút ở 4o với tỉ lệ tôm:dịch chiết là 1:1 sau đó đem bảo quản bằng nước đá. Thu mẫu vào
441	Đại học	Nghiên cứu sản xuất Astaxanthin từ vỏ tôm thẻ chân trắng(<i>Litopenaeus vannamei</i>) sử dụng dung môi dầu thực vật	Nguyễn, Nhựt Linh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất astaxanthin từ vỏ tôm thẻ chân trắng bằng phương pháp hoá học kết hợp dầu thực vật được thực hiện thông qua 3 thí nghiệm: (1) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ và thời gian ngâm HCl đến khả năng cắt liên kết astaxanthin và protein trong nguyên liệu, (2) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ dầu đậu phộng đến khả năng chiết rút astaxanthin trong nguyên liệu, (3) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ dầu đậu nành đến khả năng chiết rút astaxanthin trong nguyên liệu. Các kết quả nghiên cứu cho thấy vỏ tôm thẻ chân trắng ngâm trong HCl với tỉ lệ mẫu/HCl là 1/6 trong thời gian 2 giờ ở nhiệt độ phòng và sấy 2 ngày ở 60°C cho hiệu quả chiết rút astaxanthin cao nhất; đối với dung môi dầu đậu phộng dầu đậu phộng thì tỉ lệ mẫu/dầu là 1/8 trong thời gian 3 giờ ở 60°C để chiết rút astaxanthin là thích hợp; đối với dung môi dầu đậu nành thì tỉ lệ mẫu/dầu là 1/1 trong thời gian 3 giờ ở 60°C để chiết rút astaxanthin là thích hợp.

442	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ các loại ăn	Trần, Thị Thanh Bạch	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết từ các loài nấm ăn, từ đó nghiên cứu ứng dụng cao chiết trong bảo quản các sản phẩm thủy sản. Đề tài được thực hiện thông qua hai thí nghiệm: (1) hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ các loài nấm ăn trong dung môi chiết là ethanol 70% được đánh giá thông qua khả năng khử gốc tự do 2,2-diphenylpicrylhydrazyl (DPPH) và tổng hàm lượng phenolic có trong cao chiết. (2) Cao chiết từ các loài nấm ăn được bổ sung vào dầu cá hồi nhằm đánh giá khả năng chống oxy hóa ở nhiệt độ 60oC được thực hiện thông qua việc xác định chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy hoạt tính chống oxy, khử gốc tự do DPPH (IC50) tăng dần tăng dần từ nấm rơm, nấm bào ngư xám, gốc nấm kim châm và thân nấm kim châm lần lượt là 618 µg/mL, 919 µg/mL, 1114 µg/mL và 1354 µg/mL. Tổng hàm lượng phenolic của cao chiết giảm dần từ nấm rơm, gốc nấm kim châm, nấm bào ngư xám và thân nấm kim châm lần lượt là 0,60 mgGAE/100mg; 0,51 mgGAE/100mg; 0,43 mgGAE/100mg và 0,23 mgGAE/100mg cao chiết. Cao chiết từ thí nghiệm (1) được sử dụng bảo quản dầu cá hồi, khả năng bảo quản được xác định thông qua sự khác biệt về giá trị PV và TBARS trong mẫu dầu trong quá trình bảo quản.
443	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất chả cá dứa (Pangasius kunyit)	Võ, Thị Nhung	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu sản xuất chả cá dứa (Pangasius kunyit) được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm mới, góp phần đa dạng hóa sản phẩm. Đề tài được thực hiện bao gồm 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của thời gian xay (5, 10, 15 giây), (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bột bắp (0%, 3%, 5% và 7%), (iii) khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp (5 phút, 10 phút, 15 phút) và (iv) khảo sát ảnh hưởng của thời gian bảo quản lạnh (0 ngày, 3 ngày, 6 ngày, 9 ngày, 12 ngày) đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy với thời gian xay 10 giây và tỷ lệ bột bắp 5% tạo ra sản phẩm có giá trị cảm quan tốt nhất, cấu trúc dẻo dai, độ đàn hồi tốt. Sản phẩm đạt giá trị cảm quan tốt nhất khi hấp trong 10 phút. Sản phẩm chả cá dứa được bao gói hút chân không trong túi PA và bảo quản lạnh trong 9 ngày vẫn đảm bảo an toàn về chất lượng cảm quan và tổng số vi sinh vật hiếu khí.

444	Đại học	Ảnh hưởng của cao chiết hoa cúc vàng (<i>Chrysanthemum indicum</i>) kết hợp với màng bao alginate đến chất lượng của chả cá thác lác (<i>Chitala Chitala</i>) trong điều kiện bảo quản lạnh	Nguyễn, Thị Kim Tuyền	Trần, Minh Phú	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của khả năng chống oxy hóa của cao chiết hoa cúc vàng kết hợp với màng bao alginate đến chất lượng chả cá thác lác trong điều kiện bảo quản lạnh. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức: (i) thịt cá được phối trộn với cao chiết hoa cúc vàng ở nồng độ 49,09 mg/kg, (ii) thịt cá phối trộn với hoa cúc kết hợp với màng bao alginate ở nồng độ 0,5%, (iii) thịt cá kết hợp với màng bao alginate ở nồng độ 0,5% và (iv) mẫu đối chứng. Khối lượng mỗi mẫu là 20 g. Mỗi nghiệm thức gồm 75 mẫu (20 g) chia đều cho 5 túi PE và bảo quản lạnh trong nước đá. Thu mẫu vào các ngày 1, 6, 9, 12 và 16. Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, vi sinh tổng số, đánh giá cảm quan, độ đàn hồi, pH, WHC, ẩm độ và PV. Kết quả cho thấy mẫu có qua xử lý cao chiết hoa cúc ở nồng độ 49,09 mg/kg hay màng bao alginate 0,5% có giá trị cảm quan cao hơn mẫu đối chứng trong suốt quá trình bảo quản lạnh. Sản phẩm có thể sử dụng đến ngày 12 ngày cho cả 4 nghiệm thức dựa vào chỉ tiêu cảm quan và oxy hóa lipid.
445	Đại học	Nghiên cứu sản xuất chả bông cá lóc (<i>Channa striata</i>) sốt cà ri Thái	Huỳnh, Văn Kha	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Nghiên cứu sản xuất chả bông cá lóc sốt cà ri Thái được thực hiện nhằm mục tiêu tạo ra hương vị mới cho sản phẩm chả bông, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm chả bông trên thị trường. Các nhân tố ảnh hưởng như tỷ lệ % nước mắm phối trộn, tỷ lệ % sốt cà ri Thái phối trộn, thời gian sao chả bông cá, thời gian bảo quản ở nhiệt độ phòng và nhiệt độ lạnh ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm được nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nước mắm và sốt cà ri Thái bổ sung thích hợp là 5 và 7%. Sao thịt cá ở 60 - 65°C trong 15 phút thì hiệu suất thu hồi sản phẩm cao, giá trị cảm quan tốt và cho sản phẩm đạt chất lượng tốt. Sản phẩm chả bông được bao gói bằng túi PA hút chân không và không hút chân không kết hợp với bảo quản nhiệt độ phòng và nhiệt độ lạnh ($4 \pm 1^{\circ}\text{C}$) sau 6 tuần bảo quản vẫn đảm bảo chất lượng và an toàn về mặt vi sinh.
446	Đại học	Nghiên cứu chiết xuất gelatin từ da cá mè vinh (<i>Barbonymus goinonotus</i>)	Trần, Thị Kim Chi	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra quy trình chiết rút gelatin từ da cá mè vinh đạt chất lượng tốt và tận dụng nguồn phụ phẩm tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Nghiên cứu bao gồm 3 thí nghiệm: ảnh hưởng của thời gian ngâm và nồng độ NaOH; ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian nấu chiết và ảnh hưởng thời gian sấy đến độ ẩm, độ hòa tan và hiệu suất thu hồi. Kết quả cho thấy, da cá mè vinh được xử lý trong dung dịch NaOH 0.3M với thời gian 2 giờ thì loại được 27% protein. Mẫu đã qua xử lý được nấu chiết trong nước cất ở nhiệt độ 80°C với thời gian 1 giờ thu được dung dịch gelatin có hiệu suất thu hồi và độ nhớt là 14,7% và 13,5mPas. Dung dịch sau chiết rút đem đi làm đông tách nước rồi sấy ở nhiệt độ 60°C trong 20 giờ cho hiệu suất thu hồi, độ ẩm và độ nhớt lần lượt là 16,4; 9,19 và 93,0%. Gelatin từ da cá mè vinh có độ bền gel cao hơn gấp 2,6 lần gelatin thương mại.

447	Đại học	Nghiên cứu khả năng chống oxy hóa của cao chiết từ cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i> L.) thu hoạch ở các vùng địa lý khác nhau	Nguyễn, Thị Diễm Trinh	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết từ cây húng lủi (<i>Mentha crispa</i> L.) thu được ở Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội. Các thí nghiệm được tiến hành bao gồm: (i) Khảo sát hoạt tính chống oxy hoá của cao chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng 100oC và ethanol 96% thông qua đánh giá khả năng khử gốc tự do DPPH và tổng hàm lượng hợp chất phenolic có trong cao chiết, (ii) Khảo sát khả năng chống oxy hóa của cao chiết khi bổ sung vào dầu cá hồi ở nhiệt độ 60oC thông qua chỉ số peroxide (PV) và Thiobarbituric acid reactive substance (TBARS). Kết quả cho thấy cao chiết thu được từ dung môi chiết là nước nóng 100oC ở từng địa điểm đều có giá trị IC50 và tổng hàm lượng phenolic cao hơn so với cao chiết từ dung môi ethanol 96%. Trong đó, cao chiết húng lủi thu được ở Hà Nội có hoạt tính chống oxy hóa ca nhất trong ba địa điểm thu mẫu. Cao chiết thu được từ dung môi nước nóng 100°C thể hiện tiềm năng trong ứng dụng bảo quản dầu cá hồi thông qua khả năng ức chế sự hình thành các hợp chất oxy hóa chất béo sơ cấp và thứ cấp. Những kết quả thu được trong nghiên cứu này chỉ ra rằng yếu tố địa lý có ảnh hưởng đến hoạt tính chống oxy hóa của cao chiết húng lủi (<i>M. crispa</i>).
448	Đại học	Thử nghiệm sản xuất đồ hộp cá dứa (<i>Pangasius</i>) sốt chua ngọt	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài “thử nghiệm sản xuất đồ hộp cá dứa sốt chua ngọt” được thực hiện với mục đích tạo ra sản phẩm đồ hộp phong phú, đa dạng đạt chất lượng về mặt cảm quan và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đề tài được thực hiện với 3 thí nghiệm: (i) Khảo sát ảnh hưởng của thời gian hấp đến chất lượng cảm quan sản phẩm, (ii) Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn cá chua: khóm trong nước sốt đến chất lượng cảm quan sản phẩm và (iii) Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ và thời gian thanh trùng đến chất lượng sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi hấp cá ở 100°C trong 7 phút, sản phẩm đạt chất lượng cảm quan tốt nhất. Tỉ lệ phối trộn cá chua: khóm là 2:1 cho nước sốt có mùi vị hài hòa, đặc trưng. Sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng cảm quan, vi sinh khi thanh trùng ở nhiệt độ 115°C và giữ nhiệt trong 40 phút.
449	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất Astaxanthin từ đầu tôm thẻ chân trắng(<i>Litopenaeus vannamei</i>) sử dụng hỗn hợp dung môi acetone và alcohol	Nguyễn, Khắc Duy	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu quy trình sản xuất astaxanthin từ đầu tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) được thực hiện nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tận dụng tối đa nguồn phụ phẩm tôm và góp phần giảm lượng chất thải và tăng giá trị kinh tế cho phụ phẩm tôm. Đề tài gồm hai thí nghiệm: (i) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ dung dịch HCl: mẫu và thời gian ngâm đến khả năng chiết tách astaxanthin trong nguyên liệu; (ii) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỷ lệ hỗn hợp dung môi (acetone: alcohol) và thời gian ngâm đến khả năng chiết tách astaxanthin trong nguyên liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tôm được ngâm trong dung dịch HCl với tỷ lệ mẫu: HCl 1:10 (w/v) trong 4 giờ cho hiệu quả tách tốt nhất. Ngâm mẫu trong hỗn hợp dung môi (acetone: alcohol) với tỷ lệ 75%:25% trong 3 giờ cho hiệu quả chiết rút tốt nhất.

450	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao chiết từ một số loại nấm ăn	Nguyễn, Thị Trúc Linh	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao chiết từ một số loại nấm ăn. Khả năng kháng khuẩn của các mẫu cao chiết được đánh giá bằng phương pháp pha loãng sử dụng chất chỉ thị màu Resazurin và phương pháp đĩa giấy khuếch tán trên môi trường thạch. Kết quả cho thấy, tất cả các mẫu cao chiết từ gốc nấm kim châm, thân nấm kim châm (<i>Flammulina velutipes</i>), nấm rơm (<i>Volvariella volvacea</i>) và nấm bào ngư xám (<i>Pleurotus sajor – caju</i>) đều có hoạt tính kháng <i>A. hydrophila</i> tốt hơn <i>E.coli</i> và <i>S. aureus</i> với giá trị MIC lần lượt là 31,3; 100; 37,5 và 100 mg/mL. Trong khi chloramphenicol có hoạt tính kháng khuẩn cao trên cả 3 dòng vi khuẩn. Nồng độ ức chế tối thiểu lên <i>A. hydrophila</i>, <i>E.coli</i> và <i>S. aureus</i> lần lượt là 3,13; 6,25; 6,25 mg/mL và đường kính vòng kháng khuẩn lần lượt là 14,3; 16; 17,2 mm. Tất cả các mẫu cao chiết đều cho kết quả vòng kháng khuẩn trên 3 dòng vi khuẩn khảo sát nhỏ hơn so với chloramphenicol. Các kết quả thu được từ nghiên cứu này đã chỉ ra rằng cao chiết từ các loại nấm ăn có thể sử dụng như các chất kháng khuẩn tự nhiên.
451	Đại học	Nghiên cứu chế biến sản phẩm đồ hộp xú mại ốc bươu (<i>Pila polita</i>) sốt cà ri	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Đề tài nghiên cứu chế biến sản phẩm đồ hộp xú mại ốc bươu (<i>Pila polita</i>) sốt cà ri được thực hiện nhằm mục đích tạo ra sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất đa dạng hóa sản phẩm từ ốc bươu. Nghiên cứu bao gồm 4 thí nghiệm: (1) Khảo sát tỉ lệ phối trộn của ốc và thịt heo, (2) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ tinh bột bắp đến cấu trúc và giá trị cảm quan của sản phẩm, (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của tỉ lệ bột cà ri trong dung dịch nước sốt và (4) Khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng đến chất lượng của sản phẩm. Kết quả thí nghiệm cho thấy sử dụng tỷ lệ phối trộn 40% thịt ốc, 60% thịt heo và bổ sung thêm 4% bột bắp cho sản phẩm có giá trị cảm quan tốt nhất. Nước sốt có vị hài hòa và đặc trưng khi bổ sung 1,5% bột cà ri. Chế độ thanh trùng là 118°C thời gian giữ nhiệt 20 phút là chế độ tốt nhất, đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và vi sinh.
452	Đại học	Nghiên cứu chế biến sản phẩm đồ hộp xú mại cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) sốt chanh dây	Đào, Châu Nhi	Nguyễn, Lê Anh Đào	2019	Đề tài nghiên cứu chế biến sản phẩm đồ hộp xú mại cá rô phi sốt chanh dây được thực hiện nhằm mục đích tạo ra sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm từ cá rô phi. Đề tài được thực hiện thông qua 4 thí nghiệm: (i) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn cá rô phi: thịt heo, (ii) khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn bột bắp, (iii) khảo sát tỷ lệ chanh dây trong nước sốt, (iv) khảo sát ảnh hưởng của chế độ thanh trùng. Kết quả cho thấy các tỷ lệ (%) phối trộn cá rô phi: thịt heo (60:35) và bột bắp 4% tạo cho sản phẩm có cấu trúc và giá trị cảm quan tốt. Nước sốt có mùi vị hài hòa đặc trưng khi bổ sung 70% nước và 30% chanh dây. Chế độ thanh trùng với nhiệt độ 115oC trong 40 phút là chế độ thanh trùng tốt nhất cho sản phẩm có chất lượng cảm quan cao, đạt yêu cầu về mặt vệ sinh an toàn thực phẩm.
453	Đại học	Đặc tính hình thái, nông học, năng suất và hàm lượng Curcumin của 04 giống nghệ vàng (<i>Curcuma longa</i> L) trồng trong điều kiện có mái che kính	Dương, Thị Ngọc Thoa	Lưu, Thái Danh	2018	Đặc tính hình thái, nông học, năng suất và hàm lượng Curcumin của 04 giống nghệ vàng (<i>Curcuma longa</i> L) trồng trong điều kiện có mái che kính

454	Đại học	Khảo nghiệm sơ khởi năng suất 02 dòng đậu xanh đột biến TC6-6-15-8 và TC2-1-33-11 vụ hè thu 2018 tại Cần Thơ	Huỳnh, Thị Cẩm Như	Trần, Thị Thanh Thủy	2018	Khảo nghiệm sơ khởi năng suất 02 dòng đậu xanh đột biến TC6-6-15-8 và TC2-1-33-11 vụ hè thu 2018 tại Cần Thơ
455	Đại học	So sánh 09 giống/dòng đậu xanh (Glycine max (L)) tại trại thực nghiệm khu II – Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Lê, Hồng Gấm	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 09 giống/dòng đậu xanh (Glycine max (L)) tại trại thực nghiệm khu II – Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017
456	Đại học	So sánh sáu giống/dòng đậu nành có triển vọng tại trường Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Nguyễn, Phương Anh	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 06 giống/dòng đậu nành có triển vọng tại trường Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017
457	Đại học	Đặc điểm nông học, năng suất và hàm lượng curcumin của 02 giống nghệ vàng thuộc loài Curcuma longa trồng trong điều kiện hạn	Lê, Ngọc Lel	Lưu, Thái Danh Bùi, Thị Cẩm Hương	2018	Đặc điểm nông học, năng suất và hàm lượng curcumin của 02 giống nghệ vàng thuộc loài Curcuma longa trồng trong điều kiện hạn
458	Đại học	Khảo sát đặc tính nông sinh học 04 giống/dòng đậu xanh (Vigna radiate L.) sử dụng cho sản xuất rau mầm vụ hè thu 2018 tại Cần Thơ	Lê, Thanh Sơn	Trần, Thị Thanh Thủy	2018	Khảo sát đặc tính nông sinh học 04 giống/dòng đậu xanh (Vigna radiate L.) sử dụng cho sản xuất rau mầm vụ hè thu 2018 tại Cần Thơ
459	Đại học	Khả năng chịu mặn của 05 giống/ dòng lúa tỉnh Tây Ninh	Lê, Thị Mỹ Diện	Võ, Công Thành	2018	Khả năng chịu mặn của 05 giống/ dòng lúa tỉnh Tây Ninh
460	Đại học	Phá quang kỳ giống lúa mùa màng tết lùn bằng phương pháp xử lý đột biến hóa chất 2,4 Dichlorophexyacetic acid	Nguyễn, Thị Kim Ngoan	Võ, Công Thành	2018	Phá quang kỳ giống lúa mùa màng tết lùn bằng phương pháp xử lý đột biến hóa chất 2,4 Dichlorophexyacetic acid
461	Đại học	Kỹ thuật canh tác lúa năng nhen đã được phục tráng theo hướng hữu cơ tại xã an Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang vụ mùa 2016	Thái, Thị Diễm Mi	Võ, Công Thành	2018	Kỹ thuật canh tác lúa năng nhen đã được phục tráng theo hướng hữu cơ tại xã an Hảo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang vụ mùa 2016
462	Đại học	Tuyển chọn dòng/giống lúa mùa thơm (Oryza sativa L.) ở Tây Ninh theo hướng chất lượng cao	Nguyễn, Thị Niềm	Võ, Công Thành	2018	Tuyển chọn dòng/giống lúa mùa thơm (Oryza sativa L.) ở Tây Ninh theo hướng chất lượng cao
463	Đại học	So sánh 10 giống/dòng đậu nành của tổ hợp lai MTĐ 878 và MTĐ 760 tại trường Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Hoàng x, Tạ Thúy Vi	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 10 giống/dòng đậu nành của tổ hợp lai MTĐ 878 và MTĐ 760 tại trường Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017
464	Đại học	So sánh các dòng/giống đậu nành của tổ hợp lai MTĐ 878 tại trường Đại học Cần Thơ, vụ Đông Xuân 2016-2017	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh các dòng/giống đậu nành của tổ hợp lai MTĐ 878 tại trường Đại học Cần Thơ, vụ Đông Xuân 2016-2017
465	Đại học	Khảo nghiệm cơ bản 5 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh vụ hè thu 2017	Nguyễn, Huỳnh Anh Kiệt	Võ, Công Thành	2017	Khảo nghiệm cơ bản 5 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh vụ hè thu 2017

466	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất của 3 dòng đậu xanh taichung đột biến ở M ₇ vụ hè thu 2018	Nguyễn, Thị Hồng Ý	Trần, Thị Thanh Thủy	2018	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất của 3 dòng đậu xanh taichung đột biến ở M ₇ vụ hè thu 2018
467	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân bón lá trên năng suất giống đậu nành MTĐ176 vụ đông xuân 2017-2018 tại quận Ô Môn thành phố Cần Thơ	Trần, Hữu Tâm	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân bón lá trên năng suất giống đậu nành MTĐ176 vụ đông xuân 2017-2018 tại quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
468	Đại học	Khảo sát đặc tính nông học và năng suất của sáu giống/dòng đậu nành tại trường đại học cần thơ vụ đông xuân 2016-2017	Trần, Thị Lệ Thanh	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Khảo sát đặc tính nông học và năng suất của sáu giống/dòng đậu nành tại trường đại học cần thơ vụ đông xuân 2016-2017
469	Đại học	Xây dựng công thức phối chế kem dưỡng da bổ sung cao chiết rau má	Huỳnh, Hồng Diễm Nguyễn Thị, Thủy Tiên	Huỳnh, Liên Hương	2018	Xây dựng công thức phối chế kem dưỡng da bổ sung cao chiết rau má, tiến hành đánh giá cảm quan, độ ổn định và đánh giá khả năng loại trừ gốc tự do của sản phẩm bằng phương pháp DPPH.
470	Đại học	Xây dựng công thức phối chế BB cream	Kim, Vân Thu Thị, Thanh Thuyền	Huỳnh, Liên Hương	2018	Xây dựng công thức kem BB tổng quát với hai chức năng chính là trang điểm (với hai tone màu dành cho da sáng và da tối) và chống nắng. Đồng thời tiến hành khảo sát độ ổn định, đánh giá chỉ số SPF, khả năng trang điểm của mẫu kem BB và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm.
471	Đại học	Xây dựng công thức phối chế kem dưỡng da bổ sung dịch chiết nha đam và cà chua	Trần, Nhật Linh Trần, Phong Thái	Huỳnh, Liên Hương	2018	Xây dựng công thức phối chế kem dưỡng ẩm và làm trắng da bổ sung dịch chiết nha đam và cà chua. Nội dung chính của nghiên cứu bao gồm: (i) xây dựng công thức và quy trình phối chế kem, (ii) đánh giá độ ổn định và cảm quan của sản phẩm kem phối chế
472	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu Ag/ZIF-67 ứng dụng làm xúc tác phân hủy methyl da cam dưới sự hiện diện của H ₂ O ₂	Phạm, Quốc Yên	Đặng, Huỳnh Giao	2019	Luận văn này đề cập đến sự tổng hợp thành công vật liệu khung hữu cơ kim loại tâm cobalt pha tạp bạc (Ag/ZIF-67) và cấu trúc của vật liệu này được phân tích bằng một số phương pháp như nhiễu xạ tia X dạng bột (PXRD), phổ hồng ngoại (FT-IR), kính hiển vi điện tử quét (SEM), phổ tán xạ tia X (EDX) và nhiệt trọng lượng (TGA). Kết quả cho thấy vật liệu Ag/ZIF-67 tổng hợp được có cấu trúc hình khối đa giác tương tự ZIF-67 và hàm lượng Ag tải lên cấu trúc chất nền là 5,1%. Hoạt tính xúc tác phân hủy methyl da cam (MO) dưới sự hiện diện của H ₂ O ₂ cũng đã được nghiên cứu. Hiệu suất phân hủy rất cao lên đến 99% trong điều kiện thí nghiệm nồng độ H ₂ O ₂ 0,08 mol.L ⁻¹ , nồng độ MO 10 mg.L ⁻¹ , lượng xúc tác Ag/ZIF-67 200 mg.L ⁻¹ tại 30 oC, pH 7 trong 180 phút. Phản chất rắn sau khi thực hiện phản ứng có khả năng thu hồi và tái sử dụng ba lần với hiệu suất duy trì hơn 90%.

473	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp nano tấm palladium	Nguyễn Thị Xuân, Chi Nguyễn Thị Diễm, Nhi		2018	Trong nghiên cứu này, các nano tấm Pd (Pd nanosheets: Pd NSs) được tổng hợp bằng cách sử dụng tungsten hexacarbonyl ($W(CO)_6$) là tác nhân khử Pd^{2+} tạo thành hạ nano tấm Pd (Pd NSs). Các Pd NSs đã được khảo sát ở các điều kiện phản ứng khác nhau như: thời gian và nhiệt độ phản ứng, hàm lượng tungsten hexacarbonyl ($W(CO)_6$). Các Pd NSs sau khi tổng hợp được xác định các đặc tính bởi UV-vis, XRD Hơn nữa, hình thái và khối lượng (%) của Pd NSs cũng được xác định bởi TEM và EDX với kích thước hạt trung bình $\sim 20\text{-}25\text{ nm}$ và khối lượng Pd $\sim 85,1\%$ dựa trên phần trăm khối lượng từ mẫu Pd NSs. Ngoài ra, cường độ SERS của các phân tử thuốc nhuộm Rhodamine 6G (R6G) trên chất nền Pd NSs tăng cường đáng kể trên tín hiệu Raman. Kết quả cho thấy kỹ thuật SERS có thể được áp dụng để phát hiện các phân tử thuốc nhuộm R6G với giới hạn phát hiện thấp hơn $10\text{-}13\text{ M}$. Hơn nữa, kết quả còn cho ra rằng khả năng tăng cường cường độ SERS của phân tử thuốc nhuộm R6G ($10\text{-}8\text{ M}$) trên chất nền Pd NSs lớn gấp 10 lần so với phân tử thuốc nhuộm R6G trên chất nền silicon.
474	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp chitosan dẫn truyền lá đu đủ và ứng dụng diệt ốc bươu vàng	Lý Tấn, An Hà Văn, Tiến	Trần Thị Bích, Quyên	2018	Chiết xuất lá đu đủ có nhiều hoạt tính sinh học như kháng khuẩn, kháng nấm và chống oxy hóa,... Do đó, chiết xuất lá đu đủ được sử dụng cho nhiều ứng dụng trong lĩnh vực dược phẩm và y sinh Trong nghiên cứu này, hạt nano chitosan đã dẫn truyền thành công hoạt chất có trong dịch chiết lá đu đủ trong 30 phút ở nhiệt độ $50\text{ }^{\circ}\text{C}$. Các điều kiện tối ưu cho quá trình tổng hợp hạt nano chitosan/dịch chiết lá đu đủ được quan sát với 41 mL dung dịch chitosan (0,1% trong acid acetic 2%), 1 mL dung dịch STPP (1 trong nước khử ion) và 12 mL chiết xuất lá đu đủ và khuấy ở $50\text{ }^{\circ}\text{C}$ trong 30 phút tương ứng. Các hạt nano chitosan/dịch chiết lá đu đủ được xác định đặc tính và hình thái qua các phương pháp UV-Vis, FTIR, SEM và TEM. Kết quả cho thấy hạt nano chitosan/dịch chiết lá đu đủ thu được với kích thước hạt trung bình $\sim 20\text{ -}50\text{ nm}$. Hơn nữa, hạt nano chitosan/dịch chiết lá đu đủ tổng hợp được cũng cho thấy hiệu quả diệt ốc bươu vàng của chúng với hiệu quả diệt ốc bươu vàng hoàn toàn sau 24 giờ.

475	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp chitosan dẫn truyền nước ép diếp cá và ứng dụng trong bảo vệ cam	Nguyễn Quốc, Khánh Huỳnh Chí, Khải	Trần Thị Bích, Quyên	2018	Lá diếp cá được sử dụng như một thực phẩm truyền thống ở Đông Á. Bên cạnh đó, chiết xuất từ lá diếp cá có các tính chất sinh học rất lớn như các hoạt tính kháng khuẩn, kháng virus, kháng nấm và chống oxy hóa... Do đó, chiết xuất lá diếp cá cũng được sử dụng cho nhiều ứng dụng trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm và y sinh. Trong nghiên cứu này, các hạt nano chitosan-diếp cá đã được tổng hợp thành công với chiết xuất lá diếp cá và nano chitosan sử dụng phương pháp hóa học xanh. Điều kiện tối ưu để tổng hợp hạt nano chitosan-diếp cá được xác định là với 40 mL dung dịch chitosan (0,1% axit axetic 2%), 1 mL dung dịch STPP (1% trong nước deion) và 9 mL chất chiết xuất từ lá diếp cá và khuấy ở nhiệt độ 50 °C trong 90 phút. Các hạt nano chitosan-diếp cá tổng hợp được xác định đặc tính và hình thái bằng UV-vis, FTIR, SEM và TEM. Kết quả cho thấy kích thước hạt trung bình của hạt nano chitosan-diếp cá là khoảng 10-25 nm. Hơn nữa, các hạt nano chitosan-diếp cá tổng hợp cũng được áp dụng trong quá trình bảo quản cam sành. Kết quả cho thấy các hạt nano chitosan-diếp cá tổng hợp có thể giúp giữ cam tươi sau 19 ngày bảo quản.
476	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp nano Pd/Pt ứng dụng trong xúc tác	Nguyễn Phú, Quý Võ Lê Nhật, An	Trần Thị Bích, Quyên	2019	Trong nghiên cứu này, các nano hình tam giác Pt trên nền nano tấm Pd (Pd/Pt triangular nanosheets) được tổng hợp thành công bằng một phương pháp đơn giản với chất khử là ascorbic acid (AA) ở 60 °C trong 120 phút. Phương pháp tổng hợp dễ thực hiện, nhanh và thân thiện với môi trường. Hình thái, cấu trúc và thành phần của nano tấm Pd/Pt triangular nanosheets (Pd/Pt TANSs) được xác định bằng kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM), nhiễu xạ tia X (XRD) và kỹ thuật tán sắc năng lượng tia X (EDX). Kết quả cho thấy các nano tấm Pd có đường kính trung bình khoảng 20 – 25 nm và các hạt nano Pt có hình dạng giống như những tam giác (Pt NTAs) khoảng 5 - 7,5 nm. Hơn nữa, khả năng xúc tác của các nano tấm Pd/Pt triangular nanosheets (Pd/Pt TANSs), nano tấm Pd@Au lõi/vỏ (Pd@Au NSs), và nano tấm Pd (Pd NSs) được tổng hợp cho các phản ứng oxy hóa methanol (MOR) đã được nghiên cứu một cách có hệ thống bằng phương pháp điện hóa (CV). Kết quả cho thấy chất xúc tác là nano tấm Pd/Pt triangular nanosheets (Pd/Pt TANSs) có hoạt tính xúc tác mạnh hơn lần lượt khoảng ~2,4 và ~1,4 lần so với các chất xúc tác là Pd NSs và Pt@Au NSs cho phản ứng oxy hóa methanol (MOR).

477	Đại học	NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP HOẠT HÓA CACBON TỪ TRO VỎ SÀU RIÊNG VÀ ỨNG DỤNG HẤP PHỤ METHYLEN XANH	Nguyễn Văn, Toàn Trần Chí, Nhân	Trần Thị Bích, Quyên	2019	Trong nghiên cứu này, than hoạt tính có diện tích bề mặt lớn được điều chế bằng phương pháp đơn giản và nhanh chóng từ nguồn nguyên liệu vỏ sấu riêng với phương pháp hoạt hóa cacbon một giai đoạn. Quá trình hoạt hóa được thực hiện bởi các tác nhân khác nhau như axit, etanol và khuấy 400 vòng.phút-1 ở 60 oC trong 6 h. Hình thái, cấu trúc và thành phần của than hoạt tính được xác định bằng kính hiển vi điện tử (SEM), nhiễu xạ tia X (XRD), quang phổ hồng ngoại Fourier (FTIR) và tán sắc năng lượng tia X (EDX hay EDS). Diện tích bề mặt của than hoạt tính được xác định bằng phương pháp phân tích Brunauer – Emmett – Teller (BET). Kết quả cho thấy than hoạt tính hoạt hóa với tác nhân etanol thu được có diện tích bề mặt lớn khoảng 683,24 m ² .g ⁻¹ lớn hơn 24,2 lần so với tro vỏ sấu riêng ban đầu (~ 26,18 m ² .g ⁻¹). Hơn nữa, than hoạt tính điều chế thành công được sử dụng để xử lý nước thải. Kết quả của nghiên cứu này mở ra một quy trình mới tương đối đơn giản để sản xuất than hoạt tính làm từ vỏ sấu riêng.
478	Đại học	Vì nhân giống cây bạc hà (Mentha piperita L.)	Đoàn, Nguyễn Thiên Thư	Lâm, Ngọc Phương	2018	Vì nhân giống cây bạc hà (Mentha piperita L.)
479	Đại học	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự số 60/10 C Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Hà, Quỳnh Như	Lê, Văn Bé	2018	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự số 60/10 C Võ Văn Kiệt, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
480	Đại học	Nhân giống cây cải củ (Raphanus sativus L) bằng phương pháp cấy mô	Lê, Ngọc Quỳnh	Lâm, Ngọc Phương	2018	Nhân giống cây cải củ (Raphanus sativus L) bằng phương pháp cấy mô
481	Đại học	Vì nhân giống cây thanh tú (Evolvulus glomeratus)	Hà, Diệu Huỳnh	Lâm, Ngọc Phương	2018	Vì nhân giống cây thanh tú (Evolvulus glomeratus)
482	Đại học	Thiết kế cảnh quan lô đất HH đường số 15 khu đô thị mới Hưng Phú, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Trục	Lê, Văn Bé	2018	Thiết kế cảnh quan lô đất HH đường số 15 khu đô thị mới Hưng Phú, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ
483	Đại học	Vì nhân giống cây cải bắp tím (Brassica var capitata f.rubra)	Hồ, Thị Cẩm Thu	Lâm, Ngọc Phương	2018	Vì nhân giống cây cải bắp tím (Brassica var capitata f.rubra)
484	Đại học	Thiết kế cảnh quan xí nghiệp công trình giao thông thủy lợi đường Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Trần, Thị Cẩm Tú	Mai, Văn Trầm	2018	Thiết kế cảnh quan xí nghiệp công trình giao thông thủy lợi đường Lê Hồng Phong, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
485	Đại học	Thiết kế cảnh quan công ty cổ phần Terrazzo quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Ngô, Thị Thu Thảo	Mai, Văn Trầm	2018	Thiết kế cảnh quan công ty cổ phần Terrazzo quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
486	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Naphthalene acetic acid và Indole – 3- Butiric acid lên cảnh giâm và phân bón đến sự sinh trưởng của cây hồng ngọc mai (Mailpighia glabra L)	Trần, Kim Anh	Mai, Văn Trầm	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ Naphthalene acetic acid và Indole – 3- Butiric acid lên cảnh giâm và phân bón đến sự sinh trưởng của cây hồng ngọc mai (Mailpighia glabra L)
487	Đại học	Ảnh hưởng của các loại đèn đến nhân chồi, ra rễ cây cúc mâm xôi (Chrysanthemum morifolium) Invitro	Nguyễn, Diễm Trinh	Lê, Văn Bé	2018	Khảo sát ảnh hưởng của các loại đèn đến nhân chồi, ra rễ cây cúc mâm xôi (Chrysanthemum morifolium) Invitro

488	Đại học	Thiết kế cảnh quan khu du lịch sinh thái Lê Lộc tại quận Cái Răng – Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Đăng Khoa	Mai, Văn Trầm	2018	Thiết kế cảnh quan khu du lịch sinh thái Lê Lộc tại quận Cái Răng – Thành phố Cần Thơ
489	Đại học	Nghiên cứu dung dịch cấm bình thích hợp cho hoa cúc lưới (<i>Chrysanthemum</i> sp.) cắt cành	Lý, Thị Thanh Liêm	Phạm, Thị Phương Thảo	2018	Nghiên cứu dung dịch cấm bình thích hợp cho hoa cúc lưới (<i>Chrysanthemum</i> sp.) cắt cành
490	Đại học	Ảnh hưởng của Natri Clorua lên sự sinh trưởng của cây khoai mì (<i>Manihot esculenta</i>) invitro và trong nhà lưới	Lý, Trúc Ly	Lâm, Ngọc Phương	2018	Khảo sát ảnh hưởng của Natri Clorua lên sự sinh trưởng của cây khoai mì (<i>Manihot esculenta</i>) invitro và trong nhà lưới
491	Đại học	Thiết kế cảnh quan công viên khu hành chính huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Bạch, Hoàng Huy	Mai, Văn Trầm	2018	Thiết kế cảnh quan công viên khu hành chính huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
492	Đại học	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự số 263 Nguyễn Văn Cừ Nối dài, phường An Bình. Tp, Cần Thơ	Nguyễn, Phúc Hòa	Lê, Văn Bé	2018	Thiết kế cảnh quan sân vườn biệt thự số 263 Nguyễn Văn Cừ Nối dài, phường An Bình. Tp, Cần Thơ
493	Đại học	Vi nhân giống cây kiến cò (<i>Rhinacanthus nasutus</i> (L) Kurn)	Nguyễn, Thị Kiều Nga	Lâm, Ngọc Phương	2018	Vi nhân giống cây kiến cò (<i>Rhinacanthus nasutus</i> (L) Kurn)
494	Đại học	Thiết kế cảnh quan khu tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Thanh Tâm	Lê, Văn Bé	2018	Thiết kế cảnh quan khu tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu
495	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của đường, silver thiosulphate và chất kháng khuẩn đến chất lượng và thời gian cấm bình của hoa hướng dương (<i>Helianthus annuus</i> L.) cắt cành	Phạm, Thị Mỹ Phương	Phạm, Thị Phương Thảo	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của đường, silver thiosulphate và chất kháng khuẩn đến chất lượng và thời gian cấm bình của hoa hướng dương (<i>Helianthus annuus</i> L.) cắt cành
496	Đại học	Nghiên cứu chế biến sản phẩm cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz) ngâm đường	Trần, Kiều Mi	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Nghiên cứu chế biến sản phẩm cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz) ngâm đường

497	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ CÂY MÔN NGỌT (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Nguyễn, Thị Mộng Tuyền	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn các dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao từ cây môn ngọt (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)” được tiến hành với mục đích tìm ra dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao từ cây môn ngọt để ứng dụng sản xuất chế phẩm sinh học. Kết quả đã phân lập được 25 dòng nấm men từ mẫu cây môn ngọt thu tại quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và quận Ô Môn (Cần Thơ). Dựa và hình dạng tế bào nấm men, khả năng lên men hai loại đường glucose và đường saccharose, khả năng phân giải urea đã định danh sơ bộ 25 dòng nấm men thuộc 2 giống <i>Saccharomyces</i> và <i>Pichia</i>. Qua kết quả định danh sơ bộ, 14 dòng nấm men thuộc giống <i>Saccharomyces</i> được chọn cho các thí nghiệm đánh giá tiềm năng probiotic. Trong 14 dòng được khảo sát, có 12 dòng có khả năng sinh trưởng và phát triển được ở ba mức pH 1,5; 2 và 2,5, và cả 12 dòng trên đều không bị ảnh hưởng bởi ba loại kháng sinh tetracyclin (30 µg/mL), ampicillin (10 µg/mL) và ofloxacin (30 µg/mL). Có 1 dòng CRC2 (phân lập tại quận Cái Răng) trên 12 dòng được chọn để khảo sát có khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh <i>Escherichia coli</i> với đường kính vòng vô khuẩn là 6,3 mm. Dựa vào các thí nghiệm đánh giá tiềm năng probiotic trên, dòng CRC2 được chọn là có tiềm năng probiotic cao nhất với các đặc điểm nổi bật là khả năng chịu được pH thấp tốt, kháng các loại kháng sinh và có tiềm năng kháng vi khuẩn gây bệnh <i>Escherichia coli</i> và được định danh sơ bộ là thuộc giống <i>Saccharomyces</i>.
498	Đại học	KHẢO SÁT QUY TRÌNH LÊN MEN RƯỢU VÀ HOẠT TÍNH SINH HỌC CỦA DỊCH ÉP VÀ RƯỢU VANG BƯỞI (<i>Citrus Grandis</i> (L.) Osbeck)	Nguyễn, Thanh Thủy	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài nghiên cứu “Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình lên men rượu vang bưởi (<i>Citrus grandis</i> (L.) Osbeck)” được thực hiện với dòng nấm men đã được tuyển chọn (<i>Saccharomyces</i> sp. – R2B) lên men dịch ép bưởi tìm được các thông số tối ưu: Brix là 27 và mật số nấm men là 103 tế bào/mL, pH là 4,0 và thời gian là 12 ngày lên men cho kết quả độ rượu cao nhất (10,35% v/v). Trong dịch ép bưởi và rượu bưởi có sự hiện diện của các nhóm hợp chất thực vật như phenol và tannin, flavonoid, alkaloid, coumarin, quinone, saponin, terpenoid và steroid. Hàm lượng polyphenol tổng trong rượu bưởi cao hơn dịch ép bưởi và có mối tương quan tuyến tính với khả năng kháng khuẩn của rượu bưởi và dịch ép bưởi. Khả năng chống oxy hóa của dịch ép bưởi cao hơn rượu bưởi thông qua khả năng khử gốc tự do DPPH và H₂O₂.

499	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG Escherichia coli TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (Litopenaeus Vannamei) Ở TỈNH SÓC TRĂNG	Lợi, Đình Thông	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Nhằm tìm ra các dòng vi khuẩn lactic có đặc tính tốt để sản xuất các chế phẩm sinh học, hạn chế và tiến đến không sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản. Do đó, đề tài: “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn lactic có khả năng kháng Escherichia coli từ tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus Vannamei) ở tỉnh Sóc Trăng” đã được đề xuất. Kết quả phân lập được 17 dòng vi khuẩn lactic từ mẫu tôm thẻ chân trắng ở 3 huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng. Kết quả 15/17 dòng biểu hiện khả năng kháng khuẩn khi kiểm tra bằng phương pháp khuếch tán trên giếng. Dòng TĐ1 cho khả năng kháng vi khuẩn E.coli mạnh nhất với đường kính vòng kháng khuẩn là 16,667 mm. Môi trường MRS được bổ sung Glucose 1% w/v làm tăng hoạt tính kháng khuẩn của dòng TĐ1 (160 AU/ml) so với môi trường MRS đối chứng (80 AU/ml). Tuy nhiên, khi bổ sung Glucose 2%, Glucose 3%, Yeast 1%, Peptone 3% hoạt tính kháng khuẩn của dòng TĐ1 giảm (40 AU/ml). Qua kết quả trên cho thấy, thành phần môi trường nuôi cấy ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn. Kết quả định danh bằng phương pháp 16S rRNA cho thấy dòng TĐ1 đồng hình 98% với dòng Weissella cibaria.
500	Đại học	HÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VÀ KHẢO SÁT MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC DÒNG LỢI KHUẨN Bacillus spp. TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (Litopenaeus vannamei) Ở TỈNH KIÊN GIANG	Huỳnh, Văn Thịnh	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục tiêu phân lập được dòng vi khuẩn Bacillus sp. có những đặc tính tốt để sản xuất chế phẩm sinh học nhằm kiểm soát các tác nhân gây bệnh, thay thế việc sử dụng kháng sinh truyền thống trong nuôi trồng thủy sản nên đề tài: “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn Bacillus sp. có khả năng kháng khuẩn từ tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) ở tỉnh Kiên Giang” đã được thực hiện. Kết quả phân lập được 20 dòng vi khuẩn Bacillus spp. từ hệ tiêu hóa của các mẫu tôm thu ở 4 huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận và U Minh Thượng thuộc tỉnh Kiên Giang. Khi khảo sát khả năng kháng khuẩn đối với các dòng vi khuẩn gây bệnh, có 11 trên tổng số 20 dòng thể hiện khả năng đối kháng với ít nhất 1 dòng vi khuẩn kiểm định gồm Escherichia coli, Staphylococcus aureus, Aeromonas sp. và Pseudomonas sp. Trong đó, dòng AM2 thể hiện khả năng đối kháng với cả 4 dòng vi khuẩn kiểm định, dòng AM3 thể hiện khả năng đối kháng cao nhất đối 3 dòng vi khuẩn kiểm định. Kết quả khảo sát khả năng sinh enzyme ngoại bào của 11 dòng thể hiện khả năng đối kháng với các dòng vi khuẩn gây bệnh cho thấy, có 8 trong số 11 dòng có khả năng sinh cả 3 loại enzyme amylase, cellulase và protease. Dòng AM2 và AM3 có khả năng kháng khuẩn và sinh enzyme ngoại bào cao được lựa chọn để khảo sát khả năng chịu mặn và chịu pH, kết quả cho thấy, cả 2 dòng đều có khả năng phát triển trong môi trường được bổ sung nồng độ muối từ 1 - 5% và pH từ 4 - 9. Kết quả giải trình tự bằng phương pháp 16S rRNA cho thấy 2 dòng AM2 và AM3 tương đồng với dòng Bacillus subtilis và Bacillus cereus. Kết quả nghiên cứu này đóng góp cơ sở khoa học trong xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm probiotic và mở ra tiềm năng ứng dụng của 2 dòng vi khuẩn này trong nuôi trồng hải sản nói chung và nuôi tôm thẻ chân trắng nói riêng.

501	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Lactobacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ CÂY MÔN NGỌT (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Phan, Thị Thu Sương	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic từ cây môn ngọt (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)” được tiến hành nhằm mục đích tìm ra dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic từ cây môn ngọt. Kết quả phân lập được 18 dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> spp. từ các mẫu cây môn ngọt thu ở 3 quận của thành phố Cần Thơ là Ô Môn, Ninh Kiều và Cái Răng. Đánh giá khả năng chịu pH thấp của các dòng vi khuẩn phân lập được, kết quả 7/18 dòng có khả năng chịu được pH = 2,5 và không có dòng nào chịu được pH = 2 và pH = 1,5. Bảy dòng vi khuẩn này được sử dụng cho thí nghiệm kháng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> (với mật số <i>E. coli</i> sử dụng là 107 TB/mL). Kết quả cho thấy ở mật số vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> là 108 TB/mL cả 7 dòng này đều có khả năng kháng <i>E. coli</i>, đối với mật số <i>Lactobacillus</i> 107 TB/mL chỉ có 2 dòng NKC1 và OML2 có khả năng kháng <i>E. coli</i> với đường kính vòng vô khuẩn lần lượt là 1,67 mm và 2,33 mm. Thí nghiệm kháng kháng sinh được thực hiện với các loại kháng sinh: Tetracyclin (30 µg/mL), ampicillin (10 µg/mL), ofloxacin (30 µg/mL). Kết quả đạt được cả 3 loại kháng sinh sử dụng đều không tạo ra vòng vô khuẩn với cả 7 dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> khảo sát cho thấy cả 7 dòng đều có khả năng kháng các loại kháng sinh này. Kết quả định danh bằng phương pháp giải trình tự đoạn gen 16S rRNA cho thấy dòng OML2 đồng hình 99% với dòng <i>Lactobacillus plantarum</i>.
-----	---------	--	---------------------	-----------------------	------	--

502	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO TỪ CÂY NẤM BỘP (<i>Eleocharis dulcis</i>)	Huỳnh, Bích Phượng	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic cao từ cây nấm bộp (<i>Eleocharis dulcis</i>)” được tiến hành nhằm mục đích tìm ra dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic cao để ứng dụng tạo chế phẩm cho người và vật nuôi. Kết quả nghiên cứu đã phân lập được 22 dòng vi khuẩn từ cây nấm bộp thu được tại hai tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang. Sau khi định danh sơ bộ, nhận diện được 18 dòng <i>Bacillus</i> spp., các dòng này tiếp tục được đánh giá tiềm năng probiotic qua ba thí nghiệm khảo sát khả năng chịu pH thấp, khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh và khả năng kháng kháng sinh. Kết quả cho thấy có 9/18 dòng có khả năng tồn tại ở cả ba mức pH thấp là 2,5; 2,0 và 1,5. Qua thí nghiệm đánh giá khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh từ 9 dòng chịu pH thấp đã cho kết quả có 5/9 dòng có khả năng kháng <i>Escherichia coli</i> (106 tế bào/mL) ở cả ba mức mật số 108, 107, 106 tế bào/mL và đạt được trung bình đường kính vòng vô khuẩn cao nhất là 10,33 mm (dòng HGT4). Từ 5 dòng <i>Bacillus</i> spp. có khả năng kháng khuẩn, tiến hành khảo sát khả năng chịu kháng sinh và kết quả thu được là tất cả các dòng đều có khả năng kháng với Tetracycline (30µg), 2/5 dòng kháng được Ampicillin (10µg), đối với Ofloxacin (30µg) thì 2/5 dòng cho kết quả trung gian và 3/5 dòng còn lại thể hiện sự nhạy cảm đối với kháng sinh này. Qua ba thí nghiệm đánh giá tiềm năng probiotic thì dòng HGT4 nổi bật hơn các dòng còn lại về khả năng kháng khuẩn cũng như tồn tại được ở mức pH thấp 1,5. Ngoài ra, HGT4 còn có khả năng kháng lại hai loại kháng sinh là Tetracycline (30µg) và Ampicillin (10µg), cho kết quả trung gian với Ofloxacin (30µg). Vì vậy, HGT4 là dòng được chọn để định danh tên loài. Kết quả giải trình tự đoạn gen 16S rRNA cho thấy dòng HGT4 đồng hình 99% với <i>Bacillus subtilis</i>.
-----	---------	---	--------------------	-----------------------	------	---

503	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ CÂY MÔN NGỌT (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Đinh, Thị Tuyết Phương	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic từ cây Môn ngọt (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)” được tiến hành nhằm mục đích tìm ra dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic. Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát đặc tính probiotic của 28 chủng vi khuẩn <i>Bacillus</i> spp. được phân lập từ cây Môn ngọt tại quận Ninh Kiều, Ô Môn, Cái Răng. Sau khi định danh sơ bộ, các chỉ tiêu khảo sát tiềm năng probiotic bao gồm: Đánh giá khả năng chịu pH thấp, khả năng nhạy cảm với kháng sinh và khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh (<i>E. coli</i>). Kết quả cho thấy có 17/28 dòng <i>Bacillus</i> spp. có khả năng chịu pH thấp ở mức 2,5 trong đó có 14 dòng chịu được pH = 2,0 và có 7 dòng chịu được cả 3 mức pH 2,5; 2,0 và 1,5. Qua kết quả đánh giá khả năng nhạy cảm với kháng sinh, 7 dòng <i>Bacillus</i> spp. nhạy với kháng sinh Ampicilin (57,14% nhạy cảm, 42,86% trung gian), đối với Tetracyclin có 1/7 dòng nhạy cảm (14,29%), 3/7 dòng trung gian (42,86%) và có 3/7 dòng có khả năng kháng (42,86%), đối với Ofloxacin có 6/7 dòng trung gian (85,71%) và 1/7 dòng có khả năng kháng (14,29%). Khi khảo sát tính đối kháng với vi khuẩn <i>E. coli</i> gây bệnh đường ruột, dòng vi khuẩn CRL6 ở 10⁸ TB/mL có khả năng ức chế sự phát triển của <i>E. coli</i> với đường kính vòng vô khuẩn 9,7 mm, chiếm 14,29%. Bước đầu cho thấy chủng <i>Bacillus</i> CRL6 có tiềm năng probiotic. Kết quả định danh bằng kỹ thuật sinh học phân tử với đoạn mồi 16S rRNA cho thấy dòng vi khuẩn CRL6 tương đồng với vi khuẩn <i>Bacillus cereus</i> ở mức 98%.
504	Đại học	HÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) Ở TỈNH SÓC TRĂNG	Huỳnh, Hữu Phước	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục đích tìm ra dòng <i>Bacillus</i> sp. có đặc tính tốt để sản xuất chế phẩm sinh học nhằm hỗ trợ quá trình tiêu hóa và hạn chế sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản nên đề tài: “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có khả năng kháng khuẩn từ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở tỉnh Sóc Trăng” đã được thực hiện. Kết quả phân lập được 22 dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> spp. từ các mẫu tôm thu ở tỉnh Sóc Trăng. Khả năng kháng khuẩn được kiểm tra bằng phương pháp khuếch tán trên giếng thạch qua đó 11/22 dòng <i>Bacillus</i> spp. biểu hiện khả năng kháng khuẩn, trong đó có 9 dòng có khả năng kháng <i>Escherichia coli</i>, 4 dòng kháng <i>Staphylococcus aureus</i>. Hầu hết các dòng <i>Bacillus</i> spp. kháng khuẩn có khả năng sinh enzyme ngoại bào: amylase, cellulase, protease. Nồng độ muối và pH môi trường có ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn của <i>Bacillus</i>. Qua kết quả thí nghiệm, môi trường với nồng độ muối từ 2% - 3% và pH7 là thích hợp nhất cho kháng khuẩn của <i>Bacillus</i>. Ở môi trường có 2% NaCl – pH7 hoạt tính bacteriocin của dòng VC3 đạt 160AU/mL. Kết quả định danh bằng phương pháp giải trình tự đoạn gen 16S rRNA cho thấy dòng VC3 đồng hình 99% với dòng <i>Bacillus subtilis</i>.

505	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO TỪ CÂY KHOAI MÔN (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Lê, Thị Kiều Nương	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục tiêu tìm ra dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có đặc tính tốt, tiềm năng cao để sản xuất các chế phẩm probiotic, dần dần thay thế các loại kháng sinh trong chăn nuôi và phục vụ sức khỏe cho con người, vì thế đề tài: “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. có tiềm năng probiotic cao từ cây khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)” đã được thực hiện. Kết quả phân lập được 22 dòng vi khuẩn từ cây khoai môn ở hai tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long, trong đó có 13/22 dòng có đặc điểm hình thái, sinh hóa phù hợp với dòng <i>Bacillus</i> spp. Đánh giá khả năng chịu pH thấp cho thấy các dòng DTT21, DTT7, DTT6 có khả năng chịu được pH thấp mạnh hơn các dòng còn lại. Ở kết quả đánh giá khả năng kháng khuẩn với <i>Escherichia coli</i> cho thấy dòng DTT6 có trung bình đường kính vòng vô khuẩn lớn ở các dịch ly tâm có nồng độ ban đầu: 10^8 , 10^7 , 10^6 Tế bào/mL với đường kính lần lượt là: 11,67mm; 9,67mm; 7,33mm. Kết quả kiểm tra khả năng kháng kháng sinh cho thấy đa số các dòng có tính nhạy cảm mạnh với ofloxacin, nhạy cảm yếu với ampicillin và biểu hiện tính kháng với tetracyclin. Kết quả định danh bằng phương pháp 16S rRNA cho kết quả dòng DTT6 đồng hình 99% với dòng <i>Bacillus velezensis</i> .
506	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ KHẢ NĂNG SINH ACID LACTIC CAO VÀ KHÁNG KHUẨN TỪ TRÁI ỔI LÊ (<i>Psidium guajava</i> L.)	Đặng, Thị Mỹ Duyên	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục tiêu phân lập và tuyển chọn được dòng vi khuẩn lactic (LAB) có khả năng sinh acid lactic và khả năng kháng khuẩn cao để ứng dụng trong lên men thực phẩm, đề tài “Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn lactic có khả năng sinh acid lactic cao và kháng khuẩn từ trái ổi lê (<i>Psidium guajava</i> L.)” đã được thực hiện. Kết quả đã phân lập được 20 dòng vi khuẩn LAB từ trái ổi lê thu ở ba huyện Tam Nông, Lai Vung và Châu Thành A thuộc 2 tỉnh Đồng Tháp và Hậu Giang. Khi khảo sát khả năng sinh acid lactic của các dòng vi khuẩn đã phân lập, tất cả 20 dòng đều có khả năng sinh acid lactic cao và lượng acid lactic tạo ra cao nhất được ghi nhận sau 72 giờ nuôi cấy. Trong đó, dòng TN2 cho khả năng sinh acid lactic cao nhất 8,70 g/L trong môi trường sữa nuôi cấy không bổ sung sucrose và 12,27 g/L trong môi trường sữa nuôi cấy có bổ sung 4% sucrose. Kết quả khảo sát khả năng đối kháng với vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> của 11 dòng vi khuẩn sinh acid lactic cao nhất cho thấy, có 6 trong tổng số 11 dòng vi khuẩn khảo sát thể hiện khả năng đối kháng với dòng vi khuẩn kiểm định, trong đó, dòng TN2 có khả năng kháng khuẩn mạnh nhất với đường kính vòng vô khuẩn trung bình 12,33 mm. Kết quả định danh bằng phương pháp 16S rRNA cho thấy dòng TN2 tương đồng 99% với dòng <i>Lactococcus lactis</i> .

507	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO TỪ CÂY KHOAI MÔN (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Nguyễn, Thị Mai Chi	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục đích nhằm tìm ra những dòng <i>Saccharomyces</i> spp. có tiềm năng probiotic cao và hội đủ những đặc tính tốt để sản xuất chế phẩm sinh học probiotic với mục đích phòng và điều trị bệnh cho con người, vật nuôi, cây trồng, cải thiện sức khỏe và nâng cao đời sống nên đề tài : ‘Phân lập và tuyển chọn dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao từ cây khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)’ đã được thực hiện. Kết quả phân lập được 20 dòng nấm men trong đó có 12 dòng nấm men <i>Saccharomyces</i> spp. từ các mẫu khoai môn thu ở 2 tỉnh Đồng Tháp và Vĩnh Long. Kết quả thu được 9/12 dòng chịu được cả ba mức pH thấp 2,5 ; 2 ; 1,5 ; 9/9 dòng có khả năng đề kháng với 3 loại kháng sinh Tetracycline (30 µg/ml) ; Ampicillin (10 µg /ml) ; Ofloxacin (30 µg/ml) ; 2/9 dòng biểu hiện khả năng kháng khuẩn khi kiểm tra bằng phương pháp khuếch tán trên giếng thạch. Tuy nhiên chỉ có dòng ĐTT7 mang tiềm năng probiotic cao về khả năng chịu pH thấp, không bị ảnh hưởng bởi kháng sinh và có khả năng kháng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> mạnh nhất với đường kính trung bình vòng vô khuẩn là 12,33 mm và 9,67 mm đối với mật số nấm men là 10^8 và 10^7 (tb/ ml).
508	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN DÒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO TỪ CÂY NẤM BỘP (<i>Eleocharis dulcis</i>)	Hà, Thị Ngọc Ánh	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục đích tìm ra những dòng nấm men có đặc tính tốt để sản xuất chế phẩm probiotic phục vụ con người và trong ngành chăn nuôi nên đề tài “Phân lập và tuyển chọn dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao từ cây nấm bộp” được thực hiện. Kết quả phân lập được 20 dòng nấm men từ mẫu thân và rễ của cây nấm ở 2 tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng. Trong đó lựa chọn được 10 dòng nấm men <i>Saccharomyces</i> để thực hiện thí nghiệm kiểm tra đặc tính probiotic. Kết quả cho thấy 10/10 dòng có khả năng chịu được pH thấp ở mức 2,5; 2,0; 1,5. Dòng STR7 có khả năng chịu được pH thấp cao nhất trong tổng số 10 dòng. Cả 10 dòng nấm men đều không bị ảnh hưởng bởi 3 loại kháng sinh được sử dụng làm thí nghiệm là Ampicyclin, Tetracyclin và Ofloxacin. Tuy nhiên, chỉ có 1/10 dòng nấm men có khả năng kháng lại vi khuẩn gây bệnh <i>Escherichia coli</i> , đó là dòng HGT4.

509	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) Ở TỈNH KIÊN GIANG	Thạch, Thị Tây	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Với mục đích nhằm tìm ra những dòng vi khuẩn lactic có đặc tính tốt để sản xuất chế phẩm sinh học, hạn chế và tiến đến không sử dụng kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản nên đề tài: “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn lactic có khả năng kháng khuẩn từ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở tỉnh Kiên Giang” đã được thực hiện. Kết quả phân lập được 21 dòng vi khuẩn lactic từ các mẫu tôm thu ở 4 huyện thuộc tỉnh Kiên Giang. Kết quả 21 dòng vi khuẩn lactic đã phân lập có 9 dòng có khả năng sinh bacteriocin ức chế vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và tất cả 21 dòng vi khuẩn lactic đã phân lập đều có khả năng ức chế vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> khi được kiểm tra bằng phương pháp giếng thạch (Well-difusion-agar test). Trong đó, dòng VT3 có khả năng kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> mạnh nhất so với các dòng còn lại. Thành phần môi trường nuôi cấy có ảnh hưởng đến sự tổng hợp bacteriocin của dòng VT3. Khi bổ sung 2% và 3% yeast extract vào môi trường MRS làm tăng gấp đôi hoạt tính của bacteriocin (160AU/mL) so với môi trường đối chứng MRS (80AU/mL). Ngoài ra, môi trường nuôi cấy còn ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn thông qua đường kính vòng vô khuẩn ở các loại môi trường. Tuy nhiên khi bổ sung glucose 1% w/v hay NaCl 2%, 3% w/v thì lại làm giảm khả năng kháng khuẩn chỉ còn (40 AU/mL). Qua kết quả đó cho thấy thành phần môi trường nuôi cấy ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn. Kết quả định danh bằng phương pháp 16S rRNA cho thấy dòng VT3 tương đồng 99% với dòng <i>Weissella cibaria</i> họ Leuconostocaceae thuộc nhóm vi khuẩn lactic (LAB).
510	Đại học	TUYỂN CHỌN CÁC DÒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO ĐƯỢC PHÂN LẬP TỪ QUẢ CÀ NA (<i>Canarium album</i>)	Trần, Hồng Như	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	Đề tài “Tuyển chọn các dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao được phân lập từ quả cà na (<i>Canarium album</i>)” được tiến hành trong điều kiện in vitro nhằm tìm ra dòng nấm men có tiềm năng probiotic cao làm nguồn nguyên liệu sản xuất chế phẩm sinh học probiotic sử dụng cho con người. Từ 47 dòng nấm men ban đầu thuộc bộ sưu tập giống nấm men phân lập từ quả cà na, qua định danh sơ bộ được chia thành 6 nhóm: hình cầu, hình cầu nhỏ, hình oval, hình oval nhỏ, hình elip, hình elip nhọn và phân loại được 6 dòng nấm men thuộc chi <i>Pichia</i> , 6 dòng nấm men thuộc chi <i>Hanseniaspora</i> , 35 dòng nấm men thuộc chi <i>Saccharomyces</i> dựa vào hình dạng tế bào và đặc điểm sinh hóa. Các dòng nấm men sau khi thử nghiệm khả năng chịu pH thấp cho thấy 34 dòng đáp ứng tốt với pH thấp nhất 1,5; trong đó dòng ST1D, CT2C cho mật số cao nhất (lần lượt 5,99 và 5,87 log (tế bào/mL)). Đa số các dòng không có hiện tượng nhạy cảm với các kháng sinh ampicillin và nystatin, chỉ 5/34 dòng được khảo sát nhạy cảm và nhạy cảm yếu với nystatin, trong đó dòng R3B nhạy cảm với chất kháng nấm nystatin (đường kính vòng vô khuẩn 12,33 mm). Bốn dòng nấm men ở mật số 106 tế bào/mL có khả năng tạo vòng vô khuẩn kháng <i>E. coli</i> . Khả năng sinh enzyme amylase và protease của dòng R2B (9,83 mm; 5,33 mm) cao nhất trong các dòng khảo sát. Dòng nấm men R2B được tiến hành giải trình tự và xác định thuộc họ <i>Saccharomycetaceae</i> .

511	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM LÊN MEN ĐẬU NÀNH Ở THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG TỈNH SÓC TRĂNG CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Trần, Văn Ai	Nguyễn, Văn Thành	2018	
512	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIÂM VANG MẬN XANH TAM HOA (<i>Syzygium samarangense</i>)	Nguyễn, Tấn An	Nguyễn, Văn Thành	2018	
513	Đại học	KHAO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CÁC CAO PHÂN ĐOẠN TỪ CỦ VÀ RỄ CÂY MÔN NGỌT (<i>Colocasia esculenta</i>)	Nguyễn, Thị Kim Anh	Nguyễn, Đức Độ	2018	
514	Đại học	ỨNG DỤNG VI KHUẨN KẾT TỤ SINH HỌC CHUYỂN HOÁ NITƠ VÀ TÍCH LŨY POLYPHOSPHATE XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT HỦ TIẾU MỸ THO QUY MÔ 100 LÍT	Đặng, Ngọc Bảo	Cao, Ngọc Diệp	2018	
515	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở TỈNH BẾN TRE CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Tô, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Văn Thành	2018	
516	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở TỈNH BẾN TRE CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Tô, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Văn Thành	2018	
517	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN ACID LACTIC PHÂN LẬP TỪ SỮA MẸ VÀ PHÂN TRỂ EM CÓ TIỀM NĂNG LÀM GIẢM CHOLESTEROL	Trần, Thị Diễm	Nguyễn, Thị Liên	2018	
518	Đại học	XÁC ĐỊNH KIỂU GEN BCÚA VIRUS VIÊM GAN SIÊU VI B Ở BỆNH NHÂN VIÊM GAN TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ BẰNG KỸ THUẬT PCR-RFLP	Nguyễn, Ngọc Thùy Dương	Nguyễn, Thị Pha	2018	

519	Đại học	THIẾT KẾ MÔI ĐẶC HIỆU NHẬN DIỆN NẤM <i>Corynespora cassiicola</i> VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỘ ĐỘC CỦA CHÚNG TRÊN DƯA LEO TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI	Trương, Cẩm Hồng	Nguyễn, Thị Liên	2018	
520	Đại học	QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI HỦ TIẾU MỸ THO Ở QUY MÔ 1000LÍT	Nguyễn, Võ Tấn Lực	Cao, Ngọc Diệp	2018	
521	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY SẢ (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf) TRỒNG Ở TỈNH SÓC TRĂNG	Huỳnh, Lê Cẩm Chương	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
522	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA TINH DẦU HÚNG CHANH (<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.)	Võ, Tấn Đạt	Võ, Văn Song Toàn	2018	
523	Đại học	PHÂN LẬP, NHẬN DIỆN VI KHUẨN PHÂN HỦY CELLULOSE TỪ RUỘT CỦA SÂU ĂN LÁ TRÊN CÂY DỪA CẠN (<i>Catharanthus roseus</i>) TẠI HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG	Huỳnh, Chí Hưng	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
524	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	Lê, Thị Huyền	Cao, Ngọc Diệp	2018	
525	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG CHỐNG OXY HÓA VÀ BẢO VỆ GAN TRÊN MÔ HÌNH CHUỘT BẠCH (<i>Mus musculus</i> Var. Albino) CỦA CAO CHIẾT LÁ CÂY GÁO TRẮNG (<i>Neolamarckia cadamba</i> (Roxb.) Bosser)	Lê, Thị Diễm	Đái, Thị Xuân Trang	2018	
526	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM SỢI CỦA CAO CHIẾT PHÂN ĐOẠN CÚC CÂY MÔN N GỬA (<i>Colocasia esculenta</i>)	Trương, Thị Ngọc Giang	Nguyễn, Đức Độ	2018	
527	Đại học	NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY TRÌNH NHÂN MẬT SỐ BÀO TỬ XẠ KHUẨN <i>Streptomyces albaduncus</i> TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM	Võ, Ngọc Dung	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	

528	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN LACTIC CÓ KHẢ NĂNG SINH ACID LACTIC CAO VÀ ỨNG DỤNG LÊN MEN DQJA MÔN NGŨA (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Lê, Trang Đài	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
529	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM SỢI CỦA CÁC PHÂN ĐOẠN CAO CHIẾT LÁ CỎ TRANH (<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Beauv.)	Nguyễn, Thị Phương Chăm	Nguyễn, Đức Độ	2018	
530	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG LÊ (<i>Pyrus</i>)	Đỗ, Trọng Hiếu	Nguyễn, Văn Thành	2018	
531	Đại học	PHÂN TÍCH ĐA DẠNG DI TRUYỀN CỦA CÁC GIỐNG LÚA (<i>Oryza sativa</i> L.) CAO SẢN CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU MẶN DỰA TRÊN DẤU PHÂN TỬ SSR	Vương, Minh Huy	Nguyễn, Thi Pha	2018	
532	Đại học	KHAO SÁT CÁC THÔNG SỐ ANH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÊN MEN ETHANOL CỦA DÒNG NẤM MEN R2B PHÂN LẬP TỪ TRÁI CÀ NA (<i>Canarium album</i>)	Trần, Vũ Linh	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
533	Đại học	XÁC ĐỊNH KIỂU GEN C CỦA VIRUS VIÊM GAN SIÊU VI B TRÊN BỆNH NHÂN VIÊM GAN TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ BẰNG KỸ THUẬT PCR-RFLP	Nguyễn, Thị Diễm My	Nguyễn, Thi Pha	2018	
534	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG ỨC CHẾ CỦA THỰC KHUẨN TỪ ĐẤT TRỒNG CÂY HÚNG CHANH (<i>Coleus aromaticus</i> Benth) LÊN VI KHUẨN <i>Ralstonia solanacearum</i> GÂY BỆNH HÉO XANH TRÊN CÂY ỚT	Lê, Tuấn Kiệt	Trương, Thị Bích Vân	2018	
535	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VÀ ỨNG DỤNG VI KHUẨN VÙNG RỄ HÀNH TÍM TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG TRÊN QUY MÔ NHÀ LƯỚI	Trần, KhôL	Cao, Ngọc Diệp	2018	

536	Đại học	KHAO SÁT HÀM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, SAPONIN TỔNG VÀ HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA TỪ CAO CHIẾT PHẦN ĐOẠN CỦA CAO ETHANOL LÁ BÌNH BÁT NGIỐC (<i>Annona glabra</i> L.)	Huỳnh, Thanh Duy	Nguyễn, Đức Độ	2018	
537	Đại học	KHAO SÁT HÀM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, SAPONIN VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO PHẦN ĐOẠN LÁ CỎ TRANH (<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Beauv.)	Phan, Thị Ngọc Nga	Nguyễn, Đức Độ	2018	
538	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN VÀ KHÁNG NẤM CỦA CAO CHIẾT TỪ CÂY MÁI DÀM (<i>Cryptocoryne ciliata</i>)	Trần, Thị Diễm My	Nguyễn, Đức Độ	2018	
539	Đại học	KHAO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG KHUẨN CỦA LYSOZYME LÒNG TRẮNG TRÚNG GÀ TAM HOÀNG (<i>Gallus gallus domesticus</i>)	Lê, Thị Minh Ngọc	Võ, Văn Song Toàn	2018	
540	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA TINH DẦU HÚNG CHANH (<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.)	Ngô, Thị Kim Nghi	Võ, Văn Song Toàn	2018	
541	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TRÁI TRÂM MỘC (<i>Syzygium cumini</i> L.)	Văn, Thị Hồng Huê	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
542	Đại học	PHÂN TÍCH ĐA HÌNH GEN OsHKT1;5 TRÊN CÁC GIỐNG LÚA CAO SẢN (<i>Oryza Sativa</i> L.) CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU MẶN	Nguyễn, Thị Phụng	Nguyễn, Thị Pha	2018	
543	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA CAO CHIẾT CÂY ĐINH LĂNG (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms)	Lý, Thị Mỹ Nhiên	Nguyễn, Đức Độ	2018	
544	Đại học	KHAO SÁT HIỆU QUẢ PHÒNG TRỊ BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus subtilis</i> TRÊN RUỘNG LÚA TẠI HUYỆN BÌNH TÂN VÀ MANG THÍT TỈNH VĨNH LONG	Bùi, Nguyễn Tuyết Nhưng	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	

545	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỒN HỢP THỐT NỐT (<i>Borassus flabellifer</i> L) VÀ NHO (<i>Vitis vinifera</i>)	Huỳnh, Thị Trúc Linh	Nguyễn, Văn Thành	2018	
546	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY SẢ (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf) TRỒNG Ở HUYỆN LONG HỒ, HUYỆN TRÀ ÔN VÀ THÀNH PHỐ VĨNH LONG Ở TỈNH VĨNH LONG	Cao, Kiều My	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
547	Đại học	KHAO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT TỪ CÂY MÁI DÀM (<i>Cryptocoryne ciliata</i>)	Kha, Đình Huy	Nguyễn, Đức Độ	2018	
548	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN, KHÁNG NẤM CỦA CAO PHÂN ĐOẠN ĐƯỢC LY TRÍCH TỪ CỦ VÀ RỄ CÂY MÔN NGỌT (<i>Colocasia esculenta</i>)	Thạch, Thanh Hiệp	Nguyễn, Đức Độ	2018	
549	Đại học	PHÂN LẬP VÀ NHẬN DIỆN VI KHUẨN CÓ HOẠT TÍNH PHÂN GIẢI CELLULOSE TỪ RUỘT SÂU KHOANG ẮN LÁ (<i>Spodoptera litura</i>) TRÊN CÂY RAU MUỐNG TẠI HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG.	Nguyễn, Thị Kiều	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
550	Đại học	NHẬN DIỆN VÀ KHAO SÁT KHẢ NĂNG PHÂN HỦY POLYETHYLENE CỦA DÒNG VI KHUẨN CĐ16	Nguyễn, Thị Cúc Hương	Nguyễn, Thi Pha	2018	
551	Đại học	KHAO SÁT ĐIỀU KIỆN TRÍCH LY VÀ TINH SẠCH LYSOZYME TỪ LÒNG TRẮNG TRÚNG VỊT CỎ (<i>Anas platyrhynchos domesticus</i>)	Võ, Thị Trúc Ngân	Võ, Văn Song Toàn	2018	
552	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ CÂY BÓN BÓN (<i>Typha orientalis</i>)	Lê, Quang Nghĩa	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
553	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH	Ngô, Uyên Vi	Cao, Ngọc Diệp	2018	

554	Đại học	KHẢO SÁT ĐA DẠNG DI TRUYỀN CỦA CÁC GIỐNG LÚA MÙA (<i>Oryza sativa</i> L.) BẰNG DẤU PHÂN TỬ SSR	Trần, Minh Nhật	Nguyễn, Thị Pha	2018	
555	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MÍT THÁI (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)	Nguyễn, Hồng Nhẹ	Nguyễn, Văn Thành	2018	
556	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MẶN AN PHƯỚC (<i>Syzygium samarangense</i>)	Phan, Hoài Tâm	Nguyễn, Văn Thành	2018	
557	Đại học	ĐỊNH DANH VÀ KHẢO SÁT KHA NĂNG PHÂN HỦY POLYETHYLENE CỦA HAI DÒNG VI KHUẨN HG22.1 VÀ HG26	Đinh, Vũ Phong	Nguyễn, Thị Pha	2018	
558	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN TẠI TỈNH HẬU GIANG	Quách, Xiêu Phương	Nguyễn, Văn Thành	2018	
559	Đại học	KHẢO SÁT VÀ TUYỂN CHỌN MỘT SỐ LOÀI THỰC VẬT CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN <i>Escherichia coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> VÀ NẤM <i>Candida albicans</i>	Nguyễn, Thị Hữu Thành	Nguyễn, Thị Liên	2018	
560	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG TÁO TÂY (<i>Malus domestica</i>)	Nguyễn, Thái Vinh	Nguyễn, Văn Thành	2018	
561	Đại học	PHÂN TÍCH ĐA HÌNH GEN OsHKT1;5 TRÊN CÁC GIỐNG LÚA CAO SẢN (<i>Oryza Sativa</i> L.) CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU MẶN	Nguyễn, Thị Phụng	Nguyễn, Thị Pha	2018	
562	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG DƯA GANG (<i>Cucumis melon</i> L.)	Thạch, Út Sáu	Nguyễn, Văn Thành	2018	
563	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG ỨC CHẾ ENZYME -GLUCOSIDASE CỦA CAO CHIẾT NẤM VÂN CHI ĐỎ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>)	Phan, Thị Mộng Trinh	Bùi, Thi Minh Diệu	2018	

564	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỒN HỢP THỐT NỐT (<i>Borassus flabellifer</i>) VÀ ỔI (<i>Psidium guajava</i>)	Phạm, Thị Diễm Thu	Nguyễn, Văn Thành	2018	
565	Đại học	KHẢO SÁT CÁC ĐIỀU KIỆN LÊN MEN VÀ HOẠT TÍNH SINH HỌC CỦA DỊCH TRÁI VÀ NƯỚC LÊN MEN TRÁI TRÂM MỐC (<i>Syzygium cumini</i> L.)	Đào, Thanh Tâm	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
566	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG ỨC CHẾ CỦA THỰC KHUẨN PHÂN LẬP TỪ ĐẤT TRỒNG CÂY ĐÌNH LĂNG (<i>Polyscias fruticosa</i> L.harms) LÊN VI KHUẨN <i>Ralstonia solanacearum</i> GÂY BỆNH HÉO XANH TRÊN CÂY ỚT (<i>Capsicum</i> spp.)	Nguyễn, Văn Trúc	Trương, Thị Bích Vân	2018	
567	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ TÍNH KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY TỎI (<i>Allium sativum</i>) Ở TỈNH SÓC TRĂNG	Đoàn, Thanh Tài	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
568	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA LYSOZYME LÒNG TRẮNG TRÚNG VỊT CỎ (<i>Anas platyrhynchos domesticus</i>)	Lê, Thị Thúy Vi	Võ, Văn Song Toàn	2018	
569	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỒN HỢP DƯA HẦU (<i>Citrirullus lanatus</i>) VÀ NHO (<i>Vitis Vinifera</i>)	Võ, Thị Huyền Trân	Nguyễn, Văn Thành	2018	
570	Đại học	TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) Ở TỈNH SÓC TRĂNG	Nguyễn, Thị Tú Trinh	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
571	Đại học	KHẢO SÁT HIỆU QUẢ PHÒNG TRỊ BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus pumilus</i> TRÊN RUỘNG LÚA TẠI HUYỆN BÌNH TÂN VÀ MANG THÍT TỈNH VĨNH LONG	Nguyễn, Lý Thanh Xuân	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
572	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA, ỨC CHẾ ENZYME α -AMYLASE CỦA CAO CHIẾT NẤM VÂN CHI ĐỎ (<i>Pycnoporus sanguineus</i>)	Trịnh, Thị Diễm Trang	Bùi, Thị Minh Diệu	2018	

573	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP THÓT NỐT (<i>Borassus flabellifer</i> L) VÀ DẦU TẮM (<i>Morus alba</i>)	Nguyễn, trần Vạn Phước	Nguyễn, Văn Thành	2018	
574	Đại học	PHÂN TÍCH ĐA HÌNH VÙNG EXON 1 THUỘC GEN OsHKT1;5 CỦA CÁC GIỐNG LÚA MÙA (<i>Oryza sativa</i> L.)	Lương, Huỳnh Bảo Trang	Nguyễn, Thị Pha	2018	
575	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN ĐỒNG <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TRÁI TRÂM MỘC (<i>Syzygium cumini</i> L.)	Huỳnh, Thái Thông	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
576	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI HUYỆN VĨNH THANH	Ngô, Uyên Vi	Cao, Ngọc Diệp	2018	
577	Đại học	KHẢO SÁT HẠM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, SAPONIN VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT LÁ MÙ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Đỗ, Thủy Tiên	Nguyễn, Đức Độ	2018	
578	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP THÓT NỐT (<i>Borassus flabellifer</i> L.) VÀ KHÓM (<i>Ananas comosus</i> L.)	Bùi, Thị Kim Thoa	Nguyễn, Văn Thành	2018	
579	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG VI KHUẨN <i>Edwardsiella ictaluri</i> GÂY BỆNH MỦ GAN TRÊN CÁ DA TRƠN	Nguyễn, Thúy Hoàng Trúc	Nguyễn, Thị Liên	2018	
580	Đại học	TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG NẤM MEN CÓ HOẠT LỰC LÊN MEN ETHANOL CAO TỪ CÂY MÔN NGỌT VÀ CÂY MÔN NGỬA (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Huỳnh, Diễm Trúc	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
581	Đại học	PHÂN TÍCH ĐA HÌNH VÙNG EXON 2 THUỘC GEN OsHKT1;5 CỦA CÁC GIỐNG LÚA MÙA (<i>Oryza sativa</i> L.)	Võ, Thị Tố Trinh	Nguyễn, Thị Pha	2018	
582	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN CỔ ĐỊNH ĐẠM VÀ HÒA TAN LÂN TRONG ĐẤT TRỒNG HÀNH TÍM TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	Trần, Thị Hồng Yến	Cao, Ngọc Diệp	2018	

583	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG <i>Lactobacillus</i> CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TRÁI TRÂM MỐC (<i>Syzygium cumini</i> L.)	Nguyễn, Thị Thanh Xuân	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2018	
584	Đại học	KHAO SÁT ĐẶC TÍNH SINH HÓA VÀ HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT TỪ LÁ CÂY TRÁI NỔ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.)	Nguyễn, Thị Thi	Nguyễn, Đức Độ	2018	
585	Đại học	KHAO SÁT ĐẶC ĐIỂM DI TRUYỀN CỦA CÂY LÊKIMA (<i>Pouteria campechiana</i>) Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ DỰA TRÊN ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ CHỈ THỊ PHÂN TỬ ISSR	Trương, Hoàng Quân	Nguyễn, Minh Chơn	2018	
586	Đại học	PHÂN LẬP VI KHUẨN GÂY BỆNH LOÉT TRÊN CÂY CÓ MÚI	Cao, Văn Toàn	Nguyễn, Thị Liên	2018	
587	Đại học	KHAO SÁT ANH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG ĐẾN SỰ TĂNG TRƯỞNG VÀ KHẢ NĂNG TẠO CHẤT ỨC CHẾ ENZYME α - AMYLASE VÀ α -GLUCOSIDASE CỦA ĐỒNG <i>Streptomyces</i> sp. TVS1	Nguyễn, Cao Thùy Giang	Nguyễn, Minh Chơn	2018	
588	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở HUYỆN BÌNH MINH TỈNH VĨNH LONG CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Ngô, Huỳnh Mai	Nguyễn, Văn Thành	2018	
589	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI HUYỆN HOÀI AN TỈNH BÌNH ĐỊNH	Nguyễn, Thị Kiều Thư	Cao, Ngọc Diệp	2018	
590	Đại học	TUYỂN CHỌN CHẤT MANG CÓ LÊN MEN BÁN RẮN ĐỂ TỒN TRỮ XẠ KHUẨN <i>Streptomyces albaduncus</i> ĐỐI KHÁNG VỚI NẤM <i>Fusarium oxysporum</i> GÂY BỆNH THỐI CỦ HÀNH TÍM	Lâm, Ngọc Hân	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	

591	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở THÀNH PHỐ LONG XUYÊN TỈNH AN GIANG CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Đào, Thị Thu Phương	Nguyễn, Văn Thành	2018	
592	Đại học	KHAO SÁT ANH HƯỞNG CỦA DINH DƯỠNG BỔ SUNG, LOẠI ÁNH SÁNG ĐẾN SỰ SINH TRƯỞNG VÀ HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT POLYSACCHARIDE CỦA NẤM NHỘNG TRÙNG THẢO (<i>Cordyceps militaris</i>)	Tăng, Nguyễn Mai Trinh	Trần, Nhân Dũng	2018	
593	Đại học	KHẢO SÁT ĐIỀU KIỆN TRÍCH LY VÀ TINH SẠCH ENZYME ROMELAIN TỪ THÂN KHÓM (<i>Ananas comosus</i> (L.) Merr.) BẰNG SẮC KÝ TRAO ĐỔI ION	Trần, Thị Kim Liên	Võ, Văn Song Toàn	2018	
594	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA TINH DẦU HÀNH TÂY (<i>Allium cepa</i> L.)	Đào, Thị Thùy Dương	Võ, Văn Song Toàn	2018	
595	Đại học	KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM CỦA TRÁI GIÁC (<i>Cayratia trifolia</i>) Ở CẦN THƠ, HẬU GIANG, VĨNH LONG VÀ TIỀN GIANG	Ngũ, Ngọc Ý	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
596	Đại học	KHẢO SÁT ĐIỀU KIỆN TRÍCH LY VÀ TINH SẠCH TYROSINASE TỪ NẤM BÀO NGƯ TRẮNG (<i>Pleurotus florida</i>)	Trần, Thị Diễm Thùy	Võ, Văn Song Toàn	2018	
597	Đại học	KHẢO SÁT ANH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ ĐẾN QUÁ TRÌNH THỦY PHÂN COLLAGEN DA CÁ TRA (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) BẰNG BROMELAIN VỎ KHÓM (<i>Ananas comosus</i>)	Lê, Ngọc Tuyết	Võ, Văn Song Toàn	2018	
598	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA TINH DẦU HÀNH TÂY (<i>Allium cepa</i> L.)	Phan, Trọng Nhân	Võ, Văn Song Toàn	2018	
599	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ CHANH DÂY (<i>Passiflora edulis</i> Sims)	Dương, Ngọc Hồng Lan	Nguyễn, Văn Thành	2018	

600	Đại học	KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM CỦA TRÁI GIÁC (<i>Cayratia trifolia</i>) Ở CÀ MAU, BẠC LIÊU, SÓC TRĂNG, BẾN TRE VÀ TRÀ VINH	Phan, Ngọc Thảo	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
601	Đại học	KHẢO SÁT ĐIỀU KIỆN TRÍCH LY VÀ TINH SẠCH LECTIN TỪ ĐẬU MA (<i>Pueraria phaseoloides</i>) BẰNG SẮC KÝ ẮI LỤC	Kim, Thị Thu Xương	Võ, Văn Song Toàn	2018	
602	Đại học	NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG BROMELAIN VỎ KHÓM (<i>Ananas comosus</i> (L.) Merr.) ĐỂ TẠO OLIGOPEPTIDE CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA TỪ ĐẬU NÀNH (<i>Glycine max</i> (L.) Merr.)	Nguyễn, Thị Bảo Trân	Võ, Văn Song Toàn	2018	
603	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Trần, Văn Kha	Nguyễn, Văn Thành	2018	
604	Đại học	KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM CỦA TRÁI GIÁC (<i>Cayratia trifolia</i>) Ở ĐỒNG THÁP, AN GIANG, KIÊN GIANG VÀ LONG AN	Võ, Thị kim Phượng	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
605	Đại học	KHẢO SÁT HIỆU QUẢ PHÒNG TRỊ BỆNH THỐI ĐỂ CỦ HÀNH TÍM CỦA DỊCH TRÍCH SÀI ĐẤT TRONG VỤ HÀNH SỚM TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG	Trần, Thị Tuyết Nhung	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
606	Đại học	ĐỊNH DANH VI KHUẨN ĐỐI KHÁNG VỚI VI KHUẨN <i>Pseudomonas aeruginosa</i> GÂY THỐI CỦ HÀNH TÍM TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG	Nguyễn, Thị Mai Trinh	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
607	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG MỘT SỐ VI SINH VẬT GÂY BỆNH CỦA VI KHUẨN ACID LACTIC PHÂN LẬP TỪ SỮA MẸ VÀ PHÂN TRẺ EM	Nguyễn, Tăng Phú	Nguyễn, Thị Liên	2018	

608	Đại học	KHẢO SÁT ĐẶC TÍNH SINH HÓA VÀ HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA TỪ CAO CHIẾT LÁ VÀ TRÁI CÀ NA (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz)	Nguyễn, Hạnh Ngân	Nguyễn, Đức Độ	2018	
609	Đại học	KHAO SÁT HIỆU QUẢ GIAM BỆNH THỐI ĐỂ CỬ HÀNH TÍM CỦA XA KHUẨN <i>Streptomyces albaduncus</i> TẠI VĨNH CHÂU, SÓC TRĂNG TRONG VỤ HÀNH SỚM	Nguyễn, Thị Kiều Liên	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
610	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG VI SINH VẬT CỦA CAO CHIẾT LÁ VÀ TRÁI CÀ NA (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz)	Trần, Tuấn Dũy	Nguyễn, Đức Độ	2018	
611	Đại học	KHAO SÁT ĐẶC TÍNH SINH HÓA VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG VI SINH VẬT CỦA CAO CHIẾT TỪ BE VÀ THÂN, RỄ CÂY MÔN NGỬA (<i>Colocasia esculenta</i>)	Thạch, Trọng Nghĩa	Nguyễn, Đức Độ	2018	
612	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN TẠI HUYỆN CHỢ MỚI VÀ HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH AN GIANG CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Nguyễn, Thị Ý Nhi	Nguyễn, Văn Thành	2018	
613	Đại học	KHAO SÁT PHƯƠNG PHÁP CHIẾT XUẤT VÀ HOẠT TÍNH SINH HỌC CAO CHIẾT CÂY ĐÌNH LĂNG (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms)	Thị, Linh Duyên	Trần, Nhân Dũng	2018	
614	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC DÒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TRÁI TRÂM MỘC (<i>Syzygium cumini</i> L.)	Văn, Thị Hồng Huê	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
615	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG VỚI VI KHUẨN <i>Vibrio parahaemolyticus</i> VÀ VI KHUẨN GÂY BỆNH TRÊN NGƯỜI CÓ TRONG NƯỚC AO NUÔI TÔM Ở HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH	Nguyễn, Quốc Nam	Cao, Ngọc Diệp	2019	

616	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC VẬT LIỆU HỮU CƠ LÊN ĐẶC TÍNH SINH HỌC ĐẤT, HÓA HỌC ĐẤT VÀ NĂNG SUẤT LÚA TRONG MÔ HÌNH LÚA-TÔM VỤ ĐÔNG XUÂN TẠI HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG 2018-2019	Phan, Thị Thùy trang	Đỗ, Thị Xuân	2019	
617	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ BUỒI (<i>Citrus maxima</i>)	Ngô, Thành Bá	Nguyễn, Văn Thành	2018	
618	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM QUEEN (<i>Ananas comosus</i> L. Queen) VÀ NHO (<i>Vitis vinifera</i> L.)	Đinh, Thị Diễm My	Nguyễn, Văn Thành	2018	
619	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ CHUỐI (<i>Musa acuminata</i>)	Nguyễn, Ngọc Thúy Duy	Nguyễn, Văn Thành	2018	
620	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ DƯA HẦU (<i>Citrullus lanatus</i>)	Trần, Thị Khánh An	Nguyễn, Văn Thành	2018	
621	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP CHUỐI (<i>Musa acuminata</i>) VÀ TÁO TÂY (<i>Malus domestica</i>)	Đinh, Đào Tấn Phát	Nguyễn, Văn Thành	2018	
622	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN TỰ NHIÊN LÊN MEN RƯỢU VANG SA PÔ CHÊ (<i>Manilkara zapota</i>)	Lư, Hữu Tài	Nguyễn, Văn Thành	2018	
623	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MÍT (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)	Lê, Minh Vương	Nguyễn, Văn Thành	2018	
624	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. LÊN MEN TẠO MÀNG CELLULOSE TỪ DỊCH ÉP ĐU ĐỦ (<i>Carica papaya</i>)	Nguyễn, Thảo Vi	Nguyễn, Văn Thành	2018	
625	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ CAM (<i>Citrus sinensis</i>)	Lê, Kim Quyên	Nguyễn, Văn Thành	2018	
626	Đại học	KHẢO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MÙ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Lưu, Hồng Ngọc	Nguyễn, Đức Độ	2019	

627	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG DỪA (<i>Cocos nucifera</i>)	Võ, Thị Trang	Nguyễn, Văn Thành	2018	
628	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. LÊN MEN TẠO MÀNG CELLULOSE TỪ DỊCH TRÍCH THANH LONG RUỘT ĐỎ <i>Hylocereus polyrhizus</i>)	Võ, Thị Ngọc Diệp	Nguyễn, Văn Thành	2018	
629	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG KHÓM (<i>Ananas comosus</i>)	Đoàn, Quốc Thịnh	Nguyễn, Văn Thành	2018	
630	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ CHANH DÂY (<i>Passiflora edulis</i> Sims)	Dương, Ngọc Hồng Lan	Nguyễn, Văn Thành	2018	
631	Đại học	LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP NHO (<i>Vitis vinifera</i>) VÀ DÂU TẮM (<i>Morus alba</i>)	Trương, Quy Trung Tín	Nguyễn, Văn Thành	2018	
632	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN LÊN MEN RƯỢU VANG MĂNG CẦU XIÊM (<i>Annona muricata</i> L.)	Trịnh, Thị Tuyết Hoa	Nguyễn, Văn Thành	2018	
633	Đại học	KHẢO SÁT HOẠT TÍNH CHỐNG OXY HO VÀ KHÁNG KHUẨN TỪ VỎ CÂY LỘC VỪN (<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn	Hồ, Thị Mỹ Nga	Nguyễn, Minh Chon	2019	
634	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA VÀ ỨNG CHẾ α -AMYLASE, α -LUCOSIDASE TỪ CAO CHIẾT LÁ VÀ THÂN CÂY BÙM SỤM (<i>Carmona microphylla</i> L.)	Lê, Hồ Bảo Ngọc	Nguyễn, Minh Chon	2019	
635	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA, ỨNG CHẾ α -AMYLASE VÀ α -GLUCOSIDASE TỪ CAO CHIẾT LÁ SEN (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn.)	Cao, Ngọc Quyên	Nguyễn, Minh Chon	2019	
636	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA CAO CHIẾT TỪ LÁ VÀ TRÁI CÂY QUÁCH (<i>Limonia acidissima</i> L.)	Lê, Tuấn Vũ	Nguyễn, Đức Độ	2019	

637	Đại học	KHẢO SÁT SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG NUÔI CÂY ĐẾN VI NHÂN GIỐNG CHUỐI GIÀ NAM MỸ (<i>Musa acuminata</i>)	Huỳnh, Thị Cẩm Thu	Nguyễn, Thị Pha	2019	
638	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM SỢI CỦA CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MUA (<i>Melastoma</i> sp.) TỪ PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ CỘT	Nguyễn, Hồng Gấm	Nguyễn, Đức Độ	2019	
639	Đại học	KHẢO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT PHÂN ĐOẠN TỪ LÁ CÂY CÀ NA (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz)	Lương, Khánh Toàn	Nguyễn, Đức Độ	2019	
640	Đại học	KHẢO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆT ĐỘ SẤY ĐẾN KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA VÀ ỨC CHẾ α -AMYLASE CỦA TRÀ TỪ LÁ CÂY QUẢ NỔ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.)	Nguyễn, Thị Ngọc yển	Nguyễn, Minh Chon	2019	
641	Đại học	KHAO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MŨ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Lưu, Hồng Ngọc	Nguyễn, Đức Độ	2019	
642	Đại học	ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ GIÁM BỆNH THÁN THƯ TRÊN DƯA LEO CỦA SÁU CHỦNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> spp. BẰNG BIỆN PHÁP PHUN QUẢ LÁ TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI	Mã, Phước Tấn Tài	Nguyễn, Thị Liên	2019	
643	Đại học	KHẢO SÁT HIỆU QUẢ CỦA VI KHUẨN CỐ ĐỊNH ĐẠM LÊN CÂY BẮP NK7328 Ở HỒNG NGỰ - ĐỒNG THÁP	Nguyễn, Hữu Tái	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	
644	Đại học	KHẢO SÁT CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA TỪ CAO PHÂN ĐOẠN CÂY DIỆP HẠ CHÂU ĐẰNG (<i>Phyllanthus amarus</i>)	Lê, Thị Diễm Phương	Nguyễn, Đức Độ	2019	
645	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM GÂY BỆNH CÂY TRỒNG CỦA CAO PHÂN ĐOẠN TỪ CÂY DIỆP HẠ CHÂU ĐẰNG (<i>Phyllanthus amarus</i>)	Đặng, Anh Quốc	Nguyễn, Đức Độ	2019	

646	Đại học	KHAO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG NẤM <i>Candida albicans</i> VÀ VI KHUẨN <i>Escherichia coli</i> TỪ CAO CHIẾT THÂN VÀ LÁ CÂY BÙM SỤM (<i>Carmona microphylla</i> L.)	Nguyễn, Thị Hồng Xuyên		2019	
647	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA, ỨC CHẾ α -AMYLASE VÀ α -GLUCOSIDASE CỦA CAO CHIẾT TRÁI ĐẬU BẮP (<i>Abelmoschus esculentus</i> L.)	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Nguyễn, Minh Chon	2019	
648	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN CỦA CAO PHÂN ĐOẠN TỪ LÁ CÂY CÀ NA (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz)	Khuất, Minh Hữu	Nguyễn, Đức Độ	2019	
649	Đại học	KHAO SÁT HIỆU QUẢ CỦA VI KHUẨN CỐ ĐỊNH ĐẠM LÊN CÂY BẮP NK7328 Ở AN PHÚ – AN GIANG	Nguyễn, Anh Khoa	Nguyễn, Hữ Hiệp	2019	
650	Đại học	KHAO SÁT SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT TỪ LÁ VÀ TRÁI CỦA CÂY QUÁCH (<i>Limonia acidissima</i> L.)	Nguyễn, Vũ Luân	Nguyễn, Đức Độ	2019	
651	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA GIBBERELLIN LÊN SỰ NẤY MẦM VÀ SINH AMYLASE CỦA GIỐNG LÚA IR50404	Trần, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Minh Chon	2019	
652	Đại học	KHAO SÁT CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH SẠCH CHITINASE TỪ DỊCH NUÔI CÂY NẤM MEN <i>Pichia kudriavzevii</i>	Võ, Thị Ngọc Huyền	Võ, Văn Song Toàn	2019	
653	Đại học	KHAO SÁT MỘT SỐ HỢP CHẤT THỰC VẬT VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO PHÂN ĐOẠN TỪ PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ CỘT LÁ CÂY MUA (<i>Melastoma</i> sp.)	Phan, Thị Trúc Quyên	Nguyễn, Đức Độ	2019	
654	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MŨ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Nguyễn, Thị Hải Yến	Nguyễn, Đức Độ	2019	
655	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG NẤM MEN CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC CAO TỪ TRÁI QUÁCH (<i>LIMONIAACIDISSIMA</i> L.)	Lê, Thị Trúc Linh	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	

656	Đại học	KHAO SÁT KHA NĂNG SINH PEROXIDASE TỪ CÁC DÒNG VI KHUẨN SỢI (<i>Streptomyces</i> sp.) PHÂN LẬP TỪ HUYỆN DUỖN HẢI, TỈNH TRÀ VINH	Lý, Cẩm Giang	Nguyễn, Minh Chon	2019	
657	Đại học	KHAO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC CHỦNG VI KHUẨN CỐ ĐỊNH ĐẠM, HÒA TAN LÂN LÊN SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY DƯA LEO TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI	Đỗ, Thị Kiều My	Nguyễn, Thị Liên	2019	
658	Đại học	PHÂN LẬP THỰC KHUẨN THỂ TỪ NƯỚC BIỂN VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ỨC CHẾ VI KHUẨN <i>Vibrio</i> spp. GÂY BỆNH TRÊN THUỶ SẢN	Nguyễn, Hoàng Vũ	Trương, Thị Bích Vân	2019	
659	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN TỰ NHIÊN LÊN MEN RƯỢU VANG QUÁCH (<i>Limonia acidissima</i> L.)	Phan, Thị Hoàng Dung		2019	
660	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG NẤM MEN CÓ HOẠT LỰC CAO TỪ TRÁI TRÂM MỐC(<i>Syzygium cumini</i> L.)	Dương, Thị Mai Thảo	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
661	Đại học	KHAO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG NUÔI CÂY ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LAN KIM TUYẾN (<i>Anoectocchilus formosanus</i>)	Nguyễn, Kiều Diễm	Nguyễn, Thị Pha	2019	
662	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG VỚI VI KHUẨN <i>Vibrio parahaemolyticus</i> VÀ VI KHUẨN GÂY BỆNH TRÊN NGƯỜI CÓ TRONG NƯỚC AO NUÔI TÔM Ở HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG	Đặng, Triệu Thục Vy	Cao, Ngọc Diệp	2019	
663	Đại học	ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM DI TRUYỀN CỦA 8 GIỐNG ĐẬU NÀNH RAU (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) DỰA TRÊN ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC VÀ NĂNG SUẤT	Nguyễn, Thị Ngọc Nhi	Trương, Trọng Ngón	2019	
664	Đại học	KHAO SÁT CÁC PHƯƠNG PHÁP TINH SẠCH CHITINASE TỪ DỊCH NUÔI CÂY NẤM MEN <i>Pichia kudriavzevii</i>	Võ, Thị Ngọc Huyền	Võ, Văn Song Toàn	2019	

665	Đại học	XÁC ĐỊNH ĐA DẠNG QUẦN THỂ CỦA VI KHUẨN <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA TẠI TỈNH VĨNH LONG	Đoàn, Quốc Bảo	Nguyễn, Đắc Khoa	2019	
666	Đại học	KHAO SÁT HÀM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, SAPONIN VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO CHIẾT LÁ MÙ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Đỗ, Thủy Tiên	Nguyễn, Đức Độ	2019	
667	Đại học	PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. TỪ SẢN PHẨM ĐẬU NÀNH LÊN MEN Ở TỈNH BẾN TRE CÓ KHẢ NĂNG TIẾT RA ENZYME NATTOKINASE	Tô, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Văn Thành	2019	
668	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN SINH ACID LACTIC VÀ CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ HAI LOÀI MÔN NƯỚC (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott)	Lê, Quốc Trung	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
669	Đại học	TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) TẠI TỈNH KIÊN GIANG	Tô, Cẩm Thu	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
670	Đại học	TUYỂN CHỌN VÀ THỬ NGHIỆM TĂNG SINH KHỐI DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) Ở TỈNH KIÊN GIANG	Nguyễn, Bùi Phước Nguyên	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
671	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MẶN XANH TAM HOA (<i>Syzygium samarangense</i>)	Nguyễn, Tấn An	Nguyễn, Văn Thành	2019	
672	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM SỢI CỦA CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MUA (<i>Melastoma</i> sp.) TỪ PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ CỘT	Nguyễn, Hồng Gấm	Nguyễn, Đức Độ	2019	

673	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN SỢI CÓ KHẢ NĂNG ĐỔI KHÁNG VỚI VI KHUẨN <i>Vibrio parahaemolyticus</i> VÀ VI KHUẨN GÂY BỆNH TRÊN NGƯỜI CÓ TRONG NƯỚC AO NUÔI TÔM Ở HUYỆN DUỖN HẢI, TỈNH TRÀ VINH	Nguyễn, Ngọc Hằng	Cao, Ngọc Diệp	2019	
674	Đại học	TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN LACTIC CÓ TIỀM NĂNG PROBIOTIC TỪ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG (<i>Litopenaeus vannamei</i>) TẠI TỈNH KIÊN GIANG	Tô, Cẩm Thu	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
675	Đại học	KHẢO SÁT HOẠT TÍNH THỦY PHÂN MÁU ĐÔNG CỦA BROMELAIN THÂN KHÓM (<i>Ananas comosus</i> (L.) Merr.)	Lâm, Thị Thu Thảo	Võ, Văn Song Toàn	2019	
676	Đại học	TINH SẠCH VÀ KHẢO SÁT CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT TÍNH BROMELAIN THÂN KHÓM (<i>Ananas comosus</i> (L.) Merr.)	Châu, Thị Hồng Nhi	Võ, Văn Song Toàn	2019	
677	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRÔNG TẠI HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	Lê, Thị Huyền	Cao, Ngọc Diệp	2019	
678	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG LÊN MEN CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp. ĐỂ Ủ CHUA THÂN THANH LONG (<i>Hylocereus undatus</i>)	Nguyễn, Huỳnh Khánh Duy	Võ, Văn Song Toàn	2019	
679	Đại học	TUYỂN CHỌN MỘT SỐ DÒNG NẤM MEN CÓ HOẠT LỰC LÊN MEN ETHANOL CAO TỪ NẤM BỘP (<i>ELEOCHRISDULCIS</i>) VÀ CÂY KHOAI MÔN (<i>COLOCASIAESCULENTA</i> (L.) SCHOLL)	Nguyễn, Văn Được	Huỳnh, Ngọc Thanh Tâm	2019	
680	Đại học	ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM DI TRUYỀN CỦA 7 GIỐNG/DÒNG ĐẬU XANH (<i>Vigna radiata</i> L.) DỰA TRÊN ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC VÀ NĂNG SUẤT	Phạm, Tuyết Kha	Trương, Trọng Ngôn	2019	
681	Đại học	TINH SẠCH EDNDOGLUCANASE TỪ DỊCH NUÔI CÂY NẤM MEN <i>Pichia kudriavzevii</i>	Trần, Thị Cẩm Tú	Võ, Văn Song Toàn	2019	

682	Đại học	TÍNH SẠCH EXOGLUCANASE TỪ DỊCH NUÔI CÂY NẤM MEN <i>Pichia kudriavzevii</i>	Nguyễn, Ngọc Thanh Trúc	Võ, Văn Song Toàn	2019	
683	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG <i>Staphylococcus</i> sp.CỦA LYSOZYME LÒNG TRẮNG TRÚNG CÚT MUỐI (<i>Coturnix</i> sp.)	Lý, Thị Thanh Tiên	Võ, Văn Song Toàn	2019	
684	Đại học	TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ MÍT (<i>Artocarpus heterophyllus</i>)	Phạm, Thị Kim Trâm	Nguyễn, Văn Thành	2018	
685	Đại học	SƠ SÁNH SÁU DÒNG ĐẬU XANH (<i>Vigna radiata</i> (L.) Wilczek) ĐỘT BIẾN TỪ GIỐNG TAICHUNG Ở THỂ HỆ M6	Nguyễn, Hải Âu	Trương, Trọng Ngôn	2018	
686	Đại học	TUYỂN CHỌN CHẤT MANG TỒN TRỮ VI KHUẨN <i>Serratia nematodiphila</i> ĐỐI KHÁNG VỚI VI KHUẨN <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA	Hồ, Nguyễn Lam Linh	Nguyễn, Đức Khoa	2018	
687	Đại học	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG LÊN MEN RƯỢU VANG DƯA HẦU VÀNG SỬ DỤNG NẤM MEN CHỊU NHIỆT SAU TỒN TRỮ	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
688	Đại học	KHAO SÁT HÀM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, HÀM LƯỢNG SAPONIN VÀ KHẢ NĂNG CHỐNG OXY HÓA CỦA CAO PHÂN ĐOẠN LÁ MUA (<i>Melastoma</i> sp.)	Lê, Như Thủy	Nguyễn, Đức Độ	2018	
689	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TỪ CÂY THỦ LỪ CẠNH (<i>Physalis angulata</i> L.) CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TẠI QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Đinh, Thị Thái Hà	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
690	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC HỢP CHẤT HỮU CƠ LÊN SỰ NHÂN CHỒI VÀ RA RỄ CỦA CÂY CHUỐI XIÊM (<i>Musa paradisiaca</i>) NUÔI CÂY IN VITRO	Trần, Thanh Cường	Lê, Văn Bé	2018	
691	Đại học	KHAO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG KHUẨN CAO PHÂN ĐOẠN LÁ CÂY MUA (<i>Melastoma</i> sp.)	Nguyễn, Triều Nhật Uyên	Nguyễn, Đức Độ	2018	

692	Đại học	THỬ NGHIỆM SẢN XUẤT THANG DNA CHUẨN TỪ VÙNG GENE 16S rRNA CỦA DÒNG VI KHUẨN <i>Bacillus subtilis</i> HG5.4	Trần, Gia Huy	Nguyễn, Thị Liên	2018	
693	Đại học	TỐI ƯU HÓA QUY TRÌNH LÊN MEN RƯỢU VANG HỖN HỢP KHÓM (<i>Ananas comosus</i>) VÀ MĂNG CẦU XIÊM (<i>Annona muricata</i>)	Phan, Thị Hồng Như	Nguyễn, Văn Thành	2018	
694	Đại học	KHẢO SÁT TÍNH KHÁNG KHUẨN CỦA <i>Streptomyces</i> spp. CHỌN LỌC TỪ VÙNG ĐẤT NHIỄM MẶN Ở TỈNH TRÀ VINH	Nguyễn, Ngọc Phương Thy	Nguyễn, Minh Chon	2018	
695	Đại học	THỬ NGHIỆM LÊN MEN RƯỢU VANG TRÁI GIÁC (<i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domin) Ở KIÊN GIANG SỬ DỤNG NẤM MEN CHỊU NHIỆT	Nguyễn, Nhật Thảo	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
696	Đại học	KHAO SÁT THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT TRONG GAO MÀM VÀ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG GAO MÀM Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Nguyễn, Trung Kiên	Đỗ, Tấn Khang	2018	
697	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN NUÔI CẤY ĐẾN TỶ LỆ SỐNG CỦA CÂY HOA CHUÔNG (<i>Sinningia speciosa</i>) KHI CHUYỂN RA VƯỜN ƯƠM	Nguyễn, Huỳnh Quang	Nguyễn, Thi Pha	2018	
698	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT MANG ĐẾN MẬT SỐ VÀ HIỆU QUẢ GIẢM BỆNH CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus aerophilus</i> , <i>Bacillus stratosphericus</i> VÀ <i>Bacillus safensis</i> ĐỐI KHÁNG VỚI VI KHUẨN GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA TRONG TỒN TRỮ	Lê, Nguyễn Xuân Thanh	Nguyễn, Đắc Khoa Nguyễn, Huỳnh Nhã Uyên	2018	
699	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY CỎ HÔI (<i>Ageratum conyzoides</i> L.) TẠI THỊ XÃ BÌNH MINH - TỈNH VĨNH LONG	Đỗ, Thị Nhứt	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	

700	Đại học	KHAO SÁT ẢNH HƯỞNG CHẤT MANG LÊN MẬT SỐ VÀ HIỆU QUẢ GIẢM BỆNH CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus subtilis</i> VÀ <i>Bacillus pumilus</i> ĐỐI VỚI VI KHUẨN GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA	Huỳnh, Thị Ngọc Tuyết	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
701	Đại học	KHAO SÁT ĐIỀU KIỆN TRÍCH LY VÀ TÍNH SẠCH LYSOZYME TỪ LÒNG TRẮNG TRÚNG CÚT (<i>Coturnix sp.</i>)	Nguyễn, Ngọc Phương Vy	Võ, Văn Song Toàn	2018	
702	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC CHỦNG NẤM RƠM (<i>Volvariella volvacea</i>) CÓ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY TỐT CELLULOSE TRONG RƠM RẠ TẠI CÁC TỈNH VEN BIỂN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	Phan, Quốc Hưng	Trần, Nhân Dũng	2018	
703	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN VÀ KHÁNG NẤM CỦA CAO PHÂN ĐOẠN TỪ THÂN RỄ CỎ MÀN TRẦU (<i>Eleusine indica</i>)	Trương, Hoàng Thiện	Nguyễn, Đức Độ	2018	
704	Đại học	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG LÊN MEN NƯỚC ÉP DẦU TẦM SỬ DỤNG VI KHUẨN LACTIC CHỊU NHIỆT SAU TỒN TRỮ	Quang, Ngọc Hồng Phúc	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
705	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA CAO CHIẾT CÂY TRÁI NỔ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.) LÊN SỰ ỨC CHẾ HÌNH THÀNH TINH THỂ	Lê, Trung Sơn	Nguyễn, Minh Chon	2018	
706	Đại học	LY TRÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT TÍNH LIPASE CỦA VI KHUẨN CHỊU NHIỆT SƯU TẬP TỪ SUỐI NƯỚC NÓNG BÌNH CHÂU, HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU	Nguyễn, Hạnh An	Nguyễn, Minh Chon	2018	
707	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CHỦNG NẤM RƠM (<i>Volvariella volvacea</i>) CÓ KHẢ NĂNG PHÂN GIẢI CELLULOSE TỪ RƠM RẠ TẠI MỘT SỐ TỈNH LƯU VỰC SÔNG MEKONG	Lưu, Khánh Linh	Trần, Nhân Dũng	2018	
708	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG NUÔI CÂY ĐẾN VI NHÂN GIỐNG HOA HỒNG LEO MỘNG VY (<i>Rosa</i> ‘Red Eden’)	Nguyễn, Phúc Diễm Quỳnh	Nguyễn, Thi Pha	2018	

709	Đại học	ĐỊNH DANH VI KHUẨN ĐỐI KHÁNG VỚI MẦM BỆNH GÂY ĐÓM LÁ TRÊN HOA HỒNG VÀ CHẠY DÂY TRÊN KHOAI LANG TÍM	Trần, Như Ý	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
710	Đại học	TUYỂN CHỌN DỊCH TRÍCH THỰC VẬT CÓ KHẢ NĂNGỨC CHẾ VI KHUẨN <i>Pseudomonas aeruginosa</i> GÂY BỆNH THỐI CỦ HÀNH TÍM TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG	Trần, Huỳnh Phương Vy	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
711	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA VÀ ỨC CHẾ α -AMYLASE, α -GLUCOSIDASE TỪ DỊCH TRÍCH THÂN DÂY KÍ NINH <i>Tinospora crispa</i> (L.) Miers VÀ DÂY THÂN THÔNG <i>Tinospora baenzigeri</i> Forman	Đinh, Ngọc Bảo Ngân	Nguyễn, Minh Chon	2018	
712	Đại học	PHÂN LẬP VÀ XÁC ĐỊNH MẦM BỆNH GÂY THỐI ĐỂ CỦ TRÊN HÀNH TÍM, CHẠY DÂY TRÊN KHOAI LANG TÍM VÀ LÚA VON	Bùi, Thanh Thu	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
713	Đại học	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG LÊN MEN NƯỚC ĐU ĐỦ SỬ DỤNG VI KHUẨN LACTIC CHỊU NHIỆT SAU TỒN TRỮ	Lê, Uyên Gia Mẫn	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
714	Đại học	KHAO SÁT HÀM LƯỢNG POLYPHENOL TỔNG, SAPONIN VÀ KHẢ NĂNG KHÁNG OXY HÓA CỦA CAO PHÂN ĐOẠN TỪ THÂN VÀ RỄ CỎ MÀN TRẦU (<i>Eleusine indica</i>)	Nguyễn, Thị Huỳnh Trâm	Nguyễn, Đức Độ	2018	
715	Đại học	KHAO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA VÀ KHÁNG KHUẨN CỦA DỊCH TRÍCH CÂY LƯỢC VÀNG (<i>Callisia fragrans</i> (LINDL.) WOODSON)	Vũ, Trung Hiếu	Nguyễn, Minh Chon	2018	
716	Đại học	KHAO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA VÀ KHÁNG KHUẨN CỦA DỊCH TRÍCH CÂY LƯỢC VÀNG (<i>Callisia fragrans</i> (LINDL.) WOODSON)	Vũ, Trung Hiếu	Nguyễn, Minh Chon	2018	
717	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH	Viên, Phúc Đạt	Cao, Ngọc Diệp	2018	

718	Đại học	KHAO SÁT KHA NĂNG KÍCH THÍCH TĂNG TRƯỞNG KHOAI LANG TÍM CỦA CÁC CHỦNG VI KHUẨN ĐỐI KHÁNG VỚI MÀM BỆNH CHẠY DÂY VÀ THỐI ĐỒNG TIỀN	Nguyễn, Trần Tú Uyên	Nguyễn, Đắc Khoa	2018	
719	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY ĐẬU PHỘNG TRỒNG TẠI THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH	Châu, Phan Bá Khánh	Cao, Ngọc Diệp	2018	
720	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY POLYETHYLENE TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Đặng, Viết Thịnh	Nguyễn, Thị Pha	2019	
721	Đại học	XÁC ĐỊNH ĐA DẠNG QUẦN THỂ CỦA VI KHUẨN <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA TẠI TỈNH AN GIANG	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn, Đắc Khoa	2019	
722	Đại học	THIẾT KẾ MÔI CHUYỀN BIỆT NHẬN DIỆN VI KHUẨN <i>Bacillus amyloliquefaciens</i>	Võ, Đặng Đức Huy	Nguyễn, Thị Liên	2019	
723	Đại học	EVALUATION OF PAPAYA JUICE FERMENTATION ABILITY USING HERMOTOLERANT LACTIC ACID BACTERIA AFTER STORAGE	Lê, Uyên Gia Mẫn	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
724	Đại học	XÁC ĐỊNH ĐA DẠNG QUẦN THỂ CỦA VI KHUẨN <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> GÂY BỆNH CHÁY BÌA LÁ LÚA TẠI TỈNH VĨNH LONG	Đoàn, Quốc Bảo	Nguyễn, Đắc Khoa	2019	
725	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC CHỦNG XẠ KHUẨN ĐỐI KHÁNG VỚI NẤM <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> GÂY BỆNH ĐÓM NÂU TRÊN CÂY THANH LONG	Hồ, Phúc Thiên Ân	Nguyễn, Thị Liên	2018	
726	Đại học	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG LÊN MEN NƯỚC ĐU ĐỦ SỬ DỤNG VI KHUẨN LACTIC CHỊU NHIỆT SAU TỒN TRỮ	Lê, Uyên Gia Mẫn	Ngô, Thị Phương Dung	2018	
727	Đại học	THE DIVERSITY OF <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>oryzae</i> POPULATION CAUSING BLIGHT DISEASE ON RICE IN VINH LONG PROVINCE	Đoàn, Quốc Bảo	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	

728	Đại học	ISOLATION AND SELECTION OF DECOMPOSING BACTERIAL STRAINS OF THIAMETHOXAM IN RICE GROWING LAND IN TRA NOC WARD, BINH THUY DISTRICT, CAN THO CITY	Nguyễn, Quốc Huy	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	
729	Đại học	DIVERSITY OF Xanthomonas oryzae pv. oryzae POPULATION CAUSING BACTERIAL LEAF BLIGHT IN RICE FIELDS OF AN GIANG	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn, Đắc Khoa	2019	
730	Đại học	ISOLATION AND SELECTION BATERIAL STRAINS DEGARDING POLYETHYLENE IN CAN THO CITY	Đặng, Viết Thịnh	Nguyễn, Thi Pha	2019	
731	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN SỬ DỤNG THIAMETHOXAM TRONG ĐẤT TRỒNG LÚA Ở PHƯỜNG TRÀ NÓC, QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Nguyễn, Quốc Huy	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	
732	Đại học	PHÂN LỚP CÂU HỎI PHỤC VỤ CHO TÌM KIẾM NGŨ NGHĨA TIẾNG VIỆT TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC: ỨNG DỤNG TÌM KIẾM BÀI GIẢNG CỦA TRƯỜNG ĐHCT	Phạm, Minh Hoàng	Trần, Thanh Điện	2018	Nghiên cứu về Web ngữ nghĩa và Ontology, tìm hiểu về các phương pháp phân lớp câu hỏi. Để làm được như vậy đòi hỏi cần phải có một khoảng thời gian để tìm kiếm và trắc lọc những thông tin cần thiết phù hợp với đề tài mà em đã chọn. Từ những kiến thức đã tìm được em tiến hành xây dựng và phát triển một chương trình “Phân lớp câu hỏi phục vụ cho tìm kiếm ngữ nghĩa tiếng Việt trong lĩnh vực giáo dục: ứng dụng tìm kiếm bài giảng của trường ĐHCT” để đáp ứng với nhu cầu của giảng viên, sinh viên về việc tìm kiếm bài giảng thông qua việc phát triển ứng dụng này. Trong chương trình này cung cấp cho người dùng chức năng nhập vào câu hỏi về lĩnh vực giáo dục và trả về kết quả là bài giảng được viết bởi tác giả và đơn vị thực hiện của bài giảng đó.

733	Đại học	ĐỘ TƯƠNG TỰ NGŨ NGHĨA TRONG VĂN BẢN TIẾNG VIỆT ỨNG DỤNG TÌM ĐỘ TƯƠNG ĐỒNG CỦA BÀI BÁO KHOA HỌC GỬI ĐĂNG VỚI NHỮNG BÀI BÁO ĐÃ XUẤT BẢN	Huỳnh, Ngọc Hân	Trần, Thanh Điện	2018	Đề tài phân tích các chức năng cơ bản, cần thiết cho quá trình xác định độ tương đồng, bên cạnh đó khảo sát các phương pháp được áp dụng cho xây dựng hệ thống so sánh văn bản. Trên cơ sở các nghiên cứu với điều kiện thực tế của các công cụ xử lý tiếng Việt, đề tài tiến hành thực nghiệm với dữ liệu thực tế là các bài báo khoa học. Hai giai đoạn cơ bản nhất mà bài toán đặt ra là tiền xử lý văn bản và xác định độ tương đồng. Một bài báo đầu vào cần trải qua các bước tiền xử lý để có thể phù hợp với các phương pháp đo độ tương đồng. Chuyển đổi định dạng dữ liệu, tách từ vựng, chuẩn hóa từ, loại bỏ từ dừng, biểu diễn văn bản dưới dạng vector là các bước không thể thiếu của giai đoạn tiền xử lý. Sau khi tiền xử lý các bài báo đã xuất bản, kho dữ liệu được lưu trữ để khi có bài báo mới cần so sánh sẽ tiến hành thực thi. Có rất nhiều phương pháp đo độ tương đồng và hệ thống lựa chọn hai phương pháp đã mang lại nhiều kết quả chính xác rất cao: độ tương đồng Cosine và độ tương tự thứ tự từ trong văn bản. Việc kết hợp hai phương pháp giúp cho giá trị tương đồng có kết quả đáng tin cậy hơn. Bên cạnh phương thức so sánh bài báo khoa học gửi đăng với các bài báo đã xuất bản, đề tài còn cung cấp cho người dùng phương thức thứ hai là so sánh hai bài báo khoa học với nhau. Điều này nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dùng khi đã xác định được hai văn bản tương đồng bằng mắt thường và muốn kiểm chứng lại một cách chính xác hơn.
734	Đại học	Tóm tắt tóm lược ý văn bản sử dụng mô hình Sequence to sequence with Attention	Lâm, Ngọc Giang	Lâm, Nhật Khang	2018	Luận văn này trình bày nghiên cứu tóm tắt tóm lược ý văn bản tự động cho tiếng Việt sử dụng mô hình Sequence to sequence with Attention. Trong đề tài này, mô hình Word2Vec được sử dụng để rút trích các đặc trưng riêng trong ngôn ngữ tiếng Việt, việc này sẽ được áp dụng vào mô hình Sequence to sequence with Attention nhằm tạo ra chuỗi các từ thông qua quá trình cập nhật và giữ lại kết quả cao nhất trong việc huấn luyện mô hình. Cuối cùng, thuật toán Tham ăn được sử dụng để giữ lại kết quả tốt nhất và sinh ra câu tóm tắt. Kết quả đạt được sau cùng sẽ là các bản tóm tắt thể hiện nội dung chính của văn bản đầu vào tiếng Việt. Để đánh giá độ chính xác của mô hình, phương pháp đánh giá ROUGE sẽ được sử dụng.
735	Đại học	ROBOT TỰ HÀNH ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THỊ GIÁC MÁY TÍNH VÀ MẠNG NƠ RON NHÂN TẠO	Huỳnh, Long	Thái, Minh Tuấn	2018	Xây dựng mô hình robot tự hành có khả năng nhận diện biển báo, đèn giao thông, phát hiện vật cản và di chuyển trên phần đường đã được huấn luyện. Để thực hiện các chức năng trên chúng tôi đã sử dụng phương pháp Haar cascade để nhận diện biển báo, đèn giao thông và phương pháp lan truyền ngược để đào tạo robot có thể tự hành theo phần đường đã được huấn luyện. Một điểm mới ở đề tài là sử dụng máy tính server để xử lý giúp cho việc xử lý thông tin được nhanh và chính xác hơn. Ở đề tài “Robot tự hành áp dụng công nghệ thị giác máy tính và mạng nơ ron nhân tạo”, chúng tôi đã hoàn thành thiết kế ra một mô hình robot với khả năng nhận diện các biển báo, đèn giao thông và có khả năng chạy theo phần đường đã được huấn luyện dựa trên mạng nơ ron nhân tạo. Bên cạnh đó, robot còn có khả năng phát hiện vật cản dựa trên cảm biến siêu âm và được xử lý bởi máy tính server.

736	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HIỆU NĂNG CỦA CÁC ACCESS POINT TRONG MẠNG WI-FI CỖ LỚN SỬ DỤNG BỘ ĐIỀU KHIỂN TẬP TRUNG	Lê, Trung Tín	Thái, Minh Tuấn	2018	Mạng không dây Wi-Fi đang là loại mạng phổ biến đối với người dùng hiện nay. Đối với các doanh nghiệp hay cá nhân thì việc triển khai mạng không dây là vô cùng quan trọng bởi vì nó cung cấp tiện ích rất lớn đó là kết nối các thiết bị di động mà không cần sử dụng cáp nối nhờ vào các điểm truy cập không dây. Tuy nhiên, đối với các điểm truy cập đông người thì nó lại phát sinh những khó khăn vì lượng lớn người truy cập gây ra sự quá tải ở điểm truy cập. Để giải quyết vấn đề quá tải nói trên, đã có nhiều hệ thống cân bằng tải cho WiFi được nghiên cứu và xây dựng nhưng phải đầu tư với chi phí khá cao nên ở luận văn này, chúng tôi muốn hướng đến việc phát triển một hệ thống Wi-Fi cân bằng nhưng với một chi phí hợp lý.
737	Đại học	ROBOT TỰ HÀNH ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THỊ GIÁC MÁY TÍNH VÀ MẠNG NƠI NHÂN TẠO	Nguyễn, Hùng Khanh	Thái, Minh Tuấn	2018	“Robot tự hành áp dụng công nghệ thị giác máy tính và mạng nơ ron nhân tạo”, chúng tôi đã hoàn thành thiết kế ra một mô hình robot với khả năng nhận diện các biển báo, đèn giao thông và có thể chạy theo phần đường đã được huấn luyện dựa trên mạng nơ ron nhân tạo. Bên cạnh đó, robot còn có khả năng phát hiện vật cản dựa trên cảm biến siêu âm và được xử lý bởi máy tính server
738	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG CSDL VỀ GIÁ TÍNH HẬU GIANG	Phan, Sảo Dung	Trần, Công Ân	2019	Chúng ta đang sống trong một thời đại với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, không có lĩnh vực nào, không có nơi nào không có mặt công nghệ thông tin. Việc số hóa tất cả các dữ liệu thông tin, hình ảnh, âm thanh, hình ảnh để bất kỳ máy tính nào cũng có thể lưu trữ và chia sẻ thông tin một cách dễ dàng. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, giảm phiền hà, tham nhũng, tiết kiệm chi phí, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Từ đó “Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tính Hậu Giang” với mục đích khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý giá của lãnh đạo Sở Tài Chính Hậu Giang. Trong đề tài này em trình bày những mục tiêu yêu cầu chức năng của phần mềm, mô hình kiến trúc tổng thể của phần mềm, mô tả các chức năng của phần mềm, mô hình hệ thống, các tác nhân tham gia trong hệ thống, phân tích cơ sở dữ liệu, khái quát về Laravel Framework, khái quát về SQL Server và cách cài đặt đánh giá kiểm thử phần mềm “Hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tính Hậu Giang”. Ở đề tài này em đã hoàn thành thiết kế ra một hệ thống có khả năng quản lý định giá, quản lý kê khai giá, quản lý giá cả thị trường, quản lý đăng ký giá, quản lý giá tài sản thuộc sở hữu nhà nước, quản lý giá hàng hóa xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, từ cơ sở dữ liệu giá thực tế hệ thống có thêm chức năng dự báo giá nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác nhất cho người dân.

739	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRẢ LỜI TỰ ĐỘNG DỰA TRÊN MÔ HÌNH SEQUENCE TO SEQUENCE VỚI LSTM	Đào, Văn Chiến	Lâm, Nhật Khang	2018	Luận văn này nghiên cứu và xây dựng mô hình đối thoại cho tiếng Việt dựa trên phương pháp sequence-to-sequence (seq2seq) để sinh ra câu trả lời từ một chuỗi đầu vào tương ứng. Ưu điểm của phương pháp này là có thể được huấn luyện end-to-end dựa trên một tập có sẵn và yêu cầu ít hơn các luật bằng tay. Kết quả mong muốn chính đề tài là xây dựng được một mô hình đối thoại sử dụng các mạng học sâu để sinh ra câu trả lời bằng tiếng Việt tương ứng với một câu hỏi chuỗi đầu vào, hoàn toàn trên tập dữ liệu sẵn có. Qua thử nghiệm thực tế mô hình đã có thể nắm bắt được các thực thể đơn giản nhưng nhìn chung tỉ lệ trả lời chính xác chưa cao và cần cải thiện nhiều hơn.
740	Đại học	HỆ THỐNG MẠNG CẢM BIẾN THEO DÕI MỨC NƯỚC RUỘNG HỖ TRỢ PHƯƠNG PHÁP CANH TÁC NGẬP KHÔ XEN KẼ	Nguyễn, Hoàng Bảo Châu	Cao, Hoàng Tiến	2019	Việt Nam đã và đang bị ảnh hưởng tiêu cực bởi biến đổi khí hậu. Để đối phó với thách thức này, cơ cấu nông nghiệp của Việt Nam phải luôn được chuyển đổi theo hướng thích ứng hơn. Trên thế giới, kỹ thuật canh tác lúa tưới ngập khô xen kẽ (AWD) không hề xa lạ và đã chứng minh mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm nước, nâng cao năng suất, giảm khí thải nhà kính là điều khoa học đã chứng minh. Để trồng lúa theo AWD, người nông dân cần theo dõi độ sâu mực nước trong ruộng bằng ống quan sát mực nước trên ruộng và bơm và rút nước ra khỏi ruộng để điều tiết từ thông số quan sát được. Làm như vậy quá bất tiện cho người nông dân. Trong khi hiện nay nước ta đang tiến đến cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Ứng dụng CNTT vào mọi mặt của đời sống. Dễ thấy nhất là công nghệ kết nối Internet vạn vật (IoT) mà báo chí nói đến rất nhiều thời gian gần đây. Với những lý do trên, em đề xuất xây dựng đề tài “Hệ thống mạng cảm biến theo dõi mực nước ruộng hỗ trợ phương pháp canh tác ngập khô xen kẽ”. Ứng dụng IoT, thông qua cảm biến đặt tại ruộng lúa và bộ vi điều khiển gắn với máy bơm nước kết nối với chiếc điện thoại thông minh, người nông dân có thể cài đặt chế độ tưới tiêu tự động cho mảnh ruộng của mình và theo dõi từ xa qua điện thoại. Điều này thật sự đem đến sự thuận tiện và lợi ích lớn cho nông dân và rộng hơn là môi trường. Kết quả của đề tài là xây dựng thành công hệ thống bao gồm một Website quản lý cho người nông dân và một bộ thiết bị với chức năng thu thập thông tin mực nước tại ruộng và là thiết bị trung tâm điều khiển các thiết bị điện phục vụ nông nghiệp. Qua đó góp phần nâng cao năng suất và cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển nền nông nghiệp nước ta. Từ khóa: Hệ thống mạng cảm biến theo dõi mực nước ruộng hỗ trợ phương pháp canh tác ngập khô xen kẽ, Raspberry Pi, Arduino, NodeMCU, Etape, Water Pump P385, cloudMQTT.

741	Đại học	GAME BẮN TRÁI CÂY TRÊN ANDROID	Võ, Thị Kiều Loan	Nguyễn, Tí Hon	2019	Ngày nay, điện thoại di động đã trở thành phương tiện không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Điện thoại không còn đơn thuần là dành cho những cuộc gọi hay nhắn tin nữa, nhu cầu sử dụng điện thoại bây giờ rất đa dạng và phong phú, trong đó không thể bỏ qua nhu cầu giải trí. Game trên điện thoại di động đã trở thành thú vui số một của giới trẻ. Chính vì vậy mà nhu cầu chơi game trên di động trở nên tăng cao, các hãng sản xuất liên tục cho ra đời những thể loại game chạy trên các thiết bị di động. Hỗ trợ làm game cho các thiết bị di động với nhiều hệ điều hành khác nhau như Android, iOS. Với sự phát triển của công nghệ thông tin trong lĩnh vực di động. Các ứng dụng phần mềm được thúc đẩy phát triển rộng rãi hơn. Ngày càng xuất hiện nhiều ứng dụng hỗ trợ lập trình. Và một trong những ứng dụng đó là App Inventor 2 do Google phát triển. Dựa trên sự hiểu biết và tìm tòi của bản thân về App Inventor 2, em đã xây dựng “Game Bắn Trái Cây Trên Android” đơn giản, dễ hiểu và không tốn nhiều dung lượng bộ nhớ.
742	Đại học	GAME 3D BẮN QUÁI TRONG RỪNG	Hà, Minh Châu	Trần, Công Ân	2019	Trong thời đại hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, máy tính có một vai trò quan trọng trong đời sống của con người. Trong đó, nhu cầu giải trí bằng máy tính cũng phát triển theo, điển hình là game 3D. Trước đây, để có thể tạo ra một game 3D hoàn chỉnh với hình ảnh và âm thanh chất lượng tốt thì tốn rất nhiều thời gian và công sức. Để cải thiện những vấn đề trên, Game Engine được ra đời với vai trò cung cấp một bộ công cụ phát triển trực quan có thể dựng cảnh, xây dựng nhân vật, tạo hiệu ứng, đồng thời kết hợp với một số công cụ bên ngoài vào trong quá trình phát triển. Ở thời điểm hiện tại, có nhiều Game Engine hỗ trợ nhà sản xuất trong quá trình phát triển game điển hình như: Unity, CryEngine, Unreal Engine,... Nổi bật nhất là Unity, một Game Engine được đánh giá cao bởi tính dễ sử dụng, phù hợp với người mới bắt đầu, chưa có kinh nghiệm nhiều về mặt phát triển game. Tuy nhiên, sản phẩm game được tạo ra lại mang chất lượng ổn định. Bên cạnh đó, Unity cũng hỗ trợ nhiều nền tảng cho người phát triển game như: Windows, Linux, MacOS, iOS, Android, Xbox 360, PlayStation và cả trên trình duyệt Web. Shoot Monster là một game 3D tương đối hoàn chỉnh, đạt được những chức năng đã đề ra và hoàn thành một số yêu cầu của một game 3D cơ bản, giúp người chơi có thể giải trí trong một không gian 3D sống động. Game thuộc thể loại bắn súng có nhiệm vụ từ dễ đến khó, để có thể qua màn thì người chơi phải tiêu diệt quái thú và thu thập đủ điểm. Trong tương lai, game sẽ phát triển theo hướng chơi VR, một trong những công nghệ game phát triển nhất hiện nay. Với công nghệ này, người chơi có thể tương tác với thế giới ảo mang lại một cách chân thật nhất.

743	Đại học	HỆ THỐNG TRUY HỒI, LẬP CHỈ MỤC VÀ CHO PHÉP TÌM KIẾM YOUTUBE VIDEOS VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH KHOẢNG CÁCH ẢNH HIỆU QUẢ	Lương, Gia Phúc	Phạm, Thế Phi	2019	Sự phát triển mạnh mẽ của nền tảng chia sẻ video Youtube làm lượng video lưu trữ trên đó tăng lên một cách nhanh chóng về số lượng và nội dung. Mặc dù công cụ tìm kiếm video theo tên và một vài thông số đi kèm của Youtube cho phép người dùng tìm kiếm video với thời gian đáp ứng khá nhanh, công cụ này vẫn còn hạn chế khi câu truy vấn thường không đưa ra kết quả chính xác về mặt nội dung. Việc này đòi hỏi phải có thêm các công cụ tìm kiếm video hiệu quả và tiện lợi. Đề tài đề xuất phương pháp tìm kiếm video từ Youtube theo hình ảnh, và văn bản giọng nói. Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu các phương pháp biểu diễn đặc trưng ảnh và văn bản để xây dựng nên một hệ thống tìm kiếm ảnh và văn bản hiệu quả. Đầu tiên, đề tài thiết kế quy trình tải về và tiền xử lý các video từ Youtube. Tiếp đó, dựa vào Mô hình không gian vector, đề tài đưa ra phương pháp tìm kiếm ảnh và văn bản thông qua độ tương đồng Cosine giữa các vector và tiến hành thực nghiệm mô hình. Thực nghiệm ban đầu cho thấy, từ một ảnh truy vấn đầu vào hệ thống trả về 10 ảnh tương đồng nhất đối với truy vấn với độ chính xác cao nhất đạt được là 75% và đây là một kết quả khả quan. Tương tự với dữ liệu văn bản, hệ thống luôn tìm ra được đúng cảnh và video cần tìm.
744	Đại học	ỨNG DỤNG UNITY3D XÂY DỰNG GAME KHÔNG CHIẾN AIR COMBAT	Trần, Nguyễn Anh Huy	Phạm, Phạm Thị Xuân Diễm	2019	Trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới, công nghệ thông tin chính là “chìa khoá” của sự thay đổi, là đòn bẩy phát triển trên nhiều lĩnh vực đời sống từ văn hoá đến giáo dục. Kèm theo đó là xu hướng giải trí ngày càng tăng cao thông qua các phương tiện truyền thông từ Internet. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, Game đã trở thành hình thức giải trí rất phổ biến trên toàn cầu với sức lôi cuốn đặc biệt. Lập trình Game 3D, là một lĩnh vực thu hút mãnh liệt đối với các lập trình viên đam mê về game. Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu và ứng dụng Game Engine - Một bộ công cụ cung cấp môi trường thiết kế, xây dựng và tích hợp đầy đủ các thư viện hỗ trợ phát triển game đa nền tảng. Một trong những Game Engine đứng đầu phải nói đến đó chính là Unity, một phần mềm xây dựng game linh hoạt tích hợp đầy đủ các tính năng hỗ trợ thiết kế, xây dựng game hoàn chỉnh. Sản phẩm của luận văn là một Game 3D Không chiến – Air Combat chạy trên nền tảng Windows. Game được lập trình bằng ngôn ngữ C# và được thiết kế, xây dựng bằng Game Engine Unity3D. Game bao gồm 2 màn chơi được xếp từ mức độ dễ đến khó, giao diện đơn giản, trực quan. Được tập trung vào chất lượng nghe nhìn, các đối tượng đồ họa trong game cùng hiệu ứng và âm thanh hấp dẫn, sống động, lôi cuốn.

745	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ VĂN BẰNG TRÊN NỀN TẢNG BLOCKCHAIN	Đặng, Xuân Mai	Trần, Công Ân	2019	Công tác quản lý hồ sơ tốt nghiệp, các loại chứng chỉ, chứng nhận từ lâu đã được sử dụng rộng rãi trên khắp mọi nơi. Trước đây, công tác quản lý văn bằng chứng chỉ (VBCC) được thực hiện thủ công dưới dạng lưu trữ hồ sơ, sổ sách và tăng nhanh qua các năm. Việc tra cứu thông tin, xác minh VBCC mất nhiều thời gian nên nhu cầu về một ứng dụng để quản lý VBCC được đặt ra. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã tác động sâu sắc và hầu như toàn diện đến hầu hết các mặt trong đời sống xã hội. Công tác quản lý, tra cứu VBCC trở nên dễ dàng hơn với sự ra đời hàng loạt của các ứng dụng hỗ trợ cho việc quản lý, tra cứu thông tin VBCC. Ứng dụng Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ hỗ trợ quản lý tốt hồ sơ tốt nghiệp, chứng chỉ, chứng nhận một cách khoa học, lâu dài, công khai và giúp cho việc tra cứu, thẩm tra, chống sử dụng VBCC giả được cải thiện, thuận lợi và nhanh chóng, minh bạch không thể bị sửa đổi. Hệ thống cung cấp chức năng để phục vụ cho 3 kiểu người dùng như người quản trị hệ thống (Admin), người quản lý VBCC (là các cán bộ - viên chức) và khách truy cập (khách văn lai). Khách văn lai truy cập vào hệ thống có thể tìm kiếm tra cứu thông tin của VBCC. Người quản lý VBCC có các chức năng như quản lý cập nhật VBCC, quản lý tên -loại VBCC, xem lịch sử VBCC. Người quản trị hệ thống có toàn quyền trên hệ thống, cụ thể như: các chức năng của người quản lý VBCC, quản lý tài khoản người dùng, quản lý trường. Ứng dụng được xây dựng gồm ba phần: Mạng lưới private blockchain HyperLedger Fabric, hệ thống xây dựng trên nền tảng website sử dụng NodeJS để xây dựng server và Framework AngularJS để xây dựng giao diện client.
746	Đại học	ỨNG DỤNG UNITY 3D XÂY DỰNG GAME ĐỐI KHÁNG TRỰC TUYẾN	Nguyễn, Hùng Lâm	Phạm, Phạm Thị Xuân Diễm	2019	Dựa trên xu hướng người chơi hiện tại có sự quan tâm lớn đến các thể loại trò chơi trực tuyến, đặc biệt là thể loại battle royale đang thành công rực rỡ. Luận văn tốt nghiệp “Ứng dụng Unity 3D xây dựng game đối kháng trực tuyến” sẽ thực hiện nghiên cứu cách phát triển một game 3D online dành cho điện thoại di động, theo thể loại “mini-battle royale” bằng engine Unity 3D. Với sự hỗ trợ của Photon Unity 3D Networking, một giải pháp phát triển trò chơi trực tuyến của Exit Games dành cho Unity, chúng ta có thể tự mình phát triển một game 3D theo thể loại đối kháng kết hợp với battle royale, trong đó có khả năng đồng bộ vị trí, trạng thái, chỉ số, cử động của các nhân vật, kỹ năng trong màn chơi qua mạng, qua đó cho phép rất nhiều người tham gia chơi cùng lúc và tương tác với nhau theo thời gian thực qua internet. Bên cạnh đó, để tăng thêm sự hấp dẫn, thay vì sử dụng các button để nhân vật thi triển kỹ năng, luận văn này cũng sẽ nghiên cứu sử dụng giải thuật \$P\$ Point-Cloud Recognizer để lưu trữ, nhận dạng và so sánh các cử chỉ, cho phép người chơi vẽ lên màn hình để điều khiển nhân vật. Và cuối cùng, sẽ có một AI đơn giản được lập trình cho NPC để nó có thể tự di chuyển và thi triển kỹ năng.

747	Đại học	QUẢN LÝ KHÁCH SẠN TRÊN NỀN TẢNG ODOO/OPENERP	Trương, Thị Tú Anh	Trần, Công Ân	2019	Nhắc đến ngành khách sạn, không ít người trong chúng ta nghĩ rằng đây là nhóm ngành mới xuất hiện và phát triển trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, lịch sử ghi nhận ngành khách sạn đã bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ XVI TCN - khi hoạt động thương mại, du lịch phát triển và nhu cầu ăn ở - giải trí của con người ngày càng cao. Trong khoảng thời gian 20 năm trở lại đây, hệ thống cơ sở lưu trú của nước ta đã có bước đột phá mạnh mẽ về số lượng lẫn chất lượng, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy ngành du lịch Việt Nam phát triển. Hiện nay, cả nước có khoảng 3000 khách sạn lớn nhỏ, việc quản lý khách sạn hiệu quả trở nên vô cùng cần thiết. Cách mạng công nghiệp 4.0 hội tụ nhiều công nghệ, trong đó CNTT giữ vai trò then chốt. Để đạt được hiệu quả trong quá trình kinh doanh, việc ứng dụng CNTT vào quản lý khách sạn là cần thiết. “Quản lý Khách sạn trên nền tảng Odoo/OpenERP” là hệ thống Enterprise Resource Planning (ERP) sử dụng Python để xây dựng server và client viết bằng JQuery, chạy trên trình duyệt web, tương tác với server bằng giao thức JSON-RPC. Hệ thống phục vụ cho người dùng là chủ các khách sạn, với hệ thống này thì người dùng có thể thực hiện các công việc liên quan đến quản lý khách sạn như: quản lý phòng, quản lý dịch vụ (giặt ủi, thức uống phục vụ tại phòng, ...), quản lý việc đặt phòng (bao gồm nhận phòng, trả phòng, đặt trước), hoạt động cho thuê phòng với giá theo khung giờ do người dùng cấu hình, thống kê báo cáo. Bên cạnh đó, trang web còn tích hợp công nghệ Bootstrap giúp cho giao diện đẹp mắt, hài hòa và dễ sử dụng. Kết quả đề tài “Quản lý Khách sạn trên nền tảng Odoo/OpenERP” tương đối hoàn thiện. Hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng và hoạt động tốt như mong đợi. Đề tài cũng cho thấy được hiệu quả của ứng dụng của công nghệ thông tin vào quản lý khách sạn.
748	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHẬN DẠNG HOA VÀ ỨNG DỤNG CHỢ HOA Phân hệ xây dựng mô hình nhận dạng hoa và quản lý ứng dụng trên nền web	Thái, Văn Phước	Trần, Công Ân	2019	Nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán hoa, ứng dụng “Chợ hoa” ra đời với vai trò là kênh mua bán chính cho những người kinh doanh cũng như những người đam mê chăm sóc hoa. Đối với những người đam mê hoa, không có kiến thức chuyên sâu về các loài hoa, muốn biết tên những loài hoa trên ứng dụng “Chợ hoa”, thì cần thiết phải có “Mô hình nhận dạng hoa” cho ra kết quả nhanh và chính xác. Mô hình MobileNet là một mạng nơ ron tích chập nhỏ (Convolutional Neural Network). Mô hình MobileNet được thiết kế tối ưu hóa các tham số để có thể chạy trên các thiết bị di động với công suất thấp, nhưng nó cũng cho ra độ chính xác khá cao. “Xây dựng mô hình nhận dạng hoa và ứng dụng chợ hoa” được chia thành hai phân hệ chính: Phân hệ xây dựng mô hình nhận dạng hoa, quản lý ứng dụng trên nền web và Phân hệ ứng dụng bán hoa trên thiết bị di động. “Xây dựng mô hình nhận dạng hoa và ứng dụng chợ hoa” được phát triển dựa trên công nghệ: Tensorflow, Android, Java, Laravel, MySQL, HTML, CSS, Javascript, jQuery, Bootstrap,...

749	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHẬN DẠNG HOA VÀ ỨNG DỤNG CHỢ HOA Phân hệ phát triển ứng dụng di động	Hồ, Minh Mẫn	Trần, Công Ân	2019	Nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán và sưu tầm hoa, ứng dụng “Chợ hoa” ra đời với vai trò là kênh mua bán chính cho những người kinh doanh cũng như những người đam mê chăm sóc hoa. Với các kiến thức về công nghệ phần mềm, tiến hành phân tích chức năng ứng dụng và mô hình hoá thành các usecase. Từ đó, áp dụng các công nghệ Java, mô hình ứng dụng client - server, RESTful API kết hợp sử dụng cơ sở dữ liệu MySQL và xây dựng một Web Socket Server bằng NodeJS để cung cấp thêm chức năng nhắn tin thời gian thực. Tiến hành phân tích sở thích và thiết kế giao diện, chức năng hỗ trợ tốt nhất cho người dùng. Cuối cùng, kiểm thử để tìm ra lỗi và kịp thời sửa chữa. Kết quả của nghiên cứu sẽ là một ứng dụng “Chợ hoa” cung cấp cho người dùng đầy đủ các tính năng của một hệ thống thương mại điện tử hiện đại. “Xây dựng mô hình nhận dạng hoa và ứng dụng Chợ hoa” được chia thành hai phân hệ chính: Phân hệ 1 – Xây dựng mô hình nhận dạng hoa và quản lý ứng dụng trên nền Web được phát triển dựa trên công nghệ: Tensorflow, RESTful API, Laravel, MySQL, HTML, CSS, Javascript, jQuery, Bootstrap. Phân hệ 2 – Phát triển ứng dụng di động và áp dụng mô hình nhận dạng được phát triển dựa trên công nghệ: Android, Java, NodeJS, RESTful API, MySQL, PHP.
750	Đại học	Website BÁN NÔNG SẢN TRỰC TUYẾN	Trịnh, Nguyễn Tuấn Anh	Nguyễn, Tí Hon	2019	Trong thời điểm hiện tại, thị trường nông sản sạch ở Việt Nam đang trong giai đoạn được chú trọng nhiều hơn do vấn nạn thực phẩm bẩn, thực phẩm chứa nhiều chất gây hại đến sức khỏe con người. “Xây dựng website bán nông sản trực tuyến” hệ thống chọn ra những sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh, để mang đến cho người tiêu dùng, giúp cho người tiêu dùng tiếp cận với đa dạng hàng hóa. Bên cạnh đó, website còn hỗ trợ nhiều hình thức thanh toán khác nhau với độ an toàn cao và nhanh chóng. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu xây dựng website bán nông sản trực tuyến, để mang đến các sản phẩm phù hợp với người dùng, giúp cho người sử dụng không phải đi mua mà có thể mua mọi lúc mọi nơi ngay trên website.
751	Đại học	HỆ THỐNG GỢI Ý BÀI HÁT	Nguyễn, Văn Ngọc Linh	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	“Hệ thống gợi ý bài hát” với công việc chính là hỗ trợ người nghe lựa chọn được những bài hát phù hợp dựa vào phân tích lịch sử nghe nhạc của người dùng. Hệ thống sẽ áp dụng giải thuật “clustering” để gom nhóm các người dùng có cùng sở thích nghe nhạc theo đặc điểm thời gian kết hợp với lọc cộng tác để xây dựng danh sách các bản nhạc gợi ý. Đề tài sử dụng tập dữ liệu lastfm-dataset-1k được cung cấp bởi Last.fm để xây dựng mô hình gợi ý. Người dùng sẽ được hỗ trợ gợi ý từ hệ thống dựa vào thói quen nghe nhạc của người dùng theo thời gian hệ thống sẽ đưa ra 5 gợi ý mới khi người dùng chọn nghe một bài hát trên hệ thống. Đánh giá độ chính xác của hệ thống dựa trên phương pháp đánh giá Given-1 đạt được độ chính xác trung bình là 2,5%.

752	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE CUNG CẤP DỊCH VỤ KINH DOANH NÔNG SẢN AN TOÀN SỬ DỤNG LARAVEL FRAMEWORK	Võ, Hoàng Quý	Thái, Minh Tuấn	2018	“ Xây dựng website cung cấp dịch vụ kinh doanh nông sản an toàn “ liên kết với các cửa hàng, nhà cung cấp nông sản sạch với mục đích tạo một hệ thống bán hàng uy tín, đơn giản, thân thiện, cũng như đem lại cho khách hàng những lựa chọn tốt nhất khi mua hàng, tiết kiệm thời gian đi lại, biết thêm thông tin về các loại nông sản. Đồng thời thông qua website sẽ cung cấp một dịch vụ tạo một môi trường cho các cửa hàng, nhà cung cấp nông sản nhỏ và lẻ có nhu cầu giới thiệu các mặt hàng sản phẩm của mình đến người tiêu dùng trong nước cũng như ngoài nước.
753	Đại học	ĐIỂM DANH HỌC VIÊN HỌC CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠI KHOA PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BẰNG RASPBERRY PI VÀ WEB SERVICE	Trần, Thị Thanh Hằng	Nguyễn, Tí Hon	2018	Trong những cách điểm danh, chấm công,...thì mã QR là một trong những phương tiện được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay, nó có thể thay thế phong cách cũ của việc sử dụng giấy bút hay gọi tên theo thứ tự để kiểm tra sự có mặt của học sinh, sinh viên. Không những thế nó còn giúp kiểm tra sự hiện diện chính xác đến từng hút, giây, giúp cho giáo viên chủ động quản lý thời gian lên lớp. Đề tài sử dụng các thiết bị phần cứng như: Raspberry pi 3 và Raspberry Pi Camera Module để hỗ trợ cho việc quét mã QR. Về lập trình, sử dụng ngôn ngữ lập trình Python, sử dụng OpenCv để lấy khung hình mới từ luồng video và xử lý nó và thư viện Zbar để giải mã mã vạch, sử dụng kiểu dữ liệu không có cấu trúc để xử lý và tổng hợp danh sách cho học viên học chứng chỉ Công nghệ thông tin tại Khoa Phát triển Nông thôn và web service để lưu trữ dữ liệu.
754	Đại học	HỆ THỐNG GỢI Ý BÀI HÁT	Đặng, Hồ Hùng Cường	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Thị trường âm nhạc ngày một lớn rộng, song song đó là sự phát triển không ngừng về số lượng các bài hát khiến người dùng gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các bài hát phù hợp với bản thân.Với những lý do đó, hệ thống gợi ý (recommender systems – RS) thường được sử dụng để dự đoán sở thích của người dùng dựa vào những phản hồi (feedbacks) của họ nhằm gợi ý các sản phẩm (item) mà người dùng có thể thích. Hệ thống gợi ý nhạc giúp thính giả tìm kiếm bài hát dễ dàng hơn. Trong luận văn này, chúng tôi đề xuất hệ thống gợi ý nhạc dựa vào đặc tính thời gian nghe nhạc của người dùng, vào một khoảng thời gian nhất định người dùng sẽ nghe những bài hát, những thể loại tương tự nhau để gợi ý những bài hát mà họ có thể thích nghe. Hệ thống chọn phương pháp biểu diễn dữ liệu, cài đặt, thu thập và phân tích các dữ liệu của người dùng chủ yếu dựa vào thời gian và những bài hát thường nghe. Sau đó hệ thống sẽ kết hợp giải thuật gom nhóm clustering) các người dùng có sở thích giống nhau và lọc cộng tác (CF) để gợi ý các bài hát thích hợp nhất với mỗi người dùng. Đề xuất này được thực nghiệm trên tập dữ liệu lastfm-dataset-1k chứa các thông tin người dùng như thời gian nghe nhạc, số lượt nghe, các tập bài hát, ca sĩ,.. Người dùng sẽ được hỗ trợ gợi ý từ hệ thống dựa vào thói quen nghe nhạc của người dùng theo thời gian hệ thống sẽ đưa ra các gợi ý mới khi người dùng chọn nghe một bài hát trên hệ thống. Đánh giá độ chính xác của hệ thống dựa trên phương pháp đánh giá Given-1 đạt được độ chính xác trung bình là 42.5%.

755	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE TOUR DU LỊCH	Lai, Hữu Sòne	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Ngày nay, du lịch đã trở thành một trong những xu thế quan trọng của xã hội. Nó dần đóng vai trò đặc biệt trong đời sống ngày nay. Xã hội càng phát triển đồng nghĩa với việc du lịch là một xu hướng mới. Tuy nhiên, việc tìm kiếm địa điểm du lịch không được quan tâm và khách hàng chưa tìm thấy được thông tin mong muốn. Việc đến các công ty du lịch để tham khảo thông tin tốn rất nhiều thời gian của khách hàng, đồng thời bộ phận quản lý tour của công ty du lịch cũng gặp khó khăn trong vấn đề quản lý thông tin và thống kê số liệu. Vì vậy, đề tài “XÂY DỰNG WEBSITE TOUR DU LỊCH” được đề xuất với mong muốn xây dựng qui trình đặt tour và quản lý tour trực tuyến được tối ưu nhiều mặt: khách hàng có thể xem tour và đặt tour theo nhu cầu, nhân viên có thể nhập thông tin tour vào hệ thống và có thể lập hóa đơn từ đơn đặt của khách hàng.
756	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁN HÀNG SIÊU THỊ PHÂN HỆ BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN VÀ KHUYẾN MÃI	Lê, Dương Khánh Duy	Sử, Kim Anh	2018	Website “Xây dựng hệ thống bán hàng siêu thị- Phân hệ bán hàng trực tuyến và khuyến mãi” được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ Apache, giao diện có sử dụng bootstrap. Được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dùng và người quản trị. Qua đó, người quản lý có thể thống kê được tất cả các mặt hàng bán ra, sản phẩm thu hồi, doanh số bán hàng.... trong một khoảng thời gian nhất định (ngày, tháng, quý, năm).
757	Đại học	HỆ THỐNG SẢN GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN HÀNG NÔNG SẢN HỢP TÁC XÃ	Phạm, Nguyễn Trường An	Sử, Kim Anh Nguyễn, Duy Cần	2018	“Hệ Thống Sản Giao Dịch Trực Tuyến Hàng Nông Sản Hợp Tác Xã” là rất cần thiết và cấp bách trong lúc này. Khi hệ thống này ra đời, giúp cho việc mua bán nông sản của người dân thêm phần dễ dàng hơn, và giá cả sẽ tốt hơn do người dân có thể quyết định giá cho sản phẩm của mình. Giải pháp được chọn để thiết kế Hệ thống này là sử dụng 1 ngôn ngữ lập trình chính là HTML5 và PHP, kết hợp với hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Việc ứng dụng ngôn ngữ HTML5 , PHP vào việc thiết kế website “Hệ Thống Sản Giao Dịch Trực Tuyến Hàng Nông Sản Hợp Tác Xã” là vô cùng hợp lý, bởi tính năng vượt trội của nó, làm cho mô hình kinh doanh nông sản của người dân trở nên gần gũi hơn.

758	Đại học	QUẢN LÝ MƯỢN PHÒNG VỚI KHÓA ĐIỆN TỬ	Phạm, Nhật Trường	Trần, Công Ân	2018	xây dựng” Hệ thống quản lý mượn phòng với khóa điện tử” là cần thiết. Mục tiêu của đề tài là xây dựng hệ thống giúp người dùng có thể quản lý mượn phòng, đặt phòng, sử dụng Web App hoặc Mobile App mở khóa điện tử mà người dùng không cần quan tâm chìa khóa, mật mã khóa. Hệ thống quản lý mượn phòng với khóa điện tử cung cấp chức năng cho hai nhóm người dùng: Admin và End User. Nhóm Admin có tính năng: quản lý Department, quản lý Floor, quản lý người dùng, quản lý phòng, đặt phòng trong khoảng thời gian cho phép, quản lý khóa điện tử và thông số của khóa, mở khóa điện tử thông qua Web App hoặc Mobile App, cập nhật avatar, thống kê số lượng người dùng đặt phòng, hiển thị danh sách các Department, hiển thị danh sách các Floor, hiển thị danh sách các phòng, hiển thị danh sách các khóa Nhóm End User có tính năng: cập nhật thông tin cá nhân, mở khóa điện tử thông qua Web App hoặc Mobile App, xem lịch sử đặt phòng, cập nhật avatar, thống kê số lượng người dùng đặt phòng, hiển thị danh sách các Department, hiển thị danh sách các Floor, hiển thị danh sách các phòng, hiển thị danh sách các khóa Hệ thống quản lý mượn phòng với khóa điện tử được phát triển bằng công nghệ: - Back End: Spring Boot, Spring Security, Spring MVC, JWT, JPA, REST PI, Maven - Front End: ReactJS - CSDL: MySQL.
-----	---------	-------------------------------------	-------------------	---------------	------	--

759	Đại học	ỨNG DỤNG ANDROID HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC HÓA HỌC CƠ BẢN	Hồ, Ngọc Sang	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Trong những năm qua, các thiết bị di động thông minh đã có sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các thiết bị Android. Sự cạnh tranh của các nhà sản xuất đã tạo ra các thiết bị Android cấu hình cao nhưng giá thành rẻ, điều đó khiến cho việc sở hữu một thiết bị Android là tương đối dễ dàng đối với mỗi người. Ngoài việc vui chơi, giải trí và lướt web, Android cũng là nền tảng hỗ trợ rất tốt cho việc học tập và nghiên cứu mọi lúc mọi nơi của học sinh, sinh viên, ... Với nhiều bạn học sinh thì hóa học thường là một môn học rất khó bởi những công thức, nguyên tử vô cùng phức tạp và khó nhớ, nhất là các bạn học sinh lớp mới làm quen với hóa học. Với những công thức cấu tạo dài cùng hàng trăm dạng bài tập khác nhau sẽ là một thách thức lớn đối với các em học sinh trên hành trình chinh phục môn hoá. Để học tốt môn hóa học, học sinh cần nắm vững bản chất hiện tượng hóa học, nắm vững các kiến thức cơ bản đã được học và vận dụng tối ưu các kiến thức cơ bản để giải quyết một hay nhiều vấn đề mới. Cũng từng là học sinh học môn hóa nên em rất hiểu những khó khăn vấp phải khi học môn hóa và muốn giúp đỡ các bạn học sinh xem điện thoại của mình là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học tập của mình nên em quyết định nghiên cứu và xây dựng đề tài “ỨNG DỤNG ANDROID HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC HÓA HỌC CƠ BẢN” nhằm hỗ trợ các em học sinh trong việc học tập và nghiên cứu môn hoá học. Ứng dụng cung cấp một bảng tuần hoàn, bảng tính tan và dãy hoạt động kim loại giúp học sinh tra cứu dễ dàng. Các kiến thức cùng với các chuyên đề hướng dẫn học và làm bài tập đã được tích hợp trong ứng dụng. Ngoài ra, ứng dụng hỗ trợ việc tìm kiếm các chất hóa học và phương trình hóa học khá dễ dàng cùng với các thông tin liên quan của các chất và phương trình phục vụ cho học sinh hiểu sâu hơn. Đặc biệt ứng dụng còn hỗ trợ các trò chơi kiểm tra kiến thức giúp học sinh củng cố các kiến thức đã học và thi đua xếp hạng cùng các bạn khác.
760	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HIỆU NĂNG CỦA CÁC ACCESS POINT TRONG MẠNG WIFI CỖ LỚN SỬ DỤNG BỘ ĐIỀU KHIỂN TẬP TRUNG Phân hệ:Phân hệ cân bằng tải cho các access point	Phạm, Quốc Khải	Thái, Minh Tuấn	2018	Mạng không dây Wi-Fi đang là loại mạng phổ biến đối với người dùng hiện nay. Đối với các doanh nghiệp hay cá nhân thì việc triển khai mạng không dây là vô cùng quan trọng bởi vì nó cung cấp tiện ích rất lớn đó là kết nối các thiết bị di động mà không cần sử dụng cáp nối nhờ vào các điểm truy cập không dây. Tuy nhiên, đối với các điểm truy cập đông người thì nó lại phát sinh những khó khăn vì lượng lớn người truy cập gây ra sự quá tải ở điểm truy cập. Để giải quyết vấn đề quá tải nói trên, đã có nhiều hệ thống cân bằng tải cho Wi-Fi được nghiên cứu và xây dựng nhưng phải đầu tư với chi phí khá cao nên ở luận văn này, chúng tôi muốn hướng đến việc phát triển một hệ thống Wi-Fi cân bằng nhưng với một chi phí hợp lý. Chúng tôi đưa ra những thuật toán, những thiết bị để hoàn thành tốt dự án được đưa ra, góp phần nghiên cứu để cải thiện vào hệ thống mạng Wi-Fi được tốt hơn.

761	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MUA BÁN MÁY VI TÍNH VỚI FRAMEWORK LARAVEL	Nguyễn, Thị Huyền Trang	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website thương mại điện tử mua bán máy vi tính” là một website được xây dựng với đầy đủ các chức năng cơ bản, phục vụ cho việc mua sắm và quản lý. Website được lập trình trên nền tảng framework Laravel với ngôn ngữ lập trình PHP. Khi khách hàng có nhu cầu mua và muốn tham khảo thông tin về giá cả, loại sản phẩm hay hãng sản xuất của sản phẩm, khách hàng có thể truy cập ngay vào trang web, tại đây có các chức năng dành cho khách hàng như: tìm kiếm sản phẩm, đăng kí tài khoản, đăng nhập, quản lý giỏ hàng, bình luận, xem khuyến mãi, đặt hàng và thanh toán trực tuyến. Về phía nhà quản trị, trang web có các chức năng cơ bản để quản lý như: quản lý danh mục, quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý bình luận, quản lý khuyến mãi, quản lý khách hàng, thống kê. “Website thương mại điện tử mua bán máy vi tính” đã hoàn thành và có đầy đủ chức cơ bản đề ra, có thể áp dụng hệ thống này vào trong thực tế để phục vụ mua bán cho các doanh nghiệp, công ty, cá nhân vừa và nhỏ.
762	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỒ SƠ PHẬT GIÁO PHÂN HỆ QUẢN LÝ TỰ VIỆN	Trần, Chí Trung	Trương, Minh Thái	2018	Nắm bắt được những khó khăn đó, “Hệ Thống Quản lý Hồ Sơ Phật Giáo” được phát triển dựa trên kiến trúc MVC và Framework Laravel với mong muốn tạo ra một giải pháp đơn giản, thuận tiện để quản lý thông tin tăng ni, phật tử và các cơ sở tự viện một cách hiệu quả. Việc xây dựng ứng dụng trên nền web cũng tăng tính thuận tiện cho các vị tăng, ni, phật tử có thể dễ dàng truy cập khi việc sử dụng các thiết bị có thể truy cập internet trở nên quá phổ biến trong thời đại ngày nay.
763	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ HỒ SƠ PHẬT GIÁO PHÂN HỆ QUẢN LÝ VĂN BẢN	Võ, Tùng Quân	Trương, Minh Thái	2018	Một hệ thống phần mềm sẽ được xây dựng nhằm giúp quản lý một lĩnh vực nào đó trong cuộc sống của con người, và một văn bản sẽ được tạo ra để giải quyết các vấn đề mới phát sinh. Khi chúng tôi xây dựng Hệ Thống Quản lý Hồ Sơ Phật Giáo, đây cũng là một lĩnh vực mang tính chất tôn nghiêm, có những nội quy rất nghiêm khắc và rõ ràng, do tính chất này mà việc sử dụng giấy tờ hành chính là rất nhiều và cần thiết, nhưng cũng phải làm sao để tiết kiệm và dễ quản lý nhất, nếu một công ty hay tổ chức nào đó sử dụng tất cả văn bản bằng giấy thì số lượng sẽ dần tăng qua các năm, có thể chứa đầy cả một tòa nhà, điều này làm lãng phí rất nhiều tài nguyên và tiền bạc, chưa kể đến phải làm sao để tìm được một văn bản khi đúng mục đích giữa hàng triệu tờ giấy kia. Vì những lý do trên mà việc xây dựng một chức năng quản lý văn bản là hết sức cần thiết. Chức năng này sẽ giúp những người quản lý có thể ban hành các văn bản từ cấp trên gửi xuống, cũng như việc tạo ra các đơn từ mới mà không gây khó khăn cho người sử dụng. Đề tài này tập trung xây dựng một chức năng quản lý văn bản của Website quản lý hồ sơ phật giáo thuộc phạm vi một tỉnh thành là Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình hoàn thiện và phát triển hệ thống đã hoàn thành một số chức năng cơ bản như sau: tải các thông báo lên server, xem danh sách các thông báo đã tạo, tạo đơn từ, tải đơn từ lên server và xem danh sách các đơn từ đã tạo.

764	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG CỨU HỘ XE MÁY TRÊN HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID	Trương, Thị Thùy	Thái, Minh Tuấn	2018	Hiện nay, xe gắn máy là phương tiện lưu thông phổ biến ở Việt Nam. Cùng với sự phổ biến của xe máy thì các cửa hàng dịch vụ phục vụ cho xe máy ngày càng phát triển để đáp ứng nhu cầu của người dùng. Thế nhưng các cửa hàng dịch vụ thường được đặt ở một vị trí cố định gây khó khăn cho người dùng mỗi khi gặp phải sự cố trên đường. Ngoài ra, với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các thiết bị cầm tay như điện thoại thông minh nó hỗ trợ nhiều mặt trong đời sống và trở thành một phần không thể thiếu đối với mỗi người. Tuy nhiên, các ứng dụng về cứu hộ xe máy ở Việt Nam còn nhiều hạn chế và kém phát triển. Để giải quyết vấn đề trên, ở luận văn này tôi muốn hướng đến việc xây dựng và phát triển một hệ thống cứu hộ xe máy trên hệ điều hành Android để phục vụ cho nhu cầu của người dùng. Chúng tôi đưa ra những thuật toán, những thiết bị để hoàn thành tốt được dự án được đưa ra, góp phần nghiên cứu hệ thống cứu hộ xe máy trên hệ điều hành Android.
765	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA MỘT TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	Biện, Thị Thùy Trang	Phan, Tấn Tài	2018	“Hệ thống quản lý cơ sở vật chất của một trung tâm ngoại ngữ” được đề xuất với mong muốn xây dựng được một hệ thống hỗ trợ cho trung tâm thực hiện các nghiệp vụ quản lý, giảm bớt thời gian thực hiện, khối lượng công việc cho cán bộ quản lý cơ sở vật chất, tăng độ chính xác cho việc lập báo cáo thống kê và tăng giá trị sử dụng cơ sở vật chất. Đồng thời, dữ liệu khi lưu trữ trên hệ thống có thể dễ dàng sao lưu dự phòng, phục hồi khi hư hỏng hoặc có sự cố. Hệ thống được xây dựng trên cơ sở tích hợp đầy đủ các quy trình quản lý nghiệp vụ của trung tâm ngoại ngữ. Ngoài ra, hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình duyệt Apache và các công nghệ như JavaScript, Laravel, Bootstrap, HTML, CSS, JQuery, Ajax...

766	Đại học	ỨNG DỤNG SO MÀU LÁ LÚA BẰNG MÃ QR TRÊN ANDROID	Võ, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Tí Hon	2018	Bón phân theo màu lá lúa dùng bảng so màu là cách bón khoa học dựa vào nhu cầu đạm trong cây, đơn giản, tiện lợi, dễ áp dụng đối với nhà nông. Sử dụng bảng so màu lá lúa góp phần làm giảm chi phí sản xuất, hạn chế sự phát triển của sâu bệnh và ngã đổ do không có lượng đạm dư thừa trong cây, đồng thời giảm tác hại đến môi trường do không có lượng đạm dư thừa trong đất và nguồn nước. Hiện tại chưa có thư viện ảnh màu lá lúa cho các thư viện máy học, việc sưu tập dữ liệu tốn rất nhiều thời gian và công sức (do cần phải tìm được tình trạng lúa tương ứng sáu thang màu). Mục tiêu của việc nghiên cứu là xác định được lượng đạm cần bón cho lúa trên một công ruộng, qui ước mỗi màu lá lúa trong bảng so màu lá lúa là một giá trị, sau đó tạo mã vạch (QR) tương ứng với giá trị đó và in lên phía trên bảng so màu lá lúa, sau đó chọn lá lúa cần kiểm tra đem so vào bảng so màu và quét mã vạch (QR) tương ứng, sau khi quét hết số lá lúa cần kiểm tra thì tính trung bình để đưa ra tình trạng lúa cũng như cách bón phân thích hợp và hiệu quả. Kết quả sau khi quét và tính trung bình cho thấy tính hiệu quả trong việc chẩn đoán tình trạng lúa cũng như lượng phân cần bón (lúa từ 20-25 ngày sau sạ bón từ 4- 6kg ure/công cho vụ hè thu, 6-8kg ure/công cho vụ đông xuân, còn lúa từ 40-45 ngày sau sạ bón 4-6kg ure/công cho vụ hè thu, 5-7kg ure/công cho vụ đông xuân).
767	Đại học	QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	Võ, Hoàng Trí	Trần, Công Ân	2018	Vấn đề quan trắc trong môi trường thủy sản trong những năm gần đây khá rắc rối và rất tốn kém thời gian. Để thống kê các chỉ số trên những khoảng thời gian và trên số lượng lớn ao nuôi thì rườm rà. Trong khi vấn đề này cần được giải quyết một cách nhanh chóng và đơn giản, chính vì thế đề tài “Quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản” sử dụng sensor và công nghệ của Libelium là sự cần thiết cho mô hình nuôi trồng thủy hải sản hiện nay. Quan trắc trong môi trường thủy sản sử dụng công nghệ Libelium đã phổ biến trên thế giới nhưng vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam, ứng dụng của đề tài luận văn để đo đạc trực tiếp trên nhiều ao cá, thống kê các chỉ số môi trường cộng với cảnh báo những vấn đề phát sinh liên quan và nguy hiểm đối với ao nuôi. Đồng thời ứng dụng còn sử dụng công nghệ Ontology để giúp các nhà nuôi trồng thủy hải sản tìm và lọc ra một số bệnh liên quan, nhằm có những biện pháp chữa trị kịp thời. Tuy ứng dụng đã hoàn thành, nhưng do tính chất còn mới nên sẽ có một số sai sót trong luận văn, rất mong được sự thông cảm và giúp đỡ của quý thầy cô để ứng dụng được hoàn thiện hơn.

768	Đại học	XÂY DỰNG MẠNG THU THẬP DỮ LIỆU VÀ CẢNH BÁO MODULE PHÂN TÍCH DỮ LIỆU	Nguyễn, Thanh Phương	Ngô, Bá Hùng	2018	Mạng thu thập và cảnh báo là nền tảng chung kết hợp từ hai nền tảng độc lập Kaa và Grafana giúp ta có thể thu thập dữ liệu từ các thiết bị, tổ chức dữ liệu một cách hiệu quả, giám sát và phân tích các dữ liệu đã thu thập. Ta có thể kịp thời đánh giá từ các dữ liệu cũng như đưa ra dự đoán từ chúng. Ta định nghĩa các quy tắc dựa trên các mục đích đề ra để gửi các cảnh báo đến các thiết bị giúp chúng thay đổi hành vi của mình hay gửi đến cho người dùng để họ theo dõi. Mạng thu thập được cấu thành từ nền tảng Kaa cho mục đích là trung tâm kết nối giữa các thiết bị, nơi các dữ liệu sẽ được lưu trữ và tổ chức sau khi được gửi đến từ các thiết bị. Kaa hỗ trợ hai giao thức chính là MQTT và CoAP. Với MQTT là giao thức mặc định. Bên cạnh đó, Kaa cũng hỗ trợ bất kỳ các giao thức IoT mở (open IoT protocol). Kaa đã định nghĩa các quy tắc căn bản trong việc truyền nhận dữ liệu và cung cấp cho hai loại kênh để truyền nhận dữ liệu - kênh truyền mã hóa(encrypted) và kênh truyền phi mã hóa(unencrypted). Để quản lý lượng lớn các thiết bị, Kaa sử dụng các thuộc tính (attribute) để xác định các thiết bị và nhóm thiết bị. Các thiết bị khi kết nối đến Kaa đều phải thông qua việc xác thực có thể bằng token, username - password, hay chứng chỉ(certificate)... Ta có thể quản lý các thiết bị này thông qua API quản lý chứng chỉ của Kaa (Kaa credential management API) - thu hồi hay cấp quyền cho thiết bị. Grafana là một nền tảng với chức năng theo dõi, phân tích dữ liệu, đánh giá các quy tắc cảnh báo và gửi thông tin cảnh báo dựa trên các quy tắc cảnh báo mà người dùng định nghĩa. Grafana kết nối với các nguồn dữ liệu để truy vấn dữ liệu từ các nguồn được kết nối sau đó hiển thị và cấu hình những quy tắc cảnh báo dựa trên các mục đích đề ra lên các bảng điều khiển mà Grafana hỗ trợ. Khi đó Grafana sẽ lên lịch đánh giá các quy tắc đó. Grafana sẽ gửi thông báo đến cho Kaa khi dữ liệu thu thập từ các thiết bị đạt các ngưỡng đã đặt ra.
769	Đại học	ỨNG DỤNG ĐỊNH VỊ VÀ CHỈ ĐƯỜNG TÍCH HỢP HIỂN THỊ MÔ HÌNH 3D CỦA KHU II TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Lê, Thị Thúy An	Phạm, Nguyễn Hoàng Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Xây dựng một ứng dụng hỗ trợ định vị, chỉ đường chỉ dành riêng cho trường Đại học Cần Thơ trở thành một yêu cầu cần thiết. Bên cạnh việc hiển thị bản đồ vị trí và đường đi trong khuôn viên trường, để tăng thêm tính trực quan sinh động thì ứng dụng không chỉ dừng lại ở việc xem và định vị trên bản đồ 2D mà còn phải sử dụng các mô hình 3D để hiển thị cho người xem. Đồng thời kết nối tính năng tìm đường đi ngắn nhất từ vị trí này đến vị trí khác (ví dụ : tìm đường đi từ Khoa Chính Trị đến khoa Công Nghệ,...). Ứng dụng có thể sử dụng để quảng bá hình ảnh các đơn vị của trường Đại học Cần Thơ.
770	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁN HÀNG SIÊU THỊ PHÂN HỆ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG VÀ MUA HÀNG	Nguyễn, Thị Kiều Anh	Sử, Kim Anh	2018	“Xây dựng hệ thống bán hàng siêu thị - Phân hệ quan hệ khách hàng và mua hàng” nhằm mục đích xây dựng hệ thống bán hàng đơn giản, thân thiện cũng như đem lại cho khách hàng những lựa chọn tối ưu nhất để ngay cả những người dùng không có kiến thức về tin học cũng có thể tham gia mua hàng tại hệ thống.

771	Đại học	QUẢN LÝ HỆ THỐNG KHÓA HỌC TRỰC TUYẾN DỰA TRÊN MOODLE	Lê, Nguyễn Kha	Trần, Cao Đệ	2018	Hệ thống giúp người dùng quản lý học viên, khóa học, môn học, nội dung bài giảng, thi/kiểm tra. Moodle hỗ trợ tôi tất cả các module trên bên cạnh đó cần có một số vấn đề cần cải tiến như là cải tiến giao diện cho người dùng không chuyên về Moodle, tính năng tạo khóa học và người dùng dựa trên tập tin, phân loại câu hỏi theo độ khó. Để giải quyết vấn đề trên đề tài tập trung vào cải thiện giao diện người dùng, tạo thêm module thành một khối chứa quản lý tạo khóa học và tạo người dùng, gắn thẻ độ khó câu hỏi phục vụ cho việc tạo đề thi.
772	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI CỬA HÀNG GIẶT ỦI PHÂN HỆ ANDROID	Trần, Hoàng Huân	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Ứng dụng web hỗ trợ cửa hàng tiếp nhận đơn hàng từ khách hàng, tạo biên nhận và phân loại đồ đã nhận. Ứng dụng dùng giải thuật hàng đợi nhiều trạm vào việc phân công đơn hàng vào các máy giặt một cách tối ưu giúp cho thời gian xử lý các đơn hàng là nhanh nhất có thể và đúng thời gian giao trả đồ cho khách hàng. Ngoài ra còn hỗ trợ nhân viên cửa hàng có thể phân công thủ công khi cần thiết. Ứng dụng Android hỗ trợ việc tạo đơn hàng cho khách hàng bao gồm: hỗ trợ tạo đơn hàng chi tiết, gợi ý những cửa hàng phục vụ đầy đủ dịch vụ khách hàng cần với khoảng cách gần nhất, gợi ý thời gian giao và nhận đồ phù hợp với khả năng phục vụ của chi nhánh mà khách hàng đã chọn. Đồng thời, ứng dụng cũng giúp khách hàng xem và sửa đơn hàng mình đã tạo.
773	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÔNG CHĂM SÓC, HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG	Lưu, Thế Tài	Trương, Quốc Định	2018	Hiện nay với một công ty, một doanh nghiệp việc chăm sóc, hỗ trợ khách hàng sau hậu mãi là một việc thiết yếu, nhất là đối với các công ty kinh doanh, công ty dịch vụ. Hiện tại các công ty chăm sóc khách hàng hiện nay chủ yếu chỉ thông qua các tổng đài điện thoại truyền thống. Và đối với việc khách hàng được chăm sóc qua kênh tổng đài điện thoại thì việc hỗ trợ vẫn còn gặp nhiều khó khăn và có những nhược điểm lớn. Chăm sóc khách hàng qua điện thoại trong một vài trường hợp sẽ gây khó khăn cho khách hàng trong việc giải thích chi tiết cho người hỗ trợ của công ty lỗi phát sinh như thế nào. Ngoài ra nếu ngoài giờ hành chính mà khách hàng cần gửi ngay một yêu cầu sự hỗ trợ đến doanh nghiệp, ngoại trừ những tổng đài 24/7 luôn tiếp nhận những yêu cầu đó thì khách hàng phải chờ đợi đến hôm sau để được hỗ trợ. Vấn đề đặt ra là làm thế nào quản lý việc chăm sóc khách hàng một cách hiệu quả. Giúp khách hàng được thuận lợi một cách tối đa, tốc độ hỗ trợ khách hàng được nhanh nhất có thể. Từ những vấn đề trên em nhận thấy đề tài "Hệ thống quản lý công chăm sóc, hỗ trợ khách hàng" là điều cần thiết. Hệ thống sẽ đáp ứng những yêu cầu cơ bản và cần thiết nhất cho việc chăm sóc và hỗ trợ khách hàng. Hệ thống xây dựng dựa trên nền tảng Node.js – một nền tảng chạy trên môi trường JavaScript runtime. Server api backend được xây dựng với framework Express.js và với server frontend là thư viện React. Ngoài ra đề tài dùng cơ sở dữ liệu MongoDB làm nơi để lưu trữ.
774	Đại học	ỨNG DỤNG ANDROID HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC HÓA HỌC CƠ BẢN	Âu, Nguyễn Trung Nguyên	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	

775	Đại học	TÌM KIẾM NỘI DUNG BÀI BÁO PHÙ HỢP VỚI TỪ KHÓA BẰNG CHỈ MỤC NGHỊCH ĐẢO	Trần, Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn, Tí Hon	2018	Mục tiêu của đề tài là tìm kiếm nội dung bài báo phù hợp với từ khóa bằng chỉ mục nghịch đảo. Đầu tiên, tiến hành phân tích tài liệu để lập chỉ mục, song song đó tiến hành tính trọng số của từng từ trong tài liệu để tính được độ tương đồng cosine của từng từ đối với tài liệu. Tiếp theo, từ câu truy vấn của người dùng tiến hành phân tích câu truy vấn của người dùng và tìm trong tập chỉ mục đã có, sau đó hợp nhất kết quả truy vấn bằng cách sắp xếp giảm dần độ tương đồng cosine và trả kết quả cho người truy vấn. Cài đặt và đánh giá kết quả được thực hiện tập dữ liệu về tin tức của báo VNExpress được sưu tập từ internet. Qua kết quả thực nghiệm độ chính xác K trên tập kiểm thử nhận được kết quả trả về hơn 90%, tuy nhiên vẫn có một số vấn đề tồn tại như việc dữ liệu ngày càng nhiều việc bổ xung dữ liệu cần phải được thêm vào liên tục. Qua đó cho thấy cần phải phát triển bot để thu thập dữ liệu liên tục nhằm phát huy tối đa việc tìm kiếm nội dung bằng từ khóa.
776	Đại học	XÂY DỰNG GAME ĐUA XE VỚI BỘ CÔNG CỤ UNITY	Trà, Minh Trí	Thái, Minh Tuấn	2018	Đồ án tốt nghiệp này nghiên cứu, thực nghiệm phát triển trò chơi đua xe 3D, sử dụng công cụ hỗ trợ giúp viết game một cách nhanh và đơn giản. Trò chơi đua xe 3D trong luận án tốt nghiệp của tôi sẽ được phát triển bằng công cụ Unity 3D. Chức năng cốt lõi của Unity 3D cung cấp công cụ dựng hình (kết xuất đồ họa) cho các hình ảnh 2D hoặc 3D, công cụ vật lý (tính toán và phát hiện va chạm), âm thanh, mã nguồn, hình ảnh động, trí tuệ nhân tạo, phân luồng, tạo dòng dữ liệu xử lý, quản lý bộ nhớ, dựng ảnh đồ thị và kết nối mạng. Trong luận văn này tôi sẽ khảo sát và phát triển thử nghiệm một trò chơi đua xe 3D (bản demo) bằng cách sử dụng các chức năng được hỗ trợ trong Unity 3D.
777	Đại học	THEO DÕI TIẾN ĐỘ HỌC CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Lê, Nguyễn Bảo Ngọc	Nguyễn, Tí Hon	2018	“Theo dõi tiến độ học chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin” nhằm tạo ra một hệ thống để phục vụ cho cả giảng viên lẫn học viên. Nhằm nâng cao tính tiện lợi, an toàn và bảo mật nên hệ thống sẽ được xây dựng dưới dạng API RESTful Web Service. Đây là một dịch vụ Web với kiến trúc RESTful và dịch vụ Web này sẽ dùng để xử lý cho tất cả chức năng của hệ thống. Bên cạnh dịch vụ Web, hệ thống sẽ còn bao gồm một ứng dụng Web được viết bằng HTML, JavaScript với các thư viện, framework nổi bật hiện nay, và một ứng dụng di động được viết bằng Java với Android Studio. Bằng việc sử dụng dịch vụ Web để xử lý như vậy hệ thống sẽ cho thấy được sự tiện lợi, nhanh chóng trong việc giao tiếp giữa Trang Web và ứng dụng di động.

778	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI CỬA HÀNG GIẶT ỦI PHÂN HỆ WEBSITE QUẢN LÝ	Vũ, Phương	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Ứng dụng web hỗ trợ cửa hàng tiếp nhận đơn hàng từ khách hàng, tạo biên nhận và phân loại đồ đã nhận. Ứng dụng dùng giải thuật hàng đợi nhiều trạm vào việc phân công đơn hàng vào các máy giặt một cách tối ưu giúp cho thời gian xử lý các đơn hàng là nhanh nhất có thể và đúng thời gian giao trả đồ cho khách hàng. Ngoài ra còn hỗ trợ nhân viên cửa hàng có thể phân công thủ công khi cần thiết. Ứng dụng di động hỗ trợ việc tạo đơn hàng cho khách hàng bao gồm hỗ trợ tạo đơn hàng chi tiết hơn, gợi ý những cửa hàng phục vụ đầy đủ dịch vụ khách hàng cần với khoảng cách gần nhất, gợi ý thời gian giao và nhận đồ phù hợp với khả năng phục vụ của chi nhánh mà khách hàng đã chọn. Đồng thời, ứng dụng cũng giúp khách hàng xem và sửa đơn hàng mình đã tạo.
779	Đại học	XÂY DỰNG SCANNER DỰA TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	Nguyễn, Phan Hoàng Oanh	Ngô, Bá Hùng	2018	Ứng dụng Scanner là sự kết hợp giữa máy quét và ứng dụng di động. Nó được xây dựng cho thiết bị di động dựa trên framework Ionic. Scanner sử dụng các Native của Ionic để tạo ra một ứng dụng di động có các chức năng cơ bản, Firebase Authentication để xác thực người dùng, xử lý ảnh bằng thư viện OpenCV và lưu trữ SDL trên SQLite. Ứng dụng có chức năng thêm, sửa, xóa thư mục và hình ảnh. Người dùng có thể thêm ảnh từ Google Drive, bộ sưu tập trên thiết bị hoặc chọn từ các ảnh đã chụp bằng chức năng chụp ảnh. Ứng dụng có 3 chức năng chụp ảnh: chứng minh thư, hộ chiếu và tài liệu. Sau khi chụp xong, ảnh sẽ được xử lý như nhận dạng tài liệu để cắt ảnh tự động, xoay ảnh, chỉnh màu và lưu nó vào bộ nhớ của thiết bị. Từ kết quả trên, người dùng có thể sử dụng ứng dụng để chia sẻ file dưới định dạng ảnh, PDF hoặc tải ảnh lên server.
780	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG GỢI Ý LỊCH TRÌNH DU LỊCH TRÊN HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Thái, Minh Tuấn	2018	Xây dựng ứng dụng gợi ý lịch trình du lịch trên hệ điều hành Android. Quyền luận văn này sẽ viết chi tiết về ứng dụng này gồm các thành phần như các mục tiêu của ứng dụng công nghệ được sử dụng trong ứng dụng...
781	Đại học	XÂY DỰNG CÔNG CỤ PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỰA TRÊN SƠ ĐỒ USE CASE	Nguyễn, Minh Quân Trương, Thị Thanh Lam	Lâm, Hoài Bảo	2018	Xây dựng công cụ phát triển ứng dụng dựa trên sơ đồ Use Case. Công cụ sẽ nhận dữ liệu đầu vào là một cơ sở dữ liệu, sử dụng metadata của cơ sở dữ liệu để phân tích, xử lý và dựa trên các thông tin người dùng cung cấp thông qua giao diện để sinh ra một ứng dụng. Công cụ vận hành theo kiến trúc 3 lớp, sử dụng ngôn ngữ C#, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, ngôn ngữ PHP để cài đặt. Nhóm thực hiện đã thành công qua việc tạo ra ứng dụng web PHP.
782	Đại học	WEBSITE QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP SINH VIÊN ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Trần, Đức Thịnh	Trần, Cao Đệ	2018	Ứng dụng thực hiện các chức năng chính như quản lý tin tức, quản lý các doanh nghiệp tuyển dụng, quản lý các sự kiện, trong đó có điểm danh và thống kê người tham gia các sự kiện. Ứng dụng sẽ ghi nhận những sinh viên và cán bộ có mặt hay vắng mặt trong danh sách, thống kê được thể hiện trên một trang biểu đồ. Ghi nhận điểm danh bằng cách quét thẻ trực tiếp thông qua đầu đọc RFID (công nghệ nhận tín hiệu bằng sóng vô tuyến) cho phép người điểm danh sử dụng linh hoạt hơn với chỉ bằng một chiếc thẻ sinh viên hoặc thẻ cán bộ mà họ đang sở hữu. Việc điểm danh / đăng ký sẽ hoạt động đồng thời được trên nhiều Client.

783	Đại học	TÓM TẮT TÓM LƯỢC Ý VĂN BẢN SỬ DỤNG MÔ HÌNH SEQUENCE-TO-SEQUENCE WITH ATTENTION VÀ BEAM SEARCH	Huỳnh, Quốc Lực	Lâm, Nhật Khang	2018	Luận văn này tập trung nghiên cứu việc áp dụng mô hình Sequence – to – Sequence with Attention của học sâu vào bài toán tóm tắt tóm lược ý văn bản trên tập dữ liệu tiếng Việt. Trong đề tài này, mô hình Glove được dùng để rút trích những đặc điểm của tiếng Việt và tạo tập từ vựng tiếng Việt cho đầu vào của mô hình nhằm tạo kết quả đầu ra là chuỗi các từ. Cuối cùng kết quả được chọn lọc lại bằng thuật toán Beam Search và sinh ra câu tóm tắt. Độ chính xác của mô hình được đánh giá bằng phương pháp ROUGE trên tập dữ liệu 12000 bài báo được thu thập từ trang vnexpress, kết quả thu được lần lượt: Recall là 17%, Precision là 34% và F-score là 22%. Tuy kết quả còn chưa tốt nhưng mô hình đã hoàn thành được mục tiêu được đưa ra. Chúng tôi sẽ cải thiện chất lượng tập dữ liệu và điều chỉnh tham số để nâng cao kết quả.
784	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG NHẬT KÝ HỌC ĐƯỜNG TRÊN ANDROID	Trần, Tấn Đồng	Phạm, Ngọc Huyền	2018	“Xây dựng ứng dụng di động Nhật Ký Học Đường trên Android”. Ứng dụng được thiết kế để giúp học sinh, sinh viên tổ chức và theo dõi việc học của mình một cách khoa học.
785	Đại học	TÓM TẮT RÚT TRÍCH VĂN BẢN DỰA TRÊN RNN VỚI GRU	Phan, Chí Khang	Lâm, Nhật Khang	2018	Luận văn này nghiên cứu phương pháp tóm tắt rút trích văn bản tiếng Việt sử dụng mô hình RNN và GRU. Mô hình Word2Vec được sử dụng cho việc nhúng từ để xây dựng bộ từ vựng tiếng Việt và chuyển đổi các từ thành các vector để phục vụ cho mô hình RNN hai hướng với GRU. Phương pháp đánh giá ROUGE được sử dụng để đánh giá kết quả thực nghiệm trên tập dữ liệu gồm 49,909 bài báo được thu thập từ các trang báo điện tử tiếng Việt đạt: Rouge-1 (F1-score (F) – 44, 02%), Rouge-2 (F – 19,2%), Rouge-L (F– 32,63%).
786	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MỘT TIỆM GIẶT ỦI	Võ, Hồng Hà My	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Đề tài được thực hiện để đáp ứng nhu cầu thực tế. Hiện tại cũng đã có một số hệ thống quản lý giặt ủi nhưng chủ yếu là quản lý theo kiểu truyền thống như in biên nhận, in hóa đơn chứ không quản lý chi tiết các thành phần bên trong. Nhận thấy nhu cầu đó, chúng tôi đã phát triển một hệ thống quản lý về cửa hàng giặt ủi. Bao gồm quản lý từng sản phẩm quần áo được đưa đến, in biên nhận, in hóa đơn đồng thời lưu lại thông tin khách hàng, quản lý từng nhân viên và lập biên bản bồi thường nếu có mất mát. Website được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình giả lập webserver Apache và các công nghệ web như: AJAX, Javascript, jQuery, HTML, Bootstrap.

787	Đại học	HỆ THỐNG CẢNH BÁO CHÁY ỨNG DỤNG IOT	Lê, Nguyễn Thái Dương	Nguyễn, Thị Thu An	2018	Hệ thống cảnh báo cháy ứng dụng IoT trong đề tài có tên là FireSys gồm các thiết bị có nhiệm vụ cảm biến (nhiệt độ, độ ẩm, khói, khí gas, lửa) và báo động khi có cháy xảy ra. Song song đó, hệ thống còn kết hợp với website để cho quản lý viên theo dõi từ xa và đưa ra cách xử lý kịp thời khi xảy ra cháy. FireSys cung cấp chức năng theo 3 hướng: quản lý viên, quản trị viên và người dùng nhưng phạm vi đề tài này sẽ trình bày hai đối tượng chính đó là quản lý viên và quản trị viên. Đối với quản trị viên như là một người cung cấp hệ thống thì quản lý các chức năng như thông tin người dùng, thông tin quản lý viên, theo dõi thông số cảm biến. Ngoài ra quản trị viên có thể thêm, sửa, xoá người dùng, cũng như thao tác trên quản lý viên. Đối với quản lý viên, người trực tiếp quản lý trang web có các chức năng thêm người dùng mới, quản lý người dùng, theo dõi thông số cảm biến, nhận cảnh báo và giải quyết các sự cố có khả năng xảy ra. FireSys được phát triển bằng HTML, CSS, thư viện ReactJs, Bootstrap 4, sử dụng hệ quản trị CSDL của Google Firebase và ThingSpeak để lưu trữ giá trị của cảm biến. FireSys đã xây dựng được các chức năng cơ bản của một hệ thống cảnh báo phòng chống cháy nổ kết hợp công nghệ IoT.
788	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁN HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TÍCH HỢP HỆ THỐNG GỢI Ý	Mai, Thị Yến Nhi	Sử, Kim Anh	2018	“Xây dựng hệ thống bán hàng vật tư nông nghiệp tích hợp hệ thống gợi ý” hệ thống này giúp cho việc quản lý trở nên hiệu quả, nhà cung cấp có thể giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng và giúp người dùng có thể tiếp cận sản phẩm một cách dễ dàng. Ngoài ra, với sự tích hợp hệ thống gợi ý website có thể dự đoán và đưa ra những sản phẩm được đánh giá cao và phù hợp với sở thích và yêu cầu của khách hàng, cung cấp giải pháp mang tính cá nhân hóa mà không phải trải qua quá trình tìm kiếm phức tạp. Hệ thống được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework với mô hình MVC sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ pache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, ... nhiều chức năng và phân quyền người dùng hỗ trợ cho việc quản trị trở nên dễ dàng, thuận tiện. Đồng thời, xây dựng hệ thống gợi ý dựa trên những đánh giá được thu thập từ phản hồi tường minh của khách hàng để đưa ra những gợi ý sản phẩm được dự đoán là phù hợp với sở thích của khách hàng.

789	Đại học	HỆ THỐNG CẢNH BÁO CHÁY ỨNG DỤNG IOT	Võ, Nguyễn Đăng	Nguyễn, Thị Thu An	2018	“Hệ thống cảnh báo ứng dụng IoT - FireSys”. FireSys gồm các thiết bị có nhiệm vụ cảm biến (nhiệt độ, độ ẩm, khói, khí gas, lửa) và báo động khi có cháy xảy ra với các phòng học, nhà ở, khu chung cư... Ngoài ra, hệ thống còn kết hợp với ứng dụng trên điện thoại Android dành cho người dùng có thể theo dõi các điều kiện môi trường nơi có gắn hệ thống và sử dụng một website để cho người quản lý theo dõi từ xa và đưa ra cách xử lý kịp thời khi xảy ra cháy. Ứng dụng android FireSys cung cấp các chức năng hướng tới người dùng. Người dùng có thể xem vị trí hệ thống, xem các thông số cảm biến đo được tức thời cùng với thang màu cảnh báo 3 mức, xem biểu đồ thời gian thực, giá trị cao nhất – thấp nhất – trung bình của các thông số, xem biểu đồ thông số trung bình mỗi ngày, nhận cảnh báo khi có dấu hiệu cháy. Ứng dụng hệ thống được phát triển bằng ngôn ngữ React Native do Facebook phát hành, API ThingSpeak – server lưu các giá trị cảm biến, hệ quản trị cơ sở dữ liệu của Google Firebase để quản lý tài khoản đăng nhập.
790	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRẢ LỜI TỰ ĐỘNG DỰA TRÊN MÔ HÌNH SEQ2SEQ VỚI MẠNG GRU	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Lâm, Nhật Khang	2018	Xây dựng mô hình chatbot cho tiếng Việt dựa trên mô hình sequence-to-sequence và GRU. Chatbot xây dựng được sẽ có khả năng tự học các đoạn hội thoại được thu thập từ trước để sinh ra câu trả lời tương ứng cho mỗi câu đầu vào. Dữ liệu thực nghiệm trong luận văn là kho dữ liệu mở OpenSubtitles với hơn 2 triệu dòng thoại. Ưu điểm của phương pháp này là hệ thống sẽ được huấn luyện từ đầu đến cuối dựa trên một tập có sẵn và không yêu cầu các luật xây dựng thủ công.
791	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGI	Ngô, Thị Thanh Thanh	Ngô, Bá Hùng	2018	Quản lý đào tạo là một chức năng thiết yếu trong các trường cao đẳng đại học, giúp tham mưu cho hiệu trưởng khi xây dựng chiến lược phát triển đào tạo của nhà trường, tổ chức đào tạo, triển khai thực hiện công tác tuyển sinh, công tác khảo thí, quản lý sinh viên, kết quả học tập và đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục trong đời sống xã hội nói chung, công tác quản lý đào tạo nói riêng, hệ thống quản lý đào tạo đã được đề ra và xây dựng, phát triển đáp ứng những nhu cầu trên. Từ những trình bày trên, em đã chọn đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý đào tạo các trường cao đẳng dựa trên công nghệ OSGi”. Phát triển dựa trên nền Liferay Portal 7, hệ thống được chia nhỏ thành nhiều thành phần độc lập, mỗi thành phần được xem như một module, trong số đó module em thực hiện là “Quản lý chương trình đào tạo”. Sau gần 4 tháng tìm hiểu, nghiên cứu công nghệ và phát triển module, chức năng “Quản lý chương trình đào tạo” về cơ bản đã hoàn thành, đáp ứng phần lớn những yêu cầu đề ra trong đặc tả, cũng như nhu cầu quản lý chương trình đào tạo cho các trường cao đẳng trong nước.

792	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐÈN GIAO THÔNG BẰNG ARDUINO THÔNG QUA INTERNET	Huỳnh, Thị Bính	Trần, Việt Châu	2018	Ùn tắc giao thông tại các ngã tư là một trong những vấn đề được nhiều người quan tâm nhất hiện nay. Ở các thành phố lớn, tình trạng kẹt xe hàng giờ liền vào những giờ cao điểm là hiện trạng xảy ra rất thường xuyên. Vì thế mô hình “ Mô hình điều khiển đèn giao thông bằng Arduino thông qua Internet ” được ra đời để giải quyết vấn đề trên. Các cán bộ điều khiển giao thông có thể áp dụng mô hình để điều khiển đèn giao thông ở các ngã tư. Với đề tài này, Arduino giữ vai trò điều khiển các pha đèn , khi kết nối Internet thì mô hình có thể được điều khiển thông qua giao diện Web. Khi bị kẹt xe, người điều có thể sử dụng chế độ nút bấm để điều khiển các luồng xe. Tất cả các đèn sẽ được chuyển đỏ khi sử dụng chế độ này. Nếu muốn pha nào được đi thì người điều khiển có thể sử dụng nút bấm bằng tay, điều khiển trên Web hoặc bằng điện thoại. Ở những pha xe thường xuyên xảy ra ùn tắc, ta có thể điều chỉnh được thời gian sáng đèn của đèn màu xanh và màu đỏ. Khi muốn điều chỉnh thời gian thì mô hình cần được kết nối Internet. Với đề tài này ta có thể giải quyết được một bài toán khó hiện nay. Trong tương lai, mô hình sẽ được lắp Camera để quan sát mật độ xe tại các ngã tư hoặc các trạm đèn xanh đỏ. Để từ đó có thể điều khiển thích hợp.
793	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG NGHE NHẠC TRỰC TUYẾN VỚI ANGULAR, MONGODB, ASP.NET CORE VÀ SIGNALR	Nguyễn, Trung Hiếu	Nguyễn, Đức Khoa	2018	Xây dựng một trang web Âm nhạc tại Việt Nam. Một trang web mà coi trọng bản quyền, thông tin khách hàng, một trang web tiện lợi, tối ưu. Amnhac.com sẽ sử dụng JWT Token cùng các phương thức mã hóa SHA256 và AES để bảo mật tài khoản người dùng. Tuân theo các đạo luật Châu Âu EU GDPR về Cookie và quản lý thông tin người sử dụng, Amnhac.com sẽ lưu trữ dữ liệu trên máy tính của họ nhưng không làm lộ thông tin người dùng. Bên cạnh đó, trải nghiệm của người dùng sẽ được cải thiện hơn nhờ công nghệ Angulars’s Single Page Website, giúp người dùng nghe nhạc mà không bị gián đoạn khi đọc tin tức trên cùng một trang. Một dịch vụ web nền tảng ASP.NET Core 2.1 mới nhất, giúp cho dự án có thể mở rộng sang đa nền tảng, đa máy chủ, lược đi cùng với MongoDB, một cơ sở dữ liệu NoSQL nhằm đáp ứng nhu cầu của hơn hàng triệu người dùng cùng một lúc mà vẫn đảm bảo tốc độ phản hồi. Trải nghiệm giao tiếp thời gian thực cũng sẽ được tích hợp trong Amnhac.com, nơi các thông báo và tin nhắn giao tiếp giữa cộng đồng người yêu nhạc. Với SignalR dành cho ASP.NET Core, thiết lập một Hub Proxy cùng phương thức bảo mật tin tức MessagePack Protocol được đi kèm sẽ giúp cho trang web thời gian thực vừa nhanh, vừa an toàn cho người dùng.

794	Đại học	TÓM TẮT RÚT TRÍCH VĂN BẢN SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP CENTROID-BASED	Trần, Bảo Ngọc	Lâm, Nhật Khang	2018	Luận văn trình bày phương pháp tóm tắt văn bản theo hướng rút trích, áp dụng và cải tiến phương pháp centroid-base trong tóm tắt văn bản tiếng Việt. Luận văn tìm hiểu các xử lý dữ liệu đầu vào với tiếng Việt, xây dựng mô hình word embedding để xác định mối quan hệ về mặt ngữ nghĩa đối với các từ tiếng Việt. Sử dụng trọng số TF-IDF để xác định các từ trọng tâm trong văn bản tóm tắt. Phương pháp thực hiện tóm tắt bằng việc rút trích các câu mang ý chính trong văn bản, được xác định dựa vào mức quan hệ của các từ trong câu với các từ trọng tâm. Phương pháp được đánh giá với ROUGE 1, 2 và ROUGE-L, trên hai tập dữ liệu. Tập dữ liệu dùng để đánh giá thứ nhất gồm 7.950 bài báo được thu thập từ trang vnexpress.net kết quả trung bình(F-core) của đánh giá ROUGE 1, 2 và ROUGE-L lần lượt là 0,503; 0,179 và 0,341. Tập dữ liệu thứ hai là Vietnamese MDS gồm 200 bài báo được xây dựng và tóm tắt thủ công. Kết quả ROUGE lần lượt là 0,717; 0,437 và 0,613.
795	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE ÔN THI CHÚNG CHỈ NGOẠI NGỮ TOEIC BẰNG NGÔN NGỮ JAVA SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ SPRING MVC	Nguyễn, Nhật Quang	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	Ngày nay, công nghệ thông tin đã và đang phát triển không ngừng, nó thúc đẩy tất cả các lĩnh vực và ngành nghề khác cùng phát triển theo. Nhờ sự ra đời của các website, việc học giờ đây trở nên thuận lợi hơn rất nhiều. Mọi người không nhất thiết phải di chuyển đến với các trung tâm, các lớp học với lịch học cứng nhắc nữa , mà thay vào đó chúng ta có thể học ở mọi lúc, mọi nơi, chỉ cần chúng ta có một thiết bị công nghệ có kết nối Internet là được. Đề tài luận văn: “Xây dựng website ôn thi chứng chỉ ngoại ngữ Toeic bằng ngôn ngữ Java sử dụng công nghệ Spring MVC” mong muốn thiết kế một trang web hỗ trợ cho việc ôn thi Toeic, cho phép người sử dụng xem nội dung các bài học, làm các bài tập và làm các bài thi thử để người học có thể kiểm tra được năng lực của mình. Hơn nữa trang web còn cho phép quản trị viên quản lý nội dung của trang web một cách linh hoạt. Website được xây dựng dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL để thiết kế cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ Java với công nghệ Spring MVC và sử dụng công nghệ Bootstrap để thiết kế website. Website ứng dụng sau khi được xây dựng hoàn thành sẽ giúp cho việc ôn thi lấy chứng chỉ Toeic tiết kiệm và linh động hơn khi người dùng có thể học mọi lúc, mọi nơi khi có kết nối Internet.

796	Đại học	PHÂN LỚP VĂN BẢN SỬ DỤNG KỸ THUẬT MÁY HỌC: ỨNG DỤNG PHÂN LOẠI BÀI BÁO ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Bùi, Hữu Lộc	Trần, Thanh Điện	2018	Đề tài này được thực hiện nhằm tìm hiểu các phương pháp học máy dùng để phân loại các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí của Trường Đại học Cần Thơ. Do tính đa chủ đề của các bài báo khoa học, một bài báo khoa học có thể thuộc một hoặc nhiều chủ đề khác nhau; hạn chế về mặt thời gian thực hiện, mô hình phân loại bài báo khoa học này chỉ phân loại được 10 chủ đề, có nội dung tương đối độc lập nhau: Công nghệ, Môi trường, Tự nhiên, Chăn nuôi, Công nghệ Sinh học, Nông nghiệp, Thủy sản, Giáo dục, Xã hội - Nhân văn, Kinh tế. Hầu hết các bài báo khoa học đều được lưu trữ dưới dạng ngôn ngữ tự nhiên, dạng dữ liệu phi cấu trúc. Để phân loại một cách tự động, chúng ta cần phải chuyển chúng sang dạng dữ liệu có cấu trúc. Cách phổ biến nhất hiện nay là sử dụng không gian véc-tơ, mỗi bài báo khoa học sẽ được biểu diễn thành một véc-tơ của các từ khoá (phương pháp này được gọi là véc-tơ hoá thông tin). Tuy nhiên, để véc-tơ hoá thông tin, chúng ta cần phải tiền xử lý các bài báo khoa học đó. Các công việc cụ thể cần phải làm là: chuyển đổi định dạng từ *.docx sang *.txt, tách từ, loại bỏ stop word. Trong đề tài này, em sử dụng MultiDoc Converter để chuyển đổi định dạng văn bản từ *.docx sang *.txt với mã hoá encode là utf-8, tách từ bằng VnTokenizer và loại bỏ stop word bằng giải thuật được xây dựng trên java. Dữ liệu bài báo sau đó sẽ được tiến hành phân loại trên thư viện Weka bằng phương pháp học máy. Nhìn chung, em đã hoàn thành cơ bản yêu cầu của đề tài là phân loại các bài báo khoa học đăng trên tạp chí của trường Đại học Cần Thơ. Tuy nhiên cần cải thiện bằng cách tăng thêm số lượng bài báo khoa học để máy học có thể phân loại chuẩn xác hơn nữa.
797	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ THÔNG TIN KHUYẾN NÔNG	Thạch, Thị Tuyết Phụng	Sử, Kim Anh	2018	Hệ thống hỗ trợ thông tin khuyến nông được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP trên nền Laravel framework. Hệ thống được xây dựng nhằm mục đích cung cấp và hỗ trợ các thông tin khuyến nông cần thiết cho người nông dân thông qua việc đánh dấu vị trí trên bản đồ. Để quản lý thông tin khuyến nông trước tiên cần có thư viện Leaflet, một thư viện JavaScript mã nguồn mở cho việc xây dựng một ứng dụng bản đồ có tính tương tác. Ngoài ra hệ thống này còn là một lớp tập huấn khuyến nông trực tuyến giúp cho người nông dân có thể tham gia tập huấn ở mọi thời điểm, người dùng có thể đưa ra những ý kiến, các câu hỏi thắc mắc bằng việc bình luận trực tiếp trên trang lớp học.

798	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢN LÝ NHÀ TRỢ	Lâm, Thị Thùy Dương	Trần, Công Ân	2018	“Website cung cấp dịch vụ quản lý nhà trọ” gồm chức năng cho ba nhóm người dùng: khách hàng, người quản lý nhà trọ, quản trị viên. Đối với khách hàng chỉ có thể tìm kiếm thông tin gói dịch vụ và đăng ký khi có nhu cầu sử dụng, hoặc nếu có nhu cầu thuê phòng có thể tìm kiếm nhà trọ theo địa chỉ để xem thông tin phòng trống và đặt phòng. Đối với người quản lý nhà trọ sau khi đăng nhập thành công có thể thực hiện quy trình quản lý nhà trọ như quản lý phòng, quản lý dịch vụ có phụ thu, quản lý chỉ số điện-nước, quản lý khách thuê, lập hóa đơn,... Người quản trị ngoài những chức năng trên còn có thêm các chức năng như: quản lý nhóm người dùng (thêm, sửa, xóa, phân quyền), quản lý người dùng (đăng ký, sửa, xóa, duyệt, khóa tài khoản người dùng), quản lý gói dịch vụ (thêm, chỉnh sửa, xóa danh mục). “Website cung cấp dịch vụ quản lý nhà trọ” được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình PHP, CSS3, HTML5, JavaScript, jQuery dựa theo mô hình MVC (Model - View - Controller) thông qua Framework Laravel và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Về cơ bản, “Website cung cấp dịch vụ quản lý nhà trọ” đã xây dựng được các chức năng của một hệ thống quản lý nhà trọ cần có.
799	Đại học	PHÁT TRIỂN GAME VỚI UNITY 2D GAME HỌC TIẾNG ANH	Trần, Như Hào	Trần, Công Ân	2018	Luận văn tốt nghiệp “Phát triển Game với Unity 2D – Game Học Tiếng Anh” là một nghiên cứu về Game Engine 2D Unity. Đây là một bộ công cụ cung cấp môi trường phát triển tích hợp sử dụng các thư viện hỗ trợ game trên các nền tảng hệ điều hành. Sản phẩm của luận văn là một game (Học Tiếng Anh) chạy được trên laptop và các thiết bị di động hệ điều hành Android. Đối tượng hướng đến của game là thiếu nhi. Game được phát triển bằng ngôn ngữ C#, với hai màn chơi. Màn một được viết để thu hút sự chú ý của người chơi và màn hai đòi hỏi người chơi phải tư duy và học hỏi. Vì vậy, giao diện được thiết kế gần gũi, đối tượng đồ họa phù hợp lứa tuổi, hiệu ứng vui và đẹp, âm thanh trực quan. Bước đầu game chỉ chạy được trên hai nền tảng, nhưng trong tương lai sẽ phát triển trên những hệ điều hành khác.
800	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐÈN GIAO THÔNG BẰNG ARDUINO THÔNG QUA INTERNET	Huỳnh, Hoàng Long	Trần, Việt Châu	2018	Arduino là một nền tảng điện tử mã nguồn mở dựa trên phần cứng và phần mềm dễ sử dụng, được sử dụng rộng rãi trong các ý tưởng lập trình hiện tại với các thiết bị thực. Đây là một mảng khá thú vị đối với những người theo xu hướng lập trình vì trên thực tế phần mềm trên máy tính chỉ chiếm khoảng 10% sản lượng trên thị trường, phần còn lại là để nhúng vào các thiết bị điều khiển. Bài nghiên cứu này nhằm mục tiêu xây dựng một hệ thống đèn giao thông cho một giao lộ. Với chu kỳ đèn tính hiệu tùy thuộc vào sự điều khiển của người sử dụng thông qua Internet và hệ thống nút điều khiển thủ công. Bài nghiên cứu vận hành theo hai chế độ chính một là vận hành bình thường có thể cài đặt thời gian cho các pha đèn bằng Web, hai là chế độ sử dụng nút điều khiển ở chế độ này người sử dụng có thể chuyển đổi các pha đèn bằng nút thủ công, bằng Web và ứng dụng Blynk. Người sử dụng có thể chuyển đổi giữa hai chế độ một cách dễ dàng bằng một nút điều khiển chuyển chế độ. Đề tài này nghiên cứu ứng dụng các bảng mạch xử lý Arduino để thiết lập điều khiển tự động.

801	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢNG BÁ DU LỊCH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG Phân hệ: thiết lập website đa ngôn ngữ	Võ, Thanh Linh Trần, Nguyên Tính	Phạm, Thế Phi	2018	Các trang web đáp ứng nhu cầu chia sẻ thông tin và tìm hiểu thông của các quốc gia, tổ chức, công ty hay cá nhân một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các quốc gia có thể đăng thông tin các công văn, chỉ đạo v.v.. Tổ chức, công ty có thể giới thiệu các loại sản phẩm, hay cả yêu cầu tuyển dụng v.v.. Và những người cá biệt thông tin cũng có thể thông qua web để cập nhật nhanh chóng có nhiều ưu điểm hơn các phương thức truyền thông cũ. Hiện nay, khi đời sống ngày một nâng cao thì nhu cầu đi du lịch của con người cũng được nâng cao. Vì vậy việc xây dựng một web để hướng dẫn về du lịch là vô cùng cần thiết để hỗ trợ khách hàng trong và ngoài nước lựa chọn một nơi du lịch phù hợp nhanh chóng là không thể thiếu được. Từ ý tưởng đó với sự hướng dẫn của thầy Phạm Thế Phi nhóm em đã xây dựng “website quảng bá du lịch Đồng bằng sông Cửu Long”. Sử dụng google translate và kinh nghiệm cá nhân để dịch cơ sở dữ liệu và những từ ngữ địa phương không thể dịch tự động.
802	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT CÔNG TY TỔ CHỨC SỰ KIỆN	Đào, Quang Định	Phan, Tấn Tài	2018	“Hệ thống quản lý hoạt động của một công ty tổ chức sự kiện” được đề xuất với mong muốn xây dựng được một hệ thống hỗ trợ cho công ty thực hiện các nghiệp vụ quản lý, giảm bớt thời gian thực hiện khối lượng công việc cho nhân viên và tăng độ chính xác cho việc lập báo cáo thống kê. Đồng thời, dữ liệu khi lưu trữ trên hệ thống có thể dễ dàng phục hồi khi hư hỏng hoặc có sự cố. Ngoài ra, hệ thống còn là cầu nối cho khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận công ty, giúp khách hàng chủ động theo dõi, quản lý các vấn đề liên quan tới việc tổ chức sự kiện. Hệ thống cung cấp những chức năng: quản lý danh mục, quản lý nhân sự của công ty, quản lý quy trình phát triển một sự kiện, quản lý kho dụng cụ của công ty, quản lý xuất các loại hợp đồng và thống kê báo cáo phục vụ trong công tác quản lý. Hệ thống được xây dựng dựa trên quy trình hoạt động của các công ty tổ chức sự kiện ở thực tế. Đồng thời, hệ thống được xây dựng dựa trên mô hình MVC với Laravel Framework, gồm 2 phần cơ bản là ngôn ngữ PHP và framework Laravel. Hệ thống được phát triển dựa trên công cụ hỗ trợ như hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache, và các công nghệ như: HTML5, Javascript, CSS, JQuery, Blade Template Engine.
803	Đại học	NHẬN DẠNG BIỂN BÁO GIAO THÔNG VIỆT NAM THỜI GIAN THỰC BẰNG YOLO	Dương, Lữ Điện	Trần, Công Ân	2018	Trong đề tài này, chúng tôi đề xuất sử dụng YOLO, một thuật toán tiên tiến trong việc giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng trong ảnh vào bài toán nhận dạng biển báo giao thông tại Việt Nam. Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm và đạt được điểm F1 là 92% trên tập dữ liệu khoảng 5000 ảnh chứa 22 loại biển báo giao thông do chúng tôi tự thu thập. Ngoài ra, chúng tôi cũng cài đặt lại thuật toán YOLO trên TensorFlow, một framework cho học tập sâu được phát triển bởi Google giúp cho thời gian nhận dạng nhanh gấp 3 lần so với phiên bản gốc của thuật toán được cài đặt bằng ngôn ngữ C và sẵn sàng để triển khai trên các ứng dụng thực tế.

804	Đại học	WEBSITE ỨNG DỤNG “CÙNG NHAU HỌC TẬP”	Trần, Huỳnh Trang	Phạm, Ngọc Huyền	2018	Trước đây, công nghệ thông tin chưa được phát triển và ứng dụng rộng rãi thì việc tìm kiếm tài liệu học tập của sinh viên chủ yếu là ở các nhà sách, thư viện làm tốn nhiều thời gian, công sức mà hiệu quả chưa cao. Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ và được áp dụng rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, các nguồn tài liệu trên internet hiện nay có quá nhiều, không sát với nội dung mà người học muốn tìm kiếm và chắc chắn, những tài liệu này không phải lúc nào cũng miễn phí, cũng như việc lưu trữ, quản lý các tài liệu này ngày càng khó khăn hơn. Nên việc xây dựng hệ thống nhằm phục vụ nhu cầu học tập của sinh viên là cần thiết. Vì thế, đề tài: website ứng dụng “Cùng nhau học tập” được đề xuất với mong muốn xây dựng một hệ thống hỗ trợ cho sinh viên trao đổi thông tin học tập, chia sẻ tài liệu với nhau một cách hiệu quả nhất, hỗ trợ quản lý tài liệu học tập một cách có hệ thống và lâu dài. Hệ thống được xây dựng trên ngôn ngữ lập trình PHP, sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện và công nghệ hỗ trợ web khác như: HTML, JavaScript, CSS, Bootstrap. Ngoài ra còn sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.
805	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ THI CHỨNG CHỈ TRÊN MOODLE	Lê, Ngọc Lễ	Trần, Cao Đệ	2018	“Xây dựng hệ thống quản lý thi chứng chỉ trên Moodle”. Hiện tại Moodle được xem là hệ thống e-learning thành công nhất trên thế giới, với khả năng đáp ứng hầu hết các chức năng mà một hệ thống thi chứng chỉ cần thiết. Tuy nhiên Moodle cũng vì tính đáp ứng cao đã mang lại sự khó khăn trong việc sử dụng Moodle, đặc biệt là đối với những người dùng không chuyên. Có thể kể đến một số khó khăn đó như việc điều hướng rất phức tạp, tạo và quản lý câu hỏi tuy hoàn thiện nhưng lại khó khăn trong việc nhập lượng lớn câu hỏi có gắn thẻ và chia chương cho từng câu hỏi đó. Để giải quyết này đề tài sẽ tập trung vào việc tạo ra các module hỗ trợ cho việc điều hướng và hướng dẫn người dùng thực hiện các chức năng đơn giản, tạo file user , và tạo module thêm câu hỏi từ file excel với số lượng lớn. Kết quả luận văn là hỗ trợ người dùng dễ dàng sử dụng và thao tác trên giao diện hệ thống tốt hơn. Ngoài ra còn hỗ trợ người dùng quản lý câu hỏi chặt chẽ cho việc tạo đề thi dễ dàng.
806	Đại học	ỨNG DỤNG TRUY XUẤT THÔNG TIN DINH DƯỠNG CỦA TRÁI CÂY TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Dương, Ngọc Kim Chi	Nguyễn, Tí Hon	2018	Đề tài "Ứng dụng truy xuất thông tin dinh dưỡng của trái cây thông qua hình ảnh trên nền tảng android" sử dụng Android Studio viết nên ứng dụng có khả năng kết hợp công nghệ nhận dạng ảnh theo nội dung đặc trưng bằng máy học trên Server. Bằng cách dùng thuật toán SURF của OpenCV để trích đặc trưng của ảnh và mô hình túi đặc trưng để tạo các vector đặc trưng ảnh, sau đó dùng kỹ thuật phân nhóm ảnh để lấy phản hồi tương đồng cosine. Cuối cùng lấy k ảnh tương đồng gần nhất với ảnh truy vấn. Kết quả sẽ được chọn dựa trên tỉ lệ xuất hiện của độ tương đồng thuộc về nhóm nào nhiều nhất. Kết quả sẽ trả về về ứng dụng nền tảng Android, từ kết quả ứng dụng sẽ truy vấn đến Firebase để tìm thông tin dinh dưỡng của trái cây tương ứng.

807	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỒ SƠ PHẬT GIÁO PHÂN HỆ QUẢN LÝ TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ	Trần, Bảo Lộc	Trương, Minh Thái	2018	Việc quản lý số lượng tăng ni thuộc các tự viện và số lượng Tự viện trong một tỉnh thì các cán bộ quản lý phải đến tận nơi các tự viện để lấy thông tin hoặc thông tin được gửi về từ các tự viện, tiếp đó là việc tổng hợp dữ liệu từ các tự viện lại mất khá nhiều thời gian. Nhưng khi muốn tìm một hồ sơ của một tăng ni thuộc một tự viện nào đó sẽ khó khăn trong việc tìm kiếm. Với việc lưu trữ dữ liệu nhiều bằng cách thủ công sẽ dẫn đến những khó khăn trong việc quản lý cũng như tổng hợp và thống kê. Nhằm mục đích giải quyết bài toán quản lý hồ sơ của tăng ni và tự viện, đề tài xây dựng một website quản lý cho phép các người quản lý ở nhiều cấp sử dụng để cập nhật dữ liệu, truy xuất dữ liệu. Từ các dữ liệu đó người quản lý các cấp có thể quản lý, thống kê, truy xuất dữ liệu dễ dàng và trực quan hơn. Đề tài hiện tại đã hoàn thành một số chức năng cho người quản lý cấp tỉnh và người quản lý tự viện, tiêu biểu như: Quản lý tăng ni có các chức năng thêm, sửa, xóa một tăng ni, xem danh sách các tăng ni, xem hồ sơ chi tiết từng tăng ni. Quản lý Phật tử có các chức năng, sửa xóa Phật tử xem hồ sơ chi tiết. Quản lý tự viện: thêm một tự viện mới chỉnh sửa các trường thông tin về tự viện, thống kê. Quản lý văn bản: đăng văn bản, tạo đơn. Các chức năng xử lý phía server của ứng dụng được lập trình bằng Laravel - một framework của ngôn ngữ lập trình PHP. Bên cạnh đó, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL là nơi lưu trữ các dữ liệu.
808	Đại học	HỆ THỐNG IOT- XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẢNH BÁO VÙNG NGUY HIỂM CHO THUÊ XE Ô TÔ TỰ LÁI	Hồ, Ngọc Đăng Khoa	Sử, Kim Anh	2018	
809	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH	Lê, Quốc Vinh	Sử, Kim Anh	2018	“Hệ thống giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học” là website giúp người học dễ dàng học các bài học của khóa học nhờ giao diện dễ tương tác, trong khóa học khi học xong hai bài thì sẽ có một trò chơi giải trí xuất hiện, đồng thời khi học xong ở cuối bài học còn có các bài kiểm tra giúp người học nhớ lâu hơn và ở cuối mỗi khóa học có một bài kiểm tra cuối khóa nếu hoàn thành thì sẽ thông báo kết quả thi và một chứng nhận ghi đã hoàn thành khóa học. Bên cạnh đó, website còn nhắc nhở những khóa học đang học và gợi ý những khóa học mới nhất một cách chính xác. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu xây dựng website giáo dục môi trường nhằm mục đích giúp học sinh có thêm kiến thức về môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống xung quanh mình. Khi học trên website này các em học sinh sẽ không cảm thấy quá khô khan vì trên đây là những hình ảnh vô cùng sinh động và có những bài kiểm tra vô cùng hữu ích và thực tế. Để thực hiện được website giáo dục môi trường trên tôi đã sử dụng PHP, BOOTSTRAP để lập trình cho trang web và UNITY để lập trình trò chơi.

810	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM) DỰA TRÊN NỀN TẢNG BLOCKCHAIN ETHEREUM (Phân hệ Client)	Trần, Văn Tới	Trần, Công Ân	2018	Blockchain có thể ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng việc ứng dụng trong các ngành nghề ở Việt Nam vẫn chưa nhiều. Hiện tại, đa số Blockchain phục vụ cho lĩnh vực tài chính, việc ứng dụng trong các lĩnh vực khác như y tế, nông nghiệp thì vẫn còn chậm. Các ứng dụng của Blockchain vào các ngành nghề khác vẫn chưa thấy được rõ nét. Dẫu có nhiều hoạt động tiếp cận thị trường nhưng để ứng dụng thực tế thì vẫn xa xăm. Ví dụ trong ngành ngân hàng, phí giao dịch và dịch vụ còn cao, nhất là đối với vùng nông thôn. Blockchain có thể giúp người dân nông thôn tiếp cận dịch vụ ngân hàng với chi phí thấp, nhưng trở ngại là người dân lại không dùng điện thoại thông minh để cài ứng dụng. Cũng như về quản trị chuỗi cung ứng trong ngành nông nghiệp, kết nối nhà nông và các thành phần trong chuỗi cung ứng để bảo đảm hiệu quả và chất lượng trong ngành, tăng tính minh bạch trong quy trình sản xuất và phân phối. Nhưng để người nông dân áp dụng công nghệ mới này là vấn đề vô cùng khó khăn, họ phải biết cách sử dụng chuỗi khối, cài đặt ứng dụng. Nắm bắt được vấn đề nêu trên, chúng tôi đã chọn và xây dựng đề tài “Phát triển ứng dụng quản lý chuỗi cung ứng (SCM) dựa trên nền tảng BlockChain Ethereum”.
811	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH HỆ THỐNG NHÀ THÔNG MINH	Lê, Hoài Khang	Cao, Hoàng Tiến	2018	“Xây dựng mô hình hệ thống nhà thông minh” với mục đích thiết kế và xây dựng một hệ thống quản lý các thiết bị và vật dụng trong nhà với chi phí thấp nhưng hiệu quả cao, đem lại sự tiện lợi và an toàn cho người sở hữu hệ thống. Thành phẩm của đề tài là một mô hình hệ thống nhà thông minh với những chức năng cơ bản như: chức năng điều khiển tự động thông qua cảm biến hoặc thông qua sự điều khiển của con người, chức năng cảnh báo với một số sự cố trong nhà, chức năng điều khiển từ xa và hỗ trợ an ninh. Hệ thống ứng dụng các công nghệ và thiết bị hỗ trợ như: máy tính nhúng Raspberry Pi 3, Kit RF thu phát Wifi ESP8266 NodeMCU Lua V3 CH340, giao thức truyền nhận dữ liệu MQTT, phần mềm mã nguồn mở OpenHAB và một số cảm biến. Hệ thống nhà thông minh có thể được ứng dụng tốt trong nhà ở, phòng trọ, căn hộ, hay có thể mở rộng ra tòa nhà nhiều tầng. Mong rằng, với sự phát triển ngày càng không ngừng của công nghệ thì hệ thống này sẽ sớm có thể được ứng dụng rộng rãi vào cuộc sống của con người.

812	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM) DỰA TRÊN NỀN TẢNG BLOCKCHAIN ETHEREUM (PHÁT TRIỂN SERVER)	Lâm, Dương Quốc Bình	Trần, Công Ân	2018	Trong khuôn khổ đề tài luận văn tốt nghiệp, chúng tôi xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng (SCM) có khả năng quản lý quy trình sản xuất nông sản từ khâu trồng trọt đến khâu đóng gói trước khi đến tay người tiêu dùng. Để thực hiện các chức năng trên chúng tôi đã sử dụng nền tảng Ethereum Blockchain để thiết lập các hợp đồng thông minh (smart contract) nhằm thực hiện các quy trình trong quản lý nông sản như: trồng trọt, thu hoạch, xuất hàng, nhập hàng và xử lý hàng. Ở đề tài “Phát triển ứng dụng quản lý chuỗi cung ứng (SCM) dựa trên nền tảng Blockchain Ethereum”, chúng tôi đã hoàn thành thiết kế ra một hệ thống có khả năng quản lý một chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, hệ thống còn có khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm với mục đích bảo đảm sự an toàn cho người tiêu dùng thông qua nguồn gốc rõ ràng của nông sản.
813	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THỜI TRANG VỚI LARAVEL FRAMEWORK	Đặng, Trọng Phú	Nguyễn, Đức Khoa	2018	Trong hoạt động sản xuất kinh doanh giờ đây thương mại điện tử đã và đang mang lại nhiều lợi ích thiết thực đối với sự phát triển của các doanh nghiệp công ty cửa hàng. Việc quảng bá giới thiệu và bán các sản phẩm của mình đến tay người tiêu dùng là hết sức cần thiết. Vậy phải quảng bá và giới thiệu như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất và tiếp cận được khách hàng một cách nhanh nhất đó là xây dựng một website cho doanh nghiệp cửa hàng của mình. Nắm bắt được yêu cầu đó em đã “Xây dựng website bán hàng thời trang với Laravel Framework” giúp các cửa hàng, shop thời trang có thể quảng bá giới thiệu sản phẩm của mình trên website và tiếp cận khách hàng một cách nhanh nhất. Đề tài xây dựng website bán hàng tuy không mới nhưng đây là ước mơ của em, ước mơ mở một cửa hàng thời trang và bán các sản phẩm của mình trên internet được nhanh chóng và hiệu quả đây cũng là lý do em chọn đề tài này.
814	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ TRONG NHÀ VỚI RASPBERRY PI VÀ ARDUINO	Đặng, Duy Tuấn	Trương, Minh Thái	2018	“Phát Triển Ứng Dụng Giám Sát Và Điều Khiển Thiết Bị Trong Nhà Với Raspberry Pi Và Arduino” là một giải pháp thích hợp. Mục tiêu của đề tài là tạo ra một ứng dụng cho phép người dùng điều khiển, giám sát cũng như quản lý đồ dùng trong nhà thông qua giao diện web. Với phương pháp nghiên cứu này, nó sẽ tạo ra một website được đặt trên Raspberry Pi(server), nhiệm vụ của raspberry sẽ kết nối và truyền tín hiệu điều khiển đến các arduino(client), bên cạnh đó có chức năng điều khiển thiết bị qua giọng nói và tích hợp hệ thống camera IP để nhận dạng người quen. Đề tài này sẽ cho phép người dùng điều khiển, giám sát các thiết bị thông qua giao diện web.
815	Đại học	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ IOT XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ MÔ HÌNH VƯỜN RAU THÔNG MINH	Lê, Quốc Khánh	Hồ, Văn Tú	2018	Hệ thống vườn rau thông minh giúp cho người nông dân dễ dàng giám sát và quản lý vườn rau của mình thông qua website, ứng dụng g trên thiết bị di động g. Hệ thống được tích hợp module phần cứng Arduino (vi xử lý) tại vườn rau, website và cơ sở dữ liệu do admin quản lý. Người nông dân khi yêu cầu lắp đặt hệ thống sẽ được cấp một tài khoản để đăng nhập website, ứng dụng trên điện thoại, theo dõi thông số và điều khiển máy bơm tưới nước vườn rau của mình từ xa.

816	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐỊNH VỊ VÀ QUẢN LÝ CHO THUÊ XE Ô TÔ TỰ LÁI TRỰC TUYẾN	Cao, Thanh Thi	Sử, Kim Anh	2018	“Xây dựng hệ thống định vị và quản lý cho thuê xe ô tô tự lái trực tuyến” là một hệ thống cho phép quản lý các thông tin nghiệp vụ của một dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. Trên mỗi chiếc xe cho thuê sẽ được gắn một thiết bị theo dõi, thiết bị này được lập trình trước đó để luôn chạy và gửi thông tin về máy chủ. Bằng cách tích hợp với công nghệ định vị toàn cầu (GPS) và mạng di động (GSM) hệ thống sẽ gửi dữ liệu đồng bộ về máy chủ theo thời gian thực, cho phép người quản lý (chủ xe, quản lý,...) có thể xem được xe của mình hiện tại đang ở vị trí nào, trạng thái như thế nào. Bên cạnh đó, trong mỗi hợp đồng thuê xe người quản lý có thể đặt một vùng giới hạn nào đó cho xe của mình, nếu xe ra khỏi vùng hệ thống sẽ ngay lập tức gửi tin nhắn cảnh báo về cho số điện thoại quản lý đã định nghĩa trước đó. Việc sử dụng công nghệ định vị để theo dõi, quản lý xe là một giải pháp giúp các công ty cho thuê xe có thể yên tâm hơn đối với xe đã cho thuê, bởi với hệ thống trên thì người quản lý luôn biết chiếc xe được thuê hiện tại đang ở đâu và đang hoạt động như thế nào. Không những vậy, website còn cho phép kết xuất báo cáo, thống kê dữ liệu theo dõi hàng ngày, tuần, tháng và năm giúp các doanh nghiệp tăng tính nghiệp vụ, giảm nhân lực, tăng doanh thu cho công ty mình. Luận văn tốt nghiệp CNTT – Đề tài “Xây dựng hệ thống định vị và quản lý công ty mình.
817	Đại học	CHẾ TẠO MÁY PHÂN LOẠI HẠT THEO MÀU TỰ ĐỘNG	Bùi, Công Đạt	Trần, Việt Châu	2018	Ngày nay, công nghệ ngày càng phát triển được áp dụng vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngành nông nghiệp ở nước ta mặc dù đã phát triển rất nhiều so với những năm trước nhưng thực tế cho thấy còn khá thủ công ở nhiều công đoạn, đặc biệt là công đoạn phân loại sản phẩm. Vì thế quá trình phân loại rất mất thời gian, công sức và ảnh hưởng rất nhiều từ người phân loại, có thể bị sót hoặc không chính xác. Nhận thấy vấn đề đó cũng góp phần vào sự tiến bộ của nền nông nghiệp nước nhà. Đề tài này nghiên cứu chế tạo một chiếc máy phân loại hạt tự động theo màu sắc. Từ đó giúp cho công việc phân loại hạt được dễ dàng hơn, tốn ít công sức và độ chính xác là vấn đề được chú trọng. Đề tài đã chế tạo thành công chiếc máy phân loại hạt tự động theo màu sắc. Có thể tự động phân loại hai loại hạt khác nhau mà không cần định nghĩa trước cho máy. Giao diện sử dụng được tích hợp nút bấm điều khiển và đèn báo, giúp cho người sử dụng dễ dàng trong việc vận hành. Máy được cài đặt sẵn giải thuật, chỉ cần mở lên là có thể sử dụng. Trong quá trình sử dụng, nếu cần cập nhật phần mềm, có thể trực tiếp cập nhật qua mạng không dây vô cùng tiện lợi và dễ dàng. Độ chính xác của máy có thể chấp nhận được và ngày càng được cải thiện.

818	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGI Module 3: Kiểm nghiệm sinh học	Nguyễn, Hoàng Kha	Ngô, Bá Hùng	2018	“Xây dựng hệ thống đăng ký cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm dịch dựa trên công nghệ OSGi” được đề xuất với mong muốn ứng dụng công nghệ OSGi vào để quản lý hiệu quả quy trình cấp giấy chứng nhận, hỗ trợ các cá nhân, người quản lý, thực hiện quy trình chuyển nhận hồ sơ một cách nhanh chóng và chính xác. Bên cạnh đó hệ thống còn cho phép người dùng có thể sử dụng bên ngoài cơ quan thông qua mạng Internet, giúp cho người dùng có thể nhập và xuất dữ liệu ra các biểu mẫu theo quy định. Hệ thống được phát triển bao gồm nhiều module, mỗi module xử lý một phần trong quy trình nghiệp vụ.
819	Đại học	PHÁT TRIỂN GAME “SINH TỒN Ở HÀNH TINH MỚI” BẰNG UNITY 2D	Trương, Hoàng Vương	Trần, Công Ân	2018	Nghành công nghiệp Game hiện nay có thể nói là bùng nổ, với tốc độ chóng mặt, đã có rất nhiều game hay và hấp dẫn đã được ra đời trong thời gian qua. Phía sau những Game phát triển và nổi tiếng thì đều có một game engine. Game engine là một công cụ hỗ trợ, một Middleware giúp người phát triển viết Game một cách nhanh chóng và đơn giản, đồng thời cung cấp khả năng tái sử dụng các tài nguyên và mã nguồn cao, do có thể phát triển nhiều game từ một game engine. Từ xu hướng phát triển và những bất cập trên, đồ án này sẽ khảo sát và nghiên cứu về Unity Engine – Một Engine rất phổ biến và không kém mạnh mẽ như hiện nay nhằm thực hiện một trò chơi (Demo) “Sinh tồn ở hành tinh mới” bằng Unity 2D. Chuẩn bị cho định hướng (phát triển game) chuyên nghiệp sau này, góp phần cho việc phát triển game của Việt Nam.
820	Đại học	QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	Phan, Tân Khoa	Trần, Công Ân	2018	Vấn đề quan trắc trong môi trường thủy sản trong những năm gần đây khá rắc rối và rất tốn kém thời gian. Để thống kê các chỉ số trên những khoảng thời gian và trên số lượng lớn ao nuôi thì rườm rà. Trong khi vấn đề này cần được giải quyết một cách nhanh chóng và đơn giản, chính vì thế đề tài “Quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản” sử dụng sensor và công nghệ của Libelium là sự cần thiết cho mô hình nuôi trồng thủy hải sản hiện nay. Quan trắc trong môi trường thủy sản sử dụng công nghệ Libelium đã phổ biến trên thế giới hưng vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam, ứng dụng của đề tài luận văn để đo đạc trực tiếp trên nhiều ao cá, thống kê các chỉ số môi trường cộng với cảnh báo những vấn đề phát sinh liên quan và nguy hiểm đối với ao nuôi. Đồng thời hệ thống còn giúp các nhà nuôi trồng thủy hải sản tìm và lọc ra một số bệnh liên quan, nhằm có những biện pháp chữa trị kịp thời. Tuy ứng dụng đã hoàn thành, nhưng do tính chất còn mới nên sẽ có một số sai sót trong luận văn, rất mong được sự thông cảm và giúp đỡ của quý thầy cô để ứng dụng được hoàn thiện hơn.

821	Đại học	NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG BLOCKCHAIN TRONG XÂY DỰNG HỆ THỐNG VOTING Phân hệ: Xây dựng ứng dụng bầu chọn dựa trên Blockchain	Trần, Tiến	Trần, Công Ân	2018	Đề tài “Nghiên cứu ứng dụng Blockchain trong xây dựng hệ thống Voting” giúp mọi việc bầu chọn có thể trở nên công bằng hơn. Hệ thống này cung cấp chức năng cho 3 kiểu người dùng: Người bầu chọn: đăng ký, đăng nhập, bầu chọn, chỉnh sửa thông tin cá nhân, đổi tên, xem lịch sử bầu, xem kết quả bầu chọn, tìm kiếm. Người tạo bầu chọn: đăng ký, đăng nhập, tạo cuộc bầu chọn, bầu chọn, chỉnh sửa thông tin cá nhân, đổi tên, xem lịch sử bầu, xem kết quả bầu chọn, tìm kiếm. Admin: đăng nhập, cập nhật hồ sơ, đổi mật khẩu, xem lịch sử bầu chọn, tạo cuộc bầu chọn, phê duyệt cuộc bầu chọn, tìm kiếm, xem cuộc bầu chọn. Hệ thống được phát triển gồm hai thành phần: Mạng lưới blockchain với geth command line và giao diện website sử dụng các framework như ExpressJs, Web3. js Reactjs dựa theo mô hình client server và mô hình Flux.
822	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEB SERVICE QUẢN LÝ ĐẶT TOUR DU LỊCH	Nguyễn, Dương Thuận Thành	Đặng, Mỹ Hạnh	2018	Đề tài “Xây dựng ứng dụng web service quản lý đặt tour du lịch” sẽ tạo ra một trang web quản lý về các tour du lịch trong và ngoài nước. Trong đó bao gồm ứng dụng web và 2 App một app cho khách hàng và một app cho tour guide để quản lý về các tour sẽ tổ chức kèm theo đó là các dịch vụ hỗ trợ liên quan. Ứng dụng web sẽ được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP và CodeIgniter Framework cùng với hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, App có tên là Landtour và Landtour Guide được phát triển cho 2 hệ điều hành phổ biến nhất hiện nay là Android và IOS, riêng về Landtour Guide chỉ phát triển trên IOS . Web admin sẽ do 2 nhóm quản trị viên quản lý một nhóm gọi là Super Admin nhóm còn lại gọi là Admin con Đề tài “Xây dựng ứng dụng website service quản lý đặt tour du lịch” có đầy đủ các tính năng của một website quản trị thông thường, bên cạnh đó là khả năng tương tác được với các khách hàng, các đại lý cũng như các tour guide thông qua 2 ứng dụng. Điều đó cho thấy tiềm năng ứng dụng của đề tài vào cuộc sống rất cao.
823	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ VẬN TẢI CỦA CÔNG TY DC	Nguyễn, Thành Nguyễn	Sử, Kim Anh	2018	Internet đang phát triển rất nhanh chóng, việc xây dựng một trang web để người dùng tiện cho việc tham khảo cũng như là liên hệ là điều cần thiết. Đối với một công ty, việc cho người dùng biết về hệ thống của công ty, cách thức liên hệ cũng như là địa chỉ và hình ảnh về công ty tạo cho người dùng cảm giác dễ dàng, thân thiện và an tâm. “Xây dựng trang web quản lý vận tải của công ty DC” hệ thống giúp công ty dễ dàng quản lý xe, các lệnh điều xe, chuyên chở hàng hóa mà công ty có thể chuyển và đưa ra cho người thuê nhiều phương thức tiếp cận với công ty một cách tốt nhất. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu xây dựng trang web hệ thống công ty vận tải trên nền tảng MVC (Laravel Framework và MySQL) với nhiều chức năng, giúp việc quản trị trang web trở nên dễ dàng, thuận tiện, đồng thời có thể báo cáo, quản lý các doanh mục theo nhiều tiêu chí khác nhau.

824	Đại học	NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG BLOCKCHAIN TRONG XÂY DỰNG HỆ THỐNG VOTING Phân hệ: Xây dựng hệ thống private blockchain cho ứng dụng bầu chọn	Cao, Vĩnh Phát	Trần, Công Ân	2018	“Nghiên cứu ứng dụng Blockchain trong xây dựng hệ thống Voting” giúp mọi việc bầu chọn có thể trở nên công bằng hơn. Hệ thống này cung cấp chức năng cho 3 kiểu người dùng: Người bầu chọn: đăng ký, đăng nhập, bầu chọn, chỉnh sửa thông tin cá nhân, đổi tên, xem lịch sử bầu, xem kết quả bầu chọn, tìm kiếm. Người tạo bầu chọn: đăng ký, đăng nhập, tạo cuộc bầu chọn, bầu chọn, chỉnh sửa thông tin cá nhân, đổi tên, xem lịch sử bầu, xem kết quả bầu chọn, tìm kiếm. Admin: đăng nhập, cập nhật hồ sơ, đổi mật khẩu, xem lịch sử bầu chọn, tạo cuộc bầu chọn, phê duyệt cuộc bầu chọn, tìm kiếm, xem cuộc bầu chọn. Hệ thống được phát triển gồm hai thành phần: Mạng lưới blockchain với geth command line và giao diện website sử dụng các framework như ExpressJs, Web3. js Reactjs dựa theo mô hình client server và mô hình Flux.
825	Đại học	CẢI THIỆN SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TRONG SYNSET CỦA MẠNG TỪ TIẾNG VIỆT	Trương, Như Ý	Lâm, Nhật Khang	2018	Hiện nay việc xây dựng một cơ sở dữ liệu từ vựng cho một ngôn ngữ đang dần trở nên phổ biến, tuy nhiên, đối với người dùng Tiếng Việt dù có nhiều nghiên cứu xây dựng song vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng mạng từ tiếng Việt có không ít những yếu tố làm ảnh hưởng đáng kể đến số lượng thành viên trong tập đồng nghĩa. Để giải quyết vấn đề nêu trên, đề tài luận văn “Cải thiện số lượng thành viên trong synset của Mạng từ tiếng Việt” nghiên cứu giải pháp trong việc nâng cao số lượng thành viên của một synset trong mạng từ tiếng Việt thông qua việc sử dụng các phương pháp Word Embedding.
826	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN THÔNG QUA NODEMCU MODULE: ĐIỀU KHIỂN BẰNG WEBSITE VÀ ỨNG DỤNG ANDROID	Châu, Hoàng Phúc	Phạm, Thị Xuân Diễm	2018	Với sự phát triển của công nghệ, điển hình như “Internet vạn vật” (Internet of Things - IoT), việc điều khiển từ xa trở nên dễ dàng hơn, chính xác hơn, từ đó giúp dễ dàng bật hay tắt các thiết bị trong nhà mà không cần chạm vào thiết bị. Với những lý do kể trên, đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống điều khiển các thiết bị điện từ xa thông qua NodeMCU. Module: điều khiển bằng Website và Ứng dụng Android” đã được tiến hành. Mục tiêu của đề tài nhằm tạo ra một hệ thống giao tiếp với thiết bị thông qua NodeMCU ESP8266. Về phương pháp nghiên cứu, đầu tiên chúng tôi hiểu nhu cầu của người dùng để xác định những chức năng chính cho hệ thống. Sau khi xác định được yêu cầu, chúng tôi bắt đầu xây dựng các ứng dụng để điều khiển. Các lệnh sẽ được truyền trực tiếp từ các ứng dụng về NodeMCU ESP8266 thông qua phương thức giao tiếp MQTT.

827	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN THÔNG QUA NODEMCU MODULE: ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI	Nguyễn, Việt Tân	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Với sự phát triển của công nghệ, điển hình như “Internet vạn vật” (Internet of Things - IoT), việc điều khiển từ xa trở nên dễ dàng hơn, chính xác hơn, từ đó giúp dễ dàng bật hay tắt các thiết bị trong nhà mà không cần chạm vào thiết bị. Với những lý do kể trên, đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống điều khiển các thiết bị điện thông qua NodeMCU. Module điều khiển bằng giọng nói” đã được tiến hành. Mục tiêu của đề tài nhằm tạo ra một hệ thống đa dạng và toàn diện để giao tiếp với thiết bị thông qua NodeMCU ESP8266. Về phương pháp nghiên cứu, đầu tiên chúng tôi hiểu nhu cầu của người dùng để xác định những chức năng chính cho hệ thống. Sau khi xác định được yêu cầu, chúng tôi bắt đầu xây dựng các ứng dụng để điều khiển. Các yêu cầu sẽ được truyền bằng giọng nói đến Amazon echo dot, tiếp theo lệnh sẽ được truyền từ Amazon echo dot đến Amazon service, sau đó lệnh điều khiển truyền về NodeMCU ESP8266 thông qua phương thức giao tiếp MQTT.
828	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG QUẢN LÝ PHÒNG THỰC HÀNH Phân hệ: Chứng thực với máy chủ LDAP và cải tiến quy trình xử lý các yêu cầu	Phạm, Nguyễn Quang Phong	Trần, Công Ân	2018	“Xây dựng ứng dụng quản lý phòng thực hành” cho Khoa CNTT&TT với mong muốn có thể giúp cán bộ quản lý giảm bớt công việc quản lý một cách thủ công và tiết kiệm được thời gian thực hiện. Đồng thời, ứng dụng còn cung cấp chức năng thống kê giúp cho lãnh đạo Khoa có thể theo dõi tình hình sử dụng phòng thực hành nhanh chóng và hiệu quả. Nổi bật hơn, ứng dụng đã còn cung cấp tính năng đăng nhập thông qua máy chủ chứng thực của Trường Đại học Cần Thơ, nhờ vậy giảng viên có thể dung tài khoản đăng nhập trên hệ thống quản lý của trường để đăng nhập trên hệ thống quản lý phòng thực hành. Kết quả đề tài đã hoàn thành được một số chức năng đáp ứng được yêu cầu sử dụng dành cho các bộ quản lý phòng thực hành và giảng viên. Ứng dụng được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình Java thông qua Spring Framework, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu (CSDL) MySQL. Bên cạnh đó, ứng dụng được xây dựng theo mô hình “Client/Server” nên việc bảo trì và nâng cấp sau này sẽ dễ dàng hơn.
829	Đại học	ĐỊNH VỊ VÀ TRÍCH XUẤT THÔNG TIN CỦA CHÚNG MINH NHÂN DÂN TRONG ẢNH	Nguyễn, Dương Khang	Trần, Công Ân	2018	Sản phẩm của luận văn là một ứng dụng “Định vị và trích xuất thông tin của CMND trong ảnh”. Với tốc độ và phát triển của lĩnh vực nghiên cứu về nhận dạng mẫu, trí tuệ nhân tạo và machine vision nên việc tạo ra một ứng dụng khá dễ dàng. Môi trường này có tốc độ phát triển nhanh, đặc biệt là trong lĩnh vực nhận dạng ký tự quang học nói chung, nhận dạng đối tượng, phân loại đối tượng nói riêng. Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu quy trình nhận dạng ký tự quang học được hỗ trợ bởi nhiều thư viện, trong đó có thư viện OpenCV một thư viện có tốc độ tính toán rất nhanh, có thể sử dụng với các ứng dụng liên quan đến thời gian thực... Nó là một thư viện mã nguồn mở hàng đầu cho xử lý về thị giác máy tính, machine learning, xử lý ảnh. OpenCV được viết bằng C/C++... Vì vậy nó hỗ trợ cho các ngôn ngữ C/C++, Python... Chạy trên hệ điều hành như: Window, Linux, MacOS.

830	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỦA HÀNG THỰC PHẨM CHỨC NĂNG	Nguyễn, Minh Tân	Vũ, Duy Linh	2018	Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của môi trường Internet, các ứng dụng triển khai trên nền Web ngày càng được phát triển rộng rãi và phong phú. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, chuyển đổi dữ liệu, thông tin đang là một nhu cầu thiết yếu cho sự phát triển và tồn tại của các doanh nghiệp. Web Service được coi là một công nghệ mang đến cuộc cách mạng trong cách thức hoạt động của các dịch vụ B2B (Business to Business) và B2C (Business to Customer). Giá trị cơ bản của Web Service dựa trên việc cung cấp các phương thức theo chuẩn trong việc truy nhập đối với hệ thống đóng gói và hệ thống kế thừa. Web Service ra đời đã mở ra một hướng mới cho việc phát triển các ứng dụng trên Internet giải quyết vấn đề chuyển đổi dữ liệu trong quy trình thương mại của các doanh nghiệp. Web Service kết hợp sử dụng nhiều công nghệ khác nhau cho phép các ứng dụng được viết bằng các ngôn ngữ khác nhau thông qua môi trường mạng Internet. Các công nghệ mà WebService sử dụng như XML, SOAP, WSDL, UDDI. Quản lý và cập nhật Sản phẩm, Quản lý và cập nhật Sản phẩm, quản lý và cập nhật thông tin của các thành viên và khách hàng, quản lý và cập nhật loại sản phẩm, quản lý và cập nhật các hóa đơn bán, quản lý và xem báo cáo theo thời gian. • Đối với trang người dùng: quản lý đăng nhập, các công cụ tìm kiếm hỗ trợ khách hàng, giỏ hàng. • Đối với ứng dụng Android: Danh sách sản phẩm mới nhất, danh sách sản phẩm, sản phẩm chi tiết, chọn mua hiển thị danh sách giỏ hàng, thanh toán, hiển thị danh sách các địa điểm có thể mua sản phẩm trên bản đồ, chỉ đường đến cửa hàng.
831	Đại học	XÂY DỰNG FRAMEWORK CHO WEBSITE QUẢN LÝ	Huỳnh, Quốc Tuấn	Trương, Minh Thái	2018	Chúng ta đang sống và làm việc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa khi mà cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang đến gần hội tụ nhiều công nghệ, trong đó cốt lõi là công nghệ thông tin. Công nghệ thông tin xuất hiện trong hầu hết các lĩnh vực: kinh tế, dịch vụ thông minh, nông nghiệp thông minh, y tế thông minh, giao thông thông minh... Khi đó các các hệ thống website, phần mềm, phần mềm điện thoại sẽ phát triển mạnh mẽ về số lượng, chất lượng. Kéo theo một số lượng lớn tài khoản người dùng được tạo ra trên mỗi hệ thống website, phần mềm, phần mềm điện thoại. Việc bùng nổ về số lượng người dùng thì việc quản lý người dùng cũng như kiểm soát việc truy cập vào tài nguyên của hệ thống là rất cần thiết. Đề tài “Xây dựng framework cho website quản lý” là hệ thống được xây dựng và phát triển bằng NodeJS cung cấp khả năng quản lý người dùng, cấp phát quyền truy cập cũng như hạn chế việc truy cập vào tài nguyên hệ thống cho người dùng. Ngoài ra hệ thống còn được xây dựng trên kiến trúc REST nên cũng giúp cho việc phát triển mở rộng sau này được thuận tiện, dễ dàng hơn. Kết quả đề tài đã hoàn thành được mục tiêu đề ra như quản lý người dùng, quản lý được các chức năng hệ thống, quyền hạn của người dùng.

832	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG GIỚI THIỆU VÀ GỢI Ý THỨC ĂN	Tô, Thị Mỹ Đạt	Trần, Công Ân	2018	Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển thì mọi người cũng trở nên bận rộn hơn. Tuy nhiên, việc ăn uống luôn luôn được chú trọng. Mọi người thường mất rất nhiều thời gian để suy nghĩ, tìm kiếm, lựa chọn món ăn phù hợp. Bởi vì các món ăn rất đa dạng, tùy theo kết hợp phương pháp và nguyên liệu sẽ có những món ăn khác nhau và dùng cho mục đích khác nhau. Nhằm giải quyết vấn đề trên thì việc xây dựng ứng dụng giới thiệu và gợi ý thức ăn là cần thiết. “Ứng dụng giới thiệu và gợi ý thức ăn” được xây dựng trên Framework Laravel kết hợp với công nghệ Ontology và ngôn ngữ truy vấn sparql để thực hiện gợi ý. Ứng dụng bao gồm chức năng như: giới thiệu món ăn, tìm kiếm món ăn, gợi ý món ăn theo mục đích dùng, gợi ý theo phương pháp nấu, gợi ý theo nguyên liệu trong món ăn, bình luận món ăn, xem chi tiết món ăn, xem món ăn liên quan, xem tin tức, đăng ký, đăng nhập, quản lý tài khoản, quản lý tin tức. “Ứng dụng giới thiệu và gợi ý thức ăn” đã hoàn thành và cung cấp các chức năng đã đề ra. Ứng dụng có thể thực hiện gợi ý món ăn cho người dùng.
833	Đại học	PHÁT TRIỂN GAME TRÊN UNITY 2D GAME: ĐÀO VÀNG	Trần, Thị Mộng Tâm	Trần, Công Ân	2018	Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, các thiết bị điện tử là không thể thiếu trong cuộc sống thúc đẩy nhu cầu về giải trí tăng nhanh. Các sản phẩm giải trí đặc biệt là Game đã mang lại một nguồn lợi khổng lồ cho ngành công nghiệp. Sự cạnh tranh rất lớn, đòi hỏi về các sản phẩm game cũng trở nên khắc khe hơn. Yêu cầu đặt ra các sản phẩm game ngày càng chất lượng, đa dạng và thời gian hoàn thành game nhanh hơn. Do đó, Game Engine ra đời với mục đích rút ngắn thời gian hoàn thành game và giảm chi phí trong việc phát triển game. Việc sử dụng các Game Engine để phát triển game đã trở nên rất phổ biến và các game hiện nay đều có điểm chung là được xây dựng bằng các Game Engine. Chính vì vậy, đề tài luận văn này sẽ nghiên cứu về Engine Unity – một trong những Game Engine phổ biến và phát triển mạnh mẽ nhất hiện nay nhằm xây dựng và phát triển game “Đào Vàng” trên Unity 2D. Sản phẩm đạt được là một game 2D tên “Đào Vàng” được xây dựng bằng việc sử dụng ngôn ngữ C# và công cụ Unity 2D. Game gồm 4 màn chơi từ dễ đến khó, giao diện đồ họa vui tươi, gần gũi, hiệu ứng và âm thanh vui nhộn, lôi cuốn người chơi. Game đã hoàn thành được hầu hết các chức năng cần thiết và được chạy trên PC. Trong tương lai sẽ tiếp tục phát triển thêm nhiều tính năng và chạy trên nhiều nền tảng hơn. Nội dung của bài luận văn được chia làm 5 chương, trong đó chương một tập trung giới thiệu về đề tài như lý do chọn đề tài, mục tiêu của đề tài, nội dung, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, bố cục quyền luận văn; chương hai tập trung trình bày tổng quan về về Unity; chương ba trình bày các thiết kế và cài đặt giải pháp xây dựng game; chương bốn trình bày về kết quả và kiểm thử gồm các mục tiêu, kịch bản và kết quả kiểm thử và kết quả; chương năm trình bày kết luận về kết quả đạt được và hướng phát triển trong tương lai.

834	Đại học	GAME THE PROMISE NEVERLAND MODULE LEVEL 2 & 3	Nguyễn, Hoàng Hiếu	Trần, Công Ân	2019	Trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0, sự phát triển của công nghệ luôn được ưu tiên lên trên hàng đầu, đó là “chìa khóa” để mở ra một kỷ nguyên mới, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, quân sự,... Và một lĩnh vực khác cũng quan trọng không kém đó là công nghiệp Game. Hiện nay, game là một môn ăn tinh thần không thể thiếu của đại đa số cư dân trên thế giới này, đồng thời cũng là đam mê của rất nhiều lập trình viên. Bản thân cũng có một đam mê mãnh liệt đối với game, nên đã chọn đề tài nghiên cứu của luận văn tốt nghiệp là nghiên cứu và ứng dụng Game Engine – một bộ công cụ cung cấp môi trường thiết kế, xây dựng và tích hợp đầy đủ các thư viện hỗ trợ phát triển game đa nền tảng. Unity – một ông lớn trong thị trường phát triển Game Engine, sản phẩm của luận văn là một game 2D phiêu lưu hành động với cái tên “The Promise Neverland” chạy trên nền tảng Android. Game được lập trình bằng ngôn ngữ C#, xây dựng bằng Game Engine Unity. Game bao gồm 5 màn chơi từ dễ đến khó với 3 “trùm phụ” và 1 “trùm cuối”. Game tập trung vào lối chơi, cơ chế hoạt động của các “trùm” của game, âm thanh hiệu ứng, kịch bản được xây dựng trong các màn chơi.
835	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE BÁN HÀNG THỜI TRANG SỬ DỤNG NỀN TẢNG LARAVEL	Lâm, Nhật Dương	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2018	Lĩnh vực kinh doanh bán hàng trực tuyến ngày nay đã không còn xa lạ trong cuộc sống của chúng ta, đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin không ngừng phát triển. Những cửa hàng dần dần tự trang bị cho mình một trang website để thuận tiện cho việc quản lý, trao đổi và mua bán sản phẩm. Vận dụng những kiến thức sau quá trình học tập, nghiên cứu tại trường với mong muốn hỗ trợ một phần cho các cửa hàng kinh doanh, chúng tôi đề xuất đề tài “Xây dựng website quản lý cửa hàng thời trang trên nền tảng Laravel”. Xây dựng website bán hàng trực tuyến nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng như: hỗ trợ khách hàng mua hàng trực tuyến, quản lý thông tin sản phẩm, quản lý thông tin phiếu nhập và hóa đơn, v.v. Đề tài được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện, công nghệ hỗ trợ web như: JavaScript, CSS, Ajax, v.v. Ngoài ra còn có sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.

836	Đại học	PHẦN MỀM CHẤM THI TRẮC NGHIỆM	Nguyễn, Hoàng Thoại	Trần, Cao Đệ	2019	Hiện nay, hình thức thi trắc nghiệm được áp dụng hầu hết ở các trường học trên cả nước, việc chấm bài thi bằng tay không chỉ tốn nhiều thời gian và công sức của giáo viên mà còn có thể xảy ra sai sót khi chấm. Chính vì thế công việc chấm bài nên được tự động hóa để giảm thời gian và hạn chế sai sót. Đó cũng là lý do cho việc phát triển “Phần mềm chấm thi trắc nghiệm”. Phần mềm được xây dựng dựa trên việc sử dụng thư viện OpenCV để xử lý ảnh phiếu thi. Một phiếu bài thi có thể được chụp từ camera của các thiết bị như điện thoại, webcam. Các bước xử lý chính của phần mềm như sau: – Xác định phần phiếu thi trong bức ảnh. – Sử dụng các phép biến đổi để đưa phần phiếu thi về tọa độ chuẩn. – Xác định vị trí các khung của bài thi như số báo danh, mã đề và đáp án của thí sinh. – Nhận dạng các ô đã được thí sinh tô đen và so sánh câu trả lời của thí sinh với câu trả lời tương ứng trong đáp án chính thức. – Tổng hợp và đưa ra kết quả cho bài thi. Kết quả đầu ra của phần mềm chính là thông tin về số báo danh, mã đề, đáp án và số điểm của thí sinh. Độ chính xác trong quá trình thực hiện demo trên 90%.
837	Đại học	NHẬN DẠNG VÀ TRÍCH XUẤT THÔNG TIN TRÊN ẢNH CHỤP GIẤY PHÉP LÁI XE TỪ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	Biện, Công Trí	Trần, Cao Đệ	2019	Luận văn này sẽ đi vào phần nhận dạng ký tự quang học với đề tài: “Nhận dạng và trích xuất thông tin trên ảnh chụp giấy phép lái xe từ điện thoại di động”. Tập trung nghiên cứu tìm hiểu hoạt động của thư viện xử lý ảnh OpenCV và công cụ nhận dạng Tesseract. Mục tiêu đề tài là xây dựng một ứng dụng trích xuất ký tự từ hình ảnh của một giấy phép lái xe thành một định dạng văn bản (text), với các nội dung cần nhận dạng như sau: họ tên, số thẻ giấy phép lái xe, ngày sinh, hạng. Đề tài sẽ có những đóng góp là việc lấy dữ liệu từ giấy phép giấy xe nhanh hơn thông qua hình ảnh được cung cấp và cung cấp nguồn dữ liệu dồi dào cho các công trình nghiên cứu tương tự khác. Được lập trình bằng công cụ hỗ trợ soạn thảo: Netbean 8.2 với ngôn ngữ lập trình Java, cùng với giao diện đơn giản. Chương trình sẽ nhận vào ảnh có chứa hình ảnh của một giấy phép lái xe, kết quả của chương trình là ký tự của giấy phép lái xe sẽ được nhận dạng và chuyển thành định dạng văn bản. Thông tin cũng như kết quả sẽ được hiển thị trên giao diện ứng dụng. Độ chính xác của chương trình được kiểm thử với 45 ảnh chụp giấy phép lái xe với 180 đối tượng nhận diện và kết quả thu được như sau: - Số đối tượng xác định đúng vị trí: 180 (100%) - Số ảnh xử lý và đưa về vị trí chuẩn đúng: 45/45 (100%)

838	Đại học	NHẬN DẠNG VÀ TRÍCH XUẤT THÔNG TIN TRÊN ẢNH CHỤP THẺ SINH VIÊN TỪ ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	Nguyễn, Thanh Tùng	Trần, Cao Đệ	2019	Luận văn này sẽ đi vào phần nhận dạng ký tự quang học với đề tài: “Nhận dạng và trích xuất thông tin trên ảnh chụp thẻ sinh viên từ điện thoại di động”. Tập trung nghiên cứu tìm hiểu hoạt động của thư viện xử lý ảnh OpenCV và công cụ nhận dạng Tesseract. Nghiên cứu nhằm mục đích tạo ra công cụ trích xuất thông tin trên thẻ sinh viên thành một định dạng văn bản (text) phục vụ cho việc quản lý sinh viên hiệu quả hơn và cung cấp giải pháp xử lý ảnh cho các ứng dụng khác cần thông tin sinh viên có thể trích xuất từ thẻ sinh viên. Được lập trình bằng công cụ Visual Studio 2017 của Microsoft sử dụng ngôn ngữ lập trình Python phiên bản 3. Chương trình cho phép camera chụp ảnh có chứa thẻ sinh viên. Kết quả là thông tin trong các thành phần của thẻ sinh viên như họ tên sinh viên, mã số sinh viên (MSSV), ngành học, sẽ được nhận dạng và chuyển thành định dạng văn bản. Độ chính xác của chương trình được kiểm thử với 300 ảnh thẻ sinh viên và kết quả như sau: • Số lượng ảnh trích xuất đúng là 259/300. • Số lượng ảnh trích xuất sai là 41/300 • Số lượng ký tự nhận dạng sai/thẻ là từ 1 – 3 ký tự Những vấn đề tồn tại khi thực hiện đề tài: • Hạn chế về thiết bị chụp ảnh đầu vào (webcam mờ, chưa rõ nét) làm cho chất lượng ảnh không tốt dẫn đến nhận diện sai. • Xử lý chưa thật sự tốt dẫn đến các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến kết quả như ánh sáng quá thấp hoặc quá chói.
839	Đại học	MENU 3D TRÊN NỀN TẢNG IOS	Hoàng, Vũ Kha	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	Công nghệ thực tế tăng cường đang từng bước thay đổi những trải nghiệm thương thức của chúng ta và đang được phát triển để ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực như giải trí, giáo dục, kỹ thuật... Tuy nhiên ở nước ta hiện nay, công nghệ AR vẫn chưa được ứng dụng rộng rãi. Thiết kế thực đơn là một phần không thể thiếu trong bất kỳ dịch vụ ăn uống nào. Thực đơn không chỉ đơn thuần là một danh sách các món ăn muốn giới thiệu đến khách hàng, nó còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ấn tượng và ghi dấu ấn đối với thực khách. Xuất phát từ những vấn đề trên, tôi quyết định đưa ra một giải pháp là "Menu 3D trên nền tảng iOS" được thực hiện. Kết quả của nghiên cứu đã xây dựng hoàn chỉnh tính năng đặt đối tượng ảo ra ngoài không gian tạo cho người dùng một trải nghiệm thú vị và một cái nhìn chính xác hơn về hình dáng, kích thước món ăn mà người dùng đã chọn.

840	Đại học	MENU 3D TRÊN NỀN TẢNG WEB	Nguyễn, Ngọc Tuyệt Minh	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	Ngày nay, mỗi khi đi ăn uống ở các quán ăn hay nhà hàng thì chúng ta phải đau đầu để suy nghĩ sẽ ăn món gì, món nào sẽ hấp dẫn hơn, mặc dù menu của quán có rất nhiều sự lựa chọn. Do vậy trong bài viết này em xin đề xuất một menu được thiết kế với các món ăn ảo để khách hàng có thể quan sát toàn diện món ăn 360 độ và hơn thế nữa là có thể đặt món ăn ảo vào bàn ăn để trải nghiệm cảm giác khi món ăn được bày ra. Menu ảo này sẽ được sử dụng trên nền tảng web, thực khách không cần tốn thời gian cài đặt và lưu trữ. Menu sẽ cho phép thực khách xem các món ăn dưới dạng 3D bằng cách truy cập vào website. Các món ăn trong menu của các nhà hàng, quán ăn được đồ họa thành các ảnh 3D để hiển thị trên trang web cho người dùng. Cùng với đó là công nghệ AR (Augmented Reality) sẽ giúp xác định mặt phẳng để đặt món ăn lên bàn. Công nghệ AR yêu cầu thiết bị phải được nằm trong danh sách thiết bị hỗ trợ phát triển ứng dụng thực tế tăng cường vì vậy không phải thiết bị nào cũng sử dụng được. Bên cạnh đó, trình duyệt để chạy được website menu 3D này phải được tích hợp WebXR Device API nhưng hiện tại không phải trình duyệt web nào cũng được hỗ trợ. Do đó, website áp dụng mô hình thực tế tăng cường vào menu 3D cho món ăn trên nền tảng WebXR sẽ được chạy trên thiết bị Android và trình duyệt được sử dụng là Chrome Canary hoặc Chrome Dev.
841	Đại học	ỨNG DỤNG XẾP THỜI KHÓA BIỂU CHO GIÁNG VIÊN GIẢNG DẠY TẠI KHOA PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Nguyễn, Trung Kiên	Nguyễn, Tí Hon	2019	Đề tài “Ứng dụng xếp lịch thời khóa biểu cho giảng viên giảng dạy tại Khoa Phát Triển Nông Thôn” nhằm tạo ra một hệ thống để phục vụ cho các cán bộ phụ trách lẫn các giảng viên. Hệ thống này đã giải quyết được những vấn đề khó khăn đó như: cho giảng viên đăng ký trước giờ rảnh của mình, hệ thống sẽ tự động lấy các lớp học phân để xếp vào các tiết mà giảng viên đã đăng ký, tận dụng được thời gian của tất cả các phòng học, xuất ra được file .xls của thời khóa biểu hoàn chỉnh. Nhằm nâng cao tính tiện lợi và nhanh chóng nên hệ thống sẽ được xây dựng dưới dạng nền tảng mô hình MVC và một ứng dụng web được viết bằng HTML, Javascript sử dụng kèm theo các thư viện và framework nổi bật hiện nay, cùng với đó là hệ thống thu thập biểu mẫu của Google và sử dụng Microsoft® Office Excel cho việc lưu trữ thông tin trước và sau khi thu thập. Về Website sẽ được viết bằng công nghệ NodeJS để đảm bảo tính nhanh chóng, ổn định, bên cạnh đó còn kết hợp với cơ sở dữ liệu MongoDB để việc lưu trữ và xử lý dữ liệu tốt hơn. Đây như một bộ đôi tương thích với nhau cho một hệ thống lớn. Hệ thống này cũng sẽ đảm bảo các chức năng xử lý nhập xuất dữ liệu từ file Excel. Bên cạnh đó, sử dụng biểu mẫu của Google để thu thập và lưu trữ các tiết dạy mà giảng viên đăng ký trong học kỳ tới.

842	Đại học	GIẢI PHÁP GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU KHIỂN CÁC THIẾT BỊ TRONG NHÀ THÔNG QUA INTERNET	Nguyễn, Thanh Phong	Nguyễn, Ngọc Mỹ	2019	Công nghệ đang đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Việc bật tắt các thiết bị không chỉ dừng lại ở các công tắc vật lý như trước đây, thay vào đó, công nghệ IoT (Internet of Things) được sử dụng để người dùng có thể quan sát và điều khiển các thiết bị không dây di động một cách dễ dàng và tiện lợi nhất. Với mong muốn vận dụng những gì đã học để xây dựng một mô hình nhà thông minh, đề tài luận văn “Giải pháp giám sát và điều khiển các thiết bị trong nhà thông qua Internet” đã được đề xuất. Mục tiêu chính của đề tài nhằm xây dựng một hệ thống nhằm theo dõi hoặc ra lệnh tắt mở các trang thiết bị trong nhà như đèn, quạt, cửa,... thông qua ứng dụng web và ứng dụng di động. Bên cạnh chế độ điều khiển không dây, các công tắc cảm ứng cũng được dùng đến để người dùng có thể can thiệp thủ công như đã từng. Về phương pháp thực hiện, các board phát triển gồm Arduino UNO và nodeMCU ESP8266 đóng vai trò là khối điều khiển trung tâm. Khối trung tâm này quản lý các khối chức năng như đóng mở cửa bằng thẻ RFID RC522, cảnh báo rò rỉ khí gas bằng module cảm biến khí gas MQ2, bật tắt đèn phòng bằng cảm biến thân nhiệt chuyển động, tinh chỉnh đèn và quạt. Để điều khiển từ xa, ứng dụng di động trên nền tảng Blynk và ứng dụng web được xây dựng với giao diện trực quan và dễ thao tác.
843	Đại học	NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG TÁI SỬ DỤNG KHI KIỂM THỬ TỰ ĐỘNG PHẦN MỀM DÙNG ROBOT FRAMEWORK	Nguyễn, Minh Trung	Nguyễn, Công Danh	2019	Trong thời gian làm việc tại doanh nghiệp, tôi nhận thấy khâu kiểm thử phần mềm là khâu quan trọng để quyết định chất lượng sản phẩm cũng như danh dự, uy tín của một công ty sản xuất phần mềm. Khâu kiểm thử thường là khâu tiêu tốn nhiều thời gian, công sức và chi phí nhất. Nhưng không thể không có trong các dự án có giá trị lớn, yêu cầu chất lượng sản phẩm cao. Qua đó cho ta thấy tầm quan trọng của khâu kiểm thử phần mềm là rất quan trọng. Chỉ một khiếm khuyết, lỗi nhỏ trong sản phẩm có thể gây thiệt hại cho khách hàng và cho công ty sản xuất phần mềm hàng tỷ đồng, làm giảm sút uy tín và gây thiệt hại về lâu dài cho công ty. Trong kiểm thử phần mềm, việc kiểm thử thủ công đôi khi gây ra nhầm lẫn cho người kiểm thử, mất thời gian cho các trường hợp kiểm thử hồi quy, kiểm thử nhiều chức năng trong thời gian ngắn có thể bỏ sót các lỗi (bug) do yếu tố khách quan con người. Để giảm bớt những vấn đề trên, tôi đã tìm hiểu và chọn nghiên cứu đề tài luận văn "Nghiên cứu khả năng tái sử dụng khi kiểm thử tự động phần mềm dùng Robot Framework". Đề tài này đã một phần nào giải quyết được bài toán về thời gian, nhân sự, chi phí của khâu kiểm thử và bên cạnh đó rút ngắn thời gian sản xuất phần mềm so với các dự án dùng phương pháp kiểm thử thủ công toàn bộ.

844	Đại học	HỆ THỐNG GIỮ XE BẰNG NHẬN DIỆN KHUÔN MẶT VÀ BIỂN SỐ XE	Lê, Duy Khương	Phạm, Thế Phi	2019	Luận văn này trình bày một cách tiếp cận trong việc xác định và nhận dạng biển số xe ô tô và nhận diện khuôn mặt người với dữ liệu đầu vào là ảnh chụp từ camera. Để giải quyết vấn đề này, phải giải quyết hai vấn đề chính là nhận diện biển số xe và nhận diện khuôn mặt. Trong vấn đề nhận diện biển số xe phải giải quyết được ba bài toán riêng lẻ là : xác định vị trí biển số xe, tách ký tự và nhận dạng các ký tự. Đối với vấn đề còn lại là nhận diện khuôn mặt cũng cần giải quyết bốn bài toán là: xác định khuôn mặt, rút trích đặc trưng, huấn luyện mô hình nhận dạng và nhận dạng khuôn mặt. Phương pháp xuyên suốt được sử dụng trong nghiên cứu này để giải quyết các bài toán đặt ra là phương pháp Haar-like – Adaboost. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả trong việc xác định vị trí biển số xe và vị trí khuôn mặt nghiên cứu đã sử dụng thêm công cụ Integral Image giúp việc tính toán các giá trị đặc trưng Haar-like nhanh hơn. Nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm trên cơ sở ảnh chụp biển số đăng ký xe ô tô của Việt Nam và ảnh chụp khuôn mặt người gửi xe sau đó đưa ra đánh giá về mặt hiệu quả của phương pháp đã được sử dụng đồng thời đưa ra những hướng phát triển áp dụng nghiên cứu này.
845	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA HÀNG THỜI TRANG TRÊN HAI NỀN TẢNG (PHÂN HỆ DI ĐỘNG)	Trần, Thị Cẩm Châu	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Nắm bắt được xu hướng phát triển đó, “Xây dựng Website thương mại điện tử của hàng thời trang trên hai nền tảng” đã được phát triển. Hệ thống được xây dựng trên hai nền tảng là: Website và di động. Đối với phân hệ website có đầy đủ tính năng của một hệ thống thương mại điện tử cho người dùng, nhân viên và quản trị hệ thống như: Tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán trực tuyến, quản lý sản phẩm, thống kê, quản lý danh mục,... Còn phân hệ di động có các tính năng cho người dùng như: Tìm kiếm, xem chi tiết sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán trực tuyến,... Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel 5.7, HTML, Javascript, CSS. Ứng dụng di động được xây dựng trên nền tảng Android 5.0, việc gửi và nhận dữ liệu thông qua Webservice được viết bằng PHP sử dụng MySQL làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống được tích hợp cổng thanh toán trực tuyến Stripe trên nền tảng di động và Paypal trên nền tảng website giúp cho việc thanh toán của người dùng trở nên đơn giản và thuận tiện. “Xây dựng Website thương mại điện tử của hàng thời trang trên hai nền tảng” đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử, giúp cho việc mua sắm online trở nên dễ dàng. Khách hàng sẽ nắm bắt xu hướng thời trang nhanh nhất. Trong tương lai, hệ thống sẽ được mở rộng thêm các tính năng cho nhóm người dùng, giúp việc quản lý và bán hàng dễ dàng hơn. Ngoài ra, hệ thống sẽ được phát triển trên nền tảng iOS giúp mở rộng đối tượng khách hàng.

846	Đại học	WEBSITE SẢN GIAO DỊCH NÔNG SẢN Phân hệ: Quản trị, trò chuyện trực tuyến và bản đồ tin	Nguyễn, Thị Mộng Tuyền	Trần, Công Ân	2019	Website sản giao dịch nông sản cung cấp các chức năng theo cho 3 kiểu người dùng: khách, người dùng (nông dân, nhà chế biến, nhà bán lẻ), quản trị viên. Người dùng khách: đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm tin, xem thông tin của các tin đăng, tìm kiếm tin dựa trên bản đồ. Người dùng có tài khoản (nông dân, nhà chế biến, nhà bán lẻ): đăng tin mua, tin bán (riêng nông dân không được đăng tin mua), đặt câu hỏi cho chủ tin; tham gia đấu giá; tham gia giao dịch; quản lý tin, tài khoản; trò chuyện trực tuyến với nhau. Quản trị viên: quản lý tin, tài khoản, loại sản phẩm, sản phẩm, thống kê, bản đồ tin. Website sản giao dịch nông sản được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình PHP, CSS, HTML, JavaScript, JQuery, socket.io, redis, vue.js dựa theo mô hình MVC (Model-View-Controller) trong Framework Laravel và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
847	Đại học	HỆ THỐNG SẢN GIAO DỊCH NÔNG SẢN	Võ, Minh Trường	Nguyễn, Thị Thu An	2019	Trong thời buổi công nghệ phát triển như vũ bão, thì việc áp dụng internet vào tất cả các mặt của đời sống đã trở thành một việc vô cùng cần thiết, kể cả trong lĩnh vực mua bán nông sản. Đặc biệt, với đất nước thiên về nông nghiệp như ở Việt Nam, một người nông dân có thể trồng một hoặc nhiều loại nông sản thì việc kiếm được thị trường tiêu thụ càng trở nên quan trọng, cùng với đó tình trạng các thương lái ép giá đối với người nông dân thường xuyên xảy ra. Với những lý do trên, em chọn xây dựng “Hệ thống sản giao dịch nông sản” là một hệ thống giúp người nông dân có thể đăng các sản phẩm của mình để các thương lái, công ty có thể nắm bắt được tình hình nông sản, từ đó có thể lựa chọn mua những sản phẩm nông sản chất lượng tốt nhất. Người nông dân cũng có thể lựa chọn được những khách hàng mà mình muốn bán dựa trên giá đặt nông sản mà khách hàng đó đã đặt để thu được nguồn lợi lớn nhất. Hệ thống nhắm đến những công ty lớn, thương lái vừa và nhỏ cùng với người nông dân. Với việc người nông dân có thể dễ dàng đăng sản phẩm lên hệ thống, giúp cho công ty và thương lái dễ dàng xem và đặt mua thì “Hệ thống sản giao dịch nông sản” được xem là giải pháp tối ưu trong việc giao dịch nông sản. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng PHP, Java, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript,.....

848	Đại học	TÍCH HỢP NHẬN DẠNG KHUÔN MẶT VỚI BIỂN SỐ XE BẰNG SVM VÀ OCR KẾT HỢP GOOGLE MAP VÀO HỆ THỐNG GIỮ XE TỰ ĐỘNG	Hồ, Thành Lộc	Nguyễn, Thị Thu An	2019	Phân hệ nhận diện mặt người được thực hiện bằng giải thuật máy học vector hỗ trợ (Support Vector Machines – SVM) sử dụng các phương pháp tìm đặc trưng SIFT, SURF và HOG. Việc định vị khuôn mặt được thực hiện dựa trên đặc trưng haar like kết hợp mô hình phân tầng (Cascade of Boosted Classifiers – CBC) trong ảnh thu được từ camera theo thời gian thực và tiến hành huấn luyện mô hình máy học SVM sử dụng lần lượt các đặc trưng SIFT, SURF, HOG và kết hợp SURF, HOG. Kết quả chạy thực nghiệm trên tập dữ liệu gồm 403 ảnh của 31 đối tượng cho độ chính xác lần lượt 95.16%, 85.48%, 79.03%, 85.48% trên tập kiểm tra. Phân hệ trên di động android thực hiện nhận dạng biển số xe sử dụng thư viện OCR của google vision dùng camera trên điện thoại thu hình ảnh biển số xe và nhận dạng ký tự trong ảnh thu được. Đồng thời kết hợp google map để xác định, hiển thị vị trí người dùng trên bản đồ và hỗ trợ tích hợp thanh toán PayPal. Kết quả thực nghiệm cho thấy, hệ thống hoạt động đảm bảo các yêu cầu mục tiêu đặt ra ban đầu và là cơ sở để phát triển đề tài sau này.
849	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG SỔ NHẬT KÝ CHO HỘ NUÔI TÔM	Ngô, Văn Đăng	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, ngành CNTT đang trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Không chỉ ở các thành phố lớn mà những người dân sống ở những vùng sâu vùng xa cũng đã và đang tiếp cận đến ngành CNTT. Các ứng dụng của CNTT đều được áp dụng trong mọi lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong đời sống xã hội hiện nay nên những người nông dân cũng có thể sử dụng ứng dụng của CNTT vào ngành nghề và công việc của mình. Ở đây cụ thể là ngành nuôi tôm, những hộ dân nuôi tôm nhỏ cần có một ứng dụng để ghi chép lại hoạt động nuôi tôm của mình, vì vậy ứng dụng sổ nhật ký cho hộ nuôi tôm được xây dựng để hỗ trợ cho hộ dân nuôi tôm. “Ứng dụng sổ nhật ký cho hộ nuôi tôm” được xây dựng trên nền tảng website sử dụng NodeJS để xây dựng server và template engine EJS để xây dựng giao diện website. Hệ thống phục vụ cho người dùng là chủ hộ nuôi tôm, với hệ thống này thì người dùng có thể ghi chú và xem các hoạt động như: thả nuôi, chuẩn bị ao, chăm sóc (cho ăn, sử dụng thuốc), nhập kho (nhập thức ăn, thuốc dược phẩm, giống nuôi), theo dõi tăng trưởng của tôm, hoạt động thu hoạch. Ngoài ra hệ thống còn các chức năng như: quản lý kho, chức năng này cho phép người dùng xem nguồn gốc xuất xứ và số lượng sản phẩm còn lại trong kho; quản lý thu chi, chức năng này cho phép người dùng xem tổng chi phí, tổng thu hoạch và lợi nhuận của vụ nuôi. Kết quả đề tài “Xây dựng ứng dụng sổ nhật ký cho hộ nuôi tôm” tương đối hoàn thiện. Hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng và hoạt động tốt như mong đợi. Bên cạnh đó, đề tài cũng cho thấy được tiềm năng ứng dụng của công nghệ vào nghề nông nghiệp của cuộc sống người nông dân.

850	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEB QUẢN LÝ THƯ VIỆN VỚI ASP.NET MVC	Nguyễn, Đức Vinh	Nguyễn, Đức Khoa	2019	Đề tài sử dụng ngôn ngữ lập trình ASP.NET, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và áp dụng mô hình MVC để thực hiện. Website sẽ phục vụ cho hai nhóm người dùng chính đó là quản trị viên – cán bộ thư viện và bạn đọc. Trong đó quản trị viên – cán bộ thư viện có thể quản lý được thêm mới và xử lý tài liệu, yêu cầu mượn – trả tài liệu của bạn đọc, cập nhật thông tin hoạt động lên website, thống kê, báo cáo cũng như kiểm kê tài liệu hằng năm để đưa ra định hướng trong tương lai. Về bạn đọc sẽ có các chức năng chính: đăng ký, đăng nhập tài khoản, tra cứu tài liệu, xem thông tin tài liệu, đăng ký mượn tài liệu online, ... Trong quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài, em đã áp dụng những kiến thức đã học trên ghế nhà trường do thầy cô truyền dạy cũng như những kiến thức thực tiễn khi thực tập tại Thư viện Thành phố Cần Thơ. Website tạo ra đáp ứng được cơ bản yêu cầu của thực tiễn và mục tiêu đặt ra, song bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề chưa giải quyết được do hạn chế về kiến thức cũng như thời gian thực hiện. Tuy nhiên website vẫn có khả năng triển khai và sẽ phát triển hơn trong tương lai.
851	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE CHIA SẺ KINH NGHIỆM LẬP TRÌNH VỚI ASP.NET MVC	Nguyễn, Tấn Đạt	Nguyễn, Đức Khoa	2019	Trong xã hội ngày nay, việc trao đổi kiến thức, kinh nghiệm học tập là một điều kiện thiết yếu trong sự phát triển của con người. Đặc biệt, với một người học tập về Công nghệ thông tin điều đó lại càng quan trọng, vì công nghệ không ngừng nâng cấp và đổi mới. Vì vậy tôi đã chọn đề tài “Xây dựng Website diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm lập trình trên nền tảng ASP.NET MVC” để giúp cho mọi người có thể cùng nhau trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm của mình qua Internet. Website được viết bằng ngôn ngữ lập trình C# dựa trên nền tảng ASP.NET MVC5, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server và công nghệ giao diện web như Bootstrap, HTML, JavaScript,... Các vấn đề đã nghiên cứu: framework ASP.NET MVC5, AJAX, Bootstrap, Youtube API, Google File API. Các hướng tiếp cận phát triển tìm kiếm thông tin qua Internet, xử lý thông tin. Kết quả, đã xây dựng thành công website Diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm tuy chưa đến mức hoàn thiện nhưng cũng đầy đủ các chức năng như: đăng ký, đăng nhập, xem chi tiết bài chia sẻ, download file chia sẻ, xem video youtube,... Website sử dụng giao diện của Bootstrap do vậy có thể hỗ trợ người dùng với các môi trường, kích thước màn hình khác nhau (Desktop, Laptop, smartphone,...).

852	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG MUA BÁN GIÀY DÉP BẰNG CODEIGNITER FRAMEWORK	Chao, Minh Trí	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	Trên cơ sở kế thừa những trang web bán hàng khác, em xây dựng nên một website bán hàng để đáp ứng nhu cầu mua sắm của mọi người, giúp họ tiết kiệm được thời gian, chi phí trong việc phải đi ra các shop, các cửa hàng hay các chợ truyền thống để mua và tìm kiếm sản phẩm. Thay vào đó chỉ việc ngồi ở nhà với chiếc máy vi tính, smartphone, tablet,... đã kết nối Internet mọi người có thể thỏa sức tìm kiếm, lựa chọn những sản phẩm phù hợp. Giúp cho người quản trị dễ dàng trong việc phân quyền quản lý, quản lý khách hàng và các đơn đặt hàng của họ. Mục tiêu của đề tài “Xây dựng website quản lý cửa hàng mua bán giày dép bằng framework CodeIgniter”. Ứng dụng sau khi hoàn thành sẽ bao gồm các chức năng cơ bản của một trang web bán hàng như: Chức năng tìm kiếm, lọc sản phẩm theo danh mục, từ khóa. Chức năng đăng ký, đăng nhập. Chức năng giỏ hàng, thanh toán. Chức năng quản lý. Ứng dụng web được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng CodeIgniter Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện, công nghệ hỗ trợ web khác như: JavaScript, CSS, jQuery, Ajax, Bootstrap,... ngoài ra còn có sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.
853	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐỀ XUẤT TUYẾN BUS TRÊN OPENSTREETMAP Phân hệ xây dựng app đề xuất tuyến bus trên nền tảng di động	Trần, Văn Cảnh	Trần, Công Ân	2019	Đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống đề xuất tuyến bus trên OpenStreetMap” nhằm giải quyết vấn đề trên. Hệ thống được xây trên nền bản đồ của OpenStreetMap giúp cho việc xem thông tin, tìm các tuyến buýt trở nên thuận tiện và dễ dàng. Người dùng có thể xem thông tin các tuyến buýt mình cần đi và nhận được sự chỉ dẫn đến các tuyến cần thiết. Bên cạnh đó hệ thống website còn hỗ trợ chỉ đường đi cho người dùng các phương tiện giao thông khác. Ngoài ra hệ thống còn cho phép người dùng đăng, cập nhật cảm nghĩ của mình thông qua một diễn đàn được tích hợp vào hệ thống giúp cho trải nghiệm của người dùng trở nên sinh động hơn. Hệ Thống website được xây dựng trên bản đồ OpenStreetMap và sử dụng thư viện leaflet để tương tác với bản đồ OpenStreetMap. Được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP với mô hình MVC sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, CSS,... nhiều chức năng và phân quyền người dùng hỗ trợ cho việc quản trị trở nên dễ dàng, thuận tiện.
854	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐI CHUNG XE Phân hệ người dùng	Phạm, Ngọc Hải	Trần, Công Ân	2019	Thực hiện đề tài xây dựng ứng dụng đi chung xe, chúng tôi sẽ cung cấp cho người dùng một sự lựa chọn đơn giản, kinh tế và thông minh trong thời đại công nghệ hiện nay. Chúng tôi sẽ xây dựng hệ thống website “Đi chung xe” giúp người dùng có thể chọn được loại phương tiện, người đồng hành cùng tuyến đường phù hợp nhất dựa theo vị trí địa lý. Khi tham gia vào những chuyến đi chung, người dùng sẽ được tiết kiệm chi phí, năng lượng. Đồng thời, giảm số lượng phương tiện hoạt động nhằm góp phần giữ gìn môi trường sạch đẹp. Hệ thống được xây dựng dựa trên mô hình Java EE kết hợp HTML, CSS, Bootstrap, JavaScript, chạy trên server Wifly, kết nối cơ sở dữ liệu PostgreSQL và áp dụng giải thuật tìm đường đi kết nối với OpenStreetMap.

855	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐỀ XUẤT TUYẾN BUS TRÊN OPENSTREETMAP Phân hệ xây dựng hệ thống nhập liệu cho quản trị viên	Nguyễn, Trung Phú	Trần, Công Ân	2019	Đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống đề xuất tuyến bus trên OpenStreetMap” nhằm giải quyết vấn đề trên. Hệ thống được xây trên nền bản đồ của OpenStreetMap giúp cho việc xem thông tin, tìm các tuyến buýt trở nên thuận tiện và dễ dàng. Người dùng có thể xem thông tin các tuyến buýt mình cần đi và nhận được sự chỉ dẫn đến các tuyến cần thiết. Ngoài ra hệ thống website còn tích hợp tính năng chỉ đường cho người dùng các phương tiện giao thông khác. Hệ thống còn cho phép người dùng đăng, cập nhật cảm nghĩ của mình thông qua một diễn đàn được tích hợp vào hệ thống giúp cho trải nghiệm của người dùng trở nên sinh động hơn. Bên cạnh đó hệ thống website còn hỗ trợ cho người quản trị có thể quản lý thông tin các tuyến buýt cũng như việc thu thập dữ liệu và nhập liệu cho hệ thống một cách dễ dàng và trực quan thông qua bản đồ OpenStreetMap. Hệ Thống website được xây dựng trên bản đồ OpenStreetMap và sử dụng thư viện leaflet để tương tác với bản đồ OpenStreetMap. Được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP với mô hình MVC sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, CSS,... nhiều chức năng và phân quyền người dùng hỗ trợ cho việc quản trị trở nên dễ dàng, thuận tiện.
856	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEB QUẢNG BÁ DU LỊCH ĐBSCL	Phạm, Minh Đức	Trương, Minh Thái	2019	Ứng dụng web “Quảng bá du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long”, người dùng có thể thường thức các bài viết nằm ở 4 loại hình du lịch khác nhau: du lịch tham quan, du lịch khám phá, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch các vùng miền. Trong mỗi loại hình du lịch lại có các hình thức du lịch rõ ràng và cụ thể, phù hợp với sở thích đi du lịch khác nhau của mỗi người. Không chỉ thế, người dùng còn có thể trải nghiệm công nghệ nhận diện giọng nói để tìm kiếm thông tin một cách khá thú vị với Web speech API. Công nghệ Google Map – giúp xác định vị trí 1 cách nhanh chóng và chính xác. Công cụ bình luận bài viết, like bài viết và truy cập Fanpage liên kết với Facebook. Công cụ PHPMailer, giúp người quản trị gửi Email xác nhận và gửi Email thanh toán cho người dùng 1 cách thuận lợi. Ngoài ra, Ứng dụng còn được tích hợp rất nhiều chức năng khác nhau như đăng nhập – đăng xuất, quản lý thông tin cá nhân, viết bài, quản lý bài viết, thiết kế tour, đăng kí tour, quản lý tour, quản lý hóa đơn tour, chỉnh sửa đối tác, đặc biệt là chức năng quản lý người dùng vô cùng chặt chẽ và dễ sử dụng, bao gồm: quản trị, nhân viên, khách hàng, người chờ xác thực. Các chức năng cùng những công nghệ trên được thể hiện phía front-end nhờ sự hỗ trợ của thư viện MaterializeCSS và kỹ thuật lập trình Ajax, cả hai sẽ giúp ứng dụng web nhìn bắt mắt nhưng dễ dàng sử dụng với giao diện hiện đại, linh hoạt và mượt mà. Hi vọng rằng luận văn này sẽ giúp mọi người có một cái nhìn sâu sắc và tổng quát hơn về du lịch của vùng đất này, trải nghiệm các công nghệ hiện đại, giao diện linh hoạt, mượt mà, đặc biệt với sự hỗ trợ của ứng dụng này, chắc chắn việc phát triển du lịch của vùng ĐBSCL sẽ không còn nhiều trở ngại mà có thể phát triển 1 cách nhanh chóng và vượt bậc, xứng đáng với những gì mà vùng đất này vốn có.

857	Đại học	XÂY DỰNG HÀNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG ĐỀ XUẤT THÔNG TIN ÁT TUYÊN BUS TRÊN PENSTREETMAP Phân hệ áp dụng giải thuật dijkstra vào hệ thống đề xuất tuyến bus	Cao, Đức Tài	Trần, Công Ân	2019	Đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống đề xuất tuyến bus trên OpenStreetMap” nhằm giải quyết vấn đề trên. Hệ thống được xây trên nền bản đồ của OpenStreetMap giúp cho việc xem thông tin, tìm các tuyến buýt trở nên thuận tiện và dễ dàng. Người dùng có thể xem thông tin các tuyến buýt mình cần đi và nhận được sự chỉ dẫn đến các tuyến cần thiết. Bên cạnh đó hệ thống website còn hỗ trợ chỉ đường đi cho người dùng các phương tiện giao thông khác. Ngoài ra hệ thống còn cho phép người dùng đăng, cập nhật cảm nghĩ của mình thông qua một diễn đàn được tích hợp vào hệ thống giúp cho trải nghiệm của người dùng trở nên sinh động hơn. Hệ Thống website được xây dựng trên bản đồ OpenStreetMap và sử dụng thư viện leaflet để tương tác với bản đồ OpenStreetMap. Được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP với mô hình MVC sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, CSS,... nhiều chức năng và phân quyền người dùng hỗ trợ cho việc quản trị trở nên dễ dàng, thuận tiện. Bên cạnh đó, hệ thống áp dụng giải thuật dijkstra vào việc tra cứu tuyến buýt để giúp tìm đường đi ngắn nhất giữa các trạm buýt, tuyến buýt và có thể giới hạn được số lần chuyển tuyến.
858	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐI CHUNG XE Phân hệ người dùng khách và quản trị viên	Nguyễn, Thị Ngọc Nguyên	Trần, Công Ân	2019	Thực hiện đề tài xây dựng ứng dụng đi chung xe, chúng tôi sẽ cung cấp cho người dùng một sự lựa chọn đơn giản, kinh tế và thông minh trong thời đại công nghệ hiện nay. Chúng tôi sẽ xây dựng hệ thống website “Đi chung xe” giúp người dùng có thể chọn được loại phương tiện, người đồng hành cùng tuyến đường phù hợp nhất dựa theo vị trí địa lý. Khi tham gia vào những chuyến đi chung, người dùng sẽ được tiết kiệm chi phí, năng lượng. Đồng thời, giảm số lượng phương tiện hoạt động nhằm góp phần giữ gìn môi trường sạch đẹp. Hệ thống được xây dựng dựa trên mô hình Java EE kết hợp HTML, CSS, Bootstrap, JavaScript, chạy trên server Widfly, kết nối cơ sở dữ liệu PostgreSQL và áp dụng giải thuật tìm đường đi kết nối với OpenStreetMap.
859	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRẢ LỜI TỰ ĐỘNG DỰA TRÊN MẠNG GAN VỚI HỌC TĂNG CƯỜNG	Nguyễn, Văn Đăng	Lâm, Nhật Khang	2019	Luận văn này nghiên cứu và xây dựng miền đối thoại cho tiếng Việt trên nền mạng GAN với học tăng cường. Ý tưởng của mạng GAN là huấn luyện 2 hệ thống, một mô hình Generator được huấn luyện để sinh ra câu trả lời và một mô hình phân biệt Discriminator có chức năng tương tự một máy phân biệt giữa một phản hồi đúng như con người trả lời và một phản hồi sai lệch. Đầu ra của Discriminator được dùng làm phần thưởng cho mô hình Generator, làm cho mô Generator tạo ra các phản hồi tốt hơn. Huấn luyện mô hình này trên tập dữ liệu 38.000 dòng các hội thoại các nhân vật trong phim từ trang subsence.com. Điểm đánh giá BLEU là 0.08.

860	Đại học	WEBSITE SẢN GIAO DỊCH NÔNG SẢN Phân hệ: Người dùng	Trần, Huỳnh Quang Phúc	Trần, Công Ân	2019	Đề tài là xây dựng Website sản giao dịch nông sản làm cầu nối cho người nông dân và doanh nghiệp. Website sản giao dịch nông sản cung cấp các chức năng theo cho 3 kiểu người dùng: khách, người dùng (nông dân, nhà chế biến, nhà bán lẻ), quản trị viên. Người dùng khách: đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm tin, xem thông tin của các tin đăng, tìm kiếm tin dựa trên bản đồ. Người dùng có tài khoản (nông dân, nhà chế biến, nhà bán lẻ): đăng tin mua, tin bán(riêng nông dân không được đăng tin mua), đặt câu hỏi cho chủ tin, trả lời câu hỏi tin của mình; tham gia đấu giá; tham gia giao dịch; quản lý tin, tài khoản; trò chuyện trực tuyến với nhau. Quản trị viên: quản lý tin, tài khoản, loại sản phẩm, sản phẩm, thống kê, bản đồ tin. Website sản giao dịch nông sản được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình PHP, CSS, HTML, JavaScript, JQuery, socket.io, redis, vue.js dựa theo mô hình MVC (Model-ViewController) trong Framework Laravel và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
861	Đại học	Game Về Giáo Dục Môi Trường	Võ, Minh Thành	Sử, Kim Anh	2019	Hiện nay, kiến thức về giáo dục môi trường ngày càng được quan tâm vì môi trường ngày càng trở nên ô nhiễm. Giáo dục môi trường được giảng dạy cho nhiều đối tượng học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sinh viên và người lớn đã đi làm cũng nên học. Mục đích của giáo dục môi trường nhằm giúp mọi người có kiến thức về bảo vệ môi trường trong lành sạch đẹp và hơn thế nữa là giúp tuyên truyền rộng rãi việc bảo vệ môi trường đến tất cả mọi người trên cả nước. Tất cả vì một trái đất xanh, sạch, đẹp. Bên cạnh website giúp người học dễ dàng học các bài học của khóa học nhờ giao diện dễ tương tác, trong khóa học khi học xong hai bài thì sẽ có một trò chơi giải trí xuất hiện, đồng thời khi học xong ở cuối bài học còn có các bài kiểm tra giúp người học nhớ lâu hơn. Bên cạnh đó, website còn gợi ý những khóa học nổi bật một cách chính xác. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu xây dựng website giáo dục môi trường tích hợp Game 2D nhằm mục đích giúp học sinh có thêm kiến thức về môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống xung quanh mình. Khi học trên website này các em học sinh sẽ không cảm thấy quá khô khan vì trên đây là những hình ảnh vô cùng sinh động và có những bài kiểm tra vô cùng hữu ích và thực tế, có thể chơi game để giải trí sau những giờ học căng thẳng. Để thực hiện được website giáo dục môi trường trên tôi đã sử dụng PHP, Bootstrap để lập trình cho trang web và Unity để lập trình trò chơi.

862	Đại học	HỆ THỐNG GỌI VÀ VẬN CHUYỂN MÓN ĂN TRONG NHÀ HÀNG	Bùi, Minh Tâm	Phạm, Thị Xuân Diễm	2019	Với điều thú vị từ IoT, đề tài luận văn “Hệ thống gọi và vận chuyển món ăn trong nhà hàng” đã được tiến hành. Mục tiêu của đề tài nhằm tạo ra một hệ thống giúp cho quán ăn, nhà hàng có thể tạo nên sự khác biệt, độc đáo, hỗ trợ cho việc gọi món ăn và vận chuyển món ăn một cách hiệu quả hơn thông qua việc kết hợp giữa máy tính bảng, một máy chủ, xe vận chuyển món ăn – được xây dựng dựa trên NodeMCU 1.0 (ESP - 12E), Arduino, các cảm biến, cùng với hệ thống mạng để kết nối các thiết bị lại với nhau. Về phương pháp nghiên cứu, tôi tìm hiểu về những ứng dụng của IoT trong hiện tại, phân tích những ưu và nhược điểm của các hệ thống trong các quán ăn, nhà hàng để khắc phục và tạo nên sự khác biệt cho hệ thống. Sau đó, chúng tôi bắt đầu xây dựng một ứng dụng trên thiết bị di động chạy hệ điều hành Android để khách hàng khi đến nhà hàng có thể chọn món ăn trực tiếp trên di động, nhân viên không cần phải ghi chú lại trên giấy, tránh các trường hợp thất lạc yêu cầu gọi món hoặc ghi sai bàn ăn. Máy chủ sẽ có nhiệm vụ cung cấp thực đơn, tiếp nhận các yêu cầu từ máy khách, lưu trữ gọi món, yêu cầu thanh toán, quản lý các món ăn, bàn ăn và xe vận chuyển món ăn. Xe vận chuyển sẽ nhận yêu cầu từ máy chủ và chạy theo đường màu đen để đến bàn ăn rồi trở về vị trí nhà xe.
863	Đại học	WEBSITE CHỢ NÔNG SẢN PHÂN HỆ BÁN HÀNG DÀNH CHO XÃ VIÊN	Lê, Duy Hào	Trương, Minh Thái	2018	Ngày nay, khi xã hội càng phát triển thì nhu cầu cuộc sống ngày một nâng lên, mua bán hàng online trở thành một phần không thể thiếu của cuộc sống. Nắm bắt được điều đó một ý tưởng đề tài luận văn: “Website chợ nông sản phân hệ bán hàng dành cho xã viên” được ra đời để tăng khả năng mua hàng nhanh gọn, đúng chất lượng sản phẩm và giá tiền, làm yên tâm cho người tiêu dùng. Thông qua đó, chúng ta tạo một trang website bán hàng tập trung cho những người có sản phẩm cần bán. Với việc sử dụng framework Laravel giúp dễ dàng lập trình các tác vụ của trang website, dễ thân thiện với người sử dụng. Đối với phương pháp nghiên cứu, website chỉ có thể áp dụng với các phiên giao dịch với qui mô vừa và nhỏ. Nhưng mục tiêu của đề tài sẽ phát triển mạnh hơn để có thể đáp ứng tất cả như cầu mua bán của mọi người.
864	Đại học	WEBSITE CHỢ NÔNG SẢN PHÂN HỆ QUẢN LÝ CHỢ NÔNG SẢN	Huỳnh, Hoài Anh	Trương, Minh Thái	2018	Xây dựng một hệ thống hỗ trợ quản lý việc mua bán của người mua và người bán sản phẩm trên Internet, qua đó hệ thống sẽ thống kê được số lượng bài đăng theo thời gian: - Nhanh chóng, hiệu quả. - Đảm bảo chính xác, tiện lợi và dễ dàng quản lý được các bài đăng của người bán và các đơn hàng của khách hàng. - Thuận tiện trong việc cung cấp các sản phẩm. - Dễ dàng thống kê số lượng các sản phẩm được mua, số lượng người dùng, số lượng bài đăng và đưa ra lợi nhuận từ hệ thống. Hệ thống Website cung cấp sản phẩm xây dựng trên nền Desktop hay thiết bị di động đều có thể truy cập đến trang web bán hàng. Website được xây dựng để phục vụ cho ba đối tượng chính là Chủ nhiệm hợp tác xã (người quản trị), Xã viên (người bán) và Khách hàng (người dùng).

865	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE KINH DOANH SIM SỐ ĐẸP	Lê, Công Thoại	Lê, Văn Quan	2019	“Thiết kế Website kinh doanh sim số đẹp” được thực hiện để đáp ứng nhu cầu hiện nay, qua đó tìm hiểu và áp dụng các kiến thức, công nghệ mới tạo nên hệ thống hoàn chỉnh hoạt động tốt, ổn định và nhanh chóng, đảm bảo hoạt động được các chức năng như sau: Quản lý thông tin sim số, thông tin nhân viên và thông tin đại lý. Quản lý thông tin đơn hàng, hoá đơn, thông tin khách hàng và tin tức. Tự động nhận dạng phân loại sim theo từng loại sim và nhà mạng. Cho phép đại lý truy cập vào website đăng ký, đăng nhập tài khoản, đăng sim số muốn bán và quản lý sim số đã đăng. Cho phép khách hàng truy cập vào website tìm kiếm sim số với nhiều tiêu chí khác nhau, xem thông tin chi tiết sim số, đặt mua, liên hệ thanh toán và tra cứu đơn hàng đã đặt. Khách hàng có thể gửi thông tin sim số muốn bán lại cho cửa hàng khi có nhu cầu. Lập báo cáo, thống kê sim số và doanh thu hàng tháng.
866	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN THIẾT BỊ DI ĐỘNG DỰA TRÊN CƠ SỞ TÌM HIỂU QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ VÀ KÝ HIỆU BPMN (PHÂN HỆ THIẾT KẾ WEB)	Cao, Ánh Sang	Nguyễn, Công Danh	2019	Trong thời đại công nghệ và môi trường kinh tế-xã hội thay đổi không ngừng. Các tổ chức, doanh nghiệp dù ở quy mô lớn hay nhỏ đều mong muốn trở nên uyển chuyển hơn và thích nghi được với thị trường năng động. Hiện nay các doanh nghiệp đang có xu hướng xây dựng các tiến trình nghiệp vụ sao cho dễ dàng đáp ứng việc tự động hóa và thay đổi trong việc quản lý.... Khi nói về quy trình nghiệp vụ, chúng ta hiểu đó là tất cả các quy trình bên trong một công ty hoặc tổ chức, dù lớn hay nhỏ đều phải tuân theo trên tất cả các hoạt động. Mặt khác, chúng ta cũng nhận thấy nhiều tổ chức điều hành các hoạt động của họ theo một cách rời rạc làm cho các quy trình trở nên manh mún và không có tính kết nối. Quy trình nghiệp vụ là tâm điểm của một doanh nghiệp, và là những thứ tạo nên sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh khác. Quy trình nghiệp vụ mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả hoạt động, tầm nhìn kinh doanh, và sự nhanh nhẹn, cho phép doanh nghiệp tiến hành những hoạt động kinh doanh chi phí thấp và năng động. Ký hiệu mô hình hóa quy trình nghiệp vụ BPMN (The Business Process Modeling Notation) đã được phát triển cho phép người làm nghiệp vụ có thể tạo ra các biểu đồ hoặc trực quan dễ hiểu của các quy trình nghiệp vụ. BPMN tạo ra cầu nối cho khoảng cách giữa người thiết kế và người cài đặt quy trình nghiệp vụ. Với vai trò là chuẩn công nghiệp, BPMN được hỗ trợ bởi nhiều hãng sản xuất khác nhau với đầy đủ công cụ thiết kế, mô hình hóa, cài đặt và vận hành. Với ý nghĩa đó luận văn tập trung vào nghiên cứu các vấn đề lý thuyết liên quan đến quy trình nghiệp vụ, vấn đề xây dựng một website bán thiết bị di động dựa trên cơ sở tìm hiểu quy trình nghiệp vụ và ký hiệu BPMN.

867	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU DU LỊCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Danh, Hậu	Lâm, Nhật Khang Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ tìm kiếm các địa điểm du lịch là rất cần thiết. “Hệ thống giới thiệu du lịch thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng website bằng ngôn ngữ HTML, CSS, JS, PHP hỗ trợ cho mọi người tiết kiệm thời gian cho việc tìm được một địa điểm phù hợp và hỗ trợ những người công tác viên giới thiệu rộng rãi thông tin về địa điểm của mình đến với mọi người. Ngoài ra, hệ thống còn tích hợp Google Maps API để hỗ trợ việc tìm kiếm các vị trí của các địa điểm trên bản đồ và tìm được đường đi đến địa điểm đó. Hệ thống đã tích hợp thêm chatbot hoạt động trên nền tảng website nhằm giúp cho người dùng có sự trải nghiệm tốt hơn, hỗ trợ và giải đáp các thắc mắc về các địa điểm một cách nhanh chóng.
868	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CHO HỆ THỐNG BÁN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	Đinh, Công Thành	Lâm, Nhật Khang Bùi, Đăng Hà Phương	2019	“Website thương mại điện tử cho hệ thống bán điện thoại di động” cho phép khách hàng có thể tra cứu thông tin sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, hệ thống có tích hợp cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh, tiết kiệm thời gian, công sức và cho phép người dùng các đánh giá sản phẩm. Hệ thống cũng cung cấp phần quản trị hệ thống giúp cho quản trị viên có thể quản lý thông tin sản phẩm, thông tin danh mục, thông tin đơn hàng, quản lý thống kê, quản lý tài khoản người dùng. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Laravel, hệ quản trị cơ sở dữ liệu được sử dụng là MySQL. Giao diện website được xây dựng dựa framework Bootstrap 4, có hỗ trợ responsive trên nhiều kích thước màn hình khác nhau giúp dễ sử dụng và thân thiện với người dùng. Ngoài ra, hệ thống còn tích hợp thêm chức năng phân tích quan điểm của khách hàng về sản phẩm thông qua các đánh giá về sản phẩm đó.
869	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TÌM KIẾM NHÀ TRỌ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Lâm, Vũ	Lâm, Nhật Khang Bùi, Đăng Hà Phương	2019	“Hệ thống tìm kiếm các nhà trọ tại thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng website, hỗ trợ cho mọi người, tiết kiệm thời gian, công sức tối đa trong tìm kiếm nhà trọ. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các ngôn ngữ lập trình như HTML, JavaScript, CSS,... Hệ thống hiển thị danh sách các nhà trọ để gợi ý cho khách truy cập vào có thể xem các thông tin giới thiệu, liên hệ. Ngoài ra, hệ thống còn cung cấp tính năng đánh giá, nhận xét từng nhà trọ, từ đó có thể biết được chất lượng phục vụ từng nhà trọ. Đặc biệt, hệ thống tích hợp Chatbot và Google Maps API hỗ trợ tìm đường đi nhanh nhất từ vị trí hiện tại đến nhà trọ cũng như giúp tối ưu hoá việc tìm kiếm thông tin nhanh nhất.

870	Đại học	NHẬN DẠNG VÀ TRÍCH XUẤT THÔNG TIN TRÊN ẢNH CHỤP GIẤY CMND TỪ WEBCAM	Lê, Nhật Trường	Trần, Cao Đệ	2019	Ngày nay, với sự phát triển không ngừng của công nghệ và khoa học kỹ thuật, việc áp dụng các thiết bị máy móc vào các hoạt động sản xuất, phục vụ đời sống con người ngày càng trở nên phổ biến. Máy móc có thể thay thế con người trong nhiều lĩnh vực như các công việc nguy hiểm, nặng nhọc, môi trường làm việc ô nhiễm nhằm giảm thiểu nguy cơ cho con người khi làm việc. Một số ứng dụng trong bài toán nhận dạng như nhận dạng dấu vân tay để điểm danh nhân viên, nhận dạng ký tự quang học (nhận dạng chữ viết từ tài liệu, nhận dạng thông tin trên các loại thẻ). Luận văn này sẽ đi vào phần nhận dạng ký tự quang học với đề tài: “Nhận dạng và trích xuất thông tin trên ảnh chụp giấy CMND từ webcam”. Tập trung nghiên cứu tìm hiểu hoạt động của thư viện xử lý ảnh OpenCV và công cụ nhận dạng Tesseract. Nghiên cứu nhằm mục đích tạo ra công cụ trích xuất thông tin trên giấy CMND thành một định dạng văn bản một cách tự động phục vụ cho việc tăng hiệu quả xử lý các thủ tục có sử dụng giấy CMND và cung cấp giải pháp xử lý ảnh cho các ứng dụng khác cần thông tin trên giấy CMND. Chương trình sử dụng ngôn ngữ lập trình Python phiên bản 3. Đầu vào của chương trình là ảnh chụp từ webcam có chứa giấy CMND. Kết quả của chương trình là các thông tin của chủ thẻ như số CMND, họ tên chủ thẻ sẽ được chuyển thành định dạng văn bản. Độ chính xác của chương trình được kiểm thử với một giấy CMND được chụp 60 lần với các góc độ khác nhau: • Số lượng ảnh trích xuất đúng là 42/60. • Số lượng ảnh trích xuất sai là 18/60. • Số lượng ký tự nhận dạng sai trung bình là 1-5 ký tự. Những hạn chế của đề tài: • Hạn chế về trang thiết bị để chụp ảnh đầu vào (webcam cho chất lượng ảnh không được rõ nét) làm giảm độ chính xác khi nhận dạng. • Chưa xử lý được các yếu tố bên ngoài tác động đến chương trình. Ảnh quá sáng hoặc quá tối đều làm giảm độ chính xác khi nhận dạng.
-----	---------	---	-----------------	--------------	------	---

871	Đại học	HỆ THỐNG TRUY HỒI, LẬP CHỈ MỤC VÀ CHO PHÉP TÌM KIẾM YOUTUBE VIDEOS VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH KHOẢNG CÁCH ẢNH HIỆU QUẢ	Đặng, Văn Ân	Phạm, Thế Phi	2019	Sự phát triển mạnh mẽ của nền tảng chia sẻ video Youtube làm lượng video lưu trữ trên đó tăng lên một cách nhanh chóng về số lượng và nội dung. Mặc dù công cụ tìm kiếm video theo tên và một vài thông số đi kèm của Youtube cho phép người dùng tìm kiếm video với thời gian đáp ứng khá nhanh, công cụ này vẫn còn hạn chế khi câu truy vấn thường không đưa ra kết quả chính xác về mặt nội dung. Việc này đòi hỏi phải có thêm các công cụ tìm kiếm video hiệu quả và tiện lợi. Đề tài đề xuất phương pháp tìm kiếm video từ Youtube theo hình ảnh, và văn bản giọng nói. Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu các phương pháp biểu diễn đặc trưng ảnh và văn bản để xây dựng nên một hệ thống tìm kiếm ảnh và văn bản hiệu quả. Đầu tiên, đề tài thiết kế quy trình tải về và tiền xử lý các video từ Youtube. Tiếp đó, dựa vào Mô hình không gian vector, đề tài đưa ra phương pháp tìm kiếm ảnh và văn bản thông qua độ tương đồng Cosine giữa các vector và tiến hành thực nghiệm mô hình. Thực nghiệm ban đầu cho thấy, từ một ảnh truy vấn đầu vào hệ thống trả về 10 ảnh tương đồng nhất đối với truy vấn với độ chính xác cao nhất đạt được là 75% và đây là một kết quả khả quan. Tương tự với dữ liệu văn bản, hệ thống luôn tìm ra được đúng cảnh và video cần tìm.
-----	---------	--	--------------	---------------	------	--

872	Đại học	APP QUẢN LÝ NHÀ HÀNG LOTTERIA VÀ TÍCH ĐIỂM BẰNG MÃ QR	Trương, Ngọc Lam Vy	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, với sự phát triển vượt trội của điện thoại di động và ứng dụng di động thì việc quản lý thương mại trên thiết bị di động, đặc biệt là quản lý nhà hàng cũng ngày càng phổ biến. Thay vì những chiếc máy tính công kênh thì các nhà hàng lại chọn sử dụng phần mềm mua bán và quản lý trên những chiếc smartphone, tablet càng được yêu thích và sử dụng rộng rãi. Nhân viên tại quán có thể đến từng bàn phục vụ, điều đó giúp cho việc phục vụ dễ dàng và nhanh chóng hơn, quản trị viên cũng có thể quan sát và theo dõi việc phục vụ tại quán mà không cần có mặt tại quán. App quản lý nhà hàng Lotteria và quét mã QR tích điểm trên di động được phát triển phục vụ cho nhu cầu đặt món và quản lý trong nhà hàng Lotteria. Ứng dụng được thiết kế với màu sắc đơn giản, giao diện thân thiện với người dùng. Nhân viên phục vụ tại quầy có thể ghi món, thanh toán, tạo mã QR và tích điểm bằng quét mã QR. Quản trị viên có thể thống kê hoá đơn theo ngày và tháng, quản lý bàn ăn, món ăn, danh mục, nhân viên trong nhà hàng thuận tiện hơn. Công nghệ chính của ứng dụng là sử dụng framework Reactnative 0.6 được viết bằng Javascript có thể sử dụng được trên cả nền tảng Android lẫn ios, với cơ sở dữ liệu được lưu trữ theo thời gian thực trên Google Firebase giúp cập nhật dữ liệu ngay tức thời. Ngoài ra phần mềm còn sử dụng công nghệ quét mã QR trong việc tích điểm đang ngày càng phổ biến với người dùng và khách hàng sử dụng của họ. Về cơ bản, ứng dụng Quản lý nhà hàng và quét mã QR tích điểm trên di động tương đối hoàn chỉnh về mặt giao diện, hoàn thành tốt các chức năng theo yêu cầu thiết kế và cài đặt. Ngoài những chức năng chính được nêu ở trên, phần mềm có thể phát triển thêm liên kết thanh toán trực tiếp với Momo, Zalopay,.. để giúp khâu thanh toán tiện lợi hơn cho cả nhân viên lẫn khách hàng. Trong tương lai, để khâu thanh toán và quản lý trở nên bảo mật hơn thì việc kết hợp blockchain là một điều khá quan trọng có thể phát triển thêm sau này.
873	Đại học	ỨNG DỤNG ĐẶT MÓN VỚI MENU ĐIỆN TỬ CÓ QUÉT MÃ QR TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG ANDROID	Lê, Thị Ngọc Thắm	Trần, Cao Đệ	2019	Ứng dụng gọi món với menu điện tử có quét mã QR (viết tắt của Quick Reponse, hay còn gọi là mã phản hồi nhanh) trên thiết bị di động Android, là ứng dụng hỗ trợ cho các nhà hàng, quán ăn thuận tiện trong việc quản lý cửa hàng, tiết kiệm một số chi phí về in ấn menu hay nhân viên, tiết kiệm thời gian cho khách hàng. Ứng dụng thực hiện các chức năng chính như cho phép chủ các cửa hàng tự đăng ký tài khoản để sử dụng ứng dụng phục vụ cho việc quản lý cửa hàng, quản lý thông tin cửa hàng, quản lý bàn, quản lý sản phẩm, quản lý đặt hàng. Đồng thời ứng dụng cho phép khách hàng gọi món thông qua ứng dụng được cài sẵn trên thiết bị di động với quét mã QR (quét mã thông qua camera trên thiết bị di động) được đặt tại từng bàn trong cửa hàng, gọi thanh toán. Gọi món thông qua quét mã QR giúp cho cửa hàng, cũng như khách hàng sử dụng trở nên linh hoạt hơn, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí.

874	Đại học	ỨNG DỤNG FUZZY TIME SERIES VÀ PARTICLE SWARM OPTIMIZATION VÀO DỰ BÁO CHỨNG KHOÁN	Nguyễn, Tiến Đạt	Bùi, Đăng Hà Phuong	2019	Trong luận văn này, chúng tôi sử dụng hai mô hình: Một là mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ (Fuzzy Time Series – FTS) dựa trên các vector trọng số tối ưu của các nhóm quan hệ xu hướng mờ bậc hai hai yếu tố (Two-Factors Second-Order FuzzyTrend Logical Relationship Groups - TSFTLRGs) và các kỹ thuật tối ưu bầy đàn (Particle Swarm Optimization – PSO). Hai là mô hình dự báo FTS dựa trên các phần tối ưu của các khoảng trong tập nền và các vector trọng số tối ưu của TSFTLRGs, mô hình này sử dụng các kỹ thuật PSO để thu được các phân vùng tối ưu giữa các khoảng và các vector trọng số tối ưu đồng thời. Độ chính xác của hai mô hình trên được đánh giá bằng phương pháp tính sai số trung bình bình phương gốc (Root Mean Squared Error – RMSE) cho thấy kết quả của hai mô hình tốt hơn những mô hình trước đó, trong đó mô hình thứ hai được áp dụng đã giải quyết được vấn đề xác định độ dài các khoảng cho tập nền.
875	Đại học	XÂY DỰNG MẠNG THU THẬP DỮ LIỆU VÀ CẢNH BÁO MODULE TRUYỀN NHẬN DỮ LIỆU	Lê, Trí Thành	Ngô, Bá Hùng	2018	Mạng thu thập được cấu thành từ nền tảng Kaa cho mục đích là trung tâm kết nối giữa các thiết bị, nơi các dữ liệu sẽ được lưu trữ và tổ chức sau khi được gửi đến từ các thiết bị. Kaa hỗ trợ hai giao thức chính là MQTT và CoAP. Với MQTT là giao thức mặc định. Bên cạnh đó, Kaa cũng hỗ trợ bất kỳ các giao thức IoT mở (open IoT protocol). Kaa đã định nghĩa các quy tắc căn bản trong việc truyền nhận dữ liệu và cung cấp cho hai loại kênh để truyền nhận dữ liệu - kênh truyền mã hóa(encrypted) và kênh truyền phi mã hóa(unencrypted). Để quản lý lượng lớn các thiết bị, Kaa sử dụng các thuộc tính (attribute) để xác định các thiết bị và nhóm thiết bị. Các thiết bị khi kết nối đến Kaa đều phải thông qua việc xác thực có thể bằng token, username - password, hay chứng chỉ(certificate)... Ta có thể quản lý các thiết bị này thông qua API quản lý chứng chỉ của Kaa (Kaa credential management API) - thu hồi hay cấp quyền cho thiết bị. Grafana là một nền tảng với chức năng theo dõi, phân tích dữ liệu, đánh giá các quy tắc cảnh báo và gửi thông tin cảnh báo dựa trên các quy tắc cảnh báo mà người dùng định nghĩa. Grafana kết nối với các nguồn dữ liệu để truy vấn dữ liệu từ các nguồn được kết nối sau đó hiển thị và cấu hình những quy tắc cảnh báo dựa trên các mục đích đề ra lên các bảng điều khiển mà Grafana hỗ trợ. Khi đó Grafana sẽ lên lịch đánh giá các quy tắc đó. Grafana sẽ gửi thông báo đến cho Kaa khi dữ liệu thu thập từ các thiết bị đạt các ngưỡng đã đặt ra.

876	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE MUA BÁN ĐIỆN THOẠI TRỰC TUYẾN VỚI OPENCART: CHỨC NĂNG THANH TOÁN TRỰC TUYẾN	Bùi, Minh Huân	Huỳnh, Xuân Hiệp	2019	Trong những năm gần đây, thương mại điện tử ngày càng phát triển mạnh, đây là loại hình kinh doanh tiện lợi và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Vì vậy, nó đang được các doanh nghiệp, công ty hay các cá nhân kinh doanh áp dụng rất phổ biến “Website mua bán điện thoại trực tuyến với Opencart “là một hệ thống quản lý quy trình mua bán sản phẩm giữa khách hàng và cửa hàng. Website được xây dựng trên nền tảng Opencart phiên bản 2.3.0.2, sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện website được trình bày bằng HTML và CSS. Opencart hoạt động ổn định, dễ bảo trì. “Website mua bán điện thoại trực tuyến với Opencart” được phát triển hướng tới hai nhóm người dùng. Đầu tiên là khách hàng, khách hàng có thể xem, tìm kiếm, đặt hàng trực tuyến, thanh toán trực tuyến qua cổng thanh toán ... Nhóm người dùng thứ hai là chủ cửa hàng có thể xem, thêm, cập nhật sản phẩm, xác nhận đơn hàng, lập hóa đơn bán hàng, thống kê....
877	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRẢ LỜI TỰ ĐỘNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TĂNG CƯỜNG VÀ TỰ PHÊ BÌNH	Nguyễn, Văn Vĩ	Lâm, Nhật Khang	2019	Phương pháp SCST (Self-Critic for Sequence Training) là một phương pháp mới vốn được áp dụng cho việc mô tả hình ảnh (image captioning). Phương pháp này chưa được bài báo nào áp dụng vào vấn đề NLP. Luận văn áp dụng thành công phương pháp SCST cho vấn đề NLP với mô hình seq2seq (Sequence to Sequence) sử dụng mạng LSTM để xây dựng hệ thống trả lời tự động (chatbot). Tập dữ liệu với 15.000 cặp câu, mỗi cặp câu gồm một câu hỏi, một câu trả lời được xử lý và tinh chỉnh từ phụ đề phim Subscene1 . Kết quả đạt được của luận văn với điểm số BLEU là 0,07.
878	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI CỬA HÀNG BÁN THUỐC TÂY	Nguyễn, Tấn Được	Vũ, Duy Linh	2019	Hệ thống Quản lý chuỗi cửa hàng bán thuốc cho phép nhiều nhà thuốc đăng ký sử dụng cho hệ thống chi nhánh bán thuốc của mình. Hệ thống cho phép người sử dụng quản lý cửa hàng và thao tác trực tiếp trên website, giúp hoạt động bán thuốc tại các chi nhánh chặt chẽ và linh hoạt hơn. Chương 1: Tổng quan đề tài – Mục tiêu đề tài, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Chương 2: Mô tả bài toán – Mô tả bài toán, đề ra phương pháp nghiên cứu và hướng giải quyết để thực hiện đề tài. Chương 3: Cơ sở lý thuyết - Giới thiệu tổng quan về những công nghệ đã nghiên cứu để thực hiện đề tài. Chương 4: Thiết kế và cài đặt giải pháp - Phác thảo mô hình từng bước, vẽ các sơ đồ thực thể quan hệ, thiết kế cơ sở dữ liệu và cấu trúc hệ thống Chương 5: Kết quả nghiên cứu và kiểm thử - Tiến hành chạy thử hệ thống và ghi nhận lại kết quả đạt được, những lỗi phát sinh và yêu cầu cải thiện.

879	Đại học	MÔ HÌNH CLIENT - HONEYPOT	Lê, Văn Hiếu	Lê, Văn Lâm	2018	đề tài luận văn tốt nghiệp “Mô Hình Client - Honeypot” để triển khai thử nghiệm, thu thập dữ liệu các cuộc tấn công. Mô hình cho phép triển khai các cuộc tấn công từ đơn giản đến phức tạp bằng các phương pháp tấn công mạng thông dụng hoặc có thể thử nghiệm các phương pháp tấn công mới. Mô hình cũng giúp người sử dụng có thể hình dung được một cuộc tấn công diễn ra như thế nào, các bước tiến hành, đồng thời thu thập dữ liệu sau cuộc tấn công để nghiên cứu, nhận dạng các hình thức tấn công. Mô hình có cài đặt sẵn kịch bản của nhiều Mô Hình Client - Honeypot Lê Văn Lâm SVTH: Lê Văn Hiếu 2 cuộc tấn công giúp người mới bắt đầu dễ dàng tiếp cận nghiên cứu, tìm hiểu cách thức tấn công. Sau đó có thể tự thiết lập tấn công, phát triển, nghiên cứu phương pháp tấn công cho riêng mình để thử nghiệm.
880	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI CHO NGƯỜI DU LỊCH TRÊN HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID	Đỗ, Thành Hậu	Trương, Minh Thái	2019	Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin hiện nay, mọi người có thể tiếp cận các nguồn kiến thức khác nhau dễ dàng và nhanh chóng. Tận dụng những nguồn thông tin to lớn đó cung cấp cho những người thích đi du lịch và thường xuyên đi du lịch. Khi chuẩn bị đến thăm một thành phố lớn, bạn sẽ không còn phải bỏ ra hàng giờ để tìm kiếm trên web về những địa điểm tham quan đáng chú ý trong thành phố đó. Thay vào đó, chỉ với một vài thao tác, ứng dụng có thể tự động tạo ra danh sách các địa điểm mà bạn nên ghé thăm, lên kế hoạch cho chuyến đi và chia sẻ cho mọi người. Bên cạnh đó, giao diện của phần mềm được thiết kế đơn giản, quen thuộc, dễ sử dụng, mang đến sự thoải mái cho người dùng. Với sự ra đời của phần mềm này, các thông tin, số liệu về các địa điểm du lịch, khách sạn,... sẽ được tối ưu và sắp xếp chúng một cách khoa học nhằm giảm bớt thao tác, tạo cơ sở tốt cung cấp cho người dùng đầy đủ thông tin mà họ cần trong lần đầu sử dụng phần mềm.

881	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG PING-TEST ĐO KIỂM ĐƯỜNG TRUYỀN INTERNET CỦA VNPT	Trần, Trí Mãi	Cao, Hoàng Tiến	2019	Cùng với sự phát triển mạnh của công nghệ và ứng dụng trên mạng Internet, nhu cầu dùng Internet của người dân ngày càng tăng. Nắm bắt cơ hội đó, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đã đồng loạt triển khai nhiều chiến dịch quảng bá, nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng, tính cạnh tranh giữa các nhà mạng cũng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết. Do đó, ngoài các yếu tố: gói cước giá rẻ, chương trình khuyến mãi,... thì chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng chính là yếu tố quyết định để chiếm trọn niềm tin cũng như thu hút khách hàng tìm đến với nhà mạng của mình. Thực tế, trong quá trình lắp đặt và hoạt động, đường truyền Internet của nhà cung cấp dịch vụ mạng (VNPT) được khách hàng phản ánh là có vấn đề xảy ra khi đường truyền không ổn định, tốc độ truy cập thấp, kết nối mạng bị gián đoạn tại các thời điểm trong ngày. Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, cần có một thiết bị và hệ thống để giám sát, quản lý các sự cố đó một cách xuyên suốt. Từ đó, kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục, xử lý sự cố nhanh nhất có thể. Do vậy, một đề tài được đặt ra là: “Xây dựng hệ thống Ping-test đo kiểm đường truyền Internet của VNPT”. Hệ thống được xây dựng với một thiết bị dựa trên board xử lý chính là Arduino có khả năng đo kiểm độ ổn định của đường truyền mạng. Thiết bị này sẽ kết nối với Router của khách hàng tiến hành đo kiểm và gửi các thông số đo được (bao gồm: số ping, số gói tin thành công, số gói tin thất bại) về Server và sử dụng một Website để quản lý các dữ liệu đó. Hệ thống này giúp người quản lý theo dõi được tình trạng đường truyền mạng, thể hiện trực quan thông qua biểu đồ cùng những số liệu cụ thể. Qua đó, việc xử lý sự cố được thực hiện một cách mau lẹ, dễ dàng hơn.
882	Đại học	Tách phong đối tượng người trong ảnh sử dụng kỹ thuật phân vùng ngữ nghĩa FCN-CRFs	Nguyễn, Nhật Tín	Thái, Minh Tuấn	2019	Kỹ thuật phân vùng ngữ nghĩa có nhiều ứng dụng trong lĩnh vực đồ họa kỹ thuật số, xác định vị trí chính xác đối tượng được miêu tả trong ảnh và cắt ghép, chỉnh sửa chúng mang lại những trải nghiệm thú vị, thu hút những ý tưởng sáng tạo để hình thành những ứng dụng vô cùng tiện ích. Hướng tiếp cận của tác giả là tạo ra ứng dụng có khả năng tách phong ảnh mang tới sự độc đáo khi đối tượng người có thể xuất hiện với nhiều phong nền khác nhau mặc dù chỉ chụp ở một chỗ nhất định. Trong bài báo cáo này, tác giả tận dụng phương pháp tính toán của mạng tích chập đầy đủ (FCN) để giảm mẫu và tăng mẫu lại bằng tích chập chuyển vị (Transposed Convolution) mang lại chỉ số meanIU trên tập đánh giá (130 tấm ảnh) bằng 74.5% và kỹ thuật trường điều kiện ngẫu nhiên với phương pháp suy luận tối ưu KL-divergence (Inference = 20, Scale = 0.7) mang lại chỉ số meanIU bằng 80.0%. Ứng dụng cho phép tinh chỉnh các tham số và kết hợp nhiều loại ảnh nền khác nhau.

883	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE BÁN ĐIỆN THOẠI TRỰC TUYẾN VỚI OPENCART: CHỨC NĂNG TRẢ GÓP	Triệu, Hoàng Tấn	Huỳnh, Xuân Hiệp	2019	“Website bán điện thoại trực tuyến với Opencart: Chức năng trả góp” là một hệ thống quản lý quy trình mua bán các sản phẩm về điện thoại, tablet, laptop và phụ kiện giữa khách hàng và cửa hàng. Website được xây dựng trên nền tảng Opencart phiên bản 2.3.0.2, sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache. Giao diện website được trình bày bằng HTML, CSS và Javascript. Opencart hoạt động ổn định, dễ bảo trì, dễ sử dụng. “Website bán điện thoại trực tuyến với Opencart: Chức năng trả góp” được phát triển hướng tới hai nhóm người dùng. Đầu tiên là khách hàng, khách hàng có thể xem, tìm kiếm, đặt hàng trực tuyến, đặt mua trả góp, lựa chọn phương thức thanh toán,... Nhóm người dùng thứ hai là chủ cửa hàng có thể xem, thêm, cập nhật sản phẩm, xác nhận đơn hàng, lập hóa đơn bán hàng, thống kê... Về mặt lý thuyết, đề tài đã giới thiệu tổng quan về Opencart, cách cài đặt, cấu hình Opencart cũng như định nghĩa các thành phần cơ bản trong Opencart. Về mặt thực tiễn, website cũng đáp ứng các yếu tố cơ bản của một trang web thương mại điện tử, bán hàng trực tuyến, thanh toán online. Kết quả đề tài đã cơ bản hoàn thành quá trình phân tích, thiết kế chức năng và cài đặt chương trình demo tương đối hoàn chỉnh cho các nhóm người dùng.
884	Đại học	Ứng dụng hỗ trợ tìm máy ATM trong địa bàn thành phố Cần Thơ trên nền tảng Android	Lê, Thị Hằng Nga	Nguyễn, Tí Hon	2019	Hiện nay, Android được biết đến là hệ điều hành mã nguồn mở, tiện lợi, không có nhiều ràng buộc với các nhà phát triển ứng dụng và là nền tảng điện thoại thông minh phổ biến nhất thế giới, được nhiều chuyên gia lựa chọn. Song song đó, việc tích hợp bản đồ vào ứng dụng giúp phát triển nhiều tiện ích đa dạng. Đề tài “Ứng dụng hỗ trợ tìm máy ATM trong địa bàn thành phố Cần Thơ trên nền tảng Android” được viết bằng ngôn ngữ Java trên Android Studio, sử dụng hệ thống thông tin địa lý GIS và dịch vụ hỗ trợ lập trình của Google là Google Maps API. Ứng dụng ra đời nhằm hỗ trợ chúng ta tìm kiếm các cây ATM trong tỉnh Cần Thơ được dễ dàng hơn với các tính năng chỉ đường tính khoảng cách. Dữ liệu tọa độ địa điểm ATM, ngân hàng được lưu vào cơ sở dữ liệu SQLite được tích hợp sẵn trên Android Studio. Ứng dụng có giao diện thân thiện dễ sử dụng, giúp người dùng có được thông tin địa điểm cần tìm một cách chính xác và nhanh chóng.

885	Đại học	HỆ THỐNG BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN TÍCH HỢP HỆ GỢI Ý- SỬ DỤNG PHẢN HỒI TIỀM ẨN	Lưu, Vĩnh Phương	Sử, Kim Anh	2019	Hiện nay, hệ thống gợi ý được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như trong thương mại điện tử, trong giải trí, trong giáo dục...dùng để dự đoán nhu cầu của người dùng. Hệ thống gợi ý dựa vào những thông tin cá nhân của người dùng hoặc những đánh giá được thu thập từ phản hồi tường minh (explicit) hoặc tiềm ẩn (implicit) để đưa ra những gợi ý về các sản phẩm mới được dự đoán là phù hợp đối với người dùng. “Hệ thống bán hàng trực tuyến tích hợp hệ gợi ý – sử dụng phản hồi tiềm ẩn” hệ thống giúp người bán dễ dàng giới thiệu sản phẩm của người bán và đưa ra cho người mua nhiều phương thức tiếp cận hàng hóa, đồng thời website có tích hợp hệ thống gợi ý, bằng việc học từ một khách hàng từ đó đề xuất cho khách hàng những sản phẩm được xem nhiều nhất trong số các sản phẩm có sẵn. Bên cạnh đó, website còn hỗ trợ nhiều hình thức thanh toán khác nhau với độ an toàn cao và nhanh chóng. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu hệ thống bán hàng trực tuyến tích hợp hệ gợi ý - sử dụng phản hồi tiềm ẩn để gợi ý các sản phẩm phù hợp với người dùng dựa trên tiền tiêu chí. Tôi trình bày phương pháp gợi ý dựa trên những lượt xem được thu thập từ phản hồi tiềm ẩn để đưa ra những gợi ý sản phẩm mới được dự đoán là phù hợp đối với người dùng.
886	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUNG CỤ	Trần, Văn Sang	Phan, Tấn Tài	2019	Thu thập thông tin về những vấn đề xoay quanh đề tài trên Internet. Liên hệ trực tiếp và thường xuyên trao đổi, tham khảo ý kiến với giáo viên hướng dẫn. Tiếp cận trực tiếp các tổ chức, cá nhân đang hoạt động để có tài liệu chính xác thực tế là tài liệu cho quá trình thiết kế cài đặt hệ thống. Về lý thuyết: Nắm vững các công cụ cần sử dụng, phân tích và tìm hiểu cài đặt hệ thống. Quy trình sản xuất phần mềm: thu thập yêu cầu, mô tả vấn đề, đặc tả yêu cầu, thiết kế và kiểm thử phần mềm. Ngôn ngữ lập trình: PHP. Các công cụ hỗ trợ: Power Design, Mysql, framework Laravel... Về kỹ thuật: Dùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL để tạo và quản lý cơ sở dữ liệu. - Ngôn ngữ lập trình: PHP trên nền framework Laravel... Định dạng văn bản và giao diện: HTML5, CSS3, Bootstrap 4. Công cụ lập trình: Sublime Text 3, PHP Storm. 8 Đồ họa: Photoshop. - Dùng công cụ Power Designer version 16 để phân tích và thiết kế các mô hình.

887	Đại học	TÓM TẮT TÓM LƯỢC VĂN BẢN SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TĂNG CƯỜNG	Phan, Thị Tuyết Kha	Lâm, Nhựt Khang	2019	Tóm tắt văn bản là quá trình chắt lọc lại những thông tin quan trọng nhất từ một tài liệu văn bản nhằm giúp người đọc nắm bắt được nhanh gọn, súc tích nội dung văn bản, tiết kiệm thời gian. Tóm tắt văn bản thủ công thường tốn rất nhiều thời gian, công sức đặc biệt là khi thao tác với các văn bản dài. Vì thế, một xu hướng mới mở ra nhằm đáp ứng nhu cầu đó là tóm tắt văn bản tự động, thực hiện nhanh chóng và vẫn đảm bảo được khả năng chính xác của nội dung tóm tắt so với văn bản gốc. Với những đặc tính riêng của tiếng Việt đặt ra những khó khăn và thách thức riêng mà tóm tắt văn bản tự nhiên chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam hiện nay so với trên thế giới. Chính vì vậy, em đề xuất mô hình tóm tắt văn bản tiếng Việt tự động với mong muốn tìm ra phương pháp hữu hiệu nhất sử dụng các phương pháp đã áp dụng thành công cho các ngôn ngữ khác trên thế giới đặc biệt là tiếng Anh vào việc xử lý văn bản tiếng Việt. Luận văn sẽ tập trung vào xây dựng quy trình rút trích văn bản với phương pháp xử lý chính là phương pháp tóm tắt trừu tượng kết hợp xử lý với phương pháp rút trích và học tăng cường. Bước đầu đánh giá kết quả của phương pháp dựa trên đánh giá Rouge và thủ công cho kết quả tương đối khả quan.
888	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU CÁC NHÀ TRẺ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Lăng, Đức Tín	Lâm, Nhựt Khang Bùi, Đăng Hà Phương	2019	“Hệ thống giới thiệu các nhà trẻ tại thành phố Cần Thơ” được xây dựng dựa trên nền tảng Laravel framework và hệ quản trị cơ sở dữ liệu Mysql, các ngôn ngữ lập trình HTML, CSS, Javascript, sử dụng thư viện JQuery, Ajax. Nhờ sự phát triển của những công nghệ này, hệ thống sẽ quản lý và được xây dựng hiệu quả hơn, dễ dàng quản lý, giao diện thân thiện hơn. Google map API được tích hợp trong hệ thống giúp cho việc chỉ đường từ vị trí hiện tại của người dùng đến vị trí nhà trẻ. Cũng như việc cung cấp dữ liệu những địa điểm xung quanh như quán cafe, siêu thị cho chatbot. Chatbot xây dựng từ thư viện Tensorflow giúp hệ thống tương tác tốt hơn với người dùng.
889	Đại học	ĐÓNG MỞ CỬA XÁC THỰC VÂN TAY	Duy, Quang Luật	Trần, Cao Đệ	2019	Ngày nay với công nghệ ngày càng phát triển, về vấn đề bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin cá nhân càng là một nhu cầu thiết yếu của cá nhân cũng như các tổ chức doanh nghiệp. Có thể nói xu hướng bảo mật bằng vân tay đã và đang thống lĩnh trên thị trường công nghệ ngày nay, hòa chung dòng chảy đó thì các thiết bị khóa kiểm soát vào ra cũng ngày một được tích hợp công nghệ này trên thiết bị. Với mục đích đảm bảo an toàn và bảo mật hơn các loại kiểm soát thông thường như chìa khóa, thẻ RFID,... kiểm soát bảo mật bằng vân tay đem lại một ưu thế bảo mật cao hơn dễ dàng hơn và hầu như không thể làm giả được. Và mong muốn tạo ra một hệ thống kiểm soát ra vào bằng vân tay dễ dàng sử dụng, lắp đặt và chi phí hợp lý nhất cho mọi người.

890	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHẬN DIỆN GIỌNG NÓI TIẾNG VIỆT	Dương, Văn Tú	Lâm, Nhật Khang	2019	Mạng nơ-ron tích chập CNN là một mạng nơ-ron phổ biến và được sử dụng rộng rãi trong các mô hình xử lý ảnh và nhận diện giọng nói tự động. Luận văn này áp dụng mạng CNNs vào việc nhận diện âm thanh dựa vào các trích xuất đặc trưng Mel Frequency Spectral Coefficients. Chúng tôi sử dụng mô hình GLU-CNNs với chỉ số đánh giá CTC để huấn luyện mô hình ngữ âm. Quá trình decode sử dụng mô hình ngôn ngữ KenLM và tìm kiếm Beam để chuyển âm thanh đầu vào thành văn bản. Tập dữ liệu bao gồm 22.700 tập tin file âm thanh dạng WAV được thu thập từ VIVOS và sachonline.com để huấn luyện mô hình âm học và 1.000 tập tin âm thanh dạng wav dùng để đánh giá, dựa vào bộ từ điển tập hợp các ký tự tiếng Việt và 2,2 GB dữ liệu thô dạng text được thu thập từ báo mạng Vnexpress.net, thông qua mô hình ngôn ngữ và tìm kiếm Beam để giải mã âm thanh đầu vào. Kết quả đạt được của luận văn dựa vào chỉ số WER là 3,32% cho mô hình GLU-CNNs ở tập đánh giá.
891	Đại học	GAME THỰC TẾ TĂNG CƯỜNG “PETKASOO” VỚI ARCORE, UNITY VÀ BLENDER	Bùi, Đức Thịnh	Phạm, Thị Xuân Diễm	2019	Công nghệ đang phát triển hơn bao giờ hết, kèm theo đó là những nhu cầu giải trí cũng phát triển và chuyển biến không ngừng. Sau cơn sốt về trải nghiệm công nghệ VR, VR đã không còn là một cái gì đó mới mẻ và xa vời, nhưng “cơn sóng” này vẫn đang rất mạnh. Vẫn còn một “cơn sóng” to, nhanh và mạnh hơn nữa sau VR, đang vượt lên một cách chóng mặt và hứa hẹn sẽ là một sự thay đổi mới cho cả thế giới, đó chính là Thực tế tăng cường - AR (Augmented Reality). Tuy chưa phổ biến do giới hạn về phần cứng và phần mềm, nhưng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ sẽ rất nhanh xóa nhòa giới hạn đó, đem AR trở thành một thứ tất yếu hiển nhiên trong cuộc sống tương lai. Từ tháng 3 năm 2018, Google đã chính thức tung ra một gói hỗ trợ phát triển ứng dụng AR cho các Developer trên thế giới để phát triển những ứng dụng AR, đó là ARCore. Nắm bắt điều đó, việc tìm hiểu và làm một ứng dụng AR dựa trên ARCore trở thành một đề tài tuyệt vời của sinh viên công nghệ thời buổi 4.0. Sản phẩm được hoàn thành kèm tài liệu này là Game nuôi thú ảo với trải nghiệm AR mang tên “PetKaSoo”. Game được xây dựng dựa trên gói SDK tích hợp vào Unity Engine và sử dụng ngôn ngữ lập trình C#.

892	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ NHÀ HÀNG	Nguyễn, Thị Cẩm Nhung	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, ngành CNTT đang trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Không chỉ ở các thành phố lớn mà những người dân sống ở những vùng sâu vùng xa cũng đã và đang tiếp cận đến ngành CNTT. Các ứng dụng của CNTT đều được áp dụng trong mọi lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong đời sống xã hội hiện nay nên ai cũng có thể sử dụng ứng dụng của CNTT vào ngành nghề và công việc của mình. Ở đây cụ thể là kinh doanh nhà hàng, những mô hình nhà hàng nhỏ và vừa cần có một website để quản lý và quảng bá nhà hàng. Tuy là quy mô nhỏ nhưng chất lượng và hiệu quả trong việc quản lý sẽ giúp cạnh tranh với những nhà hàng khác hiệu quả hơn. “Website quản lý nhà hàng” sử dụng NodeJS được viết bằng ngôn ngữ Javascript xây dựng server và template engine EJS để xây dựng giao diện website. Hệ thống phục vụ cho 3 nhóm người dùng: chủ nhà hàng (người quản lý chính của hệ thống), khách hàng và nhân viên. Nhóm người dùng là admin (chủ nhà hàng – người quản lý chính) bao gồm những chức năng sau: quản lý menu, đơn đặt bàn, doanh thu, hóa đơn, nhân viên, lương của nhân viên, lịch trực của nhân viên. Nhóm người dùng là khách hàng bao gồm những chức năng sau: họ có thể cập nhật được thông tin về nhà hàng như menu, liên hệ, đặt bàn trước, quản lý tài khoản cá nhân (nếu có). Nhóm người dùng là nhân viên bao gồm những chức năng sau: xem lại thông tin cá nhân, thông tin về lịch trực và lương. Ngoài ra, hệ thống còn có gửi tin nhắn tự động đến khách hàng khi admin duyệt đơn đặt bàn của họ. Kết quả đề tài “Xây dựng website quản lý nhà hàng” tương đối hoàn thiện. Hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng và hoạt động tốt như mong đợi. Bên cạnh đó, đề tài cũng cho thấy được tiềm năng ứng dụng của công nghệ vào lĩnh vực kinh doanh. Ngoài ra, chiếc điện thoại di động dường như là vật không thể thiếu của mỗi người. Nên hướng phát triển của đề tài sẽ là một ứng dụng trên moblie, điều đó sẽ đem lại sự tiện dụng hơn cho người sử dụng.
-----	---------	-----------------------------------	-----------------------	----------------	------	---

893	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ SỰ CỐ Y KHOA	Trương, Hoàng Phong	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Hiện nay, trong lĩnh vực y tế là môi trường nguy cơ cao, nơi các sai sót có thể xảy ra bất cứ khi nào từ khâu chuẩn đoán cho đến điều trị, vì thế vấn đề liên quan đến sức khỏe con người ngày càng được chú trọng, tại các bệnh viện và CSYT. Tại các cơ sở cũng không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và quản lý sự cố y khoa. Tuy nhiên, việc quản lý tại các cơ sở vẫn còn riêng lẻ và thủ công, dữ liệu không nhất quán giữa các bệnh viện, do vậy đối với việc truy xuất dữ liệu rất khó khăn và mất nhiều thời gian, nên cần có giải pháp hiệu quả cho việc quản lý này. Để khắc phục vấn đề trên cần phải có những phần mềm hỗ trợ việc quản lý sự cố y khoa, giúp cải thiện việc quản lý sự cố tại các cơ sở, nhằm tăng hiệu suất làm việc và đóng góp vào việc ứng dụng CNTT vào lĩnh vực Y tế. “Website quản lý sự cố Y khoa” là một sản phẩm được xây dựng dựa trên nền Website sử dụng Spring Framework của nền tảng Java để dựng server và sử dụng JSP template của Java để xây dựng giao diện, sử dụng thư viện của jQuery để trao đổi dữ liệu giữa giao diện và server. Hệ thống được xây dựng với quy mô của một tỉnh, có giao diện phẳng, thân thiện với người dùng và thích hợp với máy tính văn phòng màn hình 14 Inch trở lên, hệ thống có ba nhóm người dùng chính là nhân viên Sở Y tế, nhân viên tại các đơn vị và người tra cứu thông tin. Đối với nhân viên của Sở y tế có quyền xem tất cả các sự cố của tất cả các đơn vị trong tỉnh, xem, thêm mới, chỉnh sửa thông tin các bệnh viện của đơn vị, xem danh sách sự cố biểu đồ thống kê sự cố theo các mức độ, theo tháng, theo từng đơn vị. Đối với nhân viên của từng đơn vị có thể thêm và xem lịch trực, thêm, sửa, xóa nhân viên, nhập sự cố, sửa, xóa và lập báo cáo các sự cố. Đối với khách hàng có thể xem thông tin sự cố có liên quan đến bác sĩ cụ thể, hoặc là CSYT có những sự cố đã xảy ra. Các ràng buộc đối với các đối tượng của hệ thống là cần đăng nhập đối với nhân viên và không cần đăng nhập đối với khách hàng. Đề tài “Xây dựng website quản lý sự cố y khoa” đã tương đối hoàn thiện với các yêu cầu chức năng đã đặt ra, các chức năng hoạt động ổn định. Trong tương lai gần, đề tài này sẽ rất phát triển do nhu cầu của thị trường phần mềm trong lĩnh vực y tế đang trong quá trình tăng trưởng mạnh mẽ.
-----	---------	---------------------------------------	---------------------	----------------	------	--

894	Đại học	LẬP TRÌNH GAME TRÊN UNITY GAME SHOOT ZOMBIE	Trần, Văn Hòa	Trần, Công Ân	2018	Ngày nay, với tốc độ phát triển nhanh đến chóng mặt của các thiết bị thông minh trong nhiều năm qua, một môi trường làm việc đầy tiềm năng đã ra đời và ngày càng lôi cuốn nhiều người tham gia, đó chính là môi trường ứng dụng trên máy tính. Môi trường này có tốc độ phát triển nhanh, mạnh mẽ và đặc biệt là trong lĩnh vực lập trình game trên máy tính, và đó cũng chính là vùng đất màu mỡ cho các nhà lập trình viên đam mê về game trên máy tính. Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về Game Engine - Một bộ công cụ cung cấp môi trường phát triển tích hợp sử dụng các thư viện hỗ trợ phát triển game trên máy tính, đặc biệt phải nói đến đó chính là công cụ Unity một nền tảng phần mềm linh hoạt và dễ sử dụng lại mới mọi chức năng cốt lõi cần thiết ngay bên trong nó. Sản phẩm của luận văn là một game (Shoot Zombie) chạy được trên máy tính. Game sử dụng ngôn ngữ C# và công cụ phát triển Unity, theo cách lập trình hướng đối tượng. Game Shoot Zombie là game bắn súng. Nói một cách dễ hiểu, trong game Shoot Zombie người chơi sẽ nhìn “bằng mắt của nhân vật” và chỉ thấy tay và vũ khí của mình chứ không nhìn được toàn thân nhân vật do mình điều khiển.
895	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI CHÚ CHIM THÔNG MINH TRÊN ANDROID	Phạm, Thanh Sang	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Trong thời đại công nghệ phát triển hiện đại như hiện nay, ai cũng sở hữu ít nhất một chiếc smartphone có đầy đủ các chương trình ứng dụng, trong đó có các trò chơi mobile. Các sản phẩm giải trí đặc biệt là trò chơi đã mang lại một nguồn lợi khổng lồ cho ngành công nghiệp phát triển trò chơi, sự cạnh tranh về ngành công nghiệp phát triển trò chơi này là rất lớn. Từ đó đòi hỏi về các sản phẩm trò chơi cũng ngày càng trở nên khắc khe hơn. Yêu cầu đặt ra cho các sản phẩm trò chơi ngày càng phải chất lượng, đa dạng về thể loại và hoàn thành trò chơi nhanh hơn. Do đó, Game Engine ra đời với mục đích rút ngắn thời gian hoàn thành trò chơi và chi phí trong việc phát triển trò chơi. Đề tài luận văn lần này tôi sẽ nghiên cứu về Engine Unity một trong những Game Engine phổ biến và phát triển mạnh mẽ nhất hiện nay để xây dựng và thiết kế trò chơi “ Chú Chim Thông Minh” trên Android bằng Unity 2D để giúp cho người chơi có thể thư giãn giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng mệt mỏi. Sản phẩm đạt được là một trò chơi 2D mang tên “Chú Chim Thông Minh” xây dựng bằng việc sử dụng ngôn ngữ C# và công cụ hỗ trợ là Unity. Trò chơi gồm 3 độ khó với giao diện đồ họa vui tươi sinh động, hiệu ứng âm thanh vui nhộn lôi cuốn người chơi giúp cho người chơi có một cảm giác thích thú khi trải nghiệm trò chơi. Trò chơi đã hoàn thành được hầu hết các chức năng được đặt ra và chạy được trên hệ điều hành Android. Trong tương lai sẽ phát triển thêm nhiều chức năng và chạy được trên đa dạng hệ điều hành hơn nữa.

896	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG MUA BÁN THÚ CƯNG TRỰC TUYẾN PETSHOP TRÊN HAI NỀN TẢNG PHÂN HỆ 2	Đặng, Thiện Phúc	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay việc sở hữu cho mình một loại thú cưng là sở thích của rất nhiều người. Sau những giờ làm việc mệt mỏi, việc tiếp xúc hay thậm chí ngắm nhìn hình ảnh của chúng thôi cũng mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe, đồng thời giúp cho ta giảm đi muộn phiền trong cuộc sống, khó khăn trong công việc. Tuy nhiên việc tìm kiếm một địa chỉ uy tín để mua hàng thì thật sự không hề dễ dàng một chút nào và càng khó khăn gấp nhiều lần đối với những ai quan tâm tới vấn đề tìm kiếm thú cưng bằng hình thức online. Nắm bắt được nhu cầu của xã hội, chúng tôi đã xây dựng hệ thống mua bán các loại thú cưng trực tuyến nhằm giúp cho mọi người có thể dễ dàng tiếp cận được với chúng để có thể lựa chọn cho mình một con thú cưng vừa ý. Petshop là một hệ thống mua bán thú cưng trên hai nền tảng được chia làm hai phân hệ gồm: Phân hệ một là website thương mại điện tử và Phân hệ hai là ứng dụng trên di động thông minh. Petshop chuyên mua bán các loại thú cưng như: chó, mèo, hamster... dành cho các khách hàng là những người có tình yêu thương đặc biệt với các loài thú cưng, luôn xem chúng như là một thành viên trong gia đình và trong cuộc sống của họ. Thông qua hệ thống, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các thú cưng không cần trực tiếp đến cửa hàng. Petshop được thiết kế giao diện đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính. Hệ thống có 3 nhóm người dùng chính: trong đó Khách hàng là nhóm người dùng chính trong cả hai phân hệ, là người truy cập vào hệ thống để xem thông tin thú cưng, tìm kiếm thú cưng, xem thông tin chi tiết, thêm thú cưng vào giỏ hàng,... Bên cạnh đó 2 nhóm người dùng còn lại thuộc phân hệ một bao gồm Nhân viên hệ thống, có chức năng quản lý thông tin khách hàng, quản lý thú cưng, quản lý loại thú cưng, quản lý giống, nhà cung cấp và thêm mới khuyến mãi và Admin là người quản trị của hệ thống có tất cả các quyền trong hệ thống kể cả quyền xóa. Ngoài ra còn tích hợp cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp cho khách hàng tiết kiệm thời gian, công sức. Hệ thống luôn cập nhật và sử dụng các công nghệ mới nhất hiện nay. Đối với Phân hệ một là website thương mại điện tử hiện đang sử dụng Framework Laravel 5.6 & AngularJS, giao diện được xây dựng dựa theo công nghệ Bootstrap 3 giúp tương thích với mọi thiết bị điện tử giúp khách hàng dễ dàng truy cập. Đối với Phân hệ hai là trên ứng dụng di động thông minh hiện đang sử dụng Framework React Native với sự hỗ trợ từ thư viện Redux trong việc quản lý trạng thái cho toàn ứng dụng. Cả hai phân hệ đều được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở
-----	---------	---	------------------	----------------	------	--

897	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG MUA BÁN THÚ CUNG TRỰC TUYẾN PETSHOP TRÊN HAI NỀN TẢNG PHÂN HỆ 1	Nguyễn, Bá Thạch	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay việc sở hữu cho mình một loại thú cưng là sở thích của rất nhiều người. Sau những giờ làm việc mệt mỏi, việc tiếp xúc hay thậm chí ngắm nhìn hình ảnh của chúng thôi cũng mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe, đồng thời giúp cho ta giảm đi muộn phiền trong cuộc sống, khó khăn trong công việc. Tuy nhiên việc tìm kiếm một địa chỉ uy tín để mua hàng thì thật sự không hề dễ dàng một chút nào và càng khó khăn gấp nhiều lần đối với những ai quan tâm tới vấn đề tìm kiếm thú cưng bằng hình thức online. Nắm bắt được nhu cầu của xã hội, chúng tôi đã xây dựng hệ thống mua bán các loại thú cưng trực tuyến nhằm giúp cho mọi người có thể dễ dàng tiếp cận được với chúng để có thể lựa chọn cho mình một con thú cưng vừa ý. Petshop là một hệ thống mua bán thú cưng trên hai nền tảng được chia làm hai phân hệ gồm: Phân hệ một là website thương mại điện tử và Phân hệ hai là ứng dụng trên di động thông minh. Petshop chuyên mua bán các loại thú cưng như: chó, mèo, hamster... dành cho các khách hàng là những người có tình yêu thương đặc biệt với các loài thú cưng, luôn xem chúng như là một thành viên trong gia đình và trong cuộc sống của họ. Thông qua hệ thống, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các thú cưng không cần trực tiếp đến cửa hàng. Petshop được thiết kế giao diện đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính. Hệ thống có 3 nhóm người dùng chính: trong đó Khách hàng là nhóm người dùng chính trong cả hai phân hệ, là người truy cập vào hệ thống để xem thông tin thú cưng, tìm kiếm thú cưng, xem thông tin chi tiết, thêm thú cưng vào giỏ hàng,... Bên cạnh đó 2 nhóm người dùng còn lại thuộc phân hệ một bao gồm Nhân viên hệ thống, có chức năng quản lý thông tin khách hàng, quản lý thú cưng, quản lý loại thú cưng, quản lý giống, nhà cung cấp và thêm mới khuyến mãi và Admin là người quản trị của hệ thống có tất cả các quyền trong hệ thống kể cả quyền xóa. Ngoài ra còn tích hợp cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp cho khách hàng tiết kiệm thời gian, công sức. Hệ thống luôn cập nhật và sử dụng các công nghệ mới nhất hiện nay. Đối với Phân hệ một là website thương mại điện tử hiện đang sử dụng Framework Laravel 5.6 & AngularJS, giao diện được xây dựng dựa theo công nghệ Bootstrap 3 giúp tương thích với mọi thiết bị điện tử giúp khách hàng dễ dàng truy cập. Đối với Phân hệ hai là trên ứng dụng di động thông minh hiện đang sử dụng Framework React Native với sự hỗ trợ từ thư viện Redux trong việc quản lý trạng thái cho toàn ứng dụng. Cả hai phân hệ đều được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở
-----	---------	---	------------------	----------------	------	--

898	Đại học	CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG MẠNG TỪ SÁNG TÁC THƠ VÀ NHẠC CHO TIẾNG VIỆT (PHÂN HỆ 1)	Trần, Trí Thông	Lâm, Nhật Khang	2019	Luận văn đề xuất các phương pháp để cải thiện chất lượng WordNet tiếng Việt VWN, tự động tạo thơ lục bát và bài hát tiếng Việt. Chất lượng VWN được cải thiện bằng cách rút trích thêm các thành viên cho synset và các giải nghĩa gloss của synset từ các kho ngữ liệu. Tổng số synset hiện tại 18.635 (đủ các thành phần) với điểm đánh giá đạt 3.78/5.00. Mô hình LSTM và N-gram được sử dụng để sáng tác thơ lục bát với các ràng buộc chặt chẽ về vần và thanh. Mô hình LSTM cũng được sử dụng để huấn luyện mô hình sinh cảm âm, lời bài hát và hợp âm trong sáng tác nhạc. Các bài hát được tạo ra từ mô hình của chúng tôi nhận được phản hồi tích cực từ những người đánh giá. Những bài thơ lục bát được tạo ra cơ bản đáp ứng các luật. Tuy nhiên, chúng tôi cần tìm hiểu để cải thiện ngữ nghĩa của những bài thơ được tạo ra.
899	Đại học	CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG MẠNG TỪ SÁNG TÁC THƠ VÀ NHẠC CHO TIẾNG VIỆT (PHÂN HỆ 2)	Tô, Huỳnh Tuấn	Lâm, Nhật Khang	2019	Luận văn đề xuất các phương pháp để cải thiện chất lượng WordNet tiếng Việt VWN, tự động tạo thơ lục bát và bài hát tiếng Việt. Chất lượng VWN được cải thiện bằng cách rút trích thêm các thành viên cho synset và các giải nghĩa gloss của synset từ các kho ngữ liệu. Tổng số synset hiện tại 18.635 (đủ các thành phần) với điểm đánh giá đạt 3.78/5.00. Mô hình LSTM và N-gram được sử dụng để sáng tác thơ lục bát với các ràng buộc chặt chẽ về vần và thanh. Mô hình LSTM cũng được sử dụng để huấn luyện mô hình sinh cảm âm, lời bài hát và hợp âm trong sáng tác nhạc. Các bài hát được tạo ra từ mô hình của chúng tôi nhận được phản hồi tích cực từ những người đánh giá. Những bài thơ lục bát được tạo ra cơ bản đáp ứng các luật. Tuy nhiên, chúng tôi cần tìm hiểu để cải thiện ngữ nghĩa của những bài thơ được tạo ra

900	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRỰC TUYẾN OPPOSHOP	Huỳnh, Đặng Hữu Phát	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, điện thoại thông minh là thiết bị không thể nào thiếu trong cuộc sống của con người. Nhờ có những chiếc điện thoại mà chúng ta có thể liên lạc dễ dàng với người thân, bạn bè, theo dõi tin tức, giải trí và dùng trong công việc riêng của mỗi người. Từ đó, công việc được thực hiện nhanh hơn, chính xác hơn và đạt kết quả cao hơn rất nhiều. Hệ thống website bán điện thoại di động sẽ là nơi cung cấp các dòng sản phẩm điện thoại Oppo chính hãng với nhiều loại màu sắc và giá cả phù hợp cho khách hàng thoải mái mua sắm trực tuyến. OppoShop là một website thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng mua điện thoại thuộc thương hiệu Oppo trực tuyến ngay tại nhà. Trang web được thiết kế với giao diện phẳng, đẹp mắt và đơn giản dễ sử dụng. Khi khách hàng truy cập vào website có thể tìm kiếm, xem thông tin chi tiết điện thoại và cùng với đó website còn hỗ trợ các chức năng bình luận và đánh giá sao sản phẩm, áp dụng công nghệ zoom ảnh và xoay hình ảnh 360 độ làm cho sản phẩm trở nên sinh động và giúp khách hàng tiếp cận và lựa chọn sản phẩm một cách dễ dàng nhất. Trang web có tích hợp công nghệ thanh toán trực tuyến Paypal vào tiến trình thanh toán giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng. Website thương mại điện tử bán điện thoại Oppo được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.7, được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và công cụ lập trình Sublime text 3 sự kết hợp trên sẽ đáp ứng được mọi nhu cầu của các lập trình viên. Có hai nhóm người dùng mà hệ thống phục vụ chính đó là người dùng khách hàng và người dùng quản lý. Người dùng khách hàng sẽ giao tiếp thông qua giao diện website, thực hiện được các chức năng như xem thông tin sản phẩm, đặt hàng, đánh giá, bình luận, đăng ký tài khoản và một số chức năng nhất định khác. Người dùng quản lý sẽ quản lý người dùng khác hàng và kiểm soát sự hoạt động của hệ thống và có thể thực hiện được các chức năng nâng cao hơn so với người dùng khách hàng. Đề tài “Xây dựng website kinh doanh điện thoại di động trực tuyến OppoShop” về cơ bản đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh đạt được nhiều kết quả khả quan và dễ dàng đưa vào hoạt động thực tiễn. Trong tương lai, hệ thống sẽ được tích hợp trên nền tảng mobile, app để phục vụ khách hàng.
-----	---------	--	-------------------------	----------------	------	---

901	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG LẤY TIN VÀ PHÂN LOẠI TIN TỰ ĐỘNG PHÂN HỆ I HỆ THỐNG LẤY TIN	Nguyễn, Thanh Toàn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Do nhu cầu thu thập thông tin của con người ngày càng tăng, lượng thông tin trên Internet ngày càng phức tạp nên vấn đề tổng hợp thông tin ngày càng trở nên bức thiết. Với một lượng dữ liệu lớn việc thu thập bằng tay sẽ tốn rất nhiều công sức, và không đạt hiệu quả cao, chính vì thế một công cụ hỗ trợ tổng hợp thông tin tự động là trình thu thập web (web crawler) đã ra đời. Đề tài luận văn đặt ra vấn đề tìm hiểu về trình thu thập web và bước đầu sẽ xây dựng một ứng dụng có khả năng tổng hợp và phân loại tin tức tự động từ nhiều trang báo điện tử khác nhau. Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ lập trình Python và được xây dựng dựa trên các tiêu chí: tốc độ thu thập nhanh, hệ thống hoạt động tự động, cơ sở dữ liệu gọn nhẹ, đảm bảo tính toàn vẹn của tài liệu gốc. Hệ thống thu thập và phân loại tin tự động gồm hai quá trình chính là thu thập và phân loại tin tức. Nội dung luận văn được chia thành hai phân hệ tương ứng với hai quá trình trên là: Phân hệ xây dựng hệ thống lấy tin tự động và phân hệ xây dựng hệ thống phân loại tin tự động. Các chức năng chính của hệ thống là lấy tin, phân loại tin, đưa tin tức lên trang hiển thị. Điểm nổi bật của hệ thống là vận hành tự động, hệ thống sẽ luôn cập nhật tin tức mới nhất của những trang tin tức nguồn vì chúng ta có thể thiết đặt được thời gian chạy của hệ thống. Nội dung tin tức lấy được có độ chính xác cao đối với những trang tin gồm chữ và hình ảnh. Ngoài ra hệ thống có khả năng phân biệt và loại bỏ những những bài tin bị trùng lặp (với những tin trong cùng trang nguồn). Hệ thống phân loại tin sẽ luôn cập nhật lại tập huấn luyện (train) mỗi khi có một bài báo mới được duyệt qua hệ thống, vì thế hệ thống phân loại tin tự động sẽ ngày càng được thông minh và chính xác hơn. Các công cụ hỗ trợ được thiết kế đơn giản và phù hợp với hệ thống nên cho tốc độ hoạt động rất nhanh, cơ sở dữ liệu của hệ thống gọn nhẹ. Hệ thống đã đạt được mục tiêu đề ra ban đầu là hoạt động ổn định, tốc độ xử lý nhanh, nội dung bài viết lấy về khá đầy đủ, có một vài trường hợp bài tin đặc biệt thì không xử lý được. Hệ thống phân loại bằng máy học cũng đáp ứng được yêu cầu đề ra là có khả năng phân loại tin theo tiêu đề, độ chính xác của kết quả phân loại đạt được mục tiêu mong đợi. Về hạn chế thì hệ thống sử dụng Ghost CMS để hiển thị kết quả nên về kiểu chữ cũng như các tùy chỉnh trang hiển thị không được bắt mắt, giao diện hiển thị còn đơn giản. Trong tương lai, dự kiến hệ thống sẽ mở rộng thêm nguồn lấy tin và phát triển thêm chức năng chống trùng lặp giữa các nguồn tin khác nhau.
-----	---------	---	--------------------	----------------	------	---

902	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG LẤY TIN VÀ PHÂN LOẠI TIN TỰ ĐỘNG PHÂN HỆ II HỆ THỐNG PHÂN LOẠI	Hồ, Thanh Sang	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Do nhu cầu thu thập thông tin của con người ngày càng tăng, lượng thông tin trên Internet ngày càng phức tạp nên vấn đề tổng hợp thông tin ngày càng trở nên bức thiết. Với một lượng dữ liệu lớn việc thu thập bằng tay sẽ tốn rất nhiều công sức, và không đạt hiệu quả cao, chính vì thế một công cụ hỗ trợ tổng hợp thông tin tự động là trình thu thập web (web crawler) đã ra đời. Đề tài luận văn đặt ra vấn đề tìm hiểu về trình thu thập web và bước đầu sẽ xây dựng một ứng dụng có khả năng tổng hợp và phân loại tin tức tự động từ nhiều trang báo điện tử khác nhau. Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ lập trình Python và được xây dựng dựa trên các tiêu chí: tốc độ thu thập nhanh, hệ thống hoạt động tự động, cơ sở dữ liệu gọn nhẹ, đảm bảo tính toàn vẹn của tài liệu gốc. Hệ thống thu thập và phân loại tin tự động gồm hai quá trình chính là thu thập và phân loại tin tức. Nội dung luận văn được chia thành hai phần hệ tương ứng với hai quá trình trên là: Phần hệ xây dựng hệ thống lấy tin tự động và phần hệ xây dựng hệ thống phân loại tin tự động. Các chức năng chính của hệ thống là lấy tin, phân loại tin, đưa tin tức lên trang hiển thị. Điểm nổi bật của hệ thống là vận hành tự động, hệ thống sẽ luôn cập nhật tin tức mới nhất của những trang tin tức nguồn vì chúng ta có thể thiết đặt được thời gian chạy của hệ thống. Nội dung tin tức lấy được có độ chính xác cao đối với những trang tin gồm chữ và hình ảnh. Ngoài ra hệ thống có khả năng phân biệt và loại bỏ những những bài tin bị trùng lặp (với những tin trong cùng trang nguồn). Hệ thống phân loại tin sẽ luôn cập nhật lại tập huấn luyện (train) mỗi khi có một bài báo mới được duyệt qua hệ thống, vì thế hệ thống phân loại tin tự động sẽ ngày càng được thông minh và chính xác hơn. Các công cụ hỗ trợ được thiết kế đơn giản và phù hợp với hệ thống nên cho tốc độ hoạt động rất nhanh, cơ sở dữ liệu của hệ thống gọn nhẹ. Hệ thống đã đạt được mục tiêu đề ra ban đầu là hoạt động ổn định, tốc độ xử lý nhanh, nội dung bài viết lấy về khá đầy đủ, có một vài trường hợp bài tin đặc biệt thì không xử lý được. Hệ thống phân loại bằng máy học cũng đáp ứng được yêu cầu đề ra là có khả năng phân loại tin theo tiêu đề, độ chính xác của kết quả phân loại đạt được mục tiêu mong đợi. Về hạn chế thì hệ thống sử dụng Ghost CMS để hiển thị kết quả nên về kiểu chữ cũng như các tùy chỉnh trang hiển thị không được bắt mắt, giao diện hiển thị còn đơn giản. Trong tương lai, dự kiến hệ thống sẽ mở rộng thêm nguồn lấy tin và phát triển thêm chức năng chống trùng lặp giữa các nguồn tin khác nhau.
-----	---------	--	----------------	----------------	------	---

903	Đại học	GAME THE PROMISE NEVERLAND MODULE LEVEL 1 & 4	Nguyễn, Minh Trường	Trần, Công Ân	2019	Trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0, sự phát triển của công nghệ luôn được ưu tiên lên trên hàng đầu, đó là “chìa khóa” để mở ra một kỷ nguyên mới, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, quân sự,... Và một lĩnh vực khác cũng quan trọng không kém đó là công nghiệp Game. Hiện nay, game là một món ăn tinh thần không thể thiếu của đại đa số cư dân trên thế giới này, đồng thời cũng là đam mê của rất nhiều lập trình viên. Bản thân cũng có một đam mê mãnh liệt đối với game, nên đã chọn đề tài nghiên cứu của luận văn tốt nghiệp là nghiên cứu và ứng dụng Game Engine – một bộ công cụ cung cấp môi trường thiết kế, xây dựng và tích hợp đầy đủ các thư viện hỗ trợ phát triển game đa nền tảng. Unity – một ông lớn trong thị trường phát triển Game Engine, sản phẩm của luận văn là một game 2D phiêu lưu hành động với cái tên “The Promise Neverland” chạy trên nền tảng Android. Game được lập trình bằng ngôn ngữ C#, xây dựng bằng Game Engine Unity. Game bao gồm 5 màn chơi từ dễ đến khó với 3 “trùm phụ” và 1 “trùm cuối”. Game tập trung vào lối chơi, cơ chế hoạt động của các “trùm” của game, âm thanh hiệu ứng, kịch bản được xây dựng trong các màn chơi.
-----	---------	--	------------------------	---------------	------	--

904	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH ĐIỆN THOẠI TRỰC TUYẾN - SMARTSTORE	Tổng, Ngọc Hải	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Trong thời đại công nghiệp 4.0, điện thoại thông minh gần như trở thành một thiết bị không thể thiếu đối với mỗi chúng ta bởi sự tiện lợi cũng như những lợi ích mà nó có thể mang lại cho người sử dụng. Chúng ta gần như có thể làm mọi việc chỉ bằng một chiếc điện thoại di động như: nghe, gọi, nhắn tin, giải trí, đặt bàn nhà hàng, đặt vé máy bay... Website kinh doanh điện thoại trực tuyến sẽ là nơi cung cấp các hãng điện thoại nổi tiếng trên thị trường cho khách hàng có thể thỏa sức mua sắm. SmartStore – Shop là một trang web thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng mua điện thoại trực tuyến mọi lúc mọi nơi. Trang web được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ sử dụng. Khi truy cập vào website, khách hàng có thể xem thông tin chi tiết điện thoại, tham khảo giá và tìm kiếm. Ngoài ra, website có tích hợp công nghệ xoay hình ảnh 360 độ, phóng to ảnh cho phép khách hàng tiếp cận với sản phẩm một cách chân thật nhất. Trang web còn hỗ trợ tính năng bình luận sản phẩm, tích hợp công nghệ thanh toán trực tuyến PayPal giúp việc mua hàng trở nên dễ dàng, nhanh chóng. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.7 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySql, bên cạnh đó web còn tích hợp công nghệ Bootstrap và Responsive giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng trên cả máy tính lẫn thiết bị di động. Trang web có hỗ trợ hai nhóm người dùng: nhóm người dùng khách hàng và nhóm người dùng quản trị. Nhóm người dùng khách hàng sẽ giao tiếp thông qua giao diện của website, được thực hiện các chức năng như: tìm kiếm, xem thông tin sản phẩm, liên hệ, mua hàng, bình luận, đăng nhập, đăng ký tài khoản. Nhóm người dùng quản trị sẽ quản lý tài khoản người dùng, kiểm soát hoạt động của hệ thống và thực hiện các chức năng nâng cao của website như: thêm, cập nhật, xóa, thống kê doanh thu... SmartStore – Shop là website thương mại điện tử được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, hoàn thành các yêu cầu thiết kế và cài đặt. Trong tương lai trang web có thể phát triển thêm một vài tính năng như: tích hợp chức năng tư vấn trực tiếp cho khách hàng.
-----	---------	--	----------------	----------------	------	---

905	Đại học	TÍCH HỢP LOA ALEXA CHO HỆ THỐNG NHÀ THÔNG MINH (PHÂN HỆ: ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI)	Nguyễn, Tấn Đạt	Phạm, Thị Xuân Diễm Nguyễn, Ngọc Mỹ	2019	Hiện nay, smart home đang là một lĩnh vực công nghệ được khá nhiều người dùng quan tâm. Ta có thể dễ dàng tìm thấy các sản phẩm smart home đa dạng về chủng loại cũng như nhà sản xuất trên thị trường. Mục đích chính của smart home là nâng cao tối đa sự tiện nghi cho ngôi nhà, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và có thể giám sát, điều khiển các thiết bị trong nhà một cách dễ dàng, hỗ trợ cho việc điều khiển qua các công tắc vật lý cũ. Cùng với mục tiêu đó, đề tài luận “Tích hợp loa Alexa cho hệ thống nhà thông minh” sẽ xây dựng một hệ thống điều khiển các thiết bị, bao gồm đèn, quạt, Tivi,... bằng giọng nói thông qua loa Echo dot 3 tích hợp trợ lý ảo Alexa của Amazon. Để điều khiển các thiết bị người dùng sẽ ra lệnh cho hệ thống thông qua giọng nói. Loa Echo dot sẽ tiếp nhận yêu cầu trên, tiến hành xử lý và đối chiếu với Skill được tạo trên dịch vụ Alexa Skills Kit. Tiếp đến, dữ liệu sẽ tiếp tục được đưa đến và xử lý ở Lambda function đây được coi như phần backend của Skill. Sau khi xử lý, các tác vụ tương ứng sẽ được thực hiện thông qua việc thay đổi dữ liệu trên các trường của Beebotte. Beebotte đóng vai trò là nơi tổ chức, lưu trữ dữ liệu và là cầu nối trung gian giữa Alexa và nodeMCU. Khi dữ liệu thay đổi trên Beebotte thì nodeMCU sẽ nhận biết được điều đó và tiến hành điều khiển các thiết bị theo yêu cầu của người dùng. Qua đó, người dùng có thể dễ dàng điều khiển các thiết bị bằng cách ra lệnh cho Alexa thông qua loa Echo dot 3. Các yêu cầu điều khiển đèn cũng như Tivi của người dùng được đáp ứng khá tốt và thời gian đáp ứng nhanh. Tuy nhiên, tốc độ phản hồi và chính xác còn phụ thuộc vào điều kiện Internet, tạp âm xung quanh cũng như cách phát âm của người dùng.
-----	---------	---	-----------------	--------------------------------------	------	--

906	Đại học	TÍCH HỢP LOA ALEXA CHO HỆ THỐNG NHÀ THÔNG MINH PHÂN HỆ: ĐIỀU KHIỂN QUA WEB VÀ NODEMCU	Trần, Kim Quốc	Nguyễn, Ngọc Mỹ Phạm, Thị Xuân Diễm	2019	Nhằm hướng đến sự tiện nghi, cũng như đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống hiện đại. Luận văn này nhằm xây dựng hệ thống nhà thông minh để đáp ứng các nhu cầu đó, trong đó các thiết bị được giám sát và điều khiển qua Internet. Để người dùng tiện lợi hơn khi thao tác, có hai phân hệ được phát triển gồm: điều khiển qua giọng nói và điều khiển qua ứng dụng web. Luận văn này thực hiện phân hệ điều khiển qua ứng dụng web. Việc thiết kế và cài đặt kết hợp nhiều công nghệ phần cứng lẫn lẫn mềm khác nhau, mỗi thành phần có chức năng và nhiệm vụ riêng biệt. Trung tâm giao tiếp giữa các thiết bị trong nhà và Internet là NodeMCU, một mạch phát triển có khả năng kết nối Wi-Fi. NodeMCU có nhiệm vụ tiếp nhận thông tin điều khiển từ Beebotte đồng thời cũng gửi các dữ liệu nhiệt độ, độ ẩm về Beebotte. Về phía dịch vụ đám mây Beebotte, trạng thái từng thiết bị sẽ được cập nhật tức thời khi nhận được yêu cầu từ người dùng, tín hiệu này sẽ được đồng bộ hóa với NodeMCU để xử lý và điều khiển các thiết bị. Nhằm giúp người dùng có thể dễ dàng tiếp cận và kiểm soát hệ thống, đề tài xây dựng một trang web đáp ứng nhu cầu đó. Hai chức năng chính của ứng dụng này đó chính là theo dõi và điều khiển các thiết bị. Kết quả thực hiện cho thấy đề tài đáp ứng cơ bản mục tiêu đã đề ra, các chức năng vận hành chính xác theo yêu cầu. Tuy nhiên, bên cạnh đó hệ thống cần được cải thiện về độ ổn định và độ bền của phần cứng khi triển khai thực tế, vì các linh kiện được sử dụng trong đề tài chủ yếu dành cho mục đích nghiên cứu.
-----	---------	---	----------------	--------------------------------------	------	---

907	Đại học	XÂY DỰNG APP BÁN HÀNG ĐIỆN TỬ TRỰC TUYẾN	Trần, Anh Tuấn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Những năm gần đây, các thiết bị di động bao gồm điện thoại thông minh, máy tính bảng ngày càng dễ dàng tiếp cận nhiều người dùng hơn nhờ mức giá hợp lý, dẫn đến xu hướng sử dụng các thiết bị di động thay thế cho máy tính bởi vì sự nhỏ gọn dễ mang đi của nó. Tuy nhiên việc truy cập các trang web bán hàng trên các thiết bị di động rất chậm chạp và phức tạp vì phải thực hiện nhiều thao tác, do đó các ứng dụng android ra đời và nó đã thành công khi giúp người dùng truy cập một cách dễ dàng chỉ với một lần chạm. Dựa trên xu hướng đó việc xây dựng các ứng dụng trên di động vô cùng cần thiết để thu hút người dùng và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Panda là một ứng dụng bán hàng trực tuyến bán các thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính bảng dành cho các khách hàng bận rộn, không có nhiều thời gian để đi đến cửa hàng trải nghiệm. Thông qua ứng dụng, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các sản phẩm tại ứng dụng, không cần trực tiếp đến cửa hàng. Ứng dụng được thiết kế giao diện thân thiện người dùng, các mục sản phẩm rõ ràng, giúp khách hàng dễ nhìn và lựa chọn sản phẩm ưng ý với thời gian nhanh nhất. Hệ thống gồm 2 phần: phần ứng dụng Panda để người dùng truy cập bằng điện thoại, phần quản lý dưới dạng trang web để người quản lý truy cập quản lý dữ liệu ứng dụng. Hệ thống có 2 nhóm người dùng chính: khách hàng và admin. Khách hàng là người trực tiếp truy cập ứng dụng để tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin sản phẩm, xem thông tin chi tiết, đánh giá sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, xem lịch sử mua hàng, chỉnh sửa thông tin cá nhân... Admin có chức năng quản lý thông tin đơn hàng, quản lý loại sản phẩm, quản lý sản phẩm, thêm mới khuyến mãi. Ngoài ra, ứng dụng còn tích hợp cổng thanh toán điện tử Paypal hỗ trợ khách hàng thanh toán trực tuyến, tiết kiệm thời gian. Ứng dụng được xây dựng dựa trên nền tảng framework Native App và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Về cơ bản, hệ thống tương đối hoàn chỉnh, có đầy đủ những chức năng đã đề ra, thực hiện tốt những chức năng của khách hàng, hoàn thành các yêu cầu thiết kế và cài đặt. Hệ thống có thể được sử dụng ngay khi áp dụng thực tế. Trong tương lai, ứng dụng có thể được thêm vài tính năng: hiển thị các sản phẩm có cùng mức giá, thêm danh mục yêu thích, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, mở rộng sang nền tảng iOS.
-----	---------	--	----------------	----------------	------	---

908	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH NƯỚC HOA TRỰC TUYẾN PERFUNNER	Đặng, Bích Trâm	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, nước hoa là một mặt hàng xa xỉ phẩm không thể thiếu của mỗi con người hiện đại. Các cửa hàng nước hoa, điểm bán lẻ đường xuất hiện rất phổ biến với tràn lan các mặt hàng cũng như thương hiệu bắt mắt. Tuy nhiên, không phải lúc nào chất lượng cũng được đảm bảo hay đúng với thương hiệu trên nhãn nước hoa, kèm theo đó là giá cả không mấy hợp lý. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet, đánh vào thói quen truy cập internet mỗi ngày của người tiêu dùng vì thế việc lựa chọn hình thức kinh doanh thông qua những website thương mại đóng vai trò vô cùng quan trọng, mang người dùng ngày càng gần hơn với các mặt hàng chất lượng và giá thành hợp lý. Perfunner là website thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng mua nước hoa trực tuyến tại nhà mà không cần tốn nhiều thời gian đến cửa hàng. Website với giao diện thân thiện, dễ dàng sử dụng gồm 2 nhóm người dùng là Admin và Khách hàng. Khách hàng có thể truy cập vào website bằng tài khoản facebook hoặc đăng kí tài khoản dễ dàng bằng Email của Khách hàng. Khách hàng có thể dễ dàng tìm kiếm nước hoa, tham khảo về giá và thông tin chi tiết mỗi sản phẩm tương ứng. Perfunner được quản lý bởi tài khoản Admin, mỗi Admin có tất cả các chức năng quản lý từ sản phẩm, khách hàng, đánh giá, thống kê, kho, nhập hàng,... Với Perfunner, công nghệ xoay hình 360 độ, zoom ảnh cho phép khách hàng tiếp cận đến sản phẩm một cách chân thật nhất, bên cạnh đó trang web còn có tính năng bình luận của khách hàng trên mỗi sản phẩm. Mặt khác công nghệ thanh toán trực tuyến bằng VNPAY giúp việc thanh toán trở nên thuận tiện, nhanh chóng phù hợp với những khách hàng không có thói quen sử dụng tiền mặt. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng framework Laravel 5.8 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, công nghệ Bootstrap. Nhìn tổng thể, Perfunner là website thương mại điện tử tương đối hoàn chỉnh về thiết kế và chức năng. Trong tương lai website có thể phát triển thêm vài tính năng như: tư vấn trực tuyến cho khách hàng, đánh giá sao cho sản phẩm,... và hơn thế nữa là tích hợp trang web trên nền tảng Mobile, App.
-----	---------	---	-----------------	----------------	------	---

909	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ VÀ ĐẶT TOUR DU LỊCH TRỰC TUYẾN	Võ, Thị Phương Nga	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Trong những năm qua, du lịch Việt Nam đang trên đà phát triển, lượng khách quốc tế cũng như khách du lịch nội địa ngày càng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn trên thế giới. Để đáp ứng kịp với nhu cầu du lịch ngày càng tăng đó và đảm bảo chất lượng phục vụ thì website quản lý và đặt tour du lịch trực tuyến đã ra đời để đáp ứng nhanh chóng. Website quản lý và đặt tour du lịch trực tuyến là nơi quảng bá các tour du lịch Việt Nam. Website cung cấp các hình ảnh, dịch vụ, chương trình tour và các thời điểm khác nhau về những chuyến du lịch Việt cho khách hàng có thể lựa chọn. Việc đặt tour, thanh toán và quản lý hợp đồng được thao tác dễ dàng và tiện lợi hơn. Website quản lý và đặt tour du lịch trực tuyến Travello hỗ trợ khách hàng đặt tour trực tuyến, giúp công ty giới thiệu và quảng bá các tour du lịch của mình. Website với giao diện được thiết kế hài hòa và dễ sử dụng, cung cấp đầy đủ thông tin cho những tour du lịch về chính sách, chương trình, phương tiện, những thời điểm khởi hành, những dịch vụ kèm theo cho khách hàng có thể lựa chọn. Hệ thống phục vụ cho hai nhóm người dùng chính là người quản lý và khách hàng. Khách hàng truy cập vào website có thể: tìm kiếm, xem thông tin tour và đặt tour. Khi đặt tour có thể lựa chọn hình thức thanh toán và số lần thanh toán của mình. Bên cạnh đó website hỗ trợ thanh toán trực tuyến với Paypal giúp cho việc thanh toán trở nên dễ dàng hơn. Khách hàng có thể dễ dàng quản lý thông tin cá nhân và thông tin hợp đồng của mình. Người quản lý có tất cả các quyền trên hệ thống quản lý của website, cụ thể như: quản lý tour với những thời điểm riêng biệt, quản lý thu chi của từng thời điểm, quản lý hợp đồng, quản lý lịch trình của những hướng dẫn viên, báo cáo thống kê theo doanh thu và doanh số đặt tour hàng tháng,... Website được xây dựng trên nền tảng framework Angular 8.0, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MongoDB, kết hợp với Parse Platform được viết từ NodeJS và framework Express 4.x. Đề tài “Xây dựng website quản lý và đặt tour du lịch trực tuyến” tương đối hoàn thiện, hoàn thành tốt các yêu cầu về thiết kế và cài đặt. Trong tương lai, website sẽ tích hợp chatbox hỗ trợ tư vấn khách hàng và app mobile để phục vụ khách hàng tiện lợi hơn.
-----	---------	---	--------------------	----------------	------	--

910	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ KINH DOANH ĐẠI LÝ NƯỚC GIẢI KHÁT TRỰC TUYẾN	Tăng, Phước Hưng	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, các cơ sở kinh doanh, buôn bán nước giải khát xuất hiện ngày càng nhiều, tuy nhiên, trong môi trường làm việc hội nhập và phát triển như hiện nay, mọi người quá bận rộn để có thời gian đối mặt với vô số giấy tờ vì còn sử dụng các phương thức quản lý thủ công, rườm rà. Thay vào đó, Internet đang ngày càng phát triển, việc quản lý trực tiếp trên website sẽ giúp phần nào tiết kiệm được thời gian và nâng cao hiệu quả trong công việc. Do đó việc quản lý kinh doanh của các đại lý nước giải khát cũng ngày càng phát triển. Đề tài “Xây dựng Website quản lý kinh doanh đại lý nước giải khát trực tuyến” đã được phát triển dựa trên xu hướng đó. Website được xây dựng trên nền tảng website sử dụng Spring - MVC Framework được viết bằng ngôn ngữ Java để xây dựng server và sử dụng Thymeleaf, Javascript, HTML để xây dựng giao diện website. Giao diện website dễ sử dụng và thân thiện với người dùng. Hệ thống phục vụ cho 2 nhóm người dùng: chủ cửa hàng và nhân viên (gồm quản lý, thu ngân và thủ kho). Với chủ cửa hàng có thể quản lý toàn bộ cửa hàng như: Cửa hàng, sản phẩm, nhân viên, khách hàng, nhà phân phối, hoá đơn, phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu kiểm kho, phiếu trả hàng, thống kê doanh thu và số lượng sản phẩm trong kho. Còn nhân viên có thể xem lại thông tin cá nhân, thay đổi mật khẩu, xem thông tin cửa hàng, thông tin sản phẩm, quản lý khách hàng, nhà phân phối, thống kê... Ngoài ra thu ngân còn quản lý thêm hoá đơn bán hàng. Thủ kho thì quản lý phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu kiểm kho, phiếu trả hàng. Quản Lý thì có tất cả chức năng của thu ngân và thủ kho. Bên cạnh đó hệ thống còn hỗ trợ tính năng thanh toán hoá đơn trực tuyến bằng PayPal. Kết quả đề tài “Xây dựng Website quản lý kinh doanh đại lý nước giải khát trực tuyến” tương đối hoàn thiện. Hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng và hoạt động tốt như mong đợi. Trong tương lai, hệ thống sẽ được mở rộng thêm các tính năng cho nhóm người dùng, giúp việc quản lý và bán hàng dễ dàng hơn.
-----	---------	--	------------------	----------------	------	--

911	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE HỖ TRỢ TÌM KIẾM NHÀ TRỌ, MẶT BẰNG	Ngô, Thanh Ngân	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Hiện nay, xu hướng kinh doanh trên mạng (hay còn gọi là thương mại điện tử) đang ngày càng phát triển. Việc phát triển website thương mại điện tử giúp chúng ta có thể dễ dàng, thuận tiện trong việc buôn bán, trao đổi hàng hóa mà không phải mất nhiều thời gian cũng như công sức. Ngoài các hình thức kinh doanh online như thời trang, làm đẹp,... thì việc tìm kiếm chỗ ở phù hợp cũng là một vấn đề được nhiều người quan tâm. Đồng thời những người có nhu cầu cho thuê cũng cần được hỗ trợ để có thể giới thiệu các loại hình cho thuê của mình đến với các đối tượng khách hàng. Nắm bắt được xu hướng phát triển đó, “Xây dựng Website hỗ trợ tìm kiếm nhà trọ, mặt bằng” đã được phát triển. Website có đầy đủ tính năng cơ bản hỗ trợ cho 3 nhóm người dùng chính: người thuê trọ có thể tìm kiếm trọ, xem chi tiết trọ, đặt chỗ,.. Chủ trọ có thể đăng bản tin cho thuê, quản lý bài đăng,...Người quản trị hệ thống thực hiện các chức năng quản lý, thống kê các danh mục... Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel 5.7, HTML, Javascript, CSS, AngularJS, được viết bằng PHP sử dụng MySQL làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống được tích hợp Google Maps là một ứng dụng bản đồ trực tuyến trên web được cung cấp miễn phí bởi Google, nhúng vào trang web thông qua Google Maps API, cung cấp chức năng hỗ trợ người dùng tìm kiếm đường đi từ vị trí hiện tại của khách hàng đến điểm đích là địa chỉ trọ được cung cấp bởi người đăng tin. Cùng với đó là ứng dụng chat realtime với Socket.IO cho phép gửi tin nhắn thời gian thực nhằm nâng cao sự tiện lợi trong quá trình giao tiếp giữa khách hàng và chủ trọ. “Xây dựng Website hỗ trợ tìm kiếm nhà trọ, mặt bằng” đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử. Trong tương lai, hệ thống sẽ Tích hợp phát triển thêm việc mua bán một số các vật dụng cho nội thất, phục vụ cho nhu cầu trang trí, làm đẹp cho không gian sống và tích hợp thanh toán Paypal giúp cho việc thanh toán của người dùng trở nên đơn giản và thuận tiện.
-----	---------	--	-----------------	----------------	------	---

912	Đại học	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ LỊCH THỰC HÀNH KHOA CNTT & TT - ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Lê, Chí Nhân	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Hiện nay, với công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ và làm thay đổi từng ngày. Khi mà các hệ thống quản lý của trường Đại học Cần Thơ như Hệ thống quản lý điểm, hồ sơ sinh viên... ngày càng phát triển, phức tạp hơn thì việc quản lý bằng công nghệ đã khắc phục được nhiều mặt hạn chế và sai sót theo cách truyền thống. Để bắt kịp và hòa nhập với sự phát triển của công nghệ thông tin, Khoa Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông – Trường Đại Học Cần Thơ đã và đang tiến hành quá trình tin học hóa các hoạt động. Một trong những công tác quản lý thủ công gây nhiều phiền toái nhất cho các giảng viên của khoa là việc xếp lịch thực hành. Nếu muốn đăng ký phòng thực hành, giảng viên và cán bộ quản lý phải rất khó khăn để chọn 1 phòng trống, đôi khi dời ngày khác vì không tìm được phòng để đăng ký. Việc này đã gây ra nhiều bất tiện, mất nhiều thời gian và khó khăn trong việc sắp xếp lịch thực hành cho các giảng viên. Cho nên vấn đề này đặt ra là đòi hỏi phải có công cụ giúp các cán bộ quản lý lịch thực hành và giảng viên có thể yêu cầu xếp lịch thực hành, điểm danh sinh viên thực hành và nhận được phản hồi điểm danh từ sinh viên dễ dàng nhất. Bắt nguồn từ việc này, em chọn đề tài “Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý lịch thực hành Khoa CNTT & TT – Trường Đại Học Cần Thơ” nhằm giải quyết khó khăn trong việc đặt phòng thực hành như cách thủ công và điểm danh sinh viên thực hành.
-----	---------	--	--------------	-------------------	------	--

913	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG KINH DOANH TRANG SỨC TRỰC TUYẾN (DIAMOND) TRÊN HAI NỀN TẢNG (Phân hệ website)	Phạm, Nhật Hưng	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, Internet đã trở thành dịch vụ phổ biến, thiết yếu và có ảnh hưởng sâu rộng tới thói quen, sinh hoạt, giải trí của hầu hết mọi người. Các quy trình kinh doanh mua bán truyền thống dần được thương mại hóa thông qua các website và các ứng dụng. Website và ứng dụng thương mại điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng, giúp cho các doanh nghiệp, cửa hàng giảm đi một phần nào chi phí kinh doanh, thu hút được nhiều khách hàng hơn và nâng cao doanh số bán hàng một cách hiệu quả, theo dõi khách hàng được sát hơn, giúp việc quảng bá thương hiệu tốt hơn. Khách hàng không tốn quá nhiều thời gian, có thể truy cập mọi lúc, họ chỉ cần ngồi tại nhà và click chuột là có thể mua được những sản phẩm mình yêu thích. Hệ thống kinh doanh trang sức trực tuyến là một hệ thống thương mại điện tử cung cấp các loại trang sức cao cấp dành cho khách hàng ở mọi lứa tuổi có nhu cầu về làm đẹp. Thông qua hệ thống, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các sản phẩm mà không cần phải đến trực tiếp cửa hàng. Hệ thống bao gồm 2 phân hệ, được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel kết hợp AngularJS đối với nền tảng website (phân hệ một) và React Native trên nền tảng di động thông minh (phân hệ hai), sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Hệ thống được thiết kế đơn giản, giúp khách hàng dễ sử dụng, thân thiện. Hệ thống gồm có 3 nhóm người dùng chính: Khách hàng, Admin và Nhân viên. Khách hàng truy cập vào hệ thống để xem thông tin chi tiết sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, tìm kiếm và chọn lọc sản phẩm theo nhu cầu của bản thân, bên cạnh đó khách hàng còn có thể đánh giá, bình luận về sản phẩm, thêm sản phẩm giỏ hàng, đặt hàng để hoàn tất quá trình mua hàng và theo dõi đơn hàng của mình, bên cạnh đó còn có khách hàng có thể phóng to, thu nhỏ hình ảnh, xoay ảnh 360 giúp họ có thể hiểu rõ về hình dáng của sản phẩm. Ngoài ra, hệ thống còn tích hợp cổng thanh toán điện tử Paypal nhằm giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian. Admin và Nhân viên có chức năng quản lý khách hàng, quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý khuyến mãi, quản lý đánh giá, thống kê của hệ thống. Mặc khác, nhân viên cũng có những hạn chế về quyền quản lý có trong hệ thống. Về cơ bản, đây là hệ thống thương mại điện tử tương đối hoàn chỉnh, đã hoàn thiện được các chức năng đã đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt, thực hiện được các chức năng từ phía khách hàng và người quản lý. Trong tương lai hệ thống sẽ phát triển thêm với tính năng như: tăng tính bảo mật, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, quản lý vận
-----	---------	---	-----------------	----------------	------	---

914	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG KINH DOANH TRANG SỨC TRỰC TUYẾN (DIAMOND) TRÊN HAI NỀN TẢNG (Phân hệ nền tảng di động)	Lâm, Chí Hiếu	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, Internet đã trở thành dịch vụ phổ biến, thiết yếu và có ảnh hưởng sâu rộng tới thói quen, sinh hoạt, giải trí của hầu hết mọi người. Các quy trình kinh doanh mua bán truyền thống dần được thương mại hóa thông qua các website và các ứng dụng. Website và ứng dụng thương mại điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng, giúp cho các doanh nghiệp, cửa hàng giảm đi một phần nào chi phí kinh doanh, thu hút được nhiều khách hàng hơn và nâng cao doanh số bán hàng một cách hiệu quả, theo dõi khách hàng được sát hơn, giúp việc quảng bá thương hiệu tốt hơn. Khách hàng không tốn quá nhiều thời gian, có thể truy cập mọi lúc, họ chỉ cần ngồi tại nhà và click chuột là có thể mua được những sản phẩm mình yêu thích. Hệ thống kinh doanh trang sức trực tuyến là một hệ thống thương mại điện tử cung cấp các loại trang sức cao cấp dành cho khách hàng ở mọi lứa tuổi có nhu cầu về làm đẹp. Thông qua hệ thống, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các sản phẩm mà không cần phải đến trực tiếp cửa hàng. Hệ thống bao gồm 2 phân hệ, được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel kết hợp AngularJS đối với nền tảng website (phân hệ một) và React Native trên nền tảng di động thông minh (phân hệ hai), sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Hệ thống được thiết kế đơn giản, giúp khách hàng dễ sử dụng, thân thiện. Hệ thống gồm có 3 nhóm người dùng chính: Khách hàng, Admin và Nhân viên. Khách hàng truy cập vào hệ thống để xem thông tin chi tiết sản phẩm, hình ảnh sản phẩm, tìm kiếm và chọn lọc sản phẩm theo nhu cầu của bản thân, bên cạnh đó khách hàng còn có thể đánh giá, bình luận về sản phẩm, thêm sản phẩm giỏ hàng, đặt hàng để hoàn tất quá trình mua hàng và theo dõi đơn hàng của mình, bên cạnh đó còn có khách hàng có thể phóng to, thu nhỏ hình ảnh, xoay ảnh 360 giúp họ có thể hiểu rõ về hình dáng của sản phẩm. Ngoài ra, hệ thống còn tích hợp cổng thanh toán điện tử Paypal nhằm giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian. Admin và Nhân viên có chức năng quản lý khách hàng, quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý khuyến mãi, quản lý đánh giá, thống kê của hệ thống. Mặc khác, nhân viên cũng có những hạn chế về quyền quản lý có trong hệ thống. Về cơ bản, đây là hệ thống thương mại điện tử tương đối hoàn chỉnh, đã hoàn thiện được các chức năng đã đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt, thực hiện được các chức năng từ phía khách hàng và người quản lý. Trong tương lai hệ thống sẽ phát triển thêm với tính năng như: tăng tính bảo mật, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, quản lý vận
-----	---------	--	---------------	----------------	------	---

915	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH THỰC PHẨM SẠCH TRỰC TUYẾN GOODFOOD	Nguyễn, Văn Toàn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Hiện nay, tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm đang là vấn đề nhức nhối trong xã hội. Ở Việt Nam, vấn đề này đang tạo nhiều lo lắng cho người dân trong suốt thời gian qua, vậy nên cung cấp thực phẩm sạch là vấn đề cấp bách hiện nay. Thêm vào đó, thương mại điện tử đã và đang trở thành một phương tiện giao dịch thuận lợi và tiết kiệm nhiều thời gian. Nhờ vậy, các sản phẩm cũng dễ tiếp cận với người tiêu dùng. Đồng thời các doanh nghiệp có thể đưa sản phẩm của mình đến thị trường nhanh nhất nhằm thúc đẩy doanh số bán hàng. Nắm bắt được xu hướng phát triển đó, đề tài “Xây dựng Website kinh doanh thực phẩm sạch trực tuyến GoodFood” đã được phát triển. Website hỗ trợ các tính năng cho 2 nhóm người dùng chính: Khách hàng và Người quản trị. Khách hàng có thể tìm kiếm sản phẩm, thêm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán,... Người quản trị có thể quản lý sản phẩm, doanh mục, đơn hàng, chương trình khuyến mãi, kho hàng,... Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel 5.7, HTML, Javascript, CSS. Với giao diện thân thiện và đơn giản, người dùng có thể sử dụng hệ thống một cách dễ dàng. Hệ thống được tích hợp cổng thanh toán trực tuyến VNPAY giúp cho việc thanh toán của người dùng trở nên đơn giản và thuận tiện. Đề tài “Xây dựng Website kinh doanh thực phẩm sạch trực tuyến GoodFood” đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử, giúp cho việc mua sắm online trở nên dễ dàng. Khách hàng có thể chọn được những thực phẩm an toàn và tiết kiệm. Trong tương lai, hệ thống sẽ được mở rộng thêm các tính năng cho người dùng, giúp việc quản lý và bán hàng dễ dàng hơn. Ngoài ra, hệ thống sẽ được phát triển trên nền tảng ứng dụng điện thoại giúp mở rộng đối tượng khách hàng.
-----	---------	--	------------------	----------------	------	--

916	Đại học	XÂY DỰNG SÀN GIAO DỊCH MẶT HÀNG ĐỒ GỖ NỘI THẤT NOITHAT246	Lê, Anh Tuấn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, xu hướng chọn đồ gỗ nội thất là khá phổ biến bởi vì sự đa dạng của nó, phù hợp với hầu hết các loại kiến trúc và giá thành của các sản phẩm đồ gỗ nội thất tương đối hợp lý mang lại một không gian như ý muốn của bạn. Từ đó, sự xuất hiện các trang web kinh doanh về mặt hàng đồ gỗ nội thất là một nhu cầu cần thiết. Trang web bán đồ gỗ nội thất mang lại sự thu hút, chú ý của tất cả mọi người có đam mê về gỗ hoặc muốn trang trí nhà cửa của mình bằng chính vật liệu gỗ. Trang web sẽ cung cấp cho bạn danh sách các mặt hàng theo từng khu trong nhà hay văn phòng với xuất xứ, nhà sản xuất khác nhau và giá cả cạnh tranh, các bước tiến hành thanh toán đơn giản và nhanh chóng. NoiThat246 là sàn giao dịch thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng tìm kiếm sản phẩm và mua sắm đồ gỗ nội thất tại nhà. Trang web được thiết kế với giao diện phẳng, bắt mắt, dễ dàng sử dụng. Khách hàng khi truy cập trang web có thể: tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin chi tiết sản phẩm, so sánh giá cả giữa từng doanh nghiệp/tư nhân kinh doanh mặt hàng này. NoiThat246 nhằm tạo ra một nơi để các doanh nghiệp/tư nhân buôn bán mặt hàng này tập trung giúp cho khách hàng có thể dễ dàng tìm kiếm, đánh giá, so sánh. Cũng giúp cho việc quản lý sản phẩm, các chương trình khuyến mãi, đánh giá theo từng doanh nghiệp/tư nhân đăng kí bán hàng trên web một cách dễ dàng và thuận tiện. Hệ thống được quản lý theo quyền hạn của tài khoản, tương ứng với mỗi tài khoản có một hay nhiều quyền hạn khác nhau. Admin của quyền xét duyệt các tài khoản doanh nghiệp/tư nhân kinh doanh đăng kí bán trên web, xét duyệt các sản phẩm đăng bán và cập nhật các thông tin khác của trang web. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Spring Boot và sử dụng cơ sở dữ liệu MySQL, bên cạnh đó trang web tích hợp thêm các thư viện Javascript, JQuery, HTML, CSS, ... và giao diện được responsive giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng trên nhiều kích thước thiết bị khác nhau. Bên cạnh đó trang web còn áp dụng công nghệ xoay ảnh 360° và zoom ảnh cho phép khách hàng tiếp cận với sản phẩm một cách chân thật, trang web cũng giúp người dùng đánh giá, hỏi đáp thắc mắc và xem các bình luận, hỏi đáp về sản phẩm. Trang web có tích hợp hình thức thanh toán bằng Paypal vào quy trình thanh toán, giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. Về cơ bản, NoiThat246 là sàn giao dịch thương mại điện tử bán đồ gỗ nội thất tương đối hoàn chỉnh, hoàn thành tốt các yêu cầu và cài đặt. Trong tương lai trang web có thể phát triển thêm một vài tính năng như: tính năng hỗ trợ tư vấn trực tiếp giữa khách hàng và người bán và phát triển web trên nền tảng app.
-----	---------	---	--------------	----------------	------	--

917	Đại học	XÂY DỰNG SẢN GIAO DỊCH MẶT HÀNG THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG GREENLIFE	Trịnh, Thế Nguyễn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của Internet đã tác động rất lớn đến nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực thương mại. Với thương mại điện tử giúp cho người mua hàng dễ dàng tìm kiếm, mua sắm và đặt hàng thông qua Internet một cách tiện lợi và nhanh chóng. Các nhà bán hàng có thể dễ dàng quản lý sản phẩm, doanh số bán hàng một cách hiệu quả. GreenLife là website sản giao dịch thương mại điện tử được thiết kế chuyên bán các sản phẩm thân thiện với môi trường, cung cấp các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật, có khả năng phân hủy hữu cơ hoặc sản phẩm làm từ vật liệu bền vững có khả năng tái sử dụng cao. Website tập trung các mặt hàng trên nhằm đáp ứng nhu cầu các khách hàng có lối sống thân thiện với môi trường. Ngoài các chức năng cơ bản của một website thương mại điện tử, GreenLife còn cho phép người dùng đăng bán các sản phẩm của mình với sự cấp phép của quản trị viên. Hệ thống website được xây dựng trên nền tảng Spring boot, AngularJS và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện người dùng sử dụng framework Bootstrap 4 để tạo ra giao diện web hiển thị được trên mọi kích thước màn hình giúp khách hàng dễ dàng tương tác. Ngoài ra, website còn có tích hợp cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, tiết kiệm thời gian và công sức. Tóm lại, website đã hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt được đề ra như mô phỏng các chức năng cơ bản của một sản giao dịch thương mại điện tử, xây dựng được các chức năng của trang khách hàng và trang quản trị giúp nhà bán hàng dễ dàng quản lý gian hàng của mình. Trong tương lai, website sẽ tích hợp thêm hệ thống chat trực tuyến kết nối giữa người mua và người bán hàng. Đồng thời phát triển ứng dụng mua sắm trên di động, đây là xu hướng của các sản giao dịch thương mại điện tử hiện nay.
-----	---------	---	-------------------	----------------	------	--

918	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH NUÔI TÔM SÚ HUYỆN AN BIÊN THEO MÔ HÌNH VIETGAP	Nguyễn, Mạnh Cường	Trương, Minh Thái	2019	Hiện nay tôm sú đang là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Thời gian qua nghề nuôi tôm nước lợ nói chung và tôm sú nói riêng ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về diện tích, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu, tuy nhiên nghề nuôi tôm ở nước ta còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ về an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh, kiểm soát môi trường và đặc biệt là vấn đề truy xuất nguồn gốc. Trong bối cảnh thị trường xuất khẩu ngày càng có nhiều yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm thì việc tuân thủ một quy trình sản xuất sạch, an toàn là điều cần thiết và phải được nhân rộng. Và VietGAP (là cụm từ viết tắt của: Vietnamese Good Agricultural Practices) là một trong những mô hình mang lại hiệu đáng kể, khi tuân thủ đúng các quy trình VietGAP thì người chăn nuôi có thể hạn chế được dịch bệnh, chi phí đầu tư và tiết kiệm thời gian, với lợi nhuận sau thu hoạch của các nuôi tôm áp dụng VietGAP cao hơn 30% so với lợi nhuận nuôi tôm ngoài mô hình. VietGAP không những có giá trị về kinh tế mà còn có ý nghĩa về mặt góp phần làm cho môi trường ngày càng ổn định để sản xuất được lâu dài, bền vững, và đảm bảo tiêu chí “Bốn an” là: an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường, và an sinh xã hội. Công nghệ thông tin ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển các lĩnh vực kinh tế, y học, nông nghiệp cũng như thủy sản. Tuy nhiên việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào mỗi lĩnh vực vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững của ngành chăn nuôi tôm sú huyện An Biên nói riêng và trên cả nước nói chung theo mô hình VietGAP bằng cách “Xây dựng Website quản lý quá trình nuôi tôm sú huyện An Biên theo mô hình VietGAP”. Kết quả của đề tài là xây dựng thành công website quản lý quá trình nuôi tôm sú theo mô hình VietGAP tại huyện An Biên, qua đó cung cấp cho người dùng các chức năng về quản lý hồ sơ và hoạt động chăn nuôi tôm sú theo mô hình VietGAP.
919	Đại học	TÌM HIỂU VÀ ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM THỬ CẤP VÀO KIỂM THỬ TỰ ĐỘNG DÙNG SELENIUM FRAMEWORK	Nguyễn, Hoàng Trọng	Nguyễn, Công Danh	2019	Đề tài nghiên cứu trong luận văn này là tìm hiểu các phương pháp xây dựng ca kiểm thử và dữ liệu kiểm thử như phương pháp phân vùng tương đương, phân tích giá trị biên, bảng quyết định, đoán lỗi. Đặc biệt, luận văn này đi sâu tìm hiểu phương pháp pairwise trong việc tạo ra dữ liệu cho kiểm thử chức năng và ứng dụng phương pháp này vào xây dựng ca kiểm thử phục vụ cho kiểm thử tự động sử dụng Selenium framework. Luận văn cũng đi phân tích và chứng minh các điểm mạnh, các hạn chế của phương pháp pairwise. Đồng thời cũng đưa ra các biện pháp khắc phục cho từng hạn chế của phương pháp này. Từ khóa: Kiểm thử cặp đôi, pairwise testing, All-pair testing, 2-wise, phân vùng tương đương, phân tích giá trị biên, bảng quyết định, đoán lỗi.

920	Đại học	ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH KIỂM THỬ HỘI QUY CHO KIỂM THỬ TỰ ĐỘNG DÙNG ROBOT FRAMEWORK	Ngô, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Công Danh	2019	Ngày nay, có nhiều dịch vụ web phục vụ nhu cầu mua sắm, du lịch và ăn uống. Để đảm bảo trang web trực tuyến phục vụ tốt cho khách hàng, chúng ta cần kiểm tra tiến trình của trang web với các chức năng của nó. Do đó, kiểm thử phần mềm đã được phát triển và đảm nhận nhiệm vụ thử nghiệm này. Với mục đích xem xét các lỗi phát sinh, tồn tại trong phần mềm. Kiểm thử phần mềm giúp trang web hoạt động tốt hơn, nó giúp kết nối và tạo thêm niềm tin của người tiêu dùng với doanh nghiệp. Nhưng vẫn chưa có biện pháp tối ưu để giải quyết lỗi xuất hiện trong phần mềm. Do đó, đến với luận điểm này, tôi muốn đề xuất quy trình thử nghiệm hội quy tự động bằng Robot Framework. Mục đích của đề xuất này là xác minh rằng các sản phẩm phần mềm đã được thử nghiệm trước đó. Nó vẫn sẽ hoạt động chính xác sau khi sản phẩm được thay đổi về cải thiện phần mềm, vá lỗi, thêm các tính năng mới, v.v. Nó sử dụng Robot Framework kết hợp với Thư viện Selenium trong môi trường Python hỗ trợ để kiểm tra tự động kiểm tra dưới dạng từ khóa. Có thể nói, bằng phương pháp thử nghiệm này, doanh nghiệp có thể yên tâm hơn về các hoạt động trực tuyến của mình và nâng cao uy tín, niềm tin với khách hàng. Một trang web hoạt động tốt cũng sẽ thu hút nhiều khách truy cập và tăng doanh thu của doanh nghiệp.
921	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG TRA CỨU THUỐC NAM TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Hồ, Hoàng Đệ	Nguyễn, Tí Hon	2019	Ở Việt Nam thời xa xưa, người dân đã sử dụng đến các cây cỏ để trị bệnh như: nghệ vàng dùng trong trị đau dạ dày ... Việt Nam đã có các danh y nổi tiếng như: Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông, Phạm Ngọc Thạch, Hồ Đắc Di ... Thuốc nam rất gần gũi với con người chúng ta, nó được mọc nhiều ở miền quê và chỉ cần đi ra ngoài đường là chúng ta đã bắt gặp các cây thuốc như: ngũ sắc, côm thảo đất, nhân lồng, cỏ xước... Tuy nhiên, hầu hết mọi người điều không biết rõ hết tất cả các công dụng và cách sử dụng của từng cây thuốc. Vì vậy app “ Tra cứu thuốc nam” ra đời với mong muốn hỗ trợ người dùng có thể biết được biết công dụng và cách sử dụng của từng cây thuốc cũng như cây thuốc này được phân bố ở đâu để dễ dàng tìm kiếm. Ứng dụng được xây dựng trên nền tảng Android với bốn chức năng: tra cứu theo tên, công dụng, phân bố, chuyên gia. Các thông tin cây thuốc không lưu trữ trong ứng dụng mà thông tin của cây thuốc được lưu trữ trên server nên dễ dàng cập nhật thông tin mới của cây thuốc và sử dụng cơ sở dữ liệu NoSQL giúp cho ứng dụng truy xuất thông tin cây thuốc nhanh, đặc biệt của ứng dụng có chức năng đọc cho người dùng nghe các thông tin của cây thuốc.

922	Đại học	NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG LỢN TRÊN NỀN TẢNG LOCKCHAI (HYPERLEDGER FABRIC)	Lâm, Hiếu Linh	Trần, Công Ân	2019	Vấn đề nuôi lợn ngày càng gặp nhiều khó khăn vì phải đối mặt với các loại dịch bệnh mới, khi các sản phẩm này cung cấp đến thị trường thì rất khó khăn để biết thông tin thịt có bị bệnh hay xảy ra đề gì hay không. Nhằm đáp ứng lòng tin của người tiêu dùng, chúng ta cần những ứng dụng để tăng tính minh bạch, ghi lại tất cả thông tin lịch sử lợn từ khi được nuôi cho đến tay người tiêu dùng và cho phép người tiêu dùng tra cứu thông tin sản phẩm thịt lợn này. Đề tài “Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng thịt lợn trên nền tảng Blockchain Hyperledger Fabric” nhằm giải quyết vấn đề trên, hệ thống cho phép truy xuất nguồn gốc thịt qua bốn công đoạn chính: nông trại, vận chuyển, lò mổ và siêu thị. Hệ thống cung cấp chức năng cho 6 kiểu người dùng: Người dùng tự do: tra cứu thông tin sản phẩm thịt lợn bằng ID hay mã QRCode. Admin: đăng nhập, phê duyệt người dùng, thêm người dùng vào chuỗi cung ứng, thay đổi trạng thái người dùng, cập nhật ảnh đại diện, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin cá nhân, xem tất cả người dùng, xem tất cả chuỗi cung ứng thịt lợn, xem tất cả lịch sử tương tác dữ liệu. Người dùng ở công đoạn nông trại: đăng ký, đăng nhập, cập nhật và thêm thông tin lợn ở nông trại, thêm mới mẫu tin cho những con lợn xảy ra vấn đề, cập nhật ảnh đại diện, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin cá nhân. Người dùng ở công đoạn vận chuyển: đăng ký, đăng nhập, cập nhật thông tin ở công đoạn vận chuyển, cập nhật ảnh đại diện, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin cá nhân. Người dùng ở công đoạn lò mổ: đăng ký, đăng nhập, cập nhật thông tin ở công đoạn lò mổ, cập nhật ảnh đại diện, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin cá nhân. Người dùng ở công đoạn siêu thị: đăng ký, đăng nhập, cập nhật thông tin ở công đoạn siêu thị, cập nhật ảnh đại diện, đổi mật khẩu, cập nhật thông tin cá nhân. Hệ thống phát triển gồm các thành phần: Mạng Blockchain Hyperledger Fabric và mô hình MVC kết hợp mô hình client-server. 15 Trần Công Ân PHẦN GIỚI THIỆU
923	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ANDROID CUNG CẤP DỮ LIỆU GIÁ CRYPTOCURRENCY	Lê, Minh Khang	Nguyễn, Tí Hon	2019	Ngày nay, chúng ta không thể nào phủ nhận được sự phát triển và bùng nổ Cryptocurrency trong vài năm trở lại đây vô cùng mạnh mẽ, có thể nói như là “vũ bão”. Từ khi khái niệm Cryptocurrency xuất hiện mọi người biết đến và quan tâm nhiều hơn, đồng tiền đầu tiên xuất hiện đó là Bitcoin, sự xuất hiện này làm cho thị trường giao dịch tiền tệ trở nên sôi nổi hơn bao giờ hết. Con người bắt đầu thực hiện giao dịch bằng Bitcoin bởi đồng tiền này có tính bảo mật cao, giao dịch qua Internet nhanh và tiện lợi, cùng với đó là chi phí giao dịch thấp. Thấy được sự phát triển của nó và nhu cầu nắm bắt thông tin chi tiết về giá từ Cryptocurrency ngày càng tăng của mọi người. Vì thế chúng tôi đã nghiên cứu “Xây dựng ứng dụng Android cung cấp dữ liệu giá Cryptocurrency” chạy trên nền tảng hệ điều hành Android, ứng dụng tổng hợp dữ liệu từ các sàn giao dịch như: Binance, Tradeogre, Hitbtc, Cointiger, Poloniex, Bittrue. Ứng dụng liệt kê các sàn giao dịch, hiển thị được tất cả các cặp giao dịch của sàn, cho phép tìm kiếm theo cặp giao dịch, chi tiết giá của từng cặp giao dịch, có biểu đồ hiển thị giá.

924	Đại học	SỬ DỤNG MẠNG BiRNN ĐỂ TẠO CÂU VÍ DỤ CHO SYNSET TRONG WORDNET	Nguyễn, Kiên Tường	Lâm, Nhật Khang	2019	Trong luận văn này, chúng tôi sẽ ứng dụng mạng nơ-ron hồi quy, cụ thể là mạng GRU hai chiều kết hợp cùng thuật toán khử nhiễu nhằng nghĩa từ để xây dựng một thuật toán sinh câu mẫu với nghĩa từ dựa trên mạng WordNet. Sử dụng 2 cách xây dựng tập dữ liệu khác nhau trên 2 tập dữ liệu khác nhau, thuật toán nhận một từ như input đầu vào và tự động sinh các câu ví dụ thể hiện nghĩa (gloss) của từ đó có trong mạng WordNet. Kết quả thu được có độ chính xác nhìn chung không cao, ở mức dưới 30%. Trong tương lai, chúng tôi sẽ nỗ lực cải tiến độ chính xác của mô hình này đồng thời áp dụng lên mạng WordNet Tiếng Việt.
925	Đại học	PHẦN MỀM CHẤM CÔNG	Nguyễn, Ngọc Thảo Ngân	Trần, Việt Châu	2019	Làm thế nào để quản lý nhân sự hiệu quả?... Luôn là một bài toán khó cho các doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp có số công nhân viên lớn, thì việc lưu trữ dữ liệu nhân sự thủ công trở nên khá phức tạp. Do đó, các nhà quản lý luôn mong muốn tìm được các giải pháp quản lý nhân sự sao cho phù hợp nhất với doanh nghiệp mình. Hệ thống quản lý nhân sự và chấm công bằng kỹ thuật xuất file được xây dựng đã đáp ứng các chức năng cần thiết cung cấp giải pháp quản lý tổng thể, linh hoạt, theo hướng đơn giản hóa nghiệp vụ như quản lý hồ sơ nhân sự, thay đổi quá trình công tác, quản lý chấm công cho đơn vị, quản lý việc thay đổi danh mục phòng ban, chấm công theo từng ngày cho từng đơn vị, phòng ban và đặc biệt là xuất báo cáo bằng chấm công theo tháng file Excel theo đúng quy định của Bộ. Phần mềm quản lý nhân sự và chấm công bằng kỹ thuật xuất file chấm công là một phần mềm rất hữu ích, nó giúp cho việc quản lý của các cơ quan, doanh nghiệp được dễ dàng nhanh chóng và thuận tiện từ đó giúp cho việc kinh doanh được phát triển hơn. Với mục đích muốn giúp đỡ phần nào đó cho các doanh nghiệp nói chung và các đơn vị, bộ phận khác nói riêng nên em đã xây dựng phần mềm này mong rằng nó sẽ được ứng dụng nhiều. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng .NET Framework và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Hệ thống đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra giúp cho việc quản lý nhân sự và chấm công cho các doanh nghiệp dễ dàng và hiệu quả hơn rất nhiều. Tuy nhiên, hệ thống vẫn chưa giải quyết được vấn đề tính lương và nhập trực tiếp file chấm công vào hệ thống. Việc hoàn chỉnh và bổ sung là hướng phát triển trong tương lai.

926	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ARMAP TRÊN ANDROID	Phạm, Thế Sơn	Phạm, Thị Xuân Diễm	2019	Thực tế tăng cường trên điện thoại thông minh ngày càng phát triển. Tuy nhiên, nó lại không phục vụ đa số người dùng, bởi vì công nghệ này đòi hỏi thiết bị phải có phần cứng mạnh mẽ. Đề tài “Xây dựng ứng dụng ARmap trên Android” được thực hiện nhằm mục đích tạo ra một ứng dụng thực tế tăng cường trên hệ điều hành Android có thể vận hành trên hầu hết các thiết bị Android hiện nay. Sản phẩm của đề tài là ứng dụng ARmap - Location Tracking, được xây dựng với hai chức năng chính: Bản đồ và Theo dõi vị trí. Bên cạnh đó, ứng dụng còn hỗ trợ người dùng các tính năng tìm kiếm địa điểm và tự thêm các địa điểm riêng. Tất cả các dữ liệu đó đều được hiển thị trong môi trường thực tế tăng cường. ARmap - Location Tracking khai thác các thông số vật lý từ cảm biến từ trường, gia tốc và máy ảnh trên thiết bị Android. Các thông số này được xử lý qua các nguyên tắc vật lý và hình học không gian để tạo ra các giá trị cần thiết trong môi trường AR. Ngoài ra, đề tài còn xây dựng một cơ chế trao đổi dữ liệu thông qua Server để người dùng có thể theo dõi vị trí của nhau.
927	Đại học	WEBSITE THU THẬP TIN TỨC	Nông, Thanh Khải	Nguyễn, Tí Hon	2019	Trong thời đại công nghệ thông tin như hiện nay việc cập nhật thông tin, tin tức qua các trang website tin tức là điều rất phổ biến. Nhu cầu của người đọc ngày càng khắt khe hơn, đòi hỏi các trang website tin tức phải liên tục cập nhật những tin tức mới nhất, được nhiều người quan tâm nhất. “Xây dựng website thu thập tin tức” hệ thống tự động cập nhật những tin tức mới nhất, tin nóng nhất mỗi ngày từ các website tin tức hàng đầu hiện nay đảm bảo được chất lượng của tin tức, thỏa mãn nhu cầu của người đọc. Việc xây dựng một website thu thập tin tức mà dữ liệu được tổng hợp từ nhiều nguồn giúp người người đọc có thể xem tất cả các nguồn tin tức trong khi chỉ cần vào một trang website. Trong luận văn này, tôi nghiên cứu xây dựng website thu thập tin tức, để mang đến các tin tức hàng đầu, giúp cho người đọc tìm được những tin tức cần thiết, bỏ ít khi đến với website của tôi.

928	Đại học	XÂY DỰNG MODULE CUNG CẤP TIỆN ÍCH CHO NGƯỜI DÂN VÀ ỨNG DỤNG XỬ LÝ HIỆN TRƯỜNG CHO HỆ THỐNG GIAO TIẾP CÔNG DÂN	Dương, Thị Thúy Hằng	Trần, Công Ân	2019	Trong thời đại 4.0 hiện nay, smartphones không còn xa lạ với chúng ta, cuộc sống hiện đại cùng với chi phí sở hữu một chiếc điện thoại thông minh không cao khiến smartphones trở nên phổ biến, tiện dụng và trở thành xu hướng. Smartphones phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin cộng đồng, ... thông qua các ứng dụng được người dùng cài đặt vào smartphones của họ. Vậy tại sao chúng ta không nghĩ đến việc chính quyền các cấp sẽ sử dụng smartphone để quản lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị và tháo gỡ các vấn đề chưa được kịp thời cho người dân nhằm mục đích giảm khoảng cách giữa người dân và chính quyền thông qua các ứng dụng ngay trên chiếc smartphones. Trong khuôn khổ đề tài luận văn tốt nghiệp, em sẽ xây dựng ứng dụng xử lý hiện trường – một trong ba ứng dụng của hệ thống giao tiếp công dân (MyCity) và kèm theo một số chức năng dành cho ứng dụng Kết nối Tiền Giang. Đây là các ứng dụng di động có thể chạy trên nền tảng Android và cũng là công cụ cung cấp tiện ích cho người dân và để cán bộ tiếp nhận, cập nhật thông tin xử lý các yêu cầu của người dân, tương tác trực tiếp với trung tâm điều hành để thực hiện nhiệm vụ. Và để thực hiện các chức năng trên em đã sử dụng nền tảng công nghệ IONIC để xây dựng ứng dụng đa nền tảng và để giúp các cán bộ công chức, viên chức có thể giải quyết các phản ánh do người dân gửi đến nhanh nhất có thể.
929	Đại học	PHÂN LOẠI BÀI BÁO DỰA VÀO TÓM TẮT	Võ, Thị Ngọc Trân	Nguyễn, Tí Hon	2019	Phân loại bài báo là một vấn đề liên quan đến lĩnh vực khai mở dữ liệu. Bài toán phân loại là một trong những bài toán quan trọng của ngành khoa học máy tính, việc phân loại tốn rất nhiều thời gian và chi phí tính toán, phân loại bài báo và khai mở dữ liệu trên mạng xã hội đang là xu hướng phát triển hiện nay. Để giải quyết bài toán này thì có rất nhiều giải thuật máy học được sử dụng: giải thuật Bayes thơ ngây (Naïve Bayes), k láng giềng (KNN), Cây quyết định (Decision Tree), máy học vector hỗ trợ (SVM), K-Means clustering, Mini Batch K-Means, v.v. Mỗi giải thuật sẽ có các mặt thuận lợi và bất lợi. Đề tài “Phân loại bài báo dựa vào tóm tắt” này sẽ được xử lý bằng hai giải thuật. Đó là Mini Batch K-Means và máy học vector hỗ trợ (SVM). Nó sẽ phân loại bài báo trên tập dữ liệu báo “Dân Trí”. [5] Đề tài sử dụng giải thuật Mini Batch K-Means và giải thuật SVM, tiến hành huấn luyện và kiểm tra trên tập dữ liệu có hai thành phần: phần nội dung và phần tóm tắt để so sánh kết quả về mặt thời gian và độ chính xác của hai giải thuật trên hai thành phần đó, từ đó đưa ra được hướng giải quyết tốt nhất cho bài toán phân loại.

930	Đại học	CHATBOT TƯ VẤN BÀI THUỐC NAM	Trần, Thị Tuyết Trinh	Nguyễn, Tí Hon	2019	Như chúng ta đã biết, một căn bệnh có thể được chữa trị bằng nhiều phương pháp và mỗi phương pháp thì có ưu điểm riêng. Đối với phương pháp chữa bệnh bằng thuốc nam thì có những ưu điểm như: các nguyên liệu của thuốc nam rất dễ tìm, mỗi bệnh có thể được điều trị bằng nhiều bài thuốc khác nhau và đặc biệt là các bài thuốc nam hầu như không gây ra tác dụng phụ nên chúng rất được dân gian ưu tiên sử dụng. Tuy nhiên, việc kết hợp các loại thuốc thành một bài thuốc không đúng cách sẽ gây ra những tác dụng không mong muốn ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng. Vì vậy “Chatbot tư vấn bài thuốc nam” ra đời với mong muốn tư vấn các bài thuốc được tổng hợp từ ý kiến của các thầy thuốc, các chuyên gia thuốc nam, các bác sĩ trong lĩnh vực đông y để người dùng có thể tham khảo và kết hợp đúng các loại thuốc trong một bài thuốc. Chức năng của Chatbot là hỗ trợ người dùng việc tìm kiếm các bài thuốc nam, công dụng, liệu trình và cách sử dụng của các bài thuốc nam. Chatbot được viết bằng ngôn ngữ Python, sử dụng trình soạn thảo PyCharm, dựa trên mô hình BoW để ranking các bài thuốc nam. Sử dụng Cosine similarity để tính độ tương đồng của các vector. Sử dụng công nghệ Speech-to-text để cho phép người dùng không chỉ tìm bằng văn bản mà còn có thể tìm bằng giọng nói (âm thanh). Từ đó đưa ra bài thuốc gần với những từ khóa liên quan tới bệnh mà người dùng nhập vào. Tiếp theo sử dụng công nghệ Text-to-speech để chuyển các thông tin của bài thuốc thành âm thanh và phát cho người dùng nghe. Cuối cùng là dùng giải thuật KNN để đánh giá kết quả thực nghiệm.
931	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRA CỨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT	Lê, Thị Cẩm Thi	Trần, Công Ân	2019	Thuốc bảo vệ thực vật là những hợp chất độc có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp hóa học được dùng trong nông nghiệp, với mục đích ngăn ngừa, phòng trừ, tiêu diệt các loại sâu bệnh hại trên các loại cây trồng hoặc nông sản. Hiện nay, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đóng vai trò quan trọng trong việc phòng trừ các loại tác nhân gây hại cho cây trồng, không chỉ đối với những người nông dân, những chuyên gia nông nghiệp mà còn với những cơ quan chức năng liên quan. Vì vậy, cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp, diệt trừ nhanh chóng, tránh việc lờn thuốc gây bùng phát dịch hại không chỉ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng nông sản, năng suất cây trồng mà còn ảnh hưởng tới sức khỏe cho người sử dụng các sản phẩm trồng trọt. Luận văn tốt nghiệp với đề tài “Xây dựng hệ thống tra cứu thuốc bảo vệ thực vật” thông qua việc phát triển ứng dụng React Native bằng Expo, giúp người nông dân có thể tìm kiếm loại thuốc phù hợp cho cây trồng khi có sự xuất hiện của sâu bệnh hại một cách kịp thời và nhanh chóng được phát triển trên di động. Bên cạnh đó, còn có ứng dụng web giúp người quản trị có thể dễ dàng quản lý thuốc bảo vệ thực vật và các đối tượng liên quan cung cấp thông tin cho người sử dụng.

932	Đại học	SMART BIN – THÙNG RÁC THÔNG MINH	Nguyễn, Minh Kiệt	Thái, Minh Tuấn	2019	Để thu thập một lượng lớn rác thải ở các thùng rác trong thành phố được đặt sẵn ở mỗi vị trí khác nhau, người thu gom rác phải ghé từng thùng để thu gom mặc cho thùng đó chọạ đầy. Điều này làm lãng phí rất nhiều thời gian và công sức của người thu gom rác. Chính vì vậy, đề tài Smart bin – Thùng rác thông minh sẽ giúp người thu gom rác nhận biết được khi nào thùng rác đầy hoặc chọạ đầy và sẽ thông báo cho người thu gom rác thông qua Smartphone. Ứng dụng sẽ hiển thị ra bản đồ bao gồm các vị trí thùng rác đã được đặt sẵn ở một vị trí nhất định và vẽ đường đi tới những thùng rác mà người thu gom muốn đến, họ chỉ cần dựa vào chỉ dẫn trên Smartphone để đến đó gom rác mà không cần phải ghé từng thùng nhỏ đã từng làm trước đây. Bên cạnh đó đề tài còn tích hợp thêm tính năng bật đóng nắp thùng rác tự động cụ thể là người để rác chỉ cần đưa tay lại gần cảm biến khoảng 30cm thì nắp thùng rác sẽ tự động mở lên và sẽ đóng lại sau 5 giây điều này sẽ giúp người bỏ rác không cần chạm tay trực tiếp vào nắp thùng mà vẫn để rác vào được. Và khi lượng rác trong thùng đầy thì đèn led màu đỏ sẽ sáng lên giúp người để rác cũng như người thu gom rác nhận biết là nó đầy. Điều này giúp hạn chế việc rác thải tràn ra khỏi thùng cũng như xuống đường ảnh hưởng đến môi trường. Đề tài đã hoàn thành giúp cho người thu gom rác tiết kiệm được thời gian và công sức khi không phải đi hết tất cả các thùng rác trong thành phố để thu gom chúng và có lộ trình rõ ràng.
933	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHẬT KÝ CHĂN NUÔI	Huỳnh, Như	Trần, Công Ân	2019	Kỹ thuật chăn nuôi mang lại hiệu quả cao nhất có thể nói chính là quan tâm tới các kỹ thuật quản lý và chăm sóc vật nuôi có hiệu quả. Luận văn này mục đích thiết kế hệ thống quản lý nhật ký chăn nuôi giúp tối ưu hiệu suất và tăng năng suất trang trại. Sổ nhật ký nông hộ này được thiết kế cho người dân để người dân có thể ghi lại các thông tin về chăm sóc cây trồng, vật nuôi, các lợi ích và tác động của các mô hình sản xuất, thực hành nông nghiệp của người dân. Việc chăn nuôi hiện nay đang hướng đến việc sản xuất sạch theo tiêu chuẩn VietGAP (một tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt áp dụng cho tất cả sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi nhằm nâng cao chất lượng và giá trị). Trong công tác quản lý chăn nuôi có rất nhiều hồ sơ (sổ nhật ký chăn nuôi) cần khâu quản lý ghi chép và quản lý. Tuy nhiên, việc quản lý hồ sơ các hồ sơ ghi chép này còn gặp nhiều khó khăn trong khâu quản lý nguồn gốc nhập xuất thống kê. Các hồ sơ này chủ yếu được lưu bằng phương pháp viết tay. Nhằm giúp cho việc quản lý trong chăn nuôi, nhập xuất các hồ sơ ghi chép một cách dễ dàng và thuận tiện hơn. Trong khuôn khổ luận văn này tôi tìm hiểu và thực hiện đề tài “Xây dựng ứng dụng quản lý nhật ký chăn nuôi”. Kết quả dự án cho thấy, hệ thống quản lý nhật ký chăn nuôi rất khả thi khi áp dụng thực tế, trong tương lai, tùy vào mô hình kinh doanh khác nhau dựa trên hệ thống ứng dụng cơ bản này sẽ có những thay đổi sao cho phù hợp

934	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG LUYỆN THI TIN HỌC TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Nguyễn, Nhật Trường	Nguyễn, Tí Hon	2019	Ngày nay đối với mọi ngành nghề tin học là không thể thiếu trong cuộc sống. Mọi ngành nghề điều yêu cầu cơ bản điều phải biết sử dụng tin học để quản lý công việc trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn.... Cùng với sự phát triển vượt bậc của Công Nghệ Thông Tin, các điện thoại thông minh đã trở nên gần gũi hơn bao giờ hết và công cụ đắc lực cho mỗi người là nhu cầu không thể thiếu để học tập giải trí đặc biệt là các hệ điều hành android. Với lẽ đó đề tài luận văn :”Xây dựng ứng dụng luyện thi trắc nghiệm tin học trên android” cho thiết bị di động android để áp ứng nhu cầu của người sử dụng. Ứng dụng được xây dựng nhằm cung cấp các kiến thức trắc nghiệm để có thể thi trắc nghiệm với số điểm cao. Có rất nhiều chủ đề như Windows,Word,Excel,Internet.. Mỗi chủ đề có độ khó khác nhau sau: Dễ, Trung Bình, Khó.
935	Đại học	ỨNG DỤNG DỊCH ĐA NGÔN NGỮ	Võ, Song Trúc Voòng, Thảo Ly	Nguyễn, Tí Hon	2019	Hiện nay, Android được biết đến là hệ điều hành mã nguồn mở, tiện lợi, cùng với sự phát triển quá nhanh chóng của chiếc điện thoại thông minh là một điều không quá khó để nhận ra trong xã hội hiện nay. Không chỉ dùng cho mục đích liên lạc, xem tin tức, giải trí mà còn để học tập, bổ sung kiến thức cho người dùng. Với mục tiêu hướng tới sự phát triển ngôn ngữ cho mọi người - nhiều ứng dụng trên Android đã ra đời giúp cho những người thường làm việc thường xuyên với ngôn ngữ nước ngoài có thể dịch được nó nhanh chóng. Việc tạo ra một ứng dụng dịch thuật, đơn giản và dễ sử dụng sẽ giúp ích rất nhiều cho người dùng. Trong khi các nhà khoa học nghiên cứu giọng nói dưới nhiều góc độ khác nhau và đã cho thấy mỗi quốc gia đều có một đặc thù ngôn ngữ trong việc xử lý từ. Xác định được tầm quan trọng của nhận dạng giọng nói trong nhiều lĩnh vực, nhóm em đã lựa chọn đề tài “Ứng dụng dịch đa ngôn ngữ” nghiên cứu, xây dựng chương trình để áp dụng được việc thông dịch các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới thông qua phương pháp nhận dạng giọng (Cloud Speech-to-Text – STT) chuyển đổi các ngôn ngữ nói thành văn bản, đồng thời tìm hiểu công nghệ dịch Google Translate, Cloud Text-to-Speech, công nghệ Android, mô hình Client/Server. Các công nghệ, mô hình này được sử dụng để xây dựng hệ thống. Ứng dụng được cài đặt trên hệ điều hành Android 5.0 trở lên.

936	Đại học	HỆ THỐNG CẢNH BÁO NGƯỜI LÁI XE ĐANG PHÂN TÂM VÀ BUỒN NGỦ	Nguyễn, Thị Thùy Anh	Thái, Minh Tuấn	2019	Trên thế giới hiện nay, tình trạng giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi nó diễn biến vô cùng phức tạp. Nguyên nhân là do người tham gia giao thông không chấp hành đúng luật giao thông, sự thiếu ý thức và trách nhiệm, say sìn hay do giới trẻ đua xe, lạng lách, đánh võng,...và không thể không nói đến đó là do sự buồn ngủ của người lái xe. Ở Việt Nam gần đây đã xảy ra rất nhiều tình trạng tai nạn giao thông do tài xế ngủ gật gây thiệt hại to lớn không chỉ là tài sản mà còn về nhân mạng, gây ra sự mất mát, đớn đau không thể nào bù đắp được. Góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông, mỗi người cần có ý thức trách nhiệm, luôn nhường nhịn, giúp đỡ nhau khi tham gia giao thông để bảo vệ an toàn cho bản thân mình và người khác. Tuy nhiên, vẫn còn một vài nguyên nhân khách quan như việc mệt mỏi và buồn ngủ của tài xế không thể tránh khỏi khi làm việc quá sức, vì vậy cần có những biện pháp hiệu quả để làm giảm tai nạn giao thông. Biện pháp xây dựng “Hệ thống cảnh báo tài xế đang phân tâm và buồn ngủ” là một ứng dụng thiết thực và hiệu quả, được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình Python và thư viện mã nguồn mở OpenCV và Dlib mang lại độ chính xác cao cho việc nhận dạng và phát hiện. Với hệ thống này, tài xế sẽ được theo dõi và phát âm thanh cảnh báo khi có biểu hiện mệt mỏi và buồn ngủ dựa trên cử chỉ khuôn mặt chủ yếu là mắt và miệng, giúp tài xế biết khả năng lái xe của bản thân và cần được nghỉ ngơi một cách hợp lí.
937	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG QUẢN LÝ THU MUA NÔNG SẢN- PHẦN ỨNG DỤNG WEB	Võ, Trọng Nghĩa	Thái, Minh Tuấn	2019	Hiện nay, trong nền kinh tế Việt Nam, nông nghiệp là ngành có sức lan tỏa lớn nhất, có tính kết nối rất cao với nhiều ngành kinh tế. Ngành Nông nghiệp ở nước ta với vai trò cung cấp đầu vào cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, chế biến xuất khẩu và nhiều ngành nghề khác. Chính vì điều này mà thị trường thu mua nông sản ngày càng hoạt động mạnh mẽ và sôi động. Tuy nhiên quá trình quản lý thu mua nông sản là hết sức cần thiết. Luận văn tốt nghiệp là kết quả nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào việc thu mua nông sản. Đây là hệ thống cung cấp một môi trường thu mua nông sản theo xu hướng hiện đại bao gồm thiết kế, xây dựng và tích hợp đầy đủ các chức năng để giúp cho việc quản lý thu mua nông sản trở nên linh hoạt và thuận tiện hơn. Hệ thống được xây dựng có 2 modul di động và web, đây là nền tảng đang được sử dụng rộng rãi, mang đến cho người dùng sự tiện lợi và linh hoạt, đây là nền tảng đang được sử dụng rộng rãi, mang đến cho người dùng sự tiện lợi và linh hoạt. Hệ thống này có 2 loại người dùng bao gồm công ty và người nông dân, chính nhờ vào hệ thống này mà phần nào giúp cho công ty quản lý được thông tin của hợp đồng, tiến độ của các hợp đồng, quản lý được các thông tin cá nhân của nông dân, tư vấn hỗ trợ cho nông dân, với giao diện đơn giản, dễ nhìn giúp cho người dùng có thể dễ dàng tìm hiểu và sử dụng.

938	Đại học	XÂY DỰNG GAME KHÁM PHÁ KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Trần, Thị Thúy Duy	Thái, Minh Tuấn	2019	Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) của Trường Đại học Cần Thơ là một trong bảy khoa trọng điểm về lĩnh vực Công nghệ thông tin của Việt Nam. Với không gian khá rộng kết hợp nhiều phòng ốc và trang thiết bị nên việc tìm kiếm vị trí nào đó cũng khá khó khăn. Bên cạnh đó, công nghệ thông tin ngày càng phát triển, nhu cầu tìm và khám phá một nơi mà không cần trực tiếp đến đó là cần thiết. Đồng thời, khoa cũng là nơi gắn bó với toàn thể sinh viên trường Đại học Cần Thơ nói chung và sinh viên khoa CNTT&TT nói riêng trong suốt chặng đường đại học. Nhằm muốn giải đáp những bất cập đó và đồng thời sử dụng công nghệ hóa cho việc tìm kiếm các vị trí kết hợp nhu cầu giải trí cho người sử dụng trong phạm vi khoa nên game Khám phá Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông - CICT Discovery ra đời. Ứng dụng các tính năng nổi trội và chuyên nghiệp của Unity để tạo nên một sản phẩm vừa có thể giúp chúng ta trong việc học tập, vừa giải trí đáp ứng được các nhu cầu của học sinh, sinh viên. CICT Discovery như một mô hình thu nhỏ của khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông một cách chân thật và sống động được thiết kế trên công cụ SketchUp. Sự kết hợp đặc biệt này đã tạo nên một ứng dụng khá thú vị, tiết kiệm được tiền bạc, thể lực, đồng thời giúp chúng ta có thể giải trí sau những giờ học tập và làm việc mệt mỏi ở chính nơi mà chúng ta gắn bó hằng ngày. Ngoài ra, chơi game có thể làm tăng khả năng tư duy, con người trở nên nhạy bén, nhanh nhẹn hơn.
939	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG THỰC TẾ TĂNG CƯỜNG AR ANIMAL SỬ DỤNG UNITY 3D VÀ VUFORIA	Trần, Khai Tâm	Thái, Minh Tuấn	2019	Ngày nay, công nghệ thông tin bùng nổ mạnh mẽ. Những công nghệ liên tục hình thành những lĩnh vực mới, công nghệ Augmented Reality (AR) đang được nhận sự quan tâm của nhiều người, bởi tính ứng dụng áp dụng nhiều lĩnh vực đa dạng, không đòi hỏi nhiều về phần cứng. Đặc biệt là lĩnh vực giải trí và giáo dục. Công nghệ AR giúp học sinh tiếp thu các kiến thức khô khan, trừu tượng trở nên dễ hiểu. Tạo ra hình ảnh đẹp chân thật, và thao tác với các hình ảnh 3D để tạo cảm giác thích thú, tránh nhàm chán. Luận văn tốt nghiệp là quá trình tìm hiểu và ứng dụng trong công nghệ AR trên điện thoại di động. Với việc hỗ trợ của Vuforia, là sự lựa chọn phù hợp để xây dựng ứng dụng AR. Kết hợp với Vuforia và Unity, tôi sẽ xây dựng ứng dụng vừa có tính giáo dục vừa có tính giải trí, ứng dụng được tích hợp các chức năng cơ bản và cho tương tác với các mô hình động vật. Ứng dụng AR ANIMAL là ứng dụng cho phép người sử dụng hiện lên các loài động vật có chức năng hiển thị tên tiếng Việt, phát ra tên con vật bằng tiếng Việt, phát ra tên con vật bằng tiếng Anh, hiển thị thông tin con vật, xem video về đời sống con vật đó. Ứng dụng còn cho phép chọn một trong những con vật hiển thị ra màn hình và di chuyển con vật đó. Ứng dụng được xây dựng trên ngôn ngữ lập trình C#.

940	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG ĐIỆN TỬ VÀ MÁY TÍNH TRÊN NỀN TẢNG ASP.NET MVC5	Trần, Anh Duy	Huỳnh, Phụng Toàn	2019	Ngày nay, do yêu cầu của công việc mọi người rất bận rộn, không có thời gian để đi đến những cửa hàng điện tử, máy tính mua các sản phẩm. Bên cạnh đó người mua hàng cũng không có nhiều sự lựa chọn, đánh giá của sản phẩm mà mình muốn mua. Đồng thời, đối với người bán hàng cũng gặp không ít bất tiện như số lượng người mua không lớn do chỉ bán ở một địa điểm cố định, khó quản lý sản phẩm của mình như số lượng hàng đã bán, số lượng còn lại, thống kê doanh thu sản phẩm... Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử và là xu hướng của tương lai. Do đó đề tài “Xây dựng hệ thống website bán hàng điện tử và máy tính” được đề xuất nhằm giải quyết các vấn đề trên Phần mềm một số chức năng chính dành cho khách hàng như: Đăng kí tài khoản, đăng nhập tài khoản, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, quản lý giỏ hàng, đặt hàng, đánh giá sản phẩm... Đối với cửa hàng có thể quản lý sản phẩm, quản lý khách hàng, quản lý đơn hàng, quản lý danh mục sản phẩm. Chương trình sử dụng phần mềm Microsoft SQL Server 2017 để tạo CSDL và chương trình sử dụng Visual Studio 2017 để xây dựng website theo mô hình MVC 5.
941	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG QUẢN LÝ THU MUA NÔNG SẢN - PHẦN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG	Võ, Thanh Bạch	Thái, Minh Tuấn	2019	Hiện nay, trong nền kinh tế Việt Nam, nông nghiệp là ngành có sức lan tỏa lớn nhất, có tính kết nối rất cao với nhiều ngành kinh tế. Nông nghiệp cung cấp đầu vào cho công nghiệp chế biến thực phẩm, chế biến xuất khẩu. Dẫn đến thị trường thu mua nông sản ngày càng hoạt động mạnh mẽ và sôi động. Nhưng quá trình quản lý thu mua còn kém và chưa chặt chẽ. Do đó, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản thu mua nông sản là hết sức cần thiết. Luận văn tốt nghiệp là kết quả nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào việc thu mua nông sản. Đây là hệ thống cung cấp một môi trường thu mua nông sản theo xu hướng hiện đại bao gồm thiết kế, xây dựng và tích hợp đầy đủ các chức năng để giúp cho việc quản lý thu mua nông sản trở nên linh hoạt và thuận tiện hơn. Hệ thống được xây dựng có 2 module di động và web, đây là 2 nền tảng đang được sử dụng rộng rãi, mang đến cho người dùng sự tiện lợi và linh hoạt. Hệ thống có 2 loại người dùng bao gồm công ty và người nông dân, giúp cho công ty quản lý được thông tin của hợp đồng, tiến độ của các hợp đồng, quản lý được các thông tin cá nhân của nông dân, tư vấn hỗ trợ cho nông dân, với giao diện đơn giản, dễ nhìn giúp cho người dùng có thể dễ dàng tìm hiểu và sử dụng.

942	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ TƯ VẤN TUYỂN SINH	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Thái, Minh Tuấn	2019	Ngày nay, giáo dục đóng vai trò ngày càng quan trọng trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, việc học tiếp sau khi hoàn thành chương trình cấp trung học phổ thông ngày càng được quan tâm. Nhiều trường đại học, cao đẳng ra đời kéo theo số lượng ngành nghề ngày càng đa dạng. Vì vậy, rất khó để tìm kiếm được một ngành học, trường đại học phù hợp với bản thân cũng như điều kiện về kinh tế của gia đình. “Hệ thống hỗ trợ tư vấn tuyển sinh” ra đời với mong muốn hỗ trợ cho việc tìm kiếm trường, ngành học thích hợp cũng như công tác tuyển sinh của các trường đại học trở nên thuận tiện hơn. Hệ thống được xây dựng với các tính năng chính như: gợi ý trường, ngành học thông qua việc khảo sát tính cách, tâm lý; so sánh điểm giữa các trường đại học; trò chuyện trực tuyến giữa thí sinh và tư vấn viên của trường; tham gia diễn đàn hỏi đáp; xem, tìm kiếm trường đại học, chỉ đường đến trường dựa trên Google Maps; cập nhật thông tin các trường với các bài viết được tư vấn viên đăng tải. “Hệ thống hỗ trợ tư vấn tuyển sinh” được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình PHP (với Laravel Framework, bộ thư viện Voyager dành cho Admin), CSS, HTML, JavaScript, jQuery cùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, đồng thời tích hợp Google Firebase trong ứng dụng trò chuyện trực tuyến. Hy vọng với những tính năng hệ thống mang lại sẽ giúp ích cho các bạn thí sinh cũng như công tác tuyển sinh tại các trường đại học.
-----	---------	-----------------------------------	----------------------	-----------------	------	--

943	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUÁN CÀ PHÊ	Đinh, Thị Diễm Linh	Thái, Minh Tuấn	2019	Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu sống, làm việc và giải trí của con người ngày càng tăng cao. Từ đó, dẫn đến sự phát triển không ngừng của các loại hình dịch vụ. Trong đó, dịch vụ giải khát có xu hướng phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Minh chứng là các quán cà phê được mở ngày càng nhiều và lượng khách ngày càng đông. Cũng chính vì điều đó đã làm nảy sinh nhiều vấn đề trong công tác tổ chức và quản lý. Bên cạnh đó, công nghệ thông tin được ứng dụng vào các lĩnh vực đời sống ngày càng rộng rãi. Nắm bắt được xu hướng đó, em đã nghiên cứu và phát triển đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý quán cà phê”. Đề tài được thực hiện với mục tiêu hỗ trợ công tác quản lý kinh doanh của quán cà phê nhằm giảm thiểu tối đa khối lượng ghi chép để lưu trữ thông tin, cập nhật dữ liệu nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Hệ thống được chia làm ba phần ở hai phân hệ dành cho ba bộ phận làm việc của quán: bộ phận quản lý và bộ phận chế biến sẽ làm việc với hệ thống qua phân hệ website, bộ phận phục vụ sẽ làm việc qua ứng dụng di động góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng công việc. Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel, HTML, Javascript, CSS. Ứng dụng di động được xây dựng trên nền tảng Android 5.0, việc gửi và nhận dữ liệu thông qua Rest API được tích hợp trong framework và sử dụng MySQL làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống được ứng dụng thông báo thời gian thực thông qua dịch vụ cloud Pusher. Kết quả đề tài là hệ thống hỗ trợ chủ quán thực hiện các công tác quản lý quán được chính xác, lâu bền hơn, góp phần hỗ trợ việc gọi món, thanh toán và chế biến tiện lợi hơn, tiết kiệm thời gian và sức lao động hơn. Trong tương lai, hệ thống sẽ được mở rộng các tính năng quản lý trên ứng dụng, website dành cho khách hàng giúp việc quản lý và kinh doanh thuận tiện hơn.
-----	---------	---------------------------------------	---------------------	-----------------	------	---

944	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ VIỆC GIAO TIỀN CHO GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH	Võ, Thanh Lĩnh	Trần, Công Ân	2019	Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới nền kinh tế đã có những bước phát triển vượt bậc, đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của một chế độ kinh tế bao cấp. Đi kèm với sự phát triển của kinh tế đã làm thay đổi căn bản các mặt của đời sống xã hội, văn hóa, giáo dục,... và đặc biệt hơn là sự quan tâm của Nhà nước tới công tác cung cấp các dịch vụ an sinh và phúc lợi xã hội cho những người dân có hoàn cảnh khó khăn và tiến tới cho toàn bộ xã hội. Tuy là một nước còn đang trên đường phát triển, điều kiện kinh tế còn khó khăn nhưng Việt Nam luôn là nước dẫn đầu trong công tác phát triển các vấn đề an sinh xã hội, điều đó chứng tỏ sự quan tâm của Nhà nước tới đời sống của nhân dân, song do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan, mà hiệu quả và vai trò của các chính sách ưu đãi và trợ giúp của nhà nước tới người dân vẫn chưa đạt được những thành tựu đáng mong đợi, các hình thức ưu đãi, trợ giúp nhiều nơi chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, mức độ ưu đãi trợ cấp còn nhiều thiếu sót nên tạo ra nhiều khó khăn trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thực hiện công bằng bình đẳng trong đời sống nhân dân. Việc thực hiện các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội là một vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới đời sống nhân dân, công bằng xã hội. An sinh xã hội thể hiện quyền cơ bản của con người và là công cụ để xây dựng một xã hội hài hòa, văn minh và không có sự loại trừ. An sinh xã hội có nguyên tắc cơ bản là đảm bảo sự đoàn kết, chia sẻ và tương trợ cộng đồng đối với các rủi ro trong đời sống, do vậy có tác dụng thúc đẩy sự đồng thuận, bình đẳng và công bằng xã hội. Bên cạnh đó, hệ thống an sinh xã hội thông qua tác động tích cực của các chính sách chăm sóc sức khỏe, an toàn thu nhập và các dịch vụ xã hội, sẽ nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu lao động nói riêng và toàn bộ quá trình phát triển kinh tế nói chung. Đề tài này nhằm tạo ra một hệ thống có thể hỗ trợ, quản lý các khoản hỗ trợ, các gia đình chính sách được hỗ trợ và việc giao nhận các khoản hỗ trợ.
-----	---------	---	----------------	---------------	------	---

945	Đại học	CẢNH BÁO PHÁT HIỆN TẾ NGÃ BẰNG SENSORTAG CC2650	Phạm, Lê Tân	Trần, Công Ân	2019	Trong hoạt động cuộc sống hàng ngày của chúng ta, đôi khi có một sự rủi ro bị ngã ngoài ý muốn. Té ngã không chủ ý gây nguy hiểm cho sức khỏe và có thể gây ra các vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt đối với người cao tuổi có xác suất bị ngã cao hơn. Trên thực tế, phần lớn các trường hợp té ngã có hậu quả nghiêm trọng là do người bị té ngã không được phát hiện sớm và ứng cứu kịp thời. Từ đó, đòi hỏi cần có một ứng dụng với khả năng phát hiện té ngã và tự động thông báo cho người thân biết và ứng cứu người cao tuổi bị té ngã một cách kịp thời. Trước tình hình đó, đề tài “Xây dựng ứng dụng cảnh báo té ngã cho người già bằng Sensortag CC2650” được thực hiện với mong muốn góp phần giúp đỡ người cao tuổi có thể tự tin trong cuộc sống đảm bảo sức khỏe về thể chất và tâm lý, đồng thời giảm bớt những rủi ro đáng tiếc khi có sự cố té ngã xảy ra. Đề tài sẽ xây dựng trên nền tảng Raspbian để phát hiện tai nạn té ngã ở người cao tuổi. Khi đó thực hiện việc gửi thư điện tử và tin nhắn đến người trợ giúp để thông báo việc té ngã. Ứng dụng được xây dựng với hai phương pháp phát hiện té ngã: phương pháp dựa vào độ biến thiên gia tốc và phương pháp dựa vào mô hình học sâu Long Short – Term Memory.
946	Đại học	PHÁT HIỆN VÀ PHÂN LOẠI TẤN CÔNG MẠNG SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP MÁY HỌC	Trần, Anh Phước	Thái, Minh Tuấn	2019	Ngày nay vấn đề bảo mật thông tin mạng là vấn đề được quan tâm hàng đầu và đã có rất nhiều các chuyên gia cũng như các công ty trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên thế giới nghiên cứu. Như hệ thống IDS, IPS nhằm đưa ra cảnh báo cho người dùng về tình trạng tấn công mạng. Cũng xuất phát từ vấn đề trên, hôm nay chúng tôi sẽ trình bày đề tài luận văn “phát hiện và phân loại tấn công mạng sử dụng máy học “. Chúng tôi sẽ sử dụng một số giải thuật cổ điển như: Decision Tree, Naïve Bayes, Random Forest. Kết hợp với các tập dữ liệu về tấn công mạng nhằm phân tích, đánh giá và chọn ra một tập dữ liệu và giải thuật tối ưu nhất để phân loại các hình thức tấn công mạng và cũng từ đó xây dựng nên công cụ về phát hiện xâm nhập mạng.

947	Đại học	NHẬN DẠNG VÀ TRÍCH XUẤT THÔNG TIN TRÊN ẢNH CHỤP GIẤY ĐĂNG KÝ XE MÔ-TÔ	Dương, Thị Kiều	Trần, Cao Đệ	2019	Giấy đăng ký xe mô-tô (GĐKXMT) là loại giấy tờ tùy thân cần thiết và quan trọng của mỗi người. Trong một số trường hợp thì việc sử dụng GĐKXMT như xác minh xe có chính chủ hay không, số khung, số máy xác định nguồn gốc và xuất xứ của xe là ký hiệu để xem xét về các thủ tục pháp lý, là thành phần để kiểm tra phụ tùng một cách chính xác nhất, nhằm xác định đời xe và năm sản xuất, biển số xe để xác minh xuất xứ, nguồn gốc ở tỉnh, huyện nào ... là vô cùng cần thiết. Như vậy cần một ứng dụng tiện ích giúp người dùng không mất nhiều thời gian để khai báo thông tin. Năm bắt những nhu cầu đó, “Nhận dạng và trích xuất thông tin trên ảnh chụp giấy đăng ký xe mô-tô” đã được phát triển. Ứng dụng là công trình nghiên cứu quy trình nhận dạng ký tự quang học được hỗ trợ từ nhiều thư viện trong đó có thư viện OpenCV, thư viện Tesseract,... OpenCV là một thư viện có tốc độ tính toán nhanh với hơn 2500 thuật toán, OpenCV cũng là thư viện mã nguồn mở hàng đầu cho thị giác máy tính, xử lý ảnh, máy học và hoạt động thời gian thực. OpenCV được viết bằng C++ và hỗ trợ nhiều ngôn ngữ như Java, Python, C#,... Trên hệ điều hành như Window, Linux, MacOS và Android. “Nhận dạng và Trích xuất thông tin trên ảnh chụp giấy đăng ký xe mô-tô” đã đáp ứng gần như đầy đủ của một ứng dụng nhận dạng và trích xuất thông tin trên ảnh chụp giấy tờ tùy thân, giúp cho việc lấy thông tin dễ dàng hơn
948	Đại học	XÂY DỰNG SHOP THÚ CƯNG TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Phạm, Kha Nam	Huỳnh, Phụng Toàn	2019	Ngày nay, kinh tế xã hội phát triển, đời sống con người được nâng cao. Cùng với sự phát triển của internet, việc mua bán và giao dịch trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến. Ở nước ta, nhiều trang bán hàng trực tuyến đã ra đời và đang hoạt động rất thành công, giúp giảm thiểu chi phí đi lại, đem lại sự thuận tiện và nhanh chóng cho người tiêu dùng. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc áp dụng các công nghệ lập trình vào phát triển kinh doanh của các cửa hàng, doanh nghiệp trở nên phổ biến và hiệu quả, trong đó có thể kể đến công nghệ lập trình Android. Mục tiêu chính của đề tài là xây dựng thành công website “Xây dựng shop thú cưng trên nền tảng Android”. Để đạt được mục tiêu đề ra, cơ sở thực hiện đề tài là nghiên cứu, tìm hiểu về công nghệ lập trình Android theo mô hình MVP, sử dụng phần mềm Microsoft SQL Server 2017 để tạo CSDL. Đồng thời qua quá trình thực hiện đề tài, cũng chính là một cơ hội để tổng hợp và ứng dụng tất cả các kiến thức đã nghiên cứu và học tại trường. Đề tài đã đạt được kết quả cụ thể như sau: xây dựng thành công ứng dụng bán hàng với giao diện thân thiện, bắt mắt dễ sử dụng và thu hút khách hàng. Ứng dụng giúp người bán dễ dàng giới thiệu sản phẩm của mình và đưa ra cho người mua nhiều phương pháp tiếp cận chọn mua sản phẩm phù hợp. Chủ cửa hàng dễ dàng quản lý hệ thống website như: quản lý loại sản phẩm, quản lý sản phẩm, quản lý thương hiệu, quản lý nhà cung cấp, quản lý tài khoản, quản lý hóa đơn nhập kho, quản lý hóa đơn bán.

949	Đại học	HỆ THỐNG CHIA SẺ KIẾN THỨC PHỔ THÔNG	Nguyễn, Anh Vũ	Trần, Minh Tân	2019	Công nghệ thông tin ngày càng phát triển, việc chia sẻ thông tin, kiến thức ngày càng thuận lợi hơn. Trong đó, kiến thức phổ thông trong trường học từ lớp 6 đến lớp 12 là thường nhật và phổ biến nhất. Hiện nay, ở các cấp học phổ thông, các trường học thường xuyên có các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy của các thầy cô; các cuộc thi để thúc đẩy tính chủ động học tập của các bạn học sinh. Tuy nhiên, tất cả chỉ là các hoạt động được tổ chức rất mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí. Ý tưởng về Hệ thống Chia sẻ Kiến thức Phổ Thông được đề xuất nhằm giúp việc chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy dưới dạng các câu hỏi và các câu trả lời được đánh giá, cho điểm. Các thầy cô có thể thu thập các câu hỏi hay về đề thi của mình. Đó là mong muốn đạt được của đề tài nghiên cứu.
950	Đại học	ỨNG DỤNG MÁY HỌC VÉC-TƠ HỖ TRỢ TRONG PHÂN LOẠI BỆNH TRÊN LÁ CAM	Phạm, Hoàng Diện	Phạm, Thế Phi	2019	Trong luận văn này, chúng tôi đề xuất đề tài ứng dụng máy học véc-tơ hỗ trợ (Support Vector Machines - SVM) trong phân loại ảnh bệnh trên lá cam. Hệ thống của chúng tôi trích chọn các đặc trưng SIFT (Scale-Invariant Feature Transform) biểu diễn trong mô hình BoVW (Bag-of-Visual-Words), đặc trưng Color, đặc trưng HOG, đặc trưng GIST and ResNet (Residual Networks) từ các hình ảnh lá cam bệnh và huấn luyện mô hình máy học véc-tơ hỗ trợ từ các đặc trưng SIFT-BoVW, Color, HOG, GIST and ResNet. Kết quả kiểm tra trên tập dữ liệu gồm 511 ảnh được thu thập tại tỉnh Đồng Tháp và Hậu Giang cho thấy hệ thống của chúng đạt được độ chính xác 90.84%, chính xác hơn mô hình KNN (K-Nearest Neighbor) khi sử dụng các đặc trưng tương tự, nhưng chỉ đạt độ chính xác 28.16%.

951	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ NHẬT KÝ TRỒNG TRỌT	Nguyễn, Ngọc Huyền	Trần, Công Ân	2019	Nhật ký trồng trọt là yêu cầu bắt buộc để các cơ quan chức năng có thể tiến hành xác nhận và tái xác nhận sản phẩm bảo đảm an toàn, còn là điều kiện tiên quyết trong việc đánh giá trình độ áp dụng kỹ thuật công nghệ của nông dân vùng dự án trong hoạt động xét duyệt TCDN/HTX vùng dự án hỗ trợ đầu tị cơ sở hạ tầng và trang thiết bị. Việc ghi chép nhật ký là việc làm rất cần thiết với nông dân và không ai có thể làm thay đợc. Tuy nhiên, công việc này vốn dĩ gây khó khăn cho người nông dân, bởi nó chiếm khá nhiều thời gian lục tìm sổ sách và không phải lúc nào họ cũng nhớ để ghi chép. Ứng dụng quản lý nhật ký trồng trọt AgriNote là giải pháp lý tị cho một nông dân bận rộn. Nó cho phép bạn quản lý, ghi lại một lượng lớn các nhiệm vụ và hoạt động hàng ngày trong khi di chuyển, mọi lúc, mọi nơi. Hệ thống đợc xây dựng bằng framework React Native và đợc quản lý mọi dữ liệu trên nền tảng cơ sở dữ liệu thời gian thực Firebase, tị hợp thích với mọi thiết bị điện thoại cả hai nền tảng Android và iOS. Người nông dân đăng nhập ứng dụng thông qua tài khoản Google, Facebook,.. Thêm thông tin nhật ký mới và tạo danh sách công việc hàng ngày nhợ lịch tị tới nợc, lịch bón phân, lịch phun thuốc, ghi lại các hoạt động sản xuất khác, quản lý sổ chi tiêu, thiết lập nhắc nhở và lưu các tài liệu quan trọng một cách an toàn mà không cần phải tìm sổ sách, cầm bút ghi chép nhợ tị nữa. Dữ liệu của bạn sẽ đợc giữ an toàn trên hệ thống và sẽ đợc khôi phục tới bất kỳ thiết bị mới đợc liên kết với cùng một tài khoản. Ngoài ra, ứng dụng còn có các chức năng khác nhợ: xem thông tin thời tiết ở nơi hiện tại cũng nhợ các thành phố khác, người dùng có thể tị tác với nhau, chia sẻ công khai những tin tức, kinh nghiệm của mình hay nói lên những vấn đề quan tâm, đăng hình ảnh và đặt ra câu hỏi thắc mắc, để nhận lại những lời bình luận, phản hồi từ những người khác – những người đang sử dụng ứng dụng này. Kết quả đề tài, về cơ bản ứng dụng quản lý nhật ký trồng trọt AgriNote đợc thiết kế tị hợp đối hoàn chỉnh, hệ thống đã hoàn thiện đợc các chức năng đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế, cài đặt và hoạt động tốt. Bên cạnh đó, đề tài cũng cho thấy đợc tiềm năng ứng dụng của công nghệ thông tin vào các ngành nông nghiệp, hỗ trợ cho quá trình sản xuất của người nông dân trở nên tốt hơn và tiện dụng hơn.
-----	---------	--	--------------------	---------------	------	---

952	Đại học	SỬ DỤNG MẠNG GRU ĐỂ TẠO CÂU VÍ DỤ CHO SYNSET TRONG WORDNET TIẾNG VIỆT	Nguyễn, Thái Học	Lâm, Nhật Khang	2019	Luận văn này trình bày phương pháp xây dựng một câu ví dụ trong tiếng Việt (output-sentence) tương ứng với một từ cho trước trong tiếng Anh (word) và giải nghĩa của từ đó trong tiếng Anh (gloss). Câu sinh ra ở tiếng Việt sẽ chứa từ tiếng Việt có nghĩa tương ứng với từ tiếng Anh và định nghĩa của nó ở đầu vào. Chúng tôi xây dựng mô hình GRU encoder-decoder nhận vào chuỗi đầu vào là một token tương ứng với word và chuỗi sinh ra là output-sentence. Dữ liệu được sử dụng là các bộ (word, gloss, output-sentence) được xây dựng từ nguồn dữ liệu là các cặp câu song ngữ Anh-Việt được rút trích từ điển online Cờ Việt. Teacher-forcing và Greedy được sử dụng vào decoder để sinh ra câu. Mô hình sinh ra câu tương đối hợp lý, đúng về ngữ pháp và thỏa mãn điều kiện bài toán; tuy nhiên, trong một vài trường hợp, câu sinh ra chứa từ yêu cầu nhưng không tương ứng với ngữ nghĩa của gloss đã đưa ra ở input.
953	Đại học	SỬ DỤNG MẠNG LSTM ĐỂ DỰ ĐOÁN CHỨNG KHOÁN VÀ PHÂN LOẠI BÌNH LUẬN CỦA KHÁCH HÀNG	Trần, Lan Linh	Lâm, Nhật Khang	2019	Trong luận văn này, chúng tôi tập trung vào việc sử dụng kiến trúc LSTM để cung cấp dự báo chuỗi thời gian – đặc biệt trên bộ dữ liệu chứng khoán. Đầu vào của mô hình là các chỉ số chứng khoán TAIEX đầu ra là giá trị đã được dự đoán. RMSE của mô hình của chúng tôi là 57.65% trên bộ dữ liệu chứng khoán TAIEX năm 2004. Bên cạnh đó, mô hình LSTM còn được sử dụng để phân loại bình luận của khách hàng là tích cực hay tiêu cực. Mô hình của chúng tôi đạt được giá trị F1-score là 84.5%.

954	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ BẢO ĂN VÀ CUNG CẤP SUẤT ĂN CHO NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ VÀ SUẤT ĂN TỪ THIỆN DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ MICROSERVICES	Huỳnh, Đăng Khoa	Trần, Công Ân	2019	Ngày nay nhờ sự phát triển của công nghệ 4.0, các ngành nghề, lĩnh vực dần dần áp dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy năng suất, giảm nhân lực và tăng độ chính xác từ đó giúp đơn giản hóa những quy trình phức tạp. Ở đây cụ thể là quy trình về “Quản lý bảo ăn và cung cấp suất ăn cho người bệnh nội trú và suất ăn từ thiện”. Ứng dụng được xây dựng dựa trên công nghệ Microservice, phía server được viết bằng Java Spring Boot phía client được viết bằng ReactJS. Ngoài ra đề tài còn nghiên cứu ứng dụng thêm công nghệ microfrontend giúp chia nhỏ phía giao diện ra thành 2 phần, phần chính viết bằng ReactJS và phần phụ đơn giản hơn viết bằng VueJS. Ứng dụng được phát triển với mục đích giúp đơn giản hóa quy trình bảo ăn và cung cấp suất ăn cho người bệnh nội trú và suất ăn từ thiện cho nhiều bệnh viện khác nhau. Về phần suất ăn cho người bệnh nội trú, hệ thống cung cấp các chức năng về báo ăn hằng ngày, liệt kê phần ăn cho bệnh nhân dựa theo bệnh án, chọn nhà đầu thầu cho bệnh viện, in thông kê báo cáo báo ăn hằng ngày để dựa vào đó cung cấp suất ăn cho bệnh nhân. Về phần suất ăn từ thiện, hệ thống cung cấp chức năng nhập nhà hảo tâm, kho phiếu ăn, xét duyệt bệnh nhân, cung cấp phiếu ăn từ thiện từ kho, in báo cáo thống kê xét duyệt bệnh nhân theo tháng và thu hồi sau khi sử dụng hoặc bệnh nhân xuất viện. Ngoài ra hệ thống còn có thể hỗ trợ được nhiều bệnh viện khác nhau thông qua chức năng thay đổi đơn vị nhằm dễ dàng cung cấp dịch vụ cho các bệnh viện khác hoặc cũng giúp cho việc bảo trì và quản lý dễ dàng hơn, với tài khoản quản trị có thể thay đổi và xem được các vấn đề của nhiều bệnh viện khác nhau. Kết quả đề tài “Quản lý bảo ăn và cung cấp suất ăn cho người bệnh nội trú và suất ăn từ thiện” tương đối hoàn thiện đáp ứng được các yêu cầu đặt ra ban đầu. Ngoài ra, đề tài còn có tính khả thi cao khi áp dụng vào thực tế để giúp đơn giản quy trình cung cấp suất ăn phức tạp và nhiều vấn đề hiện nay.
955	Đại học	PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHẬN DIỆN MỘT SỐ CÂY THUỐC THÔNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG (PHÂN HỆ: PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG)	Phùng, Kim Thoa	Trần, Công Ân	2019	Trong đề tài này, chúng tôi đề xuất sử dụng YOLO – một thuật toán nhận dạng đối tượng trong ảnh vào bài toán nhận dạng một số loại cây thuốc nam phổ biến tại Việt Nam. Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm trên tập dữ liệu gồm 1700 ảnh với 34 loại cây thuốc nam. Bên cạnh đó, chúng tôi thực hiện việc so sánh với một giải thuật khác có khả năng phát hiện đối tượng trong thời gian thực là SSD. Cuối cùng, chúng tôi tích hợp mô hình đã huấn luyện vào ứng dụng di động được xây dựng với các công nghệ phát triển web như HTML5, CSS, JavaScript bằng Ionic Framework.
956	Đại học	PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHẬN DIỆN MỘT SỐ CÂY THUỐC THÔNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG (PHÂN HỆ: PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG)	Phùng, Kim Thoa	Trần, Công Ân	2019	Trong đề tài này, chúng tôi đề xuất sử dụng YOLO – một thuật toán nhận dạng đối tượng trong ảnh vào bài toán nhận dạng một số loại cây thuốc nam phổ biến tại Việt Nam. Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm trên tập dữ liệu gồm 1700 ảnh với 34 loại cây thuốc nam. Bên cạnh đó, chúng tôi thực hiện việc so sánh với một giải thuật khác có khả năng phát hiện đối tượng trong thời gian thực là SSD. Cuối cùng, chúng tôi tích hợp mô hình đã huấn luyện vào ứng dụng di động được xây dựng với các công nghệ phát triển web như HTML5, CSS, JavaScript bằng Ionic Framework.

957	Đại học	XÂY DỰNG SÀN GIAO DỊCH MẶT HÀNG ĐỒ GỖ NỘI THẤT NOITHAT246	Lê, Anh Tuấn	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, xu hướng chọn đồ gỗ nội thất là khá phổ biến bởi vì sự đa dạng của nó, phù hợp với hầu hết các loại kiến trúc và giá thành của các sản phẩm đồ gỗ nội thất tương đối hợp lý mang lại một không gian như ý muốn của bạn. Từ đó, sự xuất hiện các trang web kinh doanh về mặt hàng đồ gỗ nội thất là một nhu cầu cần thiết. Trang web bán đồ gỗ nội thất mang lại sự thu hút, chú ý của tất cả mọi người có đam mê về gỗ hoặc muốn trang trí nhà cửa của mình bằng chính vật liệu gỗ. Trang web sẽ cung cấp cho bạn danh sách các mặt hàng theo từng khu trong nhà hay văn phòng với xuất xứ, nhà sản xuất khác nhau và giá cả cạnh tranh, các bước tiến hành thanh toán đơn giản và nhanh chóng. NoiThat246 là sàn giao dịch thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng tìm kiếm sản phẩm và mua sắm đồ gỗ nội thất tại nhà. Trang web được thiết kế với giao diện phẳng, bắt mắt, dễ dàng sử dụng. Khách hàng khi truy cập trang web có thể: tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin chi tiết sản phẩm, so sánh giá cả giữa từng doanh nghiệp/tư nhân kinh doanh mặt hàng này. NoiThat246 nhằm tạo ra một nơi để các doanh nghiệp/tư nhân buôn bán mặt hàng này tập trung giúp cho khách hàng có thể dễ dàng tìm kiếm, đánh giá, so sánh. Cũng giúp cho việc quản lý sản phẩm, các chương trình khuyến mãi, đánh giá theo từng doanh nghiệp/tư nhân đăng kí bán hàng trên web một cách dễ dàng và thuận tiện. Hệ thống được quản lý theo quyền hạn của tài khoản, tương ứng với mỗi tài khoản có một hay nhiều quyền hạn khác nhau. Admin của quyền xét duyệt các tài khoản doanh nghiệp/tư nhân kinh doanh đăng kí bán trên web, xét duyệt các sản phẩm đăng bán và cập nhật các thông tin khác của trang web. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Spring Boot và sử dụng cơ sở dữ liệu MySQL, bên cạnh đó trang web tích hợp thêm các thư viện Javascript, JQuery, HTML, CSS, ... và giao diện được responsive giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng trên nhiều kích thước thiết bị khác nhau. Bên cạnh đó trang web còn áp dụng công nghệ xoay ảnh 360° và zoom ảnh cho phép khách hàng tiếp cận với sản phẩm một cách chân thật, trang web cũng giúp người dùng đánh giá, hỏi đáp thắc mắc và xem các bình luận, hỏi đáp về sản phẩm. Trang web có tích hợp hình thức thanh toán bằng Paypal vào quy trình thanh toán, giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. Về cơ bản, NoiThat246 là sàn giao dịch thương mại điện tử bán đồ gỗ nội thất tương đối hoàn chỉnh, hoàn thành tốt các yêu cầu và cài đặt. Trong tương lai trang web có thể phát triển thêm một vài tính năng như: tính năng hỗ trợ tư vấn trực tiếp giữa khách hàng và người bán và phát triển web trên nền tảng app.
958	Đại học	SỬ DỤNG MẠNG GRU KẾT HỢP VỚI ATTENTION ĐỂ TÓM TẮT VĂN BẢN TIẾNG VIỆT TỰ ĐỘNG	Phạm, Thừa Khang	Lâm, Nhựt Khang	2019	Tóm tắt văn bản tự động là một trong những bài toán đang rất được quan tâm trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Tuy nhiên, đối với tiếng Việt, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Luận văn tốt nghiệp này trình bày phương pháp tóm lược văn bản tự động trong tiếng Việt sử dụng mô hình Gated Recurrent Units kết hợp với Attention. Dữ liệu được sử dụng để huấn luyện là hơn 10.000 bài báo và tóm tắt của nó được rút trích từ các trang báo điện tử Vnexpress ở hai lĩnh vực cụ thể là giải trí và thời trang. Mô hình cho hiệu quả cải thiện so với một số mô hình hiện có được thực hiện ở tiếng Việt.

959	Đại học	PHÂN LOẠI VĂN BẢN HÀNH CHÍNH VIỆT NAM	Ngô, Hoài Trinh	Phạm, Thế Phi	2019	Luận văn này trình bày nghiên cứu các phương pháp phân loại văn bản hành chính Việt Nam. Trong đề tài này chúng tôi dùng mô hình TF IDF để rút trích đặc trưng cho văn bản, việc này sẽ được áp dụng vào các mô hình phân loại nhằm tạo ra kết quả cao nhất cho việc huấn luyện mô hình. Kết quả đạt được sau cùng là tìm được mô hình phân loại với độ chính xác cao nhất.
960	Đại học	PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHẬN DIỆN MỘT SỐ CÂY THUỐC THÔNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG (Phân hệ tối ưu mô hình)	Nguyễn, Thị Như Ý	Trần, Công Ân	2019	Trong đề tài này, chúng tôi đề xuất sử dụng YOLO – một thuật toán nhận dạng đối tượng trong ảnh vào bài toán nhận dạng một số loại cây thuốc nam phổ biến tại Việt Nam. Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm trên tập dữ liệu gồm 1700 ảnh với 34 loại cây thuốc nam. Bên cạnh đó, chúng tôi thực hiện việc so sánh với một giải thuật khác có khả năng phát hiện đối tượng trong thời gian thực là SSD. Cuối cùng, chúng tôi tích hợp mô hình đã huấn luyện vào ứng dụng di động được xây dựng với các công nghệ phát triển web như HTML5, CSS, JavaScript bằng Ionic Framework.
961	Đại học	PHÂN LỚP CÂU HỎI PHỤC VỤ TÌM KIẾM NGŨ NGHĨA TÀI NGUYÊN HỌC TẬP TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Lê, Văn Trung	Trần, Thanh Điện	2019	Với sự phát triển của công nghệ 4.0 hiện nay, việc tìm kiếm tài liệu học tập về lĩnh vực công nghệ được cung cấp tại các hệ thống trường học rất đa dạng. Hầu như toàn bộ các giáo trình, bài giảng đều được lưu trữ dưới dạng các file mềm số hóa nhưng chỉ đơn thuần là lưu trữ bản sao, chưa được sắp xếp theo hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn nhất định. Vì vậy, việc tìm kiếm thông tin về giáo trình bài giảng vẫn gặp phải những khó khăn. Semantic Web cung cấp các công nghệ để đáp ứng những khó khăn này. Đề tài này tôi tập trung nghiên cứu về Web ngữ nghĩa Semantic và Ontology, tìm hiểu về các phương pháp phân lớp câu hỏi. Để làm được như vậy đòi hỏi cần phải có một khoảng thời gian để tìm kiếm và trắc lọc những thông tin cần thiết phù hợp. Từ những kiến thức đã tìm được tôi tiến hành xây dựng và phát triển một chương trình “Phân lớp câu hỏi phục vụ cho tìm kiếm ngữ nghĩa tài nguyên học tập trong lĩnh vực công nghệ thông tin” để đáp ứng nhu cầu của giảng viên, sinh viên về việc tìm kiếm bài giảng thông qua việc phát triển ứng dụng này. Trong chương trình này cung cấp cho người dùng chức năng nhập vào từ khóa tìm kiếm về lĩnh vực công nghệ thông tin và trả về kết quả bài giảng liên quan được giới hạn lại trong đơn vị thực hiện của bài giảng đó.
962	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRỰC BỆNH VIỆN DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ MICROSERVICES	Nguyễn, Đức Anh Khôi	Trần, Công Ân	2019	Trong bài báo cáo này, em sẽ trình bày về các vấn đề gặp phải trong thực tế ở các bệnh viện của nước ta hiện nay trong vấn đề quản lý công tác trực, cũng như đề xuất giải pháp và công nghệ để xây dựng một hệ thống mang tính tổng quát cao, có thể giải quyết được vấn đề này và có thể sử dụng được ở nhiều bệnh viện khác nhau. Bài báo cáo sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn vẹn về giải pháp công nghệ, các chức năng cũng như cách mà hệ thống của em giải quyết các vấn đề thực tế. Ngoài ra, trong bài báo cáo em cũng sẽ trình bày về mô hình kiến trúc microservices – một mô hình kiến trúc phần mềm mới đang được áp dụng ngày càng nhiều để thay cho kiến trúc phần mềm kiểu nguyên khối cổ điển (Monolith Application) Trong quá trình thực hiện đề tài không tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được sự góp ý đánh giá của các thầy cô.

963	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA DỰA TRÊN BLOCKCHAIN (Phân hệ: ngân hàng xuất khẩu, nhà vận chuyển, cơ quan thẩm quyền)	Huỳnh, Thanh Toàn	Trần, Công Ân	2019	Tài chính thương mại (trade finance), hoạt động mà nơi đó các cơ quan tài chính cung cấp tín dụng (credit facilities) để tạo đảm bảo trong trao đổi hàng hóa, là ngành công nghiệp lâu đời tồn tại song song cùng với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Chỉ tính riêng trong năm 2015, thị trường tài chính thương mại đã mang lại giá trị hơn 10 nghìn tỷ USD. Có thể nói, tài chính thương mại là nguồn động lực chính của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, điểm bất tiện tồn tại trong ngành tài trợ tài chính thương mại đó là tính kém hiệu quả và cực kỳ dễ gian lận. Trung bình một công ty phải đợi 42 ngày để một hóa đơn thương mại nhận được sự chi trả, dẫn đến hàng triệu đô-la của các doanh nghiệp vẫn nằm im trong tài khoản, thứ mà lẽ ra sẽ tạo ra lợi nhuận, cải thiện thời gian phân phối và phục vụ cho người dùng đầu cuối. Nền tảng blockchain được thiết kế giảm thiểu những thứ không trọng yếu. Vì dữ liệu của giao dịch được lưu vào khối và không thể bị chỉnh sửa hay giả mạo, nên thông tin giao dịch có độ tinh cậy gần như tuyệt đối. Vì vậy, cùng với việc áp dụng hợp đồng thông minh đã giúp các giao dịch được thực hiện một cách tự động hóa dưới một điều kiện nào đó, hiệu suất làm việc được cải thiện đáng kể. Ngày càng nhiều công ty trong lĩnh vực nhận ra rằng họ cần công nghệ blockchain để tinh giản hóa hệ thống và cung cấp dịch vụ tốt hơn cho khách hàng. Trong khuôn khổ luận văn này, chúng tôi áp dụng công nghệ blockchain hoạt động logistics tài chính thương mại cho một phân đoạn nhỏ, với những giao dịch đơn giản trong quá trình xuất nhập khẩu trong thực tế. Chúng tôi phát triển một ứng dụng web để giao tiếp mới hệ thống mạng blockchain với những bên tham gia (Nhà nhập khẩu - Importer, Nhà xuất khẩu - Exporter, Ngân hàng các bên – Banks, Đơn vị vận tải – Carrier, Cơ quan quản lý – Regulator) có thể tạo hợp đồng thương mại, gửi yêu cầu mở tín dụng thư lên ngân hàng nhập khẩu, cấp giấy phép xuất khẩu cho Nhà xuất khẩu, theo dõi toàn bộ tiến trình,... Mặc dù tất cả các bước trong quá trình được đưa vào ứng dụng của chúng tôi đã bám sát quá trình trong thực tế và tương đối hoàn thiện. Nhưng nhìn chung, chúng tôi cần phải học hỏi thêm nữa để ứng dụng này được cải thiện trong tương lai.
-----	---------	--	-------------------	---------------	------	--

964	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP HÀNG HÓA DỰA TRÊN BLOCKCHAIN (Phân hệ: Nhà nhập khẩu, Nhà xuất khẩu, Ngân hàng nhập khẩu)	Võ, Tấn Tài	Trần, Công Ân	2019	Tài trợ tài chính thương mại (trade finance), hoạt động mà nơi đó các cơ quan tài chính cung cấp tín dụng (credit facilities) để tạo đảm bảo trong trao đổi hàng hóa, là ngành công nghiệp với bề dày hàng thế kỷ đi cùng với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Chỉ tính riêng trong năm 2015, thị trường tài chính thương mại đã mang lại giá trị hơn 10 nghìn tỷ USD, biến nó trở thành “nguồn nhiên liệu” không thể thiếu của thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, điểm bất tiện tồn tại trong ngành tài trợ tài chính thương mại đó là tính kém hiệu quả và cực kỳ dễ gian lận. Trung bình một công ty phải đợi 42 ngày để một hóa đơn thương mại nhận được sự chi trả, dẫn đến hàng triệu đô-la của các doanh nghiệp vẫn nằm im trong tài khoản, thứ mà lẽ ra sẽ tạo ra lợi nhuận, cải thiện thời gian phân phối và phục vụ cho người dùng đầu cuối. Blockchain ra đời để giải quyết những bất tiện trên. Vì những thông tin giao dịch trên các block không thể bị thay thế hay làm giả, nên chúng hoàn toàn đáng tin cậy. Hơn nữa, bằng việc sử dụng các hợp đồng thông minh (smart contract) tự động hóa các giao dịch dựa trên những điều kiện nhất định, tốc độ của công việc được tăng lên đáng kể. Ngày càng có nhiều công ty trên khắp các lĩnh vực công nghiệp dần nhận ra rằng họ có thể sử dụng công nghệ blockchain đơn giản hóa các thủ tục và mang đến một dịch vụ chất lượng hơn đến cho khách hàng. Ở đề tài luận văn này, nhóm nghiên cứu ứng dụng giải pháp blockchain vào lĩnh vực tài trợ tài chính thương mại và logistics vào một phân đoạn nhỏ của quy trình tổng thể, đó là quá trình xuất/nhập khẩu đã lược bớt một số khâu không cần thiết so với quy trình thực tế. Chúng tôi đã xây dựng một ứng dụng web để giao tiếp với mạng Hyperledger Fabric nơi các bên tham gia (Nhà nhập khẩu - Importer, Nhà xuất khẩu - Exporter, Ngân hàng các bên – Banks, Đơn vị vận tải – Carrier, Cơ quan quản lý – Regulator) có thể tạo hợp đồng thương mại, gửi yêu cầu mở tín dụng thư lên ngân hàng nhập khẩu, cấp giấy phép xuất khẩu cho Nhà xuất khẩu, theo dõi toàn bộ tiến trình,... . Mặc dù ứng dụng “Hệ thống quản lý xuất nhập hàng hóa dựa trên blockchain” mà chúng tôi xây dựng chỉ dừng lại ở phạm vi luận văn, nhưng về cơ bản các chức năng đã tương đối hoàn thiện và có nhiều hướng để phát triển và hoàn thiện dần hơn trong tương lai.
-----	---------	---	-------------	---------------	------	---

965	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ DỰ ÁN XÂY DỰNG	Nguyễn, Mạnh Tường	Phan, Tấn Tài	2019	Quản lý dự án xây dựng là công việc mà các nhà thầu và các kỹ sư xây dựng đặc biệt quan tâm. Với mỗi dự án có nhiều thông tin cần được quản lý như: thông tin đầy đủ về dự án, các hạng mục, các công việc, người chịu trách nhiệm, chi phí, chi phí phát sinh và tiến độ thi công dự án đó. Đây là thông tin mà các nhà thầu và các kỹ sư bắt buộc phải quản lý để quá trình thi công được đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, việc quản lý các dự án trên giấy hoặc bằng các phần mềm không chuyên như word, excel chưa thật sự hiệu quả và mất nhiều thời gian trong việc tổng hợp và phân tích các số liệu như: chi phí, chi phí phát sinh và tiến độ thi công của dự án. Vì vậy, đề tài “Hệ thống quản lý dự án xây dựng” được đề xuất với mong muốn xây dựng một hệ thống giúp đơn giản hóa việc quản lý các dự án của các nhà thầu và các kỹ sư xây dựng. Hệ thống này sẽ hỗ trợ cho nhà thầu và các kỹ sư xây dựng dễ dàng quản lý được các dự án, người chịu trách nhiệm, chi phí, chi phí phát sinh và tiến độ thi công. Đặc biệt hệ thống áp dụng giải thuật “bài toán tổ chức thi công” giúp người dùng quản lý được thời gian để hoàn thành sớm nhất và trễ nhất của từng công việc, từng hạng mục và toàn bộ dự án nhằm tối ưu hóa việc thi công. Hệ thống xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như: hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, web server Apache và ngôn ngữ lập trình PHP, HTML, JavaScript với các thư viện hỗ trợ Bootstrap, jQuery. Từ khóa – Quản lý dự án xây.
966	Đại học	TẠO DỰNG VĂN BẢN TIẾNG VIỆT BẰNG PHƯƠNG PHÁP GPT-2	Nguyễn, Trường Dũng	Lâm, Nhật Khang	2019	Tạo dựng văn bản là quá trình sáng tác một đoạn văn hoàn chỉnh từ một hoặc nhiều câu văn đầu vào sao cho phù hợp với yêu cầu của người dùng. Thông thường, việc tạo dựng văn bản phải tiêu tốn nhiều thời gian, tiền bạc và công sức. Trong luận văn này, chúng tôi nghiên cứu một phương pháp tạo dựng văn bản trong tiếng Việt sử dụng mô hình GPT-2, một mô hình dựa trên Transformer. Dữ liệu huấn luyện được rút trích từ các trang báo trực tuyến. Mô hình GPT-2, Transformer và một số công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên khác được sử dụng để sinh ra văn bản tiếng Việt từ một hoặc nhiều câu văn đầu vào. Việc đánh giá mô hình được thực hiện bởi các tình nguyện viên, những người sử dụng ngôn ngữ chính là tiếng Việt. Mỗi tình nguyện viên sẽ được yêu cầu đánh giá theo thang điểm 5 – 5: chính xác, 4: tốt, 3: trung bình, 2: tạm chấp nhận và 1: không tốt. Điểm trung bình của các văn bản tiếng Việt được tạo ra là 3,39/5,00.

967	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ SCREENSHOT	Châu, Thị Ngọc Trinh	Trần, Công Ân	2019	Trong thời kỳ công nghệ như hiện nay, làm việc từ xa là một giải pháp tốt giúp các nhà quản lý và nhân viên cân bằng được công việc và đời sống. Tuy nhiên, các nhân viên chỉ làm việc từ xa trên máy tính hoặc laptop mà không có sự giám sát trực tiếp của các nhà quản lý. Do đó, các nhà quản lý thường rất khó để giám sát và quản lý về tiến độ công việc, thời gian hoàn thành dự án, hiệu suất làm việc của nhân viên,... Để giải quyết vấn đề trên cũng như giúp nhân viên có thể thoải mái làm việc, giảm thời gian di chuyển, nhờ đó cũng giúp họ tăng khả năng tập trung và năng suất khi làm việc từ xa,... em đã thực hiện đề tài Xây dựng hệ thống quản lý Screenshot – MoniWork. MoniWork là một hệ thống theo dõi thời gian và theo dõi ảnh chụp màn hình được tạo ra cho các tổ chức, công ty quản lý nhân viên làm việc từ xa. Hệ thống này giúp các nhà quản lý theo dõi thời gian làm việc cũng như các hoạt động trên máy tính, các ứng dụng đang sử dụng qua các ảnh chụp màn hình ngẫu nhiên, tránh lãng phí thời gian cho các hoạt động không liên quan. Các nhà quản lý sẽ có được toàn bộ hình ảnh về quá trình làm việc của nhân viên. Hơn nữa, hệ thống còn cung cấp cho các nhà quản lý các báo cáo cần thiết và có thể tùy chỉnh để xem các hiệu suất làm việc trên các ứng dụng, hiệu suất làm việc của từng nhân viên trong dự án, thời gian làm việc theo dự án của các nhân viên,... Hệ thống được thiết kế đơn giản, dễ sử dụng bao gồm: một ứng dụng Desktop, một Server xử lý và một trang Web. Ứng dụng Desktop được cài đặt trên máy tính của nhân viên - Khi làm việc nhân viên chỉ việc đăng nhập vào ứng dụng bằng tài khoản mà nhà quản lý cung cấp, sau đó chọn một dự án để bắt đầu. Ứng dụng sẽ tự động chạy, bắt đầu theo dõi thời gian và chụp ảnh màn hình theo khoảng thời gian được thiết lập trước. Trang Web quản lý - Người quản lý không cần cài đặt ứng dụng Desktop trực tiếp vào máy tính mà chỉ cần đăng nhập vào trang Web ứng dụng để giám sát thời gian và việc làm của nhân viên, tất cả ảnh chụp màn hình và cả dòng thời gian làm việc của nhân viên. Ứng dụng Desktop được xây dựng trên nền tảng WinForm và Socket.IO Client giúp ứng dụng giao tiếp theo thời gian thực với Server Node JS sử dụng cơ sở dữ liệu MongoDB. Trang Web được xây dựng bằng Framework React JS, cơ sở dữ liệu thời gian thực Firebase và các thư viện hỗ trợ như Ant Design, ReactBootstrap giúp nâng cao chất lượng giao diện trang Web. Về cơ bản, MoniWork là hệ thống quản lý công việc từ xa tương đối hoàn chỉnh, hoàn thiện được các chức năng, các yêu cầu thiết kế đã đề ra. Trong tương lai hệ thống sẽ phát triển thêm một số chức năng giúp hệ thống
-----	---------	--------------------------------------	----------------------	---------------	------	---

968	Đại học	HỆ THỐNG PHÂN LOẠI BÁNH NGỌT	Dương, Thanh Đông	Trần, Công Ân	2019	Trong đề tài này, em đã nghiên cứu các mô hình nhận dạng và phân loại phổ biến hiện nay đó là giải thuật Faster R-CNN, SSD, YOLO. Với dữ liệu đầu vào là hình ảnh thì các mô hình này cho ra dữ liệu đầu ra là hình đã được nhận dạng và phân loại. Tiếp theo, em đã chọn ra các mẫu bánh ngọt và thu thập hình ảnh của chúng ở nhiều góc độ cùng với sự đa dạng của các loại bánh, từ đó thực hiện huấn luyện mô hình của các giải thuật. Sau đó, em thực hiện viết một chương trình đơn giản nhằm thu thập kết quả của các mô hình trên bộ ảnh kiểm thử. Tiếp theo em đánh giá, kiểm thử, so sánh kết quả về tốc độ và sự chính xác của mô hình từ dữ liệu được thu thập từ bước trên. Từ kết quả thu được, em được chọn ra giải thuật phù hợp nhất để triển khai mô hình tính tiền tự động trên nền tảng ứng dụng web để phục vụ cho các cửa hàng vừa và nhỏ với một số tính năng căn bản như: Tính tiền, Quản lý danh sách bánh ngọt, Quản lý hóa đơn, Thống kê doanh thu. Kết quả thu được của đề tài sẽ là cơ sở cho những phát triển mới trong ứng dụng và nghiên cứu
969	Đại học	PHÂN LOẠI MÃ ĐỘC SỬ DỤNG MẠNG NƠ-RON TÍCH CHẬP	Lê, Minh Hiếu	Thái, Minh Tuấn	2019	Cùng với sự phát triển của mạng Internet, các cuộc tấn công của các loại mã độc hại cũng gia tăng theo cấp số nhân và trở thành mối đe dọa chính đối với an ninh mạng. Việc tập trung cải tiến khả năng phát hiện các biến thể của mã độc là rất quan trọng. Theo báo cáo giữa năm của Bitdefender [1] – Một hãng bảo mật nổi tiếng đến từ Rumani, số lượng mã độc đang phát tán trên mạng Internet đã gần đạt đến mốc 1 tỉ mẫu. Với mức tăng trưởng hằng năm cực nhanh, mã độc thực sự trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng, gây thiệt hại nặng nề về cả thời gian lẫn tiền của. Phương pháp phát hiện phần mềm độc hại hiện nay bao gồm chủ yếu hai loại: phát hiện tĩnh và phát hiện động (static detection and dynamic detection) [2]. Dù các phương pháp hiện tại vẫn đang hoạt động tương đối hiệu quả, nhưng mã độc ngày càng được cải tiến làm cho việc phân giải đặc trưng ngày càng khó khăn, đôi khi việc này là không thể. Trong bối cảnh đó, luận văn này đề xuất phương pháp sử dụng học sâu để cải thiện việc phát hiện biến thể phần mềm độc hại. Để thực hiện, luận văn này thực hiện chuyển đổi mã độc thành hình ảnh thang độ xám (grayscale image). Sau đó, hình ảnh được chuẩn hoá và phân loại sử dụng mạng nơ ron tích chập - Convolutional Neural Network (CNN). Để kiểm tra phương pháp trên, đề tài này tiến hành một loạt các thử nghiệm với bốn mô hình CNN gồm: AlexNet, InceptionV3, ResNet50 và VGG19 trên tập dữ liệu từ cuộc thi Microsoft Malware Classification Challenge (BIG 2015)1. Qua quá trình huấn luyện, mô hình thu được cho độ chính xác khá cao, tiêu biểu là VGG19 đã chứng minh rằng phương pháp tiếp cận này có thể đáp ứng được độ chính xác, sự linh hoạt và tiềm năng áp dụng vào thực tế.

970	Đại học	THIẾT BỊ TRỒNG RAU THÔNG MINH	Nguyễn, Thị Kim Chi	Cao, Hoàng Tiến	2019	Đối với ngành nông nghiệp nước ta hiện nay, thì không còn xa lạ với mô hình nông nghiệp thông minh, đặc biệt là những hệ thống tưới nhỏ giọt. Tưới nhỏ giọt là một phương pháp cho phép nước nhỏ giọt từ gốc cây hoặc lên bề mặt đất hoặc trực tiếp lên vùng gốc thông qua van. Hệ thống đó giúp cho việc chăm sóc cây được chủ động và dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, hệ thống còn giúp ta có thể kiểm soát được lượng nước tưới cho cây, tiết kiệm nước và công sức. Tuy nhiên, hệ thống này có giá thành khá đắt người dân khó áp dụng và tiếp cận. Điều khiển thiết bị từ xa được ứng dụng ngày càng rộng rãi. Nó thuận tiện cho cuộc sống bận rộn như hiện nay. Hình thức điều khiển thiết bị từ xa này giúp bạn tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, kiểm soát khu vườn bạn tốt hơn so với hình thức truyền thống. “Thiết bị trồng rau thông minh” là thiết bị có khả năng tự động chăm sóc cây trồng hiệu quả và thông minh bằng cách theo dõi các thông số môi trường có ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, đất. Hệ thống cho phép người dùng giám sát và điều khiển hệ thống tưới thông qua internet. Không những thế, thiết bị này được tạo ra không chỉ sử dụng trong hộ gia đình nhỏ mà còn có thể mở rộng thành một mô hình lớn hơn. Đặc biệt hơn, “thiết bị trồng rau thông minh” có thể sử dụng trong giáo dục, giúp trẻ em học tập về khoa học cây trồng hoặc lập trình. Để đạt được hiệu quả như mong muốn, “Thiết bị trồng rau thông minh” sử dụng Raspberry Pi 3 và Arduino làm bộ xử lý trung tâm để tích hợp nhiều cảm biến như cảm biến độ ẩm đất, cảm biến nhiệt độ, độ ẩm không khí và cảm biến ánh sáng. Role được sử dụng để kiểm soát việc chuyển đổi của van điện từ. Dữ liệu của thiết bị sẽ được thu thập và đưa lên Thingspeak để xử lý và lưu trữ thông qua mạng Internet. Ngoài ra, dữ liệu còn được đưa lên máy chủ MQTT để tiện cho việc hiển thị và điều khiển thiết bị bằng giao diện người dùng. Thiết bị được xây dựng với hình thức quản lý website, có biểu đồ trực quan giúp người dùng tiện theo dõi hoạt động theo thời gian thực và kiểm soát van điện từ theo yêu cầu người dùng.
971	Đại học	PHÁT HIỆN TRẠNG THÁI BUỒN NGỦ CỦA TÀI XẾ SỬ DỤNG DEEP NEURAL NETWORK	Đỗ, Phi Long	Thái, Minh Tuấn	2019	Lái xe trong tình trạng buồn ngủ, không tỉnh táo là nguyên nhân gây ra không ít vụ tai nạn giao thông. Nhưng khi buồn ngủ, tài xế lại thường không tự nhận biết được. Do đó, đề tài này được đề xuất để dự đoán các trạng thái buồn ngủ, giúp tài xế phát hiện sớm buồn ngủ và có cách ứng phó, tránh tình trạng ngủ gật khi lái xe. Đề tài sử dụng mạng deep neural network (DNN) để đào tạo mô hình dự đoán. Dữ liệu dùng để đào tạo và đánh giá mô hình được trích xuất từ một tập dữ liệu video công khai, miễn phí. Việc trích xuất dữ liệu được thực hiện nhờ các kỹ thuật xử lý ảnh sử dụng thư viện OpenCV và Dlib của Python. Kết quả mà đề tài này đã đạt được là có được một mô hình dự đoán với độ chính xác trên 60%.

972	Đại học	So sánh thành phần hóa học và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trích ly Polyphenol Anthocyanin từ hai giống đậu đen trắng lòng và đậu đen xanh lòng (<i>Vigna cylindrical</i> L)	Dương, Thị Ngọc Giàu	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	So sánh thành phần hóa học các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trích ly Polyphenol Anthocyanin từ hai giống đậu đen trắng lòng và đậu đen xanh lòng (<i>Vigna cylindrical</i> L)
973	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men giấm vang từ xơ mít	Đoàn, Thanh Hải	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men giấm vang từ xơ mít
974	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men rượu sa kê (<i>Artocarpus altilis</i>)	Cao, Thụy Xuân Hào	Vũ, Trường Sơn	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men rượu sa kê (<i>Artocarpus altilis</i>)
975	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến sản phẩm nước ép lựu (<i>Purica granatum</i> L)	Đặng, Hoàng Toàn	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến sản phẩm nước ép lựu (<i>Purica granatum</i> L)
976	Đại học	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng HACCP của mặt hàng cá tra fillet bằng công cụ chuẩn đoán (Diagnostic instrument) tại Công ty TNHH công nghiệp thủy sản miền Nam	Đoàn, Quốc Khoa	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng HACCP của mặt hàng cá tra fillet bằng công cụ chuẩn đoán (Diagnostic instrument) tại Công ty TNHH công nghiệp thủy sản miền Nam
977	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bánh phồng gạo huyết rồng	Dương, Thị An Khương	Nhan, Minh Trí	2018	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bánh phồng gạo huyết rồng
978	Đại học	Khảo sát động học sự biến đổi tính chất vật lý và hoạt chất sinh học trong bột khoai lang tím ở các nhiệt độ sấy khác nhau	Huỳnh, Thị Kim Oanh	Đoàn, Anh Dũng	2018	Khảo sát động học sự biến đổi tính chất vật lý và hoạt chất sinh học trong bột khoai lang tím ở các nhiệt độ sấy khác nhau
979	Đại học	Khảo sát hoạt tính α – amylase và protease trong nuôi cấy <i>Aspergillus oryzae</i> và thử nghiệm chế biến amazake	Lê, Kim Ngọc	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát hoạt tính α – amylase và protease trong nuôi cấy <i>Aspergillus oryzae</i> và thử nghiệm chế biến amazake
980	Đại học	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp Egrothioneine từ <i>Aspergillus oryzae</i> trên môi trường bán rắn	Lê, Thị Châu Đoàn	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp Egrothioneine từ <i>Aspergillus oryzae</i> trên môi trường bán rắn
981	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bánh gạo dẻo Hàn Quốc bổ sung gạo nếp than (<i>Oryza sativa</i> L. Glutinous Tanaka)	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Nhan, Minh Trí	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bánh gạo dẻo Hàn Quốc bổ sung gạo nếp than (<i>Oryza sativa</i> L. Glutinous Tanaka)
982	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện sấy đến hoạt tính chống Oxy hóa của Trà Xanh (<i>Camellia sinensis</i>)	Nguyễn, Thị Huyền Trân	Dương, Thị Phượng Liên	2018	Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện sấy đến hoạt tính chống Oxy hóa của Trà Xanh (<i>Camellia sinensis</i>)
983	Đại học	Khảo sát các quá trình ảnh hưởng đến quá trình lên men rượu từ xơ mít	Nguyễn, Thị Mỹ Ngọc	Tổng, Thị Ánh Ngọc Dương, Thị Phượng Liên	2018	Khảo sát các quá trình ảnh hưởng đến quá trình lên men rượu từ xơ mít

984	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kẹo dẻo bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L)	Nguyễn, Tuấn Cảnh	Nhan, Minh Trí	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kẹo dẻo bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L)
985	Đại học	Khảo sát kiến thức và thái độ về an toàn thực phẩm của người tiêu dùng thực phẩm đường phố tại một số quận, huyện ở tp. Cần Thơ	Phạm, Thị Huỳnh Như	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Khảo sát kiến thức và thái độ về an toàn thực phẩm của người tiêu dùng thực phẩm đường phố tại một số quận, huyện ở tp. Cần Thơ
986	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bột sắn sấy	Phan, Thị Bé Phương	Đoàn, Anh Dũng	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bột sắn sấy
987	Đại học	Khảo sát hiện trạng sử dụng Nitrit trong thịt heo tươi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trương, Lữ Ngọc Như	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Khảo sát hiện trạng sử dụng Nitrit trong thịt heo tươi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ
988	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình chế biến chocolate đen từ cacao (<i>Theobroma caca</i>) bằng phương pháp thủ công	Trần, Thanh Vy	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình chế biến chocolate đen từ cacao (<i>Theobroma caca</i>) bằng phương pháp thủ công
989	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến tàu hủ non có đường bổ sung bột trà xanh	Trần, Thị Thanh Huyền	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến tàu hủ non có đường bổ sung bột trà xanh
990	Đại học	Khảo sát mô hình quản lý chất lượng theo HACCP cho dây chuyền cá tra fillet đông IQF tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ	Vương, Hoàng Nam	Lâm, Thị Việt Hà	2018	Khảo sát mô hình quản lý chất lượng theo HACCP cho dây chuyền cá tra fillet đông IQF tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ
991	Đại học	Đánh giá độ tươi và hiện trạng sử dụng hàn the của thịt heo trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Anh Thư	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Đánh giá độ tươi và hiện trạng sử dụng hàn the của thịt heo trên địa bàn Thành phố Cần Thơ
992	Đại học	Khảo sát quy trình chế biến cá tra fillet đông lạnh và đánh giá sự ô nhiễm vi sinh vật trong nước và trên bề mặt tiếp xúc	Bành, Nguyễn Vĩnh Nghi	Tổng, Thị Ánh Ngọc Đương, Thị Phương Liên	2018	Khảo sát quy trình chế biến cá tra fillet đông lạnh và đánh giá sự ô nhiễm vi sinh vật trong nước và trên bề mặt tiếp xúc
993	Đại học	Chế biến sữa đậu nành này mầm đóng chai thanh trùng bổ sung bạc hà	Hoàng, Thị Chanh	Đương, Thị Phương Liên	2018	Chế biến sữa đậu nành này mầm đóng chai thanh trùng bổ sung bạc hà
994	Đại học	Ảnh hưởng của điều kiện trích ly đến các hợp chất sinh học trong đài hoa búp giấm và sự hấp thụ các hợp chất này trong Jam từ búp giấm (<i>Hibiscus sabdariffa</i> L)	Nguyễn, Minh Thảo	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Ảnh hưởng của điều kiện trích ly đến các hợp chất sinh học trong đài hoa búp giấm và sự hấp thụ các hợp chất này trong Jam từ búp giấm (<i>Hibiscus sabdariffa</i> L)
995	Đại học	Ảnh hưởng của men thuốc Bắc (Đại thủy) đối với quá trình lên men rượu từ trái sa kê (<i>Artocarpus altilis</i>)	Hồ, Trúc Hương	Vũ, Trường Sơn	2018	Ảnh hưởng của men thuốc Bắc (Đại thủy) đối với quá trình lên men rượu từ trái sa kê (<i>Artocarpus altilis</i>)

996	Đại học	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng dừa miếng đường thanh trùng trong bao bì mềm	Lương, Thị Quỳnh Như	Võ, Tấn Thành	2018	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng dừa miếng đường thanh trùng trong bao bì mềm
997	Đại học	Chế biến Surimi cá lóc lạnh đông và tác động của enzyme Transglutaminase đến chất lượng chả chiên	Phan, Thị Minh Thư	Nguyễn, Văn Mười	2018	Chế biến Surimi cá lóc lạnh đông và tác động của enzyme Transglutaminase đến chất lượng chả chiên
998	Đại học	Đánh giá chất lượng trái thanh trà sau thu hoạch và phương pháp bảo quản pu rê	Nguyễn, Kim Tiền	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Đánh giá chất lượng trái thanh trà sau thu hoạch và phương pháp bảo quản pu rê
999	Đại học	Chế biến tàu hủ mềm từ đậu nành nảy mầm bổ sung trà xanh	Trần, Tuấn Kha	Dương, Thị Phượng Liên	2018	Chế biến tàu hủ mềm từ đậu nành nảy mầm bổ sung trà xanh
1000	Đại học	Chế biến xúc xích cá lóc có bổ sung lá đinh lăng (<i>Polyscias fructicosa</i>)	Lê, Thị Thu Đông	Trần, Thanh Trúc	2018	Chế biến xúc xích cá lóc có bổ sung lá đinh lăng (<i>Polyscias fructicosa</i>)
1001	Đại học	Chế biến tàu hủ mềm từ đậu nành nảy mầm bổ sung cà rốt	Trần, Thị Thanh Thúy	Dương, Thị Phượng Liên	2018	Chế biến tàu hủ mềm từ đậu nành nảy mầm bổ sung cà rốt
1002	Đại học	Khảo sát mật độ vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Ái Mỹ	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Khảo sát mật độ vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
1003	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng trà khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> L)	Hồ, Hoàng Diễm Kiều	Phan, Thị Thanh Quế	2018	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng trà khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> L)
1004	Đại học	Khảo sát mật độ vi sinh vật hiếu khí và các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều	Nguyễn, Tuyết Mai	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Khảo sát mật độ vi sinh vật hiếu khí và các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều
1005	Đại học	Ảnh hưởng của giống và phương pháp biến tính bằng Sodium tripolyphosphate đến sự thoái hóa Gel tinh bột gạo	Nguyễn, Thị Mộng Cẩm	Nhan, Minh Trí	2018	Ảnh hưởng của giống và phương pháp biến tính bằng Sodium tripolyphosphate đến sự thoái hóa Gel tinh bột gạo
1006	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Nectar măng cầu xiêm	Ngô, Lệ Ngân	Phan, Thị Thanh Quế	2018	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Nectar măng cầu xiêm
1007	Đại học	Khảo sát khả năng tận dụng lòng trắng trứng vịt muối và ứng dụng trong chế biến xúc xích	Trần, Thị Diệu	Bùi, Thị Quỳnh Hoa	2018	Khảo sát khả năng tận dụng lòng trắng trứng vịt muối và ứng dụng trong chế biến xúc xích
1008	Đại học	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng erothioeine và DPPH của gạo mầm trong quá trình nảy mầm khi bổ sung hợp chất Egrothioneine trích ly từ nấm kim châm (<i>Flammulina Velutipes</i>)	Nguyễn, Thị Diệp Thùy	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng erothioeine và DPPH của gạo mầm trong quá trình nảy mầm khi bổ sung hợp chất Egrothioneine trích ly từ nấm kim châm (<i>Flammulina Velutipes</i>)
1009	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và thiết lập mô hình sấy tỏi (<i>Allium sativum</i>)	Nguyễn, Quỳnh Như	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và thiết lập mô hình sấy tỏi (<i>Allium sativum</i>)

1010	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP cho mặt hàng cá tra Fillet đông lạnh IQF của công ty đầu tư và phát triển đa quốc gia IDI	Trần, Xuân Nhân	Lâm, Thị Việt Hà	2018	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP cho mặt hàng cá tra Fillet đông lạnh IQF của công ty đầu tư và phát triển đa quốc gia IDI
1011	Đại học	Tận dụng phụ phẩm xơ mít trong chế biến giấm vang	Hồ, Huỳnh Thoại	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Tận dụng phụ phẩm xơ mít trong chế biến giấm vang
1012	Đại học	Khảo sát quy trình công nghệ chế biến cá tra phi lê cấp đông IQF và các yếu tố ảnh hưởng đến biến đổi tế cứng của cá tra tại công ty TNHH Ấn Độ Dương	Hứa, Thị Phương Tâm	Phan, Thị Thanh Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Khảo sát quy trình công nghệ chế biến cá tra phi lê cấp đông IQF và các yếu tố ảnh hưởng đến biến đổi tế cứng của cá tra tại công ty TNHH Ấn Độ Dương.
1013	Đại học	Tìm hiểu quy trình sản xuất các tra và đánh giá sự ô nhiễm vi sinh vật trên mẫu cá tra Fillet	Huỳnh, Minh Châu	Tổng, Thị Ánh Ngọc Lâm, Thị Việt Hà	2018	Tìm hiểu quy trình sản xuất các tra và đánh giá sự ô nhiễm vi sinh vật trên mẫu cá tra Fillet
1014	Đại học	Tác động của protease đến sự thay đổi tính chất hóa lý của chà bông thịt heo	La, Nghị	Trần, Thanh Trúc	2018	Tác động của protease đến sự thay đổi tính chất hóa lý của chà bông thịt heo
1015	Đại học	Nghiên cứu khả năng chế biến và bảo quản chả tôm có bổ sung bột cà rốt	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Trần, Thanh Trúc	2018	Nghiên cứu khả năng chế biến và bảo quản chả tôm có bổ sung bột cà rốt
1016	Đại học	Khảo sát thời điểm thu hoạch và ứng dụng các biện pháp xử lý, bảo quản sau thu hoạch đến chất lượng rau dạng trái (dưa leo và cà chua bi)	Nguyễn, Thị Trâm Anh	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Khảo sát thời điểm thu hoạch và ứng dụng các biện pháp xử lý, bảo quản sau thu hoạch đến chất lượng rau dạng trái (dưa leo và cà chua bi)
1017	Đại học	Nghiên cứu khả năng chế biến snack cá lóc	Phan, Khánh Linh	Trần, Thanh Trúc	2018	Nghiên cứu khả năng chế biến snack cá lóc
1018	Đại học	Xác định điều kiện thủy phân protein hòa tan của cá lóc nuôi thích hợp tạo sản phẩm có khả năng thu nhận gốc tự do cao	Phan, Thị Cẩm Tiên	Trần, Thanh Trúc	2018	Xác định điều kiện thủy phân protein hòa tan của cá lóc nuôi thích hợp tạo sản phẩm có khả năng thu nhận gốc tự do cao
1019	Đại học	Khảo sát biến đổi dịch đậm thủy phân cô đặc từ thịt đầu tôm thẻ chân trắng và ứng dụng trong bảo quản khô cá lóc	Lưu, Thị Mỹ Vi	Nguyễn, Văn Mười	2018	Khảo sát biến đổi dịch đậm thủy phân cô đặc từ thịt đầu tôm thẻ chân trắng và ứng dụng trong bảo quản khô cá lóc
1020	Đại học	Nghiên cứu quy trình chế biến chà bông từ thịt gà	Tạ, Thị Thu Nga	Phan, Thị Thanh Quế	2018	Nghiên cứu quy trình chế biến chà bông từ thịt gà
1021	Đại học	Nghiên cứu sản xuất ôi miếng sấy dẻo	Võ, Trần Diệu An	Bùi, Thị Quỳnh Hoa Vũ, Trường Sơn	2018	Nghiên cứu sản xuất ôi miếng sấy dẻo
1022	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất tinh bột trái sake (<i>Artocapus altilis</i>)	Trần, Thị Thúy Vi	Vũ, Trường Sơn	2018	Nghiên cứu quy trình sản xuất tinh bột trái sake (<i>Artocapus altilis</i>)
1023	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của nấm men đắng bổ sung vào thức ăn thủy sản	Trần, Trọng Duy	Nguyễn, Bảo Lộc	2018	Khảo sát ảnh hưởng của nấm men đắng bổ sung vào thức ăn thủy sản

1024	Đại học	Khảo sát quy trình công nghệ và ảnh hưởng của biến đổi tê cứng đến chất lượng của sản phẩm cá tra lạnh đông IQF tại công ty TNHH Ấn Độ Dương	Lê, Thành Duy	Phan, Thị Thanh Quế	2018	Khảo sát quy trình công nghệ và ảnh hưởng của biến đổi tê cứng đến chất lượng của sản phẩm cá tra lạnh đông IQF tại công ty TNHH Ấn Độ Dương
1025	Đại học	Nghiên cứu quy trình chế biến nước giải khát lên men măng cầu xiêm (<i>Annona muricata</i> L)	Nguyễn, Tường Ngân	Phan, Nguyễn Trang	2018	Nghiên cứu quy trình chế biến nước giải khát lên men măng cầu xiêm (<i>Annona muricata</i> L)
1026	Đại học	Phân lập và tuyển chọn dòng nấm men lên men rượu vang từ trái thanh trà (<i>Bouea macrophylla</i> Griffith)	Bùi, Thanh Trúc	Nguyễn, Minh Thủy Nguyễn, Văn Thành	2018	Phân lập và tuyển chọn dòng nấm men lên men rượu vang từ trái thanh trà (<i>Bouea macrophylla</i> Griffith)
1027	Đại học	Nghiên cứu sản xuất bột lòng trắng trứng từ phụ phẩm lòng trứng vịt muối và bổ sung vào bột áo chiên	Cao, Thị Hồng Cẩm	Bùi, Thị Quỳnh Hoa	2018	Nghiên cứu sản xuất bột lòng trắng trứng từ phụ phẩm lòng trứng vịt muối và bổ sung vào bột áo chiên
1028	Đại học	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng γ -oryzanol trong nuôi cấy <i>Aspergillus oryzae</i> và thử nghiệm chế biến amazake	Đỗ, Thu Thảo	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng γ -oryzanol trong nuôi cấy <i>Aspergillus oryzae</i> và thử nghiệm chế biến amazake
1029	Đại học	Khảo sát quy trình sản xuất cá tra phi lê lạnh đông tại công ty cổ phần Nam Việt	Lê, Thị Diễm Mi	Lý, Nguyễn Bình	2018	Khảo sát quy trình sản xuất cá tra phi lê lạnh đông tại công ty cổ phần Nam Việt
1030	Đại học	Khảo sát thời điểm thu hoạch và ứng dụng các biện pháp xử lý sau thu hoạch đến chất lượng rau dạng lá (cải xanh, xà lách Gino 63, rau muống)	Nguyễn, Thị Hồng Yến	Nguyễn, Minh Thủy	2018	Khảo sát thời điểm thu hoạch và ứng dụng các biện pháp xử lý sau thu hoạch đến chất lượng rau dạng lá (cải xanh, xà lách Gino 63, rau muống)
1031	Đại học	Khảo sát quy trình công nghệ chế biến cá tra phi lê đông lạnh tại công ty cổ phần Nam Việt (Công ty (TNHH Ấn Độ Dương)	Nguyễn, Thị Phi	Lý, Nguyễn Bình	2018	Khảo sát quy trình công nghệ chế biến cá tra phi lê đông lạnh tại công ty cổ phần Nam Việt (Công ty (TNHH Ấn Độ Dương)
1032	Đại học	Nghiên cứu chế biến Puree ôi và nước ôi cô đặc	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Bùi, Thị Quỳnh Hoa	2018	Nghiên cứu chế biến Puree ôi và nước ôi cô đặc
1033	Đại học	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng acid ferulic trong quá trình biến tính tinh bột gạo mầm bằng enzyme Maltogenic amylase và γ amylase	Phạm, Thị Bé Liên	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát sự thay đổi hàm lượng acid ferulic trong quá trình biến tính tinh bột gạo mầm bằng enzyme Maltogenic amylase và γ amylase
1034	Đại học	Khảo sát quy trình công nghệ sản xuất bia và ảnh hưởng của đời nấm men trong quá trình lên men bia tại công ty cổ phần bia – nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Quách, Kim Hoa Quỳnh	Võ, Tấn Thành Vũ, Trường Sơn	2018	Khảo sát quy trình công nghệ sản xuất bia và ảnh hưởng của đời nấm men trong quá trình lên men bia tại công ty cổ phần bia – nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô
1035	Đại học	Khảo sát quy trình sản xuất tôm thẻ PTO đông IQF tại công ty cổ phần thủy sản CAFATEX	Trần, Công Hưng	Nguyễn, Bảo Lộc	2018	Khảo sát quy trình sản xuất tôm thẻ PTO đông IQF tại công ty cổ phần thủy sản CAFATEX

1036	Đại học	Khảo sát quy trình công nghệ sản xuất bia và chuyển hóa tinh bột thành đường trong quá trình nấu Malt tại Công ty cổ phần bia – nước giải khát Sài Gòn- Tây Đô	Trần, Ngọc Nhi	Võ, Tấn Thành Vũ, Trường Sơn	2018	Khảo sát quy trình công nghệ sản xuất bia và chuyển hóa tinh bột thành đường trong quá trình nấu Malt tại Công ty cổ phần bia – nước giải khát Sài Gòn- Tây Đô
1037	Đại học	Khảo sát quy trình sản xuất tôm sú đông lạnh tại công ty Cổ phần thủy sản CAFATEX	Nguyễn, Diễm Trinh	Trần, Thanh Trúc	2018	Khảo sát quy trình sản xuất tôm sú đông lạnh tại công ty Cổ phần thủy sản CAFATEX
1038	Đại học	Khảo sát quy trình chế biến cá tra phi lê đông lạnh tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (Công ty Cổ phần Nam Việt	Triệu, Thị Đà Quy	Lý, Nguyễn Bình	2018	Khảo sát quy trình chế biến cá tra phi lê đông lạnh tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (Công ty Cổ phần Nam Việt
1039	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bánh mứt khóm	Trần, Ngọc Duyên	Nguyễn, Thị Thu Thủy Phan, Thị Thanh Quế	2018	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bánh mứt khóm
1040	Đại học	Khảo sát công nghệ sản xuất bánh gạo	Trương, Thị Thúy Kiều	Võ, Tấn Thành	2019	“Nghiên cứu công nghệ sản xuất bánh gạo” được thực hiện tại phòng thí nghiệm với nguyên liệu chính giống gạo Japonica bao gồm các thí nghiệm khảo sát: Thay đổi độ ẩm của gạo trong quá trình ngâm, thay đổi nhiệt độ sản phẩm đến độ ẩm của gạo trong quá trình hấp, ảnh hưởng của các độ ẩm sau sấy đến chất lượng bánh sau chiên, ảnh hưởng nhiệt độ chiên khác nhau đến chất lượng bánh sau chiên, ảnh hưởng của thời gian chiên khác nhau đến chất lượng bánh gạo thành phẩm.
1041	Đại học	Nghiên cứu chế biến mì sợi bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L)	Nguyễn, Thị Oanh	Nhan, Minh Trí	2018	Nghiên cứu chế biến mì sợi bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L)
1042	Đại học	Khảo sát chất lượng thịt heo tươi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thu Thảo	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Khảo sát chất lượng thịt heo tươi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ
1043	Đại học	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng nấm rơm thanh trùng bao bì mềm	Nguyễn, Tuấn Anh	Võ, Tấn Thành	2018	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng nấm rơm thanh trùng bao bì mềm
1044	Đại học	Khảo sát quá trình trích ly nấm kim châm và sự oxy hóa chất béo trong quá trình sản xuất gạo nảy mầm khi bổ sung dịch trích nấm kim châm (<i>Flammulina Velutipes</i>)	Trần, Thị Huyền Trân	Nguyễn, Công Hà	2018	Khảo sát quá trình trích ly nấm kim châm và sự oxy hóa chất béo trong quá trình sản xuất gạo nảy mầm khi bổ sung dịch trích nấm kim châm (<i>Flammulina Velutipes</i>)
1045	Đại học	Nghiên cứu thủy phân protein hòa tan từ cá lóc nuôi cho sản phẩm có khả năng ức chế enzyme chuyển hóa Angiotensin và kháng oxy hóa	Bùi, Minh Duy	Trần, Thanh Trúc	2018	Nghiên cứu thủy phân protein hòa tan từ cá lóc nuôi cho sản phẩm có khả năng ức chế enzyme chuyển hóa Angiotensin và kháng oxy hóa
1046	Đại học	Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nem chua thịt heo	Chung, Quốc Di	Trần, Thanh Trúc	2018	Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nem chua thịt heo

1047	Đại học	Khảo sát mật độ vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Ái Mỹ	Huỳnh, Thị Phương Loan	2018	Khảo sát mật độ vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> của thịt heo tươi trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
1048	Đại học	Ảnh hưởng của bao bì và nhiệt độ đến chất lượng của rau mồng tơi (<i>Basella alba</i>) trong quá trình bảo quản	Đinh, Văn Khánh Linh	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Ảnh hưởng của bao bì và nhiệt độ đến chất lượng của rau mồng tơi (<i>Basella alba</i>) trong quá trình bảo quản
1049	Đại học	Tận dụng phụ phẩm xơ mít trong sản xuất rượu vang	Bùi, Thị Ánh Ngọc	Tổng, Thị Ánh Ngọc	2018	Tận dụng phụ phẩm xơ mít trong sản xuất rượu vang
1050	Đại học	Chế biến sữa đậu nành thanh trùng bổ sung trà xanh	Khru, Gia Huy	Dương, Thị Phương Liên	2017	Chế biến sữa đậu nành thanh trùng bổ sung trà xanh
1051	Đại học	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất mứt măng cầu (<i>Annona muricata</i> L.) – Chanh dây (<i>Passiflora edulis</i>)	Nguyễn, Thị Thùy Dung	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất mứt măng cầu (<i>Annona muricata</i> L.) – Chanh dây (<i>Passiflora edulis</i>)
1052	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất rượu sa kê (<i>Artocarpus Altilis</i>)	Nguyễn, Hoàng Em	Vũ, Trường Sơn	2018	Nghiên cứu quy trình sản xuất rượu sa kê (<i>Artocarpus Altilis</i>)
1053	Đại học	Nghiên cứu chế biến rượu đinh lăng bằng phương pháp ngâm trích	Nguyễn, Nhựt Trường	Vũ, Trường Sơn	2018	Nghiên cứu chế biến rượu đinh lăng bằng phương pháp ngâm trích
1054	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn úm từ 0-4 tuần tuổi	Tạ, Đức Oai	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn úm từ 0-4 tuần tuổi.
1055	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 05-12 tuần tuổi	Trần, Quốc Bình	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 05-12 tuần tuổi.
1056	Đại học	Ảnh hưởng thay thế cám gạo bằng cám ép trong khẩu phần lên tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất và nitơ tích lũy của gà đẻ Isa Brown	Võ, Thị Ngọc Diệp	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng thay thế cám gạo bằng cám ép trong khẩu phần lên tỷ lệ tiêu hóa dưỡng chất và nitơ tích lũy của gà đẻ Isa Brown.
1057	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 0-4 tuần tuổi	Nguyễn, Thị Hải Yến	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 0-4 tuần tuổi.
1058	Đại học	Khảo sát khả năng kháng khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> và <i>Staphylococcus aureus</i> của cây mật gấu (<i>Veronia amygdalina</i> Del.)	Nguyễn, Thị Yến Linh	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát khả năng kháng khuẩn <i>Pseudomonas aeruginosa</i> và <i>Staphylococcus aureus</i> của cây mật gấu (<i>Veronia amygdalina</i> Del.).
1059	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tuần tuổi đến tỷ lệ ấp nở của đàn gà bố mẹ giống ROSS 308	Huỳnh, Ngọc Diễm Duyên	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Khảo sát ảnh hưởng của tuần tuổi đến tỷ lệ ấp nở của đàn gà bố mẹ giống ROSS 308.

1060	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.) với bột ngò (<i>Coriandrum sativum</i> L.) và bột quế (<i>Cinnamomum verum</i>) trong khẩu phần lên khả năng tăng trưởng của gà thịt COBB 500	Từ, Minh Tiến	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.) với bột ngò (<i>Coriandrum sativum</i> L.) và bột quế (<i>Cinnamomum verum</i>) trong khẩu phần lên khả năng tăng trưởng của gà thịt COBB 500.
1061	Đại học	Khảo sát tình hình chăn nuôi dê tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Thanh Tường	Hồ, Thanh Tâm	2018	Khảo sát tình hình chăn nuôi dê tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
1062	Đại học	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến sự tiêu thụ và tiêu hóa đường chất, các thông số dịch dạ cỏ và sự tích lũy đạm của dê Bách Thảo	Hà, Hoàng Đạt	Nguyễn, Văn Thu	2018	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến sự tiêu thụ và tiêu hóa đường chất, các thông số dịch dạ cỏ và sự tích lũy đạm của dê Bách Thảo.
1063	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.), bột ngò (<i>Coriandrum sativum</i> L.) và bột quế (<i>Cinnamomum verum</i>) trong khẩu phần lên năng suất thân thịt của gà COBB 500	Hà, Thanh Duy Tân	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.), bột ngò (<i>Coriandrum sativum</i> L.) và bột quế (<i>Cinnamomum verum</i>) trong khẩu phần lên năng suất thân thịt của gà COBB 500.
1064	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung vitamin C, vitamin E hoặc kết hợp bột cam thảo bắc (<i>Glycyrrhiza urelensis</i> Fish) trong khẩu phần lên năng suất sinh trưởng của gà COBB 500	Dương, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung vitamin C, vitamin E hoặc kết hợp bột cam thảo bắc (<i>Glycyrrhiza urelensis</i> Fish) trong khẩu phần lên năng suất sinh trưởng của gà COBB 500
1065	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung vitamin C, vitamin E và bột cam thảo bắc trong khẩu phần lên chất lượng thân thịt của gà COBB 500	Huỳnh, Cảnh Văn	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung vitamin C, vitamin E và bột cam thảo bắc trong khẩu phần lên chất lượng thân thịt của gà COBB 500.
1066	Đại học	Khảo sát khả năng sinh sản của heo nái tại trại chăn nuôi nông hộ ở xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Huỳnh, Minh Kiều		2018	Khảo sát khả năng sinh sản của heo nái tại trại chăn nuôi nông hộ ở xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
1067	Đại học	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cây mật gấu (<i>Veronia amygdalina</i> Del.) với các chiều cao cắt và thời gian thu hoạch khác nhau	Huỳnh, Thanh Trúc	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cây mật gấu (<i>Veronia amygdalina</i> Del.) với các chiều cao cắt và thời gian thu hoạch khác nhau.
1068	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học của thân khoai môn sau thu hoạch ủ chua với các phụ gia khác nhau	Lại, Hà Thanh	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát thành phần hóa học của thân khoai môn sau thu hoạch ủ chua với các phụ gia khác nhau
1069	Đại học	Khảo sát năng suất sinh sản của heo nái trại Lộc Phát, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Hồng Hạnh	Nguyễn, Minh Thông	2018	Khảo sát năng suất sinh sản của heo nái trại Lộc Phát, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

1070	Đại học	Bệnh gumboro trên gà thả vườn tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Ngọc Giàu	Trần, Ngọc Bích	2018	Bệnh gumboro trên gà thả vườn tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang.
1071	Đại học	So sánh khối lượng thân thịt và chiều đo của một số giống gà mái	Phan, Văn Điền	Đỗ, Võ Anh Khoa	2018	So sánh khối lượng thân thịt và chiều đo của một số giống gà mái trong các điều kiện nuôi khác nhau
1072	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung men vi sinh trong khẩu phần lên tăng trưởng và tỷ lệ tiêu chảy heo con sau cai sữa	Phan, Hà Hoàng Huy	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của bổ sung men vi sinh trong khẩu phần lên tăng trưởng và tỷ lệ tiêu chảy heo con sau cai sữa.
1073	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung các mức dầu dừa đến tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra của cò voi và thức ăn hỗn hợp trong điều kiện In vitro	Vũ, Trúc Giang	Hồ, Thiệu Khôi Hồ, Quảng Đồ Nguyễn, Thị Thanh Giang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung các mức dầu dừa đến tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra của cò voi và thức ăn hỗn hợp trong điều kiện In vitr .
1074	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học của thân cây chuối ủ chua với các phụ gia khác nhau	Nguyễn, Lê Nguyên Trang	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Khảo sát thành phần hóa học của thân cây chuối ủ chua với các phụ gia khác nhau
1075	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột sả (Cymbopogon citratus) với bột hồi (Pimpinella anisum) và bột nghệ (Curcuma longa L.) trong khẩu phần lên năng suất và chất lượng thân thịt của gà COBB 500	Trần, Phạm Khánh Duy	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột sả (Cymbopogon citratus) với bột hồi (Pimpinella anisum) và bột nghệ (Curcuma longa L.) trong khẩu phần lên năng suất và chất lượng thân thịt của gà COBB 500.
1076	Đại học	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến sự tiêu thụ thức ăn và dưỡng chất, tăng trọng của dê đực lai (Saanen x Bách Thảo) sau cai sữa	Trần, Lâm Hoài Hiếu	Nguyễn, Văn Thu	2018	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến sự tiêu thụ thức ăn và dưỡng chất, tăng trọng của dê đực lai (Saanen x Bách Thảo) sau cai sữa.
1077	Đại học	Ảnh hưởng của các mức độ probiotic lên quá trình tiêu hóa và sinh khí của thức ăn trong điều kiện in vitro	Trần, Phạm Thái Anh	Hồ, Quảng Đồ Võ, Văn Song Toàn	2018	Ảnh hưởng của các mức độ probiotic lên quá trình tiêu hóa và sinh khí của thức ăn trong điều kiện in vitro.
1078	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu sinh sản của heo đực giống tại trại Thành Thới B, Mô Cày Nam, Bến Tre	Trần, Thị Yến Nhi	Phạm, Ngọc Du	2018	Khảo sát một số chỉ tiêu sinh sản của heo đực giống tại trại Thành Thới B, Mô Cày Nam, Bến Tre.
1079	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế (Perionyx excavates) vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 0-4 tuần tuổi (Bổ sung mức 03% và 05%)	Trần, Văn Ngọc	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế (Perionyx excavates) vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indo giai đoạn 0-4 tuần tuổi (Bổ sung mức 03% và 05%).
1080	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm Probi P và Poulacid trong khẩu phần lên tăng trưởng gà COBB 500	Trần, Quang Hưng	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của chế phẩm Probi P và Poulacid trong khẩu phần lên tăng trưởng gà COBB 500.
1081	Đại học	Ảnh hưởng vị trí trong chuồng nuôi đến sự tăng trưởng của gà COBB 500 (mùa khô)	Vũ, Thanh Sang	Phạm, Tấn Nhã	2018	Khảo sát ảnh hưởng vị trí trong chuồng nuôi đến sự tăng trưởng của gà COBB 500 (mùa khô).

1082	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn và bổ sung taca vào khẩu phần trên sức tăng trưởng của heo cai sữa (30-60 ngày tuổi)	Huỳnh, Thái An	Nguyễn, Minh Thông	2017	Ảnh hưởng của thức ăn và bổ sung taca vào khẩu phần trên sức tăng trưởng của heo cai sữa (30-60 ngày tuổi)
1083	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung củ hành tím (allium ascalonicum L.) trong khẩu phần lên sự sinh trưởng chuyển hóa thức ăn và hiệu quả kinh tế của gà tàu vàng lai	Hạ, Hồng Phi	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng bổ sung củ hành tím (allium ascalonicum L.) trong khẩu phần lên sự sinh trưởng chuyển hóa thức ăn và hiệu quả kinh tế của gà tàu vàng lai
1084	Đại học	Ảnh hưởng của lứa heo nái trên sự sinh trưởng của heo nuôi tại trại heo ở huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn, Ngọc Lâm	Phạm, Ngọc Du	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của lứa đẻ heo nái trên sự sinh trưởng của heo con nuôi tại trại heo ở huyện Củ chi, Thành phố Hồ Chí Minh” được tiến hành nhằm mục tiêu đánh giá khả năng sinh sản của heo nái theo lứa, từ đó xác định những lứa đẻ tối ưu đem lại hiệu quả chăn nuôi cao trong điều kiện chăn nuôi ở trại.
1085	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm premix vitamin dạng bột và dạng nước (vitasol, vitazin) bổ sung vào nước uống lên tăng trưởng và tỷ lệ cắn mổ của gà Nòi lai từ 4-12 tuần tuổi	Hồ, Anh Huy	Nguyễn, Thị Thủy	2019	Khảo sát ảnh hưởng của việc bổ sung Vitasol và Vitazin lên năng suất gà Nòi, từ đó có thể áp dụng rộng rãi vào chăn nuôi để tăng sản phẩm thịt gà sạch và có giá cạnh tranh, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nhà chăn nuôi.
1086	Đại học	Điều tra tình hình nuôi gà nòi ở thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Ngô, Đăng Khoa	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Đề tài “Điều tra tình hình nuôi gà Nòi ở thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018 nhằm đánh giá sơ bộ về tình hình chăn nuôi gà tại thị xã. Kết quả điều tra 30 hộ chăn nuôi gà Nòi ở thị xã Long Mỹ, cho ta thấy gà Nòi chủ yếu được nuôi lấy thịt và ít có nông hộ sản xuất con giống và lấy trứng. Người chăn nuôi theo kinh nghiệm truyền thống là chủ yếu, mô hình chăn nuôi ở quy mô vừa và nhỏ. Chuồng trại cũng được đa số nông hộ quan tâm, nhưng hiểu về giống và kỹ thuật nuôi vẫn còn hạn chế. Kết quả phân tích cho thấy phương thức chăn nuôi gà kết hợp với thả vườn mang lại hiệu quả kinh tế khá cao khoảng 3.570.000/100con/lứa. Giống gà Nòi và giống gà Dabaco là các giống gà địa phương được nuôi phổ biến tại các nông hộ.
1087	Đại học	Ảnh hưởng của heo đực giống trên sự sinh trưởng của heo con nuôi tại trại heo ở huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Huỳnh Như	Phạm, Ngọc Du	2019	Đề tài: "Ảnh hưởng của heo đực giống trên sự sinh trưởng của heo con nuôi tại trại heo ở huyện Mang Thít tỉnh Vĩnh Long" được tiến hành nhằm xác định ảnh hưởng của đực phối đến sinh trưởng của heo con. Đề tài được thực hiện trên 38 heo nái sinh sản gồm có 33 heo nái giống GF24, 5 heo nái giống Landrace được phối với 5 giống đực (GF399, GF280, Duroc, Landrace, Yorkshire) và 497 heo con sơ sinh.
1088	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung vitamin E kết hợp selenium trong khẩu phần gà trống đến năng suất sinh sản đàn gà bố mẹ Ross 308	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Mục tiêu của đề tài là theo dõi sự ảnh hưởng của khẩu phần có bổ sung vitamin E và Se lên gà trống lên các chỉ tiêu sản xuất ở gà mái như tỷ lệ đẻ, tỷ lệ trứng đem ấp, khối lượng trứng, tiêu tốn thức ăn và hệ số chuyển hóa thức ăn ở gà trống và mái.
1089	Đại học	Khảo sát bệnh nấm da trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị	Nguyễn, Đặng Bảo Ngọc	Nguyễn, Thị Bé Mười	2018	Khảo sát bệnh nấm da trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị.

1090	Đại học	Điều tra tình hình nuôi vịt thịt tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Hồ, Duy Tường	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Điều tra tình hình nuôi vịt thịt tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
1091	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung acid hữu cơ trong khẩu phần lên tăng trưởng của heo con sau cai sữa	Nguyễn, Trường Khấp	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của bổ sung acid hữu cơ trong khẩu phần lên tăng trưởng của heo con sau cai sữa.
1092	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm men vi sinh probi P trong khẩu phần lê tăng trưởng của gà thịt COBB 500 nuôi trong chuồng kín	Bùi, An Khương	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của chế phẩm men vi sinh probi P trong khẩu phần lê tăng trưởng của gà thịt COBB 500 nuôi trong chuồng kín.
1093	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung khoáng vi lượng đồng và kẽm vào khẩu phần lên sinh trưởng heo con sau cai sữa giai đoạn 7 kg đến 15 kg	Nguyễn, Công Thành	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng bổ sung khoáng vi lượng đồng và kẽm vào khẩu phần lên sinh trưởng heo con sau cai sữa giai đoạn 7 kg đến 15 kg
1094	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian thu hoạch lên khả năng sinh trưởng và tính năng sản xuất của cỏ paspalum atratum	Bùi, Thị Huỳnh Hoa	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Ảnh hưởng của thời gian thu hoạch lên khả năng sinh trưởng và tính năng sản xuất của cỏ paspalum atratum
1095	Đại học	Ảnh hưởng của các mức cao methionine trong khẩu phần lên năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà ác đẻ thương phẩm	Nguyễn, Minh Khôi	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung Trương, Văn Phước	2018	Ảnh hưởng của các mức cao methionine trong khẩu phần lên năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà ác đẻ thương phẩm
1096	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung thịt gác (momordica cochinchinensis spreng meat) lên năng suất và chất lượng trứng gà thương phẩm	Nguyễn, Trần Nhân	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung thịt gác (momordica cochinchinensis spreng meat) lên năng suất và chất lượng trứng gà thương phẩm
1097	Đại học	Ảnh hưởng vị trí trong chuồng nuôi đến sự tăng trưởng của gà COBB 500 (mùa mưa)	Nguyễn, Thiện Vi	Phạm, Tấn Nhã	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng vị trí trong chuồng nuôi đến sự tăng trưởng của gà COBB 500 (mùa mưa).
1098	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột sả (Cymbopogon citratus) với bột hồi (Pimpinella anisum) và bột nghệ (Curcuma longa L.) trong khẩu phần lên năng suất sinh trưởng của gà COBB 500	Võ, Điền Minh Tân	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Ảnh hưởng của bổ sung kết hợp bột sả (Cymbopogon citratus) với bột hồi (Pimpinella anisum) và bột nghệ (Curcuma longa L.) trong khẩu phần lên năng suất sinh trưởng của gà COBB 500.
1099	Đại học	Khảo sát đặc tính sinh trưởng và năng suất của cỏ voi tím Pennisetum purpureum Florida với thời gian thu hoạch khác nhau	Đàm, Thanh Thi	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cỏ voi tím.
1100	Đại học	Ảnh hưởng men Trichoderma lênđặc tính sinh trưởng năng xuất của cỏ voi (Pennisetum purpureum)	Đặng, Thị Kim Ngân	Hồ, Quảng Đồ	2018	Ảnh hưởng của phân hữu cơ và men Chico đến sinh trưởng và tính năng sản xuất của cỏ voi (Pennisetum purpureum) tại Vĩnh Long.

1101	Đại học	Anh hưởng củathời gian cắt lên khả năng sinh trưởng và tính năng sản xuất của cỏ Sả Mombasa (Panicu maximum cv. Mombasa)	Đinh, Các Các	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cỏ sả Mombasa làm thức ăn chăn nuôi.
1102	Đại học	Khảo sát sinh trưởng của cây mật gấu (Veronia amygdalinalina Del.) với thời gian thu hoạch khác nhau	Trần, Thị Huyền Trân	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Khảo sát sinh trưởng của cây mật gấu (Veronia amygdalinalina Del.) với thời gian thu hoạch khác nhau.
1103	Đại học	Khả năng sinh trưởng của gà tàu vàng nuôi tại nông hộ	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Đỗ, Võ Anh Khoa	2017	Khả năng sinh trưởng của gà tàu vàng nuôi tại nông hộ
1104	Đại học	Anh hưởng của bổ sung các mức dầu cọ (Palm oil) đến tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra của cò voi và thức ăn hỗn hợp trong điều kiện in vitro	Nguyễn, Mỹ Luân	Hồ, Quảng Đồ	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng sử dụng dầu cọ thông tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra ở gia súc nhai lại.
1105	Đại học	Khảo sát khả năng sinh trưởng và năng suất của đậu lăng lông (Vacia Villosa) trên đất cát và đất thịt	Trần, Nguyễn Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Nghiên cứu tìm ra loại đậu có những yếu tố tối ưu, đặc biệt là có khả năng cải tạo đất. Ngoài ra còn có năng suất cao, nguồn thức ăn xanh giàu dinh dưỡng cho gia súc, mang lại hiệu quả kinh tế và góp phần giải quyết vấn đề thức ăn xanh phục vụ cho ngành chăn nuôi gia súc nhai lại.
1106	Đại học	Anh hưởng của khối lượng và số con sơ sinh trên sự sinh trưởng của heo con theo mẹ	Dương, Kim Tròn	Phạm, Ngọc Du	2019	Ảnh hưởng của khối lượng và số con sơ sinh trên sự sinh trưởng của heo con theo mẹ
1107	Đại học	Khảo sát tỷ lệ đậu thai bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo giữa các giống bò thịt (Red Angus, Lai Sind, Brahman) và một số bệnh sinh sản thường gặp trên đàn bò tại tỉnh Hậu Giang	Phạm, Khoa Chương	Phạm, Hoàng Dũng	2018	Khảo sát tỷ lệ đậu thai bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo giữa các giống bò thịt (Red Angus, Lai Sind, Brahman) và một số bệnh sinh sản thường gặp trên đàn bò tại tỉnh Hậu Giang
1108	Đại học	Khảo sát khả năng sinh trưởng, năng suất và khả năng tạo nốt sần của đậu lăng lông (Hairy vetch) trên các loại đất	Ta, Thị Thùy My	Nguyễn, Văn Hớn	2019	Đề tài "Khảo sát khả năng sinh trưởng, năng suất và khả năng tạo nốt sần của đậu Lăng Lông (Hairy Vetch) trên các loại đất" được tiến hành từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2019 tại trại thực nghiệm Nông Nghiệp, khoa Phát triển Nông thôn, khu Hòa An, trường Đại học Cần Thơ. Để đánh giá khả năng phát triển, loại đất phù hợp để cho hiệu quả năng suất tốt nhất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên 2 nhân tố: nhân tố 1: thu hoạch ở thời điểm sau khi trồng 60 và 75 ngày; nhân tố 2: loại đất (đất cát và đất thịt). Kết quả cho thấy trồng đậu Lăng Lông ở hai loại đất đều có khả năng sinh trưởng tốt và cho năng suất cao hơn ở đất thịt.
1109	Đại học	Anh hưởng của việc bổ sung dây khoai lang ủ chua trong khẩu phần đến năng suất của bò thịt tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Đặng, Tấn Tài	Hồ, Thanh Thâm	2019	Ảnh hưởng của việc bổ sung dây khoai lang ủ chua trong khẩu phần đến năng suất của bò thịt tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
1110	Đại học	Anh hưởng của chất bổ sung và thời gian bảo quản đến chất lượng của củ khoai lang ủ chua	Nguyễn, Phước Lộc	Hồ, Thanh Thâm	2019	Ảnh hưởng của chất bổ sung và thời gian bảo quản đến chất lượng của củ khoai lang ủ chua

1111	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung probac vào nước uống lên một số chiều đo ở gà nòi giai đoạn 35-63 ngày tuổi	Lý, Quốc Minh	Đỗ, Võ Anh Khoa	2019	Ảnh hưởng bổ sung probac vào nước uống lên một số chiều đo ở gà nòi giai đoạn 35-63 ngày tuổi
1112	Đại học	Khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian cho sữa đến lượng ăn vào và năng suất sữa của bò Holstein friesian (HF) tại trang trại bò sữa Tây Ninh	Đặng, Kim Thu	Hồ, Quảng Đồ	2019	Đề tài được thực hiện tại Trang trại Bò Sữa Tây Ninh thuộc công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (Vinamilk). Thí nghiệm được tiến hành trên 2 nhóm bò, nhóm 1 gồm 5 con bò sữa từ 1 – 30 ngày sau sinh, nhóm 2 gồm 5 con bò sữa từ 31 – 60 ngày, thời gian thí nghiệm 60 ngày. Kết quả thí nghiệm cho thấy lượng ăn vào ở nhóm 31-60 ngày đạt 118,54%, và ăn được 40,30kg/con/ngày. Nhóm bò 1-30 ngày có lượng ăn thấp chỉ đạt 92,71%, và ăn được 32,46kg/ngày, lượng ăn vào của 2 nhóm bò có ý nghĩa thống kê ở $P < 0,05$. Năng suất sữa nhóm 1 (32,51 kg/con/ngày), nhóm 2 đạt (41, 00 kg/con/ngày) và có sự khác biệt thống kê ở mức 5% ($P < 0,05$).
1113	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm Amip trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị	Nguyễn, Gia Bảo	Nguyễn, Thị Bé Mươi	2018	Khảo sát tình hình nhiễm Amip trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị
1114	Đại học	Khảo sát khả năng sinh trưởng và năng suất của cỏ Setaria Sphacelata trên các loại đất và phân bón khác nhau	Son, Thị Bạch	Nguyễn, Văn Hớn	2019	Khảo sát khả năng sinh trưởng và năng suất của cỏ Setaria Sphacelata trên các loại đất và phân bón khác nhau
1115	Đại học	Điều tra tình hình chăn nuôi gà nòi tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Bùi, Văn An	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Điều tra tình hình chăn nuôi gà nòi tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
1116	Đại học	Khảo sát khả năng sinh trưởng và năng suất của cỏ paspalum atratum trên các loại đất và phân bón khác nhau	Trần, Ngọc Thùy Dương	Nguyễn, Văn Hớn	2019	Khảo sát khả năng sinh trưởng và năng suất của cỏ paspalum atratum trên các loại đất và phân bón khác nhau
1117	Đại học	Điều tra tình hình bệnh viêm cơ ức sâu (DMP: Deep Pectoral Myopathy) ở gà thịt công nghiệp	Ngô, Thanh Tính	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Điều tra tình hình bệnh viêm cơ ức sâu (DMP: Deep Pectoral Myopathy) ở gà thịt công nghiệp
1118	Đại học	Theo dõi quy trình nuôi dưỡng, lượng ăn vào và tăng trọng của bê cái Holstein Friesian (HF) từ 70 đến 120 ngày tuổi	Nguyễn, Thị Mỹ Duyên	Hồ, Quảng Đồ	2019	Theo dõi quy trình nuôi dưỡng, lượng ăn vào và tăng trọng của bê cái Holstein Friesian (HF) từ 70 đến 120 ngày tuổi
1119	Đại học	Khảo sát quy trình nuôi dưỡng, lượng ăn vào và năng suất sữa của bò Holstein Friesian (HF) tại trang trại bò sữa Tây Ninh	Võ, Thị Thúy Ái	Hồ, Quảng Đồ	2019	Khảo sát quy trình nuôi dưỡng, lượng ăn vào và năng suất sữa của bò Holstein Friesian (HF) tại trang trại bò sữa Tây Ninh
1120	Đại học	Ảnh hưởng của chất bổ sung và thời gian bảo quản đến chất lượng của củ khoai lang ủ chua	Lâm, Đál Đa	Hồ, Thanh Thâm	2019	Ảnh hưởng của chất bổ sung và thời gian bảo quản đến chất lượng của củ khoai lang ủ chua
1121	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men (Bio-Prozyme) lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 0-5 tuần tuổi	Võ, Công Hiên	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men (Bio-Prozyme) lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 0-5 tuần tuổi

1122	Đại học	Khảo sát lượng ăn vào và tăng trọng của bê cái từ sơ sinh đến 70 ngày tuổi tại trang trại bò sữa Tây Ninh	Nguyễn, Thúy Hằng	Hồ, Quảng Đồ	2019	Khảo sát lượng ăn vào và tăng trọng của bê cái từ sơ sinh đến 70 ngày tuổi tại trang trại bò sữa Tây Ninh
1123	Đại học	Ảnh hưởng của vị trí trong chuồng đến sự tăng trọng của gà Lương Phượng (mùa khô)	Ngô, Tấn Phát	Phạm, Tấn Nhã	2017	Ảnh hưởng của vị trí trong chuồng đến sự tăng trọng của gà Lương Phượng (mùa khô)
1124	Đại học	Điều tra tình hình chăn nuôi gà ác tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Lê Hoàng	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Điều tra tình hình chăn nuôi gà ác tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
1125	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung dầu hướng dương (<i>Helianthus annuus oil</i>) đến tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra của cò voi và thức ăn hỗn hợp trong điều kiện in vitro	Huỳnh, Kim Thịnh	Hồ, Quảng Đồ	2019	Đề tài được tiến hành tại Phòng thí nghiệm thuộc Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, được thực hiện trên cò voi và trên thức ăn hỗn hợp.
1126	Đại học	Điều tra tình hình chăn nuôi dê huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long và ảnh hưởng của phân bón đến năng suất của long tây tự nhiên	Nguyễn, Thanh Tú	Hồ, Quảng Đồ	2017	Điều tra tình hình chăn nuôi dê huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long và ảnh hưởng của phân bón đến năng suất của long tây tự nhiên
1127	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung dầu dừa đến thể tích khí sinh ra trong điều kiện in vitro và tăng khối lượng của dê bách thảo trong điều kiện in vivo	Võ, Minh Như Ý	Hồ, Quảng Đồ Hồ, Thiệu Khôi	2019	Đề tài nghiên cứu được tiến hành tại Phòng thí nghiệm thuộc Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ và trại chăn nuôi dê của ông Phạm Văn Lợi và bà Trương Thị Đào. Đề tài gồm 2 thí nghiệm.
1128	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung dịch mực và tôm thủy phân đến sự tăng trưởng của vịt xiêm pháp giai đoạn từ 0-4 tuần tuổi	Nguyễn, Duy Khánh	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung dịch mực và tôm thủy phân đến sự tăng trưởng của vịt xiêm pháp giai đoạn từ 0-4 tuần tuổi
1129	Đại học	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến tiêu thụ dưỡng chất, tăng khối lượng và hiệu quả kinh tế của cừu từ 3-5 tháng tuổi	Lê, Minh Chánh	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích thí nghiệm này nhằm xác định ảnh hưởng của các khẩu phần lên khả năng tiêu thụ thức ăn, dưỡng chất, tăng khối lượng và hiệu quả kinh tế của cừu Phan Rang giai đoạn 3-5 tháng tuổi. 12 cừu đực có khối lượng trung bình $19,2 \pm 0,277$ kg được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại, 4 nghiệm thức tương ứng với 4 khẩu phần là OBS: 50% cỏ lông tây+50% bắp cải phụ phẩm (%DM); TAHH: 40% cỏ lông tây+40% bắp cải phụ phẩm+20% thức ăn hỗn hợp (%DM); TMR: khẩu phần phối trộn hoàn toàn có công thức tương tự nghiệm thức TAHH; MC: TMR+3% mỡ cá (%DM).
1130	Đại học	Khảo sát năng suất và thành phần hóa học của củ khoai lang phế phẩm tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Hữu Thạnh	Hồ, Thanh Thâm	2018	Khảo sát năng suất và thành phần hóa học của củ khoai lang phế phẩm tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
1131	Đại học	Ảnh hưởng của sự bổ sung arginine trong khẩu phần đến năng suất sinh sản của thỏ lai (California X địa phương)	Nguyễn, Thị Minh Thư	Nguyễn, Văn Thu	2018	Ảnh hưởng của sự bổ sung arginine trong khẩu phần đến năng suất sinh sản của thỏ lai (California X địa phương)

1132	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung khoáng vi lượng Cu và Zn trong khẩu phần lên sinh trưởng heo thịt giai đoạn 15kg đến 35kg	Nguyễn, Minh Tân	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng bổ sung khoáng vi lượng Cu và Zn trong khẩu phần lên sinh trưởng heo thịt giai đoạn 15kg đến 35kg
1133	Đại học	Ảnh hưởng của lứa heo nái lên sự sinh trưởng của heo con theo mẹ tại trại chăn nuôi heo thuộc huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Trương, Thị Cẩm Thu	Phạm, Ngọc Du	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của lứa heo nái lên sự sinh trưởng của heo con theo mẹ tại trại chăn nuôi heo thuộc huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long” được tiến hành bằng việc khảo sát 39 heo nái đẻ thuộc giống Landrace và GF24 từ lứa 1 đến lứa 5 và 501 heo con nhằm mục tiêu khảo sát ảnh hưởng của lứa heo nái lên sự sinh trưởng của heo con từ lúc sơ sinh cho đến 3 tuần tuổi (cai sữa).
1134	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung bã đậu nành ủ với Bioprozyme đến sự tiêu thụ thức ăn, dưỡng chất tiêu hóa và môi trường dạ cỏ của dê cái lai (Saanen Bách Thảo) 3-5 tháng tuổi	Cao, Minh Duy	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích thí nghiệm này nhằm xác định ảnh hưởng của men vi sinh (Bio-prozyme) được ủ với bã đậu nành lên khả năng tiêu thụ dưỡng chất, tỷ lệ tiêu hóa và thông số dịch dạ cỏ của dê cái lai F1 (Saanen x Bách Thảo).
1135	Đại học	Khảo sát đặc điểm ngoại hình gà nòi	Lê, Tấn Đạt	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Nghiên cứu hiện tại được thực hiện nhằm xác định đặc điểm ngoại hình và chiều đo cơ thể của 180 gà nòi trống và 240 gà nòi mái nuôi tại trại nông hộ. Kết quả cho thấy về ngoại hình, gà Nòi trống với màu lông điều có tỷ lệ chân xanh (50%) cao hơn màu lông chuối (37%), màu chân trắng chiếm tỉ lệ thấp (16,7% - 26,6%) và màu chân vàng chiếm tỉ lệ tương đương nhau (33,3% - 35,6%). Bên cạnh đó gà mái màu nâu đỏ và nâu đen cũng có tỉ lệ chân xanh cao (41,7% - 45%) so với chân vàng (30% - 26,7%), chân trắng (28,3% - 28,3%).
1136	Đại học	Ảnh hưởng của lá và trái mít non lên tỷ lệ tiêu hóa và tăng trưởng của dê sữa	Nguyễn, Thị Hoài Hên	Lâm, Phước Thành	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của lá và trái mít non lên tỉ lệ tiêu hóa và tăng trọng của dê sữa” để cho người dân có cái nhìn nhận mới về giá trị thật sự của cây mít ngoài thu nhập từ trái mít non, còn thu nhập từ phụ phẩm của cây mít, nó góp phần vào cải thiện kinh tế đáng kể cho người nông dân.
1137	Đại học	Ảnh hưởng của khí probiotic đến sự thải khí meytan, tỷ lệ tiêu hóa và sự tích lũy đạm của bò lai sind	Võ, Thanh Hải	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích thí nghiệm này nhằm xác định ảnh hưởng của của việc bổ sung probiotic lên khả năng sinh khí CH4 và CO2, tiêu thụ thức ăn ở bò Lai Sind. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu hình vuông Latin (4 x 4), với 4 nghiệm thức, 4 giai đoạn và được thực hiện trên 4 bò đực lai Sind.
1138	Đại học	Khảo sát một số thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy của cây mật gấu (Vernoria Amygdalina)	Đỗ, Nguyễn Đăng Khoa	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Các cao chiết cây Mật Gấu (Vernonia amygdalina) được chiết xuất bằng dung môi ethanol, hexane, ethyl acetate, butanol và nước được khảo sát đều chứa nhiều hợp chất tự nhiên như phenolic, tannin, flavonoid và khả năng kháng oxi hóa. Cao chiết ethyl axetate và butanol từ cỏ mật gấu có hàm lượng tannin cao nhất là 17,4g và 17,1g. Hàm lượng phenolic tổng đạt cao nhất là 11.666 mg gallic axit /g chiết xuất thuộc về cao chiết ethyl axetate (Ea). Hàm lượng flavonoid tổng từ cao chiết ethyl axetate đạt cao nhất là 9.841 mg quercetin/ g chiết xuất. Cao chiết ethyl axetate cũng cho thấy khả năng kháng oxi hóa cao hơn các cao chiết còn lại với giá trị IC50 đạt thấp nhất là 26,06 µg/ml và không có sự khác biệt ý nghĩa với giá trị IC50 của vitamin C (1,502 µg/ml). Cỏ mật gấu có thể được xem là nguồn thực vật tự nhiên đầy tiềm năng của các hợp chất có hoạt tính kháng oxy hóa và kháng khuẩn.

1139	Đại học	Thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của một số thực liệu chăn nuôi gà lông màu địa phương	Đoàn, Thị Mỹ Hảo	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2019	Đề tài được tiến hành tại phòng thí nghiệm thuộc Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ. Mục tiêu của đề tài xác định thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của 24 mẫu thực liệu thức ăn cho gà lông màu địa phương.
1140	Đại học	Khảo sát một số thành phần hóa học và khả năng kháng khuẩn <i>Escherichia coli</i> của cây mật gấu (<i>Vernonia amygdalina</i> Del.)	Nguyễn, Vân Khang	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát một số thành phần hóa học và khả năng kháng khuẩn <i>Escherichia coli</i> của cây mật gấu (<i>Vernonia amygdalina</i> Del.)
1141	Đại học	Ảnh hưởng của khẩu phần ăn lên năng suất sinh sản của gà ác	Nhâm, Tuyết Nhi	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung Trương, Văn Phước	2018	Ảnh hưởng của khẩu phần ăn lên năng suất sinh sản của gà ác
1142	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung bột sả (<i>Cymbopogon citratus</i>) kết hợp bột quế (<i>Cinnamomum cassia</i>) lên năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà Isa Brown	Lê, Gia Linh	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Thí nghiệm này đã được thực hiện để đánh giá hiệu quả của việc bổ sung bột sả và kết hợp các mức bổ sung bột quế khác nhau đến năng suất và chất lượng trứng gà Isa Brown, thí nghiệm được thiết kế ngẫu nhiên với 4 khẩu phần và 10 lần lặp lại với 160 con gà.
1143	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của giống heo nái lên sự sinh trưởng của heo con (Study on the effect of sow breed on growth of piglets)	Võ, Mạnh Tấn	Phạm, Ngọc Du	2019	Đề tài “Khảo sát ảnh hưởng của giống heo nái lên sự sinh trưởng của heo con” được tiến hành trên 19 heo nái nuôi con thuộc nhóm giống PIC và Yorkshine x Landrace (YL) và 242 heo con nuôi từ sơ sinh cho đến cai sữa nhằm khảo sát ảnh hưởng của giống heo nái lên năng suất sinh sản thông qua số con, khối lượng và tăng khối lượng của heo con trong thời gian theo mẹ.
1144	Đại học	Anh hưởng của bổ sung bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L), hoặc với bột ngò (<i>Coriandrum sativum</i> L) và bột quế (<i>Cinnamomum verum</i>) trong khẩu phần lên năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà Isa Brown	Võ, Lâm Mỹ Lành	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung bột nghệ, bột ngò, bột quế và hỗn hợp của chúng vào khẩu phần thức ăn lên năng suất sinh sản và chất lượng trứng của gà đẻ Isa Brown ở giai đoạn 44 tuần tuổi.
1145	Đại học	Bước đầu xác định mức ăn, dưỡng chất, năng lượng tiêu thụ và thay đổi khối lượng của dê cái sinh sản	Nguyễn, Trần Thanh Sơn	Nguyễn, Văn Thu	2019	Nghiên cứu này được tiến hành trên 35 dê cái sinh sản. Trong đó có 12 dê cái khô có khối lượng là $34,86 \pm 1,28$ kg; 15 dê cái mang thai từ tháng thứ hai đến tháng thứ năm có khối lượng là $36,78 \pm 0,75$ kg; 8 dê cái nuôi con từ tháng thứ nhất đến tháng thứ ba có khối lượng là $32,47 \pm 0,97$ kg. Tất cả các dê thí nghiệm được nuôi nhốt riêng từng con để tiện theo dõi. Nhằm xác định lượng thức ăn và dưỡng chất tiêu thụ hàng ngày của các dê cái sinh sản. Qua đó xác định lượng thức ăn, dưỡng chất và năng lượng tiêu thụ của dê ở giai đoạn nuôi con, giai đoạn mang thai và khô, nhằm để khuyến cáo việc nuôi dê cái sinh sản qua từng giai đoạn.
1146	Đại học	Anh hưởng của bổ sung dầu dừa đến tỷ lệ tiêu hóa vật chất khô trong điều kiện in vitro và mức ăn vào, tỷ lệ tiêu hóa của dê trong điều kiện in vivo	Thạch, Minh Trí	Hồ, Quảng Đồ	2019	Đề tài nghiên cứu được tiến hành tại phòng thí nghiệm thuộc Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ và Trại Chăn nuôi dê của Ông Phạm Văn Lợi và Bà Trương Thị Đào. Đề tài gồm 2 thí nghiệm. Thí nghiệm 1 được thực hiện trong điều kiện in vitro và thí nghiệm 2 là thí nghiệm nuôi dưỡng.

1147	Đại học	Đánh giá khả năng sinh trưởng của 6 giống cỏ trồng trên vùng đất cát	Kim, Thị Rot Ta Na	Lâm, Phước Thành	2019	Đề tài được thực hiện từ tháng 5 - 7/2018 tại hộ gia đình ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng của 6 giống cỏ bao gồm: lông tây, sả, sữa, Paspalum, VA06 và voi tím trồng trên vùng đất cát. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức tương ứng 6 giống cỏ và được lặp lại 6 lần cho mỗi giống cỏ.
1148	Đại học	Bước đầu theo dõi ảnh hưởng của phân hữu cơ đến năng suất và chất lượng của cỏ Setaria (Setaria sphacelata)	Trần, Thanh Lực	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích của đề tài nghiên cứu này là tìm ra mức bón phân chuồng thích hợp để thay thế phân hóa học dùng trồng cỏ Setaria sphacelata có năng suất và chất lượng tốt.
1149	Đại học	Khảo sát năng suất sinh sản của heo nái giống tại trại heo ở huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Trần, Nhã Phong	Phạm, Ngọc Du	2019	Đề tài: “Khảo sát năng suất sinh sản của heo nái giống tại trại heo ở Mỏ Cày Nam, Bến Tre” được tiến hành từ ngày 13 tháng 1 năm 2019 đến ngày 1 tháng 4 năm 2019 nhằm mục tiêu là đánh giá chọn được nái giống tốt trong diện kiện sản xuất của trại dựa trên năng suất sinh sản của heo nái giống như số con và khối lượng heo con ở các thời điểm sơ sinh và cai sữa. Nghiên cứu được tiến hành bằng cách khảo sát 12 bầy heo nái, gồm có 3 bầy thuộc giống nái Landrace, 3 bầy thuộc giống nái Yorkshire và 6 bầy thuộc giống nái Landrace x Yorkshire và 158 heo con. Kết quả
1150	Đại học	Đánh giá năng suất và thành hóa học của phụ phẩm củ khoai lang tím Nhật tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Phan Thị Ngọc Linh	Hồ, Thanh Thâm	2019	Khảo sát được thực hiện trên 30 hộ trồng khoai lang thuộc huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và Phòng thí nghiệm kỹ thuật nuôi gia súc, Bộ môn Chăn nuôi, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019. Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá năng suất và thành phần dinh dưỡng của củ khoai lang tím phụ phẩm (loại 3) từ đó rút ra kết luận về năng suất và khả năng tận dụng củ khoai lang loại 3 cho chăn nuôi gia súc – gia cầm. Thí nghiệm được tiến hành với mẫu củ khoai lang phụ phẩm (loại 3) được thu thập tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
1151	Đại học	Khảo sát lượng thức ăn, dưỡng chất, năng lượng tiêu thụ và tăng khối lượng của dê con từ tập ăn đến 7 tháng tuổi	Phạm, Xê Tha	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích của nghiên cứu này là theo dõi sự tiêu thụ dưỡng chất như DM, OM, CP, EE, NDF, ADF, năng lượng trao đổi ME, khối lượng của dê qua các tháng tuổi và tăng khối lượng hằng ngày (g/con/ngày). Nghiên cứu được thực hiện trên 48 dê (3-7 tháng tuổi) gồm có 17 dê đực lai Saanen; 12 dê cái lai Saanen; 10 dê đực Bách Thảo; 9 dê cái Bách Thảo. Thức ăn dùng để nuôi dê bao gồm cỏ Hamill, bắp cải phụ phẩm, cỏ đậu lá nhỏ, bã đậu nành và thức ăn hỗn hợp.
1152	Đại học	Khảo sát năng suất sinh trưởng của cỏ Voi (Pennisetum Purpureum), cỏ sả (Panicum Maximum - Mombasa), cỏ mồm (Hymenachne acutigluma), lúa ma (Oryza rufipogon) trồng tại Nông hộ tỉnh Vĩnh Long	Quách, Ngọc Quyên	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Khảo sát năng suất sinh trưởng của cỏ Voi (Pennisetum Purpureum), cỏ sả (Panicum Maximum - Mombasa), cỏ mồm (Hymenachne acutigluma), lúa ma (Oryza rufipogon) trồng tại Nông hộ tỉnh Vĩnh Long

1153	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm Aflatoxin trên một số loại thức ăn gia súc và gia cầm	Phạm, Quỳnh Như	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2019	Đề tài “Khảo sát hàm lượng aflatoxin trên một số loại thức ăn gia súc và gia cầm” được thực hiện trên 21 mẫu, trong đó có 12 mẫu thực liệu như 5 mẫu bắp (bắp nội, bắp mỹ, bắp Aghentina, bắp Barazil), 3 mẫu cám gạo nội địa và 4 mẫu khô dầu nành (bã nành nội địa, bã nành nhập từ Aghentina có loại tốt và xấu) tại Tiền Giang, Bến Tre và Vĩnh Long. Ngoài ra đề tài còn tiến hành xác định hàm lượng aflatoxin trong 9 mẫu thức ăn thừa tại các hộ chăn nuôi ở Bến Tre, sử dụng phương pháp sắc ký cao áp lỏng (HPLC).
1154	Đại học	Đánh giá hoạt tính kháng oxy hóa của chất béo lòng đỏ trứng gà của gà mái ăn khẩu phần bổ sung các loại thảo dược	Nguyễn, Thị Phương Ngọc	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Đề tài khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của chất béo lòng đỏ trứng gà Isa Brown khi bổ sung các thảo dược gia vị trong khẩu phần, hai thí nghiệm nuôi dưỡng được bố trí độc lập nhau được thực hiện.
1155	Đại học	Khảo sát một số đặc điểm ngoại hình của giống gà tre lai	Huỳnh, Phi Nhân	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá đặc điểm ngoại hình của gà trống Tre lai được thu thập tại tỉnh Tiền Giang, bằng phương pháp quan sát, ghi nhận về đặc điểm ngoại hình và đo đạc trực tiếp chỉ tiêu cơ thể ở 100 gà trống Tre lai từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019. Kết quả phân tích cho thấy gà trống Tre lai với màu lông cổ (51%), mỏ đen trắng (51%), chân trắng (35%) và lông đuôi màu xanh đen (97%). Có sự tương quan dương giữa các chỉ tiêu về hình thể và khối lượng của gà Tre lai.
1156	Đại học	Ảnh hưởng của probiotic đến tiêu thụ dưỡng chất, tỉ lệ tiêu hóa và tăng trưởng thỏ lai (New Zealand x Californian)	Nguyễn, Thảo Như	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích của thí nghiệm này nhằm xác định mức độ tối ưu của Biotic trong khẩu phần nuôi thỏ lai (New Zealand x Californian). Thí nghiệm này được thực hiện trên 60 thỏ lai (New Zealand x Californian) được cho ăn khẩu phần có bổ sung Biotic là sản phẩm probiotic của công ty Bio. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là Biotic0, Biotic1, Biotic2, Biotic3, Biotic4 tương ứng với 5 mức độ bổ sung probiotic khác nhau khẩu phần là 0; 1‰; 2‰; 3‰; 4‰ của lượng DM tiêu thụ với 3 lần lặp lại.
1157	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung 3 loại dầu đến tỷ lệ tiêu hóa và thể tích khí sinh ra của cò voi và thức ăn hỗn hợp trong điều kiện in vitro	Đặng, Thị Kim Sang	Hồ, Quảng Đồ	2019	Đề tài nghiên cứu được tiến hành tại phòng thí nghiệm thuộc Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ, gồm 2 thí nghiệm. Thí nghiệm 1 được thực hiện trên cò voi và thí nghiệm 2 được thực hiện trên thức ăn hỗn hợp.
1158	Đại học	Ảnh hưởng của probiotic đến sự tiêu thụ dưỡng chất và năng suất sinh sản của thỏ Californian và thỏ lai (New Zealand x Californian)	Lâm, Phúc Quân	Nguyễn, Văn Thu	2019	Mục đích của nghiên cứu này nhằm là xác định các mức độ tối ưu của các loại Probiotic trong khẩu phần nuôi thỏ cái sinh sản. Nghiên cứu được thực hiện trên 2 thí nghiệm (TN). TN1 được thực hiện trên 25 thỏ cái lai (New Zealand x Californian) là thỏ hậu bị được cho ăn khẩu phần có bổ sung probiotic là sản phẩm Biotic của công ty Bio. TN2 được thực hiện trên 25 thỏ cái Californian đã sinh sản 6- 7 lứa được cho ăn khẩu phần có bổ sung probiotic là sản phẩm Calphovit của công ty Vemedim. Cả 2 thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức độ bổ sung probiotic khác nhau trong khẩu phần là 0; 1‰; 2‰; 3‰; 4‰ của lượng DM tiêu thụ với 5 lần lặp lại. Mỗi đơn vị thí nghiệm là 1 con thỏ cái sinh sản.

1159	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indonesia giai đoạn từ 5-12 tuần tuổi	Trần, Quốc Bình	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà đen Indonesia giai đoạn từ 5-12 tuần tuổi
1160	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung bột nghệ kết hợp với beta-glucan lên năng suất và chất lượng thân thịt của gà thịt Cobb 500	Thạch, Chí Thanh	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng bổ sung bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.) và beta-glucan vào khẩu phần lên năng suất và chất lượng thân thịt ở gà Cobb 500. Gà thịt ở 38 ngày tuổi được chọn để mổ khảo sát, dựa trên thí nghiệm nuôi dưỡng với 4 nghiệm thức có khẩu phần thức ăn được bổ sung 0,1% bột nghệ và beta-glucan lần lượt ở 0,02; 0,05 và 0,1%. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 8 lần với 4 con trống và 4 con mái, mỗi lần lặp lại là 1 con gà. Kết quả cho thấy gà được cho ăn khẩu phần có bổ sung bột nghệ và beta-glucan có ảnh hưởng tích cực đến hầu hết các chỉ tiêu về thân thịt của gà Cobb 500 trong đó N0.1B0.02 cao nhất về KL sống, KL thân thịt, thịt ức và thịt đùi so với đối chứng. Ngoài ra, độ rỉ dịch của thịt ức và đùi của gà đã được cải thiện ở các khẩu phần có bổ sung.
1161	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung kết hợp bột nghệ (<i>Curcuma longa</i> L) với beta-glucan trong khẩu phần lên khả năng tăng trưởng của gà thịt cobb 500	Đỗ, Nguyễn Hương Thảo	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Thí nghiệm được thực hiện để đánh giá hiệu quả của việc bổ sung bột nghệ (TP) và beta-glucan (Glu) trong khẩu phần gà thịt ở các mức độ khác nhau lên năng suất và hệ số chuyển hóa thức ăn của gà Cobb 500. Thí nghiệm bao gồm 4 nghiệm thức (NT) được lặp lại 3 lần, mỗi lần lặp lại 30 con gà, tổng số gà thí nghiệm là 360 con ở giai đoạn từ 7 đến 38 ngày tuổi.
1162	Đại học	Ảnh hưởng của phân hóa học lên đặc tính sinh trưởng và khả năng sản xuất của cỏ lông Tây (<i>Brachiaria mutica</i>)	Nguyễn, Văn Thông	Hồ, Thanh Thâm	2019	Thí nghiệm “Ảnh hưởng của phân hóa học lên đặc tính sinh trưởng và khả năng sản xuất của cỏ Lông tây (<i>Brachiaria mutica</i>) tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” với mục tiêu tìm ra mức độ bón phân hóa học phù hợp nhất cho cỏ Lông tây để có năng suất cao và thành phần dưỡng chất tốt nhất cho chăn nuôi gia súc. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức (3 mức độ phân hóa học) và 3 lần lặp lại. Có tất cả là 9 lô, mỗi lô có diện tích 20m ² , tổng diện tích khảo sát là 180 m ² .
1163	Đại học	Khảo sát đặc điểm ngoại hình của gà trống nòi lai	Nguyễn, Học Thức	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá đặc điểm ngoại hình của gà trống Nòi lai được thu thập tại tỉnh Tiền Giang, bằng phương pháp quan sát, ghi nhận về các đặc điểm ngoại hình và đo đạc một số chỉ tiêu về cơ thể của 300 gà trống Nòi lai. Số liệu được thu thập từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019. Kết quả phân tích cho thấy gà trống Nòi lai với màu lông đỏ chiếm tỷ lệ cao trong đó màu lông cổ và lông thân đỏ là 44,33% và 5,67%. Ngoài ra, gà có mào đầu chiếm 65,67%, mắt màu vàng cam 44,66%, mỏ vàng đen 63,66%, mào sắc chân vàng 44,33% và lông đuôi màu xanh đen 73,33%. Bên cạnh đó, có sự tương quan dương giữa khối lượng với các chiều đo của cơ thể gà Nòi lai.

1164	Đại học	Bước đầu đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng tinh trùng của gà nòi trống lai	Nguyễn, Thanh Tùng	Nguyễn, Thị Kim Khang	2019	Nghiên cứu được tiến hành bước đầu đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng tinh trùng của 66 gà Nòi trống lai ở giai đoạn 6 – 8 tháng tuổi được nuôi ở các hộ dân thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu chất lượng tinh dịch gà trống Nòi lai tương đối tốt về thể tích, nồng độ, hoạt lực, tỷ lệ sống, tỷ lệ dị dạng, pH lần lượt là 0,24 ml, 6,65x10 ⁹ /ml, 85,57%, 83,47%, 3,33%, 6,85. Màu sắc tinh dịch ở mức 2,01 (màu ở khoảng từ trắng đục đến trắng sữa). Yếu tố cá thể ảnh hưởng nhiều nhất đến thể tích và tỷ lệ sống của tinh trùng. Gà trống ở 8 tháng tuổi cho chất lượng tinh dịch ổn định hơn khi khai thác.
1165	Đại học	Khảo sát khả năng ký sinh của ong đa phôi <i>Copidosomopsis nacoletiae</i> (eady) (hymenoptera: encyrtidae lên trứng sâu cuốn lá nhỏ <i>Cnaphalocrosis medinalis</i> Guenee (Lepidoptera: crambidae)	Đường, Phương Vi	Lê, Văn Vàng	2019	Đề tài được thực hiện từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2018, gồm các thí nghiệm khảo sát sự đáp ứng của ong <i>Copidosomopsis nacoletiae</i> đối với ký chủ là sâu cuốn lá nhỏ <i>Cnaphalocrosis medinalis</i> bằng hệ thống Olfactometer trong điều kiện phòng thí nghiệm và thí nghiệm khảo sát sự ảnh hưởng của thành trùng đực lên khả năng ký sinh của ong đa phôi cái ở điều kiện nhà lưới và ngoài đồng.
1166	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men bio-prozyme lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 7-12 tuần tuổi	Trần, Hoàng Duy	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men bio-prozyme lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 7-12 tuần tuổi.
1167	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 07-12 tuần tuổi	Nguyễn, Phong Điền	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 07-12 tuần tuổi.
1168	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men bio-prozyme lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 0-5 tuần tuổi	Võ, Công Hiên	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men bio-prozyme lên sự tăng trưởng của gà đen Indo (Ayam Cemani) giai đoạn 0-5 tuần tuổi.
1169	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng cám mịn ủ men lên sự tăng trưởng của vịt Hòa Lan giai đoạn 0-7 tuần tuổi	Trần, Văn Niêm	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng cám mịn ủ men lên sự tăng trưởng của vịt Hòa Lan giai đoạn 0-7 tuần tuổi.
1170	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng lúa ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 6-12 tuần tuổi	Nguyễn, Chí Thanh	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng lúa ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 6-12 tuần tuổi.
1171	Đại học	Định lượng nấm mốc trên bắp, tấm cám tại một số cơ sở kinh doanh thức ăn gia súc thuộc thành phố Cần Thơ	Ngô, Thị Bích Tuyền	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Định lượng nấm mốc trên bắp, tấm cám tại một số cơ sở kinh doanh thức ăn gia súc thuộc thành phố Cần Thơ.
1172	Đại học	Khảo sát hiện trạng chăm sóc thú cưng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn, Ngọc Lụa	Nguyễn, Thị Kim Khang	2018	Tìm hiểu hiện trạng chăm sóc thú cưng tại Thành phố Hồ Chí Minh và tìm giải pháp hoàn thiện dịch vụ.

1173	Đại học	Khảo sát lượng thức ăn và dưỡng chất tiêu thụ của dê sinh sản và dê tăng trưởng	Trần, Tấn Đạt	Nguyễn, Văn Thu Lâm, Phước Thành	2018	Khảo sát lượng thức ăn và dưỡng chất tiêu thụ của dê sinh sản và dê tăng trưởng
1174	Đại học	Khảo sát đáp ứng miễn dịch của gà đối với vaccine phòng bệnh Newcastle ở các hộ chăn nuôi tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Hữu Cảnh	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát đáp ứng miễn dịch của gà đối với vaccine phòng bệnh Newcastle ở các hộ chăn nuôi tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
1175	Đại học	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle của gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung Vitamin C	Dư, Mạg Võ	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle của gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung Vitamin C.
1176	Đại học	Khảo sát đặc điểm ngoại hình và các chiều đo cơ thể gà nòi	Trần, Thanh Phong	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát đặc điểm ngoại hình và các chiều đo cơ thể gà nòi.
1177	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tuổi đến năng suất sinh sản của đàn gà giống chuyên thịt giống ROSS 308	Phạm, Văn Thảo	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Khảo sát ảnh hưởng của tuổi đến năng suất sinh sản của đàn gà giống chuyên thịt giống ROSS 308.
1178	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn trên chủng Bacillus cereus, Escherichia coli của cây mật gấu (Veronia amygdalina Del.)	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn trên chủng Bacillus cereus, Escherichia coli của cây mật gấu (Veronia amygdalina Del.).
1179	Đại học	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên gà tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Lê Hùng Phong	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên gà tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
1180	Đại học	Khảo sát mật độ vi khuẩn Escherichia coli ở gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung Nova-multizyme và biofac-200	Nguyễn, Thị Hải	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát mật độ vi khuẩn Escherichia coli ở gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung Nova-multizyme và biofac-200.
1181	Đại học	Khảo sát điều kiện vệ sinh thú y và sự vấy nhiễm vi sinh vật trên nhân thịt gia cầm tại cơ sở giết mổ gia cầm thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Ngọc Ý	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát điều kiện vệ sinh thú y và sự vấy nhiễm vi sinh vật trên nhân thịt gia cầm tại cơ sở giết mổ gia cầm thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
1182	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của vi khuẩn clostridium botulinum trên vịt	Lê, Trung Hiếu	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của vi khuẩn clostridium botulinum trên vịt
1183	Đại học	Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn Salmonella spp trên chó thu thập tại một số phòng mạch thú y thuộc Tp. Cần Thơ	Nguyễn, Võ Gia Huy	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn Salmonella spp trên chó thu thập tại một số phòng mạch thú y thuộc Tp. Cần Thơ
1184	Đại học	Phân lập một số dòng vi sinh vật có tiềm năng probiotic từ ruột gà tại thành phố Cần Thơ	Hồ, Hoàng Cường	Nguyễn, Trọng Ngừ	2018	Phân lập một số dòng vi sinh vật có tiềm năng probiotic từ ruột gà tại thành phố Cần Thơ

1185	Đại học	Phân lập thực khuẩn có thể tiềm năng phân giải Salmonella từ đất, nước và ruột gà ở các trại chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh An Giang	Nguyễn, Hải Đăng	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập thực khuẩn có thể tiềm năng phân giải Salmonella từ đất, nước và ruột gà ở các trại chăn nuôi gà trên địa bàn tỉnh An Giang
1186	Đại học	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên vịt tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Võ, Lê Thị Ngọc Huyền	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên vịt tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
1187	Đại học	Điều tra tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng (Rattus argentiventer) tại tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thanh Tài	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Điều tra tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng (Rattus argentiventer) tại tỉnh Sóc Trăng.
1188	Đại học	Nghiên cứu sự tiêu thụ thức ăn, dưỡng chất và các chỉ tiêu sinh lý của cừu cái và cừu đực	Nguyễn, Quốc Đại	Nguyễn, Văn Thu	2018	Nghiên cứu sự tiêu thụ thức ăn, dưỡng chất và các chỉ tiêu sinh lý của cừu cái và cừu đực
1189	Đại học	Phân lập thực khuẩn thể (Bacteriophage) có tiềm năng phân giải Salmonella gây bệnh đường ruột trên gà ở trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang	Nguyễn, Quốc Nghĩa	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập thực khuẩn thể(Bacteriophage) có tiềm năng phân giải Salmonella gây bệnh đường ruột trên gà ở trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang
1190	Đại học	Chẩn đoán bệnh thận trên chó và hiệu quả điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá thú y thực hành trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thế Nhựt	Trần, Ngọc Bích	2018	Chẩn đoán bệnh thận trên chó và hiệu quả điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá thú y thực hành trường Đại học Cần Thơ.
1191	Đại học	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn có khả năng phân giải Escherichia Coli gây bệnh hô hấp trên gà ở An Giang	Phạm, Văn Cường	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn có khả năng phân giải Escherichia Coli gây bệnh hô hấp trên gà ở An Giang
1192	Đại học	Phân bố nhóm huyết thanh và gene mã hóa yếu tố độc lực của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thái Bảo	Hồ, Thị Việt Thu	2018	Phân bố nhóm huyết thanh và gene mã hóa yếu tố độc lực của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tỉnh Đồng Tháp
1193	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli từ đất ở các trại gà thuộc tỉnh Bến Tre, Hậu Giang và Sóc Trăng	Lê, Võ Minh Kiều	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập và tuyển chọn các thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli từ đất ở các trại gà thuộc tỉnh Bến Tre, Hậu Giang và Sóc Trăng
1194	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm Leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Mỹ Quỳnh	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Khảo sát tình hình nhiễm Leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc tỉnh Hậu Giang.
1195	Đại học	Phân lập và xác định các chủng Escherichia coli K88, K99 và 987P gây tiêu chảy trên heo tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đoàn, Quốc Trường	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Phân lập và xác định các chủng Escherichia coli K88, K99 và 987P gây tiêu chảy trên heo tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

1196	Đại học	Sự phân bố một số gen độc lực trên vi khuẩn Escherichia coli phân lập từ mẫu đất và ruột gà ở các trại chăn nuôi thuộc tỉnh Bến Tre Hậu Giang và Sóc Trăng	Huỳnh, Thị Ánh Tuyết	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Khảo sát sự phân bố một số gen độc lực trên vi khuẩn Escherichia coli phân lập từ mẫu đất và ruột gà ở các trại chăn nuôi thuộc tỉnh Bến Tre Hậu Giang và Sóc Trăng
1197	Đại học	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống mít (Artocarpus heterophyllus Lam) ở Thành phố Cần Thơ	Lê, Ngọc Phương Trinh	Huỳnh, Kỳ	2018	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống mít (Artocarpus heterophyllus Lam) ở Thành phố Cần Thơ
1198	Đại học	Sự hiện diện của vi khuẩn Salmonella spp. trên vịt có biểu hiện bị liệt cổ, liệt cánh, liệt chân tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Sự hiện diện của vi khuẩn Salmonella spp. trên vịt có biểu hiện bị liệt cổ, liệt cánh, liệt chân tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
1199	Đại học	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống nhãn (Dimocarpus longan Lour) bằng dấu chỉ thị phân tử RAPD	Trần, Thiên Nhi	Huỳnh, Kỳ	2018	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống nhãn (Dimocarpus longan Lour) bằng dấu chỉ thị phân tử RAPD
1200	Đại học	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống bưởi (Citrus maxima) bằng đặc điểm hình thái lá và dấu chỉ thị phân tử ISSR	Trương, Thị Thu Ngân	Huỳnh, Kỳ	2018	Đánh giá sự đa dạng di truyền của 10 giống bưởi (Citrus maxima) bằng đặc điểm hình thái lá và dấu chỉ thị phân tử ISSR
1201	Đại học	Phân lập vi khuẩn shigella spp trên chó tiêu chảy khi điều trị tại một số phòng mạch thú y thuộc Tp. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Phân lập vi khuẩn shigella spp trên chó tiêu chảy khi điều trị tại một số phòng mạch thú y thuộc Tp. Cần Thơ
1202	Đại học	Tình hình bệnh Gumboro trên giống gà Sasso tại huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai	Dương, Thị Huỳnh Như	Trần, Ngọc Bích	2018	Tình hình bệnh Gumboro trên giống gà Sasso tại huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai
1203	Đại học	So sánh các quy trình kỹ thuật chăm sóc heo con theo mẹ	Tôn, Ngọc Thủy	Nguyễn, Minh Thông	2018	So sánh các quy trình kỹ thuật chăm sóc heo con theo mẹ theo điều kiện nuôi khác nhau
1204	Đại học	Biến động quần thể dòng mận An Phước (Syzygium Samarangense) ở Cần Thơ, Vĩnh Long và Tiền Giang	Đinh, Nguyễn Đăng Khoa	Huỳnh, Kỳ	2018	Biến động quần thể dòng mận An Phước (Syzygium Samarangense) ở Cần Thơ, Vĩnh Long và Tiền Giang
1205	Đại học	Theo dõi một số chỉ tiêu sinh hóa máu trên chó tiểu đường bị tăng huyết áp tại bệnh xá thú y trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Minh Thư	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Theo dõi một số chỉ tiêu sinh hóa máu trên chó tiểu đường bị tăng huyết áp tại bệnh xá thú y trường Đại học Cần Thơ
1206	Đại học	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên heo và môi trường tại hai cơ sở giết mổ thuộc tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Hồng Phượng	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên heo và môi trường tại hai cơ sở giết mổ thuộc tỉnh Hậu Giang.
1207	Đại học	Bước đầu xác định năng lượng thô và thành phần hóa học của thức ăn, phân và nước tiểu của bò	Nguyễn, Long Châu Dương	Nguyễn, Văn Thu	2018	Bước đầu xác định năng lượng thô và thành phần hóa học của thức ăn, phân và nước tiểu của bò.

1208	Đại học	Khảo sát sự hiện diện và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên kiến, ruồi ở một số cơ sở chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Long Hải	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự hiện diện và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên kiến, ruồi ở một số cơ sở chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ.
1209	Đại học	Tình hình nhiễm cầu trùng gà tại cơ sở chăn nuôi công nghiệp huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Hoài Thương	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Tình hình nhiễm cầu trùng gà tại cơ sở chăn nuôi công nghiệp huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
1210	Đại học	Tình hình chăn nuôi bò tại huyện Tân Hồng-Đồng Tháp	Cao x, Hoài Luân	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Tình hình chăn nuôi bò tại huyện Tân Hồng-Đồng Tháp
1211	Đại học	Ảnh hưởng của sản lượng sữa đến lượng ăn vào của bò sữa và nhiều sữa tại trại Tân Tài Lộc, Sóc Trăng	Dương, Hoàng Khang	Hồ, Quảng Đồ	2018	Theo dõi và so sánh lượng ăn vào của nhóm bò ít sữa và nhiều sữa tại trại Tân Tài Lộc, Sóc Trăng
1212	Đại học	So sánh hiệu quả hai loại vaccine công ty Ceva phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (infectious bronchitis) trên gà	Nguyễn, Thị Thơm	Trần, Ngọc Bích	2018	So sánh hiệu quả hai loại vaccine công ty Ceva phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (infectious bronchitis) trên gà
1213	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá diếp cá (Houttuynia cordata Thunb) lên gan, thận, lá lách và chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà nòi lai	Dương, Thị Tuyết Nhi	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá diếp cá (Houttuynia cordata Thunb) lên gan, thận, lá lách và chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà nòi lai
1214	Đại học	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể có khả năng phân giải Escherichia coli ở ruột gà tại các trại chăn nuôi thuộc tỉnh Bến Tre, Hậu Giang và Sóc Trăng	Huỳnh, Phương Anh	Nguyễn, Trọng Ngừ	2018	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể có khả năng phân giải Escherichia coli ở ruột gà tại các trại chăn nuôi thuộc tỉnh Bến Tre Hậu Giang
1215	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm Lactozyme và poulacid trong khẩu phần đến tăng trưởng của heo con sau cai sữa	Danh, Xiêm	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm Lactozyme và poulacid trong khẩu phần đến tăng trưởng của heo con sau cai sữa.
1216	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm Amip trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị	Nguyễn, Gia Bảo	Nguyễn, Thị Bé Mười	2018	Khảo sát tình hình nhiễm Amip trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị.
1217	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung biochar vào khẩu phần thức ăn lên sinh trưởng của gà Tàu lai	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng bổ sung biochar vào khẩu phần thức ăn lên sinh trưởng của gà Tàu lai.
1218	Đại học	Điều tra tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng (Rattus argentiventer) tại tỉnh Hậu Giang	Trần, Bình Nguyên	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Điều tra tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng (Rattus argentiventer) tại tỉnh Hậu Giang.
1219	Đại học	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cây mật gấu ở chiều cao cắt khác nhau	Huỳnh, Thị Kiều Như	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát sinh trưởng và năng suất của cây mật gấu ở chiều cao cắt khác nhau.
1220	Đại học	Hệ số tương quan của khối lượng heo con ở các thời điểm trong giai đoạn theo mẹ	Nguyễn, Thị Ngọc Thuận	Nguyễn, Minh Thông	2018	Khảo sát hệ số tương quan của khối lượng heo con ở các thời điểm trong giai đoạn theo mẹ.

1221	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm và sự phân bố nhóm huyết thanh của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tỉnh Hậu Giang	Ngô, Quốc Chiến	Hồ, Thị Việt Thu	2018	Khảo sát tình hình nhiễm và sự phân bố nhóm huyết thanh của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tỉnh Hậu Giang.
1222	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcastle trên gà thả vườn ở huyện Càng Long và xã Long Đức, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Bá Hồng Lĩnh	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcastle trên gà thả vườn ở huyện Càng Long và xã Long Đức, tỉnh Trà Vinh
1223	Đại học	Điều tra tình hình chăn nuôi gà tre tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Ngọc Trung Hải	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Điều tra tình hình chăn nuôi gà tre tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
1224	Đại học	Khảo sát mật độ vi khuẩn Escherichia coli và sự sinh trưởng ở gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung vitamin C	Nguyễn, Quốc Tú	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát mật độ vi khuẩn Escherichia coli và sự sinh trưởng ở gà nòi Bến Tre được nuôi với khẩu phần có bổ sung vitamin C.
1225	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm acid hữu cơ (Poulacid) bổ sung vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà thịt COBB 500	Huỳnh, Văn Đầy	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của chế phẩm acid hữu cơ (Poulacid) bổ sung vào khẩu phần lên tăng trưởng của gà thịt COBB 500.
1226	Đại học	Khảo sát tình hình vấy nhiễm Escherichia coli sinh bête lactamase phổ rộng trên thân thịt gà tại lò mổ ở địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Bích Hồng	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Khảo sát tình hình vấy nhiễm Escherichia coli sinh bête lactamase phổ rộng trên thân thịt gà tại lò mổ ở địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
1227	Đại học	Tỷ lệ nhiễm vi khuẩn Escherichia coli hiện diện trên mẫu gan, lách và ruột của vịt biểu hiện chứng liệt cổ, liệt cánh, liệt chân tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Nguyễn, Quốc Việt	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Tìm hiểu tỷ lệ nhiễm vi khuẩn Escherichia coli hiện diện trên mẫu gan, lách và ruột của vịt biểu hiện chứng liệt cổ, liệt cánh, liệt chân tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
1228	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm probi P và lactozyme trong khẩu phần lên sinh trưởng của heo con sau cai sữa	Lâm, Trung Hiếu	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm probi P và lactozyme trong khẩu phần lên sinh trưởng của heo con sau cai sữa.
1229	Đại học	Khảo sát bệnh viêm ruột trên chó do Parvovirus tại phòng khám thú y Nam Thủy tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Phạm Diệu Hiền	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát bệnh viêm ruột trên chó do Parvovirus tại phòng khám thú y Nam Thủy tỉnh Đồng Tháp.
1230	Đại học	Ảnh hưởng của khẩu phần lên tỷ lệ tiêu hoá đường chất và Nitơ tích lũy ở gà Ác đẻ trứng	Phạm, Lê Kim Xuân	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng của khẩu phần lên tỷ lệ tiêu hoá đường chất và nitơ tích lũy ở gà Ác đẻ trứng.
1231	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng	Trần, Trung Nhân	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Khảo sát tình hình nhiễm leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng.
1232	Đại học	Khảo sát tỷ lệ bảo hộ trên chó sau tiêm phòng vaccine đại Rabisin tại tỉnh Hậu Giang	Cao, Thanh Tùng	Trần, Ngọc Bích Trần, Phúc Vinh	2018	Khảo sát hiệu quả bảo hộ trên chó sau tiêm phòng vaccine đại Rabisin tại tỉnh Hậu Giang

1233	Đại học	Khảo sát sự lưu hành virus viêm phế quản truyền nhiễm trên gà tại Tp. Cần Thơ và đặc điểm gen N của các chủng virus	Võ, Chí Thiện	Nguyễn, Phúc Khánh Nguyễn, Thị Cẩm Loan	2018	Khảo sát sự lưu hành virus viêm phế quản truyền nhiễm trên gà tại Tp. Cần Thơ và đặc điểm gen N của các chủng virus.
1234	Đại học	Ảnh hưởng của độc tố của vi khuẩn Clostridium botulinum trên vịt	Lê, Hoàng Mến	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Tìm hiểu ảnh hưởng của độc tố của vi khuẩn Clostridium botulinum trên vịt.
1235	Đại học	Khảo sát năng suất sinh sản của dòng heo nái 3 máu trong hệ thống chuồng hờ	Phan, Thị Ngọc Hân	Đỗ, Võ Anh Khoa	2018	Khảo sát năng suất sinh sản của dòng heo nái 3 máu trong hệ thống chuồng hờ.
1236	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm probi P và poulacid trong khẩu phần lên tăng trưởng của heo con sau cai sữa	Nguyễn, Duy Kha	Nguyễn, Thị Thủy	2018	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm probi P và poulacid trong khẩu phần lên tăng trưởng của heo con sau cai sữa.
1237	Đại học	Chất lượng các công thức thức ăn ủ chua cho bò dựa vào nguồn phụ phẩm nông nghiệp	Nguyễn, Công Hữu	Hồ, Thanh Tâm	2018	Chất lượng các công thức thức ăn ủ chua cho bò dựa vào nguồn phụ phẩm nông nghiệp.
1238	Đại học	Phân lập vi khuẩn Escherichia coli, Staphylococcus aureus, Klebsiella pneumonia và Streptococcus agalactiae gây viêm tích mủ tử cung trên chó	Nguyễn, Hoài Nhân	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Phân lập vi khuẩn Escherichia coli, Staphylococcus aureus, Klebsiella pneumonia và Streptococcus agalactiae gây viêm tích mủ tử cung trên chó
1239	Đại học	Phân lập các dòng vi khuẩn có tiềm năng probiotic từ đất trại chăn nuôi và ruột non heo	Nguyễn, Đức Hưng	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập các dòng vi khuẩn có tiềm năng probiotic từ đất trại chăn nuôi và ruột non heo
1240	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung vitamine E kết hợp selenium trong khẩu phần gà trống và tuổi gà mái lên tỷ lệ ấp nở của đàn gà giống bố mẹ ROSS 308	Nguyễn, Thị Anh Đào	Nguyễn, Nhứt Xuân Dung	2018	Ảnh hưởng của bổ sung vitamine E kết hợp selenium trong khẩu phần gà trống và tuổi gà mái lên tỷ lệ ấp nở của đàn gà giống bố mẹ ROSS 301 .
1241	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên heo tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Kiều Trang	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên heo tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
1242	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 7-12 tuần tuổi	Bùi, Văn Minh	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc thay thế thức ăn hỗn hợp bằng bắp ủ men lên sự tăng trưởng của gà Lương Phượng giai đoạn 7-12 tuần tuổi.
1243	Đại học	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh hô hấp trên gà tại Cần Thơ	Nguyễn, Học Sĩ	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Phân lập và tuyển chọn thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh hô hấp trên gà tại Cần Thơ
1244	Đại học	Khảo sát thời gian thu hoạch và mức phân bón thích hợp cho cỏ setaria sphacelata	Thái, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Văn Hớn	2018	Khảo sát thời gian thu hoạch và mức phân bón thích hợp cho cỏ setaria sphacelata.

1245	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn salmonella trên heo và môi trường chăn nuôi tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Ân	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn salmonella trên heo và môi trường chăn nuôi tại thành phố Cần Thơ.
1246	Đại học	So sánh một số chỉ tiêu sinh sản của đực giống GF399 và Duroc chăn nuôi tại trại Phong Điền, Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Hiệp	Phạm, Ngọc Du	2018	So sánh một số chỉ tiêu sinh sản của đực giống GF399 và Duroc chăn nuôi tại trại Phong Điền, Cần Thơ
1247	Đại học	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên thăn lợn, gián ở một số lò giết mổ heo tại tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Hoàng Thiện	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn salmonella trên thăn lợn, gián ở một số lò giết mổ heo tại tỉnh Vĩnh Long.
1248	Đại học	Ảnh hưởng của quy trình nuôi heo nái chữa kỳ II đến năng suất sinh sản của heo nái	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Nguyễn, Minh Thông	2018	Khảo sát ảnh hưởng của quy trình nuôi heo nái chữa kỳ II đến năng suất sinh sản của heo.
1249	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli và Streptococcus spp. trên bò mắc bệnh viêm tử cung tại huyện Châu Thành, Gò Công Tây, Tiền Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Trinh	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli và Streptococcus spp. trên bò mắc bệnh viêm tử cung tại huyện Châu Thành, Gò Công Tây, Tiền Giang.
1250	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia Coli trên vịt tại tỉnh Trà Vinh	Đặng, Phước Long	Hồ, Thị Việt Thu	2018	Khảo sát tình hình bệnh và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia Coli trên vịt tại tỉnh Trà Vinh.
1251	Đại học	Khảo sát bệnh viêm tử cung trên nái sau khi sinh và ảnh hưởng của bệnh trên heo con theo mẹ tại trại chăn nuôi Thanh trí, xã Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Đặng, Lê Vĩnh Khoa	Phạm, Hoàng Dũng	2018	Khảo sát bệnh viêm tử cung trên nái sau khi sinh và ảnh hưởng của bệnh trên heo con theo mẹ tại trại chăn nuôi Thanh trí, xã Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
1252	Đại học	Năng suất và chất lượng cỏ voi (Pennisetum purpureum) sau khi trồng 50 ngày tuổi được bón phân hóa học và hữu cơ	Đoàn, Huỳnh Dự	Nguyễn, Văn Thu	2018	Năng suất và chất lượng cỏ voi (Pennisetum purpureum) sau khi trồng 50 ngày tuổi được bón phân hóa học và hữu cơ.
1253	Đại học	Ảnh hưởng của vị trí chuồng đến lượng ăn vào tại trại bò sữa xã Tu Tra, Đơn Dương, Lâm Đồng	Châu, Văn Đủ	Hồ, Quảng Đồ	2018	Ảnh hưởng của vị trí chuồng đến lượng ăn vào tại trại bò sữa xã Tu Tra, Đơn Dương, Lâm Đồng.
1254	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần ăn lên tăng trưởng của gà đen Indonesia giai đoạn úm	Đỗ, Văn Điền	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào khẩu phần ăn lên tăng trưởng của gà đen Indonesia giai đoạn úm.

1255	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung probac lên khả năng sinh trưởng và hệ số chuyển hóa thức ăn ở gà nòi giai đoạn 35-84 ngày tuổi	Quách, Gia Quý	Đỗ, Võ Anh Khoa	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic lên sự sinh trưởng và một số chiều đo của gà Nòi ở giai đoạn 35-84 ngày tuổi. Thí nghiệm gồm 4NT: NT1 (đối chứng), NT2, NT3, NT4 trên tổng số 95 con gà với mỗi NT đều có bổ sung một lượng probiotic như nhau (trừ NT1), nhưng cho uống khác nhau. Ở NT1 (đối chứng) cho uống nước bình thường, NT2 cho gà uống một ngày trong một tuần, NT3 cho gà uống 2 ngày trong một tuần, NT4 cho gà uống 3 ngày trong một tuần. Kết quả gà ở NT2 sinh trưởng kém hơn gà ở NT1, NT3, NT4 ở một số chỉ tiêu: dài cổ, dài cẳng chân và chu vi đùi. Điều này cho thấy khi bổ sung một liều lượng nhất định probiotic từ 2-3 ngày trong tuần thì giúp gà phát triển tốt hơn, giúp tăng hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi.
1256	Đại học	Ảnh hưởng của biochar trong chất độn chuồng đến năng suất sinh trưởng và thành phần hóa học của rau muống	Huỳnh, Thị Cẩm Tuyên	Nguyễn, Nhật Xuân Dung	2019	Đề tài khảo sát năng suất chất xanh, năng suất protein, hàm lượng dưỡng chất và mức độ nhiễm NO3 trong rau muống trên nền đất có áp dụng biochar trong phân gà so với ure
1257	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công ở tỉnh KG giai đoạn hiện nay	võ, Lý Tịnh	Lê, Duy Sơn	2018	
1258	Đại học	VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	Lê, Nguyễn Yến Nhi	Trần, Văn Hiếu	2018	
1259	Đại học	GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA MINH MỆNH VỀ ĐÀO TẠO, TUYỂN CHỌN VÀ SỬ DỤNG QUAN LẠI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ HIỆN NAY	Nguyễn, Thị Minh Thư	nguyễn, Thị Thúy Lựu	2018	
1260	Đại học	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ NGƯỜI DÂN TỘC KHMER Ở TỈNH HẬU GIANG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Cao, Thị Phương Thảo	Lê, Duy Sơn	2018	
1261	Đại học	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ HIỆN NAY	Nguyễn, Anh Nguyệt	Đinh, Thị Chinh	2018	
1262	Đại học	NÂNG CAO HIỆU QUẢ VAI TRÒ PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẬT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.	Nguyễn, Hạnh Quyền	Lê, Duy Sơn	2018	
1263	Đại học	TÌM HIỂU VỀ VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI TRONG VIỆC KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY (NĂM 2011 ĐẾN NAY)	Trần, Thị Loan	Trần, Văn Hiếu	2018	

1264	Đại học	tư tưởng chính trị của Nguyễn Trãi và giá trị đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam	Trang, Huỳnh Như	nguyễn, Thị Thúy Lựu	2018	
1265	Đại học	NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG CON NGƯỜI CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Hứa, Trung Kiên	Trần, Văn Hiếu	2018	
1266	Đại học	văn hóa chính trị của cán bộ cấp xã ở tỉnh Bạc Liêu hiện nay	Lâm, Hiền Huynh	Phan, Thị Phương Anh	2018	
1267	Đại học	Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang – Thực trạng và giải pháp”	Võ, Thị Mỹ Hoa	Đồng, Thị Kim Xuyên	2018	
1268	Đại học	Phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở Đảng bộ tỉnh Hậu Giang hiện nay	Nguyễn, Thị Loan Anh	Lê, Duy Sơn	2018	
1269	Đại học	Thực hành dân chủ ở nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp	Hồ, Kim Ngân	Phan, Thị Phương Anh	2018	
1270	Đại học	TÌM HIỂU VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VÀ VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ HIỆN NAY	Trương, Thị Thùy Vi	Trần, Hồng Trang	2018	
1271	Đại học	NÂNG CAO VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ HIỆN NAY	lâm, Cà Kèo	Phan, Thị Phương Anh	2018	
1272	Đại học	Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong việc bảo vệ lợi ích của người lao động tại tỉnh KG trong giai đoạn hiện nay.	Mai, Thúy Duy	Lê, Duy Sơn	2018	
1273	Đại học	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN Ở ĐẢNG BỘ XÃ HƯNG THẠNH, HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Lê, Thị Hoa Mai	nguyễn, Thị Thúy Lựu	2018	
1274	Đại học	CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN TRONG ĐỒNG BÀO KHMER Ở HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY	Nguyễn, Thị Phương Dung	Trần, Hồng Trang	2018	
1275	Đại học	NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC VÀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	Trần, Xuân Nữ	Trần, Văn Hiếu	2018	
1276	Đại học	Nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân Tp. Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay - Thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Trường Yên	Phan, Thị Phương Anh	2018	

1277	Đại học	Nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ lãnh đạo ở nước ta giai đoạn hiện nay	Võ, Thị Hương	Lê, Thị Út Thanh	2018	
1278	Đại học	Giá trị tư tưởng chính trị của Lê Thánh Tông trong xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong sạch vững mạnh hiện nay	Dương, Thị Mộng Tiệp	nguyễn, Thị Thúy Lựu	2018	
1279	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trong đồng bào KHMER ở huyện Long Phú, tỉnh ST giai đoạn hiện nay.	Huỳnh, thanh Sang	Trần, Hồng Trang	2018	
1280	Đại học	TÌM HIỂU VỀ CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THỰC TRẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG	Trương, Thị Kiều Tiên	Trần, Văn Hiếu	2018	
1281	Đại học	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP XÃ TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ Ở THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Lê, Thị Bảo An	Lê, Duy Sơn	2018	
1282	Đại học	VĂN HÓA CHÍNH TRỊ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Nguyễn, Thị Mỹ Ngọc	nguyễn, Thị Kim Quế	2018	
1283	Đại học	VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ THAM GIA LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở TỈNH SÓC TRĂNG HIỆN NAY	Mai, Thị Tố Quyên	Lê, Duy Sơn	2018	
1284	Đại học	Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong hệ thống chính trị huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giai đoạn hiện nay	Ngô, Thị Có	Phan, Thị Phương Anh	2018	
1285	Đại học	TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở TỈNH VĨNH LONG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Nguyễn, Hải Hoài Như	nguyễn, Thị Kim Quế	2018	
1286	Đại học	NGHIÊN CỨU NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở NƯỚC TA	Nguyễn, Thị Thủy Tiên	Trần, Văn Hiếu	2018	
1287	Đại học	Tăng cường công tác dân vận vùng biên giới tỉnh AG trong tình hình mới	Phan, Thị Ngọc Trang	Nguyễn, Thị Kim Quế	2018	

1288	Đại học	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ VIỆC VẬN DỤNG Ở BẠC LIÊU GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	Tô, Châu Đoan	Lê, Thị Út Thanh	2018	
1289	Đại học	XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC KHMER Ở HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	Phạm, Trung Toàn	Đinh, Thị Chinh	2018	
1290	Đại học	Tìm hiểu về mặt trận tổ quốc Việt Nam TPCT trong việc tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân trên địa bàn giai đoạn hiện nay.	Trần, Minh Nhật	Trần, Văn Hiếu	2018	
1291	Đại học	THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY (KHẢO SÁT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SONG LỘC, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	Nguyễn, Thị Ngọc Thảo	Phan, Thị Phương Anh	2018	
1292	Đại học	TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG TRONG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC Ở NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY	Phạm, Nguyễn Tường Duy	Trần, Văn Hiếu	2018	
1293	Đại học	PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG TRONG THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ HIỆN NAY	Thạch, Thị Ánh Sáng	Trần, Hồng Trang	2018	
1294	Đại học	CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHÓT CẤP CƠ SỞ HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	Trần, Thị Kim Thuyền	Đồng, Thị Kim Xuyên	2018	
1295	Đại học	Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính trị tỉnh Vĩnh Long trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Võ, Hoàng Nhựt	Trần, Văn Hiếu	2018	Nghiên cứu thực tiễn về vấn đề cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở tỉnh Vĩnh Long thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính trị tỉnh Vĩnh Long thời gian tới, có trình độ chuyên môn, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý. Với những nội dung chính như sau:

1296	Đại học	Nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh HG trong điều kiện cầm quyền hiện nay	Huỳnh, Thị Bích Ngân	Trần, Văn Hiếu	2018	Luận văn gồm 3 phần: Mở đầu: trình bày lí do chọn đề tài để xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu Nội dung gồm 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận về năng lực lãnh đạo của Đảng trong điều kiện cầm quyền Gồm có các khái niệm cơ bản và vai trò của Đảng cầm quyền. Chương 2: Thực trạng năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hậu Giang trong điều kiện cầm quyền hiện nay Giới thiệu khái quát về Đảng bộ tỉnh Hậu Giang. Trình bày thực trạng gồm: thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của nó. Từ đó, đặt ra một số vấn đề và rút ra bài học kinh nghiệm. Chương 3: Một số giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hậu Giang trong điều kiện cầm quyền Gồm 5 giải pháp trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh... Kết luận: tổng kết lại những thành tựu và hạn chế của tỉnh. Khẳng định vai trò cầm quyền của Đảng và đánh giá tiềm năng phát triển của toàn tỉnh Hậu Giang
1297	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công đối với hộ nghèo TPCT giai đoạn hiện nay	Bùi, Thị Khánh Vân	Lê, Duy Sơn	2019	Nghiên cứu thực tiễn về vấn đề nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công đối với hộ nghèo tại thành phố Cần Thơ hiện nay (giai đoạn 2006 - 2019). Từ đó đề ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công đối với hộ nghèo ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Góp phần khắc phục có hiệu quả tình trạng phân hóa giàu nghèo trong quá trình vận động của cơ chế thị trường. Bên cạnh, giúp hộ nghèo có cuộc sống ấm no, văn minh hơn.
1298	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh ST giai đoạn hiện nay	Bùi, Thị Bé Ái	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Nghiên cứu thực tiễn về vấn đề thực hiện chính sách công đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Từ đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tìm hiểu nguyên nhân và những vấn đề đặt ra mang tính định hướng, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách công đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới Ở chương I tác giả đã nêu lên các mục chính nhằm giải thích về tầm quan trọng của chính sách công đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đây là chương cơ sở và tiền đề lý luận chung để tác giả phân tích làm rõ ở chương II là thực trạng nâng cao việc thực hiện chính sách công đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Sóc Trăng hiện nay. Trên cơ sở nội dung lý luận chung tác giả đã sử dụng lý luận ấy làm cho nội dung của chương II được xoay sâu vào thực trạng, từ đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp ở chương III để hoàn thành bài nghiên cứu của mình.
1299	Đại học	Công tác cải cách hành chính ở tỉnh Hg hiện nay - thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Thị Diễm Sương	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Luận văn gồm 3 phần mở đầu, nội dung và kết luận. Riêng phần nội dung gồm 3 phần chính: thứ nhất là làm rõ cơ sở lý luận về cải cách hành chính nhà nước; thứ hai là trình bày khái quát về tỉnh Hậu Giang cũng như tổng kết công tác cải cách hành chính ở tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn 2011-2018; thứ ba là đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính ở tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới. Ngoài ra luận văn còn có thêm phần tài liệu tham khảo và phụ lục.

1300	Đại học	Nghiên cứu về sự lãnh đạo của đảng đối với công tác cán bộ người dân tộc KHMER qua thực tế huyện Tri Tôn, tỉnh AG	Chau, Vuth Tha	Trần, Văn Hiếu	2019	Với mục tiêu tìm hiểu về chủ trương, quan điểm, chính sách, đường lối của Đảng ta về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số. Luận văn đã nghiên cứu thực tiễn về sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang trong công tác cán bộ người dân tộc Khmer thời gian qua. Từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao hơn nữa công tác cán bộ người dân tộc Khmer để đáp ứng kịp thời yêu cầu của địa phương trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế./.
1301	Đại học	Công tác XD đội ngũ cán bộ huyện Thới Lai. TPCT hiện nay - thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Sang Đông	Nguyễn, Thị Thúy Lưu	2019	Với mục tiêu tìm hiểu nhận định và vận dụng các cơ sở lý luận chung của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác xây dựng cán bộ, từ đó làm cơ sở, làm nền tảng lý luận cho công tác xây dựng đội ngũ cán bộ huyện Thới Lai. Luận văn cơ bản đã đạt được những nhiệm vụ đề ra. Luận văn đã nghiên cứu, đánh giá và phân tích thực trạng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ hiện nay. Từ những thực trạng như vậy, tác giả đã đề xuất những giải pháp nhằm đóng góp nâng cao công tác xây dựng đội ngũ cán bộ huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Tác giả luận văn mong rằng những giải pháp đề xuất trên sẽ đóng góp một phần nào đó vào công tác xây dựng đội ngũ cán bộ để huyện Thới Lai có đội ngũ cán bộ ngày càng chất lượng và phát triển./.
1302	Đại học	Công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng các cấp ở đảng bộ tỉnh VL hiện nay thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Minh Khoa	Lê, Duy Sơn	2019	Trong nội dung chương thứ nhất, luận văn tập trung đi vào tìm hiểu nhận thức chung về tổ chức, tổ chức đảng, hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, về công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng các cấp. Trong nội dung chương thứ hai, tác giả đã tập trung phân tích đánh giá thực trạng công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng ở tỉnh Vĩnh Long trong những năm vừa qua. Trong nội dung chương thứ ba tác giả đã đề ra năm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng các cấp ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.
1303	Đại học	Phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động ở đảng bộ tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay	Đỗ, Công Lĩnh	Lê, Duy Sơn	2019	Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc được kế thừa từ chủ nghĩa V.I. Lênin được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển cho phù hợp với tình hình thực tiễn của nước ta và trở thành nguyên tắc sinh của Đảng kể từ khi thành lập đảng Đảng Cộng sản Việt nam cho đến ngày nay, trong những năm qua công tác thực hiện nguyên tắc này ở nước ta nói chung và Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu nói riêng đã đạt được những bước tiến quan trọng tạo cho đất nước những thay đổi về thể và lực mới. Tuy nhiên việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi vẫn còn nhiều vi phạm; tệ quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, cửa quyền, tham nhũng xảy ra ở nhiều nơi ta cần được đẩy lùi, ngăn chặn. Cần làm tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ta cần thực hiện một số giải pháp xứng với tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi địa phương trong đó có Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu

1304	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban dân tộc tỉnh ST trong công tác dân tộc ở địa phương giai đoạn hiện nay	Dương, Thị Bích Nhan	Lê, Thị Út Thanh	2019	Ở nội dung thứ nhất, luận văn tập trung đi vào tìm hiểu khái niệm dân tộc, công tác dân tộc; quan điểm của Đảng, Nhà nước về dân tộc và công tác dân tộc; nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc trong thực hiện công tác dân tộc ở nước ta Trong nội dung chương thứ hai của luận văn, trước tiên là tác giả khái quát về các dân tộc và Ban Dân tộc ở Sóc Trăng; từ đó nêu lên thành tựu và ý nghĩa của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng trong thực hiện công tác dân tộc ở địa phương (giai đoạn 2013 – nay), đồng thời chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của nó Trong nội dung chương thứ ba, luận văn đã chỉ ra nhiệm vụ và đề xuất một số giải pháp, bao gồm năm nhiệm vụ trọng tâm và bốn nhóm giải pháp, để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng đối với công tác dân tộc trong thời gian tới.
1305	Đại học	Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản và tác động đến VN	Nguyễn, Thế Huy	Nguyễn, Thị Thúy Lưu	2019	Trong tình hình thế giới đang có sự chuyển biến lớn làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của mình Nhật Bản bắt đầu theo đuổi một chính sách đối ngoại cứng rắn hơn dưới thời của Thủ tướng Shinzo Abe. Đề tài “Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản và tác động đến Việt Nam” gồm 3 chương và 13 tiết.
1306	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban dân tộc tỉnh ST trong công tác dân tộc ở địa phương giai đoạn hiện nay	Dương, Thị Bích Nhan	Lê, Thị Út Thanh	2019	Ở nội dung thứ nhất, luận văn tập trung đi vào tìm hiểu khái niệm dân tộc, công tác dân tộc; quan điểm của Đảng, Nhà nước về dân tộc và công tác dân tộc; nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc trong thực hiện công tác dân tộc ở nước ta Trong nội dung chương thứ hai của luận văn, trước tiên là tác giả khái quát về các dân tộc và Ban Dân tộc ở Sóc Trăng; từ đó nêu lên thành tựu và ý nghĩa của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng trong thực hiện công tác dân tộc ở địa phương (giai đoạn 2013 – nay), đồng thời chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của nó Trong nội dung chương thứ ba, luận văn đã chỉ ra nhiệm vụ và đề xuất một số giải pháp, bao gồm năm nhiệm vụ trọng tâm và bốn nhóm giải pháp, để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng đối với công tác dân tộc trong thời gian tới.
1307	Đại học	TT thống nhất đất nước của Minh Mệnh và sự vận dụng của ĐCSVN	Huỳnh, Bội Hân	Lê, Thị Út Thanh	2019	Ở nội dung chương thứ nhất, luận văn tập trung đi vào tìm hiểu cơ sở hình thành tư tưởng thống nhất đất nước của Minh Mệnh; những nội dung của tư tưởng thống nhất đất nước của Minh Mệnh; ý nghĩa của tư tưởng thống nhất đất nước của Minh Mệnh. Ở nội dung chương hai của luận văn, trước hết tác giả nêu lên những quan điểm của Đảng về vấn đề thống nhất đất nước; yêu cầu đặt ra và thực tiễn đấu tranh khắng định chủ quyền, thống nhất đất nước của Đảng từ năm 1930 đến nay; từ đó đưa ra kết luận và bài học kinh nghiệm về vấn đề thống nhất đất nước. Cu ối cùng là i cùng là i cùng là i cùng là ph ần k n kết lu t lu ận, trong ph n, trong ph n, trong ph n, trong ph ần này tác gi n này tác gi n này tác gin này tác gin này tác gi n này tác gi ả sẽ khái quát l khái quát l khái quát lại t i tất c t cả nh ững n ng nội dung đã trình i dung đã trình i dung đã trình bày trong lu bày trong lubày trong lubày trong lu bày trong luận văn.

1308	Đại học	nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính ở tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay	Ngô, Ái Mụi	Trần, Hồng Trang	2019	Trong quá trình hoạt động quản lý nhà nước thì thủ tục hành chính đóng vai trò hết sức quan trọng. Đối với người dân thủ tục hành chính cũng đóng góp một vai trò hết sức quan trọng, thủ tục hành chính góp phần cho người dân bảo vệ và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Một trong những biện pháp để nhằm cải cách thủ tục hành chính là áp dụng công nghệ thông tin vào thực hiện thủ tục hành chính vừa là một giải pháp đồng thời là một mục tiêu hướng đến trong cải cách hành chính. Đề tài gồm 3 chương và 6 tiết.
1309	Đại học	Đảng bộ tỉnh ĐT với công tác cán bộ nữ trong giai đoạn hiện nay	Lư, Huỳnh Thảo	Trần, Văn Hiếu	2019	Trong những năm qua, công tác cán bộ nữ của tỉnh luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm, nhờ đó, đội ngũ cán bộ nữ không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, việc xây dựng đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý vẫn là nỗi trăn trở lớn của lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp cũng đang dần đẩy mạnh bước tiến cải thiện đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ nữ, nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ và cán bộ trẻ. Tuy vậy, trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình phụ nữ và công tác phụ nữ còn nhiều mặt hạn chế, đồng thời lại có những vấn đề mới đặt ra với nhiều thách thức.
1310	Đại học	Công tác phát triển đảng viên trong thanh niên trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh HG trong giai đoạn hiện nay	Dương, Ngọc Phụng	Đinh, Thị Chinh	2019	Với mục tiêu nghiên cứu, khái quát những nhận thức chung về công tác phát triển đảng viên trong thanh niên huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích thực trạng, làm rõ những thành tựu và hạn chế của văn hóa chính trị Việt Nam trong thời gian qua. Đồng thời đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển công tác phát triển đảng viên trong thanh niên huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới. Luận văn nhấn mạnh vào thực trạng về công tác phát triển đảng viên trong thanh niên huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang và những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển đảng viên trong thanh niên huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.
1311	Đại học	Giá trị TTHCM về con người đối với sự nghiệp XD con người VN thời kỳ CNH-HĐH đất nước.	Lê, Phước Thuận	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Với mục đích nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người đối với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Luận văn đã cơ bản giải quyết được những nhiệm vụ đặt ra và đi sâu phát triển đề tài. Luận văn đã nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích những cơ sở ảnh hưởng đến quá trình hình thành tư tưởng về con người của Hồ Chí Minh đến những ảnh hưởng của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người đối với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và những giá trị có ảnh hưởng đối với việc xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ này. Luận văn nhấn mạnh vào giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh về con người đối với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, nhất là thấy được những giá trị mà Hồ Chí Minh đã để lại có ảnh hưởng lớn đến xây dựng hoàn thiện con người Việt Nam trong thời kỳ này.

1312	Đại học	Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt về thực thi công vụ ở tỉnh ST trong giai đoạn hiện nay	Lê, Thanh Thiện	Lê, Duy Sơn	2019	Trong nội dung chương thứ nhất, luận văn tập trung đi vào tìm hiểu nhân thức về cán bộ chủ chốt và năng lực thực thi công vụ của cán bộ chủ chốt. Trong nội dung chương thứ hai, tác giả đã tập trung phân tích đánh giá thực trạng và rút ra những thành tựu và hạn chế về năng lực thực thi công vụ ở đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua và những nguyên nhân dẫn đến những thành tựu và hạn chế đó. Trong nội dung chương thứ ba, tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ chủ chốt tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1313	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của mặt trận tổ quốc VN TPCT trong vùng đồng bào tôn giáo hiện nay	Lâm, Bảo Giang	Trần, Hồng Trang	2019	Hiện nay, trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng, những chuyển biến tích cực và tiêu cực của đời sống quốc tế đã tác động về nhiều mặt đến đời sống nhân dân. Trên phương diện của đời sống tôn giáo là một vấn đề tế nhị, phức tạp, lại mang tính quốc tế hóa cao, vì vậy cũng đặt ra cho Đảng, Nhà nước ta phải có những chủ trương, đường lối, chính sách phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế toàn diện. Chính vì vậy, công tác dân vận trong vùng đồng bào tôn giáo rất quan trọng. Đặc biệt và công tác dân vận của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Để góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thật sự đi vào đời sống đồng bào các tôn giáo. Từ đó, góp phần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho đồng bào tôn giáo nhận rõ những hoạt động lợi dụng tôn giáo của các phần tử xấu và những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Qua đó, giúp đồng bào tôn giáo xây dựng được ý thức tự giác đấu tranh, không bị kẻ xấu lợi dụng kích động, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự.
1314	Đại học	nâng cao hiệu quả công tác giám sát của hội đồng nhân dân đối với cơ quan hành chính tỉnh Cà Mau giai đoạn hiện nay	Lê, Công Lực	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài " Nâng Cao Hiệu Quả Công Tác Giám Sát Của Hội Đồng Nhân Dân Đối Với Cơ Quan Hành Chính Tỉnh Cà Mau Giai Đoạn Hiện Nay " với mục đích là tìm hiểu, một số vấn đề lý luận công tác giám sát và hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân đối với cơ quan hành chính cấp tỉnh. Tìm hiểu thực trạng hoạt động bao gồm những thành tựu và hạn chế trong công tác giám sát của Hội đồng Nhân dân đối với cơ quan hành chính ở tỉnh Cà Mau. Trong chương 1, tác giả đã làm rõ một số vấn đề lý luận. Ở Chương hai, tác giả nghiên cứu về thực trạng công tác công tác giám sát của Hội đồng Nhân dân đối với cơ quan hành chính tỉnh cà mau với thành tựu và hạn chế đồng thời tìm ra nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó. Chương 3, tác giả đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát của Hội đồng Nhân dân đối với cơ quan hành chính tỉnh cà mau trong thời gian tới.

1315	Đại học	Tìm hiểu nội dung dân chủ trong TT chính trị của Phan Chu Trinh đối với VN giai đoạn hiện nay.	Bùi, Thị Huyền Trân	Lê, Duy Sơn	2019	Đề tài nghiên cứu “Tìm hiểu nội dung tọi tởng trong tọi tởng chính trị của Phan Chu Trinh đối với Việt Nam giai đoạn hiện nay” bao gồm 03 chương và 07 tiết. Trong chương 1, tác giả khái quát về Phan Chu Trinh và làm rõ những điều kiện, tiền đề hình thành nội dung dân chủ trong tư tưởng chính trị của Phan Chu Trinh. Thứ nhất là khái quát về thân thế và sự nghiệp của Phan Chu Trinh. Thứ hai là tìm hiểu về điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX để hình thành nên nội dung dân chủ của Phan Chu Trinh. Thứ ba là những tiền đề hình thành nên nội dung dân chủ của Phan Chu Trinh. Trong chương 2, tác giả đi sâu vào nghiên cứu nội dung dân chủ trong tư tưởng chính trị của Phan Chu Trinh. Thứ nhất tìm hiểu quá trình chuyển sang lập trường dân chủ tư sản của Phan Chu Trinh. Thứ hai nghiên cứu những nội dung dân chủ trong tư tưởng chính trị của Phan Chu Trinh. Trên cơ sở đó, trong chương 3, tác giả đánh giá, kế thừa những giá trị - tích cực và khắc phục những hạn chế trong tư tưởng dân chủ của Phan Chu Trinh đối với Việt Nam hiện nay.
1316	Đại học	Nghiên cứu thực trạng công tác xét xử của tòa án nhân dân huyện Tam Bình - tỉnh VL	Phạm, Thị Quế Trân	Trần, Văn Hiếu	2019	Mục đích chủ yếu của đề tài là nghiên cứu thực trạng công tác xét xử của Tòa án Nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long hiện nay, những thành tựu, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân. Từ đó, đề xuất những phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử của Tòa án Nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.
1317	Đại học	Phát huy vai trò của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị giai đoạn hiện nay	Võ, Thị Nhiều	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Trong nội dung chương thứ nhất, tác giả nghiên cứu về cơ sở lý luận về cán bộ nữ và vai trò của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay. Trong nội dung chương thứ hai, tác giả đánh giá thực trạng với những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và nhận định những vấn đề đặt ra trong việc phát huy vai trò của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay. Trong nội dung chương thứ ba, tác giả đề xuất sáu giải pháp nhằm góp phần phát huy vai trò của cán bộ nữ trong hệ thống chính trị ở Việt Nam thời gian tới.
1318	Đại học	XD đội ngũ CB là người KHMER ở tỉnh Mỹ Tú tỉnh ST - thực trạng và giải pháp	Dương, Thị Kim Sang	Đinh, Thị Chinh	2019	Đề tài “Xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng – Thực trạng và giải pháp” với mục đích làm rõ một số vấn đề về cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, tiềm hiểu quan điểm Mác-Leenin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về cán bộ nói chung và xây dựng đội ngũ dân tộc thiểu số nói riêng, cũng như tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer. Đồng, thời tác giả đã nghiên cứu những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu hạn chế trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ là người khmer ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian vừa qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ là người khmer ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới. Hy vọng với những giải pháp đó thì công tác xây dựng đội ngũ cán bộ là người khmer ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian đó đạt được nhiều kết quả cao hơn.

1319	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Trà Vinh hiện nay	Đoàn, Minh Phát	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “Nâng cao hiệu quả thực hiện công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Tr Vinh giai đoạn hiện nay” nhằm mục đích chủ yếu là làm rõ một số vấn đề lý luận v công tác tuyên truyền và tuyên truyền miệng. Tìm hiểu những kết quả đạt được, hạn chế, cũng như nguyên nhân kết quả và nguyên nhân hạn chế trong công tác tuyên truyền miệng của tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Trà Vin trong thời gian tới. Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương và 6 tiết. Trong chương 1, tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận về công tác tuyên truyền và tuyên truyền miệng; Chương 2, tác giả đã nghiên cứu về thực trạng công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Trà Vinh: Một là, trình bày đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội và tình hình báo cáo về của tỉnh Trà Vinh. Hai là, trình bày những thành tựu và hạn chế, cũng như nguyên nhân thành tựu và nguyên nhân hạn chế trong công tác tuyên truyền miệng ở địa phương này; Chương 3: Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua, tác giả đã đề xuất 4 phương hướng và 1 giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng ở tỉnh Tr Vinh trong thời gian tới.
1320	Đại học	Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong thanh niên của đảng bộ huyện Trà Ôn, tỉnh VL giai đoạn hiện nay.	Huỳnh, Thanh Đạm	Đinh, Thị Chinh	2019	Phát triển đảng viên để không ngừng bổ sung những người ưu tú, trẻ trung, giàu nhiệt huyết trong phong trào quần chúng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển liên tục của Đảng là một yêu cầu khách quan có tính quy luật trong quá trình hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Công tác phát triển đảng viên trong thanh niên có vai trò quan trọng không chỉ đối với vấn đề xây dựng tổ chức Đảng, mà còn góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Với đề tài “Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn hiện nay” để làm luận văn tốt nghiệp của mình. Tác giả đã phân tích làm rõ cơ sở lý luận về công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên, từ đó nêu lên thực trạng công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, để khắc phục những hạn chế tác giả đã đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thời gian tới. Với những giải pháp cụ thể tin rằng trong thời gian tới công tác phát triển đảng viên trong thanh niên ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long sẽ ngày càng phát triển hơn.

1321	Đại học	Thực hiện quy chế dân chủ ở cấp cơ sở trên địa bàn quận Thốt Nốt TPCT hiện nay	Lê, Thị Kim Anh	Đinh, Thị Chinh	2019	Thực hiện dân chủ ở cấp cơ sở là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện cơ chế nhân dân làm chủ xã hội trong công cuộc đổi mới của Việt Nam. Bởi vậy, Đảng ta rất quan tâm đến việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở trên địa bàn quận Thốt Nốt còn nhiều bất cập. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài “Thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở trên địa bàn quận Thốt Nốt thành phố Cần Thơ hiện nay” làm luận văn tốt nghiệp đại học. Trong nội dung của luận văn, trước hết tác giả làm rõ một cách khái quát về dân chủ và việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích thực trạng của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở trên địa bàn quận Thốt Nốt thành phố Cần Thơ trong thời gian qua. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn nữa Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở trên địa bàn quận Thốt Nốt thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Tin rằng với sự phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp sẽ góp phần vào việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cấp cơ sở nhằm tác động tích cực đến các lĩnh vực đời sống xã hội, thúc đẩy quá trình đổi mới đất nước nói chung và sự phát triển của quận Thốt Nốt nói riêng.
1322	Đại học	Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng ở SINGAPORE và việc vận dụng phòng, chống tham nhũng ở VN hiện nay.	Nguyễn, Thị Hồng Xuyên	Trần, Văn Hiếu	2019	Với mục tiêu tìm hiểu về Kinh nghiệm phòng chống tham nhũng ở Singapore qua đó rút ra được bài học kinh nghiệm cho việc vận dụng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay. Luận văn đã cơ bản đạt được những nhiệm vụ đã đề ra. Luận văn nhất mạnh vấn đề tham nhũng là một thách thức sống còn vì vậy nghiên cứu tìm hiểu về chính sách phòng chống tham nhũng khá thành công của Singapore sẽ góp những kinh nghiệm quý báu trong việc tìm ra “lời giải” cho công cuộc chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.
1323	Đại học	TT thân dân của Trần Quốc Tuấn và giá trị đối với việc XD đội ngũ CB, đảng viên ở VN hiện nay	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Tác giả nghiên cứu về tư tưởng thân dân của Trần Quốc Tuấn và giá trị của tư tưởng thân dân đối với việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Việt Nam hiện nay. Với mong muốn góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đưa đất nước tiến lên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển.
1324	Đại học	Nghiên cứu sự lãnh đạo của đảng đổi mới với công tác cán bộ qua thực tiễn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Yến Phương	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ ở tỉnh Vĩnh Long thời gian qua, từ đó đề ra những giải pháp bồi dưỡng, nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay. Với những nội dung chính như sau: thứ nhất, nghiên cứu về một số vấn đề lý luận về cán bộ và công tác cán bộ; thứ hai, nghiên cứu thực trạng sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long đối với công tác cán bộ thời gian qua; cuối cùng là đề ra những giải pháp để nâng cao sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ tỉnh Vĩnh Long.

1325	Đại học	Nâng cao vai trò của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở tỉnh KG hiện nay	Nguyễn, Thị Tiền	Đinh, Thị Chinh	2019	Luận văn tốt nghiệp với đề tài “ Nâng cao vai trò của Hội Nông Dân trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở tỉnh Kiên Giang”. Ngoài phần mở đầu, nội dung của luận văn gồm 3 chương trong đó chương 1 là một số vấn đề lý luận của Hội Nông Dân trong hệ thống chính trị. Chương 2 là vai trò Hội Nông Dân trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở tỉnh Kiên Giang. Chương 3 tác giả đề xuất năm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Hội Nông Dân tỉnh Kiên Giang trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian tới.
1326	Đại học	Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở tỉnh KG	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn với đề tài “Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở tỉnh Kiên Giang” nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng nói chung dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Thời gian qua việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở tỉnh Kiên Giang vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được khắc phục kịp thời. Chính vì thế, luận văn này tác giả đã kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.
1327	Đại học	Phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động TPCT giai đoạn hiện nay	Phạm, Thị Kiều My	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Luận văn gồm có 03 chương. Chương 01, cơ sở lý luận, nêu lên các khái niệm, quyền và nghĩa vụ của người lao động; khái niệm về tổ chức công đoàn và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng về tổ chức công đoàn. Chương 02, thực tiễn vai trò của tổ chức công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013 – 2018. Gồm thành tựu đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Chương 03, một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động tại thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Ngoài nội dung chính, luận văn còn có phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục góp phần làm rõ thêm đề tài.
1328	Đại học	Vai trò của báo chí đối với hoạt động thông tin trong hệ thống chính trị nước ta hiện nay	Quách, Chí Bằng	Lê, Thị Út Thanh	2019	Đề tài tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của báo chí đối với hệ thống chính trị Việt Nam từ năm 2016 cho đến nay. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đã nghiên cứu, đề tài còn đề xuất thêm một số giải pháp tối ưu nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy nâng cao hiệu quả vai trò của báo chí đối với hoạt động thông tin trong hệ thống chính trị Việt Nam trong thời gian sắp tới. Đề tài nghiên cứu này sẽ cung cấp cho các bạn một số nội dung kiến thức quan trọng, có thể làm tài liệu tham khảo khi các bạn nghiên cứu về báo chí, truyền thông, xã hội học, chính trị học

1329	Đại học	Thực trạng công tác phát triển đảng đối với người KHMER tỉnh ST	Quách, Phạm Phương Trang	Trần, Văn Hiếu	2019	Với mục tiêu tìm hiểu về Thực trạng công tác phát triển Đảng đối với người Khmer tỉnh Sóc Trăng qua đó nắm bắt được tình hình công tác phát triển Đảng và đưa ra những phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng. Luận văn về cơ bản đã đáp ứng được những nhiệm vụ đã đặt ra. Luận văn đã nghiên cứu những quan điểm cơ bản của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác phát triển Đảng người dân tộc. Từ đó đưa vào nghiên cứu, phân tích thực trạng công tác phát triển Đảng đối với người Khmer tỉnh Sóc Trăng rút ra những kinh nghiệm và đưa ra giải pháp hợp lý.
1330	Đại học	Chính sách hướng đông của Ấn độ và tác động đến VN	Thái, Nguyễn Diễm Trinh	Nguyễn, Thị Thúy Lưu	2019	Ở phần nội dung chương thứ nhất, tác giả trình bày về cơ sở hình thành “Chính sách hướng Đông” của Ấn Độ, thông qua việc khái quát về thuật ngữ “Chính sách hướng Đông”, đồng thời nêu lên những diễn biến của tình hình quốc tế khu vực và trong nước dẫn đến sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trong nội dung chương hai, tác giả trình bày về các mục tiêu chủ yếu trong “Chính sách hướng Đông” của Ấn Độ, đồng thời cũng nêu lên phạm vi và các giai đoạn phát triển của “Chính sách hướng Đông” và các lĩnh vực triển khai của chính sách bao gồm chính trị - ngoại giao, an ninh quân sự, kinh tế và vấn đề về Biển Đông đây được xem như là một trong những vấn đề nổi bật. Trong nội dung chương ba, tác giả làm rõ những tác động của “Chính sách hướng Đông” đến Việt Nam bao gồm những tác động tích cực và tác động tiêu cực.
1331	Đại học	Thực trạng cải cách hành chính ở huyện An Minh, tỉnh KG	Tô, Thị Diệu Hiền	Trần, Văn Hiếu	2019	Đề tài “Thực trạng cải cách hành chính ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang” với mục đích tìm hiểu và đánh giá đúng thực trạng cải cách hành chính ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trong thời gian qua. Từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực thực hiện công tác cải cách hành chính ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang ngày càng tinh gọn, đơn giản, hiệu quả và vững mạnh hơn, tạo nền tảng cho sự phát triển nền hành chính của tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới. Luận văn gồm có 3 chương, 7 tiết.
1332	Đại học	Tác động của truyền thông đại chúng đến ý thức chính trị của thanh niên VN hiện nay- thực trạng và giải pháp	Trần, Khánh Linh	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn gồm 3 phần chính: Mở đầu, nội dung và kết luận. Riêng phần nội dung: Gồm có 3 chương. Chương 1 tác giả tập chung nghiên cứu về một số vấn đề lý luận về truyền thông đại chúng và ý thức chính trị. Chương 2 tác giả đi phân tích thực trạng truyền thông đại chúng tác động đến ý thức chính trị của thanh niên việt nam hiện nay. Chương 3: tác giả đã đưa ra một số giải pháp mang tính định hướng nhằm nâng cao hiệu quả tác động của truyền thông đại chúng đến ý thức chính trị cho thanh niên. Cuối cùng là phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

1333	Đại học	Nghiên cứu về vai trò của hội đồng nhân dân trong việc kiểm soát quyền lực qua thực tiễn tỉnh HG	Trần, Lê Nghĩa	Trần, Văn Hiếu	2019	Ở nước ta trong những năm qua cùng với quá trình đổi mới, hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Hội Đồng Nhân Dân ngày càng thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Luận văn này làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của Hội đồng nhân dân trong việc kiểm soát quyền lực chính trị ở tỉnh Hậu Giang hiện nay. Những mặt được và chưa được, trên cơ sở đó đề xuất các phương hướng và giải pháp để nâng cao hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thực sự là cơ quan kiểm soát quyền lực cao nhất ở địa phương.
1334	Đại học	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu - thực trạng và giải pháp	Trần, Lộc	Lê, Thị Út Thanh	2019	Ở nội dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th i dung chương th ú nh ất, lu t, lut, lu ận vắn t n vắn t n vắn t n vắn t ập trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi p trung đi vào tìm hi ều khái nikhá ni khái ni ệm dân dân dân ch ủ và bvà b và bản ch n ch ắt c t của các n a các n a các nền dân ch dân ch ủ; quan đi ; quan đi ; quan đi ểm cm cm của Đ a Đ áng Cng Cng Cng Cộng sng sng sng sản Vi n Vi ệt Nam v t Nam v t Nam vt Nam vt Nam về dân dân dân ch ủ và svà s và sự cần thi n thi ết c t của vi a via việc th c th ực hi c hi ện dân ch n dân ch n dân ch ủ ở cơ s cơ s cơ s ở; n ; nội dung Quy ch i dung Quy ch i dung Quy chi dung Quy ch i dung Quy ch ế dân ch dân ch ủ ở cơ s cơ s cơ s ở ở nur óc ta hi c ta hi c ta hic ta hi ện nay n nay . Tron g ng ng nội dung i dung i dung chương th chương th chương th chương th chương th ú hai của lu a lu ận vắn, trư n vắn, trư n vắn, trư n vắn, trư n vắn, trư óc tiên là c tiên là c tiên là c tiên là tác gi tác gitác giả kháỉ quát chung vkháỉ quát chung v kháỉ quát chung v kháỉ quát chung v kháỉ quát chung vkháỉ quát chung về huy ệן Đông H n Đông H n Đông H n Đông H n Đông H ải, t i, ti, tỉnh B nh Bạc Liêu; t c Liêu; tc Liêu; t c Liêu; từ đó đi đ đó đi đ đó đi đ đến phân tích k n phân tích k n phân tích k n phân tích kết qu ả vi ệc th c th ực hi c hi ện Quy ch n Quy ch n Quy ch ế dân ch dân ch ủ cơ s cơ s cơ s ở tại huy i huy ệן Đông H n Đông H n Đông H n Đông H ải, t i, ti, tỉnh B nh Bạc Liêu c Liềuc Liêu (giai (giai (giai (giai đo ạn 2010 n 2010 – nay); từ đó rút ra nh rút ra nh rút ra nh ứng bài h ng bài hng bài h ng bài học kinh nghi c kinh nghic kinh nghi c kinh nghic kinh nghic kinh nghi ệm. Trong n Trong nTrong nTrong nội dung i dung i dung chương chương chương chương chương th ú ba, tác gi tác gitác gitác giả lu ận vắn đ n vắn đ n vắn đ n vắn đ ề xu ấţ nh ũng phươg hư phươg hư phươg hư phươg hư óng và ng vàng vàng và gi ải pháp i pháp để nâng cao hi nâng cao hinâng cao hi nâng cao hi ệu qu ả th ực hi c hi ện Quy ch n Quy ch n Quy ch ế dân ch dân ch ủ ở cơ s cơ s cơ s ở tại huy i huy ệן Đông H n Đông H n Đông H n Đông H ải, t i, ti, tỉnh B nh Bạc Liêu trong th c Liêu trong thc Liêu trong th c Liêu trong th c Liêu trong thc Liêu trong thc Liêu trong th ời gian tgian t gian tới.

1335	Đại học	Đảng bộ huyện Mỹ Tú, tỉnh ST lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay	Trần, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Luận văn tốt nghiệp với đề tài “Đảng bộ Huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay”. Chương 1 là làm rõ những vấn đề chung về phát triển kinh tế - xã hội. Chương 2 là làm rõ thực trạng lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay. Chương 3 đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1336	Đại học	Công táatascXD đội ngũ đảng viên của đảng bộ thị xã Ngã Năm tỉnh ST giai đoạn hiện nay - thực trạng và giải pháp	Võ, Thanh Ngân	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu lý luận về đảng viên và công tác xây dựng đội ngũ đảng viên dựa trên quan điểm của C.Mác, Ăngghen, Lênin kết hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực tiễn về vấn đề xây dựng đội ngũ đảng viên ở thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng hiện nay (giai đoạn 2010-2018). Tìm hiểu những chủ trương và những thành tựu và những hạn chế của Đảng bộ Thị xã Ngã Năm. Từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao công tác xây dựng đội ngũ đảng viên thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới, có trình độ chuyên môn, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, có năng lực lãnh đạo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao, hết lòng phục vụ nhân dân.
1337	Đại học	Nâng cao giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên TPCT giai đoạn hiện nay	Lê, Thị Ngọc Hân	Lê, Duy Sơn	2019	Đề tài nguyên cứu “ Nâng cao ý thức pháp luật cho thanh niên thành phố Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay”, bao gồm có 03 chương và 10 tiết. Trong chương 01 tác giả đã khái quát về ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên. Chương 02 tác giả từ những khái niệm và chức năng của ý thức pháp luật tác giả đã nêu ra thực trạng về việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên thành phố Cần Thơ trong thời gian qua đồng thời đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên thành phố Cần Thơ trong thời gian tới ở chương 03. Đề từ đó giúp cho người đọc hiểu thêm về ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật nói chung và ở thành phố Cần Thơ nói riêng.
1338	Đại học	Nghiên cứu thực trạng công tác cải cách hành chính qua thực tiễn của thị xã Ngã Năm, tỉnh ST.	Lê, Thị Kim Tiên	Trần, Văn Hiếu	2019	Xuất phát từ thực tiễn công tác cải cách hành chính trong thời gian qua của nước ta nói chung và của thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng nói riêng, tác giả chọn đề tài “Nghiên cứu thực trạng công tác cải cách hành chính qua thực tiễn của thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng” với mục đích nghiên cứu thực trạng công tác cải cách hành chính qua thực tiễn của thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, tác giả có những đề xuất giải pháp góp phần cho việc nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính địa phương trong thời gian tới.
1339	Đại học	TT chính trị của ARISTOTLE và giá trị đối với VN	Võ, Thị Anh Thư	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Luận văn với đề tài “Tư tưởng chính trị Aristotle và giá trị đối với Việt Nam” đã tiến hành nghiên cứu những vấn đề cơ bản sau: Thứ nhất, chương 1 của luận văn nghiên cứu và trình bày về những điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa - chính trị và tiền đề lý luận cũng như yếu tố chủ quan về thân thế sự nghiệp đã góp phần hình thành nên nội dung tư tưởng chính trị Aristotle; Thứ hai, trong chương 2 của Luận văn đã trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị Aristotle; Thứ ba, những giá trị tư tưởng chính trị Aristotle đối với Việt Nam được trình bày trong chương 3 của Luận văn.

1340	Đại học	Phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc trong XD khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Trà Vinh hiện nay	Lý, Thị Bé Quyên	Đinh, Thị Chính	2019	Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, từ ngày thành lập đến nay, Đảng cộng sản Việt Nam luôn coi trọng và không ngừng củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt tỉnh Trà Vinh là tỉnh đặc thù có đông đồng bào dân tộc và tôn giáo và có vị trí xung yếu về an ninh, quốc phòng, các thế lực thù địch luôn tìm mọi biện pháp và thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn để phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định an ninh chính trị trật tự xã hội. Vì thế, nghiên cứu việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là rất có ý nghĩa. Qua đề tài này tác giả đã phân tích làm rõ cơ sở lý luận về công tác xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc từ đó nêu lên thực trạng tại địa bàn tỉnh Trà Vinh hiện nay, và rút ra những giải pháp để phát huy vai trò của Mặt trận trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Trà Vinh. Tin rằng với những giải pháp cơ bản đã được nêu ra trong đề tài sẽ giúp cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Trà Vinh của Mặt trận được tốt hơn.
1341	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của ĐTN cộng sản HCM ở TPCT trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay	Nguyễn, Hoa Huệ	Lê, Duy Sơn	2019	Luận văn tốt nghiệp với đề tài “Nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở thành phố Cần Thơ trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay” bao gồm những nội dung chính sau Thứ nhất, nhận thức chung về hội nhập quốc tế và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thứ hai, thực trạng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở thành phố Cần Thơ trong hội nhập quốc tế thời gian qua Thứ ba, những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở thành phố Cần Thơ trong hội nhập quốc tế thời gian tới.
1342	Đại học	Văn hóa chính trị HCM và vận dụng ở VN giai đoạn hiện nay	Ngô, Ngọc Huệ Mẫn	Lê, Duy Sơn	2019	Với mục tiêu nghiên cứu, khái quát những nhận thức chung về văn hóa chính trị và văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích thực trạng, làm rõ những thành tựu và hạn chế của văn hóa chính trị Việt Nam trong thời gian qua. Đồng thời đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng văn hóa chính trị Hồ Chí Minh ở Việt Nam thời gian tới Luận văn nhấn mạnh vào thực trạng văn hóa chính trị Việt Nam và những giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng hiệu quả văn hóa chính trị Hồ Chí Minh ở Việt Nam thời gian tới.

1343	Đại học	An ninh mạng và bảo vệ an ninh mạng của đảng ta hiện nay.	Ngô, Liễu My	Trần, Văn Hiếu	2019	Đề tài: “ An ninh mạng và bảo vệ an ninh mạng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay” với mục đích tìm hiểu vai trò của an ninh mạng và việc bảo vệ an ninh mạng của Đảng ta hiện nay đồng thời tìm hiểu thực trạng của an ninh mạng và vấn đề bảo vệ an ninh mạng thời gian qua, từ đó tiến hành phân tích những mặt được cần được phát huy, giữ gìn và những mặt hạn chế cần khắc phục nhằm đề ra những giải pháp để tiến hành bảo vệ an ninh mạng trong thời gian tới Chương 1: Tác giả tìm hiểu về cơ sở lý luận về mạng máy tính và an ninh mạng. Chương 2: Tìm hiểu thực trạng bảo vệ an ninh mạng nước ta thời gian qua. Vấn đề bảo vệ an ninh mạng thời gian qua nước ta luôn đề xuất xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, chỉ đạo về công tác an ninh mạng. Xây dựng tham gia xây dựng đề xuất ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, đáp ứng kịp thời yêu cầu. Chương 3 tác giả tìm hiểu quan điểm của Đảng và Nhà nước về an ninh mạng và phân tích đưa ra một số giải pháp bảo vệ an ninh mạng của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới.
1344	Đại học	Nâng cao chất lượng công tác dân vận của đảng bộ TP Sa Đéc, tỉnh ĐT hiện nay.	Nguyễn, Huỳnh Như	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn với đề tài “Nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng bộ Thành phố Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp hiện nay” đã nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng bộ Thành phố Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp. Luận văn gồm 03 chương Chương 1: Cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng công tác dân vận. Tác giả luận văn đã làm rõ những quan điểm của Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận. Từ đó, xác định tiêu chí đánh giá chất lượng công tác dân vận và tầm quan trọng nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng bộ Thành phố Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp hiện nay.
1345	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, TT cho đoàn viên, TN ở tỉnh HG giai đoạn hiện nay	Ngô, Văn Thoại	Đinh, Thị Chinh	2019	Trong luận văn tốt nghiệp đại học của mình với đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Đoàn viên, thanh niên ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn hiện nay” tác giả đã làm rõ khái quát một số vấn đề lý luận chung về công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng cho Đoàn viên, thanh niên. Bên cạnh đó, tác giả đã phân tích về thực trạng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Đoàn viên, thanh niên ở tỉnh Hậu Giang mà chủ yếu là phân tích về thành tựu và những hạn chế trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Đoàn viên, thanh niên ở địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua. Qua đó, từ các hạn chế đã phân tích tác giả đã đưa ra một số giải pháp chủ yếu để góp phần nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Đoàn viên, thanh niên ở tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới. Tin rằng với một số giải pháp cụ thể đã đề ra sẽ góp phần nâng cao phẩm chất năng lực và đảm bảo hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của Tỉnh Đoàn và cơ quan các khối Đoàn tỉnh đã giao cũng như vì sự phát triển chung của đất nước ta

1346	Đại học	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo tỉnh ủy tỉnh Long An hiện nay	Nguyễn, Minh Châu	Phan, Thị Phương Anh	2019	Cán bộ là khâu then chốt, trọng yếu của công tác xây dựng Đảng. Vị trí của công tác cán bộ gắn liền với vai trò của đội ngũ cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta đã nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Thấm nhuần tư tưởng của Người, trong suốt hơn 89 năm xây dựng và phát triển, Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn coi cán bộ và công tác cán bộ là những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng Trong xu thế chung của toàn Đảng, những năm gần đây, Tỉnh ủy Tỉnh Long An đã rất quan tâm chú trọng tới công tác xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ Tỉnh ủy. Luận văn đã thể hiện bản về nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ qua các nội dung cơ sở lý luận, thực trạng, phương hướng và giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ Tỉnh ủy Tỉnh Long An
1347	Đại học	Tăng cường công tác chính trị vùng biên giới tỉnh AG góp phần bảo vệ an ninh tổ quốc giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thanh Di	Lê, Duy Sơn	2019	Thứ nhất: Luận văn nghiên cứu “Nhận thức chung về công tác chính trị và vai trò của công tác chính trị trong việc bảo vệ an ninh Tổ quốc ở Việt Nam giai đoạn hiện nay” Thứ hai: Luận văn tìm hiểu “Thực trạng công tác chính trị vùng biên giới tỉnh An Giang trong việc bảo vệ an ninh Tổ quốc” Thứ ba: Luận văn đưa ra “Những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả của công tác chính trị góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc vùng biên giới tỉnh An Giang trong thời gian tới”.
1348	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động báo cáo viên huyện An Minh tỉnh KG	Nguyễn, Thanh Hiền	Phan, Thị Phương Anh	2019	Với mục tiêu nghiên cứu, khái quát những nhận thức chung về vai trò của hoạt động báo cáo viên huyện An Minh tỉnh Kiên Giang hiện nay. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích, làm rõ những thành tựu, hạn chế trong quá trình hoạt động của đội ngũ báo cáo viên thời gian qua. Đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên huyện An Minh tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới Luận văn nhấn mạnh vào phần thực trạng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên huyện An Minh tỉnh Kiên Giang và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên huyện An Minh tỉnh Kiên Giang hiện na Giáo viên hướng dẫn Sinh viên thực hiệ Phan Thị
1349	Đại học	Nâng cao vai trò giám sát, phản biện XH của mặt trận tổ quốc VN tỉnh AG hiện nay	Nguyễn, Thanh Nhân	Trần, Văn Hiếu	2019	Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang hiện nay”. Tôi dựa trên cơ sở nghiên cứu về vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung, luận văn hướng trọng tâm vào việc đánh giá đúng thực trạng vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang trong thời gian qua (2014 - 2018). Từ đó, đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm nâng cao vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang trong thời gian tới.

1350	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng CM cho thanh niên ở TPCT giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thị Hải	Lê, Duy Sơn	2019	Luận văn tốt nghiệp với đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ở thành phố Cần Thơ giai đoạn hiện nay” bao gồm các nội dung chính như sau Thứ nhất, những vấn đề lý luận chung về thanh niên và công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên Thứ hai, thực trạng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ở thành phố Cần Thơ Thứ ba, những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ở thành phố Cần Thơ thời gian tới
1351	Đại học	Giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn TPCT giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thị Huỳnh Hoa	Lê, Duy Sơn	2019	Với mục tiêu tìm hiểu, khái quát những nhận thức chung về chủ nghĩa yêu nước, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và đặc điểm sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam hiện nay. Khảo sát thực trạng giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời gian qua, từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời gian tới Luận văn nhấn mạnh vào đánh giá thực trạng giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời gian qua và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời gian tới GIÁO
1352	Đại học	Nghiên cứu tư tưởng bất bạo động của MAHATMA GANDHI và việc vận dụng ở VN	Nguyễn, Thị Huệ Ngân	Trần, Văn Hiếu	2019	Để hoàn thành Luận văn tốt nghiệp đại học của mình tác giả đã chọn đề tài “Nghiên cứu tư tưởng bất bạo động của Mahatma Gandhi và việc vận dụng ở Việt Nam” để nghiên cứu. Mục đích chung nhất của luận văn là đào sâu nghiên cứu tư tưởng bất bạo động của Gandhi để thấy được giá trị to lớn và rút ra được những bài học thực tế hữu ích cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia thành 3 chương, 7 tiết. Chương 1, tác giả tìm hiểu về cơ sở hình thành tư tưởng bất bạo động của Mahatma Gandhi bao gồm khái quát chung về cuộc đời và sự nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành tư tưởng của Mahatma Gandhi. Chương 2, tác giả tập trung làm rõ nội dung tư tưởng bất bạo động của Mahatma Gandhi với hai nội dung chính đó là các triết lý nền tảng trong tư tưởng của ông kết hợp với việc kiên trì chân lý và đấu tranh theo phương thức phi bạo lực. Chương 3, tác giả tìm ra những giá trị mà tư tưởng này mang lại và liên hệ với việc vận dụng tư tưởng này ở Việt Nam.

1353	Đại học	Nâng cao hiệu quả tuyên truyền của Ban tuyên giáo Thành ủy CT giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thị Ngọc Nga	Lê, Thị Út Thanh	2019	Đề tài “NÂNG CAO HIỆU QUẢ TUYÊN TRUYỀN CỦA BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY CẦN THƠ GIAI ĐOẠN HIỆN NAY” với mục đích nghiên cứu là nhằm tìm hiểu thực trạng công tác tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ trong thời gian qua. Từ đó thấy được những thành tựu, hạn chế trong công tác này để có những đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền của Ban Tuyên giáo trên địa bàn thành phố trong thời gian tới, bao gồm 1 chương, 7 tiết. Trong chương 1, tác giả làm rõ một số nội dung như: Khái niệm tuyên truyền, công tác tuyên truyền; vị trí, vai trò, nguyên tắc của công tác tuyên truyền; phương thức tuyên truyền. Khái quát về Ban Tuyên giáo ở nước ta cũng như vai trò của Ban Tuyên giáo trong công tác tuyên truyền ở nước ta. Ở chương 2, tác giả nghiên cứu thực trạng hoạt động tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ giai đoạn năm 2010 đến nay với những thành tựu, hạn chế đồng thời tìm ra nguyên nhân của thành tựu, hạn chế đó. Trên cơ sở đó, trong chương 3, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền của Ban tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ trong thời gian tới.
1354	Đại học	Cải cách hành chính tỉnh VL thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Thị Kim Thảo	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn “Cải cách hành chính tỉnh Vĩnh Long – Thực trạng và giải pháp” với mục đích nghiên cứu là phân tích những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của và những vấn đề đặt ra trong công tác cải cách hành chính của tỉnh Vĩnh Long. Từ đó, đề xuất những phương hướng, giải pháp để thúc đẩy hơn nữa quá trình cải cách hành chính của Tỉnh, trong giai đoạn hiện nay cũng như trong thời gian tới. Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn cần phải giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu sau Thứ nhất, khái quát chung những vấn đề lý luận về cải cách hành chính ở nước ta Thứ hai, nghiên cứu, phân tích những kế hoạch, thực trạng cải cách hành chính tại tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn hiện nay Thứ ba, đề ra những phương hướng, giải pháp cải cách hành chính ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

1355	Đại học	Nâng cao chất lượng đội ngũ CB Ban tuyên giáo tỉnh KG hiện nay.	Nguyễn, Vĩnh Tiến	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn với đề tài “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang hiện nay” đã nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang. Luận văn gồm 03 chương Chương 1: Cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên Giáo. Tác giả luận văn đã làm rõ những quan điểm của Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về cán bộ Ban Tuyên giáo. Từ đó, xác định tiêu chí đánh giá chất lượng và tầm quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo hiện nay Chương 2: Thực trạng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang hiện nay. Tác giả luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang hiện nay, những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang hiện nay Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang hiện nay. Trên cơ sở những hạn chế, tác giả đã đưa ra những phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ Ban Tuyên giáo tỉnh Kiên Giang.
1356	Đại học	Phát huy dân chủ trong việc XD nông thôn mới ở tỉnh ST giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Tuyết Nghi	Lê, Duy Sơn	2019	Đề tài: “Phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay”, với mục đích nghiên cứu là trên cơ sở nhận thức chung về dân chủ và chủ trương của Đảng, Nhà nước về dân chủ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay, luận văn hướng trọng tâm vào phân tích, đánh giá thực trạng phát huy dân chủ tron việc xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục phát huy dân chủ trong việc xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Sóc Trăng thời gian tới. Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn bao gồm 3 chương, 9 tiết. Trong chương 1, tác giả đã làm rõ một số vấn đề như: quan niệm dân chủ; vị trí, vai trò của dân chủ trong xây dựng, phát triển xã hội; những nội dung chủ yếu trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; tầm quan trọng của việc phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay. Ở chương 2, tác giả nghiên cứu về thực trạng phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Sóc Trăng với thành tựu và hạn chế đồng thời tìm ra nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó. Trên cơ sở đó, trong chương 3, tác giả đề ra một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy dân chủ trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.

1357	Đại học	ĐTN trường ĐHCT đối với công tác giáo dục chính trị TT cho sinh viên giai đoạn hiện nay.	Quách, Minh Vinh	Phan, Thị Phương Anh	2019	Để hoàn thành luận văn tốt nghiệp Đại học, tác giả đã lựa chọn đề tài “Đoàn Thanh niên trường Đại học Cần Thơ với công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên giai đoạn hiện nay”. Mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên của Đoàn Thanh niên trường Đại học Cần Thơ, đồng thời tìm ra nguyên nhân của thực trạng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên của Đoàn trường giai đoạn hiện nay Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn được chia thành 03 chương. Cụ thể như sau Chương 1: Một số vấn đề lý luận về Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Chương 2: Thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên của Đoàn Thanh niên trường Đại học Cần Thơ giai đoạn hiện nay Chương 3: Định hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên của Đoàn Thanh niên trường Đại học Cần Thơ hiện nay.
1358	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận XH ở tỉnh ST hiện nay	Nguyễn, Thị Như Ý	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “ Nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay” với mục đích làm rõ một số vấn đề lý luận chung về công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội. Tìm hiểu thực trạng công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới Chương 1: Tác giả làm rõ một số vấn đề nhận thức về dư luận xã hội và công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội Chương 2: Tác giả trình bày thực trạng công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội ở tỉnh Sóc Trăng bao gồm: những yếu tố ảnh hưởng, thành tựu, hạn chế, nguyên nhân thành tựu và nguyên nhân hạn chế Chương 3: Tác giả trình bày phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin dư luận xã hội ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1359	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện vai trò của hội liên hiệp phụ nữ TPCT giai đoạn hiện nay	Trần, Anh Thư	Lê, Duy Sơn	2019	Với mục tiêu nghiên cứu, khái quát những nhận thức chung về vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích, làm rõ về những thành tựu và những hạn chế trong quá trình thực hiện vai trò của Hội trong thời gian qua. Đồng thời đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ trong thời gian tới Luận văn nhấn mạnh vào phần hiệu quả thực hiện vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ và những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện vai trò của Hội đối với công tác phụ nữ giai đoạn hiện nay GIÁO

1360	Đại học	Tìm hiểu về chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn và ảnh hưởng của nó đối với nước ta những năm đầu thế kỷ XX.	Trần, Thị Bích Tuyền	Trần, Văn Hiếu	2019	Tác giả khi nghiên cứu đề tài: “Tìm hiểu về chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn và những ảnh hưởng của nó đối với nước ta những năm đầu thế kỉ XX” đã làm được: Trong Chương 1 đã chỉ ra bối cảnh ra đời của chủ nghĩa Tam Dân. Đồng thời đã trình bày những thông tin cụ thể, nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn. Trong Chương 2 tác giả đã làm rõ quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Tam Dân. Ngoài ra còn phân tích và làm rõ nội dung của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Qua đó chỉ ra những tác động của nó đến Trung Quốc. Trong Chương 3 tác giả đã phân tích những ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam Dân đến tư tưởng của những nhà yêu nước tiêu biểu của Việt Nam như Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học,... Từ đó thấy được tác động mạnh mẽ và to lớn của chủ nghĩa Tam Dân đến phong trào cách mạng Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX.
1361	Đại học	Nâng cao chất lượng cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị ở quận Cái Răng TPCT giai đoạn hiện nay	Trần, Thị Cẩm Anh	Trần, Văn Hiếu	2019	Đề tài “Nâng cao chất lượng cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị ở quận Cái Răng thành phố Cần Thơ giai đoạn hiện nay”, với mục đích tìm hiểu thực trạng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị của Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, từ đó tiến hành phân tích những mặt tích cực cần được tiếp tục phát huy, giữ gìn và những hạn chế cần phải khắc phục; chỉ ra những nguyên nhân cụ thể của những mặt tích cực và hạn chế trên; đề ra một số giải pháp chủ yếu giúp nâng cao chất lượng cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Chương 1 tác giả tìm hiểu về cơ sở lý luận về cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị. Chương 2 tìm hiểu thực trạng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ trong thời gian qua. Đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thời gian qua đã có những bước phát triển rõ rệt, cần tiếp tục kế thừa và phát huy. Chất lượng của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là tương đối ổn định và có sự chênh lệch không quá cao. Nhưng bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở trong toàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ còn có những hạn chế, khó khăn cần được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm và giải quyết kịp thời. Chương 3 tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu giúp nâng cao chất lượng cán bộ cấp cơ sở trong hệ thống chính trị ở quận Cái Răng thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.

1362	Đại học	Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở VN hiện nay.	Trần, Vũ Luân	Phan, Thị Phương Anh	2019	Với mục tiêu tìm hiểu về những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở nước ta hiện nay từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu có căn cứ khoa học nhằm khắc phục những nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở Việt Nam hiện nay, luận văn đã cơ bản đã đạt được những nhiệm vụ đề ra. Luận văn đã hệ thống lại những vấn đề chung về chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở Việt Nam; phân tích, đánh giá những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở Việt Nam hiện nay; những giải pháp góp phần khắc phục những nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở Việt Nam hiện nay Luận văn nhấn mạnh vào phân tích, đánh giá những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo ở nước ta hiện nay và những giải pháp khắc phục những nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến chính sách phát triển kinh tế biển đảo./.
1363	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hội liên hiệp phụ nữ TPCT trong giai đoạn hiện nay	Trịnh, Yến Ngọc	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ n thành phố Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay”, với mục đích nghiên cứu thực trạng công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ. Tìm hiểu nhữn thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu hạn chế trong công tác dâ vận của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải phá nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cầ Thơ trong thời gian tới Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luật văn gồm có 3 chương, 6 tiết. Chương 1 tác giả đã trình bày một số vấn đề lý luận v công tác dân vận và vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ trong công tác dân vận. Chươn 2 tìm hiểu về thực trạng công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cầ Thơ với nội dung là khái quát về đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế, văn hóa và x hội của thành phố Cần Thơ tác động đến công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ n thành phố Cần Thơ. Tìm hiểu thực trạng công tác dân vận của Hội trong thời gia qua, công tác dân vận của Hội đã đạt được nhiều thành tựu, tuy nhiên trong công tá dân vận của Hội còn một số hạn chế, khó khăn cần khắc phục. Chương 3 trình bà phương hướng của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giả pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành ph Cần Thơ trong thời gian tới.

1364	Đại học	Phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào KHMER ở huyện Thạnh Trị, tỉnh ST hiện nay.	Võ, Ngọc Trân	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “Phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng hiện nay” với mục đích là nghiên cứu về vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tìm hiểu về những kết quả tích cực đạt được, nguyên nhân kết quả, hạn chế và nguyên nhân những hạn chế trong việc phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới, bao gồm 3 chương và 6 tiết. Trong chương 1, tác giả đã làm rõ một số vấn đề lý luận như: Khái niệm tuyên truyền, công tác tuyên truyền, vai trò và nội dung của công tác tuyên truyền. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer hiện nay. Khái niệm người có uy tín và người có uy tín trong đồng bào Khmer. Vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer. Ở chương 2, tác giả nghiên cứu về thực trạng phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng với thành tựu và hạn chế đồng thời tìm ra nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó. Trên cơ sở đó, trong chương 3, tác giả đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc phát huy vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền đối với đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1365	Đại học	Phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cộng sản VN hiện nay.	Đặng, Trung Nguyên	Phan, Thị Phương Anh	2019	Tập trung tìm hiểu về nguyên tắc tập trung dân chủ và phương thức lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, đánh giá về thực trạng phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời gian tới.
1366	Đại học	Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chủ chốt huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu hiện nay.	Nguyễn, Văn Đàm	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn nghiên cứu thực trạng về năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chủ chốt huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời, nhìn nhận đánh giá những mặt tích cực cũng như hạn chế bất cập trong việc thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu hiện nay. Từ đó, đưa ra <u>phương hướng, giải pháp</u> .
1367	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận ở tỉnh HG trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thanh Thoảng	Phan, Thị Phương Anh	2019	Trên cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn để phân tích rõ thực trạng công tác dân vận tỉnh Hậu Giang. Từ đó, luận văn xác định một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận của tỉnh Hậu Giang, đồng thời từng bước nâng cao hiệu quả công tác dân vận địa phương trong giai đoạn tới./.
1368	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay.	Liêu, Đol	Trần, Văn Hiếu	2019	làm rõ thực trạng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, có các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ trên địa bàn trong thời gian tới

1369	Đại học	Nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở thị xã ngã năm tỉnh Sóc Trăng hiện nay.	Lê, Thị Anh Thu	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Đề tài nghiên cứu thực tiễn về nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới để thực hiện thành công mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng chi bộ, Đảng bộ cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, là hạt nhân chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam
1370	Đại học	Tư tưởng chính trị Đặng Tiểu Bình và giá trị của nó đối với VN trong thời kỳ hội nhập	Trần, Tiểu Nhật	Trần, Văn Hiếu	2018	Có rất nhiều các chính trị gia từ cô chí kim, từ đông sang tây. Đặng Tiểu Bình là nhà chính trị, nhà quân sự lỗi lạc của Trung Quốc – một đất nước đi theo chủ nghĩa cộng sản. Tư tưởng chính trị của Đặng Tiểu Bình không những có giá trị lịch sử mà còn có giá trị thực tiễn. Việt Nam ta đang trong thời kỳ hội nhập và phát triển, việc học hỏi, tiếp thu có chọn lọc các tư tưởng là điều không thể thiếu. Tìm hiểu tư tưởng chính trị Đặng Tiểu Bình và rút ra bài học để vận dụng sáng tạo vào tình hình đất nước hiện nay
1371	Đại học	Công tác dân tộc trong đồng bào KHMER tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay thực trạng và giải pháp	Danh, Thị Sóc Khol	Lê, Thị Út Thanh	2019	Với đề tài “Công tác dân tộc trong đồng bào Khmer tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay – Thực trạng và giải pháp”. Đề tài làm rõ thực trạng của công tác dân tộc trong đồng bào Khmer tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2009 - 2019. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân tộc đối với đồng bào Khmer tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới.
1372	Đại học	Tư tưởng chính trị của Nguyễn An Ninh và giá trị đối với VN hiện nay.	Đặng, Ánh Gương	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Với mục tiêu tìm hiểu về tư tưởng chính trị của Nguyễn An Ninh và giá trị đối với Việt Nam hiện nay. Luận văn đã nghiên cứu về cơ sở hình thành tư tưởng chính trị của Nguyễn An Ninh bao gồm tình hình trong và ngoài nước, các giá trị truyền thống, những trào lưu tư tưởng đương thời, chủ nghĩa Mác – Lênin và cuộc đời, sự nghiệp của ông. Tác giả đã đi tìm hiểu về những nội dung chính trong tư tưởng chính trị của Nguyễn An Ninh. Từ đó, làm rõ những giá trị trong tư tưởng chính trị của ông đối với nước ta hiện nay.
1373	Đại học	Vấn đề an ninh nguồn nước và bảo vệ nguồn nước ở nước ta hiện nay	Bùi, Thị Thúy Duy	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề lí luận về an ninh nguồn nước và bảo vệ nguồn nước ở nước ta trong thời gian qua. Từ việc tìm hiểu về thực trạng vấn đề an ninh nguồn nước, những thành tựu và hạn chế trong việc bảo vệ an ninh nguồn nước. Trên cơ sở đó đề xuất ra những phương hướng và giải pháp để nhằm nâng cao vai trò của nhà nước trong việc bảo vệ an ninh nguồn nước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và cả trong thời gian tới.
1374	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo của Đảng bộ tỉnh KG hiện nay	Danh, Hoàng Nghiệp	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn với đề tài “Nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo của Đảng bộ tỉnh Kiên Giang hiện nay” đã nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo của Đảng bộ tỉnh Kiên Giang hiện nay.

1375	Đại học	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh HG hiện nay thực trạng và giải pháp	Đường, Thanh Thức	Đinh, Thị Chinh	2019	Đề tài “Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hiện nay – Thực trạng và giải pháp” đã khái quát một số vấn đề lý luận chung về dân chủ và Quy chế dân chủ cơ sở, tìm hiểu thực trạng của việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hiện nay. Đồng thời nêu ra những phương hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thời gian tới.
1376	Đại học	Nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo an ninh tài chính ở VN hiện nay	Lâm, Mỹ Linh	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo an ninh tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua, cụ thể là từ giai đoạn đổi mới đến nay. Từ việc tìm hiểu được những thành tựu và hạn chế, tìm hiểu những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế về vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo an ninh tài chính ở Việt Nam trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất ra những phương hướng và giải pháp để nhằm nâng cao vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo an ninh tài chính ở Việt Nam trong thời gian tới.
1377	Đại học	Nâng cao hiệu quả giám sát của hội đồng nhân dân trong việc tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay	Lê, Thị Mỹ Xuyên	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng Nhân dân trong việc tiếp dân v giải quyết khiếu nại, tố cáo ở thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay”, tác gi nghiên cứu việc giám sát của Hội đồng Nhân dân trong công tác tiếp dân và giải quyề khiếu nại, tố cáo ở thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trên cơ sở đó, đề xuất một số phươn hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng Nhân dân tron việc tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở thị xã Giá Rai trong thời gian tới.
1378	Đại học	Nâng cao chất lượng đội ngũ CB, công chức cấp xã ở huyện Châu Thành, tỉnh ĐT hiện nay.	Nguyễn, Nhựt Anh	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2019	Luận văn làm rõ một số vấn đề chung về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp giai đoạn hiện nay
1379	Đại học	Phát huy vai trò giám sát của hội cựu chiến binh trong thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với CM ở tỉnh Cà Mau giai đoạn hiện nay.	Ngô, Phương Trúc	Trần, Hồng Trang	2019	Luận văn là làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác giám sát của Hội Cựu chiến binh trong việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Từ việc tìm hiểu những thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng ở tỉnh Cà Mau, để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò giám sát của hội cựu chiến binh trong thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng ở tỉnh cà mau giai đoạn hiện nay.
1380	Đại học	Phát huy hiệu quả phong trào "Dân vận khéo" ở tỉnh KG giai đoạn hiện nay	Phạm, Thị Yến	Trần, Hồng Trang	2019	Đề tài “Phát huy hiệu quả phong trào “Dân vận khéo” ở tỉnh Kiên Giang giai đoạn hiện nay” đề tài tập trung nghiên cứu việc thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” ở tỉnh Kiên Giang giai đoạn hiện nay nhằm làm rõ thực trạng việc tiến hành phong trào thi đua “Dân vận khéo” ở tỉnh Kiên Giang và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy hơn nữa hiệu quả của phong trào thi đua “Dân vận khéo” ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.

1381	Đại học	Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CB, viên chức ở địa bàn huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay.	Son, Phi	Phan, Thị Phương Anh	2019	Để hoàn thành luận văn tốt nghiệp Đại học, tác giả đã lựa chọn đề tài “ Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ viên chức ở địa bàn Huyện Mỹ Xuyên,Tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay”. Mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ viên chức, đồng thời tìm ra nguyên nhân của thực trạng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ viên chức ở địa bàn Huyện Mỹ Xuyên,Tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay.
1382	Đại học	Tính tích cực chính trị của sinh viên VN trong giai đoạn hiện nay.	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Phan, Thị Phương Anh	2019	Luận văn gồm 3 phần chính: Mở đầu, nội dung và kết luận. Riêng phần nội dung: Gồm có 3 chương. Chương 1 tác giả tập chung nghiên cứu về một số vấn đề lý luận về tính tích cực chính trị. Chương 2 tác giả đi phân tích thực trạng và một số yếu tố tác động đến tính tích cực sinh viên Việt Nam hiện nay. Chương 3: tác giả đã đưa ra một số giải pháp mang tính định hướng nhằm nâng cao tính tích cực chính trị của sinh viên Việt Nam. Cuối cùng là phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo
1383	Đại học	Công tác dân vận của Đảng bộ TP Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp hiện nay - Thực trạng và giải pháp	Huỳnh, Trung Kiên	Trần, Văn Hiếu	2019	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề lý luận về công tác dân vận của Đảng bộ thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Từ việc tìm hiểu những nguyên nhân, thành tựu hạn chế của công tác dân vận của Đảng bộ thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp hiện nay. Trên cơ sở đó đề xuất ra những phương hướng và giải pháp nhằm để tăng cường công tác dân vận của Đảng bộ thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới.
1384	Đại học	Tư tưởng chính trị NICCOLO MACHIAVELLI và giá trị đối với Việt Nam hiện nay	Mạc, Thị Yến Linh	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2020	Với đề tài “Tq tởng chính trị của Niccolò Machiavelli và giá trị với Việt Nam hiện nay” đề tài làm rõ những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản của Machiavelli và những giá trị vận dụng vào quá trình xây dựng nước ta hiện nay.
1385	Đại học	Phát huy vai trò của hội liên hiệp phụ nữ xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh VL hiện nay	Bùi, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2020	Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề về phát huy vai trò của Hội LHPN xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long hiện nay. Trên cơ sở nghiêm cứu thực tế tại xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tác giả đã làm rõ những thành tựu, hạn chế, đồng thời đề ra các giải pháp nhằm phát huy vai trò của tổ chức Hội LHPN xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long hiện nay.
1386	Đại học	Phát huy vai trò của đoàn thanh niên trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở tỉnh Hậu Giang hiện nay.	Nguyễn, Thanh Nhã	Trần, Hồng Trang	2020	Luận văn là làm rõ một số vấn đề lý luận chung về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Từ việc tìm ra những mặt thành tựu và hạn chế cũng như những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hậu Giang, để từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở tỉnh Hậu Giang thời gian tới.

1387	Đại học	Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân tại TP Long Xuyên, tỉnh An Giang giai đoạn hiện nay	Lê, Phú Nguyên	Lê, Duy Sơn	2020	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề về vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang giai đoạn hiện nay. Từ việc tìm hiểu thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của nó về vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân tại hệ thống chính trị cơ sở. Từ đó rút ra những bài học về thành tựu cũng như hạn chế trở thành kinh nghiệm phát huy dân trong giai đoạn hiện nay.
1388	Đại học	Xây dựng nền dân chủ XHCN là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở VN hiện nay.	Hồ, Thị Diệu Linh	Phan, Thị Phương Anh	2020	Luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay” bên cạnh phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì Luận văn được triển khai thành 03 chương với nội dung cụ thể như sau Chương 1: Một số vấn đề về dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong chương này, tác giả trình bày về các quan niệm chung về dân chủ, nền dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tiếp đến là trình bày vai trò và nội dung của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Làm rõ quá trình hình thành và phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như nội dung, tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam Chương 2: Thực trạng của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Tác giả trình bày về những thành tựu đạt được - nguyên nhân của thành tựu; Những hạn chế - nguyên nhân của hạn chế; Những vấn đề đặt ra trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay Chương 3: Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy nhanh việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Trong chương này, tác giả đề xuất ra các giải pháp cụ thể nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.
1389	Đại học	Công tác cải cách hành chính ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay- thực trạng và giải pháp.	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Đinh, Thị Chinh	2020	Với đề tài “Công tác cải cách hành chính ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay- thực trạng và giải pháp”. Đề tài làm rõ thực trạng của công tác cải cách hành chính ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong giai đoạn tới.
1390	Đại học	Kinh nghiệm xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Hàn Quốc và giá trị tham khảo đối với VN hiện nay.	Phan, Văn Tài	Trần, Hồng Trang	2020	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề lý luận Nhà nước kiến tạo phát triển, cũng như đi tìm hiểu quá trình xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển ở Hàn Quốc. Từ việc tìm hiểu được những thành tựu và hạn chế, tìm hiểu những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế về Nhà nước kiến tạo phát triển ở Hàn Quốc trong thời gian qua. Trên cơ sở đó rút ra được những giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển trong giai đoạn hiện nay.

1391	Đại học	Phát huy vai trò của đoàn thanh niên cộng sản HCM trong xây dựng nông thôn mới ở Hậu Giang hiện nay	Võ, Vũ Luân	Đinh, Thị Chinh	2020	Luận văn tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng nông thôn mới, phân tích thực trạng về vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng nông thôn mới ở Hậu Giang hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng nông thôn mới ở Hậu Giang.
1392	Đại học	Nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các chính sách dân tộc ở tỉnh Trà Vinh hiện nay.	Võ, Lê Hồng Huynh	Đinh, Thị Chinh	2020	Việc thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc ở tỉnh Trà Vinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với sự phát triển giàu mạnh của quê hương Tr Vinh mà còn góp phần ổn định chính trị xã hội làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của đất nước. Do đó, với đề tài “Nâng cao hiệu quả của việc thực hiện cá chính sách dân tộc ở tỉnh Trà Vinh hiện nay”, dựa trên cơ sở nghiên cứu một s vấn đề lý luận chung về dân tộc và chính sách dân tộc, tác giả tập trung phân tíc thực trạng hiệu quả của việc thực hiện các chính sách dân tộc ở tỉnh Trà Vinh hiệ nay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện cá chính sách dân tộc ở tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới.
1393	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong đồng bào KHMER ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng hiện nay.	Kim, Thị Dích	Trần, Hồng Trang	2020	Với đề tài “ Nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong đồng bào Khmer ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng hiện nay”. Đề tài nghiên cứu việc thực hiện công tác dân vận trong đồng bào Khmer ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất phương hướng và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong đồng bào Khmer ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1394	Đại học	Nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của mặt trận tổ quốc ở xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh hiện nay.	Võ, Thị Mỹ Quê	Phan, Thị Phương Anh	2020	Trên cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn để phân tích rõ thực trạng hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh hiện nay. Từ đó, tác giả luận văn đề xuất một số phương hướng và giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và pả biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới.
1395	Đại học	Công tác dân tộc trong cộng đồng KHMER tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh ST hiện nay -thực trạng và giải pháp.	Thạch, Thị Đà Ni	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2020	Với đề tài “Công tác dân tộc trong đồng bào Khmer tại Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng hiện nay – Thực trạng và giải pháp”. Đề tài làm rõ thực trạng của công tác dân tộc trong đồng bào Khmer tại Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng hiện nay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác dân tộc đối với đồng bào Khmer tại Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1396	Đại học	Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền bình đẳng giới ở tỉnh Long An hiện nay.	Biện, Thị Diễm My	Trần, Hồng Trang	2020	Luận văn nghiên cứu thực trạng về nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền bình đẳng giới ở tỉnh Long An hiện trong thời gian qua. Đồng thời, nhìn nhận đánh giá những mặt tích cực cũng như hạn chế bất cập trong việc nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền bình đẳng giới ở tỉnh Long An. Từ đó, đưa ra phương hướng, giải pháp để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền bình đẳng giới ở Long An trong thời gian tới.

1397	Đại học	Nâng cao vai trò giám sát , phản biện xã hội của hội liên hiệp phụ nữ ở tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay.	Trần, Bửu Phương	Trần, Hồng Trang	2020	Luận văn là làm rõ một số vấn đề lý luận chung về công tác giám sát,phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ. Từ việc tìm hiểu những thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong công tác giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ ở tỉnh Bạc Liêu, đề đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ ở tỉnh Bạc Liêu giai đoạn hiện nay.
1398	Đại học	Phát huy vai trò của đoàn thanh niên huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay.	Đặng, Văn Lưu	Trần, Hồng Trang	2020	Luận văn tìm hiểu về cơ sở lý luận của việc giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên và vai trò của của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên. Từ đó, phân tích thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Từ thực trạng đã phân tích, luận văn đưa ra một số phương hướng và giải pháp để phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng thời gian tới.
1399	Đại học	Phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu trong XD nông thôn mới hiện nay.	Dương, Gia Bảo	Phan, Thị Phương Anh	2020	Trên cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn để phân tích rõ thực trạng xây dựng nông thôn mới của Mặt trận Tổ quốc huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu hiện nay. Từ đó luận văn xác định một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu trong xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới.
1400	Đại học	Công tác xây dựng đảng của Đảng bộ phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TPCT hiện nay.	Mai, Thị Trinh		2020	Với đề tài “Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ hiện nay”, Luận văn đã làm rõ thực trạng công tác xây dựng Đảng tại Đảng bộ phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2015 – 2019. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng tại Đảng bộ phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
1401	Đại học	Nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ, công chức tại Ủy Ban nhân dân quận Bình Thủy, TPCT hiện nay	Trần, Thùy Nhiêu	Phan, Thị Phương Anh	2020	Luận văn gồm 03 phần chính: Mở đầu, Nội dung và Kết luận, riêng phần nội dung gồm 03 chương. Chương 1 tác giả tập trung nghiên cứu làm rõ một số vấn đề về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Chương 2 tác giả phân tích thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ hiện nay. Chương 3 tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Cuối cùng là phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.
1402	Đại học	Công tác tôn giáo ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu hiện nay.	Cù, Nhật Vi	Đinh, Thị Chinh	2020	Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về công tác tôn giáo, tình hình tôn giáo tại huyện Phước Long đề tài nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng công tác ở huyện Phước Long. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tôn giáo trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

1403	Đại học	Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản HCM xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh VL trong XD nông thôn mới hiện nay	Nguyễn, Quế Anh	Phan, Thị Phương Anh	2020	Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề về phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu thực tế tại xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tác giả đã làm rõ những thành tựu, hạn chế, đồng thời đề ra các giải pháp nhằm phát huy vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.
1404	Đại học	Vai trò của đội ngũ trí thức trong sáng văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.	Thạch, Thị Oanh	Phan, Thị Phương Anh	2020	Mục đích nghiên cứu của luận văn là: luận văn trên cơ sở nghiên cứu thực trạng của đội ngũ trí thức Việt Nam trong sáng tạo trong văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc. Từ đó, đề ra những giải pháp để đội ngũ trí thức phát huy tốt hơn nữa vai trò sáng tạo văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.
1405	Đại học	Nâng cao văn hóa chính trị trong cán bộ, công chức huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.	Trần, Bích Phương	Đinh, Thị Chinh	2020	Đề tài “Nâng cao văn hóa chính trị trong cán bộ, công chức huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau”, tác giả đã phân tích làm rõ cơ sở lý luận về văn hóa chính tr trong cán bộ, công chức, nêu lên thực trạng nâng cao văn hóa chính trị trong cá bộ, công chức trên địa bàn huyện Trần Văn Thời. Đồng thời đề ra những giải phá nhằm nâng cao văn hóa chính trị trong cán bộ, công chức huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau. Với những nội dung trên hy vọng trong thời gian sắp tới văn hó chính trị của cán bộ, công chức huyện Trần Văn Thời ngày càng được nâng cao v công tác nâng cao văn hóa chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức của huyện ngà càng phát triển.
1406	Đại học	Dân chủ ở cơ sở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau- thực trạng và giải pháp.	Tạ, Kiều My	Trần, Văn Hiếu	2020	Đề tài “Dân chủ ở cơ sở huyện Trã Văn Thời, tỉnh Cà Mau – Thực trạng và giải pháp” đã khái quát cơ sở lý luận về dân chủ và quy chế dân chủ cơ sở ở nước ta, tìm hiểu về thực trạng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thời gian qua. Từ đó nêu ra những phương hướng chung và đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.
1407	Đại học	Công tác cải cách hành chính ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu hiện nay- thực trạng và giải pháp.	Lê, Phúc Hoài	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2020	Với đề tài “Công tác cải cách hành chính ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu hiện nay – Thực trạng và giải pháp”. Đề tài làm rõ thực trạng của công tác cải cách hành chính tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn năm 2015 – 2019. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới.
1408	Đại học	Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên trong thanh niên của huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau hiện nay	Trần, Thị Diễm Quyên	Đinh, Thị Chinh	2020	Công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên có vai trò quan trọng, là tiêu chí hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Với đề tài: “Nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau hiện nay”, tác giả đi phân tích làm rõ cơ sở lý luận về công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên, nêu lên thực trạng công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau hiện nay. Đồng thời, đề ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên của Đảng bộ huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Hi vọng trong thời gian tới, công tác phát triển Đảng viên trong thanh niên ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau sẽ ngày càng phát triển hơn.

1409	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác cán bộ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu hiện nay.	Đặng, Hồng Thơ	Trần, Văn Hiếu	2020	Với mục đích nghiên cứu, khái quát những nhận thức chung về vai trò của công tác cán bộ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu hiện nay. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích, làm rõ những thành tựu, hạn chế của công tác cán bộ trong thời gian qua. Đồng thời, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác cán bộ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới Luận văn nhấn mạnh vào phần thực trạng của công tác cán bộ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu hiện nay và những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cán bộ ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới.
1410	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác cán bộ của Đảng bộ TP Cà Mau tỉnh Cà Mau hiện nay.	Lê, Hòa tân	Trần, Văn Hiếu	2020	Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về công tác cán bộ và làm rõ thực trạng trong việc nâng cao hiệu quả công tác cán bộ của Đảng bộ Thành phố Cà Mau trong thời gian quan với những thành tựu và hạn chế trong công tác cán bộ từ năm 2015 đến năm 2019. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cán bộ ở địa phương ngày một thành công hơn góp phần phát triển xây dựng đội cán bộ của Đảng bộ thành phố Cà Mau thêm vững mạnh.
1411	Đại học	Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách XH đối với người có công với Cách mạng ở tỉnh HG giai đoạn hiện nay.	Trần, Văn Lắm	Lê, Duy Sơn	2020	Với mục tiêu tìm hiểu về hiệu quả thực hiện chính sách xã hội đối với người có công với cách mạng ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn hiện nay. Luận văn đã nghiên cứu, phân tích những thực trạng, đồng thời đưa ra những giải pháp để hoàn thiện về chính sách xã hội đối với người có công
1412	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Ban tuyên giáo huyện Ủy Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giai đoạn hiện nay.	Nguyễn, Thanh Hải	Trần, Văn Hiếu	2020	Với mục đích nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng công tác tư tưởng của Ban Tuyên giáo huyện ủy Trần Văn Thời trong thời gian qua. Từ đó, thấy được những thành tựu, hạn chế trong công tác này để có những đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Ban Tuyên giáo trên địa bàn huyện trong thời gian tới.
1413	Đại học	Cải cách hành chính ở huyện Ô Môn TPCT hiện nay, thực trạng và giải pháp	Tô, Thiên Kim	Trần, Văn Hiếu	2020	Trên cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn để phân tích rõ thực trạng công tác cải cách hành chính ở quận Ô Môn Thành phố Cần Thơ hiện nay. Từ đó, luận văn xác định một số phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy hiệu công tác cải cách hành chính ở quận Ô Môn Thành phố Cần Thơ hiện nay, đồng thời từng bước phát huy hiệu quả công tác cải cách hành chính ở quận Ô Môn thành phố Cần Thơ trong thời gian tới./.

1414	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của mặt trận tổ quốc VN huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long trong việc phát huy đại đoàn kết dân tộc.	Thạch, Thị Mỹ Hằng	Trần, Văn Hiếu	2020	Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh là nội dung xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và là cơ sở cho chiến lược của Đảng ta nhờ đó đã dẫn đến những thành công của cách mạng Việt Nam. Vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc đang là vấn đề được quan tâm hiện nay nước ta là nước có nhiều dân tộc các anh em cùng chung sống và là một đại gia đình của Việt Nam cùng nhau làm việc, học tập, cùng chung tay xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước Luận văn gồm có 3 chương, luận văn tập trung nghiên cứu về hiệu quả hoạt động của Mặt Trận Tổ Quốc ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long trong việc phát huy khối đại đoàn kết dân tộc thời gian qua, những thành tựu, hạn chế, khó khăn, từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt Trận Tổ Quốc của huyện trong việc phát huy khối đại đoàn kết dân tộc thời gian tới. Luận văn có đề xuất thêm một số giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc huyện Trà Ôn trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Góp phần làm cho đất nước ngày càng phát triển và giàu mạnh.
1415	Đại học	Công tác cải cách hành chính ở tỉnh Cà Mau hiện nay - thực trạng và giải pháp	Dương, Thành Vĩnh	Trần, Văn Hiếu	2020	Luận văn tập trung làm rõ thực trạng của công tác cải cách hành chính ở tỉnh Cà Mau trong thời gian qua với những thành tựu, hạn chế và những nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong công tác cải cách hành chính. Từ đó luận văn đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.
1416	Đại học	Nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng ở huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau hiện nay.	Phan, Vĩnh Thuận	Trần, Văn Hiếu	2020	Đề tài “ Nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau” với mục đích tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác kết nạp đảng của huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng của huyện cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình kết nạp mà Đảng đã quy định. Góp phần xây dựng Đảng bộ huyện Trần Văn Thời ngày càng trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực hoàn thành mọi chỉ tiêu, nhiệm vụ của cấp trên trong thời gian tới. Luận văn gồm có 3 chương, 13 tiết. Trong chương một, tác giả đã làm rõ một số vấn đề lý luận về đảng viên và công tác kết nạp đảng viên. Ở chương hai, tác giả nghiên cứu về thực trạng công tác kết nạp đảng của huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thời gian qua. Trên cơ sở đó, trong chương ba, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thời gian tới.

1417	Đại học	Vấn đề an ninh năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng nước ta hiện nay.	Kim, Xuân Nhân	Trần, Văn Hiếu	2020	Đề tài “Vấn đề an ninh năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng nước ta hiện nay” với mục đích làm rõ cơ sở lý luận về vấn đề an ninh năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng trên thế giới và nước ta hiện nay, những thành tựu và hạn chế về chính sách an ninh năng lượng ở nước ta trong thời gian qua, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ an ninh năng lượng nước ta trong thời gian tới. Luận văn gồm có 3 chương, 10 tiết. Trong chương 1, tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận về vấn đề an ninh năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng. Ở Chương 2, tác giả nghiên cứu thực trạng về vấn đề an ninh năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng ở nước ta thời gian qua. Chương 3, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm an ninh năng lượng nước ta trong thời gian tới.
1418	Đại học	Công tác vận động phụ nữ của hội liên hiệp phụ nữ tỉnh HG trong giai đoạn hiện nay-thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Ngọc Phương Anh	Nguyễn, Thị Kim Quế	2020	Phụ nữ có vai trò, vị trí quan trọng trong xây dựng gia đình và trong xây dựng, phát triển đất nước từ xưa đến nay. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội có chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động thực hiện bình đẳng giới. Để thực hiện được chức năng này, các cấp Hội cần nâng cao hiệu quả công tác vận động phụ nữ. Qua đó, vận động phụ nữ tích cực tham gia tất cả các mặt hoạt động của Hội, từng bước tạo điều kiện giúp phụ nữ phát triển bản thân, xây dựng gia đình và đóng góp cho xã hội trên nhiều mặt Với đề tài “Công tác vận động phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn hiện nay- Thực trạng và giải pháp”, tác giả nghiên cứu lý luận chung về phụ nữ, về Hội Liên hiệp Phụ nữ và công tác vận động phụ nữ. Trên cơ sở lý luận chung, tác giả nghiên cứu thực trạng về công tác vận động phụ nữ của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn hiện nay với những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân cơ bản. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác vận động phụ nữ của Hội trong thời gian tới.

[illegible]

1421	Đại học	Nâng cao công tác quản lý của cán bộ nữ ở quận Ninh Kiều, TPCT hiện nay.	Lâm, Ngọc Ngân	Phan, Thị Phương Anh	2020	Trên cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn để phân tích rõ thực trạng công tác quản lý của cán bộ nữ ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ hiện nay. Từ đó, tác giả luận văn đề xuất một số phương hướng và giải pháp để góp phần nâng cao công tác quản lý của cán bộ nữ ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
1422	Đại học	Quyền lực mềm của Hàn Quốc trong giai đoạn hiện nay và một số kiến nghị đối với VN.	Nguyễn, Thị Ngọc Hường	Nguyễn, Thị Kim Quế	2020	Với đề tài “Quyền lực mềm của Hàn Quốc trong giai đoạn hiện nay và một số kiến nghị đối với Việt Nam”, luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận chung về quyền lực mềm và phân tích, đánh giá thực tiễn thực thi quyền lực mềm của Hàn Quốc từ những năm 1991 đến năm 2019. Trên cơ sở đó, chỉ ra các tác động của quyền lực mềm của Hàn Quốc đến Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị để Việt Nam có thể phát triển và sử dụng hiệu quả quyền lực mềm trong thời gian tới.
1423	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hội liên hiệp phụ nữ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh ST trong giai đoạn hiện nay.	Trần, Ngọc Thúy	Nguyễn, Thị Kim Quế	2020	Luận văn nhằm mục đích tìm hiểu lý luận chung về phụ nữ, về Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đánh giá về thực trạng hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới. Từ đó, tập hợp, phát huy vai trò của phụ nữ, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vững bước trong tiến trình đổi mới và hội nhập, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.
1424	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức trong hệ thống chính trị huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang hiện nay.	Lương, Thị Anh Thư	Lê, Duy Sơn	2020	Với đề tài “Nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức trong hệ thống chính trị huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang hiện nay”, luận văn nghiên cứu về công tác tổ chức, đặc điểm và vai trò của công tác tổ chức trong hệ thống chính trị cấp huyện ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, luận văn hướng trọng tâm vào việc phân tích làm rõ những thành tựu và hạn chế về công tác tổ chức trong hệ thống chính trị huyện Vĩnh Thuận trong thời gian qua. Từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả của công tác tổ chức trong hệ thống chính trị huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.
1425	Đại học	Nâng cao hiệu quả tuyên truyền ý thức pháp luật cho thanh niên của đoàn thanh niên Cộng sản HCM, tỉnh ST hiện nay- thực trạng và giải pháp.	Trần, Hữu Đăng	Lê, Duy Sơn	2020	Luận văn tìm hiểu một số vấn đề lý luận về công tác tuyên truyền ý thức pháp luật cho thanh niên của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hiện nay. Từ đó hướng trọng tâm vào phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế, những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế về công tác tuyên truyền ý thức pháp luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền ý thức pháp luật của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Sóc Trăng thời gian tới.
1426	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của escherichia coli sinh Beta-lactamase phổ rộng trên bò ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Võ, Yến Nhi	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát sự lưu hành của escherichia coli sinh Beta-lactamase phổ rộng trên bò ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
1427	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của Escherichia coli sinh Beta-lactamase phổ rộng trên heo ở huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Vi	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát sự lưu hành của Escherichia coli sinh Beta-lactamase phổ rộng trên heo ở huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh.

1428	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên thịt bò tại một số cơ sở giết mổ ở tỉnh Vĩnh Long	Đặng, Thị Chúc Linh	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên thịt bò tại một số cơ sở giết mổ ở tỉnh Vĩnh Long.
1429	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Bến Tre
1430	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Bến Tre
1431	Đại học	Nông thôn VN trong thơ Trần Đăng Khoa	Nguyễn, Thị Hà Trang	Lữ, Hùng Minh	2018	Luận văn trình bày những vấn đề cơ sở lý luận về cuộc đời, sự nghiệp của Trần Đăng Khoa. Thống kê và khảo sát các tác phẩm viết về đề tài nông thôn từ đó trình bày những giá trị đặc sắc về mặt nội dung và nghệ thuật trong những sáng tác của Trần Đăng Khoa.
1432	Đại học	Dạy học bài “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó” cho học sinh lớp 4	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong dạy bài toán hiệu tỉ. Tìm hiểu một số kiến thức liên quan đến dạng toán hiệu tỉ. Tiến hành so sánh bài “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó trong sách hiện hành và sách VNEN”. Tiến hành phân tích mẫu giáo án bài “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số”. Qua đó tiến hành khảo sát và đưa ra kết luận.
1433	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác vào phân môn tập đọc lớp 4	Thạch, Ngọc Diệp	Phạm, Tuấn Anh	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lý luận về PP dạy học tích cực. Đề xuất một số giải pháp vào việc dạy học phân môn Tập đọc lớp 4. Đồng thời vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào việc thiết kế giáo án thực nghiệm để đánh giá hiệu quả của các PP dạy học đã nêu.
1434	Đại học	Phát triển kỹ năng kể chuyện cho học sinh lớp 5 bằng sơ đồ tư duy	Trần, Thị Mỹ Dung	Lữ, Hùng Minh	2018	Luận văn trình bày cơ sở lý luận về Sơ đồ tư duy. Hướng dẫn HS xây dựng SĐTD trong phân môn Kể chuyện nhằm phát triển kỹ năng kể chuyện cho HS lớp 5. Đồng thời vận dụng SĐTD thiết kế một số giáo án thực nghiệm nhằm đánh giá những hiệu quả của SĐTD trong việc phát triển kỹ năng kể chuyện cho HS.
1435	Đại học	Sử dụng phiếu học tập nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho HS Tiểu học, lớp 5	Hoàng, Thu Hà	Trịnh, Thị Hương	2018	Trong dạy đọc, rèn các kỹ năng đọc hiểu cho học sinh là một trong những khâu quan trọng giúp HS nắm chắc nội dung bài. Việc sử dụng phiếu học tập để rèn kỹ năng đọc hiểu cho học sinh cho thấy tính khả thi và hiệu quả tích cực. Mặc dù, Phiếu học tập không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ. Tuy nhiên, việc sử dụng phiếu học tập trong việc phát triển kỹ năng đọc hiểu cho học sinh ở tiểu học chưa được đề cập đến hoặc việc sử dụng phiếu học tập giáo viên chỉ sử dụng khi có tiết dự giờ. Trong đề tài này chúng tôi thiết kế các mẫu phiếu đa dạng để giúp học sinh đọc hiểu văn bản (phiếu dự đoán, phiếu tìm chi tiết chính, phiếu điền khuyết sơ đồ tư duy, phiếu tìm hiểu nội dung bài).
1436	Đại học	Rèn luyện chính tả cho học sinh lớp 4	Phạm, Ngọc Hậu	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Luận văn trình bày các cơ sở về Tiếng Việt, các lỗi chính tả HS thường mắc phải, đề xuất các giải pháp khắc phục. Từ đó vận dụng các giải pháp đó vào việc thiết kế giáo án thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất.

1437	Đại học	Biện pháp sử dụng trò chơi học tập trong phân môn Tiếng Việt lớp 3	Kim, Minh Kha	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lí luận về trò chơi, trò chơi học tập. Ngoài ra, luận văn còn thiết kế các trò chơi học tập theo từng phân môn trong môn Tiếng Việt lớp 3 và thiết kế các giáo án thực nghiệm.
1438	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”	Hồ, Ngọc Bảo Linh	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Luận văn trình bày cơ sở lí luận về cuộc đời, sự nghiệp những đóng góp của tác giả Nguyễn Ngọc Thuần, đôi nét về tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”. Luận văn trình bày những điểm đặc sắc về mặt nội dung và giá trị nghệ thuật mà tác phẩm mang lại cho người đọc.
1439	Đại học	Hình tượng nhân vật trẻ em trong tác phẩm Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ	Phạm, Khánh Ngọc	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Nghiên cứu tác phẩm để làm sáng tỏ đặc điểm tính cách của nhân vật trẻ em trong tác phẩm Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ. Nghiên cứu về nghệ thuật khắc họa nhân vật trong tác phẩm đã góp phần làm nên thành công cho tác phẩm."
1440	Đại học	Thực trạng và biện pháp khắc phục lỗi chính tả, dùng từ, viết câu trong phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 5 trường Tiểu học Đại Hải 2	Vũ, Hà Trinh Nguyên	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Luận văn trình bày cơ sở lí luận về Tiếng Việt, khảo sát lỗi dùng từ viết câu, chính tả trong phân môn Tập làm văn của HS lớp 5. Từ đó, đề xuất các giải pháp khắc phục và xây dựng giáo án thực nghiệm.
1441	Đại học	Tình bạn trong thơ Phạm Hồ	Lê, Bảo Trâm	Lữ, Hùng Minh	2018	Đề tài “Tình bạn trong thơ Phạm Hồ” ngoài việc đi sâu và tìm ra nét riêng, những câu chuyện về tình bạn giữa con người với con người, giữa con người với cảnh vật hay với những con vật hết sức gần gũi, thân quen ra thì đề tài này còn chỉ rõ những yếu tố tạo nên tình bạn trong thơ Phạm Hồ. Đồng thời tìm ra nét đặc sắc về mặt nội dung trong các bài thơ về tình bạn, phân tích giá trị nghệ thuật đặc sắc mà nhà thơ Phạm Hồ sử dụng trong các tác phẩm viết về chủ đề tình bạn và đưa ra những đóng góp nổi bật của Nhà thơ Phạm Hồ cho Thơ ca thiếu nhi nói riêng và cho cả nền văn thơ Việt Nam nói chung.
1442	Đại học	Đặc sắc nội dung và nghệ thuật truyện đồng thoại của nhà văn Tô Hoài trước Cách mạng tháng Tám	Nguyễn, Thị Thắm	Lữ, Hồng Minh	2018	Luận văn trình bày những vấn đề lí luận về cuộc đời sự nghiệp và thể loại truyện đồng thoại của Tô Hoài. Qua các tác phẩm thuộc thể loại truyện đồng thoại, luận văn chỉ ra những giá trị đặc sắc về mặt nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
1443	Đại học	Sử dụng nhật ký đọc sách để phát triển năng lực đọc hiểu cho HS Tiểu học lớp 5	Bùi, Yến Nhi	Trịnh, Thị Hương	2018	Đọc hiểu là một trong những kĩ năng quan trọng giúp người đọc tiếp nhận, lĩnh hội thông tin và cho phản hồi về những vấn đề được tác giả trình bày trong văn bản đọc. Tuy nhiên, việc dạy đọc ở tiểu học hiện nay chưa thực sự chú ý rèn kĩ năng đọc hiểu cho học sinh. Trong đề tài này, chúng tôi giới thiệu một biện pháp dạy học rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản cho học sinh, đó là nhật kí đọc sách. Kết quả thực nghiệm ở lớp 5A2, trường tiểu học Trung An 1, TP. Cần Thơ cho thấy, việc sử dụng nhật kí đọc sách đã góp phần cải thiện kĩ năng đọc hiểu của học sinh.
1444	Đại học	Đổi mới phương pháp tóm tắt và giải toán có lời văn lớp 4	Lê, Thị Diễm Hương	Bùi, Phương Uyên	2018	Trình bày các cơ sở lí luận về Sơ đồ đoạn thẳng, bài toán và phương pháp giải toán có lời văn lớp 4, phân tích nội dung chương trình giải toán có lời văn và đề xuất quy trình hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ đoạn thẳng trong tóm tắt và giải toán có lời văn. Cuối cùng thiết kế giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất.
1445	Đại học	Phân tích hình tượng nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết Quê nội và Tàng sáng	Võ, Thị Tuyết Nhung	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Nghiên cứu tác phẩm để làm sáng tỏ đặc điểm tính cách của nhân vật trẻ em trong tác phẩm Quê nội và Tàng sáng. Nghiên cứu về nghệ thuật khắc họa nhân vật trong tác phẩm đã góp phần làm nên thành công cho tác phẩm.

1446	Đại học	Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm <i>Đế Mèn phiêu lưu Ký</i>	Bùi, Thị Yến Nhi		2018	Luận văn trình bày những vấn đề lí luận về cuộc đời sự nghiệp và thể loại truyện đồng thoại của nhà văn Tô Hoài. Qua tác phẩm <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i> , trình bày những giá trị đặc sắc về mặt nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
1447	Đại học	Hình tượng cún qua tác phẩm “Tôi là Bêto và con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng” của Nguyễn Nhật Ánh	Ngô, Thị Bé Nhi	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Nghiên cứu tác phẩm để làm sáng tỏ đặc điểm về hình tượng Cún trong tác phẩm “Tôi là Bêto và con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng” của Nguyễn Nhật Ánh. Đồng thời, trình bày được những đặc sắc về mặt nghệ thuật trong tác phẩm đã góp phần làm nên thành công cho tác phẩm.
1448	Đại học	Rèn luyện kĩ năng lập luận khi làm văn kể chuyện cho học sinh lớp 4	Phan, Minh Uyên	Đặng, Thị Hoa	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lí luận về kĩ năng lập luận, chương trình phân môn Tập làm văn lớp 4. Qua đó đề xuất các giải pháp giúp HS rèn kĩ năng lập luận. Đồng thời vận dụng các giải pháp đó vào việc thiết kế các giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp mà luận văn đã đề xuất.
1449	Đại học	Nâng cao năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm trong dạy đọc	Võ, Hoài Thịnh	Trịnh, Thị Hương	2018	Trình bày một số lí thuyết và mô hình học trải nghiệm, đề xuất các biện pháp trải nghiệm phù hợp trong dạy đọc để giúp HS phát triển năng lực thẩm mỹ như viết/vẽ trải nghiệm, sân khấu hóa TPVH, thuyết trình/tranh luận, du lịch quan màn ảnh. Thực nghiệm sư phạm cho thấy năng lực thẩm mỹ được phát triển qua việc áp dụng các hoạt động trải nghiệm.
1450	Đại học	Thiết kế trò chơi trên máy tính để ôn tập hình học cho học sinh lớp 4	Phan, Gia Huệ	Dương, Hữu Tòng	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu trò chơi trên máy tính. Tìm hiểu nguyên tắc, quy trình thiết kế trò chơi trên máy tính và cách tổ chức trò chơi. Sau đó, tiến hành thực nghiệm thông qua kết quả đưa ra những thuận lợi và khó khăn.
1451	Đại học	Dạy học phép nhân số tự nhiên cho học sinh Tiểu học	Hứa, Thị Thanh Hằng	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong dạy học phép nhân số tự nhiên cho học sinh tiểu học. So sánh cách hình thành phép nhân trong sách hiện hành toán 2 và sách VNEN. Tìm hiểu một số phương pháp dạy học một số nội dung về phép nhân số tự nhiên cho học sinh tiểu học. Sau đó, tiến hành phân tích giáo án mẫu và giáo án đề xuất – khảo sát thực tiễn và đưa ra thực tiễn.
1452	Đại học	Một số biện pháp rèn luyện phát âm cho học sinh Tiểu học qua môn học văn	Lê, Thị Út	Đặng, Thị Hoa	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lí luận về kĩ năng phát âm cho HS lớp 1 qua phân môn học văn. Qua đó đề xuất các giải pháp giúp HS rèn phát âm. Đồng thời vận dụng các giải pháp đó vào việc thiết kế các giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp mà luận văn đã đề xuất.
1453	Đại học	Rèn luyện kĩ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 4	Trương, Mai Phương	Dương, Hữu Tòng	2018	Luận văn trình bày các cơ sở về lí luận và thực tiễn trong dạy học toán có lời văn ở lớp 4. Từ đó đề xuất một số giải pháp rèn kĩ năng giải toán có lời văn cho HS. Cuối cùng, xây dựng và thiết kế giáo án thực nghiệm nhằm kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp đã đề xuất.
1454	Đại học	Ứng dụng phương pháp chia tỉ lệ trong giải toán Tiểu học	Ung, Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn, Hoàng Xinh	2018	Nghiên cứu những kiến thức, cơ sở của việc vận dụng phương pháp chia tỉ lệ trong giải toán tiểu họ, ứng dụng PP dạy học chia tỉ lệ trong dạy học Toán ở một số dạng bài Toán cơ bản. Từ đó, thiết kế và xây dựng các giáo án thực nghiệm nhằm kiểm chứng hiệu quả của PP dạy học chia tỉ lệ.
1455	Đại học	Xây dựng hệ thống bài tập mở rộng vốn từ theo chủ điểm cho học sinh lớp 3	Nguyễn, Thanh Xuân	Lữ, Hùng Minh	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lí luận về Tiếng Việt, khảo sát hệ thống bài tập trong SGK, phân loại và thiết kế các dạng bài tập mở rộng vốn từ theo từng chủ điểm cho HS lớp 3. Từ đó, vận dụng vào thiết kế một số giáo án thực nghiệm

1456	Đại học	Rèn luyện kỹ năng đọc cho học sinh lớp 2 thông qua dạy học phân môn Tập đọc	Trần, Võ Tú Trinh	Phạm, Tuấn Anh	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lý luận về đọc, kỹ năng đọc và chương trình phân môn Tập đọc lớp 2. Qua đó đề xuất các giải pháp giúp HS rèn các kỹ năng đọc hiểu, đọc thành tiếng và đọc diễn cảm. Đồng thời vận dụng các giải pháp đó vào việc thiết kế các giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp mà luận văn đã đề xuất.
1457	Đại học	Tổ chức đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 22 năm 2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo	Nguyễn, Thị Ngọc Lan	Dương, Hữu Tòng	2018	
1458	Đại học	Dạy học tích hợp trong môn Toán lớp 5	Trần, Thị Thanh Tú	Dương, Hữu Tòng	2018	Bài viết này đưa ra cơ sở lý thuyết về dạy học tích hợp; một số quan điểm dạy học trong tổ chức dạy học tích hợp; tìm hiểu, phân tích dạy học giải toán có lời văn trong sách giáo khoa Toán lớp 5 theo định hướng tích hợp nội dung giáo dục môi trường và giáo dục dân số ở tiểu học. Thực nghiệm ở lớp 5A4 trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, Ninh Kiều, Cần Thơ. Quá trình thực nghiệm kết hợp với các phương pháp như: Phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp quan sát, phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá. Hiệu quả của quá trình thực nghiệm giúp phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.
1459	Đại học	Vận dụng sơ đồ tư duy vào dạy học hình học lớp 4	Nguyễn, Đức Minh	Dương, Hữu Tòng	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận của sơ đồ tư duy. Thiết kế sơ đồ tư duy vào dạy học hình học lớp 4. Thực nghiệm sư phạm tìm hiểu khả năng vận dụng sơ đồ tư duy vào dạy học hình học ở lớp 4.
1460	Đại học	Rèn kỹ năng giải toán cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học chủ đề phân số	Lê, Ngọc Mỹ Phượng	Dương, Hữu Tòng	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận về đặc điểm tâm lý học sinh và nội dung dạy học phân số trong chương trình toán tiểu học. Tìm hiểu các dạng toán liên quan chủ đề phân số ở toán 4. Đưa ra biện pháp rèn luyện kỹ năng giải toán cho học sinh lớp 4 thông qua dạy học chủ đề phân số. Tiến hành thực nghiệm sư phạm và đưa ra kết luận.
1461	Đại học	Một số sai lầm về phân số lớp 4 và hướng khắc phục theo lý thuyết tình huống didactic	Võ, Xuân Tuyết Trâm	Bùi, Anh Kiệt	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận về vấn đề đổi mới phương pháp ở trường tiểu học, đồ án didactic, lịch sử hình thành phân số và các cơ sở lý luận sai lầm trong dạy học toán. Tìm hiểu những sai lầm của học sinh lớp 4 khi học chủ đề phân số và hướng khắc phục. Sau đó tiến hành thực nghiệm sư phạm dựa trên kết quả phân tích số liệu, rút ra một số kết luận về quá trình thực nghiệm.
1462	Đại học	Thiết kế trò chơi vào dạy học toán “Chương 3: Các số đến 10.000” cho học sinh lớp 3	Võ, Thúy Lộc	Dương, Hữu Tòng	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết kế trò chơi và dạy học toán. Tiến hành thiết kế trò chơi vào dạy học toán chương 3: các số đến 10.000 cho học sinh lớp 3. Tiến hành khảo sát lấy ý kiến sau đó phân tích những thuận lợi và khó khăn.
1463	Đại học	Một số biện pháp khắc phục những sai lầm khi giải toán dạng “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”	Sơn, Thị Tuyết Nhung	Dương, Hữu Tòng	2018	Tìm hiểu cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn về tỉ số của hai số. Đưa ra những sai lầm học sinh thường mắc phải khi giải toán dạng tìm hai số khi biết tổng về tỉ số của hai số và một số biện pháp khắc phục. Tiến hành thực nghiệm sư phạm và đưa ra đánh giá.
1464	Đại học	Một số sai lầm khi học hình bình hành của học sinh lớp 4 và hướng khắc phục theo lý thuyết tình huống didactic	Võ, Thị Diễm Thúy	Bùi, Anh Kiệt	2018	Luận văn trình bày cơ sở lý luận về đồ án didactic và cơ sở lý luận về sai lầm trong dạy học toán. Ngoài ra luận văn còn trình bày một số sai lầm của HS lớp 4 khi học về hình bình hành, từ đó đề xuất hướng khắc phục và xây dựng giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp đã đề xuất

1465	Đại học	Phát triển tư duy sáng tạo của học sinh lớp 4 thông qua dạy học giải toán có lời văn	Trần, Thị Thanh Tâm	Dương, Hữu Tòng	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lý luận về tư duy, tư duy sáng tạo,... một số biểu hiện của tư duy sáng tạo. Đề xuất một số biện pháp để phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh và đưa ví dụ minh họa đối với từng biện pháp cụ thể. Cuối cùng xây dựng giáo án thực nghiệm nhằm kiểm tra và đánh giá hiệu quả của một số biện pháp đã được đề xuất trong luận văn.
1466	Đại học	Phát triển tư duy thuật toán trong dạy học số thập phân ở lớp 5	Lâm, Thị Huỳnh Như	Dương, Hữu Tòng	2018	Cơ sở lý luận về tư duy, thuật toán, tư duy thuật toán, số thập phân trong chương trình lớp 5, phương pháp phát triển tư duy thuật toán trong dạy học số thập phân ở lớp 5. Đối với thực nghiệm, đưa ra một số đề xuất sau quá trình thực nghiệm về sử dụng tư duy thuật toán trong dạy học số thập phân ở lớp 5.
1467	Đại học	Ứng dụng phần mềm Scratch trong việc dạy học các yếu tố tập hợp ở lớp 2	Chế, Thanh Trúc	Bùi, Anh Tuấn	2018	Luận văn trình bày cơ sở lý luận về lý thuyết tập hợp và các yếu tố tập hợp ở Toán lớp 2. Giới thiệu về lập trình Scratch và vận dụng lập trình Scratch vào dạy học Toán lớp 2. Ngoài ra, luận văn còn thiết kế giáo án thực nghiệm để đánh giá hiệu quả của việc vận dụng lập trình Scratch vào dạy học Toán lớp 2.
1468	Đại học	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua giải toán lớp 5	Lê, Ngọc Tú	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Luận văn trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc phát triển tư duy sáng tạo cho HSTH thông qua dạy học Toán. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp phát triển tư duy sáng tạo cho HS và thiết kế các giáo án mẫu theo hướng đã đề xuất để kiểm chứng hiệu quả của những biện pháp đã nêu.
1469	Đại học	Ứng dụng phần mềm Scratch trong giải bài toán “Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”	Nguyễn, Lâm Thạo	Bùi, Anh Tuấn	2018	Tìm hiểu về chương trình về phân môn toán lớp 4 và bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. Giới thiệu lập trình scratch và ứng dụng scratch trong dạy học, sau đó tiến hành thực nghiệm dựa trên số liệu thuận lợi, khó khăn từ đó đưa ra ưu điểm và hạn chế của lập trình Scratch khi ứng dụng vào dạy học giải toán có lời văn. Cụ thể là bài: “tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó”.
1470	Đại học	Vận dụng toán IQ tổ chức trò chơi cho HS lớp 5 trong dạy học Toán học	Lê, Thanh Thanh	Bùi, Phương Uyên	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lý luận về Toán IQ và trò chơi dạy học toán. Giới thiệu một số dạng Toán IQ thường gặp và thiết kế các trò chơi dạy học Toán IQ cho HS lớp 5. Cuối cùng tiến hành xây dựng giáo án thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của các trò chơi mà luận văn đề xuất.
1471	Đại học	Vận dụng thuyết đa trí tuệ vào dạy học môn Khoa học ở tiểu học.	Trần, Huỳnh Hân	Huỳnh, Thái Lộc	2018	Trên cơ sở phân tích, tổng hợp cơ sở lý luận về Thuyết đa trí tuệ, cũng như nội dung chương trình môn Khoa học, tác giả đề xuất các biện pháp vận dụng thuyết đa trí tuệ vào dạy học môn Khoa học lớp 4, 5.
1472	Đại học	Nghiên cứu sai lầm khi học sinh lớp 2 học phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100	Châu, Thị Ý	Bùi, Phương Uyên	2018	Luận văn trình bày các cơ sở lý luận về phép cộng trừ có nhớ cho HS tiểu học. Phân tích nội dung phép cộng, phép trừ có nhớ trong sách giáo khoa toán 2 và chỉ ra những sai lầm giải toán cộng, trừ của học sinh lớp 2 và biện pháp sửa chữa những sai lầm đó. Từ đó áp dụng vào thiết kế các giáo án thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của các giải pháp đã đề xuất.
1473	Đại học	Dạy học môn Tự nhiên xã hội lớp 3 thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Nguyễn, Thị Kiều Anh	Huỳnh, Thái Lộc	2018	Trên cơ sở phân tích, tổng hợp cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm, cũng như nội dung chương trình môn TNXH lớp 3, tác giả đề xuất các biện pháp nhằm tổ chức các hoạt động trải nghiệm khi dạy học môn TNXH lớp 3

1474	Đại học	Phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên cho học sinh trong dạy học môn Khoa học lớp 4 thông qua phương pháp Bàn tay nặn bột	Lê, Vũ Khang	Trịnh, Thị Hương	2018	Luận văn nghiên cứu tổng quan về phương pháp dạy học Bàn tay nặn bột, tìm hiểu về việc vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột vào việc phát triển kỹ năng tìm hiểu tự nhiên cho HS lớp 4. Tiến hành khảo sát và thực nghiệm nhằm kiểm chứng hiệu quả của nghiên cứu trong môi trường giáo dục thực tế, đưa ra kết luận về tính hiệu quả của đề tài. Dựa vào những nghiên cứu, thực nghiệm tiến hành đề xuất các kỹ thuật giúp dạy học phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên cho học sinh sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.
1475	Đại học	Tạo hứng thú học lịch sử cho HS tiểu học	Ngô, Thị Thủy Quỳnh	Huỳnh, Thái Lộc	2018	Trên cơ sở phân tích, tổng hợp cơ sở lý luận về hứng thú và cách tạo hứng thú, cũng như nội dung chương trình phân môn Lịch sử ở Tiểu học, tác giả đề xuất các biện pháp nhằm tạo hứng thú học tập môn phân Lịch sử ở Tiểu học.
1476	Đại học	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho HS lớp 1 thông qua môn Tự nhiên và xã hội	Trương, Huỳnh Như	Huỳnh, Thái Lộc	2018	Trên cơ sở phân tích, tổng hợp cơ sở lý luận về kỹ năng sống, cũng như nội dung chương trình môn TNXH lớp 1, tác giả chỉ ra những kỹ năng sống cần thiết của HS lớp 1 và đề xuất các biện pháp nhằm tổ chức các hoạt động tích hợp giáo dục những kỹ năng đó cho HS lớp 1, khi dạy học môn TNXH
1477	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí ở tiểu học	Bùi, Thị Cẩm Trúc	Huỳnh, Thái Lộc	2018	Trên cơ sở phân tích, tổng hợp cơ sở lý luận về các phần mềm thường được sử dụng ở Tiểu học như: power point, Violet, Google Maps; cũng như nội dung chương trình phân môn Địa lí ở Tiểu học, tác giả đề xuất các biện pháp nhằm ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học phân môn Địa lí ở Tiểu học đạt hiệu quả tốt hơn.
1478	Đại học	Nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDCD lớp 10 ở trường THPT Nguyễn Việt Hồng, TPCT	Phạm, Anh Duy	Nguyễn, Ngọc Cẩm	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong DH môn GDCD lớp 10 ở trường THPT Nguyễn Việt Hồng, Thành Phố Cần Thơ”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây Thứ nhất, là cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong DH môn GDCD lớp 10 ở trường THPT Nguyễn Việt Hồng, Thành Phố Cần Thơ Thứ hai, giải pháp, quy trình và điều kiện thực hiện nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong DH môn GDCD lớp 10 ở trường THPT Nguyễn Việt Hồng, Thành Phố Cần Thơ Thứ 3, là thực nghiệm nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong DH môn GDCD lớp 10 ở trường THPT Nguyễn Việt Hồng, Thành Phố Cần Thơ.

1479	Đại học	Đảng bộ TPCT lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới giai đoạn 2010-2018	Đoàn, Xuân Đào	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Trong Luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Đảng bộ thành phố Cần Thơ lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới giai đoạn 2010 - 2018”, tác giả đã trình bày những nội dung chính tập trung vào 03 chương Ở chương 1, tác giả tìm hiểu những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc thực hiện bình đẳng giới bằng cách đưa ra các định nghĩa, quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới. Bên cạnh đó, nêu sơ lược về tình hình thực hiện bình đẳng giới ở nước ta, cũng như trên thế giới; từ đó khẳng định tầm quan trọng của bình đẳng giới. Ở chương hai, tác giả trình bày và phân tích về sự lãnh đạo thực hiện bình đẳng giới của Đảng bộ thành phố Cần Thơ; khái quát những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của công tác bình đẳng giới tại địa bàn thành phố Cần Thơ; qua đó, rút ra một số kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ thành phố Cần Thơ về bình đẳng giới. Ở chương ba, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện bình đẳng giới ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới Ngoài nội dung chính, luận văn còn có phần mở đầu, kết luận, danh
1480	Đại học	Vận dụng TTHCM về phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay	Nguyễn, Minh Đăng	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế nông nghiệp có ý nghĩa là nền tảng tư tưởng trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc phát triển kinh tế nông nghiệp ở địa phương, tác giả tiến hành nghiên cứu: “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về kinh tế nông nghiệp như sau: Vai trò của kinh tế nông nghiệp, những quan điểm cụ thể trong công tác canh nông: Phát triển kinh tế nông nghiệp phải toàn diện, công tác chọn lọc giống, thủy lợi, chống hạn.... Luận văn cũng phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng. Luận văn cũng tập trung làm rõ những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về phát triển kinh tế nông nghiệp. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian
1481	Đại học	XD đội ngũ Cán bộ làm công tác dân vận ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Trần, Khánh Đoan	Phạm, Văn Búa	2019	Việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận của tỉnh Sóc Trăng hiện nay đã có nhiều thành tựu đáng kể, làm cho nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của cán bộ, làm cho đời sống kinh tế-xã hội của tỉnh ngày càng phát triển hơn. Bên cạnh những thành tựu đạt được, thì công tác dân vận của đội ngũ cán bộ vẫn còn một số hạn chế nhất định cần khắc phục trong thời gian tới, từ đó Đảng bộ tỉnh đã đưa ra một số giải pháp khắc phục làm cho công tác dân vận của đội ngũ cán bộ ngày càng được nâng cao.

1482	Đại học	XD đội ngũ trí thức tỉnh Trà Vinh dưới ánh sáng TTHCM hiện nay	Diệp, Thị Ngọc Hà	Phạm, Văn Búa	2019	Hồ Chí Minh là tấm gương cho cả dân tộc Việt Nam. Cuộc đời Bác gắn liền với cách mạng và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống toàn diện và ngày nay vẫn còn nguyên giá trị, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ trí thức. Và để xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa thì công tác xây dựng đội ngũ trí thức là rất quan trọng và cần thiết Trong thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh đã đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ trí thức cho sự phát triển của tỉnh bằng nhiều hình thức và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một vài hạn chế. Chính vì thế, để phát triển đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng đối với trí thức; Tạo các chuyên biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng trí thức; Có các chính sách tuyển dụng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ trí thức; Tăng cường thu hút trí thức trẻ về làm việc trên địa bàn tỉnh; Cần thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với đội ngũ trí thức. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện phát huy dân chủ và hoàn thiện môi trường thuận lợi cho đội ngũ trí thức làm việc; tranh thủ ngoại lực để phát triển đội ngũ trí thức trong tỉnh. Từ đó, xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh ở tỉnh Trà Vinh dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.
1483	Đại học	Vận dụng TTHCM về giáo dục trong việc xây dựng đội ngũ giáo viên ở khu vực ĐBSCL	Nguyễn, Văn Hồng Hải	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Đề tài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong việc xâ dựng đội ngũ giáo viên ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long hiện nay” trình bày một cách chi tiết Một là, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục Hai là, những quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Na về giáo dục Ba là, thực trạng xây dựng đội ngũ giáo viên ở khu vực Đồng Bần Sông Cửu Long trong giai đoạn từ 2005 đến nay Bốn là, những thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng đội ngũ giá viên ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện na Năm là, đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng và phát triển đội ng giáo viên ở khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long hiện nay.
1484	Đại học	Định hướng giáo dục hòa nhập trong dạy học môn GD CD lớp 10 ở trường Phan Văn Trị, TPCT	Trần, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Định hướng giáo dục hòa nhập trong dạy họ môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường Trung học phổ thông Phan Văn Trị Thành phố Cần Thơ”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây Thứ nhất, là cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc định hướng giáo dụ hoà nhập (GDHN) trong dạy học (DH) môn Giáo dục công dân (GD CD) lớp 10 ở trường Trung học phổ thông (THPT) Phan Văn Trị, Thành phố Cần Thơ Thứ hai, là trình bày giải pháp, quy trình và điều kiện thực hiện định hướn GDHN trong dạy học môn GD CD lớp 10 ở trường THPT Phan Văn Trị Thành phố Cần Thơ Thứ 3, là tiến hành thực nghiệm việc định hướng GDHN trong DH mô GD CD lớp 10 ở trường THPT Phan Văn Trị, Thành phố Cần Thơ.

1485	Đại học	Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển mối quan hệ VN - Thái Lan giai đoạn 1991-2018	Trương, Trung Hiếu	Nguyễn, Thị Kim Quế	2019	Trong đề tài luận văn “Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển mối quan hệ Việt Nam – Thái Lan giai đoạn 1991 – 2018” của tác giả, nội dung cơ bản có thể khái quát như sau: Chương 1: Trình bày cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển mối quan hệ Việt Nam – Thái Lan giai đoạn 1991 – 2018 bao gồm chính sách đối ngoại và vai trò của chính sách đối ngoại, chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, đặc điểm của Thái Lan (tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội, chính sách đối ngoại), mối quan hệ Việt Nam – Thái Lan trước năm 1991. Chương 2: Trình bày chủ trương và quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển mối quan hệ Việt Nam – Thái Lan giai đoạn 1991 – 2018, nêu lên thành tựu, nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, nhận định ý nghĩa, rút ra bài học kinh nghiệm. Chương 3: Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ Việt Nam – Thái Lan trong thời gian tới, các giải pháp mà tác giả đưa ra tập trung về phía Việt Nam (Đảng, Nhà nước, nhân lực, doanh nghiệp,...).
1486	Đại học	Đảng bộ TPCT thực hiện chính sách tôn giáo dưới ánh sáng TTHCM trong giai đoạn hiện nay	Trần, Thiện Khiêm	Phạm, Văn Búa	2019	Tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo có ý nghĩa là nền tảng tư tưởng trong quá trình thực hiện các chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc thực hiện chính sách tôn giáo ở cơ sở, tác giả tiến hành nghiên cứu “Đảng bộ thành phố Cần Thơ thực hiện chính sách tôn giáo dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay” làm đề tài luận văn tốt nghiệp cử nhân Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo như sau: Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo. Luận văn phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự xuất hiện và phát triển của các tôn giáo khác nhau trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Luận văn làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, những chủ trương của Đảng bộ thành phố Cần Thơ về thực hiện các chính sách tôn giáo. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn thành phố trong thời gian qua. Từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh quan điểm của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng và các vấn đề hạn chế của Đảng bộ thành phố Cần Thơ vào thực hiện công tác tôn giáo trong thời gian tới nhằm thực hiện và giải quyết các vấn đề tôn giáo theo hướng bền vững, hiệu quả và thu được nhiều thành tích tốt đẹp.

1487	Đại học	XD hình mẫu thanh niên thời đại mới ở TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Trần, Trung Kiên	Phạm, Văn Búa	2019	Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên và xây dựng hình mẫu người thanh niên là nền tảng cho sự phát triển công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay. Nhận thấy rõ được tầm quan trọng của vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng hình mẫu người thanh niên, tác giả tiến hành nghiên cứu: “Xây dựng hình mẫu thanh niên thời đại mới thành phố Cần Thơ dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng hình mẫu thanh niên thời đại mới như sau: nêu một số khái niệm về thanh niên và hình mẫu thanh niên, những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về hình mẫu người thanh niên. Luận văn phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ và làm rõ những quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương của Đảng bộ thành phố Cần Thơ về xây dựng hình mẫu người thanh niên trong những năm qua đã đạt được những kết quả gì. Từ đó đưa ra một số giải pháp để khắc phục những vấn đề hạn chế của Đảng bộ thành phố Cần Thơ trong công tác xây dựng hình mẫu thanh niên trong thời gian tới.
1488	Đại học	Đảng bộ tỉnh HG xây dựng nông thôn mới dưới ánh sáng TTHCM	Võ, Hoàng Lâm	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đời sống mới. Qua đó đánh giá quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới của tỉnh Hậu Giang và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hậu Giang
1489	Đại học	Công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tỉnh Sóc Trăng dưới ánh sáng TTHCM trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Khánh Nguyên	Phạm, Văn Búa	2019	Công tác giáo dục lý luận chính trị là một công tác rất quan trọng của Đảng và có một vị trí quan trọng trong việc xây dựng một đội ngũ cán bộ có trình độ lý luận, nhận thức để trực tiếp giảng dạy lý luận chính trị, góp phần hình thành một đội ngũ cán bộ có đủ đức và tài để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác giáo dục chính trị thì ta thấy được tầm quan trọng của công tác giáo dục chính trị ở nước ta. Đối với nước ta, thì công tác này góp phần quan trọng vào xây dựng con người xã hội và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị và tư duy lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm sắp tới. Giáo dục chính trị là tiền đề để giữ vững ổn định chính trị và ổn định xã hội, đảm bảo cho công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được thực hiện và phát triển sâu rộng trong phạm vi cả nước và mọi lĩnh vực chính trị của Đảng. Thêm vào đó, giáo dục lý luận chính trị là nghiên cứu tổng kết thực tiễn, xây dựng thành hệ thống quan điểm lý luận chính trị, hình thành và phát triển tư tưởng xã hội, phát triển những mâu thuẫn xã hội và đưa ra những dự báo để phát triển cho tương lai. Công tác giáo dục chính trị trong những năm qua đã có những thành tựu vượt bậc giúp

1490	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc thực hiện quyền trẻ em ở TPCT	Nguyễn, Thị Trúc Linh	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Thực hiện quyền trẻ em là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Ở Việt Nam đặc biệt là ở thành phố Cần Thơ hiện nay, công tác thực hiện quyền trẻ em đã đạt nhiều thành tựu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế. Luận văn nhằm hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về thực hiện quyền trẻ em. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện quyền trẻ em ở thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quyền trẻ em ở thành phố Cần Thơ trong thời kỳ hội nhập hiện nay.
1491	Đại học	Vận dụng TTHCM về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau khu vực đồng bằng SCL hiện nay	Trương, Thị Yến Nhi	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Đề tài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” thực hiện những nội dung và nhiệm vụ cơ bản như sau Thứ nhất, phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau đặc biệt là thiếu niên, nhi đồng Thứ hai, tìm hiểu tình hình lối sống trẻ em ở vùng đồng bằng sông Cửu Long Thứ ba, nêu ra một số giải pháp cơ bản nhằm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh bồi dưỡng cho thế hệ cách mạng đời sau trong việc chăm sóc bảo vệ thiếu niên, nhi đồng ở đồng bằng sông Cửu Long.
1492	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc nâng cao đạo đức nhà giáo ở nước ta hiện nay	Nguyễn, Huỳnh Như	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nh giáo, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức nhà giáo; phân tích đánh giá thành tựu, hạn chế trong việc nâng cao đạo đức nhà giáo ở nước ta hiệ nay; đề xuất giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc nâng cao đạ đức nhà giáo ở nước ta hiện nay.
1493	Đại học	Tìm hiểu về phát triển kinh tế nông nghiệp ở huyện Gò Quao, tỉnh KG trong giai đoạn hiện nay	Phùng, Kim Phương	Trần, Thanh Quang	2019	Trong đề tài luận văn “Tìm hiểu về phát triển kinh tế nông nghiệp ở huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn hiện nay” của tác giả, nội dung cơ bản có thể khái quát như sau Chương 1: Trình bày cơ sở lý luận về kinh tế nông nghiệp ở nước ta, nêu lên các khái niệm của nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp. Đặc điểm và vai trò của kinh tế nông nghiệp ở nước ta và một số quan điểm của Đảng đối với việc phát triển kinh tế nông nghiệp tại Việt Nam Chương 2: Trình bày thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tại huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Trong đó nêu đặc điểm tự nhiên và tổng kết lại những thành tựu và hạn chế trong phát triển kinh tế nông nghiệp của huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn hiện nay Chương 3: Đề xuất một số phương hướng và giải pháp giúp phát triển nền kinh tế nông nghiệp tại huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.

1494	Đại học	TTHCM về khoa học, công nghệ và sự vận dụng của đảng ta trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Võ, Trúc Phương	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, công nghệ không chỉ phát huy được sức mạnh to lớn của khoa học, công nghệ mà còn nhìn nhận được vai trò vô cùng quan trọng của việc phát triển khoa học, công nghệ có tác dụng mạnh mẽ trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng lối sống, đạo đức và nhân cách mới của toàn bộ xã hội. Quá trình đổi mới về khoa học, công nghệ, hiện đại hóa, thị trường hóa nền sản xuất xã hội còn là quá trình chuyển đổi về tâm lý, phong tục tập quán, lối sống thích ứng với nhịp độ và tốc độ của xã hội công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển khoa học công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tác giả tiến hành nghiên cứu: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học, công nghệ và sự vận dụng của Đảng ta trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp đại học Luận văn tập trung làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Khoa học, công nghệ là nhân tố quyết định sự phát triển kinh tế, là căn cứ chiến lược để xây dựng đường lối, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế cũng như đảm bảo quốc phòng – an ninh và đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Luận văn phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam với việc phát triển khoa học, công nghệ cũng như sự cần thiết phải phát triển khoa học, công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ nước ta từ năm 1996 đến năm 2018. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả việc phát triển khoa học công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
1495	Đại học	Vận dụng TTHCM về phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong đồng bào KHMER tỉnh Sóc Trăng hiện nay	Dur, Tấn Tài	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát huy vai trò đội ngũ trí thức; Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện công tác phát huy vai trò trí thức đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm phát huy tốt hơn vai trò đội ngũ trí thức đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng trong thời gian tới.
1496	Đại học	Giáo dục chủ nghĩa yêu nước HCM cho thanh niên TPCT	Nguyễn, Thị Kim Chi	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Luận văn tập trung làm rõ một số khái niệm, quan niệm và những nội dung cơ bản về chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh: Không có gì quý hơn độc lập, tự do; thi đua yêu nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, thống nhất Tổ quốc; chủ nghĩa yêu nước kết hợp hài hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Luận văn phân tích sự vận dụng của Thành Đoàn Cần Thơ về giáo dục chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cho thanh niên (2012 – 2017). Trên cơ sở đó Thành Đoàn Cần Thơ đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cho thanh niên thành phố Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay.

1497	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức cho Bộ đội Biên phòng tỉnh Bến Tre hiện nay	Nguyễn, Thị Diễm Hương	Phạm, Văn Búa	2018	
1498	Đại học	Kinh tế tư nhân và sự tác động của nó đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Dương, Thị Mộng Kha	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2018	
1499	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Công an nhân dân và sự vận dụng trong công tác bảo vệ an ninh trật tự của Công an thành phố Cần Thơ hiện nay”.	Nguyễn, Thị Băng Châu	Phạm, Văn Búa	2018	
1500	Đại học	Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc (giai đoạn 1945 – 1969)”	Nguyễn, Văn Hậu	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1501	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc thực hiện nghị quyết TW4 (khóa 12)về XD, chỉnh đốn Đảng (Từ thực tiễn TPCT)	Nguyễn, Minh Cường	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1502	Đại học	VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC PHÁT HUY DÂN CHỦ Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY	Quảng, Thị Tuyết Giao	Phạm, Văn Búa	2018	
1503	Đại học	“ Xây dựng đội ngũ nhà giáo theo Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê, Thị Thúy Hằng	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1504	Đại học	XD gia đình văn hóa ở huyện Thới Lai - TPCT giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Phạm, Văn Búa	2018	
1505	Đại học	Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao cho sinh viên trường ĐHCT theo TTHCM	Bùi, Thị Trúc Đào	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1506	Đại học	“Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang lãnh đạo thực hiện công tác dân vận dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn 2005 - 2016”	Trần, Thị Kim Hai	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1507	Đại học	Đảng bộ thành phố Cần Thơ vận dụng tư tưởng dân vận Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Ngọc Châu	Phạm, Văn Búa	2018	
1508	Đại học	Nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng phát triển kinh tế biển theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh”	Thạch, Thị Thanh Hương	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1509	Đại học	Nâng cao ý thức trong công tác khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh VL hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Phan, Thị Mỹ Linh	Lê, Thị Thúy Hương	2018	

1510	Đại học	Giải pháp nâng cao kiểm tra trắc nghiệm khách quan trong dạy học môn GD&CD lớp 10 ở trường THPT Vĩnh Long, tỉnh VL	Nguyễn, Hoàng Kha	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2018	
1511	Đại học	Đoàn kết đồng bào dân tộc, tôn giáo tỉnh ST dưới ánh sáng TT đại đoàn kết dân tộc của HCM	Trần, Thị Huệ Lang	Phạm, Văn Búa	2018	
1512	Đại học	Niềm tin cách mạng của người dân đối với đền thờ Hồ Chí Minh ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	Nguyễn, Phạm Huỳnh Như	Phạm, Văn Búa	2018	
1513	Đại học	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên tỉnh Cà Mau hiện nay	Nguyễn, Mạnh Quỳnh	Phạm, Văn Búa	2018	
1514	Đại học	Nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận tổ quốc huyện Đầm dơi tỉnh Cà Mau theo tư tưởng HCM	Văn, Hoài Linh	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1515	Đại học	Nâng cao phương thức lãnh đạo của ĐCSVN hiện nay theo tư tưởng HCM	Nguyễn, Hoàng Mai	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1516	Đại học	Giáo dục thể giới quan duy vật biện chứng cho SV trường ĐHCT hiện nay thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Văn Khiêm	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
1517	Đại học	Vận dụng TTHCM về giáo dục thanh niên trong công tác giáo dục thanh niên huyện Tam Bình- tỉnh VL hiện nay	Nguyễn, Văn Vũ Linh	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1518	Đại học	Phát huy kinh tế nông thôn ở tỉnh ST trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Dương, Văn Linh	Trần, Thanh Quang	2018	
1519	Đại học	Nâng cao công tác kiểm tra, giám sát của ĐCSVN hiện nay theo TTHCM	Lê, Gia Linh	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1520	Đại học	Phát triển kỹ năng thảo luận nhóm cho học sinh trong dạy học môn GD&CD lớp 10 ở trường THPT Phú Hữu, tỉnh HG	Nguyễn, Huệ Minh	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2018	
1521	Đại học	Vận dụng tư tưởng HCM vào việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho thanh thiếu niên ở huyện Gò Quao, tỉnh KG	Trần, Thị Diệu Linh	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1522	Đại học	Phát huy vai trò của phương pháp đàm thoại trong dạy học phần công dân với pháp luật ở trường THPT Trần Văn Bảy, tỉnh ST	Trần, Thị Kiều Muội	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2018	

1523	Đại học	Hội liên hiệp phụ nữ TPCT phát huy vai trò phụ nữ dưới ánh sáng TTHCM (2011-2016)	Nguyễn, Xuân Diệu	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1524	Đại học	Phát huy vai trò của thanh niên tỉnh ST trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới ánh sáng TTHCM hiện nay	Nguyễn, Thị Hồng Cẩm	Phạm, Văn Búa	2018	
1525	Đại học	Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật đờn ca tài tử ở tỉnh AG hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng HCM	Nguyễn, Thị Ngọc	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1526	Đại học	Phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh ST trong quá trình CNH-HĐH đất nước	Đoàn, Tấn Đạt	Trần, Thanh Quang	2018	
1527	Đại học	Đảng bộ tỉnh CM thực hiện chính sách lao động việc làm trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Phan, Yến Nhi	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1528	Đại học	Thực hiện chính sách tôn giáo ở ĐBSCL dưới ánh sáng TTHCM trong giai đoạn hiện nay.	Nguyễn, Hồng Diễm	Phạm, Văn Búa	2018	
1529	Đại học	Vận dụng TTHCM về giáo dục vào việc thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào KHMER tỉnh Vĩnh Long hiện nay	Danh, Thị Sa Ha Ni	Phạm, Văn Búa	2018	
1530	Đại học	Đảng bộ thị xã ngã bảy, tỉnh HG lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo từ năm 2005 đến năm 2016	Trương, Thị Ái Phương	Nguyễn, Thị Thúy Lưu	2018	
1531	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc giáo dục đạo đức cho sinh viên trường ĐHCT hiện nay	Trương, Nguyễn Phương	Phạm, Văn Búa	2018	
1532	Đại học	Giải pháp bảo tồn đền thờ HCM ở tỉnh Cà Mau hiện nay	Ngô, Như Quỳnh	Phạm, Văn Búa	2018	
1533	Đại học	Vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong việc XD khối đoàn kết dân tộc Chăm, KHMER, Kinh ở tỉnh AG giai đoạn hiện nay.	Neang, Chanh Thi	Phạm, Văn Búa	2018	
1534	Đại học	XD phong cách người CATPCT bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ dưới ánh sáng TTHCM	Trần, Thị Bích Thu	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1535	Đại học	Đạo đức phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với đời sống người VN hiện nay	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Phan, Văn Phúc	2018	
1536	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đời sống văn hóa cho sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Phương Trang	Phạm, Văn Búa	2018	

1537	Đại học	TTHCM về tự phê bình và phê bình - sự vận dụng của ĐCSVN trong giai đoạn hiện nay.	Đỗ, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1538	Đại học	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào KHMER ở TPCT hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng HCM	Giảng, Thị Bích Thảo	Nguyễn, Xuân Hương	2018	
1539	Đại học	Tri thức và vận dụng tri thức vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở TPCT hiện nay	Phạm, Văn Thừng	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
1540	Đại học	Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc (2005-2016)	Dương, Thanh Thịnh	Đồng, Thị Kim Xuyên	2018	
1541	Đại học	Nâng cao công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh KG hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Kha, Anh Tuấn	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1542	Đại học	Phát huy tích cực của phương pháp trực quan trong dạy học phần công dân với kinh tế ở trường THPT Thạnh Tân, tỉnh ST	Trần, Thị Phương Thúy	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2018	
1543	Đại học	Sự tiếp biến văn hóa phương đông và phương tây của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Trần, Tấn Triệu	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1544	Đại học	Chiến lược XD con người mới của CTHCM giá trị lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Ngọc Thắm	Lê, Thị Thúy Hương	2018	
1545	Đại học	Vận dụng tư tưởng HCM vào việc phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên hiện	Nguyễn, Cẩm Tiên	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	
1546	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc XD nền quốc phòng toàn dân trong giai đoạn hiện nay	Bùi, Thị Tiên	Nguyễn, Thị Kim Quế	2018	
1547	Đại học	Hợp tác Quốc tế của Trường Đại học Cần Thơ dưới ánh sáng TTHCM từ năm 2010-2016	Võ, Thị Huyền Trang	Phạm, Văn Búa	2018	
1548	Đại học	Đảng bộ tỉnh HG lãnh đạo công tác cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2006-2016	Lê, Huỳnh Trinh	Đinh, Thị Chinh	2018	
1549	Đại học	XD đảng bộ trường ĐHCT dưới ánh sáng TTHCM	Dư, Thúy Vy	Phạm, Văn Búa	2018	
1550	Đại học	Phát triển nguồn lực con người ở TPCT trong sự nghiệp CNH-HĐH theo TTHCM	Võ, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	

1551	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc bảo tồn và phát huy giá trị loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống của đồng bào KHMER tỉnh Sóc Trăng hiện nay	Son, Thị Kim Thoa	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo tồn và phát huy văn hóa văn nghệ và chủ trương của Đảng bộ Sóc Trăng về bảo tồn và phát huy giá trị loại hình văn hóa văn nghệ truyền thống của đồng bào Khmer; phân tích, đánh giá thành tựu, hạn chế trong việc bảo tồn và phát huy giá trị loại hình văn hóa văn nghệ truyền thống của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng hiện nay; đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc bảo tồn và phát huy giá trị loại hình văn hóa văn nghệ truyền thống của đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng hiện nay.
1552	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc đề phòng và khắc phục bệnh quan liêu trong đội ngũ Cán bộ ở nước ta hiện nay	Nguyễn, Thị Thanh Thơ	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về khái niệm quan liêu và khái niệm phòng chống bệnh quan liêu, bản chất, biểu hiện, nguyên nhân, tác hại của bệnh quan liêu, tính tất yếu cũng như những phương hướng và các biện pháp đấu tranh phòng, chống bệnh quan liêu. Luận văn làm rõ quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về việc đấu tranh phòng, chống quan liêu. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng quan liêu trong đội ngũ cán bộ ở nước ta trong giai đoạn vừa qua. Từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc đề phòng và khắc phục bệnh quan liêu trong đội ngũ cán bộ nước ta hiện nay nhằm góp phần thúc đẩy nâng cao hơn nữa hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống khắc phục bệnh quan liêu, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
1553	Đại học	Thực hiện quy chế dân chủ ở Thành Phố Cần Thơ hiện nay thực trạng và giải pháp	Huỳnh, Thị Ngọc Trắng	Lê, Ngọc Triết	2018	Luận văn xoay quanh vấn đề thực hiện quy chế dân chủ ở thành phố Cần Thơ ở huyện Phong Điền, Thới Lai. Đề xuất các giải pháp để giải quyết các mặt hạn chế nhằm nâng cao chất lượng việc thực hiện quy chế dân chủ ở thành phố Cần Thơ hiện nay. Đồng thời làm nhân tố thúc đẩy phát triển Cần Thơ vững mạnh hơn, nâng cao chất lượng đời sống người dân được ấm no và hạnh phúc hơn,...
1554	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc giáo dục lý tưởng CM cho thanh niên ở TPCT	Nguyễn, Thị Cẩm tú	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Đề tài “ Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên Thành phố Cần Thơ” , trước hết là nghiên cứu những quan điểm của Hồ Chí Minh về việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, khẳng định vị trí, vai trò của thanh niên và tầm quan trọng của việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Đảng và Nhà nước đưa vào thực tiễn vận dụng giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên Cần Thơ, trước những yêu cầu mới, cần tiếp tục nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác giáo dục lý tưởng Cách mạng cho thanh niên để họ thực sự trở thành đội quân chủ lực của đất nước. Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ở Thành phố Cần Thơ trong những năm vừa qua, đề xuất ra một số giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên Thành phố Cần Thơ.

1555	Đại học	Vận dụng TTHCM về công tác cán bộ vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ công tác đoàn ở TPCT trong giai đoạn hiện nay	Trần, Kim Thùy	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ như sau: công tác cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, bố trí sử dụng cán bộ công đoàn. Luận văn khái quát chung về cán bộ công đoàn ở thành phố Cần Thơ; phân tích quan điểm, chủ trương của đảng bộ thành phố cần thơ về xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn; thực trạng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn ở thành phố Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay; đề xuất một số giải pháp chủ yếu xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
1556	Đại học	Tác động của CM công nghiệp 4.0 đến XD văn hóa VN hiện nay	Lê, Thúy Uyên	Phan, Văn Thặng	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đến xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây Thứ nhất, là những vấn đề chung về cách mạng công nghiệp 4.0 Thứ hai, thực trạng tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời gian qua Thứ 3, là những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những tác động tích cực v hạn chế những tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xây dựng nề văn hóa Việt Nam hiện nay.
1557	Đại học	Những giải pháp xây dựng CNXH của Chủ Tịch HCM và sự vận dụng của ĐCSVN trong giai đoạn 1991-2016	Huỳnh, Văn Vàng	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Luận văn “Những giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong giai đoạn 1991 – 2016” trình bày tóm tắt những quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, phân tích các giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh định hướng trong quá trình Người lãnh đạo cách mạng Việt Nam Luận văn trình bày sự nhận thức và vận dụng sáng tạo Đảng Cộng sản Việt Nam về những giải pháp mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
1558	Đại học	Những đóng góp của HCM dưới góc nhìn của bạn bè Quốc tế	Dương, Mỹ Trinh	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Đề tài luận văn “Di sản Hồ Chí Minh dưới góc nhìn của bạn bè quốc tế” tập trung làm rõ những nội dung cơ bản về tiểu sử Hồ Chí Minh, phân tích quá trình hoạt động của Hồ Chí Minh hoạt động ở nước ngoài, phân tích góc độ nhìn nhận của bạn bè quốc tế đối với Hồ Chí Minh thông qua các bài viết chuyên kể. Cuộc đời hoạt động của Bác rất phong phú, địa bàn hoạt động trải rộng trên nhiều nước: từ châu Á đến châu Âu và sang Châu Phi và Châu Mỹ Bắc giao tiếp rất rộng rãi, quen biết rất nhiều người, từ những người lao động bình thường đến các nhà hoạt động lớn về chính trị và văn hoá của nhiều nước Từ những sự phân tích đó, tác giả đã đúc kết một số giá trị lý luận và thực tiễn việc này góp phần nghiên cứu sâu hơn về quá trình hoạt động cách mạng củ Người ở nước ngoài, cũng như góp phần cải thiện trong vấn đề đoàn kết quốc tế để bạn bè quốc tế có cái nhìn và sự hiểu biết về di sản Hồ Chí Minh.

1559	Đại học	Vận dụng TTHCM về dân chủ trong chính trị vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới hiện nay	Đinh, Thanh Trí	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn hệ thống hóa quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ, dân chủ trong chính trị và những điều kiện để thực hiện dân chủ trong chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh để làm cơ sở lý luận cho quá trình nghiên cứu. Luận văn làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân để thấy sự phát triển trong nhận thức của Đảng về dân chủ trong sự nghiệp đổi mới. Luận văn phân tích, đánh giá việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở nước ta từ năm 1986 đến nay, từ đó phát hiện những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân hiện nay tạo ra động lực mạnh mẽ phát triển đất nước.
1560	Đại học	Giáo dục đạo đức CM cho đội ngũ cán bộ, đảng viên huyện Thới Lai - TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Đặng, Thị Cẩm Tiên	Lê, Thị Bích Diễm	2019	Luận văn nghiên cứu công tác huấn luyện cán bộ ở Trường Chính trị thành phố Cần Thơ và những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện cán bộ ở Trường theo quan điểm của Hồ Chí Minh. Dựa trên mục đích nghiên cứu đề tài, luận văn đưa ra các nhiệm vụ cụ thể sau đây: Phân tích và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về huấn luyện cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Phân tích thực trạng chất lượng đào tạo cán bộ của Trường Chính trị thành phố Cần Thơ; Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ của Trường.
1561	Đại học	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDĐC lớp 11 tại trường THPT Nguyễn Việt Dũng TPCT	Mai, Anh Thư	Nguyễn, Ngọc Cẩm	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 11 tại trường THPT Nguyễn Việt Dũng, TP. Cần Thơ”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây Thứ nhất, là cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GDĐC ở trường THPT Thứ hai, là trình bày giải pháp, quy trình và điều kiện thực hiện hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy môn Giáo dục công dân trong giảng dạy môn giáo dục công dân lớp 11 ở trường THPT Nguyễn Việt Dũng, TP. Cần Th Thứ ba, là thực nghiệm hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy môn Giáo dục công dân lớp 11 ở trường THPT Nguyễn Việt Dũng, TP. Cần Thơ.

1562	Đại học	Phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Long hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	La, Phạm Thanh Thơ	Phạm, Văn Búa	2018	Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động chính trị, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời Người là nhà giáo dục, nhà văn hóa lớn của thế giới. Tư tưởng của Hồ Chí Minh là một kho tàng lý luận vô giá về các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó nổi bật là lĩnh vực giáo dục. Nhận thấy được tầm quan trọng của giáo dục trong sự nghiệp đổi mới. Tác giả chọn đề tài: “Phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Long hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn này. Cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng Sản Việt Nam nói chung và Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long nói riêng giáo dục của tỉnh Vĩnh Long hiện nay đã có nhiều bước tiến bộ rõ rệt, nhờ vào những chính sách, chủ trương đúng đắn của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long. Nội dung luận văn tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. Luận văn tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục về vị trí, vai trò của giáo dục, mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp, phương châm giáo dục trong đó có phương pháp dạy và học; quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về giáo dục; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội về ảnh hưởng đến phát triển giáo dục của tỉnh Vĩnh Long, thực trạng, chủ trương của Đảng bộ Vĩnh Long về phát triển giáo dục, thành tựu và hạn chế phát triển giáo dục của tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra tác giả có đóng góp một số giải pháp giúp phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Long dưới ánh sáng tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh ngoài nêu cao nhiệm vụ cao cả của người giáo viên trong sự nghiệp trồng người và vai trò của người học thì Người còn đề cao tính dân chủ của học sinh, sinh viên phải có thái độ học tập đúng đắn, hăng hái, say mê, sáng tạo để thực sự trở thành những người chủ của đất nước, những người tài, những công dân có ích phục vụ cho đất nước, phụng sự cho Tổ quốc.
------	---------	---	--------------------	---------------	------	--

1563	Đại học	Đảng bộ huyện Thới Lai, Thành Phố Cần Thơ chủ trương giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng, Thị Cẩm Tiên	Lê, Thị Bích Diễm	2018	Trong suốt quá trình học tập và thực hiện luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục công dân, được thực hiện tại Khoa Khoa học chính trị - Trường Đại học Cần Thơ, bản thân tôi nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ gia đình, thầy cô, bạn bè để vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Với lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Cô Lê Thị Bích Diễm - người đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài; Đồng thời, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô Khoa Khoa học chính trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi thực hiện tốt đề tài này, tận tình truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm quý giá cho tôi trong suốt quá trình học tập tại Trường Đại học Cần Thơ; Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các cơ quan, các Sở, Ban, Ngành thuộc huyện Thới Lai – Thành Phố Cần Thơ, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có thêm nguồn tài liệu thực tế ở địa phương, góp phần làm nên thành công cho luận văn này; chân thành cảm ơn tất cả bạn bè, anh chị luôn bên cạnh ủng hộ và động viên tôi, đã giúp đỡ, hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm trong suốt quá trình thực hiện đề tài luận văn. Đồng thời, tôi xin gửi lời cảm ơn đến tập thể lớp Giáo dục công dân khóa 41 đã gắn bó với tôi trong suốt quãng đời sinh viên; Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến người thân - những người đã luôn bên cạnh, quan tâm, động viên và ủng hộ về mọi mặt, là nguồn động lực to lớn giúp tôi vượt qua những khó khăn; Sau cùng, tôi xin chúc tất cả mọi người dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc.
------	---------	--	--------------------	-------------------	------	--

1564	Đại học	Giáo dục đạo đức cho học sinh THPT huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu hiện nay	Lương, Kim Phụng	Đinh, Ngọc Quyên	2018	Xã hội đang chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng và toàn diện về mọi mặt vì vậy chúng ta đang cần một lực lượng trẻ trung, năng động có đủ đức và tài làm nguồn nhân lực dồi dào góp phần vào sự nghiệp cách mạng đổi mới đất nước hiện nay. Tuy nhiên, Việt Nam nói chung cũng như Huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nói riêng đang gặp các vấn đề cấp bách về giáo dục đạo đức cho học sinh hiện THPT nay như: mạng internet phổ biến rộng rãi, các tin tức, hình ảnh không lành mạnh tràn lan, các em còn sa vào các tệ nạn xã hội, gian lận trong thi cử,...có thể nói vấn đề đạo đức đang xuống cấp trầm trọng. Xuất phát từ thực tiễn trên nên em đã chọn đề tài “Giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu hiện nay”. Luận văn gồm 3 chương 7 tiết. Chương 1: Cơ sở lý luận về đạo đức và tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho học sinh THPT hiện nay, gồm 2 tiết: tiết 1.1 Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và giáo dục đạo đức; tiết 1.2 Tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho học sinh THPT. Chương 2: Thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện HD, tỉnh BL giai đoạn hiện nay, gồm 3 tiết: tiết 2.1 Khái quát chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu; tiết 2.2 Thực trạng giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu hiện nay; tiết 2.3 Những vấn đề đặt ra trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu. Chương 3: Một số phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện HD, Tỉnh BL giai đoạn tới, gồm 2 tiết: tiết 3.1 Phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh THPT Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu thời gian tới; tiết 3.2 Một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh Huyện Hồng Dân, Tỉnh Bạc Liêu thời gian tới. Đạo đức là gốc, là nền tảng của sự phát triển nhân cách con người. Giáo dục đạo đức là một vấn đề tất yếu và quan trọng nhất được đặt ra hiện nay. Tiếp tục thực hiện các chủ trương đã đề ra, phát huy các mặt tích cực và hạn chế các vấn đề tiêu cực để giáo dục đạo đức cho học sinh được phát triển toàn diện.
1565	Đại học	Phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Bùi, Hải Đăng	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Luận văn tốt nghiệp đề tài: “Phát triển thành phần kinh tế tư nhân trong bối cảnh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì luận văn bao gồm 2 chương và 5 tiết. Trong chương 1: Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế nhiều thành phần và kinh tế tư nhân, tác giả trình bày 2 tiết: Quá trình hình thành tư duy kinh tế của Hồ Chí Minh; Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế nhiều thành phần nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng. Trong chương 2: Phát triển kinh tế tư nhân trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hóa dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả trình bày 3 tiết: Quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân và phát triển kinh tế tư nhân; Phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn 2001-2016; Các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.

1566	Đại học	Phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Bùi, Hải Đăng	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Luận văn tốt nghiệp đề tài: “Phát triển thành phần kinh tế tư nhân trong bối cảnh hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì luận văn bao gồm 2 chương và 5 tiết. Trong chương 1: Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về kinh tế nhiều thành phần và kinh tế tư nhân, tác giả trình bày 2 tiết: Quá trình hình thành tư duy kinh tế của Hồ Chí Minh; Quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế nhiều thành phần nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng. Trong chương 2: Phát triển kinh tế tư nhân trong thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hóa dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả trình bày 3 tiết: Quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân và phát triển kinh tế tư nhân; Phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn 2001-2016; Các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh
------	---------	---	---------------	--------------------	------	---

1567	Đại học	Nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn hiện nay	Huỳnh, Thị Ngọc Diễm	Phan, Thị Phương Anh	2018	Nước ta đang trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn xác định: định hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ không bao giờ là thay đổi; xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa luôn là nhiệm vụ thiên liêng của mọi giai cấp, mọi tầng lớp nhân dân và cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam là vô cùng to lớn. Hơn bao giờ hết việc nâng cao trình độ cho giai cấp công nhân hiện nay là hết sức cần thiết và phù hợp với thực tiễn ngày nay. Trà Vinh là một tỉnh đang phát triển, đội ngũ công nhân tỉnh Trà Vinh có sự phát triển về nhiều mặt góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn, tay nghề của công nhân còn thấp, ý thức chính trị còn hạn chế. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như để tỉnh nhà phát triển. Thì việc nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân là việc rất quan trọng. Chính vì lý do đó: tác giả chọn đề tài “Nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân tỉnh Trà Vinh trong giai đoạn hiện nay” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp đại học. Đội ngũ công nhân trong các doanh nghiệp trên địa bàn Trà Vinh, đã không ngừng lớn mạnh về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng và đã trở thành một bộ phận không nhỏ cùng với giai cấp công nhân cả nước, công nhân tỉnh Trà Vinh phải tiếp tục thực hiện sứ mệnh lịch sử là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó. Đội ngũ công nhân tỉnh phải luôn có ý thức chính trị rõ ràng. Qua thực tế cuộc sống cho thấy, ý thức chính trị của công nhân trong các doanh nghiệp, bên 3 cạnh những mặt tích cực, còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, xu hướng vận động ý thức chính trị của công nhân trong thời gian tới chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp và bất ngờ. Đây là một thách thức lớn đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử công nhân. Do đó, phải giáo dục, nâng cao ý thức chính trị cho công nhân ở tỉnh Trà Vinh nói riêng cả nước nói chung. Để thực hiện tốt về việc nâng cao ý thức chính trị giai cấp công nhân tỉnh Trà Vinh cần có những giải pháp cụ thể như: Thứ nhất: Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân. Thứ hai: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm việc làm, đời sống, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công nhân. Thứ ba: Phát huy dân chủ trong công nhân và chú ý hơn nữa vấn đề dinh công của công nhân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đó sẽ góp phần xây dựng đội ngũ công nhân trong tỉnh ngày càng lớn mạnh, vững vàng và
------	---------	---	----------------------	----------------------	------	---

1568	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành báo chí ở ĐBSCL hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Tú Nhi	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Tác giả đề tài “Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành báo chí ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” làm rõ các quan các điểm sau: Thứ nhất, khái quát tình hình báo chí ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và nêu lên được vai trò quan trọng của báo chí đối với nước ta; Thứ hai, tác giả nêu được những quan điểm của Hồ Chí Minh về báo chí, ở vấn đề này tác giả đã nêu rõ khái niệm báo chí và các quan điểm của Chủ Tịch Hồ Chí Minh về báo chí; Thứ ba, tác giả đã trình bày được bốn chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam về nâng cao hiệu quả ngành báo chí; Thứ tư, tác giả nêu ra các mặt thành tựu và hạn chế của ngành báo chí của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Thứ năm, từ các mặt thành tựu và hạn chế tác giả đã đề xuất năm giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động ngành báo chí.
------	---------	--	--------------------	--------------------	------	--

1569	Đại học	Đảng bộ huyện Phụng Hiệp lãnh đạo thực hiện thi đua yêu nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Huỳnh, Thị Huyền Trân	Nguyễn, Xuân Hương	2018	Đề tài: “Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang lãnh đạo thực hiện phong trào thi đua yêu nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”. Kết cấu luận văn bao gồm ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu luận văn bao gồm 2 chương 6 tiết. Chương 1 nói về tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước. Tư tưởng thi đua yêu nước của Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo quy luật tiến bộ của xã hội loài người và tâm lý cầu tiến của con người vào thực tiễn Việt Nam, chứa đựng tinh thần trọng dân, thương dân, hết lòng chăm lo cho đời sống của nhân dân. Thi đua yêu nước đã phát huy truyền thống anh hùng cách mạng dân tộc, phát huy trí tuệ của toàn dân, cùng với nhân dân xây dựng kế hoạch từng việc sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, cơ sở đạt kết quả thiết thực. Phong trào thi đua yêu nước do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và lãnh đạo có từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, được tiếp tục duy trì, phát huy trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Thi đua yêu nước thực sự đã trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp, lôi cuốn cả một dân tộc, ở mọi lứa tuổi, mọi ngành, mọi lĩnh vực tham gia, đã góp phần không nhỏ làm nên chiến thắng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc. Thi đua yêu nước thực sự là một động lực và là một tiềm năng to lớn. Chương 2 nói về sự vận dụng của Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang lãnh đạo thực hiện phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã xác định rõ vai trò của thi đua yêu nước trong công tác tổ chức, lãnh đạo thực hiện. Điều này đã tạo ra động lực lớn cho các phong trào thi đua yêu nước trong huyện, góp phần nâng cao ý thức người dân, làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị, củng cố niềm tin của người dân đối với Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, phong trào thi đua yêu nước của huyện vẫn còn một số yếu kém cần được khắc phục, trước tình hình đó Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã đề ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả phong trào thi đua yêu nước của Đảng bộ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tóm lại, để đạt được những thành tựu có hiệu quả cao, Đảng bộ huyện Phụng Hiệp phải ra sức lãnh đạo thực hiện phong trào thi đua yêu nước ngày càng có hiệu quả cao, phát huy được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng nhau thi đua yêu nước để thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
1570	Đại học	Xây dựng con người mới ở tỉnh HG trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Kim My	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Để hoàn thành tốt đề tài Xây dựng con người mới ở tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả tập trung nghiên cứu: (1) quan điểm Hồ Chí Minh về con người; (2) sự vận dụng của Tỉnh Hậu Giang về việc xây dựng con người mới hiện nay, qua đó, rút ra những thành tựu và hạn chế; (3) nêu ra một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy sự vận dụng của Tỉnh Hậu Giang trong quá trình xây dựng con người mới. Luận văn được kết cấu thành 2 chương, 4 tiết.

1571	Đại học	Bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc ở TPCT hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Huỳnh, Thị Ngọc Mi	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Luận văn tốt nghiệp đề tài Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc ở Thành phố Cần Thơ hiện nay dưới ánh sáng Tư tưởng Hồ Chí Minh được tác giả tập trung làm rõ: (1) cơ sở lý luận về văn hóa, di sản văn hóa, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa và nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh di sản văn hóa; (2) khái quát tình hình di sản văn hóa ở Cần Thơ, từ đó phân tích, đánh giá trình lãnh đạo thực hiện công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc của Đảng bộ Thành phố Cần Thơ và đề ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong thời gian tới. Luận văn được trình bày trong 2 chương, 6 tiết
1572	Đại học	Phát huy kỹ năng sống cho học sinh thông qua dạy học môn GD&CD lớp 10 ở trường THCS và THPT Lai Hòa, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Hoàng Anh	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2018	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Phát triển kỹ năng sống cho học sinh thông qua dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường THCS và THPT Lai Hòa, tỉnh Sóc Trăng”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây: - Thứ nhất, là cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc phát triển KNS thông qua dạy học môn GD&CD lớp 10 ở trường THCS và THPT Lai Hòa, tỉnh Sóc Trăng. - Thứ hai, là trình bày quy trình, điều kiện và một số giải pháp trong việc thực hiện việc phát triển KNS cho HS thông qua dạy học môn GD&CD lớp lớp 10 ở trường THCS và THPT Lai Hòa, tỉnh Sóc Trăng. - Thứ 3, là thực hành việc phát triển KNS cho HS thông qua dạy học môn GD&CD lớp 10 ở trường THCS và THPT Lai Hòa, tỉnh Sóc Trăng
1573	Đại học	Vận dụng tư tưởng HCM vào việc nâng cao đạo đức nghề báo ở nước ta trong thời kỳ hội nhập hiện nay	Huỳnh, Ngọc Lý	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	Đạo đức nghề báo là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Ở Việt Nam hiện nay, đại bộ phận nhà báo có phẩm chất tốt về đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số nhà báo vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Luận văn nhằm hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh về đạo đức nghề báo. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích, đánh giá thực trạng đạo đức nghề báo ở nước ta và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao đạo đức nghề báo ở nước ta trong thời kỳ hội nhập hiện nay. Từ khóa: Hồ Chí Minh, đạo đức, đạo đức nghề báo, chuẩn mực đạo đức nghề báo, nhà báo Việt Nam.
1574	Đại học	Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành báo chí ở ĐBSCL hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Tú Nhi	Lê, Thị Thúy Hương	2018	Tác giả đề tài “Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành báo chí ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” làm rõ các quan các điểm sau: Thứ nhất, khái quát tình hình báo chí ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và nêu lên được vai trò quan trọng của báo chí đối với nước ta; Thứ hai, tác giả nêu được những quan điểm của Hồ Chí Minh về báo chí, ở vấn đề này tác giả đã nêu rõ khái niệm báo chí và các quan điểm của Chủ Tịch Hồ Chí Minh về báo chí; Thứ ba, tác giả đã trình bày được bốn chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam về nâng cao hiệu quả ngành báo chí; Thứ tư, tác giả nêu ra các mặt thành tựu và hạn chế của ngành báo chí của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Thứ năm, từ các mặt thành tựu và hạn chế tác giả đã đề xuất năm giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động ngành báo chí

1575	Đại học	Phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Phạm, Đăng Truyền	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã nông nghiệp có ý nghĩa là nền tảng tư tưởng trong quá trình phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở cơ sở, tác giả tiến hành nghiên cứu: “Phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác xã nông nghiệp như sau: vai trò của hợp tác xã nông nghiệp, những nguyên tắc xây dựng và phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Luận văn phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Luận văn làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương của Đảng bộ huyện Gò Công Tây về phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang trong thời gian qua. Từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác xã nông nghiệp vào việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới nhằm phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo hướng bền vững, phù hợp với mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.
------	---------	---	-------------------	---------------------	------	---

1576	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người khuyết tật ở TPCT hiện nay	Phạm, Chí Hào	Trần, Hồng Trang	2018	Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật được xem là nhiệm vụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay. Trong những năm gần đây, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật đạt được rất nhiều thành tựu nhưng bên cạnh đó cũng không ít hạn chế cần khắc phục. Trong những năm qua, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật của thành phố Cần Thơ luôn được sự quan tâm thực hiện. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả khả quan. Tuy vậy, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn. Để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người khuyết tật ở thành phố Cần Thơ trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp sau: Một là, nâng cao năng lực mạng lưới các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật; Hai là, tiếp tục đổi mới nội dung và chương trình đào tạo; Ba là, phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề, đổi mới phương pháp đào tạo; Bốn là, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính cho cơ sở dạy nghề; Năm là, đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề dành cho người khuyết tật. Người khuyết tật là đối tượng luôn được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Tuy nhiên, còn nhiều rào cản và hạn chế để họ có được một việc làm ổn định. Để cải thiện tình trạng trên, tạo ra nhiều cơ hội cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng, được học nghề và có việc làm, rất cần sự phối hợp đồng bộ, có hiệu quả từ các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và sự quan tâm đặc biệt từ phía cộng đồng. Giải quyết việc làm cho người khuyết tật không chỉ trông chờ vào tinh thần nhân đạo của các tổ chức, doanh nghiệp hoặc theo chương trình hợp tác, dự án với các tổ chức nhân đạo nước ngoài. Về phía người khuyết tật cũng phải tự trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng chuyên môn, sẵn sàng đảm đương được công việc của nhà tuyển dụng. Có như vậy, người khuyết tật mới được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ pháp lý như những người lao động bình thường khác.
1577	Đại học	Đoàn thanh niên cộng sản HCM tỉnh Bến Tre hưởng ứng phong trào "đồng khởi mới" dưới ánh sáng TTHCM	Triệu, Thúy Anh	Phạm, Văn Búa	2018	Đoàn viên thanh niên Việt Nam nói chung và Bến Tre nói riêng có vai trò quan trọng trong việc xây dựng kinh tế - xã hội, đặc biệt trong tình hình hiện nay, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Trong thời gian vừa qua, Đoàn thanh niên tỉnh Bến Tre đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành nhiệm vụ được giao và đã đạt được những thành tựu đáng biểu dương, tuy nhiên, phong trào “Đồng khởi mới” còn tồn tại nhiều hạn chế. Muốn “Đồng khởi mới” từ một phong trào trở thành cao trào trước hết cần phải thẳng thắn nhìn nhận các hạn chế, từ cơ sở đó đưa ra các giải pháp thiết thực và đồng bộ. Thanh niên là rường cột, là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Bởi vậy cần phải thức tỉnh tinh thần yêu nước của các thế hệ thanh niên để họ chăm lo học tập và rèn luyện, lao động, sáng tạo để xứng đáng trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước.

1578	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc XD lối sống văn hóa cho thanh niên ST trong giai đoạn hiện nay	Thạch, Thị Rắc Sa Mây	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	Luận văn nghiên cứu đề tài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay”. Đối tượng nghiên cứu luận văn là hệ thống hóa quan điểm Hồ Chí Minh về văn hóa đời sống và xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên; Phân tích thực trạng lối sống văn hóa của thanh niên tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011-2018. Đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên tỉnh Sóc Trăng hiện nay. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên tỉnh Sóc Trăng, tác giả đã chú trọng vào giai đoạn hiện nay khi đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng hội nhập quốc tế.
1579	Đại học	Xây dựng phong cách sống cho cán bộ ở TPCT dưới ánh sáng TTHCM hiện nay	Trần, Thúy Duy	Phạm, Văn Búa	2018	Hồ Chí Minh đã trở thành tấm gương sáng ngời về phong cách sống, bài học về cần, kiệm, liêm, chính, sống gần gũi, gắn bó với thiên nhiên của Hồ Chí Minh có vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết đối với mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian qua, Đảng bộ Thành phố Cần Thơ đã đẩy mạnh việc xây dựng phong cách sống cho cán bộ và đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Chính vì thế, Đảng bộ Thành phố Cần Thơ cần phải đẩy mạnh học tập và làm theo phong cách sống Hồ Chí Minh. Để làm được điều đó, mỗi cán bộ đảng viên phải nâng cao ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện; cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và học tập, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ; phải đẩy mạnh thực hiện công tác nêu gương; tiếp tục nâng cao việc thực hiện các văn bản của Trung ương về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm, xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hòa hiệp - Thanh lịch”. Đặc biệt, cần đẩy mạnh tổ chức kiểm tra, giám sát; tăng cường công tác tự phê bình và phê bình. Từ đó, ngày càng xây dựng hoàn thiện ở người cán bộ Thành phố Cần Thơ một phong cách sống theo tấm gương sáng ngời của Hồ Chí Minh

1580	Đại học	Vận dụng TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc vào việc vận động cộng đồng người VN ở nước ngoài góp phần XD quê hương, đất nước	Trần, Thị Thanh Hoa	Phạm, Văn Búa	2018	Để phát huy truyền thống “lấy dân làm gốc” của cha ông, lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm tới công tác vận động quần chúng trong đó có công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân tộc. Với truyền thống yêu quê hương, luôn hướng về cội nguồn, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã và đang có những đóng góp đáng kể cho công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đồng thời góp phần tạo dựng cầu nối mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước trên thế giới. Đây chính là lý do, em đã chọn nghiên cứu đề tài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc vào việc vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước”. Luận văn gồm 2 chương 6 tiết, chương 1: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC gồm 2 tiết. Tiết 1.1. Những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc; tiết 1.2. Những quan điểm cơ bản của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc Chương 2: VẬN ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI DƯỚI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH gồm 4 tiết. Tiết 2.1. Tình hình người Việt Nam ở nước ngoài; tiết 2.2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh; tiết 2.3. Kết quả cuộc vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh; tiết 2.4. Một số giải pháp để thực hiện tốt cuộc vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.
------	---------	---	---------------------	---------------	------	--

1581	Đại học	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh dưới ánh sáng TTHCM	Phạm, Thị Minh Thu	Nguyễn, Xuân Hương	2018	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) là một bộ phận tư tưởng quân sự của Người. Sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng LLVTND nằm trong tiến trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta nhằm thực hiện đường lối cách mạng do Đảng đề ra. Đó là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở nước ta. Vì vậy việc xây dựng LLVTND là một vấn đề rất cần thiết, đây là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc khi đất nước có chiến tranh và toàn dân xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc khi đất nước hòa bình. Xuất phát từ thực tiễn trên tác giả quyết định chọn đề tài “Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh (2010 – 2015)” để làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là một hệ thống quan điểm của Người về công tác Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; huấn luyện quân sự, trang bị vũ khí để nâng cao sức mạnh chiến đấu cho lực lượng vũ trang nhân dân,... Tư tưởng đó là di sản quý báu của dân tộc, là nội dung căn bản trong những yếu tố tạo thành sức mạnh để các lực lượng vũ trang ta xây dựng, chiến đấu và chiến thắng. Trên cơ sở đó, Đảng huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, an toàn xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trong thời kỳ đổi mới của nước ta hiện nay với mục tiêu chung là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa
1582	Đại học	Vận dụng TTHCM vào việc thực hiện chính sách đối với nông dân trên địa bàn tỉnh ST trong giai đoạn hiện nay	Tăng, Thị Bích Qui	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	Luận văn khái quát quan niệm của Hồ Chí Minh về khái niệm, vai trò của nông dân và việc thực hiện chính sách đối với nông dân. Công tác thực hiện chính sách đối với nông dân tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2008-2018, những thành tựu và hạn chế , trên cơ sở lí luận thực tiễn đó đề ra giải pháp, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc thực hiện chính sách đối với nông dân trên địa bàn Tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn hiện nay.
1583	Đại học	Vận dụng TTHCM về việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Kiều, Thị Huỳnh Châu	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Luận văn tập trung làm rõ vai trò và những nội dung cơ bản của việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ Quốc; bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; xây dựng quốc phòng toàn dân và Hải quân nhân dân trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đoàn kết quốc tế và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Luận văn tập trung phân tích sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ chủ quyền biển, đảo qua các kỳ Đại hội. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong thời gian tới.

1584	Đại học	Nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong đội ngũ cán bộ đảng viên hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Dương, Tường Duyệt	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Đề tài: "Nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong đội ngũ cán bộ Đảng viên hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh" tập trung phân tích những nội dung sau đây Một là, làm rõ quan niệm của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình Hai là, phân tích thực trạng công tác tự phê bình và phê bình trong đội ngũ cán bộ đảng viên hiện nay nhằm tìm ra những nguyên nhân của yếu kém trong công tác tự phê bình và phê bình Ba là, đề xuất những giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong đội ngũ cán bộ đảng viên.
1585	Đại học	Quan điểm của ĐCSVN về xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao trong giai đoạn hiện nay (khảo sát tại TPCT)	Lê, Thị Thùy Dung	Phan, Thị Phương Anh	2019	Nội dung của luận văn là nghiên cứu quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao khảo sát thực tiễn tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động. Nội dung của luận văn được trình bày cụ thể như sau Một là, phân tích, làm rõ quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao Hai là, tìm hiểu thực trạng về xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Cần Thơ Ba là, đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả nền nông sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao.
1586	Đại học	Xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn ở tỉnh Hậu Giang hiện nay theo TT Hồ Chí Minh	Hồ, Trung Hiếu	Nguyễn, Thị Kim Chi	2018	Đề tài “Xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn ở tỉnh Hậu Giang hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh” thực hiện những nhiệm vụ sau: Một là, hệ thống hóa những quan niệm chủ yếu của Hồ Chí Minh về cán bộ, cán bộ đoàn; Hai là, phân tích đánh giá những thành tựu và hạn chế, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn ở Hậu Giang; Ba là, đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn ở tỉnh Hậu Giang hiện nay.
1587	Đại học	Thực hiện chính sách an sinh XH ở huyện Phụng Hiệp - tỉnh HG dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Mỹ Duyên	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài “Thực hiện chính sách an sinh xã hội ở huyện Phụng Hiệp – tỉnh Hậu Giang dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”. Tác giả tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về ASXH và tìm hiểu thực trạng việc thực hiện chính sách ASXH ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách ASXH trên địa bàn huyện.
1588	Đại học	Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh phổ thông ở tỉnh An Giang hiện nay – Thực trạng và giải pháp.	Đoàn, Thị Thùy Dung	Phan, Văn Thạnh	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh ở tỉnh An Giang hiện nay” Mục đích nghiên cứu luận văn là nghiên cứu cơ sở lý luận chung về giáo dục đạo đức, lối sống; phân tích thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh ở tỉnh An Giang hiện nay. Từ đó tác giả đề ra những giải pháp tăng cường chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh ở tỉnh An Giang trong thời gian tới.

1589	Đại học	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thị Cường	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Chương 1: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chống tham nhũng. Chương này đã làm rõ một số khái niệm. Từ đó đi phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tham nhũng. Trên cơ sở này, phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về chống tham nhũng. Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam phòng, chống tham nhũng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Trong chương này đã phân tích về tầm quan trọng của việc phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay. Tiếp theo là phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng thông qua các kỳ Đại hội. Từ đó, tác giả đánh giá được thực trạng về phòng, chống tham nhũng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở này nêu lên một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới.
1590	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình trong công tác xây dựng Đảng bộ cơ sở thành phố Cần Thơ hiện nay.	Trần, Hồ Phương Duy	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Đề tài: “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh tự phê bình và phê bình trong công tác xây dựng Đảng bộ cơ sở thành phố Cần Thơ hiện nay” tập trung phân tích những nội dung sau đây Quan điểm của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình, phân tích thực trạng áp dụng tự phê bình và phê bình vào công tác xây dựng đảng bộ thành phố Cần Thơ hiện nay. Và tìm ra được thành tựu, hạn chế trong công tác tự phê bình và phê bình cũng như tìm ra được nguyên nhân dẫn đến hạn chế đó Đề ra phương hướng, mục tiêu và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong công tác xây dựng Đảng bộ Thành phố Cần Thơ.
1591	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hậu Giang hiện nay	Bùi, Thị Thảo An	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn khái quát quan điểm Hồ Chí Minh về văn hóa đời sống và công tác xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hậu Giang. Phân tích thực trạng xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hậu Giang hiện nay. Từ đó đề xuất một số giải pháp để thực hiện tốt công tác xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hậu Giang trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh.
1592	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thiểu số và sự vận dụng của Đảng bộ tỉnh Cà Mau trong việc nâng cao đời sống đồng bào dân tộc Khmer	Phạm, Thị Diệu	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thiểu số và sự vận dụng của Đảng bộ tỉnh Cà Mau trong việc nâng cao đời sống đồng bào dân tộc Khmer” Tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ: Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Tìm hiểu thực trạng việc thực hiện chính sách dân tộc thiểu số ở tỉnh Cà Mau, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao đời sống đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Cà Mau hiện nay.
1593	Đại học	Thực hiện chính sách người có công với cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	Huỳnh, Thị Ngọc Mai	Lê, Thị Út Thanh	2019	Luận văn với đề tài “Thực hiện chính sách người có công với cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay” cần sự kết hợp, quan tâm, lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân là thực sự cần thiết. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp với mong muốn rằng công tác thực hiện chính sách người có công ngày càng được nâng cao hơn nữa để giữ vững giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và các đối tượng chính sách có niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

1594	Đại học	Đổi mới phương pháp thi đua, khen thưởng trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT Hoà Tú, tỉnh Sóc Trăng.	Võ, Thị Mỹ Loan	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2019	Đề tài luận văn tốt nghiệp “Đổi mới phương pháp thi đua, khen thưởng trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT Hoà Tú, tỉnh Sóc Trăng”, tác giả đã trình bày một số nội dung chính như đưa ra cơ sở khoa học bao gồm cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của phương pháp thi đua, khen thưởng đối với học sinh ở trường THPT. Dựa vào cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp, nêu ra quy trình và điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp thi đua, khen thưởng trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT Hòa Tú. Cuối cùng là vận dụng vào việc thực hiện đổi mới phương pháp thi đua, khen thưởng trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT Hòa Tú, tỉnh Sóc Trăng.
1595	Đại học	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 1986 - 2019	Nguyễn, Minh Luân	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Luận văn tập trung làm rõ một số khái niệm và trình bày các phương pháp ngoại giao trong toạ đàm Hồ Chí Minh. Luận văn phân tích sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc giai đoạn 1986-2019. Trên cơ sở đó Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khi vận dụng phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay.
1596	Đại học	Nâng cao hiệu quả phát huy nguồn lực con người ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn, Thành Lượng	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Luận văn tốt nghiệp đề tài “Nâng cao hiệu quả phát huy nguồn lực con người ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” được tác giả tập trung làm rõ những quan điểm của Hồ Chí Minh về nguồn lực con người. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp tối ưu và khả thi nhất để xây dựng nguồn lực con người ở tỉnh Vĩnh Long “Vừa đông về số lượng vừa chắc về chất lượng”.
1597	Đại học	Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ trong việc chống lại bạo lực gia đình giai đoạn 2014 - 2019	Nguyễn, Thị Diễm My	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Tác giả đã trình bày một số nội dung chính như đưa ra những quan điểm của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, vai trò của phụ nữ trong gia đình, sự cần thiết phải giải phóng phụ nữ và những điều kiện để giải phóng phụ nữ. Trên cơ sở đó tác giả đề cập đến vấn đề bạo lực gia đình ở tỉnh Bạc Liêu, nói lên thực trạng, hậu quả và nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình ở tỉnh Bạc Liêu. Tác giả đưa ra những chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu trong thời gian qua và rút ra bài học kinh nghiệm từ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phòng chống bạo lực gia đình trong thời gian tới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh ở tỉnh Bạc Liêu.

1598	Đại học	Phát huy dân chủ trong giáo dục ở trường Đại học Cần Thơ hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần, Diễm Mi	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Chương 1: Trình bày khái quát dân chủ và dân chủ trong giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm một số khái niệm liên quan đến đề tài (dân chủ, dân chủ trong giáo dục) và những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục (tính tất yếu của dân chủ trong giáo dục, nguyên nhân cả có dân chủ trong giáo dục, nội dung dân chủ trong giáo dục) Chương 2: Trình bày trường Đại học Cần Thơ phát huy dân chủ trong giáo dục dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm việc khái quát về trường Đại học Cần Thơ, thực trạng phát huy dân chủ trong giáo dục ở trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2015-2019 (thành tựu và nguyên nhân, hạn chế về nguyên nhân, một số bài học kinh nghiệm đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy dân chủ hiệu quả dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh trường Đại học Cần Thơ).
1599	Đại học	Phát huy vai trò nông dân trong sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn ở TPCT hiện nay theo TTHCM.	Tô, Thái Mỹ	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn khái quát quan niệm của Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của nông dân, công tác vận động nông dân. Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp để phát huy vai trò của nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở Thành phố Cần Thơ.
1600	Đại học	Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc trong việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên giai đoạn 2009 - 2019	Nguyễn, Thị Yến Ngọc	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Với mục đích nghiên cứu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc trong việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng thanh niên trong giai đoạn 2009-2019. Luận văn đã cơ bản giải quyết được những nhiệm vụ đưa ra và đi sâu phát triển đề tài. Luận văn đã đưa ra cơ sở lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc và phân tích vai trò của thanh niên. Luận văn đưa ra những thành tựu và hạn chế về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên của Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2009-2019 và rút ra bài học kinh nghiệm từ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc trong việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên của Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2009-2019 dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.
1601	Đại học	Thực hiện chính sách tôn giáo ở quận Ô Môn - TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Nguyễn, Thị Ngọc Như	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn trình bày chủ yếu nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách tôn giáo. Trình bày quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách tôn giáo, chủ trương và quá trình thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng bộ quận Ô Môn - thành phố Cần Thơ, nêu lên thành tựu, nguyên nhân thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện chính sách tôn giáo ở quận Ô Môn - thành phố Cần Thơ.

1602	Đại học	Quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về phát triển kinh tế du lịch.	Dương, Thị Ngọc Đoàn	Đinh, Thị Chinh	2019	Luận văn tập trung làm rõ về sự phát triển kinh tế du lịch ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2010- 2019. Luận văn giải quyết, làm rõ một số vấn đề chung về kinh tế du lịch. Đồng thời luận văn nêu lên những quan điểm và sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện Cù Lao Dung đối với sự phát triển kinh tế du lịch. Bên cạnh đó luận văn nêu lên kết quả đạt được và những hạn chế về phát triển kinh tế du lịch trong những năm qua cũng như bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển kinh tế du lịch ở huyện Cù Lao Dung một cách có hiệu quả và bền vững nhất trong thời gian tới.
1603	Đại học	Thực hiện chính sách xã hội ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang giai đoạn hiện nay.	Lê, Trường Kha	Lê, Thị Út Thanh	2019	Chính sách xã hội là một bộ phận chính sách của nhà nước để quản lý xã hội. Mục tiêu của chính sách xã hội là ngăn chặn hoặc giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo cho xã hội tồn tại ổn định và phát triển lành mạnh. Vấn đề xã hội rất phong phú và đa dạng, vì vậy cần có sự lựa chọn nhằm ưu tiên giải quyết vấn đề gì, mục tiêu và giải pháp như thế nào để đem lại hiệu quả cao nhất trong điều kiện các nguồn lực khan hiếm. Một vấn đề xã hội khi được lựa chọn giải quyết thông qua chính sách của nhà nước được gọi là vấn đề chính sách xã hội. Để thực hiện điều đó, việc lựa chọn vấn đề chính sách xã hội và phương thức giải quyết thường căn cứ vào hệ thống các quan điểm và nguyên tắc mang tính truyền thống như quan điểm nhân văn, quan điểm giai cấp, quan điểm lịch sử cụ thể... Tuy nhiên, việc lựa chọn các vấn đề chính sách dựa trên các quan điểm và nguyên tắc là khá phức tạp, nhiều khi chỉ phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các nhà lãnh đạo, do đó trong một số trường hợp kết quả đạt được không như mong muốn. Vì vậy, trong cuốn sách này, bên cạnh những quan điểm lựa chọn chính sách xã hội theo truyền thống, các tác giả sẽ
1604	Đại học	Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh	Cao, Gia Linh	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh là một trong những phong cách đa dạng và độc đáo, phong cách ấy được thể hiện qua ba thể loại: văn chính luận, truyện – ký, thơ ca. Bài viết đề cập một số khía cạnh về vấn đề phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh, tác giả đã hệ thống hóa một số khái niệm: khái niệm về phong cách, khái niệm phong cách Hồ Chí Minh, khái niệm phong cách nghệ thuật, một số đặc trưng về quan điểm nghệ thuật Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó rút ra giá trị lý luận và giá trị thực tiễn phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh. Có thể thấy, những giá trị lý luận và giá trị thực tiễn chính là thước đo những chuẩn mực về đạo đức, nhân cách, tác phong,... của con người trong thời đại mới.

1605	Đại học	Phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường THPT Phan Văn Trị, thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thanh Hoài	Nguyễn, Ngọc Cẩm	2019	Tác giả nghiên cứu đề tài “Kỹ năng sử dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường THPT Phan Văn Trị, thành phố Cần Thơ. Qua đề tài tác giả làm rõ cơ sở lý luận về kỹ năng sử dụng tình huống có vấn đề trong dạy học. Xác định được ưu điểm, hạn chế và yêu cầu sư phạm của việc sử dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường. Tìm hiểu tình hình vận dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường. Cuối cùng là đề xuất một số giải pháp mới để nâng cao kỹ năng sử dụng tình huống có vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường THPT Phan Văn Trị, thành phố Cần Thơ.
1606	Đại học	Hội nhập kinh tế ở nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp	Lương, Thị Châu Ngân	Phan, Văn Phúc	2019	Hội nhập kinh tế quốc tế vừa là nhiệm vụ tất yếu và giải pháp phát triển hiệu quả đối với nền kinh tế nước ta. Vấn đề này được Đảng, Nhà nước ta quan tâm sâu sắc và được cụ thể hóa trong đường lối phát triển của đất nước qua các thời kì. Trong luận văn này, tác giả đã phân tích một số khía cạnh lý luận về hội nhập, hội nhập kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời, tác giả luận văn còn đưa ra nhận định về những thành tựu đã đạt được và những hạn chế, yếu kém còn tồn tại của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay; trên cơ sở vận dụng lý luận và rút kinh nghiệm thực tiễn của hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời gian qua, tác giả đã đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao kết quả hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời gian tới.
1607	Đại học	XD nền hành chính ở TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Huỳnh, Thị Hồng Gấm	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn gồm 3 như sau: Phần mở đầu, nội dung và kết luận. Riêng phần nội dung gồm 2 phần chính: Thứ nhất là làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về hành chính nhà nước; thứ hai là sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc cải cách hành chính ở Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2006 – 2016. Từ đó, nêu ra một số giải pháp nhằm thực hiện tốt công cuộc cải cách hành chính ở Thành phố Cần Thơ trong thời gian tới. Ngoài ra, luận văn còn có thêm phần tài liệu tham khảo và phụ lục.
1608	Đại học	Đảng bộ huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ lãnh đạo xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2010-2019.	Nguyễn, Huỳnh Thúy Nga	Đinh, Thị Chinh	2019	Đề tài: “Đảng bộ huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ lãnh đạo xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2019” đã làm rõ một số vấn đề chung về xây dựng xã nông thôn mới; nêu bậc đọợc quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện Phong Điền trong công tác xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2019. Đồng thời làm rõ một số kết quả đạt đợc và rút ra một số bài học kinh nghiệm qua quá trình xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ.

1609	Đại học	TTHCM về xây dựng con người mới và vận dụng vào XD thanh niên TPCT hiện nay	Nguyễn, Hoàng Khang	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn tập trung làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới như sau: vai trò của con người mới, những nguyên tắc xây dựng con người mới. Luận văn phân tích tình hình thành phố Cần Thơ và những ảnh hưởng đến việc xây dựng thanh niên thành phố Cần Thơ. Luận văn làm rõ quan điểm của thành phố Cần Thơ, thành đoàn thành phố Cần Thơ về xây dựng thanh niên trong giai đoạn hiện nay. Luận văn tập trung phân tích đánh giá thực trạng xây dựng thanh niên thành phố Cần Thơ giai đoạn hiện nay. Từ đó đề xuất giải pháp chủ yếu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới vào việc xây dựng thanh niên thành phố Cần Thơ giai đoạn hiện nay để phù hợp với sự phát triển của xã hội.
1610	Đại học	Giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho HSTHPT ở quận Ninh Kiều - TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Bùi, Hoàng Quỳnh Hương	Lê, Thị Bích Diễm	2019	Luận văn tập trung làm rõ một số khái niệm và quan điểm củ Hồ Chí Minh về chủ nghĩa yêu nước. Bên cạnh đó, luận văn phân tíc sự vận dụng của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong giáo dục ch học sinh trung học phổ thông ở quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Th và đề xuất ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ch nghĩa yêu nước cho học sinh trung học phổ thông ở quận Ninh Kiề – Thành phố Cần Thơ.
1611	Đại học	Ảnh hưởng của văn hoá học đường đối với học sinh trong dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT Phan Ngọc Hiên, thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thảo Hiên	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Ảnh hưởng của văn hóa học đường đối với học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông Phan Ngọc Hiên, Thành phố Cần Thơ”, tác giả tập trung làm rõ cơ sở khoa học của văn hóa học đường đối với học sinh trong bối cảnh hiện nay và tìm hiểu thực trạng về VHHD của HS trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông Phan Ngọc Hiên, thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở thực tiễn của trường, tác giả đã đề xuất biện pháp nâng cao VHHD đối với HS trong dạy học môn GD CD ở trường ngày càng tốt hơn.
1612	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004 - 2019	Phạm, Thị Lê Uyên	Lê, Thị Thúy Hương	2019	Đề tài luận văn Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng - Nhân dân và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004 - 2019 được tác giả tập trung giải quyết những vấn đề sau đây: phân tích những cơ sở ảnh hưởng đến quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân ở thành phố Cần Thơ; phân tích những chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Cần Thơ trong thời gian qua và rút ra bài học kinh nghiệm từ việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân; Từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng - Nhân dân ở thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004 - 2019 dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.
1613	Đại học	XD lối sống VH cho thanh niên TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Lê, Thị Kim Ngân	Phạm, Văn Búa	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài “Xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên thành phố Cần Thơ dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” Tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ: Những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên. Tìm hiểu thực trạng việc thực hiện chủ trương xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm chủ yếu nhằm xây dựng lối sống văn hóa cho thanh niên thành phố Cần Thơ hiện nay.

1614	Đại học	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở tỉnh CM hiện nay dưới ánh sáng TTHCM	Trần, Thoại Mỹ	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn khái quát quan niệm của Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng cá bộ. Quan niệm chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Cà Mau về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Và thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Cà Mau giai đọa hiện nay. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở tỉnh Cà Mau Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tin Cà Mau tác giả chú trọng vào đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giai đoạn 2011-2018 khi đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
1615	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Ngô, Bé Ngọc	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Chương 1: Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tô quốc. Trong chương này đã phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tô quốc. Trên cơ sở đó, phân tích và làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tô quốc Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tô quốc trong giai đoạn hiện nay. Nội dung chương này đầu tiên là nghiên cứu bối cảnh về tình hình thế giới và trong nước hiện nay. Tiếp đó là phân tích sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc bảo vệ Tô quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay qua các kỳ Đại hội. Từ đó, phân tích kết quả đạt được về bảo vệ Tô quốc. Cuối cùng là nêu lên những giải pháp chủ yếu để thực hiện công tác bảo vệ Tô quốc trong thời gian tới
1616	Đại học	Vận dụng phong cách nêu gương Hồ Chí Minh vào việc thực hiện trách nhiệm nêu gương cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thị Mộng Thu	Nguyễn, Xuân Hương	2019	Đội ngũ cán bộ, đảng viên thực hiện trách nhiệm nêu gương là nhiệm vụ quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là yêu cầu tất yếu và là giải pháp hiệu quả nhất đối với sự nghiệp xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh giai đoạn hiện nay. Luận văn gồm có hai chương, chương một đề cập một số khía cạnh lý luận về nội dung cơ bản phong cách nêu gương Hồ Chí Minh và phương thức để thực hiện tốt nội dung nêu gương. Đến với chương hai là những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số quy định nêu gương được đặt ra; bên cạnh đó tác giả nêu lên thực trạng về nêu gương trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương cho đội ngũ cán bộ, đảng viên dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.
1617	Đại học	Thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc KHMER ở tỉnh HG dưới ánh sáng TTHCM trong giai đoạn hiện nay	Danh, Thanh Sang	Phạm, Văn Búa	2019	Với đề tài: “Thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Hậu Giang dưới ánh sáng tư tưởng của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”. Luận văn tập trung nghiên cứu những tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số và làm rõ những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số. Từ đó, Đảng bộ tỉnh Hậu Giang đã đề ra những chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Hậu Giang. Luận văn trình bày những thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Hậu Giang, nêu lên những giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện chính sách giáo dục cho đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

1618	Đại học	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của đảng bộ tỉnh BT dưới ánh sáng TTHCM.	Phạm, Thị Ngọc Trinh	Phạm, Văn Búa	2019	Chương 1: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Tác giả làm rõ những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Từ đó làm cơ sở để thực hiện chương 2 Chương 2: Đảng bộ tỉnh Bến Tre vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Tác giả đã nêu những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận. Bên cạnh đó là những chủ trương và quá trình thực hiện công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Bến Tre. Trên cơ sở đó đã đánh giá những thực trạng của công tác dân vận, những thành tựu mà Đảng bộ đạt được cũng như là những hạn chế còn vướng mắc. Trên cơ sở những hạn chế, tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Bến Tre hiện nay.
1619	Đại học	Nâng cao chất lượng dạy chữ Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh hiện nay	Thạch, Sê Rây Rít	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Luận văn nêu ra thực trạng của việc giữ gìn và phát huy tiếng nói chữ viết của đồng bào Khmer ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, gồm có 6 thành tựu, 4 nguyên nhân của thành tựu, 5 hạn chế và 3 nguyên nhân của hạn chế có hai thành tựu chính thứ nhất trong lĩnh vực giáo dục, thứ hai trong lĩnh vực văn hóa thông tin. Luận văn nêu ra năm giải pháp trong việc giữ gìn tiếng nói chữ viết của đồng bào khmer ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh những giải pháp bao gồm Thứ nhất, nâng cao nhận thức đối với cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn và của toàn xã hội về việc giữ gìn và phát huy tiếng nói và chữ viết của đồng bào Khmer Thứ hai, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là các cơ quan, đơn vị trực tiếp làm công tác giáo dục, giữ gìn và phát huy tiếng nói và chữ viết của đồng bào Khmer Thứ ba, tổ chức tốt việc dạy tiếng dân tộc trong các trường học vùng dân tộc Khmer Thứ tư, đẩy mạnh việc đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc để giữ gìn và phát huy ngôn ngữ của đồng bào Khmer Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện bộ chữ viết dân tộc Khmer được Nhà nước công nhận. Tiến hành khảo sát, nghiên cứu tiếng nói và chữ viết của dân tộc Khmer để có giải pháp giữ gìn và phát huy phù hợp.
1620	Đại học	Giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 ở trường Trung học phổ thông (THPT) Ngã Sáu, tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2019	Đề tài luận văn tốt nghiệp “Giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 ở trường THPT Ngã Sáu, tỉnh Hậu Giang”, tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh thông qua dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12. Tìm hiểu thực trạng về công tác giáo dục ý thức pháp luật cho HS. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp, quy trình và điều kiện thực hiện đối với công tác giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh trong việc dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 ngày càng hiệu quả hơn./.

1621	Đại học	Phát huy dân chủ ở quận NK, TPCT dưới ánh sáng TTHCM	Quách, Lan Vi	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Phát huy dân chủ là nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, và cũng là yêu cầu tất yếu, là giải pháp hiệu quả nhất đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Bài viết đề cập một số khía cạnh lý luận của vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh; tổng kết thực tiễn phát huy dân chủ ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018; trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phát huy dân chủ dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
1622	Đại học	Chương 1: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Tác giả làm rõ những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Từ đó làm cơ sở để thực hiện chương 2 Chương 2: Đảng bộ tỉnh Bến Tre vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Tác giả đã nêu những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận. Bên cạnh đó là những chủ trương và quá trình thực hiện công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Bến Tre. Trên cơ sở đó đã đánh giá những thực trạng của công tác dân vận, những thành tựu mà Đảng bộ đạt được cũng như là những hạn chế còn vướng mắc. Trên cơ sở những hạn chế, tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Bến Tre hiện nay.	Trần, Thị Mỹ Trinh	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và sự vận dụng trong phát triển giáo dục ở Thành phố Cần Thơ hiện nay” Đối tượng nghiên cứu luận văn là hệ thống hóa quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục. Phân tích tình hình phát triển giáo dục ở địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013-2019. Đề xuất một số giải pháp để thực hiện công tác phát triển giáo dục ở Thành phố Cần Thơ trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc phát triển giáo dục ở Thành phố Cần Thơ tác giả tập trung vào giai đoạn hiện nay khi đất nước đang trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng quốc tế.
1623	Đại học	Tìm hiểu về tình hình thất nghiệp ở nước ta hiện nay – Thực trạng và giải pháp	Phan, Lê Hương Trà	Trần, Thanh Quang	2019	Đề tài luận văn tốt nghiệp “Tìm hiểu về phát triển kinh tế nông thôn ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng hiện nay”, tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của kinh tế nông thôn. Tìm hiểu thực trạng phát triển kinh tế nông thôn ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về thành tựu và nguyên nhân của những thành tựu cũng như hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển kinh tế nông thôn ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp và phương hướng nhằm phát triển kinh tế nông thôn ở huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng.

1624	Đại học	Vận dụng TTHCM trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh THPT ở TPCT hiện nay	Nguyễn, Lê Tuấn Vĩ	Phạm, Văn Búa	2019	Đề tài Luận văn tốt nghiệp: “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông ở Thành phố Cần Thơ hiện nay”, tác giả đã trình bày những nội dung chính sau đây - Thứ nhất, hệ thống những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cho học sinh - Thứ hai, khái quát về Thành phố Cần Thơ và đánh giá thực trạng công tác giáo dục đạo đức của học sinh THPT ở Thành phố Cần Thơ - Thứ ba, từ những thành tựu và hạn chế tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cho học sinh THPT ở Thành phố Cần Thơ.
1625	Đại học	Nâng cao năng lực tự học cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 ở trường THPT Nguyễn Việt Dũng, thành phố Cần Thơ.	Hồ, Thị Mỹ Uyên	Nguyễn, Ngọc Cẩn	2019	Đề tài luận văn tốt nghiệp: “Nâng cao năng lực tự học cho học sinh trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 tại trường THPT Nguyễn Việt Dũng, TP. Cần Thơ”, tác giả đã trình bày những nội dung chính như đưa ra cơ sở lý luận cùng với cơ sở thực tiễn của việc nâng cao năng lực tự học của học của học sinh ở trường THPT. Dựa vào cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cũng như quy trình và điều kiện để thực hiện nâng cao năng lực tự học của học của học sinh trong dạy học môn GDCD lớp 12 ở trường THPT Nguyễn Việt Dũng, TP. Cần Thơ. Sau cùng là tiến hành thực hiện nâng cao năng lực tự học cho học sinh trong dạy học môn GDCD nhằm mục đích kiểm chứng tính khả thi của đề tài.
1626	Đại học	Thực hiện chính sách tôn giáo đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ở tỉnh AG dưới ánh sáng TTHCM	Chung, Bảo Sơn	Phạm, Văn Búa	2019	Với đề tài “Thực hiện chính sách tôn giáo đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ở tỉnh An Giang dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh” luận văn tập trung làm rõ những vấn đề như sau: Thứ nhất, luận văn tập trung làm rõ một số quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách tôn giáo. Thứ hai, luận văn khái quát đôi nét về đặc điểm của tỉnh An Giang và Phật giáo Hòa Hảo, làm rõ những quan điểm của Đảng và chủ trương của Đảng bộ tỉnh An Giang trong việc thực hiện chính sách tôn giáo đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong thời gian qua. Thứ ba, từ những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng bộ tỉnh An Giang đối với tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, luận văn đề xuất một số giải pháp góp phần thực hiện tốt hơn chính sách tôn giáo đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo trong thời gian tới.
1627	Đại học	Giữ gìn bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc KHMER Nam bộ dưới ánh sáng TTHCM	Lý, Thị Thanh Xuân	Phạm, Văn Búa	2019	Chơơng 1: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Trong chương này tôi trình bày những khái niệm cơ bản về văn hóa và bản sắc vĩa hóa; những quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giữ gìn bản sắc vĩa hóa dân tộc Chơơng 2: Đảng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc giữ gìn bản sĩa văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ. Trong chương này tôi tìm hiểu v vùng đất và đồng bào Khmer Nam Bộ; Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam v chủ trương Đảng bộ các tỉnh thành Nam Bộ về giữ gìn bản sắc văn hóa của đồn bào dân tộc Khmer nổi bật là tỉnh Trà Vinh, Kiên Giang giai đoạn 2010-2018; Kế quả đạt được trong quá trình giữ gìn bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc Khme Nam Bộ (thành tựu, hạn chế và nguyên nhân); Cuối cùng là đề xuất giải pháp cụ th nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa của Đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ.

1628	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong truyện thiếu nhi của Xuân Quỳnh	Nguyễn, Thị Châu Đoan	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Nghiên cứu hệ thống và đầy đủ đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong truyện thiếu nhi của Xuân Quỳnh
1629	Đại học	Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Scratch trong dạy học Toán lớp 4	Lê, Dương Bảo Ngọc	Dương, Hữu Tòng	2019	Giới thiệu về ngôn ngữ lập trình Scratch, mối quan hệ của việc ứng dụng Scratch vào dạy học Toán 4. Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Scratch trong dạy học Toán lớp 4 thông qua các tiết dạy thực nghiệm. Phân tích kết quả thực nghiệm và khảo sát của quá trình ứng dụng Scratch dạy học.
1630	Đại học	Rèn luyện năng lực mô hình hóa toán học trong dạy học giải toán có lời văn lớp 4	Phạm, Huỳnh Ngọc Như	Dương, Hữu Tòng	2019	Nghiên cứu lí luận về mô hình hóa. Nghiên cứu hiệu quả xây dựng các hoạt động dạy học chủ đề toán có lời văn ở lớp 4 theo định hướng rèn luyện năng lực mô hình hóa.
1631	Đại học	Sử dụng trò chơi học tập vào dạy học Toán lớp 3	Nguyễn, Thị Anh Thư	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Giới thiệu về trò chơi học tập, đề xuất biện pháp nhằm sử dụng trò chơi học tập vào dạy học môn Toán lớp 3.
1632	Đại học	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh lớp 3 trong giải toán có lời văn bằng phương pháp trải nghiệm .	Lê, Thị Cẩm Thanh	Nguyễn, Thanh Hùng	2019	Nghiên cứu thực trạng giáo viên sử dụng phương pháp trải nghiệm trong giảng dạy toán có lời văn lớp 3. Từ đó đề ra phương pháp giảng trải nghiệm phù hợp cho học sinh lớp 3 trong giải toán có lời văn
1633	Đại học	Cái mới trong truyện cổ tích của Phạm Hồ	Trần, Thị Hà Phương	Lữ, Hùng Minh	2019	Tìm hiểu về những điểm mới được nhà văn Phạm Hồ thể hiện qua tuyển tập truyện cổ tích mới “Chuyện hoa, chuyện quả”.
1634	Đại học	Sử dụng suy luận tương tự vào dạy học số học lớp 4	Cao, Thị Trang	Dương, Hữu Tòng	2019	Giới thiệu về suy luận tương tự và cách sử dụng suy luận tương tự vào dạy học. Phân tích các nội dung kiến thức Số học lớp 4, đề xuất các bước sử dụng suy luận tương tự vào dạy học các nội dung số học SGK Toán 4 giúp học sinh khám phá kiến thức mới từ kiến thức cũ.
1635	Đại học	Dạy học Hình học lớp 4 thông qua Hoạt động trải nghiệm	Nguyễn, Huỳnh Dung	Dương, Hữu Tòng	2019	Nghiên cứu việc ứng dụng Hoạt động trải nghiệm vào dạy học Hình học lớp 4. Đề xuất một số hình thức tổ chức HĐTN.
1636	Đại học	Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Tập làm văn lớp 4	Lương, Thùy Duyên	Nguyễn, Hải Yến	2019	Đề xuất quá trình sử dụng sơ đồ tư duy cho giáo viên trong việc dạy học Tập làm văn lớp 4 và tạo hứng thú học tập cho học sinh
1637	Đại học	Xây dựng bộ đề kiểm tra định kì môn Toán lớp 4 theo bốn mức độ	Lê, Hồng Ngân	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu lí luận việc đánh giá định kì học sinh Tiểu học. Phân tích nội dung chương trình sách giáo khoa môn Toán lớp 4. Khảo sát việc xây dựng đề kiểm tra theo bốn mức độ ở một số trường Tiểu học, đề xuất những biện pháp nhằm hạn chế và khắc phục những khó khăn trong việc thiết kế và xây dựng đề kiểm tra môn Toán lớp 4 theo bốn mức độ.
1638	Đại học	Trò chơi học tập trong dạy học phân môn Luyện từ và câu cho học sinh lớp 5	Huỳnh, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Tìm hiểu cơ sở lí luận về trò chơi; Tìm hiểu thực trạng sử dụng trò chơi trong dạy học Luyện từ và câu ở lớp 5; Đề xuất một số trò chơi, giáo án minh họa trong dạy học Luyện từ và câu ở lớp 5
1639	Đại học	Vấn đề dạy học song ngữ Chăm - Việt tại tỉnh An Giang, thực trạng và giải pháp	MU, SA KA RIÊM	Lữ, Hùng Minh	2019	Tìm hiểu về thực trạng và nguyên nhân trong dạy học song ngữ Chăm Việt tại An Giang, đồng thời đề xuất giải pháp.
1640	Đại học	Giá trị nội dung và nghệ thuật truyện cổ tích của Nguyễn Huy Tưởng	Nguyễn, Kim Khánh	Lữ, Hùng Minh	2019	Tìm hiểu về truyện cổ tích Việt Nam nói chung, truyện cổ tích của Nguyễn Huy Tưởng nói riêng, nghiên cứu nội dung và nghệ thuật trong truyện cổ tích của nhà văn.
1641	Đại học	Rèn kĩ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 3 thông qua phiếu học tập	Nguyễn, Thị Như Bình	Trịnh, Thị Hương	2019	Nghiên cứu về việc rèn kĩ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 3. Nghiên cứu nguyên tắc, cơ sở, quy trình thiết kế và sử dụng phiếu học tập vào dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 3.

1642	Đại học	Rèn luyện năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 1 thông qua phân môn Học Văn	Hồ, Thị Thanh Thùy	Lê, Ngọc Hóa	2019	Nghiên cứu các biện pháp nói để rèn năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 1 thông qua phân môn Học Văn.
1643	Đại học	Xây dựng bộ đề kiểm tra định kì môn Khoa học lớp 4 theo bốn mức độ	Nguyễn, Thị Gia Hân	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu thực trạng dạy và học môn Khoa học lớp 4 và việc ra đề kiểm tra định kì môn Khoa học lớp 4 theo 4 mức độ
1644	Đại học	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4 trong phân môn Tập đọc	Nguyễn, Thị Hồng Đoan	Lữ, Hùng Minh	2019	Nghiên cứu khái quát về phân môn Tập đọc và hoạt động trải nghiệm. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm, đề xuất một số kế hoạch giảng dạy cho học sinh lớp 4 trong phân môn Tập đọc.
1645	Đại học	Phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 4 bằng phương pháp dạy học hợp tác	Nguyễn, Mai Thanh	Trịnh, Thị Hương	2019	Nghiên cứu chung về năng lực đọc hiểu và phương pháp dạy học hợp tác Khảo sát thực trạng năng lực đọc hiểu của học sinh lớp 4 hiện nay nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh Tiểu học thông qua phương pháp dạy học hợp tác.
1646	Đại học	Vận dụng phương pháp kiến tạo trong dạy học Tập đọc lớp 3	Nguyễn, Thị Minh Trang	Lê, Ngọc Hóa	2019	Trên cơ sở làm rõ lý luận của việc vận dụng mô hình dạy học kiến tạo trong môn Tập đọc, đề tài đề xuất thực nghiệm vận dụng phương pháp dạy học kiến tạo vào dạy Tập đọc cho HS lớp 3 nhằm hình thành năng lực đọc cho HS, giúp các em kết nối những kiến thức và kinh nghiệm sẵn có của bản thân và tương tác với môi trường xã hội xung quanh. Từ đó, HS tự chiếm lĩnh tri thức mới, góp phần đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng dạy học Tập đọc.
1647	Đại học	Dạy học thông qua trải nghiệm trường hợp dạy học phân số ở lớp 4	Nguyễn, Vũ Thanh Tâm	Dương, Hữu Tông	2019	Nghiên cứu nội dung và phương pháp học trải nghiệm của dạy học phân số và khả năng của HS về việc tiếp thu và vận dụng kiến thức vào việc ôn tập phân số lớp 4 cho HS tiểu học.
1648	Đại học	Một số biện pháp khơi gợi kiến thức nền trong dạy học số học lớp 5	Nguyễn, Ngọc Vy Anh	Nguyễn, Thanh Hùng	2019	Nghiên cứu cơ sở lí luận về kiến thức nền và thực trạng GV sử dụng các hoạt động khơi gợi kiến thức nền vào dạy học số học cho học sinh lớp 5 hiện nay. Từ đó, đề tài đưa ra các biện pháp khơi gợi kiến thức nền cho HS và ứng dụng vào các giáo án đề xuất.
1649	Đại học	Xây dựng bài tập kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực	Nguyễn, Thị Tuyết Mỹ	Lê, Ngọc Hóa	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá, năng lực và đánh giá năng lực của học sinh tiểu học. Nghiên cứu cách thức thiết kế ma trận đề làm cơ sở cho việc xây dựng bài tập kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực.
1650	Đại học	Phát triển kĩ năng tóm tắt văn bản cho học sinh lớp 5 thông qua sơ đồ tư duy	Trần, Ánh Xuân	Lữ, Hùng Minh	2019	Giới thiệu về sơ đồ tư duy, các loại văn bản, cách vận dụng sơ đồ tư duy để tóm tắt văn bản. Hướng dẫn học sinh lớp 5 tóm tắt văn bản bằng sơ đồ tư duy qua các tiết dạy thực nghiệm.
1651	Đại học	Rèn kĩ năng kể chuyện cho học sinh lớp 2 thông qua ứng dụng Scratch	Trịnh, Thư Ngân	Nguyễn, Hải Yến	2019	Nghiên cứu về việc rèn kĩ năng kể chuyện cho học sinh Tiểu học. Giới thiệu về lập trình Scratch. Ứng dụng lập trình Scratch trong dạy học kể chuyện ở lớp 2 thông qua các tiết dạy thực nghiệm.
1652	Đại học	Dạy học môn Toán lớp 2 theo hướng phát triển năng lực học sinh	Quách, Linh Nhi	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu những vấn đề về dạy học môn Toán lớp 2 theo hướng phát triển năng lực học sinh và đề ra các biện pháp dạy học giúp phát triển năng lực cho học sinh thông qua môn Toán lớp 2.
1653	Đại học	Hình tượng nhân vật trẻ em trong tác phẩm Tuổi thơ dữ dội của Phùng Quán	Ung, Thanh Ngân	Lữ, Hùng Minh	2019	Tìm hiểu và khai thác hình tượng nhân vật trẻ em trong tác phẩm. Qua đó giúp người đọc hình dung được tuổi thơ của các em trong thời kỳ kháng chiến đau thương mà hào hùng của dân tộc, từ đó định hướng giáo dục các em học sinh tình yêu gia đình, quê hương và đất nước.

1654	Đại học	Thiết kế hệ thống câu hỏi rèn kỹ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 5	Trần, Thảo Dân	Trịnh, Thị Hương	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về hệ thống câu hỏi rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 5 . Nghiên cứu về nguyên tắc, cơ sở, quy trình thiết kế và sử dụng câu hỏi. Thiết kế hệ thống câu hỏi gợi ý rèn kỹ năng đọc hiểu cho học sinh lớp 5.
1655	Đại học	Đánh giá thường xuyên những sai lầm của học sinh khi học về số thập phân	Võ, Hồng Nhung	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu những sai lầm thường gặp của học sinh khi học về chủ đề số thập phân. Đưa ra những lời nhận xét đối với những sai lầm đó.
1656	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề vào dạy học hình học lớp 4	Võ, Thị Kim Ngân	Dương, Hữu Tòng	2019	Khái quát và giới thiệu sơ lược về phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề. Vận dụng phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề để thiết kế các hoạt động dạy và học góp phần nâng cao chất lượng dạy học hình học trong Toán lớp 4.
1657	Đại học	Một số biện pháp tạo hứng thú trong dạy học về từ ngữ cho học sinh lớp 3	Thái, Thị Mỹ Chi	Lê, Ngọc Hóa	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về hứng thú học tập và chương trình dạy học Mở rộng vốn từ của HS lớp 3. Từ đó đề xuất một số trò chơi học tập và ứng dụng công nghệ thông tin (phần mềm lập trình Scratch) để tạo nhiều bài tập thú vị, khơi gợi hứng thú học tập cho HS. Tiến hành thực nghiệm để kiểm tra tính khả thi của đề tài.
1658	Đại học	Vấn đề Chuẩn đào tạo giáo viên tiểu học của trường Đại học Cần Thơ, đề xuất từ góc nhìn người học	Trần, Mỹ Hạnh Duyên	Trịnh, Thị Hương	2019	Nghiên cứu các nội dung lý luận xoay quanh Chuẩn đào tạo giáo viên tiểu học, các Chuẩn đào tạo giáo viên tiểu học trong và ngoài nước. Phân tích, so sánh các chuẩn trên và rút ra những điểm đã đạt được và chưa đạt được của Chuẩn đào tạo giáo viên tiểu học của trường Đại học Cần Thơ. Từ kết quả so sánh kết hợp với những thay đổi trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới, đề tài đề xuất những hướng mới trong xây dựng Chuẩn đào tạo và Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học của trường Đại học Cần Thơ dưới góc nhìn người học.
1659	Đại học	Sử dụng truyện kể trong dạy học Lịch sử ở lớp 4	Phạm, Thị Thùy Phương	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu thực trạng của việc dạy học môn Lịch sử trong nhà trường Tiểu học hiện nay, cụ thể là ở lớp 4 Đề xuất các biện pháp nhằm đưa truyện kể lịch sử vào dạy học môn Lịch sử ở lớp 4, góp phần tăng sự hứng thú cho HS. Giới thiệu một số nguồn tài liệu truyện kể, giai thoại lịch sử có thể lồng ghép vào dạy học phân môn Lịch sử lớp 4.
1660	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học chủ đề phân số ở Toán 4	Trương, Hồng Thới	Bùi, Phương Uyên	2019	Nghiên cứu lý luận dạy học khám phá. Đề xuất một số biện pháp vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học chủ đề phân số ở Toán 4.
1661	Đại học	Hình tượng thiên nhiên trong tiểu thuyết “Quê nội” và “Tàng sáng” của Võ Quảng	Trần, Thị Ngọc Anh	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Nghiên cứu hệ thống hình tượng thiên nhiên cũng như nghệ thuật khắc họa hình tượng thiên nhiên trong tiểu thuyết Quê nội và Tàng sáng của Võ Quảng.
1662	Đại học	Thiết kế và tổ chức trò chơi trong dạy học Chương 2 Toán 5	Văn, Nguyễn Phương Yến	Dương, Hữu Tòng	2019	Nghiên cứu lý luận về việc sử dụng trò chơi học tập trong dạy học Toán, nghiên cứu nội dung số thập phân trong chương trình Toán 5. Đề xuất một số trò chơi để dạy học chương 2 Toán 5.
1663	Đại học	Dạy học số học lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực người học	Võ, Thị Quỳnh Như	Huỳnh, Thái Lộc	2019	Nghiên cứu những vấn đề cơ bản của dạy học theo ĐHPTNL người học và đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm hỗ trợ dạy học hiệu quả số học lớp 4 theo ĐHPTNL người học.

1664	Đại học	HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CÁC MẶT HÀNG HẢI SẢN CỦA CHUỖI CỬA HÀNG BUFFET	Lê, Trung Tín	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	“Hệ thống quản lý các mặt hàng hải sản của chuỗi cửa hàng buffet” nhằm mục đích hạn chế các công việc thủ công trong quản lý nguyên liệu, tìm kiếm, nhập hàng, xuất hàng một cách chính xác và tiết kiệm thời gian. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ c# và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server chủ yếu được xây dựng trên công cụ VisuaStudio 2017, các sơ đồ được vẽ chủ yếu bằng công cụ hỗ trợ Powerdesigner. Hệ thống được chia thành 3 nhóm người dùng chính, mỗi nhóm người dùng có những chức năng phù hợp: Quản lý(Admin), nhân viên kho, nhân viên cửa hàng.
1665	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ MUA BÁN SÁCH	Nguyễn, Lý Hồng Nhung	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP, Framework Laravel 5.6, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trên môi trường web Apache cho backend và các ngôn ngữ kịch bản cũng như thư viện - framework: Html, Css, AngularJs, Javascript, JQuery, Ajax, Bootstrap cho frontend.
1666	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU VIỆC LÀM ONLINE	Nguyễn, Phương Tiên	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	“Hệ thống giới thiệu việc làm online” được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP, Framework Laravel 5.7.5 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ khác như: html, css, javascript, jquery, jquery ui, select2, ajax, bootstrap. Hệ thống được chia làm 3 nhóm chức năng chính chia theo đối tượng người sử dụng: người lao động, nhà tuyển dụng (hay công ty môi giới), nhà quản trị hệ thống.
1667	Đại học	HỆ THỐNG TRA CỨU NGUỒN GỐC NÔNG SẢN BẰNG QR-CODE	Nguyễn, Hoài Linh	Nguyễn, Thái Nghe	2018	“Hệ thống tra cứu nguồn gốc nông sản bằng QR-CODE” được xây dựng trên nền website, nhằm hỗ trợ việc tra cứu thông tin nông sản cho khách hàng một cách nhanh chóng, chính xác mà không cần phải đi tới nơi sản xuất. Bên cạnh đó hệ thống cũng giúp người nông dân minh bạch được sản phẩm của mình trên thị trường tiêu thụ. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng ngôn ngữ PHP kết hợp với cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript, Ajax.
1668	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON	Đinh, Ngọc Thùy Lam	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Trong thời đại ngày nay, công nghệ thông tin và truyền thông đã và đang được ứng dụng mạnh mẽ làm thay đổi tư duy và phương thức hoạt động của nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có lĩnh vực giáo dục mầm non. Với việc sử dụng phương pháp quản lý truyền thông làm mất rất nhiều thời gian, công sức và chi phí trong việc quản lý mà không mang lại độ chính xác, hiệu quả cao. Vì vậy, việc thiết kế xây dựng một hệ thống quản lý trường mầm non là một nhu cầu cần thiết. “Hệ thống quản lý một trường mầm non” hỗ trợ cho người quản lý trong công tác quản lý như: quản lý nhân sự, trẻ em, phân công giáo viên phụ trách lớp, thực đơn cho trẻ, ... một cách hiệu quả, tiết kiệm được thời gian “Hệ thống quản lý một trường mầm non” được thiết kế bằng việc sử dụng Laravel Framework, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các ngôn ngữ lập trình như: HTML, CSS, JavaScript, AJAX, ...

1669	Đại học	THIẾT KẾ GAME VỚI UNITY 3D “Game 3D Nhiệm vụ xuyên không”	Phạm, Hoàng Tuân Lê, Phúc Thuần	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Trước đây, khi nhắc đến ngành công nghiệp game ở Việt Nam, chúng ta thường có cái nhìn không mấy lạc quan và tích cực. Quan niệm này xuất phát từ việc Game Việt Nam đã giậm chân tại chỗ khá lâu. Tuy nhiên, có một thực tế đó là nguồn nhân lực trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin, đặc biệt là lĩnh vực game ở Việt Nam ngày càng dồi dào. Trong số đó, những bạn trẻ có đam mê đối với game là không hề ít. Nếu được đầu tư một cách bài bản và kỹ lưỡng thì ngành công nghiệp game tại Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Cùng với niềm đam mê game, chúng em đã cho ra đời trò chơi 3D “Nhiệm vụ xuyên không” thuộc một thể loại trò chơi chiến đấu, nhằm góp một phần nhỏ vào sự phát triển của ngành công nghiệp game tại Việt Nam. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng và phát triển trò chơi này sẽ giúp chúng em trang bị thêm nhiều kiến thức và kỹ năng cho việc định hướng nghề nghiệp (phát triển game) sau này. Trò chơi đã được xây dựng và phát triển dựa trên phần mềm Unity Engine và ngôn ngữ lập trình C#. Trò chơi đã được lấy bối cảnh từ một cuộc chiến trên không gian bên ngoài vũ trụ giữa người chơi và một nhóm thế lực xâm lược, tại đây người chơi sẽ điều khiển chiến đấu cơ của mình để tiêu diệt các máy bay của đối phương. Trò chơi được thiết kế gồm có 5 cấp độ chơi khác nhau cùng với nhiều điều thú vị và hấp dẫn.
1670	Đại học	WEBSITE QUẢN LÝ VÀ GỢI Ý CÁC ĐỊA ĐIỂM QUÁN ĂN, NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH DỰA VÀO ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG	Lê, Quốc Bảo	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	“Hệ thống quản lý và gợi ý các địa điểm quán ăn, nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh dựa vào đánh giá của người sử dụng” được xây dựng trên nền Web nhằm hỗ trợ tìm kiếm tối đa cho người dùng được nhanh chóng và tiết kiệm thời gian. Hệ thống giúp các chủ dịch vụ quảng bá dịch vụ của mình thêm rộng rãi hơn. Gợi ý cho người dùng các dịch vụ tương tự thông qua đánh giá người sử dụng. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL, các công nghệ hỗ trợ bao gồm: HTML, CSS, JavaScript,... Đặc biệt, hệ thống tích hợp công nghệ Google Map API hỗ trợ việc định vị vị trí dịch vụ. Hỗ trợ tối đa việc tìm kiếm và gợi ý các dịch vụ cho người sử dụng.
1671	Đại học	HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP	Nguyễn, My Ny	Phan, Tấn Tài	2018	“Xây dựng hệ thống đăng ký thành lập doanh nghiệp” được đề xuất với mong muốn xây dựng được một hệ thống tích hợp đầy đủ các nghiệp vụ quản lý thành lập doanh nghiệp từ khâu tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến khâu cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp góp phần đơn giản hóa nghiệp vụ giúp tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí cho doanh nghiệp khi gia nhập và hoạt động trên thị trường theo quy định. Ngoài ra, hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như framework Laravel, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình duyệt web Apache và các công nghệ như JavaScript, PHP, HTML, Bootstrap, JQuery, AJAX.

1672	Đại học	ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	Lê, Hồng Đạt Trần, Mỹ Tiên	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	hệ thống quản lý trung tâm ngoại ngữ, vừa quản lý giáo vụ của trung tâm ngoại ngữ một cách tự động vừa giúp học viên đăng ký trực tuyến là rất cần thiết. Hệ thống nhằm hỗ trợ tác vụ cho nhân viên trung tâm cũng như giúp người có nhu cầu đăng ký học và thi các chứng chỉ ngoại ngữ dễ dàng hơn. Hệ thống phát triển trên nền web sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL,...nhằm hỗ trợ tối đa cho hệ thống.
1673	Đại học	TÌM HIỂU VÀ XÂY DỰNG DATA WAREHOUSE	Nguyễn, Ngọc Tuấn Đạt	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Data warehouse được ứng dụng ngày càng rộng rãi cùng với xu hướng phân tích dữ liệu lớn. Kho dữ liệu đã trở thành một nền tảng không thể thiếu với các công cụ phân tích và biểu diễn dữ liệu như BI. Thiết kế data warehouse là một trong những bước quan trọng khi xây dựng hệ thống, nó đòi hỏi người thiết kế có tầm nhìn và kinh nghiệm để tạo ra một kho dữ liệu có khả năng phân tích dữ liệu trên nhiều phương diện, giúp các nhà lãnh đạo doanh nghiệp có cái nhìn tổng quát về tình hình hiện tại và có thể dự báo xu hướng trong tương lai. Luận đồ hình sao và luận đồ hình bông tuyết là 2 mô hình cơ bản trong việc thiết kế data warehouse, tùy theo yêu cầu của doanh nghiệp mà lựa chọn luận đồ phù hợp. Luận đồ hình sao tương đối dễ thiết kế, dữ liệu rõ ràng, trực quan. Luận đồ bông tuyết cho khả năng lưu trữ dữ liệu lớn tốt hơn và có thể giúp khai thác dữ liệu tốt hơn. Trong phạm vi đề tài này, em sử dụng mô hình bài toán kinh doanh đồng hồ để phân tích dữ liệu bán hàng để thấy rõ được các bước xây dựng. Đầu tiên, chọn kiến trúc cho hệ thống, xây dựng mô hình cho kho dữ liệu, thiết lập các luồng ETL để lấy dữ liệu và cuối cùng là biểu diễn dữ liệu trên nền web. Hệ thống trên được xây dựng bằng công nghệ như: phần mềm, Microsoft SQL Server 2012, ASP.NET, công cụ hỗ trợ JasperSoft ETL và các thư viện JavaScript như ChartJS, PivotTable.js, DataTable Tool.

1674	Đại học	LẬP TRÌNH GAME 3D “THE WALKING DEAD”	Nguyễn, Lê Kim Long Ngô, Văn Trường Sơn	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Game Online hiện đang phát triển cực kì mạnh mẽ với sự đa dạng nội dung, luôn cập nhật xu hướng cũng như gamer - người chơi - có thể chơi multiplayer – nhiều người chơi cùng nhau - cùng bạn bè mọi lúc mọi nơi mà không cần phải ở cạnh nhau. Vì thế, những gamer đã dần quên đi các tựa game offline đi theo cốt truyện trước đây. Các tựa game như Call of duty, Assassin Creep,... cũng đang dần chuyển sang phát triển theo xu hướng online tuy vậy họ vẫn giữ phần game cốt truyện như là một phần không thể thiếu. Tuy không có những ưu điểm mà game online mang lại như chơi cùng bạn bè, cập nhật liên tục để có những phiên bản mới nhất, game offline mang lại sự ổn định trong gameplay, đa dạng về nội dung từ chiến tranh, đánh trận, thể thao đến các nội dung khoa học viễn tưởng, game offline không gò bó người chơi vào những khuôn khổ, sự thú vị trong từng màn chơi qua diễn biến của câu chuyện mà nhà làm game muốn kể. Trong những nội dung mà các nhà lập trình game lựa chọn, game kinh dị về các Zombie – xác sống – là một trong những nội dung được lựa chọn khá nhiều, các tựa game như Dying Light, Call of Duty WWII – Zombie, The Walking Dead A Telltale Game Series,... đều đã gặt hái được những thành công nhất định trên thị trường game. Chính vì vậy, chúng em đã lựa chọn phát triển một tựa game kinh dị về đề tài Zombie dựa trên ý tưởng cốt truyện của riêng mình, tuy không thể so sánh được những tựa game nêu trên nhưng phần nào đã khái quát được gameplay một cách cụ thể và đơn giản nhất. “The Walking Dead” là một tựa game được chúng em phát triển bằng phần mềm hỗ trợ phát triển game Unity3D, phần mềm hỗ trợ lập trình C# và một số phần mềm hỗ trợ animation khác. Game dựa trên những kiến thức đã có về Zombie qua các bộ phim, các tựa game. Game hướng tới sự đơn giản trong cách chơi, sự thú vị khi làm các nhiệm vụ trong game và các chiến thuật mà người chơi phải nghĩ ra để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy vậy, game đã hoàn thành nhưng vẫn đang trong quá trình beta nên chắc chắn sẽ có những lỗi phát sinh không mong muốn, các chức năng vẫn sẽ tiếp tục được cập nhật để ngày càng hoàn thiện hơn nữa, ước muốn của chúng em là có thể đưa tựa game của mình từng bước ra thị trường game trong nước.
------	---------	--------------------------------------	--	---------------------	------	---

1675	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ MỘT HỆ THỐNG NHÀ THUỐC	Nguyễn, Minh Thu Lê, Tuyết Ngân	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Công nghệ thông tin hiện nay đã trở thành xu thế tất yếu trong phát triển đời sống xã hội nên việc ứng dụng tin học vào y tế cũng ngày càng được quan tâm hơn. Đối với các hệ thống nhà thuốc lớn như Trung Sơn, số lượng người bệnh có nhu cầu mua thuốc cũng như lượng giao dịch nhập kho trong một ngày rất lớn, nên việc ứng dụng CNTT vào Y tế là điều cần thiết. Trước đây do điều kiện thực tế không cho phép nên máy tính chưa được sử dụng rộng rãi trong các hệ thống quản lý nên các hệ thống quản lý thường được thực hiện một các thủ công, manh mún do đó thường xảy ra một cách nhầm lẫn, chồng chéo lên nhau. Với những lý do nêu trên, nhóm chúng em chọn thực hiện đề tài “Hệ thống quản lý một hệ thống nhà thuốc” như một hệ thống hỗ trợ việc quản lý mua, bán thuốc, giúp quản lý tình hình kinh doanh của nhà thuốc, quản lý lịch trực các nhân viên nhà thuốc, quản lý thuốc, thực phẩm chức năng, các sản phẩm của nhà thuốc, quản lý các thông tin về thành phần, tác dụng, tác dụng phụ, cách thức bảo quản, hạn sử dụng, đơn vị tính,... Hệ thống được đề xuất cũng dùng để quản lý các chi nhánh thuộc cùng một hệ thống nhà thuốc, hỗ trợ bản đồ tìm kiếm, cho phép đặt hàng online. Hệ thống nhắm đến các nhà thuốc thuộc cùng một hệ thống với giá thành chi phí thấp nhưng đáp ứng đủ nhu cầu quản lý của các cửa hàng này. “Hệ thống quản lý một hệ thống nhà thuốc” được xây dựng trên nền web lập trình với framework Laravel giúp hỗ trợ cho các hệ thống nhà thuốc hoạt động chuyên nghiệp, chính xác, dễ dàng trong cách xử lý nghiệp vụ, tiết kiệm thời gian. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng PHP, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript, Ajax, Laravel.
1676	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON NGÔI SAO NHỎ	Vũ, Thị Kiều Anh Hồng, Thị Ái Như	Phan, Tấn Tài	2018	“Hệ thống quản lý trường mầm non” là điều cần thiết. Hệ thống này sẽ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và cần thiết đúng với quy trình giảng dạy và học tập của trẻ. Hệ thống được thiết kế quản lý các hoạt động trong trường mầm non như thêm, sửa, xóa thông tin, tìm kiếm thông tin, quản lý lớp, quản lý thực đơn của trẻ, theo dõi hoạt động của trẻ thông qua camera, báo cáo thống kê phục vụ trong công tác quản lý. Hệ thống được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện và công nghệ hỗ trợ web khác như: HTML, JavaScript, CSS, jQuery, Bootstrap, API, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và thư viện để xuất file Dompdf của PHP.
1677	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU CÁC ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH Ở VIỆT NAM	Nguyễn, Thị Hương	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	“Hệ thống giới thiệu các địa điểm du lịch ở Việt Nam” được xây dựng nhằm giúp những ai có nhu cầu đi du lịch có thể tìm kiếm được những điểm du lịch hấp dẫn tại các tỉnh của Việt Nam một cách dễ dàng và đóng góp một phần vào việc quảng bá du lịch của khu vực. Hệ thống ngoài việc tìm kiếm điểm du lịch người dùng còn đánh giá về điểm du lịch đó để bổ sung kiến thức và kinh nghiệm cho những người sau có chuyến đi tốt hơn, thú vị hơn. Hệ thống được xây dựng bằng cách sử dụng ngôn ngữ PHP, cơ sở dữ liệu MySQL và một số công nghệ khác như HTML, CSS, JavaScript,... Đặc biệt, hệ thống còn tích hợp Google Map API giúp định vị được vị trí cụ thể của các điểm du lịch hỗ trợ cho việc tìm kiếm được tốt hơn.

1678	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ DẠY VÀ TỔ CHỨC THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Nguyễn, Minh Toàn Ngô, Thị Hằng Ni	Phan, Tấn Tài	2018-09	“Hệ thống quản lý giảng dạy và tổ chức thi chứng chỉ ứng dụng CNTT” là điều cần thiết. Hệ thống này sẽ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và cần thiết đúng với quy trình giảng dạy và tổ chức thi. Hệ thống cung cấp những chức năng: quản lý lớp học, quản lý đăng ký học, quản lý giảng dạy, quản lý danh mục, quản lý thi chứng nhận, quản lý thi chứng chỉ, quản lý cấp giấy chứng nhận và chứng chỉ và thống kê báo cáo phục vụ trong công tác quản lý
1679	Đại học	HỆ THỐNG TRUNG TÂM GIA SƯ	Đỗ, Thị Minh Mẫn	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	“Hệ thống trung tâm gia sư” được xây dựng trên nền Web, nhằm hỗ trợ việc tìm kiếm gia sư cho phụ huynh. Hệ thống cũng giúp giáo viên hoặc sinh viên có nhu cầu làm gia sư tìm được việc làm có thêm thu nhập. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript, Ajax,....
1680	Đại học	TRA CỨU CÁCH PHÒNG TRỊ BỆNH TRONG CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM	Võ, Minh Sang	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	Ngày nay, công nghệ thông tin đã có những bước phát triển mạnh mẽ về chiều rộng lẫn chiều sâu. Công nghệ thông tin đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Việc phát triển ứng dụng trên môi trường Internet là một xu thế mới và nó đem lại nhiều tiện ích, hiệu quả cao trong việc quản lý. Trong đó nông nghiệp là ngành kinh tế trọng điểm của nước ta đặc biệt là chăn nuôi gia súc, gia cầm luôn được sự quan tâm của mọi người. Vì thế đã có rất nhiều trung tâm, trạm thú ý ra đời để đáp ứng nhu cầu đó. Hiện tại một số trung tâm, trạm thú y vẫn đang thực hiện việc quản lý và tra cứu bệnh dựa trên thủ công hoặc bán tự động. Vì vậy đề tài “Quản lý các khâu chăm sóc bệnh trên gia súc, gia cầm” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cán bộ thú y và những hộ nuôi. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.4 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: ajax, javascript, jquery, html.
1681	Đại học	WEBSITE BÁN HÀNG ĐIỆN TỬ	Trần, Linh Nga Phương	Trương, Quốc Định	2018	Đề tài Xây dựng hệ thống bán hàng điện tử online nhằm mục tiêu áp dụng các kiến thức đã học về phân tích hệ thống và lập trình web để xây dựng một hệ thống hỗ trợ quản lý, mua bán sản phẩm điện tử phục vụ cho cửa hàng bán đồ điện tử, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cho cửa hàng. Hệ thống Website bán hàng điện tử trong phạm vi đề tài này được xây dựng dựa trên ngôn ngữ lập trình Web PHP và hệ quản trị CSDL MySQL với sự hỗ trợ của các framework như Laravel, Bootstrap.
1682	Đại học	HỆ THỐNG GỢI Ý TÌM NHÀ TRỌ CHO SINH VIÊN KHU VỰC THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Nguyễn, Minh Ý	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	“Hệ thống gợi ý tìm nhà trọ sinh viên trong khu vực thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền Web được xây dựng nhằm hỗ trợ việc tìm kiếm nhà trọ cho các bạn sinh viên nói riêng cũng như người cần thuê nhà trọ nói chung được nhanh chóng và tiết kiệm thời gian công sức. Hệ thống cũng giúp người cần cho thuê nhà trọ có một kênh để quảng bá nhà trọ, cũng như người thuê tìm chỗ trọ hiệu quả hơn. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript,.... Đặc biệt, hệ thống tích hợp công nghệ Google Map API hỗ trợ việc định vị vị trí nhà trọ, trường học,... hỗ trợ tối đa việc tìm kiếm nhà trọ cho người dùng.

1683	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ VẬT TƯ XÂY DỰNG	Nguyễn, Thị Phương Anh	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Ảnh hưởng công nghệ thông tin không loại trừ bất cứ doanh nghiệp nào ở nước ta, kể cả các doanh nghiệp cung cấp vật tư xây dựng. Nhiều công ty được thành lập đồng nghĩa với tính cạnh tranh ngày càng cao, doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường thì không chỉ dựa vào chất lượng sản phẩm mà còn phải biết dựa vào sức mạnh của truyền thông để quảng bá thương hiệu, duy trì uy tín, có được niềm tin của khách hàng. Giải pháp được đưa ra để giải quyết vấn đề của các doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay chính là họ phải biết ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào các hoạt động trao đổi mua bán. Các doanh nghiệp có riêng cho mình một hệ thống để quản lý trở thành một yêu cầu thiết yếu. Vì vậy, tôi muốn xây dựng một "Hệ thống quản lý vật tư xây dựng" để giúp các công ty thuận tiện hơn trong việc mua, quản lý và kinh doanh.. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP, bootstrap, HTML, CSS, JavaScript, Ajax, JQuery và hệ quản trị CSDL MySQL. Hệ thống này sẽ đưa các sản phẩm đến gần hơn với mọi người. Từ đó tạo dựng được hình ảnh công ty thân thiện hơn, gần gũi hơn với mọi người.
1684	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC CỦA MỘT CÔNG TY	Tăng, Hoàng Minh	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	Với sự phát triển của công nghệ hiện nay, việc áp dụng các công nghệ vào việc quản lý nguồn nhân lực là một điều cần thiết, “Hệ thống quản lý nguồn nhân lực của một công ty” được xây dựng nhằm hỗ trợ con người quản lý nguồn nhân lực hiệu quả hơn, và ít sai sót hơn. Hệ thống có 4 phân hệ chính bao gồm quản lý nhân viên, quản lý tuyển dụng, quản lý lương và quản lý hệ thống, mỗi phân hệ có một vai trò riêng, những liên quan mật thiết với nhau, Hỗ trợ nhau giải quyết các công việc trong quản lý nguồn nhân lực. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Laravel Framework, một PHP framework phổ biến hiện nay, vì thế hệ thống sẽ dễ dàng cập nhật và phát triển trong tương lai.
1685	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU KHÁCH SẠN Ở VIỆT NAM	Trần, Thu Hiền	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, đặc biệt là lĩnh vực thương mại điện tử. Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng thành công các ứng dụng công nghệ để thực hiện các chiến lược kinh doanh, quảng cáo hình ảnh, thu hút và tạo được niềm tin với khách hàng. Vì thế đề tài “Hệ thống giới thiệu khách sạn tại Việt Nam” được xây dựng trên nền tảng website nhằm hỗ trợ các chủ khách sạn quảng cáo hình ảnh, chất lượng khách sạn của mình tới khách hàng, giúp cho người dùng tìm kiếm, lựa chọn khách sạn phù hợp với nhu cầu, mục đích của bản thân dễ dàng và nhanh chóng hơn. Đồng thời cung cấp một hệ thống phù hợp và tin cậy cho người dùng. Hệ thống giới thiệu khách sạn ở Việt Nam được phát triển từ các công cụ hỗ trợ như Laravel Framework, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ web Apache và các công nghệ HTML, CSS, JavaScript, Bootstrap,..... Đặc biệt, hệ thống còn sử dụng thư viện lập trình Leaflet nhằm hỗ trợ người dùng tìm kiếm vị trí và chỉ đường đi đến khách sạn dễ dàng và thuận tiện hơn.

1686	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MỘT CÔNG TY BẢO VỆ	Nguyễn, Hoàng Thanh Thảo Lâm, Hong Duy	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Sự chuyển biến phức tạp của xã hội ngày nay, ảnh hưởng đến sự an toàn của con người, sự toàn vẹn về tài sản công cộng nói chung và tài sản cá nhân nói riêng. Có nhiều cách để bảo vệ con người và tài sản ví dụ như mua bảo hiểm, sử dụng hệ thống khóa có mật mã, camera,... nhưng việc dùng con người để kiểm soát, bảo vệ là phương pháp thông dụng, đơn giản và hiệu quả. Vấn đề đặt ra là tìm được một địa chỉ cung cấp các dịch vụ bảo vệ đáng tin cậy, đảm bảo chất lượng và lợi ích của khách hàng, đồng thời cũng là mở các lớp đào tạo về các nghiệp vụ về bảo vệ, vệ sĩ. Bên cạnh đó, các công ty vệ sĩ, bảo vệ ra đời ngày càng nhiều, sự cạnh tranh về mặt quảng bá, cải thiện chất lượng, tổ chức một hệ thống quản lý chặt chẽ và bền vững. Chính vì vậy, “Hệ thống quản lý công ty bảo vệ” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ, đào tạo nhân lực của công ty. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.2 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu Navicat MySQL, chương trình tạo máy chủ web Xampp và các công nghệ web khác như: css, html, javascript, jquery, bootstrap.
1687	Đại học	QUẢN LÝ CÔNG TÁC THỰC HIỆN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP BẠC THẠC SỸ	Nguyễn, Hoàng Giang	Trương, Quốc Định	2018	Đáp ứng hoàn toàn được các nhu cầu và tính năng cơ bản của một hệ thống quản lý thông tin (đọc, thêm, sửa, xóa) với phân quyền đến từng người dùng riêng rẽ. - Truy xuất dễ dàng và nhanh hơn so với hệ thống trên nền tảng thông thường.[1] - Được phát triển theo công nghệ hiện đại và phổ biến, vậy nên đi kèm với nền tảng bảo mật ổn định; có khả năng chống tấn công tấn công đánh cắp dữ liệu. - Đã xây dựng xong nền tảng cơ bản, việc phát triển hệ thống chỉ cần phát triển theo hướng module mở rộng, không cần phải tái xây dựng lại toàn bộ. Như vậy có nghĩa là việc khắc phục khi gặp sự cố bất ngờ cũng dễ dàng hơn. - Máy chủ phân nhóm thành máy chủ web host, máy chủ service API restful, máy chủ cơ sở dữ liệu nên việc thiết đặt vị trí vật lý của máy chủ không còn là vấn đề nữa. Hệ thống được xây dựng và phát triển trên nền tảng ngôn ngữ chính Javascript, sử dụng môi trường Nodejs và framework Angularjs với cơ sở dữ liệu có cấu trúc của SQL Server.
1688	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “Blade of Void”	Dương, Quang Thiện	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Engine hỗ trợ làm trò chơi, trong số đó Unity là ứng cử viên sáng giá cho người mới bắt đầu xây dựng trò chơi vì sự hỗ trợ đa nền tảng cùng với một kho tàng tài liệu và cộng đồng sử dụng lớn. Ngoài ra Unity còn có một diễn đàn riêng để người dùng có thể trao đổi với nhau. Bởi các tính năng tuyệt vời và sự phổ biến cũng như hỗ trợ mạnh mẽ của Unity nên trong luận văn này em đã sử dụng Unity Engine để xây dựng Trò chơi 3D có thể chạy được mang tên “Blade of Void”.

1689	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIẢNG DẠY VÀ MỜI GIẢNG CỦA TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	Huỳnh, Hoàng Trần Lê, Mạnh Linh	Phan, Tấn Tài	2018	“Xây dựng hệ thống quản lý giảng dạy và mời giảng của trung tâm ngoại ngữ” được đề xuất với mong muốn xây dựng được một quy trình đăng ký lớp học mới, đó là quy trình đăng ký lớp học trực tuyến, giúp đơn giản hóa các công việc trong xử lý thông tin đăng ký lớp của học viên. Bên cạnh đó, hệ thống được phát triển cũng hướng đến nghiên cứu 2 vấn đề quan trọng không kém là công tác quản lý mời giảng và quản lý giảng dạy của giảng viên. Hệ thống trên được xây dựng dựa trên cơ sở tích hợp đầy đủ các quy trình nghiệp vụ trong công tác quản lý của trung tâm Anh ngữ Gia Việt. Đồng thời, hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ như: Ajax, Java script, query, PHP và HTML.
1690	Đại học	MẠNG XÃ HỘI HỌC TẬP	Lâm, Thanh Tâm	Nguyễn, Thái Nghe	2018	“Website mạng xã hội học tập” được tạo nên để giúp các học sinh, sinh viên có nhiều nguồn cung cấp tài liệu để phục vụ trong quá trình học tập. “Website mạng xã hội học tập” được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP, JavaScript và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
1691	Đại học	QUẢN LÝ CÔNG TY XÂY DỰNG & THIẾT KẾ	Nguyễn, Dũng Tiền	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	“Xây dựng hệ thống quản lý một công ty thiết kế và xây dựngModule 1” được đề xuất với mong muốn tạo nên một hệ thống giúp quá trình quản lý của công ty xây dựng, thiết kế trở nên thuận tiện hơn về nhiều mặt. Hệ thống này sẽ hỗ trợ công ty trong việc quản lý khách hàng, dự án và công trình, cho phép lập và xuất các hợp đồng, tính chi phí thiết kế, xây dựng, lưu trữ hồ sơ thiết kế, xây dựng; quản lý nhân công xây dựng. Hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ như: Javascript, JQuery, PHP, HTML. Bên cạnh đó, hệ thống được xây dựng dựa trên cơ sở tích hợp các hoạt động, quy trình nghiệp vụ của các công ty, giúp quý công ty nhanh tiếp cận hệ thống và thông thạo cách sử dụng nhanh nhất.
1692	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU NHÀ TRẺ Ở KHU VỰC THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Lâm, Khánh Ngọc	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	Với sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc ứng dụng nó vào công cuộc hỗ trợ tìm kiếm nhà trẻ thật sự rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho cả phụ huynh đang có nhu cầu tìm kiếm nhà trẻ và thuận lợi cho cả nhà trẻ muốn giới thiệu nhà trẻ của mình với những phụ huynh một cách tổng quát nhất. Vì vậy, “Hệ thống giới thiệu nhà trẻ ở khu vực Thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng Website hỗ trợ cho phụ huynh tiết kiệm tối đa thời gian để tìm được một nhà trẻ ưng ý và cả hỗ trợ nhà trẻ giới thiệu rộng rãi thông tin nhà trẻ của mình đến với mọi người. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các ngôn ngữ lập trình như HTML, JavaScript, CSS,...

1693	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ THỰC TẬP THỰC TẾ SINH VIÊN KHOA CNTT&TT	Nguyễn, Hoàng Huy	Trương, Quốc Định	2018	Qua khảo sát cũng như trải nghiệm bản thân về quy trình thực tập thực tế. Nhận thấy vẫn còn một số khâu chưa được đồng bộ chuẩn hóa và còn phải quản lý trên giấy tờ. Cho nên việc tạo ra một hệ thống có thể quản lý và kết nối nhiều phía người dùng với nhau là điều cần thiết. Hệ thống quản lý tất cả những thông tin chi tiết của sinh viên, các cơ quan tiếp nhận thực tập, tiêu chí đánh giá và kết quả của cả một quá trình thực tập. Ngoài ra hệ thống còn hỗ trợ xác nhận giữa việc đánh giá cơ quan tiếp nhận thực tập của Khoa CNTT&TT, giúp sinh viên có thể đăng ký thực tập online, góp phần cải thiện tốc độ cũng như chi phí nếu thực hiện theo cách hiện hành. Do hệ thống được phát trên nền website nên có thể dễ dàng triển khai, dễ tiếp cận từ xa và cũng do nhu cầu lưu trữ ngày càng lớn nên cần phải xây dựng một hệ thống quản lý tất cả các thông tin đã nêu trên. Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi đã ứng dụng được những kiến thức đã học trên ghế nhà trường và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình hệ thống, lập trình và thiết kế website với ngôn ngữ PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL...
1694	Đại học	WEBSITE QUẢN LÝ CHUỖI KHÁCH SẠN CỦA MỘT DOANH NGHIỆP	Nguyễn, Vũ Ngọc Hà	Trương, Quốc Định	2018	“Website quản lý chuỗi khách sạn của một doanh nghiệp” là điều cần thiết. Hệ thống này sẽ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và cần thiết đúng với quy trình quản lý khách sạn. Hệ thống cung cấp những chức năng: hiển thị được, dẫn đường đi đến các khách sạn trên bản đồ, quản lý đặt phòng nhưng có chức năng gợi ý được phòng gần với nhu cầu tìm kiếm, quản lý chức năng xem trạng thái phòng theo ngày và quản lý nhân viên như phân công ca trực hay chấm công cho nhân viên tại các khách sạn khác nhau thuộc một hệ thống khách sạn của một doanh nghiệp trong cả nước một cách hiệu quả, tiết kiệm được thời gian chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người quản lý khách sạn và khách hàng, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng phục vụ khách hàng. Hệ thống được xây dựng dựa trên quy trình quản lý khách sạn tại một số khách sạn trong và ngoài nước. Đồng thời, hệ thống xây dựng dựa trên mô hình MVC và Laravel framework, Leaflet API, hệ thống được phát triển dựa trên công cụ hỗ trợ như hệ quản trị CSDL MySQL, máy chủ Apache và các ngôn ngữ như: HTML, JavaScripts, PHP.
1695	Đại học	WEBSITE GIỚI THIỆU VIỆC LÀM	Nguyễn, Kim Phụng	Trương, Quốc Định	2018	

1696	Đại học	ĐỀ TÀI: ỨNG DỤNG “ĂN CHAY MỘT TRIẾT LÝ SỐNG”	Trương, Minh Thơ Lâm, Thông Thái	Phạm, Ngọc Huyền	2018	Khoa học dinh dưỡng đang đối đầu với thử thách: không chỉ mang lại sức khỏe cho cá nhân mà còn lợi ích cho sức khỏe môi trường. Vì vậy, cách lựa chọn thực phẩm lành mạnh không chỉ dừng ở thực phẩm mang tính dinh dưỡng, mà còn thực phẩm góp phần bảo vệ môi trường. Ăn chay ngày nay đang dần trở thành một ẩm thực thời thượng trong cuộc sống hiện đại ở các nước phát triển, đặc biệt trong giới trẻ, nghệ sĩ và trí thức như là một phương pháp phòng chống bệnh tật, giữ gìn vóc dáng, kéo dài tuổi thọ và nhiều người quan niệm ăn chay là để tâm hồn thanh tịnh, bình an. Góp phần hỗ trợ cho những người dùng chay, tận dụng sự phát triển của công nghệ thông tin, để cho ra một ứng dụng xây dựng trên nền web “Ăn chay là một triết lý sống”, giúp những người ăn chay có thể tương tác với nhau trong một môi trường để chia sẻ kinh nghiệm, hay những công thức mới lạ, ngon mắt và bổ ích với nhau. Ứng dụng này sẽ là một nền tảng hoàn chỉnh kiểu mạng xã hội xung quanh công thức nấu ăn thuần chay, và cộng đồng người ăn chay nói chung. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng PHP, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript,
1697	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHUỖI NHÀ THUỐC	Trần, Trung Cường	Phan, Tấn Tài	2018	Hệ thống được chia thành 5 phân hệ để thực hiện qui trình nghiệp vụ mà ở chuỗi nhà thuốc có: nhập thuốc về kho từ nhà cung cấp, xuất thuốc từ kho đến các cửa hàng, cửa hàng bán thuốc cho khách hàng và tổng hợp kết quả kinh doanh cửa hàng, cuối cùng là tổng hợp kết quả kinh doanh của chuỗi cửa hàng. Hệ thống quản lý chuỗi nhà thuốc khi hoàn thành sẽ phục vụ được các yêu cầu thiết yếu như: quản lý sản phẩm kinh doanh hiệu quả chính xác, quản lý thông tin nhân viên và cửa hàng, quản lý các phiếu nhập thuốc vào kho, quản lý các phiếu xuất từ kho cho cửa hàng, quản lý các phiếu trả thuốc từ cửa hàng về kho, quản lý các hóa đơn bán hàng, quản lý các phiếu hủy cho thuốc khi hết hạn hay bị hư, kết xuất báo cáo tồn kho, báo cáo doanh thu và hiệu quả kinh doanh.

1698	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ BÁN THỨC ĂN NHANH	Trần, Hồng Đức	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Nhu cầu khách hàng ngày càng tăng cao với mong muốn có được một bữa ăn nhanh mà không phải đi lại... và gọi đồ ăn online là phương thức trải nghiệm ẩm thực tiện lợi, dễ dàng mà vẫn thoả mãn được nhu cầu tìm kiếm ẩm thực mới lạ. Và về phía cửa hàng thức ăn nhanh cũng mong muốn mang lại sự trải nghiệm về món ăn của cửa hàng cho khách hàng một cách nhanh chóng tại nhà, cơ quan, công ty... như trải nghiệm thực tại cửa hàng và đặt thức ăn trực tuyến là kênh phân phối và tiếp thị hiệu quả giúp họ tiếp cận khách hàng mới ở một địa bàn rộng lớn hơn. Theo chia sẻ của ông Jochem Lisser, CEO của Vietnammm: "Đã có một sự thay đổi lớn trong phân khúc khách hàng, từ việc phần lớn khách hàng là người ngoại quốc tại Việt Nam ở thời kì đầu thì hiện nay, thị phần khách hàng người Việt đã có sự tăng trưởng vượt trội. Điều này thể hiện thói quen tiêu dùng online nói chung và đặt món ăn qua mạng nói riêng của người Việt đã trở thành một xu hướng tiên phong, tất yếu". Rõ ràng, với lượng người sử dụng nền tảng internet càng nhiều, thì nhu cầu tại chỗ sẽ càng gia tăng hơn, không chỉ tính riêng đồ ăn online. Và khi đã có cầu ắt có cung, ưu điểm và ích lợi của loại hình kinh doanh này sẽ được chia đều cho cả khách hàng, các nhà hàng lần dịch vụ đặt thức ăn trực tuyến.
1699	Đại học	WEBSITE CHUẨN ĐOÁN BỆNH TRÊN LÚA THEO NÔNG VỤ	Phan, Hồ Phúc	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	Hiện nay việc tin học hóa công tác quản lý trồng lúa cho nông hộ trong một địa phương ngày càng quan trọng, trong đó khâu quản lý bệnh dịch và công tác trồng lúa theo mùa vụ là cần thiết và phổ biến nhất. “Website chuẩn đoán bệnh trên lúa theo mùa vụ” được xây dựng nhằm giúp người nông dân biết được tình hình dịch bệnh, quản lý tốt khâu chăm sóc ít rủi ro, tăng năng suất... Trong đó việc chuẩn đoán gần hay chính xác bệnh dịch giúp nông hộ biết được cách phòng tránh, cách điều trị đặc hiệu, giảm chi phí cho nông hộ. Bên cạnh đó theo sát quá trình chăm sóc cây lúa từ lịch gieo sạ, lịch bón phân, nên dùng giống lúa gì cho mùa vụ nào để đạt năng suất cao, chống được các loại sâu bệnh và thời tiết thay đổi theo từng mùa. Đối tượng người dùng được chia ra làm 3 module gồm có: module thứ nhất dành cho admin, module thứ hai dành cho cán bộ khuyến nông, module thứ ba dành cho nông hộ.
1700	Đại học	QUẢN LÝ PHÒNG KHÁM VÀ CHẨN ĐOÁN BỆNH BAN ĐẦU CHO BỆNH NHÂN	Phạm, Văn Khang	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	Đề tài “Quản lý phòng khám và chẩn đoán bệnh ban đầu cho bệnh nhân” được xây dựng nhằm tin học hóa các công việc như lưu trữ hồ sơ bệnh án, khám chữa bệnh, chỉ định cận lâm sàng, tìm kiếm... tiết kiệm được thời gian, độ chính xác cao. Đặc biệt, trang web còn hỗ trợ các bác sỹ chuẩn đoán và có liệu pháp điều trị mẫu. Với trang web giới thiệu của phòng khám, các bệnh nhân có thể đặt lịch hẹn khám tại nhà. Dựa vào đối tượng người dùng, hệ thống chia làm 3 module: module thứ nhất dành cho người quản trị, module thứ hai dành cho bác sỹ, module thứ ba dành cho bệnh nhân.

1701	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÁC DỊCH VỤ CUỐI HỎI	Bùi, Thanh Sơn	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	Với sự phát triển của công nghệ thông tin và sự tiện dụng của nó thì việc áp dụng công nghệ vào việc quản lý thông tin, tìm kiếm, đặt gói dịch vụ, thanh toán hóa đơn,... rất cần thiết. Với các ưu điểm của việc sử dụng website dễ dàng và tiện lợi, vì vậy “Hệ thống quản lý các dịch vụ cuối trọn gói” được xây dựng trên nền Web được nhằm hỗ trợ việc tìm kiếm dịch vụ cho khách hàng được nhanh chóng và tiết kiệm thời gian công sức. Hệ thống cũng giúp các công ty dịch vụ có riêng cho mình một kênh để quảng bá dịch vụ hiệu quả và dễ quản lý hơn. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng các công nghệ bao gồm HTML, CSS, PHP, JavaScript,...và cơ sở dữ liệu MySQL.
1702	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC VÀ THI TRẮC NGHIỆM ONLINE	Nguyễn, Duy Linh Phan, Hải Đăng	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	Hiện nay, vấn đề học tập và thi cử của học sinh đang được các phụ huynh hết mực quan tâm và lo lắng về kết quả đạt được của con em họ. Tuy nhiên, những giờ học tập trên lớp đôi khi giáo viên chưa truyền tải được những bài giảng của mình cho học sinh cũng như việc buộc các học sinh phải đi học thêm bên ngoài hoặc trung tâm để bồi dưỡng thêm kiến thức không tiếp thu được trên ghế nhà trường. Chính vì vậy việc học thêm luôn luôn là vấn đề đang được nói đến đối với học sinh lẫn các giáo viên và việc học thêm tại các cơ sở hoặc trung tâm có thực sự mang lại hiệu quả tốt cho học sinh luôn là mối quan tâm đặc biệt của các phụ huynh. Bên cạnh đó việc học thêm lại rất tốn thời gian, tiền bạc thậm chí ảnh hưởng đến sức khỏe của học sinh vì học tập quá nhiều để đạt được kết quả tốt trong học tập. Chúng ta đang được sống trong thời đại công nghệ 4.0 thế nên việc học Online sẽ dễ dàng hơn. Trên thực tế, các doanh nghiệp cơ sở đã tận dụng tốt sự phát triển của công nghệ thông tin để thực hiện các hệ thống để phục vụ mục đích thương mại, quảng bá hình ảnh, quảng cáo,... Thế nên việc học Online tại nhà cũng không phải là ngoại lệ, chính vì vậy “Hệ thống hỗ trợ học và thi trắc nghiệm online” được xây dựng nhằm hỗ trợ việc học của học sinh được thuận tiện và dễ dàng hơn đồng thời có thể tiết kiệm thời gian, làm chủ thời gian học tập mà không cần phải đi đến các cơ sở, trung tâm giảng dạy thêm. Hệ thống này cung cấp tài liệu cho học sinh, giúp các học sinh có thể đăng ký vào khóa học, môn học, cũng như có thể thi thử để chuẩn bị thật tốt cho kì thi chính thức. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, Javascript, ...

1703	Đại học	HỆ THỐNG GỢI Ý MÓN ĂN TỪ NHỮNG NGUYÊN LIỆU CÓ SẴN	Dương, Nguyễn Thanh Duy	Nguyễn, Thị Thu An	2018	Mục tiêu của đề tài này là xây dựng một hệ thống gợi ý món ăn đến người dùng thông qua những nguyên liệu mà người dùng có. “Hệ thống gợi ý món ăn từ những nguyên liệu có sẵn” được phát triển trên nền tảng website cùng với việc xây dựng giải thuật máy học để gợi ý món ăn đến người dùng. Đề tài sử dụng thuật toán Naive Bayes Classifier để xây dựng chức năng gợi ý món ăn đến người dùng. Với khả năng phân loại mạnh mẽ, giải thuật Naive Bayes hỗ trợ phân lớp các món ăn, tính toán gợi ý đến người dùng một cách chính xác. Để áp dụng giải thuật đã xây dựng được vào website, đề tài sử dụng một Api giúp chúng có thể giao tiếp được với nhau. Thông qua Restful Api, website có thể truyền dữ liệu đến giải thuật và nhận dữ liệu trả về từ giải thuật để xử lý. Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện, hệ thống cung cấp chức năng theo hai hướng: Khách hàng và Quản trị viên. Khách hàng có thể tìm kiếm món ăn từ những nguyên liệu mà mình có. Qua đó hệ thống cũng gợi ý đến người dùng các công thức nấu ăn được chia sẻ bởi các thành viên khác trên hệ thống. Quản trị viên là những người quản lý hệ thống có thể dễ dàng quản lý món ăn cùng với nguyên liệu kèm theo, duyệt các bài viết chia sẻ công thức món ăn.
1704	Đại học	ỨNG DỤNG QUẢN LÝ PHÒNG KHÁM BỆNH TƯ NHÂN	Huỳnh, Cảnh Thịnh	Trương, Quốc Định	2018	Song song với việc đời sống vật chất được nâng cao đó, nhu cầu về cuộc sống của con người cũng đổi khác. Yêu cầu về dịch vụ ngày càng cao hơn. Trong đó, dịch vụ về sức khỏe đã trở thành một vấn đề được con người chú trọng và quan tâm hàng đầu. Đối với những nước phát triển thì vấn đề trên đã được giải quyết một cách triệt để. Nhưng với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thì đây đang là một vấn đề hết sức nóng bỏng. Ở Việt Nam hiện nay đa số người dân đều không hài lòng về chất lượng dịch vụ của bệnh viện công. Từ việc quá tải về số lượng bệnh nhân, thủ tục đăng ký rườm rà, phức tạp, đến thái độ phục vụ kém chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên y tế, cũng như điều kiện vật chất, cơ sở hạ tầng ngày càng xuống cấp, bệnh viện công đã không còn là sự lựa chọn hàng đầu trong việc khám chữa bệnh của người dân. Bên cạnh đó, phòng khám tư đã ra đời và ngày càng được ưa chuộng. Với đội ngũ nhân viên nhiệt tình, thân thiện, có chuyên môn cao, cơ sở hạ tầng, máy móc tiên tiến, thủ tục đăng ký đơn giản, nhanh chóng, bệnh viện tư cam kết luôn mang lại dịch vụ tốt nhất cho bệnh nhân. Nhưng với số lượng bệnh nhân ngày càng đông, nếu phòng khám tư muốn duy trì được chất lượng dịch vụ, thì sự có mặt của một hệ thống quản lý toàn diện cho phòng khám là điều vô cùng cần thiết.

1705	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ BUS	Hồ, Hữu Tân	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Phần mềm quản lý hệ thống xe buýt này được nghiên cứu và thực hiện nhằm mục đích tin học hóa vào việc quản lý, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân khi tham gia giao thông bằng xe buýt; đồng thời làm giảm khối lượng công việc, giảm bớt chi phí về thời gian và nhân lực. Ngoài ra phần mềm còn hỗ trợ người dùng tìm kiếm đường đi nhanh chóng trong mạng xe buýt. Phần mềm được xây dựng trên framework ASP.NET MVC 4.5 và VueJS cùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, trình chủ web IIS và các công nghệ phát triển web khác như: LINQ, EntityFramework, Ajax, Element UI.
1706	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ SINH VIÊN HỌC TẬP TRÊN ANDROID	Phan, Hữu Thiện	Nguyễn, Thị Thu An	2018	“CTU Timesheet - Ứng dụng liên lạc giữa giảng viên và sinh viên của trường Đại học Cần Thơ”. Ứng dụng được xây dựng dựa trên nền tảng Android kết hợp với Firebase Webservices. Đây là một ứng dụng được xây dựng để hỗ trợ hai đối tượng người dùng là giảng viên và sinh viên ở trường Đại học Cần Thơ. Ứng dụng hỗ trợ giảng viên liên lạc với các bạn sinh viên, giúp sinh viên theo dõi tin tức cập nhật từ nhà trường và thời khoá biểu. Nhờ sự nhanh chóng và mạnh mẽ của Firebase Websevice sẽ giúp giảng viên gửi thông báo đúng lúc đến các bạn sinh viên, bên cạnh đó Firebase còn cung cấp dịch vụ Realtime Database hỗ trợ rất mạnh mẽ trong việc quản lý dữ liệu của ứng dụng.
1707	Đại học	PHẦN MỀM BIỂU DIỄN TRỰC QUAN MẠNG TRÍCH DẪN	Huỳnh, Thanh Vân	Trương, Quốc Định	2018	Sự phát triển bùng nổ vượt bậc của internet, việc tìm kiếm truy suất lượng dữ liệu lớn trên mạng là vô cùng khó khăn. Đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải tốn rất nhiều thời gian và công sức để tìm hiểu một vấn đề. Để trích dẫn một bài báo khoa học thì làm sao để biết nguồn gốc cụ thể của bài báo? Việc tìm kiếm để xác định mối liên hệ giữa các bài báo phải tốn rất nhiều thời gian, nhưng đôi khi đem lại kết quả không rõ ràng, không đáp ứng đúng mục đích người sử dụng. Với số lượng dữ liệu tăng theo cấp số nhân qua thời gian, điều này sẽ gây khó khăn cho việc lưu trữ và truy xuất. Do đó mạng trực quan trích dẫn ra đời là hệ thống mạng xã hội, thể hiện các quan hệ giữa các tác nhân với nhau, tác nhân ở đây là bài báo khoa học. Mạng trực quan giúp việc truy xuất trích dẫn một bài báo khoa học nhanh, hiệu quả và xây dựng các phép toán nghiên cứu chuyên sâu. Mạng trích dẫn của bài báo khoa học là đồ thị rất lớn, nên việc thể hiện mối liên kết giữa chúng là rất cần thiết. Áp dụng thư viện Vis.js để giải quyết vấn đề, qua đó ta có thể vẽ đồ thị mạng trực quan một cách tự động và nhanh chóng.

1708	Đại học	HỆ THỐNG GỢI Ý BÁN PHỤ KIỆN HANDMADE	Lê, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Thị Thu An	2018	hàng trong quá trình tìm kiếm để tìm được sản phẩm phù hợp với nhu cầu và sở thích. Các website thương mại điện tử cũng đã sử dụng nhiều phương pháp để giải quyết vấn đề này như tối ưu hóa công cụ tìm kiếm, phân loại sản phẩm và phương pháp hiệu quả nhất là gợi ý sản phẩm cho khách hàng, nhưng vẫn còn hạn chế như không tận dụng được dữ liệu từ khách hàng vì thế gợi ý chưa thực sự phù hợp với khách hàng. Chính vì vậy đề tài này ứng dụng tích hợp hệ thống gợi ý để gợi ý cho khách hàng những sản phẩm phù hợp bằng phương pháp lọc cộng tác để có thể tận dụng tối đa dữ liệu thu được từ khách hàng để đưa ra những gợi ý phù hợp nhất. Bằng việc sử dụng Laravel Framework để xây dựng website và Python để xây dựng hệ thống gợi ý theo phương pháp lọc cộng tác. Dựa vào lịch sử xem sản phẩm của khách hàng, hệ thống tiến hành lưu trữ và dựa vào dữ liệu này tiến hành xử lý để đưa ra sản phẩm gợi ý cho khách hàng. Hệ thống gợi ý với độ chính xác khoảng 70%, dựa trên tập dữ liệu gồm 50 khách hàng, cùng 500 dòng dữ liệu. Độ chính xác càng tăng khi số dòng dữ liệu tăng và khách hàng có nhu cầu giống nhau. Website đã tích hợp hệ thống gợi ý có thể gợi ý các sản phẩm phù hợp với khách hàng ngay khi khách hàng đăng nhập vào hệ thống. Những sản phẩm này được tiếp cận với khách hàng ngay lập tức giúp tăng hiệu quả bán hàng.
1709	Đại học	WEBSITE MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN	Nguy, Yến Nhi	Trương, Quốc Định	2018	Xưa nay ông bà ta có câu “An cư, lạc nghiệp”, dù là ngày xưa hay ngày nay thì ai ai cũng mong muốn có một cuộc sống ổn định. Tất cả chúng ta đều cần một ngôi nhà mà bao mệt mỏi, lo lắng, giông bão của cuộc sống đều dừng sau cánh cửa, đó cũng là lý do mà việc bạn có một ngôi nhà để trở về vô cùng quan trọng, đồng thời cũng là tiền đề để ổn định cuộc sống. Vì lý do trên, dù là ngày xưa hay ngày nay, mỗi người chúng ta đều cố gắng làm việc để tìm và xây dựng tổ ấm cho riêng mình. Bên cạnh việc tìm nhà, đất theo cách truyền thống (thông qua cò đất), thì hiện nay đã có rất nhiều trung tâm môi giới được thành lập, nhưng đa số họ vẫn sử dụng cách truyền thống để tìm kiếm, cũng có một số trung tâm dùng mạng xã hội để giới thiệu về những bất động sản, vài website môi giới bất động sản ra đời, nhưng vẫn chưa thể hiện được sự thuận tiện, thân thiện với người dùng. Vì thế, “Website môi giới bất động sản được ra đời”, được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian, chi phí và phù hợp với thời đại công nghệ 4.0. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.4 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: javascript, jquery, html.

1710	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TỔ CHỨC SỰ KIỆN	Nguyễn, Thị Ngọc Huệ	Trương, Quốc Định	2018	Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, mỗi người chúng ta ai cũng có nhiều cột mốc trong đời cần được ghi dấu lại, các công ty dù lớn hay nhỏ hằng năm đều tổ chức một hoặc vài sự kiện, mỗi giờ trôi qua trên cả nước có hàng trăm, hàng ngàn sự kiện đang diễn ra? Rất nhiều vấn đề cần bàn đến, các hoạt động liên quan đến chính trị - kinh tế xã hội hay các hoạt động từ thiện, sinh hoạt, vui chơi, giải trí ... Cần phải được tổ chức chặt chẽ và trang trọng, sự kiện vừa mang lại ý nghĩa vừa là cầu nối để phát triển mọi lĩnh vực trong cuộc sống và kết nối mọi người lại với nhau. Hay nói cách khác, ở đâu có con người ở đó có sự kiện. Thực tế cho thấy, đất nước Việt Nam chúng ta đang trên đà phát triển, có rất nhiều sự kiện cần được tổ chức. Tuy nhiên, không phải sự kiện nào hoạt động cũng hiệu quả, có những sự kiện chỉ quản lý trên văn bản biểu mẫu truyền thống, chủ yếu hoạt động dựa vào sức người, hay khách hàng biết đến các nhà tổ chức theo cách truyền miệng. Những cách đó làm cho việc tổ chức sự kiện tốn nhiều thời gian, khách hàng không biết được chính xác về dịch vụ . Vì vậy, Websites ”Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động của công ty Tổ Chức Sự Kiện” là rất cần thiết , giúp mọi người dễ dàng sử dụng, thu hút nhiều người quan tâm, tạo nên sự chuyên nghiệp giúp khách hàng có thể dễ dàng đăng ký sự kiện theo yêu cầu. Websites “Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động của công ty Tổ Chức Sự Kiện“ được xây dựng bằng Framework Laravel, mdbootstrap, jquery, HTML, CSS và cơ sở dữ liệu lưu trên phpMyadmin. Đã đáp ứng được nhu cầu của người dùng trên hệ thống, mang lại một bước nhìn mới hiện đại về cách quản lý, làm cho công việc quản lý trở nên hiệu quả nhất.
1711	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU CÁC ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH Ở VIỆT NAM	Lê, Hoài Phương	Nguyễn, Minh Khiêm	2018	Với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc phát triển mở rộng ngành du lịch là cần thiết. Sẽ rất khó khăn cho khách hàng tìm kiếm và công ty du lịch quảng bá hình ảnh khi chưa xây dựng được một Website giới thiệu địa điểm du lịch và đặt tour. Vì thế, chúng tôi xây dựng “Hệ thống giới thiệu các địa điểm du lịch ở Việt Nam” để khắc phục những thiếu sót của công ty. Website giúp cho khách hàng có thể truy cập nhanh chóng và tìm kiếm chính xác thông tin cần tìm, đồng thời đặt các tour du lịch trong và ngoài tỉnh . Với Website này quản trị có thể dễ dàng quản lý các địa điểm du lịch, các tour, đặt sân, đánh giá và review bài viết của khách hàng. Dựa vào đối tượng người dùng, hệ thống chia làm 2 module: module thứ nhất dành cho người quản trị, module thứ hai dành cho khách hàng.

1712	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ SỔ KHÁM BỆNH TRỰC TUYẾN CỦA BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ	Nguyễn, Thị Trúc Mai	Bùi, Đăng Hà Phương	2018	Hiện nay, nhu cầu quản lý sức khỏe của mỗi cá nhân ngày càng được chú trọng. Sức khỏe là tài sản lớn nhất của mỗi con người, là thứ mỗi cá nhân cần phải bảo vệ và chăm sóc. Vì vậy, ai cũng mong muốn có một nơi để lưu trữ những thông tin bệnh án, một sổ theo dõi tình hình sức khỏe chi tiết và cụ thể. Trên thực tế, việc quản lý sức khỏe, hồ sơ khám chữa bệnh đều được thực hiện trên giấy tờ. Đòi hỏi sự cất trữ thủ công, rất mất thời gian cũng như công sức tìm kiếm khi cần thiết. Không những thế, chúng còn dễ thất lạc, không đảm bảo tính nguyên vẹn theo thời gian. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và sự có mặt rộng rãi của mạng Internet thì việc áp dụng công nghệ vào việc hỗ trợ lưu trữ trực tuyến và tra cứu hồ sơ khám chữa bệnh là rất cần thiết. Thực tế cho thấy, việc sử dụng website hiện nay là vô cùng phổ biến và gần gũi với hầu hết những người sử dụng. Với lợi thế đó, cùng với ưu điểm dễ sử dụng và rất tiện lợi, “Hệ thống quản lý sổ khám bệnh trực tuyến của bệnh viện trường Đại học Y dược Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng website nhằm hỗ trợ cho mọi người công cụ quản lý sức khỏe, lưu trữ và tìm kiếm hồ sơ khám chữa bệnh được dễ dàng hơn, đơn giản hơn và tiết kiệm thời gian lẫn công sức. Hệ thống cũng cung cấp cho các bác sĩ ở bệnh viện một quy trình khám chữa bệnh đơn giản hơn, dễ dàng nắm được tình hình sức khỏe của bệnh nhân dựa trên hồ sơ đã được lưu trữ. Hệ thống được phát triển bằng ngôn ngữ lập trình PHP, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript,...
1713	Đại học	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ CÁC ĐỀ TÀI SINH VIÊN	Lương, Mỹ Uyên	Nguyễn, Thanh Hải	2019	“Hệ thống thông tin quản lý các đề tài sinh viên” là một hệ thống mang tính chuyên môn nghiệp vụ cao. Dem lại lợi ích trong việc các hoạt động liên quan đến thực hiện các đề tài như luận văn tốt nghiệp, niên luận ngành, niên luận cơ sở và bài tập lớn các môn học. Hệ thống quản lý các đối tượng như sinh viên, giảng viên, luận văn, hội đồng, ... Hệ thống được xem như một module có thể tích hợp vào trong hệ thống quản lý thực hiện luận văn trong giáo dục đại học. Sự phát triển của các hệ thống giáo dục tương tự như “hệ thống thông tin quản lý các đề tài sinh viên” là điều tất yếu trong trong sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin như hiện nay, góp phần thúc đẩy môi trường giáo dục tại Việt Nam có sự biến đổi lớn về chất lượng. Tận dụng ưu điểm của việc sử dụng website dễ dàng và tiện lợi, vì vậy “Hệ thống thông tin quản lý các đề tài” được xây dựng trên nền Web, nhằm hỗ trợ việc quản lý các đề tài của giảng viên. Hệ thống cũng giúp giảng viên và sinh viên dễ dàng trao đổi trong quá trình thực hiện đề tài. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript, Ajax,

1714	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU CÁC ĐỊA ĐIỂM ĂN UỐNG TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Hiện nay, xã hội ngày càng phát triển, công nghệ thông tin chiếm một phần lớn trong cuộc sống của con người. Vì vậy, nhu cầu tìm kiếm thông tin trên mạng của con người ngày một tăng cao, đặc biệt đối với những người bận rộn có nhu cầu tìm kiếm các địa điểm ăn uống phù hợp với bản thân thì rất khó khăn trong việc phải lựa chọn mà không biết được thông tin và chất lượng món ăn của các địa điểm ăn uống. Trên thực tế việc tìm kiếm một địa điểm ăn uống vừa ý, gần nhà, và chất lượng món ăn phù hợp là khó khăn và mất nhiều công sức. Với sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc ứng dụng nó vào công cuộc hỗ trợ tìm kiếm các địa điểm ăn uống thật sự rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể tìm kiếm các địa điểm ăn uống phù hợp với mình và thuận lợi cho cả những người cộng tác viên muốn giới thiệu về địa điểm ăn uống của mình một cách tổng quát nhất. Vì vậy, “Hệ thống giới thiệu các địa điểm ăn uống tại thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng Website hỗ trợ cho mọi người tiết kiệm tối đa thời gian để tìm được một địa điểm ăn uống ưng ý và cả hỗ trợ những người cộng tác viên giới thiệu rộng rãi thông tin về địa điểm của mình đến với mọi người. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các ngôn ngữ lập trình như HTML, JavaScript, CSS,... Đặc biệt, hệ thống tích hợp thư viện JavaScript mã nguồn mở Leaflet kết hợp với công nghệ OpenStreetMap hỗ trợ việc đưa vị trí của các địa điểm ăn uống lên bản đồ để thuận tiện cho việc tìm kiếm các địa điểm ăn uống dễ dàng hơn.
1715	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH TẠI VIỆT NAM	Nguyễn, Trường Giang	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Hiện nay, nhu cầu tìm nơi du lịch thư giãn sau những ngày làm việc căng thẳng ngày càng tăng. Đặc biệt, đối với các bạn trẻ việc tìm một nơi thích hợp để thư giãn và vui chơi là vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay do mỗi năm có hàng nghìn người đi du lịch. Không những thế, nhu cầu du lịch ngày càng đa dạng và phong phú. Chính vì vậy các địa điểm tham quan du lịch luôn luôn là nỗi quan tâm, lo lắng của mọi người nói chung và các bạn trẻ nói riêng. Trên thực tế để tìm được một địa điểm vừa ý, giá cả hợp lý, thuận tiện đi lại là vô cùng khó khăn và mất rất nhiều thời gian, công sức lẫn tiền bạc, gây ra nhiều bất tiện. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và sự tiện dụng của nó thì việc áp dụng công nghệ vào việc hỗ trợ tìm kiếm địa điểm du lịch là rất cần thiết. Tận dụng ưu điểm của việc sử dụng website dễ dàng và tiện lợi, vì vậy “Hệ thống giới thiệu địa điểm du lịch tại Việt Nam” được xây dựng trên nền Web được xây dựng nhằm hỗ trợ việc tìm kiếm địa điểm du lịch cho mọi người được nhanh chóng và tiết kiệm thời gian công sức. Hệ thống cũng giúp người muốn tìm hiểu về các địa điểm có ở tỉnh thành muốn đến, biết đầy đủ thông tin chi tiết về địa điểm du lịch. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript,... Đặc biệt, hệ thống tích hợp công nghệ OpenstreetMap API hỗ trợ việc định vị vị trí địa điểm, thành phố... hỗ trợ tối đa việc tìm kiếm địa điểm tham quan, du lịch cho người dùng.

1716	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUẢNG BÁ SỰ KIỆN	Võ, Đặng Hoàng Phúc	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Với nền công nghệ truyền thông phát triển như hiện nay, các công ty, tổ chức, doanh nghiệp lẫn cá nhân đều đã sở hữu cho riêng mình một website để quản lý hoặc quảng bá. Hầu hết những website này đã hoàn thiện về hệ thống quản lý dữ liệu và quảng bá bằng nhiều hình thức khác nhau để thu hút những khách hàng và thành viên. Trong đó, phân mục tạo sự kiện để thu hút khách hàng và thành viên tham gia cũng vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, để quản lý quảng bá một sự kiện thì không hề đơn giản bởi vì phải thực hiện nhiều bước rất rườm rà, phức tạp và rất dễ sai sót trong khi thực hiện. Vì lý do trên, rất cần thiết một hệ thống chuyên biệt để quản lý quảng bá sự kiện một cách chuyên nghiệp và hiệu quả. Với Eventnary System – Hệ thống quản lý quảng bá sự kiện được sinh ra và phát triển với những tính năng tiện lợi và đa dạng để đáp ứng nhu cầu rất cần thiết này. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.7 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, với các ngôn ngữ cài đặt website như: HTML, CSS... Và các ngôn ngữ lập trình hỗ trợ website như: Javascript, JQuery...
1717	Đại học	HỆ THỐNG LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Nguyễn, Trí Phúc	Trương, Quốc Định	2019	Ngày nay, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của công nghệ thông tin, dần dần việc thông tin hóa trong công tác quản lý hoạt động, chức năng của các cá nhân, tổ chức đã không còn là xa lạ nữa. Những hệ thống quản lý hay những mẫu phiếu lấy ý kiến trên nền web theo chuẩn thông tin hóa đã dần dần được áp dụng trong nhiều lĩnh vực ở khắp mọi nơi và mang lại khá nhiều lợi ích. Với mong muốn đóng góp hữu hiệu vào nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Hệ thống ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo ra đời nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy. Hệ thống cho phép thiết kế các phiếu thu thập thông tin của các bên liên quan về Chương Trình Đào Tạo của một ngành học phục vụ hoạt động kiểm định về sau. Hệ thống phải cho phép thiết kế linh hoạt các mẫu phiếu điều tra, thu thập ý kiến cùng khả năng thống kê đa tiêu chí theo yêu cầu người sử dụng.

1718	Đại học	“WEBSITE HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯ VẤN DINH DƯỠNG TRẺ EM”	Đào, Kim Ngân Trần, Lê Huỳnh Như	Trương, Quốc Định	2019	Ngày nay, thế giới luôn không ngừng phát triển. Con người đã vươn tới những tầm cao mới. Các thành tựu khoa học kỹ thuật được công nhận và áp dụng ngày càng phổ biến trong đời sống. Nhờ vậy, nền kinh tế, chính trị, giáo dục, xã hội được phát triển mạnh mẽ, đời sống vật chất của con người được cải thiện một cách rõ rệt. Song song với việc đời sống vật chất được nâng cao đó, con người càng có nhu cầu cải thiện và nâng cao sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe dinh dưỡng đối với trẻ em – những mầm non tương lai của đất nước. Tuy nhiên, đa số các phụ huynh đều chỉ tham khảo kiến thức về dinh dưỡng trẻ em từ báo mạng hoặc các trang mạng xã hội với nội dung chưa rõ ràng chính xác. Vì vậy, phòng khám tư vấn dinh dưỡng trẻ em ra đời, với đội ngũ bác sĩ chuyên môn cao hòng đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và theo dõi sức khỏe dinh dưỡng của trẻ, giúp trẻ phát triển một cách hoàn thiện nhất. Để có chất lượng dịch vụ tốt nhất, các phòng khám tư vấn dinh dưỡng trẻ em cần một hệ thống quản lý chặt chẽ thông tin, tình trạng bệnh nhi để dễ dàng theo dõi và có hướng điều trị hiệu quả nhất.
1719	Đại học	HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỂM DU LỊCH	Lương, Trần Ngọc Thùy	Trương, Quốc Định	2019	Hiện nay du lịch Việt Nam được Nhà nước Việt Nam xem là một ngành kinh tế mũi nhọn vì cho rằng đất nước Việt Nam có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú. Ngày càng có nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào ngành du lịch. Sau các ngành công nghiệp nặng và phát triển đô thị, đầu tư nước ngoài hầu hết đã được tập trung vào du lịch, đặc biệt là trong các dự án khách sạn. Bên cạnh đó, trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, nhu cầu xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống thông tin được chú trọng nghiên cứu và đầu tư nhằm gia tăng ưu thế cạnh tranh và tạo cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Những hệ thống quản lý trên nền web theo chuẩn thông tin hóa đã dần dần được áp dụng trong nhiều lĩnh vực ở khắp mọi nơi và mang lại khá nhiều lợi ích cho cá nhân và các doanh nghiệp. Do đó, việc áp dụng xu hướng đó vào việc quản lý các địa điểm du lịch là điều thực sự cần thiết, tiện ích, tiết kiệm chi phí và đỡ mất thời gian hơn việc các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng cách thức làm việc thủ công như quảng cáo qua các bài báo, phương tiện đại chúng hoặc tư vấn thị trường. Hệ thống quản lý các điểm du lịch trên nền web sẽ giúp hỗ trợ các cá nhân, người quản lý cơ sở trong việc tìm kiếm, nhập liệu, lưu trữ và cập nhật thông tin tài liệu về các điểm du lịch một cách dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng hơn. Hệ Thống quản lý các điểm du lịch trên nền web sẽ được xây dựng dựa trên các quy định về hoạt động của cá nhân, chủ quản lý cơ sở. Các công cụ được sử dụng để phát triển hệ thống là hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ web Apache và ngôn ngữ lập trình PHP.

1720	Đại học	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUẢN LÝ THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ	Vũ, Minh Nhựt	Trương, Quốc Định	2018	Ngày nay, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của công nghệ thông tin, dần dần việc thông tin hóa trong công tác quản lý hoạt động, chức năng của các cá nhân, tổ chức đã không còn là xa lạ nữa. Những hệ thống quản lý trên nền web theo chuẩn thông tin hóa đã dần dần được áp dụng trong nhiều lĩnh vực ở khắp mọi nơi và mang lại khá nhiều lợi ích. Và việc áp dụng xu hướng đó vào việc quản lý Thư viện là điều thực sự cần thiết, vì hiện tại cũng còn rất nhiều thư viện vẫn sử dụng cách thức làm việc thủ công như nhập liệu thông tin bằng giấy tờ hoặc các phần mềm Microsoft. Mục đích này ra đời để giải quyết vấn đề đó, hệ thống quản lý thư viện trên nền web sẽ giúp hỗ trợ các cá nhân, người quản lý cơ sở trong việc tìm kiếm, nhập liệu, lưu trữ và cập nhật thông tin tài liệu một cách dễ dàng hơn và thuận tiện hơn. Hệ Thống Quản lý thư viện trên nền web sẽ được xây dựng dựa trên các quy định về hoạt động của cá nhân, chủ quản lý cơ sở. Các công cụ được sử dụng để phát triển hệ thống là hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ web Apache và ngôn ngữ lập trình PHP.
1721	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “THE LAST KNIGHT”	Phan, Chí Thiện	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Để có một tựa game có chất lượng tốt chúng ta không thể nào bỏ qua các công nghệ được sử dụng để làm ra tựa game đó. Cụ thể là game engine được sử dụng cho tựa game đó là gì. Ngày nay, có rất nhiều Engine hỗ trợ cho việc thiết kế và sản xuất game nhưng nổi bật trong số đó là Unity Engine. Với các công cụ hỗ trợ mạnh mẽ cho người thiết kế, kho tài nguyên phong phú, tài liệu đa dạng và hơn hết Unity còn có cả một cộng đồng sử dụng đông đảo cộng với một diễn đàn dành cho người thiết kế có thể trao đổi những khó khăn và hỗ trợ nhau khắc phục những khó khăn trong quá trình xây dựng, phát triển game vì những lợi ích của Game Engine này mang lại cũng như những điểm mạnh của nó nên Unity đã trở thành ứng cử viên sáng giá để em lựa chọn tìm hiểu và xây dựng trò chơi mang tên “THE LAST KNIGHT”. THE LAST KNIGHT là một trò chơi có cốt truyện kể về hành trình phiêu lưu rèn luyện kỹ năng của chàng hiệp sĩ Perseus nhằm mục đích tiêu diệt chúa quỷ và giành lại các vùng đất của con người đã bị xâm chiếm. Game gồm 5 màn chơi tương ứng với 5 vùng đất đã bị loài quỷ chiếm giữ. Người chơi phải tiêu diệt các quái vật, rèn luyện kỹ năng và tiêu diệt các toạlong quỷ của từng vùng đất để có thể sang màn tiếp theo.

1722	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “Cuộc phiêu lưu của Angel”	Châu, Thị Thúy Huy	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Trong quá khứ, mỗi khi nhắc đến ngành công nghiệp game tại Việt Nam, chúng ta thường có những cái nhìn không mấy lạc quan hay tích cực. Quan niệm này xuất phát từ việc thị trường game Việt nội địa đã giậm chân tại chỗ quá lâu. Tuy nhiên, có một thực tế là nguồn nhân lực ở Việt Nam đang ngày một dồi dào. Trong số đó, những bạn trẻ có niềm đam mê về game là không nhỏ. Nếu được đầu tư bài bản và kỹ lưỡng, ngành công nghiệp game tại Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Chính vì những lẽ đó, Trò chơi 3D “Cuộc phiêu lưu của Angel” thuộc thể loại phiêu lưu hành động, đã được tạo ra nhằm góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp Game nước nhà. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng và phát triển trò chơi này sẽ giúp chúng em chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho định hướng nghề nghiệp (phát triển Game) sau này. Trò chơi được xây dựng và phát triển trên phần mềm Unity Engine với ngôn ngữ lập trình C#. Trò chơi là câu chuyện về một cô bé tên là Angel, cô vô tình phát hiện một quyển sách kì lạ và bị hút vào trong sách. Trong quyển sách, Angel hóa thân thành một nữ chiến binh, cô phải vượt qua 6 màn chơi tương ứng với 6 chương sách, để có thể thoát khỏi được quyển sách.
1723	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “Cuộc phiêu lưu của Angel”	Trần, Thị Ngọc Hân	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Trong quá khứ, mỗi khi nhắc đến ngành công nghiệp game tại Việt Nam, chúng ta thường có những cái nhìn không mấy lạc quan hay tích cực. Quan niệm này xuất phát từ việc thị trường game Việt nội địa đã giậm chân tại chỗ quá lâu. Tuy nhiên, có một thực tế là nguồn nhân lực ở Việt Nam đang ngày một dồi dào. Trong số đó, những bạn trẻ có niềm đam mê về game là không nhỏ. Nếu được đầu tư bài bản và kỹ lưỡng, ngành công nghiệp game tại Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Chính vì những lẽ đó, Trò chơi 3D “Cuộc phiêu lưu của Angel” thuộc thể loại phiêu lưu hành động, đã được tạo ra nhằm góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp Game nước nhà. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng và phát triển trò chơi này sẽ giúp chúng em chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho định hướng nghề nghiệp (phát triển Game) sau này. Trò chơi được xây dựng và phát triển trên phần mềm Unity Engine với ngôn ngữ lập trình C#. Trò chơi là câu chuyện về một cô bé tên là Angel, cô vô tình phát hiện một quyển sách kì lạ và bị hút vào trong sách. Trong quyển sách, Angel hóa thân thành một nữ chiến binh, cô phải vượt qua 6 màn chơi tương ứng với 6 chương sách, để có thể thoát khỏi được quyển sách.

1724	Đại học	“HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA QUÁN CAFE”	Nguyễn, Võ Anh Thư	Trương, Quốc Định	2019	Trong thời đại Cách Mạng Công Nghiệp 4.0 như hiện nay, nhờ việc ứng dụng một cách có hiệu quả sự phát triển vượt bậc của Công Nghệ Thông Tin (CNTT) vào nhiều lĩnh vực khác nhau, con người đã và đang khai thác tiềm lực vô hạn của CNTT, biến nó trở thành một công cụ cực kì hữu ích và đóng vai trò không thể thiếu trong đời sống, sinh hoạt hằng ngày của họ. Mỗi ngày, những phần mềm mới với các tính năng đa dạng, phong phú lại được tạo ra nhằm giúp mọi hoạt động, mọi nhu cầu của con người được vận hành, xử lí một cách nhanh chóng và đạt năng suất cao. Tuy nhiên, sự phát triển không ngừng nghỉ này lại đồng nghĩa với việc cuộc sống của con người ngày càng trở nên tất bật hơn, căng thẳng hơn với khối lượng công việc mà họ phải đối mặt mỗi ngày, mỗi giờ làm việc.
1725	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ GIAO HÀNG	Lê, Thành Luân	Nguyễn, Thái Nghe	2019	Với nhịp sống hối hả hiện nay, nơi mà công nghệ len sâu vào từng ngõ ngách trong mỗi căn nhà. Con người càng muốn tiện lợi với mọi thứ, đặc biệt trong giao dịch mua bán hàng hóa. Với chiếc điện thoại thông minh, Họ có thể mua bất cứ món hàng nào mà không cần rời khỏi nhà. Nhận được nhu cầu đó em quyết định xây dựng “hệ thống hỗ trợ giao hàng” cho luận văn của mình Hệ thống hỗ trợ giao hàng trên thiết bị di động Android cho phép người dùng xây dựng cho mình một cửa hàng chuyên biệt. Hỗ trợ nhân viên giao hàng xác định chính xác vị trí của khách hàng và chỉ đường đi ngắn nhất đến vị trí giao hàng góp phần tiết kiệm thời gian. Hệ thống xây dựng dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Google Realtime Firebase, lập trình với Android studio bằng ngôn ngữ Java, kết hợp với các Google API
1726	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ TÌM KIẾM NHÀ TRỌ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Nguyễn, Hoàng Thủy Tiên	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Thành phố Cần Thơ hiện đang là một trong những trung tâm kinh tế lớn trong nước, hiện nay số người dân đến Thành phố Cần Thơ làm việc và học tập rất nhiều. Đối với các bạn sinh viên việc tìm một nơi thích hợp để học và làm việc là vấn đề hết sức cần thiết, do hàng năm, có hàng nghìn sinh viên học sinh theo học tại các trường đại học, cao đẳng về Cần Thơ. Thực tế, để tìm được một nhà trọ vừa ý, giá cả hợp lý, thuận tiện đi lại là khó khăn và mất rất nhiều thời gian. Vì lý do trên, “Hệ thống hỗ trợ tìm kiếm nhà trọ tại thành phố Cần Thơ” được xây dựng dựa trên nền tảng Website nhằm hỗ trợ việc tìm kiếm nhà trọ cho các bạn sinh viên nói riêng cũng như những người cần thuê nhà trọ nói chung được nhanh chóng và tiết kiệm thời gian công sức. Hệ thống còn giúp những người cho thuê nhà trọ có thể giới thiệu nhà trọ của mình đến những người cần thuê được tiện lợi hơn. Hệ thống được xây dựng bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript... Đặc biệt, hệ thống tích hợp công nghệ OpenStreetMap hỗ trợ việc định vị vị trí nhà trọ nhằm hỗ trợ tối đa việc tìm kiếm nhà trọ cho người dùng

1727	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ MỘT CỬA HÀNG BÁN PHỤ TÙNG XE MÁY	Nguyễn, Trần Quốc Trung	Nguyễn, Thanh Hải	2019	“Hệ thống quản lý một cửa hàng bán phụ tùng xe máy” như một hệ thống hỗ trợ quản lý việc buôn bán phụ tùng và giúp quản lý tình hình kinh doanh của cửa hàng. Hệ thống nhắm đến cửa hàng vừa và nhỏ với giá thành chi phí thấp nhất nhưng đáp ứng nhu cầu quản lý của các cửa hàng này. Đối với một số cửa hàng lớn đã có hệ thống quản lý nhưng còn rời rạc thì hệ thống được xem là giải pháp tối ưu trong việc quản lý tổng hợp cho cửa hàng. Hệ thống giúp các cửa hàng vừa và nhỏ có thêm một lựa chọn để quản lý cửa hàng. Hệ thống có tính linh hoạt cao để phù hợp với phần lớn các cửa hàng vừa và nhỏ. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ bao gồm HTML, CSS, JavaScript, Ajax,
1728	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN HÀNG SIÊU THỊ HÀNG ĐIỆN TỬ	Phan, Tấn Đạt	Trương, Quốc Định	2019	Ngày nay, thế giới luôn không ngừng phát triển. Con người đã vươn tới những tầm cao mới. Các thành tựu khoa học kỹ thuật được công nhận và áp dụng ngày càng phổ biến trong đời sống. Nhờ vậy, nền kinh tế, chính trị, giáo dục, xã hội được phát triển mạnh mẽ, đời sống vật chất của con người được cải thiện một cách rõ rệt. Song song với việc đời sống vật chất được nâng cao, để đáp ứng xu thế đó, nhiều cửa hàng, cơ sở kinh doanh mặt hàng điện tử cũng ngày càng được gia tăng. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng thuận lợi cho việc lựa chọn, tìm hiểu sản phẩm trước khi đến cửa hàng hoặc mua hàng trực tiếp trên website bán hàng một cách nhanh chóng và tiện lợi. Tuy nhiên, trong môi trường làm việc hội nhập và phát triển ngày nay, mọi người quá bận rộn để ra cửa hàng chọn mua sản phẩm theo đúng yêu cầu và ý thích của bản thân. Thay vào đó, Internet đang ngày càng phổ biến, các Website thương mại điện tử ra đời cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện khách hàng có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp, có thể mua sắm trực tiếp trên Website. Đồng thời, có thể giải quyết vấn đề cho khách hàng khi lựa chọn các sản phẩm tương đối giống nhau và tiếp cận được với các sản phẩm khác. Với đề tài “Hệ thống website bán hàng siêu thị hàng điện tử” dựa trên hai phân hệ bán hàng truyền thống và bán hàng trực tuyến giúp cho việc quản lý của nhân viên một cách nhanh chóng và tiện lợi, tiết kiệm thời gian cho khách hàng trong việc lựa chọn và mua sắm. Qua đó, đưa ra một số gợi ý các phụ kiện đi kèm với sản phẩm, giúp chủ cửa hàng có môi trường quảng bá, giới thiệu sản phẩm phù hợp đến khách hàng, nhằm tăng hiệu quả bán hàng. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Framework Laravel theo mô hình MVC với ưu điểm dễ dàng trong quá trình và phát triển hệ thống sau này.

1729	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRUNG TÂM TIN HỌC – NGOẠI NGỮ	Phạm, Ngọc Yến	Trương, Quốc Định	2019	Ngày nay, thế giới luôn không ngừng phát triển. Con người đã vươn tới những tầm cao mới. Cho nên, nhu cầu học Tiếng Anh và Tin học tại Việt Nam trong những năm gần đây, khi nước ta đang trong giai đoạn hội nhập quốc tế mạnh mẽ, là rất lớn. Kinh doanh quốc tế đã mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc này đồng nghĩa với chất lượng và trình độ của người lao động cần phải được nâng cao để đáp ứng các yêu cầu quốc tế. Ngoại Ngữ và Tin Học, đã thực sự trở thành một trong những yêu cầu không thể thiếu trong tuyển dụng, sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự của đa số các công ty và tổ chức. Thực tế, sử dụng được Tiếng Anh và Tin Học không chỉ mang lại những cơ hội trong làm việc, mà nó còn giúp mở mang kiến thức chuyên môn, xã hội, nâng cao tầm nhìn và chất lượng cuộc sống. Với mục tiêu đáp ứng đa dạng các nhu cầu học tập Tiếng Anh và Tin Học của các đối tượng học viên trẻ em và cả người lớn, Trung tâm đã và đang cung cấp những khóa đào tạo Tiếng Anh và Tin Học từ cơ bản đến nâng cao cho các cá nhân và tổ chức, đặc biệt là chương trình đào tạo Tiếng Anh chuyên ngành, TOEIC, Giao tiếp và Ngữ Pháp. Trung tâm cũng đang cung cấp chương trình luyện thi chứng chỉ quốc tế khác như IELTS, TOEFL... cho các nhóm học viên, cá nhân có nhu cầu.
1730	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN QUẦN ÁO TRỰC TUYẾN	Trương, Thị Kiều Yến	Phan, Tấn Tài	2019	Đã có nhiều trang thương mại điện tử về lĩnh vực thời trang quần áo ra đời, cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện để khách hàng có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp, cũng như tạo điều kiện tối đa cho khách hàng đặt hàng qua mạng Internet, song đa phần các trang web đều giới thiệu sản phẩm và gợi ý các sản phẩm cùng loại. Vấn đề này có thể làm cho khách hàng phân khi chọn mua quá nhiều sản phẩm tương đối giống nhau, đồng thời hạn chế điều kiện để người dùng có thể tiếp cận được với các sản phẩm khác. Với đề tài “Hệ thống quản lý bán quần áo trực tuyến” nghiên cứu nghiệp vụ bán hàng trực tuyến thông qua trang thương mại điện tử, bên cạnh đó, đưa ra gợi ý các phụ kiện đi kèm với sản phẩm, giúp chủ cửa hàng-người bán hàng có môi trường quảng bá, giới thiệu thêm các sản phẩm phù hợp đến khách hàng, nhằm tăng hiệu quả bán hàng. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Frameword Laravel theo mô hình MVC với ưu điểm dễ dàng trong quá trình bảo trì và phát triển hệ thống sau này.

1731	Đại học	QUẢN LÝ CÔNG TY XÂY DỰNG & THIẾT KẾ	Nguyễn, Dương	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Xây dựng-thiết kế công trình nắm vai trò quan trọng trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc có một cơ sở hạ tầng vững chắc sẽ giúp chúng ta an tâm hơn trong việc phát triển các phương diện khác như kinh tế, giáo dục và chính trị. Như vậy, sẽ liên tục thúc đẩy tiềm năng của nước ta không ngừng, đưa nước ta sánh vai cùng với các cường quốc năm châu. Tuy nhiên, hoạt động quản lý xây dựng-thiết kế hiện nay vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc quản lý các tài nguyên hiện tại mất quá nhiều công sức và thời gian, lại khó khăn trong việc lưu trữ, bảo quản, kiểm tra và thống kê, phân tích. Vì vậy, đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý một công ty thiết kế và xây dựng” được đề xuất với mong muốn tạo nên một hệ thống giúp quá trình quản lý của công ty xây dựng, thiết kế trở nên thuận lợi hơn về nhiều mặt. Hệ thống này sẽ hỗ trợ công ty trong việc quản lý khách hàng, dự án và công trình, cho phép lập và xuất các hợp đồng, tính chi phí thiết kế, xây dựng, lưu trữ hồ sơ thiết kế, xây dựng; quản lý nhân công xây dựng. Hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ như: Javascript, JQuery, PHP, HTML. Bên cạnh đó, hệ thống được xây dựng dựa trên cơ sở tích hợp các hoạt động, quy trình nghiệp vụ của các công ty, giúp quý công ty nhanh tiếp cận hệ thống và thông thạo cách sử dụng nhanh nhất.
------	---------	-------------------------------------	---------------	---------------------	------	--

1732	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI VÀ KHEN THƯỞNG CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN	Trần, Thị Tường Vân	Phan, Tấn Tài	2019	Tổ chức đánh giá, xếp loại và khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên là một công tác quan trọng của đảng bộ. Sau mỗi năm, Đảng ủy Trường Đại học Cần Thơ sẽ tổ chức đánh giá, xếp loại và khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên nhằm đánh giá mức chất lượng của đảng viên và chi bộ trực thuộc. Từ đó đề ra giải pháp tiếp tục pháp huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý và điều hành đảng bộ. Sau đó sẽ xét khen thưởng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng phấn đấu đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, công tác tổ chức đánh giá, xếp loại và khen thưởng còn nhiều hạn chế. Do số lượng đảng viên rất lớn và không nắm rõ quy trình nên việc tổ chức đánh giá, xếp loại và khen thưởng đảng viên mất rất nhiều thời gian và công sức để rà soát đối chiếu kiểm tra gây khó khăn trong khâu lưu trữ các biên bản và báo cáo. Nhận thấy được các vấn đề trên, đề tài “Hệ thống quản lý đánh giá, xếp loại và khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên” được đề xuất với mong muốn nghiên cứu và xây dựng quy trình đánh giá, xếp loại và khen thưởng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên theo đúng qui định và hỗ trợ đảng viên nắm rõ quy trình vận hành. Hệ thống sẽ hỗ trợ Đảng ủy quản lý các tiêu chí đánh giá xếp loại và khen thưởng, các quyết định khen thưởng và biểu mẫu. Ngoài ra hệ thống còn hỗ trợ: đảng viên tự đánh giá và xếp loại, chi ủy đánh giá và xếp loại chi bộ, các chủ thể tham gia đánh giá và xếp loại chi bộ trực thuộc cùng cấp theo qui định. Các quy trình được thiết kế thực hiện dễ hiệu và nhanh chóng nhằm giảm sai sót trong khâu lưu trữ. Hệ thống được xây dựng dựa trên cơ sở quy trình nghiệp vụ đánh giá, xếp loại và khen thưởng các tổ chức đảng và đảng viên của đảng bộ trường Đại học Cần Thơ. Hệ thống được phát triển dựa trên nền web với các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ như: JQuery, Laravel Framework, HTML, CSS.
------	---------	---	------------------------	---------------	------	--

1733	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÁC TUYẾN BUS ĐÔ THỊ	Huỳnh, Thị Hồng Hạnh Phạm, Ngọc Quỳnh Như	Trương, Quốc Định	2019	Đi xe buýt tiết kiệm và an toàn mà nhiều người đã biết, nhưng vấn đề lâu nay mà người dân vẫn chưa thật sự ưa thích khi đi xe buýt đó là tình trạng xe buýt thường xuyên bị trễ giờ, lộ trình chạy mất khá nhiều thời gian, v.v.. Đây cũng là bài toán đặt ra mà ngành giao thông vận tải cần phải nhanh chóng khắc phục nhằm thu hút người dân đi xe buýt ngày một đông, góp phần giảm thiểu tình trạng kẹt xe như hiện nay. Vì thế, hệ thống “Quản lý các tuyến bus đô thị” được xây dựng trên nền tảng Web ra đời với các tính năng hữu ích giúp cho người quản lý và người dùng dễ dàng sử dụng. Hệ thống bao gồm 2 phân hệ: phân hệ quản trị cho phép người quản lý thông tin các tuyến buýt và các thông tin có liên quan; phân hệ WebGIS cho phép hiển thị trực quan sơ đồ các tuyến buýt trên bản đồ, cho phép dẫn đường, cho phép tìm đường đi giữa 2 trạm dừng đỗ. Việc lựa chọn xây dựng trên nền tảng Angular Framework, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL kết hợp với phía server được xây dựng trên Springboot, JPA, thư viện Katharsis JSON API và Leaflet – thư viện JS. Hơn thế nữa, với cách thức thao tác đơn giản trên ứng dụng, giao diện thân thiện với người dùng. Với mong muốn đề ra giải pháp hiệu quả đẩy mạnh sự phát triển của giao thông công cộng, đáp ứng nhu cầu sử dụng xe buýt của người dân và giảm bớt được sự chậm trễ của xe buýt nói riêng và ngành giao thông vận tải nói chung.
1734	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NỮ CÔNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Võ, Hoàng Nam	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Ngày nay trong giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại, vai trò của phụ nữ ngày càng quan trọng. Để chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động nói chung, phụ nữ nói riêng. Công đoàn trường Đại học Cần Thơ thành lập Tổ nữ công trường Đại học Cần Thơ. Tổ nữ công được thành lập không chỉ nhằm bảo vệ phụ nữ mà còn có trẻ em. Tổ nữ công thường tổ chức các phong trào thi đua giữa các nữ CNVC, đặc biệt là thi đua hai giỏi “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà”. Vì vậy, “Hệ thống quản lý hoạt động nữ công trường Đại học Cần Thơ” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian, chi phí của Tổ nữ công trường Đại học Cần Thơ. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Bootstrap 3 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: ajax, javascript, jquery, html.
1735	Đại học	HỆ THỐNG CHO THUÊ QUẢN LÝ NHÀ HÀNG	Thái, Ngọc Minh Đài	Trương, Quốc Định	2019	Vậy nên, việc xây dựng một websites “ Hệ thống cho thuê quản lý nhà hàng” là thật sự cần thiết để đáp ứng được nhu cầu quản lý của các nhà hàng. Giúp chủ nhà hàng dễ dàng sử dụng cũng như tạo nên sự chuyên nghiệp cho nhà hàng của mình. Giúp các thông tin được lưu trữ, xử lý hoàn toàn trên hệ thống mà không cần sử dụng các biện pháp thủ công. “ Hệ thống cho thuê quản lý nhà hàng” được xây dựng bằng Famework Laravel, mdbootrap, jquery, HTML, CSS , cơ sở dữ liệu lưu trên phpMyadmin. Trước mắt đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản của chủ nhà hàng trên hệ thống, mang lại một bước nhìn mới hiện đại về cách quản lý, làm cho công việc quản lý trở nên hiệu quả nhất tránh được những sai sót không đáng có.

1736	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐOÀN TRƯỞNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Trần, Ngọc Giàu Nguyễn, Cam Thủy Tiên	Phan, Tấn Tài	2019	Ngành Công nghệ thông tin đang được ứng dụng nhiều vào các lĩnh vực trong đời sống xã hội như ứng dụng CNTT trong giải trí, trong giáo dục, y học, công tác quản lý, ... Vì vậy nó mang lại nhiều tiện ích và hiệu quả cao trong các công tác quản lý trên. Trong đó, công tác quản lý về Đoàn tại trường học nói chung và tại trường Đại học Cần Thơ nói riêng cũng là một vấn đề quan trọng cần được quan tâm. Để thực hiện các công tác quản lý Đoàn tại một ngôi trường lớn thì kèm theo đó khối lượng thông tin là rất lớn. Vấn đề quản lý này còn thực hiện một cách thủ công, mất nhiều thời gian, công sức trong việc kiểm tra, gây khó khăn trong việc lưu trữ, tìm kiếm. Do đó, tiến độ thực hiện còn chậm và chưa hiệu quả. Vì vậy, việc ứng dụng CNTT vào xây dựng hệ thống quản lý công tác Đoàn là rất cần thiết. Đề tài “Hệ thống quản lý công tác Đoàn trường Đại học Cần Thơ” được đề xuất với mong muốn hệ thống sẽ đáp ứng được những nhu cầu cơ bản và cần thiết với quy trình nghiệp vụ quản lý công tác Đoàn giúp cho việc quản lý trở nên dễ dàng và nhanh chóng. Hệ thống này cung cấp những chức năng cơ bản như: quản lý tổ chức đoàn, quản lý đoàn viên, quản lý đoàn phí, quản lý phong trào, quản lý xếp loại, quản lý khen thưởng – kỷ luật. Hệ thống được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện và công nghệ hỗ trợ web như Framework Laravel, HTML5, CSS, Bootstrap 4, JS, Jquery. Ngoài ra còn có sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.
------	---------	--	--	---------------	------	--

1737	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH CỦA MỘT PHÒNG KHÁM BỆNH TƯ NHÂN	Tạ, Minh Thư	Phan, Tấn Tài	2019	Trong những năm qua mặc dù mạng lưới cơ sở tuyến tỉnh và tuyến xã được mở rộng song điều kiện cơ sở vật chất và cán bộ y tế phân bố không hợp lý giữa các tuyến, chủ yếu dồn ở tuyến trên, thiếu cán bộ y tế giỏi ở cơ sở. Trong khi đó nhu cầu khám chữa bệnh với chất lượng dịch vụ và kỹ thuật cao của người dân ngày càng tăng, điều này đã khiến cho tình trạng quá tải tại các bệnh viện trung ương và các thành phố lớn chưa được cải thiện nhiều. (...) Để giải quyết các vấn đề trên, ngành y tế Việt Nam đang nỗ lực từng bước nâng cao năng lực y tế cơ sở, giúp người dân có thể tiếp cận và hưởng thụ dịch vụ y tế cơ bản ngay tại nơi sinh sống. Đặc biệt để giảm bớt tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn, đề án xây dựng và phát triển mô hình được khuyến khích mở rộng giai đoạn 2012- 2020. Theo đa phần, ở các phòng khám tư nhân, quy trình khám bệnh thường sử dụng theo cách thủ công như: Lưu lại hồ sơ khám bệnh bằng giấy, bác sĩ dùng giấy để ra toa thuốc cho bệnh nhân,... Quy trình khám bệnh thủ công gây phí không ít thời gian của Bác sĩ cũng như bệnh nhân, tốn nhiều công sức tìm kiếm, bảo quản hồ sơ không được an toàn, gây khó khăn trong việc thống kê, báo cáo. Thấy được những vấn đề nêu trên và cộng với sự phát triển thông tin trong thời kỳ “Công Nghiệp Hóa, Hiện Đại Hóa”, để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của các phòng khám tư nhân gia đình, em quyết định xây dựng hệ thống “Quản lý khám và điều trị bệnh của một phòng khám bệnh tư nhân” với mong muốn giúp cho các phòng khám làm việc có hiệu quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của bệnh nhân một cách nhanh chóng, quản lý, xử lý dữ liệu an toàn. Hệ thống được xây dựng trên nền Web. Công cụ phát triển là: hệ quản trị cơ sở dữ liệu My SQL, framework Laravel với các ngôn ngữ: PHP, Javascript. Hệ thống phù hợp với nhiều đối tượng người dùng, dễ sử dụng và quản lý.
------	---------	--	--------------	---------------	------	---

1738	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “Invasion: Last Fight”	Trương, Thiên Tài	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Game như chúng ta đã biết hay nói chung hơn là thị trường game càng ngày càng lớn mạnh, đa dạng về nội dung lẫn cả hình thức, với sự phát triển của các loại công nghệ khác nhau, game đã trở nên sinh động cuốn hút thị hiếu của người chơi game rất nhiều, chưa nói đến công nghệ VR(Virtual Reality: thực tế ảo) như đã đưa người chơi vào một thế giới hoàn toàn khác, một thế giới game do những nhà phát triển game làm ra. Cùng với việc ngành công nghiệp game ngày một lớn mạnh, song đó là sự ra đời của những Engine hay những phần mềm hỗ trợ việc phát triển game, với sự giúp đỡ của các Engine này việc phát triển game đã trở nên dễ dàng hơn rất nhiều so với trước đây, điểm danh những Engine đang phát triển mạnh mẽ gần đây như Unreal Engine, Godot Engine,... nhưng có lẽ đáng chú ý đó là Unity Engine. Unity là một Engine phát triển game được hỗ trợ trên nhiều nền tảng như 2D, 3D, thực tế ảo,... Unity sử dụng C# làm ngôn ngữ lập trình chính, với một cộng đồng một ngày một lớn mạnh, việc tìm đọc tài liệu hay các diễn đàn thảo luận cũng dễ dàng hơn với lập trình viên. Với bối cảnh như vậy em đã chọn nghiên cứu Unity Engine và phát triển một game 3D mạng tên “Invasion: Last Fight”. Nội dung game nói về Leonold Jixan một quân nhân lớn tuổi sắp được giải ngũ, cận kề ngày giải ngũ của mình, Trái Đất bị một lực lượng từ ngoài vũ trụ tấn công, quân đội phải chống trả quyết liệt còn sót lại là những người dân chưa được di tản khỏi thành phố. Leonold quyết định nhận nhiệm vụ này, nhiệm vụ cuối cùng của anh giải cứu những người dân còn kẹt lại trong thành phố. Trò chơi gồm 4 nhiệm vụ, được diễn ra trên 3 bản đồ khu vực, người chơi phải lần lượt hoàn thành các nhiệm vụ để tiến đến nhiệm vụ tiếp theo.
1739	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐOÀN KHÁCH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC	Nguyễn, Khắc Huy	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngày nay việc giao lưu, kết giao giữa các đơn vị khác nhau không chỉ trong mà còn ngoài ngành giáo dục được các trường Đại học đề cao và chú trọng. Trong đó việc đón tiếp các đoàn khách ghé thăm và làm việc tại trường luôn được nhà trường thực hiện một cách rất chỉnh chu nhằm đem lại hiệu quả cao trong việc hợp tác giữa các đơn vị sau này. Hiện nay, tại các trường đa phần vẫn còn thực hiện công việc quản lý, lưu trữ hồ sơ của các đoàn khách một cách thủ công hoặc bán tự động. Vì vậy, “Hệ thống quản lý Đoàn khách tại trường Đại học” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian và nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình JAVA, dựa vào Angular Framework và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ xây dựng website khác như CSS, HTML.

1740	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐOÀN VỤ ĐOÀN KHOA	Ngô, Gia Lập	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Với số lượng Đoàn viên và thanh niên mỗi năm ngày càng tăng lên, trong khi đó số lượng cán bộ Đoàn của khoa có hạn và phần lớn phải tham gia các công tác chuyên môn. Do đó việc quản lý Đoàn vụ đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trong thời đại công nghệ ngày càng mở rộng và phát triển, để tránh lãng phí thời gian và để gia tăng hiệu quả quản lý Đoàn vụ nên việc tin học hoá hệ thống này là một vấn đề cần thiết. Do đó phải xây dựng một hệ thống để quản lý phù hợp với các nhu cầu đó để trợ giúp, tiết kiệm công sức và thời gian. Trong công tác Đoàn vụ Đoàn khoa phải theo dõi chặt chẽ để quản lý các thông tin của từng Đoàn viên. Các hoạt động học tập, tham gia phong trào hay đánh giá rèn luyện của Đoàn viên cũng phải được quản lý chặt chẽ. Công tác thu Đoàn phí phải được quản lý chính xác, mỗi năm phải thống kê các Đoàn viên chưa đóng Đoàn phí và lên danh sách. Các Đoàn viên tham gia các hoạt động cần phải được ghi nhận để khen thưởng và đánh giá xếp loại. Sau mỗi năm học Đoàn khoa phải nộp bảng tổng hợp các biểu mẫu về Đoàn cấp trên và lên danh sách khen thưởng kỷ luật đối với các Đoàn viên. Ngoài ra Đoàn khoa phải nhận xét đánh giá vào sổ Đoàn. Vì vậy, việc thực hiện đề tài nghiên cứu này tuy không mới nhưng được thực hiện một cách có hệ thống, đúng quy trình nhằm đảm bảo có một trang web quản lý chất lượng nhằm hỗ trợ cho việc quản lý công tác Đoàn vụ được nhanh chóng, đơn giản, hiệu quả và tiết kiệm thời gian.
1741	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN QUẦN ÁO	Nguyễn, Phú Quốc	Nguyễn, Thái Nghe	2018	Ngày nay, công nghệ thông tin đã có những bước phát triển mạnh mẽ về chiều rộng lẫn chiều sâu. Công nghệ thông tin đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Việc phát triển ứng dụng trên môi trường Internet là một xu thế mới và nó đem lại nhiều tiện ích, hiệu quả cao trong việc quản lý. Hiện nay, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, TMĐT đã khẳng định được vai trò xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Đối với một cửa hàng hay shop việc quảng bá và giới thiệu đến khách hàng sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu của khách hàng sẽ là cần thiết. Vậy phải quảng bá và xây dựng được một website cho cửa hàng của mình là cần thiết. Vì vậy, “Hệ thống quản lý bán quần áo” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lý, tiết kiệm thời gian chi phí. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.5 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: ajax, javascript, jquery, html.

1742	Đại học	WEBSITE BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN	Nguyễn, Thị Trọng	Trương, Quốc Định	2018	Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang trở thành tâm điểm trên toàn xã hội, đây là cuộc cách mạng số thông qua các công nghệ Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), điện toán đám mây (Cloud computing), dữ liệu lớn (Big Data) ... để chuyển hóa thế giới thực thành thế giới số, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, trong đó có thương mại điện tử. Vì thế không thể bỏ qua việc phát triển các trang thương mại điện tử. Trong khi các trang web mua sắm online phát triển sôi động thì những trang web về đấu giá tài sản phát triển cũng là một nhu cầu cần thiết. Với đề tài “WEBSITE BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN” em sẽ giải quyết các vấn đề để website này trở thành một trang có thể sử dụng để mua – bán thật sự. Áp dụng ngôn ngữ PHP, laravel frameword, CSS, HTML, JavaScript, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MYSQL để viết trang web. Với đề tài này em đã chia thành bốn nhóm người dùng: Người quản trị, người bán, người mua, người mua và bán. Trang web đưa ra các lựa chọn cho phiên đấu giá như: loại đấu giá trong thời gian bao lâu (một ngày, hai ngày) cho phép thiết lập ra giá ngay, mức giá tối thiểu, mức ra giá ngay, xác định bước giá. Về người mua, cho phép xem giá đấu hiện tại, đấu giá, ra giá tối đa, thời gian còn lại và lịch sử của phiên đấu. Quản lý tiêu chí đánh giá người mua, bán. Và báo cáo thống kê về các phiên đấu như tỉ lệ thành công...Ngoài những chức năng cần thiết cho hệ thống hoạt động thì đòi hỏi giao diện cần thân thiện với người dùng, màu sắc trang nhã, các button hợp lý. Chi tiết của báo cáo sẽ trình bày ở những phần sau.
------	---------	-----------------------------	-------------------	-------------------	------	---

1743	Đại học	PHÁT TRIỂN GAME ĐUA XE 3D TRÊN NỀN TẢNG UNREAL ENGINE	Lê, Trọng Phuong Phạm, Thị Thanh Thu	Nguyễn, Thị Thu An	2018	Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật công nghệ thì máy tính, một công cụ hỗ trợ đắc lực của con người cũng ngày càng trở nên mạnh mẽ. Theo đó các hình thức giải trí dùng máy vi tính cũng phát triển theo điển hình là Game 3D. Nhưng để xây dựng được các trò chơi có chất lượng tốt cả về mặt hình ảnh và âm thanh, cần mất rất nhiều thời gian và công sức. Từ đó, Game Engine ra đời giải quyết các vấn đề vướng mắc. Game Engine cung cấp một bộ các công cụ phát triển trực quan và có thể tái sử dụng từng thành phần trong đó. Các môi trường này ngoài mặt hỗ trợ chúng ta dựng các cảnh vật, nhân vật, các hiệu ứng đặc biệt, cùng với những công cụ xây dựng sẵn giúp phát triển trò chơi nhanh và dễ dàng hơn. Trên thị trường đã xuất hiện rất nhiều những công cụ phát triển game như : Unity3D, Cry, Orge, Panda engine v.v... Trong đó, Unreal Engine được đánh giá là phù hợp nhất cho những người phát triển game 3D. Mặt khác, Unreal Engine hỗ trợ khá nhiều nền tảng như : Windows, Linux, Mac OS, hệ máy cầm tay PlayStation 4 của Sony... Từ xu hướng phát triển trên, chúng em đã chọn đề tài Nghiên cứu về Unreal Game Engine và thiết kế trò chơi thể loại đua xe và sử dụng phần mềm 3DS MAX để hỗ trợ phát triển mô hình đồ họa 3D. Chương đầu trong tài liệu sẽ trình bày tổng quan về đề tài. Chương tiếp theo sẽ giới thiệu lần lượt các khái niệm chung về Game Engine và Unity3D bao gồm các đặc điểm, tính năng, công cụ và thành phần trong Engine này. Kế tiếp tài liệu sẽ trình bày về các cơ sở lý thuyết về mô hình 3D và công cụ vẽ đồ họa Autodesk 3DS MAX, , tiếp đến là giới thiệu về AI (trí thông minh nhân tạo) và cách thức tối ưu hóa đồ họa. Chương tiếp theo là một số vấn đề và giải pháp khi xây dựng game trên Unity. Cuối cùng là cách thức chơi, đúc kết những kết quả đạt được của đề tài và đề ra hướng phát triển sau này.
1744	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	TRẦN, MỸ TIÊN LÊ, HỒNG ĐẠT	Bùi, Đăng Hà Phuong	2018	Khi kinh tế - xã hội ngày càng phát triển vấn đề hội nhập và toàn cầu hóa cũng được đẩy mạnh, ngoại ngữ chính là phương tiện trao đổi hữu ích, giao lưu quốc tế quan trọng. Vì thế, hiện nay việc học ngoại ngữ là nhu cầu rất cần thiết của nhiều người ở nhiều độ tuổi khác nhau từ trẻ nhỏ đến người đi làm và thậm chí là các cụ già. Đáp ứng nhu cầu học của nhiều người, hằng năm có rất nhiều trung tâm ngoại ngữ ra đời. Trong bối cảnh một trung tâm ngoại ngữ có thể nhận nhiều lượt đăng ký học và đăng ký thi, thì việc quản lý một cách thủ công là rất khó khăn. Bên cạnh đó việc đăng ký học và đăng ký thi phải đến trực tiếp trung tâm đăng ký là khó khăn đối với một số người không có nhiều thời gian. Vì vậy, việc có một hệ thống quản lý trung tâm ngoại ngữ, vừa quản lý giáo vụ của trung tâm ngoại ngữ một cách tự động vừa giúp học viên đăng ký trực tuyến là rất cần thiết. Hệ thống nhằm hỗ trợ tác vụ cho nhân viên trung tâm cũng như giúp người có nhu cầu đăng ký học và thi các chứng chỉ ngoại ngữ dễ dàng hơn. Hệ thống phát triển trên nền web sử dụng Laravel Framework, cơ sở dữ liệu MySQL,...nhằm hỗ trợ tối đa cho hệ thống

1745	Đại học	XÂY DỰNG CHATBOT TỰ ĐỘNG HỖ TRỢ CHO WEBSITE KINH DOANH PHỤ KIẾN HANDMADE	Trần, Dương Ngọc Dung	Nguyễn, Thị Thu An	2018	Đề tài này chúng tôi đã xây dựng và tích hợp chatbot vào ứng dụng web. Chatbot có khả năng giao tiếp với người dùng dựa trên những chủ đề đã được định nghĩa trước thông qua Rest Api, đồng thời hỗ trợ tương tác với cơ sở dữ liệu. để phát triển chatbot, chúng tôi sử dụng thư viện Program AB dựa trên đặc tả JEE, trong đó ứng dụng web được viết bằng HTML, Bootstrap, JS. Cụ thể là Chatbot có thể trả lời được những câu hỏi của người dùng về thông tin sản phẩm, hình ảnh giá cả, tìm kiếm sản phẩm theo giá dưới dạng string, link, image truy vấn từ cơ sở dữ liệu. Sau khi khảo sát 22 người thì hầu hết mọi người đều hài lòng với tốc độ trả lời của chatbot, có 79,2% hài lòng với độ chính xác của thông tin, 21,8% cảm thấy độ chính xác ở mức tạm được và 79,2% hài lòng với phần trả lời của bot, 21,8% cảm thấy phần trả lời của bot ở mức tạm được.
1746	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU NHÀ TRẺ THUỘC THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Phạm, Thị Thu Trang	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Hiện nay, xã hội ngày càng không ngừng phát triển, con người cũng vì thế mà bận rộn hơn. Nhu cầu tìm kiếm nhà trẻ một cách nhanh chóng của những phụ huynh có con em đang ở tuổi bắt đầu đến trường ngày một tăng cao. Đặc biệt, đối với những phụ huynh khá bận rộn với công việc của mình thì nhu cầu tìm kiếm nhà trẻ nhanh và ít tốn thời gian càng được chú ý nhiều hơn. Bên cạnh đó, phụ huynh còn quan tâm nhiều đến cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục của nhà trẻ vì hiện nay có quá nhiều thông tin tiêu cực về việc giáo viên bạo hành trẻ nhỏ ở các trường mầm non. Trên thực tế việc tìm kiếm một nhà trẻ vừa ý, gần nhà, mức học phí phù hợp với điều kiện kinh tế của mỗi gia đình và chất lượng nhà trẻ thích hợp với những yêu cầu của phụ huynh là vô cùng khó khăn và mất thời gian, công sức lẫn tiền bạc. Với sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc ứng dụng nó vào công cuộc hỗ trợ tìm kiếm nhà trẻ thật sự rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh có thể tìm kiếm nhà trẻ phù hợp và thuận lợi cho cả những người cộng tác viên muốn giới thiệu nhà trẻ của mình một cách tổng quát nhất. Vì vậy, “Hệ thống giới thiệu nhà trẻ thuộc thành phố Cần Thơ” được xây dựng trên nền tảng Website hỗ trợ cho phụ huynh tiết kiệm thời gian tối đa để tìm được một nhà trẻ ưng ý và cả hỗ trợ cộng tác viên giới thiệu quảng bá rộng rãi hình ảnh, thông tin về nhà trẻ của mình đến với mọi người. Hệ thống được phát triển bằng cách sử dụng Laravel Framework, hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các ngôn ngữ lập trình như HTML, JavaScript, CSS,... Đặc biệt, hệ thống tích hợp thư viện JavaScript mã nguồn mở Leaflet kết hợp với công nghệ OpenStreetMap hỗ trợ việc đưa vị trí của nhà trẻ lên bản đồ để thuận tiện cho việc tìm kiếm các nhà trẻ dễ dàng hơn.

1747	Đại học	ỨNG DỤNG UNITY 3D XÂY DỰNG GAME BẮN SÚNG “JUMANJI: CUỘC CHIẾN SINH TỒN”	Ngô, Quốc Phú Huỳnh, Văn Khởi	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, sản phẩm công nghệ ngày càng chịu sự đánh giá khắt khe hơn từ những người dùng, đặc biệt là về sản phẩm Game được nhận rất nhiều sự đánh giá từ nhiều phía các Game thủ, hay chỉ là những người chơi bình thường. Ngành công nghiệp Game hiện nay có thể nói là bùng nổ, với tốc độ phát triển đến chóng mặt, rất nhiều những Game hay và hấp dẫn đã được ra đời trong thời gian qua. Lập trình Game 3D, là một nền công nghiệp thu hút mãnh liệt đối với các lập trình viên đam mê về game. Từ xu hướng phát triển và những bất cập trên, luận văn này sẽ khảo sát và nghiên cứu về Engine Unity – Một Game Engine rất phổ biến và không kém mạnh mẽ hiện nay nhằm thực hiện việc phát triển một trò chơi (Demo) thể loại bắn súng góc nhìn người thứ ba bằng chính Unity. Chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho định hướng nghề nghiệp sau này của chúng em, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp Game nước nhà. Từ khoá: Unity, Jumanji: The Video Game, Game
1748	Đại học	ỨNG DỤNG UNITY3D XÂY DỰNG GAME CUỘC CHIẾN TIÊU DIỆT QUÁI THÚ GẤU BÔNG LITTLE HERO	Huỳnh, Duy Linh	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật công nghệ thì máy tính, một công cụ hỗ trợ đắc lực của con người cũng ngày càng trở nên mạnh mẽ. Theo đó các hình thức giải trí dùng máy vi tính cũng phát triển theo điển hình là Game 3D. Nhưng để xây dựng được các trò chơi có chất lượng tốt cả về mặt hình ảnh và âm thanh, cần mất rất nhiều thời gian và công sức. Từ đó, Game Engine ra đời giải quyết các vấn đề vướng mắc. Game Engine cung cấp một bộ các công cụ phát triển trực quan và có thể tái sử dụng từng thành phần trong đó. Các môi trường này ngoài mặt hỗ trợ chúng ta dựng các cảnh vật, nhân vật, các hiệu ứng đặc biệt, cùng với những công cụ xây dựng sẵn giúp phát triển trò chơi nhanh và dễ dàng hơn. Trên thị trường đã xuất hiện rất nhiều những công cụ phát triển game như: Unity3D, Cry, Orge, Panda engine v.v... Trong đó, Unity3D được đánh giá là phù hợp nhất cho những người phát triển game không chuyên nhưng lại đảm bảo được chất lượng của sản phẩm. Mặt khác, Unity3D hỗ trợ khá nhiều nền tảng như: Windows, Linux, Mac OS, hệ máy cầm tay PlayStation 3 của Sony, Xbox, Wii U, iOS, Android, Flash và trên cả trình duyệt hỗ trợ HTML5. Từ xu hướng phát triển và những bất cập trên, em đã chọn đề tài Nghiên cứu về Unity3D Game Engine và thiết kế trò chơi thể loại nhập vai. Chương đầu trong tài liệu sẽ trình bày tổng quan về đề tài. Chương tiếp theo sẽ giới thiệu lần lượt các khái niệm chung về Game Engine và Unity3D bao gồm các đặc điểm, tính năng, công cụ và thành phần trong Engine này. Kế tiếp tài liệu sẽ trình bày về các cơ sở lý thuyết về mô hình 3D và công cụ vẽ đồ họa Autodesk Maya, mô tả thành phần cơ sở dữ liệu SQLite dùng trong Game, tiếp đến là giới thiệu về AI (trí thông minh nhân tạo) và cách thức tối ưu hóa đồ họa. Chương tiếp theo là một số vấn đề và giải pháp khi xây dựng game trên Unity. Cuối cùng là cốt truyện, bối cảnh, cách thức chơi, đúc kết những kết quả đạt được của đề tài và đề ra hướng phát triển sau này.

1749	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢNG BÁ ĐẶC SẢN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	Phạm, Hồng Sơn	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Luận văn tốt nghiệp “Xây dựng hệ thống quảng bá đặc sản” mục tiêu chính giúp quảng bá, giới thiệu đặc sản các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long trên 2 nền tảng Website và ứng dụng di động. Nền tảng Website được xây dựng trên Laravel Framework, một framework mã nguồn mở hỗ trợ phát triển hệ thống theo mô hình MVC, trong đó hệ thống hỗ trợ sinh code tự động, thư viện đa dạng hỗ trợ kết nối với hệ cơ sở dữ liệu MySQL. Nền tảng ứng dụng di động với IDE Android Studio và ngôn ngữ lập trình java, trong đó hệ thống hỗ trợ tạo giao diện kéo thả và hỗ trợ tạo code nhanh, kết nối với hệ cơ sở dữ liệu MySQL. Hệ thống “quảng bá đặc sản” sau khi xây gồm các chức năng: đăng ký tài khoản người dùng, nhập bài viết, quản lý bài viết, cập nhật bài viết, bình luận bài viết, tìm kiếm và xem thông tin bài viết trên nền tảng Website. Nền tảng ứng dụng di động đáp ứng nhu cầu tìm kiếm và xem thông tin bài đăng.
1750	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIAO NHẬN HÀNG	Dương, Đỗ Trọng Ân Nguyễn, Thị Kim Xoàn	Trương, Quốc Định	2019	Việc cung ứng hàng hóa diễn ra xuyên suốt trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, trong môi trường làm việc hội nhập và phát triển như ngày nay, mọi người quá bận rộn để có thể đi đến cửa hàng để lấy hoặc để mua một món hàng yêu thích nào đó, hoặc một doanh nghiệp quá tốn kém để có thể chạy giao hàng từ cửa hàng đến tay khách hàng. Thêm vào đó, Internet đang ngày càng phổ biến, việc gửi đồ từ nơi này đến nơi khác chỉ bằng một cú nhấp chuột góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại, hỗ trợ cho sự tiết kiệm thời gian và chi phí đó chính là một phần nhờ vào việc đặt thuê người vận chuyển hàng hóa, dịch vụ giúp nhanh chóng đưa sản phẩm từ người gửi đến người nhận một cách nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian và chi phí. Đã có nhiều trang web về lĩnh vực giao nhận hàng hóa ra đời, cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện để khách hàng có thể yên tâm khi lựa chọn dịch vụ, song đa phần các trang web đều chưa khiến khách hàng hài lòng về tình trạng đơn hàng và chất lượng hàng giao tới tay người nhận. Vấn đề này có thể làm cho khách hàng phân vân, cân nhắc việc có nên lựa chọn sử dụng dịch vụ hay không. Với đề tài “Hệ thống quản lý giao nhận hàng” nghiên cứu nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa thông qua website, bên cạnh đó, đưa ra gợi ý các bảo đảm đi kèm với hàng hóa, giúp chủ cửa hàng-người bán hàng có thêm lợi nhuận, tiết kiệm chi phí, hàng hóa đến tay khách hàng chất lượng, đảm bảo theo dõi xuyên suốt tình trạng hàng hóa từ tay người giao hàng đến tay khách hàng. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Framework Laravel theo mô hình MVC với quy điểm dễ dàng trong quá trình bảo trì và phát triển hệ thống sau này. Đặc biệt, hệ thống tích hợp thư viện JavaScript mã nguồn mở Leaflet kết hợp với công nghệ OpenStreetMap hỗ trợ việc đưa vị trí của các địa điểm lên bản đồ để thuận tiện cho việc tìm kiếm các địa điểm dễ dàng hơn.

1751	Đại học	ĐỀ TÀI: HỆ THỐNG TÌM KIẾM PHÒNG NGHỈ ĐA KHÁCH SẠN	Nguyễn, Thị Kim Yến	Trương, Quốc Định	2019	Cuộc sống hiện đại với quá nhiều áp lực trong công việc và cuộc sống, khiến cho nhu cầu đi du lịch để giải tỏa áp lực của mọi người rất cao. Vì vậy, việc chọn khách sạn với các loại phòng phù hợp với nhu cầu và sở thích là việc tốn thời gian và công sức để được ở một nơi thoải mái trong chuyến đi du lịch của mình. Bên cạnh đó, những người vì tính chất công việc thường đi công tác xa cũng cần tìm phòng khách sạn để nghỉ ngơi thoải mái trong thời gian đi công tác. Với sự phát triển của công nghệ thông tin thì việc đem nó vào công cuộc hỗ trợ tìm kiếm phòng nghỉ khách sạn thật sự rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể tìm kiếm phòng nghỉ khách sạn phù hợp với mình và thuận lợi cho cả những khách sạn muốn giới thiệu về khách sạn của mình một cách tổng quát nhất. Vì vậy, “Hệ thống tìm kiếm phòng nghỉ đa khách sạn” được xây dựng trên nền tảng Website hỗ trợ cho mọi người tiết kiệm tối đa thời gian để tìm được một phòng nghỉ ưng ý và cả hỗ trợ những khách sạn giới thiệu rộng rãi thông tin về khách sạn của mình đến với mọi người. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP và hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ web Apache, các công nghệ web như HTML, CSS, JavaScript.
1752	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “The Last Battle”	Võ, Thị Bảo Châu Lê Nguyễn, Thị Thúy Hằng	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Vào thời điểm công nghệ chưa thật sự phổ biến, khi nhắc đến ngành công nghiệp game tại Việt Nam. Chúng ta thường nhận được những ý kiến vô cùng tiêu cực. Bởi ở Việt Nam nền công nghiệp game không phát triển mà suốt gần đây thời gian luôn giậm chân tại chỗ vì chưa có được sự đầu tư. Song song đó, nguồn nhân lực Việt Nam lại rất dồi dào. Trong số đó những người trẻ có niềm đam mê game là không hề nhỏ. Chỉ cần được đầu tư bài bản kỹ lưỡng hướng đi đúng đắn thì Ngành công nghiệp Game tại Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển lên một tầm cao mới trong tương lai. Với tất cả lý do đó, trò chơi 3D “The last Battle” thuộc thể loại hành động phiêu lưu, xuyên không đã được tạo ra với mong muốn sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành Công nghiệp Game Việt. Đồng thời, trong quá trình xây dựng và phát triển trò chơi này sẽ giúp cho em có thể trang bị cho mình những kiến thức những kỹ năng cũng như có cho mình những định hướng về nghề nghiệp sau này. Trò chơi “The Last Battle” được xây dựng và phát triển trên phần mềm Unity Engine lập trình kết hợp với ngôn ngữ C sharp (C#). Trò chơi là câu chuyện về một chàng trai tên Jack, trong chuyến đi đã ngoại cùng trường đã lạc vào thế giới của Sinbad. Ở thời đại này, Jack phải thay Sinbad hoàn thành sứ mệnh tìm được 5 hòm vật báu tương đương phải vượt qua 5 màn chơi. Để có thể trở về thế giới thực tại.

1753	Đại học	THIẾT KẾ TRÒ CHƠI 3D SỬ DỤNG UNITY ENGINE “GAME VƯỢT ĐƯỜNG ĐUA ĐỊA HÌNH F1”	Lê, Phương Thảo Trần, Thị Minh Thư	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngành công nghiệp Game khá mới mẻ ở Việt Nam nhưng nó đã có những bước phát triển ngày một mạnh mẽ, bằng chứng là ở một số trường đại học đã có giáo trình chuyên sâu về lĩnh vực thiết kế và lập trình game. Bên cạnh đó, game là hình thức giải trí phổ biến nhất hiện nay, thu hút hầu hết mọi đối tượng người chơi. Cùng với sự phát triển của Internet và công nghệ thông tin hiện nay sẽ góp phần đưa nền công nghiệp tiềm năng này có một bước tiến vượt trội trong tương lai. Dưới những thuận lợi nêu trên, luận văn với đề tài thiết kế “ Game vượt đường đua địa hình F1” đã được xây dựng, nhằm đóng góp vào kho tàng trò chơi giải trí một sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu giải trí của mọi người về thể loại game đua xe vượt chướng ngại vật. Ngoài ra, quá trình thực hiện đề tài giúp chúng em củng cố và bổ sung thêm những kiến thức về thiết kế Game, hỗ trợ cho sự phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Đề tài ứng dụng Game Engine - Phần mềm hỗ trợ thiết kế đồ họa , tích hợp đầy đủ các thư viện phát triển game đa nền tảng Unity3D Engine. Trò chơi được hoàn thành bằng ngôn ngữ lập trình C# và chạy trên nền tảng Windows. Đề tài xây dựng qua 5 màn chơi có giao diện thân thiện, hiệu ứng và âm thanh lôi cuốn tạo sự hứng thú cho người chơi. Ở mỗi màn chơi sẽ được bố trí các vật cản, vật phẩm trên đường đua. Người chơi phải vượt qua đường đua trong thời gian quy định để hoàn thành thử thách và đạt chiến thắng cuối cùng.
1754	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN BÁNH NGỌT, THỨC UỐNG VÀ ĐỒ ĂN VẬT	Quách Lê, Lộc Thọ	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Hiện nay, xã hội ngày càng phát triển, công nghệ thông tin chiếm một phần lớn trong cuộc sống của con người. Nhờ chúng ta đã biết nhu cầu thiết yếu của mỗi con người là ăn và uống, thức ăn và thức uống rất phong phú và đa dạng về chủng loại, nhưng một trong những loại đồ uống ưa chuộng và yêu thích nhất hiện nay là bánh ngọt và đồ ăn vặt. Tuy nhiên, trong môi trường làm việc hội nhập và phát triển như ngày nay, mọi người quá bận rộn để có thời gian ra cửa hàng chọn mua sản phẩm theo đúng yêu cầu và tiêu chí, cũng như việc lựa chọn sản phẩm phải có thông tin chi tiết, chất lượng và phù hợp phải tốt với sức khỏe của mình. Bên cạnh đó Internet đang ngày càng phổ biến rộng rãi, việc tìm và mua sản phẩm trên website giúp phần nào tiết kiệm thời gian và dễ dàng tiếp cận với sản phẩm hơn trước, do đó thương mại điện tử trong lĩnh vực thức ăn và thức uống đang được mọi người quan tâm và chú trọng tới. Vì vậy, “Hệ thống quản lý bán bánh ngọt, thức uống và đồ ăn vặt” được xây dựng trên nền tảng Website hỗ trợ người dùng tìm kiếm, mua hàng và thanh toán dễ dàng cùng với đầy đủ thông tin của từng sản phẩm giúp người dùng biết được: nguyên liệu, thành phần dinh dưỡng và gợi ý sức khỏe tạo tâm lý an tâm khi sử dụng sản phẩm. Mặt khác còn có những nghiệp vụ về quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý tin tức, hỗ trợ chủ cửa hàng dễ dàng kiểm soát, cập nhật số lượng sản phẩm và giúp giới thiệu cửa hàng cũng như quảng bá, giới thiệu thêm các sản phẩm phù hợp đến người dùng, từ đó tăng doanh thu bán hàng. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và ngôn ngữ lập trình PHP, giúp dễ dàng sửa lỗi và phát triển ứng dụng.

1755	Đại học	SỔ LIÊN LẠC ĐIỆN TỬ DÀNH CHO HỌC SINH THCS	Đồng, Thiện Thuật	Nguyễn, Thị Thu An	2019	Hiện nay việc quản lý giáo dục và đào tạo có áp dụng Công nghệ thông tin rất là phổ biến. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và hỗ trợ việc kết nối giữa nhà trường đến phụ huynh nhanh chóng mang nhiều sự tiện lợi và thông tin chính xác. Vì thế chúng tôi quyết định xây dựng ứng dụng “Sổ liên lạc điện tử - Dành cho học sinh THCS” mục tiêu của ứng dụng này là chúng tôi giải quyết những vấn đề còn thiếu sót ở các hệ thống hiện tại đang còn gặp phải. Ứng dụng được phát triển trên hai nền tảng Website và hệ điều hành Android kết hợp với Firebase Web Services. Đây là một cơ sở dữ liệu lưu dưới dạng đám mây, được phát triển bởi Google hỗ trợ đa nền tảng như Website, Android và cả IOS. Chính vì sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Firebase đã cung cấp cho chúng ta bộ API giao tiếp dễ dàng đến các ứng dụng. Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện, ứng dụng đã tích hợp thêm nhiều tính năng hỗ trợ giáo viên và phụ huynh. Giáo viên có thể điểm danh học sinh ở từng buổi học, giáo viên gửi thông báo tới lớp học nhanh chóng, nhắn tin trao đổi trực tiếp đến phụ huynh dễ dàng. Phụ huynh là những người có thể xem đầy đủ thông báo từ giáo viên gửi đến, xem điểm chi tiết từng môn học, biểu đồ đánh giá kết quả học tập, thống kê ngày vắng học của học sinh.
1756	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ BẦU CHỌN	Nguyễn, Thị Thanh Vi	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Bầu chọn trực tuyến được xem là yêu cầu cần thiết để thu thập ý kiến của mọi người trong bất kì lĩnh vực nào . Bạn tổ chức một cuộc thi và thông qua bầu chọn để lựa chọn người thắng cuộc hoặc bạn muốn bầu cử một ai đó cho một chức vụ quan trọng, thông qua bầu chọn bạn có thể hiểu được sở thích và nhu cầu của một số đối tượng. Hầu hết các trang bầu chọn trực tuyến đều có công tác quản lý giống nhau, chẳng hạn như quản lý thông tin thành viên, cuộc bầu chọn, các vấn đề liên quan đến bầu chọn khác như chủ đề bầu chọn, tính bảo mật của bầu chọn, kết quả bầu chọn, lập thống kê báo cáo và ngoài ra còn có những vấn đề nghiệp vụ khác nhau. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để quản lý cuộc bầu chọn một cách hiệu quả, độ chính xác cao, thông tin được bảo mật, tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người có nhu cầu thu thập ý kiến . Từ đó góp phần nâng cao chất lượng bầu chọn và sự bầu chọn để đạt được mục tiêu mà hệ thống đề ra. Từ các vấn đề trên thì việc xây dựng “Hệ thống quản lý bầu chọn” là cần thiết. Hệ thống này sẽ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và cần thiết đúng với quy trình bầu chọn cho tất cả mọi người. Hệ thống được thiết kế quản lý các hoạt động bầu chọn như thêm, sửa, xóa thông tin cuộc bầu chọn, gợi ý mẫu bầu chọn, quản lý thành viên tham gia bầu chọn, quản lý kết quả bầu chọn, tính bảo mật của cuộc bầu chọn thông qua hệ thống bảo mật , báo cáo thống kê kết quả phục vụ trong công tác quản lý. Hệ thống được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện và công nghệ hỗ trợ web khác như: HTML, JavaScript, CSS, jQuery, Bootstrap, kiến trúc bảo mật, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.

1757	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ NGÂN HÀNG MÁU	Trần, Hồng Thắm	Phạm, Ngọc Quyền	2019	Ngân hàng máu là một nơi chứa đựng nhiều loại máu, là nơi xét nghiệm và điều chế các sản phẩm máu khác nhau, để đáp ứng các nhu cầu của y học. Để có được những túi máu đó bệnh viện cần phải nhập kho, và sẽ xuất kho khi cần dùng, riêng nhập kho thì có hai nguồn nhập khác nhau thứ nhất nguồn từ người hiến máu, thứ hai là nguồn từ bên ngoài (các bệnh viện, hai chữ thập đỏ). Đối với nguồn nhập từ người hiến máu cần phải lưu giữ lại thông tin của họ, và kết quả xét nghiệm của họ sẽ được gửi qua mail mà họ đã đăng ký. Khi cần dùng thì bệnh viện sẽ tiến hành xuất túi máu từ những kho được nhập máu. Với xuất kho cũng như nhập kho xuất kho cũng có hai hơi nguồn để xuất. Một, là xuất nội bộ bệnh viện. hai, là xuất cho các đơn vị ngoài bệnh viện (Bệnh viện khác). Khi máu đã xuất có vấn đề gì đó hay bệnh nhân không cần dùng nữa thì có thể hoàn trả lại kho máu tuy nhiên sẽ kiểm tra túi máu đó có phải được xuất ra ở đây không? Để kiểm tra thì cần xem thông tin phiếu xuất của túi máu đó và thông tin lưu giữ trên hệ thống có trùng khớp không. Nếu trùng thì thu hồi lại kho. Trong quá trình bảo quản các túi máu do hết hạn hoặc bị hư hỏng thì ngân hàng máu sẽ tiến hành thanh lý tiêu hủy những túi máu đó. Với quy trình hoạt động trên nếu xử lý thủ công thì cần rất nhiều nguồn năng lực, tốn thời gian và không gian làm việc bởi cần nhiều nhân công. Tuy hiện nay cũng có một số phần mềm giải quyết vấn đề trên, nhưng vẫn còn hạn chế như không thể làm việc khi về nhà hay bất cứ đâu. Mục tiêu chính của nghiên cứu này là làm cho công việc quản lý ngân hàng máu linh động hơn, có thể xử lý và theo dõi tình hình của ngân hàng máu một cách nhân chóng và thuận tiện hơn. Để đạt được mục tiêu này, Nghiên cứu cần tiến hành tạo ra một trang web để quản lý ngân hàng máu, thu thập các thông tin và quy trình hoạt động cụ thể của ngân hàng máu và ở một số bệnh viện, cũng như các thông tin liên quan đến máu, và không thể thiếu việc tham khảo các phần mềm đã có trước đây để áp dụng vào trang web. Kết quả đạt được là hoàn thành trang web với các tính năng cần thiết của hệ thống quản lý ngân hàng máu.
1758	Đại học	ỨNG DỤNG DI ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN	Bùi, Thành Đạt	Nguyễn, Thị Thu An	2019	Luận văn “Ứng dụng di động quản lý tài chính cá nhân” nghiên cứu và phát triển cách quản lý tài chính dành cho nền tảng smartphone. Xây dựng ứng dụng hỗ trợ người dùng có thể quản lý các số dư tài khoản, thống kê các khoản thu chi cũng như lưu trữ các hóa đơn giao dịch. Hệ thống được phát triển trên nền tảng của công nghệ Flutter, một công nghệ viết bằng ngôn ngữ Dart và được phát triển bởi Google. Ứng dụng quản lý tài chính có thể hoạt động trên cả nền tảng Android và iOS. Ứng dụng sử dụng Cloud Firestore, một hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoQuery, để lưu trữ cơ sở dữ liệu. Bên cạnh đó ứng dụng sử dụng OCR để đọc các hóa đơn và lưu vào cơ sở dữ liệu một cách tự động. “Ứng dụng di động quản lý tài chính cá nhân” có khả năng đọc và lưu trữ thông tin hóa đơn thông qua hình ảnh giúp chúng ta có thể dễ dàng hơn trong việc chủ động kiểm soát chi tiêu hằng ngày thông qua ứng dụng.

1759	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE HỖ TRỢ ĐI CHUNG XE	Lương, Thị Kiều Bích Nguyễn, Tiến Đạt	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Khi đất nước ngày càng phát triển thì kéo theo nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác cũng phát triển. Tuy nhiên đi liền với những cơ hội luôn tồn tại nhiều thách thức. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, mức sống của người dân ngày càng cao thì tỉ trọng ô tô ngày càng tăng, trong khi cơ sở hạ tầng giao thông phát triển không kịp với sự gia tăng của phương tiện giao thông. Nếu không nhanh chóng thực hiện các giải pháp hợp lý về phát triển hạ tầng giao thông, thì tình trạng ùn tắc giao thông sẽ ngày càng nghiêm trọng. Làm đảo lộn các thói quen sinh hoạt thường ngày và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của cộng đồng. Đặc biệt có thể trở thành vấn nạn của quốc gia, kìm hãm các dòng vốn đầu tư và cản trở quá trình phát triển của đất nước. Vì thế nên chúng em đề xuất đề tài “Xây dựng hệ thống hỗ trợ đi chung xe” được xây dựng nhằm tạo ra cơ hội để mọi người đi chung xe với nhau có thể giao lưu gặp gỡ, tiết kiệm chi phí, hạn chế được lưu lượng giao thông trên nhiều tuyến đường và làm giảm được một lượng khí thải ra môi trường. Hướng tới một cộng đồng tiêu dùng thông thái phù hợp với thời đại công nghệ 4.0 hiện nay. “Tư duy chia sẻ” kéo mọi người lại gần nhau hơn với tầm nhìn chung về một thế hệ tương lai tốt đẹp. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Framework Laravel 5.8 và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL,... và các công nghệ web như javascript, jquery,html...
1760	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ THUÊ GIAN HÀNG CỦA MỘT TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI	Tôn, Hoàng Huynh	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngày nay, các trung tâm thương mại đang trở nên vô cùng phát triển, vượt ra khỏi ranh giới ban đầu của các nước phương Tây và được khách hàng ưa chuộng trên khắp Việt Nam. Trong đó, gian các hàng giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển này. Hiện tại, một số trung tâm thương mại đang thực hiện quản lí thuê các gian hàng một cách thủ công chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng. Vì vậy “ Hệ thống quản lí thuê các gian hàng của trung tâm thương mại ” được xây dựng nhằm phục vụ công tác quản lí, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, hệ thống còn giúp các trung tâm thương mại có một môi trường quảng bá, giới thiệu các gian hàng của mình đến nhiều khách hàng hơn. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Framework Laravel theo mô hình MVC với ưu điểm dễ dàng trong quá trình xây dựng, bảo trì và phát triển hệ thống sau này

1761	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÂN PHỐI DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN	Nguyễn, Thị Kiều Trang Lâm, Thị Thùy Dương	Phan, Tấn Tài	2019	Hiện nay, thị trường bất động sản là thị trường sôi động. Từ các tổ chức lớn cho đến vừa và nhỏ điều tham gia, cả nước hiện nay có hơn 10.000 doanh nghiệp bất động sản, mỗi ngày có khoảng 14 doanh nghiệp bất động sản ra đời. Nhìn chung tất cả người dân điều tham gia giao dịch bất động sản. Tuy nhiên, các trang web môi giới bất động sản hiện nay phần lớn là các trang web tĩnh, chưa có hệ thống hoàn chỉnh. Các công ty, các doanh nghiệp mua bán bất động sản cũng chưa có hệ thống quản lý giao dịch môi giới bất động sản hiệu quả, khoa học và đầy đủ.Vì thế, “Hệ thống quản lý phân phối dự án bất động sản” ra đời với mong muốn phục vụ tốt hơn cho người sử dụng, giúp công tác quản lý trở nên hiệu quả hơn, giúp khách hàng có thể tiết kiệm thời gian tìm kiếm và chọn được nơi ở phù hợp với nhu cầu của mình. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP dựa vào Famework Laravel và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
1762	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KẾT HỢP BẢN ĐỒ GIỚI THIỆU DU LỊCH VIỆT NAM	Nguyễn, Hồng Huy	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Ngày nay, kinh tế xã hội ngày càng phát triển với tốc độ nhanh, cùng với sự phát triển đó thì mong muốn tìm kiếm địa điểm phù hợp với nhu cầu của từng người như nghỉ ngơi trong thời gian du lịch hay tổ chức các sự kiện quan trọng hoặc tìm một chỗ dừng chân qua đêm ngày càng tăng cao. Vì thế việc quảng bá hình ảnh và chất lượng của địa điểm nhằm thu hút sự chú ý khách hàng rất quan trọng để giới thiệu địa điểm đến gần với khách hàng. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, đặc biệt là lĩnh vực thương mại điện tử. Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng thành công các ứng dụng công nghệ để thực hiện các chiến lược kinh doanh, quảng báo hình ảnh, thu hút và tạo được niềm tin với khách hàng. Vì thế đề tài “Xây dựng website kết hợp bản đồ giới thiệu du lịch Việt Nam” được xây dựng trên nền tảng website nhằm hỗ trợ các khách hàng tìm kiếm, lựa chọn địa điểm phù hợp với nhu cầu, mục đích của bản thân dễ dàng và nhanh chóng hơn. Đồng thời cung cấp một hệ thống phù hợp và tin cậy cho người dùng. Hệ thống giới thiệu địa điểm du lịch ở Việt Nam được phát triển từ các công cụ hỗ trợ như Laravel Framework, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, máy chủ web Apache và các công nghệ HTML, CSS, JavaScript, Bootstrap,..... Đặc biệt, hệ thống còn sử dụng thư viện lập trình Leaflet nhằm hỗ trợ người dùng tìm kiếm vị trí và chỉ đường đi đến địa điểm dễ dàng và thuận tiện hơn.

1763	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	Đỗ, Nguyễn Phương Ngọc	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Hiện nay, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển vấn đề hội nhập và toàn cầu hóa cũng được đẩy mạnh, ngoại ngữ chính là phương tiện trao đổi hữu ích để giao lưu quốc tế. Vì thế, việc học ngoại ngữ là nhu cầu rất cần thiết của nhiều người ở nhiều độ tuổi khác nhau. Để đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của nhiều người, hằng năm có rất nhiều trung tâm ngoại ngữ ra đời. Trong bối cảnh một trung tâm ngoại ngữ có thể nhận nhiều lượt đăng ký học thì việc quản lý thủ công là rất khó khăn. Bên cạnh đó việc tham khảo các khóa học và đăng ký học phải đến trực tiếp trung tâm thì mất thời gian cho mọi người. Vì vậy, việc có một hệ thống quản lý trung tâm ngoại ngữ, vừa quản lý giáo vụ của trung tâm ngoại ngữ một cách tự động vừa giúp học viên đăng ký học trực tuyến là rất cần thiết. “Hệ thống quản lý trung tâm ngoại ngữ” nhằm hỗ trợ tác vụ cho nhân viên trung tâm cũng như giúp cho người có nhu cầu đăng ký học ngoại ngữ dễ dàng hơn. Hệ thống được phát triển trên nền web PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Đặc biệt, hệ thống tích hợp công nghệ GoogleMap hỗ trợ việc tìm kiếm vị trí của trung tâm dễ dàng hơn.
1764	Đại học	WEBSITE GIỚI THIỆU VIỆC LÀM THÊM CHO SINH VIÊN	Lý, Thành Đạt Nguyễn, Ngọc Chính	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngày nay, vấn đề tìm kiếm việc làm luôn là bài toán nan giải cần phải được giải quyết, không chỉ đối với người lao động nói chung. Vấn đề tìm kiếm việc làm thêm cũng luôn là mong muốn hầu hết tất cả các sinh viên hiện nay. Thấu hiểu được mong muốn trên cho nên hệ thống “Giới thiệu việc làm thêm dành cho sinh viên” được ra đời. Hệ thống việc làm đáp ứng nhu cầu việc làm thêm cho sinh viên theo từng thời gian cụ thể, chúng tôi cung cấp đa dạng các loại hình công việc phục vụ cho tất cả các sinh viên trong khu vực tỉnh Cần thơ. Hệ thống chúng tôi luôn là người bạn đồng hành dành riêng cho sinh viên giải quyết mong muốn tìm việc làm thêm cho sinh viên. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình Framework Laravel, và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: ajax, javascript, jquery, html.

1765	Đại học	ỨNG DỤNG GỢI Ý MÓN ĂN VÀ CÁCH LÀM	Nguyễn Trần, Mỹ Duyên	Nguyễn, Thị Thu An	2019	“Ứng dụng gợi ý món ăn và cách làm” được phát triển trên nền tảng ứng dụng android cùng với việc xây dựng giải thuật máy học để nhận dạng hoa quả đưa ra công thức món ăn cho người dùng. Đề tài được thực hiện bằng giải thuật CNN để xây dựng chức năng nhận dạng hoa quả. Đầu tiên chúng ta tiến hành thu thập bộ dữ liệu hình ảnh nguyên liệu liên quan đến các loại hoa quả từ Kaggle fruit 360. Sau đó tập dữ liệu sẽ được tiền xử lý và tiến hành nhận dạng và phân loại bộ sử dụng mô hình CNN. Để tiến hành phân loại, chúng tôi phải thực hiện thông qua 4 lớp xử lý: 1. Lớp tích chập 2. Lớp kích hoạt tuyến tính 3. Lớp lấy mẫu 4. Lớp kết nối đầy đủ. Qua quá trình huấn luyện chúng tôi đạt được kết quả khoảng 77,6%. Qua quá trình nghiên cứu và thực hiện, hệ thống “Ứng dụng gợi ý món ăn và cách làm” cung cấp hai chức năng chính: Người dùng và quản trị viên. Người dùng sử dụng chức năng camera ghi nhận các loại hoa quả hiện đang có của mình. Sau đó xử lý phân loại đưa ra tên phù hợp với loại đó. Từ đó ứng dụng sẽ gợi ý món ăn và công thức nấu liên quan đến loại quả vừa được phân loại. Quản trị viên là người quản lý hệ thống có thể dễ dàng quản lý các món ăn cùng với nguyên liệu món ăn kèm theo.
------	---------	-----------------------------------	-----------------------	--------------------	------	---

1766	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THỰC HÀNH CỦA KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Hồ, Kỳ Anh	Phan, Tấn Tài	2019	Với số lượng sinh viên tuyển sinh tăng dần theo mỗi năm của Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), số lượng phòng thực hành cũng được xây dựng nhiều hơn để phục vụ việc học tập cho sinh viên. Từ đó, việc quản lý phòng thực hành và đăng ký phòng thực hành trở nên quan trọng trong việc quản lý giảng dạy của cán bộ khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông. Để sinh viên có thể tham gia lớp học thực hành, giảng viên phải thực hiện đăng ký phòng thực hành. Sau khi đăng ký hoàn thành, thông tin đăng ký sẽ được hiển thị trên website của Khoa. Từ đó, sinh viên có thể vào hệ thống của Khoa để xem lịch thực hành và thực hiện đến lớp thực hành đúng thời gian và địa điểm. Tuy nhiên, việc thực hiện đăng ký phòng thực hành để giảng dạy của giảng viên khoa CNTT&TT của trường Đại học Cần Thơ hiện tại chưa thực sự đáp ứng toàn bộ yêu cầu sử dụng của cán bộ giảng viên. Việc thực hiện đăng ký phòng thực hành để giảng dạy hiện nay làm mất quá nhiều thời gian và công sức của giảng viên, lại khó khăn trong việc lưu trữ và tìm kiếm. Vì vậy, đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý phòng thực hành của khoa Công nghệ thông tin và truyền thông” được đề xuất với mong muốn xây dựng được hệ thống hỗ trợ quản lý cơ sở vật chất, đăng ký lịch thực hành và sử dụng phòng thực hành hiệu quả tối ưu về nhiều mặt. Hệ thống hỗ trợ ba phân hệ quản lý chính: quản lý phòng thực hành, quản lý cán bộ sử dụng phòng thực hành và quản lý lịch thực hành. , đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và sử dụng các phòng thực hành một cách đơn giản, hiệu quả nhất. Hệ thống trên được xây dựng dựa trên cơ sở tích hợp đầy đủ các quy trình nghiệp vụ đánh giá hoạt động đăng ký phòng thực hành của giảng viên thông qua việc giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên trong khoa CNTT&TT. Đồng thời, hệ thống được phát triển dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ như: Ajax, Java script, JQuery, PHP, HTML, Laravel,...
------	---------	---	------------	---------------	------	---

1767	Đại học	HỆ THỐNG PHÁT HIỆN VÀ NHẬN DIỆN ĐỐI TƯỢNG THÔNG QUA CAMERA GIÁM SÁT	Phan, Thái Bảo	Phan, Tấn Tài	2019	Hiện nay vấn đề kiểm soát an ninh là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trên thế giới. Nó được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là an ninh và bảo mật. Hệ thống nhận dạng mặt người sẽ nhận vào những thông tin về đối tượng được đưa vào từ một bức ảnh, hay từ camera quan sát. Bước đầu tiên của một hệ thống là phát hiện và xác định vị trí khuôn mặt trên bức ảnh, tiếp đến Hệ thống sẽ tách khuôn mặt ra khỏi ảnh và tiến hành rút trích đặc trưng của gương mặt và gửi cảnh báo cho người dung về đối tượng phát hiện. Tuy nhiên, Trong thời buổi công nghệ 4.0 như hiện nay vấn đề kiểm soát an ninh thông qua camera giám sát đã được phát triển mạnh mẽ nhưng vẫn chưa thực sự được ứng dụng rộng rãi và thực sự mang lại hiệu quả vào đời sống con người. Việc kiểm soát an ninh theo cách truyền thống hiện nay tốn rất nhiều thời gian và phải sử dụng nguồn lực con người để theo dõi. Từ đó làm tốn rất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc và sức khỏe của người sử dụng. Vì vậy, đề tài “Hệ thống phát hiện và nhận diện đối tượng qua hệ thống camera giám sát” được đề xuất với mong muốn xây dựng hệ thống có thể phát hiện và nhận diện đối tượng một cách hiệu quả và hạn chế tối đa sự giám sát của con người. “Hệ thống phát hiện và nhận diện đối tượng thông qua camera giám sát” được xây dựng với mong muốn phát hiện được đối tượng là con người xuất hiện trước camera giám sát, từ đối tượng con người đó hệ thống sẽ nhận diện và định danh đối tượng và xem xét đối tượng có thuộc vào các đối tượng hệ thống đang cần nhận diện hay không. Sau khi đã xem xét các hướng tiếp cận khác nhau của đề tài “Hệ thống phát hiện và nhận diện đối tượng qua hệ thống camera giám sát” có rất nhiều phương pháp tiếp cận với bài toán phát hiện và nhận diện đối tượng. Nhưng trong đề tài này được thực hiện bằng phương pháp tiếp cận học máy bằng YOLO v3. Điểm mạnh của YOLO v3 là tốc độ phát hiện đối tượng khá nhanh và có độ chính xác tương đối cao. Và sử dụng thuật toán nhận dạng gương mặt Face Recognition của Dlib để rút trích và nhận diện đối tượng. Đồng thời, hệ thống được phát triển dựa trên nền tảng website sử dụng công nghệ Websocket để trao đổi dữ liệu, và đồng thời cũng sử dụng các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ như: Ajax, Java script, JQuery, PHP, HTML, Laravel.
------	---------	---	----------------	---------------	------	---

1768	Đại học	ỨNG DỤNG “MUA BÁN ĐỒ CŨ CHO SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC”	Trần, Minh Thu	Phạm, Ngọc Quyền	2019	Hiện tại với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, rất nhiều lĩnh vực trong cuộc sống đã được nâng cao chất lượng phục vụ cho nhu cầu của công nghệ từ y tế, giáo dục đến quân sự, và lĩnh vực kinh tế cũng không ngoại lệ. Thế kỷ 21 chứng kỷ sự bùng nổ của thương mại điện tử, và dần thay thế hình thức kinh doanh truyền thống trong tương lai. Với thương mại điện tử, tất cả các mặt hàng được rao bán với giá cả cạnh tranh và được tổ chức một cách có hệ thống. Dĩ nhiên, nền tảng thương mại điện tử phục vụ cho cả sản phẩm mới và sản phẩm đã qua sử dụng. Hiện tại có rất nhiều công cụ cho phép mọi người chia sẻ đồ dùng qua sử dụng đang hoạt động rất tốt, nhưng một nền tảng trao đổi, chia sẻ những đồ dùng cũ, (đặc biệt là sách và tài liệu môn học) chỉ dành cho đối tượng sinh viên ở các trường đại học thì vẫn chưa có. Vì thế, với nhu cầu thực tiễn đó, Website “Mua bán đồ cũ cho sinh viên ở các trường đại học” được đề xuất với mong muốn xây dựng một hệ thống hỗ trợ cho sinh viên trong cùng một trường đại học để trao đổi, mua bán những vật dụng, đồ dùng đã qua sử dụng với giá rẻ là thực sự cần thiết. Hệ thống được xây dựng trên ngôn ngữ lập trình PHP, sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện và công nghệ hỗ trợ web khác như: HTML, JavaScript, CSS, Bootstrap. Ngoài ra còn sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.
1769	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐOÀN VỤ ĐOÀN TRƯỞNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	Lê, Tuyết Mẫn Nghị Lê, Thị Thảo Nguyễn	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Đoàn đang ngày càng phát triển lớn mạnh, đặc biệt lan rộng và phát triển mạnh mẽ trong các trường đại học. Đa số các sinh viên đều đã và đang trở thành đoàn viên, do đó số lượng đoàn viên ngày càng tăng cao dẫn đến nhiều khó khăn cho việc quản lý đoàn viên thuộc phạm vi trong các chi đoàn của một khoa. Và vấn đề này đã được giải quyết bằng hệ thống quản lý đoàn vụ đoàn khoa ở nhiều trường Đại học. Hệ thống này sử dụng biện pháp công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống website cho việc quản lý. Việc tin học hóa giúp rút ngắn thời gian quản lý và đơn giản hóa các thao tác, quy trình quản lý mà không tốn nhiều công sức thực hiện. Đoàn khoa phải quản lý và theo dõi thật chặt chẽ thông tin đoàn viên, các phong trào học tập, thi đua khen thưởng để nâng cao thành tích từ đó có thể đánh giá bằng điểm rèn luyện để xếp loại đoàn viên. Công tác thu Đoàn phí cũng được quản lý thật chính xác hỗ trợ thêm cho việc thống kê tổng tiền và số đoàn viên chưa hoàn thành để nhắc nhở hoặc ghi nhận. Sau mỗi năm học Đoàn khoa phải nộp bảng tổng hợp các biểu mẫu và các yêu cầu về Đoàn trường để phê duyệt rồi công bố với sinh viên. Đoàn khoa sẽ thống kê danh sách các đoàn viên ưu tú hoặc vi phạm các điều lệ đoàn và đề nghị lên đoàn trường xem xét để đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật. Ngoài ra, đoàn trường cũng sẽ lên kế hoạch để mở các lớp cảm tình đoàn và cấp thẻ đoàn cho sinh viên sau khi hoàn thành. Để thực hiện những việc này một cách nhanh chóng và hiệu quả ta sẽ xây dựng trang website “Hệ thống quản lý công tác đoàn trường”. Hệ thống này sẽ giúp chúng ta tin học hóa được các thủ tục quản lý giúp nâng cao hiệu quả, tiết kiệm được thời gian và công sức.

1770	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÁC NHÀ NGHỈ, HOMESTAY	Trần, Kiến Quốc	Nguyễn, Thanh Hải	2019	Trong những năm qua, du lịch Việt Nam đang trên đà phát triển, lượng khách quốc tế đến cũng như khách du lịch nội địa ngày càng tăng. Do đó nhu cầu tìm kiếm chỗ ở cho khách du lịch cũng tăng cao, tiêu biểu là nhà nghỉ, homestay. Thế nhưng, trong thực tế để tìm được một chỗ ở vừa ý, giá cả hợp lý và đáp ứng nhiều tiêu chí của khách du lịch là điều không hề dễ dàng. Tuy nhiên với thời buổi Công nghệ thông tin đang phát triển như hiện nay, những khó khăn nêu trên dần được giải quyết. Nắm bắt được nhu cầu đó, nhiều ý tưởng bằng việc xây dựng một hệ thống website cho phép khách hàng đặt phòng trực tuyến được ra đời. Với trang web này các nhà nghỉ, homestay có thể đưa thông tin một cách rộng rãi, ngược lại du khách cũng sẽ có thể tìm được một nơi ở theo ý của mình một cách dễ dàng và nhanh chóng. Website đặt phòng cho nhà nghỉ, homestay không chỉ có mỗi chức năng là đặt phòng. Đây còn là kênh để nhà nghỉ, homestay có thể quảng bá thương hiệu của mình tới hàng triệu du khách trong và ngoài nước. Bạn có thể cung cấp cho du khách thông tin về các hình ảnh về các sản phẩm, dịch vụ của mình cùng với đó là các chính sách, giá bán, chương trình khuyến mại đi kèm. Đồng thời, đây còn là cơ hội để bạn ghi dấu ấn thương hiệu riêng trong lòng du khách với thiết kế độc đáo, ấn tượng, giúp du khách tin tưởng hơn vào lựa chọn của mình.
------	---------	---	-----------------	-------------------	------	---

1771	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CÂY XANH TRÊN NỀN WEBGIS Ở THÀNH PHỐ MỸ THO	Phan, Thị Thủy Tiên	Phan, Tấn Tài	2019	Những năm qua, việc phát triển hệ thống cây xanh đô thị tại TP. Mỹ Tho được các cấp chính quyền đầu tư, đặc biệt từ năm 2016 Thành ủy Mỹ Tho ban hành Đề án 06 về trồng, chăm sóc, quản lý cây xanh đô thị và đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố, nên công tác này càng được thành phố và các phường, xã quan tâm chú trọng thực hiện, nhưng việc quản lý lại gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, sự phát triển của hệ thống thông tin cùng với sự ra đời của hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System gọi tắt là GIS) đang ngày một phát triển. Nó là công cụ trợ giúp quyết định trong nhiều hoạt động của quốc gia giúp đánh giá được hiện trạng của các quá trình, các thực thể tự nhiên, kinh tế - xã hội thông qua việc thu thập, quản lý, truy vấn, phân tích và tích hợp các thông tin được gắn với bản đồ trên cơ sở tọa độ của các dữ liệu đầu vào. Nhằm nắm bắt xu hướng nền công nghiệp 4.0 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang sẽ xây dựng thành phố thông minh (Smart City) trong thời gian tới từ Thỏa thuận hợp tác của Tập đoàn VNPT và UBND Tiền Giang vào tháng 2/2017. Sau 01 năm diễn ra lễ kí kết, UBND tỉnh Tiền Giang đã chính thức phê duyệt Đề án xây dựng Mỹ Tho trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020 với nhiều nội dung, trong đó có hệ thống thông tin địa lý (GIS). Hệ thống quản lý cây xanh đô thị trên nền WebGIS là một phân hệ trong hệ thống quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, một trong những nội dung của việc xây dựng thành phố thông minh theo định hướng chung đã đề ra. Từ đó, em quyết định thực hiện đề tài: “Hệ thống quản lý cây xanh đô thị trên nền WebGIS trên địa bàn thành phố Mỹ Tho” để thực hiện luận văn tốt nghiệp này. Đề tài sẽ hỗ trợ Phòng quản lý đô thị Mỹ Tho phân hệ cây xanh quản lý toàn bộ cây xanh thuộc thành phố một cách trực quan hơn trên bản đồ, từ đó dễ dàng xem xét đưa ra các tác vụ thi công: quản lý tưới cây theo tuyến đường, quản lý trồng cây, quản lý cắt tỉa, quản lý chặt hạ hoặc quản lý di dời. Đồng thời, hệ thống cũng giúp kết xuất các mẫu thống kê để tạo ra các thông tin có ích phục vụ cho việc quản lý. Hệ thống được xây dựng trên cơ sở tích hợp quy trình quản lý cây xanh với sự hỗ trợ của các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL server, các công nghệ như JavaScript, Python, HTLM, CSS, axios, Vuejs, Django, firebase.
1772	Đại học	HỆ THỐNG TRA CỨU THÔNG TIN MÓN ĂN	Bành, Quốc Đông	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Ngày nay, khi mà chất lượng cuộc sống được cải thiện rõ rệt thì chắc chắn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của con người ngày càng được quan tâm hơn cả. Dễ dàng nhận thấy rằng vấn đề liên quan mật thiết đến sức khỏe của chúng ta chính là vấn đề về ăn uống. Song song đó, công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh mẽ theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu đã mang lại những lợi ích mà ta dễ dàng nhận thấy được. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ việc chăm sóc sức khỏe là một vấn đề rất cần thiết. Nắm bắt được nhu cầu đó, hệ thống tra cứu thông tin món ăn “Hôm nay ăn gì?” đã được phát triển. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và các công nghệ web như AJAX, JavaScript, jQuery, HTML, Bootstrap... để đảm bảo trì và phát triển sau này.

1773	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM YOGA	Nguyễn, Thị Hải Duyên	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Cuộc sống ngày càng phát triển, nhu cầu chăm sóc sức khỏe và làm đẹp ngày càng cao dẫn tới việc lượng người tham gia phòng tập tăng lên nhanh chóng. Có thể nói, đây là cơ hội kinh doanh tuyệt vời cho những ai biết nắm bắt và có đam mê với Yoga/ thể hình. Vào lúc này hãy thử tưởng tượng khi bạn sắp mở một trung tâm Yoga nhưng khi mở phòng tập bạn cần quản lí những gì, số liệu doanh thu bạn sẽ thống kê bằng cách nào...? Khi đó hàng nghìn câu hỏi sẽ được đặt ra. Với lợi thế internet vô cùng phát triển hệ thống quản lí được xây dựng nên sẽ là cảm nang, một người trợ lí, một cửa hàng dịch vụ, trở thành cầu nối giữa trung tâm và khách hàng. Trung tâm dùng website vào việc quảng bá hình ảnh, tiếp cận tư vấn khách hàng cũng như cách khách hàng tìm kiếm thông tin và trung tâm, tham khảo khóa tập, thời gian, và đăng kí tập vô cùng dễ dàng không cần phải tốn thời gian đến trung tâm như trước kia nữa Với đề tài “Hệ thống quản lý trung tâm Yoga” nghiên cứu các khía cạnh khách hàng, các thẻ tập, khung giờ... Bên cạnh đó, đưa ra một số thống kê cụ thể, chi tiết giúp trung tâm có hướng phát triển tốt hơn nhằm tăng hiệu quả quản lí. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng ngôn ngữ PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, nhằm tăng thêm tính tương tác nên hệ thống được bổ sung thêm 1 số ngôn ngữ javascript, jquery, bootstrap.
1774	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE DIỄN ĐÀN CẢI LƯƠNG NTKD	Nguyễn, Thị Kiều Diễm	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Trong bối cảnh hiện nay, giữa sự du nhập như vũ bão của các loại hình giải trí thì phải thừa nhận rằng, các bộ môn nghệ thuật truyền thống giống như những món ăn không hợp khẩu vị đối với đa số giới trẻ Việt Nam. Trong đó, phải kể đến là bộ môn nghệ thuật cải lương, sự hiếu kì và hướng ngoại là tâm lý chung của giới trẻ, nên vì thế nghệ thuật cải lương ngày nay đang có nguy cơ bị mai một và lãng quên. Nghệ thuật cải lương nam bộ là niềm tự hào của nhiều thế hệ người dân Nam Bộ nói riêng và của người dân cả nước nói chung. Chúng tôi hy vọng, với sự quan tâm, bảo tồn và phát triển của lãnh đạo Đảng và nhà nước, cùng các ban ngành chức năng, địa phương, nghệ thuật cải lương sẽ được đón nhận rộng rãi từ các thế hệ độc giả trên cả nước, góp phần bảo vệ những truyền thống của dân tộc trong thời đại mới-thời đại của hội nhập văn hóa thế giới “Website Diễn đàn cải lương NTKD” mong muốn được góp một phần nhỏ nhằm giữ lửa cho bộ môn nghệ thuật cải lương, cũng như là nơi dừng chân của giới mộ điệu cải lương có thể thư giãn, giải trí sau những giờ làm việc mệt mỏi và để các bạn có thể giao lưu, học hỏi và có thêm nhiều kiến thức đối với bộ môn nghệ thuật cải lương. Diễn đàn được xây dựng bằng Framework Lavarel theo mô hình MVC dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, với ưu điểm dễ dàng phát triển và bảo trì trên diễn đàn sau này

1775	Đại học	HỆ THỐNG GIỚI THIỆU TOUR DU LỊCH CỦA CÁC CÔNG TY DU LỊCH TẠI VIỆT NAM	Hồ, Quốc Thảo	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Ngày nay, nhu cầu nghỉ dưỡng ngày càng tăng. Để đáp ứng nhu cầu thị trường các công ty du lịch không ngừng mọc lên với nhiều tour du lịch thú vị, loại tour đa dạng và giá cả cạnh tranh. Vì thế, khối lượng thông tin tour du lịch ngày càng nhiều gây ra khó khăn cho người dùng trong việc tìm kiếm tour phù hợp với yêu cầu. Việc ra đời “Hệ thống giới thiệu các tour du lịch của các công ty du lịch” đã giải quyết được hầu hết tất cả các vấn đề. Người sử dụng hệ thống có thể lọc dữ liệu theo yêu cầu cần thiết như: loại tour, ngày khởi hành, giá tour,... để dễ dàng tìm ra tour mong muốn. Hơn hết, hệ thống còn tạo ra môi trường giao dịch chuyên nghiệp giúp các hãng du lịch có thêm khách hàng và quảng bá tour một cách nhanh chóng và hiệu quả. “Hệ thống giới thiệu các tour du lịch của các công ty du lịch tại Việt Nam” được xây dựng bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, ngôn ngữ lập trình HTML, CSS, JavaScript và Laravel một PHP framework giúp hệ thống đáp ứng mọi thao tác một cách nhanh chóng, chính xác, dễ dàng quản lý source code thuận tiện cho việc phát triển hệ thống sau này.
1776	Đại học	HỆ THỐNG TRA CỨU THÔNG TIN HOA HỒNG	Lê, Thị Huỳnh Anh	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2019	Hiện nay với sự xuất hiện của Internet, chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm bất cứ thông tin một mà mình muốn tìm hiểu. Chẳng hạn như việc tìm kiếm hoa hồng, mặc dù có rất nhiều bài viết, thông tin về các loại hoa hồng được đăng tải, tuy nhiên chúng nằm rải rác ở các trang mà chưa được lọc trử tập trung, sắp xếp một cách có hệ thống. Ngoài ra, nhiều bài viết chưa nói rõ được các loại bệnh gây hại cho hoa hồng cũng như thuốc đặc trị của từng loại bệnh. Chính vì vậy, “Hệ thống tra cứu thông tin hoa hồng” được xây dựng dành cho những người có đam mê về các loại hoa hồng trong và ngoài nước, hệ thống tổng hợp nhiều thông tin giúp cho người dùng dễ dàng tra cứu thông tin về các loại hoa hồng một cách nhanh nhất, tiết kiệm thời gian nhất, hiệu quả nhất và đầy đủ thông tin nhất. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, trình chủ web Apache và các công nghệ web như: Template website, Ajax, Bootstrap, JQuery, HTML.
1777	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIỚI THIỆU DU LỊCH VIỆT NAM	Tô, Thị Minh Thư	Bùi, Đăng Hà Phương	2019	Với tiềm năng du lịch phong phú, du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn trên Thế giới. Sự phát triển song song của công nghệ và ngành du lịch đã làm cho du lịch trở nên dễ dàng hơn. Đối với khách quốc tế, thậm chí là khách nội địa cũng sẽ khó khăn trong việc tìm kiếm một địa điểm du lịch, quán ăn hay khách sạn thích hợp nhất trên đất nước hình chữ S. Hiểu được nhu cầu của du khách, “Hệ thống giới thiệu du lịch Việt Nam” được ra đời. Hệ thống hỗ trợ cho việc quảng bá nét đẹp của Việt Nam bằng việc quảng bá các địa điểm du lịch, quán ăn, khách sạn của từng thành phố. Du khách có thể dễ dàng tìm hiểu các địa điểm du lịch, quán ăn, khách sạn tại thành phố nào đó một cách cụ thể ngay tại nhà, vừa dễ dàng, vừa tiết kiệm lại không mất nhiều thời gian. Đặc biệt, hệ thống sử dụng Leaflet[9] kết hợp với công nghệ OpenStreetMap hỗ trợ việc đưa vị trí của các địa điểm du lịch, quán ăn, khách sạn lên bản đồ để thuận tiện cho việc tìm kiếm.

1778	Đại học	PHÂN LẬP CHẤT VÀ KHẢO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA CỦA CÂY CỎ SỮA LÁ LỚN (<i>Euphorbia hirta</i> L.) Họ THẦU DẦU (<i>Euphorbiaceae</i>)	Bùi, Thanh Liêm	Th.S Lê, Thị Bạch	2019	Cô lập hợp chất hóa học từ cao phân đoạn methanol của cây Cỏ sữa lá lớn (<i>Euphorbia hirta</i> L.) Xác định cấu trúc hợp chất hóa học cô lập được Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của hợp chất hóa học thu được bằng phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH.
1779	Đại học	Khảo sát quy trình phân tích Nicarbazin trong thịt gà bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép đầu dò khối phổ LC-MS/MS	Dương, Vịnh Kỳ	ThS. Huỳnh, Anh Duy	2019	Nicarbazin là tác nhân đầu tiên có hoạt động phổ rộng chống lại bệnh cầu trùng ở gà, được sử dụng như một tác nhân duy nhất hoặc kết hợp với kháng sinh polyether. Cấu tạo của Nicarbazin là một phức hợp bao gồm 4,4'- dinitrocarbanilide (DNC) và 2-hydroxy-4,6-dimethylpyrimidine (HDP) có công thức phân tử là $C_{13}H_{10}N_4O_5 \cdot C_6H_8N_2O$. Nicarbazin thực tế không tan trong nước và ethanol, ít tan trong dimethylsulfoxide (DMSO) và dimethylformamide (DMF). Sử dụng sản phẩm có chứa hàm lượng Nicarbazin lâu dài vượt mức cho phép sẽ gây buồn ngủ, buồn nôn, chóng mặt, có thể làm co thắt phế quản gây nên cơn hen suyễn, giảm sức đề kháng, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản... và dễ dẫn đến tình trạng kháng kháng sinh. Vậy nên, đánh giá phương pháp xác định hàm lượng Nicarbazin trong gà là một yếu tố quan trọng để giám sát chất lượng và mức độ an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng Đề tài luận văn sử dụng phương pháp sắc ký lỏng ghép hai lần khối phổ LC-MS/MS với máy Water Quatro-micro API (mode (-)). Sử dụng quy trình nội bộ Trung tâm VIACIMEX. Nicarbazin được chiết tách bằng acetonitrile. Dịch chiết được cô đặc và làm sạch bằng n-hexane, sau đó được đưa vào máy phân tích LC-MS/MS. Tiến hành xây dựng đường chuẩn có khoảng nồng độ 5, 10, 20, 50, 100 ppb có phương trình hồi quy $y = 762.592x - 1556.3$ và $R^2 = 0.9946$. Khảo sát mẫu trắng thêm chuẩn có nồng độ 20 ppb thu được $RSDr = 5.145\%$, hiệu suất thu hồi trung bình $H = 109.335\%$ nằm trong khoảng cho phép, có thể kết luận độ đúng và độ lặp lại của phương pháp đạt yêu cầu. Độ nhiễu nền của mẫu trắng khá thấp nên phương pháp có thể sử dụng để phân tích mẫu thực. Giới hạn phát hiện của phương pháp là 4.2978 ppb và giới hạn định lượng của phương pháp là 8.776 ppb. Việc phân tích 10 mẫu thử mua ngẫu nhiên tại các siêu thị và chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho kết quả 6 mẫu
1780	Đại học	Xây dựng quy trình tổng hợp dẫn xuất quinazolinone	Lê, Chí Công	PGS. TS. Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng có chứa khung sườn quinazolinone ngày càng trở nên quan trọng trong lĩnh vực y tế cũng như phát triển thuốc mới do có nhiều hoạt tính sinh học đáng quý như kháng sốt rét, kháng ung thư, kháng HIV, kháng khuẩn, kháng nấm, chống co giật,... Trong nghiên cứu này, năm dẫn xuất quinazolinone: (LC1), (LC2), (LC3), (LC4) và (LC5) đã được tổng hợp thành công thông qua quy trình một bước. Các dẫn xuất quinazolinone được tổng hợp từ anthranilamide và các aldehyde khác nhau bằng tác nhân oxy hóa iron(III) chloride hexahydrate ($FeCl_3 \cdot 6H_2O$). Cấu trúc của các hợp chất này được xác định bằng các phương pháp quang phổ như MS, 1H -NMR và ^{13}C -NMR.

1781	Đại học	Phân lập chất và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa từ cao ethyl acetate của cây Mai dương (<i>Mimosa pigra</i> L.), họ Đậu (Fabaceae)	Phan, Cúc Phương	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Khảo sát thành phần hóa học của trái cây <i>Mimosa pigra</i> L. thu hái ở thành phố Cần Thơ. Từ trái của cây <i>Mimosa pigra</i> L. (8,05 kg) thực hiện phương pháp chiết ở nhiệt độ phòng thu được cao tổng (800 g). Cao tổng được phân đoạn bằng cách chiết lỏng-lỏng sử dụng hexane, ethyl acetate thu được các phân đoạn hexane (30,81 g), ethyl acetate (94,13 g), phần còn lại là cao nước. Nghiên cứu này chỉ tập trung nghiên cứu trên cao ethyl acetate. Kết quả cho thấy từ phân đoạn cao chiết ethyl acetate của trái cây Mai dương phân lập được hợp chất chrysoeriol. Cấu trúc của hợp chất này được xác định dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: 1D và 2D-NMR và so sánh với tài liệu tham khảo. Từ đó nhận định được rằng, chrysoeriol lần đầu tiên được phân lập từ cây này. Bên cạnh đó, tiến hành khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của các cao chiết và hợp chất chrysoeriol bằng phương pháp ABTS và DPPH. Kết quả cho thấy các cao chiết thể hiện hoạt tính khá mạnh ở cả hai phương pháp và giá trị IC50 của chrysoeriol lần lượt là 17,89 (µg/mL) ở phương pháp ABTS và 36,92 (µg/mL) ở phương pháp DPPH.
1782	Đại học	Xác định dư lượng kháng sinh Tetracycline trong mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép hai lần khối phổ (LC-MS/MS)	Nguyễn, Thị Thúy Hạnh	TS. Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Bài luận văn này sẽ tiến hành khảo sát dư lượng kháng sinh Tetracycline trong các mẫu mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép hai lần khối phổ (LC-MS/MS). Việc xác định dư lượng Tetracycline dựa trên phương pháp nội bộ của Trung tâm Viacimex (phát triển từ AOAC 995.09): Mẫu được hòa tan với nước, sau đó chiết chuyển pha với ethyl acetate, cho qua đầu lọc Nylon 0,22 µm trước khi đem phân tích trên hệ thống LC-MS/MS. Trong khoảng nồng độ từ 5 ppb đến 150 ppb, đường chuẩn xây dựng được có hệ số tuyến tính là $R^2=0,9984$. Áp dụng quy trình phân tích trên các mẫu mật ong để xác định dư lượng Tetracycline, cho thấy có 3 mẫu phát hiện Tetracycline ở các nồng độ mẫu 1 là 14,94 ppb, mẫu 2 là 5,41 ppb và mẫu 6 là 21,91 ppb. Từ đó, luận văn đưa ra một số lời khuyên đối với người tiêu dùng và kiến nghị một số phương pháp trong các mẫu mật ong.
1783	Đại học	PHÂN LẬP CHẤT TỪ CAO ETHYL ACETATE CỦA LOÀI ĐỊA Y <i>Dirinaria applanata</i> (Fée) D. D. Awasthi	Lại, Hữu Nghĩa	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của loài địa y <i>Dirinaria applanata</i> (Fée) D. D. Awasthi thu tại khuôn viên khu II trường Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ, Việt Nam. Từ cao ethyl acetate của loài địa y <i>Dirinaria applanata</i> qua nhiều lần sắc ký cột đã phân lập được 3 hợp chất tinh khiết ký hiệu là DA.EA03 DA.EA04 và DA.EA05. Đồng thời khảo sát và định danh được hợp chất 1β-acetoxy-3β-hydroxyhopan-30-oic acid (DA.EA04) dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: FT-IR, HR-ESI-MS, 1D và 2D-NMR.
1784	Đại học	PHÂN LẬP CHẤT TỪ CAO ETHYL ACETATE CỦA LOÀI ĐỊA Y <i>Dirinaria applanata</i> (Fée) D. D. Awasthi	Lại, Hữu Nghĩa	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của loài địa y <i>Dirinaria applanata</i> (Fée) D. D. Awasthi thu tại khuôn viên khu II trường Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ, Việt Nam. Từ cao ethyl acetate của loài địa y <i>Dirinaria applanata</i> qua nhiều lần sắc ký cột đã phân lập được 3 hợp chất tinh khiết ký hiệu là DA.EA03 DA.EA04 và DA.EA05. Đồng thời khảo sát và định danh được hợp chất 1β-acetoxy-3β-hydroxyhopan-30-oic acid (DA.EA04) dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: FT-IR, HR-ESI-MS, 1D và 2D-NMR.

1785	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học, định lượng proanthocyanidin toàn phần và tác dụng kháng acid in vitro của cao chiết lá Cóc (<i>Spondias dulcis</i> L.)	Huỳnh, Thị Trang Đài	Ths. DS Huỳnh, Anh Duy	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Tiến hành định tính cao MeOH tổng lá cóc bằng phương pháp GC-MS. Kết quả cho thấy trong cao MeOH tổng lá Cóc chứa 48 cấu tử. Trong đó chiếm phần trăm nhiều nhất là butanedioic acid, 3-hydroxy-2,2-dimethyl-dimethyl, dimethyl ester, (R)- chiếm 16.52%. Ngoài ra trong thành phần lá Cóc còn có: Eucalyptol (0,19%), Eicosane (1,03%), 1-Ethyl(dimethyl)silyloxyhexane (8,03%), Furfural(0,88%), Dimethyl dl-malate (6,03%), Isopropyl palmitate (0,52%), Xác định proanthocyanidin bằng thử nghiệm Vanillin trên cao MeOH tổng thu được 0,22 mg/100g DL quy về chuẩn Catechin Bên cạnh đó khi khảo sát tác dụng kháng acid in vitro của cao methanol tổng, cao còn 96%, cao còn 70%, cao còn 50% và cao nước lá cóc ở hai nồng độ 1 mg/mL và 0,5 mg/mL so sánh với Edoz kids (EK), natri bicarbonate (SB1: trong phòng thí nghiệm) và các chế phẩm thương mại có chứa natri bicarbonate (SB2: trong nhà thuốc) trên thị trường. Kết quả cho thấy pH sau trung hòa trong xác định hiệu quả trung hòa acid dạ dày nhân tạo: cao nước chiết từ lá Cóc ở nồng độ 0,5 mg/mL có pH sau trung hòa là $1,46 \pm 0,0058$ có khả năng trung hòa gần giống EK ở nồng độ 0,5 mg/mL là $1,48 \pm 0,058$. pH sau trung hòa ở nồng độ 1mg/mL là $1,51 \pm 0,0058$ của cao còn 70% có khả năng trung hòa tương tự như SB2 ở nồng độ 0,5 mg/mL là $1,55 \pm 0,000$ và pH sau trung hòa của EK ở nồng độ 1 mg/mL là $1,51 \pm 0,0058$. Ngoài ra cao nước có tiềm năng trong xác định khả năng trung hòa in vitro bằng phương pháp chuẩn độ theo mô hình của Fordtran với tổng ion hydrogen tiêu thụ là $0,11 \pm 0,0003$ mmol H ⁺ .
1786	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy hóa củ cây Mai dương (<i>Mimosa pigra</i> L.), họ Đậu (Fabaceae)	Chiêm, Thị Ngọc Lê	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Thu nguyên liệu là bộ phận trái của cây Mai dương tươi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, loại bỏ những quả hư, phơi khô (tránh ánh nắng trực tiếp), xa thành bột mịn, sau đó nguyên liệu sẽ ngâm dầm trực tiếp với dung môi methanol Từ cao tổng methanol tiến hành chiết lỏng-lỏng với dung môi hexane v ethyl acetate thu được các phân đoạn cao. Tuy nhiên đề tài chỉ khảo sát trên phân đoạn Ea, tiến hành sắc ký nhanh-cột khô với các hệ dung môi tăng dần để phân cực như Hex:Ea với tỷ lệ 80:20, 50:50, 0:100 và Ea:Me với tỷ lệ 90:10 80:20,... để thu được các phân đoạn sạch hơn. Sau đó sử dụng phương pháp sắc ký cột cổ điển, rửa giải với hệ dung môi thích hợp, kết hợp với sự hiện hình về với SKLM sẽ xác định được phân đoạn chứa chất tinh khiết cần cô lập Tiến hành phân tích phổ, tìm phổ nghiệm, so sánh với tài liệu tham khảo từ đó xác định cấu trúc các hợp chất Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa lần lượt của các loại cao và các chất tin khiết bằng phương pháp DPPH, ABTS ⁺ , đánh giá năng lực khử Fe (RP)

1787	Đại học	XÁC ĐỊNH DƯ LƯỢNG CARBENDAZIM TRONG MẬT ONG BẰNG PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ LÒNG KHỐI PHỔ HAI LẦN (LC-MS/MS)	Nguyễn, Ngọc Phương Duyên	TS. Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Bài luận văn tiến hành khảo sát dư lượng Carbendazim có trong các mẫu mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ hai lần (LC-MS/MS). Việc xác định dư lượng Carbendazim dựa trên phương pháp nội bộ của trung tâm Viacimex (phát triển từ phương pháp AOAC 2007.01-QuEChERS): Mẫu được chiết bằng 1% acid acetic trong acetonitrile, sau đó được làm sạch bằng chiết pha rắn phân tán (Dispersive Solid Phase Extraction-dPSE) và cho qua đầu lọc nylon 0,22 µm trước khi đem phân tích trên thiết bị LC-MS/MS. Thiết bị LC-MS/MS là máy Water Quattro-micro API (triple quadrupole ESI(+)) với cột sắc ký Agilent XDB-C18 2,1 mm×150 mm; 5 µm. Trong khoảng nồng độ 0,5 ppb đến 20 ppb, đường chuẩn xây dựng được có hệ số tuyến tính R ² =0,9988 và hệ số tương quan R=0,9994. Phương pháp trên có LOD = 0,5 ppb và LOQ = 1,5 ppb. Áp dụng phương pháp phân tích này trên các mẫu mật ong để xác định dư lượng Carbendazim, cho thấy phần lớn các mẫu mật ong khảo sát có tồn tại dư lượng Carbendazim. Từ đó, luận văn có đưa ra lời khuyên đối với người tiêu dùng và nêu ra một vài kiến nghị.
1788	Đại học	Tổng hợp dẫn xuất □-bromoketone	NGUYỄN, QUỐC KHÁNH	PGs. Ts Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Phản ứng □-bromo hóa của các hợp chất carbonyl là một biến đổi quan trọng trong hóa học tổng hợp hữu cơ, vì các sản phẩm tạo ra là những chất trung gian quan trọng trong tổng hợp các hợp chất có hoạt tính sinh học. Trong nghiên cứu này, quy trình tổng hợp các dẫn xuất □-monobromo ketone đã được phát triển thành công bằng cách sử dụng ammonium bromide như một nguồn cung cấp brom và oxone như một chất oxy hóa. Cấu trúc của các hợp chất này được xác nhận đầy đủ bằng một số phương pháp quang phổ như phổ ¹ H-NMR và ¹³ C-NMR
1789	Đại học	Tổng hợp dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone/1,3,4-oxadiazole”	Đỗ, Quốc Cường	PGs. Ts Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa nguyên tố nitrogen luôn thu hút sự quan tâm rất lớn do lợi ích mà chúng mang lại trong lĩnh vực hóa dược. Những hợp chất chứa nhân quinazolinone và 1,3,4-oxadiazole có phổ hoạt tính sinh học rất rộng bao gồm kháng khuẩn, kháng nấm, giảm đau, chống viêm, kháng virus, kháng ung thư. Trong nghiên cứu này, qua năm giai đoạn, hai dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone 1,3,4-oxadiazole (8b1) và (8b2) đã được tổng hợp thành công với hiệu suất tổng lần là 43,7% và 42,2%. Kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển các loại thuốc mới. Cấu trúc của các hợp chất (8b1) và (8b2) được xác nhận đầy đủ bằng một số phương pháp quang phổ như phổ MS, IR, ¹ H-NMR và ¹³ C-NMR. Từ khóa: Quinazolinone/1,3,4-oxadiazole.

1790	Đại học	Xây dựng quy trình tổng hợp dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole	PHAM, THỊ HUỖNH NHƯ	PGs. Ts. BÙI, THỊ BỬU HUÊ	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: 1,3,4-Oxadiazole là một hợp chất dị vòng thu hút sự chú ý rộng rãi của các nhà hóa dược để nghiên cứu phát triển các loại thuốc mới. Hợp chất chứa nhân 1,3,4-oxadiazole có phổ hoạt tính sinh học rất rộng bao gồm kháng khuẩn, kháng nấm, giảm đau, kháng viêm, kháng virus, chống ung thư, hạ huyết áp, chống co giật và chống đái tháo đường. Nghiên cứu này đã xây dựng thành công quy trình tổng hợp dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole. Áp dụng quy trình này, đề tài đã tổng hợp thành công hai dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole là 2-(2,5-dimethoxyphenyl)-5-phenyl-1,3,4-oxadiazole (PN-5a) và 2-(3-chlorophenyl)-5-(4-methoxyphenyl)-1,3,4-oxadiazole (PN-5b). Cấu trúc của các hợp chất được xác định đầy đủ dựa trên các dữ liệu phổ nghiệm bao gồm IR, MS, ¹ H-NMR và ¹³ C-NMR.
1791	Đại học	Đánh giá quy trình định lượng melamine trong sản phẩm sữa bột bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ hai lần LC/MS/MS	Nguyễn, Văn Hoàng	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Melamine là một chất bazơ hữu cơ ít tan trong nước có công thức hóa học là C ₃ H ₆ N ₆ , danh pháp theo IUPAC là 1,3,5-triazine-2,4,6-triamine. Việc thêm melamine vào sữa do nhà sản xuất có dụng ý làm tăng hàm lượng protein biểu kiến trong sữa vì melamine vốn có hàm lượng nitơ cao. Melamine kết hợp với axit cyanuric tạo thành melamine cyanurat. Ăn các sản phẩm chứa melamine có thể dẫn đến tác hại về sinh sản, sỏi bàng quang hoặc suy thận và sỏi thận, có thể gây ung thư bàng quang. Mục tiêu của đề tài là đánh giá các phương pháp định lượng melamine bằng sắc ký lỏng khối phổ LC/MS/MS và tiến hành định lượng melamine trong một số sản phẩm sữa bột được thu mua từ thị trường thành phố Cần Thơ. Đề tài luận văn sử dụng phương pháp sắc ký lỏng ghép hai lần khối phổ LC/MS/MS với máy Water Quatro-micro API (triple quadrupole ESI(+)) và cột sắc ký HILIC silica. Dựa trên quy trình của FSIS (Food Safety Inspection Service). Mẫu được chiết với acetonitrile/nước (1:1) và sau đó cho là cột chiết pha rắn MCX trước khi đem phân tích trên máy. Tiến hành xây dựng đường chuẩn có khoảng nồng độ 10 ppb đến 200 ppb, với R ² = 0.9984. Phương pháp có LOD = 3 ppb, LOQ = 10 ppb và độ lặp lại (CV < 21%) cũng như độ thu hồi trên từng nền mẫu nằm trong khoảng 80 – 115%. Áp dụng phương pháp phân tích 5 mẫu sữa được thu mua trên địa bàn thành phố cần thơ có nồng độ melamine biến thiên trong khoảng nồng độ trong khoảng 0.14-1.91 ppb đều ở dưới khoảng quy định 2.5 ppm theo quy định của bộ y tế thế giới (WHO).
1792	Đại học	Phân lập một vài hợp chất từ cao ethyl acetate của loài địa y Parmotrema tinctorum (Nyl.) Hale thu hái tại Thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Trần, Công Phước	Nguyễn, Phúc Đám	2018	Tóm tắt nội dung luận văn: Bột địa y Parmotrema tinctorum (Nyl.) Hale khô (245 g) được chiết soxhlet lần lượt với các dung môi có độ phân cực tăng dần: n-hexane, dichloromethane, ethyl acetate, acetone, methanol để thu được 5 loại cao chiết tương ứng. Từ cao ethyl acetate (cao 3), qua nhiều lần sắc ký cột đã phân lập được 3 hợp chất tinh khiết ký hiệu là ethyl orsellinate (PT10) 15 mg, n-butyl orsellinate (PT16) 8 mg và atranol (PT13) 20 mg. Cấu trúc của 3 hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm ¹ H-NMR, ¹³ C-NMR, HSQC, HMBC, MS và so sánh với các tài liệu tham khảo.

1793	Đại học	XÂY DỰNG CÔNG THỨC PHỐI CHẾ KEM DƯỠNG TRẮNG DA CÓ CHỨA HOẠT CHẤT HYALURONIC ACID	Phạm, Văn Hiền	Huỳnh, Liên Hương	2018	Giới thiệu tổng quan về Hyaluronic acid, công dụng của hoạt chất trong việc dưỡng da, xây dựng công thức, quy trình phối chế kem dưỡng da có chứa hoạt chất.
1794	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu hóa lý trong các loại mật ong	Trần, Lê Thị Ngọc Bích	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Khảo sát một số chỉ tiêu hóa lý trong các loại mật ong” được thực hiện để đánh giá chất lượng của mật ong trên thị trường. 10 mẫu mật ong được mua trên thị trường và phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (Catech) thông qua khảo sát một số chỉ tiêu hóa lý về mật ong có trong TCVN 5267:1990. Các mẫu mật ong được thực hiện theo các phương pháp cổ điển và phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử UV-Vis có độ lặp lại tốt (0,27%, 1,03%, 1,44%, 0,47%, 0,36%, 0,49%, 0,11% tương ứng với độ lặp lại của hàm lượng nước, hàm lượng đường khử tự do, hàm lượng đường sacaroza, chỉ số axit tự do, chỉ số diastase, hàm lượng 5-Hydroxymethylfurfural, hàm lượng chất rắn không tan trong nước). Phương pháp có độ lặp lại phù hợp nên được sử dụng để xử lý mẫu trong các thí nghiệm. Kết quả khảo sát các mẫu mật ong chứa các chỉ tiêu hóa lý không vượt xa quá yêu cầu chất lượng theo TCVN 5267:1990 và Tiêu chuẩn FAO/WHO. Trong số 10 mẫu đã kiểm tra chất lượng, có 4 mẫu mật ong đạt chất lượng theo yêu cầu chất lượng là mẫu số 2, 5, 6 và 7. Các mẫu còn lại không đạt chất lượng chủ yếu là do hàm lượng chất rắn không tan trong nước lớn hơn 0,10%, cũng như hàm lượng nước cao, hai điều này làm cho sản phẩm mật ong không được sạch và dễ bị lên men nhiễm khuẩn. Nhìn chung, đề tài đã tìm được phương pháp để xác định các chỉ tiêu hóa lý theo TCVN 5267:1990 và Tiêu chuẩn FAO/WHO góp phần giúp người tiêu dùng chọn được sản phẩm an toàn cho sức khỏe.
1795	Đại học	Thiết lập công thức phối trộn sữa rửa mặt ngăn ngừa lão hóa từ quả cà chua (Solanum lycopersicum, Solanaeae)	Lâm, Thị Yến Nhi	Lê, Thanh Phước	2018	Hiện nay, vấn đề lão hóa da, đặc biệt trên da mặt không chỉ xuất hiện ở người lớn tuổi, mà còn ở người trẻ. Lão hóa da gây nên các vấn đề về da như nám da, sạm da, tàn nhang, lỗ chân lông to, mụn lâu lành. Nhất là xuất hiện các vết nhăn trên da như trên trán, khóe mắt và khóe môi,... Tuổi tác và rối loạn nội tiết tố chỉ là tác nhân bên trong gây nên lão hóa trên da mặt. Còn các tác nhân bên ngoài có thể kể đến là nắng, gió, tia UV, khói, bụi, ô nhiễm môi trường,... Vấn đề đặt ra là cần phải có một loại hóa mỹ phẩm giúp làm sạch tận sâu bên trong da, giúp loại hoàn toàn bụi bẩn trên da, giúp lỗ chân lông thông thoáng và góp phần đẩy lùi lão hóa. Đó chính là vai trò của sữa rửa mặt, Tuy nhiên, sữa rửa mặt cần phải kết hợp với các hoạt chất an toàn, lành tính cho da để tăng công dụng. Và, nhắc đến hoạt tính thân thiện với làn da, người ta nghĩ ngay đến những thành phần chiết xuất từ thiên nhiên. Có một loại thực vật rất gần gũi với tất cả mọi người, đặc biệt chứa nhiều lycopene được mệnh danh là thần dược trong cuộc chiến chống lại gốc tự do. Không gì khác, chính là cà chua. Đó là lí do mà đề tài: “Thiết lập công thức phối trộn sữa rửa mặt ngăn ngừa lão hóa từ quả cà chua (Solanum lycopersicum, Solanaeae)” được thực hiện.

1796	Đại học	Định tính thành phần hóa học và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của cây Phèn đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir), Quế (<i>Cinnamomum verum</i> J.Presl)	Trần, Thị Ngọc An	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Đề tài thực hiện định tính các hợp chất thường gặp như alkaloid, flavonoid, steroid và triterpenoid, saponin, tanin, glycoside và sesquiterpen lacton; tiến hành định lượng polyphenol tổng và flavonoid tổng trong cao chiết methanol cây Phèn đen và Quế; đánh giá khả năng kháng oxy hóa thông qua 3 phương pháp: phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH, phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS+ và phương pháp khử sắt RP. Kết quả định tính thành phần hóa học cho thấy trong cây Phèn đen và Quế đều có chứa các hợp chất alkaloid, flavonoid, steroid và triterpenoid, tannin, glycoside và sesquiterpen lacton. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp DPPH của cao methanol cây Phèn đen có khả năng trung hòa gốc tự do DPPH với giá trị EC50 là 23,47 µg/mL, Quế giá trị EC50 là 42,09 µg/mL. Hiệu suất trung hòa gốc tự do ABTS+ với giá trị EC50 là 37,95 µg/mL, Quế giá trị EC50 là 60,31 µg/mL. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp khử sắt cho thấy với nồng độ mẫu thử tại OD bằng 0,5 của cao methanol cây Phèn đen là 139,00 µg/mL, Quế là 1069,67 µg/mL. Kết quả khảo sát hàm lượng polyphenol tổng (TPC) và flavonoid tổng (TFC) của cao Phèn đen lần lượt là 112,87 (mg GAE/g) và 148,85 (mg QE/g), cao Quế lần lượt là 58,46 (mg GAE/g) và 147,14 (mg QE/g).
1797	Đại học	Định lượng phospho trong một số loại trứng bằng phương pháp quang phổ UV-Vis	Huỳnh, Thị Cẩm Nhung	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	“Định lượng phospho trong một số loại trứng bằng phương pháp quang phổ UV-Vis” được thực hiện nhằm xác định hàm lượng phospho trong trứng ở các chợ và siêu thị tại khu vực Cần Thơ. Việc xác định hàm lượng phospho trong thực phẩm được đánh giá theo tiêu chuẩn của Cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Bộ Y tế đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn số TCVN 9043:2012. Áp dụng quy định về định lượng phospho trong thực phẩm của cục an toàn vệ sinh thực phẩm TCVN 9043:2012 trên mẫu thực phẩm (trên đối tượng trứng) được xử lý theo phương pháp quang phổ UV-Vis, mẫu được tro hóa khô để loại bỏ chất hữu cơ, phần phosphat còn lại có thể tan trong axit tạo thành phức chất màu xanh $[(\text{MoO}_2.4\text{MoO}_3)_2.\text{H}_3\text{PO}_4]$ với Na_2MoO_4 khi dùng axit ascorbic làm chất khử. Bằng phương pháp UV-Vis, quang phổ tại bước sóng $823 \text{ nm} \pm 1 \text{ nm}$. Cho hiệu suất thu hồi cao là 94,98%, đồng thời có độ lặp lại rất tốt (RSD: 1,823%). Có giới hạn phát hiện (LOD) với phospho là 0,009 ppm. Nồng độ thử phù hợp và LOQ tính được ở trên là đáng tin cậy. Giới hạn định lượng với phospho là 0,03 ppm. Phương pháp có hiệu suất thu hồi và độ lặp lại đạt tiêu chuẩn của TCVN 9043:2012. Do đó, quy trình đã khảo sát được sử dụng để xử lý mẫu và điều tra thực tế. Kết quả định lượng phospho trong các loại trứng cho thấy: Hàm lượng phospho trong trứng vịt, trứng ngỗng tương đương nhau (0,212 g/100g), trong đó hàm lượng phospho trong trứng cút cao hơn các loại trứng còn lại (0,224 g/100g. Hàm lượng phospho trong trứng gà công nghiệp thấp hơn (0,170 g/100g).

1798	Đại học	Định lượng Rifampicin trong một số dược phẩm bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Phan, Thành Sang	Lâm, Phước Điền	2018	Rifampicin là thuốc kháng sinh có tác dụng điều trị các thể lao, phong và các nhiễm khuẩn nặng. Mục tiêu của đề tài luận văn này là kiểm tra phương pháp định lượng rifampicin và tiến hành định lượng rifampicin trong một số dược phẩm đang lưu hành trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phương pháp được dựa trên độ hấp thụ cực đại của rifampicin ở bước sóng 237nm. Tiến hành xây dựng đường chuẩn trong khoảng nồng độ 2ppm đến 20ppm, với $R^2 = 0,9992$. Phương pháp được thẩm định có độ đúng và độ lặp lại cao. Sử dụng phương pháp tiến hành định lượng mẫu dược phẩm: Rifampicin sản xuất tại Mexophar và Rifampicin của LuPin LTD. Ấn độ. Kết quả cho thấy cả hai mẫu dược phẩm đều đạt được yêu cầu về hàm lượng so với <u>lượng ghi trên nhãn thuốc</u> .
1799	Đại học	Khảo sát hàm lượng phosphate, sắt tổng, asen, chì trong nước mặt ở các kênh, rạch lân cận một số khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Lê, Thị Uyên Phương	Trần, Quang Đệ	2018	Đề tài “Khảo sát hàm lượng phosphate, sắt tổng, asen, chì trong nước mặt ở các kênh, rạch tại một số KCN trên địa bàn TPCT” được thực hiện nhằm khảo sát mức độ ô nhiễm về một số chỉ tiêu trên nhằm đưa ra các kết quả khách quan và khuyến cáo về chất lượng nước mặt tại đây. Đề tài đã thẩm định phương pháp định lượng P-PO43-, Fe tổng trong một số mẫu nước mặt thu ở các kênh rạch tại một số KCN trên địa bàn TPCT bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử UV-Vis và 2 kim loại nặng: As, Pb bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử AAS kết quả đạt được: độ tuyến tính có $R > 0,995$, giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn định lượng (LOQ), độ lặp lại và có hiệu suất thu hồi, đạt tiêu chuẩn AOAC về yêu cầu phương pháp phòng thí nghiệm năm 2011. Áp dụng phương pháp đã thẩm định để xác định hàm lượng P-PO43-, Fe tổng, Asen và Chì trên 24 mẫu nước mặt thu được ở các kênh rạch tại một số KCN trên địa bàn TPCT và đạt được các kết quả sau: hàm lượng P-PO43-từ 0,03 đến 0,12 mg/L, hàm lượng Fe tổng từ 0,15 đến 0,48 mg/L, hàm lượng As từ KPH đến 0,0125 mg/L, hàm lượng Pb từ 0,0006 đến 0,0091 mg/L. Kết quả cho thấy phần lớn các mẫu nước đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Vào tháng 8, hàm lượng P-PO43- ở các điểm HB1, BL2, ST2 và hàm lượng As ở 2 điểm HB1, HB2 vượt quy chuẩn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT nhưng không nhiều. Có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt và mục đích sản xuất nếu được xử lý bằng các phương pháp thích hợp.
1800	Đại học	PHÂN LẬP CHẤT TỪ CAO n-HEXANE CỦA CÂY CAM THẢO ĐẤT (Scoparia dulcis L.), HỌ HOA MỒM CHÓ (Scrophulariaceae)	Võ, Thị Lệ Quyên	Tôn, Nữ Liên Hương	2018	Khảo sát thành phần hóa học của cây Cam thảo đất (Scoparia dulcis L.), thu hái tại ven bờ sông Hậu, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy từ phân đoạn cao chiết n-hexane của cây Cam thảo đất phân lập được hợp chất daucosterol và coixol. Cấu trúc của hợp chất được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, ESI-MS và so sánh với tài liệu đã công bố. Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn các mẫu cao phân đoạn và hợp chất SD.EA09 phân lập từ cây Cam thảo đất với 2 dòng vi khuẩn Vibrio parahaemolyticus, Aeromonas hydrophila. Kết quả cho thấy ở nồng độ từ 8-128 µg/mL tất cả các mẫu thử đều không có hoạt tính kháng khuẩn. Với giá trị thử nghiệm từ 100-200 µg/mL cao n-hexane kháng lại dòng vi khuẩn Vibrio parahaemolyticus với giá trị MIC <200 µg/mL, hợp chất SD.EA09 và các mẫu cao còn lại của cây Cam thảo đất đều không kháng cả hai dòng.

1801	Đại học	Xác định hàm lượng phenol và các hợp chất organic chloro trong bùn thải công nghiệp bằng phương pháp GC-MS	Lê, Hoàng Tuấn	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	Đề tài “Xác định hàm lượng phenol và các hợp chất organic chloro trong bùn thải công nghiệp bằng phương pháp GC-MS” được thực hiện để đánh giá hiện trạng ô nhiễm trong bùn thải ở Khu công nghiệp Trà Nóc thành phố Cần Thơ, thông qua việc xác định hàm lượng phenol, lindane, chlordane, heptachlor, endrin. Mức độ ô nhiễm của các chất được đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bùn thải (QCVN50:2013/BTNMT). Phenol, lindane, chlordane, heptachlor, endrin được phân tích bằng hệ thống máy sắc ký khí (GC) ghép khối phổ (MS). Phương pháp ngâm chiết được sử dụng đối với mẫu bùn thải. Phương pháp được lựa chọn có hiệu suất thu hồi cao (phenol: 91,40%; lindane: 92,04%; heptachlor: 88,98%; chlordane: 90,60%; endrin: 89,07%), giới hạn định lượng (LOD) và giới hạn phát hiện (LOQ) thấp. Kết quả khảo sát hàm lượng phenol, lindane, heptachlor, chlordane, endrin trong 6 mẫu bùn thải cho thấy hàm lượng chất ô nhiễm trong mẫu bùn thải thấp. Tuy nhiên, có một số mẫu có hàm lượng vượt ngưỡng cho phép trong bùn thải theo quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT. Được thể hiện rõ mẫu 1 nồng độ heptachlor (0,0101 mg/L) và endrin (0,0212 mg/L) vượt quy định; mẫu 4: nồng độ heptachlor (0,0122 mg/L) vượt quy định; mẫu 5: nồng độ heptachlor (0,0127 mg/L) vượt quy định.
1802	Đại học	Xác định hàm lượng một số thông số ô nhiễm có trong nước thải của khu công nghiệp Trà Nóc 1 và 2.	Nguyễn, Thế Anh	Trần, Quang Đệ	2018	Quá trình công nghiệp hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi khắp cả nước trong vòng hai thập kỷ trở lại đây đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng về vấn đề môi trường đất, nước và không khí đặc biệt là môi trường nước, vì vậy việc đánh giá chất lượng nước thải công nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc cung cấp số liệu một cách trung thực và chính xác về thực trạng chất lượng nước thải công nghiệp hiện tại. Đề tài đã thẩm định phương pháp định lượng phospho tổng (P-PO43-), sắt tổng trong các mẫu nước thải được thu tại khu công nghiệp Trà Nóc bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử UV-Vis và 3 kim loại nặng: Pb, As và Hg bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử AAS kết quả đạt được: độ tuyến tính có hệ số tương quan hồi quy $R > 0,995$, giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn phát hiện (LOQ), độ lặp lại và có hiệu suất thu hồi, đạt tiêu chuẩn AOAC về yêu cầu phương pháp phòng thí nghiệm năm 2011. Áp dụng phương pháp đã thẩm định để xác định hàm lượng của phospho tổng (P-PO43-), sắt tổng, chì (Pb), Asen (As), thủy ngân (Hg) trên 14 mẫu nước thải được thu tại khu công nghiệp Trà Nóc 1 và 2 trong vòng 1 tuần và đã đạt được các kết quả sau: hàm lượng phospho tổng từ 0,21 đến 33,26 mg/L, hàm lượng sắt tổng từ 0,06 đến 2,47 mg/L, hàm lượng chì từ 0,00105 đến 0,04824 mg/L, hàm lượng As từ KPH đến 0,1546 mg/L và hàm lượng thủy ngân từ KPH đến 0,016 mg/L. Kết quả cho thấy phần lớn các mẫu nước đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp nhưng vẫn có một số mẫu vượt quá tiêu chuẩn nhiều lần mức cho phép.

1803	Đại học	PHÂN LẬP CHẤT TỪ THÂN CÂY HUYẾT GIÁC (<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.), HỌ HUYẾT DỤ (<i>Asparagaceae</i>)	Thị, Mỹ Lệ	Tôn, Nữ Liên Hương	2018	Khảo sát thành phần hóa học của thân cây Huyết giác <i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep., thu ở tỉnh Hòa Bình. Nguyên liệu là thân cây <i>Dracaena cambodiana</i> (2 kg), thực hiện bằng phương pháp chiết ở nhiệt độ phòng thu được cao tổng (150 g). Cao tổng sau khi hòa với nước cất thì thu được phần tan và không tan trong nước. Phần tan được các phân đoạn bằng cách chiết lỏng-lỏng sử dụng dichloromethane, ethyl acetate thu được các phân đoạn cao dichloromethane (11 g), ethyl acetate (10 g), phần còn lại cao MeOH/H ₂ O. Nghiên cứu này chỉ tập trung phần không tan trong nước. Kết quả cho các phân đoạn phần không tan trong nước từ thân cây Huyết giác phân lập được hai hợp chất HG.DC02 và HG.DC04 lần lượt là 5,7-dihydroxy-3-(4-hydroxybenzyl) chroman-4-one và 5-hydroxy-7-methoxy-3-(4-hydroxybenzyl)-4-chromanone. Cấu trúc của hợp chất được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, 2D-NMR, ESI-MS và so sánh với tài liệu đã công bố.
1804	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học của cao ethyl acetate của địa y <i>Parmotrema tinctorum</i> (nyl.) hale thu hái tại Thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Lê, Phước Trí, Văn Hiêm Trương	Nguyễn, Phúc Đàm	2018	Từ phân đoạn cao chiết ethyl acetate của loài địa y <i>Parmotrema tinctorum</i> (Nyl.) Hale, được thu hái tại Thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, qua nhiều lần sắc ký cột, kết quả đã phân lập được 3 hợp chất tinh khiết là methyl haematomate (PT12), ethyl haematomate (PT7), và 8-(2, 4-Dihydroxy-6-(2-oxoheptyl)phenoxy)-6-hydroxyl-3-pentyl-1H-iso-chromen-1-one (PT15). Cấu trúc của các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm 1H-NMR, 13C-NMR, COSY, HSQC, HMBC, MS và so sánh với các tài liệu tham khảo đã công bố trước đây.
1805	Đại học	: Xây dựng phương pháp xác định đồng thời bảy hoạt chất thuốc BVTV bằng GC-MS/MS.	Lê, Phước Thành	Nguyễn, Trọng Tuấn.	2018	Phân tích dư lượng bảy loại hoạt chất thuốc BVTV trên ba nền mẫu thực. Nghiên cứu tối ưu hóa các điều kiện chạy máy GC-MS/MS để tách và xác định bảy hoạt chất BVTV, đường chuẩn thu được có độ tuyến tính cao R ² >0,990 trong khoảng 10 – 1000 µg/L, phương pháp phân tích có độ lặp lại cao với độ lệch chuẩn tương đối nhỏ hơn 5% phù hợp theo tiêu chuẩn của AOAC. Giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp thấp, LOD từ 5,11-23,62 µg/L, LOQ từ 17,04-78,73 µg/L. Tiến hành phân tích bảy hoạt chất trên ba nền mẫu thực: cà chua, dưa leo và su hào cho thấy không phát hiện các hoạt chất trên.
1806	Đại học	Khảo sát xây dựng phương pháp xác định dư lượng trifluralin trong thủy sản bằng phương pháp sắc ký khí	Nguyễn, Thế Hào	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Phương pháp cũ không phù hợp phân tích được trên nền mẫu cá tra và tôm, còn phương pháp mới đã tối ưu thì phân tích được trên nền mẫu cá tra và tôm. Những điều kiện tối ưu như: thêm hàm lượng H ₂ O ở mức 5ml, khối lượng NaCl là 2g, khối lượng PSA - C18 là 200mg-200mg. Qua các điều kiện đã khảo sát trên thì thông số khảo sát thu được kết quả như sau: Độ thu hồi của phương pháp trên nền mẫu cá là: 84-89% ở mẫu tôm là 85-97%. Độ lặp lại của phương pháp dựa trên độ lệch chuẩn tương đối với kết quả như sau: RSD trên cá là 4,5% và tôm là 5,3%. Độ tuyến tính: Cá có R ² = 0,9986, Tôm R ² = 0,9984 độ tương quan tuyến tính của phương pháp nằm trong khoảng nồng độ là 0,3ppb đến 3ppb. Các giá trị độ lặp lại, độ thu hồi, độ tuyến tính đều nằm trong khoảng cho phép thỏa điều kiện AOAC chứng minh quy trình được xây dựng ở trên có độ ổn định và độ chính xác cao có thể ứng dụng.

1807	Đại học	Định tính thành phần hóa học và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của lá cà ri (<i>Bixa orellana</i> L.) và trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.)”	Nguyễn, Thiện Dương	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Khảo sát hàm lượng polyphenol, flavonoid và hoạt tính kháng oxy hóa trong lá cà ri (<i>Bixa orellana</i> L.) và lá trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.) bằng ba phương pháp. Kết quả định tính thành phần hóa học cho thấy trong lá cà ri và trứng cá đều có chứa các hợp chất steroid, triterpenoid, glycoside, sesquiterpen lacton. Riêng lá trứng cá có thêm các hợp chất như: alkaloid, tannin, flavonoid. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp DPPH cho thấy cao methanol của lá cà ri có khả năng trung hòa gốc tự do DPPH với giá trị EC50 = 26,46 µg/mL cao hơn chất chuẩn Vitamin C là 6,80 lần, lá trứng cá EC50 = 27,62 µg/mL cao hơn Vitamin C là 7,1 lần. Hiệu suất trung hòa gốc tự do ABTS+ lá cà ri EC50 = 9,29 µg/mL cao hơn chất chuẩn Trolox là 7,6 lần, lá trứng cá EC50 = 16,21 µg/mL thấp hơn chất chuẩn Trolox là 1,09 lần. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp khử sắt (Reducing power) cho thấy, với nồng độ mẫu thử tại OD bằng 0,5 của cao methanol lá cà ri là 182,86 µg/mL, trứng cá 238,71 µg/mL. Kết quả khảo sát hàm lượng polyphenol tổng (TPC) lá cà ri và lá trứng cá lần lượt là 95,15 (mg GAE/g), 75,93 (mg GAE/g). Hàm lượng flavonoid tổng có trong cao lá cà ri và lá trứng cá lần lượt là 534,74 (mgQE/g), 360,81 (mgQE/g).
1808	Đại học	Khảo sát hàm lượng silic tổng số và silic hữu hiệu trong phân bón	Đặng, Thị Hồng Diễm	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá hàm lượng silic tổng số và silic hữu hiệu trong 5 mẫu phân bón tại một số cửa hàng trên địa bàn Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ và 5 mẫu được gửi phân tích tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. Kết quả hàm lượng SiO2 tổng số được đánh giá theo “Thông tư số 29/2014/TT-BCT của Bộ Công thương” (Phụ lục 13). Từ kết quả phân tích 10 mẫu phân bón cho thấy tất cả các mẫu đều đạt được hàm lượng theo quy định. Đối với hàm lượng SiO2 tổng số, 10 mẫu tiến hành khảo sát đều đạt mức yêu cầu, có 3 mẫu có hàm lượng thấp so với 7 mẫu còn lại đó là mẫu 5 (5,35%), mẫu 6 (13,49%), mẫu 7 (12,11%). Đối với hàm lượng SiO2 hữu hiệu, trong số 10 mẫu tiến hành khảo sát, có 4 mẫu là mẫu 5 (0,11%), mẫu 6 (0,10%), mẫu 7 (0,16%) và mẫu 9 (0,13%) có hàm lượng thấp hơn so với các mẫu còn lại

1809	Đại học	Khảo sát xây dựng phương pháp xác định dư lượng chlorpyrifos trong tôm tằm bột chiên và cá tra tằm bột bằng phương pháp sắc ký khí.	Trần, Trung Tín.	Nguyễn, Thị Hồng Nhân.	2018	: Dư lượng thuốc trừ sâu trong thủy sản được phân tích bằng phương pháp AOAC 2007.01. Tuy nhiên, sau khi áp dụng quy trình, mẫu vẫn còn nhiều tạp chất gây ảnh hưởng đến kết quả và các thiết bị phân tích như: Dơ cột, mất thời gian vệ sinh máy, tốn chi phí thay cột,... Đề tài tiến hành cải tiến phương pháp bằng cách thay đổi dung môi chiết từ acetonitrile 1% acetic acid sang dung môi n-hexane, thay thế PSA bằng Florisil, và giải hấp phụ bằng n-hexane. Áp dụng quy trình cải tiến cho hiệu quả cao, dễ thực hiện, giảm được chi phí sử dụng dung môi và an toàn cho nhân viên kiểm nghiệm. Dư lượng chlorpyrifos trong tôm tằm bột chiên và cá tra tằm bột được chiết với acetonitril 1% acetic acid. Sau đó, thêm nước và chiết lại với n-hexane. Dịch chiết làm sạch với Florisil. Giải hấp phụ trên Florisil bằng n-hexane rồi tiến hành thổi khô và định mức với 0,5 mL n-hexane. Dịch chiết cuối cùng thu được đem phân tích bằng hệ thống GC-ECD. Đường chuẩn có sự tương quan tuyến tính rõ rệt giữa nồng độ chất phân tích và diện tích peak, $R = 0,9993$. Phương pháp có độ lệch chuẩn tương đối $RSD = 1,76\%$ và khoảng thu hồi 92,4-99,4% thỏa mãn tiêu chuẩn AOAC ($RSD < 21\%$) và độ thu hồi (60-115%).
1810	Đại học	KHẢO SÁT MỘT SỐ CHỈ TIÊU HÓA LÝ CỦA DẦU THỰC VẬT TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Bùi, Ngọc Kiều Tiên	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	“Khảo sát một số chỉ tiêu hoá lý của dầu thực vật tại thành phố Cần Thơ”, với mục tiêu đánh giá mức độ hư hỏng và ô nhiễm kim loại nặng của các loại dầu thực vật (nguyên chất và tinh luyện). Song song với đó, đề tài cũng khảo sát sự biến đổi về chất lượng trong các điều kiện phân phối khác nhau. Đề tài tiến hành khảo sát trên 20 mẫu dầu thực vật bao gồm: dầu không có nhãn hiệu tại một số chợ, dầu có nhãn hiệu tại tiệm tạp hoá nhỏ lẻ và dầu có nhãn hiệu tại một số siêu thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy: Các trị số acid, peroxid và iod đều đạt chuẩn (TCVN 7597:2013). Kết quả khi tiến hành phản ứng Kreiss, các mẫu mua tại siêu thị cho kết quả 100% âm tính. Trị số peroxid phụ thuộc rất nhiều vào nguyên liệu sản xuất và điều kiện bảo quản. Các mẫu dầu thực vật nguyên chất có trị số acid, iod cao hơn do có chứa nhiều acid béo không bão hoà, tuy rằng các acid béo này tốt cho cơ thể hơn nhưng lại dễ hư hỏng nếu điều kiện bảo quản không tốt. Bên cạnh đó, hàm lượng kim loại nặng As, Pb khá thấp so giới hạn cho phép (QCVN 8-2:2011/BYT 0,1mg/kg). Các mẫu tại các địa điểm khác nhau có sự khác biệt về hàm lượng kim loại nặng As và Pb. Hàm lượng chì trong các mẫu cao hơn là hàm lượng arsen.
1811	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu cơ bản trong nước thải sinh hoạt tại một số địa điểm kênh, rạch thuộc thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Huỳnh Nhi	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Đề tài đã tiến hành phân tích một số chỉ tiêu cơ bản của nước thải sinh hoạt. Kết quả phân tích mẫu nước cho thấy các chỉ tiêu: pH; tổng chất rắn lơ lửng; tổng chất rắn hòa tan; sunfua; amoni; dầu mỡ động, thực vật ở các địa điểm được khảo sát đa số nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14 : 2008/BTNMT. Tuy nhiên, bờ kè rạch Tham Tướng là nơi có hàm lượng của các thông số được khảo sát vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn rất nhiều, cho thấy có sự ô nhiễm nghiêm trọng, cần phải có biện pháp xử lý kịp thời.

1812	Đại học	Phân lập chất từ cao ethyl acetate của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.), họ hoa Mồm chó (<i>Scrophulariaceae</i>)	Trương, Minh Tài	Tôn, Nữ Liên Hương	2018	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.) thu hái ở khu vực ven bờ sông Hậu, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy từ phân đoạn cao chiết ethyl acetate của cây Cam thảo đất đã phân lập được hợp chất hymenoxin và (2R)-7-methoxy-1,4-benzoxazin-3(2H)-one 2-O- β -glucopyranoside [(2R)HMBOA-2-O-Glc]. Cấu trúc của 2 hợp chất trên được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, 2D-NMR và so sánh với tài liệu đã công bố.
1813	Đại học	Bào chế và đánh giá độ phóng thích in vitro của hệ tự vi nhũ gliclazide	: Phan, Thúy Kiều	Lê, Thanh Phước	2018	Hệ tự vi nhũ phân phối thuốc (SMEDDS) được phát triển với mục tiêu khắc phục các vấn đề liên quan đến việc phân phối gliclazide, một loại thuốc chữa đái tháo đường, có độ hòa tan phụ thuộc pH, đặc biệt kém tan trong nước. Độ hòa tan của gliclazide trong các pha dầu và chất hoạt động bề mặt được khảo sát để xác định các thành phần của SMEDDS. Các chất hoạt động bề mặt và chất đồng hoạt động bề mặt khác nhau được sàng lọc cho khả năng nhũ hóa các pha dầu đã chọn. Sơ đồ pha được xây dựng để xác định diện tích vi nhũ cho các tỷ lệ được chọn. Sự ảnh hưởng gliclazide và một số yếu tố như nhiệt độ, tốc độ khuấy, thời gian khuấy đối với độ bền của hệ được chọn được khảo sát đánh giá. Kích thước hình cầu của các SMEDDS gliclazide tối ưu được khảo sát. SMEDDS tối ưu cần có chất hoạt động bề mặt hàm lượng lớn hơn 60% và tạo ra hạt có kích thước trung bình là dưới 100 nm, bền và đồng nhất. SMEDDS gliclazide cho thấy khả năng cải thiện độ phóng thích in vitro so với gliclazide dạng viên nén.
1814	Đại học	Phân lập chất từ cao n-hexane của thân cây Phèn đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.), họ Thầu dầu (<i>Euphorbiaceae</i>)	Huỳnh Thị Quỳnh Mai	PGS.Ts Tôn Nữ Liên Hương	2019	Nghiên cứu thành phần hóa học của thân cây Phèn đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.) thu hái ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Kết quả cho thấy từ phân đoạn cao chiết n-hexane của thân cây Phèn đen phân lập được hợp chất phyllane A. Cấu trúc của hợp chất được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, 2D-NMR, ESI-MS và so sánh với tài liệu đã công bố.
1815	Đại học	Thẩm định qui trình định lượng tricyclazole trong thuốc bảo vệ thực vật bằng phương pháp HPLC	Phan, Thị Ngọc Châu	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Thẩm định qui trình định lượng tricyclazole trong thuốc bảo vệ thực vật bằng phương pháp HPLC” được thực hiện với mục tiêu định lượng hoạt chất tricyclazole trong thuốc bảo vệ thực vật. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC được tối ưu hóa với các điều kiện thích hợp và được áp dụng để phân tích các mẫu trên địa bàn thành phố Cần Thơ được gửi đến công ty với số mẫu là 8 mẫu. Qua việc đánh giá cho thấy phương pháp cho hiệu quả định lượng chính xác, phù hợp với yêu cầu phân tích. Do đó, có thể áp dụng để phân tích định lượng tricyclazole trong thuốc bảo vệ thực vật.

1816	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học của tinh dầu và một số hoạt tính sinh học của cao chiết lá Ngũ sắc (Bông ổi) (<i>Lantana camara</i> L.)	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Huỳnh, Anh Duy	2018	Cây ngũ sắc (<i>Lantana camara</i> L.) thuộc họ roi ngựa (<i>Verbenaceae</i>) thường trồng làm cảnh do hoa có nhiều màu khác nhau, có xuất xứ từ nước ngoài, song phân bố rộng rãi toàn Việt Nam do khí hậu nước ta ở vùng nhiệt đới. Lá ngũ sắc được thu hái ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Mẫu sau khi thu hái được rửa sạch. Phơi mẫu ở nhiệt độ thường, tránh ánh nắng trực tiếp, đến khi mẫu giòn, nghiền nhỏ và tiến hành chiết với Ethanol (EtOH). Thu cao EtOH và sau đó lắ phân đoạn thu được các cao phân đoạn: Hexane (Hex), Dichloromethane (DC), Ethyl acetate (EA) và cao nước còn lại. Tiến hành xác định các thành phần chủ yếu có trong mẫu tinh dầu lá Ngũ sắc tươi bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ (GC-MS). Khảo sát tác dụng kháng viêm in vitro ức chế biến tính albumin huyết thanh bò (BSA) do nhiệt trên cao chiết lá Ngũ sắc theo phương pháp của Habibur Rahman và cộng sự.
1817	Đại học	Thẩm định phương pháp kiểm tra Chlorpyrifos trên nền mẫu cá tra bằng sắc ký khí đầu dò khối phổ (GC-MS).	Trương, Phan Thùy Trang	ThS. Huỳnh, Anh Duy	2019	Với điều kiện trang thiết bị hiện có của phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm Phân tích và Kiểm định Hàng Hóa Xuất Nhập Khẩu-Chỉ nhánh Công ty TNHH Thiết Bị Khoa Học Kỹ Thuật Hải Ly (Viacimex), đề tài hướng đến:- Lựa chọn điều kiện phân tích Chlorpyrifos trên máy GC-MS. - Mục tiêu nghiên cứu: đề tài sẽ tiến hành lựa chọn các thông số cơ bản (độ tuyến tính, độ thu hồi, độ đặc hiệu, độ lặp lại) để đánh giá khả năng sử dụng phương pháp phân tích. -Đối tượng nghiên cứu: phương pháp kiểm tra chlorpyrifos trên nền mẫu cá tra.

1818	Đại học	Định lượng SO ₂ trong không khí tại khu công nghiệp Trà Nóc 1, Hưng Phú và Thốt Nốt bằng phương pháp Tetrachloromercurate/Pararosanilin	Hồ, Minh Thuận	Phạm, Vũ Nhật	2019	Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Nam, thành phố Cần Thơ là một trong những thành phố có quá trình đô thị hóa-công nghiệp hóa phát triển mạnh của Việt Nam. Đô thị hóa là xu hướng tất yếu của một nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa-công nghiệp hóa luôn đồng nghĩa với việc biến đổi môi trường tự nhiên, ở cả khuynh hướng tích cực và tiêu cực. Môi trường không những bị ô nhiễm do quá trình đô thị hóa, hoạt động canh tác của nông nghiệp, sinh hoạt, giao thông vận tải mà chủ yếu là do các hoạt động phát triển kinh tế của các khu công nghiệp. Cùng với sự tăng trưởng đồng bộ của các ngành công nghiệp thì vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm đúng mức nguyên nhân là do các chất thải thải ra từ các ngành công nghiệp này. Một trong số đó là vấn đề ô nhiễm không khí, môi trường không khí bị ô nhiễm sẽ tác động xấu đến sức khỏe con người. Chất lượng không khí có thể bị ảnh hưởng do các khí gây ô nhiễm thải ra từ các khu công nghiệp, các nhà máy hay mật độ lưu thông của các phương tiện giao thông cũng góp phần tạo ra các khí thải thải vào môi trường không khí. Xuất phát từ tình hình đó, trong bài luận văn này tiến hành khảo sát phương pháp xác định hàm lượng SO ₂ trong mẫu không khí bằng phương pháp trắc quang sử dụng phổ hấp thụ UV-Vis theo TCVN 5971:1995, qua đó khảo sát hàm lượng SO ₂ trong các mẫu khí thu được tại khu công nghiệp Hưng Phú, Trà Nóc 1, Thốt Nốt ở thành phố Cần Thơ và đánh giá mức độ ô nhiễm theo theo QCVN 05:2013/BTNMT và chỉ số chất lượng không khí (AQI). Qua kết quả khảo sát cho thấy phương pháp Tetracloromercurat(TCM)/ Pararosanilin (TCVN 5971-1995) phù hợp với yêu cầu phân tích, điều kiện phòng thí nghiệm và phạm vi áp dụng, đúng theo quy định của Thông tư Số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàm lượng SO ₂ trong các mẫu khí thu tại các khu công nghiệp đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 05:2013 /BTNMT) và chỉ số AQI đều nằm trong khoảng chất lượng không khí không bị ô nhiễm.
1819	Đại học	Nghiên cứu thiết lập công thức phối chế kem trắng da từ cao chiết ethanolcuar thân cây mít và đánh giá sản phẩm.	Châu, Mỹ Hân	Lê, Thanh Phước	2019	Cây mít là cây ăn quả được trồng phổ biến ở các nước Đông - Nam A với nhiều giá trị về thực phẩm & dược phẩm. Mít được biết đến với các tác dụng về chống viêm, chống oxy hóa tốt. Đề tài ứng dụng dược tính của thân cây mít trong việc ức chế melamin để mang lại cho làn da trắng sáng & mang lại độ ẩm cần thiết cho làn da.Nghiên cứu thiết lập công thức phối chế kem trắng da từ cao chiết ethanol của thân cây mít với hàm lượng 10% khảo sát đánh giá về độ bền cấu trúc và cảm quan sử dụng đối với các tỉ lệ hệ thức khác nhau. sản phẩm tạo thành được đánh giá các chỉ tiêu ổn định, khả năng kích ứng da, những chỉ tiêu theo được điển Viện Nam IV về mỹ phẩm và khả năng làm trắng & dưỡng ẩm được thử nghiệm trên chuột & các tình nguyện viên.

1820	Đại học	KHẢO SÁT THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ TÁC DỤNG KHÁNG ACID IN VITRO CỦA CÁC CAO CHIẾT LÁ TRỨNG CÁ (<i>Muntingia calabura</i> L.)	Trần, Thị Hoàng Oanh	Huỳnh, Anh Duy	2019	Cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.) hay còn gọi là mật sâm, loài duy nhất trong chi <i>Muntingia</i>, thuộc họ <i>Muntingiaceae</i>. Là một loại thực vật có hoa có nguồn gốc ở miền nam Mexico, Caribe, Trung Mỹ và miền tây Nam Mỹ về phía nam của Peru và Bolivia. Tuy nhiên, cây trứng cá được phân bố khắp Việt Nam do nước ta có khí hậu nhiệt đới, thổ nhưỡng thích hợp và hạt được phát tán nhờ chim và dơi ăn quả. Lá cây trứng cá được thu hái ở thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Mẫu sau khi thu hái được rửa sạch. Phơi mẫu ở nhiệt độ thường, tránh ánh nắng trực tiếp, đến khi mẫu giòn, nghiền nhỏ và tiến hành chiết với Methanol (MeOH), EtOH 96%, EtOH 70%, EtOH 50% và nước. Thu cao MeOH, EtOH 96%, EtOH 70%, EtOH 50% tổng và cao nước. Sau đó lắc phân đoạn từ cao MeOH tổng thu được các cao phân đoạn: Hexane (Hex), Dichloromethane (DC), Ethyl acetate (EA) và phần nước còn lại. Tiến hành định tính thành phần hóa học trong các cao phân đoạn lá Trứng cá, cho thấy lá Trứng cá có chứa: alkaloid, flavonoid, đường khử và steroid-triterpenoid. Tiến hành xác định các thành phần hóa học chủ yếu có trong cao MeOH lá Trứng cá bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ (GC-MS) thu được kết quả: Phenol, 2-methoxy-3-(2-propenyl)- ($C_{10}H_{12}O_2$) (27.92%). Ngoài ra có chứa Phytol (23.08%), Silanediol, dimethyl-, diacetate (14.9%), Caryophyllene (3.63%) và Ar-tumerone (1.99%). Khảo sát khả năng trung hòa in vitro bằng phương pháp chuẩn độ theo mô hình của Fordtran của các loại cao chiết lá Trứng cá ở nồng độ 1 mg/mL và 0,5 mg/mL nhận thấy ở cả 2 nồng độ, cao nước cho hiệu quả trung hòa tốt hơn cao MeOH, cao EtOH 96%, cao EtOH 70% và cao EtOH 50%, đồng thời cao ở nồng độ 1 mg/mL và 0,5 mg/mL cho hiệu quả trung hòa tốt hơn nước cất lần lượt 1,8 lần và 1,38 lần nhưng vẫn thấp hơn các chất chuẩn. Do vậy, cao nước có tiềm năng kháng acid tốt và nước là dung môi phù hợp nhất dùng trong nghiên cứu này.
------	---------	---	----------------------	----------------	------	--

1821	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa và hoạt tính kháng viêm in vitro của cao chiết dây Mỏ quạ (<i>Dischidia major</i> (Vahl) Merr.)	Nguyễn, Thị Mai Thanh	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Nghiên cứu này nhằm khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa và kháng viêm của cao nước, cao methanol và cao ethanol chiết từ lá hình bầu của dây Mỏ quạ (<i>Dischidia major</i> (Vahl) Merr.). Kết quả cho thấy khả năng kháng oxy hóa của cao nước trong các phương pháp phosphomolybdenum, nitric oxide và kháng viêm của cao nước đều tốt hơn cao methanol và cao ethanol, và cao ethanol có khả năng kháng oxy hóa yếu nhất trong ba cao khảo sát. Hàm lượng polyphenol tổng (TPC) và flavonoid tổng (TFC) của cao nước lần lượt là $74,018 \pm 0,439$ (mg GAE/g cao chiết) và $280,126 \pm 1,089$ (mg QE/g cao chiết), của cao methanol lần lượt là $52,852 \pm 1,006$ (mg GAE/g cao chiết) và $53,080 \pm 2,880$ (mg QE/g cao chiết), cao ethanol là $13,310 \pm 1,980$ (mg GAE/g cao chiết) và $178,110 \pm 2,500$ (mg QE/g cao chiết), các kết quả tương đồng với khả năng kháng oxy hóa tốt nhất của cao nước. Kết quả kháng viêm in vitro cho thấy giá trị EC80 (Effective Concentration of 80%) của các cao chiết rất thấp, nên khả năng kháng viêm tương đối tốt. Khả năng kháng viêm của cao nước tốt hơn cao methanol và cao ethanol, nhưng cả ba cao đều yếu hơn các chất chuẩn Diclofenac (với giá trị EC50 = $0,56 \pm 0,204$ µg/mL) và Prednisolon (với giá trị EC50 = $0,39 \pm 0,166$ µg/mL) Từ khóa: Dây Mỏ quạ, <i>Dischidia major</i> (Vahl) Merr., kháng viêm in vitro, nitric oxide, phosphomolybdenum
1822	Đại học	Phân lập chất từ cây Cỏ sữa lá lớn (<i>Euphorbia hirta</i> L.) họ Thầu dầu (<i>Euphorbiaceae</i>)	Đồng, Ngọc Bích Ngân	ThS. Lê, Thị Bạch	2019	Toàn cây Cỏ sữa lá lớn được thu hái ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào tháng 02/2017. Sau đó làm sạch, cắt nhỏ, phơi khô trong bóng mát ở nhiệt độ phòng và xay thành bột mịn. Bột cây được ngâm dầm trực tiếp với dung môi có độ phân cực tăng dần thu được dịch chiết, cô quay loại dung môi thu được các phân đoạn cao chiết tương ứng. Bằng phương pháp sắc ký nhanh-cột khô kết hợp với sắc ký cột cổ điển từ cao n-hexan đã cô lập được hợp chất EH7 và từ cao methanol đã cô lập được hợp chất Eup11. Với các phương pháp phổ hiện đại là MS, ¹ H-NMR, ¹³ C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC xác định cấu trúc hợp chất EH7 là cycloartan-23Z-ene-3β,25-diol và hợp chất Eup11 là catechin.

1823	Đại học	Nghiên cứu phương pháp xác định dư lượng Acetamiprid trong đu đủ và Sơ ri bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò khối phổ (LC-MS/MS) với kỹ thuật xử lý mẫu QuEChERS	Trần, Bình An	Th.S Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài “Nghiên cứu phương pháp xác định dư lượng Acetamiprid trong đu đủ và Sơ ri bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò khối phổ (LC-MS/MS) với kỹ thuật xử lý mẫu QuEChERS” được thực hiện với mục tiêu là xác định dư lượng acetamiprid trong đu đủ và sơ ri theo tiêu chuẩn EN 15662. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò khối phổ (LC-MS/MS) được tối ưu hóa với các điều kiện thích hợp và được áp dụng để phân tích mẫu thực tế được gửi đến công ty Với kỹ thuật xử lý mẫu QuEChESR cho thời gian phân tích nhanh, hiệu quả cao dễ thực hiện, giảm chi phí sử dụng dung môi và an toàn cho nhân viên kiểm nghiệm. Dư lượng Acetamiprid trong đu đủ và sơ ri được chiết với Acetonitril. Làm sạch bằng phương pháp phân tán pha rắn dSPE. Dịch chiết được phân tích bằng hệ thống LC/MS/MS với kỹ thuật ion hóa ESI và kỹ thuật ghi phổ MRM. Giới hạn phát hiện của phương pháp (LOD của sơ ri là 0,65 ppb và đu đủ là 0,62 ppb) và giới hạn định lượng (LOQ của sơ ri là 1,97 ppb và đu đủ là 1,88 ppb). Đường chuẩn có sự tương quan tuyến tính rõ rệt giữa nồng độ chất phân tích và diện tích peak ($R > 0,99$). Phương pháp có độ lặp lại (Độ lệch chuẩn tương đối của đu đủ RSD = 5,26% và sơ ri RSD = 2,80%) và độ thu hồi của sơ ri (93% - 96%), độ thu hồi của đu đủ (90% - 114%) đều đạt tiêu chuẩn theo chuẩn Công ty TNHH Intertek- Chi Nhánh Cần Thơ Kỹ thuật QuEChESR được sử dụng ở các nước tiên tiến phân tích hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật trong các nền mẫu khác nhau và ngày càng cải tiến mở rộng cho các nhóm kháng sinh, độc tố, chất quảo quản trong thực phẩm, môi trường,...
1824	Đại học	KHẢO SÁT THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA CÂY CỎ SỮA LÁ LỚN (<i>Euphorbia hirta</i> L.) Họ THẦU DẦU (<i>Euphorbiaceae</i>)	Đặng, Trung Khang	Ths. Lê, Thị Bạch	2019	Mục tiêu chính của luận văn là góp phần khảo sát thành phần hóa học của cây Cỏ sữa lá lớn (<i>Euphorbia hirta</i> L.). Với nguyên liệu là toàn cây Cỏ sữa lá lớn được thu hái trên địa bàn thành phố Cần Thơ vào tháng 02 năm 2017, làm sạch, phơi khô và xay thành bột mịn. Bột cây được ngâm dầm trực tiếp với ethyl acetate và methanol thu được dịch chiết, thực hiện cô quay đuổi dung môi thu được cao ethyl acetate và cao methanol Bằng phương pháp sắc ký cột nhanh khô, sắc ký cột pha thường và sắc ký cột pha đảo, từ cao Ethyl acetate đã cô lập được hợp chất Eup19, từ cao methanol đã cô lập được hợp chất EaEupD25. Bằng phương pháp phổ phân tích hiện đại như $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$, DEPT, HSQC, HMBC đã tiến hành xác định cấu trúc và định danh hợp chất Eup19 là Hymenoxin (5,7-dihydroxy-6,8,3',4'-tetramethoxyflavone) và đề nghị công thức hợp chất EaEupD25 là 6'-methoxylaltilisins H.

1825	Đại học	Bước đầu khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn gây bệnh trên thủy sản của một số loài thực vật	Lý ; Lê, Thị Hồng Trang ; Thành Lực	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Đề tài đã sử dụng phương pháp chiết ngâm dầm để cô quay thu hồi dung môi được cao tổng của các loài thực vật, từ đó đánh giá hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> , <i>Aeromonas hydrophila</i> B56 và <i>Aeromonas hydrophila</i> K28 của 59 loại cao chiết từ 47 loài thực vật trong điều kiện phòng thí nghiệm bằng phương pháp kháng khuẩn trên đĩa petri với nồng độ khảo sát từ 1000 đến 5000 µg/mL. Kết quả ghi nhận được, các loài thực vật như: Lựu, Bàng, Diệp hạ châu thân đỏ, Rau mương đều cho khả năng kháng khuẩn trên cả 3 loại vi khuẩn. Có tất cả 28 loại cao tổng của các cây cho khả năng kháng vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> , nhưng chỉ có 4 loại cao tổng có khả năng kháng vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> B56 và 7 loại cao tổng có khả năng kháng vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> K28 .
1826	Đại học	KHẢO SÁT HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA VÀ THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA CÂY CỎ SỮA LÁ LỚN (<i>Euphorbia hirta</i> L.) Họ THẦU DẦU (<i>Euphorbiaceae</i>)	Ôn, Nguyễn Thảo Luân	Th.S Lê, Thị Bạch	2019	Cô lập hợp chất hóa học từ cao phân đoạn methanol của cây Cỏ sữa lá lớn (<i>Euphorbia hirta</i> L.). Xác định cấu trúc hợp chất hóa học cô lập được Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của hợp chất hóa học thu được bằng phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH.
1827	Đại học	Ly trích và khảo sát thành phần hóa học của tinh dầu cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.)	Phan, Kiều Nhanh	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Đề tài được tiến hành trên nguyên liệu là cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.). Thực hiện các mục tiêu: ly trích tinh dầu, khảo các chỉ số vật lý (màu, mùi,...), chỉ số hóa học (acid, ester, savon), khảo sát thời gian và lưu lượng dung môi tối ưu nhất để ly trích tinh dầu hiệu quả, cũng như khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của tinh dầu thu được Tinh dầu ly trích được có màu vàng nhạt, mùi long não (tựa như mùi của củ gừng). Thời gian và lượng dung môi tối ưu cho quá trình chưng cất để tối ưu quy trình ly trích tinh dầu Hương thảo là 500 mL trong 2 giờ. Tinh dầu thu được có chỉ số acid là 1,8535, chỉ số savon hóa là 10,7801 và chỉ số ester hóa là 8,9266. Thành phần hóa học chính có trong tinh dầu bao gồm: eucalyptol, α -pinene, camphene, β -pinene, β -linalool, lemonol,... Kết quả khảo sát hoạt tính kháng khuẩn cho thấy, tinh dầu Hương thảo chưa thể hiện được khả năng ức chế với nồng độ thử nghiệm dưới 5000 µg/mL trên các dòng khuẩn: <i>Aeromonas hydrophila</i> (B56, K28), <i>Aeromonas dhakensis</i> (B38), <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Vibrio parahaemolyticu</i> .
1828	Đại học	KHẢO SÁT THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA CỦA CÂY CỎ SỮA LÁ LỚN (<i>Euphorbia hirta</i> L.) Họ THẦU DẦU (<i>Euphorbiaceae</i>)	Phạm, Trung Nhân	ThS.Lê, Thị Bạch	2019	Sử dụng phương pháp ngâm dầm cổ điển để thu được cao chiết.Sử dụng phương pháp DPPH và ABTS.+ để khảo sát hoạt tính kháng oxyhóa của các cao phân đoạn.Sử dụng phương pháp sắc ký để phân lập các hợp chất tinh khiết.Sử dụng phương pháp phổ để xác định cấu trúc của các hợp chất thu được

1829	Đại học	Tổng hợp các dẫn xuất quinazolinone	Nguyễn, Ngọc Bội Nghi	PGs. Ts Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa nhân quinazolinone đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực hóa dược do có các hoạt tính sinh học quý giá như kháng khuẩn, kháng nấm, kháng lao, kháng ung thư, chống co giật. Trong nghiên cứu này, quy trình hai bước tổng hợp bốn dẫn xuất quinazolinone (N1), (N2), (N3), (N4) đã được phát triển thành công với hiệu suất cao. Bốn dẫn xuất quinazolinone được tổng hợp xuất phát từ tác chất ban đầu là anthranilamide kết hợp với các aldehyde khác nhau trong sự hiện diện của hai tác nhân oxi hóa là $\text{FeCl}_3 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ và oxi không khí. Từ đó, tiếp tục cho phản ứng với các bromoacetophenone trong dung môi DMF, sử dụng potassium carbonate (K_2CO_3) làm tác nhân base. Cấu trúc của các hợp chất này được xác nhận đầy đủ bằng các phương pháp quang phổ như phổ $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$ và MS.
1830	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học và tác dụng kháng acid in vitro của các cao chiết lá Trái Nổ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.)	Ong, Xiêu Sệ	ThS.DS. Huỳnh, Anh Duy	2019	Cây Trái nổ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.) thuộc họ Ô rô (<i>Acanthaceae</i>) thường mọc nhiều ở vùng nhiệt đới (đặc biệt là những nơi có khí hậu nóng ẩm). Tại Việt Nam nó được tìm thấy ở khắp mọi miền nhưng nhiều nhất là ở miền Nam. Lá cây trái nổ được hái từ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó được rửa sạch và phơi ở nhiệt độ phòng tránh ánh nắng trực tiếp đến khô, được nghiền nhỏ rồi chiết trong MeOH, EtOH ở các nồng độ: EtOH 96%, EtOH 70%, EtOH 50%, Nước cất và các cao phân đoạn từ Cao Methanol tổng là Hexan (Hex), Dichloromethane (DC), Ethyl acetate (EA) và cao nước còn lại. Tiến hành định tính thành phần hóa học của các cao, trong cao lá Trái Nổ có chứa các thành phần: Đường khử, Flavonoid, Steroid-triterpenoid,...Tiến hành xác định các thành phần bay hơi chủ yếu có trong cao Methanol bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ GC-MS. Trong cao có 19 cấu tử, trong đó các cấu tử có hàm lượng lần lượt là Ar-tumerone (26,35%), β -Sitosterol (21,64%), Curlone (7,59%), β -Guaiene (4,67%),...Tiến hành thử nghiệm kháng acid in vitro dịch dạ dày của các loại cao chiết thì kết quả cho thấy hiệu quả trung hòa của các cao lần lượt là: - Tại nồng độ 1 mg/mL cho thấy EtOH 50% có khả năng trung hòa tốt nhất ($0,20 \pm 0,0018$ mmol H ⁺), đến cao Nước ($0,18 \pm 0,0032$ mmol H ⁺), cao EtOH 70% ($0,18 \pm 0,0032$ mmol H ⁺), cao MeOH ($0,13 \pm 0,0048$ mmol H ⁺), Nước ($0,09 \pm 0,0018$ mmol H ⁺) và Cao EtOH 96% ($0,08 \pm 0,0018$ mmol H ⁺) có khả năng trung hòa thấp nhất.- Tại nồng độ 0,5 mg/mL cao Nước lại có tiềm năng hơn ($0,18 \pm 0,0048$ mmol H ⁺), theo sau đó là cao EtOH 50% ($0,14 \pm 0,0048$ mmol H ⁺), cao EtOH 70% ($0,13 \pm 0,0048$ mmol H ⁺), cao MeOH ($0,11 \pm 0,0048$ mmol H ⁺), cao Nước ($0,09 \pm 0,0018$ mmol H ⁺) và thấp nhất là Cao EtOH 96% ($0,08 \pm 0,0013$ mmol H ⁺). Từ khóa: <i>Ruellia tuberosa</i> L., GC-MS, kháng acid.

1831	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của cây Gừng gió (<i>Zingiber zerumbet</i> L.)”	Nguyễn, Thu Hồng Pha	PGS. TS. Đái, Thị Xuân Trang	2019	Kết quả định tính thành phần hóa học các bộ phận trong cây Gừng gió có chứa alkaloid, flavonoid, steroid triterpenoid. Định lượng hàm lượng polyphenol toàn phần và flavonoid toàn phần của cao chiết ethanol từ các bộ phận của cây Gừng gió thấy được kết quả cao ethanol từ thân củ sau khi trích tinh dầu có hàm lượng polyphenol và flavonoid toàn phần cao nhất với giá trị tương ứng lần lượt là 24,4 (mg GAE/g cao chiết) và 82,1 (mg QE/g cao chiết). Khả năng ức chế enzyme α -amylase được xác định dựa vào lượng tinh bột còn lại sau khi phản ứng với enzyme α -amylase và cao chiết từ các bộ phận của cây Gừng gió. Kết quả cho thấy khả năng ức chế enzyme α -amylase tăng dần khi tăng nồng độ cao chiết từ 50; 100; 150; 200; 250 μ g/mL. Cao ethanol chiết từ thân củ cây Gừng gió sau khi đã trích tinh dầu có khả năng ức chế enzyme α -amylase với IC_{50} = 170,66 μ g/mL, cao ethanol chiết từ củ phụ cây Gừng gió có IC_{50} = 185,14 μ g/mL, cao ethanol chiết từ lá cây Gừng gió có IC_{50} = 216,25 μ g/mL, riêng cao ethanol chiết từ rễ cây Gừng gió và cao nước thì không ức chế được 50% nên không tính được giá trị IC_{50} . Qua kết quả khảo sát các thành phần hóa học chính của tinh dầu Gừng gió khi phân tích bằng phương pháp GC-MS thấy được cấu tử 2,6,10-Cycloundecatrien-1-one, 2,6,9,9-tetramethyl-, (E,E,E)-, có hàm lượng lớn nhất với phần trăm khối lượng tương đối là 15,38%.
1832	Đại học	Khảo sát một số thành phần hóa học của nhóm cây họ Đậu thân đứng làm thức ăn gia súc.	Huỳnh, Thành Quy	Ts. Nguyễn, Văn Hớn	2019	“Khảo sát một số thành phần hóa học của nhóm cây họ Đậu thân đứng làm thức ăn gia súc” được tiến hành tại Khoa Nông Nghiệp, trường Đại Học Cần Thơ với mục tiêu phân tích và xác định thành phần hóa học của 6 loại cây họ Đậu thân đứng dùng làm thức ăn gia súc là Bình linh (<i>Leucaena leucocephala</i>), Mai dương (<i>Mimosa pigra</i>), So đũa (<i>Sesbania grandiflora</i>), Phụng vĩ (<i>Delonix regia</i>), Mendola (<i>Tephrosia candida</i>) và Indo. Qua đó, so sánh thành phần hóa học giữa những loại họ đậu này. Tiến hành phân tích 6 mẫu đậu được lấy ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại. Các chỉ tiêu phân tích: vật chất khô (DM), protein thô (CP), khoáng tổng số (Ash), xơ trung tính (NDF), xơ acid (ADF) và Chlorophyll. Từ kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê về thành phần hóa học của 6 loại họ Đậu ($P = 0,001$). Trong đó, hàm lượng vật chất khô của Mai dương là cao nhất (43,79%) thấp nhất là cây Indo (23,14%), hàm lượng protein thô của So đũa là cao nhất (27,08%) thấp nhất là cây Phụng vĩ (19,73%). Hàm lượng khoáng tổng số của cây Indo cao nhất (9,3%) thấp nhất là cây Mai dương (5,48%), hàm lượng NDF của Mendola cao nhất (43,21%) thấp nhất là cây Indo (17,31%), hàm lượng ADF của Mendola cao nhất (25,21%) thấp nhất cây So đũa (11,48%). Hàm lượng chlorophyll a của Mendola cao nhất (19,45 mg/mL) thấp nhất So đũa (12,26 mg/mL), hàm lượng chlorophyll b của Bình linh cao nhất (7,39 mg/mL) thấp nhất So đũa (4,06 mg/mL).

1833	Đại học	Khảo sát hàm lượng Acesulfame K, Aspartame và Saccharin trong trà sữa trên thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Trần, Tiến Thanh	TS. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài được thực hiện nhằm kiểm tra độ ổn định và độ chính xác của thiết bị HPLC Agilent 1200 và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích Acesulfame K, Aspartame và Saccharin trong trà sữa, trên thiết bị HPLC Agilent 1200, sử dụng đầu dò DAD, với khoảng đường chuẩn từ 5 ÷ 100 mg/L (có hệ số tương quan R2 > 0,99), độ lặp lại (RSD(%) < 5.3%), hiệu suất thu hồi (80% < H(%) < 110%) và giới hạn phát hiện (LOD = 2.0 mg/L, LOQ = 7.0 mg/L). Dựa trên các điều kiện đã thẩm định, đề tài tiến hành xác định hàm lượng đường hóa học Acesulfame K, Aspartame và Saccharin trong 6 mẫu trà sữa được mua ngẫu nhiên tại các cửa hàng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
1834	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học và tác dụng kháng acid in vitro của các cao chiết lá Trái Nở (Ruellia tuberosa L.)	Ong, Xiêu Sệ	ThS.DS. Huỳnh, Anh Duy	2019	Cây Trái nở (Ruellia tuberosa L.) thuộc họ Ô rô (Acanthaceae) thường mọc nhiều ở vùng nhiệt đới (đặc biệt là những nơi có khí hậu nóng ẩm). Tại Việt Nam nó được tìm thấy ở khắp mọi miền nhưng nhiều nhất là ở miền Nam. Lá cây trái nở được hái từ thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó được rửa sạch và phơi ở nhiệt độ phòng tránh ánh nắng trực tiếp đến khô, được nghiền nhỏ rồi chiết trong MeOH, EtOH ở các nồng độ: EtOH 96%, EtOH 70%, EtOH 50%, Nước cất và các cao phân đoạn từ Cao Methanol tổng là Hexan (Hex), Dichloromethane (DC), Ethyl acetate (EA) và cao nước còn lại. Tiến hành định tính thành phần hóa học của các cao, trong cao lá Trái Nở có chứa các thành phần: Đường khử, Flavonoid, Steroid-triterpenoid,...Tiến hành xác định các thành phần bay hơi chủ yếu có trong cao Methanol bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ GC-MS. Trong cao có 19 cấu tử, trong đó các cấu tử có hàm lượng lần lượt là Ar-tumerone (26,35%), β-Sitosterol (21,64%), Curlone (7,59%), β-Guaiene (4,67%),...Tiến hành thử nghiệm kháng acid in vitro dịch dạ dày của các loại cao chiết thì kết quả cho thấy hiệu quả trung hòa của các cao lần lượt là: - Tại nồng độ 1 mg/mL cho thấy EtOH 50% có khả năng trung hòa tốt nhất (0,20±0,0018 mmol H+), đến cao Nước (0,18±0,0032 mmol H+), cao EtOH 70% (0,18±0,0032 mmol H+), cao MeOH (0,13±0,0048 mmol H+), Nước (0,09±0,0018 mmol H+) và Cao EtOH 96% (0,08±0,0018 mmol H+) có khả năng trung hòa thấp nhất.- Tại nồng độ 0,5 mg/mL cao Nước lại có tiềm năng hơn (0,18±0,0048 mmol H+) , theo sau đó là cao EtOH 50% (0,14±0,0048 mmol H+), cao EtOH 70% (0,13±0,0048 mmol H+), cao MeOH (0,11±0,0048 mmol H+), cao Nước (0,09±0,0018 mmol H+) và thấp nhất là Cao EtOH 96% (0,08±0,0013 mmol H+). Từ khóa: Ruellia tuberosa L., GC-MS, kháng acid.

1835	Đại học	Khảo sát một số thành phần hóa học và khả năng cải tạo đất của đậu Rồng hoang (<i>Psophocarpus scandes</i>), đậu Biếc (<i>Clitoria ternatea</i>) trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Trần, Khánh Duy	Ts. Nguyễn, Văn Hớn	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Đề tài “Khảo sát một số thành phần hóa học và khả năng cải tạo đất của đậu Rồng hoang (<i>Psophocarpus scandes</i>), đậu Biếc (<i>Clitoria ternatea</i>) trên địa bàn thành phố Cần Thơ”, được thực hiện tại nông hộ, Trại Nghiên Cứu và Thực Nghiệm, khoa Nông Nghiệp, Đại Học Cần Thơ với 02 thí nghiệm: Thí nghiệm 1: “Khảo sát năng suất và thành phần hóa học của đậu Rồng hoang (<i>Psophocarpus scandes</i>), đậu Biếc (<i>Clitoria ternatea</i>) mọc tự nhiên tại thành phố Cần Thơ”. Thí nghiệm thực nghiệm ngẫu nhiên với 2 lần lấy mẫu, 3 lần lặp lại cho mỗi loại đậu. Thí nghiệm 2: “Khảo sát khả năng tạo nốt sần ở rễ và khả năng cải tạo đất của đậu Rồng hoang (<i>Psophocarpus scandes</i>) và đậu Biếc (<i>Clitoria ternatea</i>) trên 4 loại đất khác nhau”. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức thừa số 2 nhân tố là: 2 loại cây đậu (đậu Rồng hoang và đậu Biếc), 4 loại đất khác nhau và 3 lần lặp lại. Tiến hành theo dõi mỗi loại đậu tại 7 thời điểm khác nhau: 0, 15, 30, 45, 60, 90 và 120 ngày. Kết quả thí nghiệm 1 cho thấy Thành phần hóa học và năng suất của đậu Rồng hoang tốt hơn so với đậu Biếc ($P < 0,05$). Kết quả thí nghiệm 2 nhận thấy- Hàm lượng nitơ trong đất được cải thiện sau khi trồng cây họ đậu đến 60 ngày, sau đó hàm lượng nitơ trong đất giảm xuống. Hàm lượng nitơ của đất có giá trị cao nhất ở nghiệm thức Đ1*ĐRH và thấp nhất ở Đ1*ĐB ($P < 0,05$). - Đậu Rồng hoang có khả năng phát triển tốt trên đất axit (pH ban đầu là 3,72).
1836	Đại học	Khảo sát và đánh giá một số phương pháp xác định hàm lượng Canxi trong thức ăn chăn nuôi.	Trần, Vĩnh Hân	TS. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Khảo sát và đánh giá một số phương pháp xác định hàm lượng Canxi trong thức ăn chăn nuôi.” được thực hiện nhằm khảo sát và đánh giá phương pháp chuẩn độ oxi hóa khử và phương pháp quang kế ngọn lửa để xác định hàm lượng Canxi sau đó chọn ra phương pháp phù hợp để xác định hàm lượng nguyên tố Canxi (Ca) trong mẫu thức ăn chăn nuôi tại một số cửa hàng trên địa bàn Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ và một số mẫu được gửi phân tích tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. Kết quả hàm lượng nguyên tố được đánh giá dựa trên các yêu cầu được in trên các bao bì của sản phẩm. Phương pháp quang kế ngọn lửa cho được hiệu suất thu hồi cao 98,86%. Đồng thời có độ lặp lại tương đối thấp hơn so với phương pháp chuẩn độ oxi hóa khử với RSD lần lượt là 2,00% và 2,18%. Nên phương pháp quang kế ngọn lửa phù hợp hơn để xác định hàm lượng Canxi trong mẫu thức ăn chăn nuôi. Từ kết quả phân tích 10 mẫu thức ăn chăn nuôi cho thấy hàm lượng Canxi trong số 10 mẫu tiến hành khảo sát, có 2 mẫu là mẫu 6 (0,75%), mẫu 9 (1,39%) không đạt theo yêu cầu về hàm lượng Canxi in trên bao bì của sản phẩm. Trong đó mẫu 6 (0,75%) là loại thức ăn của gà con thấp hơn so với yêu cầu được in trên bao bì sản phẩm và mẫu số 9 (1,39%) là loại thức ăn của heo từ 30-60 kg cao hơn so với yêu cầu được in trên bao bì sản phẩm.

1837	Đại học	Phân lập hợp chất từ cao ethyl acetate của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.), họ hoa Mồ hôi (Scrophulariaceae)	Nguyễn, Trọng Tĩnh Em	PGs.Ts Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Khảo sát thành phần hóa học của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.), th hái tại ven bờ sông Hậu, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy t phân đoạn cao chiết ethyl acetate của cây Cam thảo đất phân lập được hợp chất acteoside (verbascoside). Cấu trúc của hợp chất được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, 2D-NMR và so sánh với tài liệu đã công bố.
1838	Đại học	Khảo Sát Hàm Lượng Ethanol, Methanol, Aldehyde, Furfural, Ester(Ethyl Acetate), Rượu Bậc Cao Trong Một Số Loại Bia Bằng Phương Pháp Sắc Ký Khí Ion Hóa Ngọn Lửa (Gc-Fid)	LÝ, THỊ GIỎI	TS. NGUYỄN, THỊ THU THỦY	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Trong những năm gần đây, tình trạng ngộ độc bia,rượu gia tăng ở mức độ báo động, do trên thị trường xuất hiện nhiều loại bia kém chất lượng, bia có giá thành rất thấp do qua trình sản xuất có sử dụng những nguyên liệu độc hại, đặc biệt là bia có chứa methanol, rượu bậc cao, aldehyde đã và đang gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng. Những nguyên liệu độc hại kể trên chỉ được tồn tại trong bia với một hàm lượng cho phép theo quy định của Bộ Y Tế, tuy nhiên vì nhiều lý do (nhất là lý do lợi nhuận) các chất trên được dùng để điều chế bia dưới nhiều hình thức. Do đó, đề tài “Khảo sát hàm lượng ethanol, methanol, aldehyde, furfural, ester, rượu bậc cao trong một số loại bia” được tiến hành nhằm đánh giá và khảo sát chất lượng các sản phẩm bia bằng phương pháp sắc ký khí đầu dò ion hóa ngọn lửa GC-FID qua việc xác định hàm lượng ethanol, methanol, aldehyde, furfural, ester, rượu bậc cao và có trong bia Nghiên cứu đã tối ưu hóa các điều kiện của GC-FID đã được khảo sát để tiến hành phân tích 15 mẫu thật. Kết quả chỉ ra đối với hàm lượng ethanol trong bia, có sự chênh lệch giữa độ cồn đăng ký và độ cồn được phân tích, tuy nhiên không đáng kể và vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Bộ Y Tế. Trong 6 chỉ tiêu hóa học là methanol, aldehyde, furfural, ester, rượu bậc cao được khảo sát, trong đó aldehyde có 11/15 mẫu bia có hàm lượng aldehyde cao, gấp khoảng 6 lần đến 39 lần so với giới hạn cho phép là 5 mg/L, hàm lượng ester có 13/15 mẫu không đạt yêu cầu, hàm lượng ester cao gấp 2-5 lần so với giới hạn cho phép, hàm lượng rượu bậc cao có trong 15/15 mẫu bia đã khảo sát đều có hàm lượng rượu bậc cao rất cao, tất cả đều cao hơn giới hạn cho phép là 5 mg/L. Theo quy định cho phép theo QCVN 06-3:2010/BYT và TCVN 7043:2013.
1839	Đại học	Phân Lập Chất Từ Thân Cây Huyết Giác(<i>Draecaena combodiana</i> Pierre ex Gagnep.) Họ Huyết Dụ(<i>Asparagaceae</i>)	Nguyễn, Thúy Vi	PGs.Ts.Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Khảo sát thành phần hóa học của thân cây Huyết giác (<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.), thu hái tại tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào phần tủa của thân cây Huyết giác. Kết quả đã phân lập được 02 hợp chất lần lượt là 1-(4-hydroxyphenyl)-3-(2,4,6-trimethoxyphenyl) propan-1-one và 5,7-Dihydroxy-3-(4-hydroxybenzyl)chroman-4-one. Cấu trúc của hợp chất được xác định dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: ESI-MS, 1D và 2D-NMR và so sánh với tài liệu tham khảo đã công bố.

1840	Đại học	Một số chỉ tiêu hóa học của các loại nghệ (Curcuma) phổ biến	Nguyễn, Tấn Toàn	Ts. Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Đề tài “ Khảo sát một số chỉ tiêu hóa học của các loại nghệ (Curcuma)” phổ biến được thực hiện với mục tiêu phân tích và xác định một số chỉ tiêu hóa học của 5 loại nghệ. Qua đó, so sánh các chỉ tiêu hóa học giữa những loại nghệ này. Thí nghiệm được thực hiện tại phòng thí nghiệm bộ môn chăn nuôi khoa nông nghiệp trường đại học Cần Thơ từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2019. Tiến hành phân tích 5 mẫu nghệ được lấy ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại. Các chỉ tiêu phân tích hàm lượng tro, vật chất khô, phenolic, flavonid, tannin, oxalate. Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thành phần chỉ tiêu hóa học của 5 loại nghệ ($P < 0,05$). Kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu hóa học của 5 loại nghệ khá tương đồng với nhau và với các nghiên cứu trước đây, nhưng có sự khác biệt với một số loài được liệu khác, tùy điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng ở từng địa phương mà có thể lựa chọn loại nghệ để sử dụng làm dược liệu trong nghiên cứu, chế biến và sản xuất.
1841	Đại học	Phân Lập Chất Từ Thân Cây Huyết Giác(Draecaena combodiana Pierre ex Gagnep.) Họ Huyết Dụ(Asparagaceae)	Nguyễn, Thúy Vi	PGs.Ts.Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Khảo sát thành phần hóa học của thân cây Huyết giác (Dracaena cambodiana Pierre ex Gagnep.), thu hái tại tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào phần tủa của thân cây Huyết giác. Kết quả đã phân lập được 02 hợp chất lần lượt là 1-(4-hydroxyphenyl)-3-(2,4,6-trimethoxyphenyl) propan-1-one và 5,7-Dihydroxy-3-(4-hydroxybenzyl)chroman-4-one. Cấu trúc của hợp chất được xác định dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: ESI-MS, 1D và 2D-NMR và so sánh với tài liệu tham khảo đã công bố.

1842	Đại học	Ảnh hưởng của cám và mật đường đến thành phần hóa học của cỏ Mồm (<i>Hymenachne acutigluma</i>) ủ yếm khí	Trần, Ngọc Dũng	Ts. Nguyễn, Văn Hớn	2019	Ảnh hưởng của cám và mật đường đến thành phần hóa học của cỏ Mồm (<i>Hymenachne acutigluma</i>) ủ yếm khí” được thực hiện tại Trại Thực Nghiệm và Phòng Thí Nghiệm E109 của khoa Nông nghiệp Trường Đại Học Cần Thơ, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019. Mục đích của đề tài nhằm đánh giá quá trình lên men và thành phần dinh dưỡng của mẻ ủ chua cỏ Mồm với nhiều phụ gia khác nhau để làm phong phú thêm nguồn thức ăn của gia súc nhai lại. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức và 3 lần lặp lại (NT1, NT2, NT3, NT4, NT5, NT6), tương ứng với các phụ gia kèm theo: muối (1%); cám (5%); mật (5%); muối (1%) có rom (10%); cám (5%) có rom (10%); mật (5%) có rom (10%). Mỗi đơn vị thí nghiệm được bố trí tách biệt trong từng túi nylon, mỗi túi có trọng lượng 2 kg. Mẫu sau khi ủ được lấy ra từ túi nylon theo từng thời điểm khảo sát (1, 10, 20, 30, 45, 60 ngày). Ứng với từng thời điểm có các chỉ tiêu phân tích về thành phần hóa học: xác định hàm lượng vật chất khô (DM, %), protein thô (CP, %), Xơ không tan trong dung dịch acid (ADF, %), pH, acid lactic (%), acid acetic (%), NH3 (%). Kết quả thí nghiệm cho thấy: bảo quản cỏ Mồm bằng việc ủ chua rất khả quan do quá trình lên men khá tốt. Đồng thời thành phần dinh dưỡng của các nghiệm thức ủ không thua kém gì các loại thức ăn đang được dùng phổ biến, hơn nữa một vài chỉ tiêu còn vượt xa. Ủ chua cỏ Mồm với cám cho kết quả tốt nhất về sự bảo quản DM, hàm lượng CP nhưng mật đường tốt hơn về việc thúc đẩy quá trình ủ chua và bảo quản nguyên liệu đồng thời có mùi vị hấp dẫn hơn. Việc bổ sung rom sẽ tăng hàm lượng vật chất khô nhưng giảm hàm lượng đạm thô của mẻ ủ.
1843	Đại học	Phân Lập Chất Từ Thân Cây Huyết Giác(<i>Draecaena combodiana</i> Pierre ex Gagnep.) HQ HUYẾT DỤ(<i>Asparagaceae</i>) 2.Bậc đào tạo: Đại học	Nguyễn, Thúy Vi	PGs.Ts.Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Khảo sát thành phần hóa học của thân cây Huyết giác (<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.), thu hái tại tỉnh Hòa Bình. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào phần tủa của thân cây Huyết giác. Kết quả đã phân lập được 02 hợp chất lần lượt là 1-(4-hydroxyphenyl)-3-(2,4,6-trimethoxyphenyl) propan-1-one và 5,7-Dihydroxy-3-(4-hydroxybenzyl)chroman-4-one. Cấu trúc của hợp chất được xác định dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại như: ESI-MS, 1D và 2D-NMR và so sánh với tài liệu tham khảo đã công bố.

1844	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng viêm in vitro của các cao chiết cây Bọ Mắm	Huỳnh, Phương Vân	PGS. TS. Đái, Thị Xuân Trang	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát hoạt tính kháng viêm in vitro của các loại cao chiết cây Bọ mắm (<i>Pouzolzia zeylanica</i> L.) bằng hai phương pháp. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng viêm bằng phương pháp ức chế biến tính albumin huyết thanh bò cho thấy cao methanol của cây Bọ mắm có khả năng ức chế tuyến tính BSA với giá trị $IC_{50}=4,01 \mu\text{g/mL}$ thấp hơn so với chất chuẩn Prednisolon ($IC_{50}=0,021 \mu\text{g/mL}$) là 190,95 lần và Diclofenac ($IC_{50}=0,695 \mu\text{g/mL}$) là 5,77 lần, cao EA Bọ mắm ($IC_{50}=6,09 \mu\text{g/mL}$) thấp hơn so với chất chuẩn Prednisolon ($IC_{50}=0,021 \mu\text{g/mL}$) là 290 lần và Diclofenac ($IC_{50}=0,695 \mu\text{g/mL}$) là 8,76 lần, và cao hexane Bọ mắm ($IC_{50}=8,33 \mu\text{g/mL}$) thấp hơn so với chất chuẩn Prednisolon ($IC_{50}=0,021 \mu\text{g/mL}$) là 396,97 lần và Diclofenac ($IC_{50}=0,695 \mu\text{g/mL}$) là 11,99 lần. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng viêm trên dòng tế bào Raw 264.7 của các loại cao chiết cây Bọ mắm cho thấy: Cao chiết methanol Bọ mắm, EA Bọ mắm và hexane Bọ mắm an toàn đối với tế bào Raw 264.7 trong quá trình thí nghiệm. Tuy nhiên, khi môi trường nuôi cấy có mặt LPS thì cao chiết EA Bọ mắm không có hoạt tính kháng viêm. Từ khóa: <i>Pouzolzia zeylanica</i> L., kháng viêm, BSA, Raw 264.7, L-NAME, LPS.
1845	Đại học	Phân lập hợp chất từ cao ethyl acetate của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.), họ hoa Mồm chó (Scrophulariaceae)	Võ, Công Thức	PGs.Ts Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> L.) thu hái ở khu vực ven bờ sông Hậu, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy từ phân đoạn cao chiết ethyl acetate của cây Cam thảo đất đã phân lập được hợp chất (2S,3R,4R,5R)-hexane-1,2,3,4,5,6-hexol (sorbitol), và hợp phần 2 đồng phân: (2R)-7-hydroxy-2H-1,4-benzoxazin-3-(4H)-one 2-O-β-D-glucopyranoside [(2R)-DHBOA-2-O-Glc] và (2S)-7-hydroxy-2H-1,4-benzoxazin-3-(4H)-one 2-O-β-D-glucopyranoside [(2S)-DHBOA-2-O-Glc]. Cấu trúc của những hợp chất trên được xác định bằng phương pháp phổ hiện đại 1D-NMR, 2D-NMR, ESI-MS và so sánh với tài liệu đã công bố.
1846	Đại học	Nghiên cứu bào chế và đánh giá độ phóng thích in vitro của hệ transethosomes glimepiride	Trần, Văn Hón	Tiến Sĩ Lê, Thanh Phước	2019	Mục đích của nghiên cứu này là bào chế, đánh giá độ phóng thích in vitro và so sánh độ phóng thích in vitro của hệ transethosomes (TELS) glimepiride so với thuốc glimepiride thị trường. TELS glimepiride được bào chế bằng phương pháp lạnh với thành phần chứa glimepiride, ethanol, lecithin, Tween 80 và nước cất. Các công thức TELS glimepiride đã được đánh giá về kích thước hạt, hình dạng hạt, hiệu quả bao gói, khả năng phóng thích in vitro và độ bền sau 7 ngày bảo quản ở 4°C. Từ các chỉ tiêu đánh giá trên, nghiên cứu đã chọn công thức H1 là công thức tối ưu. Công thức H1 cho thấy kích thước hạt trung bình 560 nm, hiệu quả bao gói (26.23%), phần trăm phóng thích khá cao (sau 8 giờ phần trăm phóng thích đạt 76.27%) và thông qua hình ảnh chụp TEM cho thấy nó có hình dạng là các khối hình cầu không đều về hình dạng và kích thước. Ngoài ra, khi so sánh độ phóng thích của công thức H1 so với thuốc glimepiride thị trường cho thấy H1 có phần trăm phóng thích cao hơn nhưng độ ổn định theo thời gian trong quá trình phóng thích thì không bằng thuốc glimepiride thị trường. Do đó, TELS là một hệ phân phối rất có tiềm năng trong tương lai để cải thiện những nhược điểm của glimepiride-độ hòa tan trong nước kém và sinh khả dụng đường uống thấp

1847	Đại học	Phân lập chất từ cao Ethyl Acetate của thân và lá cây Thù lù cạnh (<i>Physalis angulata</i> L.), họ cà (<i>Solanaceae</i>)	Huỳnh, Văn Phiếu	PGs.TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Phân lập được hợp chất physalin D
1848	Đại học	Phân lập chất từ cao Ethyl Acetate của thân và lá cây Thù lù cạnh (<i>Physalis angulata</i> L.), họ cà (<i>Solanaceae</i>)	Nguyễn, Viêt Khang	PGs.TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Phân lập được hợp chất physalin B
1849	Đại học	Xây dựng công thức dầu gội ngăn rụng tóc và kích thích mọc tóc từ dịch chiết Ethanol của gạo nếp than	Trần, Huyền Trân	TS. Lê, Thanh Phước	2019	Gạo nếp than (<i>Philydrum lanuginosum</i> Banks) là một loại thực phẩm quen thuộc được dùng hàng ngày, với khả năng kháng viêm, kháng oxy hoá cao, gạo nếp than đang ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng trong các lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm. Từ những lợi ích của gạo nếp than mang lại, nên ứng dụng dịch chiết từ gạo nếp than để tiến hành xây dựng công thức dầu gội ngăn rụng tóc và kích thích mọc tóc nhằm khảo sát hiệu quả qua thử nghiệm trên chuột và trên người. Dịch chiết ethanol của gạo nếp than nồng độ 10% được phối chế thành dầu gội thông qua quá trình khảo sát tỉ lệ các hệ thức khác nhau, đánh giá độ bền cấu trúc và cũng như đánh giá cảm quan sản phẩm. Đánh giá so sánh sản phẩm với mẫu trắng và sản phẩm thị trường. Kết quả cho thấy dầu gội bào chế có khả năng kích thích mọc tóc chậm hơn sản phẩm thị trường nhưng sự khác biệt không lớn và đạt kết quả tốt hơn nhiều so với mẫu trắng và dầu gội giúp cải thiện đáng kể về tình trạng rụng tóc sau 2 tháng sử dụng sản phẩm.
1850	Đại học	Xây dựng công thức phối trộn kem xả ngăn ngừa, bảo vệ và giảm hư tổn từ cao chiết gạo tím than và keratin	Nguyễn, Thị Cẩm Nguyên	TS.Lê, Thanh Phước	2019	Đề tài ứng dụng được tính của gạo nếp than trong việc bảo vệ tóc, ngăn ngừa và giảm hư tổn, giúp tóc mềm mượt. Nghiên cứu phối chế kem xả tóc sử dụng hoạt chất cao chiết ethanol của gạo nếp than với hàm lượng 12%, khảo sát đánh giá về độ bền cấu trúc và cảm quan sử dụng đối với các tỷ lệ hệ thức khác nhau. Sản phẩm tạo thành được đánh giá các chỉ tiêu ổn định, khả năng kích ứng, giới hạn nhiễm khuẩn và kim loại nặng đạt tiêu chuẩn. khả năng làm mượt, ngăn ngừa và giảm hư tổn, làm bóng tóc được thử nghiệm trên cánh hoa và các tình nguyện viên.
1851	Đại học	Preparation and potential applications of Fe ₃ O ₄ @UiO-66 nanoparticles	Danh, La Đức Thành	PGS. TS. Bùi , Thị Bửu Huệ, Fa-Kuen Shieh Giáo sư	2019	Các khung hữu cơ Metal-organic frameworks (MOFs) đã cho thấy tiềm năng lớn trong việc thiết kế các đầu dò điều trị chẩn đoán và điều trị ung thư nhờ các đặc tính độc đáo của chúng, bao gồm các cấu trúc và thành phần linh hoạt, kích thước hạt và lỗ chân lông, độ xốp lớn, diện tích bề mặt cao và khả năng phân hủy sinh học nội tại. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chứng minh các vật liệu tổng hợp vỏ - lõi Fe ₃ O ₄ @UiO-66 dựa trên MOF mới được chế tạo bằng sự phát triển tại chỗ của lớp vỏ UiO-66 MOF trên lõi Fe ₃ O ₄ để làm suy giảm các gốc tự do. hứa hẹn nhiều tiềm năng trong các ứng dụng y sinh.

1852	Đại học	Xác định dư lượng kháng sinh Tetracycline trong mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ (LC-MS/MS)	Nguyễn, Thị Thúy Hạnh	Ts. Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Một phương pháp đơn giản và hiệu quả đã được phát triển để xác định dư lượng kháng sinh Tetracycline trong mật ong bằng sắc ký lỏng ghép khối phổ (LC-MS/MS). Chất được chiết với dung dịch Ethyl acetate (EtOAc) từ mẫu mật ong kết hợp với các quá trình vortex, lắc. Quy trình định lượng sử dụng phương pháp nội chuẩn. Độ tuyến tính nằm trong khoảng 5 ppb đến 150 ppb với hệ số tương quan $R > 0.99$. Giới hạn định lượng cho Tetracycline là 5 ppb. Ứng dụng quy trình vào phân tích 7 mẫu mật ong ngẫu nhiên tại Trung tâm Phân tích và Kiểm định Hàng Hóa Xuất Nhập Khẩu-Chi nhánh Công ty TNHH Thiết Bị Khoa Học Kỹ Thuật Hải Ly (Viacimex) cho thấy có 3 mẫu (chiếm 42.86%) nhiễm Tetracycline với nồng độ lần lượt là 14.94 ppb, 5.41 ppb và 21.91 ppb. Từ đó, luận văn đưa ra một số lời khuyên đối với người tiêu dùng và kiến nghị một số phương pháp trong các mẫu mật ong.
1853	Đại học	Synthesis Of Iron(III) Precursors And Initial Study For Mechanochemistry Of Iron Metal-Organic Frameworks (Mofs)	Võ, Trung Hiếu	PGS. TS. Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	In this work we synthesized, for the first time by using a mechanochemical approach, the Fe(III)- trimesate metal-organic framework. The Fe-BTC (2 structure) was obtained in a short time using a ball milling process by promoting the reaction between iron (III) cluster and trimesic acid/Trisodium 1,3,5 benzenetricarboxylate.
1854	Đại học	Sorption of Zwitterionic Spirocyclic Meisenheimer complex on SBA-15 and UiO-66 surfaces for wastewater treatment	Huỳnh, Nguyệt Hương Giang	Bùi, Thị Bửu Huệ; Fa-Kuen Shieh	2019	The recycle, cleaning, and reuse of water are highly important for environmental remediation. This issue is addressed by creating a fluorescent zwitterionic spirocyclic Meisenheimer complex sorption on SBA-15 and UiO 66 with high chelating propensity for toxic metals using low-cost starting materials and a one-pot synthesis technique. A resin-free, precipitation-free and reusable technique has been developed for the removal of toxic metal ion from extremely polluted water.
1855	Đại học	Phân lập các hợp chất từ cao nước của loài địa y Dirinaria aprillata (Fée) D.D Awasthi	Hồ, Văn Tý	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Phân lập các hợp chất từ cao nước của loài địa y Dirinaria aprillata (Fée) D.D Awasthi sau đó xác định cấu trúc hóa học.
1856	Đại học	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa theo phương pháp DPPH và ABTS ^{•+} , khả năng kháng khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch.	Dương, Phương Anh	ThS. Lê, Thị Bạch	2019	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa theo phương pháp DPPH và ABTS ^{•+} , khả năng kháng khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch.
1857	Đại học	Khảo sát hoạt tính sinh học của một số cao chiết lá Ôi	Hồ, Thị Yến Nhi	ThS. Lê, Thị Bạch	2019	Khảo sát hoạt tính sinh học của một số cao chiết lá Ôi bao gồm: khả năng kháng oxy hóa theo phương pháp DPPH và ABTS ^{•+} , khả năng kháng khuẩn theo phương pháp khuếch tán đĩa thạch.
1858	Đại học	PHÂN LẬP HỢP CHẤT TỪ LOÀI HẢI MIỄN Xestospongia Testudinaria, Họ PETROSIIDAE.	Cao, Thị Yến Nhi	Tôn, Nữ Liên Hương	2019	: Phân lập được hai hợp chất tinh khiết trên cao ethyl acetate là 3-Methyl-maleimide-5-oxime (SP2.EA02) và Tetillapyrone (SP2.EA04). Cấu trúc của các chất được xác định bằng các dữ liệu phổ nghiệm: ¹ H-NMR, ¹³ C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC và so sánh với các tài liệu đã công bố.

1859	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học và tác dụng kháng oxy hóa, kháng khuẩn của tinh dầu lá Trâm Ôi (<i>Lantana camara</i> L.), họ cỏ Roi Ngựa (<i>Verbenaceae</i>).	Nguyễn, Thị Bích Trâm	ThS. DS. Huỳnh, Anh Duy	2019	Đề tài được tiến hành trên nguyên liệu là lá cây Trâm Ôi (<i>Lantana camara</i> L.). Thực hiện các mục tiêu: chưng cất tinh dầu, khảo sát tác dụng kháng oxy hóa, kháng khuẩn của tinh dầu thu được. Tinh dầu thu được có màu vàng nhạt, có mùi tự nhiên của cây Trâm Ôi. Tinh dầu chưng cất với 200 gam nguyên liệu tươi bằng phương pháp chưng cất lôi cuốn hơi nước được hiệu suất là 0,24%. Trong tinh dầu lá Trâm Ôi có các thành phần chính là β -Caryophyllene (28,87%), α -Caryophyllene (12,61%), Eucalyptol (10,96%), Bicyclogermacrene (10,14%), 4(10)-Thujene (7,65%), Caryophyllene oxide (4,9%). Trong đó, β -Caryophyllene chiếm hàm lượng cao nhất. Tinh dầu lá Trâm Ôi được tiến hành bằng phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH với nồng độ ức chế tối đa 50% IC50 là 6045,7 $\pm$ 253,78 μ g/mL. Ngoài ra, tinh dầu lá Trâm Ôi cho hiệu quả kháng khuẩn với các chủng vi khuẩn <i>Bacillus cereus</i> , <i>Escherichia coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Salmonella</i> . Tinh dầu lá Trâm Ôi kháng vi khuẩn <i>Bacillus cereus</i> là mạnh nhất.
1860	Đại học	Tổng hợp dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone/1,3,4-oxadiazole.	Trần, Thị Cẩm Xuyên	PGS.TS Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa nguyên tố nitrogen luôn thu hút sự quan tâm rất lớn do lợi ích mà chúng mang lại trong lĩnh vực hóa dược. Những hợp chất chứa nhân quinazolinone và 1,3,4-oxadiazole có phổ hoạt tính sinh học rất rộng bao gồm kháng khuẩn, kháng nấm, giảm đau, kháng viêm, kháng virus, chống ung thư, hạ huyết áp, chống co giật và chống đái tháo đường. Trong nghiên cứu này, qua năm giai đoạn, hai dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone/1,3,4-oxadiazole (9bI) và (9bII) đã được tổng hợp thành công với hiệu suất tổng lần lượt là 25.57% và 24.15%. Cấu trúc của các hợp chất được xác định đầy đủ dựa trên các dữ liệu phổ nghiệm bao gồm MS, IR, $^1\text{H-NMR}$ và $^{13}\text{C-NMR}$. Kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển các loại thuốc mới.
1861	Đại học	Nghiên cứu xác định hàm lượng chì trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe bằng kỹ thuật ICP-MS.	Võ, Văn Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài đã thẩm định phương pháp xác định hàm lượng kim loại Pb bằng phương pháp phổ khối lượng cao tần cảm ứng plasma ICP-MS trên nền mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe về các chỉ tiêu: khoảng tuyến tính và đường chuẩn, giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn định lượng (LOQ), độ lặp lại, độ tái lập và độ thu hồi. Kết quả thẩm định đã đạt được như sau: dựng đường chuẩn phân tích kim loại Pb có phương trình: $y = 13,4171x + 1,4041$ và $R = 0,9991 > 0,995$. Giới hạn phát hiện (LOD) thấp từ 4,5 ppb cho đến 8,7 ppb, giới hạn định lượng (LOQ) thấp từ 15 ppb cho đến 29 ppb. R đạt yêu cầu trong khoảng $4 < R < 10$. Độ lặp lại và độ tái lập cao, nằm trong khoảng $0.5\% < \text{RSD}\% < 8.5\%$. Độ thu hồi của phương pháp cao trong khoảng: $80,5\% < \%H < 109,5\%$. Tất cả các thống số thẩm định trên đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn của phụ lục f AOAC 2016. Điều này chứng tỏ phương pháp thích hợp cho phân tích kim loại Pb trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

1862	Đại học	Phân lập hợp chất từ cao ethyl acetate của cây Sâm đá (<i>Curcuma singularis</i> Gagnep.)	Thái, Hồng Dân	PGS.TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Khảo sát thành phần hóa học của cây Sâm đá (<i>Curcuma singularis</i> Gagnep.), họ Gừng (<i>Zingiberaceae</i>) thu hái tại tỉnh Gia Lai. Nghiên cứu này thực hiện trên cao ethyl acetate của cây Sâm đá. Trải qua các quá trình sắc ký cột cổ điển và các phương pháp thường quy trong hoá học hữu cơ hợp chất thiên nhiên đã phân lập được 02 hợp chất lần lượt là p-Menthane-1,2,4-triol, sitosterol 3-O-β-D-glucopyranoside. Cấu trúc của hợp chất được xác định bằng các phương pháp phổ nghiệm hiện đại như: 1D-NMR, 2D-NMR và so sánh với tài liệu tham khảo để xác định tên và công thức cấu tạo của các hợp chất.
1863	Đại học	Phân lập chất từ cao dichloromethane của lá Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre), họ Trâm (<i>Thymelaeaceae</i>).	Nguyễn, Thị Thảo Nguyên	PGS.TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Nhằm góp phần cho nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên, luận văn này nghiên cứu thành phần hóa học của lá cây Dó bầu (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre) thu hái trên địa bàn tỉnh Buôn Mê Thuột. Kết quả nghiên cứu trên đoạn cao dichloromethane đã phân lập được 2 chất là Velutin (4',5-hydroxy-3',7-dimethoxyflavone và Genkwanin (4',5-dihydroxy-7-methoxyflavone). Cấu trúc của các chất được xác định bằng các dữ liệu phổ nghiệm: 1H-NMR, 13C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC và so sánh với các tài liệu đã công bố.
1864	Đại học	Khảo sát quy trình tổng hợp dẫn xuất quinazolinone	Nguyễn, Trần Đức Huy	PGS.TS. Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa khung sườn quinazolinone ngày càng trở nên quan trọng do có nhiều hoạt tính sinh học như kháng khuẩn, kháng nấm, kháng ung thư, kháng sốt rét, kháng HIV, chống co giật,... Đề tài đã tiến hành khảo sát một số yếu tố và đã thiết lập được điều kiện tốt nhất tổng hợp khung quinazolin-4-one từ tác chất ban đầu là isatoic anhydride với các amine và các aldehyde khác nhau, sử dụng I2 là tác nhân oxy hóa, bằng phương pháp tổng hợp cổ điển hoặc ứng dụng vi sóng. Dựa trên các điều kiện được thiết lập này, mười bảy dẫn xuất N-benzyl quinazolin-4-one, một dẫn xuất N-phenyl quinazolin-4-one và hai dẫn xuất N-alkyl quinazolin-4-one đã được tổng hợp thành công với hiệu suất tốt. Quy trình một bình phản ứng (one-pot synthesis) đơn giản, hiệu quả, sử dụng các tác nhân thân thiện với môi trường.

1865	Đại học	NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG THỦY NGÂN TRONG THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE BẰNG KỸ THUẬT ICP-MS	Lê, Quang Luân	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe được thu thập tại các quầy thuốc, nhà thuốc trên địa bàn Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Sau đó, mẫu được gói kỹ bằng bao bì nylon, tránh ánh sáng và được di chuyển về Công ty cổ phần Warrantek chi nhánh Phong Điền, Huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Ở đây, các mẫu được mở hộp, lấy một lượng ngẫu nhiên và được tiến hành đồng hóa. Sau khi đã đồng hóa mẫu xong, cân mẫu và tiến hành phá mẫu bằng máy microwave. Mẫu sau khi phá xong được định mức và lọc qua màng lọc 0.45 μ m vào các vial. Tiến hành phân tích mẫu trong các vial bằng máy Agilent ICP-MS 7800. Các mẫu trên đều được khảo sát trước để chọn ra những mẫu không chứa thủy ngân để làm mẫu trắng, dùng mẫu trắng này để khảo sát các chỉ tiêu cần thẩm định. Đề tài đã tiến hành thẩm định phương pháp xác định hàm lượng thủy ngân trên 4 nền mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe, bao gồm: dạng viên nang, dạng lỏng, dạng dầu và dạng cao. Các chỉ tiêu thẩm định bao gồm: độ đặc hiệu, LOD, LOQ, đường chuẩn, độ lặp lại, độ tái lập, độ đúng. Kết quả thẩm định của phương pháp cho thấy các chỉ tiêu độ đặc hiệu, độ lặp lại, độ tái lập và độ đúng đều đạt. Các giá trị LOD với 4 dạng mẫu viên nang, lỏng, dầu, cao lần lượt là 0,0031; 0,0037; 0,0037 và 0,0045 ppm. Các giá trị LOQ với 4 dạng mẫu lần lượt là 0,0093; 0,0111; 0,0111 và 0,0135 ppm. Từ các kết quả trên, nghiên cứu kết luận phương pháp trong nghiên cứu có thể áp dụng để xác định hàm lượng thủy ngân trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe với kết quả đo có thể chấp nhận được, độ tin cậy cao.
1866	Đại học	Khảo sát quy trình tổng hợp dẫn xuất quinazolinone	Nguyễn, Trần Đức Huy	PGS.TS. Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa khung sườn quinazolinone ngày càng trở nên quan trọng do có nhiều hoạt tính sinh học như kháng khuẩn, kháng nấm, kháng ung thư, kháng sốt rét, kháng HIV, chống co giật,... Đề tài đã tiến hành khảo sát một số yếu tố và đã thiết lập được điều kiện tốt nhất tổng hợp khung quinazolin-4-one từ tác chất ban đầu là isatoic anhydride với các amine và các aldehyde khác nhau, sử dụng I2 là tác nhân oxy hóa, bằng phương pháp tổng hợp cổ điển hoặc ứng dụng vi sóng. Dựa trên các điều kiện được thiết lập này, mười bảy dẫn xuất N-benzyl quinazolin-4-one, một dẫn xuất N-phenyl quinazolin-4-one và hai dẫn xuất N-alkyl quinazolin-4-one đã được tổng hợp thành công với hiệu suất tốt. Quy trình một bình phản ứng (one-pot synthesis) đơn giản, hiệu quả, sử dụng các tác nhân thân thiện với môi trường.
1867	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa học và hoạt tính kháng côn trùng của cao chiết từ lá và hoa Hoàng Yến (Tecoma stans L.)	Dương, Thị Ngọc Lanh	TS. Trần , Thanh Mến, Thị Bạch Th.s Lê	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá hoạt tính kháng côn trùng của lá và hoa Hoàng Yến (Tecoma stans L.). Lá và hoa của cây được tách chiết với các dung môi khác nhau gồm ethanol, ethyl acetate, dichloromethane, n-hexane. Nghiên cứu được thực hiện qua các thí nghiệm: Khảo sát sơ bộ thành phần hóa học, định lượng flavonoid toàn phần và các cao phân đoạn, định lượng polyphenol tổng và các cao phân đoạn, tám cao chiết của cây Hoàng Yến được khảo sát hoạt tính kháng côn trùng bằng 2 phương pháp thử nghiệm sinh học: Khảo sát sự ảnh hưởng của các cao chiết đến tỉ lệ tử vong của ấu trùng ruồi giấm và khảo sát sự ảnh hưởng của các cao chiết đến khả năng phát triển của ruồi giấm.

1868	Đại học	Phân lập hợp chất và đánh giá khả năng kháng khuẩn từ cao n-hexane của lá Ổi (<i>Psidium guajava</i> L.) họ Sim (<i>Myrtaceae</i>).	Ngô, Ngọc Gia Khương	Th.s Lê, Thị Bạch	2019	Mục tiêu chính của luận văn này là góp phần phân lập hợp chất và đánh giá khả năng kháng khuẩn từ cao n-hexane của lá Ổi (<i>Psidium guajava</i> L.). Lá Ổi có khối lượng tươi là 10 kg được thu hái trên địa bàn thành phố Cần Thơ loại bỏ phần hư, rửa sạch, để ráo nước và phơi khô trong điều kiện nhiệt độ phòng thí nghiệm. Sau đó xay nhỏ thu được 3 kg bột mịn. Bột cây được ngâm đậm trực tiếp với dung môi có độ phân cực tăng dần thu được dịch chiết, c quay loại dung môi thu được các phân đoạn cao chiết tương ứng. Bản phương pháp sắc ký cột cô điển, từ cao n-hexane đã cô lập được hợp chất PSI02. Với các phương pháp phổ hiện đại là ¹ H-NMR, ¹³ C-NMR, DEPT, xác định cấu trúc hợp chất PSI02 là β -sitosterol-3-O- β -D-glucoside (Daucosterol) Hợp chất PSI02 cho kết quả kháng ở cả hai chủng vi khuẩn: <i>Escherichia coli</i> và <i>Bacillus subtilis</i> .
1869	Đại học	Khảo sát hàm lượng chất bảo quản (Natri benzoat, alisorbat) và kim loại nặng (Pb, Cd) trong sản phẩm tương ớt trên địa bàn Thành phố Cần thơ	Phạm, Thị Bé Ngoan	Ths. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài “Khảo sát hàm lượng chất bảo quản (Natri benzoat, Kali sorbat) và kim loại nặng (Pb, Cd) của sản phẩm tương ớt trên địa bàn Thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ 1/2020 - 4/2020 tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ. Đề tài đã thực hiện định lượng Natri benzoat và Kali sorbat bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC theo TCV 8122:2009, định lượng Chì và Cadimi bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử AAS theo AOAC 999.11-2012 của 20 mẫu tương ở trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Qua quá trình thực hiện đề tài cho thấy: trong 20 mẫu tương ớt, tất cả đều có hàm lượng kim loại nặng (Pb, Cd) nằm trong giới hạn cho phép; đối với hàm lượng Natri benzoat thì có 2 mẫu vượt quá mức quy định (1000 mg/kg) và đa số các mẫu có hàm lượng tương đối cao; đối với hàm lượng
1870	Đại học	Nghiên cứu thiết lập công thức phối chế kem trị mụn từ cao chiết ethanol của lá Chùm ngây (<i>Moringa Oleifera</i>) và đánh giá sản phẩm.	Phạm, Ngọc Hân	TS. Lê, Thanh Phước	2019	

1871	Đại học	Định lượng hoạt chất PREDNISOLON trong viên nén bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).	Nguyễn, Phúc Khải	TS. Trần, Quang Đệ	2019	Prednisolon là một glucocorticoid có tác dụng rõ rệt chống viêm, chống d ỨNG và ức chế miễn dịch. Prednisolon chỉ có tác dụng mineralocorticoid yếu, vì vậy nếu dùng thuốc trong thời gian ngắn có rất ít nguy cơ giữ Na ⁺ và phù. Tác dụng chống viêm của prednisolon so với các glucocorticoid khác: 5 mg prednisolon có hiệu lực bằng 4 mg methylprednisolon và bằng 20 mg hydrocortisone. Đề tài “Định lượng hoạt chất PREDNISOLON trong viên nén bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)” được thực hiện với mục tiêu là thẩm định qui trình định lượng hoạt chất Prednisolon bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, từ đó tiến hành định lượng một số dược phẩm chứa hoạt chất Prednisolon đang có mặt trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đề tài nghiên cứu trên các mẫu thuốc được lấy trên thị trường thành phố Cần Thơ gồm 5:2 lô viên thuốc nén prednisolone 5mg của CTY CP TV Pharm, 3 lô thuốc viên nén Prednisolon 5mg của CTY CP Phymepharco. Quy trình định lượng hoạt Prednisolon trong dược phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng đầu dò UV tại bước sóng 254nm, với pha động(methanol:nước) tỉ lệ (58:42), sử dụng cột RP18 (20 cm x 4,6 mm) tốc độ dòng 1,0 mL/min, diện tích peak tuyến tính với nồng độ trong khoảng 0,04-0,14 mg/mL(R=1,0) độ đúng với tỉ lệ phục hồi (98,43-101,57%) và độ chính xác (0,178-0,472) đều thỏa mãn yêu cầu theo sự hướng dẫn của ICH 1994. Kết quả kiểm tra định lượng của 6 lô thuốc đều đạt yêu cầu theo ĐDVN IV bản bổ sung.
1872	Đại học	Phân lập chất từ cao chloromethane của lá Dó bầu (Aquilaria crassn Pierre), họ Trâm (Thymelaeaceae)	Đỗ, Thị Mỹ Hương	PGS. TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Luận văn nghiên cứu thành phần hóa học của cây Dó bầu (Aquilaria crassna Pierre) được thu hái trên đại bản tỉnh Buôn Mê Thuột. Kết quả nghiên cứu trên phân đoạn ca dichloromethane đã phân lập được hợp chất Vomifoliol và Tricin. Cấu trúc các hợp chất được xác định bằng các dữ liệu phổ nghiệm 1D-NMR, 2D-NMR, MS và so sánh với các tài liệu đã công bố.
1873	Đại học	Phân lập chất từ cao chloromethane của lá Dó bầu (Aquilaria crassn Pierre), họ Trâm (Thymelaeaceae)	Đỗ, Thị Mỹ Hương	PGS. TS. Tôn, Nữ Liên Hương	2019	Luận văn nghiên cứu thành phần hóa học của cây Dó bầu (Aquilaria crassna Pierre) được thu hái trên đại bản tỉnh Buôn Mê Thuột. Kết quả nghiên cứu trên phân đoạn ca dichloromethane đã phân lập được hợp chất Vomifoliol và Tricin. Cấu trúc các hợp chất được xác định bằng các dữ liệu phổ nghiệm 1D-NMR, 2D-NMR, MS và so sánh với các tài liệu đã công bố.

1874	Đại học	Nghiên cứu xác định hàm lượng cadimi trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe bằng kỹ thuật ICP-MS	Trần, Trung Nguyễn Lữ	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài đã thẩm định phương pháp định lượng kim loại nặng Cd trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên thị trường ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần thơ bằng kỹ thuật Quang phổ nguồn plasma cảm ứng cao tần kết nối khối phổ ICP-MS. Đây là kỹ thuật có thể nói là hiện đại nhất hiện nay với các ưu điểm vượt trội so với các kỹ thuật hiện có: -Giới hạn phát hiện đối với hầu hết các nguyên tố đều tương đương hoặc nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp Quang phổ Hấp thụ Nguyên tử Lò Graphite (GFAAS). -Năng suất lớn hơn GFAAS. -Khả năng xử lý cả nền đơn giản lẫn phức tạp với nhiều nền tối thiểu nhờ nhiệt độ cao của nguồn ICP. -Khả năng phát hiện cao hơn ICP-AES với cùng một lượng mẫu. -Khả năng nhận được các thông tin đồng vị. Áp dụng phương pháp đã thẩm định để xác định hàm lượng Cd trong các mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên thị trường quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ ở 4 nền mẫu: dạng viên nang, dạng lỏng, dạng cao, dạng dầu. Các chỉ tiêu thẩm định gồm: độ đặc hiệu, LOD, LOQ, đường chuẩn, độ lặp lại, độ tái lập, độ thu hồi. Kết quả thẩm định cho thấy các chỉ tiêu độ đặc hiệu, độ lặp lại, độ tái lập, độ thu hồi đều đạt. Các giá trị LOD của 4 dạng mẫu viên nang, lỏng, dầu, cao lần lượt là 0,0032; 0,0043; 0,0050 và 0,0040 ppm. Các giá trị LOQ của 4 dạng viên nang, dạng lỏng, dạng dầu, dạng cao lần lượt là 0,011; 0,017; 0,014 và 0,013 ppm. Từ các kết quả trên, kết luận phương pháp trong nghiên cứu có thể áp dụng để xác định hàm lượng cadimi trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe với kết quả đo có độ chính xác và tin cậy cao.
1875	Đại học	ĐỊNH LƯỢNG MỘT SỐ AMINE THƠM TRONG ĐẤT NẶN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ BẰNG SẮC KÝ KHÍ GHÉP KHỐI PHỔ	Nguyễn, Thị Mai Trâm	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Định lượng một số amine thơm trong đất nặn trên địa bàn Thành phố Cần Thơ bằng sắc ký khí ghép khối phổ” được thực hiện từ tháng 09/2018 đến tháng 12/2018 với mục tiêu khảo sát hàm lượng một số amine thơm trong các sản phẩm đất nặn tại các hệ thống siêu thị, văn phòng phẩm trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và một số mẫu đất nặn ngẫu nhiên được gửi phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ thông qua việc xác định hàm lượng o-Toluidine, 4-Chloroaniline, 2-Naphthalenamine, Benzidine. Mức độ nhiễm các amine thơm trong đất nặn được đánh giá theo “QCVN 3:2017/BKHCN – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đất nặn”. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Phương pháp xác định bốn amine thơm o-Toluidine, 4-Chloroaniline, 2-Naphthalenamine, Benzidine cho hiệu suất thu hồi lần lượt là: 90,53%; 89,16%; 88,02%; 94,42%. Từ đó thấy được phương pháp đạt hiệu suất thu hồi cao đồng thời giới hạn phát hiện rất thấp (LOD (mg/kg) đối với o-Toluidine, 4-Chloroaniline, 2-Naphthalenamine, Benzidine lần lượt là: 0,58; 0,22; 0,30; 0,39). Nên phương pháp này thích hợp cho việc xác định hàm lượng các amine thơm trong đất nặn. Kết quả khảo sát hàm lượng o-Toluidine, 4-Chloroaniline, 2-Naphthalenamine, Benzidine trong các mẫu đất nặn nhìn chung đều đạt chuẩn cho phép. Tuy nhiên có mẫu M1-đỏ có hàm lượng Benzidine vượt quy định (5 mg/kg) 1,19 lần.

1876	Đại học	Phối chế dầu gội làm sạch gàu từ cao chiết ethanol của gạo nếp than (<i>Ozyra sativa</i> L.) và lá cây lá gai (<i>Boehmeria nivea</i> (L) Gaudich.)	Đặng, Thu Trang	Lê, Thanh Phước	2018	Gạo nếp than (<i>Ozyra sativa</i> L.) là một loại thực phẩm quen thuộc và được sử dụng phổ biến ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Với những giá trị dinh dưỡng đặc biệt, gạo nếp than không chỉ được sử dụng phổ biến trong ngành thực phẩm mà còn được nghiên cứu và ứng dụng trong dược phẩm và mỹ phẩm. Lá cây lá gai (<i>Boehmeria nivea</i> (L) Gaudich.), một loài thực vật chứa hàm lượng chất kháng khuẩn, kháng viêm và chống oxy hóa cao đang được nghiên cứu và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Từ những giá trị trên, đề tài tiến hành nghiên cứu phối chế dầu gội làm sạch gàu từ cao chiết ethanol của gạo nếp than (<i>Ozyra sativa</i> L.) và lá cây lá gai (<i>Boehmeria nivea</i> (L) Gaudich.). Với sự kết hợp 5% cao chiết từ gạo nếp than và 7% cao chiết lá cây lá gai cùng với quá trình khảo sát, kiểm tra các chỉ tiêu ổn định cơ bản đã phối chế thành công dầu gội làm sạch gàu. Kết quả cho thấy dầu gội có khả năng làm sạch gàu trong thời gian trung bình là 3 ngày và tóc không bị khô sau khi sử dụng với thời gian thử nghiệm 45 ngày trên tình nguyện viên.
1877	Đại học	Định lượng Marbofloxacin trong nguyên liệu và chế phẩm thuốc thú y bằng phương pháp quang phổ UV-Vis.	Thạch, Minh Tân	. Lâm, Phước Điền	2018	Marbofloxacin là kháng sinh nhóm Fluoroquinolone thế hệ mới nhất, nó được sử dụng trong thú y để điều trị các bệnh liên quan đến tiêu hóa, hô hấp, ... Mục đích chính của đề tài là kiểm tra phương pháp định lượng Marbofloxacin bằng quang phổ tử ngoại khả kiến và tiến hành định lượng Marbofloxacin trong nguyên liệu và chế phẩm thuốc thú y đang lưu hành trên địa bàn Thành Phố Cần Thơ.
1878	Đại học	Khảo sát xây dựng phương pháp xác định dư lượng Chlorpyrifos methyl trong thủy sản bằng phương pháp sắc ký khí	Nguyễn, Văn Kha	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Khảo sát xây dựng phương pháp xác định dư lượng Chlorpyrifos methyl trong thủy sản bằng phương pháp sắc ký khí” được tối ưu theo phương pháp AOAC 2007.01 theo tiêu chuẩn của AOAC. Dư lượng thuốc BVTV Chlorpyrifos methyl trong mẫu cá tra, basa qua chế biến và mẫu tôm qua chế biến được tối ưu bằng cách thêm nước trước khi chiết sau đó được chiết bằng acetonitrile. Dịch chiết được làm sạch bằng MgSO ₄ và PSA sau đó được chiết lần hai với hexane và được làm sạch bằng florisil. Dịch chiết được phân tích bằng hệ thống máy GC-ECD. Đường chuẩn có độ tuyến tính cao trong khoảng 1 ppb đến 5 ppb với hệ số tương quan tuyến tính đạt yêu cầu. R ² = 0,9962 (mẫu cá chế biến) và R ² = 0,9996 (mẫu tôm chế biến). Phương pháp có độ lặp lại cao với độ lệch chuẩn tương đối 2,6% (mẫu cá chế biến), 5,86% (mẫu tôm chế biến). Phương pháp có độ thu hồi cao với phần trăm nồng độ thu hồi 84,84% - 91,59% (mẫu cá chế biến), 85,58% - 96,74% (mẫu tôm chế biến) đều đạt tiêu chuẩn của AOAC.

1879	Đại học	Đánh giá phương pháp và khảo sát hàm lượng axit benzoic trong bún tươi trên thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao	Trần, Vĩnh Thuận	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Đề tài “Đánh giá phương pháp và khảo sát hàm lượng axit benzoic trong bún tươi trên thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao” được thực hiện từ tháng 07/2018 đến tháng 12/2018 với mục tiêu đánh giá phương pháp phân tích axit benzoic trong bún tươi trên hệ thống HPLC thông qua các thông số: độ tuyến tính, độ đúng, độ chụm, độ lặp lại, độ thu hồi và giới hạn phát hiện LOD, giới hạn định lượng LOQ của phương pháp; đồng thời, khảo sát hàm lượng axit benzoic trong các sản phẩm bún tươi đang được tiêu thụ tại các hệ thống siêu thị và chợ trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Phương pháp phân tích có độ tuyến tính cao trong khoảng nồng độ 1ppm đến 100ppm ($R^2=0,9991$), độ lệch tương đối $\leq 1\%$ và độ lệch chuẩn tương đối RSD của thiết bị đạt giá trị lần lượt là 1,26% và 1,55% phù hợp theo quy định của RSFDA cũng như AOAC; độ lặp lại thấp và hiệu suất thu hồi cao đều nằm trong giới hạn cho phép của AOAC. Giới hạn phát hiện của phương pháp (LOD) bằng 1,84 ppm và giới hạn định lượng của phương pháp (LOQ) bằng 5,86 ppm. Kết quả khảo sát hàm lượng axit benzoic trong bún tươi trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho thấy: Các mẫu bún tươi đều sử dụng axit benzoic trong quá trình sản xuất với các mức khác nhau và đều không vượt giới hạn cho phép theo thông tư số 08/2015/TT-BYT ngày 11 tháng 05 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế Việt Nam (ML=1000 mg/kg).
1880	Đại học	Ảnh hưởng của chất bổ sung (bột bắp và mật đường) và thời gian bảo quản đến chất lượng của dây khoai lang ủ chua	Nguyễn, Phúc Hảo	Hồ, Thanh Tâm	2018	Đánh giá ảnh hưởng của chất bổ sung (mật đường, bột bắp) và thời gian bảo quản lên chất lượng của dây khoai lang ủ chua.
1881	Đại học	Ảnh hưởng của chất bổ sung (cám và củ khoai) và thời gian bảo quản đến chất lượng của dây khoai lang ủ chua	Phạm, Hồng Nhân	Hồ, Thanh Tâm	2018	Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá ảnh hưởng của chất bổ sung và thời gian bảo quản đến chất lượng của dây khoai lang ủ chua. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu thừa số 2 nhân tố. Nhân tố thứ nhất là các chất bổ sung khác nhau (cám và củ khoai). Nhân tố thứ 2 là thời gian bảo quản (0, 1 và 2 tháng bảo quản). Các yếu tố cảm quan (màu, mùi và sự xuất hiện của nấm mốc) cũng được đánh giá. Các chỉ tiêu phân tích gồm có vật chất khô (DM), đạm thô (CP), béo thô (EE), khoáng tổng số (Ash), xơ thô (CF), xơ acid (ADF) và xơ trung tính (NDF). Thí nghiệm được đánh giá qua 2 tháng bảo quản. Kết quả đánh giá cảm quan cho thấy các túi ủ không có sự xuất hiện của nấm mốc, màu sắc và mùi đạt yêu cầu của mẻ ủ chua. Giá trị pH cao nhất ở nghiệm thức Đối chứng (4,8) khác biệt so với mẻ ủ bổ sung Cám (4,63) và Củ khoai lang (4,61). Giá trị pH giữa các thời gian bảo quản có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$). Giá trị pH cao nhất ở tháng 0 (5,33) có sự khác biệt với tháng 1 (4,39) và tháng 2 (4,32). Hàm lượng DM giữa các nghiệm thức khác biệt có ý nghĩa thống kê, cao nhất ở mẻ ủ bổ sung Cám (39,57%), kế đến là Đối chứng (35,09%) và Củ khoai lang (34,12%). Như vậy, nghiệm thức với chất bổ sung là Cám, Củ khoai đạt yêu cầu của một mẻ ủ chua và có thể ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

1882	Đại học	KHẢO SÁT MỘT SỐ CHỈ TIÊU HÓA LÝ CỦA BỘT MÌ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Tạ, Thị Kim Tuyền	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	Bột mì là nguyên liệu chính để sản xuất ra các thực phẩm phổ biến, được rất nhiều người Việt Nam ưa chuộng như: bánh mì, bánh gatô, các loại bánh ngọt... Vì vậy, bột mì được bán khá phổ biến tại các chợ, các siêu thị. Tuy nhiên chất lượng của bột mì ít được chú trọng, người tiêu dùng chưa thực sự quan tâm và tìm hiểu về chất lượng sản phẩm họ đang dùng. Đề tài được thực hiện nhằm bước đầu xác định chất lượng của sản phẩm này. Đề tài được tiến hành trên 20 mẫu thu mua ngẫu nhiên trên địa bàn thành phố Cần Thơ và được khảo sát với các chỉ tiêu như: Protein, glucit, độ ẩm, chỉ số acid, hàm lượng Chì (Pb) và hàm lượng Cadimi (Cd).
1883	Đại học	Định lượng Atenolol trong thuốc viên nén bằng phương pháp quang phổ UV-Vis.	Châu, Minh Thông	Lâm, Phước Điền	2018	Atenolol là thuốc ức chế thụ thể beta- adrenergic với tác động chủ yếu lên thực thể Beta 1. Thuốc có tác dụng hạ huyết áp nhưng không có tác dụng ổn định màng. Đề tài tiến hành xây dựng và giới thiệu một quy trình định tính và định lượng Atenolol trong thuốc viên nén bằng phương pháp quang phổ UV-VIS hiệu quả và chính xác. Quá trình khảo sát phổ hấp thụ của dung dịch Atenolol trong nền ethanol (TT) với bước sóng hấp thụ cực đại 285 nm. Tiến hành định tính và định lượng Atenolol trong 3 mẫu thuốc: Atenolol (Stada), Tenormin (AstraZeneca UK), Teginol (DHG) trong môi trường ethanol (TT) bằng phương pháp quang phổ UV-VIS với bước sóng sử dụng là 285 nm. Tiến hành thẩm định quy trình với các kết quả: tính tuyến tính trong khoảng nồng độ khảo sát là 0,02 – 0,2 mg/mL với phương trình hồi quy $y=0,06527x + 0,0054$ và hệ số tương quan $R^2=0,9974$, độ thu hồi trung bình đạt 100,67%, độ chính xác với % độ lệch chuẩn tương đối %RSD là 1,68%; giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng lần lượt là 0,0046 mg/mL và 0,0138 mg/mL. Tất cả 3 mẫu thuốc định lượng đều đạt yêu cầu về hàm lượng theo Dược điển Việt Nam IV, cụ thể: Atenolol đạt 98,02%, Tenormin đạt 103,38%, Teginol đạt 100,22% so với hàm lượng thuốc ghi trên nhãn.

1884	Đại học	NGHIÊN CỨU CẤU TRÚC VÀ HOẠT TÍNH KHÁNG OXY HÓA CỦA MỘT SỐ DIHYDROFLAVONOL (AROMADENDRIN, TAXIFOLIN, AMPELOPSIN) BẰNG TÍNH TOÁN HÓA LƯỢNG TỬ.	Trần, Thị Ny	Phạm, Vũ Nhật	2018	Dihydroflavonol là một dạng của flavonoid, một hợp chất hóa học thường có màu vàng, thuộc nhóm phenolic, được tìm thấy nhiều trong hầu hết hoa quả hay thực vật nói chung. Flavonoid có rất nhiều ứng dụng trong đời sống, đặc biệt là trong ngành dược và thực phẩm. Các nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh rằng flavonoid có rất nhiều hoạt tính sinh học hữu ích như kháng oxy hóa, chống ung thư,... Mặc dù đã có rất nhiều nghiên cứu về hoạt tính kháng oxy hóa của flavonoid đã được công bố, song cơ chế kháng oxy hóa cũng như khả năng kháng oxy hóa của hợp chất này vẫn chưa rõ ràng. Ngày nay, với sự tiến bộ của khoa học nói chung và cơ học lượng tử nói riêng, con người đã có thể giải thích nhiều hiện tượng vật lý, sinh học và hóa học thông qua các tính toán mô phỏng trên máy vi tính cũng như dự đoán nhiều hiện tượng khoa học khác. Bằng cách áp dụng lý thuyết phiếm hàm mật độ (DFT), nghiên cứu này sẽ thực hiện khảo sát các cơ chế kháng oxy hóa của các flavonoid là: Aromadendrin, Taxifolin và Ampelopsin, qua đó xác định cơ chế chính của quá trình kháng oxy hóa của các hợp chất này. Bên cạnh đó, sự ảnh hưởng của dung môi lên hoạt tính kháng oxy hóa của các dihydroflavonol cũng sẽ được khảo sát. Các kết quả thu được trong bài nghiên cứu này sẽ giải thích cho những luận đề trên đây và cũng là cơ sở cho nhiều nghiên cứu tiếp theo sau này.
1885	Đại học	ĐỊNH LƯỢNG TYLOSIN VÀ KETOPROFEN TRONG THUỐC THÚ Y FORLOXIN BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUANG PHỔ UV-VIS ĐẠO HÀM	Dương, Chí Công	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Đối với thuốc thú y, đa số là hỗn hợp thuốc nhiều thành phần để đáp ứng yêu cầu phối hợp điều trị diện rộng. Vì vậy việc định lượng từng thành phần trong hỗn hợp rất cần thiết cho việc sản xuất và kiểm nghiệm. Để đáp ứng nhu cầu đó, đề tài đã xây dựng được phương pháp định lượng hỗn hợp hai thành phần Tylosin và Ketoprofen trong thuốc thú y Forloxin bằng phương pháp quang phổ đạo hàm. Kết quả cho thấy phương pháp đảm bảo độ tin cậy với tính tuyến tính trong khoảng 10 – 80 mg/L đối với Tylosin Tar và 5 – 25 mg/L đối với Ketoprofen. Độ chính xác với RSD < 2%. Đồng thời hàm lượng Tylosin và Ketoprofen trong thuốc thú y Forloxin nằm trong giới hạn yêu cầu (90 – 110% so với trên nhãn dán). Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng phương pháp quang phổ đạo hàm để định lượng cho các hỗn hợp khác với 2, 3 thành phần để có thể tổng quát hóa thành phương pháp chung.

1886	Đại học	Đánh giá phương pháp và xác định hàm lượng Formaldehyde trong bánh phở, bún tươi và bánh canh trên thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Lê, Tường Vi	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Đánh giá phương pháp và xác định hàm lượng Formaldehyde trong bánh phở, bún tươi và bánh canh trên thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao” được thực hiện nhằm xác định hàm lượng Formaldehyde trong bún tươi, bánh phở và bánh canh ở chợ Xuân Khánh, chợ Hưng Lợi và chợ Cái Khế (thuộc quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ). Hàm lượng Formaldehyde được đánh giá theo Bộ Y Tế TCVN 8894 : 2012 và Method 8315A, mẫu được xử lý bằng phương pháp chưng cất để loại bỏ tạp chất và thu hồi Formaldehyde đem phân tích trên hệ thống HPLC với đầu dò DAD. Việc xác định nồng độ Formaldehyde dựa trên phản ứng đặc trưng của nhóm carbonyl với 2,4-dinitrophenylhydrazine, sản phẩm của phản ứng là hydrazone. Dẫn xuất này được xác định tại cực đại hấp thu 360nm. Giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp lần lượt là 0,04 ppm và 0,12 ppm. Diện tích peak và nồng độ Formaldehyde có mối tương quan tuyến tính với hệ số tuyến tính gần bằng 1. Phương pháp có độ chính xác cao, độ lặp lại tốt với RSD < 11%. Hiệu suất thu hồi đạt trong giới hạn 80 – 110%. Kết quả phân tích hàm lượng Formaldehyde trong các mẫu cho thấy nhìn chung đều tuân theo quyết định số 867/1998/QĐ – BYT của Bộ Y tế Việt Nam là không được thêm Formol vào thực phẩm với bất kì hình thức và hàm lượng nào
1887	Đại học	Định lượng hoạt chất Acetylcysteine trong viên nang bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	Acetylcysteine là một dược phẩm được dùng để điều trị khi dùng quá liều paracetamol (acetaminophen) và để làm tiêu chất nhầy ở những người bị xơ nang hoặc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Mục tiêu của đề tài là thẩm định quy trình định lượng hoạt chất Acetylcysteine bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao. Từ đó, định lượng hoạt chất Acetylcysteine của 2 lô thuốc viên nang Acemuc của Công ty TNHH Safoni – Aventis Việt Nam và 2 lô thuốc viên nang của Công ty Dược phẩm 3/2 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Thẩm định quy trình định lượng hoạt chất Acetylcysteine bằng phương pháp HPLC sử dụng cột C18 (5 µm), pha động là dung dịch Kali dihydrophosphate (pH=3), tốc độ dòng: 1,5 ml/phút, detector quang phổ tử ngoại đặt ở bước sóng 214 nm. Phương pháp có tính tuyến tính, độ đúng, độ lặp lại cao theo hướng dẫn ICH 1994, cụ thể: có sự tương quan rõ rệt giữa nồng độ và diện tích pic trong khoảng nồng độ từ 59,94 – 139,96 (µg/mL) với R > 0,9999, giới hạn phát hiện: 104,279 (µg/mL), giới hạn định lượng: 315,996 (µg/mL), độ chính xác của tất cả các mẫu khảo sát đều có RSD% nằm trong khoảng 95 – 105%, độ đúng tốt (tỷ lệ phục hồi của 4 mẫu khảo sát nằm trong khoảng 95 – 105%). Kết quả định lượng của 4 mẫu thuốc đều đạt yêu cầu.

1888	Đại học	Khảo sát hàm lượng kim loại Cadmium (Cd) trong một số loại phân bón bằng phương pháp phổ hấp thu nguyên tử (GF-AAS).	Đào, Nguyên Chương	Lâm, Phước Điền	2018	Cadmium (Cd) là một kim loại nặng có độc tính và khả năng tích lũy sinh học. Việc sử dụng phân bón nhiễm Cadmium thì khả năng ảnh hưởng đến môi trường sản xuất nông nghiệp và cây trồng cũng như sức khỏe con người là rất cao. Dựa theo TCVN9291-2012 xác định hàm lượng Cadmium (Cd) trong phân bón bằng phổ hấp thu nguyên tử (GF-AAS). Đề tài bước đầu là xây dựng đường cong tương quan giữa độ hấp thu (A) và nồng độ (C) với hệ số $R=0,9997$ và thẩm định phương pháp định lượng trên ba nền mẫu phân bón khác nhau: phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ và phân bón lá. Phương pháp có độ thu hồi từ 88,03% đến 99,78%, độ lặp lại tính bằng giá trị RSD từ 2,52% đến 4,73%. Sau đó, tiến hành xác định hàm lượng Cadmium trên mẫu phân bón tại công ty, thực nghiệm trên 16 mẫu mỗi mẫu lặp lại hai lần. Kết quả có 3 mẫu phân bón không phát hiện Cd theo phương pháp chiếm 18,75% trong tổng số 16 mẫu. Các mẫu còn lại đều có hàm lượng Cd không vượt quá QCVN đạt yêu cầu về yếu tố hạn chế Cd trong phân bón.
1889	Đại học	XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG CÁC KIM LOẠI NẶNG ARSEN VÀ CHÌ TRONG MỘT SỐ LOẠI THỦY SẢN BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUANG PHỔ HẤP THU NGUYÊN TỬ AAS	Trần, Anh Tuấn	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	Trong khuôn khổ luận văn đại học, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và đưa ra quy trình xác định hàm lượng As và Pb trong thủy sản bao gồm quy trình xử lý mẫu và các thông số của hệ thống AAS. Hiệu suất thu hồi cũng như LOD, LOQ của phương pháp lần lượt là $HAs=98,76\pm1,62\%$, $HPb=99,71\pm1,50\%$, $LODAs=12,1854$ ppb, $LODPb=11,1086$ ppb, $LOQAs=40,6180$ ppb, $LOQPb=37,0290$ ppb. Nghiên cứu cũng áp dụng quy trình đã xây dựng để tiến hành xác định hàm lượng As và Pb trên 48 mẫu thủy sản bao gồm: cá tra, cá ngừ, tôm thẻ, tôm sú, mực và bạch tuộc được thu từ các chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả thu được cho thấy, tất cả các mẫu thủy sản khảo sát đều không phát hiện hàm lượng Chì. Ngoại trừ các mẫu cá tra không nhiễm As, các mẫu còn lại đều có chứa As. Đa số các mẫu đều có hàm lượng As nằm dưới giới hạn cho phép của bộ Y tế. Có 1/8 mẫu tôm sú có lượng As vượt giới hạn cho phép. Có 7/8 mẫu mực và 6/8 mẫu bạch tuộc có hàm lượng As vượt giới hạn cho phép.
1890	Đại học	Định lượng Tylosin và Ketoprofen trong thuốc thú y Forloxin bằng phương pháp quang phổ UV-Vis sử dụng ma trận.	Bùi, Phan Thanh Ngân	Nguyễn, Trọng Tuấn	2018	Tóm tắt nội dung luận văn: Ngày càng có nhiều sản phẩm dược ra đời, đặc biệt là các thuốc có đa thành phần. Việc sử dụng thuốc với đúng liều lượng và hàm lượng là vô cùng quan trọng, vì vậy công tác kiểm nghiệm là vô cùng cần thiết. Có khá nhiều phương pháp để định lượng các thuốc đa thành phần nhưng trong nhiều trường thì các phương pháp đó chưa thực sự tối ưu. Đề tài tiến hành xây dựng quy trình định lượng hỗn hợp thuốc hai thành phần bằng quang phổ ma trận. Cụ thể ứng dụng thành công quy trình định lượng đồng thời Tylosin và Ketoprofen trong thuốc thú y Forloxin. Quy trình đảm bảo độ tin cậy cao với tính tuyến tính trong khoảng 10-80 mg/L đối với Tylosin tartrate và 5-30 mg/L đối với Ketoprofen. Độ đúng đạt trong khoảng 97%-103% với tỷ lệ thu hồi ở Tylosin tartrate là 102,82% và Ketoprofen là 99,71%. Độ chính xác với $\%RSD < 2,7\%$, cụ thể $\%RSD_{Tylosin\ tartrate}=0,471$ và $\%RSD_{Ketoprofen}=0,172$.

1891	Đại học	ĐỊNH LƯỢNG KIM LOẠI MOLYBDENUM (Mo) TRONG PHÂN BÓN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHỔ HẤP THU NGUYÊN TỬ VỚI NGỌN LỬA (F- AAS)	Ong, Thành Đạt	Lâm, Phước Điền	2018	Molybdenum là thành phần vi lượng được bổ sung vào phân bón. Phân bón được bổ sung Molybdenum có nhiều tác dụng tích cực đến chất lượng, năng suất của cây trồng. Hiện nay chưa có quy định cụ thể về hàm lượng Molybdenum trong phân bón, đồng thời chưa có nhiều nghiên cứu về hàm lượng Molybdenum trong nền mẫu phân bón, do đó việc khảo sát về chất lượng của các loại phân bón có bổ sung Molybdenum và xây dựng phương pháp định lượng Molybdenum trong phân bón là điều hết sức quan trọng. Đề tài nhằm mục đích định lượng Molybdenum trong các mẫu phân bón NPK, phân bón hữu cơ dựa trên TCVN 9283:2012 bằng phương pháp Quang phổ hấp thụ nguyên tử kỹ thuật ngọn lửa F-AAS. Các mẫu thực hiện nghiên cứu là những mẫu được gửi tại Công ty CP Chứng nhận và Giám định VinaCert chi nhánh Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy phương pháp đưa ra có độ thu hồi cao, đường chuẩn có hệ số tương quan $R = 0.9997$, hệ số hồi quy tuyến tính R^2 đạt 0.9995, độ thu hồi đạt từ 95,07% đến 103,64%, LOD đạt 22,46 ppm và LOQ đạt 67,38 ppm. Qua đánh giá từ những số liệu nghiên cứu thực nghiệm, quy trình cho hiệu quả định lượng chính xác, phù hợp với các yêu cầu phân tích. Đồng thời kết quả định lượng các mẫu phân bón cho thấy phân NPK có hàm lượng Molybdenum đạt từ 82,1 ppm đến 108,1 ppm, phân hữu cơ có hàm lượng Molybdenum đạt từ 189,3 ppm đến 205,5 ppm.
1892	Đại học	Định lượng kim loại nặng thủy ngân, cadimi trong một số loại thủy sản tại các chợ và siêu thị ở Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử	Huỳnh, Gia Tuấn	Nguyễn, Thị Diệp Chi	2018	Đề tài “Định lượng kim loại nặng thủy ngân, cadimi trong một số loại thủy sản tại các chợ và siêu thị ở Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử” được nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá mức độ nhiễm kim loại nặng thủy ngân, cadimi trong thủy sản thu được. Nghiên cứu tiến hành khảo sát tổng số 48 mẫu thủy sản (tôm thẻ, tôm sú, mực, bạch tuộc, cá tra và cá ngừ) thu ngẫu nhiên tại các chợ và siêu thị thuộc quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Kết quả khảo sát cho thấy: trong tổng số 48 mẫu thủy sản thu tại các chợ và siêu thị dùng định lượng thủy ngân, có 5 mẫu cá ngừ phát hiện nhiễm kim loại nặng thủy ngân nhưng không vượt mức giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 8-2:2011/BYT. Trong tổng số 48 mẫu thủy sản thu tại các chợ và siêu thị dùng định lượng cadimi, có 8 mẫu mực, 8 mẫu bạch tuộc phát hiện nhiễm kim loại nặng cadimi với hàm lượng vượt cao hơn rất nhiều so với mức giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 8-2:2011/BYT.

1893	Đại học	Khảo sát dư lượng carbendazim trong xoài tại thành phố Cần Thơ bằng kỹ thuật sắc ký lỏng ghép khối phổ LC-MS/MS.	Mai, Tường Duy	Huỳnh, Anh Duy	2019	“Khảo sát dư lượng carbendazim trong xoài tại thành phố Cần Thơ bằng kỹ thuật sắc ký lỏng ghép khối phổ LC-MS/MS” được thực hiện dựa trên phương pháp nội bộ tại Trung tâm Phân tích và Kiểm định hàng hóa xuất nhập khẩu Viacimex. Carbendazim trong xoài được chiết tách bằng 1% acid acetic trong acetonitrile, làm sạch bằng hỗn hợp hạt nhồi Primary secondary amine (PSA) và C18, hàm lượng chất được xác định trên máy sắc ký lỏng ghép đầu dò khối phổ LCMS/MS. Kết quả của nghiên cứu đã đưa ra quy trình phân tích tối ưu nhất với đường chuẩn trong khoảng nồng độ 1,0-20 ppb, có hệ số tương quan $R^2 = 0,9998$, giới hạn định lượng 1,0 ppb. Tiến hành phân tích 9 mẫu xoài cát Hòa Lộc được mua từ các chợ tại quận Ninh Kiều đã thu được kết quả như sau: có 6/9 mẫu xoài phát hiện dư lượng carbendazim có hàm lượng từ 1,54-184,33 ppb và đều dưới mức dư lượng tối đa cho phép theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm (MRL: 5,0 ppm).
1894	Đại học	Nghiên cứu bào chế hệ phân tán ethosome glimepiride và đánh giá ảnh hưởng glycerol	Nguyễn, Bá Minh	TS. Lê, Thanh Phước	2019	Các triệu chứng tăng đường huyết hoặc tăng lượng đường trong máu mà không kiểm soát được gây ra bệnh đái tháo đường và theo thời gian dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng cho nhiều hệ thống của cơ thể, đặc biệt là các dây thần kinh và mạch máu. Glimepiride (GMP) thường được dùng như một loại thuốc điều trị đái tháo đường type 2. Tuy nhiên do độ tan trong nước kém đã ảnh hưởng đến sinh khả dụng cũng như hiệu quả điều trị của dược chất này. Nghiên cứu tiến hành kết hợp glimepiride vào hệ ethosome, một hệ dẫn truyền dược chất lý tưởng với mục đích chính là cải thiện độ tan từ đó có tiềm năng nâng cao sinh khả dụng của glimepiride. Xuất phát từ sự cải tiến các công thức ethosome cổ điển và bổ sung thành phần glycol không độc hại, gần với các quá trình chuyển hóa trong cơ thể là glycerol. Nghiên cứu đã bào chế thành công hệ phân tán ethosome glimepiride từ các thành phần chính là phosphatidyl choline, ethanol, glycerol và nước cất, thu được các công thức có % phóng thích glimepiride đạt hơn 80% tuân theo mô hình phóng thích Higuchi. Bên cạnh đó việc sử dụng glycerol trong các công thức ethosome nhị phân góp phần làm tăng hiệu quả bao chứa dược chất so với các hệ ethosome cổ điển và hệ liposome glimepiride. Ngoài ra các công thức chứa glycerol cũng đã góp phần ảnh hưởng đáng kể đến độ ổn định của các công thức sau 7 ngày và 15 ngày bảo quản.

1895	Đại học	Khảo sát phương pháp và xác định hàm lượng chì trong một số loại nước sơn móng tay bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử (F-AAS)	Võ, Thị Ngọc Châu	TS. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài “Khảo sát phương pháp và xác định hàm lượng chì trong một số loại nước sơn móng tay bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử (F-AAS)” được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 4/2019 với mục tiêu tối ưu hóa các thông số của thiết bị dùng để phân tích chì, khảo sát quy trình tối ưu để xử lý mẫu nước sơn trước khi phân tích chì có trong mẫu bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử F-AAS sau đó thẩm định lại quy trình phân tích và xác định hàm lượng chì có trong một số mẫu nước sơn móng tay trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Hàm lượng chì trong mẫu nước sơn được đánh giá theo “Thông tư 06/2011/TT-BYT, phụ lục số 06-MP”, cho phép hàm lượng chì trong mỹ phẩm là 20 mg/kg.
1896	Đại học	Ly trích và khảo sát thành phần hóa học của tinh dầu cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.)	Phan, Kiều Nhanh	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Đề tài được tiến hành trên nguyên liệu là cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.). Thực hiện các mục tiêu: ly trích tinh dầu, khảo các chỉ số vật lý (màu, mùi,...), chỉ số hóa học (acid, ester, savon), khảo sát thời gian và lưu lượng dung môi tối ưu nhất để ly trích tinh dầu hiệu quả, cũng như khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của tinh dầu thu được. Tinh dầu ly trích được có màu vàng nhạt, mùi long não (tựa như mùi của củ gừng). Thời gian và lượng dung môi tối ưu cho quá trình chưng cất để tối ưu quy trình ly trích tinh dầu Hương thảo là 500 mL trong 2 giờ. Tinh dầu thu được có chỉ số acid là 1,8535, chỉ số savon hóa là 10,7801 và chỉ số ester hóa là 8,9266. Thành phần hóa học chính có trong tinh dầu bao gồm: eucalyptol, α-pinene, camphene, β-pinene, β-linalool, lemonol,... Kết quả khảo sát hoạt tính kháng khuẩn cho thấy, tinh dầu Hương thảo chưa thể hiện được khả năng ức chế với nồng độ thử nghiệm dưới 5000 $\mu\text{g/mL}$ trên các dòng khuẩn: <i>Aeromonas hydrophyla</i> (B56, K28), <i>Aeromonas dhakensis</i> (B38), <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Vibrio parahaemolyticus</i>.

1897	Đại học	Khảo sát hàm lượng kim loại nặng trong nước mặt ở một số kênh rạch thuộc quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đo phổ hấp thu nguyên tử (AAS)	NGUYỄN, LÊ HIỀN HẬU	Ths. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài đã thẩm định phương pháp định lượng 3 kim loại nặng: As, Hg, Ni trong các mẫu nước mặt thu được từ một số kênh rạch ở quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đo phổ hấp thu nguyên tử AAS. Trong đó, dùng kỹ thuật GF-AAS để định lượng As, dùng kỹ thuật CV-AAS để định lượng Hg, dùng kỹ thuật F-AAS để định lượng Ni. Kết quả thẩm định đã đạt được như sau: Trong các khoảng nồng độ từ 0-20 ppb đối với As, 0-10 ppb đối với Hg, 0-0,25 ppm đối với Ni khoảng tuyến tính của phương pháp cao $R^2 > 0,995$. Độ lặp lại %RSD của 3 kim loại đều nhỏ hơn 30% (As là 5,38%, Hg là 1,302%, Ni là 2,49%). Độ thu hồi $40\% < H\% < 120\%$ (As là 85,68%, Hg là 91,65%, Ni là 101,47%). Giới hạn phát hiện (LOD) của As là 0,54 µg/L, Hg là 0,141 µg/L, Ni là 0,0231 mg/L. Giới hạn định lượng (LOQ) của As là 1,8 µg/L, Hg là 0,47 µg/L, Ni là 0,077 mg/L. Kết quả thẩm định phương pháp đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn AOAC năm 2011. Áp dụng phương pháp đã thẩm định để xác định hàm lượng As, Hg, Ni trong 20 mẫu nước mặt thu được ở một số kênh rạch của quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ trong 2 tháng, tháng 2 và 3 năm 2019 cho kết quả hầu hết không bị nhiễm kim loại nặng. Duy chỉ có một điểm cuối hồ Bún Xáng giao với sông Cần Thơ bị nhiễm nhẹ kim loại As vào tháng 3 năm 2019. Hàm lượng As từ không phát hiện (KPH) đến dưới 0,01 mg/L (trừ điểm BX2), hàm lượng Hg đều không phát hiện được, hàm lượng Ni từ KPH đến 0,0385 mg/L. Kết quả cho thấy hàm lượng cả 3 kim loại As, Hg, Ni hầu hết đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
------	---------	---	---------------------	---------------------------	------	---

1898	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến và chất lượng bánh snack bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L.)	Nguyễn, Thị Thanh Mai	Nhan, Minh Trí	2019	Khoai lang tím là nguồn thực phẩm giàu kali, tinh bột, acid amin, vitamin, chất xơ, nhiều nguyên tố vi lượng, đặc biệt là hợp chất anthocyanin có hoạt tính sinh học cao nên có nhiều lợi ích về mặt sức khỏe. Tuy nhiên, khoai lang tím thường bị rơi vào tình trạng mất giá do cung vượt cầu. Như đã biết, bánh snack là món ăn dễ chế biến, có giá trị dinh dưỡng lại là món ăn vật yêu thích của nhiều người. Trong khi giá khoai lang tím rẻ, còn ngành công nghiệp sản xuất bánh snack thì chủ yếu phải nhập khẩu nguyên liệu bột mì từ nước ngoài với giá thành cao. Vì vậy đề tài “Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến và chất lượng bánh snack bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> L.)” được thực hiện nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu khoai lang tím để phát triển sản phẩm mới, tăng giá trị kinh tế của khoai lang tím. Nghiên cứu này với mục đích: xây dựng quy trình chế biến bánh snack thông qua khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng: (i) tỉ lệ khoai lang tím bổ sung (20, 30, 40, 50%), (ii) tỉ lệ acid citric (0,4%; 0,8%; 1,2%) và bột nở (0,4%; 0,8%; 1,2%) bổ sung đến chất lượng bánh (sự hao hụt khối lượng, độ nở, độ cứng, độ ẩm, các giá trị màu sắc L, a, b). Kết quả cho thấy: Tỉ lệ khoai lang tím bổ sung có tác động trực tiếp đến độ nở, độ cứng, sự hao hụt khối lượng, độ ẩm và giá trị màu sắc L của bánh; tỉ lệ giữa acid citric và bột nở chủ yếu ảnh hưởng đến độ nở, độ cứng, và các giá trị màu sắc. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy nhiều hệ số tương quan cao ($P < 0,001$) giữa các chỉ tiêu chất lượng của bánh snack. Đề tài cho thấy: Ở cùng một nhiệt độ và thời gian chiên (130°C , 90 giây) thì mẫu bánh có bổ sung 30% khoai lang tím, tỉ lệ giữa acid citric và bột nở lần lượt là 0,8% và 0,8% đạt các chỉ tiêu chất lượng tốt nhất.
1899	Đại học	Phân tích thành phần hóa học của một số cây họ đậu (fabaceae) thân leo làm thức ăn trong chăn nuôi.	Đoàn, Văn Sang	TS. Nguyễn, Văn Hớn	2019	Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thành phần hóa học của 6 loại họ đậu thân leo ($P < 0,05$). Trong đó, cây Múc cỡ có hàm lượng vật chất khô DM (38,21%) cao nhất, còn hàm lượng protein thô CP thì thấp nhất (22,79%). Hàm lượng khoáng giữa các họ đậu đều tương đương nhau và hàm lượng protein thô của cây đậu Biếc (24,72%), đậu Rồng hoang (24,3%) cao hơn các loại đậu trong thí nghiệm. Hàm lượng xơ ADF của đậu Biếc (15,83%), đậu Rồng hoang (16,01%) và NDF của đậu Biếc (27,79%), đậu Rồng hoang (39,21%) thấp hơn so với hàm lượng ADF (26,67%) và NDF (50,57%) của cây đậu Ma có giá trị cao nhất trong 6 loại đậu. Chỉ tiêu chlorophyll tổng số có hàm lượng ở đậu Biếc (25,34 $\mu\text{g/mL}$), đậu Ma (23,27 $\mu\text{g/mL}$), đậu Rồng hoang (24,42 $\mu\text{g/mL}$) và đậu Kudzu (26,89 $\mu\text{g/mL}$) tương đương với nhau. Nhưng hàm lượng proline của cây đậu Biếc (0,7 $\mu\text{g/mL}$) cao hơn các giống đậu khác có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) trong cùng một điều kiện đất đai, thể hiện khả năng chống stress do hạn hán gây ra của đậu Biếc tốt hơn các loại đậu còn lại. Mục đích của đề tài là phân tích thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của cây thức ăn giúp cho nhà dinh dưỡng học và chăn nuôi trong công tác phối hợp khẩu phần cho vật nuôi Từ khóa: Các thành phần hóa học (DM, Ash, CP, ADF, NDF và chlorophyll, proline), đậu Ma, đậu Biếc, đậu Rồng hoang, đậu Kudzu, đậu Siratro, cây Mắc cỡ.

1900	Đại học	Bào chế hệ ethosome gliclazide và đánh giá khả năng phóng thích i vitro của hệ tạo thành.	Nguyễn, Thị Tiểu Trâm	TS. Lê, Thanh Phước	2019	Hệ ethosome-một hệ phân phối thuốc mới mang gliclazide được nghiên cứu phát triển nhằm khắc phục những nhược điểm của gliclazide có liên quan đến đường uống, một loại thuốc trị bệnh đái tháo đường, có độ tan kém trong nước. Nghiên cứu thực hiện bào chế hệ ethosome gliclazide bằng phương pháp lạnh cô điển với các thành phần như: gliclazide, lecithin, propylene glycol, polyethylene glycol 400 và đặc biệt là ethanol với nồng độ tương đối cao. Hệ tạo ra được đánh giá qua các tiêu chí như hình dạng qua hình chụp dưới kính hiển vi quang học và kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM), kích thước hạt được xác định bằng phương pháp tán xạ ánh sáng động (DLS), khả năng mang thuốc được xác định bằng phương pháp siêu ly tâm lạnh với tốc độ cao 12000 vòng/phút ở 4°C trong vòng một giờ và độ phóng thích in vitro bằng phương pháp thẩm tích qua màng cellophane để xác định được công thức tối ưu. Kết quả cho thấy, công thức A9 với 30% ethanol, 10% polyethylene glycol 400 được lựa chọn là công thức tối ưu vì đạt được kích thước hạt tương đối nhỏ, hiệu suất ethosome hóa cao và độ phóng thích in vitro cao nhất có tiềm năng lớn nhất cải thiện độ tan từ đó làm tăng sinh khả dụng. Hệ được bảo quản ở 4°C là tốt nhất Hệ ethosome gliclazide còn thể hiện khả năng cải thiện độ phóng thích in vitro so với gliclazide dạng viên nén.
1901	Đại học	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt tại một số kênh, rạch trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.	Thạch, Thị Chal Thi	Ths. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt tại một s kênh, rạch trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ ” được thự hiện để đánh giá chất lượng nước mặt ở khu vực nghiên cứu quận Cái Răn thành phố Cần Thơ thông qua đánh giá một số chỉ tiêu: pH, DO, COD, BOD5 Phosphate, Nitrate, Amoni qua hai đợt khảo sát. Mức độ nhiễm nguồn nước đượ đánh giá theo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCV 08-MT:2015/BTNMT Kết quả khảo sát cho thấy nước mặt quận Cái Răng nhìn chung khá tốt Chất lượng nước vào đợt 1 (cuối mùa mưa) tương đối tốt hơn đợt 2 (mùa khô) Các chỉ tiêu khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuậ quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Chỉ có chỉ tiê BOD5 và NH4+ có giá trị vượt chuẩn của quy chuẩn.

1902	Đại học	Khảo sát phương pháp phân tích hàm lượng các kim loại Ba, Ca, Mg, Zn trong dầu nhờn bằng phương pháp quang phổ phát xạ ICP-OES	Trần, Hoài Thương	TS. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Với mục đích tìm ra các điều kiện tối ưu cho việc phân tích hàm lượng các kim loại Ba, Ca, Mg, Zn trong dầu nhờn trên hệ thống quang phổ phát xạ nguồn plasma kết hợp cảm ứng ICP-OES, đề tài “Khảo sát phương pháp phân tích hàm lượng các kim loại Ba, Ca, Mg, Zn trong dầu nhờn bằng phương pháp quang phổ phát xạ ICP-OES” được thực hiện trong thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2019 đã khảo sát các điều kiện và thông số sau: nhiệt độ tối ưu và tỷ lệ axit/khối lượng mẫu tối ưu cho quá trình xử lý mẫu, tốc độ bơm nhu động, khoảng tuyến tính của đường chuẩn đối với các kim loại Ba, Ca, Mg, Zn của phương pháp, độ lặp lại, hiệu suất thu hồi, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng của phương pháp với mỗi kim loại, trên cơ sở các điều kiện khảo sát, thực hiện phân tích mẫu dầu nhờn trên thị trường để đánh giá phương pháp. Qua khảo sát, thu được kết quả như sau: nhiệt độ xử lý mẫu tối ưu là 50oC, tỷ lệ axit/khối lượng mẫu tối ưu là 1/1, tốc độ của bơm nhu động tối ưu là 1,7 mL/phút; đường chuẩn có giá trị của độ tuyến tính tốt (đều nằm trong khoảng giá trị từ 0,999 □ R2 □ 1), độ lặp lại của phương pháp là phù hợp với giá trị độ lệch chuẩn tối đa là 0,005 ppm và giá trị độ lệch chuẩn tương đối tối đa là 1,131%; hiệu suất thu hồi cao với các giá trị trung bình lần lượt với kim loại Ba là 97,357%; Ca là 96,940%; Mg là 95,579%; Zn là 91,829% đều phù hợp với quy định. Giới hạn phát hiện của các kim loại Ba, Ca, Mg, Zn lần lượt là 0,014 ppm; 0,013 ppm; 0,014ppm; 0,015 ppm; giới hạn định lượng có giá trị lần lượt với 4 kim loại Ba, Ca, Mg, Zn lần lượt là 0,048 ppm; 0,044 ppm; 0,046 ppm; 0,050 ppm. Kết quả phân tích mẫu dầu thị trường cho thấy tổng hàm lượng các kim loại Ca, Mg, Zn là 0,187%. Các giá trị LOD và giá trị tổng hàm lượng các kim loại Ca, Mg, Zn là phù hợp giá trị mức giới hạn là 0,1% được cho trong QCVN 14:2018/BKHCN ban hành theo “Thông tư số 06/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ”. Từ kết quả các thí nghiệm, kết luận đề tài đã khảo sát được các điều kiện tối ưu cho phương pháp, phù hợp để áp dụng phân tích mẫu dầu nhờn thị trường.
1903	Đại học	Đánh giá chất lượng nước ngầm trên địa bàn quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và quận Bình Thủy ở thành phố Cần Thơ.	Neáng, Srây Róth	Ths. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Đề tài ”Đánh giá chất lượng nước ngầm trên địa bàn quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và quận Bình Thủy ở TPCT” được thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Với mục tiêu khảo sát, đánh giá các thông số cơ bản như là Độ cứng, Clorua, Sulfate, Nitrate, Chi và Asen bằng phương pháp chuẩn độ thể tích, phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử UV-VIS và phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS Kết quả phân tích mẫu nước cho thấy Độ cứng, hàm lượng Clorua, Sulfate, Nitrate, Asen và Chi đều nằm trong giới hạn cho phép của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (QCVN 09-MT:2015/BTNMT) và Bộ Y Tế (QCVN 02:2009/BYT). Tuy nhiên, nồng độ Clorua trong mẫu nước được khảo sát ở Bình Thủy rất cao vượt mức giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam QCVN09-MT:2015/BTNMT (250 mg/L) về chất lượng nước ngầm và QCVN 02:2009/BYT (300 mg/L) về chất lượng nước sinh hoạt.

1904	Đại học	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa, hàm lượng polyphenol, flavonoid của cao chiết methanol từ lá cây Sầu Đâu (<i>Azadirachta Indica</i> A. Juss) và lá cây Lựu (<i>Punica Granatum</i> L.)	Huỳnh, Tú Lê	Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá hoạt động kháng oxy hóa của cao chiết methanol lá Sầu Đâu (<i>Azadirachta Indica</i> A. Juss) và lá Lựu (<i>Punica Granatum</i> L.). Nghiên cứu được thực hiện qua các thí nghiệm: Khảo sát thành phần hóa học, định lượng polyphenol tổng, định lượng flavonoid toàn phần, hiệu quả trung hòa gốc tự do DPPH, ABTS+ , phương pháp khử sắt RP, FRAP và phương pháp dùng phép thử phosphomolybdenum. Kết quả nghiên cứu hàm lượng cho thấy hàm lượng trong flavonoid được ly trích trong methanol của cao Sầu Đâu và Lựu lần lượt là 534,843±3,93 mg QE/g; 555,6±2,18 mg QE/g. Hàm lượng polyphenol của cao chiết methanol Sầu Đâu và Lựu lần lượt là 186,946 ±0,581 mg GAE/g; 191,381±0,792 mg GAE/g. Khả năng làm sạch gốc tự do DPPH của cao Sầu Đâu kém hơn 2,17 lần so với chất chuẩn vitamin C và cao Lựu mạnh hơn 1,02 lần so với chất chuẩn vitamin C. Theo phương pháp ABTS+ , khả năng ức chế gốc tự do của cao Sầu Đâu và lựu đều mạnh hơn chất đối chứng trolox lần lượt là 1,02 lần và 2,02 lần. Khả năng khử sắt RP của cao chiết Sầu Đâu và Lựu đều thấp hơn chất chuẩn BHA lần lượt là 2,59 lần và 1,05 lần. Đối với phương pháp khử sắt FRAP thì cao Sầu Đâu yếu hơn trolox 1,08 lần và Lựu so với trolox mạnh hơn 1,11 lần. Trong phép thử phosphomolybdenum, hiệu quả kháng oxy hóa của cao chiết Sầu Đâu và Lựu đều kém hơn vitamin C lần lượt là 3,52 lần và 1,85 lần. Kết quả cho thấy dịch chiết của Sầu Đâu, Lựu được coi là nguồn tiềm năng sinh học để phát triển các loại thực phẩm chức năng, công thức thuốc sau này. Từ khóa: Sầu Đâu, Lựu, <i>Azadirachta Indica</i> A. Juss, <i>Punica Granatum</i> L, kháng oxy hóa, DPPH, RP, FRAP, ABTS+ , phosphomolybdenum, TPC, TFC
------	---------	---	--------------	--------------------	------	---

1905	Đại học	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến bánh bò bổ sung khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> (L.))	Võ, Khánh Ngọc	PGs.Ts.Nhan, Minh Trí	2019	Trong số các loại cây trồng củ và củ khác, khoai lang chứa hàm lượng carbohydrate cao hơn. Khoai lang cũng chứa hàm lượng vitamin A, vitamin C và khoáng chất cao hơn nhiều so với gạo hoặc lúa mì. Tuy nhiên, nguồn tiêu thụ khoai lang lại không ổn định, khoai lang tím chủ yếu là được xuất khẩu với giá rẻ. Vì vậy đề tài “Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế biến bánh bò bổ sung khoai lang tím” được thực hiện nhằm tận dụng nguồn khoai lang dồi dào, giá rẻ, đặc biệt là những củ khoai lang tím bị loại bỏ do gãy, vỡ hay không đạt kích cỡ về hình dáng, màu sắc để tạo ra sản phẩm bánh bò có màu sắc tím đẹp, thơm ngon và dinh dưỡng. Nội dung nghiên cứu gồm khảo sát (i) tỷ lệ khoai lang tím bổ sung (20, 25, 30, 35%), (ii) tỷ lệ nấm men bổ sung (0,9, 1, 1,1%) và (iii) thời gian ủ (60, 90, 120 phút) ảnh hưởng đến độ cứng, thể tích, độ ẩm, sự hao hụt khối lượng và màu sắc của bánh bò. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra tỷ lệ khoai lang tím và nấm men bổ sung thích hợp, xác định thời gian ủ tối ưu để có được sản phẩm bánh bò màu tím đẹp, độ nở tốt, mềm xốp trong thời gian ủ tối ưu. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi bổ sung khoai lang tím ở tỷ lệ 30%, tỷ lệ men là 1% và được ủ trong thời gian 90 phút cho kết quả tốt nhất về chất lượng, bánh có màu tím đẹp, nở tốt và cấu trúc mềm xốp. Kết quả cũng cho thấy có nhiều hệ số tương quan đáng kể giữa các nhân tố khảo sát (tỷ lệ khoai lang bổ sung, tỷ lệ men, thời gian ủ) và chất lượng sản phẩm (độ cứng, thể tích, độ ẩm, sự hao hụt khối lượng và màu sắc).
1906	Đại học	PHÂN TÍCH MỘT SỐ THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA BỘT SẢ, GỪNG, CAM THẢO BẮC, QUẾ VÀ NGÒ	Đinh, Phan Đức Anh	TS. Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Đề tài “phân tích một số thành phần hóa học của bột sả, gừng, cam thảo bắc, quế và ngò” được tiến hành từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 04 năm 2019, tại phòng thực ăn gia súc (E109)- Khoa Nông nghiệp - Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài được thực hiện trên các mẫu bột sả, gừng, cam thảo bắc và ngò với các chỉ tiêu về hàm lượng vật chất khô, khoáng tổng số, phenolic tổng, hàm lượng flavonoid tổng, hàm lượng tannin. Thí nghiệm được thực hiện trên mẫu với 3 lần lặp lại đối với mỗi chỉ tiêu. Kết quả cho thấy hàm lượng vật chất khô, khoáng tổng số, phenolic tổng, flavonoid tổng, tannin trong các mẫu là khác nhau có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Quế đạt cao nhất với chỉ các tiêu về hàm lượng phenolic tổng (1,511%), tanin (1,656%) và vật chất khô (87,007%). Trong cam thảo bắc và ngò đạt cao nhất về hàm lượng flavonoid với 0,469% và 0,468%. Sả có hàm lượng tro đạt cao nhất với 9,311%. Gừng có hàm lượng đạt thấp nhất với các chỉ tiêu phenolic tổng (0,223%), flavonoid tổng (0,055%), tannin (0,678%) và vật chất khô (81,898%).

1907	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy hóa của cây Cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i> L.), Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>)	Trần, Loan Thảo	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát hàm lượng polyphenol tổng, flavonoid tổng và hoạt tính kháng oxy hóa trong cây Cỏ lào (<i>Chromolaena odorata</i> L.) và Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i>). Kết quả định tính thành phần hóa học cho thấy trong Cỏ lào và Xuyên tâm liên đều có chứa các hợp chất alkaloid, flavonoid, steroid triterpenoid, tannin, glycoside và sesquiterpen lacton. Kết quả khảo sát hàm lượng polyphenol tổng (TPC) Cỏ lào và Xuyên tâm liên lần lượt là 172,450 và 52,598 (mg GAE/g cao chiết). Hàm lượng flavonoid tổng (TFC) có trong cao Cỏ lào và Xuyên tâm liên lần lượt là 171,480 và 112,390 (mg QE/g cao chiết). Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp DPPH cho thấy cao methanol của Cỏ lào có khả năng trung hòa gốc tự do DPPH với giá trị EC50 = 58,348 µg/mL, Xuyên tâm liên EC50 = 468 µg/mL. Hiệu suất trung hòa gốc tự do ABTS+ Cỏ lào và Xuyên tâm liên lần lượt là 18,585 và 160,720 µg/mL. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy bằng phương pháp khử sắt (Reducing power) cho thấy, với nồng độ mẫu thử tại OD bằng 0,5 của cao methanol Cỏ lào là 225,330 µg/mL, Xuyên tâm liên 700 µg/mL. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa bằng phương pháp khử sắt (Ferric Reducing Antioxydant Power) với nồng độ mẫu thử tại OD bằng 0,5 của cao methanol Cỏ lào là 14,135 µg/mL, Xuyên tâm liên 96,460 µg/mL. Kết quả khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa bằng phép thử phosphomolybdenum cho thấy, với nồng độ mẫu thử tại OD bằng 0,5 của cao methanol Cỏ lào và Xuyên tâm liên lần lượt là 68,742 và 128,500 µg/mL.
1908	Đại học	: Phân tích một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt tại các kênh rạch trên địa bàn quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Ngọc Tiên	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài “Phân tích một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước mặt tại các kênh rạch trên địa bàn quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 3/2019, nhằm đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt tại 4 tuyến kênh rạch (Cái Khế, Cái Sơn Hàng Bàng, Bún Xáng, Tham Tướng) trong khu vực khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn nước mặt ở khu vực khảo sát nhìn chung tương đối tốt vào cuối mùa mưa, chỉ xảy ra ô nhiễm cục bộ tại một số vị trí. Tuy nhiên nước mặt bị ô nhiễm hữu cơ cao vào thời điểm mùa khô. Các chỉ tiêu chất lượng nước như: BOD5, COD, NH4+, PO43- đều vượt tiêu chuẩn chất lượng nước mặt dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt (QCVN 08MT:2015/BTNMT). Đặc biệt ở rạch Tham Tướng bị ô nhiễm vô cùng trầm trọng, với hàm lượng phosphate và amoni rất cao, vượt nhiều lần so với giới hạn cho phép. Cụ thể hàm lượng phosphate vượt 5 – 7 lần, hàm lượng amoni vượt 40 – 60 lần, COD vượt khoảng 3 - 4 lần và BOD5 vượt khoảng 4 -5,5 lần.

1909	Đại học	Ly trích và khảo sát thành phần hóa học của tinh dầu cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.)	Phan, Kiều Nhanh	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Đề tài được tiến hành trên nguyên liệu là cây Hương thảo (<i>Rosmarinus officinalis</i> L.). Thực hiện các mục tiêu: ly trích tinh dầu, khảo các chỉ số vật lý (màu, mùi,...), chỉ số hóa học (acid, ester, savon), khảo sát thời gian và lưu lượng dung môi tối ưu nhất để ly trích tinh dầu hiệu quả, cũng như khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của tinh dầu thu được. Tinh dầu ly trích được có màu vàng nhạt, mùi long não (tựa như mùi của củ gừng). Thời gian và lượng dung môi tối ưu cho quá trình chưng cất để tối ưu quy trình ly trích tinh dầu Hương thảo là 500 mL trong 2 giờ. Tinh dầu thu được có chỉ số acid là 1,8535, chỉ số savon hóa là 10,7801 và chỉ số ester hóa là 8,9266. Thành phần hóa học chính có trong tinh dầu bao gồm: eucalyptol, α-pinene, camphene, β-pinene, β-linalool, lemonol,... Kết quả khảo sát hoạt tính kháng khuẩn cho thấy, tinh dầu Hương thảo chưa thể hiện được khả năng ức chế với nồng độ thử nghiệm dưới 5000 $\mu\text{g/mL}$ trên các dòng khuẩn: <i>Aeromonas hydrophyla</i> (B56, K28), <i>Aeromonas dhakensis</i> (B38), <i>Edwardsiella ictaluri</i> và <i>Vibrio parahaemolyticus</i>.
1910	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học từ cao ethyl acetate của rễ cây Gáo vàng (<i>Nauclea orientalis</i> L.), họ Cà phê (<i>Rubiaceae</i>)	Võ, Hoài Phong	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Khảo sát thành phần hóa học của rễ cây Gáo vàng (<i>Nauclea orientalis</i> L.) thu hái tại Tx. Ngã bảy, Hậu Giang. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào cao ethyl acetate của rễ Gáo vàng, phân lập được 01 hợp chất là naucleficine. Cấu trúc của hợp chất được xác định dựa vào các phương pháp quang phổ hiện đại (1D và 2D-NMR) và so sánh với tài liệu tham khảo.
1911	Đại học	Khảo sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ trong cà chua trong địa bàn thành phố Cần Thơ bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ	Võ, Thị Hồng Hạnh	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài “Khảo sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ trong cà chua trên địa bàn thành phố Cần Thơ bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ” được thực hiện từ 01/2019 đến 04/2019 với mục tiêu là khảo sát dư lượng thuốc BVTN nhóm Clo hữu cơ trong các mẫu cà chua tại một số siêu thị và chợ trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các mẫu cà chua ngẫu nhiên được gửi phân tích ở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ thông qua việc xác định hàm lượng Lindane, DDT, Dieldrin và Endosulfan sulfat. Mức độ nhiễm các thuốc bảo vệ thực vật Clo hữu cơ trong cà chua được đánh giá theo Thông tư 50/2016/TT-BYT. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Phương pháp xác định bốn thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ Lindane, DDT, Dieldrin và Endosulfan sulfat có hiệu suất thu hồi lần lượt là: 91,17%, 106,83%, 91,81% và 92,51%. Từ đó thấy được phương pháp đạt hiệu suất thu hồi cao. Nên phương pháp này thích hợp cho việc khảo sát dư lượng các thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ trong cà chua. Có 11 mẫu nhiễm thuốc bảo vệ thực vật cụ thể: 3 mẫu nhiễm Lindane (hàm lượng 3,25 – 3,97 $\mu\text{g/kg}$), 2 mẫu nhiễm DDT (hàm lượng 16,99 $\mu\text{g/kg}$ và 17,66 $\mu\text{g/kg}$), 3 mẫu nhiễm Dieldrin (hàm lượng 2,34 – 14,87 $\mu\text{g/kg}$) và 5 mẫu nhiễm Endosulfan sulfat (hàm lượng 8,63 – 11,37 $\mu\text{g/kg}$) nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép của bốn hoạt chất từ 10-500 $\mu\text{g/kg}$. Hầu hết các mẫu còn lại vẫn đảm bảo an toàn.

1912	Đại học	Nghiên cứu phối chế dầu gội đầu từ cao chiết ethanol của quả Bồ kết (<i>Gleditsia australis</i> Hemsl.), gạo nếp than (<i>Oryza sativa</i> L.) và lá gai (<i>Boehmeria nivea</i> (L.) Gaud.)	Phạm, Thị Phương Thảo	TS. Lê, Thanh Phước	2019	Đề tài ứng dụng những lợi ích từ quả Bồ kết, gạo nếp than và lá gai trong việc chăm sóc mái tóc. Với sự kết hợp của 6% dịch chiết ethanol của quả Bồ kết và 3% dịch chiết ethanol của gạo nếp than và 3% dịch chiết ethanol của lá gai, được phối chế thành dầu gội có tác dụng làm mượt, ngăn rụng và sạch gàu. Thông qua quá trình khảo sát các tỷ lệ khác nhau, đánh giá độ bền cấu trúc và đánh giá cảm quan của sản phẩm dựa trên chỉ tiêu ổn định và chỉ tiêu an toàn để tìm ra công thức dầu gội tối ưu nhất. Từ đó, đánh giá hiệu quả của sản phẩm trên các tình nguyện viên. Kết quả sau 30 ngày sử dụng cho thấy, dầu gội phối chế có khả năng làm mượt hiệu quả, khả năng ngăn rụng tóc tốt, tuy nhiên hiệu quả sạch gàu chưa thật sự tốt so với các sản phẩm chuyên dụng trên thị trường, nhưng sự chênh lệch là không đáng kể.
1913	Đại học	Khảo sát phương pháp xác định Carbendazim trong mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ LC/MS/MS	Phan, Châu Huy	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Đề tài “Khảo sát phương pháp xác định Carbendazim trong mật ong bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép khối phổ LC/MS/MS” đã được thực hiện và tối ưu thành công dựa trên quy trình của EN15662. Mẫu được chiết bằng ACN 0,1%FA và được làm sạch theo phương pháp QueChERS. Luận văn đã tối ưu được lượng nước và PSA thêm vào trong quá trình xử lý mẫu, kết quả cho thấy dùng 10 mL nước cho hiệu suất chiết mẫu cao nhất và 100 mg PSA là lượng làm sạch phù hợp. Đường chuẩn có độ tuyến tính cao, hệ số tương quan tuyến tính đạt yêu cầu $0,99 \leq R^2 \leq 0,9998 \leq 1$, $CV\% < 21\%$. Độ thu hồi đều nằm trong khoảng 60 -115% đạt tiêu chuẩn của AOAC.
1914	Đại học	Tổng hợp dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone/1,3,4-oxadiazole	Nguyễn, Ái Nhi	PGS.TS Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Các hợp chất dị vòng chứa nguyên tố nitrogen luôn thu hút sự quan tâm rất lớn do lợi ích mà chúng mang lại trong lĩnh vực hóa dược. Những hợp chất chứa nhân quinazolinone và 1,3,4-oxadiazole có phổ hoạt tính sinh học rất rộng bao gồm kháng khuẩn, kháng nấm, giảm đau, kháng viêm, kháng virus, kháng ung thư,... Trong nghiên cứu này, qua năm giai đoạn, hai dẫn xuất mới mang khung kết hợp quinazolinone/1,3,4-oxadiazole (9aI) và (9aII) đã được tổng hợp thành công. Cấu trúc của các hợp chất (9aI) và (9aII) được xác nhận đầy đủ bằng một số phương pháp quang phổ như phổ HR-ESI-MS, ¹ H-NMR và ¹³ C-NMR. Kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển các loại thuốc mới.

1915	Đại học	Khảo sát hàm lượng đường tổng số, đường hóa học (cyclamate, acesulfame K, aspartame và saccharine) trong một số sản phẩm trà sữa trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Bích Tiên	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài đã khảo sát một số chỉ tiêu như định lượng đường hóa học bằng phương pháp Bertrand theo TCVN 4594-88, TCVN 4074-2009 và AOAC 2002; định tính đường cyclamate theo AOAC 957.09-2012; định lượng các loại đường acesulfame K, saccharine và aspartame bằng HPLC theo TCVN 8471:2010 trong 20 mẫu trà sữa trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Kết quả này nhằm đánh giá khách quan thực trạng sử dụng đường tổng số và các loại đường hóa học như cyclamate, acesulfame K, saccharine và aspartame trong một số mẫu trà sữa, đồng thời cung cấp một số cơ sở dữ liệu cho các nhà quản lý chất lượng thực phẩm. Qua phân tích 20 mẫu trà sữa thu được kết quả như sau: tất cả các mẫu đều có hàm lượng đường tổng số khá cao, 20 mẫu đều không chứa đường cyclamate, hàm lượng acesulfame K và aspartame của tất cả các mẫu đều đạt chỉ tiêu cho phép, 1 mẫu có hàm lượng saccharine vượt mức giới hạn cho phép.
1916	Đại học	Đánh giá hàm lượng NO ₂ trong không khí tại khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Hưng Phú, Thốt Nốt bằng phương pháp Griess – Saltman cải biên	Thị, Bình An	PGS. TS Phạm, Vũ Nhật	2019	Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Nam, thành phố Cần Thơ là một trong những thành phố có quá trình đô thị hóa-công nghiệp hóa phát triển mạnh của Việt Nam. Đô thị hóa là xu hướng tất yếu của một nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa-công nghiệp hóa luôn đồng nghĩa với việc biến đổi môi trường tự nhiên, ở cả khuynh hướng tích cực và tiêu cực. Môi trường không những bị ô nhiễm do quá trình đô thị hóa, hoạt động canh tác của nông nghiệp, sinh hoạt, giao thông vận tải mà chủ yếu là do các hoạt động phát triển kinh tế của các khu Công nghiệp. Cùng với sự tăng trưởng đồng bộ của các ngành Công nghiệp thì vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm đúng mức nguyên nhân là do các chất thải thải ra từ các ngành Công nghiệp này. Một trong số đó là vấn đề ô nhiễm không khí, môi trường không khí bị ô nhiễm sẽ tác động xấu đến sức khỏe con người. Chất lượng không khí có thể bị ảnh hưởng do các khí gây ô nhiễm thải ra từ các khu Công nghiệp, các nhà máy hay mật độ lưu thông của các phương tiện giao thông cũng góp phần tạo ra các khí thải thải vào môi trường không khí. Xuất phát từ tình hình đó, trong bài luận văn này tiến hành khảo sát phương pháp xác định hàm lượng NO ₂ trong mẫu không khí bằng phương pháp trắc quang sử dụng phổ hấp thụ UV-VIS theo TCVN 6137 : 2009, qua đó khảo sát hàm lượng NO ₂ trong các mẫu khí thu được tại khu Công nghiệp Hưng Phú, Trà Nóc 1, Thốt Nốt ở thành phố Cần Thơ và đánh giá mức độ ô nhiễm theo theo QCVN 05:2013/BTNMT và chỉ số chất lượng không khí (AQI). Qua kết quả khảo sát cho thấy phương pháp Griess – Saltman cải biên phù hợp với yêu cầu phân tích, điều kiện phòng thí nghiệm và phạm vi áp dụng, đúng theo quy định của Thông tư Số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hàm lượng NO ₂ trong các mẫu khí thu tại các khu Công nghiệp đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 05:2013 /BTNMT) và chỉ số AQI đều nằm trong khoảng chất lượng không khí không bị ô nhiễm.

1917	Đại học	Tổng hợp dẫn xuất mang khung kết hợp quinazolinone và 1,3,4-oxadiazole	Phan, Thị Tại	PGS. TS. Bùi, Thị Bửu Huệ	2019	Quinazolinone và oxadiazole là các hợp chất dị vòng quan trọng trong hóa dược với hoạt tính sinh học đa dạng bao gồm kháng khuẩn, kháng nấm, giảm đau, kháng viêm, kháng virus, kháng ung thư,... Trong nghiên cứu này, bốn dẫn xuất mang khung quinazolin-4(3H)-one kết hợp khung 1,3,4 oxadiazole có mang nhóm thế furan-2-yl ở vị trí carbon số 2 đã được tổng hợp thông qua quy trình chung gồm năm giai đoạn. Cấu trúc của các hợp chất đã được xác định đầy đủ bằng một số phương pháp phổ nghiệm như phổ MS, ¹ H-NMR và ¹³ C-NMR. Kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng cơ hội tìm kiếm các hợp chất có khả năng làm thuốc trong tương lai.
1918	Đại học	Đánh giá một số chỉ tiêu dinh dưỡng có trong trái bơ (Persea americana)	Nguyễn, Phạm Hoài Vinh	Ts. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài “Đánh giá một số chỉ tiêu dinh dưỡng có trong trái bơ (Persea americana)” được thực hiện từ đầu tháng 8/2019 đến cuối tháng 11/2019 với mục tiêu đánh giá hàm lượng dinh dưỡng có trong quả bơ bao gồm hàm lượng ẩm, xơ, đường, béo, đạm.
1919	Đại học	Đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng trên các sản phẩm nước rửa chén ở thành phố Cần Thơ	Trần, Công Định	TS. Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài: “Đánh giá một số chỉ tiêu về chất lượng trên các sản phẩm nước rửa chén ở Tp. Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu là tìm hiểu chất lượng của một số mẫu nước rửa chén hiện có trên thị trường thành phố Cần Thơ, có đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo qui định của TCVN 6971:2001 hay không. Nhằm đánh giá một cách khách quan về chất lượng của một số thương hiệu nước rửa chén có tên tuổi nói chung và các loại nước rửa chén trôi nổi không rõ xuất xứ nói riêng.
1920	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng chất phụ gia (Kali sorbat, Natri benzoat, Natri nitrit, Polyphosphat) trong sản phẩm xúc xích trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ”	Vũ, Thị Hải Yến	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài được thực hiện từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 với mục tiêu đánh giá phương pháp phân tích Kali sorbat, Natri benzoat, Natri nitrit và Polyphosphat trong xúc xích bằng phương pháp quang phổ UV-VIS và thiết bị hệ thống HPLC với đầu dò PDA. Sau khi tiến hành phân tích trên 20 mẫu xúc xích thu được kết quả như sau: Tất cả các mẫu xúc xích đều đạt chỉ tiêu về hàm lượng Kali sorbat và natri benzoat. Đối với hàm lượng Natri nitrit, hầu hết các mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép nhưng vẫn có một vài mẫu chiếm hàm lượng khá cao. Đáng lưu ý là có 100% số mẫu đều vượt mức cho phép về hàm lượng Polyphosphat theo quy định về việc quản lý phụ gia thực phẩm
1921	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng các chất phụ gia (Natri erythorbat, natri benzoat, kali sorbat, natri nitrit) trên sản phẩm chả lụa trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ”	Võ, Thoại Ngân	ThS. Nguyễn, Thị Diệp Chi	2019	Đề tài đã thực hiện khảo sát một số chỉ tiêu như định lượng natri erythorbat phương pháp HPLC với đầu dò PDA, định lượng natri benzoat và kali sorbat bằng phương pháp HPLC với đầu dò PDA theo TCVN 8122:2009, định lượng natri nitrit bằng phương pháp đo quang phổ theo TCVN 7992:2009 trong sản phẩm chả lụa trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, kết quả này nhằm đánh giá khách quan thực trạng sử dụng natri erythorbat, natri benzoat, kali sorbat, natri nitrit trong sản phẩm chả lụa và cung cấp dữ liệu cho các cơ quan quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ. Qua phân tích 20 mẫu chả lụa đã thu được kết quả sau: tất cả các mẫu đều đạt chỉ tiêu cho phép về hàm lượng natri erythorbat và natri nitrit, có 7 mẫu có hàm lượng natri benzoat vượt giới hạn cho phép, 4 mẫu có hàm lượng kali sorbat vượt giới hạn cho phép.

1922	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Nguyễn, Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2018	Thực hiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
1923	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH thương mại Loan Anh	Dương, Thị Hạnh Trinh	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Thọ Long Mại Loan Anh trong tháng 6 năm 2018. Phân tích tình hình vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty trong giai đoạn 2015 – 2017. Phân tích một số tỷ số tài chính có liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty. Đề xuất giải pháp thích hợp để hoàn thiện và nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty trong thời gian tới.
1924	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần thủy sản Trường An	Lê, Thị Mộng Tuyết	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Bên cạnh đó phân tích tình hình tài chính và khả năng thanh toán tại Công ty Cổ phần thủy sản Trường An và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty.
1925	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành gạch không nung tại công ty cổ phần cảng Bình Minh	Huỳnh, Ngọc Ánh	Hà, Mỹ Trang	2018	Thực hiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch không nung tại Công ty cổ phần Cảng Bình Minh. Phân tích biến động giá thành sản phẩm theo các khoản mục chi phí tại Công ty cổ phần Cảng Bình Minh. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, biện pháp hạ giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Cảng Bình Minh
1926	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang – Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Tân Phú	Ngô, Yến Nhi	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích, đánh giá kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang – xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Tân Phú. Phân tích biến động chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty
1927	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần cấp nước và môi trường đô thị Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Kiều Nhung	Trần, Quốc Dũng	2018	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh quý 2/2018 của công ty. Phân tích kết quả kinh doanh của công ty trên cơ sở số liệu giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng 2018. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
1928	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh công ty TNHH-MTV Khuyến Trung	Nguyễn, Minh Thi	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty , từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại công ty TNHH-MTV Khuyến Trung.
1929	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH phần mềm và truyền thông Vân Tay Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn, Lê Phương Thảo	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH phần mềm và truyền thông Vân Tay Thành phố Hồ Chí Minh.

1930	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đầu tư xây dựng Trung Quang	Võ, Thị Mai Trâm	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Trung Quang, đồng thời phân tích tình hình thu chi vốn bằng tiền và khả năng thu hồi nợ phải thu. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu và một số biện pháp khác để sử dụng dòng tiền tốt hơn và quản lý công nợ hiệu quả.
1931	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH giống thủy sản Hưng Phú chi nhánh Cần Thơ	Vũ, Thị Thanh Huyền	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích công tác kế toán và công tác quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH giống thủy sản Hưng Phú chi nhánh Cần Thơ, qua đó tiến hành đánh giá chất lượng công tác kế toán, tình hình quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu, từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán và công tác quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty ngày càng hiệu quả hơn.
1932	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và công nghệ nước Vĩnh Túc	Vương, Kim Ngân	Hồ, Hữu Phương Chi	2018	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và công nghệ nước Vĩnh Túc trong quý 4/2017. Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và công nghệ nước Vĩnh Túc trong quý 4/2017. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và công nghệ nước Vĩnh Túc.
1933	Đại học	Xây dựng mô hình kế toán quản trị tại công ty TNHH Hai thành viên Hải Sản 404	Đặng, Thị Hồng Đào	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Tìm hiểu hiện trạng thực hiện kế toán hiện nay tại Công ty TNHH HTV Hải Sản 404. Đánh giá thực trạng thực hiện kế toán tại công ty từ đó đề xuất mô hình kế toán quản trị phù hợp với thực tế sản xuất tại công ty giúp công ty hoạt động tốt hơn trong thời gian tới.
1934	Đại học	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại công ty TNHH MTV khoa học công nghệ Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Phước Thanh	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Khảo sát và đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty TNHH MTV Khoa học - Công nghệ. Xây dựng hệ thống thông tin kế toán tại Công ty nhằm đáp ứng điều kiện khi trường Đại học Cần Thơ tự chủ tài chính. Đề xuất các giải pháp hợp lý nhằm thay đổi và hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán.
1935	Đại học	Kế toán các khoản thanh toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Bông Vĩnh Long	Tô, Ngọc Yến	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán nợ phải thu và phải trả tại công ty. Phân tích các chỉ tiêu tài chính để phản ánh tình hình thanh toán của công ty. Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán thanh toán và nâng cao hiệu quả quản lý các khoản thanh toán của công ty TNHH MTV Khánh Bông Vĩnh Long
1936	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ 577	Nguyễn, Thị Thanh Hoa	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty TNHH thương mại và dịch vụ 577, để tính giá thành của hai quy trình xây dựng dây 8 phòng học và chống sét của dây 8 phòng học. Bằng cách tập hợp tất cả chi phí liên quan đến từng công trình để xác định giá thành
1937	Đại học	Kế toán nghiệp vụ huy động vốn và phân tích tình hình vốn huy động tại ngân hàng xuất nhập khẩu chi nhánh Cần Thơ	Trang, Như Ngọc	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2018	Thực hiện kế toán nghiệp vụ huy động vốn và phân tích tình hình vốn huy động tại Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Cần Thơ. Thông qua phân tích đề tài đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hoạt động huy động vốn cho ngân hàng

1938	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH - TMDV Buôn Phương	Danh, Út	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh; Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH-TMDV Buôn Phương. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán của công ty
1939	Đại học	Đánh giá chu trình doanh thu và chi phí tại công ty cổ phần sản xuất nhựa Duy Tân	Nguyễn, Thị Thanh Trúc	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Phân tích chu trình luân chuyển chứng từ, cách tổ chức sắp xếp các sự kiện trong chu trình doanh thu và chi phí. Từ đó đưa ra các biện pháp hoàn thiện chu trình doanh thu và chi phí tại công ty.
1940	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại xây dựng Điện Liên Phát	Tổng, Tuyết Kha	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Nghiên cứu kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đồng thời phân tích biến động các khoản mục chi phí ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại xây dựng Điện Liên Phát. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm và kiểm soát tốt các khoản mục chi phí
1941	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân xây dựng Anh Thư	Nguyễn, Bá Quốc	Lê, Trần Phước Huy	2018	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân xây dựng Anh Thư trong quý 4/2017. Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân xây dựng Anh Thư trong quý 4/2017. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân xây dựng Anh Thư.
1942	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình lắp dựng cửa nhôm tại công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Trung Quang	Bùi, Thị Hoàng Yến	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình lắp dựng cửa nhôm. Đồng thời, phân tích biến động chi phí sản xuất và giá thành công trình lắp dựng cửa nhôm tại công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Trung Quang. Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình lắp dựng cửa nhôm.
1943	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Bá Quốc	Trương, Công Bình	Lê, Tín	2018	Phân tích và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2015, 2016, 2017. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
1944	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Tường Phúc	Giang, Quế Anh	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Nghiên cứu công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân thương mại Tường Phúc, đồng thời phân tích kết quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ số tài chính. Qua đó đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp .
1945	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ánh Quang	Lý, Thị Ngọc Tuyền	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích, đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Ánh Quang. Từ đó tiến hành đánh giá hiệu quả công tác kế toán và đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu của Công ty.

1946	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xăng dầu Bé Ngân	Nguyễn, Thị Minh thư	Nguyễn, Thúy An	2018	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bé Ngân trong quý 2 năm 2018. Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bé Ngân; Phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bé Ngân trong năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018; Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bé Ngân.
1947	Đại học	Tác động của trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Lê, Thị Thu Hà	Lê, Phước Hương	2018	Phân tích thực trạng thực hiện trách nhiệm xã hội và tình hình tài chính tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam. Kiểm định mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam. Đề xuất kiến nghị thúc đẩy các ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội hiệu quả.
1948	Đại học	Kế toán các khoản thuế phải nộp Nhà nước tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ Kiên Giang	Ngô, Thị Liễu	Hà, Mỹ Trang	2018	Thực hiện kế toán thuế tại Công ty CP TMDV Kiên Giang. Nhăm năm được các nguyên tắc cơ bản trong quá trình luân chuyển chứng từ và hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán thuế tại công ty. Từ đó phát hiện những sai sót của kế toán các khoản thuế phải nộp Nhà nước của Công ty.
1949	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán phải thu và phải trả tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Huỳnh, Ngọc Yến	Nguyễn, Thúy An	2018	Thực hiện công tác kế toán các khoản phải thu và phải trả của tháng 8 năm 2018 tại công ty cổ phần Dược Hậu Giang. Sau đó, đánh giá thực trạng công tác kế toán công nợ nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán công nợ và nâng cao hiệu quả quản lý công nợ tại công ty.
1950	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời	Lê, Thị Mỹ Liên	Hồ, Hữu Phương Chi	2018	Thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời.
1951	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Bông Vĩnh Long	Nguyễn, Trung Hiếu	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán nợ phải thu và vốn bằng tiền tại Công ty TNHH MTV Khánh Bông. Phân tích các chỉ tiêu tài chính để phản ánh tình hình công nợ của Công ty. Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH MTV Khánh Bông.
1952	Đại học	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các đơn vị sản xuất dịch vụ đáp ứng cơ chế tự chủ tài chính – Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Hà My	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại các trung tâm trực thuộc Đại học Cần Thơ. Phân tích hệ thống thông tin kế toán tại các trung tâm trực thuộc Đại học Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các trung tâm trực thuộc Đại học Cần Thơ đáp ứng cơ chế tự chủ tài chính.
1953	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Buôn Phước	Lâm, Thị Ngân	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Buôn Phước. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Buôn Phước.

1954	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại doanh nghiệp tư nhân Minh Dũng	Phan, Ngọc Tuyền	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại DNTN Minh Dũng. Từ đó đề xuất các ý kiến để hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại doanh nghiệp.
1955	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xây dựng Văn Hiến	Nguyễn, Thúy Vy	Quan, Minh Nhựt	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh qua các chỉ số tài chính. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Văn Hiến.
1956	Đại học	Hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Thu Thủy	Đào, Diễm Khoa	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp trong tháng 5 năm 2018. Phân tích kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp trong giai đoạn năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Xây dựng giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
1957	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Buôn Phuong	Nguyễn, Thị Tú Ngọc	Nguyễn, Thúy An	2018	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh theo kỳ kế toán quý II năm 2018 tại Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Buôn Phuong. Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 tại doanh nghiệp. Đề ra các giải pháp hoàn thiện cho công tác kế xác định kết quả kinh doanh của công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
1958	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật Hiệp Thành	Quách, Hữu Khang	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Phân tích, đánh giá công tác quản lý kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hiệp Thành. Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty nhằm mục đích cho công ty ngày càng hoạt động hiệu quả hơn.
1959	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Mỹ Xuyên	Trần, Quốc Dũng	2018	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long; trên cơ sở đó, luận văn nêu lên một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới.
1960	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên HP	Huỳnh, Giao	Hà, Mỹ Trang	2018	Phân tích kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên HP. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HP. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên HP.
1961	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH INOX Phát Thành	Bùi, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Thực hiện kế toán bán hàng, xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Inox Phát Thành. Từ đó, đưa ra nhận xét và các giải pháp, kiến nghị về thực hiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
1962	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại viễn thông Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Hải Ân	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

1963	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần cấp thoát nước và công trình đô thị Hậu Giang	Đào, Xuân Miên	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Công trình đô thị Hậu Giang.
1964	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì giấy Phát Nguyên	Trần, huyền Trang	Lê, Tín	2018	Phân tích và đánh giá thực trạng của công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH MTV Bao bì giấy Phát Nguyên, từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.
1965	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV Co.opmart Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hồng Gấm	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Co.opmart Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty.
1966	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh Cần Thơ công ty cổ phần Taxi Mekong	Lê, Thị Diệu Hiền	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Khái quát về Công ty và tình hình kinh doanh của công ty. Thực hiện kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh. Đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
1967	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TM Loan Anh	Nguyễn, Thị Yến	Hà, Mỹ Trang	2018	Đánh giá công tác kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thương Mại Loan Anh trong tháng 06 năm 2018. Bên cạnh đó đánh giá hiệu quả và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh nhằm giúp cho sự phát triển của công ty trong tương lai.
1968	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Đại Nguyên	Phan, Thị Kim Thoa	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đại Nguyên. Đồng thời phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
1969	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty lương thực Sông Hậu	Đào, Thanh Nhã	Võ, Văn Dứt	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty. Lương thực Sông Hậu, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty Lương thực Sông Hậu.
1970	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân dịch vụ quảng cáo Lê Hưng	Tiêu, Tú Châu	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
1971	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Khiêm tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Lan Hảo	Vương, Quốc Duy	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Khiêm. Từ đó, đề tài đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
1972	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần viễn thông ITC Mekong	Trần, Việt Mỹ Huyền	Quan, Minh Nhựt	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông ITC Mekong. Đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

1973	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Inox Phát Thành	Nguyễn, Thị Thảo Duy	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện công tác kế toán, phân tích và đánh giá thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Inox Phát Thành. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu cho Công ty những năm tiếp theo
1974	Đại học	Kế toán các khoản thanh toán tại công ty cổ phần địa kỹ thuật xây dựng QTNC	Huỳnh, Ngọc Thiên Trang	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Thực hiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty Cổ Phần Địa Kỹ Thuật Xây Dựng QTNC. Phân tích số liệu và các chỉ số tài chính để phản ánh tình hình công nợ của Công ty. Đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại công ty
1975	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Mỹ Bình	Nguyễn, Thảo Linh	Quan, Minh Nhựt	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Mỹ Bình. Đề xuất một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
1976	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tây Nam Á	Nguyễn, Thị Như Ý	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Tây Nam Á.
1977	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thanh Loan – Cần Thơ	Trần, Hằng Nga	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thanh Loan Cần Thơ. Qua đó phân tích, đánh giá, nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty.
1978	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần Đất Phương Nam	Huỳnh, Thanh Hảo	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần Đất Phương Nam. Đồng thời phân tích hiệu quả sử dụng vốn và các khoản phải thu tại công ty. Qua đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cùng với các biện pháp sử dụng vốn bằng tiền một cách hiệu quả và việc quản lý các khoản phải thu sao cho hợp lý giúp mang lại hiệu quả cho công ty.
1979	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình tại công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Kiều Phương	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình trường THPT Dường Diễm. Đồng thời, phân tích biến động chi phí sản xuất và giá thành công trình trường THPT Dường Diễm tại công ty cổ phần đầu tư và xây lắp thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình, đề xuất các giải pháp để giảm chi phí sản xuất và giá thành công trình.
1980	Đại học	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH MTV 622 – Xí nghiệp Cầu Đường	Phan, Bích Ngọc	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV 622 – Xí nghiệp Cầu đường.
1981	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH giống thủy sản Hưng Phú chi nhánh Cần Thơ	Vương, Kiều Diễm	Trần, Quốc Dũng	2018	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Giống Thủy Sản Hưng Phú chi nhánh Cần Thơ. Qua đó, luận văn nêu lên một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán xác định cũng như nâng cao kết quả kinh doanh cho công ty trong thời gian sắp tới.

1982	Đại học	Nghiên cứu tác động của trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính của một số doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Đinh, Thị Vân Khánh	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Mô tả thực trạng tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp ở Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng của các hoạt động trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp ở Việt Nam
1983	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên xăng dầu Thành Chiến	Nguyễn, Trọng Nhân	Nguyễn, Thúy An	2018	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán và xác định kết quả kinh doanh. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của công ty. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
1984	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 586 chi nhánh Cần Thơ	Tiền, Mỹ Lam	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông 586-Chi Nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
1985	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Nguyễn, Thị Diệu Ái	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Thực hiện công tác kế toán, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kin doanh
1986	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trong công ty TNHH MTV chuyển giao công nghệ Hoa Kỳ - AGRICULTURE Tiền Giang.	Phạm, Thị Măng Ri	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động kinh doanh Công ty TNHH MTV chuyển giao công nghệ Hoa Kỳ - AGRO. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả công tác kế toán.
1987	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần cảng Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ Phần Cảng Cần Thơ trong tháng 06/2018. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty.
1988	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV ĐTXD Trung Quang	Nguyễn, Thị oanh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2018	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Trung Quang quý 2 năm 2018. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV ĐTXD Trung Quang. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh cho Công ty. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
1989	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Dream Mekong Tiền Giang	Trần, Kim Ngân	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Đánh giá thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Dream Mekong trong tháng 6 năm 2018. Phân tích kết quả kinh doanh của doanh nghiệp từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả và nâng cao kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Dream Mekong.
1990	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại công ty TNHH MTV san lấp mặt bằng Thiên Ngân	Thiều, Quang Sáng	Lê, Tín	2018	Phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán, các chỉ số tài chính liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản thanh toán. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán của công ty TNHH SLMB Thiên Ngân

1991	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại doanh nghiệp tư nhân Hải Đăng	Liêu, Hoàng Hương Lam	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích và đánh giá thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Doanh nghiệp tư nhân Hải Đăng. Từ đó đề ra các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Doanh nghiệp.
1992	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản công nợ tại công ty lương thực Sông Hậu	Nguyễn, Thị Thùy Tiên	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2019	Đánh giá công tác kế toán, tình hình quản lý vốn bằng tiền và các khoản công nợ. Đồng thời phân tích tình hình thu chi vốn bằng tiền, khả năng thu hồi nợ phải thu và khả năng thanh toán nợ phải trả, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán, tình hình quản lý vốn bằng tiền và các khoản công nợ tại Công ty.
1993	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dược phẩm Phúc Tường	Nguyễn, Thị Diễm Trinh	Hà, Mỹ Trang	2018	Đánh giá công tác quản lý, sử dụng vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả cũng như công tác hạch toán tại công ty, nhận xét ưu và nhược điểm còn tồn tại trong thời gian qua tại đơn vị. Từ đó đề xuất một số giải pháp tiêu biểu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả.
1994	Đại học	Phân tích hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí tại công ty TNHH thương mại Thu Thủy	Thái, Thị Bảo Mơ	Trần, Quốc Dũng	2018	Đánh giá các thủ tục kiểm soát hoạt động và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí của Công ty TNHH Thương Mại Thu Thủy. Phân tích hệ thống chứng từ, báo cáo, sổ sách kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí của Công ty TNHH Thương Mại Thu Thủy. Đề xuất một số giải pháp giúp nhằm hoàn thiện thêm hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí của Công ty TNHH Thương Mại Thu Thủy trong thời gian tới.
1995	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải xăng dầu Đồng Tháp (DOPETCO)	Phan, Thị Thùy Trang	Lê, Tín	2018	Phân tích thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (DOPETCO). Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
1996	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại doanh nghiệp tư nhân Phúc Trung Cang	Nguyễn, Minh Trí	Phan, Tùng Lâm	2019	Phân tích và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Doanh nghiệp tư nhân Phúc Trung Cang. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty
1997	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH chế biến lương thực Thanh Nhân	Trương, Ngọc Hồng Nguyên	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích hiệu quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thanh Nhân (sau đây được gọi là Công ty Thanh Nhân). Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Cty) trong thời gian tới.
1998	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên CO.OPMART Cần Thơ	Nguyễn, Bạch Mai	Nguyễn, Thúy An	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Co.opmart Cần Thơ, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

1999	Đại học	Phân tích tình hình thu – chi ngân sách tại phòng tài chính – kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Phân tích tình hình thu – chi Ngân sách Nhà nước ở huyện Long Mỹ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giúp công tác thu – chi Ngân sách ở huyện đạt kết quả tốt hơn.
2000	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty lương thực Sông Hậu – Xí nghiệp chế biến lương thực Trà Nóc	Lê, Nguyễn Huynh Anh	Phan, Tùng Lâm	2019	Nghiên cứu quá trình thực hiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Lương thực Sông Hậu - Xí nghiệp chế biến lương thực Trà Nóc. Từ đó, đề ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành cũng như kiểm soát chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm của Xí nghiệp.
2001	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Tuấn Hồng	Nguyễn, Hồng Dũng	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tuấn Hồng, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.
2002	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thiết bị điện Tấn Lợi	Nguyễn, Thị Quyên	Lê, Tín	2019	Phân tích công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thiết bị điện Tấn Lợi, qua đó đánh giá chất lượng công tác kế toán và đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
2003	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại viễn thông Sóc Trăng	Nguyễn, Khánh Hằng	Quan, Minh Nhựt	2019	Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Viễn thông Sóc Trăng. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty
2004	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả tại công ty cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ	Trần, Thị Mai Phương	Võ, Văn Dứt	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, phải trả tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.
2005	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hiệp Lợi	Nguyễn, Kỳ Á Tiên	Nguyễn, Thúy An	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh quý 4/2018 tại Công ty Cổ phần Hiệp Lợi; Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả HĐKD của công ty; Phân tích kết quả HĐKD và phân tích hiệu quả HĐKD của công ty giai đoạn 2016 – 2018; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
2006	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long	Trần, Thị Diễm Sương	Nguyễn, Thúy An	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long; trên cơ sở đó, luận văn trình bày một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới.
2007	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Phong Nhân	Đặng, Thị Diễm Trinh	Nguyễn, Thúy An	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán tháng 12/2018. Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty; Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh qua 3 năm: 2016, 2017, 2018; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh
2008	Đại học	Kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Lương, Mỹ Tiên	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán, quản lý nợ phải thu, nợ phải trả tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu, nợ phải trả tại Công ty.

2009	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu lương thực Ngọc Lợi	Phạm, Thị Yến Nhi	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực trạng và đánh giá về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV XNK Lương thực Ngọc Lợi, đồng thời đánh giá một số chỉ tiêu tài chính, từ đó đề ra biện pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.
2010	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thiên An Pharma Cần Thơ	Đoàn, Kim Đào	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiên An Pharma. Từ đó, đề tài đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
2011	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV Hiệp Thành Lợi	Hồ, Thị Bích Mai	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu của Công ty TNHH MTV Hiệp Thành Lợi. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu tại công ty trong thời gian tới.
2012	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Hiệp Thành Lợi	Trịnh, Thị Bích Xuyên	Phan, Tùng Lâm	2019	Nghiên cứu thực trạng và đánh giá về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Hiệp Thành Lợi. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh nhằm giúp cho sự phát triển của công ty trong tương lai.
2013	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Thu Thủy	Huỳnh, Thị Diễm Di	Vũ, Xuân Nam	2019	Đánh giá thực trạng công tác kế toán xác định kết quả và phân tích hiệu quả hoạt động của công ty để từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty TNHH Thương Mại Thu Thủy.
2014	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần Hoàng Minh Nhật	Đoàn, Nguyễn Thảo Sương	Ngô, Mỹ Trân	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần Hoàng Minh Nhật, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trong thời gian tới.
2015	Đại học	Kế toán xác định kết quả và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Hưng	Nguyễn, Thị Ngọc Mai	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại Tân Hưng (sau đây gọi tắt là Công ty Tân Hưng), từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2016	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Nguyễn, Ngọc Cẩm	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích, đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty cũng như công tác quản lý, sử dụng vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Từ đó đề xuất một số giải pháp tiêu biểu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu.
2017	Đại học	Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Võ, Thị Ngọc Anh	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện công tác kế toán NVL, CCDC và phân tích tình hình quản lý sử dụng NVL, CCDC tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang nhằm tìm ra những ưu, khuyết điểm trong công tác kế toán NVL, CCDC từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán NVL, CCDC tại đơn vị.

2018	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Hải sản 404	Nguyễn, Hồng Châu	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu tài chính. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
2019	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Đầu tư xây lắp và Thương mại Khôi Nguyên	Lữ, Thị Ngọc Giàu	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Đầu Tư Xây Lắp & Thương Mại Khôi Nguyên. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao công tác quản lý khoản mục vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty trong thời gian tới.
2020	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại bưu điện tỉnh Sóc Trăng	Phan, Thái Lợi	Vũ, Xuân Nam	2019	Thực hiện công tác về kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Phân tích các tỷ số liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản phải thu, từ đó đánh giá năng lực quản lý dòng tiền và các khoản nợ của đơn vị. Đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị.
2021	Đại học	Kế toán huy động vốn và phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bình Tân Vĩnh Long	Võ, Thị Kim Bằng	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Thực hiện kế toán nghiệp vụ huy động vốn và phân tích tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bình Tân Vĩnh Long. Từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm cải thiện công tác kế toán huy động vốn và gia tăng chất lượng công tác huy động nguồn vốn cho ngân hàng.
2022	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Lê, Thị Thùy	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công Ty Cổ phần Dược Hậu Giang; từ đó đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.
2023	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty hải sản 404	Nguyễn, Bùi Hồng Ngọc	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và phân tích biến động giá thành sản phẩm tại Công ty Hải sản 404. Từ đó, đưa ra một số giải pháp phù hợp để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đồng thời có những biện pháp để quản lý và kiểm soát chi phí có hiệu quả làm hạ giá thành sản phẩm.
2024	Đại học	Hoàn thiện chu trình doanh thu trong hệ thống thông tin kế toán tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Trần, Võ Kim Thoại	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích các hoạt động trong chu trình doanh thu tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang nhằm đưa ra giải pháp để hoàn thiện chu trình doanh thu tại công ty này.
2025	Đại học	Phân tích hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chu trình chi phí tại nhà máy gạch ngói Long Xuyên	Phan, Thảo Phương	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích chu trình doanh thu và chu trình chi phí của Nhà máy gạch ngói Long Xuyên. Thông qua kết qu phân tích, nhận ra các ưu điểm, nhược điểm trong hệ thống tin và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm cho chất lượng của hệ thống thông tin kế toán trong hai chu trình này tại đơn vị trong thời gian tới.
2026	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Đại Thắng	Trần, Thanh Thủy	Hồ, Hồng Liên	2019	Phân tích công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Đại Thắng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty
2027	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần đầu tư CADIF Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích, đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty Cổ phần Đầu tư CADIF qua đó tiến hành đánh giá chất lượng công tác kế toán và đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

2028	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty TNHH MTV 622 – xí nghiệp Cầu Đường	Nguyễn, Thị Phương Thanh	Ngô, Mỹ Trân	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh Công ty TNHH MTV 622 – Xí nghiệp Cầu Đường, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại xí nghiệp.
2029	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH tư vấn xây dựng Triều Phát	Đào, Thị Cẩm Thi	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá về công tác Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH tư vấn xây dựng Triều Phát. Từ đó, đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị.
2030	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hoàng Minh Nhật	Nguyễn, Thị Mộng Thùy	Trần, Ái Kết	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh. Nhận xét về công tác kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao kết quả kinh doanh.
2031	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH tư vấn xây dựng Triều Phát	Lâm, Thị Hồng Thùy	Trần, Ái Kết	2019	Thực hiện công tác kế toán và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Triều Phát. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp cho sự phát triển của công ty trong tương lai.
2032	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH XNK thương mại phân phối thực phẩm MET, TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn, Thị Kim Cúc	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH XNK Thong mại Phân phối Thực phẩm MET. Từ đó đề xuất các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2033	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm lúa giống Lộc Trời 153 tại công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời	Lê, Kim Xuyên	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm lúa giống Lộc Trời 153 tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giống cây trồng tại công ty.
2034	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH giống thủy sản Hưng Phú chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Đoàn Hoài Thương	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Giống Thủy sản Hưng Phú. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty.
2035	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ xây dựng Bảo Gia	Phan, Thị Ngọc Ngân	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xây dựng Bảo Gia. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
2036	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần cấp thoát nước công trình đô thị Hậu Giang	Nguyễn, Thị Thùy Trinh	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Công trình đô thị Hậu Giang. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2037	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần cảng Bình Minh	Bùi, Thị Thảo Nguyên	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích khái quát tình hình hoạt động tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh; Phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh; Phân tích các tỷ số tài chính liên quan đến vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh; Đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh; Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng thanh toán.
2038	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Thái Cường	Nguyễn, Thị Bích Trâm	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH TM DV Thái Cường, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty.
2039	Đại học	Kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại công ty cổ phần vận tải An Giang	Bùi, Thị Mỹ An	Phan, Tùng Lâm	2019	Đánh giá thực trạng công tác kế toán các khoản nợ phải thu và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Vận tải An Giang. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán các khoản nợ phải thu và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Vận tải An Giang.
2040	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần xây dựng thương mại A & T	Huỳnh, Thị Bảo	Mai, Văn Nam	2019	Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại A & T, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty này.
2041	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thái Thành	Nguyễn, Thị Ngọc Yến	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, đưa ra nhận xét về kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thái Thành
2042	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trường Thắng	Lê, Thị Thúy An	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Phân tích, đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trường Thắng. Qua đó đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty.
2043	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV khách sạn du lịch vận tải Vũ Linh	Nguyễn, Thị Kim Sơn	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá thực trạng công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích hiệu quả kinh doanh trong thực tế tại Công ty TNHH MTV Khách sạn Du lịch Vận tải Vũ Linh. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2044	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	Thạch, Thị Lài	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN) trong tháng 10 năm 2018, từ đó đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2045	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng thương mại CIC	Đào, Yến Nhi	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2019	Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại DN. Phân tích tình hình quản lý các khoản phải thu. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Đề ra giải pháp về công tác kế toán và giải pháp quản lý tốt các khoản phải thu.

2046	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Hưng Thịnh	Khuru, Tường Di	Lê, Trần Phước Huy	2019	Xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng và thương mại Hưng Thịnh từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
2047	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần La Vo	Thạch, thị Chane Thị	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần La Vo. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho công ty trong thời gian tới
2048	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xây dựng thương mại Thanh Bình	Nguyễn, Thị Hải Yến	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh từ đó đưa ra giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xây dựng thương mại Thanh Bình.
2049	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại hóa dầu RESSOL	Lê, Thu Ba	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh của công ty, từ đó đề xuất ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Hóa dầu Ressel.
2050	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Thế Vinh – Cần Thơ	Trần, Kim Ngân	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng thương mại Thế Vinh – Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.
2051	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Đặng Toàn	Nguyễn, Thị Ngọc Thuận	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích tình hình kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đặng Toàn nhằm đưa ra một số giải pháp hoàn thiện về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
2052	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần xây dựng thương mại A & T	Lê, Thị Quyền	Ngô, Mỹ Trân	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại A&T, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị.
2053	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại bưu điện Thành phố Cần Thơ	Quách, Thị Kim Anh	Phan, Tùng Lâm	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Bưu điện Thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Bưu điện Thành phố Cần Thơ.
2054	Đại học	Phân tích hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chi phí tại công ty TNHH TRUSTBUILD	Trần, Thị Thanh Thư	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Phân tích hệ thống thông tin kế toán về chu trình doanh thu và chu trình chi phí tại Công ty TNHH TRUSTBUILD. Từ đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán chu trình doanh thu và chu trình chi phí tại công ty.
2055	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH SXTM Sáu Bình Minh, Vĩnh Long	Nguyễn, Ngọc Thảo	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH TMSX Sáu Bình Minh Vĩnh Long; trên cơ sở đó luận văn nêu lên một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh cho công ty trong thời gian tới.

2056	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh Cần Thơ	Đoàn, Vũ Phương Thúy	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Phân tích thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh Cần Thơ và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty
2057	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH giống cây trồng Nông Hưng Phát	Thạch, Văn Tố Anh	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Giống cây trồng Nông Hưng Phát. Thông qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm cho đơn vị trong thời gian tới.
2058	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần tiếp vận tân cảng Mekong	Nguyễn, Thị Hồng Vân	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Mekong, từ đó đề xuất các giải pháp, hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty
2059	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Vĩnh Thắng	Lâm, Hòa Lợi	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh, để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh cho Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trong thời gian tới.
2060	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Huê An, Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Đánh giá công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Huê An quý 4 năm 2018. Bên cạnh đó, đánh giá và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Huê An trong giai đoạn 2016-2018. Từ đó đưa ra các giải pháp để công ty có thể hoàn thiện hơn về công tác kế toán bán hàng và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới tại đơn vị.
2061	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH lương thực Phương Đông Lai Vung, Đồng Tháp	Phạm, Thị Diễm Huỳnh	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đồng thời phân tích biến động chi phí sản xuất và giá thành tại công ty TNHH lương thực Phương Đông. Từ đó, đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và biện pháp hạ giá thành sản phẩm tại công ty TNHH lương thực Phương Đông
2062	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần điện nước An Giang	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Điện Nước An Giang từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2063	Đại học	Công tác kế xác định kết quả kinh doanh công ty cổ phần cảng Cần Thơ – cảng Hoàng Diệu	Lê, Nguyễn Ngọc Huỳnh	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Cảng Cần Thơ - Chi Nhánh Cảng Hoàng Diệu. Thông qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới.
2064	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tôm thẻ chân trắng ao A101 tại công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	Trương, Lâm Anh Thư	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tôm thẻ chân trắng ao A101 tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta nhằm đưa ra giải pháp hạ giá thành sản phẩm tôm thẻ chân trắng một cách hiệu quả.

2065	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH dịch vụ thương mại Phong Nhân	Trần, Thị Thùy Linh	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá công tác kế toán và thực trạng quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại Phong Nhân (sau đây được gọi là Công ty Phong Nhân), từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty.
2066	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Vân Hải	Bùi, Thị Kiều Nhiên	Võ, Văn Dứt	2019	Nghiên cứu kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là giúp ta đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và việc thực hiện hệ thống kế toán tại công ty TNHH Vân Hải. Từ đó, rút ra những ưu khuyết điểm của hệ thống kế toán, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh để hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả.
2067	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV sản xuất thương mại CPM	Lê, Thị Yến	Hà, Mỹ Trang	2019	Đánh giá công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Từ đó đề xuất phương pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại CPM.
2068	Đại học	Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Thương nghiệp tổng hợp Cần Thơ	Nguyễn, Lê Thiện Anh	Lê, Phước Hương	2018	Thực hiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, từ đó đề ra một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2069	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nông dược Miền Nam	Danh, Thành Hiếu	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nông Dược Miền Nam. Phân tích hiệu quả kinh doanh của công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nông Dược Miền Nam.
2070	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xeo gia keo tại công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Hưng	Đặng, Thị Quý Nương	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tân Hưng nhằm đưa ra giải pháp hạ giá thành sản phẩm một cách tốt nhất.
2071	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Thanh Xuân	Ngô, Thị Thanh Thảo	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của DNTN Thanh Xuân. Thông qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới.
2072	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xi măng Tây Đô	Nguyễn, Ngọc Hân	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Xi măng xá đa dụng và xi măng xá Tây Đô. Đồng thời, phân tích biến động chi phí sản xuất xi măng tại công ty Cổ Phần Xi măng Tây Đô trong giao đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm cải thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành xi măng
2073	Đại học	Kế toán các khoản phải thu, phải trả tại chi nhánh trung tâm thương mại điện tử bưu điện Thành phố Cần Thơ	Dương, Thị Kiều Ngân	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá thực trạng công tác kế toán các khoản phải thu, phải trả tại Trung tâm Thương mại điện tử Bưu điệ thành phố Cần Thơ Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam. Đề từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán phải thu phải trả, phải trả tại công ty

2074	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Dừa Đăng Khoa	Huỳnh, Hiếu Tâm	Nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Dừa Đăng Khoa giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Qua đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
2075	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	Ngô, Thảo Nguyên	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN). Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
2076	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Phước Nguyên	Nguyễn, Thị Phương Anh	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ số tài chính. Qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Phước Nguyên
2077	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH giải pháp công nghệ Haytech	Lê, Thị Kim Ngân	Hà, Mỹ Trang	2019	Xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Giải pháp công nghệ Haytech.
2078	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV sản xuất thương mại thủy sản Thuận Phát	Võ, Ngọc Thủy	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực hiện công tác kế toán CPSX, tính giá thành và phân tích CPSX sản phẩm chả hương bò Thuận Phát 4.0 và chả cá hương hải sản Thuận Phát tại công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thủy sản Thuận Phát. Từ đó đề xuất các ý kiến để hoàn thiện công tác tập hợp, kiểm soát CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty.
2079	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại bưu điện huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang	Đào, Phước Toàn	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Bưu điện huyện Châu Thành, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu của bưu điện.
2080	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Hương Giang	Thái, Thị Ngọc Giàu	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Từ đó, đề xuất các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
2081	Đại học	Kế toán công nợ tại công ty cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đồng Tháp	Ngô, Lê Mỹ Nhi Huyền	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Đánh giá công tác kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại Công ty Cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đồng Tháp, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý công nợ tại Công ty.
2082	Đại học	Kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại công ty TNHH An Cường	Diệp, Thị Hồng Anh	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá công tác kế toán công nợ và phân tích tình hình công nợ tại Công ty An Cường, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán công nợ và nâng cao hiệu quả quản lý công nợ tại công ty.

2083	Đại học	Kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 586 chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hạnh	Lê, Tín	2019	Phân tích thực trạng công tác kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông 586 - Chi Nhánh Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nợ phải thu, nợ phải trả và nâng cao hiệu quả quản lý các khoản nợ của Công ty
2084	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần mía đường Sóc Trăng	Trần, Thị Hồng Gấm	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng, từ đó đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị trong thời gian tới.
2085	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại bưu điện Thành phố Cần Thơ	Tôn, Nữ Yến Khoa	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Bưu điện thành phố Cần Thơ, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị.
2086	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Co.Opmart Cần Thơ	Đặng, Thị Kiều Hoanh	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Co.opmart Cần Thơ. Trên cơ sở phân tích, đánh giá đề tài sẽ đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho đơn vị trong thời gian tới.
2087	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh	Nguyễn, Tấn Vinh	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Trà Vinh, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
2088	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Lợi Phát, Cần Thơ	Lê, Thuận Huy	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Từ đó, đề xuất các giải pháp liên quan nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp Lợi Phát.
2089	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng Gia Thịnh	Lê, Huyền Trân	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH TVTK đầu tư xây dựng Gia Thịnh. Từ đó phân tích, đánh giá để đưa ra những giải pháp để hoàn thiện công tác thực hiện kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị
2090	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh trung tâm thương mại điện tử - bưu điện Thành phố Cần Thơ	Võ, Thanh Nhi	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của Chi nhánh Trung tâm Thương Mại Điện Tử-Bưu điện Thành phố Cần Thơ. Thông qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới.
2091	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Phạm, Văn Phúc	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu của Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu tại công ty trong thời gian tới.
2092	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty TNHH MTV Triệu Hàng	Huỳnh, Thị Hằng	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích khoản mục vốn bằng tiền, các khoản phải thu của “Công ty TNHH MTV Triệu Hàng”. Thông qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao công tác quản lý khoản mục vốn bằng tiền, các khoản phải thu của đơn vị trong thời gian tới.

2093	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Bạc Liêu	Quách, Gia Hân	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp Bạc Liêu, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty
2094	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thi lấy chứng chỉ kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên (CPA) Việt Nam của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Trương, Mỹ Trinh	Nguyễn, Thúy An	2019	Phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định tham dự thi lấy chứng chỉ CPA Việt Nam của sinh viên ngành kế toán, kiểm toán trường Đại học Cần Thơ để có thể tìm ra giải pháp nhằm giúp nâng cao nhận thức của sinh viên, từ đó có thể đề xuất giải pháp cho các tổ chức có liên quan nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành kế toán và kiểm toán
2095	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghiệp xây dựng Toàn Thành	Trà, Thị Diễm Sương	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Thực hiện kế toán, đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Thành
2096	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Thanh Loan	Phan, Thị Ngọc Trâm	Trần, Quốc Dũng	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Loan, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2097	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH xây dựng thương mại Tuấn Huy	Nguyễn, Nhứt Huỳnh	Hà, Mỹ Trang	2019	Phân tích, đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Tuấn Huy. Từ đó đưa ra các biện pháp giúp hoàn thiện công tác “ Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu” của Công ty.
2098	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình chung trụ sở ban chỉ huy quân sự xã và công an xã Long Hưng B tại công ty cổ phần công nghiệp xây dựng Toàn Thành	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Đánh giá về thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình xây dựng chung trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã và công an xã Long Hưng B tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Thành từ đó đưa ra đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và hạ giá thành sản phẩm trong thời gian tới.
2099	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 586 chi nhánh Cần Thơ	Hồ, Anh Thư	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông 586 chi nhánh Cần Thơ, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu cho công ty trong thời gian tới.
2100	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và công nợ tại CN công ty TNHH MTV 622 xí nghiệp xây lắp 1	Dương, Thị Bảo Chân	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và công nợ tại CN Công ty TNHH MTV 622 - Xí nghiệp Xây Lắp 1. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền và công nợ tại công ty.
2101	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH tư vấn xây dựng Vĩnh Thuận Tiến	Bùi, Thị Lánh	Hà, Mỹ Trang	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng Vĩnh Thuận Tiến. Qua đó đề ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
2102	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Liên Thái	Nguyễn, Hoàng Hồng Ngọc	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Liên Thái; từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2103	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thu Hằng	Dương, Thị Mỹ An	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thu Hằng
2104	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân in và du lịch Lê Thao	Nguyễn, Trúc Đăng	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định và phân tích kết quả kinh doanh của DNTN In Và Du Lịch Lê Thao. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai.
2105	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV Co.Opmart Cần Thơ	Thị, Linh Đa	Nguyễn, Thúy An	2019	Phân tích và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Co.opmart Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty
2106	Đại học	Kế toán tài sản cố định và hao mòn tài sản cố định tại chi nhánh công ty cổ phần hơi kỹ nghệ que hàn – Xí nghiệp hơi kỹ nghệ Cần Thơ	Đinh, Nhật Quang	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định và hao mòn TSCĐ tại chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn – Xí Nghiệp Hơi Kỹ Nghệ Cần Thơ để đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác Kế toán tài sản cố định và hao mòn TSCĐ tại công ty.
2107	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ (CPC)	Lê, Ngọc Mai Phương	Nguyễn, Thúy An	2019	Vận dụng những lý thuyết đã học để đánh giá quá trình thực hiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, giải pháp kiểm soát chi phí sản xuất một cách hợp lý.
2108	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần hóa nông An Giang	Nguyễn, Thị Thúy Phương	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Từ đó đề ra một số giải pháp giúp công ty quản lý và hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu có hiệu quả hơn trong tương lai.
2109	Đại học	Kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ Cần Thơ	Lý, Muối Sên	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá tình hình thực hiện công tác kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ Cần Thơ và phân tích các tỷ số tài chính liên quan đến các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ Cần Thơ. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình thực hiện công tác kế toán các khoản nợ phải thu, nợ phải trả tại Công ty.
2110	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng HAG	Phạm, Bích Tuyền	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích, đánh giá kế toán và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HAG. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho công ty trong thời gian tới
2111	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Đồng Lập Phát	Phạm, Thị Thanh Thúy	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Đồng Lập Phát. Thông qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian tới.
2112	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành gạo 5% tấm tại công ty cổ phần Hiệp Thanh	Trương, Thị Ngọc Thu	Hà, Mỹ Trang	2019	Đánh giá công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạo 5% tấm tại Công ty Cổ phần Hiệp Thanh. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạo tại công ty

2113	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần TMDV Phương Trân	Lê, Hiền Vinh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty CP TMDV Phương Trân.
2114	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ (CPC)	Võ, Thị Kiều Loan	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty
2115	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Huy Nam	Đỗ, Mỹ Linh	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán và công tác quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Huy Nam. Qua đó, tiến hành đánh giá chất lượng công tác kế toán, tình hình quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán và công tác quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu của công ty ngày càng hiệu quả hơn
2116	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần kỹ thuật và ô tô Trường Long chi nhánh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Phương Quyên	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Phân tích, đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kỹ Thuật và Ô Tô Trường Long chi nhánh Vĩnh Long. Qua đó đề ra một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2117	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH thiết bị điện Tài Phú	Nguyễn, Thu Trang	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích và đánh giá thực trạng kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH Thiết Bị Điện Tài Phú. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu cho Công ty trong những năm kế tiếp.
2118	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần xăng dầu – dầu khí Bạc Liêu	Dương, Hồng Đào	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xăng Dầu – Dầu Khí Bạc Liêu từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
2119	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thiết bị điện Tài Phú	Trần, Thị Bích Ngọc	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thiết Bị Điện Tài Phú.
2120	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần bê tông Tây Đô	Hà, Thị Mỹ Yến	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty
2121	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn ô tô Cần Thơ	Đặng, Minh Trí	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn Ô Tô Cần Thơ. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trong thời gian tới.
2122	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH kiểm định và tư vấn đầu tư xây dựng Miền Tây	Phạm, Kim Ngân	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Xác định và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty; trên cơ sở các số liệu thu thập được tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chỉ số tài chính. Từ đó đề ra một số biện pháp giúp hoàn thiện bộ máy kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2123	Đại học	Kế toán nghiệp vụ nguồn vốn huy động và phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chi nhánh Sóc Trăng	Huỳnh, Đoàn Nhi	Trần, Quốc Dũng	2019	Thực hiện công tác kế toán nghiệp vụ nguồn vốn huy động và phân tích tình hình huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VIETBANK) chi nhánh Sóc Trăng. Từ đó đề ra giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán nghiệp vụ huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn huy động tại ngân hàng trong thời gian tới.
2124	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng CLT	Lê, Trần Ngọc Như	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định và phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH thương mại dịch vụ và xây dựng CLT, từ đó đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2125	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV sản xuất thương mại Khang Hưng	Nguyễn, Anh Thư	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Nghiên cứu công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại Khang Hưng (công ty TNHH MTV SXTM Khang Hưng), từ đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2126	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV An Thanh TG	Trần, Thái Cẩm Ngân	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV An Thanh TG.
2127	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV dược phẩm Minh Ngọc	Trần, Thị Ngọc Như	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH MTV Dược phẩm Minh Ngọc. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và khoản phải thu tại công ty.
2128	Đại học	Kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Mỹ Hưng	Nguyễn, Huỳnh Thúy Anh	Lê, Tín	2019	Phân tích và đánh giá công tác kế toán xác định và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Mỹ Hưng trong quý 02 năm 2019. Bên cạnh đó, đề tài phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua 03 năm 2016, 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh góp phần cho sự phát triển của công ty trong tương lai.
2129	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV Tuyền Trung Thủy	Lương, Thị Hồng Đào	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH MTV Tuyền Trung Thủy, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty trong thời gian tới.
2130	Đại học	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần lương thực Trường Xuân	Đỗ, Thị Thu	Nguyễn, Thúy An	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Lương Thực Trường Xuân. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty.
2131	Đại học	Phân tích hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu và chi phí tại chi nhánh trung tâm thương mại điện tử bưu điện Thành phố Cần Thơ thuộc tổng công ty bưu điện Việt Nam	Lê, Thị Cẩm Tiên	Lê, Trần Phước Huy	2019	Phân tích chu trình doanh thu và chu trình chi phí của Trung tâm Thương mại điện tử - Bưu điện thành phố Cần Thơ – Thuộc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam. Thông qua kết quả phân tích, nhận ra các ưu điểm, nhược điểm trong hệ thống tin và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong hai chu trình này tại đơn vị trong thời gian tới.

2132	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Huỳnh Nguyễn	Nguyễn, Ngọc Thy	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Huỳnh Nguyễn (sau đây gọi là công ty TNHH Huỳnh Nguyễn), trên cơ sở đó phân tích kết quả hoạt động kinh doanh và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh.
2133	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Mai, Thị Trúc Linh	Lê, Trần Phước Huy	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
2134	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99	Võ, Thanh Yến Phương	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá công tác kế toán và thực trạng quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp 99, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty.
2135	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Kiến Tường	Trần, Thị Cẩm Thúy	Nguyễn, Thúy An	2019	Thực hiện và đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu của Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Xây dựng Kiến Tường. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và nâng cao quản lý nợ phải thu cho Công ty trong thời gian tới.
2136	Đại học	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Triệu Hàng	Lê, Thị Diễm My	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH MTV Triệu Hàng.
2137	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Cỏ May Lai Vung	Nguyễn, Xuân Thắm	Nguyễn, Thúy An	2019	Phân tích thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Cỏ May Lai Vung và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động tại Công ty.
2138	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty TNHH tin học Au Trung, tại Bạc Liêu	Trần, Thị Kim Anh	Lê, Tín	2019	Phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty TNHH tin học Âu Trung. Qua đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty.
2139	Đại học	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần rau quả thực phẩm An Giang (ANTESCO)	Lê, Minh Tài	Trần, Ái Kết	2019	Tìm hiểu thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm Antesco. Qua đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trong tương lai
2140	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV 622 nhà hàng – khách sạn Ninh Kiều	Nguyễn, Gia Hân	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Thực hiện kế toán và đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Một thành viên 622 Nhà hàng – Khách sạn Ninh Kiều. Qua đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty
2141	Đại học	Kế toán chi phí theo ngân sách tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Như Ngọc	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện kế toán các khoản mục chi phí theo ngân sách của ngân hàng thương mại, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí theo ngân sách tại PVcomBank chi nhánh Cần Thơ.

2142	Đại học	Kế toán tài sản cố định và phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định tại công ty xăng dầu Tây Nam Bộ - Petrolimex Cần Thơ	Huỳnh, Hoàng Mỹ Uyên	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán tài sản cố định và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định tại Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - Petrolimex Cần thơ. Qua đó đề xuất một số giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hoạt động sử dụng tài sản cố định tại Công ty.
2143	Đại học	Kế toán hoạt động cho vay tại phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Lê, Tín	2019	Phân tích hoạt động cho vay và phân tích thực trạng công tác kế toán hoạt động cho vay tại Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH huyện Châu Phú. Thông qua phân tích đề tài đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hoạt động cho vay và nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay cho ngân hàng.
2144	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần cấp thoát nước Hậu Giang	Nguyễn, Thị Yên Oanh	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá công tác kế toán sử dụng vốn và các khoản phải thu cũng như công tác hạch toán ở công ty cổ phần cấp thoát nước Hậu Giang chi nhánh Ngã Bảy. Từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, quản lý vốn bằng tiền và các khoản thu tại công ty.
2145	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thiết kế xây dựng Hoàng Kim Phát	Nguyễn, Thị Như Yên	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Thực hiện công tác kế toán và phân tích kết quả kinh doanh, để từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao kết quả kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới.
2146	Đại học	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ Phương Trân	Đặng, Thị Bảo Trân	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Thực hiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Phương Trân. Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị
2147	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng	Nguyễn, Phương Quyên	Hà, Mỹ Trang	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.
2148	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ xây dựng Dương Toàn Phát	Phạm, Như Ngọc	Nguyễn, Thúy An	2019	Đánh giá công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Dương Toàn Phát, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty.
2149	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam – CN Cần Thơ	Phan, Thanh Tuyền	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá về quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam đang được áp dụng. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại đơn vị.
2150	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán tư vấn Rồng Việt	Đỗ, Thị Muội	Trần, Khánh Dung	2018	Nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng đối với 2 công ty khách hàng là Công ty TNHH TM DV TB Kỹ thuật Vi Khang và Công ty TNHH TB Khoa học Kỹ thuật Việt Huy. Mục tiêu 2: Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng mà Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt. Đề xuất một số giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt.
2151	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị Ngọc My	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán khoản mục này.

2152	Đại học	Phân tích các gian lận và thủ tục kiểm toán phát hiện gian lận trong báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Dương	Trần, Quế Anh	2018	Phân tích các gian lận doanh nghiệp thường sử dụng và đánh giá các thủ tục kiểm toán chính dùng để phát hiện các gian lận tại công ty Kiểm Toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa giải pháp nhằm hoàn thiện các thủ tục kiểm toán tại công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ.
2153	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Minh Trí	Đinh, Thị Ngọc Hương	2018	Thực hiện kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty Cổ phần AMA và công ty Cổ phần LEE. Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán của công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất những giải pháp góp phần làm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ.
2154	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Vĩnh Long	Thiệu, Ngọc Trâm Anh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Thực hiện công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty, qua đó tiến hành đánh giá công tác kế toán và đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả hơn.
2155	Đại học	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị Diễm Ngân	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, góp phần nâng cao chất lượng bằng chứng kiểm toán tại đơn vị.
2156	Đại học	Đánh giá quy trình xác lập mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	Võ, Thị Thùy Trang	Trần, Khánh Dung	2018	Phân tích và đánh giá về xác lập mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán trong kiểm toán BCTC cũng như đánh giá quy trình xác lập mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán trong kiểm toán BCTC trên thực tế tại công ty TNHH AFC Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ từ đó đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình này.
2157	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Phan, Anh Thư	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ nhằm nhận thấy được những vấn đề còn tồn tại trong quy trình từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện quy trình kiểm toán về khoản mục nợ phải trả.
2158	Đại học	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán đáp ứng cơ chế tự chủ chính tại phòng tài chính – Đại học Cần Thơ	Huỳnh, Quốc Thống	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Khảo sát và đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại phòng Tài Chính trường Đại học Cần Thơ. Xây dựng hệ thống thông tin tại phòng Tài chính. Đề xuất các giải pháp hợp lý nhằm thay đổi hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại phòng Tài Chính
2159	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại bưu điện Thành phố Cần Thơ	Trần, Ngọc Ngân	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Phân tích và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ảnh hưởng đến hoạt động tại bưu điện Thành phố Cần Thơ từ đó đưa ra giải pháp giúp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị
2160	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Mỹ Ngọc	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Đánh giá quy trình kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đang áp dụng thực tế tại Công ty khách hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao của AFC Cần Thơ.

2161	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	Trần, Thị Thùy Linh	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Thực hiện kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất giải pháp cũng như kiến nghị góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán Nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.
2162	Đại học	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ về hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á chi nhánh Cần Thơ	Trịnh, Thoại Linh	Trần, Quế Anh	2018	Đánh giá HTKSNB đối với hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện HTKSNB đối với hoạt động tín dụng tại Ngân hàng.
2163	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Tín Việt - AICA	Phan, Thị Bé Nhi	Trần, Quốc Dũng	2019	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định và chi phí khấu hao tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Kiểm toán và Tư vấn Tín Việt - AICA áp dụng thực tế tại công ty khách hàng. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao của công ty trong thời gian tới.
2164	Đại học	Đánh giá các phương pháp lựa chọn phần tử thử nghiệm để thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	Son, Ngọc Ý	Trần, Quế Anh	2018	Đánh giá các phương pháp lựa chọn các phần tử thử nghiệm trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam- Chi nhánh cần Thơ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện phương pháp lựa chọn phần tử thử nghiệm để thu thập bằng chứng kiểm toán tại Công ty.
2165	Đại học	Đánh giá việc vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Lệ	Trần, Quế Anh	2018	Đánh giá việc vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa ra nhận xét về những ưu điểm nhược điểm của việc áp dụng thủ tục phân tích, đồng thời đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả việc sử dụng thủ tục phân tích tại công ty
2166	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Nhựt Khánh	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích thực trạng kiểm soát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát, giám sát chất lượng quy trình kiểm toán tại AFC Cần Thơ.
2167	Đại học	Hoàn thiện qui trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Expertis	Đỗ, Vũ An	Vũ, Xuân Nam	2018	Dùn g chương trình kiểm toán khoản mục doanh thu trong kiểm toán BCTC của Công Ty Kiểm toán và tư vấn Expertis áp dụng vào thực tế tại công ty khách hàng, từ đó đánh giá ưu điểm và nhược điểm của chương trình kiểm toán . Đưa ra những giải pháp để hoàn thiện chương trình kiểm toán.
2168	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá ASIA DRAGON	Nguyễn, Ngọc Yến	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả trên BCTC.
2169	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn EXPERTIS	Nguyễn, Thị Hoàng Nhi	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Expertis đang được áp dụng thực tế. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải th khách hàng tại đơn vị.

2170	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam	Lê, Thị Cẩm Thu	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Thực hiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam và áp dụng quy trình này tại công ty Cổ phần Đại An và công ty cổ phần Đông Phương. Đánh giá quy trình áp dụng thủ tục phân tích của công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam trên cơ sở áp dụng tại hai công ty khách hàng. Đề xuất những giải pháp để hoàn thiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam.
2171	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản mục chi phí tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Đào	Trần, Quế Anh	2018	Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản mục chi phí tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ đang được áp dụng thực tế. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán chi phí tại đơn vị.
2172	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán E-JUNG	Đào, Thị Vân Anh	Lê, Tín	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu KH tại công ty TNHH Kiểm toán E-Jung đang áp dụng thực tế. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu KH tại đơn vị.
2173	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Tín Việt - AICA	Nguyễn, Thị Nga	nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tín Việt – AICA đang được áp dụng thực tế. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại đơn vị.
2174	Đại học	Đánh giá phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thảo	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, góp phần nâng cao chất lượng bằng chứng kiểm toán tại đơn vị.
2175	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Đất Việt	Nguyễn, Bình Minh	Hồ, Hồng Liên	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt nhằm hiểu rõ về các thủ tục kiểm toán được áp dụng khi tiến hành kiểm toán khoản mục này, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ của công ty.
2176	Đại học	Kế toán các khoản nợ phải thu, phải trả tại công ty cổ phần Hậu Cần DG phía Nam	Nguyễn, Hoàng Nam	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Thực trạng công tác kế toán công nợ các khoản phải thu và phải trả tại Công ty cổ phần hậu cần DG phía nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán các khoản nợ phải thu, phải trả tại công ty ngày càng hiệu quả hơn.
2177	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lai Vung – Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Mỹ Dung	Hồ, Hữu Phương Chi	2019	Phân tích hoạt động tín dụng của NHNo & PTNT Chi nhánh huyện Lai Vung trong 3 năm từ năm 2016 đến năm 2018 từ đó tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng và từng bước tạo ra xu hướng phát triển vững mạnh, hiệu quả cao cho Ngân hàng.
2178	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Expertis	Nguyễn, Trịnh Mỹ Linh	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ và CPKH trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Expertis nhằm đưa ra giải pháp giúp hoàn thiện quy trình.

2179	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán Mỹ - TP. HCM	Hà, Kiều Anh	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng được áp dụng tại Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Tp.HCM từ đó đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty.
2180	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Trần, Mỹ Tiên	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả (gọi tắt là NPT) tại Công ty TNHH Kế Toán và Kiểm Toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty.
2181	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Asia Dragon	Huỳnh, Nguyễn Thị Hiền	Nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon. Trên cơ sở phân tích, đánh giá, luận văn đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng tại đơn vị trong thời gian tới.
2182	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán doanh thu bán hàng và nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán DFK Việt Nam	Vương, Phương Tuyền	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu và nợ phải thu của công ty kiểm toán DFK Việt Nam thông qua việc áp dụng quy trình kiểm toán hai khoản mục trên của công ty kiểm toán DFK Việt Nam được thực hiện tại công ty cổ phần ABC. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu bán hàng và nợ phải thu khách hàng của công ty DFK Việt Nam.
2183	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán IMMANUEL chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Nông, Thúy Trinh	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel-Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình Kiểm toán Nợ phải thu khách hàng của công ty TNHH Kiểm toán Immanuel – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
2184	Đại học	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán đáp ứng cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sản xuất dịch vụ Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diễm Mi	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2018	Khảo sát và đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại các trung tâm sản xuất dịch vụ của Trường Đại học Cần Thơ. Xây dựng hệ thống thông tin kế toán tại các trung tâm sản xuất dịch vụ của Trường Đại học Cần Thơ trong điều kiện tự chủ tài chính. Đề xuất các giải pháp hợp lý nhằm thay đổi và hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại các đơn vị được khảo sát.
2185	Đại học	Đánh giá phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AS	Võ, Thị Mộng Huỳnh	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán Báo cáo tài chính tại công ty TNHH Kiểm toán AS giúp Kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng Báo cáo tài chính có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không. Qua đó cho đơn vị thấy được những ưu, nhược điểm và đề xuất một số biện pháp nhằm khắc phục, hoàn thiện quá trình thu thập và nâng cao chất lượng bằng chứng kiểm toán của công ty.
2186	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán doanh thu – thu nhập tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Đinh, Văn Hiền	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích, đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa ra những nhận xét và đề ra giải pháp nâng cao tính hữu hiệu cho quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu và thu nhập của Công ty.

2187	Đại học	Phân tích các gian lận, sai sót và thủ tục kiểm toán phát hiện các gian lận, sai sót trong xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Ngô, Minh Anh	Hồ, Hồng Liên	2019	Phân tích các gian lận doanh nghiệp thường sử dụng và đánh giá các thủ tục kiểm toán chính dùng để phát hiện các gian lận tại công ty Kiểm Toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa giải pháp nhằm hoàn thiện các thủ tục kiểm toán tại công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ.
2188	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ánh Trúc	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho trong kiểm toán BCTC, từ đó đề xuất một giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán và các thủ tục kiểm toán đối với khoản mục hàng tồn kho tại công ty.
2189	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long - T.D.K chi nhánh Miền Nam	Nguyễn, Thị Kim Thùy	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long –T.D.K – Chi nhánh Miền Nam đang được áp dụng thực tế, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán nợ phải thu khách hàng.
2190	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại công ty TNHH kiểm toán AFC chi nhánh Cần Thơ	Đặng, Ngọc Châu	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục chi phí tại công ty TNHH Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ đang được áp dụng thực tế. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục này.
2191	Đại học	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc (VAAL)	Đỗ, Đặng Tiên Tiên	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, góp phần nâng cao chất lượng bằng chứng kiểm toán tại đơn vị.
2192	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán AS	Nguyễn, Ngọc Khánh Tường	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán AS đang được áp dụng thông qua kiểm toán thực tế trong quá trình thực tập. Từ đó biết được ưu điểm cũng như nhược điểm của quy trình để đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán khoản mục này tại đơn vị.
2193	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K chi nhánh Miền Nam	Đỗ, Thị Cẩm Hương	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K – Chi nhánh miền Nam, từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.
2194	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trần, Ngân Trang	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ nhằm phát hiện được các vấn đề còn tồn tại trong quy trình từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện quy trình kiểm toán về khoản mục nợ phải trả.
2195	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán SCIC Việt Nam	Trần, Thanh Duy	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích và đánh giá kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kiểm toán SCIC Việt Nam. Sau đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán của Kiểm toán viên.

2196	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá ASIA DRAGON	Nguyễn, Thị Huệ Nhu	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ và chi phí khấu hao trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Asia Dragon (ADAC) thông qua kiểm toán thực tế trong quá trình thực tập tại công ty. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao của Công ty kiểm toán ADAC.
2197	Đại học	Đánh giá việc vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Đánh giá việc vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa ra nhận xét về những ưu điểm và nhược điểm của việc áp dụng thủ tục phân tích, đồng thời đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả việc sử dụng thủ tục phân tích tại công ty khách hàng.
2198	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trần, Ngọc Bích	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá và hoàn thiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình áp dụng thủ tục phân tích tại đơn vị.
2199	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Minh Tuyền	Hồ, Hồng Liên	2019	Phân tích và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ đang áp dụng thực tế tại công ty khách hàng. Từ kết quả phân tích đưa ra những đánh giá và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng của quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty AFC Cần Thơ.
2200	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm soát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trịnh, Đài Trang	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích thực trạng kiểm soát chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát, giám sát chất lượng quy trình kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ
2201	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán IMMANUEL chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh, Thị Ngọc Huyền	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Thực hiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định cho hai công ty khách hàng năm 2018. Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định của Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại Công ty TNHH kiểm toán Immanuel- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2202	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán tài sản cố định tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thùy Tiên	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán TSCĐ của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ đang áp dụng thực tế tại Công ty khách hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình kiểm toán TSCĐ của A&C Cần Thơ.
2203	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty TNHH kiểm toán AFC chi nhánh Cần Thơ	Trần, Lê Khiết Minh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Đánh giá quy trình đánh giá HTKSNB trong kiểm toán BCTC được Công ty TNHH Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ áp dụng tại công ty khách hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình này trong kiểm toán BCTC của Công ty TNHH Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ.

2204	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ	Phan, Lê Khả Hân	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Nghiên cứu và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt – Chi nhánh Cần Thơ. Thông qua quá trình kiểm toán thực tế và thực tập tại công ty, tìm ra những ưu điểm cũng như hạn chế của quy trình, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán khoản mục này tại công ty.
2205	Đại học	Kế toán thanh toán không dùng tiền mặt tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh quận Bình Thủy TP Cần Thơ	Đoàn, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Tìm hiểu các vấn đề liên quan đến hình thức TTKDTM đang được áp dụng tại Agribank chi nhánh quận Bình Thủy như quy trình hạch toán, xử lý chứng từ, cách sử dụng cũng như các tiện ích của phương thức thanh toán này, từ đó đưa ra những kết luận và giải pháp phù hợp giúp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của phương thức TTKDTM cho chi nhánh nói riêng, và cho hệ thống NHTM hiện nay nói chung.
2206	Đại học	Đánh giá quy trình thực hiện kiểm tra chi tiết tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Hoàng Liên	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Đánh giá quy trình thực hiện kiểm tra chi tiết tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình thực hiện kiểm tra chi tiết của đơn vị.
2207	Đại học	Phân tích hệ thống thông tin kế toán tại NHNo & PTNT chi nhánh Cần Thơ II	Trần, Thu Thảo	Trần, Khánh Dung	2019	phân tích hệ thống thông tin kế toán tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Cần Thơ II, từ các phân tích đề tài đề xuất một số giải pháp khắc phục thiếu sót, nâng cao tính hữu hiệu, hiệu quả và kinh tế của hệ thống kiểm soát nội bộ giúp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại đơn vị.
2208	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán tài sản cố định và khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K chi nhánh Miền Nam	Huỳnh, Thị Trúc An	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và khấu hao của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh miền Nam, từ đó đưa ra ưu điểm, hạn chế đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình này.
2209	Đại học	Phân tích quy trình xác định và thủ tục đánh giá rủi ro kiểm toán tại công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam	Bùi, Thụy Mai Vy	Nguyễn, Thị Diệu	2019	Thu thập thông tin về thực trạng quy trình xác định rủi ro kiểm toán và thủ tục đánh giá rủi ro kiểm toán trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, từ đó nhận ra được những ưu điểm cũng như tồn tại của quy trình và đề xuất các biện pháp để hoàn chỉnh quy trình xác định và thủ tục đánh giá rủi ro kiểm toán tại đơn vị.
2210	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Phan, Thị Thảo Nguyên	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ thông qua kiểm toán thực tế trong quá trình thực tập tại công ty. Từ đó nhận thấy những ưu điểm cũng như hạn chế của quy trình và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán khoản mục này tại công ty.
2211	Đại học	Phân tích quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH kế toán – kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị Thanh Nhung	Nguyễn, Thúy An	2019	Phân tích quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại Công ty TNHH Kế toán – Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại Công ty TNHH Kế toán – Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

2212	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán tài sản nợ trong kiểm toán báo cáo tài chính quỹ tín dụng nhân dân tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Hữu Thắng	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán tài sản nợ Quỹ Tín Dụng Nhân Dân tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ nhằm nhận thấy được những vấn đề còn tồn tại trong quy trình từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện quy trình kiểm toán về khoản mục tài sản nợ.
2213	Đại học	Đánh giá kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán năm đầu tiên tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Diễm	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán năm đầu tiên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây xin gọi là TNHH) Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ. Trong quá trình kiểm toán thực tế tại công ty để nhận thấy những ưu điểm, khuyết điểm của những kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán năm đầu tiên, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán năm đầu tiên tại Công ty
2214	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả người bán tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thanh Thủy	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả người bán tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó, góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục này, gia tăng độ tin cậy của cuộc kiểm toán đối với khoản mục này khi kiểm toán tại công ty khách hàng.
2215	Đại học	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Văn, Thị Ngọc Trân	Lê, Tín	2019	Đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại đơn vị.
2216	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Huyền Trang	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, nhằm tìm ra những ưu điểm, tồn tại và nguyên nhân để từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán tại công ty.
2217	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Nguyễn Thúy Vy	Đàm, Thị Phong Ba	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty.
2218	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán AFC chi nhánh Cần Thơ	Từ, Thái Hưng	Phan, Thị Ánh Nguyệt	2019	Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó, người viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu trong kiểm toán báo cáo tài chính.
2219	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu và chi phí tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc (VAAL)	Hồ, Thị Trúc Nguyên	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Thực hiện, vận dụng quy trình kiểm toán hai khoản mục doanh thu và chi phí tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc đối với công ty khách hàng. Đánh giá quy trình kiểm toán hai khoản mục doanh thu và chi phí tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán hai khoản mục doanh thu và chi phí tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc.
2220	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại công ty TNHH kiểm toán tư vấn Độc Lập (IAC)	Trần, Chung Huỳnh Lan	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ và chi phí khấu hao tại Công ty TNHH kiểm toán Tư vấn Độc Lập đang áp dụng thực tế tại công ty khách hàng; từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ và chi phí khấu hao.

2221	Đại học	Hoàn thiện quy trình kiểm toán tài sản cố định tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Hà, Trần Huệ Huỳnh		2019	Đánh giá quy trình thực hiện công tác kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam đang áp dụng thực tế tại Công ty khách hàng. Từ đó, người viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính.
2222	Đại học	Hoàn thiện và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Châu, Ngọc Đoan	Lê, Trần Phước Huy	2019	Đánh giá những ưu, nhược điểm của quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đưa ra những nhận xét và đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán báo cáo tài chính và các thông tin tài chính đối với khoản mục hàng tồn kho.
2223	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH kiểm toán Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh, Phương Thảo	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ- TP HCM đang áp dụng tại Công ty khách hàng. Từ việc đánh giá đó đề tài đưa ra nhận xét và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình kiểm toán khoản mục HTK trong kiểm toán báo cáo tài chính.
2224	Đại học	Đánh giá quy trình áp dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ	Thái, Thị Yến Phương	Nguyễn, Hữu Đặng	2019	Phân tích việc thực hiện thủ tục phân tích trong kiểm toán BCTC tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) kiểm toán Sao Việt – chi nhánh Cần Thơ, từ đó rút ra nhận xét về những ưu điểm và nhược điểm của việc áp dụng thủ tục phân tích, đồng thời đề ra những giải pháp để hoàn thiện quy trình này của công ty.
2225	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán Việt Úc	Nguyễn, Thị Hồng Đoan	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình trên
2226	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình áp dụng thủ tục phân tích tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Hoàng Thanh Trúc		2019	Phân tích quy trình thực hiện thủ tục phân tích trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó nhận xét và đánh giá về ưu điểm và nhược điểm của việc áp dụng thủ tục phân tích, đồng thời đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình này tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – Chi nhánh Cần Thơ.
2227	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Toàn Cầu	Nguyễn, Thị Hồng Nguyên	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định của GAFC đang áp dụng thực tế tại công ty khách hàng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình kiểm toán tài sản cố định của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Toàn Cầu.
2228	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho và giá vốn hàng bán tại công ty TNHH kiểm toán tư vấn Độc Lập (IAC)	Tô, Như Anh	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Hàng tồn kho và giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Độc Lập (IAC); từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Hàng tồn kho và giá vốn hàng bán.
2229	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty kiểm toán AS	Nguyễn, Thị Kim Tuyền	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm toán TSCĐ ở Công ty TNHH Kiểm toán AS, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC.

2230	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty TNHH kiểm toán tư vấn Rồng Việt	Đỗ, Thị Mai Trinh	Nguyễn, Hồng Thoa	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Rồng Việt (sa đây gọi tắt là VDAC) nhằm hiểu rõ về các thủ tục kiểm toán được áp dụng khi tiến hành kiểm toán khoản mục này, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả của công ty.
2231	Đại học	Đánh giá và hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả người bán tại công ty TNHH kiểm toán E-JUNG	Lê, Mộng Trinh	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả người bán tại Công ty TNHH Kiểm toán E-Jung đang được áp dụng thực tế. Từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả người bán tại đơn vị.
2232	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán tư vấn Rồng Việt	Nguyễn, Thị Vân Anh	Nguyễn, Tấn Tài	2019	Thực hiện công tác đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng của công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt áp dụng cho hai công ty khách hàng là: Công ty TNHH Công Nghệ Tân Tiến và Công Ty Cổ Phần Sách - Thiết Bị Trường Học Hoàng Anh.Đánh giá ưu điểm và nhược điểm của quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng của công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt thông qua quy trình kiểm toán thực hiện tại hai công ty khách hàng và đánh giá với Chuẩn mực Kiểm toán. Đề xuất một số giải pháp nhằm giúp công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt hoàn thiện hơn quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng.
2233	Đại học	Phân tích và đánh giá các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long – T.D.K (chi nhánh Miền Nam)	Châu, Hồng Thắm	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích và đánh giá các phương pháp thu thập BCKT của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K – Chi nhánh miền Nam tại công ty khách hàng; Đánh giá sự tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 500 của kiểm toán viên trong quá trình áp dụng các phương pháp thu thập BCKT; Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các phương pháp thu thập BCKT của Công ty.
2234	Đại học	Đánh giá phương pháp lựa chọn phần tử thử nghiệm trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán được áp dụng tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị ánh Khuyến	Hà, Mỹ Trang	2019	Đánh giá phương pháp lựa chọn phần tử thử nghiệm trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán được áp dụng tại Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – chi nhánh Cần Thơ nhằm nhận diện những ưu điểm và các mặt hạn chế, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện phương pháp lựa chọn phần tử thử nghiệm trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán tại Công ty.
2235	Đại học	Phân tích quy trình lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lâm, Tú Quỳnh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích quy trình lập kế hoạch kiểm toán trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ, nhận xét ưu nhược điểm từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng quy trình lập KHKT của Công ty.
2236	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C chi nhánh Cần Thơ	Trương, Nguyễn Như Quỳnh	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kiểm toán khoản mục Hàng tồn kho và nhận diện những tồn tại của công tác kiểm toán khoản mục Hàng tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C- chi nhánh Cần Thơ dựa trên so sánh quy trình kiểm toán của hai công ty khách hàng. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C- chi nhánh Cần Thơ

2237	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Cẩm Nhung Em	Đinh, Thị Ngọc Hương	2018	Thực hiện kiểm toán khoản mục hàng tồn kho của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ đối với hai công ty khách hàng. Từ đó, đánh giá quy trình kiểm toán thực tế khoản mục hàng tồn kho của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ tại hai công ty khách hàng trên. So sánh quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với Chương trình kiểm toán mẫu (VACPA). Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.
2238	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên và nhân viên kế toán trên địa bàn Thành phố Cần Thơ đối với việc dự thi lấy chứng chỉ kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên (CPA) Việt Nam	Võ, Anh Thư	Nguyễn, Thúy An	2019	Phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố đến thái độ của sinh viên Khoa Kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ và nhân viên kế toán, kiểm toán làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ đối với việc dự thi lấy chứng chỉ kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên (CPA) Việt Nam nhằm tìm ra những giải pháp giúp nâng cao nhận thức của sinh viên và nhân viên, qua đó đề xuất giải pháp để phát triển nguồn nhân lực ngành kế toán và kiểm toán cho các tổ chức có liên quan
2239	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kế toán và kiểm toán Phương Nam chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị Cẩm Tiên	Trần, Quế Anh	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – chi nhánh Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng của công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam – chi nhánh Cần Thơ
2240	Đại học	Quy trình đánh giá rủi ro khách hàng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trương, Ái Lê	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Đánh giá rủi ro trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm Toán AFC- Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp để góp phần hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro trong giai đoạn lập k hoạch kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm Toán AFC- Chi nhánh Cần Thơ
2241	Đại học	Kiểm toán nội bộ hoạt động marketing tại công ty TNHH MTV thương mại thủy sản Thiên Thuận Phát	Nguyễn, Minh Hoàng	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Đánh giá về qui trình kiểm toán nội bộ hoạt động marketing được thực hiện tại Công ty TNHH MTV Thương mại Thủy sản Thiên Thuận Phát. Thông qua đó, biết được những ưu điểm, khuyết điểm và chính sách chiến lược kinh doanh của các kiểm toán hoạt động marketing.
2242	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Ngọc Diễm	Vũ, Xuân Nam	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu tại công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó rút ra nhận xét và đánh giá về những ưu điểm và nhược điểm của việc áp dụng quy trình, đồng thời đề ra những giải pháp để hoàn thiện quy trình này của công ty.
2243	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trần, Nguyễn Hồng My	Vũ, Xuân Nam	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Nợ phải trả người bán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây xin gọi là TNHH) Kiểm toán AFC – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán này tại công ty.
2244	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Mỹ Kim	Trần, Khánh Dung	2019	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán BCTC tại Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Qua kết quả phân tích, đánh giá quy trình kiểm toán tài sản cố định, từ đó rút ra nhận xét và đánh giá về những ưu điểm và nhược điểm của việc áp dụng quy trình, đồng thời đề ra những giải pháp để hoàn thiện quy trình này

2245	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Thiên Kim	Quan, Minh Nhựt	2018	Khái quát thực trạng về tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam và Thành phố Cần Thơ, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trên địa bàn Thành phố, từ đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu để đề ra các giải pháp giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và nâng cao giá trị sản phẩm.
2246	Đại học	Phân tích tác động của tỷ giá hối đoái đến kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường ASEAN	Nguyễn, Phước Hậu	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích tác động của tỷ giá hối đoái đến thực trạng xuất khẩu gạo Việt Nam trong giai đoạn 2000-2017 và mức độ ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam.
2247	Đại học	Phân tích thực trạng và xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gạo của công ty TNHH TM và DV Thành Tín	Hứa, Ái My	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích tình hình hoạt động của công ty và môi trường kinh doanh của công ty từ đó làm cơ sở để xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh của công ty. Đề xuất, xây dựng các chiến lược kinh doanh nhằm nâng cao đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gạo tại công ty
2248	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II sang thị trường Trung Quốc	Võ, Thị Thùy My	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II sang thị trường Trung Quốc từ năm 2015 đến năm 2018 để thấy rõ được thực trạng xuất khẩu của công ty, những thành tựu đã đạt được và hạn chế còn tồn tại, qua đó tìm hiểu các yếu tố tác động và đề xuất những giải pháp hợp lý nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của công ty sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới
2249	Đại học	Rào cản kinh doanh và mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp chế tạo tại Peru	Trần, Phương Thanh	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực trạng về môi trường kinh doanh và hoạt động QTH của các doanh nghiệp chế tạo ở Peru. Phân tích mối quan hệ giữa rào cản kinh doanh và mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp chế tạo tác động đến mức độ QTH các doanh nghiệp chế tạo tại Peru. Kết luận và đề xuất hàm ý nghiên cứu về chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động quốc tế hóa của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo trong Peru và định hướng cho nghiên cứu tiếp theo.
2250	Đại học	Phân tích hoạt động nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi của công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm An Giang	Ngô, Phước Trung	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi của công ty, thông qua đó xác định điểm mạnh, điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức. Cuối cùng đề ra những giải pháp góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu nguyên liệu của công ty.
2251	Đại học	Thực hành quản lý trong doanh nghiệp sản xuất tại Thành phố Cần Thơ	Mao, Huỳnh Như	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Phân tích thực trạng thực hành quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tại TPCT. Trên cơ sở đó đề xuất hàm ý quản trị cho nhà quản lý nâng cao chất lượng trong hoạt động quản lý và từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp ở địa bàn nghiên cứu.
2252	Đại học	Nghiên cứu nguồn lực và năng lực của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long	Cao, Minh Thư	Trương, Khánh Vinh Xuyên	2018	Đánh giá thực trạng nguồn lực và năng lực của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực và nêu ra một số giải pháp nâng cao phát triển năng lực cho doanh nghiệp để tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.
2253	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Việt Dũng	Nguyễn, Việt Xuân nhi	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Việt Dũng. Đề xuất một số giải pháp nâng cao về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2254	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ Quốc tế hóa của các doanh nghiệp ở PARAGUAY	Nguyễn, Phan Tấn Huy	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực trạng quốc tế hóa của doanh nghiệp ở Paraguay. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến định hướng quốc tế hóa của các doanh nghiệp ở Paraguay. Đề xuất hàm ý nghiên cứu cho các doanh nghiệp để doanh nghiệp có những lựa chọn thích hợp trong quá trình tham gia vào Quốc tế hóa
2255	Đại học	Một số giải pháp marketing nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu tôm tại công ty TNHH hải sản Việt Hải	Hồ, Thị Hương Thảo	Lê, Bình Minh	2018	Nghiên cứu, đánh giá hoạt động kinh doanh, điều kiện và năng lực kinh doanh để đề ra các giải pháp về Marketing nhằm nâng cao năng lực xuất khẩu tôm tại công ty TNHH Hải sản Việt Hải.
2256	Đại học	Phân tích lợi thế cạnh tranh ngành hàng cà phê xuất khẩu Việt Nam	Phạm, Kim Ngân	Quan, Minh Nhựt	2018	Tìm hiểu và phân tích lợi thế cạnh tranh ngành hàng cà phê xuất khẩu của Việt Nam. Từ đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới
2257	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra phi lê của công ty TNHH Thuận Hưng	Ông, Phương Trinh	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra phi lê của công ty TNHH Thuận Hưng giai đoạn 2015 – 6 tháng đầu năm 2018. Đề từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cá tra phi lê giúp công ty phát triển trong thời gian tới.
2258	Đại học	Ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật đến hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam	Trần, Thị Ny	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích diễn biến và xu hướng rào cản kỹ thuật mà các nước trên thế giới sử dụng tác động đến hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Phân tích tác động của các hàng rào kỹ thuật đến hoạt động xuất khẩu nông sản của VN. Đề xuất một số giải pháp hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của hàng rào kỹ thuật đối với việc xuất khẩu nông sản ở Việt Nam
2259	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của công ty cổ phần Gentraco	Huỳnh, Phương Uyên	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Công ty Cổ phần Gentraco giai đoạn năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gạo giúp công ty phát triển trong thời gian tới.
2260	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu tôm của công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ (CAFISH)	Trang, Thúy Nga	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu mặt hàng tôm của Công ty TNHH XNK Thủy sản Cần Thơ (CAFISH) giai đoạn năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu tôm giúp công ty phát triển trong thời gian tới
2261	Đại học	Nghiên cứu tác động của các yếu tố khoảng cách đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Châu Á	Nguyễn, Đoàn Hoàng Mai	Võ, Văn Dứt	2018	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Châu Á , từ đó đề xuất một số giải pháp trên cơ sở phát huy ảnh hưởng của các yếu tố cơ hội và hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế
2262	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quốc tế hóa của doanh nghiệp ở Singapore	Nguyễn, Thị Băng Giang	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng quốc tế hóa các doanh nghiệp ở Singapore. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quốc tế hóa của doanh nghiệp ở Singapore. Đề xuất hàm ý cho quốc tế hóa các doanh nghiệp và đưa ra đúc kết kinh nghiệm cho doanh nghiệp ở Việt Nam
2263	Đại học	Phân tích hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng container tại cảng Hoàng Diệu (cảng Cần Thơ)	Lê, Ánh Uyên	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng container tại Cảng Hoàng Diệu giai đoạn 2015 – 2017. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng container tại Cảng Hoàng Diệu giai đoạn 2015 – 2017. Đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng container nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

2264	Đại học	Phân tích trách nhiệm xã hội của công ty Nestle Việt Nam	Trần, Ngọc Như	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Tìm hiểu, Phân tích và đánh giá việc thực hiện CSR của công ty Nestle Việt Nam đồng thời đề ra những giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của những hoạt động CSR của công ty.
2265	Đại học	Phân tích thực trạng và giải pháp gia tăng xuất khẩu của công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	Đỗ, Như Ngọc	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu thủy sản của công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền để thấy được những thuận lợi và khó khăn của công ty. Từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất khẩu của công ty trong giai đoạn tới.
2266	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ – CASEAMEX giai đoạn 2015 - 2017	Nguyễn, Thị Hà Phương	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ – CASEAMEX giai đoạn 2015 - 2017, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả xuất khẩu thủy sản trong thời gian sắp tới
2267	Đại học	Đánh giá tính hiệu lực của hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản đối với xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam	Huỳnh, Thúy Anh	Võ, Thành Danh	2018	Đánh giá tính hiệu lực của Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản đối với xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam thông qua phân tích thực trạng, năng lực sản xuất và xuất khẩu của ngành. Từ đó có thể đề xuất ra giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển ngành dệt may của Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt hướng đến phát triển thị phần Nhật Bản
2268	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Đông Nam Á chi nhánh Cần Thơ	Đinh, Nguyễn Bá Ngân	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Đông Nam Á chi nhánh Cần Thơ qua năm 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để tìm ra những giải pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.
2269	Đại học	Phân tích tình hình thu thuế của chi cục hải quan Tây Đô	Nguyễn, Lê Yên Vũ	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích tình hình thu thuế xuất nhập khẩu của chi cục hải quan Tây Đô từ 2015 - 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động thu thuế xuất nhập khẩu của chi cục hải quan Tây Đô. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thu thuế ở chi cục hải quan Tây Đô
2270	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Thị Như Hào	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Đô trong giai đoạn 2015 – 6/2018 để thấy rõ thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng, từ đó đề ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng cho ngân hàng.
2271	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Cần Thơ	Liêu, Quốc Thái	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích tình hình hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Cần Thơ từ năm 2015 đến năm 2017. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng trong giai đoạn hiện nay.
2272	Đại học	Giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu tại công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng	Lê, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Phân tích thực trạng quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu của công ty STAPIMEX. Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quy trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu. Đề xuất những giải pháp để cải tiến hoàn thiện, nâng cao quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng xuất khẩu của công ty STAPIMEX trong thời gian sắp tới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.
2273	Đại học	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong xuất khẩu gạo của công ty cổ phần xuất nhập khẩu An Giang (ANGIMEX)	Nguyễn, Phạm Hồng Ngọc	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2018	Phân tích thực trạng kinh doanh, hoạt động xuất khẩu gạo và năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo của công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh trong xuất khẩu gạo của công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang.

2274	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu dệt may của Việt Nam tại thị trường EU	Lưu, Mỹ Thơ	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích thực trạng kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam tại thị trường EU trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2016. Đồng thời, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kim ngạch của mặt hàng này, từ đó có thể đề xuất một số biện pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may ra thế giới, đặc biệt là tại thị trường EU.
2275	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh giao nhận hàng không tại công ty INDO TRANS LOGISTICS	Nguyễn, Ngọc Minh Thư	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích thực trạng kinh doanh hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường hàng không tại Công ty Indo Trans Logistics, qua đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không tại công ty
2276	Đại học	Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh dịch vụ Logistics cho công ty cổ phần Tiếp vận Quốc Gia	Nguyễn, Thị Ngọc Khánh	Lê, Bình Minh	2018	Đánh giá tình hình hoạt động của công ty CP Tiếp vận Quốc Gia. Phân tích và đánh giá các yếu tố nội bộ và môi trường kinh doanh của công ty CP Tiếp vận Quốc Gia. Xây dựng các chiến lược kinh doanh cho công ty CP Tiếp vận Quốc Gia. Quyết định lựa chọn các chiến lược kinh doanh phù hợp với công ty CP Tiếp vận Quốc Gia.
2277	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc đến tình hình xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn, Chí Bình	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam qua thị trường Hàn Quốc giai đoạn 2013 – 2017 nhằm đưa ra được sự so sánh về tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam với thị trường Hàn Quốc trước và sau khi hiệp định VKFTA được ký kết. Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam và dự báo kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thị trường Hàn Quốc giai đoạn 2018 – 2020. Đề ra các chính sách, hàm ý để tận dụng triệt để các cơ hội và vượt qua thách thức từ hiệp định mang lại
2278	Đại học	Phân tích hoạt động phân phối hàng nhập khẩu của công ty TNHH dịch vụ thương mại GOOD GOODS	Lê, Chí Toàn	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh hàng nhập khẩu Nhật bản của công ty TNHH – Dịch Vụ Thương Mại GOOD GOODS chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn 2016 - 2018, từ đó đề ra một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
2279	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của hiệp định thương mại tự do Asean – Hàn Quốc (AKFTA) đến tình hình xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn, Kiều Hải Anh	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích thực trạng tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trước và sau khi gia nhập Hiệp định với các đối tác là ASEAN và Hàn Quốc. Phân tích ảnh hưởng của Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Đề xuất giải pháp để hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực từ Hiệp định. Bên cạnh đó đưa ra những đề xuất nhằm phát huy tốt lợi ích mà Hiệp định AKFTA mang lại cho xuất nhập khẩu Việt Nam.
2280	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định đối tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản tại Việt Nam	Đinh, Thanh Huyền	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích tác động của Hiệp định Đối tác kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản đến KNXX thủy sản tại Việt Nam giai đoạn 2003 – 2017 để giúp ta hiểu rõ tác động tích cực cũng như tiêu cực do những điều khoản trong hiệp định đem lại. Từ đó, đề xuất các hàm ý chính sách nâng cao tính hiệu lực của Hiệp định VJEPA đối với ngành thủy sản xuất khẩu của Việt Nam.

2281	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa bột Similac dành cho trẻ em của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lê, Tuyết Mai	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Phân tích thực trạng tiêu dùng sữa bột Similac của người dân TP Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa bột Similac của người dân tại TP Cần Thơ. Dựa vào kết quả phân tích để đưa ra các giải pháp nhằm thu hút khách hàng, tăng khả năng tiêu thụ, nâng cao vị thế cạnh tranh cho sản phẩm sữa bột Similac trên thị trường.
2282	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh dịch vụ Logistics tại cảng Hoàng Diệu – Cần Thơ	Phạm, Minh Hoàng	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích thực trạng kinh doanh dịch vụ logistics tại cảng Hoàng Diệu – Cần Thơ để tìm hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động kinh doanh của Cảng, đồng thời xác định nguyên nhân và hạn chế trong các hoạt động tại cảng. Từ đó đề ra những giải pháp để nâng cao và phát triển dịch vụ logistics cho doanh nghiệp này trong thời gian tới.
2283	Đại học	Đánh giá quy trình xuất khẩu mặt hàng xoài đông lạnh sang thị trường Hàn Quốc – Nhật Bản của công ty cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (WEST FOOD)	Lưu, Nguyễn Anh Thư	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Tìm hiểu quy trình xuất khẩu mặt hàng xoài đông lạnh của công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất Khẩu Miền Tây (West Food) sang thị trường Hàn Quốc – Nhật Bản thông qua so sánh với quy trình lý thuyết, từ đó nêu được những thành công và hạn chế của quy trình. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình xuất khẩu mặt hàng xoài đông lạnh sang thị trường Hàn Quốc – Nhật Bản cho công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất Khẩu Miền Tây (West Food).
2284	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty Logistics HACO giai đoạn 2015-2017	Lê, Trần Tài Phước	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty Logistics Haco trong giai đoạn 2015-2017. Từ đó đề xuất biện pháp khắc phục và cải thiện những hạn chế còn tồn đọng, phát huy tiềm lực của công ty, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh
2285	Đại học	Thực trạng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Trà Vinh và các giải pháp tăng cường thu hút FDI	Lâm, Thị Tú Quyên	Quan, Minh Nhựt	2018	Nghiên cứu thực trạng thu hút FDI của tỉnh để đánh giá những thành công cũng như những hạn chế mà tỉnh đang mắc phải nhằm đề ra giải pháp thu hút FDI một cách có hiệu quả.
2286	Đại học	Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng hóa xuất khẩu theo phương thức LCL/LCL tại công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ	Võ, Ngọc Đào	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng và phân tích quy trình giao nhận hàng hóa xuất khẩu theo phương thức LCL/LCL tại Công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề ra một số giải pháp hoàn thiện quy trình để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2287	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của công ty TNHH TM & DV Thành Tín Sóc Trăng	Trần, Thủy Tiên	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu mặt hàng gạo của Công ty TNHH TM & DV Thành Tín Sóc Trăng trong giai đoạn 2015-2017. Từ đó có thể xác định điểm mạnh và điểm yếu trong quá trình xuất khẩu, để đề xuất một số giải pháp hợp lý góp phần nâng cao đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gạo cho Công ty trong tương lai.
2288	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh công ty cổ phần viễn thông FPT – CN Cần Thơ giai đoạn 2016-2018	Nguyễn, Minh Tuyền	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Tìm hiểu và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua 3 năm 2016-2018. Qua đó giúp cho công ty thấy được những điểm mạnh, những hạn chế để phát huy hay khắc phục nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong kinh doanh
2289	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang	Võ, Thị Ngoan	Phan, Anh Tú	2018	Xác định và mô tả thực trạng về ý định khởi nghiệp của người dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang. Đề xuất hàm ý về chính sách khơi dậy tinh thần khởi nghiệp và “tự làm chủ” trong người dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

2290	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân thành phố Sóc Trăng	Phạm, Hoàng Tiến	Phan, Anh Tú	2018	
2291	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu của công ty TNHH công nghiệp thủy sản Miền Nam (Southvina) và giải pháp khai thác mở rộng thị trường xuất khẩu	Liêu, Mỹ Duyên	Quan, Minh Nhựt	2018	Phân tích thực trạng về thị trường xuất khẩu thủy sản của Công ty TNHH Công nghiệp thủy sản miền Nam (SOUTHVINA) trong giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2018. Từ đó đề ra những giải pháp nhằm khai thác, mở rộng thị trường xuất khẩu của công ty.
2292	Đại học	Giải pháp phát triển dịch vụ vận chuyển thủy sản đường biên giới tuyến Trung Quốc của công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ	Đặng, Thế Vinh	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích thực trạng dịch vụ vận chuyển hàng hóa sang Trung Quốc của công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ. Đánh giá hiệu quả dịch vụ vận chuyển thủy sản tuyến Trung Quốc của công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp tận dụng các cơ hội và đối phó với khó khăn nhằm thúc đẩy phát triển.
2293	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Châu Á	Hồ, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Phân tích các nhân tố tác động đến xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Châu Á và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố. Đưa ra những thuận lợi và khó khăn khi xuất khẩu gạo Việt Nam sang Châu Á và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu gạo của Việt Nam.
2294	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Châu Phi	Lê, Nguyễn Trúc Ly	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích tình hình sản xuất lúa gạo ở Việt Nam. Phân tích tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Châu Phi giai đoạn 2007 - 2017. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Châu Phi. Đưa ra giải pháp giúp cho hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Châu Phi dễ dàng hơn. Hạn chế tác động của các nhân tố có hại và nâng cao tác động của các nhân tố có lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam.
2295	Đại học	Nghiên cứu tác động của hàng rào kỹ thuật thương mại liên minh Châu Âu đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam	Lê, Mỹ Chi	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Nghiên cứu, phân tích ảnh hưởng của các rào cản kỹ thuật đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua rào cản, góp phần thúc đẩy sản lượng thủy sản xuất khẩu sang thị trường EU.
2296	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Thị Tó Quyên	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Đô từ năm 2015 – 6T/2018 thông qua một số tiêu chí như doanh thu, chi phí, lợi nhuận, hoạt động tín dụng để thấy được hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong 3 năm qua. Đề xuất một số giải pháp cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong tương lai.
2297	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại SACOMBANK chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Như Bình	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TTQT tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thanh toán quốc tế tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ.
2298	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy FDI vào các quốc gia Đông Nam Á	Đỗ, Trường Khang	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Tìm hiểu và đánh giá thực trạng về dòng chảy FDI vào các quốc gia Đông Nam Á. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút dòng chảy FDI vào các quốc gia Đông Nam Á. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI vào các quốc gia Đông Nam Á.
2299	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy FDI vào Việt Nam	Phùng, Lý Thùy Dương	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Đánh giá thực trạng về nguồn vốn FDI đi vào Việt Nam giai đoạn 2000-2017. Phân tích các yếu tố tác động đến nguồn vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2000-2017. Đề xuất hàm ý về các chính sách thu hút vốn FDI.

2300	Đại học	Giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu cá tra của công ty TNHH công nghiệp thủy sản Miền Nam (SOUTH VINA)	Nguyễn, Thị Ngọc Trinh	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích và đánh giá hoạt động xuất khẩu của công ty TNHH Công nghiệp thủy sản miền Nam trong giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6/2018. Từ đó xác định lợi thế cạnh tranh và đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu cho công ty South Vina.
2301	Đại học	Phân tích hoạt động dịch vụ Logistics của công ty cổ phần Logistics Tín Nghĩa – ICD Biên Hòa	Trần, Bảo Thư	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích hoạt động dịch vụ Logistics của Công ty Cổ phần Logistics Tín Nghĩa – ICD Biên Hòa từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018 đồng thời có thể đưa ra được những biện pháp để Công ty có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong mọi lĩnh vực và nâng cao chất lượng dịch vụ.
2302	Đại học	Phân tích thực trạng và một số giải pháp nâng cao nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Văn Bé Phúc	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích thực trạng cũng như ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào sự phát triển của thành phố Cần Thơ đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao và thu hút nguồn vốn FDI của thành phố một cách có hiệu quả.
2303	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu của công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ	Lê, Trí Hải	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Khái quát về công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích thực trạng giao nhận hàng xuất khẩu của công ty TMC, để từ đó tìm ra những thuận lợi và khó khăn của công ty. Phân tích hiệu quả các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu của công ty TMC. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu của công ty TMC.
2304	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Đông tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sông Biển	Lâm, Quý My	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Đông của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sông Biển giai đoạn 2015 – 2017. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn đề ra các giải pháp và kiến nghị nhằm ổn định và gia tăng giá trị xuất khẩu của công ty.
2305	Đại học	Xây dựng chiến lược thu hút doanh nghiệp tham gia ươm tạo tại vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Hoàng Tiến	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động tại Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc. Xây dựng chiến lược thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia ươm tạo tại Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc đến năm 2022. Đề xuất một số giải pháp thực hiện để phát triển Vườn ươm đến năm 2022.
2306	Đại học	Thực trạng xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ	Trần, Đặng Hoàng Oanh	Lê, Khương Ninh	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ sang thị trường Trung Quốc trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả xuất khẩu cá tra của công ty tại thị trường Trung Quốc.
2307	Đại học	Phân tích hiệu quả xuất khẩu trái cây sấy của công ty cổ phần xuất khẩu Quỳnh Anh	Đoàn, Thị Kim Liên	Võ, Văn Dứt	2018	Phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu trái cây sấy của Công ty cổ phần Quỳnh Anh. Từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu trái cây sấy của công ty trong thời gian tới.
2308	Đại học	Phân tích quy trình và giải pháp cải thiện kết quả đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu của công ty Hải sản 404	Lê, Hồng Nhung	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Công ty Hải Sản 404. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Công ty Hải Sản 404. Đề xuất giải pháp cải thiện kết quả đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu của Công ty Hải Sản 404.

2309	Đại học	Phân tích hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu nguyên container bằng đường biển tại công ty cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Hiền	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Tìm hiểu thực trạng cũng như quy trình giao nhận hàng hóa xuất khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty Cổ phần Thái Minh chi nhánh Cần Thơ nhằm rút ra những điểm mạnh, điểm yếu, cũng như những khó khăn trong thực hiện hoạt động, và cơ hội, thách thức đối với công ty. Từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu cũng như hoạt động kinh doanh của công ty nói chung , nhằm giúp cho công ty ngày càng phát triển
2310	Đại học	Phân tích hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu nguyên Container đường biển tại Vinatrans Cantho	Trương, Hoàng Kha	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Tìm hiểu thực trạng cũng như quy trình giao nhận hàng hóa xuất khẩu nguyên container bằng đường biển tại Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ – Vinatrans Cantho.
2311	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay tín chấp tại công ty tài chính Prudential – Cần Thơ	Phạm, Hoàng Phúc	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng hiện nay của công ty tài chính Prudential tại khu vực Cần Thơ. Phân tích các nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến quyết định chọn lựa sản phẩm vay của công ty tài chính Prudential. Đề xuất những giải pháp thúc đẩy và nâng cao chất lượng hoạt động cho vay tiêu dùng dưới hình thức tín chấp trong quá trình hỗ trợ vay vốn và chăm sóc khách hàng.
2312	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc của công ty hải sản 404 giai đoạn 2015-2017	Huỳnh, Lê Thanh Giang	Lê, Khương Ninh	2018	Phân tích và đánh giá thực trạng xuất khẩu thủy sản của công ty Hải sản 404 (Gepimex) trong giai đoạn 2015 – 2017 và đề xuất giải pháp giúp công ty nâng cao hiệu quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc trong thời gian tới.
2313	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu chả cá Surimi tại công ty hải sản 404	Trần, Thị Diễm Hằng	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu chả cá Surimi của công ty Hải sản 404 trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017, nhằm xác định những thuận lợi và hạn chế của mặt hàng này. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trên thị trường trong và ngoài nước.
2314	Đại học	Năng lực cạnh tranh của thủy sản xuất khẩu Việt Nam	Nguyễn, Hoàn Mỹ	Quan, Minh Nhựt	2018	Thực trạng XK thủy sản của Việt Nam trong giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 (6T2018). Phân tích NLCT của thủy sản XK Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 6T 2018. Đề xuất một số giải pháp nâng cao NLCT của thủy sản XK Việt Nam.
2315	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu của công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đức Thành từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 6 năm 2018	Trương, Văn Thắng	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Đánh giá về tình hình xuất khẩu hàng dệt may của Công ty TNHH May XNK Đức Thành từ 2015 đến tháng 6 năm 2018. Phân tích ma trận SWOT về xuất khẩu của doanh nghiệp. Đề ra những giải pháp để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của công ty.
2316	Đại học	Đặc điểm doanh nghiệp và mức độ quốc tế hóa của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tại Argentina	Trương, Nguyễn Phương Anh	Phan, Anh Tú	2018	Phân tích các đặc điểm của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ quốc tế hóa của lĩnh vực dịch vụ tại Argentina. Từ đó, thông qua nghiên cứu và phân tích, đề tài đưa ra một số hàm ý về quản trị, giúp doanh nghiệp thấu hiểu và có những định hướng quốc tế hóa phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng doanh nghiệp.
2317	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu bằng đường biển tại công ty cổ phần tiếp vận Trung Thực	Võ, Thị Huỳnh Mai	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Phân tích thực trạng và hiệu quả của hoạt động giao nhận hàng hóa xuất khẩu bằng đường biển của CTCP tiếp vận Trung Thực. Qua đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng xuất khẩu của CTCP tiếp vận Trung Thực

2318	Đại học	Phân tích hoạt động xuất khẩu thủy sản của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ CASEMEX	Nguyễn, Ngọc Nam Phương	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích và đánh giá tình hình xuất khẩu thủy sản tại công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ Caseamex (trong giai đoạn 2015-2017), từ đó đề xuất giải pháp duy trì và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của công ty giai đoạn tới.
2319	Đại học	Phân tích thực trạng thu hút và tác động của nguồn vốn đầu trực tiếp nước ngoài (FDI) đến sự tăng trưởng kinh tế tỉnh Hậu Giang	Ngô, Minh Đạt	Trần, Thị Bạch Yến	2018	
2320	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu tôm của công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy sản Đông Hải	Lê, Nguyễn Phương Duy	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu tôm của công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Thủy sản Đông Hải giai đoạn 2015 – Tháng 6/2018, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao khả năng xuất khẩu tôm của công ty trong thời gian tới.
2321	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế tại Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Ngân	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích các phương thức thanh toán mà công ty CASEAMEX đã sử dụng trong hoạt động xuất khẩu thủy sản của công ty. Đồng thời, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán quốc tế nhằm tìm ra các biện pháp giúp hạn chế rủi ro và vận dụng hiệu quả các phương thức thanh toán vào từng hợp đồng cụ thể từ đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.
2322	Đại học	Phân tích quy trình giao nhận hàng FCL bằng đường biển theo phương thức CIF của công ty Cổ phần tiếp vận Quốc tế Rừng Xanh	Trần, Văn Qui	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực hiện quy trình xuất nhập khẩu FCL bằng đường biển theo phương thức CIF của công ty GDL. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình xuất nhập khẩu FCL bằng đường biển theo phương thức CIF của công ty GDL. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận/logistics của công ty.
2323	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Đô; từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng trong giai đoạn hiện nay.
2324	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP HDBank chi nhánh Cần Thơ	Trương, Thị Yến Oanh	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại cổ phần HDBANK chi nhánh Cần Thơ từ năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2017-2018. Từ đó đưa ra những biện pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.
2325	Đại học	Phân tích thực trạng và một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu cá tra của công ty TNHH HTV hải sản 404	Võ, Huỳnh Tú Anh	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra tại công ty hải sản 404 trong giai đoạn 2015-2017, từ đó đề ra một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu cá tra của công ty trong thời gian tới.
2326	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa mức độ quốc tế hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chế tạo tại Ecuador	Huỳnh, Tuấn Anh	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực trạng nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cùng với mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo tại Ecuador. Phân tích mối quan hệ giữa mức độ quốc tế hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo tại Ecuador. Nghiên cứu đề xuất các hàm ý về quốc tế hóa nhằm giúp các doanh nghiệp tại Ecuador nói riêng, các doanh nghiệp trên thế giới nói chung đã, đang hoặc sẽ có ý định tham gia quốc tế hóa có cái nhìn đúng đắn, hoặc ít nhất là có cơ sở để nhìn nhận về vấn đề quốc tế hóa, để từ đó có những định hướng đúng đắn, sự chuẩn bị cần thiết khi tham gia sâu rộng vào thị trường và chuỗi giá trị toàn cầu.

2327	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Đào, Phương Hoàng Diễm Uyên	Quan, Minh Nhựt	2018	Phân tích thực trạng về tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu và gia tăng giá trị cho mặt hàng gạo xuất khẩu.
2328	Đại học	Kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ	Bùi, Nguyễn Huỳnh Như	Lê, Khương Ninh	2018	
2329	Đại học	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam sang Hàn Quốc	Nguyễn, Lê Mỹ Quyên	Quan, Minh Nhựt	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam giai đoạn từ 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018, thực trạng xuất khẩu sang Hàn Quốc hiện nay, xác định những cơ hội và thách thức đối với ngành hàng này trước xu hướng hội nhập kinh tế thế giới. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong thời gian tới.
2330	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra sang thị trường EU của công ty Cổ phần xuất khẩu thủy sản Cần Thơ	Bùi, Tấn Kiệt	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ sang thị trường EU trong giai đoạn 2015 đến năm 2017, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động xuất khẩu sản phẩm cá tra của công ty tại thị trường EU.
2331	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc đa dạng hóa quốc tế đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam có hoạt động đầu tư ra nước ngoài	phùng, Mỹ Linh	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng đa dạng hóa quốc tế của các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam có hoạt động đầu tư kinh doanh ra nước ngoài. Nghiên cứu ảnh hưởng của việc đa dạng hóa quốc tế đối với hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam có hoạt động đầu tư, kinh doanh nước ngoài. Đề xuất những hàm ý quản trị để tăng cường mở rộng đầu tư, kinh doanh ra thị trường quốc tế.
2332	Đại học	Ý định khởi nghiệp của người dân Đồng bằng Sông Cửu Long – Vai trò của kiến thức và năng lực cá nhân	Dương, Thị Bích Hạnh	Phan, Anh Tú	2019	Ý định khởi nghiệp của người dân ĐBSCL - Vai trò của kiến thức và năng lực cá nhân được thực hiện trên 5 tỉnh thành bao gồm: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Kiên Giang, Sóc Trăng nhằm đưa ra kết luận và hàm ý nghiên cứu nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người dân
2333	Đại học	Tác động của thị trường, nhận diện cơ hội, khai thác cơ hội đến ý định khởi nghiệp của người dân Đồng bằng Sông Cửu Long	Dương, Ngọc Anh	Phan, Anh Tú	2019	Đánh giá thực trạng khởi nghiệp của người dân ĐBSCL. Phân tích tác động của thị trường, nhận diện cơ hội, khai thác cơ hội đến ý định khởi nghiệp của người dân ĐBSCL. Kết luận và hàm ý nghiên cứu nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người dân ĐBSCL.
2334	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần cảng Cần Thơ chi nhánh cảng Hoàng Diệu	Kha, Anh Thư	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích hoạt động của công ty cổ phần cảng Cần Thơ – chi nhánh cảng Hoàng Diệu trong 3 năm 2016 – 2018 từ đó đề ra các biện pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao giá trị dịch vụ cảng Hoàng Diệu.
2335	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu thủy sản của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích hoạt động xuất khẩu thủy sản của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ trong khoảng thời gian 2016-2018, từ đó đề ra một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu thủy sản của Công ty phát triển bền vững trong những năm tới.

2336	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu xăng dầu của công ty xăng dầu Tây Nam Bộ sang thị trường CAMPUCHIA	Đào, Thị Ngọc Thi	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu của Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ sang thị trường Campuchia qua 5 năm kể từ năm 2014 – 2018 để biết được những điểm mạnh, điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức. Từ đó, đề ra một số giải pháp để khắc phục những mặt còn hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
2337	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa đổi mới và quốc tế hóa: Trường hợp các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất ở cộng hòa Síp	Trần, Hoàng Yến Nhi	Phan, Anh Tú	2019	Đánh giá thực trạng quốc tế hóa và đổi mới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo ở Cộng hòa Síp. Phân tích các nhân tố và kiểm định mối quan hệ giữa đổi mới hoạt động và quốc tế hóa của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, chế tạo ở Cộng hòa Síp. Kết luận và hàm ý chính sách cho việc thiết lập chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế và chiến lược đổi mới của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, chế tạo ở Cộng hòa Síp.
2338	Đại học	Phân tích tác động của khoảng cách văn hóa đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào Việt Nam	Trần, Kỳ Duy	Phan, Anh Tú	2019	Đánh giá thực trạng thu hút FDI vào Việt Nam trong giai đoạn 2015-2018. Phân tích tác động của khoảng cách văn hóa đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng thu hút FDI vào Việt Nam trong tương lai.
2339	Đại học	Tác động của môi trường kinh doanh đến quốc tế hóa của các doanh nghiệp chế tạo ở EL SALVADOR	Lê, minh Thư	Phan, Anh Tú	2019	Đánh giá thực trạng quốc tế hóa doanh nghiệp chế tạo ở El Salvador. Phân tích tác động môi trường kinh doanh đến mức độ quốc tế hóa doanh nghiệp chế tạo tại El Salvador. Đề xuất hàm ý nghiên cứu cho các doanh nghiệp chế tạo tại El Salvador để doanh nghiệp có những chiến lược thích hợp nhằm giảm thiểu khó khăn khi tham gia quá trình quốc tế hóa
2340	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất và tiêu thụ của biển ở Cà Mau	Hồ, Chúc Lâm	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Nghiên cứu thực trạng và đánh giá hiệu quả quá trình sản xuất và tiêu thụ của biển ở Cà Mau. Đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, nhằm thúc đẩy phát triển ngành nghề nuôi của biển tại Cà Mau
2341	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu tôm tại công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trần, Thanh Thanh	Phan, Anh Tú	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu tôm tại công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú từ đó đề ra giải pháp nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu tôm trong tương lai.
2342	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc của công ty cổ phần đầu tư và phát triển đa quốc gia trong giai đoạn 2016-2018	Võ, Hồ Huỳnh Như	Phan, Anh Tú	2019	Đánh giá thực trạng xuất khẩu cá tra của doanh nghiệp IDI trong 3 năm 2016, 2017, 2018. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu và làm tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm làm ra từ cá tra.
2343	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra của công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Nguyễn, Lan Vy	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thủy sản Biển Đông giai đoạn 2016 - 2018. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu cá tra của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thủy sản Biển Đông giai đoạn 2016 - 2018. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu cá tra của Công ty trong thời gian tới.
2344	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu gạo của công ty lương thực thực phẩm An Giang	Phạm, Tấn Thanh Long	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Lương thực Thực phẩm An Giang giai đoạn 2016 – 2018 Đánh giá tình hình xuất khẩu gạo của công ty Lương thực Thực phẩm An Giang giai đoạn 2016 – 2018. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu gạo của công ty Lương thực Thực phẩm An Giang.

2345	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc	Trần, Thị Mỹ Dung	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc và đưa ra giải pháp phát triển xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc.
2346	Đại học	Phân tích hoạt động xuất khẩu cá tra sang thị trường Brazil của công ty TNHH công nghiệp thủy sản Miền Nam	Lý, Tấn Đạt	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích đánh giá tình hình xuất khẩu cá tra sang thị trường Brazil của công ty TNHH Công nghiệp Thủy sản Miền Nam qua ba năm 2016-2018, trên cơ sở phân tích những thuận lợi và khó khăn từ đó đề ra những giải pháp và kiến nghị nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu cá tra của công ty
2347	Đại học	Phân tích hoạt động Logistics của Việt Nam trong hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS)	Nguyễn, Thanh Ngân	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích tình hình hoạt động logistics của Việt Nam trong hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng trong giai đoạn 2016- 2018 để từ đó tìm ra giải pháp khắc phục nhằm thúc đẩy hợp tác về logistics và đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng.
2348	Đại học	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chi cục hải quan Tây Đô	Cao, Hồng Nhung	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về thủ tục hải quan điện tử, khẳng định tính cấp thiết và quan trọng của việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử, nghiên cứu cơ sở pháp lý của thủ tục hải quan điện tử trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện tại. Tiến hành phân tích, đánh giá một cách khách quan tình hình thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa XNK tại Chi cục Hải quan Tây Đô, qua đó nêu rõ ra những vấn đề thuận lợi, khó khăn tồn tại trong việc thực hiện quy trình thủ tục và những nhân tố ảnh hưởng khác. Đưa ra những cách thức giải pháp cụ thể dựa trên tình hình khách quan và kết quả phân tích ở trên, nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan điện tử tại 3 Chi cục Hải quan Tây Đô, nói riêng và góp phần phát triển mô hình thông quan điện tử tại Việt Nam, nói chung.
2349	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu trái cây tươi Việt Nam sang thị trường chung Châu Âu	Nguyễn, Mỹ Ngọc	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu trái cây tươi của Việt Nam sang thị trường chung châu Âu, từ đó đề xuất một số giải pháp trên cơ sở phát huy ảnh hưởng của các yếu tố có lợi và hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nói chung và ngành hàng trái cây nói riêng trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
2350	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh và quy trình giao nhận hàng FCL bằng đường biển của công ty cổ phần tiếp vận quốc tế Rừng Xanh	Ta, Thành Hưng	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích thực trạng kinh doanh của công ty và hoạt động xuất nhập khẩu bằng đường biển của công ty cổ phần tiếp vận quốc tế Rừng Xanh, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận nhằm tăng lợi nhuận cho công ty trong thời gian tiếp theo.
2351	Đại học	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu tại công ty TNHH dịch vụ giao nhận Ân Phương	Đồng, Văn Đạt	Phan, Anh Tú	2019	Phân tích quy trình giao nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ giao nhận Ân Phương nhằm đưa ra các giải pháp giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và khắc phục những mặt hạn chế của quy trình nhập khẩu hàng hóa để hoàn thiện quy trình này, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty
2352	Đại học	Tổ chức thực hiện nghiệp vụ hàng đóng ghép (hàng Consol) nhập khẩu tại công ty TNHH giao nhận Phi Mã	Phạm, Ngô Diễm Mỹ	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Phân tích thực trạng quy trình thực hiện nghiệp vụ hàng đóng ghép (hàng consol) nhập khẩu tại công ty TNHH giao nhận Phi Mã. Đánh giá hoạt động tổ chức thực hiện nghiệp vụ hàng đóng ghép (hàng consol) nhập khẩu tại công ty TNHH giao nhận Phi Mã. Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức thực hiện nghiệp vụ hàng đóng ghép (hàng consol) nhập khẩu tại công ty TNHH giao nhận Phi Mã.

2353	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra của công ty TNHH thủy sản Biển Đông tại thị trường Châu Mỹ	Lê, Thị Huỳnh Giao	Trần, Thu Hương	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu cá tra của Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông tại thị trường Châu Mỹ giai đoạn 2016 – 2018, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu cá tra của công ty tại thị trường Châu Mỹ.
2354	Đại học	Hoàn thiện qui trình giao nhận vận tải quốc tế đối với chuỗi cung ứng toàn cầu dưới góc độ Forwarder	Lê, Bảo Anh	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Phân tích thực trạng giao nhận vận tải trong chuỗi cung ứng toàn cầu dưới góc độ công ty dịch vụ Forwarder tại Việt Nam. Hoàn thiện qui trình giao nhận vận tải với các bên liên quan và tìm ra sự ảnh hưởng của một quy trình giao nhận hiệu quả đối với chuỗi cung ứng toàn cầu dưới góc độ công ty giao nhận. Đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận vận tải quốc tế hiệu quả đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.
2355	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm cá tra ở thị trường nội địa và xuất khẩu của công ty TNHH hai thành viên Hải Sản 404	Lưu, Vĩnh Trung	Võ, Văn Dứt	2019	Đánh giá thực trạng tiêu thụ sản phẩm cá tra ở thị trường nội địa và xuất khẩu của công ty. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cá tra ở thị trường nội địa và xuất khẩu nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
2356	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu sản phẩm chả cá của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ Nam Mỹ - chi nhánh Trà Nóc	Lê, Anh Thư	Võ, Văn Dứt	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu sản phẩm chả cá của công ty TNHH MTV TMDV Nam Mỹ-chi nhánh Trà Nóc, từ đó đề xuất các giải pháp hợp lý để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu sản phẩm chả cá của công ty trong thời gian tới.
2357	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu gạo và giải pháp phát triển cho công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung Thạnh	Nguyễn, Ngọc Phương Anh	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu gạo của công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung Thạnh để tìm ra các nhân tố có tác động đến tình hình hoạt động của công ty giai đoạn 2015- 2017. Từ đó nhận ra các điểm mạnh, hạn chế trong quá trình xuất khẩu của công ty để cùng với các cơ hội và thách thức của môi trường bên ngoài đưa ra các giải pháp hợp lý nhằm nâng cao chất lượng xuất khẩu gạo của công ty trong thời gian tới.
2358	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển thị trường xuất khẩu của công ty cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây giai đoạn 2015 - 2017	Quách, Kiến An	Lê, Khương Ninh	2018	Phân tích tổng quan kết quả hoạt động xuất khẩu của công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây trong giai đoạn 2015 – 2017. Phân tích thực trạng thị trường xuất khẩu của công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây trong giai đoạn 2015 – 2017. Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường xuất khẩu của công ty trong thời gian tới.
2359	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh và quy trình giao nhận hàng lẻ xuất khẩu bằng đường bộ của công ty giao nhận vận tải Oriental Phương Đông	Nguyễn, Thị Thảo Nguyên	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích thực trạng kinh doanh, các biện pháp phát triển hoạt động giao nhận hàng lẻ xuất khẩu bằng đường bộ của công ty Oriental Phương Đông qua đó làm rõ tầm quan trọng của nó trong hoạt động thương mại quốc tế nói chung và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty riêng.
2360	Đại học	Phân tích lợi thế trong xuất khẩu gạo của Việt Nam trên thị trường thế giới	Nguyễn, Thị Phương Thảo	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2018	Mô tả đặc điểm thị trường lúa gạo Việt Nam và một số quốc gia trên Thế Giới. Phân tích và đánh giá lợi thế trong xuất khẩu gạo của Việt Nam so với các quốc gia trên Thế giới. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao lợi thế trong xuất khẩu gạo của Việt Nam.
2361	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam đến thị trường EU	Nguyễn, Ngọc Giáng Sinh	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Đánh giá thực trạng xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua thị trường EU. Phân tích tác động của các yếu tố đến kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU. Đề xuất một số hàm ý về xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường EU.

2362	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra sang thị trường Trun Quốc của công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH)	Võ, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc của Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH). Qua đó, đề xuất một số giải pháp giúp công ty đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang Trun Quốc.
2363	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ trong huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Hồ, Quốc Hội	Lê, Khương Ninh	2019	Đánh giá thực trạng mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ ở huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau. Ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ ở huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau. Đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu biến động giá bán lúa của những nông hộ huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau nói riêng và nông hộ trên cả nước nói chung.
2364	Đại học	Phân tích thực trạng cấp tín dụng cho hoạt động tài trợ thương mại tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Khương Duy	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Phân tích kết quả hoạt động tín dụng chung và tín dụng cho tài trợ thương mại tại ngân hàng Vietinbank. Đánh giá các yếu tố tiềm ẩn có thể làm xuất hiện rủi ro trong quá trình hoạt động tài trợ thương mại. Đề ra một số giải pháp giúp hạn chế rủi ro và đa dạng hoá sản phẩm nhằm hoàn thiện hơn trong hoạt động tài trợ thương mại.
2365	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ ở cửa hàng thức ăn nhanh Lotteria tại siêu thị Lottemart chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Ngân	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ở cửa hàng thức ăn nhanh Lotteria tại Siêu thị Lottemart chi nhánh Cần Thơ. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ở cửa hàng thức ăn nhanh Lotteria tại Siêu thị Lottemart chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho cửa hàng thức ăn nhanh Lotteria tại Siêu thị Lottemart chi nhánh Cần Thơ.
2366	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cá tra vào thị trường EU của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ - CASEAMEX	Hồ, Như Mai	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Đánh giá thực trạng xuất khẩu cá tra sang thị trường EU của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ và phân tích những yếu tố tác động đến xuất khẩu cá tra, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu cá tra vào thị trường EU của công ty.
2367	Đại học	Phân tích hoạt động TTQT theo phương thức L/C tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ	Trần, Công Quốc	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động TTQT theo phương thức L/C tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2018. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TTQT theo phương thức L/C tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TTQT theo phương thức L/C tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ.
2368	Đại học	Đánh giá tác động hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam qua thị trường ASEAN	Lê, Nguyễn Ngọc Hân	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam. Phân tích tác động của hiệp định ATIGA đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam sang thị trường ASEAN giai đoạn 2006 – 2015. Đưa ra hàm ý, chính sách nhằm nâng cao tính hiệu lực của hiệp định ATIGA đến kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam.
2369	Đại học	Phân tích tình hình kinh doanh xuất khẩu hạt điều của công ty TNHH Thái Gia Sơn giai đoạn 2015 – tháng 6/2018	Bùi, Thanh Như Ý	Nguyễn, Thị Lan Anh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động xuất khẩu của Công ty TNHH Thái Gia Sơn. Từ đó đưa ra giải pháp cho Công ty TNHH Thái Gia Sơn tại TP.HCM nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu của Công ty TNHH Thái Gia Sơn.
2370	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistic của cảng Cái Cui	Đặng, Nguyễn An Toàn	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Khái quát về kết quả hoạt động kinh doanh của cảng Cái Cui từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích hoạt động kinh doanh dịch vụ logistic của cảng Cái Cui. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ logistic của cảng Cái Cui. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ logistic của cảng Cái Cui.

2371	Đại học	Phân tích hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển tại công ty Vận tải và Tiếp vận Toàn Cầu giai đoạn 2015 - 2017	Phan, Thị Huệ	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển tại Glotrans; Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển tại DN; Đề xuất giải pháp phù hợp góp phần tăng hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển của DN
2372	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thức ăn nhanh tại cửa hàng Lotteria của người dân Thành phố Cần Thơ	Cao, Thị Bé Hoa	Nguyễn, Kim Hạnh	2018	Phân tích các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng thức ăn nhanh tại cửa hàng Lotteria của người dân thành phố Cần Thơ. Từ đó rút ra kinh nghiệm cho nhà hàng Lotteria ở Thành Phố Cần Thơ nói riêng và các doanh nghiệp đã và sẽ kinh doanh trong ngành dịch vụ ăn uống thức ăn nhanh tại thành phố Cần Thơ nói chung.
2373	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ xã viên tại HTX rau an toàn Thành Lợi	Võ, Phú Trung	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ xã viên tại HTX rau an toàn Thành Lợi, qua đó đề xuất các giải pháp để ổn định và tăng thu nhập cho các hộ xã viên tại HTX rau an toàn Thành Lợi.
2374	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán quốc tế tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diệu Anh	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích tình hình hoạt động thanh toán quốc tế nhằm đề xuất giải pháp hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả của hoạt động thanh toán quốc tế tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ.
2375	Đại học	Tác động của khác biệt thể chế đến lựa chọn phương thức xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam	Quách, Tiểu Yến	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích tác động của khác biệt thể chế đến sự lựa chọn phương thức xuất khẩu, từ đó đề ra các giải pháp nâng cao xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.
2376	Đại học	Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm tôm của công ty cổ phần thủy sản Minh Phú	Trần, Thị Tuyết Mai	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu tôm tại công ty cổ phần thủy sản Minh Phú để thấy được tình hình hoạt động xuất khẩu tôm của công, từ đó đưa ra giải pháp nhằm gia tăng hiệu quả xuất khẩu tôm trong tương lai.
2377	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả quy trình giao nhận hàng nhập khẩu của công ty trách nhiệm hữu hạn ATE	Nguyễn, Đức Anh	Phan, Anh Tú	2019	Đề xuất giải pháp nâng cao quy trình nhập khẩu linh kiện điện tử của công ty TNHH ATE dựa trên phân tích về thực trạng kinh doanh và mô hình làm việc của công ty.
2378	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu túi xách tại công ty TNHH quốc tế Trường Hỷ	Đỗ, Thị Mỹ Tiên	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích tình hình xuất khẩu mặt hàng túi xách của Công ty TNHH Quốc tế Trường Hỷ giai đoạn 2016 – 6T/2019, từ đó đề xuất các biện pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu mặt hàng túi xách đến các thị trường của công ty.
2379	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty TNHH Melody Logistics	Lê, Thị Kiều Oanh	Phan, Anh Tú	2019	Đề tài được thực hiện nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và phát triển hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Melody Logistics.
2380	Đại học	Quốc tế hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Lào	Nguyễn, Thị Kim Thùy	Phan, Anh Tú	2019	Phân tích tác động của Quốc tế hóa (QTH) đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại Lào, từ đó đưa ra một số bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp ở Việt Nam trên con đường tiến hành quốc tế hóa.
2381	Đại học	Mối quan hệ giữa khoảng cách văn hóa và đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty đa quốc gia Châu Á có công ty con tại Việt Nam	Nguyễn, Phương Toàn	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Nghiên cứu mối quan hệ giữa khoảng cách văn hóa và đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty đa quốc gia Châu Á có công ty con tại Việt Nam.
2382	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Melody Logistics	Nguyễn, Ngọc Tuyền	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Melody Logistics giai đoạn 2016-2018 và 6T đầu năm 2019. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty

2383	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Grabfood của khách hàng tại TP. Cần Thơ	Dương, Văn Nghĩa	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Grabfood của khách hàng tại địa bàn TP. Cần Thơ và đề xuất các giải pháp nhằm đứng vững cũng như thu hút được nhiều khách hàng hơn.
2384	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tiêu dùng của khách hàng trên ứng dụng thương mại điện tử Shopee tại các tỉnh ĐBSCL	Trương, Hoa Tri Uyên	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng Shopee của người tiêu dùng tại ĐBSCL để đưa ra những giải pháp giúp Shopee trở nên phổ biến hơn với người tiêu dùng trong khu vực, đồng thời giúp họ có thể tận dụng tối đa những lợi ích mà trang TMĐT này mang lại.
2385	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tại thị trường APEC	Huỳnh, Nguyễn Mạnh Trường	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tại thị trường APEC, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Việt Nam nói chung và mặt hàng thủy sản nói riêng trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
2386	Đại học	Vấn đề thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty Vedan từ khía cạnh của người tiêu dùng tại Việt Nam	Vũ, Vĩnh Phúc	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Tìm hiểu, phân tích và đánh giá việc thực hiện CSR của công ty Vedan Việt Nam tại thị trường Việt Nam, đồng thời đề ra những giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng của các chương trình CSR của công ty.
2387	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về chất lượng dịch vụ Logistics ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Hồng Thiên Ân	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về chất lượng dịch vụ Logistics ở thành phố Cần Thơ từ đó đề ra một số giải pháp nhằm để nâng cao chất lượng hoạt động Logistics tại địa bàn thành phố Cần Thơ.
2388	Đại học	Phân tích quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container bằng đường biển tại công ty TNHH melody Logistics	Nguyễn, Trần Phương Ngân	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container bằng đường biển tại công ty TNHH Melody Logistics, từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần cải thiện những điểm thiếu sót cũng như tăng tính hiệu quả của dịch vụ giao nhận hàng hóa của Công Ty TNHH Melody Logistics trong thời gian tới.
2389	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ	Nguyễn, Ngọc Giào	phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Xây Dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ qua năm 2018 - 2019 nhằm đánh giá tình hình hoạt động của công ty, từ đó tìm ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2390	Đại học	Thực trạng và giải pháp kinh doanh xuất khẩu gạo của công ty cổ phần Gentraco	Trần, Ngọc Như	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Công ty Cổ phần Gentraco 2016 - 2018. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu gạo và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo của công ty
2391	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm thương hiệu Hàn Quốc của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Duyên	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm thương hiệu Hàn Quốc của sinh viên trường Đại học Cần Thơ.
2392	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần phân bón và hóa chất Cần Thơ	Huỳnh, Kim Anh	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2019	Phân tích thực trạng kinh doanh của Công ty cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Cần Thơ trong năm 2016, 2017 và 2018. Qua đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
2393	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu và dự báo tác động của hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đến ngành thủy sản của Việt Nam	Nguyễn, Thị Thu Nga	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2019	Nghiên cứu tác động của hàng rào kỹ thuật thương mại EU đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam, phân tích các ảnh hưởng của rào cản đến hoạt động sản xuất từ đó đưa ra các giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua rào cản, góp phần thúc đẩy sản xuất xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU.

2394	Đại học	Phân tích tình hình thực hiện truy xuất nguồn gốc của sản phẩm bắp non đông lạnh của công ty rau quả thực phẩm An Giang	Trần, Lê Hồng Xuân	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Nghiên cứu hướng đến tình hình thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm bắp non đông lạnh trong hoạt động xuất khẩu nông sản đông lạnh của Công ty rau quả thực phẩm An Giang sang các thị trường như Mỹ và E trong giai đoạn 2016 - 2018.
2395	Đại học	Tác động của chi phí Logistics và biện pháp kiểm dịch thực vật đến xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam	Trần, Phương Nhi	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích tác động của chi phí logistics và biện pháp kiểm dịch thực vật cùng một số nhân tố khác đến xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thế giới giai đoạn 2000-2015; đánh giá những thuận lợi và khó khăn của hoạt động xuất khẩu hồ tiêu ra thế giới; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam.
2396	Đại học	Tác động của khoảng cách văn hóa đến thương mại song phương giữa Việt Nam và các quốc gia thuộc khối ASEAN và ASEAN +3	Dương, Huyền Trân	Phan, Anh Tú	2019	Phân tích tình hình thương mại song phương giữa Việt Nam và các quốc gia thuộc khối ASEAN (Thái Lan, Malaysia, Indonexia, Philippin, Singapore) và ASEAN +3 (Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản) bên cạnh nghiên cứu tác động của khoảng cách văn hóa đến hoạt động thương mại giữa các quốc gia đó. đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam
2397	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của công ty TNHH HTV Hải sản 404	Lê, Thị Kiều Oanh	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Công ty TNHH HTV Hải Sản 404 trong giai đoạn 2016 – 2018. Từ đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2398	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển tại công ty TNHH tiếp vận Thiên Thanh	Lê, Thị Ngọc Tâm	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu FCL bằng đường biển tại công ty TNHH Tiếp Vận Thiên Thanh. Từ đó phát huy những điểm mạnh đồng thời đề xuất giải pháp để hoàn thiện nghiệp vụ giao nhận hàng FCL một cách hợp lý nhất
2399	Đại học	Phân tích tình hình xuất nhập khẩu Thành phố Cần Thơ	Võ, Nguyễn Duy Khiêm	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích thực trạng xuất nhập khẩu của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016-2018. Dự báo tình hình xuất nhập khẩu giai đoạn 2019-2020. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy xuất nhập khẩu thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
2400	Đại học	Quy trình xuất khẩu hàng nguyên container bằng đường biển tại công ty TNHH Melody Logistics	Nguyễn, Hồng Hân	phan, Anh Tú	2019	Phân tích quy trình giao nhận hàng hoá xuất khẩu nguyên container bằng đường biển tại công ty TNHH Melody Logistics, từ đó đưa ra đề xuất, giải pháp để góp phần cải thiện những mặt còn hạn chế, tăng hiệu quả trong suốt quá trình giao nhận hàng hoá tại công ty TNHH Melody Logistics vào thời gian tới.
2401	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gạo của Việt Nam sang thị trường APEC giai đoạn 2008-2018	Nguyễn, Tuyết Lan	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường APEC thông qua đánh giá thực trạng xuất khẩu gạo Việt Nam tại thị trường này, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy sự phát triển bền vững trong hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường trong và ngoài nước, đặc biệt tại thị trường APEC tiềm năng.
2402	Đại học	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng giày thể thao của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Công, Thị Hồng Nhung	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng giày thể thao của sinh viên khoa Kinh tế Đại học Cần Thơ.
2403	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quốc tế hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Myanmar	Nguyễn, Thị Ngọc Phương	phan, Anh Tú	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến QTH của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Myanmar

2404	Đại học	Nghiên cứu tác động của tỷ giá hối đoái đến cán cân thương mại tại các quốc gia Đông Nam Á	Võ, Hà Phương Duyên	Võ, Văn Dứt	2019	Nghiên cứu tác động của tỷ giá hối đoái đến cán cân thương mại tại các nước Đông Nam Á (ASEAN). Từ đó, đề xuất một số kiến nghị lưu ý về mặt chính sách tỷ giá nhằm cải thiện cán cân thương mại trong tương lai.
2405	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần thực phẩm Hưng Phúc Thịnh sang thị trường Trung Quốc	Phùng, Thị Tuyết Mai	phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty Cổ phần thực phẩm Hưng Phúc Thịnh sang thị trường Trung Quốc từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019 để thấy rõ được thực trạng xuất khẩu của công ty, những thành tựu đạt được và hạn chế còn tồn tại. Qua đó tìm hiểu những yếu tố tác động và đề xuất giải pháp hợp lý nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của công ty sang thị trường Trung Quốc trong thời gian tới.
2406	Đại học	Phân tích tình hình nhập khẩu của công ty TNHH thiết bị Hiệp Phát	Đặng, Nguyễn Tường Vy	phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích tình hình nhập khẩu tại Công ty TNHH thiết bị Hiệp Phát từ năm 2016 đến năm 2018, từ đó đề đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2407	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu giày của công ty TNHH An Giang SAMHO	Đoàn, Thị Huỳnh Thanh	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích thực trạng xuất khẩu giày của Công ty TNHH An Giang Samho 2016-6/2019. Tìm hiểu và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu đưa ra giải pháp nâng cao xuất khẩu giày của công ty.
2408	Đại học	Phân tích đặc điểm doanh nghiệp tác động đến khả năng thanh toán của các công ty cổ phần ngành sản xuất được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Lý, Thoại Băng	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích đặc điểm doanh nghiệp tác động đến khả năng thanh toán của các công ty cổ phần trong ngành sản xuất được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2014 – 2018
2409	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên Đại học Cần Thơ đối với mô hình Digital Marketing	Quách, Minh Đông	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Nghiên cứu và đánh giá thực trạng về thái độ của sinh viên đối với mô hình marketing digital, đồng thời xác định được yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên. Dựa trên nghiên cứu đã được đánh giá, phân tích ưu và nhược điểm của mô hình marketing và đề xuất các biện pháp hợp lý.
2410	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và xuất khẩu khoa lang tím Nhật của huyện Bình Tân – Vĩnh Long	Võ, Thị Bé Đào	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích tình hình sản xuất và xuất khẩu đồng thời đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả xuất khẩu khoai lang Tím Nhật của huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long. Từ đó giúp người nông dân Bình Tân sản xuất ổn định nâng cao đời sống kinh tế gia đình.
2411	Đại học	Phân tích tác động của chi phí thương mại và hàng rào phi thuế quan đến xuất khẩu hạt nhân điều của Việt Nam	Đào, Thị Thúy Oanh	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích chi phí thương mại, các hàng rào phi thuế quan của Việt Nam và các quốc gia xuất khẩu đến và mức độ ảnh hưởng của nó đến xuất khẩu hạt nhân điều trong giai đoạn 2000-2015. Từ đó đưa ra đề xuất và một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững trong hoạt động xuất khẩu hạt nhân điều của Việt Nam trong thời gian tới
2412	Đại học	Thực trạng xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản	Trần, Ngọc Quyên	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích và đánh giá thực trạng tình hình xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU, từ đó đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm góp phần thúc đẩy sản lượng nông sản xuất khẩu sang thị trường EU.
2413	Đại học	Nghiên cứu tác động của hàng rào kỹ thuật thương mại Mỹ đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam	Nguyễn, Đặng Ngọc Giàu	Quan, Minh Nhựt	2019	Nghiên cứu, phân tích ảnh hưởng của các rào cản kỹ thuật đến hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua rào cản, góp phần thúc đẩy sản lượng nông sản xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

2414	Đại học	Logistics và nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển dịch vụ Logistics tại Việt Nam	Noèng Srây, Ôn	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích hoạt động logistics và yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics tại Việt Nam để làm rõ những thuận lợi và khó khăn do những yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động logistics ở nước ta. Nhờ đó, ta có cái nhìn khách quan về logistics Việt Nam và đề ra giải pháp khắc phục những khó khăn để logistics Việt Nam hoàn thiện hơn, bắt kịp sự tiến bộ của logistics của các nước trong và ngoài khu vực.
2415	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cà phê của Việt Nam sang thị trường Liên minh Châu Âu	Lê, Châu Ngọc Tiên	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường EU thông qua đánh giá thực trạng xuất khẩu cà phê Việt Nam tại thị trường này, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao sự phát triển bền vững trong hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường EU.
2416	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH xăng dầu Thiên Mã	Nguyễn, Nhật Tân	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Xăng dầu Thiên Mã giai đoạn 2016 đến 2018; từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty TNHH Xăng dầu Thiên Mã.
2417	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistics của công ty Melody Logistics	Bùi, Kim Thảo	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Tìm hiểu những thành tựu đã đạt được cũng như những vướng mắc còn gặp phải của công ty logistics để từ đó đưa ra giải pháp thích hợp để khắc phục và phát triển các dịch vụ logistics.
2418	Đại học	Ảnh hưởng của thương hiệu đến quyết định lựa chọn dịch vụ hàng không nội địa trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Thanh	phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích ảnh hưởng của thương hiệu đến quyết định lựa chọn dịch vụ hàng không nội địa của người dân thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất những biện pháp nâng cao giá trị thương hiệu, lòng trung thành của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
2419	Đại học	Phân tích quy trình khai báo thủ tục hải quan điện tử đối với xuất khẩu thủy sản tại TP. Cần Thơ	Trịnh, Tường Vi	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích quy trình khai báo thủ tục hải quan điện tử đối với xuất khẩu thủy sản tại thành phố Cần Thơ và đưa ra những nhận xét, đánh giá, đề xuất để góp phần thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ hải quan điện tử trong xuất khẩu thủy sản nói riêng cũng như ngành hải quan Việt Nam nói chung
2420	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng trái cây nhập khẩu của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Vân Anh	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng trái cây có nguồn gốc nhập khẩu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ.
2421	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty TNHH MTV xăng dầu Petro Hậu Giang	Quách, Lịch	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Petro Hậu Giang qua 3 năm 2016-2018 để thấy được những mặt mạnh những mặt còn hạn chế để khắc phục và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty trong tương lai.
2422	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu gạo của công ty cổ phần Hiệp Lợi giai đoạn 2016-6T/2019	Huỳnh, Nhựt Thụy	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích và đánh giá tình hình xuất khẩu gạo của CTCP Hiệp Lợi trong giai đoạn 2016 - tháng 6/2019, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo ra thị trường quốc tế của công ty trong thời gian tới.
2423	Đại học	Phân tích thực trạng hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	Bùi, Ngọc Bảo	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích thực trạng hoạt động thanh toán quốc tế tại Vietinbank chi nhánh Kiên Giang giai đoạn 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Qua đó tác giả đề xuất giải pháp góp phần khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh toán quốc tế của ngân hàng trong thời gian tới.

2424	Đại học	Nghiên cứu tác động của các yếu tố khoảng cách đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường APEC	Lê, Thị Anh Thư	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích tác động của các yếu tố khoảng cách đến hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường APEC thông qua đánh giá thực trạng xuất khẩu gạo Việt Nam tại thị trường này, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy sự phát triển bền vững trong hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường APEC
2425	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân tại TP. Cần Thơ	Nguyễn, Trang Cẩm Nhung	phan, Anh Tú	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của các DNTN tại Thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất hàm ý nhằm khởi dậy tin thần khởi nghiệp cho các DNTN tại Thành phố Cần Thơ.
2426	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Lotteria Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Thạch, Đến	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Lotteria Việt Nam chi nhánh Cần Thơ để đánh giá đúng thực trạng hoạt động của công ty. Từ đó, phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế, đồng thời đưa ra những giải pháp giúp hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt.
2427	Đại học	Phân tích tác động của chi phí Logistics và rào cản phi thuế quan đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam	Nguyễn, Minh Ngọc	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích tác động của chi phí logistics và rào cản phi thuế quan cùng các nhân tố khác đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam ra thế giới giai đoạn 2000 – 2015. Đánh giá khó khăn cũng như những thử thách mà Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu cà phê ra thế giới, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển xuất khẩu cà phê của Việt Nam.
2428	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng mức độ đáp ứng công việc của sinh viên ngành kinh doanh quốc tế Trường Đại học Cần Thơ	Đoàn, Trương Yến Diễm	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng mức độ đáp ứng công việc của sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế (KDQT) tại Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao mức độ đáp ứng công việc của sinh viên ngành KDQT trường ĐHTC.
2429	Đại học	Phân tích tác động của chi phí Logistics và rào cản phi thuế quan (SPS) đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam giai đoạn 2000 đến 2015	Bùi, Thị Ngọc Nhi	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Nghiên cứu sự tác động của chi phí thương mại (logistics) và rào cản phi thuế quan (SPS) cùng một số nhân tố khác đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ra thị trường thế giới trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2015. Qua đó, tìm ra các giải pháp hữu hiệu để cải thiện, tăng hiệu quả cho ngành.
2430	Đại học	Lợi thế so sánh của ngành dệt may Việt Nam và Trung Quốc	Nguyễn, Thị Việt Phương	Quách, Dương Tử	2019	Đánh giá năng lực cạnh tranh bậc lộ của sản phẩm dệt may Việt Nam và Trung Quốc, từ đó tìm ra xu hướng thay đổi về lợi thế so sánh của ngành dệt may ở hai quốc gia này
2431	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh qui trình giao nhận hàng lẻ LCL xuất khẩu bằng đường biển của công ty Melody Logistics	Nguyễn, Thành Mãi	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích tình hình dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu bằng đường biển ở thị trường nội địa và quốc tế. Từ đó giúp công ty xác định rõ hướng đi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
2432	Đại học	Phân tích lợi thế so sánh bậc lộ của nhóm ngành linh kiện điện tử trường hợp Việt Nam và Ấn Độ	Trần, Nguyễn Minh Huyền	Quách, Dương Tử	2019	Phân tích lợi thế so sánh bậc lộ trong thương mại đặc biệt là ở nhóm ngành linh kiện điện tử của Việt Nam và Ấn Độ trong khoảng thời gian 1997 - 2017 từ đó đánh giá xu hướng thay đổi lợi thế so sánh bậc lộ của hai quốc gia.
2433	Đại học	Phân tích nghiệp vụ giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng Container qua đường biển tại công ty Delta International Logistics	Bùi, Thị Kịm Hồng	phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích nghiệp vụ nhập khẩu bằng container qua đường biển của công ty TNHH TIẾP VẬN & THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ DELTA- DELTA INTERNATIONAL LOGISTICS để tìm ra ưu điểm nhược điểm cũng như khó khăn trong công tác giao nhận tại công ty, đồng thời phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, từ đó phát huy những điểm mạnh và đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

2434	Đại học	Phân tích sự ảnh hưởng của Digital marketing đến quyết định mua hàng hóa của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Phạm, Huỳnh Phương Linh	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích ảnh hưởng của sự xuất hiện các quảng cáo, các loại hình thuộc digital marketing trên nền tảng các mạng xã hội đến quyết định mua hàng hóa của khách hàng, từ đó đề ra các giải pháp sử dụng digital marketing một cách hiệu quả nhất cho doanh nghiệp cũng như các nhà cung cấp giải pháp digital marketing, marketing số
2435	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tại Cameroon	Lý, Băng Thanh	Phan, Anh Tú	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ tại Cameroon. Thông qua đó đề xuất những hàm ý nghiên cứu để hỗ trợ cho các doanh nghiệp có định hướng chiến lược thích hợp khi tham gia vào quá trình quốc tế hóa.
2436	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Hiệp Tài	Trương, Ngọc Hằng	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua ba năm từ 2015 đến 2017 và sáu tháng đầu của 2018. Đánh giá kết quả hoạt động của công ty thông qua các tỷ số tài chính. Đề ra các giải pháp để nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh
2437	Đại học	Quyết định lựa chọn giữa cửa hàng thức ăn nhanh và cửa hàng thức ăn truyền thống của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Dương, Thị Thúy Trinh	Phan, Đình Khôi	2018	Mô tả thị trường dịch vụ ăn uống truyền thống và hiện đại ở thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm ăn uống là cửa hàng thức ăn nhanh hay cửa hàng thức ăn truyền thống của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp các cửa hàng thức ăn nhanh và các cửa hàng thức ăn truyền thống thu hút được khách hàng.
2438	Đại học	Ảnh hưởng của quản trị trải nghiệm khách hàng đến lòng trung thành khách hàng tại Lotte Mart Cần Thơ	Đỗ, Tuấn Dũng	Lê, Thị Thu Trang	2018	Phân tích đặc điểm và hành vi mua sắm của khách hàng tại Lotte Mart Cần Thơ. Phân tích những ảnh hưởng của quản trị trải nghiệm khách hàng đến lòng trung thành khách hàng tại Lotte Mart Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị trải nghiệm khách hàng tại Lotte Mart Cần Thơ.
2439	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng nhập khẩu Thái Lan của người tiêu dùng Việt Nam tại Thành phố Cần Thơ	Bùi, Thị Thúy Vy	Vương, Quốc Duy	2018	Đánh giá hiện trạng hành vi tiêu dùng của người dân tại thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng nhập khẩu Thái Lan của người dân tại thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số biện pháp nhằm giúp các doanh nghiệp trong nước nắm bắt rõ các xu hướng tiêu dùng hiện tại và giúp người tiêu dùng Việt có cái nhìn tích cực hơn đối với sản phẩm trong nước, từ đó có thể đề ra được chiến lược quảng bá thương hiệu Việt Nam cạnh tranh với các mặt hàng nhập khẩu
2440	Đại học	Giải pháp hoàn thiện hệ thống kênh phân phối gạo từ công ty TNHH Hiệp Tài	Trịnh, Tuyết Quân	Bùi, Văn Trinh	2018	Phân tích khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Hiệp Tài. Phân tích thực trạng hệ thống kênh phân phối gạo từ công ty TNHH Hiệp Tài. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kênh phân phối gạo của doanh nghiệp.
2441	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng mua trái cây có nguồn gốc nhập khẩu của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Xuân Phái	Trần, Ái Kết	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng mua trái cây có nguồn gốc nhập khẩu của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp cho doanh nghiệp, người sản xuất và các ban ngành liên quan để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của trái cây nội địa.

2442	Đại học	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại công ty TNHH MTV Nguyễn Kim Cần Thơ	Nguyễn, Thị Phương Anh	Trương, Chí Tiến	2018	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. Phân tích thực trạng công tác quản trị bán hàng tại công ty TNHH MTV Nguyễn Kim Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản trị bán hàng tại công ty TNHH MTV Nguyễn Kim Cần Thơ.
2443	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các công ty phân ngành sản xuất trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Diệp, Anh Thư	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc phân ngành sản xuất trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm nâng cao mức độ CBTT của các doanh nghiệp trên TTCK.
2444	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngành khoáng sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Triệu, Lâm Ái Trân	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích thực trạng của các doanh nghiệp ngành khoáng sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Phân tích các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành khoáng sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ kết quả đã phân tích, đề tài đưa ra một số giải pháp để giúp các doanh nghiệp ngành khoáng sản hoạt động hiệu quả hơn.
2445	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ vận chuyển hành khách của công ty TNHH Thành Bưởi tại ĐBSCL	Phạm, Thị Ngọc Châu	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ vận chuyển hành khách của công ty TNHH Thành Bưởi tại ĐBSCL nhằm hiểu rõ hơn về nhu cầu, tâm lý của khách hàng để đề xuất giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng cho doanh nghiệp
2446	Đại học	Hành vi tiêu dùng sản phẩm gà rán KFC của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thành Đạt	Trương, Chí Tiến	2018	Phân tích tình hình tiêu dùng sản phẩm gà rán KFC của sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm gà rán KFC của sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm giúp phát triển thị trường gà rán KFC tại TPCT
2447	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của nhóm công ty ngành ô tô và linh kiện ô tô được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Huỳnh, Thị Bích	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của nhóm công ty ngành ô tô và linh kiện ô tô được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp
2448	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng rau sạch tại Thành phố Cần Thơ	Trương, Vạn Năng	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Đánh giá thực trạng sử dụng rau sạch và an toàn tại Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng rau sạch và an toàn trên địa bàn TPCT. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức tiêu dùng rau sạch và an toàn trên địa bàn TPCT.
2449	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart làm địa điểm mua sắm của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Thái, Huỳnh Kỳ	Trương, Đông Lộc	2018	Xác định vị trí của siêu thị Lotte Mart trong quyết định chọn địa điểm mua sắm của người dân Thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart làm địa điểm mua sắm của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm gia tăng thị phần cho siêu thị Lotte Mart.
2450	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh của nhóm khách hàng thanh niên ở địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Lê, Ngọc Phương Thảo	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích thực trạng kinh doanh chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh tại địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định lựa chọn chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh của nhóm khách hàng thanh niên tại địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp góp phần cải thiện quyết định lựa chọn chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh của nhóm khách hàng thanh niên tại địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

2451	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Thiết kế và Xây dựng 99	Huỳnh, Thị Hồng Đào	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng 99 trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty
2452	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại các trung tâm thể dục (Fitness Centers) ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Cẩm Hương	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích thực trạng cung cấp dịch vụ thể dục cho khách hàng của các trung tâm thể dục ở TP. Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại các trung tâm thể dục ở TP. Cần Thơ. Đề xuất giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ của các trung tâm thể dục ở TP. Cần Thơ.
2453	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH thiết bị PCCC 2-9 - TP.HCM	Võ, Thị Minh Trâm	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thiết bị PCCC 2- 9 – TP.HCM trong giai đoạn 2015- 2017. Từ đó đề ra những phương pháp nhằm cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty
2454	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên bán hàng tại các hiệu thuốc ở Thành phố Cần Thơ	Lê, Ngọc Ngân	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích thực trạng việc làm của NVBH tại các hiệu thuốc ở TPCT. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến LLV của NVBH tại các hiệu thuốc ở TPCT. Đề xuất một số giải pháp giúp gia tăng ĐLLV cho NVBH tại các hiệu thuốc ở TPCT.
2455	Đại học	Phân tích tác động từ Video của các Beauty Vlogger trên Youtube đến ý định mua sản phẩm mỹ phẩm của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Tuyết Nhung	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Thực trạng về xu hướng tiêu dùng sản phẩm mỹ phẩm và các beauty vlogger trên YouTube hiện nay. Phân tích tác động từ video của các beauty vlogger trên YouTube đến ý định tiêu dùng sản phẩm mỹ phẩm của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nâng cao ý định mua sản phẩm mỹ phẩm của người tiêu dùng thông qua video của các beauty vlogger trên YouTube.
2456	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của khách sạn Cửu Long	Châu, Ngọc Huỳnh Ngân	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Khách sạn Cửu Long qua 03 năm 2015-2017 và 06 tháng đầu năm 2018.
2457	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng	Vũ, Quốc Bảo	Trương, Thị Bích Liên	2018	Khái quát về doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng trong giai đoạn 2015-2017. Đánh giá thực trạng về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng trong giai đoạn 2015-2017. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng.
2458	Đại học	Phân tích tình hình tài chính tại doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng	Dương, Mộng Trinh	Trần, Ái Kết	2018	Khái quát về doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng trong giai đoạn 2015-2017. Đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng trong giai đoạn 2015-2017. Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Phục Hưng.
2459	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Phạm, Thị Thúy Lan	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô trong 3 năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Qua đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô.

2460	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất và tiêu thụ chuối ở Cà Mau	Cao, Thanh Thảo	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ chuối ở Cà Mau. Phân tích hiệu quả sản xuất và tiêu thụ chuối ở Cà Mau. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất chuối ở Cà Mau.
2461	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Phúc Lợi tỉnh Sóc Trăng	Huỳnh, Kenny	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm của công ty TNHH Phúc Lợi để tìm ra những vấn đề mà công ty còn đang mắc phải từ đó đề ra những chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm tới.
2462	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua rau sạch của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, kim Thư	Trần, Bá Trí	2018	Phân tích thực trạng hành vi tiêu dùng rau sạch của người dân trên địa bàn TP Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua rau sạch của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm giúp cho các nhà sản xuất, cửa hàng kinh doanh rau sạch hoạch định nên những chiến lược marketing hướng đúng trọng tâm, thiết thực và hiệu quả hơn.
2463	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm sữa tươi Cô gái Hà Lan của người dân Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Ánh	Mai, Lê Trúc Liên	2018	“Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm sữa tươi Cô Gái Hà Lan của người dân thành phố Cần Thơ” nhằm đánh giá thực trạng tiêu dùng sữa tươi CGHL, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển thiết thực cho sản phẩm sữa tươi CGHL và cho nhà quản trị công ty FrieslandCampina có thể thu hút khách hàng, tăng khả năng tiêu thụ và nâng cao vị thế của dòng sản phẩm sữa tươi CGHL.
2464	Đại học	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng hành vi tiêu dùng trà sữa Ding Tea tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trung Nghĩa	Trần, Thanh Bình	2018	Khái quát về phân khúc thị trường và đặc điểm sản phẩm. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng trà sữa thương hiệu Ding Tea của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp Ding Tea nâng cao kết quả kinh doanh và mở rộng thị phần tại Thành phố Cần Thơ.
2465	Đại học	Phân tích kênh phân phối thực phẩm chức năng ở địa bàn Thành phố Cần Thơ	Tiêu, Trần Nghị	Phan, Đình Khôi	2018	Mô tả thực trạng các nhà thuốc và thị trường thực phẩm chức năng ở địa bàn Thành phố Cần Thơ. Phân tích kênh phân phối thực phẩm chức năng qua kênh các nhà thuốc ở địa bàn Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện kênh phân phối thực phẩm chức năng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các nhà thuốc ở địa bàn Thành phố Cần Thơ.
2466	Đại học	Xây dựng chiến lược phát triển trường mầm non tư thục Hoa Sen giai đoạn 2019 - 2023	Trương, Minh Chiến	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Hệ thống các cơ sở lý luận về chiến lược và hoạch định chiến lược. Xây dựng chiến lược phát triển Trường Mầm non tư thục Hoa Sen giai đoạn 2019 – 2023. Đề xuất giải pháp phù hợp và kiến nghị thực hiện một số chiến lược đề ra.
2467	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm nhãn hiệu Choice L đỏ của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Thế Nhân	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Phân tích thực trạng mua các loại thực phẩm mang nhãn hiệu Choice L đỏ tại Lotte Mart Cần Thơ. Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định mua thực phẩm nhãn hiệu Choice L đỏ tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ của khách hàng thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp tăng cường thu hút khách hàng mua thực phẩm nhãn hiệu Choice L đỏ tại Lotte Mart Cần Thơ.
2468	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua giày dép ở chuỗi cửa hàng MWC của người tiêu dùng tại địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Hải Đường	Thái, Văn Đại	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua giày dép ở chuỗi cửa hàng MWC của người tiêu dùng tại địa bàn thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm mang đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

2469	Đại học	Nghiên cứu sự tác động của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng kênh bán lẻ tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Dương, Yên Nhi	Đinh, Công Thành	2018	Xây dựng bộ thang đo thành phần chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng kênh bán lẻ tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ. Nghiên cứu sự tác động của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng kênh bán lẻ tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng kênh bán lẻ tại công ty.
2470	Đại học	Các yếu tố đẩy và kéo ảnh hưởng đến sự hài lòng và ý định hành vi của du khách đối với du lịch biển đảo tỉnh Kiên Giang	Bùi, Ngọc Vân Anh	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Đánh giá tác động của các yếu tố đẩy và kéo đến sự hài lòng và ý định hành vi của du khách đối với du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nâng cao sự hài lòng và kích thích ý định hành vi của du khách đối với du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang trong tương lai.
2471	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn kênh siêu thị khi mua thực phẩm tươi sống của người tiêu dùng TP. Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Phương Lan	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Phân tích thực trạng tiêu dùng thực phẩm tươi sống của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định lựa chọn kênh siêu thị khi mua thực phẩm tươi sống của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy tiêu dùng thực phẩm tươi sống qua kênh siêu thị Thành phố Cần Thơ.
2472	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần cà phê Mê Trang	Võ, Phụng Nhi	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Khái quát hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần cà phê Mê Trang Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu 2018. Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần cà phê Mê Trang Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu 2018. - Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty cổ phần cà phê Mê Trang Chi nhánh Cần Thơ trong tương lai.
2473	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm nhựa gia dụng của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Tăng, Ngọc Hân	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm nhựa gia dụng của người tiêu dùng và đề xuất các giải pháp giúp công các doanh nghiệp nhựa tham khảo để cải tiến, hiểu được nhu cầu, tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng.
2474	Đại học	Phân tích hành vi tiêu dùng đối với sản phẩm nội y cao cấp của khách hàng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Châu, Ngọc Ngân	Trần, Bá Trí	2018	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm nội y nữ cao cấp và đưa ra những kiến nghị để thúc đẩy việc sử dụng nội y nữ cao cấp của người tiêu dùng nhằm đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất nội y trong nước nói chung và TP.Cần Thơ nói riêng.
2475	Đại học	Trí tuệ cảm xúc và sự căng thẳng trong công việc của nhân viên y tế tại TP. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy Hồng	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích trí tuệ cảm xúc và sự căng thẳng trong công việc của nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề ra các giải pháp giúp giảm thiểu căng thẳng trong công việc cho nhân viên y tế thông qua tăng trí tuệ cảm xúc.
2476	Đại học	Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ Website mua sắm trực tuyến của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lê, Trần Trâm Thu	Trương, Thị Bích Liên	2018	Đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ website mua sắm trực tuyến của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ thông qua những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ điện tử. Từ đó đưa ra giải pháp giúp thu hút được khách hàng, làm cho khách hàng ngày càng hài lòng hơn khi mua sắm trực tuyến trên website.

2477	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ du lịch Hồng Hiếu	Nguyễn, Thị Hồng Diễm	Phan, Tùng Lâm	2018	Tìm hiểu phân tích thực trạng và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Dịch Vụ Du Lịch Hồng Hiếu trong giai đoạn 3 năm giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 và tháng 6 năm 2018. Từ đó giúp doanh nghiệp lập kế hoạch, kiểm soát hoạt động và là cơ sở để đánh giá và điều chỉnh các hoạt động, các bộ phận cụ thể trong doanh nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh theo đúng mục tiêu chiến lược cho các kì tiếp theo.
2478	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà hàng KICHI KICHI Vincom Xuân Khánh làm địa điểm ăn uống của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trần Mỹ Tiên	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà hàng Kichi Kichi VinCom Plaza Xuân Khánh làm địa điểm ăn uống của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, từ đó đưa ra những giải pháp nâng cao sự hài lòng khi sử dụng dịch vụ tại nhà hàng của thực khách nhằm thu hút thêm nhiều khách hàng mới cũng như giữ chân những khách hàng của nhà hàng
2479	Đại học	Phân tích hoạt động xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ của công ty TNHH thủy sản Biển Đông	Nguyễn, Thị Bích Kiều	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích hoạt động xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ của công ty TNHH Thủy sản Biển Đông trong giai đoạn 2016 - 2018, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp công ty nói riêng và các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nói chung nâng cao được hiệu quả xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới.
2480	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm giao dịch thương mại điện tử của sinh viên trường Đại học Cần Thơ.	Đoàn, Văn Danh	Trương, Đông Lộc	2018	Đánh giá thực trạng lựa chọn sản phẩm giao dịch thương mại điện tử của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ; Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm giao dịch thương mại điện tử của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ; Đề xuất một số giải pháp giúp các sản phẩm giao dịch thương mại điện tử có những định hướng và thay đổi phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
2481	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Lương Thực Ngọc Lợi	Nguyễn, Nhựt Đông	Trương, Đông Lộc	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xuất nhập khẩu lương thực Ngọc Lợi (sau đây được gọi là Công ty Ngọc Lợi), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
2482	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm thương hiệu Hàn Quốc của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Phương Thảo	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Tìm hiểu thực trạng sử dụng mỹ phẩm của sinh viên tại trường Đại học Cần Thơ. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua mỹ phẩm mang thương hiệu HQ của sinh viên. Đề xuất các hàm ý cho các Doanh nghiệp Việt Nam trong việc thu hút người tiêu dùng sử dụng mỹ phẩm Việt Nam.
2483	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Dương, Ngọc Thảo Nguyên	Phan, Tùng Lâm	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM đối với sinh viên trường ĐHTC, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh việc sử dụng thẻ ATM đối với sinh viên trường ĐHTC.
2484	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị Big C Cần Thơ	Võ, Thị Diễm Trân	Thái, Văn Đại	2018	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ở siêu thị Big C Cần Thơ. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ siêu thị Big C Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho tại siêu thị Big C Cần Thơ.
2485	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của hệ thống rạp chiếu phim CGV trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lữ, Thiên Quy	Trương, Đông Lộc	2018	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của hệ thống rạp chiếu phim CGV trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ.

2486	Đại học	Hàng rào phi thuế quan trong thương mại của Mỹ, EU và Nhật Bản đối với thủy sản xuất khẩu Việt Nam	Danh, Thị Cẩm Thu	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích nội dung và quy định của rào cản phi thuế quan mà các nước trên thế giới áp dụng, phân tích tác động của chúng đến hoạt động xuất khẩu thủy sản ở Việt Nam, đề từ đó có những giải pháp thích hợp và chủ động đối phó với các rào cản phi thuế quan.
2487	Đại học	Phân tích hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 9	Huỳnh, Tấn Đạt	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích hoạt động quản trị quan hệ khách hàng tại Công ty Dịch vụ Mobifone khu vực 9. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng tại Công ty trong thời gian tới.
2488	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng trải nghiệm khách hàng đến lòng trung thành khách hàng – Trường hợp các ngân hàng thương mại cổ phần ở Thành phố Cần Thơ	Lê, Quang Tuyền	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Xác định những yếu tố của quản trị trải nghiệm và những ảnh hưởng của nó đến lòng trung thành khách hàng từ đó đưa ra các hàm ý quản trị giúp nâng cao trải nghiệm cho khách hàng, duy trì lòng trung thành của khách hàng đối với ngân hàng thương mại cổ phần và cũng đồng thời giúp các ngân hàng xây dựng được hành ảnh tốt đối với khách hàng.
2489	Đại học	Anh hưởng biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Lưu, Thị Thùy Khuyên	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích ảnh hưởng của biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng thu nhập cho nông hộ thông qua các chính sách bình ổn giá bán lúa cho nông hộ.
2490	Đại học	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ mua hàng trên các sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Khắc Quý	Lê, Thị Thu Trang	2019	Các sàn giao dịch TMĐT cung cấp 2 dịch vụ chính là mua hàng (giảnh cho khách hàng mua lẻ và sỉ) và bán hàng (giảnh cho các cửa hàng trực tuyến). Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ mua hàng tại các sàn giao dịch TMĐT. Từ đó đề ra giải pháp giúp các doanh nghiệp và các bên liên quan tìm ra các giải pháp, hướng đi mới ít tốn kém và hiệu quả nhất trong việc cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao sự hài lòng khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh
2491	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thang máy Thiên Nam	Nguyễn, Ngọc Quỳnh	Trương, Chí Tiến	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thang Máy Thiên Nam từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thang Máy Thiên Nam.
2492	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của khách hàng khi sử dụng dịch vụ SPA tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thảo Nhi	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của khách hàng khi sử dụng dịch vụ spa tại Thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề tài đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ spa, đáp ứng sự thỏa mãn của khách hàng trong thời gian tới.
2493	Đại học	Đánh giá tác động của niềm tin đến sự cam kết và tham gia quản trị hợp tác xã nông nghiệp của xã viên ở tỉnh Hậu Giang	Phạm, Thanh Sang	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích thực trạng tham gia hoạt động quản trị HTXNN và niềm tin của xã viên đối với HTXNN. Đánh giá tác động của niềm tin đối với cam kết và tham gia quản trị HTXNN của xã viên HTXNN tỉnh Hậu Giang. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao niềm tin cho xã viên khi tham gia quản trị HTXNN nơi đây.
2494	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe tay ga nhãn hiệu Honda của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Lê, Nguyễn Nguyệt Tiên	Lê, Thị Thu Trang	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe tay ga nhãn hiệu Honda, từ đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao nhu cầu sử dụng xe tay ga nhãn hiệu Honda cũng như cải thiện hoạt động kinh doanh của các cửa hàng kinh doanh xe tay ga nhãn hiệu Honda

2495	Đại học	Phân tích mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại rạp chiếu phim CGV ở Thành phố Cần Thơ	Ngô, Thanh Huy	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại các rạp chiếu phim CGV ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của rạp chiếu phim để đáp ứng sự hài lòng khách hàng tại địa bàn Thành phố Cần Thơ.
2496	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng Phúc	Quách, Thị Ngọc Trâm	Đinh, Công Thành	2019	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của công từ năm 2016 đến năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2016 đến năm 2018. Đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
2497	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến qua các trang mạng của sinh viên Đại học Cần Thơ	Hồ, Thị Thùy Linh	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Phân tích thực trạng hành vi mua sắm trực tuyến qua các trang mạng của sinh viên Đại học Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến qua các trang mạng của sinh viên Đại học Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm thu hút sinh viên Đại học Cần Thơ mua sắm trực tuyến qua các trang mạng.
2498	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thức ăn nhanh tại cửa hàng Jollibee của khách hàng Thành phố Cần Thơ	Lê, Tấn	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thức ăn nhanh tại cửa hàng Jollibee của khách hàng thành phố Cần Thơ; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các cửa hàng Jollibee thu hút khách hàng.
2499	Đại học	Phân tích thực trạng Stress công việc, kiệt sức công việc và hiệu quả công việc của nhân viên kinh doanh tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Phan, Thị Cẩm Ngân	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Khám phá đo lường các yếu tố cấu thành stress công việc, kiệt sức công việc và hiệu quả công việc của nhân viên kinh doanh tại quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ. Xây dựng và kiểm định mô hình lý thuyết về mối quan hệ giữa stress công việc, kiệt sức công việc và hiệu quả công việc của nhân viên kinh doanh tại quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm giúp các doanh nghiệp giải quyết các vấn đề gây stress công việc, kiệt sức công việc và gia tăng hiệu quả công việc của nhân viên.
2500	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần SADICO Cần Thơ	Đặng, Thị Thanh Vỹ	Nguyễn, Phạm Thanh Nam	2019	Phân tích kết quả về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty qua 3 năm 2016 đến năm 2018. Phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh, phân tích SWOT. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2501	Đại học	Quản trị quan hệ khách hàng tại công ty bảo việt nhân thọ Vĩnh Long	Lê, Thị Loan Anh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Nghiên cứu quản trị quan hệ khách hàng tại công ty Bảo Việt Nhân thọ Vĩnh Long. Qua đó đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống quản trị quan hệ khách hàng tại công ty Bảo Việt Nhân thọ Vĩnh Long.
2502	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ của công ty cổ phần dược Hậu Giang, chi nhánh Trà Vinh	Huỳnh, Thị Bích Tuyền	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Phân tích tình hình tiêu thụ của Công ty Dược Hậu Giang chi nhánh Trà Vinh từ năm 2015 đến 2017. Đánh giá hiệu quả tiêu thụ của công ty Dược Hậu Giang chi nhánh Trà Vinh. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ của Công ty Dược Hậu Giang, chi nhánh Trà Vinh.
2503	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến thông qua kênh bán hàng trực tuyến Speed L của siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Trần, Phương Vy	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến thông qua kênh Speed L của siêu thị Lotte Mart Cần Thơ, từ đó đưa ra giải pháp làm tăng hiệu quả hoạt động của kênh bán hàng này thông qua ý định mua sắm trực tuyến của khách hàng.

2504	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại văn phòng đại diện MISA Cần Thơ	Hà, Thị Thu Trang	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2018	Phân tích tình hình hoạt động của công ty trong các năm gần đây. Đánh giá thực trạng công tác quản trị bán hàng của Văn phòng đại diện MISA Cần Thơ thông qua việc khảo sát trực tiếp nhân viên công ty. - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại Văn phòng đại diện MISA Cần Thơ.
2505	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ GRABBIKE tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Trang	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải trực tuyến GrabBike tại Thành phố Cần Thơ thông qua những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Từ đó đưa ra giải pháp giúp cho dịch vụ vận tải trực tuyến GrabBike thu hút được khách hàng, làm cho khách hàng ngày càng hài lòng hơn đối với dịch vụ vận tải trực tuyến GrabBike.
2506	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu trái cây của công ty cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (WESTFOOD)	Phạm, Ngọc Nhi	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích tình hình xuất khẩu trái cây của Công ty Cổ phần chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (West Food) giai đoạn 2015 – 6T/ 2018, từ đó đề xuất giải pháp, chiến lược giúp nâng cao hoạt động xuất khẩu trái cây của Công ty.
2507	Đại học	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty cổ phần MISA Cần Thơ	Đỗ, Bảo Quỳnh Như	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá thực trạng về NLCT của DN, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của CTCP MISA Cần Thơ.
2508	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố chất lượng dịch vụ ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với ngân hàng Vietcombank tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Trần Châu	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích các yếu tố chất lượng dịch vụ ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với ngân hàng Vietcombank chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất ra các giải pháp giúp nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của ngân hàng Vietcombank tại thành phố Cần Thơ.
2509	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với chất lượng đặc sản ẩm thực du lịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Thúy Vi	Đỗ, Thị Tuyết	2019	Nghiên cứu nhằm khám phá các yếu tố liên quan đến đặc sản ẩm thực địa phương làm ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với đặc sản du lịch tại tỉnh Sóc Trăng, trên cơ sở đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả và phát triển ẩm thực đặc sản của tỉnh Sóc Trăng.
2510	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn chuỗi cafe – nước giải khát của khách hàng trên địa bàn TP Cần Thơ	Lê, Thị Vân Anh	Vũ, Xuân Nam	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn các chuỗi cafe nước giải khát của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm giúp cho các nhà quản lý kinh doanh trong lĩnh vực này nâng cao chất lượng dịch vụ mang đến sự thoả mãn cao nhất cho người tiêu dùng.
2511	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Shipper của khách hàng tại quận Ninh Kiều – TP Cần Thơ	Lê, Chí Nhân	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ shipper của khách hàng ở thành phố Cần Thơ, nhằm hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ shipper của khách hàng để đề xuất giải pháp và nâng cao hiệu quả cho dịch vụ.
2512	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm tôm tại công ty TNHH thủy sản Đông Hải	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Mai, Văn Nam	2019	Đề tài phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm tôm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Đông Hải nhằm đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tôm tại công ty.

2513	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng sữa tươi TH True Milk của người dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Thanh Thảo	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2019	Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng sữa tươi TH true milk của người dân quận Ninh Kiều TP Cần Thơ từ đó có thể biết được các yếu tố làm ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng sữa tươi TH true milk của người dân khu vực này, sau đó đề ra các giải pháp nâng cao các yếu tố đó phù hợp với nhu cầu khách hàng. Giúp người dân nâng cao nhu cầu mua và sử dụng sữa tươi TH true milk.
2514	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc mua sắm giày thể thao của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Đặng, Trương Yến Nhi	Mai, Văn Nam	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc mua sắm giày thể thao của sinh viên trường Đại học Cần Thơ từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu mua sắm giày thể thao của sinh viên trường Đại học Cần Thơ.
2515	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn điện thoại VSMART của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Phạm, Cát Tường	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn điện thoại Vsmart của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất các giải pháp giúp Vsmart nâng cao tính năng và chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng đặc biệt là giới trẻ.
2516	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ giao thức ăn trực tuyến – NOW.VN của giới trẻ trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Tiên	Thái, Văn Đại	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ giao thức ăn trực tuyến – Now.vn của giới trẻ trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giao thức ăn trực tuyến của Now.vn.
2517	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua kem đánh răng P/S trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trương, Nguyệt Anh	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua kem đánh răng P/S trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị được đúc kết từ kết quả nghiên cứu nhằm giúp công ty Unilever Việt Nam cụ thể là tại địa bàn quận Ninh Kiều có giải pháp phát triển sản phẩm để thu hút thêm nhiều người tiêu dùng sử dụng sản phẩm kem đánh răng P/S.
2518	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm tại cửa hàng tiện ích của người tiêu dùng quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Thùy Trang	Phan, Tùng Lâm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm tại cửa hàng tiện ích của người tiêu dùng quận Ninh Kiều, TPCT, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thu hút khách hàng đến các cửa hàng tiện ích trong tương lai
2519	Đại học	Nghiên cứu hành vi lựa chọn rau an toàn của người dân ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Lương, Thị Đang	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến hành vi lựa chọn rau an toàn của người dân quận Ninh Kiều-Tp.Cần Thơ. Đề đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức đúng đắn và thấy được tầm quan trọng của việc sử dụng rau an toàn của người dân.
2520	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau hữu cơ của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Cẩm Linh	Nguyễn, Hữu Đặng	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau hữu cơ của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ; để từ đó đề xuất các hàm ý chính sách về sản xuất và tiêu thụ rau hữu cơ trên địa bàn quận Ninh Kiều, TPCT
2521	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến qua Livestream trên Facebook của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Thảo Vi	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến qua livestream trên Facebook của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ.

2522	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH dịch vụ xây dựng thương mại Lê Thanh Tùng	Phạm, Thị Kim Quyên	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH dịch vụ xây dựng thương mại Lê Thanh Tùng qua 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty
2523	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Phan, Trang Hoàng Phúc	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2019	Phân tích hoạt động tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả tín dụng của Ngân hàng.
2524	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu cá tra tại công ty cổ phần chế biến và XNK thủy sản CADOVIMEX II	Đinh, Thị Tuyết Minh	Lê, Nguyễn Đoan Khôi	2019	Phân tích thực trạng hoạt động xuất khẩu cá tra tại Công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II, qua đó tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình xuất khẩu của Công ty và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao khả năng xuất khẩu của Công ty.
2525	Đại học	Phát triển dịch vụ giao nhận vận tải trong hoạt động Logistics của công ty Nhất Tín Logistics khu vực Miền Tây	Nguyễn, Thị Lan Nhi		2019	Phân tích, đánh giá dịch vụ giao nhận vận tải của công ty nhằm đưa ra các giải pháp phát triển dịch vụ giao nhận vận tải trong hoạt động logistics của công ty Nhất Tín logistics khu vực Miền Tây.
2526	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến thái độ của người tiêu dùng đối với quảng cáo trên Facebook tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Thủy	Phan, Tùng Lâm	2019	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thái độ người tiêu dùng đối với hoạt động quảng cáo qua Facebook, từ đó đề xuất các giải pháp cho các DN trong việc đầu tư đúng vào các hoạt động quảng cáo.
2527	Đại học	Phân tích tác động của thương hiệu đến hành vi mua sắm điện thoại thông minh của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Dương	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích tác động của thương hiệu đến hành vi mua sắm điện thoại thông minh của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, TPCT nhằm đưa ra một số đề xuất giúp các doanh nghiệp kinh doanh điện thoại nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng được thị phần và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.
2528	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua son môi thương hiệu Hàn Quốc của nữ giới ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Trang	Lê, Thanh Sơn	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua lại son môi thương hiệu Hàn Quốc của nữ giới ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ từ đó đưa ra các giải pháp giúp cho các thương hiệu son Hàn Quốc có thể đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp và cạnh tranh với các thương hiệu của nước khác trên thị trường.
2529	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm Hàn Quốc của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Kim, Thị Ngọc Trâm	Thái, Văn Đại	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm Hàn Quốc của người tiêu dùng tại địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp để cho các doanh nghiệp trong nước phát triển kinh doanh đối với mỹ phẩm Hàn Quốc tại thị trường thành phố Cần Thơ.
2530	Đại học	Phân tích, đánh giá hoạt động chuỗi cung ứng ngành bia tại MM Mega Market Long Xuyên	Nguyễn, Thị Mỹ Duyên	Lê, Thanh Sơn	2019	Phân tích, đánh giá hoạt động chuỗi cung ứng của ngành hàng bia tại siêu thị MM Mega Market Long Xuyên nhằm mục đích giúp MM xác định được hiệu suất chuỗi cung ứng đang ở mức nào, từ đó rút ra bài học để các hoạt động chuỗi cung ứng đạt hiệu quả tối ưu đối với doanh nghiệp MM nói riêng và các doanh nghiệp thương mại Việt Nam nói chung.
2531	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của NHNo & PTNT chi nhánh Cờ Đỏ - Cần Thơ II	Đào, Hữu Bảo	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cờ Đỏ - Cần Thơ II của 3 năm 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cờ Đỏ - Cần Thơ II.

2532	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm cao cấp Laura Sunshine của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Kim Tuyền	Phan, Tùng Lâm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm cao cấp Laura Sunshine của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều Tp. Cần Thơ nhằm đưa ra giải pháp để gia tăng việc mua sắm mỹ phẩm Laura Sunshine của người tiêu dùng trên địa bàn nghiên cứu.
2533	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính xách tay nhãn hiệu HP của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Dương, Lý Trang	Phan, Tùng Lâm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính xách tay nhãn hiệu Hp của sinh viên trường Đại học Cần Thơ và đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp kinh doanh máy tính xách tay đáp ứng được tối đa sự lựa chọn của sinh viên.
2534	Đại học	Ảnh hưởng của đa dạng hóa nguồn thu nhập đến thu nhập của nông hộ tại huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Kiều	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích ảnh hưởng của đa dạng hóa nguồn thu nhập đến thu nhập của nông hộ ở huyện Châu Phú tỉnh An Giang nhằm đề xuất giải pháp làm tăng thu nhập cho nông hộ bằng cách tạo điều kiện để nông hộ đa dạng hóa nguồn thu nhập của mình.
2535	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ giữ xe tại khu 2 – trường Đại học Cần Thơ	Trần, Chí Kiện	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên Cần Thơ đối với dịch vụ giữ xe tại khu 2 – trường Đại học Cần Thơ. Từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện hơn các dịch vụ đó nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.
2536	Đại học	Phân tích các nguyên nhân dẫn đến doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Như	Nguyễn, Quốc Như	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm để phân tích nguyên nhân dẫn đến doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
2537	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến ý định sử dụng thực phẩm chức năng Collagen của người tiêu dùng TP. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hồng Vân	Lê, Thanh Sơn	2019	Nghiên cứu ý định sử dụng thực phẩm chức năng Collagen của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ
2538	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua quà lưu niệm của du khách khi đến ĐBSCL	Nguyễn, Thị Kiều Trang	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua quà lưu niệm của du khách khi tham quan, trải nghiệm du lịch tại đồng bằng sông Cửu Long.
2539	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn thương hiệu hàng không Vietjet Air của khách hàng ở TP. Cần Thơ	Lư, Thiên Lộc	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Nghiên cứu các yếu tố quyết định chọn thương hiệu hàng không Vietjet Air của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất ra các giải pháp kích thích nhu cầu chọn thương hiệu hàng không Vietjet Air của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
2540	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ ví điện tử trong thanh toán mua sắm hàng hóa của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Lâm Minh Thư	Phan, Tùng Lâm	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ Ví Điện Tử trong thanh toán mua sắm hàng hóa của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ví điện tử và phát triển các dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt trong các hoạt động mua sắm
2541	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua giày Biti's Hunter của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Đặng, Nguyễn Huỳnh Anh	Nguyễn, Thanh NGuyệt	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua giày Biti's Hunter của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp hữu hiệu giúp công ty giày Biti's có thể phát triển tốt hơn, ngày càng khẳng định vị trí của mình trong thương trường

2542	Đại học	Hoàn thiện hoạt động marketing (9Ps) cho công ty cổ phần SADICO Cần Thơ	Ngô, Hà Phương	Mai, Văn Nam	2019	Phân tích thực trạng hoạt động marketing của Cty CP Sadico Cần Thơ. Phân tích môi trường kinh doanh của Cty CP Sadico Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động marketing cho Cty CP Sadico Cần thơ.
2543	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự mua sắm của khách hàng trên các ứng dụng trực tuyến	Nguyễn, Thị Thu An	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự mua sắm của khách hàng trên các ứng dụng trực tuyến từ đó đưa ra giải pháp duy trì và thu hút khách hàng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam
2544	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua thực phẩm tươi sống tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy Vi	Võ, Thị Lang	2019	Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua thực phẩm tươi sống tại Lotte Mart Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp hữu hiệu nâng cao sức tiêu thụ và thỏa mãn nhu cầu cũng như sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua thực phẩm tươi sống tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ.
2545	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định học tiếng Anh trực tuyến của sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế trường Đại học Cần Thơ	Lâm, Hoàng Đức	Lê, Thanh Sơn	2019	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định học tiếng Anh trực tuyến của sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế, trường Đại học Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của quảng cáo qua MXH cho các cơ sở dạy tiếng Anh.
2546	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV khách sạn MES tại Cần thơ	Nguyễn, Thị Tuyết Dung	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHÁCH SẠN MES TẠI CẦN THƠ qua 3 năm 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2018-2019 để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty giúp cho công ty có định hướng và quản lý ngày càng có hiệu quả.
2547	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn TP. Cần Thơ	Lê, Thanh Thiệu	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.
2548	Đại học	Giải pháp Marketing nhà hàng thể thao BDUBS chi nhánh Cần Thơ năm 2020	Nguyễn, Thị Minh Ngọc	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2019	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, hoạt động Marketing của nhà hàng thể thao Bđubs chi nhánh Cần Thơ. Phân tích môi trường kinh doanh của nhà hàng thể thao Bđubs chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hoạt động Marketing tại nhà hàng thể thao Bđubs chi nhánh Cần Thơ.
2549	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến xu hướng lựa chọn phụ kiện đeo trên người của giới trẻ ở TP. Cần Thơ	Võ, Thị Kim Trúc	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2019	Đánh giá xu hướng lựa chọn phụ kiện đeo trên người của giới trẻ ở TP Cần Thơ và đề xuất hàm ý quản trị nhằm mở rộng quy mô của thị trường phụ kiện đeo trên người của giới trẻ tại TP Cần Thơ.
2550	Đại học	Giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp ở cồn Ốc huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre	Trần, Kim Ngân	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích kênh tiêu thụ của các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp ở Cồn Ốc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre từ đó đề xuất các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp tại đây.
2551	Đại học	Nhận thức và hành vi sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường của người trẻ TP. Cần Thơ đối với ống hút nhựa	Lê, Khải Trí	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích thực trạng về nhận thức và hành vi sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường (TTMT) của người trẻ TPCT, trường hợp đối với ống hút nhựa nhằm đề xuất các giải pháp phù hợp trên địa bàn TPCT, giảm thiểu rác thải nhựa mà đặc biệt là ống hút nhựa.

2552	Đại học	Nghiên cứu tác động của chiêu thị từ người ảnh hưởng (INFLUENCER MARKETING) đến ý định mua điện thoại OPPO của người dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Thúy Huỳnh	Thái, Văn Đại	2019	Nghiên cứu tác động của chiêu thị từ người ảnh hưởng (influencer marketing) đến ý định mua điện thoại Oppo của người dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm phát huy tiếp thị có ảnh hưởng hiệu quả hơn đối với các nhà tiếp thị, đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhanh chóng và đúng sứ mệnh thương hiệu.
2553	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ tư vấn bất động sản của công ty CP dịch vụ và xây dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ	Huỳnh, Yến Linh	Lê, Thanh Sơn	2019	Đánh giá về mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tư vấn bất động sản của Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu được tư vấn của khách hàng.
2554	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng bao bì đến quyết định mua nước giải khát của giới trẻ ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Kiều Trinh	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của bao bì đến quyết định mua nước giải khát của giới trẻ ở thành phố Cần Thơ, đồng thời đề ra các giải pháp nhằm nâng cao và củng cố vai trò của bao bì đối với hành vi tiêu dùng sản phẩm nước giải khát tại Thành phố Cần Thơ.
2555	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên đối với chất lượng dịch vụ của cơ sở đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Võ, Nguyễn Cúc Phương	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với chất lượng dịch vụ khách hàng tại các trung tâm đào tạo ngoại ngữ trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất kiến nghị giúp nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cơ sở này trong thời gian tới.
2556	Đại học	Mối quan hệ giữa dịch vụ hậu mãi và sự hài lòng khách hàng – Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ hậu mãi khi mua xe máy	Huỳnh, Gia Linh	Lê, Bình Minh	2019	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ hậu mãi dành cho xe máy, từ đó đề xuất giải pháp giúp nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi trong doanh nghiệp để nâng cao sự hài lòng của khách hàng.
2557	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ Phan Hiền	Hồ, Thị Yến Nhi	Trương, Chí Tiến	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Phan Hiền để đánh giá đúng thực trạng hoạt động của công ty. Từ đó, phát huy những mặt tích cực, đồng thời đưa ra những biện pháp khắc phục những mặt hạn chế nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt
2558	Đại học	Giải pháp thúc đẩy tích tụ đất đai của nông hộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Đặng, Thị Kiều	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ đất đai của nông hộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đề xuất giải pháp thúc đẩy tích tụ đất đai của nông hộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
2559	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của hành vi lãnh đạo đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ	Nguyễn, Yến Tiên	Quan, Minh Nhựt	2018	Đánh giá thực trạng về những ảnh hưởng của hành vi lãnh đạo đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ. Đánh giá mức độ quan trọng của hành vi lãnh đạo và những ảnh hưởng của hành vi lãnh đạo đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ thông qua việc khảo sát tập thể nhân viên và các cấp lãnh đạo tại tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ. Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo để hiệu quả làm việc của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ được tốt hơn.
2560	Đại học	Chỉ số giá tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2015-2017	Đỗ, Gia Nghiệp	Lê, Khương Ninh	2018	Nghiên cứu chỉ số giá tiêu dùng tại TPCT trong giai đoạn 2015 – 2017 và đề xuất các biện pháp nhằm kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng tại TPCT một cách hiệu quả.

2561	Đại học	So sánh sự khác biệt trong đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình ở một số tỉnh thành tại Việt Nam	Nguyễn, Thanh Giang	Quách, Dương Tử	2018	Đánh giá khái quát thực trạng tình hình đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình ở các tỉnh thành phố tại Việt Nam. Phân tích sự khác biệt trong đầu tư giáo dục của hộ gia đình tại các tỉnh, thành phố tại Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến chi đầu tư cho giáo dục của các hộ gia đình tại VN nhằm đề xuất các khuyến nghị để các hộ gia đình có thể đầu tư vào giáo dục một cách hợp lý, phù hợp với thu nhập của hộ gia đình.
2562	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trồng bưởi Năm Roi của nông hộ trên địa bàn xã Mỹ Hòa thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long	Lê, Trần Anh Thư	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng bưởi năm roi từ đó đề xuất ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính và cải thiện đời sống cho nông hộ trồng bưởi năm roi ở xã Mỹ Hòa huyện Bình Minh tỉnh Vĩnh Long
2563	Đại học	Thực hành quản lý trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ: Bằng chứng thực nghiệm ở Đồng Bằng sông Cửu Long	Trần, Ngọc Phương Vy	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đo lường chất lượng thực hành quản lý trong doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trên lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ tại vùng ĐBSCL từ đó đưa ra hàm ý quản trị giúp cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trong kinh doanh
2564	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng ngân hàng TMCP Tiên Phong chi nhánh Bắc Cần Thơ	Phạm, Ngọc Ngân	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2019	Sơ lược về TPBank, TPBank- Bắc Cần Thơ và khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của TPBank- Bắc Cần Thơ. Phân tích các nhân tố tác động và đánh giá sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Bắc Cần Thơ. Đề xuất và đưa ra giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Bắc Cần Thơ
2565	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm nước giải khát có gas của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Cẩm Giang	Trần, Bá Trí	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm nước giải khát có gas của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp trong nước tham khảo và định hướng cho hoạt động của mình, tránh bị thua ngay trên sân nhà khi cạnh tranh với sản phẩm NGK ngoại nhập sẽ ồ ạt vào Việt Nam
2566	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chương trình đào tạo chất lượng cao của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ánh Linh	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Thực trạng lựa chọn chương trình đào tạo CLC của sinh viên trường ĐHTC hiện nay. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chương trình đào tạo chất lượng cao của sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh chương trình đào tạo CLC của trường ĐHTC.
2567	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm trực tuyến trên LAZADA tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Huỳnh Như	Lê, Khương Ninh	2018	Xác định được mong muốn, thói quen mua sắm của khách hàng khi mua sắm trực tuyến. Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ khi mua sắm trực tuyến trên Lazada. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ khi mua sắm trực tuyến trên Lazada. Đề xuất giải pháp giúp nâng cao sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm trực tuyến trên Lazada.

2568	Đại học	Khác biệt tiền lương của người lao động tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Giang, Tường Vi	Quách, Dương Tử	2018	Mô tả tình hình thu nhập của người lao động tại hai TP được nghiên cứu. Xác định chênh lệch tiền lương và các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương của người lao động chia theo giới, thành phố HCM và HN, nam HCM và nam HN và nữ HCM và nữ HN. Đưa ra một số kiến nghị giải pháp giảm mức bất bình đẳng giới về thu nhập ở VN, cụ thể những chính sách ở hai thành phố lớn trong bài nghiên cứu.
2569	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khoai lang tím ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Hoàng Hải	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Phân tích về hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng khoai lang tím từ đó đề ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính và cải thiện đời sống cho nông hộ trồng khoai lang tím ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long.
2570	Đại học	Sự đánh đổi giữa đi học và đi làm của trẻ em ở Việt Nam	Võ, Thị Huyền Thoại	Quách, Dương Tử	2018	Đánh giá sự tác động của số giờ làm việc của trẻ đến việc đi học và kết quả học tập trên lớp của trẻ ở 5 tỉnh: Hà Nội, TPHCM, Bình Dương, Đắk nông và Đà Nẵng. Xác định điểm giới hạn giữa số giờ làm việc với việc đi học và kết quả học tập của trẻ em ở 5 tỉnh trên. Đề xuất một số biện pháp giảm tình trạng bị học trẻ em ở 5 tỉnh: Hà Nội, TPHCM, Bình Dương, Đắk nông và Đà Nẵng.
2571	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ ký túc xá của trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Quỳnh	Cao, Minh Tuấn	2018	Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ ký túc xá của trường Đại học Cần Thơ và trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng và thu hút sinh viên đến với Ký túc xá.
2572	Đại học	Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Yến Linh	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đánh giá thái độ đối phó rủi ro của nông hộ tại tỉnh An Giang. Xác định mối quan hệ giữa thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ tại tỉnh An Giang. Đánh giá tác động của các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập. Đề xuất hàm ý chính sách nhằm nâng cao khả năng ứng phó rủi ro góp phần làm ổn định thu nhập cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu
2573	Đại học	Nghiên cứu thái độ đối với rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Diệp, Thị Nương	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đánh giá thái độ của nông hộ đối với rủi ro tại khu vực ĐBSCL. Xác định mối quan hệ giữa thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ tại ĐBSCL. Đề xuất chính sách nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ
2574	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại Việt Nam	Võ, Thị Hồng Duyên	Quan, Minh Nhựt	2018	Xây dựng mô hình để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại 5 tỉnh, thành phố của Việt Nam (Hà Nội, TPHCM, Bình Dương, Đắk Nông, Đà Nẵng). Dựa trên cơ sở phân tích thống kê và định lượng số liệu từ bộ dữ liệu “Khảo sát tình hình cư trú năm 2015” của viện nghiên cứu phát triển Mekong. Đề từ đó tác giả sẽ đưa ra một số khuyến nghị về chính sách nhằm thu hút được nhiều hơn nguồn đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình, giúp làm tăng tỷ lệ trẻ đến trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam.
2575	Đại học	Nghiên cứu thực trạng về thu nhập của khu vực kinh tế phi chính thức tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Cao, Thị Kim Tuyền	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích thực trạng thu nhập của khu vực KTPCT trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của khu vực KTPCT tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đề xuất các giải pháp quản lý và nâng cao thu nhập cho người lao động thuộc khu vực KTPCT tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2576	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ huyện Châu Phú – An Giang	Nguyễn, Thị Kim Tuyền	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Phân tích thực trạng thu nhập của những nông hộ trên địa bàn Huyện Châu Phú - Tỉnh An Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn Huyện Châu phú - Tỉnh An Giang. Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn Huyện Châu phú - Tỉnh An Giang.
2577	Đại học	Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân tại tỉnh Kiên Giang	Trần, Trà My	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Phân tích thái độ đối với rủi ro của hộ nông dân tại tỉnh Kiên Giang. Phân tích thái độ đối với rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại tỉnh Kiên Giang. Đánh giá tác động các lựa chọn ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân tại tỉnh Kiên Giang. Đề xuất một số biện pháp giúp nông dân nâng cao khả năng ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Kiên Giang.
2578	Đại học	Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân tại Long An	Lê, Thúy Duy	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đánh giá thái độ đối với rủi ro của hộ nông dân tại Long An. Phân tích mối quan hệ giữa thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ tại tỉnh Long An. Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân tại Long An. Đề xuất hàm ý về mặt chính sách nhằm đối phó rủi ro và giảm tổn thất trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ tại Long An.
2579	Đại học	Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân tại Bến Tre	Đoàn, Phương Quyền	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đánh giá thái độ đối với rủi ro của nông hộ tại tỉnh Bến Tre. Xác định mối quan hệ giữa thái độ đối với rủi ro và thu nhập của nông hộ tại tỉnh Bến Tre. Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của các nông hộ tại tỉnh Bến Tre. Đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng ứng phó rủi ro và nâng cao thu nhập cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.
2580	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi mua đồ chơi trẻ em của các bậc phụ huynh trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Trần, Thanh Tuyền	Nguyễn, Thị Kim Hà	2018	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi mua đồ chơi trẻ em của các bậc phụ huynh trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị cho các nhà sản xuất và kinh doanh đồ chơi trẻ em dễ dàng tiếp cận với người tiêu dùng, cũng như nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đồ chơi trẻ em trong nước.
2581	Đại học	Nghiên cứu thu nhập và những yếu tố tác động đến thu nhập của người dân ở vùng Bảy Núi huyện Tri Tôn tỉnh An Giang	Trần, Bảo Hân	Lê, Bình Minh	2018	Nghiên cứu về thu nhập của người dân ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân ở Tri Tôn, An Giang. Đề xuất các biện pháp để nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.
2582	Đại học	Đánh giá tác động các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại tỉnh Sóc Trăng	Trương, Thùy Tiên	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Đánh giá thái độ đối với rủi ro của nông hộ tại tỉnh Sóc Trăng. Phân tích thái độ đối với rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại tỉnh Sóc Trăng. Phân tích các lựa chọn đối phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ tại tỉnh Sóc Trăng. Đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ nâng cao khả năng ứng phó rủi ro góp phần tăng thu nhập cho nông hộ.
2583	Đại học	Khác biệt đầu tư giáo dục của hộ gia đình tại Bình Dương	Trần, Thị Thùy Anh	Quách, Dương Tử	2018	Xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư cho giáo dục và đánh giá sự khác biệt trong đầu tư giáo dục của hộ gia đình tại tỉnh Bình Dương, từ đó đề xuất một số giải pháp để giúp gia đình phân bổ nguồn lực một cách hợp lý trong việc đầu tư vào giáo dục.

2584	Đại học	Thái độ rủi ro cá nhân trong các lĩnh vực khác nhau: Trường hợp sinh viên Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Anh	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2018	Thứ nhất, phân tích thái độ rủi ro cá nhân trong bốn lĩnh vực tài chính, nghề nghiệp, sức khỏe và môi trường. Thứ hai, kiểm tra sự khác nhau trong thái độ rủi ro cá nhân giữa nam và nữ. Cuối cùng là kiểm tra xem khi đáp viên tự báo cáo và khi được đo lại bằng phương pháp MPL thì thái độ rủi ro cá nhân của họ có giống nhau.
2585	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa vùng sinh thái nông nghiệp ven biển tây Đồng bằng sông Cửu Long.	Võ, Đoàn Mỹ Linh	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích thực trạng sản xuất lúa của vùng sinh thái nông nghiệp Ven Biển Tây Đồng bằng sông Cửu Long. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa của vùng sinh thái nông nghiệp Ven Biển Tây Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất các giải pháp giúp nâng cao năng suất lúa ở vùng sinh thái nông nghiệp Ven Biển Tây Đồng bằng sông Cửu Long.
2586	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Smartphone của sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Luu, Trần Ngọc Ngân	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Smartphone của sinh viên Khoa Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp để các nhà xuất của các thương hiệu cải tiến khắc phục, đưa ra các chiến lược để nâng cao hiệu quả cho các cửa hàng kinh doanh.
2587	Đại học	Phân tích thực trạng lựa chọn nhà mạng di động của sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Huỳnh, Ngọc Chương	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Đánh giá thực trạng, xu hướng lựa chọn sử dụng dịch vụ thông tin di động của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ. Xây dựng mô hình và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp thông tin di động của những sinh viên. Đề xuất các giải pháp cho nhà cung cấp dịch vụ thông tin di động để cải thiện chất lượng dịch vụ.
2588	Đại học	Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm làm việc của người lao động trường hợp: Thị trường lao động tại Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Khang	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm làm việc của người lao động: trường hợp thị trường Cần Thơ, để xác định những điểm tích cực, tồn tại hạn chế của thị trường này. Đưa ra một số giải pháp nhằm thu hút nguồn lao động có tay nghề, qua đào tạo, có trình độ cao để góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
2589	Đại học	Đánh giá nhận thức và khả năng ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân ở huyện Phong Điền Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Bá Phút	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Đánh giá nhận thức và khả năng ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp cho nông dân trong vùng nghiên cứu nhằm nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó với rủi ro do lụt, giúp giảm thiểu thiệt hại.
2590	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm sữa chua ăn của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT và đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và phân phối sản phẩm sữa chua ăn trên địa bàn TPCT.	Bùi, Ngọc Lan Tiên	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm sữa chua ăn của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT và đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sản xuất và phân phối sản phẩm sữa chua ăn trên địa bàn TPCT.
2591	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động di cư ở huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng	Lâm, Đoan Khanh	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động di cư ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề xuất biện pháp để nâng cao những mặt tích cực của di cư.
2592	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH L.S PACK	Danh, Thị Thúy Ngân	Quan, Minh Nhựt	2019	Vận dụng các lý thuyết và các tỷ số tài chính nhằm phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH L.S Pack trong 4 năm (2015 – 2018) nhằm đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH L.S Pack.
2593	Đại học	Phân tích tác động của các nhân tố về kinh tế - xã hội đến di cư Quốc tế trên Thế giới	Trần, Thị Tô Anh	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Đánh giá thực trạng di cư quốc tế của các quốc gia trên thế giới. Phân tích tác động của các nhân tố liên quan về kinh tế - xã hội đến di cư quốc tế trên thế giới. Xây dựng một số giải pháp để giải quyết vấn đề di cư quốc tế.

2594	Đại học	Đo lường bất bình đẳng thu nhập giữa một số tỉnh, thành tại Việt Nam	Phạm, Minh Kha	Quách, Dương Tử	2018	Đánh giá mức bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và phân tích tác động của các nguồn thu nhập tới bất bình đẳng. Phân tích hệ số Gini để đo lường bất bình đẳng trong thu nhập tại thành phố Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đắk Nông, Đà Nẵng và Bình Dương. Đề ra giải pháp nhằm làm giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập của 5 tỉnh thành nói riêng, của cả nước nói chung.
2595	Đại học	Thu nhập và đầu tư cho giáo dục trường hợp ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Quách, Dương Tử	2018	Phân tích mức độ đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Đánh giá khác biệt về đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình tại 2 khu vực, khác biệt theo hoàn cảnh hộ gia đình, theo khu vực hộ sinh sống và cấp bậc đi học hiện tại của các thành viên. Chỉ ra các yếu tố tác động đến tỉ lệ ĐTGD của hộ nhằm đề xuất một số giải pháp nâng cao đầu tư cho giáo dục nhưng vẫn đáp ứng sự phù hợp với hoàn cảnh hộ gia đình, góp phần tạo ra một xã hội với trình độ dân trí cao.
2596	Đại học	Tác động của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ	Phạm, Bích Tuyền	Quách, Dương Tử	2019	Phân tích tác động của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của Cần Thơ và đề xuất giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn FDI một cách hiệu quả.
2597	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thạnh Phú Sóc Trăng	Lâm, Minh Quang	Phan, Tùng Lâm	2018	Tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh với những thuận lợi hay khó khăn còn tồn tại và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại NHNo & PTNT chi nhánh Thạnh Phú Sóc Trăng.
2598	Đại học	Đánh giá tác động của hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN đến thương mại ngành nông nghiệp Việt Nam	Võ, Khoa Đăng	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích thực trạng thương mại ngành nông nghiệp Việt Nam trước và sau khi Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN có hiệu lực. Phân tích và đánh giá tác động của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng nông sản Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay
2599	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của học viên về chất lượng đào tạo tại Trung tâm anh ngữ Mỹ Ly	Phạm, Thị Kim Thoa	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích mức độ sự hài lòng của học viên đối với chất lượng đào tạo của Trung tâm Anh ngữ Mỹ Ly. Đánh giá các yếu tố tác động đến sự hài lòng của học viên tại Trung tâm Anh ngữ Mỹ Ly. Đưa ra các đề xuất để nâng cao sự hài lòng của học viên với chất lượng đào tạo tại Trung tâm Anh ngữ Mỹ Ly.
2600	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Trà Bắc Trà Vinh	Phạm, Hoàng Việt Bảo	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Trà Bắc Trà Vinh và đề ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.
2601	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng của ngân hàng TMCP Đông Á phòng giao dịch Long Xuyên tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thùy Nhiên	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Long Xuyên qua 3 năm 2016-2018 để thấy rõ thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng, từ đó nêu ra một số biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của ngân hàng.
2602	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á chi nhánh Long Xuyên phòng giao dịch Long Xuyên, tỉnh An Giang	Bùi, Thảo Nguyên	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích, đánh giá tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Long Xuyên-PGD Long Xuyên, tỉnh An Giang để thấy rõ được tầm quan trọng của công tác huy động vốn và đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn.

2603	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ ACB Online tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Phạm Thanh Thảo	Lê, Thanh Sơn	2019	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ ACB Online (Internet Banking) tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Á Châu – chi nhánh Cần Thơ (ACB Cần Thơ). Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng về dịch vụ ACB Online của Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ trong thời gian sắp tới.
2604	Đại học	Khác biệt về tiền lương giữa người lao động làm thêm giờ và không làm thêm giờ ở Việt Nam	Lưu, Trần An	Quách, Dương Tử	2019	Ước lượng khác biệt về tiền lương giữa người lao động có tham gia làm việc thêm giờ và người lao động không tham gia làm việc thêm giờ. Phân tích các yếu tố tác động đến số giờ làm việc thêm của người lao động. Đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo đảm bảo thu nhập cho người lao động.
2605	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị của biển Cà Mau	Hồ, Vĩnh Ngoan	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích thị trường của biển Cà Mau. Tìm hiểu về thực trạng sản xuất & tiêu thụ của biển Cà Mau. Phân tích chuỗi giá trị của biển Cà Mau. Đề xuất các giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị của biển Cà Mau.
2606	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng chi trả và mức sẵn lòng chấp nhận đối với rủi ro sức khỏe do sử dụng thuốc trừ sâu của người nông dân trồng nấm rom ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Trần, Quang Huy	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá thực trạng sử dụng thuốc trừ sâu, mức sẵn lòng chi trả và mức sẵn lòng chấp nhận đối với những rủi ro sức khỏe do thuốc trừ sâu gây ra của người nông dân, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp người nông dân trong việc sử dụng thuốc trừ sâu khi sản xuất nấm rom.
2607	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa thái độ rủi ro và thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Tường Vi	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Mô tả thái độ rủi ro của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long. Xác định mối quan hệ giữa thái độ rủi ro và thu nhập của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất khuyến nghị giúp nông hộ ứng phó với rủi ro trong nông nghiệp và cải thiện thu nhập.
2608	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông di động của Viettel ở Cần Thơ	Huỳnh, Quốc Việt	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Tìm hiểu thực trạng của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông của Viettel ở Cần Thơ và phân tích đánh giá các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng nhằm đưa ra các giải pháp hợp lý để nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ viễn thông di động của Viettel.
2609	Đại học	Hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Tăng, Bích Duyên	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô qua các năm 2016, 2017, 2018 và đề xuất giải pháp để hoạt động kinh doanh của ngân hàng đạt được hiệu quả cao trong tương lai.
2610	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học chương trình đào tạo đại học chất lượng cao của học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Thạch, Nhơn Nghĩa	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học chương trình đào tạo Đại học chất lượng cao của học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và đề xuất các giải pháp nhằm giúp các trường Đại học có những thay đổi tích cực trong chương trình dạy học để thu hút được học sinh theo học tại trường
2611	Đại học	Hiệu quả tài chính mô hình chăn nuôi bò sữa của nông hộ thực hiện theo dự án hợp tác xã nông nghiệp EVERGROWTH tại tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Thị Thanh Nhân	Lê, Khương Ninh	2019	Giới thiệu dự án hợp tác xã nông nghiệp Evergrowth tại tỉnh Sóc Trăng. - Phân tích hiệu quả tài chính và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ chăn nuôi bò sữa ở tỉnh Sóc Trăng. Đề xuất giải pháp giúp nông hộ chăn nuôi bò sữa trong hợp tác xã phát triển bền vững trong thời gian tới.
2612	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định làm thêm của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Hồ, Thái Bảo	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích thực trạng làm thêm của sinh viên trường ĐHCT hiện nay. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn việc làm thêm của sinh viên trường ĐHCT. Đề xuất các giải pháp cho nhà trường, gia đình và nhà tuyển dụng nhằm nâng cao hiệu quả trước quyết định làm thêm của sinh viên

2613	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của người dân tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diễm My	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ TTKDTM của người dân tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ . Qua đó tác giả đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn trong việc thanh toán không dùng tiền mặt, giúp hình thức thanh toán này được chấp nhận rộng rãi.
2614	Đại học	Thực trạng và giải pháp giải quyết việc làm ở Thành phố Cần Thơ	Vũ, A Bắc	Lê, Khương Ninh	2019	Tìm hiểu về số lượng lao động và việc làm hiện nay trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Nguyên nhân gây ra tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và thực trạng lao động, việc làm ở Thành phố Cần Thơ. Giải pháp tạo việc làm trên địa bàn Thành phố Cần Thơ
2615	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Ngọc	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích thực trạng của hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Kiên Giang nhằm đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động tín dụng cá nhân giúp gia tăng giá trị cho khách hàng đồng thời gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.
2616	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn cơ sở dịch vụ thú y của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Đồng, Thị Diệu Linh	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định lựa chọn cơ sở dịch vụ thú y của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Từ đó đưa ra giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở dịch vụ thú y tại đây.
2617	Đại học	Phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của tỉnh Hậu Giang	Châu, Kim Lại	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích tình hình của nguồn vốn FDI ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2004-2017. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI hiệu quả tại tỉnh trong thời gian tới.
2618	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng vú sữa huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đỗ, Minh Duy	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng vú sữa ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nhằm đánh giá quá trình trồng vú sữa đã mang lại kết quả như thế nào cho các hộ nông dân trong huyện và trong quá trình sản xuất thì có những thuận lợi và khó khăn nào, trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho mô hình này trong tương lai.
2619	Đại học	Phân tích tác động của vốn và lao động đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Ngọc Thảo	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích tác động của nguồn vốn và lao động đến tăng trưởng kinh tế ở tỉnh Đồng Tháp. Từ đó đưa ra một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho tỉnh.
2620	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sữa chua uống của người dân quận Ninh Kiều , Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Thùy Dương	Võ, Văn Dứt	2019	Đo lường mức độ của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng sữa chua uống của người tiêu dùng ở quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Đề xuất các hàm ý để nâng cao sự lựa chọn tiêu thụ đối với sữa chua uống dựa trên các yếu tố ảnh hưởng.
2621	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ chăn nuôi trâu đất ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Thị Cẩm Linh	Lê, Bình Minh	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ chăn nuôi Trâu ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ trên địa bàn.
2622	Đại học	Chiến lược ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ nuôi thủy sản vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Trần, Mỹ Phương	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro đến thu nhập của hộ nông dân nuôi thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng ứng phó rủi ro góp phần làm ổn định thu nhập cho nông hộ nuôi thủy sản ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
2623	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Hoàng, Thị Tâm		2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Cần Thơ tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên.

2624	Đại học	Nghiên cứu tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro đến thu nhập của hộ nông dân trồng trái cây tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Đỗ, Thị Kim Hiền	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro đến thu nhập của hộ nông dân trồng cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng ứng phó rủi ro góp phần làm ổn định thu nhập cho nông hộ trồng trái cây địa bàn nghiên cứu
2625	Đại học	Tác động của phong cách lãnh đạo và văn hóa tổ chức đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Vĩnh Long	Phạm, Anh Thư	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích tác động của phong cách lãnh đạo và văn hoá tổ chức đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Vĩnh Long, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các doanh nghiệp tại Vĩnh Long.
2626	Đại học	Nghiên cứu cách ứng phó rủi ro từ biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ ở vùng sinh thái Tây Sông Hậu	Lê, Huỳnh Anh Thư	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Tìm hiểu thực trạng rủi ro và ứng phó rủi ro của nông hộ ở vùng sinh thái Tây sông Hậu. Phân tích tác động chiến lược ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở vùng sinh thái Tây sông Hậu. Phân tích sự khác biệt về thu nhập trong sản xuất nông nghiệp giữa hộ lựa chọn ứng phó rủi ro và hộ lựa chọn không ứng phó rủi ro. Đề xuất kiến nghị để nâng cao khả năng ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp từ đó nâng cao thu nhập của nông hộ.
2627	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Võ, Thị Tú	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Thực trạng tiêu thụ rau an toàn tại Thành phố Cà Mau. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng tại Thành phố Cà Mau. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về rau an toàn và nâng cao hiệu quả kinh doanh của vùng.
2628	Đại học	Chiến lược ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Phạm, kim Thư	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Đánh giá tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập trồng lúa của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất khuyến nghị giúp nông hộ trồng lúa nâng cao khả năng ứng phó từ đó nâng cao thu nhập.
2629	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm của nam giới tại Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Khanh	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm của nam giới tại Cần Thơ, để xác định nhu cầu của người tiêu dùng, từ đó đề xuất các giải pháp giúp các nhà sản xuất phân phối và tiêu thụ sản phẩm mỹ phẩm nam giới hiệu quả hơn
2630	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy Hằng Em	Lê, Bình Minh	2019	Đề tài phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của sinh viên Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động mua sắm trực tuyến.
2631	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng nước giải khát không gas của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Muôn	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích thực trạng sử dụng NGK không gas của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua các sản phẩm NGK không gas để sử dụng của người tiêu dùng. Đề xuất các giải pháp cho các doanh nghiệp nhằm tác động đến việc sử dụng các loại NGK không gas của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT và giúp các doanh nghiệp tham khảo để phân phối NGK không gas trên địa bàn TPCT hiệu quả.
2632	Đại học	Nghiên cứu cách ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp của nông dân ở vùng sinh thái Tứ Giác Long Xuyên	Phùng, Tiến Đạt	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro đến thu nhập trong sản xuất nông nghiệp của nông dân ở khu vực Tứ giác Long Xuyên, từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó rủi ro cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.

2633	Đại học	Phân tích tình hình cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ	Mai, Thị Thiên Nhi	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích tình hình cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2018. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng.
2634	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng thanh long ruột đỏ ở huyện Thới Lai Thành phố Cần Thơ	Phạm, Minh Hiếu	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích về hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng thanh long ruột đỏ từ đó đề ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính và cải thiện đời sống cho nông hộ trồng thanh long ruột đỏ ở huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ.
2635	Đại học	Nghiên cứu cách ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ tại các tỉnh ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Lê Chí Hào	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	-Mô tả thực trạng rủi ro và chiến lược ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ. Phân tích tác động của các chiến lược ứng phó rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ. Phân tích sự khác biệt về thu nhập trong sản xuất nông nghiệp giữa nông hộ lựa chọn ứng phó rủi ro và nông hộ không lựa chọn ứng phó rủi ro tại tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng và Kiên Giang. Đề xuất kiến nghị định hướng nhằm nâng cao khả năng ứng phó rủi ro và nâng cao thu nhập cho nông hộ tại tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng và Kiên Giang
2636	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Thành Đạt Huy Hoàng chi nhánh Cần Thơ	Võ, Thị Minh Thu	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Thành Đạt Huy Hoàng chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2016-2018. Từ đó, đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
2637	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn Big C làm điểm mua sắm tại TP. Cần Thơ	Võ, Thị Hồng Ngọc	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Big C làm điểm mua sắm trên địa bàn TP.Cần Thơ để từ đó đề ra các giải pháp giúp siêu thị Big C thu hút được khách hàng và nâng cao vị thế cạnh tranh của siêu thị hơn nữa.
2638	Đại học	Sự khác biệt về số lượng trưng bày sản phẩm và lựa chọn của khách hàng: Nghiên cứu thực nghiệm	Trương, Thị Thanh Trúc	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu tác động của việc trưng bày số lượng sản phẩm khác nhau của hai loại sữa Vinamilk hay TH true MILK đến lựa chọn của người tiêu dùng. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn sản phẩm Vinamilk hay TH true MILK thông qua cách trưng bày khác nhau về mặt số lượng của hai sản phẩm. Đề xuất các hàm ý chính sách
2639	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thị Thùy Dung	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thủy sản được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành thủy sản ở Việt Nam.
2640	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi sử dụng dịch vụ FOODY của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ánh	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Thực trạng sử dụng dịch vụ đặc món trực tuyến Foody của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ đặc món trực tuyến Foody của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thúc đẩy khách hàng sử dụng dịch vụ đặc món trực tuyến.
2641	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của quỹ tín dụng Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, An Giang	Trương, Hoàng Trí	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng Mỹ Thạnh qua 3 năm 2016, 2017, 2018 để tìm ra những biện pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng trong thời gian tới.

2642	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị măng cầu ta và đề xuất giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị măng cầu ta tại thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	Đoàn, Phương Thúy Ngọc	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích chuỗi giá trị măng cầu ta ở thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng qua việc phân tích tình sản xuất của nông hộ, giá bán, chi phí, lợi nhuận của các tác nhân, từ đó đề xuất giải pháp giúp hoàn thiện chuỗi giá trị măng cầu ta tại thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng.
2643	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đông Á phòng giao dịch Long Xuyên, tỉnh An Giang	Phạm, Thúy Vân	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích, đánh giá hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đông Á PGD Long Xuyên, Tỉnh An Giang trong ba năm 2016, 2017 và 2018, từ đó đưa ra kết luận cũng như giải pháp tìm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân cho phòng giao dịch vào mục tiêu phát triển vững chắc của ngân hàng.
2644	Đại học	Kế toán khoản mục vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần cơ điện Cần Thơ	Danh, Thanh Tổng	Trần, Quốc Dũng	2018	Thực hiện công tác kế toán và phân tích khoản mục vốn bằng tiền, các khoản phải thu của Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Cần Thơ. Qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như nâng cao công tác quản lý khoản mục vốn bằng tiền, các khoản phải thu của công ty trong thời gian tới.
2645	Đại học	Đánh giá nhận thức và ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Nguyễn, Văn Ngân	2018	Đánh giá nhận thức và tình hình ứng phó rủi ro do lụt của nông dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và các biện pháp ứng phó rủi ro do lụt phù hợp với thực trạng của địa bàn nghiên cứu.
2646	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay trung và dài hạn tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Tri Tôn – An Giang	Chau, Chanh Sóc Kóp	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2018	Phân tích doanh số cho vay, doanh số thu nợ, tình hình dư nợ và nợ quá hạn. Đánh giá hoạt động cho vay trung và dài hạn của NHNo&PTNT huyện Tri Tôn thông qua một số chỉ tiêu tài chính như: hệ số thu nợ, nợ quá hạn trên tổng dư nợ và vòng quay tín dụng. Đề ra một số biện pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng trong lĩnh vực này trong thời gian sắp tới.
2647	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa vụ hè thu của hộ nông dân tại huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh	Thạch, Danh	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa của các hộ nông dân trồng giống lúa OM 576 trong cùng một vụ hè thu ở ba xã của huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Qua đó nhằm so sánh lợi nhuận sau thu hoạch giống lúa OM 576 so với giống khác trong vụ hè thu ở hai địa bàn nghiên cứu, để tìm ra thuận lợi cũng như những khó khăn của hai giống lúa trên, từ đó giúp nâng cao thu nhập cho người dân và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên.
2648	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của quỹ tín dụng nhân dân Trường Khánh, tỉnh Sóc Trăng	Lâm, Phạm Thanh Mai	Cao, Minh Tuấn	2018	Phân tích kết quả kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân Trường Khánh giai đoạn 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 và đề xuất giải pháp cải thiện kết quả hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân Trường Khánh
2649	Đại học	Tình hình biến động giá cả và các giải pháp bình ổn thị trường xăng dầu giai đoạn 2015 đến 2017	Lâm, Thị Tú Anh	Quan, Minh Nhựt	2018	Khái quát thị trường xăng dầu Thế Giới đồng thời những ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến thị trường xăng dầu Việt Nam giai đoạn 2015 đến 06 tháng đầu năm 2018 . Phân tích tình hình biến động giá cả trên thị trường xăng dầu Việt Nam giai đoạn 2015 đến 06 tháng đầu năm 2018. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng giá cả tăng giảm thất thường trên thị trường xăng dầu hiện nay và những ảnh hưởng của nó. Tìm ra những giải pháp tối ưu nhất nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của biến động giá xăng dầu đối với nền kinh tế, đồng thời phân tích và đưa ra những giải pháp nhằm bình ổn giá cả trong thời gian tới.

2650	Đại học	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần thơ	Nguyễn, Thị Kim Khánh	Lê, Khương Ninh	2018	Đánh giá thực trạng của dòng vốn FDI vào thành phố Cần Thơ. Phân tích tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ. Đề xuất giải pháp thu hút cũng như nâng cao tỷ lệ đóng góp của nguồn vốn FDI vào thành phố Cần Thơ.
2651	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ trên địa bàn huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Từ, Thị Nhã Trân	Lê, Khương Ninh	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ trên địa bàn huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nhằm đề xuất giải pháp giảm thiểu biến động trong giá bán lúa cho nông hộ.
2652	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe máy tay ga của người tiêu dùng TP Rạch Giá	Phạm, Thị Bảo Châu	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe gắn máy của người tiêu dùng thành phố Rạch Giá, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sức mua xe gắn máy.
2653	Đại học	Tác động của bất bình đẳng thu nhập đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2008-2018	Lê, Thanh Lam	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích tác động của bất bình đẳng thu nhập đối với tăng trưởng kinh tế của khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 2008-2018 trên cơ sở đó đưa ra giải pháp giảm bớt tình trạng bất bình đẳng thu nhập, đưa ra hướng đi bền vững cho việc phát triển kinh tế trong khu vực
2654	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sữa bột dành cho người cao tuổi tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Thanh	Quan, Minh Nhựt	2019	Đề tài được thực hiện nhằm để hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa bột dành cho người cao tuổi của người dân sống tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất những giải pháp tác động đến hành vi của khách hàng giúp các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu khách hàng tốt hơn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
2655	Đại học	Vai trò của bảo hiểm y tế trong chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe của người dân thành thị và nông thôn Việt Nam	Trần, Thị Như Ý	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích vai trò của BHYT, chi tiêu cho y tế và tham gia BHYT của những chủ hộ ở khu vực thành thị và nông thôn tại Việt Nam.
2656	Đại học	Ảnh hưởng của nước sạch đến phúc lợi của hộ gia đình ở Việt Nam	Đinh, Thị Bảo Ngân	Quách, Dương Tử	2019	Đánh giá thực trạng sử dụng nước máy và đo lường tác động của nước máy đến hộ gia đình ở Việt Nam từ đó đưa ra nhận định về việc sử dụng nước sạch có làm gia tăng một số chỉ tiêu phúc lợi của hộ gia đình.
2657	Đại học	Chỉ số giá tiêu dùng tại tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2018	Nguyễn, Hoàng Phong	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Nghiên cứu chỉ số giá tiêu dùng tại tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2015 – 2018 và đề xuất các biện pháp nhằm kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng tại tỉnh Sóc Trăng một cách hiệu quả.
2658	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Hoàng Minh Trí	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức tiêu dùng nhằm đưa ra giải pháp giúp nâng cao thu nhập và chi tiêu hợp lý đối với người dân và đưa ra các kiến nghị về chính sách với chính phủ.
2659	Đại học	Nghèo và các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo ở nông thôn Việt Nam	Nguyễn, Hồng Ngọc	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến nghèo ở các nông thôn và các vùng nông thôn Việt Nam.
2660	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ chăm sóc tóc nam tại Barbershop trên địa bàn TP Cần Thơ	Trương, Đình Lộc	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ chăm sóc tóc nam tại Barbershop trên địa bàn thành phố Cần Thơ từ đó đưa ra giải pháp để các Barbershop có những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để chăm sóc tóc nam tại barbershop trở nên gần gũi và thân thuộc hơn với khách hàng trong nước
2661	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ việc làm thêm của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thái Uyên	Quách, Dương Tử	2019	Phân tích thực trạng sinh viên trường Đại học Cần Thơ có việc làm thêm và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ việc làm thêm đó và đề xuất khuyến nghị cho sinh viên về hoạt động làm thêm.

2662	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua máy tính xách tay của sinh viên Đại học Cần Thơ	Đặng, Chí Ni	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng máy tính xách tay của sinh viên Đại học Cần Thơ và đề xuất khuyến nghị cho các người bán máy tính xách tay để phục vụ khách hàng tốt hơn.
2663	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ nuôi tôm ở tỉnh Kiên Giang	Trần, Thái Bảo	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Thực hiện nghiên cứu nhằm mục đích phân tích hiệu quả sản kỹ thuật của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Kiên Giang đã đạt được. Từ đó đề xuất ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở địa bàn tỉnh Kiên Giang
2664	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp đối với nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Kiên Giang	Võ, Quang Tường	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sẽ tham gia bảo hiểm nông nghiệp của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Kiên Giang từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm mở rộng sự tham gia bảo hiểm của nông hộ nuôi tôm nhằm tăng an sinh xã hội vùng nông thôn.
2665	Đại học	Tiếp cận giao thông, thị trường và thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Trương, Thị Yến Nhi	Lê, Khương Ninh	2019	Ước lượng ảnh hưởng của khoảng cách giao thông và thị trường đến thu nhập của nông hộ ở huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang nhằm đề xuất giải pháp làm tăng thu nhập cho nông hộ thông qua phát triển hệ thống giao thông và thị trường nông sản.
2666	Đại học	Phương thức tiêu thụ lúa và thu nhập của nông hộ ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Minh Lý	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích ảnh hưởng của phương thức tiêu thụ lúa và thu nhập của nông hộ ở huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang nhằm đề xuất giải pháp làm tăng thu nhập cho nông hộ và tìm ra phương thức tiêu thụ lúa hợp lý cho người nông dân.
2667	Đại học	Thực trạng mua chịu vật tư nông nghiệp của nông hộ ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Lê, Ngọc Thư	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý phương thức mua chịu vật tư nông nghiệp của nông hộ ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
2668	Đại học	Ảnh hưởng của biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ ở huyện Hoàn Đất tỉnh Kiên Giang	Lê, Nguyễn Như Quỳnh	Lê, Khương Ninh	2019	Ước lượng ảnh hưởng của biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ ở huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang nhằm đề xuất giải pháp làm tăng thu nhập cho nông hộ thông qua các chính sách bình ổn giá bán lúa cho nông hộ.
2669	Đại học	Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Phúc Duy	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích tác động của BBĐ thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở vùng ĐBSCL giai đoạn 2008-2018 nhằm đưa ra giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những tác động tích cực của nó đến tăng trưởng kinh tế.
2670	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định về quê làm việc của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Mã, Ngọc Phương	Quách, Dương Từ	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định về quê làm việc của sinh viên trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp để thu hút sinh viên về quê làm việc.
2671	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Hoàng Nhựt Quang	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHNN của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu, nhằm hiểu rõ quyết định tham gia BHNN của nông hộ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố nào và mức độ tác động của các yếu tố đó. Dựa trên kết quả nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm khuyến khích nông hộ nuôi tôm tham gia BHNN, đồng thời làm cơ sở đưa ra kiến nghị về BHNN giúp cho các nông hộ nuôi tôm có thể tham gia và góp phần phát triển nghề nuôi tôm của huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu bền vững.
2672	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sách trực tuyến của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Lê, Thị Bảo Yên	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sách trực tuyến của sinh viên trường Đại học Cần Thơ

2673	Đại học	Mức sẵn lòng chi trả cho nhãn hiệu “Gạo thân thiện môi trường” để bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng tỉnh Hậu Giang	Khổng, Thị Tuyết Nhanh	Huỳnh, Việt Khải	2019	Phân tích WTP của người dân thành thị cho sản phẩm “gạo thân thiện môi trường” để bảo vệ hệ sinh thái KBT thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.
2674	Đại học	Phân tích những yếu tố tác động đến thu nhập của người dân huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Phúc Nguyên	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích những yếu tố tác động đến thu nhập của người dân huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho người dân tại địa bàn nghiên cứu
2675	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Chí Nguyên	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp trên địa bàn huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề ra giải pháp giúp nông hộ sản xuất đạt hiệu quả hơn trong sử dụng tốt các yếu tố tài chính
2676	Đại học	Bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam	Nguyễn, Thị Mỹ Ngọc	Quách, Dương Tử	2019	Đánh giá mức độ bất bình đẳng trong thu nhập của các hộ gia đình Việt Nam qua các năm.
2677	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học ở trường Đại học Cần Thơ của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Lâm, Huỳnh Yến Nhi	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học ở trường Đại học Cần Thơ của sinh viên khoa Kinh tế trường ĐHTC, từ đó đưa ra giải pháp thu hút sinh viên chọn học ở trường ĐHTC
2678	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn nơi làm việc của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Bùi, Minh Quang	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Thực trạng chọn nơi làm việc của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ, tìm hiểu và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn nơi làm việc của sinh viên, từ đó đề xuất giải pháp hạn chế tình trạng thất nghiệp, làm trái ngành và đưa ra ý định đúng đắn khi lựa chọn nơi làm việc cho bản thân sau khi ra trường của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ.
2679	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh trường trung học phổ thông Lưu Văn Liệt tại thành phố Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long	Đặng, Phương Thanh	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh trường THPT LƯU VĂN LIỆT trên địa bàn thành phố Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long, từ kết quả của đề tài đưa ra những giải pháp giúp học sinh chọn được đúng ngôi trường Đại học mình yêu thích, giúp nhà trường nâng cao phương pháp hỗ trợ học sinh trong việc chọn trường, giúp các trường Đại học thu hút được các bạn học sinh THPT.
2680	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của người dùng đối với chất lượng dịch vụ tại Trung tâm học liệu của trường Đại học Cần Thơ	Trần, Khánh Linh	Cao, Minh Tuấn	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của người dùng đối với chất lượng dịch vụ tại trung tâm học liệu của trường đại học cần thơ từ đó đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng học tập và nhằm giúp người dùng học tập hiệu quả hơn, góp phần phát triển thư viện trường ngày một mở rộng và tiến bộ hơn.
2681	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến dự định chuyển đổi thương hiệu của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Phương Ngân	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi thương hiệu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Từ đó, xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng thương hiệu và hạn chế sự chuyển đổi thương hiệu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ.
2682	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Minh Thiện	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi TTCT ở tỉnh Kiên Giang và thông qua đề tài nhằm đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ nuôi TTCT trong địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2683	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến hiệu quả sản xuất của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Thị Thúy Quyên	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Từ đó, đề ra các giải pháp giúp nông hộ nuôi tôm nâng cao hiệu quả sản xuất từ góc độ cấu trúc vốn
2684	Đại học	Nghiên cứu tác động đa dạng hóa thu nhập đến thu nhập của hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Danh, Thị Hải Yến	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu tác động đa dạng hóa thu nhập đến thu nhập của hộ gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long qua đó đề xuất khuyến nghị giúp hộ gia đình nâng cao thu nhập.
2685	Đại học	Đa dạng hóa thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình Đồng bằng Sông Cửu Long	Từ, Minh Lý	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến gia tăng tỷ lệ thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp của hộ gia đình và tác động của thu nhập phi nông nghiệp đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
2686	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình Việt Nam	Nguyễn, Thanh Minh Thật	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình Việt Nam và đề xuất khuyến nghị nâng cao thu nhập cho hộ gia đình Việt Nam
2687	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Thiên Sinh tỉnh Bình Dương	Tô, Ngọc Hân	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần Thiên Sinh giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019 để phát hiện ra các ưu điểm và khuyết điểm của công ty từ đó đề xuất các giải pháp cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
2688	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu thủy sản của công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau (CASES)	Lê, Ái Nhân	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích tình hình xuất khẩu thủy sản của Công ty Chế biến và Dịch vụ Thủy sản Cà Mau (CASES). Từ đó ta có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu thủy sản của Công ty.
2689	Đại học	Thực trạng liên kết sản xuất và ứng dụng công nghệ sấy, bảo quản lúa gạo tại TP. Cần Thơ	Trịnh, Thị Xuân Hoa	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sấy, bảo quản và mô hình liên kết sản xuất lúa gạo tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong liên kết sản xuất, trong việc ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản lúa gạo tại địa bàn nghiên cứu.
2690	Đại học	Ảnh hưởng của lạm phát và thất nghiệp đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Nguyễn, Thị Cẩm Khuyến	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích ảnh hưởng của lạm phát và thất nghiệp đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam
2691	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình ở tỉnh Bến Tre	Tô, Hữu Đăng	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình ở tỉnh Bến Tre từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy đa dạng hóa thu nhập và cải thiện thu nhập cho hộ gia đình.
2692	Đại học	Nghiên cứu bất bình đẳng thu nhập của hộ gia đình tại Thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam	Phan, Kim Ly	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu bất bình đẳng trong thu nhập của hộ gia đình sống ở năm thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam và đề xuất khuyến nghị giải pháp để giảm bất bình đẳng thu nhập và nâng cao mức thu nhập cho hộ gia đình sinh sống tại các thành phố trực thuộc trung ương.
2693	Đại học	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam	Phan, Chí Nguyễn	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Phân tích thực trạng thất nghiệp ở Việt Nam. Xây dựng mô hình tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam. Đề ra đề xuất thu hút thêm đầu tư và làm giảm thất nghiệp.
2694	Đại học	Đo lường bất bình đẳng thu nhập của một số tỉnh thành thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Trần, Phi Nhơn	Nguyễn, Ngọc Lam	2019	Phân tích hệ số Gini để đánh giá mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập giữa các tỉnh và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, từ đó đưa ra giải pháp nhằm làm cải thiện bất bình đẳng thu nhập.

2695	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định chi tiêu cho bảo hiểm y tế của người dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	Lê, Nhật Duy	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định chi tiêu cho BHYT của người dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy người dân tham gia BHYT.
2696	Đại học	Thực trạng liên kết sản xuất và ứng dụng công nghệ sấy, bảo quản lúa gạo tại Sóc Trăng	Trần, Duy Mẫn	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu thực trạng tình hình liên kết sản xuất lúa gạo, ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản lúa gạo tại tỉnh Sóc Trăng, qua đó đề xuất khuyến nghị giải pháp để nâng cao hiệu quả liên kết sản xuất và chất lượng lúa gạo được bảo quản sau thu hoạch tại địa bàn nghiên cứu.
2697	Đại học	Nghiên cứu yếu tố kéo và đẩy ảnh hưởng đến di cư lao động của hộ gia đình tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu yếu tố kéo và đẩy ảnh hưởng đến di cư lao động của hộ gia đình tại Đồng bằng Sông Cửu Long
2698	Đại học	Thực trạng liên kết sản xuất và ứng dụng công nghệ sấy, bảo quản lúa gạo ở tỉnh An Giang	Lê, Long Hồ	Nguyễn, Tuấn Kiệt	2019	Nghiên cứu thực trạng mô hình liên kết sản xuất và ứng dụng công nghệ sấy, bảo quản lúa gạo tại tỉnh An Giang, từ đó đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong liên kết sản xuất, trong việc ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản lúa gạo tại địa bàn nghiên cứu.
2699	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương chi nhánh Cần Thơ	Đào, Nguyễn Như Ý	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích hoạt động tín dụng của Ngân hàng Công Thương chi nhánh Cần Thơ từ đó đưa ra đánh giá về hiệu quả tín dụng, đồng thời phát hiện các rủi ro tín dụng và đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng
2700	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân địa bàn thành phố Cà Mau	Huỳnh, Thảo Ngọc	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của người dân tại thành phố Cà Mau, nhằm đánh giá và đề xuất những giải pháp hợp lý, giúp nâng cao thu nhập nơi đây
2701	Đại học	Phân tích mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng siêu thị tại quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Hồ, Chí Thảo	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích được mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng siêu thị tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Sau đó đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mọi người.
2702	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Gia Hào	Khổng, Tiến Dũng	2018	Phân tích tình hình sản xuất cam sành của nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành của nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính và phát triển cây cam sành cho các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.
2703	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến hiệu quả sản xuất của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tỉnh Cà Mau	Bùi, Tấn Đạt	Bùi, Lê Thái Hạnh	2018	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tỉnh Cà Mau. Từ đó, đề ra các giải pháp giúp nông hộ nuôi tôm nâng cao hiệu quả sản xuất từ góc độ cấu trúc vốn.
2704	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng đậu bắp xanh tại hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi	Nguyễn, Thị Kiều Uyên	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng đậu bắp xanh tại HTX rau an toàn Thành Lợi, qua đó đề xuất các giải pháp để ổn định và tăng thu nhập cho nông hộ trồng đậu bắp tại HTX rau an toàn Thành Lợi trong thời gian tới.
2705	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm Cầu Đức tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Yến Ngọc	Cao, Minh Tuấn	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm trên địa bàn Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Qua đó đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn trong quá trình sản xuất khóm của nông hộ nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm

2706	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của hộ nuôi cá tra tại tỉnh An Giang	Võ, Thị Ái Liên	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của hộ nuôi cá tra tại tỉnh An Giang, trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá tra của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.
2707	Đại học	Phân tích ảnh hưởng hiểu biết tài chính đến quyết định tham gia bảo hiểm thủy sản của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Bùi, Lê Thái Hạnh	2018	Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến quyết định tham gia bảo hiểm thủy sản của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau. Từ đó đưa ra giải pháp giúp nông hộ nâng cao hiểu biết về tài chính, qua đó khuyến khích nâng cao kiến thức và nhu cầu về bảo hiểm thủy sản cho các nông hộ nuôi tôm, góp phần làm cho thu nhập của nông hộ ổn định, phát triển nền nông nghiệp bền vững.
2708	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất lúa ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Đức Thành	Võ, Thị Lang	2018	Phân tích hiện trạng sản xuất lúa của nông hộ trồng lúa tại huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng. Phân tích hiệu quả tài chính của sản xuất lúa tại huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng lúa tại huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng. Đề ra các giải pháp nhằm tăng lợi nhuận cho mô hình trồng lúa của nông hộ trồng lúa tại huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng.
2709	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Ngô, Thị Yến Nhi Em	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích thực trạng sản xuất của các nông hộ nuôi TTCT trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ nuôi TTCT trên địa bàn tỉnh. Đề xuất giải pháp giúp cho các hộ nuôi TTCT tỉnh Cà Mau nâng cao hiệu quả kỹ thuật.
2710	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất mía nguyên liệu tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Văn Kha	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Tìm hiểu thực trạng sản xuất mía tại Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất mía. Đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất mía.
2711	Đại học	Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh liên kết sản xuất phát triển kinh tế nông nghiệp tại tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Khổng, Tiến Dũng	2018	Tìm hiểu thực trạng về các mô hình liên kết sản xuất phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp tác giữa những người sản xuất, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ, giữa người nông dân với doanh nghiệp tại tỉnh Đồng Tháp. Từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực nhất nhằm thúc đẩy tái cơ cấu hợp tác, liên kết trong sản xuất phát triển kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp.
2712	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long	Lư, Tuyết Nhung	Khổng, Tiến Dũng	2019	Tìm hiểu thực trạng, phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ áp dụng kỹ thuật trồng lúa hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long. Từ đó, đề xuất giải pháp giúp nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ trồng lúa hữu cơ tại địa bàn tỉnh nhằm mục tiêu nhân rộng mô hình lúa hữu cơ ở các khu vực khác tại Đồng bằng sông Cửu Long.
2713	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ của biển ở huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau	Dương, Hạt Điều	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Tìm hiểu tình hình sản xuất và tiêu thụ của ở huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau. Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi cua biển. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của biển. Đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ của biển huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
2714	Đại học	Đánh giá nhận thức và ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Châu Thành tỉnh An Giang	Huỳnh, Thị Kim Yến	Nguyễn, Văn Ngân	2018	Đánh giá nhận thức và ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Châu Thành tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và biện pháp ứng phó phù hợp với thực trạng ngập lụt nhằm giảm thiểu thiệt hại cho nông dân

2715	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng giống lúa OM 4900 tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Mã, Vĩnh Thu	Lê, Thanh Sơn	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng giống lúa OM 4900 vụ Đông Xuân ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhằm tìm hiểu, phân tích giống lúa đem lại hiệu quả sản xuất cho người dân, đề ra các phương pháp giúp cải thiện nâng cao chất lượng và phát triển mô hình trồng lúa OM 4900.
2716	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa vùng sinh thái nông nghiệp ven biển đông Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Mẫn	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động sản xuất lúa tại vùng STNN ven biển Đông ĐBSCL. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa và doanh thu của nông hộ trồng lúa tại vùng STNN VBĐ ĐBSCL. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất lúa của nông hộ trong vùng STNN VBĐ ĐBSCL.
2717	Đại học	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài cánh đồng mẫu lớn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Nguyễn, Hoàng Nam	Vũ, Xuân Nam	2018	Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài cánh đồng mẫu lớn từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
2718	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất dưa hấu tại huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Thảo	Phạm, Lê Thông	2018	Mô tả thực trạng sản xuất dưa hấu ở huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ. Ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật đạt được của quá trình sản xuất dưa hấu tại địa bàn nghiên cứu. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất dưa hấu tại huyện Thới Lai. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật và chất lượng sản xuất.
2719	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng mía của nông hộ tại huyện Phụng Hiệp	Võ, Kim Mai Phương	Lê, Thanh Sơn	2018	Phân tích tình hình sản xuất mía tại huyện Phụng Hiệp. Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng mía và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng mía trên địa bàn huyện Phụng Hiệp. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng mía ở huyện Phụng Hiệp.
2720	Đại học	Khả năng tiếp cận thị trường của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Võ, Tuấn Đạt	Mai, Văn Nam	2018	Phân tích các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận thị trường và tác động tiếp cận thị trường đến thu nhập của nông hộ. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các nông hộ trồng lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
2721	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Trà	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích thực trạng tiếp cận tín dụng của nông hộ và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ.
2722	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang	Trần, Nguyễn Thiên Vy	Phạm, Lê Thông	2018	Tìm hiểu thực trạng thu nhập và sự đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm đẩy mạnh sự đa dạng hóa thu nhập của các nông hộ, giúp nông hộ nâng cao và ổn định nguồn thu nhập cho nông hộ ở tỉnh Hậu Giang
2723	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở tỉnh Kiên Giang cho việc bảo tồn hệ sinh thái của rừng U Minh	Nguyễn, Hồ Như Thủy	Huỳnh, Việt Khải	2018	Ước lượng mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở tỉnh Kiên Giang cho việc bảo tồn hệ sinh thái của rừng U Minh. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng và mức sẵn lòng chi trả cho dự án bảo tồn hệ sinh thái của rừng U Minh.

2724	Đại học	Anh hưởng của ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến hiệu quả tài chính vụ lúa Đông Xuân của nông hộ ở huyện Tân Hiệp tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Thùy Dung	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích ảnh hưởng của việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến hiệu quả tài chính vụ lúa Đông Xuân của các nông hộ tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
2725	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm sú thâm canh ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Lương, Thị Linh	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu tôm sú của nông hộ ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm sú thâm canh trong 2 vụ từ tháng 5/2017 đến tháng 5/2018. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ nuôi tôm. Đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ nuôi tôm sú thâm canh tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
2726	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân thành thị tại Thành phố Cần Thơ cho việc bảo tồn hệ sinh thái ở rừng U Minh	Lâm, Thị Bích Tuyền	Huỳnh, Việt Khải	2018	Tìm hiểu thái độ và nhận thức của người dân thành thị tại TPCT về việc bảo vệ rừng U Minh. Xác định mức sẵn lòng trả trung bình và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị cho việc bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh tại TPCT. Đưa ra một số đề xuất để bảo tồn hiệu quả và phát triển cân bằng hệ sinh thái rừng U Minh.
2727	Đại học	Đánh giá nhận thức và ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Văn Ngân	2018	Đánh giá nhận thức và tình hình ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và biện pháp ứng phó phù hợp với thực trạng ngập lụt nhằm giảm thiểu thiệt hại cho nông dân huyện Vĩnh Thạnh, TPCT
2728	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất dưa hấu của nông hộ tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Lâm, Thị Thanh Trúc	Mai, Văn Nam	2018	Phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính sản xuất dưa hấu của nông hộ tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, qua đó đề xuất giải pháp để nâng cao giá trị dưa hấu từ đó tăng thu nhập cho người nông dân
2729	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất bắp lai của nông hộ tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đỗ, Thị Bích Ngọc	Lê, Thanh Sơn	2018	Thực trạng sản xuất bắp lai của nông hộ tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ước lượng hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ sản xuất bắp lai trên địa bàn. Đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất bắp lai. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất bắp lai của các nông hộ.
2730	Đại học	Giải pháp chuyển đổi các mô hình sản xuất nông nghiệp tại huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Lý, Thanh Xuyên	Võ, Văn Dứt	2018	Nghiên cứu chuyển đổi các mô hình sản xuất nông nghiệp tại huyện Châu Phú tỉnh An Giang. Từ đó, đề xuất các giải pháp để định hướng chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững của Huyện.
2731	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ sản xuất lúa ở huyện Tân Hiệp tỉnh Kiên Giang vụ đông xuân 2017-2018 và hè thu 2018	Kim, Ngọc Đức	võ, Thị Lang	2018	Phân tích thực trạng sản xuất lúa ở huyện Tân Hiệp. Phân tích hiệu quả tài chính và ước lượng hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân bổ, hiệu quả sử dụng chi phí của nông hộ sản xuất lúa ở huyện Tân Hiệp tỉnh Kiên Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất lúa.
2732	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất khoai lang tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Kiều Nhung	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả sản xuất khoai lang tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long, để người nông dân có thể định lượng mức lợi nhuận đạt được, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất khoai lang

2733	Đại học	Hiệu quả kinh tế mô hình lúa sạ thưa ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thanh Thùy	Nguyễn, Văn Duyệt	2018	Phân tích tình hình sản xuất nông nghiệp và tình hình sản xuất lúa ở huyện Trà Ôn từ năm 2016 đến tháng 6 đầu năm 2018. Phân tích các tỉ số tài chính để đánh giá doanh thu, lợi nhuận của nông hộ thuộc mô hình sạ thưa. Sau đó phân tích các yếu tố đầu ra, đầu vào tác động đến doanh thu, chi phí và lợi nhuận của nông hộ. Phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả phân bổ của mô hình sạ thưa và các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả kinh tế của mô hình sạ thưa. Bên cạnh đó, đề xuất giải pháp nâng cao mô hình lúa sạ thưa ở địa bàn huyện Trà Ôn.
2734	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng lúa ở Thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Hoàng Thiết	Khổng, Tiến Dũng	2018	Tìm hiểu thực trạng sản xuất lúa, phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ sản xuất lúa ở Thành phố Vị Thanh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của nông hộ trồng lúa. Đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở Thành phố Vị Thanh
2735	Đại học	Phân tích tình hình cho vay mua nhà tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cần Thơ	Châu, Ngọc Chúc	Khổng, Tiến Dũng	2018	Phân tích tình hình cho vay mua nhà tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Để thấy rõ thực trạng cho vay mua nhà và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị hợp lý nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh để khắc phục hạn chế được các điểm yếu. Từ đó, hoạt động tín dụng cho vay mua nhà có thể được mở rộng và tăng trưởng bền vững góp phần tích cực vào việc phát triển hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín
2736	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ nuôi tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Cà Mau	Lê, Thị Nam Thanh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Tìm hiểu thực trạng nuôi tôm nước lợ của nông hộ trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHN của các hộ nuôi tôm TCT tại tỉnh Cà Mau. Đề xuất giải pháp nâng cao quyết định tham gia BHN của nông hộ nuôi tôm, đưa ra kiến nghị về BHN giúp các nông hộ có thể tham gia và được đảm bảo hơn trong sản xuất góp phần phát triển nghề nuôi tôm của tỉnh Cà Mau bền vững
2737	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Diệp, Phan Ngọc Thư	Khổng, Tiến Dũng	2018	Tìm hiểu thực trạng sản xuất cam sành của các hộ ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Phân tích hiệu quả tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình trồng cam sành ở địa bàn nghiên cứu. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho mô hình góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ
2738	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình trồng khóm Cầu Đúc tại tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Mỹ Nhân	Khổng, Tiến Dũng	2018	Phân tích hiệu quả kinh tế của cây khóm tỉnh Hậu Giang để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng khóm và từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp nông hộ nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để phát triển ổn định, ngày càng mở rộng qui mô sản xuất, tiêu thụ, nâng cao thu nhập cho nông hộ, đồng thời góp phần xây dựng phát triển nền nông nghiệp địa phương
2739	Đại học	Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Nhị	Khổng, Tiến Dũng	2018	Tìm hiểu thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại Thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở phân tích, đánh giá lý luận và thực tiễn về thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, góp phần phát triển bền vững đất nông nghiệp của Thành phố, từ đó định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại Thành phố Cần Thơ

2740	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa ở huyện U Minh tỉnh Cà Mau	Trương, Mộng Trúc	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích tình hình sản xuất lúa của các nông hộ ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau . Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong quá trình sản xuất lúa cho các hộ dân ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
2741	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa tại thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau	Phạm, Văn Ôn	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích tình hình sản xuất lúa của các nông hộ ở thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau. Ước lượng hiệu quả kỹ thuật đạt được của nông hộ sản xuất lúa thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau
2742	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và đề xuất giải pháp phát triển cây khoai lang tím huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Phan, Thị Mai Trinh	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng khoai lang tím và đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả tài chính cũng như cải thiện đời sống của người dân trồng khoai lang tím ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long. Xem xét chung về thực trạng hoạt động sản xuất khoai lang hiện nay đạt được những gì và cần nhìn nhận như thế nào trong vấn đề đưa ra giải pháp đẩy mạnh sản xuất khoai lang trong những năm tới
2743	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của các hộ trồng cam sành trên địa bàn huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Thị Ngọc Tuyền	Trương, Đông Lộc	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất cam sành ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các hộ trồng cam sành tại huyện Tam Bình. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho các hộ trồng cam sành ở huyện Tam Bình.
2744	Đại học	Phân tích thu nhập của nông hộ trồng lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Ngọc Vân	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của hộ nông dân trồng lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện thu nhập của nông hộ sản xuất lúa hữu cơ ở địa bàn nghiên cứu.
2745	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của nông hộ trồng chôm chôm Java theo mô hình Global Gap và theo mô hình truyền thống tại xã Bình Hòa Phước huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Son, Hoài Phong	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	So sánh hiệu quả tài chính của nông hộ trồng chôm chôm Java theo mô hình Global Gap và những nông hộ trồng theo mô hình truyền thống tại huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long. Từ đó tìm được mô hình sản xuất có hiệu quả cao hơn để mở rộng và phát triển mô hình bền vững hơn trong tương lai. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả tài chính, góp phần cải thiện đời sống và nâng cao kinh tế cho người dân tại địa bàn nghiên cứu.
2746	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình lúa hữu cơ ở xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Đặng, Nguyễn Kim Thư	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình lúa hữu cơ, từ đó đề xuất giải pháp duy trì và nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho mô hình trồng lúa hữu cơ ở xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
2747	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu năm rơm của nông hộ ở huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Lua	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Phân tích các khoản chi phí, doanh thu, lợi nhuận của nông hộ trồng năm rơm ở huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang. Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu của hộ trồng năm rơm. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao doanh thu cho nông dân trồng năm rơm ở huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang.

2748	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng hành tím tại thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Thanh Ngân	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích thực trạng sản xuất cây hành tím của nông hộ tại Vĩnh Châu. Phân tích hiệu quả tài chính, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng hành tím tại Vĩnh Châu. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ trồng hành tím tại thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng
2749	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của mô hình trồng măng cầu xiêm ở thị xã Ngã Bảy, Hậu Giang	Đỗ, Thùy Linh	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của mô hình trồng măng cầu xiêm ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang qua đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính, tăng thu nhập giúp người dân cải thiện sinh kế trong mô hình trồng măng cầu xiêm.
2750	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của mô hình nuôi tôm sú – lúa tại huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Hồng Y	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả sản xuất của mô hình nuôi tôm sú - lúa và những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận của nông hộ, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập cho nông hộ sản xuất tôm sú ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
2751	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất chôm chôm của nông hộ ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Ngọc Nhung	Vương, Quốc Duy	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất chôm chôm của nông hộ ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Phân tích hiệu quả và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất chôm chôm trên địa bàn nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất của cây.
2752	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của các hộ trồng khóm Cầu Đúc tại huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Đỗ, Hồng Phấn	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích thực trạng trồng khóm Cầu Đúc của các hộ nông dân tại vùng nghiên cứu. Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng khóm Cầu Đúc ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các nông hộ trồng khóm Cầu Đúc. Đề ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế khóm của các nông hộ.
2753	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Chợ Mới tỉnh An Giang	Huỳnh, Lê Ngọc Duyên	Phạm, Lê Thông	2018	Tìm hiểu tình hình sản xuất lúa gạo tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả trồng lúa tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
2754	Đại học	So sánh hiệu quả của mô hình sản xuất năng và mô hình sản xuất lúa tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Võ, Văn Cẩn	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	(1) Phân tích thực trạng sản xuất nông nghiệp ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. (2) So sánh mô hình trồng năng và mô hình trồng lúa của nông hộ để tìm ra mô hình đạt lợi nhuận cao nhất. (3) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của mô hình được lựa chọn từ kết quả so sánh ở mục tiêu (2). (4) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất hai mô hình lúa và năng cho nông hộ tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.
2755	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của diêm hộ sản xuất muối ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Trần, Trọng Nhân	Nguyễn, Thị Hồng Liễu	2018	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của hoạt động sản xuất muối của diêm hộ ở huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật của diêm nghiệp trong giai đoạn sắp tới.

2756	Đại học	Phân tích lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Kim Thảo	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích tình hình thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Phân tích thu nhập của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Phân tích lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp tăng thu nhập và lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
2757	Đại học	Đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng khóm ở huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang	Trần, Vũ Lan Phương	Trần, Ái Kết	2018	Đánh giá hiệu quả sản xuất khóm của nông hộ ở huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ sản xuất khóm để từ đó góp phần cải thiện thu nhập.
2758	Đại học	Phân tích hiệu quả nuôi cá lóc ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh	Thạch, Thị Thúy Thôn	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ các lóc ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ nuôi cá lóc ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nuôi cá lóc của nông hộ ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh.
2759	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất mía của nông hộ ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Tuyết Ngân	Võ, Thị Lang	2018	Phân tích tình hình sản xuất, chi phí, doanh thu, lợi nhuận của các nông hộ trồng mía đạt được ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng mía ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao lợi nhuận cho nông hộ trồng mía ở địa bàn nghiên cứu.
2760	Đại học	Đánh giá hiện trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu (ve chai) tại hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Đoàn, Thị Thủy Tiên	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Tìm hiểu hiện trạng phát sinh CTRSH và hoạt động bán phế liệu tại hộ gia đình trên địa bàn TPCT hiện nay. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định bán phế liệu của hộ. Phân tích những khó khăn gặp phải khi triển khai phân loại CTRSH tại nguồn. Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH tại địa bàn TPCT.
2761	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ	Long, Trường Thụy Du	Trần, Ái Kết	2018	Khái quát thực trạng sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Phân tích hiệu quả sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất dâu Hạ Châu huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ.
2762	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế sản xuất mía của nông hộ tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Kim, Thị Ngọc Lợi	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả kinh tế sản xuất mía của những nông hộ tại địa bàn huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và tìm hiểu các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất mía của hộ. Tìm hiểu những khó khăn mà các nông hộ ở huyện Cù Lao Dung đang đối mặt và trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho các nông hộ trồng mía.
2763	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Lê, Trần Thanh Phương	Khổng, Tiến Dũng	2018	Phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ – Cần Thơ Ford nhằm làm rõ thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó đề ra những giải pháp giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp càng ngày càng hiệu quả hơn.

2764	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình trồng nấm bào ngư trên địa bàn huyện Châu Thành Sóc Trăng	Trương, Thị Vân Hà	Trương, Chí Tiến	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất nấm bào ngư trên địa bàn. Phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận của nông hộ trồng nấm. Phân tích hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng nấm trên địa bàn huyện Châu Thành- tỉnh Sóc Trăng. Đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cho các nông hộ trồng nấm bào ngư ở huyện Châu Thành, Sóc Trăng.
2765	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng cam sành tại thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang	Lê, Hoàng Hải Đăng	Vũ, Xuân Nam	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất cam sành tại TX Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất cam sành của các nông hộ. Phân tích hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam sành tại TX Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất các biện pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho nông hộ tại địa phương.
2766	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Định Nhân	Lê, Thị Ngọc Trâm	Trương, Chí Hải	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để thấy được cách thức hoạt động của doanh nghiệp, để thấy được điểm mạnh cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Cụ thể là phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận qua 3 năm 2015- 2017. Đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Đề ra những giải pháp thích hợp để khắc phục và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.
2767	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình sản xuất nấm rơm ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Lưu, Thị Bích Vân	Nguyễn, Thanh Nguyệt	2018	Sản xuất nấm rơm là một trong các hình thức sử dụng rơm mang lại hiệu quả kinh tế nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Đây mạnh sản xuất nấm rơm vừa mang lại thu nhập cho nông dân trồng lúa, người sản xuất và tiêu thụ nấm vừa góp phần giảm khí thải nhà kính từ sản xuất lúa ở ĐBSCL. Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của việc sản xuất nấm rơm ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện thông qua khảo sát ngẫu nhiên 60 hộ nông dân trồng nấm rơm ở 3 xã Long Hưng, xã Mỹ Hương và thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa của huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, từ tháng 9/2018-10/2018. Mục tiêu của đề tài là nhằm phân tích thực trạng mô hình sản xuất và đưa ra một số giải pháp phát triển phù hợp nhằm nâng cao sản lượng, duy trì và mở rộng diện tích của các nông hộ trồng nấm. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các chỉ tiêu như: Trung bình, tần số, tỷ lệ,...để phân tích thực trạng sản xuất. Sản xuất nấm rơm là một trong các hoạt động tạo thu nhập chính cho các nông hộ (29%), tuy nhiên có khoảng 63% số hộ cho rằng trồng lúa là nguồn thu nhập chính. Các hộ trồng trung bình khoảng 1-7 vụ nấm/năm, đa số là trồng sau khi thu hoạch lúa vì tận dụng nguồn rơm sẵn có. Năng suất sản xuất nấm rơm trung bình khoảng 83,33 đến 202 kg/100m ² . Chi phí sản xuất trung bình khoảng 1.496.785 đồng/100m ² (với 44,38% chi phí lao động, 24,77% chi phí rơm) trong đó nông dân trồng nấm rơm sử dụng 56% chi phí bằng tiền (chủ yếu là rơm và meo) và 44% chi phí không bằng tiền (lao động nhà và đất nhà để trồng nấm), lợi nhuận trung bình 2.601.572 đồng/100m ² . Khó khăn lớn nhất khi sản xuất nấm rơm ở huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng là việc thiếu vốn sản xuất với 27,8% hộ, thời tiết không thuận lợi do sản xuất nấm rơm ngoài trời, chất lượng meo không tốt, giá rơm ngày càng tăng, thiếu kỹ thuật trồng nấm và giá nấm biến động mạnh.

2768	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng nhãn Idor ở xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Ngọc Mai	Vũ, Xuân Nam	2018	Phân tích tình hình trồng nhãn Idor của các nông hộ xã Nhơn Nghĩa huyện Phong Điền. Phân tích hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng nhãn Idor xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp giúp nông hộ trồng nhãn Idor có thể nâng cao được hiệu quả kinh tế và gia tăng thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu
2769	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang	Nguyễn, Phương Hằng	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích tình hình sản xuất lúa tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang. Đo lường hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ sản xuất lúa tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang. Đưa ra đánh giá chung về tình hình sản xuất và đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất lúa tại địa bàn nghiên cứu.
2770	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang	Phan, Thị Thu Hương	Phạm, Lê Thông	2018	Tìm hiểu tình hình trồng lúa ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang. Phân tích mức hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Tri Tôn. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật tại địa bàn huyện Tri Tôn. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.
2771	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình chuyên năn và mô hình luân canh năn lúa tại xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Võ, Tuyết Lan	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Nghiên cứu thực trạng mô hình chuyên canh năn và mô hình luân canh năn lúa trên địa bàn huyện xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. So sánh hiệu quả tài chính của mô hình chuyên canh năn và mô hình luân canh năn lúa trên địa bàn huyện xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình trồng năn của nông hộ trên địa bàn xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
2772	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ ở huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ	Cao, Phạm Ngọc Trân	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa của nông hộ ở huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ. Đánh giá khả năng tham gia liên kết và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa của nông hộ ở huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ. Đề ra các giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa của nông hộ ở huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.
2773	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền Thành phố Cần Thơ	Trương, Bảo Tâm	Khổng, Tiến Dũng	2018	Phân tích thực trạng trồng dâu Hạ Châu của các nông hộ ở huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Phân tích hiệu quả tài chính của những hộ nông dân trồng dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng dâu Hạ Châu. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ.
2774	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp của nông hộ huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Tố Loan	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích và đánh giá thực tế chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp tại huyện Cờ Đỏ, TPCT. Xác định các yếu tố tác động đến nông hộ thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp tại huyện Cờ Đỏ, TPCT. Đề xuất giải pháp cho địa phương định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp cho huyện Cờ Đỏ, TPCT.

2775	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng quýt đường thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Thị Yến Nhi	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả tài chính như doanh thu, chi phí, lợi nhuận của từng giai đoạn cây phát triển của hộ nông dân trồng quýt đường tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của hộ nông dân trồng quýt đường tại thị xã Long Mỹ.
2776	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị cam xoàn trên địa bàn huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Như Quỳnh	Vũ, Xuân Nam	2018	Phân tích chuỗi giá trị cây Cam Xoàn và các vấn đề có liên quan nhằm tìm ra hạn chế, khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ của nông dân trên địa bàn huyện Mỹ Tú. Qua đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, lợi thế cạnh tranh góp phần phát triển ngành hàng cây ăn quả nói chung cũng như mặt hàng cây Cam Xoàn nói riêng trên địa bàn huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
2777	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Trương, Thị Kim Cương	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích thực trạng sản xuất lúa (diện tích, sản lượng, năng suất) của các nông hộ trồng lúa huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Phân tích hiệu quả kỹ thuật, và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho nông hộ.
2778	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình nuôi tôm sú quảng canh của nông hộ ở huyện U Minh tỉnh Cà Mau	Võ, Ngọc Trang	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2018	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ tôm sú quảng canh ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trong thời gian vừa qua. Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm sú quảng canh ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ nuôi tôm sú quảng canh ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm sú quảng canh ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
2779	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau	Cao, Đăng Khoa	Bùi, Lê Thái Hạnh	2018	Phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến hiệu quả tài chính của các nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, từ đó đề ra giải pháp giúp nông hộ sản xuất đạt hiệu quả hơn trong sử dụng tốt các yếu tố tài chính.
2780	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Lê, Hoàng Kha	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2018	Phân tích thực trạng sản xuất lúa của nông hộ trên địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục phần nào những khó khăn trong quá trình sản xuất lúa, giúp nâng cao lợi nhuận cho nông hộ.
2781	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng lúa theo tiêu chuẩn Vietgap tại huyện Vĩnh Thạnh Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Lê Mi	Phan, Tùng Lâm	2018	Ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật của sản xuất lúa theo mô hình Vietgap tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ. Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.
2782	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX)	Nguyễn, Hữu Diễm Hà	Võ, Thị Lang	2018	Tìm hiểu thực trạng kinh doanh của công ty trong giai đoạn 2015 – T6/2018 để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố. Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao lợi nhuận và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
2783	Đại học	Phân tích thực trạng cây mít Thái siêu sớm tại huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Tổng, Minh Thư	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2018	Tìm hiểu thực trạng sản xuất cây mít Thái siêu sớm trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả trồng mít Thái siêu sớm của nông hộ. Đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế mít Thái siêu sớm.

2784	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng mía ở thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Nguyễn	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích thực trạng sản xuất mía của các nông hộ ở Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng mía ở Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ trồng mía ở Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
2785	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khoai lang ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Phụng	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khoai lang ở hai xã Tân Thành và Tân Hưng thuộc huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và đề xuất một số giải pháp nhằm từng bước nâng cao hiệu quả tài chính, mang lại lợi nhuận cao hơn cho nông hộ trong thời gian tới.
2786	Đại học	Phân tích các thuộc tính đối với sản phẩm có nguồn gốc từ cây thốt nốt tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích các thuộc tính của sản phẩm có nguồn gốc từ cây thốt nốt Tịnh Biên (chủ yếu là sản phẩm đường thốt nốt) thông qua sự đánh giá của khách hàng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện các thuộc tính, nâng cao giá trị của sản phẩm từ cây thốt nốt tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
2787	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng bưởi Năm roi ở Bình Minh – Vĩnh Long	Bùi, Thị Thảo Nhi	Phan, Thị Mỹ Hoàng	2018	Tìm hiểu và phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng bưởi Năm Roi ở thị xã Bình Minh- Vĩnh Long và sau đó tìm ra giải pháp tối ưu nhất giúp nâng cao năng suất bưởi Năm Roi, cải thiện đời sống cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu
2788	Đại học	Quản lý chất lượng chuỗi giá trị tôm sú huyện Mỹ Xuyên – Sóc Trăng	Bùi, Ký Thúy Huỳnh	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2018	Phân tích chuỗi giá trị tôm sú và các vấn đề có liên quan nhằm tìm ra các hạn chế, khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ của nông hộ nuôi tôm trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, lợi thế cạnh tranh góp phần phát triển ngành tôm sú và giúp tăng thu nhập cho người nuôi.
2789	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật mô hình trồng nhãn IDOR của nông hộ huyện Long Hồ, Vĩnh Long	Nguyễn, Ngọc Tường Vi	Trần, Ái Kết	2018	Khái quát thực trạng mô hình trồng nhãn Idor ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2015-2017. Phân tích hiệu quả kỹ thuật từ mô hình trồng nhãn idor ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2015-2017. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ trồng nhãn idor ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long trong những năm tới.
2790	Đại học	Đánh giá nhận thức và ứng phó với rủi ro do lụt của nông dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Yến Thu	Nguyễn, Văn Ngân	2018	Đánh Giá nhận thức và tình hình ứng phó rủi ro do lụt của nông hộ huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Trên cơ sở đó đề xuất giải một số giải pháp nâng cao nhận thức và biện pháp ứng phó phù hợp với thực trạng ngập lụt nhằm giảm thiểu thiệt hại cho nông dân tỉnh Hậu Giang.
2791	Đại học	Đánh giá nhu cầu của người dân Thành phố Cần Thơ cho việc bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Hằng Ny	Huỳnh, Việt Khải	2018	Đánh giá thái độ và nhận thức của người dân thành phố Cần Thơ đối với việc bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư tỉnh An Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng đóng góp của người dân thành phố Cần Thơ đối với việc bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư tỉnh An Giang. Đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao nhận thức và mức sẵn lòng đóng góp của người dân thành phố Cần Thơ về việc bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư, từ đó và nâng cao nhận thức và sự sẵn lòng đóng góp của người dân đối với việc bảo vệ và phát triển rừng.

2792	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại huyện An Phú, tỉnh An Giang	Phan, Mai Ngọc Hân	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích tình hình chung của nông hộ trồng lúa tại huyện An Phú, tỉnh An Giang. Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện An Phú, tỉnh An Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tại huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa.
2793	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình sản xuất quýt hồng của nông hộ ở huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp	Hồ, Hoàng Phúc	Lê, Thanh Sơn	2018	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình sản xuất quýt hồng của nông hộ ở huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp, để từ đó xác định được những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính trong mô hình sản xuất quýt hồng của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.
2794	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa tại huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Yên Phương	Phan, Thị Mỹ Hoàng	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa tại huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ, cụ thể là tình hình sản xuất lúa của nông hộ và đánh giá kết quả đạt được từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những mặt yếu kém, phát triển vùng sản xuất lúa và các giải pháp giúp nông hộ cải thiện và phát triển việc sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho nông hộ.
2795	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính nông hộ trồng mía tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Lưu, Nhật Thành	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng mía ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm mục đích nâng cao lợi nhuận cho nông hộ và hiệu quả sản xuất cho nông hộ.
2796	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH HTV hải sản 404	Thái, Thị Anh Thư	Phan, Thị Mỹ Hoàng	2018	Phân tích thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty TNHH HTV Hải sản 404 trong 3 năm 2015-2017. Phân tích các chỉ tiêu về tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty.
2797	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng bắp lai tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Anh Thư	Mai, Văn Nam	2018	Phân tích hiệu quả sản xuất trong mô hình trồng bắp lai tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, từ đó đề xuất các giải pháp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và <u>nâng cao thu nhập cho nông hộ sản xuất bắp lai tại địa phương</u>
2798	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ sầu riêng ở huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang	Phan, Thị Diễm Trinh	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Tìm hiểu thực trạng sản xuất và tiêu thụ sầu riêng của nông hộ ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sầu riêng của nông hộ ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Phân tích những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sầu riêng của nông hộ ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sầu riêng của nông hộ ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trên thị trường trong thời gian sắp tới.
2799	Đại học	Phân tích các chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả sản xuất vú sữa Lò Rèn tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Trần, Thị Mỹ Trang	Vũ, Thùy Dương	2018	Phân tích các chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả sản xuất vú sữa Lò Rèn ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất vú sữa Lò Rèn ở địa phương.
2800	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng cam sành tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Yên Nhi	Trần, Ái Kết	2018	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Từ đó đề xuất ra giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân.

2801	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính cây sầu riêng tại huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang	Đoàn, Văn Đạt	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích thực trạng sản xuất cây sầu riêng ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của việc trồng sầu riêng của nông hộ ở huyện Cai Lậy. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của việc sản xuất sầu riêng tại huyện Cai Lậy. Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao lợi nhuận, ổn định sản xuất cho nông hộ trồng sầu riêng ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
2802	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ của biển ở Cà Mau	Nguyễn, Thị Diễm Thi	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Tìm hiểu tình hình sản xuất và tiêu thụ của biển ở tỉnh Cà Mau. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất của biển ở tỉnh Cà Mau. Đề ra giải pháp nâng cao năng suất và lợi nhuận cho của biển Cà Mau.
2803	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất và tiêu thụ chuối ở Cà Mau	Nguyễn, thị Thanh Hoài	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ chuối ở Cà Mau từ đó phân tích hiệu quả trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ chuối của nông hộ tại tỉnh nhằm đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển thương hiệu chuối tại tỉnh Cà Mau.
2804	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị chuối ở tỉnh Cà Mau	Võ, Thị Diễm Mi	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	
2805	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trồng khoai lang tím của nông hộ ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Lê, Thị Huỳnh Như	Đỗ, Thị Tuyết	2018	Đánh giá, phân tích số liệu thu thập được từ nông hộ trồng khoai lang tím ở huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp để đưa ra nhận xét về hiệu quả tài chính của giống cây trồng này. Đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ sản xuất khoai lang tím của nông hộ, sau đó đề xuất những giải pháp để cải thiện thu nhập.
2806	Đại học	Giải pháp nâng cao chuỗi giá trị xoài ba màu ở huyện Chợ Mới tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Cẩm	Nguyễn, Phú Sơn	2018	Phân tích chuỗi giá trị xoài ba màu ở huyện Chợ Mới nhằm mục đích phát hiện ra những lỗ hổng trong chuỗi, từ đó đề ra các giải pháp chiến lược nâng cấp chuỗi trên địa bàn huyện.
2807	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Lê, Thị Anh Thư	Nguyễn, Phú Sơn	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất 2 vụ lúa của nông hộ thông qua việc phân tích các chỉ tiêu tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận từ đó đề ra hàm ý chính sách phù hợp giúp nông hộ nâng cao lợi nhuận trong thời gian tới.
2808	Đại học	Anh hưởng của việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến hiệu quả tài chính vụ lúa hè thu của các nông hộ ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Nguyễn, Trúc Vạn	Trương, Đông Lộc	2018	Phân tích ảnh hưởng của việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến hiệu quả tài chính vụ lúa Hè Thu của các nông hộ ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, trên cơ sở đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa nông hộ tại huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.
2809	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng lúa của nông hộ tại huyện An Phú, tỉnh An Giang	Trịnh, Ngọc Linh	Vũ, Thùy Dương	2019	Đánh giá thực trạng canh tác, sản xuất và thu nhập từ trồng lúa trên địa bàn huyện An Phú tỉnh An Giang; Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng lúa của các nông hộ trên địa bàn huyện An Phú tỉnh An Giang; Đề xuất các giải pháp nâng cao thu nhập từ trồng lúa cho nông hộ trên địa bàn huyện An Phú tỉnh An Giang
2810	Đại học	Anh hưởng của việc tham gia phi nông nghiệp đối với thu nhập của nông hộ ở Thành phố Cần Thơ	Lê, Yến Ngọc	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích ảnh hưởng của việc tham gia phi nông nghiệp đối với thu nhập của các nông hộ ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các biện pháp làm nâng cao thu nhập cải thiện đời sống của các nông hộ.
2811	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lương, Gia Linh	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại Thành phố Cần Thơ và từ đó đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động đa dạng hóa thu nhập tại nơi đây.

2812	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của người lao động ở nông thôn tỉnh An Giang	Lâm, Hoa Thy	Phạm, Lê Thông	2019	Đánh giá thực trạng lao động nông thôn ở tỉnh An Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của người lao động ở nông thôn tỉnh An Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng khả năng tìm việc làm cho người lao động khi di cư
2813	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Cà Mau	Trương, Thị Kim Hùng	Bùi, Lê Thái Hạnh	2018	Phân tích thực trạng sản xuất và phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi TTCT trong vụ thu hoạch vừa qua ở tỉnh Cà Mau. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính trong quá trình sản xuất của những nông hộ nuôi tôm TTCT ở tỉnh Cà Mau. Đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi TTCT ở tỉnh Cà Mau.
2814	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Dương Linh II	Lê, Bảo Trân	Đỗ, Thị Tuyết	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Dương Linh II từ năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó tìm ra những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian sắp tới.
2815	Đại học	Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng lao động nông thôn tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Phạm, Thị Thúy Kiều	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Phân tích, đánh giá thực trạng nguồn lực lao động nông thôn và hiệu quả sử dụng lao động nông thôn của hộ gia đình ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Đánh giá sự khác biệt về hiệu quả sử dụng lao động nông thôn của hộ gia đình ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang theo các yếu tố: quy mô gia đình, quy mô đất sản xuất, lĩnh vực lao động, số lao động gia đình, số người phụ thuộc, và trình độ học vấn. Đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng hiệu quả lao động nông thôn trên địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
2816	Đại học	Đánh giá hiện trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu (ve chai) của hộ gia đình trên địa bàn thành phố Cà Mau	Thạch, Sơn Sấm Bách	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Tìm hiểu hiện trạng phát sinh CTRSH và hoạt động bán phế liệu của hộ gia đình trên địa bàn TPCM. Xác định các nguyên nhân của việc bán và không bán phế liệu của hộ gia đình. Xác định mức sẵn lòng chi trả (WTP) của hộ gia đình cho chương trình phân loại CTRSH tại nguồn. Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH và nhận thức của người dân về việc phân loại CTRSH tại nguồn tại địa bàn TPCM.
2817	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá tra ở huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Huỳnh, Huyền Trân	Khổng, Tiến Dũng	2019	Tìm hiểu thực trạng và phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi cá tra ở huyện Châu Phú- tỉnh An Giang. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cá tra trong thời gian tới.
2818	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại tỉnh An Giang	Trần, Hữu Lễ	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh các hoạt động đa dạng hóa của nông hộ ở An Giang.
2819	Đại học	Phân tích tình hình sinh kế của người thu mua phế liệu và vựa phế liệu tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Trí Khang	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích hiện trạng CTRSH tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Phân tích các nhân tố tác động đến sinh kế của người thu mua phế liệu và vựa phế liệu tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục một phần sinh kế cho người thu mua phế liệu và vựa phế liệu tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
2820	Đại học	Tình hình sản xuất và tiêu thụ của nông hộ trồng khóm tại thành phố Vị Thanh – tỉnh Hậu Giang	Lưu, Kim Trí	Lê, Khương Ninh	2018	Tìm hiểu thực trạng chung về sản xuất và tiêu thụ của người nông dân trồng khóm tại Tp. Vị Thanh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất và tiêu thụ khóm của nông hộ ở Tp. Vị Thanh - tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ khóm tại Tp. Vị Thanh – tỉnh Hậu Giang.

2821	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm xã Bình An, huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang	Danh, Thị Kim Khoa	Vũ, Thùy Dương	2018	Phân tích thực trạng sản xuất khóm của nông hộ trồng trên địa bàn nghiên cứu. Phân tích kết quả sản xuất mô hình chuyên canh khóm và các tỷ số tài chính mô hình chuyên canh khóm. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ số thu nhập/chi phí. Đề xuất một số giải pháp giúp các nông hộ nâng cao hiệu quả tài chính mô hình.
2822	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khóm tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Ngô, Thị Ánh Tuyết	Nguyễn, Ngọc Lam	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất khóm tại Tp.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả về mặt tài chính của việc trồng khóm của nông hộ ở Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất của mô hình trồng khóm tại Tp.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ trồng khóm tại Tp.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
2823	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia mô hình cánh đồng lớn của nông hộ huyện Cờ Đỏ Thành phố Cần Thơ	Trần, Thanh Toàn	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia mô hình CDL của nông hộ huyện Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển mô hình CDL.
2824	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất khóm theo tiêu chuẩn Vietgap trên địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Tổng, Phương Anh	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích thực trạng của mô hình sản xuất khóm theo hướng VietGap trên địa bàn Thành phố Vị Thanh. Phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất khóm theo hướng VietGap trên địa bàn thành phố Vị Thanh. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình sản xuất khóm theo hướng VietGap tại địa phương.
2825	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Bến Tre	Trịnh, Thị Thu Uyên	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng dựa trên những thuận lợi khó khăn ngành nuôi tôm thẻ chân trắng mang lại, từ đó đưa ra đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả tài chính nuôi tôm thẻ chân trắng cho các nông hộ thuộc tỉnh Bến Tre.
2826	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ớt tỉnh Đồng Tháp	Thái, Tiểu Phụng	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng ớt tại tỉnh Đồng Tháp. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập trồng ớt của các nông hộ tại tỉnh Đồng Tháp. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trồng ớt cho các nông hộ tại tỉnh Đồng Tháp
2827	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thúy Hằng	Quan, Minh Nhựt	2019	Phân tíc hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Trên cơ sở đó đề xuất ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở địa phương.
2828	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất mía ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Tấn Vũ	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích thực trạng sản xuất mía của các nông hộ ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng mía ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ trồng mía ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
2829	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng mía huyện Phụng Hiệp – tỉnh Hậu Giang	Quách, Quốc Hưng	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích tình hình sản xuất mía ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng mía ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng mía ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2830	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trong mô hình trồng khóm tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Trương, Thị Hồng Gấm	Vũ, Thùy Dương	2018	Mô tả thực trạng sản xuất của nông hộ trồng khóm ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ước lượng hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng khóm ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khóm ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất của mô hình trồng khóm ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
2831	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận sử dụng dịch vụ xe buýt nhanh BRT của người dân Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thu Trang	Vũ, Thùy Dương	2019	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận sử dụng xe buýt nhanh BRT của người dân TP.Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ chấp nhận sử dụng dịch vụ xe buýt nhanh BRT của người dân.
2832	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khoai lang theo tiêu chuẩn VietGap tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Châu, Ngọc Chúc	Khổng, Tiến Dũng	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khoai lang theo tiêu chuẩn Vietgap, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất và tiêu thụ cho khoai lang huyện Bình Tân – Vĩnh Long.
2833	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa theo mô hình truyền thống và mô hình hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Mai Trúc	Khổng, Tiến Dũng	2019	Đề tài tập trung so sánh hiệu quả tài chính giữa hai mô hình trồng lúa truyền thống và trồng lúa theo hữu cơ của nông hộ ở tỉnh Vĩnh Long và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia mô hình trồng lúa hữu cơ. Từ đó làm căn cứ đề xuất mở rộng mô hình trồng lúa hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long
2834	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu	Thạch, Thị Huệ	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các hộ nuôi TTCT ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm ổn định sản xuất, tăng năng suất, cũng như lợi nhuận cho hộ nuôi tôm nước lợ ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu trong những năm tới.
2835	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng nấm rơm tại huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Nguyễn Hưng Thịnh	Khổng, Tiến Dũng	2019	Tìm hiểu tình hình sản xuất của nông hộ trồng nấm rơm tại huyện Long Mỹ , tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng nấm rơm tại huyện Long Mỹ , tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính và cho người nông dân trồng nấm rơm tại địa bàn huyện Long Mỹ , tỉnh Hậu Giang.
2836	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng nấm rơm tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Đặng, Thị Trúc Đào	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng nấm rơm tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đồng thời nêu ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của người dân nơi đây.
2837	Đại học	Giải pháp thúc đẩy tự tạo việc làm của hộ gia đình cho lao động nông thôn ở quận Ô Môn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Trúc Duyên	Trương, Đông Lộc	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tự tạo việc làm của hộ gia đình cho lao động nông thôn, từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tự tạo việc làm của hộ gia đình ở quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
2838	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng rau an toàn của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Anh	Khổng, Tiến Dũng	2019	Tìm hiểu về động cơ, nhu cầu, mục đích của người dân khi mua rau an toàn. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng rau an toàn, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua “rau an toàn” của người dân trên địa bàn Cần Thơ. Đưa ra hướng giải pháp kinh doanh cho mặt hàng rau an toàn.
2839	Đại học	Phân tích quản lý chất lượng chuỗi giá trị tôm thẻ chân trắng tại tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thiên Bảo	Lê, Nguyễn Đoan Khôi	2019	Phân tích chuỗi giá trị tôm thẻ chân trắng để tìm ra những hạn chế và khó khăn của ngành, từ đó xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, lợi thế cạnh tranh nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của chuỗi ngành tôm thẻ tại tỉnh Sóc Trăng.

2840	Đại học	Phân tích hiệu quả tiêu thụ lúa giống của công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ	Trần, Thanh Thiện	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tiêu thụ lúa giống của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông Nghiệp Cờ Đỏ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ lúa gạo trong thời gian tới.
2841	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khoai lang tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Uyên Nhi	Trần, Thu Hương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khoai lang huyện Bình Tân, Vĩnh Long. Qua đó đề xuất các giải pháp để ổn định và tăng thu nhập cho nông hộ trồng khoai lang trong thời gian tới
2842	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng bưởi da xanh huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Thùy Vân	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Đánh giá thực trạng sản xuất bưởi da xanh trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Phân tích hiệu quả tài chính của việc trồng bưởi da xanh trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng bưởi da xanh của nông dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.
2843	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng lúa ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Đức Huy	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích tình hình hiệu quả sản xuất lúa ở huyện Châu Thành A, Hậu Giang từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa cho nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
2844	Đại học	Phân tích các chức năng thị trường của chuỗi giá trị đậu nành rau tại An Giang	Nguyễn, Thị Bé Hương	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích các chức năng chính của chuỗi giá trị đậu nành rau và các giải pháp nâng cao tính liên kết giữa các chức năng trong chuỗi, thúc đẩy các chức năng thị trường của chuỗi giá trị đậu nành rau tại An Giang
2845	Đại học	Mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ xe buýt và các nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả cho dịch vụ phương tiện di chuyển công cộng xe buýt nhanh trên tuyến 91B – Nam Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ	Ngô, Thị Mỹ Xuyên	Vũ, Thùy Dương	2019	Đánh giá sự hài lòng của người sử dụng đối với dịch vụ xe buýt hiện nay. Bên cạnh đó, xem xét tìm ra những tác nhân ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của khách hàng sử dụng xe buýt trên tuyến 91B - Nam Cần Thơ.
2846	Đại học	Phân tích nguồn sinh kế nông hộ người Khmer tại làng nghề dệt chiếu Cà Hom – Bến Bạ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Thạch, Thị Mỹ Duyên	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng nguồn sinh kế của nông hộ người Khmer làm nghề dệt chiếu tại làng nghề truyền thống Cà Hom – Bến Bạ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Từ đó, đề xuất một số giải pháp giúp nông hộ sử dụng tốt hơn các nguồn lực sinh kế sẵn có làm tăng khả năng tiếp cận với cơ hội việc làm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và giảm nghèo nơi đây.
2847	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm sú xen canh với thả chân trắng tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Võ, Thị Ngoan	Trần, Thu Hương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi tôm sú xen canh thả chân trắng tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu từ đó đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ.
2848	Đại học	Phân tích các chỉ số tài chính của nông hộ trồng khoai lang tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Phương Dung	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất sản phẩm khoai lang tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất khoai lang.
2849	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro liên kết sản xuất lúa của nông hộ trong mô hình cánh đồng lớn tại huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Yến Vy		2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro liên kết sản xuất lúa trong mô hình CDL trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro liên kết, cải thiện việc thực thi hợp đồng giữa nông hộ và doanh nghiệp.

2850	Đại học	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa vụ hè thu và vụ thu đông tại huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang	Đào, Thị Huyền Trâm	Đỗ, Thị Tuyết	2018	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa của hai vụ Hè Thu và Thu Đông tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, từ đó cung cấp thêm thông tin để nông dân chuyển đổi vụ mùa phù hợp tăng thêm thu nhập và đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả sản xuất lúa cho người nông dân.
2851	Đại học	Lượng giá mức sẵn lòng chi trả cho rủi ro sức khỏe trong sản xuất nông nghiệp: Phương pháp thí nghiệm lựa chọn thuốc trừ sâu ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Lê, Thị Hoàng Yến	Huỳnh, Việt Khải	2019	Lượng giá mức sẵn lòng trả cho rủi ro sức khỏe liên quan đến sử dụng thuốc trừ sâu của nông dân ở 3 tỉnh thành (Cần Thơ, Vĩnh Long và Hậu Giang) vùng Đồng bằng sông Cửu Long, mà còn tìm hiểu nhận thức củ họ về sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp. Từ đó đề ra các kiến nghị mang lại lợi ích cho người nông dân, định hướng hành vi sử dụng thuốc trừ sâu của nông dân có hiệu quả để giảm rủi ro về sức khỏe của chính họ.
2852	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng bắp ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Thùy Trinh		2019	Phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng bắp ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, từ đó đề ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.
2853	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính mô hình trồng cam sành của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Trần Hưng	Vương, Quốc Duy	2018	Đánh giá tình hình trồng cam sành trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đánh giá hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam của nông hộ ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính mô hình trồng cam sành của nông hộ huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính sản xuất cam sành, nhằm tăng thu nhập cho nông hộ.
2854	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của lao động ở tỉnh Trà Vinh	Trầm, Thị Diễm Hương	Phạm, Lê Thông	2019	Đánh giá thực trạng lao động ở tỉnh Trà Vinh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của lao động ở tỉnh Trà Vinh. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng khả năng tìm việc làm cho người lao động khi di cư.
2855	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính của mô hình lúa hữu cơ và mô hình lúa truyền thống và khả năng mở rộng mô hình lúa hữu cơ tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Trần, Tú Trân	Khổng, Tiến Dũng	2019	Phân tích thực trạng nông hộ trồng lúa theo mô hình hữu cơ tại tỉnh Vĩnh Long và nông hộ trồng lúa truyền thống tại tỉnh Sóc Trăng từ đó tìm ra các giải pháp để phát triển mô hình này tại tỉnh Sóc Trăng và tìm kiếm các giải pháp để mở rộng mô hình ra các khu vực lân cận.
2856	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khóm tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Hải Đăng	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông dân trồng khóm tại xã Hòa Tiến và Tân Tiến thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất khóm tại thành phố Vị Thanh.
2857	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình cánh đồng mẫu lớn tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2019	Phân tích thực trạng và hiệu quả tài chính của các nông hộ sản xuất lúa trong mô hình CDML ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất trong mô hình huyện Tam Bình trong thời gian tới.
2858	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa tại quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thảo My	Trương, Đông Lộc	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn quận Ô Môn từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trồng lúa cho người dân.
2859	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa vụ Đông Xuân tại huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang	Phan, Thị Nguyễn Như	Nguyễn, Thị Kim Phượng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa vụ Đông Xuân của nông hộ tại huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang. Từ đó, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính nâng cao thu nhập của nông hộ.

2860	Đại học	Mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ xe buýt và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng trả cho dịch vụ xe buýt tốc hành tuyến Hùng Vương – Ô Môn, TP Cần Thơ	Nguyễn, Vũ Linh Nguyên	Vũ, Thùy Dương	2019	Đánh giá sự hài lòng đối với hệ thống xe buýt hiện nay, đồng thời xem xét các tác nhân ảnh hưởng đến mức sẵn lòng trả đối với hệ thống BRT của người dân sử dụng xe buýt tuyến Hùng Vương – Ô Môn, trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.
2861	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính hộ nuôi heo thịt ở huyện Mô Cày Bắc tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Minh Khoa	Nguyễn, Văn Duyệt	2018	Phân tích thực trạng chăn nuôi heo thịt ở huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Phân tích các chỉ tiêu tài chính trong chăn nuôi heo thịt ở huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của hộ nuôi heo thịt ở huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Đề xuất giải pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo thịt của nông hộ ở huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.
2862	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất cam sành tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Lưu Thủy Ngọc	Vũ, Thùy Dương	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các nông hộ sản xuất cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long để từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ sản xuất cam sành tại huyện trong thời gian sắp tới.
2863	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị trâu và cùi trâu tại huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang và huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Thu Đào	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích chuỗi giá trị trâu và cùi trâu nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao giá trị trâu và cùi trâu và góp phần phát triển hơn ngành sản xuất trâu và cùi trâu tại huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang và huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp.
2864	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình trồng thanh long ruột đỏ ở huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Huỳnh Như	Nguyễn, Văn Duyệt	2018	Thực trạng trồng cây thanh long ruột đỏ ở huyện Tam Bình năm 2018. Hiệu quả kinh tế của mô hình trồng thanh long trên giàn và mô hình trồng thanh long theo hướng truyền thống trên trụ. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình tại địa phương.
2865	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi heo gia đình tại xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Mai, Hoàng Kha	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi heo gia đình tại xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính, nâng cao thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.
2866	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa ở huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau	Trần, Thị Tố Huệ	Phạm, Lê Thông	2018	Tìm hiểu đặc điểm chung và phân tích tình hình sản xuất của các nông hộ trồng lúa ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phân tích kết quả sản xuất, các chỉ tiêu tài chính ảnh hưởng của các nông hộ trồng lúa ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phân tích hiệu quả kỹ thuật và phi hiệu quả kỹ thuật trong trồng lúa của các nông hộ trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa và hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ của huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.
2867	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa ở huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Nguyễn, thị Diễm	Phạm, Lê Thông	2018	Phân tích tình hình chung của các nông hộ sản xuất lúa ở huyện Thới Bình. Phân tích hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa của các nông hộ ở Huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ ở huyện Thới Bình.
2868	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Huỳnh Nhi	Đỗ, Thị Hoài Giang	2018	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa của các nông hộ ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận đối với hoạt động trồng lúa của nông hộ ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ lúa ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang trong thời gian sắp tới.

2869	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc di cư kinh tế của người lao động tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trần Bích Huyền	Phạm, Lê Thông	2019	Mục tiêu nghiên cứu trọng tâm của đề tài là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc di cư kinh tế của lao động ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.
2870	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Lê, Việt Đức	Phạm, Lê Thông	2019	Đánh giá các chỉ số tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang từ đó đưa ra giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả của nông hộ trồng lúa trên địa bàn nghiên cứu.
2871	Đại học	Phân tích tác động của xâm nhập mặn đến năng suất lúa vụ Đông Xuân tại tỉnh Bạc Liêu	Đinh, Diễm Huyền	Huỳnh, Việt Khải	2019	Phân tích các yếu tố và so sánh ảnh hưởng của hiện tượng xâm nhập mặn đến năng suất lúa vụ Đông Xuân 2017 – 2018 tại tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lúa tại địa phương.
2872	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khoai lang nhật của nông hộ tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khoai lang Nhật của nông hộ huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả tài chính trong sản xuất khoai lang Nhật của huyện Bình Tân.
2873	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng củ hành tím tại thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng	Nesang, Sóc Đa	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng củ hành tím tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng để từ đó tìm r những khó khăn, thách thức và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật mà các nông hộ đang canh tác nông phẩm này đang gặp phải nhằm giúp cải thiện thu nhập gia đình và nâng cao giá trị nông phẩm của tỉnh đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước.
2874	Đại học	Ước lượng thiệt hại kinh tế của người dân do tiếp xúc với bụi mịn PM10 và PM2.5 tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thanh Trúc	Khổng, Tiến Dũng	2019	Đo lường thiệt hại kinh tế do tiếp xúc với bụi mịn PM10 và PM2.5 ở Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần làm giảm thiệt hại do ô nhiễm môi trường không khí gây ra.
2875	Đại học	Nghiên cứu nhận thức và mức sẵn lòng trả của người dân để cải thiện chất lượng không khí tại Thành phố Cần Thơ: Tiếp cận bằng phương pháp định giá ngẫu nhiên và chuyển giao kết quả	Trương, Thị Băng Thanh	Khổng, Tiến Dũng	2019	Nghiên cứu nhận thức và mức sẵn lòng trả để cải thiện chất lượng không khí tại thành phố Cần Thơ tiếp cận bằng phương pháp định giá ngẫu nhiên và chuyển giao kết quả, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức và giảm thiểu các thiệt hại do ô nhiễm không khí gây ra góp phần bảo vệ sức khỏe của cộng đồng.
2876	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Huỳnh, Thị Khánh Linh	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong hoạt động sản xuất lúa của nông hộ tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật, nhằm góp phần cải thiện hiệu quả trong sản xuất lúa cho các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.
2877	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của biển của nông hộ ở huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Hoài Văn	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả sản xuất nông hộ nuôi cua biển huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau 2018 và đề xuất các giải pháp giúp nông hộ nâng cao hiệu quả sản xuất nông hộ trong thời gian tới
2878	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa trong mô hình lúa – tôm ở tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Lê Yến Như	Huỳnh, Việt Khải	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa trong mô hình lúa tôm tại tỉnh Kiên Giang từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các ảnh hưởng đồng thời cải thiện chất lượng và tăng năng suất cây lúa.
2879	Đại học	Phân tích tác động của việc làm phi nông nghiệp đến thu nhập nông hộ Đồng bằng Sông Cửu Long	Lê, Thị Oanh	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích ảnh hưởng của việc tham gia các hoạt động phi nông nghiệp đến thu nhập của nông hộ, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao năng cao khả năng đa dạng hóa thu nhập cũng như cải thiện mức sống cho nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long.

2880	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng hành lá của nông hộ ở huyện Bình Tân – tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Cam Gia Bảo	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng hành lá tại huyện Bình Tân - tỉnh Vĩnh Long, từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính và phát triển mở rộng mô hình này.
2881	Đại học	Giải pháp nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm dưa khô tại tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Hồ Thụy Lam	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm dưa khô, từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm dưa khô nhằm cải thiện thu nhập cho người dân tỉnh Trà Vinh.
2882	Đại học	Tác động của chính sách hỗ trợ tín dụng đến thu nhập của hộ gia đình ở Việt Nam	Diệp, Tiểu Bình	Quách, Dương Từ	2019	Phân tích tác động của các chính sách hỗ trợ tín dụng đến thu nhập của hộ gia đình ở Việt Nam để từ đó có thể nhận định việc tham gia chính sách hỗ trợ tín dụng có góp phần cải thiện thu nhập của hộ gia đình ở Việt Nam.
2883	Đại học	Phân tích giá sẵn lòng trả của việc chuyển đổi từ xe máy sang xe buýt tốc hành tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Mỹ Loan	Khổng, Tiến Dũng	2019	Xác định mức giá sẵn lòng trả của người dân ở thành phố Cần Thơ để chuyển đổi từ việc đi xe máy sang sử dụng dịch vụ xe buýt tốc hành. Từ đó đề xuất các giải pháp để khuyến khích và phát triển hệ thống xe buýt tổ hành.
2884	Đại học	Phân tích kết quả sản xuất của các hộ trồng xoài Cát Chu tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong năm 2018	Huỳnh, Thị Hột Xoàn	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng xoài Cát Chu trên địa bàn huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhằm đề xuất các giải pháp phát triển mô hình trồng xoài Cát Chu.
2885	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng chuối tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng chuối ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, từ đó đề xuất một số giải pháp nông hộ nâng cao hiệu quả tài chính trong thời gian tới.
2886	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất chuối của nông hộ ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thị Ánh Hậu	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả sản xuất chuối ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ trong thời gian tới.
2887	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân ở huyện Hòn Đất, Kiên Giang	Trần, Minh Thế	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất trồng lúa của nông hộ ở huyện Hòn Đất, Kiên Giang
2888	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của lao động ở huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Bích Khánh	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định di cư về kinh tế của lao động ở huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.
2889	Đại học	Phân tích giá sẵn lòng trả của người dân Thành phố Cần Thơ đối với dịch vụ xe buýt nhanh (BRT) tiếp cận bằng phương pháp định giá ngẫu nhiên và phương pháp định giá suy luận	Lê, Thị Yến Khoa	Khổng, Tiến Dũng	2019	Phân tích hiện trạng phát triển dịch vụ BRT hiện nay và ước lượng mức giá sẵn lòng trả cho dịch vụ BRT tại TPCT. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy việc xây dựng dịch vụ BRT trên địa bàn thành phố
2890	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của mô hình sản xuất truyền thống với mô hình sản xuất hữu cơ và sự sẵn lòng chuyển đổi sang mô hình lúa hữu cơ của nông hộ tại huyện Long Mỹ tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị mộng Thu	Khổng, Tiến Dũng	2019	So sánh hiệu quả tài chính của mô hình sản xuất lúa truyền thống với mô hình sản xuất hữu cơ và sự sẵn lòng chuyển đổi sang tham gia vào chương trình sản xuất lúa hữu cơ của nông hộ. Qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình sản xuất lúa hữu cơ.
2891	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các chỉ tiêu tài chính của nông hộ trồng năn bộp ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Trần Thúy Ái	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các chỉ tiêu tài chính của nông hộ trồng năn bộp ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật và các chỉ tiêu về tài chính cho nông hộ trồng năn bộp trên địa bàn nghiên cứu

2892	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa tại huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Dur, Hồng Cẩm	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa vụ Hè Thu năm 2019 tại Huyện Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của việc trồng lúa tại địa bàn nghiên cứu.
2893	Đại học	Phân tích khả năng nhận thức các loại rủi ro trong sản xuất nông nghiệp của sinh viên kinh tế nông nghiệp trường Đại học Cần Thơ	Sử, Bùi Gia Huy	Huỳnh, Trường Huy	2019	Nghiên cứu các loại rủi ro trong sản xuất nông nghiệp ,dựa vào cơ sở đó phân tích mức độ nhận thức về các loại rủi ro trên của sinh viên khoa Kinh tế nông nghiệp trường Đại học Cần Thơ.
2894	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ đông xuân ở tỉnh Bạc Liêu	Quách, Ngọc Mỹ	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân ở tỉnh Bạc Liêu. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm tăng năng xuất sản xuất của các nông hộ.
2895	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa RVT của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	Thạch, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách để tăng năng suất lúa RVT trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
2896	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sầu riêng rải vụ ở xã Hòa Nghĩa huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre	Cao, Nguyễn Diệu Thoáng	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sầu riêng Ri 6 rải vụ ở xã Hòa Nghĩa huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao năng suất cho các nông hộ trồng sầu riêng tại huyện Chợ Lách.
2897	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa trong hợp tác xã ở huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Mai, Thùy Dương	Phạm, Lê Thông	2019	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất lúa theo mô hình hợp tác xã để đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả và đời sống của nông hộ trên địa bàn huyện Cờ Đỏ trong thời gian tới.
2898	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng dưa hấu tại quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	Võ, Ngọc Minh Thư	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng dưa hấu tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, nhằm đề xuất giải pháp tăng cao hiệu quả kinh tế trồng dưa hấu tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
2899	Đại học	Hiệu quả tài chính nuôi cua biển của nông hộ ở huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau năm 2018	Lê, Thị Minh Mẫn	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ nuôi cua biển năm 2018 và đề ra các giải pháp giúp nông hộ nuôi cua biển tại huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau nâng cao hiệu quả tài chính
2900	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ấu Đài Loan ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Anh Tài	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng ấu Đài Loan của nông hộ tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nhằm giúp người dân nâng cao hiệu quả trong sản xuất và đề ra các giải pháp giúp người dân cải thiện và phát triển mô hình trồng ấu Đài Loan ở địa phương.
2901	Đại học	Ước lượng sự sẵn lòng chi trả của người dân cho chương trình phân loại rác tại nguồn ở ĐBSCL	Cao, Thị Cẩm Thi	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân cho Chương trình PLRTN ở ĐBSCL từ đó đưa ra giải pháp pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường và nâng cao công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt.
2902	Đại học	Đánh giá sự khác biệt về hiệu quả tài chính theo mức độ tiếp cận thị trường của nông hộ nuôi tôm sú tại cù lao Long Hòa, huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh	Huỳnh, Hương	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu đánh giá sự khác biệt hiệu quả tài chính theo mức độ tiếp cận thị trường của nông hộ nuôi tôm sú tại cù lao Long Hòa, huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, từ đó đề xuất một số các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính thông qua tiếp cận thị trường cho nông hộ.
2903	Đại học	Phân tích sự sẵn lòng chi trả của người dân cho chương trình phân loại rác tại nguồn trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Thanh Sang	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích sự sẵn lòng chi trả và đánh giá nhận thức của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho Chương trình phân loại rác tại nguồn.

2904	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ nuôi tôm sú tại Cù lao Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Lê, Thị Phương Thanh	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ nuôi tôm sú tại cù lao Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ nuôi tôm sú trong thời gian tới.
2905	Đại học	Phân tích rủi ro tiêu thụ lúa của nông hộ tham gia cánh đồng mẫu lớn ở huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Dương, Thị Nhã	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích rủi ro tiêu thụ lúa của nông hộ tham gia CĐL ở huyện Vĩnh Thạnh, TPCT. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần giảm thiểu rủi ro đầu ra, tăng thu nhập cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.
2906	Đại học	Đo lường tác động của việc chuyển đổi mô hình sản xuất thích ứng xâm nhập mặn đến thu nhập nông hộ trồng lúa tại Sóc Trăng và Cà Mau	Phạm, Kim Ngân	Phan, Đình Khôi	2019	Nghiên cứu thực trạng các mô hình sản xuất lúa thích ứng với xâm nhập mặn và đo lường tác động của chúng đến thu nhập của hộ nông dân trồng lúa ở Sóc Trăng và Cà Mau.
2907	Đại học	Ứng dụng mô hình lựa chọn để đánh giá sự sẵn lòng chi trả cho chương trình phân loại rác tại nguồn của các hộ gia đình ở khu vực ĐBSCL	Phạm, Quế Anh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Đánh giá sự sẵn lòng chi trả cho chương trình phân loại rác tại nguồn của các hộ gia đình ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.
2908	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân tại hai huyện Tân Phước và Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	Võ, Phương Linh	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất trồng lúa vụ Đông Xuân tại hai huyện Tân Phước và Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.
2909	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khoai mỡ ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	Phan, Võ Ngọc Trân	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của các hộ sản xuất khoai mỡ ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Từ kết quả nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trồng khoai mỡ cho nông hộ ở huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
2910	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị dừa khô ở tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Triều Lam	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu của đề tài “Phân tích chuỗi giá trị dừa khô ở tỉnh Trà Vinh” là thông qua những hoạt động của tất cả các tác nhân tham gia chuỗi giá trị nhằm tìm ra những mặt hạn chế, khó khăn đang tồn tại trong sản xuất và tiêu thụ của chuỗi giá trị dừa khô ở tỉnh Trà Vinh, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao và hoàn thiện tính kinh tế của chuỗi giá trị.
2911	Đại học	Phân tích lựa chọn mô hình sản xuất của nông hộ trồng lúa trong điều kiện ngập mặn tại tỉnh Sóc Trăng và Cà Mau	Phạm, Thị Ngọc Hân	Phan, Đình Khôi	2019	Nghiên cứu thực trạng các mô hình sản xuất lúa thích ứng với biến đổi khí hậu và phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định tham gia chuyển đổi mô hình sản xuất từ Lúa độc canh sang Lúa kết hợp thủy sản tại tỉnh Sóc Trăng và Cà Mau.
2912	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất đậu xanh tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Trần, Thị Mỹ Ngọc	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của cây đậu xanh và đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu quả tài chính, nâng cao năng suất của cây đậu xanh tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang.
2913	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất rau muống lấy hạt tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Đoàn, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất rau muống lấy hạt tại huyện Châu Phú, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất rau muống lấy hạt và nâng cao thu nhập cho người dân tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

2914	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của mè tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thu An	Nguyễn, Hữu Đăng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của mè tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Từ kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính của cây mè trên địa bàn thành phố Long Xuyên, An Giang.
2915	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ và mức sẵn lòng chi trả cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ xe buýt tại tỉnh Sóc Trăng	Bùi, Thị Diệu Hiền	Khổng, Tiến Dũng	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ xe buýt hiện tại và mức giá sẵn lòng trả của người dân ở tỉnh Sóc Trăng để nâng cao chất lượng dịch vụ xe buýt, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ xe buýt truyền thống.
2916	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của tham gia Vietgap đến thu nhập của hộ trồng nhãn Idor ở tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang	Trịnh, Thị Thảo Nhi	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng nhãn Idor ở tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang nhằm đề xuất các biện pháp để nâng cao thu nhập của nông hộ trồng nhãn Idor ở địa bàn khảo sát.
2917	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng lúa chất lượng cao RVT tại huyện Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu	Lê, Ngọc Anh Thư	Khổng, Tiến Dũng	2019	Xác định hiệu quả tài chính và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa thơm RVT. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp nông hộ nâng cao hiệu quả của mô hình, ngày càng mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông hộ trồng lúa thơm RVT.
2918	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau	Trần, Thiên Thảo	Phạm, Lê Thông	2019	phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau từ đó đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian sắp tới.
2919	Đại học	Phân tích lợi ích – chi phí của dự án xe buýt tốc hành tuyến sân bay Cần Thơ – Bến xe Cái Răng	Võ, Thị Thắm	Khổng, Tiến Dũng	2019	Phân tích lợi ích – chi phí của dự án xe buýt tốc hành tuyến Sân bay Cần Thơ – Bến xe Cái Răng để xem xét tính khả thi của dự án, từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao tính khả thi của dự án.
2920	Đại học	Thực trạng vay tín dụng phi chính thức của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Lài	Lê, Khương Ninh	2019	Tìm hiểu thực trạng vay tín dụng phi chính thức của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhằm hạn chế mặt tiêu cực và phát huy mặt tích cực của tín dụng phi chính thức.
2921	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh của nông hộ tại tỉnh Sóc Trăng	Trần, Hoàng Duy	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích tình hình nuôi và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Sóc Trăng. Từ đó đưa ra một số kết luận về những thuận lợi, khó khăn, hiệu quả kinh tế của công tác nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Sóc Trăng
2922	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng hành tím trên bờ ao nuôi tôm tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Phan, Triệu Thành Công	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng hành tím trên bờ ao nuôi tôm tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng. Trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho các hộ trồng hành tím trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung
2923	Đại học	So sánh hiệu quả sản xuất giữa các nông hộ trồng giống lúa OM5451 và IR taijhueenj Thoại Sơn tỉnh An Giang	Đinh, Gia Toàn	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	So sánh hiệu quả sản xuất giống lúa OM5451 và IR50404 tại huyện Thoại Sơn - tỉnh An Giang, từ đó cung cấp thêm thông tin để giúp bà con nông dân có cơ sở để lựa chọn giống lúa phù hợp và đề xuất một số giải pháp cơ bản để giúp bà con nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trong thời gian sắp tới
2924	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa của các nông hộ ở xã Thới An Hội huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Đinh, Thanh Tùng	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa và đề ra những giải pháp giúp tăng lợi nhuận của nông hộ ở xã Thới An Hội huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng.

2925	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ chăn nuôi bò sữa ở 3 xã Viên An, xã Viên Bình và xã Liêu Tú tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Lâm, Thái Ngọc	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Phân tích hiệu quả tài chính từ hoạt động chăn nuôi bò sữa của nông hộ ở 3 xã Viên An, xã Viên Bình và xã Liêu Tú ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề xuất giải pháp giúp người nông dân chăn nuôi bò sữa tại địa bàn nghiên cứu cải thiện được tình sản xuất, giúp tăng thu nhập cho người chăn nuôi.
2926	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất mía ở thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đỗ, Thanh Thiện	Vũ, Thùy Dương	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng mía ở Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang nhằm đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ sản xuất mía trên địa bàn.
2927	Đại học	Đánh giá thị hiếu người tiêu dùng tại thành phố Sóc Trăng đối với sản phẩm gạo thân thiện với môi trường	Nguyễn, Thị Hoài My	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng Thành phố Sóc Trăng đối với sản phẩm gạo thân thiện với môi trường để góp phần bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.
2928	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá bán của nông hộ trồng lúa tại xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Cao, Kim Hoa	Phạm, Lê Thông	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá bán lúa của nông hộ trồng lúa tại xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp nông hộ chủ động hơn trong sản xuất.
2929	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ sản xuất lúa tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Phan, Thế Nhân	Nguyễn, Văn Ngân	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ sản xuất lúa ở huyện Trà Ôn và đề xuất các giải pháp giúp tăng hiệu quả kỹ thuật cho nông dân huyện Trà Ôn
2930	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Lê Trúc Giang	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thu nhập của hộ gia đình, từ đó nêu ra một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động nhằm cải thiện mức thu nhập của hộ gia đình ở thành phố Cần Thơ.
2931	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Võ, Thị Bảo Trân	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.
2932	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng hành tím ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Châu, Thị Thanh Hằng	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng hành tím ở thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, qua đó đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính, góp phần tăng thu nhập để cải thiện đời sống cho người dân.
2933	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong việc sản xuất lúa theo mô hình VNSAT của nông hộ tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Phan, Thị Thảo Nguyên	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính trong việc sản xuất lúa theo mô hình VnSAT của nông hộ ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính cho các nông hộ trồng lúa trên địa bàn nghiên cứu.
2934	Đại học	Đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất lúa của các nông hộ ở thị xã Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp	Đặng, Thị Trúc Mai	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Nghiên cứu hiệu quả sản xuất lúa của các nông hộ ở Thị Xã Hồng Ngự - Đồng Tháp, xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới năng suất lúa. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất lúa của các nông hộ trồng lúa ở Thị Xã Hồng Ngự - Đồng Tháp.
2935	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm ở địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Võ Gla Thoại	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích thực trạng và hiệu quả tài chính của nông hộ trồng khóm tại tp Vị Thanh tỉnh Hậu Giang. Từ đó đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ trồng khóm tại tỉnh Hậu Giang
2936	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng khóm tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Thạch, Quốc Đăng	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của nông dân trồng khóm tại xã Hòa Tiến và Tân Tiến thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất khóm tại thành phố Vị Thanh.

2937	Đại học	Đánh giá hiện trạng hệ thống và mức sẵn lòng đóng góp cho việc cải thiện chất lượng dịch vụ giao thông công cộng tại thành phố Vĩnh Long	Nguyễn, Thanh Thúy	Không, Tiến Dũng	2019	Tìm hiểu hiện trạng hệ thống GTCC tại Vĩnh Long, xác định mức sẵn lòng đóng góp cho việc cải thiện hệ thống GTCC, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sẵn lòng đóng góp này, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm phát triển dịch vụ giao thông công cộng góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của hệ thống GTCC.
2938	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa tại xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Lê, Thị Ngọc Vàng	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích và so sánh hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa hai vụ và nông hộ sản xuất lúa ba vụ tại xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
2939	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng lúa tại huyện An Phú tỉnh An Giang	Dương, Thị Trà My	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng lúa tại huyện An Phú tỉnh An Giang.
2940	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị nhãn Idor tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Mộng Huỳnh	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ nhãn Idor thông qua hoạt động của các tác nhân tham gia trong chuỗi Lập hồ sơ chuỗi giá trị và phân tích tính kinh tế của chuỗi nhằm xác định chi phí, thu nhập và sự chi phối lợi ích của các tác nhân tham gia chuỗi. Phân tích những thuận lợi và khó khăn để phát triển chuỗi giá trị nhãn Idor của huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp. Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cấp hoạt động giá trị chuỗi, góp phần nâng cao thu nhập cho người trồng và các tác nhân khác trong chuỗi giá trị
2941	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng nhãn Idor ở tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Tiền Giang	Lê, Hồng Thế	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng nhãn Idor tại tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Tiền Giang, nhằm đề ra giải pháp phù hợp góp phần vào việc đảm bảo sản xuất có hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng nhãn Idor
2942	Đại học	Đánh giá tác động của việc tham gia Vietgap đến thu nhập của nông hộ trồng nhãn Idor ở Đồng Tháp, Vĩnh Long và Tiền Giang	Huỳnh, Văn Nhân	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ trồng nhãn Idor có tham gia VietGAP và không có tham gia VietGAP nhằm đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập cho các hộ trồng nhãn Idor ở 3 tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long và Tiền Giang.
2943	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị Hậu Giang cho dự án gạo thân thiện môi trường ở khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Phan, Thanh Nhã	Huỳnh, Việt Khải	2019	Tìm hiểu thị hiếu của người dân cũng như người tiêu dùng ở thành thị của Hậu Giang về sản phẩm “Gạo thân thiện với môi trường” để đưa ra giải pháp góp phần bảo vệ khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng.
2944	Đại học	Đánh giá thực trạng và giải pháp hoàn thiện dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở ấp Thị Tứ, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Đánh giá thực trạng dịch vụ thu gom rác trên địa bàn ấp Thị Tứ, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Dự đoán những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia các chương trình môi trường của người dân ấp Thị Tứ. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thu gom CTRSH để phục vụ nhu cầu của người dân tốt nhất.

2945	Đại học	Sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên để ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân Thành phố Cần Thơ về các dịch vụ sinh thái của rừng tràm Trà Sư – An Giang	Huỳnh, Thị Kim Ngân	Huỳnh, Việt Khải	2018	Tìm hiểu kiến thức, hiểu biết của người dân Thành phố Cần Thơ về các dịch vụ sinh thái ở rừng tràm Trà Sư – An Giang. Đánh giá mức độ quan tâm và nhu cầu của người dân Thành phố Cần Thơ đối với các dịch vụ sinh thái ở rừng tràm Trà Sư – An Giang. Ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân Thành phố Cần Thơ đối với các dịch vụ sinh thái ở rừng tràm Trà Sư – An Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả cho rừng tràm Trà Sư của người dân Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp giúp quản lý các dịch vụ sinh thái ở rừng tràm Trà Sư – An Giang hiệu quả hơn.
2946	Đại học	Đánh giá hiện trạng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại gia đình và điều tra ý định sử dụng dịch vụ dưỡng lão của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ	Đặng, Thị Hằng	Tổng, Yên Đan	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá thực tế hiện trạng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại gia đình và điều tra ý định sử dụng dịch vụ dưỡng lão tại Thành phố Cần Thơ. Đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao việc chăm sóc đời sống, tinh thần, sức khỏe và đáp ứng nhu cầu chăm sóc tại nhà của người cao tuổi.
2947	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham quan du lịch học tập trải nghiệm tại rừng tràm Mỹ Phước của học sinh trung học cơ sở tỉnh Sóc Trăng	Lý, Ngọc Hân	Lưu, Tiến Thuận	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham quan du lịch học tập của học sinh Trường Mỹ Thuận và Lê Vĩnh Hòa, tỉnh Sóc Trăng tại rừng tràm Mỹ Phước nhằm đề xuất giải pháp thu hút các học sinh đến tham quan học tập tại Khu căn cứ tỉnh Sóc Trăng (tên địa phương thường gọi là " Rừng tràm Mỹ Phước")
2948	Đại học	So sánh thu nhập của nông hộ trồng lúa bị xâm nhập mặn tại huyện Long Mỹ và huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang	Trần, Phương Trinh	Quách, Dương Tử	2019	Đánh giá hiện trạng và mức độ ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến thu nhập của nông hộ nhằm tìm hiểu và đưa ra giải pháp thích hợp để giảm nhẹ tác động của xâm nhập mặn ở hai huyện Long Mỹ và Vị Thủy tại tỉnh Hậu Giang.
2949	Đại học	Đánh giá sự lựa chọn thay đổi sinh kế của nông hộ trồng lúa để thích ứng với xâm nhập mặn ở tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang	Nguyễn, Hoàng Nhu	Quách, Dương Tử	2019	Đánh giá sự lựa chọn thay đổi sinh kế của nông hộ trồng lúa để thích ứng với xâm nhập mặn ở tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang và đề xuất những giải pháp giúp hộ trồng lúa thích ứng với tình hình xâm nhập mặn tốt hơn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa của người dân trong việc thay đổi chiến lược thích ứng đảm bảo sinh kế bền vững trong tương lai.
2950	Đại học	Đánh giá tính tổn thương của hộ trồng lúa tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng	Phan, Bá Tường Vi	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá tính tổn thương của hộ trồng lúa vào năm 2018 tại hai tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng nhằm đề xuất ra các giải pháp để giúp các hộ trồng giảm thiểu tính tổn thương.
2951	Đại học	Xác định mức sẵn lòng chi trả của nông dân cho sản phẩm thuốc trừ sâu sinh hoạt ở địa bàn quận Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đầu giá thực nghiệm	Nguyễn, Trí Hiếu	Tổng, Yên Đan	2018	Xác định các yếu tố tác động đến mức sẵn lòng chi trả cho sản phẩm thuốc sâu sinh học của các hộ nông dân tại địa bàn huyện Cờ Đỏ Thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở kết quả phân tích, đề xuất một số biện pháp nhằm khuyến khích và thúc đẩy khả năng sử dụng sản phẩm thuốc sâu sinh học.
2952	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng rau an toàn của người dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Phan, Thị Ngọc Lam	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Tìm hiểu thêm về hiện trạng việc sử dụng thực phẩm sạch, rau an toàn của người dân tại thành phố Rạch Giá. Đánh giá nhận thức và nhu cầu sử dụng rau an toàn của người dân tại địa bàn nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng rau an toàn. Đề xuất một số giải pháp phù hợp phát triển rau an toàn cho người tiêu dùng tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2953	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức về xâm nhập mặn đến hành vi thích ứng ở các hộ trồng lúa tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Hải Yến	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức về XNM đến hành vi thích ứng ở các hộ trồng lúa tại 2 tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng nhằm phát hiện những mặt hạn chế và đề xuất một số giải pháp thích ứng phù hợp cho nông hộ.
2954	Đại học	Phân tích hiệu quả sử dụng trấu của các nhà máy xay xát tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Ngô, Thành Vĩ	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích hiện trạng sử dụng trấu của các nhà máy xay xát tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Phân tích hiệu quả sử dụng trấu của các nhà máy xay xát tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng trấu tại các nhà máy xay xát.
2955	Đại học	Đánh giá sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vừa ve chai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, thị Yến Thu	Tổng, Yên Đan	2018	Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vừa ve chai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đề xuất các kiến nghị nhằm cải thiện sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vừa ve chai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
2956	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của dịch vụ thu gom rơm ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Phan, Tuệ Mẫn	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của dịch vụ thu gom rơm ở ĐBSCL nhằm đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho các hộ, các cơ sở kinh doanh dịch vụ thu gom rơm ở ĐBSCL
2957	Đại học	Giải pháp quản lý và sử dụng nước ngầm trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Phạm, Anh Thu	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích hiện trạng sử dụng nguồn tài nguyên nước ngầm ở các huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đánh giá công tác quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên nước ngầm ở các huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên nước ngầm ở các huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2958	Đại học	Nghiên cứu ý kiến của sinh viên khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với nhu cầu du lịch học tập về môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại rừng tràm Mỹ Phước	Lê, Thi Thơ	Lưu, Tiến Thuận	2018	Phân tích hành vi du lịch học tập của sinh viên. Phân tích các ý kiến đối với nhu cầu du lịch học tập về môi trường và tài nguyên thiên nhiên của sinh viên ngành Khoa học môi trường và ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên và Môi trường. Đề xuất một số giải pháp thu hút sinh viên ngành Khoa học môi trường và ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên và Môi trường tham quan du lịch học tập tại rừng tràm Mỹ Phước.
2959	Đại học	Đánh giá quyết định lựa chọn dịch vụ mới của khách du lịch tại khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng, rừng tràm Mỹ Phước	Trần, Thị Thanh Trúc	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích thực trạng du lịch tại khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng, rừng tràm Mỹ Phước. Phân tích đặc điểm của khách du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá quyết định lựa chọn dịch vụ mới của khách du lịch tại khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng, rừng tràm Mỹ Phước. Đề xuất một số giải pháp thu hút khách du lịch tham quan du lịch tại khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng.
2960	Đại học	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu và số lần quay lại của khách du lịch tại khu du lịch Mỹ Khánh Cần Thơ, chùa Dơi Sóc Trăng và nhà công tử Bạc Liêu	Hoa, Huỳnh Diễm Như	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Đánh giá đặc điểm khách du lịch tại khu du lịch Mỹ Khánh, Chùa Dơi và nhà công tử Bạc Liêu. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu của du khách tại khu du lịch Mỹ Khánh, Chùa Dơi và nhà công tử Bạc Liêu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến số lần quay lại địa điểm du lịch của du khách tại khu du lịch Mỹ Khánh, Chùa Dơi và nhà công tử Bạc Liêu. Đề ra giải pháp nhằm tăng chi tiêu và số lần quay lại của du khách tại ba địa điểm nghiên cứu gồm khu du lịch Mỹ Khánh, Chùa Dơi và nhà công tử Bạc Liêu trong thời gian sắp tới

2961	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng cam sành ở Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang	Trần, Văn Thuận	Trần, Thụy Ái Đông	2018	Phân tích thực trạng trồng cam sành ở thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của mô hình trồng cam sành ở thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số kiến nghị, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững cho các nông hộ trồng cam sành
2962	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị tại thành phố Long Xuyên cho việc bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư	Phạm, Văn Mộng	Huỳnh, Việt Khải	2018	Tìm hiểu nhận thức, cũng như mức sẵn lòng đóng góp để bảo vệ và phát triển rừng tràm Trà Sư, qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao nhận thức của người dân đối với việc bảo tồn và phát triển rừng của người dân thành phố Long Xuyên.
2963	Đại học	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch của học sinh trung học phổ thông tại khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng	Nguyễn, Huỳnh Anh	Quách, Dương Tử	2018	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch của học sinh trung học phổ thông Mỹ Thuận, Thuận Hòa và Hoàng Diệu tại khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng, nhằm đề xuất giải pháp nhằm thu hút học sinh trung học phổ thông Mỹ Thuận, Thuận Hòa, Hoàng Diệu, Sóc Trăng đến tham quan học tập tại Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng - rừng tràm Mỹ Phước
2964	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhu cầu du lịch của sinh viên nhóm ngành kinh tế - xã hội trường Đại học Cần Thơ tại khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng	Đinh, Ngọc Chấn	Quách, Dương Tử	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhu cầu du lịch học tập của sinh viên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trường Đại học Cần Thơ tại khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng - Rừng tràm Mỹ Phước nhằm đề xuất giải pháp thu hút và nâng cao nhu cầu du lịch học tập khám phá khu Di tích căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng, rừng tràm Mỹ Phước
2965	Đại học	Đánh giá hiện trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu của các hộ gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long	Lê, Nguyễn Minh Nhựt	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở DBSCL. Đánh giá thực trạng tái chế rác thải sinh hoạt thông qua bán phế liệu của hộ gia đình. Đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bán phế liệu
2966	Đại học	Mức sẵn lòng chi trả cho hoạt động bảo tồn rừng tràm Trà Sư của người dân khu vực thành thị tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Chí Hải	Huỳnh, Việt Khải	2018	Mô tả thực trạng và tìm hiểu sự hiểu biết của người dân thành thị về rừng tràm Trà Sư. Ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị cho việc bảo tồn rừng tràm Trà Sư. Tìm ra mức giá thích hợp để người dân sẵn lòng chi trả. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của người dân thành thị của tỉnh Kiên Giang. Đề ra các một số giải pháp để cải thiện vấn đề môi trường nước trong khu vực rừng tràm Trà Sư.
2967	Đại học	Đánh giá sự lựa chọn thay đổi sinh kế của nông hộ trồng lúa để thích ứng với xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre	Trần, Thị Kim Dung	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá sự lựa chọn của hộ trồng lúa về chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre nhằm đưa những biện pháp thích ứng phù hợp cho các hộ trồng lúa trong tương lai giúp giảm thiểu tối đa những tổn thương bởi biến đổi khí hậu gây ra.
2968	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất lúa tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đoàn, Thị Thảo	Trần, Thụy Ái Đông	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất lúa tại huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Phân tích hiệu quả sản xuất lúa của các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất trong sản xuất lúa. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên địa bàn huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
2969	Đại học	Đánh giá sự tổn thương sinh kế do hiện tượng xâm nhập mặn đối với hộ nuôi tôm của người dân ven biển huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng	Trần, Trung Nghĩa	Trần, Thu Hương	2018	Đánh giá sự tổn thương sinh kế do hiện tượng xâm nhập mặn đối với hộ nuôi tôm của người dân ven biển huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề ra các giải pháp thích ứng nhằm giảm thiểu tổn thương do xâm nhập mặn gây ra, góp phần ổn định sinh kế của người dân ven biển, phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2970	Đại học	Đánh giá khả năng sử dụng bùn thải BIOGAS của hộ nuôi heo tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Ngô, Tuấn Tú	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích hiện trạng chăn nuôi heo và sử dụng biogas tại 3 tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang và Đồng Tháp. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng bùn thải biogas của hộ chăn nuôi heo tại một số tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá khả năng chấp nhận sử dụng bùn thải biogas của hộ chăn nuôi heo tại một số tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long trong tương lai. Đề xuất giải pháp nhằm giúp các hộ chăn nuôi heo tại Đồng bằng sông Cửu Long sử dụng có hiệu quả bùn thải biogas cho sản xuất nông nghiệp nông hộ.
2971	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ tại khu căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Thu Sương	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn du lịch học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ tại khu căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng, nhằm đề xuất giải pháp thu hút sinh viên trường Đại học Cần Thơ đến tham quan, học tập, nghiên cứu tại đây.
2972	Đại học	Khởi nghiệp với nền kinh tế xanh ở quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thùy Trang	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Tìm hiểu, nghiên cứu và phân tích về khởi nghiệp gắn liền với nền kinh tế Xanh trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ qua đó đề xuất các giải pháp, hướng đi chung cho nền kinh tế hiện tại cũng như tầm nhìn tương lai cho khởi nghiệp kinh tế quốc gia và xu thế quốc tế.
2973	Đại học	Khác biệt thu nhập của nông hộ bị xâm nhập mặn ở huyện Long Phú và Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng	Trần, Bích Thủy	Quách, Dương Từ	2019	Tìm hiểu thực trạng xâm nhập mặn của hộ trồng lúa tại huyện Long Phú. Đánh giá năng suất và thu nhập của các hộ trồng lúa bị ảnh hưởng bởi XNM tại huyện Long Phú và Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng. Đề xuất một số giải pháp giúp ứng phó và giảm nhẹ xâm nhập mặn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân.
2974	Đại học	Đánh giá lựa chọn của hộ trồng cây ăn trái về thay đổi chiến lược thích ứng với xâm nhập mặn ở tỉnh Bến Tre	Huỳnh, Lâm Kim Loan	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá sự lựa chọn chiến lược thích ứng với xâm nhập mặn của người dân trồng cây ăn trái ở Bến Tre nhằm đề xuất giải pháp ứng phó với tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng tới cây măng cụt.
2975	Đại học	Đánh giá hiện trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu (ve chai) tại hộ gia đình trên địa bàn thành phố Long Xuyên	Trần, Minh Ngọc	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Tìm hiểu hiện trạng phát sinh CTRSH và hoạt động bán phế liệu tại hộ gia đình trên địa bàn TPLX hiện nay Phân tích những khó khăn gặp phải khi triển khai phân loại CTRSH tại nguồn. Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH tại địa bàn TPLX.
2976	Đại học	Xác định mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành không bị biến đổi gen: Nghiên cứu trường hợp tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Võ, Phương Khánh	Tổng, Yên Đan	2018	Ước tính mức sẵn lòng trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành không bị biến đổi gen: nghiên cứu trường hợp tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành Non-GMO cao hơn giá thực tế. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về rủi ro sức khỏe liên quan đến thực phẩm bị biến đổi gen.
2977	Đại học	Sử dụng mô hình lựa chọn để đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân Thành phố Cần Thơ với việc bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh	Huỳnh, Nguyễn Diễm Trinh	Huỳnh, Việt Khải	2018	Xác định thái độ và kiến thức của người dân đối với việc bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh. Phân tích nhu cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng trả của người dân cho dự án bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh. Đề ra đề xuất, kiến nghị khuyến khích sự đóng góp của người dân để bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh

2978	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng trả của người dân thành thị tỉnh Kiên Giang cho việc bảo tồn rừng U Minh bằng phương pháp mô hình lựa chọn	Phan, Thị Thiên Nhi	Huỳnh, Việt Khải	2018	Tìm hiểu thái độ và mức độ hiểu biết của người dân thành thị về việc bảo tồn rừng U Minh. Ước lượng giá trị của các thuộc tính về rừng để đưa ra mức sẵn lòng trả cho từng thuộc tính. Phân tích các yếu tố làm ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị cho việc bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng U Minh. Đề xuất các biện pháp khuyến khích người dân tham gia đóng góp cho dự án bảo tồn rừng U Minh. Qua đó giúp cho việc bảo tồn rừng U Minh phát triển tốt hơn.
2979	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức về xâm nhập mặn dẫn đến hành vi thích ứng của các hộ trồng lúa tỉnh Bến Tre	Dương, Ngọc Diễm Uyên	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Khái quát tình trạng xâm nhập mặn tại khu vực nghiên cứu, qua đó đánh giá tác động của xâm nhập mặn và phân tích nhận thức về xâm nhập mặn đến hành vi thích ứng của các hộ trồng lúa tỉnh Bến Tre nhằm đề xuất các chiến lược nâng cao nhận thức của nông dân và đưa ra các lựa chọn thay đổi sinh kế để thích ứng với môi trường.
2980	Đại học	So sánh hiệu quả sử dụng của các loại mô hình Biogas ở tỉnh Kiên Giang	Thiều, Thị Mỹ Ngọc	Vũ, Thùy Dương	2018	Phân tích tình hình chăn nuôi heo và áp dụng mô hình biogas của các nông hộ chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. So sánh hiệu quả sử dụng giữa các loại mô hình biogas được các nông hộ ở tỉnh Kiên Giang lựa chọn. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các mô hình biogas và chính sách phát triển biogas cho mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội.
2981	Đại học	Đánh giá hiệu quả sản xuất của việc chuyển đổi giống canh tác sau đợt mặn 2016 của các nông hộ thuộc tỉnh Bến Tre	Võ, Thị Tuyết Ngân	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Tìm hiểu thực trạng năng suất và thu nhập lúa của các nông hộ trong vụ Đông Xuân 2019 ở Bến Tre. Phân tích hiệu quả sản xuất của việc chuyển đổi giống canh tác trong vụ Đông Xuân 2019. Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất của lúa
2982	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận lắp đặt Biogas của hộ chăn nuôi heo ở Kiên Giang	Trần, Nguyễn Minh Huyền	Vũ, Thùy Dương	2018	Khái quát về tình hình chăn nuôi heo và sử dụng biogas của các hộ ở khu vực tỉnh Kiên Giang. Xác định các yếu tố tác động đến quyết định chấp nhận lắp đặt biogas của hộ chăn nuôi heo ở khu vực tỉnh Kiên Giang. Đề ra một số kiến nghị để tăng số lượng mô hình biogas ở khu vực tỉnh Kiên Giang giúp hoạt động chăn nuôi bền vững hơn.
2983	Đại học	Đánh giá hiểu biết về mô hình Biogas thực vật của hộ chăn nuôi heo ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Việt Phương	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Đánh giá mức độ hiểu biết của hộ chăn nuôi heo về mô hình biogas – thực vật ở 3 tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp và đề xuất giải pháp nhằm mở rộng hiểu biết cho nông hộ về mô hình biogas - thực vật nhằm thúc đẩy quá trình áp dụng mô hình này
2984	Đại học	Đánh giá yếu tố ảnh hưởng thay đổi quyết định chấp nhận lắp đặt Biogas của hộ chăn nuôi heo ở tỉnh Hậu Giang năm 2016 - 2018	Đặng, Kim Ngân	Quách, Dương Tử	2018	Đánh giá mức độ chấp nhận áp dụng mô hình biogas của các hộ chăn nuôi heo ở tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng quyết định chấp nhận mô hình biogas của các hộ chăn nuôi heo ở tỉnh Hậu Giang từ năm 2016-2018 . Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi quyết định lắp đặt biogas của các hộ chăn nuôi heo vào năm 2018. Đề xuất biện pháp phát triển mô hình biogas trong tương lai cho các hộ chăn nuôi heo ở tỉnh Hậu Giang.
2985	Đại học	Nghiên cứu hiện trạng và nhu cầu chăm sóc người cao tuổi ở Trường Đại học Cần Thơ – Thành phố Cần Thơ	Vũ, Thu Thủy	Tổng, Yên Đan	2018	phân tích hiện trạng và nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tại nhà của đối tượng người sắp (chưa về hưu) và đã về hưu, đã và đang làm việc tại trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao đời sống người cao tuổi.

2986	Đại học	Xác định các yếu tố tác động đến mức sẵn lòng trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành không biến đổi gen ở phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Võ, Trần Anh Kim	Tổng, Yên Đan	2018	Xác định mức sẵn lòng trả và các yếu tố tác động đến mức sẵn lòng trả cho sản phẩm sữa đậu nành không biến đổi gen (Non- GMO) của người tiêu dùng tại phường An Hòa, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
2987	Đại học	Đánh giá mức độ sẵn lòng chi trả về rủi ro sức khỏe của nông dân Hậu Giang do sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp	Trần, Thị Kim Chi	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá mức sẵn lòng chi trả của nông dân về rủi ro sức khỏe, thì còn tìm hiểu về nhận thức, hành động và các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng thuốc trừ sâu của họ trong sản xuất nông nghiệp. Đề từ đó đề ra những giải pháp, kiến nghị nhằm giúp nông dân sử dụng thuốc trừ sâu hợp lý, giảm thiểu rủi ro về sức khỏe.
2988	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của sử dụng Biogas đến chi phí chất đốt của hộ chăn nuôi heo tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Trần, Phạm Thiên Nhi	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Đánh giá ảnh hưởng của sử dụng biogas đến chi phí chất đốt của hộ chăn nuôi heo tại Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó đề xuất giải pháp giúp hộ sử dụng hiệu quả nguồn chất đốt từ biogas.
2989	Đại học	Đánh giá giá trị cảnh quan của chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ thông qua phương pháp chi phí du hành	Nguyễn, Ngọc Thuận	Võ, Thành Danh	2018	Đánh giá thực trạng môi trường và hoạt động du lịch của chợ nổi Cái Răng TP Cần Thơ. Xác định giá trị cảnh quan của chợ nổi Cái Răng TP Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp kết hợp hài hòa giữa hoạt động du lịch và hoạt động bảo tồn cảnh quan chợ nổi Cái Răng TP Cần Thơ.
2990	Đại học	Xác định mức sẵn lòng trả của người nông dân cho sản phẩm thuốc trừ sâu sinh học trên địa bàn Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đầu giá thực nghiệm	Thạch, Sin	Tổng, Yên Đan	2018	Ước lượng mức giá sẵn lòng trả của người nông dân cho sản phẩm trừ sâu sinh học trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người nông dân cho sản phẩm thuốc trừ sâu sinh học. Đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng khả năng áp dụng sản phẩm thuốc trừ sâu sinh học trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
2991	Đại học	Tác động của việc thích ứng xâm nhập mặn đến thu nhập của hộ trồng cây măng cụt tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Duy Ngân	Nguyễn, Văn Ngân	2019	Đánh giá tác động của việc thích ứng xâm nhập mặn đến thu nhập của hộ trồng măng cụt tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả thích ứng góp phần tăng thêm thu nhập của nông hộ nơi đây.
2992	Đại học	Ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến năng suất và thu nhập của hộ trồng lúa ở huyện Trần Đề và huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Kỳ Minh Anh	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Tìm hiểu thực trạng XNM của các hộ dân khảo sát tại huyện Trần Đề và Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Đánh giá năng suất và thu nhập của các hộ dân trồng lúa bị ảnh hưởng của XNM tại huyện Trần Đề và Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. So sánh năng suất và thu nhập của người dân năm 2018 và năm 2017 không mặn so với năm 2016 bị mặn Đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm phát triển kinh tế xã hội cho hộ dân nhằm góp phần vào nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu của hộ dân tại tỉnh Sóc Trăng
2993	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chi trả về rủi ro sức khỏe do việc sử dụng thuốc trừ sâu của người dân trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Thị Bé Truyền	Huỳnh, Việt Khải	2019	Xác định kiến thức và nhận thức của nông dân về rủi ro do sử dụng thuốc trừ sâu. Kiểm tra các thuộc tính hậu quả, quy mô thay đổi rủi ro và hướng thay đổi rủi ro có ảnh hưởng đến việc định giá của mọi người hay không Đề ra các kiến nghị về nhận thức của người dân trong việc sử dụng thuốc trừ sâu.
2994	Đại học	Giải pháp quản lý chất thải sinh hoạt ở vùng nông thôn ven sông quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Lê Anh Đào	Võ, Thành Danh	2018	Đánh giá thực trạng xử lý CTSH của người dân ở vùng NT ven sông của quận Ô Môn, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp quản lý CTSH của người dân và đề xuất các giải pháp quản lý RT phù hợp.

2995	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức về xâm nhập mặn đến ý định thích ứng của các nông hộ trồng măng cụt ở huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Châu, Ngọc Yến Oanh	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá ảnh hưởng của nhận thức xâm nhập mặn đến ý định thích ứng của các hộ nông dân trồng cây măng cụt ở huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đề ra biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, làm tăng ý định thích ứng của nông hộ.
2996	Đại học	Ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng cây măng cụt ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Ngọc Huyền Trân	Nguyễn, Văn Ngân	2019	Phân tích về thực trạng Xâm nhập mặn ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. Đánh giá thực trạng sản xuất của nông hộ trồng măng cụt huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho măng cụt ở huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
2997	Đại học	Đánh giá tính tổn thương do xâm nhập mặn của nông hộ trồng cây măng cụt huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre	Cù, Thị Minh Châu	Nguyễn, Văn Ngân	2019	Đánh giá tính tổn thương đến sinh kế do biến đổi khí hậu của hộ trồng cây ăn trái tỉnh Bến Tre nhằm đề xuất các biện pháp làm giảm tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra.
2998	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của du khách nội địa đối với điểm đến du lịch Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	Trần, Thị Thu Trinh	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách du lịch tại thành phố Hà Tiên, qua đó tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng để đưa ra các giải pháp giúp nâng cao chất lượng du lịch trong cảm nhận của du khách đến với Hà Tiên.
2999	Đại học	Đánh giá tính tổn thương của hộ trồng lúa đối với xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Huyền Trân	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Đánh giá tính tổn thương của hộ trồng lúa với tình hình xâm nhập mặn tỉnh Bến Tre nhằm đề ra giải pháp giảm thiểu tổn thương của hộ trồng lúa với xâm nhập mặn.
3000	Đại học	Phân tích lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu và vựa phế liệu ở thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang	Đinh, Thị My Kiều	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vựa phế liệu ở Thành phố Long Xuyên và đề xuất giải pháp tăng thu nhập và lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu.
3001	Đại học	Đánh giá sự sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng thành thị đối với sản phẩm thịt heo an toàn ở Đồng bằng Sông Cửu Long: Sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên	Phùng, Bảo Châu	Huỳnh, Việt Khải	2018	Đánh giá sự sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng thành thị đối với sản phẩm thịt heo an toàn ở ĐBSCL. Nhằm có cái nhìn tổng quan về thực trạng của việc tiêu dùng sản phẩm thịt heo an toàn. Từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm cung cấp ra thị trường sản phẩm thịt heo an toàn nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng ở ĐBSCL.
3002	Đại học	Phân tích sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vựa ve chai tại địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Đào, Thị Trúc Thanh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2019	Phân tích sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vựa ve chai tại địa bàn thành phố Long Xuyên. Phân tích các nguồn lực: vốn con người, vốn tài chính, vốn xã hội, vốn vật chất (đất đai, cơ sở hạ tầng...), vốn tự nhiên tác động đến hoạt động sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vựa ve chai tại địa bàn thành phố Lon Xuyên. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm cải thiện sinh kế của người thu mua ve chai và chủ vựa ve chai tại địa bàn thành phố Long Xuyên
3003	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chấp nhận của nông dân Thành phố Cần Thơ đối với rủi ro sức khỏe của thuốc trừ sâu: Áp dụng mô hình lựa chọn	Võ, Thị Kim Loan	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá nhận thức về sử dụng thuốc trừ sâu và ước tính mức sẵn lòng chấp nhận của việc tăng rủi ro về sức khỏe của nông dân liên quan đến việc sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ.
3004	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chấp nhận các rủi ro từ thuốc trừ sâu của nông dân ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Kiều Mên	Huỳnh, Việt Khải	2019	Xác định nhận thức và hành động của người nông dân về việc sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đo lường mức sẵn lòng chấp nhận rủi ro từ thuốc trừ sâu của nông dân ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của người dân, góp phần hạn chế ảnh hưởng của thuốc trừ sâu đến sức khỏe của họ.

3005	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp	Trần, Bình Phương	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển việc tiêu dùng nấm rơm đối với người tiêu dùng tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
3006	Đại học	Đánh giá nhu cầu tham quan du lịch sinh thái miệt vườn huyện Phong Điền của hộ gia đình quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Hồ, Thị Huỳnh Mai	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Đánh giá nhu cầu tham quan DLSTMV huyện Phong Điền của hộ gia đình quận Ninh Kiều TPCT, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp khắc phục hạn chế để nâng cao nhu cầu tham quan DLSTMV ở huyện Phong Điền và phát triển DLSTMV ở huyện Phong Điền.
3007	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng xăng sinh học E5 của người dân đang sinh sống tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Yến	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Nghiên cứu nhận thức, quyết định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiêu dùng xăng sinh học E5 của người dân đang sinh sống tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, qua đó biết được xu hướng tiêu dùng xăng sinh học E5 của người dân và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển, phổ biến tầm quan trọng của xăng sinh học E5 đối với vấn đề bảo vệ môi trường.
3008	Đại học	Ước tính mức sẵn lòng trả của người dân đối với hệ thống xe buýt nhanh BRT tại Thành phố Cần Thơ trên tuyến Hùng Vương – Ba Láng	Nguyễn, Thị Mỹ Trâm		2019	Đánh giá về sự hài lòng của người dân về chất lượng hệ thống xe buýt hiện tại trên tuyến Hùng Vương – Ba Láng và ước tính mức sẵn lòng trả của người dân về việc phát triển dự án hệ thống xe buýt nhanh BRT tại TP Cần Thơ.
3009	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân ở Thành phố Cần Thơ	Mai, Hưng	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại thành phố Cần Thơ, từ đó xác định được xu hướng tiêu dùng nấm rơm của người dân cũng như đề xuất các giải pháp nhằm phát triển việc tiêu dùng nấm rơm đối với tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ
3010	Đại học	Đánh giá thực trạng tiêu dùng túi NILON của sinh viên trường Đại Học Cần Thơ	Đỗ, Nguyễn Thảo Nhi	Trần, Thụy Ái Đông	2019	Khảo sát thực trạng sử dụng túi nilon của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. Đánh giá nhận thức của sinh viên về vấn đề môi trường. Đề xuất giải pháp giúp hạn chế tình trạng sử dụng các bao bì sản phẩm từ nhựa và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ.
3011	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng nấm rơm huyện Cờ Đỏ Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bích Trâm	Võ, Thành Danh	2019	Tìm hiểu thực trạng sản xuất nấm rơm của nông hộ tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Phân tích hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả tài chính trong sản xuất nấm rơm của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
3012	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng nấm rơm ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Lê, Cẩm Ngung	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng nấm rơm ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, qua đó cung cấp thêm thông tin nhằm giúp nông hộ trên địa bàn cải thiện hiệu quả kỹ thuật nấm rơm trong thời gian tới.
3013	Đại học	Đề xuất giải pháp quản lý rác thải sinh hoạt tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Bùi Tuyết Cẩm	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiện trạng rác thải và quản lý rác thải của quận Ninh Kiều. Phân tích phản ứng của người dân trong việc phân loại rác tại nguồn. Đề xuất những biện pháp giải quyết cho việc quản lý, xử lý, giảm thiểu và tái chế rác thân thiện với môi trường nhằm hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại từ rác thải gây ra đối với môi trường và con người.
3014	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của hộ trồng nấm rơm tại quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ	Ngô, Cẩm Giang	Võ, Thành Danh	2019	Tìm hiểu thực trạng sản xuất nấm rơm tại quận Bình Thủy. Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng nấm thuộc địa bàn thành phố. Đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng nấm và giải quyết các vấn đề còn tồn tại của ngành nấm trong quận Bình Thủy.

3015	Đại học	Phân tích nhận thức và hành vi của người dân về hút thuốc lá ở Cần Thơ	Lê, Phương Thảo	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Đánh giá thực trạng, phân tích các biểu hiện hành vi và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi và nhận thức về hút thuốc lá của người dân Cần Thơ có ảnh hưởng đến chi tiêu và sức khỏe của con người.
3016	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chấp nhận rủi ro về sức khỏe khi sử dụng thuốc trừ sâu của nông dân sản xuất lúa tỉnh Vĩnh Long: Phương pháp thực nghiệm lựa chọn	Nguyễn, Đỗ Trúc Uyên	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá nhận thức và ước tính mức sẵn lòng chấp nhận những thay đổi về rủi ro của người dân trong đánh giá nguy cơ về sức khỏe của nông dân liên quan đến việc sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất lúa tại tỉnh Vĩnh Long.
3017	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Phương Uyên	Võ, Thành Danh	2019	Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại tỉnh Vĩnh Long, xác định được xu hướng tiêu dùng và đề ra giải pháp để phát triển nghề trồng nấm ở tỉnh Vĩnh Long.
3018	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ tại tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Lê Cẩm Tú	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh Cà Mau. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm tăng năng suất sản xuất của nông hộ.
3019	Đại học	Đánh giá hiện trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu (ve chai) tại hộ gia đình trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	Ngô, Thị Ngọc	Tổng, Yên Đan	2018	Đánh giá thực trạng của việc tái chế chất thải rắn sinh hoạt thông qua hoạt động bán phế liệu của hộ gia đình nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao sự hiểu biết của hộ gia đình về bán phế liệu nhằm giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ra môi trường.
3020	Đại học	Đánh giá sinh kế của người thu mua phế liệu và chủ vừa phế liệu ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Quỳnh Vân Anh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích các nguồn lực con người, tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội tác động lên sinh kế của người thu mua phế liệu và chủ vừa phế liệu ở Thành phố Cần Thơ. Đánh giá sinh kế của người thu mua phế liệu và chủ vừa phế liệu ở Thành phố Cần Thơ. Tìm hiểu những khó khăn, hạn chế trong sinh kế của người thu mua phế liệu và chủ vừa phế liệu ở Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp cải thiện sinh kế của người thu mua phế liệu và chủ vừa phế liệu ở Thành phố Cần Thơ.
3021	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng chi trả của nông dân cho việc giảm rủi ro từ thuốc trừ sâu ở Thành phố Cần Thơ	Võ, Thanh Yến Phương	Huỳnh, Việt Khải	2019	Đánh giá hành động, nhận thức về sử dụng thuốc trừ sâu của nông dân ở TPCT và đo lường mức sẵn lòng chi trả của họ để làm giảm rủi ro từ thuốc trừ sâu đến sức khỏe. Từ đó đề xuất các kiến nghị phù hợp để giúp giảm thiểu rủi ro từ thuốc trừ sâu đến nông dân.
3022	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xăng sinh học E5 của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Hằng Nga	Trần, Thị Ái Đông	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng XSH E5 của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, TPCT. Qua đó đề xuất các biện pháp khuyến khích người dân lựa chọn và sử dụng XSH nhiều hơn.
3023	Đại học	Phân tích lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở thành phố Sóc Trăng	Ngô, Thị Thu Huỳnh	Huỳnh, Thị Đan Xuân	2018	Phân tích tình hình hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua phế liệu và vừa phế liệu trên địa bàn Thành phố Sóc Trăng. Phân tích thu nhập của những người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở Thành phố Sóc Trăng. Phân tích lợi ích môi trường của những người thu mua phế liệu và vừa phế liệu ở Thành phố Sóc Trăng. Đề xuất các kiến nghị nhằm tăng thu nhập và lợi ích môi trường từ hoạt động thu mua phế liệu của người thu mua và vừa phế liệu ở Thành phố Sóc Trăng.

3024	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân ở Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Phạm, Thu Tiên	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng nấm rơm của người dân tại tỉnh An Giang, qua đó biết được xu hướng tiêu dùng nấm rơm của người dân và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển việc tiêu dùng nấm rơm đối với tiêu dùng ở tỉnh An Giang.
3025	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng túi nilon của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Kim Thoa	Đỗ, Thị Hoài Giang	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng túi nilon của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ dựa vào bảng câu hỏi đánh giá bằng phương pháp phỏng vấn người dân. Thông qua đó xác định được hành vi của người dân về việc sử dụng túi nilon, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng túi nilon sau khi biết được tác hại của nilon và quyết định chuyển sang sử dụng túi thân thiện môi trường .
3026	Đại học	Tiếp cận nước sạch và phúc lợi xã hội ở Việt Nam	Huỳnh, Thị Như Quỳnh	Quách, Dương Tử	2019	Nghiên cứu thực trạng sử dụng nước của người dân Việt Nam, tác động của việc sử dụng nước sạch và từ đó đưa ra nhận định sử dụng nước sạch có làm gia tăng phúc lợi xã hội.
3027	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của người dân về xử lý chất thải y tế trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Lệ Minh	Võ, Thành Danh	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả để xử lý CTYT, thông qua việc đánh giá thái độ nhận thức của người dân địa phương ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đối với thực trạng và công tác xử lý CTYT. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức của người dân đối với việc xử lý CTYT nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung
3028	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân thành thị tại tỉnh An Giang cho việc bảo tồn hệ sinh thái ở rừng U Minh	Chiêm, Chí Hải	Huỳnh, Việt Khải	2018	Khảo sát thái độ, nhận thức, kiến thức của người dân về việc bảo vệ rừng và bảo tồn HST rừng U Minh. Ước lượng mức giá sẵn lòng trả của người dân cho kế hoạch bảo tồn HST rừng U Minh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân đối với nguồn quỹ bảo tồn HST rừng U Minh. Đề ra những kiến nghị cho việc bảo tồn HST rừng U Minh.
3029	Đại học	Đánh giá thực trạng tiêu dùng bao bì nhựa của sinh viên Đại học Cần Thơ	Phan, Lê Hồng Thoa	Nguyễn, Thúy Hằng	2018	Tìm hiểu về tác hại của túi nilon. Khảo sát thực trạng sử dụng dụng một số sản phẩm tiêu dùng làm từ nhựa của sinh viên ĐHCT. Từ đó, xác định số lượng, bình quân tiêu dùng các sản phẩm được làm từ nhựa (ly nhựa, hộp nhựa, chai nhựa, ống hút và túi nilon) của mỗi sinh viên ĐHCT. Đánh giá nhận thức của sinh viên về vấn đề môi trường. Đề xuất giải pháp giúp hạn chế tình trạng sử dụng các bao bì sản phẩm từ nhựa và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên ĐHCT.
3030	Đại học	Đánh giá kết quả sử dụng túi ủ Biogas thực vật ở tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang	Quách, Thanh Hào	Ngô, Thị Thanh Trúc	2018	Phân tích hiện trạng sử dụng túi ủ biogas thực vật tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang. Đánh giá kết quả sử dụng túi ủ biogas thực vật ở tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang. Đề xuất giải pháp giúp nâng cao hiệu quả sử dụng túi ủ biogas thực vật.
3031	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ hè thu tại tỉnh Bến Tre	Dương, Nguyễn Thiện Nhi	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất trồng lúa vụ Hè Thu tại tỉnh Bến Tre.
3032	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất trồng lúa vụ hè thu tại tỉnh Sóc Trăng	Đặng, Thị Thanh Thanh	Huỳnh, Việt Khải	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất trồng lúa ở các huyện tại tỉnh Sóc Trăng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng cho cây lúa.
3033	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ đông xuân tỉnh Trà Vinh	Ngô, Phương Bình	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân ở tỉnh Trà Vinh. Từ đó cung cấp thêm thông tin cho việc đưa ra các giải pháp hợp lý giúp người nông dân có thể tăng năng suất trong việc sản xuất lúa.

3034	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ đông xuân tại tỉnh Bến Tre	Dương, Mỹ Tiên	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa của vụ ĐX của nông hộ ở tỉnh Bến Tre. Từ đó đề ra các giải pháp cụ thể phù hợp nhằm tăng năng xuất sản xuất của nông hộ.
3035	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của du khách nội địa đối với điểm đến khu du lịch Túc Dụ tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Nesang, Sóc Đươn	Nguyễn, Thúy Hằng	2019	Đánh giá được sự hài lòng của du khách khi đến điểm du lịch tại khu di tích Đồi Túc Dụ huyện Tri tôn , tỉnh An Giang thông qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao và thu hút nhiều khách đến du lịch tại nơi này hơn
3036	Đại học	Phân tích tình hình kinh doanh thẻ thanh toán tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trương, Hương Giang	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh thẻ thanh toán tại Eximbank chi nhánh Cần Thơ trong 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó, thấy được điểm mạnh, điểm yếu của dịch vụ thẻ và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh thẻ thanh toán tại Eximbank chi nhánh Cần Thơ
3037	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa ở tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Phương Thảo	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa của nông dân ở tỉnh Kiên Giang. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm tăng năng suất lúa cho nông hộ.
3038	Đại học	Nhận thức bảo vệ môi trường của người dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Đinh, Nguyễn An Khang	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến nhận thức BVMT của người dân quận Ninh Kiều, TPCT. Từ đó đề xuất giải pháp BVMT
3039	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân ở tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Mỹ Nhân	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng năng suất lúa vụ ĐX ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm tăng năng suất lúa của nông hộ.
3040	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở Thành phố Cần Thơ cho việc bảo tồn hệ sinh thái của Lung Ngọc Hoàng	Nguyễn, Minh Phát	Huỳnh, Việt Khải	2019	Ước lượng mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở thành phố Cần Thơ cho việc bảo tồn hệ sinh thái của Lung Ngọc Hoàng . Trên cơ sở đó, đề xuất các chính sách bảo tồn và phát triển Lung Ngọc Hoàng hiệu quả và bền vững.
3041	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở tỉnh Hậu Giang cho việc bảo tồn hệ sinh thái của Lung Ngọc Hoàng	Trương, Thị Mộng Tuyền	Huỳnh, Việt Khải	2019	Nghiên cứu về mức sẵn lòng chi trả của người dân tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để bảo vệ sự đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn Thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, từ đó có cơ sở dữ liệu để hình thành chương trình bảo vệ đa dạng sinh học
3042	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân tại tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Hồng Ni	Võ, Thành Danh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lúa vụ Đông Xuân vùng đồng bằng sông Cửu Long của tỉnh Tiền Giang
3043	Đại học	Ước lượng mức sẵn lòng chi trả cho sử dụng nước sạch của người dân xã Xuân Hòa – Ba Trinh huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	Lê, Phước Nhận	Nguyễn, Văn Ngân	2019	Thực trạng sử dụng nước sạch của người dân ở hai xã Xuân Hòa và Ba Trinh huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng Ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân cho nhu cầu sử dụng nước sạch đồng thời đề ra biện pháp làm tăng số hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới
3044	Đại học	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận áp dụng IPM của hộ trồng nhãn Idor tại tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang	Hồ, Trần Ngọc Hân	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận áp dụng IPM của hộ trồng nhãn Idor của tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang nhằm đề xuất giải pháp tăng cường áp dụng và nhân rộng kỹ thuật IPM cho cây nhãn Idor.
3045	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của hộ trồng nhãn Idor có sử dụng và không sử dụng phân hữu cơ ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Trịnh, Diễm My	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	So sánh hiệu quả tài chính của các hộ trồng nhãn Idor có và không có sử dụng phân hữu cơ tại tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Tiền Giang nhằm đề xuất các biện pháp để áp dụng một cách hiệu quả mô hình này trong tương lai.

3046	Đại học	Đánh giá mức sẵn lòng trả của người dân thành thị ở tỉnh Sóc Trăng cho việc bảo tồn hệ sinh thái của Lung Ngọc Hoàng	Trần, Lưu Minh Anh	Huỳnh, Việt Khải	2019	Sử dụng mô hình lựa chọn để ước lượng mức sẵn lòng chi trả của người dân thành thị ở tỉnh Sóc Trăng cho việc bảo tồn hệ sinh thái lung Ngọc Hoàng. Qua đó đề xuất các biện pháp khuyến khích người dân đóng góp cho dự án bảo tồn lung Ngọc Hoàng.
3047	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính của hộ trồng nhãn Idor tham gia Vietgap tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Đỗ, Đăng Khoa	Ngô, Thị Thanh Trúc	2019	Đánh giá hiệu quả tài chính của hộ trồng nhãn Idor tham gia VietGap tại ĐBSCL nhằm đề xuất biện pháp cải thiện hiệu quả tài chính của các hộ trồng nhãn Idor tham gia VietGap tại ĐBSCL.
3048	Đại học	Phân tích kênh phân phối và giá trị gia tăng của cá chiết(<i>Eleutheronema tetradactylum</i>) khai thác lưới rê ven bờ tỉnh Bạc Liêu	Hồ, Lực Em	Huỳnh, Văn Hiền	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 05/2018 tại tỉnh Bạc Liêu thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 30 hộ khai thác cá chết lưới rê, 3 thương lái, 2 vừa thu mua bằng bảng phỏng vấn cấu trúc soạn sẵn. Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm mô tả hiện trạng kênh phân phối cá chết và phân tích được trị giá tăng từng tác nhân tham gia trong kênh phân phối của chuỗi giá trị từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất của toàn chuỗi giá trị cá chết hai thác lưới rê tại Bạc Liêu. Kết quả cho thấy, ngư dân khai thác cá chết từ tháng 4 đến tháng 7 (DL). Sản lượng cá chết trung bình là 183,67 Kg/chuyến biển. Cá chết được phân phối chủ yếu theo 4 kênh. Trong đó, kênh 1 (Hộ khai thác ☐ Vừa thu mua ☐ Xuất khẩu) tạo ra tổng giá trị gia tăng là cao nhất (210,1 ngàn đồng/kg), nhưng tạo ra tổng giá trị gia tăng thuần cao nhất (198,8 ngàn đồng/kg) và phân phối 73,8% sản lượng cá chết toàn chuỗi, trong đó hộ khai thác lưới rê nhận được 90,5% tổng GTGT, vừa thu mua nhận được 9,5%. Tính trên lợi nhuận của toàn chuỗi, hộ khai thác lưới rê nhận được 93,5% và vừa thu mua là 6,5%. Khi xét về qui mô sản xuất trong chu kỳ 1 năm thì vừa thu mua chiếm phần lớn lợi nhuận của toàn chuỗi (62,8%). Để nâng cao hiệu quả cho chuỗi giá trị cá chết khai thác bằng nghề lưới rê tỉnh Bạc Liêu thì cần có sự liên kết chuỗi nhằm chia sẻ lợi nhuận và chia sẻ rủi ro trong sản xuất.
3049	Đại học	Hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào của nghề lưới kéo ven bờ (<90CV) ở tỉnh Trà Vinh	Trịnh, Hữu Lộc	Đặng, Thị Phụng	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 6/2018 tại 2 huyện (Duyên Hải và Trà Cú) của tỉnh Trà Vinh. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 32 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo ven bờ (<90 CV). Kết quả cho thấy sản lượng khai thác lưới kéo ven bờ của tỉnh Trà Vinh là 619,1 kg/chuyến/tàu, doanh thu là 16,4 triệu đồng/chuyến/tàu, tổng chi phí 9,3 triệu đồng/chuyến/tàu và lợi nhuận trung bình là 7,2 triệu đồng/chuyến/tàu, với tỷ suất lợi nhuận là 0.4 lần. Hiệu quả kỹ thuật (TE) đạt được 85%, hiệu quả phân phối (AE) đạt được 74% và hiệu quả chi phí (CE) đạt 62%. Sản lượng mất đi do kém hiệu quả kỹ thuật đối với các loài cá có giá trị cao là 61 kg/chuyến/tàu và các loài cá có giá trị thấp là 81 kg/chuyến/tàu. Khó khăn chủ yếu của lưới kéo ven bờ là thời tiết thất thường làm tăng rủi ro khi đi khai thác mà còn giảm lợi nhuận của người dân, bị các vừa thu mua ép giá và chính sách nhà nước đang hạn chế việc khai thác ven bờ.

3050	Đại học	Phân tích kênh phân phối và giá trị gia tăng của sản phẩm mực khai thác bằng nghề lưới kéo (20-90CV) ở tỉnh Bạc Liêu	Ngô, Quang Vinh	Huỳnh, Văn Hiền	2019	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018 tại tỉnh Bạc Liêu thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 30 hộ khai thác mực lưới kéo, 2 thương lái, 3 vựa thu mua bằng bảng phỏng vấn cấu trúc soạn sẵn. Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm mô tả hiện trạng kênh phân phối và phân tích được giá trị gia tăng từng tác nhân tham gia trong kênh phân phối của chuỗi giá trị từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất của mực khai thác lưới kéo tại Bạc Liêu. Kết quả cho thấy, ngư dân khai thác mực từ tháng 2 đến tháng 7 (DL). Sản lượng mực trung bình là 256,1 kg/chuyến biển. Mực được phân phối chủ yếu theo 4 kênh. Trong đó, kênh 1 (Hộ khai thác □ Vựa thu mua □ Xuất khẩu) tạo ra tổng giá trị gia tăng cao nhất (116,1 ngàn đồng/kg) và tạo ra tổng giá trị gia tăng thuần cao nhất (102,2 ngàn đồng/kg) và chiếm 72,6% sản lượng mực toàn chuỗi. Trong đó hộ khai thác lưới kéo nhận được 78,5% tổng GTGT, vựa thu mua nhận được 21,5%. Tính trên lợi nhuận (GTGTT) thì hộ khai thác lưới kéo nhận được 84,3% và vựa thu mua là 15,7%. Khi xét về quy mô sản xuất trong chu kỳ 1 năm thì vựa thu mua chiếm phần lớn lợi nhuận của toàn chuỗi (73,5%). Để nâng cao hiệu quả cho chuỗi giá trị mực khai thác bằng nghề lưới kéo ven bờ tỉnh Bạc Liêu thì cần có sự liên kết chuỗi nhằm chia sẻ lợi nhuận và chia sẻ rủi ro trong sản xuất.
3051	Đại học	Thiết kế và lập trình robot nhện dựa trên kit Nuvoton NUC 140	Nguyễn, Tuấn Duy	Trần, Thanh Hùng	2019-05	Đề tài này nghiên cứu thiết kế “mô hình robot nhện” trên kit Nuvoton NUC140. Được nhóm tác giả lớp Cao học Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa K24 đã nghiên cứu và chế tạo mô hình thành công. Tuy nhiên robot vẫn chưa thể di chuyển được. Từ đó cần cải tiến thêm khả năng di chuyển cùng với đó là thiết kế bộ nguồn rời cho robot. Robot hoạt động dựa trên việc điều chế xung PWM để điều khiển servo. Dùng ứng dụng trên smartphone điều khiển robot từ xa thông qua sóng Bluetooth . Robot có 4 chân mỗi chân gồm 2 bậc tự do. Mục tiêu cuối cùng là robot có thể di chuyển tới lui trái phải. Kết quả đạt được là robot di chuyển theo sự điều khiển trên smartphone cùng với bộ nguồn rời trên robot giúp nó hoạt động độc lập.
3052	Đại học	Hệ thống vườn rau khí canh kết hợp nền tảng IoT - P1	Phạm, Tuấn Đạt	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Trồng rau sử dụng công nghệ cao đã được áp dụng rộng rãi như phương pháp thủy canh và phương pháp địa canh các phương pháp này đều có hệ thống giám sát và điều khiển từ xa. Tuy nhiên các phương pháp này chưa tối ưu hóa được nguồn dinh dưỡng cung cấp cho cây để tiết kiệm chi phí sản xuất. trong nghiên cứu này một giải pháp trồng rau bằng phương pháp khí canh được đề nghị, với phương pháp này rau được trồng trong không khí, lượng dinh dưỡng phù hợp cho từng loại cây được thiết lập công thức pha chế tự động, đồng thời lượng dinh dưỡng được phun lên rễ cây theo thời gian hợp lý định trước, lượng dinh dưỡng phun lên rễ cây sẽ được hồi lưu và tái sử dụng. Phương pháp trồng rau khí canh hoạt động ổn định rau phát triển tốt và tiết kiệm được dinh dưỡng nuôi cây.

3053	Đại học	Hệ thống cân bằng Beam and Ball	Nguyễn, Trường Khang	Trần, Thanh Hùng	2019-09	Hệ ball and beam còn gọi là “hệ cân bằng của quả bóng trên thanh”. Hệ thống này được sử dụng như một bài thí nghiệm ở hầu hết các trường đại học kỹ thuật trên thế giới vì nó khá gần gũi với các hệ thống điều khiển thực như việc ổn định cân bằng máy bay theo phương ngang khi hạ cánh dưới tác động nhiễu của các luồng khí. Trong luận văn sẽ xem xét và giải quyết các vấn đề liên qua đến hệ bóng và thanh. Do sự tồn tại của lực ma sát lăn, nên đáp ứng của hệ thống chỉ đạt ở mức tương đối. Hệ Ball and Beam trực lệch đòi hỏi thách thức về điều khiển so với Ball and Beam trực giữa là bản thân hệ thống không ổn định ở vị trí 0 mà phải tính toán trước một lực để ổn định ban đầu cho hệ thống. Hơn nữa do quả banh có xu hướng lăn tự do nên việc cho quả banh cân bằng là rất khó và quả banh lệch khỏi vị trí cân bằng là rất cao. Nếu như cảm biến vị trí dây điện trở không chính xác sẽ làm cho viên bi định vị không đúng vị trí dẫn đến sai số lớn và mất cân bằng. Luận văn này được thực hiện bằng cách dùng cảm biến đo khoảng cách ToF Laser Radar VL53LOX, kết nối với Arduino Mega 256 APK và kết nối hệ thống với phần mềm Matlab/Simulink để cài đặt thuật toán điều khiển. Tiến hành thí nghiệm cân bằng quả bóng vào giữa thanh thì hệ thống cân bằng.
3054	Đại học	Cải tiến thiết kế máy xăm và cắt trái hạnh - phần 1	Nguyễn, Anh Kiệt	Trần Lê, Trung Chánh	2019-09	Đề tài đã được thực hiện trên một mô hình đã có sẵn và cải tiến lại hệ thống để đạt được năng suất cao hơn, với cải tiến ở phần cắt trái hạnh, mục tiêu là cải tiến mô hình để đạt năng suất cao giảm thiểu sai sót ở khâu cắt hạnh thấp nhất phù hợp với nhu cầu thị trường.....kết quả thực nghiệm đề tài đã đạt được là năng suất sản xuất tăng hơn vượt bậc so với mô hình đã có và giảm sai sót ở khâu cắt hạnh rất nhiều.
3055	Đại học	Mô hình nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói - P2	Lâm, Nhật Duy	Trần, Thanh Hùng	2018-12	Đề tài “Mô hình nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói” nhằm mục tiêu thiết kế một mô hình nhà thông minh mà ở đó con người chỉ cần ra hiệu lệnh thông qua một chiếc Smartphone thì có thể điều khiển được thiết bị trong nhà. Mô hình được thiết kế dựa trên việc điều khiển các thiết bị thông qua Module Wifi ESP8266, kết hợp với ứng dụng web nguồn mở MIT App Invento 2 và HTML. Mô hình đã hoàn chỉnh và điều khiển các thiết bị trong nhà nh cửa, đèn, quạt bằng giọng nói. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu và thực hiện đề tài chỉ trong một khoảng thời gian nhất định, vốn kiến thức và việc tìm hiểu sâu còn hạn chế nên đề tài vẫn còn nhiều thiếu sót, rất mong được quý thầy c đóng góp để hoàn thiện hơn.

3056	Đại học	Thiết kế chế tạo thiết bị gieo hạt tự động - P1	Nguyễn, Ngọc Chi	Nguyễn Huỳnh, Anh Duy	2018-12	Hiện nay Nông nghiệp vẫn là một ngành kinh tế quan trọng ở Việt Nam. Sản xuất nông lâm là lĩnh vực sản xuất quan trọng nhất đối với sự phát triển của Việt Nam. Nhưng quá trình sản xuất vẫn còn thô sơ nhất là đối với khâu gieo trồng. Trên thế giới đã có những phát minh nhằm đến vấn đề giảm tải nhân lực và thời gian cho quá trình gieo trồng. Đặt biệt là phát minh “Robot gieo hạt ra tự động” của anh Phạm Văn Hát, Hải Phòng. Mục tiêu của đề tài “Thiết kế thiết bị gieo hạt tự động” là dựa trên những ý tưởng cơ bản của “Robot gieo hạt ra tự động” của anh Phạm Văn Hát để thiết kế lại máy với cơ cấu gieo hạt tự động 4 loại hạt khác nhau và liên tục trên một thửa ruộng. Đề tài sử dụng board Arduino Mega 2560 làm bộ điều khiển chính cho các động cơ bước NEMA 23 và động cơ DC thông qua driver TB6560 và L298N. Động cơ bước đóng vai trò là trục dẫn động cho toàn bộ cơ cấu di chuyển, động cơ DC đảm nhiệm vai trò kéo cánh tay quay để gấp và nhả hạt. Kết quả đề tài đạt được là thiết kế và thử nghiệm thiết bị gieo được 20-25 hạt một hàng và có thể gieo luân phiên 4 loại hạt.
3057	Đại học	Hệ thống đóng mở cổng nước dựa trên nền tảng IoT - P1	Đoàn, Trung Duy	Nguyễn, Hữu Cường	2018-12	Đề tài có thể điều khiển và giám sát việc đóng mở cổng nước mà cụ thể là trên thiết bị điện thoại thông minh ngày nay có kết nối với internet điều đó giúp cho việc tác trực tiếp tại tủ điện của hệ thống giúp hệ thống trở nên thông minh và tiện lợi hơn. Từ thiết bị điện thoại có kết nối internet thực hiện một số chức năng như: đóng, mở cổng nước với nhiều chế độ, giám sát được chiều sâu mực nước và chiều cao cổng đóng mở hiện tại. Bên cạnh đó với chế độ tự động có thể phát hiện mực nước và đóng mở cổng sao cho phù hợp với mực nước mong muốn một cách tự động. Bằng việc kết hợp giữa ESP8266 NodeMcu và Arduino Mega 2560 giao tiếp với nhau thông qua software Serial với NodeMcu làm nhiệm vụ nhận tín hiệu cảm biến khoảng cách từ Arduino và gửi lên Firebase cũng như nhận tín hiệu điều khiển từ điện thoại thông minh qua Firebase xuống cho Arduino thực hiện Arduino Mega 2560 làm nhiệm vụ đọc và truyền tín hiệu cảm biến khoảng cách cho NodeMcu và thực hiện các thao tác được yêu cầu. Từ đó đã thực hiện được các mục tiêu đề ra của đề tài. Tuy nhiên do thời gian thực hiện đề tài còn hạn chế nên chưa thể thực hiện được trên hệ thống thực tế với công suất động cơ lớn hơn. Việc tích hợp điều khiển giám sát thông qua internet vào hệ thống đóng mở cổng nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống

3058	Đại học	Hệ thống đóng mở cổng nước dựa trên nền tảng IoT - P2	Vũ, Tuấn Tú	Nguyễn, Hữu Cường	2018-12	Đề tài có thể điều khiển và giám sát việc đóng mở cổng nước mà cụ thể là trên thiết bị điện thoại thông minh ngày nay có kết nối với internet điều đó giúp cho việc tác trực tiếp tại tủ điện của hệ thống giúp hệ thống trở nên thông minh và tiện lợi hơn. Từ thiết bị điện thoại có kết nối internet thực hiện một số chức năng như: đóng, mở cổng nước với nhiều chế độ, giám sát được chiều sâu mực nước và chiều cao cổng đóng mở hiện tại. Bên cạnh đó với chế độ tự động có thể phát hiện mực nước và đóng mở cổng sao cho phù hợp với mực nước mong muốn một cách tự động. Bằng việc kết hợp giữa ESP8266 NodeMcu và Arduino Mega 2560 giao tiếp với nhau thông qua software Serial với NodeMcu làm nhiệm vụ nhận tín hiệu cảm biến khoảng cách từ Arduino và gửi lên Firebase cũng như nhận tín hiệu điều khiển từ điện thoại thông minh qua Firebase xuống cho Arduino thực hiện Arduino Mega 2560 làm nhiệm vụ đọc và truyền tín hiệu cảm biến khoảng cách cho NodeMcu và thực hiện các thao tác được yêu cầu. Từ đó đã thực hiện được các mục tiêu đề ra của đề tài. Tuy nhiên do thời gian thực hiện đề tài còn hạn chế nên chưa thể thực hiện được trên hệ thống thực tế với công suất động cơ lớn hơn. Việc tích hợp điều khiển giám sát thông qua internet vào hệ thống đóng mở cổng nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống
3059	Đại học	Hệ thống vệ sinh mái nhà màng (nhà kính) - P2	Trần, Văn Thịnh	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Sử dụng nhà màng (nhà kính) để canh tác nông nghiệp công nghệ cao là mô hình được nhân rộng ở nhiều nơi trên thế giới, tuy nhiên nhà màng sẽ làm giảm độ truyền sáng của ánh sáng tự nhiên và nó sẽ còn giảm dần trong quá trình sử dụng lâu dài với tình trạng bám bụi bẩn cũng như rêu tảo phát triển điều này làm ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình quang hợp của cây trồng do đó một mái nhà màng sạch là điều rất cần thiết. Từ những yêu cầu thực tế đó, đề tài thiết kế hệ thống vệ sinh mái nhà màng được nghiên cứu với mục đích thiết kế một hệ thống điều khiển thông minh, tiện lợi mang tính tự động hóa giúp làm sạch mái nhà màng trồng rau. Đề tài có bộ phận cứng gồm hệ thống khung xe được gia công khí phù hợp với từng loại mái nhà màng....
3060	Đại học	Hệ thống xếp chai và chiết rót tự động - P1	Dương Cao, Bách Thông	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Hệ thống xếp chai và chiết rót tự động đối tượng là loại chai nhựa trong suốt có khối lượng nhẹ và kích thước dài như chai nước tinh khiết 500ml. đề tài hướng đến thiết kế hệ thống có thể dẫn hướng được loại chai nhựa và có thể kết hợp thêm phần chiết rót để tự động hóa toàn bộ hệ thống. Xây dựng mô hình chiết rót tự động qui mô nhỏ, định hướng phát triển có thể mở rộng kích thước mâm xếp chai để tăng gấp đôi năng suất của hệ thống dẫn hướng. Đối với hệ thống chiết rót có thể sử dụng máy bơm công suất lớn hơn để giảm thời gian chiết rót và rót được nhiều chai cùng lúc để đồng bộ với năng suất hệ thống dẫn hướng.....

3061	Đại học	Thiết kế thiết bị hỗ trợ người khiếm thị bằng âm thanh	Hồ Nguyễn, Tiến Đạt	Trần, Thanh Hùng	2018-09	Tránh các vật cản trong quá trình hoạt động là vấn đề chính với người khiếm thị. Mặc dù cũng có nhiều biện pháp đã được áp dụng nhưng hầu hết không thể xác định được các vật cản ở khoảng cách lớn cũng như toàn cảnh không gian phía trước. Luận văn giới thiệu một hệ thống phát hiện các chướng ngại vật cho người khiếm thị sử dụng ảnh độ sâu từ Microsoft Kinect. Với cảm biến này hệ thống sẽ nhận được thông tin độ sâu và xử lý để tìm chướng ngại vật. Khi phát hiện các chướng ngại vật, hệ thống sẽ báo với người dùng bằng âm thanh 3D qua tai nghe. Thử nghiệm thực tế cho thấy thiết bị có thể giúp người sử dụng tránh được các vật cản khi di chuyển.
3062	Đại học	Thiết kế chế tạo thiết bị gieo hạt tự động - P2	Phạm, Ngọc Thạch	Nguyễn Huỳnh, Anh Duy	2018-12	Hiện nay Nông nghiệp vẫn là một ngành kinh tế quan trọng ở Việt Nam. Sản xuất nông nghiệp là lĩnh vực sản xuất quan trọng nhất đối với sự phát triển của Việt Nam. Nhưng quá trình sản xuất vẫn còn thô sơ nhất là đối với khâu gieo trồng. Trên thế giới đã có những phát minh nhằm đến vấn đề giảm tải nhân lực và thời gian cho quá trình gieo trồng. Đặt biệt là phát minh “Robot gieo hạt rau củ quả tự động” của anh Phạm Văn Hát, Hải Phòng. Mục tiêu của đề tài “Thiết kế thiết bị gieo hạt tự động” là dựa trên những ý tưởng cơ bản của “Robot gieo hạt rau củ quả tự động” của anh Phạm Văn Hát để thiết kế lại máy với cơ cấu gieo tuần tự 4 loại hạt khác nhau và liên tục trên một thửa ruộng. Đề tài sử dụng board Arduino Mega 2560 làm bộ điều khiển chính cho các động cơ bước NEMA 23 và động cơ DC thông qua driver TB6560 và L298N. Động cơ bước đóng vai trò là trục dẫn động cho toàn bộ cơ cấu di chuyển, động cơ DC đảm nhiệm vai trò kéo cánh tay quay để gieo và nhả hạt. Kết quả đề tài đạt được là thiết kế và thử nghiệm thiết bị gieo được 20-25 hạt một hàng và có thể gieo luân phiên 4 loại hạt.
3063	Đại học	Xây Dựng bộ điều khiển hỗ trợ chạy thẳng cho máy phun thuốc trừ sâu - Phần mềm	Trần, Hồng Nhật	Nguyễn, Hữu Cường	2018-05	Trong giai đoạn cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay các giải pháp tích hợp tự động vào các thiết bị máy móc ngày càng tăng cao, do đó đề tài này nhằm hỗ trợ một phần tự động hóa giảm bớt công điều khiển của người sử dụng

3064	Đại học	Thiết kế thiết bị nhận dạng tảo độc	Trần, Gia Bảo	Trần, Thanh Hùng	2018-05	Ngoài vai trò là mắt xích đầu tiên của chuỗi thức ăn trong thủy vực v giúp cân bằng hệ sinh thái ao nuôi, tảo còn là nguồn cung cấp oxy chính ch hoạt động hô hấp của tôm, làm giảm độ trong của nước, hấp thu muối din dưỡng dư thừa, hấp thu chất hữu cơ trong môi trường nước. Tính đa dạng v thành phần loài tảo thường thấp hơn các thủy vực tự nhiên và bị chi phối bởi quy luật ưu thế, khi ao nghèo dinh dưỡng thường có thành phần loài phong ph nhưng số lượng cá thể trong một loài thì ít, khi đó mật độ tảo trong ao tương đối ổn định, ngược lại ở ao giàu dinh dưỡng thì một số loài phát triển ưu thế về s lượng sẽ lấn át các loài khác Tảo được xem là thước đo đánh giá môi trường của hệ sinh thái ở các vùn thủy vực, do những ảnh hưởng cũng như những tác hại của việc bùng phát tả không kiểm soát, chúng tôi đã có ý tưởng thực hiện một đề tài về nhận dạng tả thông qua phương pháp xử lý ảnh nhằm cung cấp thông tin về nhận dạng v phát hiện tảo đến những người có chuyên môn có hướng giải quyết cũng nh dự báo về tình hình biến động của tảo ở một khu vực nhất định. Vấn nạn tảo l thực trạng chung cho hầu hết các vùng thủy vực, chính vì thế đề tài này đượ thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu tính cấp thiết ả Bằng cách vận dụng nhiều phương pháp xử lý ảnh khác nhau và vận dụng những kiến thức vào quá trình phân tích và nhận dạng tảo, đề đặt nền móng ba đầu trong quá trình nhận dạng và tạo cơ sở dữ liệu trong quá trình phân tích v xử lý. Kết quả đã khảo sát khả năng nhận dạng tảo thông qua màu sắc và biê dạng hình dạng của tảo, bên cạnh đó chúng tôi vẫn đang tiến hành cho nuôi tả để xây dựng thêm cơ sở dữ liệu cho việc áp dụng mạng nơ-ron nhân tạo.
3065	Đại học	Màn nước nghệ thuật - phần mềm	Nguyễn, Thanh Thảo Nguyên	Nguyễn, Chánh Nghiệm	2018-05	Màn nước nghệ thuật (Digital Water Curtain) là một bức màn được tạo ra bằng nước, được thiết kế để hiển thị các hình ảnh lên màn nước. Màn nước nghệ thuật được nghiên cứu, chế tạo với mục đích hiển thị các hình ảnh, chữ viết, biểu tượng bằng việc điều khiển các van điện từ được đóng mở liên tục ở tốc độ nhanh. Màn nước nghệ thuật thường được lắp đặt ở những địa điểm đông người, có thể được sử dụng để trang trí, tạo điểm nhấn cho các công trình nghệ thuật, các khu vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn. Mục đích của đề tài Màn nước nghệ thuật là thiết kế sản phẩm màn nước nghệ thuật có thể hiển thị được các hình ảnh đơn giản như số, ký tự, họa tiết. Trong bài báo cáo này sẽ giới thiệu về một số sản phẩm hiện có trên thị trường, và trình bày phần thiết kế của nhóm về phần cứng và phần mềm điều khiển chính. Đề tài đã thực hiện thành công việc thiết kế sản phẩm màn nước nghệ thuật hoàn chỉnh, đạt được mục tiêu ban đầu của đề tài đã đặt ra là hiển thị được các chữ số, ký tự, và một số họa tiết trên màn nước. Hạn chế của đề tài là hình ảnh hiển thị chưa được nét, quá trình cân chỉnh ban đầu cần thời gian lâu. Vẫn chưa thiết kế được giao diện người dùng. Do kinh phí còn hạn chế nên chỉ có thể tạo ra một sản phẩm cơ bản là hiển thị các chữ số, ký tự, họa tiết nhỏ, chưa thể để nâng cấp phần cứng cần thiết để hiển thị rõ những hình ảnh có kích thước lớn hơn.

3066	Đại học	Thiết kế bộ thí nghiệm cho PLC S7 1200	Nguyễn, Quốc Cường	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-09	Nghiên cứu này trình bày việc thiết kế các bài thí nghiệm sử dụng PL S7-1200. Các bộ thí nghiệm được thiết kế để phục vụ cho thực tập và nghiên cứu khoa học tại Bộ môn Tự động hóa. Các bộ thí nghiệm này gồm: phân loại sản phẩm theo chiều cao, cấp nước nhà cao tầng và lắp ghép sản phẩm. Các mô hình thí nghiệm được điều khiển bằng PLC đơn hoặc nối mạng PLC. Để nâng cao chất lượng bài thí nghiệm thì tất cả các quá trình điều khiển và giám sát và thu thập dữ liệu được thiết kế sử dụng phần mềm SCADA WinCC. Kết quả nghiên cứu cho thấy các mô hình thí nghiệm hoạt động tốt và PLC S7 1200 có thể điều khiển hiệu quả các quá trình tự động. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu này có thể áp dụng ngay cho các học phần thực tập tại Bộ môn T động hóa như PLC (CN406) hoặc Điều khiển logic có thể lập trình (CN579).
3067	Đại học	Quy trình xử lý chất thải công nghiệp - phần 2	Nguyễn, Phú Thoại	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-09	Gần đây nhiều thông tin liên quan đến cá chết hàng loạt ở nhiều nơi như H Tĩnh, Đồng Nai và TPHCM. Nguyên nhân cá chết hàng loạt là do môi trường nước bị ô nhiễm từ việc xả nước thải công nghiệp trực tiếp ra môi trường. Câu hỏi lớn nhất là tại sao doanh nghiệp xả thải trực tiếp mà không qua xử lý? Một trong những nguyên nhân lớn nhất là kinh phí cho vấn đề xử lý chất thải rất lớn. Hơn nữa các quy trình công nghệ xử lý nước thải công nghiệp đều nhậ khẩu và thiếu nhân lực để vận hành. Chính vì thế, đề tài “Quy trình xử l nước thải công nghiệp” được đề xuất nhằm xây dựng một hệ thống xử lý cá chất độc hại có trong nước thải từ nhà máy của các khu công nghiệp sao ch đạt tiêu chuẩn của Việt Nam qui định (QCVN 40:2011/BTNMT), nước thải loại A. Nước thải sau khi xử lý đạt loại A thì được thải trực tiếp ra môi trường Để đạt được mục tiêu đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện quy trình xử lý nướ thải công nghiệp như sau: nước thải công nghiệp được đưa vào bể thu gom Nước từ bể thu gom được bơm qua bể điều hòa nhằm tạo cho các chất lơ lửng có trong nước được trộn đều và tránh xảy ra quá trình yếm khí. Nước thải t bể điều hòa sẽ đưa sang bể keo tụ và bể tạo bông. Tại đây, polymer và phèn được thêm vào nhằm tạo kết tủa hoặc kết dính các kim loại nặng và các chất l lửng có trong nước thải. Các bông kết tủa và bùn sẽ rơi xuống đáy sau khi qu bể lắng. Phần nước sau khi xử lý sẽ được chuyển qua bể trung hòa. Tiếp theo nước từ bể trung hòa được đưa sang bể anoxic và aeroten để khử triệt đ photpho, giảm hàm lượng COD, BOD và TSS. Cuối cùng, để làm giảm cả hàm lượng này thì nước từ bể aeroten sẽ được bơm sang bể thực vật. Kết qu đầu ra của nước thải sẽ được kiểm định đạt loại A mới thải ra môi trường. Tất cả quy trình công nghệ xử lý nước thải này được điều khiển và giám sát thôn qua màn hình SCADA, website và PLC S7-1200. Kết quả nghiên cứu đ chứng minh được rằng, quy trình công nghệ của nhóm đề nghị có thể xử lý tổ nước thải công nghiệp và cho kết quả sau khi xử lý đạt loại A.

3068	Đại học	Quy trình xử lý chất thải công nghiệp - phần 3	Nguyễn, Trí Tín	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-05	Gần đây nhiều thông tin liên quan đến cá chết hàng loạt ở nhiều nơi như H Tĩnh, Đồng Nai và TPHCM. Nguyên nhân cá chết hàng loạt là do môi trường nước bị ô nhiễm từ việc xả nước thải công nghiệp trực tiếp ra môi trường. Câu hỏi lớn nhất là tại sao doanh nghiệp xả thải trực tiếp mà không qua xử lý? Một trong những nguyên nhân lớn nhất là kinh phí cho vấn đề xử lý chất thải rất lớn. Hơn nữa các qui trình công nghệ xử lý nước thải công nghiệp đều nhậ khẩu và thiếu nhân lực để vận hành. Chính vì thế, đề tài “Quy trình xử l nước thải công nghiệp” được đề xuất nhằm xây dựng một hệ thống xử lý cá chất độc hại có trong nước thải từ nhà máy của các khu công nghiệp sao ch đạt tiêu chuẩn của Việt Nam qui định (QCVN 40:2011/BTNMT), nước thả loại A. Nước thải sau khi xử lý đạt loại A thì được thải trực tiếp ra môi trường Để đạt được mục tiêu đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện quy trình xử lý nướ thải công nghiệp như sau: nước thải công nghiệp được đưa vào bể thu gom Nước từ bể thu gom được bơm qua bể điều hòa nhằm tạo cho các chất lơ lữn có trong nước được trộn đều và tránh xảy ra quá trình yếm khí. Nước thải t bể điều hòa sẽ đưa sang bể keo tụ và bể tạo bông. Tại đây, polymer và phè được thêm vào nhằm tạo kết tủa hoặc kết dính các kim loại nặng và các chất l lữn có trong nước thải. Các bông kết tủa và bùn sẽ rơi xuống đáy sau khi qu bể lắng. Phần nước sau khi xử lý sẽ được chuyển qua bể trung hòa. Tiếp theo nước từ bể trung hòa được đưa sang bể anoxic và aeroten để khử triệt đ photpho, giảm hàm lượng COD, BOD và TSS. Cuối cùng, để làm giảm cả hàm lượng này thì nước từ bể aeroten sẽ được bơm sang bể thực vật. Kết qu đầu ra của nước thải sẽ được kiểm định đạt loại A mới thải ra môi trường. Tấ cả qui trình công nghệ xử lý nước thải này được điều khiển và giám sát thôn qua màn hình SCADA, website và PLC S7-1200. Kết quả nghiên cứu đ chứng minh được rằng, qui trình công nghệ của nhóm đề nghị có thể xử lý tổ nước thải công nghiệp và cho kết quả sau khi xử lý đạt loại A.
------	---------	--	-----------------	--------------------	---------	---

3069	Đại học	Quy trình xử lý chất thải công nghiệp - phần 4	Trần, Hữu Toàn	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-05	Gần đây nhiều thông tin liên quan đến cá chết hàng loạt ở nhiều nơi như H Tĩnh, Đồng Nai và TPHCM. Nguyên nhân cá chết hàng loạt là do môi trường nước bị ô nhiễm từ việc xả nước thải công nghiệp trực tiếp ra môi trường. Câu hỏi lớn nhất là tại sao doanh nghiệp xả thải trực tiếp mà không qua xử lý? Một trong những nguyên nhân lớn nhất là kinh phí cho vấn đề xử lý chất thải rất lớn. Hơn nữa các qui trình công nghệ xử lý nước thải công nghiệp đều nhậ khẩu và thiếu nhân lực để vận hành. Chính vì thế, đề tài “Quy trình xử l nước thải công nghiệp” được đề xuất nhằm xây dựng một hệ thống xử lý cá chất độc hại có trong nước thải từ nhà máy của các khu công nghiệp sao ch đạt tiêu chuẩn của Việt Nam qui định (QCVN 40:2011/BTNMT), nước thả loại A. Nước thải sau khi xử lý đạt loại A thì được thải trực tiếp ra môi trường Để đạt được mục tiêu đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện quy trình xử lý nướ thải công nghiệp như sau: nước thải công nghiệp được đưa vào bể thu gom Nước từ bể thu gom được bơm qua bể điều hòa nhằm tạo cho các chất lơ lữn có trong nước được trộn đều và tránh xảy ra quá trình yếm khí. Nước thải t bể điều hòa sẽ đưa sang bể keo tụ và bể tạo bông. Tại đây, polymer và phè được thêm vào nhằm tạo kết tủa hoặc kết dính các kim loại nặng và các chất l lữn có trong nước thải. Các bông kết tủa và bùn sẽ rơi xuống đáy sau khi qu bể lắng. Phần nước sau khi xử lý sẽ được chuyển qua bể trung hòa. Tiếp theo nước từ bể trung hòa được đưa sang bể anoxic và aeroten để khử triệt đ photpho, giảm hàm lượng COD, BOD và TSS. Cuối cùng, để làm giảm cả hàm lượng này thì nước từ bể aeroten sẽ được bơm sang bể thực vật. Kết qu đầu ra của nước thải sẽ được kiểm định đạt loại A mới thải ra môi trường. Tấ cả qui trình công nghệ xử lý nước thải này được điều khiển và giám sát thôn qua màn hình SCADA, website và PLC S7-1200. Kết quả nghiên cứu đ chứng minh được rằng, qui trình công nghệ của nhóm đề nghị có thể xử lý tổ nước thải công nghiệp và cho kết quả sau khi xử lý đạt loại A.
3070	Đại học	Xe tự hành vận chuyển trong kho lạnh - phần 3	Trương, Văn Ty	Trần, Thanh Hùng	2019-05	Luận văn trình bày giải pháp tự động nâng hàng bằng robot di động nhằm thay thế con người trong sản xuất đặc biệt trong kho lạnh, thời gian làm việc trong kho lâu hơn so với con người. Trong đề tài này robot có khả năng di chuyển theo đường line được kẻ sẵn, tránh được vật cản khi di chuyển, nâng hàng tại vị trí cố định, hạ hàng khi đứng chỗ quy định, lùi về vị trí ban đầu. Kết quả đạt được là mô hình chạy đúng theo đường di chuyển mong muốn, nâng hoặc hạ hàng theo vị trí đặt từ trước và lùi về sau khi hạ hàng xong.
3071	Đại học	Xe tự hành vận chuyển trong kho lạnh - phần 1	Nguyễn, Thái Anh	Trần, Thanh Hùng	2019-05	Luận văn trình bày giải pháp tự động nâng hàng bằng robot di động nhằm thay thế con người trong sản xuất đặc biệt trong kho lạnh, thời gian làm việc trong kho lâu hơn so với con người. Trong đề tài này robot có khả năng di chuyển theo đường line được kẻ sẵn, tránh được vật cản khi di chuyển, nâng hàng tại vị trí cố định, hạ hàng khi đứng chỗ quy định, lùi về vị trí ban đầu. Kết quả đạt được là mô hình chạy đúng theo đường di chuyển mong muốn, nâng hoặc hạ hàng theo vị trí đặt từ trước và lùi về sau khi hạ hàng xong.

3072	Đại học	Hệ thống vườn rau khí canh kết hợp nền tảng IoT - P3	Trần, Quang Tiến	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Trồng rau sử dụng công nghệ cao đã được áp dụng rộng rãi như phương pháp thủy canh và phương pháp địa canh các phương pháp này đều có hệ thống giám sát và điều khiển từ xa. Tuy nhiên các phương pháp này chưa tối ưu hóa được nguồn dinh dưỡng cung cấp cho cây để tiết kiệm chi phí sản xuất. trong nghiên cứu này một giải pháp trồng rau bằng phương pháp khí canh được đề nghị, với phương pháp này rau được trồng trong không khí, lượng dinh dưỡng phù hợp cho từng loại cây được thiết lập công thức pha chế tự động, đồng thời lượng dinh dưỡng được phun lên rễ cây theo thời gian hợp lý định trước, lượng dinh dưỡng phun lên rễ cây sẽ được hồi lưu và tái sử dụng. Phương pháp trồng rau khí canh hoạt động ổn định rau phát triển tốt và tiết kiệm được dinh dưỡng nuôi cây.
3073	Đại học	Khảo sát giải pháp nhận dạng tảo độc trong môi trường ao tôm	Huỳnh, Phú Châu	Trần, Thanh Hùng	2018-05	Ngoài vai trò là mồi tích đầu tiên của chuỗi thức ăn trong thủy vực và giúp cân bằng hệ sinh thái ao nuôi, tảo còn là nguồn cung cấp oxy chính cho hoạt động hô hấp của tôm, làm giảm độ trong của nước, hấp thu muối dinh dưỡng dư thừa, hấp thu chất hữu cơ trong môi trường nước. Tính đa dạng và thành phần loài tảo thường thấp hơn các thủy vực tự nhiên và bị chi phối bởi quy luật ưu thế, khi ao nghèo dinh dưỡng thường có thành phần loài phong phú nhưng số lượng cá thể trong một loài thì ít, khi đó mật độ tảo trong ao tương đối ổn định, ngược lại ở ao giàu dinh dưỡng thì một số loài phát triển ưu thế về số lượng sẽ lấn át các loài khác Tảo được xem là thước đo đánh giá môi trường của hệ sinh thái ở các vùng thủy vực, do những ảnh hưởng cũng như những tác hại của việc bùng phát tảo không kiểm soát, chúng tôi đã có ý tưởng thực hiện một đề tài về nhận dạng tảo thông qua phương pháp xử lý ảnh nhằm cung cấp thông tin về nhận dạng và phát hiện tảo đến những người có chuyên môn có hướng giải quyết cũng như dự báo về tình hình biến động của tảo ở một khu vực nhất định. Vấn nạn tảo nở hoa thực trạng chung cho hầu hết các vùng thủy vực, chính vì thế đề tài này được thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu tính cấp thiết. Bằng cách vận dụng nhiều phương pháp xử lý ảnh khác nhau và vận dụng những kiến thức vào quá trình phân tích và nhận dạng tảo, đề xuất nền móng ban đầu trong quá trình nhận dạng và tạo cơ sở dữ liệu trong quá trình phân tích và xử lý. Kết quả đã khảo sát khả năng nhận dạng tảo thông qua màu sắc và bi dạng hình dạng của tảo, bên cạnh đó chúng tôi vẫn đang tiến hành cho nuôi tảo để xây dựng thêm cơ sở dữ liệu cho việc áp dụng mạng nơ-ron nhận tạo.

3074	Đại học	Màn nước nghệ thuật - phản cứng	Nguyễn, Minh Huy	Nguyễn, Chánh Nghiệm	2018-03	Màn nước nghệ thuật (Digital Water Curtain) là một bức màn được tạo ra bằng nước, được thiết kế để hiển thị các hình ảnh lên màn nước. Màn nước nghệ thuật được nghiên cứu, chế tạo với mục đích hiển thị các hình ảnh, chữ viết, biểu tượng bằng việc điều khiển các van điện từ được đóng mở liên tục ở tốc độ nhanh. Màn nước nghệ thuật thường được lắp đặt ở những địa điểm đông người, có thể được sử dụng để trang trí, tạo điểm nhấn cho các công trình nghệ thuật, các khu vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn. Mục đích của đề tài Màn nước nghệ thuật là thiết kế sản phẩm màn nước nghệ thuật có thể hiển thị được các hình ảnh đơn giản như số, ký tự, hoa tiết. Trong bài báo cáo này sẽ giới thiệu về một số sản phẩm hiện có trên thị trường, và trình bày phần thiết kế của nhóm về phần cứng và phần mềm điều khiển chính. Đề tài đã thực hiện thành công việc thiết kế sản phẩm màn nước nghệ thuật hoàn chỉnh, đạt được mục tiêu ban đầu của đề tài đã đặt ra là hiển thị được các chữ số, ký tự, và một số hoa tiết trên màn nước. Hạn chế của đề tài là hình ảnh hiển thị chưa được nét, quá trình cân chỉnh ban đầu cần thời gian lâu. Vẫn chưa thiết kế được giao diện người dùng. Do kinh phí còn hạn chế nên chỉ có thể tạo ra một sản phẩm cơ bản là hiển thị các chữ số, ký tự, hoa tiết nhỏ, chưa thể đề nâng cấp phần cứng cần thiết để hiển thị rõ những hình ảnh có kích thước lớn hơn.
3075	Đại học	Thiết kế mô hình máy sục khí ao tôm dùng năng lượng mặt trời	Nguyễn, Tuấn Duy	Trần, Thanh Hùng	2019-03	Đề tài với mục tiêu thiết kế một mô hình máy sục khí ao tôm với động cơ DC dùng năng lượng mặt trời với quy mô nhỏ để là tiền đề cho việc tạo ra một mô hình máy sục khí ao tôm như mong muốn có thể đưa vào thực tiễn và ứng dụng cho việc tiết kiệm điện năng tiêu thụ. Đề tài này cơ bản dựa trên cơ cấu máy sục khí ao tôm dùng cánh quạt nước tạo bọt khí trên mặt ao và máy khuếch tán bên dưới ao tôm, kết hợp với nguồn điện năng được cấp từ tấm pin năng lượng mặt trời là chính yếu. Đề tài sử dụng tấm pin mặt trời Mono 60W làm bộ thu năng lượng cấp cho Động cơ máy sục khí. Sử dụng bộ solar charge controller làm bộ ổn định điện áp cấp cho tải. Sử dụng động cơ DC thổi khí MPQ-902 làm máy sục khí khuấy tán và động cơ DC RS-755 và dây cánh quạt nước đồng trục để làm máy sục khí kiểu cánh quạt nước. Lập trình cho Arduino Uno R3 làm nhiệm vụ đóng ngắt module relay để thay phiên giữa 2 nguồn điện là nguồn điện từ tấm pin năng lượng mặt trời và nguồn điện được cấp từ điện lưới. Sau khi tính toán chi tiết hệ thống và lựa chọn các thiết bị với thông số kỹ thuật phù hợp sẽ tạo ra một mô hình máy sục khí ao tôm dùng năng lượng mặt trời quy mô nhỏ hoạt động độc lập để là tiền đề tạo nên một hệ thống quy mô lớn có thể áp dụng vào thực tiễn và đạt được hiệu quả tốt nhất.

3076	Đại học	Hệ thống giao tiếp hành chính công tự động - phần tra cứu không dùng máy tính	Trần, Minh Thêm	Ngô, Trúc Hưng Trần Lê, Trung Chánh	2018-12	Giao tiếp tự động là hệ thống giao tiếp giữa các thiết bị với nhau hoặc giữa thiết bị với con người thông qua mạng internet, điện thoại, giọng nói... Các thiết bị sẽ được lập trình sẵn và cập nhật dữ liệu vào bộ nhớ. Khi nhận được tín hiệu, tần số hoặc cú pháp phù hợp thì các thiết bị sẽ tự động phản hồi lại các thông tin được yêu cầu. Với sự thông dụng đó hiện nay hệ thống giao tiếp tự động bằng tin nhắn SMS ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực: công nghiệp, trường học, cơ quan hành chính... Hiện nay, việc xử lý hồ sơ tại các cơ quan hành chính luôn phải trải qua nhiều bước. Nền chủ nhân của hồ sơ luôn muốn biết hồ sơ của mình đang ở trong giai đoạn nào và thời gian cụ thể để hồ sơ hoàn thành. Và để theo dõi được vấn đề này, việc liên hệ với các nhân viên cơ quan hành chính sẽ rất phức tạp và tạo thêm cho họ nhiều việc hơn. Vì vậy, một hệ thống có thể tự động phản hồi những yêu cầu về theo dõi hồ sơ của người dùng là cần thiết. Qua đó, luận văn này tập trung vào vấn đề “Hệ thống giao tiếp hành chính công tự động - Phần tra cứu không dùng máy tính” thông qua tin nhắn SMS. Hệ thống này cho phép người dùng có thể kiểm tra và theo dõi tình trạng hồ sơ của mình một cách nhanh chóng và tiện lợi chỉ với cú pháp nhắn tin SMS đơn giản. Từ khóa: Giao tiếp bằng SMS, Short Message Services, Điều khiển Tự động.
3077	Đại học	Thiết kế hệ thống cân bằng định lượng dùng PLC S7 - 1200 phần 1	Phạm, Hữu Hưng	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Ngày nay hệ thống cân bằng định lượng được sử dụng rộng rãi ngày càng nhiều trong các nhà máy xi măng, phân bón....nghiên cứu này trình bày hệ thống cân bằng định lượng, hệ thống hoạt động dựa trên bộ điều khiển logic khả trình PLC S7 1200, do cân tĩnh không có khả năng cân được khối lượng lớn nên cân động là giải pháp cần thiết để cân được khối lượng lớn. hệ thống cân bằng định lượng hoạt động dựa trên cơ sở xác định trọng lượng của vật liệu trên băng tải và tốc độ thực của băng tải đưa tín hiệu về PLC để có thể tính toán và suy ra được lưu lượng của vật liệu trên đơn vị thời gian, sau khi có lưu lượng bộ điều khiển sẽ tính toán để khối lượng tổng sau khi kết thúc quá trình hoạt động bằng với khối lượng tổng đã đặt. Xây dựng thiết kế phần cứng cũng như hệ thống giám sát và điều khiển WinCC đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định độ chính xác cao...
3078	Đại học	Xe tự hành vận chuyển trong kho lạnh - phần 2	Dương, Quang Hào	Trần, Thanh Hùng	2019-03	Luận văn trình bày giải pháp tự động nâng hàng bằng robot di động nhằm thay thế con người trong sản xuất đặc biệt trong kho lạnh, thời gian làm việc trong kho lâu hơn so với con người. Trong đề tài này robot có khả năng di chuyển theo đường line được kẻ sẵn, tránh được vật cản khi di chuyển, nâng hàng tại vị trí cố định, hạ hàng khi đứng chỗ quy định, lùi về vị trí ban đầu. Kết quả đạt được là mô hình chạy đúng theo đường di chuyển mong muốn, nâng hoặc hạ hàng theo vị trí đặt từ trước và lùi về sau khi hạ hàng xong.

3079	Đại học	Khảo sát và điều khiển áp suất nước trong hệ thống tưới nhỏ giọt - P1	Trần, Văn Lực	Nguyễn Huỳnh, Anh Duy	2018-12	Ngày nay, việc ứng dụng IoT (Internet of Things) trong nông nghiệp công nghệ cao không còn là khái niệm xa lạ đối với chúng ta. Có rất nhiều ứng dụng IoT trong nông nghiệp như thu thập dữ liệu về nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, tốc độ gió, hàm lượng đất,... góp phần nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng và số lượng, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả quản lý cây trồng. Tuy nhiên để tối ưu hóa hiệu suất nông nghiệp vẫn còn là bài toán nan giải. Nhằm đi tìm một phần lời giải cho bài toán này chúng em đã tiến hành thực hiện đề tài “ Khảo sát và điều khiển áp suất nước trong hệ thống tưới nhỏ giọt” đề tài vận dụng nền tảng IoT, tham khảo phương pháp theo mô hình tưới nhỏ giọt của Israel đặc biệt ứng dụng lý thuyết về áp suất nước trong lòng ống, tính toán độ bốc hơi nước tại gốc cây, từ đó đưa ra phương pháp điều khiển tối ưu hóa lượng nước cho cây trong tất cả thời điểm trong năm. Đề tài sử dụng module ESP 8266 Wemos D1 để thu thập dữ liệu từ các cảm biến: nhiệt độ, độ ẩm không khí, độ ẩm đất, lưu lượng nước, sử dụng app Blynk hiển thị giá trị cảm biến để điều khiển áp suất nước, sử dụng phần mềm CROPWAT 8.0 để tính toán nhu cầu lượng nước, phần mềm CLIMWAT 2.0 lấy dữ liệu về thời tiết. Kết quả đạt được là hoàn thành mô hình thực tế vườn cà chua trong nhà lưới theo một số quy chuẩn nông nghiệp thông minh, điều khiển lượng nước cần thiết cho cây trong suốt mùa vụ với 2 chế độ điều khiển bằng tay vận biến trở và điều khiển tự động thông qua WiFi.
3080	Đại học	Khảo sát và điều khiển áp suất nước trong hệ thống tưới nhỏ giọt - P2	Nguyễn, Minh Thê	Nguyễn Huỳnh, Anh Duy	2018-12	Ngày nay, việc ứng dụng IoT (Internet of Things) trong nông nghiệp công nghệ cao không còn là khái niệm xa lạ đối với chúng ta. Có rất nhiều ứng dụng IoT trong nông nghiệp như thu thập dữ liệu về nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, tốc độ gió, hàm lượng đất,... góp phần nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng và số lượng, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả quản lý cây trồng. Tuy nhiên để tối ưu hóa hiệu suất nông nghiệp vẫn còn là bài toán nan giải. Nhằm đi tìm một phần lời giải cho bài toán này chúng em đã tiến hành thực hiện đề tài “ Khảo sát và điều khiển áp suất nước trong hệ thống tưới nhỏ giọt” đề tài vận dụng nền tảng IoT, tham khảo phương pháp theo mô hình tưới nhỏ giọt của Israel đặc biệt ứng dụng lý thuyết về áp suất nước trong lòng ống, tính toán độ bốc hơi nước tại gốc cây, từ đó đưa ra phương pháp điều khiển tối ưu hóa lượng nước cho cây trong tất cả thời điểm trong năm. Đề tài sử dụng module ESP 8266 Wemos D1 để thu thập dữ liệu từ các cảm biến: nhiệt độ, độ ẩm không khí, độ ẩm đất, lưu lượng nước, sử dụng app Blynk hiển thị giá trị cảm biến để điều khiển áp suất nước, sử dụng phần mềm CROPWAT 8.0 để tính toán nhu cầu lượng nước, phần mềm CLIMWAT 2.0 lấy dữ liệu về thời tiết. Kết quả đạt được là hoàn thành mô hình thực tế vườn cà chua trong nhà lưới theo một số quy chuẩn nông nghiệp thông minh, điều khiển lượng nước cần thiết cho cây trong suốt mùa vụ với 2 chế độ điều khiển bằng tay vận biến trở và điều khiển tự động thông qua WiFi.

3081	Đại học	Bộ khóa cửa thông minh sử dụng cảm biến vân tay - phần 1	Lý, Thái Hòa	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Vấn đề bảo vệ an toàn tài sản cho gia đình mình luôn được mọi người quan tâm, do đó là sự ra đời của rất nhiều loại ổ khóa cửa với những ưu nhược điểm khác nhau, xuất phát từ nhu cầu đó nên mục tiêu của đề tài bộ khóa cửa thông minh sử dụng dấu vân tay sẽ được thiết kế tiện lợi cho người sử dụng vì không cần phải đem theo chìa khóa, thẻ từ hay phải nhớ mật khẩu mở cửa. với bộ khóa cửa thông minh chúng ta có thể điều khiển qua internet, xem lại lịch sử mở cửa của các thành viên trong gia đình. Sau quá trình nghiên cứu kết quả cho thấy cảm biến hoạt động ổn định, hệ thống được điều khiển qua internet, được cài đặt trên điện thoại thông minh nên rất tiện lợi cho người sử dụng.
3082	Đại học	Bộ khóa cửa thông minh sử dụng cảm biến vân tay phần 2	Nguyễn, Hoài Nam	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Vấn đề bảo vệ an toàn tài sản cho gia đình mình luôn được mọi người quan tâm, do đó là sự ra đời của rất nhiều loại ổ khóa cửa với những ưu nhược điểm khác nhau, xuất phát từ nhu cầu đó nên mục tiêu của đề tài bộ khóa cửa thông minh sử dụng dấu vân tay sẽ được thiết kế tiện lợi cho người sử dụng vì không cần phải đem theo chìa khóa, thẻ từ hay phải nhớ mật khẩu mở cửa. với bộ khóa cửa thông minh chúng ta có thể điều khiển qua internet, xem lại lịch sử mở cửa của các thành viên trong gia đình. Sau quá trình nghiên cứu kết quả cho thấy cảm biến hoạt động ổn định, hệ thống được điều khiển qua internet, được cài đặt trên điện thoại thông minh nên rất tiện lợi cho người sử dụng.
3083	Đại học	Hệ thống vệ sinh mái nhà màng (nhà kính) - P1	Dương, Đông Hải	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Sử dụng nhà màng (nhà kính) để canh tác nông nghiệp công nghệ cao là mô hình được nhân rộng ở nhiều nơi trên thế giới, tuy nhiên nhà màng sẽ làm giảm độ truyền sáng của ánh sáng tự nhiên và nó sẽ còn giảm dần trong quá trình sử dụng lâu dài với tình trạng bám bụi bẩn cũng như rêu tảo phát triển điều này làm ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình quang hợp của cây trồng do đó một mái nhà màng sạch là điều rất cần thiết. Từ những yêu cầu thực tế đó, đề tài thiết kế hệ thống vệ sinh mái nhà màng được nghiên cứu với mục đích thiết kế một hệ thống điều khiển thông minh, tiện lợi mang tính tự động hóa giúp làm sạch mái nhà màng trồng rau.Đề tài có bộ phận cứng gồm hệ thống khung xe được gia công khí phù hợp với từng loại mái nhà màng....
3084	Đại học	Hệ thống xếp chai và chiết rót tự động - P2	Phạm, Văn Tung	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Hệ thống xếp chai và chiết rót tự động đối tượng là loại chai nhựa trong suốt có khối lượng nhẹ và kích thước dài như chai nước tinh khiết 500ml. đề tài hướng đến thiết kế hệ thống có thể dẫn hướng được loại chai nhựa và có thể kết hợp thêm phần chiết rót để tự động hóa toàn bộ hệ thống. Xây dựng mô hình chiết rót tự động qui mô nhỏ, định hướng phát triển có thể mở rộng kích thước mâm xếp chai để tăng gấp đôi năng suất của hệ thống dẫn hướng. Đối với hệ thống chiết rót có thể sử dụng máy bơm công suất lớn hơn để giảm thời gian chiết rót và rót được nhiều chai cùng lúc để đồng bộ với năng suất hệ thống dẫn hướng.....

3085	Đại học	Hệ thống vườn rau khí canh kết hợp nền tảng IoT - P2	Hồng, Vũ Khánh	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Trồng rau sử dụng công nghệ cao đã được áp dụng rộng rãi như phương pháp thủy canh và phương pháp địa canh các phương pháp này đều có hệ thống giám sát và điều khiển từ xa. Tuy nhiên các phương pháp này chưa tối ưu hóa được nguồn dinh dưỡng cung cấp cho cây để tiết kiệm chi phí sản xuất. trong nghiên cứu này một giải pháp trồng rau bằng phương pháp khí canh được đề nghị, với phương pháp này rau được trồng trong không khí, lượng dinh dưỡng phù hợp cho từng loại cây được thiết lập công thức pha chế tự động, đồng thời lượng dinh dưỡng được phun lên rễ cây theo thời gian hợp lý định trước, lượng dinh dưỡng phun lên rễ cây sẽ được hồi lưu và tái sử dụng. Phương pháp trồng rau khí canh hoạt động ổn định rau phát triển tốt và tiết kiệm được dinh dưỡng nuôi cây.
3086	Đại học	Khảo sát chuyển động của robot 6 chân phần 1	Nguyễn, Minh Tuấn	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Nhắc đến máy móc thì không thể nhắc tới robot. Ngày nay robot không chỉ ứng dụng trong công nghiệp, quân sự mà còn được sử dụng để phục vụ trong đời sống hàng ngày. Do đó nghiên cứu này đề xuất một giải pháp về thiết kế robot 6 chân có khả năng di chuyển theo hướng trái, phải, tiến, lùi, xoay tròn và có khả năng tránh vật cản để ứng dụng trong việc ghi lại bản đồ đã đi qua với địa hình phức tạp và thám hiểm ở các môi trường độc hại mà con người không thể đặt chân tới. Robot được thiết kế 6 chân mỗi chân được cấu tạo gồm 3 bậc tự do, mỗi khớp được dẫn động bằng một động cơ RC servo, robot được điều khiển bằng mạch vi điều khiển Arduino nano kết quả thử nghiệm cho thấy robot có khả năng di chuyển linh hoạt ở nhiều địa hình khác nhau, có thể phát hiện vật cản và tự chọn hướng đi khác.

3087	Đại học	Quy trình xử lý chất thải công nghiệp - phần 1	Phan, Minh Hậu	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-05	Gần đây nhiều thông tin liên quan đến cá chết hàng loạt ở nhiều nơi như H Tĩnh, Đồng Nai và TPHCM. Nguyên nhân cá chết hàng loạt là do môi trường nước bị ô nhiễm từ việc xả nước thải công nghiệp trực tiếp ra môi trường. Câu hỏi lớn nhất là tại sao doanh nghiệp xả thải trực tiếp mà không qua xử lý? Một trong những nguyên nhân lớn nhất là kinh phí cho vấn đề xử lý chất thải rất lớn. Hơn nữa các quy trình công nghệ xử lý nước thải công nghiệp đều nhậ khẩu và thiếu nhân lực để vận hành. Chính vì thế, đề tài “Quy trình xử l nước thải công nghiệp” được đề xuất nhằm xây dựng một hệ thống xử lý cá chất độc hại có trong nước thải từ nhà máy của các khu công nghiệp sao ch đạt tiêu chuẩn của Việt Nam qui định (QCVN 40:2011/BTNMT), nước thả loại A. Nước thải sau khi xử lý đạt loại A thì được thải trực tiếp ra môi trường Để đạt được mục tiêu đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện quy trình xử lý nướ thải công nghiệp như sau: nước thải công nghiệp được đưa vào bể thu gom Nước từ bể thu gom được bơm qua bể điều hòa nhằm tạo cho các chất lơ lữn có trong nước được trộn đều và tránh xảy ra quá trình yếm khí. Nước thải t bể điều hòa sẽ đưa sang bể keo tụ và bể tạo bông. Tại đây, polymer và phè được thêm vào nhằm tạo kết tủa hoặc kết dính các kim loại nặng và các chất l lữn có trong nước thải. Các bông kết tủa và bùn sẽ rơi xuống đáy sau khi qu bể lắng. Phần nước sau khi xử lý sẽ được chuyển qua bể trung hòa. Tiếp theo nước từ bể trung hòa được đưa sang bể anoxic và aeroten để khử triệt đ photpho, giảm hàm lượng COD, BOD và TSS. Cuối cùng, để làm giảm cả hàm lượng này thì nước từ bể aeroten sẽ được bơm sang bể thực vật. Kết qu đầu ra của nước thải sẽ được kiểm định đạt loại A mới thải ra môi trường. Tả cả quy trình công nghệ xử lý nước thải này được điều khiển và giám sát thôn qua màn hình SCADA, website và PLC S7-1200. Kết quả nghiên cứu đ chứng minh được rằng, qui trình công nghệ của nhóm đề nghị có thể xử lý tổ nước thải công nghiệp và cho kết quả sau khi xử lý đạt loại A.
3088	Đại học	Thiết kế bộ thí nghiệm cho hệ SCADA	Vũ, Ngọc Anh	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-05	Nghiên cứu này trình bày hai bài thí nghiệm về việc ứng dụng SCAD trong điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu. Bài thí nghiệm được xây dựn dựa trên ba giao thức mạng AS-I (Actuator Sensor Interface), mạng Modbus mạng Profibus và PLC Logo, S7-200 và S7-400. Để minh chứng cho hoạ động của các mạng này, mô hình lắp sản phẩm và mô hình điều khiển tốc đ động cơ thông qua biến tần được sử dụng. Mạng truyền thông AS-I cho phé giao tiếp giữa PLC S7-200 và Logo điều khiển mô hình lắp ghép sản phẩm Mạng truyền thông Profibus cho phép giữa PLC S7-400 và PLC S7-200 Trong đó S7-400 làm nhiệm vụ Master và PLC S7-200 làm nhiệm vụ Slave đ điều khiển Biến tần. Đối với truyền thông Modbus RS485, PC giữ vai trò l Master trong khi đó hai PLC S7-200 làm nhiệm vụ là các Slaves lần lượt điề khiển mô hình lắp ghép sản phẩm và biến tần. Đáng chú ý là tất cả các qu trình hoạt động của các mô hình thí nghiệm trên đều được điều khiển, giám sá và thu thập dữ liệu thông qua phần mềm SCADA WINCC.

3089	Đại học	Xây dựng hệ thống sao chép biên dạng 2D ứng dụng thị giác máy tính phần 1	Quách, Tấn Khang	Nguyễn, Hữu Cường	2018-12	Ngày nay việc ứng dụng công nghệ CNC để thiết kế gia công các chi tiết cơ khí đang được phát triển rộng rãi đặc biệt là trong lĩnh vực hàn, cắt ...Tuy nhiên để sử dụng được máy CNC người vận hành cần thiết kế trên các phần mềm CAD/CAM dẫn tới việc mất thời gian và đòi hỏi người vận hành phải biết lập trình. Từ đó, đặt ra nhu cầu tìm ra một phương pháp mới để giải quyết hạn chế trên. Đề tài được sử dụng các hàm được hỗ trợ trong bộ thư viện EMGU CV được tích hợp vào ứng dụng Winfrom trên phần mềm visual Studio để xử lý biên dạng của vật thể hai chiều thu được từ camera và khởi tạo file G-code để gởi xuống máy CNC gia công kết quả đề tài đạt được là viết được chương trình xuất G-code trực tiếp từ ứng dụng của thị giác máy tính đồng thời thiết kế được mô hình máy vẽ CNC cơ bản để kiểm tra độ chính xác từ file G-code tạo được từ phần mềm.
3090	Đại học	Cải tiến thiết kế máy xăm và cắt trái hạnh - phần 2	Đinh, Hữu Lực	Trần Lê, Trung Chánh	2019-05	Đề tài đã được thực hiện trên một mô hình đã có sẵn và cải tiến lại hệ thống để đạt được năng suất cao hơn, với cải tiến ở phần cắt trái hạnh, mục tiêu là cải tiến mô hình để đạt năng suất cao giảm thiểu sai sót ở khâu cắt hạnh thấp nhất phù hợp với nhu cầu thị trường.....kết quả thực nghiệm đề tài đã đạt được là năng suất sản xuất tăng hơn vượt bậc so với mô hình đã có và giảm sai sót ở khâu cắt hạnh rất nhiều.
3091	Đại học	Mô hình máy xử lý vôi cho trái tắc dùng làm mứt	Huỳnh, Thành Nhân	Trần Lê, Trung Chánh	2019-05	Ngày nay việc ứng dụng tự động hóa vào quá trình sản xuất đang dần trở nên phổ biến. Ở vùng Mỹ Tho, Tiền Giang đang có một xưởng sản xuất mứt tắc theo phương thức sản xuất truyền thống, tuy nhiên do xu hướng và nhu cầu thị trường nên xưởng đang dần chuyển đổi phương thức sản xuất từ truyền thống sang tự động hóa. Quy trình sản xuất mứt tắc truyền thống gồm các công đoạn: gọt vỏ, xăm, cắt, ngâm vôi và xả vôi thực phẩm, sấy tắc và cuối cùng là khâu đóng gói thành phẩm. Trong đó hai công đoạn ngâm vôi và xả vôi là hai công đoạn gây tốn nhiều thời gian và công sức. Do nhận thấy nhu cầu của thị trường cũng như khả năng tự động hóa của hai công đoạn này nên em quyết định thực hiện đề tài “Thiết kế mô hình thí nghiệm ngâm và xả vôi trên trái tắc. Nguyên liệu sau khi được xưởng sơ chế sẽ được đưa vào thùng chứa vôi trong vòng 5 phút để vôi thấm vào tắc, sau đó sẽ được di chuyển tới thùng chứa nước sinh hoạt để xả sạch vôi trong vòng 15 phút: nước sẽ vào liên tục cách nhau 3 phút để làm sạch vôi chứa trong trái tắc. Kết quả đạt được là tắc đã được xả sạch vôi và số lượng tắc đạt yêu cầu hơn 90%.

3092	Đại học	Mô hình nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói - P1	Nguyễn, Trung Anh	Trần, Thanh Hùng	2018-12	Đề tài “Mô hình nhà thông minh điều khiển bằng giọng nói” nhằm mục tiêu thiết kế một mô hình nhà thông minh mà ở đó con người chỉ cần ra hiệu lệnh thông qua một chiếc Smartphone thì có thể điều khiển được thiết bị trong nhà. Mô hình được thiết kế dựa trên việc điều khiển các thiết bị thông qua Module Wifi ESP8266, kết hợp với ứng dụng web nguồn mở MIT App Invento 2 và HTML. Mô hình đã hoàn chỉnh và điều khiển các thiết bị trong nhà nh cửa, đèn, quạt bằng giọng nói. Tuy nhiên, do thời gian nghiên cứu và thực hiện đề tài chỉ trong một khoảng thời gian nhất định, vốn kiến thức và việc tìm hiểu sâu còn hạn chế nên đề tài vẫn còn nhiều thiếu sót, rất mong được quý thầy c đóng góp để hoàn thiện hơn.
3093	Đại học	TÌM HIỂU CÔNG NGHỆ HCCI	Nguyễn, Nguyễn Phúc		2018-12	Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tiên bộ của công nghệ sẽ tạo ra sự kết nối giữa thế giới thực, thế giới số và thế giới sinh vật hữu cơ,... tạo ra công cụ sản xuất giữa thực và ảo. Công nghệ 4.0 cùng với đó là sự phát triển, tiên bộ về khoa học – kỹ thuật của nhân loại ngày càng bước lên một tầm cao mới. Rất nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật, những phát minh, sáng chế đã ra đời vừa hiện đại lại mang tính ứng dụng cao. Trong các ngành công nghiệp được chú trọng, quan tâm đầu tư phát triển không thể không kể đến ngành công nghiệp ô tô đây là một ngành công nghiệp đầy tiềm năng. Bên cạnh đó là sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách ồ ạt thì tỉ lệ ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước do chất thải công nghiệp ngày càng tăng và gây ra hậu quả nghiêm trọng, đáng kể đến là hiệu ứng nhà kính gây biến đổi khí hậu. Không chỉ thế, các nguồn tài nguyên: Than, dầu mỏ, khí đốt, v.v... đang dần cạn kiệt. Chính điều này đã đặt ra một bài toán vô cùng khó và thách thức cho ngành động cơ đốt trong nói chung và ô tô nói riêng đó là giảm bớt khí thải thân thiện với môi trường và tiết kiệm nhiên liệu. Một mô hình mới của động cơ đốt trong, có thể giảm được nhiên liệu tiêu thụ một cách hiệu quả được gọi là HCCI (Homogeneous Charge Compression Ignition – Cháy do nén hỗn hợp đồng nhất), sử dụng một dạng cháy hiệu quả hơn so với nhiều phương pháp đánh lửa thông thường. Nó có thể giảm đến 25% lượng tiêu hao nhiên liệu. HCCI có hiệu suất tương tự như động cơ diesel, để nhiên liệu cháy thì phải nén hỗn hợp thay vì đánh lửa, nhưng HCCI cho quá trình cháy hoàn hảo hơn và sạch hơn. Một loại động cơ kết hợp của hai loại động cơ đốt trong phổ biến trong ngành công nghiệp ô tô hiện nay: động cơ xăng và động cơ diesel, là động cơ đốt trong chạy xăng nhưng không cần bugi kích lửa: HCCI (Homogeneous Charge Compression Ignition). Tôi chọn đề tài “Tìm hiểu hệ thống HCCI” trên ô tô hiện đại nhằm mục đích trao dồi thêm nhiều kiến thức về sự phát triển của hệ thống HCCI nói riêng và tình hình phát triển của nền công nghiệp ô tô trên thế giới nói chung nhằm đánh giá khả năng điều khiển quá trình cháy HCCI trên động cơ để có thể làm việc tối ưu nhất. Đề tài được nghiên cứu dựa trên lý thuyết các kết quả đã được công bố trên thế giới thông qua các cuộc hội nghị quốc tế, tạp chí nghiên cứu quốc tế về kỹ thuật và công nghệ, dịch tài liệu tiếng Anh từ các tạp chí và hội nghị quốc tế. Đề tài phân tích ảnh hưởng và các thông số điều khiển đối với mô hình cháy HCCI, đánh giá khả năng ứng dụng của phương pháp này qua đó đề xuất các cải tiến đối với mô hình cháy HCCI.

3094	Đại học	TÌM HIỂU CÔNG NGHỆ eSP VÀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA HỆ THỐNG PGM - FI TRÊN DÒNG XE SCOOTER - HONDA	Nguyễn, Minh Đại		1. Lý do chọn đề tài: Với sự xuất hiện của hàng loạt các thế hệ động cơ mới trên toàn cầu mang tên eSP, hãng Honda đã rất thành công và chinh phục người tiêu dùng Việt Nam với việc đưa ra những công nghệ bí mật của dòng động cơ eSP nhằm làm cho động cơ tăng độ bền, mượt mà hơn và mạnh hơn. Nền khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão trên tất cả các lĩnh vực. Trong lĩnh vực mô tô – xe máy cũng không ngừng cải tiến và ứng dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến, hiện đại. Vấn đề tăng công suất, giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm khí xả độc hại... đặt ra cho nhà nghiên cứu và sản xuất động cơ nhiều vấn đề cần giải quyết. Và một trong những phương pháp để thực hiện được mục tiêu đó là ứng dụng hệ thống phun xăng điện tử của công nghệ eSP lên động cơ nhỏ như động cơ xe gắn máy. Tên eSP là tên viết tắt của cụm từ “enhanced Smart Power” - đây là công nghệ được áp dụng trên động cơ xe tay ga từ năm 2012 do hãng Honda phát triển. eSP là sự tích hợp của các công nghệ như: công nghệ phun xăng điện tử PGM - FI, hệ thống ngắt động cơ tạm thời Idling - Stop, động cơ tích hợp bộ đề - ACG, công nghệ giảm thiểu ma sát và khả năng đốt cháy hoàn hảo. Đây đều là những công nghệ độc quyền do Honda phát triển. Có thể nói, eSP chính là “bộ não” của những chiếc xe tay ga Honda giúp tiết kiệm trung bình từ 22-56% nhiên liệu so với các dòng xe ga thông thường. Xe được trang bị eSP cũng khởi động nhẹ nhàng, vận hành êm ái hơn. Hiện tại, Honda đang triển khai kế hoạch trang bị eSP cho toàn bộ dòng xe tay ga của hãng. Điển hình là chiếc Vision mới được ra mắt gần đây cũng được trang bị công nghệ này dù ở phân khúc giá rẻ hơn. Ngày nay, xe gắn máy là một trong những phương tiện giao thông được sử dụng rộng rãi và tiện dụng nhất với việc áp dụng công nghệ eSP thì động cơ chuyển dần từ bộ chế hòa khí sang động cơ phun xăng điện tử PGM - FI là một bước tiến quan trọng đối với nền công nghiệp nước ta. Với những ưu điểm như: có thể đạt được tỷ lệ khí- nhiên liệu chính xác với tất cả các dải tốc độ của động cơ, các xy lanh, đáp ứng kịp thời góc sự thay đổi góc mở cửa bướm ga, nạp hỗn hợp khí- nhiên liệu hiệu quả, cải thiện khả năng tăng tốc, tiêu tốn ít nhiên liệu hơn, thải khí xả sạch hơn... Công nghệ phun xăng điện tử PGM - FI ngày càng thể hiện tính ưu việt của nó. Tuy nhiên, rất rồi thường gặp phải bắt nguồn từ sự phức tạp của nó với nhiều chi tiết nhiều cảm biến hơn , một khi hư hỏng sẽ là một khó khăn cho người sử dụng cũng như người sửa chữa nếu không nắm được kiến thức và lý thuyết để thực hành sửa chữa và động cơ phun xăng điện tử PGM - FI. Nhằm để trang bị những kiến
------	---------	--	------------------	--	---

3095	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY TRẮNG BÁNH PHÒNG NĂNG SUẤT 1000 - 1500 BÁNH/GIỜ	Thạch, Rạch Thi Sơn, Thanh Sơn		2018-12	Trong quy trình sản xuất bánh phòng Sơn Đốc, khâu tráng bánh tốn khá nhiều thời gian và công sức, số lượng máy tráng hiện có trên thị trường còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất cho các hộ nơi đây. Hiện có một vài máy được áp dụng trong quy trình này, nhưng chưa đảm bảo được yêu cầu vệ sinh thực phẩm, năng suất và chất lượng chưa đảm bảo. Vì thế, các hộ sản xuất bánh phòng ở Sơn Đốc cần có máy tráng bánh phòng thay cho việc tráng bánh thủ công hiện tại. Đề tài “Tính toán thiết kế máy tráng bánh phòng năng suất 1000 – 1500 bánh/giờ” nhằm mục tiêu nghiên cứu, thiết kế, tạo ra một máy tráng bánh có năng suất phù hợp yêu cầu sản xuất. Nội dung nghiên cứu của đề tài bao gồm các công việc: (1) Khảo sát hiện trạng máy tráng bánh phòng đang sử dụng tại làng nghề, (2) nghiên cứu đặc tính cơ bản của nguyên vật liệu vào và ra khi máy tráng bánh, (3) nghiên cứu cơ sở lý thuyết tráng/cán bánh để xây dựng sơ đồ nguyên lý máy, (4) tính toán thiết kế máy tráng bánh phòng có năng suất phù hợp. Để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra, phương pháp luận khảo tài liệu và phương pháp điều tra khảo sát thực tế tại làng nghề được thực hiện. Kết quả tính toán thiết kế được một máy tráng bánh năng suất 1000 – 1500 bánh/giờ, kích thước máy: Dài * Rộng * Cao = 5,30 * 1,86 * 1,07 mét. Máy tráng bánh được thiết kế bằng phần mềm Autocad 2D và được thể hiện qua bộ bản vẽ thiết kế gồm 01 bản vẽ lắp và 09 bản vẽ chi tiết. Luận văn được trình bày qua 6 chương, thể hiện nội dung đầy đủ của quá trình tính toán, thiết kế máy tráng bánh.
3096	Đại học	Nghiên cứu chế tạo máy quét bánh phòng	Ngô, Gia Yên		2018-12	Bánh phòng là một đặc sản của Bến Tre, nổi tiếng ở cả trong lẫn ngoài nước từ bao đời nay. Để tạo ra ổ bánh ngon phải trải qua qui trình sản xuất công phu bao gồm nhiều công đoạn. Trong quá trình sản xuất bánh phòng thì công đoạn quét bánh là công đoạn rất quan trọng, đồng thời cũng là công đoạn tốn công sức và thời gian nhất. Việc quét bánh vẫn còn sử dụng phương pháp thủ công truyền thống nên năng suất không cao cũng như tiêu tốn thời gian công sức. Từ hiện trạng đó, đề tài: “Nghiên cứu chế tạo máy quét bánh phòng năng suất 10-15 kg/m²” được hình thành nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng được các yêu cầu đề ra. Đề tài đã sử dụng các phương pháp gia công, chế tạo truyền thống để chế tạo máy quét bánh. Kết quả khảo nghiệm ban đầu cho thấy máy quét bánh làm việc khá hiệu quả với các sản phẩm khoai lang, nếp xôi. Các báo cáo của đề tài được thể hiện qua tập thuyết minh gồm 6 chương, bộ bản vẽ gồm: 17 bản vẽ chi tiết A3, 1 bản vẽ lắp A0 kèm theo.

3097	Đại học	NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO MÁY SẤY BÁNH PHÒNG NĂNG SUẤT 3500-5000 BÁNH/MỀ	Phan, Quốc Bảo Lường, Ngọc Lâm		2018-01	Ở quê hương Bến Tre có một loại bánh tên bánh phòng đã từ lâu nổi tiếng khắp vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long và dần xây dựng được thương hiệu trên thị trường Việt Nam và quốc tế. Từ đó làng nghề Bánh Phòng Sơn Đốc, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre được hình thành. Tuy nhiên trong quá trình sản xuất bánh còn sử dụng lao động thủ công là chính chưa đáp ứng được năng suất cao, bị ảnh hưởng bởi thời tiết rất nhiều đặc biệt ở khâu phơi sấy. Từ vấn đề đó đề tài nghiên cứu chế tạo máy sấy bánh phòng năng suất 3500- 5000 bánh /mề được hình thành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phục vụ tốt người sản xuất đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, đồng thời hiện thực hóa đề tài thiết kế máy sấy bánh phòng đã được thực hiện trước đây. Việc “nghiên cứu, chế tạo máy sấy năng suất 3500-5000 bánh/mề” được thực hiện gồm 6 chương như đã đặt ra trong đề cương. Sau 15 tuần thực hiện đề tài đã hoàn thành với đúng thời gian quy định, nghiên cứu cấu tạo từng bộ phận, chế tạo, lắp ráp các chi tiết máy tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh. Qua việc thực hiện đề tài nhóm nghiên cứu đã rút ra được nhiều kinh nghiệm bài học bổ ích trong quá trình chế tạo máy sấy. Do hạn chế về kinh nghiệm chế tạo và thời gian thực hiện nên đề tài còn nhiều sai sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các bạn để đề tài được hòa chỉnh hơn.
3098	Đại học	Tính toán, thiết kế máy quét bánh phòng năng suất 40 – 50 kg/giờ	Trần, Hồng Chánh Phan, Hào Quan		2017-05	Đề tài “Tính toán, thiết kế máy quét bánh phòng năng suất 40 – 50 kg/giờ” được thực hiện nhằm làm tiền đề cho việc chế tạo máy quét phục vụ cho người dân tại làng nghề, góp phần nâng cao giá trị và chất lượng của bánh phòng. Đề tài được thực hiện dựa trên việc khảo sát thực tế tại làng nghề bánh phòng Sơn Đốc. Phân tích đánh giá, kết hợp với việc lược khảo tài liệu để lựa chọn phương án thiết kế. Từ đó, phương án quét bằng cơ cấu tay quay con trượt được chọn để thiết kế, tính toán. Máy quét được thiết kế có kích thước: Dài x Rộng x Cao = 1,32 x 1,32 x 1,70 (m). Kết quả tính toán, thiết kế máy được thể hiện qua tập bản vẽ gồm: 1 bản vẽ lắp A0, 17 bản vẽ chi tiết A3. Các bản vẽ này có thể được sử dụng cho việc gia công, chế tạo máy. Nội dung đề tài được thực hiện qua 6 chương: - Chương 1: Chương mở đầu - Chương 2: Cơ sở lý thuyết - Chương 3: Phương pháp nghiên cứu - Chương 4: Tính toán thiết kế chi tiết máy - Chương 5: Kết quả và thảo luận - Chương 6: Kết luận và kiến nghị.

3099	Đại học	THIẾT KẾ CẢI TIẾN MÁY SẤY MUỐI TẠI CƠ SỞ NGỌC YẾN	Nguyễn, Văn Tiền Nguyễn, Thái Trương		2018-12	Trong quy trình sản xuất muối sấy, khâu sấy muối sơ bộ là quan trọng nhất nhưng tốn khá nhiều thời gian, công sức. Cơ sở từng áp dụng công nghệ sấy chân không (thùng quay) cho việc sấy muối, nhưng do tính kết dính của nguyên liệu nên công nghệ đó chưa đáp ứng được yêu cầu mong muốn của cơ sở. Hiện tại, máy sấy của cơ sở còn bán tự động trong việc cào đảo muối, năng suất còn thấp, hiệu suất nhiệt còn thấp. Vì thế, cơ sở sản xuất muối sấy tại Cơ sở Ngọc Yến cần có một cơ cấu cào đảo muối tự động thay cho việc cào đảo muối thủ công hiện tại, đồng thời cải tiến lò đốt để đạt hiệu suất cao hơn. Đề tài “Nghiên cứu thiết kế cải tiến máy sấy muối tại Cơ sở Ngọc Yến” nhằm mục tiêu nghiên cứu, thiết kế, cải tiến để tạo ra một máy sấy muối phù hợp với yêu cầu sản xuất của cơ sở. Nội dung nghiên cứu của đề tài bao gồm các công việc: (1) Khảo sát hiện trạng máy sấy muối đang sử dụng tại cơ sở, (2) nghiên cứu đặc tính cơ bản của nguyên vật liệu trước và sau khi sấy, (3) nghiên cứu cơ sở lý thuyết sấy để xây dựng sơ đồ nguyên lý máy, (4) tính toán thiết kế cải tiến máy sấy muối có năng suất phù hợp đáp ứng theo yêu cầu. Để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra, phương pháp luận khảo tài liệu và phương pháp điều tra khảo sát thực tế tại cơ sở được thực hiện. Kết quả tính toán thiết kế được một máy sấy muối năng suất 50kg/mẻ, kích thước máy: Dài * Rộng * Cao = 3,4 * 3,19 * 1,36 mét. Máy sấy muối được thiết kế bằng phần mềm Autocad 2D và được thể hiện qua bộ bản vẽ thiết kế gồm 01 bản vẽ lắp và 07 bản vẽ chi tiết. Luận văn được trình bày qua 6 chương, thể hiện nội dung đầy đủ của quá trình tính toán, thiết kế máy sấy muối.
3100	Đại học	Quy trình kiểm tra bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí trên ô tô hiện đại	Lê, Hữu Nghị		2018-12	Hệ thống phân phối khí trên ô tô là một hệ thống phức tạp nhằm điều khiển quá trình trao đổi khí trong xylanh động cơ, giúp cho động cơ hoạt động êm ái, đảm bảo công suất động cơ và tiêu hao nhiên liệu ổn định. Khi ô tô chuyển động, động cơ thay đổi tốc độ liên tục, các hệ thống phân phối khí thông minh được sử dụng trên ô tô nhằm tối ưu hóa công suất và giảm tiêu hao nhiên liệu. Sau một thời gian sử dụng thì hệ thống phân phối khí trên ô tô không còn đảm bảo các yêu cầu, khi đó phải kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa để khôi phục lại hệ thống phân phối khí ban đầu. Chính vì vậy, các nghiên cứu tập trung và phân kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu phân phối khí để đảm bảo cho động cơ hoạt động bình thường. Trong đề tài này, chúng tôi thiết lập quy trình để kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu phân phối khí. Để thực hiện mục tiêu của đề xuất này chúng tôi tập trung vào nghiên cứu và phân tích về cấu tạo nguyên lý hoạt động của các hệ thống phân phối cũ và hiện đại. Dựa trên cơ sở những phân tích đó áp dụng để lập ra quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu phân phối khí trên động cơ Toyota 4A-FE, sau đó sử dụng các thông số của hãng sản xuất để kiểm nghiệm, đảm bảo rằng động cơ sẽ hoạt động bình thường như ban đầu. Tuy nhiên hiện nay các hệ thống phân phối khí thông minh được sử dụng rộng rãi. Vì thế, việc thành lập quy trình kiểm tra bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống phân phối khí thông minh là thật cần thiết.

3101	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ KHUÔN SẢN PHẨM ĐỒ CHƠI TRẺ EM	Cao, Sang		2018-12	Đồ chơi trẻ em bằng nhựa mà cụ thể là loại đồ chơi lắp ráp là thứ không thể thiếu trong các gia đình có con nhỏ ở độ tuổi từ 3 đến 12 tuổi. Đồ chơi ở độ tuổi này vừa để giải trí đồng thời dùng để phát triển trí tuệ, sự khéo léo và tính kiên nhẫn ở trẻ. Vì thế, sản phẩm phải được đảm bảo về độ an toàn khi sử dụng, mẫu mã bắt mắt, đa dạng và giá thành hợp lý mà không cộp mác “Made in China”. Do đó sản phẩm được dự định sẽ làm bằng nhựa PVC (Polyvinyl clorua) với tính không độc hại và độ bền cao sẽ đạt được yêu cầu trên và có giá thành hợp lý. Nhu cầu sử dụng và sản xuất ở mức trung bình và cao, nên từ đó đề tài “Tính toán và thiết kế khuôn sản phẩm đồ chơi cho trẻ em” được thực hiện. Nhiệm vụ của đề tài là thiết kế, chế tạo khuôn cho sản phẩm đồ chơi cho trẻ em, lập quy trình gia công khuôn và mô phỏng dòng chảy nhựa. Đề tài đã sử dụng phần mềm Autodesk Inventor và Moldflow với những modul hỗ trợ quá trình thiết kế 3D sản phẩm, mô phỏng quá trình điền đầy nhựa, chẩn đoán, dự báo lỗi xuất hiện trên sản phẩm cho đến việc xuất ra một bộ khuôn hoàn chỉnh. Kết quả tính toán thiết kế đã có được bộ khuôn nhựa 2 tấm với số lòng khuôn là 1. Đề tài đã tính toán, thiết kế, mô phỏng các quá trình trên máy tính bằng phần mềm Inventor với tập bản vẽ gồm 1 bản vẽ lắp A0, 11 bản vẽ chi tiết A3 và 6 bản vẽ A4 có thể dùng để đưa vào chế tạo gia công trong thực tế.
3102	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ KHUÔN SẢN PHẨM VỎ HỘP CÔNG TẮC QUẠT TRẦN	Nguyễn, Chí Viễn		2018-12	Quạt là một loại vật dụng rất cần thiết và phổ biến đối với những nước có khí hậu nhiệt đới như Việt Nam. Quạt trần ngày càng được sử dụng nhiều hơn do đảm bảo tính thẩm mỹ, độ an toàn, tiết kiệm không gian nên nhu cầu sử dụng quạt trần tăng dẫn đến nhu cầu vỏ hộp công tắc quạt trần trong đời sống cũng gia tăng. Đề tài “Tính toán và thiết kế khuôn sản phẩm vỏ hộp công tắc quạt trần” được thực hiện nhằm mục đích giải quyết vấn đề đó. Nhiệm vụ của đề tài là thiết kế, chế tạo khuôn cho sản phẩm vỏ hộp công tắc quạt trần, lập quy trình gia công khuôn và mô phỏng dòng chảy nhựa. Đề tài đã sử dụng phần mềm Autodesk Inventor với những modul hỗ trợ quá trình thiết kế 3D sản phẩm, mô phỏng quá trình điền đầy nhựa, chẩn đoán, dự báo lỗi xuất hiện trên sản phẩm cho đến việc xuất ra một bộ khuôn hoàn chỉnh. Kết quả tính toán thiết kế đã có được bộ khuôn nhựa 2 tấm với số lòng khuôn là 4. Đề tài đã tính toán, thiết kế, mô phỏng các quá trình trên máy tính bằng phần mềm Inventor với tập bản vẽ gồm 1 bản vẽ lắp A0 và 11 bản vẽ chi tiết A3 có thể dùng để đưa vào chế tạo gia công trong thực tế.

3103	Đại học	NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG TIA LỬA ĐIỆN TRONG CHẾ TẠO KHUÔN	Son, Hoàng Dũng		2018-11	Đề tài “Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp gia công tia lửa điện trong chế tạo khuôn” nhằm mục đích gia công những chi tiết phức tạp, có ren, có gân... mà các phương pháp truyền thống hoặc các thiết bị CNC thông thường khó gia công, thậm chí không thể thực hiện được. Nhiệm vụ của đề tài là nghiên cứu, ứng dụng phương pháp gia công tia lửa điện vào việc gia công khuôn có ren, lập quy trình gia công điện cực, gia công khuôn và mô phỏng quá trình gia công. Đề tài đã sử dụng các phần mềm như: Autodesk Inventer, Mastercam để hỗ trợ quá trình thiết kế, gia công cũng như mô phỏng quá trình gia công khuôn và gia công điện cực.
3104	Đại học	TÍNH TOÁN, THIẾT KẾ MÁY SẤY BÁNH PHÒNG NĂNG SUẤT 4000 - 5000 BÁNH/MỀ	Nguyễn, Thành Nhân Ngô, Tấn Lược		2017-03	Ở vùng quê Giồng Trôm, Bến Tre thì bánh phòng Sơn Đốc là một đặc sản nổi tiếng. Tuy nhiên khâu phơi sấy nơi đây đang gặp nhiều khó khăn, các hộ sản xuất cần một thiết bị sấy để nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm và đặc biệt là phải đáp ứng hiệu quả kinh tế. Từ nhu cầu thực tế đó mà đề tài “Tính toán, thiết kế máy sấy bánh phòng năng suất 4000 - 5000 bánh/mề” được hình thành với mục đích nghiên cứu tính toán thiết kế máy sấy bánh phòng, làm tiền đề cho việc chế tạo máy phục các hộ sản xuất bánh phòng ở làng nghề Sơn Đốc, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đề tài được thực hiện dựa trên các phương pháp: phương pháp khảo sát thực tế; phương pháp tra cứu, lược khảo tài liệu; phương pháp tính toán và thiết kế máy Đề tài đã hoàn thành đúng tiến độ đã đặt ra trong đề cương với những kết quả đạt được như: đã nghiên cứu được toàn bộ quy trình sản xuất bánh phòng ở làng nghề Sơn Đốc, Giồng Trôm, Bến Tre; đã lựa chọn được phương án và sơ đồ, nguyên lý sấy; các thông số kỹ thuật được tính toán dựa trên cơ sở lý thuyết sấy và kỹ thuật nhiệt, các kết quả đạt được với độ tin cậy cao; kết quả tính toán được thể hiện qua tập bản vẽ gồm 1 bản vẽ lắp và các bản vẽ chi tiết. Các bản vẽ này có thể sử dụng trong việc chế tạo máy sấy Máy sấy được tính toán thiết kế có năng suất 4000 - 5000 bánh/mề, kích thước tổng thể Dài*Rộng*Cao = 11800*4500*2400.

3105	Đại học	TÌM HIỂU CÔNG NGHỆ 4WS (4-WHELLS-STEERING)	Huỳnh, Hữu Dur		Nền công nghiệp ô tô phát triển ngày càng lớn mạnh trong hàng thập kỉ, đã cho ra đời nhiều loại xe có các tính năng kĩ thuật tiên tiến. Ngày nay, theo sự phát triển của kinh tế - xã hội, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Đặc biệt là nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa kéo theo nền công nghiệp ô tô phát triển để hoàn thiện hơn. Trong các phương tiện giao thông đường bộ hiện có thì ô tô được sử dụng nhiều trong sinh hoạt đời sống do có những ưu điểm vượt trội so với các loại phương tiện khác như: tính cơ động, nhanh gọn,... Cùng với những nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, sự tiện nghi của ô tô phải ngày càng được hoàn thiện. Đặc biệt là sự nhanh nhẹn, êm ái trong chuyển động để tạo cho con người cảm giác thật thoải mái, giảm hiện tượng “xe bị mất lái” khi đi trên đường. Vì lẽ đó, các nhà khoa học, các kĩ sư trên thế giới đã nghiên cứu và phát triển công nghệ 4WS (4-Whells-Steering) trên ô tô. Đó là sự kết hợp giữa khoa học chuyên ngành vật liệu với sự ứng dụng các thành tựu về điện tử, tin học và kỹ thuật điều khiển, giúp tạo ra và phát triển công nghệ 4WS (4-Whells-Steering) trên ô tô ngày càng hoàn thiện hơn về tính năng cũng như độ chính xác và nhạy bén của công nghệ này.
------	---------	--	----------------	--	---

3106	Đại học	MÔ PHỎNG CÁC HỆ THỐNG TRÊN XE Ô TÔ BẰNG PHẦN MỀM CARSIM V8.02	Nguyễn, Phước Duy		Nước ta đang tiến sâu vào nền công nghiệp ô tô, trong tương lai giấc mơ ô tô của người Việt sẽ thành sự thật. Mới đây, một dự án sản xuất ô tô thương hiệu Việt Nam đã ra đời. Với mong muốn làm thiết kế ô tô, tác giả đã và đang tìm hiểu dựa trên các thông số từ các dòng xe thương hiệu lớn, các công thức lý thuyết, thực nghiệm. Phần mềm CarSim V8.02 là một công cụ giúp tác giả bước đầu làm rõ hơn sự mô phỏng, đánh giá để có thể đề ra phương hướng khắc phục, nâng cao hệ thống đó. Vì khi ô tô chuyển động ngoại lực và một số yếu tố khác như tải trọng, tốc độ tác động đến độ an toàn và các hệ thống ô tô. Xuất phát từ những lý do trên, đề tài “Mô phỏng các hệ thống trên xe ô tô bằng phần mềm CarSim V8.02” được tác giả lựa chọn là thực sự cần thiết trong điều kiện thực tế của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam. Với mục đích nghiên cứu là vận dụng lý thuyết ô tô kết hợp phần mềm CarSim V8.02 để so sánh hệ thống, tính năng an toàn; đánh giá độ an toàn khi sử dụng từ đó đề ra những giải pháp nhằm khắc phục và nâng cao hiệu quả sử dụng. Ngoài ra ứng dụng còn được dùng để kiểm tra các hệ thống trong điều kiện cụ thể. Nhiệm vụ của đề tài là biết cách sử dụng phần mềm CarSim V8.02 trong thiết kế; nghiên cứu tính năng trên phần mềm và các hệ thống có tích hợp mô phỏng trong phần mềm; tính toán, kiểm nghiệm các bài toán thiết kế nhanh chóng và chính xác; thay đổi thông số thiết kế để phù hợp hơn và mang lại hiệu quả; phương pháp mô phỏng số trên máy tính sẽ giúp tiết kiệm được thời gian, cho kết quả tin cậy và giảm giá thành nghiên cứu rất lớn so với việc tiến hành thí nghiệm. Trong quá trình thực hiện luận văn các phương pháp được sử dụng trong đề tài là tham khảo theo sự hướng dẫn của GVHD; tham khảo các nguồn tài liệu trong và ngoài nước, trên tạp chí, internet, các đồ án của các anh chị khóa trước đã được qua chỉnh sửa; tham khảo các quyền sách liên quan đến chuyên ngành ô tô – máy kéo; tra cứu, lược khảo tài liệu; phương pháp tính toán và thiết kế.
------	---------	---	-------------------	--	--

3107	Đại học	TÌM HIỂU CÁC TÍNH NĂNG AN TOÀN THÔNG MINH TRÊN XE HƠI HIỆN ĐẠI	Trần, Văn Tuấn		2018-12	Đề tài “Tìm hiểu các tính năng an toàn thông minh trên hơi hiện đại” được thực hiện bằng phương pháp thu thập các thông tin và các dữ liệu trong các tài liệu về điện ô tô, trên các website có uy tín, các phương tiện báo chí và các đề tài nghiên cứu. Mục tiêu tìm hiểu các tính năng an toàn thông minh trên ô tô hiện nay. Kết quả nghiên cứu đạt được: Sau 15 tuần nghiên cứu, tìm hiểu nhiều tài liệu và thực hiện, em đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Tìm hiểu các tính năng an toàn thông minh trên hơi hiện đại”. Trong quá trình tìm hiểu về cấu tạo và nguyên lý làm việc của các tính năng an toàn trên xe hơi em đã có các kiến thức đầy đủ về: - Những khái niệm, thành phần cấu tạo và nhiệm vụ của các tính năng an toàn trên xe hơi hiện đại. - Nguyên lý hoạt động các tính năng an toàn trên xe hơi hiện đại. - Phạm vi sử dụng các tính năng an toàn trên xe hơi hiện đại. Việc thực hiện đề tài dù gặp nhiều khó khăn về điều kiện và thời gian giới hạn nhưng em đã hoàn thành tốt yêu cầu đề tài, tích lũy thêm được nhiều kiến thức và kinh nghiệm về tính năng an toàn thông minh trên xe hơi hiện đại. Em hy vọng sự tìm hiểu của mình sẽ giúp cho sinh viên cơ khí trường Đại học Cần Thơ có điều kiện thuận lợi trong việc học tập, tìm hiểu về các tính năng an toàn trên xe hơi trong thời gian tới.
3108	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY XÚC LÚA VÀO BAO 6 TẤN/GIỜ	Danh, Sang Dương, Thế Vĩnh		2018-05	Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước nền nông nghiệp đóng vai trò quan trọng do đó việc thực hiện cơ giới hóa trong nông nghiệp là điều cần thiết nhằm nâng cao chất lượng tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy chúng tôi chọn đề tài tính toán thiết kế máy xúc lúa để góp phần cải thiện sản xuất, giảm chi phí thời gian và chất lượng cuộc sống người dân Với đề tài “Tính toán thiết kế máy xúc lúa” chúng em tiến hành tìm hiểu đánh giá việc áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp sau khi thu hoạch lúa. Đề ra các phương án tối ưu nhất để thiết kế sản phẩm. Tiến hành tính toán thiết kế các cụm chi tiết máy: Cụm thu gom lúa, gàu tải, bộ phận vào bao, các bộ truyền... Qua quá trình nghiên cứu tính toán chúng em đã xác định được nguyên lý hoạt động và thiết kế các bộ phận chấp hành sử dụng trên máy: Vít tải ngang để gom lúa vào giữa, cánh cào đẩy lúa vào gàu tải, hệ thống gàu tải vận chuyển lúa. Đề nghị tiến hành chế tạo khảo nghiệm để phục vụ người dân.

3109	Đại học	XÂY DỰNG QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SỬA CHỮA ĐỘNG CƠ DIESEL I4 TRÊN XE TOYOTA FORTUNER 2.4G 4x2	Bùi, Hoài Thương		2018-12	Xã hội đã và đang có những biến chuyển với tốc độ chóng mặt. Đời sống xã hội phát triển một cách vượt bậc kéo mức sống của con người sẽ ngày càng tăng cao; một trong những nhu cầu sống thiết yếu của con người đó là sử dụng phương tiện để di chuyển, vận chuyển. Với điều kiện phát triển hiện đại ngày nay, lượng ô tô lưu thông của Việt Nam ngày càng có mật độ rất lớn. Hiện nay động cơ diesel được xây dựng trên ô tô đang được nghiên cứu để phát triển và ngày càng hoàn thiện hơn. Tuy nhiên việc sử dụng động cơ trong thời gian dài và bảo dưỡng không hợp lý sẽ dẫn đến những hư hỏng thường gặp ở các chi tiết, cấp lắp ghép, ... làm giảm tuổi thọ và công suất của động cơ khi vận hành. Bên cạnh đó, khi động cơ diesel đang được cải tiến không ngừng và điều đó luôn đặt ra những yêu cầu, thách thức trong quá trình bảo dưỡng và sửa chữa là điều rất cần thiết trong quá trình sử dụng hiện nay. Vì vậy vấn đề đặt ra đó là việc sử dụng động cơ phải đi đôi với những phương pháp bảo dưỡng và sửa chữa hợp lý, để mang lại hiệu quả sử dụng tốt nhất cho động cơ, cũng như bền đẹp của ô tô đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của người tiêu dùng. Đó cũng là lý do mà đề tài “Xây dựng quy trình công nghệ sửa chữa động cơ Diesel I4 trên xe Toyota Fortuner 2.4G 4x2” được thực hiện. Hy vọng rằng đề tài này sẽ là nguồn tài nguyên quý giá giúp cho quá trình học tập và nghiên cứu của các bạn sinh viên khóa sau.
3110	Đại học	Khảo sát dây chuyền sản xuất bánh phồng	Nguyễn, Văn Tân		2017-12	Qua hơn 4 tháng thực hiện nghiên cứu, đề tài “Nghiên cứu quy trình sản xuất bánh phồng Sơn Đốc” đã hoàn thành đúng tiến độ và nội dung đã đề ra trong đề cương. Đề tài đã được những kết quả như sau: ☐ Đã nghiên cứu quy trình sản xuất bánh phồng ở làng nghề Sơn Đốc – Giồng Trôm. ☐ Điều tra khảo sát, phỏng vấn trực tiếp bằng những tấm phiếu câu hỏi khảo sát. Tổng hợp kết quả khảo sát thông qua xử lý Excel. Vẽ biểu đồ, phân tích đánh giá quy trình công nghệ, từng công đoạn trong quy trình sản xuất bánh phồng. ☐ Nghiên cứu được những ưu nhược điểm của quy trình cũng như nhu cầu về thiết bị của cơ sở sản xuất và đề xuất cải tiến quy trình công nghệ và thiết bị sản xuất bánh phồng.

3111	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY ÉP VIÊN THỨC ĂN CHO TÔM	Trần, Minh Khen		2018-05	Hiện nay, ngành nuôi trồng thủy sản đặc biệt là nuôi tôm không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Trước tình hình đó, nhiều nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản với những dây chuyền sản xuất hiện đại đã được xây dựng và đầu tư phát triển nhưng chúng ta vẫn phải nhập khẩu nguồn thức ăn để đáp ứng nhu cầu nuôi trồng vì vậy giá thành thức ăn tăng cao, tính chủ động trong sản xuất thấp, phải phụ thuộc vào nhà sản xuất, nhà cung ứng. Trong khi đó nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn của nước ta lại khá lớn (cá, ngô, đậu nành,...). Ngoài ra, thức ăn để càng lâu thì tốc độ sâm nhập và phát triển nấm mốc, vi khuẩn, sâu mọt càng nhanh, làm hỏng thức ăn và sinh ra mầm mống gây bệnh cho thủy sản. Vì vậy ta có thể trang bị thêm thiết bị chế biến thức ăn viên, loại thức ăn có giá trị sử dụng cao phục vụ nhu cầu chính mình và đồng thời có thể chế biến thức ăn làm dịch vụ. Với nhu cầu trên trong luận văn em có nhiệm vụ “Tính toán thiết kế máy ép thức ăn tôm”. Bài nghiên cứu, tính toán, thiết kế các chi tiết của máy: bộ truyền đai, hộp giảm tốc, trục vít p. Nguyên lý máy p viên thức ăn cho tôm được xây dựng dựa vào cách p viên thức ăn trên một số tài liệu về nguyên níp và tham khảo trên một số máy p viên thức ăn ở thực tế. Qua quá trình tính toán, máy p viên thức ăn tôm đã được thiết kế thành công với năng suất 600 kg/h, kính thước tổng thể DxRxClần lượt là 1320x1850x1447 (mm). Mặt khác máy còn được mô phỏng trên phần mềm Solidworks làm cơ sở cho quá trình chế tạo
3112	Đại học	KỸ THUẬT SỬA CHỮA HỆ THỐNG LÁI TRÊN XE TOYOTA VIOS	Nguyễn, Tuấn Cường			Đề tài : “ Kỹ thuật sửa chữa hệ thống lái trên xe TOYOTA VIOS ” được thực hiện dựa trên những hư hỏng thường gặp ở hệ thống lái trong quá trình sử dụng. Với những nội dung chính sau: Chương I: Giới thiệu các hệ thống lái trên xe ô tô Chương II: Giới thiệu sơ lược về dòng xe Toyota Vios Chương III: Giới thiệu hệ thống lái Toyota Vios Chương IV: Bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống lái Toyota Vios Chương V: Sửa chữa hệ thống lái Toyota Vios.

3113	Đại học	NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG QUY TRÌNH KIỂM TRA SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÊN XE Ô TÔ	Mai, Trung Hiếu		Với sự phát triển chung của nền công nghiệp thế giới. Ngành công nghiệp ô tô đang càng khẳng định vị thế của mình so với các ngành công nghiệp khác. Nhiều loại xe có các tính năng kỹ thuật tiên tiến đã được cho ra đời nhằm phục vụ nhu cầu đi lại hay vận chuyển hàng hóa của con người. Khi nền kinh tế phát triển, đời sống con người cũng được nâng cao. Cùng với những nhu cầu đó, sự tiện nghi của ô tô phải ngày càng được hoàn thiện. Ở một chiếc ô tô hiện đại thì ta phải xem xét tới các hệ thống, thiết bị tiện nghi nhằm thỏa mãn nhu cầu của người dùng chứ không riêng gì về tính thẩm mỹ, về hiệu quả kinh tế hay về độ an toàn của nó. Cũng vì thế mà hệ thống điều hòa không khí cũng được phát triển, hoàn thiện một cách nhanh chóng để đem lại sự thoải mái, dễ chịu khi ngồi trong xe dưới mọi điều kiện thời tiết. Đề tài Nghiên cứu và xây dựng quy trình kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí trên xe ô tô xuất phát từ việc sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa ô tô trên các dòng xe khác nhau. Đề tài đi vào nghiên cứu tìm hiểu tổng quan, cấu tạo, hoạt động cũng như kiểm tra, chuẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điều hòa trên ô tô. Đề tài được hoàn thành thông qua các phương pháp: Lược khảo, hệ thống hóa nội dung, tra cứu, trích lọc thông tin kỹ thuật của các hãng xe, lập luận, dẫn chứng từ các nguồn tài liệu liên quan. Từ đó cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống điều hòa không khí trên ô tô.
------	---------	---	-----------------	--	---

3114	Đại học	THIẾT KẾ SA BÀN MỘT SỐ HỆ THỐNG PHỤ TRANG BỊ TRÊN DÒNG XE TOYOTA	Hồ, Văn Bảo Võ, Văn Dư		2018-05	Đề tài “Thiết kế sa bàn một số hệ thống phụ trên dòng xe Toyota ” được thực hiện bằng phương pháp thu thập các thông tin và các dữ liệu trong các tài liệu về điện ô tô, trên các website có uy tín, các phương tiện báo chí và các đề tài nghiên cứu. Mục tiêu là mô phỏng lại các mạch điện và từ đó thiết kế lại các mạch điện trên xe thực tế Kết quả nghiên cứu đạt được: Sau 15 tuần nghiên cứu, tìm hiểu nhiều tài liệu và thực hiện, chúng em đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Thiết kế sa bàn một số hệ thống phụ trên dòng xe Toyota ”. Trong quá trình tìm hiểu nắm rõ về cấu tạo và nguyên lý làm việc của các hệ thống điện trên ô tô chúng em đã có thể thiết kế mô hình để có thể mô phỏng lại một số hệ thống gạt nước và nâng hạ kính. Tuy có thể mô phỏng được nguyên lý làm việc của hệ thống gạt nước và nâng hạ kính nhưng có một số hạn chế như: chưa thể hiện đầy đủ tất cả các hệ thống điện xe ô tô, sa bàn mô phỏng hệ thống gạt nước và nâng hạ kính trên ô tô chưa thể hiện được chính xác vị trí tương đối của các linh kiện trên xe. Sau khi thiết kế sa bàn, chúng em đã đưa nó vào thực tế và thiết kế lại các mạch điện ô tô của hệ thống gạt nước và nâng hạ kính thực tế. Do chúng em chưa có nhiều kinh nghiệm, không đủ điều kiện và thời gian thực hiện có hạn nên chỉ có thể làm được một số chức năng: Động cơ gạt nước hoạt động ở chế độ cao, chế độ thấp, gián đoạn và chế độ tắt động cơ; Hệ thống nâng hạ kính hoạt động với chức năng mở cửa bằng chìa khóa, tự động một lần ấn, chức năng ấn và giữa nút ấn và chức năng hạ kính điều khiển từ xa. Trên sa bàn không có đầy đủ các linh kiện cũng như các công tắc của xe ô tô nên chúng em đã tự thiết kế lại các công tắc trong từng mạch điện. Việc thực hiện đề tài dù gặp nhiều khó khăn về điều kiện và thời gian giới hạn nhưng chúng em đã hoàn thành tốt yêu cầu đề tài, tích lũy thêm được nhiều kiến thức và kinh nghiệm về hệ thống điện ô tô. Chúng em hy vọng “mô hình điện trên ô tô” sẽ giúp cho sinh viên cơ khí trường Đại học Cần Thơ có điều kiện thuận lợi trong việc học tập, tìm hiểu hệ thống điện ô tô trong thời gian tới.
3115	Đại học	THIẾT KẾ, CHẾ TẠO THIẾT BỊ MỞ CỬA Ô TÔ AN TOÀN SỬ DỤNG CẢM BIẾN RADAR	Lý, Thành Nghiệp Huỳnh, Ngọc Trung		2018-05	Với mong muốn vận dụng kiến thức đã học vào thực tế nhằm tạo ra một thiết bị an toàn có thể trang bị trên ô tô. Đề tài “Thiết kế, chế tạo thiết bị mở cửa ô tô an toàn sử dụng cảm biến radar” ra đời giúp hạn chế tai nạn xảy ra do mở cửa ô tô bất cẩn. Xin cảm ơn gia đình đã luôn ủng hộ về vật chất và tinh thần trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp. Trải qua quá trình thực hiện với nhiều khó khăn, đề tài đã hoàn thành. Do hạn chế về thời gian và kiến thức, đề tài không tránh khỏi những sai sót. Kính mong sự góp ý của thầy cô và các bạn để đề tài được hoàn thiện hơn.

3116	Đại học	CẤU TẠO CƠ BẢN, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG VÀ NHỮNG HƯ HỎNG THƯỜNG GẶP TRÊN ĐỘNG CƠ CUMMINS S4D102E-1	Lê, Thanh Phong Thái, Quốc Việt		2018-05	Việc cơ giới hóa và tự động hóa trong xây dựng là một khâu không thể thiếu trong quá trình sản xuất ở nước ta hiện nay. Nó quyết định việc tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, giảm nhẹ sức lao động chân tay và trí óc cho người lao động. Đồng thời góp phần rất quan trọng vào việc rút ngắn thời gian thi công đưa công trình đi vào khai thác sử dụng một cách nhanh chóng, rút ngắn thời gian thi công và mang lại tính thẩm mỹ cao cho công trình hiện nay. Để thực hiện các điều đó thì chúng ta không thể thiếu được các máy xây dựng nói chung và các loại máy đào khác hiện nay nói riêng. Đặc biệt là việc trang bị các loại động cơ có công suất lớn trên các máy đào hiện nay đã và đang đem lại hiệu quả kinh tế và chất lượng cao cho các công trình trong và ngoài nước. Tuy nhiên việc sử dụng động cơ trong một thời gian dài và bảo dưỡng không hợp lý sẽ dẫn đến những hư hỏng bất thường ở các chi tiết, cặp lắp ghép,... làm giảm tuổi thọ và công suất của động cơ khi làm việc. Vì vậy vấn đề đặt ra đó là việc sử dụng động cơ phải đi đôi với những phương pháp bảo dưỡng hợp lý, kịp thời để có thể mang lại hiệu quả sử dụng tốt nhất cho động cơ. Đó cũng là lý do mà đề tài “Tìm hiểu cấu tạo cơ bản, nguyên lý hoạt động và những hư hỏng thường gặp trên động cơ Cummins S4D102E-1” được thực hiện. Bên cạnh đó hy vọng rằng đề tài này sẽ là một nguồn tài liệu quý báu giúp ích cho các công trình nghiên cứu, học tập của các bạn học viên, sinh viên về động cơ Cummins S4D102E-1 trong tương lai.
------	---------	---	--	--	---------	--

3117	Đại học	NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG LẠNH TRÊN CÁC DÒNG XE THÔNG DỤNG CỦA TOYOTA	Ngô, Minh Tý		2018-05	1. Đặt vấn đề Khi nền kinh tế ngày càng phát triển, đời sống con người ngày càng được nâng cao. Đòi hỏi đời sống được cung cấp những gì tốt nhất là một nhu cầu chính đáng. Một chiếc xe hiện đại ngày nay có thể được ví như một toà nhà di động. Như vậy có nghĩa không thể chỉ dừng lại ở việc đảm bảo về độ an toàn, về tín hiệu qua kính tế hay tính thẩm mỹ một chiếc xe, mà còn cần phải đảm bảo trang bị được những hệ thống, thiết bị tiện nghi nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Ô tô hiện đại nhằm cung cấp tối đa về mặt tiện nghi cũng như tính năng an toàn cho con người khi sử dụng. Các tiện nghi được sử dụng trên xe hiện đại ngày càng phát triển, hoàn thiện và giữ vai trò hết sức quan trọng đối với việc đảm bảo nhu cầu của khách hàng như nghe nhạc, xem truyền hình. Một trong những trang bị tiện nghi phổ biến đó là hệ thống điều hòa trên ô tô. Ngày nay hệ thống điều hòa ô tô ngày càng được phát triển và hoàn thiện phục vụ nhu cầu của con người. Nó tạo ra một cảm giác thoải mái khi sử dụng xe trong bất kỳ thời tiết nào. Đặc biệt nó giải quyết được vấn đề khí hậu ở Việt Nam, khí hậu khắc nghiệt, không khí bụi bẩn ô nhiễm. Tuy nhiên hệ thống càng hiện đại thì khả năng tiếp cận nó càng khó khăn khi xảy ra hư hỏng. Một sinh viên ngành công nghệ ô tô cần phải trang bị cho mình những kiến thức cơ bản nhất về tất cả các hệ thống trên ô tô. 2. Mục tiêu nghiên cứu - Tìm hiểu chung về hệ thống điều hòa trên ô tô nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống điều hòa lạnh trên một số dòng xe của Toyota - Tìm hiểu chức năng, nguyên lý hoạt động, phân loại, cấu tạo, cách bảo dưỡng và vệ sinh hệ thống điều hòa không khí của các dòng xe Toyota. - Chuẩn đoán và sửa chữa những hư hỏng thường gặp trong hệ thống điều hòa không khí trên ô tô. 3. Phương pháp nghiên cứu 3.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết - Nghiên cứu các tài liệu, các sách hướng dẫn về hệ thống điều hòa ô tô - Nghiên cứu trên các phần mềm đạo tạo kỹ thuật viên Toyota - Tra cứu trên internet 3.2. Phương pháp quan sát Quan sát thực tập tại Công ty Toyota Ninh Kiều – Cần Thơ
------	---------	---	--------------	--	---------	---

3118	Đại học	CẤU TẠO CƠ BẢN, NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG VÀ NHỮNG HƯ HỎNG THƯỜNG GẶP TRÊN ĐỘNG CƠ ISUZU 4BD1	Nguyễn, Văn Truyền Nguyễn, Vũ Bảo		2018-05	1. Lý do chọn đề tài Trong giai đoạn công nghiệp hóa hiện nay, việc sử dụng các loại xe cơ giới như một điều cần thiết để nâng cao năng suất lao động. Động cơ trên xe sau một thời gian sử dụng nhất định thì các chi tiết bị hao mòn dẫn đến hư hỏng. Khi đó công việc sửa chữa đóng một vai trò quan trọng nhằm đưa động cơ về tình trạng hoạt động bình thường. Nhưng thực tế hầu hết các người thợ sửa chữa đều bỏ qua việc sử dụng sổ liệu sửa chữa do nhà chế tạo quy định vì những hạn chế trong việc sử dụng tài liệu sửa chữa chính hãng nên người thợ thường sử dụng một sổ liệu sửa chữa cho tất cả các loại máy. Do đó công việc sửa chữa chưa đạt được hiệu quả tối đa, chất lượng sửa chữa thấp dẫn đến mất thời gian, tốn nhiều chi phí trong khi chất lượng lao động vẫn còn thấp. Với đề tài “Cấu tạo cơ bản, nguyên lý hoạt động và những hư hỏng thường gặp trên động cơ Isuzu 4BD1” chúng em sẽ cố gắng vận dụng hết những kiến thức được học để làm rõ cấu tạo cơ bản, nguyên lý hoạt động, những hư hỏng thường gặp và cách sửa chữa cụ thể trên động cơ Isuzu 4BD1. Chúng em hy vọng sẽ giải quyết được vấn đề đã đặt ra nhằm nâng cao chất lượng sửa chữa, tiết kiệm được thời gian và chi phí cho việc sửa chữa. 2. Mục tiêu của đề tài Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu cấu tạo cơ bản, nguyên lý hoạt động và những hư hỏng thường gặp trên động cơ Isuzu 4BD1. Mục tiêu cụ thể: Hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động, sửa chữa được những hư hỏng thường gặp của động cơ Isuzu 4BD1 và dùng làm tài liệu nghiên cứu. 3. Phương pháp nghiên cứu Để làm rõ các vấn đề trong đề tài, chúng em chủ yếu lấy tư liệu từ các giáo trình, bài giảng và nguồn tư liệu trên Internet. Ngoài ra, chúng em còn vận dụng những kiến thức đã được học từ nhà trường. Từ đó, sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh để làm sáng tỏ các nội dung trong đề tài. 4. Kết quả Sau khi hoàn thành đề tài, kết quả đạt được là hiểu được cấu tạo cơ bản, nguyên lý hoạt động, những hư hỏng thường gặp trên động cơ Isuzu 4BD1. Từ đó, lên phương án sửa chữa thích hợp mang lại hiệu quả cao.
------	---------	---	------------------------------------	--	---------	---

3119	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY PHÂN CỖ TÔM NĂNG SUẤT 3600 CON/GIỜ	Phan, Hoàng Văn Giáp Nguyễn, Minh Trí		2018-09	Trong ngành chế biến thủy hải sản hiện nay còn sử dụng nhiều lao động chân tay, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến tôm. Vì vậy đòi hỏi việc chi trả lương cho nhân công tăng lên, năng suất chưa ổn định, các sản phẩm có giá thành cao. Từ yêu cầu thiết yếu như vậy, việc cơ giới hóa là một điều tất yếu để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm. Và việc nghiên cứu chế tạo máy phân loại tôm theo trọng lượng sẽ giải quyết một phần nhu cầu trên. Trong những năm qua ngành thủy sản liên tục là ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta ở các tỉnh miền tây : Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, ... Trên thị trường có rất nhiều máy phân loại tôm theo trọng lượng nhưng giá thành cao chưa thích hợp với nhu cầu của doanh nghiệp vì vậy nhóm đề ra ý tưởng chế tạo máy phân loại tôm đáp ứng của yêu cầu doanh nghiệp nhưng chi phí thấp hơn Nhận thấy tình hình đó nhóm đã nghiên cứu tài liệu, tham khảo nguyên lý hoạt động của các máy phân loại tôm hiện có. Đề xuất nguyên lý máy mới, tiến hành thiết kế, chế tạo, kiểm nghiệm máy phân loại tôm.
------	---------	---	--	--	---------	---

3120	Đại học	TÍNH TOÁN, THIẾT KẾ BỆ THỬ PHANH QUÁN TÍNH Ô TÔ HAI TRỤC, 3 TẤN	Nguyễn, Nhật Minh		2018-05	Trong những năm gần đây, nền kinh Việt Nam đang từng bước vươn lên hòa nhập với nền kinh tế thế giới đã làm cho bộ mặt đất nước nhiều thay đổi. Trong đó ngành công nghiệp ô tô đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa, hành khách do đặc tính đơn giản, an toàn và cơ động. Hơn nữa, đời sống của người dân được nâng cao và việc giảm thuế suất nhập khẩu đối với ô tô đã khiến cho ô tô trở thành phương tiện đi lại phổ biến hơn. Với việc số lượng ô tô tham gia trên đường ngày càng đông thì đòi hỏi độ an toàn của phương tiện phải được đặt lên hàng đầu, bên cạnh các hệ thống an toàn khác thì hệ thống phanh đóng vai trò rất quan trọng trong vận hành của ô tô. Vì vậy, việc nghiên cứu nâng cao chất lượng an toàn chuyển động và thiết bị chuẩn đoán trình trạng kỹ thuật của hệ thống phanh là hết sức cần thiết để kịp thời phát hiện những hư hỏng, hao mòn trong quá trình làm việc. Với mục đích nghiên cứu tính toán, thiết kế bộ thử phanh có thể đo được nhiều thông số đánh giá hiệu quả phanh sát với điều kiện làm việc thực tế nhất của ô tô, góp phần giải quyết vấn đề an toàn giao thông hiện nay. Cùng với quá trình học tập và làm việc tại Trường Đại học Cần Thơ đã tích lũy cho em những kiến thức chuyên ngành về ô tô cũng như các thiết bị cơ khí khác. Nay em chọn thực hiện đề tài “Tính toán, thiết kế bộ thử phanh quán tính ô tô hai trục, 3 tấn”. Sau thời gian hơn ba tháng nghiên cứu cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy Trần Thanh Tâm cuối cùng đề tài cũng đã hoàn thiện đạt được những yêu cầu cơ bản đặt ra về tính toán, thiết kế và lập được bản vẽ bộ thử phanh quán tính. Bộ thử phanh được thiết kế có nhiều ưu điểm, có thể kiểm tra được cho xe trang bị hệ thống phanh ABS và xe không trang bị, thông qua việc đo được nhiều chỉ tiêu đánh giá hiệu quả phanh như: quãng đường phanh, vận tốc, gia tốc, thời gian phanh, lực phanh riêng và độ trượt của các bánh xe. Do thời gian thực hiện đề tài có hạn và kiến thức của em còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự thông cảm và chỉ bảo của quý thầy cô, các kỹ sư và các bạn sinh viên để đề tài tốt nghiệp của em càng hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!
3121	Đại học	TÍNH TOÁN, THIẾT KẾ, CHẾ TẠO MÁY LỘT VỎ TÔM NĂNG SUẤT 3600 CON/GIỜ	Võ, Trung Hiếu		2018-05	Nghiên cứu này trình bày phương pháp thiết kế, tính toán và chế tạo máy lột vỏ tôm năng suất 3600 con/giờ. Máy có thể lột được tất cả các cỡ tôm kiểu PD (tôm lột sạch vỏ, lấy chỉ). Tôm đầu vào đã được phân cỡ và được loại bỏ phần đầu. Máy được thiết kế dựa trên nguyên lý xoay tròn, nhờ vậy các cụm làm việc như: cụm định vị, cụm cắt, cụm làm sạch, cụm lấy tôm ra, được bố trí trên một cung tròn. Kết quả khảo nghiệm cho thấy máy làm việc tốt, nhịp nhàng, hiệu quả, đúng như thiết kế tính toán ban đầu.

3122	Đại học	THIẾT KẾ MÔ HÌNH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG CỦA XE TOYOTA CAMRY	Trần, Đắc Thắng Lê, Thanh Nhã		2018-05	Đề tài “Thiết kế mô hình hệ thống chiếu sáng của xe TOYOTA CAMRY” được thực hiện bằng phương pháp thu thập các thông tin và các dữ liệu trong các tài liệu về điện ô tô, trên các website có uy tín, các phương tiện báo chí và các đề tài nghiên cứu. Mục tiêu là mô phỏng lại các mạch điện và từ đó thiết kế lại các mạch điện trên xe thực tế. Kết quả nghiên cứu đạt được: Sau 15 tuần nghiên cứu, tìm hiểu nhiều tài liệu và thực hiện, chúng em đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài: “Thiết kế mô hình hệ thống chiếu sáng của xe TOYOTA CAMRY”. Trong quá trình tìm hiểu nắm rõ về cấu tạo và nguyên lý làm việc của các hệ thống điện trên ô tô chúng em đã có thể thiết kế mô hình để có thể mô phỏng lại một số hệ thống điện chiếu sáng cơ bản trên xe ô tô. Tuy có thể mô phỏng được nguyên lý làm việc của hệ thống chiếu sáng và tín hiệu nhưng có một số hạn chế như: chưa thể hiện đầy đủ tất cả các hệ thống điện xe ô tô, sa bàn mô phỏng các hệ thống điện chiếu sáng trên ô tô chưa thể hiện được chính xác vị trí tương đối của các linh kiện trên xe. Sau khi thiết kế sa bàn, chúng em đã đưa nó vào thực tế và thiết kế lại các mạch điện ô tô của hệ thống chiếu sáng và tín hiệu trên ô tô thực tế. Do chúng em chưa có nhiều kinh nghiệm, không đủ điều kiện và thời gian thực hiện có hạn nên chỉ có thể làm được một số mạch như: đèn cốt, pha, đèn xinhan, đèn thắng, đèn sương mù, đèn biển số, đèn sau. Trên sa bàn không có đầy đủ các linh kiện cũng như các công tắc của xe ô tô nên chúng em đã tự thiết kế lại các công tắc trong từng mạch điện. Việc thực hiện đề tài dù gặp nhiều khó khăn về điều kiện và thời gian giới hạn nhưng chúng em đã hoàn thành tốt yêu cầu đề tài, tích lũy thêm được nhiều kiến thức và kinh nghiệm về hệ thống điện ô tô. Chúng em hy vọng “mô hình điện trên ô tô” sẽ giúp cho sinh viên cơ khí trường Đại học Cần Thơ có điều kiện thuận lợi trong việc học tập, tìm hiểu hệ thống điện ô tô trong thời gian tới.
------	---------	--	--------------------------------------	--	---------	--

3123	Đại học	THIẾT KẾ CHẾ TẠO MÁY BÓC VỎ TRỨNG CÚT NĂNG SUẤT 400 TRỨNG/GIỜ	Nguyễn, Hữu Sang Ngô, Hoàng Minh		2018-05	Hiện trạng: Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, đi đôi với sự phát triển kinh tế xã hội thì vấn đề lương thực thực phẩm ngày càng được chú trọng cao. Do sản phẩm tiêu thụ ngày càng tăng lên, nguồn nhân lực, chi phí sản xuất cao, cùng với đó là chất lượng hàng tiêu dùng được quan tâm, các vấn đề về an toàn thực phẩm. Ngày nay, các khu công nghiệp chế biến đều áp dụng dây chuyền sản xuất với phương thức sản xuất hàng loạt và hàng khối. Vì thế trong đề tài này để đáp ứng nhu cầu của con người, một phần cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến không quá lớn, nguyên liệu cung cấp cho việc chế biến chỉ vừa đủ, chứ không theo quy mô lớn, dẫn đến dư thừa. Mục tiêu: Hạ giá thành máy; Thiết kế máy cho năng suất phù hợp với cơ sở chế biến nhỏ; Thiết kế thêm một số bộ phận máy; Thiết kế máy nhỏ gọn, dễ sử dụng; Khảo nghiệm năng suất và hoạt động của máy. Phương pháp thực hiện: Lấy ý kiến của người sử dụng. Đồng thời tìm hiểu các loại máy trên thị trường; Thông qua mô hình 3D; Chế tạo mô hình thử nghiệm. Kết quả đạt được: Khảo sát thị trường; Thiết kế thêm một số bộ phận; Xác định được nguyên lý làm việc; Năng suất có thể đạt gần 500 (trứng/giờ), vượt chỉ tiêu năng suất 400 (trứng/giờ) đã đề ra. Tỷ lệ bóc tách thành công 95%, 5% bề.
------	---------	---	---	--	---------	--

3124	Đại học	THIẾT KẾ MÁY SẤY MỰC NĂNG SUẤT 70 KG/MỀ	Nguyễn, Thành An		Hiện nay mực là một trong những mặt hàng xuất khẩu lớn nhất nước ta, với sản lượng đánh bắt hàng năm lên đến 24.000 tấn/ năm (theo Hiệp hội xuất khẩu thủy hải sản - Vasep). Các sản phẩm của mực chủ yếu là mực tươi và mực khô. Khô mực có giá trị kinh tế cao trong việc sử dụng làm thực phẩm. Ngày nay, nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao, chất lượng khô mực càng được quan tâm hơn bởi những người sản xuất và người tiêu dùng trong nước và nước ngoài. Kết quả khảo sát quy trình sản xuất khô mực tại các chủ hộ tỉnh Cà Mau – Kiên Giang cho thấy rằng: việc phơi sấy còn mang tính thủ công ở các sân trước nhà hoặc ven đường, chủ yếu dựa vào ánh nắng mặt trời và điều kiện thời tiết, nếu gặp thời tiết không thuận lợi có thể sẽ phải bỏ hoàn toàn, ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường chưa tính đến việc một lượng lớn chất dinh dưỡng bị mất đi trong quá trình phơi. Xuất phát từ những vấn đề trên đề tài “Tính toán, thiết kế máy sấy mực năng suất 70kg/mề” được thực hiện để phục vụ cho việc sấy mực khô với quy mô hộ gia đình, góp phần nâng cao giá trị kinh tế của khô mực Việt Nam. Máy sấy mực được tính toán, thiết kế có nhiệt độ sấy ở 50 C, sử dụng quạt ly tâm có công suất 3kW, thời gian sấy là 12 giờ, kích thước buồng sấy Dài x Rộng x Cao = 6300 x 1600 x 2400mm, kích thước buồng đốt Dài x Rộng x Cao = 1000 x 720 x 500mm, với tổng cộng 3 xe goòng và 60 khay sấy. Vật liệu làm khay sấy tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu mực được sử dụng là inox 304. Nhiệt từ buồng đốt được cung cấp thông qua 5 ống tải nhiệt Calorifer có kích thước Đường kính ngoài x Đường kính trong x Đường kính cánh tản nhiệt = 80 x 75 x 100mm. Kết quả tính toán, thiết kế máy sấy được thể hiện qua bộ bản vẽ thiết kế gồm: 01 bản vẽ lắp A0 và 03 bản vẽ chi tiết A3. Các bản vẽ này hoàn toàn có thể sử dụng cho việc gia công, chế tạo máy sấy. Máy sấy có kết cấu đơn giản, thuận lợi cho việc chế tạo, vận hành và chăm sóc. Nội dung thuyết minh đề tài được thể hiện qua 5 chương: Chương 1 là giới thiệu chung về nguyên liệu Mực. Phần vật liệu và phương pháp thực hiện được thể hiện ở chương 2. Chương 3 là cơ sở lý thuyết. Chương 4 trình bày về phương pháp tính toán, thiết kế máy và kết quả thiết kế máy. Chương 5 là kết luận và kiến nghị.
------	---------	---	------------------	--	--

3125	Đại học	TÍNH TOÁN, THIẾT KẾ MÁY TÁCH VỎ CAU NĂNG SUẤT 160 kg/giờ	Diệp, Quốc Chon Trương, Quốc Điền		Xã hội ngày càng phát triển, kỹ thuật tách vỏ đóng vai trò quan trọng và được sử dụng phổ biến trong ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm. Nhưng một số tỉnh ở Việt Nam nói chung, đặc biệt là huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang nói riêng, công nghệ tách vỏ vẫn chưa được sử dụng phổ biến. Huyện Châu Thành có nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng khai thác và chế biến thủy sản, bên cạnh đó huyện còn được biết đến với diện tích trồng cau khá lớn, cây cau mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cao cho nông dân địa phương. Tuy nhiên, vào mùa thu hoạch thì sản lượng trái cau thu được rất lớn, nhưng giá cả xuống thấp vì vậy bà con nông dân không thể bán ngay. Cho nên, cần một số lượng lớn nhân công tách vỏ. Trước những khó khăn và nỗi lo kinh tế của người dân, đề tài “Tính toán, thiết kế máy tách vỏ cau năng suất 160 kg/giờ”, tìm ra một giải pháp hợp lý giúp bà con nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, lược khảo các tài liệu về tách vỏ, tham khảo các đề tài nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực tách vỏ được công bố, tiến hành tính toán thiết kế máy tách vỏ cau đảm bảo tính kỹ thuật và thẩm mỹ, nghiên cứu thiết kế bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết phù hợp với yêu cầu của tách vỏ cau. Thuyết minh được chia thành 5 chương: Chương I. Giới thiệu chung Chương II. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu Chương III. Cơ sở lý thuyết Chương IV. Tính toán thiết kế máy tách vỏ cau Chương V. Kết luận và kiến nghị Đề tài “Tính toán, thiết kế máy tách vỏ cau năng suất 160 kg/giờ”, đã hoàn thành bao gồm năm chương thuyết minh với 16 bản vẽ chi tiết A3 và 1 bản vẽ lắp A0, sau 15 tuần thực hiện đề tài đã tính toán hoàn thành. Trong quá trình thực hiện đề tài không tránh những thiếu sót, mong nhận được ý kiến đóng góp của Thầy và bạn đọc. Chúng tôi cảm ơn Thầy, bạn đọc và trân trọng những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện đề tài.
3126	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY ÉP PHÂN BÒ NĂNG SUẤT 20 M3 /GIỜ	Mai, Thiên Ân Nguyễn, Thanh Phong	2018-12	Mục tiêu đề tài: Tính toán, thiết kế máy ép phân bò năng suất 20 m³ /giờ. Nội dung tóm tắt: Ngành chăn nuôi tại Việt Nam hiện nay có xu hướng chuyển dịch từ quy mô nông hộ sang chăn nuôi tập trung và thâm canh với quy mô lớn. Với xu hướng chuyển dịch đó, ngành chăn nuôi đang có xu hướng trở thành ngành gây ô nhiễm môi trường hiện nay. Do đó, việc tái chế chất thải bò thành phân hữu cơ mang lại nhiều nguồn lợi về kinh tế và góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường là vấn đề rất đáng được quan tâm. Hiểu được điều đó nên chúng em quyết định chọn đề tài “Tính toán, thiết kế máy ép phân bò” để làm sao cuối cùng có thể đưa ra được máy hoạt động tối ưu để vừa giúp người dân có thêm thu nhập lại vừa hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường. Phương pháp thực hiện: + Lược khảo tài liệu. + Tìm hiểu thông tin trên Internet. + Tính toán, thiết kế máy. + Lập ra bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp của máy. Kết quả thực hiện: Hoàn thành tính toán, thiết kế máy một cách hoàn chỉnh từ đó đưa ra được nguyên lý làm việc, kết cấu, cũng như cách vận hành của máy. Mô phỏng lắp ghép được máy trên phần mềm Inventor, có thể ứng dụng được máy vào thực tế sử dụng cho các ngành chăn nuôi.

3127	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY TRỘN THỨC ĂN CHĂN NUÔI NĂNG SUẤT 2 TẤN/MỀ (15 TẤN/GIỜ)	Ngô Quốc Giàu Trần Văn Thịnh		2019-12	Nghành chăn nuôi là một từ ngữ tương đối không xa lạ đối với mỗi người chúng ta cũng như ngành công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi nói chung, mà trong mỗi dây chuyền sản xuất thì khâu khoáy trộn là một khâu không thể thiếu trong bất kì một nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi nào. Ngày nay, ngành chăn nuôi phát triển mạnh cũng như nhu cầu của nó để đảm bảo cung đủ cầu thì yêu cầu cấp thiết đặt ra là nâng cao năng suất của trang thiết bị, trong đó bao gồm cả khâu trộn nguyên liệu. Đề tài về máy trộn thức ăn chăn nuôi cũng không phải mới và cũng đã được các nhóm sinh viên của trường Đại Học Cần Thơ nghiên cứu trước đó, tuy nhiên do thời gian nghiên cứu ngắn nên chưa hoàn thiện mong rằng chúng em có thể làm hoàn thiện nó hơn. Nhiệm vụ chính của nhóm đặt ra cho đề tài là “ Tính toán thiết kế máy trộn thức ăn chăn nuôi năng suất 2 tấn/mề ” thông qua việc đánh giá thực trạng cùng tìm hiểu một số thiết bị tương tự cũng như ưu nhược điểm của nó sau đó đề xuất phương án tính toán thiết kế phù hợp với nhu cầu hay cải thiện hiệu quả trong công việc. Đề tài vẫn sử dụng phương pháp trộn liệu truyền thống, tuy nhiên thiết bị trộn là máy trộn cánh gạt với thùng đứng yên và cải thiện kích thước cũng như chế tạo để thuận tiện hơn cho quá trình bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa và vận hành máy hay mục đích chính là nâng cao chất lượng, năng suất trộn.
3128	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ MÁY BÀO VỎ MÍA NĂNG SUẤT 150 CÂY/GIỜ	Đoàn Thành Phát		2019-12	Trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước các ngành trong xã hội nói chung và ngành cơ khí nói riêng đòi hỏi các kỹ sư và các cán bộ kỹ thuật có kiến thức tương đối rộng và phải vận dụng sáng tạo cả kiến thức ở trường để giải quyết các vấn đề thường gặp ở thực tế. Em đã lựa chọn đề tài LVTN “Tính toán thiết kế máy bào vỏ mía năng suất 150 cây/giờ” vì nhu cầu của con người về thực phẩm, trong đó có nước giải khát và đặc biệt là nước mía ngày càng tăng. Để có được nước mía trước tiên phải làm sạch vỏ mía vì thế trên thị trường đã có một số dòng máy để làm sạch vỏ mía. Đề tài này dựa trên nguyên lý của các máy làm sạch vỏ mía đã có trên thị trường. Với mục tiêu là giảm nhân công, giá thành máy và năng suất phù hợp. LVTN này đã thực hiện được các công việc như sau: □ Khảo sát trên thị trường các dòng máy làm sạch vỏ mía hiện có ở Việt Nam và ở một số nước khác. □ Khảo sát thực tế ở một số vựa mía nhỏ về máy làm sạch vỏ mía đang sử dụng và đặc tính của máy. □ Bố trí thí nghiệm khảo sát lực nén cần thiết của lưỡi dao. □ Xác định nguyên lý hoạt động và tính toán, thiết kế được các bộ phận, cơ cấu chấp hành trên máy. □ Mô hình hóa máy 3D thông qua phần mềm Inventor. Kết quả là máy đã được tính toán thiết kế với năng suất lý thuyết 150 cây/giờ cùng 2 bản vẽ A0 thể hiện cơ cấu máy.

3129	Đại học	HƯ HỒNG THƯỜNG GẶP TRÊN ĐỒNG XE TẢI NHẹ SUZUKI	Danh Đức		2019-12	Hiện nay, số lượng xe tải cỡ nhỏ Suzuki rất phổ biến tại thị trường Việt Nam, đồng nghĩa với mức độ phổ biến trên thị trường sửa chữa chuyên cho dòng xe này rất lớn, nhưng tài liệu sửa chữa còn hạn chế và không có tính đồng nhất. Vì vậy, đề tài “Hư hỏng thường gặp trên dòng xe tải nhẹ Suzuki” được hoàn thành với mục tiêu nắm bắt được các quy trình sửa chữa hư hỏng, đồng thời phân tích và tổng hợp chính xác nguyên nhân hư hỏng nhằm đưa ra hướng khắc phục hiệu quả và nhanh nhất. Nhận biết, giải quyết các vấn đề, sử dụng kỹ thuật, kỹ năng và dụng cụ đặc biệt cần thiết cho việc sửa chữa ô tô. Sau ba tháng thực tập tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô Tây Đô (chi nhánh Cần Thơ), đề tài thu được những kết quả như sau: Đề tài gồm ba phần có sáu chương, phần đầu tiên chính là phần giới thiệu tổng quát về hãng xe Suzuki (Chương 1), phần thứ hai gồm có bốn chương với nội dung trọng điểm là giới thiệu và sử dụng các chức năng cơ bản của máy chẩn đoán trên các dòng xe ô tô hiện nay nói chung và các xe tải nhẹ Suzuki (theo tiêu chuẩn Euro 4) nói riêng (Chương 2), tìm hiểu và xử lý hai vấn đề quan trọng nhất đến sự hoạt động ổn định của động cơ trên xe tải nhẹ Suzuki (theo tiêu chuẩn Euro 2) là hệ thống đánh lửa (Chương 3) và hệ thống nhiên liệu (Chương 4), nêu lên các hư hỏng mang tính chất định kỳ liên quan đến hệ thống dẫn động trừ phân hộp số và bộ vi sai (áp dụng cho tất cả xe tải nhẹ Suzuki – Chương 5) và phần cuối cùng là kết luận lại những vấn đề mà đề tài đã đạt được và chưa được đồng thời đưa ra hướng phát triển thêm cho đề tài (Chương 6). Do thời gian thực hiện có giới hạn và kiến thức còn hạn chế nên đề tài còn nhiều điểm thiếu sót, đặc biệt là phần sử dụng máy chẩn đoán GSCAN II. Nếu đề tài được phát triển chuyên sâu vào hệ thống máy chẩn đoán GCAN II thì điều đó rất có ý nghĩa với đề tài, vì phần lớn ở Việt Nam máy chẩn đoán đa năng tại các Garage ô tô đều là máy chẩn đoán GSCAN II.
3130	Đại học	THIẾT KẾ MÁY VÊ ĐẦU BỒN HÌNH CHỖM CẦU ĐƯỜNG KÍNH TỐI ĐA 4000 mm	Phạm Dương Tuấn Quách Tấn Tài		2019-12	Việt Nam là một quốc gia đang phát triển trong khu vực Đông Nam Á, đất nước đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Song bên cạnh đó phải gắn liền với cơ khí hóa. Cùng với sự phát triển đó, các lĩnh vực công nghệ hóa chất, công nghệ thực phẩm, dầu khí,... cũng được phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển đó làm phát sinh các nhu cầu về thiết bị công nghiệp, trong đó các loại bồn chứa có vai trò rất quan trọng đối với các ngành trên và nhiều ngành khác liên quan. Nhằm tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp, về các sản phẩm bồn chứa ngày càng lớn hơn về mặt thể tích, đường kính và về độ dày của sản phẩm, để làm nền tảng cho quá trình sản xuất và lưu trữ với quy mô lớn. Vì vậy nhóm chúng tôi chọn đề tài “thiết kế máy gia công chõm cầu” trong quá trình sản xuất bồn chứa để thực hiện luận văn tốt nghiệp, để thiết kế máy có khả năng gia công các chõm cầu cỡ lớn (về đường kính và độ dày). Để thực hiện được đề tài trên, nhóm chúng tôi đã nghiên cứu trực tiếp máy hiện có trên thị trường, và tham khảo nhiều tài liệu liên quan, với những kiến thức đã học tại trường, đã tính toán và thiết kế máy gia công chõm cầu, điều khiển bằng hệ thống thủy lực.

3131	Đại học	TÌM HIỂU HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÊN DÒNG XE HINO 500 SERIES FC	Đoàn, Chí Cường		2019-12	Với sự phát triển của ngành công nghiệp trên thế giới thì ngành công nghiệp ô tô là một phần không thể thiếu và ngày càng khẳng định vị thế so với các ngành công nghiệp khác. Từ đó nhiều loại ô tô với nhiều mẫu mã, chức năng khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống của con người. Một chiếc ô tô để làm được như vậy thì phải có hệ thống khác nhau kết hợp lại, để đem lại sự thoải mái dễ chịu khi ngồi trong ô tô dưới mọi điều kiện thời tiết thì hệ thống điều hòa không khí là một hệ thống không thể thiếu. Ngày nay, hệ thống điều hòa không khí đã được cải tiến thêm nhiều thiết bị tiện nghi, công dụng cũng được nâng cao hoàn thiện hơn so với hệ thống điều hòa không khí trước đây. Đề tài “Tìm Hiểu Hệ Thống Điều Hòa Không Khí Trên Dòng Xe HINO 500 Series FC” sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn về hệ thống điều hòa không khí của các dòng xe khác nói chung và Hino nói riêng. Đề tài đi vào tìm hiểu tổng quan, cấu tạo, hoạt động, kiểm tra, chuẩn đoán và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí. Đề tài được hoàn thành thông qua các phương pháp: tra cứu, lược khảo tài liệu, trích lọc thông tin kỹ thuật của hãng xe, hệ thống hóa nội dung từ đó cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống điều hòa không khí.
3132	Đại học	TÍNH TOÁN THIẾT KẾ CƠ CẤU GIEO HẠT BẮP GẮN TRÊN MÁY CÀY KUBOTA L200 NĂNG SUẤT 0,2ha/giờ	Bùi Quốc Toàn Trần Tấn Giàu		2019-12	Đề tài “Nghiên cứu thiết kế bộ phận gieo hạt bắp gắn trên máy cày KUBOTA L200 năng suất 0,2ha/giờ ” được lựa chọn thực hiện và đã tiến hành đánh giá nhu cầu gieo hạt bắp ở huyện Tam Nông, Hồng Ngự, Lai Vung tỉnh Đồng Tháp làm cơ sở thiết kế hệ thống gắn trên máy cày KUBOTA L200, bản thiết kế về hệ thống gieo và cơ cấu dẫn động được tính toán để gieo được các hạt trên hốc theo hàng như yêu cầu sử dụng của người nông dân . Đề tài này là cơ hội để nhóm tiếp cận với các loại máy nông nghiệp đồng thời hiểu biết thêm nhiều phương pháp trồng trọt thủ công cũng như áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Tuy nhiên do nhóm không có nhiều kinh nghiệm thực tế và thiết kế nên trong quá trình thực hiện chuyên đề cũng không tránh khỏi những sai sót, kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô và các bạn.

3133	Đại học	NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH BẢO DƯỠNG VÀ NHỮNG HƯ HỎNG THƯỜNG GẶP TRÊN XE TẢI HINO	Trần Quốc Nhật		2019-12	1. Đặt vấn đề Ngành công nghiệp ô tô ở nước ta được xem là ngành công nghiệp mũi nhọn, được chính phủ chú trọng đầu tư phát triển ở hiện tại và trong tương lai. Ở nước ta ngày nay ngày càng có nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia vào việc sản xuất lắp ráp ô tô. Với sự phát triển của nền kinh tế thì ngành công nghiệp ô tô là một ngành không thể thiếu vì nhu cầu sở hữu ô tô của người tiêu dùng ngày càng tăng cao. Xã hội ngày càng phát triển thì yêu cầu của người tiêu dùng đối với một chiếc ô tô ngày càng tăng lên từ đó các nhà sản xuất phải cho ra những mẫu sản phẩm mới với nhiều mẫu mã và chức năng khác nhau để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Theo như chúng ta đã biết, bảo dưỡng là một công việc không thể thiếu khi sở hữu một chiếc ô tô. Đối với ô tô việc bảo dưỡng rất quan trọng như: Giúp chúng ta phát hiện sớm được hư hỏng, tiết kiệm chi phí sửa chữa và kéo dài tuổi thọ của xe ô tô, ngoài ra nó còn đảm bảo cho chiếc xe ô tô của chúng ta vận hành êm ái đem lại sự an tâm và thoải mái cho người lái xe. 2. Mục tiêu nghiên cứu Tìm hiểu được quy trình chăm sóc, bảo dưỡng và những hư hỏng thường gặp trên xe tải Hino. Vận dụng được kiến thức thực đã học vào thực tế: Lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô máy kéo, cấu tạo động cơ đốt trong,... Trải nghiệm thực tế về quy trình chăm sóc bảo dưỡng và sửa chữa những hư hỏng thường gặp trên xe tải Hino. 3. Phương pháp thực hiện Tham khảo cán bộ hướng dẫn. Vận dụng các kiến thức đã học trong quá trình học tập. Tiềm hiểu các tài liệu của hãng Hino. Quan sát, thực tập tại hãng xe Hino. Sử dụng các hình ảnh có liên quan. Tìm hiểu thông tin từ internet. Tổng hợp, biên soạn, chỉnh sửa thành bài luận văn hoàn chỉnh. 4. Nội dung đề tài Đề tài “Nghiên cứu quy trình bảo dưỡng và những hư hỏng thường gặp trên xe tải Hino” bao gồm 4 phần: - Giới thiệu về hãng xe Hino và các dòng xe của hãng. - Quy trình chăm sóc bảo dưỡng các dòng xe tải Hino. - Những hư hỏng thường gặp và cách khắc phục trên xe tải Hino. - Kết luận và kiến nghị.
3134	Đại học	THIẾT KẾ HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TRÁI ỚT NÚT BỀ THÂN KIỂU BĂNG TẢI NĂNG SUẤT 5 kg/giờ	Nguyễn, Minh Trí		2019-12	Mục tiêu của đề tài này là áp dụng phương pháp “Máy học” vào lĩnh vực cơ khí, giúp việc điều khiển các cơ cấu cơ khí trở nên đơn giản, nhỏ gọn, ít cồng kềnh. Chứng minh được các việc mà lĩnh vực cơ khí truyền thống không thể thực hiện được, trong khi lĩnh vực “Máy học” có thể làm được Mục tiêu cụ thể là nhận dạng các vết nứt trên đầu trái ớt sau khi đã tách cuống, từ đó phân loại ớt tự động, giảm thiểu được lao động trong khâu sàng lọc ớt sau khi đã tách cuống xong; dây chuyền tách cuống ớt sẽ liên tục, không bị gián đoạn từ khâu cấp ớt đến ớt thành phẩm Đề tài chia làm hai phần thiết kế chính. Phần thứ nhất, hệ thống băng tải ớt và gạt ớt được tính toán và xây dựng từ các công thức, nguyên lý hoạt động của các bộ truyền. Phần thứ hai, xây dựng thuật toán nhận dạng từ phương pháp “Machine learning”. Qua kết quả thực nghiệm hiệu suất nhận dạng chính xác đạt được 70%; bên cạnh đó nguyên nhân sai sót cũng được chỉ ra để giúp cải thiện hệ thống, nâng cao hiệu suất.

3135	Đại học	THIẾT KẾ CẢI TIẾN VÀ LẬP QUI TRÌNH GIA CÔNG THIẾT BỊ TRÍCH LY TINH DẦU VỎ BƯỞI BẰNG PHƯƠNG PHÁP LÔI CUỐN HƠI NƯỚC NẮNG SUẤT 20 KG NGUYÊN LIỆU/MỀ	Lê Anh Kiệt Nguyễn Nhật Nghi		2019-12	Đề tài sẽ nghiên cứu thiết bị trích ly tinh dầu vỏ bưởi, với nguồn nguyên liệu là vỏ bưởi năm roi. Đề tài tập trung vào thiết kế cải tiến thiết bị trích ly tinh dầu, lập qui trình gia công và theo dõi gia công thiết bị ngưng tụ và thiết bị tách tinh dầu. Thiết bị trích ly có các thông số kỹ thuật như sau: rộng 0.56 m, chiều cao 1.760 m, bề dày 0.002 m, bề dày lớp cách nhiệt 0.05 m. Ngoài ra, quy trình gia công cũng được lập ra một cách chi tiết với những ứng dụng thực tế, thiết bị được hoạt động theo mạch tự động hóa tự ngắt điện khi gặp các sự cố về áp suất và nhiệt độ. Ưu điểm của thiết bị trích ly tinh dầu vỏ bưởi là thiết kế đơn giản, có thể tháo lắp dễ dàng do đó rất thuận tiện trong các thao tác lắp đặt, vệ sinh thiết bị. Thiết bị trích ly tinh dầu vỏ bưởi có thể dùng để trích ly các loại tinh dầu từ các loại cây có mùi khác như cam, chanh, quýt...
3136	Đại học	TÍNH TOÁN, THIẾT KẾ, LẮP RÁP XE Ô TÔ ĐIỆN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI	Nguyễn Hoàng Đông Lê Văn Vinh		2019-12	1. Mục tiêu của đề tài Đề tài “Tính toán, thiết kế, lắp ráp xe ô tô điện sử dụng năng lượng mặt trời” nhằm khảo sát, thiết kế ô tô chạy hoàn toàn bằng năng lượng điện và nguồn điện này được trữ trong ắc quy một phần được nạp bằng điện gia dụng một phần được nạp bằng năng lượng mặt trời khi xe lưu thông. Chú trọng sử dụng nguồn năng lượng sạch vô hạn này, hướng tới hoàn toàn sử dụng năng lượng điện mặt trời nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu. Giải quyết vấn đề cạn kiệt tài nguyên hóa thạch, tiêu biểu là dầu mỏ. Ngoài ra, đây còn tiêu biểu cho một kiểu ô tô mang nhãn hiệu Việt Nam, phù hợp với nhiều điều kiện giao thông trong nước, kinh tế người dân. 2. Phương pháp và các bước tiến hành - Lược khảo, tham khảo tài liệu toàn bộ về lịch sử hình thành và phát triển của ô tô sử dụng động cơ đốt trong nói chung và ô tô điện nói riêng. - Vận dụng các kiến thức tích lũy được, và nội dung những gì tham khảo tài liệu tiến hành tính toán, thiết kế khung sườn và các hệ thống. - Tham khảo các chi tiết, hệ thống có bán trên thị trường và chọn ra chi tiết, hệ thống cần sử dụng. - Tiến hành lắp ráp, thực nghiệm và hoàn thành sản phẩm. 3. Kết quả - Hoàn thiện xe năng lượng mặt trời, có thể di chuyển trên nhiều địa hình đảm bảo độ bền của các hệ thống và khung sườn. - Xe có thể vừa nạp điện bằng điện dân dụng vừa có thể nạp bằng điện mặt trời thông qua hệ thống các tấm pin năng lượng. - Thời gian di chuyển của xe gần bằng với thời gian di chuyển theo lý thuyết tính toán.

3137	Đại học	NGHIÊN CỨU VỀ HỆ THỐNG PHANH TRÊN XE TẢI HINO 300 SERIES	Trần Ngọc Truyền Thông		2019-12	1. Mục tiêu nghiên cứu Phanh là một trong những hệ thống quan trọng đảm bảo an toàn của người sử dụng xe, chúng ta luôn phải dừng xe sau mỗi lần khởi động, di chuyển, tăng tốc, giảm tốc. Đa số các vụ tai nạn hiện nay đều liên quan đến hệ thống phanh, nhiều tài xế chỉ lưu ý đến hệ thống phanh khi đã xảy ra sự cố, điều đó là quá trễ. Những trạm đăng kiểm, khi khám xe định kì, đều kiểm tra hệ thống phanh rất gắt gao trước khi cho phép xe lưu thông. Hệ thống phanh lí tưởng là một hệ thống cho phép người lái dừng xe lại với khoảng cách ngắn nhất, để làm được điều này hệ thống phanh phụ thuộc rất nhiều vào công tác bảo dưỡng, sửa chữa. Đề tài “nghiên cứu hệ thống phanh trên xe tải Hino” sẽ giúp người sử dụng nắm rõ những nguyên lí liên quan đến việc phanh ôtô, mối liên hệ qua lại giữa các chi tiết trong hệ thống, những sự việc xảy ra làm giảm khả năng vận hành của hệ thống. Từ đó áp dụng vào thực tế để kiểm tra sự hoạt động, phát hiện hư hỏng, bảo dưỡng, điều chỉnh và thay thế những chi tiết mà cho là cần thiết cho hệ thống phanh của xe mình. Đề tài nghiên cứu về các vấn đề: – Tổng quan về hãng xe Hino; – Tổng quan về hệ thống phanh; – Tìm hiểu hệ thống phanh trên xe tải Hino 300 series; – Bảo dưỡng, kiểm tra và điều chỉnh phanh trên xe tải Hino 300 series. 2. Phương pháp thực hiện Vận dụng cơ sở lí thuyết từ các tài liệu liên quan trong thư viện khoa và trung tâm học liệu, tài liệu tại nơi thực tập; Quan sát, thực tập thực tế tại hãng xe, sử dụng hình ảnh có liên quan; Tìm hiểu thêm thông tin trên internet.
3138	Đại học	ỨNG DỤNG AUTOCAD MECHANICAL VÀO THIẾT KẾ CƠ KHÍ	Nguyễn Văn Công		2019-12	Nhiệm vụ chính của đề tài là ứng dụng phần mềm vào việc thiết kế trong cơ khí. Đề tài gồm 4 nội dung chính: thứ nhất là tìm hiểu về các công cụ hỗ trợ của phần mềm, thứ hai là ứng dụng các công cụ và các chi tiết có sẵn của phần mềm trong việc thực hiện thiết kế hộp giảm tốc, thứ ba là tạo thư viện chi tiết tiêu chuẩn, thứ tư là ứng dụng phần mềm trong việc thiết kế đồ gá. Cụ thể người thực hiện đề tài đã sử dụng các chi tiết tiêu chuẩn như bulông, đai ốc, vòng đệm, chốt, lò xo, ổ lăn,... vào việc thiết kế hộp giảm tốc và thiết kế đồ gá. Ngoài ra còn tạo ra thư viện chi tiết với 20 chi tiết cơ khí đã được tạo ra. Nếu có thêm thời gian để xây dựng thư viện chi tiết thì việc thiết kế đồ gá bằng phần mềm sẽ diễn ra nhanh hơn, không bị giới hạn bởi phạm vi áp dụng đối với các loại đồ gá.

3139	Đại học	LẬP TRÌNH GIA CÔNG KHUÔN NẮP Ổ CẮM ĐIỆN VỚI CREO PARAMATRIC 5.0	Võ Linh Vương		2019-12	Lập trình gia công khuôn bằng phần mềm CAM đóng vai trò quan trọng trong không thể thiếu trong gia công chế tạo. Bên cạnh đó nhu cầu lập trình trên phần mềm CAM và về lĩnh vực khuôn ép nhựa ngày càng được áp dụng nhiều do tính chất đảm bảo được tính thẩm mỹ khi gia công, tính chính xác. Đề tài “Lập trình gia công khuôn nấp ổ cắm điện với Creo Parametric 5.0” đã thực hiện nhằm mục đích đánh giá nhu cầu lập trình gia công sử dụng phần mềm CAM và thị trường khuôn ép nhựa, cũng như giới thiệu được phần mềm Creo Parametric 5.0, lập quy trình gia công khuôn, cách lập trình trên phần mềm để chế tạo ra sản phẩm. Đề tài đã thực hiện sử dụng phần mềm Creo Parametric 5.0. Trong phần mềm này có sử dụng module Manufacturing để lập trình gia công, cũng như mô phỏng, xuất chương trình gia công trên máy CNC.
3140	Đại học	THIẾT KẾ CẢI TIẾN MÁY BÓC VỎ TRỨNG CÚT NĂNG SUẤT 400 TRỨNG/GIỜ	Nguyễn Trí Tính		2019-12	Hiện trạng: Trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, đi đôi với sự phát triển kinh tế xã hội thì vấn đề lương thực thực phẩm ngày càng được chú trọng cao. Do sản phẩm tiêu thụ ngày càng tăng lên, nguồn nhân lực, chi phí sản xuất cao, cùng với đó là chất lượng hàng tiêu dùng, các vấn đề về an toàn thực phẩm được quan tâm. Ngày nay, các khu công nghiệp chế biến đều áp dụng dây chuyền sản xuất với phương thức sản xuất hàng loạt và hàng khối. Vì thế trong đề tài này để đáp ứng nhu cầu của con người, một phần cung cấp nguyên liệu cho cơ sở chế biến không quá lớn, nguyên liệu cung cấp cho việc chế biến chỉ vừa đủ, chứ không theo quy mô lớn, dẫn đến dư thừa. Mục tiêu: Hạ giá thành máy; Thiết kế máy cho năng suất phù hợp với cơ sở chế biến nhỏ; Thiết kế thêm một số bộ phận máy; Thiết kế máy nhỏ gọn, dễ sử dụng; Khảo nghiệm năng suất và hoạt động của máy. Phương pháp thực hiện: Lấy ý kiến của người sử dụng. Đồng thời tìm hiểu các loại máy trên thị trường; Thông qua mô hình 3D; Chế tạo mô hình thử nghiệm. Kết quả đạt được: Khảo sát thị trường; Thiết kế thêm một số bộ phận; Xác định được nguyên lý làm việc; Cải tiến khắc phục được những lỗi và nhược điểm của các máy thế hệ trước; Sử dụng nguồn điện một chiều nên đảm bảo an toàn về điện; Công suất của máy ước tính vượt hơn 400 trứng/giờ.
3141	Đại học	Tìm hiểu các bộ chuyển đổi điện áp trong máy phát điện gió 1 pha	Phan, Văn Cương	Nguyễn, Thái Sơn	2019-09	Tìm hiểu về điện gió, cấu trúc turbine gió PMSG và sơ lược về các thuật toán. Tìm hiểu về mạch sạc ác quy để điều khiển sạc, trong mạch sạc ác quy bao gồm: mạch chỉnh lưu điện áp, tăng áp dc-dc và điều khiển sạc để kéo dài tuổi thọ ác quy. Từ đó ta có thể dung nguồn ổn định từ ác quy để thiết kế mạch nghịch lưu inverter có thể sử dụng được.
3142	Đại học	Tìm hiểu và thi công mô hình turbine gió SH – 200R và Air 30	Văn, Thái An	Nguyễn, Thái Sơn	2019-09	- Tổng quan về năng lượng gió - Tìm hiểu về máy phát điện gió PMS - Mô hình toán học của turbine gió với máy phát điện nam châm vĩnh cửu - Mô phỏng hệ thống turbine gió trong simulink matla - Tìm hiểu vận hành turbine SH-200R và turbine Air 31 - Ghép và so sánh hiệu suất SH-200R và Air 30
3143	Đại học	TÍNH TOÁN PHỐI HỢP BẢO VỆ LƯỚI ĐIỆN 22 kV BẰNG PHẦN MỀM ETAP	Nguyễn, Thành Đạt	Đào, Minh Trung	2019-01	Nội dung luận văn “Tính toán phối hợp bảo vệ lưới điện 22 kV bằng phần mềm ETAP” tập trung tìm hiểu về bản chất, cách tính toán dòng điện ngắn mạch trên lưới điện phân phối, đồng thời tính toán các giá trị cài đặt cho các thiết bị bảo vệ

3144	Đại học	THIẾT KẾ ĐƯỜNG DÂY 110kV VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110/22kV KHU CÔNG NGHIỆP TÂN THÀNH (LAI VUNG – ĐỒNG THÁP)	Đặng, Văn Đàn	Đào, Minh Trung	2019-01	“Thiết kế đường dây 110kV và trạm biến áp 110/22kV – Khu công nghiệp Tân thành” được thực hiện dựa trên quá trình khảo sát, đánh giá những hạ chế về kết cấu lưới điện và các thông số vận hành. Trên cơ sở lý thuyết đã được đã tạo trong quá trình học tại trường Đại học Cần Thơ và các tài liệu khác, tác giả đề xuất các biện pháp để cải thiện chất lượng điện năng cung cấp cho khu vực, giảm tổn thất điện năng, tăng khả năng ổn định cấp điện cho phụ tải.
3145	Đại học	Tính trào lưu công suất và giảm tổn thất điện năng trên lưới điện 22kV bằng phần mềm PSS/ADEPT	Nguyễn, Thanh Bình	Đào, Minh Trung	2019-01	Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và khoa học kỹ thuật, nguồn điện cũng phải đáp ứng được những đòi hỏi về công suất và chất lượng. Vấn đề công suất phát ra phải được đưa đến và tận dụng một cách hiệu quả nhất. Tổn hao công suất là vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng nguồn điện và kinh tế, để giảm n một trong những biện pháp khá hiệu quả là bù công suất phản kháng cho lưới điện Nếu hệ thống bù công suất phản kháng thì chỉ là bù tĩnh, thiết bị bù không có cơ cấu tự động điều chỉnh mang lại hệ số công suất cosφ lớn trên Q=0,9 điều này cũng dẫn đến những ảnh hưởng đáng kể nhợt vào giờ thấp điểm có hiện tượng dòn công suất phản kháng chạy ngược, làm tăng tổn thất. Vị trí đặt thiết bị bù thợt được chọn sao cho dễ vận hành chứ không xét đến hiệu quả kinh tế của thiết bị Để khắc phục những nhợt điểm trên em sử dụng phần mềm PSS/ADEP làm đề tài nghiên cứu những nội dung sau Nội dung chính của đề tài Chương 1: Tìm hiểu về phần mềm PSS/ADEP Chương 2: Giới thiệu sơ lược về lưới điện 22kV Cty Điện Lực Đồng Tháp Chương 3: Các bài toán phân bố công suất và tính toán vị trí bù tối Chương 4: Sử dụng phần mềm PSS/ADEPT để tính toán Chương 5: Kết luận
3146	Đại học	KHẢO SÁT TRẠM BIẾN ÁP 220kV SA ĐÉC 2	Nguyễn, Hữu Hòa	Đào, Minh Trung	2019-01	Điện năng, là một trong các dạng năng lượng đóng vai trò quan trọng tron sự phát triển kinh tế xã hội. Là nhu cầu thiết yếu trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cũng nhợt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người Để đưa điện năng đến người tiêu dùng trong hệ thống điện ngoài các khâu sản xuất điện năng, truyền tải và phân phối điện năng. Trong đó trạm biến áp là mộ mắt xích quan trọng là đầu mối liên kết các hệ thống điện với nhau Trạm biến áp có chức năng biến đổi điện áp từ thấp lên cao để truyền tải đi xa hoặc biến đổi điện áp từ cao xuống thấp với các cấp điện áp phù hợp rồi cun cấp đến nơi tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong mọi lĩnh vực từ hoạt động sản xuất đến sinh hoạt đời sống.
3147	Đại học	SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP MPPT ĐỂ TỐI ƯU CÔNG SUẤT NGỒ RA CỦA TẮM PIN MẶT TRỜI	Quảng, Trọng Định	Quách, Ngọc Thịnh	2018-05	Đề tài “Sử dụng phương pháp MPPT để tối ưu công suất ngõ ra của tấm pin mặt trời” nhằm giúp có cái nhìn rõ hơn về cấu tạo của hệ thống điện mặt trời, cùn các phương pháp khai thác và sử dụng tối đa nguồn năng lượng mặt trời từ tấm pin Đồng thời, thiết kế mô phỏng kiểm chứng trên phần mềm Psim. Từ đó so sánh v đánh giá các thuật toán điều khiển MPPT khác nhau trong cùng điều kiện hoạt động Bên cạnh đó, giải quyết được các vấn đề thiếu điện năng trong đời sống và sản xuất giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường, tiết kiệm chi phí đầu tư cho ngành năng lượng,... Bằng phương pháp (thảo luận với cán bộ hướng dẫn) lược khảo tài liệu tron và ngoài nước, phân tích làm cơ sở lý thuyết phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

3148	Đại học	Tính toán cung cấp điện cho xưởng sản xuất nhựa công ty TNHH Phúc Đức	Võ, Minh Hòa	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-12	Trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu về các vấn đề của lưới điện phân phối và cách đánh giá chất lượng lưới điện phân phối. Trong đề tài luận văn chủ yếu nghiên cứu về độ tin cậy, các phương pháp đánh giá và nâng cao độ tin cậy theo tiêu chuẩn IEEE 1366. Sử dụng phần mềm PSS/DEPT để mô phỏng, tính toán tin cậy trên một lưới điện cụ thể.
3149	Đại học	Tính toán lưới điện cao áp bằng phần mềm phân bố dòng Power System Load Flow Calculation (LFE)	Trần, Quang Thái	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-05	Ngày nay, điện năng đã trở thành một thứ thiết yếu gắn liền với cuộc sống. Nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng cao. Do đó, việc mất điện phải được hạn chế ở mức thấp nhất. Điều này đòi hỏi hệ thống cung cấp điện phải đáng tin cậy, an toàn và hoạt động ổn định. Để làm được điều này, người thiết kế phải đưa ra một phương án thiết kế lưới điện hợp lý đảm bảo về kỹ thuật nhưng vẫn tiết kiệm hiệu quả về kinh tế. Yếu tố kỹ thuật rất quan trọng đòi hỏi phải tính toán rất chính xác. Vì vậy việc kiểm tra lại các thông số đã tính toán trong phương án thiết kế đã nêu như điện áp tại các nút, công suất trên các nhánh của lưới, dòng điện trên các nhánh, khả năng chịu tải của đường dây,... một cách nhanh chóng chính xác là vấn đề cấp thiết cần được thực hiện. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm máy tính có thể tính toán, kiểm tra lại các thông số nêu trên một cách nhanh chóng, chính xác, có độ tin cậy cao, rất tiện lợi và dễ dàng sử dụng. Do đó, đề tài “Tính toán lưới điện cao áp bằng phần mềm phân bố dòng Power System Load Flow Calculation (LFE)” được tìm hiểu và nghiên cứu. Luận văn này đã tìm hiểu và tính toán phân bố công suất bằng phần mềm phân bố dòng Power System Load Flow Calculation (LFE) cho một lưới chuẩn theo tiêu chuẩn IEEE và một lưới thực 110kV.
3150	Đại học	Ứng dụng Power World điều độ kinh tế IEEE 24 - Bus RTS	Phan, Gia Duy	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-12	Quy trình sản xuất và tiêu thụ điện năng diễn ra hầu như đồng thời, Điện năng không thể lưu trữ, do đó, cần phải duy trì sao cho tổng công suất phát của tất cả các nhà máy điện phải luôn luôn phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của tất cả các phụ tải sử dụng điện. Để đáp ứng nhu cầu không ngừng gia tăng của xã hội thì hệ thống điện cũng không ngừng mở rộng và phát triển. Do đó yêu cầu hệ thống điện cần phải được trang bị hệ thống điều khiển, bảo vệ có tính tự động hoá cao nhằm duy trì chất lượng điện năng và độ tin cậy cung cấp điện cho khách hàng. Tính kinh tế của hệ thống điện được đặc trưng bởi cực tiểu chi phí để sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Chi phí này phụ thuộc vào mức độ yêu cầu điện năng nên chỉ tiêu kinh tế của chế độ hệ thống điện. Chỉ tiêu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: giá nhiên liệu, giá thành thiết bị, yêu cầu và đặc điểm sử dụng điện, các điều kiện thời tiết,... và đặc biệt là phương thức vận hành hệ thống điện.. Vì vậy, Điều độ hệ thống để điều khiển đồng bộ từ khâu đầu tới khâu cuối, đảm bảo khai thác vận hành tối ưu, đạt hiệu quả kinh tế nhất.

3151	Đại học	Ứng dụng thiết bị FACTS trong hệ thống điện.	Đoàn, Vũ Minh Vương	Đào, Minh Trung	2019-09	Ngày nay, với sự phát triển của các thiết bị công suất thì ngày càng đáp ứng được những vấn đề đặt ra trong quá trình truyền tải. Thiết bị FACTS đã được thiết kế để giúp cho việc truyền tải công suất trên đường dây một cách nhanh chóng, linh hoạt vì vậy làm giảm tổn thất trong lưới điện truyền tải một cách hiệu quả. Việc nghiên cứu về các dạng tổn thất có một ý nghĩa vô cùng to lớn, do đó việc ứng dụng các thiết bị FACTS để điều chỉnh dung lượng bù là việc làm cần thiết để giảm tổn thất điện năng một cách hiệu quả trong hệ thống truyền tải.
3152	Đại học	Phân tích ổn định quá độ cho lưới điện IEEE RTS 30 bus	Bùi, Giai Ngoan	Trần, Anh Nguyên	2019-09	
3153	Đại học	Đánh giá độ tin cậy lưới điện phân phối theo tiêu chuẩn IEEE 1366, tìm điểm bù tối ưu	Mai, Hồng Tiếng	Đào, Minh Trung	2019-09	Đánh giá được độ tin cậy của lưới điện thành phố Sa Đéc, tìm điểm bù tối ưu và đánh giá lưới điện Sa Đéc. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng điện năng phục vụ sản xuất và nhu cầu hằng ngày
3154	Đại học	Ứng dụng phần mềm Digsilent PowerFactory để tính toán lưới điện truyền tải (Đồng Tháp)	Tào, Bảo Tâm	Đào, Minh Trung	2019-09	Với nhu cầu sinh hoạt ngày càng phát triển thì việc truyền tải điện đến nơi tiêu thụ phải đảm bảo tính an toàn, liên tục và hạn chế tối đa được những sự cố có thể xảy ra trong quá trình truyền tải như tổn hao, ngắn mạch,... Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong hệ thống truyền tải điện, ta cần tiến hành mô phỏng quá trình vận hành cũng như tính toán giả lập những sự cố có thể xảy ra trước khi đưa vào vận hành chính thức. Đề tài luận văn này sẽ tìm hiểu một phần mềm khá mới của nhà phát hành Digsilent và sau đó ứng dụng vào tính toán cũng như mô phỏng quá trình truyền tải của lưới trên phần mềm. Đó là phần mềm Digsilent PowerFactory. Ở đây ta ứng dụng ba chức năng của phần mềm đó là phân bố công suất, đặt tụ bù tối ưu và tính toán ngắn mạch – đây cũng là một trong ba bài toán quan trọng trong một hệ thống điện.
3155	Đại học	Ứng dụng phần mềm Etap tính toán ngắn mạch lưới điện 110kV Thành phố Cần Thơ	Trần, Phạm Đăng Khương	Trần, Anh Nguyên	2018-12	Tìm hiểu về lý thuyết tính toán ngắn mạch trong hệ thống điện, tìm hiểu phần mềm ETAP, ứng dụng vào tính toán ngắn mạch lưới điện 110kV Thành phố Cần Thơ, xuất đồ thị và số liệu ngắn mạch. Sử dụng các số liệu đã tính toán chọn các thiết bị bảo vệ cho lưới điện 110kV Thành phố Cần Thơ.
3156	Đại học	Khảo sát thiết bị bảo vệ máy phát nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3	Lê, Bá Thịnh	Trần, Anh Nguyên	2018-12	Giới thiệu tổng quan về nhà máy nhiệt điện Duyên Hải cũng như các thiết bị chính trong nhà máy. Tóm tắt lý thuyết relay, giới thiệu về relay bảo vệ máy phát PCS-985G của hãng Nari (Trung Quốc). Hệ thống bảo vệ máy phát bằng relay PCS-985G của hãng Nari (Trung Quốc).
3157	Đại học	Tính toán lưới điện 110kV tỉnh An Giang bằng phần mềm Neplan	Nguyễn, Hoàng Minh Nhật	Đào, Minh Trung	2019-09	Giới thiệu và tìm hiểu phần mềm NEPLAN nhằm khai thác khả năng tính toán và phân tích lưới điện truyền tải của phần mềm NEPLAN. Áp dụng tính toán phân bố công suất và phân tích mạng điện 110kV bằng phần mềm NEPLAN cho một lưới điện cụ thể.

3158	Đại học	Tìm hiểu trạm biến áp không người trực	Nguyễn, Trí Nền	Đào, Minh Trung	2019-03	Trong đời sống và sản xuất của con người trong thời gian hiện nay, điện năng ngày càng trở nên quan trọng và phải được cung cấp liên tục. Từ đó, hệ thống điện Việt Nam đang được đầu tư và phát triển ngày càng nhiều các đường dây và trạm biến áp (TBA), cũng như không ngừng mở rộng các TBA đây là vấn đề quan trọng trong việc phát triển của kinh tế - xã hội. Nhằm tăng khả năng truyền tải của đường dây, cung cấp điện liên tục cho phụ tải, tăng độ tin cậy của hệ thống điện, giảm số lượng nhân sự, thao tác sai của người vận hành. Mặt khác hệ thống điện Việt Nam ngày càng được hiện đại hóa bằng các thiết bị hiện đại, các thiết bị lạc hậu trước đã dần được thay thế bằng các thiết bị hiện đại, các thiết bị được sản xuất theo công nghệ mới và được điều khiển và giám sát bởi hệ thống SCADA/EMS. Việt Nam hiện tại đang trên đà phát triển nền kinh tế về nhiều mặt cho nên nhu cầu điện năng ngày càng tăng cao, với việc tìm hiểu các TBA không người trực và phát triển các TBA không người trực là một vấn đề cần thiết hiện nay.
3159	Đại học	KHẢO SÁT TRẠM BIẾN ÁP 110kV NHA MÂN	Nguyễn, Ngọc Quốc Bảo	Trần, Anh Nguyễn	2019-03	Điện năng, là một trong các dạng năng lượng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội. Là nhu cầu thiết yếu trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người Để đưa điện năng đến người tiêu dùng trong hệ thống điện ngoài các khâu sản xuất điện năng, truyền tải và phân phối điện năng. Trong đó trạm biến áp là một mắt xích quan trọng là đầu mối liên kết các hệ thống điện với nhau Trạm biến áp có chức năng biến đổi điện áp từ thấp lên cao để truyền tải đi xa hoặc biến đổi điện áp từ cao xuống thấp với các cấp điện áp phù hợp rồi cung cấp đến nơi tiêu thụ để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong mọi lĩnh vực từ hoạt động sản xuất đến sinh hoạt đời sống
3160	Đại học	Ứng dụng phần mềm ETAP đặt tụ bù tối ưu cho lưới điện 110kV TPCT	Đỗ, Phúc Tân	Trần, Anh Nguyễn	2019-03	Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và khoa học kỹ thuật, nguồn điện cũng phải đáp ứng được những đòi hỏi về công suất và chất lượng. Vấn đề công suất phát ra phải được đưa đến và tận dụng hiệu quả nhất, không để lãng phí quá nhiều ảnh hưởng đến kinh tế là một bài toán được nhiều đề tài nghiên cứu. Tổn hao công suất là vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng nguồn điện và kinh tế. Có nhiều phương pháp để hạn chế tổn thất trên, trong đó phương pháp bù công suất phản kháng hiện đang được sử dụng khá phổ biến ở nhiều nơi. Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng phần mềm chuyên dụng vào việc học tập, nghiên cứu cũng như ứng dụng vào thực tế sau này. Đề tài luận văn xin giới thiệu phần mềm ETAP do tập đoàn Operation Technology, Inc.(OTI) của Mỹ phát triển. Với những tính năng vượt trội của mình trong việc phân tích, vận hành hệ thống điện, hiện nay phần mềm ETAP đã được sử dụng trên hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.
3161	Đại học	Ứng dụng phần mềm ETAP tính toán hệ thống điện nhà máy Đạm Cà Mau	Võ, Hoàng Ngọc	Trần, Anh Nguyễn	2018-12	Giới thiệu khái quát về Công ty và Nhà máy Đạm Cà Mau, ứng dụng phần mềm Etap tính toán hệ thống điện Nhà máy Đạm Cà Mau, xuất số liệu tính toán phân bố công suất cũng như tính toán ngắn mạch và dòng ngắn mạch. Sử dụng kết quả mô phỏng cho các tính toán đánh giá khác của Nhà máy Đạm

3162	Đại học	Ứng dụng matlab simulink mô phỏng máy phát điện gió DFIG bằng phương pháp điều khiển từ thông.	Trần, Văn Hòa	Nguyễn, Thái Sơn	2019-01	
3163	Đại học	TÍNH TOÁN VÀ THIẾT KẾ LƯỚI NỐI ĐẤT CHO TRẠM BIẾN ÁP THEO TIÊU CHUẨN IEEE.std 80 - 2000	Võ, Thị Hồng Vân	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-01	
3164	Đại học	Đánh giá độ tin cậy lưới điện phân phối theo tiêu chuẩn IEEE 1366 (Châu Thành - HG)	Võ, Hoàng Việt	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-03	Trên cơ sở lý thuyết nghiên cứu về các vấn đề của lưới điện phân phối và cách đánh giá chất lượng lưới điện phân phối. Trong đề tài luận văn chủ yếu nghiên cứu về độ tin cậy, các phương pháp đánh giá và nâng cao độ tin cậy theo tiêu chuẩn IEEE 1366. Sử dụng phần mềm PSS/ DEPT để mô phỏng, tính toán tin cậy trên một lưới điện cụ thể.
3165	Đại học	THIẾT KẾ NR 3P-22kV VÀ TBA 400kVA CUNG CẤP ĐIỆN CHO CƠ SỞ SẢN XUẤT BỘT LỘC SÁNH (XÃ TÂN BÌNH - CHÂU THÀNH - ĐỒNG THÁP)	Lê, Trương Thanh Phong	Nguyễn, Thái Sơn	2019-03	Xã Tân Bình thuộc huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp kinh tế phát triển chủ yếu là dựa vào sản xuất các sản phẩm từ lúa gạo. Hiện nay địa phương đã và đang đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thúc đẩy nền sản xuất nguyên liệu từ lúa gạo phát triển, việc đầu tư thiết kế nhánh rẽ 3P-22kV và TBA 3P-400kVA cấp điện cho cơ sở sản xuất bột Lộc Sánh là rất cần thiết nhằm nâng cao chất lượng điện năng trong khu vực và đảm bảo nguồn điện được ổn định để phục vụ cho sản xuất
3166	Đại học	TÌM HIỂU HỆ THỐNG RELAY BẢO VỆ MÁY PHÁT VÀ MÁY BIẾN ÁP TẠI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	ĐINH, LÂM NHẬT HẢO	Đào, Minh Trung	2019-03	
3167	Đại học	Thiết kế cung cấp điện chung cư Sarica	Nguyễn, Quốc Thái	Đinh, Mạnh Tiến	2019-03	

3168	Đại học	CÁC PHƯƠNG PHÁP KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ KHÔNG ĐỒNG BỘ BA PHA	Nguyễn, Văn Hậu	Quách, Ngọc Thịnh	2018-12	Trong công nghiệp, máy điện được sử dụng khá rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: cơ khí, tự động hoá, chế biến lương thực thực phẩm, nông nghiệp Hầu hết máy điện được sử dụng chủ yếu là loại động cơ không đồng bộ ba pha bởi vì nó có nhiều ưu điểm nổi bật như: cấu tạo đơn giản, chế tạo dễ dàng, giá thành thấp cũng như vận hành dễ dàng, khắc phục sự cố nhanh hơn và hiệu suất cũng khá tốt (80%-90%). Tuy nhiên, động cơ không đồng bộ ba pha lại có nhược điểm là dòng khởi động khá lớn (từ 4 đến 7 lần dòng điện mức). Dòng điện khởi động quá lớn sẽ ảnh hưởng đến tuổi thọ của động cơ, đồng thời các xung lực cơ khí lớn cũng làm ảnh hưởng thiết bị: ổ bi, cơ cấu trục quay... như vậy sẽ tăng chi phí bảo trì bảo dưỡng và thay thế. Khi dòng điện khởi động lớn đồng nghĩa sụt áp lớn, điện áp tại đầu cực động cơ nhỏ hơn so với điện áp định mức, làm mô men mở máy nhỏ, động cơ khởi động chậm có thể gây cháy động cơ Vì thế, yêu cầu đặt ra là cần hạn chế dòng mở máy đến mức thấp nhất có thể cho động cơ không đồng bộ ba pha. Từ trước đến nay trong công nghiệp có nhiều phương pháp khởi động động cơ không đồng bộ ba pha như: khởi động trực tiếp khởi động sao – tam giác, khởi động dùng biến tần, khởi động dùng khởi động mềm... sẽ giải quyết được vấn đề đã nêu bằng cách tính toán, mô phỏng và thực nghiệm để so sánh các phương pháp trên nhằm tìm ra phương pháp khởi động tối ưu nhất.
3169	Đại học	KHẢO SÁT NHÁNH RỄ TRUNG THỂ 1P – 12,7 kV VÀ TRẠM BIẾN ÁP 1P – 100 kVA CHO CƠ SỞ SẢN XUẤT BỘT PHONG MẠI	Nguyễn, Văn Cẩn	Nguyễn, Văn Dũng	2019-01	Ngày nay cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đất nước. Kèm theo đó nhu cầu sử dụng năng lượng điện cho việc sản xuất trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước cũng như phục vụ đời sống nhân dân không ngừng tăng lên. Trước những yêu cầu đó hệ thống điện nước ta cũng phải không ngừng phát triển và luôn đi trước để thúc đẩy nền kinh tế phát triển cũng như phục vụ đời sống nhân dân. Do đó việc tìm hiểu và nghiên cứu trạm biến áp là việc làm hết sức quan trọng để đảm bảo nguồn cung cấp điện cho sản xuất được kịp thời, đầy đủ và ổn định Vì vậy nên em thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp: Khảo sát Nhánh rễ trung thể 1P-12,7 kV và trạm biến áp 1P-100 kVA cơ sở sản xuất bột Phong Mã (Áp Tân Mỹ, Xã Tân Phú Trung, Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).
3170	Đại học	Nghiên cứu giải pháp tiết kiệm điện năng tại Công Ty Dược IMEXPHARM	Nguyễn, Tấn Toàn	Phan, Trọng Nghĩa	2019-01	

3171	Đại học	KHẢO SÁT HỆ THỐNG GIÁM SÁT, BẢO VỆ VÀ VẬN HÀNH TRẠM 220KV KCN SAĐÉC 2	Nguyễn, Phước Đủ	Nguyễn, Hào Nhân	2019-01	Ngày nay, điện năng là một phần thiết yếu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, nông nghiệp và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người ngày càng tăng.. Để đảm bảo sản lượng và chất lượng điện năng cần thiết, tăng cường độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị và sự là việc ổn định trong toàn hệ thống. Do đó, hệ thống giám sát và bảo vệ trạm biến áp 220KV KCN SaĐéc 2 làm việc tin cậy, chính xác kịp thời phát hiện những hiện tượng bất thường, sự cố xảy ra Trong quá trình vận hành không phải lúc nào thiết bị cũng hoạt động ổn định thực tế điều hành viên luôn gặp tình trạng làm việc không bình thường hoặc s cố, quá tải v.v... nguyên nhân do chủ quan hay khách quan. Vì vậy mỗi điều hành viên cần phải học tập tìm hiểu thiết bị, hệ thống giám sát và bảo vệ kịp thời phát hiện những bất thường, hiện tượng có thể xảy ra sự cố để có biện pháp hạ chế, ngăn ngừa sự cố xảy ra trong vận hành. Từ đó, vận hành trạm biến áp 220KV KCN SaĐéc 2 ổn định, an toàn, liên tục làm cho hệ thống điện ổn định.
3172	Đại học	Thiết kế đoạn nhánh rẽ 1P-12,7kV và TBA 1P-50kVA cung cấp điện cho khu vực trồng thanh long thuộc xã Tân Phú Trung huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Vũ Minh tuần	Nguyễn, Văn Dũng	2019-01	Xã Tân Phú Trung thuộc huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp.Kinh tế phát triển chủ yếu là dựa vào sản xuất nông nghiệp.Hiện nay địa phương đã và đang đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển việc đầu tư Nhánh rẽ 1P12,7 kV và trạm biến áp 50 kVA cung cấp điện cho vườn thanh long Lê Phục Hỷ 1 rất cần thiết nhằm nâng cao chất lượng điện năng trong khu vực và đảm bảo nguồn điện được ổn định để phục vụ cho sản xuất
3173	Đại học	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp san bằng gián đồ phụ tải, tại nhà máy chế biến thủy sản Cadovimex 2	Võ, Quốc Trung	Trần, Trung Tính	2019-01	Việt Nam hiện nay là một trong những nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới. Sản phẩm thủy sản của Việt nam đã được xuất khẩu đến hơn 160 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Vùng đồng bằng sông Cửu Long, với lợi thế nguồn lợi thủy sản, đã hình thành nhiều nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, sản xuất và xuất khẩu nhiều triệu tấn sản phẩm, mang về doanh thu nhiều tỷ đô la. Trong đó ngành chế biến cá tra có đóng góp không nhỏ Với đặc thù của ngành thực phẩm đông lạnh cần nhiều năng lượng điện,việc sử dụng và quản lý đảm bảo sao cho vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất của nhà máy vừa kiểm soát được chi phí năng lượng, cũng như đáp ứng yêu cầu về quản lý phụ tải vào các khung giờ cao điểm đã cam kết với cơ quan điện lực là một thách thức không nhỏ đối với doanh nghiệp Luận văn này là kết quả khảo sát thực tế hệ thống điện của một nhà máy thủy sản kết hợp với các kiến thức đã học được, nhằm cung cấp một cách cơ bản về hệ thống về nhu cầu và các giải pháp quản lý phụ tải của một nhà máy thủy sản.

3174	Đại học	THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI LƯỚI CÓ XÉT ĐẾN HỆ THỐNG DỰ TRỮ NĂNG LƯỢNG	Ngô, Tấn Phúc	Quách, Ngọc Thịnh	2018-12	Luận văn này trình bày cách tính toán, thiết kế và điều khiển hệ thống điện mặt trời nổi lưới có xét đến hệ thống dự trữ năng lượng. Hệ thống điện mặt trời được mô phỏng sử dụng phần mềm PSIM. Kết quả tính toán và hoạt động của hệ thống được kiểm tra qua 3 trường hợp: (i) Pin mặt trời và ắc quy cung cấp đủ công suất cho tải; (ii) Pin mặt trời cung cấp công suất cho tải; (iii) Ắc quy kết nối lưới. Kết quả chỉ ra rằng hệ thống điện mặt trời được thiết kế hoạt động ổn định dưới mọi điều kiện vận hành. Hệ thống cung cấp công suất cho tải, điều khiển sạc/xả ắc quy và có thể phát công suất ch lưới điện. Bên cạnh đó, hệ thống còn điều khiển sạc ắc quy từ nguồn lưới vào những giờ thấp điểm và sau đó ắc quy phát công suất cho tải vào giờ cao điểm. Điều này góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt công suất vào giờ cao điểm, giảm chi phí và giảm tổn thất.
3175	Đại học	ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG TRUYỀN TẢI CAO ÁP MỘT CHIỀU CHO NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ	Hứa, Trọng Nghĩa	Quách, Ngọc Thịnh	2018-12	Luận văn này đề nghị phương pháp điều khiển cho hệ thống truyền tải cao áp một chiều cho nhà máy điện gió dựa trên các bộ điều khiển PI. Trước tiên, luận văn trình bày cấu tạo và nguyên lý hoạt động của hệ thống truyền tải cao áp một chiều. Hệ thống điều khiển cho hệ thống truyền tải dựa trên các bộ điều khiển PI sẽ được thiết kế sau đó. Mô phỏng được thực hiện sử dụng phần mềm PSCAD/EMTDC nhằm để kiểm tra lại hệ thống điều khiển vừa thiết kế. Hoạt động của hệ thống truyền tải cao áp một chiều được thực hiện trong ba trường hợp: (i) tốc độ gió ổn định, (ii) tốc độ gió thay đổi, (iii) hỗ trợ công suất phản kháng cho lưới. Kết quả mô phỏng chứng minh rằng hệ thống truyền tải cao áp một chiều hoạt động ổn định dưới mọi điều kiện vận hành. Hơn nữa, đề xuất cách khác, phương pháp điều khiển đề nghị đạt được yêu cầu đặt ra.
3176	Đại học	TÌM HIỂU HỆ THỐNG DCS CHO TỔ MÁY S2 TRONG NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	Lê, Thanh long	Quách, Ngọc Thịnh	2019-05	Đề tài tìm hiểu về hệ thống DCS trong nhà máy nhiệt điện là đề tài cần thiết cho sinh viên hoặc những người muốn tham gia vào công tác vận hành trong nhà máy điện. Đề tài sẽ cung cấp kiến thức về quy trình vận hành của một nhà máy điện thông qua hệ thống điều khiển DCS, tạo nên nền tảng kiến thức cho người vận hành nhà máy nhiệt điện.
3177	Đại học	BẢO VỆ HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI NỔI LƯỚI DƯỚI ĐIỀU KIỆN ĐIỆN ÁP LƯỚI MẮT CÂN BẰNG	Đặng, Văn Phú	Quách, Ngọc Thịnh	2018-12	Luận văn này đề xuất phương pháp bảo vệ hệ thống điện mặt trời nổi lưới dưới sự cố mất cân bằng sử dụng bộ điều khiển PR. Trước tiên, luận văn trình bày cấu tạo và nguyên lý hoạt động của hệ thống điện mặt trời nổi lưới cũng như tiêu chuẩn hoạt động của hệ thống dưới điều kiện điện áp lưới mất cân bằng. Sau đó, bộ điều khiển của hệ thống điện mặt trời được thiết kế sử dụng bộ điều khiển PI và PR. Mô phỏng của hệ thống điện mặt trời nổi lưới sử dụng phần mềm PSIM được thực hiện để kiểm tra lại hệ thống điều khiển vừa thiết kế. Kết quả mô phỏng chứng minh rằng, dưới điều kiện điện áp mất cân bằng, dòng điện ngõ ra của bộ nghịch lưu vẫn cân bằng và nằm trong giới hạn cho phép khi sử dụng bộ điều khiển PR. Trong khi đó, dòng điện sẽ bị mất cân bằng và vượt quá giới hạn định mức với bộ điều khiển PI trong cùng điều kiện hoạt động.

3178	Đại học	KHẢO SÁT VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN CHO DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN SỬ DỤNG PLC S7-200	Nguyễn, Thành Được	Quách, Ngọc Thịnh	2019-01	Khảo sát và lập trình điều khiển cho dây chuyền sản xuất thức ăn thủy sản sử dụng PLC S7-200 nhằm để cải tiến hệ thống điều khiển giúp cho việc vận hành, sửa chữa và bảo trì dễ dàng hơn.
3179	Đại học	MÔ PHỎNG MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ PMSG SỬ DỤNG PHẦN MỀM PSIM	Phạm, Đại Thắng	Quách, Ngọc Thịnh	2019-03	
3180	Đại học	Khảo sát hệ thống điện mặt trời ở Thư viện Khoa Công nghệ	Trần, Văn Đạt	Nguyễn, Thái Sơn	2018-12	Hiện nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ thì con người đã có thể tạo ra năng lượng điện bằng nhiều nguồn nguyên liệu khác nhau. Từ nhiều năm trước chúng ta đã quen với sử dụng các nguồn năng lượng như than đá, dầu mỏ, thủy điện... để phục vụ cho cuộc sống, nhưng những nguồn năng lượng này càng ngày càng cạn kiệt và nó cũng ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và con người. Vậy vấn đề cấp bách hàng đầu của chúng ta là xây dựng và phát triển các nguồn năng lượng sạch để hạn chế được những nhược điểm trên. Và năng lượng tái tạo nói chung, năng lượng mặt trời nói riêng là một trong những hướng để giải quyết được yêu cầu trên. Việc nghiên cứu năng lượng mặt trời ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, nhất là trong tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng năng lượng hiện nay. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch, dồi dào, hoàn toàn miễn phí, không gây ô nhiễm môi trường và không gây ô nhiễm tiếng ồn ... Hiện nay, năng lượng mặt trời đã dần dần đi vào cuộc sống của con người, chúng được áp dụng khá rộng rãi trong dân dụng và trong công nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau. Và nhà nước ta cũng đã có những chính sách thúc đẩy sự phát triển nguồn năng lượng tái tạo nói chung và nguồn năng lượng mặt trời nói riêng. Tuy nhiên hạn chế của năng lượng mặt trời là chi phí lắp đặt còn khá cao cùng như hiệu suất chuyển đổi điện năng còn thấp ($\approx 17\%$). Vì vậy vấn đề đặt ra là sử dụng tối đa hiệu quả của hệ thống điện mặt trời và kéo dài tuổi thọ của các Solar panels.

3181	Đại học	Mô phỏng Wind farm công suất 1000W bằng Matlab Simulink	Huỳnh, Phúc Điền	Nguyễn, Thái Sơn	2018-12	Hiện nay cùng với sự phát triển công nghiệp và sự hiện đại hoá thì nhu cầu năng lượng cũng rất cần thiết cho sự phát triển của đất nước. Vấn đề đặt ra là phát triển nguồn năng lượng sao cho phù hợp mà không ảnh hưởng tới môi trường và cảnh quang thiên nhiên. Trong khi đó, các nguồn năng lượng như than đá, dầu mỏ, khí đốt... ngày càng cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường và là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính. Để giảm những vấn đề trên chúng ta phải tìm nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch để thay thế hiệu quả, giảm nhẹ tác động của năng lượng đến tình hình kinh tế an ninh chính trị quốc gia. Nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề về năng lượng để phát triển. Việt Nam có các quan điểm về chính sách sử dụng năng lượng hiệu quả nguồn năng lượng tái sinh trong đó có năng lượng gió. Năng lượng gió là nguồn năng lượng tự nhiên dồi dào, phong phú, được ưu tiên được đầu tư và phát triển ở Việt Nam. Nhiều dự án công trình đã được khởi công và xây dựng tiêu biểu là điện gió ở Tuy Phong, Bình Thuận tổng công suất lắp đặt là 30MW, cách đồng điện gió ở Bạc Liêu hiện là nhà máy có công suất lớn nhất cả nước 99,2 MW Trong tất cả các máy phát điện có thể sử dụng được trong hệ thống điện gió thì máy phát điện đồng bộ nam châm vĩnh cửu (PMSG) là máy phát có nhiều ưu điểm, có thể sử dụng trong trường hợp này vì tính ổn định và an toàn của nó trong quá trình hoạt động, đồng thời không cần nguồn điện một chiều để kích từ Để tạo ra nhiều điện năng hơn cần sử dụng nhiều turbine gió kết hợp chúng lại để tạo thành một trang trại gió (Wind Farm). Một trang trại gồm nhiều turbine gió vì vậy việc kết hợp nhiều turbine gió đòi hỏi cần phải cần phải tính toán để tìm ra cách kết hợp có hiệu suất cao nhất. vì vậy việc mô phỏng trước các tác động cũng như hiệu suất của các turbine gió khi kết hợp là điều cần thiết phải làm. Đề tài này mô phỏng 5 turbine gió PMSG công suất 200W trong Matlab Simulink để giải quyết vấn đề trên
------	---------	---	------------------	------------------	---------	--

3182	Đại học	KHẢO SÁT HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 20 kWp TÂN CHÂU, AN GIANG	Nguyễn, Văn Cường	Nguyễn, Thái Sơn	2018-12	Với sự phát triển không ngừng của thời đại mện nay, đặc biệt gần đây nhất là cuộc cách mạng 4.0. Cho thấy tốc độ phát triển không ngừng của khoa học công nghệ đã ảnh hưởng rất lớn trong đời sống rất nhiều. Trong đó không thể không kể đến sự cấp thiết và đảm bảo về sự phát triển về một hệ thống điện an toàn, đáng tin cậy. Bên cạnh đó, nước ta phần lớn phụ thuộc vào thủy điện và nhiệt điện. Chủ yếu khai thác và sử dụng những nguồn nguyên liệu hóa thạch như: than, khí đốt, dầu mỏ,... Mà đây là nguồn nhiên liệu thiên nhiên đang dần cạn kiệt trong những năm sắp tới. Biểu hiện rõ nhất của sự ảnh hưởng do khai thác và sử dụng nguồn nhiên liệu hóa thạch là Trái Đất đang dần nóng lên và những biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của chúng ta. Đây là lúc ta cần nghĩ đến một nguồn năng lượng mới trong tương lai không xa. Đó là nguồn năng lượng tái tạo mà cụ thể là năng lượng Mặt Trời Ở nước ta lượng bức xạ Mặt Trời là nguồn tài nguyên quan trọng được thiên nhiên ưu đãi. Trung bình, tổng bức xạ năng lượng Mặt Trời vào khoảng 5kWh/m2/ngày ở các tỉnh miền Trung và miền Nam khoảng 4kWh/m2/ngày ở các tỉnh miền Bắc. Do vị trí của Việt Nam nằm ở vĩ tuyến 17 nên số giờ nắng trong năm ở miền Bắc khoảng 1500 – 1700 giờ trong khi ở miền Trung và miền Nam, con số này khoảng 2000 – 2600 giờ mỗi năm. Cùng với đó, lượng bức xạ Mặt Trời tăng 20% so với các tỉnh phía Bắc. Ở các tỉnh phía Nam thì hầu như Mặt Trời chiếu hàng năm kể cả mùa mưa. Đó là lý do các địa phương ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, nguồn bức xạ Mặt Trời là một nguồn tài nguyên to lớn để khai thác và sử dụng. Tại Đồng Bằng Sông Cửu Long có khí hậu gió mùa, nóng và ẩm với 2 mùa rõ rệt. Tiềm năng khai thác năng lượng bức xạ Mặt Trời rất lớn. Ước tính cứ 1m2 lắp đặt các tấm pin Mặt Trời có thể thu 5 kWh điện mỗi ngày. Nguồn chiếu sáng này rất ổn định, với hơn 90% số ngày trong năm đều nhận được ánh sáng Mặt Trời đủ mạnh để vận hành các tấm pin năng lượng Mặt Trời. Bên cạnh đó, An Giang là khu vực của sự phát triển về thủy sản rất cần nguồn năng lượng điện ở các vùng nuôi lớn ở xa điện lưới. Đề tài Khảo sát hệ thống điện Mặt Trời 20 kWp Tân Châu, An Giang nhằm giúp chúng ta hiểu rõ hơn nguyên lý hoạt động, cấu tạo thực tế của hệ thống điện Mặt Trời. Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của khu vực lắp đặt. Hệ thống điện Mặt Trời độc lập kết nối với máy phát điện để có thể cung cấp điện cả ngày lẫn đêm. Đây được xem là một giải pháp quan trọng, tiện lợi để có thể sử dụng điện ở những vùng sâu vùng xa, còn đảo, còn... Đặc biệt, cung
------	---------	---	-------------------	------------------	---------	--

3183	Đại học	TÌM HIỂU VÀ LẬP TRÌNH ĐIỀU KHIỂN THANG MÁY CHO TÒA NHÀ 5 TẦNG SỬ DỤNG PHẦN MỀM MÔ PHỎNG PLC S7-200	Lê, Văn Tâm	Quách, Ngọc Thịnh	2019-01	Ngày nay, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã tạo r hàng loạt sản phẩm phục vụ cho mục đích di chuyển của con người như: xe tô, xe gắn máy, xe điện, máy bay... Trong các tòa nhà, đặc biệt là các tòa nh cao tầng thì phơng tiện di chuyển chính là thang máy. Thang máy có th đợc sử dụng bằng nhiều hình thức khác nhau ở các tòa nhà cao tầng nh thang tải khách, thang tải hàng, thang chuyên sử dụng cho gia đình,... Để vậ hành thang máy một cách an toàn và tin cậy đòi hỏi phải có sự phối hợp củ nhiều yếu tố như: kỹ thuật cơ khí chính xác, kỹ thuật và lập trình điều khiển,.. Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, troớc tiên, luận văn sẽ tìm hiểu cấu trúc, hoạt động của thang máy và các thiết bị thực tế của từng loại thang máy Tiếp theo, luận văn sẽ trình bày phần lập trình điều khiển thang máy cho tò nhà 5 tầng sử dụng phần mềm mô phỏng PLC S7-200
3184	Đại học	Các giải pháp tiết kiệm điện năng tại công ty viễn thông FPT Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Thu Ngân	Nguyễn, Thái Sơn	2019-01	Các giải pháp tiết kiệm điện năng tại công ty viễn thông FPT Đồng Tháp -Tổng quan tình hình điện năng hiện nay và một số giải pháp chung để sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả -Khảo sát thực tế phụ tải -Tìm các giải pháp tiết kiệm năng lượng điện cho công ty.

3185	Đại học	THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI PHỤC VỤ TƯỚI TIÊU NÔNG NGHIỆP	Võ, Thị Diễm Hương	Quách, Ngọc Thịnh	2018-09	Ngày nay với tình hình dân số và ngành công nghiệp phát triển không ngừng năng lượng ngày càng thể hiện rõ vai trò quan trọng và trở thành yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống. Đi đôi với nhu cầu sử dụng năng lượng đang ngày càng gia tăng thì các nguồn năng lượng truyền thống như dầu, khí, than,... đang dần cạn kiệt và trở nên khan hiếm. Ngoài ra, việc sử dụng năng lượng hóa thạch đã gây ra nhiều vấn đề về môi trường như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước,... kéo theo hệ quả là sự biến đổi khí hậu tác động trực tiếp đến cuộc sống hiện nay và tương lai của con người. Trước tình hình đó, vấn đề phải tìm được những nguồn năng lượng mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng đang gia tăng hằng ngày và thay thế những nguồn năng lượng truyền thống trở nên cấp thiết, đòi hỏi nhiều sự quan tâm. Bên cạnh các nguồn năng lượng sạch như năng lượng gió, địa nhiệt, sinh học,... năng lượng mặt trời đã và đang được khai thác cũng như ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Tại Việt Nam, theo Hiệp hội Năng lượng sạch Việt Nam, nước ta là một trong những quốc gia có ánh nắng mặt trời nhiều nhất trong biểu đồ bức xạ mặt trời thế giới. Trung bình, tổng bức xạ năng lượng mặt trời ở Việt Nam vào khoảng 5kW/h/m² /ngày ở các tỉnh miền Trung và miền Nam, khoảng 4kW/h/m² /ngày ở miền Bắc. Ngoài ra, số giờ nắng trong năm ở miền Bắc vào khoảng 1500-1700 giờ trong khi ở miền Trung và miền Nam Việt Nam, con số này vào khoảng 2000-2600 giờ mỗi năm. Tuy nhiên, dù tiềm năng rất lớn, nhưng việc khai thác nguồn năng lượng này ở Việt Nam còn chưa đáng kể. Hầu hết các dự án điện mặt trời chỉ ở quy mô nhỏ. Trong dài hạn đòi hỏi chúng ta cần phải có chiến lược và giải pháp tổng thể để thúc đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng sạch này tại Việt Nam. Xét ở khu vực ĐBSCL có đầy đủ những điều kiện thuận lợi về địa lý, khí hậu kinh tế phát triển, những dự án lớn về đầu tư những nguồn năng lượng mới,... hứa hẹn là khu vực đầy tiềm năng trong việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo nói chung và năng lượng mặt trời nói riêng. Bên cạnh đó khu vực còn là trọng điểm của ngành nông nghiệp, hướng phát triển đặt ra là sự kết hợp sử dụng được tiềm năng năng lượng này vào việc phát triển nông nghiệp. Ở các tỉnh Tiền Giang, Bình Phước Ninh Thuận,... đã bắt đầu ứng dụng nguồn năng lượng mặt trời vào trong sản xuất tưới tiêu và mang lại một số kết quả đáng mong đợi. Đề tài Thiết kế và điều khiển hệ thống điện năng lượng mặt trời phục vụ tưới tiêu nông nghiệp nhằm giúp có cái nhìn rõ hơn về cấu tạo, vai trò và điều khiển của bộ phận trong hệ thống, thiết kế mô phỏng kiểm chứng trên phần mềm.
3186	Đại học	Hòa các máy phát điện gió trên bus DC	Lữ, Duy Tân	Nguyễn, Thái Sơn	2019-05	Tổng quan về năng lượng gió, tìm hiểu về máy phát điện PMSG, mô hình toán học của turbine gió và máy phát PMSG, mô phỏng hệ thống trong matlab simulink, mô phỏng hòa các máy phát điện gió trên bus DC, xây dựng mô hình thực tế hòa các máy phát điện gió trên bus DC
3187	Đại học	NGHIÊN CỨU VÀ MÔ PHỎNG MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ 12KW BẰNG MATLAB SIMULINK	Nguyễn, Thanh Phong	Nguyễn, Thái Sơn	2018-12	Xây dựng cấu trúc tổng quát hệ thống phát điện bằng sức gió: - Sơ đồ khối hệ thống phát điện sức gió - Mô tả cấu tạo và sự vận hành của Turbine - Phương pháp điều khiển máy phát đồng bộ và điều khiển máy phát đồng bộ kích thích vĩnh cửu.

3188	Đại học	TÌM ĐIỂM CÔNG SUẤT CỰC ĐẠI CHO MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ PMSG	Phan, Lương Huy Nguyễn, Đức Lợi	Nguyễn, Thái Sơn	2018-12	Hiện nay cùng với sự phát triển công nghiệp và sự hiện đại hoá thì nhu cầu năng lượng cũng rất cần thiết cho sự phát triển của đất nước. Vấn đề đặt ra là phát triển nguồn năng lượng sao cho phù hợp mà không ảnh hưởng tới môi trường và cảnh quang thiên nhiên. Trong khi đó, các nguồn năng lượng như than đá, dầu mỏ, khí đốt... ngày càng cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường và là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính. Để giảm những vấn đề trên chúng ta phải tìm nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch để thay thế hiệu quả, giảm nhẹ tác động của năng lượng đến tình hình kinh tế an ninh chính trị quốc gia. Nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề về năng lượng để phát triển. Việt Nam có các quan điểm về chính sách sử dụng năng lượng hiệu quả nguồn năng lượng tái sinh trong đó có năng lượng gió. Năng lượng gió là nguồn năng lượng tự nhiên dồi dào, phong phú, được ưu tiên đầu tư và phát triển ở Việt Nam. Nhiều dự án công trình đã được khởi công và xây dựng tiêu biểu là điện gió ở Tuy Phong, Bình Thuận tổng công suất lắp đặt là 30MW, cách đồng điện gió ở Bạc Liêu hiện là nhà máy có công suất lớn nhất cả nước 99,2 MW. Trong tất cả các máy phát điện có thể sử dụng được trong hệ thống điện gió thì máy phát điện đồng bộ nam châm vĩnh cửu (PMSG) là máy phát có nhiều ưu điểm, có thể sử dụng trong trường hợp này vì tính ổn định và an toàn của nó trong quá trình hoạt động, đồng thời không cần nguồn điện một chiều để kích từ. Để tối ưu công suất của hệ thống ở các tốc độ gió khác nhau, ta sử dụng một bộ điều khiển có khả năng sản sinh tối đa sản lượng điện của turbine gió ở mọi điều kiện hoạt động, thông qua phương pháp tìm điểm công suất cực đại (MPPT) cùng với thuật toán FLC là giải thuật tương đối cơ bản, đơn giản, dễ áp dụng và được sử dụng khá rộng rãi và phổ biến
------	---------	--	--	------------------	---------	--

3189	Đại học	ỨNG DỤNG ETAP THIẾT KẾ HỆ THỐNG LƯỚI NỔ ĐẤT TRẠM BIẾN ÁP 110KV THEO TIÊU CHUẨN IEEE STD 80-2000	Lý, Tụ Trĩ	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-12	trạm biến áp là một phần tử đặc biệt quan trọng trong hệ thống điện, nó giúp phân phối và điều hành hệ thống năng lượng điện. Để đảm bảo trạm biến áp hoạt động lâu dài và hạng chế nhất các sự cố xảy ra thì việc xây dựng và thiết kế hệ thống bảo vệ là không thể thiếu. Hệ thống nối đất là một phần rất quan trọng trong hệ thống đó. Do vậy việc tính toán và thiết kế chính xác hệ thống nối đất là yêu cầu cần thiết và đảm bảo an toàn. Tính toán thiết kế hệ thống nối đất của nước ta từ trước đến nay chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và chỉ lấy một tiêu chuẩn duy nhất là giá trị điện trở của hệ thống nối đất và tính toán thiết kế hệ thống nối đất cũng chủ yếu tính trong mô hình đất đồng chất. Khi thiết kế hệ thống nối đất chúng ta phải chắc chắn rằng tất cả những thiết bị được nối đất thì phải đảm bảo an toàn khi tiếp xúc. Điện trở nối đất của hệ thống nối đất có giá trị nhỏ, mà chỉ xét giá trị điện trở nối đất của hệ thống nối đất và giá trị lớn nhất dòng điện sự cố rất phức tạp. Vì vậy giá trị điện trở nối đất của trạm biến áp có giá trị nhỏ cũng có thể nguy hiểm trong khi đó trạm biến áp khác có giá trị điện trở nối đất lớn hơn nhưng an toàn. Bên cạnh đó, tầm quan trọng của việc ứng dụng một phần mềm chuyên dụng có độ tin cậy cao trong học tập, nghiên cứu cũng như ứng dụng vào công việc thực tiễn là rất cần thiết, nhằm thuận tiện hơn trong việc tính toán thiết kế mà vẫn đảm bảo độ chính xác và nhanh chóng
3190	Đại học	Ứng dụng phần mềm ETAP để tính toán phân bố công suất và bù tối ưu cho lưới phân phối Thành Phố Cao Lãnh – Đồng Tháp	Hồ, Ngọc Hiến	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-05	đề tài này là giúp chúng ta tìm hiểu về phần mềm ETAP và ứng dụng nó trong các điện lực. Từ đó có thể rút ra kết luận, đánh giá về sự vượt trội m phần mềm mang lại trong thực tế nói chung và bài toán cụ thể nói riêng. Tính toán thông số điện áp, góc lệch pha tại các nút,... mang ý nghĩa rất quan trọng trong việc tính toán và quy hoạch phát triển hệ thống điện. Đồng thời giảm tổn thất trong lưới truyền tải và phân phối là bài toán cũng rất quan trọng mà các công ty điện lực này cũng phải tập trung giải quyết. Vì vậy, phân bố công suất và bù tối ưu sẽ được hướng đến trong đề tài.

3191	Đại học	Thiết kế cung cấp điện Bệnh viện Medic Hòa Hảo	Lê, Sơn Hạ	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-09	Hiện nay, quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra rất nhanh đó là h quả của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bằng chứng là nhữn công trình công cộng như tòa nhà cao tầng, khách sạn, resort, nhà hàng, siêu thị hay các công trình công nghiệp như nhà máy điện, các khu công nghiệp, cơ sở công nghiệp... được xây dựng và mở rộng không ngừng. Cùng với đó là sự phát triển cách tân của các thiết bị điện như động cơ, máy móc, thiết bị điện dân dụng... cản trở nên phổ biến. Tất cả vận động phát triển cơ sở hạ tầng đó đòi hỏi một nguồn năng lượng cung cấp liên tục để vận hành, đó là điện năng. Với sự đa dạng về cá loại công trình như vậy, những kỹ sư, công nhân ngành điện phải luôn nỗ lực, vận động, học hỏi để có thể bắt kịp với nhịp độ phát triển. Bài toán cung cấp điện là bài toán vô cùng phức tạp, nó bao gồm rất nhiều công đoạn, rất nhiều tiêu chuẩn m những kỹ sư thiết kế, tính toán bắt buộc phải biết đối với từng loại công trình nhằm đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật, kinh tế và hơn hết là sự an toàn khi vận hành Để hiểu rõ được những nội dung cốt lõi về thiết kế, tính toán và thi công cung cấp điện thì đề tài “Thiết kế tính toán cung cấp điện cho bệnh viện Hòa Hảo Medic Cần Thơ” có thể mô tả một cách cơ bản về cách thức, các bước thực hiện củ việc thiết kế cung cấp điện điển hình cho một tòa nhà.
3192	Đại học	Nghiên cứu và ứng dụng ETAP tính toán bù tối ưu lưới điện huyện châu thành, đồng tháp	Nguyễn, Ngọc Dương	Nguyễn, Đăng Khoa	2018-12	Trong những năm gần đây, do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, tốc đ công nghiệp hoá tăng nhanh, nhu cầu về điện năng ngày càng lớn đòi hỏi ngành Điện phải đi trước một bước để tạo cơ sở cho sự phát triển của nền kinh tế. Để đáp ứng yêu cầu cung cấp điện cho việc đẩy mạnh quy hoạch và mở rộng diện tích đô thị của tỉnh Đồng Tháp trên địa bàn huyện Châu Thành trong những năm qua đã làm cho phụ tải tăng nhanh, lưới điện ngày càng được mở rộng, hiện đại hóa và phức tạp hơn Việc phát triển nguồn lưới điện không theo kịp sự phát triển của phụ tải, tình trạng thiếu điện xảy ra thường xuyên, nhất là vào mùa khô. Đồng thời, nhiều nhà máy điện ngoài ngành điện, vì lợi ích cục bộ, chủ yếu phát công suất tác dụng lên lưới, gây thiếu hụt công suất phản kháng (CSPK) rất lớn cho hệ thống. Do đó, việc bù CSPK ch hệ thống điện để giảm tổn thất công suất trong hệ thống điện, góp phần khắc phục thiế điện là hết sức cần thiết Công ty Điện lực Đồng Tháp luôn quan tâm đến việc bù CSPK cho lưới điện phân phối , đảm bảo $\cos\varphi > 0,95$ tại đầu các xuất tuyến 22kV. Tuy nhiên, việc tính toán bù chưa tối ưu và chưa quan tâm đến các chỉ tiêu tài chính của dự án lắp đặt tụ bù Dựa trên cơ sở nghiên cứu lưới điện phân phối hiện tại của Điện lực huyện Châu Thành – Đồng Tháp, từ đó đề xuất các giải pháp vận hành tối ưu là biện pháp góp phần tiết kiệm điện, tiết kiệm tài chính cho ngành Điện, ổn định lưới điện, đối với quốc gia góp phần để bù đắp tình trạng thiếu điện hiện nay. Trên đây là các lý do chọn nghiên cứu đề tài này.

3193	Đại học	Sử dụng phần mềm PSS/ADEPT tính toán phát tuyến 473AH-Điện lực Sa Đéc	Nguyễn, Nhựt Như Khuyên	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-01	Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và khoa học kỹ thuật, nguồn điện cũng phải đáp ứng được những đòi hỏi về công suất và chất lượng. Vấn đề công suất phát ra phải được đưa đến và tận dụng có hiệu quả nhất, không lãng phí quá nhiều, ảnh hưởng đến kinh tế là một bài toán rất được nhiều đề tài nghiên cứu. Đối với thành phố Sa Đéc, do sự phân bố dân cư trên địa bàn cũng như tính chất đa dạng của các hộ tiêu thụ điện, các nhà máy, khu công nghiệp được xây dựng và đi vào hoạt động nên nhu cầu phụ tải tăng, một phần do cơ cấu nguồn điện của vùng miền Nam hiện tại, một sản lượng điện lớn phải truyền tải điện từ miền Bắc vào Nam. Với việc truyền tải xa như vậy, làm tổn thất điện năng tăng lên. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành kinh tế của lưới điện Để khắc phục những nhược điểm trên. Cần khảo sát dòng công suất, hệ số cosφ, sự thay đổi của các phụ tải... làm cơ sở xác định chế độ vận hành tốt nhất cho lưới điện, hạn chế các sự cố xảy ra. Với các lý do trên, đề tài “Sử dụng phần mềm PSS/ADEPT tính toán phát tuyến 473AH-Điện lực Sa Đéc” hiện nay là thiết thực góp phần vào nâng cao hiệu quả vận hành kinh tế lưới điện phân phối của thành phố Sa Đéc.
3194	Đại học	Mô phỏng quá độ điện từ trong hệ thống điện bằng phần mềm ATP	Võ, Tấn Hiếu	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-01	Trong quá trình vận hành hệ thống điện, khi đóng cắt đường dây hoặc máy biến áp vào lưới điện hệ thống, pha chạm đất, pha chạm nhau thì sẽ sinh ra quá trình quá độ. Trong trạng thái quá độ thì dòng điện, điện áp sẽ có sự biến đổi mạnh, tuy nó chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn (từ 0.5 – 3s) nhưng nó ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định của hệ thống. Luận văn sử dụng phần mềm mô phỏng ATPDraw để phân tích quá trình quá độ của hệ thống điện Luận văn này đã giúp em hiểu rõ hơn về quá trình quá độ của hệ thống điện, vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế. Luận văn vẫn còn nhiều thiếu sót, em mong sẽ nhận được nhiều nhận xét, đánh giá để có thể rút kinh nghiệm để áp dụng thực tế vào công việc sau này.
3195	Đại học	KHẢO SÁT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP SỬ DỤNG ĐIỆN NĂNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ	Nguyễn, Thành Lộc	Trần, Trung Tính	2019-01	Trong thời gian qua công ty Cổ May đã từng bước đầu tư lắp đặt các thiết bị tiết kiệm năng lượng, hệ thống giám sát vận hành và đã liên kết với trung tâm kỹ thuật công và tư vấn phát triển công nghệ Đồng Tháp thực hiện khảo sát, đo đạc, phân tích các số liệu và hiện trạng sử dụng năng lượng các thiết bị chính trong dây chuyền sản xuất của công ty nhưng vẫn còn nhiều hạn chế của từng hệ thống tiêu thụ năng lượng do chỉ về mặt lý thuyết và tính toán đưa ra số liệu không mang lại hiệu quả cao Là một người công nhân kỹ thuật của công ty trong quá trình vận hành và là việc nhờ vào một số kinh nghiệm, khảo sát thực tế và nghiên cứu lý thuyết em đã nhận thấy có những tiềm năng tiết kiệm năng lượng và nhân sự hiệu quả qua đó em chọn đề tài Khảo sát và đề xuất giải pháp sử dụng điện năng tiết kiệm và hiệu quả của nhà máy thức ăn thủy sản Cổ May nhằm từng bước nâng cao quy trình hiện đại hóa tối ưu, mục tiêu cụ thể của các giải pháp là giảm nhân lực đến mức tối thiểu và tiết kiệm điện năng hiệu quả nhất.

3196	Đại học	Khảo sát, đánh giá, cải tạo qui trình xử lý trạm nước thải công suất 1m3 ngày đêm công ty CADOVIMEX2	Lê, Thanh Tuấn	Phan, Trọng Nghĩa	2019-01	Song song với sự phát triển của các nhà máy chế biến cá tra, việc xử lý nước thải ra từ quá trình chế biến cá luôn là một vấn đề mà doanh nghiệp phải giải quyết Tuy chỉ là một khâu phụ trợ trong quá trình sản xuất nhưng việc đảm bảo sao ch trạm xử lý nước thải hoạt động liên tục và hiệu quả là rất quan trọng, không nhữn có thể giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí mà còn có ý nghĩa trong việc tuân th các quy định về môi trường của Nhà nước và xây dựng thương hiệu uy tín của côn ty trong xu hướng tăng ý thức bảo vệ môi trường toàn cầu Để đảm bảo cho hệ thống xử lý nước thải hoạt động được liên tục và hiệ quả thì một hệ thống điện có độ tin cậy cao là điều rất quan trọng. Có thể nói h thống điện như mạch máu của trạm. Bất kỳ sự cố nào của hệ thống điện đều gây r ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả xử lý của trạm Luận văn này là kết quả khảo sát thực tế hệ thống điện của trạm xử lý nướ thải thủy sản kết hợp với các kiến thức đã học được, nhằm cung cấp một cách c bản có hệ thống về các thành phần trong hệ thống điện của trạm xử lý nước thải.
3197	Đại học	KHẢO SÁT VÀ TÌM HIỂU HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRUNG TÂM VRV TẠI BỆNH VIỆN THÁI HÒ ĐỒNG THÁP	Võ, Chí Tâm	Phan, Trọng Nghĩa	2019-01	Hiện nay, quá trình đô thị hóa ở nước ta đang diễn ra rất nhanh đó là hệ qu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bằng chứng là những côn trình công cộng như tòa nhà cao tầng, khách sạn, resort, nhà hàng, siêu thị... ha các công trình công nghiệp như nhà máy điện, các khu công nghiệp, cơ sở côn nghiệp... được xây dựng và mở rộng không ngừng. Việc sử dụng hệ thống điều hò không khí trong bệnh viện đóng một vài trò cần thiết và đặc biệt đối với hệ thốn điều hòa không khí trung tâm VRV vì nó đáp ứng những yêu cầu về mặt thẩm mỹ mục đích sử dụng riêng biệt của từng phòng, hiệu quả kinh tế trong quá trình s dụng và cuối cùng là đem lại sự thoải mái cho bệnh nhân khi lưu trú tại bệnh viện Để hiểu rõ được những nội dung cốt lõi về thiết kế và cách vận hành h thống điều hòa không khí trung tâm VRV thì đề tài “Khảo sát và tìm hiểu h thốngđiều hòa không khí trung tâm VRV tại Bệnh Viện Thái Hòa - Đồng Tháp” c thể mô tả một cách cơ bản về cách thức, các bước vận hành hệ thống điều hò không khí VRV điển hình cho một tòa nhà
3198	Đại học	TÌM HIỂU TRẠM BIẾN ÁP 110 kV AN HÒA	Nguyễn, Thanh Xuân	Nguyễn, Văn Dũng	2019-01	Tìm hiểu Trạm biến áp 110 kV An Hòa.

3199	Đại học	THIẾT KẾ CUNG CẤP ĐIỆN KÝ TÚC XÁ HỌC VIÊN A2 HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV	Lê, Văn Thành	Hoàng, Đăng Khoa	2019-09	Điện là nhu cầu thiết yếu và không thể thiếu ở mọi nơi kể cả thành thị và nông thôn, cùng với sự mọc lên hàng loạt của các xí nghiệp, nhà máy, các khu chung cư nhà ở hiện nay thì lĩnh vực thiết kế cung cấp điện đang ngày càng quan trọng, hơn nữa nhu cầu về nguồn nhân lực kỹ sư thiết kế lĩnh vực cung cấp điện đang được các nhà tuyển dụng ưu tiên. Vì thế mà em đã chọn lĩnh vực về Cung Cấp Điện để làm đề tài Luận văn tốt nghiệp. Với đề tài “Thiết kế cung cấp điện ký túc xá học viên A2”, thì mục tiêu đề ra là với những phương án hợp lý và tối ưu nhằm đảm bảo cho công trình luôn hoạt động ổn định với chi phí đầu tư hợp lý đồng thời đảm bảo cả về mặt kinh tế và kỹ thuật. Bên cạnh đó đề tài này còn giúp cho em củng cố lại những kiến thức mà mình đã học, nâng cao khả năng phân tích, suy luận và lọc khảo tài liệu, góp phần vào việc hoàn thiện bản thân và nâng cao năng lực phục vụ cho công tác chuyên môn sau khi ra trường cũng như đề cao tinh thần học tập cả đời.
3200	Đại học	KHẢO SÁT HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN MẶT TRỜI TẠI CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP	Đoàn, Đức Ân	Trần, Anh Nguyễn	2019-09	Điện năng là một trong các dạng năng lượng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội. Là nhu cầu thiết yếu trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người. Việc sử dụng năng lượng là đánh dấu một cột mốc rất quan trọng. Từ đó đến nay, chúng ta sử dụng năng lượng ngày càng nhiều, nhất là trong vài thế kỷ gần đây. Trong cơ cấu năng lượng hiện tại, chiếm phần chủ yếu là năng lượng tàn dư sinh học than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, kể cả năng lượng nước thủy điện, năng lượng hạt nhân, năng lượng sinh khối (biogas, ...). Năng lượng mặt trời, năng lượng gió chỉ chiếm một phần khiêm tốn, thế giới không phát triển nếu không có năng lượng. Ngày nay, năng lượng tàn dư sinh học, năng lượng không tái sinh, ngày càng cạn kiệt, giá dầu mỏ tăng trởng hàng ngày, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường sống. Tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế là nhiệm vụ cấp bách của các nhà khoa học, kinh tế, các chính trị gia,... và mỗi người chúng ta, nguồn năng lượng thay thế đó phải sạch, thân thiện với môi trường, chi phí thấp, không cạn kiệt (tái sinh) và dễ sử dụng. Từ lâu, chúng ta đã mơ ước sử dụng năng lượng mặt trời, nguồn năng lượng hầu như vô tận, đáp ứng hầu hết các tiêu chí nêu trên. Nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện, năng lượng mặt trời không chỉ là năng lượng của tương lai mà còn là năng lượng của hiện tại. Vì vậy, sau đây em xin giới thiệu chi tiết đề tài như sau: Đề tài “Khảo sát hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty Điện lực Đồng Tháp”
3201	Đại học	TÌM HIỂU HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ MÔ PHỎNG QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC NẤU CỦA CÔNG TY TDBECO	Võ, Hoàng Anh	Hoàng, Đăng Khoa	2019-09	

3202	Đại học	Nghiên cứu 1 số giải pháp giảm tổn thất điện năng tại ĐL Châu Thành	Lại, Thị Ngọc Hiếu	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-01	Mục đích của luận văn là nghiên cứu cơ sở lý thuyết, sử dụng một số phần mềm ứng dụng để phân tích tổn thất hiện tại trên lưới điện phân phối của Điện lực Châu Thành. Đánh giá những ưu, khuyết điểm về các giải pháp giảm tổn thất điện năng mà Điện lực Châu Thành đang áp dụng, từ đó sẽ đề xuất một số giải pháp giảm tổn thất điện năng một cách hữu hiệu nhằm giúp Điện lực Châu Thành triển khai thực hiện hiệu quả hơn trong công tác giảm tổn thất điện năng trong những năm tiếp theo
3203	Đại học	THIẾT KẾ CUNG CẤP ĐIỆN NHÀ MÁY SẤY LÚA PHƯỚC LẬP – ĐỒNG THÁP	Nguyễn, Thành Duy Tân	Đinh, Mạnh Tiến	2019-01	Vùng đồng bằng sông Cửu Long, với lợi thế về sản xuất lúa gạo, đã giúp Việt Nam từ một đất nước thiếu đói phải nhập lượng thực phẩm phát triển thành nước xuất khẩu gạo đứng nhất nhì thế giới. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, hạt gạo Việt Nam vẫn là sản phẩm chất lượng trung bình thấp và giá bán cũng thấp so với cả đối thủ cạnh tranh. Đó là vì khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn kém Trong những năm gần đây, chất lượng hạt gạo được nâng lên đáng kể vì công nghệ sấy được áp dụng rộng rãi. Chúng ta không còn thấy cảnh tượng nông dân miền Tây phơi lúa dọc theo quốc lộ vì đã có các nhà máy sấy thay thế. Năng suất và chất lượng gạo đều tăng khi áp dụng công nghệ sấy Việc hình thành và phát triển các nhà máy sấy lúa với quy mô và công suất ngày càng lớn là xu hướng tất yếu hiện nay. Đi cùng với việc phát triển các nhà máy sấy thì việc tính toán thiết kế một hệ thống cung cấp điện cho nhà máy sao cho hiệu quả, ổn định tin cậy là vấn đề đặt ra đối với các kỹ sư điện Với mong muốn đem đến một cái nhìn tổng quan về hệ thống cung cấp điện cho nhà máy sấy lúa. Em đã chọn đề tài Thiết kế cung cấp điện nhà máy sấy lúa Phước Lập Đồng Tháp”
3204	Đại học	Thiết kế, cải tạo nâng cấp đường dây 110kV Cao Lãnh 2 Mỹ Thuận (phương pháp nối trụ)	Nguyễn, Thanh Hùng	Trần, Anh Nguyễn	2019-01	
3205	Đại học	NGHIÊN CỨU ĐẶC TÍNH PHÓNG ĐIỆN CỦA DẦU DỪA	Nguyễn, Hoài Trung	Nguyễn, Văn Dũng	2018-12	□ Thí nghiệm xác định độ bền điện của dầu dừa và dầu dừa cho thêm phụ gia. □ Thí nghiệm xác định mối quan hệ giữa điện áp phóng điện và khe hở điện cực của dầu dừa và dầu dừa cho thêm phụ gia (thí nghiệm xác định đặc tính V-d). □ Thí nghiệm xác định mối quan hệ giữa điện áp tác dụng và thời gian phóng điện của dầu dừa (thí nghiệm xác định đặc tính V-t).

3206	Đại học	Ứng dụng hệ thống quản lý và điều khiển DCS cho nhà máy xay xát Sỷ Hùng	Võ, Chí Công	Phan, Trọng Nghĩa	2018-12	Đồng Bằng Sông Cửu Long được biết đến là vựa lúa lớn nhất cả nước với sản lượng hơn 8 triệu tấn/năm (thống kê năm 2016). Tuy nhiên, đất nước ta đang trong thời kỳ hội nhập quốc tế vì vậy lúa gạo trong nước sẽ đối mặt với sự cạnh tranh gắt gao với các nước khác đặc biệt là Thái Lan,... Chính vì vậy, ngoài việc phải nâng cao kỹ thuật trồng trọt vấn đề về chế biến, bảo quản cũng góp phần không nhỏ vào việc củng cố và nâng cao chất lượng lúa gạo đặc biệt là quá trình sấy và xay lúa. Một vấn đề hiện nay, sản lượng lúa lớn nhưng các nhà máy hiện nay chủ yếu là sấy thủ công nên chất lượng và năng suất lúa sấy không cao. Do đó, việc áp dụng công nghệ tự động vào quá trình sấy lúa là cần thiết. Đề tài :” ỨNG DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU KHIỂN DCS CHO NHÀ MÁY XAY XÁT SỖ HÙNG” là một đề tài ứng dụng công nghệ tự động vào quá trình sấy và xay lúa dựa trên nền PLC S7-300 và được mô phỏng bằng phần mềm WinCC 7.0.
3207	Đại học	TÌM HIỂU VÀ MÔ PHỎNG HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN PHUN NƯỚC NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG PLC S7 – 1200	Hồ, Trọng Nghĩa	Phan, Trọng Nghĩa	2018-12	Đài phun nước nghệ thuật là công trình kiến trúc rất độc đáo và ấn tượng thường được xây dựng ở vị trí trung tâm, tập trung đông người với những lợi ích, ảnh hưởng to lớn trong cuộc sống. Không chỉ có tác dụng trang trí cảnh quan mà trong quan niệm phương Đông, đài phun nước là một vật phẩm phong thủy có hiệu quả cực kỳ mạnh mẽ, có ý nghĩa thu hút những nguồn năng lượng tích cực, tiêu trừ những năng lượng tiêu cực. Một tác dụng to lớn nữa là cải tạo môi trường nước, sự bơm hút và chuyển động không ngừng giúp dòng nước được luân chuyển, tạo thêm nhiều oxy cho hệ sinh thái sinh sống dưới lòng hồ. Ngoài ra, khi phun nước những tia nước giúp hấp thụ một lượng lớn khí bụi, giúp môi trường được thanh lọc trong lành, mát mẻ hơn. Nhận thấy hồ Tịnh Tâm tại Khu văn hóa Hồ Nước Ngọt Thành phố Sóc Trăng hiện nay cũng đã được đầu tư hệ thống phun nước tuy nhiên chỉ dừng lại ở mức đơn giản với hình tượng cặp rồng phun nước. Hệ thống phun nước này chưa gây được ấn tượng mạnh cũng như chưa thu hút được nhiều khách du lịch. Đề tài “Tìm hiểu và mô phỏng hệ thống điều khiển phun nước nghệ thuật sử dụng PLC S7 – 1200” thực hiện cho hồ Tịnh Tâm nhằm tìm hiểu, nghiên cứu sơ lược về hệ thống phun nước nghệ thuật, đồng thời nghiên cứu cách lập trình, sử dụng PLC S7 – 1200, mô phỏng với phần mềm TIA Portal.
3208	Đại học	TÌM HIỂU VÀ KHAI THÁC MÔ HÌNH THÍ NGHIỆM PLC FX5U, HMI VÀ TRUYỀN THÔNG MITSUBISHI	Quách, Chấn Tài	Phan, Trọng Nghĩa	2019-03	Tìm hiểu về mô hình thực tập PLC FX5U – HMI, tìm hiểu về PLC FX5U và các module mở rộng truyền thông, tiến hành triển khai các bài tập thực hành trên mô hình thực tập

3209	Đại học	TÌM HIỂU VỀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ ĐIỆN TÍNH TẠI NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU	Trần, Quang Tiến	Phan, Trọng Nghĩa Nguyễn, Văn Quan	2019-09	Ngày nay, nước ta đang phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chiếm một vai trò rất quan trọng, góp phần phát triển đất nước. Đi cùng với sự phát triển công nghiệp là sự phát triển về máy móc, thiết bị nhằm mục đích nâng cao hiệu suất làm việc, tăng chất lượng cũng như số lượng sản phẩm. Đối với những xí nghiệp, nhà máy lớn, việc các thiết bị, máy móc bị hư hỏng và hao mòn theo thời gian xảy ra khá thường xuyên làm cho quá trình sản xuất bị gián đoạn gây ra những tổn thất rất lớn cho các doanh nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo cho hệ thống máy móc vận hành ổn định, liên tục và đảm bảo chất lượng, độ tin cậy thì việc bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị đóng vai trò rất quan trọng. Nếu làm tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thì sẽ mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như tăng tuổi thọ máy móc, giảm chi phí sửa chữa, giảm năng lượng tiêu thụ, tăng thời gian chạy máy,...
3210	Đại học	Ứng dụng phần mềm Digsilent Powerfactory tính toán lưới điện phân phối	Thạch, Quốc Dũng	Đào, Minh Trung	2018-12	
3211	Đại học	Tìm điểm công suất cực đại của máy phát điện gió PMSG	Nguyễn, Huỳnh Phúc Nghi	Nguyễn, Thái Sơn	2018-09	
3212	Đại học	THIẾT KẾ CUNG CẤP ĐIỆN CHO TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRUNG THẠNH	Nguyễn, Trường Duy	Quách, Ngọc Thịnh	2019-09	Trong quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hóa đất nước thì công nghiệp điện giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi vì điện năng là nguồn năng lượng chính phục vụ cho sự phát triển của các ngành công nghiệp cũng như sử dụng trong sinh hoạt. Ngày nay, nhu cầu sử dụng điện của con người không ngừng tăng. Do đó, việc nâng cao chất lượng điện năng cũng như an toàn trong sử dụng đang là một vấn đề rất quan trọng và cần thiết. Hệ thống điện ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải có những phương án cung cấp điện hợp lý và tối ưu. Một phương pháp cung cấp điện tối ưu sẽ giảm được chi phí đầu tư xây dựng hệ thống điện, chi phí vận hành, tổn thất điện năng và đồng thời vận hành đơn giản, thuận tiện trong việc bảo trì, sửa chữa. Một phương án cung cấp điện hợp lý là phải kết hợp một cách hài hòa về cả yêu cầu về kinh tế, độ tin cậy cung cấp điện, độ an toàn cao, đồng thời phải đảm bảo tính liên tục cung cấp điện, tiện lợi cho việc sử dụng, sửa chữa có sự cố và phải đã bảo được chất lượng điện năng nằm trong phạm vi cho phép. Xuất phát từ nhu cầu đó luận văn này sẽ đề xuất đề tài “Thiết kế cung cấp điện cho trường Trung học cơ sở Trung Thạnh”
3213	Đại học	TÍNH TOÁN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI BẰNG PHẦN MỀM ETAP (TUYỂN 471TL - HUYỆN THỚI LẠI)	Phạm, Đức Huy	Đào, Minh Trung	2018-12	
3214	Đại học	ĐÁNH GIÁ ỔN ĐỊNH ĐIỆN ÁP TRONG HỆ THỐNG ĐIỆN BẰNG PHẦN MỀM MATLAB	Lê, Văn Chiêu	Đỗ, Nguyễn Duy Phương	2018-12	1. TỔNG QUAN VỀ ỔN ĐỊNH ĐIỆN ÁP 2. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH ĐỒ THỊ PV, Q 3. ĐÁNH GIÁ ỔN ĐỊNH ĐIỆN ÁP LƯỚI ĐIỆN 500KV VIỆT NAM BẰNG PHẦN MỀM MATLAB 4. KẾT LUẬN

3215	Đại học	XÁC ĐỊNH ĐIỂM MỞ MẠCH VÒNG TỐI ƯU TRÊN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI BẰNG THUẬT TOÁN BẦY ONG NHÂN TẠO	Nguyễn, Trung Hiếu	Đỗ, Nguyễn Duy Phương	2018-12	Tìm điểm mở mạch vòng trên lưới điện phân phố nhằm hạn chế tổn thất công suất tác dụng mà vẫn đảm bảo lưới điện hoạt động ổn định. Là bài toán phi tuyến rất khó xác định điểm mở nên áp dụng thuật toán bầy ong nhân tạo nhằm giới hạn s nghiệm cần kiểm tra.
3216	Đại học	Nghiên cứu chỉ số ổn định điện áp trong việc sa thải phụ tải	Phan, Thiện Mỹ	Đỗ, Nguyễn Duy Phương	2019-09	Cơ sở toán học hình thành công thức và khảo sát trên một hệ thống đơn giản từ việc mô phỏng cho ra kết quả có thể được sử dụng để dự đoán sự sụp đổ điện áp hệ thống.
3217	Đại học	Phân tích sự cố hở pha trong hệ thống điện sử dụng phần mềm Matlab	Hoàng, Việt Sơn	Đỗ, Nguyễn Duy Phương	2018-12	Trình bày phương pháp phân tích, tính toán sự cố hở pha trong hệ thống điện. Viết chương trình Matla tính toán sự cố, nhằm phục vụ cho việc tính toán tổn thất thời gian và chính xác hạn chế sai sót. Áp dụng tính toán sự cố cho hệ thống điện 500kV Việt Nam. Rút ra kết luận, đặc trưng về điện áp và dòng điện của hệ thống khi sự cố xảy ra.
3218	Đại học	KHẢO SÁT VÀ TÌM HIỂU HỆ THỐNG LẠNH HVAC TẠI PHÂN XƯỞNG SẢN XUẤT THUỐC CỦA CÔNG TY THUỐC THÚ Y VÀ CHẾ PHẨM SINH HỌC VEMEDIM HẬU GIANG	Nguyễn, Trung Hiếu	Phan, Trọng Nghĩa	2018-12	Bài toán kỹ thuật hiện nay của các tòa nhà cao ốc, văn phòng, các khu thương mại và các phòng tiết trùng hệ thống phòng sạch là làm thế nào để làm mát cũng như sưởi ấm. Với mục đích tạo ra môi trường làm việc tiện lợi nhất cho con người, thế là hệ thống HVAC ra đời để đáp ứng nhu cầu thiết thực trên. Và cũng may mắn được tham gia vào công trình thi công hệ thống HVAC tại công ty VEMEDI nên em đã chọn đây là đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.
3219	Đại học	KHẢO SÁT VÀ TÌM HIỂU TỦ ĐIỆN CHUYỂN NGUỒN TỰ ĐỘNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA SA ĐÉC	Kiều, Chí Trung	Phan, Trọng Nghĩa	2019-01	- Chương I: Tổng quan về hệ thống điện trong Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc - Chương II: Tổng quan trạm biến áp, máy phát điện và tủ điện ATS - Chương III: Tìm hiểu thiết bị động lực và điều khiển tủ điện ATS - Chương IV: Tìm hiểu phần mềm điều khiển tủ điện ATS - Chương V: Vận hành, bảo trì tủ điện ATS - Chương VI: Kết luận.

3220	Đại học	Thiết kế trạm bơm nước sinh hoạt tự động	Võ, Văn Khanh	Phan, Trọng Nghĩa	2018-12	Hiện nay, nhiều nhà máy, khu cao ốc nhà cao tầng mọc lên càng nhiều. Nh cầu sử dụng nước sinh hoạt rất lớn và luôn thay đổi thường xuyên. Do đó, những nơi đó cần có một hệ thống máy bơm nước luôn đảm bảo được nguồ nước cung cấp sinh hoạt và cũng như bơm nước thải Vì thế tự động hóa trong công nghiệp như là một giải pháp hoàn hảo, tự độn hóa giúp tăng năng suất, tăng độ chính xác và do đó tăng hiệu quả cho qu trình sản xuất. Để tự động hóa sản xuất, bên cạnh các máy móc, thiết bị điện các dây chuyền sản xuất...thì cũng phải cần có các bộ điều khiển lập trình đ điều khiển các thiết bị kể trên. PLC (Programmable Logic Controller), Biến tần (Inverter), HMI (Human - Machine - Interface) là những thiết bị điề khiển, giám sát tối ưu nhất hiện nay PLC là một thiết bị được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, nó để điều khiể hệ thống theo một chương trình được viết bởi người sử dụng. Việc điều khiển quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị, hay một dây chuyền sản xuất thậ dễ dàng với PLC, người lập trình chỉ cần thay đổi chương trình điều khiển sa cho phù hợp với mục đích sử dụng Biến tần ý nghĩ tới đầu tiên là một thiết bị tự động hóa, thiết bị này giống nh một quyền từ điện đa năng nó điều khiển vô cấp tốc độ động cơ không tiể điểm hiện đại nhất trên thế giới, mang trong mình những tiện ích vượt trội m bất cứ người sử dụng nào cũng cảm thấy hài lòng. Đó là bộ biến tần bán dẫn một phương tiện kết nối cả thế giới truyền động, đã và đang làm thay đổi c một kiểu tư duy trong điều khiển truyền động điện và quản lý điện năng HMI là viết tắt của Human-Machine-Interface, có nghĩa là thiết bị giao tiế giữa người vận hành, thiết kế và máy móc Biểu thị dữ liệu cho người vận hành và cho phép nhập lệnh điều khiển qu nhiều dạng: hình ảnh, sơ đồ, cửa sổ, menu, màn hình cảm ứng ...
3221	Đại học	Đánh giá sự tác động của máy phát điện gió lên lưới điện	Luu, Thanh Tâm	Đỗ, Nguyễn Duy Phương	2018-05	
3222	Đại học	THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI HOÀ LƯỚI PHỤC VỤ HỘ GIA ĐÌNH	Trần, Thế Trung	Trần, Anh Nguyễn	2018-12	Tính toán, thiết kế và điều khiển hệ thống điện sử dụng năng lượng Mặt Trời hòa lưới: pin Mặt Trời, bộ tăng áp, bộ nghịch lưu, hòa đồng bộ lưới 1 pha
3223	Đại học	TÌM HIỂU PHẦN MỀM POWERWORLD TÍNH TOÁN PHÂN BỐ CÔNG SUẤT TRÊN LƯỚI ĐIỆN	Hà, Văn Thơ	Nguyễn, Đăng Khoa	2019-01	Tính toán phân bố công suất nhằm xác định đọợc khả năng đáp ứng công suất phụ tải của nguồn cung cấp. Đồng thời tính toán phân bố tối ọu công suất còn xác định giá tr điện áp và góc pha ở các điểm nút, dòng công suất trên các nhánh và tổn thất công suả trên lưới điện.
3224	Đại học	Ứng dụng phần mềm ETAP tính toán ngắn mạch lưới điện phân phối (Hòa Bình – Bạc Liêu)	Nguyễn, Phương An	Đào, Minh Trung	2018-09	sử dụng phần mềm ETap và ứng dụng tính toán ngắn mạch trên lưới điện phân phối. Thực hiện tính toán ngắn mạch lưới điện phân phối tại huyện Hòa Bình – Bạc Liêu. Khảo sát lưới điện thông qua việc tăng tải và sự cố ngắn mạch trên đường dây từ đó biết được biết được các thông số đường dây ở các chế độ trên nhằm có những phương hướng chung để giải quyết khi cần thiết.
3225	Đại học	Tên đề tài luận vănThiết kế SCADA cho hệ thống cấp nước sinh hoạt	Võ, Cao Trung	Trần, Anh Nguyễn	2018-12	Thiết kế SCADA cho hệ thống cấp nước sinh hoạt, gồm các bể chứa nước, bể lọc, vận hành hệ thống trên giao diện.

3226	Đại học	Giám sát sạt lở bờ sông	Hoàng Văn, Tuấn Trần Lê, Đức Anh	Lương Vinh, Quốc Danh	2019-09	Tạo ra bộ sản phẩm có thể đo đạc được góc nghiêng của trục, từ đó giám sát và nhận biết được sự sạt lở của bờ sông. Từ đó cảnh báo đến người giám sát nếu có sự sạt lở của bờ sông vượt mức cho phép. Nghiên cứu thiết kế chế tạo được hệ thống giám sát môi trường thông qua cảm biến gia tốc. Chức năng của hệ thống •Nhận biết được góc nghiêng của cảm biến •Sử dụng được công nghệ sóng RF (Radio Frequency) •Dựa vào chuyển động của cảm biến để cảnh báo qua tin nhắn Nội dung thực hiện bao gồm •Thiết kế bộ Sender đọc giá trị cảm biến •Thiết kế bộ Receiver nhận giá trị để cảnh báo •Tính toán giá trị nhận được từ cảm biến.
3227	Đại học	NÂNG CẤP BỘ CÔNG SUẤT CÓ ĐIỀU KHIỂN ỨNG DỤNG CHO LOA PHÁT SÓNG SIÊU ÂM	Huỳnh Duy, Khánh Nguyễn Hoàng, Tâm Hồ Nhật, Trường	Trần Hữu, Danh	2017-09	Sóng siêu âm không những có vai trò quan trọng trong quân sự và các ứng dụng y học hiện đại, nó còn nhiều ứng dụng hữu ích cho nền nông nghiệp, công nghiệp ngày nay. Trong công nghiệp chúng ta thường thấy sóng siêu âm được ứng dụng trong các bể rửa siêu âm, máy hàn siêu âm. Do đó, vấn đề đặt ra là tạo một mạch công suất có điều khiển để cấp cho loa phát siêu âm hoạt động tốt nhất, nhằm đáp ứng các yêu cầu ứng dụng cụ thể là hết sức cần thiết. Từ yêu cầu đó, đề tài: “Nâng cấp bộ công suất có điều khiển ứng dụng cho loa phát sóng siêu âm” được thực hiện nhằm tối ưu hóa công suất phát của loa siêu âm từ đó điều chỉnh công suất phát nhằm đáp ứng được các ứng dụng khác nhau và an toàn cho người sử dụng. Mục tiêu của đề tài là thiết kế bộ phát sóng siêu âm có thể điều chỉnh công suất phát dùng vi điều khiển MSP430G2553 do Texas Instruments sản xuất, kết hợp loa siêu âm 100W/28kHz, hiển thị chế độ làm việc, trạng thái làm việc của hệ thống lên LCD.
3228	Đại học	Ồ CẨM ĐIỆN THÔNG MINH	Đình Hữu, Đại	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-11	Mục tiêu của đề tài là vận dụng các kiến thức đã được học, kết hợp với sự tìm hiểu và sự hướng dẫn của thầy TS. Lương Vinh Quốc Danh để thực hiện đề tài “Ồ cắm điện thông minh” ứng dụng Wifi. Lý do đề tài thực hiện đề tài này là bởi vì, ngày nay với sự phát triển của khoa học và công nghệ các ứng dụng thông minh có thể tương tác từ xa ngày càng được ứng dụng nhiều nhằm phục vụ nhu cầu cần thiết của con người tạo ra thuận lợi và lợi ích trong đời sống. Bên cạnh đó, mạng Internet nói chung và Wifi nói riêng đang ngày càng phổ biến rộng khắp không chỉ ở thành thị mà cả ở những vùng nông thôn làm cho khả năng tương tác từ xa ngày một phát triển hơn. Xuất phát từ những yêu cầu thiết yếu này nên tôi đã thiết kế một thiết bị có thể điều khiển, cập nhật trạng thái thiết bị,... được điều khiển bằng App android. Đó là sự kết hợp giữa phần cứng thu nhận, xử lý thông số và phần mềm điều khiển hoạt động của thiết bị.
3229	Đại học	Hệ thống giám sát nhiệt độ và độ ẩm trong kho lạnh hiển thị lên Website	Nguyễn, Quốc Tuấn Phạm Thị Việt, Hoa	Lương Vinh, Quốc Danh	2018	Xây dựng hệ thống giám sát nhiệt độ và độ ẩm trong kho lạnh có thể giám sát nhiệt độ và độ ẩm từ xa, phục vụ cho việc bố trí hệ thống máy làm lạnh trong kho lạnh được tối ưu hơn cũng như bảo quản lương thực và thực phẩm tốt hơn trong kho lạnh.

3230	Đại học	Thiết kế hệ thống giám sát và đo thành tích thể thao trong môn chạy.	Dương Quốc, Vinh Huỳnh Phúc, Tuấn Đặng Văn, Thuận	Trần, Hữu Danh	2018-11	Trong thế giới hiện đại ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển ngày càng mạnh và có nhiều bước tiến mới. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào lao động sản xuất để thay thế lao động thủ công ngày càng trở nên phổ biến. Trong tất cả các ngành nói chung và ngành giáo dục nói riêng, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong giảng dạy của chuyên ngành cũng không ngoại lệ, nhưng cũng còn rất nhiều hạn chế. Từ trước đến nay, đa số việc lấy kết quả trong chuyên ngành thể chất thường sử dụng phương pháp thủ công. Do đó, đề tài “Thiết kế hệ thống giám sát và đo thành tích thể thao trong môn chạy” được phát triển để trợ giúp các Giảng Viên có thể đơn giản hóa việc giám sát và lấy thành tích trong thi đấu thể thao. Nhóm chúng em thực hiện lấy thành tích môn chạy trong đề tài này, môn chạy chia thành hai phần là chạy 30m tốc độ cao nhiều thành tích và chạy 30m tốc độ cao. Nhóm thực hiện chạy hệ điều hành Win 10 IOT Core trên Raspberry Pi 3 và sử dụng ngôn ngữ C# để viết chương trình trên nền Visual Studio 2017 để thiết kế chương trình điều khiển. Cuối cùng thành quả của cả nhóm đạt được là hệ thống chạy đúng với yêu cầu, mục tiêu đề tài trên cả 2 hình thực chạy trong môn chạy.
3231	Đại học	ỨNG DỤNG THU THẬP DỮ LIỆU ĐỒNG HỒ ĐIỆN SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ RF VÀ BLUETOOTH	Nguyễn Văn, Phú Võ Hoài, Ân	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-09	Khái niệm về sóng vô tuyến rất được quan tâm trong đời sống và sản xuất, ngày nay khi nền nông nghiệp, công nghiệp đất nước phát triển mạnh thì việc tìm hiểu và ứng dụng sóng vô tuyến là rất quan trọng trong cuộc sống chúng ta vì ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều lĩnh vực. Do vậy, Chúng em chọn đề tài “Ứng dụng thu thập dữ liệu đồng hồ điện sử dụng công nghệ RF và bluetooth”, trong đề tài này chúng em trình bày việc xác định lượng điện năng tiêu thụ dựa trên việc đếm số vòng quay bằng cảm biến từ trường Hall và sử dụng sóng RF để truyền dữ liệu về bộ điều khiển cầm tay. Cuối cùng, đưa lên điện thoại thông qua bluetooth.
3232	Đại học	THIẾT KẾ HỆ THỐNG GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU KHIỂN ĐÈN ĐƯỜNG THÔNG MINH	Bùi Quốc, An Trịnh Quốc, Nghĩa	Lương Vinh, Quốc Danh	2018	Hệ thống giám sát và quản lý đèn đường thông minh” là đề tài mang tính thực tiễn, nhằm giải quyết vấn đề tiết kiệm nguồn năng lượng điện của thành phố giúp cho việc giám sát và khắc phục sự cố được nhanh chóng đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông. Vấn đề là: hầu hết các hệ thống đèn đường hiện có đều có dây không chỉ khó cho việc xây dựng mà còn có tính linh hoạt kém. Để khắc phục điều này, hệ thống không dây là bắt buộc,... Mục đích của việc điều khiển đèn đường chiếu sáng ổn định là làm cho mọi người, các phương tiện tham gia giao thông nhìn thấy được, làm giảm tai nạn giao thông. Hệ thống được thiết kế trên giao diện web server để giám sát từ xa và sử dụng công nghệ LoRa, vi điều khiển Arduino UNO R3 và module LoRa SX1278. Hoạt động chính của hệ thống là các đèn đường sẽ liên kết với nhau tạo thành một mạng lưới dưới dạng Master và slave và được điều khiển bởi web server. Kết quả cho thấy hệ thống hoạt động tốt, độ chính xác rất cao, vi điều khiển hoạt động ổn định trong thời gian dài nên đảm bảo cho việc chiếu sáng ổn định. Ngoài ra, hệ thống dễ sử dụng cho người quản lý, thân thiện với môi trường

3233	Đại học	Ứng dụng thẻ UHF RFID trong quản lý thiết bị	Liễu, Tuấn Kiệt Nguyễn, Minh Huy	Nguyễn, Thanh Tùng	2019-05	Chúng ta đã từng nghe về công nghệ RFID (Radio Frequency Identification) là công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến. Nhưng có lẽ chúng ta đang băn khoăn không biết công nghệ mới này có các tính năng ra sao và ứng dụng thế nào? Công nghệ RFID đã và đang phát triển trên thế giới, cả ở Việt Nam trong các lĩnh vực: quản lý phương tiện ra vào, quản lý nhân viên, đóng mở cửa tự động, trong nuôi trồng, an ninh, y tế,... Đề tài “Ứng Dụng Thẻ UHF RFID Trong Quản Lý Thiết Bị” sẽ giúp người dùng gần hơn với công nghệ này cũng như tính năng tiện lợi, quản lý thiết bị nhanh chóng, vượt trội hơn so với ứng dụng thẻ RFID trước đây về mặt tần số thông qua một trang web quản lý. Tần số siêu cao UHF RFID (Ultra Height Frequency) với khoảng tần số 840 ~ 960 MHz [1] Với việc dùng loại thẻ UHF RFID là loại có độ nhảy rất cao, khi gắn kèm thẻ này vào thiết bị cần quản lý và đi qua khu vực có lắp đầu đọc thẻ UHF thì đầu đọc sẽ bắt được tín hiệu mã thẻ và lưu trữ lại sự kiện vào trong hệ thống. Với cách thức hoạt động như trên thì việc quản lý vào ra bằng thẻ UHF trở nên cực kỳ đơn giản. Hệ thống này giúp ích tối đa cho các nhà quản lý muốn hệ thống tự động ghi nhận mã thẻ của thiết bị sở hữu thẻ tránh việc phải cầm thẻ quét thẻ trực tiếp vào đầu đọc, không giới hạn về việc đối tượng có quét thẻ hay không quét thẻ và ngay lập tức sẽ cập nhật liên tục, tức thời sự hiện diện của thiết bị có thẻ tương ứng mã thẻ đó Áp dụng cho các mục đích mà số lượng đối tượng cần phải quản lý lớn việc kiểm soát cần mất rất nhiều thời gian nhất định vì vậy việc sử dụng hình thức quét thẻ không trực tiếp sẽ giúp quản lý kiểm soát được hàng trăm mã thẻ một lúc tiết kiệm thời gian đáng kể và nhanh chóng hơn.
3234	Đại học	Giám sát và điều khiển thiết bị điện trong nhà	Lê, Nguyễn Kim Ngọc Nguyễn, Thị Yến	Nguyễn, Cao Quý	2019-05	Công nghệ ngày càng hiện đại, cuộc sống của chúng ta ngày càng tiện nghi. Minh chứng là sự xuất hiện của một loạt các thiết bị điện tử như điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính bảng, v.v., làm cho việc giao tiếp và tìm kiếm thông tin trở nên đơn giản hơn. Hơn nữa, việc tạo ra robot thông minh, xe thông minh và nhà thông minh...và sự bùng nổ của IoT giúp cuộc sống và sản xuất trở nên tốt hơn. Chúng tôi đã sử dụng Raspberry Pi 3 Model B và một số cảm biến để thực hiện đề tài "Giám sát và điều khiển các thiết bị trong nhà". Mặc dù đây không phải là một chủ đề mới nhưng nó cho chúng em rất nhiều động lực để học hỏi, trau dồi và mở rộng kiến thức. Kết quả sau khi tìm tòi và thực hiện đề tài là một thành tựu nho nhỏ. Chỉ cần một thiết bị như máy tính xách tay, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh... chúng ta có thể bật và tắt đèn và quạt thông qua internet. Đồng thời theo dõi nhiệt độ và độ ẩm trong nhà, phát hiện người lạ nhờ cảnh báo và gửi hình ảnh qua mail. Ngoài ra, hệ thống có thể mở cửa tự động bằng thẻ từ RFID; nhận dạng khuôn mặt những người ra vào nhà (xác định: ID, tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, quan hệ, mức độ thân thiết với chủ nhà). Điều đó góp phần làm cho căn phòng hoặc ngôi nhà trở nên tiện nghi hơn.

3235	Đại học	Nghiên cứu về ADALM PLUTO	Hồ, Việt Nghĩa Đinh, Nhựt Thiên	Nguyễn, Thị Trâm	2019-09	ADALM-PLUTO hay còn gọi là Pluto SDR (Software Defined Radio) là một công cụ dễ sử dụng có sẵn từ các thiết bị Analog Inc (ADI) có thể được sử dụng để giới thiệu nguyên tắc cơ bản của sóng vô tuyến hoặc tần số vô tuyến hoặc tìm hiểu trong lĩnh vực truyền thông như chủ đề nâng cao trong kỹ thuật điện. PlutoSDR cho phép sinh viên hiểu rõ hơn về thế giới thực xung quanh họ và có thể áp dụng cho tất cả học sinh ở mọi trình độ, từ mọi nguồn gốc. Làm quen và thực hành với PlutoSDR từ sớm sẽ đảm bảo một nền tảng vững chắc cho sinh viên khi họ theo đuổi khoa học, công nghệ, hoặc lấy bằng kỹ thuật PlutoSDR là một công cụ chỉ ra mối quan hệ giữa lý thuyết và các hoạt động tần số vô tuyến thực tế của người dùng. Một loạt các gói phần mềm như MATLAB hoặc Simulink cung cấp cho người dùng một giao diện sáng tạo, cho phép sử dụng trực quan và giảm thiểu sự phức tạp trong học tập, giúp sinh viên học nhanh hơn, làm việc thông minh hơn và khám phá nhiều hơn
3236	Đại học	Hệ thống thu thập chỉ số nước tiêu thụ tự động ứng dụng công nghệ truyền thông LoRa	Lê, Hoàng Văn	Lương, Vinh Quốc Danh	2018-12	Giới thiệu tổng quan đề tài, mục tiêu đề tài, phương pháp thực hiện Cơ sở lý thuyết tổng quan về mạng LoRa, giao thức LoRaWAN, nguyên lý truyền nhận dữ liệu trong mạng LoRa Thiết kế các hệ thống server, hệ thống thu thập chỉ số đồng hồ nước Giải thuật chương trình bộ cảm biến và truyền dữ liệu tại đồng hồ nước, giải thuật chương trình trạm truyền dữ liệu trung gian, giải thuật chương trình máy chủ trung tâm Kết luận và hướng phát triển.
3237	Đại học	Hệ thống quan trắc thông số môi trường trên cánh đồng mẫu lớn	Lê, Thái Bảo Nguyễn, Phạm Duy Khánh	Trần, Hữu Danh	2019-09	Một trong những trở ngại đối với ngành nông nghiệp nước ta chính là sự biến đổi khí hậu và nóng lên của toàn cầu, quá trình xâm nhập mặn đang diễn ra phức tạp, làm ảnh hưởng đến sản xuất và sản lượng nông nghiệp của nước ta trong những năm gần đây. Trong sự tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam nói chung và ở ĐBSCL nói riêng thì ngày càng trở nên phức tạp hơn và khó giải quyết hơn. Để góp phần hạn chế được vấn đề nan giải này việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào giám sát ở từng địa phương là hết sức cần thiết. Nhóm thực hiện luận văn đã nghiên cứu và quyết định ứng dụng IoT trong mô hình giám sát cánh đồng mẫu của nhóm chúng em vì có nhiều ưu điểm như có thể giám sát từ xa thông qua Internet Để củng cố lại kiến thức ở những môn đã được học ở trường như Kỹ Thuật Vi Xử Lý, Mạch Tương Tự,...và những kiến thức tìm hiểu được. Nhóm thực hiện luận văn đã hoàn thiện mô hình “Hệ thống quan trắc thông số môi trường trên cánh đồng mẫu lớn” Hệ thống này được xây dựng trên các thiết bị như: cảm biến DS18B20, Module SIM808A, PH E-201-C, module cảm biến độ ẩm đất và chip MSP430G2553. Kết quả cho thấy hệ thống có khả năng đo độ pH, độ ẩm, nhiệt độ như một máy đo dân dụng, lưu trữ số liệu đo được trên trang tính của Google, tự động vẽ biểu đồ để người dùng theo dõi một cách trực quan và sinh động, thực hiện được chức năng báo động.

3238	Đại học	Thiết kế cảm biến độ ẩm đất	Trần, Thị Ngọc Huyền	Lương, Vinh Quốc Danh	2019-05	Với ảnh hưởng từ cuộc cách mạng 4.0, nền nông nghiệp nước ta cũng đang phát triển theo hướng nông nghiệp 4.0. Việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất ngày càng phổ biến. Vì thế các cảm biến được nghiên cứu thiết kế nhằm mục đích phục vụ thuận tiện hơn cho việc tăng năng suất sản xuất nông nghiệp. Một trong số đó là “Cảm biến độ ẩm đất”. “Cảm biến độ ẩm đất” có thể được sử dụng cho nhiều ứng dụng nông nghiệp hoặc có thể ứng dụng trong hệ thống tưới nước tự động cho các vườn cây khi đất khô. Ý tưởng “cảm biến độ ẩm đất” được đưa ra với phương pháp xác định độ ẩm đất bằng cách đo cường độ sóng RSSI. Giá trị RSSI được đọc bằng cách sử dụng phương pháp truyền, nhận cường độ sóng do hai module RF CC1101 ở dải tần 433 Mhz tạo nên. Do sự thay đổi giá trị RSSI trong đất chênh lệch không nhiều nên việc thực hiện ý tưởng này không khả thi. Ý tưởng tiếp theo là phương pháp đo điện dung dùng vi điều khiển MSP430G2553. Mạch cảm biến dựa vào sự chênh lệch của hằng số điện môi thay đổi lúc có nước và không có nước trong đất để đo giá trị điện dung. Giá trị được thu thập và sau đó được xử lý qua bộ ADC10. Giá trị được hiển thị lên LCD.
3239	Đại học	Mạng truyền dữ liệu và điều khiển qua lưới điện 220V AC	Lê, Bằng Phi Nguyễn, Minh Thông	Trần, Nhựt Khải Hoàn	2019-05	Ngày nay, các mô hình tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp được áp dụng phổ biến là các mô hình kết nối không dây như wifi, RF,...và phương thức giao tiếp chủ yếu là kết nối tập chung một node đóng vai trò điều khiển và thu thập thông tin từ các node còn lại. Nhược điểm của các hệ thống kết nối không dây là phức tạp, quá tải, ô nhiễm sóng điện từ,... Và trong đề tài này đề xuất mô hình truyền nhận dữ liệu trực tiếp trên mạng điện 220V và xây dựng giao thức cho hệ thống. Với mô hình hệ thống truyền nhận dữ liệu, ta sẽ tập trung vào việc xây dựng giao thức truyền nhận cho hệ thống một cách hiệu quả và đơn giản nhất, có thể thu thập được dữ liệu từ các cảm biến và điều khiển các thiết bị điện. Từ đó, sử dụng thử nghiệm ngoài thực tế để kiểm tra giao thức được áp dụng và hiệu suất của hệ thống. Với việc sử dụng các linh kiện sẵn có như kit giao tiếp lưới điện 220V, vi điều khiển Arduino Mini và 1 số linh kiện điện khác sẽ giúp ta dễ dàng trong việc lập trình, kiểm tra hệ thống tại chỗ và hạn chế chi phí mua các linh kiện đắt tiền. Mục tiêu và kết quả mà đề tài hướng đến và nhận được sau khi hoàn thành là xây dựng một giao thức truyền nhận hoàn chỉnh, thu nhập được dữ liệu từ môi trường thông qua các cảm biến và điều khiển các thiết bị điện được kết nối với hệ thống.

3240	Đại học	Xây dựng bài thực tập truyền dữ liệu dựa trên thiết bị EMONA NET*TIMS FREEWIRE	Lâm, Sáng Phan, Minh Tường	Trần, Nhựt Khải Hoàn Nguyễn, Thị Trâm	2019-03	Emona Net*TIMS freewire sử dụng mạng Lan và internet để truy cập trực tuyến và thiết kế các thí nghiệm viễn thông. Sinh viên có thể truy cập và thực hiện các thí nghiệm ở khoảng cách xa qua PC, máy tính xách tay và điện thoại thông minh Ở đề tài này, chúng em thiết kế bài thực tập Truyền dữ liệu dựa trên thiết bị Emona Net*TIMS freewire. Hiện nay, một số phần mềm thiết kế các thí nghiệm viễn thông cũ không còn tương thích với hệ điều hành hiện tại. Một vài thiết bị hoạt động không đúng với thiết kế ban đầu. Luận văn này xây dựng các bài thực hành truyền dữ liệu dự trên gói thiết bị net*TIMS Freewire nhằm thay thế cho phần mềm Lab Volt trong vài năm tới Qua đề tài này, giúp chúng em có thể mô phỏng các thí nghiệm Truyền dữ liệu về hệ thống tương tự và kỹ thuật số. Chúng em tìm ra được ưu điểm và hạn chế của Emona Net*TIMS freewire so với phần mềm Lab Volt.
3241	Đại học	Nghiên cứu thiết bị in 3D hỗ trợ nhiều chuẩn kết nối	Trần, Quốc Toàn Nguyễn, Quốc Huy	Trần, Nhựt Khải Hoàn	2019-03	In 3D là một thuật ngữ phổ biến được sử dụng để mô tả quá trình gia công chế tạo. Đó là quá trình xây dựng một đối tượng ba chiều với bất kỳ hình dạng hình học nào, sử dụng hầu hết các vật liệu. Trên thế giới, công nghệ này đã và đang trong giai đoạn phát triển mạnh, có rất nhiều ứng dụng trải rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Công nghệ in 3D cũng đã có mặt trong khá nhiều lĩnh vực ở Việt Nam, việc sử dụng thiết bị in 3D giúp cho các ý tưởng được thực hiện nhanh chóng và hoàn hảo nhất. Tuy nhiên, có những hạn chế về giá thành sản phẩm, vấn đề chủ động về công nghệ, nghiên cứu, chế tạo hay khả năng kết nối của những thiết bị hiện có khiến việc ứng dụng công nghệ này ở nước ta đang phát triển chậm. Trên cơ sở đó, đề tài “NGHIÊN CỨU THIẾT BỊ IN 3D HỖ TRỢ NHIỀU CHUẨN KẾT NỐI” mang tính thực tiễn, khắc phục được những hạn chế nêu trên giúp việc triển khai, ứng dụng, kết nối điều khiển những thiết bị in 3D trở nên dễ dàng hơn. Kết quả cho thấy hệ thống hoạt động tốt, độ chính xác cao, có khả năng tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh phù hợp với các yêu cầu đã đặt ra.
3242	Đại học	Ứng dụng thu thập dữ liệu đồng hồ điện sử dụng công nghệ RF và bluetooth	Nguyễn, Văn Phú Võ, Hoài Ân	Lương, Vinh Quốc Danh	2018	Khái niệm về sóng vô tuyến rất được quan tâm trong đời sống và sản xuất, ngày nay khi nền nông nghiệp, công nghiệp đất nước phát triển mạnh thì việc tìm hiểu và ứng dụng sóng vô tuyến là rất quan trọng trong cuộc sống chúng ta vì ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều lĩnh vực. Do vậy, Chúng em chọn đề tài “Ứng dụng thu thập dữ liệu đồng hồ điện sử dụng công nghệ RF và bluetooth”, trong đề tài này chúng em trình bày việc xác định lượng điện năng tiêu thụ dựa trên việc đếm số vòng quay bằng cảm biến từ trường Hall và sử dụng sóng RF để truyền dữ liệu về bộ điều khiển cầm tay. Cuối cùng, đưa lên điện thoại thông qua bluetooth.

3243	Đại học	Xây dựng mạng cảm biến quan trắc và cảnh báo thông số môi trường	Nguyễn, Chi Lăng Đỗ, Hoàng Sơn Phan, Trung Kiên	Trần, Hữu Danh	2019-09	Việc thu thập các thông số môi trường và điều khiển các thiết bị từ xa dựa trên nền tảng công nghệ IoT là một xu hướng tất yếu không những ứng dụng cho ngôi nhà thông minh trước đây mà còn ứng dụng cho nền nông nghiệp cao gần đây. Đề tài “Xây dựng mạng cảm biến quan trắc và cảnh báo thông số môi trường” ra đời cũng không ngoài xu hướng đó. Đề tài này chúng tôi xây dựng các mạng cảm biến có khả năng hoạt động độc lập, điều khiển và giám sát thiết bị truyền dữ liệu là các thông số môi trường bằng bộ điều khiển trung tâm bằng sóng RF thông qua kit LoRa SX1278. Bộ điều khiển trung tâm có nhiệm vụ thu thập dữ liệu cảm biến, điều khiển và giám sát thiết bị các nút cảm biến, đưa dữ liệu thu thập được từ các cảm biến lên google sheet. Bên cạnh đó, chúng tôi còn xây dựng được một ứng dụng Android để xuất dữ liệu và điều khiển thiết bị từ nút cảm biến mong muốn, cũng như điều khiển và giám sát thiết bị.
3244	Đại học	Thiết kế cảm biến xác định xoài sống, xoài chín	Lê, Hoài Thương	Lương, Vinh Quốc Danh	2019-09	Hiện nay, với việc ứng dụng công nghệ để phục vụ nông nghiệp ngày càng nhiều. Khi các ứng dụng công nghệ được áp dụng vào sản xuất thì hiệu quả công việc ngày càng cao, năng suất và chất lượng nông sản được cải thiện rất nhiều, giảm hao hụt, thất thoát trong thu hoạch. Nhận thấy trái xoài chín khi thu hoạch rất vất vả, tốn thời gian vì số lượng rất nhiều. Ý tưởng được đề ra là khi xoài chín, ta chỉ cần dùng cảm biến quang học để xác định mức độ sống, chín của trái xoài.
3245	Đại học	Hệ thống quản lý nhân viên và thiết bị dùng công nghệ UHF RFID	Lê, Hoàng Linh Đào, Quốc Duy	Lương, Vinh Quốc Danh	2019-04	Nội dung giải quyết “Hệ thống quản lý nhân viên và thiết bị dùng công nghệ UHF RFID” là đề tài ứng dụng công nghệ nhận dạng qua tần số vô tuyến để tự động xác định và theo dõi các thẻ nhận dạng gắn vào vật thể. Do tính ứng dụng của công nghệ UHF RFID khá rộng rãi và đa năng, chúng em phân loại tính ứng dụng ra làm 2 phần để thực hiện: tìm kiếm chủ động và tìm kiếm bị động -Tìm kiếm bị động: Là việc tìm kiếm mà thiết bị UHF RFID reader cố định Ví dụ: điểm danh và thông báo về cho phụ huynh khi trẻ em đến trường và ra về, quản lý bệnh nhân ra vào khu vực phòng bệnh... -Tìm kiếm chủ động: Là việc tìm kiếm mà thiết bị UHF RFID reader di chuyển để đọc các vật thể cần nhận biết Ví dụ: quản lý kiểm kê các sản phẩm có trong kho, và các công việc thu thập dữ liệu từ đồ dùng có gắn thẻ nhưng cố định. Nội dung trình bày Do cần có công việc cụ thể để có thể thực hiện chi tiết đề tài. Nên ở đây chúng em chọn Ứng dụng UHF RFID trong việc điểm danh và thông báo cho phụ huynh khi trẻ ra vào cổng trường. Đây là mô hình để kiểm chứng tính thực thi và đánh giá được khả năng của ứng dụng Khi thiết bị tìm thấy thẻ (học sinh) thiết bị sẽ gửi tất cả mã học sinh (id) về một Webserver, tại đây dựa vào mã của từng học sinh mà phụ huynh sẽ nhận được thông báo ứng với con của mình. Hoặc nhận cuộc gọi thông qua số điện thoại, hệ thống cho phép người dùng xem lại lịch sử tìm kiếm.

3246	Đại học	Hệ thống điều khiển nhà thông minh	Phạm Phong, Phú Nguyễn Thị, Dình Huỳnh Thành, Long	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-12	Trong thời đại của internet với những thiết bị điện tử thông minh như tablet và smartphone bùng nổ song nghịch lý là khái niệm nhà thông minh là xu thế phát triển tất yếu (hệ thống nhà thông minh LG, SAM SUNG, BKA,...) nhưng ở Việt Nam lại khó phát triển. Chi phí sản phẩm là một trong số nguyên nhân khó có thể phổ biến đến người tiêu dùng tại Việt Nam. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giảm giá thành nhưng vẫn đảm bảo được tiêu chí của một ngôi nhà thông minh. Từ đó nhóm đã nghiên cứu và tìm hiểu đưa ra hướng giải quyết vấn đề này. Dựa trên nền tảng của board vi điều khiển Arduino và các ngoại vi có giá thành thấp. Nhóm đã tiến hành thiết kế “Hệ thống điều khiển nhà thông minh”. Đây là đề tài bao gồm các ứng dụng để người sử dụng có thể điều khiển, giám sát các thiết bị điện trong gia đình theo ý muốn hoặc hoạt động tự động theo những gì đã lập trình sẵn. Đầu tiên mô hình sẽ tập trung vào việc điều khiển các thiết bị điện trong ngôi nhà một cách thông minh và sau đó là các khả năng mở rộng khác. Hệ thống nhà thông minh mà đề tài này xây dựng cung cấp cho người dùng biết các thông số trong môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, hệ thống chiếu sáng thông minh, hệ thống cảnh báo tự động (cảnh báo cháy, cảnh báo trộm),... Khi người dùng ở nhà hoặc ra ngoài thì ngôi nhà vẫn có thể hoạt động một cách thông minh. Người dùng có thể điều khiển ngôi nhà của họ một cách đơn giản thông qua ứng dụng trên Android hoặc Web khi có kết nối Internet. Từ đó người dùng có thể thấy những gì đang diễn ra trong nhà của họ trong chốc lát, họ sẽ cảm thấy rằng ngôi nhà đang gần bên mình. Những tiện ích mà nhà thông minh mang lại thật sự là một điều cần thiết trong cuộc sống của con người hiện nay. Từ khoá: Nhà thông minh, Arduino, App Android, Web, Cảm biến, Java, HTML, Eclipse.
3247	Đại học	KHÓA CỬA THÔNG MINH	Phan Văn, Phú Trần Đào, Minh Thành	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-12	Hiện nay, các thiết bị thông minh phổ biến ngày càng rộng rãi và có ảnh hưởng khá lớn đến đời sống hàng ngày như: khóa cửa thông minh, tủ lạnh thông minh, hệ thống đèn thông minh,... Nhưng tín bảo mật và vấn đề tiêu tốn năng lượng chưa được quan tâm một cách đúng mức, đặt biệt là các thiết bị cần tiết kiệm năng lượng và bảo mật như là Khóa cửa Bluetooth. Vì thế vấn đề cấp bách đặt ra là cần phải có một giải pháp công nghệ cao để tiết kiệm năng lượng và bảo mật. Với sự ra đời của thế hệ Bluetooth 4.0 thì vấn đề năng lượng và bảo mật đã được giải quyết. Mục tiêu của đề tài là thiết kế một ứng dụng trên Android thế hệ Bluetooth 4.0 trở về sau có thể tự động kết nối. Dùng vi điều khiển Atmega328p của AVR kết hợp với thời gian thực, module Bluetooth USB-BLE101 và dùng Android để điều khiển việc mở cửa một cách tự động. Cũng có thể mở cửa bằng kết nối RFID thông qua giao tiếp analog của Atmega328p để tăng khả năng và tính linh hoạt cho hệ thống. Kết quả đạt được đúng như tiêu chí ban đầu đặt ra.

3248	Đại học	TÌM HIỂU KHẢ NĂNG XÁC ĐỊNH ẨM ĐỘ CỦA HẠT LÚA BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐO CƯỜNG ĐỘ SÓNG RSSI	Phạm Văn, Mẫu	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-04	Khái niệm về đại lượng độ ẩm hạt lúa rất được quan tâm trong đời sống và sản xuất, ngày nay khi nền nông nghiệp đất nước phát triển mạnh thì việc kiểm soát độ ẩm khi lưu trữ và bảo quản hạt lúa là rất quan trọng vì độ ẩm hạt lúa là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hạt gạo thành phẩm. Do vậy đề tài em nghiên cứu và phát triển dựa trên đại lượng đặc trưng này, đề tài em chọn “Tìm hiểu khả năng xác định ẩm độ của hạt lúa bằng phương pháp đo cường độ sóng RSSI” trong đề tài này em trình bày việc sử dụng sóng điện từ để xác định chất lượng hạt lúa dựa trên tỷ lệ phần trăm độ ẩm của hạt, sự suy hao của sóng điện từ khi truyền qua những mẫu lúa có độ ẩm khác nhau thì thể hiện cường độ sóng khác nhau. Độ ẩm của hạt lúa được xác định bằng cách đo sóng điện từ từ hai khe Anten sử dụng phương pháp truyền, nhận cường độ sóng RSSI do hai module RF CC1101 ở dải tần số 915Mhz tạo nên. Bốn độ ẩm khác nhau của hạt lúa được thực hiện trong đề tài nghiên cứu này.
3249	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT NHIỆT ĐỘ VÀ ẨM ĐỘ MÔI TRƯỜNG NƠI TRỒNG NẤM	Nguyễn Tấn, Tài Lê Thị, Tuyết Nhi Nguyễn Thị, Chúc Ngân	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-09	Đề tài này nhằm thiết kế một hệ thống giám sát nhiệt độ và ẩm độ môi trường phục vụ việc trồng nấm. Mục tiêu chính của yêu cầu thiết kế là tính khả thi, độ chính xác và chi phí thấp. Hệ thống sử dụng các cảm biến để đo nhiệt độ & ẩm độ của môi trường nơi trồng nấm. Các thông tin về nhiệt độ và ẩm độ sẽ được gửi về bộ điều khiển trung tâm thông qua kết nối không dây. Người sử dụng có thể xem thông tin về các thông số môi trường trên màn hình hiển thị LCD. Với một bàn phím trên bộ điều khiển trung tâm có thể điều chỉnh ngưỡng cảnh báo nhiệt độ, ẩm độ, ngày, tháng... Đồng thời, nhiệt độ và ẩm độ được lưu trữ trong thẻ nhớ và kèm theo đó là một giao diện phần mềm để thống kê vẽ biểu đồ. Tính hiệu quả của thiết kế được kiểm chứng tại khoa công nghệ. Cuối cùng, mong rằng hệ thống sẽ trở thành một sản phẩm hữu ích cho người nông dân để giám sát các thông số môi trường tại nơi trồng nấm. Từ khóa: Nhiệt độ, ẩm độ, nấm rơm ...
3250	Đại học	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ RFID VÀ BLUETOOTH TRONG QUẢN LÝ THIẾT BỊ VÀ AN NINH	Phan Thành, Nam Nguyễn Minh, Nhí	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-12	Với sự bùng nổ của công nghệ như hiện nay thì việc quản lý các thiết bị, sản phẩm hay đảm bảo an ninh cho các nhà xưởng và đặc biệt là cho nhà ở đã trở nên đơn giản hơn rất nhiều. Một trong những công nghệ có thể đơn giản hóa việc này đó là công nghệ RFID và công nghệ Bluetooth. Những công nghệ này hiện nay đã được sử dụng vô cùng phổ biến. Các thiết bị cầm tay cao cấp hiện nay như điện thoại thông minh cũng đã tích hợp công nghệ Bluetooth. Để giải quyết vấn đề an ninh hay quản lý, chúng ta chỉ cần kết hợp những công nghệ này với nhau. Ở đề tài này chúng tôi đã tạo ra một thiết bị có thể kết hợp cả công nghệ RFID và công nghệ Bluetooth lại với nhau. Với một ứng dụng trên điện thoại, bạn đã có thể sử dụng sản phẩm để đảm bảo an ninh cho nhà xưởng hay nhà ở cũng như quản lý các thiết bị trong đó rất đơn giản, tiện lợi và thoải mái hơn rất nhiều.

3251	Đại học	NGHIÊN CỨU PHƯƠNG PHÁP ĐO PHƠI NHIỄM TRƯỜNG ĐIỆN TỪ TRẠM THU PHÁT SÓNG DI ĐỘNG VỚI CHI PHÍ THẤP	Phạm Quang, Đẩu	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-05	Hiện nay, số thuê bao di động không ngừng tăng lên. Để đáp ứng được lưu lượng thoại và internet ngày một nhiều buộc các nhà mạng phải xây dựng thêm nhà trạm thu phát (BTS) hoặc tăng công suất phát các trạm có sẵn làm cho mật độ điện từ trường xung quanh chúng ta ngày một lớn hơn. Cơ thể người hấp thu năng lượng từ sóng điện từ và tạo thành nhiệt. Nếu sự sinh nhiệt này quá lớn thì có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Vì thế, Bộ Thông Tin Truyền Thông (BTTTT) đã có những văn bản chỉ thị về giới hạn mức độ phơi nhiễm điện từ trường (EMF). Nhưng để đo được tỉ lệ phơi nhiễm này và biết tỉ lệ phơi nhiễm của trạm BTS được đưa vào hoạt động xung quanh chúng ta có ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân và gia đình hay không đòi hỏi phải có những thiết bị rất đắt đỏ có thể lên đến hàng chục nghìn USD. Đây là một mức giá quá cao mà không phải ai cũng có thể tiếp cận để mua và sử dụng. Do đó em chọn đề tài “Nghiên cứu phương pháp đo phơi nhiễm trường điện từ trạm thu phát sóng di động với chi phí thấp”, nhằm xây dựng một quy trình đo phơi nhiễm trạm BTS với thiết bị giá rẻ phù hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân ở Việt Nam. Sau khi thực hiện luận văn tác giả đã xây dựng được quy trình đo phơi nhiễm EMF với chi phí thấp chỉ khoảng năm triệu đồng. Ngoài ra tác giả còn đề xuất một quy trình đo theo bài toán ngược có thể đánh giá mức phơi nhiễm EMF của trạm BTS ngay cả khi không biết bất kì thông số nào của trạm.
3252	Đại học	THIẾT BỊ GIÁM SÁT SỨC KHOẺ ĐO NHỊP TIM, BƯỚC CHÂN, CALO TIÊU HAO	Lê Minh, Nhựt	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-05	Ngày nay khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực của đời sống nói chung và lĩnh vực y tế nói riêng luôn được quan tâm và trú trọng. Song song theo đó nhu cầu người dùng ngày càng cao, họ muốn chủ động trong việc giám sát tình trạng sức khỏe của bản thân hoặc người thân thông qua các thiết bị nhỏ gọn. Từ những vấn đề trên, nhóm chúng tôi chọn “Thiết kế và thực hiện hệ thống giám sát thông số sức khỏe bệnh nhân” để làm đề tài tốt nghiệp cho mình. Mục tiêu của đề tài là thiết kế một thiết bị nhỏ gọn cho phép đo đặc và tính toán các thông số thiết yếu về sức khỏe cho bệnh nhân, Thiết kế này sẽ tự động đưa dữ liệu đo đạc được lên Smart Phone và giúp cho người dùng dễ dàng truy cập và theo dõi tình trạng sức khỏe của mình hoặc người thân.

3253	Đại học	THIẾT KẾ CÔNG CỤ ĐO THÀNH TÍCH DÙNG TRONG THI ĐẤU THỂ THAO	Võ Quốc, Quân	Trần Hữu, Danh	2017-09	Ngày nay, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sinh hoạt đời sống đã trở nên rất phổ biến. Và ngành giáo dục cũng không ngoại lệ, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là trong việc giảng dạy các môn thuộc chuyên ngành thể chất, đa số đều dùng các phương pháp thủ công để lấy kết quả trong việc kiểm tra hoặc thi đấu thể thao. Do đó, đề tài “Thiết kế thiết bị kiểm tra và giám sát thành tích trong thi đấu thể thao” nhằm giúp các giảng viên giảng dạy đơn giản hóa công việc giám sát và lấy kết quả trong thi đấu thể thao. Ở đề tài này, nhóm sẽ thực hiện 3 môn chính là gấp đồ, điền kinh lấy thành tích cá nhân và bật xa. Ở đây, nhóm thiết kế hệ thống này sử dụng kit Raspberry Pi 2 được cài đặt hệ điều hành Windows 10 IoT Core, sử dụng ngôn ngữ C# để lập trình trên nền Microsoft Visual Studio Community 2015, để thiết kế các ứng dụng cho hệ điều hành Windows IoT.
3254	Đại học	THIẾT KẾ MÔ HÌNH Lò SẤY NÔNG SẢN TỰ ĐỘNG	Nguyễn Trí, Hậu Bùi Thị, Kim Tho	Trần Hữu, Danh	2016-12	Ngày nay cùng sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật, thì kỹ thuật số đã đem lại cho con người những thành tựu to lớn, giúp cho con người dễ dàng đạt được mục đích của mình trong mọi thiết kế. Hòa nhập cùng xu hướng đó, vì điều khiển đã khẳng định được vị thế vững chắc của mình trong mọi ứng dụng. Điển hình trong công nghệ bảo quản chế biến nông sản, vấn đề sấy nông sản là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy, việc ứng dụng vi điều khiển trong điều khiển sấy nông sản tự động đã được nghiên cứu và ứng dụng. Từ khóa: MSP430, IAR, Loadcell, PT100...
3255	Đại học	THIẾT KẾ MÁY PHÂN LOẠI VỎ CHAI VÀ LON ỨNG DỤNG KỸ THUẬT XỬ LÝ ẢNH	Nguyễn Đức, Phú Trần Hoàng, Dũng	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-12	Thị giác máy tính OPENCV (Open Source Computer Vision) là một thư viện với các chức năng lập trình chủ yếu nhằm vào thị giác của máy tính trên thời gian thực. Được phát triển bởi Intel, hỗ trợ bởi Willow Garage và bây giờ được duy trì bởi Itseez. Thư Viện này được sử dụng trên nhiều nền tảng. Ở đề tài này sử dụng thư viện trên nền tảng python Về việc xử lý thị giác máy tính thể thực hiện việc nhận dạng của các vật thể khác nhau trong đời sống mà cụ thể ở đây là nhận dạng được các vỏ chai và vỏ lon, để cho máy tính hiểu được chính xác việc cần xử lý sau khi đã nhận dạng được thì sử dụng hai gói (cv2.findcontours) và (cv2.rectangle) là chính để xử lý hình ảnh còn việc xử lý và phân loại sau khi đã nhận dạng được chúng thì dựa vào chức năng GPIO PINOUT của máy tính nhúng raspberry để điều khiển các ngoại vi như: led, servo motor v. Từ khóa: OPENCV PYTHON, CONTOUR FEATURES
3256	Đại học	MÁY LÀM BÁNH DONUT TỰ ĐỘNG	Nguyễn Đức, Thắng Nguyễn Thanh, Nu Huỳnh Xuân, Trường	Trần Hữu, Danh	2017-12	Nhằm tối ưu hóa việc sản xuất bánh nói chung và bánh Donut nói riêng, chúng tôi thiết kế bộ điều khiển và thực hiện thao tác làm bánh tự động. Chúng tôi đã thiết kế MÁY LÀM BÁNH DONUT TỰ ĐỘNG. Hệ thống này được xây dựng trên các thiết bị như: Vi điều khiển Atmega328, Module điều khiển, Module cảm biến. Kết quả hệ thống có khả năng tạo hình bánh, thực hiện thao tác chiên, lật bánh, cảm biến và điều khiển thông số hoạt động của máy, ngoài ra nhờ giao tiếp với máy tính, người dùng có thể theo dõi hoạt động của máy từ phần mềm, quản lí cơ sở dữ liệu lưu trữ... Từ khóa: bánh donut, Atmega328, làm bánh tự động

3257	Đại học	HỆ THỐNG NHẬN DẠNG CHAI VÀ LON SỬ DỤNG RASPBERRY VÀ CAMERA PI	Trương Đình, Văn Nguyễn Lưu, Huỳnh	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-12	Hệ thống nhận diện hiện vật thể được xây dựng trên kiến thức về Thị giác máy tính, là một lĩnh vực bao gồm các phương pháp thu nhận, xử lý ảnh kỹ thuật số, phân tích và nhận dạng các hình ảnh và, nói chung là dữ liệu đa chiều từ thế giới thực để cho ra các thông tin số hoặc biểu tượng, ví dụ trong các dạng quyết định. Kết hợp với phương pháp Học tập sâu đề tài này xây dựng nên một mô hình có thể nhận diện chai và lon chính xác và nhanh chóng. Hệ thống được điều khiển bằng kit Raspberr Pi 3 nhận hình ảnh bằng Camera Pi V2 và các module phụ trợ. Cùng với giao diện người dùng được thiết kế bằng ngôn ngữ Python cho khả năng tương tác cao và sử dụng các hình ảnh dễ dàng sử dụng. Đề tài không chỉ hướng đến người dùng là học sinh nhằm mục đích giáo dục và bảo vệ môi trường, mà còn hướng đến các quy trình có nhu cầu phân loại và phát hiện trong mọi ngành nghề từ nông nghiệp đến công nghiệp.
3258	Đại học	TỦ ƯƠM RAU MẦM ĐA NĂNG ỨNG DỤNG INTERNET OF THINGS	Phạm Minh, Thư Lê Văn, Minh	Trần Hữu, Danh	2017-09	Hiện nay, đa số sản phẩm rau mầm được sản xuất không đảm bảo được sức khỏe của người tiêu dùng: do dùng hóa chất để sản xuất, bảo quản rau mầm bằng các loại thuốc bảo vệ thực vật.... Ngoài ra với những mô hình ươm mầm rau mầm vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng, vì còn nhiều mặt hạn chế như: Chỉ tưới nước theo chu kỳ, mô hình ươm mầm có kích thước nhỏ, năng suất không cao, ngoài ra những sản phẩm chất lượng tốt hơn và nhiều hơn thì giá thành lại quá cao khó đến với những hộ gia đình nhỏ lẻ. Vì vậy nhóm quyết định thực hiện “Tủ ươm rau mầm đa năng ứng dụng Internet of Things” tự động và đa năng bằng máy tính nhúng Raspberry Pi. Raspberry Pi là loại máy tính siêu nhỏ có thể lập trình điều khiển được, với các chức năng mạnh về ứng dụng IoT cũng như điều khiển phần cứng có thể đáp ứng được yêu cầu điều khiển. Mục tiêu của nhóm là sẽ đưa ra thiết kế và hoàn thiện mô hình ươm trồng rau mầm tự động – đa năng được điều khiển thông qua website hoặc tại chỗ bằng RASPBERRY PI. Các thông số môi trường, chế độ điều khiển... sẽ được hiển thị lên website hoặc LCD. Hệ thống đưa ra những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của rau mầm, từ đó hoàn thiện và phát triển mô hình theo hướng tốt nhất. Thực nghiệm và đưa ra kết luận Từ khóa: RASPBERRY PI, APPLICATION INTERNET OF THINGS.
3259	Đại học	SMART FARM ỨNG DỤNG INTERNET OF THINGS	Trần Văn, Lục Huỳnh Minh, Quân Trương Phạm, Duy Tân	Trần Hữu, Danh	2017-09	Ngày nay, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sinh hoạt đời sống đã trở nên rất phổ biến. Và hơn thế nữa, áp dụng khoa học công nghệ vào nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là giám sát quá trình sinh trưởng trong nông nghiệp là hết sức cần thiết, bên cạnh đó kết hợp điều khiển từ xa trong quá trình kiểm soát, giám sát là biện pháp tối ưu về thời gian và nhân lực. Do đó “Smart Farm ứng dụng IoT” được triển khai nhằm giúp cho việc phát triển nông nghiệp được đơn giản và hiệu quả hơn. Ở mô hình này thực hiện bốn chức năng chính: chụp ảnh, phát trực tiếp qua youtube, bật/tắt các thiết bị điện từ xa (đèn, quạt), kiểm tra nhiệt độ - độ ẩm cập nhật lên đám mây thingspeak. Đề tài này được xây dựng trên board Raspberry Pi 3 được cài đặt hệ điều hành Raspbian, sử dụng ngôn ngữ PHP, HTML, JAVASCRIPT, ...

3260	Đại học	THIẾT KẾ CẢM BIẾN ĐO ĐỘ pH	Trần Minh, Thanh	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-12	Đề tài này trình bày cách thiết kế một cảm biến nhỏ gọn có thể giám sát liên tục độ pH trong môi trường nước. Cảm biến bao gồm một đầu dò bằng thủy tinh có trở kháng $Z < 250M\Omega$ được kết nối với mạch điện thông qua một IC Switch 4066. Mạch điện bao gồm 2 op-amp được dùng để: khuếch đại và bù điện thế cho tín hiệu. Đầu dò thủy tinh sẽ đo mật độ ion H^+ có trong nước, dung dịch có mật độ ion H^+ càng nhiều, đầu dò sẽ tạo ra điện áp dương hơn, ngược lại dung dịch có mật độ ion H^+ càng ít đầu dò sẽ tạo ra giá trị điện áp âm hơn, giá trị điện áp dao động từ 414mV đến -414mV tương ứng với mức pH của dung dịch từ 0 - 14, sau đó điện áp này sẽ được đưa vào mạch điện để xử lý. Tín hiệu sau khi được xử lý sẽ được đưa qua bộ biến đổi ADC và hiển thị giá trị pH đo được lên màn hình LCD bằng Arduino Nano.
3261	Đại học	THIẾT KẾ MÁY KÉO SỢI MI NHÂN TẠO	Dương Quốc, Anh	Trần Hữu, Danh	2017-03	Đề tài “Thiết kế máy kéo sợi Mi nhân tạo” là một đề tài mang tính thực tiễn nhằm giải quyết vấn đề mà nhiều cơ sở sản xuất Mi nhân tạo trên cả nước đang gặp phải, vấn đề là người công nhân kéo sợi thủ công không đạt theo yêu cầu, không đảm bảo được khoảng cách giữa từng sợi tơ. Do đó đề tài này đóng góp cho sự hoàn thiện một mô hình hệ thống bán tự động kéo sợi có thể ứng dụng được. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng cơ khí CNC, vi điều khiển MSP430G2553, motor bước. Hoạt động chính của hệ thống nằm ở khâu động lực được điều khiển bởi motor bước kéo từng sợi tơ đến vị trí đã định trước ở khâu thiết kế. Kết quả cho thấy hệ thống hoạt động tốt, độ chính xác rất cao, vi điều khiển hoạt động ổn định trong thời gian dài nên tạo ra được sản phẩm đúng theo mẫu thiết kế của nơi tiêu thụ. Ngoài ra hệ thống còn có chế độ cho phép tùy chỉnh thời gian phù hợp theo khả năng làm việc của từng người và hệ thống có hình dạng thân thiện gần gũi với cách làm thủ công truyền thống Từ khóa: máy kéo sợi, nền tảng cơ khí, khoảng cách từng sợi tơ, mi nhân tạo...
3262	Đại học	TỐI ƯU HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ỚM MÀM GIÁ ĐẬU XANH	Nguyễn Trần, Hải Đăng	Trần Hữu, Danh	2017-03	Đề tài này tối ưu hệ thống trên phần cứng đã có sẵn bằng cách thay cảm biến DHT11 bằng cảm biến DS18B20, lưu trữ các thông số setup vào bộ nhớ Flash, qua thực nghiệm lập ra được bảng tương quan giữa nhiệt độ và độ ẩm (lấy dữ liệu từ cảm biến DHT11) từ đó dựa vào nhiệt độ của cảm biến DHT11 để điều khiển máy bơm và quạt thông gió, và hiển thị được thông số nhiệt độ, thời gian lên LCD Từ khóa: DHT11, DS18B20, Flash, cảm biến

3263	Đại học	ỨNG DỤNG INTERNET OF THINGS TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	Đỗ Trần, Trang Thanh Nguyễn Minh, Luân	Trần Hữu, Danh	2017-12	Đề tài:”Ứng dụng Internet of things trong nuôi trồng thủy sản” là một thiết bị được nghiên cứu để giúp người nuôi thủy sản có thể giám sát và thống kê số liệu về sự biến động trong môi trường nuôi trồng thủy sản như (nồng độ pH, nhiệt độ của nước, nồng độ khí H2S trong nước). Các thông số sẽ được thu thập và được truyền lên website để người sử dụng có thể quan sát một cách dễ dàng, ngoài ra người dùng có thể điều khiển các thiết bị và cài đặt ngưỡng dễ dàng trên website cũng như đưa ra các cảnh báo đến người dùng. Hệ thống được xây dựng trên các thiết bị như: Module SIM800A, cảm biến DS18B20, cảm biến pH, đo nồng độ H2S hòa tan và được điều khiển thông qua vi điều khiển MSP430G2553. Kết quả cho thấy hệ thống có thể đo độ pH, nồng độ H2S hòa tan, nhiệt độ như là một máy đo dân dụng, tự động vẽ biểu đồ để người dùng có thể theo dõi một cách trực quan, thực hiện được chức năng báo động, điều khiển thiết bị và cảnh báo thiết bị hoạt động bình thường hay đang bị sự cố.
3264	Đại học	HỆ THỐNG THU THẬP CHỈ SỐ NƯỚC TIÊU THỤ TỰ ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG LoRa.	Lê Hoàng, Văn	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-12	Công nghệ truyền thông không dây LoRa là một giải pháp đang được triển khai rộng rãi trong các lĩnh vực Internet của vạn vật (Internet of Things - IoT) và công nghệ M2M (Machine-to-Machine) nhờ sở hữu những tính năng vượt trội về khoảng cách truyền tín hiệu, điện năng tiêu thụ, tính bảo mật dữ liệu và chi phí đầu tư thấp. Những đặc tính này, công nghệ truyền thông LoRa có thể được sử dụng trong việc thiết lập các mạng cảm biến không dây truyền – nhận dữ liệu với trung tâm cách xa hàng ki-lô-mét và hoạt động bằng nguồn pin trong thời gian dài. Hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát từ xa ứng dụng công nghệ truyền dữ liệu LoRa đã bắt đầu được triển khai thương mại tại một số quốc gia trên thế giới. Mặc dù vậy, việc ứng dụng công nghệ này vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam Trong bài viết này, trình bày việc thiết kế một hệ thống thu thập dữ liệu chỉ số nước tiêu thụ tự động sử dụng công nghệ truyền thông LoRa. Cấu tạo của hệ thống gồm có 3 thành phần chính: bộ cảm biến và truyền dữ liệu lắp đặt tại các đồng hồ nước trạm truyền dữ liệu trung gian (gateway) và máy chủ trung tâm. Máy chủ của hệ thống được xây dựng trên nền tảng Node.js[9] kết hợp với thư viện Socket.IO[10] và cơ sở dữ liệu mã nguồn mở MongoDB[11] để tiếp nhận dữ liệu từ các gateway. Bài viết cũng cho thấy những lợi ích và tính khả thi của giải pháp đề xuất so với phương pháp thu thập chỉ số nước bằng nhân công. Kết quả nghiên cứu có thể được ứng dụng để tự động hóa việc ghi nhận chỉ số đồng hồ nước tại các hộ gia đình, khu dân cư và nhà máy. Hệ thống có thể được sử dụng như một trong những mô hình tham khảo trong việc xây dựng các giải pháp giám sát, cảnh báo sự cố nói chung

3265	Đại học	THIẾT BỊ KIỂM TRA ACCU CHUYÊN DỤNG	Phạm Quốc, Thanh Bùi Gia Thái, Ngọc	Dương, Thái Bình	2018-12	Ngày nay accu (Ac-quy) được sử dụng khá nhiều trong đời sống, với những ứng dụng khác nhau từ những thiết bị đơn giản như Accu xe máy đến phức tạp như được sử dụng trong các trạm BTS. Do đó, yêu cầu đặt ra là chúng ta phải thường xuyên kiểm tra accu để đảm bảo chúng hoạt động bình thường. Nếu phát hiện hư hại (Nitrat hóa,...), thì phải nhanh chóng sửa chữa hoặc thay thế mới Đề tài “Thiết bị kiểm tra accu chuyên dụng” ra đời nhằm mục đích tối giản thiết bị đo Accu gọn nhẹ để các kỹ sư dễ dàng kiểm tra dòng điện cũng như điện áp để nhanh chóng khắc phục hư hại (nếu có) nhằm duy trì tình trạng tốt nhất cho Accu. Đề tài được thực hiện từ các linh kiện phổ biến trên thị trường hiện nay như Microchip PIC16F877A và ACS758LCB-100B-PFF-T - Cảm Biến Dòng 100A hiển thị kết quả dòng điện, điện áp lên LCD và PC.
3266	Đại học	THIẾT KẾ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ PHÂN LOẠI TÔM	Nguyễn Kim, Triệu	Nguyễn, Thanh Tùng	2018-11	Ở đề tài này, em dùng Camera Pi để chụp ảnh và chuyển hình ảnh sang bộ xử lý trung tâm là Kit Raspberry Pi 3, sử dụng ngôn ngữ Python để lập trình. Kit Raspberry Pi 3 sẽ xử lý ảnh và tiến hành xác định loại tôm được chụp trong ảnh, sau đó truyền tín hiệu sang thiết bị Arduino. Arduino sẽ điều khiển 2 Motor bước để thực hiện công việc phân loại tôm trên băng chuyền.
3267	Đại học	SMART KEY CHO XE Ô TÔ	Lê Vũ, Kiệt Phan Vũ Hoàng, Nhân	Trần, Hữu Danh	2018-11	Hiện nay, tình trạng mất xe máy ở Việt Nam diễn ra ngày càng tăng. Theo con số thống kê của Công an các Thành phố, cứ mỗi 10 vụ mất trộm tài sản thì có từ 3-4 vụ có liên quan đến mô tô, xe máy. Đa phần nguyên nhân của các vụ mất trộm là do một phần ý thức phòng ngừa của người có tài sản, xe máy dựng ở vỉa hè, khuất tầm nhìn của chủ xe, chủ nhà, không có người trông giữ và không khóa càng, khóa cổ ... khiến xe máy dễ dàng trở thành “mồi ngon” của những tên trộm. Điều đáng nói là mặc dù trộm cắp xe máy xảy ra nhiều, nhưng tỉ lệ điều tra khám phá để tìm ra đối tượng lấy xe là rất thấp, theo thống kê chưa đến 30%. Do đối tượng hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, tinh vi và có tổ chức. Tội phạm thường cấu kết với nhau, tạo ra những đường dây khép kín từ khâu trộm cắp đến tiêu thụ sản phẩm. Hiện trường những vụ án này hầu như không để lại bất cứ một dấu vết nào, khiến lực lượng điều tra vô cùng vất vả. Trong đó, tỷ lệ xe tay ga bị mất cắp chiếm trên 60% do nhu cầu cuộc sống hiện tại không thiếu những gia đình, cá nhân đã và đang sử dụng nhiều loại xe khác nhau đa phần là loại xe đắt tiền, loại xe có giá trị kinh tế cao và nhiều người dùng chủ quan cho rằng xe máy đắt tiền, cao cấp đã có khóa “xịn” rất khó mất trộm. Trên thực tế, tội phạm thường chỉ mất từ 5 đến 10 giây là có thể vô hiệu hóa các loại khóa từ, khóa cơ. Các loại khóa cổ xe, khóa càng chỉ tốn thêm của chúng ít phút để hoàn toàn vô hiệu hóa và chiếm đoạt tài sản.

3268	Đại học	THIẾT BỊ PHÁ SÓNG DRONE	Đặng Hồng, Nhưng Nguyễn Việt, Thanh Đặng Minh, Thiện	Lương Vinh, Quốc Danh	2018	Ngày nay, những chiếc Drone ngày càng trở nên phổ biến như nấm mọc lên sau mưa. Máy bay được điều khiển bởi người điều khiển, thông qua bộ điều khiển dưới mặt đất Nó được trang bị với camera chất lượng cao, nó có th xâm phạm vào quyền riêng tư của con người, có thể qua phim, chụp ảnh người và tài sản cá nhân. Mặt khác, Dron còn được sử dụng cho những mục đích xấu như buôn lậu ném bom, bắn súng. Một vài nhà sản xuất đã có đánh dả khu vực cấm bay trên phần mềm để ngăn chặn Drone. Tu nhiên, nó không thể bao phủ mọi địa điểm và mọi kh vực. Vì vậy, rất cần thiết để tạo ra một thiết bị ngăn chặn Drone để bảo vệ quyền riêng tư và những khu vực bị hạ chế. Đề tài này mô tả kỹ thuật phá sóng, giải thích ngắn gọn về thông số và kỹ thuật thiết kế, giới thiệu các thành phả linh kiện được sử dụng trong mạch và kết quả đạt được.
3269	Đại học	XÁC ĐỊNH TRỌNG LƯỢNG TÔM SÚ BẰNG PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ ẢNH	Huỳnh Thanh, Lộc Tô Thị Yến, Nhi	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-12	Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, các thiết bị công nghệ hiện đại đã dần thay thế con người trong các công việc đòi hỏi sự chính xác và tốc độ xử lý nhanh. Cụ thể, việc phát hiện, nhận dạng và xử lý đối tượng là một trong những công việc mà máy móc có thể hỗ trợ con người để giải quyết các vấn đề ở nhiều lĩnh vực khác nhau Đề tài nghiên cứu này sẽ phát triển một giải thuật xử lý hình ảnh để xác định trọng lượng tôm. Giải thuật bao gồm các bước chính: Thu nhận hình ảnh, chọn không gian màu thích hợp để xử lý hình ảnh, tách đối tượng ra khỏi nền dựa trên kỹ thuật phân ngưỡng ảnh, tính toán vùng diện tích của đối tượng, xây dựng hàm toán học dựa trên chu vi và diện tích của đối tượng thu được từ nhiều mẫu thí nghiệm ngẫu nhiên và cuối cùng là cho ra kết quả trọng lượng tôm Kết quả của đề tài nghiên cứu này là bước đầu phát hiện, nhận dạng, xử lý hình ảnh và cho ra được trọng lượng tôm. Sau khi đã xác định được trọng
3270	Đại học	THIẾT KẾ CẢM BIẾN ĐO ĐỘ ẨM ĐẤT	Ngô Văn Chí, Linh	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-09	Với ảnh hưởng từ cuộc cách mạng 4.0, nền nông nghiệp nước ta cũng đang phá triển theo hướng nông nghiệp 4.0. Việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuấ nông nghiệp để tăng năng suất ngày càng phổ biến. Vì thế các cảm biến được nghiê cứu thiết kế nhằm mục đích phục vụ thuận tiện hơn cho việc tăng năng suất sản xuấ nông nghiệp. Một trong số đó là “Cảm biến độ ẩm đất”. “Cảm biến độ ẩm đất” có th được sử dụng cho nhiều ứng dụng nông nghiệp hoặc có thể ứng dụng trong hệ thốn tưới nước tự động cho các vườn cây khi đất khô. Ý tưởng “cảm biến độ ẩm đất” đượ đưa ra với phương pháp xác định độ ẩm đất bằng cách đo cường độ sóng RSSI. Giá trị RSSI được đọc bằng cách sử dụng phương pháp truyền, nhận cường độ sóng d hai module RF CC1101 ở dải tần 433 Mhz tạo nên. Do sự thay đổi giá trị RSSI tron đất chênh lệch không nhiều nên việc thực hiện ý tưởng này không khả thi. Ý tưởn tiếp theo là phương pháp đo điện dung dùng vi điều khiển MSP430G2553. Mạch cả biến dựa vào sự chênh lệch của hằng số điện môi thay đổi lúc có nước và không c nước trong đất để đo giá trị điện dung. Giá trị được thu thập và sau đó được xử lí qu bộ ADC10. Giá trị được hiển thị lên LCD.

3271	Đại học	THIẾT KẾ MÁY VẼ THEO PHƯƠNG THẲNG ĐỨNG DI ĐỘNG	Đặng Hoàng Cẩm, Tú Nguyễn Việt, Thắng	Nguyễn, Thanh Tùng	2018-12	Máy vẽ (MV) theo phương thẳng đứng là các MV có độ linh hoạt cao, có khả năng mở rộng việc sử dụng của chúng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Đây là một phiên bản mang tính nghệ thuật nhiều hơn tính công nghiệp hóa. Bằng cách sử dụng các thành phần phần cứng cơ bản và các thuật toán (TT) phức tạp, cùng sự khác biệt MV không tạo nên một bản sao chính xác của hình ảnh kỹ thuật số trên vải hay giấy như cách máy in bình thường hoạt động. Tuy nhiên, khả năng mở rộng to lớn và chi phí thấp - hiệu quả cao cung cấp lợi thế hơn máy in trong các lĩnh vực nhất định. Luận văn cử nhân này nhằm mục đích xây dựng một sản phẩm nghệ thuật công nghệ, một drawbot, tạo ra các hình ảnh bitmap hoặc tranh vẽ, dưới dạng đường nét bằng cách sử dụng bút lông, dưới sự điều khiển của board Arduino
3272	Đại học	HỆ THỐNG XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ NGUỒN PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN SỬ DỤNG GIÁ TRỊ CƯỜNG ĐỘ SÓNG ĐIỆN TỪ	Nguyễn Thanh, Bình	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-09	Đề tài này sẽ trình bày cách xây dựng một hệ thống đơn giản để xác định tọa độ 2D của mục tiêu ở môi trường ngoài trời bằng sóng RF tần số 169 Mhz. Hệ thống bao gồm bốn trạm tham khảo đặt tại bốn đỉnh của một hình vuông cạnh 80 mét, một trạm mục tiêu với công suất phát không biết trước được đặt tại vị trí bất kỳ bên trong hình vuông và một trạm kết nối với máy tính để truyền về các số liệu được đo đạc cho quá trình ước lượng vị trí. Để thực hiện đề tài này, sáu module truyền nhận đã được sử dụng, mỗi module bao gồm một vi điều khiển trung tâm MSP430G2553 điều khiển hoạt động của một KIT thu phát RF 169 Mhz CC1120 thông qua chuẩn giao tiếp SPI. Bằng cách sử dụng các giải thuật ước lượng vị trí phù hợp, vị trí của mục tiêu được tính toán với sai số trong giới hạn cho phép và được hiển thị lên giao diện trên máy tính.
3273	Đại học	TÌM HIỂU VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA KHÔNG DÂY DÙNG MODULE SIM908	Võ Văn, Thái Phan Tánh, Lâm	Lý Thanh, Phương	2013-09	Ngày nay việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào đời sống sinh hoạt, lao động ngày càng được chú trọng. Bên cạnh đó thì công nghệ ngày càng phát triển theo hướng nhỏ gọn, nhiều chức năng và dễ dàng trong việc giao tiếp, điều khiển. Điều khiển từ xa không dây đã và đang được nghiên cứu để ứng dụng. Nhằm giúp người dùng (hộ gia đình, công xưởng, nhà máy,...) có một hệ thống có thể điều khiển những thiết bị khác một cách tự động và dễ dàng hơn bằng tin nhắn sms, nhóm chúng tôi đã kết hợp việc điều khiển từ xa không dây với module Sim908 để thực hiện đề tài TÌM HIỂU & THIẾT KẾ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỪ XA KHÔNG DÂY DÙNG MODULE SIM 908, hệ thống được xây dựng trên module SIM908, vi điều khiển MSP430G2553 và kit giao tiếp không dây HM-TR/TTL/433 Từ khóa: module SIM908, MSP430G2553, HM-TR/TTL/433.

3274	Đại học	THIẾT BỊ HỖ TRỢ CẢNH BÁO SỚM TÌNH TRẠNG ĐUỐI NƯỚC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ IBEACON	Danh, Qui	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-09	Với tình trạng đuối nước diễn ra khó kiểm soát trên cả nước và với sự phát triển vượt bậc của các thiết bị thông minh trong ngành Điện tử - viễn thông, đó là những điều kiện tiên quyết để phát triển đề tài “Thiết bị hỗ trợ cảnh báo sớm tình trạng đuối nước ứng dụng công nghệ iBeacon” nhằm mục tiêu để hạn chế và khắc phục những trường hợp đuối nước diễn ra khắp cả nước. Đề tài được phát triển dựa vào cộng nghệ iBeacon, Bluetooth BLE 4.0 và dùng vi điều khiển Atmega328p để thực hiện những yêu cầu đặt ra. Đề tài sau khi được hoàn thành phải có chức năng thực hiện báo động khi người đeo thiết bị chìm trong nước từ 30 đến 40 giây và tính được khoảng cách từ thiết bị quản lý đến người đuối nước. Sau thời gian thực hiện, đề tài cũng đã đảm bảo được yêu cầu đặt ra là báo động khi có người đuối nước trong đời gian qui định và cũng như là tiền đề phát triển cho một thiết bị hỗ trợ cho nhu cầu bơi lội của con người
3275	Đại học	ƯỚC TÍNH TRỌNG LƯỢNG TÔM BẰNG KỸ THUẬT XỬ LÝ ẢNH	Trương Chí, Cường	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-09	Sự phát triển của khoa học và công nghệ, đã thay thế con người trong các công việc đòi hỏi sự chính xác và tốc độ xử lý nhanh. Việc nhận dạng, phát hiện, xử lý đối tượng là những công việc mà máy móc có thể hỗ trợ con người giải quyết nhiều vấn đề ở nhiều lĩnh vực khác nhau Đề tài nghiên cứu này sẽ phát triển một giải thuật xử lý ảnh, để đánh giá trọng lượng tôm thẻ chân trắng. Giải thuật bao gồm các bước chính: thu nhận hình ảnh, chọn không gian màu thích hợp để xử lý hình ảnh, tách đối tượng ra khỏi nền dựa trên kỹ thuật phân ngưỡng ảnh, tính toán vùng diện tích của đối tượng và xây dựng hàm toán học dựa diện tích của đối tượng thu được từ nhiều mẫu thí nghiệm ngẫu nhiên Kết quả của đề tài là bước đầu nhận dạng, xác định trọng lượng của tôm thẻ chân trắng. Sau khi đã xác định trọng lượng tôm, nghiên cứu tiếp theo là xây dựng thiết bị phân loại tôm theo kích thước Từ khóa: OpenCV, màu RGB, màu HSV, hình thái học, sự giãn nở, sự xói mòn, Otsu, khu vực đường viền.
3276	Đại học	HỆ THỐNG QUAN TRẮC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NƯỚC CHO VÙNG XÂM NHẬP MẶN	Phan Chí, Trương Lê Chí, Tính Chung Khánh, Hòa	Trần Hữu, Danh	2017-12	Hiện nay, việc ứng phó và ngăn chặn xâm nhập mặn là hết sức cần thiết ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Nhằm tạo ra một hệ thống để giúp việc giám sát, thống kê số liệu một cách chính xác sự biến động trong môi trường nước (nhiệt độ, pH, độ mặn), đồng thời hệ thống có thể cảnh báo và điều khiển thiết bị khi môi trường nước biến động quá mức cho phép. Nhóm đã nghiên cứu và hoàn thiện mô hình “Hệ thống quan trắc thông số môi trường nước cho vùng xâm nhập mặn”. Hệ thống này được xây dựng trên các thiết bị như: cảm biến DS18B20, Module SIM800A, PH E-201-C, DFR0300, Intel Edison và chip MSP430G2553. Kết quả cho thấy hệ thống có khả năng đo độ pH, độ mặn, nhiệt độ như một máy đo dân dụng, lưu trữ số liệu đo được trên trang tính của Google, tự động vẽ biểu đồ để người dùng theo dõi một cách trực quan và sinh động, thực hiện được chức năng báo động và điều khiển được thiết bị từ xa.

3277	Đại học	THIẾT KẾ BỘ HỌC LỆNH REMOTE MÁY LẠNH ĐIỀU KHIỂN QUA INTERNET	Võ Thị, Bích Tuyền Lương Thanh, Hải	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-12	Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin và những ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thế giới chúng ta đã và đang ngày một thay đổi văn minh và hiện đại hơn. Nhu cầu sử dụng thiết bị điện trong gia đình cũng ngày được nâng cao và việc điều khiển chúng cũng trở nên phức tạp hơn và mất nhiều thời gian trong đó bao gồm máy điều hòa. Để tăng tính tiện lợi và linh động trong việc điều khiển các thiết bị ta cần thiết kế bộ điều khiển remote tích hợp các tính năng cần thiết để quản lý và điều khiển, tạo thuận lợi cho người dùng. Do đó đề tài sẽ thiết kế một bộ remote học lệnh máy lạnh với phương pháp là học lệnh các máy điều hòa: Toshiba, Samsung, Mitsubishi, Daikin, v.v... và điều khiển các điều hòa qua webserver, internet, người dùng có thể điều khiển những máy điều hòa mà sản phẩm đã tích hợp mã lệnh để điều khiển laptop hoặc điện thoại nhờ các trình duyệt web Google Chrome, Coccoc, Firefox,... Kết quả của đề tài là điều khiển ON/OFF, các nút nhiệt độ của các điều hòa Từ khóa: Arduino Due, Ethernet arduino shield, infrared.
3278	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM KHO LẠNH	Nguyễn Đường, Thuộc	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-05	Khái niệm về các đại lượng nhiệt độ, độ ẩm rất được quan tâm trong đời sống, sản xuất. Chúng là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến các sản phẩm. Do vậy đề tài nghiên cứu và phát triển trên hai đại lượng đặc trưng này. Ngày nay khi nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển mạnh, việc kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm khi bảo quản, lưu trữ các sản phẩm trong công, nông nghiệp trong các kho chứa là rất quan trọng. Thông thường, với các loại hàng hóa được lưu trữ nhiệt độ, độ ẩm luôn duy trì ở một mức nhất định. Ở nước ta, nhiều kho bảo quản vẫn làm theo phương pháp thủ công, là đo trực tiếp và ghi vào sổ. Với các phương pháp này thì rất khó khăn trong việc đo, giám sát, lưu trữ số liệu thường xuyên trong các kho với diện tích lớn hoặc nhiệt độ khắc nghiệt như kho lạnh. Đặc biệt thiết bị phù hợp với thời điểm ứng dụng IoT phát triển mạnh mẽ. Vì vậy hệ thống sử dụng phương pháp truyền dữ liệu không dây tại các điểm phát và bộ thu trung tâm, dữ liệu được lưu trữ vào trang web Thingspeak.com. Do đó tôi chọn đề tài “Hệ thống giám sát nhiệt độ và độ ẩm kho lạnh”, nhằm tạo ra hệ thống các thiết bị đáp ứng yêu cầu trên và phù hợp với mọi loại kho bảo quản từ nhỏ đến lớn.

3279	Đại học	BỘ GIÁM SÁT CHÁY TỰ ĐỘNG	Phạm Thị, Bé Hiền Lê Trọng, Nghĩa	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-12	Nhằm tạo ra một thiết bị giúp người sử dụng có thể phát hiện sớm các nguy cơ v cháy nổ sau đó cảnh báo thông qua sóng RF và mạng di động GSM nên chúng tôi thiết kế BỘ BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG. Bộ thiết bị này được xây dựng dựa trên cảm biến nhiệt độ không tiếp xúc MLX90621, mô-đun RF LoRa SX1278, Board Arduino UN R3, mô-đun SIM 900a, kết hợp với động cơ bước 28BYJ-48 và mạch điều khiển độn cơ bước ULN2003 tạo nên một hệ thống hữu ích cho người dùng. Kết quả cho thấ thiết bị Slave có khả năng phát hiện lửa hoặc vật thể có nhiệt độ cao gây nguy cơ chá nổ từ khi vừa xuất hiện (nếu trong vùng đang quét) hoặc chậm nhất là 1 phút tron phạm vi bán kính 1,75m ở chiều cao cách vật cháy 3,5m. Sau đó gửi thông báo lập tứ cho thiết bị Master để Master thực hiện báo động và gọi điện cho người quản lí kh vực để báo cháy.
3280	Đại học	Lập trình ứng dụng Android điều khiển hệ thống canh tác thủy canh trong nhà	Nguyễn Quang, Duy Nguyễn Quang, Vĩnh	Trần Hữu, Danh	2017-09	Ngày nay, việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào đời sống sinh hoạt, lao động ngày càng được chú trọng. Cuộc sống đô thị hóa ngày càng phát triển dẫn tới các hộ gia đình không có diện tích và ánh sáng để trồng trọt. Nhằm giúp việc tạo không gian trồng trọt không chiếm diện tích lớn, không có ánh sáng mặt trời, nhóm chúng em đã kết hợp với việc trồng cây thủy canh trong dung dịch dinh dưỡng kết hợp với ánh sáng LED với bước sóng và cường độ thích hợp. Chúng em đã thiết kế hệ thống mang tên là “Lập trình ứng dụng Android điều khiển hệ thống canh tác thủy canh trong nhà”. Hệ thống có khả năng thay đổi cường độ ánh sáng LED, đọc cường độ ánh sáng đó bằng cảm biến và lưu trữ số liệu lên website và vẽ biểu đồ để người dùng theo dõi một cách trực quan, điều khiển máy bơm để cung cấp dung dịch dinh dưỡng cho cây trồng và cảm biến cảnh báo từ xa khi hệ thống hết dung dịch dinh dưỡng.
3281	Đại học	HOÀN THIỆN HỆ THỐNG GIA CÔNG LÔNG MI NHÂN TẠO	Lê Đình, Quý Lư Đức, Toàn	Trần Hữu, Danh	2017-12	“Hoàn thiện hệ thống gia công lông mi nhân tạo” là đề tài mang tính thực tiễn, nhằm giải quyết vấn đề mà nhiều cơ sở sản xuất lông mi nhân tạo trên cả nước đang gặp phải. Vấn đề là: người công nhân làm bằng phương pháp thủ công chưa đảm bảo yêu cầu về khoảng cách giữa từng sợi mi. Do đó, đề tài này đóng góp cho sự hoàn thiện một mô hình hệ thống bán tự động kéo sợi có thể ứng dụng được. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng cơ khí CNC, vi điều khiển MSP430G2553 và motor bước. Hoạt động chính của hệ thống nằm ở khâu động lực được điều khiển bởi motor bước kéo từng sợi mi đến vị trí đã định trước ở khâu thiết kế. Kết quả cho thấy hệ thống hoạt động tốt, độ chính xác rất cao, vi điều khiển hoạt động ổn định trong thời gian dài nên tạo ra được sản phẩm đúng theo mẫu thiết kế của nơi tiêu thụ. Ngoài ra, hệ thống còn có chế độ cho phép tùy chỉnh thời gian phù hợp theo khả năng làm việc của từng người, tùy chỉnh khoảng cách giữa các sợi mi và chiều dài của một sản phẩm lông mi nhân tạo. Hệ thống dễ sử dụng và có hình dạng thân thiện, gần gũi với cách làm thủ công truyền thống.

3282	Đại học	THIẾT KẾ MẠCH ĐO NỒNG ĐỘ KHÍ HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH GHG (GREEN HOUSE GAS)	Nguyễn, Bá Tập Huỳnh, Hoàng Phương	Lương Vinh, Quốc Danh	2017-09	Nhằm tạo ra một thiết bị có thể giám sát, thông kê số liệu của sự biến động trong môi trường bao gồm nhiệt độ, nồng độ CO2 và CH4, đồng thời có thể thực hiện theo dõi sự biến đổi trong môi trường sống hằng ngày thông qua mạng di động GSM. Chúng tôi đã THIẾT KẾ MẠCH ĐO NỒNG ĐỘ KHÍ HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH GHG. Hệ thống này được xây dựng trên các thiết bị như: Module SIM900A, Kit MSP430F5529 LaunchPad Development, cảm biến DS18B20 và cảm biến IR25TT-M. Kết quả cho thấy hệ thống có khả năng đo nồng độ CO2, CH4 và nhiệt độ như một máy đo dân dụng Từ khóa: Module SIM900A, Kit MSP430F5529 LaunchPad Development, CO2, CH4, Nhiệt độ.
3283	Đại học	HỆ THỐNG QUAN TRẮC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY HẢI SẢN ỨNG DỤNG IoT	Trần Ngọc, Mừng Lê Dương, Linh	Trần Hữu, Danh	2017-09	Đề tài “HỆ THỐNG QUAN TRẮC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY HẢI SẢN ỨNG DỤNG IoT” được tìm hiểu và nghiên cứu nhằm tạo ra một bộ kit thu thập các thông số trong môi trường nuôi trồng thủy hải sản như: Độ pH, nhiệt độ môi trường nước, nồng độ oxy hòa tan. Các thông số môi trường thu thập được sẽ được truyền lên website để người dùng có thể giám sát, ngoài ra người dùng có thể điều khiển các thiết bị và các ngưỡng cài đặt trên website, đưa ra các cảnh báo đến người dùng. Bộ kit được thực hiện bằng các Module như: Module RF SPI CC1101, Module SIM800A. Sử dụng các loại cảm biến đo pH, đo nhiệt độ nước, đo nồng độ Oxy hòa tan và được xử lý và điều khiển thông qua vi điều khiển MSP430G2553.
3284	Đại học	“HỆ THỐNG GIÁM SÁT VÀ ĐO THÀNH TÍCH THI NĂNG KHIẾU THỂ DỤC THỂ THA	Lưu Hải, Tuấn Huỳnh Minh, Nhựt Quách Văn, Khương	Trần Hữu, Danh	2017-12	Ngày nay, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống xã hội đã trở nên rất phổ biến. Và ngành giáo dục cũng không ngoại lệ, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là trong việc giảng dạy các môn thuộc chuyên ngành thể chất, đa số đều dùng các phương pháp thủ công để lấy kết quả trong việc kiểm tra hoặc thi đấu thể thao. Do đó, đề tài “Hệ thống giám sát và đo thành tích thi năng khiếu Thể dục Thể thao” nhằm giúp các giảng viên giảng dạy đơn giản hóa công việc giám sát và lấy kết quả trong thi đấu thể thao. Ở đề tài này, nhóm sẽ thực hiện 3 môn chính là chạy 30m tốc độ cao, gập dẻo và bật xa, nhóm thiết kế hệ thống này sử dụng kit Raspberry Pi 3 (RP3) được cài đặt hệ điều hành Windows 10 IoT Core (Win10 IoT), sử dụng ngôn ngữ C# để lập trình trên nền Microsoft Visual Studio Community 2015, để thiết kế các ứng dụng cho hệ điều hành Windows IoT. Về kết quả thực hiện, hiện tại các mô hình đã đạt được mục tiêu đề ra ban đầu như đo khoảng thời gian cho môn chạy, đo khoảng cách cho môn gập dẻo cũng như bật xa, truy xuất được cơ sở dữ liệu và đọc to kết quả.

3285	Đại học	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CẢNH BÁO QUA ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	Ngô Thành, Phúc Nguyễn Khắc, Bình Trần Quân, Cảnh	Trần Hữu, Danh	2013-09	Do luôn được nghiên cứu và phát triển một cách liên tục, Kỹ thuật Điện tử Viễn thông ngày nay như đã là một phần của cuộc sống, đóng góp nhiều ứng dụng trong nhiều khía cạnh. Nhận thấy, sự phát triển của Công nghệ đã thôi thúc chúng ta hướng tới những sản phẩm mang tính tự động cao, phục vụ lợi ích của con người và “Hệ thống điều khiển và cảnh báo qua điện thoại di động” là một ví dụ điển hình cho minh chứng đó. Bằng việc nghiên cứu Module Sim900 kết hợp MSP430, nhóm đã tiến hành khảo sát và thiết kế mạch ứng dụng cho Hệ thống điều khiển và cảnh báo qua điện thoại di động. Hệ thống là một ngôi nhà mô hình thiết kế mong muốn phục vụ cho việc điều khiển các thiết bị cần thiết thông qua DTMF, truyền và nhận thông tin ứng dụng Vi xử lý và các cảm biến nhằm hoàn thiện chức năng điều khiển và báo động. Đề tài mở ra hướng phát triển Thiết kế và xây dựng các kiểu “Nhà thông minh”, rất phù hợp cho cuộc sống hiện đại ngày nay Từ khóa: Module Sim900, MSP430, DTMF, cảm biến.
3286	Đại học	THIẾT KẾ HỆ THỐNG LÁI TỰ ĐỘNG CHO QUADCOPTER VÀ ỨNG DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC	Trần Thanh, Tú Lê Tiến, Dũng	Lương Vinh, Quốc Danh	2014-12	Đề tài này trình bày một phương pháp để thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát lái tự động của máy bay trực thăng quadcopter còn được gọi là phương tiện bay không người lái (UAV) sử dụng board phát triển Texas Instruments Stellaris LM4F120 LaunchPad Evaluation Board (EK-LM4F120XL) cho các ứng dụng nông nghiệp: thu thập dữ liệu hình ảnh trên không để đánh giá và giám sát tình trạng cây lúa. Đầu tiên, Quadcopter khởi động và treo ở một vị trí cố định dựa trên tín hiệu GPS, tiếp theo là các thuật toán được sử dụng để kiểm soát quá trình thực hiện tự động bay đến điểm quy định trên bản đồ và gửi dữ liệu vị trí hiện tại của quadcopter về trạm thông qua tín hiệu RF sử dụng Stellaris board, Module thu phát RF CC1101 và Matlab. Tại vị trí được chỉ định trên bản đồ, quadcopter dừng lại để chụp ảnh trên không với một máy ảnh RasPi Noir. Một trạm mặt đất được xây dựng trên một máy tính để giám sát và điều khiển chung. Các kết quả và phát triển trong tương lai của dự án này cũng sẽ được thảo luận trong bài viết này Từ khóa: Lái tự động, Quadcopter, viễn thám, Stellaris, NDVI
3287	Đại học	VAN ĐIỀU ÁP LỰC NƯỚC THÔNG MINH ỨNG DỤNG IoT	Thái Quốc, Quan Trương Phúc, Huy	Trần Hữu, Danh	2017-09	Nhằm khắc phục sự bất tiện của những người sử dụng nước. Chúng tôi thiết kế bộ điều khiển tự động và cảnh báo đến người quản lý trên nền GSM và Internet. Chúng tôi đã thiết kế VAN ĐIỀU ÁP LỰC NƯỚC THÔNG MINH ỨNG DỤNG IoT. Hệ thống này được xây dựng trên các thiết bị như: Vi điều khiển MSP430, Module SIM900A, cảm biến áp suất nước. Kết quả hệ thống có khả năng đo áp lực nước và điều khiển nhằm ổn định áp lực nước đầu ra, lưu trữ số liệu đo được trên website thông qua trang tính và tự động vẽ biểu đồ trực quan giúp nhà quản lý tiện theo dõi chi tiết nhất đồng thời thực hiện được chức năng báo động và cảnh báo khi sự cố xảy ra đột ngột.

3288	Đại học	THIẾT KẾ ANTEN ĐỌC THẺ RFID –UHF TẦM XA	Tô Văn, Tinh	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-03	Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, nhiều công nghệ mới ra đời với mục đích làm cho mọi việc trở nên đơn giản, tiện lợi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người trong mọi lĩnh vực. Do vậy, các công nghệ mới càng hướng đến khả năng không dây làm cho con người được giải phóng, tự do và thoải mái hơn. Và công nghệ nhận dạng tự động RFID (Radio-Frequency Identification) là một trong những công nghệ có thể đáp ứng được nhu cầu đó. Công nghệ này đã và đang được phát triển mạnh ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam với những ứng dụng rất đa dạng trong các lĩnh vực : sản xuất kinh doanh (các dây chuyền sản xuất công nghiệp, trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, các cửa hàng, siêu thị, trạm thu phí, bãi đậu xe), an ninh, y tế Trong các hệ thống truyền thông di động và không dây hiện đại, cũng như hệ thống RFID có một nhu cầu ngày càng tăng là anten phải nhỏ gọn có thể dễ dàng tích hợp vào các đối tượng để quản lý. Do đó, mục tiêu của đề tài là thiết kế loại anten vi dải nhỏ gọn, nhưng độ lợi vẫn đạt yêu cầu có độ lợi cao lớn hơn 5dBi. Anten được thiết kế trên tấm mạch in FR-4, độ dày 1.6mm, có hằng số điện môi 4
3289	Đại học	ỨNG DỤNG INTERNET OF THINGS TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN	Đỗ Trần, Trang Thanh Nguyễn Minh, Luân	Trần Hữu, Danh	2017-12	Đề tài:”Ứng dụng Internet of things trong nuôi trồng thủy sản” là một thiết bị được nghiên cứu để giúp người nuôi thủy sản có thể giám sát và thống kê số liệu về sự biến động trong môi trường nuôi trồng thủy sản như (nồng độ pH, nhiệt độ của nước, nồng độ khí H2S trong nước). Các thông số sẽ được thu thập và được truyền lên website để người sử dụng có thể quan sát một cách dễ dàng, ngoài ra người dùng có thể điều khiển các thiết bị và cài đặt ngưỡng dễ dàng trên website cũng như đưa ra các cảnh báo đến người dùng. Hệ thống được xây dựng trên các thiết bị như: Module SIM800A, cảm biến DS18B20, cảm biến pH, đo nồng độ H2S hòa tan và được điều khiển thông qua vi điều khiển MSP430G2553. Kết quả cho thấy hệ thống có thể đo độ pH, nồng độ H2S hòa tan, nhiệt độ như là một máy đo dân dụng, tự động vẽ biểu đồ để người dùng có thể theo dõi một cách trực quan, thực hiện được chức năng báo động, điều khiển thiết bị và cảnh báo thiết bị hoạt động bình thường hay đang bị sự cố Từ khóa: MSP430G2553, Module SIM800A, H2S, Nhiệt độ, pH.
3290	Đại học	Khảo sát phổ ánh sáng Led xanh đỏ dùng cho hệ thống trồng thủy canh trong nhà	Đỗ Chí, Thịnh	Trần Hữu, Danh	2017-12	Ngày nay, việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật vào đời sống sinh hoạt, lao động ngày càng được chú trọng. Các mô hình thủy canh và trồng rau trong nhà kính hay những nơi thiếu ánh sáng mặt trời đang được quan tâm. Việc sử dụng ánh sáng nhân tạo từ đèn led trong các mô hình thủy canh ngày càng phát triển vì sự hiệu quả của nó. Đề tài đã khảo sát, thiết kế một hệ thống đèn Led kết hợp với bộ điều khiển có thể phối hợp các mức sáng khác nhau của hai loại đèn xanh và đỏ để có thể tạo ra ánh sáng phù hợp nhất cho từng loại cây trồng giúp đạt được năng suất cao nhất.

3291	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH BÀI THÍ NGHIỆM VI ĐIỀU KHIỂN MSP430 TRÊN KIT EZ430_RF2500	Võ Khắc, Nguyễn Nguyễn Công, Khanh	Trần Hữu, Danh	2011-03	TOM TA Đề tài “XÂY DỰNG MÔ HÌNH BÀI THÍ NGHIỆM VI ĐIỀU KHIỂN MSP430 TRÊN KIT EZ430_RF2500” nhằm đến mục tiêu khảo sát tìm hiểu, cách sử dụng phần mềm biên dịch và nạp chương trình họ vi điều khiển MSP430, khảo sát mô đun EZ430-RF2500, hỗ trợ trong việc nghiên cứu vi điều khiển của hãng TEXAS INSTRUMENTS và thiết kế các bài tập mẫu dùng trong thực tập vi điều khiển MSP430 (F2274) Nội dung luận văn Thiết kế phần cứng mở rộng port giao tiếp giữa MSP430 (F2274) với bộ kit thí nghiệm và các bài mẫu trên kit thí nghiệm vi điều khiển, trong từng bài đều đưa ra yêu cầu thực hiện, lưu đồ giải thuật và chương trình mẫu được thiết kế trên ngôn ngữ C với các hướng dẫn chi tiết đầy đủ. Trong khuôn khổ luận văn của mình nhóm thực hiện đã thiết kế các chương trình mẫu theo mức độ từ dễ đến khó.
3292	Đại học	BỘ ĐIỀU KHIỂN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG ĐA NĂNG	Phan Minh, Hào Nguyễn Thị, Ngọc Tuyền	Trần Hữu, Danh	2015-12	Ngày nay việc ứng dụng môn học vào thực tế cuộc sống là hết sức cần thiết nó không chỉ mang lại hiệu quả trong học tập mà còn mở rộng được vốn kiến thức đã học. Do đó đề tài “Bộ điều khiển phát triển ứng dụng đa năng” mang lại một công cụ vừa có thể thực hành môn học Kỹ thuật vi xử lý vừa có thể ứng dụng để tạo ra các sản phẩm như: Bảng led quảng cáo, đồng hồ vạn niên... Ở đây nhóm thực hiện ứng dụng để tạo ra một công cụ phục vụ cho Nông nghiệp và Thủy sản là hệ thống tưới cho cây và thay nước cho cá. Đề tài sử dụng ngôn ngữ C biên dịch trên IAR để lập trình ứng dụng, sử dụng ngôn ngữ C# trên nền Microsoft Visual Studio để tạo giao diện điều khiển cho người dùng, có thể tùy chọn dòng MSP430 thông qua giao diện điều khiển. Từ khóa: MSP430, C#, IAR, Microsoft Visual Studio
3293	Đại học	THIẾT KẾ HỆ THỐNG GIÁM SÁT NHỊP TIM VÀ HOẠT ĐỘNG KHI NGỦ CỦA TRẺ SƠ SINH	Mai, Phương Thảo Trương, Mỹ Duyên	Lương Vinh, Quốc Danh	2016-12	Giấc ngủ chính là nền tảng đối với sự phát triển của trẻ. Trong những tháng đầu tiên, bộ não trẻ hoạt động ở mức đáng kinh ngạc, liên tiếp phát triển và tạo những mối liên hệ mới giữa các tín hiệu ở môi trường bên ngoài với tốc độ rất nhanh, trong lúc ngủ trẻ sẽ có những trường hợp ngưng thở vật lý hay là chứng quên thở khi ngủ, vì trong khoảng thời gian đầu trẻ vẫn chưa quen với việc phải tự hô hấp. Hội chứng ngưng thở khi ngủ là rối loạn nguy hiểm ở trẻ nhỏ, nếu cha mẹ phát hiện muộn và thời gian ngưng thở càng lâu, tình trạng thiếu oxy trong máu càng cao và có thể dẫn tới tử vong. Nhưng nếu lúc nào cũng ở bên bé và coi chừng giấc ngủ của bé thì sẽ rất hạn chế trong các hoạt động khác. Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sinh hoạt đời sống nói chung và lĩnh vực chăm sóc, bảo vệ sức khỏe con người nói riêng và nhu cầu người dùng ngày càng cao, nảy sinh vấn đề giám sát tình trạng sức khỏe của bản thân hoặc của người thân thông qua các thiết bị nhỏ gọn từ xa. Đó cũng chính là lý do và điều kiện tiền đề cho nhóm chúng tôi thực hiện đề tài luận văn với mục đích "Thiết kế hệ thống giám sát nhịp tim và hoạt động khi ngủ của trẻ sơ sinh' Từ khóa:Nhịp tim, Arduino Nano, Arduino IDE, MAX30100, MMA8452.

3294	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ AO TÔM CÔNG NGHIỆP	Trà Hoàng, Sơn Nguyễn Đình, Tứ	Nguyễn Tăng Khả, Duy	2014-12	Luận văn trình bày một giải pháp linh hoạt nhằm cải thiện tính chính xác trong việc giám sát các điều kiện môi trường và giảm chi phí nhân lực cho các hộ gia đình nuôi tôm công nghiệp tại Việt Nam. Mạng cảm biến không dây dựa trên công nghệ ZigBee được sử dụng để giám sát các điều kiện môi trường quan trọng. Tất cả các quy trình giám sát và điều khiển được thực hiện với dòng vi điều khiển MSP430 và kit phát triển TivaTM C của Texas Instruments. Hệ thống này có khả năng thu thập, phân tích và trình bày dữ liệu trên một giao diện người dùng đồ họa (GUI). Nó cho phép người sử dụng cập nhật các thông tin về yếu tố môi trường trong ao bất cứ lúc nào thông qua ứng dụng android sử dụng công dịch vụ tin nhắn SMS và gửi thông tin cảnh báo kịp thời cho phép người dùng can thiệp khi cần thiết. Qua đó hệ thống giảm thiểu những ảnh hưởng của các biến động môi trường trong ao một cách đột ngột. Ngoài ra hệ thống còn cho phép người dùng điều khiển các thiết bị từ xa để phục vụ nhu cầu của mình. Hệ thống được thiết kế linh hoạt, chi phí thấp, và hướng đến phiên bản thương mại sẽ áp dụng cho các hộ nuôi tôm có quy mô vừa và nhỏ.
3295	Đại học	ỨNG DỤNG IoT SỬ DỤNG TRONG MÔ HÌNH NGÔI NHÀ THÔNG MINH	Nguyễn Thị, Xuân Phương Lê, Duy Tân Lê, Hoài Thương	Trần Hữu, Danh	2016-09	Mục tiêu của luận văn là vận dụng các kiến thức đã được học, kết hợp với tự tìm hiểu để thực hiện đề tài “Ứng dụng IoT sử dụng trong ngôi nhà thông minh”. Bởi vì, ngày nay cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ ngày càng được ứng dụng sâu để phục vụ nhu cầu cần thiết của con người tạo những thuận lợi và lợi ích trong đời sống. Bên cạnh đó, mạng Internet ngày càng phổ cập đến từng gia đình, tạo nên khả năng tương tác từ xa giữa người dùng và ngôi nhà của mình. Xuất phát từ những điều này, chúng em đã tiến hành nghiên cứu và thiết kế một hệ thống nhúng có thể cảnh báo, điều khiển, cập nhật trạng thái thiết bị. Đó là sự kết hợp giữa phần cứng thu nhận, xử lý các thông số và phần mềm điều khiển mọi hoạt động của hệ thống. Từ khóa: Intel Galileo, Intel XDK IoT, Javascript, HTML, CSS.
3296	Đại học	MÁY LẠNH THÔNG MINH	Huỳnh Nhật, Quang Trần Hoa, Nhi	Nguyễn, Cao Quý	2018-12	Trong cuộc sống hiện nay, đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và những ứng dụng khoa học kỹ thuật là nhu cầu về sự tiện lợi, linh hoạt và tiết kiệm đối với những sản phẩm phục vụ đời sống của con người. Máy điều hòa là một trong những thiết bị có sự đòi hỏi cao về điều này. Để tăng tính tiện lợi và linh hoạt trong việc điều khiển ta cần thiết kế bộ điều khiển tích hợp các tính năng cần thiết để dễ dàng quản lý, điều khiển, tạo thuận lợi cho người dùng và tiết kiệm điện năng. Do đó đề tài sẽ thiết kế một bộ điều khiển máy lạnh không chỉ có thể điều khiển máy lạnh mà còn cho người sử dụng biết được giá trị nhiệt độ hiện tại trên cơ thể cảm nhận được là bao nhiêu, từ đó có thể cài đặt một giá trị nhiệt độ mong muốn. Kết quả đề tài là ứng dụng được tạo ra trên smartphone thông qua kết nối Bluetooth với mạch điều khiển đã có thể thay thế vai trò của chiếc remote thông thường, trở thành một ứng dụng điều khiển từ xa thông minh. Ngoài việc tự động điều khiển nhiệt độ trên máy điều hòa để có thể cho người dùng giá trị “Real Feel” mong muốn, ứng dụng còn tạo cảm giác tiện lợi khi sử dụng và tiết kiệm được điện năng hao phí trong quá trình sử dụng máy điều hòa.

3297	Đại học	NHÀ THÔNG MINH ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI TIẾNG VIỆT	Dương Minh, Tân	Lương Vinh, Quốc Danh	2018-12	Ngày nay, cùng với sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin và những ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thế giới chúng ta đã và đang ngày một thay đổi văn minh và hiện đại hơn. Nhu cầu sử dụng thiết bị điện trong gia đình cũng ngày được nâng cao và việc điều khiển chúng cũng trở nên phức tạp hơn và mất nhiều thời gian. Để tăng tính tiện dụng và thuận lợi hơn trong việc điều khiển các thiết bị ta cần phải thiết kế một bộ điều khiển thông minh tích hợp các tính năng cần thiết cho việc điều khiển các thiết bị trong gia đình, tạo ra sự thuận tiện hơn cho người sử dụng. Do đó đề tài sẽ thiết kế một bộ điều khiển thông minh dùng để điều khiển các thiết bị bằng những câu lệnh đơn giản của người dùng hoặc đơn giản chỉ cần vài thao tác trên phần mềm cũng có thể bật tắt các thiết bị từ xa dù cho người dùng đang ở đâu. Kết quả của đề tài là tạo ra 1 sản phẩm có thể điều khiển các thiết bị trong gia đình một cách đơn giản nhất bằng chính giọng nói của người dùng bên cạnh đó là việc hẹn giờ để bật tắt các thiết bị thông qua phần mềm điều khiển và internet.
3298	Đại học	Thiết kế thiết bị báo giờ tự động	Khuru Quang, Học Nguyễn Hữu, Thắng	Phạm, Duy Nghiệp	2018	Thiết kế thiết bị báo giờ tự động” là đề tài mang tính thực tiễn, nhằm giải quyết vấn đề tiết kiệm nhân lực và áp dụng công nghệ hóa, hiện đại hóa vào hệ thống báo giờ tại các trường học, công ty, xí nghiệp, văn phòng làm việc..... Vấn đề là: từ trước đến nay hệ thống báo giờ tại những nơi này hoạt động dựa trên sự điều khiển trực tiếp và xuyên suốt của con người, chưa thể hoạt động một cách tự động làm ảnh hưởng đến nguồn nhân lực lao động cùng với đó là các hệ thống được lắp đặt tại nhiều nơi chưa có được sự đồng nhất gây ra hiện tượng chênh lệch về thời gian. Do đó, đề tài này đóng góp cho sự hoàn thiện của hệ thống báo giờ tại các điểm nêu trên. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Arduino với thời gian được cập nhật từ mạng internet đảm bảo được sự chính xác về thời gian và đồng nhất giữa các đơn vị sử dụng. Kết quả cho thấy thiết bị hoạt động đảm bảo an toàn, hiệu quả, độ chính xác rất cao, các module hoạt động ổn định trong thời gian dài nên tạo ra được sản phẩm đúng theo mẫu thiết kế của nơi tiêu thụ. Ngoài ra thiết bị còn có chế độ cho phép tùy chỉnh thời gian phù hợp với mục đích, nhu cầu và thời điểm sử dụng. Thiết bị dễ sử dụng và có hình dáng nhỏ gọn, an toàn và phù hợp với nhiều vị trí lắp đặt khác nhau.

3299	Đại học	XỬ LÝ ẢNH TRÊN KIT RASPBERRY PI 3	Lê Cẩm, Lượng Trương Thị, Nhưng Nguyễn Văn, Quang	Trần, Hữu Danh	2018-12	Hiện nay với việc ứng dụng công nghệ để phục vụ nông nghiệp ngày càng nhiều Khi các ứng dụng công nghệ được áp dụng vào sản xuất thì hiệu quả công việc ngày càng cao, năng suất và chất lượng nông sản được cải thiện rất nhiều. Giảm hao hụt, thất thoát trong thu hoạch và đặc biệt khi các công cụ được sử dụng thì nó làm giảm việc tiêu tốn sức lao động rất nhiều. Nhận thấy trái ổi khi chính thu hoạch rất vất vả, tốn thời gian vì nó có kích thước rất nhỏ và nhiều. Ý tưởng được đề ra là khi ổi chín, ta chỉ cần thu hình ảnh sau đó xử lý lọc ra màu đỏ (do trái ổi chín có màu đỏ) và dùng cánh tay robot cắt đi từng trái ổi chín trên cây, tất cả các khâu thực hiện điều tự động và có thể thực hiện hái ổi vào ban đêm. Để giải quyết vấn đề, nhóm đã nghiên cứu đề tài “Xử lý ảnh trên KIT Raspberry Pi 3” thực hiện những ý tưởng đề ra. Giới hạn: Vì đây chỉ là mô hình nghiên cứu chưa được phát triển để ứng dụng thực tiễn nên đề tài chỉ giới hạn cánh tay robot chỉ được tới vị trí vật thể (mô hình tượng trưng trái ổi chín).
3300	Đại học	Mô hình xe điều khiển từ xa	Nguyễn Hữu, Anh Khoa	Trần, Thanh Hùng	2019-03	Đề tài được thực hiện nhằm xây dựng mô hình xe rover dựa trên dự án của Jet Propulsion Laboratory với phần cứng đủ để có thể mở rộng thêm và có thể sử dụng ở nền đất gồ ghề. Với mục tiêu để sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, quá trình xây dựng sẽ có ba phần được thực hiện lần lượt bao gồm: lập trình hệ thống điều khiển, xây dựng hệ thống điện và xây dựng mô hình rover. Việc thiết lập trình điều khiển sẽ sử dụng Raspberry Pi 3B+ là bộ xử lý trung tâm và dựa trên nguyên lý Ackerman để đánh lái. Giao tiếp giữa Raspberry Pi 3B+ với người dùng sẽ thông qua ứng dụng Blynk và có khả năng phát trực tiếp video thông qua mạng WiFi. Mô hình rover được xây dựng sẽ bao gồm hệ thống treo Rocker-Bogie và các bánh có thể chuyển động riêng lẻ. Tất cả tạo nên mô hình xe rover có thể vượt địa hình và cho người dùng thấy hình ảnh môi trường xung quanh nó. Khả năng di chuyển của mô hình sau khi hoàn tất đạt được các yêu cầu đề ra và việc điều khiển trên ứng dụng điện thoại dễ dàng không ngắt quãng. Tuy tốc độ di chuyển không cao nhưng bù lại nó có khả năng leo dốc tốt và phát video trực tiếp về cho người dùng.

3301	Đại học	Hệ thống tủ khóa thông minh sử dụng cảm biến vân tay điều khiển và giám sát qua Wifi - Phần 1	Nguyễn, Minh Thắng	Nguyễn, Hoàng Dũng	2019-03	Vấn đề bảo vệ an toàn tài sản cho mình luôn được mọi người quan tâm theo đó là sự ra đời của nhiều loại ổ khóa với những ưu nhược điểm khác nhau. Xuất phát từ nhu cầu đó mà chúng tôi đã thực hiện đề tài “HỆ THỐNG TỦ KHÓA THÔNG MINH ĐIỀU KHIỂN VÀ QUẢN LÝ QUA SÓNG WIFI”. Mục tiêu của đề tài là thiết kế bộ khóa cửa với sự tiện lợi cho người sử dụng, có thể điều khiển thông qua Internet và xem lại lịch sử mở cửa của các thành viên. Hệ thống sử dụng modul ESP8266 với ngôn ngữ lập trình và trình biên dịch Arduino, đây là ngôn ngữ lập trình mở và được sử dụng rộng rãi. Module ESP8266 làm nhiệm vụ nhận tín hiệu cảm biến vân tay và gửi lên Firebase cũng như nhận tín hiệu điều khiển từ máy tính thông qua Firebase để thực hiện việc mở cửa. Hệ thống sử dụng cảm biến vân tay để mở cửa nên rất tiện lợi cho người sử dụng vì không cần phải mang theo chìa khóa, thẻ từ hay phải nhớ mật khẩu mở cửa. Sau quá trình nghiên cứu kết quả cho thấy cảm biến vân tay hoạt động ổn định. Hệ thống được điều khiển qua internet, thông qua ứng dụng được lập trình trên máy tính, xem được lịch sử mở cửa của những thành viên được cấp quyền. Tuy nhiên, cảm biến vân tay chỉ lưu trữ được 127 vân tay nên số lượng thành viên được cấp quyền còn hạn chế.
3302	Đại học	Hệ thống tủ khóa thông minh sử dụng cảm biến vân tay điều khiển và giám sát qua Wifi - phần 2	Trần, Nhật Tiến	Nguyễn, Hoàng Dũng	2019-03	Vấn đề bảo vệ an toàn tài sản cho mình luôn được mọi người quan tâm theo đó là sự ra đời của nhiều loại ổ khóa với những ưu nhược điểm khác nhau. Xuất phát từ nhu cầu đó mà chúng tôi đã thực hiện đề tài “HỆ THỐNG TỦ KHÓA THÔNG MINH ĐIỀU KHIỂN VÀ QUẢN LÝ QUA SÓNG WIFI”. Mục tiêu của đề tài là thiết kế bộ khóa cửa với sự tiện lợi cho người sử dụng, có thể điều khiển thông qua Internet và xem lại lịch sử mở cửa của các thành viên. Hệ thống sử dụng modul ESP8266 với ngôn ngữ lập trình và trình biên dịch Arduino, đây là ngôn ngữ lập trình mở và được sử dụng rộng rãi. Module ESP8266 làm nhiệm vụ nhận tín hiệu cảm biến vân tay và gửi lên Firebase cũng như nhận tín hiệu điều khiển từ máy tính thông qua Firebase để thực hiện việc mở cửa. Hệ thống sử dụng cảm biến vân tay để mở cửa nên rất tiện lợi cho người sử dụng vì không cần phải mang theo chìa khóa, thẻ từ hay phải nhớ mật khẩu mở cửa. Sau quá trình nghiên cứu kết quả cho thấy cảm biến vân tay hoạt động ổn định. Hệ thống được điều khiển qua internet, thông qua ứng dụng được lập trình trên máy tính, xem được lịch sử mở cửa của những thành viên được cấp quyền. Tuy nhiên, cảm biến vân tay chỉ lưu trữ được 127 vân tay nên số lượng thành viên được cấp quyền còn hạn chế.

3303	Đại học	Thiết kế board thí nghiệm PLC và các mô hình thí nghiệm	Nguyễn, Khắc Toại	Nguyễn, Hoàng Dũng	2019-09	Nghiên cứu này trình bày việc thiết kế các bài thí nghiệm sử dụng PLC S7-1200 Các bộ thí nghiệm được thiết kế để phục vụ cho thực tập và nghiên cứu khoa học tại B môn Tự động hóa. Các bộ thí nghiệm này gồm: board PLC, hệ thống giao thông, phâ loại sản phẩm theo chiều cao, điều khiển động cơ PID. Các mô hình thí nghiệm đượ điều khiển bằng PLC đơn hoặc nối mạng PLC. Để nâng cao chất lượng bài thí nghiệm th tất cả các quá trình điều khiển và giám sát và thu thập dữ liệu thông qua WEB SERVE hoặc phần mềm SCADA WINCC. Kết quả nghiên cứu cho thấy các mô hình thí nghiệ hoạt động tốt và PLC S7- 1200 có thể điều khiển hiệu quả các quá trình tự động.
3304	Đại học	Xây dựng mô hình đo màu bằng camera kỹ thuật số	Trần, Hữu Nghị	Nguyễn, Chánh Nghiệm	2019-09	Đề tài nghiên cứu này nhằm xây dựng mô hình đo màu bằng camera kỹ thuật số. Mô hình này sử dụng một camera kỹ thuật số (CCD) để tiến hành thu thập dữ liệu về hình ảnh của mẫu vật cần biết các giá trị màu. Sau đó, tiến hành xử lý dữ liệu để thu được dữ liệu ngõ vào có giá trị chính xác so với các thông số màu của mẫu vật cần đo. Quá trình xử lý dữ liệu trong đề tài này sử dụng mô hình bậc hai (Quadratic Model) và mạng nơ-ron nhân tạo để tiến hành dự đoán các thông số màu CIE Lab (L^* , a^* và b^*) từ dữ liệu ngõ vào là các thông số màu RGB (RedGreen-Blue). Quá trình thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu được thực hiện trên máy tính. Từ kết quả thu được cho thấy đề tài đã cơ bản xây dựng được mô hình đo màu với độ chính xác cao.
3305	Đại học	Xây dựng bộ điều khiển hỗ trợ chạy thẳng cho máy phun thuốc trừ sâu - phần cứng	Trần, Minh Tân	Nguyễn, Hữu Cường	2018-09	
3306	Đại học	Robot định vị gương mặt - P2	Phạm, Văn Canh	Ngô, Trúc Hưng	2018-12	Đề tài “Robot định vị gương mặt” giúp xác định vị trí và bám theo gương mặt bằng cách kết hợp hai thuật toán chính là Adaboost dùng thuộc tính Haarlike với Template Matching. Để thực hiện đề tài này cần giải quyết các vấn đề như sau: phát hiện gương mặt, xuất vị trí trung tâm của gương mặt, truyền dữ liệu đến vi điều khiển để điều khiển hướng quay của camera. Mô hình hoạt động được theo thời gian thực, xác định và bám theo gương mặt một cách ổn định với độ chính xác là khoảng 90% khi thực hiện trên một đối tượng ở nhiều vị trí khác nhau và khoảng 96% khi thực hiện trên nhiều đối tượng khác nhau ở cùng một vị trí trong điều kiện thử nghiệm.

3307	Đại học	Thiết kế mô hình thí nghiệm xăm và cắt trái hạnh - phần 2	Lê, Minh Luân	Trần Lê, Trung Chánh	2018-04	Ngày nay việc ứng dụng tự động hóa vào quy trình sản xuất ngày càng phổ biến, do xu hướng và nhu cầu thị trường nên một số xưởng sản xuất theo phương pháp truyền thống đã đang dần chuyển từ phương pháp sản xuất truyền thống sang phương pháp sản xuất tự động hóa. Đề tài Thiết kế mô hình xăm và cắt trên trái hạnh được nhóm nghiên cứu và tham khảo ở một xưởng sản xuất mức hạnh theo phương pháp truyền thống. Quy trình sản xuất mức hạnh truyền thống gồm các công đoạn gọt vỏ, xăm, cắt, ngâm vôi thực phẩm và sên hạnh cuối cùng là khâu đóng gói, trong các công đoạn thì xăm và cắt là hai công đoạn mất nhiều thời gian và công sức. Mô hình thiết kế của đề tài sẽ xử lý hai công đoạn xăm cắt trái hạnh. Nguyên liệu sau khi được xưởng sơ chế sẽ được đưa vào nơi chứa nguyên liệu của mô hình là một thùng chứa sau đó hạnh nguyên liệu sẽ được dẫn qua một đường ống đi đến khâu xăm và tiến hành xăm bằng các mũi kim loại bằng inox và cuối cùng sẽ đưa qua cộng đoạn cắt để hoàn thiện quy trình.
3308	Đại học	Thiết kế mô hình xăm và cắt trái hạnh - phần 1	Lê, Hữu Tài	Trần Lê, Trung Chánh	2018-05	Ngày nay việc ứng dụng tự động hóa vào quy trình sản xuất ngày càng phổ biến, do xu hướng và nhu cầu thị trường nên một số xưởng sản xuất theo phương pháp truyền thống đã đang dần chuyển từ phương pháp sản xuất truyền thống sang phương pháp sản xuất tự động hóa. Đề tài Thiết kế mô hình xăm và cắt trên trái hạnh được nhóm nghiên cứu và tham khảo ở một xưởng sản xuất mức hạnh theo phương pháp truyền thống. Quy trình sản xuất mức hạnh truyền thống gồm các công đoạn gọt vỏ, xăm, cắt, ngâm vôi thực phẩm và sên hạnh cuối cùng là khâu đóng gói, trong các công đoạn thì xăm và cắt là hai công đoạn mất nhiều thời gian và công sức. Mô hình thiết kế của đề tài sẽ xử lý hai công đoạn xăm cắt trái hạnh. Nguyên liệu sau khi được xưởng sơ chế sẽ được đưa vào nơi chứa nguyên liệu của mô hình là một thùng chứa sau đó hạnh nguyên liệu sẽ được dẫn qua một đường ống đi đến khâu xăm và tiến hành xăm bằng các mũi kim loại bằng inox và cuối cùng sẽ đưa qua cộng đoạn cắt để hoàn thiện quy trình.
3309	Đại học	Robot định vị gương mặt - P1	Đoàn, Ngọc Hải	Ngô, Trúc Hưng	2018-12	Đề tài “Robot định vị gương mặt” giúp xác định vị trí và bám theo gương mặt bằng cách kết hợp hai thuật toán chính là Adaboost dùng thuộc tính Haarlike với Template Matching. Để thực hiện đề tài này cần giải quyết các vấn đề như sau: phát hiện gương mặt, xuất vị trí trung tâm của gương mặt, truyền dữ liệu đến vi điều khiển để điều khiển hướng quay của camera. Mô hình hoạt động được theo thời gian thực, xác định và bám theo gương mặt một cách ổn định với độ chính xác là khoảng 90% khi thực hiện trên một đối tượng ở nhiều vị trí khác nhau và khoảng 96% khi thực hiện trên nhiều đối tượng khác nhau ở cùng một vị trí trong điều kiện thử nghiệm.

3310	Đại học	Thiết kế máy khắc họa tiết - P2	Bùi, Nhật Duy	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Máy khắc là một mô hình máy hoàn chỉnh, máy được thiết kế để khắc hoa văn, chữ cái, hình vẽ trên một số đối tượng bằng ứng dụng công nghệ xử lý kỹ thuật số CNC, Máy khắc thường được lắp đặt trong phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất có thể sử dụng trong quá trình nghiên cứu hay tham gia vào quá trình sản xuất, tiết kiệm thời gian, thay thế phương pháp gia công theo truyền thống có sẵn. Đề tài "thiết kế máy khắc họa tiết" là có thể khắc được các hình ảnh, họa tiết, ký hiệu đơn giản bằng cách khắc CNC. Bài viết này sẽ trình bày một số phương pháp có sẵn trên thị trường, trình bày thiết kế của nhóm về kiểm soát phần cứng và phần mềm và đã hoàn thành phần thiết kế của máy khắc hoàn chỉnh đạt được mục tiêu ban đầu được đề ra là khắc các hình ảnh, họa tiết, ký hiệu đơn giản trên một số đối tượng.
3311	Đại học	Thiết kế robot quét nhà thông minh	Ngô, Phú Quốc	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Bài báo này trình bày một giải pháp về thiết kế mô hình robot thông minh phục vụ nhu cầu lau nhà hằng ngày. Robot được thiết kế để chạy trên mặt phẳng nằm ngang. Phần cứng của robot gồm cơ cấu truyền động cho robot di chuyển phần mạch điều khiển, mạch giao tiếp và phần mềm điều khiển robot. Đối với phần cơ khí, hai bánh chủ động được truyền động qua động cơ bước và mô bánh tự do giúp robot di chuyển. Mạch điều khiển trung tâm là vi điều khiển ARM cortex M4F (STM32F407VET6) được sử dụng để điều khiển mọi hoạt động của robot (đọc cảm biến, điều khiển robot di chuyển, kết nối giao tiếp với hiển thị thông tin cần thiết). Mạch giao tiếp wifi giữa vi điều khiển và điện thoại thông minh. Phần mềm là phần lõi giúp robot trở nên thông minh hơn. Tuy nhiên có những mặt hạn chế về thiết kế cơ khí và giải thuật được ghi nhận và đề xuất hướng giải quyết.
3312	Đại học	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển động cơ tuyến tính - phần 1	Trần, Đình Cẩn	Nguyễn, Chánh Nghiệm Võ, Minh Trí	2018-12	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển cho động cơ tuyến tính với chi phí đầu tư ít nhất. Giới thiệu về động cơ tuyến tính cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đặc trưng, vai trò của Driver Accelnet trong đề tài, tìm hiểu về IC TW2 QFN24 chuyển đổi sin/cos thành digital. Nghiên cứu sử dụng phần mềm CME2 để set up điều khiển động cơ tuyến tính. Nghiên cứu kỹ và sâu về đặc tính tín hiệu từ Encoder tuyến tính, khả năng quét chính xác của encoder trên thước quang encoder. Tìm ra chỉ số Resolution encoder điều khiển động cơ tuyến tính. Đề xuất hướng phát triển cho đề tài chế tạo máy CNC 2 trục với động cơ tuyến tính. Kinh nghiệm rút ra, nếu như động cơ tuyến tính của đề tài được đầu tư driver chuyên dụng driver AKD Kollmorgen thì khả năng đi sâu và xa của đề tài là không thể lường trước được vì khi Linear motor kết hợp với AKD thì điều khiển được rất nhiều chế độ, chức năng. Có thể nghĩ đến chế tạo 1 loại Robot với Linear motor
3313	Đại học	Máy phát bóng bàn tự động	Nguyễn, Ngọc Thuận	Nguyễn, Chánh Nghiệm	2018-12	Mục tiêu đề tài là chế tạo máy phát bóng bàn tự động giúp người chơi luyện tập và có thể tính toán được vị trí rơi của bóng. Nguyên lý phát bóng là dựa vào lực nén và đẩy của các bánh xe gắn vào động cơ. Dùng công thức của chuyển động ném xiên để tìm vị trí rơi của bóng. Sau một thời gian thực hiện đã chế tạo thành công máy phát bóng bàn điều khiển bằng app android và tính toán được vị trí rơi tương đối của bóng.

3314	Đại học	Khảo sát khả năng tiết kiệm năng lượng của thiết bị tạo oxy bằng cơ cấu quạt nước trong ao nuôi trồng thủy sản	Nguyễn, Đông Đet	Nguyễn Huỳnh, Anh Duy	2018-12	Nuôi trồng thủy sản là một trong những ngành kinh tế chủ đạo của nước ta. Trong nuôi trồng thủy sản các yếu tố liên quan đến nguồn nước như nhiệt độ, độ mặn, độ PH, oxy hòa tan,... luôn được quan tâm hàng đầu. Oxy hòa tan (DO) là yếu tố được kiểm soát hàng đầu vì nó tác động rất lớn đến nguồn lợi thủy sản. Khi lượng DO tự nhiên không đủ cung cấp cho thủy sản thì các thiết bị tạo oxy sẽ được sử dụng, trong số này các thiết bị tạo oxy bằng cơ cấu quạt nước (PWA) là phổ biến hơn cả, lượng oxy sinh ra sẽ phụ thuộc rất lớn vào tốc độ quay của thiết bị. Khi nuôi trồng thủy sản với quy mô lớn, thiết bị này sẽ luôn hoạt động xuyên suốt để tránh thiếu hụt oxy cho ao nuôi, do vậy chi phí phát sinh từ thiết bị này là rất lớn. Ở mỗi giai đoạn, mỗi thời điểm lượng DO trong ao luôn thay đổi, việc giữ cho thiết bị luôn hoạt động ở công suất lớn nhất là không cần thiết, gây lãng phí điện năng. Một giải pháp được đưa ra là sử dụng hệ thống điều khiển vòng kín sử dụng biến tần. Đề tài này nhằm khảo sát khả năng tiết kiệm năng lượng của PW khi sử dụng biến tần, mô phỏng và xây dựng mô hình thực nghiệm hệ thống điều khiển PWA vòng kín. Kết quả thực nghiệm từ mô hình và tính toán cho thấy lượng điện năng tiết kiệm đạt khoảng 90% so với mô hình không sử dụng biến tần với hệ thống điều khiển vòng hở.
3315	Đại học	Thiết kế máy khắc họa tiết - P1	Lê, Hữu Lợi	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Máy khắc là một mô hình máy hoàn chỉnh, máy được thiết kế để khắc hoa văn, chữ cái, hình vẽ trên một số đối tượng bằng ứng dụng công nghệ xử lý kỹ thuật số CNC, Máy khắc thường được lắp đặt trong phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất có thể sử dụng trong quá trình nghiên cứu hay tham gia vào quá trình sản xuất, tiết kiệm thời gian, thay thế phương pháp gia công theo truyền thống có sẵn. Đề tài "thiết kế máy khắc họa tiết" là có thể khắc được các hình ảnh, họa tiết, ký hiệu đơn giản bằng cách khắc CNC. Bài viết này sẽ trình bày một số phương pháp có sẵn trên thị trường, trình bày thiết kế của nhóm về kiểm soát phần cứng và phần mềm và đã hoàn thành phần thiết kế của máy khắc hoàn chỉnh đạt được mục tiêu ban đầu được đề ra là khắc các hình ảnh, họa tiết, ký hiệu đơn giản trên một số đối tượng.
3316	Đại học	Thiết kế máy xác định độ ngọt của xoài bằng phương pháp gián tiếp - P1	Phan, Quốc Dũng	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Cây xoài là cây ăn trái có giá trị kinh tế cao và được trồng phổ biến đặc biệt ở các tỉnh đồng bằng sông cửu long, nên việc phân loại xoài dựa theo độ ngọt là rất cần thiết để tăng chất lượng của sản phẩm hay giúp người tiêu dùng có thể dễ dàng lựa chọn được những quả xoài theo ý muốn. Để làm được điều đó đòi hỏi phải phân loại xoài theo độ ngọt mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu quả xoài đảm bảo tính nguyên vẹn về giá trị kinh tế. Qua nghiên cứu nhóm đã chiếu ánh sáng với bước sóng thích hợp vào quả xoài sau đó dựa vào hiện tượng bức xạ ánh sáng để thu được kết quả bằng cảm biến ánh sáng (photodiode), tùy mức độ ngọt của xoài thu được kết quả khác nhau, quả nào ngọt hơn thì kết quả tán xạ ánh sáng mạnh hơn và ngược lại. Tuy nhiên ở nhiều vị trí khác nhau của quả cũng sẽ tập trung lượng đường không đồng đều, và điểm gần cuống của quả xoài để lấy giá trị đo thì kết quả là lượng đường cao nhất.

3317	Đại học	Thiết kế hệ thống cân bằng định lượng dùng PLC S7 - 1200 phần 2	Đinh, Minh Ảnh	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Ngày nay hệ thống cân bằng định lượng được sử dụng rộng rãi ngày càng nhiều trong các nhà máy xi măng, phân bón....nghiên cứu này trình bày hệ thống cân bằng định lượng, hệ thống hoạt động dựa trên bộ điều khiển logic khả trình PLC S7 1200, do cân tĩnh không có khả năng cân được khối lượng lớn nên cân động là giải pháp cần thiết để cân được khối lượng lớn. hệ thống cân bằng định lượng hoạt động dựa trên cơ sở xác định trọng lượng của vật liệu trên băng tải và tốc độ thực của băng tải đưa tín hiệu về PLC để có thể tính toán và suy ra được lưu lượng của vật liệu trên đơn vị thời gian, sau khi có lưu lượng bộ điều khiển sẽ tính toán để khối lượng tổng sau khi kết thúc quá trình hoạt động bằng với khối lượng tổng đã đặt. Xây dựng thiết kế phần cứng cũng như hệ thống giám sát và điều khiển WinCC đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định độ chính xác cao...
3318	Đại học	Khảo sát chuyển động của robot 6 chân phần 2	Đặng, Quang Minh	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Nhắc đến máy móc thì không thể nhắc tới robot. Ngày nay robot không chỉ ứng dụng trong công nghiệp, quân sự mà còn được sử dụng để phục vụ trong đời sống hàng ngày. Do đó nghiên cứu này đề xuất một giải pháp về thiết kế robot 6 chân có khả năng di chuyển theo hướng trái, phải, tiến, lùi, xoay tròn và có khả năng tránh vật cản để ứng dụng trong việc ghi lại bản đồ đã đi qua với địa hình phức tạp và thám hiểm ở các môi trường độc hại mà con người không thể đặt chân tới. Robot được thiết kế 6 chân mỗi chân được cấu tạo gồm 3 bậc tự do, mỗi khớp được dẫn động bằng một động cơ RC servo, robot được điều khiển bằng mạch vi điều khiển Arduino nano kết quả thử nghiệm cho thấy robot có khả năng di chuyển linh hoạt ở nhiều địa hình khác nhau, có thể phát hiện vật cản và tự chọn hướng đi khác.
3319	Đại học	Thiết kế máy xác định độ ngọt của xoài bằng phương pháp gián tiếp - P2	Lưu, Minh Nhựt	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Cây xoài là cây ăn trái có giá trị kinh tế cao và được trồng phổ biến đặc biệt ở các tỉnh đồng bằng sông cửu long, nên việc phân loại xoài dựa theo độ ngọt là rất cần thiết để tăng chất lượng của sản phẩm hay giúp người tiêu dùng có thể dễ dàng lựa chọn được những quả xoài theo ý muốn. Để làm được điều đó đòi hỏi phải phân loại xoài theo độ ngọt mà không làm ảnh hưởng đến kết cấu quả xoài đảm bảo tính nguyên vẹn về giá trị kinh tế. Qua nghiên cứu nhóm đã chiếu ánh sáng với bước sóng thích hợp vào quả xoài sau đó dựa vào hiện tượng bức xạ ánh sáng để thu được kết quả bằng cảm biến ánh sáng (photodiode), tùy mức độ ngọt của xoài thu được kết quả khác nhau, quả nào ngọt hơn thì kết quả tán xạ ánh sáng mạnh hơn và ngược lại. Tuy nhiên ở nhiều vị trí khác nhau của quả cũng sẽ tập trung lượng đường không đồng đều, và điểm gần cuống của quả xoài để lấy giá trị đo thì kết quả là lượng đường cao nhất.

3320	Đại học	Công trình SEEN house	Cao, Thanh Hùng	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Dự án được xây dựng trong khuôn viên trường PTTH Thống Linh với tổng diện tích 150m ² , được thiết kế theo tiêu chí công trình xanh với sự tư vấn của hội đồng công trình Xanh Việt Nam và công ty tư vấn GreenViet sử dụng xi măng INSEE đạt chứng nhận nhả xanh cũng như các vật liệu thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng. Đây cũng là nơi để các em học sinh vun trồng các loại rau sạch để cung cấp cho bếp ăn từ thiện với hơn 100 suất cho các em học sinh mỗi ngày. Đó là giá trị cốt lõi mà dự án mang lại. Qua trao đổi lắng nghe ý kiến đóng góp nhóm đã bổ sung nâng cấp thay đổi một số chi tiết so với thiết kế ban đầu để nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và nguyện vọng của các em học sinh và thầy cô tại trường.
3321	Đại học	Thiết kế hệ thống quản lý phòng thí nghiệm - phần 1	Nguyễn Thị, Cẩm Bình	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Nghiên cứu này trình bày về hệ thống quản lý phòng thí nghiệm tại bộ môn Tự Động Hóa, Khoa Công Nghệ, trường Đại Học Cần Thơ hệ thống được thiết kế dựa trên việc truy xuất thông tin CSDL thông qua quét mã vạch từ thẻ sinh viên. Hệ thống có thể điều khiển đóng mở cửa tự động và lưu trữ lại thông tin của sinh viên đã sử dụng phòng thí nghiệm cũng như những thông tin về thiết bị có ở phòng. Kết quả thực nghiệm cho thấy hệ thống hoạt động ổn định độ chính xác cao giảm thiểu được thời gian công sức thực hiện công tác quản lý phòng thí nghiệm bằng phương pháp thủ công.
3322	Đại học	Hệ thống chiết rót nước tự động	Bùi Dương, Anh Thông	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Đề tài thiết kế chương trình điều khiển và giao diện điều khiển giám sát và thu nhập dữ liệu cho mô hình hệ thống chiết rót nước tự động thông qua WinCC web server và PLC S7 1200. Mô hình điều khiển thiết kế đơn giản với 3 công đoạn chiết rót nước, lấy nắp chai và đóng nắp chai động cơ DC giảm tốc để kéo băng tải, cảm biến quang để xác định vị trí, động cơ bơm DC để đưa nước vào chai, van điện từ để điều tiết nước, cảm biến lưu lượng để xác định lưu lượng nước được rót vào chai, cơ cấu lấy nắp chai, hệ thống khí nén và động cơ DC để đóng nắp chai, rơ le trung gian lấy tín hiệu điều khiển từ PLC S7 1200 để điều khiển toàn bộ quá trình chiết rót nước tự động. Kết quả thực nghiệm cho thấy hệ thống đáp ứng yêu cầu đề ra.
3323	Đại học	Xây dựng hệ thống sao chép biên dạng 2D ứng dụng thị giác máy tính phần 2	Trần, Nhật Đăng	Nguyễn, Hữu Cường	2018-12	Ngày nay việc ứng dụng công nghệ CNC để thiết kế gia công các chi tiết cơ khí đang được phát triển rộng rãi đặc biệt là trong lĩnh vực hàn, cắt ... Tuy nhiên để sử dụng được máy CNC người vận hành cần thiết kế trên các phần mềm CAD/CAM dẫn tới việc mất thời gian và đòi hỏi người vận hành phải biết lập trình. Từ đó, đặt ra nhu cầu tìm ra một phương pháp mới để giải quyết hạn chế trên. Đề tài được sử dụng các hàm được hỗ trợ trong bộ thư viện EMGU CV được tích hợp vào ứng dụng Winfrom trên phần mềm visual Studio để xử lý biên dạng của vật thể hai chiều thu được từ camera và khởi tạo file G-code để gởi xuống máy CNC gia công kết quả đề tài đạt được là viết được chương trình xuất G-code trực tiếp từ ứng dụng của thị giác máy tính đồng thời thiết kế được mô hình máy vẽ CNC cơ bản để kiểm tra độ chính xác từ file G-code tạo được từ phần mềm.

3324	Đại học	Thiết kế hệ thống quản lý phòng thí nghiệm - phần 2	Chương Hoàng, Bảo Duy	Nguyễn, Hoàng Dũng	2018-12	Nghiên cứu này trình bày về hệ thống quản lý phòng thí nghiệm tại bộ môn Tự Động Hóa, Khoa Công Nghệ , trường Đại Học Cần Thơ hệ thống được thiết kế dựa trên việc truy xuất thông tin CSDL thông qua quét mã vạch từ thẻ sinh viên. Hệ thống có thể điều khiển đóng mở cửa tự động và lưu trữ lại thông tin của sinh viên đã sử dụng phòng thí nghiệm cũng như những thông tin về thiết bị có ở phòng. Kết quả thực nghiệm cho thấy hệ thống hoạt động ổn định độ chính xác cao giảm thiểu được thời gian công sức thực hiện công tác quản lý phòng thí nghiệm bằng phương pháp thủ công
3325	Đại học	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển động cơ tuyến tính - phần 2	Trần, Văn Giang	Nguyễn, Chánh Nghiệm Võ, Minh Trí	2018-12	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển cho động cơ tuyến tính với chi phí đầu tư ít nhất. Giới thiệu về động cơ tuyến tính cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đặc tính chức năng, vai trò của Driver Accelnet trong đề tài, tìm hiểu về IC TW2 QFN24 chuyển đổi sin/cos thành digital. Nghiên cứu sử dụng phần mềm CME2 để set up điều khiển động cơ tuyến tính. Nghiên cứu kỹ và sâu về đặc tính tín hiệu từ Encoder tuyến tính, khả năng quét chính xác của encoder trên thước quang encoder. Tìm ra chỉ số Resolution encoder điều khiển động cơ tuyến tính. Đề xuất hướng phát triển cho đề tài chế tạo máy CNC 2 trục với động cơ tuyến tính. Kinh nghiệm rút ra, nếu như động cơ tuyến tính của đề tài được đầu tư driver chuyên dụng driver AKD Kollmorgen thì khả năng đi sâu và xa của đề tài là không thể lường trước được vì khi Linear motor kết hợp với AKD thì điều khiển được rất nhiều chế độ, chức năng. Có thể nghĩ đến chế tạo 1 loại Robot với Linear motor

3326	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng mô hình Bardenpho 05 bậc	Nguyễn, Chí Linh Nguyễn, Văn Thiệu	Lê, Hoàng Việt	2018	Nước thải chế biến thủy sản với nồng độ chất hữu cơ, ni-tơ và photpho cao nên cần một công nghệ để xử lý các chất này. Do đó, đề tài “Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng mô hình Bardenpho 5 giai đoạn” được tiến hành để góp phần thúc đẩy việc ứng dụng bể Bardenpho 5 giai đoạn vào thực tiễn, thông qua việc tìm ra các thông số thiết kế và vận hành bể Bardenpho 5 giai đoạn xử lý nước thải chế biến thủy sản. Đề tài được thực hiện ở quy mô phòng thí nghiệm trên mô hình Bardenpho 5 giai đoạn với thể tích công tác là 60 lít. Kết quả nghiên cứu cho thấy với tải nạp chất hữu cơ là 1,54 kgBOD/m³.ngày (tải nạp chất hữu cơ tính theo thể tích hoạt động của bể), tải nạp COD cho ngăn yếm khí là 44,8 kgCOD/m³.ngày, thời gian lưu nước của bể Bardenpho 5 giai đoạn là 8 giờ, nước thải đầu vào có nồng độ COD, BOD₅, TN, TP lần lượt là 933,25±20,67 mg/L; 515,67±25,49 mg/L; 122,49±7,06 mg/L; 18,33±1,25 mg/L, nước thải sau xử lý bằng bể Bardenpho 5 giai đoạn và bể lọc dòng ngược có nồng độ các chất ô nhiễm trên giảm xuống còn 27,53±4,47 mg/L; 12,58±1,05 mg/L; 21,53±1,11 mg/L; 7,30±0,08 mg/L, tất cả các chỉ tiêu theo dõi đều đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (loại A). Khi vận hành với tải nạp chất hữu cơ là 1,83 kgBOD/m³.ngày, tải nạp COD cho ngăn yếm khí là 55,93 kgCOD/m³.ngày, thời gian lưu nước của bể Bardenpho 5 giai đoạn là 7 giờ, nồng độ COD, BOD₅, TN, TP của nước thải đầu vào lần lượt là 998,68±27,49 mg/L; 523,67±32,05 mg/L; 124,13±8,29 mg/L; 17,50±1,47 mg/L, nước thải đầu ra có nồng độ các chỉ tiêu là 50,74±6,73 mg/L; 26,21±1,14 mg/L; 26,14±1,31 mg/L; 8,12±0,30 mg/L, tất cả các chỉ tiêu đều đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (loại A). Nghiên cứu dừng lại ở thời gian lưu nước của bể Bardenpho 5 giai đoạn là 7 giờ vì chỉ tiêu TN và TP đã sắp vượt ngưỡng theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT (loại A) lần lượt là 30 mg/L và 10 mg/L. Như vậy, bể Bardenpho 5 giai đoạn có thể có thể dùng để xử lý nước thải chế biến thủy sản đạt cột A QCVN 11 – MT:2015/BTNMT với những thông số vận hành phù hợp.
------	---------	--	-------------------------------------	----------------	------	--

3327	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng lồng quay sinh học hiếu khí 03 bậc	Lâm, Chí Bảo Phan, Thị Kim Hiền	Lê, Hoàng Việt	2018	Đã có nhiều nghiên cứu để cải tiến đĩa quay sinh học thành lồng quay sinh học để có thể áp dụng vào thực tế mà không phụ thuộc vào nhà sản xuất đĩa. Tuy nhiên, việc nghiên cứu ứng dụng lồng quay sinh học để xử lý nước thải chế biến thủy sản còn ít. Để góp phần thúc đẩy việc ứng dụng lồng quay sinh học vào thực tiễn, thông qua việc tìm ra các thông số thiết kế và vận hành lồng quay sinh học xử lý nước thải chế biến thủy sản, đề tài “Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng lồng quay sinh học hiếu khí ba bậc” được thực hiện ở quy mô phòng thí nghiệm trên mô hình có thể tích hoạt động là 75,75 L, có các lồng quay chứa giá thể K3 ở bậc 1 và bậc 3, Biochip ở bậc 2. Kết quả nghiên cứu cho thấy với tải nạp chất hữu cơ là 2,06 g BOD/m²*ngày (tải nạp chất hữu cơ tính theo diện tích màng sinh học), thời gian lưu nước là 5 giờ, nước thải đầu vào có nồng độ COD, BOD₅, N-NH₄⁺, TP, SS lần lượt là 989,8 mg/L; 506,66 mg/L; 18,73mg/L; 20 mg/L; 124,87 mg/L, nước thải sau xử lý bằng lồng quay sinh học ba bậc và lắng tĩnh 30 phút có nồng độ các chất ô nhiễm trên giảm xuống còn 44,91 mg/L; 21,75mg/L; 6,06 mg/L; 8,23 mg/L; 15,77 mg/L, tất cả các chỉ tiêu theo dõi đều đạt QCVN 11–MT:2015/BTNMT loại A. Khi vận hành với tải nạp chất hữu cơ là 2,4 g BOD/m²*ngày, thời gian lưu nước 4 giờ, nồng độ COD, BOD₅, N-NH₄⁺, TP, SS của nước thải đầu vào lần lượt là 908,97 mg/L; 475,44 mg/L; 17,87 mg/L; 18,35 mg/L; 104,67 mg/L, nước thải đầu ra có nồng độ các chỉ tiêu COD, BOD₅, SS là 68,19 mg/L; 27,14 mg/L; 20,33 mg/L đạt cột A QCVN 11–MT:2015/BTNMT và TP là 10,83 mg/L chỉ đạt cột B trong quy chuẩn. Như vậy, lồng quay sinh học hiếu khí ba bậc có thể dùng để xử lý nước thải chế biến thủy sản đạt cột A QCVN 11 – MT:2015/BTNMT ở thời gian lưu nước 5 giờ và tải nạp chất hữu cơ là 2,06 g BOD/m²*ngày.
3328	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Lâm, Văn Thảo	Nguyễn, Văn Tuyền	2018	Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế lẫn xã hội như hiện nay đã sinh ra rất nhiều dạng ô nhiễm cho môi trường và trong đó nói đến ô nhiễm nguồn nước. Trước thực trạng nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm và vẫn còn nhiều vùng thiếu nước sạch để sử dụng, vấn đề đặt ra ở đây là cần có hệ thống và phương pháp xử lý hợp lý để đáp ứng và phục vụ cho nhu cầu sử dụng nước của người dân với giá thành hợp lý. Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Nghiên cứu dựa trên các phương pháp: lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu đầu vào, tham khảo các tài liệu, QCVN, tiêu chuẩn thiết kế các công trình xử lý nước cấp. Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để lựa chọn phương án tốt nhất để thiết kế. Kết quả là tính toán được các công trình đơn vị, tính giá thành công trình, chi phí vận hành và diện tích xây dựng công trình cho từng phương án đề xuất, sau đó lựa chọn phương án có tính khả thi cao để thực hiện bản vẽ công nghệ cho hệ thống xử lý nước với chất lượng đầu ra đạt QCVN 02: 2009/BYT. Ngoài ra, quá trình tính toán cũng đã chọn các thông số thiết bị và tính toán giá thành xử lý 1 m³ nước.

3329	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Ngô, Minh Thùy	Nguyễn, Văn Tuyền	2018	Trước nhu cầu dùng nước sạch cấp thiết và vẫn còn nhiều vùng thiếu nước sạch để sử dụng, vấn đề đặt ra ở đây là cần có hệ thống và phương pháp xử lý hợp lý để đáp ứng và phục vụ cho nhu cầu sử dụng nước của người dân với giá thành phù hợp. Đề tài “Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Qua công tác lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu đầu vào; tham khảo các tài liệu tham khảo, QCVN, tiêu chuẩn thiết kế các công trình xử lý nước cấp (xem phần Tài liệu tham khảo); quả tính toán được kích thước các công trình đơn vị, giá thành công trình cho từng phương án đề xuất, sau đó sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để lựa chọn một phương án có tính khả thi nhất về mặt kinh tế và kỹ thuật, từ đó thực hiện bản vẽ công nghệ cho hệ thống, với mục tiêu lớn nhất là đem chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 02: 2009/BYT đến người sử dụng.
3330	Đại học	So sánh hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng lọc sinh học sử dụng sỏi nhẹ Keramzit và cát thạch anh	Đinh, Ngọc Hân Nguyễn, Duy Nam	Kim, Lavane	2018	Đề tài “So sánh hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng lọc sinh học sử dụng sỏi nhẹ Keramzit và cát thạch anh”, được nghiên cứu với mục tiêu là so sánh hiệu quả xử lý của hệ thống lọc sinh học sử dụng 2 loại vật liệu là sỏi nhẹ Keeramzit và cát thạch anh đối với nước thải sinh hoạt hộ gia đình. Đề tài được nghiên cứu trên ống nhựa PVC ($\phi=168$ mm), mô hình lọc sinh học sử dụng sỏi nhẹ Keramzit và mô hình lọc sinh học sử dụng cát thạch anh được vận hành song song với nhau và mỗi mô hình được lặp lại 3 lần (3 cột). Nước thải đầu vào được nạp vào hệ thống bằng bơm nhu động 6 kênh từ trên xuống với vận tốc dòng chảy qua tiết diện của cột lọc là 0,1 m/h, lưu lượng nạp nước tương đương cho mỗi cột lọc là 0,0528 m ³ /ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng cột LSH sử dụng sỏi nhẹ Keramzit cho hiệu quả xử lý tốt hơn cột LSH sử dụng cát thạch anh. Phần trên của hệ thống lọc sinh học giữ vai trò quan trọng trong quá trình loại bỏ các chất ô nhiễm trong nước thải. Kết quả nghiên cứu cho thấy sỏi nhẹ Keramzit có thể mang lại hiệu quả tốt hơn khi được sử dụng làm vật liệu đệm trong hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp lọc.

3331	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và khả năng xử lý nước thải từ túi ủ Biogas của bèo tai tượng (Pistia Stratiotes)	Nguyễn, Hoài Phương	Nguyễn, Võ Châu Ngân	2018	Thí nghiệm được thực hiện để kiểm tra tốc độ sinh trưởng (sinh khối bèo) và khả năng xử lý nước thải biogas của bèo tai tượng (<i>Pistia stratiotes</i>). Thu mẫu và phân tích các chỉ tiêu của quá trình thí nghiệm (pH, TSS, COD, BOD5, TN, Coliform) để đánh giá hiệu suất xử lý của mô hình, trong quá trình thí nghiệm các thông số theo dõi được so sánh với QCVN 62 MT:2016/BTNMT. Thu mẫu và phân tích chỉ tiêu NH4+, PO43- để đánh giá khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng và khả năng sinh trưởng của cây bèo tai tượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Chỉ tiêu pH của 4 nghiệm thức dao động trong khoảng 6,76 - 8,72; đạt loại A QCVN 62-MT:2016/BTNMT. Kết quả xử lý TSS của 4 nghiệm thức đạt khá cao, hiệu suất đạt được lần lượt là 98,44%; 96,88%; 93,75%; 93,75% của các nghiệm thức tương ứng là A, B, C, ĐC; đạt loại A QCVN 62-MT:2016/BTNMT. Kết quả xử lý BOD của 3 nghiệm thức nuôi bèo khá cao, hiệu suất lần lượt là 85%; 83,02%; 79,65% của các nghiệm thức A, B, C. Còn nghiệm thức ĐC hiệu suất chỉ đạt 55,82%; đạt loại A QCVN 62-MT:2016/BTNMT
------	---------	---	---------------------	----------------------	------	--

3332	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải ngành sản xuất thuốc thú y bằng công nghệ hóa lý	Lý, Văn Thống Trương, Hải Đình	Phan, Thanh Thuận	2018	Đề tài nghiên cứu này là nhằm đánh giá hiệu quả loại bỏ một số chỉ tiêu lý – hóa trong nước thải ngành sản xuất thuốc thú y bằng mô hình ozone hóa kết hợp cột lọc than hoạt tính gồm: một máy Ozone Lin8 pro trọng lượng 1,3 kg, kích thước 280x210x85mm, máy có công suất 25W cùng nồng độ ozone 400 – 450 mg/m³; một cột lọc cao 1,4m với một lưới inox lót ở đáy, lớp sỏi đỡ cao 0,2m và lớp than hoạt tính cao 0,7m. Mục tiêu chính của đề tài là đánh giá hiệu quả xử lý của mô hình ozone hóa kết hợp lọc than hoạt tính đối với nước thải ngành sản xuất thuốc thú y, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công đoạn xử lý sinh học phía sau. Nghiên cứu được tiến hành gồm hai thí nghiệm Thí nghiệm 1: Ozone hóa để xác định thời gian sục ozone hiệu quả. Nước thải từ nhà máy đưa về phòng thí nghiệm. Lắp máy và tiến hành sục ozone. Sục ozone nước thải với ba mức thời gian 10 phút, 20 phút và 30 phút. Sau khi sục để lắng 30 phút. Kết quả xử lý của quá trình ozone hóa và lắng hiệu quả nhất là 30 phút cho mỗi công đoạn: BOD₅ có hiệu suất xử lý là 45,58% - 55,67% (giảm từ 257,75 mg/L còn 114,25 mg/L), còn COD có hiệu suất xử lý là 46,75% - 60,67% (từ 481,08 mg/L giảm còn 189,19 mg/L) và tỉ lệ BOD₅/COD được cải thiện từ 0,4 lên trên 0,5. Thí nghiệm 2: Nước thải sau khi được sục ozone 30 phút, lắng 30 phút tiếp tục cho qua cột lọc than hoạt tính. Thí nghiệm được lặp lại ba lần và tổng hợp số liệu, kết quả đạt được như sau: Hiệu suất trung bình loại bỏ nhu cầu oxy sinh hóa BOD₅ đạt từ 63,03 – 87,17% (giảm từ 678 mg/L còn 87 mg/L); Nhu cầu oxy hóa học COD từ 78,95 – 89,65% (từ 1440 mg/L giảm còn 149 mg/L); Độ đục là 99,29 – 99,43% (độ đục từ 1808 NTU giảm còn 10,35 NTU); Tổng chất rắn lơ lửng TSS từ 78,57 – 88,24% (giảm từ 34 mg/L còn 4 mg/L); Tổng ni-tơ Kjeldahl TKN từ 77,39 – 89,45% (từ 61,8 mg/L giảm còn 6,52 mg/L); Tổng coliforms gần như tuyệt đối 100% (từ đầu vào có giá trị 4,8 10⁵ MPN/100ml sau xử lý không phát hiện) và nồng độ oxy hòa tan DO tăng từ 1,3 mg/L lên 3,1 mg/L. Từ kết quả thí nghiệm đạt được vận dụng đề xuất quy trình xử lý nước thải thực tế cho nhà máy với quy mô công suất 10 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý bằng quy trình công nghệ được đề xuất đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
------	---------	--	---------------------------------------	-------------------	------	---

3333	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước dưới đất cho phường An Khánh, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phúc Sang Nguyễn, Minh Toàn	Nguyễn, Văn Tuyền	2018	Môi trường sống ngày càng bị ô nhiễm do các hoạt động sản xuất của con người và sự xâm nhập mặn của nước biển. Trong đó nguồn nước mặt bị ảnh hưởng nghiêm trọng làm cho nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất ngày càng suy giảm dẫn đến thiếu hụt nguồn nước sạch sử dụng. Từ nguyên nhân trên, việc tìm kiếm các nguồn nước khác thay thế là điều cấp bách và cần thiết. Ngoài sử dụng nguồn nước mặt cấp nước sinh hoạt còn kết hợp thêm khai thác nguồn nước dưới đất. Ở Việt Nam chủ yếu sử dụng nước mặt cho hệ thống cấp nước nhưng vẫn còn những nơi hệ thống cấp nước sạch chưa thể đưa đến hộ dân hay chưa được xây dựng hệ thống cấp nước sạch. Chẳng hạn như ở những vùng đồi núi, gần vùng biển bị xâm nhập mặn nước cấp cho sinh hoạt chủ yếu là sử dụng nước dưới đất. Từ đó việc xây dựng hệ thống xử lý nước dưới đất được tiến hành, cụ thể ở phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ có 87% người dân được cấp nước sinh hoạt còn lại 13% người dân chưa được cấp nước sinh hoạt. Vì thế đề tài “ Thiết kế hệ thống xử lý nước dưới đất cho phường An Khánh, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ” được thực hiện để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt. Thời gian thực hiện đề tài từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018. Đề tài thực hiện lấy mẫu nước phân tích đầu vào theo QCVN 09/2015/BTNMT, từ đó đưa ra 3 phương án, chọn phương án khả thi nhất thực hiện thiết kế hệ thống xử lý thông qua cho điểm gia quyền dựa vào diện tích, chi phí xây dựng, chi phí vận hành và thiết bị. Sau đó thực hiện tính toán công trình đơn vị, bản vẽ công nghệ, định giá thành công trình và giá thành xử lý 1m3 nước cấp.
3334	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thanh Điền	Nguyễn, Văn Tuyền	2018	Nước sạch để sử dụng ngày một khan hiếm. Ngày nay, với sự phát triển của Khoa học – Kỹ thuật, gắn liền với nền công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm. Nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng nhưng khu vực xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nhiều năm qua vẫn chưa có nguồn nước sạch để sử dụng. Hiện nay vẫn còn khoảng 30% dân số chưa có nước sạch để sử dụng. Vì vậy mà đề tài “ Thiết kế hệ thống cấp cho xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện. Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2018. Dựa vào các chỉ tiêu phân tích pH, DO, BOD, COD, đo đục,...theo QCVN 08- MT/2015:BTNMT về chất lượng nước mặt của sông Tiền cùng với sử dụng các phương pháp xử lý như: Phân tích mẫu, tính toán các công trình đơn vị, gia quyền phương án và các phần mềm hỗ trợ (Excel, Word, AutoCad) để thực hiện thiết kế. Kết quả của quá trình nghiên cứu là phân tích được nguồn nước và đánh giá so sánh với QCVN 08 – MT:2015/BTNMT, tính toán các công trình đơn vị và chọn lựa qui trình công nghệ phù hợp và khả thi nhất, thực hiện bản vẽ công nghệ hoàn chỉnh và tính toán được giá thành công trình và giá thành nước cấp của hệ thống.

3335	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp tại cồn Tích Phước xã Tích Thiện huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Dương Linh Dương, Thị Huyền Ngân	Nguyễn, Văn Tuyền	2018	Do nhu cầu sử dụng nước hợp vệ sinh và tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới để đảm bảo sức khỏe của người dân. Từ đó, đề tài “Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp tại cồn Tích Phước xã Tích Thiện huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 để giải quyết tình trạng thiếu nước sạch của người dân. Để đạt mục tiêu trên đề tài sử dụng các phương pháp như sau: Thu thập tài liệu, tham khảo các tài liệu, QCVN, tiêu chuẩn thiết kế các công trình xử lý nước cấp. Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để lựa chọn phương án tốt nhất để thiết kế. Kết quả đã đề xuất công nghệ và lựa chọn phương án có tính khả thi, tính toán các công trình đơn vị, bản vẽ công nghệ hoàn chỉnh xử lý nước cấp để chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 02:2009/BYT, định giá thành công trình và giá thành xử lý 1m3 nước cấp.
3336	Đại học	Khảo sát và đánh giá hiệu quả xử lý nước ngầm bằng công nghệ Plasma lạnh	Trần, Văn Hậu Đặng, Thành Thức	Phạm, Văn Toàn	2018	Nguồn nước sạch đóng vai trò rất quan trọng trong mọi mặt của đời sống và trong sản xuất của chúng ta. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nước dưới đất đang ngày càng suy giảm về số lượng và chất lượng. Vì thế con người cần phải biết cách xử lý các nguồn nước ngầm để đáp ứng cả về chất lượng lẫn số lượng cho sinh hoạt hằng ngày và sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Một công nghệ còn mới mẻ và ít được nghiên cứu đến đó là plasma, ứng dụng của công nghệ đã và đang được nghiên cứu để ứng dụng trong lĩnh vực xử lý nước trong những năm gần đây, công nghệ có hiệu quả cao trong khâu diệt và bất hoạt vi sinh vật. Mô hình xử lý nước ngầm bằng công nghệ plasma có thể xử lý được nước ngầm nhiễm các kim loại nặng như: sắt, asen, flo,... và các chỉ tiêu vi sinh như: coliform, E.coli. Hệ thống được đặt tại hiện trường để xử lý trực tiếp nguồn nước ngầm tại khu vực để cấp nước sạch cho người dân sử dụng. Qua kết quả phân tích đầu vào tại giếng khoan của người dân tại khu vực ấp Tích Khánh, xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long với các chỉ tiêu pH, độ đục, tổng sắt, độ cứng, coliform, thì kết quả như sau: sắt tổng số vượt 2,99 lần so với QCVN 09-MT:2015/BTNMT, coliform không phát hiện. Chất lượng nước sau khi xử lý đạt QCVN 02:2009/BYT; với hiệu suất xử lý là sắt tổng: 76,1%, độ đục: 83,5 %, độ cứng: 4,1%, pH: tăng không đáng kể, từ 7,1 lên 7,7. Với chi phí đầu tư là 22.861.000 VNĐ và lợi nhuận 2.235.613 VNĐ/năm. Cho thấy hệ thống hoàn toàn khả thi về mặt kinh tế người dân có thể sử dụng rộng rãi.
3337	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng công nghệ lên men yếm khí kết hợp với lõi lọc sinh học bằng sợi polypropylen	Nguyễn, Thị Thảo Dương, Bảo Chân	Kim, Lavane	2019-05	
3338	Đại học	So sánh hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng lọc sinh học kỵ khí giá thể lơ lửng sử dụng sỏi nhẹ Keramzit, than hoạt tính và giá thể K3	Khương, Văn Nhứt Nông Đỗ, Hồng Thái	Kim, Lavane	2019-05	

3339	Đại học	So sánh hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng đất ngập nước nhân tạo có dòng chảy ngang và dòng chảy đứng sử dụng xỉ than tổ ong	Phạm, Thị Thanh Nhi Huỳnh, Thị Kim Tho	Kim, Lavane	2019-05	
3340	Đại học	So sánh hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng lọc sinh học nhỏ giọt và ngập nước sử dụng giá thể Jmat	Danh, Ngọc Thương Lâm, Quỳnh Như	Kim, Lavane	2019-05	
3341	Đại học	"Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải khu công nghiệp tập trung bằng công nghệ AAO"	Nguyễn, Hoàng Tuấn Thái, Thị Thanh Tiên	Kim, Lavane	2019-05	
3342	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên hiệu quả xử lý của nước thải thủy sản bằng phương pháp sinh học	Đào, Thị Hồng Đoan Nguyễn, Hoàng Quốc Anh	Kim, Lavane	2019-05	
3343	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải giết mổ heo bằng mô hình bể USBF	Đoàn, Huỳnh Như Trần, Kim Yến	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3344	Đại học	Tiền xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ Air Stripping kết hợp Fenton điện hóa	Huỳnh, Tấn Sang Huỳnh, Tuấn Khiêm	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3345	Đại học	Sử dụng bể A2/O - USBF để xử lý nước thải sinh hoạt	La, Vĩ Đạt Võ, Trương Thúy Anh	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3346	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ UCT	Nguyễn, Thị Huỳnh Anh Lý, Trọng Nhân	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3347	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt của bể MBR ở các nồng độ MLVSS khác nhau	Phạm, Thị Tuyết Nhi Nguyễn, Mỹ Trinh	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3348	Đại học	Đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải Công ty Cổ phần Thủy sản Hà Nội - Cần Thơ	Huỳnh, Thị Kim Ngân Trần, Huỳnh Kim Phụng	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3349	Đại học	"Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng công nghệ AAO-MBR"	Lê, Anh Thư Nguyễn, Minh Thư	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3350	Đại học	Cải tiến hệ thống lọc sinh học (sử dụng sỏi nhẹ Keramzit và cát thạch anh) để nâng cao hiệu quả loại bỏ chất dinh dưỡng	Phạm, Phước Tân Hồ, Quân Đạt	Kim, Lavane	2019-05	
3351	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải bia bằng công nghệ UNITANK	Nguyễn, Thị Tuyết Trinh Lê, Vũ Cẩm Tú	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	

3352	Đại học	Đánh giá hiệu suất xử lý nước thải lò giết mổ bằng phương pháp keo tụ điện hóa kết hợp với bể USBF	Phạm, Thị Thu Hà Trương, Thị Bé Quyên	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3353	Đại học	Xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể lọc sinh học hiếu ngập nước	Mai, Hữu Đạo Trần, Minh Tàn	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3354	Đại học	Xử lý nước thải lò giết mổ bằng phương pháp mbbr kết hợp keo tụ .	Ngô, Thị Mỹ Hạnh Thạch, Thị Kim Ngân	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3355	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng bể MBBR hiếu khí và bể MBBR thiếu khí kết hợp với màng lọc	Trần, Thị Cẩm Quyên Nguyễn, Thanh Trung	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3356	Đại học	Đánh giá và so sánh hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng cột lọc sinh học nhỏ giọt với giá thể kaldnes K1 và hạt khía	Hồ, Thị Yến Nhi Nguyễn, Thị Thu Ngân	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3357	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng oxy hóa nâng cao AOPs bằng quá trình Peroxone để tiền xử lý nước thải mực in	Phan, Tú Nguyên Đoàn, Thị Ngọc Đây	Kim, Lavane	2019-05	
3358	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải thủy sản bằng Bể UNITANK	Phạm, Thị Thùy Linh Hồ, Quốc Vinh	Lê, Hoàng Việt	2019-05	
3359	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải nông sản bằng lọc yếm khí kết hợp lọc hiếu khí trên giá thể K3	Nguyễn, Thị Lan Chi Nguyễn, Thị Yến Nhi	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3360	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải nông sản bằng keo tụ tạo bông kết hợp với bể USBF	Lê, Thị Kim Cương Nguyễn, Khánh Ngọc	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3361	Đại học	So sánh khả năng xử lý nước thải sản xuất thuốc BVTV bằng quá trình Keo tụ - lắng kết hợp Fenton/Ozone và Fenton/Oxalate	Nguyễn, Huỳnh Như Phạm, Đức Tài	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3362	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải bia bằng công nghệ yếm khí kết hợp bể bùn hoạt tính truyền thống	Nguyễn, Nhật Trường Hồ, Quốc Vinh	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3363	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng bể SBR dòng vào liên tục xử lý nước thải sinh hoạt	Phan, Thị Thúy Hằng Thái, Thị Ngọt	Phan, Thanh Thuận Huỳnh, Long Toàn	2019-05	
3364	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho xã Lương Tâm, Long Mỹ, Hậu Giang	Trần, Thị Kim Liên	Nguyễn, Văn Tuyền	2019-05	

3365	Đại học	Khảo sát và đánh giá hiệu suất xử lý nước thải ao nuôi cá lóc bằng phương pháp kết hợp	Trần, Hoàng Lan Anh Lý, Trịnh Khang	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3366	Đại học	Nghiên cứu và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải sản xuất thuốc BVTV bằng hệ thống đất ngập nước kiến tạo cho công ty thuốc sát trùng Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Dương Trần, Văn Hoàng	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3367	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải sản xuất thuốc BVTV bằng phương pháp keo tụ kết hợp hấp phụ của than hoạt tính	Trần, Nhựt Sĩ Đương, Hoàng Tâm	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3368	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải lò giết mổ bằng mô hình hệ thống đất ngập nước nhân tạo	Nguyễn, Thị Thu Em Huỳnh, Thị Kim Ngân	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3369	Đại học	Ứng dụng công nghệ plasma kết hợp với keo tụ tạo bông để xử lý nước thải thuốc BVTV của công ty CPC Cần Thơ	Triệu, Công Danh Từ, Thị Nguyễn Ngọc	Phạm, Văn Toàn	2019-05	
3370	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp cho xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Lưu, Tiểu Huỳnh	Nguyễn, Văn Tuyền	2019-05	
3371	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Trà Nóc, công suất 6000m3/ngày.đêm, giai đoạn 2	Trần, Minh Thuận Trần, Tấn Phong	Nguyễn, Văn Tuyền	2019-05	
3372	Đại học	Sử dụng trùn quế xử lý rác thải hữu cơ kết hợp tháp rau qui mô hộ gia đình	Phù, Vĩnh Phước Trần, Sĩ Khoa	Nguyễn, Trường Thành	2019-05	
3373	Đại học	Khảo sát mật độ vi sinh vật có trong mẻ ủ compost hiếu khí thông khí tự nhiên	Phạm, Lê Nhựt Hào Nguyễn, Quốc Thái	Nguyễn, Trường Thành	2019-05	
3374	Đại học	Khảo sát, đánh giá và cải tiến lò đốt CTR sinh hoạt ở vùng nông thôn	Nguyễn, Thành Nguyên Huỳnh, Minh Thoại	Nguyễn, Trường Thành	2019-05	
3375	Đại học	Đánh giá hiệu quả của mô hình xử lý bụi quy mô phòng thí nghiệ "	Phan, Ngọc Đây Nguyễn, Thanh Bình	Nguyễn, Trường Thành	2019-05	

3376	Đại học	ỨNG DỤNG TÌM KIẾM VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN TRÊN ĐTDĐ (Phân hệ người dùng)	Trần, Bá Long	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Quản lý và tìm kiếm sự kiện trên thiết bị di động” được chia ra làm hai phân hệ là quản trị và người dùng. Sự kiện do chính người dùng tạo ra, phê duyệt đăng ký và điểm danh khi tham gia sự kiện thuộc phân hệ quản trị. Phần người dùng thì ứng dụng cung cấp tính năng tìm kiếm, xem chi tiết và đăng ký tham gia các sự kiện sắp diễn ra xung quanh chúng ta. Ứng dụng được phát triển trên nền tảng Android dành cho điện thoại di động, sử dụng ngôn ngữ JavaScript với hai Framework chủ yếu là React Native dành cho việc xây dựng ứng dụng di động và Nodejs dành cho việc xây dựng web service theo cấu trúc RESTful API kết hợp với cơ sở dữ liệu Mongo. Đây là hai trong những Framework phổ biến, dễ sử dụng và có cộng đồng hỗ trợ lớn cũng như thư viện rất đa dạng. Các chức năng được cung cấp trong ứng dụng ngoài việc giúp người dùng tìm kiếm, xem thông tin hay đăng ký tham gia sự kiện mà mình thích, họ còn có thể tạo một sự kiện cho riêng mình, sự kiện đã tạo được đánh dấu trên bản đồ Google để người người dùng khác có thể thấy và đăng ký dễ dàng, người chủ sự kiện có thể phê duyệt đăng ký để chấp nhận hoặc từ chối một người tham gia. Ứng dụng được cài đặt trực tiếp trên điện thoại, chỉ cần kết nối Internet thì việc tìm kiếm và quản lý sự kiện trở nên trong tầm tay.
3377	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN PHÂN BÓN HỮU CƠ	Lê, Bảo Anh	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website thương mại điện tử bán phân bón hữu cơ” là website được thiết kế nhằm cung cấp các chức năng dành cho hai loại người dùng khác nhau là quản trị viên và khách hàng. Tùy theo loại người dùng mà hệ thống sẽ cung cấp những chức năng và giao diện phù hợp. Nếu người dùng là quản trị viên sẽ có các chức năng quản lý toàn bộ thông tin của hệ thống như quản lý tài khoản thành viên, sản phẩm, bài viết, khuyến mãi, đơn hàng và thống kê doanh thu của hệ thống. Người dùng là khách hàng sẽ có thể thực hiện các chức năng như tìm kiếm sản phẩm, đặt hàng, nhận xét sản phẩm, quản lý giỏ hàng, mua hàng và thanh toán trực tuyến thông qua thẻ visa. Website được cài đặt bằng MERN (MongoDB, ExpressJS, ReactJS, NodeJS). Bên cạnh đó, còn có framework Materialize, thư viện JQuery hỗ trợ cho việc thiết kế giao diện tương thích với mọi kích thước màn hình của các thiết bị. “Website thương mại điện tử bán phân bón hữu cơ” hiện đã là website với đầy đủ tính năng như một hệ thống website bán hàng hoàn chỉnh. Tuy nhiên, website vẫn còn thiếu tính bảo mật, giao diện đơn giản. Hướng phát triển của đề tài là hướng website trở thành một website bán hàng chuyên nghiệp và tích hợp mã QR để cung cấp dịch vụ và chất lượng tốt nhất đến khách hàng.

3378	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN BÁNH PIZZA	Nguyễn, Đại Lợi	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Gustoso Pizza là trang web thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng mua bánh pizza trực tuyến ngay tại nhà. Trang web được thiết kế với giao diện bắt mắt, dễ sử dụng. Khách hàng khi truy cập vào trang web có thể: xem thông tin bánh, tham khảo giá bánh và tìm kiếm bánh. Công nghệ zoom hình ảnh cho phép khách hàng tiếp cận với sản phẩm một cách chân thật nhất, bên cạnh đó trang web còn hỗ trợ tính năng đánh giá và bình luận sản phẩm. Gustoso Pizza hướng tới phân khúc khách hàng là dân văn phòng, giới trẻ không có quá nhiều thời gian rảnh để ra cửa hàng, trang web có tích hợp công nghệ Paypal vào quy trình thanh toán, giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. Gustoso Pizza được quản lý dưới hai phân quyền chính là: Admin và Nhân viên hệ thống, có chức năng quản lý thông tin khách hàng, duyệt đơn hàng, duyệt đánh giá và thêm mới khuyến mãi. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.6 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, bên cạnh đó trang web còn tích hợp công nghệ Bootstrap và Resposive vào giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng cả trên máy tính lẫn điện thoại di động.
3379	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ YÊU CẦU SỬA CHỮA MÁY TÍNH	Huỳnh, Hoài Thơ	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Hệ thống bao gồm ba nhóm người dùng với các chức năng như sau: nhóm người dùng là khách hàng có thể quản lý thông tin cá nhân, gửi yêu cầu sửa chữa thiết bị, xem lịch sử gửi yêu cầu, đánh giá đơn hàng và góp ý hoàn thiện hệ thống, sau khi tiến hành gửi yêu cầu, hệ thống sẽ thông báo trực tuyến cho khách hàng về thông tin chi phí sửa chữa, thời gian nhận và giao sản phẩm. Nhóm người dùng là nhân viên có chức năng quản lý tài khoản, đơn đặt hàng, thông tin khuyến mãi và những đánh giá của khách hàng đồng thời phân loại yêu cầu và thuộc tính sửa chữa sản phẩm, sau khi có yêu cầu gửi sửa chữa thiết bị, nhân viên sẽ tiến hành xem xét và duyệt yêu cầu cho người dùng đồng thời tiến hành định giá và thông báo cho khách hàng. Nhóm người dùng là người quản trị có quyền cao nhất trong hệ thống bao gồm các chức năng của nhân viên. Ngoài ra còn có những chức năng khác như: quản lý phân quyền, thống kê doanh thu theo quý, theo năm. Hệ thống được xây dựng kết hợp với những công nghệ mới như sử dụng Framework Laravel, được lập trình từ ngôn ngữ HTML, CSS, PHP kết hợp với Bootstrap, Javascript, Ajax, AngularJS sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.

3380	Đại học	WEBSITE HỖ TRỢ DU LỊCH EASYTRAVEL	Phan, Ái Ngọc	Võ, Huỳnh Trâm	2019	“Website hỗ trợ du lịch - EasyTravel” được xây dựng cho 3 nhóm người dùng là quản trị viên, chủ dịch vụ và khách du lịch với các chức năng riêng biệt. Nhóm quản trị viên xây dựng website, quản lý website dựa trên việc quản lý các tài khoản người dùng, đồng thời theo dõi cách thức vận hành của website để sửa chữa kịp thời những vấn đề thực tiễn, cũng như liên tục cập nhật những tính năng mới nhằm giúp website phát triển một cách toàn diện. Đối với nhóm chủ dịch vụ, họ được cung cấp chức năng như đăng tải các dịch vụ sẵn có, quản lý lượt bình luận, lượt yêu thích, quản lý đơn đặt hàng và thống kê doanh thu. Nhóm đối tượng cuối cùng là khách du lịch có thể truy cập vào website để xem thông tin về các địa điểm du lịch, nhà hàng, khách sạn. Đồng thời, du khách có thể tiến hành đặt vé cho một khu du lịch nào đó, đặt phòng khách sạn, đặt bàn ăn và các món ăn yêu thích ở một nhà hàng đáp ứng nhu cầu của họ thông qua phần đánh giá dịch vụ từ những du khách đã trải nghiệm trước đó và có thể để lại đánh giá của mình sau khi sử dụng dịch vụ. Ngoài ra, website còn được tích hợp Google Maps giúp du khách xác định được vị trí hiện tại và đồng thời hiển thị các địa điểm du lịch, nhà hàng, khách sạn tại một thành phố. Website được xây dựng bằng cách kết hợp của các công nghệ như Framework Spring MVC, JSP; được lập trình bằng ngôn ngữ Java, HTML kết hợp với Javascript, JQuery, Ajax, Bootstrap nhằm hỗ trợ khả năng hiển thị tốt trên mọi thiết bị; dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Spring Data JPA. Đặc biệt, website áp dụng thiết kế phẳng vào giao diện nhằm tạo cảm giác thoải mái và sự thân thiện cho người dùng. “Website hỗ trợ du lịch EasyTravel” hoàn thành tương đối các chức năng cơ bản để có thể triển khai ứng dụng thực tế, đảm bảo tốt các yêu cầu của người sử dụng. Trong tương lai hệ thống sẽ được phát triển thêm các chức năng như trò chuyện trực tiếp giữa khách du lịch và chủ dịch vụ, mở rộng phạm vi hỗ trợ cho cả du lịch nước ngoài, ... Đặc biệt, website sẽ được phát triển trên nền tảng di động Android và iOS giúp người dùng dễ dàng sử dụng ở mọi nơi.
------	---------	--------------------------------------	---------------	----------------	------	--

3381	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH ĐỒNG HỒ TRỰC TUYẾN (SIÊU ĐỘC)	Bùi, Quân Đạt	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Cách mạng khoa học - kỹ thuật 4.0 đã và đang mang đến những biến chuyển to lớn trên toàn thế giới. Nó tác động đến mọi mặt đời sống xã hội hiện đại, trong đó có lĩnh vực thương mại. Thương mại điện tử đang dần dần thay đổi ý thức người tiêu dùng, để đáp ứng nhu cầu của thời đại mới, việc phát triển một website thương mại điện tử là vô cùng cần thiết. Do đó, “Website kinh doanh đồng hồ trực tuyến Siêu độc” ra đời, nó mang lại cơ hội kinh doanh dễ dàng cho nhà bán hàng và sự thuận tiện cho người mua hàng. Được xây dựng trên nền tảng ngôn ngữ java với hai framework mạnh mẽ hỗ trợ là: Spring để xây dựng ứng dụng web và Hibernate để kết nối cơ sở dữ liệu, đồ án này hứa hẹn sẽ mang đến nhiều kiến thức và kinh nghiệm về lập trình java. Đối với phía người dùng, website cung cấp hai nhóm chức năng, phục vụ cho cả nhà bán hàng và người mua hàng. Hệ thống cho phép nhà bán hàng thực hiện các quy trình kinh doanh tiêu chuẩn như thêm, xóa, sửa sản phẩm, hóa đơn và bài viết, ngoài ra điểm nhấn của hệ thống là cho phép quản trị website bán hàng, cho phép thay đổi nội dung hiển thị: menu, footer và cả hình ảnh quảng bá, thay đổi ngành hàng kinh doanh, thêm và cấu hình cho ngành hàng mới. Người mua dễ dàng xem chi tiết sản phẩm, chọn mua, thanh toán và đánh giá sản phẩm một cách dễ dàng. Hơn nữa, hệ thống còn tích hợp hình ảnh tự xoay 360 độ mô tả ba chiều cho sản phẩm và thanh toán online với ví điện tử Paypal, người mua có thể cảm nhận chân thật sản phẩm và thanh toán bằng ví điện tử khi mua sản phẩm trên website. Hệ thống đã hoàn thành tốt các yêu cầu đề ra lúc ban đầu, có thể triển khai ngay trong điều kiện thực tế, đáp ứng tốt nhu cầu người sử dụng. Trong tương lai, hệ thống sẽ được phát triển và tích hợp chat box hỗ trợ trực tuyến, trí tuệ nhân tạo để đề xuất khuyến nghị mua hàng và công nghệ thực tế ảo để mô phỏng tay người dùng khi đeo sản phẩm. Đây là những hướng phát triển đầy hứa hẹn trong tương lai.
3382	Đại học	HỆ THỐNG TƯỚI NHỎ GIỌT LUỒNG TRONG NHÀ MÀNG	Trần, Minh Thân	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	Đề tài tập trung nghiên cứu quy trình tạo ra một sản phẩm công nghệ thông tin dựa trên các công nghệ về phần cứng: Raspberry, Arduino, Esp8266; các công nghệ về phần mềm: NodeJS, Socket.io, Json, C, C++, PHP, Mysql, HTML, CSS, Javascript; Sử dụng các công cụ phần mềm Sublime Text, Xampp, Arduino IDE, PhpMyadmin, Power Design, Star UML; các thư viện và framework hỗ trợ: Express, JQuery, Bootstrap.

3383	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐẶT MÓN TRỰC TUYẾN	Nguyễn, Quốc Anh	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website cung cấp dịch vụ đặt món ăn trực tuyến” là website được thiết kế nhằm cung cấp chức năng dành cho người dùng như quản trị viên, doanh nghiệp, khách hàng và người giao hàng. Quản trị viên có các chức năng quản lý hệ thống như là quản lý tài khoản, loại cửa hàng, loại sản phẩm, khuyến mãi, đơn hàng, và thống kê doanh thu. Doanh nghiệp có quản lý về cửa hàng bao gồm quản lý về sản phẩm, đơn hàng và thống kê doanh thu của cửa hàng. Khách hàng có chức năng tìm kiếm cửa hàng, đặt hàng, nhận xét cửa hàng, và các chức năng cơ bản của người dùng như quản lý thông tin cá nhân, lịch sử mua hàng và cửa hàng yêu thích. Cuối cùng, Người giao hàng có chức năng hoàn tất đơn hàng và quản lý đơn hàng của mình. Website được thực hiện trên nền tảng công nghệ tối ưu về phát triển website là framework Ruby on Rails và các ngôn ngữ framework Materialize, thư viện JQuery,... nhằm hỗ trợ về mặt tối ưu giao diện và chức năng dành cho giao diện website và điện thoại. Website cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến một cách thông minh với khả năng thanh toán bằng visa trực tuyến mà chỉ cần có internet là có thể thanh toán được.
3384	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN GIÀY DÉP TÍCH HỢP MÃ QR	Võ, Trọng Nghĩa	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website thương mại điện tử bán giày dép tích hợp mã QR” được xây dựng nhằm quản lý thông tin của sản phẩm, các chương trình khuyến mãi, quản lý đơn hàng, quản lý thông tin của nhân viên cũng như thông tin khách hàng, quản lý tin tức, đặt hàng, nhằm đem đến cho người dùng có trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng website. “Website thương mại điện tử bán giày dép tích hợp mã QR” được xây dựng dựa trên ngôn ngữ lập trình web PHP, thư viện JavaScript JQuery và Bootstrap đây là những ngôn ngữ và thư viện quen thuộc với nhiều người, phát triển dễ dàng giúp cho website thân thiện, đẹp mắt với người dùng, bên cạnh đó chúng còn giúp cho website có thể tùy biến phù hợp với nhiều môi trường khác nhau như trình duyệt web, di động... “Website thương mại điện tử bán giày dép tích hợp mã QR” được xây dựng nhằm hỗ trợ người dùng có thể tìm kiếm thông tin sản phẩm, quản lý thông tin cá nhân, đặt hàng, quản lý thông tin đơn hàng, thanh toán trực tuyến, quét mã qrcode. Ngoài ra website còn cung cấp cho người quản trị một trình quản lý với giao diện thân thiện, dễ sử dụng. Chỉ cần có kết nối internet dù là di động hay máy tính, ở miền quê hay thành thị đều có thể sử dụng “Website thương mại điện tử bán giày dép tích hợp mã QR”.

3385	Đại học	HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Phạm, Ngọc Long Phi	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Hệ Thống Thương Mại Điện Tử Bán Thiết Bị Di Động” đã ra đời. Được phát triển dựa trên nền tảng Laravel Framework 5.1.1. Sử dụng MySQL để lưu trữ dữ liệu và Localhost để demo hệ thống thông qua Xampp. Bên cạnh đó, Bootstrap và công nghệ Responsive cũng được sử dụng nhằm giúp hệ thống tương thích với nhiều kích cỡ màn hình khác nhau. Ngoài các chức năng cơ bản cần có của một website thương mại điện tử như: Xem sản phẩm, chi tiết sản phẩm, lọc, tìm kiếm, đánh giá sản phẩm, đặt hàng, ... thì các chức năng khác như thanh toán trực tuyến thông qua Paypal, xem video về sản phẩm với chất lượng cao cũng được sử dụng và phát triển nhằm giúp cho trải nghiệm của người dùng được nâng cao hết mức có thể.
3386	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ QUÁN THỜI GIAN THỰC CÙNG GOOGLE FIREBASE VÀ NUXT.JS	Tạ, Ngọc Thanh	Huỳnh, Quang Nghi	2018	Phần mềm gồm 3 quyền cơ bản cho người dùng: admin, nhân viên phục vụ và nhân viên pha chế. Một ví dụ cho sự tương tác, giữa nhân viên phục vụ và nhân viên pha chế, qua việc gửi món chưa qua chế biến từ nhân viên phục vụ đến nhân viên pha chế, và ngược lại với món đã chế biến. Sự tương tác này tiết kiệm thời gian và công sức, cũng như nguồn lực sử dụng để thực hiện thao tác đặt món này. Đã có nhiều luận văn có đề tài tương tự, nhưng với việc sử dụng framework Nuxt.js (Universal Vue.js Applications) kết hợp với công cụ oogle Firebase (Authentication, Realtime Database), sẽ tạo nên sự khác biệt với các dự án khác khi sử dụng hay khi lập trình.
3387	Đại học	HỆ THỐNG ĐIỀU TIẾT KHÔNG KHÍ NHÀ MÀNG	Võ, Thành Trung	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	“Hệ thống điều tiết không khí nhà màng” ra đời nhằm mục đích xây dựng hệ thống nhà màng thông minh với hệ thống điều tiết không khí tiên tiến, giúp người vận hành giám sát và dễ dàng thực hiện các hành động điều khiển từ xa giúp không khí nhà màng tươi tắn, phù hợp với cây trồng.
3388	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH CHO CÔNG TY GÀ LONG BÌNH (Phân hệ client)	Nguyễn, Quang Huy	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	Website được thiết kế phải có các trang giới thiệu về công ty gà Long Bình, trang khuyến mãi, trang về các sự kiện, trang công thức nấu ăn, phải có trang trình bày các sản phẩm được bày bán của công ty, các thông tin giá bán, hàng tồn phải chính xác với thực tế và được thiết lập bởi nhân viên bán hàng, hiện ra khuyến mãi và giá khuyến mãi cho các sản phẩm, giúp khách hàng có thể mua chúng thông qua website, quá trình mua hàng không quá phức tạp, rắc rối, có trang lưu trữ các thông tin đơn hàng, kho, quy trình chăn nuôi để nhân viên quản lý. Dự án “Xây dựng trang web bán gà trực tuyến cho công ty Long Bình”

3389	Đại học	HỆ THỐNG TÌM TỢ KẾT HỢP QUẢN LÝ PHÒNG TỢ (Phân hệ quản lý)	Đặng, Duy Long	Võ, Huỳnh Trâm	2019	“Hệ thống tìm tợ kết hợp quản lý phòng tợ” là một website giúp cho người tìm tợ tìm được các phòng tợ chính xác hơn, tránh việc tìm được các tợ đã hết phòng, nguồn tin không chính thống hoặc từ môi giới. Nó được xây dựng dựa trên nhiều công nghệ đang phát triển hiện nay như: Laravel 6.0, Materialize, Bootstrap, Google Maps API, GIT, AJAX, jQuery, ... giúp cho website có được thiết kế tương đối đẹp mắt và thân thiện với người dùng. Đây là một hệ thống cung cấp khá đầy đủ tính năng với 4 nhóm người dùng: Quản trị cấp cao, quản trị, quản lý tợ và thành viên. Hệ thống chia thành hai phân hệ là hệ thống tìm tợ và hệ thống quản lý tợ. Về hệ thống tìm tợ, website hỗ trợ người thuê tợ tìm kiếm phòng tợ một cách dễ dàng và nhanh chóng. Người dùng có thể xem được hình ảnh và các thông tin về giá cả của phòng tợ. Ngoài ra, hệ thống còn hỗ trợ người dùng xem được danh sách các phòng của nhà tợ, gửi thông tin liên hệ, tích hợp Google Maps giúp cho khách thuê tợ có thể tìm được địa chỉ nhà tợ hoặc các nhà tợ xung quanh một cách thuận tiện. Về hệ thống quản lý tợ, website hỗ trợ quản lý nhà tợ một cách thuận tiện với các module quản lý: đăng tin, cập nhật thông tin nhà tợ, thêm nhà tợ, phòng tợ. Quản lý thông tin khách thuê, hợp đồng. Cập nhật chỉ số điện nước hàng tháng, quản lý hoá đơn, thống kê dữ liệu (doanh thu theo ngày, tháng hoặc năm, số phòng trống, tình trạng của hợp đồng, ...) Hệ thống đã áp dụng được các công nghệ phổ biến vào việc xây dựng website và hoàn thành tương đối các chức năng để có thể triển khai ứng dụng thực tế, đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu của người sử dụng. Trong tương lai hệ thống sẽ được phát triển trên nền tảng di động Android và iOS giúp mở rộng đối tượng người dùng.
3390	Đại học	HỆ THỐNG CẢM BIẾN	Nguyễn, Anh Kiệt	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	“Hệ thống cảm biến nhà màng” ra đời nhằm mục đích xây dựng hệ thống nhà màng thông minh, giúp người vận hành giảm thiểu tối đa chi phí và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản xuất nông nghiệp. Đồng thời có thể mở rộng lên các hệ thống nông nghiệp với quy mô lớn.

3391	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRỰC TUYẾN	Tiêu, Yến Nhi	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Thế giới ngày một bùng nổ về mạng internet, con người có thể nhanh chóng giao tiếp và kết nối với nhau thông qua đó dễ dàng hơn. Điều này giúp cho thương mại điện tử phát triển và trở thành phương tiện kinh doanh, giao dịch giữa các doanh nghiệp, khách hàng hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Nhờ vậy, các sản phẩm công nghệ cũng dễ dàng tiếp cận với người tiêu dùng hơn. Dựa trên xu hướng đó, “Website kinh doanh điện thoại di động trực tuyến SmartTech” đã được phát triển. Website có đầy đủ tính năng của một hệ thống thương mại điện tử như : Tìm kiếm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán trực tuyến, quản lý sản phẩm và thống kê các mục,... Hệ thống gồm 3 nhóm người dùng : admin, khách hàng và người dùng. Admin có chức năng quản lý thông tin người dùng, quản lý sản phẩm, loại sản phẩm, khuyến mãi, duyệt đơn hàng. Khách hàng và người dùng truy cập trang web để tìm kiếm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, xem sản phẩm. Ngoài ra, người dùng có thể đặt hàng, thanh toán, viết bình luận và đánh giá sản phẩm,... Hệ thống xây dựng dựa trên thư viện ReactJS, một số công nghệ đang phát triển hiện nay là framework NextJS, RESTful API, Javascript, HTML, CSS. Bên cạnh đó, hệ thống được tích hợp Paypal - cổng thanh toán trực tuyến lớn nhất thế giới giúp cho việc thanh toán của người dùng đơn giản và tiện lợi hơn. SmartTech đã đáp ứng đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử cơ bản, giúp cho việc mua sắm trực tuyến trở nên dễ dàng. Khách hàng sẽ nắm bắt xu hướng điện thoại mới nhất nhanh chóng. Trong tương lai hệ thống sẽ phát triển thêm vài tính năng như : mở rộng nhóm người dùng cho bên đối tác thứ 3 và các đơn vị vận chuyển, tích hợp AI chat bot tư vấn khách hàng 24/7, xây dựng trang web đa nền tảng, tăng độ bảo mật và thanh toán thông qua quét mã QR.
3392	Đại học	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TƯỚI DƯỠNG CHẤT TRONG NHÀ MÀNG	Ngô, Minh Đăng	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	“Hệ thống điều khiển tưới dưỡng chất trong nhà màng” ra đời nhằm mục đích xây dựng hệ thống điều khiển tưới dưỡng chất trong nhà màng thông minh, giúp người vận hành giảm thiểu tối đa chi phí và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản xuất nông nghiệp. Đồng thời có thể mở rộng lên các hệ thống nông nghiệp với quy mô lớn.

3393	Đại học	HỆ THỐNG TÌM TRỢ KẾT HỢP QUẢN LÝ PHÒNG TRỢ (Phân hệ người dùng)	Hồ, Chí Hải	Võ, Huỳnh Trâm	2019	“Hệ thống tìm trợ kết hợp quản lý phòng trọ” là một website giúp cho người tìm trọ tìm được các phòng trọ chính xác hơn, tránh việc tìm được các trọ đã hết phòng, nguồn tin không chính thống hoặc từ môi giới. Nó được xây dựng dựa trên nhiều công nghệ đang phát triển hiện nay như: Laravel 6.0, Materialize, Bootstrap, Google Maps API, GIT, AJAX, jQuery, ... giúp cho website có được thiết kế tương đối đẹp mắt và thân thiện với người dùng. Đây là một hệ thống cung cấp khá đầy đủ tính năng với 4 nhóm người dùng: Quản trị cấp cao, quản trị, quản lý trọ và thành viên. Hệ thống chia thành hai phân hệ là hệ thống tìm trọ và hệ thống quản lý trọ. Về hệ thống tìm trọ, website hỗ trợ người thuê trọ tìm kiếm phòng trọ một cách dễ dàng và nhanh chóng. Người dùng có thể xem được hình ảnh và các thông tin về giá cả của phòng trọ. Ngoài ra, hệ thống còn hỗ trợ người dùng xem được danh sách các phòng của nhà trọ, gửi thông tin liên hệ, tích hợp Google Maps giúp cho khách thuê trọ có thể tìm được địa chỉ nhà trọ hoặc các nhà trọ xung quanh một cách thuận tiện. Về hệ thống quản lý trọ, website hỗ trợ quản lý nhà trọ một cách thuận tiện với các module quản lý: đăng tin, cập nhật thông tin nhà trọ, thêm nhà trọ, phòng trọ. Quản lý thông tin khách thuê, hợp đồng. Cập nhật chỉ số điện nước hàng tháng, quản lý hoá đơn, thống kê dữ liệu (doanh thu theo ngày, tháng hoặc năm, số phòng trống, tình trạng của hợp đồng, ...) Hệ thống đã áp dụng được các công nghệ phổ biến vào việc xây dựng website và hoàn thành tương đối các chức năng để có thể triển khai ứng dụng thực tế, đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu của người sử dụng. Trong tương lai hệ thống sẽ được phát triển trên nền tảng di động Android và iOS giúp mở rộng đối tượng người dùng.
------	---------	---	-------------	----------------	------	---

3394	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯỚI TỰ ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÂY ĂN TRÁI THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP PHÂN HỆ WEBSERVICE THEO KIẾN TRÚC RESTFUL	Nguyễn, Hoài Khan	Trương, Minh Thái	2019	Xuất khẩu trái cây đang chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu nông sản ở Việt Nam. Trái cây của nước ta đã có mặt ở nhiều quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, ... Đây là cơ hội và cũng là thách thức cho người nông dân vì có được thị trường với giá thành cao nhưng chất lượng theo đó cũng phải được đảm bảo. Việc đảm bảo và duy trì chất lượng sản phẩm đòi hỏi người nông dân phải áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất. Và một trong những tiêu chuẩn phù hợp nhất là các tiêu chuẩn GAP (Good Agricultural Practices). Tuy nhiên, những tiêu chuẩn này yêu cầu kỹ thuật và kiến thức chuyên môn cao khiến cho người nông dân gặp khó khăn trong quá trình áp dụng. Điều này dẫn đến mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý tưới tự động và quản lý cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP. Với mong muốn giảm công sức của người trồng, tăng tính chính xác về yếu tố nước và hỗ trợ tiếp cận quản lý các tiêu chuẩn VietGap. Nội dung mà đề tài “Quản lý tưới tự động và quản lý cây ăn trái theo tiêu chuẩn VietGAP – phân hệ webservice theo kiến trúc RESTful” hướng đến là xây dựng một máy chủ web dựa trên kiến trúc REST đáp ứng được việc quản lý các khu vườn, các vụ trồng, các tiêu chuẩn VietGAP cho các vụ trồng và điều khiển hệ thống tưới tự động. Ngoài ra việc xây dựng tài liệu sử dụng, cài đặt trên môi trường docker và kiểm thử tự động cũng được áp dụng trong đề tài này.
3395	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TRÁI CÂY THEO MÀU SẮC VÀ KÍCH THƯỚC BẰNG XỬ LÝ ẢNH TRÊN RASPBERRY PI	Lê, Công Vũ Hưng	Huỳnh, Xuân Hiệp Lâm, Hoài Bảo	2018	“Hệ thống phân loại trái cây theo màu sắc và kích thước ứng dụng xử lý ảnh trên máy tính nhúng Raspberry Pi”, trình bày cách xây dựng một hệ thống phân loại trái cây theo tiêu chí màu sắc và kích thước. Hệ thống sẽ giúp người dùng xác định màu sắc và kích thước của trái cây.
3396	Đại học	XÂY DỰNG MENU 3D TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Lê, Văn Ngà	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	Ngày nay, khi nhu cầu của con người ngày càng tăng cao đòi hỏi sự ra đời và phát triển của nhiều công nghệ tiên tiến, nhằm đáp ứng được những yêu cầu trong các lĩnh vực của cuộc sống. Hầu hết trong chúng ta ai cũng thích sự mới mẻ, thích trải nghiệm những cảm giác lạ chưa từng trải qua, từ đó con người tìm tòi, sáng tạo ra những thiết bị hiện đại cho từng ngành, phục vụ cho từng mục đích sử dụng. Âm thực cũng không ngoại lệ, khi mức sống của con người được nâng lên thì nhu cầu ăn uống cũng ngày càng cao, yêu cầu đặt ra cho các cửa hàng đồ ăn (thức uống) bây giờ không chỉ là ngon mà còn phải mang đến một cảm giác thú vị. Có bao giờ ai trong chúng ta cảm thấy nhàm chán với những menu truyền thống không ? Riêng bản thân em thì có một chút, vì nó chỉ đơn giản là những hình ảnh và giá của các loại đồ ăn (thức uống), đôi khi không chân thật, vì thế cần có một sự đổi mới thay thế cho những menu truyền thống để tạo nên sự hấp dẫn. Trong bài báo cáo này, em xin trình bày những lợi ích và công nghệ chuyển từ Menu truyền thống sang Menu 3D trên nền tảng Android.

3397	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH CHO CÔNG TY GÀ LONG BÌNH	Dương, Văn Lý	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	Hiện nay, nước ta đang trên đà phát triển mạnh về khoa học – công nghệ, những công nghệ mới đang dần được áp dụng vào cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân. Sự bùng nổ về mạng máy tính tạo ra nguồn thị trường dồi dào cho nền kinh tế số (nền kinh tế dựa trên các công nghệ kỹ thuật số) đi theo phát triển, theo nghiên cứu của Trung tâm kinh doanh toàn cầu của Đại học Tufts (Mỹ), hiện nay Việt Nam xếp hạng 48/60 [12] quốc gia có tốc độ chuyển đổi kinh tế số hóa nhanh nhất thế giới, đồng thời xếp hạng 22 về tốc độ phát triển số hóa. Công ty TNHH chăn nuôi Long Bình là một chuỗi liên kết hoạt động theo hình thức chăn nuôi khép kín đạt chuẩn HACCP từ nhập khẩu con giống, sản xuất gà con thương phẩm, sản xuất gà thịt cho tới giết mổ tại nhà máy. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 01/08/2006, với lịch sử hơn 10 năm phát triển, Long Bình không ngừng đổi mới, hoàn thiện theo nhu cầu sử dụng các sản phẩm tươi ngon và sạch của thị trường từ chương trình chăn nuôi gà theo tiêu chuẩn VIETGAP tới tiêu chuẩn HACCP cho nhà máy giết mổ và là “Chuỗi thực phẩm an toàn” của thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là nhà sản xuất đồng thời cũng là nhà phân phối, chủ yếu kinh doanh các sản phẩm gia cầm (thịt gà tươi) sau giết mổ, thịt gà tươi cấp đông, thịt gà chế biến và trứng gà đã qua kiểm dịch, đóng gói. Cho tới năm 2016 thì Long Bình đã cho ra thị trường khoảng 10.000 con gà mỗi ngày và vẫn còn đang ngày càng nâng cao về số lượng cũng như chất lượng của sản phẩm.
3398	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯỚI TỰ ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG IOT VÀ LẬP TRÌNH NHÚNG PHÂN HỆ TRẠM THU THẬP THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG TRÊN NỀN GIAO THỨC MQTT	Hứa, Xương Điền	Trương, Minh Thái	2018	Đối với ngành Nông nghiệp thì việc nắm rõ các yếu tố về khí hậu như: nhiệt độ, độ ẩm đất, độ ẩm khí, ánh sáng, v/v... là điều hết sức quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất nông sản. Việc giám sát, theo dõi các thông số trên sẽ giúp cho người nông dân, các doanh nghiệp cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực Nông nghiệp có các dự báo sớm về thay đổi khí hậu, từ đó tìm được giải pháp tốt nhất phòng chống dịch bệnh, chăm sóc cây trồng theo đúng nhu cầu mà cây cần nhằm tăng năng suất và chất lượng nông sản. Hiểu được nhu cầu cần thiết đó, đề tài “Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Đến hiện tại, đề tài nghiên cứu đã có một số kết quả nhất định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản phục vụ việc giám sát môi trường Nông nghiệp. Hi vọng sắp tới đề tài nghiên cứu sẽ được mở rộng và phát triển hơn.

3399	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN HÀNG TRANG SỨC	Phạm, Phước An	Trương, Minh Thái	2018	“Web bán hàng trang sức” là một website mua bán trực tuyến nhiều loại trang sức khác nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu mua sắm của mọi người. Nó được xây dựng dựa trên công nghệ mới đang phát triển hiện nay – Laravel. Laravel là một PHP framework mã nguồn mở và miễn phí, được phát triển bởi Taylor Otwell và nhắm vào mục tiêu hỗ trợ phát triển các ứng dụng web theo kiến trúc model - view - controller (MVC) giúp cho website được thiết kế thân thiện và toạng đối đẹp mắt với người dùng, bên cạnh đó còn giúp website thích ứng trên nhiều nền tảng khác nhau như: trình duyệt web, di động v.v. “Web bán hàng trang sức” được xây dựng với các chức năng hỗ trợ người dùng mua hàng một cách trực tuyến, cập nhật giỏ hàng, đánh giá sản phẩm và thanh toán trực tiếp sản phẩm đã mua qua cổng thanh toán trực tuyến. Ngoài ra, Website còn cung cấp cho người quản trị một trình quản lý thông minh để quản lý sản phẩm, đơn hàng của khách hàng và có thể xuất kết quả thống kê định kỳ. Đối với “Web bán hàng trang sức” thì cho dù bạn ở bất cứ đâu hay bất cứ nơi nào, chỉ cần một chiếc smartphone hoặc laptop có kết nối internet là bạn đã có thể thỏa sức mua sắm mà lại tiết kiệm được rất nhiều thời gian và công sức.
3400	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ THỰC TẬP THỰC TẾ Phân hệ server	Kiều, Nhật Phương	Trương, Thị Thanh Tuyền Nguyễn, Thị Thủy Chung	2018	Hiện nay, chúng ta đang sống trong thời kỳ phát triển rực rỡ của nền khoa học hiện đại. Các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày cũng như trong công việc đang được cải thiện rõ rệt về năng suất và chất lượng. Trong đó, chắc hẳn nhu cầu tin học hóa đang được ưu tiên hơn hết bằng cách sử dụng máy tính để quản lý các số liệu một cách chính xác, thuận tiện và nhanh nhất. Và ngành giáo dục đang là lĩnh vực cần được quan tâm nhất ở Việt Nam hiện nay. Qua quá trình tìm hiểu thì chúng tôi thấy quy trình quản lý việc thực tập tại khoa Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông của trường Đại học Cần Thơ vẫn còn thực hiện thủ công. Việc này gây khó khăn trong việc quản lý, làm mất nhiều thời gian của sinh viên và cả giáo vụ cùng các bên liên quan. Mặt khác, việc quản lý thủ công như vậy còn nhiều vấn đề bất cập như sai sót trong thông tin, thất lạc dữ liệu, trì trệ trong công tác quản lý. Vì lẽ đó nên chúng tôi quyết định lập một nhóm gồm 3 thành viên để giải quyết vấn đề trên. Đề tài “Xây dựng Hệ thống Quản Lý Thực Tập Thực Tế Phân Hệ Server” được xây dựng theo định hướng là một phần của website khoa CNTT&TT. Đề tài sẽ được xây dựng bằng framework Laravel ở phía server và framework Vuejs ở phía client. Kết quả đề tài hoàn thành được một số dịch vụ chính để phục vụ cho nhu cầu quản lý thực tập thực tế tại khoa CNTT&TT. Hệ thống cho phép giáo vụ tạo đợt thực tập, cho sinh viên đăng ký thực tập đến các cơ quan, các cơ quan đánh giá kết quả thực tập của sinh viên, giảng viên cũng có thể đánh giá các hiệu quả hướng dẫn của các cơ quan trực tiếp.

3401	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ THỰC TẬP THỰC TẾ (Kiểm thử và xuất nhập)	Nguyễn, Quang Phong	Trương, Thị Thanh Tuyền Nguyễn, Thị Thủy Chung	2018	Hiện nay, chúng ta đang sống trong thời kỳ phát triển rực rỡ của nền khoa học hiện đại. Các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày cũng như trong công việc đang được cải thiện rõ rệt về năng suất và chất lượng. Trong đó, chắc hẳn nhu cầu tin học hóa đang được ưu tiên hơn hết bằng cách sử dụng máy tính để quản lý các số liệu một cách chính xác, thuận tiện và nhanh nhất. Và ngành giáo dục đang là lĩnh vực cần được quan tâm nhất ở Việt Nam hiện nay. Qua quá trình tìm hiểu thì chúng tôi thấy quy trình quản lý việc thực tập tại khoa Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông của trường Đại học Cần Thơ vẫn còn thực hiện thủ công. Việc này gây khó khăn trong việc quản lý, làm mất nhiều thời gian của sinh viên và cả giáo vụ cùng các bên liên quan. Mặt khác, việc quản lý thủ công như vậy còn nhiều vấn đề bất cập như sai sót trong thông tin, thất lạc dữ liệu, trì trệ trong công tác quản lý. Vì lẽ đó nên chúng tôi quyết định lập một nhóm gồm 3 thành viên để giải quyết vấn đề trên. Đề tài “Xây dựng Hệ thống Quản Lý Thực Tập Thực Tế Phân Hệ Server” được xây dựng theo định hướng là một phần của website khoa CNTT&TT. Đề tài sẽ được xây dựng bằng framework Laravel ở phía server và framework Vuejs ở phía client. Kết quả đề tài hoàn thành được một số dịch vụ chính để phục vụ cho nhu cầu quản lý thực tập thực tế tại khoa CNTT&TT. Hệ thống cho phép giáo vụ tạo đợt thực tập, cho sinh viên đăng ký thực tập đến các cơ quan, các cơ quan đánh giá kết quả thực tập của sinh viên, giảng viên cũng có thể đánh giá các hiệu quả hướng dẫn của các cơ quan trực tiếp.
3402	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ THỰC TẬP THỰC TẾ (Phân hệ Client)	Nguyễn, Minh Hiếu	Trương, Thị Thanh Tuyền Nguyễn, Thị Thủy Chung	2018	Đề tài “Xây dựng Hệ thống Quản Lý Thực Tập Thực Tế Phân Hệ Server” được xây dựng theo định hướng là một phần của website khoa CNTT&TT. Đề tài sẽ được xây dựng bằng framework Laravel ở phía server và framework Vuejs ở phía client. Kết quả đề tài hoàn thành được một số dịch vụ chính để phục vụ cho nhu cầu quản lý thực tập thực tế tại khoa CNTT&TT. Hệ thống cho phép giáo vụ tạo đợt thực tập, cho sinh viên đăng ký thực tập đến các cơ quan, các cơ quan đánh giá kết quả thực tập của sinh viên, giảng viên cũng có thể đánh giá các hiệu quả hướng dẫn của các cơ quan trực tiếp.
3403	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯỚI TỰ ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG IOT VÀ LẬP TRÌNH NHÚNG (Phân Hệ Ứng Dụng Di Động Cho Nông Dân Trên Nền Giao Thức MQTT)	Trần, Đặng Hồng Khánh	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường (Arduino) bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Trong đó “Phân hệ ứng dụng di động cho nông dân trên nền giao thức QTT” là một phần trong đề tài, có chức năng chính truyền/nhận dữ liệu với WebServer và hiển thị dữ liệu giúp cho người nông dân theo dõi được hiện trạng khu vườn của mình. Đến hiện tại, đề tài nghiên cứu đã có một số kết quả nhất định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản phục vụ việc giám sát môi trường trồng trọt. Hi vọng sắp tới đề tài nghiên cứu sẽ được mở rộng và phát triển hơn.

3404	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TUỚI TỰ ĐỘNG DỰA TRÊN NỀN TẢNG IOT VÀ LẬP TRÌNH NHÚNG (phần hệ dịch vụ web trên nền giao thức MQTT và MongoDB)	Trần, Trọng Nghĩa	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Phần hệ “Dịch vụ web trên nền giao thức MQTT và MongoDB” được đặt ra nhằm tạo ra một môi trường trung gian giúp cho các thành phần khác trong hệ thống giao tiếp với nhau thông qua giao thức MQTT.
3405	Đại học	MẠNG XÃ HỘI CHIA SẺ ĐỊA ĐIỂM DU LỊCH (Travelling Places Social Network)	Nguyễn, Tấn Cường	Phan, Huy Cường	2018	Các ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Google+, Twitter thì thật sự hữu ích. Chúng giúp cho cuộc sống của con người trở nên thuận tiện và nhanh chóng hơn, cũng như đem con người đến gần với nhau hơn. Tuy nhiên mặt trái của chúng là làm cho các thông tin trở nên quá nhiều cũng như dư thừa. Vì thế người dùng phải mất công để sắn lọc nhằm tránh sai sót thông tin. Từ đó nảy sinh ra ý tưởng về các mạng xã hội với nội dung cụ thể, ví dụ như mạng xã hội của những địa điểm du lịch. Mạng xã hội này giúp người dùng chia sẻ hình ảnh, đánh giá và trải nghiệm về những nơi chốn mà họ đã đi qua. Mô hình mạng xã hội như đã nêu trên thực chất đã được thực hiện trong thực tế. Điển hình như trang toidi.net, wherewego.vn, herewego.kenh14.v, nhóm facebook alwayswewow, kitetravel.vn, v.v. đều là những website, blog hoặc nhóm facebook được yêu thích ở Việt Nam hiện nay. Mặc dù vậy, phần lớn chúng đều có điểm chung là là những trang tin tức, hay nói cách khác đều chỉ cung cấp thông tin một chiều từ người viết ở dạng blog. Sự tương tác cao lắm thì chỉ cho phép người dùng bình luận ở phía dưới bài viết. Còn các facebook group như alwayswewow thì do hai các nhân tự thực hiện, họ là những vlogger hoạt động chủ yếu là trên kênh youtube của họ. Trang khác như kitetravel là một trang web quảng cáo cho các công ty du lịch. Chính vì vậy mà nhu cầu cần có một mạng xã hội về du lịch ngày càng cần thiết. Ứng dụng này giúp cho người dùng chia sẻ những hình ảnh về nơi mà mình đã đi qua. Những nơi này có thể chỉ là một địa điểm café nhỏ ven đường hay đến một nhà hàng sang trọng, hoặc cũng có thể là một cảnh sắc thiên nhiên tại một vị trí nào đó mà người dùng chụp được khi họ đi qua. Mạng xã hội này cho phép người dùng tương tác với nhau bằng cách “subscribe” hoặc “follow” một người dùng khác. Họ có quyền đóng góp ý kiến của mình bằng bình luận, gửi email hoặc bình chọn. Ứng dụng sẽ sàng lọc và gợi ý người dùng những nơi được đánh giá cao nhất hoặc gần người dùng nhất.

3406	Đại học	GAME DÀN TRẬN LIÊN KẾT GIỮA WINDOW VÀ ANDROID	Phan, Thanh Liêm	Huỳnh, Quang Nghi	2018	Theo sự tiến bộ không ngừng của khoa học, điện thoại di động ngày càng trở nên phổ biến hơn, tuy vậy, nó vẫn không thay thế được hoàn toàn được máy vi tính. Chính điều này dẫn đến sự ra đời của hàng loạt phần mềm mà vừa có cả phiên bản trên máy tính, vừa có cả phiên bản trên điện thoại, các ứng dụng này có khi có sự liên kết giữa 2 phiên bản, có khi cả 2 phiên bản lại hoàn toàn độc lập với nhau, dù vậy, sự liên kết giữa 2 phiên bản này ngày càng trở nên phổ biến hơn trong các phần mềm, khiến cho sự tương tác giữa các phiên bản phần mềm máy tính với các phiên bản phần mềm điện thoại đang trở thành xu thế mới. Từ những điều trên, tôi quyết định thực hiện một phần mềm “game dàn trận liên kết giữa window và android” để thực hiện đề tài luận văn này. Luận văn này tôi sẽ trình bày về phần mềm game mà tôi đã làm cho đề tài này, phần mềm game sẽ bao gồm 2 phiên bản: phiên bản Android và phiên bản Window có cùng thiết kế. Sử dụng kiểu kết nối Software to Software để kết nối giữa 2 phiên bản.
3407	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯỚI TỰ ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG IOT VÀ LẬP TRÌNH NHÚNG (Phân hệ ứng dụng di động cho người quản lý và chuyên gia trên nền giao thức mqtt)	Võ, Nguyễn Đại Phúc	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn.
3408	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỰU SINH VIÊN CỦA KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG	Trương, Đức Huy	Trương, Thị Thanh Tuyền Nguyễn, Thị Thủy Chung	2018	“Xây dựng website quản lý cựu sinh viên Khoa CNTT&TT” là đề tài phát triển hệ thống quản lý thông tin trên nền website sử dụng máy chủ HTTP Apache kết hợp với Laravel và hệ quản trị MySQL. Với sự phát triển của các ứng dụng viết trên các framework của PHP, Laravel ngày càng phổ biến và được ưu tiên lựa chọn. Việc sử dụng Laravel sẽ giúp cho việc xây dựng hệ thống cũng như bảo trì và mở rộng cho hệ thống sau này sẽ dễ dàng hơn.

3409	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ PROFILE VIÊN CHỨC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Lê, Nguyên Thức	Trần, Minh Tân	2018	Nhu cầu công bố thông tin về quá trình nghiên cứu, công trình khoa học và các khóa học hay tài liệu giảng dạy của giảng viên Đại học Cần Thơ nói chung và khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông nói riêng ngày một tăng cao. Các giảng viên có thể yêu cầu được cấp phát một thư mục cá nhân, từ đó tải lên các tệp web tĩnh bằng HTML để xuất thành các trang web đáp ứng nhu cầu trên. Tuy nhiên hình thức này còn khá thủ công, khi cần cập nhật (thêm mới, bổ sung, chỉnh sửa hoặc xóa nội dung) cần phải truy cập thư mục cá nhân chỉnh sửa thủ công bằng cách viết các đoạn mã HTML tương đối mất nhiều thời gian và công sức. Bên cạnh đó, việc tổng hợp các công trình nghiên cứu do các giảng viên đăng tải theo năm, theo lĩnh vực, theo bộ môn là việc bất khả thi (hoặc quản trị viên phải thống kê thủ công) do mỗi cán bộ giảng viên đăng tải trên thư mục cá nhân một cách riêng lẻ, không có tính liên kết. Để bắt kịp nhu cầu và khắc phục các trở ngại nói trên, khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông muốn thay đổi cách tiếp cận và “Hệ thống Quản lý Profile Viên chức khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông” ra đời. Hệ thống bao gồm 3 phân hệ người dùng chính: Người quản trị được quyền quản lý tài khoản cán bộ viên chức, các cài đặt hệ thống và giao diện, cấp phép truy cập cho các địa chỉ email tên miền riêng, quản lý danh sách các đơn vị, báo cáo thống kê. Cán bộ viên chức được phân quyền quản lý thể loại, quản lý thông tin, quản lý bài viết và quản lý trình đơn điều hướng được cá nhân hóa. Khách truy cập được xem thông tin viên chức, xem các bài viết khóa học và các thông tin khác do viên chức công bố. Ứng dụng được xây dựng dựa trên CodeIgniter MVC framework và MySQL/MariaDB. Hệ thống đã hoàn thành với các chức năng cần có của một trang thông tin viên chức. Hệ thống Quản lý Profile Viên chức khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông hoàn toàn có thể đáp ứng hầu hết các yêu cầu đặt ra và có thể áp dụng vào thực tiễn.
3410	Đại học	HỆ THỐNG ĐIỂM DANH ỨNG DỤNG NHẬN DIỆN KHUÔN MẶT	Nguyễn, Tấn Phát	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	Hệ thống cung cấp chức năng điểm danh tự động bằng cách chụp ảnh các sinh viên, cung cấp báo cáo về tình trạng đi học của các sinh viên. Ngoài ra hệ thống còn cung cấp các chức năng quản lý thông tin để phục vụ việc điểm danh và được phân quyền dựa trên nhóm người dùng là giáo viên và nhóm người dùng quản lý. Việc phát triển hệ thống này giúp tin học hóa và tự động hóa công việc điểm danh truyền thống trên giấy hoặc trên sheet excel, nhờ đó dữ liệu được tập trung và chính xác hơn. Hệ thống có thể thay thế các hệ thống điểm danh bằng vân tay và RFID do chi phí cài đặt thấp và thuận tiện, hạn chế khả năng điểm danh hộ và tăng cường giao tiếp giữa thầy và trò.

3411	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN THỨC ĂN NHANH (PHẦN KHÁCH HÀNG)	Nguyễn, Đình Trọng	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	“Xây dựng website thương mại điện tử bán thức ăn nhanh” là cần thiết cho xu hướng phát triển hiện nay và để đáp ứng các nhu cầu ăn uống dễ dàng của con người hiện đại. Từ đó, hệ thống quản lý và mua bán thức ăn nhanh trực tuyến trên nền tảng website đã ra đời, cung cấp nhiều chức năng hữu ích cho cả khách hàng lẫn người quản lý. Đối với khách hàng, không chỉ có thể xem chi tiết từng loại thức ăn, nước uống khác nhau, mà khách hàng còn có thể để lại các phản hồi thông qua việc bình luận hoặc đánh giá đối với một loại thức ăn, nước uống cụ thể. Ngoài ra, khách hàng còn có thể đặt hàng, thanh toán trực tuyến và nhận hàng trực tiếp tại nhà. Đối với người quản lý, hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng quản lý cơ bản như quản lý các thông tin về ẩm thực, các đơn hàng cũng như các chương trình khuyến mãi, quản lý thông tin của nhân viên, thống kê,...
3412	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN THỨC ĂN NHANH (TRANG ADMIN)	Lý, Trường Giang	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	“Xây dựng website thương mại điện tử bán thức ăn nhanh” là cần thiết cho xu hướng phát triển hiện nay và để đáp ứng các nhu cầu ăn uống dễ dàng của con người hiện đại. Từ đó, hệ thống quản lý và mua bán thức ăn nhanh trực tuyến trên nền tảng website đã ra đời, cung cấp nhiều chức năng hữu ích cho cả khách hàng lẫn người quản lý. Đối với khách hàng, không chỉ có thể xem chi tiết từng loại thức ăn, nước uống khác nhau, mà khách hàng còn có thể để lại các phản hồi thông qua việc bình luận hoặc đánh giá đối với một loại thức ăn, nước uống cụ thể. Ngoài ra, khách hàng còn có thể đặt hàng, thanh toán trực tuyến và nhận hàng trực tiếp tại nhà. Đối với người quản lý, hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng quản lý cơ bản như quản lý các thông tin về ẩm thực, các đơn hàng cũng như các chương trình khuyến mãi, quản lý thông tin của nhân viên, thống kê,...
3413	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN SÁCH TRỰC TUYẾN TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL	Thái, Văn Mãi	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực và đời sống xã hội. Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nói chung và quản lý bán hàng nói riêng. Hoạt động mua bán trực tuyến rất phổ biến với mọi người được các công ty và các cửa hàng lớn trong và ngoài nước sử dụng nhằm đem lại hiệu quả trong việc mua bán. Sách mua bán thông thường là các sách điện tử dân dụng hoặc các thiết bị tin học như điện thoại, máy vi tính, các phụ kiện, trang sức và kể cả sách... Do phải sử dụng mạng để đăng ký mua và bán nên cần phải có một hệ thống website dùng để quảng cáo và bán hàng. Chính vì vậy việc tạo lập một website bán sách trực tuyến với những mặt hàng và những thông tin liên quan đến các mặt hàng sách đầy đủ là việc cần thiết đối với các cửa hàng, nhằm đáp ứng được yêu cầu mua sắm của khách hàng. Vì vậy tôi chọn đề tài “Xây dựng website bán sách trực tuyến dựa trên nền tảng Laravel Framework” để làm đề tài luận văn này. Mục tiêu của đề tài nhằm đáp ứng các yêu cầu: - Khách hàng mua hàng trực tuyến. - Quản lý thông tin sách. - Quản lý thông tin phiếu nhập, phiếu xuất, nhà cung cấp, khách hàng ...

3414	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - BÁN MỸ PHẨM ONLINE CILLIO	Lê, Lâm Triều Vi	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - BÁN MỸ PHẨM ONLINE CILLIO” kết hợp với việc ứng dụng đặt hàng và quản lý đơn hàng thông minh với đầy đủ các tính năng của một website thương mại điện tử. Để cho quý khách hàng có thể trải nghiệm mua sắm một cách tiện lợi cũng như các nhà quản lý có thể quản lý doanh thu và sản phẩm tốt và thuận tiện hơn trước, góp phần tăng doanh thu và giảm rủi ro và thất thoát cho người bán. Website sử dụng Framework Express.js được dựng trên nền tảng Nodejs đã ứng dụng thanh toán trực tuyến vào website nhằm giúp khách hàng mua hàng thuận tiện hơn, hạn chế rủi ro và tiện lợi hơn so với việc cầm tiền mặt trực tiếp ra của hàng mua sản phẩm. Website phục vụ 4 nhóm người chính là: quản trị viên, thành viên, khách vãng lai. Trong đó khách vãng lai có thể sử dụng các chức năng: tìm kiếm sản phẩm, xem sản phẩm, đăng ký, bình luận bằng facebook, liên hệ. Thành viên có thể sử dụng các chức năng của khách hàng và một số chức năng bổ sung như sau: Đăng nhập, đặt hàng trực tuyến, chỉnh sửa thông tin cá nhân, xem chi tiết đơn hàng. Nhân viên có thể sử dụng các chức năng của thành viên và các chức năng như sau: Quản lý sản phẩm (thêm, chỉnh sửa, xóa sản phẩm), quản lý đơn hàng, quản lý khách hàng. Quản trị viên có thể sử dụng các chức năng của nhân viên và một số chức năng bổ sung như sau: Quản lý nhân viên (thêm, chỉnh sửa, xóa nhân vi, phân quyền nhân viên), thống kê sản phẩm. Website được thiết kế tương đối hoàn chỉnh và đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của một website thương mại điện tử, thực hiện được các tính năng từ cơ bản đến nâng cao mà một trang web bán hàng yêu cầu. Hiện tại, website có thể đưa vào thực tiễn để áp dụng cho việc quản lý, kinh doanh mua bán, đặt hàng trực tuyến một cách an toàn và hiệu quả, website có thể áp dụng cho các doanh nghiệp, công ty, cửa hàng có quy mô vừa và nhỏ.
------	---------	---	------------------	----------------	------	---

3415	Đại học	ỨNG DỤNG TÌM KIẾM VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN TRÊN ĐTDĐ (Phân hệ Admin)	Nguyễn, Đình Phi	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Ứng dụng trên thiết bị di động ngày càng phát triển và trở nên đa dạng trên mọi lĩnh vực. Các công nghệ mới được áp dụng để đáp ứng nhu cầu hằng ngày của con người từ vui chơi, giải trí đến học tập và làm việc. Xã hội ngày càng phát triển dẫn đến việc các hoạt động giải trí, các sự kiện được tổ chức và diễn ra ở khắp nơi nhưng nhiều người không biết được thông tin sự kiện đó đang được tổ chức và tổ chức ở đâu nên đã bỏ lỡ các sự kiện. Ứng dụng “Quản lý và tìm kiếm sự kiện trên thiết bị di động” được xây dựng nhằm giải quyết vấn đề đó. “Quản lý và tìm kiếm sự kiện trên thiết bị di động” được chia ra làm hai phân hệ là quản trị và người dùng. Sự kiện do chính người dùng tạo ra, phê duyệt đăng ký và điểm danh khi tham gia sự kiện thuộc phân hệ quản trị. Phần người dùng thì ứng dụng cung cấp tính năng tìm kiếm, xem chi tiết và đăng ký tham gia các sự kiện sắp diễn ra xung quanh chúng ta. Ứng dụng được phát triển trên nền tảng Android dành cho điện thoại di động, sử dụng ngôn ngữ JavaScript với hai Framework chủ yếu là React Native dành cho việc xây dựng ứng dụng di động và Nodejs dành cho việc xây dựng web service theo cấu trúc RESTful API kết hợp với cơ sở dữ liệu MongoDB. Đây là hai trong những Framework phổ biến, dễ sử dụng và có cộng đồng hỗ trợ lớn cũng như thư viện rất đa dạng. Các chức năng được cung cấp trong ứng dụng ngoài việc giúp người dùng tìm kiếm, xem thông tin hay đăng ký tham gia sự kiện mà mình thích, họ còn có thể tạo một sự kiện cho riêng mình, sự kiện đã tạo được đánh dấu trên bản đồ Google để người người dùng khác có thể thấy và đăng ký dễ dàng, người chủ sự kiện có thể phê duyệt đăng ký để chấp nhận hoặc từ chối một người tham gia. Ứng dụng được cài đặt trực tiếp trên điện thoại, chỉ cần kết nối Internet thì việc tìm kiếm và quản lý sự kiện trở nên trong tầm tay. Việc áp dụng được React Native trong phát triển phần mềm đã giúp xây dựng thành công một ứng dụng đáp ứng nhu cầu cần thiết của người dùng đối với việc quản lý các sự kiện. Giải quyết được nhiều vấn đề, giúp người dùng tránh bỏ lỡ sự kiện mà người dùng yêu thích.
------	---------	--	------------------	----------------	------	---

3416	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ KHÁCH SẠN VÀ ĐẶT PHÒNG TRỰC TUYẾN	Trương, Vũ Trường	Trương, Thị Thanh Tuyền	2018	“Website quản lý khách sạn và đặt phòng trực tuyến” gồm một website và hệ thống quản lý khách sạn. Website giới thiệu các thông tin cũng như dịch vụ khách sạn, cho phép khách hàng đặt phòng trực tuyến nhanh chóng, cung cấp những hình ảnh chân thật nhất với công nghệ xem ảnh 360 độ về khách sạn đến khách hàng. Website đóng vai trò giúp khách hàng có cái nhìn tổng quan về khách sạn, làm người dùng tin tưởng hơn khi chọn lựa khách sạn làm nơi nghỉ chân. Hệ thống quản lý khách sạn cung cấp các chức năng như quản lý đặt – trả phòng, quản lý hoạt động lưu trú, quản lý thông tin khách hàng, quản lý phòng, loại phòng, quản lý tài sản, hư hao tài sản, quản lý nhân viên, lương và theo dõi tình hình làm việc, bên cạnh đó hệ thống cung cấp các thống kê, báo cáo chi tiết theo biểu mẫu và thể hiện trực quan qua các biểu đồ. Hệ thống cung cấp cho người quản trị các chức năng quản lý thông minh và chính xác từ đó giúp cho việc quản lý khách sạn trở nên tối ưu và hiệu quả mang đến doanh thu cao nhất cho khách sạn. Hệ thống và website được xây dựng trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay – Bootstrap, Framework PHP CodeIgniter, jQuery, Ajax, ... giúp cho giao diện vừa đẹp mắt và thân thiện với người dùng vừa hoạt động nhanh và ổn định, tương thích với nhiều loại thiết bị di động hiện nay như: smartphone, tablet, ... Áp dụng được công nghệ mới vào việc xây dựng “Website quản lý khách sạn và đặt phòng trực tuyến” đáp ứng được nhu cầu người dùng cũng như mang đến một cách tiếp cận thị trường mới cho các khách sạn, cơ sở lưu trú với các quy mô khác nhau.
3417	Đại học	HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN PHẦN CỨNG MÁY TÍNH	Nguyễn, Văn Hiệp Huỳnh, Khắc Duy	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel, Javascript, jQuery, ứng dụng di động được xây dựng trên nền tảng Android. Việc gửi và nhận dữ liệu thông qua Webservice được viết bằng NodeJS sử dụng MongoDB làm cơ sở dữ liệu. Hệ thống được tích hợp cổng thanh toán trực tuyến Stripe giúp cho việc thanh toán của người dùng trở nên đơn giản và thuận tiện. “Hệ thống thương mại điện tử về phần cứng máy tính” sẽ giúp cho người dùng tìm kiếm và mua các sản phẩm thuộc ngành hàng phần cứng máy tính trở nên đơn giản hơn.
3418	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN THỨC ĂN GIA SÚC GIA CẦM TÍCH HỢP QR	Nguyễn, Khả Nhiều	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Website sẽ hỗ trợ người dùng thực hiện những chức năng cần thiết trong quá trình mua bán cũng như quản lý cửa hàng. Trang web được chia ra làm ba nhóm người dùng: khách hàng, nhân viên, người quản trị. Đối với khách hàng, website hỗ trợ những chức năng sau: quản lý đánh giá, lịch sử mua hàng, sản phẩm yêu thích, thông tin cá nhân. Nhân viên có thể quản lý tài khoản, đánh giá, đơn hàng, tin tức. Đối với người quản lý, website hỗ trợ những chức năng sau: quản lý sản phẩm, hãng sản xuất, thống kê doanh thu theo ngày, tháng, năm. Trang web được xây dựng dựa trên ngôn ngữ lập trình PHP, thư viện javascript (jQuery), Mysql. Các loại ngôn ngữ lập trình Javascript, CSS, HTML này rất phổ biến và phát triển dễ dàng giúp cho trang web thân thiện tương thích với các loại thiết bị. Website còn cung cấp cho khách hàng thực hiện thanh toán đơn hàng qua hai hình thức là COD và thanh toán qua thẻ ngân hàng.

3419	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG SỔ NHẬT KÝ CHO HỘ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN Phân Hệ Client	Võ, Hoài Phong	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Xây dựng ứng dụng sổ nhật ký cho hộ nuôi trồng thủy sản” được xây dựng trên nền tảng website với hai phân hệ là Client được viết bằng Angular 6 và Server viết bằng NodeJS kết hợp với kiến trúc RESTful APIs để nhằm giải quyết phần nào các vấn đề được nêu trên. Hệ thống có ba nhóm người dùng chính đó là: Chủ sở hữu, người được giao quyền quản lý ao nuôi và người được giao quyền quản lý kho giúp cho người quản lý không những giải phóng được phần nào công sức lao động mà còn đem lại sự chính xác.
3420	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỤU SINH VIÊN CỦA KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG (Phân hệ Quản trị)	Nguyễn, Văn Lộc Trương, Đức Huy	Trương, Thị Thanh Tuyền Nguyễn, Thị Thủy Chung	2018	“Xây dựng website quản lý cựu sinh viên Khoa CNTT&TT” là đề tài phát triển hệ thống quản lý thông tin trên nền website sử dụng máy chủ HTTP Apache kết hợp với Laravel và hệ quản trị MySQL. Với sự phát triển của các ứng dụng viết trên các framework của PHP, Laravel ngày càng một phổ biến và được ưu tiên lựa chọn. Việc sử dụng Laravel sẽ giúp cho việc xây dựng hệ thống cũng như bảo trì và mở rộng cho hệ thống sau này sẽ dễ dàng hơn.
3421	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP LOGISTICS PHÂN HỆ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	Nguyễn, Quốc Khánh	Huỳnh, Quang Nghi	2018	“HỆ THỐNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP LOGISTICS PHÂN HỆ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ”. Các chủ gian hàng có thể tạo ra gian hàng của mình trên website, đưa các mặt hàng mà cửa hàng mình bán lên website và quản lý chúng, khách hàng có thể đặt hàng thông qua website mà không phải đến cửa hàng. Chủ cửa hàng sẽ gửi sản phẩm đến tận nơi cho khách hàng.
3422	Đại học	WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN CÁC SẢN PHẨM APPLE	Nguyễn, Văn Tài	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website Thương Mại Điện Tử bán các sản phẩm Apple” sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP với sự hỗ trợ của Framework Laravel sẽ xây dựng một website thương mại điện tử cho các cá nhân, tổ chức chuyên bán các sản phẩm đến từ Apple trở nên hiệu quả hơn. Website này cung cấp đầy đủ các chức năng cơ bản của một website thương mại điện tử cho cả người bán và người mua. Cụ thể, website sẽ giúp người bán quản lý, thống kê các sản phẩm, doanh thu, khách hàng của mình đồng thời cũng giúp người mua thực hiện chọn lọc, mua sắm và thanh toán trực tuyến. Được vận hành trên môi trường website có giao diện thân thiện với các thiết bị di động và vận dụng những công nghệ tiên tiến trong khâu cài đặt, website sẽ phục vụ quá trình mua bán trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn.
3423	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG TỔNG HỢP DỊCH VỤ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP	Dương, Thành Oai	Phan, Huy Cường	2018	Ứng dụng cung cấp cho người dùng các chức năng như: Quản lý dịch vụ, quản lý thông tin cá nhân, đặt lịch hẹn, xem mẹo làm đẹp, đánh giá, bình luận dịch vụ, quản lý điểm tích lũy. Việc đặt lịch dịch vụ chăm sóc phải chờ sự phê duyệt từ hệ thống. Thời gian chờ tùy thuộc vào việc hệ thống liên hệ với bên thứ ba để xác nhận thông tin. Với tính năng quản lý điểm tích lũy, người dùng có thể quy đổi sang mã ưu đãi để có thể sử dụng dịch vụ dưới dạng ưu đãi. Sử dụng MongoDB một loại cơ sở dữ liệu NoSQL giúp cho việc thao tác dữ liệu trở nên dễ dàng hơn nhờ vào cấu trúc lưu trữ nó có tính mở rộng cao.

3424	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG SỔ NHẬT KÝ CHO HỘ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN Phân Hệ Server	Nguyễn, Việt Huân	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Xây dựng ứng dụng sổ nhật ký cho hộ nuôi trồng thủy sản” được xây dựng trên nền tảng website với hai phân hệ là Client được viết bằng Angular 6 và Server viết bằng NodeJS kết hợp với kiến trúc RESTful APIs để nhằm giải quyết phần nào các vấn đề được nêu trên. Hệ thống có ba nhóm người dùng chính đó là: Chủ sở hữu, người được giao quyền quản lý ao nuôi và người được giao quyền quản lý kho giúp cho người quản lý không những giải phóng được phần nào công sức lao động mà còn đem lại sự chính xác. Với hệ thống này thì người dùng có thể ghi chú hoặc xem lại một cách chi tiết nhất các ghi chú về ao nuôi, vụ nuôi, thông tin chuẩn bị ao nuôi, thông tin thả nuôi, nhật ký, chăm sóc chữa bệnh, cho ăn, thông tin tăng trưởng, thông tin thu hoạch, thông tin chất thải, quản lý kho, quản lý chi phí, quản lý phân quyền, ghi chép đầy đủ số lượng, nguồn gốc thức ăn đã cho ăn và số lượng, nguồn gốc, cách thức sử dụng các loại thuốc, hóa chất. Riêng đối với người được giao quyền quản lý ao nuôi thì chỉ được quản lý những ao nuôi đã được chủ sở hữu giao quyền và các chức năng khác đối với ao nuôi được giao, người được giao quyền quản lý kho thì chỉ được quản lý các chức năng của kho như: Quản lý về số lượng còn trong kho, nhập kho và xem lại lịch sử nhập kho.
3425	Đại học	SHOP ĐỒNG HỒ ONLINE TÍCH HỢP GIỌNG NÓI TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Huỳnh, Trọng Thành	Phan, Huy Cường	2018	Ứng dụng “Shop đồng hồ online tích hợp giọng nói trên nền tảng Android” giúp giải quyết vấn đề mua sắm trên điện thoại một cách nhanh chóng nhất. Đối với khách hàng có thể xem được thông tin sản phẩm về các loại đồng hồ, đánh giá sản phẩm, thêm giỏ hàng, đặt hàng và thanh toán một cách tiện lợi nhất. Đối với Admin có thể quản lý được sản phẩm của cửa hàng, thêm sản phẩm, quản lý người dùng, quản lý đơn hàng của khách hàng, hỗ trợ trực tuyến cho người dùng.
3426	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI DÀNH CHO NGƯỜI DU LỊCH TRÊN HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID	Phạm, Hoài An	Trương, Minh Thái	2018	Với sự phát triển vượt bậc của Công Nghệ thông tin hiện nay, mọi người có thể tiếp cận các nguồn kiến thức khác nhau dễ dàng và nhanh chóng. Tận dụng những nguồn thông tin to lớn đó cung cấp cho những người thích đi du lịch và thường xuyên đi du lịch. Khi chuẩn bị đến thăm một thành phố lớn, bạn sẽ không còn phải bỏ ra hàng giờ để tìm kiếm trên web về những địa điểm tham quan đáng chú ý trong thành phố đó. Thay vào đó, chỉ với một vài thao tác, ứng dụng có thể tự động tạo ra danh sách các địa điểm mà bạn nên ghé thăm, lên kế hoạch cho chuyến đi và chia sẻ cho mọi người. Bên cạnh đó, giao diện của phần mềm được thiết kế đơn giản, quen thuộc, dễ sử dụng, mang đến sự thoải mái cho người dùng. Với sự ra đời của phần mềm này, các thông tin, số liệu về các địa điểm du lịch, khách sạn,... sẽ được tối ưu và sắp xếp chúng một cách khoa học nhằm giảm bớt thao tác, tạo cơ sở tốt cung cấp cho người dùng đầy đủ thông tin mà họ cần trong lần đầu sử dụng phần mềm.

3427	Đại học	ỨNG DỤNG TÌM KIẾM VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (Phân hệ Server)	Bùi, Lê Hiếu	Võ, Huỳnh Trâm	2018	YOLO được viết trên nền React-Native nhằm mang đến hiệu suất hoạt động tốt nhất đồng thời giúp tiếp cận người dùng tốt hơn do hỗ trợ cả hai nền tảng Android và iOS. Web API được viết bằng Node JS và sử dụng MongoDB Atlas làm CSDL để dễ dàng tạo ra một RESTful API tối ưu. Để sử dụng YOLO, người dùng có thể đăng ký sử dụng một cách nhanh chóng trong ba bước bằng số điện thoại nhờ sự hỗ trợ của Twilio API. Người dùng YOLO có thể đóng vai trò là “Người tham gia”, “Người tổ chức” hoặc cả hai nếu muốn. Với vai trò là người tham gia, người dùng dễ dàng tìm kiếm và đăng ký tham gia các sự kiện giải trí xung quanh nơi mình sống, nơi mình đến. Đối với vai trò người tổ chức, người dùng có thể quảng bá sự kiện bằng cách tạo sự kiện trên YOLO, đồng thời quản lý, theo dõi số người đăng ký tham gia, danh sách người tham gia, số người thích, đánh giá và bình luận bên trong sự kiện. Từ đó nghiên cứu và điều chỉnh nội dung chương trình của mình sao cho hiệu quả nhất. YOLO hiện tại đã có thể hỗ trợ người dùng thực hiện tất cả các chức năng cần bản, cần thiết như đăng ký, tạo, cập nhật, quản lý, xóa sự kiện, v.v. Tuy nhiên YOLO vẫn không thể quản lý các tình huống như sự kiện ảo, người dùng ảo do chưa xác minh được thông tin thực tế, hướng tới xác minh danh tính người dùng trong tương lai.
3428	Đại học	ỨNG DỤNG TÌM KIẾM VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (PHÂN HỆ CLIENT)	Lê, Quốc Dương	Võ, Huỳnh Trâm	2018	YOLO được viết trên nền React-Native nhằm mang đến hiệu suất hoạt động tốt nhất đồng thời giúp tiếp cận người dùng tốt hơn do hỗ trợ cả hai nền tảng Android và iOS. Web API được viết bằng Node JS và sử dụng MongoDB làm CSDL để dễ dàng tạo ra một RESTful API tối ưu. Để sử dụng YOLO, người dùng có thể đăng ký sử dụng một cách nhanh chóng trong ba bước bằng số điện thoại nhờ sự hỗ trợ của Twilio API. Người dùng YOLO có thể đóng vai trò là “Người tham gia”, “Người tổ chức” hoặc cả hai nếu muốn. Với vai trò là người tham gia, người dùng dễ dàng tìm kiếm và đăng ký tham gia các sự kiện giải trí xung quanh nơi mình sống, nơi mình đến. Đối với vai trò người tổ chức, người dùng có thể quảng bá sự kiện bằng cách tạo sự kiện trên YOLO, đồng thời quản lý, theo dõi số người đăng ký tham gia, danh sách người tham gia, số người thích, đánh giá và bình luận bên trong sự kiện. Từ đó nghiên cứu và điều chỉnh nội dung chương trình của mình sao cho hiệu quả nhất. YOLO hiện tại đã có thể hỗ trợ người dùng thực hiện tất cả các chức năng cần bản, cần thiết như đăng ký, tạo, cập nhật, quản lý, xóa sự kiện, v.v. Tuy nhiên YOLO vẫn không thể quản lý các tình huống như sự kiện ảo, người dùng ảo do chưa xác minh được thông tin thực tế, hướng tới xác minh danh tính người dùng trong tương lai.

3429	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NUÔI THỦY SẢN PHÂN HỆ TRẠM CHUYỂN TIẾP DỮ LIỆU (GATEWAY) TRÊN NỀN GIAO THỨC MQTT	Phan, Vũ Tình	Trương, Minh Thái	2018	Đề tài “Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng nước và quản lý nuôi thủy sản. Phân hệ trạm chuyển tiếp dữ liệu (gateway) trên nền giao thức MQTT” là một phần trong hệ thống lớn này, đề tài này giúp khắc phục được các vấn đề mà các đề tài trước chưa giải quyết được đó là sao lưu các dữ liệu cảm biến khi có sự cố kết nối tới server xảy ra gây mất dữ liệu quan trắc và thực hiện gọi các lệnh cấu hình đến các trạm cảm biến, đóng góp lớn cho việc bảo toàn dữ liệu và tăng năng suất cho việc quan trắc cảnh báo môi trường. Ngoài ra đề tài này cũng chuẩn bị để các đề tài sau có thể phát triển nâng cấp và tích hợp các chức năng khác nữa. Kết quả của đề tài phát triển là hoàn thành được các chức năng đề ra ban đầu, giúp cho việc chuyển tiếp và bảo toàn dữ liệu được đảm bảo hơn, nhờ đó việc giám sát môi trường, và các công tác quản lý diễn ra dễ dàng hơn giúp người nông dân tăng thêm năng suất sản xuất, và giảm thiểu rủi ro.
3430	Đại học	PHÂN HỆ TRẠM CHUYỂN TIẾP DỮ LIỆU (GATE WAY) TRÊN GIAO THỨC MQTT (Hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng)	Phan, Tiến Đạt	Trương, Minh Thái	2018	Đối với ngành Nông nghiệp thì việc nắm rõ các yếu tố về khí hậu như: nhiệt độ, độ ẩm đất, độ ẩm khí, ánh sáng, v/v... là điều hết sức quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất nông sản. Việc giám sát, theo dõi các thông số trên sẽ giúp cho người nông dân, các doanh nghiệp cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực Nông nghiệp có các dự báo sớm về thay đổi khí hậu, từ đó tìm được giải pháp tốt nhất phòng chống dịch bệnh, chăm sóc cây trồng theo đúng nhu cầu mà cây cần nhằm tăng năng suất và chất lượng nông sản. Hiểu được nhu cầu cần thiết đó, đề tài “Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Do phạm vi rộng lớn nên đề tài được chia làm nhiều phân hệ, trong đó “Phân hệ trạm chuyển tiếp dữ liệu (gate way) trên nền giao thức MQTT” đảm nhận vai trò truyền – nhận dữ liệu giữa các phân hệ khác. Đến hiện tại, đề tài nghiên cứu đã có một số kết quả nhất định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản phục vụ việc giám sát môi trường Nông nghiệp. Hi vọng sắp tới đề tài nghiên cứu sẽ được mở rộng và phát triển hơn..

3431	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NUÔI THỦY SẢN PHÂN HỆ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG THEO DÕI MÔI TRƯỜNG AO NUÔI NỀN iOS VÀ GIAO THỨC MQTT	Nguyễn, Nhật Triết	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng nước và quản lý nuôi thủy sản phân hệ ứng dụng di động theo dõi môi trường ao nuôi nền iOS và giao thức MQTT”. Hệ thống được xây dựng bằng React Native kết hợp với Expo, sẽ cung cấp các chức năng như theo dõi những thay đổi trong môi trường nước, xem thông báo, cung cấp lời khuyên theo ngưỡng và biểu đồ thống kê theo ngày. Đặc biệt, người dùng cũng có thể xem các bài đăng trong diễn đàn và thảo luận với những người khác thông qua các bình luận. Hơn nữa, việc áp dụng kiến trúc Flux để xây dựng hệ thống làm cho việc bảo trì và mở rộng trở nên dễ dàng hơn. Kết quả của đề tài là xây dựng thành công hệ thống theo dõi môi trường nước, cung cấp chức năng giám sát, thống kê dữ liệu, cũng như gợi ý lời khuyên cho người dùng qua thông báo. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả ngành thủy sản.
3432	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NUÔI THỦY SẢN PHÂN HỆ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG THEO DÕI MÔI TRƯỜNG AO NUÔI NỀN ANDROID VÀ GIAO THỨC MQTT	Nguyễn, Hoài Chung	Trương, Minh Thái	2018	“Hệ Thống Giám Sát Chất Lượng Nước Và Quản Lý Nuôi Thủy Sản” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng một hệ thống theo dõi sự thay đổi của các yếu tố môi trường nước và quản lý nuôi thủy sản bao gồm dịch vụ web, trạm chuyên tiếp, website người dùng, ứng dụng trên thiết bị di động nền tảng Android và IOS. Hệ thống sử dụng giao thức MQTT với băng thông thấp và độ tin cậy cao giúp đảm bảo sự ổn định, tiết kiệm và phản hồi nhanh chóng từ các trạm quan trắc về phía người dùng. Trong đó, Phân Hệ Ứng Dụng Di Động Theo Dõi Môi Trường Ao Nuôi Nền Android Và Giao Thức MQTT là một phần của đề tài, ứng dụng có hai chức năng chính là theo dõi dữ liệu từ trạm quan trắc ở các ao và quản lý nhật ký ao nuôi. Kết quả của đề tài là xây dựng Hệ Thống Giám Sát Chất Lượng Nước Và Quản Lý Nuôi Thủy Sản dựa trên nền tảng có sẵn của nhóm luận văn trước, đảm bảo hệ thống hoạt động đúng như yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, đề tài cũng cho thấy tiềm năng ứng dụng của IoT vào ngành thủy sản ở nước ta.
3433	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NUÔI THỦY SẢN PHÂN HỆ DỊCH VỤ WEB TRÊN NỀN DOCKER VÀ GIAO THỨC MQTT	Từ, Quốc Huy	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng nước và quản lý nuôi thủy sản - phân hệ dịch vụ web trên nền Docker và giao thức MQTT” hướng đến là xây dựng một dịch vụ web, là trung gian để thu thập và phân phát dữ liệu đến các máy khách. Bằng cách sử dụng các công nghệ hiện đại như kiến trúc RESTful và Node.js, giao thức MQTT, đồng thời áp dụng các nguyên lý thiết kế giúp tạo ra khả năng mở rộng mạnh mẽ để tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về sau.

3434	Đại học	WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN ĐỒ MẸ VÀ BÉ	Nguyễn Hữu Úy	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website mua sắm đồ mẹ và bé” là một website mua bán những sản phẩm dành cho trẻ nhỏ và mẹ đang mang thai hoặc sau sinh. Nó đáp ứng nhu cầu của người sử dụng là người bán hàng (doanh nghiệp hoặc cá nhân) và người tiêu dùng. Đối với người bán hàng, họ có thể quản lý thông tin chi tiết của nhân sự, quản lý thông tin các sản phẩm, số lượng sản phẩm hiện có và đã bán của từng sản phẩm, các đơn hàng, hóa đơn, cũng như các giao dịch của đơn hàng. Về người tiêu dùng, họ có thể xem và thêm sản phẩm vào giỏ hàng, thực hiện thanh toán trực tuyến, xem được các đơn hàng đã mua. Website được thiết kế và xây dựng với giao diện dễ sử dụng, các chức năng giúp người quản lý dễ dàng quản nhân viên hay sản phẩm, cũng như người tiêu dùng dễ dàng thao tác để tìm hiểu và mua sắm sản phẩm dựa trên nền tảng của các công nghệ mới và phổ biến hiện nay: kiến trúc RESTful Web Service dựa trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Java, Hibernate framework, Spring Security, Spring Boot framework và Angular 6. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào thương mại điện tử, “Website mua sắm đồ mẹ và bé” có thể đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng và là một trong những bước phát triển mới của thương mại mà mọi người muốn áp dụng vào hệ thống kinh doanh hiện nay.
3435	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍNH LƯƠNG NHÂN VIÊN	Trương, Công Hiến	Huỳnh, Quang Nghi	2018	“Hệ thống quản lý quản lý tính lương” là điều cần thiết. Hệ thống này sẽ đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và cần thiết đúng với quy trình tính lương nhân viên. Hệ thống cung cấp những chức năng: Quản lý nhân viên, quản lý chức vụ, quản lý thang bảng lương, quản lý chấm công, quản lý phụ cấp, quản lý tính lương. Hệ thống được xây dựng dựa trên quy trình tính lương. Đồng thời, hệ thống xây dựng dựa trên mô hình MVC với Laravel framework, hệ thống được phát triển dựa trên công cụ hỗ trợ như hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ như: HTML, JavaScripts, JQuery, CSS.
3436	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯỚI TỰ ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG IOT VÀ LẬP TRÌNH NHÚNG (PHÂN HỆ ỨNG DỤNG WEB CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ CHUYÊN GIA TRÊN NỀN GIAO THỨC MQTT)	Thái, Việt Trung	Trương, Minh Thái	2018	Đề tài “Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, băng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Với phân hệ “Ứng dụng web cho người quản lý và chuyên gia” được phát triển trên nền giao thức MQTT sẽ hỗ trợ theo dõi diễn biến của các thông số môi trường, qua đó giúp người quản lý và chuyên gia nắm bắt nhanh chóng thông tin môi trường và đưa ra các giải pháp kịp thời khi các thông số môi trường trở nên bất lợi cho cây trồng. Đến hiện tại, đề tài nghiên cứu đã có một số kết quả nhất định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản phục vụ việc giám sát môi trường Nông nghiệp. Hi vọng sắp tới đề tài nghiên cứu sẽ được mở rộng và phát triển hơn.

3437	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TRÁI CÂY PHÂN HỆ THIẾT KẾ BẢNG ĐIỀU TRÊN RASPBERRY PI	Lê Thanh Tâm	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	“Hệ thống phân loại trái cây: Phân hệ thiết kế bảng điều khiển” để thực hiện đề tài luận văn. Luận văn này em sẽ trình bày cách thiết kế bảng điều khiển cho hệ thống trên Raspberry Pi, sử dụng PyQt để thiết kế giao diện chính. Bảng điều khiển dùng để thiết lập kiểu vận hành cho hệ thống, sử dụng giao thức MQTT để kết nối và truyền dữ liệu giữa 2 Raspberry Pi. Để góp phần hoàn thiện việc thiết kế bảng điều khiển cần một Raspberry Pi đóng vai trò Client để gửi các dữ liệu cần thiết và một Raspberry Pi đóng vai trò Server nhận dữ liệu, Raspberry Pi này cũng đóng vai trò điều khiển các thiết bị cảm biến cần thiết sau khi người dùng thiết lập. Ví dụ: người dùng muốn thiết lập phân loại trái cây theo khối lượng: Client sẽ gửi tín hiệu chọn chế độ phân loại theo khối lượng và dữ liệu các khay được thiết lập để tiến hành phân loại.
3438	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TƯỚI TỰ ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG IOT – LẬP TRÌNH NHÚNG PHÂN HỆ ĐIỀU KHIỂN TƯỚI TỰ ĐỘNG THEO GIAO THỨC MQTT	Nguyễn, Văn Âu	Trương, Minh Thái	2018	Thế kỉ 21 là kỉ nguyên của công nghệ hiện đại và tự động hóa, mọi thứ trong cuộc sống của chúng ta, từ giải trí đến làm việc đều có sự xuất hiện và hỗ trợ của máy móc, cụ thể là sự phát triển phần cứng, phần mềm và đặc biệt là bùng nổ về trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngày nay nhiều lĩnh vực từ quản lý, kinh tế, sản xuất đều có nhu cầu tự động hóa và Nông Nghiệp là một trong các lĩnh vực đi đầu về điều này. Đối với ngành Nông nghiệp thì việc nắm rõ các yếu tố về khí hậu như: nhiệt độ, độ ẩm đất, độ ẩm khí, ánh sáng, v/v... là điều hết sức quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất nông sản. Việc giám sát, theo dõi các thông số trên sẽ giúp cho người nông dân, các doanh nghiệp cũng như các chuyên gia trong lĩnh vực Nông nghiệp có các dự báo sớm về thay đổi khí hậu, từ đó tìm được giải pháp tốt nhất phòng chống dịch bệnh, chăm sóc cây trồng theo đúng nhu cầu mà cây cần nhằm tăng năng suất và chất lượng nông sản. Hiểu được nhu cầu cần thiết đó, đề tài “Xây dựng hệ thống tưới tự động trên nền tảng IoT và lập trình nhúng” được đề ra nhằm nghiên cứu xây dựng nền tảng cho hệ thống thu thập thông tin môi trường bao gồm website quản lý, trạm chuyển tiếp, trạm điều khiển và ứng dụng trên thiết bị di động được kết nối đến các thiết bị cảm biến. Với giao thức gửi dạng publish/subscribe, bảng thông thấp, độ tin cậy cao cùng khả năng tích hợp tốt với các thiết bị IoT, MQTT là lựa chọn không thể lý tưởng hơn. Đến hiện tại, đề tài nghiên cứu đã có một số kết quả nhất định, đáp ứng được các nhu cầu cơ bản phục vụ việc giám sát môi trường Nông nghiệp. Hi vọng sắp tới đề tài nghiên cứu sẽ được mở rộng và phát triển hơn. Trong đó, hệ thống tưới tự động chiếm một phần quan trọng không thể thiếu. Mặc dù chỉ là tưới tiêu nhưng cần phải phân quyền hệ thống cho từng người dùng với quyền hạn khác nhau, và hơn hết phải tiết kiệm được chi phí – thân thiện với người nông dân.

3439	Đại học	HỆ THỐNG KHÁM PHÁ VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN GIẢI TRÍ TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (Phân hệ quản lý)	Nguyễn, Hoàng Lộc	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Những năm qua, sự phát triển của công nghệ đã thay đổi thế giới. Điện thoại di động đã trở thành thiết bị không thể thiếu vào cuộc sống thường ngày. Chúng ta có thể tìm thấy và tham gia nhiều sự kiện yêu thích được tổ chức trên các trang mạng xã hội. Nhưng với các trang mạng xã hội thì các sự kiện quá dàn trải, khó tìm kiếm theo nhu cầu và sở thích của bản thân, các ứng dụng trên điện thoại di động có chức năng tương tự thì chức năng chưa thật sự tốt và chưa được người dùng quan tâm nhiều. Chính vì vậy “Hệ thống khám phá và quản lý sự kiện giải trí trên thiết bị di động” được xây dựng nhằm giải quyết các yêu cầu trên. “Hệ thống khám phá và quản lý sự kiện trên thiết bị di động” được chia thành 2 phân hệ gồm phân hệ người dùng và phân hệ quản lý. Người dùng có thể tìm kiếm sự kiện theo các nhu cầu của bản thân với bộ lọc sự kiện đa dạng, người dùng có thể tham gia bình luận sự kiện, báo cáo sự kiện và check-in bằng mã QR. Người dùng có thể tạo sự kiện trực tiếp trên ứng dụng với các bước vô cùng dễ dàng. Mọi sự kiện sẽ được phê duyệt ngay trên ứng dụng bởi người quản trị. Ứng dụng cũng cung cấp một khảo sát nhỏ để khảo sát về số người có thể tham gia. Ứng dụng được viết cho điện thoại di động trên nền tảng Android bằng ngôn ngữ Java và sử dụng ASP.NET Core dành cho việc xây dựng Web Service theo cấu trúc RESTful API kết hợp với cơ sở dữ liệu MYSQL. Hệ thống đã được xây dựng thành công và ứng dụng có thể hoạt động trên điện thoại di động hệ điều hành Android từ phiên bản 5.0 trở lên. Với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, đáp ứng đầy đủ các chức năng cơ bản, ứng dụng đã có thể giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm sự kiện yêu thích và đem các sự kiện của người tổ chức đến gần hơn với mọi người.
3440	Đại học	HỆ THỐNG KHÁM PHÁ VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN GIẢI TRÍ TRÊN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (Phân hệ người dùng)	Phạm, Quốc Bình	Võ, Huỳnh Trâm	2019	“Hệ thống khám phá và quản lý sự kiện giải trí trên thiết bị di động” được xây dựng nhằm giải quyết các yêu cầu trên. “Hệ thống khám phá và quản lý sự kiện trên thiết bị di động” được chia thành 2 phân hệ gồm phân hệ người dùng và phân hệ quản lý. Người dùng có thể tìm kiếm sự kiện theo các nhu cầu của bản thân với bộ lọc sự kiện đa dạng, người dùng có thể tham gia bình luận sự kiện, báo cáo sự kiện và check-in bằng mã QR. Người dùng có thể tạo sự kiện trực tiếp trên ứng dụng với các bước vô cùng dễ dàng. Mọi sự kiện sẽ được phê duyệt ngay trên ứng dụng bởi người quản trị. Ứng dụng cũng cung cấp một khảo sát nhỏ để khảo sát về số người có thể tham gia. Ứng dụng được viết cho điện thoại di động trên nền tảng Android bằng ngôn ngữ Java và sử dụng ASP.NET Core dành cho việc xây dựng Web Service theo cấu trúc RESTful API kết hợp với cơ sở dữ liệu MYSQL. Hệ thống đã được xây dựng thành công và ứng dụng có thể hoạt động trên điện thoại di động hệ điều hành Android từ phiên bản 5.0 trở lên. Với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, đáp ứng đầy đủ các chức năng cơ bản, ứng dụng đã có thể giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm sự kiện yêu thích và đem các sự kiện của người tổ chức đến gần hơn với mọi người.

3441	Đại học	HỆ THỐNG WEBSITE KHU BẢO TỒN LOÀI VÀ SINH CẢNH RỪNG MỸ PHƯỚC PHÂN HỆ BẢN ĐỒ	Võ, Quốc Tinh	Lâm, Hoài Bảo	2018	“Hệ thống Website Khu bảo tồn loài và sinh cảnh rừng Mỹ Phước” là một hệ thống trang web giới thiệu về khu bảo tồn ở rừng Mỹ Phước. Nhằm mục đích phổ cập kiến thức về đa dạng sinh học và giúp những người có nhu cầu du lịch sinh thái tiếp cận thông tin về rừng Mỹ Phước dễ dàng hơn. Website được xây dựng trên nền tảng hệ quản trị nội dung (CMS), sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Bên cạnh đó, còn dùng cộng nghệ OpenLayers 3 để thể hiện thông tin lên bản đồ. Về mặt lý thuyết, đề tài đã giới thiệu tổng quan chi tiết về mô hình quản trị nội dung, công nghệ Openlayers, cài đặt và sử dụng Openlayers. Về mặt thực tiễn website cũng đáp ứng các yêu tố cơ bản của một trang web thông tin điện tử, giới thiệu được những thông tin về khu bảo tồn loài – sinh cảnh. Kết quả, em đã hoàn thành tốt những công việc của mình trong hệ thống website đó hoàn là hoàn thành phân hệ bản đồ phục vụ việc tìm kiếm, và thể hiện thông tin của loài lên bản đồ.
3442	Đại học	NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHÚNG VỚI LINUX	Phan, Quốc Trị	Trương, Minh Thái	2018	Hiện nay, với sự phát triển cuộc cách mạng công nghệ thông tin 4.0, các thiết bị phần cứng ngày càng cần phải được tích hợp các công nghệ thông minh hơn, vậy nên xu hướng ứng dụng hệ thống nhúng vào các thiết bị đời sống ngày càng đa dạng, linh hoạt và phát triển hơn để phục vụ, đáp ứng cho nhu cầu đời sống ngày càng tiến bộ hơn cho sự phát triển và sự tiến bộ của con người. Việc phát triển và sử dụng một máy tính mini (Raspberry Pi) chạy trên hệ điều hành Linux để thực hiện một công việc cụ thể ngày càng được nhiều người sử dụng bởi tính di động và giá thành rẻ của nó. Hệ thống nhúng vốn rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên có rất ít người biết được tầm quan trọng và sự hiện hữu của chúng trong thế giới quanh ta. Từ những hệ thống phức tạp như hàng không vũ trụ, phòng thủ quân sự, máy móc tự động trong công nghiệp, đến những phương tiện di chuyển thông thường như máy bay, xe điện, xe hơi, các trang thiết bị y tế trong bệnh viện, cho tới những thiết bị truyền hình và điện thoại di động chúng ta sử dụng hằng ngày, đâu đâu cũng có sự hiện diện của hệ thống nhúng. Đề tài luận văn "Nghiên cứu và phát triển hệ thống nhúng với Linux" sẽ giới thiệu và trình bày chi tiết các thành phần để cấu thành hệ thống nhúng và được kết hợp với Raspberry Pi 3 B+ sẽ cấu thành 1 hệ thống nhúng hoàn chỉnh.

3443	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE SẢN KẾT NỐI TÀI CHÍNH	Lê, Văn Hữu Thuế	Võ, Huỳnh Trâm	2019	“Website sản kết nối tài chính” được xây dựng trên nền tảng website sử dụng Laravel framework và Blade template để xây dựng giao diện website. Hệ thống phục vụ cho hai đối tượng chính gồm: bên vay tiền và bên cho vay tiền. Với hệ thống này thì người đi vay có thể thực hiện các hoạt động như: đăng tin tìm kiếm nguồn vay, xem thông tin các gói vay, bình luận bài viết, và sử dụng tính năng bảng tính để so sánh số tiền phải trả hàng tháng cho từng gói vay với số tiền vay và thời hạn khác nhau. Đối với bên cho vay sẽ xem các tin mà bên vay có nhu cầu, nạp tiền và nhận tin để có thêm thông tin của bên vay, có thể quản lý được lịch sử nhận tin của mình. Ngoài ra hệ thống còn các chức năng như: quản lý hợp đồng vay, chức năng này cho phép người quản trị có thể theo dõi các tin vay choa hoặc đã hoàn tất, xem doanh thu theo mốc thời gian cụ thể. Đề tài “Xây dựng website sản kết nối tài chính” tổng đối hoàn thiện. Hệ thống cung cấp đầy đủ các chức năng và hoạt động tốt như mong đợi. Đề tài cũng cho thấy được tiềm năng ứng dụng của công nghệ vào thị trường đang có nhu cầu hết sức nóng bỏng nhưng chưa được ứng dụng một cách mạnh mẽ. Trong tổng lại sẽ tối ưu hóa cơ sở dữ liệu, phát triển trên app để thuận tiện cho người sử dụng, thêm một số tính năng xác thực qua điện thoại và thanh toán trực tuyến.
3444	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA HÀNG GẤU BÔNG TINTIN	Dương, Hoàng Khải	Võ, Huỳnh Trâm	2019	TinTin-Shop là trang web thương mại điện tử, hỗ trợ khách hàng mua gấu bông trực tuyến ngay tại nhà. Trang web được thiết kế với giao diện bắt mắt, dễ sử dụng. Khách hàng khi truy cập vào trang web có thể: xem thông tin gấu bông, tham khảo giá gấu bông và tìm kiếm gấu bông. Công nghệ xoay hình ảnh 360 độ, zoom ảnh cho phép khách hàng tiếp cận với sản phẩm một cách chân thật nhất, bên cạnh đó trang web còn hỗ trợ tính năng đánh giá sao và bình luận sản phẩm. TinTin-Shop hướng tới khách hàng đa phần là dân văn phòng, giới trẻ không có quá nhiều thời gian rảnh để ra cửa hàng, trang web có tích hợp công nghệ Paypal vào quy trình thanh toán, giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. TinTin-Shop được quản lý theo chức vụ mỗi chức vụ có các phân quyền riêng : Admin là phân quyền riêng của hệ thống không thể xóa, có tất cả chức năng quản lý từ sản phẩm, khách hàng, nhân viên ,thống kê.... Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.6 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, bên cạnh đó trang web còn tích hợp công nghệ Bootstrap và Resposive vào giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng cả trên máy tính lẫn điện thoại di động.

3445	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỬA HÀNG THỰC PHẨM DINH DƯỠNG THỂ HÌNH REDSHOP	Trịnh, Hoàng Phúc	Võ, Huỳnh Trâm	2019	RedShop là một trang web thương mại điện tử bán các thực phẩm dinh dưỡng thể hình dành cho các khách hàng là vận động viên thể hình hay các khách hàng tập luyện các bộ môn thể thao, cần cung cấp dinh dưỡng cho cơ thể giúp nâng cao sức khỏe. Thông qua trang web, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các sản phẩm tại trang web, không cần trực tiếp đến cửa hàng. Trang web được thiết kế giao diện bắt mắt, đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính. Hệ thống có 3 nhóm người dùng chính: Khách hàng người truy cập trang web để xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin chi tiết, đánh giá sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng,... Ngoài ra còn tích hợp cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp cho khách hàng tiết kiệm thời gian, công sức. Admin và Nhân viên hệ thống, có chức năng quản lý thông tin khách hàng, quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, duyệt đơn hàng, duyệt đánh giá và thêm mới khuyến mãi. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.6, AngularJS 1.6 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện trang web được xây dựng dựa theo công nghệ Bootstrap 3 giúp trang web tương thích với mọi thiết bị điện tử, di động giúp khách hàng dễ dàng truy cập. Về cơ bản, RedShop là website thương mại điện tử tương đối hoàn chỉnh, đã hoàn thiện được các chức năng đã đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt, thực hiện được các chức năng của trang khách hàng và trang quản lý. Trong tương lai trang web sẽ phát triển trang web thêm vài tính năng như: xây dựng trang web đa nền tảng, tăng tính bảo mật trang web, hỗ trợ tư vấn trực tiếp.
------	---------	--	-------------------	----------------	------	--

3446	Đại học	XÂY DỰNG SẢN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KaKaKa	Trịnh, Văn Linh	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Website sản giao dịch thương mại điện tử KaKaKa là một trang web thương mại điện tử cho phép mọi người dùng tham gia vào, người bán có thể mở cửa hàng kinh doanh sản phẩm của mình trên website, quản lý các đơn hàng được người mua đặt hàng, quản lý doanh thu thông qua thống kê. Người mua có thể vào website tìm kiếm sản phẩm mình cần, xem chi tiết về sản phẩm được tiếp thị bởi người bán và thực hiện thao tác mua hàng. Về cơ bản, website có các thao tác trên đơn hàng hoàn toàn tự động từ lúc người bán chấp nhận giao hàng nhờ vào hệ thống quản lý tình trạng đơn hàng thời gian thực của nhà vận chuyển Giao hàng nhanh được tích hợp vào website. Bên cạnh đó người mua còn có thể thanh toán các đơn hàng qua thẻ ATM nội địa mà không cần phải có tiền mặt, vì website còn kết hợp với cổng thanh toán trực tuyến OnePay. Website sản giao dịch thương mại điện tử KaKaKa được phát triển dựa trên ngôn ngữ lập trình PHP và MVC Framework được nhà phát triển nghiên cứu và áp dụng để cài đặt các chức năng của website. Nhìn chung, website sản giao dịch thương mại điện tử KaKaKa tương đối hoàn chỉnh hoàn thành các chức năng cơ bản của một sản giao dịch mua và bán. Tuy nhiên, website vẫn còn khá nhiều các chức năng cần cho hệ thống phát triển tốt như là: chức năng trò chuyện trực tuyến giữa người mua và người bán, hệ thống xử lý các khiếu nại sau mua bán, chưa có chức năng tạo các chương trình sự kiện khuyến mãi chung cho toàn sản giao dịch, chưa có chức năng phân loại biến thể sản phẩm. Trong tương lai, sản phẩm sẽ phát triển các chức năng này và phát triển thêm các chỉ số thống kê để giúp người bán quyết định chiến lược kinh doanh cho phù hợp với thị trường và các gợi ý chính xác giúp người mua thực sự tìm được sản phẩm cần thiết.
------	---------	---	-----------------	----------------	------	---

3447	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA HÀNG HOA TƯƠI SẮC HOA	Nguyễn, Phú Thiệt	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Website Cửa Hàng Hoa Tươi Sắc Hoa là một trang web thương mại điện tử nhằm hỗ trợ khách hàng có thể đặt mua các sản phẩm đặc sắc về hoa chỉ với một vài thao tác đơn giản. Trang web được thiết kế tỉ mỉ, bắt mắt đồng thời dễ sử dụng. Đến với Website Cửa Hàng Hoa Tươi Sắc Hoa khách hàng có thể tìm kiếm và tham khảo thông tin giá cả của nhiều sản phẩm khác nhau về chủ đề cũng như kiểu dáng. Đặc biệt, công nghệ xoay ảnh 360° giúp khách hàng có được cái nhìn khách quan hơn về sản phẩm. Ngoài ra trang web còn hỗ trợ tính năng đánh giá và bình luận sản phẩm giúp cho người dùng tương tác với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Về cơ bản, Website Cửa Hàng Hoa Tươi Sắc Hoa hướng đến khách hàng là giới trẻ, nhân viên văn phòng và các đối tượng không có thời gian rảnh rỗi hoặc không muốn trực tiếp đến các cửa hàng, trang web có tích hợp công nghệ PayPal vào quy trình thanh toán, giúp việc mua hàng diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. Website Cửa Hàng Hoa Tươi Sắc Hoa được quản lý dưới 3 phân quyền là Admin, Quản lý và Nhân viên với các chức năng chính như: Quản lý sản phẩm, Quản lý đơn hàng, Quản lý thống kê, Quản lý tài khoản khách hàng, Quản lý tài khoản nhân viên, Quản lý giao diện trang thương mại. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.6 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, bên cạnh đó trang web còn tích hợp công nghệ Bootstrap và Resposive giúp người dùng có thể dễ dàng sử dụng cả trên máy tính lẫn smartphone. Nhìn chung, Website Cửa Hàng Hoa Tươi Sắc Hoa là trang web bán các sản phẩm hoa tươi tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo được các chức năng của một website thương mại điện tử, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt. Trong tương lai trang web có thể phát triển thêm một vài tính năng như: Tính năng tư vấn trực tuyến cho khách hàng, chức năng giao hàng định vị Google Map. Bên cạnh đó việc tích hợp trang web trên nền tảng mobile, app là rất cần thiết trong tương lai.
3448	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯỚI TỰ ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÂY ĂN TRÁI THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP PHẦN HỆ ỨNG DỤNG MOBILE QUẢN LÝ TƯỚI TỰ ĐỘNG	Dương, Vinh Hiền	Trương, Minh Thái	2019	Trong lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể là ngành trồng cây ăn trái thì quy trình và môi trường trồng cây đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định năng suất, chất lượng của sản phẩm. Chính tầm quan trọng đó đã nảy sinh ra nhu cầu giám sát và quản lý cây trồng một cách có hệ thống và toàn diện. Việc giám sát theo dõi các thông số của cây trồng sẽ giúp cho người nông dân, nhà quản lý cũng như các chuyên gia có thể dự báo và xử lý nhanh chóng. Bằng việc áp dụng công nghệ mới hiện nay kết hợp với các quy trình và chuẩn sản xuất tốt cho nông nghiệp vào công tác trồng trọt để tạo ra một hệ thống giám sát chất lượng và quản lý cây ăn quả, từ đó áp dụng vào thực tế giúp tăng năng suất trồng trọt và cải thiện chất lượng sản phẩm. Nội dung chính mà đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý tưới tự động và quản lý cây ăn trái theo tiêu chuẩn VIETGAP – Phần hệ ứng dụng mobile quản lý tưới tự động” hướng đến là xây dựng một công cụ hỗ trợ người dùng quản lý hệ thống một cách dễ dàng trên thiết bị điện thoại di động thông minh.

3449	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VISHOP	Trần, Hữu Phước	Võ, Huỳnh Trâm	2019	ViShop là một trang web thương mại điện tử hỗ trợ người dùng thực hiện những chức năng mua bán cũng như quản lý cửa hàng. Trang web được thiết kế giao diện bắt mắt, đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính, phù hợp với ứng dụng thực tế. Trang web được chia ra làm hai nhóm người dùng: Khách hàng, người quản trị. Thông qua trang web khách hàng có thể thực hiện tìm kiếm, xem , đặt và mua hàng các sản phẩm. Bên cạnh đó trang web cũng có tích hợp cổng thanh toán điện tử Paypal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn và tiện lợi hơn. Đối với người quản trị, website hỗ trợ đầy đủ các chức năng quản trị công việc mua bán như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, thống kê doanh thu theo ngày, tháng năm. Hệ thống được xây dựng dựa trên ngôn ngữ lập trình PHP (Wordpress, Woocommerce plugin), và các thư viện Javascript (React, Redux) và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Các ngôn ngữ được sử dụng rất phổ biến và dễ dàng nâng cấp phát triển giúp cho tương thích qua nhiều loại thiết bị. Hệ thống được ứng dụng các công nghệ mới dễ dàng ứng dụng vào thực tế, đáp ứng nhu cầu của người dùng. Trong tương lai website sẽ được xây dựng thành ứng dụng điện thoại, và mở rộng thêm nhiều tính năng mới.
3450	Đại học	HỆ THỐNG HỖ TRỢ THANH TOÁN GIAO DỊCH THÔNG QUA MÃ QR – EASY PAY	Nguyễn, Phước Âu	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Xu hướng sử dụng Smartphone tại Việt Nam ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet, 4G, 5G. Việc thanh toán điện tử đặc biệt là thanh toán bằng thiết bị di động đang trở thành tất yếu. “Hệ thống hỗ trợ thanh toán giao dịch thông qua mã QR – Easy Pay” đã ra đời để bắt kịp xu thế đó. Easy Pay là hệ thống hoạt động trên hai nền tảng: di động và Web. Hệ thống hướng đến ba đối tượng người dùng: Quản trị viên hệ thống (Administrator), khách hàng đại lý (Agent) và khách hàng di động (Subscriber). Hệ thống cho phép các khách hàng đại lý đăng nhập, đăng ký, quản lý sản phẩm, quản lý ví tiền, xem lịch sử giao dịch, tạo đơn hàng và tạo mã QR để thanh toán đơn hàng. Đồng thời hệ thống cũng cho phép người dùng di động đăng nhập, đăng ký, thanh toán hàng hóa đã mua thông qua việc quét mã QR, xem lịch sử giao dịch, quản lý ví tiền. Người dùng quản trị có thể kích hoạt tài khoản, đăng ký, xác nhận nạp tiền, xác nhận rút tiền. Hệ thống được xây dựng bằng các công nghệ lập trình mới và đang phát triển hiện nay: Spring Boot(Web Service), ReacJS(Web Front-end), React Native (Mobile). Easy Pay đã đáp ứng nhu cầu của người dùng hiện nay, nhu cầu thanh toán dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi, thay thế cho việc thanh toán truyền thống vốn rườm rà và chậm chạp. Easy Pay cũng đã giải quyết tốt các yêu cầu cũng như các chức năng được đặt ra.

3451	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH NƯỚC HOA TRỰC TUYẾN NUOCHOASHOP	Lê, Thị Minh Trang	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển, đời sống người dân ngày càng được nâng cao. Nhu cầu mua sắm của con người cũng tăng lên nên cần có một hệ thống mua bán các sản phẩm cho người tiêu dùng nhằm mang lại tính thuận tiện, giảm thiểu tối đa các công việc thủ công cho khách hàng và người quản lý. Từ đó hệ thống thương mại điện tử đã thu hút người tiêu dùng và mọi doanh nghiệp lớn nhỏ. Website kinh doanh nước hoa trực tuyến nuochoshop ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp chúng ta mua sắm trực tiếp dễ dàng hơn, khách hàng dễ dàng tiếp cận sản phẩm, doanh nghiệp sẽ nâng cao doanh số bán hàng và quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả. Nuochoshop là một trang website kinh doanh trực tuyến nước hoa nhằm cung cấp các chức năng cần thiết hỗ trợ việc quản lý mua bán các sản phẩm nước hoa. Hệ thống có 2 nhóm người dùng chính: Khách hàng người truy cập trang web để xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin chi tiết, đánh giá sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng. Ngoài ra, còn tích hợp cổng thanh toán trực tuyến điện tử Stripe giúp cho khách hàng thanh toán đơn giản và tiết kiệm thời gian. Admin có chức năng quản lý sản phẩm, quản lý thương hiệu, quản lý đơn hàng, quản lý thông kê. Website được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel, PHP và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu phpMyAdmin. Trang web được thiết kế giao diện bắt mắt, đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính. Giao diện trang web được xây dựng dựa theo công nghệ Bootstrap 3 giúp trang web tương thích với mọi thiết bị điện tử, di động giúp khách hàng dễ dàng truy cập. Hệ thống đã hoàn thành và thực hiện yêu cầu thiết kế và cài đặt các chức năng của một website thương mại điện tử. Về cơ bản, website kinh doanh nước hoa trực tuyến nuochoshop tương đối hoàn chỉnh, thực hiện được các chức năng của trang khách hàng và trang quản lý. Bên cạnh đó, phần mềm có thể phát triển thêm quét mã QR cho sản phẩm để giúp việc tìm kiếm một sản phẩm dễ dàng và nhanh chóng
------	---------	---	--------------------	----------------	------	--

3452	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE DỊCH VỤ GIAO THỨC ĂN SHIPFOOD	Võ, Thị Hồng Thắm	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Cùng với sự phát triển vượt bậc của làng ẩm thực Việt Nam và sự du nhập của nhiều món ăn mới lạ từ nước ngoài, nhu cầu thưởng thức và khám phá những món ăn mới của giới trẻ và những người yêu ẩm thực ngày càng tăng. Song trong thời đại công nghệ thông tin, việc sử dụng mạng Internet để đặt thức ăn trực tuyến là sự lựa chọn ưa chuộng của mọi người. Website dịch vụ giao thức ăn đóng vai trò ngày càng quan trọng giúp khách hàng dễ dàng đặt món và thưởng thức món ăn mà không cần đến tận cửa hàng. ShipFood là trang website dịch vụ giao thức ăn tận nơi cho khách hàng đồng thời giải quyết nhu cầu việc làm thêm ngoài giờ cho học sinh, sinh viên,... thông qua việc nhận giao hàng. Hệ thống phục vụ 4 nhóm người dùng chính: Quản trị viên, cửa hàng, khách hàng và shipper. Quản trị viên là người quản lý các nhóm người dùng tại hệ thống. Cửa hàng là người dùng truy cập vào hệ thống để quảng bá các món ăn của mình thông qua trang quản lý mà hệ thống cung cấp. Khách hàng sử dụng trang web như một trang thương mại điện tử để xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm và đặt món ăn,... Shipper là người truy cập vào hệ thống để nhận đơn hàng từ khách hàng và thực hiện giao hàng. Trang web được thiết kế với giao diện đơn giản, không cầu kỳ, giúp người dùng dễ sử dụng và thao tác. Ngoài ra hệ thống còn tích hợp cổng thanh toán điện tử Paypal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh và hiệu quả hơn. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Framework Laravel 5.8 và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện trang web được xây dựng dựa theo công nghệ Bootstrap 3 tương thích với mọi thiết bị điện tử, di động giúp khách hàng dễ dàng truy cập. Về cơ bản, ShipFood là website tương đối hoàn chỉnh, đã hoàn thiện được các chức năng đã đề ra và hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt. Trong tương lai trang web sẽ phát triển thêm các tính năng như: xây dựng trang web đa nền tảng, tăng tính bảo mật trang web, hỗ trợ tư vấn trực tiếp để phục vụ người dùng tốt hơn.
------	---------	--	-------------------	----------------	------	---

3453	Đại học	ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRÊN DI ĐỘNG CHO CỬA HÀNG BÁN ĐỒNG HỒ THỜI TRANG	Dương, Thanh Trung	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Thương mại điện tử (E-Commerce) là hình thức kinh doanh trực tuyến đang ngày càng phát triển mạnh mẽ với sự hỗ trợ của Internet để thực hiện các giao dịch mua bán, trao đổi và thanh toán trực tuyến. Bên cạnh đó, thương mại điện tử là xu hướng của thời đại toàn cầu hóa, đây là lĩnh vực tiềm năng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ sinh lợi và phát triển và là cơ hội cho những ai muốn khởi nghiệp kinh doanh theo mô hình mới. Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, nên các sản phẩm cũng dễ tiếp cận với người tiêu dùng hơn. Đặc biệt trong lĩnh vực thời trang nói chung và trang sức, cũng như đồng hồ nói riêng đang rất được người tiêu dùng quan tâm. Nắm bắt được xu hướng phát triển đó, đề tài “Ứng dụng thương mại điện tử trên di động cho cửa hàng bán đồng hồ thời trang” đã được xây dựng trên nền tảng di động và có gần như đầy đủ tính năng của một ứng dụng thương mại điện tử cho hai nhóm người dùng: quản trị ứng dụng (admin) như duyệt đơn hàng, hủy đơn hàng, quản lý khuyến mãi và khách hàng (user) như tìm kiếm, xem chi tiết sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán trực tuyến,... Ngoài ra, ứng dụng được tích hợp thực tế ảo tăng cường (Augmented Reality) để giúp cho người dùng có những trải nghiệm thú vị về sản phẩm. Hơn nữa, ứng dụng được xây dựng dựa trên các nền tảng công nghệ phổ biến hiện nay là React Native, Javascript, Viroreact, Feacth API... việc gửi và nhận dữ liệu thông qua Webservice được viết bằng PHP sử dụng MySQL làm cơ sở dữ liệu. Bên cạnh đó, ứng dụng cũng được tích hợp ví điện tử Momo giúp cho việc thanh toán trực tuyến trở nên đơn giản và thuận tiện. “Ứng dụng thương mại điện tử trên di động cho cửa hàng bán đồng hồ thời trang” đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một ứng dụng thương mại điện tử, giúp cho việc đưa các sản phẩm đến gần với người tiêu dùng và giúp cho việc mua bán được thực hiện nhanh chóng và dễ dàng hơn. Không những thế, ứng dụng còn tạo cho khách hàng có những trải nghiệm thú vị với thực tế ảo tăng cường (Augmented Reality) từ đó sẽ giúp cho khách hàng có được những lựa chọn tốt nhất mà không phải đi đến trực tiếp tại cửa hàng. Trong tương lai, ứng dụng sẽ được xây dựng những chức năng: quản lý sản phẩm và thống kê doanh thu,... trên nền tảng Website. Đồng thời, ứng dụng sẽ được kiểm thử và triển khai trên nền tảng iOS.
3454	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯỚI TỰ ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÂY ĂN TRÁI THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP PHẦN HỆ ỨNG DỤNG MOBILE QUẢN LÝ CÁC TIÊU CHUẨN VIETGAP	Dương, Huy Hoàng	Trương, Minh Thái	2019	Nội dung chính mà đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý cây ăn trái theo tiêu chuẩn VIETGAP - phần hệ ứng dụng mobile quản lý các tiêu chuẩn VIETGAP” hướng đến là xây dựng một ứng dụng mobile nhằm quản lý việc trồng trọt theo tiêu chuẩn VIETGAP và trích xuất thông tin thống kê cho người dùng. Bằng cách sử dụng các công nghệ hiện đại như kiến trúc RESTful và Node.js, Ionic Framework, đồng thời áp dụng các nguyên lý thiết kế giúp tạo ra khả năng mở rộng mạnh mẽ để tạo tiền đề cho các nghiên cứu sau.

3455	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ COFFEE VIỆT NAM	Nguyễn, Trường Giang	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Việt Nam là một trong những quốc gia có sản lượng Coffee lớn, tỉ lệ xuất khẩu Coffee của Việt Nam đứng thứ 2 thế giới, nhằm mục đích quảng bá, nhân rộng thị trường cho Coffee Việt Nam, ngoài ra còn giúp khách hàng tiếp cận một cách dễ dàng đến đặc sản Coffee, ý tưởng xây dựng và phát triển website thương mại điện tử Coffee Việt Nam phục vụ nhu cầu của người dùng ở bất cứ nơi đâu rảnh rỗi hay bận rộn đều có thể thoải mái lựa chọn cho mình những loại Coffee như ý mà không cần tốn kém nhiều thời gian. Bên cạnh đó, website còn giúp khách du lịch có thể dễ dàng lựa chọn, tham khảo để biết những vùng miền có những loại Coffee hảo hạng. Năm bắt được xu hướng phát triển đó, “Xây dựng Website thương mại điện tử coffee Việt Nam” đã được phát triển. Website có đầy đủ tính năng của một hệ thống thương mại điện tử cho người dùng, quản trị hệ thống như: Tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán trực tuyến, quản lý sản phẩm, thống kê, quản lý danh mục, tìm kiếm quanh đây,... Website được xây dựng dựa trên công nghệ mới và đang phát triển hiện nay là Framework PHP Laravel, HTML, Javascript, CSS. Hệ thống được tích hợp cổng thanh toán trực tuyến Paypal giúp cho việc thanh toán của người dùng trở nên đơn giản và thuận tiện, kết hợp API của Google Map để người dùng có thể tìm những quán Coffee gần họ. “Xây dựng Website thương mại điện tử coffee Việt Nam” đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử, giúp cho việc mua sắm online trở nên dễ dàng. Trong tương lai, hệ thống sẽ được mở rộng thêm các tính năng cho nhóm người dùng, giúp việc quản lý và bán hàng dễ dàng hơn. Ngoài ra, hệ thống sẽ được phát triển trên nền tảng di động giúp mở rộng đối tượng khách hàng.
------	---------	---	----------------------	----------------	------	--

3456	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯỚI NƯỚC TỰ ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÂY ĂN TRÁI THEO TIÊU CHUẨN VIETGA PHÂN HỆ ỨNG DỤNG WEB	Nguyễn, Chí Mạnh	Trương, Minh Thái	2019	Hoạt động nông nghiệp hiện đại ngày nay cải tiến rất nhiều so với mười năm trước, chủ yếu bởi vì sự phát triển của công nghệ bao gồm thiết bị cảm biến, máy tính, thông tin kỹ thuật. Ngành nông nghiệp ngày nay sử dụng các kỹ thuật công nghệ phức tạp như là người máy, cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, các công nghệ về định vị. Những thiết bị công nghệ cao này giúp hệ thống doanh nghiệp hay cá nhân đạt hiệu quả hơn, an toàn hơn và thân thiện với môi trường hơn. Người nông dân không cần phải tự thủ công làm các công việc như tưới nước, bón phân, phun bảo vệ thực vật trên toàn bộ cánh đồng. Mà thay vào đó họ có thể sử dụng một cách cụ thể vào từng khu vực tùy và từng cá thể của loại cây. Điều đó đem lại những lợi ích sau: • Nâng cao năng suất • Giảm lượng nước, phân bón, chất bảo vệ thực vật, đảm bảo giá thành sản phẩm thu hoạch thấp. • Giảm ảnh hưởng đến môi trường. • Hạn chế rò rỉ chất hoá học vào sông hay nguồn nước ngầm • Đảm bảo an toàn lao động. Ngoài ra, công nghệ cao giúp việc giám sát và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên như không khí chất lượng nước,... một cách đáng tin cậy hơn. Nó cũng giúp nhà quản lý có khả năng kiểm soát tốt hơn về cây trồng nông nghiệp cũng như quy trình, phân phối lưu trữ để có thể đem lại: • Nâng cao chất lượng và giá sản phẩm thấp • Điều kiện nuôi trồng đối với sản phẩm an toàn hơn • Giảm các ảnh hưởng đến môi trường Vì những lý do như thế mà việc xây dựng một hệ thống giúp quản lý về nông nghiệp là cần thiết và không thể thiếu đối với thời đại công như hiện nay
3457	Đại học	PHẦN MỀM HỖ TRỢ TRA CỨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ TÀI LIỆU TRONG NÔNG NGHIỆP TRÊN NỀN TẢNG ANDROID VÀ REACT NATIVE	Dương, Văn Lăng	Huỳnh, Xuân Hiệp	2019	Hiện nay, với sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin trên toàn thế giới, thì nhu cầu về cuộc sống của con người lại càng tăng theo. Họ cần sự nhanh chóng và tiện lợi trong mọi nhu cầu. Giải pháp công nghệ thông tin đã và đang thực hiện được tốt vai trò của nó trong cuộc sống cũng như là một phần không thể thiếu của mỗi con người hiện nay. Và, đối với ngành nông nghiệp cũng thế, người nông dân cần một sự nhanh chóng, tiện lợi hơn trong việc tra cứu thông tin, quản lý dịch hại, giống cây trồng, và chất lượng nông sản do người nông dân tạo ra. Nền công nghiệp 4.0, đã mở đường cho các lĩnh vực khác cũng phải có bước chuyển mình tương ứng, trong đó có nông nghiệp. Nông nghiệp 4.0 là sự tập trung chủ yếu vào sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano. Để hưởng ứng và góp một phần nhỏ vào nền nông nghiệp 4.0, cũng như đáp ứng nhu cầu về kiến thức, thông tin, cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật một cách nhanh chóng và kịp thời, em đã thực hiện đề tài về “PHẦN MỀM HỖ TRỢ TRA CỨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ TÀI LIỆU TRONG NÔNG NGHIỆP TRÊN NỀN TẢNG ANDROID VÀ REACT NATIVE”. Phần mềm chạy trên nền tảng Android, hỗ trợ và giúp người nông dân có được sự thuận tiện trong quá trình tra cứu và tìm kiếm thông tin. Người nông dân có thể tra cứu và tìm kiếm ở bất cứ nơi đâu chỉ với một chiếc điện thoại di động có kết nối mạng.

3458	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TƯỚI TỰ ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÂY ĂN TRÁI THEO TIÊU CHUẨN VIETGA PHÂN HỆ LẬP TRÌNH NHÚNG CHO ĐO THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG VÀ TƯỚI TỰ ĐỘNG	Nguyễn, Khánh Dương	Trương, Minh Thái	2019	Đề tài “Xây hệ thống quản lý tưới tự động và quản lý cây ăn trái theo tiêu chuẩn VIETGAP - Phân hệ lập trình nhúng cho đo thông số môi trường và tưới tự động” hướng đến là xây dựng một hệ thống tưới nước tự động và điều khiển tưới theo lưu lượng hoặc thời gian, điều khiển tưới theo từng khu vực, đo lưu lượng nước tưới được và thu thập các thông số từ môi trường gửi thời gian thực lên server, định giờ gửi dữ liệu lên server. Bằng cách sử dụng các công nghệ hiện đại như giao thức MQTT và sử dụng module NodeMcu để chuyển tiếp dữ liệu, đồng thời áp dụng các nguyên lý thiết kế giúp tạo ra khả năng mở rộng mạnh mẽ để tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về sau. Kết quả của đề tài phát triển là hoàn thành được các chức năng đề ra ban đầu, giúp cho việc tưới nước và giám sát môi trường của người nông dân đơn giản hơn tiết kiệm chi phí và tăng năng suất sản xuất, giảm thiểu rủi ro cho người nông dân. Xây dựng mô hình thu nhỏ của hệ thống.
3459	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE TỔNG HỢP-TIN TỨC VÀ KINH DOANH VỀ DỤNG CỤ DU LỊCH TRỰC TUYẾN	Đoàn, Thị Thảo Vy	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Cuộc sống nhiều áp lực như hiện nay, sở thích đi du lịch và chia sẻ những địa điểm mà mình từng đi qua trở thành hình thức giải tỏa áp lực cũng như thỏa mãn đam mê của nhiều người. Bên cạnh đó, để có một chuyến du lịch hoàn hảo thì mọi người cần chuẩn bị các dụng cụ du lịch, và cách nhanh nhất để sở hữu những dụng cụ du lịch và vẫn đảm bảo chất lượng là hình thức mua hàng online. Vì thế việc chia sẻ kinh nghiệm du lịch và mua hàng trực tuyến là điều tất yếu. Website Travel’s được xây dựng nhằm tạo một diễn đàn để mọi người có ý định chia sẻ những điều thú vị cũng như những kinh nghiệm nơi mà mình đã từng đi qua giúp những người khác hiểu rõ hơn về nơi mà mình muốn đi du lịch và trau dồi thêm những kỹ năng cần thiết. Bên cạnh đó trang web còn hỗ trợ thêm phần bán hàng online giúp mọi người dễ dàng lựa chọn những mặt hàng cần thiết cho chuyến du lịch của mình. Website Travel’s có ba nhóm người dùng chính gồm admin, thành viên, khách hàng. Admin có các chức năng chính quản lý bài viết, quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý nhà sản xuất, thống kê doanh thu. Thành viên có thể tìm kiếm bài viết, tạo bài viết, bình luận, tìm kiếm sản phẩm, mua sản phẩm và thanh toán trực tiếp. Khách hàng có thể xem chi tiết bài viết, xem chi tiết sản phẩm và tìm kiếm bài viết, sản phẩm. Website được thiết kế với giao diện bắt mắt, đơn giản không cầu kỳ, giúp khách hàng dễ nhìn. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP, Javascript và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Về cơ bản, trang web tương đối hoàn chỉnh, đã hoàn thiện được các chức năng đã đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu thiết kế và cài đặt, thực hiện được các chức năng của trang khách hàng và trang quản lý. Trong tương lai trang web sẽ phát triển trang web thêm vài tính năng như: xây dựng trang web đa nền tảng, tăng tính bảo mật trang web, hỗ trợ tư vấn trực tiếp.

3460	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MUA BÁN SÁCH	Trương, Mạnh Tiến	Võ, Huỳnh Trâm	2018	Sách vẫn luôn là một trong những nguồn động lực chính thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại. Sách giúp nhân loại lưu trữ và truyền bá tri thức, văn hóa vượt qua không gian và thời gian. Ta có thể thấy nhu cầu đọc sách của con người là vô cùng lớn. Tuy nhiên, với sự bận rộn của cuộc sống hiện đại, việc mua sắm tại các cơ sở truyền thống đã bộc lộ những điểm yếu như: rất tốn thời gian cho việc đi lại và chọn lựa, cũng như mẫu mã các đầu sách không đa dạng. Chính những lý do này đã dẫn đến sự ra đời của Website thương mại điện tử mua bán sách. Hệ thống đóng vai trò là bên thứ ba, trung gian các giao dịch mua và bán sách, được tạo thành bởi hai phần chính: phần dành cho người mua và phần dành người bán. Đây là hệ thống giúp người bán quản lý, danh sách các mặt hàng đã đăng. Hệ thống cũng hỗ trợ tối đa cho khách hàng với những tính năng như: tìm kiếm sách, quản lý đơn hàng, quản lý giỏ hàng. Bên cạnh những tính năng cơ bản đó, nhờ tích hợp ứng dụng thanh toán trực tuyến Paypal, khách hàng có thể dễ dàng thanh toán trực tuyến thông qua thẻ thanh toán quốc tế mà không cần phải lo lắng về vấn đề bảo mật thẻ. Tóm lại, Website thương mại điện tử mua bán sách có khả năng đem lại nhiều tiện ích cho người dùng mà cửa hàng truyền thống khó có thể có. Phần mềm đã gần hoàn thiện và có khả năng triển khai trên thực tế.
------	---------	--	-------------------	----------------	------	--

3461	Đại học	ỨNG DỤNG KIỂM TRA HÀNH VI LÁI XE TRÊN ANDROID	Lê, Quang Huy	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Những năm gần đây, các thiết bị di động điển hình là smartphone và tablet dần trở thành một phần tất yếu của cuộc sống, chúng là những vật dụng không thể thiếu trong sinh hoạt của mỗi người. Chính vì vậy mà nhu cầu tạo ra các ứng dụng hoạt động trên các thiết bị di động nhằm phục vụ cho đời sống của con người cũng ngày một tăng. Các ứng dụng không những phải hiệu quả mà còn phải gắn liền với những vấn đề nổi bật trong xã hội hiện nay điển hình là an toàn giao thông. Câu hỏi được nhiều người đặt ra là làm thế nào để cải thiện hành vi lái xe của người tham gia giao thông bởi vì văn hoá giao thông sẽ góp một phần giúp giảm thiểu tai nạn giao thông. “Ứng dụng kiểm tra hành vi lái xe trên nền tảng Android” ra đời với mục tiêu tạo ra một sản phẩm giúp đánh giá hành vi điều khiển xe của mỗi người từ đó góp phần giúp họ cải thiện hành vi lái xe của mình ngày một tốt hơn. Đề tài này sẽ tập trung vào nghiên cứu cách tạo ra một ứng dụng chạy trên nền tảng Android với sự hỗ trợ của Android Studio cũng như các kết nối phổ biến hiện nay như Bluetooth, GPS và một số thư viện như Google Map, MPAndroidChart để tạo ra một ứng dụng có khả năng đồng bộ hoá vị trí người dùng theo thời gian thực, ghi lại hành trình di chuyển của người dùng, tính toán đánh giá được hành vi lái xe theo từng thang điểm cụ thể và đưa ra những hướng dẫn để người dùng có thể cải thiện được hành vi lái xe của mình. Luận văn có sử dụng một thiết bị IOT đến từ Bosch Japan với tên gọi TEP được lắp trên ô tô để thực hiện việc ghi lại hành trình di chuyển của người dùng và kết nối với ứng dụng thông qua Bluetooth. Đây là một đề tài khá mới áp dụng công nghệ thông tin vào thực tế đời sống cụ thể ở đây là việc lái xe. Ứng dụng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm ban đầu là đánh giá hành vi lái xe, khi hoàn thành ứng dụng có thể được áp dụng vào các khoá đào tạo lái xe. Tương lai không xa có thể phát triển trên nhiều hệ điều hành khác nhau hay xa hơn nữa ứng dụng sẽ được nhúng vào bên trong những chiếc xe và biến nó trở thành một phần của xe từ đó chiếc xe có thể phát hiện được hành vi lái xe của người dùng mà can thiệp kịp thời hay đơn giản là nhắc nhở người dùng để họ tự điều chỉnh hành vi của mình.
------	---------	---	---------------	----------------	------	--

3462	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MUA BÁN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG	PHẠM, ĐỨC DUY	Võ, Huỳnh Trâm	2018	“Website thương mại điện tử mua bán điện thoại di động” là một website cung cấp các chức năng cần thiết cho việc quản lý các thông tin về sản phẩm, đơn hàng, khuyến mãi và thực hiện đặt hàng trực tuyến. Sử dụng Framework Laravel và Bootstrap là chủ yếu, được xây dựng với định hướng giúp việc mua sắm dễ dàng và nhanh gọn hơn, không mất nhiều thời gian và công sức. Hệ thống có ba nhóm người dùng là khách vãng lai, khách hàng thành viên và người quản trị. Nhóm khách vãng lai có các chức năng cơ bản của website như: đăng ký thành viên, tìm kiếm, bình luận về sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm. Sau khi đăng nhập vào hệ thống thì khách hàng có thể sử dụng thêm một số chức năng khác như: quản lý giỏ hàng, xem lịch sử đơn hàng, quản lý tài khoản, đặt hàng trực tuyến và kiểm tra đơn hàng. Còn đối với người quản trị, hệ thống cung cấp các chức năng cơ bản cho việc quản lý website như: quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý nhà sản xuất, quản lý khách hàng quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên, thống kê. “Website thương mại điện tử mua bán điện thoại di động” đã hoàn thành và thực hiện tốt các chức năng cơ bản đề ra, có thể áp dụng hệ thống vào trong thực tế để phục vụ cho các cá nhân, doanh nghiệp, công ty vừa và nhỏ.
3463	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN LOẠI TRÁI CÂY THEO KHỐI LƯỢNG TRÊN RASPBERRY PI	Nguyễn, Minh Hưng	Huỳnh, Xuân Hiệp	2018	“Hệ thống phân loại trái cây theo khối lượng trên Raspberry Pi” để thực hiện luận văn tốt nghiệp. Luận văn này sẽ trình bày cách xây dựng một hệ thống phân loại trái cây theo khối lượng. Hệ thống sẽ giúp người dùng phân loại trái cây theo khối lượng mà người dùng mong muốn Trong đề tài này sử dụng Raspbeery Pi được cài đặt hệ điều hành Raspbian làm nhiệm vụ phân tích các thông số. sử dụng ngôn ngữ Python để lập trình phân cứng .Về phần cứng sử dụng một cảm biến siêu âm (cảm biến khoảng cách) SRF05, một động cơ servo, một cảm biến khối lượng (LoadCell), một mạch chuyển đổi HX711 .một màn hình OLED giao tiếp I2C. Sử dụng cảm biến khối lượng (LoadCell) giao tiếp với Raspberry pi 3 thông qua mạch chuyển đổi ADC 24bit LoadCell HX711 .Mạch chuyển đổi ADC 24bit LoadCell HX711 làm nhiệm vụ đọc giá trị cảm biến LoadCell với độ phân giải 24bit và chuyển sang 2 dây (Clock và Data) để gửi dữ liệu cho vi điều khiển / Raspberry Pi 3.Từ đó xác định cân nặng vật thể. Màn hình OLED0.96inch giao tiếp I2C nhận tín hiệu từ Raspberry pi 3 hiện thị thông số phân tích ra màn hình. Cảm biến siêu âm SRF05 nhận biết khoảng cách vật cản nhờ sóng siêu âm phát ra từ cảm biến và nhận về .SRF05 dùng để xác định vị trí khay trong mô hình. Động cơ servo Digital RC Servo LD-150 nhận tín hiệu từ Raspberry pi 3 khi xác định đúng vị trí khay động cơ hoạt động đẩy vật thể khỏi bàn cân

3464	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRANG PHỤC VÀ PHỤ KIỆN TIỆC CƯỚI WEDDING STORE	Nguyễn, Vương Vĩnh Nguyên	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay nhu cầu mua sắm những trang phục cũng như dịch vụ, phụ kiện tiệc cưới hoành tráng và sang trọng của người dân Việt Nam và cả người nước ngoài ngày càng tăng. Đặc biệt trong ngày trọng đại của bản thân, phải tốn rất nhiều thời gian và tiền bạc để chuẩn bị từ áo cưới, công hoa, rạp cưới đến các phụ kiện tiệc cưới như nhẫn, lắc cưới, ... là rất không cần thiết. Không những thế, với yêu cầu khá khắc khe của các cặp tình nhân, luôn muốn ngày cưới hoàn hảo, không một lỗi nhỏ và chậm trễ. Nắm bắt được nhu cầu đó và để phục vụ cho các cặp tình nhân trong ngày lễ thành hôn một cách tận tình và chu đáo mà Website thương mại điện tử kinh doanh trang phục và phụ kiện tiệc cưới Wedding Store đã ra đời. Website thương mại điện tử kinh doanh trang phục và phụ kiện tiệc cưới Wedding Store được xây dựng trên nền tảng java và hai framework là Spring và Hibernate. Đây là hai framework mạnh mẽ hỗ trợ cho java, trong đó Spring giúp dễ dàng xây dựng một ứng dụng web theo mô hình MVC và Hibernate hỗ trợ kết nối cơ sở dữ liệu một cách thuận tiện. Website gồm hai nhóm người dùng chính là quản trị viên và khách hàng. Đối với quản trị viên, website hỗ trợ chức năng thêm, xóa, sửa sản phẩm, bài viết, theo dõi phản hồi của khách hàng, thống kê đơn hàng và sản phẩm theo danh mục, in hóa đơn. Đối với khách hàng, ngoài các chức năng tìm kiếm sản phẩm, đặt hàng, quản lý giỏ hàng, gửi phản hồi, tra cứu tin tức, hệ thống còn tích hợp chức năng thanh toán online qua ví điện tử Paypal và xoay sản phẩm 360 độ hứa hẹn sẽ đem lại những trải nghiệm mới cho người dùng. Hệ thống đã hoàn thành các chức năng nêu trên và có thể triển khai trong môi trường thực tế, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của người dùng. Trong tương lai, hệ thống sẽ được tích hợp thêm nhiều phương thức thanh toán online khác để phục vụ cho người dùng một cách thuận tiện nhất và công nghệ xử lý ảnh để mô phỏng ảnh cưới khi người dùng chọn sản phẩm. Đây là hướng đi rất có tiềm năng trong tương lai.
------	---------	---	---------------------------	----------------	------	---

3465	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH LAPTOP DTShop	Nguyễn, Đức Tân	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay trong bối cảnh công nghệ thông tin và Internet bùng nổ và phát triển vượt bậc thì xu hướng mua sắm và hình thức kinh doanh truyền thống cũng dần thay đổi theo hướng thương mại điện tử hóa. Ở Việt Nam, ngày càng có nhiều khách hàng lựa chọn sử dụng các dịch vụ mua bán và trao đổi hàng hóa trên các trang mua bán điện tử. Với những trang mua bán trực tuyến này thì khách hàng không chỉ có thể mua những mặt hàng dễ tiếp cận như quần áo, giày dép mà còn có thể mua cả những thiết bị điện tử điển hình như laptop. Nắm bắt xu hướng phát triển đó, Website kinh doanh laptop trực tuyến DTShop đã ra đời với mong muốn cung cấp đầy đủ các loại laptop chất lượng của nhiều thương hiệu nổi tiếng cho khách hàng. Thông qua trang web, khách hàng có thể tìm kiếm, xem, đặt hàng các sản phẩm laptop tại trang web mà không cần trực tiếp đến cửa hàng. Trang web được thiết kế giao diện đơn giản không cầu kỳ giúp khách hàng dễ nhìn và tập trung vào các chủ đề chính. Hệ thống có 2 nhóm người dùng chính: Khách hàng người truy cập trang web để xem thông tin sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin chi tiết, đánh giá sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng,... Ngoài ra còn có thể thanh toán trực tuyến thông qua cổng thanh toán điện tử PayPal giúp cho việc thanh toán đơn hàng nhanh hơn, giúp cho khách hàng tiết kiệm thời gian, công sức. Admin có chức năng quản lý thông tin khách hàng, quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, duyệt đơn hàng, duyệt đánh giá và thêm mới khuyến mãi. Hệ thống được xây dựng trên nền tảng Nodejs và được quản lý bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện trang web được xây dựng dựa theo công nghệ bootstrap 3 giúp trang web tương thích với mọi thiết bị điện tử, di động giúp khách hàng dễ dàng truy cập. DTShop đã đáp ứng được gần như đầy đủ các chức năng của một website thương mại điện tử, giúp cho việc mua sắm online trở nên dễ dàng. Trong tương lai trang web sẽ phát triển trang web thêm vài tính năng như: xây dựng trang web đa nền tảng, tăng tính bảo mật trang web, hỗ trợ tư vấn trực tiếp, mua hàng thông qua quét mã QR và tích hợp AI chatBot.
------	---------	--	-----------------	----------------	------	--

3466	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ YÊU CẦU SỬA CHỮA THIẾT BỊ IT HELPDESK	Võ, Hoàng Duy	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Việc quản lý các trang thiết bị CNTT nói chung và các yêu cầu sửa chữa, khắc phục sự cố cho công ty có hàng ngàn thiết bị CNTT nói riêng, nên việc xây dựng một hệ thống quản lý các yêu cầu sửa chữa thiết bị CNTT là vô cùng cần thiết. “Hệ thống quản lý yêu cầu sửa chữa thiết bị IT Helpdesk” ra đời nhằm mục đích giải quyết các yêu cầu sửa chữa các thiết bị CNTT nhanh chóng để tiết kiệm chi phí và hiệu quả hơn trong công việc. Hệ thống bao gồm ba nhóm người dùng với các chức năng như: Nhóm người dùng là nhân viên (người đang sử dụng thiết bị của công ty gặp phải sự cố) có thể quản lý thông tin cá nhân, gửi báo cáo về sự cố mà thiết bị gặp phải, xem lịch sử sự cố của các thiết bị mà nhân viên đang sử dụng. Sau khi gửi báo cáo sự cố, nhân viên có thể theo dõi báo cáo, chỉnh sửa hoặc xóa báo cáo đó nếu báo cáo chưa được tiếp nhận xử lý. Nhóm người dùng là người quản lý có thể ghi nhận các sự cố mà nhân viên gặp phải, phân công kỹ thuật viên kiểm tra, sửa chữa thiết bị, thống kê các sự cố mà tất cả các thiết bị gặp phải theo ngày, tháng, năm. Nhóm người dùng là kỹ thuật viên tiếp nhận các yêu cầu sửa chữa của người quản lý và tiến hành kiểm tra thiết bị, gửi phản hồi về sự cố mà thiết bị gặp phải, thời gian dự kiến sẽ sửa chữa xong thiết bị. Khi người quản lý xác nhận sửa chữa thiết bị, kỹ thuật viên sẽ tiến hành sửa chữa thiết bị theo yêu cầu của người quản lý và báo cáo về cho nhân viên khi thiết bị đã được sửa chữa. Hệ thống được xây dựng kết hợp với những công nghệ mới như sử dụng Spring Framework, Hibernate Framework. Được lập trình từ ngôn ngữ Java, Jsp, Css kết hợp với Javascript, Ajax, Spring Security sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Hệ thống đã đáp ứng được những mục tiêu, các chức năng cơ bản đã đề ra và có tính ứng dụng cao trong thực tiễn. Trong tương lai, hệ thống sẽ phát triển thêm các tính năng như: mở rộng việc quản lý thông tin của các thiết bị, quản lý việc nhập linh kiện và các đối tác sửa chữa thiết bị đồng thời phát triển hệ thống hoạt động hiệu quả trên nền tảng điện thoại.
------	---------	--	---------------	----------------	------	--

3467	Đại học	HỆ THỐNG NHẬN DIỆN KHUÔN MẶT QUA CAMERA	Trần, Minh Hiếu	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Từ khi các định nghĩa đầu tiên về máy học và thị giác máy tính ra đời, nhận diện vật thể luôn là đề tài nghiên cứu hàng đầu của các nhà khoa học. Trong các khía cạnh của nhận diện vật thể, nhận diện khuôn mặt được quan tâm nhiều nhất, do nó đóng vai trò chủ đạo trong nhiều hệ thống giám sát, điểm danh hoặc xác nhận truy cập thông qua camera. Mặc dù có nhiều cải tiến từ những năm 1900, nhận diện khuôn mặt vẫn là một vấn đề khó giải quyết bởi các yếu tố như điều kiện môi trường, độ tương phản khuôn mặt, độ phức tạp thuật toán, thời gian xử lý,... “Hệ thống nhận diện khuôn mặt qua camera” được xây dựng để giải quyết các vấn đề nhận diện khuôn mặt đã nêu trên. Sau khi nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp hiện đại trên nhiều bộ dữ liệu khuôn mặt khác nhau, các ưu điểm của chúng đã được chọn lọc và áp dụng thành công vào hệ thống. Về phần xử lý, “Hệ thống nhận diện khuôn mặt qua camera” sử dụng ngôn ngữ lập trình Python và framework Pytorch làm nền tảng. Các mạng lưới, mô hình xác định vị trí và nhận dạng khuôn mặt như MTCNN, IR_50 được xây dựng để tối ưu hiệu suất trên card đồ họa của máy, giảm thời gian xử lý hình ảnh. Phần hiển thị kết quả sử dụng thư viện frontend Materialize - xây dựng theo kiểu thiết kế Material Design của Google – đem lại giao diện thân thiện và hợp mắt người sử dụng làm front-end, framework Flask của Python làm phần xử lý backend, giải quyết các request của người dùng. WSGI Unicorn và Nginx được áp dụng, đóng vai trò một server ảo xử lý các request, để nhiều người dùng có thể truy cập trang web một lúc và theo dõi kết quả xử lý của hệ thống. Bằng việc kết hợp các giải pháp đã nêu, hệ thống được đề xuất đã đạt được độ chính xác 95.83% trên bộ dữ liệu cá nhân (gồm 70 người với hơn 1800 ảnh) và 95.66% trên bộ dữ liệu LFW (gồm 700 người với hơn 2800 ảnh) với tốc độ xử lý khoảng 30 khung hình / giây, đáp ứng được yêu cầu quan sát thời gian thực đã đề ra.
------	---------	---	-----------------	----------------	------	---

3468	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRỰC TUYẾN TĐ	Nguyễn, Minh Tài Đức	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Hiện nay, xu hướng về Internet đang trên đà phát triển vượt bậc, chính vì thế mà nhu cầu truy cập Internet của con người cũng tăng theo. Thế nên mọi người đều cần mua sắm cho mình một thiết bị để truy cập Internet mà điện thoại là thiết bị lựa chọn hàng đầu vì tính tiện lợi của nó, nên nó trở thành thiết bị không thể thiếu của con người ngày nay. Nhờ bắt được cơ hội đó các doanh nghiệp mở ra nhiều cửa hàng điện thoại di động cho mọi người đến và mua cho mình một chiếc điện thoại. Nhưng lại bị hạn chế về thời gian và không gian cho người mua. Vì vậy “Website kinh doanh điện thoại di động trực tuyến TĐ” ra đời nhằm giảm tối đa chi phí và thời gian mà mọi người vẫn có thể lựa chọn được cho mình chiếc điện thoại vừa ý và hợp túi tiền. “Website kinh doanh điện thoại di động trực tuyến TĐ” cung cấp các chức năng cần thiết cho việc quản lý các thông tin về sản phẩm như: hàng hóa, đơn hàng, thống kê, khuyến mãi và đặt hàng trực tuyến qua Paypal. Website được viết bằng Framework ReactJS và thư viện Bootstrap, được xây dựng với định hướng sẽ giúp việc mua sắm trở nên dễ dàng và tiện lợi hơn, không mất quá nhiều thời gian và công sức cho việc mua sắm, Hệ thống có 3 nhóm người dùng là khách vãng lai, Người dùng thành viên và người quản trị. Nhóm khách vãng lai có các chức năng cơ bản như sau: đăng ký thành viên, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, khi xem thông tin chi tiết của sản phẩm, Người dùng có thêm sử dụng thêm được chức năng xoay ảnh 360° nhằm giúp tăng khả năng tương tác với Người dùng nhiều hơn. Sau khi đăng nhập vào hệ thống Người dùng sẽ có thêm một số chức năng như sau: quản lý giỏ hàng, xem lịch sử đơn đặt hàng, quản lý giỏ hàng, quản lý tài khoản, đặt hàng trực tuyến. Còn đối với người quản trị, hệ thống sẽ cung cấp một số chức năng quản lý cơ bản như: quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý khuyến mãi, quản lý đơn hàng, thống kê. “Website kinh doanh điện thoại di động trực tuyến TĐ” đã đáp ứng và thực hiện tốt các chức năng cơ bản đề ra, có thể áp dụng hệ thống vào trong thực tế để phục vụ cho các cá nhân, doanh nghiệp, công ty vừa và nhỏ. Trong tương lai trang web sẽ phát triển trang web thêm vài tính năng như: xây dựng trang web đa nền tảng, tăng tính bảo mật trang web, hỗ trợ tư vấn trực tiếp.
------	---------	--	----------------------	----------------	------	--

3469	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GỢI Ý DINH DƯỠNG	Nguyễn, Thị Anh Thư	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay, do tác động của lối sống công nghiệp, mọi người thường ăn uống không kiểm soát, không quan tâm đến cân nặng dẫn đến tình trạng thừa cân, thiếu cân. Ngoài ra còn dẫn đến các bệnh về tiêu hóa, tim mạch,... Và ở Việt Nam cũng chưa có website nào hỗ trợ mọi người kiểm soát việc ăn uống của mình. HealBalance là một website đáp ứng được mong muốn của mọi người trong việc ăn như thế nào là hợp lí và đầy đủ dinh dưỡng. Website tương đối dễ sử dụng, mọi người chỉ cần tạo một tài khoản bằng số điện thoại của mình, cập nhật chỉ số cơ thể, rồi tùy ý thêm món ăn vào danh sách món ăn với giới hạn nạp calo do hệ thống đưa ra, theo dõi tiến trình thông qua biểu đồ theo dõi, và xem lại nhật ký của người dùng trong tuần. Website có hỗ trợ đặt câu hỏi, người dùng có thể hỏi người quản trị và có thể đóng góp ý kiến cho website để website hoàn thiện hơn. Website được xây dựng dựa trên nền tảng Node.js, Express.js, React.js và được quản lí bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Về cơ bản, HealBalance là một website tương đối hoàn chỉnh, đã thực hiện các chức năng đã đề ra, hoàn thành tốt các yêu cầu về thiết kế và cài đặt, thực hiện được chức năng của trang thành viên và trang quản lí. Sắp tới, hệ thống sẽ phát triển trang web thêm vài chức năng như: tự động gợi ý món ăn và địa điểm gần nhất cho thành viên, hỗ trợ đa ngôn ngữ.
3470	Đại học	XÂY DỰNG WEB SERVICE QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH TRỒNG BƯỞI DA XANH THEO MÔ HÌNH VIETGAP	Trần, Ngọc Tài	Trương, Minh Thái	2019	VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) là các quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản ở Việt Nam. Các cơ sở sản xuất, các hợp tác xã đã dần hướng đến sản xuất trồng trọt theo tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, do khi tham gia áp dụng VietGAP họ sẽ phải thay đổi tập quán, thói quen sản xuất, đặc biệt ở khâu quản lý, ghi chép nhật ký. Vấn đề khó khăn của nó là làm thế nào để quản lý hệ thống của cơ sở một cách hiệu quả, cũng như việc ghi chép nhật ký ở vườn, nhà sơ chế đúng qui trình và giảm nhẹ bớt những gánh nặng về sổ sách. Với những khó khăn trên, em xin đề xuất giải pháp xây dựng đề tài “Xây dựng web service quản lý quá trình trồng Bưởi da xanh”. Nội dung chính đề tài hướng đến là xây dựng một dịch vụ web, cung cấp dịch vụ cho máy khách thực hiện các chức năng quản lý, ghi chép nhật ký,... Bằng cách sử dụng các công nghệ hiện đại như kiến trúc RESTful và Node.js, đồng thời áp dụng các nguyên lý thiết kế giúp tạo ra khả năng mở rộng mạnh mẽ để tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu hơn về sau.

3471	Đại học	XÂY DỰNG GƯƠNG THÔNG MINH ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ TRONG NHÀ	Vương, Vĩnh Phát	Trương, Minh Thái	2019	Internet đã thay đổi cuộc sống của chúng ta bằng cách kết nối chúng ta dễ dàng hơn với thông tin và những người khác trong thế giới ảo. Điện thoại di động sau đó trở thành điện thoại thông minh, nhà trở thành nhà thông minh và kể từ đó, khái niệm này đã nở rộ và biến thành Internet vạn vật (Internet of Things), những thứ kết nối chúng ta với các thiết bị điện tử hàng ngày. Từ đó ra đời gương thông minh. Chiếc gương thông minh trông giống như một chiếc gương thông thường nhưng sẽ có một màn hình bên trong và bạn sẽ có thể tương tác với nó thông qua giọng nói. Bài viết này mô tả việc thiết kế và thực hiện một chiếc gương thông minh điều khiển bằng giọng nói, trang web điều khiển thiết bị và trang Facebook Messenger gửi thông báo từ gương. Gương thông minh là một thiết bị có thể hoạt động như một tấm gương và màn hình tương tác hiển thị nội dung đa phương tiện như thời gian, ngày tháng, thời tiết và tin tức. Gương thông minh bao gồm nhiều chức năng khác nhau như cập nhật thông tin và dữ liệu thời gian thực, thu thập thông tin cảm biến và điều khiển thiết bị trong nhà, ra lệnh bằng giọng nói, micro và webcam. Người dùng có thể tương tác với gương thông minh bằng cách sử dụng lệnh thoại. Trang web giúp người dùng có thể điều khiển các thiết bị trong nhà, truy cập camera của gương từ bất cứ ở đâu giúp người dùng dễ dàng quan sát ngôi nhà và quản lý giờ bật tắt các thiết bị. Trang Facebook Messenger vừa có chức năng điều khiển nhà bằng tin nhắn vừa gửi các thông báo cần thiết cho người dùng nhận ngay lập tức. Kết quả của đề tài xây dựng thành công chiếc gương thông minh được các chức năng đề ra ban đầu, giúp người dùng dễ dàng nắm bắt được các thông tin tin tức, thời tiết cũng như điều khiển và nhận thông tin từ các thiết bị trong nhà. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.
------	---------	--	------------------	-------------------	------	--

3472	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG QUẢN LÝ DỊCH VỤ THUÊ XE DU LỊCH	Huỳnh, Nhựt Lâm	Trương, Minh Thái	2019	Sự bùng nổ của công nghiệp 4.0 đã và đang làm thế giới thay đổi từng ngày. Xu hướng chuyển giao trong các hình thức giao dịch buôn bán dần hình thành. Hình thức giao dịch và mua bán trực tuyến đang ngày một chiếm lĩnh thị trường. Sự xuất hiện của hàng loạt các thiết bị thông minh như điện thoại di động, máy tính bảng, ... Nhu cầu du lịch của chúng ta cũng theo đó mà tăng dần. Nhưng do cuộc sống tập nập, chạy đua với học tập, công việc, người ta hiếm khi dành thời gian để đến trực tiếp các cơ sở dịch vụ chọn những dịch vụ ưng ý. Hiểu được nhu cầu trên, chúng tôi đã lên ý tưởng xây dựng và phát triển Ứng dụng quản lý đặt xe du lịch trực tuyến phục vụ nhu cầu của người dùng ở bất cứ nơi đâu, rảnh rỗi hay bận rộn đều có thể thoải mái lựa chọn cho mình những tuyến đường, những chiếc xe mà mình muốn đi mà không cần tốn nhiều thời gian. Ứng dụng này là một hệ thống chạy trên nền tảng android với 2 nhóm người dùng chính là quản trị viên và khách hàng: ➤ Quản lý: Hệ thống cung cấp các chức năng phục vụ tốt cho việc quản lý: quản lý dịch vụ, tài khoản người dùng, thống kê danh sách, quản lý xe, quản lý tài xế dành cho admin. ➤ Khách hàng: Ứng dụng phục vụ cho khách hàng truy cập để lựa chọn các dịch vụ, chuyển đi và xem các thông tin chuyến đi mà mình mong muốn. Ứng dụng được viết bằng framework Flutter, sự trao đổi giữa Client và Database được viết trên nền tảng ngôn ngữ PHP, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySql để lưu trữ dữ liệu. Hệ thống của dịch vụ đã hoàn thành tương đối các chức năng của một ứng dụng thương mại điện tử. Ứng dụng đặt xe có thể đáp ứng tốt các yêu cầu đặt ra và có thể áp dụng vào thực tiễn.
------	---------	--	-----------------	-------------------	------	--

3473	Đại học	PHÁT TRIỂN GAME TRÊN NỀN ANDROID DÙNG UNITY 2D	Lê, Quân Đạt	Lâm, Hoài Bảo	2019	Ngày nay với tốc độ phát triển và độ phổ biến của công nghệ thông tin. Cộng hưởng với sự phát triển vượt bậc của phần cứng, đường truyền mạng và đồ họa thì khái niệm về Trò chơi đã không còn mấy xa lạ với mọi người. Như bao hình thức giải trí khác, chơi trò chơi là một cách thư giãn cho mọi người sau những giờ làm việc căng thẳng. Thậm chí trò chơi còn được công nhận như một môn thể thao (Esport) khi trò chơi cần sự phối hợp và chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt chiến thuật. Hiện nay có rất nhiều Game Engine hỗ trợ xây dựng trò chơi. Nổi bật nhất trong số đó là Unity với cộng đồng lớn mạnh, ngôn ngữ gần gũi, đa nền tảng, và nhiều lý do khác. Những ưu điểm trên cũng là nguyên nhân em chọn Unity Engine để xây dựng trò chơi 2D mang tên “Escape from island” chạy trên nền tảng android. Trò chơi là một câu chuyện về một chàng trai mang tên Carrotne (C), một ngày kia tỉnh dậy ở một hòn đảo xa xôi không tên. Nhận ra mình là vật thí nghiệm của tổ chức X, Carrotne phát hiện ra trên hòn đảo không chỉ có mình cậu mà còn có cả sự hiện diện của những quái vật, vốn dĩ là những thí nghiệm thất bại của công ty X xấu xa kia. Những quái vật này đang thôn tính hòn đảo bằng cách thu hút hết diệp lục để hòn đảo không còn sự sống nào. Để bảo vệ hòn đảo và bản thân, C phải tiêu diệt hết quái vật và tìm đường trốn thoát khỏi đây. Cuộc hành trình của C dự kiến được chia ra thành năm chương nhưng do yếu tố thời gian nên trong luận văn này trò chơi chỉ bao gồm chương một mang tên: Save The Green. Chương một này gồm bốn màn chơi, để vượt qua mỗi màn chơi, người chơi cần phải tiêu diệt hết quái vật trong mỗi màn và tìm ra cánh cửa đi đến màn chơi tiếp theo.
3474	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ BỆNH VIỆN.	Phạm, Nguyễn Cao Duyên	Trương, Minh Thái	2019	Ứng dụng quản lý trang thiết bị bệnh viện được xây dựng trên nền web là một hệ thống quản lý thông tin các trang thiết bị, ghi nhận quá trình chuyển kho đồng thời cũng là nhập kho. Hệ thống được viết theo hai quy trình chính Thứ nhất, lập trang thiết bị từ bên ngoài để nhận trang thiết bị vật tư về kho chính của bệnh viện. Thứ hai, chuyển các trang thiết bị từ kho tổng đến các . Hệ thống bao gồm: người sử dụng, gateway và máy chủ, sự dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu oracle

3475	Đại học	WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KẾT HỢP GHI NHẬN HÀNH VI NGƯỜI DÙNG	Lê, Phúc Đăng	Võ, Huỳnh Trâm	2019	Ngày nay nhu cầu mua sắm những thiết bị, phụ kiện của người dân Việt Nam và cả người nước ngoài ngày càng tăng. Người dùng phải tốn rất nhiều thời gian và tiền bạc để đến hệ thống bán lẻ các thiết bị, cũng như xem thông tin của sản phẩm từ điện thoại, laptop, tablet ... là rất không cần thiết. Không những thế, với nhu cầu của doanh nghiệp cần phải biết được cái nhìn tổng quan hoàn chỉnh về các hành vi của Người dùng, nhu cầu Người dùng của họ là gì. Nắm bắt được nhu cầu đó và để phục vụ cho doanh nghiệp có một cái nhìn toàn diện hơn và nhận biết đúng đắn về nhu cầu từ Người dùng lúc này Website thương mại điện tử kết hợp ghi nhận hành vi người dùng EcommerceTracking ra đời. Website thương mại điện tử và ghi nhận hành vi người dùng EcommerceTracking không những giúp cho tất cả người dùng mua sắm và thanh toán online, mà còn giúp cho doanh nghiệp thu thập được hành vi của người dùng tương tác lên website. EcommerceTracking được xây dựng trên nền tảng java, framework là Spring và Google Data Studio để phân tích. Spring đây là framework mạnh mẽ hỗ trợ cho java, trong đó Spring giúp dễ dàng xây dựng một ứng dụng web theo mô hình MVC và Google Data Studio là một công cụ mạnh mẽ của google, hỗ trợ kết nối cơ sở dữ liệu thông qua kết nối Connector, báo cáo thống kê, xây dựng các sơ đồ. Website gồm hai nhóm người dùng chính là quản trị viên và Người dùng. Đối với quản trị viên, website hỗ trợ chức năng thêm, xóa, sửa sản phẩm, theo dõi hành vi Người dùng, thống kê đơn hàng và hành vi người dùng. Đối với Người dùng, ngoài những chức năng cơ bản của một website thương mại điện tử mang lại, còn tích hợp chức năng thanh toán online qua ví điện tử Momo hứa hẹn đem lại những trải nghiệm mới cho người dùng. Hệ thống đã hoàn thành các chức năng đề ra trước đó và có thể triển khai trong môi trường thực tế, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của người dùng. Trong tương lai, hệ thống sẽ được tích hợp thêm nhiều phương thức thanh toán online khác để phục vụ cho người dùng một cách thuận tiện nhất, ghi nhận hành vi người dùng nhiều hơn và công nghệ gọi điện thoại online trực tuyến khi người dùng đặt sản phẩm. Đây là hướng đi rất có tiềm năng trong tương lai.
------	---------	--	---------------	----------------	------	--

3476	Đại học	ỨNG DỤNG HỖ TRỢ TRA CỨU THÔNG TIN CÁC LOÀI SINH VẬT Ở VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM	Dương, Thị Thanh Hằng	Lâm, Hoài Bảo	2019	Ngày nay di động thông minh ngày càng phổ biến đặc biệt là Android bởi vì Android không giống như IOS hay Windows Phone được bán độc quyền trên thế giới. Vì thế mà các hãng điện thoại Android xuất hiện ngày càng nhiều. Với sự cạnh tranh như thế nên giá thành của điện thoại android ngày càng rẻ mà chất lượng thì ngày càng được cải thiện phù hợp với nhu cầu của tất cả mọi người không giống như IOS chỉ hướng tới khách hàng tầm trung và cao. Chính vì thế mà em quyết định lựa chọn hướng phát triển của bản thân là viết các ứng dụng trên nền tảng Android. Chính vì sự phổ biến của điện thoại thông minh nói chung và điện thoại Android nói riêng mà các nhà nghiên cứu phát triển của các lĩnh vực đã có những ý tưởng đặc biệt để tiếp cận người dùng một cách thông minh và tiện lợi nhất. Bên cạnh việc giải trí, lướt web hay tra cứu thông tin trên google thì điện thoại thông minh có thể hỗ trợ người dùng học tập nghiên cứu, tra cứu thông tin rất tốt theo các lĩnh vực mà người dùng mong muốn trong kho ứng dụng khổng lồ trên App Store của Google. Bởi vì sự tiện lợi của Android nên hôm nay em quyết định nghiên cứu và xây dựng đề tài tài ỨNG DỤNG HỖ TRỢ TRA CỨU THÔNG TIN CÁC LOÀI SINH VẬT Ở VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM trên nền tảng Android. Ứng dụng này hỗ trợ rất nhiều cho các khách du lịch khi đi đến Vườn quốc gia Tràm Chim có nhu cầu tìm hiểu thông tin, các loài sinh vật trong vườn quốc gia, cũng như tìm thông tin các mẫu vật đã được sưu tầm ở bảo tàng mẫu vật. Khi người dùng đến tham quan thì các nhân viên sẽ hỗ trợ cài đặt ứng dụng trên điện thoại. Sau đó các khách du lịch có thể tự tìm hiểu và tra cứu các loài sinh vật mà mình muốn.
3477	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH TRỒNG BƯỞI DA XANH VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THEO MÔ HÌNH VIỆT GAP	Vũ, Thị Cẩm Tú	Trương, Minh Thái	2019	Việc cạnh tranh giữa các sản phẩm nông nghiệp trong nước cũng khá gay gắt chứ không chỉ riêng với sản phẩm nước ngoài. Thế nên nhiều cơ sở trồng trọt cũng đã hướng đến việc tham gia vào các tổ chức chứng nhận như VietGAP, GlobalGAP, ASC,... Và ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực khác như giải trí, giáo dục, y tế, tài chính ngày càng trở nên thông dụng. Chính vì thế, việc đưa thông tin về quá trình sản xuất và vận chuyển sẽ là một ưu thế nổi trội hơn nữa để cạnh tranh giữa các mặt hàng với nhau. Hỗ trợ cho ưu thế mới trên, em xin đề xuất xây dựng đề tài “Xây dựng website quản lý quá trình trồng Bưởi Da Xanh theo tiêu chuẩn VietGAP”. Giao diện trang web được xây dựng dựa trên sự hỗ trợ ưu việt của Bootstrap, kết hợp với các api được cung cấp từ bên thứ 3. Kết quả của đề tài là xây một trang web quản lý các thông tin và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, cung cấp chức năng quản lý cho người quản lý, các cơ sở, truy xuất nguồn gốc cho người tiêu dùng. Qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch cho các sản phẩm Bưởi Da Xanh được cung cấp theo tiêu chuẩn VietGAP.

3478	Đại học	WEBSITE TIN TỨC KẾT HỢP BẢO TỒN Ở VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM	Nguyễn, Thảo Nguyên	Lâm, Hoài Bảo	2019	Hiện nay, môi trường đang bị tàn phá dẫn theo khí hậu, nguồn nước và các loài sinh vật bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngoài ra còn có việc săn bắt trái phép, nên số lượng động vật trong tự nhiên cũng bị sụt giảm nghiêm trọng. Vì thế, việc tổ chức công tác bảo tồn động thực vật và sinh cảnh đang rất quan trọng và cấp bách. Bên cạnh đó, cả thế giới đang phát triển trong nền công nghiệp 4.0 nên việc tạo ra một trang web hỗ trợ công tác bảo tồn là rất cần thiết. Vườn quốc gia Tràm Chim nằm ở huyện Tam Nông, Đồng Tháp, được xếp trong hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam. Nơi đây có nhiều loài chim quý, đặc biệt là sếu đầu đỏ, một loài chim cực kỳ quý hiếm, có tên trong sách đỏ nên công tác bảo tồn ở đây càng được chú trọng hơn. Để hỗ trợ cho công tác bảo tồn các loài động thực vật ở Vườn quốc gia Tràm Chim, em xin đề xuất xây dựng “Website tin tức kết hợp bảo tồn động thực vật ở vườn quốc gia Tràm Chim” đồng thời giúp quảng bá du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái nơi đây.
3479	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN CÂY CẢNH	Nguyễn, Thanh Tùng	Trương, Thị Thanh Tuyền	2019	Thực trạng “ Ô nhiễm môi trường” hiện nay là một trong những thực trạng đang được báo động, từ đó tất cả mọi người đang có xu hướng “ xanh hóa” cuộc sống, một trong những việc góp phần vào công tác bảo vệ môi trường đó chính là trồng cây cảnh, chuyển hóa một phần khí thải thành oxy. Bên cạnh đó thì cây cảnh cũng góp phần không nhỏ cho việc trang trí giúp không gian sống thêm sinh động bắt mắt. Ta có thể trang trí cây cảnh ở những nơi như: Xung quanh nhà, bàn làm việc, phòng khách, ... Vậy việc lựa chọn một chậu cây có dễ hay không trong khi tôi không có quá nhiều thời gian để đến cửa hàng để chọn một chậu cây vừa ý và hợp túi tiền? để trả lời cho câu hỏi này, biện pháp giải quyết tốt nhất mà tôi cần đó là việc chọn và mua sản phẩm trên website giúp phần nào tiết kiệm thời gian và chi phí, do đó thương mại điện tử trong lĩnh vực cây cảnh đang được mọi người quan tâm, tìm hiểu. Đã có nhiều trang thương mại điện tử về cây cảnh ra đời, cung cấp thông tin, tạo điều kiện để khách hàng có thể lựa chọn sản phẩm, tạo điều kiện cho khách hàng đặt hàng qua mạng Internet. Song thì tất cả vẫn chưa tối ưu. Nhằm để khắc phục tình trạng trên từ đó mà “Website bán cây cảnh” ra đời. Với đề tài “Xây dựng website bán cây cảnh” nghiên cứu nghiệp vụ bán hàng trực tuyến thông qua trang thương mại điện tử, đưa ra gợi ý về các sản phẩm cùng loại, giúp chủ cửa hàng-người bán hàng có môi trường quảng bá các sản phẩm của mình, bên cạnh đó có thể giới thiệu thêm các sản phẩm để cho khách hàng có thể có nhiều lựa chọn. Hệ thống được xây dựng dựa trên các công cụ hỗ trợ như hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và Framework Laravel theo mô hình MVC với ưu điểm dễ dàng trong quá trình bảo trì và phát triển hệ thống sau này.

3480	Đại học	TKKT Kè Bình Thạnh - Huyện Thanh Bình - Tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Trương Thường	Trần, Văn Hùng	2018	Phương án 1: Tường chắn consol bê tông cốt thép toàn khối kết hợp mái taluy, má taluy được lát tấm bê tông tự chèn, dầm chân khay được xử lý bằng cọc bê tông cốt thép kết hợp rọ đá. Phương án 2: Tường chắn bản tựa BTCT toàn khối kết hợp mái taluy, mái talu được lát tấm bê tông tự chèn, dầm chân khay được xử lý bằng cọc BTCT kết hợp c trầm.
3481	Đại học	TKKT đê biển Vĩnh châu(đoạn K8+400 đến K8+750) Sóc trăng	Phan, Tuấn Linh	Lê, Ngọc Lân	2019	DSPACE là một bộ phần mềm hỗ trợ giải pháp xây dựng và phân phối các bộ sưu tập số hóa trên Internet. Dspace do HP và The MIT Libraries phát triển vào năm 2002 và trở thành phần mềm thư viện số được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay với khoảng 2000 trường đại học, các t chức chính phủ và công ty thương mại sử dụng. Mục đích chủ yếu của Dspace là để quản lý v chia sẻ nguồn tài nguyên số: Sách, tạp chí, luận văn và các sưu tập hình ảnh, âm thanh và phim tại địa chỉ http://dspace.org Là phần mềm mã nguồn mở nên Dspace liên tục được cộng đồng thư viện thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cập nhật, phát triển các tính năng mới để phục vụ nhu cầu sử dụng ngày càng cao của cộng đồng. Mỗi năm Dspace cho ra mắt ít nhất một phiên bản mới và nhiều bản v lỗi khác. Phiên bản mới nhất hiện nay của Dspace là 6.0 được phát hành vào tháng tư năm 2016.
3482	Đại học	TKKT kè chống xói lở Sa đéc - Đồng tháp	Hùynh, Minh Mẫn	Trần, Văn Hùng	2019	Phương án thiết kế Phương án mặt cắt 1: Tường chắn consol Tường chắn consol bê tông cốt thép, dưới bản đáy bố trí cọc bê tông cốt thép kết hợp mái taluy được lát bằng bê tông tự chèn. Dầm chân khay ở chân mái taluy xử lý bằng cọc bê tông cốt thép, bố trí rọ đá và thảm đá chống xói Phương án mặt cắt 2: Tường chắn bản tựa Tường chắn bản tựa bê tông cốt thép, dưới bản đáy bố trí cọc bê tông cốt thép kết hợp mái taluy được lát bằng bê tông tự chèn. Dầm chân khay ở chân mái taluy xử lý bằng cọc bê tông cốt thép, bố trí rọ đá và thảm đá chống xói.
3483	Đại học	TKKT Kè sông Cần thơ Chợ Cái răng	Nguyễn, Hùynh Anh Tuấn	Trần, Văn Hùng	2019	Qua so sánh kết quả tổng quan ta thấy phương án 1 là khả thi nhất. Với phương án này, mái taluy được gia cố bằng các tấm bê tông lục lăng tự chèn thể hiện tính mỹ quan cao, ổn định tổng thể cũng được đảm bảo, rọ đá giúp chống xói ngầm cao và chi phí cho phương án này không quá cao so với các phương án đề xuất. Đặc biệt với công tác rọ đá để bảo vệ lòng sông rất khả quan và hiện được dùng rất phổ biến và dễ thi công.
3484	Đại học	TKKT kè sông Ô môn P. Châu văn Liêm Q. Ô môn	Nguyễn, Bích Ngọc	Trần, Văn Hùng	2019	Nội dung nghiên cứu _ Xác định phạm vi bờ sông cần được bảo vệ _ Cảnh báo diễn biến lòng sông và tình trạng sạt lở bờ thuộc khu vực trong tương lai _ Chống sạt lở bờ sông, đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng cũng như các công trìn công cộng và dân cư trong khu vực _ Chống lấn chiếm lòng sông, bờ sông, kết hợp chỉnh trang đô thị _ Ổn định đời sống và phát triển kinh tế của nhân dân, góp phần tạo mỹ quan cho quậ Ô-Môn _ Đảm bảo an toàn, hoạt động bình thường cho giao thông thủy.

3485	Đại học	TKKT Kè Sông Cần Thơ	Huỳnh, Thị Thanh Trang	Trần, Văn Hùng	2018	Xây dựng công trình kè sông Cần Thơ (Đoạn: Ninh Kiều - Cầu Cái Sơn thuộc quận Ninh Kiều; Đoạn cầu Quang Trung - cầu Cái Răng thuộc quận Cái Răng) nhằm đạt được mục tiêu sau - Chống sạt lở bờ sông, bảo vệ các công trình kiến trúc, văn hóa, cơ sở hạ tầng xây dựng ven sông, đảm bảo cuộc sống yên lành của nhân dân sống bên sông - Khắc phục tình trạng lấn chiếm mặt tiền sông, san lấp gia tải ven bờ sông của các h dân cư, tránh được những thiệt hại về tài sản, tính mạng con người do sạt lở bờ sông gây ra. Ngăn chặn tình trạng tái lấn chiếm, xây cất nhà trái phép ven sông - Lập lại trật tự xây dựng, di dời các công trình xây dựng lấn chiếm để đảm bảo a toàn thoát lũ, đảm bảo an toàn sông giới của Chính phủ. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức người dân, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch và đẹp - Giải quyết từng bước vấn đề môi sinh, môi trường cho dân cư sinh sống trong kh vực. Tạo cảnh quan, thông thoáng, điều kiện vui chơi giải trí, thể dục thể thao dọc tuyến kè, nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân. Tạo điều kiện phát triển du lịch cho đị phương.
3486	Đại học	TKKT Kè Đồng Tháp	Nguyễn, Tấn Phước	Trần, Văn Hùng	2018	Xác định phạm vi bờ sông cần được bảo vệ _ Cảnh báo diễn biến lòng sông và tình trạng sạt lở bờ thuộc khu vực trong tương lai _ Chống sạt lở bờ sông, đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng cũng như các công trìn công cộng và dân cư trong khu vực _ Chống lấn chiếm lòng sông, bờ sông, kết hợp chỉnh trang đô thị _ Ổn định đời sống và phát triển kinh tế của nhân dân, góp phần tạo mỹ quan đô th _ Đảm bảo an toàn, hoạt động bình thường cho giao thông thủy.
3487	Đại học	Thiết Kế Thi Công Kè Sông Hậu (Đoạn Từ K0+60 Đến K0+100)	Thạch, Phi Sách	Trần, Văn Hùng	2018	Chống sạt lở bờ sông, bảo vệ các công trình kiến trúc, văn hóa, cơ sở hạ tầng xây dựng ven sông, đảm bảo cuộc sống yên lành của nhân dân sống bên sông - Khắc phục tình trạng lấn chiếm mặt tiền sông, san lấp gia tải ven bờ sông của các h dân cư, tránh được những thiệt hại về tài sản, tính mạng con người do sạt lở bờ sông gây ra. Ngăn chặn tình trạng tái lấn chiếm, xây cất nhà trái phép ven sông - Lập lại trật tự xây dựng, di dời các công trình xây dựng lấn chiếm để đảm bảo a toàn thoát lũ, đảm bảo an toàn sông giới của Chính phủ. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức người dân, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch và đẹp - Giải quyết từng bước vấn đề môi sinh, môi trường cho dân cư sinh sống trong kh vực. Tạo cảnh quan, thông thoáng, điều kiện vui chơi giải trí, thể dục thể thao dọc tuyến kè, nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân. Tạo điều kiện phát triển du lịch cho đị phương
3488	Đại học	TKKT Kè Ô Môn	Võ, Nguyễn Trường Tuấn	Trần, Văn Hùng	2018	Đảm bảo ổn định lâu dài bờ sông, hạn chế xảy ra rủi ro khi lũ lớn, an toà chống lũ với mức thiết kế đồng thời đảm bảo ổn định sản xuất, đời sống sinh hoạt củ nhân dân trong vùng, bảo vệ an toàn, tính mạng tài sản của người dân, các công trìn hạ tầng quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ Kết hợp chỉnh trang đô thị của khu vực, tạo tuyến đường giao thông ven sông cải tạo môi trường, sinh thái, cảnh quan khu vực, góp phần nâng cấp cơ sở hạ tần nông thôn, phát triển kinh tế xã hội, an ninh chính trị và đời sống nhân dân tron vùng.

3489	Đại học	NGHIÊN CỨU CÁC ĐẶC TÍNH CỦA SÓNG TÀU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ BỜ BẰNG VỎ XE.	NGUYỄN, PHAN VIỆT ANH	CÙ, NGỌC THẮNG	2018	Chương 1Giới thiệu. Chương 2Lược khảo tài liệu Chương 3Phương pháp thí nghiệm Chương 4Kết luận và nhận xét Chương 5Xử lý bảo vệ bờ kênh bằng vỏ xe ô tô
3490	Đại học	Nhà làm việc công an tỉnh bến tre	Nguyễn, Thanh Duy	Dương, Nguyễn Hồng Toàn	2018	gdj hf
3491	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian và liều lượng FeSO4 bón vào đất đến sinh trưởng và năng suất của nghệ xạ cừ (Curcuma xanthorrhiza Roxb)	Phạm, Thị Hồng Loan	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của thời gian và liều lượng FeSO4 bón vào đất đến sinh trưởng và năng suất của nghệ xạ cừ (Curcuma xanthorrhiza Roxb)
3492	Đại học	Khảo sát đặc tính hình thái hoa và sức sống hạt phấn của cá thể cam soàn (Citrus sinensis (L) cv Soan) không hạt được phát hiện tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Hà, Thị Anh Thư	Nguyễn, Bá Phú	2018	Khảo sát đặc tính hình thái hoa và sức sống hạt phấn của cá thể cam soàn (Citrus sinensis (L) cv Soan) không hạt được phát hiện tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
3493	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ FeSO4 phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin nghệ xạ cừ (Curcuma xanthorrhiza Roxb)	Cam, Nhật Hùng	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ FeSO4 phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin nghệ xạ cừ (Curcuma xanthorrhiza Roxb)
3494	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ phân bón NPK trong giai đoạn sau đậu trái đến năng suất và phẩm chất trái cam soàn (Citrus sinensis L) tại xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Lê, Ý Nhi	Trần, Văn Hâu	2018	Ảnh hưởng của tỷ lệ phân bón NPK trong giai đoạn sau đậu trái đến năng suất và phẩm chất trái cam soàn (Citrus sinensis L) tại xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
3495	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ Phenylalanine (C9H11NO2) phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất Curcumin trong nghệ xạ cừ (Xanthorrhiza Roxb.)	Phạm, Thanh Pin	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ Phenylalanine (C9H11NO2) phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất Curcumin trong nghệ xạ cừ (Xanthorrhiza Roxb.)
3496	Đại học	Hiệu quả của cách xếp mô và đốt áo mô lên sinh trưởng và năng suất nấm rơm (Volvariella volvacea) ngoài trời	Kha, Minh Thuận	Lê, Vĩnh Thúc	2018	Hiệu quả của cách xếp mô và đốt áo mô lên sinh trưởng và năng suất nấm rơm (Volvariella volvacea) ngoài trời
3497	Đại học	Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định trên đặc tính trái cam sành (Citrus nobile var. typical Hassk) không hạt được phát hiện tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Lê, Đăng Khoa	Nguyễn, Bá Phú	2018	Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định trên đặc tính trái cam sành (Citrus nobile var. typical Hassk) không hạt được phát hiện tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
3498	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của 05 giống dưa lê, dưa lưới trong nhà lưới	Hồ, Quan Gia Thịnh	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của 05 giống dưa lê, dưa lưới trong nhà lưới

3499	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo nhập nội vụ xuân hè 2018	Trần, Thị Cúc Hương	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo nhập nội vụ xuân hè 2018
3500	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo (curcumin sativus L) nhập nội vụ hè thu 2017	Trần, Thanh Toàn	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo (curcumin sativus L) nhập nội vụ hè thu 2017
3501	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017	Dương, Thị Kim Ngân	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất 05 giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017
3502	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác cam quýt (Citrus) trong giai đoạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Trần, Thị Bích Vân	2018	Điều tra hiện trạng canh tác cam quýt (Citrus) trong giai đoạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ
3503	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất năm giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017	Phan, Quang Khang	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất năm giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017
3504	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất năm giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017	Trần, Kim Diên	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất năm giống dưa leo nhập nội vụ hè thu 2017
3505	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của bốn giống dưa lê trồng trên giá thể xơ dừa trong nhà lưới, vụ Đông Xuân 2014-2015	Trần, Lâm Thúy Vy	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của bốn giống dưa lê trồng trên giá thể xơ dừa trong nhà lưới, vụ Đông Xuân 2014-2015
3506	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu nành MTĐ 860 – 1 vụ Đông Xuân 2017 – 2018 tại Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy An	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu nành MTĐ 860 – 1 vụ Đông Xuân 2017 – 2018 tại Cần Thơ
3507	Đại học	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh và năng suất của 02 loại ngọn ớt sừng vàng, hiểm lai 207 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Hữu Lộc	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh và năng suất của 02 loại ngọn ớt sừng vàng, hiểm lai 207 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
3508	Đại học	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh và năng suất của 02 loại ớt sừng vàng và hiểm lai 207 tại phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	Huỳnh, Phước Thiện	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh và năng suất của 02 loại ớt sừng vàng và hiểm lai 207 tại phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3509	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng Boron lên sự sinh trưởng và năng suất của mè đen Cần Thơ năm 2017	Trần, Tuấn Anh	Lê, Vĩnh Thúc	2018	Ảnh hưởng của liều lượng Boron lên sự sinh trưởng và năng suất của mè đen Cần Thơ năm 2017

3510	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Silic trong dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất cải ngọt (<i>Brassica intergrifolia</i> L.) thủy sánh	Nguyễn, Hoàng Thương	Nguyễn, Huy Tài	2018	Ảnh hưởng của nồng độ Silic trong dung dịch dinh dưỡng đến sinh trưởng và năng suất cải ngọt (<i>Brassica intergrifolia</i> L.) thủy sánh
3511	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Uniconazole đến sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulate</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Đặng, Hữu Phước	Trần, Văn Hậu	2018	Ảnh hưởng của nồng độ Uniconazole đến sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulate</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
3512	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Paclobutrazol phun qua lá lên sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái Thanh Trà (<i>Bouea oppositifolia</i> (Roxb) Meisne) tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Nguyễn Thanh Vy	Trần, Văn Hậu	2018	Ảnh hưởng của nồng độ Paclobutrazol phun qua lá lên sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái Thanh Trà (<i>Bouea oppositifolia</i> (Roxb) Meisne) tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
3513	Đại học	Ảnh hưởng của phân bón sau khi lúa trổ đến năng suất giống lúa IR50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vụ hè thu 2018	Lê, Minh Điền	Trần, Thị Bích Vân	2018	Ảnh hưởng của phân bón sau khi lúa trổ đến năng suất giống lúa IR50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vụ hè thu 2018
3514	Đại học	Ảnh hưởng của Paclobutrazon lên sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa OM6976 vào vụ hè thu 2016-2017 tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Thành Hối	2018	Ảnh hưởng của Paclobutrazon lên sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa OM6976 vào vụ hè thu 2016-2017 tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
3515	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian và liều lượng bón Borax đến sinh trưởng và năng suất curcumin lên nghệ xà cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)	Nguyễn, Ngọc Nam	Bùi, Thị Cẩm Hương	2018	Ảnh hưởng của thời gian và liều lượng bón Borax đến sinh trưởng và năng suất curcumin lên nghệ xà cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)
3516	Đại học	Ảnh hưởng của các chất kích thích ra hoa đến sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulate</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Hồ, Thành Lộc	Trần, Văn Hậu	2018	Ảnh hưởng của các chất kích thích ra hoa đến sự ra hoa, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulate</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
3517	Đại học	Ảnh hưởng của Benzyl Adenine đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR50404 vụ hè thu 2017 tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Võ, Văn Huy	Nguyễn, Thành Hối Mai, Vũ Duy	2018	Ảnh hưởng của Benzyl Adenine đến sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR50404 vụ hè thu 2017 tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
3518	Đại học	Ảnh hưởng của quang phổ đèn LED đến sinh trưởng và năng suất cải củ (<i>Raphanus sativus</i> L) thu non	Nguyễn, Thị Ngọc Thắm	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của quang phổ đèn LED đến sinh trưởng và năng suất cải củ (<i>Raphanus sativus</i> L) thu non
3519	Đại học	Ảnh hưởng của mặn đến sinh trưởng và năng suất của giống mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L) Cần Thơ	Võ, Thị Kim Hai	Lê, Vĩnh Thúc	2018	Ảnh hưởng của mặn đến sinh trưởng và năng suất của giống mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L) Cần Thơ

3520	Đại học	Ảnh hưởng nồng độ dịch trích nghệ đến chất lượng và thời gian bình cầm bình hoa hồng	Phan, Trần Thảo Trang	Bùi, Thị Cẩm Hương	2018	Ảnh hưởng nồng độ dịch trích nghệ đến chất lượng và thời gian bình cầm bình hoa hồng
3521	Đại học	Ảnh hưởng của Brassinolide trong điều kiện thiếu nước lên sinh trưởng giống đậu phộng (<i>Arachis hypogaea</i> L) L14 ở giai đoạn cây con trong phòng thí nghiệm	Ngô, Thị Cẩm Giang	Lê, Vĩnh Thúc	2018	Ảnh hưởng của Brassinolide trong điều kiện thiếu nước lên sinh trưởng giống đậu phộng (<i>Arachis hypogaea</i> L) L14 ở giai đoạn cây con trong phòng thí nghiệm
3522	Đại học	Ảnh hưởng của mức quang phổ đèn Led đến sự sinh trưởng và năng suất xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) thủy canh	Trần, Thanh Hậu	Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của mức quang phổ đèn Led đến sự sinh trưởng và năng suất xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) thủy canh
3523	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng kali đến sự sinh trưởng và năng suất lúa OM5451 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vụ hè thu 2018	Trần, Thị Kiều Tiên	Trần, Thị Bích Vân	2018	Ảnh hưởng của liều lượng kali đến sự sinh trưởng và năng suất lúa OM5451 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, vụ hè thu 2018
3524	Đại học	Khảo sát tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định trên đặc tính trái cam sành (<i>Citrus nobilis</i> var. <i>typica</i> Hassk.) không hạt được phát triển tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang ở vụ trái thứ hai	Võ, Nguyễn Phúc Hạnh	Nguyễn, Bá Phú	2018	Đề tài được tiến hành nhằm đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định trên đặc tính trái của các dòng cam Sành không hạt này ở vụ trái thứ hai.
3525	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của 02 giống dưa lê thu trái non với biện pháp bấm và không bấm ngọn vụ xuân hè 2017	Lâm, Thị Kiều Châm	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của 02 giống dưa lê thu trái non với biện pháp bấm và không bấm ngọn vụ xuân hè 2017
3526	Đại học	Ảnh hưởng của số tầng giao hạt kích thước lỗ lưới đến sinh trưởng và năng suất giá đậu xanh (<i>vigna radiate</i> (L.)) R. Wilczek)	Dương, Nguyễn Thành Luân	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của số tầng giao hạt kích thước lỗ lưới đến sinh trưởng và năng suất giá đậu xanh (<i>vigna radiate</i> (L.)) R. Wilczek)
3527	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của độ tuổi ngọn dưa lê Kim Cô Nương (<i>Cucumis melo</i> L.) ghép gốc mướp, vụ hè thu 2017	Nguyễn, Ngọc Thúy	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng và năng suất của độ tuổi ngọn dưa lê Kim Cô Nương (<i>Cucumis melo</i> L.) ghép gốc mướp, vụ hè thu 2017
3528	Đại học	Bước đầu khảo sát số lượng gốc ghép mướp đến sự sinh trưởng và năng suất trái khổ qua, Thu Đông 2017	Nguyễn, Hoàng Huy	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Bước đầu khảo sát số lượng gốc ghép mướp đến sự sinh trưởng và năng suất trái khổ qua, Thu Đông 2017
3529	Đại học	Ảnh hưởng của các loại phân bón đến sự sinh trưởng của cây cam sành (<i>Citrus nobilis</i> var <i>typical</i> Hassk) hai năm tuổi tại quận Cái Răng, TP Cần Thơ	Đào, Điền Nông	Nguyễn, Bá Phú	2018	Ảnh hưởng của các loại phân bón đến sự sinh trưởng của cây cam sành (<i>Citrus nobilis</i> var <i>typical</i> Hassk) hai năm tuổi tại quận Cái Răng, TP Cần Thơ

3530	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng, năng suất của 11 giống xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) trồng thủy canh, Thu Đông 2015	Đặng, Phi Phàm	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Khảo sát sự sinh trưởng, năng suất của 11 giống xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) trồng thủy canh, Thu Đông 2015
3531	Đại học	Điều tra hiện trạng canh tác cà, ớt tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2017	Trần, Thị Huyền Trân	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Điều tra hiện trạng canh tác cà, ớt tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2017
3532	Đại học	Ảnh hưởng của FeSO ₄ phun qua lá và bón vào đất đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin trên cây nghệ xạ cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb)	Đỗ, Văn Ý	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của FeSO ₄ phun qua lá và bón vào đất đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin trên cây nghệ xạ cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb)
3533	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng, các dạng phân bón chứa canxi đến sinh trưởng và năng suất hạt cà tím EG203 vụ Đông Xuân 2016-2017	Cao, Hồng Việt	Trần, Thị Ba Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của liều lượng, các dạng phân bón chứa canxi đến sinh trưởng và năng suất hạt cà tím EG203 vụ Đông Xuân 2016-2017
3534	Đại học	Ảnh hưởng nồng độ silic phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất cải thìa trồng thủy canh	Tổng, Minh Tàu	Nguyễn, Huy Tài	2017	Ảnh hưởng nồng độ silic phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất cải thìa trồng thủy canh
3535	Đại học	Ảnh hưởng của Benzyl Adenine đến sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa OM7347 tại huyện Tam Nông – tỉnh Đồng Tháp	Thạch, Thu	Nguyễn, Thành Hối Mai, Vũ Duy	2018	Ảnh hưởng của Benzyl Adenine đến sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa OM7347 tại huyện Tam Nông – tỉnh Đồng Tháp
3536	Đại học	Ảnh hưởng của các dạng và liều lượng Kali phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất giống lúa IR50404 trồng trong chậu vụ Thu Đông 2017	Nguyễn, Bảo Phúc	Trần, Thị Bích Vân	2018	Ảnh hưởng của các dạng và liều lượng Kali phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất giống lúa IR50404 trồng trong chậu vụ Thu Đông 2017
3537	Đại học	Kho sát một số đặc điểm hình thái, năng suất, hàm lượng Curcumin và tinh dầu của 34 giống nghệ nhập nội	Trần, Trường Đăng	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Kho sát một số đặc điểm hình thái, năng suất, hàm lượng Curcumin và tinh dầu của 34 giống nghệ nhập nội
3538	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ Znso ₄ phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin nghệ xạ cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)	Lâm, Hải Linh	Bùi, Thị Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của thời gian và nồng độ Znso ₄ phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất Curcumin nghệ xạ cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)
3539	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian xử lý salicylic acid phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất curcumin trong trên nghệ Xà Cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)	Ngô, Thanh Tâm	Bùi Thị, Cẩm Hường	2018	Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian xử lý salicylic acid phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất curcumin trong trên nghệ Xà Cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)
3540	Đại học	Ảnh hưởng của giống, loại đèn LED đến sự sinh trưởng và năng suất rau non	Nguyễn, Duy Khan	Thị, Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của giống, loại đèn LED đến sự sinh trưởng và năng suất rau non

3541	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng phân NPK 16-16-8 13S đến sinh trưởng và năng suất curcumin trên nghệ Xà Cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)	Nguyễn, Ngọc Quỳnh Như	Bùi, Thị Cẩm Hương	2018	Ảnh hưởng của liều lượng phân NPK 16-16-8 13S đến sinh trưởng và năng suất curcumin trên nghệ Xà Cừ (<i>Curcuma xanthorrhiza</i> Roxb.)
3542	Đại học	Ảnh hưởng của quang phổ đèn LED đến sự sinh trưởng, năng suất và chất lượng cải mầm	Nguyễn, Thanh Nhã	Võ, Thị Bích Thủy	2018	Ảnh hưởng của quang phổ đèn LED đến sự sinh trưởng, năng suất và chất lượng cải mầm
3543	Đại học	Đặc tính hình thái - nông học của 11 giống đậu nành rau Nhật Bản vụ hè thu năm 2018	Nguyễn, Lê Hoàng Phát	Nguyễn, Lộc Hiền	2019	Đặc tính hình thái - nông học của 11 giống đậu nành rau Nhật Bản vụ hè thu năm 2018
3544	Đại học	Ảnh hưởng của ammonium molybdate phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất giống lúa IR50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vụ Hè Thu năm 2018	Nguyễn, Thị Mỹ Diệu	Trần, Thị Bích Vân	2018	Ảnh hưởng của ammonium molybdate phun qua lá đến sự sinh trưởng và năng suất giống lúa IR50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vụ Hè Thu năm 2018
3545	Đại học	Ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất ớt TN557 đông xuân 2016-2017	Trần, Thị Phi Yến	Trần, Thị Ba	2017	Ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất ớt TN557 đông xuân 2016-2017
3546	Đại học	Ảnh hưởng của Brassinolide trong sản phẩm Nyro đến bệnh vàng lá gân xanh, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Hiếu	Trần, Sỹ Hiếu	2018	Ảnh hưởng của Brassinolide trong sản phẩm Nyro đến bệnh vàng lá gân xanh, năng suất và phẩm chất trái quýt đường (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
3547	Đại học	Đánh giá khả năng cung cấp NPK của đất lúa vụ hè thu – thu đông năm 2017 tại Cai Lậy, Tiền Giang	Lê, Kim Thoa	Ngô, Ngọc Hưng	2018	Đánh giá khả năng cung cấp NPK của đất lúa vụ hè thu – thu đông năm 2017 tại Cai Lậy, Tiền Giang
3548	Đại học	Đánh giá tiềm năng chịu mặn và khả năng cải thiện độ mặn đất phù sa trồng lúa nhiễm mặn của cây muồng lá khế (<i>Senna occidentalis</i> L)	Nguyễn, Thị Hoàng Duyên	Nguyễn, Minh Đông	2018	Đánh giá tiềm năng chịu mặn và khả năng cải thiện độ mặn đất phù sa trồng lúa nhiễm mặn của cây muồng lá khế (<i>Senna occidentalis</i> L)
3549	Đại học	Đánh giá hiệu quả của phân hữu cơ Biochar và vi khuẩn nội sinh enterobacter asburiae đến khả năng hấp thu dinh dưỡng trong đất, sự sinh trưởng và năng suất của Bắp lai NK7328 trong điều kiện nhà lưới	Trương Thị Bích Trâm, Thị Bích Trâm Nguyễn, Thị Kim Ngân	Tất, Anh Thư	2018	Đánh giá hiệu quả của phân hữu cơ Biochar và vi khuẩn nội sinh enterobacter asburiae đến khả năng hấp thu dinh dưỡng trong đất, sự sinh trưởng và năng suất của Bắp lai NK7328 trong điều kiện nhà lưới
3550	Đại học	Ảnh hưởng của bón calcium nitrate ammonium sulfate và potassium humate lên sinh trưởng của cây lúa trong điều kiện đất có và không nhiễm mặn	Nguyễn, Ngọc Hạnh	Dương, Minh Viễn	2018	Ảnh hưởng của bón calcium nitrate ammonium sulfate và potassium humate lên sinh trưởng của cây lúa trong điều kiện đất có và không nhiễm mặn

3551	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của n-butyl thiophosphoric triamide (NBPT) dicyandiamide (DCD) lên chuyển hóa urea – N trên đất phù sa và đất nhiễm mặn	Trần, Kiến Thành	Dương, Minh Viễn	2018	Đánh giá ảnh hưởng của n-butyl thiophosphoric triamide (NBPT) dicyandiamide (DCD) lên chuyển hóa urea – N trên đất phù sa và đất nhiễm mặn
3552	Đại học	Ảnh hưởng của phân hữu cơ đến chất vật lý và sinh trưởng của lúa trên nền đất phù sa bạc mảy ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Lý, Thị Vân	Trần, Bá Linh	2018	Ảnh hưởng của phân hữu cơ đến chất vật lý và sinh trưởng của lúa trên nền đất phù sa bạc mảy ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
3553	Đại học	Ảnh hưởng của bón tăng cường phân Kali đến độ mặn và năng suất lúa ở vùng tôm - lúa tại Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Võ, Thanh Lộc Phạm, Thị Kiều Nga	Trần, Văn Dũng	2017	Đề tài nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của phân Kali đến cải thiện các đặc tính mặn trong đất và năng suất lúa từ đó góp phần vào việc xây dựng quy trình sản xuất lúa trên nền đất lúa - tôm theo hướng phát triển bền và khuyến cáo người dân quy trình sản xuất lúa trên nền đất tôm - lúa.
3554	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và bón phân hợp lý đến sự sinh trưởng và năng suất lúa vụ Đông Xuân 2017-2018 tại xã Lương Tâm huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Trần, Ngọc Thảo	Châu, Minh Khôi	2018	Đánh giá ảnh hưởng của kỹ thuật tưới nước tiết kiệm và bón phân hợp lý đến sự sinh trưởng và năng suất lúa vụ Đông Xuân 2017-2018 tại xã Lương Tâm huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
3555	Đại học	Phân lập, tuyển chọn một số dòng vi khuẩn có khả năng làm giảm màu mật ri đường sau lên men cồn từ một số hạt ngũ cốc	Nguyễn, Thị Phương	Nguyễn, Khởi Nghĩa	2018	Phân lập, tuyển chọn một số dòng vi khuẩn có khả năng làm giảm màu mật ri đường sau lên men cồn từ một số hạt ngũ cốc
3556	Đại học	Ảnh hưởng của phân hữu cơ đến tính chất vật lý đất và năng suất cây trồng trong mô hình luân canh lúa đậu nành tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Phương Thiện	Trần, Bá Linh	2018	Ảnh hưởng của phân hữu cơ đến tính chất vật lý đất và năng suất cây trồng trong mô hình luân canh lúa đậu nành tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

3557	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE TÌM KIẾM ẢNH KẾT HỢP ĐẶC TRƯNG ẢNH VÀ ĐẶC TRƯNG VĂN BẢN	Quách, Ánh Hồng	Lê, Thị Phương Dung	2019	Đề tài “Xây dựng website tìm kiếm ảnh kết hợp đặc trưng ảnh và đặc trưng văn bản” thực hiện phân lớp dữ liệu ảnh trên tập dữ liệu. Rút trích đặc trưng ảnh đầu vào bằng giải thuật Histogram Oriented of Gradient (HoG), rút đặc trưng văn bản bằng mô hình Bag Of Word (BoW) và sử dụng mô hình KNN để tính khoảng cách, trả về danh sách kết quả ảnh tương tự. Đề tài chọn giải thuật HoG để trích đặc trưng ảnh vì giải thuật này đơn giản, dễ sử dụng. HoG sử dụng thông tin về sự phân bố của các cường độ gradient (intensity gradient) hoặc của hướng biên (edge directins) để mô tả các đối tượng cục bộ trong ảnh. Chọn mô hình BoW vì đây là thuật toán hỗ trợ xử lý ngôn ngữ tự nhiên khá tốt. Sử dụng giải thuật KNN cũng vì đây là giải thuật đơn giản, phù hợp với quy mô đề tài. Đề tài có 3 chức năng tìm kiếm: tìm kiếm bằng ảnh đầu vào, tìm kiếm bằng từ khóa và tìm kiếm kết hợp cả hai. Nguyên lý hoạt động của đề tài là trích lọc đặc trưng ảnh đầu vào bằng giải thuật HoG sau đó lưu mô hình vào file CSV rồi tiến hành đem phân loại dựa vào giải thuật KNN. Còn về đặc trưng văn bản, hệ thống sẽ trích lọc đặc trưng từ khóa đầu vào sau đó tách từ bằng VnTokenizer, loại bỏ những kí tự đặc biệt sau đó tiếp tục lưu vào file CSV rồi phân loại dựa vào giải thuật KNN. Kết quả trả về sẽ là danh sách các ảnh tương tự với nhau. Dùng phương pháp thống kê tự động để kiểm thử và đánh giá độ tin cậy của hệ thống về 3 phương pháp tìm kiếm. Từ đó rút ra kết luận và hướng phát triển.
3558	Đại học	XÂY DỰNG CHATBOT GIỚI THIỆU KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Lê, Nhật Nam	Lâm, Nhật Khang	2019	Trong bài luận văn này, chúng tôi sẽ xây dựng hệ thống chatbot với framework Rasa bao gồm các mô hình SVM cho phân loại ý định, CRF trích xuất thực thể, LSTM cho dự đoán hành động tiếp theo. Chúng tôi sử dụng FastTest để biểu diễn từ về dạng vector. Ngoài ra, để tăng khả năng phản hồi của bot chúng tôi đã sử dụng kNN để chuyển các thực thể sai mà CRF trích xuất được thành các thực thể đúng. Tập dữ liệu chúng tôi xây dựng thủ công nằm trong phạm vi Khoa Công Nghệ Thông Tin Và Truyền Thông của trường Đại học Cần Thơ với 441 câu hỏi thuộc 19 ý định, 246 thực thể thuộc 6 lớp và 133 cuộc trò chuyện. Kết quả thực nghiệm cho thấy, hệ thống phản hồi khá tốt với những câu hỏi nằm trong phạm vi.

3559	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG GHÉP KÍNH TRÊN ĐIỆN THOẠI ANDROID	Võ, Tiến Đạt	Trần, Nguyễn Dương Chi	2019	Với thời đại công nghệ phát triển như hiện nay thì smartphone đã không còn quá xa lạ với chúng ta. Cùng với việc sở hữu smartphone là những giờ giải trí như lướt facebook, mua sắm online, nghe nhạc, xem phim, ... Trong đó, việc mua sắm online thì đã trở nên quá phổ biến. Vì những tiện ích như là tiết kiệm thời gian để đến shop hay tiết kiệm chi phí đi đến shop hoặc một lý do nào đó khác. Trong số các sản phẩm để mua sắm online thì mắt kính thời trang cũng không ngoại lệ. Để tìm mua những chiếc kính phù hợp cho từng người thì chúng ta không thể xem hình ảnh trên shop quảng cáo thì sẽ không thể nào “tưởng tượng” khi gắn kính vào khuôn mặt mình sẽ như thế nào, cho nên người dùng cần phải đến tận cửa hàng bán kính để chọn lựa những chiếc kính cho phù hợp với khuôn mặt của mình. Để giải quyết vấn đề trên, cần xây dựng một ứng dụng trên điện thoại di động giúp người dùng có thể chọn cho mình những mẫu kính đẹp, phù hợp với sở thích của mình mà không cần phải đến cửa hàng để thử kính.
3560	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GỢI Ý DỊCH VỤ CHỤP ẢNH TẠI CẦN THƠ	Trần, Thanh Ngân	Trần, Nguyễn Minh Thư	2019	Hiện nay, các trang web tiệm chụp ảnh (studio) lớn nhỏ xuất hiện ngày càng nhiều trên internet với thể loại chụp và mức giá khác nhau... Việc tìm kiếm và so sánh giữa các tiệm chụp ảnh là rất khó khăn và mất thời gian nên website hệ thống gợi ý dịch vụ chụp ảnh ra đời để giải quyết vấn đề đó. Nó chứa thông tin của các tiệm chụp ảnh, các thợ ảnh chuyên nghiệp tại Cần Thơ giúp cho người dùng có thể tìm kiếm, so sánh và chọn ra dịch vụ mình mong muốn. Ngoài ra website này còn cung cấp gợi ý về những thông tin liên quan và phù hợp cho người dùng để có thể tìm được một dịch vụ tốt nhất, nhanh nhất cho mình. Để xây dựng được hệ thống gợi ý này, giải thuật k-NN (k láng giềng) được áp dụng để cung cấp cho người dùng thông tin các dịch vụ chụp ảnh dựa vào độ uy tín, thể loại cũng như vị trí gần nhất của dịch vụ chụp ảnh đó với người dùng. Trang web chứa khoảng 200 studio phân bố khắp 9 huyện của Cần Thơ. Studio nổi bật là các studio có độ uy tín cao dựa trên trung bình cộng đánh giá (thang điểm từ 1 đến 5) và số lượt xem của khách hàng với studio đó. Trang web có tất cả 10 thể loại phổ biến hiện nay mà mọi người hay chụp, cho nên việc tìm kiếm những gói chụp ảnh đúng với thể loại mình mong muốn sẽ dễ dàng hơn rất nhiều.

3561	Đại học	ỨNG DỤNG HỖ TRỢ NHẬN DẠNG BIỂN SỐ XE SỬ DỤNG OPENCV & TESSERACT	Lê, Thành Vinh	Lê, Thị Phương Dung	2018	Nhận dạng biển số xe là một trong những bài toán đã có từ lâu, được rất nhiều người quan tâm và có nhiều nghiên cứu về nó như: Phần mềm quản lý bãi xe SPM của công ty Biển Bạc [13], phần mềm nhận dạng biển số xe VINPARKING của công ty TNHH VINPARKING [14], phần mềm nhận dạng biển số xe CARMEN FreeFlow của ARH [15], bài báo “Automatic number plate recognition system” [6] [7]...Nhận dạng biển số xe ngày càng được ứng dụng nhiều vào đời sống như: quản lý bãi xe ra vào một cách khoa học và chuyên nghiệp, giám sát và phát hiện kịp thời các tình huống sai luật từ những phương tiện lưu thông trên đường nội bộ hoặc cao tốc, mang lại hiệu quả kinh doanh và thực thi pháp luật. Mục tiêu của đề tài là xây dựng được ứng dụng có thể nhận dạng được thông tin trên mỗi biển số xe từ một hình ảnh được lưu trữ trên máy tính thành một định dạng văn bản để quản lý xe hiệu quả hơn và cung cấp nguồn dữ liệu cho các công trình nghiên cứu khác. Để nhận dạng và đọc được ký tự trên biển số xe, trước tiên cần phải xác định được vị trí có chứa biển số xe trong ảnh đầu vào, sau khi phát hiện và cắt được vùng có chứa biển số xe sẽ tiến hành nhận dạng ký tự trên ảnh. Để giải quyết những vấn đề trên, đề tài đã sử dụng thư viện mã nguồn mở OpenCV (Open Source Computer Vision Library) để xử lý ảnh đầu vào và kỹ thuật nhận dạng ký tự quang học Tesseract OCR (Optical Character Recognition) để nhận dạng ký tự trên ảnh. Nhằm nâng cao chất lượng ảnh đầu vào và giúp việc nhận dạng chính xác hơn nên một số kỹ thuật xử lý ảnh được sử dụng như: Chuyển ảnh màu sang ảnh mức xám, lọc nhiễu, lọc đường biên và nhị phân hóa ảnh... Ứng dụng được xây dựng bằng ngôn ngữ C++ trên nền Visual Studio và hoạt động trên hệ điều hành Windows.
3562	Đại học	XÂY DỰNG TRANG WEB GỢI Ý PHIM DỰA VÀO THỂ LOẠI HOẶC DIỄN VIÊN	Nguyễn, Nhật Minh	Phạm, Xuân Hiền	2018	Sở thích xem phim ảnh hướng đến quyết định lựa chọn bộ phim mà người dùng theo dõi. Tùy vào người dùng khác nhau sẽ có sở thích xem phim khác nhau. Những chủ đề hoặc thể loại khác nhau thường được người xem lựa chọn như phim dành cho trẻ em, kịch, phim hành động, phim chiến tranh, phim hài, phim tài liệu, phim kinh dị, phim phiêu lưu, phim lãng mạn... Nếu chúng ta là nhà cung cấp dịch vụ biết nắm được sở thích và thói quen của khách hàng thì những gợi ý của chúng ta càng chính xác với người xem. Từ những thói quen, lịch sử xem phim, diễn viên quan tâm...của người xem có được những con số thống kê. Nhờ vào đó, nhà cung cấp dịch vụ thiết lập những giải thuật gợi ý phù hợp nhất cho lựa chọn xem phim tiếp theo của người xem. Đề tài luận văn “xây dựng trang web gợi ý phim dựa vào thể loại hoặc diễn viên” vận dụng phương pháp gợi ý theo phương pháp nội dung (content-based) dựa vào thể loại hoặc diễn viên nhằm đưa ra các gợi ý xem phim tiếp theo cho từng đối tượng người dùng. Hệ thống được thiết kế dưới dạng trang web, trong đó tích hợp được phương pháp gợi ý theo nội dung dựa trên thể loại, diễn viên trong phim.

3563	Đại học	PHÂN LỚP ẢNH SỬ DỤNG GIẢI THUẬT K-NN	Nguyễn, Phú Hưng	Lê, Thị Phương Dung	2018	“Phân lớp ảnh sử dụng giải thuật K-NN” thực hiện phân lớp tập ảnh gồm 726 ảnh theo các chủ đề: dogs, horses, humans. Bài toán phân lớp ảnh đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và có nhiều phương pháp được đề xuất để giải quyết bài toán này với mục tiêu nâng cao hiệu quả phân lớp. Một trong những cách tiếp cận phổ biến hiện nay cho bài toán này là phân lớp ảnh dựa trên đa đặc trưng ảnh. Trước tiên, chiếu mẫu cần phân lớp về nhiều không gian biểu diễn khác nhau. Trong giai đoạn này vấn đề đặt ra cần lựa chọn phép biến đổi ảnh thích hợp để trích chọn đặc trưng ảnh phù hợp với mục tiêu ứng dụng. Phương pháp được sử dụng là biểu diễn ảnh bằng mô hình túi từ (Bag-of-Words - BoW) sử dụng các đặc trưng không đổi với những biến đổi tỉ lệ (Scale-Invariant Feature Transform - SIFT). Đặc trưng SIFT là đặc trưng cục bộ, không bị thay đổi trước những biến đổi tỉ lệ ảnh, tịnh tiến, phép quay, không bị thay đổi một phần đối với phép biến đổi hình học affine (thay đổi góc nhìn) và mạnh với những thay đổi về độ sáng, sự nhiễu và che khuất. Sau đó, chúng tôi sử dụng các kỹ thuật tính toán thông minh đánh giá phân loại ảnh theo các không gian này về các lớp tương ứng. Ở bước này, luận văn sử dụng giải thuật K-NN (Knearest neighbor) để giải quyết vấn đề. Cuối cùng, hợp nhất các kết quả đánh giá để đưa ra kết luận. Cách tiếp cận này phản ánh đầy đủ tính đa dạng của hình ảnh cần phân lớp.
3564	Đại học	NHẬN BIẾT ẢNH QUA CHỈNH SỬA SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CẤP ĐỘ LỖI	Nguyễn, Hoài Thuận	Phạm, Nguyễn Hoàng	2018	Phần mềm sử dụng phương pháp phân tích cấp độ lỗi kết hợp với các phương pháp xử lý ảnh cơ bản để nhận diện và phát hiện những vùng ảnh bị sửa đổi trong một tập tin ảnh. Phần mềm sẽ nhận vào một ảnh đầu vào và trả về ảnh kết quả phân tích cấp độ lỗi và ảnh phát hiện lỗi. Nếu ảnh đầu vào đã bị sửa đổi thì vùng ảnh bị sửa đổi sẽ nổi bật trong ảnh kết quả phân tích cấp độ lỗi, còn đối với ảnh phát hiện lỗi thì vùng ảnh lỗi sẽ được khoanh vùng màu xanh.
3565	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GỢI Ý CÁC DỊCH VỤ VỀ NHÀ	Nguyễn, Minh Triết	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Để hỗ trợ người dùng trong việc dễ dàng tìm kiếm các thông tin uy tín và chính xác nhất, đề tài này sử dụng những thông tin chi tiết về doanh nghiệp, người dùng và những bình luận của người dùng đối với doanh nghiệp từ cơ sở dữ liệu của trang web https://www.yelp.com để xây dựng hệ thống gợi ý dựa theo phương pháp kết hợp giữa hai phương pháp lọc cộng tác dựa trên phương pháp láng giềng gần theo mục dữ liệu và phương pháp lọc theo nội dung để gợi ý ra danh sách các doanh nghiệp gần giống với những doanh nghiệp mà người dùng đã tìm kiếm và tương tác trước đó, còn đối với những người dùng mới thì hệ thống cũng hỗ trợ những người dùng này gợi ý danh sách các doanh nghiệp nhằm giúp cho người dùng có thể dễ dàng tìm được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mà người dùng muốn tìm kiếm nhất. Cùng với đó, chức năng đặt lịch hẹn cũng được cung cấp nhằm giúp cho người dùng dễ dàng hơn trong việc liên hệ với doanh nghiệp để đặt lịch sửa chữa. Qua đó, giảm thiểu thời gian tìm kiếm cho người dùng nhưng vẫn mang lại những nguồn thông tin uy tín và chất lượng nhất từ các doanh nghiệp đến với người dùng.

3566	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐIỂM DANH SINH VIÊN THÔNG QUA NHẬN DẠNG QR CODE TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Nguyễn, Trần Minh Hòa	Võ, Trí Thức	2018	“Ứng dụng điểm danh sinh viên thông qua nhận dạng QR Code”. Đây là một ứng dụng hỗ trợ để quản lý lớp học phần, quản lý nhóm, quản lý sinh viên, xuất tập tin mẫu cho người dùng nhập liệu, nhập thông tin sinh viên với số lượng nhiều bằng tập tin Excel, điểm danh sinh viên, xuất thẻ sinh viên, xem thống kê danh sách sinh viên vắng, các ngày vắng và ghi chú lý do vắng của sinh viên thuộc nhóm của lớp học phần. Bên cạnh đó ứng dụng còn cho phép tải lên hình ảnh của sinh viên lên trên thẻ sinh viên, gửi mail thông báo lịch học, lịch thi cho sinh viên. Ứng dụng được thiết kế và cài đặt cho các thiết bị sử dụng hệ điều hành Android.
3567	Đại học	ĐIỂM DANH SINH VIÊN THÔNG QUA VIỆC NHẬN DẠNG MẶT NGƯỜI	Trần, Trường Giang	Võ, Trí Thức	2018	Hiện nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học máy tính con người đã có nhiều công trình khoa học để ứng dụng máy móc thay thế công việc của con người trong các nhiệm vụ cần sự chính xác và tập trung cao. Một trong đó là ứng dụng của thị giác máy tính trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, một hệ thống quản lý lớp học kết hợp với điểm danh bằng nhận dạng khuôn mặt sẽ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và đảm bảo được độ chính xác cao. Hệ thống điểm danh sinh viên thông qua việc nhận dạng mặt người được thực hiện với hướng tiếp cận sử dụng mô hình phân tầng Cascade of Boosted Classifiers (CBC) kết hợp với các đặc trưng Haarlike cho việc định vị khuôn mặt người trong ảnh. Ảnh khuôn mặt sẽ được biểu diễn bằng các đặc trưng toàn cục GIST, việc rút trích các đặc trưng sẽ được thực hiện thông qua thư viện pylearnist. Sau khi trích chọn đặc trưng ảnh khuôn mặt để huấn luyện mô hình phân lớp bằng thuật toán máy học vector hỗ trợ (SVM) thông qua thư viện mã nguồn mở LibSVM.
3568	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG RÚT TRÍCH TEXT TỪ HÌNH ẢNH VÀ CHUYỂN VỀ ÂM THANH TRÊN ANDROID	Trần, Quang Đại	Trần, Nguyễn Dương Chi	2018	“Xây dựng ứng dụng rút trích text từ hình ảnh và chuyển sang âm thanh trên Android”. Vấn đề rút trích thông tin từ ảnh đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Cũng như có nhiều cách để giải quyết, một trong những cách tiếp cận phổ biến cho nhất là sử dụng nhận dạng ký tự quang học. Đối với đề tài này có hai hướng cần được giải quyết đó là rút trích thông tin từ ảnh và chuyển kết quả rút trích sang giọng nói. Đầu tiên, đối với việc rút trích thông tin, đề tài này sử dụng giải pháp Mobile Vision API để thực hiện. Thứ hai, với việc chuyển kết quả rút trích sang giọng nói, đã sử dụng giải pháp TextToSpeech để giải quyết vấn đề. Từ những yêu cầu và giải pháp trên, tôi tiến hành xây dựng ứng dụng “Xây dựng ứng dụng rút trích text từ hình ảnh và chuyển sang âm thanh trên Android”.

3569	Đại học	THẾT KẾ TRÒ CHƠI CHÉM TRÁI CÂY VỚI UNITY 3D BẰNG CÔNG NGHỆ NHẬN DẠNG CỬ CHỈ SỬ DỤNG MÁY ẢNH KINECT 2	Phan, Quốc Trâm	Phạm, Nguyễn Hoàng	2018	Với sự phát triển không ngừng của công nghệ thì công nghệ thực tế ảo đang là một xu hướng phát triển mạnh mẽ của thế giới. Nó được nghiên cứu và được áp dụng vào rất nhiều lĩnh vực trong cuộc sống như: y tế, giáo dục, quân đội... Ngoài ra, lĩnh vực giải trí cũng được các hãng công nghệ lớn phát triển thành các trò chơi thực tế ảo và đem lại nhiều thành công vang dội. Trò chơi Fruit Ninja đã có từ lâu và là một trong các tựa trò chơi rất hấp dẫn. Từ đó đề tài thiết kế trò chơi Chém trái cây này được thực hiện nhằm tạo ra một trò chơi tương tự sử dụng Unity và công nghệ nhận dạng cử chỉ của máy ảnh Kinect v2. Mục tiêu đặc ra là thiết kế trò chơi Chém trái cây tương tự như trò chơi Fruit Ninja. Có các chức năng tung các trái cây lên cho người chơi sử dụng công nghệ nhận dạng cử chỉ điều khiển thay thế cho động tác chém. Ngoài ra, nó có thể tính điểm và đếm ngược thời gian để kết thúc trò chơi. Kết quả mang lại là tạo ra một trò chơi giúp cho chúng ta có thể vừa thư giãn vừa có thể cải thiện tình trạng sức khỏe. Nhất là đối với các nhân viên văn phòng hay người phải ngồi nhiều. Cuối cùng, nó còn có thể làm tiền đề cho nhiều nghiên cứu về thực tế ảo cho bộ môn sau này.
3570	Đại học	TRÍCH XUẤT MỐI QUAN HỆ NHÂN QUẢ TRONG VĂN BẢN TIẾNG ANH	Nguyễn, Hà Quang Dũng	Phạm, Nguyễn Hoàng	2018	Trong nội dung của đề tài sẽ tập trung tìm hiểu về những kiến thức cơ bản của xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong văn bản tiếng anh mà cụ thể đó là trích xuất cặp từ nhân quả từ câu tiếng anh. Từ đó tìm hiểu về phương pháp để xây dựng các luật dựa vào cấu trúc câu để trích xuất cặp từ nhân quả dựa sự phụ thuộc giữa các từ hoặc dựa vào từ từ loại và sau đó áp dụng thuật toán máy học Naïve Bayes để kết luận cặp từ nào là cặp từ nhân quả từ câu trong văn bản tiếng anh. Kết quả thu được từ cách áp dụng các phương pháp tiếp cận trên đã thu được kết quả với độ chính xác là 64%.

3571	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG NHẬN DẠNG DANH THIẾP CHO ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH	Danh, Trần	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Danh thiếp được nhiều người sử dụng, dùng để trao đổi thông tin liên lạc với nhau. Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, mỗi người luôn có xu hướng mở rộng mối quan hệ của mình trong nhiều lĩnh vực đời sống. Cũng vì thế số lượng danh thiếp mọi người nhận được ngày càng nhiều. Việc lưu trữ và bảo quản số lượng lớn danh thiếp đôi khi gặp nhiều khó khăn. Do đó cần có phương pháp và công cụ lưu trữ hiệu quả. Đây là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của các ứng dụng trích xuất nội dung danh thiếp lưu vào danh bạ các thiết bị di động. Có nhiều ứng dụng đã gặt hái được thành công, được nhiều người tin tưởng và sử dụng như Camcard, ABBYY Business Card Reader... Tuy nhiên những ứng dụng này chưa hỗ trợ tốt tiếng Việt. Với mong muốn phát triển ứng dụng nhận dạng danh thiếp cho người Việt. Đã có vài luận văn kết hợp Opencv và Tesseract để xây dựng ứng dụng nhận dạng danh thiếp. Những luận văn này chỉ xây dựng chức năng cơ bản – đọc nội dung trên danh thiếp lưu vào danh bạ điện thoại với nhiều hạn chế cần được giải quyết. Đề tài này tập trung nghiên cứu, cải tiến và phát triển các chức năng cho ứng dụng nhận dạng danh thiếp nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng. Đề tài bổ sung thêm chức năng tự động khoanh vùng ảnh chứa danh thiếp, cải tiến độ chính xác và giảm thời gian xử lý bằng việc nhận dạng từng vùng chứa dòng ký tự. Tăng khả năng trích xuất thông tin(họ tên, số điện thoại...) bằng việc bổ sung thêm thuộc tính kích thước của từng dòng ký tự trong quá trình phân loại. Ngoài ra, đề tài còn xây dựng thêm chức năng quản lý danh thiếp cho ứng dụng. Nhìn chung đề tài đã đạt được mục đích đề ra, cải tiến đáng kể độ chính xác của quá trình nhận dạng và nâng cao trải nghiệm người dùng. Tuy nhiên do thời gian phát triển ứng dụng có hạn nên thời gian xử lý của ứng dụng chưa thật sự được tối ưu.
3572	Đại học	THEO DÕI CHUYỂN ĐỘNG CỦA VẬT TRONG VIDEO SỬ DỤNG BỘ LỌC KALMAN	Trần, Tuấn Thông	Phạm, Nguyễn Hoàng	2018	Ứng dụng khoa học công nghệ vào giám sát đối tượng đã được nhiều thành tựu và tiến bộ vượt bậc. Trong đó, phát hiện và theo dõi một đối tượng qua hình ảnh nhận được từ camera, webcam,... là một bước tiến quan trọng. Các nghiên cứu về phát hiện, theo dõi đối tượng đã hỗ trợ rất nhiều trong việc phát triển công nghệ để phục vụ những nhu cầu khác nhau trong cuộc sống. Ví dụ như các hệ thống giám sát, camera an ninh hay có thể ứng dụng vào các ngành công nghiệp robot tự động...Do đó các công nghệ theo dõi đối tượng nhận được rất nhiều sự quan tâm. Hiện nay, có nhiều phương pháp để theo dõi đối tượng trong đó phương pháp sử dụng bộ lọc Kalman được sử dụng phổ biến và rộng rãi nhất. Vì vậy, em tiến hành nghiên cứu đề tài sử dụng bộ lọc Kalman để theo dõi chuyển động của vật trong video. Nội dung chính của bài luận văn này là giới thiệu các cơ sở lý thuyết của bộ lọc Kalman, cũng như cách thức bộ lọc Kalman có thể theo dõi chuyển động của một đối tượng. Sau đó dựa trên cơ sở lý thuyết để xây dựng ứng dụng chạy thực nghiệm.

3573	Đại học	ĐIỂM DANH BẰNG MÃ VẠCH TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG TÍCH HỢP VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ THỰC TẬP THỰC TẾ	Nguyễn, Phan Hoài Văn	Phạm, Xuân Hiền	2018	Ngày nay, các ứng dụng của công nghệ mã vạch đã và đang phổ biến khắp mọi nơi. Chúng ta có thể gặp ở bất cứ đâu từ sản phẩm trong siêu thị, thẻ nhân viên, thẻ bảo hiểm y tế,... Công nghệ mã vạch thể hiện sự tiện dụng của mình trong tác vụ quản lý hàng hóa, quản lý dịch vụ và có thể quản lý cả con người. Với sự phát triển của công nghệ 4.0 và sự cạnh tranh khốc liệt của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới thì các thiết bị di động đang dần trở thành thiết bị mà ai cũng có thể sở hữu với các chức năng phức tạp mà chỉ có thiết bị chuyên dùng mới có thể thực hiện được với giá thành ngày một giảm xuống. Thiết bị di động có tích hợp máy ảnh và kỹ thuật xử lý ảnh có thể giải mã các mã vạch một cách đơn giản và chính xác như các thiết bị chuyên dùng khác. Ứng dụng cho phép người dùng giải mã các mã vạch thành chuỗi ký tự và lưu trữ dữ liệu. Dữ liệu sau đó sẽ được đưa lên thiết bị máy tính cá nhân để xử lý và tích hợp vào hệ thống điểm danh thực tập thực tế. Đồng thời, người dùng có thể điểm danh ở mọi nơi và mọi thời điểm với tính di động của thiết bị.
3574	Đại học	ỨNG DỤNG MẠNG NEURAL ĐỂ DỰ ĐOÁN MỨC NƯỚC SÔNG CỬU LONG TẠI CẦN THƠ	Nguyễn, Xuân Đỉnh	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Đồng bằng sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nên hiện tượng nước ngập do triều cường thường xuyên xảy ra làm ngập đường giao thông, công trình xây dựng, ruộng vườn,... Vào mùa cạn, triều cường cũng đẩy xâm nhập mặn theo các triền sông vào rất sâu trong đất liền gây ra rất nhiều thiệt hại kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống sinh hoạt của nhân dân. Dự báo mực nước trên hệ thống sông Cửu Long là một bài toán cần phải có lời giải để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế trong vùng cũng như giảm mức độ ảnh hưởng của ngập lụt đến sinh hoạt của nhân dân trong vùng. Đề tài sử dụng mạng neural(RNN) cho việc dự báo mực nước tại Cần Thơ dựa trên thông tin mực nước của 4 trạm Tân Châu, Châu Đốc, Vàm Nao, Mỹ Thuận. Dữ liệu để huấn luyện mô hình được quan trắc hàng giờ trong 5 năm từ 2012 đến 2016. Đề tài sử dụng mạng LSTM để dự báo mực nước của 6 giờ sau đó dựa vào mực nước của 24 giờ trước. Kết quả thực nghiệm cho thấy giá trị dự báo có sai số tương đối thấp: MAE = 9.932, RMSE = 11.263.

3575	Đại học	ROBOT PIONEER 2 BẮM SÁT ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN ĐỘNG	Nguyễn, Thanh Hải	Võ, Trí Thức	2018	Trong bài luận văn này, em trình bày kết hợp giữa các giải thuật máy học và Robot Pioneer 2 nhằm điều khiển bám sát đối tượng theo thời gian thực. Vấn đề cốt lõi trong bài toán này là nhận dạng được đối tượng trong hình ảnh và theo dõi đối tượng. Đầu tiên, sử dụng giải thuật máy học Cascade of boosting classifier dùng đặc trưng Haar-Like Feature nhận dạng đối tượng. Tiếp theo, sử dụng giải thuật Correlation tracking do Martin Danelljan cải tiến để theo dõi đối tượng. Cuối cùng, khi đã nhận dạng và theo dõi đối tượng, bắt đầu tính kích thước và định vị trí đối tượng trên mặt phẳng ảnh để điều khiển Robot bám sát đối tượng. Kết quả kiểm thử cho thấy Robot đã hoạt động đảm bảo các mục tiêu đặt ra như điều khiển các hành vi tiến, lùi, rẽ trái, rẽ phải, bám sát đối tượng. Tập dữ liệu huấn luyện Haar-training gồm 2200 ảnh dương và 4400 ảnh âm với hơn 4 giờ huấn luyện. Tập dữ liệu học cho độ chính xác trung bình với 10 lần kiểm thử là 63.15% khi lấy ngẫu nhiên 200 ảnh trên tập 1200 ảnh dương làm ảnh kiểm thử.
3576	Đại học	XÂY DỰNG TRANG WEB GỢI Ý MÓN ĂN DỰA VÀO GIẢI THUẬT KẾT HỢP	Lê, Thanh Nhi	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Nhu cầu ăn uống ngày càng tăng nên nhiều nhà hàng được hình thành với rất nhiều món ăn khác lạ để làm vui lòng thực khách. Tuy nhiên, cũng vì thường xuyên được ăn ngon nên thực khách khi đến quán có thể không biết mình nên chọn món ăn nào. Các nhà hàng, quán ăn hay các trang web bán thức ăn trực tuyến thường có sự hỗ trợ thực khách thông qua tính năng gợi ý hay thông qua phục vụ nhà hàng. Trang web gợi ý món ăn của quán ăn gia đình Pallet được xây dựng để giải quyết vấn đề này. Chức năng quan trọng nhất của website đó là gợi ý món ăn liên quan cho người dùng. Khi người dùng chọn xem một món ăn, website sẽ gợi ý những món ăn thường được mua cùng. Danh sách gợi ý này được xây dựng dựa trên tập dữ liệu thống kê giao dịch của quán ăn Pallet. Giải thuật luật kết hợp được sử dụng để tìm ra những món ăn xuất hiện thường xuyên và mối quan hệ giữa các món ăn, từ đó sử dụng để gợi ý cho khách hàng. Hệ thống sử dụng nghi thức đánh giá Given-N với $N = \{1,2,3\}$ cho 4532 giao dịch và đạt được độ chính xác là 63.55 %.
3577	Đại học	HỌC SÂU KẾT HỢP VỚI MÁY HỌC VECTOR HỖ TRỢ CHO BÀI TOÁN ĐẾM VÀ PHÂN LỚP NGƯỜI RA VÀO CƠ QUAN	Lê, Trung Bá Tòng	Phạm, Nguyễn Khang	2018	Luận văn đi vào tìm hiểu về cách “Đếm số lượng và phân lớp giới tính người ra/vào cơ quan bằng camera an ninh”. Quá trình thực hiện được tiến hành thông qua việc tìm hiểu, sử dụng phương pháp phát hiện, theo dõi chuyển động và phân lớp đối tượng bằng CNN (Convolutional Neural Network) kết hợp SVM (Support Vector Machine). Luận văn giải quyết được những vấn đề về việc theo dõi số lượng người ra vào cơ quan, phân tích giới tính đối tượng. Luận văn được xây dựng bằng công cụ QtCreator, ngôn ngữ C++ và Python, tích hợp kết nối camera an ninh thông qua IP. Nhờ vậy người dùng có thể theo dõi dữ liệu một cách dễ dàng hơn.

3578	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GỢI Ý ĐỊA ĐIỂM THỰC TẬP THỰC TẾ CHO SINH VIÊN	Quách, Hoài Nam	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Ngày nay việc áp dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, kinh tế, ... ngày càng nhiều giúp cho công tác quản lý được thuận tiện hơn và đơn giản hóa các quy trình nghiệp vụ hơn. Cùng với xu hướng đó việc áp dụng công nghệ thông tin vào xây dựng hệ thống thông tin quản lý quy trình thực tập thực tế sẽ giúp công tác quản lý được dễ dàng hơn so với việc sử dụng các loại văn bản giấy tờ để lưu trữ. Hệ thống giúp cho công tác quản lý được thuận tiện hơn, giúp cho sinh viên có thể tìm kiếm các địa điểm thực tập thực tế một cách dễ dàng hơn hay gợi ý ra các địa điểm phù hợp với năng lực của sinh viên hơn. Hệ thống sử dụng giải thuật máy học “K-nearest neighbors algorithm” dựa vào chuyên ngành và điểm số các môn tiên quyết của học phần thực tập thực tế để gợi ý ra địa điểm thực tập thực tế cho sinh viên. Kết quả đánh giá giải thuật trên 300 dữ liệu thực tế thu được độ chính xác là 63%. Hệ thống hoạt động trên nền web nhằm mang đến sự tiện lợi khi sử dụng. Website được xây dựng bằng sự kết hợp “Php & Mysql” trên máy chủ với Laravel Framework và cùng với HTML 5, CSS3, JavaScript phía người dùng.
3579	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG CHỈNH SỬA ẢNH TRÊN ANDROID STUDIO	Lê, Kim Yến	Phạm, Nguyễn Hàm	2018	Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ, điện thoại thông minh dần trở thành một công cụ không thể thiếu trong cuộc sống, nó giúp mọi người trong công việc, học tập và cả giải trí. Lợi ích của chúng đem lại là rất đáng kể là những chức năng thông thường như nghe, gọi, nhắn tin, nghe nhạc hay chụp ảnh. Sở thích chụp ảnh mọi người và sở hữu tấm ảnh đẹp. Tuy nhiên, do một vài lý do khi chụp ảnh sẽ có những góc ảnh chụp quá sáng hoặc quá tối, bị nhòe ảnh, vv. Vậy nên cần có một chương trình nâng cao chất lượng ảnh, tạo các hiệu ứng đẹp cho ảnh. Dĩ nhiên chúng ta hoàn toàn có thể thực hiện chỉnh sửa ảnh trên các ứng dụng, nhưng một vài ứng dụng khó khăn trong việc sử dụng của người dùng, riêng phần mềm chỉnh sửa ảnh trên máy tính thì bất lợi cho việc kết nối chuyển ảnh từ thiết bị di động sang máy tính vì làm mất thời gian, bất tiện cho người dùng. Chưa kể đến một số phần mềm và ứng dụng cần phải chi trả tiền bản quyền để sử dụng. Từ những lý do đó, em chọn nghiên cứu và phát triển đề tài chỉnh sửa ảnh trên hệ điều hành android. Đề tài nghiên cứu này sẽ giúp tạo nên ứng dụng có thể nâng cao chất lượng của ảnh ban đầu để có được ảnh đầu ra như mong muốn, dễ dàng sử dụng.

3580	Đại học	DỊCH VỤ LƯU TRỮ BÍ MẬT HỒ SƠ	Lê, Thanh Mau	Lê, Quyết Thắng	2018	Với sự bùng nổ và phát triển của công nghệ thông tin, ngày nay càng có nhiều ứng dụng hữu ích của lĩnh vực này được đưa vào phục vụ nhu cầu đời sống của con người. Trong đó lĩnh vực web lưu trữ tài liệu trực tuyến, có rất nhiều ứng dụng hữu ích phục vụ việc lưu trữ dữ liệu của con người. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các vấn đề về bảo mật để bảo vệ tài liệu gửi không bị rò rỉ ra bên ngoài là yêu cầu hàng đầu, mục đích để đáp ứng nhu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Ngày nay, trên thế giới đã có rất nhiều công ty công nghệ quan tâm đến lĩnh vực này để phục vụ nhu cầu của người dùng. Nhưng trong đó các sản phẩm nổi bật như: Google Drive của tập đoàn Google, Icloud của tập đoàn Apple, One Drive của tập đoàn Microsoft, Dropbox của công ty Dropbox. Nhưng đa phần vẫn chưa bảo đảm độ bảo mật hoàn toàn cho người dùng, vấn đề là khi người dùng mất tài khoản hoặc bị dò ra tài khoản, thì chắc chắn rằng tài liệu người dùng đã bị rò rỉ ra bên ngoài. Từ vấn đề đó cần tiến hành nghiên cứu một hệ thống lưu trữ bí mật hồ sơ, mà trong đó dữ liệu lưu trữ đã được mật mã hoàn toàn. Dù người dùng có mất tài khoản hoặc bị dò tài khoản, thì dữ liệu cũng không bị rò rỉ ra bên ngoài. Đề tài áp dụng những thuật toán mật mã và ngôn ngữ lập trình đã xây dựng thành công dịch vụ lưu trữ bí mật. Bên cạnh đó còn xây dựng thành công mô hình đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu trên đường truyền không an toàn cho dịch vụ theo giao thức bao thư số. Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo dữ liệu người dùng luôn được an toàn.
3581	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG GỢI Ý MÓN ĂN DỰA VÀO GIẢI THUẬT KẾT HỢP	Nguyễn, Trường An	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Ứng dụng gợi ý món ăn trên các thiết bị điện thoại thông minh được phát triển giúp thực khách tiết kiệm thời gian gọi món và đặt món. Thực khách có thể tận hưởng thời gian rảnh rỗi có được từ việc nấu ăn hoặc đi ra ngoài ăn uống, thực khách chỉ cần mở ứng dụng gợi ý món ăn, đặt một vài món ăn và các món sẽ được chuyển đến tận nhà. Ngoài ra ứng dụng gợi ý món ăn giúp tiết kiệm nhân lực và tăng lợi nhuận cho các quán ăn và nhà hàng. Ứng dụng gợi ý món ăn của quán ăn gia đình Pallet là một trong số rất nhiều các ứng dụng được phát triển nhằm hỗ trợ thực khách gọi món và đặt món. Ứng dụng sử dụng giải thuật luật kết hợp Apriori được cài đặt sẵn trong gói thư viện arules của R để xây dựng hệ thống, tìm ra những món ăn xuất hiện thường xuyên và mối quan hệ giữa những món ăn, tập dữ liệu xây dựng hệ thống gồm có 4032 giao dịch. Sau đó, tiến hành đánh giá hệ thống trên bảng phương pháp Given-N với $N = \{1, 2, 3\}$ và tập dữ liệu huấn luyện kiểm tra gồm 500 giao dịch, độ chính xác trung bình của 10 lần kiểm tra là 64.48%. Với kết quả này mô hình phù hợp với yêu cầu của đề tài. Từ đó xây dựng ứng dụng gợi ý món ăn dựa trên kết quả dự đoán của mô hình.

3582	Đại học	PHÂN LỚP ẢNH SỬ DỤNG GIẢI THUẬT MÁY HỌC VECTOR HỖ TRỢ	Nguyễn, Xuân Toàn	Lê, Thị Phương Dung	2018	“Phân lớp ảnh sử dụng giải thuật máy học vector hỗ trợ” thực hiện phân lớp trên tập dữ liệu ảnh các loại trái cây bằng phương pháp trích đặc trưng cục bộ bất biến (Scale-Invariant Feature Transform - SIFT) và giải thuật máy học vector hỗ trợ (Support Vector Machines - SVM). Luận văn lựa chọn giải pháp máy học vector hỗ trợ vì giải thuật này cho hiệu quả phân lớp tốt trên tập dữ liệu có số chiều lớn (Olivier, 1998), có khả năng phân lớp trên tập dữ liệu phân biệt tuyến tính lẫn không phân biệt tuyến tính (Laura & Rouslan, 2008). SIFT là phương pháp rút trích các đặc trưng từ hình ảnh. Đặc trưng này có tính chất như: không đổi với phép biến đổi tỉ lệ, phép quay, đôi khi là thay đổi cường độ chiếu sáng ảnh, thay đổi điểm nhìn và nhiễu trên ảnh. Luận văn tiến hành đánh giá hiệu quả phân lớp thông qua việc thống kê độ tin cậy cùng với thời gian huấn luyện và kiểm thử mô hình máy học vector hỗ trợ. Tập dữ liệu ảnh sau khi được rút trích đặc trưng sẽ được biểu diễn bằng mô hình túi từ (Bag-of-Words - BoW). Mỗi ảnh được biểu diễn lại thành một biểu đồ Bag-ofWords. Tiếp đến, sử dụng các biểu đồ Bag-of-Words để huấn luyện và kiểm thử mô hình máy học vector hỗ trợ. Sau cùng, đánh giá hiệu quả phân lớp của mô hình thông qua các kết quả ghi nhận. Kết quả thực nghiệm cho thấy giải thuật máy học vector hỗ trợ phân lớp tốt, cho độ tin cậy cao trên tập dữ liệu mẫu. Trên cơ sở đó, luận văn xây dựng ứng dụng có thể phân lớp được một số loại trái cây phổ biến. Từ ảnh đầu vào, ứng dụng tiến hành rút trích đặc trưng trên ảnh và gán nhãn cho ảnh đó thuộc về loại trái cây nào.
3583	Đại học	PHÂN LỚP VĂN BẢN TIẾNG VIỆT THEO CHỦ ĐỀ	Trịnh, Vũ Kiệt	Lê, Thị Phương Dung	2018	Phân lớp văn bản là một trong những vấn đề của bài toán phân lớp có rất nhiều ứng dụng trong thực tiễn và được nhiều nhà khoa học quan tâm. Luận văn “Phân lớp văn bản tiếng Việt theo chủ đề” kết hợp phương pháp phân lớp văn bản cổ điển với phương pháp tách từ tiếng Việt. Quy trình thực hiện gồm 2 giai đoạn: bước 1 cần phải tách từ tiếng Việt, bước 2 áp dụng các giải thuật máy học để phân lớp văn bản. Tách từ tiếng Việt là vấn đề tất yếu, không thể thiếu trong việc phân loại văn bản tiếng Việt vì ngữ nghĩa của từ tiếng Việt phụ thuộc vào trật tự và sự kết hợp của các từ với nhau. Luận văn sử dụng phương pháp tách từ tiếng Việt VnTokenizer nhằm mục đích xác định các cụm từ hoặc từ có ý nghĩa trong câu văn. Tiếp theo là giai đoạn phân lớp, phương pháp tiếp cận giải quyết bài toán được đặt ra là sử dụng giải thuật k-NN (K- láng giềng) và SVM (vector hỗ trợ). Dựa vào kết quả thống kê độ chính xác và thời gian, luận văn tiến hành so sánh và đánh giá hiệu quả của các giải thuật đã được sử dụng. Kết quả trong việc phân lớp văn bản với 3105 mẫu dữ liệu văn bản tiếng Việt cho thấy hiệu quả phân lớp của giải thuật SVM cao hơn giải thuật k-NN. Cụ thể độ tin cậy phân lớp cho giải thuật SVM đạt 81,58 % trong khi của giải thuật kNN chỉ đạt 50,47%. Về mặt thời gian giải thuật SVM nhanh vượt trội so với giải thuật k-NN.

3584	Đại học	ƯỚC LƯỢNG MẬT ĐỘ GIAO THÔNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP BLOCKS VARIANCE	Trương, Văn Dũng	Phạm, Nguyễn Khang	2018	Gánh nặng giao thông luôn là một vấn đề nan giải và cần được giải quyết khi tình trạng này ngày càng nghiêm trọng hơn tại các đô thị. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học máy tính, “Thị giác máy tính” đang ngày càng hoàn thiện, cho phép hỗ trợ giải quyết vấn đề trên, giúp hạn chế tình trạng ùn tắc bằng các biện pháp ước lượng và cảnh báo. Để làm việc đó, thông qua các camera quan sát tại các ngã đường, giao lộ, máy tính có thể ước lượng được mật độ phương tiện giao thông bằng phương pháp ứng dụng toán thống kê tính phương sai Khối kết hợp với xử lý hình ảnh. Hệ thống này có thể giúp quan sát, ước lượng mật độ, và cảnh báo tình trạng giao thông tại các ngã đường với độ chính xác cao, và đây cũng là cơ sở điều chỉnh thời gian cho các đèn tín hiệu giúp chọn được thời gian tối ưu giải phóng phương tiện trên đường hạn chế ùn tắc. Mặt khác có thể kết hợp với các hệ thống thông báo đến phương tiện giúp người điều khiển kịp thời chọn đường khác giảm thiểu lưu lượng lưu thông trên đường. Đây là một giải pháp hữu hiệu giúp giảm gánh nặng giao thông, tiết kiệm thời gian, chi phí và thiệt hại do nạn kẹt xe gây ra.
3585	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÒA NHÀ SỬ DỤNG NỀN TẢNG ODOO	Đoàn, Vũ Luân	Trần, Nguyễn Dương Chi	2018	Quản lý dự án bất động sản không còn xa lạ nhưng việc áp dụng công cụ gì để có thể khai thác hết tất cả tiềm năng, nguồn nhân lực của một dự án mới là điều thú vị với các công ty tại vấn quản lý tòa nhà và căn hộ. Để có thể đáp ứng nhu cầu quản lý, một hệ thống quản lý phải làm sao vừa có thể tìm kiếm nhanh, đầy đủ thông tin, nhập dữ liệu và trích xuất dữ liệu, cung cấp chức năng tạo báo phí, hóa đơn thu phí, ghi nhận điện nước nhanh chóng, bảo trì thiết bị điện nước. Với các yêu cầu trên thì nền tảng Odoo có thể đáp ứng hầu hết các yêu cầu. Odoo là một phần mềm quản lý tất cả trong một, cung cấp một loạt các ứng dụng kinh doanh tạo thành một bộ hoàn chỉnh các ứng dụng quản lý doanh nghiệp nhắm đến các công ty thuộc mọi quy mô. Odoo là một phần mềm kinh doanh tất cả trong một bao gồm CRM, trang web / thương mại điện tử, thanh toán, kế toán, sản xuất, kho - và quản lý dự án và hàng tồn kho.

3586	Đại học	ÁP DỤNG CÁC KỸ THUẬT XỬ LÝ ẢNH ĐỂ CHẤM THI TRẮC NGHIỆM TỰ ĐỘNG	Trần, Võ Khánh Ngân	Trần, Công Ân Trần, Cao Đệ	2018	Nhận dạng đánh dấu quang học (OMR) là quá trình thu thập dữ liệu được đánh dấu trên các mẫu tài liệu như khảo sát và kiểm tra. Nhận dạng dấu quang học là công nghệ để trích xuất dữ liệu điện tử từ các trường hay ô được thiết kế để tô (hoặc đánh dấu) trên các biểu mẫu đã in. Kỹ thuật này được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng khác nhau như đánh giá thi cử, đánh dấu chấm công, bỏ phiếu và khảo sát cộng đồng. Bút chì thường được sử dụng để tô ở các vị trí được xác định trước trên các mẫu giấy để trả lời câu hỏi. Các phiếu đã được đánh dấu này được nhập kỹ thuật số vào máy tính để phân tích và xử lý kết quả. Trong năm gần đây, kiểm tra bằng cách sử dụng phiếu trả lời được áp dụng rộng rãi, ví dụ như trong kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông ở Việt Nam. Luận văn này nghiên cứu một số phương pháp xử lý ảnh để phân tích và chấm điểm các phiếu trả lời trắc nghiệm được sử dụng tại Sở Giáo dục thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào thiết kế bảng câu trả lời để tạo điều kiện phân tích và nhận dạng nội dung của nó. Kể đến, những giải pháp chính sẽ được đề xuất thực hiện để xử lý hoàn toàn tự động phiếu trả lời trắc nghiệm được quét. Nó bao gồm một số kỹ thuật cơ bản để xử lý nhiễu, nghiêng hay co của ảnh quét. Kiểm thử trên hàng trăm phiếu trả lời trắc nghiệm đã chứng tỏ sự chính xác của giải pháp. Tốc độ xử lý là hơn 4000 phiếu một giờ.
3587	Đại học	NGHIÊN CỨU NHẬN DẠNG KÍ TỰ CHỮ HOA TIẾNG VIỆT VIẾT TAY TRỰC TUYẾN	Trần, Cao Khánh Ngọc	Trần, Công Ân Trần, Cao Đệ	2018	Trong nghiên cứu này, cách tiếp cận trong vấn đề nhận dạng kí tự là sử dụng máy học có giám sát, trong đó dữ liệu đầu vào của hệ thống là kí tự viết tay được thu thập từ thiết bị Tablet Digital DLA 01. Quá trình nhận dạng của hệ thống bao gồm tiền xử lí (tách dòng, tách từ, tách ký tự), trích đặc trưng, huấn luyện máy học và phân lớp nhận dạng ký tự. Giai đoạn tiền xử lí được thực hiện theo phương pháp dò tìm các “thung lũng” và tiến hành tách theo các “thung lũng” tìm được. Các giải thuật xử lí được thực hiện dưới sự hỗ trợ của thư viện OpenCV. Các đặc trưng ảnh được nghiên cứu bao gồm các đặc trưng trực tuyến như các đặc trưng hình học (210 đặc trưng) và các đặc trưng ảnh như: wavelet Haar, vùng ảnh (zoning) và bản đồ chiếu (projection). Huấn luyện và nhận dạng, sử dụng thư viện LibSVM để xây dựng mô hình nhận dạng với tập dữ liệu mẫu viết tay trực tuyến: UNIPEN, IRONOFF và tập mẫu chữ hoa tiếng việt tự thu thập (DATA_VN). Cuối cùng là xây dựng chương trình demo để nhận dạng ký tự trực tuyến. Các kết quả thực nghiệm cho thấy các đặc trưng dựa trên dữ liệu trực tuyến (online) cho độ chính xác cao hơn các đặc trưng không trực tuyến (offline).
3588	Đại học	ỨNG DỤNG MÃ QR VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN HÀNG	Huỳnh, Nguyễn Bửu Giao	Phạm, Xuân Hiền	2018	Ngày nay, Mã QR được ứng dụng rộng rãi vào lĩnh vực mua sắm vì những ưu điểm của nó so với mã truyền thống. Mã QR có thể lưu trữ được dữ liệu nhiều hơn cũng như khả năng giải mã nhanh hơn. Với những ưu điểm đó, chúng ta có thể tích hợp vào hệ thống quản lý cửa hàng để tăng thời gian xử lý khi giải mã cũng như dữ liệu mà mã có thể chứa được. Bên cạnh đó, một ứng dụng Android với khả năng giải mã QR là một điểm cộng cho phép khách hàng mua sắm tại cửa hàng một cách thuận lợi hơn.

3589	Đại học	NHẬN DIỆN BIỂN BÁO GIAO THÔNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Huỳnh, Bảo Quốc	Phạm, Nguyễn Khang	2018	Nhận dạng dữ liệu bao gồm có nhận dạng âm thanh và nhận dạng hình ảnh. Các đối tượng của bài toán nhận dạng thì rất phong phú, ví dụ như nhận dạng khuôn mặt, tiếng nói, nhận dạng chữ viết tay, nhận dạng mã vạch ... Biển báo giao thông cũng là một trong số đó. Đây là kiểu đối tượng có tính chất hình học đặc trưng, thường bắt gặp trong đời sống hằng ngày với công dụng là đưa ra những cảnh báo thông tin cho người tham gia giao thông. Tuy nhiên các biển báo giao thông thì không có quy luật mà chỉ là hệ thống các ký hiệu với ý nghĩa quy ước kèm theo, đòi hỏi quá trình phát hiện biển báo phải chính xác và nhanh để có một mô hình nhận dạng chính xác cao. Luận văn tập trung nghiên cứu phương pháp Cascade cho việc phát hiện biển báo, phương pháp này khá phổ biến áp dụng cho các đối tượng biển báo bị tác động bởi yếu tố môi trường, bị che khuất một phần. Áp dụng phương pháp Transfer Learning cho bài toán nhận dạng biển báo, một phương pháp phổ biến trong Deep Learning, sử dụng các mạng nơ-ron tích chập đã huấn luyện nổi tiếng trên thế giới để huấn luyện một mạng nơ-ron tích chập với mục tiêu dự đoán là biển báo giao thông.
3590	Đại học	ỨNG DỤNG MÔ HÌNH ARIMA DỰ ĐOÁN MỨC NƯỚC SÔNG MEKONG	Trần, Hữu Trí	Phạm, Nguyễn Hoàng	2018	Trong những năm gần đây triều cường của các con sông lớn tại đồng bằng sông Cửu Long diễn ra khá phức tạp. Trong số đó có sông mekong tại khu vực Cần Thơ vượt mức báo động 3 trong 2 ngày 8 và 9 tháng 10 năm 2018 làm cho nhiều khu vực trong nội ô bị ngập lụt nghiêm trọng. Việc ngập lụt này ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống cũng như sinh hoạt của người dân. Việc dự đoán đưa ra giá trị của mực nước đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc đưa ra các thông báo và có các công tác chuẩn bị kịp thời nhằm giảm được các ảnh hưởng do tự nhiên gây ra cho con người. Từ đây đòi hỏi cần có một mô hình có khả năng dự báo cũng như đưa ra giá trị mực nước của các con sông trong tương lai dựa vào kết quả đo đạt mực nước trong quá khứ. Luận văn tập trung nghiên cứu mô hình ARIMA để thực hiện phân tích dữ liệu mực nước hướng tới việc dự báo mực nước. ARIMA là mô hình dự báo định lượng theo thời gian, giá trị tương lai của biến số dự báo sẽ phụ thuộc vào xu thế vận động của đối tượng đó trong quá khứ. Mô hình ARIMA phân tích tính tương quan giữa các dữ liệu quan sát để đưa ra mô hình dự báo thông qua các giai đoạn nhận dạng mô hình, ước lượng các tham số từ dữ liệu quan sát và kiểm tra các tham số ước lượng để tìm ra mô hình thích hợp.
3591	Đại học	ỨNG DỤNG TRANSFER LEARNING XÂY DỰNG MÔ HÌNH NHẬN DẠNG HOA	Nguyễn, Thế Thông	Trần, Nguyễn Dương Chi	2018	Transfer Learning là một phương pháp hiệu quả trong việc huấn luyện một mô hình mới từ một mô hình sẵn có mà không cần tốn quá nhiều công sức và thời gian, đặc biệt là trong thời điểm hiện tại khi các mô hình ngày càng lớn và phức tạp, khiến việc áp dụng ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ không khả thi. Để thực nghiệm, đề tài áp dụng Transfer Learning vào xây dựng mô hình nhận dạng hoa từ một mô hình sẵn có là InceptionV3, sau đó xây dựng một ứng dụng trên nền tảng di động để kiểm tra mô hình trong thực tế. Kết quả thu được với chính xác đạt được là 71%, hoàn toàn chấp nhận được so với những phương pháp cần nhiều thời gian và dữ liệu để huấn luyện.

3592	Đại học	SOẠN ẢNH THẺ TỰ ĐỘNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Trần, Hoàng Nhi	Trần, Việt Châu	2018	Ngày nay, việc sử dụng những thiết bị di động như điện thoại hay máy tính bảng để chụp và lưu giữ những khoảnh khắc trong đời sống hằng ngày đang trở thành một chức năng không thể thiếu của các thiết bị di động. Bên cạnh đó chúng còn cung cấp các chức năng chỉnh sửa nhanh chóng tiện lợi. Dựa vào đó chúng ta có thể xây dựng được ứng dụng “Soạn ảnh thẻ” nhanh chóng, tiện lợi, chi phí thấp trên thiết bị di động nhằm đáp ứng nhu cầu ảnh thẻ làm hồ sơ đang rất cao trên thực tế. Mục tiêu chính của luận văn này là xây dựng một công cụ “Soạn ảnh thẻ” từ ảnh của người dùng được lưu trữ trên thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Để thực hiện được công việc trên phải sử dụng giải thuật Adaboost kết hợp với đặc trưng Haarlike để phát hiện mắt, sau đó sử dụng các kỹ thuật có sẵn trong module của thư viện OpenCV tính toán, cắt ảnh theo các tỉ lệ ảnh thẻ, chỉnh sửa ảnh, ghép lên khổ giấy và lưu vào bộ nhớ của thiết bị di động.
3593	Đại học	SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỪ NỀN VÀ CÁC ĐẶC TRƯNG HOG, GIST CHO BÀI TOÁN ĐẾM VÀ PHÂN LOẠI NGƯỜI RA VÀO CƠ QUAN	Hồ, Quốc An	Phạm, Nguyên Khang	2018	Với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, ngày càng có nhiều ứng dụng hữu ích của lĩnh vực này được đưa vào phục vụ nhu cầu đời sống của con người. Trong đó lĩnh vực camera quan sát thông minh có nhiều ứng dụng hữu ích như xe tự lái, hệ thống camera quan sát an ninh, điểm danh bằng camera, camera quan sát thông kê. Trong đó ứng dụng camera quan sát thông minh vào để giải quyết bài toán đếm và phân loại người ra vào cơ quan là vô cùng cần thiết, để đáp ứng nhu cầu của người dùng, đặc biệt là nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp, cửa hàng là rất lớn. Hiện nay trên thế giới đã có rất nhiều công ty công nghệ quan tâm đến lĩnh vực này và đã xây dựng sản phẩm để phục vụ nhu cầu của người dùng. Nhưng trong đó có các sản phẩm nổi bật như: 3D People Counting System của công ty Footfallcam, V-Count 3D+ Alpha People Counter của công ty V-count, HPC008 Camera People Counter của công ty Highlight. Nhưng đa phần các sản phẩm này đòi hỏi phải có phần cứng đủ mạnh để giải quyết được vấn đề, do đó giá thành sản phẩm khá cao. Từ nhu cầu đó cần tiến hành nghiên cứu một sản phẩm phần mềm có thể đếm và phân loại người ra vào cơ quan dựa trên dữ liệu của hệ thống camera quan sát có sẵn của các cơ quan. Để làm được việc này, cần phải nghiên cứu sử dụng phương pháp trừ nền để phát hiện đối tượng chuyển động, nghiên cứu về đặc trưng HOG để phân loại người. Kèm theo đó cần nghiên cứu các kiến thức về xử lý ảnh, kiến thức thị giác máy tính, kết hợp với bộ thư viện opencv, thư viện libSVM và kỹ thuật lập trình sử dụng ngôn ngữ C++, để lập trình và phát triển ứng dụng trên nền tảng phát triển IDE Qt-Creator.

3594	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE TIN TỨC CÓ CHỨC NĂNG PHÂN LOẠI VĂN BẢN TỰ ĐỘNG THEO CHỦ ĐỀ	Trương, Thái An	Lê, Thị Phương Dung	2019	Bài toán phân loại (hay phân lớp) văn bản tự động là việc gán các nhãn phân loại lên một văn bản mới dựa trên mức độ tương tự của văn bản đó so với các văn bản đã được gán nhãn huấn luyện. Đối với từng ngôn ngữ khác nhau bài toán có cách giải quyết khác nhau. Đề tài “Xây dựng website tin tức có chức năng phân loại văn bản tự động theo chủ đề” sẽ giải quyết bài toán phân loại văn bản tiếng Việt. Quá trình xây dựng ứng dụng được tiến hành thông qua việc tìm hiểu, sử dụng thành thạo Python, Django Framework. Do tính đa chủ đề của tin tức tiếng Việt, một tin tức có thể thuộc một hay nhiều chủ đề, và hạn chế về mặt thời gian cùng với giới hạn luận văn, chương trình phân loại tin tức của chúng tôi chỉ phân loại trên 15 chủ đề. Hầu hết tin tức đều được lưu trữ dưới dạng ngôn ngữ tự nhiên, dạng dữ liệu phi cấu trúc. Để phân loại tự động được, chúng ta cần phải chuyển chúng sang dạng dữ liệu có cấu trúc. Cách phổ biến nhất là sử dụng không gian véc-tơ, mỗi tin tức sẽ được biểu diễn thành một véc-tơ của các từ khóa. Tuy nhiên để véc-tơ hóa thông tin, chúng ta cần tiền xử lý các tin tức đó. Các công việc cụ thể cần phải làm là cắt từ, xóa dấu câu và loại bỏ stop word. Trong đề tài này chúng tôi sử dụng công cụ VnTokenizer để tách từ, rồi xây dựng các véc-tơ dựa trên phương pháp TF-IDF, sau đó dùng thư viện hỗ trợ tiến hành phân loại tin tức bằng các giải thuật học máy.
3595	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG TRANG TRÍ NỘI THẤT TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Nguyễn, Minh Đăng	Võ, Trí Thức	2019	Trong bài luận văn này, em trình bày cách thức làm việc với Unity3D, sử dụng Unity3D để triển khai ứng dụng thực tế trên di động. Unity3D là Engine hỗ trợ phát triển ứng dụng trên nhiều nền tảng khác nhau: Windows, Linux, Mac OS, các hệ máy chơi game cũng như trên các thiết bị di động. Ứng dụng trang trí nội thất giúp cho những người dùng có thể thiết kế được một ngôi nhà mong muốn cho bản thân. Ứng dụng bao gồm nhiều không gian nhà đã được thiết lập sẵn phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp, phòng tắm cùng với các chức năng cơ bản của đủ đáp ứng cho người dùng. Kết quả kiểm thử cho thấy ứng dụng đã hoạt động đảm bảo các mục tiêu đặt ra của đề bài.
3596	Đại học	NHẬN DẠNG BIỂN BÁO GIAO THÔNG	Nguyễn, Trung Kiên	Lê, Thị Phương Dung	2019	Luận văn với đề tài “Nhận dạng biển báo giao thông” thực hiện các bước xử lý ảnh để tìm ra biển báo giao thông từ ảnh đầu vào, tiến hành cắt ảnh của biển báo từ ảnh đầu vào dựa vào vị trí của đường bao quanh biển báo, chuyển đổi và lưu ảnh nhị phân của biển báo vào bộ nhớ lưu trữ của máy tính. Trích đặc trưng của ảnh, huấn luyện mô hình máy học Support vector machine (SVM) cho tập dữ liệu được tạo ra từ chức năng “gán nhãn” của phần mềm và một số ảnh dữ liệu được sưu tầm từ Internet. Cuối cùng là thực hiện dự đoán loại biển báo trong ảnh dựa vào mô hình SVM đã huấn luyện và hiển thị kết quả lên giao diện của phần mềm. Kết quả thực nghiệm cho thấy giải thuật máy học vector hỗ trợ phân lớp tốt, cho độ tin cậy cao trên tập dữ liệu mẫu. Trên cơ sở đó, luận văn xây dựng ứng dụng có thể phân lớp được một số loại biển báo giao thông đường bộ. Từ ảnh đầu vào, ứng dụng tiến hành rút trích đặc trưng trên ảnh và gán nhãn cho ảnh đó thuộc về loại biển báo nào.

3597	Đại học	TÓM TẮT NỘI DUNG VĂN BẢN TIẾNG ANH	Nguyễn, Hồng Phát	Trần, Nguyễn Dương Chi	2019	Với sự bùng nổ dữ liệu đang diễn ra như hiện nay, các ứng dụng của Tóm tắt văn bản như “Chatbot” và “Headline Generator” đang thật sự trở nên rất quan trọng. Tuy nhiên, đa số các phương pháp tóm tắt trước đây đều được phát triển theo hướng “Extractive Text Summarization”, và đây chưa thật sự là hướng tiếp cận tốt nhất khi mà các văn bản được sinh ra vẫn còn thiếu sự sáng tạo trong cách viết. Dựa trên những nghiên cứu tiêu biểu gần đây của “Abstractive Text Summarization”, trong luận văn này em sẽ trình bày cách xây dựng một mô hình Học máy để tạo ra một ứng dụng tóm tắt văn bản đơn giản mà vẫn thể hiện được sự ưu việt vốn thiếu của “Extractive Text Summarization” trong cách viết tóm tắt. Về phần mô hình, đó là một sự kết hợp của mô hình sequence-to-sequence với cơ chế Attention được cài đặt theo Dot-Attention cho mục tiêu làm giảm số lượng trọng số cần huấn luyện. Sau khi huấn luyện trên một triệu điểm dữ liệu được lấy từ tập Gigaword, mô hình thu được đã có thể thực hiện việc tóm tắt trên các văn bản ngắn (1-2 câu) với độ chính xác F-1 đạt được là 25%.
3598	Đại học	PHÁT HIỆN XE CHẠY SAI LÀN	Nguyễn, Minh Chiến	Phạm, Nguyễn Khang	2019	An toàn giao thông luôn là một vấn đề đáng được quan tâm, để góp phần đảm bảo an toàn giao thông thì việc làm đơn giản đầu tiên là phải chấp hành đúng luật giao thông, một trong những hành vi vi phạm luật giao thông dễ mắc phải nhất là chạy sai làn, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các phương tiện đang di chuyển xung quanh, điều này vô tình đã trở thành thói quen với một số người. Để phát hiện các trường hợp như vậy cảnh sát giao thông phải trực tiếp theo dõi và thi hành luật trên các tuyến đường, nhưng hạn chế là không đủ nhân lực để theo dõi trên tất cả các tuyến đường và còn mất rất nhiều thời gian và công sức. Để giải quyết vấn đề trên thì hệ thống phát hiện xe chạy sai làn được ra đời, do hệ thống sẽ phát hiện tự động và ghi nhận lại nên sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức hơn. Hệ thống sẽ nhận dữ liệu vào từ các camera giao thông trên các đoạn đường cần quan sát theo từng khung hình, xử lý từng khung hình đó và tìm đối tượng chạy sai làn, từ đó ghi nhận lại kết quả để cảnh sát giao thông xử lý.

3599	Đại học	XÂY DỰNG TRÒ CHƠI ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI	Lư, Kim Lợi	Trần, Nguyễn Minh Thư	2019	Trong thế giới hiện đại, công nghệ phát triển chóng mặt, hàng ngàn ứng dụng thông minh ra đời. Công nghệ nhận dạng giọng nói là một trong số đó. Ngày nay, việc chứng kiến ai đó ra lệnh, thậm chí là soạn, gửi tin nhắn SMS bằng giọng nói thông qua các trợ lý ảo như Siri, Google Assistant đã không còn quá xa lạ với người dùng smartphone. Điển hình như trải nghiệm với thiết bị iOS, người dùng chỉ cần ra lệnh "Hey Siri, Take a picture" để nhanh chóng chụp một hình ảnh bằng Camera, hoặc sử dụng khẩu lệnh "OK Google" trên smartphone Android để biết các thông tin như thời tiết, giờ giấc. Bên cạnh các ứng dụng vừa nêu, người ta còn ứng dụng nhận dạng giọng nói để điều khiển các nhân vật trong trò chơi nhằm giúp bạn giải tỏa căng thẳng mà không cần phải dùng tay để tác động thiết bị. Lời nói sẽ được thu thông qua micro của thiết bị và chuyển thành lệnh điều khiển để tương tác với hệ thống bằng công nghệ nhận dạng giọng nói. Mục tiêu chính của luận văn này là xây dựng trò chơi điều khiển bằng giọng nói, trên nền tảng Android. Tham gia trò chơi người dùng sẽ phải điều khiển nhân vật – máy bay tránh các chướng ngại vật bằng cách đọc tên tên chướng ngại vật bằng tiếng anh. Tên chướng ngại vật là những chữ số có miền giá trị từ 1 đến 21. Âm thanh sẽ được micro của thiết bị ghi lại và chuyển sang kiểu chuỗi để so sánh với chướng ngại vật bằng công nghệ nhận dạng giọng nói. Để thực hiện công việc trên ta cần sử dụng thư viện mở “Android Speech Recognizer” được hỗ trợ bởi Android để nhận dạng giọng nói và kích hoạt các lệnh điều khiển.
3600	Đại học	ỨNG DỤNG CNN ĐỂ XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢNG CÁO THEO GIỚI TÍNH VÀ ĐỘ TUỔI	Trần, Tấn Lộc	Nguyễn, Nguyễn Minh Thư	2019	Ứng dụng dự báo tuổi tác và giới tính từ hình ảnh khuôn mặt đang nhận được nhiều sự quan tâm cũng như cải thiện về khả năng nhận dạng, đặc biệt là khi phương tiện truyền thông và mạng xã hội ngày càng phát triển. Cùng với xu thế đó, chúng tôi xây dựng ứng dụng phát quảng cáo tự động phù hợp với độ tuổi nhận dạng được. Để phục vụ cho nghiên cứu này, tập dữ liệu Adience Benchmark Of Unfiltered Faces for gender and age classification được sử dụng để huấn luyện và kiểm thử mô hình. Tập dữ liệu gồm những hình ảnh khuôn mặt đã được gán nhãn theo độ tuổi và giới tính, được chụp bằng điện thoại thông minh và các thiết bị di động khác. Thư viện Keras được dùng để thiết kế mô hình CNN (Convolutional Neural Network) dự đoán độ tuổi và giới tính để đưa ra quảng cáo phù hợp. Chương trình dự báo độ tuổi và giới tính của người trong hình với độ chính xác 89.31% cho dự báo giới tính và 79.5% cho dự báo tuổi.

3601	Đại học	WEBSITE GỢI Ý PHIM THEO THỂ LOẠI BẰNG PHƯƠNG PHÁP KẾT HỢP	Bùi, Hoàng Ngân	Phạm, Xuân Hiền	2018	Với sự phát triển của các hệ thống gợi ý, nó đã làm thay đổi cách làm việc thông thường của các dịch vụ giải trí, thương mại điện tử. Nhiều trang web, dịch vụ nổi tiếng trên thế giới đặc biệt đối với các dịch vụ truyền hình, phim ảnh đã áp dụng hệ thống gợi ý vào chính dịch vụ của mình để khách hàng tìm thấy các bộ phim mà mình yêu thích. Nội dung của đề tài là phát triển một website giải trí và xây dựng hệ thống gợi ý bằng phương pháp kết hợp hai phương pháp lọc cộng tác và lọc nội dung. Gợi ý cho người dùng các bộ phim phù hợp dựa trên thông tin của bộ phim và thói quen của người sử dụng. Qua đó người dùng có thể tìm thấy bộ phim mình thích và làm tăng tính hấp dẫn cho một trang web giải trí.
3602	Đại học	Tìm hiểu ghép và tạo ảnh Panorama	Hồng, Thành Tài	Trần, Nguyễn Dương Chi	2019	Panorama hay còn gọi là ảnh toàn cảnh được tạo nên bằng phương pháp ghép ảnh (Image Mosaicing) là quá trình kết hợp hai hoặc nhiều hình ảnh của cùng một cảnh thành một hình ảnh toàn cảnh với tầm nhìn rộng. Việc ghép ảnh này được thực hiện qua nhiều bước bằng các sử dụng công nghệ nhận dạng ảnh hoặc các công cụ xử lý ảnh. Ảnh sẽ được nhận dạng thông qua việc rút trích các đặc trưng (màu sắc, hình dạng, kết cấu) bằng nhiều phương pháp như SIFT, SURF, FAST,etc. Trong đó SIFT là phương pháp trích đặc trưng cục bộ có tốc độ ổn định và kết quả đầu ra tốt. Chính vì thế trong đề tài " Tìm hiểu ghép và tạo ảnh Panorama " này, em sẽ sử dụng đặc trưng SIFT để trích xuất các đặc trưng trong ảnh. Sau khi tìm được các đặc trưng giống nhau trên hai ảnh bằng phương pháp đối sánh. Em sẽ sử dụng giải thuật RANSAC để loại bỏ các đặc trưng không thực sự giống nhau. Sau đó ta sẽ thực hiện các phép chiếu hình học dựa trên các đặc trưng giống nhau đó để ánh xạ một ảnh về cùng tọa độ với ảnh kia trước khi ghép chúng lại với nhau để tạo thành ảnh Panorama
3603	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐIỂM DANH SINH VIÊN THÔNG QUA VIỆC NHẬN DẠNG MẶT NGƯỜI	Trần, Phú Lộc	Võ, Trí Thức	2019	Hiện nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học máy tính con người đã có nhiều công trình khoa học để ứng dụng máy móc thay thế công việc của con người trong các nhiệm vụ cần sự chính xác và tập trung cao. Một trong đó là ứng dụng của thị giác máy tính trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, một hệ thống quản lý lớp học kết hợp với điểm danh bằng nhận dạng khuôn mặt sẽ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và đảm bảo được độ chính xác cao. Hệ thống điểm danh sinh viên thông qua việc nhận dạng mặt người được thực hiện với hướng tiếp cận sử dụng mô hình phân tầng Cascade of Boosted Classifiers (CBC) kết hợp với các đặc trưng Haarlike cho việc định vị khuôn mặt người trong ảnh. Sau khi trích chọn đặc trưng ảnh khuôn mặt để huấn luyện mô hình phân lớp bằng thuật toán máy học mạng nơ-ron tích chập (CNN) thông qua thư viện mã nguồn mở Keras.

3604	Đại học	ỨNG DỤNG CNN ĐỂ XÂY DỰNG HỆ THỐNG NHẬN DẠNG CẢM XÚC CỦA CON NGƯỜI	Lê, Bùi Bảo Duy	Trần, Nguyễn Minh Thư	2019	Cảm xúc trên khuôn mặt của con người là một yếu tố rất quan trọng trong các quan hệ giao tiếp cá nhân giữa con người và con người. Nhận dạng được cảm xúc giúp cho hai hoặc nhiều người trong một cuộc giao tiếp có thể hiểu và có những hành xử phù hợp. Song song đó, lĩnh vực trí tuệ nhân tạo đã giúp cho khoảng cách giữa con người và máy tính gần nhau hơn thông qua việc nhận dạng cảm xúc trên khuôn mặt của con người. Trong luận văn này, các phương pháp trích đặc trưng ảnh thủ công truyền thống như SIFT và FAST sẽ kết hợp với mạng nơ ron tích chập CNN để xây dựng mô hình nhận dạng cảm xúc của con người thông qua gương mặt. Mô hình đề xuất đạt tỉ lệ chính xác 72.89% trên tập kiểm tra của bộ dữ liệu FER2013 với hơn 35.000 tấm ảnh, kết quả hoàn toàn tốt hơn so với những giải pháp và nghiên cứu trước đó chỉ sử dụng duy nhất một mạng CNN để huấn luyện. Hệ thống có thể phát hiện khuôn mặt và nhận dạng lên đến 7 loại cảm xúc (trung tính, vui, buồn, giận dữ, sợ hãi, bất ngờ, ghê tởm).
3605	Đại học	ỨNG DỤNG CNN ĐỂ XÂY DỰNG HỆ THỐNG DỰ BÁO ĐỘ TUỔI CỦA CON NGƯỜI	Nguyễn, Thanh Tuyền	Trần, Nguyễn Minh Thư	2019	Ở những độ tuổi và giới tính khác nhau của con người sẽ có những đặc điểm tâm sinh lý khác nhau. Đây là những thông tin rất quan trọng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tiếp thị, bán hàng, giải trí hay chăm sóc sức khỏe. Hiện nay, đã có nhiều ứng dụng máy tính dự đoán được tuổi và giới tính thông qua khuôn mặt từ hình ảnh. Trong luận văn này, mạng nơ ron tích chập VGG16 cải tiến được sử dụng để xây dựng mô hình nhận dạng tuổi và giới tính của con người thông qua khuôn mặt có trong ảnh. Dựa trên tập dữ liệu Adience Benchmark Of Unfiltered Faces for gender and age classification với hơn 26,580 ảnh, hệ thống có thể phát hiện và nhận dạng cho nhiều khuôn mặt có trong ảnh với 2 nhãn giới tính (nam, nữ) và 8 độ tuổi (0-2, 4-6, 8-12, 15-20, 25-32, 38-43, 48-53, 60-100). Mô hình đề xuất cho kết quả có độ chính xác 81.45% đối với tuổi và 95,18% đối với giới tính.
3606	Đại học	XÂY DỰNG TRANG WEB GỢI Ý NHẠC BẰNG PHƯƠNG PHÁP LỌC CỘNG TÁC	Trương, Đắc Lộc	Phạm, Xuân Hiền	2019	Sở thích nghe nhạc sẽ quyết định đến sự lựa chọn những bài hát mà người dùng muốn nghe, tùy vào từng người dùng khác nhau sẽ có sở thích nghe nhạc khác nhau với các thể loại như nhạc trữ tình, nhạc rap, rock, nhạc Hàn, nhạc Âu Mỹ,... Từ những thói quen, lịch sử nghe nhạc,.. của người dùng ta có được những con số thống kê. Nhờ đó, có thể thiết lập những giải thuật gợi ý phù hợp những cho lựa chọn nghe nhạc tiếp theo của người dùng. Trong đề tài này, chúng tôi xây dựng trang web gợi ý nhạc bằng phương pháp lọc cộng tác chúng tôi đã đưa ra các gợi ý bài hát tiếp theo cho từng đối tượng người dùng và đánh giá được mức độ hiệu quả (chính xác) của phương pháp gợi ý trên tập dữ liệu....

3607	Đại học	NHẬN DIỆN TỰ THỂ BẤT THƯỜNG CỦA ĐỘNG VẬT BẰNG TENSORFLOW	Truong, Ngọc Thạch	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Ngày nay cùng với sự phát triển của nông nghiệp, quy mô chăn nuôi càng được mở rộng và phát triển chiếm tỉ lệ quan trọng trong doanh thu của nước ta, nhiều chuồng trại có quy mô lớn từ trăm con đến cả nghìn con vì thế việc giám sát và kiểm tra từng cá thể là việc làm tốn nhiều công sức và mất nhiều thời gian , vì thế cần một phương pháp để có thể nhận dạng nhanh nhất các cử chỉ của động vật giúp phát hiện một số cử chỉ bất thường của động vật, để có thể dự đoán được đối tượng động vật đó có biểu hiện bất thường gì hay không, và đưa ra nhận định để có phương pháp phòng tránh bệnh trước khi bệnh truyền nhiễm lây lan . Có nhiều cách nhận diện các vật thể khác nhau nhờ nhận diện bằng hình ảnh, nhận diện rau củ, nhận diện các vật thể chuyển động,... Với mong muốn phát triển mô hình nhận dạng cử chỉ của động vật cho các chuồng trại chăn nuôi. Được sử dụng ngôn ngữ python cùng với thư viện Tensorflow để xây dựng mô hình nhận dạng. Những phương pháp nhận dạng trên chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra của vấn đề nên việc thực hiện chạy lại mô hình huấn luyện có thể nhận dạng được đối tượng động vật ở đây là con heo. Đề tài tập trung nghiên cứu, cải tiến và phát triển mô hình huấn luyện nhằm cải tạo được độ chính xác khi nhận diện hình ảnh những con heo được trích xuất từ camera của các chuồng trại chăn nuôi gồm có các cử chỉ đứng, ngồi, nằm,.. Nhìn chung đề tài đạt được mục đích đề ra, cải tiến độ chính xác khi nhận dạng đối tượng con heo ngồi chính xác hơn và mô hình huấn luyện càng được tối ưu hóa. Tuy nhiên do thời gian xây dựng dựng mô hình còn hạn chế và tầm hiểu biết còn chưa chuyên sâu nên mô hình chưa thật sự tối ưu.
3608	Đại học	ỨNG DỤNG MÁY HỌC VÀ MẠNG NGŨ NGHĨA VÀO LƯU TRỮ, PHÂN TÍCH VÀ TRUY VẤN ĐẶC TRƯNG ĐIỀU MÚA APSARA DÂN TỘC KHMER	Bành, Phước Trung	Võ, Trí Thức	2019	Trong luận văn này, tôi trình bày phương pháp xây dựng công cụ truy vấn vũ điệu Apsara của dân tộc Khmer sinh sống tại khu vực Tây Nam Bộ Việt Nam bằng cách kết hợp mạng ngữ nghĩa với mô hình thị giác máy tính. Dựa trên đặc trưng điệu múa Apsara, tôi đã biểu diễn chúng bằng mạng ngữ nghĩa (Ontology) gồm có: 3 lớp của thể chân, 6 lớp của thể người và 4 lớp của thể tay. Tiếp theo, vận dụng các mô hình thị giác máy tính như là OpenPose và hand tracking để rút trích đặc trưng của thể người và thể tay. Sau đó, áp dụng các thuật toán Multi Layer Perceptron (MLP) để phân lớp thể người và Linear Discriminant Analysis (LDA) để phân lớp tư thế bàn tay. Hiệu quả phân lớp cho 6 thể người trong 149 ảnh là 94,82% và 76,92% cho hiệu quả phân lớp thể tay 127 ảnh thể bàn tay. Kết quả đạt được của quá trình thực thi mô hình thị giác máy tính là file json gồm các đặc trưng của điệu múa trên mỗi frame hình tương ứng. Dữ liệu này được nạp vào mô hình ngữ nghĩa của điệu múa Apsara hỗ trợ cho quá trình truy vấn.

3609	Đại học	ỨNG DỤNG GENERATIVE ADVERSARIAL NETWORK VÀO KHÔI PHỤC HÌNH ẢNH	Trần, Phạm Chí Toàn	Trần, Nguyễn Dương Chi	2019	Với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, ngày càng có nhiều ứng dụng hữu ích của lĩnh vực này được đưa vào phục vụ nhu cầu đời sống của con người. Trong đó ảnh số cũng đang là một trong những lĩnh vực được công nghệ thông tin hỗ trợ mạnh mẽ trong nhiều năm qua. Ảnh số đã trở thành một phần thiết yếu trong đời sống , nó lưu giữ lại những kỉ niệm, những khoảnh khắc đẹp đẽ mà chúng ta không muốn quên đi. Bên cạnh đó, ảnh số còn là công cụ hỗ trợ trong nhiều lĩnh vực khác như : y tế, giao thông, trật tự, quản lý cơ quan, điều tra hình sự, ... Tuy nhiên, vì những lý do nào đó đôi khi hình ảnh mà ta lưu lại không thể giữ được chất lượng cao nhất , cũng như sẽ bị nhiễu, hư trong quá trình lưu giữ .Từ nhu cầu đó cần tiến hành nghiên cứu một sản phẩm phần mềm có thể khôi phục ảnh đã hư tổn, khắc phục được phần hư của ảnh, trả về về tình trạng tốt nhất của ảnh. Để làm được việc này, cần phải nghiên cứu sử dụng phương pháp khôi phục ảnh inpainting, nghiên cứu về đặc trưng GAN để xây dựng một máy học phát hiện và khôi phục vùng ảnh hư tổn. Kèm theo đó cần nghiên cứu các kiến thức về xử lý ảnh, kiến thức thị giác máy tính, kết hợp với bộ thư viện Keras, sử dụng ngôn ngữ lập trình Python để lập trình và phát triển ứng dụng trên nền tảng phát triển PyCharm cuối cùng kết hợp PyQt để thiết kế giao diện phần mềm.
3610	Đại học	XÂY DỰNG PHÒNG THAY ĐỔI THỰC TẾ ẢO BẰNG CÔNG NGHỆ NHẬN DẠNG CỬ CHỈ SỬ DỤNG CAMERA KINECT V2	Trương, Gia Huy	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Mua sắm, đặc biệt là mua sắm quần áo luôn là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Ngày nay, nhờ vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật, việc mua sắm có thể được thực hiện dưới hai hình thức: Mua sắm ở cửa hàng và mua sắm trực tuyến. Khi mua sắm tại cửa hàng, ta có thể dễ dàng chọn lựa và mặc thử, tuy nhiên khi cửa hàng quá đông, khách hàng phải chờ đợi rất lâu để được thử quần áo. Ngược lại, khi mua quần áo online, khách hàng có thể chọn lựa và mua một cách nhanh chóng, tuy nhiên lại không thể mặc thử quần áo lên người. Dựa vào thuận lợi và bất lợi này của hai hình thức mua sắm kể trên, chúng em phát triển một ứng dụng với tên gọi “Phòng thử đồ thực tế ảo” để người dùng có thểướm thử các mẫu áo quần mà không cần mặc trực tiếp, đồng thời người dùng có thể sử dụng các hành động cử chỉ hoặc lời nói để điều khiển và thay đổi các mẫu quần áo. Hướng tiếp cận của chúng em là sử dụng Camera Microsoft Kinect v2 để đọc vào các dữ liệu về chiều sâu, chuyển động của con người và sử dụng Unity cùng các thuật toán cần thiết để áp các mẫu quần áo 3D lên người và để xây dựng giao diện người dùng. Đồng thời, chúng em tích hợp cả bộ nhận dạng giọng nói của Microsoft để người dùng có thể điều khiển được hệ thống thông qua việc ra lệnh bằng những từ khóa đơn giản.

3611	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐẾM NGƯỜI BẰNG TENSORFLOW	Truong, Minh Thiên Ân	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Hiện nay với việc phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực Công nghệ Thông tin đã và đang góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Bên cạnh những lĩnh vực về lập trình web, mạng máy tính... thì lĩnh vực khoa học nhận dạng cũng đang được phát triển rất mạnh mẽ. Khoa học nhận dạng đang được ứng dụng rất nhiều vào các lĩnh vực khác nhau như: nông nghiệp, an ninh quốc phòng, du lịch... Lĩnh vực khoa học nhận dạng nói chung và lĩnh vực nhận dạng đối tượng nói riêng cụ thể là nhận dạng con người cũng đang rất phát triển. Việc nhận dạng người có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau và được áp dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày. Trong đề tài luận văn này, em đã sử dụng thư viện mã nguồn mở tensorflow để xây dựng một ứng dụng cho phép phát hiện và đếm số người có mặt trong một tấm ảnh hoặc video đầu vào. Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ Python và chạy trên hệ điều hành Window gồm có 2 chức năng chính là đếm người tự do và đếm người có điều kiện. Dữ liệu dùng để huấn luyện và kiểm thử được thu thập trực tiếp tại các nhà học của trường Đại học Cần Thơ.
3612	Đại học	XÂY DỰNG PHÒNG THAY ĐỔI THỰC TẾ TĂNG CƯỜNG BẰNG CÔNG NGHỆ NHẬN DẠNG CỬ CHỈ SỬ DỤNG CAMERA KINECT 2	Trần, Hoàng Thảo Nguyên	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Mua sắm, đặc biệt là quần áo luôn là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Ngày nay, nhờ vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật, việc mua sắm có thể được thực hiện dưới hai hình thức: Mua sắm ở cửa hàng và online. Khi mua trực tiếp, ta có thể dễ dàng chọn lựa và mặc thử, tuy nhiên khi cửa hàng quá đông, khách hàng phải chờ đợi rất lâu để được thử quần áo. Ngược lại, khi mua quần áo online, khách hàng có thể chọn lựa vào mua một cách nhanh chóng, tuy nhiên lại không thể mặc thử quần áo lên người. Dựa vào thuận lợi và bất lợi này của hai hình thức mua sắm, em phát triển một Phòng Thử Quần Áo Thực Tế Tăng Cường để khách hàng có thểướm thử các mẫu áo quần mà không cần phải đi vào cửa hàng cũng như chờ đợi lâu. Hướng tiếp cận của em là sử dụng Camera Kinect Microsoft để đọc vào các data về chiều sâu, chuyển động của con người và sử dụng Unity cùng các thuật toán cần thiết để áp các mẫu quần áo 3D lên người và để xây dựng giao diện người dùng. Đồng thời, em tích hợp cả bộ nhận dạng giọng nói của Microsoft để người dùng có thể điều khiển được hệ thống thông qua việc ra lệnh bằng ngôn ngữ.

3613	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRUY VẤN CÁC MÓN BÁNH TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM DỰA TRÊN MẠNG NGŨ NGHĨA VÀ THỊ GIÁC MÁY TÍNH	Nguyễn, Trung Thủ	Võ, Trí Thức	2019	Trong luận văn này, tôi trình bày phương pháp xây dựng hệ thống truy vấn các món bánh truyền thống Việt Nam thông qua việc kết hợp giữa biểu diễn tri thức bằng mạng ngữ nghĩa và giải thuật máy học. Đầu tiên, xây dựng ontology cho các món bánh truyền thống Việt Nam dựa trên các đặc trưng bao gồm tên bánh, thành phần bánh, lễ hội và đặc sản vùng miền. Ontology xây dựng gồm 85 lớp và 8 thuộc tính được sử dụng để truy vấn đặc trưng bánh thông qua ngôn ngữ SPARQL. Tiếp theo, xây dựng hệ thống tìm kiếm các loại bánh bằng hình ảnh thông qua xây dựng mô hình nhận dạng ảnh dựa trên thuật toán CNN – Convolution Neural Network. Quá trình huấn luyện được thực hiện trên tập dữ liệu gồm 750 tấm ảnh với 200 epochs. Mô hình kết quả được thực hiện kiểm thử với 150 ảnh đầu vào gồm 25 lớp, cho độ chính xác trung bình là 76%. Mô hình kết quả được áp dụng để truy vấn các đặc trưng của bánh thông qua hình ảnh. Cuối cùng, xây dựng giao diện người dùng để thao tác truy vấn các đặc trưng của bánh truyền thống Việt Nam thông qua ontology và mô hình của thuật toán CNN.
3614	Đại học	NHẬN DẠNG GƯƠNG MẶT BẰNG TENSORFLOW	Đặng, Hiếu Nghĩa	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Công nghệ thông tin ngày càng phát triển và có vai trò hết sức quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại. Con người ngày càng tạo ra càng nhiều những cỗ máy thông minh có khả năng tự nhận biết và xử lý được các công việc một cách tự động, phục vụ cho lợi ích của con người. Trong những năm gần đây, một trong những bài toán nhận được nhiều sự quan tâm và tốn nhiều công sức nhất của ngành công nghệ thông tin hay cụ thể là lĩnh vực thị giác máy tính, đó chính là bài toán nhận diện. Tuy mới xuất hiện chưa lâu nhưng nó đã rất được quan tâm vì tính ứng dụng thực tế của bài toán cũng như sự phức tạp của nó. Bài toán nhận diện có rất nhiều lĩnh vực như: nhận diện vật thể, nhận diện chữ viết, nhận diện giọng nói, nhận dạng cử chỉ, nhận diện khuôn mặt.. trong đó phổ biến và được ứng dụng nhiều hơn cả là bài toán nhận diện khuôn mặt. Để nhận diện được khuôn mặt, bước đầu tiên để nhận diện là phát hiện ra khuôn mặt, điều này thực sự là quan trọng. Do đó, để thực hiện vấn đề trên em đã chọn đề tài luận văn: “Nhận dạng gương mặt bằng Tensorflow”. Để thực hiện đề tài em đã sử dụng thư viện mã nguồn mở Tensorflow. Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ Python và chạy trên hệ điều hành Ubuntu 18. Kết quả cuối cùng em đã xây một hệ thống có khả năng huấn luyện mô hình nhận diện từ một video đầu vào, từ mô hình nhận diện đó hệ thống sẽ có khả năng nhận diện lại những người đã xuất hiện trong dữ liệu học từ một ảnh cũng như một video khác.

3615	Đại học	THU THẬP DỮ LIỆU VÀ PHÂN LOẠI RỪNG Ở VIỆT NAM	Trương, Thị Hồng Gấm	Phạm, Xuân Hiền	2019	Phân loại rừng là một công tác rất quan trọng trong quản lý tài nguyên rừng của mỗi quốc gia. Hiện nay tại Việt Nam phân loại rừng được tiến hành dựa vào nhiều tiêu chí, mỗi loại tiêu chí có một bảng phân loại phù hợp riêng. Các công tác phân loại thường được tiến hành thủ công như thu thập dữ liệu, thống kê và tiến hành phân loại. Chính vì lẽ đó việc sử dụng các mô hình máy học để phân loại đang là xu hướng đi cùng sự phát triển của công nghệ. Với những đặc tính riêng của rừng ở Việt Nam đặt ra những khó khăn và thách thức về mặt dữ liệu còn hạn chế cho việc nghiên cứu mô hình phân loại. Trong đề tài này, em đề xuất cho việc thu thập dữ liệu bằng hình ảnh viễn thám Landsat-8 với mong muốn tìm ra phương pháp phân loại hữu hiệu nhất cho phân loại rừng ở Việt Nam. Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu quy trình thu thập dữ liệu, so sánh và lựa chọn mô hình phân loại cho tập dữ liệu rừng. Bước đầu đánh giá kết quả của các phương pháp dựa trên các chỉ số đánh giá: độ chính xác và ma trận nhầm lẫn. Tập dữ liệu thu được gồm 1846 phần tử với 21 thuộc tính chia thành 14 phân lớp. Kết quả đạt được mô hình SVM với tập dữ liệu thu được cho ra độ chính xác 94,95%.
3616	Đại học	NHẬN DẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI BẰNG OPENPOSE	Huỳnh, Thâm Lộc	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Nhờ vào sự tiến bộ của công nghệ và các nhu cầu ứng dụng trong những năm gần đây, những nghiên cứu về nhận dạng hoạt động người đã có sự phát triển mạnh mẽ. Công nghệ cảm biến, kỹ thuật xử lý dữ liệu và đặc biệt là các nguồn dữ liệu đang ngày càng đa dạng. Hơn nữa, hiện nay có rất nhiều ứng dụng thực tế cần các giải pháp dựa vào việc nhận dạng hoạt động. Ví dụ như các ứng dụng an ninh, ứng dụng hỗ trợ cuộc sống, ứng dụng tương tác với máy tính. Trong khuôn khổ đề tài luận văn em đã nghiên cứu và cài đặt hệ thống nhận dạng hoạt động dựa trên thông tin khung xương với dữ liệu đầu vào hình ảnh 2D từ video hoặc trực tiếp từ webcam. Hệ thống sẽ tiến hành phân tích và nhận diện một số hoạt động cơ bản như: lướt tay, bước đi, vẫy tay, v.v của nhiều người (tối đa 5 người). Đề tài sử dụng thư viện OpenPose dùng để phát hiện 18 khớp xương của con người. Dùng các tọa độ khớp xương phát hiện được như dữ liệu thô để trích chọn đặc trưng sau đó sử dụng giải thuật KNN (K-nearest neighbors) để tiến hành phân tích dự đoán hoạt động của chủ thể trong video. Ứng dụng có được độ chính xác tương đối cao và có tiềm năng ứng dụng rộng rãi vào cuộc sống thực tế.

3617	Đại học	NHẬN DẠNG CHỮ VIẾT TAY TIẾNG VIỆT	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	Phạm, Nguyễn Khang	2019	Nhận dạng chữ viết tay là một đề tài quan trọng, nó có những ứng dụng khác nhau như trong xử lý chứng từ, kỹ thuật robot,... Trong bài viết này chúng tôi muốn trình bày một phương pháp nhận dạng chữ viết tay tiếng việt từ hình ảnh. Trước tiên, ảnh chữ viết tay tiếng việt được phân vùng để tách thành các từ bằng phương pháp nhị phân ảnh, tiếp theo, chúng tôi sử dụng mô hình rút trích đặc trưng VGG16, phương pháp này sẽ giúp giảm kích cỡ của không gian dữ liệu, loại bỏ những thuộc tính không liên quan và những thuộc tính nhiễu. Sau cùng chúng tôi huấn luyện một mô hình phân lớp để nhận dạng, bằng phương pháp học máy chúng tôi so sánh kết quả của mô hình kNN và SVM. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng mô hình SVM cho nhận dạng chữ viết tay tiếng việt tốt hơn so với kNN, cụ thể kết quả đạt được đối với SVM có độ chính xác trung bình là 98,7% còn đối với kNN cho kết quả thấp hơn chỉ có 95%. Do đó trong bài báo cáo này chúng tôi đã áp dụng mô hình SVM vào bài toán nhận dạng chữ viết tay tiếng việt.
3618	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ĐẾM XE BẰNG TENSORFLOW	Nguyễn, Hữu Trọng	Phạm, Nguyễn Hoàng	2019	Ngày nay, ngành công nghiệp sản xuất các phương tiện giao thông là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng cực nhanh và chiếm giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Điều này được thể hiện rõ thông qua sự bùng nổ về số lượng của các phương tiện giao thông dẫn đến tình trạng kẹt xe tắc đường xảy ra mỗi ngày. Để giải quyết các vấn đề đó thì các ứng dụng thông minh đã được triển khai trên các camera giám sát nhằm mục đích giám sát, thống kê và điều phối mật độ giao thông trên đường. Một số ứng dụng phổ biến thường thấy như đếm số lượng xe trên đường, phát hiện xe vượt đèn đỏ, phát hiện xe chạy sai làn, ước lượng mật độ xe lưu thông trên đường để điều phối,.. Đối với tình trạng của nước ta thì mật độ xe máy vẫn chiếm đa số hơn các loại phương tiện khác. Vì thế nên trong khuôn khổ đề tài luận văn tốt nghiệp này, em sẽ xây dựng một mô hình cho phép phát hiện và đếm các xe máy lưu thông trên đường. Đồng thời ứng dụng cũng cho phép phát hiện và đếm các xe máy theo một số điều kiện nhất định. Đề tài được thực hiện dựa trên thư viện mã nguồn mở Tensorflow với công cụ Object Detection API. Ứng dụng được viết bằng ngôn ngữ Python và chạy trên hệ điều hành Windows.

3619	Đại học	DỰ BÁO MỰC NƯỚC SÔNG TẠI CẦN THƠ DỰA VÀO DỮ LIỆU QUAN TRẮC MỰC NƯỚC VÀ LƯỢNG MƯA	Nguyễn, Thanh Phong	Trần, Nguyễn Minh Thư	2019	Hằng năm, hiện tượng ngập lụt luôn diễn ra ở nhiều nơi do sự tác động của triều cường, bên cạnh đó với sự biến đổi khí hậu theo chiều hướng tiêu cực hiện nay thì sự biến đổi của mực nước hằng năm cũng biến đổi phức tạp. Đối với các vùng kinh tế trọng điểm, hiện tượng ngập lụt ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống và kinh tế của người dân. Từ những phân tích trên thì việc dự đưa ra dự đoán về sự biến đổi của mực nước nhằm đưa ra các kế hoạch ứng phó giảm thiểu thiệt hại của triều cường là điều cần thiết. Trong nghiên cứu này để có thể đưa ra dự báo mực nước, nghiên cứu đề xuất giải quyết bài toán bằng 3 kịch bản, 1 là sử dụng dữ liệu mực nước và lượng mưa ở Cần Thơ để dự đoán mực nước tại Cần Thơ, 2 là sử dụng dữ liệu mực nước và lượng mưa ở 4 trạm Tân Châu, Châu Đốc, Vàm Nao và Mỹ Thuận để dự đoán mực nước tại Cần Thơ, cuối cùng là sử dụng dữ liệu mực nước và lượng mưa ở tất cả các trạm để dự đoán mực nước tại Cần Thơ trên mô hình Cây hồi quy. Với dữ liệu được chia thành tập huấn luyện và tập kiểm tra theo năm, dữ liệu từ 2012 đến 2015 làm tập huấn luyện và dữ liệu trong năm 2016 làm tập kiểm tra. Tất cả các kịch bản đều sử dụng 24 giờ trước đó để dự đoán cho 6 giờ tiếp theo. Qua thực nghiệm cho thấy kết quả đạt được tương đối tốt với sai số RMSE đạt 9,831 cm khi sử dụng dữ liệu đầu vào là 5 trạm, 11,086 cm đối với đầu vào là 1 trạm và 12,022 cm đối với đầu vào là 4 trạm.
3620	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ sản xuất cam sành xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Võ, Quốc Cường	Đỗ, Văn Hoàng	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng sản xuất và giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ sản xuất cam sành xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ và từ đó xem mô hình có hiệu quả như thế nào để khuyến khích nông hộ duy trì và phát triển mô hình hơn. Bài nghiên cứu dùng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 45 mẫu khảo sát các nông hộ tại xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình từ các số liệu qua khảo sát 45 nông hộ ở địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, lợi nhuận trung bình trồng cam sành của nông hộ thu được là 7.937.776 nghìn đồng/1000m ² /năm (có cả chi phí lao động gia đình). Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ là chi phí phân, chi phí lao động thuê, năng suất, giá bán. Qua kết quả nghiên cứu và sử dụng phần mềm SPSS để phân tích số liệu thì đã tìm ra 04 nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình. Và đã đề xuất cũng như giải pháp giúp mô hình phát triển hơn. Dựa trên kết quả nghiên cứu, từ những hiện trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình cũng như các khoảng chi phí và lợi nhuận, từ đó ta sử dụng phương pháp swot để tìm ra các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức để đề ra các chiến lược cụ thể để giúp nâng cao và phát triển mô hình hơn.

3621	Đại học	Khảo sát công dụng từ cây trầm (Melaleuca cajuputi) ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	Lâm, Thị Thảo Nguyên	Võ, Quang Minh huỳnh, thị Thu Hương	2019	Đề tài được thực hiện nhằm tìm hiểu đặc tính dược học của cây trầm và các sản phẩm khai thác từ cây trầm trồng trên vùng đất phèn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt là tìm hiểu sự đa dạng và sản phẩm từ cây Trầm (dược liệu, thủ công mỹ nghệ, xây dựng, chất đốt) phục vụ công tác khai thác hiệu quả cây Trầm tại khu vực nghiên cứu Phương pháp thực hiện đề tài chủ yếu dựa trên việc khảo sát và thu thập dữ liệu, mẫu vật từ các kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả khác nhau, dữ liệu thống kê, các báo cáo của các cơ quan chức năng của vùng nghiên cứu. Kết quả thực hiện đề tài cho thấy ở đồng bằng sông Cửu Long có diện tích rừng trầm đến năm 2015 là 71.350ha, bao gồm các loại cây trầm chủ yếu là trầm gió và trầm cừ. Sản phẩm khai thác từ cây trầm ở vùng nghiên cứu chủ yếu chia làm 4 nhóm gồm 1) dược liệu, 2) thủ công mỹ nghệ, 3) xây dựng và 4) chất đốt. Theo kết quả khảo sát cho thấy hiện tại khai thác cây trầm theo hướng sản xuất dược liệu có tiềm năng phát triển kinh tế ở cả 2 dạng thủ công ở hộ gia đình hoặc sản xuất công nghiệp ở vùng nguyên liệu lớn. Từ đó đề tài đã tổng hợp và đề xuất 2 qui trình sản xuất tinh dầu thủ công và công nghiệp làm cơ sở nghiên cứu để phát triển cây trầm hiệu quả hơn ở địa phương.
3622	Đại học	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Đào, Thanh Dũ	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài: “Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 11 năm 2018 đã hoàn thành vào tháng 05 năm 2019 nhằm mục tiêu đánh giá được sự đa dạng của hệ thực vật bậc cao có mạch ở huyện Cù Lao Dung làm cơ sở cho việc quy hoạch, quản lí, sử dụng và bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật ở huyện Cù Lao Dung có hiệu quả hơn. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra thực địa, thu mẫu theo tuyến và theo sinh cảnh, xử lý mẫu và phân tích số liệu theo các tài liệu chuyên ngành. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được hoàn chỉnh danh lục thực vật bậc cao có mạch ở huyện Cù Lao Dung gồm 349 loài thuộc 264 chi trong 103 họ của 3 ngành thực vật, trong đó đề tài đã xác định được có 218 loài được gây trồng, 189 loài mọc tự nhiên và 56 loài vừa được gây trồng vừa được mọc tự nhiên. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có tỉ lệ lớn nhất với 95 họ chiếm 92,23% tổng số họ, 256 chi chiếm 96,97% tổng số chi và 341 loài chiếm 97,71% tổng số loài. Các loài cây thu được có 12 dạng sống và phân bố trong 6 sinh cảnh khác nhau. Trong đó, sinh cảnh vườn nhà có số loài nhiều nhất 246 loài chiếm 34,21% tổng số loài. Tài nguyên cây có giá trị sử dụng và cây nguy cấp cũng được xác định với 349 loài có giá trị sử dụng chiếm tỉ lệ 100% trong đó nhóm cây làm thuốc chiếm tỉ lệ cao nhất với 341 loài chiếm 97,71% tổng số loài; có 2 loài có tên trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007), Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

3623	Đại học	Đánh giá khả năng tích lũy cacbon trong đất của cây Tràm trồng lên liếp tại khu vực U Minh Hạ Cà Mau	Trần, Phước Giang	Lê, Tấn Lợi	2019	Đề tài “Đánh giá khả năng tích lũy cacbon trong đất của cây Tràm trồng lên liếp tại khu vực U Minh Hạ Cà Mau” được thực hiện bằng phương pháp khoan phân tích các chỉ tiêu trong đất ở độ sâu 1m, từ tháng 2/2019 đến tháng 5/2019 mục tiêu xác định khả năng tích lũy cacbon trong đất của cây Tràm thâm canh ở tuổi 10 và 15. Phần trăm tích lũy cacbon trong đất của cây Tràm thâm canh trên liếp tuổi 10 cao nhất ở tầng 0 – 20 cm và thấp nhất ở độ sâu 40 – 60 cm có xu hướng giảm theo độ sâu. Đối với tuổi 15 thì giá trị phần trăm cacbon của các tầng cao nhất ở độ sâu 0 – 20 cm và 20 – 40 cm thấp nhất ở độ sâu 60 – 80 cm có cùng xu hướng là giảm theo độ sâu. Trung bình tích lũy cacbon trong đất của mô hình tràm thâm canh trên liếp tuổi 10 cao hơn tuổi 15, kết quả còn cho thấy trung bình pH ở Tràm tuổi 15 cao hơn giá trị trung bình pH của tuổi 10, trung bình EC ở Tràm tuổi 15 cao hơn Tràm tuổi 10 lên liếp.
------	---------	--	-------------------	-------------	------	--

3624	Đại học	Tìm hiểu kiến thức bản địa về rừng ngập mặn ven biển của Người dân tại huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Trần, Văn Hậu	Vương, Tuấn Huy	2019	Trong những năm gần đây, vai trò của kiến thức bản địa của người dân bản địa trong khai thác, quản lý, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng được thừa nhận nhiều hơn. Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng với mục tiêu tìm hiểu kiến thức bản địa về nhận biết và khai thác các loài động vật, thực vật ở rừng ngập mặn và các yếu tố tác động đến kiến thức bản địa của người dân địa phương. Thông qua việc thu thập thông tin liên quan đến khai thác, quản lý và bảo vệ rừng năm 2019. và kết hợp với phỏng vấn hộ dân tại khu vực bãi biển Mỏ Ó. Kết quả phỏng vấn và tổng hợp, phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả cho thấy cho thấy người dân nơi đây có kiến thức bản địa về nhận biết đặc điểm loài, khu vực phân bố và mùa vụ khai thác của 7 loài thực vật và 11 loài động vật. Tại địa phương có 3 khu vực khai thác chính là bãi bồi, trong rừng và ven bờ. Trong đó bãi bồi là khu vực khai thác chính của người dân. Tại địa phương, các loài thực vật, động vật chủ yếu phân bố ở bãi bồi. Trong đó, các loài phân bố gần khu vực sinh sống của người dân, có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế có tỉ lệ nhận biết cao. Ngược lại, các loài ở xa khu vực sinh sống của người dân, giá trị kinh tế, giá trị sử dụng thấp có tỉ lệ nhận biết thấp. Mùa vụ khai thác các loài động vật, thực vật tại địa phương khá đa dạng và phân bố trải đều quanh năm. Tuy nhiên, mùa vụ khai thác của các loài có giá trị kinh tế cao chủ yếu tập trung từ tháng 03 đến tháng 07. Tại địa phương, có 2 loài thực vật và 11 loài động vật được người dân khai thác. Người dân khi đánh bắt ở bãi bồi thì di chuyển bằng mòng, đánh bắt ngoài bãi bồi hoặc lúc nước lên thì di chuyển bằng ghe nhỏ và đánh bắt trong rừng thì người dân đi bộ. Tùy vào điều kiện của mỗi gia đình và loài đánh bắt thì người dân sẽ chọn cho mình một phương tiện phù hợp. Trong quá trình khai thác thì người dân địa phương chưa có sự chọn lọc và đánh bắt hết tất cả các loại động vật, thực vật mà mình khai thác được vì thế đã làm suy giảm sản lượng tài nguyên rừng tại địa phương. Kiến thức bản địa bị tác động của nhiều yếu tố như: giá trị đem lại từ việc khai thác tài nguyên rừng, dân tộc, nguồn kiến thức khai thác, khả năng duy trì khai thác, mục đích khai thác. Những nguồn kiến thức phù hợp sẽ trở thành các kiến thức bản địa mới và mỗi loại kiến thức bản địa chỉ phù hợp với một địa phương nhất định.
------	---------	---	---------------	-----------------	------	--

3625	Đại học	Khảo sát đặc tính, hiệu quả kinh tế và quy trình chế biến của cây dứa trong mô hình dứa – dứa ở Tắc Cậu, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Huỳnh Như Hào	Võ, Quang Minh Huỳnh, thị Thu Hương	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát đặc tính, hiệu quả kinh tế và quy trình chế biến của cây Dứa trong mô hình dứa – dứa tại Tắc Cậu, tỉnh Kiên Giang cụ thể là khảo hiện trạng tự nhiên, tình hình sản xuất, các đặc tính hóa học được học của cây dứa. Đặc biệt là hiệu quả kinh tế và tình hình sản xuất của mô hình Dứa – Dừa ở Kiên Giang bằng các phương pháp như thu thập dữ liệu thứ cấp (tài liệu tham khảo, thông tin có liên quan, các nghiên cứu khoa học) và các phương pháp nghiên cứu thực địa (phỏng vấn, khảo sát người dân) và phương pháp bố trí thí nghiệm chế biến sản phẩm từ dứa . Với các phương pháp trên đã thu được kết quả như sau: Tất cả các bộ phận của cây dứa đều có những đặc tính hóa học, được học rất có lợi cho con người. Vì vậy người ta thường sử dụng các bộ phận của cây dứa để chế biến, ẩm thực, bài thuốc.... Hiệu quả kinh tế của cây dứa trong mô hình Dứa – Dừa mang lại rất cao đã giúp nâng cao nền kinh tế cho người dân ở Tắc Cậu, tỉnh Kiên Giang. Áp dụng được các phương pháp vào quy trình chế biến thành công nước ép dứa chanh dây để đưa ra những giá trị sản phẩm của cây dứa
3626	Đại học	Quản lý hiện trạng cây xanh đô thị 3D bằng kỹ thuật GIS tại khu II trường đại học Cần Thơ	Nguyễn, Lê Minh	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xây dựng bản đồ phân bố không gian cây xanh nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý, theo dõi và giám sát cây xanh được tiện lợi trên ArcGIS và Google Earth, làm tăng hiệu quả quản lý cây xanh trong khuôn viên khu II trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu sử dụng công nghệ GIS và GPS để xác định vị trí phân bố cây xanh và quản lý hiện trạng phân bố cây xanh đô thị, đồng thời tiến hành đo đạc các chỉ tiêu cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, đề tài dựa trên ArcGIS với 2 chương trình quan trọng là ArcMap và ArcScene để lưu trữ dữ liệu và xây dựng bản đồ phân bố cây xanh, từ đó đưa bản đồ lên ứng dụng Google Earth giúp giúp hiệu quả quản lý được nâng cao. Kết quả đã xác định được thành phần loài chia làm 2 nhóm. Cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị và cây cổ thụ. Khu II trường Đại học Cần Thơ có sự phân bố đa dạng cây nhóm I và một số ít cây nhóm II rải rác trong khu vực. Tổng số cây được điều tra là 2306 cây với 30 loài, trong đó 2 loài chiếm ưu thế nhất là dầu rái 435 cây, sao đen 459 cây. Cở sở dữ liệu về hiện trạng phân bố cây xanh được mô phỏng trên Google Earth theo chiều cao thực tế và phân bố các loại cây xanh ngoài thực địa hỗ trợ công tác quản lý cây xanh đường phố và cây xanh công viên tại đô thị

3627	Đại học	Phân loại thành phần loài và công dụng các loài hoa kiểng tại khu dân cư Thới Nhứt - Thành Phố Cần Thơ	Trần, Bảo Ngân	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2019	Nghiên cứu thực hiện nhằm mục tiêu xác định thành phần loài cây cảnh được trồng trong các hộ gia đình tại khu dân cư Thới Nhứt, phân nhóm các loại cây kiểng điều tra được và đề xuất những cây thích hợp trồng tại khu dân cư Thới Nhứt, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được tiến thành bằng phương pháp điều tra, phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình ở khu dân cư về việc trồng cây cảnh, sau đó sử dụng phần mềm Excel để thống kê, vẽ biểu đồ và phân tích số liệu thu thập được. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 39 loài cây cảnh, 39 chi, 25 họ thực vật, hầu hết các loài cây đều thuộc ngành Ráy (Araceae). Với 5 nhóm cây cảnh được phân loại theo công gồm: nhóm cây leo, cây hàng rào; nhóm cây làm cảnh bằng thân; nhóm cây làm cảnh bằng lá; nhóm cây làm cảnh bằng hoa; nhóm cây làm cảnh bằng quả; nhóm cây làm cảnh ở nước. Trong đó nhóm cây làm cảnh bằng hoa có số lượng nhiều nhất với 16 loài chiếm 41%, nhóm cây leo, cây hàng rào và nhóm cây làm cảnh bằng quả có số lượng ít nhất mỗi nhóm có 2 loài (chiếm 5%). Nghiên cứu thống kê được 39 loài cây có 1 loài cây là Ngũ Gia Bì xuất xứ tại Việt Nam và 38 loài cây có nguồn gốc xuất xứ nước ngoài (Châu Á, Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ và Địa Trung Hải) trong đó có 3 loài có thể mọc tự nhiên tại Việt Nam (Mào gà, Sung, Dương xỉ). Bên cạnh đó nghiên cứu đã thống kê được có 11 loài cây có thể làm thuốc chữa bệnh và 4 loài cây có thể làm thực phẩm. Đồng thời nghiên cứu đã đề xuất được 6 loài cây cảnh phù hợp trồng ở tại khu dân cư Thới Nhứt: Kim Tiền, Lưỡi Hổ, Bông giấy, Nha Đam, Tắc, Sóng Đồi.
3628	Đại học	Đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây dược liệu ở huyện Cù Lao Dung Tỉnh Sóc Trăng	Lưu, Thị Dung Nghi	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Đánh giá thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây dược liệu ở huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện vào tháng 11 năm 2018 đến tháng 05 năm 2019 với mục tiêu là đánh giá sự đa dạng về nguồn tài nguyên cây làm thuốc tại huyện Cù Lao Dung. Đề tài đã sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là điều tra phỏng vấn để thu mẫu thông tin, điều tra thực địa để thu mẫu, xử lý và phân tích mẫu; thu thập thông tin từ tài liệu chuyên ngành về cây thuốc. Từ đó được kết quả, cụ thể là có 341 loài thuộc 261 chi của 102 họ trong 3 ngành thực vật có tác dụng làm thuốc chữa bệnh là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta) và ngành Ngọc lan (Manoliophyta). Trong đó, ngành Ngành Ngọc lan (Manoliophyta) chiếm số lượng nhiều nhất với 334 loài chiếm tỉ lệ 97,94% tổng số loài. Có 12 dạng sống, trong đó nhóm cây thân cỏ là đa số với 147 loài chiếm tỉ lệ 43,11% tổng số loài. Có 2 loài cây dược liệu thuộc dạng quý hiếm và cần được bảo tồn, 1 loài nằm trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007) và 1 loài ở Nghị định 32/CP/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Phân bố của các cây làm thuốc gồm 6 sinh cảnh, cụ thể là sinh cảnh vườn nhà có số lượng loài sinh sống nhiều nhất với 224 loài chiếm tỉ lệ 65,69% tổng số loài. Su rầm được tổng cộng 286 bài thuốc chữa được 36 nhóm bệnh từ các cây dược liệu tại huyện Cù Lao Dung từ các lương y, người hốt thuốc nam, các hộ trồng và sử dụng cây thuốc tại vùng nghiên cứu.

3629	Đại học	Nghiên cứu hiện trạng và tiềm năng khai thác các sản phẩm ngoài gỗ tại Đồng Bằng Sông Cửu Long hiện nay	Trương, Nguyễn Thùy Nhân	Phạm, Thanh Vũ	2019	Đề tài “ Nghiên cứu hiện trạng và tiềm năng khai thác các sản phẩm ngoài gỗ tại đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay” được thực hiện từ tháng 01/2019 đến 05/2019. Thực hiện tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và đối tượng thực hiện chính là các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ. Mục tiêu đề tài - Đánh giá hiện trạng sử dụng tài nguyên lâm sản ngoài gỗ tại đồng bằng Sông Cửu Long - Đánh giá được tiềm năng khai thác lâm sản ngoài gỗ tại đồng bằng Sông Cửu Long - Đưa ra được giải pháp nhằm cân bằng bảo tồn và khai thác LSNG tại đồng bằng Sông Cửu Long. Qua các phương pháp thực hiện thu thập số liệu, xử lý số liệu, thống kê và phân loại và thống kê đưa ra bảng phân loại các danh lục thực vật, chúng không chỉ đa dạng về bậc loài mà còn đa dạng về dạng sống và công dụng. Đánh giá được hiện trạng khai thác sử dụng từ đó đưa ra giải pháp về quản lý bảo tồn, khai thác và tiêu thụ trên thị trường, tuyển chọn được các loài có giá trị cao để tập trung phát triển cho hiệu quả tốt nhất. Tăng cường nghiên cứu và cập nhật tình hình thường xuyên đảm bảo có biện pháp ứng phó phù hợp và bảo tồn nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ một cách tối ưu nhất Thông qua kết quả thu được có hơn 132 họ, 338 loài với những công dụng khác nhau. Nhóm cây dùng làm thuốc có 238 loài thuộc 4 ngành, 7 lớp, 100 họ. Nhóm cây dùng làm thực phẩm có 62 loài thuộc 46 họ. Nhóm cây làm thủ công mỹ nghệ có 14 loài thuộc 7 họ. Nhóm cây dùng làm cảnh có 46 loài thuộc 23 họ. Đưa ra được biện pháp giúp cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, giải pháp cho công tác quản lý và quy hoạch phù hợp với người dân để nâng cao hiệu quả cho công tác bảo tồn, kết hợp cùng người dân bảo tồn và phát triển nguồn lợi này. Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ và tuyên truyền ý thức cho người dân. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tận dụng thu hái lượm tránh lãng phí nguồn lâm sản ngoài gỗ khi khai thác
------	---------	---	--------------------------	----------------	------	---

3630	Đại học	Đánh giá thực trạng đa dạng, tiềm năng khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại núi Dài Năm Giếng thuộc huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang	Huỳnh, Quang Phúc	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Đánh giá thực trạng đa dạng, tiềm năng khai thác và sử dụng lâm sản ngoài gỗ tại núi Dài Năm Giếng thuộc huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 04 năm 2019, nhằm mục đích đánh giá sự đa dạng hệ thực vật lâm sản ngoài gỗ tại núi Dài Năm Giếng thuộc huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang. Bằng phương pháp nghiên cứu của đề tài bao gồm điều tra thực địa, thu thập thông tin từ phỏng vấn và các tài liệu chuyên ngành về mặt phân loại và mục đích sử dụng các loại cây. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được bảng danh lục lâm sản ngoài gỗ tại núi Dài Năm Giếng huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang gồm 156 loài thuộc 133 chi trong 63 họ của 3 ngành. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy ngành Ngọc lan chiếm ưu thế với tỉ lệ 93,6% số loài. Nhóm cây cỏ là chiếm chủ yếu với 86 loài chiếm 55,1% số loài của hệ, nhóm dây leo có 32 loài chiếm 20,5% số loài của hệ, tiếp đến là nhóm cây bụi có 24 loài chiếm 15,4% số loài của hệ, nhóm gỗ nhỏ và gỗ to có 11 loài (9 loài gỗ nhỏ, 2 loài gỗ to) chiếm 7,1% số loài của hệ, sau cùng là nhóm cau dừa có 3 loài chiếm 1,9% số loài của hệ. Tài nguyên cây có giá trị sử dụng và cây nguy cấp cũng được xác định, tất cả các loài đều có giá trị sử dụng và 3 loài nằm trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007) chiếm 1,9% số loài của hệ.
3631	Đại học	Nghiên cứu hiện trạng và tiềm năng khai thác, chế biến các dạng sản phẩm ngoài gỗ có triển vọng ở khu di tích căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Huỳnh Tiên	Võ, Quang Minh Phạm, Thanh Vũ	2019	Lâm sản ngoài gỗ không những góp phần quan trọng về kinh tế xã hội mà còn có giá trị to lớn đối với sự giàu có của hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học của rừng. Mục tiêu của nghiên cứu này là điều tra thực trạng về thành phần loài và đề xuất giải pháp phát triển lâm sản ngoài gỗ tại Khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp điều tra thực địa, lấy số liệu và tham khảo các tài liệu trước. Kết quả nghiên cứu cho thấy Khu di tích có hệ thực vật đa dạng phong phú với 138 loài và được chia ra thành 6 nhóm giá trị sử dụng gồm: nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm thực phẩm, nhóm làm thủ công mỹ nghệ, nhóm làm cây cảnh, nhóm làm thức ăn gia súc và nhóm cây độc. Ngoài đa dạng về loài thì hệ thực vật tại đây còn đa dạng về dạng sống, đa dạng về công dụng theo từng bộ phận cây, tùy thuộc vào các chức năng từng bộ phận hay cả cây để tận dụng. Thị trường tiêu thụ diễn ra tập trung ở 3 nhóm chính là nhóm cây làm thuốc, nhóm cây làm thực phẩm và nhóm cây làm thủ công mỹ nghệ. Các giải pháp về quy hoạch, quản lý và giải pháp về chế biến tiêu thụ đã được đề xuất trong nghiên cứu để bảo tồn và phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ tại khu vực nghiên cứu.

3632	Đại học	Khảo Sát Đất Tính, Hiện Trạng Khai Thác, Sử Dụng Bài Thuốc Từ Cây Dưới Tán Rừng Và Chế Biến Các Sản Phẩm Có Triển Vọng (Cây Gấc)	Nguyễn, Thị Ngọc Hào	Võ, Quang Minh Nguyễn, Minh Thủy	2019	Lâm sản ngoài gỗ là nguồn thu nhập phụ tương đối lớn cho người trồng và giữ rừng, lâm sản ngoài gỗ có nhiều loại khác nhau. Cây thảo dược là một loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng đang được quan tâm nghiên cứu vì vậy đề tài “KHẢO SÁT ĐẶC TÍNH, HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG BÀI THUỐC TỪ CÂY DƯỚI TÁN RỪNG VÀ CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM CÓ TRIỂN VỌNG (CÂY GẮC)” được ra đời nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu về cách sử dụng, kỹ thuật trồng, lợi ích kinh tế cũng như công dụng của cây gấc mang lại Bằng phương pháp xay thịt gấc và cà rốt cùng nước với tỷ lệ 150gr gấc, 50gr cà rốt và 2 lít nước cho 2 lít nước ép, có thể bảo quản trong nhiệt độ phòng khoảng 90 ngày (khoảng 3 tháng) và lâu hơn trong điều kiện giữ lạnh Nước ép gấc- cà rốt có chứa vitamin A, lycopene, β – carotene, được chứng minh là chất chống oxy hóa, có tác dụng phòng chống ung thư, bổ sung vitamin A cho mắt . Ngoài ra trong nước ép còn có rất nhiều vitamin, acid amin cần thiết cho cơ thể như: glucit, protein, chất xơ,... Hơn nữa, còn giữ được hàm lượng dinh dưỡng cao hơn khi nấu chín. Cách chế biến đơn giản không đòi hỏi trang thiết bị quá cầu kì hiện đại, vì thế đại đa số người dân đều có thể thực hiện được. Như vậy sau khi đề tài hoàn thành sẽ dễ dàng để người dân tiếp thu và thực hiện, tận dụng được nguồn dinh dưỡng từ cây rừng đồng thời kết hợp khai thác hợp lý để tạo thêm nguồn thu nhập giúp họ vững tâm giữ rừng và bảo vệ rừng.
3633	Đại học	Đánh giá tiềm năng phát triển cây đậu biếc (CLITORIA TERNATEA) trong mô hình nông lâm kết hợp	Cao, Ngọc Phương Linh	Võ, Quang Minh Phan, Kiều Diễm	2019	Lâm sản ngoài gỗ là nguồn thu nhập phụ tương đối lớn cho người trồng và giữ rừng. Lâm sản ngoài gỗ có nhiều loại khác nhau. Cây thảo dược là một loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng đang được quan tâm nghiên cứu vì vậy đề tài “ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA CÂY ĐẬU BIẾC TRONG MÔ HÌNH NÔNG LÂM KẾT HỢP” được ra đời nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu về cách sử dụng cũng như công dụng của cây đậu biếc mang lại Đề tài được thực hiện nhằm mục đích khảo sát đặc tính, hiện trạng khai thác, sử dụng và chế biến sản phẩm có giá trị triển vọng từ cây đậu biếc. Cụ thể là đánh giá được hiện trạng sản xuất, khai thác, chế biến cây đậu biếc dưới tán rừng ở Đồng bằng Sông Cửu Long; khảo sát đặc tính hình thái, sinh hóa, dược học và kỹ thuật canh tác của cây; chọn lọc xây dựng một quy trình chế biến từ cây đậu biếc và đề xuất mô hình khai thác cây đậu biếc ở Đồng bằng Sông Cửu Long bằng các phương pháp như thu thập số liệu thứ cấp (tài liệu tham khảo, thông tin có liên quan), phương pháp canh tác thực nghiệm, bố trí thí nghiệm, xử lý, chế biến, đánh giá và đề xuất mô hình Cây đậu biếc có khả năng sinh trưởng nhanh, thích nghi tốt với mọi điều kiện cho nên cây đã phân bố rộng rãi khắp cả nước nhưng với quy mô gia đình, nhỏ lẻ mà chưa được áp dụng sản xuất với quy mô lớn. Nhờ vào khả năng sinh trưởng nhanh nên khả năng thu hồi vốn đầu tư mau, có thể áp dụng vào hệ thống Nông lâm kết hợp nhằm giúp người dân có thêm thu nhập, bảo vệ được tài nguyên thiên nhiên và môi trường

3634	Đại học	Đánh giá thực trạng đa dạng hệ thực vật ngoại lai tại Vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Hồng Nghi	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Đánh giá thực trạng đa dạng hệ thực vật ngoại lai tại Vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 ,được tiến hành khảo sát qua 4 tuyến trong 4 sinh cảnh của Vườn Quốc Gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Theo kết quả thống kê thì danh lục các loài thực vật ngoại lai của VQG đã được xây dựng và tính đa dạng sinh học của thực vật ngoại lai đã được đánh giá với tổng số 96 loài, 90 chi và 47 họ thuộc 2 ngành thực vật. Trong đó, ngành Hạt kín (Angiospermae) đa dạng hơn với 93 loài chiếm tỷ lệ 96.88% số loài ngoại lai của vùng nghiên cứu, ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) chiếm tỷ lệ thấp với 3 loài chỉ chiếm 3,40%. Đánh giá về giá trị sử dụng của thực vật ngoại lai cũng đã chỉ ra 94 loài có giá trị sử dụng (chiếm tỷ lệ 97,92% tổng số loài), cho thấy các loài thực vật này không chỉ có tác hại xâm lấn mà còn rất có ích về nhiều mặt. Về yếu tố địa lý đã phân tích, thì yếu tố nhiệt đới châu Á – Mỹ chiếm tỷ lệ cao nhất (27,08%). Kết quả phân tích về tác động của thực vật ngoại lai cho thấy có 7 loài nằm trong danh sách xâm lấn: Mai dương (Mimosa pigra L.), Lục bình (Eichhornia crassipes (Mart.) Solms), Cỏ lào (Eupatorium odoratum L.), Cỏ ngũ sắc (Lantana camara L), Keo giậu (Leucaena leucocephala (Lamk.) de Wit), Cỏ cứt heo (Ageratum conyzoides L.), Cúc bò (Wedelia trilobata (L.) Hitchc.).
3635	Đại học	Đánh giá sự tích lũy cacbon trong đất của cây tràm trồng không lên líp tại khu vực U MINH HẠ, TỈNH CÀ MAU	Nguyễn, Quốc Khánh	Lê, Tấn Lợi	2019	Đề tài “Đánh giá sự tích lũy Cacbon trong đất của cây Tràm trồng không lên liếp tại khu vực VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau” đánh giá trữ lượng tích lũy cacbon của cây Tràm trồng thâm canh không lên liếp trên hai độ tuổi 10 và 15 của VQG U Minh Hạ. Từ đó cũng khảo sát trữ lượng tích lũy cacbon trong đất của đất rừng Tràm nơi đây. Đề tài thực hiện trong thời gian 3 tháng từ tháng 2 đến ngày 20/05/2019. Được thực hiện theo các phương pháp lâm sinh cơ bản là điều tra thực địa, khoan để lấy mẫu đất tại thực địa từ độ sâu 0 – 100 cm dưới mặt đất rừng Tràm trồng không lên liếp ở hai độ tuổi 10 và 15 tuổi. Sau đó đem về phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu pH, EC, sấy trong lò nung 105oC để tính được dung trọng đất và đốt ở nhiệt độ 550oC để tính được lượng tích lũy Cacbon trong đất. Kết quả đạt được trong đề tài là trữ lượng tích lũy Cacbon ở tuổi 15 luôn cao hơn trữ lượng tích lũy Cacbon ở tuổi 10 nhưng xuống càng sâu dưới mặt đất thì tích lũy Cacbon trong đất càng giảm. Nên triển khai thêm nhiều khu đất trồng rừng Tràm không lên liếp lâu năm hơn để có thể giúp đất rừng tại đây có khả năng hấp thu cacbon cao hơn nhằm góp phần vào tạo nên tầng than bùn đã cháy trong vụ cháy rừng năm 2002

3636	Đại học	Đánh giá tiềm năng phát triển cây chúc trong mô hình nông lâm kết hợp tại Vùng Bảy Núi An Giang	Nguyễn, Thụy Bảo Trân	Võ, Quang Minh	2019	Đề tài: ”Đánh giá tiềm năng phát triển của cây Chúc trong mô hình nông lâm kết hợp tại vùng Bảy Núi – An Giang” được thực hiện nhằm mục đích khảo sát và phân tích hiện trạng phân bố, đặc tính thành phần dược tính hoạt chất của cây Chúc, cũng như tiềm năng của cây Chúc trong mô hình nông lâm kết hợp, nghiên cứu khai thác một số sản phẩm lâm từ cây Chúc Cây Chúc có tên khoa học là <i>Citrus hystrix</i>, thuộc họ Cam (Rutaceace), chi Cam Quý (<i>Citrus</i> L.) Cây được trồng chủ yếu tại vùng Bảy Núi – An Giang. Một số thành phần hoá học chính của tinh dầu vỏ là các hợp chất α-pinene (34,80 – 36,60%), Limonen (19,88 – 20,39%), α-phellandrene (22,70 – 24,12%), Citronella (7,01 – 7,29%), β-pinene (3,55 – 4,05%), Terpinene-4-ol (0,59 – 1,15%). Thành phần hoá học chủ yếu củ tinh dầu lá Chúc: Citronella (75,82 – 77,09%), Citronellol (13,03 – 15,50%), Linalool (2,62 – 2,85%). Tinh dầu Chúc có thể xem là một sản phẩm có tiềm năng khai thác, sản xuất mang lại nguồn lợi cho người nông dân cũng như doanh nghiệp. Hiện nay cây Chúc được sử dụng như gia vị chế biến món ăn là chính, tuy nhiên đã có một số sản phẩm từ cây Chúc như: tinh dầu Chúc, dầu gội trái Chúc, lá Chúc sấy khô, ... và một số bài thuốc trị bệnh có thể điều chế từ cây Chúc.
------	---------	---	-----------------------	----------------	------	--

3637	Đại học	Khảo sát đặc tính, hiện trạng khai thác, sử dụng bài thuốc từ cây Diệp H Châu, và chế biến sản phẩm có giá trị triển vọng "	Đồng, Chí Nguyễn	Võ, Quang Minh	2019	Đề tài: " Khảo sát đặc tính, hiện trạng khai thác, sử dụng bài thuốc từ cây Diệp H Châu, và chế biến sản phẩm có giá trị triển vọng " được thực hiện nhằm khảo sát hiện trạng, tiềm năng khai thác sử dụng, đặc tính dược học, thành phần hóa học và phân bố. Chế biến ra được sản phẩm từ cây Diệp hạ châu cụ thể là bột Diệp hạ châu Hiện nay người ta có xu hướng quay trở về với cây thuốc và thuốc có nguồn gốc thiên nhiên tạo ra hơn là hóa chất làm thuốc. Xu hướng này đã tác động đến việc sản xuất thu hái, chế biến, lưu thông, tiêu thụ và sử dụng dược liệu thảo mộc. Trong khi các tài liệu tra cứu về cây thuốc chủ yếu được viết trên sách, do đó hạn chế đối tượng sử dụng nhất là không phải là nhà chuyên môn muốn tìm hiểu sử dụng cây thuốc. Nhiều người dân hiện nay chưa tận dụng hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc, thay vì sử dụng hiệu quả các bài thuốc dân gian từ những cây thuốc quanh nhà, thì hằng năm người dân bỏ ra một số tiền khá lớn để mua các loại thuốc tây chữa bệnh, việc sử dụng thuốc tây mang lại hiệu quả nhất thời nhưng giá thành khá cao, đồng thời có thể gây ra những tác dụng phụ không mong muốn và nếu sử dụng lâu dài có thể sẽ gây ra những biến chứng khôn lường. Bên cạnh đó, thuốc tây được bán khắp mọi nơi bởi những người không có chứng chỉ hành nghề và không có sự chỉ dẫn của thầy thuốc điều này sẽ gây ra nhiều hệ lụy đáng tiếc về sau, Việc thay đổi phương pháp chữa bệnh hiệu quả, a toàn từ những dược liệu thiên nhiên sẵn có cần được đẩy mạnh để nâng cao chất lượng đời sống của người dân Việt Nam là đất nước được thiên nhiên ưu đãi về nguồn tài nguyên, trong đó nguồn tài nguyên sinh học quý giá thuộc loại tái tạo được. Từ xa xưa ông cha ta đã biết khai thác nguồn tài nguyên này vào việc chữa bệnh cho con người và gia súc. Cây thuốc, bài thuốc quý được dân gian truyền lại có thể chữa được các bệnh nan y mà việc chế ra hết sức đơn giản, nguyên liệu được lấy từ các loại cây cỏ xung quanh ta. Trong số đó loài Diệp hạ châu (Phyllanthus) được dùng chữa viêm gan B rất hiệu quả Diệp hạ châu sống trên các cánh đồng khô, ven đường, vùng đất bỏ hoang, bờ rừng dưới độ cao 100–600 m Phân bố: Ấn Độ, Bhutan, Đài Loan, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanma, Nepal, Nhật Bản, Sri Lanka, Thái Lan, Trung Quốc (các tỉnh An Huy, Phúc Kiến, Quảng Đông Quảng Tây, Quý Châu, Hải Nam, Hà Bắc, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tô Giang Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, Sơn Tây, Tứ Xuyên, Tây Tạng, Vân Nam...
------	---------	---	------------------	----------------	------	--

3638	Đại học	Đánh giá thực trạng đa dạng của hệ thực vật bậc cao có mạch ở Núi Nợc Thuộc Huyện Tri Tôn Tỉnh An Giang	Trần, Hạnh Tiên	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài: “Đánh giá thực trạng đa dạng của hệ TVBCCM ở Núi Nước thuộc huyện Tri Tôn tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng đa dạng hệ thực vật ở Núi Nước trên cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thực vật tại đây. Bằng phương pháp nghiên cứu chính của đề tài bao gồm điều tra thực địa, thu thập thông tin từ phỏng vấn và các tài liệu chuyên ngành về mặt phân loại và mục đích sử dụng các loại cây Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 115 loài thuộc 60 họ trong 2 ngành thực vật với 5 tuyến thuộc 4 sinh cảnh. Trong đó có 56 loài được gây trồng, 49 loài mọc tự nhiên và có 10 loài tự nhiên vừa được đem gây trồng. Trong đó ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta) đa dạng nhất với 113 loài chiếm 98,26 % tổng số loài. Có 8 loài chưa có tên trong “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” của Trung tâm Nghiên cứu tài nguyên và Môi trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2001, 2003, 2005), Nghị định 32/2006/NĐ – CP, Thang đánh giá của IUCN (2016) chiếm tỷ lệ 0,07%. Có 12 dạng sống chủ yếu là thân cỏ với 46 loài chiếm 40 % số loài. Có 13 nhóm giá trị sử dụng, trong đó nhóm cây có giá trị làm thuốc có 98 loài khảo sát, chiếm 85,22 % số loài.
3639	Đại học	Nghiên Cứu Sự Tương Quan Giữa Nhiệt Độ Bề Mặt(Lst) Trên Ảnh Viễn Thám Với Hiện Trạng Che Phủ Và Ẩm Độ Đất Tại Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Lung Ngọc Hoàng	Dương, Thuý Ngân	Huỳnh, Thị Thu Hương	2019	Kết quả nghiên cứu đánh giá kết quả tương quan giữa nhiệt độ bề mặt trên ảnh hồng ngoại nhiệt với ẩm độ đất đo được tại KBTTN Lung Ngọc Hoàng qua các thời điểm nghiên cứu ngày 8/3/2019, ngày 24/3/2019 và ngày 9/4/2019. Nhiệt độ bề mặt và ẩm độ đất tại đây có sự tương quan nghịch mức độ tương quan không chắc chắn và độ tin cậy ở mức trung bình yếu, do đó vẫn chưa nhìn thấy được sự tương quan giữa nhiệt độ bề mặt và ẩm độ đất Kết quả nghiên cứu sự tương qua giữa nhiệt độ bề mặt (LST) và hiện trạng che phủ đất tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng chưa thấy được sự tương quan giữa nhiệt độ bề mặt và hiện trạng che phủ đất không tương quan với nhau Đề tài chưa tìm ra được sự tương quan cao giữa các đối tượng nghiên cứu như ẩm độ đất , lớp phủ thực vật với nhiệt độ ảnh landsat 8 nhưng từ nghiên cứu này rút ra được lớp thực bì tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng có nguy cơ gây cháy rất cao. Do đó cần chú ý và nghiên cứu thêm trên lớp thực bì.

3640	Đại học	Đánh giá tiềm năng phát triển cây sen trong mô hình nông lâm kết hợp cho khu bảo tồn Mùa Xuân	Nguyễn, Lâm Quỳnh	Võ, Quang Minh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá tiềm năng phát triển cây sen trong mô hình nông lâm kết hợp tại Khu Bảo Tồn Mùa Xuân và chế biến sản phẩm có giá trị triển vọng từ cây sen cụ thể là đánh giá được hiện trạng sản xuất, khai thác, chế biến cây sen; khảo sát đặc tính hình thái, sinh hóa, dược học và kỹ thuật canh tác của cây; chọn lọc xây dựng một quy trình chế biến từ cây sen và đề xuất mô hình khai thác cây sen ở Khu Bảo Tồn Mùa Xuân bằng các phương pháp như thu thập số liệu thứ cấp (tài liệu tham khảo, thông tin có liên quan), bố trí thí nghiệm, xử lý, chế biến, đánh giá và đề xuất mô hình. Với các phương pháp trên đã đạt được kết quả như sau: Từng bộ phận của cây sen đều có thể sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau từ ẩm thực, tâm linh, bài thuốc,... Hơn hết sen có lại dễ trồng thích nghi hợp lý với điều kiện khí hậu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long nói chung và Khu Bảo Tồn Mùa Xuân nói riêng. Áp dụng được các phương pháp vào quy trình chế biến sữa hạt sen giúp tăng khả năng tiêu thụ, nâng cao giá trị của cây sen. Và có thể áp dụng vào sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cây sen. Ngoài ra mục đích chính của đề tài này nhằm hạn chế việc phá rừng của người dân, muốn người dân có nguồn thu nhập ổn định hơn.
3641	Đại học	Pháp luật về định giá đất tính bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất	Nguyễn, Giang Sở Hạ B1602153	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về pháp luật về định giá đất tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình xác định giá đất cụ thể và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình xác định giá đất khi Nhà nước thu hồi đất để đảm bảo quyền lợi của người dân có đất bị thu hồi.
3642	Đại học	Pháp luật về tiêu chuẩn, định mức với tài sản công là xe ô tô tại cơ quan nhà nước	Lê, Hồng Phận B1510457 .	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn phân tích và làm sáng tỏ các quy định có liên quan đến tiêu chuẩn, định mức của xe ô tô tại cơ quan nhà nước thực trạng và những thuận lợi, bất cập trong công tác quản lý, sử dụng xe ô tô tại cơ quan nhà nước. Từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô hiện nay.
3643	Đại học	Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin Khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nguyễn, Thị Thảo B1602204	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn phân tích và làm sáng tỏ các quy định có liên quan đến quyền tiếp cận thông tin khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực trạng và những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện. Từ đó đề xuất các kiến nghị, giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quyền tiếp cận thông tin khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hiện nay.
3644	Đại học	Pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của viên chức	Trương, Thị Quỳnh Trang B1310158	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn phân tích và làm sáng tỏ các quy định có liên quan đến việc kê khai tài sản, thu nhập của viên chức, thực trạng và những thuận lợi, bất cập trong công tác thực hiện kê khai tài sản. Từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của viên chức hiện nay.
3645	Đại học	Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	Nguyễn, Văn Trường B1602508	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận và phân tích quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất. Từ đó, chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất.

3646	Đại học	Thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo pháp luật Việt Nam	Nguyễn, Thị Phương Trinh B1301382	Nguyễn, Thị Thanh Xuân	2019	Đề tài luận văn Thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo pháp luật Việt Nam có nội dung gồm 3 chương: Chương 1: Lý luận chung về thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai Chương 2 Quy định của pháp luật hiện hành về thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai Chương 3 Thực tiễn áp dụng pháp luật và giải pháp hoàn thiện pháp luật về thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai.
3647	Đại học	Hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã – Lý luận và thực tiễn	Trần, Hoàng Trọng S1500033	Nguyễn, Thị Thanh Xuân	2019	Đề tài luận văn Hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã – Lý luận và thực tiễn có nội dung gồm 3 chương: Chương 1 Một số vấn đề lý luận về hòa giải tranh chấp đất đai Chương 2 Quy định của pháp luật hiện hành về công tác hòa giải tranh chấp đất đai ở xã, phường thị trấn Chương 3 Thực tiễn áp dụng và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã.
3648	Đại học	Quy trình lập hiến	Lưu, Thị Như Tú	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Hiến pháp và quy trình lập hiến của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình lập hiến và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình lập hiến.
3649	Đại học	Chương trình xây dựng luật và pháp lệnh của Quốc hội	Nguyễn, Ngọc Mơ	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về Quốc hội và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, bên cạnh đó phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về quy trình lập, triển khai thực hiện và điều chỉnh chương trình để chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa chất lượng cũng như hiệu quả của Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.
3650	Đại học	Đặc xá – Những vấn đề lý luận, quy định và kiến nghị hoàn thiện pháp luật	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về đặc xá và một số nội dung cơ bản về đặc xá theo quy định của pháp luật hiện hành, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về đặc xá và kiến nghị hoàn thiện.
3651	Đại học	Tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước - Một số bất cập và đề xuất hoàn thiện	Đặng, Hồng Ngân	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về kiểm toán và cơ quan kiểm toán; quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước Việt Nam; chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước đồng thời kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về nội dung này.
3652	Đại học	Nghiên cứu đề xuất thành lập tòa chuyên trách theo lĩnh vực trong tòa án nhân dân	Nguyễn, Huỳnh Như	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Tòa án và Tòa án chuyên trách, tìm hiểu về tòa án chuyên trách và cơ sở cho việc thành lập tòa chuyên trách theo lĩnh vực, cuối cùng là một số đề xuất cho việc thành lập tòa chuyên trách theo lĩnh vực trong tòa án nhân dân
3653	Đại học	Giám đốc thẩm, tái thẩm - lý luận, quy định và kiến nghị hoàn thiện	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về giám đốc thẩm và tái thẩm; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về giám đốc thẩm và tái thẩm, đồng thời đưa ra một số hạn chế và kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm, tái thẩm.
3654	Đại học	Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội	Tạ, Nguyễn Thảo Vy	Đinh, Thanh Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về đại biểu Quốc hội và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, chỉ ra một số điểm bất cập trong quy định của pháp luật và đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội.

3655	Đại học	Pháp luật - thực tiễn về xác định giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất tái định cư	Lê, Minh Cồ	Châu, Hoàng Thân	2018	Chương 1. Cơ sở lý luận về giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất tái định cư Người viết tập chung nghiên cứu những vấn đề như: khái niệm về giá đất và phân loại giá đất, khái quát các vấn đề liên quan đến tái định cư, giá đất tái định cư, những yếu tố ảnh hưởng đến giá đất tái định cư, phân biệt giá đất tái định cư với giá đất bồi thường, hỗ trợ trong thu hồi đất từ đó nêu lên tầm quan trọng trong việc xác định giá đất tái định cư, lịch sử quá trình phát triển của các quy định pháp về giá đất tái định cư qua các giai đoạn của Luật đất đai. Chương 2. Quy định và thực tiễn về xác định giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất tái định cư Người viết nêu ra những quy định của pháp luật về giá đất tái định cư từ đó tập trung phân tích các quy định của pháp luật đất đai về giá đất tái định cư, người viết nêu lên thực trạng xác định giá đất tái định cư trong giai đoạn hiện nay, từ đó nêu lên những hạn chế, bất cập của các quy định của pháp luật về xác định giá đất tái định và đưa ra những giải pháp nhằm thiện pháp luật.
3656	Đại học	Pháp luật và thực tiễn về trình tự, thủ tục thu hồi đất	Trương, Ngọc Ái	Châu, Hoàng Thân	2018	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục thu hồi đất của nước ta hiện nay, đồng thời cũng nghiên cứu quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất ở một số địa phương. Từ đó chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất.
3657	Đại học	Xử lý tài sản bảo đảm là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại tổ chức tín dụng.	Bùi, Việt Khải	Trần, Vang Phú	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về các biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại tổ chức tín dụng, phân tích những quy định pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm là nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại tổ chức tín dụng chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật.
3658	Đại học	Trình tự xác định trách nhiệm và mức bồi thường thiệt hại đối với hành vi xây dựng gây lún, nứt, hư hỏng công trình lân cận	Danh, Như Ngọc	Trần, Vang Phú	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề cơ bản của quy định pháp luật, chỉ ra một số điểm bất cập của quy định của pháp luật và những kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự xác định trách nhiệm và mức bồi thường thiệt hại đối với hành vi xây dựng gây lún, nứt, hư hỏng công trình lân cận.
3659	Đại học	Pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại	Huỳnh, Nguyễn Đăng Khoa	Trần, Vang Phú	2018	Đề tài luận văn trình bày những khái niệm và thủ tục hành chính liên quan đến giao dịch chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại theo pháp luật Việt Nam, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về giao dịch chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại và những kiến nghị nhằm hoàn thiện giao dịch chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại.
3660	Đại học	Quy định của pháp luật về thuê mua nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp tại đô thị - thực tiễn tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Chân	Trần, Vang Phú	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thuê mua nhà ở xã hội dành cho đối tượng người có thu nhập thấp tại đô thị; trình bày những quy định của pháp luật hiện hành về giao dịch thuê mua nhà ở xã hội của người thu nhập thấp tại đô thị và chỉ ra một số thực tiễn về giao dịch thuê mua nhà ở xã hội của người thu nhập thấp trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện giao dịch thuê mua nhà ở xã hội.

3661	Đại học	Pháp luật về quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Phạm, Thanh Xuân	Trần, Vang Phủ	2018	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về việc cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam, pháp luật về quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thực trạng và giải pháp hoàn thiện về quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
3662	Đại học	Pháp luật và thực tiễn về quyền sử dụng đất là di sản sử dụng vào mục đích thờ cúng	Nguyễn, Chí Hiếu	Châu, Hoàng Thân	2018	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật dân sự cũng như quy định của pháp luật đất đai về quyền sử dụng đất là di sản sử dụng vào mục đích thờ cúng và so sánh với tình hình thực tế sử dụng đất này cùng với thực trạng tranh chấp, hướng giải quyết của Tòa án đối với vấn đề đất thờ cúng từ đó chỉ ra hạn chế và giải pháp khắc phục.
3663	Đại học	Pháp luật và thực tiễn về giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	Mai, Thị Kim Quyên	Châu, Hoàng Thân	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về tranh chấp đất đai và trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật.
3664	Đại học	Pháp luật về thanh tra lại - Hạn chế và kiến nghị hoàn thiện	Mai, Đức Lợi	Nguyễn, Nam Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hoạt động thanh tra và hoạt động thanh tra lại, trình bày và phân tích một số quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động thanh tra lại, chỉ ra một số hạn chế và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động thanh tra lại.
3665	Đại học	Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của người bị thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.	Lê, Hữu Hận	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng.	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về quyền tiếp cận thông tin của người bị thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện quyền này của người bị thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Từ đó, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của người bị thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường của Nhà nước những kiến nghị nhằm hoàn thiện.
3666	Đại học	Xây dựng văn hóa công sở trong đơn vị sự nghiệp công lập – Thực trạng và giải pháp tại Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Văn Út	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về xây dựng văn hóa công sở trong đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế chung về văn hóa công sở trong đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế của Trường Đại học Cần Thơ về văn hóa công sở, chỉ ra một số bất cập của pháp luật và của Trường Đại học Cần Thơ văn hóa công sở và nêu ra giải pháp để khắc phục bất cập đó.
3667	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm	Trần, Ngọc Mỹ	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.
3668	Đại học	Pháp luật về thanh tra chuyên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm	Ngô, Khả Như	Nguyễn, Nam Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về Thanh tra chuyên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm và quy định pháp luật của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật trong quá trình thanh tra và những kiến nghị nhằm hoàn thiện các bất cập đó.
3669	Đại học	Pháp luật về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức – Lý Luận và phương thức hoàn thiện	Phạm, Thị Diễm	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2018	Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức theo pháp luật Việt Nam, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức và nâng cao hiệu quả của hoạt động công vụ trong thời gian tới.

3670	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền bí mật đời tư trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội.	Huỳnh, Chí Thoại	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2018	Luận văn tập trung làm sáng tỏ vấn đề lý luận về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền bí mật đời tư trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội, phân tích những quy định hiện hành, thực tiễn áp dụng trên phạm vi cả nước, từ đó nêu ra những vấn đề bức thiết cần hoàn thiện đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trong xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền bí mật đời tư trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội.
3671	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Võ, Nguyễn Nam Trung	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Đồng thời nêu thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
3672	Đại học	Quy định của pháp luật dân sự về quyền đối với bất động sản liền kề - Thực tiễn và hướng hoàn thiện	Dương, Diễm Thu	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền đối với bất động sản liền kề, phân tích các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền đối với bất động sản liền kề và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện các bất cập còn vướng phải.
3673	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất bản	Lê, Hồng Luyến	Võ, Nguyễn Nam Trung	2018	Lăn trình bày lý luận chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất bản; Quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất bản; Thực trạng và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất bản.
3674	Đại học	Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an huyện An Biên tỉnh Kiên Giang trong lĩnh vực an ninh, trật tự và an toàn xã hội	Nguyễn, Diễm My	Võ, Nguyễn Nam Trung	2018	Luận văn trình bày khái quát chung và quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an cấp huyện trong lĩnh vực an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Luận văn còn nghiên cứu và kiến nghị cụ thể đối với Trưởng Công an huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
3675	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm	Trương, Thùy Trang	Võ, Nguyễn Nam Trung	2018	Luận văn tập trung làm sáng tỏ vấn đề lý luận về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, phân tích những quy định hiện hành, thực tiễn áp dụng trên phạm vi cả nước. Từ đó nêu ra những vấn đề bức thiết hiện nay; Đồng thời đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện các quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
3676	Đại học	Quản lý nhà nước về cấp giấy phép hoạt động báo điện tử, mở chuyên trang của báo điện tử - Thực tiễn và giải pháp hoàn thiện	La, Nhựt Nam	Võ, Duy Nam	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận về báo điện tử, quy định của Nhà nước về quản lý nhà nước về cấp giấy phép hoạt động báo điện tử, mở chuyên trang của báo điện tử. Bên cạnh đó, luận văn còn trình bày về thực tiễn và một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cấp giấy phép hoạt động báo điện tử, mở chuyên trang của báo điện tử
3677	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả	Trần, Nguyễn Quang Khánh	Võ, Duy Nam	2018	Đề tài luận văn trình bày về những quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật trong việc xử phạt hành chính và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật trong công tác xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả
3678	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	Lâm, Văn Ngọc Anh	Trần, Thị Cẩm Nhung	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và nêu lên một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

3679	Đại học	Pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng.	Trần, Trung Anh	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức góp phần minh bạch tài sản, thu nhập; tạo điều kiện cho việc giám sát, phát hiện tham nhũng. Đề tài được chia thành 3 chương: -Chương 1: Cơ sở lý luận về kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng. -Chương 2: Quy định pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức để phòng, chống tham nhũng. Chương 3: Thực tiễn kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức và đề xuất hướng hoàn thiện các quy định pháp luật.
3680	Đại học	Pháp luật về kê khai tài sản viên chức để phòng, chống tham nhũng	Trần, Ngọc Mỹ	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày nhận thức chung về viên chức và việc kê khai tài sản để phòng, chống tham nhũng. Luận văn cũng nêu lên những quy định pháp luật về kê khai tài sản viên chức như chủ thể tham gia, đối tượng, thời gian và địa điểm cũng quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc kê khai tài sản, thu nhập của viên chức để phòng, chống tham nhũng. Sau cùng đề tài trình bày những thực tiễn kê khai tài sản viên chức và những giải pháp nhằm hoàn thiện chế định pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập của viên chức để phòng, chống tham nhũng.
3681	Đại học	Pháp luật về đăng ký hộ tịch lưu động – Thực trạng tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Minh Thư	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề chung và quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch lưu động tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thực trạng về công tác đăng ký hộ tịch lưu động tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp chỉ ra một số khó khăn, hạn chế trong công tác đăng ký hộ tịch lưu động tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A và những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về đăng ký hộ tịch lưu động.
3682	Đại học	Pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước – Lý luận và thực tiễn	Kim, Trọng	Phan, Trung Hiền	2018	Vd: Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, trình tự, thủ tục, thẩm quyền liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và sau cùng đưa ra giải pháp kiến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.
3683	Đại học	Pháp luật bồi thường về di chuyển mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất	Nguyễn, Thành Bắc	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày: cơ sở lý luận về bồi thường về di chuyển mồ mã. Quy định của pháp luật bồi thường về di chuyển mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất. Thực trạng và giải pháp để thực hiện tốt quy định bồi thường về di chuyển mồ mã.
3684	Đại học	Đề xuất xây dựng mô hình tổ chức cơ quan hành chính nhà nước ở đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt ở Việt Nam	Trần, Tấn Tài	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày khái niệm của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt và khái niệm cơ quan hành chính nhà nước. Từ đó, nghiên cứu Dự thảo Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt mô hình tổ chức cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời tham khảo mô hình cơ quan hành chính nhà nước trên thế giới và đưa ra đề xuất mô hình mang tính khả thi cao nhất.
3685	Đại học	Pháp luật về hoạt động hòa giải ở cơ sở - Thực trạng tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Quách, Bình Minh	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về hòa giải ở cơ sở, quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động hòa giải ở cơ sở, tìm hiểu thực trạng hoạt động hòa giải ở cơ sở tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và đề xuất giải pháp.

3686	Đại học	Pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân – Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn, Thị Ngọc Thúy	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài nghiên cứu các vấn đề chung và quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin; các bất cập của quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước liên quan đến đảm bảo quyền tiếp cận thông tin và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả bảo vệ bí mật nhà nước nhưng vẫn đảm bảo quyền tiếp cận thông tin.
3687	Đại học	Nghiên cứu đề xuất sáp nhập Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nguyễn, Văn Chí Ngoan	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và sáp nhập cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3688	Đại học	Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Ngọc Diễm	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, thực trạng thực hiện quyền tiếp cận thông tin, một số hạn chế và giải pháp hoàn thiện.
3689	Đại học	Pháp luật về quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội	Lê, Thị Bích Trâm	Phan, Trung Hiền	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quyền tự do ngôn luận trên mạng xã hội.
3690	Đại học	Quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ rừng - Thực tiễn tại tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Trường Thái	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ rừng, các nội dung pháp luật liên quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ rừng ở địa phương, tìm hiểu những bất cập trong quá trình hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ rừng ở tỉnh Cà Mau và đề xuất các giải pháp.
3691	Đại học	Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục - Thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Văn Lượng	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, tìm hiểu thực trạng, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đề xuất hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
3692	Đại học	Pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã - Thực tiễn tại Ủy ban nhân dân xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Ngọc Trâm	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp xã hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật trong công tác này qua thực tiễn cụ thể tại UBND xã Song Thuận, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác này ở địa phương.
3693	Đại học	Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ trẻ em bị xâm hại	Trần, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Lan Hương	2018	Đề tài luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em bị xâm hại nhằm tìm ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao việc thực hiện pháp luật.
3694	Đại học	Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước sông - Thực trạng và giải pháp tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Phạm, Trúc Đào	Nguyễn, Anh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề cơ bản về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước sông, quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước sông, thực trạng và giải pháp hoàn thiện kiểm soát ô nhiễm nguồn nước sông tại Thành phố Cà Mau.
3695	Đại học	Thực trạng và giải pháp về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Huyền Trân	Nguyễn, Anh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày pháp luật và thực trạng về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện nêu lên những vấn đề chung về pháp luật quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đồng thời nêu lên một số vấn đề còn tồn tại trên cơ sở đó, đưa ra một số đề xuất khắc phục.

3696	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm	Lê, Nhật Duy B1500225	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập khó khăn, vướng mắc trong quy định của pháp luật và thực tế về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm
3697	Đại học	Quy định về phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Đoàn, Thị Phương Thảo. B1610162	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về phiên họp và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về phiên họp.
3698	Đại học	Tổ chức và hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công – Thực tiễn tại tỉnh Bạc Liêu	Lâm, Kim Quý B1602550	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu, quy định của pháp luật về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu, thực tiễn kiến nghị nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu.
3699	Đại học	Mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân các cấp - Quy định, bất cập và kiến nghị hoàn thiện	Thạch, Thị Sà Bạch	Đinh, Thanh Phương	2019-09	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về Tòa án nhân dân và mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân các cấp, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân các cấp với nhau và những kiến nghị nhằm góp phần khắc phục những bất cập còn tồn tại trong mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân các cấp.
3700	Đại học	Cấp xét xử trong mô hình tổ chức Tòa án nhân dân của nước ta hiện nay	Lê, Kim Khỏe	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Tòa án nhân dân và cấp xét xử, cũng như quy định về cấp xét xử trong mô hình tổ chức Tòa án nhân dân hiện nay, chỉ ra một số bất cập về cấp xét xử và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về cấp xét xử trong mô hình tổ chức Tòa án nhân dân hiện nay.
3701	Đại học	Tư pháp độc lập - Lý luận, quy định và kiến nghị	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tư pháp và tư pháp độc lập phạm vi toàn thế giới, quy định pháp luật về tư pháp độc lập ở Việt Nam, thông qua đó chỉ ra một số bất cập ảnh hưởng đến tư pháp độc lập và những kiến nghị sửa đổi nhằm giúp tư pháp độc lập được thực hiện tốt hơn.
3702	Đại học	Pháp luật về đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính	Lữ, Thị Kim Thi	Diệp, Thành Nguyên	2019	Chương 1: Khái quát về đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính Chương này cung cấp khái quát những vấn đề lý luận chung về khái niệm tố tụng hành chính, khái niệm đương sự, khái niệm đại diện theo ủy quyền của đương sự, đến các đặc điểm, vai trò của việc đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính và lịch sử hình thành Luật Tố tụng hành chính, các quy định pháp luật về đại diện theo ủy quyền của đương sự trong các giai đoạn tương ứng. Chương 2: Quy định của pháp luật về đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính – Bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện. Nội dung của chương này là xác định điều kiện để trở thành đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng hành chính, phạm vi, thời hạn đại diện và căn cứ chấm dứt việc đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính, người viết nêu ra thực trạng, bất cập của các quy định khi áp dụng vào thực tế, từ đó đề xuất một số giải pháp tháo gỡ.

3703	Đại học	Vị trí pháp lý của Hội thẩm nhân dân trong mô hình tổ chức Tòa án nhân dân hiện nay	Trần, Thị Thanh Ngân	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Tòa án nhân dân và Hội thẩm, chỉ ra vị trí pháp lý của Hội thẩm trong quy định của pháp luật và từ đó đưa ra những phương hướng, kiến nghị để hoàn thiện vị trí pháp lý của Hội thẩm nhân dân.
3704	Đại học	Nghiên cứu kiến nghị sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015	Lê, Thị Thúy Hằng	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Chính phủ và Luật Tổ chức Chính phủ của nước ta hiện nay, đồng thời chỉ ra một số bất cập trong các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ làm việc của Chính phủ từ đó đưa ra kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện.
3705	Đại học	Các loại khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án	Lư, Kim Thoa	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về các loại khiếu kiện hành chính, những quy định hiện hành về các loại khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thực trạng các loại khiếu kiện hành chính được Tòa án giải quyết, nguyên nhân vì sao số lượng đơn khiếu kiện hành chính gửi đến Tòa án được thụ lý và thi hành trên thực tế vẫn còn rất ít so với khiếu nại hành chính hay so với các lĩnh vực dân sự, hình sự.
3706	Đại học	Vai trò của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong hoạt động bầu cử ở Việt Nam	Trần, Thanh Nguyên	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bầu cử và Ủy ban thường vụ Quốc hội, trình bày vai trò cụ thể của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong hoạt động bầu cử từ đó chỉ ra một số hạn chế từ vai trò của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong hoạt động bầu cử và đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao vai trò của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong hoạt động bầu cử.
3707	Đại học	Pháp luật về quyền kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm trong tố tụng hành chính	Ngô, Thị Hồng Lan	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài nghiên cứu những quy định pháp luật về quyền kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm cũng như những bất cập, vướng mắc trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quyền kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm trong tố tụng hành chính
3708	Đại học	Thi hành án hành chính – những vấn đề lý luận và thực tiễn	Đinh, Thị Mỹ Hân	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thi hành án hành chính, những quy định của pháp luật về thi hành án hành chính, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về thi hành án hành chính và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án hành chính.
3709	Đại học	Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án hành chính	Lý, Tấn Thành	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án hành chính nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật.
3710	Đại học	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An	Đặng, Quỳnh Như B1602188	Nguyễn, Hữu Lạc	2019	Đề tài luận văn trình bày mục đích, ý nghĩa, các thủ tục của công tác đăng ký hộ tịch tại xã Mỹ Quý Đông hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về thủ tục hành chính và những giải pháp, đề xuất nhằm hoàn thiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch.
3711	Đại học	Pháp luật về đăng ký nuôi con nuôi trong nước – Thực trạng tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Trần, Huỳnh Như B1602593	Nguyễn, Hữu Lạc	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về đăng ký nuôi con nuôi trong nước và quy định của pháp luật về đăng ký nuôi con nuôi trong nước. Ngoài ra, đề tài còn chỉ ra những khó khăn, vướng mắc cũng như là đưa ra giải pháp cho từng khó khăn này. Luận văn được nghiên cứu trên phạm vi thực tế cứu tại phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3712	Đại học	Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch – thực trạng tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Kim Thùy B1602599	Nguyễn, Hữu Lạc	2019	Đề tài luận văn trình bày pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch, đánh giá đúng thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính vào thực tế, qua đó chỉ ra một số khó khăn, bất cập từ quy định của pháp luật cũng như trên thực tiễn và trên cơ sở những khó khăn, bất cập đó, đề tài cũng đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như giải quyết các khó khăn, bất cập trên thực tế.
3713	Đại học	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Thực trạng và giải pháp trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Thị Bạch Mai B1602539	Nguyễn, Hữu Lạc	2019	Luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; thực trạng và một số kiến nghị trong đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.
3714	Đại học	Đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của trẻ em trong pháp luật Việt Nam	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn, Lan Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày các vấn đề chung về quyền về đời sống riêng tư của trẻ em, các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền này và thực tiễn thực hiện việc đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của trẻ em ở nước ta. Từ đó, luận văn đánh giá những điểm còn hạn chế của pháp luật cũng như của việc đảm bảo quyền về đời sống riêng tư của trẻ em và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật.
3715	Đại học	Pháp luật về quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	Trần, Thị Bảo Như	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận về vấn đề sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và quy định của pháp luật hiện hành về quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Từ đó chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.
3716	Đại học	Pháp luật về Kiểm soát thủ tục hành chính tại UBND cấp tỉnh – Thực tiễn tại UBND TP. Cần Thơ	Lê, Thị Kim Lộc	Nguyễn, Lan Hương	2019	Luận văn trình bày lý luận chung về kiểm soát thủ tục hành chính, phân tích các quy định của pháp luật có liên quan và tìm hiểu thực trạng thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính tại UBND TP. Cần Thơ; từ đó trình bày các bất cập về kiểm soát thủ tục hành chính và đề xuất kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.
3717	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, cứu trợ xã hội	Nguyễn, Trọng Thảo	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Luận văn trình bày khái quát chung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, cứu trợ xã hội. Nội dung cũng trình bày và phân tích các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ cứu trợ xã hội. Qua nghiên cứu lý luận, quy định, luận văn tìm hiểu thêm thực trạng và kiến nghị giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, cứu trợ xã hội.
3718	Đại học	Quy chế pháp lý để quản lý loại hình Condotel	Đặng, Thị Diệu Hiền	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về Condotel, tìm ra một số vướng mắc pháp lý về loại hình Condotel và những kiến nghị xây dựng khung pháp lý.

3719	Đại học	Quy định của pháp luật về thuê mua nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp tại đô thị - Thực tiễn tại thành phố Cần Thơ.	Son, Thị Hiếu Thảo	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về thuê mua nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp tại đô thị và quy định của pháp luật về thuê mua nhà ở xã hội của đối tượng người có thu nhập thấp tại đô thị. Đồng thời luận văn còn nghiên cứu thực trạng thuê mua nhà ở xã hội dành cho người có thu nhập thấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Qua đó kiến nghị giải pháp khắc phục khó khăn và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật trong thuê mua nhà ở xã hội.
3720	Đại học	Quy định về giao quyền trong xử phạt vi phạm hành chính	Nguyễn, Lâm Thạch	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính về giao quyền trong xử phạt vi phạm hành chính và những bất cập, kiến nghị hoàn thiện quy định về giao quyền trong xử phạt vi phạm hành chính.
3721	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính về thực hiện nghĩa vụ quân sự	Phạm, Đình Tân	Võ, Nguyễn Nam Trung	2019	Đề tài luận văn trình bày các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật Việt Nam về xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm về thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đồng thời đề tài nghiên cứu thực trạng, phân tích các bất cập của quy định để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc xử phạt.
3722	Đại học	Pháp luật về trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức – Lý luận và thực tiễn	La, Kim Quyền	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài được thực hiện với mục đích nghiên cứu và làm sáng tỏ các quy định của pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng pháp luật trong vấn đề về trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức. Qua đó người viết chỉ ra những điểm hạn chế của pháp luật và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật để góp phần nâng cao hiệu quả công tác áp dụng trách nhiệm này trên phạm vi cả nước.
3723	Đại học	Pháp luật về thu hồi đất nhằm thực hiện dự án ODA – thực tiễn tại thành phố cần thơ	Phạm, Thành Nhân	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thu hồi đất nhằm thực hiện dự án ODA và chỉ ra một số sự khác biệt trong thu hồi đất để thực hiện dự án ODA và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật thu hồi đất nhằm thực hiện dự án ODA.
3724	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động buôn bán, vận chuyển thuốc lá nhập lậu - Thực trạng tại tỉnh An Giang	Trần, Vũ Duy	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận, quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động buôn bán, vận chuyển thuốc lá nhập lậu trên phạm vi cả nước nói chung và địa bàn tỉnh An Giang nói riêng. Từ đó, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật.
3725	Đại học	Pháp luật về xử lý kỷ luật công chức – Lý luận và thực tiễn	Võ, Minh Luân	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận và thực tiễn về một số vấn đề về quy định pháp luật trong công tác xử lý kỷ luật đối với công chức có sai phạm, vi phạm kỷ luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đang công tác, đảm nhận chức vụ, vị trí. Cung cấp một số thông tin, sự hiểu biết về trách nhiệm khi tham gia các hoạt động công vụ của Nhà nước. Ngoài ra, còn mang đến những nội dung nghiên cứu đang diễn ra trong thực tế, thực tiễn áp dụng của pháp luật về xử lý kỷ luật công chức.
3726	Đại học	Pháp luật về xử lý tuyển dụng công chức – Lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Thanh Thắng	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận và thực tiễn về một số vấn đề về quy định pháp luật trong công tác tuyển dụng công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đang công tác, đảm nhận chức vụ, vị trí ở nước ta. Cung cấp một số thông tin, sự hiểu biết về trách nhiệm khi tham gia các hoạt động công vụ của Nhà nước. Ngoài ra, còn mang đến những nội dung nghiên cứu đang diễn ra trong thực tế, thực tiễn áp dụng của pháp luật về tuyển dụng công chức.

3727	Đại học	Pháp luật về quyền của viên chức – Bất cập và phương hướng hoàn thiện	Trần, Thị Ái Vy	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài được thực hiện với mục đích nghiên cứu và làm sáng tỏ các quy định của pháp luật về quyền của viên chức hiện nay. Qua đó, người viết muốn chỉ ra những bất cập cũng như hạn chế của các quy định pháp luật từ đó đề xuất những phương hướng để hoàn thiện pháp luật về quyền của viên chức.
3728	Đại học	Pháp luật về quyền của người dân tộc thiểu số trong lĩnh vực giáo dục – Thực tiễn và giải pháp hoàn thiện	Hồng, Xa Va	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài được thực hiện với mục đích nghiên cứu và làm sáng tỏ các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng pháp luật trong vấn đề quyền của người dân tộc thiểu số trong lĩnh vực giáo dục. Qua đó, người viết muốn chỉ ra những hạn chế cần được khắc phục từ đó đề xuất những biện pháp mang tính khả thi trong lĩnh vực giáo dục cho người dân tộc thiểu số, nhằm tăng cường hơn nữa vấn đề giáo dục cho người dân tộc thiểu số trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội hiện nay.
3729	Đại học	Pháp luật về Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất	Dân, Lục Quốc	Phan, Trung Hiền	2019	Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản có liên quan cũng đã có quy định về việc thu hồi đất và các chế định có liên quan như việc bồi thường cũng như hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi vẫn chưa được thỏa đáng và như mong muốn, đặc biệt là hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm vẫn còn gặp nhiều vướng mắc, thực tiễn áp dụng còn nhiều bất cập, hạn chế. Vì thế, người viết làm luận văn với đề tài Pháp luật về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nhằm tìm hiểu quy định của pháp luật, từ đó nhìn thấy điểm hạn chế và đưa ra ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật.
3730	Đại học	Pháp luật về tạo lập và phát triển quỹ đất – Thực tiễn thành phố Cần Thơ	Triệu, Phú Quý	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về tạo lập và phát triển quỹ đất, những quy định pháp luật có liên quan đến vấn đề tạo lập và phát triển quỹ đất và thực trạng tạo quỹ đất ở nước ta hiện nay, qua đó nhận biết về bất cập hạn chế và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả tạo lập và phát triển quỹ đất.
3731	Đại học	Tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Thực tiễn tại Thành phố Cần Thơ	Lư, Tuấn S1200356	Nguyễn, Nam Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Thanh tra và Thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp. Tổ chức và hoạt động thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ hiện nay. Qua đó đưa ra một số bất cập trong tổ chức, hoạt động thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp và những kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động thanh tra chuyên ngành Nông nghiệp.
3732	Đại học	Công khai, minh bạch thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trần, Diễm My	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài trình bày lý luận chung về công khai minh bạch thủ tục hành chính. Quy định của pháp luật về công khai, minh bạch thủ tục hành chính. Chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về công khai, minh bạch thủ tục hành chính và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật.
3733	Đại học	Pháp luật về quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác - Lý luận và kiến nghị	Lê, Thị Hiếu Nhi B1208216	Nguyễn, Nam Phương	2019	Luận văn trình bày lý luận chung về quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác ở nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác đồng thời đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật.

3734	Đại học	Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân.	Dương, Huỳnh Ngân B1311403	Nguyễn, Nam Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền bất khả xâm phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của nước ta hiện nay, chỉ ra một số hạn chế trong quy định của pháp luật về quyền đời sống riêng tư, bí mật cá nhân. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân.
3735	Đại học	Pháp luật về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại trong Tố tụng hành chính	Trần, Thị Minh Xuân B1510471	Châu, Hoàng Thân	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại trong Tố tụng hành chính; quy định của pháp luật và thực tiễn tiến hành phiên họp chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về phiên họp này và những kiến nghị nhằm hoàn thiện phiên họp.
3736	Đại học	Pháp luật về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp	Huỳnh, Hoàng Mến 9117049	Châu, Hoàng Thân	2019	Đề tài luận văn trình lý luận chung về Pháp luật quy định về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân. Chỉ ra một số bất cập và giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp.
3737	Đại học	Pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Ngô, Thị Giàu B1502946	Châu, Hoàng Thân	2019	Đề tài luận văn pháp luật về giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm 2 chương: Chương 1 nêu về khái quát khiếu nại và giải quyết khiếu nại gồm khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, ý nghĩa của khiếu nại và giải quyết khiếu nại, quá trình phát triển các quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chương 2 Quy định pháp luật và thực tiễn của khiếu nại và giải quyết khiếu nại, chương này phân tích những bất cập trong quy định khiếu nại và các vấn đề liên quan đến giải quyết khiếu nại và giải pháp hoàn thiện.
3738	Đại học	Pháp luật - thực tiễn về thông báo thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Lê, Minh Tâm B1502887	Châu, Hoàng Thân	2019	Luận văn nêu khái quát về lý luận cũng như phân tích và nhận xét về thực tiễn áp dụng những quy định về thông báo thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng từ đó chỉ ra những bất cập và đề xuất giải pháp giúp giải quyết các bất cập đồng thời qua đó hoàn thiện những quy định của pháp luật về thông báo thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.
3739	Đại học	Quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với báo điện tử	Nguyễn, Bảo Châu B1503048	Lâm, Bá Khánh Toàn	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với báo điện tử, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình hoạt động, quản lý và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện việc quản lý đối với báo điện tử.
3740	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm uy tín của cá nhân	Trần , Thanh Thùy B1503017	Lâm, Bá Khánh Toàn	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm uy tín của cá nhân và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề này

3741	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI	CHÂU, PHƯỚC LỘC B1403322	LÂM, THỊ BÍCH TRÂM	2019	Nội dung luận văn làm ba chương. Cụ thể như sau Chương 1. Khái quát chung về hợp đồng mua bán nhà ở thương mại Chương 2. Quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở thương mại Chương 3. Thực trạng áp dụng pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở thương mại và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.
3742	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình – Thực trạng tại xã Vĩnh Phú, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	VƯƠNG, THỊ DIỄM HUƠNG B1502837	NGUYỄN, HỮU LẠC	2019	Đề tài nghiên cứu quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình nói riêng, có nghiên cứu thực trạng tại xã Vĩnh Phú, Huyện thoại sơn Tỉnh An Giang
3743	Đại học	Thực trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú – tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Hồng Anh B1503043	Nguyễn, Hữu Lạc	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về văn bản quy phạm pháp luật và hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại ủy ban nhân dân cấp huyện hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong thực tiễn khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện những bất cập đó.
3744	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực vệ sinh An toàn thực phẩm – Thực tiễn xử phạt hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu trên địa bàn Tỉnh Cà Mau	VÕ, NHƯ Ý B1503041	NGUYỄN, HỮU LẠC	2018	Đề tài nghiên cứu quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm nói riêng nhưng đi sâu phân tích một số hành vi vi phạm đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu, số liệu thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau
3745	Đại học	Biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc – Thực tiễn tại huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	THỊ , SÂ Y B1502886	NGUYỄN, HỮU LẠC	2019	Đề tài nghiên cứu quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nói riêng, nêu thực trạng tại huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang và một số giải pháp hoàn thiện
3746	Đại học	Công tác quản lý văn bản tại Ủy ban nhân dân xã Vị Bình, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Thùy Dung B1503052	NGUYỄN, HỮU LẠC	2018	Đề tài nghiên cứu quy định của pháp luật hiện hành về quản lý văn bản tại Ủy ban nhân dân cấp xã, tác giả đã nghiên cứu thực trạng tại Ủy ban nhân dân xã Vị Bình huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang, trên cơ sở kết quả nghiên cứu tác giả đã nêu một số kiến nghị nhằm thực hiện tốt công tác quản lý văn bản hiện nay
3747	Đại học	Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức cấp xã – Thực trạng ở Ủy ban nhân dân xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thúy Ái B1503045	Nguyễn, Hữu Lạc	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức cấp xã và thực trạng thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, chỉ ra một số bất cập và nguyên nhân của bất cập trong thực tiễn khi cán bộ, công chức cấp xã thực hiện quy tắc ứng xử và những kiến nghị nhằm hoàn thiện những bất cập đó.
3748	Đại học	Công tác soạn thảo văn bản hành chính tại xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Lâm, Thị Mỹ Huyền B1500246	Nguyễn, Hữu Lạc	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về công tác soạn thảo văn bản hành chính, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về công tác soạn thảo văn bản hành chính và thực trạng công tác soạn thảo văn bản hành chính tại xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, từ đó chỉ ra những bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện các quy định đó.

3749	Đại học	Hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh – Thực tiễn tại tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Thị Trúc Linh B1602168	Nguyễn, Hàng Thị Diễm Mi	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu; đề cập đến những vấn đề về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục, từ đó đưa ra những nhận xét, phương hướng và biện pháp thích hợp để nâng cao chất lượng hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới.
3750	Đại học	Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong giải quyết vụ án hành chính – thực tiễn tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Văn Khánh B1602531	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về xét xử vụ án hành chính gồm các khái niệm có liên quan đến vụ án hành chính, tổ tụng hành chính. Trình bày các vấn đề cơ bản về thẩm quyền của Tòa án trong quy định của Luật tổ tụng hành chính 2015, trọng tâm là thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Giới thiệu tổng quan về Tòa án tỉnh Kiên Giang. Tìm hiểu thực tiễn xét xử vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, từ đó tìm ra được những khó khăn, vướng mắc để đưa ra giải pháp hợp lý để hiểu rõ hơn về quá trình giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh
3751	Đại học	Quy định pháp luật về quy trình tiến hành một cuộc thanh tra- Hạn chế và kiến nghị	Son, Thị Bích Thảo B1602300	Nguyễn, Nam Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quy định về quy trình tiến hành một cuộc thanh tra, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình tiến hành một cuộc thanh tra và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.
3752	Đại học	Đảm bảo quyền khởi kiện của công dân trong Luật tổ tụng hành chính	Ngô, Thị Ngọc Yến B1500366	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về đảm bảo quyền khởi kiện và quy định của pháp luật về đảm bảo quyền khởi kiện của công dân trong Luật tổ tụng hành chính (năm 2015), chỉ ra một số vấn đề khi áp dụng quy định của pháp luật làm hạn chế việc đảm bảo quyền khởi kiện của công dân và những kiến nghị nâng cao việc đảm bảo quyền khởi kiện của công dân trong Luật tổ tụng hành chính.
3753	Đại học	Hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân cấp huyện – thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long	Thạch, Thị Trúc Ly B1602538	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân cấp huyện, lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật tổ tụng hành chính, những khái niệm có liên quan. Quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tìm hiểu thực tiễn giải quyết khiếu kiện hành chính tại các Tòa án nhân dân cấp huyện ở tỉnh Vĩnh Long năm 2018, tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn, từ đó đưa ra hướng giải quyết, kiến nghị hoàn thiện chế định thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân cấp huyện.
3754	Đại học	Các loại khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án	Tê, Hoàng Tiến B1602406	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về các loại khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định của pháp luật về các loại khiếu kiện hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và chỉ ra những vướng mắc trong quy định của pháp luật về các loại khiếu kiện hành chính và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật.
3755	Đại học	Việc thực hiện các nguyên tắc trong hoạt động bầu cử- Một số hạn chế và giải pháp hoàn thiện.	Thị, Nhiều B1602379 Ngọc	Nguyễn, Nam Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về các nguyên tắc bầu cử và việc thực hiện các nguyên tắc bầu cử, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và trong thực tiễn và những kiến nghị nhằm hoàn thiện.

3756	Đại học	Giám sát tối cao của Quốc hội – Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện	Đồng, Ngọc Ánh B1602563	Nguyễn, Nam Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Quốc hội và hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy trình lập hiến và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình lập hiến.
3757	Đại học	Pháp luật về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp	Nguyễn, Ngọc Muội B1610117	Châu, Hoàng Thân	2019	Đề tài luận văn trình bày những quy định của pháp luật về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp. Chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện.
3758	Đại học	Pháp luật về giá đất tính tiền sử dụng đất trong giao đất đối với tổ chức kinh tế	Nguyễn, Thị Tó Nhi B1602377	Châu, Hoàng Thân	2019	Đề tài trình bày khái quát quy định về giá đất tính tiền sử dụng đất khi giao đất đối với tổ chức kinh tế và thực tiễn về giá đất tính tiền sử dụng đất trong giao đất đối với tổ chức kinh tế, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị để hoàn thiện quy định của pháp luật.
3759	Đại học	Chức năng của Viện kiểm sát nhân dân	Hồ, Thị Cẩm Thu B1500327	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về chức năng của Viện kiểm sát nhân dân, cũng như những quy định về chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong hệ thống cơ quan tư pháp nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập về chức năng và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong hệ thống cơ quan nhà nước ta hiện nay.
3760	Đại học	Tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Trần, Thanh Phát B1602549	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Ủy ban nhân dân cấp huyện, nghiên cứu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần – tỉnh Trà Vinh, chỉ ra một số bất cập và đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần – tỉnh Trà Vinh
3761	Đại học	Nghiên cứu mô hình Tòa phá án của nước Cộng hòa Pháp – Đề xuất kinh nghiệm cho Việt Nam	Trương, Phước Lộc B1304984	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Tòa án và thủ tục phá án, cũng như nghiên cứu mô hình Tòa phá án của nước Cộng hòa Pháp để chỉ ra một số bất cập có liên quan trong quy định của pháp luật về Tòa án nhân dân và rút ra những kinh nghiệm nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về Tòa án nhân dân ở Việt Nam.
3762	Đại học	Quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân	Nguyễn, Duy Khánh Nhật B1602544	Đinh, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Thẩm phán và quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán cũng như những quy định của pháp luật hiện hành về quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán, chỉ ra một số bất cập trong quy trình và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định quy trình tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân hiện nay.
3763	Đại học	Pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức – lý luận và giải pháp hoàn thiện	Nguyễn, Thị Thùy Trang B1602216	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về xử lý kỷ luật viên chức, quy định pháp luật hiện hành về xử lý kỷ luật viên chức, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và những kiến nghị hoàn thiện pháp luật.
3764	Đại học	Pháp luật về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ - Bất cập và giải pháp hoàn thiện.	Lê, Yến Nhi B1602281	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

3765	Đại học	Pháp luật về hành vi vi phạm hành chính đối với quyền đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình.	Trần, Thị Trúc Ly B1602584	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hành vi vi phạm hành chính quyền đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình. Phân tích quy định pháp luật về hành vi vi phạm hành chính đối với quyền đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm tìm ra những bất cập của quy định pháp luật, từ đó đưa ra đề xuất.
3766	Đại học	Pháp luật về chuyển nhượng dự án nhà ở thương mại.	Nguyễn, Ngọc Anh B1602327	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về chuyển nhượng dự án nhà ở thương mại và pháp luật về chuyển nhượng dự án nhà ở thương mại. Sau đó đưa ra những bất cập của pháp luật về chuyển nhượng dự án nhà ở thương mại và kiến nghị hoàn thiện.
3767	Đại học	Pháp luật về điều kiện mua bán nhà ở xã hội	Trịnh, Minh Viện B1602417	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định pháp luật về điều kiện mua bán nhà ở xã hội chủ yếu ở hai giai đoạn: Giai đoạn từ chủ đầu tư bán nhà ở xã hội cho người mua đầu tiên và giai đoạn người mua đầu tiên bán lại chính căn nhà đó cho người mua kế tiếp. Nội dung luận văn cũng chỉ ra một số bất cập, đồng thời đưa ra những kiến nghị giải quyết bất cập vừa nêu nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về điều kiện mua bán nhà ở xã hội trong phạm vi đề tài nghiên cứu.
3768	Đại học	Pháp luật về thời điểm chuyển giao quyền sở hữu nhà ở	Trần, Thị Phương Trang B1602602	Trần, Vang Phú	2019	Đề tài luận văn trình bày các khái niệm và phân loại về nhà ở, khái niệm về các loại giao dịch về nhà ở, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở, ý nghĩa của chế định chuyển giao quyền sở hữu nhà ở. Sau đó, hệ thống và phân tích các quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh về thời điểm chuyển giao quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam như: các quy định về các đối tượng sở hữu, điều kiện sở hữu, thời điểm chuyển giao quyền sở hữu nhà ở, thủ tục cấp Giấy chứng nhận... Cuối cùng là nhận diện những bất cập của chế định pháp luật và đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật trong việc chuyển giao quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam, đưa ra những đề xuất hoàn thiện cho từng bất cập cụ thể.
3769	Đại học	Quyền học tập của trẻ em khuyết tật, thực trạng và giải pháp.	Thị , Tiên B1610129.	Võ, Thị Phương Uyên.	2019	Đề tài luận văn trình bày về quyền học tập của trẻ em khuyết tật tại Việt Nam được quy định trong pháp luật Việt Nam hiện nay. Qua đó chỉ ra một số thực trạng thực hiện về quyền học tập của trẻ em khuyết tật trong pháp luật và thực tiễn. Bên cạnh đó, cũng đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hơn quyền học tập của trẻ em khuyết tật
3770	Đại học	Bảo vệ quyền sống của thai nhi ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Thị Cẩm Duyên B1610141	Võ, Thị Phương Uyên	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về quyền sống của thai nhi, chỉ ra thực trạng quy định pháp luật và giải pháp đề xuất nhằm bảo vệ quyền sống của thai nhi ở Việt Nam
3771	Đại học	Pháp luật về hoạt động công chứng của Văn Phòng công chứng – thực tiễn tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Văn Sĩ B1602390	Võ, Duy Nam	2019	Luận văn nghiên cứu những quy định pháp luật về hoạt động công chứng thông qua thực tiễn hoạt động của các Văn Phòng công chứng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu và làm rõ những khó khăn, những điểm chưa phù hợp của những quy định pháp luật về hoạt động công chứng đối với Văn Phòng công chứng. Từ đó đề xuất những giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả công chứng ở địa phương nói riêng và trên cả nước nói chung.

3772	Đại học	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy – Thực tiễn tại Công an tỉnh Đồng Tháp	Lê, Thái Bình B1602520	Võ, Duy Nam	2019	Luận văn này người viết chủ yếu nghiên cứu nhằm hướng tới ba mục tiêu cơ bản sau: Một là, tìm hiểu các vấn đề lý luận về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC cụ thể khái niệm, những vai trò, dấu hiệu của vi phạm hành chính với xử phạt. Từ việc tìm hiểu này góp phần giúp người viết cũng như người đọc có thể hiểu rõ hơn các vấn đề về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC khi tham gia vào các quan hệ pháp luật. Thứ hai, mục tiêu của luận văn này hướng đến là tìm hiểu những quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC, đồng thời nghiên cứu và đưa ra những bất cập còn tồn đọng trong pháp luật hiện nay. Mục tiêu này góp phần giới thiệu được với người đọc về pháp luật quy định xử phạt vi phạm hành chính như thế đối với những hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC, giới thiệu một số hành vi thường gặp phải hiện nay được pháp luật quy định và các hình thức xử phạt khi vi phạm, đồng thời nêu ra những bất cập, những lỗ hổng trong quy định của pháp luật đang tồn tại dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật trong thực tế. Ba là, mục tiêu nghiên cứu đề tài này nhằm đề xuất những phương hướng hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC qua những vụ việc được thống kê cụ thể tại Công an tỉnh Đồng Tháp nói riêng, đồng thời cũng góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nói chung.
3773	Đại học	Quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình–Thực tiễn tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Neang, Phol La B1602261	Võ, Duy Nam	2019	Trên cơ sở vận dụng thành tựu của khoa học hành chính, nghiên cứu các văn bản quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình và các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động kiểm tra, xử lý đối với các vi phạm bạo hành, đặc biệt là thực trạng quản lý nhà nước về phòng chống bạo lực gia đình ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, đề tài vạch rõ những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; đồng thời tìm ra phương pháp và giải pháp tang cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực này tại địa bàn huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
3774	Đại học	Quản lý nhà nước về đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn cấp xã - Thực tiễn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Phan, Thị Ngọc Hương B1602257	Võ, Duy Nam	2019	Nội dung đề tài làm rõ lý luận về đăng ký và quản lý hộ tịch, pháp luật đăng ký và quản lý về hộ tịch, thực tiễn của quản lý nhà nước về hộ tịch nói chung và Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nói riêng. Trong thời gian qua, những kết quả đạt được và hạn chế cũng như nguyên nhân của chúng, trên cơ sở xây dựng lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật đăng ký và quản lý về hộ tịch luận văn hướng tới việc đề xuất những giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật đăng ký và quản lý về hộ tịch.
3775	Đại học	Đảm bảo quyền con người của người đồng giới trong lĩnh vực lao động, kết hôn, lập gia đình và đời sống riêng tư ở Việt Nam	Lê, Thiên Nga B1602586	Nguyễn, Lan Hương	2019	Luận văn trình bày lý luận chung về đảm bảo quyền con người của người đồng giới trong lĩnh vực lao động, kết hôn, lập gia đình và đời sống riêng tư ở Việt Nam; chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về đảm bảo quyền con người của người đồng giới trong các lĩnh vực trên và giải pháp.

3776	Đại học	Bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam hiện nay	Lê, Thị Kim Phụng B1602595	Nguyễn, Lan Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, thực trạng bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị ở nước ta và giải pháp.
3777	Đại học	Đảm bảo quyền học tập của người khuyết tật ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn.	Lê, Huỳnh Giang. B1610144.	Nguyễn, Lan Hương.	2019	Luận văn trình bày những vấn đề chung về đảm bảo quyền học tập của người khuyết tật, đảm bảo quyền học tập của người khuyết tật trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, thực tiễn và giải pháp nâng cao việc đảm bảo quyền học tập cho người khuyết tật ở Việt Nam.
3778	Đại học	Đảm bảo quyền học tập, lao động và chăm sóc sức khỏe của người đang chấp hành hình phạt tù giam ở Việt Nam.	Huỳnh, Thị Ngọc Huỳnh B1610074	Nguyễn, Lan Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định pháp luật về việc đảm bảo quyền học tập, lao động và chăm sóc sức khỏe của người đang chấp hành hình phạt tù giam ở Việt Nam, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và thực trạng việc đảm bảo quyền học tập, lao động và chăm sóc sức khỏe của người đang chấp hành hình phạt tù giam ở Việt Nam và những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc đảm bảo quyền học tập, lao động và chăm sóc sức khỏe của người đang chấp hành hình phạt tù giam ở Việt Nam.
3779	Đại học	Pháp luật về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân	Trần, Gia Hân B1409934	Lâm, Thị Bích Trâm	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy trình về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật.
3780	Đại học	Pháp luật về quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	Mai, Thành Đô B1602571	Lâm, Thị Bích Trâm	2019	Đề tài này nghiên cứu với mục đích phân tích cơ sở lý luận; đánh giá quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; chỉ ra những bất cập trong pháp luật và những tồn tại trong thực tiễn áp dụng. Từ đó góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật cũng như khắc phục những tồn tại trong quá trình áp dụng pháp luật.
3781	Đại học	Pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp	Dương, Trường Vi B1411088	Lâm, Thị Bích Trâm	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp, những quy định hiện hành của pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp, sau đó chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp và những đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về cho thuê đất trong khu công nghiệp.
3782	Đại học	Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Giao thông vận tải - Thực tiễn tại tỉnh Bạc Liêu.	Trịnh, Kim Xuyên B1602419	Lâm, Bá Khánh Toàn	2019	Đề tài luận văn trình bày về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Giao thông vận tải. Đề tài phân tích thực tiễn tại tỉnh Bạc Liêu để minh chứng, làm rõ việc áp dụng quy định của pháp luật, từ đó đề xuất những giải pháp tương ứng
3783	Đại học	Lý luận và thực tiễn trong áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng hoàn thiện	Trần, Dương Hương Giang B1602342	Lâm, Bá Khánh Toàn	2019	Đề tài luận văn trình bày về biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng hoàn thiện lấy số liệu thực tiễn tại cơ sở cai nghiện thành phố Cần Thơ.
3784	Đại học	Thẩm quyền của Đoàn thanh tra – Thực tiễn tại Thanh tra huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Thắm Phần B1611145	Võ, Nguyễn Nam Trung	2020	Phân tích những thuận lợi và hạn chế trong việc thực hiện thẩm quyền của Đoàn thanh tra. Qua đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện thẩm quyền của Đoàn thanh tra.

3785	Đại học	Pháp luật về Kết luận thanh tra và bảo đảm thực hiện kết luận thanh tra	Dương, Thế Hiển B1602346	Nguyễn, Nam Phương	2020	Đề tài trình bày những quy định pháp luật về kết luận thanh tra và bảo đảm thực hiện kết luận thanh tra, từ đó nêu ra những hạn chế, vấn đề còn nhiều bất cập ở những năm qua trong việc xây dựng kết luận thanh tra. Từ đó người viết tìm ra nguyên nhân, đưa ra giải pháp cụ thể để hoàn thiện kết luận thanh tra và đảm bảo tính khả thi trong kết luận thanh tra.
3786	Đại học	Hoạt động thanh tra liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thanh tra huyện	Nguyễn, Văn Sil B1602198	Võ, Nguyễn Nam Trung	2020	Đề tài luận văn nghiên cứu về lý luận chung và quy định về hoạt động thanh tra liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thanh tra huyện từ đó tìm ra những điểm bất cập trong quy định và kiến nghị hoàn thiện.
3787	Đại học	Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra.	Nguyễn, Quang Đại B1602242	Võ, Nguyễn Nam Trung	2020	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận, pháp lý về vai trò của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra, chỉ ra những bất cập và kiến nghị hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra.
3788	Đại học	Pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức-Bất cập và phương hướng hoàn thiện	Trần, Minh Tân B1602200	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2020	Đề tài luận văn trình bày pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức và đưa ra phương hướng hoàn thiện.
3789	Đại học	Pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức - Thực trạng và đề xuất hoàn thiện pháp luật.	Lâm, Ngọc Mai B1602173	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2020	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, từ thực trạng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện nay chỉ ra các bất cập và đề xuất hoàn thiện pháp luật.
3790	Đại học	Pháp luật về tuyển dụng công chức trong cơ quan nhà nước – Thực trạng và đề xuất hoàn thiện	Nguyễn, Chí Hào B1602152	Huỳnh, Thị Cẩm Hồng	2020	Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu về tuyển dụng công chức trong cơ quan nhà nước, đưa ra một số thực trạng về tuyển dụng công chức trong cơ quan nhà nước và những đề xuất nhằm hoàn thiện quy trình tuyển dụng công chức trong cơ quan nhà nước.
3791	Đại học	Quản lý nhà nước về hoạt động của tôn giáo – Thực tiễn tại thành phố Cần Thơ	Tô, Ngọc Thảo B1602490	Võ, Duy Nam	2020	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tôn giáo và quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động của tôn giáo, đồng thời đánh giá thực trạng quản lý tại thành phố Cần Thơ và đưa ra kiến nghị hoàn thiện công tác quản lý tại địa phương.
3792	Đại học	Quản lý nhà nước về công tác dân tộc – Thực tiễn tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Trần, Thị Cẩm Thu B1602494	Võ, Duy Nam	2020	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc, thực trạng quản lý tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang và đưa ra phương hướng kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật.
3793	Đại học	Hình phạt trục xuất trong Bộ luật Hình sự Việt Nam	Đỗ, Thùy LinhB1503072	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Hình phạt trục xuất trong Bộ luật Hình sự Việt Nam
3794	Đại học	Chấm dứt hôn nhân bằng ly hôn và thực tiễn giải quyết tại Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc	Phạm, Tuyết Mai B1610153	Huỳnh, Thị Trúc Giang	2019	Ngoài phần mở đầu, mục lục, kết luận, và danh mục tài liệu tham khảo thì luận văn được kết cấu gồm ba chương như sau: Chương 1: Lý luận chung về chấm dứt hôn nhân bằng ly hôn trong pháp luật Luật Hôn nhân và gia đình. Chương 2: Quy định của pháp luật về chấm dứt hôn nhân bằng ly hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình. Chương 3: Thực tiễn giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc từ năm 2015 đến nay – Phương hướng và giải pháp.
3795	Đại học	Chế định hoãn chấp hành hình phạt tù trong Luật hình sự Việt Nam	Võ, Thảo Vân B1610135	Nguyễn, Thu Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về chế định hoãn chấp hành hình phạt tù, chỉ ra một số bất cập trong quy định của Bộ luật hình sự và những giải pháp góp phần hoàn thiện chế định.

3796	Đại học	Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai trong pháp luật hình sự Việt Nam	Huỳnh, Văn Hoài C1700139	Nguyễn, Thu Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai và các quy định pháp luật về tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật, áp dụng thực tiễn và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật, kiến nghị hoàn thiện và hướng dẫn áp dụng tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai.
3797	Đại học	Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự	Trần, Ngọc Khánh C1700143	Nguyễn, Thu Hương	2019	Lý luận chung về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Thực trạng về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, một số bất cập và giải pháp khắc phục.
3798	Đại học	Lợi ích phi vật chất trong cấu thành các tội phạm về chức vụ	Lê, Văn Huynh	Nguyễn, Văn Tròn	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy định của pháp luật hình sự về lợi ích phi vật chất trong cấu thành các tội phạm về chức vụ, chỉ ra những thuận lợi cũng như những khó khăn bất cập khi bổ sung dấu hiệu lợi ích phi vật chất vào quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đưa ra những giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành.
3799	Đại học	Hình phạt đối với người dưới 18 tuổi trong luật Hình sự Việt Nam	Phan, Thanh Lam	Nguyễn, Văn Tròn	2018	Đề tài trình bày lý luận chung về người dưới 18 tuổi và hình phạt đối với người dưới 18 tuổi, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi, đồng thời đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật, giúp việc áp dụng hình phạt đạt hiệu quả cao hơn
3800	Đại học	Hành vi quan hệ tình dục khách trong mặt khách quan của nhóm tội phạm xâm hại tình dục trong Bộ luật Hình sự Việt Nam	Huỳnh, Thị Huỳnh Mi	Nguyễn, Văn Tròn	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận về hành vi quan hệ tình dục khác trong mặt khách quan của nhóm tội phạm xâm hại tình dục. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hành vi quan hệ tình dục khác trong mặt khách quan của nhóm tội phạm xâm hại tình dục. Một số bất cập liên quan đến hành vi quan hệ tình dục khác trong mặt khách quan của nhóm tội phạm xâm hại tình dục và kiến nghị hoàn thiện.
3801	Đại học	Tội rửa tiền trong luật hình sự Việt Nam	Dư, Kim Ngân	Nguyễn, Văn Tròn	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tội rửa tiền, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về tội rửa tiền và bất cập trong việc áp dụng quy định đó vào trong thực tiễn. Bên cạnh đó, đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về tội rửa tiền.
3802	Đại học	Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật	Phan, Kim Quý	Nguyễn, Văn Tròn	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật; phân tích quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội phạm này; chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, góp phần vào công tác đấu tranh với loại tội phạm mới ngày càng phức tạp này.

3803	Đại học	Trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Trần, Hồng Ca	2018	Nâng cao chất lượng xét xử các loại án đặc biệt là án hình sự là một nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược cải cách tư pháp. Tuy nhiên trong quá trình điều tra không phải lúc nào cũng có đầy đủ và chính xác chứng cứ để Viện kiểm sát truy tố bị can trước tòa bằng bản cáo trạng. Để đảm bảo việc xác định sự thật vụ án, xét xử đúng người, đúng tội pháp luật tố tụng hình sự quy định chế định trả hồ sơ điều tra bổ sung. Qua việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn trên cơ sở nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Từ đó tìm ra nguyên nhân và kiến nghị giải pháp hạn chế trả hồ sơ điều tra bổ sung
3804	Đại học	Biện pháp phong tỏa tài khoản liên quan đến pháp nhân thương mại bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam	Dương, Thị Kim Duy	Trần, Hồng Ca	2018	Ngoài các phần lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được bố cục thành ba chương : Chương 1: Khái quát chung về biện pháp phong tỏa tài khoản liên quan đến pháp nhân thương mại bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp phong tỏa tài khoản liên quan đến pháp nhân thương mại bị buộc tội Chương 3: Một số bất cập trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp phong tỏa tài khoản liên quan đến pháp nhân thương mại bị buộc tội và đề xuất hoàn thiện
3805	Đại học	Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong tố tụng hình sự	Lê, Thị Thúy Kiều	Trần, Hồng Ca	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về kháng cáo, kháng nghị và các quy định của pháp luật về kháng cáo, kháng nghị; chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật kháng cáo, kháng nghị và những giải pháp hoàn thiện
3806	Đại học	Tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015	Trần, Thị Thùy Dương	Trần, Hồng Ca	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, từ đó chỉ ra những bất cập và đề xuất hướng hoàn thiện các quy định đó.
3807	Đại học	Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang trong Tố tụng hình sự Việt Nam	Võ, Thị Yến Linh	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và trình tự, thủ tục áp dụng về biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội trong tố tụng hình sự Việt Nam, chỉ ra một số điểm bất cập về biện pháp ngăn chặn này được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và đưa ra kiến nghị bổ sung và nhằm hoàn thiện biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.
3808	Đại học	Quy định pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án trong tố tụng hình sự	Trần, Chí Linh	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung, quy định pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của toà án và chỉ ra một số bất cập và giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của toà án trong tố tụng hình sự.
3809	Đại học	Quyền thừa kế của người được thành thai sau thời điểm mở thừa kế	Nguyễn, Văn Thi	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về “quyền thừa kế của người được thành thai sau thời điểm mở thừa kế”, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật cho đối tượng này.
3810	Đại học	Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong tố tụng hình sự	Lê, Thị Trường An	Cao, Thanh Thùy	2018	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận chung và quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành cùng với những hạn chế và phương hướng hoàn thiện một số quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

3811	Đại học	Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại	Nguyễn, Thị Tuyết Trinh	Cao, Thanh Thùy	2018	Đề tài luận văn trình bày những lý luận cơ bản và quy định của pháp luật về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại, chỉ ra hạn chế và đề xuất giải pháp.
3812	Đại học	Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng	Bùi, Vũ Khánh Tân	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng, từ đó tìm ra những bất cập và hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.
3813	Đại học	Thi hành án treo trong tố tụng hình sự	Lê, Thị Ánh Nguyệt	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Thi hành án treo là giai đoạn thi hành các bản án, quyết định của Tòa án. Để đảm bảo các bản án, quyết định của Tòa án về án treo được thực hiện trên thực tế cần có thi hành án. Trong quá trình thi hành án, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cần tiến hành một trình tự, thủ tục nhất định và người được hưởng án treo phải chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ mà Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định. Từ những quy định của pháp luật về thi hành án treo, người viết đã kiến nghị phương hướng hoàn thiện đề pháp luật về thi hành án treo ngày càng được hoàn thiện.
3814	Đại học	Thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự	Dương, Văn Lóng	Cao, Thanh Thùy	2018	Đề tài luận văn này trình bày về nghiên cứu những lý luận và phân tích về các quy định về căn cứ áp dụng, đối tượng áp dụng và thẩm quyền áp dụng, trình tự thủ tục áp dụng thủ tục rút gọn
3815	Đại học	Quyền của luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	Trần, Văn Chí Công	Cao, Thanh Thùy	2018	Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, quy định của pháp luật về quyền của luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện quyền của luật sư bào chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.
3816	Đại học	Phạm vi kháng cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam	Trương, Văn Đạt	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy định của pháp luật về phạm vi kháng cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam, chỉ ra một số điểm bất cập về phạm vi kháng cáo được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và đưa ra kiến nghị bổ sung và nhằm hoàn thiện phạm vi kháng cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.
3817	Đại học	Quy định của pháp luật dân sự về di chúc chung của vợ chồng	Vương, Bình Suôn	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày về các quy định về di chúc chung của vợ chồng của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về di chúc chung của vợ chồng và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về di chúc chung của vợ chồng
3818	Đại học	Quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015	Lê, Thị Yến Trang	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền hưởng dụng, quy định của bộ luật dân sự Việt Nam về quyền hưởng dụng, chỉ ra một số bất cập trong bộ luật dân sự năm 2015 và các kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về quyền hưởng dụng.
3819	Đại học	Quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về Quyền chuyển đổi giới tính – Bất cập và kiến nghị	Ngô, Thanh Thanh	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Nội dung chính của luận văn gồm 03 phần: những vấn đề lý luận chung về quyền chuyển đổi giới tính, quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền chuyển đổi giới tính, bất cập trong quy định về quyền chuyển đổi giới tính và những kiến nghị hoàn thiện pháp luật
3820	Đại học	Quy định của pháp luật dân sự về xử lý tài sản bảo đảm – Bất cập và kiến nghị hoàn thiện pháp luật	Trần, Thị Nhi	Nguyễn, Thanh Thu	2018	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật dân sự về xử lý tài sản bảo đảm, chỉ ra một số bất cập trong xử lý tài sản bảo đảm và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

3821	Đại học	Quy định pháp luật dân sự về chuyển đổi giới tính - Bắt cập và giải pháp hoàn thiện	Ngô, Thanh Huỳnh Đức	Thân, Thị Ngọc Bích	2018	Đề tài luận văn trình bày nhận thức chung về chuyển đổi giới tính, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về chuyển đổi giới tính và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về chuyển đổi giới tính.
3822	Đại học	Các trường hợp đặc biệt về năng lực hành vi dân sự của cá nhân.	Lê, Thu Thảo.	Thân, Thị Ngọc Bích	2018	Đề tài luận văn trình bày nhận thức chung về năng lực hành vi dân sự của cá nhân theo pháp luật Việt Nam, điều kiện xác định và hậu quả pháp lý của cá nhân khi thuộc các trường hợp đặc biệt. Từ những bất cập trong luật đưa ra hướng hoàn thiện quy định của pháp luật.
3823	Đại học	Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự	Trần, Nhật Anh	Thân, Thị Ngọc Bích	2018	Đề tài chỉ đi nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, các quy định về phiên tòa sơ thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không nghiên cứu về phiên tòa sơ thẩm theo thủ tục rút gọn. Ngoài ra, đề tài còn nghiên cứu một số bất cập khi áp dụng quy định pháp luật vào thực tiễn cùng với đó là một số phương hướng nhằm hoàn thiện hơn nữa quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự
3824	Đại học	Hợp đồng hợp tác	Nguyễn, Thanh Trương	Thân, Thị Ngọc Bích	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp đồng hợp tác và quy định của pháp luật về hợp đồng hợp tác, chỉ ra một số hạn chế trong quy định của pháp luật về hợp đồng hợp tác và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng hợp tác.
3825	Đại học	Các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với tài sản trong tố tụng dân sự	Lưu, Tô Tuấn Tú	Thân, Thị Ngọc Bích	2018	Đề tài luận văn phân tích các quy định của pháp luật về các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với tài sản và các nội dung có liên quan như trình tự thủ tục áp dụng; biện pháp bảo đảm; trách nhiệm bồi thường thiệt hại,...trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và đề xuất hướng hoàn thiện.
3826	Đại học	Các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự mới trong Bộ luật hình sự 2015	Trần, Thùy Dương	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận về các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự mới, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự mới, bất cập và hướng hoàn thiện các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự mới trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành.
3827	Đại học	Chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong luật hình sự Việt Nam	Phạm, Thị Út Đẹp	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn trình bày một số vấn đề lý luận chung về chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện, chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, một số bất cập và giải pháp của chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện.
3828	Đại học	Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	Sĩ, Thị Cẩm Linh	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Đề tài tập trung nghiên cứu những nội dung liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý như khái niệm, quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý điều kiện bảo hộ, trình tự thủ tục đăng ký, một số bất cập của luật so với thực tiễn cũng như đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện.
3829	Đại học	Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu và biện pháp xử lý	Quách, Thảo Nguyên	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về hành vi xâm phạm nhãn hiệu và biện pháp xử lý, và những quy định pháp luật về hành vi xâm phạm nhãn hiệu và biện pháp xử lý, Thực trạng và giải pháp đối với các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu và biện pháp xử lý.

3830	Đại học	Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai	Trần, Quốc Toàn	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai của nước ta hiện nay, đưa ra một số vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật cũng như trong thực tiễn và những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật.
3831	Đại học	Giới hạn quyền tác giả trong việc sử dụng tác phẩm theo pháp luật Việt Nam	Lê, Thị Kiều Oanh	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Luận văn nghiên cứu về khái quát về giới hạn quyền tác giả trong việc sử dụng tác phẩm, những quy định pháp luật về giới hạn quyền tác giả trong việc sử dụng tác phẩm. Tìm hiểu thực tiễn việc áp dụng quy định pháp luật, chỉ ra một vài bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện.
3832	Đại học	Những vấn đề pháp lý cơ bản về Tòa án hình sự quốc tế International Criminal Court theo quy chế Rôma 1998	Danh, Thị Bích Thủy	Nguyễn, Tống Ngọc Như	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về ICC và quy chế pháp lý hoạt động của ICC, chỉ ra một số hạn chế hoạt động của ICC và những kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động của ICC
3833	Đại học	Hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc trên Internet	Võ, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạc trên Internet, chỉ ra một số hành vi xâm phạm đến quyền tác giả đối với tác phẩm âm nhạctrên Internetvà một số bất cập còn tồn tại trong quy định của pháp luật từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện.
3834	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu đề tài, dự án khoa học	Trần, Thị Kim Tuyền	Trần, Thị Cẩm Nhung	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu đề tài, dự án khoa học đồng thời nêu lên thực trạng và từ đó chỉ ra được một số bất cập trong quy định của pháp luật và những giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động bảo hộ quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu đề tài, dự án khoa học.
3835	Đại học	Biện pháp cầm giữ tài sản trong giao dịch bảo đảm	Võ, Ngọc Trân	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2018	Đề tài luận văn trình bày về những vấn lý luận và thực tiễn về biện pháp cầm giữ tài sản trong giao dịch bảo đảm, tìm ra những vướng mắc trong quy định của pháp luật về biện pháp cầm giữ tài sản và kiến nghị hoàn thiện những điểm còn bất cập này.
3836	Đại học	Quyền bí mật đời tư – Quy định, thực tiễn và kiến nghị	Phạm, Minh Nhị	Nguyễn, Nam Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bí mật đời tư và quyền được bảo vệ bí mật đời tư ở nước ta hiện nay, đồng thời chỉ ra thực trạng bảo vệ quyền này từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện việc đảm bảo quyền bí mật đời tư.
3837	Đại học	Biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải trong Bộ luật tố tụng hình sự 2105	Huỳnh, Thị Thúy	Nguyễn, Chí Hiếu	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và các quy định của biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
3838	Đại học	Dẫn độ tội phạm trong luật quốc tế	Nguyễn, Kim Hoa	Nguyễn, Tống Ngọc Như	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hoạt động dẫn độ tội phạm trong luật quốc tế; trình bày những quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động dẫn độ tội phạm trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam; Đưa ra một số thực tiễn và đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động dẫn độ tội phạm.
3839	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh	Nguyễn, Thị Linh	Trần, Thị Cẩm Nhung	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh và nêu lên một số thực tiễn từ đó chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh.

3840	Đại học	Nhập khẩu song song trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Nguyễn, Ngọc Anh Thư	Trần, Thị Cẩm Nhung	2018	Luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung về nhập khẩu song song trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trên cơ sở quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, có sự so sánh với pháp luật Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu về cùng vấn đề này, tìm ra những bất cập và đề ra giải pháp để giải quyết những bất cập đó, đóng góp vào sự hoàn thiện pháp luật liên quan đến vấn đề nhập khẩu song song trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.
3841	Đại học	Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong luật hình sự Việt Nam	Huỳnh, Lý Hùng	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và nội dung của hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội, quy định của bộ luật hình sự hiện hành về hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội; Bất cập và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội
3842	Đại học	Tội phạm hóa hành vi ngược đãi, bạo hành chó, mèo ở Việt Nam	Võ, Ngọc Linh	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn này trình bày các yêu cầu cơ bản để tội phạm hóa hành vi ngược đãi, bạo hành chó, mèo ở Việt Nam. Đồng thời đề xuất hình thành nên tội ngược đãi, bạo hành chó, mèo trong Bộ luật hình sự Việt Nam.
3843	Đại học	Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội	Trần, Ái Nhi	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và nội dung của các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Những vấn đề còn tồn tại trong quy định của pháp luật và các giải pháp đề xuất hoàn thiện.
3844	Đại học	Dấu hiệu hậu quả trong luật hình sự Việt Nam	Phan, Thị Ngọc Ánh	Phạm, Văn Beo	2018	Đề tài luận văn trình bày một số vấn đề chung về dấu hiệu hậu quả của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam, sự thể hiện dấu hiệu hậu quả của tội phạm trong bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành và một số điểm mới, một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành liên quan đến dấu hiệu hậu quả của tội phạm.
3845	Đại học	TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG DO NGƯỜI CỦA PHÁP NHÂN GÂY RA	ĐOÀN, VĂN QUYÊN B1310555	NGUYỄN, VĂN KHUÊ	2019	Trong phạm vi nghiên cứu đề tài này, người viết tập trung tìm hiểu những vấn đề về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do người của pháp nhân gây ra, bao gồm ba phương diện: lý luận chung, cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng. Về mặt lý luận chung, người viết tập trung đưa ra những khái niệm cơ bản về những vấn đề chung cho đề tài nghiên cứu. Về mặt cơ sở pháp lý, người viết tập trung nghiên cứu những quy định trong Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Về phần thực tiễn, người viết đưa ra những bất cập trong việc vận dụng và áp dụng các quy định của pháp luật về vấn đề này, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục, tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực thi pháp luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do người của pháp nhân gây ra, từ đó góp phần hoàn thiện hơn nữa khoa học luật trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra nói riêng.

3846	Đại học	THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM – LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	BÙI, THI TRƯỜNG AN B1502923	NGUYỄN, VĂN KHUÊ	2019	Trong đề tài, người viết phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục giám đốc thẩm mà cụ thể là tập trung phân tích các quy định về đối tượng kháng nghị, căn cứ kháng nghị, chủ thể có thẩm quyền kháng nghị và chủ thể có quyền nộp đơn đề nghị xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm. Bên cạnh đó, người viết có nhắc đến các văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực nhưng có tác dụng đối chiếu, làm rõ hơn những quy định hiện hành.
3847	Đại học	THỂ CHẤP NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỂ ĐẢM BẢO NGHĨA VỤ TRONG HỢP ĐỒNG VAY TÍN DỤNG	VÕ, THỊ THUỶ DƯƠNG B1502823	NGUYỄN, VĂN KHUÊ	2019	Thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai là một vấn đề phức tạp, được điều chỉnh bởi nhiều ngành khác nhau, liên quan đến nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài thì người viết chỉ tập trung vào nghiên cứu khoa học pháp lý, những quy định của pháp luật hiện hành về thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai, làm rõ về hợp đồng thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai, trình tự thủ tục thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai và xử lý nhà ở hình thành trong tương lai. Bên cạnh việc phân tích các quy định pháp luật, người viết đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật và khó khăn trong giao dịch thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai. Đồng thời đánh giá tầm quan trọng của giao dịch thể chấp nhà ở trong tương lai đối với nền kinh tế và xã hội.
3848	Đại học	NGHĨA VỤ CHỨNG MINH CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ	HUỲNH, NGỌC MAI B1500269	NGUYỄN, VĂN KHUÊ	2019	Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu gồm 3 chương Chương 1: Những vấn đề lý luận về nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong tố tụng dân sự Chương 2: Những quy định của pháp luật về nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong tố tụng dân sự Chương 3: Bất cập và đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật về nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong tố tụng dân sự.
3849	Đại học	Chế độ thai sản – Lý luận và thực tiễn	Phan, Thị Yến Linh	Diệp, Thành Nguyên	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về chế độ thai sản và quy định pháp luật về chế độ thai sản. Đồng thời tìm hiểu thực tiễn áp dụng chi trả chế độ thai sản nước ta hiện hiện nay và một số giải pháp đề xuất.
3850	Đại học	Hợp đồng ủy quyền – một số lý luận và thực tiễn áp dụng trong pháp luật Việt Nam	Thạch, Dal B1602332	Trương, Thanh Hùng	2019	Nhận thức chung về hợp đồng ủy quyền, quy định pháp luật về hợp đồng ủy quyền, thực tiễn áp dụng về hợp đồng ủy quyền và kiến nghị hoàn thiện.
3851	Đại học	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gây ra	Nềang, A Linh B1602359	Trương, Thanh Hùng	2019	Lý luận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do phương tiện cơ giới đường bộ gây ra, một số bất cập và hướng hoàn thiện.
3852	Đại học	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở	Ngô, Văn Tính B1602555	Trương, Thanh Hùng	2019	Quy định của pháp luật về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, bất cập, giải pháp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở
3853	Đại học	Hợp đồng dịch vụ cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt	Trần, Thẩm Huê B1602349	Tăng, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp đồng dịch vụ cấp nước phục vụ mục đích sinh hoạt, vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp cấp nước. Chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất nhằm hoàn thiện quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hiệu quả hơn.

3854	Đại học	Hợp đồng mua bán với người tiêu dùng thông qua sàn giao dịch điện tử	Hồ, Thị Huỳnh Nga B1602368	Tăng, Thanh Phương	2019	Luận văn nghiên cứu về một số cơ sở lý luận liên quan đến hợp đồng mua bán với người tiêu dùng thông qua sàn giao dịch điện tử và phân tích quy định pháp luật từ đó cho thấy những bất cập trong quá trình áp dụng quy định pháp luật và đề ra những giải pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng mua bán với người tiêu dùng thông qua sàn giao dịch điện tử
3855	Đại học	Nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên giao kết hợp đồng	Huỳnh, Lê Anh Thư B1602403	Tăng, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy định của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên giao kết hợp đồng, Chỉ ra một số bất cập trong quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin và những kiến nghị nhằm hoàn thiện về quy định nghĩa vụ cung cấp thông tin.
3856	Đại học	Hợp đồng giao kết với người tiêu dùng - Lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Thị Mỹ Xuyên B1602323	Tăng, Thanh Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và một số đề xuất nhằm hoàn thiện quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hiệu quả hơn
3857	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính	Nguyễn, Quang Trường B1602223	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày khái niệm, đặc điểm, vai trò của chương trình máy tính. Phân tích các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế xâm phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính.
3858	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả tại các cơ sở giáo dục đại học	Trần, Thị Vân Anh B1602421	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Trong đề tài nghiên cứu này, người viết tập trung phân tích, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả tại các cơ sở giáo dục đại học. Từ đó, người viết cũng đề cập đến thực tiễn, một số bất cập và hướng hoàn thiện nhằm hoàn thiện pháp luật bảo hộ quyền tác giả tại các cơ sở giáo dục đại học.
3859	Đại học	Bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam và Hiệp định CPTPP	Nguyễn, Thị Cẩm Thúy B1602210	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về bảo hộ chỉ dẫn địa lý và Hiệp định CPTPP, quy định về bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam và Hiệp định CPTPP, đồng thời tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý – Cơ hội, thách thức khi Việt Nam gia nhập Hiệp định CPTPP và đưa ra hướng đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ chỉ dẫn địa lý.
3860	Đại học	Pháp luật Việt Nam về bảo hộ nhãn hiệu tập thể - So sánh với Hiệp định CPTPP	Nguyễn, Thị Kim Hương B1602161	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Việt Nam và Hiệp định CPTPP; quy định pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu tập thể - So sánh với Hiệp định CPTPP và thực tiễn áp dụng các quy định về bảo hộ nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Việt Nam và Hiệp định CPTPP, một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về bảo hộ nhãn hiệu tập thể.
3861	Đại học	Pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức – lý luận và thực tiễn	Lê, Thị Minh Ngọc	Phan, Trung Hiền	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về xử lý kỷ luật viên chức, các quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật viên chức tìm ra một số bất cập

3862	Đại học	Hoạt động khám xét người trong tổ tụng hình sự	Hồ, Đại Hải B1610146	Cao, Thanh Thùy	2019	Trong nội dung nghiên cứu, ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo.. để thuận tiện cho việc nghiên cứu, phân tích, người viết đã trình bày nội dung chính của đề tài theo kết cấu ba phần như sau □Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về hoạt động khám xét người trong tổ tụng hình sự □Chương 2: Quy định của pháp luật về hoạt động khám xét người □Chương 3: Bất cập trong quy định pháp luật, thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện.
3863	Đại học	Hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong giao dịch bảo đảm bằng tài sản	Đặng, Thúy Duy B1500224	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn này trình bày lý luận chung về hiệu lực đối kháng với người thứ ba, chỉ ra một số thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong quy định về thực tiễn áp dụng về hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong giao dịch bảo đảm bằng tài sản và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật.
3864	Đại học	Bảo vệ quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản	Cao, Thị Xuân Nhi B1503085	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bảo vệ quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản, chỉ ra một số thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong quy định về thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của luật xuất bản.
3865	Đại học	Pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	Đặng, Thị Trúc Linh B1502847	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, thực tiễn pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa - vướng mắc và giải pháp hoàn thiện.
3866	Đại học	Quy định của pháp luật Dân sự Việt Nam về hình thức của di chúc.	Trần, Thị Cẩm Thi B1503013	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thừa kế theo di chúc, hình thức di chúc và quy định của pháp luật Dân sự Việt Nam về hình thức di chúc, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật về hình thức di chúc và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Dân sự Việt Nam về hình thức của di chúc.
3867	Đại học	Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	Trần, Đăng Khoa C1700144	Cao, Thanh Thùy	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và thực tiễn về bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và những kiến nghị nhằm hoàn thiện việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.
3868	Đại học	Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả tại Trường Đại học Cần Thơ và kiến nghị hoàn thiện	Nguyễn, Ngọc Phúc B1503090	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bảo hộ quyền tác giả tại trường đại học, chỉ ra một số thuận lợi, khó khăn và hạn chế trong quy định về thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả tại Trường Đại học Cần Thơ và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của Nhà trường.
3869	Đại học	Pháp luật về đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	Huỳnh, Như Ngọc B1503161	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, trình bày quy trình thủ tục đăng ký, chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn khi đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, những vướng mắc trong quy định pháp luật và thực tiễn và giải pháp hoàn thiện.

3870	Đại học	Hoạt động lấy lời khai của Bộ đội biên phòng trong tổ tụng hình sự	Lê, Thị Kiều Diễm C1700137	Cao, Thanh Thùy	2019	Trong phạm vi nghiên cứu đề tài này, người viết tập trung nghiên cứu vào các quy định của pháp luật về hoạt động lấy lời khai của Bộ đội biên phòng. Qua quá trình nghiên cứu, người viết cũng chỉ ra một số tồn tại trong quy định pháp luật và trong thực tiễn, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện hơn. Do điều kiện và thời gian nghiên cứu có hạn, người viết chưa thể nhìn nhận, đánh giá bao quát cụ thể về hoạt động lấy lời khai của Bộ đội biên phòng, phần lớn người viết nghiên cứu hồ sơ và số liệu thực tiễn của Bộ đội biên phòng tỉnh Kiên Giang để làm sáng tỏ nội dung bài viết.
3871	Đại học	Chứng cứ trong tố tụng dân sự theo pháp luật Việt Nam hiện hành	Huỳnh, Thị Thúy An B1602134	Trần, Khắc Qui	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề cơ bản về chứng cứ, làm rõ những quy định của pháp luật về chứng cứ trong tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành. Chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật cũng như trong thực tiễn và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về chứng cứ.
3872	Đại học	Thừa phát lại theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành	Trần, Ngọc Ánh C1700131	Trần, Khắc Qui	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Thừa phát lại và quy định pháp luật hiện hành về Thừa phát lại, đồng thời chỉ ra được những bất cập trong quá trình phát triển Thừa phát lại và những bất cập trong thực hiện quy định của pháp luật về hoạt động Thừa phát lại, từ đó đề xuất một số giải pháp để góp phần hoàn thiện hơn về Thừa phát lại.
3873	Đại học	Căn cứ ly hôn theo pháp luật hôn nhân và gia đình hiện hành	Nguyễn, Thúy Huỳnh B1602445	Trần, Khắc Qui	2019	Luận văn “Căn cứ ly hôn theo pháp luật hôn nhân và gia đình hiện hành” của người viết ngoài phần mở đầu, danh mục từ viết tắt, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, luận văn còn gồm 3 chương Chương 1: Lý luận chung về căn cứ ly hôn theo pháp luật hôn nhân và gia đình Chương 2: Quy định pháp luật về căn cứ ly hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Chương 3: Thực tiễn áp dụng căn cứ ly hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phương hướng kiến nghị hoàn thiện pháp luật Thông qua nghiên cứu và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về căn cứ ly hôn, người viết nhận thấy căn cứ ly hôn trong luật hôn nhân và gia đình hiện hành có nhiều điểm bất cập gây khó khăn cho áp dụng thực tiễn, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, ví dụ như: Căn cứ ly hôn chưa được quy định chi tiết, cụ thể, một số trường hợp liên quan tới quyền ly hôn của người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác không làm chủ hành vi được hành vi mà không có cha mẹ, người thân thích... Thông qua nghiên cứu luật hôn nhân và gia đình hiện hành, các văn bản liên quan và thực tiễn áp dụng những quy định này trên thực tế, người viết đề xuất những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
3874	Đại học	Thực trạng về mua bán hàng online, Kiến nghị một số giải pháp	Nguyễn, Thị Trúc Linh B1610198	Nguyễn, Văn Khuê	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung và quy định pháp luật về mua bán hàng online, các phương thức giao dịch dân sự đến mua bán hàng online. Thực trạng hiện nay về mua bán hàng online, kiến nghị một số giải pháp pháp luật nhằm điều chỉnh các hoạt động mua bán hàng online hiện nay.

3875	Đại học	Hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong giao dịch dân sự bằng tài sản bảo đảm	Lương, Thị Ngọc Xuân	Trần, Văn Khuê	2019	Chế định về hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong giao dịch dân sự bằng tài sản bảo đảm đã góp phần đảm bảo quyền lợi của bên nhận bảo đảm và bảo vệ lợi ích người thứ ba muốn xác lập giao dịch liên quan đến tài sản đã được dùng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Người viết chọn nghiên cứu đề tài này với mục tiêu làm rõ các vấn đề pháp lý, đồng thời có những nhận định đầy đủ, rõ ràng hơn về quy định hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong giao dịch dân sự bằng tài sản bảo đảm. Bên cạnh đó, người viết nghiên cứu những bất cập, khó khăn về việc áp dụng trong thực tiễn, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.
3876	Đại học	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai	Huỳnh, Văn Chon B1610139	Nguyễn, Văn Khuê	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung và quy định pháp luật về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai; đồng thời nêu lên thực tiễn áp dụng, một số bất cập của đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai, từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện.
3877	Đại học	Kháng cáo của chủ thể bị buộc tội	Nguyễn, Thị Nhi B1602545	Trần, Hồng Ca	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung và quy định của pháp luật về kháng cáo của chủ thể bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam, chỉ ra một số điểm bất cập về kháng cáo của chủ thể bị buộc tội được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và đưa ra kiến nghị bổ sung và nhằm hoàn thiện kháng cáo của chủ thể bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.
3878	Đại học	Hoạt động của người bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	Nguyễn, Thị Hồng Mai B1602269	Trần, Hồng Ca	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hoạt động của người bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, các quy định về hoạt động của người bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Chỉ ra những bất cập và kiến nghị để nâng cao hoạt động của người bào chữa tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.
3879	Đại học	Quyền thu thập và cung cấp chứng cứ của người bào chữa	Nguyễn, Thị Thuỳ Trang B1611146	Trần, Hồng Ca	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về quyền thu thập và cung cấp chứng cứ của người bào chữa, quy định pháp luật về quyền thu thập và cung cấp chứng cứ của người bào chữa, chỉ ra một số bất cập và đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền thu thập và cung cấp chứng cứ.
3880	Đại học	Nâng cao ý thức chấp hành quy chế nhà trường của sinh viên chính quy trường Đại học Cần Thơ	Phạm, Thị Mỹ Phượng B1503091	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày về cơ sở lý luận chung và phân tích tình hình, những yếu tố tác động đến ý thức chấp hành quy chế nhà trường của sinh viên chính quy trường Đại học Cần Thơ, trên cơ sở đó kiến nghị và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành quy chế nhà trường của sinh viên.
3881	Đại học	Chi phí tố tụng và trách nhiệm chi trả chi phí trong tố tụng hình sự trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015	Nguyễn, Minh Nhân B1502988	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về chi phí tố tụng và trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng và phân tích quy định của pháp luật về chi phí tố tụng và trách nhiệm chi trả chi phí tố tụng từ đó thấy được những bất cập và đưa ra giải pháp hoàn thiện
3882	Đại học	Giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	Nguyễn, Thị Kim An B1500204	Trần, Hồng Ca	2019	Đề tài luận văn tập trung nghiên cứu lý luận, quy định của pháp luật, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự và những giải pháp hoàn thiện

3883	Đại học	Thu thập chứng cứ của người bào chữa theo quy định của Bộ luật TTHS năm 2015	Phạm, Hồng Phát B1500298	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày về cơ sở lý luận chung và phân tích quy định của pháp luật về thu thập chứng cứ của người bào chữa khi tham gia tố tụng, bên cạnh đó người viết còn nêu ra một số bất cập và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật liên quan.
3884	Đại học	QUYỀN YÊU CẦU PHẢN TỐ CỦA BỊ ĐƠN TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ	NGUYỄN, THÚY ANH B1502925	Trần, Khắc Qui	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án dân sự. Phạm vi nghiên cứu của luận văn sẽ được giới hạn trong một số vấn đề sau: Những vấn đề chung về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án dân sự; Những quy định của pháp luật về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án dân sự và một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trong vụ án dân sự.
3885	Đại học	QUYỀN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT LY HÔN TRONG PHÁP LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH NĂM 2014	Trần, Thị Hoài Thương B1500331	Trần, Khắc Qui	2019	Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia làm ba chương Chương 1. Cơ sở lý luận về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 Ở chương này, chủ yếu tập trung đề cập đến các khái niệm có liên quan đến đề tài, đặc điểm, ý nghĩa về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 Chương 2. Quy định pháp luật về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 Ở chương này, đề cập đến các quy định về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014 Chương 3. Một số bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình 2014 Trên cơ sở kết quả phân tích các quy định của pháp luật ở Chương 2, từ đó đưa ra những bất cập để đưa ra giải pháp hoàn thiện các quy định về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn trong pháp luật hôn nhân gia đình 2014.
3886	Đại học	Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội	Nguyễn, Thị Ngọc Thoại B1500326	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày về cơ sở lý luận chung và phân tích quy định của pháp luật về những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội, bên cạnh đó người viết còn nêu ra một số bất cập và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội.
3887	Đại học	Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo pháp luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014	ĐẶNG, NGUYỄN HUYỀN MY	Trần, Khắc Qui	2019	Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận, những quy định của pháp luật hiện hành đối với việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo nhằm tiếp cận vấn đề mang thai hộ một cách cụ thể Đồng thời, Luận văn đi sâu phân tích làm rõ khái niệm, phân loại, đặc điểm, ý nghĩa của quy định pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các bên, hậu quả pháp lý khi thực hiện mang thai hộ Qua đó, đưa ra các giải pháp hoàn thiện những điểm còn vướng mắc, bất cập trong quy định pháp luật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật.

3888	Đại học	CĂN CỨ LY HÔN TRONG PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014	TRẦN, THỊ THUY TRANG B1503109	Trần, Khắc Qui	2019	Luận văn tập trung làm sáng tỏ 03 nhiệm vụ cơ bản sau Thứ nhất, phân tích có hệ thống cơ sở lý luận về căn cứ ly hôn Thứ hai, thể hiện sự ghi nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam có quy định về căn cứ ly hôn mà chủ đạo là Luật HNGĐ năm 2014 Thứ ba, thể hiện thực trạng áp dụng căn cứ ly hôn trên thực tế và đề xuất hướng hoàn thiện khi có vướng mắc, bất cập xảy ra trong quy định pháp luật cũng như trong thực tiễn áp dụng căn cứ ly hôn.
3889	Đại học	Pháp luật về biện pháp cưỡng chế tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân trong Tố tụng hình sự	Nguyễn, Phúc Vĩnh Khiêm B1503145	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày những lý luận chung về biện pháp cưỡng chế tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân trong Bộ luật Tố tụng hình sự, từ đó chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật đối với biện pháp cưỡng chế này.
3890	Đại học	Vấn đề quyền kháng cáo trong tố tụng hình sự	Lê, Thị Thúy NgânB1502981	Cao, Thanh Thùy	2019	Đề tài nghiên cứu về quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự hiện hành. Trong phạm vi nghiên cứu về quyền kháng cáo của bị cáo người viết tiến hành tập trung nghiên cứu, phân tích các lý luận chung. Những quy định về trình tự, thủ tục, các quyền liên quan đến quyền kháng cáo của bị cáo và các vấn đề liên quan khác cũng được khai thác trong quá trình nghiên cứu. Đồng thời người viết nêu một số bất cập và chưa cụ thể từ đó đưa ra đề hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền kháng cáo của bị cáo.
3891	Đại học	Bảo đảm quyền im lặng trong tố tụng hình sự	Huỳnh, Thị Thanh TuyềnB1503114	Cao, Thanh Thùy	2019	Bảo đảm quyền im lặng trong tố tụng hình sự
3892	Đại học	Chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Viện Kiểm sát	Mai, Thị Ý NhiB1503164	Mạc, Giáng Châu	2019	Chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Viện Kiểm sát
3893	Đại học	Những quy định của pháp luật về quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa và cách thức người bào chữa thu thập chứng cứ	Nguyễn, Công LịnhB1503075	Mạc, Giáng Châu	2019	Những quy định của pháp luật về quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa và cách thức người bào chữa thu thập chứng cứ
3894	Đại học	Những vấn đề nhập hoặc tách vụ án trong giai đoạn truy tố theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	Danh, DêB1503129	Mạc, Giáng Châu	2019	Những vấn đề nhập hoặc tách vụ án trong giai đoạn truy tố theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam
3895	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả đối với luận văn tốt nghiệp và đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường	Đoàn, Võ Nhất Linh B1502965	Trần, Thị Cẩm Nhung	2019	Trong đề tài nghiên cứu này, người viết tập trung phân tích, làm rõ luận văn các quy định bảo hộ quyền tác giả đối với luận văn tốt nghiệp và đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành. Song, người viết cũng đề cập đến thực tiễn, một số bất cập và đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện trong pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với luận văn tốt nghiệp và đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

3896	Đại học	TỘI PHẠM HÓA HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC VÀO TRONG BLHS VIỆT NAM	TRƯỜNG, NGỌC MƠ B1503077	PHẠM, VĂN BEO	2019	Đề tài đề cập đến pháp luật hình sự Việt Nam ghi nhận hành vi quấy rối tình dục là hành vi phạm tội, để đảm bảo đúng quy định về bảo vệ quyền con người, cụ thể là quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm theo quy định của Hiến pháp nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật nước nhà, đảm bảo cơ chế quản lý Nhà nước Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn này gồm 2 chương - Chương 1. Một số vấn đề lý luận về tội phạm hóa hành vi quấy rối tình dục ở Việt Nam - Chương 2. Các yếu tố ảnh hưởng, các căn cứ để tội phạm hóa hành vi quấy rối tình dục và mô hình quy định tội quấy rối tình dục vào trong Bộ luật Hình sự Việt Nam.
3897	Đại học	Bảo hộ quyền tác giả theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Nguyễn, Thị Cẩm Thu B1503103	Trần, Thị Cẩm Nhung	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bảo hộ quyền tác giả theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Qua đó nêu ra những bất cập trong quy định pháp luật về bảo hộ quyền tác giả theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và đề ra một số giải pháp.
3898	Đại học	TỘI SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG CẤM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	PHAN, THỊ TRÚC LINH B1502967	PHẠM, VĂN BEO	2019	Trong đề tài này, người viết tập trung nghiên cứu tội sản xuất, buôn bán hàng cấm một cách chi tiết trong Bộ Luật hình sự Việt Nam và cũng đi sâu nghiên cứu tình hình áp dụng những quy định pháp luật về tội này, những vấn đề lý luận, pháp lý và vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm sản xuất, buôn bán hàng cấm ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam quy định về Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm. So sánh tội sản xuất, buôn bán hàng cấm với tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội buôn lậu.
3899	Đại học	CHẾ ĐỊNH XÓA ÁN TÍCH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	NGUYỄN, NGỌC HÂN B1502829	PHẠM, VĂN BEO	2019	Đề tài này nghiên cứu về chế định xóa án tích trong Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở tìm hiểu những quy định pháp luật hình sự Việt Nam liên quan đến xóa án tích. Ngoài ra, còn dựa trên các văn bản dưới luật và một số tài liệu khác được tìm thấy liên quan đến vấn đề xóa án tích, đồng thời xem xét thực tiễn giải quyết về chế định này. Bên cạnh đó, cũng đưa ra những giải pháp nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết xóa án tích trên thực tế và góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam
3900	Đại học	Điều kiện bảo hộ đối với nhãn hiệu theo Hiệp định CPTPP	Kim, Thị Sô Khêm B1503066	Trần, Thị Cẩm Nhung	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về điều kiện bảo hộ đối với nhãn hiệu theo Hiệp định CPTPP, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về điều kiện bảo hộ và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về điều kiện bảo hộ.

3901	Đại học	NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG QUY ĐỊNH PHẦN CHUNG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	TRƯƠNG, MỘNG THÙY B1503105	PHẠM, VĂN BEO	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu nội dung cơ bản của nguyên tắc nhân đạo trong quy định phần chung của Luật hình sự Việt Nam. Cụ thể đi sâu nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong các quy định hiện hành trong giai đoạn hiện nay, nhất là những quy định mang tính nhân đạo trong mối quan hệ đối chiếu so sánh các quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 với quy định hiện hành của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các quy định trước đây trong Luật hình sự Việt Nam.
3902	Đại học	Định tội danh đối với tội giết người trong Luật hình sự Việt Nam	Nguyễn, Lâm Phương Thảo	Phạm, Văn Beo	2019	Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về định tội danh đối với tội giết người theo luật hình sự Việt Nam (như: Khái niệm, phân loại, ý nghĩa, cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học, các giai đoạn của việc định tội danh đối với tội phạm này). Trong phạm vi nghiên cứu luận văn, tác giả mong muốn làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về định tội danh nói chung và định tội danh đối với tội giết người nói riêng. Các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam đối với tội giết người, nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm giết người hiện nay.
3903	Đại học	TỘI TỔ CHỨC ĐÁNH BẠC THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	Nguyễn, Thảo Ngọc B1503083	PHẠM, VĂN BEO	2019	Trong giới hạn đề tài luận văn, người viết tập trung chủ yếu nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định cụ thể về tội tổ chức đánh bạc được quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Khái quát sự hình thành và phát triển của các quy định về tội tổ chức đánh bạc trong Bộ luật hình sự Việt Nam, những nội dung cơ bản của tội này như: khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội tổ chức đánh bạc, hậu quả,... Bên cạnh đó, so sánh tội tổ chức đánh bạc với tội đánh bạc và tội gá bạc. Từ đó, người viết nêu ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và vấn đề áp dụng pháp luật. Qua đó, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục bất cập đó, góp phần khắc phục những hạn chế trong quy định của pháp luật, từng bước hoàn thiện quy định này trong pháp luật hình sự Việt Nam.
3904	Đại học	TỘI HÀNH HẠ NGƯỜI KHÁC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	Phan, Trần Mai Tâm B1500312	Phạm, Văn Beo	2019	Đề tài tập trung phân tích sâu sắc vấn đề liên quan đến tội hành hạ người khác như các đặc điểm, đối tượng của tội hành hạ người khác; căn cứ pháp lý và phân tích dấu hiệu pháp lý; trách nhiệm hình sự đối với tội hành hạ người khác; khung hình phạt, so sánh tội này với một số tội phạm khác; tìm hiểu về tình hình tội hành hạ người khác trong thời gian qua đồng thời đánh giá thực trạng đấu tranh chống các tội phạm này theo quy định của luật hình sự Việt Nam. Từ đó tìm ra những hạn chế bất cập trong thực tiễn đấu tranh chống tội hành hạ người khác cũng như những hạn chế và bất cập trong quy định của luật hình sự hiện hành nhằm đưa ra một số giải pháp thiết thực để góp phần chung trong đấu tranh phòng ngừa và hạn chế tội hình phạt người khác trong giai đoạn hiện nay.
3905	Đại học	Định giá, thẩm định giá và thực tiễn sử dụng kết quả định giá, thẩm định giá	Trần, Hữu Ý B1500363	Trương, Thanh Hùng	2019	Định giá, thẩm định giá và thực tiễn sử dụng kết quả định giá, thẩm định giá
3906	Đại học	Đương sự trong tố tụng dân sự và thực tiễn các định tư cách đương sự	Châu, Duy Nguyên B1502867	Trương, Thanh Hùng	2019	Đương sự trong TTDS và thực tiễn các định tư cách đương sự

3907	Đại học	Áp dụng tập quán trong việc xét xử vụ án dân sự trong trường hợp chưa có điều luật áp dụng	Mai, Hồng Ngọc B1502985	Trương, Thanh Hùng	2019	Áp dụng tập quán trong việc xét xử vụ án dân sự trong trường hợp chưa có điều luật áp dụng
3908	Đại học	Hợp đồng mua bán với điều kiện được chuộc lại - Lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Thị Thảo B1500320	Trương, Thanh Hùng	2019	Hợp đồng mua bán với điều kiện được chuộc lại - Lý luận và thực tiễn
3909	Đại học	Thủ tục xét xử rút gọn đối với nợ xấu ngân hàng thương mại - Lý luận và thực tiễn	Nguyễn, Phước Tinh B1500335	Trương, Thanh Hùng	2019	Thủ tục xét xử rút gọn đối với nợ xấu ngân hàng thương mại - Lý luận và thực tiễn
3910	Đại học	Sự có mặt của người chứng kiến trong hoạt động điều tra vụ án hình sự	Bào, Anh Duy B1602237	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về người chứng kiến và hoạt động điều tra vụ án hình sự, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về các hoạt động điều tra mà theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần có sự có mặt của người chứng kiến và những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định này.
3911	Đại học	Biện pháp cưỡng chế dẫn giải trong tố tụng hình sự	Nguyễn, Thị Kiều Linh B1602264	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Chương 1: Lý luận chung về biện pháp cưỡng chế dẫn giải trong tố tụng hình sự Chương 2: Quy định của pháp luật về biện pháp cưỡng chế dẫn giải Chương 3: Một số tồn tại về mặt pháp lý và hướng hoàn thiện đối với quy định của pháp luật về biện pháp cưỡng chế dẫn giải trong tố tụng hình sự.
3912	Đại học	Nghiên cứu áp dụng mô hình tư pháp phục hồi cho người dưới 18 tuổi trong LHSV	Đỗ, Lan Chi B1301158	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Nghiên cứu áp dụng mô hình tư pháp phục hồi cho người dưới 18 tuổi trong LHSV
3913	Đại học	Hiệu lực hồi tố trong pháp luật Hình sự Việt Nam	Nguyễn, Văn Cành B1502931	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Hiệu lực hồi tố trong pháp luật Hình sự Việt Nam
3914	Đại học	Chủ thể đặc biệt của tội phạm trong pháp luật Hình sự Việt Nam	Lê, Thị Hồng Gấm B1502945	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Chủ thể đặc biệt của tội phạm trong pháp luật Hình sự Việt Nam
3915	Đại học	Người phiên dịch trong tố tụng hình sự.	Nguyễn, Kim Vui B1602511	Nguyễn, Chí Hiếu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về người phiên dịch trong tố tụng hình sự và các quy định của pháp luật về người phiên dịch trong tố tụng hình sự, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về người phiên dịch và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về người phiên dịch trong tố tụng hình sự.
3916	Đại học	Hình thức di chúc theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam.	Nguyễn, Thị Quỳnh My B1610191	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát các cơ sở lý luận, các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về hình thức của di chúc, từ đó chỉ ra những thiếu sót, bất cập của các quy định và đưa ra kiến nghị để khắc phục nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về hình thức của di chúc.
3917	Đại học	Người thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam.	Nguyễn, Thị Như Huỳnh B1602160	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát các cơ sở lý luận, các quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về người thừa kế, từ đó chỉ ra những thiếu sót, bất cập của các quy định và đưa ra giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về người thừa kế.
3918	Đại học	Các điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam	Trần, Thị Diệu Linh B1602265	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn nghiên cứu về các điều kiện có hiệu lực của di chúc qua đó đưa ra những bất cập và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của di chúc.

3919	Đại học	Bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường theo pháp luật dân sự Việt Nam	Nguyễn, Phan Nhật Quỳnh B1602482	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cụ thể là bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra thì phải đáp ứng được các điều kiện: có thiệt hại xảy ra, có hành vi vi phạm pháp luật, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại. Khác với các quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khác, thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra không cần yếu tố lỗi. Khi một chủ thể gây ra thiệt hại thì phải bồi thường dù cho có lỗi hay không.
3920	Đại học	Quy định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong pháp luật hình sự Việt Nam	Nguyễn, Thị Xuân Linh B1602453	Phạm, Văn Beo	2019	Đề tài luận văn trình bày những lí luận chung về quy định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong pháp luật hình sự, từ đó đưa ra một số bất cập trong quy định pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật.
3921	Đại học	Miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017	Tô, Thị Thu Diễm C1700138	Phạm, Văn Beo	2019	Đề tài luận văn trình bày những lý luận chung về miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật đối với chế định này
3922	Đại học	Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự Việt Nam.	Luu, Thị Trường Sa C1700154	Phạm, Văn Beo	2019	Đề tài luận văn làm sáng tỏ một cách tương đối có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong pháp luật hình sự Việt Nam, lịch sử hình thành của loại tình tiết này, từ đó xác định những bất cập để đề xuất giải pháp cho các quy định về vấn đề phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong luật hình sự nước ta.
3923	Đại học	Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Lê, Văn Nhanh B1503163	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật, thực tiễn áp dụng và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật để đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp.
3924	Đại học	Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thực tiễn tại TP. Cần Thơ	Quách, Hằng Ni C1700127	Nguyễn, Văn Tròn	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tội Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tập trung trên địa bàn TP. Cần Thơ, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật, thực tiễn áp dụng và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật về Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
3925	Đại học	Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền hưởng dụng – bất cập và giải pháp hoàn thiện	Nguyễn, Thu Thảo B1602489	Thân, Thị Ngọc Bích	2019	Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền hưởng dụng. Đây là một quy định mới tuy nhiên nó tồn tại nhiều bất cập và mặt lý luận, pháp lý và thực tiễn.
3926	Đại học	Một số vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động logistics	Kim, Thị Út B1602320	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2019	Đề tài luận văn trình bày vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động logistics, chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật trong kinh doanh dịch vụ logistics.
3927	Đại học	Trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án- Thực tiễn tại huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Kiều Yến B1602514	Thân, Thị Ngọc Bích	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát các cơ sở lý luận, các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án, từ đó chỉ ra những thiếu sót, bất cập của các quy định và đưa ra giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện những quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án

3928	Đại học	Quyền của cá nhân đối với hình ảnh theo pháp luật dân sự hiện hành.	Nguyễn, Ngọc Trân B1602504	Thân, Thị Ngọc Bích	2019	Đề tài luận văn trình bày những nhận thức chung về quyền của cá nhân đối với hình ảnh theo pháp luật dân sự hiện hành, từ đó chỉ ra những bất cập của các quy định và đưa ra giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật về quyền của cá nhân đối với hình ảnh.
3929	Đại học	Thay đổi người tiến hành tố tụng khi họ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ	Nguyễn, Hoàng Thuận C1700161	Mạc, Giáng Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về thay đổi người tiến hành tố tụng khi họ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ, quy định của pháp luật về thay đổi người tiến hành tố tụng khi họ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ, một số bất cập về thay đổi người tiến hành tố tụng khi họ không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.
3930	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRONG GIAI ĐOẠN ĐOẠN KHỞI TỐ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI	Đỗ, Tam Phúc B1411248	Mạc, Giáng Châu	2019	Luận văn trình bày các nội dung sau Chương 1: Những vấn đề chung về pháp nhân thương mại và khởi tố vụ án hình sự Chương 2: Những quy định của BLTTHS về hoạt động tố tụng trong giai đoạn khởi tố đối với pháp nhân thương mại Chương 3: Bất cập và giải pháp nâng cao hiệu quả khởi tố vụ án hình sự đối với pháp nhân thương mại.
3931	Đại học	Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	Nguyễn, Thị Diễm My B1610154	Mạc, Giáng Châu	2019	Đề tài luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố, các hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Những bất cập và hướng hoàn thiện để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.
3932	Đại học	Áp dụng nguyên tắc xác định sự thật vụ án trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự	Nguyễn, Minh Nhí C1700150	Mạc, Giáng Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày về việc áp dụng nguyên tắc xác định sự thật vụ án trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, chỉ ra một số hạn chế trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm đảm bảo việc thực hiện nguyên tắc.
3933	Đại học	Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người trong luật hình sự Việt Nam	Huỳnh, Anh Khoa B1602355	Lê, Quỳnh Phương Thanh	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về pháp luật về Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người trong luật hình sự Việt Nam, cấu thành tội phạm, định khung hình phạt, những bất cập, hoàn thiện về tội Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người trong luật hình sự Việt Nam
3934	Đại học	TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	PHẠM, HỮU NHIÊN	Lê, Quỳnh Phương Thanh	2019	Trên cơ sở việc tìm hiểu những quy định của Pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trên cơ sở Luật phòng, chống tham nhũng nước ta. Người viết đi sâu nghiên cứu và phân tích rõ bản chất tội tham ô. Đồng thời nêu ra những vấn đề và số liệu thực tiễn trong quá trình điều tra, xét xử. Từ đó, tìm ra nguyên nhân cơ bản và đề ra biện pháp xử lý và phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, còn đề ra những giải pháp thiết thực góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để việc phòng, chống tham ô, tham nhũng có hiệu quả.
3935	Đại học	QUYỀN TỰ DO KINH DOANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	Lê, Thị Lại B1502964	Thạch, Huôn	2019	Đề tài luận văn khái quát chung về quyền tự do kinh doanh, phân tích các quy định hiện hành về quyền tự do kinh doanh. Từ đó làm căn cứ để chỉ ra một số điểm bất cập trong hoạt động quản lý tổ chức kinh doanh và các kiến nghị giúp hoàn thiện quy định pháp luật về quyền tự do kinh doanh.
3936	Đại học	Quyền của người chuyển giới trong pháp luật Việt Nam	Diệp, Tấn DôB1502938	Thạch, Huôn	2019	Quyền của người chuyển giới trong pháp luật Việt Nam

3937	Đại học	Quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực báo chí theo Pháp luật Việt Nam	Trần, Nguyễn Khoa B1503146	Thạch, Huôn	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực báo chí theo pháp luật Việt Nam. Nêu ra thực trạng, chỉ ra một số bất cập, đồng thời cũng đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong lĩnh vực báo chí.
3938	Đại học	Quyền bình đẳng cơ hội được việc làm của người dân tộc thiểu số	Trương, Thị Nhã Nguyên B1510454	Thạch, Huôn	2019	Đề tài luận văn trình bày về khái quát chung về người dân tộc thiểu số và quyền bình đẳng trong cơ hội được việc làm của người dân tộc thiểu số và quy định của pháp luật về quyền bình đẳng trong cơ hội được việc làm của người dân tộc thiểu số.
3939	Đại học	Pháp luật về quyền riêng tư và quyền tự do bày tỏ ý kiến trong lĩnh vực an ninh mạng	Phạm, Hoàng Quốc B1510459	Thạch, Huôn	2019	Đề tài luận văn pháp luật về quyền riêng tư và quyền tự do bày tỏ ý kiến trong lĩnh vực an ninh mạng trình bày về các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền riêng tư và tự do bày tỏ ý kiến trong lĩnh vực an ninh mạng hiện nay, đồng thời đưa ra các thực trạng và các đề xuất kiến nghị góp phần hoàn thiện hơn các quy định khi áp dụng vào thực tiễn.
3940	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	TRẦN, THỊ HUỖNH NHI	NGUYỄN, NGỌC ANH	2019	nội dung đề tài viết về những vấn đề cơ bản về ngân hàng thương mại như: khái niệm, đặc điểm, hình thức tổ chức, vai trò và hoạt động của ngân hàng thương mại; đồng thời nghiên cứu xoay quanh những vấn đề liên quan đến phá sản ngân hàng thương mại bao gồm: điều kiện để xác định ngân hàng thương mại lâm vào tình trạng phá sản, thẩm quyền giải quyết phá sản, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn và trình tự thủ tục tiến hành hoạt động phá sản. Bên cạnh đó, đưa ra một số vấn đề có liên quan trực tiếp đến hoạt động này.
3941	Đại học	Quyền thỏa thuận của các đương sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án	Nguyễn, Thị Kim Anh B1502807	Cao, Nhất Linh	2019	Chương 1. Cơ sở lý luận và pháp lý về Quyền thỏa thuận của các đương sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án □ Khái niệm của kinh doanh, thương mại và khái niệm, đặc điểm của tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng như nêu ra hàng loạt nguyên nhân dẫn đến phát sinh tranh chấp và phân loại tranh chấp kinh doanh, thương mại □ Khái niệm và phân loại đương sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án. □ Khái niệm, phân loại và ý nghĩa của Quyền thỏa thuận của các đương sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án, đồng thời nêu lên quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về quyền này Chương 2. Quy định về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án - Hạn chế và hướng hoàn thiện Tiếp cận ở bốn giai đoạn: Quyền thỏa thuận của các đương sự trong giai đoạn khởi kiện; Quyền thỏa thuận của các đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; Quyền thỏa thuận của các đương sự khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến khi có bản án sơ thẩm; Quyền thỏa thuận của các đương sự sau khi có bản án sơ thẩm Mỗi giai đoạn tiếp cận theo ba bước -Phân tích quy định pháp luật -So sánh với pháp luật trọng tài Việt Nam và pháp luật nước ngoài -Hạn chế và hướng hoàn thiện

3942	Đại học	Pháp luật Việt Nam về thỏa thuận trọng tài vô hiệu	Lê, Thị Diễm Hương B1503141	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề khái quát chung về thỏa thuận trọng tài cũng như những vấn đề khái quát chung về thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Phân tích và chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu và đưa ra những kiến nghị hoàn thiện.
3943	Đại học	Pháp luật về công nhận kết quả hòa giải thành tranh chấp KD, TM ngoài Tòa án	Nguyễn, Thị Tiên B1503186	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại cũng như những lý luận chung về công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Phân tích và chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về công nhận kết quả hòa giải thành tranh chấp kinh doanh, thương mại ngoài Tòa án và đưa ra hướng hoàn thiện.
3944	Đại học	Pháp luật về Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn	Trần, Thị Thu Trà B1503188	Cao, Nhất Linh	2019	Chương 1. Cơ sở lý luận liên quan đến Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn - Lý luận về Công ty trách nhiệm hữu hạn. - Khái quát về Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn Chương 2. Quy định của pháp luật về Hội đồng thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn – Hạn chế và hướng hoàn thiện - Cơ cấu, tổ chức của Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn - Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn - Trình tự, thủ tục họp Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn - Nghị quyết của Hội đồng thành viên.
3945	Đại học	Pháp luật về tăng giảm vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn – hạn chế và hướng hoàn thiện	Nguyễn, Văn Khang B1502956	Cao, Nhất Linh	2019	Chương 1. Cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động thay đổi vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn - Lý luận về công ty trách nhiệm hữu hạn: Khái niệm, phân loại, đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn. - Lý luận về vốn điều lệ và hoạt động thay đổi vốn điều lệ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Chương 2. Quy định của pháp luật về hoạt động thay đổi vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn – Hạn chế và hướng hoàn thiện - Phân tích các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động tăng giảm vốn điều lệ cũng như tập trung nghiên cứu những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân dẫn đến bất cập liên quan đến việc tăng giảm vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn - Phân tích trình tự, thủ tục thực hiện tăng giảm vốn điều lệ trong nội bộ công ty và đối với cơ quan Nhà nước.
3946	Đại học	Chế tài bồi thường thiệt hại theo luật thương mại – thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện	Triệu, Cẩm Linh B1500264	Đoàn, Nguyễn Phú Cường	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Lý luận chung về chế tài bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại Chương 2: Quy định của pháp luật thương mại về chế tài bồi thường thiệt hại– thực tiễn và hướng hoàn thiện.
3947	Đại học	Hợp đồng mua bán lúa gạo theo pháp luật thương mại – Thực trạng và đề xuất hoàn thiện	Huỳnh, Thị Bích Vân B1503196	Đoàn, Nguyễn Phú Cường	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Khái quát hợp đồng mua bán lúa gạo Chương 2: Quyền và nghĩa vụ các bên trong hợp đồng mua bán lúa gạo

3948	Đại học	Căn cứ kiểm soát hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh năm 2018	Nguyễn, Thanh Điền	Võ, Hoàng Tâm	2018	Nội dung luận văn xoay quanh phân tích những căn cứ được pháp luật cạnh tranh năm 2018 dùng để kiểm soát hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trên thị trường bao gồm: thị trường liên quan; thị phần của doanh nghiệp; rào cản thị trường; công nghệ trong kinh doanh; cơ sở hạ tầng; chi phí và thời gian của khách hàng; các yếu tố đặc thù trong ngành, lĩnh vực. Cụ thể, người viết phân tích lý luận để có thể hiểu rõ những căn cứ nêu trên, phân tích quy định của pháp luật cạnh tranh về những căn cứ này, nêu lên bất cập cũng như đề xuất giải pháp để có khả năng áp dụng thực tiễn hết mức có thể.
3949	Đại học	Kiểm soát về giá dưới góc độ Luật cạnh tranh 2018 – Quy định pháp luật, một số bất cập và giải pháp hoàn thiện	Nguyễn, Vũ Luân	Võ, Hoàng Tâm	2018	Luận văn nêu lên các quy định kiểm soát về giá trong Luật cạnh tranh 2018, thông qua việc so sánh với các quy định của Luật cạnh tranh 2004 để tìm ra các điểm tiến bộ cũng như còn bất cập trong các quy định. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện Luật cạnh tranh 2018 về kiểm soát cạnh tranh về giá và xây dựng Nghị định hướng dẫn.
3950	Đại học	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng không giá rẻ	Trần, Thị Huỳnh Như	Võ, Hoàng Tâm	2018	Đề tài nêu khái quát về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng không giá rẻ và một số quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng không giá rẻ.
3951	Đại học	Bảo vệ quyền lợi người tham gia trong hoạt động bán hàng đa cấp	Huỳnh, Thị Thu Thảo	Võ, Hoàng Tâm	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hoạt động bán hàng đa cấp và người tham gia trong hoạt động bán hàng đa cấp, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tham gia trong hoạt động bán hàng đa cấp và những kiến nghị nhằm hoàn thiện về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tham gia trong hoạt động bán hàng đa cấp.
3952	Đại học	Quy định pháp luật về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính. Thực tiễn trên thị trường nước giải khát, một số bất cập và đề xuất giải pháp.	Phan, Thị Thảo Ngân	Võ, Hoàng Tâm	2018	Đề tài luận văn nghiên cứu quy định của pháp luật về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính. Bên cạnh đó tìm hiểu thêm về thực tiễn của hành vi này trên thị trường nước giải khát. Từ đó, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính và những kiến nghị nhằm hoàn thiện.
3953	Đại học	Luật điều ước quốc tế và liên hệ tiến trình ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Tô, Võ Trường Thanh	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về điều ước quốc tế và luật điều ước quốc tế, thực trạng của pháp luật Việt Nam về ký kết điều ước quốc tế từ đó liên hệ tiến trình ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, chỉ ra một số hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam về ký kết điều ước quốc tế và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về điều ước quốc tế.
3954	Đại học	Pháp luật về Quyền được bảo vệ và Thực trạng bảo vệ trẻ em khỏi bạo hành	Hoàng, Văn Thái Duy	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày lịch sử hình thành và khái quát chung về quyền trẻ em. Quy định về quyền được bảo vệ và bảo vệ trẻ em khỏi vấn nạn bạo hành. Thực trạng bạo hành, thực tiễn áp dụng và đề xuất hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi trẻ em.
3955	Đại học	Quy định về quyền được tự do đi lại, cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh và thực tiễn, áp dụng tại Cửa khẩu Dinh Bà, tỉnh Đồng Tháp	Mai, Vĩnh Quý	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung và quy định của pháp luật quốc tế về quyền con người, quyền tự do đi lại và cư trú. Thực trạng pháp luật Việt Nam về xuất cảnh, nhập cảnh và thực tiễn. Những thuận lợi khó khăn và giải pháp kiến nghị về xuất, nhập cảnh tại cửa khẩu Dinh Bà, tỉnh Đồng Tháp.

3956	Đại học	Thực trạng pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí	Võ, Quốc Khan	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày các vấn đề chung về môi trường không khí và pháp luật bảo vệ môi trường không khí. Pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ môi trường không khí. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không khí.
3957	Đại học	Quy chế pháp lý về vùng trời và liên hệ thực tiễn áp dụng ở Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Lê, Hữu Đạt	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về không phận quốc tế, không phận quốc gia và vùng nhận diện phòng không, quy chế pháp lý quốc tế và Việt Nam về vùng trời, thực tiễn, những thuận lợi, khó khăn giải pháp kiến nghị áp dụng về vùng trời ở Việt Nam.
3958	Đại học	Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Tòa trọng tài theo Phụ lục VII Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982	Lê, Thị Như Ngọc	Nguyễn, Tống Ngọc Như	2018	Đề tài luận văn trình bày về thẩm quyền, cách thức thành lập, thủ tục xét xử và thực tiễn giải quyết tranh chấp của Tòa trọng tài theo Phụ lục VII của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.
3959	Đại học	Hợp đồng nhượng quyền thương mại đối với nhãn hiệu	Trần, Thị Thiên Kim	Trần, Thị Cẩm Nhung	2018	Đề tài Luận Văn trình bày lý luận chung về hợp đồng nhượng quyền thương mại đối với nhãn hiệu, đồng thời chỉ ra bất cập trong hợp đồng nhượng quyền thương mại đối với nhãn hiệu và một số giải pháp hoàn thiện.
3960	Đại học	Kiểm soát hành vi tập trung kinh tế trong các thương vụ mua lại và sáp nhập có yếu tố nước ngoài theo pháp luật cạnh tranh 2018	Lê, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Mai Hân	2018	Phân tích các quy định pháp luật cạnh tranh về kiểm soát hành vi tập trung kinh tế trong các thương vụ mua lại và sáp nhập có yếu tố nước ngoài, và đề ra hướng hoàn thiện pháp luật
3961	Đại học	Quy định về vấn đề di cư trong luật quốc tế hiện đại và liên hệ thực tiễn áp dụng quyền được xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú ở Việt Nam	Danh, Nghĩa	Kim, Oanh Na	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền con người và quyền được di cư trong luật quốc tế hiện đại. Thực trạng pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp, nghĩa vụ và sự hợp tác giữa các quốc gia trong việc thúc đẩy di cư lành mạnh, công bằng, nhân đạo và hợp pháp.
3962	Đại học	Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh	Nguyễn, Thị Kim Thuy	Nguyễn, Mai Hân	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh của các doanh nghiệp và chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh.
3963	Đại học	Nghiên cứu và hoàn thiện một số điều khoản của hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa	Nguyễn, Hoàng Trung Quân	Nguyễn, Mai Hân	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về đại lý mua bán hàng hóa, hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa, phân tích các điều khoản cụ thể của hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa. Từ đó chỉ ra một số điểm bất cập trong quy định của pháp luật về hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa, góp ý cho các bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng và những kiến nghị cơ bản hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa.
3964	Đại học	Chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng kí giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với giao dịch ngoài sàn	Nguyễn, Thị Thanh Trúc	Nguyễn, Mai Hân	2018	Đề tài luận văn trình bày những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành điều chỉnh hoạt động chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng kí giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với giao dịch ngoài sàn, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp lý

3965	Đại học	Chế độ hưu trí – Thực trạng tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Trịnh, Nguyễn Ngọc Diễm	Võ, Thị Bảo Trâm	2018	Tìm hiểu một cách có hệ thống, chi tiết về quy định chế độ hưu trí trong bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ đó, làm rõ những bất cập trong quy định pháp luật về chế độ hưu trí. Ngoài ra, đề tài còn tìm hiểu về thực trạng áp dụng quy định pháp luật. Qua đó, đưa ra những giải pháp hoàn thiện về cơ sở pháp lý, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.
3966	Đại học	Trợ cấp cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động - Thực trạng tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bích Ngân	Võ, Thị Bảo Trâm	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về trợ cấp cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động hiện nay, phân tích các quy định pháp luật về các trợ cấp, đồng thời chỉ ra được những bất cập của các quy định về trợ cấp cho người lao động nhằm đưa những giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này.
3967	Đại học	Bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi – Thực trạng tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	Trịnh, Văn Linh	Võ, Thị Bảo Trâm	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi, quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi và thực trạng bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
3968	Đại học	Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp - Thực trạng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Đỗ, Hữu Nghĩa	Võ, Thị Bảo Trâm	2018	Tìm hiểu một cách có hệ thống, chi tiết về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Bộ luật Lao động 2012; Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ đó, làm rõ những bất cập trong quy định pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Ngoài ra, đề tài còn tìm hiểu về thực tiễn áp dụng quy định pháp luật. Qua đó, đưa ra những giải pháp hoàn thiện về cơ sở pháp lý, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.
3969	Đại học	Chấm dứt hợp đồng lao động và hậu quả pháp lý	Võ, Trần Anh Thư	Võ, Thị Bảo Trâm	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về chấm dứt hợp đồng lao động và hậu quả pháp lý, những quy định của pháp luật về chấm dứt hợp đồng lao động và hậu quả pháp lý, thực trạng, bất cập và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về chấm dứt hợp đồng lao động và hậu quả pháp lý.
3970	Đại học	Vai trò của Tòa án, Quản tài viên và Cơ quan thi hành án dân sự trong cơ chế giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và thi hành quyết định tuyên bố phá sản.	Mai, Thị Trúc Phương	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2018	Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến vị trí, vai trò của các chủ thể: Tòa án, Quản tài viên, Cơ quan thi hành án dân sự trong giải quyết thủ tục phá sản của doanh nghiệp, còn về phương diện luật thực định chủ yếu tập trung nghiên cứu các quy định về vai trò của Tòa án, Quản tài viên, Cơ quan thi hành án dân sự và sự phối hợp của các chủ thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hơn nữa, luận văn còn nghiên cứu vấn đề thực thi các quy định đó trên thực tế cũng như những khó khăn, vướng mắc phát sinh.
3971	Đại học	Nghiên cứu một số điều khoản trong hợp đồng tín dụng cho doanh nghiệp	Võ, Kim Nhi	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2018	Nghiên cứu các điều khoản bắt buộc phải có trong hợp đồng tín dụng cho doanh nghiệp dựa trên văn bản quy phạm pháp luật và các hợp đồng mẫu và hợp đồng đã ký kết của một số tổ chức tín dụng. Để từ đó làm sáng rõ nội dung của các điều khoản cũng như giúp cho hoạt động ký kết hợp đồng tín dụng giữa doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng diễn ra thuận lợi và hiệu quả. Bên cạnh đó, người viết cố gắng chỉ ra những điểm bất cập và đề xuất giải pháp để quy định pháp luật mang tính thực tiễn hơn.

3972	Đại học	Quy chế pháp lý về hoạt động kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại	Danh, Ngọc Thúy Ái	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2018	Đề tài luận văn nghiên cứu lý luận chung về hoạt động kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại, từ những phân tích quy định pháp luật tìm ra một số bất cập còn tồn tại trong quy định của pháp luật và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.
3973	Đại học	Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng Đại lý thương mại	Nguyễn, Đoàn Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hoạt động Đại lý thương mại và quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng đại lý thương mại, chỉ ra một số thiếu sót trong các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng đại lý và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật.
3974	Đại học	Pháp luật về thành lập và hoạt động của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	Nguyễn, Thị Sen	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2018	Đề tài luận văn trình bày tổng quan chung về logistics và dịch vụ logistics, quy định pháp luật về thành lập và hoạt động của thương nhân kinh doanh vận tải bằng đường biển, đường hàng không, kinh doanh dịch vụ kho bãi và dịch vụ chuyển phát, chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về logistics
3975	Đại học	Bảo hiểm xã hội tự nguyện – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện tại thành phố Cần Thơ	Thái, Yến Linh	Võ, Hoàng Yến	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về bảo hiểm xã hội tự nguyện, quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện và thực trạng và giải pháp hoàn thiện về bảo hiểm xã hội tự nguyện tại thành phố Cần Thơ
3976	Đại học	Đối thoại tại nơi làm việc – Thực trạng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Dương, Chú Ly	Võ, Hoàng Yến	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về đối thoại tại nơi làm việc, quy định pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc và thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
3977	Đại học	Bảo vệ quyền lợi lao động là người giúp việc gia đình - Thực trạng và giải pháp tại Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diễm Hương	Võ, Hoàng Yến	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về lao động là người giúp việc gia đình, thực trạng tại Cần Thơ, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về lao động này.
3978	Đại học	Giải quyết tranh chấp lao động bằng hòa giải – Bất cập và giải pháp hoàn thiện	Lê, Thị Anh Thư	Võ, Hoàng Yến	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát về giải quyết tranh chấp lao động; nêu ra những quy định của pháp luật có liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp lao động bằng hòa giải. Và sau cùng, luận văn nêu ra những bất cập trong quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động bằng hòa giải và đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế những bất cập đã nêu.
3979	Đại học	Pháp luật về xử lý doanh nghiệp chậm, trốn đóng bảo hiểm xã hội	Nguyễn, Thị Thuyền	Võ, Hoàng Yến	2018	Đề tài luận văn trình bày các quy định pháp luật về xử lý doanh nghiệp chậm, trốn đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, đưa ra thực trạng tình hình doanh nghiệp chậm, trốn đóng bảo hiểm xã hội nguyên nhân dẫn đến tình trạng cũng như những vướng mắc trong quá trình áp dụng những quy định pháp luật về việc xử lý doanh nghiệp chậm, trốn đóng bảo hiểm xã hội. Bài viết cũng đưa ra những giải pháp đề đấu tranh phòng chống cũng như xử lý hiệu quả doanh nghiệp vi phạm.
3980	Đại học	Pháp luật về Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ	Trương, Hoàng Nghĩa B1502865	Cao, Nhất Linh	2019	Chương 1 Cơ sở lý luận về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm m Chương 2 Những quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ - Hạn chế và hướng hoàn thiện.

3981	Đại học	Pháp luật về hoạt động cho vay của ngân hàng Chính sách Xã hội đối với học sinh-sinh viên	Phạm, Hoàng Bửu	Lê, Huỳnh Phương Chinh	2019	luận văn nghiên cứu là một số nội dung cơ bản trong hoạt động cấp tín dụng cho HSSV của NHCSXH như công tác quản lý, tổ chức và thực hiện trên cơ sở áp dụng các quy định pháp luật từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này.
3982	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ	NGUYỄN, MINH ĐOÀN	LÊ, HUỖNH PHƯƠNG CHINH	2019	Người viết chủ yếu tập trung nghiên cứu một số vấn đề trong phạm vi như sau: Thứ nhất, nêu khái niệm và vai trò của Ngân hàng Hợp tác xã, giới thiệu khái quát về quá trình hình thành và phát triển của loại hình tổ chức tín dụng này, khái quát về hoạt động cũng như đặc điểm về các hoạt động chủ yếu của Ngân hàng Hợp tác xã và mối quan hệ giữa Ngân hàng Hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân thành viên. Thứ hai, người viết nghiên cứu quy định pháp luật về các hoạt động chủ yếu của Ngân hàng Hợp tác xã cụ thể như sau: Đối với hoạt động huy động vốn người viết phân tích các hình thức huy động vốn của Ngân hàng Hợp tác xã qua hai đối tượng chính là khách hàng là Quỹ tín dụng nhân dân thành viên và khách hàng không là Quỹ tín dụng nhân dân thành viên và điều kiện và trình tự thủ tục của hoạt động này. Luận văn cũng nghiên cứu về hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng Hợp tác xã, hoạt động cho vay của Ngân hàng nhằm điều hòa vốn, cho vay xử lý khó khăn tạm thời về thanh khoản, cho vay hợp vốn và các hoạt động cho vay khác của Ngân hàng Hợp tác xã. Đối với hoạt động thanh toán và Ngân quỹ, thì người viết tập trung phân tích mô tài khoản thanh toán cho khách hàng, cung cấp các phương tiện thanh toán. Thứ ba, trên cơ sở tìm hiểu những quy định của pháp luật trong phạm vi trên, luận văn đề cập đến những tồn tại trong quá trình hoạt động của Ngân hàng Hợp tác xã và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
3983	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ PHÁT HÀNH THẺ NGÂN HÀNG THỰC TIỄN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK)	TRẦN, TUẤN KIỆT	LÊ, HUỖNH PHƯƠNG CHINH	2019	Luận văn được viết nhằm tìm hiểu những khái niệm cơ bản, nền tảng cơ sở pháp luật về các hoạt động phát hành thẻ ngân hàng, thực tiễn áp dụng pháp luật tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Bên cạnh đó luận văn cũng đưa ra những phương hướng để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này Cụ thể trong luận văn, người viết tập trung làm rõ các nội dung sau: Giới thiệu chung về thẻ ngân hàng và các hoạt động trong lĩnh vực thẻ của ngân hàng thương mại. Tiếp theo, người viết phân tích từ các quy định pháp luật về lĩnh vực phát hành thẻ ngân hàng. Cuối cùng, người viết tập trung vào thực tiễn việc áp dụng pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, từ đó đưa ra những giải pháp để hoàn thiện pháp luật về hoạt động thẻ của ngân hàng thương mại Việt Nam trong tương lai.
3984	Đại học	Pháp luật về hoạt động mua cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần	Nguyễn, Hoàng Khang B1503065	Lê, Huỳnh Phương Chinh	2019	Luận văn trình bày khái quát chung về ngân hàng thương mại cổ phần, cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần, qui định pháp luật về hoạt động mua cổ phần, thực trạng và một số hướng hoàn thiện pháp luật trong hoạt động mua cổ phần

3985	Đại học	Pháp luật về cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam	Phan, Quốc Khanh B1503144	Lê, Huỳnh Phương Chinh	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về tổ chức tài chính vi mô và quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, đánh giá về pháp luật điều chỉnh, thực trạng hoạt động của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện.
3986	Đại học	Pháp luật về xử lý kỷ luật lao động	Nguyễn, Ngọc Thuỳ Dương B1502940	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Đề tài luận văn pháp luật về xử lý kỷ luật lao động gồm 3 chương: Chương 1 Khái quát về xử lý kỷ luật lao động gồm các khái niệm, đặc điểm, mục đích và ý nghĩa, lược sử của xử lý kỷ luật lao động. Chương 2 Quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật lao động bao gồm các quy định của pháp luật về nội quy lao động, nguyên tắc và trình tự xử lý kỷ luật lao động, căn cứ áp dụng xử lý kỷ luật lao động, các hình thức xử lý kỷ luật lao động, thời hiệu xử lý kỷ luật lao động, xoá kỷ luật lao động, giám thời hạn kỷ luật lao động và tạm đình chỉ công việc. Chương 3 thực trạng pháp luật về xử lý kỷ luật lao động và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về xử lý kỷ luật lao động.
3987	Đại học	Pháp luật về thử việc và giao kết hợp đồng lao động – Thực trạng và giải pháp	Dương, Thị Diễm Hương B1503062	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về thử việc và giao kết hợp đồng lao động, những quy định của pháp luật về thử việc và giao kết hợp đồng lao động, thực trạng và những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về thử việc và giao kết hợp đồng lao động.
3988	Đại học	Pháp luật về hợp đồng lao động vô hiệu	Nguyễn, Thị Tuyết Ý B1502922	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Đề tài luận văn khái quát về hợp đồng lao động và hợp đồng lao động vô hiệu, phân tích quy định pháp luật về hợp đồng lao động vô hiệu, đưa ra một số bất cập và giải pháp nhằm hoàn thiện hợp đồng lao động vô hiệu
3989	Đại học	Pháp luật về lao động nữ - Thực trạng tại Khu công nghiệp An nghiệp	Lý, Xuân Nhẫn B1500288	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Đề tài luận văn pháp luật về pháp luật lao động nữ - Thực trạng tại Khu công nghiệp An Nghiệp gồm 3 chương: Chương 1 nêu về khái quát pháp luật về lao động nữ gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, sự cần thiết của quy định pháp luật đặc thù cho lao động nữ, lược sử quy định pháp luật về lao động nữ. Chương 2 Quy định pháp luật về lao động nữ. Chương 3 Thực trạng khảo sát tại Khu công nghiệp An Nghiệp, một số bất cập trong quy định pháp luật và đề xuất về lao động nữ, một số ý kiến nhằm thực thi pháp luật hiệu quả . Ngoài ra, nêu thực trạng về pháp luật lao động nữ tại Khu công nghiệp An Nghiệp.
3990	Đại học	Hành vi tấn công mạng và nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực trong pháp luật quốc tế	Nguyễn, Thị Ngọc Cẩm B1500209	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Trong bối cảnh Việt Nam cũng như cả thế giới đang bị đe dọa bởi hậu quả của nền công nghệ số hóa, hàng loạt quốc gia đang phải gánh chịu những hậu quả to lớn do tấn công mạng gây ra. Vì vậy, tác giả vận dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế đưa ra quan điểm cho rằng hành vi tấn công mạng được thực hiện bởi quốc gia là vi phạm nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực
3991	Đại học	Pháp luật về phòng chống tham nhũng - Liên hệ thực tiễn bảo vệ quyền con người tại Việt Nam	Thạch, Thị Thúy Hằng B1500233	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Chương 1: Khái quát về tham nhũng và quyền con người. Chương 2: Pháp luật về phòng chống tham nhũng Chương 3: Phòng chống tham nhũng và vấn đề bảo vệ quyền con người
3992	Đại học	Pháp luật quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu – thực tiễn áp dụng tại Việt Nam	Lê, Thái Nguyệt B1503084	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về ứng phó với biến đổi khí hậu, pháp luật quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, thực tiễn áp dụng tại Việt Nam về việc triển khai pháp luật quốc tế đối với công tác ứng phó biến đổi khí hậu song đưa ra những mặt hạn chế , yếu kém khi thực hiện và sau cùng là đề xuất giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện pháp luật, chính sách trong công tác ứng phó của quốc gia ngày càng hiệu quả

3993	Đại học	Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về ứng phó biến đổi khí hậu- liên hệ thực tiễn tại Đồng bằng sông Cửu Long	Lâm, Thị Mỹ Kim B1500256	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời tìm hiểu thực tiễn áp dụng ứng phó biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long.
3994	Đại học	Quyền hiến xác, bộ phận cơ thể của cá nhân sau khi chết theo pháp luật Dân sự Việt Nam	Cao, Thị Y Khoa B1502840	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Luận văn được trình bày lý luận chung về quyền hiến xác, bộ phận cơ thể của cá nhân sau khi chết qua đó nêu lên một số bất cập trong quy định của Luật hiến lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể và hiến, lấy xác năm 2006 là những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền hiến xác, bộ phận cơ thể của cá nhân sau khi chết.
3995	Đại học	Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về quyền hưởng dụng	Thạch, Thị Song Lanh B1502846	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền hưởng dụng và quy định của pháp luật các nước, quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về quyền hưởng dụng trong Bộ luật dân sự 2015, qua đó nêu ra một số bất cập trong quy định của Bộ luật dân sự 2015 và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền hưởng dụng.
3996	Đại học	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) dưới góc nhìn Luật Điều ước quốc tế	Danh, Thị Mộng Nghi B1503081	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Chương 1. Khái quát về Điều ước quốc tế, Luật Điều ước quốc tế và Hiệp định CPTPP Khái quát về quá trình hình thành, nội dung, nguyên tắc và ý nghĩa của Hiệp định CPTPP. Từ đó giúp người viết có cái nhìn chung về tổng thể của Hiệp định CPTPP và tầm ảnh hưởng của nó đối với pháp luật Việt Nam. Chương 2. Trình tự, thủ tục ký kết và hiệu lực của Hiệp định CPTPP Chủ thể thực hiện, thời gian, địa điểm tiến hành các thủ tục liên quan đến việc ký kết Hiệp định CPTPP và xem xét, đánh giá các trình tự, thủ tục của Hiệp định đã phù hợp với pháp luật quốc tế, cụ thể là Công ước Viên 1969 về Luật Điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế 2016 như thế nào. Chương 3. Vấn đề đảm bảo thi hành và áp dụng Hiệp định CPTPP Các nguyên tắc đảm bảo thực hiện CPTPP và những thuận lợi, khó khăn trong việc áp dụng CPTPP. Đồng thời, dưới góc độ lý luận, đưa ra những giải pháp để có thể áp dụng CPTPP một cách hiệu quả nhất vào tình hình kinh tế, xã hội của Việt Nam.
3997	Đại học	Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về hội – Thực tiễn tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Sánh B1503174	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày nhận thức chung về hội, quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành về hội. Thực tiễn giải quyết tranh chấp trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
3998	Đại học	Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai	Nguyễn, Liêu Hẫu B1503059	Nguyễn, Thanh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai và quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, chỉ ra một số hạn chế trong quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.
3999	Đại học	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) nhìn từ góc độ luật Điều ước quốc tế.	Tô, Tấn Đạo C1700136	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề khái quát về luật Điều ước quốc tế và Hiệp định CPTPP, trình tự, thủ tục ký kết hiệp định CPTPP và kiến nghị giải pháp khắc phục khó khăn cho Việt Nam khi tham gia vào quá trình ký kết các Điều ước quốc tế.

4000	Đại học	Đàm phán điều ước quốc tế và liên hệ thực tiễn đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA)	Luu, Thị Thanh Thảo B1409987	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về trình tự, thủ tục ký kết điều ước quốc tế và giai đoạn đàm phán điều ước quốc tế. Phân tích một số quy định của pháp luật Việt Nam về đàm phán điều ước quốc tế và liên hệ thực tiễn giai đoạn đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA).
4001	Đại học	Phòng, chống tội cướp biển theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam – Liên hệ thực tiễn hợp tác giữa Việt Nam và các nước trong khu vực	Bùi, Lê Hoài Bảo B1602564	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày những quy định phòng, chống tội cướp biển theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, liên hệ thực tiễn hợp tác giữa Việt Nam với các nước trong khu vực trong hoạt động phòng, chống tội cướp biển, nghiên cứu về các chủ thể có trách nhiệm theo pháp luật Việt Nam
4002	Đại học	Pháp luật về kinh doanh sản xuất mỹ phẩm	Đinh, Thị Hồng Nhung B1503166	Nguyễn, Mai Hân	2019	Nội dung luận văn gồm 3 chương Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về hoạt động sản xuất mỹ phẩm Chương 2: Quy định pháp luật về sản xuất mỹ phẩm tại Việt Nam Chương 3: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và sản xuất mỹ phẩm
4003	Đại học	Pháp luật về hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa	Võ, Thị Diễm Hương B1503142	Nguyễn, Mai Hân	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về ủy thác mua bán hàng hóa, hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, phân tích các điều khoản cụ thể của hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa. Từ đó chỉ ra một số điểm bất cập trong quy định của pháp luật về hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, đưa ra những kiến nghị cơ bản hoàn thiện các quy định pháp luật về hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa.
4004	Đại học	Chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên – lý luận và thực tiễn	Ngô, Thị Thùy Mơ B1310123	Nguyễn, Mai Hân	2019	Nội dung luận văn gồm 3 chương Chương 1: Lý luận chung về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Chương 2: Quy định pháp luật về chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Chương 3: Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật và đề xuất hoàn thiện pháp luật về chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
4005	Đại học	Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong pháp luật Quốc tế và pháp luật Việt Nam	Danh, Nét C1700104	Nguyễn, Tổng Ngọc Như	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được quy định trong pháp luật quốc tế và các văn bản pháp luật của Việt Nam. Chỉ ra những bất cập trong việc quản lý và bảo đảm về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.
4006	Đại học	Pháp luật về Thành lập, hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ Hộ kinh doanh	Lê, Phương Thảo B1602394	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài Luận văn trình bày khái quát về thành lập hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, thực trạng về thành lập, hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, từ đó đưa ra giải pháp và hướng hoàn thiện 64 trang
4007	Đại học	Pháp luật về hoạt động đầu tư theo hình thức mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Hạn chế và hướng hoàn thiện	Phan, Tấn Đạt B1602339	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài luận văn nghiên cứu tổng quát các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hình thức mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam từ đó tìm ra những điểm hạn chế trong quy định và kiến nghị hoàn thiện.
4008	Đại học	Pháp luật xử lý vi phạm hành chính về thuế	Nguyễn, Thị Mỹ Tiên B1602309	Lê, Huỳnh Phương Chinh	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về vi phạm hành chính về thuế và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về thuế của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính về thuế.

4009	Đại học	Pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi. Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện	Trần, Thùy Vân B1301748	Lê, Huỳnh Phương Chinh	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung hoạt động Bảo hiểm tiền gửi, phân tích các quy định hiện hành của pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi. Từ đó chỉ ra một số bất cập và định hướng hoàn thiện pháp luật về Bảo hiểm tiền gửi.
4010	Đại học	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ	Lê, Kim Quyến B1602292	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và việc bảo vệ quyền lợi bên mua bảo hiểm, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về việc bảo vệ quyền lợi bên mua bảo hiểm và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
4011	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thuê nhà ở	Nguyễn, Ngọc Trúc Phương C1700128	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Khái quát chung về hợp đồng thuê nhà ở Chương 2: Quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thuê nhà ở - Bất cập và hướng hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng thuê nhà ở.
4012	Đại học	Quy chế pháp lý về chuyển nhượng vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Nguyễn, Thị Tuyết Nhi B1502990	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về lý luận và quy định pháp luật có liên quan về chuyển nhượng vốn của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gồm những nội dung lý luận chung như: Điều kiện chuyển nhượng vốn; chủ thể chuyển nhượng vốn; hình thức chuyển nhượng là một phần hoặc toàn bộ số vốn; trình tự, thủ tục chuyển nhượng vốn trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên dưới góc độ của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các nghị định khác có liên quan.
4013	Đại học	Pháp luật về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp tại Việt Nam	Nguyễn, Thị Ngoan B1602276	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Chương 1 Lý luận chung về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp người viết sẽ trình các nội dung về hộ kinh doanh, doanh nghiệp, khái niệm chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Chương 2 Quy định của pháp luật về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp thì người viết phân tích đánh giá các quy định pháp luật, tiềm ra điểm bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp.
4014	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	Ngô, Kiều Đông B1602434	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
4015	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài – Thực trạng và hướng hoàn thiện	Nguyễn, Thị Huỳnh Như B1602380	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Đề tài luận văn trình bày một số lý luận chung và quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài, từ đó chỉ ra một số bất cập trong xã hội và quy định pháp luật về vấn đề kết hôn có yếu tố nước ngoài và đưa ra hướng hoàn thiện nhằm xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật, khắc phục hệ lụy về vấn đề này.
4016	Đại học	Pháp luật Việt Nam về vấn đề ly hôn có yếu tố nước ngoài – Bất cập và hướng hoàn thiện.	Nguyễn, Tấn Đạt B1610106	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; Bất cập và hướng hoàn thiện về vấn đề ly hôn có yếu tố nước ngoài.
4017	Đại học	Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài.	Phan, Phi Long B1602171	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài.

4018	Đại học	Pháp luật về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư – hạn chế và hướng hoàn thiện	Nguyễn, Thị Ngọc Trinh B1602506	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quy định của pháp luật về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong bốn vấn đề chính: trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Từ những quy định của pháp luật, chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
4019	Đại học	Pháp luật Việt Nam về ưu đãi đầu tư. Hạn chế và hướng hoàn thiện.	Nguyễn, Trần Hữu Ngọc Thảo Vi B1409998	Cao, Nhất Linh	2019	Đề tài Luận văn trình bày khái quát chung về ưu đãi đầu tư; các quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư 2014 và dẫn chiếu đến các luật, nghị định, thông tư có liên quan; bất cập và hướng hoàn thiện các quy định pháp luật mang tính chất ưu đãi đầu tư.
4020	Đại học	Pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai	Phan, Thị Thúy	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, quy định của pháp luật về một số điều khoản của hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai và những kiến nghị, hướng hoàn thiện.
4021	Đại học	Pháp luật quốc tế về quyền của dân tộc thiểu số và liên hệ thực tiễn quyền bảo tồn ngôn ngữ của người khmer ở tỉnh An Giang.	Néang, Trà My B1500275	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn Pháp luật quốc tế về quyền của dân tộc thiểu số và liên hệ thực tiễn quyền bảo tồn ngôn ngữ của người khmer ở tỉnh An Giang gồm 3 chương: Chương 1 nêu về khái quát chung về quyền con người và dân tộc thiểu số, các khái niệm liên quan đến quyền của con người, người dân tộc thiểu số, đặc điểm, lịch sử hình thành quyền con người và dân tộc thiểu số. Chương 2 những quy định của pháp luật, chương này nêu ra những quy định ở pháp luật Việt Nam và pháp luật được quốc tế ghi nhận. Chương 3 Thực tiễn áp dụng những thuận lợi khó khăn và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật về quyền của dân tộc thiểu số tại tỉnh An Giang, chương này nêu thực tiễn áp dụng quyền của dân tộc thiểu số tại tỉnh An Giang, hướng đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và thực tiễn áp dụng về quyền của dân tộc thiểu số của người khmer tại tỉnh An Giang

4022	Đại học	Pháp luật về quyền học tập của trẻ em và thực tiễn áp dụng cho trẻ em dân tộc thiểu số tại tỉnh Trà Vinh.	Nguyễn, Hà Sanh B1503095	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn Pháp luật về quyền học tập của trẻ em và thực tiễn áp dụng cho trẻ em dân tộc thiểu số tại tỉnh Trà Vinh gồm 3 chương: Chương 1 nêu về khái quát chung về trẻ em và quyền được học tập của trẻ em, chương này nêu lược sử phát triển quyền của trẻ em, các khái niệm liên quan đến trẻ em, người dân tộc thiểu số, quyền học tập của trẻ em, quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số; mục đích, ý nghĩa quyền học tập của trẻ em; các nguyên tắc của Liên Hợp Quốc về trẻ em và quyền của trẻ em. Chương 2 Thực trạng pháp luật quốc tế và Việt Nam về quyền học tập của trẻ em, chương này nêu những quy định chung về quyền học tập của trẻ em; những quy định về quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số theo pháp luật Việt Nam; các chủ thể ở Việt Nam thực hiện quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số. Chương 3 Thực tiễn áp dụng những thuận lợi khó khăn và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật về quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số tại tỉnh Trà Vinh, chương này nêu thực tiễn áp dụng quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số tại tỉnh Trà Vinh, hướng đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và thực tiễn áp dụng về quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số tại tỉnh Trà Vinh
4023	Đại học	Pháp luật về phân định biên giới quốc gia và thực tiễn áp dụng giữa Việt Nam và Campuchia	Trần, Thanh Tài B1500311	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn Pháp luật về phân định biên giới quốc gia và thực tiễn áp dụng giữa Việt Nam và Campuchia gồm 3 chương: Chương 1 nêu về khái quát chung về các khái niệm như biên giới, lãnh thổ và phân định biên giới quốc gia từ đó nêu lên các loại biên giới quốc gia và cơ sở cấu thành nên biên giới quốc gia. Chương 2 thực trạng pháp luật về phân định biên giới quốc gia sẽ trình bày quy định pháp luật hiện nay về phân định biên giới quốc gia. Chương 3 thực tiễn, những kết quả đạt được, khó khăn và những giải pháp đề xuất trong phân định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia chương này sẽ trình bày về khái quát phân định biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, những kết quả đạt được và những khó khăn còn tồn tại trong quá trình phân định biên giới quốc gia, cuối cùng trình bày những hướng khắc phục <u>những khó khăn này.</u>
4024	Đại học	Pháp luật và thực tiễn về quyền của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế	Nguyễn, Thị Kiều Diễm B1503051	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về các quyền của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế và thực trạng quy định về quyền của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam.
4025	Đại học	Pháp luật Quốc tế về quyền của phụ nữ và thực trạng bảo vệ quyền của phụ nữ trong xét xử hình sự ở Việt Nam	Trần, Thị Thúy Ngân B1502863	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn trình bày về lý luận chung về quyền con người và quyền của phụ nữ, thực trạng bảo vệ quyền của phụ nữ trong xét xử hình sự ở Việt Nam.
4026	Đại học	Pháp luật bảo vệ môi trường làng nghề và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Trà Vinh	Thạch, Thị Anh Thư B1503106	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về làng nghề và cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường làng nghề, thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề, thực tiễn áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường làng nghề tại tỉnh Trà Vinh và giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật bảo vệ môi trường làng nghề.
4027	Đại học	Pháp luật về hoạt động quảng cáo ngoài trời	Bùi, Thị Thúy Duy B1503131	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2019	Đề tài luận văn trình bày những nội dung cơ bản về quảng cáo thương mại, quảng cáo thương mại ngoài trời. Bên cạnh đó, chỉ ra một số bất cập trong quy định pháp luật và đề xuất hoàn thiện các quy định cho hoạt động quảng cáo ngoài trời.

4028	Đại học	Pháp luật Quốc tế và Việt Nam về phòng chống bóc lột lao động trẻ em.	Thị, Mộng Trinh B1502912	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận về phòng chống bóc lột lao động trẻ em, pháp luật Quốc tế và pháp luật Việt Nam về phòng chống bóc lột lao động trẻ em và thực trạng thực thi pháp luật và phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng chống bóc lột lao động trẻ em.
4029	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài- Thực trạng và giải pháp	Văn, Thúy Vy B1503038	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: Lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về vấn đề kết hôn có yếu tố nước ngoài
4030	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài- Thực trạng và giải pháp.	Lê, Thị Hoàng Uyên B1503034	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: Lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về quan hệ thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài.
4031	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài- Thực trạng và giải pháp.	Đỗ, Văn Tâm B1503175	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: Lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
4032	Đại học	Pháp luật Việt Nam về vấn đề ly hôn có yếu tố nước ngoài.	Nguyễn, Thị Ngọc Hân B1310621	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: Lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về vấn đề ly hôn có yếu tố nước ngoài
4033	Đại học	Pháp luật Việt Nam về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài	Trương, Dương Thục Nhi B1502991	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Bộ cục luận văn gồm 2 chương: Chương 1 trình bày lý luận chung về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài, chương 2 trình bày các quy định của pháp luật Việt Nam về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng có yếu tố nước ngoài, thực tiễn, bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện.
4034	Đại học	Pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài.	Nguyễn, Như Bình B1503126	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Đề tài chỉ ra mối quan hệ thừa kế và thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài, giải quyết vấn đề xung đột pháp luật và đi đến lựa chọn pháp luật áp dụng để giải quyết vấn đề, đi sâu vào phân tích những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành khi pháp luật Việt Nam được áp dụng để giải quyết. Từ quá trình nghiên cứu đề tài nhận thấy một số bất cập từ quy định pháp luật cũng như quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết từ đó đề ra những giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật.
4035	Đại học	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Trọng tài theo pháp luật Việt Nam	Nguyễn, Phúc Hậu B1502949	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Đề tài làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về tranh chấp thương mại quốc tế và Trọng tài thương mại quốc tế ; cụ thể là tìm hiểu những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bao gồm: các khái niệm liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Trọng tài; thỏa thuận trọng tài; luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Trọng tài; vấn đề công nhận và thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; trên cơ sở Luật Trọng tài thương mại 2010, Bộ luật dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật Thương mại năm 2005. Trên cơ sở đó người viết nêu ra những quy định của pháp luật Việt Nam và thực trạng giải quyết từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật trọng tài trong nước, góp phần phát triển hơn phương thức này tại Việt Nam.

4036	Đại học	Pháp luật về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền B1500247	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày về các quy định về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng thương mại điện tử và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử.
4037	Đại học	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư	Ngô, Bá Lộc B1503154	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư, bao gồm các chủ thể chủ đầu tư, Ban quản trị nhà chung cư và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. Ngoài ra doanh nghiệp còn cung cấp một số dịch vụ cho nhà chung cư và thực hiện trên cơ sở hợp đồng. Từ những hoạt động trên thì còn tồn tại một số bất cập trong việc áp dụng pháp luật vào thực tiễn và một số đề xuất nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật.
4038	Đại học	Quyền mua nhà ở thương mại của người nước ngoài tại Việt Nam	Huỳnh, Thiệu Xuân Mai B1310122	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về quyền mua nhà ở thương mại của người nước ngoài tại Việt Nam hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quyền mua nhà ở thương mại của người nước ngoài và những kiến nghị nhằm hoàn thiện những quy định trên.
4039	Đại học	Pháp Luật Việt Nam về chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản	Phạm, Thị Huỳnh Như B1500295	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản, phân tích quy định về điều kiện trình tự thủ tục khi chuyển nhượng dự án án và quyền, nghĩa vụ của các bên. Bên cạnh đó nêu ra các bất cập trong quy định pháp luật đồng thời đề xuất một số kiến nghị.
4040	Đại học	Pháp luật về doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài kinh doanh bất động sản tại Việt Nam	Đinh, Quốc Tuấn B1503031	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Luận văn trình bày Tổng quan về doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài kinh doanh bất động sản. Phân tích quy định của pháp luật về đầu tư kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp có nguồn vốn từ nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời luận văn trình bày thực trạng và hướng hoàn thiện pháp luật về kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp có nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài
4041	Đại học	Pháp luật về tài chính hợp tác xã	Huỳnh, Thị Bích Trâm B1502908	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2018	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về hợp tác xã, lý luận chung về tài chính hợp tác xã. Sau đó là các quy định của pháp luật hiện hành về tài chính hợp tác xã. Cuối cùng chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về tài chính hợp tác xã và những kiến nghị hoặc giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về tài chính hợp tác xã.
4042	Đại học	So sánh chế định vi phạm cơ bản hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam và Công ước Viên 1980	Lê, Hồng Quân B1502880	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2018	Đề tài so sánh chế định vi phạm cơ bản hợp đồng thương mại theo pháp luật Việt Nam và Công ước Viên 1980 gồm ba chương. Chương một, khái quát vi phạm cơ bản hợp đồng; chương hai, quy định pháp luật Việt Nam và Công ước Viên 1980 về vi phạm cơ bản hợp đồng; chương ba, thực tiễn áp dụng pháp luật và giải pháp hoàn thiện quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng thương mại trong pháp luật Việt Nam
4043	Đại học	Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại	Đinh, Tấn Phong B1500299	Trần, Thị Cẩm Nhung	2019	Trong đề tài này, người viết tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại. Cũng như người viết đề cập đến những thực tiễn và một số bất cập, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại.

4044	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quan hệ thừa kế theo pháp luật có yếu tố nước ngoài.	Võ, Trường Giang B1503136	Bùi, Thị Mỹ Hương	2019	Nội dung luận văn bao gồm các vấn đề về sau: lý luận chung; quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; thực trạng và hướng hoàn thiện về vấn đề thừa kế theo pháp luật có yếu tố nước ngoài
4045	Đại học	Quy chế pháp lý bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam	Phạm, Thị Ngọc Linh B1503074	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2018	Đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận về bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam hiện nay; các quy định của pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp đang có hiệu lực; từ đó xác định nguyên nhân thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp.
4046	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO - THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN	HỒ, VĂN MỪNG	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2018	Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, Luận văn chỉ nghiên cứu các quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: Điều kiện được hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, các nội dung hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, cơ quan có trách nhiệm trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Các cơ sở pháp lý để người viết tìm hiểu, bao gồm: Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 3 năm 2018 “Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa” và các văn bản có liên quan. Thông qua việc tìm hiểu, người viết sẽ nêu ra những điểm còn bất cập trong quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.
4047	Đại học	Chế định bảo lãnh trong hoạt động bán, cho thuê mua nhà ở thương mại hình thành trong tương lai	Thạch, Thị Cẩm Hường B1503143	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về bảo lãnh ngân hàng trong hoạt động bán, cho thuê mua nhà ở thương mại hình thành trong tương lai và quy định của pháp luật về bảo lãnh của các ngân hàng thương mại đối với chủ đầu tư trong hoạt động bán, cho thuê mua nhà ở thương mại hình thành trong tương lai, chỉ ra thực trạng và một số bất cập trong quy định của pháp luật về bảo lãnh trong hoạt động bán, cho thuê mua nhà ở thương mại hình thành trong tương lai và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật.
4048	Đại học	Pháp luật về hợp đồng theo mẫu trong hoạt động thương mại tại Việt Nam	Lộc, Lý Linh B1502848	Đoàn, Nguyễn Minh Thuận	2018	Lý luận chung về hợp đồng theo mẫu trong hoạt động thương mại tại Việt Nam. Nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật về hợp đồng theo mẫu trong hoạt động thương mại tại Việt Nam, đi sâu vào vấn đề đăng ký và sử dụng, thực hiện hợp đồng theo mẫu. Từ đó đưa ra những bất cập và hướng hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng theo mẫu trong hoạt động thương mại tại Việt Nam

4049	Đại học	Pháp luật về đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh ở Việt Nam	Lâm, Mộng Tuyền B1503193 .	Phạm, Mai Phương	2018	luận văn xoay quanh những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh ở Việt Nam, phân tích những quy định pháp luật về chủ thể, đối tượng hợp đồng, hình thức và trình tự ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh. Từ những tìm hiểu về hợp đồng hợp tác kinh doanh trong hệ thống pháp luật hiện hành còn tồn tại nhiều hạn chế liên quan đến áp dụng trên thực tế. Qua đó người viết có một số khuyến nghị sửa đổi bổ sung để hoàn thiện những quy định về mặt lý luận và khả năng áp dụng thực tế. Luận văn có bố cục như sau: Chương 1 Lý luận chung về hợp đồng đầu tư theo hình thức hợp tác kinh doanh Chương 2 Những quy định pháp luật về hợp đồng đầu tư theo hình thức hợp tác kinh doanh Chương 3 Thực trạng quy định pháp luật về hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) ở Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện
4050	Đại học	Pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên B1503021	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày những điều kiện cơ bản của các bên khi tham gia và thực hiện hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật và những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.
4051	Đại học	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ đòi nợ	Lê, Thị Ngọc Sang B1500306	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày Những vấn đề chung về đòi nợ, kinh doanh dịch vụ đòi nợ và pháp luật về kinh doanh dịch vụ đòi nợ. Một số vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ đòi nợ. Thực trạng và một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về kinh doanh dịch vụ đòi nợ.
4052	Đại học	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ bảo vệ	Tạ, Thị Thu Trang B1500344	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày khái quát chung về kinh doanh dịch vụ bảo vệ, một số quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ bảo vệ và nêu ra thực tiễn hiện nay về kinh doanh dịch vụ bảo vệ và một số đề xuất để hoàn thiện những hạn chế pháp luật.
4053	Đại học	Bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử theo quy định của pháp luật Việt Nam	Trần, Thị Bích Tuyền B1503115	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài luận văn trình bày những lý luận của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử, quy định của pháp luật, thực trạng, một số hạn chế từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử theo quy định của pháp luật Việt Nam
4054	Đại học	Pháp luật về kinh doanh rượu	Danh, Thị Ngọc Giàu B1500226	Phạm, Mai Phương	2018	Luận văn tìm hiểu tổng quan các quy định của pháp luật quy định về các hình thức sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phân phối rượu, bán buôn rượu và bán lẻ rượu. Các quy định đó bao gồm: Điều kiện kinh doanh của chủ thể; Giấy phép kinh doanh; Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh rượu; Các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh rượu. Từ đó, đưa ra những bất cập trong việc áp dụng quy định và giải pháp để hoàn thiện.
4055	Đại học	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.	Diệp, Cẩm Nhu B1500291	Phạm, Mai Phương	2018	Đề tài Luận văn Pháp luật về kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện trình bày Những vấn đề lý luận chung về kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, Quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện và Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.
4056	Đại học	Quy định pháp luật về tiết kiệm thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Minh Quân B1503092	Nguy, Ngọc Anh	2019	Quy định pháp luật về tiết kiệm thực trạng và giải pháp

4057	Đại học	Pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công	Hoàng, Hải Vy B1500357	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công. Đồng thời luận văn còn nêu lên quy định pháp luật – thực trạng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân về tiền lương, tiền công.
4058	Đại học	Quy định về giám trừ gia cảnh trong thuế thu nhập cá nhân và thực tiễn áp dụng	Nguyễn, Nhật Trường B15003192	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát pháp luật về giám trừ gia cảnh trong thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công. Đồng thời luận văn còn nêu lên quy định pháp luật – thực trạng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật giám trừ gia cảnh trong thuế thu nhập cá nhân thu nhập từ tiền lương, tiền công.
4059	Đại học	TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI TỈNH SÓC TRĂNG	TRẦN, THỊ NGỌC GIÀO B1502827	VÕ, HOÀNG YẾN	2019	Đề tài nghiên cứu những quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động – thực trạng và giải pháp tại tỉnh Sóc Trăng người viết chỉ tập trung nghiên cứu về trách nhiệm của người sử dụng lao động phải thực hiện khi chấm dứt hợp đồng lao động trong doanh nghiệp không nghiên cứu về giải quyết tranh chấp phát sinh khi chấm dứt. Đồng thời phân tích những quy định của pháp luật về trách nhiệm của người sử dụng lao động khi hợp đồng lao động chấm dứt, nêu ra thực trạng thực hiện trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động tại tỉnh Sóc Trăng và những bất cập trong quy định Bộ luật Lao động năm 2012 và đưa ra đề xuất hoàn thiện.
4060	Đại học	Pháp luật về Quỹ đầu tư chứng khoán	Nguyễn, Trung Hiếu B1202397	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn chỉ ra một số khác biệt giữa luật chứng khoán 2006 và Luật chứng khoán 2010 qua đó tìm ra một số bất cập và kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về Quỹ đầu tư chứng khoán
4061	Đại học	Chế độ ốm đau, thai sản - Thực trạng và giải pháp tại công ty TNHH Trường Phát	Hồ, Kim Ngọc B1503082	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài luận văn trình bày các vấn đề về bảo hiểm xã hội bắt buộc nói chung , phân tích quy định về chế độ ốm đau, thai sản trong pháp luật bảo hiểm xã hội và thực trạng, giải pháp ở Công ty TNHH Trường Phát
4062	Đại học	Miễn trừ đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh – Một số bất cập và giải pháp hoàn thiện	Tổng, Phi Phụng B1503170	Võ, Hoàng Tâm	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; quy định miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh Tranh 2018, so sánh tương quan với Luật Cạnh tranh 2004; và chỉ ra một số bất cập và giải pháp hoàn thiện về quy định miễn trừ
4063	Đại học	Pháp luật về phá sản ngân hàng thương mại – Thực trạng và giải pháp	Ngô, Diệu Ái B1502927	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát pháp luật về phá sản ngân hàng thương mại, điều kiện để xác định một ngân hàng thương mại lâm vào tình trạng phá sản. Phân tích quy định về trình tự thủ tục giải quyết phá sản ngân hàng thương mại. Đồng thời nói đến thực trạng cũng như giải pháp trong vấn đề phá sản ngân hàng thương mại của nước ta.
4064	Đại học	Pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, thực trạng và phương hướng hoàn thiện	Trần, Thị Mỹ Ôn B1503168	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Đồng thời luận văn còn nghiên cứu quy định pháp luật – thực trạng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

4065	Đại học	Giải quyết quyền lợi cho người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp – Thực tiễn ở Thành phố Cần Thơ.	Phan, Thị Cẩm Trinh B1503191	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài luận văn trình bày về quy định pháp luật về việc giải quyết quyền lợi cho người lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thực tiễn về việc giải quyết quyền lợi ở Thành phố Cần Thơ.
4066	Đại học	Pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng	Lê, Thị Phương Thảo B1500317	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về tổ chức tín dụng và quy chế kiểm soát đặc biệt của nước ta hiện nay, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng và những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về kiểm soát đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng.
4067	Đại học	Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật Cạnh tranh 2018	Vũ, Thị Hương B1502955	Võ, Hoàng Tâm	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường Chương 2: Quy định pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường-Một số bất cập và đề xuất giải pháp
4068	Đại học	Bình đẳng giới trong pháp luật lao động – Thực trạng và giải pháp ở Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh An	Đinh, Thảo Chi B1503049	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bình đẳng giới, phân tích quy định về bình đẳng giới trong pháp luật lao động và thực trạng, giải pháp ở Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh An
4069	Đại học	Pháp luật về bán hàng đa cấp - Thực trạng và giải pháp	Lê, Chí Dũng B1500221	Võ, Hoàng Tâm	2019	Đề tài luận văn trình bày pháp luật về bán hàng đa cấp, chỉ ra những khó khăn, bất cập trong quản lý hoạt động bán hàng đa cấp hiện nay và những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật bán hàng đa cấp.
4070	Đại học	Quy định pháp luật về quảng cáo ngoài trời – một số bất cập và giải pháp hoàn thiện	Đặng, Chí Tài B1503096	Võ, Hoàng Tâm	2019	Nội dung luận văn gồm 3 chương Chương 1: Khái quát về quảng cáo ngoài trời Chương 2: Những quy định pháp luật về quảng cáo ngoài trời Chương 3: Một số bất cập và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quảng cáo ngoài trời ở Việt Nam
4071	Đại học	Pháp luật về Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản – thực tiễn tại Thành phố Cần Thơ.	Đinh, Lan Chi B1602330	Đoàn, Nguyễn Phú Cường	2019	Đề tài luận văn trình bày về pháp luật về Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, vai trò, nguyên tắc, quá trình hình thành và phát triển của chế định Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. Các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ; những hành vi bị cấm; việc thay đổi, từ chối, tạm đình chỉ, đình chỉ, chi phí Quản tài viên và doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và nêu thực tiễn, bất cập và kiến nghị hoàn thiện pháp luật trên cả nước cũng như tại Thành phố Cần Thơ.
4072	Đại học	Quy định của pháp luật Việt Nam về ly hôn có yếu tố nước ngoài, thực trạng và giải pháp	Huỳnh, Kim Tuyền B1602558	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát một số vấn đề về ly hôn có yếu tố nước ngoài, quy định của pháp luật Việt Nam về ly hôn có yếu tố nước ngoài, thẩm quyền của Tòa án Việt Nam, vấn đề lựa chọn pháp luật áp dụng, việc công nhận và cho thi hành bản án quyết định ly hôn của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam.
4073	Đại học	Pháp luật Việt Nam về hợp đồng nhượng quyền thương mại.	Trần, Huỳnh Uyên. B1602224.	Đoàn, Nguyễn Phú Cường.	2019	Đề tài luận văn trình bày quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng nhượng quyền thương mại. Phân tích quy định pháp luật về nhượng quyền thương mại, đồng thời đi sâu nghiên cứu quy định về hợp đồng nhượng quyền thương mại tìm ra những điểm chưa hợp lý còn bất cập trong quy định pháp luật về hợp đồng nhượng quyền thương mại và tìm những kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật.

4074	Đại học	Pháp luật về hợp đồng trong thủ tục phá sản – Bất cập và kiến nghị hoàn thiện	Đỗ, Thị Thúy Hoa B1602347	Đoàn, Nguyễn Phú Cường	2019	Đề tài luận văn trình bày tổng quan về định chế phá sản trong pháp luật Việt Nam, đồng thời trình bày mối quan hệ giữa hợp đồng với thủ tục phá sản, chỉ ra các trường hợp tuyên bố giao dịch vô hiệu cũng như các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng. Từ đó, đưa ra hàng loạt những bất cập và kiến nghị hoàn thiện.
4075	Đại học	Pháp luật về miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	Phạm, Thị Bảo Trân B1602411	Nguyễn, Mai Hân	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics, chỉ ra một số bất cập và hướng hoàn thiện trong quy định của pháp luật về các trường hợp này.
4076	Đại học	Pháp luật về sở hữu chéo trong tập đoàn kinh tế tại Việt Nam	Nguyễn, Yến Nhi B1602378	Nguyễn, Mai Hân	2019	Đề tài luận trình bày lý luận chung về sở hữu chéo trong tập đoàn kinh tế tại Việt Nam và quy định pháp luật về sở hữu chéo trong tập đoàn kinh tế tại Việt Nam – thực trạng và hướng hoàn thiện. Chỉ ra một số bất cập của quy định pháp luật và đề xuất bổ sung hướng hoàn thiện.
4077	Đại học	Một số vấn đề pháp lý về tên doanh nghiệp – thực trạng và giải pháp	Danh, Đầy C1700121	Võ, Hoàng Tâm	2019	Nội dung luận văn gồm 3 chương Chương 1: Khái quát về doanh nghiệp và tên doanh nghiệp Chương 2: Một số quy định của pháp luật về tên doanh nghiệp Chương 3: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tên doanh nghiệp
4078	Đại học	Kiểm soát hoạt động quảng cáo thương mại trên YouTube – Một số quy định pháp luật, thực trạng và giải pháp hoàn thiện	Trần, Thị Ngọc Hân C1700122	Võ, Hoàng Tâm	2019	Nội dung luận văn gồm 03 chương Chương 1: Lý luận chung về quảng cáo thương mại và hoạt động quảng cáo thương mại trên YouTube Chương 2: Quy định pháp luật về kiểm soát hoạt động quảng cáo thương mại trên YouTube Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật và một số giải pháp hoàn thiện trong hoạt động quảng cáo thương mại trên YouTube
4079	Đại học	Kiểm soát hoạt động kinh doanh hàng giả là lương thực, thực phẩm – Quy định pháp luật, thực trạng và giải pháp	Nguyễn, Thanh Tâm B1602295	Võ, Hoàng Tâm	2019	Nội dung luận văn gồm 03 chương Chương 1: Khái quát về hoạt động kinh doanh hàng giả là lương thực, thực phẩm Chương 2: Quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh hàng giả là lương thực, thực phẩm Chương 3: Thực trạng áp dụng và giải pháp hoàn thiện pháp luật đối với hoạt động kinh doanh hàng giả là lương thực, thực phẩm
4080	Đại học	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi bên thứ ba trong giao dịch với doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật	Trần, Văn Khánh B1610114	Nguyễn, Mai Hân	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về bảo vệ quyền lợi bên thứ ba trong giao dịch với doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật. Chỉ ra một số tồn tại, bất cập trong quy định của pháp luật và đề xuất hoàn thiện về bảo vệ quyền lợi bên thứ ba trong giao dịch với doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật.
4081	Đại học	Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của thành viên trong công ty hợp danh	Phan, Thị Trúc Linh B1602454	Nguyễn, Mai Hân	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề cơ bản về công ty hợp danh, đặc biệt là quyền và nghĩa vụ của thành viên trong công ty hợp danh theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ ra những bất cập trong quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của thành viên trong công ty hợp danh và đưa ra những kiến nghị góp phần hoàn thiện chế định thành viên trong công ty hợp danh.

4082	Đại học	Pháp luật về lãi suất trong hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính - Thực tiễn tại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng	Nguyễn, Thị Ngọc Quyên B1610086	Phạm, Tuấn Kiệt	2019	Hoạt động cho vay tiêu dùng tuy chỉ mới phát triển mạnh từ thời điểm năm 2008 đến nay nhưng đã phát huy được vai trò to lớn của mình. Bên cạnh những mặt tích cực thì hoạt động này cũng tồn tại nhiều vấn đề. Luận văn tập trung nghiên cứu các nội dung liên quan đến lãi suất tại công ty tài chính theo kết cấu ba chương gồm: Chương 1 Tổng quan về lãi suất trong hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính; Chương 2 Quy định của pháp luật về lãi suất trong hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính; và Chương 3 Thực trạng áp dụng lãi suất trong hoạt động cho vay tiêu dùng tại Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
4083	Đại học	Quy định pháp luật về ưu đãi thuế đối với dự án sản xuất điện mặt trời	Phan, Hoàng Phương Vy B1306353	Nguy, Ngọc Anh	2019	Luận văn trình bày những quy định của pháp luật Việt Nam về hóa đơn điện tử, bao gồm 3 chương: -Chương 1: Khái quát chung về ưu đãi về thuế đối với dự án sản xuất điện mặt trời -Chương 2: Quy định pháp luật về ưu đãi thuế đối với dự án sản xuất điện mặt trời -Chương 3: Thực trạng áp dụng và giải pháp hoàn thiện
4084	Đại học	Quy định pháp luật Việt Nam về hóa đơn điện tử	Nguyễn, Hoàng Phương Ngân B1302483	Nguy, Ngọc Anh	2019	Luận văn trình bày những quy định của pháp luật Việt Nam về hóa đơn điện tử, bao gồm 2 chương: - Chương 1: Khái quát chung về hóa đơn điện tử - Chương 2: Quy định pháp luật về hóa đơn điện tử
4085	Đại học	Pháp luật về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực công nghệ thông tin	Nguyễn, Thị Kim Thi B1602492	Nguy, Ngọc Anh	2019	Luận văn trình bày những quy định của pháp luật Việt Nam về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, bao gồm 3 chương: - Chương 1: Khái quát chung về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực công nghệ thông tin - Chương 2: Quy định pháp luật về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực công nghệ thông tin - Chương 3: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực công nghệ thông tin
4086	Đại học	Bảo đảm quyền của người lao động chưa thành niên trong pháp luật lao động Việt Nam	Huỳnh, Thị Hồng Tươi B1610208	Võ, Hoàng Yến	2019	Luận văn làm sáng tỏ vấn đề về bảo đảm quyền của người lao động chưa thành niên trong quan hệ lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2012. Trên cơ sở quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng chỉ ra những bất cập để đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện Bộ luật Lao động và nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế.
4087	Đại học	Quy chế pháp lý về rừng phòng hộ - Thực tiễn và giải pháp tại huyện Mộc Hóa	Đặng, Văn Sáng B1602389	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài nghiên cứu Thứ nhất là làm rõ các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng phòng hộ Thứ hai là nghiên cứu các hoạt động áp dụng quy định pháp luật về rừng phòng hộ tại huyện Mộc Hóa tỉnh Long An, giúp tìm ra những ưu điểm và hạn chế của việc áp dụng quy định pháp luật về rừng phòng hộ Thứ ba là giúp tìm ra những giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về pháp luật rừng phòng hộ tại huyện Mộc Hóa.
4088	Đại học	Bảo hiểm thất nghiệp – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện trên địa bàn huyện Tịnh Biên	La, Nguyễn Ngọc Trân B1602218	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về chính sách bảo hiểm thất nghiệp, những quy định pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, thực trạng thực hiện trên địa bàn huyện Tịnh Biên, từ đó thấy được những bất cập và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật.

4089	Đại học	Pháp luật về lao động giúp việc gia đình Thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Âm B1602232	Võ, Hoàng Yến	2019	Đề tài luận văn trình bày các quy định về lao động giúp việc gia đình, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về lao động giúp việc gia từ thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp và đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện quy định pháp luật.
4090	Đại học	Pháp luật về thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu	Tăng, Văn Lũng B1602172	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Luận văn trình bày cơ sở lý luận , pháp lý và các quy định pháp luật về thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời luận văn cũng đánh giá tình hình áp dụng pháp luật thuế chống bán phá giá, chỉ ra những hạn chế và đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu.
4091	Đại học	Pháp luật về quản trị công ty đại chúng	Lê, Diễm Kiều B1602165	Lê, Thị Nguyệt Châu	2019	Đề tài luận văn trình bày cơ sở lý luận, các quy định và thực trạng áp dụng pháp luật về quản trị công ty đại chúng. Qua đó, tìm ra những bất cập, hạn chế và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan.
4092	Đại học	Luật Trẻ em và thực tiễn thực hiện bảo vệ trẻ em bị xâm hại tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Ngô, Quang khái B1610151	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn nghiên cứu tổng quát các quy định của pháp luật điều chỉnh Luật Trẻ em và thực tiễn việc thực hiện việc bảo vệ trẻ em bị xâm hại tình dục tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, từ đó tìm ra những điểm hạn chế trong quy định và kiến nghị hoàn thiện.
4093	Đại học	Quy chế pháp lý về biển, hải đảo và thực trạng thực hiện phát triển kinh tế du lịch ở Việt Nam hiện nay	Trần, Vũ Luân C1700125	Kim, Oanh Na	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Quy định về biển đảo, phát triển kinh tế biển đảo và phát triển kinh tế du lịch biển đảo Việt Nam Chương 2: Thực trạng và giải pháp giải pháp góp phần phát triển kinh tế du lịch biển đảo ở Việt Nam hiện nay
4094	Đại học	Pháp luật và thực tiễn Bình đẳng giới trong Hôn nhân và Gia đình	Nguyễn, Long Khoa B1602532	Kim, Oanh Na	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về lịch sử phát triển Bình đẳng giới trong hôn nhân và gia đình ở Việt Nam, thực trạng bình đẳng giới trong pháp luật hôn nhân và gia đình ở Việt Nam, một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật để Bình đẳng giới trở nên thực chất trong luật hôn nhân và gia đình ở Việt Nam.
4095	Đại học	Pháp luật Quốc tế về quyền trẻ em và thực tiễn áp dụng trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam	Lê, Văn Nghi B1602587	Kim, Oanh Na	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu về quyền học tập của trẻ em ở độ tuổi cấp trung học trở lại trên nền tảng Công ước về quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc năm 1989, luật Trẻ em năm 2016, luật Giáo dục năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009 với những vấn đề cơ bản về quyền trẻ em, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội về bảo vệ quyền trẻ em nói chung và quyền học tập của trẻ em nói riêng.
4096	Đại học	Pháp luật Việt Nam về công nhận cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài	Huỳnh, Thị Kiều Oanh C1700117	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Khái quát về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài Chương 2: Quy định của pháp luật về công nhận cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài- Thực trạng và giải pháp hoàn thiện
4097	Đại học	Pháp luật Việt Nam về công nhận cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài	Nguyễn, Thị Kim Yến C1700119	Nguyễn, Huỳnh Anh	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương Chương 1: Khái quát về công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Chương 2: Quy định của pháp luật về công nhận cho thi hành phán quyết Trọng tài nước ngoài - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật

4098	Đại học	Pháp luật về chữ ký số	Huỳnh, Hà Ngọc Phương B1602479	Phạm, Mai Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày về pháp luật về chữ ký số, quy trình tạo lập, giá trị pháp lý của chữ ký số và quy trình cấp phép để thành lập tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, chỉ ra một số bất cập trong việc triển khai thực hiện chữ ký số, bất cập về pháp luật của chữ ký số và những kiến nghị hoàn thiện việc triển khai chữ ký số, pháp luật về chữ ký số.
4099	Đại học	Pháp luật về hoạt động kinh doanh trên website thương mại điện tử	Trần, Như Thảo B1602205	Phạm, Mai Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày những vấn đề lý luận chung, quy định pháp luật, chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh trên website thương mại điện tử và những giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển hoạt động kinh doanh trên website thương mại điện tử.
4100	Đại học	Quy định thành lập và hoạt động Văn phòng công chứng	Nguyễn, Thùy Dương B1602336	Phạm, Mai Phương	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về Văn phòng công chứng và quy định thành lập và hoạt động của Văn phòng công chứng chỉ ra một số bất cập trong quy định của pháp luật về quy định thành lập và hoạt động của Văn phòng công chứng.
4101	Đại học	Bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử	Phan, Thị Trúc Phương B1602290	Phạm, Mai Phương	2019	Luận văn nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử. Trình bày lý luận chung các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như thực tế áp dụng các quy định đó trong việc bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trình bày Những thực trạng và biện pháp khắc phục cũng như đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật về thông tin cá nhân trong thương mại điện tử.
4102	Đại học	Pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển theo tàu chuyển	Ngô, Thị Mỹ Hằng C1700112	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2019	Luận Văn trình bày về Pháp Luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển theo tàu chuyển. Nội dung luận văn gồm có ba chương Chương 1: Khái quát về hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển. Trong chương 1 sẽ trình bày về lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển trong pháp luật quốc tế nói chung cũng như trong pháp luật Việt Nam nói riêng. Đi vào khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển Chương 2: đi vào phân tích quy định của pháp luật Việt Nam về quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển cũng như quyền và nghĩa vụ của người thuê vận chuyển Chương 3: từ những phân tích quy định pháp luật ở chương 2, sẽ rút ra những bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn, qua đó đưa ra những giải pháp tương ứng để góp phần hoàn thiện pháp luật.
4103	Đại học	Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Thực trạng và hướng hoàn thiện	Văng, Thị Ngọc Mỹ B1503157	Nguyễn, Thị Hoa Cúc	2019	Đề tài luận văn thể hiện ba nguyên tắc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Quy định nhà nước về quyền và nghĩa vụ chủ thể sản xuất, chủ thể kinh doanh. Những hành vi bị cấm trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Xử lý vi phạm về vấn đề chất lượng sản phẩm hàng hóa

4104	Đại học	Bảo hiểm thất nghiệp – Thực trạng tại tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Nhẹ B1602184	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Luận văn nghiên cứu pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp được quy định trong Luật Việc làm 2013 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời người viết còn tìm hiểu quy định của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp trong Luật Bảo hiểm xã hội 2006 (đã hết hiệu lực). Từ đó, người viết tìm hiểu và đánh giá thực trạng áp dụng của pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại tỉnh An Giang. Trên cơ sở tìm hiểu quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng, người viết tìm ra những bất cập và đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.
4105	Đại học	Pháp luật về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp – Thực trạng tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thiên Nhi B1602186	Võ, Thị Bảo Trâm	2019	Đề tài luận văn trình bày khái quát về hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, pháp luật về hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp dịch vụ và tổ chức sự nghiệp, thực trạng về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp tại thành phố Cần Thơ và một số kiến nghị
4106	Đại học	PHÁP LUẬT VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TRONG CHẾ BIẾN THỦY SẢN TẠI CÔNG TY PHÁT ĐẠI PHÁT Ở KIÊN GIANG	Đoàn, Mai Trinh B1602220	Nguyễn , Anh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động chế biến thủy sản của nước ta hiện nay, chỉ ra các quy định của Pháp luật Việt nam hiện hành, những hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và kiến nghị giải pháp trong việc giải quyết những hạn chế trên.
4107	Đại học	Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển Việt Nam	Nguyễn, Bá Toàn S1600048	Nguyễn, Anh Thu	2019	Đề tài luận văn trình bày lý luận chung về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển của nước ta hiện nay, chỉ ra các quy định của Pháp luật Việt nam về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, những hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và <u>kiến nghị giải pháp trong việc giải quyết những hạn chế trên.</u>
4108	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị của biển ở tỉnh Cà Mau	Lương, Kim Chi	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Phân tích chuỗi giá trị của biển ở tỉnh Cà Mau nhằm đưa ra các giải pháp giảm chi phí sản xuất toàn chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, thu nhập cũng như lợi nhuận chuỗi giá trị của biển, nâng cao chất lượng, giúp của biển Cà Mau tiếp cận thị trường tốt hơn, bền vững hơn và nâng cao lợi thế cạnh tranh của của biển Cà Mau trên thị trường.
4109	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm dầu gội của khách hàng ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Lê, Nhật Nguyên	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích thực trạng hành vi mua sản phẩm dầu gội của người dân quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm dầu gội của người dân quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp.
4110	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Phụng	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Đề tài nghiên cứu và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2018, tìm ra những giải pháp thích hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.

4111	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của chiến dịch marketing xã hội “ ngày môi trường thế giới – giải quyết ô nhiễm nhựa, nilon” đến hành vi sử dụng sản phẩm từ chất liệu thay thế của người dân quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Tuyết Liên	Huỳnh, Nhật Phương	2018	Phân tích thực trạng hoạt động của chiến dịch Ngày môi trường thế giới – giải quyết ô nhiễm nhựa, nilon” tại quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ. Phân tích thực trạng sử dụng sản phẩm từ nhựa, nilon và mức độ nhận biết, tiêu dùng sản phẩm từ CLTT cho nhựa, nilon của người dân tại TPCT. Phân tích chiến dịch đến hành vi tiêu dùng sản phẩm từ CLTT của người dân tại TPCT. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chương trình cũng như khả năng tác động của chiến dịch đến hành vi sử dụng sản phẩm từ chất liệu thay thế của người dân tại TPCT
4112	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của tiếp thị lan truyền đến ý định mua hàng trên các Website thương mại điện tử của người tiêu dùng quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Quách, Đoàn Trung Hiếu	Huỳnh, Nhật Phương	2018	Phân tích thực trạng mua hàng trên các website thương mại điện tử và tiếp thị lan truyền của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của tiếp thị lan truyền đến ý định mua hàng trên các trang web thương mại điện tử của người tiêu dùng tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đề xuất những giải pháp nhằm phát huy tốt hơn tiếp thị lan truyền để nâng cao hiệu quả việc đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
4113	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến mặt hàng quần áo thời trang của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Lê Nhật Linh	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến mặt hàng quần áo thời trang của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Qua đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kênh mua sắm trực tuyến quần áo thời trang, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
4114	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến đến ý định quay lại của khách du lịch tại Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Huỳnh Như	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích thực trạng hoạt động du lịch tại thành phố Cần Thơ; Phân tích ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến đến ý định quay lại của du khách tại Thành phố Cần Thơ; Đề xuất giải pháp để nâng cao hình ảnh điểm đến du lịch tại thành phố Cần Thơ góp phần phát triển bền vững các điểm đến du lịch và đáp ứng nhu cầu của du khách.
4115	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của học sinh Trung học phổ thông Thành phố Cần Thơ	Lê, Tuấn Anh	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Đánh giá thực trạng chọn trường đại học của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh. Đề xuất các giải pháp nâng cao tính phù hợp cho lựa chọn trường Đại học của học sinh THPT và giải pháp giúp cho các trường Đại học để thu hút học sinh trong tương lai.
4116	Đại học	Phân tích hoạt động chiêu thị đối với sản phẩm sim trả trước tại công ty Mobifone tỉnh An Giang	Dương, Kim Chi	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động chiêu thị đối với sản phẩm sim trả trước tại công ty Mobifone tỉnh An Giang. Tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động chiêu thị của công ty. Đề xuất giải pháp chiêu thị nhằm gia tăng hiệu quả chiêu thị của Công ty Mobifone tỉnh An Giang.
4117	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng sản phẩm sữa tươi của người tiêu dùng tại địa bàn Thành phố Cần Thơ	Châu, Nguyễn Kiều My	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Xác định thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng sản phẩm sữa tươi của người tiêu dùng ở địa bàn thành phố Cần Thơ. Đo lường tác động các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng sản phẩm sữa tươi của người tiêu dùng ở địa bàn thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý quản trị phù hợp để người bán có thể đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người tiêu dùng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4118	Đại học	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng gạo của người dân Thành phố Cần Thơ	Mai, Thị Thanh Hương	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Xác định các biến số ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng gạo của người dân TPCT. Đo lường tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của người dân. Đề xuất các hàm ý quản trị giúp doanh nghiệp, nhà sản xuất đáp ứng tốt nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, giúp doanh nghiệp có cơ sở để đưa ra các chiến lược tốt cho sản phẩm của mình
4119	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo đến ý định chọn mua thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ trồng lúa ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Đoàn, Thị Thúy Quyên	Lê, Quang Viết	2018	Phân tích tác động của hoạt động quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đến ý định mua của nông hộ trồng lúa ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, từ đó đề xuất giải pháp tăng cường hoạt động quảng cáo về các loại thuốc bảo vệ thực vật, nâng cao nhận thức và gia tăng ý định mua của nông hộ trồng lúa.
4120	Đại học	Phản ứng của khách hàng thân thiết đối với chương trình quảng cáo và khuyến mại của các cửa hàng thức ăn nhanh tại Thành phố Cần Thơ	Ngô, Thị Huyền Chân	Lưu, Tiến Thuận	2018	Phản ứng của khách hàng thân thiết thông qua các chương trình quảng cáo và khuyến mại của các cửa hàng thức ăn nhanh tại Thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp về chương trình quảng cáo và khuyến mại giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.
4121	Đại học	Phân tích tác động của chiêu thị qua phương tiện truyền thông online đến mức độ nhận biết thương hiệu của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ: Trường hợp Biti's Hunter	Trần, Thanh Phong	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Đánh giá thực trạng chiêu thị qua phương tiện truyền thông online của thương hiệu Biti's Hunter. Phân tích các hoạt động chiêu thị qua phương tiện truyền thông online tác động đến mức độ nhận biết thương hiệu Biti's Hunter. Đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động chiêu thị qua phương tiện truyền thông online của công ty TNHH Bình Tiên.
4122	Đại học	Tác động của truyền miệng trực tuyến đến quyết định mua mỹ phẩm của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Ngọc Hân	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Xác định các biến số truyền miệng trực tuyến ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm. Đo lường tác động của truyền miệng trực tuyến đến quyết định mua mỹ phẩm của người tiêu dùng. Đề xuất hàm ý quản trị hình thức truyền miệng trực tuyến góp phần giúp doanh nghiệp thông tin đến người tiêu dùng tốt hơn.
4123	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng quần áo của người tiêu dùng tại các siêu thị ở TP. Cần Thơ	Lâm, Huỳnh Như	Lưu, Tiến Thuận	2018	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng quần áo của người tiêu dùng tại các siêu thị ở TP. Cần Thơ. Từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho công tác bán hàng của siêu thị đạt hiệu quả và giúp người tiêu dùng tránh được những rủi ro khi mua hàng ngẫu hứng.
4124	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua sữa giảm cân của người tiêu dùng nữ ở quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Phạm, Cẩm Tiên	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua sữa giảm cân của người tiêu dùng nữ ở Thành phố Cần Thơ độ tuổi từ 20 - 40 tuổi, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp kinh doanh sữa giảm cân cải thiện sản phẩm và thỏa mãn tốt nhu cầu của khách hàng
4125	Đại học	Mức độ hài lòng của giới trẻ về dịch vụ giao hàng tận nơi trong lĩnh vực ăn uống trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Thùy Dương	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Xác định thang đo mức độ hài lòng của giới trẻ về dịch vụ giao hàng tận nơi trong lĩnh vực ăn uống trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đo lường tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của giới trẻ về dịch vụ giao hàng tận nơi trong ngành ăn uống của giới trẻ tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng phục vụ trong ngành ăn uống.
4126	Đại học	Đánh giá khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ trồng quýt ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Trịnh, Thị Yến Nhi	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ trồng quýt. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của những nông dân trồng quýt ở huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp

4127	Đại học	Tác động của nghệ thuật bán hàng đến khách hàng tiềm năng của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tại Thành phố Cần Thơ	Tăng, Thị Mai Chi	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích tác động của nghệ thuật bán hàng đến khách hàng tiềm năng của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ tại Thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp giúp phát triển nghệ thuật bán hàng nhằm tăng cường số lượng hợp đồng được ký của doanh nghiệp
4128	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của marketing kỹ thuật số (Digital marketing) đến ý định mua Smartphone của học sinh, sinh viên tại thế giới di động trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Minh Đạt	Lê, Quang Viết	2018	Nghiên cứu phân tích sự ảnh hưởng của Marketing kỹ thuật số đến ý định mua Smartphone của người tiêu dùng. Qua đó đề ra giải pháp cải thiện công cụ Marketing kỹ thuật số để thúc đẩy việc bán hàng thông qua các chiến lược tiếp thị số hóa của công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới di động
4129	Đại học	Tác động của truyền thông qua mạng xã hội Facebook đến ý định lựa chọn điểm đến tham quan du lịch tại Cần Thơ của người dùng Facebook	Nguyễn, Thị Mỹ Tiên	Lưu, Tiến Thuận	2018	Đánh giá thực trạng chung của những điểm đến tham quan du lịch tại Cần Thơ. Phân tích tác động của truyền thông trên Facebook đến ý định lựa chọn điểm đến tham quan du lịch tại Cần Thơ của người dùng Facebook. Đề xuất một số hàm ý để xây dựng kế hoạch truyền thông hiệu quả trên mạng xã hội Facebook cho những điểm tham quan du lịch tại Cần Thơ
4130	Đại học	Đánh giá các thành tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu trường Đại học Cần Thơ: Góc nhìn từ cựu sinh viên	Ngô, Huỳnh Như	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Đánh giá giá trị thương hiệu Trường Đại học Cần Thơ từ góc nhìn của cựu sinh viên. Phân tích các thành tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu Trường Đại học Cần Thơ từ góc nhìn của cựu sinh viên. Đề xuất một số giải pháp nâng cao giá trị thương hiệu Trường Đại học Cần Thơ.
4131	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nhận biết thương hiệu đối với các thương hiệu thương mại điện tử của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đặng, Quang Hiếu	Huỳnh, Nhựt Phương	2018	Phân tích thực trạng hành vi mua sắm và nhận biết thương hiệu của các thương hiệu thương mại điện tử. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự nhận biết thương hiệu đối với các thương hiệu đó. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao mức độ nhận biết của thương hiệu trong tâm trí khách hàng.
4132	Đại học	Trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Ngô, Ngân Trang	Lê, Phước Hương	2018	Đánh giá thực trạng trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Phân tích mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đề xuất một số hàm ý quản trị về trách nhiệm xã hội góp phần nâng cao hiệu quả tài chính cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.
4133	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua đồ chơi cho trẻ em của phụ huynh tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Xuân Kỳ	Lê, Quang Viết	2018	Tìm hiểu thói quen trong việc mua các sản phẩm đồ chơi trẻ em của người dân tại thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua đồ chơi trẻ em của người dân tại thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp giúp doanh nghiệp trong nước có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian sắp tới.
4134	Đại học	Phân tích tác động của môi trường điểm đến đến dự định quay lại của du khách trường hợp nghiên cứu du khách đến chợ nổi Cái Răng – Thành phố Cần Thơ	Ngô, Kiều My	Huỳnh, Nhựt Phương	2018	Phân tích các nhận định của du khách về môi trường tại điểm đến chợ nổi Cái Răng – TPCT. Phân tích tác động của môi trường điểm đến đến dự định quay lại của du khách khi đến chợ nổi Cái Răng - TPCT. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môi trường điểm đến tại chợ nổi Cái Răng - TPCT.

4135	Đại học	Đánh giá mức độ hiểu biết của người tiêu dùng về ý nghĩa của hạn sử dụng và rủi ro liên quan đến hạn sử dụng: Trường hợp trứng và sữa chua	Nguyễn, Ngọc Yên	Dương, Quế Nhu	2019	Đánh giá mức độ hiểu biết của người tiêu dùng về ý nghĩa của hạn sử dụng và mức độ nhận thức rủi ro liên quan đến HSD của những sản phẩm dễ hư hỏng, trường hợp: Trứng và Sữa chua. Từ đó đề ra một số giải pháp để nâng cao hiểu biết về ý nghĩa của hạn sử dụng của người tiêu dùng và hạn chế hàng hóa vứt đi do hết hạn sử dụng.
4136	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định quay lại chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ: Trường hợp ảnh hưởng của thành phần nhóm du lịch	Đặng, Thị Hải Thanh	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích hành vi du lịch theo nhóm của du khách đến chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định quay lại Chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Phân tích ảnh hưởng của thành phần nhóm du khách đến ý định quay lại Chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp để thu hút du khách quay lại Chợ nổi Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
4137	Đại học	Phân tích tác động của chương trình marketing xã hội “chiến dịch tiêu dùng xanh” đến hành vi tiêu dùng sản phẩm rau an toàn tại siêu thị Co.Opmart của người dân Thành phố Cần Thơ	Trần, Hữu Thời	Huỳnh, Nhựt Phương	2018	Mô tả được khái quát thực trạng sử dụng sản phẩm rau an toàn trong thời gian gần đây của người dân TPCT. Phân tích tác động của các yếu tố trong chương trình Marketing xã hội “Chiến dịch tiêu dùng xanh” đến hành vi tiêu dùng sản phẩm rau an toàn của người dân tại TPCT. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chiến dịch, khả năng tác động của chiến dịch đến hành vi sử dụng sản phẩm rau an toàn của người dân địa phương.
4138	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh đối với dịch vụ y tế trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lâm, Hải Yến	Lê, Quang Viết	2018	Đánh giá tình trạng dịch vụ khám chữa bệnh hiện tại trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đánh giá thái độ của người bệnh với các dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh trong dịch vụ khám chữa bệnh. Đưa ra những đề xuất phù hợp nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh để đáp ứng được sự hài lòng của người bệnh.
4139	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng hành vi mua sản phẩm thời trang cao cấp giả của người tiêu dùng tại địa bàn TP. Cần Thơ	Trần, Thị Phương Thảo	Lưu, Tiến Thuận	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sản phẩm thời trang cao cấp giả trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến hành vi mua sản phẩm thời trang cao cấp giả trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số khuyến nghị giúp các doanh nghiệp có sản phẩm thời trang cao cấp thật làm giảm hành vi mua sản phẩm giả ở người tiêu dùng.
4140	Đại học	Phân tích sự ảnh hưởng của Vlogger làm đẹp trên youtube đến ý định mua sắm mỹ phẩm trang điểm của giới trẻ tại TP. Cần Thơ	Huỳnh, Thị Bảo Ngọc	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích hành vi của giới trẻ TP.Cần Thơ khi xem các Video đánh giá của Vlogger làm đẹp trên YouTube. Phân tích sự ảnh hưởng của Vlogger làm đẹp trên YouTube đến ý định mua sắm mỹ phẩm trang điểm của giới trẻ tại TP.Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ảnh hưởng Vlogger làm đẹp.
4141	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tại tỉnh Hậu Giang	Lê, Gia Linh	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích các nhân tố tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của HTXNN kiểu mới tại tỉnh Hậu Giang.
4142	Đại học	Hoàn thiện chiến lược Marketing Mix cho sản phẩm căn hộ chung cư tại dự án An Phú Đông của công ty cổ phần địa ốc Sài Gòn – SAIGONRES GROUP	Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích tình hình hoạt động marketing trong dự án An Phú Đông . Từ đó tìm ra những thuận lợi và khó khăn của các hoạt động marketing nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho các hoạt động marketing tại dự án An Phú Đông của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

4143	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của quảng cáo qua mạng xã hội đến quyết định mua sắm mặt hàng quần áo thời trang của người tiêu dùng ở quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Khánh Duy	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích ảnh hưởng của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua sắm của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp các doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả của quảng cáo qua mạng xã hội.
4144	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu thức ăn nhanh KFC tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Kim Sen	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Nghiên cứu để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu thức ăn nhanh KFC tại thị trường Cần Thơ. Qua đó đề ra một số hàm ý nhằm nâng cao mức độ trung thành của khách hàng đối với thương hiệu KFC tại thị trường Cần Thơ.
4145	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Website thương mại điện tử của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Trần, Như Ngọc	la, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình đưa ra quyết định lựa chọn trang web thương mại điện tử của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm phát triển thị trường thương mại điện tử tại quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ qua các website thương mại điện tử.
4146	Đại học	Phân tích hành vi người tiêu dùng khi đến mua sắm tại chuỗi cửa hàng tiện lợi VINMART+ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Lê Như Hiền	Lê, Quang Viết	2018	Phân tích hành vi của người tiêu dùng khi mua sắm tại chuỗi cửa hàng tiện lợi VinMart+ để nắm bắt được những nhân tố có ảnh hưởng đến lòng trung thành của người tiêu dùng tại cửa hàng tiện lợi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó làm cơ sở đề xuất những giải pháp để thu hút khách hàng đến mua sắm tại cửa hàng tiện lợi VinMart+ trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay.
4147	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của tiếp thị nội dung đến ý định mua hàng trên các Website thương mại điện tử của người tiêu dùng quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Loan	Huỳnh, Nhứt Phương	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của tiếp thị nội dung đến ý định mua hàng trên các website thương mại điện tử của người tiêu dùng tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất những giải pháp cho các nhà tiếp th doanh nghiệp nhằm phát huy tiếp thị nội dung hiệu quả hơn.
4148	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến hành vi tiêu dùng điện thoại thông minh (Smartphone) tại Cần Thơ	Trần, Thanh Phú	Đinh, Công Thành	2019	Phân tích tổng quan tình hình sản phẩm điện thoại di động thông minh (smartphone) từ sự quan tâm của những người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng từ những nguồn thông tin từ xã hội hiện nay đến hành vi mua sắm điện thoại thông minh của người tiêu dùng. Đưa ra các hàm ý quản trị nhằm nâng cao khả năng bán hàng cho các doanh nghiệp, công ty.
4149	Đại học	Nghiên cứu nhận thức của khách hàng về khắc phục lỗi dịch vụ và hành vi sau khi mua: Trường hợp các Ngân hàng ở Thành phố Cần Thơ	Võ, Huỳnh Nhã Chi	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Đánh giá tác động của nhận thức khách hàng về khắc phục lỗi dịch vụ đến sự hài lòng khắc phục lỗi dịch vụ và hành vi sau khi mua tại các ngân hàng ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng khắc phục lỗi dịch vụ trong lĩnh vực ngân hàng.
4150	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ của nhà hàng Gogi House Xuân Khánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bích Uyên	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích tình hình khách hàng sử dụng dịch vụ tại nhà hàng Gogi House Xuân Khánh Cần Thơ. Phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ của nhà hàng Gogi House Xuân Khánh Cần Thơ . Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại nhà hàng Gogi House Xuân Khánh Cần Thơ.

4151	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến ý định mua sắm trực tuyến trên Shopee của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Kim Nghĩa	Lê, Quang Viết	2018	Phân tích thực trạng mua sắm trực tuyến trên Shopee của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn trang mua sắm thương mại điện tử Shopee của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm hướng đến sự lựa chọn của khách hàng và thu hút khách hàng mua sắm.
4152	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ NOW của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Quỳnh Mi	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ Now của khách hàng tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, duy trì và tiếp tục phát triển dịch vụ Now tại Cần Thơ.
4153	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thị Tố Quyên	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp VLXD được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành VLXD ở Việt Nam.
4154	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành thực phẩm trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trương, Thị Diễm My	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành thực phẩm tại Việt Nam. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành thực phẩm. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành thực phẩm.
4155	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Minh Duy	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng, nhằm đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp ngành xây dựng tại Việt Nam.
4156	Đại học	Giải pháp phát triển thị trường dược phẩm Hapacol của công ty cổ phần dược Hậu Giang tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Trần, Phước Thạnh	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Phân tích thực trạng khách hàng mục tiêu tiêu dùng dược phẩm Hapacol hiện nay. Phân tích các nhân tố tác động đến thị trường tiêu thụ dược phẩm Hapacol và xu hướng phát triển trong tương lai. Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển thị trường dược phẩm Hapacol của công ty cổ phần Dược Hậu Giang tại Đồng bằng sông Cửu Long
4157	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo trên mạng xã hội Facebook đến ý định chọn địa điểm cung cấp dịch vụ ăn uống của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Quang Khải	Lưu, Tiến Thuận	2018	Phân tích thực trạng quảng cáo trên mạng xã hội Facebook của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ăn uống ở thành phố Cần Thơ. Phân tích tác động của việc quảng cáo trên mạng xã hội Facebook đến ý định chọn địa điểm ăn uống của người dân thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý quản trị giúp việc các cửa hàng hay doanh nghiệp sử dụng quảng cáo trên mạng xã hội Facebook đạt hiệu quả cao và tối ưu hơn.
4158	Đại học	Hoàn thiện hệ thống phân phối của công ty cổ phần dược S.PHARM ở tỉnh Sóc Trăng	La, Kiều Diễm	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích thực trạng hệ thống phân phối của công ty Dược S.Pharm. Đánh giá ưu điểm và nhược điểm của hệ thống phân phối hiện tại của công ty Dược S.Pharm. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống phân phối của công ty Dược S.Pharm.
4159	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thái độ và nhận biết thương hiệu của người dân Cần Thơ qua chương trình tài trợ cho câu lạc bộ bóng rổ Cần Thơ CATFISH	Đặng, Kỳ Minh	Lưu, Tiến Thuận	2019	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến thái độ và nhận biết thương hiệu của người dân Cần Thơ qua chương trình tài trợ cho câu lạc bộ bóng rổ Cần Thơ Catfish. Qua đó, đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chương trình tài trợ, góp phần tăng mức độ nhận biết thương hiệu của doanh nghiệp.

4160	Đại học	Phân tích tác động của chiêu thị đến giá trị thương hiệu trung tâm thương mại VINCOM Hùng Vương Cần Thơ	Mai, Nguyễn Như Khanh	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Đánh giá nhận thức của khách hàng về các hoạt động chiêu thị tại Vincom Hùng Vương. Phân tích tác động của chiêu thị đến giá trị thương hiệu trung tâm thương mại Vincom Hùng Vương. Đề xuất các giải pháp trong hoạt động chiêu thị nhằm nâng cao giá trị thương hiệu định hướng khách hàng.
4161	Đại học	Tác động của thông tin truyền miệng điện tử đến quyết định sử dụng dịch vụ SPA của khách hàng ở Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Xuyên	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Nghiên cứu tác động của thông tin truyền miệng điện tử đến quyết định sử dụng dịch vụ spa của khách hàng ở thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cho các cơ sở kinh doanh spa có định hướng phát triển thu hút ngày càng nhiều khách hàng.
4162	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm chăm sóc da mặt của người tiêu dùng nữ tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Gia Linh	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn sản phẩm chăm sóc da mặt của khách hàng nữ ở thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các doanh nghiệp trong nước kinh doanh sản phẩm chăm sóc da mặt cải thiện sản phẩm góp phần thu hút khách hàng trong thời gian tới.
4163	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn quán ăn Hàn Quốc trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Son, Thị Ngân Bình	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn các quán ăn Hàn Quốc tại địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề ra các giải pháp nhằm giúp cho chủ kinh doanh các quán ăn Hàn đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và kinh doanh có hiệu quả hơn.
4164	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định phản nản của du khách quốc tế tại Việt Nam	Lê, Phước Thành Đạt	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định phản nản của du khách quốc tế tại Việt Nam, từ đó khuyến khích du khách bày tỏ các phản nản về lỗi dịch vụ họ gặp phải để nâng cao sự hài lòng, chất lượng dịch vụ cũng như giữ chân khách hàng và biến họ thành khách hàng trung thành của doanh nghiệp nói riêng và ngành du lịch Việt Nam nói chung.
4165	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm may mặc của sinh viên tại Thành phố Cần Thơ	Lâm, Đặng Ngọc Hương	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm may mặc của sinh viên tại địa bàn Thành phố Cần Thơ, qua đó đề xuất một số giải pháp cho doanh nghiệp kinh doanh hàng may mặc nhằm thúc đẩy hành vi mua sắm của sinh viên.
4166	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sách trực tuyến của sinh viên Đại học Cần Thơ	Lê, Mai Thanh Dung	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích thực trạng và mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của sinh viên đại học Cần Thơ đối với việc mua sách trực tuyến và đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp tác động đến hành vi của sinh viên và làm cho họ mua hàng nhiều hơn.
4167	Đại học	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối của công ty TNHH MTV Huỳnh Hữu Phúc tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thanh Ngân	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Đánh giá hệ thống kênh phân phối của công ty TNHH Huỳnh Hữu Phúc trong những năm qua nhằm thấy được những thành công mà công ty đạt được bên cạnh đó còn những hạn chế gì, để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của kênh phân phối của công ty trong thời gian tới.
4168	Đại học	Phân tích ảnh hưởng giá trị thương hiệu đến ý định tiếp tục sử dụng điện thoại thông minh của khách hàng tại siêu thị điện thoại Thành phố Cần Thơ	Dương, Thị Cẩm Linh	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến ý định tiếp tục sử dụng điện thoại thông minh của khách hàng tại các siêu thị điện thoại thành phố Cần Thơ. Từ đó bài nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao ý định tiếp tục sử dụng của khách hàng.
4169	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm trực tuyến qua Website của các siêu thị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Kiều Nhã Trân	Lưu, Tiến Thuận	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm trực tuyến qua Website của các siêu thị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng mua sắm trực tuyến, qua đó đề xuất một số giải pháp để các tổ chức nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

4170	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua bột giặt OMO của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trịnh, Thị Thảo Uyên	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nhận dạng và đo lường tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bột giặt OMO. Từ đó, đề xuất các hàm ý quản trị giúp doanh nghiệp đáp ứng đúng nhu cầu của người tiêu dùng một số kiến nghị có liên quan đến các yếu tố cần phân tích đối với ngành sản xuất bột giặt
4171	Đại học	Nghiên cứu tác động của hành vi tìm kiếm sự mới lạ đến sự hài lòng và ý định hành vi của du khách quốc tế đối với du lịch Việt Nam	Nguyễn, Huỳnh Lam	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích tác động của hành vi tìm kiếm sự mới lạ đến sự hài lòng và ý định hành vi trong tương lai của du khách quốc tế đối với du lịch Việt Nam, từ đó đề ra một số hàm ý chính sách giúp tăng tính mới lạ, hấp dẫn cho các điểm đến và thu hút nhiều du khách quốc tế đến với Việt Nam.
4172	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của chiêu thị kỹ thuật số đến ý định mua giày thể thao của giới trẻ Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Thu Nga	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích ảnh hưởng của chiêu thị kỹ thuật số đến ý định mua giày thể thao của giới trẻ thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất hàm ý quản trị nâng cao hiệu quả các hoạt động chiêu thị kỹ thuật số giúp các doanh nghiệp hiểu biết về các công cụ chiêu thị kỹ thuật số ảnh hưởng đến ý định mua và có chiến lược phù hợp.
4173	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua mỹ phẩm của nữ giới ở quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Ngọc Tường Minh	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua mỹ phẩm của nữ giới tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp giúp nâng cao hiệu quả của quảng cáo qua MXH, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
4174	Đại học	Nghiên cứu chất lượng của APP du lịch tác động đến ý định tham quan điểm đến du lịch của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Hoàng Thông	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra các yếu tố của app du lịch tác động đến quyết định lựa chọn địa điểm du lịch của người dân tại Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp phát triển app du lịch hoàn thiện hơn nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho các công ty du lịch cũng như phục vụ tốt hơn về nhu cầu của khách khi đi du lịch.
4175	Đại học	Nghiên cứu thái độ người tiêu dùng đối với nhãn hàng riêng tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Trần, Thị Ngọc Nhi	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Tìm hiểu về thái độ của người tiêu dùng đối với nhãn hàng riêng của siêu thị LOTTE Mart. Qua đó đề xuất những giải pháp cho các nhãn hàng riêng của LOTTE Mart để đáp ứng tốt hơn nhu cầu, mong muốn ngày càng cao của người tiêu dùng.
4176	Đại học	Ảnh hưởng của nhận thức rủi ro và trạng thái cảm xúc đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng quận Ninh Kiều khi mua sắm thời trang trực tuyến	Lê, Thị Quỳnh Mai	Lưu, Tiến Thuận	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của rủi ro nhận thức và trạng thái cảm xúc đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng khi mua sắm trực tuyến ngành hàng thời trang. Từ kết quả nghiên cứu có thể đề xuất những hàm ý quản trị cải thiện nhận thức rủi ro và ảnh hưởng của trạng thái cảm xúc đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng khi mua sắm thời trang trực tuyến
4177	Đại học	Phân tích hoạt động Marketing – Mix của công ty cổ phần ATZ LIFE cho sản phẩm túi chườm thảo mộc tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Bé Sáu	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Phân tích hoạt động Marketing- Mix cho sản phẩm túi chườm thảo mộc của Công ty Cổ phần ATZ Life trong giai đoạn 2016-2018, qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động marketing mix tại Công ty Cổ phần ATZ Life trong thời gian tới.
4178	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng “túi tái sử dụng” khi mua sắm của người tiêu dùng tại các siêu thị ở Thành phố Cần Thơ	Bùi, Thanh Bình	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Xây dựng thang đo và mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng túi tái sử dụng của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đo lường ảnh hưởng của các nhân tố đến hành vi sử dụng túi tái sử dụng trên địa bàn Cần Thơ. Đề xuất hàm ý nhằm khuyến khích, thúc đẩy người tiêu dùng sử dụng sản phẩm túi tái sử dụng

4179	Đại học	Phân tích tác động của chiêu thị qua phương tiện truyền thông online đến nhận biết thương hiệu Ovaltine Việt Nam của học sinh sinh viên tại Thành phố Cần Thơ	Võ, Tùng	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích tác động của chiêu thị qua phương tiện truyền thông online đến nhận biết thương hiệu Ovaltine đối với người tiêu dùng thành phố Cần Thơ, từ đó đưa ra các đề xuất giúp cho các chiến dịch chiêu thị phù hợp với thị trường thành phố Cần Thơ.
4180	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của chuỗi nhà hàng King BBQ Buffet tại Cần Thơ	Bùi, Ngọc Cát Thy	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của chuỗi nhà hàng King BBQ Buffet tại Cần Thơ qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại chuỗi nhà hàng King BBQ Buffet ở Cần Thơ.
4181	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của truyền thông kỹ thuật số đến ý định mua sắm mỹ phẩm của nữ giới tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Tuyết Nhi	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm mỹ phẩm của nữ giới tại thành phố Cần Thơ sau khi tiếp xúc với truyền thông kỹ thuật số. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị giúp xây dựng kế hoạch truyền thông kỹ thuật số hiệu quả cho doanh nghiệp kinh doanh mỹ phẩm tại Thành phố Cần Thơ.
4182	Đại học	Phân tích mức độ nhận biết thương hiệu OPPO trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau chiến dịch tài trợ chương trình “ Giọng ai giọng ai”	Thái, Chí Quang	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích hiệu quả tài trợ của nhà tài trợ OPPO đối với chương trình truyền hình “Giọng Ai Giọng Ai”. Đánh giá hiệu quả thông qua mức độ nhận biết thương hiệu của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
4183	Đại học	Đánh giá sự ảnh hưởng của tiếp thị lan truyền đến nhận biết thương hiệu đối với các Website thương mại điện tử của người tiêu dùng quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Quang Hải	Huỳnh, Nhật Phương	2018	Đánh giá sự ảnh hưởng của tiếp thị lan truyền đến nhận biết thương hiệu đối với các website thương mại điện tử của người tiêu dùng quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Qua đó, nghiên cứu đề ra giải pháp nhằm nâng cao mức độ mua sắm thương mại điện tử và nhận biết thương hiệu của các website thương mại điện tử đối với người tiêu dùng thông qua hoạt động tiếp thị lan truyền.
4184	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sản phẩm tiết kiệm điện năng của người dân quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Mai Thụy	Huỳnh, Nhật Phương	2018	Mô tả thực trạng và nhu cầu sử dụng sản phẩm tiết kiệm điện năng của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sản phẩm tiết kiệm điện năng của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ. Đề xuất các nhóm giải pháp nhằm kích thích việc sử dụng các sản phẩm tiết kiệm điện năng của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ
4185	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trung tâm Yoga của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Mỹ Tiên	Lưu, Tiến Thuận	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trung tâm học yoga của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó đề xuất các hàm ý quản trị giúp gia tăng quyết định của khách hàng khi lựa chọn trung tâm luyện tập yoga.
4186	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi chuyển đổi tiêu dùng từ chợ truyền thống sang siêu thị của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Lý, Vân Anh	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi chuyển đổi tiêu dùng từ chợ truyền thống sang siêu thị, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện và phát triển hiệu quả hoạt động kinh doanh của các siêu thị tại TP.Cần Thơ.
4187	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng hàng may mặc Việt Nam của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	La, Quốc Trí	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Phân tích thực trạng tiêu dùng hàng may mặc Việt Nam tại Cần Thơ. Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng hàng may mặc Việt Nam của khách hàng thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp giúp hàng may mặc Việt Nam trở thành xu hướng tiêu dùng của khách hàng Cần Thơ.

4188	Đại học	Phân tích tác động của các chiến dịch hành động vì môi trường đến hành vi mua sắm túi tái sử dụng của người dân tại các siêu thị ở Thành phố Cần Thơ	Trịnh, Gia Bảo	Huỳnh, Nhựt Phương	2018	Phân tích những tác động của các chiến dịch hành động vì môi trường đến hành vi mua sắm túi tái sử dụng của người dân tại các siêu thị thành phố Cần Thơ (TPCT). Qua đó đề xuất ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các chiến dịch và khả năng tác động của các chiến dịch đến hành vi mua sắm túi tái sử dụng của người dân tại TPCT.
4189	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác marketing dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Trương, Lê Uyển My	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	phân tích và đánh giá hoạt động marketing dịch vụ internet banking của ngân hàng VietinBank chi nhánh Tây Đô (2015 – 2017). Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác marketing dịch vụ NHĐT tại ngân hàng VietinBank chi nhánh Tây Đô.
4190	Đại học	Một số giải pháp xúc tiến bán hàng nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại Lotteria Cách mạng tháng tám Cần Thơ	Nguyễn, Kim Bích Ngân	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Đề ra các giải pháp xúc tiến bán hàng nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh cho cửa hàng Lotteria CMT8 Cần Thơ.
4191	Đại học	Phân tích tác động của nhận thức bảo vệ môi trường đến ý định sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên tại Thành phố Cần Thơ	Phan, Tấn Đạt	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích tác động của nhận thức bảo vệ môi trường đến ý định sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh - sinh viên tại địa bàn Thành phố Cần Thơ. Qua đó đề xuất giải pháp khuyến khích sử dụng TMĐT xanh của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
4192	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sách trực tuyến trên Website TIKI.VN của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Dương, Cẩm Duyên	Dương, Quế Nhu	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sách trực tuyến trên website Tiki.vn của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao ý định mua sách trực tuyến của người tiêu dùng.
4193	Đại học	Phân tích tác động của Video quảng cáo trà Ô Long Tea+ Plus trên kênh Youtube đến ý định mua hàng của người tiêu dùng trẻ tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Dương, Quế Nhu	2019	Phân tích tác động của video quảng cáo trà Ô Long TEA+ Plus trên kênh Youtube đến ý định mua hàng của NTD trẻ tại quận Ninh Kiều TPCT; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao ý định mua trà Ô Long TEA+ Plus của NTD trẻ ở địa bàn nghiên cứu nói riêng và trên cả nước nói chung.
4194	Đại học	Phân tích hành vi tiêu dùng sản phẩm thịt lợn an toàn của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Liêu, Thị Ngọc Nhi	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích hành vi tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm thịt lợn an toàn của người dân, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy việc sử dụng thịt lợn an toàn của người tiêu dùng nhằm đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng nói chung và người dân TP. Cần Thơ nói riêng.
4195	Đại học	Nghiên cứu hành vi mua sách trực tuyến của giới trẻ tại Thành phố Cần Thơ	Du, Võ Tường Vy	Lê, Quang Viết	2019	Nghiên cứu hành vi mua sách trực tuyến và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sách trực tuyến của giới trẻ tại tại phố Cần Thơ, qua đó đề xuất một số giải pháp cho các doanh nghiệp đang kinh doanh mặt hàng sách trực tuyến.
4196	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trên Shopee của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Mạc, Thanh Trúc	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trên Shopee của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng mua sắm trên ứng dụng mua sắm Shopee
4197	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Vàng	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên trên địa bàn thành phố Cần Thơ, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm khuyến khích người tiêu dùng sử dụng thương mại điện tử xanh.

4198	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng E-Banking của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy Tiên	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng E-banking của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều TP Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao dịch vụ E-banking của các ngân hàng.
4199	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng thực phẩm bổ sung của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ	Lương, Thế Đông Phát	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng thực phẩm bổ sung của NCT tại TP Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thực phẩm bổ sung dành cho NCT.
4200	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm xanh của người dân tại Thành phố Cần Thơ – Trường hợp sản phẩm ống hút thân thiện với môi trường	Phạm, Thị Thùy Linh	Lưu, Tiến Thuận	2019	Tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm xanh trường hợp sản phẩm ống hút thân thiện với môi trường. Từ đó đề ra hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy việc sử dụng sản phẩm ống hút thân thiện với môi trường.
4201	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị Co.Opmart Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Đông Thái	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị Co.opmart Vị Thanh tỉnh Hậu Giang.
4202	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm ngẫu hứng ngành hàng thời trang tại phiên chợ sale cuối tuần của người tiêu dùng quận Ninh Kiều – Cần Thơ	Nguyễn, Thị Minh	Lưu, Tiến Thuận	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm ngẫu hứng ngành hàng thời trang tại phiên chợ sale cuối tuần tại quận Ninh Kiều Cần Thơ nhằm đề xuất hàm ý quản trị cho đơn vị tổ chức chợ sale cuối tuần nói riêng và các phiên chợ cuối tuần trên địa bàn quận Ninh Kiều nói chung có thể áp dụng để kích thích hành vi mua hàng ngẫu hứng của khách hàng, từ đó giúp gia tăng doanh thu cho doanh nghiệp.
4203	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Thùy Trang	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng TPCT, nhằm đề xuất hàm ý quản trị phát triển thiết thực cho thị trường thực phẩm hữu cơ giúp các doanh nghiệp có thể thu hút và nâng cao hiểu biết của người tiêu dùng đối với thực phẩm hữu cơ
4204	Đại học	Nghiên cứu sự tác động của truyền miệng điện tử đến ý định lựa chọn quán ăn của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thúy Linh	Lưu, Tiến Thuận	2019	Nghiên cứu sự tác động của truyền miệng điện tử đến ý định lựa chọn quán ăn trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm đem đến cho doanh nghiệp cái nhìn đúng đắn và toàn diện về những tác động của truyền miệng điện tử trong việc lựa chọn quán ăn của người tiêu dùng. Qua đó, đề xuất một số hàm ý quản trị giúp nâng cao hiệu quả sử dụng truyền miệng điện tử trong kinh doanh cho những quán ăn trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
4205	Đại học	Tác động của quảng cáo kỹ thuật số ngoài trời đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Kim Quyên	Khuu, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ (TPCT) sau khi tiếp xúc với DOOHA, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần giúp các DN có thể nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng DOOHA và thu hút người tiêu dùng nhằm gia tăng doanh số và sự thỏa mãn của khách hàng
4206	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm chăm sóc da hữu cơ của khách hàng nữ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Thị Mỹ Hân	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm chăm sóc da hữu cơ của khách hàng nữ trên địa bàn thành phố Cần Thơ

4207	Đại học	Tác động của nhận thức rủi ro đến ý định mua hàng trực tuyến của giới trẻ quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ	Trần, Phương Thảo	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích tác động của nhận thức rủi ro đến ý định mua hàng trực tuyến của giới trẻ quận Ninh Kiều- T.p Cần Thơ, qua đó đề xuất một số hàm ý quản trị cho các trang web bán hàng nhằm giúp khách hàng giảm bớt mức độ cảm nhận rủi ro khi mua hàng trực tuyến.
4208	Đại học	Phân tích sự tác động các yếu tố thương hiệu đến nhận biết thương hiệu xe ô tô tại Cần Thơ	Trần, Nguyễn Hải Đăng	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Phân tích sự tác động các yếu tố thương hiệu đến nhận biết thương hiệu ô tô tại TP.Cần Thơ. Từ đó giúp doanh nghiệp có tầm nhìn sâu hơn về thị trường xe ô tô cũng như ý nghĩa của thương hiệu đối với sản phẩm và đưa ra được những chiến lược marketing phù hợp nhằm chiếm ưu thế trên thị trường.
4209	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ bưu chính chuyên phát tại bưu điện quận Ninh Kiều	Nguyễn, Thị Bé Em	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Bưu chính chuyên phát tại Bưu điện quận Ninh Kiều, từ đó đề xuất một số hàm ý giúp doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.
4210	Đại học	Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học tiếng anh tại Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Cần Thơ của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Phạm, hồng Gấm	Dương, Quế Nhu	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học tiếng anh tại Trung tâm ngoại ngữ Đại học Cần Thơ của sinh viên Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng đăng kí học tại trung tâm
4211	Đại học	Tác động của chính sách đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Yên Linh	Bùi, Văn Trịnh	2019	Đánh giá ảnh hưởng của yếu tố chính sách đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất khuyến nghị góp phần hoàn thiện giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ
4212	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe tay ga thương hiệu Honda của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Diễm	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua xe tay ga thương hiệu Honda của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
4213	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến cho nhãn hàng Bocalex của công ty cổ phần dược Hậu Giang tại TP. Cần Thơ	Lê, Trần Gia Thư	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nghiên cứu để tìm ra những giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến cho nhãn hàng Bocalex nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Thành phố Cần Thơ.
4214	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm quà lưu niệm của du khách nội địa tại các điểm du lịch ở tỉnh An Giang	Nguyễn, Trúc Ly	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định mua sản phẩm quà lưu niệm của du khách, đề xuất một số khuyến nghị để phát triển sản phẩm quà lưu niệm, qua đó góp phần thu hút du khách mua quà lưu niệm khi đến du lịch tỉnh An Giang.
4215	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng sản phẩm xanh của người dân trên địa bàn TP Cần Thơ	Nguyễn, Thảo Uyên	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng sản phẩm xanh của người dân trên địa bàn TPCT, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hành vi tiêu dùng sản phẩm xanh của người dân nơi đây.
4216	Đại học	Phân tích kênh phân phối dừa ở tỉnh Trà Vinh	Lý, Thị Kiều Tiên	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dừa ở tỉnh Trà Vinh. Phân tích cấu trúc kênh phân phối và các tác nhân tham gia vào kênh phân phối dừa ở tỉnh Trà Vinh. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kênh phân phối dừa tỉnh Trà Vinh.
4217	Đại học	Nghiên cứu sự tác động của Email – Marketing đến ý định sử dụng dịch vụ của sinh viên Đại học Cần Thơ tại Trung tâm ngoại ngữ trong trường	Nguyễn, Thị Huỳnh Giao	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Nghiên cứu sự tác động của email marketing của trung tâm ngoại ngữ Đại học Cần Thơ đến ý định sử dụng dịch vụ của sinh viên trong trường, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả email marketing của trung tâm.

4218	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm thông tin trực tuyến và ý định mua xe ô tô của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Diễm Mi	Lưu, Tiến Thuận	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tìm kiếm thông tin trực tuyến và ý định mua xe ô tô của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi tìm kiếm thông tin trực tuyến và ảnh hưởng của hành vi tìm kiếm thông tin trực tuyến đến ý định mua xe ô tô của khách hàng. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hành vi tìm kiếm thông tin trực tuyến về ô tô và ý định mua xe ô tô củ khách hàng.
4219	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến ý định sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên Thành phố Cần Thơ	Trà, Lê Nhựt Lam	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên tại thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của các hoạt động khuyến khích tiêu dùng thương mại điện tử xanh.
4220	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển mạng giữ số sang mạng di động Viettel của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Hải Yến	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chuyển mạng giữ số sang mạng di động Viettel của khách hàng trên địa bàn TPCT nhằm cải thiện và đề xuất các hàm ý quản trị cho doanh nghiệp
4221	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định mua mỹ phẩm trang điểm của khách hàng nữ tại địa bàn Cần Thơ	Lý, Thị Bé Ngoan	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Đánh giá các yếu tố tác động đến quyết định mua mỹ phẩm trang điểm của khách hàng nữ tại Cần Thơ, từ đó đề ra các giải pháp giúp gia tăng sự hài lòng khi sử dụng mỹ phẩm trang điểm của khách hàng nữ tại Cần Thơ.
4222	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên tại TP. Cần Thơ	Trần, Hải Kiệt	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng TMDT xanh của học sinh, sinh viên thành phố Cần Thơ. Từ đó, tác giả đề ra giải pháp nhằm nâng cao hành vi sử dụng TMDT xanh.
4223	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm xanh của khách hàng tại TP. Cần Thơ – Trường hợp sản phẩm túi thân thiện với môi trường	Phạm, Thị Ngọc Tuyền	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm túi thân thiện với môi trường (TTVMT) của khách hàng tại các siêu thị trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả và thúc đẩy vấn đề tiêu dùng xanh ngày một phổ biến hơn.
4224	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định du lịch theo nhóm của giới trẻ Ninh Kiều – Cần Thơ	Trần, Lê Cẩm Thy	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định du lịch theo nhóm của giới trẻ Cần Thơ, qua đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm giúp các điểm đến du lịch thu hút ngày càng nhiều khách du lịch trẻ theo nhóm hơn nữa trong thời gian tới
4225	Đại học	Nghiên cứu khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ trồng lúa hữu cơ tại huyện U Minh tỉnh Cà Mau	Trần, Thị Bé Phượng	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ trồng lúa hữu cơ. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của nông hộ trồng lúa hữu cơ tại huyện U Minh.
4226	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định lựa chọn sử dụng trà sữa Phúc Long của người tiêu dùng tại Cần Thơ	Ngô, Thị Thu Hường	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến việc sử dụng trà sữa Phúc Long của người tiêu dùng tại Cần Thơ nhằm đề xuất một số giải pháp để nâng cao giá trị thương hiệu và đẩy mạnh quyết định lựa chọn sử dụng trà sữa Phúc Long.
4227	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe máy điện của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều – Cần Thơ	Phạm, Thị Thu Trang	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến ý định mua xe máy điện của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển thị trường xe máy điện ở Cần Thơ trong thời gian tới.

4228	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của Viral Marketing đến quyết định mua điện thoại Oppo của người tiêu dùng TP. Cần Thơ	Trần, Thị Tố Quyên	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích ảnh hưởng của Viral marketing đến quyết định mua điện thoại Oppo của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm giúp Oppo sử dụng hiệu quả hơn Viral marketing và làm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.
4229	Đại học	Ảnh hưởng của chương trình thẻ tích điểm đến hành vi mua lặp lại của khách hàng tại cửa hàng Tiệm Lợi ở TP. Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Trang	Luu, Tiến Thuận	2019	Tìm hiểu, đánh giá ảnh hưởng của chương trình thẻ tích điểm đến hành vi mua lặp lại của khách hàng khi mua sắm tại các cửa hàng tiện lợi ở Thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hành vi mua lặp lại của khách hàng
4230	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc phát triển thương hiệu du lịch vườn cò Bằng Lăng tại TP. Cần Thơ	Dương, Thúy Vy	Vũ, Xuân Nam	2019	Phân tích thực trạng xây dựng thương hiệu của vườn cò Bằng Lăng, từ đó đề xuất các giải pháp xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch cho vườn cò Bằng Lăng.
4231	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng trái cây được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn của người tiêu dùng ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngân Hà	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng TCAT của người tiêu dùng ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm đẩy mạnh nhu cầu tiêu dùng TCAT tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ.
4232	Đại học	Phân tích tác động của Marketing truyền miệng điện tử (EWOM) đến quyết định lựa chọn thương hiệu điện thoại di động của người dân tại địa bàn TP. Cần Thơ	Đỗ, Quang Trường	Luu, Tiến Thuận	2019	Phân tích tác động của marketing truyền miệng điện tử (eWom) đến quyết định lựa chọn thương hiệu điện thoại di động của người dân tại địa bàn thành phố Cần Thơ. Từ đó đưa ra các giải pháp sử dụng eWom để phát triển kênh thông tin trên Internet thông qua các website, diễn đàn, mạng xã hội nhằm giúp các doanh nghiệp nói chung và các thương hiệu điện thoại nói riêng nâng cao sức cạnh tranh và thu hút người tiêu dùng.
4233	Đại học	Phân tích sự tác động của hoạt động Marketing tại các điểm bán hàng của thế giới di động trong quận Ninh Kiều đến quyết định mua điện thoại của người tiêu dùng	Nguyễn, Thành Tài	Vũ, Xuân Nam	2019	Phân tích sự tác động của hoạt động Marketing tại các điểm bán hàng của Thế giới di động trên địa bàn quận Ninh Kiều, TPCT đến quyết định mua điện thoại di động của người tiêu dùng đồng thời chỉ ra mức độ tác động của các nhân tố đó.
4234	Đại học	Nghiên cứu tác động Marketing thông qua người ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của giới trẻ quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Châu Thiên Ngân	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Nghiên cứu sự tác động của Influencer marketing đối với quyết định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả marketing thông qua người ảnh hưởng.
4235	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ tiệc cưới của người dân ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diễm Trang	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng tiệc cưới của người dân ở Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số khuyến nghị cho các nhà hàng và trung tâm hội nghị tiệc cưới có định hướng phát triển thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng cũ.
4236	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội Facebook đến quyết định mua sắm của giới trẻ TP. Cần Thơ	Nguyễn, Diễm My	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Tìm hiểu thực trạng quảng cáo qua Facebook của các DN tại Việt Nam. Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định mua sắm của giới trẻ tại TP Cần Thơ sau khi tiếp xúc với quảng cáo qua Facebook. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quảng cáo qua Facebook trong phạm vi địa bàn TP Cần Thơ nói riêng và cả nước nói chung.

4237	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ ở các quán ăn chay tại quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	Bành, Minh Huy	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ ở các quán ăn chay tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất những hàm ý quản trị nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng hơn.
4238	Đại học	Tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến quyết định chọn An Giang làm điểm đến du lịch của du khách nội địa	Hồ, Thiên Nga	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Nghiên cứu tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến quyết định chọn An Giang làm điểm đến du lịch nhằm đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả của các hoạt động quảng cáo qua mạng xã hội.
4239	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức rủi ro đến ý định mua thực phẩm chức năng tăng cơ của người tập GYM TP. Cần Thơ	Huỳnh, Thị Bảo Chúc	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức rủi ro đến ý định mua TPCN tăng cơ của người tập gym thành phố Cần Thơ. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro khi mua thực phẩm chức năng tăng cơ cho khách hàng giúp các nhà sản xuất kinh doanh có thể thu hút thêm người tiêu dùng.
4240	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn thương hiệu thuốc bảo vệ thực vật trong nước của nông hộ tại thị xã Long Mỹ	Nguyễn, Thị Ngọc Ánh	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn thương hiệu thuốc bảo vệ thực vật trong nước của nông hộ tại Thị Xã Long Mỹ.
4241	Đại học	Tác động của việc quảng cáo qua Instagram đến ý định mua sắm của giới trẻ tại TP. Cần Thơ	Lê, Thị Kim Ngân	Vũ, Xuân Nam	2019	Phân tích tác động của việc quảng cáo qua Instagram đến ý định mua hàng của giới trẻ tại Thành Phố Cần Thơ từ đó đề xuất những phương pháp quảng cáo hiệu quả cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên nền tảng mạng xã hội mới – Instagram.
4242	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe máy điện Vinfast của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Hoàng Tiến	Lưu, Tiến Thuận	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe máy điện VinFast của người dân tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao khả năng thu hút khách hàng cũng như ý định mua xe máy điện VinFast cho doanh nghiệp tại thành phố Cần Thơ.
4243	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trung tâm anh ngữ ILA Cần Thơ	Võ, Hoàng Sơn	Huỳnh, Trường Huy	2019	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trung tâm để từ đó thấy được những ưu điểm để thúc đẩy phát triển, đồng thời khắc phục những hạn chế góp phần xây dựng và phát triển thương hiệu ILA chất lượng tại thị trường Cần Thơ.
4244	Đại học	Phân tích tác động của chiến dịch marketing xã hội “Ngày môi trường thế giới” đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh, sinh viên quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đái, Lê Đông Hưng	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Phân tích ảnh hưởng của chiến dịch marketing xã hội “Ngày môi trường thế giới” đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của người tiêu dùng trẻ tại TPCT. Qua đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chương trình cũng như khả năng tác động của chiến dịch đến hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của người dân TPCT.
4245	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến thái độ của học sinh – sinh viên đối với thương mại điện tử xanh tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phương Thảo	Huỳnh, Nhật Phương	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến thái độ của học sinh – sinh viên đối với thương mại điện tử xanh tại thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp khuyến khích hành vi sử dụng thương mại điện tử xanh của học sinh – sinh viên trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
4246	Đại học	Ảnh hưởng của 03 loại phân hữu cơ vi sinh lên năng suất giống đậu trắng vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Trần, Hoàng Thái	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Ảnh hưởng của 03 loại phân hữu cơ vi sinh lên năng suất giống đậu trắng vụ Đông Xuân 2016 – 2017
4247	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học của tổ hợp lai ba giữa khổ qua rừng Rado 52 lai với khổ qua F1 TN 266	Trương, Thùy Trang	Võ, Công Thành	2018	Đánh giá đặc tính nông học của tổ hợp lai ba giữa khổ qua rừng Rado 52 lai với khổ qua F1 TN 266

4248	Đại học	Đánh giá các đặc tính nông học và năng suất của 28 giống đậu nành (Glycine max (L.) Merrill) vụ đông xuân 2018 tại Cần Thơ	Võ, Ngọc Ái	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá các đặc tính nông học và năng suất của 28 giống đậu nành (Glycine max (L.) Merrill) vụ đông xuân 2018 tại Cần Thơ
4249	Đại học	Khảo sát khả năng chịu hạn của 07 giống lúa cao sản theo giai đoạn sinh trưởng	Võ, Thị Huyền Trân	Võ, Công Thành	2018	Khảo sát khả năng chịu hạn của 07 giống lúa cao sản theo giai đoạn sinh trưởng
4250	Đại học	Khảo sát hàm lượng Phenol tổng Flavonoid tổng và đánh giá khả năng kháng oxy hóa kháng vi sinh vật của cao chiết Ethanol từ nấm giống xoài	Trần, Thị Yến Phi	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát hàm lượng Phenol tổng Flavonoid tổng và đánh giá khả năng kháng oxy hóa kháng vi sinh vật của cao chiết Ethanol từ nấm giống xoài
4251	Đại học	Khảo nghiệm cơ bản 05 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, vụ Đông Xuân 2017-2018	Hồ, Yến Nhi	Võ, Công Thành	2018	Khảo nghiệm cơ bản 05 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, vụ Đông Xuân 2017-2018
4252	Đại học	Khảo nghiệm năng suất của bộ giống lúa thơm (Oryza sativa L) tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Huỳnh, Ngọc Thắng	Quan, Thị Ái Liên	2018	Khảo nghiệm năng suất của bộ giống lúa thơm (Oryza sativa L) tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
4253	Đại học	Ảnh hưởng 03 mức phân đạm và số lần bón trên năng suất giống đậu nành MTĐ 860 – 3 tại Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Phạm, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Ảnh hưởng 03 mức phân đạm và số lần bón trên năng suất giống đậu nành MTĐ 860 – 3 tại Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017
4254	Đại học	So sánh năng suất của bộ giống lúa thơm (Oryza sativa L) tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, vụ Thu Đông 2017	Nguyễn, Phúc Nhân	Quan, Thị Ái Liên	2018	So sánh năng suất của bộ giống lúa thơm (Oryza sativa L) tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, vụ Thu Đông 2017
4255	Đại học	Ảnh hưởng ba mức phân đạm và số lần bón trên năng suất giống đậu nành MTĐ 878 – 2 tại Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017	Nguyễn, Phước Thọ	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Ảnh hưởng 03 mức phân đạm và số lần bón trên năng suất giống đậu nành MTĐ 878 – 2 tại Đại học Cần Thơ vụ Đông Xuân 2016 – 2017
4256	Đại học	Bước đầu đánh giá khả năng chịu hạn của bộ giống lúa cao sản của Khoa Nông Nghiệp	Thạch, Trương Trường Dữ	Võ, Công Thành	2018	Bước đầu đánh giá khả năng chịu hạn của bộ giống lúa cao sản của Khoa Nông Nghiệp
4257	Đại học	Đánh giá thời điểm và số lần phun thuốc trừ sâu đục trái Actimax trên giống đậu nành MTĐ 176 vụ Đông Xuân 2016 – 2017 tại Cần Thơ	Nguyễn, Quốc Nam	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá thời điểm và số lần phun thuốc trừ sâu đục trái Actimax trên giống đậu nành MTĐ 176 vụ Đông Xuân 2016 – 2017 tại Cần Thơ
4258	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của 03 loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất đậu đỏ (Vigna agularis) vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Cần Thơ	Lê, Thanh Phong	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của 03 loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất đậu đỏ (Vigna agularis) vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Cần Thơ

4259	Đại học	Anh hưởng của thời gian xiết nước lên sinh trưởng, năng suất củ và năng suất tinh dầu gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rose)	Phan, Thị Nhà Ân	Lưu, Thái Danh	2018	Anh hưởng của thời gian xiết nước lên sinh trưởng, năng suất củ và năng suất tinh dầu gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rose)
4260	Đại học	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực thuốc trừ cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i> L) của tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Minh Chơn	2018	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực thuốc trừ cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i> L) của tỉnh Vĩnh Long
4261	Đại học	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i> L) ở tỉnh Kiên Giang	Viên, Đức Hưng	Nguyễn, Minh Chơn	2018	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực của thuốc trừ cỏ đối với cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i> L) ở tỉnh Kiên Giang
4262	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái và nông học của 30 giống/dòng khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L) Schott)	Nguyễn, Thị Cẩm Hương	Nguyễn, Lộc Hiền	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái và nông học của 30 giống/dòng khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L) Schott)
4263	Đại học	Nghiên cứu phục tráng giống lúa huyết rồng vụ mùa 2017 tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Nguyễn, Thị Bích Thủy	Võ, Công Thành	2018	Nghiên cứu phục tráng giống lúa huyết rồng vụ mùa 2017 tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
4264	Đại học	Khả năng chịu hạn của 08 giống/ dòng lúa cao sản dựa trên một số chỉ tiêu sinh hóa	Lê, Triệu Vĩ	Võ, Công Thành	2018	Khả năng chịu hạn của 08 giống/ dòng lúa cao sản dựa trên một số chỉ tiêu sinh hóa
4265	Đại học	Khảo nghiệm cơ bản 05 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, vụ Đông Xuân 2017-2018	Lê, Thị Bích Tuyền	Võ, Công Thành	2018	Khảo nghiệm cơ bản 05 giống/dòng lúa chất lượng tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, vụ Đông Xuân 2017-2018
4266	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất của 28 giống/dòng đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) vụ Đông Xuân 2018 tại Cần Thơ	Lê, Thị Thanh Tuyền	Nguyễn, Phước Đăng Nguyễn, Châu Thanh Tùng	2018	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất của 28 giống/dòng đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) vụ Đông Xuân 2018 tại Cần Thơ
4267	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu đỏ vụ Đông Xuân 2017	Phạm, Thị Kim Trâm	Lưu, Thái Danh	2018	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu đỏ vụ Đông Xuân 2017
4268	Đại học	So sánh 03 mật độ gieo trồng trên giống đậu đỏ (<i>Vigna angularis</i>) vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ	Lê, Văn Nhân	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 03 mật độ gieo trồng trên giống đậu đỏ (<i>Vigna angularis</i>) vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ
4269	Đại học	Khảo nghiệm sản xuất 04 dòng/giống lúa Nàng Nhen tại xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vụ mùa 2017	Từ, Văn Mến	Võ, Công Thành	2018	Khảo nghiệm sản xuất 04 dòng/giống lúa Nàng Nhen tại xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vụ mùa 2017
4270	Đại học	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực của thuốc trừ cỏ chác (<i>Fimbristylis miliacea</i> L) Vahl) thu ở vùng đất mặn, đất phèn và đất phù sa	Trần, Văn Quy	Nguyễn, Minh Chơn	2018	Khảo sát đặc tính thực vật và đánh giá hiệu lực của thuốc trừ cỏ chác (<i>Fimbristylis miliacea</i> L) Vahl) thu ở vùng đất mặn, đất phèn và đất phù sa

4271	Đại học	Đánh giá khả năng chịu hạn của bốn dòng/giống lúa trong điều kiện hạn nhân tạo	Trần, Ngọc Thùy Vân	Võ, Công Thành	2018	Đánh giá khả năng chịu hạn của bốn dòng/giống lúa trong điều kiện hạn nhân tạo
4272	Đại học	Đánh giá khả năng chịu phèn của 05 dòng/giống lúa tại trường Đại học Cần Thơ	Trang, Trung Hiếu	Võ, Công Thành	2018	Đánh giá khả năng chịu phèn của 05 dòng/giống lúa tại trường Đại học Cần Thơ
4273	Đại học	Ảnh hưởng của phân hữu cơ lên năng suất và tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc.)	Đoàn, Minh Chiến	Lưu, Thái Danh	2018	Ảnh hưởng của phân hữu cơ lên năng suất và tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc.)
4274	Đại học	Khảo nghiệm sản xuất 06 giống lúa thơm tại xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vụ Đông Xuân 2017-2018	Trịnh, Thị Nhã Trân	Võ, Công Thành	2018	Khảo nghiệm sản xuất 06 giống lúa thơm tại xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vụ Đông Xuân 2017-2018
4275	Đại học	Thành phần hóa học, khả năng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu sả Java (<i>Cymbopogon winterianus</i> Jowitt)	Phạm, Thị Cẩm Nhi	Lưu, Thái Danh	2018	Thành phần hóa học, khả năng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu sả Java (<i>Cymbopogon winterianus</i> Jowitt)
4276	Đại học	Đánh giá năng suất của bộ giống lúa thơm (<i>Oryza sativa</i> L) tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Võ, Minh Thiện	Quan, Thị Ái Liên	2018	Đánh giá năng suất của bộ giống lúa thơm (<i>Oryza sativa</i> L) tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
4277	Đại học	Ảnh hưởng của các mức phân đạm và phân lân trên năng suất giống đậu nành MTD9-3 tại nông trại khu II Đại học Cần Thơ vụ Xuân hè 2018	Nguyễn, Hoàng Mi	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Ảnh hưởng của các mức phân đạm và phân lân trên năng suất giống đậu nành MTD9-3 tại nông trại khu II Đại học Cần Thơ vụ Xuân hè 2018
4278	Đại học	Khảo sát đặc tính thực vật và hiệu lực thuốc trừ cỏ lồng vực nước (<i>echinochloa crus-galli</i> L.) và cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa Chinenesis</i>) của tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Ánh	Nguyễn, Minh Chơn	2018	Khảo sát đặc tính thực vật và hiệu lực thuốc trừ cỏ lồng vực nước (<i>echinochloa crus-galli</i> L.) và cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa Chinenesis</i>) của tỉnh An Giang
4279	Đại học	Thành phần hóa học và khả năng kháng oxy hóa, kháng vi sinh vật của cao chiết từ hoa và thân lá cây sài đất (<i>Wedelia calendulacea</i> Less)	Nguyễn, Thị Kim Thanh	Lưu, Thái Danh	2018	Thành phần hóa học và khả năng kháng oxy hóa, kháng vi sinh vật của cao chiết từ hoa và thân lá cây sài đất (<i>Wedelia calendulacea</i> Less)
4280	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học, và năng suất của bộ giống. dòng lúa chịu phèn tại xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vụ hè thu 2016-2017	Nguyễn, Thị Cẩm Loan	Võ, Công Thành	2018	Đánh giá đặc tính nông học, và năng suất của bộ giống. dòng lúa chịu phèn tại xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vụ hè thu 2016-2017
4281	Đại học	Ảnh hưởng của 03 mật độ trồng đến năng suất giống đậu đen vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Cần Thơ	Nguyễn, Tuấn Thanh	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Ảnh hưởng của ba mật độ trồng đến năng suất giống đậu đen vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Cần Thơ
4282	Đại học	So sánh năng suất 6 dòng đậu xanh đột biến thể hệ M8 vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ	Trần, Thanh Mộng	Trần, Thị Thanh Thủy	2018	So sánh năng suất 6 dòng đậu xanh đột biến thể hệ M8 vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ

4283	Đại học	Đánh giá hiện trạng canh tác và hiệu quả phòng trị rệp sáp (<i>Planococcus citri</i>) trên cây măng cầu ta (<i>Annoana squamosa</i>) ở huyện Tri Tôn và Tịnh Biên tỉnh An Giang	Nguyễn, Trương Khả Uyên	Nguyễn, Minh Chon	2018	Đánh giá hiện trạng canh tác và hiệu quả phòng trị rệp sáp (<i>Planococcus citri</i>) trên cây măng cầu ta (<i>Annoana squamosa</i>) ở huyện Tri Tôn và Tịnh Biên tỉnh An Giang
4284	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất 30 giống/dòng đậu nành (<i>glycine max</i> (L.) Merrill vụ Đông Xuân 2018 tại Cần Thơ	Nguyễn, Văn Mãi	Nguyễn, Phước Đăng Nguyễn, Châu Thanh Tùng	2018	Đánh giá đặc tính nông học và năng suất 30 giống/dòng đậu nành (<i>glycine max</i> (L.) Merrill vụ Đông Xuân 2018 tại Cần Thơ
4285	Đại học	Đánh giá sự đa dạng di truyền của các tình trạng hình thái, nông học ở 20 giống/ dòng khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L) Schott) được thu thập ở ĐBSCL	Nguyễn, Văn Lộc	Nguyễn, Lộc Hiền	2018	Đánh giá sự đa dạng di truyền của các tình trạng hình thái, nông học ở 20 giống/ dòng khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L) Schott) được thu thập ở ĐBSCL
4286	Đại học	So sánh 06 giống/dòng đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) tại nông trại khu 2 ĐHCT vụ Đông Xuân 2017-2018	Đặng, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 06 giống/dòng đậu nành (<i>Glycine max</i> (L.) Merrill) tại nông trại khu 2 ĐHCT vụ Đông Xuân 2017-2018
4287	Đại học	Thành phần hóa học, khả năng kháng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu nghệ trắng (<i>Curcuma aromatica</i>)	Đặng, Thị Kim Hoàng	Lưu, Thái Danh	2018	Thành phần hóa học, khả năng kháng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu nghệ trắng (<i>Curcuma aromatica</i>)
4288	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của 03 loại phân bón lá trên năng suất giống đậu nành MTĐ 885-3 tại Cần Thơ vụ Đông Xuân 2017-2018	Nguyễn, Trung Quốc	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá ảnh hưởng của 03 loại phân bón lá trên năng suất giống đậu nành MTĐ 885-3 tại Cần Thơ vụ Đông Xuân 2017-2018
4289	Đại học	Ảnh hưởng của xiết nước đến hàm lượng tinh dầu của tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> L)	Cao, Huyền Trần	Lưu, Thái Danh	2018	Ảnh hưởng của xiết nước đến hàm lượng tinh dầu của tần dày lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> L)
4290	Đại học	Đánh giá sự thích nghi của 04 giống/dòng lúa cao sản trong điều kiện hạn nhân tạo	Võ, Thị Kim Linh	Võ, Công Thành	2018	Đánh giá sự thích nghi của 04 giống/dòng lúa cao sản trong điều kiện hạn nhân tạo
4291	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân bón lá lên năng suất giống đậu đen (<i>Vigna unguiculata</i>) vụ xuân hè năm 2018 tại Cần Thơ	Nguyễn, Chí Tâm	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân bón lá lên năng suất giống đậu đen (<i>Vigna unguiculata</i>) vụ xuân hè năm 2018 tại Cần Thơ
4292	Đại học	Khảo sát sinh trưởng, năng suất và thành phần hóa học của cỏ Sả (<i>Panicum Maximum</i> cv. Mombasa) trong điều kiện chịu hạn tại nhà lưới	Nguyễn, Hữu Tài	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2018	Khảo sát sinh trưởng, năng suất và thành phần hóa học của cỏ Sả (<i>Panicum Maximum</i> cv. Mombasa) trong điều kiện chịu hạn tại nhà lưới
4293	Đại học	So sánh bốn mật độ gieo trên giống đậu nành MTĐ 860-3 vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Thái	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh bốn mật độ gieo trên giống đậu nành MTĐ 860-3 vụ đông xuân 2017-2018 tại Cần Thơ

4294	Đại học	So sánh 6 giống/dòng đậu nành tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vụ đông xuân 2017-2018	Nguyễn, Tấn Đây	Nguyễn, Phước Đăng	2018	So sánh 6 giống/dòng đậu nành tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vụ đông xuân 2017-2018
4295	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu đỏ vụ đông xuân 2017	Phạm, Thị Kim Trâm	Nguyễn, Phước Đăng	2018	Đánh giá ảnh hưởng của ba loại phân hữu cơ vi sinh trên năng suất giống đậu đỏ vụ đông xuân 2017
4296	Đại học	Khả năng chịu hạn của 7 giống lúa mùa dựa vào một số chỉ tiêu sinh hóa	Nguyễn, Thế Vinh	Võ, Công Thành	2018	Khả năng chịu hạn của 7 giống lúa mùa dựa vào một số chỉ tiêu sinh hóa
4297	Đại học	Ảnh hưởng của bốn phân hữu cơ thay thế phân hóa học trong cải thiện đặc tính hóa học đất trồng tiêu dưới tán cây trà tại huyện giồng riềng tỉnh Kiên Giang	Trần, Phúc Lộc	Châu, Minh Khôi	2018	Ảnh hưởng của bốn phân hữu cơ thay thế phân hóa học trong cải thiện đặc tính hóa học đất trồng tiêu dưới tán cây trà tại huyện giồng riềng tỉnh Kiên Giang
4298	Đại học	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên nghề ương giống cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Đặng, Thanh Tùng	Đào, Minh Hải Võ, Nam Sơn	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2018, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 96 hộ dân ương nuôi cá tra giống ở 3 tỉnh Cần Thơ (31 hộ), Đồng Tháp (33 hộ), An Giang (32 hộ) nhằm khảo sát tình trạng sản xuất cá tra giống, sự nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu của hộ dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các hộ ương cá tra giống (92%) đều nhận biết được sự thay đổi của điều kiện thời tiết so với trước đây. Trong đó, sự thay đổi lượng mưa được các hộ nông dân quan tâm nhiều nhất (82%), kế đến là nhiệt độ với 56%. Để ứng phó với sự biến đổi thì có 94% hộ dân chọn cách sử dụng thêm các loại vitamin trộn vào trong thức ăn, 42% chọn sử dụng các loại thuốc và hóa chất. Có 83% hộ nông dân thường xuyên cập nhật các thông tin về thời tiết, 45% hộ dân cập nhật các thông tin cảnh báo sớm về ô nhiễm nguồn nước để có thể đưa ra các biện pháp nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của trang trại. Từ khóa: Cá tra giống, biến đổi khí hậu.

4299	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên các chỉ tiêu sinh lý máu của cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Lâm, Thị Quy	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu “Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên chỉ tiêu sinh lý máu cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)” được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 9 nghiệm thức mỗi nghiệm thức với ba mức nhiệt độ (27, 30 và 33oC) kết hợp với ba mức độ mặn (0, 5, 10‰) được lập lại 3 lần, cá được bố trí 63 con/bể và có khối lượng ban đầu khoảng 25g/con. Máu cá được thu mẫu ở các ngày 0; 1; 3; 7; 30 và 60 để đo các chỉ tiêu: mật độ hồng cầu, hemoglobin, hematocrit, hàm lượng glucose, áp suất thẩm thấu và ion Cl-trong huyết tương. Kết quả cho thấy, có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên hàm lượng hemoglobin và hematocrit, trong khi đó không có sự tương tác này lên số lượng hồng cầu. Số lượng hồng cầu, hàm lượng hemoglobin và hematocrit tăng dần và đạt cao nhất ở ngày thứ 60, các nghiệm thức ở nhiệt độ và độ mặn cao thì các chỉ tiêu này đạt giá trị cao. Không có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên nồng độ glucose trong huyết tương và nhiệt độ có sự tác động lên nồng độ glucose nhiều hơn là độ mặn. Nồng độ glucose có xu hướng gia tăng ở các nghiệm thức độ mặn kết hợp với nhiệt độ 27 0C nhưng lại giảm xuống ở các nghiệm thức kết hợp nhiệt độ 30 và 330C qua các ngày thu mẫu và dần ổn định đến ngày thứ 60. Có sự tương tác của nhiệt độ và độ mặn lên nồng độ ion Cl- ở ngày thu mẫu đầu tiên. Yếu tố nhiệt độ và độ mặn đều tác động lên ASTT và ion Cl-. ASTT và Cl- ở các mức độ mặn và nhiệt độ cao thì đạt giá trị cao và dần ổn định đến ngày thứ 60. Lúc này mọi khác biệt đều không có ý nghĩa ($p>0,05$).
------	---------	---	--------------	----------------------	------	--

4300	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng của cá lóc (<i>Channa striata</i> Bloch, 1793) giai đoạn giống	Lê, Nhân Ái	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu: “Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng của cá lóc (<i>channa striata</i>) giai đoạn giống”, được thực hiện với mục tiêu tìm hiểu về mức độ ảnh hưởng ở các mức nhiệt độ và độ mặn khác nhau lên tăng trưởng, tỷ lệ sống, FCR và hoạt tính của các loại enzyme như pepsine trong dạ dày, α-amylase, trypsine và chymotrypsine trong ruột của cá. Thí nghiệm được tiến hành trong 60 ngày với 3 mức độ mặn (0‰, 5‰, 10‰) và 3 mức nhiệt độ (27oC, 30oC, 33oC) khác nhau với 3 lần lặp lại. Khối lượng cá được cân tại các thời điểm: Ngày 0, ngày 30 và ngày 60 để xác định tốc độ tăng trưởng và thu mẫu ruột và dạ dày ở ngày 60 để phân tích các loại enzyme pepsine, trypsine và chymotrypsine. Kết quả sau 60 ngày thí nghiệm cho thấy tương tác của nhiệt độ và độ mặn không ảnh hưởng lên sự tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá lóc. Chỉ có độ mặn gây ảnh hưởng khác biệt có ý nghĩa lên các chỉ tiêu tăng trưởng của cá ($p < 0,05$). Độ mặn 10‰ cho khả năng tăng trưởng thấp nhất, khác biệt có ý nghĩa ở các yếu tố tỷ lệ sống, tăng trọng, tăng trưởng tương đối, tuyệt đối và có hệ số FCR cao nhất. Độ mặn 0‰ cho kết quả tốt nhất ở các chỉ tiêu tăng trọng và tăng trưởng tuyệt đối, cao hơn có ý nghĩa so với 5‰, các chỉ tiêu tỉ lệ sống, tăng trưởng tương đối cao hơn, FCR thấp hơn so với 5‰ nhưng khác biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$). Tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn ảnh hưởng đến hoạt tính của enzyme trypsine ($p < 0,05$), trypsine cao nhất ở nghiệm thức 27oC – 5‰ ($14,25 \pm 1,52$ mU/phút/mg protein) và thấp nhất ở nghiệm thức 33oC – 10‰ ($7,91 \pm 2,40$ mU/phút/mg protein). Các enzyme α-amylase, pepsine và chymotrypsine không chịu tác động của tương tác nhiệt độ và độ mặn ($p > 0,05$). Riêng enzyme α-amylase chịu ảnh hưởng của nhiệt độ ($p < 0,05$), hoạt tính α-amylase cao nhất ở 27oC ($3,42 \pm 0,65$ mU/phút/mg protein), thấp nhất ở 30oC ($2,50 \pm 0,60$ mU/phút/mg protein). Từ khóa: cá lóc, nhiệt độ, độ mặn, tăng trưởng, enzyme
------	---------	--	-------------	----------------------	------	--

4301	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO ₂ lên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798) giai đoạn postlarvae 15 lên giống	Hà, Trung Hiếu	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO ₂ (pH) lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của việc ương giống tôm sú. Nghiên cứu gồm có 5 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Các nghiệm thức gồm có: 30-31oC kết hợp pH 7,2 (20,5 mg/L CO ₂) và 30-31oC kết hợp pH 7,6 (7,59 mg/L CO ₂), 33-34oC kết hợp pH 7,2 (20,5 mg/L CO ₂) và 33-34oC kết hợp pH 7,6 (7,59 mg/L CO ₂) và một nghiệm thức đối chứng có mức pH dao động 8,0-8,1 (2,23 mg/L CO ₂). Tôm bố trí ở giai đoạn postlarvae 15, mật độ 500con/m ³ , thể tích bể ương 250 lít, độ mặn 15‰, thời gian ương 45 ngày. Kết quả sau 45 ngày nuôi, tỷ lệ sống của tôm sú thấp nhất ở nghiệm thức 33-34oC kết hợp pH 7,2 (16,0±1,15%) và cao nhất ở nghiệm thức đối chứng (35,7±1,20%). Nghiệm thức 33-34oC kết hợp pH 7,6 có khối lượng, chiều dài cao nhất (0,75±0,12 g; 4,47±0,23 cm) khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với các nghiệm thức còn lại; khối lượng và chiều dài thấp nhất ở nghiệm thức 30-31oC kết hợp pH 7,6 (0,43±0,06 g; 3,89±0,12 cm) khác biệt có ý nghĩa thống kê với các nghiệm thức còn lại. Hàm lượng glucose cao đạt cao nhất ở thí nghiệm 33-34oC kết hợp pH 7,2. Chứng tỏ nhiệt độ cao làm tôm có dấu hiệu stress trong quá trình thí nghiệm. Như vậy ở nhiệt độ cao và CO ₂ cao (pH thấp) sẽ làm ảnh hưởng sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm sú. Từ khóa: Tôm sú, nhiệt độ, CO ₂ , tăng trưởng.
4302	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) theo công nghệ biofloc ở các mật độ khác nhau	Phan, Công Toại	Châu, Tài Tảo Lý, Văn Khánh	2018	Nghiên cứu nhằm xác định mật độ ương ấu trùng thích hợp cho sự tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm sú áp dụng công nghệ biofloc. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức mật độ: (i) 150 con/l; (ii) 200con/l; (iii) 250 con/l; (iv) 300 con/l. Các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Ấu trùng được ương theo công nghệ biofloc (C:N= 25:1 và sử dụng ri đường để bổ sung nguồn carbohydrate). Bể ương có thể tích 500 L và độ mặn 30‰. Sau 21 ngày ương, các yếu tố môi trường ở các nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho ấu trùng tôm phát triển, tốc độ tăng trưởng về chiều dài ở Postlarvae-15 ở mật độ ương 150 con/l và 200 con/l đạt chiều dài tương ứng là 12,37 mm và 11,9 mm khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với các nghiệm thức còn lại. Ở nghiệm thức 150 con/l tỷ lệ sống 61,2% và năng suất 73.421 của Postlarvae-15 cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả cho thấy, ương ấu trùng tôm sú theo công nghệ biofloc ở mật độ 150 con/l đạt kết quả tốt nhất. Từ khóa: Tôm sú, biofloc, mật độ, tỷ lệ sống, ri đường

4303	Đại học	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu lên nghề nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long	Phạm, Thị Diễm My	Đào, Minh Hải Võ, Nam Sơn	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2018, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 97 hộ nuôi cá tra thương phẩm trong ao đất tại tỉnh Đồng Tháp (18 hộ), An Giang (26 hộ), Cần Thơ (20 hộ), Vĩnh Long (15 hộ), Trà Vinh (10 hộ), Sóc Trăng (8 hộ) nhằm khảo sát kỹ thuật nuôi cá tra, đánh giá nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Các thông tin được thu thập bao gồm các yếu tố kỹ thuật, các yếu tố thời tiết tác động đến mô hình nuôi và giải pháp ứng phó của người nuôi trong thời gian qua và trong tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn nông dân (85,38%) nhận thức được sự biến đổi và tác động của các yếu tố thời tiết trong thời gian qua. Trong đó, nhiệt độ cực thấp được các hộ nuôi rất quan tâm với 55,92%, kế đến là thay đổi nhiệt độ nhanh chóng (42,29%) và mưa lớn (47,8%). Việc lựa chọn con giống tốt và sử dụng thức ăn chất lượng cao (cùng 54,46%) là hai chiến lược quan trọng của hộ nuôi để đối phó với các rủi ro do thời tiết gây ra. Bên cạnh đó việc cập nhật thông tin về hướng dẫn quản lý rủi ro nhận được nhiều sự quan tâm nhất của hộ nuôi với 68,08% so với các ứng dụng công nghệ thông tin khác. Từ khóa: nuôi cá tra, biến đổi khí hậu, giải pháp
4304	Đại học	Ảnh hưởng của chế độ ánh sáng khác nhau đến sinh trưởng và thành phần hóa học của rong câu (Gracilaria sp.)	Phạm, Thị Mỹ Vân	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của chế độ ánh sáng khác nhau đến sự sinh trưởng và thành phần dinh dưỡng của rong câu (Gracilaria.sp). Rong câu được nuôi trong keo thủy tinh với thể tích nước 8 L, độ mặn 15‰, mật độ rong là 2 g/L và sục khí nhẹ liên tục thời gian thí nghiệm là 30 ngày. Thí nghiệm có 7 nghiệm thức với chế độ ánh sáng khác nhau và mỗi nghiệm thức bố trí 3 lần lặp lại (1) là: không che sáng (nghiệm thức đối chứng), (2 và 3) che 1 hoặc 1 lớp lưới trên mặt keo (4 và 5) che 1 hoặc 2 lớp lưới xung quanh keo, (6 và 7) che 1 hoặc 2 lớp lưới toàn bộ keo. Kết quả cho thấy tốc độ tăng trưởng của rong câu ở nghiệm thức không che lưới (1,25%/ngày), che 1 lớp trên mặt keo (2,36%/ngày), che 2 lớp trên mặt keo (1,85%/ngày), che 1 lớp xung quanh keo (1,90%/ngày), che 2 lớp xung quanh (2,38%/ngày) là tốt nhất, che 1 lớp toàn bộ keo (2,23%/ngày) và thấp nhất ở nghiệm thức che 2 lớp toàn bộ keo (1,22%/ngày). Thành phần sinh hóa bao gồm protein, lipid, tro, xơ và carbohydrate. Thành phần tro và xơ tương tự nhau, protein dao động từ 20,86-24,51%, lipid (0,39-0,98%) và carbohydrate dao động từ (49,27-54,53%). Kết quả thí nghiệm cho thấy nghiệm thức che trên mặt 1 lớp lưới và che toàn bộ 1 lớp lưới cho sinh trưởng của rong câu tốt nhất. Từ khóa: Chế độ ánh sáng, rong câu, Gracilaria sp., tốc độ tăng trưởng, dinh dưỡng.

4305	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn khác nhau lên tăng trưởng của cá chim trắng vây vàng(<i>Trachinotus blochii</i>) giai đoạn giống	Võ, Minh Thùy	Võ, Nam Sơn Lý, Văn Khánh	2018	Thử nghiệm ương cá chim trắng vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) với các loại thức ăn khác nhau trong hệ thống nước lọc tuần hoàn được thực hiện tại Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2018. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức thức ăn khác nhau: (1) thức ăn công nghiệp, (2) thức ăn công nghiệp kết hợp cá tạp và (3) cá tạp. Cá chim vây vàng giống có khối lượng 3,96 g/con được bố trí ương trong bể nhựa 500 lít với hệ thống nước lọc tuần hoàn, có sục khí ở mật độ 30 con/bể và ở độ mặn 15‰. Kết quả sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của cá ở nghiệm thức cho ăn thức ăn công nghiệp (0,24 g/ngày và 0,77 %/ngày) và thức ăn công nghiệp kết hợp cá tạp (0,21 g/ngày và 0,42 %/ngày) cao và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức cá tạp (0,17 g/ngày và 0,36 %/ngày). Tỷ lệ sống đạt 100% ở 3 nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Ương cá chim vây vàng trong hệ thống nước lọc tuần hoàn tốt nhất khi cho cá ăn thức ăn công nghiệp.
4306	Đại học	Thử nghiệm ương cá tai tượng (<i>Osphronemus gouramy</i>) theo quy trình biofloc	Phan, Thị Ngọc Châu	Phạm, Ngọc Nhân Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng Artemia sinh khối đông lạnh để thay thế thức ăn viên (Tongwei; 40% đạm) trong ương nuôi cá tai tượng (<i>Osphronemus goramy</i>) theo công nghệ biofloc. Thí nghiệm được thực hiện với 05 nghiệm thức (NT) với các phần trăm Artemia sinh khối (dựa vào trọng lượng khô) trong khẩu phần ăn gồm: 0% (NT1), 25% (NT2), 50% (NT3), 75% (NT4) và 100% (NT5) với C/N=10, mỗi nghiệm thức được lặp lại 03 lần. Chiều dài và trọng lượng ban đầu của cá là $2,63 \pm 0,23$ cm/cá thể và $0,53 \pm 0,14$ g/cá thể. Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy, tăng trưởng về chiều dài của cá trong tất cả nghiệm thức cho ăn bằng sinh khối theo tỉ lệ trong khẩu phần ăn tốt hơn có ý nghĩa ($p < 0,05$) so với cá cho ăn 100% thức ăn viên. Tăng trưởng chiều dài cao nhất ở NT4 (3,69 cm/cá thể), kế đến là cá ở NT3 (3,62 cm/cá thể), NT2 (3,57 cm/cá thể), NT5 (3,54 cm/cá thể) và thấp nhất là cá ở NT1 (3,35 cm/cá thể). Thêm vào đó, cá cho ăn bằng sinh khối Artemia theo tỉ lệ trong khẩu phần ăn cũng cải thiện đáng kể về khối lượng, tăng trưởng về khối lượng cá ở cá nghiệm thức cho ăn bằng khẩu phần ăn có chứa Artemia sinh khối tốt hơn có ý nghĩa so với cá cho ăn bằng 100% thức ăn viên, tăng trưởng về khối lượng cá cao nhất ở NT4 (1,75 g/cá thể), kế đến là cá ở NT3 (1,58 g/cá thể), NT2 (1,44 g/cá thể), NT5 (1,42 g/cá thể) và cuối cùng là NT1 (1,14 g/cá thể). Sinh khối Artemia không những cải thiện tăng trưởng về chiều dài và trọng lượng mà còn làm tăng tỉ lệ sống của cá đáng kể. Từ kết quả của thí nghiệm này có thể khẳng định rằng sinh khối Artemia rất thích hợp trong ương cá tai tượng.

4307	Đại học	Nghiên cứu nuôi kết hợp rong câu (Gracilaria sp.) và tôm sú (Penaeus monodon) trong giai lưới với các mật độ khác nhau	Nguyễn, Lưu Đông Khoa	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Nghiên cứu nuôi kết hợp các mật độ tôm sú (Penaeus monodon) khác nhau với rong câu (Gracilaria sp.) trong giai lưới đặt trong ao quảng canh cải tiến. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức với 3 mật độ nuôi (2, 4 và 6 con/m ²), trong đó 3 nghiệm thức nuôi đơn tôm được cho ăn 100% nhu cầu (theo khối lượng thân) và 3 nghiệm thức nuôi kết hợp tôm sú-rong câu (mật độ rong câu 0,5 kg/m ²) cho ăn 50% nhu cầu tương ứng với từng mật độ nuôi. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, tôm sú có khối lượng trung bình ban đầu 1,07 g được thả nuôi trong giai lưới 16 m ² trong 4 tháng. Kết quả cho thấy, ở cùng mật độ nuôi thì tốc độ tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất của tôm nuôi kết hợp cho ăn 50% nhu cầu đạt tương đương hoặc tốt hơn ($p > 0,05$) so với nuôi đơn cho ăn theo nhu cầu, và chi phí thức ăn có thể giảm được từ 36,3% đến 47,9%. Khi xét về mật độ nuôi, nuôi kết hợp tôm rong câu ở mật độ 4 con/m ² cho ăn 50% nhu cầu có thể cho kết quả tối ưu về tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất, đồng thời màu sắc và thành phần hóa học thịt tôm không thay đổi.
4308	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của rong và thực vật thủy sinh trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Bùi, Thanh Tuấn	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Khảo sát vai trò của rong và thực vật thủy sinh (TVTS) trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến (QCCT) được thực hiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp 32 nông hộ tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2018. Kết quả khảo sát cho thấy rong và TVTS thường xuất hiện và sinh trưởng tốt vào mùa mưa (tháng 6-11 âm lịch), độ phủ rong trung bình là $49,14 \pm 27,14\%$ với các loài như: cỏ năng, rong mền, rong đá, rong đuôi chồn, rong nhót. Có 75% ý kiến cho rằng chúng có vai trò quan trọng như cải thiện chất lượng nước, làm thức ăn trực tiếp cho tôm, cua, làm nơi trú ẩn. Bên cạnh đó cũng có những tác hại nghiêm trọng như gây thối nước, cản trở quá trình di chuyển của tôm, cua,... làm giảm năng suất ao nuôi (16%). Những ao có rong và TVTS phát triển ở độ phủ từ 30-50% thường cho năng suất và sản lượng cao hơn những ao không có rong nhưng diện tích che phủ của rong lớn >50% độ phủ sẽ gây hại cho ao nuôi. Năng suất tôm sú trung bình trong ao nuôi QCCT đạt $298 \pm 248 \text{ kg/ha/năm}$, lợi nhuận trung bình $81,71 \pm 82,06 \text{ triệu đồng/ha/năm}$. Từ khóa: Tôm quảng canh cải tiến, rong biển, thực vật thủy sinh, năng suất

4309	Đại học	Ảnh hưởng thay thế thức ăn chế biến bằng Artemia sinh khối đông lạnh lên sinh trưởng của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) giống	Ung, Thanh Nhân	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Nghiên cứu nhằm xác định mức thay thế thức ăn chế biến bằng Artemia sinh khối đông lạnh thích hợp trong ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>). Thí nghiệm được thực hiện với 05 nghiệm thức với phần trăm sinh khối được tăng dần 25% trong khẩu phần ăn theo nghiệm thức. Tôm có khối lượng ban đầu là 0,005g/cá thể và chiều dài 1,11cm/cá thể được nuôi với mật độ 2 con/Lở độ mặn 20 ‰ trong 20 ngày. Các yếu tố môi trường suốt quá trình nuôi đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm. Chiều dài và khối lượng tôm ở ngày nuôi thứ 20 tăng cao nhất nghiệm thức 4 (2,41 cm/cá thể và 0,081g/cá thể) với mức thay thế 75% thức ăn công nghiệp bằng sinh khối Artemia đông lạnh, cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại, nhưng khác biệt không có ý nghĩa so với nghiệm thức 5 với thay thế 100% thức ăn công nghiệp bằng Artemia đông lạnh, và thấp nhất ở nghiệm thức cho ăn bằng 100% thức ăn công nghiệp (2.16 cm/cá thể và 0.056g/cá thể). Từ kết quả cho thấy, nghiệm thức thay thế 75% thức ăn công nghiệp bằng Artemia sinh khối đông lạnh cho kết quả tăng trưởng tốt nhất.
4310	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ thay thế nước ót bằng nước muối biển lên sinh trưởng và sinh sản của artemia franciscana	Huỳnh, Nguyễn Thúy Vy	Nguyễn, Văn Hòa Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Thí nghiệm bố trí nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của việc thay thế nước ót bằng nước muối biển lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia franciscana. Thí nghiệm được bố trí ở độ mặn 40‰ với tỷ lệ thay thế (TLTT) nước ót bằng nước muối biển pha lần lượt là 0%, 25%, 50%, 75%, 100% tương ứng với 5 nghiệm thức thí nghiệm, có 3 lần lặp lại chomỗi nghiệm thức. Artemia được nuôi trong chai nhựa 1,5 lít với mật độ 200 nauplii/lít tới khi trưởng thành để xác định tăng trưởng, sau đó được nuôi theo cặp cá thể cho theo dõi các chỉ tiêu sinh sản. Tảo Chaetoceros sp. được cho ăn trong 2 ngày đầu và sau đó là thức ăn Artemiacho tới khi kết thúc thí nghiệm. Kết quả cho thấy tỷ lệ thay thế nước ót bằng nước muối biển (TLTT) ảnh hưởng đến sinh trưởng và sinh sản của Artemia franciscana. Sau 14 ngày nuôi tỷ lệ sống dao động từ 65,3-83,2 % và chiều dài đạt từ 5,2-5,7 mm, khi TLTT tăng thì tỷ lệ sống giảm đi nhưng chiều dài thì theo khuynh hướng ngược lại. Về các chỉ tiêu vòng đời của Artemia, TLTT ảnh hưởng không theo quy luật nhưng tuổi thọ của con cái cao gần như gấp đôi con đực ở tất cả các NT. Đối với các đặc điểm sinh sản, kết quả cho thấy khi TLTT gia tăng thì số lần sinh sản của con cái cũng giảm đi, chu kỳ sinh sản kéo dài hơn và sức sinh sản tăng lên vì thế ở các NT có TLTL trên 75% có sức sinh sản tốt nhất kéo theo tổng số phôi cũng cao hơn so với các TLTT khác. Tỷ lệ đẻ trứng thấp nhất ở tỷ lệ thay 100% môi trường nuôi bằng nước muối biển và thay thế 75% -100% nước ót bằng nước muối biển pha cho tỷ lệ sinh trưởng và sinh sản tốt hơn các NT khác.

4311	Đại học	Thử nghiệm nuôi lươn đồng (<i>Monopterus albus</i> Zuiew, 1793) kết hợp rau ngổ (<i>Enhydra fluctuans</i> Lour) với các hình thức khác nhau	Nguyễn, Thị Thúy An	Hứa, Thái Nhân Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra phương pháp nuôi kết hợp lươn với rau ngổ tốt nhất cho mô hình nuôi kết hợp lươn với rau ngổ nhằm góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tăng năng suất trong mô hình nuôi lươn và rau. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 3 nghiệm thức (NT) với 3 hình thức nuôi kết hợp khác nhau gồm kết hợp gián tiếp (NT1, hàng tuần dùng 100% nước lươn cung cấp dinh dưỡng cho rau), nuôi lươn kết hợp trực tiếp với rau trong cùng 1 bể (NT2) và nuôi lươn kết hợp rau theo mô hình aquaponic (NT3). Lươn (khối lượng trung bình 52 g/con) được bố trí với mật độ 1,5 kg/bể 9,4 kg/m ³ và rau ngổ giống ban đầu là 1 kg/bể (cả thân và gốc). Lươn được cho ăn thức ăn viên (40% đạm) 1 lần/ngày theo nhu cầu. Thời gian thí nghiệm là 95 ngày. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu môi trường TAN (0,25-7,41mg/L), NO ₂ -N (0,27-1,91 mg/L), NO ₃ -N (31,28-57,69 mg/L), PO ₄ (8,54-9,83 mg/L). Tăng trưởng ngày về khối lượng 0,15 g/con và chiều dài (0,014 cm/ngày) của lươn cao nhất ở NT2, chênh lệch không quá lớn so với NT1 0,08 cm/ngày và 0,095 g/ngày, ở NT3 là 0,011 cm/ngày và 0,124 g/ngày. Sinh khối rau ở NT3 là cao nhất 3,4 kg/m ² khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với NT1 1,8 kg/0,5m ² và NT2 0,98 kg/0,5m ² . Nhìn chung năng suất của rau ngổ khi trồng kết hợp với nuôi lươn đồng trong mô hình aquaponic cho năng suất cao hơn so với các phương thức trồng khác.
4312	Đại học	Ảnh hưởng độ kiềm khác nhau lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của <i>Artemia franciscana</i> nuôi phòng thí nghiệm	Võ, Ngọc Tuấn Anh	Phạm, Ngọc Nhân Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng độ kiềm lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của <i>Artemia franciscana</i> nuôi phòng thí nghiệm. Thí nghiệm được thực hiện với 12 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 4 lần lặp lại. <i>Artemia</i> được nuôi trong nước ót pha với độ mặn là 30 ‰ với mật độ ương ấu trùng là 500 con/L. NaHCO ₃ được sử dụng để nâng độ lên 120, 140, 160, 180, 200, 220, 240, 260, 280, 300, 320 mg CaCO ₃ /L so với <i>Artemia</i> nuôi trong nước ót pha (không bổ sung NaHCO ₃ ; 107 mg CaCO ₃ /L). Kết quả thí nghiệm sau 21 ngày nuôi cho thấy, <i>Artemia</i> có khả năng sống và phát triển ở độ kiềm khá cao đến 300 mg CaCO ₃ /L. Tỉ lệ sống dao động từ 12-35,1%, tỉ lệ sống từ nghiệm thức đối chứng (107 mg CaCO ₃ /L) đến NT6 (200 mg CaCO ₃ /L) có tỉ lệ sống ổn định dao động từ 25,9-35,1% , Tỉ lệ sống ở NT2 (độ kiềm 120 mg CaCO ₃ /L) có tỉ lệ sống cao nhất là 35,1%, sau đó tỉ lệ sống giảm dần khi độ kiềm tăng lên từ 220-300 mg CaCO ₃ /L và tỉ lệ sống 0% khi độ kiềm là 320 mg CaCO ₃ /L (NT12). Tương tự sinh khối <i>Artemia</i> dao động 1,2-2,2 g/L, sinh khối từ nghiệm thức đối chứng (107 mg CaCO ₃ /L) đến NT6 (200 mg CaCO ₃ /L) dao động không lớn từ 1,9-2,2 g/L đạt cao nhất ở NT2 là 2,2 g/L, và lượng sinh khối có xu hướng giảm dần khi tăng độ kiềm từ 220-300 mg CaCO ₃ /L.

4313	Đại học	Khảo sát hiện trạng và cơ cấu nuôi trồng thủy sản trên vùng nuôi artemia-muối tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Trọng Khem	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 tại 3 hợp tác xã của huyện Hoà Bình – Bạc Liêu để khảo sát hiện trạng và cơ cấu nuôi trồng thủy sản trên vùng Artemia – muối thông qua việc khảo sát 46 hộ nuôi Artemia. Kết quả điều tra cho thấy vào mùa khô 100% hộ nuôi áp dụng mô hình nuôi Artemia đơn từ 1 đến 2 chu kỳ để thu trứng là chủ yếu với diện tích nuôi trung bình mỗi hộ là 2 ha. Kết quả khảo sát cũng cho thấy năm nay thời tiết khá thuận lợi so với năm 2017 nên năng suất tăng lên gần gấp đôi và chi phí sản xuất cũng giảm đi so với năm trước. Lợi nhuận từ nuôi Artemia năm nay khá cao, trung bình 112,2 triệu đồng/hộ với tỷ suất lợi nhuận 2,33 lần nên người nuôi có lãi cao. Vào mùa mưa, đa số người dân lựa chọn hình thức nuôi quảng canh với các đối tượng tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển và cá kèo trên khoảng nửa diện tích. Lợi nhuận thu được từ các đối tượng nuôi nằm trong khoảng từ 7,69 – 29,72 triệu/vụ với tỷ suất lợi nhuận 0,57 – 1,33 lần. Kết quả khảo sát cũng cho thấy người dân còn rất nhiều khó khăn trong sản xuất, đặc biệt là thiếu vốn đầu tư và thiếu sự liên kết với thị trường, đầu ra bấp bênh và thiếu nguồn nhân lực trẻ. Chính quyền địa phương cần phải tăng cường các biện pháp hỗ trợ vay vốn đầu tư, bên cạnh đó phải hỗ trợ và liên kết với thị trường để đảm bảo đầu ra sản phẩm cho người dân.
4314	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước bằng plasma lạnh	Lê, Hoàng Kiều Trang	Phạm, Thị Tuyết Ngân Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự biến động chất lượng nước trước và sau khi xử lý với công nghệ plasma lạnh. Thí nghiệm được thực hiện trong vòng 35 ngày, mỗi hệ thống gồm 3 bể composite tương đương với 3 lần lặp lại và được sục khí liên tục. Mẫu nước được tiến hành thu vào các ngày 0, 1, 7, 14, 21, 28 và 35 của thí nghiệm. Kết quả cho thấy mật độ vi khuẩn có xu hướng giảm trong suốt quá trình thí nghiệm. Nước nguồn có mật độ tổng vi khuẩn là $5,26 \times 10^3$ CFU/mL, đối với nước sau xử lý có mật độ tổng vi khuẩn cao nhất ở ngày thứ nhất ($5,15 \times 10^3$ CFU/mL), thấp nhất ở ngày thứ 28 ($2,65 \times 10^3$ CFU/mL) và có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) giữa các đợt thu mẫu. Tương tự Bacillus spp. và Aeromonas spp. cũng giảm dần ở cuối thí nghiệm. Trong khi đó, mật độ E.coli được ghi nhận chỉ ở mức <10 CFU/mL qua các đợt thu mẫu. Kết quả cho thấy việc sử dụng hệ thống plasma để xử lý nước làm cho mật độ vi sinh vật trong nước giảm nhưng không đáng kể. Kết quả cho thấy hàm lượng TAN trước khi xử lý là 0,253 mg/L, sau xử lý hàm lượng TAN cao nhất ở ngày thu thứ nhất 0,246 mg/L và thấp nhất ở ngày thu thứ 35 (0,039 mg/L). Hàm lượng N-NO ₂ - trước khi xử lý là 2,467 mg/L, sau xử lý làm lượng N-NO ₂ - cao nhất ở ngày thu thứ 7 (3,082 mg/L) và thấp dần ở cuối thí nghiệm (0,011 mg/L). Tương tự các chỉ tiêu như TSS, COD cũng giảm dần và ổn định ở cuối thí nghiệm. Vậy việc xử lý nước bằng công nghệ plasma lạnh làm hàm lượng các vật chất hữu cơ được phân hủy tốt. Kết quả cho thấy plasma lạnh có khả năng làm giảm đáng kể mật độ vi khuẩn Bacillus spp. và Aeromonas spp.

4315	Đại học	Ảnh hưởng của hàm lượng đạm lên sự tăng trưởng của lươn (<i>Monopterus albus</i> Zwiw,1793) và cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong mô hình aquaponic	Lê, Hoàng An	Hứa, Thái Nhân	2018	Nghiên cứu này được tiến hành nhằm để xác định sự ảnh hưởng của thức ăn có hàm lượng đạm nhau lên sự tăng trưởng của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i> Zwiw, 1793) và năng suất của rau cải thìa (<i>Brassica rapa chinensis</i>) trong mô hình aquaponic. Thí nghiệm được bố trí với 4 nghiệm thức (NT) với 2 lần lặp lại bao gồm NT 1: 25% đạm , NT 2: 30% đạm, NT 3: 35% đạm và NT 4: 40% đạm. Trọng lượng lươn trung bình ban đầu là (47,4±29,0 g/con), số đơn vị rau được đưa vào mỗi bể trồng rau là 50 đầu rau (50 rọ nhựa/m ²). Thí nghiệm được thực hiện trong 60 ngày với hai chu kỳ rau cải thìa. Kết quả cho thấy sự tăng trưởng về chiều dài, trọng lượng và năng suất của rau ở các nghiệm thức khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$). Tăng trọng cao nhất của lươn là ở NT3 (28,63±11,58 g/con), kế đến là NT4 (23,70±2,65g), NT2 (14,51±3,47g), và NT1 (7,68±1,62g). Tỷ lệ sống trung bình của lươn cao nhất ở NT2 là 63,33% thấp nhất là ở NT4 là 45,73%. FCR thấp nhất (2,55±1,24) ở nghiệm thức 35 đạm. Năng suất cao nhất của cải thìa ở NT 35 đạm là 3,0±2,91 kg/m ² và thấp nhất ở NT 25 đạm là 2,4 ±1.2 kg/m ² . Do lươn bố trí thí nghiệm có sự phân cỡ lớn từ lúc bố trí thí nghiệm dẫn đến sự tăng trưởng dao động lớn và không đồng đều nên có sự khác biệt về thống kê. Tăng trưởng của lươn và năng suất của rau trong nghiên cứu này tương đối cao, đặc biệt là ở nghiệm thức 3 (35% đạm). Điều này cho thấy có sự chuyển hóa và hấp thu chất dinh dưỡng cần thiết cho lươn và rau trong mô hình kết hợp này. Như vậy từ kết quả nghiên cứu cho thấy thức ăn có hàm lượng đạm 35% có thể được sử dụng để nuôi lươn thương phẩm và khi kết hợp với cải thìa trong mô hình aquaponic.
4316	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) theo công nghệ biofloc với chu kỳ bổ sung nguồn cacbohydrat từ ri đường khác nhau	Lê, Thùy Dung	Châu, Tài Tảo Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra chu kỳ bổ sung carbohydrat từ ri đường thích hợp nhất cho tăng trưởng và tỉ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm sú. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức có chu kỳ bổ sung ri đường khác nhau: (i) chu kỳ 1 ngày/lần; (ii) chu kỳ 2 ngày/lần; (iii) chu kỳ 3 ngày/lần; (iv) chu kỳ 4 ngày/lần. Ấu trùng tôm được bố trí trong bể composit 0,5m ³ , độ mặn 30‰, mật độ ương 150 con/L, sử dụng ri đường để tạo biofloc vào thời điểm giai đoạn Mysis-3 với tỷ lệ C/N =25. Kết quả thí nghiệm cho thấy các chỉ tiêu môi trường và chỉ tiêu vi sinh ở các nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của ấu trùng tôm. Cuối thí nghiệm, mật độ vi khuẩn Vibrio và vi khuẩn tổng giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 2,3 \%$) và năng suất (103.657±3.525 con) của PL-15 đều cao nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại. Vậy chu kỳ bổ sung ri đường 1 ngày/lần có thể được xem là tốt nhất. (0,24 mm), tỉ lệ sống (69,1±0,05). Ở nghiệm thức 1, các chỉ tiêu về tăng trưởng chiều dài (11,56

4317	Đại học	Nghiên cứu thay thế nước biển bằng nước muối trong ương tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở nồng độ mặn thấp	Lê, Thị Thanh Trúc	Nguyễn, Thị Hồng Vân Huỳnh, Thanh Tới	2018	Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm xác định ảnh hưởng của phần trăm thay thế nước biển bằng nước muối pha lên các chỉ tiêu tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở giai đoạn giống. Thí nghiệm hai nhân tố về độ mặn (5‰ và 10‰) và phần trăm thay thế nước ớt pha bằng nước muối là 0%, 25%, 50%, 75% và 100% tương ứng với 10 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức với 3 lần lặp lại, với mật độ ương là 2 con/L. Kết quả sau 20 ngày ương cho thấy các yếu tố môi trường nằm khoảng thích hợp cho phát triển của tôm. Sự thay thế nước biển bằng nước muối pha có ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của tôm ở giai đoạn thả giống, và ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của tôm. Tỷ lệ sống của tôm đạt cao nhất 95,7% ở độ mặn 5‰ và 91,3% ở độ mặn 10‰ khi thả nuôi ở 100% là nước biển. Tỷ lệ sống giảm dần khi phần trăm nước nuôi tăng dần trong môi trường nước nuôi. Thấp nhất là 0% khi nuôi ở 75% và 100% nước biển được thay bằng nước muối cho cả hai ngưỡng độ mặn 5‰ và 10‰. Kết quả cho thấy rằng có thể sử dụng nước muối thay thế nước biển, nhưng không được vượt quá 25%.
4318	Đại học	Ương giống cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) với các loại thức ăn và mật độ khác nhau	Trương, Chí Đại	Lê, Quốc Việt	2018	Nghiên cứu nhằm xác định loại thức ăn và mật độ ương thích hợp để nâng cao tỷ lệ sống và tăng trưởng trong ương giống cua biển. Nghiên cứu được thực hiện với 2 thí nghiệm: (1) ương cua giống với các loại thức ăn khác nhau (thức ăn công nghiệp, artemia sinh khối và con ruốc) và (2) ương cua giống với các mật độ khác nhau (100; 200; 300 và 400 con/m ²). Các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên và được lặp lại 3 lần. Cua giống có chiều dài ban đầu là 3,24 mm, chiều rộng 4,54 mm và khối lượng 0,018 g. Kết quả thí nghiệm 1 cho thấy, khi sử dụng thức ăn artemia và ruốc cho kết quả tốt hơn so với sử dụng thức ăn công nghiệp: cua đạt chiều dài 7,65-9,24 mm, chiều rộng 10,79-12,51 mm, khối lượng 0,198-0,355 g, tỷ lệ sống đạt 40,3-49,6% và sinh khối đạt 81-99 con/m ² . Thí nghiệm 2 cho thấy, khi ương cua ở mật độ 100 con/m ² cho kết quả tốt nhất về tỷ lệ sống (90,7%) và sinh khối (91 con/m ²).

4319	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học dinh dưỡng của cá lười trâu (<i>Cynoglossus arel</i>)	Tô, Ngọc Phụng	Lý, Văn Khánh	2018	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học dinh dưỡng của cá lười trâu (<i>Cynoglossus arel</i>) đã được tiến hành ở vùng ven biển huyện An Biên và Rạch Giá từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 nhằm cung cấp thêm những thông tin mới, làm cơ sở cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu, phát triển đối tượng nuôi mới, phục vụ cho nghề nuôi trồng thủy sản ở địa phương. Mẫu cá lười trâu được thu từ các ghe cào mỗi tháng 1 lần khoảng 50 mẫu với kích cỡ cá khoảng 20 – 30 cm. Mẫu cá sau khi thu được rửa sạch, cho vào thùng đá bảo quản lạnh và chuyển về phòng thí nghiệm của Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ để lưu giữ trong tủ đông (-20°C) và tiến hành phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá lười trâu có miệng cận dưới; răng hàm nhiều, nhỏ và nhám; có răng hầu nhỏ, sắc và mọc thành hai cụm hai bên; hai mắt cá lười trâu nằm về một bên cơ thể, hai mắt nhỏ và rất gần nhau; lược mang cá lười trâu mảnh, ngắn và xếp thưa; ruột cá lười trâu nhỏ, gấp khúc, vách ruột mỏng. Giữa chiều dài tổng và khối lượng thân của cá lười trâu có mối quan hệ hồi quy chặt chẽ theo phương trình $W=0,0067L^{2,8552}$, $R^2=0,8603$. Ruột cá lười trâu ngắn, giá trị chỉ số RLG dao động từ 1,13 – 1,19. Độ rộng miệng của cá tương đối lớn và tăng theo chiều dài chuẩn của cá. Cá lười trâu là loài ăn tạp thiên về động vật và bắt mồi ở tầng đáy thủy vực.
4320	Đại học	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) mật độ cao theo công nghệ biofloc với chu kỳ bổ sung nguồn cacbon từ bột gạo khác nhau	Tăng, Thị Bé Phương	Trần, Ngọc Hải Châu, Tài Tảo	2018	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao theo công nghệ biofloc với chu kỳ bổ sung nguồn cacbon từ bột gạo khác nhau để xác định chu kỳ bổ sung nguồn cacbon từ bột gạo thích hợp nhất lên sự sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức (i) Bổ sung bột gạo 1 ngày/lần, (ii) Bổ sung bột gạo 3 ngày/lần, (iii) Bổ sung bột gạo 5 ngày/lần, và (iv) Bổ sung bột gạo 7 ngày/lần. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, bể nuôi tôm có thể tích 1m ³ , độ mặn 15‰, mật độ 300 con/m ³ , tỷ lệ C:N=12:1. Tôm nuôi có khối lượng ban đầu là 0,003±0,01g. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau 90 ngày nuôi các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, TAN, NO ₂) nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm thẻ chân trắng. Qua đó thấy được nghiệm thức có chu kỳ bổ sung bột gạo 1 ngày/lần là tốt nhất, tôm đạt chiều dài 11,3 cm, khối lượng trung bình 13,7 g/con và tỷ lệ sống (75%) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức có chu kỳ bổ sung bột gạo còn lại. Bên cạnh đó hệ số thức ăn FCR của nghiệm thức bổ sung bột gạo 1 ngày/lần thấp nhất (1,25) nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức có chu kỳ bổ sung bột gạo còn lại nhưng năng suất tôm thu được cao nhất (2,1 kg/m ³) khác biệt có ý nghĩa thống kê $p<0,05$ so với nghiệm thức có chu kỳ bổ sung bột gạo còn lại.

4321	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm bột trứng (IGY) lên sinh trưởng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Nguyễn, Văn Gol	Lê, Quốc Việt Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động của chế phẩm bột trứng (IGY) lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức: (1) Đối chứng (tôm được cho ăn 100% thức ăn viên); (2) Bổ sung IGYA 0,5% so với lượng thức ăn viên và (3) Bổ sung IGYB 0,5% so với lượng thức ăn viên. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 6 lần. Tôm có kích cỡ ban đầu $3,83 \pm 0,39$ cm ($0,43 \pm 0,09$ g), được bố trí trong bể có thể tích 0,5 m ³ (chứa 0,3 m ³ nước), độ mặn là 15‰ và mật độ tôm nuôi là 120 con/m ³ (40 con/bể). Kết quả sau 42 ngày nuôi, các yếu tố môi trường nước ở các nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm. Khối lượng tôm nuôi ở nghiệm thức IGYA 0,5% đạt 9,07 g (0,20 g/ngày; 7,26%/ngày), ở nghiệm thức IGYB 0,5% tôm có khối lượng 9,14 g (0,21 g/ngày; 7,28%/ngày) lớn hơn và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng. Tương tự, sinh khối tôm nuôi ở 2 nghiệm thức có bổ sung IGY cũng đạt cao hơn có ý nghĩa so với đối chứng (1,16 kg/m ³) và FCR cũng thấp hơn (0,94 – 0,95) so với đối chứng. Khi bổ sung chế phẩm IGY thì cải thiện được tốc độ tăng trưởng, tăng sinh khối và FCR giảm.
4322	Đại học	Thành phần phiêu sinh vật trong môi trường nước nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trước và sau khi xử lý bằng plasma lạnh	Đặng, Hoàng Tiên	Nguyễn, Thị Kim Liên	2018	Mục tiêu của đề tài là xác định sự ảnh hưởng của hệ thống Plasma lạnh đến sự phát triển của phiêu sinh vật trong bể nước nuôi tôm thẻ chân trắng. Nghiên cứu được thực hiện tại khoa Thủy Sản-Đại học Cần Thơ từ 05/11-25/12/2017. Nghiên cứu được tiến hành trong 3 bể compositei, mỗi bể có thể tích 0,5m ³ . Tổng cộng có 9 đợt thu mẫu, trong đó có 1 đợt trước xử lý và 8 đợt sau khi xử lý bằng plasma lạnh. Mẫu thực vật nổi và động vật nổi được thu bằng cách sử dụng lưới phiêu sinh vật có kích thước tương ứng là 27μm và 60μm. Kết quả đã xác định được 23 loài thực vật nổi thuộc 4 ngành tảo, trong đó, tảo Khuê có số loài nhiều nhất với 12 loài (52%), các ngành còn lại có số loài thấp hơn và dao động từ 3-5 loài (13-22%). Mật độ tảo khuê từ đợt 1-đợt 5 cao hơn rất nhiều các nhóm tảo còn lại (chiếm 80 %), tuy nhiên tảo Lam lại chiếm ưu thế cao vào các đợt sau. Ngoài ra, nghiên cứu đã tìm thấy tổng cộng 34 loài động vật nổi. Trong đó, Protozoa có số loài phong phú nhất (16 loài, 47%), các nhóm còn lại có 5-13 loài (15-38%). Mật độ động vật nổi trước xử lý (165.627.500 cá thể/m ³) cao gấp 333 lần giai đoạn sau xử lý (497.077±942.839 cá thể/m ³), kết quả này cho thấy hiệu quả diệt khuẩn cao trong việc sử dụng công nghệ plasma lạnh để xử lý nước.

4323	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ rong câu (Gracilaria sp.) khác nhau đến tăng trưởng và tỉ lệ sống trong ương giống tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Đỗ, Minh Tiến	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định được mật độ rong câu (Gracilaria sp.) thích hợp trong ương giống tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức với mật độ tôm là 3000 con/m ³ kết hợp với 4 mật độ rong câu là 0 (đối chứng); 1; 1,5 và 2 kg/m ³ . Các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể ương có thể tích 150 L và nước được giữ ở độ mặn 15‰. Tôm thí nghiệm có khối lượng và chiều dài ban đầu trung bình là 0,0043 g/con và 1,07 cm được cho ăn thức ăn công nghiệp thỏa mãn với 6 lần/ngày trong thời gian 30 ngày. Kết quả cho thấy các nghiệm thức nuôi kết hợp có hàm lượng hợp chất đạm (TAN, NO ₂ , NO ₃ và TN) và lân (PO ₄ - và TP) thấp hơn nhiều (p<0,05) so với nghiệm thức đối chứng. Tốc độ tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất tôm ở các nghiệm thức nuôi kết hợp tôm-rong câu cao hơn có ý nghĩa thống kê (P<0,05) so với nghiệm thức đối chứng nuôi đơn. Kết quả nghiên cứu này biểu thị ương nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng-rong câu ở mật độ 3000 con/m ³ với mật độ rong từ 1-2 kg/m ³ được xem là thích hợp giúp cải thiện môi trường, tăng trưởng và tỉ lệ sống tôm thẻ chân trắng giống.
4324	Đại học	Tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) chọn lọc theo kích cỡ nuôi trong nước lợ	Dương, Hữu Tình	Dương, Thúy Yên Phạm, Thanh Liêm	2018	Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của chọn lọc theo kích cỡ lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của đàn cá tra giống nuôi ở độ mặn 10‰ tại Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm gồm 2 giai đoạn nuôi trong lồng lưới đặt trong hệ thống nuôi tuần hoàn nước: (1) Giai đoạn nuôi thuần hóa cá tra giống (5,75±2,55 g) từ nồng độ muối 0‰ lên 10‰ và nuôi thêm 62 ngày; (2) giai đoạn nuôi chọn lọc gồm có 2 nghiệm thức chọn lọc (NTCL) và đối chứng (NTĐC) với 3 lần lặp lại. Sáu lồng đều có tổng sinh khối ban đầu bằng nhau (216 kg) nhưng với số lượng cá khác nhau. Khối lượng cá trung bình ở NTCL là 157±1,83 g và ở NTĐC là 121±3,89 g. Cá được nuôi tiếp 90 ngày ở độ mặn 10‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy các chỉ số môi trường trong hệ thống tuần hoàn hầu như nằm trong khoảng thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của cá nuôi. Sau 40 ngày thuần hóa lên độ mặn 10‰, tỉ lệ sống của cá là 92,8% và sau 62 ngày nuôi tiếp theo, tỉ lệ sống của cá giảm còn 58,5%. Trong giai đoạn này, cá có tốc độ tăng trưởng tương đối (SGR) và tuyệt đối (DWG) nhanh, lần lượt là 3,01 %/ngày và 1,18 g/ngày. Giai đoạn chọn lọc cho kết quả khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) về tăng trưởng nhưng không khác biệt có ý nghĩa về tỉ lệ sống và hệ số chuyển hóa thức ăn FCR (p>0,05) của cá giữa hai nghiệm thức. Cụ thể, khối lượng trung bình và DWG của NTCL (337±41,9 g; 2,01±0,45 g/ngày) đều hơn cao NTĐC (216±21,6 g; 1,06±0,62 g/ngày) nhưng tỉ lệ sống và hệ số chuyển hóa thức ăn FCR (p>0,05) của cá giữa hai nghiệm thức. Cụ thể, khối lượng trung bình và DWG của NTCL (337±41,9 g; 2,01±0,45 g/ngày) đều hơn cao NTĐC (216±21,6 g; 1,06±0,62 g/ngày) nhưng tỉ lệ sống NTĐC (73,5±4,57%) lại cao hơn NTCL (45,3±18,6%). Vậy, việc chọn lọc khối lượng cá tra ban đầu giúp cá tăng trưởng nhanh hơn nhưng không cải thiện được tỉ lệ sống và FCR.

4325	Đại học	Ảnh hưởng của việc giảm độ mặn đến tốc độ tăng trưởng và tỉ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>)	Hà, Công Toàn	Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm độ mặn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) giai đoạn giống. Thí nghiệm gồm có 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại: 1) Duy trì 15‰ trong suốt quá trình nuôi, 2) Giảm xuống 10‰ trong 15 ngày đầu sau đó giữ nguyên, 3) Giảm xuống 10‰ trong 15 ngày đầu sau đó giảm xuống 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và giữ nguyên, 4) Giảm xuống còn 10‰ trong 15 ngày đầu sau đó giảm xuống 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và giảm xuống còn 1‰ trong 15 ngày tiếp theo sau đó giữ nguyên. Sò huyết được cho ăn hằng ngày bằng tảo thu từ hệ thống cá rô phi-nước xanh kết hợp với thức ăn tổng hợp Lansy ZM. Kết quả sau hai tháng ương cho thấy tăng trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết ở nghiệm thức NT2 cao hơn và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Tăng trưởng về khối lượng của nghiệm thức NT2 ($1,09 \pm 0,03\%$) cao hơn nghiệm thức NT1 ($1,02 \pm 0,02\%$) và NT3 ($1,01 \pm 0,01\%$). Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức NT2 ($69,3 \pm 8,5\%$) và thấp nhất ở nghiệm thức NT4 (0%) sau 45 ngày nuôi. Nghiên cứu này cho thấy sò huyết giống cỡ (0,8-1,2g) nuôi ở độ mặn 10‰ đạt tỷ lệ sống và tăng trưởng cao nhất.
4326	Đại học	Nghiên cứu sử dụng rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) trong ương giống tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) với các mật độ khác nhau	Nguyễn, Thị Thanh Như	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định mật độ ương tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thích hợp trong hệ thống nuôi kết hợp tôm thẻ - rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.). Thí nghiệm 2 nhân tố gồm 6 nghiệm thức với 3 mật độ tôm (1000, 2000 và 3000 con/m ³) và hai hình thức nuôi (nuôi đơn và nuôi kết hợp). Các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể ương có thể tích 150L, độ mặn 15‰. Tôm thí nghiệm có khối lượng và chiều dài ban đầu trung bình là 0,0043g/con và 1,07 cm, được cho ăn thức ăn viên hòa mãn 6 lần/ngày trong 30 ngày. Kết quả cho thấy ở cùng mật độ nuôi, tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất tôm ở các nghiệm thức nuôi kết hợp tôm - rong câu cao hơn so với các nghiệm thức nuôi đơn. Mật độ nuôi 3000 con/m ³ kết hợp với rong câu có tốc độ tăng trưởng thấp hơn các nghiệm thức khác nhưng số lượng tôm giống thu được cao nhất (2719 con/m ³) so với các nghiệm thức khác (792-1764 con/m ³), có thể được xem là hiệu quả nhất trong ương giống tôm thẻ chân trắng. Các nghiệm thức nuôi kết hợp có hàm lượng TAN và NO ₂ - thấp hơn nhiều so với các nghiệm thức nuôi đơn.

4327	Đại học	Khảo sát hàm lượng chlorophyll và sự biến động oxy ngày đêm trong ao nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i> De Man, 1879) thâm canh ở thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Tấn Lộc	Dương, Nhựt Long	2018	Khảo sát hàm lượng chlorophyll-a và biến động oxy ngày đêm trong ao nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i> De Man, 1879) thâm canh ở thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nhằm xác định hàm lượng chlorophyll-a và sự biến động oxy ngày đêm ảnh hưởng đến tăng trưởng của tôm càng xanh, qua đó tác động để duy trì, nâng cao chất lượng nước nhằm cải thiện năng suất mô hình nuôi. Nghiên cứu được thực hiện trong 3 ao với diện tích mỗi ao là 4000 m ² , tôm được thả nuôi với mật độ 30 con/m ² . Sau 7 tháng toàn bộ tôm nuôi được thu hoạch. Kết quả cho thấy các yếu tố thủy lý hóa (nhiệt độ, pH, độ trong, NH ₄ ⁺ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , độ kiềm) đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Hàm lượng chlorophyll-a trung bình của các ao nuôi lần lượt là 32,8 ± 9,5 µg/L, 43,9 ± 21,2 µg/L, 35,7 ± 13,5 µg/L, dao động 18,9 – 74,4 µg/L. Kết quả khảo sát sự biến động hàm lượng oxy ngày đêm cho thấy, hàm lượng oxy cao nhất vào lúc 15h và hàm lượng oxy thấp nhất vào lúc 6h sáng. Đầu vụ nuôi hàm lượng oxy ít biến động theo ngày và đêm, càng về cuối vụ nuôi hàm lượng oxy ngày và đêm càng biến động, biểu hiện rõ ở tầng mặt do mật độ tảo tăng cao. Hàm lượng oxy tầng giữa và tầng đáy có xu hướng giảm dần về cuối vụ nuôi. Khối lượng trung bình tôm càng xanh qua 7 tháng nuôi dao động từ 48,88 – 64,19 g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối về khối lượng (DWG) 0,23 – 0,31 g/ngày.
4328	Đại học	Nghiên cứu thay thế nước biển bằng nước muối trong ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) ở độ mặn thấp	Nguyễn, Văn Cận	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Thí nghiệm hai nhân tố được thực nhằm đánh giá khả năng thay thế nước biển bằng nước muối trong ương hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>). Hai độ mặn là 5‰ và 10‰ và phần trăm thay thế 0%, 25%, 50%, 75% và 100% tương ứng với 10 nghiệm thức. Tôm sú postlarva 12 có chiều dài và khối lượng ban đầu là 0,97 cm/cá thể và 0,002 g/cá thể được nuôi với mật độ là 2 con/L. Tôm đạt tỉ lệ sống từ 82-90,7% sau 20 ngày nuôi, không có khác biệt thống kê giữa các nghiệm thức, ngoại trừ tôm có tỉ lệ sống 0% khi nuôi ở môi trường từ 75-100% nước muối sau 02 ngày nuôi. Tăng trưởng về chiều dài và trọng lượng không ảnh hưởng bởi độ mặn, và nước nuôi có phần trăm nước muối chiếm đến 50%. Kết quả thí nghiệm này cho thấy thay thế nước biển bằng nước muối tới 50% không ảnh hưởng đến tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm sú khi nuôi ở độ mặn 5‰ và 10‰.

4329	Đại học	Ảnh hưởng nhiệt độ lên tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) giai đoạn giống đến tiền trưởng thành	Nguyễn, Trường Sơn	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của việc nuôi tôm thẻ chân trắng giai đoạn giống đến tiền trưởng thành. Nghiên cứu gồm 5 nghiệm thức nhiệt độ 27-28°C, 30-31°C, 33-34°C, 36-37°C và mức nhiệt độ bình thường (đối chứng), mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tôm bố trí cỡ 0,8-1,2 g/con, mật độ 40 con/b. Kết quả sau 60 ngày nuôi, ở nghiệm thức nhiệt độ 33-34°C có chiều dài và khối lượng cao nhất (11,34±0,27 cm và 13,79±0,73 g) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với nghiệm thức 27-28°C và không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống của tôm cao nhất ở nghiệm thức có mức nhiệt độ 27-28°C (76,7±1,7%) và không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với nghiệm thức đối chứng, ở nghiệm thức có mức nhiệt độ 36-37°C tỷ lệ sống tôm thấp nhất (2,50±1,4%) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Hàm lượng glucose trong máu tôm có sự khác biệt giữa các nghiệm thức, cao nhất ở nhiệt độ 33-34°C (38,28 mg/100 mL) và thấp nhất ở nghiệm thức đối chứng (25,97 mg/100 mL). Áp suất thẩm thấu giữa các nghiệm thức tại thời điểm 60 ngày khác biệt không ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Kết quả nghiên cứu cho thấy khi tăng nhiệt độ càng cao ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng và phát triển tôm nuôi.
4330	Đại học	Ảnh hưởng của việc thay thế nước ót bằng muối biển lên sinh trưởng và sinh sản của <i>Artemia franciscana</i> Vĩnh Châu	Nguyễn, Lê Mộng Nghi	Trần, Nguyễn Hải Nam Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của việc thay thế nước ót bằng muối biển lên sinh trưởng và sinh sản của <i>Artemia franciscana</i> Vĩnh Châu. Thí nghiệm được bố trí gồm 5 nghiệm thức ở độ mặn 50‰, mỗi nghiệm thức được lặp lại 4 lần. Ở nghiệm thức đối chứng <i>Artemia</i> được nuôi với 100% nước ót, và nghiệm thức (NT2-NT5) thay thế nước ót được thay thế tăng dần 25% bằng nước muối. Nghiên cứu được thực hiện trong phòng thí nghiệm với mật độ bố trí là 300 con/L trong chai nhựa 1,5 L, có gắn sục khí. Sau 21 ngày nuôi tỷ lệ sống của <i>Artemia</i> ở các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p\geq 0,05$), tỷ lệ sống dao động từ 22,83 - 34,00%, trong đó ở NT1 (100% nước biển) có tỷ lệ sống cao nhất (34,00%). Ở ngày nuôi thứ 14 thì tăng trưởng về chiều dài không có sự khác biệt thống kê ($p>0,05$) giữa các nghiệm thức. Tuy nhiên các chỉ tiêu vòng đời cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) giữa các nghiệm thức, thời gian tiền sinh sản ở NT1 và NT5 (21 - 22 ngày) ngắn hơn ba nghiệm thức còn lại (22 - 24 ngày), các chỉ tiêu như tuổi thọ và thời gian sinh sản có xu hướng thấp nhất ở NT5. Các chỉ tiêu sinh sản của <i>Artemia</i> có khuynh hướng tốt nhất ở NT4 và NT2, tiếp theo là NT1 và NT3, cuối cùng là NT5.

4331	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ phân vô cơ khác nhau đến sinh trưởng và thành phần dinh dưỡng của rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.)	Huỳnh, Thị Thúy Hằng	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của tỉ lệ phân vô cơ đến sinh trưởng và thành phần sinh hóa của rong câu (<i>Gracilaria</i> sp). Rong câu được nuôi trong các keo thủy tinh có thể tích nước 8 lít nước, độ mặn 15‰, mật độ rong là 2 g/L và sục khí nhẹ liên tục. Thí nghiệm gồm có 6 nghiệm thức và mỗi nghiệm được lặp lại 3 lần, gồm bón đơn urê hoặc DAP và bón kết hợp với các tỉ lệ urê:DAP = 1:1; 5:1, 10:1 và 15:1. Tất cả các nghiệm thức được bón cùng một lượng là 20 ppm và thời gian thí nghiệm là 30 ngày. Kết quả cho thấy bón đơn phân urê hoặc DAP cho tăng trưởng thấp nhất và bón kết hợp với tỉ lệ urê :DAP = 10:1 cho tăng trưởng cao hơn các nghiệm thức khác. Thành phần sinh hóa rong câu gồm hàm lượng protein trung bình từ 15,52-28,00%, lipid: 0,45-0,82%, tro từ 20,01-21,84%, xơ: 3,91-4,69% và carbohydrate: 49,28-57,28%, trong đó hàm lượng protein và lipid cao nhất ở nghiệm thức bón đơn urê và khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả này biểu thị nuôi trồng rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) bón kết hợp phân vô cơ với tỉ lệ urê :DAP = 10:1 cho sự tăng trưởng tốt nhất được xem là thích hợp.
4332	Đại học	Nghiên cứu khả năng thay thế nước biển bằng nước muối trong ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Hồ, Minh Chí	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nhằm đánh giá khả năng thay thế nước biển bằng nước muối trong ương hậu ấu trùng tôm sú (<i>penaeus monodon</i>), thí nghiệm hai nhân tố được bố trí gồm 10 nghiệm thức ở độ mặn 10‰ và 15‰, và phần trăm thay thế nước ót pha loãng bằng nước biển là 0%, 25%, 50%, 75% và 100%, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Tôm bố trí ở giai đoạn postlarva 12 (PL12) với chiều dài và khối lượng ban đầu lần lượt là 0,97 cm/cá thể và 0,01 g/cá thể. Kết quả cho thấy tôm chịu ảnh hưởng bởi phần trăm nước muối trong môi trường nuôi, tôm đạt tỉ lệ sống cao nhất vào ngày nuôi thứ 21 là 89-91 % khi được nuôi trong 100% nước biển và tôm có khả năng sống khi nước muối chiếm 50%, nhưng tôm không thể sống sót sau 2 ngày nuôi ở nghiệm thức với 75% và 100% thay thế nước biển bằng nước muối. Ở độ mặn 10‰ thì phần trăm thay thế nước biển bằng nước muối đến 50% không ảnh hưởng tăng trưởng về chiều dài và khối lượng của tôm, ngược lại ở độ mặn 15‰ thì chiều dài và khối lượng tôm ở nghiệm thức thay thế 50% nước biển nhỏ hơn có ý nghĩa thống kê so với nuôi bằng 100% nước biển. Kết quả này cho thấy thay thế 25% nước biển bằng nước ót không ảnh hưởng đến tăng trưởng của tôm và tỉ lệ sống của tôm.

4333	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ ương lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá chột trắng (<i>Mystus planiceps</i>) từ giai đoạn cá hương lên giống	Hồ, Diễm Ý	Lê, Quốc Việt Lê, Văn Thông	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định mật độ ương thích hợp cho sự tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chột trắng (<i>Mystus planiceps</i>) từ giai đoạn cá hương lên cá giống, góp phần hoàn thiện qui trình sản xuất giống và đa dạng hóa đối tượng nuôi. Thí nghiệm được thực hiện tại Trại thực nghiệm Vĩnh Châu thuộc Khoa Thủy sản – Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức mật độ ương khác nhau (2, 3, 4, 5, 6 và 7 con/L), các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Thí nghiệm được bố trí trong xô nhựa có thể tích 120L (chứa 100 L nước), độ mặn 10‰. Sau 21 ngày ương cho thấy, ương cá chột trắng từ giai đoạn cá hương lên giống với mật độ 2 – 3 con/L là phù hợp nhất, lần lượt tương ứng với tỷ lệ sống đạt (90,6 và 83,0%), tốc độ tăng trưởng đạt (chiều dài: 3,79; 3,77%/ngày và khối lượng: 14,64; 14,23%/ngày). Kết quả nghiên cứu này có thể ứng dụng trong thực tế sản xuất giống cá chột trắng.
4334	Đại học	Ứng dụng chế phẩm sinh học trong ương giống tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) bằng công nghệ biofloc	Huỳnh, Chí Huy	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu nhằm xác định việc bổ sung chế phẩm sinh có tác động thế nào lên sự sinh trưởng và phát triển của hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>). Thí nghiệm được bố trí với 6 nghiệm thức với công nghệ biofloc, 3 lần lặp lại, được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, mật độ thả 2 con/L. Chế phẩm sinh học gồm <i>Lactobacillus</i> sp. 108 CFU/g, <i>Bacillus subtilis</i> 108 CFU/g, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> 108 CFU/g, <i>Nitrobacter</i> sp. 107 CFU/g, <i>Nitrosomonas</i> sp. 107 CFU/g và Enzim nấm sợi <i>Aspergillus oryzae</i> được bổ sung 05 ngày/lần với liều lượng theo liều theo khuyến cáo (0,01 g/L), gấp đôi (0,02 g/L), gấp 3 (0,03 g/L) và gấp 4 lần liều khuyến (0,04 g/L) cáo so sánh với tôm nuôi không bổ sung chế phẩm sinh học. Kết quả sau 20 ngày ương cho thấy tôm nuôi ở nghiệm thức bổ sung chế phẩm sinh học gấp 2 lần có chiều dài là 2,47 cm/cá thể và tỉ lệ sống là 47,7%, có tăng trưởng về chiều dài tốt hơn có thống kê so với tôm ở NT2 (2,17 cm/cá thể) nuôi không bổ sung chế phẩm sinh học, và tỉ lệ sống cao hơn có ý nghĩa thống kê so với tôm ở NT1 (34,3%) nuôi không bổ sung chế phẩm sinh học và không ứng dụng biofloc . Từ khóa: tôm sú, <i>Penaeus monodon</i> , chế phẩm sinh học, biofloc, tỉ lệ sống, tăng trưởng.

4335	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ lên chất lượng nước, tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước	Phạm, Minh Quân	Phạm, Thanh Liêm	2018	Ảnh hưởng của mật độ nuôi lên chất lượng nước, tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước trong 120 ngày. Lươn được cho ăn bằng thức ăn công nghiệp có hàm lượng protein là 40% (Mirco 80 của Tomboy). Kết quả thí nghiệm, pH của các nghiệm thức dao động từ 6,2 đến 6,6 và giảm dần trong suốt quá trình nuôi và mật độ TAN, NO ₂ tăng dần trong suốt quá trình nuôi. NO ₂ tăng vào cuối vụ nuôi và đạt mức cao nhất ở nghiệm thức 50 con/L (1 mg/L). FCR có sự khác biệt giữa các nghiệm thức. Cao nhất ở nghiệm thức 40 con/100L (2,24 ± 0,94) và nghiệm thức 50 con/100L có mức tốt nhất (2,13 ± 0,38). Tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê (p>0,05). Tỉ lệ sống thấp nhất ở nghiệm thức 30 con/L (85,5 ± 0,06%), và kết quả cao nhất ở nghiệm thức 40 con/100L (99,1 ± 0,01%). Sự khác biệt của nghiệm thức 50 con/100L so với nghiệm thức 30 con/100L là có ý nghĩa thống kê và so với nghiệm thức 40 con/L là không có ý nghĩa thống kê (p>0,05). Nghiệm thức 40 con/100L có tăng trưởng tốt nhất (33,00 ± 0,43 g/ con) và nghiệm thức 30 con/100L có tăng trưởng thấp nhất (31,40 ± 0,55 g/con). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa nghiệm thức 30 con/100L, nghiệm thức 40 con/100L và nghiệm thức 50 con/100L khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05)
4336	Đại học	Thành phần loài cá dọc sông Bảy Háp tỉnh Cà Mau và sinh học sinh trưởng của cá đối đất, <i>Planiliza subviridis</i> (Vanlenciennes,1836)	Huỳnh, Huế Minh	Hà, Phước Hùng	2018	Nghiên cứu thành phần loài cá và sinh học sinh trưởng của cá đối đất (<i>Planiliza subviridis</i>) được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2018 dọc trên tuyến sông Bảy Háp, tỉnh Cà Mau. Kết quả đã xác định được 52 loài cá thuộc 30 họ của 9 bộ. Trong đó bộ cá Vược (<i>Perciformes</i>) có số lượng loài cao nhất với 32 loài (chiếm 60%), kế tiếp là bộ cá Trích (<i>Clupeiformes</i>) với 7 loài (chiếm 9%), bộ cá Da trơn (<i>Siluriformes</i>) với 5 loài (chiếm 6%), bộ cá Lìm kìm và bộ cá Bơn với 2 loài (chiếm 4 %). Trong khi bộ cá Cháo biển (<i>Elopiformes</i>), bộ cá Đối (<i>Mugiliformes</i>), bộ cá Chà vôi (<i>Gasterosteiformes</i>), bộ cá Nóc (<i>Tetraodontiformes</i>) mỗi bộ chỉ có 1 loài (chiếm 2%). Phương trình tương quan chiều dài-khối lượng của cá đối đất (<i>Planiliza subviridis</i>) là $W=0,0118L^{2,9625}$ với $R^2=0,9872$. Hệ số điều kiện (CF) của cá đối đất biến động qua các tháng, cao nhất vào tháng 11 (0,01301) và thấp nhất vào tháng 10 (0,01051). Các yếu tố tăng trưởng của cá đối đất là $L_{\infty}=37,2$ cm; với tốc độ tăng trưởng $K=0,65$ /năm, $t_0=-0,50$ (năm). Nhìn chung, có sự đa dạng về thành phần loài cá ở sông Bảy Háp, tỉnh Cà Mau.

4337	Đại học	Thử nghiệm vaccine phòng bệnh xuất huyết trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Trần, Kim Huệ	Từ, Thanh Dung	2018	Đề tài được thực hiện với 3 nghiệm thức: đối chứng không tiêm vaccine và PBS, nghiệm thức tiêm PBS và nghiệm thức tiêm vaccine. Mỗi nghiệm thức có 30 con cá và lặp lại 2 lần. Sau 38 ngày thu mẫu ở mỗi nghiệm thức đo chiều dài trọng lượng, các biểu hiện bất thường tại vị trí tiêm và trong cơ quan nội tạng. Kết quả cho thấy, tiêm vaccine không ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của cá. Khi cảm nhiễm với A. hydrophila AH1 cho thấy, tỷ lệ chết nhóm cá tiêm vaccine thấp (6,67%) hơn so với nhóm không tiêm vaccine (93,33% và 100%). Hệ số bảo hộ RPS (Relative Percentage Survival) của vaccine cả 2 nồng độ (1,55x10² và 1,55x10⁴ CFU/mL) đều lớn hơn 60%. Cảm nhiễm với A. hydrophila HN01, tỷ lệ chết giữa nghiệm thức không tiêm vaccine và nghiệm thức tiêm vaccine không có sự khác biệt. Vì thế, thường xuyên bổ sung chủng vi khuẩn mới nhằm cung cấp thông tin cho việc sản xuất vaccine phòng bệnh nguy hiểm trên cá.
4338	Đại học	Nghiên cứu khả năng thay thế nước biển bằng nước muối trong ương tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Nguyễn, Thị Nhã Uyên	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Thí nghiệm đa nhân tố giữa độ mặn (10 ‰, 15 ‰) và tỷ lệ phần trăm thay thế nước muối biển bằng nước muối ở 0%, 25%, 50%, 75% và 100% trong nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Postlarva-12 được nuôi với mật độ 2 con/lít trong 21 ngày nuôi, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả cho thấy tỉ lệ sống của tôm bị tác động bởi phần trăm thay thế nước biển bằng nước muối, tỉ lệ sống thấp khi tăng phần trăm nước muối trong môi trường nuôi. Tôm không thể sống sót sau 4 ngày nuôi khi tăng nước muối lên trên 75%. Tăng trưởng về khối lượng cũng ảnh hưởng bởi phần trăm nước muối trong môi trường nuôi, nhưng không bị ảnh hưởng bởi khác biệt về độ mặn. Tôm nuôi ở 100% nước biển có khối lượng tốt nhất (0,25 g/cá thể, kể đến là tôm nuôi ở 25% nước muối (0,23 g/cá thể) và thấp nhất là tôm nuôi ở 50% nước muối (0,21 g/cá thể), tôm nuôi ở 25% nước muối thấp hơn không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) so với tôm ở nghiệm thức nuôi với 100% nước biển. Kết quả có khẳng định thay thế 25% nước biển bằng nước muối ở độ mặn 10‰ và 15‰ không ảnh hưởng đến tăng trưởng về khối lượng và chiều dài, nhưng ảnh hưởng đến tỉ lệ sống của tôm.
4339	Đại học	Khảo sát bệnh do ký sinh trùng ở cá điêu hồng (Oreochromis sp.) nuôi thâm canh trong bè ở tỉnh Vĩnh Long	Lê, Thị Cẩm Thơ	Nguyễn, Thị Thu Hằng	2018	Đề tài khảo sát được thực hiện ở tỉnh Vĩnh Long từ tháng 08 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018. Tổng cộng có 212 mẫu. Mẫu được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra ký sinh trùng. Kết quả phân tích có 4 giống ký sinh trùng: Myxobolus, Trichodina, Dactylogyrus and Gyrodactylus. Tất cả đều ký sinh trên da và mang. Số lượng ký sinh trùng nhiễm trên cá phụ thuộc vào thành phần giống loài và cơ quan ký sinh. Ký sinh trùng có tỷ lệ nhiễm cao nhất là Trichodina (1-78 trùng/ thị trường 10X) và thấp nhất là Dactylogyrus (1-15 trùng/ thị trường 10X). Hầu hết các mẫu cá có dấu hiệu xuất huyết, lở loét thường có số lượng ký sinh trùng nhiễm nhiều hơn các mẫu cá khỏe. Từ khóa: cá điêu hồng, ký sinh trùng, Trichodina, Dactylogyrus, Gyrodactylus, Myxobolus.

4340	Đại học	Ảnh hưởng của kích thích sinh thái đến khả năng tự thụ tinh trong sinh sản cá heo (<i>Yasuhikotakia modesta</i>)	Dương, Minh Đức	Nguyễn, Văn Triều	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của kích thích sinh thái đến khả năng tự thụ tinh trong sinh sản cá heo” được thực hiện từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 tại Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài được bố trí gồm 3 thí nghiệm, mỗi thí nghiệm gồm 2 nghiệm thức với 3 lần lặp lại và được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Thí nghiệm 1 được bố trí với 2 nghiệm thức: có dòng chảy và không có dòng chảy. Thí nghiệm 2 được bố trí kết hợp với nghiệm thức có dòng chảy của thí nghiệm 1, thí nghiệm 2 có 2 nghiệm thức giá thể khác nhau là gạch ống và ống nhựa cùng với 1 nghiệm thức đối chứng không có giá thể. Thí nghiệm 3 được bố trí kết hợp với nghiệm thức có dòng chảy của thí nghiệm 1 và nghiệm thức giá thể gạch ống của thí nghiệm 2, thí nghiệm 3 có 2 nghiệm thức so sánh ảnh hưởng của tỉ lệ cá đực lên khả năng tự thụ tinh, 2 nghiệm thức có tỉ lệ lần lượt là 1:1 và 2:1. Sau khi kết thúc các thí nghiệm, ở thí nghiệm 1 nghiệm thức có dòng chảy cho kết quả sức sinh sản đạt 76.257 ± 10.760 trứng/kg cá cái, tỉ lệ thụ tinh đạt $36,55 \pm 0,6\%$, tỉ lệ nở đạt $37,26 \pm 3,59\%$, kết quả này có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức không có kích thích dòng chảy. Kết quả thu được từ 2 nghiệm thức giá thể khác nhau của thí nghiệm 2 có sự khác biệt nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Ảnh hưởng của 2 tỉ lệ cá đực khác nhau ở thí nghiệm 3 cũng không mang lại khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).
4341	Đại học	Xác định thời điểm thích hợp thay thế thức ăn tự nhiên bằng thức ăn chế biến trong ương giống lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>)	Nguyễn, Thị Kiều Anh	Phạm, Thanh Liêm	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định thời điểm sử dụng thức ăn chế biến thích hợp trong ương giống lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>). Lươn thí nghiệm được cho ăn bằng TACB ở các ngày tuổi khác nhau từ thời điểm ổng tiêu hóa phát triển hoàn chỉnh, mỗi thời điểm cách nhau 5 ngày. Lươn 1 ngày tuổi được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên vào các khay nhựa với mật độ là 150 con/khay. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Lô đối chứng cho ăn hoàn toàn bằng thức ăn tươi sống và 5 nghiệm thức cho ăn thức ăn chế biến bắt đầu từ ngày tuổi: 20,25, 30,35 và 40. Sau 60 ngày ương, các yếu tố môi trường như nhiệt độ, pH, Oxy, NH₃, NO₂ thuận lợi cho quá trình phát triển của lươn. Nghiệm thức sử dụng hoàn toàn thức ăn tươi sống có tỷ lệ sống, tăng trưởng khối lượng và chiều dài là tốt nhất (90,4 %, 0,91 mg/ngày và 9,76 mm/ngày). Lươn ăn TACB ở ngày tuổi thứ 40 có tỷ lệ sống tốt nhất (82%) khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với các nghiệm thức sử dụng TACB ngày tuổi 20 ($p < 0,05$), và không có ý nghĩa thống kê đối với các nghiệm thức sử dụng TACB ở ngày tuổi 25,30,35,60 ($p > 0,05$). Tốc độ tăng trưởng về chiều dài ($8,58 \pm 0,22$) và khối lượng ($0,66 \pm 0,24$) cao nhất ở nghiệm thức sử dụng TACB ở ngày tuổi 40 khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với các nghiệm thức sử dụng TACB ở ngày tuổi 20, 25, 30, 35 và 60 ($p < 0,05$).

4342	Đại học	So sánh sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá sặc rằn (<i>Trichopodus pectoralis</i> Regan, 1910) nuôi thương phẩm từ 3 nguồn cá khác nhau.	Nguyễn, Việt Tân	Dương, Nhật Long Dương, Thúy Yên	2018	Đề tài được thực hiện nhằm so sánh sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá sặc rằn giai đoạn nuôi thương phẩm giữa các nguồn cá giống khác nhau. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức (3 lần lặp lại) từ 3 nguồn cá: (1) nguồn cá chọn lọc, (2) nguồn cá không chọn lọc (ngẫu nhiên) trong một nghiệm thức chọn giống cá sặc rằn, và (3) nguồn cá từ một trại ương giống ở Đồng Tháp (gọi tắt là cá Đồng Tháp). Cá được bố trí nuôi trong ao đất có diện tích 200m², độ sâu từ 1,2 – 1,6 m với mật độ 30 con/m². Sau 5 tháng nuôi nguồn cá sặc rằn chọn lọc tăng trưởng nhanh nhất so với cá ở hai nguồn cá khác, khối lượng trung bình đạt 108,89 g/con với chiều dài là 18,09 cm, tăng trưởng theo ngày (DWG) và tốc độ tăng trưởng tương đối (SGR) lần lượt là 0,82 g/ngày và 0,85 %/ngày. Nguồn cá ngẫu nhiên và cá Đồng Tháp có và tốc độ tăng trưởng tương đương nhau. Cá ngẫu nhiên có khối lượng trung bình là 89,82 g/con với chiều dài 16,76 cm, DWG là 0,62 g/ngày và SGR đạt 0,78 %/ngày. Nguồn cá Đồng Tháp đạt khối lượng 88,43 g/con với chiều dài là 16,81 cm, DWG 0,5 g/ngày và SGR 0,63 %/ngày.
4343	Đại học	Xác định thời gian sử dụng thức ăn công nghiệp của cá trên bầu (<i>Ompok bimaculatus</i>)	Cao, Thị Thanh Trúc	Nguyễn, Văn Triều	2018	Đề tài “Xác định thời gian sử dụng thức ăn công nghiệp của cá trên bầu (<i>Ompok bimaculatus</i>)”. Thí nghiệm được thực hiện tại Trung tâm nghiên cứu ứng dụng thủy sản công nghệ cao, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của thời gian chuyển sang thức ăn công nghiệp đến tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá trên bầu (<i>Ompok bimaculatus</i>) giai đoạn ương giống. Nghiên cứu gồm 5 nghiệm thức cách bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần, nghiệm thức đối chứng sử dụng hoàn toàn thức ăn tự nhiên. Các nghiệm thức còn lại khác nhau về thời gian bắt đầu tập ăn thức ăn công nghiệp (15, 20, 25, 30 ngày tuổi). Mật độ bố trí là 50 con/bể (50 L) và thời gian thí nghiệm là 45 ngày. Các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn sinh trưởng và phát triển của cá trên bầu. Sau thời gian thí nghiệm tỷ lệ sống của cá trên bầu ở 45 ngày ương đạt cao nhất là nghiệm thức 5 (92%) không khác biệt ($p > 0,05$) với nghiệm thức đối chứng (86%). Khối lượng và chiều dài của cá trên bầu cao nhất ở nghiệm thức 5 lần lượt là 25,3 mg/con, 7,96 cm/con. Kết quả cho thấy, cá trên bầu ăn thức ăn công nghiệp ở giai đoạn cá 30 ngày tuổi thì cá đạt khối lượng và chiều dài cao nhất, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức cho ăn sớm hơn và nghiệm thức đối chứng.

4344	Đại học	Sử dụng nước thải từ bể nuôi cá lóc để nuôi cá sặc rằn ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Quốc Cường	Lam, Mỹ Lan Nguyễn, Thanh Hiệu	2018	Đề tài” Sử dụng nước thải từ bể cá lóc để nuôi cá sặc rằn ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện từ tháng 7 – 12/2017 với 2 nghiệm thức với mật độ 3 và 5 con/m ² . Cá được cho ăn thức ăn viên với hàm lượng đạm 30% trong tháng đầu tiên và 22% trong tháng cuối cùng; các tháng khác thức ăn chủ yếu được bổ sung từ nguồn nước thải của bể nuôi cá lóc. Các yếu tố môi trường đều thích hợp cho cá sinh trưởng. Sau 6 tháng nuôi cá có khối lượng trung bình từ 51,31-74,68 g/con tốc độ tăng trưởng 0,16-0,56 g/ngày, tỉ lệ sống 54-74% năng suất là 0,12-0,23 kg/m ² , tỉ suất là 45-143 mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi. Từ khóa: cá sặc rằn, ao nuôi, Trichopodus pectoralis
4345	Đại học	Ảnh hưởng độ mặn và tỉ lệ thay thế nước biển bằng nước muối lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm sú (Penaeus monodon) giống	Nguyễn, Thanh Huy	Võ, Nam Sơn Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm sử dụng nước muối thay thế nước biển trong ương tôm sú (Penaeus monodon) giai đoạn giống. Thí nghiệm hai nhân tố về độ mặn (15‰ và 20‰) và tỉ lệ thay thế nước biển bằng nước muối (0%, 25%, 50%, 75% và 100%) được thực hiện với 10 nghiệm thức, lặp lại 3 lần cho mỗi nghiệm thức, mật độ ương là 2 con/lít. Kết quả sau 20 ngày ương cho thấy môi trường nuôi với 50% nước muối không ảnh hưởng đến tỉ lệ sống của tôm, trong khoảng 80% trong khi đó tôm nuôi với ở độ mặn 20‰ có tỉ lệ sống thấp nhất (24%), nhưng tôm không thể sống sót khi nước muối tăng lên 75%. Tăng trưởng về khối lượng của tôm giảm dần theo phần trăm nước của nước muối tăng dần trong môi trường nuôi, nhưng phần trăm thay thế nước muối không ảnh hưởng đến tăng trưởng về chiều dài của tôm, ngoại trừ tăng trưởng về chiều dài kém ở nghiệm thức nuôi với 50% nước muối ở 20‰. Kết quả của thí nghiệm này cho thấy thay thế 25% nước biển bằng nước muối ở 20‰ và 50% ở độ mặn 15‰ thì không ảnh hưởng đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm
4346	Đại học	Thành phần động vật phù du (zooplankton) trên sông Mỹ Thanh ở các khu vực có độ mặn khác nhau	Phạm, Thị Như Quỳnh	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 trên tuyến sông Mỹ Thanh thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng. Có 6 đợt thu mẫu, với chu kỳ thu mẫu 1 lần/tháng tại 3 địa điểm: Nhu Gia, Mỹ Thanh 1 và cửa sông Mỹ Thanh. Mẫu định tính và định lượng động vật phù du (ĐVPS) được thu bằng lưới phiêu sinh động vật (60 µm) để xác định thành phần loài và mật độ của ĐVPS tại các địa điểm thu mẫu. Kết quả ghi nhận được 192 loài ĐVPS thuộc 5 nhóm bao gồm động vật nguyên sinh (Protozoa) với 33 loài, trùng bánh xe (Rotifera) 47 loài, giáp xác râu ngành (Cladocera) 30 loài, giáp xác chân chèo (Copepoda) 51 loài và nhóm ĐVPS khác (31 loài). Số loài thu được ở thời điểm nước lớn cao hơn (166 loài) so với thời điểm nước ròng (153 loài). Mật độ ĐVPS trung bình dao động từ 196.319-1.337.569 cá thể/m ³ , Mật độ ĐVPS cao nhất ghi nhận được tại Nhu Gia ở đợt 1 và thấp nhất tại cửa sông Mỹ Thanh ở đợt 3.

4347	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên các chỉ tiêu sinh lý của cá lóc (<i>Channa striata</i>) giai đoạn giống	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu “Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên các chỉ tiêu sinh lý của cá lóc (<i>Channa striata</i>) giai đoạn giống” được bố trí ngẫu nhiên gồm chín nghiệm thức với ba mức độ mặn (0‰, 5‰, 10‰) và ba mức nhiệt độ (20°C, 30°C, 33°C). Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Mật độ bố trí là 60 con/bể. Mẫu máu thu ở ngày 60 để phân tích các chỉ tiêu: mật độ hồng cầu, bạch cầu, hemoglobin (Hb), hematocrit, hàm lượng glucose, cortisol, áp suất thẩm thấu và các ion Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ trong huyết tương cá. Kết quả cho thấy, không có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên mật độ hồng cầu, bạch cầu, hàm lượng Hb, hematocrit. Mật độ hồng cầu, bạch cầu, hàm lượng Hb và hematocrit đều giảm khi độ mặn tăng và thấp nhất ở 10‰ ở cả 3 mức nhiệt độ. Không có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên nồng độ glucose trong huyết tương và độ mặn có sự tác động lên nồng độ glucose nhiều hơn là nhiệt độ. Nồng độ glucose có xu hướng giảm đi khi nhiệt độ kết hợp với độ mặn 10 ‰ và gia tăng khi kết với các mức độ mặn 0 và 5 ‰. Có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên ASTT nhưng lại không tương tác đối với các chỉ tiêu Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ . Ion K ⁺ tăng lên khi độ mặn tăng từ 0 – 5‰ nhưng lại giảm lại khi độ mặn tăng lên 10‰, đạt giá trị cao nhất 5‰. ASTT, ion Na ⁺ và Cl ⁻ đều đạt giá trị cao ở các nghiệm thức nhiệt độ và độ mặn cao kết hợp.
4348	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i> Fabricius, 1798) từ giai đoạn giống lên tiền trưởng thành	Nguyễn, Bảo Quốc	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ lên tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>), xác định mức nhiệt độ phù hợp cho tôm nuôi phát triển. Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tôm PL15 được nuôi ở điều kiện bình thường sau 45 ngày sẽ bố trí vào thí nghiệm với khối lượng 0,78 g/con. Sử dụng bể nhựa 250 L chứa khoảng 200 L nước mặn. Mật độ thả nuôi 40 con/bể. Thời gian bắt đầu thả tôm đến kết thúc thí nghiệm là 60 ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng trưởng về chiều dài và khối lượng tôm tăng nhanh ở nghiệm thức 33-34°C khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức 27-28°C nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống cao nhất ở nghiệm thức đối chứng và 27-28°C lần lượt là 68,3% và 65,0%. Ở nghiệm thức 36-37°C sau 30 ngày thả nuôi thì tôm chết 100%. Nhiệt độ cũng ảnh hưởng đến hoạt tính enzyme tiêu hóa, nhiệt độ càng lên cao thì hoạt tính enzyme càng cao.

4349	Đại học	Sử dụng các dạng sinh khối artemia franciscana để ương giống tôm sú (Penaeus monodon)	Néang, Kim Hồng	Nguyễn, Văn Hòa	2018	Đề tài sử dụng các dạng sinh khối Artemia franciscana để ương giống tôm sú (Penaeus monodon) từ post 10 – 40, nhằm tìm ra ảnh hưởng của các loại thức ăn lên tỷ lệ sống và tăng trưởng của tôm sú. Thí nghiệm được thực hiện tại Trại Thực Nghiệm Artemia Vĩnh Châu, Khoa Thủy Sản, Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức với 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức, thời gian thực hiện 30 ngày. Nghiệm thức 1 (Pcom) sử dụng thức ăn công nghiệp để ương tôm sú giống (nghiệm thức đối chứng), nghiệm thức 2 (ArtLive) sinh khối Artemia tươi sống, nghiệm thức 3 (ArtFroze) sinh khối Artemia đông lạnh và nghiệm thức 4 (ArtBrine) sinh khối Artemia bảo quản trong nước muối bão hòa. Kết quả thí nghiệm sau 30 ngày, tỷ lệ sống dao động từ: 47 – 85% , chiều dài: 11,5 – 28mm và khối lượng: 0,01 – 0,11g khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức (NT) ($p > 0,05$). Trong đó, tỷ lệ sống thấp nhất ở ArtLive (47%), cao nhất ở ArtBrine (85%). Chiều dài ngắn nhất ArtBrine (11.5mm), dài nhất ArtLive (28mm). Khối lượng cao nhất ArtLive (0,11g), thấp nhất ArtBrine (0,01g). Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể dùng Artemia ngâm trong nước muối bão hòa để ương tôm sú giống phục vụ cho nuôi thương phẩm hiệu quả hơn. Từ khóa: Sinh khối Artemia franciscana, Tôm Sú, thức ăn, tỷ lệ sống, tăng trưởng, ương nuôi.
4350	Đại học	Thực nghiệm nuôi thương phẩm cá dầy (Channa lucius) trong giai lưới ở các mật độ khác nhau tại huyện U Minh tỉnh Cà Mau.	Lê, Thanh Điền	Dương, Nhựt Long	2018	Thực nghiệm nuôi thương phẩm cá dầy (Channa lucius) trong giai lưới với các mật độ khác nhau tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2017. Nghiên cứu được tiến hành với 2 nghiệm thức, nghiệm thức 1 (NT1): mật độ 30 con/m² và nghiệm thức 2 (NT2): mật độ 60 con/m², mỗi nghiệm thức được bố trí ngẫu nhiên và lặp lại 3 lần, nhằm tìm ra mật độ nuôi thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển cá dầy. Sau 4 tháng nuôi, các điều kiện môi trường nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển cá dầy. Khối lượng cá trung bình thu được ở NT1 là 95,58 g/con và 86,54 g/con ở NT2. Tỷ lệ sống trung bình ở NT1 là $73,89 \pm 1,36\%$, ở NT2 là $68,77 \pm 1,45\%$. Lợi nhuận ở NT1 trung bình là 0,39 triệu đồng/giai và 0,72 triệu đồng/giai ở NT2. Tỷ suất lợi nhuận của NT1 là 18,23% và 20,07% ở NT2. NT2 là nghiệm thức có mật độ nuôi thích hợp hơn trong thực nghiệm nuôi thương phẩm cá dầy trong giai lưới.

4351	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột	Nguyễn, khánh Linh	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng của cá tra bột. Cá tra (0,001 g/con) được sử dụng để bố trí thí nghiệm ở 3 mức nhiệt độ 27oC, 30oC, 33oC kết hợp với 3 mức độ mặn 0‰, 6‰, 9‰ trong thời gian 60 ngày. Thu mẫu tăng trưởng vào ngày 15, ngày 30, ngày 45, ngày 60. Ngoài ra sau 60 ngày thí nghiệm tiến hành thu mẫu máu để phân tích các chỉ tiêu sinh lý như: Hồng cầu, hemoglobin, hematocrit, glucose, áp suất thẩm thấu, ion Na ⁺ , ion K ⁺ , ion Cl ⁻ . Kết quả cho thấy ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên tăng trưởng tạo nên khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa các nghiệm thức. Khối lượng cá cao nhất ở nghiệm thức 30oC-0‰ ($6,39 \pm 0,39$ g/con). Khối lượng cá thấp nhất là ở nghiệm thức 27oC-9‰ ($2,15 \pm 0,39$). Tỷ lệ sống cá tra bột cao nhất ở nghiệm thức 27oC-0‰ (40,83%), thấp nhất ở nghiệm thức 33oC-9‰ (5,16%). Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên các chỉ tiêu sinh lý: Hồng cầu, hemolobin, hematorit, glucose, ion Na ⁺ , ion K ⁺ là khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Giá trị Áp suất thẩm thấu, ion Cl ⁻ tăng dần theo độ mặn khác biệt có nghĩa thống kê ($p < 0,05$) ở những nghiệm thức có mức độ mặn khác nhau.
4352	Đại học	Nhu cầu protein của cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở các mức lipid nuôi trong nước mặn và nhiệt độ cao	Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Lam, Mỹ Lan Trần, Minh Phú	2018	Thí nghiệm được thực hiện nhằm tìm ra nhu cầu protein ở các mức lipid thích hợp cho tăng trưởng của cá lóc trong điều kiện nhiệt độ (34oC) và độ mặn (9‰) cao làm cơ sở góp phần hoàn thiện công thức thức ăn cho cá lóc (<i>Channa striata</i>). Thức ăn thí nghiệm gồm có 6 nghiệm thức thức ăn với 3 mức protein: 40%, 45%, 50% và 2 mức lipid: 7%, 10%. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Cá được bố trí vào bể 200 L với mật độ 30 con/bể và được cho ăn theo nhu cầu. Thời gian thực hiện 60 ngày. Kết quả cho thấy cá tăng trưởng tốt nhất ở nghiệm thức 10% lipid - 50% protein. Protein trong cơ thể cá không thể hiện rõ mối quan hệ giữ hàm lượng protein và hàm lượng lipid trong thức ăn, tuy nhiên mức lipid 7% thì nhu cầu protein cần thiết cho cá đạt tăng trưởng tốt nhất là 46%. Từ khóa: Cá lóc, <i>Channa striata</i> , lipid, protein, năng lượng.
4353	Đại học	Nghiên cứu sử dụng natri-citrate trong ương hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Trịnh, Tái Đình	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu nhằm xác định liều lượng bổ sung natri-citrate vào thức ăn trong ương hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>). Thí nghiệm được bố trí với 5 nghiệm thức, 3 lần lặp lại. Natri-citrate được bổ sung với liều lượng từ 0-20 g/kg thức ăn với 5 nghiệm thức 0 (đối chứng), 5, 10, 15, 20 g/kg thức ăn và được cho ăn hằng ngày, ngày cho ăn 4 lần. Tôm có khối lượng ban đầu là 0,02 g/cá thể, mật độ thả là 2 cá thể/L ở độ mặn 10 ‰. Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy tôm nuôi ở nghiệm thức bổ sung natri-citrate trong khẩu phần ăn có cải thiện chiều dài và khối lượng, nhưng cao hơn không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với tôm ở nghiệm thức đối chứng. Thức ăn có tỷ lệ sống cao nhất (85,8%) sau sốc formaline ở nghiệm thức với natri citrate được bổ sung với liều lượng 5g/kg, cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) ở nghiệm thức đối chứng (63,1%).

4354	Đại học	Ảnh hưởng natri-citrate trong ương hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	Danh, Thành Tiến	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu nhằm xác định tỉ lệ bổ sung natri citrate thích hợp trong ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>). Thí nghiệm được thực hiện với 05 nghiệm thức với tỉ lệ bổ sung natri citrate khác nhau 0g (đối chứng), 5g, 10g, 15g, 20g/kg thức ăn. Tôm có khối lượng ban đầu là 0,01g/cá thể và chiều dài 0,98 cm/cá thể được nuôi với mật độ 2 con/L ở độ mặn 15‰ trong 30 ngày. Kết quả cho thấy chiều dài tôm ở các nghiệm thức có bổ sung natri citrate có kích cỡ cao hơn so với tôm cho ăn không phần ăn không bổ sung natri citrate, cao nhất ở nghiệm thức NT2 (3,66cm/cá thể) nhưng cao hơn không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Nhưng khối lượng tôm không có cải thiện khi bổ sung natri citrate trong khẩu phần ăn. Kết quả về kiểm tra chất lượng cho thấy tôm cho ăn thức ăn có bổ sung natri citrate có khả năng chịu đựng với formaline tốt hơn tôm ở nghiệm thức không bổ sung natri citrate. Kết quả trên cho thấy natri citrate có thể bổ sung vào thức ăn của tôm nhưng nên thử với liều thấp hơn.
4355	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ thay thế nước ót bằng nước muối biển lên sinh trưởng và sinh sản của artemia franciscana Vĩnh Châu ở độ mặn thấp trong phòng thí nghiệm	Lê, Phụng Duy	Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu được tiến hành ở độ mặn 30‰ với các tỷ lệ thay thế nước ót bằng nước muối biển (TLTT) tương ứng với năm nghiệm thức (NT): 0% (đối chứng), 25%, 50%, 75%, 100% nhằm đánh giá tỷ lệ sống, sinh trưởng và khả năng sinh sản của Artemia franciscana dòng Vĩnh Châu. Artemia sau khi ấp nở được nuôi trong chai nhựa chứa 1L nước nuôi với mật độ 200con/lít để theo dõi về sinh trưởng trong 14 ngày. Khi quần thể đa số đạt trưởng thành, các cặp cá thể của từng nghiệm thức được theo dõi riêng biệt để ghi nhận các chỉ tiêu tuổi thọ, vòng đời và sinh sản. Thí nghiệm sử dụng tảo Chaetoceros sp trong 2 ngày đầu khi mới thả giống và thức ăn chuyên dụng cho Artemia trong những ngày tiếp theo cho tới khi kết thúc. Kết quả cho thấy TLTT nước ót bằng nước muối ảnh hưởng không lớn đến vòng đời và khả năng sinh sản nhưng có ảnh hưởng đến sinh trưởng của Artemia. Sau 14 ngày nuôi tỷ lệ sống giảm ở tất cả các NT, thấp nhất là ở TLTT 100% (64,0%). Kết quả cũng cho thấy chiều dài sau 14 ngày nuôi đạt từ 5,9- 6,8 mm, thấp nhất ở NT đối chứng và cao nhất ở TLTT 100% ($p<0,05$). Ở các tỷ lệ thay thế nước ót bằng nước muối biển ghi nhận khả năng sinh sản của Artemia khá tương đồng, tuy nhiên việc thay thế 50% nước muối cho kết quả sinh sản tốt nhất về tổng số phôi đạt 405 phôi/con cái và tuổi thọ đạt 50,1 ngày mặc dù khác biệt không có ý nghĩa với các NT còn lại. Ể, tỷ lệ số

4356	Đại học	Chất lượng nước trên sông Hậu khu vực gần cửa sông	Phạm, Thị Trúc Thanh	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện tại 3 điểm trên khu vực hạ nguồn sông Hậu (cửa sông Cái Côn; cửa sông Đại Ngãi; cửa sông Trần Đề). Chất lượng môi trường nước được thu hàng tháng vào thời điểm thủy triều cao và thủy triều thấp trong thời gian 12 tháng. Các yếu tố chất lượng môi trường nước được khảo sát bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, độ đục, TSS, DO, COD, TAN, TN, PO43- và TP. Kết quả cho thấy chất lượng môi trường nước vào thời điểm triều cao tốt hơn thời điểm triều thấp, ở cả ba điểm. Khu vực cửa sông Trần Đề có chất lượng nước biến đổi phức tạp nhất do đây là vùng hạ lưu và tiếp giáp với biển nên chất lượng môi trường nước dễ bị biến động. Hai điểm Cái Côn và Đại Ngãi do nằm sâu trong nội địa, ít ảnh hưởng bởi độ mặn chất lượng nước chịu ảnh hưởng bởi nguồn nước từ thượng nguồn và nội đồng đổ ra. Nhìn chung chất lượng nước khu vực khảo sát khá biến động giữa triều thấp và triều cao một số yếu tố vượt giới hạn so với Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN08-MT:2015/BTNMT).
4357	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính mô hình nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) trong vèo tại huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Phan, Hoàng Thường	Cao, Quốc Nam	2018	Đề tài này được thực hiện ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 62 hộ nuôi cá ở xã Hưng Phú và Mỹ Phước. Mục tiêu của đề tài là phân tích khía cạnh kỹ thuật, hiệu quả tài chính và đề xuất giải pháp cải tiến mô hình nuôi cá lóc vèo. Phương pháp phân tích T-test và phương trình hồi quy tuyến tính bội được sử dụng. Kết quả cho thấy mô hình nuôi cá lóc ở tỉnh Sóc Trăng có thể nuôi 1 vụ trong năm. Diện tích nuôi trung bình là 23 m ³ /vèo. Cá lóc giống có kích cỡ trung bình là 10 g/con, mật độ thả 210,4 con/m ³ . Sau thời gian nuôi 140 ngày, cá được thu hoạch với năng suất trung bình là 52,9 kg/m ³ với tỷ lệ sống là 59% và hệ số tiêu tốn thức ăn tự chế và công nghiệp là 4,69 và 1,64. Lợi nhuận là 402 ngàn đồng/m ³ , tỉ suất lợi nhuận là 0,27 lần. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như giá cá bán thấp, bệnh trên cá. Từ kết quả phân tích, từ kết quả phân tích, đề tài này đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của mô hình nuôi cá lóc vèo.
4358	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên nhu cầu duy trì và hiệu quả sử dụng protein và năng lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Nguyễn, Thị Bảo Châu	Trần, Thị Thanh Hiền	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định nhu cầu duy trì và hiệu quả sử dụng protein và năng lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở điều kiện nhiệt độ và độ mặn tăng cao. Nghiên cứu được thực hiện với các mức cho ăn khác nhau như 0, 25%, 50%, 75%, 85% và 100% nhằm tìm được nhu cầu tối ưu để cá sinh trưởng và phát triển tốt nhất trong điều kiện nuôi bình thường (nước ngọt ở 28oC) và ở điều kiện nhiệt độ và độ mặn cao (34oC, 9ppt). Nghiệm thức không cho ăn nhằm xác định protein, năng lượng cá có thể duy trì sống. Thời gian thí nghiệm là 28 ngày. Kết quả cho thấy tăng trưởng và hiệu quả sử dụng protein và năng lượng của cá nuôi điều kiện thường tốt hơn cá lóc ở điều kiện nhiệt độ và độ mặn cao. Nhu cầu protein duy trì của cá nuôi ở điều kiện nhiệt độ cao và độ mặn cao 0.44 (g/kg0,76/ngày) cao hơn so với nuôi ở điều kiện bình thường 0.18 (g/kg0,76/ngày). Tương tự, năng lượng cho duy trì của cá lóc ở điều kiện nhiệt độ cao và độ mặn cao là 29,5 (kJ/kg0,82/ngày) cao hơn so với nhu cầu năng lượng của cá nuôi ở điều kiện bình thường 13,1 (kJ/kg0,82/ngày).

4359	Đại học	Biến động chất lượng nước dọc tuyến sông Mỹ Thanh	Trần, Minh Nhật	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Đề tài “Biến động chất lượng nước dọc tuyến sông Mỹ Thanh” đã được thực hiện từ tháng 07/2017 đến 06/2018 tại 3 điểm trên sông Mỹ Thanh tỉnh Sóc Trăng là Nhu Gia, Cầu Mỹ Thanh và Cửa sông Mỹ Thanh. Chất lượng môi trường nước được thu hai thời điểm trong ngày là lúc thủy triều cao và thủy triều thấp trong thời gian 12 tháng, mỗi tháng một đợt thu mẫu. Các yếu tố chất lượng môi trường nước được khảo sát bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, độ đục, TSS, DO, COD, TAN, TN, PO43- và TP. Nghiên cứu được thực hiện nhằm theo dõi sự biến động chất lượng nước qua các tháng thu và giữa triều cao và triều thấp. Biến động chất lượng nước qua các tháng thu chịu ảnh hưởng bởi chế độ mùa (mùa khô và mùa mưa) ở khu vực ĐBSCL. Chất lượng môi trường nước ở triều cao nhìn chung tốt hơn so với triều thấp ở cả ba lưu vực cửa sông. Khu vực cửa sông Mỹ Thanh có chất lượng nước biến đổi phức tạp nhất do đây là vùng hạ lưu và tiếp giáp với biển nên chất lượng môi trường nước dễ bị biến động. Hai điểm thu còn lại là Nhu Gia và cầu Mỹ Thanh quá trình xâm nhập mặn ít xảy ra do nằm sâu trong nội địa, tuy nhiên chất lượng nước cũng chịu ảnh hưởng từ nước thượng nguồn và nội đồng đổ ra.
4360	Đại học	Thành phần động vật phù sinh trên sông Hậu ở các khu vực có độ mặn khác nhau trong mùa khô	Nguyễn, Minh Quang	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định sự biến động thành phần loài, mật độ động vật phù sinh (ĐVPS) và đánh giá sự thay đổi quần xã của chúng trong hệ sinh thái về độ mặn tại 3 địa điểm Trần Đề, Đại Ngãi, Cái Côn trên tuyến sông Hậu thuộc tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu được thực hiện vào mùa khô (từ tháng 11/2017 đến 04/2018), thu mẫu định kỳ 1 lần/tháng vào thời điểm thủy triều cao (nước đứng lớn) và thủy triều thấp (nước đứng ròng). Kết quả xác định được 133 loài ĐVPS: Rotifera cao nhất 44 loài (33,1%), Copepoda 43 loài (32,3%), Protozoa 26 loài (19,5%), Cladocera 12 loài (9,1%) và nhóm khác 8 loài (6,0%). Số loài thu được ở thời điểm nước lớn cao hơn (114 loài) so với nước ròng (97 loài). Mật độ ĐVPS trung bình dao động từ 41.000 – 164.250 cá thể/m³, cao nhất ghi nhận được tại Cái Côn và thấp nhất tại Trần Đề. Khi độ mặn tăng cao tạo điều kiện cho sự phát triển của Copepoda và Protozoa, hạn chế sự phát triển của Rotifera và Cladocera và ngược lại. Chỉ số đa dạng sinh học Shannon-Weiner (H') trên tuyến sông Hậu ở mức ô nhiễm vừa (β) và nhẹ. Cái Côn đạt mức ô nhiễm nhẹ $H'=3,13\pm0,28$ và Đại Ngãi và Trần Đề có giá trị $H'=2,99\pm0,31$ và $H'=2,77\pm0,35$ đạt mức ô nhiễm vừa (mức β).

4361	Đại học	Thành phần động vật nổi (Zooplankton) ở Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Dương, Thanh Xuân	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện ở Cù Lao Dung thuộc tỉnh Sóc Trăng từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018 nhằm đánh giá biến động quần thể ĐVN dưới sự tác động của biến đổi khí hậu làm thay đổi quần xã ĐVN trong khu vực ảnh hưởng của độ mặn. Mẫu định tính và định lượng được thu 1 đợt/tháng vào 3 thời điểm 1H, 2H và 3H trong cùng thời điểm con nước lớn (triều cường) tăng dần đến khi triều cường đạt đỉnh cao nhất. Kết quả ghi nhận được tổng số 117 loài ĐVN thuộc 5 nhóm: Protozoa, Rotifera, Copepoda, Cladocera và nhóm hác. Thành phần loài ĐVN vào mùa khô và mùa mưa không khác biệt. Thành phần loài ĐVN thời điểm 2H cao hơn 1H và 3H. Mật độ trung bình ĐVN trên sông Cù Lao Dung từ 11.995 - 128.773 cá thể/m ³ ; mùa khô cao hơn mùa mưa và tại thời điểm 3H cao hơn 1H và 2H. Độ mặn ảnh hưởng rất lớn đến nhóm ĐVN, độ mặn cao opepoda và Protozoa xuất hiện nhiều, độ mặn thấp Rotifera và Cladocera phát triển cao hơn. Chỉ số đa dạng sinh học Shannon-Weiner (H') tại Cù Lao Dung đạt giá trị ở mức □ ô nhiễm vừa, cao nhất ở đợt 2 mùa mưa lúc 2H và thấp nhất vào đợt 4 vào mùa khô lúc 3H.
4362	Đại học	Ảnh Hưởng của plasma lạnh đến mật độ vi sinh trong bể nuôi cá lóc (Channa Striata)	Nhữ, Hồng Hào	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu khả năng xử lý nước cấp cho sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản bằng plasma lạnh. Nghiên cứu gồm 2 thí nghiệm. Thí nghiệm 1 gồm nghiệm thức bể nuôi cá lóc (được xử lý nước đầu vào bằng plasma lạnh) và ao nguồn (đối chứng- không xử lý nước). Mẫu nước được thu định kỳ 1 tuần/lần để phân tích mật độ vi sinh vật. Thí nghiệm 2 gồm 1 nghiệm thức xử lý nước đầu vào (bằng plasma lạnh) và 1 bể đối chứng (không xử lý nước), cả 2 nghiệm thức đều được thả nuôi cá lóc với cùng mật độ, chăm sóc theo dõi như nhau. Mẫu nước được thu vào 7 ngày và 4 ngày cuối trước khi cá xuất bán. Mật độ vi sinh vật trong nước được phân tích bằng phương pháp đếm khuẩn lạc trên đĩa thạch. Thí nghiệm 1 mật độ vi khuẩn của bể xử lý hầu như cao hơn nguồn vì bể xử lý được bố trí cá lóc còn nguồn thì không, mật độ tổng vi khuẩn dao động 3,47- 6,68 log(CFU/mL), cao nhất ở tuần thứ 9 nhưng sau đó giảm đáng kể do được thay 50% nước mỗi tuần. Qua kết quả của thí nghiệm 2, khi cả 4 chỉ tiêu đều cho kết quả là mật độ vi sinh của xử lý có xu hướng giảm dần về sau và luôn luôn thấp hơn có ý nghĩa thống kê (P<0,05) với đối chứng thì có thể ít nhiều khẳng định khả năng xử lý vi sinh vật trong nước của plasma lạnh.

4363	Đại học	Bổ sung natri-citrate trong ương cá lóc (Channa Striata) từ hương lên giống	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Mục tiêu của thí nghiệm nhằm đánh giá sử dụng natri citrate trong ương nuôi cá lóc (Channa striata). Năm nghiệm thức (NT) được thực hiện với việc bổ sung natri citrate vào thức ăn với lượng: 0g (NT1), 5g (NT2), 10g (NT3), 15g (NT4) và 20g/kg thức ăn (NT5), mỗi nghiệm thức được lặp lại 03 lần. Chiều dài và khối lượng ban đầu của cá là $5,82 \pm 0,69$ cm/cá thể và $1,56 \pm 0,37$ g/cá thể. Kết quả sau 28 ngày ương cho thấy, natri citrate không ảnh hưởng đến tỉ lệ sống của cá, tỉ lệ sống của cá sai biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$) giữa các nghiệm thức. Chiều dài của cá trong tất cả nghiệm thức cho ăn bằng natri citrate có cải thiện không đáng kể so với cá ở nghiệm thức đối chứng, khối lượng cá giảm đi khi bổ sung natri citrate với hàm lượng cao hơn 5g/kg thức ăn. Nhưng chất lượng cá có cải thiện, tỉ lệ sống của cá ở các nghiệm thức cho ăn có bổ sung natri citrate đều cao hơn cá ở nghiệm đối chứng (NT1) sau khi sốc formaline 1h, ngoại trừ tỉ lệ sống ở nghiệm thức NT5 thấp hơn có ý nghĩa so với cá ở NT1. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi bổ sung natri citrate với liều 5-20 g/kg thức ăn không có cải thiện về khối lượng cá nhưng có thể cải thiện chất lượng cá.
4364	Đại học	Biến động mật độ vi sinh theo sự biến đổi độ mặn trong hệ thống bể mô phỏng	Nguyễn, Hoàng Quý	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của độ mặn lên sự biến động mật độ tổng khuẩn, Bacillus spp., Lactobacillus spp., tổng Vibrio spp., Vibrio parahaemolyticus và Vibrio cholerae trên bề mô phỏng ở các độ mặn khác nhau (0, 10, 20, 30‰, nước biển 30‰). Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Bể có thể tích 500 lít, được bố trí ngoài trời, duy trì độ mặn ổn định. Bùn được lấy từ dưới sông, bố trí vào bể mô phỏng môi trường tự nhiên. Kết quả ghi nhận, mật độ tổng vi khuẩn ở nghiệm thức 0‰ và 10‰ cao hơn không đáng kể so với các nghiệm thức còn lại ($p > 0.05$) và dao động trong khoảng 103 -104 CFU/mL. Bên cạnh đó, có sự khác biệt về mật độ vi khuẩn Bacillus spp. giữa các nghiệm thức ($p < 0,05$), nghiệm thức 0‰ đạt giá trị cao nhất ($3,4 \times 10^3$ CFU/mL). Sự sinh trưởng của vi khuẩn Lactobacillus spp. được theo dõi đạt mật độ tương đối thấp (102 CFU/mL) và không có sự sai khác giữa các độ mặn ($p > 0,05$). Tuy nhiên, ở nghiệm thức nước ngọt tổng Vibrio spp., V.parahaemolyticus và V.cholerae đạt mật số thấp hơn có ý nghĩa so với các nghiệm thức nước lợ-mặn ($p < 0,05$). Nhìn chung, các loài Vibrio spp., V. parahaemolyticus và V. cholerae phát triển mạnh trong điều kiện môi trường nước lợ 10‰.

4365	Đại học	Phân Lập và chọn lọc vi khuẩn Vibrio trong môi trường nước và bùn ở dọc theo tuyến sông Mỹ Thanh- tỉnh Sóc Trăng	Phan, Thị Kiều Phụng	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của độ mặn đến sự phát triển của vi khuẩn Vibrio spp. trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả phân lập được 243 chủng vi khuẩn từ 108 mẫu bùn và nước thu được trên tuyến sông Mỹ Thanh thuộc tỉnh Sóc Trăng. Các chủng vi khuẩn được tuyển chọn để định danh bằng bộ kit API 20E và giải trình tự 16S-RNA, kết quả thu được 3 chủng Vibrio parahaemolyticus, 3 chủng Vibrio cholerae, 3 chủng Vibrio aglynoticus. Các chủng Vibrio được nuôi cấy thử nghiệm sự sinh trưởng ở các độ mặn khác nhau (5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45‰). Mật độ vi khuẩn sau khi nuôi cấy được định lượng bằng phương pháp xây dựng đường chuẩn và đếm khuẩn lạc trên đĩa thạch. Kết quả thu được cho thấy độ mặn ảnh hưởng đến sự phát triển của mật độ Vibrio. Tất cả các chủng vi khuẩn khảo sát đều kém phát triển ở 5‰, khác biệt đáng kể so với các nghiệm thức còn lại ($P < 0,05$). Độ mặn tối ưu cho sự phát triển của Vibrio parahaemolyticus, Vibrio cholerae, Vibrio aglynoticus lần lượt là 40‰ (8,830 Log(CFU/mL), 30‰ (9,127 Log(CFU/mL) và 25‰ (9,084 Log(CFU/mL). Điều này cho thấy độ mặn cao làm tăng khả năng sinh trưởng của Vibrio.
4366	Đại học	Thành phần luân trùng trong các ao nuôi thủy sản dọc theo tuyến sông Hậu	Hứa, Ngọc Ánh	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu xác định được thành phần loài, mức độ phân bố của luân trùng (Rotifera) trong các ao ương, nuôi thủy sản, từ đó đánh giá được mật độ, kích thước luân trùng trong ao nuôi thủy sản để phục vụ cho nhu cầu làm thức ăn tự nhiên trong sản xuất giống thủy sản theo hướng đa dạng hóa loài nuôi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Thời gian thực hiện từ tháng 3 đến tháng 6/2018. Mẫu được thu 19 ao ương, nuôi cá Tra, cá Trê, cá Lóc, cá Thát lát, cá Diêu hồng... Nghiên cứu đã xác định được 45 loài luân trùng, trong đó giống Brachionus chiếm ưu thế nhất 10 loài chiếm (22%), kế đến là Keratella 7 loài (16%), Finilia 4 loài (9%), Polyarthra 3 loài (7%), Trichocerca 2 loài (4%) và các giống còn lại mỗi giống chỉ có 1 loài chiếm số loài thấp nhất (2%). Mật độ động vật phù sinh trong tất cả các ao thu mẫu dao động từ 488,390 - 1,952,440 cá thể/m ³ . Chỉ số đa dạng Shannon-Wiener của các ao thu mẫu qua 2 đợt khảo sát dao động 0,148-0,288. Qua kết quả phân tích thành phần loài trong các ao thu mẫu ghi nhận được số loài luân trùng dao động từ 7-23 loài Trong đó Brachionus rubens với kích cỡ chiều dài 196±31µm và chiều rộng 148±7µm là loài chiếm ưu thế nhất. Các yếu tố môi trường qua kết quả phân tích thì đa phần nằm trong mức độ thích hợp cho động vật phù du phát triển..

4367	Đại học	Thành phần phiêu sinh vật từ nguồn nước thải nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) có xử lý bằng công nghệ plasma lạnh	Trần, Võ Phương Trinh	Nguyễn, Thị Kim Liên	2018	Mục tiêu của đề tài là xác định sự ảnh hưởng của hệ thống plasma lạnh đến sự phát triển của phiêu sinh vật từ nguồn nước thải nuôi tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí trên bể composite (500L) gồm 2 nghiệm thức, nghiệm thức đối chứng và nghiệm thức được xử lý bằng plasma lạnh, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Mẫu phiêu sinh vật được thu hằng ngày và thu liên tục trong 8 ngày. Kết quả đã xác định được 43 loài tảo thuộc 5 ngành, trong đó tảo mắt có thành phần loài cao nhất (20 loài), các ngành tảo khác có số loài thấp hơn (2-8 loài). Có sự biến động khá cao về mật độ tảo qua các đợt khảo sát, trong khi tảo lam chiếm ưu thế ở nghiệm thức đối chứng thì tảo lục chiếm ưu thế ở nghiệm thức có xử lý bằng plasma lạnh. Ngoài ra, nghiên cứu cũng ghi nhận được 26 loài động vật nổi. Trong đó, Rotifera có thành phần loài phong phú hơn các ngành khác (10 loài), kể đến là Protozoa 9 loài, các nhóm còn lại từ 1 đến 4 loài (4-15%). Mật độ động vật nổi ở nghiệm thức có xử lý plasma lạnh có xu hướng tăng qua các đợt khảo sát với sự ưu thế của Rotifera. Nhìn chung, chất lượng nước từ bể nuôi tôm thẻ chân trắng được cải thiện trong vòng 7 ngày sau khi xử lý bằng plasma lạnh.
4368	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn lên sự biến động chất lượng nước trong mô hình bể thí nghiệm mô phỏng xâm nhập mặn	Luu, Thị Mỹ Duyên	Huỳnh, Trường Giang	2018	Nghiên cứu được thực hiện với 2 thí nghiệm trong hệ thống bể 1m3 ở điều kiện ngoài trời, phù hợp với mô hình mô phỏng xâm nhập mặn. Đối với thí nghiệm 1, 8 nghiệm thức được bố trí với các độ mặn là 0‰, 5‰, 10‰, 15‰, 20‰, 25‰, 30‰ và nước biển tự nhiên (30‰), các độ mặn như trên được bố trí vào trong bể thí nghiệm cùng khoảng thời gian (6 giờ), sau đó mẫu nước được thu định kỳ 1 lần/tuần để theo dõi chất lượng nước trong 8 tuần. Tương tự vậy cho thí nghiệm 2, các nghiệm thức cũng giống như thí nghiệm 1. Tuy nhiên, thay vì chuẩn bị các độ mặn tương ứng thì nước ban đầu chuẩn bị ở 5‰, sau đó độ mặn được nâng lên 5‰ hàng tuần bằng cách pha với nước biển tự nhiên 30‰. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, DO, TAN, TN, PO43- và TP được thu sau khi tăng độ mặn. Kết quả phân tích chất lượng nước được so sánh với quy chuẩn tăng nước mặt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Kết quả nghiên cứu cho thấy hàm lượng TAN và TN trong nước dao động lớn vào thời gian đầu của thí nghiệm. Hàm lượng photpho và TP thì có khuynh hướng biến động mạnh sau hai tuần thay đổi độ mặn. Khi so sánh giữa 2 thí nghiệm, kết quả chỉ ra rằng chất lượng nước trong thí nghiệm 1 (tăng độ mặn 1 lần) có biến động cao hơn thí nghiệm 2 (tăng độ mặn 5‰ lần/tuần). Như vậy, có thể kết luận rằng, thời gian xâm nhập mặn tác động rất lớn đến biến động chất lượng nước của hệ sinh thái trong điều kiện thí nghiệm

4369	Đại học	Thành phần phiêu sinh động vật (zooplankton) trên sông Mỹ Thanh ở các khu vực có độ mặn khác nhau trong mùa khô	Nguyễn, Văn Nỉ	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2017 đến tháng 4/2018 trên tuyến sông Mỹ Thanh thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng. Có 6 đợt thu mẫu, với chu kỳ thu mẫu 1 đợt/tháng tại 3 địa điểm: Nhu Gia, Mỹ Thanh 1 và cửa sông Mỹ Thanh. Mẫu định tính và định lượng động vật phù du (ĐVPS) được thu bằng lưới phiêu sinh động vật (60 µm) để xác định thành phần loài và mật độ của ĐVPS tại các địa điểm thu mẫu. Kết quả ghi nhận được 171 loài ĐVPS thuộc 5 nhóm bao gồm động vật nguyên sinh (Protozoa) với 43 loài, trùng bánh xe (Rotifera) 47 loài, giáp xác râu ngành (Cladocera) 21 loài, giáp xác chân chèo (Copepoda) 21 loài và nhóm ĐVPS khác (8 loài). Số loài thu được ở thời điểm nước lớn cao hơn (143 loài) so với thời điểm nước ròng (123 loài). Mật độ ĐVPS trung bình dao động từ 23.750 – 443.563 cá thể/m ³ , mật độ ĐVPS cao nhất ghi nhận được tại Nhu Gia và thấp nhất tại cửa sông Mỹ Thanh 1. Độ mặn ảnh hưởng đến sự đa dạng ĐVPS, Nhu Gia có độ mặn thấp do nằm sâu trong nội đồng (nhóm Rotifera phong phú), Mỹ Thanh 1 chịu ảnh hưởng lớn cả nước ngọt và mặn có thành phần ĐVPS khá phong phú, Copepoda chiếm ưu thế ở cửa sông Mỹ Thanh
4370	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn và nhiệt độ lên năng lượng bài tiết của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Cao, Lê Hoàng Vinh	Trần, Thị Thanh Hiền Trần, Minh Phú	2018	Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi độ mặn và nhiệt độ lên năng lượng bài tiết của cá lóc (<i>Channa striata</i>). Cá (5-6g) được bố trí trên các điều kiện nhiệt độ 28, 31, 34 (oC) kết hợp với độ mặn 0, 6, 9 (‰) (trong đó 28/0 là đối chứng). Cá được cho ăn 1 lần/ngày trong 5 ngày đầu, bắt đầu ngày thứ 6 tiến hành thu mẫu nước. Kết quả phân tích cho thấy, hàm lượng NH ₃ -N thải ra đạt giá trị cao nhất sau 12 giờ cho cá ăn và giá trị này sẽ ổn định sau 24 giờ. Hàm lượng NH ₃ - N thải ra cao nhất ở 34/0 (oC/‰) (0,085±0,014 mg/L), thấp nhất là 31/6 (oC/‰) (0,033±0,008 mg/L) và giá trị này sẽ tăng lên khi độ mặn lên 28/9 (oC/‰) (0,072±0,017 mg/L) khác biệt so với các nghiệm thức còn lại (p<0,05). Giá trị năn lượng (ZE + UE) thải ra trên các NT 34/0; 34/6 và 34/9 (oC/‰) tương ứng là 12,75±2,81; 6,32±1,12; 9,83±2,96 (J/mg/N) (Kg/cá/giờ). Vậy, khi nhiệt độ và độ mặn tăng cao đã gia tăng quá trình bài tiết ammonia của cá lóc.

4371	Đại học	Ảnh hưởng của sốc giảm độ mặn lên sinh trưởng và các chỉ tiêu sinh sản của artemia franciscana Vĩnh Châu	Phạm, Hoàng Huyền Trân	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Thí nghiệm được bố trí nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của việc sốc giảm độ mặn lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia franciscana. Thí nghiệm được bố trí ở các độ mặn 80‰, 100‰ và 120‰ với ba mức độ sốc lần lượt là 0, 1,5 và 2 cho mỗi một độ mặn, tương ứng với 9 nghiệm thức thí nghiệm, có 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức. Artemia được nuôi trong chai nhựa 1,5 lít với mật độ 200 nauplii/lít ở các độ mặn 80‰, 100‰ và 120‰ cho đến khi trưởng thành để xác định tăng trưởng, khi quần thể đạt tới đa số trưởng thành thì tiến hành gây sốc theo các mức độ 0, 1,5 và 2 lần độ mặn ban đầu trong 2 giờ, sau đó được nuôi theo cặp để theo dõi các chỉ tiêu sinh sản. Tảo Chaetoceros sp. được cho ăn trong 2 ngày đầu và sau đó là thức ăn Artemia cho tới khi kết thúc thí nghiệm. Kết quả cho thấy các chỉ số tăng trưởng của Artemia giữa các độ mặn ban đầu không có khác biệt lớn, sau 14 ngày nuôi tỷ lệ sống dao động từ 70-77% và chiều dài đạt từ 3,9-4,1 mm. Tuy nhiên, độ mặn và mức gây sốc ảnh hưởng hầu hết đến vòng đời và các chỉ tiêu sinh sản ở Artemia trong đó ảnh hưởng của độ mặn là rõ ràng hơn so với mức gây sốc. Mức gây sốc chỉ ảnh hưởng tới các chỉ tiêu vòng đời ở độ mặn 80‰ trong khi nó ảnh hưởng lên các chỉ tiêu sinh sản đặc biệt là sức sinh sản và tỷ lệ đẻ trứng ở con cái.
4372	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn kết hợp nhiệt độ lên sự tiêu hóa thức ăn của tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii)	Thái, Hồng Thanh Tuyền	Trần, Thị Thanh Hiền	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên sự tiêu hóa của tôm càng xanh. Thí nghiệm gồm 9 nghiệm thức với sự kết hợp của 3 mức độ mặn là 0‰, 5‰, 10‰ với 3 mức nhiệt độ là nhiệt độ bình thường (27-28°C), 31°C và 34°C. Nhiệt độ được điều chỉnh 31°C, 34°C vào ban ngày và ban đêm. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, 1% Cr2O3 được trộn vào thức ăn làm chất đánh dấu để xác định độ tiêu hóa của tôm, thức ăn có hàm lượng protein 40%, béo 4- 6%. Tôm càng xanh thí nghiệm có kích cỡ khoảng 25-30g/con được bố trí vào các bể 500 L với mật độ 10 con/bể. Kết quả cho thấy nhiệt độ và độ mặn không tác động lên độ tiêu hóa khô và độ tiêu hóa protein của tôm càng xanh nhưng tác động lên độ tiêu hóa lipid của tôm càng xanh. Độ tiêu hóa thức ăn của tôm càng xanh khác biệt không có ý nghĩa ở các mức nhiệt độ khác nhau

4373	Đại học	Khả năng thay thế artemia bằng thức ăn chế biến trong ương ấu trùng của biển(Scylla paramamosain)	Nguyễn, Văn Tuyên	Trần, Minh Phú	2018	Với mục tiêu nâng cao năng suất và hiệu quả trong ương nuôi ấu trùng của biển, đề tài “Khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn chế biến trong ương ấu trùng của biển” đã được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2018 tại trại của giống Đức Nguyên - Bạc Liêu. Các thí nghiệm đều được thực hiện theo mô hình nước trong hồ. Nghiên cứu được tiến hành 2 thí nghiệm lần lượt. Thí nghiệm 1, khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn chế biến từ giai đoạn Zoea 3 đến Megalop với các nghiệm thức lần lượt là 100% Artemia: 0% TACB; 80% Artemia: 20% TACB; 60% Artemia: 40% TACB; 40% Artemia: 60% TACB; 20% Artemia: 80% TACB; 0% Artemia: 100% TACB. Kết quả sau 11 ngày ương toàn bộ ấu trùng chuyển sang Megalop, nghiệm thức 100% Artemia có tỷ lệ sống cao nhất đạt $17,02 \pm 1,06\%$; nghiệm thức 0% Artemia có tỷ lệ sống thấp nhất đạt 0%. Thí nghiệm 2, khả năng thay thế Artemia bằng thức ăn chế biến từ giai đoạn Megalop đến của 1 với các mức Artemia và TACB lần lượt là 100% Artemia: 0% TACB; 80% Artemia: 20% TACB; 60% Artemia: 40% TACB; 40% Artemia: 60% TACB; 20% Artemia: 80% TACB; 0% Artemia: 100% TACB. Kết quả sau 5 ngày ương toàn bộ ấu trùng chuyển sang của 1, nghiệm thức 20% Artemia: 80% TACB có tỷ lệ sống cao nhất đạt $76,8 \pm 4,83\%$; các nghiệm thức 0% Artemia: 10 0% TACB có tỷ lệ sống thấp nhất đạt $57,6 \pm 2,6\%$.
4374	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thâm canh ở tỉnh Trà Vinh	Mai, Tiến Sĩ	Nguyễn, Quốc Thịnh	2018	Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn 60 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở 2 huyện Duyên Hải và Cầu Ngang của tỉnh Trà Vinh nhằm cung cấp thông tin về tình hình sử dụng thuốc hóa chất, các bệnh thường gặp và kỹ thuật nuôi tôm. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên tôm thẻ chân là bệnh phân trắng (56,6%), gan tụy với tỷ lệ là (31,6%) do người nuôi báo cáo. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng hầu hết dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là cotrim (23,3%), amoxycillin (20%) và ciprofloxacin (13,3%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn như enrofloxacin (cấm năm 2012) và ciprofloxacin (cấm năm 2016) đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng. Hầu hết các hộ nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh như tăng cường khả năng tiêu hóa bằng cách trộn cho ăn và tạt vào ao nuôi nhằm cải thiện chất lượng nước, các loài vi sinh phổ biến là Bacillus subtilis, B. licheniformis, B. megaterium. Tuy nhiên, chất lượng các loại chế phẩm này thì không được biết rõ. Vì vậy cần phổ biến cho người nuôi kỹ hơn về sử dụng thuốc và hóa chất hiệu quả để bảo đảm về tính an toàn vệ sinh thực phẩm.

4375	Đại học	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn khác nhau đến tăng trưởng, năng suất và hiệu quả tài chính của mô hình nuôi kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) và rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.)	Huỳnh, Hữu Chí	Nguyễn, Thanh Toàn	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng các chế độ cho ăn khác nhau đến tăng trưởng, năng suất và hiệu quả tài chính của mô hình nuôi kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) và rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.). được thực hiện tại xã Vĩnh Trạch, huyện Hòa Bình tỉnh Bạc Liêu. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Hai nghiệm thức nuôi tôm đơn không cho ăn và cho ăn theo nhu cầu (tính theo khối lượng thân) và hai nghiệm thức nuôi kết hợp tôm sú-rong câu không cho ăn và cho ăn 50% nhu cầu. Tôm sú có khối lượng ban đầu 1,07g được thả nuôi trong giai lưới 16 m2 với mật độ 4 con/m2 và rong câu 0,5 kg/m2 đối với nghiệm thức nuôi kết hợp. Sau 4 tháng nuôi, khối lượng tôm trung bình đạt từ 8,93-27,67 g tương ứng với năng suất từ 140,8-961,3 kg/ha, trong đó nghiệm thức nuôi kết hợp cho ăn 50% nhu cầu và nuôi đơn cho ăn 100% nhu cầu không khác biệt thống kê ($p>0,05$) và cao hơn có ý nghĩa ($p<0,05$) so với hai nghiệm thức không cho ăn. Ngoài ra, hệ số tiêu tốn thức ăn của nghiệm thức nuôi kết hợp cho ăn 50% cũng thấp hơn nghiệm thức còn lại. Kết quả cho thấy hiệu quả tài chính của mô hình cụ thể lợi nhuận giao động từ 0.54-127,43 (triệu đ/ha) trong đó cao nhất ở nghiệm thức nuôi kết hợp cho ăn 50% và thấp nhất ở nghiệm thức nuôi đơn không cho ăn. Vì thế có thể kết luận một điều có thể giảm thức ăn đến 50% và kết hợp nuôi với rong câu là tối ưu nhất cho mô hình nuôi.
4376	Đại học	Đa dạng thành phần loài họ tôm he penaeidae và palaemoninae ở vùng cửa sông Mỹ Thanh	Hà, Nguyễn Tuyết Hoa	Trần, Văn Việt	2018	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài tôm họ he Penaeidae và Palaemonidae ở vùng cửa sông Mỹ Thanh được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2018 nhằm đánh giá tình hình khai thác nguồn lợi tôm, mức độ đa dạng sinh học. Có 3 đợt thu mẫu, các mẫu tôm được thu trực tiếp tại các đáy trên sông và lưới kéo. Nghiên cứu còn khảo sát 80 hộ khai thác bằng nghề đáy và nghề lưới kéo. Kết quả cho thấy nguồn lợi tôm suy giảm rất nhiều, nghiên cứu đã xác định được 6 loài tôm họ Penaeidae và 4 loài tôm thuộc họ Palaemonidae, Chỉ số đa dạng ở mức thấp và trung bình, các loài có giá trị kinh tế như: Tôm sắt rắn (<i>Parapenaeopsis sculptilis</i>), Tôm bạc thê (<i>Penaeus merguensis</i>), tôm bạc (<i>Metapenaeus tenuipes</i>) Tôm đất (<i>Metapenaeus ensis</i>).

4377	Đại học	Hiệu quả tài chính nghề khai thác hải sâm ở vùng biển Kiên Giang	Trần, Thị Quỳnh Anh	Nguyễn, Thanh Toàn	2018	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu, nắm bắt tài chính nghề khai thác hải sâm ở vùng biển Kiên Giang, Việt Nam. 70 ngư dân khai thác hải sâm tại 3 huyện Kiên Hải, Phú Quốc và Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang được ngẫu nhiên phỏng vấn trực tiếp từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2018. Kết quả điều tra cho thấy nghề khai thác hải sâm chỉ là nghề phụ. Sản lượng khai thác mỗi chuyến trung bình khoảng 42 kg/người. Kỹ thuật khai thác hải sâm khá đơn giản chỉ bằng những công cụ thô sơ như bao tay, vợt, kính lặn... Mùa vụ khai thác được tiến hành quanh năm. Kích cỡ hải sâm khai thác trung bình từ 0,3 đến 2 kg. Tổng chi phí đầu tư cho nghề khai thác hải sâm thấp khoảng 160 nghìn đồng và lợi nhuận là 473 nghìn đồng cho mỗi chuyến đi. Giá bán hải sâm dao động từ 30 – 100 đồng/kg tùy thuộc vào loài và thị trường tiêu thụ. Hiện nay, việc khai thác hải sâm ở 3 nơi điều tra gặp nhiều khó khăn về thời tiết, thị trường tiêu thụ không ổn định và nguồn lợi ngày càng giảm làm cho nghề khai thác hải sâm nhanh chóng được thay thế bằng các nghề khai thác hải sản khác nhằm mang lại thu nhập cao, ổn định đời sống cho ngư dân tại nơi đây. Vì thế, cần có giải pháp hợp lý để bảo tồn nguồn lợi hải sâm tự nhiên tại vùng biển Kiên Giang.
4378	Đại học	Study on some biological characteristics of Pangasius macronema	Ho, Thi Thuy Linh	Bui, Minh Tam	2018	The thesis “Study on some biological characteristics of Pangasius macronema” was conducted from March to November 2018 at College of aquaculture and fisheries. The objective of the study was to collect some basic data on the biological characteristics of Pangasius macronema to provide parameters for the developmental and protective solutions of the resource of P. macronema. The samples of study were collected in 9 months with 30 individuals per each month in Hau River. The weight of fish was from 2.5 to 25.1 gram/ind, the length was 5.6 to 17 cm/ind. The research results identified the equation of fish growth is $L_t = 0.5849e^{1.3029t}$, with a correlation coefficient $r^2 = 0.8155$. The correlation between the length of gut and body length is 1.46. The food of fish includes artificial feed (33.03%), rice shell (21.73%), leftovers (14.64%), scale of fish (14.57%), small shrimp (5.73%), insect (5.11%), small snail (2.43%), zooplankton (0.21%). The GSI could not determine because the fish were not mature yet.

4379	Đại học	Effect of different concentrations of deltamethrin on the growth of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) exposure to different salinities	Nguyen, Thi My Tien	Đang, Thi Hoang Oanh	2018	Deltamethrin is a pyrethroid pesticide used extensively to eliminate wild crustaceans in shrimp ponds, treat the water quality and reduce diseases. This study aimed to investigate the combined effect of salinity and concentration of deltamethrin on the growth of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) in laboratory condition. The experiment was set up indoor and randomly designed with 4 different salinities such as 10, 15, 20 and 25 ppt in 2 concentrations of deltamethrin including: 5% LC50 and 10% LC50. The control treatment was the salinity of 15 ppt with no deltamethrin supplement. After experiment, the result showed that shrimp displayed some external clinical signs such as soft shell, black spots in the shell, rot in the tail and appendages. Some shrimp showed gill cover flake off. First clinical signs were recorded within 24h in shrimp exposed to 5% LC50 and 10% LC50 deltamethrin concentrations at 10 ppt, 15 ppt as well as 20 ppt salinities. No mortality was observed in the controlled treatment and the treatment 20 ppt 10% LC50. The highly significant mortality occurred in the treatment 15 ppt 10% LC50 at 44.4%. The higher concentration of deltamethrin can cause high mortality in the same salinity level. In addition, in the same concentration, the lower salinity the higher mortality recorded. The results indicated that <i>L. vannamei</i> at lower salinity is more sensitive to the toxicity of deltamethrin than in higher salinity.
4380	Đại học	Differentiation of two <i>Pangasius</i> species, <i>Pangasius krempfi</i> and <i>Pangasius mekongensis</i> using inter-simple sequence repeat markers	Tran, Thi Minh Ly	Duong, Thuy Yen	2018	<i>Pangasius krempfi</i> and <i>Pangasius mekongensis</i> belong to Pangasiidae family, which are widely distributed along the Mekong River and spend most of their life stages in the Mekong Delta. Compared to <i>P. mekongensis</i> , <i>P. krempfi</i> has higher economic value and has been cultured in recent years. However, these species can be misidentified because they are difficult to be distinguished at young stages (<10 grams) by morphological methods. Presently, applications of DNA markers are common in fish species identification with high efficiency and accuracy. This study applied Inter-sequence simple repeat (ISSR) to identify these two species based on species-specific bands. Samples were collected in Cu Lao Dung, Soc Trang province (11 samples/ species). DNA extracts from fish fins were amplified using primers screened from previous studies. PCR components and thermal cycles were optimized and adjusted depending on primers. Six primers with clear and species-specific were selected to analyze 11 samples/ species. Totally, 62 bands were detected ranging in size from 500 bp (ChiuSSR1, Micro11) to 2400 bp (ChiuSSR2) with 31 and 22 species-specific bands in <i>P. mekongensis</i> and <i>P. krempfi</i> , respectively. Nei's genetic distance between <i>P. krempfi</i> and <i>P. mekongensis</i> was high at 74.2%, while their genetic identity was 25.8%. The results of this study provided a simple and quick tool for identification of these two species, which is useful for aquaculture and future studies.

4381	Đại học	Screening for antibacterial activity of some herbal extracts against fish and shrimp bacterial pathogens	Tran, Vinh Trong	Tran, Thi Tuyet Hoa	2018	The usage of herbal extracts as antimicrobial agents is gaining attention in aquaculture. The current study examined the antimicrobial activity, minimum inhibitory concentration (MIC) and minimum bactericidal concentration (MBC) of four herbal plants including <i>Cleome spinosa</i> (CS), <i>Cayratia trifolia</i> (CT), <i>Momordica charantia</i> (MC), <i>Premna corymbosa</i> (PC) against fish bacterial pathogens as <i>Aeromonas hydrophila</i>, <i>Edwardsiella ictaluri</i>, <i>Streptococcus agalactiae</i> and shrimp bacterial pathogen as <i>Vibrio parahaemolyticus</i>. These herbal plants were extracted with different solvents, including hexane, ethyl acetate, chloroform, methanol and methanol hydrate. The results showed that (i) among the five types of organic extracts tested, methanol extracts were found to have maximum antibacterial activity. In which, methanol extract of <i>P. corymbosa</i> (PC4) showed the highest activity against <i>E. ictaluri</i> and <i>S. agalactiae</i> with the inhibition zone of 35 ± 1.4 mm and 32 ± 2.6 mm, respectively. In addition, the highest activity against <i>A. hydrophila</i> was recorded to methanol extract of <i>C. trifolia</i> (15.8 ± 1.3 mm); (ii) The minimal inhibitory concentration (MIC) of methanol and chloroform extract of <i>P. corymbosa</i> against <i>E. ictaluri</i> was found to be as 1.25 and 2.5 mg/mL, respectively; MIC of methanol extract of <i>P. corymbosa</i> was 5 mg/ mL while MIC of chloroform extract was unable to determine. In general, methanol extract of <i>P. corymbosa</i> showed the greatest antibacterial activity among all herbs extracts tested.
------	---------	--	------------------	---------------------	------	--

4382	Đại học	Study on nursing the white leg shrimp postlarvae (<i>Litopenaeus vannamei</i>) at different density integrated with different amounts of red seaweed (<i>Gracilaria</i> sp.) in tanks	Bui, Nguyen Thu An	Truong, Hoang Minh Nguyen, Thi Ngoc Anh	2018	This study was conducted to find out the suitable stocking density of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) postlarvae (PL) for growth, survival and production integrated with different amounts of red seaweed (<i>Gracilaria</i> sp.) in the nursery phase. The two-factor experiment was set up consisting of 12 treatments namely 3 shrimp densities: 1,000; 2,000 and 3,000 PL/m ³ combined with 4 red seaweed densities: 0, 1, 1.5 and 2 kg/m ³ , and randomly designed with 3 replicates. Shrimp PL12 with mean initial weight and length of 0.0043 g and 1.07 cm were stocked in the 150-L tanks at salinity of 15 ppt for 30 days. A two-factor ANOVA test was used to detect significant interactions between shrimp density and seaweed density. For all treatments, results were analyzed with one-way ANOVA to find out the overall effect of the treatment using Duncan test ($p < 0.05$). Results revealed that the significant interaction effect ($p < 0.01$) between shrimp and seaweed density only observed for the shrimp production. The integration of shrimp PL and red seaweed significantly ($p < 0.05$) improved water quality in terms of nitrogen and phosphorus compounds, as well as shrimp growth, survival and production, in which the density of 1 kg/m ³ red seaweed was considered to be the most suitable. Growth and production of shrimp is density dependent, higher stocking densities lower growth performances but enhanced shrimp production. Mean final weight and length of shrimps were in the ranges of 0.31-0.48 g and 3.45-4.00 cm, respectively, and shrimp production varied from 792 to 2,719 ind./m ³ . In terms of shrimp size, stocking densities of 1,000 and 2,000 PL/m ³ could give better efficiency. In terms of shrimp production, stocking density of 3,000 PL/m ³ could obtain the highest production per unit culture volume in the integrated system of shrimp-red seaweed.
4383	Đại học	Fish composition along My Thanh river and growth biology of spotted catfish <i>Arius maculatus</i> (Thunberg, 1792) in Soc Trang Province	Truong, Tu Duoc	Ha, Phuoc Hung	2018	A study on fishes species composition, and growth biology characteristics of spotted catfish (<i>Arius maculatus</i>) was done from June to October 2018 in Tran De district, Soc Trang province. Fish composition and spotted catfish sample were collected mainly by trawl-net, and bag-net. The samples were collected one time a month. Results showed that there were 51 species of 22 families, 10 orders. In there, the Perciformes dominates with 23 species (45.1%), the following is Clupeiformes with 9 species (17.65%), Pleuronectiformes and Siluriformes with 2 species (9.8%) per order, and the rest accounted for the total proportion (27.45%). By nonlinear regression method determined the closed relationship between length (L) and weight (W) of through the equation of the correlation length (L) and weight some species have economic value: spotted catfish which is $W = 0.0075L^{3.0665}$, $R^2 = 0.963$. for the growth curve maximum asymptotic length $L_{\infty} = 20$ cm, growth rate $K = 0.10$ /year, the condition factor is from (0.00748 ± 0.0015) to (0.0078 ± 0.0012) . In general, fish species composition in My Thanh river diverse, growth biology characteristic of fish develops naturally.

4384	Đại học	Effects of artificial brackish water for white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) culture in recirculation system	Tran, Tan Đạt	Truong, Quoc Phu Le, Quoc Viet	2018	This study aimed to evaluate the effects of artificial brackish water on growth and survival rate of white leg shrimp cultured in recirculating aquaculture system (RAS). The experiment was carried out with 15 ppt natural and artificial brackish water. Artificial brackish water was prepared by dissolving sea salt and chemicals with tap water. The experiment consists three treatments as: (1) natural brackish water (diluted from brine water and tap water); (2) a mixture of 50% natural brackish water and 50% artificial brackish water; (3) artificial brackish water. Each treatment was arranged in quadruplicate. The RAS included 4 culture tanks (0.5m³/tank of volume), a settling tank (0.2m³) and a biofilter tank (0.5m³). The juvenile of white leg shrimp (initial size was 0.44–0.47 g/ind) were stocked at 200 ind/m³ and reared for 70 days. During the experimental period, water quality parameters (nitrite, TAN, alkalinity, Ca²⁺, Mg²⁺ and K⁺) were measured. The results showed that the mean weight of shrimp among treatments was ranged from 15.39–16.99 g/ind, in which highest weight was recorded in treatment 1 (16.99±0.43 g/in), and it was significantly different to the others (p<0.05). However, the survival rate in treatment 1 was the lowest (70.8±3.3%), and statistically different to treatment 2 (81.0±6.9%) and treatment 3 (87.8±5.7%). The shrimp production in all treatments was from 2.4 to 2.7 kg/m³ and no significant difference in production was observed. The present study demonstrated that artificial brackish water is applicable for white leg shrimp culture in RAS systems.
------	---------	---	---------------	---------------------------------	------	--

4385	Đại học	Effects of CO2 and temperature on embryonic development of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Đoan, Minh Nhut	Ha, Phuoc Hung Do, Thi Thanh Huong	2018	This study was conducted to determine the effect of temperature and carbon dioxide on embryonic development of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in order to understand the adaptation of the fish to CO2 and temperature. The experiment on the single and combined effects of temperature and CO2 on the embryonic development of striped catfish in the time from fertilization to hatching were arranged with three experiments (i) Experiment 1 was set up with 4 treatments including: three levels of CO2 (1, 2 and 3%) and control (non-aeration), each treatment had 3 replicates and completely randomized design; (ii) Experiment 2 consisted of five temperature levels (27; 30; 33; 36 and 39°C) and control (at room temperature); (iii) Experiment 3 consisted of selected CO2 concentration (1 and 2%) and two temperature levels (27 and 33°C); and control (room temperature and no aeration). The results showed that at the CO2 concentration from 1 to 3% in the water environment badly affected the embryonic developmental time, it ranged average from 21.2 to 24.4 hours and reduced hatching rate. The treatment of CO2 3% level was the slowest development (24.4 hours), the hatching rate was 47.7%; and statistically significant difference compared to other treatments ($p < 0.05$). Temperatures higher than 36°C affected the embryonic development, embryos unable to grow to the hatching stage. At a temperature range of 27 to 33°C, the embryonic development was proportional to temperature so that the longest embryonic development at 27°C was 22.5 hrs; but the lowest at 33°C was 20.2 hrs. But there was not statistically significant difference between control and treatment of 30°C ($p < 0.05$). Striped catfish in the embryonic stage can survive in water containing CO2 from 1-3%, temperature from 27 to 33°C.
------	---------	---	-----------------	-------------------------------------	------	---

4386	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO ₂ lên các chỉ tiêu sinh lý và stress của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống	Đỗ, ThịTuyết Ngân	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá “Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO₂ lên các chỉ tiêu sinh lý và stress của cá tra giống (Pangasianodon hypophthalmus)”. Thí nghiệm 1 được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức (Đối chứng, 1% CO₂, 2% CO₂, 3% CO₂) và được lặp lại 3 lần. Thu mẫu cá ở các thời điểm 0h, 6h, 1 ngày, 3 ngày và 7 ngày để đánh giá các chỉ tiêu sinh lý máu như hồng cầu và glucose. Nghiên cứu cho thấy số lượng hồng cầu và glucose tăng cao sau 6h tiếp xúc với CO₂ có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Thí nghiệm 2 được thực hiện trên cá tra có kích cỡ 15- 20 g/con, được bố trí trên bể 200 lít với mật độ 25 con/bể trong 7 ngày. Bố trí ngẫu nhiên gồm 7 nghiệm thức (Đối chứng, 27oC- 1% CO₂, 27oC- 2% CO₂, 30oC- 1% CO₂, 30oC- 2% CO₂, 33oC- 1% CO₂, 33oC- 2% CO₂) và được lặp lại 3 lần. Thu mẫu cá ở các thời điểm 0h, 6h, 1 ngày, 3 ngày và 7 ngày để đánh giá các chỉ tiêu sinh lý máu như hồng cầu, bạch cầu, glucose và các chỉ tiêu Istat (pH máu cá, pCO₂, [HCO₃-]). Kết quả cho thấy số lượng hồng cầu và bạch cầu có xu hướng tăng theo từng thời điểm thu mẫu nhưng khác biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$). CO₂ làm giảm pH máu cá sau 6 giờ tiếp xúc ở nghiệm thức 2% và phục hồi sau 1ngày. Nồng độ glucose, pCO₂ và [HCO₃-] tăng cao sau 6 giờ tiếp xúc đạt giá trị cao nhất ở nghiệm thức 27oC- 2% CO₂ khác biệt có ý nghĩa với nghiệm thức 33oC- 1% CO₂.
------	---------	---	-------------------	---------------------	------	---

4387	Đại học	Effects of stocking density on water quality and growth of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>) rearing in recirculation aquaculture system	Tran, Thi Ngoc Tham	Pham, Thanh Liem	2018	Aquaculture is among the fast growing industry in the world. The biggest challenges facing the sector are the environmental pollution, shortage of land, diseases control and producing free contaminated fish. The present study evaluated the influence of stocking density on water quality and growth performance of bighead catfish cultured in recirculating aquaculture system (RAS) for 80 days, so that suggesting to adopt the technology hence overcome the challenges mentioned. Fish with initial body of 15.76g, were stocked at three stocking density 1,000, 1,500, and 2,000 fish/m³. Fish were fed 40% protein pellet twice a day at ad-libitum rate. Water quality parameter accumulation; highest NO₂--N was founding in 1,000 fish/m³ stocking density 0.99 mg/l and lowest in 2,000 fish/m³ of stocking density 0.5818 ±0.17 mg/L. pH was maintained 7-8, DO oxygen was low in high stocking density, and the average temperature was 27 °C during culture period. The increase in stocking density causes the increase in TAN, NO₂--N in the filtration systems (1.37 ± 0.74 mg/L, 1.38 ± 0.23 mg/L, 2.31 ± 0.41 mg/L), (0.48 ± 0.17 mg/L, 0.58 ± 0.15 mg/L, 0.61 ± 0.25 mg/L) although statistically shows no significantly different . TSS and NO₂--N retained in the water were high from the suitable ranges for healthy growing fish in all treatments. Fish growth performance (SGR, SR, WG, BW, and FCR), were not significantly different in all treatments. Biomass of fish was high in 2,000fish/m³ of stocking density 116.04 ± 16.66 kg/m³. Based on the treatment 2,000fish/m³ is the best result because of the higher weight and the same water quality with other densities. Water quality can be managed in the system by removal of waste water of volume of swirl separator (TSS control) and strong aeration in the biofilter tank to facilitate nitrification process. Further studies on mass balance should be conducted to design the best mechanical filtrations.
------	---------	---	---------------------	------------------	------	---

4388	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO ₂ lên phát triển phôi và ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i> Boone, 1931)	Nguyễn, Văn Nhườn	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Mục tiêu nghiên cứu này là đánh giá tác động của nhiệt độ và CO ₂ lên sự phát triển, tỷ lệ nở, tỷ lệ sống của phôi và ấu trùng tôm thẻ chân trắng trong môi trường ương. Trứng tôm thẻ chân trắng được bố trí vào 2 thí nghiệm độc lập là thí nghiệm về nhiệt độ và CO ₂ . Thí nghiệm về nhiệt độ được thực hiện ở 4 nghiệm thức là: 28oC, 30oC, 32oC, 34oC và được giữ ổn định bằng heater cho đến giai đoạn Postlarvae 15. Thí nghiệm về CO ₂ cũng được thực hiện ở 4 nghiệm thức là pH 6,8, pH 7,2, pH 7,6, pH 8,2 (đối chứng) và cũng được giữ ổn định cho đến giai đoạn Postlarvae 15. Kết quả ở thí nghiệm nhiệt độ cho thấy tỷ lệ nở của trứng và tỷ lệ sống của ấu trùng tôm thẻ chân trắng ở nghiệm thức 28oC và 30oC khác biệt không có ý nghĩa thống kê. Nhưng khi tăng lên nhiệt độ 32oC thì tỷ lệ nở ở trứng và tỷ lệ sống ở ấu trùng tôm thẻ chân trắng giảm đi, còn ở nhiệt độ 34oC thì trứng có tỷ lệ nở và tỷ lệ sống thấp nhất. Thí nghiệm về CO ₂ kết quả tỉ lệ nở ở pH 7,6 và pH 8,2 (đối chứng) khác biệt có ý nghĩa thống kê, pH 7,2 tỷ lệ nở giảm so với 2 nghiệm thức trên và pH 6,8 thì tất cả trứng đều không nở. Tỷ lệ sống của ấu trùng tôm thẻ chân trắng trong thí nghiệm CO ₂ thấp. Nghiệm thức pH 6,8 và pH 7,2 tất cả tôm đều chết trước khi đến giai đoạn Postlarvae 15, tỷ lệ sống của ấu trùng ở nghiệm thức pH 7,6 thấp hơn so với pH 8,2 (đối chứng).
4389	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên sự tăng trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý của cá lóc (<i>Channa striata</i>) giai đoạn bột lên hương	Nguyễn, Thị Xuân Mai	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và các chỉ tiêu sinh lý lên cá lóc ở giai đoạn bột. Cá lóc bột được sử dụng để bố trí thí nghiệm ở các mức độ mặn 0‰, 3‰, 6‰, 9‰ và 12‰, mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần. Quá trình tiến hành thí nghiệm, mẫu cá được thu vào ngày 0, 30, 60, 90 và 110 nhằm đánh giá sự tăng trưởng, tỉ lệ sống và thu mẫu máu vào ngày 110 để đánh giá các chỉ tiêu sinh lý máu bao gồm mật độ hồng cầu, bạch cầu, hemoglobin, hematocrit, hàm lượng glucose, áp suất thẩm thấu và các ion Na ⁺ , Cl ⁻ trong huyết tương của cá. Sau 110 ngày nuôi, kết quả thí nghiệm cho thấy ASTT giữa các nghiệm thức khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), cao nhất là ở nghiệm thức 0‰ (298,1±13,3 mOsm/kg) và thấp nhất ở nghiệm thức 9‰. Nồng độ glucose giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), ở nghiệm thức 0‰ có nồng độ glucose cao nhất (94,47±11.50 mg/100ml), thấp nhất ở 9‰ (77,14±3,61 mg/100ml). Nồng độ các ion Na ⁺ , Cl ⁻ tương đối ổn định từ 0-9‰. Tỷ lệ sống của cá đạt giá trị cao nhất ở 3‰ và thấp nhất ở 12‰. Cá lóc có tốc độ tăng trưởng của cá về khối lượng cao nhất ở 0‰ và thấp nhất là 12‰. Các chỉ tiêu hồng cầu, bạch cầu, hemoglobin, hematocrit đều giảm khi độ mặn tăng lên và thấp nhất là ở 9‰.

4390	Đại học	Ảnh hưởng của astaxanthin, canthaxanthin và xanthophylls lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và màu sắc của cá trê vàng (<i>Charias macrocephalus</i>)	Trần, Phong Lâm	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Nghiên cứu thực hiện để tìm ra ảnh hưởng của carotenoid lên tăng trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và màu sắc của cá trê vàng. Thí nghiệm được thực hiện gồm 7 nghiệm thức thức ăn với 3 lần lặp lại. Các nghiệm thức lần lượt: không có sắc tố, 1g Astaxanthin, 1g Cantaxanthin, 5g Xanthophyll, 0,5g Astaxanthin + 0,5g Cantaxanthin, 0,5g Astaxanthin + 2,5g Xanthophyll, 0,5g Cantaxanthin + 2,5g Xanthophyll trên 1kg thức ăn. Cá trê vàng (47,53 ± 1,47 g/con) được bố trí ngẫu nhiên trên 21 bể (60 con/bể). Sau thời gian thí nghiệm có sự khác biệt ở màu cơ và màu da cá trê vàng giữa 7 nghiệm thức. Nhìn chung, sau 30 ngày thí nghiệm thì da của cá có sự cải thiện màu vàng sáng hơn ở nghiệm thức 4, 6 và 7 khi có bổ sung sắc tố Xanthophyll vào thức ăn. Về phần màu sắc của cơ thì ta có thể thấy được sự cải thiện màu rõ rệt ở nghiệm thức 4 (5g Xanthophyll) 30,5 ± 4,15 so với nghiệm thức đối chứng 11,6 ± 1,02. Tốc độ tăng trưởng tăng nhưng không khác nhau giữa các nghiệm thức. Tỷ lệ sống là khoảng 85% cho tất cả các thí nghiệm.
4391	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của CO ₂ và nhiệt độ lên enzyme tiêu hóa của cá tra (<i>Pagasianodon hypophthalmus</i>) giống	Lê, Văn Tú Em	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá “Ảnh hưởng kết hợp của CO ₂ và nhiệt độ lên enzyme tiêu hóa của cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)”. Nghiên cứu gồm 2 thí nghiệm: (i) ảnh hưởng đơn của CO ₂ ở các nồng độ đối chứng, 1%, 2% và 3% CO ₂ lên hoạt tính enzyme tiêu hóa của cá tra; (ii) ảnh hưởng kết hợp của CO ₂ (1%, 2%) và 3 mức nhiệt độ (27°C, 30°C, 33°C) lên hoạt tính enzyme tiêu hóa của cá tra. Cá được bố trí 60 con/bể 500 lít (L), với mực nước là 300 L. Thu mẫu vào các thời điểm: ngày 0 (lúc đạt nhiệt độ) và ngày 60 để thu mẫu ruột và dạ dày để phân tích enzyme tiêu hóa pepsine, amylase, trypsin, chymotrypsin. Kết quả thí nghiệm cho thấy, khi tiếp xúc với CO ₂ đơn thì hoạt tính enzyme tiêu hóa (pepsine, amylase, trypsin, chymotrypsin) trong ruột và dạ dày của cá tra giảm khi nồng độ CO ₂ tăng. Ở enzyme pepsine khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) và đạt giá trị cao nhất ở nghiệm thức đối chứng (0,34±0,04 mU/phút/mg protein) và thấp nhất ở nghiệm thức 3% (0,21±0,03 mU/phút/mg protein); khi kết hợp yếu tố nhiệt độ và CO ₂ lên hoạt tính enzyme tiêu hóa (pepsine, amylase, trypsin, chymotrypsin) không bị ảnh hưởng bởi yếu tố CO ₂ và hoạt tính enzyme tiêu hóa tăng khi nhiệt độ tăng. Ở enzyme amylase khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) khi kết hợp nhiệt độ và CO ₂ , thấp nhất ở nghiệm thức 27°C-2% CO ₂ và cao nhất ở nghiệm thức 33°C-2% CO ₂ . Khi tiếp xúc đơn CO ₂ và kết hợp CO ₂ và nhiệt độ thì hoạt tính enzyme tiêu hóa giảm sau 60 ngày và đây cũng là nguyên nhân giảm tăng trưởng ở cá tra.

4392	Đại học	Effect of salinity on wild algae development under laboratory condition	Duong, Nguyen Mai Anh	Nguyen, Van Hoa	2018	Among different algae species which were feeding for Artemia, Bacillariophyceae was the most important species. The objective of this study was to investigate the optimal salinity for the best growth of Bacillariophyceae that was derived from wild algae in the coastal of Vinh Chau town, Soc Trang province, Vietnam. The research was carried out in the laboratory at five different salinity, including 20 ppt, 30 ppt, 40 ppt, 50 ppt, 60 ppt. Each treatment has three replications. After 10 days, the results showed that the density of Bacillariophyceae at treatment 50 ppt reached the highest density at 7th day (5.89 ± 1.67 million cells/mL). However, at treatment 60 ppt reached highest wild algae density (11.01 ± 1.54 million cells/mL). The result showed that Bacillariophyta grow well at a salinity of 20-60 ppt. However, at 50 ppt and 60 ppt showed higher densities than other salinity (20 ppt, 30 ppt, 40 ppt).
4393	Đại học	Protease inclusion in diet for hybrid red tilapia (<i>Oreochromis mosambicus</i> x <i>Oreochromis niloticus</i>)	Dao, Thi Ngoc Linh	Pham, Thanh Liem	2018	An experiment was conducted to evaluate effects on growth, body composition and nutrient digestibility of addition protease to hybrid red tilapia diet for 12 weeks. Hybrid red tilapia approximately 9.0g in initial weight was stocked into 350L rearing tanks with the density of 80 individuals per tank. The commercial feed consisted of 30% crude protein, 3.5% crude lipid, 54.5% carbohydrate, 11.8% crude ash and gross energy of 18.1KJ g ⁻¹ was experimental feed. Five different concentration of protease enzyme was added at 1, 2, 4, 6 and 8 g.kg ⁻¹ diet and non-enzyme added was kept as control diet. The results showed there was no significant difference in DWG and SGR between treatments ($p > 0.05$). Increasing in level of protease enzyme in the diet resulted in decreasing of FCR. The significant lower ($P < 0.05$) FCR (from 0.97 to 1.02) was found in the diets with high levels of enzyme supplementation (4, 6, 8 g.kg ⁻¹) compared to those (from 1.10 to 1.15) in the diets with low levels of enzyme addition (1, 2 g.kg ⁻¹) and control treatment. Moreover, protein efficiency ratio (PER) showed the similar trend with the FCR. The highest ADC of feed in dry matter, ADC protein, ADC lipid and ADC energy were found in treatments fed diet containing 4 g.kg ⁻¹ of enzyme. In conclusion, addition of the protease enzyme in diets for red tilapia did not affect to survival rate, fish proximate composite, but can decreased FCR and enhanced fish digestibility in term of protein and energy, feed utilization.

4394	Đại học	The effects of nitrite and hypercapnia combination on acid – base regulation and hematology swamp, eel	Tran, Van Dinh	Vo, Nam Son	2018	This study was conducted to determine the effects of nitrite with high levels of CO₂ on acid-base regulation at different stages of the eel. The swamp eel (<i>Monopterus albus</i>) has intensively been farm in Mekong Delta, Vietnam. The study was carried out on eels (30±0,5 g individual weight) in 96-h. with 5 treatments including 30 mmHg CO₂+23.57 mM NO₂⁻, 14 mmHg CO₂+23.57 mM NO₂⁻, 23.57 mM NO₂⁻, 14 mmHg CO₂ and control (0 mmHg CO₂+0 mM NO₂⁻). Each treatment was triplicated. Blood samples were collected at 0, 24, 48, 72, 96 hours, each times 3eels/tank. After 24-h, the value of pH blood highly decreased (<7.01) in treatment 30 mmHg CO₂+23.57mM NO₂⁻, pCO₂ increased steadily (33 mmHg) and metHb highest raised (34%) in compare with the other treatments (p<0.05). However, the treatment of 14 mmHg CO₂+23.57mM NO₂⁻ as well as the 23.57 mM NO₂⁻-treatment, the pH decreased slightly, not significant difference if compared to the control; and pCO₂ and HCO₃⁻ increased softly. The value of pH could not absolutely recover in the combined environment of 3.57 mM NO₂⁻ and 30 mmHg CO₂ after 96-h showed NO₂⁻ absorption. In addition, significantly reduced content in Na⁺, Cl⁻ ions as well as osmolality plasma; indicating that the passive transport of ions at gills. The criteria of hematology including red blood cell, white blood cell and Hct showed no significantly different in the combine group NO₂⁻ and CO₂. The result showed that swamp eel absolutely has able to adapt in the harsh environmen (high NO₂⁻ and hypercapnia).
4395	Đại học	Haematological and histopathological study on the internal white spot disease on snakehead fish (<i>Channa striat</i>) in the Mekong Delta.	Tran, Thi Ngoc Ngan	Tu, Thanh Dung	2018	<i>Aeromonas schubertii</i> is a causative agent of internal white spot disease in snakehead fish (<i>Channa striata</i>). Internal white spot disease had increased highly mortality on snakehead fish farms in the Mekong Delta Vietnam. The study is aimed to determine histopathological and hematological characteristics from diseased snakehead fish. Total of 46 fish samples, 13 healthy fish and 33 internal white spots disease fish were collected from commercial farms in Dong Thap and An Giang provinces. Results of histopathological examination of white spot disease specimen revealed congestion and hemorrhage in the liver, kidney and spleen. Moreover, the occurrence of granulomas nodules and inflammatory in internal organs such as spleen, kidney and liver were observed. Results from hematological analysis revealed a significant different (p<0.05) in total number red blood cell and it was observed a number of no nucleic cells in diseased fish. Generally, leukocytes in diseased fish was seen significantly lower (P<0.05) when compared with healthy fish. This study provides fundamental understanding for diagnosis and fish health management.

4396	Đại học	The effects of different algae species and stocking densities on larval development and survival of Black sea urchin (<i>Diadema setosum</i> , Leske 1778)	Tran, Nhut Tan	Hua, Thai Nhan	2018	This study investigated the effect of different algae species and stocking densities on larval development and survival of black sea urchin <i>Diadema setosum</i>. The larvae development stages were studied in laboratory by which time the larvae approached to reach competency stage. There is a significant difference ($P < 0.05$) in algae species diets of larvae rearing among the diets after 25 days and compared with the initial ($94 \pm 0.9\%$). In the first experiment, the survival of larvae was $40 \pm 1\%$ when fed with <i>N. oculata</i> in combination with <i>C. gracillis</i>. The survival was $46 \pm 3\%$ when fed with <i>N. oculata</i> and <i>Thalassiosira</i> sp algae diet and $55 \pm 1\%$ when fed with <i>Thalassiosira</i> sp algae. The highest survival rate of $60 \pm 1\%$ was found for black sea urchins fed with combination of <i>N. oculata</i> algae and <i>C. gracillis</i> algae and <i>Thalassiosira</i> sp algae. In second experiment, the results showed that the stocking density 0.5 larvae/ml was found to improve the survival rate ($62 \pm 2\%$) of black sea urchin. The survival rate of $55 \pm 1\%$ was found for treatment of 1 larvae/ml and $20 \pm 1\%$ (2 larvae/ml). The lowest once ($9 \pm 1\%$) was observed for black sea urchin larvae rearing with the stocking density of 4 larvae/ml At the day 25 the lengths of larvae a lot of changing. While, the total body length of the combination <i>N. oculata</i> and <i>Thalassiosira</i> sp showed (0.24 ± 0.01mm). the best growth the size total body length was 0.24 ± 0.01mm in the combination <i>N. oculata</i> added with <i>Thalassiosira</i> sp algae and the lowest in 3 algae species showed 0.192 ± 0.01mm. in the different of stocking densities, 0.5 larvae/ml was obtained (0.28 ± 0.04mm) the growth highest about sizes of sea urchin larvae and the development lowest in density 4 larvae/ml. The aim of study was to determine of feeding algal species and stocking densities which suitable for the development of black sea urchin larvae to the highest growth archived and improved the survival rate of black sea urchin in settle stage. Research the effect of different algae species and stocking densities on the development and the survival rate of black sea urchin larvae (<i>Diadema setosum</i>) in laboratory condition. The result of this study showed the combination of 3 algae species and culturing in stocking density 0.5 larvae/ml that the best done should be applied for sea urchin larvae rearing.
------	---------	---	----------------	----------------	------	---

4397	Đại học	Nghiên cứu nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>) với tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) thường và toàn đực	Nguyễn, Đỗ Trí Thức	Nguyễn, Thị Hồng Vân Đương, Thị Mỹ Hân	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra mật độ nuôi ghép từng loài thích hợp nhất, đồng thời so sánh hiệu quả nuôi ghép giữa tôm thẻ chân trắng (TCT) với tôm càng xanh (CX) thường và toàn đực trong mô hình nuôi ghép. Trong thí nghiệm 1 3 mật độ ghép khác nhau tương ứng với 3 nghiệm thức, mỗi NT có 3 lần lặp lại bao gồm 78 TCT+ 2 CX (NT1), 76 TCT+ 4 CX (NT2), 74 TCT+ 6 CX (NT3) được nuôi trong bể composite thể tích 2m3 ở độ mặn 5‰. Kết quả cho thấy với khối lượng và chiều dài ban đầu của tôm (thê: 0,46g; 3,95cm), (càng xanh: 0,73g; 4,22cm) sau 60 ngày nuôi NT2 đạt kết quả tốt nhất về sinh khối thu (0,58kg/m3); FCR (1,36) mặc dù khác biệt không có ý nghĩa ($p>0,05$) so với 2 NT còn lại và được chọn để sử dụng trong thí nghiệm tiếp theo để nuôi ghép với CX toàn đực (NT1) và CX thường (NT2), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Với khối lượng và chiều dài ban đầu ở tôm trong thí nghiệm 2 (thê: 0,33-0,39g, 3,56-4,3cm), (CX toàn đực: 0,74-0,80g; 4,2-4,25cm), (CX thường: 0,56-0,65g; 4,2-4,6cm), sau 60 ngày nuôi, mặc dù tỷ lệ sống đạt thấp hơn (73 so với 75%; $p>0,05$) nhưng việc ghép tôm CX toàn đực vẫn mang lại sinh khối lớn hơn (0,47kg/m3 so với 0,46) và có FCR thấp hơn (1,19 so với 1,20) so với việc nuôi ghép TCT và CX thường.
4398	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ bổ sung chế phẩm sinh học lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) giống	Nguyễn, Bá Đức	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định chu kì bổ sung chế phẩm sinh thích hợp cho tỉ lệ sống và sự sinh trưởng của hậu ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) thí nghiệm được thực hiện với 5 nghiệm thức, 3 lần lặp lại, mật độ thả 2 con/L. Men vi sinh được bổ sung vào môi trường nước với 4 chu kì khác nhau (mỗi ngày, 3 ngày/lần, 5 ngày/lần và 7 ngày/lần) tương ứng với 4 nghiệm thức NT1, NT2, NT3, NT4 so sánh với nghiệm thức không bổ sung men vi sinh (ĐC). Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy tỉ lệ sống ở các nghiệm thức có bổ sung vi sinh cao hơn không có ý nghĩa ($p>0,05$) so với tôm ở nghiệm thức đối chứng (không bổ sung vi sinh). Khối lượng tôm ở nghiệm thức bổ sung vi sinh 5 ngày 1 lần (0,91 g/cá thể) lớn hơn có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với tôm nuôi ở nghiệm không bổ sung men vi sinh (0,71 g/cá thể), nhưng khác biệt không có ý nghĩa so với tôm ở các nghiệm thức còn lại ($p>0,05$). Kết quả này cho thấy tôm ương với bổ sung men vi sinh 5 ngày và 7 ngày 1 lần có khối lượng không khác biệt so với tôm bổ sung men vi sinh mỗi ngày và 3 ngày/lần.

4399	Đại học	Ảnh hưởng của sốc tăng độ mặn lên sinh trưởng và các chỉ tiêu sinh sản của artemia franciscana Vĩnh Châu	Huỳnh, Phương Thảo	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Thí nghiệm được bố trí nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của việc sốc tăng độ mặn lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia franciscana. Thí nghiệm được bố trí ở các độ mặn 40‰, 50‰ và 60‰ với ba mức độ sốc lần lượt là 0, 1,5 và 2 cho mỗi một độ mặn, tương ứng với 9 nghiệm thức thí nghiệm, có 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức. Artemia được nuôi trong chai nhựa 1,5 lít với mật độ 200 nauplii/lít ở các độ mặn 40‰, 50‰ và 60‰ cho đến khi trưởng thành để xác định tăng trưởng, khi quần thể đạt tới đa số trưởng thành thì tiến hành gây sốc theo các mức độ 0, 1,5 và 2 lần độ mặn ban đầu trong 2 giờ, sau đó được nuôi theo cặp để theo dõi các chỉ tiêu sinh sản. Tảo Chaetoceros sp. được cho ăn trong 2 ngày đầu và sau đó là thức ăn Artemia cho tới khi kết thúc thí nghiệm. Kết quả cho thấy các chỉ số tăng trưởng của Artemia giữa các độ mặn ban đầu không có khác biệt lớn, sau 14 ngày nuôi tỷ lệ sống dao động từ 78,1-81,8% và chiều dài đạt từ 3,8-3,9 mm. Tuy nhiên, độ mặn ban đầu thả nuôi Artemia và gây sốc tăng độ mặn đột ngột theo các mức độ khác nhau có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu vòng đời và sinh sản của Artemia franciscana như làm giảm đi tuổi thọ, thời gian sinh sản, khả năng sinh sản mặc dù chu kỳ sinh sản ngắn đi khi cường độ gây sốc gia tăng.
4400	Đại học	Skin colour enhancement of swamp eel (Monopterus albus) by using dietary containing different sources carotenoid	Pham, Thi Minh Trang	Pham, Minh Đức	2018	The study was conducted to find out the optimal dietary pigmentatation in terms of the growth performance and skin colour enhancement of Swamp eel (Monopterus albus). The experiment included seven treatments with three replications. Each treatment contained non-pigmentation, 1 g Cantaxanthin (Can), 1 g Astaxanthin (Ast), 5 g Xanthophyll (Xan), 0.5 g Astaxanthin + 0.5 g Cantaxanthin, 0.5 g Astaxanthin + 2.5 g Xanthophyll, 0.5 g Cantaxanthin + 2.5 g Xanthophyll equivalent kg-1 diet. The diet had about 45% protein, 9% lipid and 19,45 Kcal/g. Swamp eel (47.53 ± 1.47 g/individual) were assigned randomly in 21 composite tanks (50 individuals/tank) with continuous aeration. They were fed twice daily (8 am and 4 pm) on demand for 60 days After experiment time, there were differences in skin color of swamp eel between seven treatments. In terms of intensity of colour (value L*) and intensity of red colour (value a*) on body, there was no significant difference between seven treatments. However, in the treatment of 5 g Xanthophyll kg-1 diet, the yellow color (value b*) on the belly was strongest (28.5 ± 4.15) while this colour was weakest in the confront treatment (18.6 ± 1.02). Besides, the organoleptic evaluation (9 point) showed that the treatment of 5 g Xanthophyll kg-1 diet reached the highest satisfying of consumer's favourite color (7.6 ± 0.25) while the confront treatment get th lowest point (6.2 ± 0.38). Growth rates increased but not different between seven treatments. Survival rates were 100% for all experiment.

4401	Đại học	Nghiên cứu ương cá chim vây vàng (Trachinotus blochii) giống trong hệ thống tuần hoàn ở độ mặn khác nhau	Lý, Văn Hiền	Lý, Văn Khánh	2019	Thí nghiệm ương cá chim trắng vây vàng (Trachinotus blochii) với các độ mặn khác nhau trong hệ thống nước lọc tuần hoàn được thực hiện tại Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2018. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức độ mặn khác nhau: (1) 10‰, (2) 20‰ và (3) 30‰, mỗi nghiệm thức lặp lại 4 lần. Cá chim vây vàng giống có khối lượng 0,7 g/con, được bố trí ương trong bể nhựa 500 lít với hệ thống nước lọc tuần hoàn, mật độ ương 60 con/m ³ và sục khí liên tục. Cá được cho ăn thức ăn công nghiệp dạng viên nổi có 44% đạm và được cho ăn theo nhu cầu ở tất cả các nghiệm thức. Kết quả sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của cá ở nghiệm thức 10‰ (0,18 g/ngày và 7,24 %/ngày) và nghiệm thức 20‰ (0,18 g/ngày và 7,20 %/ngày) cao khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức 30‰ (0,15 g/ngày và 6,75 %/ngày). Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức 10‰ (99,2%), khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở tất cả các nghiệm thức. Ương cá chim vây vàng trong hệ thống nước lọc tuần hoàn có thể thực hiện ở cả 3 độ mặn tùy vào điều kiện nguồn nước ương có sẵn.
4402	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá tra (Pagasianodon hypophthalmus) giai đoạn cá hương lên cá giống trong điều kiện nhà lưới	Trần, Phước Hòa	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá tra , giai đoạn từ cá hương lên cá giống trong điều kiện nhà lưới. Cá tra (3 g/con) được sử dụng để bố trí thí nghiệm ở 3 điều kiện: Nhà màng, mái che, ngoài trời trong thời gian 2 tháng. Sau 2 tháng thí nghiệm tiến hành thu mẫu máu để phân tích các chỉ tiêu sinh lý như: hemoglobin, hematocrit, glucose; Thu mẫu ruột và dạ dày để phân tích enzyme chymotrypsine, trypsin, pepsin, hoạt tính α - Amylase. Kết quả sau 60 ngày thí nghiệm chỉ tiêu sinh lý hematocrit và hemoglobin cao nhất ở nghiệm thức ngoài trời lần lượt là $33,9 \pm 0,85$ %, $10,43 \pm 0,57$ (g/100mL) thấp nhất ở nghiệm thức mái che lần lượt là $33,9 \pm 1,44$ %, $9,32 \pm 0,54$ (g/100mL), nồng độ glucose cao nhất nghiệm thức nhà màng $102,02 \pm 12,95$ (mg/100mL) khác biệt có ý nghĩa thống kê so với 2 nghiệm thức còn lại. Hoạt tính enzyme tiêu hóa cao ở nghiệm thức nhà màng và ngoài trời. Khối lượng cá, tăng trưởng tuyệt đối, tăng trưởng tương đối cao nhất ở nghiệm thức nhà màng lần lượt là 29,5 (g/con), $0,4408 \pm 0,04$ (g/ngày), $3,801 \pm 0,152$ (%/ngày) và khối lượng cá, tăng trưởng tuyệt đối, tăng trưởng tương đối thấp nhất ở nghiệm thức mái che lần lượt là 23,7 (g/con), $0,3445 \pm 0,06$ (g/ngày), $3,426 \pm 0,268$ (%/ngày). Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) ở nghiệm thức mái che cao nhất $1,44 \pm 0,23$ % và nghiệm thức ngoài trời thấp nhất $1,22 \pm 0,207$ %. Tỷ lệ sống cá tra cao nhất ở nghiệm thức ngoài trời 74,1% và thấp nhất ở nghiệm thức mái che 45,1%. Nhìn chung, nhiệt độ cao và ổn định của nhà màng gia tăng hàm lượng hematocrit và hemoglobin gia tăng hoạt tính enzyme trong ruột và dạ dày cá tra, làm gia tăng tốc tăng trưởng. Vì vậy, nghiệm thức nhà màng là điều kiện thuận lợi cho cá phát triển và tăng trưởng tốt.

4403	Đại học	Effects of nitrite on respiration of basa catfish (<i>Pangasius bocourti</i>)	Ong, Nguyen Quyen Ky	Do, Thi Thanh Huong	2018	This study was conducted to investigate effects of nitrite (NO₂⁻) on respiration of basa catfish at 27°C and 33°C using bimodal intermittent-closed respirometry. The experiment 1 was conducted with separated groups of fish (20-40g) in different levels of NO₂⁻ (0; 0.09 mM; 0.22 mM; 0.44 mM) at 27°C; the experiment 2 was conducted with separated groups of fish in different levels of NO₂⁻ (0 and 0.09 mM) at 33°C. In the treatments with nitrite levels (0.09 mM; 0.22 mM; 0.44 mM), the oxygen consumption of individual fish of each treatment was measured for 20 hours in nitrite-free water (day 1), followed by 20 hours of nitrite exposure (day 2), finally the bacterial oxygen consumption (background) was measured for the next 2 hours without fish. At the experiment 2, fish was acclimated in composite tank (2 m³) at 33°C for 1 week before setting into the chamber of respirometer and carry out was similar to experiment 1. Besides, oxygen consumption of fish in the control treatment was measured 40 hours in nitrite-free water. The results showed that there was no significant in average MO₂ between the day 1 (220±12.9 mgO₂/kg/h) and the day 2 (236±9.27 mgO₂/kg/h) at control fish at 27°C. However, MO₂ of fish exposed to nitrite were decreased at the day 2 compared with the day 1. MO₂ of exposure fish decreased with the nitrite increase. The reduction of the treatment 0.44 mM was lowest and reached the values of 161±15.8 mgO₂/kg/h. The variation of SMR and MO₂max was similar to the variation of MO₂. The difference of SMR and MO₂max of the treatment 0.44 mM and control treatment was significant (p<0.05). The metabolic rate of 33°C treatment fish was significantly higher than that of the 27°C treatment fish. The metabolic rate of 33°C treatment fish was significantly higher than that of the 27°C treatment fish. In the control treatment, the SMR, MO₂ and MO₂max of 33°C treatment fish and the 27°C treatment fish were 336; 250; 448 and 220; 167; 306 mgO₂/kg/h, respectively. The Q₁₀ values for MO₂, SMR and MAX were not too high, the values of 1.88; 1.66 and 1.87 between 27°C and 33°C, respectively, revealing low temperature sensitivity on this species.
------	---------	---	----------------------	---------------------	------	---

4404	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết ôi(Psidium guajava) lên tăng trưởng, một số chỉ tiêu sinh lý máu và khả năng chịu đựng nhiệt độ cao của cá tra (Pagasianodon hypophthalmus)	Lâm, Thị Cẩm Tú	Đỗ, Thị Thanh Hương	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ chịu đựng nhiệt độ của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống thông qua tăng trưởng, tỉ lệ sống và một số chỉ tiêu sinh lý máu như Hồng cầu, Hemoglobin, Hematocrit, MCV, MCH, MCHC khi được cho ăn chất chiết ôi (Psidium guajava) trong thức ăn. (1) Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chất chiết ôi (Psidium guajava) được bổ sung trong thức ăn lên tăng trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý máu của cá tra giống, gồm 2 nghiệm thức 0% và 0,2% mỗi nghiệm thức lặp lại 9 lần cá được đo trọng lượng vào ngày 0 và 42, mẫu máu được thu để đo các chỉ tiêu sinh lý máu; (2) Nghiên cứu về khả năng chịu đựng nhiệt độ của cá tra giống (P.hypophthalmus) được cho ăn chất chiết ôi (P.guajava) gồm 6 nghiệm thức ở các mức nhiệt độ 27; 31; 35oC, mẫu máu được thu vào các thời điểm ngày 0, ngày 1, ngày 3, ngày 7 để đo các chỉ tiêu sinh lý máu. Kết quả thí nghiệm cho thấy sau 42 ngày cá ăn thức ăn chất chiết ôi 0,2% tốc độ tăng trưởng tuyệt đối DWG, tương đối SGR thấp và khác biệt với nghiệm thức đối chứng ($p<0,05$). Tỉ lệ sống, mật độ hồng cầu ($3,02\pm0,74 \times 10^6$ tế bào/mm ³), tỉ lệ huyết sắc tố ($35,76 \pm 7,07\%$), hàm lượng hemoglobin, MCV, MCH, MCHC tăng cao nhưng khác biệt không có ý nghĩa với đối chứng. Chỉ có bạch cầu tăng ($221,2\pm87,07 \times 10^3$ tế bào/mm ³) và khác biệt có ý nghĩa ($p<0,05$) với đối chứng. Khi chịu tác động của nhiệt độ các nghiệm thức sử dụng thức ăn có bổ sung chất chiết ôi 0,2% có mật độ hồng cầu, tỉ lệ huyết sắc tố, MCV, MCH khác biệt không có ý nghĩa với nghiệm thức đối chứng ($p>0,05$) ở từng thời điểm thu mẫu. Vào ngày 7, hàm lượng hemoglobin của nghiệm thức ôi 0,2% ở 3 mức nhiệt độ 27, 31, 35oC cao hơn khác biệt có ý nghĩa với nghiệm thức 0% ôi- 27oC ($3,54\pm0,64$ g/100ml); MCHC ở thức ăn đối chứng nghiệm thức 27oC ($11,54\pm3,04\%$) khác biệt có ý nghĩa với nhiệt độ 35oC ($18,34\pm1,94\%$). ($p<0,05$).
4405	Đại học	Ảnh hưởng thay thế thức ăn viên bằng sinh khối artemia lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá kèo (Pseudapocryptes elongates) giống	Trần, Hoàng Thái	Tô, Công Tâm Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng Artemia sinh khối đông lạnh để thay thế thức ăn viên trong ương cá kèo (Pseudapocryptes elongates) giống. Thí nghiệm được bố trí với 05 nghiệm thức (NT) phần trăm thay thế thức ăn viên bằng Artemia (dựa vào khối lượng khô) từ 0% (NT1), 25% (NT2), 50% (NT3), 75% (NT4) và đến 100% (NT5), mỗi nghiệm thức được lặp lại 03 lần. Cá kèo giống tự nhiên (3,08 cm; 1,10 g) được mua tại vùng biển Vĩnh Châu, Sóc Trăng. Cá được bố trí ương trong bể nhựa 250 L, chứa 100 L ở độ mặn 5 ‰, với mật độ thả 100 cá thể/m ² . Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy tỉ lệ sống dao động từ 77,3-86,4%, sai biệt không có ý nghĩa ($p>0,05$) giữa các nghiệm thức. Chiều dài và khối lượng cá có cải thiện ở các nghiệm thức thay thế thức ăn viên bằng Artemia đông lạnh, nhưng sai biệt không có ý nghĩa ($p>0,05$), ngoại trừ cá ở NT2 (6,68 g/cá thể) có khối lượng lớn hơn có ý nghĩa ($P<0,05$) so với cá ở NT1 (5,48 g/cá thể), và ở NT5 có khối lượng (4.20 g/cá thể) kém hơn có ý nghĩa so với cá ở NT1. Từ kết quả của thí nghiệm này có thể khẳng định rằng sinh khối Artemia thay thế thức ăn viên từ 25-75% trong ương cá kèo.

4406	Đại học	Ảnh hưởng của phương thức bổ sung men vi sinh hữu ích lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Thái, Viên Ngọc	Tô, Công Tâm Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của phương thức bổ sung men vi sinh lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) giống. Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức với lượng men vi sinh được bổ sung. Bổ sung mỗi ngày vào nước, vào thức ăn và sau đó áo với chuối, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tôm giống (0,01 g/cá thể) được bố trí trong bể 150 lít chứa 50 lít nước 10‰. Sau 30 ngày ương kết quả cho thấy tỉ lệ sống của tôm ở các nghiệm thức có bổ sung men vi sinh cao hơn không ý nghĩa ($p>0,05$) so với nghiệm thức đối chứng, tỉ lệ sống cao nhất là tôm ở nghiệm thức trộn men vi sinh vào thức ăn và trộn men vi sinh vào thức ăn sau đó được áo với chuối. Khối lượng của tôm ở nghiệm thức bổ sung men vi sinh vào thức ăn đạt 1,8 g/cá thể cao hơn không ý nghĩa so với tôm ở nghiệm thức đối chứng (1,39 g/cá thể). Kết quả này cho thấy tỉ lệ sống và khối lượng tôm có cải thiện ở nghiệm thức trộn men vi sinh vào thức ăn, tốt hơn các phương thức bổ sung men vi sinh khác.
4407	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung khoáng vào thức ăn tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>) ở các độ mặn khác nhau	Nguyễn, Thị Diệu Ái	Nguyễn, Thị Ngọc Anh Phạm, Thị tuyết Ngân	2019	Ảnh hưởng của việc bổ sung khoáng vào thức ăn tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>) ở 3 độ mặn khác nhau (5‰, 10‰ và 15‰) lên tỷ lệ sống và tăng trưởng của tôm được thực hiện. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức tương ứng với từng độ mặn có bổ sung khoáng vào thức ăn (5 ml/kg thức ăn) và không bổ sung khoáng (nghiệm thức đối chứng), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Khối lượng tôm ban đầu từ 4,5-5 g/con, mật độ nuôi 30 con/bể 500L và được nuôi tách riêng từng cá thể trong ô lưới (72x72x50 cm) đặt trong bể, có sục khí liên tục với thời gian nuôi là 28 ngày. Tôm được cho ăn thức ăn viên (40% protein) 5% khối lượng thân/ngày và được cho ăn 3 lần/ngày. Kết quả cho thấy tôm nuôi ở độ mặn 5‰ được cho ăn thức ăn có bổ sung khoáng đạt tỷ lệ sống và tốc độ tăng trưởng cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với nhóm tôm được cho ăn thức ăn đối chứng. Ở độ mặn 10‰, bổ sung khoáng vào thức ăn đã cải thiện tăng trưởng về khối lượng của tôm và ở độ mặn 15‰ việc bổ sung khoáng vào thức ăn tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng không khác biệt thống kê ($p>0,05$) so với nghiệm thức đối chứng. Điều này có thể kết luận rằng nuôi tôm thẻ chân trắng ở độ mặn 5‰ cần bổ sung khoáng để tăng hiệu quả sản xuất.

4408	Đại học	Effects of CO ₂ on digestive enzymes and growth of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) from juvenile to sub-adult stage	Bui, Quang Tan	Vo, Nam Son	2018	The study was carried out to determine effects of CO₂ on digestive enzymes and growth of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) from juvenile to sub-adult stage in order to find adaptive ability of this species to the climate change. The mean initial weight of shrimp was about 0.5-1.0 g/shrimp arranged in 200L fiber tanks. Sixteen tanks with salinity of 15‰ were used for the experiment, the stocking density was 40 shrimps/tank in 60-day period. The experiment consists of 4 completely randomized treatments in triple replications: pH = 8.1 (control, no carbon dioxide), pH = 7.6 (7.26 mg/L), pH = 7.2 (18,3 mg/L), pH = 6.8 (44.1 mg/L) corresponding suitable CO₂ level. Water used for the experiment with pH 8.1-8.2 then the CO₂ was supplied so that pH levels reduce to 6.8; 7.2 and 7.6. Samples of 10 shrimps per tank will be measured in weight and length each 15 days until the end of the experiment. In addition, at day 60, shrimp were collected for calculating survival rate; and intestine, stomach was collected for analyzing digestive enzymes (amylase, trypsin and chymotrypsin) and blood also was obtained for glucose analysis.
------	---------	--	----------------	-------------	------	--

4409	Đại học	Hiện trạng nghề sản xuất giống cá tra (Pagasianodon hypophthalmus) ở tỉnh Đồng Tháp	Trần, Minh Tấn	Phạm, Thanh Liêm	2018	Nghiên cứu này đã được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12/2018, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 40 hộ ương cá tra trong ao đất và 10 hộ sản xuất giống cá tra ở tỉnh Đồng Tháp, mục tiêu xác định kỹ thuật, hiệu quả sản xuất và tìm ra những nguyên nhân làm giảm chất lượng giống cá tra. Kết quả nghiên cứu này phân ra 2 mô hình đó là sản xuất giống cá tra và ương cá tra. Các chủ cơ sở sản xuất giống được hỏi về qui mô sản xuất của trại, cách chọn và chăm sóc đàn cá bố mẹ, kỹ thuật sinh sản nhân tạo, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình sản xuất và hiểu biết của họ về quản lý chất lượng đàn cá. Qua kết quả tổng diện tích trung bình các trại 6.900m², mật độ thả cá bố mẹ 0,9 con/m², tỷ lệ cái/đực 3,83 tỷ lệ nở trung bình 82,22% cơ cấu tuổi cá bố mẹ chủ yếu từ 3 – 7 tuổi, tuổi cá bố mẹ sinh sản tốt nhất 4,5 tuổi và khối lượng 4,4 kg, giá cá bột bán ra dao động từ 1,4 – 2 đ/con với giá bán cá bột cao các trại đều có lời trung bình 1.653,4 triệu/năm, tỷ suất lợi nhuận đạt 1,73 lần. Ở mô hình ương cá tra giống được chia ra làm 2 nhóm qui mô, nhóm diện tích >=5.000m² và nhóm diện tích <5.000m² cả 2 nhóm thả với mật độ từ 860 – 986 con/m², thời gian ương dao động từ 90 – 180 ngày và tỷ lệ sống đạt 7,6 – 9,9% vào mùa thuận và vào mùa nghịch 3,7 – 5,4%, kích cỡ thu hoạch từ (25 – 35 con/kg), giá bán từ 50 – 60 nghìn/kg cỡ (30 con/kg), hình thức ương chủ yếu ở các hộ là ương một giai đoạn từ cá bột lên cá giống nên dẫn đến hao hụt cao, qui mô >=5.000m² năng suất bình quân đạt 2 tấn/vụ/1.000m² vào mùa thuận và mùa nghịch là 1,8 tấn/vụ/1.000m², lợi nhuận vào mùa thuận 67,33 triệu/vụ/1.000m² và mùa nghịch 69,88 triệu/vụ/1.000m², tỷ suất lợi nhuận đạt 1,41 lần vào mùa thuận và 1,76 lần vào mùa nghịch. Qui mô <5.000m² năng suất bình quân đạt 2,2 tấn/vụ/1.000m² vào mùa thuận và mùa nghịch là 1,9 tấn/vụ/1.000m², lợi nhuận vào mùa thuận 75,62 triệu/vụ/1.000m² và mùa nghịch 72,42 triệu/vụ/1.000m², tỷ suất lợi nhuận đạt 1,77 lần vào mùa thuận và 1,89 lần vào mùa nghịch. Thời gian sử dụng cá bố mẹ, tỉ lệ đực cái và phương pháp trộn lẫn sản phẩm sinh dục hiện đang áp dụng trong sản xuất giống là những vấn đề chính ảnh hưởng đến chất lượng cá bột và ương với mật độ không hợp lý, bệnh xuất hiện ngày càng nhiều, môi trường ao ô nhiễm nặng, thời tiết không ổn định là những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ sống cá tra giống thấp Từ khoá: sản xuất nhân tạo cá tra, ương cá tra trong ao đất 1.GIỚI THIỆU Nuôi trồng thủy sản (NTTS) hiện nay đang dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân. Cá tra là đối tượng nuôi nước ngọt phổ biến ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long
------	---------	---	----------------	------------------	------	--

4410	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá heo (<i>Yasuhikotakia modesta</i>) nuôi thương phẩm	Trần, Thanh Phiêu	Phạm, Thanh Liêm Nguyễn, Thanh Hiệu	2018	Nghiên cứu được thực hiện để xác định loại thức ăn phù hợp cá heo giống (<i>Yasuhikotakia modesta</i>). Thí nghiệm được bố trí với 3 nghiệm thức (NT), thức ăn cá biển xay (NT 1), thức ăn chế biến (NT 2) và thức ăn công nghiệp (NT 3). Trọng lượng trung bình của cá giống ban đầu là $3,41 \pm 0,65$ g/con. Cá được nuôi trong giai lưới có diện tích 4m ² (2x2x1,8m) đặt trong ao, mực nước ao cao 1,5m. Ao nuôi được xử lý bằng (KMnO ₄) và vôi với 5 kg/100 m ² . Trong các giai thí nghiệm đặt các ống nhựa có đường kính khoảng 9 cm và dài khoảng 50 cm để làm nơi trú ẩn cho cá (10 ống/giai). Sau 2 tháng thí nghiệm kết quả cho thấy tăng trưởng của cá heo cao nhất là $6,10 \pm 0,30$ g/con ở NT 2. Ở NT 3 cá heo tăng trưởng chậm nhất là $3,61 \pm 0,05$ g/con. Tỉ lệ sống cao nhất là $90,43 \pm 2,01\%$ ở NT 2, tỉ lệ sống thấp là ở NT 3 với tỉ lệ sống là $72,30 \pm 1,18\%$. Như vậy thức ăn phù hợp để nuôi cá heo (<i>Yasuhikotakia modesta</i>) là thức ăn chế biến, kết hợp giữa cá biển xay (cá nục) và thức ăn công nghiệp (đỗ đằm 40%).
4411	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) toàn đực và tôm thường trong ruộng lúa ở huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Đặng, Phát Đạt	Dương, Nhật Long Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2018	Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) toàn đực và tôm thường trên ruộng lúa ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nhằm phát triển kỹ thuật nuôi tôm càng xanh trên ruộng lúa, thúc đẩy nghề nuôi tôm càng xanh, mang lại lợi nhuận cao cho nông hộ. Đề tài được thực hiện trên 6 hộ nuôi với hai nghiệm thứ được lặp lại 3 lần. Nghiệm thức 1 là tôm toàn đực còn nghiệm thứ 2 thả giống tôm thường. Tôm được ương trong ao liền kề ruộng lúa diện tích 1000m ² , mật độ 30 PL/m ² , sau 2 tháng tôm được chuyển ra ruộng diện tích 1 ha. Nuôi thêm 4 tháng nữa thì thu hoạch. Kết quả cho thấy các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, độ trong, pH, Oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của tôm càng xanh. Sau 6 tháng nuôi, khối lượng trung bình của tôm ở nghiệm thức 1 và 2 lần lượt là $54,2 \pm 1,7$ g/con và $44,9 \pm 1,4$ g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối dao động 0,03 – 0,56 g/ngày. Tỉ lệ sống của tôm đạt 28,2 – 34,1%. Năng suất tôm dao động từ 275 – 452 kg/ha. Lợi nhuận từ 17,59 - 27,49 triệu đồng/ha. Tỷ suất lợi nhuận đạt từ 85,4% -101,2%.

4412	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng vườn dừa tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Thùy Dung	Dương, Nhật Long Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2018	Thực nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng vườn dừa tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long được thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 11/2018 nhằm mục tiêu đánh giá sự tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất tôm càng xanh nuôi trong ao và ruộng vườn dừa, góp phần phát triển mô hình nuôi, nâng cao thu nhập cho người nuôi tôm. Nghiên cứu được thực hiện tại 3 hộ trên huyện Trà Ôn với mật độ thả 6 con/m ² . Tôm được thả nuôi với diện tích mặt nước là 3.000 m ² , độ sâu mực nước dao động từ 1,2 m, độ sâu ruộng vườn 1,5 m. Sau khi ương 2,5 tháng thì bắt đầu thu tôm cái và chọn những con đực thả lại tiếp tục nuôi thêm 3,5 tháng nữa thì có thể tiến hành thu hoạch. Kết quả cho thấy các yếu tố về môi trường (nhiệt độ, pH, oxy, độ kiềm, NH ₄ ⁺ , NO ₂ ⁻ , PO ₄ ³⁻) đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau 6 tháng nuôi khối lượng trung bình (W) dao động từ 56,3 - 59,1 g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối (DWG) dao động từ 0,04 - 0,53 g/ngày, tỉ lệ sống trung bình đạt 28,5% dao động trong khoảng 28,7 - 31,5%, năng suất trung bình của cả 3 hộ là 536,7kg/ha năng suất dao động trong các hộ từ 517 - 567 kg/ha. Lợi nhuận giao động dao động từ 20,9 - 28 triệu/ha, tỷ suất lợi nhuận trung bình đạt được 72,0%. Qua kết quả của mô hình thực nghiệm này cho thấy nuôi tôm càng xanh trong ruộng vườn dừa đã mang lại lợi nhuận cao và nhiều kinh nghiệm quý giá cho các vụ mùa sau cho người dân ở huyện Trà Ôn, Vĩnh Long.
4413	Đại học	Khảo sát sự biến động mật độ vi khuẩn tuyến sông Mỹ Thanh- Sóc Trăng	Nguyễn, Hoàng Thơ	Lam, Mỹ Lan Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu biến động mật độ một số nhóm vi khuẩn (tổng vi khuẩn, <i>Bacillus</i> , <i>Lactobacillus</i> , tổng <i>Vibrio</i> , <i>Vibrio harveyi</i> , <i>Vibrio cholerae</i> , <i>Vibrio parahaemolyticus</i>) trong nước trên tuyến sông Mỹ Thanh: nhánh rẽ Nhu Gia – đầu nguồn (NG), đoạn giữa sông Mỹ Thanh (MT1) và cửa sông Mỹ Thanh – cuối nguồn (MT2). Mẫu nước được thu lúc nước lớn ở cả ba thủy vực và mật độ vi khuẩn được xác định bằng phương pháp đếm khuẩn lạc trên đĩa thạch Nutrient agar, Thiosulphate Citrate Bile Sucrose Agar, MRS, môi trường chuyên biệt cho <i>Bacillus</i> , Hi Chrom Agar và Chrom Agar . Kết quả cho thấy mật độ tổng vi khuẩn giảm dần từ tháng 1 đến tháng 6, mật độ tổng vi khuẩn trong nước dao động từ (1,0×10 ² – 5,1×10 ⁵ CFU/mL) có sự khác biệt thống kê giữa đầu và cuối nguồn, mật độ cao nhất ở đầu nguồn, thấp nhất ở cuối nguồn. Nhóm <i>Bacillus</i> và <i>Lactobacillus</i> có mật độ thấp nhất là ở cuối nguồn. Trong khi đó mật độ của nhóm <i>Vibrio</i> có mật độ cao nhất ở cuối nguồn và thấp nhất ở đầu nguồn.

4414	Đại học	Effects of CO ₂ , and high temperature on oxygen consumption and growth of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Bui, Ngoc Minh Ngan	Nguyen, Thanh Phuong	2018	Striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) has been farmed commercially in the Mekong river delta of Vietnam. The farming of this species has been exposed to climate change conditions, whereas CO₂ and temperature have been forecasted to increase in the coming years. The study aimed to determine the oxygen consumption and growth performance of fish exposed to CO₂ and high temperature. The growth experiment was set up with 2 treatments: control treatment (no aerated CO₂) and 3% CO₂ treatment, each treatment had 2 replicates; temperature was kept constant at 32°C. The second experiment was conducted by measuring oxygen uptake. Fish were acclimated under normocapnia and 3% CO₂ condition at 32°C. One fish were collected for driving to exhaustion using the chasing method (Reidy et al., 1995). The fish were left in the intermittent closed respirometry in the same environment with its acclimated environment for 20 hours and standard metabolic rate (SMR), maximum metabolic rate (MMR), routine metabolic rate (RMR) and aerobic scope was measured. Afterwards, a measure of background MO₂ was conducted. The same procedure was then conducted in the opposite environment than it was acclimated to. The growth of fish shown that weight gain (WG), daily weight gain (DWG) and specific growth rate (SGR) of fish in 12 weeks exposed 3% CO₂ were significant reduced compared to the control treatment ($p < 0,05$). The survival rate (91%) of hypercapnia group and (94%) of normocapnia group was not significant difference. No significant difference was found in SMR, MMR, RMR and scope between groups. SMR of hypercapnic group measured in normocapnia (HN) reached $246.344 \pm 21.243 \text{ MO}_2 \cdot \text{h}^{-1} \cdot \text{kg}^{-1}$ with a slightly higher compared to other groups. Average RMR was 235-293 $\text{MO}_2 \cdot \text{h}^{-1} \cdot \text{kg}^{-1}$ and MMR was near 500 $\text{MO}_2 \cdot \text{h}^{-1} \cdot \text{kg}^{-1}$ with not significant difference between the groups. There was also not significant difference in scope with values of approximately 240-290 $\text{MO}_2 \cdot \text{h}^{-1} \cdot \text{kg}^{-1}$. The results of the study prove that high temperature and 3% CO₂ can cause the reduction in growth of <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> but it does not cause any consequences for metabolism on this species.
------	---------	--	---------------------	----------------------	------	--

4415	Đại học	Determination of application dosages of a commercial nutrient powder to induce growth of zooplankton as feed for white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) in intensive culture ponds	Co, Ha Hai Đàng	Vũ, Ngọc Út	2018	This study was conducted to determine the most suitable dosage of a commercial nutrient powder (as a kind of fertilizer) for inducing zooplankton growth to be initial feed for newly stocked postlarvae (PL) of white leg shrimp in intensive culture ponds. The experiment was conducted in 9 earthen ponds with area of 2,000 - 2,500 m². Three different dosages of nutrient powder were applied, standing for three treatments including (i) 1kg/100.000PL (T1); (ii) 0.5kg/100.000PL (T2); and (iii) 1.5kg/100.000PL (T3). Each treatment consisted of 3 ponds (3 replicates). The powder was applied 2 days before stocking and every day starting from stocking to day 10. Zooplankton was sampled daily both qualitatively and quantitatively. Shrimps were also collected every day for growth and intestine feed analysis. Some water parameters such as TN, TP were also monitored every three days. The result showed that total number of zooplankton species found was low with only 13 species. There was no significant difference in species number between treatments. Copepods were the major group accounting for a high proportion in the fauna. Zooplankton densities in T1 and T2 were quite high (7,200,931 inds/m³) during the first 9 days; in contrast, zooplankton density in T3 zooplankton was much lower (132,528 inds/m³). Copepods and Rotifers were the main groups of zooplankton in the digestive system of shrimps. However, copepod nauplii and rotifer were the most important live food items due to their high proportions in the digestive system of shrimps and the choice of shrimps for these items as food.
------	---------	--	-----------------	-------------	------	--

4416	Đại học	Study on oxygen requirement of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) at different sizes and temperatures	Diep, Thi Minh Phuong	Nguyen, Thanh Phuong	2018	Striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>), a facultative air-breathing fish is one of the high values species in aquaculture industry of Mekong delta, Vietnam. This study was performed to determine the basic oxygen requirements of <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> at different sizes and temperatures in order to provide scientific bases for optimizing management practices of striped catfish ponds. Bimodal intermittent-closed respirometer was used for study. Two fish sizes (small: 6.7 ± 0.3 g and large: 106 ± 2.3 g) were chosen for this study. Thirteen small fish was divided for 3 levels of temperature $27 \pm 0.2^\circ\text{C}$ (n=3), $30 \pm 0.2^\circ\text{C}$ (n=5), $33 \pm 0.2^\circ\text{C}$ (n=5) and twelve large fish for $27 \pm 0.2^\circ\text{C}$, $30 \pm 0.2^\circ\text{C}$ and $33 \pm 0.2^\circ\text{C}$ (n=4 at each temperature). Individual fish of every treatment was measured for oxygen consumption (MO_2) from water (MO_{2w}) and air (MO_{2a}) for 20 hrs, then measurement of background respiration (by bacteria respiration) for 2 hrs. without fish. The results showed that the interaction between temperature and body size of fish had significant effect on air oxygen consumption and percentage of aerial oxygen uptake from air ($p < 0.05$). RMR (routine metabolic rate) and SMR (standard metabolic rate) were not significantly different at 27°C, 30°C for 6.7 g and 106 g fish; but they were significantly different at 33°C for 6.7 g ($357 \pm 28.5 \text{ mgO}_2\text{kg}^{-1}\text{h}^{-1}$, $201 \pm 11.0 \text{ mgO}_2\text{kg}^{-1}\text{h}^{-1}$) and 106 g ($248 \pm 7.9 \text{ mgO}_2\text{kg}^{-1}\text{h}^{-1}$, $196 \pm 11.2 \text{ mgO}_2\text{kg}^{-1}\text{h}^{-1}$). Besides, the percentage of aerial oxygen uptake from air of 6.7 g had significant difference between 30 and 33°C ($p < 0.05$) with $29.1 \pm 4.5\%$, $47.9 \pm 3.8\%$, respectively; vice versa fish in group 106 g had no significant difference at 27, 30 and 33°C. Oxygen consumption of fish was increased with the increased temperature reaching the highest level at 33°C. This indicates that small fish needs more air oxygen consumption and large fish requires more oxygen in water for growth with a high temperature.
4417	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn bổ sung LP20, lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giai đoạn giống	Phan, Kim Phụng	Trần, Thị Thanh Hiền	2018	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá việc bổ sung LP20 ảnh hưởng lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá trê vàng. Thí nghiệm được thực hiện trong 2 tháng, có 4 nghiệm thức thức ăn 45% đậm có bổ sung LP20 với (1) 0ppm; (2) 50ppm; (3) 100ppm; (4) 250ppm, mỗi nghiệm thức có 4 lần lặp lại bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Thu mẫu toàn bộ số cá trong bể đếm số lượng và cân khối lượng để sát định tốc độ tăng trưởng. Tính tổng lượng thức ăn ăn vào để tính hiệu quả sử dụng thức ăn FCR. Kết quả cho thấy ở ba nghiệm thức có bổ sung LP20 liều lượng 50ppm, 100ppm, 250ppm có tỷ lệ sống lần lượt là 92,3%; 91,0%; 92,5% cao hơn so với nghiệm thức 1 không bổ sung LP20 87,5%. Tăng trưởng tương đối ở nghiệm thức bổ sung LP20 liều lượng 50ppm có kết quả cao nhất là 3,51g/ngày có sự khác biệt mức ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) so với các nghiệm thức còn lại. Hệ số chuyển hóa thức ăn FCR khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa cao nhất là nghiệm thức 1 (1,33) và thấp nhất là nghiệm thức 3 (1,07). Bổ sung LP20 có ảnh hưởng đến tăng trưởng và FCR của cá.

4418	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung natri citrate trong ương giống cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>)	Huỳnh, Chí Hạo	Trần, Nguyễn Hải Nam Huỳnh, Thanh Tới	2018	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng natri citrate trong ương cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>). Thí nghiệm được thực hiện với 05 nghiệm thức (NT) với hàm lượng natri citrate được bổ sung vào 1 kg thức ăn như sau: NT1 (0g), NT2 (5g), NT3 (10g), NT4 (15g) và NT5 (20g), mỗi nghiệm thức được lặp lại 03 lần. Cá có chiều dài và khối lượng ban đầu của cá là $7,62 \pm 0,88$ cm/cá thể và $7,7 \pm 0,92$ g/cá thể. Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy, tăng trưởng về chiều dài của cá trong tất cả nghiệm thức cho ăn bằng natri citrate trong khẩu phần ăn tốt hơn không có ý nghĩa ($p < 0,05$) so với cá cho ăn 100% thức ăn không bổ sung. Thêm vào đó, cá cho ăn bằng natri citrate trong khẩu phần ăn cũng cải thiện đáng kể về khối lượng, tăng trưởng về khối lượng cá ở các nghiệm thức cho ăn bằng natri citrate tốt hơn so với cá cho ăn bình thường, tăng trưởng về khối lượng cá cao nhất ở NT5 (23,7g/cá thể), kế đến là cá ở NT3 (22,6 g/cá thể), NT4 (21,3 g/cá thể), NT2 (20,3g/cá thể) và cuối cùng là NT1 (19,4g/cá thể). Bổ sung natri citrate vào thức ăn có cải thiện tăng trưởng về chiều dài và khối lượng cá mà còn làm tăng tỉ lệ sống của cá đáng kể.
4419	Đại học	Thử nghiệm sản xuất ấu trùng muỗi (<i>Aedes sp.</i>) với các loại môi trường dẫn dụ và thức ăn khác nhau	Lâm, Ngọc Nhựt	Lê, Thị Phương Mai Huỳnh, Thanh Tới	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra được phương pháp tốt nhất để sản xuất ra ấu trùng muỗi phục vụ cho việc làm thức ăn cho các loài cá cảnh. Bốn môi trường được sử dụng để kích thích muỗi sinh sản trứng gồm: nước thải nuôi cá (C/N=10), rau xà lách, giá đỗ, và bã mía. Môi trường sau khi chuẩn bị xong được ủ trong 1 ngày, sau đó bể ủ được mở nắp cho muỗi vào sinh sản mỗi đêm. Ấu trùng muỗi mới nở được bố trí nuôi với 04 loại thức ăn khác nhau: men bánh mì, cám, bột cá và không cho ăn. Kết quả cho thấy sau 06 ngày muỗi sinh sản nhiều ở trứng (94 ổ trứng) ở bể ủ với xà lách, kế đến là nước giá (49 ổ trứng) và nước thủy sản (38 ổ trứng) và cuối cùng bã mía (1 ổ trứng). Ấu trùng mới nở có chiều dài 0,57 mm/ấu trùng và biến thái thành nhộng sau 06 ngày sau khi nở. Sau 5 ngày nuôi với các loại thức ăn khác nhau chiều dài của ấu trùng muỗi đạt từ 2,26– 6,17 mm/ấu trùng, chiều dài ấu trùng muỗi có kích thước lớn nhất (6,17 mm/ấu trùng) ở nghiệm thức cho ăn bằng bột cá, cao hơn gần 03 lần so với ấu trùng muỗi ở nghiệm thức không cho ăn (2,26 mm/ấu trùng). Tỷ lệ sống ở nghiệm thức cho ăn bằng bột cá (46%) thấp hơn so với ấu trùng cho ăn bằng cám gạo (74,4%) và men bánh mì (66%). Kết quả thí nghiệm này có thể làm cơ sở cho việc thiết kế sản xuất số lượng lớn ấu trùng muỗi để phục vụ cho nghề nuôi cá cảnh.

4420	Đại học	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>) kết hợp với tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở mật độ và độ mặn khác nhau	Võ, Trường Giang	Nguyễn, Văn Hòa Dương, Thị Mỹ Hân	2019	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp với tôm càng xanh ở mật độ và độ mặn khác nhau nhằm xác định được mật độ và độ mặn nuôi thích hợp để đạt tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống trong nuôi kết hợp. Cả hai thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 3 nghiệm thức với 3 lần lặp lại với thể tích bể nuôi là 1m³. Thí nghiệm 1 được bố trí với 3 mức độ mặn khác nhau lần lượt là 5,7 và 10‰ cùng mật độ là 28 TCT (thẻ chân trắng) và 2 TCX (tôm càng xanh). Thí nghiệm 2 cũng được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức với 3 mật độ nuôi kết hợp khác nhau lần lượt là (29 TCT với 1 TCX, 28 TCT với 2 TCX và 27 TCT và 3 TCX). Thí nghiệm 1 tôm có khối lượng và chiều dài ban đầu (thẻ chân trắng: 0,01±0,001 gram, chiều dài: 2,6±0,3 cm), (tôm càng xanh: 0,003±0,004 gram, chiều dài: 1,63±0,16 cm). Thí nghiệm 2 tôm có khối lượng và chiều dài ban đầu (thẻ chân trắng: 0,36±0,09 gram, chiều dài: 3,58±0,37cm), (tôm càng xanh: 0,63±0,12 gram, chiều dài: 4,41±0,38 cm). Sau 60 ngày nuôi, các yếu tố môi trường nước (pH, nhiệt độ, TAN và nitrite) nằm trong khoảng thích hợp cho sinh trưởng và phát triển của tôm. Khối lượng và chiều dài trung bình của tôm thẻ và tôm càng xanh ở thí nghiệm 1 giữa các nghiệm thức dao động (7,71-7,83 gram)-(10,55-10,68 cm), (1,35-1,88 gram)-(5,88-6,22 cm), và khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05). Tỷ lệ sống của tôm giữa các nghiệm thức là 100% và cũng không khác biệt có ý nghĩa thống kê. Khối lượng và chiều dài trung bình của tôm thẻ và tôm càng xanh ở thí nghiệm 2 giữa các nghiệm thức dao động (15,11-16,40 gram)-(12,68-13,13 cm), (5,38-8,16 gram)-(7,67-8,70 cm) theo các nghiệm thức, và khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05). Tỷ lệ sống giữa các nghiệm thức lần lượt (75%, 73%, 85%) theo các tỉ lệ kết hợp và cũng không khác biệt có ý nghĩa thống kê. Kết quả cho thấy, khi nuôi kết hợp hai đối tượng thẻ và càng xanh ở mật độ 40con/1m³, độ mặn 5ppt thì tỷ lệ sống cao và đạt tốc độ tăng trưởng tốt, tôm đạt khối lượng (thẻ: 16,40g/con và càng: 8,16g/con) và FCR (1,57-1,78).
------	---------	---	------------------	------------------------------------	------	--

4421	Đại học	The effect of combined salinity at elevated temperature on protein and energy requirement for maintenance and feed utilization of hybrid red tilapia (<i>Oreochromis</i> sp.)	Huynh, Thi Thuy Trang	Tran, Thi Thanh Hien	2018	Climate change is one of reasons which mainly affects to aquatic ecosystems, predicted to increase the environmental temperature and rising of sea level leading to increase estuary salinity and salinity intrusion into the fresh water bodies. This study was conducted to assess the protein and energy requirements for maintenance and protein -energy utilization of red tilapia (<i>Oreochromis</i> sp.) in conditions of different salinity a elevated temperature. Red tilapia (13.0 g) were fed at five different feeding rates: 0%, 25%, 50%, 75% and 100% satiation for 28 days at different salinities at elevated temperature (0ppt – normal temperature, 6ppt – 34oC and 12ppt – 34oC). The results showed that the highest survival ration (93.3%) was in (0ppt – normal temperature with feeding rate 0.75% of body weight) and lowest survival (66.7%) was in (12ppt – 34oC without feeding). The best growth performance: 0ppt- normal temperature and 12ppt – 34oC. Protein utilizatio efficiencies of red tilapia increased with increased salinity – temperature and the opposite trend was seen in the protein requirement for maintenance. Energy utilization efficiencies increased with increased of salinity – temperature that led to the energy requirement for maintenance in higher salinity – temperature was lower than in freshwater.
4422	Đại học	Thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp ếch Thái Lan(<i>Rana rugulosa</i>), với cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) trong mương vườn	Trần, Ngọc Hoài Nhân	Nguyễn, Văn Triều	2018	Đề tài: “Thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp ếch Thái Lan (<i>Rana rugulosa</i>), và cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) trong mương vườn” được thực hiện từ 28/7-28/11/2018, tại 9 hộ dân thuộc phường Tân Phú và Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Diện tích thả nuôi từ 200 – 500 m2 tùy điều kiện từng hộ với cùng mật độ ếch Thái Lan và cá trê vàng lần lượt là 100 con/m2 và 5 con/m2. Các yếu tố môi trường được theo dõi ở thí nghiệm như: nhiệt độ (từ 26,51±1,02 đến 30,36±0,79), pH (từ 6,99±0,32 đến 7,50±0,23), DO (2,20±0,49 mg/l đến 3,73±0,82 mg/l), TAN (0,55±0,51 mg/l), H2S (0,11±0,10 mg/l). Sau khoảng 120 ngày nuôi, cá trê vàng nuôi ở mật độ 5 con/m2 có tỉ lệ sống 70,46±3,78 (%), năng suất (kg/m2) là 0,67±0,04 (kg/m2), khối lượng đạt được cuối thí nghiệm là 190,36±8,12 (g/con). Đối với ếch Thái Lan nuôi ở mật độ 100 con/m2 có tỉ lệ sống 63,22±2,06 (%), năng suất 13,50±1,03 (kg/m2), khối lượng đạt được là 216,64±11,50 (kg/m2) sau 90 ngày. Lợi nhuận cuối cùng từ mô hình từ 4.922.000 – 14.397.000 (VNĐ).
4423	Đại học	Study on reproductive cycle of abalone (<i>Haliotis asiana</i>) in Nam Du, Kien Giang	Nguyen, Tien Duy	Ngo, Thị Thu Thao	2018	The reproductive cycle of <i>Haliotis asinina</i> in Nam Du, Kien Giang province was studied from September 2017 to August 2018. The sexual ratio (male: female) was approximately 1:1. The average shell length of mal (68.62±10.45 mm) was lower than females (71.77±10.65 mm) and the total weight of males (68.64±31.13 g) was also lower than females (76.15±31.74 g).Based on histological observation and gonad index, the results showed that abalone <i>Haliotis asinina</i> has spawned throughout the year and has two mainly spawning period from February to April and August. Egg diameter reached maximum size occurred in February (120.04±33.44 µm) and August (119.89±29.65 µm).

4424	Đại học	So sánh hiệu quả của việc sử dụng thức ăn viên và thức ăn kết hợp trong mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) ở ruộng vườn dừa	Võ, Quốc Thanh	Dương, Nhật Long	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu khảo sát hiệu quả của việc sử dụng thức ăn viên nuôi tôm càng xanh ở ruộng vườn dừa, làm cơ sở góp phần nâng cao hiệu quả mô hình nuôi. Mô hình được thực nghiệm trên 6 ruộng vườn dừa của 6 hộ nuôi ở huyện Trà Ôn với diện tích ruộng thực nghiệm là 2.500 – 3.000 m² và được thả nuôi với mật độ 6 con/m². Ban đầu, tôm được ương trong ruộng có diện tích 500 m². Sau 2,5 tháng, tiến hành thu tía tôm cái, tôm càng xanh được tuyển chọn và thả vào hệ thống ruộng nuôi, tiếp tục nuôi thêm 3,5 tháng thì tiến hành thu hoạch. Kết quả cho thấy các yếu tố về môi trường (nhiệt độ, pH, oxy, độ kiềm, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻) đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau chu kỳ nuôi 6 tháng, khối lượng trung bình (W) nghiệm thức 2 (45,25 ± 25,91) g/con cao hơn nghiệm thức 1 (33,1 ± 20,1 g/con), tốc độ tăng trưởng tuyệt đối (DWG) của nghiệm thức 2 (0,04 – 0,6 g/ngày) cao hơn nghiệm thức 1 (0,03 – 0,43 g/ngày). Tỷ lệ sống nghiệm thức 1 (23,58 ± 1,1%) cao hơn nghiệm thức 2 (21,83 ± 0,74%). Năng suất nghiệm thức 2 (483,2 ± 15,1 kg/ha) cao hơn nghiệm thức 1 (436,32 ± 18,6 kg/ha). Lợi nhuận nghiệm thức 2 (28,75 triệu/ha) cao hơn nghiệm thức 1 (16,65 triệu/ha). Tỷ suất lợi của nghiệm thức 2 (69,87%) cao hơn nghiệm thức 1 (35,58%). Qua kết quả thực nghiệm cho thấy việc sử dụng thức ăn kết hợp mang lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng hoàn toàn thức ăn công nghiệp
4425	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn và nhiệt độ lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	Nguyễn, Thị Chúc	Trần, Thị Thanh Hiền	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của độ mặn và nhiệt độ lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm càng xanh, cung cấp dữ liệu về kỹ thuật nuôi tôm càng xanh dưới tác động của biến đổi khí hậu. Thí nghiệm gồm 9 nghiệm thức với 3 mức nhiệt độ (nhiệt độ môi trường, 31oC, 34oC) kết hợp với 3 mức độ mặn (0‰, 10‰ và 15‰), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và được tiến hành trong 8 tuần. Khối lượng tôm được cân tại các thời điểm: ngày 0 và ngày 60. Kết quả cho thấy không có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn lên tỷ lệ sống của tôm càng xanh trong khi đó nhiệt độ ảnh hưởng mạnh đến tỷ lệ sống. Nhiệt độ và độ mặn cũng không có ảnh hưởng tương tác đến tăng trưởng của tôm càng xanh. Tôm tăng trưởng thấp ở tất cả các nghiệm thức có độ mặn 0 – 15 ppt với nhiệt độ là nhiệt độ môi trường và 31oC trong khi tôm không tăng trưởng ở nhiệt độ cao 34oC ở cả 3 mức độ mặn.

4426	Đại học	Effects of stocking densities on grow performance and survival rate of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) postlarvae applying bioflocs technology	Nguyen, Minh Tu	Tran, Ngoc Hai Chau, Tai Tao	2018	Effects of stocking densities on growth performance and survival of black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) post-larvae applying bioflocs technology was studied in order to contribute to practical production in the region. A triplicate experiment was randomly designed with five treatments of stocking densities at 200, 400, 600, 800 and 1000 PL/m ³ in 0.5-m ³ composite tanks with water salinity of 15‰. Shrimp postlarvae with initial body length and weight of 13.4mm and 0.01g were used for the experiment. Shrimp were fed daily with pellet feed and wheat flour was used as carbohydrate source to create and maintain Biofloc at C:N ratio of 10:1. During rearing period, water quality parameters such as temperature, pH, alkalinity, TAN, and nitrite were recorded showing suitable range for shrimps. After 30 days of rearing, survival rates of shrimps stocked at 200 PL/m ³ and 400 PL/m ³ (96.6% and 97.1% respectively) were significantly higher than those of the other treatments. However, productivity of postlarvae in treatment of 400 PL/m ³ (389 PL/m ³) was significantly higher than that of the treatment 200 PL/m ³ (196 PL/m ³). Shrimp body weight and length after 30 days of rearing were not significantly different among the treatments. The findings of the experiment therefore recommended stocking density of 400 PL/m ³ for nursing of black tiger shrimp post-larvae under under bio-floc systems.
4427	Đại học	Species composition and abundance of rotifers distributed in different water bodies along Hau river	Nguyen, Tan Phat	Vu, Ngoc Ut	2018	This study was conducted to assess the status the species composition and distribution of rotifers and their relationships with environmental factors along the Hau River at An Giang, Can Tho, Hau Giang and Soc Trang province to serve as database for further studies on rotifers. The study was conducted in the period of January to August 2018 with 2 sampling periods. Samplings were carried out in March (dry season) and June transitiona period) at 10 sites on the Hau river. Samples taken consisted of zooplankton, water parameters including temperature, pH, salinity, transparency, velocity, dissolved oxygen (DO), total suspended solid (TSS), total dissolved solid (TDS), organic matter (BOD, COD), inorganic matter (NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻) and chlorophyll-a. These samples were collected through a cross section of the river. Positions of the sampling sites were recorded by a GPS device. The results showed that 52 species of rotifers were recorded in Hau river. The number of rotifer species was slightly higher in June compared to that in March with 42 and 39 species, respectively. Highest rotifer species number was recorded at midstream, followed by upstream and downstream. Mean density (±SD) of rotifer was 2,775.43 ± 2994.42 ind/m ³ . In the dry season the density was higher than in the transitional period. Highest density was recorded at the midstream with 3,094.28 ± 1562.24 ind/m ³ , followed by the downstream, 2,774.22 ± 5077.08 ind/m ³ and lowest in the upstream with 2,351.50±1306.40 ind/m ³ .

4428	Đại học	Genetic diversity of <i>Pangasius krempfi</i> in the Mekong river	Nguyen, Tien Vinh	Duong, Thuy Yen	2018	<i>Pangasius krempfi</i> is a large-bodied catfish distributed exclusively in the Mekong River. This is a long distant migratory species that migrates upstream for spawning. In wild population, the number of <i>P. krempfi</i> has declined due to overexploitation, pollution, habitat destruction. This situation may lead to the decreased genetic diversity of this species, undermining its adaptability and survival in nature. This study aimed to quantify genetic diversity of <i>P.krempfi</i> in the Mekong River using ISSR markers. The fish were collected from two locations downstream of the Mekong River basins of Vietnam: Ben Tre and Soc Trang. Genetic analysis was conducted on 20 individuals per population using 6 ISSR primers generated total 32 alleles with the size ranging from 2200 – 500 bp. Intra-population genetic diversity was moderate, showing that polymorphism rate (%P) = 56.25%, number of effective alleles (N_e) = 1.365, expected heterozygosity (H_e) = 0.215. Inter-population genetic difference exhibited the pairwise genetic distance using Nei's method was 3.4%. The Analysis of molecular variance (AMOVA) showed variance within and among populations was 12% and 88%, respectively. In addition, the Principle Coordinate Analysis (PCoA) scatter showed the interaction between the populations.
4429	Đại học	The effect of salinity at elevated temperature on protein and energy requirements of hybrid red tilapia (<i>Oreochromis</i> sp.)	Nguyen, Thi My Tien	Tran, Thị Thanh Hien	2018	Climate change has greatly altered environmental conditions of aquatic ecosystems in many regions all over the world in the last decades. Temperature and salinity are the main ecological factors influence to the aquatic environment. In the experiment, red tilapia (7.1g) were fed the six diets with 3 levels of protein (25%, 30% and 35%) and two levels of lipid (6% and 9%) under satiate feeding in salinity of 0ppt – normal temperature and 12ppt – 34oC to determine growth performance, lipid and protein requirements. In 0ppt – normal temperature the feed with 6% of lipid and 25% of protein showed the best growth performance. However in the treatment 12ppt – 34oC, the feed containing 9% of lipid and 30% of protein showed the best growth performance. Finally, in condition of salinity 12ppt – 34oC, the growth performance of red tilapia showed the better results than in 0ppt – normal temperature.

4430	Đại học	Effects of fava bean (<i>Vicia faba</i>) on growth and muscle quality of red tilapia (<i>Oreochromis</i> sp.) cultured in hapa.	Nhan, Thien Nam	Nguyen, Thanh Phuong Le, Thi Minh Thuy	2018	This study was conducted to determine the replacement of fava bean (<i>Vicia faba</i>) for pellet feed in practical diets of red tilapia (<i>Oreochromis mossambicus</i> x <i>Oreochromis niloticus</i>) in the recirculating aquaculture system (RAS) and effect of fava bean on biochemical compositions of red tilapia included protein, lipid content and texture of meat. A completely randomized experimental design was developed with four treatments and three replicates. One thousand and two hundred red tilapia with average initial weight of 99.9 ± 6.26 g were assigned to experimental hapas during ninety days. Fish in test treatments were completely feed by fava bean in 90 (FB90), 75 (FB75) and 60 (FB60) days, respectively, while the pellet feed was utilized in the control treatment (FB0). Based on results, the poorest growth performance and were observed in FB90 (278.01 ± 82.28g) and FB75 treatment (284.94 ± 62.61g) while the highest fish final weight (407 ± 77.11g) was seen in FB0. Feed conversion ratio (FCR) in fish fed by fava bean within 90 days and 75 days were significantly higher ($p < 0.05$) than those fed in 60 days. Similarly, fish body length was the highest in the control treatment. Fish survival rates were significantly different among treatments, being the highest 99.3% in FB0 compared to 91.3% in FB90. Protein content of fish was fed with fava bean for 90 days higher than 1.15 times, but lipid content was lower than 43.9% compared to fish was fed with aqua-feed diet. Hardness of “crispy” fish (117g.cm) significantly higher than control treatment (59g.cm). Although both growth rate and survival rate of “crispy” red tilapia was significantly lower than ordinary red tilapia, but flesh quality was dramatically improved.
4431	Đại học	Effect of lipid requirement of swamp eel (<i>Monopterus albus</i>) fingerlings	Nguyen, Thi Xuan Anh	Tran, Thị Thanh Hien Lam, My Lan	2018	The study was conducted to determine optimal protein and lipid levels for swamp eel (<i>Monopterus albus</i> Zuiew, 1793) fingerlings. The experiment was set up with 12 dietary treatments, including four dietary protein level (35%, 40%, 45% and 50%) and three dietary lipid levels (6%, 9%, 12%). Swamp eel fingerlings were stocked in 40 L plastic tanks and cultured for 8 weeks. The results showed that survival of eels was not affected by either dietary lipid or protein levels ($p > 0.05$). Specific growth rate (SGR) of eels increased with increasing protein levels up to 45%. However SGR decreased in treatment of 50% dietary protein. The best growth and food conversion ratio (FCR) were 1.17% at 40% protein and 1.15% at 6% lipid. The diets containing 40% protein and 6% lipid were suitable for optimal growth of swamp eel.

4432	Đại học	Influence of feeding regime on survival, growth and reproduction of Artemia franciscana under laboratory condition	Nguyen, Thanh Tung	Nguyen, Van Hoa Tran, Huu Le	2018	The study was conducted to assess the influence of feeding regime on survival, growth and reproduction of Artemia franciscana under laboratory condition. The aim of the study is evaluate the survival, growth and reproductive characteristics of Artemia franciscana by different feeding regimes under laboratory condition The study was conducted in 2 experiments, each experiment have 4 treatments with 3 replicates. Experiment 1: Culture wild algae with different ration of N/P, Urea (46% N) and DAP (18% N and 46% P) fertilizer are used as source of N/P for all treatments. Fertilizer was used one time in the first day with 4 different N/P ratios. Treatment 1 (control treatment): N/P ratio is 10/1; Treatment 2: N/P ratio is 20/1; Treatment 3: N/P ratio is 30/1; Treatment 4: N/P ratio is 40/1. The initial density of wild algae was 9.5×10^5 cell/mL. The study was conducted on 9 days, after the collapse of wild algae in 4 treatments. At the third day of experiment, the growth of wild algae was showed highest in Treatment 4: 3.5×10^6 cell/mL, significantly higher than 3 other treatments ($p < 0.05$). The best treatment of the experiment 1 was used to culture algae in experiment 2. Experiment 2: Culture Artemia with different feeding regimes. Treatment 1 (TM1): (control treatment): Supply only wild algae (traditional fertilizer). Treatment 2 (TM2): Supply wild algae (traditional fertilizer) + 40% formulated feed. Treatment 3 (TM3): Supply only algae (formulated fertilizer). Treatment 4 (TM4): Supply algae (Formulated fertilizer) + 40% formulated feed. Green water was supplied at the rate of 10% of total 5 L culture volume. Artemia stocking density was 100 inds/L. Results indicated that TM 4 (Supply algae (Formulated fertilizer) + 40% formulated feed) is the suitable feeding regime that represented in growth, survival and reproductive characteristics. In day 14, the length of Artemia in TM4 were reached 9.54 ± 1.63 mm, and it was significantly higher than 3 other treatments ($p < 0.05$). TM4 also was the highest survival rate with $82.33 \pm 3.68\%$ in day 14. TM4 had the highest number of cyst (100.98 ± 10.19 cyst/time) and significant different from the others ($p < 0.05$). Treatment 4 also had the highest number of nauplii (77.54 ± 11.47 nauplii/time) and significant different from 4 other treatments ($p < 0.05$). In conclusion, in experiment 1, with no different in components of algae, the highest density of algae is the best treatment: treatment 4: N/P ratio 40/1 (5728g Urea + 141g DAP). And in experiment 2, TM4 (Formulated fertilizer algae + 40% formulated feed) is the suitable feeding regime that represented in growth
------	---------	--	--------------------	-------------------------------	------	--

4433	Đại học	Survey on species compositions and fishing status of sea cucumber in Nam Du and Tien Hai island, Kien Giang province	Le, Thanh Tu	Tran, Dac Dinh Nguyen, Thi Ngoc Anh	2018	The study was performed to assess species composition and status of sea cucumber fishery in the South west sea of Kien Giang province. Field sampling of sea cucumber population were conducted in Nam Du and Tien Hai Islands from March to May and October 2018. Results revealed that 14 species belong to 2 families (Holothuridea and Stichopodidea) with 4 genus (Actinopyga, Holothuria, Pearsonothuria and Stichopus) were found, of which the Stichopus spp. was most dominant followed by Pearsonothuria graeffei and Holothuri leucospilota. These species was found in the Islands at the depth from 2 to 25 m. The sizes of these species in term of length varied from 9 to 47 cm and their individual weights were between 16 and 1854 g. Furthermore, the survey was carried out by interviewing directly 54 fishermen in Nam Du and Tien Hai Islands. Surveyed results showed that sea cucumber catching has been only a secondary job and the technique of sea cucumber fishing is simple with scoop net. Fishing season of sea cucumber takes place year round with catching size varied from 0.3 to 2 kg and Stichopus spp. are the target species for catching. Currently, the fishing sea cucumber in the study area has encountered many disadvantage such as unusual weather, deletion of sea cucumber resource, unstable selling price... that resulting in fishing sea cucumber has been soo replaced by catching other marine species (marine fish, snail, squid and others) to obtain high income and to improve the livelihood of fishermen in this region.
4434	Đại học	An investigation on the fluctuation of water quality in garden canals cultures of freshwater prawn in Tra On district, Vinh Long province.	Nguyen, Luong Anh Thu	Duong, Nhut Long	2018	Freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) is one of important aquaculture species in Vietnam. With culturing freshwater prawn, water quality is important because maintaining balanced levels of water quality parameters is fundamental for both the health and growth of culture freshwater prawn. Good water qualit by proper management will help prevent freshwater prawn diseases and create an environment for better growth and higher survival rate. The experiment on freshwater prawn culture were carried-out in Tra On District, Vinh Long Province. The area each ditch 3000 m2 (6 PL15/m2). Prawns were fed by commercial feed (40% protein) combined with fresh feed. Prawns were harvested after 6 months. The results showed that the water quality in cultured system such as water temperature 26.5 - 31.9 oC, water pH 7.0 - 8.2, transparenc 25.9 - 38.4 cm, dissolved oxygen 4.9 - 5.6 mg/L, P-PO43- 0.1 - 1.2 mg/L, N-NH4+ 0.5 - 0.9 mg/L , N-NO2- 0.06 - 0.8 mg/L, COD 25.7 - 69.4 mg/L, chlorophyll-a 24.6 - 80.3 µg/L and H2S 0.02 - 0.1 mg/L were acceptable values for the freshwater prawn growing. The survival rate was recorded from 28.7 to 31.5% and yield ranged from 517 to 567 kg/ha.

4435	Đại học	Occurrence of the mcr colistin resistance genes in extended-spectrum beta-lactamase-producing <i>Escherichia coli</i> from fish samples	Ly, Thi Thanh Van	Tran, Thi Tuyet Hoa	2018	Antimicrobial resistance against colistin has emerged worldwide and is threatening the efficacy of colistin treatment of multi-resistance Gramnegative bacteria. Recent studies recorded that extended-spectrum betalactamase-producing <i>Escherichia coli</i> (ESBL producing <i>E. coli</i>) isolates existed in striped catfish, red tilapia and wild fish in the Mekong Delta, Vietnam. Therefore, the study is aimed to investigate the presence of mc resistance genes (mcr-1, 3) in the ESBL producing <i>E. coli</i> isolates. A total of 88 ESBL-producing <i>E. coli</i> isolates were used in this study. These strains were isolated from cultured fish (striped catfish and red tilapia) and wild fish samples (unidentified species) collected from Vinh Long, Dong Thap and An Giang provinces. The PCR assays were carried out in a 25 µl reaction mixture. The PCR conditions of mcr genes consist of initial enaturing at 95°C for 5 min, followed by 33 cycles of 95°C for 30s; 58°C for 90s; 72°C for 30s, and a final extension step at 68°C for 10 min. The results showed that there is the existence of mcr colistin resistance genes in ESBL-producing <i>E. coli</i> isolated from striped catfish in the Mekong delta at very low frequency. The results implied that there is a need for the surveillance and control programs for prevention of further spreading of colistin resistance genes.
4436	Đại học	Determination of phytoplankton composition in fry pangasius catfish(<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) rearing ponds induced by nutrient powder	Lam, Phan Kha Anh	Vu, Ngoc Ut	2018	A 12 days nursery trial was conducted to determine phytoplankton composition in <i>Pangasius</i> catfish fry nursery ponds which were fertilized by a commercial nutrient powder. Three different dosages of nutrient powder were used to induce growth of algae including 0.5Kg, 1Kg and 1.5Kg. The study was carried out in Long Xuyen – An Giang during 12 days of nursery stage. Nutrient powder was applied 2 days before stocking, and continued daily until day 10 of rearing period. The result indicated that there were 67 species of Chlorophyta, 16 species of Cyanobacteria, 36 species of Bacillariophyta, 20 species of Euglenophyta and 6 species of Dinophyta. Densities of phytoplankton varied from 5,211,126 inds/m ³ to 59,070,422 inds/m ³ . In the digestive tract of fish, phytoplankton accounted for 0.23% in treatment 1, 0.11% in treatment 2 and 0.13% in treatment 3. This clearly showed that phytoplankton was not favorite food of <i>Pangasius</i> catfish, zooplankton was accounted for more than 99% which clearly showed that they are their favorite food during this stage. Treatment 1 grew better with the average body length of 0.94± 0.29cm compared to 0.89±0.28cm in Treatment 2 and 0.91± 0.32cm in Treatment 3. Lower growth in this state mean higher survivability. Therefore, it can be concluded that the best dose should be applied is 1kg before 2 days of stocking.

4437	Đại học	Effect of different salinities on the susceptibility of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) to <i>Vibrio parahaemolyticus</i> causing acute hepatopancreatic necrosis disease	Mai, Nguyen Anh Thu	Dang, Thi Hoang Oanh	2018	The purpose of this study is to assess the susceptibility of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) to <i>Vibrio parahaemolyticus</i>, a causative agent of acute hepatopancreatic necrosis disease (AHPND), at different salinities. Experimental shrimp (1-2g/individual) were randomly stocked with the density of 45 individuals/plastic tank (45L in volume) containing 30L of sea water (15ppt) with continuous aeration and temperature was maintained around 28-30 °C. Experiment was set up in 12 treatments (in triplicate). Before being challenged with <i>V. parahaemolyticus</i>, salinities in experimental tanks (by group of 6 tanks) were adjusted to 10, 20, 25, 30 and 35 ppt except 15ppt. Three days after being exposed to different salinities, shrimp from six tanks of different salinities (designated as treatment 7, 8, 9, 10, 11 and 12) were immersion challenged with <i>V. parahaemolyticus</i>. The remaining tanks were kept as un-challenged control groups (designated as treatment 1, 2, 3, 4, 5 and 6). After 10 days post challenge, shrimp in all challenged group had significantly higher mortality rate (ranged from $71 \pm 2.8\%$ to $89.9 \pm 4.9\%$) ($P < 0.05$) compare to un-challenged control group (ranged from $1.6 \pm 1.3\%$ to $3.5 \pm 1.3\%$). Shrimps in high salinities (30 and 35 ppt) were more susceptible to <i>V. parahaemolyticus</i> with significant higher cumulative mortality ($80.9 \pm 4.6\%$ and $89.9 \pm 4.9\%$, respectively) compared to shrimp exposed to 10 ppt ($71 \pm 2.8\%$) ($P < 0.05$). However, there was no significant difference in groups exposed to 15, 20 and 25 ppt. The lethal time (LT50) of challenged shrimp displayed a strong correlation with salinities, the LT50 were significantly lower when shrimp were exposed to higher salinities ($P < 0.05$).
------	---------	--	---------------------	----------------------	------	---

4438	Đại học	Technical and financial aspects of freshwater prawn-rice farming system in Ca Mau and Tra Vinh province	Nguyen, Pham Nhat Tan	Truong, Hoang Minh	2018	This study was conducted through the interview of 30 households (per district) applying the giant freshwater prawn - rice - tiger shrimp farming systems in Tra Vinh and Thoi Binh province. The study aimed to evaluate the effects of technical, and economical efficiency of the prawn farming in order to contribute to sustainable development of farming system in the brackish water area of the Mekong Delta. The results showed that the primary reinforcement in agriculture of Ca Mau province has the age range from 25 to 65 while in Tra Vinh province the number is from 23 to 64. The education background in two province quite high but the percent of illiteracy in Tra Vinh is higher than in Ca Mau province. The average yield of cultured shrimp in Ca Mau was 82.4kg/ha/crop with a total cost is 20.5 million VND/ha/crop and total income from aquaculture is 12.4 million VND/ha/crop and a total income from aquaculture is 12.4 million VND/ha/crop, brought about a total net profit of 19.7 million VND/ha/crop. In Tra Vinh, the farms were in average of 1.18 ha, Prawn seed were stocked at average density of 6 inds/m ² and the size is 1.31 cm the total production of shrimp was 115 kg/ha/crop with total cost of 19.5 VND million/ha/crop and total income from aquaculture was 21.65 VND million /ha/crop, brought a total net profit of 26.5 VND million/ha/crop. Major difficulties for shrimp cultured included: (1) difficulties in water management; (2) diseases; and (3) shrimp seed quality.
4439	Đại học	Effects of different calcium levels on growth, survival rate and production of snail (<i>Pila polita</i>) in grow-out period	Phung, Huu Tam	Ngo, Thi Thu Thao	2018	In this study, different calcium levels in the diet were fed in the grow-out period to evaluate the growth and survival rate of black apple snail (<i>Pila polita</i>). There were 5 treatments and 3 replicates in each treatment and the snails were fed with different calcium levels at 1% (Ca1); 3% (Ca3); 5% (Ca5); 7% (Ca7); 9% (Ca9). Two-month-old juveniles with initial body weight, shell height and shell width of 2.13 g, 21.71 mm and 16.35 mm, respectively were reared in the tarpaulin tanks (1 × 1 × 1 m; 40 cm water depth) at the density of 100 inds/tank. After 4 months of rearing period, the average body weight, shell height and shell width of the snail reached the highest value in Ca5 (28.43 g; 54.97 mm; 40.09 mm, respectively) and that was significant difference (p<0.05) compared to the remaining calcium contents. The survival rate of snails in Ca3 (75.7%) was higher than in Ca1, Ca5, Ca7, and Ca9. However, the survival rate was not significant difference among treatments (p>0.05). Snails in Ca5 obtained the highest productivity (2.88 kg/m ²) compared to Ca3 and Ca7, and that was significant difference (p<0.05) compared to Ca1 or Ca9. The results of this study showed that the growth rate and productivity of black apple snail were highest when the feeding diet contained 5% calcium.

4440	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thâm canh ở tỉnh Sóc Trăng	Trần, Anh Thư	Trần, Minh Phú	2018	Nhiều loại hóa chất, chế phẩm sinh học được sử dụng để xử lý nền đáy, nước trong ao nuôi tôm thâm canh và trong suốt quá trình nuôi trên các trang trại tôm nuôi ở Sóc Trăng thông qua phỏng vấn 60 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở 3 huyện Cù Lao Dung, Trần Đề và Vĩnh Châu nhằm cung cấp thông tin về tình hình sử dụng thuốc hóa chất, các bệnh thường gặp và kỹ thuật nuôi tôm. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên tôm thẻ chân là bệnh gan tụy 55%, phân trắng với tỷ lệ là 33%, đốm đen với tỷ lệ 20% do người nuôi báo cáo. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng hầu hết dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là amoxiciline (31,6%), cotrim (31,6%), ciprofloxacin (23,3%), oxytetracycline (20%) và tetracycline (13,3%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn như enrofloxacin (cấm năm 2012) và ciprofloxacin (cấm năm 2016) đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng. Các hộ nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh nhằm tăng cường tiêu hóa thức ăn và cải thiện chất lượng nước, các loài vi sinh phổ biến là <i>Bacillus subtilis</i> và <i>B. licheniformis</i> . Bài viết này cung cấp thực trạng sử dụng các loại thuốc và hóa chất trong xử lý ao nuôi tôm thâm canh trong vùng để hiểu rõ những tác động đến môi trường để từ đó có những biện pháp khắc phục cho một vụ mới.
4441	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn bổ sung LP20, lên tăng trưởng, tỉ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra (<i>Pagasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, T Thanh Trúc	Trần, Thị Thanh Hiền	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá sự ảnh hưởng của thức ăn bổ sung LP20 lên tăng trưởng, tỉ lệ sống và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá tra. Sử dụng cá tra 3 tuần tuổi(khoảng 0,061g/con) để bố trí thí nghiệm, sử dụng thức ăn công nghiệp 45% đậm chứa LP20 ở các mức là 0 ppm, 50 ppm, 100 ppm, 250 ppm, mỗi nghiệm thức được lặp lại 4 lần nuôi trong hệ thống tuần hoàn trong vòng 60 ngày, mật độ 2 con/lít (mỗi bể chứa 150 lít nước), cá được cho ăn 2 lần/ngày cho ăn tối đa theo nhu cầu và ghi nhận lại lượng thức ăn cá ăn mỗi ngày. Trong quá trình thí nghiệm các yếu tố nhiệt độ, pH được kiểm tra 3 ngày/lần, NO ₂ NH ₃ DO kiểm tra 1 tuần/lần. Kết quả thu được sau 60 ngày thí nghiệm là: nghiệm thức 4 (250 ppm LP20) có tỉ lệ sống cao nhất trong 4 nghiệm thức (23,6%) khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các thí nghiệm còn lại ($p < 0,05$), tăng trưởng tốt nhất về khối lượng (18,1g) và giảm dần qua các nghiệm thức còn lại. Ở nghiệm thức 1 (0 ppm LP20) tỉ lệ sống thấp (13,8%), tăng trưởng chậm (14,2g). Hệ số tiêu tốn thức ăn thì cho kết quả ngược lại so với số liệu tăng trưởng, tuy nhiên FCR của 3 nghiệm thức chứa LP20 khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), FCR của nghiệm thức 1 (0 ppm LP20) là cao nhất (1,06) và thấp nhất là 0,78 ở nghiệm thức 4 (250 ppm LP20). Kết quả cho thấy việc bổ sung LP20 vào thức ăn đã giúp cá phát triển tốt hơn tỉ lệ sống cao hơn và có ảnh hưởng tích cực đến FCR của cá (đặc biệt tốt nhất ở mức 250 ppm LP20).

4442	Đại học	Ảnh hưởng của đậu tằm (<i>Vicia faba</i>) lên sinh trưởng và chất lượng thịt của cá tra (<i>Pagasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Đăng Khoa	Nguyễn, Thanh Phương	2018	Nghiên cứu sự ảnh hưởng thức ăn có kết hợp với đậu tằm (<i>Vicia faba</i>) đến thành phần sinh hóa của cá tra (độ ẩm, protein, tro và béo) và cấu trúc cơ thịt. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức (NT): nghiệm thức 1 (NT1) cho cá ăn hoàn toàn bằng thức ăn công nghiệp (TACN), nghiệm thức 2 (NT2) cho cá ăn 90% TACN với 10% đậu tằm, nghiệm thức 3 (NT3) cho cá ăn 80% TACN kết hợp 20% đậu tằm, nghiệm thức 4 (NT4) cho cá ăn 70% TACN kết hợp 30% đậu tằm. Kết quả sau 2 tháng nuôi, hàm lượng protein của cá nuôi bằng đậu tằm ở NT3 là 17,16% (khối lượng tươi) cao hơn so với các NT còn lại. Cấu trúc có sự khác biệt rõ rệt về độ săn chắc giữa cơ thịt nuôi bằng đậu tằm so với cơ thịt cá nuôi bằng TACN từ 54,33-69,83 g.cm. Đánh giá cảm quan cho thấy mẫu cá nuôi bằng đậu tằm cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các mẫu còn lại.
4443	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thâm canh ở tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Nguyễn, Quốc Thịnh Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn 60 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở 2 huyện Bình Đại và Thạnh của tỉnh Bến Tre nhằm cung cấp thông tin về tình hình sử dụng thuốc hóa chất, các bệnh thường gặp và kỹ thuật nuôi tôm. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên tôm thẻ chân trắng là bệnh gan tụy (56,7%-63,3%), phân trắng với tỷ lệ là 50% đến 63,3% do người nuôi báo cáo. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là amoxicilline (20-30%), cotrim (16,7-26,7%), ciprofloxacin (20%), oxytetracycline (10-26,67%) và cefotaxim (16,7%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng không nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn ngoại trừ enrofloxacin (cấm năm 2012) và iprofloxacin (cấm năm 2016) đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng. Hầu hết các hộ nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh trộn vào thức ăn để tăng cường khả năng tiêu hóa và tạt vào ao nuôi nhằm cải thiện chất lượng nước, nhưng chất lượng các sản phẩm này thì không được biết rõ, các loài phổ biến là <i>Bacillus subtilis</i> , <i>B. licheniformis</i> , <i>B. megaterium</i> . Vì vậy cần phổ biến cho người nuôi kỹ hơn về sử dụng thuốc và hóa chất hiệu quả để bảo đảm về tính an toàn vệ sinh thực phẩm.

4444	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp mật độ và thức ăn lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá kèo (<i>Pseudapocryptes elongatus</i>) giống	Đinh, Thị Diễm My	Huỳnh, Thanh Tới	2018	Thí nghiệm ảnh hưởng kết hợp giữa mật độ (100; 200 và 300 con/m ²) và loại thức ăn (thức ăn viên; Artemia tươi sống và Artemia đông lạnh) lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá kèo (<i>Pseudapocryptes elongatus</i>) được thực hiện nhằm tìm ra mật độ và loại thức ăn thích hợp cho cá. Cá kèo giống tự nhiên với chiều dài và khối lượng ban đầu là 2,7 cm/cá thể và 0,51 g/cá thể được bố trí nuôi trong bể 250L chứa 100L nước 5‰. Kết quả cho thấy sau 30 ngày ương, chiều dài cá dao động từ 4,93-7,75 cm/cá thể và khối lượng dao động từ 3,88-6,49 g/cá thể. Khi so sánh cùng mật độ thì cá cho ăn bằng thức ăn viên có kích cỡ và khối lượng lớn hơn cá cho ăn bằng Artemia tươi sống và đông lạnh, và khi so sánh cùng loại thức ăn thì cá kèo nuôi ở mật độ 100 con/m ² có kích cỡ và khối lượng lớn hơn cá nuôi ở mật độ cao. Khối lượng cá cho ăn bằng thức ăn viên ở mật độ 100 con/m ² lớn hơn có ý nghĩa so với cá nuôi ở mật độ 200 và 300 con/m ² . Đối với Artemia tươi sống và Artemia đông lạnh thì cá ở mật độ 100 con/m ² có khối lượng cao hơn không có ý nghĩa so với cá ở các mật độ còn lại. Nhìn chung, cả mật độ và loại thức ăn có tác động riêng lẻ lên chiều dài và khối lượng cá, nhưng không có tác động tương tác với nhau lên chiều dài và khối lượng của cá.
4445	Đại học	Ảnh hưởng của các phương thức bổ sung chế phẩm vi sinh lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) giống	Bùi, T Như Quỳnh	Huỳnh, Thanh Tới	2018	Thí nghiệm thực hiện nhằm đánh giá phương thức bổ sung chế phẩm sinh học lên sự phát triển và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) giai đoạn giống. Thí nghiệm được bố trí với 05 phương thức: Không sử dụng men vi sinh hay probiotic (NT1-ĐC1), bổ sung chuỗi vào thức ăn (NT2), probiotic bổ sung vào nước ương (NT3), probiotic trộn vào thức ăn (NT4), probiotic trộn vào thức ăn và có áo chuỗi (NT5). Tôm có khối lượng và chiều dài ban đầu lần lượt là 0,06±0,02 g/cá thể; 1,48±0,3cm/cá thể. Mật độ ương 2con/L ở độ mặn 20‰. Kết quả sau 30 ngày ương cho thấy tỉ lệ sống của tôm khá cao ở NT3 (90%), cao hơn có ý nghĩa so với tôm ở NT1 (70,3%), nhưng cao hơn không có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Chiều dài và khối lượng của tôm có cải thiện ở tất cả các nghiệm thức bổ sung probiotic có ý nghĩa (p<0,05) so với tôm cho ăn 100% thức ăn viên. Tăng trưởng chiều dài và khối lượng tôm cao nhất ở NT3 (4,9 cm/cá thể; 0,76g/cá thể), kế đến là tôm ở NT4 (4,7cm/cá thể; 0,71 g/cá thể), lớn hơn có ý nghĩa so với tôm ở NT1 (3,2cm/cá thể; 0,27 g/cá thể). Sử dụng probiotic trong ương tôm thẻ không những cải thiện tăng trưởng về chiều dài và khối lượng mà còn làm tăng tỉ lệ sống của tôm đáng kể. Từ kết quả của thí nghiệm này có thể khẳng định phương pháp tạt probiotic vào nước hay trộn probiotic vào thức ăn đã cải thiện tốt tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng.

4446	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ở tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Trường Kha	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn 51 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở 2 huyện Phú Tân và Đầm Dơi của tỉnh Cà Mau nhằm cung cấp thông tin về tình hình sử dụng thuốc hóa chất, các bệnh thường gặp và kỹ thuật nuôi tôm. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên tôm thẻ chân là bệnh gan tụy (86,7-100%), phân trắng với tỷ lệ là 54,5% do người nuôi báo cáo. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng hầu hết dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là ciprofloxacin (31,8%), cotrim (22,7%) và xyetetracycline (18,2%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn như: enrofloxacin (cấm năm 2012) và ciprofloxacin (cấm năm 2016) đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng. Vì vậy cần phổ biến cho người nuôi kỹ hơn về sử dụng thuốc và hóa chất hiệu quả để bảo đảm về tính an toàn vệ sinh thực phẩm.
4447	Đại học	Nhu cầu protein của cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở các mức lipid khác nhau	Trần, Mai Như	Phạm, Thanh Liêm	2018	Nghiên cứu xác định nhu cầu protein của cá lóc đen (<i>Channa striata</i>) ở các mức lipid khác nhau được tiến hành nhằm cung cấp dữ liệu cơ bản cho việc tối ưu hóa thức ăn cá lóc. Thí nghiệm được bố trí gồm 6 nghiệm thức thức ăn với 3 mức protein (40%, 45%, 50%) và 2 mức lipid (7% và 10%), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Cá thí nghiệm có khối lượng ban đầu 10g/con được nuôi trong bể 200 L với mật độ 30 con/bể. Sau 60 ngày nuôi, tỉ lệ sống của cá thí nghiệm từ 71,1% đến 86,7% và không bị ảnh hưởng bởi thức ăn có hàm lượng protein và năng lượng khác nhau. Hệ số thức ăn (FCR) của cá thấp nhất (0,8) ở nghiệm thức thức ăn 45% protein và 50% protein ở mức lipid 10%. Hiệu quả sử dụng protein (PER) cao nhất (2,6) ở nghiệm thức lipid 7%- protein 40% và thấp nhất (2,1) ở nghiệm thức lipid 7%- protein 50%. Protein của cơ thể cá (trong khoảng 4,1 – 5,1 %) chịu ảnh hưởng của hàm lượng protein của thức ăn thí nghiệm. Hàm lượng ẩm và tro trong cơ thể cá không thể hiện rõ mối quan hệ với hàm lượng protein và năng lượng trong thức ăn. Ở mức lipid 7%, nhu cầu protein cho sự tăng trưởng tối ưu của cá lóc đen từ 43-45%.

4448	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc ở các mật độ khác nhau	Nguyễn, Long Giang	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra mật độ ương ấu trùng thích hợp lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng ương theo công nghệ biofloc. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức (i) mật độ ương 150 con/L, (ii) mật độ ương 200 con/L, (iii) mật độ ương 250 con/L; (iv) mật độ ương 300 con/L, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, bể ương có thể tích 500 lít, độ mặn 30‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy chiều dài Postlarvae 12 ở nghiệm thức có mật độ ương 150 con/L ($11,59 \pm 0,16$ mm) và nghiệm thức có mật độ ương 200 con/L ($11,49 \pm 0,38$ mm) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với hai nghiệm thức còn lại. Ở Postlarvae 12 tỷ lệ sống ở nghiệm thức có mật độ ương 150 con/L ($58,7 \pm 7,9\%$) và nghiệm thức có mật độ ương 200 con/L ($55,0 \pm 3,0\%$) lần lượt có năng suất (88 ± 12 con/lít) và (110 ± 6 con/lít) cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Vậy mật độ ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng 150 - 200 con/L theo công nghệ biofloc là tốt nhất.
4449	Đại học	Ảnh hưởng của hàm lượng lipid trong thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) ở giai đoạn giống	Nguyễn, Du	Lê, Quốc Việt	2019	Nghiên cứu xác định ảnh hưởng của hàm lượng lipid trong thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu ở giai đoạn giống từ đó tìm ra hàm lượng lipid thích hợp để nâng cao tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu giống góp phần xây dựng công thức thức ăn ương cá nâu giống. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 3 nghiệm thức: nghiệm thức có 6% lipid, 9% lipid, 12 % lipid và được lặp lại 4 lần. Cá nâu có khối lượng trung bình ban đầu là 1,28-1,40g/con và chiều dài 2,77-2,78cm/con được ương ở độ mặn 15‰, được cho ăn 4 lần/ngày. Kết quả nghiên cứu đã được ghi nhận, sau 56 ngày thí nghiệm, các yếu tố môi trường nước đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của cá nâu. Trong đó, cá nâu ương khi cho ăn thức ăn với hàm lượng 9% lipid đạt chiều dài và khối lượng tốt nhất, tăng trưởng tuyệt đối ($0,115$ g/ngày) và tăng trưởng tương đối ($3,182\%$ /ngày) là cao nhất và có khác biệt ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống ở các nghiệm thức là 100%, hệ số thức ăn ở nghiệm thức 9% lipid đạt thấp nhất 2,35 và sinh khối thu được là cao nhất 1,94 (kg/m ³), khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Như vậy, có thể ương cá nâu đạt tốt nhất ở thức ăn có hàm lượng lipid là 9%.

4450	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ C/N khác lên tăng trưởng và tỷ lệ sống trong ương giống tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ biofloc	Nguyễn, Quốc Thắng	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm xác định tỉ lệ C/N thích hợp cho sự tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng giống áp dụng công nghệ biofloc. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức tỉ lệ C/N: (i) 10; (ii) 15; (iii) 20 và (iv) 25. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Tôm được ương theo công nghệ biofloc với tỷ lệ C/N khác nhau và sử dụng ri đường để bổ sung nguồn carbohydrate. Bể ương có thể tích 1.000L ương với mật độ 2.000 con/m ³ . Tôm nuôi có khối lượng ban đầu 0,005g. Sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của tôm về khối lượng ở các nghiệm thức sai khác nhau không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$), kết quả nghiên cứu cho thấy chiều dài và khối lượng ở nghiệm thức C/N=10 tôm có chiều dài trung bình $2,86\pm0,34$, khối lượng trung bình $0,28\pm0,07$ có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) và tỷ lệ sống đạt $96,51\pm1,56$ khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Vì vậy ương giống tôm thẻ chân trắng với tỉ lệ C/N=10 theo công nghệ biofloc là tốt nhất.
4451	Đại học	Nghiên cứu ương cá nâu (Scatophagus argus) trong ao đất từ giai đoạn cá hương lên giống với mật độ khác nhau	Nguyễn, Trung Nguyên	Lý, Văn Khánh Lê, Quốc Việt	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra mật độ thích hợp để ương giống cá nâu (Scatophagus argus) trong ao đất. Nghiên cứu được thực hiện tại trại thực nghiệm artemia Vĩnh Châu Sóc Trăng từ tháng 11/2018 đến tháng 04/2019. Thí nghiệm thực hiện trong ao đất, mỗi ao có diện tích 100m ² , với 3 nghiệm thức mật độ ương là 10, 20 và 31 con/m ² , mỗi nghiệm thức được lặp lại 2 lần. Cá thí nghiệm có nguồn gốc từ tự nhiên và kích cỡ ban đầu là 0,11 g/con. Cá được cho ăn thức ăn chìm Grobest có hàm lượng đạm 40%. Kết quả sau 50 ngày ương cho thấy cá có tỉ lệ sống cao nhất là 46,9% của nghiệm thức 20 con/m ² và thấp nhất là 10 con/m ² (30,1%). Tu nghiên kết quả tỉ lệ sống khác của cá ở hai giai đoạn đều khác biệt không có ý nghĩa ($P>0,05$). Về tăng trưởng, chiều dài và khối lượng trung bình của cá ở các nghiệm thức, dao động tương ứng 21,5 - 31 mm/con và 0,68 – 2,16 g/con. Nhìn chung, các nghiệm thức ương thể hiện ưu điểm tăng trưởng nhanh nhưng tỉ lệ sống thấp.

4452	Đại học	Khảo sát chất lượng nước trong bể nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) được xử lý nước bằng plasma lạnh	Lê, Pha Rát	Võ, Thành Toàn Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Khảo sát chất lượng nước trong bể nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) được xử lý plasma lạnh được theo dõi ở 3 nghiệm thức. Ba nghiệm thức bao gồm: Ao nước nguồn, ao 1 (nước nguồn qua xử lý plasma), ao 2 (nước nguồn được bơm trực tiếp vào ao). Cá lóc giống được thả vào nuôi ở ao 1, ao 2 vào ngày thứ 2 sau khi cấp nước vào ao nuôi. Mẫu được thu cả 3 ao liên tục trong 7 ngày đầu và sau đó thu mẫu 15 lần tiếp theo ở ao 1 và ao nguồn, mỗi lần thu cách nhau 7 ngày. Kết quả theo dõi trong 7 ngày đầu tiên cho thấy chất lượng nước ở ao nguồn, ao 2 đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của đối tượng nuôi. Riêng ở ao 1 chất lượng nước khi cấp vào các chỉ tiêu đều nằm trong khoảng tối ưu cho sự phát triển của sinh vật nhưng sau 7 ngày nuôi chất lượng nước ao nuôi giảm, thể hiện rõ ở oxy hòa tan (DO) từ 7,4 mg/l giảm xuống 1,0 mg/l. Kết quả của các ngày còn lại cho thấy chất lượng nước ở ao 1 giảm rõ rệt ở các lần thu mẫu cuối như: DO <0,5 mg/l, TAN đạt cao nhất 19,11 mg/l, TSS lên đến 700 mg/l, COD 243,4 mg/l. Qua kết quả trên cho thấy việc cấp nước vào để chuẩn bị cho ao nuôi ban đầu xử lý bằng plasma lạnh hoàn toàn tốt cho hệ thống nuôi, nhưng trong quá trình nuôi cần thay đổi cách chăm sóc
4453	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thâm canh ở tỉnh Bạc Liêu	Lê, T Mỹ Anh	Trần, Minh Phú	2018	Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn 60 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Hòa Bình và thành phố Bạc Liêu của tỉnh Bạc Liêu nhằm cung cấp thông tin về tình hình sử dụng thuốc hóa chất, các bệnh thường gặp và kỹ thuật nuôi tôm. Kết quả cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên tôm thẻ chân trắng là bệnh gan tụy (53,3%- 83,3%) và phân trắng với tỷ lệ (36,7%- 50,0%) do người nuôi báo cáo. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là cotrim (20%-30%), oxytetracycline (13,3%-20%) và ciprofloxacin (13,3%-20%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn như chloramphenicol (cấm năm 2005), enrofloxacin (cấm năm 2012) và ciprofloxacin (cấm năm 2016) đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng. Hầu hết các hộ nuôi sử dụng chế phẩm vi sinh nhằm tăng tiêu hóa thức ăn và cải thiện chất lượng nước dù chất lượng thì không rõ ràng. Các loài vi sinh phổ biến là <i>Bacillus subtilis</i>, <i>B. licheniformis</i> and <i>B. acidophilus</i>. Vì vậy cần phổ biến cho người nuôi kỹ hơn về sử dụng thuốc và hóa chất hiệu quả để bảo đảm về tính an toàn vệ sinh thực phẩm.

4454	Đại học	Ảnh hưởng của sốc độ mặn lên tỷ lệ sống và sinh sản của artemia	Phạm, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Văn Hòa	2018	Nghiên cứu được thực hiện ở bốn giai đoạn sống của Artemia: Nauplius (ấu trùng), Juveniles (ấu niên), Preadults (tiền trưởng thành) và Adults (trưởng thành). Artemia ở các giai đoạn được gây sốc giảm với các độ giảm tương ứng 0, 10, 20, 30 và 40‰ so với môi trường nuôi chuẩn (80‰) nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc sốc độ mặn đến tỷ lệ sống, chiều dài và khả năng sinh sản của Artemia. Kết quả cho thấy việc gây sốc độ mặn ở những mức khác nhau tuy không ảnh hưởng nhiều đến chiều dài nhưng ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của Artemia. Chiều dài của Artemia ở các giai đoạn hầu như khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) giữa các nghiệm thức nhưng tỷ lệ sống thì ngược lại. Tỷ lệ sống thấp nhất ở giai đoạn Nauplius khi sốc giảm xuống 40‰ (26,06%). Kết quả cũng cho thấy việc gây sốc độ mặn không làm ảnh hưởng nhiều đến sức sinh sản của Artemia nhưng ảnh hưởng đến phương thức và chu kỳ sinh sản của Artemia, chu kỳ sinh sản có khuynh hướng kéo dài khi độ sốc giảm xuống càng nhiều. Nhìn chung, việc gây sốc độ mặn từ 30‰ và 40‰ mặc dù không làm ảnh hưởng đến chiều dài nhưng tác động đáng kể đến tỷ lệ sống và sinh sản của Artemia.
4455	Đại học	Sử dụng các dạng sinh khối artemia khác nhau để ương tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Nguyễn, Duy Khánh	Nguyễn, Văn Hòa Lê, Văn Thông	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định dạng sinh khối Artemia thích hợp nhất trong ương tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) để cho kết quả tối ưu về tăng trưởng và tỉ lệ sống của hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng từ PL10 đến PL40. Thí nghiệm bao gồm 4 nghiệm thức thức ăn: i) thức ăn Grobest chuyên dùng cho tôm thẻ (Pcom), ii) sinh khối Artemia tươi (ArtLive), iii) sinh khối Artemia đông lạnh (ArtFrozen), iv) sinh khối Artemia ngâm trong nước muối bão hòa (ArtBrine). Các nghiệm thức được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên và mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Tôm thí nghiệm có chiều dài ban đầu trung bình là 9,22 mm (tương đương 0,009 g/con). Mật độ ương là 10 con/lít với thời gian ương kéo dài 35 ngày Kết quả sau 35 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của tôm về chiều dài và khối lượng ở các nghiệm thức khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Chiều dài và khối lượng đạt cao nhất ở nghiệm thức ArtFrozen lần lượt là 51,13 mm và 0,877g, thấp nhất ở nghiệm thức ArtBrine lần lượt là 47,22 mm và 0,724g. Tỉ lệ sống cao nhất lần lượt ở 2 nghiệm thức ArtFrozen và ArtLive tương ứng là 88,89% và 85,67%, thấp nhất ở nghiệm thức ArtBrine(81,22%). Tỉ lệ sống ở các nghiệm thức khác biệt có ý nghĩa thống kê so ($p<0,05$). Chính vì vậy, việc sử dụng sinh khối Artemia tươi và đông lạnh để ương hậu ấu trùng tôm thẻ là tốt nhất.

4456	Đại học	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc kết hợp cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) với mật độ khác nhau	Lê, Thùy My	Lê, Quốc Việt	2019	Nghiên cứu nhằm xác định mật độ cá nâu thích hợp trong mô hình nuôi ghép với tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc (C:N = 15:1). Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức mật độ cá nâu khác nhau (0; 15; 30 và 45 con/m ³) và mỗi nghiệm thức được lặp lại 5 lần. Tôm thẻ chân trắng được nuôi ghép ở mật độ 150 con/m ³ . Bể thí nghiệm có thể tích 0,5 m ³ /bể (chứa 0,35 m ³ nước), nước có độ mặn 15 ‰ và độ kiềm bố trí là 124,6 mg CaCO ₃ /L. Kích thước trung bình tôm thẻ chân trắng và cá nâu bố trí lần lượt là 0,42±0,12 g (3,57±0,35 cm) và 3,43±0,89 g (3,91±0,39 cm). Sau 56 ngày nuôi, các yếu tố môi trường nước nằm trong hoàng thích hợp cho sự phát triển của tôm thẻ chân trắng và cá nâu. Tôm thẻ chân trắng kết hợp với cá nâu ở mật độ 15 con/m ³ đạt chiều dài trung bình cao (10,41 cm/con), có tốc độ tăng trưởng về chiều dài nhanh. Mặc khác năng suất, FCR, khối lượng, tốc độ tăng trưởng về khối lượng và tỷ lệ sống thu được ở tất cả các mật độ nuôi không có khác biệt có ý nghĩa thống kê (p>0,05).
4457	Đại học	Khảo sát thành phần loài và đặc điểm sinh hóa của một số loài hải sâm ở quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Trần, Thị Diễm Hằng	Lý, Văn Khánh	2018	Khảo sát thành phần loài và thành phần hóa học của hải sâm ở quần đảo Nam Du, huyện Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5/2018. Quaba đợt thu mẫu đã bắt gặp 11 loài hải sâm thuộc 2 họ (Holothuridea và Stichopodidea) với 4 giống (Actinopyga, Holothuria, Pearsonothuria và Stichopus). Ba loài gồm Pearsonothuria graeffei, Holothuria leucopilota và Stichopus variegatus chiếm ưu thế hơn các loài còn lại. Hàm lượng nước thịt hải sâm tươi dao động 87,47-92,32%, protein: 41,22-65,36%, lipid: 1,24-5,15% và tro 23,12-38,21%. Kết quả này cho thấy thành phần hóa học của hải sâm khác nhau theo loài, trong đó loài H. scabr có hàm lượng nước thấp nhất và hai loài H. leucopilota và S. variegatus có hàm lượng nước cao nhất, loài H. atra có hàm lượng protein cao nhất nhưng lipid lại thấp nhất, ngược lại loài H. leucopilota có hàm lượng protein thấp nhất nhưng hàm lượng lipid cao nhất so với các loài còn lại. Loài Stichopus hermanni có hàm lượng tro thấp nhất và khác nhau có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với các loài khác.

4458	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm bột trứng (IGY) lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	Nguyễn, Chí Thắng	Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu nhằm xác định số lần thay thế chế phẩm bột trứng (IGY) thích hợp để nâng cao tỉ lệ sống trong ương ấu trùng cua biển. Nghiên cứu được thực hiện với các nghiệm thức thay thế IGY khác nhau: 0 lần IGY/ngày; 1 lần IGY/ngày; 2 lần IGY/ngày; 3 lần IGY/ngày và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể thí nghiệm có thể tích 0,5 m ³ , mật độ ấu trùng 300 con/L và nước có độ mặn 30‰. Sau 10 ngày, ấu trùng ở các nghiệm thức đều chuyển sang zoea 4 hoàn toàn thì tiến hành chuyển sang bể 2 m ³ (1,5 m ³ nước). Tỷ lệ sống ở các nghiệm thức giai đoạn từ zoea 1 – zoea 4 đạt từ 52,02 – 59,97%, nhưng khác biệt không ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Sau 21 ngày ương, tỷ lệ sống của cua 1 ở các nghiệm thức dao động từ 1,18 – 3,40%. Trong đó tỉ lệ sống của cua 1 cao nhất ở nghiệm thức đối chứng (0 lần IGY/ngày; $3,40\pm0,63\%$), khác biệt không có ý nghĩa so với nghiệm thức 1 lần IGY/ngày và 3 lần IGY/ngày ($p>0,05$), nhưng khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$)so với nghiệm thức thay thế 2 lần IGY/ngày ($1,81\pm0,47\%$). Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ương ấu trùng cua biển ở nghiệm thức đối chứng (0 lần IGY/ngày) là thích hợp nhất.
4459	Đại học	Ảnh hưởng của lipid lên sự phát triển tuyến sinh dục của cầu gai đen (<i>Dianema setosum</i> Leske, 1778).	Nguyễn, Thị Sáu Hua	Hứa, Thái Nhân	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định hàm lượng lipid phù hợp cho sự phát triển tuyến sinh dục của cầu gai đen <i>Diadema setosum</i> . Nghiên cứu được thực hiện gồm 4 nghiệm thức (NT): NT 1 là nghiệm thức đối chứng với mức 3% lipid (NT3%), nghiệm thức 2 (NT5%), 3 (NT7%) và 4 (NT9%) tương ứng với các mức lipid là 5%, 7% và 9%. Mỗi nghiệm thức được bố trí 3 lần lặp lại với 10 con cầu gai/bể, tổng cộng 30 con/nghiệm thức. Cầu gai được cho ăn thức ăn viên 1 lần/ngày lúc 18h với khẩu phần 1,5-2,0% khối lượng thân. Thời gian thí nghiệm là 3 tháng. Kết quả cho thấy sự tăng trưởng về khối lượng và hệ số thành thực GSI khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức lipid khác nhau. Tuy nhiên, sự phát triển các giai đoạn thành thực tuyến sinh dục khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$) sau 90 ngày nuôi, trong đó cao nhất là ở nghiệm thức NT7%. Kết quả này cho thấy thức ăn chế biến có hàm lượng lipid 7% có được sử dụng để nuôi vỗ thành thực cầu gai đen.

4460	Đại học	Nghiên cứu khả năng nuôi sinh khối artemia trong môi trường nước muối biển kết hợp bioflocs	Võ, Trần Như Quỳnh	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Trong thí nghiệm này Artemia được nuôi ở 3 tỷ lệ thay thế (TLTT) nước biển bằng nước muối là 0% (đối chứng); 50 và 100% với hai phương thức có và không có ứng dụng bio-floc, kết hợp của hai nhân tố này cho ra tổ hợp gồm 8 nghiệm thức (NT), có ba lần lặp lại cho mỗi NT. Artemia được bố trí nuôi trong các bình nhựa có thể tích 5L chứa 3L nước nuôi, mật độ 500 nauplii/L, độ mặn 30‰ và được theo dõi trong 4 tuần. Trong hai ngày đầu Artemia được cho ăn tảo tươi Chaetoceros sau đó thay thế bằng thức ăn chuyên dụng cho Artemia. Đối với các NT ứng dụng bio-floc, ri đường được đưa vào bể nuôi từ ngày thứ 5 và tuần tự bổ sung sau đó theo hàm lượng TAN trong nước. Kết quả thí nghiệm cho thấy đa số các chỉ tiêu theo dõi trong thí nghiệm như tỷ lệ sống, tăng trưởng và các chỉ tiêu sinh sản cũng như sinh khối đều khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) giữa các nghiệm thức ngoại trừ tỷ lệ tham gia sinh sản, việc này cho thấy nuôi Artemia bằng nước muối là hoàn toàn có thể và việc áp dụng bio-floc mang lại hiệu quả hơn như Artemia khi nuôi kết hợp bio-floc thì thu được sinh khối cao hơn so với các nghiệm thức đối chứng cùng mức thay thế. Nhìn tổng thể thì việc ứng dụng bio-floc mặc dù không tăng sinh khối thu có ý nghĩa so với nuôi trong nước biển bình thường nhưng nó tiết giảm được khoảng 13,3% thức ăn và lượng nước thay thế cũng như công lao động.
4461	Đại học	Khảo sát hiện trạng và cơ cấu nuôi trồng thủy sản trên vùng artemia-muối tỉnh Sóc Trăng	Trần, Phước Nghĩa	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 60 hộ của ba xã Vĩnh Phước, Vĩnh Tân và Lai Hòa, nhằm khảo sát hiện trạng, cơ cấu nuôi trồng thủy sản trên vùng chuyên canh Artemia-muối tỉnh Sóc Trăng. Kết quả cho thấy đa phần các hộ nuôi áp dụng mô hình nuôi đơn, mùa khô nuôi Artemia trên toàn bộ diện tích, trong khi mùa mưa nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng hay cá kèo, cua biển chỉ với khoảng 55% diện tích. Kết quả cũng cho thấy, sản lượng và năng suất Artemia năm 2018 tăng đột biến so với năm 2017, cụ thể sản lượng trứng tăng gần gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2017, sản lượng sinh khối tăng gấp 3 lần do thời tiết thuận lợi, đem lại lợi nhuận trung bình 66 triệu/hộ/vụ cho khoảng 1,95 ha canh tác. Ngược lại năng suất sản lượng của các mô hình nuôi mùa mưa không cao chủ yếu do yếu tố thị trường (đầu ra) dẫn đến tỷ suất lợi nhuận không cao, tỷ suất lợi nhuận của mùa mưa dao động 0,45-0,88 tùy thuộc đối tượng nuôi. Trong khi đó tỷ suất lợi nhuận của mùa khô lại khá cao (1,59), thu nhập lại ổn định vì giá trứng tươi ít thay đổi trong vài năm trở lại đây và giữ vai trò chủ lực trong kinh tế nông hộ. Kết quả từ khảo sát cũng cho thấy người dân ở khu vực Vĩnh Châu Sóc Trăng ý thức được sự bất lợi của biến đổi khí hậu- thời tiết thay đổi bất thường, đồng thời với những khó khăn khác như thiếu vốn đầu tư, thiếu liên kết cho đầu ra sản phẩm cũng như nguồn nhân lực ế

4462	Đại học	Khảo sát hiện trạng khai thác và tiêu thụ bào ngư (Haliotis sp) tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Hữu Trọng	Ngô, Thị Thu Thảo	2019	Khảo sát hiện trạng khai thác và tiêu thụ bào ngư ở Quần đảo Nam Du được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 04 năm 2019, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 40 hộ dân khai thác thủy sản. Kết quả cho thấy bào ngư được khai thác quanh năm ở quanh các Quần đảo Nam Du tập trung từ tháng 2 đến tháng 5 hằng năm. Có 1 loại ngư cụ duy nhất được sử dụng để khai thác bào ngư là cây móc. Mùa mưa sản lượng khai thác bào ngư thấp hơn mùa khô (0,5kg/vụ/hộ và 3 kg/vụ/hộ). Phần lớn ngư dân sống phụ thuộc hoàn toàn vào nghề khai thác hải sản, trong đó tỷ lệ hộ khai thác bào ngư chiếm 12,5 %. Lợi nhuận thu được là 1,71 triệu đồng/vụ. Khó khăn chính của nghề khai thác bào ngư là thời tiết, sự thay đổi bất thường của thời tiết làm ảnh hưởng đến sản lượng khai thác bào ngư ở Quần đảo Nam Du.
4463	Đại học	Khảo sát hiện trạng kỹ thuật và tài chính nghề nuôi cá lồng biển tại tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa	Trần, Công Minh	Võ, Nam Sơn Lý, Văn Khánh	2018	Đề tài khảo sát hiện trạng kỹ thuật và tài chính nghề nuôi cá lồng biển ở tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa từ tháng 9, nhằm làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật nghề nuôi cá lồng. Đề tài đã phỏng vấn trực tiếp 85 hộ nuôi cá bớp và cá chim vây vàng theo mẫu soạn sẵn với những nội dung về khía cạnh kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi. Với mô hình nuôi cá bớp tại Ninh Thuận và Khánh Hòa: thể tích lồng nuôi trung bình là 45,8-71,2 m ³ với mật độ thả nuôi là 1,73-3,33 con/m ³ ; kích cỡ giống trung bình 12,7-13 cm/con; thời gian nuôi từ 8 đến 15 tháng, kích cỡ thu hoạch dao động từ 4,7-5,32 kg/con; tỷ lệ sống của cá nuôi trung bình 75,2-80,8%. FCR trung bình là 23,5-26,5; năng suất trung bình 574,0-1340,8 kg/100 m ³ ; lợi nhuận trung bình của cá nuôi 549,2-2.211 triệu đồng/100 m ³ , tỉ suất lợi nhuận 1,154-2,242. Với mô hình nuôi cá chim vây vàng tại Ninh Thuận và Khánh Hòa thể tích lồng trung bình là 50,4-60,2 m ³ với mật độ thả nuôi là 4,5-12,5 con/m ³ ; kích cỡ giống trung bình 5,2-5,4 cm; thời gian nuôi thường từ 9-11 tháng; kích cỡ cá thu hoạch dao động từ 0,99-1,03 kg/con; tỷ lệ sống thấp trung bình 76,6-85,7%. FCR là 8,3-18,8; năng suất trung bình 353,1 1019,4 kg/m ³ ; lợi nhuận trung bình là 103,5-152,8 triệu đồng/100m ³ ; tỉ suất lợi nhuận 41,6-56,4. Nhìn chung, nghề nuôi cá bớp và cá mú trong lồng ở tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng chưa ổn định. Cần quy hoạch sắp xếp lại vùng nuôi, phát triển con giống nhân tạo và thức ăn viên để đảm bảo nguồn giống đủ và đảm bảo chất lượng, cá tăng trưởng tốt và đạt tỷ lệ sống cao.

4464	Đại học	Khảo sát hiện trạng và nhu cầu ứng dụng mô hình nuôi kết hợp thủy sản và rau màu (Aquaponic) ở tỉnh Vĩnh Long	Võ, Thanh Tuấn	Hứa, Thái Nhân	2019	Đề tài được thực hiện ở tỉnh Vĩnh Long, cụ thể tại 2 huyện Bình Minh và Bình Tân, nhằm đánh giá nhu cầu ứng dụng mô hình nuôi kết hợp thủy sản – rau màu (aquaponic) trên địa bàn của tỉnh. Khảo sát được thực hiện dựa trên 3 nhóm mô hình canh tác khác nhau là nhóm mô hình chuyên canh rau màu, nhóm thực hiện mô hình nuôi kết hợp thủy sản – rau màu (aquaponic) và nhóm mô hình chuyên nuôi lươn. Kết quả cho thấy, có khoảng 80% nông hộ biết đến mô hình aquaponic, trong đó có 100% nguồn thông tin các hộ biết được từ cán bộ, 50% từ tivi - truyền hình và 16,7% từ bạn bè. Trung bình tổng chi phí, trung bình tổng thu và trung bình lợi nhuận của mô hình nuôi kết hợp thủy sản – rau màu lần lượt đạt 36446,4±3577,9; 69248,2±6798,1; 32801,7±3220,1 (đơn vị x1000đ/hộ). Bên cạnh đó, có khoảng 73% hộ dân (trong 15 hộ) mong muốn thực hiện mô hình aquaponic từ 2 nhóm; hộ nuôi kết hợp thủy sản – rau màu và nhóm hộ chuyên nuôi lươn thương phẩm. Kết quả khảo sát này cho thấy Aquaponic không những đem lại thu nhập cho người nuôi mà quy trình còn có khả năng giảm thiểu rủi ro, ít tốn chi phí,.. Điều cần làm nhất thiết hiện tại ngay bây giờ đó chính là việc xây dựng hình tượng của aquaponic trong lòng của người nông dân.
------	---------	---	----------------	----------------	------	---

4465	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) ở An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Cần Thơ	Võ, Huỳnh Phúc	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trên cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Đánh giá việc sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi cá tra nuôi ao được thực hiện thông qua phỏng vấn 108 hộ nuôi ở 4 tỉnh An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp và Vĩnh Long. Các thông tin cần thu thập bao gồm: thông tin chung về thể tích, mật độ, số lượng cá thả,...các biểu hiện bệnh theo mô tả của người nuôi, tần suất xuất hiện bệnh, các loại thuốc và hóa chất đã sử dụng và quan điểm của người nuôi về sử dụng thuốc hóa chất. Kết quả khảo sát cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên cá tra là bệnh gan mũ 100% và xuất huyết phù đầu với 95,6% – 100% người nuôi báo cáo. Trước tình hình đó, người dân đã sử dụng nhiều loại thuốc, hóa chất khác nhau để phòng và trị bệnh cho cá. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng vẫn dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn và sử dụng các hóa chất để trị các biểu hiện nhiễm ký sinh trùng. Có tổng cộng 29 loại thuốc và hóa chất đã được sử dụng, trong đó có 11 loại kháng sinh 2 loại dạng hợp chất dùng để trị bệnh cho cá, 14 loại loại hóa chất dùng để xử lý nước, diệt ký sinh trùng và cải tạo ao. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là amoxicillin (55,2%), doxycycline (53%) và florfenicol (33,5%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi cá tra sử dụng không nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ NN&PTNT ngoại trừ enrofloxacin đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng từ năm 2012. Cá bán cho các thương lái hay chợ đầu mối thì không cần kiểm tra kháng sinh dẫn đến mối nguy về tồn lưu kháng sinh trong sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng nội địa. Các loại thảo dược và sản phẩm chiết xuất thảo dược được người dân sử dụng trong nuôi cá tra là 6 loại bao gồm <i>Allium sativum</i>, <i>Eclipta alba</i> Hassk, <i>Phyllanthus urinaria</i> L, <i>Azadirachtin</i>, <i>Combretum dasystachyum</i> nhằm giúp c tăng cường chức năng gan, phòng và trị bệnh ký sinh đường ruột. Tuy nhiên, hầu hết người dân vẫn không đánh giá chính xác được chất lượng và hiệu quả của các loại thuốc, hóa chất và thảo dược đang sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần thiết phải tổ chức tập huấn cho người nuôi về chẩn đoán bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất đúng cách và an toàn trong sử dụng thuốc và hóa chất.
------	---------	---	----------------	--------------------	------	--

4466	Đại học	Nghiên cứu ương giống tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) bằng công nghệ biofloc ở các độ mặn khác nhau	Ung, Thái Luật	Châu, Tài Tào	2018	Nghiên cứu nhằm xác định độ mặn thích hợp cho sự tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng giống áp dụng công nghệ biofloc. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức độ mặn: (i) 10‰; (ii) 15‰; (iii) 20‰ và (iv) 25‰. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Tôm được ương theo công nghệ biofloc với tỷ lệ C:N = 15:1 và sử dụng ri đường để bổ sung nguồn carbohydrate. Bể ương có thể tích 500L ương với mật độ 2000 con/m ³ . Tôm nuôi có khối lượng ban đầu 0,006g. Sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của tôm về khối lượng ở các nghiệm thức sai khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). kết quả nghiên cứu cho thấy chiều dài và khối lượng ở nghiệm thức 15‰ tôm có chiều dài trung bình 4.54 ± 0.06 , khối lượng trung bình 0.79 ± 0.04 và tỷ lệ sống đạt 91.5 ± 1.0 khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Vì vậy ương giống tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ biofloc ở độ mặn 15‰ là tốt nhất.
4467	Đại học	Nghiên cứu ương cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong hệ thống tuần hoàn với mật độ khác nhau	Trần, Kiều Mơ	Lý, Văn Khánh	2019	Thí nghiệm ương cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) với các mật độ khác nhau trong hệ thống nước lọc tuần hoàn được thực hiện trại thực nghiệm của Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy Sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019 Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức mật độ khác nhau: (1) 60 con/ m ³ , (2) 90 con/ m ³ , (3) 120 con/ m ³ và (4) 150 con/ m ³ , mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Cá chim vây vàng giống có khối lượng trung bình ban đầu 2 g/con được bố trí ương trong bể nhựa 500 lít với hệ thống nước lọc tuần hoàn, độ mặn 20‰ và sục khí liên tục. Cá được cho ăn thức ăn công nghiệp hàm lượng đạm 44% (thức ăn dành cho cá chẽm Sea Master) và được điều chỉnh theo nhu cầu ở tất cả các nghiệm thức. Kết quả sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của cá ở nghiệm thức mật độ 150 con/m ³ (0,26 g/ngày và 5,30 %/ngày) cao nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với ba nghiệm thức còn lại. Nghiệm thức mật độ 60 con/m ³ (0,20 g/ngày và 4,62%/ngày) thấp nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Tỷ lệ sống đạt 100% ở tất cả các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Ương cá chim vây vàng trong hệ thống nước lọc tuần hoàn tốt nhất khi ương với mật độ 150 con/m ³ .

4468	Đại học	Nghiên cứu ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột trong điều kiện nhiệt độ cao	Nguyễn, Thị Tho	Nguyễn, Thanh Phương	2019	Nghiên cứu ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột trong điều kiện nhiệt độ cao nhằm nâng cao chất lượng con giống tăng sản lượng và tỉ lệ sống trong điều kiện thí nghiệm. Sử dụng cá tra bột (mới nở khoảng 17-18 giờ) bố trí thí nghiệm ở 3 nghiệm thức khác nhau: Nhà lưới (mái nhà được lợp bằng tole, xung quanh được che bởi lưới cước trắng nhằm không chế được nhiệt độ ổn định), mái che (mái che bằng tole, không có lưới che xung quanh), ngoài trời (được bố trí ngoài trời và nhiệt độ biến động tự nhiên theo ngày đêm). Sau 38 ngày thí nghiệm tiến hành thu mẫu cân đo tính khối lượng trung bình, tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ sống, và thu mẫu ruột và dạ dày để phân tích enzyme chymotrypsine, trypsin, pepsin, hoạt tính α -amylase. Kết quả cho thấy hoạt tính enzyme pepsin ở nghiệm thức nhà lưới đạt giá trị cao hơn có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại. Các chỉ tiêu về tăng trưởng như khối lượng, tăng trưởng tương đối, tăng trưởng tuyệt đối tuy đạt cao nhất ở nghiệm thức ngoài trời lần lượt là $4,68 \pm 0,6$ (g/con), $0,12 \pm 0,02$ (g/ngày), $20,4 \pm 0,35$ (%/ngày), nhưng tỉ lệ sống lại thấp nhất ($16,1 \pm 1,20\%$). Khối lượng cá, tăng trưởng tương đối, tăng trưởng tuyệt đối thấp nhất ở nghiệm thức nhà lưới thấp hơn tự nhiên, tỷ lệ sống cá tra bột ở nghiệm thức này đạt rất cao $53,8 \pm 4,00\%$. Nhìn chung, nghiệm thức nhà lưới có nhiệt độ cao và ổn định giúp nâng cao tỉ lệ sống và sản lượng cá tra từ bột lên hương.
4469	Đại học	Định danh thành phần loài và giá trị dinh dưỡng của giống hải sâm ngạn (<i>Stichopus</i> sp) ở vùng biển Kiên Giang	Trương, Điền Sơn	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Khảo sát thành phần loài và thành phần acid amin của hải sâm ngạn (<i>Stichopus</i>) ở quần đảo Nam Du, huyện Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang được thực hiện từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018. Qua năm đợt thu mẫu đã bắt gặp 6 loài hải sâm ngạn bao gồm <i>S. variegatus</i> , <i>S. hermanni</i> , <i>S. chloronotus</i> , <i>S. horren</i> , <i>S. naso</i> và <i>S. monotuberculatus</i> , trong đó loài <i>S. variegatus</i> chiếm ưu thế nhất kể đến là loài <i>S. hermanni</i> và hai loài này được bắt gặp ở tất cả các đợt thu mẫu. Loài <i>S. naso</i> và loài <i>S. chloronotus</i> chỉ được tìm thấy một lần với tỉ lệ rất thấp ($0,38\%$) so với tổng số mẫu thu. Thành phần acid amin của bốn loài hải sâm phổ biến được phân tích bao gồm <i>S. variegatus</i> , <i>S. hermanni</i> , <i>S. horren</i> và <i>S. monotuberculatus</i> . Kết quả cho thấy hàm lượng acid amin thiết yếu và không thiết yếu khác nhau theo loài, ở loài <i>S. variegatus</i> luôn chiếm tỉ lệ cao nhất, kể đến là <i>S. hermanni</i> , <i>S. horren</i> và thấp nhất là loài <i>S. monotuberculatus</i> .

4470	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO ₂ lên phát triển phôi và ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Ngô, Tuyết Thiệu	Nguyễn, Thanh Phương	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng kết hợp nhiệt độ và CO ₂ lên phát triển phôi và ấu trùng tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>). Thí nghiệm được bố trí gồm 9 nghiệm thức kết hợp giữa nhiệt độ (28oC, 30oC, 32oC) và pH (8,1, 7,6, 7,2), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Tỷ lệ nở của tôm cao nhất ở nghiệm thứ 28oC(pH 8,1) là 91,4% có hàm lượng CO ₂ (2,84±0,17 mg/L) và thấp nhất ở nghiệm thức 32oC(pH 7,2) là 47,3% có hàm lượng CO ₂ (17,9±0,25 mg/L). Ở giai đoạn Postlarvae 15 chiều dài ấu trùng tăng dần theo nhiệt độ khi kết hợp pH 8,1 và 7,6, tăng trưởng chiều dài tôm sú đến Postlarvae 15 cao nhất ở nghiệm thức 2oC(p 8,1) 12,62 mm, tuy nhiên tỷ lệ sống ở nghiệm thức này thấp nhất, ở pH 7,2 (CO ₂ 17,9 mg/L) kết hợp với 3 mức nhiệt độ ấu trùng chỉ phát triển đến giai đoạn zoea. Tỷ lệ sống của tôm cao nhất đến giai đoạn Postlarvae 15 là 50,3% ở nghiệm thức 28oC(pH 8,1) và thấp nhất ở 32oC(pH 7,6) tỷ lệ sống thấp nhất (22,1%). Như vậy khi nhiệt độ cao và CO ₂ cao (pH giảm) đã ảnh hưởng đáng kể đến tỷ lệ nở, tỷ lệ sống và phát triển chiều dài ấu trùng tôm sú.
4471	Đại học	Ảnh hưởng của hàm lượng protein trong thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) ở giai đoạn cá giống	Trần, Thị Kim Diệu	Lê, Quốc Việt	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của hàm lượng protein khác nhau trong thức ăn lên tăng trưởng, tỷ lệ sống của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) và góp phần xây dựng công thức thức ăn phù hợp trong ương nuôi cá nâu ở giai đoạn cá giống. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức protein khác nhau (30, 35, 40 và 45%) và mỗi nghiệm thức được lặp lại 4 lần. Thí nghiệm được bố trí trong hệ thống tuần hoàn, nước ương có độ mặn 15‰ và được sục khí liên tục. Cá nâu giống có khối lượng trung bình ban đầu là 1,34±0,04 g/con và được nuôi ở mật độ 300 con/m ³ (30 con/bể 100 L). Sau 56 ngày ương, kết quả cho thấy các yếu tố môi trường nước đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của cá nâu. Tỷ lệ sống ở các nghiệm thức đạt 100%. Tốc độ tăng trưởng (DWG, SGRW, DLG, SGRL), sinh khối và hệ số thức ăn (FCR) giữa các nghiệm thức không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p>0,05). Như vậy thức ăn có hàm lượng 30% protein là phù hợp nhất trong ương cá nâu giai đoạn cá giống.

4472	Đại học	Ảnh hưởng của phương thức bổ sung men vi sinh hữu ích lên mật số vibrio trong môi trường ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)	Nguyễn, Thị Trâm Anh	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm xác định việc ảnh hưởng của việc bổ sung vi sinh hữu ích trong ương tôm Sú (<i>Penaeus monodon</i>) theo các phương thức khác nhau lên mật độ tổng vi khuẩn và <i>Vibrio</i> spp. Thí nghiệm được bố trí với 5 nghiệm thức với 3 lần lặp lại, chế phẩm vi sinh được bổ sung với 5 phương thức khác nhau gồm: bổ sung vào nước nuôi, trộn vào thức ăn và trộn vào thức ăn có áo chuối và so sánh với nghiệm thức không bổ sung chế phẩm vi sinh (đối chứng), men vi sinh hữu ích được bổ sung mỗi ngày. Tôm có khối lượng (0,01 g/cá thể) được thả nuôi với mật độ tôm ương là 2 con/L trong bể 100L chứa 50L nước biển 10‰. Kết quả cho thấy, mật số vi khuẩn tổng trong các nghiệm thức bổ sung probiotic tăng lên và biến động khá lớn và có chiều hướng thấp hơn nghiệm thức đối chứng, đặc biệt ngày 30 thì mật số vi khuẩn tổng ở các nghiệm thức bổ sung men vi sinh thấp hơn nghiệm thức đối chứng. Mật số <i>Vibrio</i> ở ngày nuôi thứ 20 và 30 thấp ở các nghiệm thức có bổ sung men vi sinh, đặc biệt mật số vibrio thấp có ý nghĩa ở nghiệm thức bổ sung men vi sinh vào trong nước thấp hơn nghiệm thức đối chứng. Thêm vào đó, tỉ lệ vibrio tổng/vi khuẩn tổng ở ngày thứ 20 và 30 ở nghiệm thức bổ sung men vi sinh cũng thấp hơn nghiệm thức đối chứng, ngoại trừ nghiệm thức bổ sung men vi sinh có ao chuối cao hơn đối chứng. Nhìn chung, bổ sung trực tiếp vào ao nuôi có thể làm giảm lượng vibrio trong nước ao nuôi đáng kể so với các phương thức bổ sung khác.
4473	Đại học	Xác định bột dinh dưỡng gây nuôi thức ăn tự nhiên trong ao ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn bột lên hương	Trần, Vũ Khanh	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 3/2019 tại An Giang và Đồng Tháp nhằm xác định loại sản phẩm dinh dưỡng tốt nhất tạo nguồn thức ăn tự nhiên trong ao ương để cải thiện tỉ lệ sống cá tra bột. Thí nghiệm được tiến hành với 3 nghiệm thức bao gồm (1) bổ sung sản phẩm thức ăn Micro 0, (2) bổ sung sản phẩm SUPASTOCK và (3) bổ sung sản phẩm AQUA MOINA và được duy trì cho đến ngày thứ 10 sau khi thả cá tra bột. Mỗi nghiệm thức được thực hiện trên 3 ao, diện tích 2.000-3.000/ao, mực nước 1,2 m. Mật độ cá thả 1 triệu cá bột/1.000 m ² . Mẫu định tính và định lượng tảo, động vật nổi được thu mỗi ngày cho đến ngày thứ 10 bằng lưới phiêu sinh (kích thước mắt lưới 30µm và 60µm tương ứng cho thực vật và động vật) để xác định thành phần loài và mật độ tảo và động vật nổi trong ao. Kết quả ghi nhận được 144 loài tảo thuộc 5 ngành gồm tảo lục (<i>Chlorophyta</i>) 68 loài; tảo mắt (<i>Euglenophyta</i>) 33 loài, tảo khuê (<i>Bacillariophyta</i>) 22 loài, tảo lam (<i>Cyanobacteria</i>) 17 loài và tảo giáp (<i>Dinophyta</i>) 4 loài. Mật độ tảo từ 118.841-1.765.791 (cá thể/L). Tảo lục chiếm ưu thế ở 3 nghiệm thức. Số loài động vật nổi phát hiện được là 104 loài thuộc 4 nhóm bao gồm luân trùng (<i>Rotifera</i>) 42 loài; giáp xác chân chèo (<i>Copepoda</i>) 24 loài; giáp xác râu ngành (<i>Cladocera</i>) 23 loài; động vật nguyên sinh (<i>Protozoa</i>) 14 loài. Mật độ động vật nổi dao động 118.148 - 5.777.037 cá thể/m ³ , trong đó, <i>Rotifera</i> và <i>Cladocera</i> được cá bột sử dụng hiệu quả nhất. Nghiệm thức SUPASTOCK cho kết quả tốt hơn 2 nghiệm thức còn lại.

4474	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ lên sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo chaetoceros calcitrans	Trần, Nguyễn Yến Ly	Nguyễn, Văn Hòa	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo Chaetoceros calcitrans với mật độ ban đầu khác nhau. Thí nghiệm nuôi cấy tảo gồm 4 nghiệm thức với mật độ ban đầu 0,5×10 ⁶ tb/mL, 1×10 ⁶ tb/mL, 2×10 ⁶ tb/mL và 3×10 ⁶ tb/mL, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Tảo C. calcitrans được nuôi trong bình thủy tinh 8L ở độ mặn 25‰, nhiệt độ dao động 26-28oC, sử dụng ánh sáng tổng hợp lam+đỏ theo tỷ lệ 1:1 với cường độ chiếu sáng liên tục 3000 Lux, môi trường dinh dưỡng sử dụng là Walne. Kết quả thí nghiệm cho thấy, nghiệm thức với mật độ ban đầu 2×10 ⁶ tb/mL cho kết quả tốt hơn các nghiệm thức còn lại về mật độ tảo (19,5×10 ⁶ tb/mL), trọng lượng khô (81,3±5,4 pg/tb), hàm lượng chlorophyll-a (2397±100 µg/L) và thành phần protein (15,57%). Kết quả nghiên cứu, mật độ ban đầu 2×10 ⁶ tb/mL có thể được sử dụng trong nuôi sinh khối tảo C. calcitrans nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.
4475	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian chiếu sáng lên sự phát triển và dinh dưỡng của tảo Spirulina platensis	Phan, Phúc Vinh	Nguyễn, Văn Hòa	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo Spirulina platensis với chu kỳ chiếu sáng khác nhau. Thí nghiệm nuôi cấy tảo gồm 3 nghiệm thức với chu kỳ chiếu sáng 24 giờ sáng: 0 giờ tối (chiếu sáng liên tục); 16 giờ sáng: 8 giờ tối (2/3 sáng: 1/3 tối) và 12 giờ sáng: 12 giờ tối (1/2 sáng: 1/2 tối), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Tảo S. platensis được nuôi trong bình thủy tinh 8L, mật độ ban đầu là 40.000 cá thể/mL, nhiệt độ dao động 26-28oC, sử dụng cường độ ánh sáng 3000 Lux (ánh sáng tổng hợp lam+đỏ theo tỷ lệ 1:1), môi trường dinh dưỡng sử dụng là Zarrouk. Kết quả thí nghiệm cho thấy, nghiệm thức chiếu sáng liên tục cho kết quả tốt hơn các chu kỳ chiếu sáng còn lại về mật độ tảo (175.750±500 cá thể/mL), trọng lượng khô (1,38±0,01 g/L), hàm lượng chlorophyll-a (18,2±0,01 mg/L) và thành phần protein (68,54%). Kết quả nghiên cứu, chu kỳ chiếu sáng liên tục có thể được sử dụng trong nuôi sinh khối tảo S. platensis nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.
4476	Đại học	Ảnh hưởng tần suất thay nước lên sinh trưởng của quần thể luân trùng brachionus plicatilis	Cao, Thị Thúy Duy	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng tần suất thay nước của luân trùng Brachionus plicatilis nuôi mẽ lên mật độ đạt được trong quá trình nuôi. Nghiên cứu được thực hiện với 02 thí nghiệm với 02 loại thức ăn khác nhau, thí nghiệm 1 cho ăn bằng tảo Nanochloropsis và thí nghiệm 2 cho ăn bằng men bánh mì. Mỗi thí nghiệm gồm có 5 nghiệm thức với chế độ thay nước khác nhau bao gồm: không thay nước (NT1), mỗi ngày (NT2), 2 ngày/lần (NT3), 3 ngày/lần (NT4), 4 ngày/ lần (NT5), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, mật độ thả nuôi ban đầu là 200 con/L. Kết quả cho thấy, 2 thí nghiệm riêng rẽ với 2 loại thức ăn nhưng đạt mật độ cao nhất ở nghiệm thức thay nước hằng ngày đối với thí nghiệm cho ăn bằng tảo Nanochloropsis sp. là 1113□117 ct/mL, cho ăn bằng men bánh mì là 1250□354 ct/mL và đạt mật độ thấp nhất ở nghiệm thức không thay nước đối với thí nghiệm cho ăn bằng tảo Nanochloropsis sp. Là 167□133 ct/mL, cho ăn bằng men bánh mì 83□104 ct/mL. Kết quả này khẳng định cần thay nước thường xuyên trong nuôi mẽ luân trùng để đạt mật độ cao nhất.

4477	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc có bổ sung probiotic với liều lượng khác nhau	Nguyễn, Thành Khôn	Châu, Tài Tảo Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu nhằm xác định ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc có bổ sung probiotic thích hợp để nâng cao chất lượng, năng suất và tỉ lệ sống trong quá trình sản xuất giống tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức (1) không bổ sung probiotic, (2) bổ sung probiotic với hàm lượng 1 g/m ³ , (3) bổ sung probiotic với hàm lượng 2 g/m ³ và (4) bổ sung probiotic với hàm lượng 3 g/m ³ . Sử dụng ri đường với tỷ lệ C/N = 15 để tạo Biofloc và có bổ sung probiotic. Bể ương có thể tích 500 lít và độ mặn 30‰. Sau 20 ngày ương, các yếu tố môi trường ở các nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho ấu trùng tôm phát triển. Tăng trưởng về chiều dài ở Postlarvae-12 của 4 nghiệm thức lần lượt là 11,42 mm, 10,99 mm, 11,33 mm và 11,54 mm, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) giữa các nghiệm thức. Tỷ lệ sống (57,3%) và năng suất (115.000 con/m ³) của PL-12 ở nghiệm thức 2 là tốt nhất nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả cho thấy ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc có bổ sung probiotic với lượng 1 g/m ³ đạt kết quả tốt nhất.
4478	Đại học	Nghiên cứu giảm lượng tỉ lệ lượng thức ăn viên khi nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) siêu thâm canh theo công nghệ biofloc.	Nguyễn, Văn Tuấn	Trần, Ngọc Hải Châu, Tài Tảo	2018	Nghiên cứu nhằm xác định giảm tỉ lệ lượng thức ăn viên thích hợp nhất cho sự sinh trưởng và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức: (i) Cho ăn theo hướng dẫn của nhà sản xuất (đối chứng), (ii) Giảm 5% lượng thức ăn viên, (iii) Giảm 10% lượng thức ăn viên và (iv) Giảm 15% lượng thức ăn viên. Mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần, bể nuôi tôm có thể tích 10m ³ , thể tích nuôi 6m ³ , độ mặn 15‰, tỉ lệ C:N=12:1. Tôm nuôi có khối lượng ban đầu là $0,0075\pm0,01$ g và chiều dài $1,0\pm0,01$ cm. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau 90 ngày nuôi các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, TAN, NO ₂ -) nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm thẻ chân trắng. Nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên tôm có chiều dài 11,6 cm, khối lượng trung bình 14,66 g/con lớn nhất nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỉ lệ sống (68,8%) và năng suất (3,8kg/m ³) của tôm ở nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với nghiệm thức đối chứng, tuy nhiên khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với 2 nghiệm thức còn lại. Hệ số thức ăn FCR của nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên (1,07) thấp nhất, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Từ đó cho thấy có thể giảm 5 % lượng thức ăn viên khi nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh theo công nghệ biofloc.

4479	Đại học	Thành phần phytoplankton trên sông hậu ở các khu vực có độ mặn khác nhau trong mùa khô	Thái, Quang Châu	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2017 đến tháng 4/2018 trên sông Hậu thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng nhằm xác định thành phần loài và mức độ phong phú của tảo dưới sự thay đổi của độ mặn. Mẫu định tính và định lượng tảo thu định kỳ 1 lần/tháng tại 3 địa điểm: Trần Đề, Đại Ngãi và Cái Côn. Kết quả ghi nhận được 221 loài tảo thuộc 5 ngành tảo bao gồm tảo khuê (Bacillariophyta) với 97 loài, tảo lục (Chlorophyta) 54 loài, tảo mắt (Euglenophyta) 35 loài, tảo lam (Cyanobacteria) 19 loài, tảo giáp (Dinophyta) 16 loài. Mật độ tảo dao động từ 21.126-131.964 cá thể/L cao nhất vào tháng 3/2018 tại Trần Đề và thấp nhất vào tháng 12/2017 tại Đại Ngãi. Thành phần loài và mật độ tảo vào thời điểm nước lớn cao hơn nước ròng. Số lượng loài tảo khuê và tảo giáp tăng từ vùng cửa sông Trần Đề đến thượng nguồn Cái Côn. Ngược lại, tảo lam, tảo lục, tảo mắt giảm dần từ thượng nguồn đến hạ nguồn. Quần thể tảo biến động theo mùa, theo thủy triều và theo thời gian trong mùa khô dưới sự thay đổi của độ mặn.
4480	Đại học	Thành phần loài luân trùng (Rotifera) trên sông hậu	Ngô, Thị Thùy Dương	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát thành phần loài và phân bố luân trùng dọc theo sông Hậu tại An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng để làm cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu tiếp theo về luân trùng. Thu mẫu được tiến hành vào thời điểm tháng 09/2018 và tháng 12/2018 tại 10 điểm trên sông Hậu. Mẫu được thu bao gồm động vật phù du và các thông số môi trường nước bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, độ trong, lưu tốc, oxy hòa tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), chất hữu cơ (BOD, COD), chất vô cơ (NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻) và Chlorophyll-a. Mẫu được thu qua mặt cắt ngang của sông Hậu. Vị trí của các điểm lấy mẫu được ghi lại bằng thiết bị GPS. Kết quả cho thấy có 45 loài luân trùng được ghi nhận trên sông Hậu ở 2 thời điểm trên. Số lượng loài luân trùng trong thời điểm tháng 9 (45 loài) cao hơn so với thời điểm tháng 12 (28 loài). Số lượng loài luân trùng cao nhất được ghi nhận ở giữa nguồn (Cần Thơ - 33 loài), kế đến là hạ nguồn (Sóc Trăng - 32 loài) và thượng nguồn (An Giang - 23 loài). Mật độ trung bình của luân trùng qua 2 lần thu mẫu dao động từ $43,343 \pm 2,549$ cá thể/m ³ . Mật độ cao nhất ghi nhận ở giữa nguồn (55.839 ± 14.310 cá thể/m ³), kế đến là thượng nguồn (45.683 ± 13.160 cá thể/m ³) và thấp nhất ở hạ nguồn (28.507 ± 8.798 cá thể/m ³).

4481	Đại học	Ảnh hưởng của vi khuẩn paracoccus pantotrophus đến chất lượng nước và tôm thẻ (Litopenaeus vannamei) nuôi trong ao tại Sóc Trăng	Hữu, Minh Hoi	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2019	Một nghiên cứu về ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh chứa dòng vi khuẩn Paracoccus pantotrophus đến chất lượng nước và tôm thẻ (Litopenaeus vannamei) nuôi trong ao siêu thâm canh đã được thực hiện. Thí nghiệm bao gồm hai nghiệm thức bổ sung vi khuẩn và một nghiệm thức đối chứng (không bổ sung vi khuẩn). Tất cả các nghiệm thức đều được thực hiện trong ao siêu thâm canh với diện tích là 1000 m ² . Mật độ nuôi là 200 con/m ² . Với liều lượng ao 01 (Đối chứng): Theo dõi bình thường, không sản phẩm PondDtox®, ao 02: Dùng sản phẩm PondDtox® 100g/1000 m ³ định kỳ, ao 03: Dùng 200g sản phẩm PondDtox®/1000 m ³ khi có sự cố H ₂ S (> hơn 0,03 mg/L.). Chất lượng môi trường nuôi ở các nghiệm thức như nhiệt độ, pH, độ mặn, độ đục, TDS, EC, TAN, NO ₂ -, NO ₃ -, PO ₄ 3-, H ₂ S đã được theo dõi vào lúc chưa bổ sung vi khuẩn và sau ngày 2 và ngày 5 lúc bổ sung vi khuẩn và sau đó theo dõi với chu kỳ 1 tuần/lần cho đến cuối vụ nuôi. Kết quả cho thấy nhiệt độ, pH, độ mặn, độ đục, TDS và EC ở mức thích hợp. Các yếu tố như TAN, NO ₂ -, NO ₃ - biến động giữa các nghiệm thức và có khuynh hướng tăng đến cuối thí nghiệm, các yếu tố như -, PO ₄ 3-, H ₂ S có khuynh hướng giảm đến cuối thí nghiệm. Đối với ao có sử dụng sản phẩm chứa vi khuẩn P. pantotrophus đã góp phần cải thiện chất lượng nước, giảm hàm lượng khí độc.
4482	Đại học	Biến động mật độ vi sinh trong nước theo sự biến đổi độ mặn trong hệ thống bể mô phỏng	Nguyễn, Văn Phong	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu biến động mật độ và thành phần vi sinh trong nước trên bể mô phỏng ở các độ mặn khác nhau (0‰, 10‰, 20‰, 30‰, nước biển tự nhiên 30‰B). Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức với 3 lần lặp lại, được thực hiện trong 50 ngày. Thí nghiệm được thực hiện trong bể có thể tích 1m ³ , được bố trí một lớp bùn ở đáy bể có độ dày 10 cm, độ mặn được duy trì ổn định. Kết quả ghi nhận, mật độ tổng vi khuẩn dị dưỡng dao động trong khoảng 3,9×10 ² đến 5,0×10 ² CFU/mL và khác biệt có ý nghĩa giữa các nghiệm thức (p<0,05). Mật độ vi khuẩn Bacillus sp. ở 4 lần thu đầu các nghiệm thức không khác biệt ý nghĩa (p>0,05), vào giai đoạn cuối thí nghiệm độ mặn 0‰ và 10‰ đạt mật độ cao nhất, trong khi đó độ mặn 30‰ thấp nhất. Vi khuẩn Lactobacillus sp. có khuynh hướng giảm nhẹ trong quá trình thu mẫu, cao nhất đợt thu mẫu đầu và giảm ở đợt thu cuối (p<0,05). Tổng Vibrio sp., V. parahaemolyticus ở nghiệm thức 0‰, đạt mật số thấp hơn và có ý nghĩa so với các nghiệm thức còn lại (p<0,05). Nhìn chung, các loài Vibrio sp., V parahaemolyticus phát triển mạnh trong điều kiện độ mặn cao 20‰, 30‰, 30‰B.

4483	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên khả năng thành thực của cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi từ giai đoạn giống	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của độ mặn lên khả năng thành thực của cá lóc (<i>Channa striata</i>) được nuôi từ giai đoạn giống. Thí nghiệm được thực hiện trên cá lóc kích cỡ 5 g/con, gồm 3 nghiệm thức độ mặn khác nhau là 0‰, 3‰ và 6‰. Mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần và bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, mật độ bố trí là 30 con/bể 2m³. Mẫu máu cá và tuyến sinh dục cá cái được thu sau 210 ngày nuôi để phân tích các chỉ tiêu sinh lý máu như: mật độ hồng cầu, bạch cầu, hemoglobin, hematocrit, ASTT và nồng độ các ion Na⁺, Cl⁻; các chỉ tiêu về thành thực của cá như vitellines, các giai đoạn phát triển của trứng dựa vào phương pháp mô học và hệ số thành thực của cá. Kết quả của thí nghiệm cho thấy độ mặn có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sinh lý máu cá. Mật độ hồng cầu ở nghiệm thức độ mặn 0‰ và 3‰ thấp hơn có ý nghĩa so với nghiệm thức 6‰; mật độ bạch cầu, tỷ lệ hemoglobin và hàm lượng hematocrit có tăng khi độ mặn tăng nhưng không ý nghĩa thống kê. ASTT của máu cá ở 3 mức độ mặn 6‰ (288,8±6,9 mOsm/kg), 3‰ (296,1±5,1 mOsm/kg) và 6‰ (303,7±7,4 mOsm/kg) khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nồng độ các ion Na⁺, Cl⁻ ở độ mặn 6 và 3‰ cao hơn có ý nghĩa với độ mặn 0‰. Hàm lượng vitellines của cá cao nhất ở độ mặn 6‰ (4,08±0,69 µgALP/mg protein), thấp hơn ở độ mặn 0‰ (3,73±0,80 µgALP/mg protein) và thấp nhất ở độ mặn 3‰ (3,14±0,84 µgALP/mg protein), nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê. Hệ số thành thực của cá cái cao ở độ mặn 3‰ (9,14±1,01%) và 6‰ (6,33±2,15%), khác biệt có ý nghĩa thống kê với nghiệm thức 0‰ (6,20±3,39%). Qua đó cho thấy cá lóc có khả năng thành thực ở độ mặn lên đến 6‰.
4484	Đại học	Biến động thành phần thực vật nổi theo độ mặn trong hệ thống bể mô phỏng	Nguyễn, Ngọc Bảo Châu	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2018 đến 10/2018, tại Khoa Thủy sản-Trường Đại học Cần Thơ nhằm đánh giá thành phần tảo dưới sự thay đổi độ mặn trong hệ thống bể thí nghiệm mô phỏng. Nghiên cứu được tiến hành với 2 thí nghiệm- gồm 8 nghiệm thức: nghiệm thức nước ngọt (0‰), 5‰, 10‰, 15‰, 20‰, 25‰, 30‰ và nghiệm thức nước biển (>30‰), mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại, được thu định kì 1 đợt/tuần và theo dõi trong 8 tuần. Mẫu định tính thu bằng xô nhựa 20 lít, lọc qua lưới phiêu sinh thực vật (30 µm) trong khoảng 40 lít. Mẫu định lượng thu bằng chai nhựa 1 lít đưa trực tiếp vào bể để thu mẫu. Kết quả ghi nhận được 221 loài TVN thuộc 4 ngành bao gồm tảo Khuê (Bacillariophyta) 52 loài, tảo Mắt (Euglenophyta) 62 loài, tảo Lục (Chlorophyta) 93 loài và tảo Lam (Cyanobacteria) 14 loài. Số loài được thu ở thí nghiệm 2 (186 loài) cao hơn ở thí nghiệm 1 (110 loài), Chlorophyta là ngành chiếm ưu thế. Mật độ TVN dao động từ 459.669-3.101.241 cá thể/L, cao nhất ghi nhận ở thí nghiệm 2. Độ mặn ảnh hưởng đến sự đa dạng TVN trong hệ thống bể mô phỏng, nghiệm thức nước ngọt (0‰) có thành phần loài và mật độ cao nhất, sau đó giảm dần ở các nghiệm thức còn lại.

4485	Đại học	Biến động mật độ vi sinh trong bùn theo sự biến đổi độ mặn trên hệ thống bể mô phỏng	Mai, Thị Như Mơ	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Để đánh giá ảnh hưởng của độ mặn lên sự biến động mật độ của một số nhóm vi khuẩn; một nghiên cứu về ảnh hưởng của độ mặn lên số lượng một số nhóm vi khuẩn đã được thực hiện. Thí nghiệm đã được tiến hành trong bể ở các độ mặn khác nhau: 0‰, 10‰, 20‰, 30‰ và nước biển tự nhiên 30‰. Mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần và được theo dõi trong 50 ngày. Trong suốt quá trình thí nghiệm chu kỳ thu mẫu để đánh giá các chỉ tiêu vi sinh (Tổng khuẩn, <i>Bacillus</i> spp., <i>Lactobacillus</i> spp., tổng <i>Vibrio</i> spp., <i>Vibrio parahaemolyticus</i>) là 1 lần/tuần. Kết quả cho thấy, mật độ tổng vi khuẩn có khuynh hướng giảm dần theo thời gian thu mẫu, cao nhất ở nghiệm thức 0‰ ($6,2 \times 10^3$ CFU/g) và thấp nhất ở nghiệm thức nước biển tự nhiên 30‰ ($5,7 \times 10^3$ CFU/g). Mật độ vi khuẩn <i>Bacillus</i> ở nghiệm thức 0‰ và 10‰ cao hơn không đáng kể so với nghiệm thức còn lại ($p > 0,05$), ở nghiệm thức 30‰ và nước biển tự nhiên 30‰, mật độ vi khuẩn có sự khác biệt không cao. Mật độ vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> cao nhất ở nghiệm thức 10‰ ($3,05 \times 10^1$ CFU/g) và có sự khác biệt giữa các nghiệm thức ($p < 0,05$). Nhóm vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. và <i>V. parahaemolyticus</i> cao nhất ở nghiệm thức 20‰ có sự khác biệt với các nghiệm thức còn lại ($p < 0,05$).
4486	Đại học	Nghiên cứu sản xuất sinh khối trùn chỉ (<i>Tubifex tubifex</i>) bằng các loại thức ăn khác nhau	Thị, Út Giàu	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm ra nguồn thức ăn thích hợp nhất cho trùn chỉ để áp dụng vào nuôi sinh khối chúng. Nghiên cứu được thực hiện gồm hai thí nghiệm riêng rẽ trên hai nền đáy cát mịn và bùn. Mỗi thí nghiệm với 4 nghiệm thức với 4 loại thức ăn là bột cá (NT1), bột cám (NT2), men bánh mì (NT3), bột tảo spirulina (NT4). Khối lượng trùn chỉ được thả thả ban đầu là 50 g/bể. Kết quả sau 20 ngày nuôi cho thấy tăng trưởng khối lượng, năng suất sinh khối, và mật độ cá thể trùn chỉ tăng cao nhất ở thí nghiệm nuôi bằng nền đáy bùn và năng suất sinh khối ở nghiệm thức cho ăn bằng cám gạo cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức cho ăn bằng men bánh mì và bột tảo Spirulina.
4487	Đại học	Nghiên cứu sự phát triển của bào tử tảo trong thủy vực tự nhiên	Lâm, Huệ Anh	Nguyễn, Thị Kim Liên	2019	Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu sự phát triển của bào tử tảo nhằm tìm ra những bào tử tảo có trong mẫu trầm tích, từ đó phát hiện ra những giống đã từng xuất hiện tại điểm thu mẫu. Mẫu trầm tích được thu liên tục từ tháng 6 đến tháng 12, 2018. mỗi tháng 1 đợt tại 6 điểm thuộc 2 tuyến sông: Sông Hậu (Cái Côn, Đại Ngãi, Trần Đề) và sông Mỹ Thanh (Nhu Gia, Mỹ Thanh, cửa sông Mỹ Thanh). Việc nuôi bào tử tảo được tiến hành bằng cách lấy mẫu trầm tích với trọng lượng 2g, đem hoà tan và pha loãng ở 3 mức độ khác nhau 10-1, 10-2, 10-3, mỗi nồng độ lập lại 3 lần. Kết quả cho thấy đã ghi nhận tổng cộng 22 giống tảo thuộc 4 ngành: tảo Khuê, Tảo Giáp, tảo Lục và tảo Lam. Thành phần tảo không có sự khác biệt đáng kể giữa sông Hậu và sông Mỹ Thanh. Mật độ tảo đạt cao nhất là 7.826 tế bào/mL (Nhu Gia) và thấp nhất là 2.316 tế bào/mL (sông Mỹ Thanh). Một số giống tảo chiếm ưu thế và thường gặp trong quá trình thí nghiệm là <i>Thalassiosira</i> (3.167 tế bào/mL), <i>Peridinium</i> (344 tế bào/mL), <i>Navicula</i> (1.172 tế bào/mL), <i>Scenedesmus</i> (1.500 tế bào/mL) và <i>Chlorella</i> (922 tế bào/mL). Kích thước trung bình của các loài tảo biến động từ $4,7 \pm 0,9$ đến $40 \pm 29,1 \mu\text{m}$.

4488	Đại học	Thành phần phiêu sinh vật ở ao nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) trước và sau khi xử lý bằng plasma lạnh	Trần, Thị Lam Anh	Nguyễn, Thị Kim Liên	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định sự ảnh hưởng của hệ thống plasma lạnh đến sự phát triển của phiêu sinh vật từ nguồn nước thải ao nuôi cá lóc (<i>Channa striatus</i>). Nguồn nước ban đầu được lấy từ nguồn nước thải ao nuôi cá lóc. Thí nghiệm được tiến hành gồm 2 nghiệm thức, nghiệm thức đối chứng và nghiệm thức có xử lý bằng plasma lạnh, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại. Tổng cộng có 8 đợt thu mẫu, mẫu thu 1 ngày/ lần và thu liên tục trong 8 ngày. Kết quả đã xác định được 73 loài tảo thuộc 5 ngành, trong đó tảo mắt có thành phần loài cao nhất (34 loài), tảo khuê có số loài thấp nhất (3 loài). Có sự biến động khá cao về mật độ tảo qua các đợt thu mẫu. Tảo mắt chiếm ưu thế ở nghiệm thức đối chứng (729.456 cá thể/L) trong khi tảo lục chiếm ưu thế ở nghiệm thức có xử lý bằng plasma lạnh (83.200 cá thể/L). Ngoài ra, nghiên cứu cũng ghi nhận được tổng 42 loài động vật nổi thuộc 4 nhóm, trong đó Rotifera có thành phần loài phong phú nhất với 20 loài, kể đến là Protozoa 12 loài, các nhóm còn lại từ 2-6 loài. Mật độ động vật nổi ở nghiệm thức đối chứng có xu hướng cao (3.833.115 cá thể/m ³) vào giai đoạn đầu của thí nghiệm, trong khi ở nghiệm thức có xử lý plasma lạnh có mật độ thấp (432.660 cá thể/m ³) vào thời điểm này. Nhìn chung, chất lượng nước từ bể nuôi cá lóc được cải thiện trong vòng 8 ngày sau khi xử lý bằng plasma lạnh.
4489	Đại học	Nghiên cứu sử dụng các loại thức ăn khác nhau trong nuôi sinh khối trùn nước (<i>Moina</i> sp.)	Phạm, Thị Kiều Duyên	Tô, Công Tâm	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra loại thức ăn thích hợp trong sản xuất sinh khối trùn nước <i>Moina</i> sp., 04 loại thức ăn được sử dụng tương ứng với 04 nghiệm thức là: bột tảo <i>Spirulina</i> (NT1), cám gạo (NT2), men bánh mỳ (NT3) và bột cá (NT4), mật độ thả ban đầu là 0,2 con/mL. Sau 20 ngày nuôi, mật độ <i>Moina</i> đạt 8,7 con/L ở nghiệm thức cho ăn bằng bột cá, kể đến là men bánh mỳ (3,8 con/mL), cám (2,8 con/mL) và tảo <i>Spirulina</i> là (1,6 con/mL). Năng suất đạt được cao nhất ở nghiệm thức cho ăn bằng bột cá (4,72 g/L) cao gấp 2,3 lần so với <i>Moina</i> cho ăn bằng men bánh mỳ (2 g/L), gấp 3 lần so <i>Moina</i> cho ăn bằng cám (1,6 g/L) và gấp 5,6 lần so với <i>Moina</i> cho ăn bằng bột tảo (0,85 g/L). Nhìn chung, kết quả thí nghiệm cho thấy <i>Moina</i> cho ăn bằng bột cá có tăng trưởng về mật độ và năng suất ổn định nhất.

4490	Đại học	Đánh giá loại, liều lượng và khả năng kháng vibrio của chế phẩm vi sinh bacillus	Nguyễn, Thị Bảo Trân	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2019	Đề tài gồm 2 thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng của các dòng vi sinh vật hữu ích <i>Bacillus</i> spp. trong các loại chế phẩm vi sinh (thí nghiệm 1) và khả năng kháng <i>Vibrio</i> spp. của các loại chế phẩm vi sinh này (thí nghiệm 2). Thí nghiệm 1 gồm 8 nghiệm thức với 4 loại chế phẩm vi sinh (Ecomarine GT, Ecomarine, Ecomarine liquid và Bayer's product) được nuôi cấy trong điều kiện có và không có lactic acid, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả cho thấy tất cả các dòng vi sinh trong các chế phẩm vi sinh đạt mật số cực đại ở 48 giờ và sau đó suy giảm nhanh chóng. Chế phẩm Ecomarine liquid được nuôi cấy trong điều kiện có lactic acid có khả năng tăng sinh tốt nhất ở 48 giờ (đạt mật độ $3,3 \times 10^{11}$ CFU/mL). Ở thí nghiệm 2, 4 loại chế phẩm này ở các nồng độ khác nhau (108, 107, 106, 105 CFU/mL) lần lượt được thử nghiệm khả năng đối kháng với vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> và <i>Vibrio harveyi</i>. Kết quả cho thấy chế phẩm Ecomarine GT ở nồng độ 108 CFU/mL có khả năng kháng vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> và Ecomarine có khả năng kháng vi khuẩn <i>Vibrio harveyi</i> ở nồng độ 108 CFU/mL tốt hơn so với các loại chế phẩm còn lại.
4491	Đại học	Ảnh hưởng của thời gian chuyển đổi thức ăn lên sinh trưởng và tỷ lệ sống của cua biển giống (<i>Scylla paramamosain</i>)	Thái, Thị Cẩm Thi	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá thời gian chuyển đổi thức ăn ảnh hưởng đến tỷ lệ sống và tăng trưởng của cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) giai đoạn giống. Thí nghiệm được bố trí với 5 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức gồm 40 con cua nuôi dạng cá thể trong keo nhựa 250 mL, keo được thả nuôi trong bể 150 L ở độ mặn 10‰ trong 21 ngày. Thức ăn được sử dụng là <i>Artemia</i> sinh khối và cá rô phi fillet. Thời gian chuyển đổi thức ăn từ <i>Artemia</i> sang cá ở ngày nuôi thứ 21 ngày (NT1), 15 ngày (NT2), 10 ngày (NT3), 5 ngày (NT4) so sánh với nghiệm thức cho ăn bằng cá (NT5; ĐC). Kết quả sau 21 ngày nuôi cho thấy cua cho ăn hoàn toàn bằng <i>Artemia</i> cho tỷ lệ sống, tăng trưởng cao nhất, và giảm dần khi thời gian cho ăn <i>Artemia</i> giảm xuống, cua có tỷ lệ sống và tăng trưởng thấp nhất ở nghiệm thức cho ăn bằng cá.
4492	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc với các nguồn cacbon khác nhau	Lê, Minh Thông	Châu, Tài Tảo Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra nguồn cacbon thích hợp lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng ương theo công nghệ biofloc. Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức (i) Không bổ sung nguồn cacbon (đối chứng), (ii) bổ sung nguồn cacbon từ bột mì, (iii) bổ sung nguồn cacbon từ bột cám lau mịn; (iv) bổ sung nguồn cacbon kết hợp giữa bột cám lau mịn và bột mì với lệ 1:1, và (v) bổ sung nguồn cacbon từ ri đường. mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, bể ương có thể tích 500 lít, độ mặn 30‰, mật độ 150 con/lít. Kết quả nghiên cứu cho thấy chiều dài Postlarvae 12 ở nghiệm thức bổ sung ri đường ($10,18 \pm 0,15$ mm) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức đối chứng nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại. Ở Postlarvae 12 tỷ lệ sống ($52 \pm 5,1\%$) và năng suất (78 ± 8 con/lít) ở nghiệm thức bổ sung ri đường cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Vậy bổ sung ri đường trong ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng theo công nghệ Biofloc là tốt nhất

4493	Đại học	Ảnh hưởng của biofloc và giá thể lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá kèo (<i>Pseudapocryptes elongates</i>)	Trương, Hồng Yên	Huỳnh, Thanh Tới Tô, Công Tâm	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng đa nhân tố về rỉ đường và bổ sung giá thể với 04 nghiệm thức (NT): biofloc + có giá thể (NT1), biofloc + không có giá thể (NT2), không biofloc + có giá thể (NT3), biofloc + không giá thể (NT4) lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá kèo (<i>Pseudapocryptes elongates</i>) đã được thực hiện. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên và mỗi nghiệm thức được lặp lại 03 lần. Cá kèo giống tự nhiên (6,90 – 7,30cm; 3,88 – 4,12g) được mua tại vùng biển Vĩnh Châu, Sóc Trăng, được bố trí ương trong bể composite 1000L, chứa 600L ở độ mặn 15 ‰, với mật độ thả 240 cá thể/m ² . Rỉ đường (38% cacbon) được sử dụng bón hàng ngày vào bể dựa vào hàm lượng TAN để đạt C/N=10. Kết quả sau 60 ngày nuôi cho thấy tỉ lệ sống dao động từ 80,6 - 85,0%, sai biệt không có ý nghĩa ($p>0,05$) giữa các nghiệm thức. Khối lượng dao động từ 11,93 - 14,11g/ cá thể, cá ở nghiệm thức có bổ sung rỉ đường hay cá ở nghiệm thức bổ sung giá thể và rỉ đường có khối lượng lớn hơn có ý nghĩa ($p>0,05$) so với cá ở nghiệm thức đối chứng tương ứng.
4494	Đại học	Khảo sát biến động mật độ vi khuẩn trong bùn ở tuyến sông Mỹ Thanh	Nguyễn, Yến Ngọc	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2019	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu biến động mật độ và thành phần vi khuẩn (tổng vi khuẩn, <i>Bacillus</i> , <i>Lactobacillus</i> , <i>Vibrio</i> sp., <i>V. harveyi</i> , <i>V. parahaemolyticus</i>) trong bùn ở tuyến sông Mỹ Thanh: nhánh rẽ Nhu Gia - đầu nguồn (NG), đoạn giữa sông Mỹ Thanh (MT1) và cửa sông Mỹ Thanh - cuối nguồn (MT2). Mẫu bùn thu một tháng một lần từ tháng 7/2017 đến 6/2018 vào lúc nước ròng. Mật độ vi khuẩn được xác định bằng phương pháp đếm khuẩn lạc trên đĩa thạch. Kết quả cho thấy, mật độ tổng vi khuẩn trong bùn cao nhất ở đầu nguồn ($4,67 \times 10^6$ CFU/ml), thấp nhất ở cuối nguồn ($5,33 \times 10^4$ CFU/ml) và có khác biệt thống kê giữa đầu nguồn và cuối nguồn. Nhóm <i>Bacillus</i> và <i>Lactobacillus</i> đều có khuynh hướng cao ở đầu nguồn và thấp ở cuối nguồn. <i>Bacillus</i> ở tháng 5, mật độ thấp nhất $8,3 \times 10^3$ CFU/ml và cao nhất $1,59 \times 10^6$ CFU/ml. <i>Lactobacillus</i> có mật độ thấp nhất $3,4 \times 10^2$ CFU/ml vào tháng 6 và cao nhất $2,7 \times 10^5$ CFU/ml vào tháng 2. Trong khi đó mật độ của nhóm <i>Vibrio</i> có mật độ cao nhất ở cuối nguồn ($2,6 \times 10^5$ CFU/ml) và thấp nhất ở đầu nguồn ($5,5 \times 10^2$ CFU/ml).

4495	Đại học	Hiệu quả xử lý nước nuôi tôm thẻ của vi khuẩn bacillus có bổ sung vi khuẩn nitrate hóa	Lê, Hoàng Xuân Thụy	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Trong nuôi trồng thủy sản, khi bổ sung vi sinh vật hữu ích vào môi trường nuôi giúp cải thiện chất lượng nước, ngăn ngừa bệnh, tăng năng suất và tỷ lệ sống của tôm. Thí nghiệm này được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả cải thiện chất lượng nước của chế phẩm vi sinh ở các nồng độ khác nhau trong bể nuôi tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm bao gồm 8 nghiệm thức bổ sung vi khuẩn và 1 nghiệm thức đối chứng không bổ sung vi khuẩn gồm 2 sản phẩm vi sinh (Eco marine and Competior product) được theo dõi trong 35 ngày với 3 nồng độ khác nhau: 103, 105, 104 CFU/ML; mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Mẫu nước được thu và phân tích với chu kỳ các ngày: 1, 6, 11, 16, 21, 28, 35. Mẫu được thu trước khi bổ sung chế phẩm vi sinh vào. Các chỉ tiêu đánh giá môi trường nước bao gồm: pH, nhiệt độ, NH ₃ , NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , TSS. Nghiệm thức Eco 104 + Nitro 104 có hiệu quả cao nhất trong cải thiện môi trường nước thông qua các chỉ tiêu phân tích như NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , TSS đã hoạt động có hiệu quả cao trong thí nghiệm này với chiều hướng giảm chất độc gây hại cho môi trường nuôi thủy sản.
4496	Đại học	Ảnh hưởng của việc giảm độ mặn đến tỷ lệ sống và chỉ số béo của vẹm (Geloina sp) có nguồn gốc từ U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang	Lã, Thị Thanh Hiếu	Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm độ mặn đến tỷ lệ sống và chỉ số độ béo của vẹm (Geloina sp) có nguồn gốc từ U Minh Thượng, Tỉnh Kiên Giang. Thí nghiệm gồm có 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại: 1) Duy trì 8‰ trong suốt quá trình nuôi, 2) Giảm xuống 2‰ trong 15 ngày đầu là 6‰ sau đó giữ nguyên, 3) Giảm xuống 6‰ trong 15 ngày đầu sau đó giảm xuống 4‰ trong 7 ngày tiếp theo và giữ nguyên là 4‰, 4) Giảm xuống còn 6‰ trong 15 ngày đầu sau đó mỗi tuần giảm xuống 2‰ sau đó giữ nguyên là 2‰. Vẹm được cho ăn hằng ngày bằng tảo thu từ hệ thống cá rô phi-nước xanh kết hợp với thức ăn tổng hợp Lansy ZM. Kết quả sau 45 ngày nuôi đối với thí nghiệm giảm độ mặn từ từ cho thấy tỷ lệ sống của vẹm ở nghiệm thức NT1 cao hơn và khác biệt không có ý nghĩa so với nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Đối với thí nghiệm giảm dần độ mặn, Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức NT1 (91,80%) và thấp nhất ở nghiệm thức NT4 (91%) sau 45 ngày nuôi. Đối với thí nghiệm giảm độ mặn đột ngột cho thấy hiệu quả lọc tảo tương đối thấp, thấp nhất ở NT3 (19,73%) và cao nhất NT1 (35,03%) và khi kết hợp với yếu tố pH thấp (4,5) với giảm độ mặn thì ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của vẹm.

4497	Đại học	Ảnh hưởng của quản lý chế độ cho ăn lên tỷ lệ sống và tăng trưởng của lươn đồng (Monopterus albus) giai đoạn giống	Nguyễn, Thị Thanh Thủy	Nguyễn, Thị Hồng Vân Phạm, Ngọc Nhân	2019	Lươn đồng, Monopterus albus (Zuiew, 1793) 15 ngày tuổi thu từ nguồn sản xuất nhân tạo có khối lượng và chiều dài ban đầu là 0,173g; 5cm được bố trí ương nuôi trong các thau nhựa có thể tích 5L/thau và bỏ giá thể dây nylon. Thí nghiệm được bố trí 2 nhân tố là tần suất cho ăn (2 và 4 lần/ngày) và tỷ lệ cho ăn (giữa sáng và chiều tối với các tỷ lệ 1:1, 1:2 và 1:3) gồm 6 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Mật độ ương là 60con/thau (2000con/m ²), sử dụng sinh khối Artemia đông lạnh làm thức ăn trong suốt thời gian nuôi kéo dài 40 ngày. Kết quả sau 40 ngày nuôi cho thấy tỷ lệ sống đạt 100% ở tất cả các nghiệm thức nhưng tăng trưởng có sự khác biệt ($p<0,05$) giữa các nghiệm thức. NT4 (cho ăn 4 lần/ngày tỷ lệ cho ăn sáng chiều là 1:1) có tăng trưởng cả về chiều dài và khối lượng cao nhất với SGR đạt 7,20%/ngày; DWG đạt 0,07g/ngày, DLG đạt 0,25cm/ngày, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với NT2 và NT3 (cho ăn 2 lần/ngày với các tỷ lệ 1:2 và 1:3 theo thứ tự tương ứng) với SGR từ 6,74 – 6,78%/ngày; DWG và DLG là 0,06g/ngày và 0,22cm/ngày, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả cho thấy trong ương lươn giai đoạn giống với mật độ cao bằng thức ăn sinh khối Artemia, việc tăng tần suất cho ăn có hiệu quả hơn so với việc điều chỉnh tăng tỷ lệ cho ăn giữa buổi sáng và buổi chiều tối.
4498	Đại học	Ảnh hưởng mật độ và tần suất cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của lươn đồng (Monopterus albus) giai đoạn giống	Trần, Minh Thành	Nguyễn, Thị Hồng Vân Phạm, Ngọc Nhân	2019	Nghiên cứu về “Ảnh hưởng mật độ và tần suất cho ăn lên tăng trưởng, tỷ lệ sống của lươn đồng Monopterus albus (Zuiew, 1973)” được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 2 nhân tố là mật độ 40, 60 và 80 con/thau (tương ứng với khoảng 1350, 2000 và 2700 con/m ²), tần suất cho ăn (2 và 4 lần/ngày). Tổ hợp của hai nhân tố gồm 6 nghiệm thức và có 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức, thời gian thí nghiệm là 40 ngày. Thức ăn trong quá trình ương là sinh khối Artemia động lạnh. Lươn được bố trí trong 18 thau nhựa diện tích mỗi thau là 0,03m ² có sử dụng giá thể là dây nylon. Lươn có khối lượng và chiều dài ban đầu là 0,173g/con; 5cm/con. Kết quả sau 40 ngày ương cho thấy các yếu tố môi trường không có sự biến động lớn nằm trong khoảng thích hợp cho lươn, các nghiệm thức đều đạt tỷ lệ sống 100%. Kết quả về tăng trưởng chiều dài và khối lượng lươn ở nghiệm thức 4 (mật độ 40con/T, cho ăn 4lần/ngày) có khối lượng và chiều dài cao nhất lần lượt là 3,25g và 15,4cm; DLG, DWG và SGR lần lượt là 0,26±0,00cm/ngày; 0,08±0,002g/ngày; 7,33±0,01%/ngày khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với NT3 (mật độ 80con/T cho ăn 2lần/ngày) có khối lượng và chiều dài là 2,60g và 14,2cm; DLG, DWG và SGR đạt 0,23±0,01cm/ngày; 0,06±0,001g/ngày; 6,78±0,34%/ngày và khác biệt không có ý nghĩa thống kê với các NT khác. Tóm lại khi sử dụng sinh khối Artemia làm thức ăn có thể ương ở mật độ 1350-2000con/m ² nhưng khi ương ở mật độ 2000con/m ² nên cho ăn 4 lần/ngày để đảm bảo tăng trưởng tốt.

4499	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic lên sinh trưởng, tỷ lệ sống và năng suất của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong ao đất	Phan, Thị Bích Huyền	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá việc bổ sung probiotic có tác động lên sự sinh trưởng, tỷ lệ sống và năng suất của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) nuôi thương phẩm trong ao đất 2000 m ² . Thí nghiệm được bố trí với hai nghiệm thức, chế phẩm sinh học probiotic được bổ sung 7 ngày/lần với liều lượng 0,01 g/L, so sánh với với tôm nuôi không bổ sung probiotic, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại, mật độ thả 50 con/m ² . Kết quả sau 60 ngày nuôi cho thấy tôm nuôi ở nghiệm thức bổ sung probiotic có tăng trưởng về chiều dài và khối lượng tốt hơn có ý nghĩa so với tôm nuôi không bổ sung probiotic. Thêm vào đó, tỉ lệ sống và năng suất cũng cao hơn, nhưng cao hơn không có ý nghĩa thống kê so với tôm nuôi khô
4500	Đại học	Nghiên cứu sử dụng artemia sinh khối trong ương cua biển giống (<i>Scylla paramamosain</i>)	Lư, Thị Mỹ Thi	Lê, Thị Phương Mai Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Nghiên cứu nhằm xác định mức thay thế Artemia sinh khối bằng cá tạp để đạt tỷ lệ sống và tăng trưởng của cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) giai đoạn giống tốt nhất. Thí nghiệm được bố trí với 5 nghiệm thức với mức thay thế Artemia bằng cá tạp ở 0% (NT1), 25% (NT2), 50% (NT3), 75% (NT4) và 100% (NT5), mỗi nghiệm thức gồm 40 con nuôi dạng cá thể trong keo nhựa 250 mL có đục lỗ xung quanh, keo được thả nuôi trong bể 150L ở độ mặn 15‰. Kết quả sau 21 ngày nuôi cho thấy cua cho ăn hoàn toàn bằng Artemia có tăng trưởng về chiều rộng mai và khối lượng tốt nhất, và có chiều hướng tăng trưởng giảm dần khi giảm lượng Artemia sinh khối trong khẩu phần ăn, nhưng ở mức thay thế 25% Artemia sinh khối bằng cá tạp không ảnh hưởng đến tăng trưởng của cua giống. Tỷ lệ sống của cua ở các nghiệm thức cho ăn bằng Artemia khá cao (tương đương 100%), trong khi đó cua cho ăn bằng cá tạp có tỷ lệ sống thấp nhất (80%).
4501	Đại học	Ảnh hưởng tần suất thu hoạch lên năng suất sinh khối trứng nước (<i>Moina</i> sp)	Võ, Lê Phước Hậu	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm tìm ra tần suất thu hoạch sinh khối moina hợp lý để đạt năng suất sinh khối cao nhất. Thí nghiệm được thực hiện với 5 nghiệm thức với tần suất thu hoạch là 0, 2, 4, 6, 8 ngày/lần. <i>Moina</i> sp. được thả với mật độ ban đầu là 200 con/L, cám gạo và bột cá xay mịn được sử dụng làm thức ăn cho <i>Moina</i> trong 30 ngày nuôi. Kết quả cho thấy, mật độ <i>Moina</i> ở nghiệm thức với tần suất thu hoạch là 0 luôn ở mức cao so với các nghiệm thức còn lại, mật số giảm dần khi tần suất thu hoạch ngắn, nhưng năng suất sinh khối và tổng năng suất ở nghiệm thức với tần suất thu hoạch 4 ngày/lần là cao nhất, cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức không thu tỉa trong suốt quá trình nuôi.

4502	Đại học	Nghiên cứu khả năng hấp thụ đạm (N) và lân (P) của rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) từ nước thải nuôi tôm sú thâm canh với mật độ rong câu khác nhau	Lê, Ngọc Huy	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	. Nghiên cứu khả năng hấp thụ đạm (N) và lân (P) của rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) trong nước thải nuôi tôm sú thâm canh (độ mặn 15‰) với mật độ rong câu khác nhau được thực hiện trong 7 ngày. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức ở điều kiện không sục khí và có sục khí, trong đó hai nghiệm thức đối chứng không có rong câu và 4 nghiệm thức còn lại với mật độ rong câu 1 kg/m ³ và 2 kg/m ³ và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần và bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Kết quả cho thấy hiệu suất xử lý hợp chất đạm (TAN, NO ₃ ⁻ , TN) và lân (PO ₄ ³⁻ và TP) trong nước thải đạt cao nhất ở nghiệm thức có sục khí và mật độ rong câu 2 kg/m ³ cho chất lượng nước đạt tiêu chuẩn QCVN 02 - 19: 2014/BNNT. Hơn nữa, thành phần sinh hóa rong câu sau thí nghiệm cũng được cải thiện đáng kể so với ban đầu.
4503	Đại học	Thành phần động vật nổi ở kênh Búng Xáng của Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Trang	Võ, Nam Sơn	2018	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xác định tính đa dạng thành phần loài động vật nổi và sử dụng chúng làm chỉ số để theo dõi chất lượng nước ở kênh Búng Xáng của thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu thực hiện gồm 3 điểm thu mẫu (Đầu kênh, giữa kênh và cuối kênh) từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2018 với 3 đợt thu mẫu. Ở mỗi đợt thu mẫu, các mẫu động vật nổi được thu theo thời điểm nước lớn và nước ròng. Kết quả cho thấy, tổng cộng có 82 loài động vật nổi đã được ghi nhận, trong đó Rotifera có thành phần đa dạng nhất với 50 loài (61%), tiếp theo là Protozoa với 13 loài (16%), những loài khác với 23% (3-11 loài). Thành phần loài động vật nổi theo thời kỳ nước lớn và nước ròng lần lượt là 66 loài và 74 loài. Đặc biệt, Rotifera có thành phần phong phú nhất trong cả thời điểm nước lớn và nước ròng. Mật độ động vật nổi cao dao động từ 11.875-1.309.472 cá thể/m ³ , trong đó mật độ của chúng ở cuối kênh cao hơn so với các địa điểm khác. Chỉ số tương đồng nằm trong khoảng từ 0,76 đến 0,85. Nhìn chung, có sự tương đồng tương đối cao về thành phần động vật nổi giữa thời điểm nước lớn và nước ròng. Chỉ số đa dạng Shannon-Weiner (H') dao động từ 1,18 đến 2,39 cho thấy chất lượng nước trong khu vực nghiên cứu có mức độ ô nhiễm vừa phải.

4504	Đại học	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá lười trâu vảy to (Cynoglossus arel)	Huỳnh, Sa Ri	Lý, Văn Khánh	2018	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá lười trâu vảy to (Cynoglossus arel) được tiến hành ở tỉnh Kiên Giang từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2018 nhằm cung cấp những thông tin về sinh học sinh sản, làm cơ sở cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu, phát triển đối tượng nuôi mới, phục vụ cho nghề nuôi trồng thủy sản ở địa phương. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy quan hệ hồi quy giữa chiều dài tổng và khối lượng thân cá rất chặt chẽ theo phương trình $W=0.01592.5906 R^2=0,8109$ (cá cái) và $W=0,00952,7516$ với $R^2=0,6657$ (cá đực). Hệ số điều kiện (CF) cao nhất vào tháng 7 ở cá cái(0,218) và thấp nhất vào tháng 5 ở cá cái(2,00E-14) Cao nhất tháng 3 ở cá đực (0,042), và thấp nhất tháng 4 ở cá đực(0,002). Hệ số thành thực sinh dục (GSI) cao nhất vào tháng 3 ở cá cái (2,84%) và tháng 6 ở cá đực (0,114%), thấp nhất vào tháng 7 ở cá cái (2,263%) và tháng 3 ở cá đực 0,050%. Hệ số tích lũy năng lượng (HSI) cao nhất vào tháng 6 ở cá cái (0,701%,) và tháng 7 ở cá đực (0,444%) và thấp nhất vào tháng 7 ở cá cái (0,476%) và tháng 8 ở cá đực (0,303%).
4505	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ, phương pháp đóng gói , thời gian bảo quản lên cơ chế xóa tiềm sinh và sức sống của nauplii ở Artemia Vĩnh Châu	Nguyễn, Mỹ Trinh	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Trong thí nghiệm này, trứng bào xác Artemia được bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng (20-30°C), nhiệt độ phòng máy lạnh (17°C), trong tủ lạnh (4°C), tủ đông sâu (-4°C) với các phương pháp bảo quản khác nhau như: đóng bọc, đóng lon không chứa khí nitơ và đóng lon không chứa khí nitơ nhằm đưa ra những khuyến cáo cho người nông dân trong quá trình sử dụng và bảo quản trứng bào xác Artemia đảm bảo chất lượng trong thời gian lâu dài. Mẫu được cho nở trên đĩa petri, các chỉ tiêu kiểm tra gồm tỷ lệ nở (HP), tốc độ nở (HR), thời gian nở và tỷ lệ sống của nauplii sau 3 ngày nuôi. Kết quả cho thấy sau ba năm bảo quản, việc xóa tiềm sinh ở trứng thông qua các chỉ tiêu chất lượng không bị ảnh hưởng bởi thời gian lưu trữ nhưng bị tác động bởi nhiệt độ và phương pháp bảo quản. Mặc dù vậy, khi bảo quản trứng ở các mức nhiệt độ từ 4°C trở xuống thì cơ chế xóa tiềm sinh thông qua tỷ lệ nở, tốc độ nở...được cải thiện so với trứng thông thường trên thị trường. Tỷ lệ nở cao nhất ở nghiệm thức đóng bọc bảo quản trong tủ đông sâu(-4°C) với tỷ lệ nở $95,63 \pm 0.3\%$, tổng thời gian nở $25,2 \pm 13,9\%$ giờ, thời gian xuất hiện ấu trùng đầu tiên là $13,2 \pm 1,1\%$ giờ. Tỷ lệ nở thấp nhất ở nghiệm thức đóng lon không chứa khí nitơ bảo quản ở điều kiện nhiệt độ phòng, tỷ lệ nở 0%. Bên cạnh đó, chất lượng nauplii của những trứng này bất chấp thời gian lưu trữ và phương pháp bảo quản hoàn toàn có thể sử dụng để thả giống

4506	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) luân canh trên đất trồng lúa ở tỉnh Cà Mau và Kiên Giang	Huỳnh, Lý Đăng	Lý, Văn Khánh Trần, Ngọc Hải	2018	Nghiên cứu nuôi tôm sú luân canh trên đất trồng lúa được thực hiện từ tháng 8 – 11/2018 nhằm đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính làm cơ sở để phát triển mô hình này. Nghiên cứu được triển khai nuôi thực nghiệm trên 4 ruộng lúa ở 4 hộ thuộc tỉnh Cà Mau và Kiên Giang, mỗi ruộng nuôi có diện tích 1 ha mặt nước, tôm sú giống có khối lượng trung bình 0,17 g/con được thả nuôi với mật độ 5 con/m ² . Sau 3 tháng nuôi, khối lượng trung bình dao động từ 10,2 – 24,7 g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối 0,11 – 0,27 g/ngày. Tỷ lệ sống dao động từ 21,0 – 54,0%. Năng suất dao động 138 - 668 kg/ha. Lợi nhuận đạt từ -13,1 – 48,6 triệu đồng/ha. Tỷ suất lợi nhuận từ -49,9 – 86,3%.
4507	Đại học	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) siêu thâm canh theo công nghệ biofloc với chế độ che sáng khác nhau	Hồ, Thế Dương	Trần, Ngọc Hải Châu, Tài Tảo	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra cường độ ánh sáng thích hợp cho sự hình thành biofloc, tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm chân trắng nuôi siêu thâm canh trong bể để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức cường độ ánh sáng khác nhau: (i) không che lưới (đối chứng), (ii) che một lớp lưới, (iii) che 2 lớp lưới; (iv) che 3 lớp lưới, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, cách bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, trong điều kiện có mái che. Bể composit sử dụng trong thí nghiệm có thể tích 10m ³ và bố trí 6m ³ nước được duy trì độ mặn ở 15‰. Tôm thẻ chân trắng (PL10) có khối lượng ban đầu trung bình là (0,011 g/con) được nuôi với mật độ (500 con/m ³). Rỉ đường được bổ sung vào hệ thống nuôi để đảm bảo tỉ lệ C:N là 12:1. Sau 6 tuần nuôi tôm thẻ trong hệ thống biofloc với cường độ ánh sáng khác nhau cho thấy có ảnh hưởng đến sự hình thành biofloc, tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm. Đặc biệt, chiều dài và khối lượng của tôm cao nhất ở nghiệm thức không che lưới (5,86 cm và 1,99 g), chiều dài của tôm thấp nhất với nghiệm thức che 2 lớp lưới (4,99 cm) và khối lượng thấp nhất của tôm ở nghiệm thức che 3 lớp lưới (1,26 g). Thêm vào đó, ở nghiệm thức không che lưới tỉ lệ sống của tôm cao nhất (88,2%) và năng suất cao nhất (0,74 kg/m ³). Kết quả cho thấy nghiệm thức không che lưới với cường độ ánh sáng dao động trung bình (28,5-8096,2 lux) tôm có tăng trưởng và tỉ lệ sống tốt nhất.

4508	Đại học	Nghiên cứu bổ sung nguồn cacbon ở các thời điểm khác nhau trong ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc	Trần, Duy Linh	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm xác định thời điểm thích hợp bổ sung nguồn cacbon trong ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc để nâng cao chất lượng, năng suất và tỉ lệ sống trong quá trình sản xuất giống. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức (1) bổ sung nguồn cacbon ở giai đoạn Mysis-1, (2) bổ sung nguồn cacbon ở giai đoạn Mysis-3, (3) bổ sung nguồn cacbon ở giai đoạn Postlarvae-2 và (4) bổ sung nguồn cacbon ở giai đoạn Postlarvae-4. Bể ương có thể tích 500L và độ mặn 30‰, và sử dụng nguồn cacbon rỉ đường với tỷ lệ C/N = 20 để tạo biofloc. Sau 20 ngày ương, các yếu tố môi trường ở các nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho ấu trùng tôm phát triển. Tăng trưởng về chiều dài ở Postlarvae-12 của nghiệm thức 2 khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống (59,8%) và năng suất (100 con/L) của PL-12 ở nghiệm thức 2 là tốt nhất và khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với nghiệm thức bổ sung nguồn cacbon giai đoạn Mysis-1 nhưng khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả cho thấy Ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc bổ sung nguồn cacbon ở giai đoạn Mysis-3 đạt kết quả tốt nhất.
4509	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc với tỷ lệ C/N khác nhau	Chung, Gia Lập	Châu, Tài Tảo Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu nhằm xác định tỉ lệ C/N thích hợp cho tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức bổ sung tỉ lệ C/N khác nhau gồm (i) tỉ lệ C/N=10, (ii) tỉ lệ C/N=15, (iii) tỉ lệ C/N=20, (iv) tỉ lệ C/N=25 và (v) tỉ lệ C/N=30. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, mật độ ương 150 con/L, bể ương có thể tích 0,5 m ³ . Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố môi trường như nhiệt độ, pH, độ kiềm, TAN và Nitrite đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của ấu trùng tôm. Sau 23 ngày ương tôm chuyển postlarvae 12, tôm ở nghiệm thức bổ sung tỉ lệ cacbon C/N=20 cho kết quả tăng trưởng chiều dài PL12 cao nhất (8,37±0,04 mm) khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với nghiệm thức bổ sung tỉ lệ cacbon C/N=15 (8,34±0,07 mm), tuy nhiên khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống và năng suất tôm cao nhất ở nghiệm thức bổ sung tỉ lệ cacbon C/N=20 (60,5±4,8% và 90782±7123 con/m ³) nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại.

4510	Đại học	Thực nghiệm ương tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) giống trên bề lót bạc theo công nghệ biofloc ở tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang	Lâm, Tuấn Huy	Lý, Văn Khánh	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả việc áp dụng công nghệ biofloc trong ương tôm sú giống. Thí nghiệm được thực hiện ở 3 tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu và Kiên Giang; mỗi tỉnh bố trí 3 bể ương. Tôm được ương theo công nghệ biofloc (C:N = 10:1 và sử dụng mật ri đường để bổ sung nguồn carbon), mật độ ương 600 con/m ² . Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố môi trường đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm sú phát triển. Sau 21 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của tôm về khối lượng và chiều dài tốt nhất ở tỉnh Kiên Giang, giữa các tỉnh không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Tỷ lệ sống dao động từ 81,7-91,1 %, cao nhất là ở Cà Mau và thấp nhất là ở Bạc Liêu. Sinh khối tôm ở Cà Mau cao nhất 547 con/m ² . Tuy nhiên, tỷ lệ sống và sinh khối ở các tỉnh khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Kết quả thí nghiệm cho thấy, nuôi tôm sú ứng dụng công nghệ biofloc trên bề lót bạc cho hiệu quả tốt.
4511	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng oxy trong quá trình vận chuyển hờ trong vận chuyển cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống qui mô phòng thí nghiệm	Hồ, Hữu Tài	Nguyễn, Thanh Phương	2019	Nghiên cứu ứng dụng “ Nghiên cứu ứng dụng oxy trong quá trình vận chuyển cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống quy mô phòng thí nghiệm”. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 9 nghiệm thức, 3 lần lặp lại với 3 mật độ khác nhau (130 g/L, 100 g/L, 70 g/L) kết hợp thực hiện vận chuyển ở 3 khoảng thời gian (2 giờ, 4 giờ, 6 giờ) với hệ thống bình oxy, cung cấp oxy trong nước ổn định (>5 mg/L). Mẫu máu cá được thu sau khi đạt thời gian vận chuyển ở thời điểm 2 giờ, 4 giờ, 6 giờ. Sau đó cá được cho phục hồi ở các bể 500 L và thu mẫu máu cá sau 72 giờ để đánh giá các chỉ tiêu sinh lý máu như hồng cầu, glucose, hemaocrit, hemoglobin. Theo dõi tỷ lệ hao hụt của cá trong thời gian vận chuyển và sau 72 giờ phục hồi. Nghiên cứu cho thấy, thời gian vận chuyển tác động lên các chỉ tiêu sinh lý tăng cao. Ở glucose khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Hồng cầu khác biệt có ý nghĩa ($p<0,05$). Thu mẫu cá sau 72 giờ phục hồi để đánh giá các chỉ tiêu sinh lý máu. Hàm lượng glucose giảm không có ý nghĩa ($p>0,05$). Nghiệm thức vận chuyển 6 giờ tỷ lệ hematocrit thấp hơn có ý nghĩa so với 2 giờ và 4 giờ ($p<0,05$). Số lượng hồng cầu ở các nghiệm thức tăng cao không có ý nghĩa ($p>0,05$). Tỷ lệ sống đạt giá trị cao nhất 93,4 % ở nghiệm thức 100 g/L- 4 giờ và thấp nhất ở nghiệm thức 130 g/L-6 giờ 10,1 %, nghiệm thức thời gian vận chuyển 2 giờ t lệ sống khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức 4 giờ và 6 giờ ($p<0,05$)
4512	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn và hàm lượng dinh dưỡng thích hợp lên sự phát triển của tảo tự nhiên trong điều kiện phòng thí nghiệm	Nguyễn, Thị Mỹ Chi	Nguyễn, Văn Hòa Trần, Hữu Lễ	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định độ mặn và thành phần dinh dưỡng thích hợp cho nhóm tảo tự nhiên phát triển. Thí nghiệm được bố trí 9 nghiệm thức (NT) với 2 nhân tố độ mặn và thành phần dinh dưỡng, trong đó với 3 độ mặn (20‰, 40‰, 60‰) và 3 thành phần dinh dưỡng (1) bón phân theo truyền thống (TT) (Urea=3ml/L, DAP=1ml/L); 2) bón phân theo công thức (CT) (Urea=39,6ml/L, DAP=1ml/L, Silic=2ml/L) và 3) sử dụng môi trường Walne (Walne=2ml/L, Silic=2ml/L), mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại. Sau 7 ngày thí nghiệm thì tảo tự nhiên phát triển tốt nhất ở độ mặn 20‰ kết hợp với bón phân công thức với mật độ tối ưu là $10,1 \pm 1,8 \times 10^6$ tb/mL.

4513	Đại học	Nghiên cứu biến động sản lượng cá bông lau giống (<i>Pangasius krempfi</i>) (Fang & Châu, 1949) ở vùng cửa sông Hậu	Lê, Văn Hạnh	Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu về biến động sinh sản của cá bông lau giống (<i>Pangasius krempfi</i>) (Fang & Chau, 1949) vùng cửa sông Hậu. Được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2018. Mẫu được đánh giá về mức độ đa dạng và phong phú của cá giống tại hiện trường bằng lưới đáy (đáy khơi) tại cửa sông Trần Đề và Định An với chu kỳ 1 tháng/lần và tập trung vào con nước lớn. Kết quả cho thấy cá bông lau giống phân bố chủ yếu ở vùng nước lợ (cao nhất ở cửa sông Trần Đề). Sản lượng cá giống cũng biến động theo mùa mưa và mùa khô. Nên tiến hành nhằm xác định sản lượng, sự phân bố và kích cỡ của cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>) dọc theo tuyến sông Hậu.
4514	Đại học	Thành phần động vật nổi ở kênh Búng Xáng của Thành phố Cần Thơ	Bùi, Thị Thúy Huyền	Võ, Nam Sơn	2018	Mục tiêu của nghiên cứu là nhằm xác định tính đa dạng thành phần loài thực vật nổi và sử dụng chúng làm sinh vật chỉ thị trong đánh giá chất lượng nước. Nghiên cứu được thực hiện theo chu kỳ nước lớn và nước ròng từ tháng 9-10/2018 ở kênh Búng Xáng của thành phố Cần Thơ. Tổng cộng có 3 điểm thu mẫu (đầu kênh, giữa kênh và cuối kênh) với 3 đợt thu. Kết quả cho thấy đã xác định được 117 loài thực vật nổi, trong đó Chlorophyta có thành phần loài phong phú nhất (46 loài, 39%), kế đến là Euglenophyta (34 loài, 29%), các nhóm còn lại biến động từ 2-19 loài (2-16%). Có sự tương đồng khá cao về thành phần loài thực vật nổi giữa các điểm thu mẫu cũng như giữa thời điểm nước lớn và nước ròng. Chỉ số tương đồng Sorensen dao động từ 0,64-0,83. Mật độ thực vật nổi trung bình ở cuối kênh (423.538 ± 362.042 cá thể/L) cao hơn các điểm thu khác. Chỉ số đa dạng H' trung bình biến động từ $1,60 \pm 0,2$ đến $1,68 \pm 0,27$ và từ $1,60 \pm 0,26$ đến $1,68 \pm 0,17$ lần lượt cho thời điểm nước lớn và nước ròng. Nhìn chung chất lượng nước ở các điểm thu mẫu có mức độ ô nhiễm trung bình.
4515	Đại học	Ảnh hưởng của việc tăng độ mặn đến tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>)	Phùng, Thị Trân	Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc tăng độ mặn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) giai đoạn giống. Thí nghiệm gồm có 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại: 1) Duy trì 15‰ trong suốt quá trình nuôi, 2) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó giữ nguyên, 3) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó tăng tiếp 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và giữ nguyên, 4) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó tăng tiếp 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và tiếp tục tăng thêm 5‰ sau đó giữ nguyên. Sò huyết được cho ăn hằng ngày bằng tảo thu từ hệ thống cá rô phi-nước xanh kết hợp với thức ăn tổng hợp Lansy ZM. Kết quả sau hai tháng ương cho thấy tăng trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết ở nghiệm thức NT1 cao hơn và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Tăng trưởng về khối lượng của nghiệm thức NT1 ($0,69 \pm 0,01\%$) cao hơn nghiệm thức NT2 ($0,61 \pm 0,01\%$), NT3 ($0,61 \pm 0,01\%$) và NT4 ($0,61 \pm 0,01\%$). Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức NT1 ($62,5 \pm 15,15\%$) và thấp nhất ở nghiệm thức NT3 ($26,67 \pm 11,27\%$) sau 45 ngày nuôi. Nghiên cứu này cho thấy sò huyết giống cỡ (0,8-1,2g) nuôi ở độ mặn 15‰ đạt tỷ lệ sống và tăng trưởng cao nhất

4516	Đại học	Đánh giá vai trò dinh dưỡng của biofloc làm thức ăn cho ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	Kim, Hồng Phi	Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu nhằm xác định vai trò của biofloc làm thức ăn cho ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh. Thí nghiệm bố trí ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức (không cho ăn, cho ăn bình thường, cho ăn bình thường và tạo biofloc, chỉ tạo biofloc mà không cho ăn). Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần cho 2 thí nghiệm khác nhau: bổ sung biofloc từ giai đoạn 2 và từ giai đoạn 4, mật độ 60 con/L, bể ương có thể tích 0,25 m ³ . Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố môi trường như nhiệt độ, pH, độ kiềm, TAN và Nitrite đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của ấu trùng tôm. Sau 24 ngày ương, tôm ở nghiệm thức cho ăn bình thường bổ sung biofloc từ giai đoạn 4 cho kết quả tăng trưởng chiều dài Postlarvae cao nhất (10,9±0,7 mm), khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) so với nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống và năng suất tôm cao nhất ở nghiệm thức cho ăn bình thường và tạo biofloc từ giai đoạn 2 (76,1±9,4 % và 45,7±5,6 con/L) khác biệt có ý nghĩa thống kê (p>0,05) so với các nghiệm thức còn lại. Ở cả 2 thí nghiệm, nghiệm thức không cho ăn bắt đầu chết ở ngày thứ 3 và chết hết ở ngày thứ 10, nghiệm thức chỉ tạo biofloc mà không cho ăn bắt đầu chết ở ngày thứ 6 và chết hết ở ngày thứ 15.
4517	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) bằng công nghệ biofloc với các nguồn cacbon khác nhau	Huỳnh, Hoàng Lam	Trần, Ngọc Hải	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của 03 nguồn cacbon (đường cát, bột gạo và cám gạo) bổ sung ở C:N là 15 lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh <i>Macrobrachium rosenbergii</i>), so sánh với nghiệm thức không bổ sung cacbon (đối chứng). Ấu trùng được ương ở mật độ là 60 con/lít trong bể composite có thể tích 500 lít, độ mặn 12 ‰. Kết quả nghiên cứu sau 35 ngày ương cho thấy hàm lượng TAN ở các nghiệm thức Biofloc thấp hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với cả nghiệm thức đối chứng. Chiều dài Postlarvae 15 (chiều dài trung bình là 9,97±0,25 mm), tỷ lệ sống (40,9±1,0 %) và năng suất (24.569±618 con/m ³) ở nghiệm thức bổ sung bột gạo, hậu ấu trùng lớn hơn, tỷ lệ sống và năng suất cao hơn so với nghiệm thức bổ sung đường cát và nghiệm thức bổ sung cám nhưng thấp hơn không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) so với nghiệm thức đối chứng.
4518	Đại học	Nghiên cứu chu kỳ sinh sản của họ sò điệp (Pectinidae) tại đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Lê, Thị Trúc Giang	Ngô, Thị Thu Thảo	2019	Mẫu sò điệp (pectinidae) được thu tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang nhằm nghiên cứu về chu kỳ sinh sản và đặc điểm sinh học. Kết quả cho thấy sò điệp sinh sản hầu như ở tất cả các tháng thu mẫu (từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 9 năm 2018), nhưng có 2 đỉnh cao sinh sản vào tháng 9 và cuối tháng 11. Hệ số thành thực GI của sò điệp biến động từ 3,9 đến 12,4 với giá trị thấp nhất vào tháng 8 và cao nhất vào tháng 1. Đường kính trứng từ 16 µm đến 40 µm cao vào tháng 1 và thấp nhất tháng 12. Những kết quả của nghiên cứu này đóng góp những thông tin cơ bản về đặc điểm sinh học và sinh sản của sò điệp tại địa điểm nghiên cứu.

4519	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ thu hoạch lên sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo <i>Chaetoceros calcitrans</i>	Đỗ, Trung Việt	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Đề tài nghiên cứu Ảnh hưởng của tỷ lệ thu hoạch lên sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo <i>Chaetoceros calcitrans</i> được thực hiện nhằm tìm hiểu sự phát triển của tảo <i>C. calcitrans</i> dưới các tỷ lệ thu hoạch khác nhau. Đề tài được thực hiện trong phòng thí nghiệm với nhiệt độ 26-28oC, bình thủy tinh 8L ở độ mặn 25‰ với cường độ ánh sáng 3000lux của ánh sáng đèn LED tổng hợp (ánh sáng lam+đỏ theo tỉ lệ 1:1), tỉ lệ bổ sung CO₂ là 1%. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức với các tỷ lệ thu hoạch tương ứng là 0%, 10%, 20%, 30%. Kết quả cho thấy hệ thống nuôi với tỷ lệ thu hoạch từ 10-30%/ngày có thể kéo dài thời gian nuôi đến 28 ngày. Sinh khối khô thu được cao nhất ở NT 30% là 7.2g/L/28 ngày. Việc thu hoạch tảo không ảnh hưởng đến kích thước tế bào, hàm lượng chlorophyll-a/tb. Thành phần dinh dưỡng của tảo có khuynh hướng tăng ở các nghiệm thức thu hoạch so với đối chứng (không thu hoạch trong suốt thời gian nuôi).
4520	Đại học	Khảo sát vai trò của rong biển trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến ở tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thị Vân Thi	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Khảo sát được tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp 90 hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến (QCCT), (1) có rong hỗn hợp, (2) có rong rong câu và (3) không có rong xuất hiện tự nhiên trong ao nuôi tôm QCCT ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nhằm đánh giá vai trò và tác động của rong đến năng suất và lợi nhuận của mô hình nuôi. Kết quả cho thấy ao nuôi tôm QCCT có rong hỗn hợp và rong câu đạt năng suất tôm sú trung bình lần lượt là 336,8 và 282,1 kg/ha/năm tương ứng với lợi nhuận là 57,8 và 70,2 triệu đồng/ha/năm, cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với ao không có rong (năng suất tôm sú: 107,7 kg/ha/năm và lợi nhuận: 39,0 triệu đồng/ha/năm). Tuy nhiên, năng suất tôm tự nhiên và cua biển ở ao QCCT không có rong cao hơn nhiều ($p<0,05$) so với ao có rong. Đa số ý kiến nông hộ (81,7-91,7%) cho rằng rong biển và thực vật thủy sinh có vai trò quan trọng trong ao nuôi tôm QCCT như cải thiện chất lượng nước, làm thức ăn trực tiếp và là nơi trú ẩn cho tôm, cua. Bên cạnh đó, khi rong phát triển quá mức gây ra một số tác hại như thối nước, cản trở quá trình di chuyển của tôm, cua,... làm giảm năng suất ao nuôi (33,3-70,0%). Nhưng ao có rong phát triển ở độ phủ từ 30-50% thường cho năng suất cao hơn ao không có rong nhưng diện tích che phủ của rong >50% sẽ gây hại cho ao nuôi và 40% nông hộ thích duy trì rong câu trong ao nuôi hơn các loài rong khác.

4521	Đại học	So sánh hiệu quả mô hình nuôi đơn và nuôi kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) - rong câu (<i>Gracilaria</i> sp) trong ao quảng canh cải tiến với các mật độ khác nhau	Cao, Trung Tuyền	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Nghiên cứu nuôi kết hợp các mật độ tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) khác nhau với rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) trong giai lưới đặt trong ao quảng canh cải tiến. Thí nghiệm gồm 6 nghiệm thức với 3 mật độ nuôi (2, 4 và 6 con/m ²) với hai hình thức nuôi (nuôi đơn và nuôi kết hợp), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Tất cả các nghiệm thức đều không cho ăn trong suốt quá trình nuôi và chỉ sử dụng thức ăn tự nhiên có sẵn trong giai. Tôm sú có khối lượng trung bình ban đầu 1,07 g được thả nuôi trong giai lưới 16 m ² . Sau 4 tháng nuôi, tốc độ tăng trưởng, tỉ lệ sống và sinh khối của tôm nuôi kết hợp cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với tôm nuôi đơn. Trong đó tỉ lệ sống của tôm nuôi kết hợp ở mật độ 2 và 4 con/m ² không khác nhau về mặt thống kê ($p > 0,05$), trung bình lần lượt là 71,88% và 61,46%. Mật độ 2 con/m ² thu được khối lượng tôm lớn nhất (16.25 g/con) và mật độ nuôi 4 con/m ² đạt năng suất cao nhất (309 kg/ha). Thành phần hóa học thịt tôm gồm hàm lượng protein ở các nghiệm thức nuôi kết hợp tôm- rong cao hơn có ý nghĩa ($p < 0,05$) so với nuôi đơn. Ẩm độ, lipid và tro của thịt tôm không khác nhau nhiều giữa các nghiệm thức. Kết quả cho thấy có thể áp dụng nuôi kết hợp tôm sú-rong câu với mật độ từ 2-4 con/m ² cho hiệu quả cao nhất.
4522	Đại học	Ảnh hưởng của hàm lượng CO ₂ lên sự sinh trưởng và thành phần dinh dưỡng của tảo (<i>Chaetoceros calcitrans</i>)	Trần, Kim Cẩm	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự phát triển của tảo <i>Chaetoceros calcitrans</i> dưới điều kiện bổ sung CO ₂ với các tỉ lệ khác nhau. Thí nghiệm được thực hiện trong phòng với nhiệt độ 26-28°C, trong bình thủy tinh 8L ở độ mặn 25‰ với cường độ ánh sáng 3000lux của ánh sáng đèn LED tổng hợp (lam+đỏ theo tỉ lệ 1:1). Thí nghiệm được bố trí gồm 4 nghiệm thức với tỉ lệ bổ sung CO ₂ là 1%; 3%; 5% và 0% (theo thể tích khí) như nghiệm thức đối chứng. Kết quả cho thấy nghiệm thức bổ sung hàm lượng CO ₂ với tỉ lệ 1% cho kết quả cao hơn các nghiệm thức không bổ sung hoặc bổ sung CO ₂ với hàm lượng cao về mật độ ($23,08 \pm 0,66 \times 10^6$ tb/mL vào ngày thứ 6) với trọng lượng khô thu được là $2,2 \pm 0,1$ g/L, hàm lượng chlorophyll a (3007 ± 192 mg/L); carotenoid (473 ± 16 µg/L). Hàm lượng protein của tảo có khuynh hướng giảm theo sự gia tăng hàm lượng bổ sung CO ₂ (trừ NT 1%) trong khi lipid hầu như không khác biệt giữa bổ sung hoặc không bổ sung CO ₂

4523	Đại học	Ảnh hưởng của việc tăng độ mặn đến tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>)	Phùng, Thị Trân	Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc tăng độ mặn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) giai đoạn giống. Thí nghiệm gồm có 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại: 1) Duy trì 15‰ trong suốt quá trình nuôi, 2) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó giữ nguyên, 3) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó tăng tiếp 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và giữ nguyên, 4) Tăng lên 20‰ trong 15 ngày đầu sau đó tăng tiếp 5‰ trong 15 ngày tiếp theo và tiếp tục tăng thêm 5‰ sau đó giữ nguyên. Sò huyết được cho ăn hằng ngày bằng tảo thu từ hệ thống cá rô phi-nước xanh kết hợp với thức ăn tổng hợp Lansy ZM. Kết quả sau hai tháng ương cho thấy tăng trưởng và tỷ lệ sống của sò huyết ở nghiệm thức NT1 cao hơn và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Tăng trưởng về khối lượng của nghiệm thức NT1 ($0,69 \pm 0,01\%$) cao hơn nghiệm thức NT2 ($0,61 \pm 0,01\%$), NT3 ($0,61 \pm 0,01\%$) và NT4 ($0,61 \pm 0,01\%$). Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức NT1 ($62,5 \pm 15,15\%$) và thấp nhất ở nghiệm thức NT3 ($26,67 \pm 11,27\%$) sau 45 ngày nuôi. Nghiên cứu này cho thấy sò huyết giống cỡ (0,8-1,2g) nuôi ở độ mặn 15‰ đạt tỷ lệ sống và tăng trưởng cao nhất
4524	Đại học	Thử nghiệm nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) với mật độ rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) khác nhau trong mô hình aquaponic	Hồ, Mỹ Chân	Hứa, Thái Nhân	2018	Nghiên cứu thử nghiệm nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) và mật độ rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) khác nhau trong hệ thống tuần hoàn Aquaponic. Thí nghiệm được thực hiện gồm 3 nghiệm thức (NT) rau khác nhau là 50 rọ/m ² (NT1), 80 rọ/m ² (NT2) và 120 rọ/m ² (NT3) kết hợp với cùng 1 mật độ tôm (300 con/m ³), với 3 lần lặp lại, diện tích trồng rau là 1m ² /NT. Các rọ nhựa được đặt trên tấm xốp làm bệ nổi cho rau. Tôm có khối lượng ban đầu $0,04 \pm 0,01$ g/con. được nuôi trong bể composite 500 L (350 L) với mật độ 150 con/bể ở độ mặn 3-5‰. Thời gian thí nghiệm là 85 ngày. Tôm được cho ăn thức ăn viên (40% đạm) theo nhu cầu với 4 lần/ngày. Kết quả cho thấy các yếu tố môi trường như TAN, NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ và PO ₄ ³⁻ giảm từ 10-20% sau khi qua bể rau. Tăng trưởng và sinh khối của rau đạt cao nhất ở nghiệm thức 120 rọ/m ² với tổng khối lượng rau muống trung bình là $1158,93 \pm 327,5$ g/m ² và khác biệt có ý nghĩa thống kê so ($p < 0,05$) với NT1, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với NT2. Tăng trưởng đặc biệt của tôm là $6,66 \pm 0,04$ %/ngày và tỷ lệ sống của tôm $53,03 \pm 1,62\%$. Kết quả thí nghiệm này cho thấy nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp với rau muống ở mật độ 120 rọ/m ² trong hệ thống tuần hoàn Aquaponic sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn đồng thời duy trì chất lượng môi trường nước trong hệ thống tốt hơn. .
4525	Đại học	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của bào ngư (<i>Haliotis</i> sp) tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Thanh Tiên	Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Mẫu bào ngư bầu dục (<i>Haliotis</i> sp) được thu tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang nhằm nghiên cứu về chu kỳ sinh sản và đặc điểm sinh học. Kết quả cho thấy bào ngư sinh sản hầu như ở tất cả các tháng thu mẫu (từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018), nhưng có 2 đỉnh cao sinh sản vào tháng 12 và tháng 1. Hệ số thành thực GI của bào ngư biến động từ 1,77 đến 3,7 với giá trị thấp nhất vào tháng 7 và cao nhất vào tháng 1 và đường kính trứng từ 33 µm đến 83 µm. Những kết quả của nghiên cứu này đóng góp những thông tin cơ bản về đặc điểm sinh học và sinh sản của bào ngư tại địa điểm nghiên cứu

4526	Đại học	So sánh hiệu quả sử dụng thức ăn nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) với rong xanh (<i>Cladophora</i>) và rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.)	Đoàn, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Đánh giá hiệu quả sử dụng thức ăn trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) kết hợp với rong xanh (<i>Cladophoraceae</i>) và rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) được thực hiện gồm 5 nghiệm thức với 3 lần lặp lại. Nghiệm thức đối chứng, tôm nuôi đơn và được cho ăn thức ăn thương mại thỏa mãn, 4 nghiệm thức còn lại tôm được nuôi kết hợp với rong câu hoặc rong xanh cho ăn ở các mức 100% và 75% lượng thức ăn của nghiệm thức đối chứng. Tôm thí nghiệm có khối lượng trung bình là 0,39 g được nuôi trong bể nhựa 150-L với mật độ 200 con/m ³ , độ mặn 10‰. Rong câu hoặc rong xanh được bố trí 2 kg/m ³ đối với nghiệm thức nuôi kết hợp. Sau 60 ngày nuôi, tăng trưởng và năng suất của tôm ở nghiệm thức kết hợp tôm-rong câu cho ăn 75% nhu cầu cao hơn có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức nuôi kết hợp tôm-rong xanh và nuôi đơn, và chi phí thức ăn có thể được giảm đến 30,4%, đồng thời hàm lượng TAN và NO ₂ - thấp hơn nhiều so với nghiệm thức nuôi đơn. Hơn nữa, chất lượng thịt tôm và màu sắc của tôm luộc chín ở nhóm tôm nuôi kết hợp được cải thiện tốt hơn so với tôm nuôi đơn. Kết quả biểu thị nuôi kết hợp tôm-rong câu cho ăn 75% nhu cầu có thể được xem là hiệu quả nhất.
4527	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) khác nhau kết hợp với rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.)	Lê, Thị Út	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2018	Nghiên cứu nuôi mật độ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) khác nhau kết hợp với rong câu (<i>Gracilaria</i> sp.) nhằm xác định mật độ nuôi thích hợp cho sự sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức mật độ khác nhau (100, 200, 300, 400 và 500 con/m ³) và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể nuôi có thể tích 150 lít (chứa 130 lít nước), độ mặn 10‰, tất cả các nghiệm thức có cùng mật độ rong câu là 2 kg/m ³ và tôm được cho ăn 75% nhu cầu với 4 lần/ngày. Tôm nuôi có khối lượng trung bình ban đầu là 0,43±0,04 g. Sau 60 ngày nuôi, chất lượng nước ở các nghiệm thức 100, 200 và 300 con/m ³ có hàm lượng TAN, NO ₂ - thấp hơn so với các nghiệm thức 400 và 500 con/m ³ . Tốc độ tăng trưởng, tỉ lệ sống ở các nghiệm thức 100, 200 và 300 con/m ³ cao hơn có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) so với các mật độ còn lại. Màu sắc và mùi của tôm tươi; màu, mùi, vị và độ dai của tôm luộc ở mật độ từ 100 đến 300 con/m ³ tốt hơn các mật độ còn lại. Hơn nữa, mật độ nuôi 300 con/m ³ đạt năng suất cao.

4528	Đại học	Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong bể	Lê, Thanh Phước	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong bể nuôi” được thực hiện nhằm tìm ra liều lượng và chế phẩm phù hợp, an toàn và hiệu quả để ứng dụng vào bể nuôi tôm thẻ chân trắng. Đề tài được bố trí thực hiện trong bể 250 L với mật độ 100 con/bể với 9 nghiệm thức, gồm 5 loại chế phẩm khác nhau (Eco GT, Eco Liquid, Bayer’s, Sorbi và control), mỗi sản phẩm đánh giá với 2 nồng độ là 105 và 104 CFU/mL. Được thực hiện trong 60 ngày với 3 lần lặp lại ở mỗi nghiệm thức. Mẫu nước được thu và phân tích các chỉ tiêu: TAN, NO₂-, NO₃-, TSS. Trong thời gian thí nghiệm nhiệt độ và pH có sự biến động theo nhiệt độ môi trường bên ngoài; hàm lượng ammonia, nitrite và nitrate tăng dần theo thời gian ở tất cả các nghiệm thức. Sau khi kết thúc 60 ngày thí nghiệm, hàm lượng TSS tăng cao nhất ở nghiệm thức Bayer’s 105 (191,0±17,3 mg/L); kế đến là Sorbi active 104 (160,0±60,1 mg/L). Qua kết quả cho thấy nghiệm thức Eco GT 105 và Eco liquid 105 có khả năng ức chế <i>Vibrio</i> spp. tốt nhất. Nhìn chung tỉ lệ sống và tăng trưởng của tôm đạt cao nhất ở các nghiệm thức Bayer’s, Sorbi active và Control.
4529	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp) ở tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Tiền Giang	Đặng, Anh Kha	Nguyễn, Quốc Thịnh	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát tình hình sử dụng thuốc, hóa chất trên cá rô phi đỏ (<i>Oreochromis</i> sp.) nuôi bè. Đánh giá việc sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi cá rô phi đỏ nuôi bè được thực hiện thông qua phỏng vấn 118 hộ nuôi ở 4 tỉnh An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp và Vĩnh Long. Kết quả khảo sát cho thấy các biểu hiện bệnh thường xuất hiện trên cá rô phi đỏ là phù mắt, xuất huyết 86,7 – 96,7% và do ký sinh với 96,4 – 100% người nuôi báo cáo. Người nuôi thường không biết nguyên nhân gây bệnh nhưng vẫn dùng kháng sinh để trị bệnh nhiễm khuẩn và sử dụng các hóa chất để trị các biểu hiện nhiễm ký sinh trùng. Hầu hết các hộ nuôi không biết về kháng sinh đồ trong điều trị bệnh cá. Các loại kháng sinh được sử dụng nhiều nhất là sulfonamides kết hợp trimethoprim (23,3 – 96,7%), amoxicillin (33,3 – 57,1%), doxycycline (33,3 – 36,7%), florfenicol (26,7 – 50%) và oxytetracycline (14,3 – 63,3%). Những loại thuốc kháng sinh mà các hộ nuôi cá rô phi đỏ sử dụng không nằm trong danh mục thuốc cấm của Bộ NN&PTNT ngoại trừ enrofloxacin và ciprofloxacin đã được đưa vào danh mục kháng sinh cấm sử dụng từ năm 2016. Cá bán cho các thương lái hay chợ đầu mối thì không cần kiểm tra kháng sinh dẫn đến mối nguy về tồn lưu kháng sinh trong sản phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng nội địa. Hóa chất khử trùng được sử dụng phổ biến rộng rãi là Đồng sulfate chiếm 93,3% số hộ khảo sát. Các loại thảo dược đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát dịch bệnh, trong đó các hộ nuôi sử dụng thảo dược nhiều nhất là tỉnh Đồng Tháp (56,6%). Kết quả nghiên cứu cho thấy cần thiết phải tổ chức tập huấn cho người nuôi về chẩn đoán bệnh, sử dụng thuốc và hóa chất đúng cách và an toàn trong sử dụng thuốc và hóa chất.

4530	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản của cá đánh (Puntioplites proctozystron Bleeker, 1865)	Nguyễn, Minh Đăng	Phạm, Thanh Liêm	2019	Nghiên cứu thành phần thức ăn của cá Đánh (Puntioplites proctozystron, Bleeker, 1865) tại Búng Bình Thiên, An Giang được thực hiện nhằm xác định các loại thức ăn có trong ruột cá, làm cơ sở phát triển thức ăn nuôi cá Đánh. Nghiên cứu được tiến hành vào mùa mưa (tháng 8-9/2018) và mùa khô (tháng 2-3/2019). Mẫu cá đánh được thu định kì 1 đợt/tháng. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá đánh có miệng cận dưới, không có răng hàm và răng vòm miệng, răng hầu phát triển. Lược mang dài, thô và xếp thưa. Dạ dày không có thật, chỉ là một ống dài. Chỉ số RLG dao động trong khoảng 2.03. Phổ thức ăn của cá đánh có 4 loại thức ăn gồm: thực vật phù sinh, mùn bã hữu cơ, động vật phù sinh và thức ăn khác. Thực vật phù sinh có tần số xuất hiện và điểm số cao nhất trong cả mùa mưa (100% và 73,1%) và mùa khô (100% và 65,4%); thấp nhất thức ăn khác (35,0% và 2,0%) và (25,0% và 2,5%). Cá đánh là loài cá hiền, thức ăn ưa thích của chúng là thực vật phù sinh (tảo).
4531	Đại học	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa đạm từ bùn đáy ao nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei)	Trần, Thị Hồng Cẩm	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Kết quả nghiên cứu và thông tin về vi khuẩn chuyển hóa đạm trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh hiện nay chưa nhiều. Do đó, nghiên cứu về phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa đạm từ bùn đáy ao nuôi tôm thẻ chân trắng được thực hiện. Trong nghiên cứu này đã phân lập được 121 chủng vi khuẩn chuyển hóa đạm, các chủng vi khuẩn này được phân lập từ 32 mẫu bùn trong ao nuôi tôm thẻ chân trắng. Đa số các dòng vi khuẩn có dạng que ngắn, Gram âm và chuyển động. Trong đó, chủng TB7.2 có khả năng khử ammonia tốt nhất, hiệu suất xử lý ammonia say 5 ngày đạt 39,02% được chọn từ 5 chủng vi khuẩn oxy hóa ammonia (chủng CN6.1; CN2.1; CN8.1; TB7.2; TV3.1) và chủng TV4.2 được lựa chọn từ 5 chủng oxy hóa nitrite (chủng TV4.2; CN6.2; CN7.1; TB7.1; TB3.2), chủng này có hiệu suất xử lý nitrite đạt đến 27,8% sau 5 ngày. 2 chủng TB7.2 và TV4.2 có đặc điểm là trực khuẩn Gram âm, có tiềm năng ứng dụng xử lý nước trong nuôi trồng thủy sản.
4532	Đại học	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa đạm từ bùn đáy ao cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, Phù Du	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn từ bùn đáy ao cá tra có khả năng chuyển hoá đạm. Kết quả cho thấy từ 80 chủng vi khuẩn đã được phân lập có 76 chủng có khả năng chuyển hoá đạm. Kết quả nhuộm gram và kiểm tra sinh hóa cho thấy hầu hết các chủng vi khuẩn được chọn đều là vi khuẩn gram âm, hình cầu, hình quả lê, que ngắn hay que dài, oxidase âm tính và catalase dương tính. Kết quả đánh giá khả năng chuyển hoá đạm hiệu quả thu được 5 chủng ammonia và 5 chủng nitrite có khả năng chuyển hoá cao nhất để, trong đó có 2 chủng HG4.1 và TN3.1 có hiệu suất chuyển hoá ammonia và nitrite hiệu quả nhất lần lượt đạt 43% và 0,32%, từ đó cho thấy sau 5 ngày chủng HG4.1 và TN3.1 đã làm giảm hàm lượng ammonia và nitrite trong bùn đáy ao cá tra.

4533	Đại học	Ảnh hưởng kết hợp nhiệt độ và CO2 lên phát triển phôi và ấu trùng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i> Boone, 1931)	Nguyễn, Hoàng Kha	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Mục tiêu nghiên cứu này là đánh giá ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO2 lên sự phát triển, tỷ lệ nở, tỷ lệ sống của phôi và ấu trùng tôm thẻ chân trắng đến giai đoạn postlarvae 15. Nghiên cứu gồm 3 thí nghiệm mỗi thí nghiệm được lặp lại 3 lần. Thí nghiệm (i) nhiệt độ 28oC kết hợp pH lần lượt là pH= 7,2 pH=7,6 và pH=8,1. Thí nghiệm thứ (ii) nhiệt độ 30oC kết hợp pH lần lượt là pH=7,2 pH=7,6 và pH=8,1. Thí nghiệm thứ (iii) nhiệt độ 32oC kết hợp pH lần lượt là pH=7,2 pH=7,6 và pH=8,1. Kết quả ở thí nghiệm ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO2 lên tỷ lệ nở, tỷ lệ sống khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Nhưng cho ta thấy nhiệt độ càng cao, CO2 càng cao thì tỷ lệ nở và tỷ lệ sống càng thấp. Kết quả ở thí nghiệm ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và CO2 lên sự phát triển của tôm khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Nhưng cho ta thấy nhiệt độ càng cao tôm phát triển càng nhanh nhưng tỷ lệ sống và tỷ lệ nở càng thấp.
4534	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các chủng <i>Lactobacillus</i> có tiềm năng probiotic từ tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>) để phát triển các symbiotic cho nuôi trồng thủy sản	Đỗ, Thị Ánh Loan	Huỳnh, Trường Giang	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> từ ruột tôm thẻ chân trắng có tiềm năng probiotic để phát triển các synbiotic phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Mẫu tôm được thu từ 12 ao thuộc 4 tỉnh bao gồm Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, và Cà Mau. Kết quả cho thấy rằng tổng cộng 141 dòng được phân lập trên môi trường MRS agar. Kết quả nhuộm gram, kiểm tra đặc điểm sinh hóa cho thấy có 23 dòng vi khuẩn <i>Lactobacillus</i> được chọn có đặc tính gram dương, hình cầu, hình que ngắn, oxydase và catalase âm tính. Kết quả xác định tính đối kháng và khả năng sinh bacteriocin thu được 10 dòng vi khuẩn: BL11A, TV17, TV21, TV32, DH3D, DH5B, DH7D, DH9C, CM2B, ST1.1 thể hiện tính đối kháng với vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> , có đường kính kháng khuẩn từ 6,5-11,5 mm. Qua kết quả trong 10 dòng vi khuẩn trên thì 2 dòng vi khuẩn TV21 và TV32 được đánh giá khả năng kháng khuẩn cao nhất.
4535	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn và nhiệt độ lên tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá rô phi đỏ (<i>Oreochromis</i> sp)	Ngô, Thị Cẩm Thụy	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Thí nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên sự tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá rô phi đỏ. Thí nghiệm gồm 12 nghiệm thức kết hợp nhiệt độ khác nhau (28, 31, 34°C) và độ mặn (0, 6, 9, 12ppt). Cá giống cá rô phi đỏ ($11,5\pm0,13g$) được bố trí trong bể (100 lít) với mật độ 30 con/bể. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Cá được cho ăn 2 lần/ngày với viên thức ăn công nghiệp (35% protein thô, 5% lipid thô). Kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự tương tác giữa nhiệt độ và độ mặn đối với tỷ lệ sống, tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá rô phi đỏ. Ở mức nhiệt độ môi trường (28oC) cá có tốc độ tăng trưởng cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với mức nhiệt độ cao (34oC). Ở mức nhiệt độ 34oC hệ số chuyển hóa thức ăn và hiệu quả sử dụng protein cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với mức nhiệt độ môi trường (28oC). Lượng thức ăn cá ăn vào của cá ở mức nhiệt độ 31oC cao hơn và khác biệt có ý nghĩa thống kê so với mức nhiệt độ 34oC. Độ mặn và nhiệt độ đã không ảnh hưởng đến thành phần hóa học của cá.

4536	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ vi khuẩn bổ sung lên chất lượng nước nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>)	Triệu, Văn Khái	Phạm, Thị Tuyết Ngân	2019	Trong nuôi trồng thủy sản khi bổ sung vi sinh vật hữu ích vào môi trường nuôi giúp cải thiện chất lượng nước, ngăn ngừa bệnh, tăng năng suất và tỷ lệ sống của tôm. Thí nghiệm này được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả cải thiện chất lượng nước của chế phẩm vi sinh ở các nồng độ khác nhau trong bể nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>L. vannamei</i>). Thí nghiệm có 7 nghiệm thức gồm 2 sản phẩm vi sinh (Eco liquid, Bayer' product) với 3 nồng độ khác nhau (104, 105 và 106 cfu/ml) trên mỗi sản phẩm và được theo dõi trong 28 ngày; mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Mẫu nước được thu và phân tích mỗi ngày (ngày thứ nhất đến ngày thứ 7), sau đó cách 2 ngày thu mẫu 1 lần (ngày thứ 8 đến hết ngày thứ 28), Mẫu được thu trước khi bổ sung chế phẩm vi sinh vào. Các chỉ tiêu đánh giá môi trường nước bao gồm:pH, nhiệt độ, NH3, NO2-, TSS. Kết quả cho thấy, hàm lượng các chất NH3, NO2- có xu hướng giảm trong 3 tuần đầu, tuy nhiên đến cuối thí nghiệm hàm lượng chất này tăng trở lại. Việc bổ sung sản phẩm Eco liquid và Bayer's product ở hàm lượng 104 CFU/ml có hiệu quả cao trong cải thiện môi trường nước.
4537	Đại học	Xác định thành phần đặc điểm của “nấm đồng tiền” trong ao ương tôm	Nguyễn, Ngọc Phi	Phạm, Thị Tuyết Ngân Tô, Công Tâm	2019	Đề tài xác định thành phần và đặc điểm của “nấm đồng tiền” trong bể ương tôm đã được thực hiện. Các mẫu nấm được thu tại Bạc Liêu và phân lập trên môi trường GYA, SDA và PDA ủ ở 28 oC trong 4 – 7 ngày. Sau khi ủ mẫu được cấy truyền cho đến khi đạt chủng nấm thuần và được định danh dựa trên các đặc điểm phân loại về hình thái. Kết quả đã phân lập gồm các loài sau: <i>Neurospora crassa</i> (41,33%), <i>Rhizopus stolonifer</i> (25,33%), <i>Mucor circinelloides</i> (16,67%), <i>Fusarium solani</i> (12,67%), và các chủng còn lại (4%). Các loài này sau khi định danh được tiến hành các thí nghiệm gây ức chế với hóa chất Broponol trên đĩa thạch và trên bể. Kết quả thí nghiệm trên đĩa thạch cho thấy ở nồng độ 600 ppm ức chế 31,87% sự phát triển của vi nấm sau 24 giờ. Còn thí nghiệm trên bể ở nồng độ 1000 ppm hầu như ức chế được 66,47% vi nấm và 98,98% vi tảo. Đối với thí nghiệm độ an toàn của Broponol lên tỉ lệ sống của tôm giống cho thấy ở nồng độ thấp 200 ppm là an toàn với tôm, nồng độ này tôm chết 50%, ở nồng độ cao: 700, 800, 900 và 1000 ppm tôm chết 100% sau 96 giờ thí nghiệm.

4538	Đại học	Thử nghiệm ương cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) với mật độ khác nhau trong hệ thống tuần hoàn nước	Đặng, Minh Tính	Phạm, Thanh Liêm	2019	Thử nghiệm ương cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) với mật độ khác nhau trong hệ thống tuần hoàn nước được ương trong 6 tuần tại Trại Thực nghiệm nuôi cá nước ngọt, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Cá thí nghiệm vừa mới hết noãn hoàn có khối lượng trung bình 2 mg/con được thả ương với 4 mật độ khác nhau là 30, 40, 50, 60 con/lít ương trong hệ thống bể có thể tích 24 lít. Trong 10 ngày đầu cá được cho ăn trứng nước (<i>Moina</i>), sau đó tập cho cá ăn thức ăn chế biến 5 ngày với loại thức ăn đậm đặc (43% protein) và khi được 30 ngày tuổi, cá được cho ăn bằng thức ăn viên (kích cỡ 0,5 mm), giữa các nghiệm thức cho ăn cùng loại thức ăn. Sau 6 tuần ương, kết quả thu được cho thấy tỉ lệ sống của các nghiệm thức dao động từ 13,75% - 26,6%, với khối lượng trung bình trong khoảng 290 – 340 mg/con. Nghiệm thức có mật độ ương thấp 30 con/lít cho kết quả tăng trưởng và tỉ lệ sống tốt nhất và có sự khác biệt với nghiệm thức mật độ ương cao 60 con/lít.
4539	Đại học	Một số đặc điểm sinh học của cá sặc diệp (<i>trichopodus microlepis</i>) phân bố ở U Minh	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Dương, Thúy Yên	2019	Nghiên cứu này nhằm cung cấp thông tin về một số đặc điểm sinh học của cá sặc diệp ở vùng U Minh. Mẫu cá sặc diệp được thu mỗi tháng từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2019, ở 2 địa điểm U Minh Hạ (Cà Mau, n = 408) và U Minh Thượng (Kiên Giang, n = 487). Mẫu cá được đo các chỉ tiêu sinh trắc và xác định một số chỉ tiêu sinh sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối tương quan giữa chiều dài và khối lượng của cá sặc diệp thể hiện khác nhau ở 2 địa điểm, cá sặc diệp Cà Mau $WCM = 0,0038 \times L^3,4449$ (với $R^2 = 0,951$), cá Kiên Giang $WKG = 0,0075 \times L^3,22487$ (với $R^2 = 0,9407$). Đa số các chỉ tiêu sinh trắc (13/17) khác biệt có ý nghĩa giữa hai đàn cá ($P > 0,05$) và khác so với nghiên cứu trước. Cá có tuyến sinh dục ở giai đoạn IV xuất hiện ở tháng 6 nhưng với tỉ lệ thấp (10% Cà Mau và 13% ở Kiên Giang). Sức sinh sản của cá Cà Mau là 9669 ± 3137 trứng/cá cái và đường kính trứng ($0,38 \text{ mm} \pm 0,07 \text{ mm}$) cao hơn nhưng khác biệt không có ý nghĩa ($P > 0,05$) so với cá Kiên Giang (tương ứng là 6211 ± 2501 trứng/cá cái và $0,35 \pm 0,01 \text{ mm}$).
4540	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên tiêu hóa thức ăn của cá điêu hồng (<i>oreochromis sp.</i>)	Nguyễn, Thị Như Thúy	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên sự tiêu hóa của cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>). Thí nghiệm bao gồm 12 nghiệm thức với sự kết hợp của 4 mức độ mặn 0‰, 6‰, 9‰, 12‰ và 3 mức nhiệt độ 28 oC, 31 oC, 34 oC. Trong đó, nghiệm thức 31 oC và 34 oC được điều chỉnh cả ngày lẫn đêm. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Cr_2O_3 (1%) được trộn vào thức ăn làm chất đánh dấu để xác định độ tiêu hóa của cá, thức ăn có hàm lượng protein 35% và lipid 5%. Cá điêu hồng (40 – 50 g) được bố trí vào bể 100 L với mật độ 25 con/bể. Kết quả cho thấy nhiệt độ và độ mặn tương tác lên độ tiêu hóa thức ăn, độ tiêu hóa protein, độ tiêu hóa tro và độ tiêu hóa năng lượng của cá điêu hồng. Độ mặn tác động lên độ tiêu hóa chất béo. Độ tiêu hóa của cá có xu hướng tăng theo nhiệt độ và độ mặn. Tuy nhiên, khi nhiệt độ và độ mặn tăng cao vượt ngưỡng thích hợp thì độ tiêu hóa có xu hướng giảm xuống.

4541	Đại học	Thực nghiệm ương cá tra (<i>pangasianodon hypophthalmus</i>) trong bể và ao lót bạt ở tỉnh sóc trăng	Bùi, Công Danh	Lam, Mỹ Lan Nguyễn, Thanh Hiệu	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1/2019 – 6/2019 tại cơ sở ương cá tra giống ở huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhằm góp phần hoàn thiện quy trình ương cá tra giống và áp dụng kỹ thuật ương cá tra theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 ương trên bể lót bạt: với thể tích 200 m ³ /bể ương 2 bể với mật độ 15.000 con/m ³ . Cá được ương trong 3 tuần và thu hoạch để ương tiếp giai đoạn 2 ương trong ao lót bạt với mẫu cá thu được là 4.725 ± 743 con/kg với khối lượng trung bình 47.35 ± 8.7 kg. Sau đó chuyển xuống ao lót bạt số 3 ương với số lượng thả 441.000 con /4.000 m ³ (113 con/m ²). Kết quả môi trường cho thấy cả 2 giai đoạn phù hợp với điều kiện ương cá tra. Kết quả tăng trưởng cho thấy ở giai đoạn 1, có sự khác biệt về trọng lượng. Khi chuyển xuống ương trong ao giai đoạn 2 thì cá tăng trọng nhanh hơn trên bể. Tỷ lệ sống ở giai đoạn 1 tỷ lệ sống $7,35 \pm 0,2$ % và giai đoạn 2 tỷ lệ sống 37,9 %. Năng suất cá giống đạt 11.940 kg/ha/vụ. Kết quả ương sau 3 tháng trọng lượng 35 con/kg thu được 4.776 kg tỷ lệ sống cả 2 giai đoạn là 2,79 %. Do đầu tư vào trang thiết bị để phục vụ ương 2 giai đoạn, giá cá giảm mạnh và người ương còn thiếu nhiều kinh nghiệm nên vụ ương đầu tiên bị lỗ.
4542	Đại học	Thử nghiệm nuôi kết hợp cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp</i>) và rau cải thìa (<i>Brassica chinensis</i>) trong mô hình aquaponic	Huỳnh, Cẩm Như	Hứa, Thái Nhân Bùi, Minh Tâm	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra phương pháp nuôi kết hợp cá điêu hồng và rau cải thìa theo mô hình Aquaponic cho hiệu quả tốt nhất, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tăng năng suất trong mô hình nuôi kết hợp cá điêu hồng với rau cải thìa. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức (NT) gồm trồng rau thủy canh không kết hợp nuôi cá (NT1), nuôi cá không có kết hợp rau thủy canh (NT2), nuôi cá điêu hồng kết hợp rau thủy canh trong mô hình aquaponic (NT3, bơm trực tiếp) và trồng rau thủy canh trong mô hình aquaponic có lọc sinh học (NT4). Cá được cho ăn thức ăn viên 2 lần/ngày theo nhu cầu. Thời gian thí nghiệm 60 ngày. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu môi trường TAN (1,40-2,53 mg/L), NO ₂ -N (1,4-19,0 mg/L), NO ₃ -N (43,75- 54,0 mg/L), PO ₄ -P (7,58-8,50 mg/L). Tăng trưởng về khối lượng cá 1,27 g/ngày cao nhất ở NT3, chênh lệch so với NT2 0,99 g/ngày và NT4 1,04 g/ngày. Sinh khối rau ở NT3 là cao nhất 3,35 kg/m ² . Nhìn chung năng suất của rau khi nuôi kết hợp với cá điêu hồng trong mô hình aquaponic cho năng suất cao hơn so với các phương thức khác. Đối với mô hình nuôi kết hợp thì từ bể nuôi cá có thể bơm trực tiếp qua hệ thống trồng rau mà không cần qua hệ thống lọc, tuy nhiên cần nghiên cứu để có đầy đủ cơ sở khoa học cho hình thức nuôi này.

4543	Đại học	Nghiên cứu sử dụng thức ăn ương giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng lúa ở huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau	Lê, Nhựt Duy	Lam, Mỹ Lan	2019	Nghiên cứu sử dụng thức ăn ương tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả ương tôm càng xanh trong ruộng lúa. Đề tài được thực hiện trên 2 hộ nuôi với hai nghiệm thức, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần trong 3 ô của cùng một ruộng, diện tích ruộng là 1 ha. Nghiệm thức 1 bổ sung thức ăn và nghiệm thức 2 không bổ sung thức ăn. Tôm được thả với mật độ 3 con/m ² . Trong quá trình ương các chỉ tiêu thủy lý, thủy hóa, phiêu sinh động thực vật và động vật đáy trong ruộng ương được thu mẫu 15 ngày/lần. Kết quả cho thấy các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, độ trong, pH, Oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻), phiêu sinh động vật, động vật đáy nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau 2,5 tháng ương, khối lượng trung bình của tôm ở nghiệm thức 1 và 2 lần lượt là $4,47 \pm 0,05$ g/con và $3,45 \pm 0,7$ g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối 0,03 – 0,56 g/ngày. Tỷ lệ sống của tôm đạt 33,7 – 51,8%. Năng suất tôm nghiệm thức 1 và 2 lần lượt là $25,2 \pm 0,7$ kg/ha và $11,5 \pm 1,3$ kg/ha.
4544	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản của cá dảnh (<i>Puntioplites proctozystron</i> Bleeker, 1865)	Đỗ, Kiều Khen	Phạm, Thanh Liêm	2019	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản cá dảnh (<i>Puntioplites proctozystron</i>) thuộc họ cá chép (Cyprinidae) được tiến hành từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019 nhằm cung cấp thông tin cho các nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo về loài cá này. Mẫu cá dảnh với nhiều kích cỡ khác nhau được thu định kỳ mỗi tháng 1 lần tại Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang. Kết quả cho thấy cá dảnh có thể phân biệt đực/cái thông qua đặc điểm hình thái cơ thể và tuyến sinh dục, tỉ lệ đực cái là 1/1,38. Độ béo Fulton của cá dao động từ 1,89 – 3,98% và độ béo Clark ở khoảng 1,63 – 3,61%. Hệ số thành thực (GSI) của cá cái cao nhất vào tháng 6 (1,72%) và thấp nhất vào tháng 2 (0,24%); hệ số GSI của cá đực cao vào tháng 6 (0,52%) và thấp vào tháng 2 (0,18%); và cá thành thực có tuyến sinh dục đạt giai đoạn IV xuất hiện vào thời điểm tháng 5-6. Điều này cho thấy mùa vụ sinh sản của cá là từ tháng 4 đến tháng 8, tập trung vào tháng 6 hàng năm. Hệ số HSI của cá cao nhất vào tháng 11 (1,48% ở cá cái, 1,91% ở cá đực) và thấp nhất vào tháng 12. Sức sinh sản tuyệt đối trung bình 19.081 ± 17.705 (trứng/cá cái) và tương đối là 142.917 ± 85.457 (trứng/kg cá cái), cỡ cá dao động trong khoảng 50 – 254,6g. Đường kính trứng của cá dảnh ở giai đoạn IV đo được $0,94 \pm 0,08$ mm.

4545	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn tươi sống và thức ăn viên công nghiệp đến tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) nuôi trong ruộng vườn dừa ở Vĩnh Long	Lê, Hoàng Duy Phước	Dương, Nhật Long Lam, Mỹ Lan	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của thức ăn tươi sống và thức ăn viên công nghiệp đến tăng trưởng, tỉ lệ sống và năng suất của tôm càng xanh nuôi trong ruộng vườn dừa ở Vĩnh Long” được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng thức ăn tươi sống và thức ăn công nghiệp trong mô hình nuôi tôm càng xanh ở ruộng vườn dừa, làm cơ sở góp phần cải tiến quy trình kỹ thuật, nâng cao hiệu quả lợi nhuận mô hình nuôi. Kết quả cho thấy các yếu tố về môi trường (nhiệt độ, pH, oxy, độ kiềm, N-NH4+, N-NO2-, P-PO43-) đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau chu kỳ nuôi 6 tháng, khối lượng trung bình (W) NT 1 ($45,25 \pm 25,91$ g/con) cao hơn NT 2 ($33,1 \pm 20,1$ g/con), tốc độ tăng trưởng tuyệt đối (DWG) của NT 1 ($0,04 - 0,6$ g/ngày) cao hơn NT 2 ($0,03 - 0,43$ g/ngày). Tỉ lệ sống NT 1 ($21,83 \pm 0,74\%$) cao hơn NT 2 ($23,58 \pm 1,1\%$). Năng suất NT 1 ($483,2 \pm 15,1$ kg/ha) cao hơn NT 2 ($436,32 \pm 18,6$ kg / ha). Lợi nhuận NT 1 (28,75 triệu/ha) cao hơn NT 2 (16,65 triệu/ha). Tỉ suất lợi của NT 1 (69,87%) cao hơn NT 2 (35,58%). Qua kết quả thực nghiệm cho thấy sử dụng hoàn toàn thức ăn tươi sống mang lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng hoàn toàn thức ăn công nghiệp.
4546	Đại học	Hiện trạng kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng lúa ở Kiên Giang và Bạc Liêu	Dương, Hoàng Tân	Lam, Mỹ Lan Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2019	Đề tài hiện trạng kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ruộng lúa ở Kiên Giang và Bạc Liêu được thực hiện từ 8/2018 đến 05/2019, nhằm đánh giá hiện trạng kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa. Mỗi tỉnh khảo sát 30 hộ. Mô hình nuôi tôm càng xanh - lúa ở tỉnh Kiên Giang theo hình thức luân canh. Ở Bạc Liêu tôm càng xanh được nuôi xen canh với lúa. Mật độ thả nuôi ở tỉnh Kiên Giang là 5,1 con/m ² cao hơn so với mật độ thả nuôi tại Bạc Liêu (1 con/m ²). Tỉ lệ sống của tôm tại Kiên Giang (45%) thấp hơn so với Bạc Liêu (54%) và năng suất đạt được ở Kiên Giang (908 ± 334 kg/ha) cao hơn so với Bạc Liêu (152 ± 20 kg/ha). Lợi nhuận từ mô hình đem lại tại Kiên Giang ($54 \pm 23,3$ triệu đồng/ha) cao hơn so với Bạc Liêu ($14,2 \pm 4,5$ triệu đồng/ha). Thuận lợi của mô hình nuôi tôm càng xanh là chi phí thấp, lợi nhuận cao, người dân tận dụng diện tích mặt nước sẵn có, điều kiện tự nhiên thuận lợi. Khó khăn của mô hình là chất lượng của con giống, thiếu kỹ thuật, giá bán tôm thấp

4547	Đại học	Ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giai đoạn nuôi thương phẩm	Trương, Văn Võ	Dương, Thúy Yên	2019	Nghiên cứu này nhằm xác định ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ qua các phép lai thuần và phép lai chéo đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng giai đoạn nuôi thương phẩm, làm cơ sở cho việc chọn giống. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức cá giống đã được sinh sản nhân tạo từ hai nguồn cá bố mẹ: cá tự nhiên ở Cà Mau (CM) và cá nuôi ở Cần Thơ (CT). Cá được nuôi trong bể composite 500 lít và được cho ăn thức ăn viên công nghiệp (hiệu Grobest, chứa 40% đạm). Sau 3 tháng nuôi, khối lượng trung bình của các nghiệm thức dao động từ 6,03-12,48 g, cao nhất là cá ở nghiệm thức CMxCT (12,48±3,67 g). Tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Tốc độ tăng trưởng (g/ngày) của cá theo giai đoạn 30, 60 và 90 ngày tương đương nhau ($p>0,05$). SGR sau 3 tháng nuôi từ 1,49-1,94%/ngày. Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) từ 1,56 đến 2,34, trong đó nghiệm thức CMxCT có FCR thấp nhất và cao nhất CT. Tỉ lệ sống của nghiệm thức CMxCM cao nhất (60,7%) và thấp nhất ở nghiệm thức CT (36,7%). Nhìn chung, cá có nguồn gốc CM tăng trưởng nhanh, tỉ lệ sống cao và FCR thấp.
4548	Đại học	Thực nghiệm nuôi lươn (<i>Monopterus albus</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thụy Hà Phương	Nguyễn, Văn Triều Nguyễn, Thanh Hiệu	2019	Đề tài: “Thực nghiệm nuôi lươn (<i>Monopterus albus</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước tại Thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm đánh giá tăng trưởng, tỉ lệ sống, năng suất và hiệu quả tài chính của mô hình. Đồng thời quan sát sự biến động của các chỉ tiêu môi trường nước trong hệ thống trong suốt quá trình nuôi và đề xuất phương pháp vận hành hệ thống đạt hiệu quả nhất. Đề tài được thực hiện từ tháng 9/2018 – 4/2019, tại 2 trại lươn ở quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Diện tích mỗi bể nuôi dao động từ 6–8 m ² . Lươn bố trí hệ thống lọc có khối lượng trung bình 34,8 ± 5,2 g và chiều dài trung bình khoảng 30,9 ± 2,7 cm. Mật độ thả: 400con/m ³ . Kết quả khảo sát sau 8 tháng nuôi cho thấy các chỉ tiêu như: nhiệt độ trung bình khoảng 26,48 ± 0,68 °C, pH 7,34 ± 0,17, oxy hòa tan (DO) 3,46 ± 0,69 mg/L, NO ₂ - 1,32 ± 0,91 mg/L và TAN ở các bể là 1,91 ± 1,46 mg/L có dao động nhưng vẫn nằm trong khoảng thích hợp cho sinh trưởng của lươn. Sau khoảng 8 tháng nuôi khối lượng trung bình dao động từ 159,7 – 185 g/con. Tỉ lệ sống trung bình của lươn sau 8 tháng nuôi đạt 89,5 ± 4,3 %. Năng suất trung bình đạt 23,3 ± 6,29 kg/m ² và FCR trung bình là 1,52 ± 0,1. Lợi nhuận thu được từ 730.000 – 1.170.000 đồng/m ² , chi phí sản xuất dao động từ 104.000 – 114.000 đồng/kg và tỉ suất lợi nhuận từ 31,7 – 43,6 %

4549	Đại học	So sánh tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) từ các phép lai chéo ở giai đoạn nuôi thương phẩm	Lê, Văn Vĩ	Dương, Thúy Yên	2019	Nghiên cứu này thực hiện nhằm so sánh tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) từ các phép lai chéo ở giai đoạn nuôi thương phẩm. Thí nghiệm có 4 nghiệm thức lai từ ba nguồn cá bố mẹ khác nhau: Cá tự nhiên ở Cà Mau (CM), Long An (LA) và cá nuôi ở Cần Thơ (CT), gồm các nghiệm thức CMxLA, CTxLA, LAxCM, LAxCT. Cá ở các nghiệm thức có cùng 75 ngày tuổi và được bố trí ngẫu nhiên vào 11 bể (500 L). Cá được bố trí theo tổng khối lượng, từ 38 – 42g với kích cỡ con giống từ 1,3 – 1,9g/con. Nghiệm thức CMxLA được bố trí lặp lại 4 lần, 3 lần ở nghiệm thức LAxCT, 2 lần ở hai nghiệm thức CTxLA và LAxCM. Sau 3 tháng khối lượng cá nghiệm thức LAxCT cao nhất ($6,38 \pm 2,20$ g) nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với các nghiệm thức LAxCM ($6,32 \pm 3,00$ g), CTxLA ($5,60 \pm 1,64$ g) và CMxLA ($6,31 \pm 1,19$ g). Tốc độ tăng trưởng tuyệt đối và tốc độ tăng trưởng đặc thù không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê (từ 0,04 – 0,06g/ngày và 1,3 – 1,61%/ngày). Tỉ lệ sống của cá CTxLA cao nhất (72,41%), thấp nhất ở nghiệm thức LAxCT (44%), ở hai nghiệm thức CMxLA và LAxCM có tỉ lệ sống tương đương nhau (59,17% và 57,09%). Nhìn chung thì ở giai đoạn này thì không có sự khác biệt có ý nghĩa về tăng trưởng và tỉ lệ sống giữa các phép lai.
4550	Đại học	So sánh tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) ở giai đoạn ương bột lên giống từ các phép lai chéo	Nguyễn, Văn Nghĩa	Dương, Thúy Yên	2019	Đề tài nhằm đánh giá tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng ở giai đoạn ương bột lên giống từ các phép lai chéo để làm cơ sở cho chọn giống. Cá bột được lai chéo từ 3 nguồn cá khác nhau gồm: cá trê vàng tự nhiên ở Cà Mau (CM), cá trê vàng tự nhiên ở Long An (LA) và cá trê vàng nuôi ở Cần Thơ (CT). Cá được ương trên bể (500L) theo hai giai đoạn: giai đoạn 1 ương cá bột từ 2 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi và giai đoạn 2 ương cá từ 30 đến 75 ngày. Kết quả ở giai đoạn 1 cho thấy cá có tỉ lệ sống cao nhất là 56,41% của nghiệm thức LAxCM và thấp nhất là CTxCM (10,33%). Ở giai đoạn 2 tỉ lệ sống có sự thay đổi ngược lại so với giai đoạn 1, nghiệm thức có tỉ lệ sống cao nhất CTxCM (46%) và thấp nhất là LAxCM (19,3%). Tuy nhiên kết quả tỉ lệ sống của cá ở hai giai đoạn đều khác biệt không có ý nghĩa ($P > 0,05$). Về tăng trưởng, chiều dài và khối lượng trung bình của cá ở giai đoạn 1 khác biệt không có ý nghĩa giữa các nghiệm thức, dao động tương ứng 27,28-34,82mm/con và 0,22-0,47g/con. Tuy nhiên, cá CTxCM đạt kích cỡ lớn hơn. Ở giai đoạn 2, cá CMxCT có chiều dài và khối lượng lớn nhất (62,02mm/con và 2,81g/con), có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) so với cá nghiệm thức khác. Nhìn chung các công thức lai từ nguồn cá Cần Thơ và Cà Mau thể hiện ưu điểm tăng trưởng nhanh và tỉ lệ sống cao hơn về cuối giai đoạn ương.

4551	Đại học	Khảo sát thực trạng kinh tế - kỹ thuật mô hình lúa tôm càng xanh kết hợp và thực nghiệm ương tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) trên nền đất lúa ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang	Ngô, Giao Tiên	Dương, Nhật Long Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2019	Đề tài khảo sát thực trạng kinh tế - kỹ thuật mô hình lúa tôm càng xanh kết hợp và thực nghiệm ương tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) trên nền đất lúa ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang được thực hiện nhằm góp phần phát triển kỹ thuật ương tôm càng xanh trên ruộng lúa, thúc đẩy mở rộng nghề nuôi tôm càng xanh, mang lại lợi nhuận cao cho nông hộ. Qua khảo sát kinh nghiệm trung bình của nông hộ $2,9 \pm 1,4$, mật độ thả $1,8 \pm 0,8$, tỷ lệ sống trung bình đạt 12,2%, năng suất 100 ± 27 kg/ha, lợi nhuận 5,29 triệu đồng/ha, không có nông hộ sử dụng ao ương. Tôm được ương trên nền đất lúa với mật độ 30 PL/m ² . Kết quả cho thấy các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, Oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của tôm càng xanh. Sau 3 tháng ương, khối lượng trung bình của tôm dao động từ 9,6 – 12,05 g/con, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối (DWG) 0,2 – 0,25 g/ngày. Tỷ lệ sống của tôm đạt 47 -55 %. ương tôm càng xanh trên nền đất lúa mang lại chất lượng con giống tốt cho người nuôi ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.
4552	Đại học	Ảnh hưởng của vi khuẩn paracoccus pantotrophus lên hàm lượng H ₂ S và hiệu quả ương cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) trong ao	Nguyễn, Như Trung Tính	Phạm, Thị Tuyết Ngân Lam, Mỹ Lan	2019	Đánh giá hiệu quả xử lý khí độc H ₂ S trong nước của sản phẩm PondDtox® có chứa vi khuẩn Paracoccus pantotrophus được thực hiện trong 5 ao ương cá tra giống tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Nghiệm thức đối chứng (không bổ sung sản phẩm); Nghiệm thức 2: bổ sung 150 g/1.000 m ³ bổ sung 2 lần/tháng hoặc khi ao có H ₂ S cao hơn quy định 0,05 mg/L; Nghiệm thức 3: bổ sung định kỳ 10 ngày/lần vào tháng đầu và bổ sung 7 ngày/lần vào tháng thứ 2 và 3 với liều lượng là 100 g/1.000 m ³ . Nghiệm thức 2 và 3 được lập lại 2 lần. Ao ương có diện tích 0,2 - 0,7 ha, mật độ từ 714 - 800 con/m ² . Các chỉ tiêu theo dõi gồm nhiệt độ, pH, độ đục, P-PO ₄ ³⁻ , TAN, N-NO ₃ ⁻ , N-NO ₂ ⁻ và H ₂ S được thu sau 2 ngày bổ sung chế phẩm, sau 5 ngày bổ sung và định kỳ 1 tuần/lần trong suốt quá trình ương cá. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc bổ sung vi khuẩn P. pantotrophus vào trong ao đã góp phần cải thiện môi trường nước, giảm khí độc H ₂ S và đã mang lại hiệu quả tỷ lệ sống của cá cao hơn so với nghiệm thức đối chứng sau 3 tháng ương và mang lại năng suất cao hơn.
4553	Đại học	Đánh giá khả năng thay thế protein bột cá bằng protein bột đậu nành làm thức ăn cho lươn đồng (Monopterus albus)	Nguyễn, T Thảo Linh	Lam, Mỹ Lan	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng thay thế protein bột cá bằng protein bột đậu nành (BDN) trong khẩu phần ăn của lươn (Monopterus albus) giai đoạn giống. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức thức ăn có cùng mức protein 45% và năng lượng 18,7 KJ/g. Nghiệm thức đối chứng sử dụng hoàn toàn protein bột cá, các nghiệm thức còn lại sử dụng protein BDN thay thế protein bột cá với mức thay thế lần lượt là 20%, 30%, 40%, 50%, 60%. Sau 8 tuần thí nghiệm, tỷ lệ thay thế protein bột cá bằng protein bột đậu nành đã không ảnh hưởng tới tỷ lệ sống của lươn. Tăng trọng (WG), hiệu quả sử dụng protein (PER) của lươn giảm dần khi tăng tỷ lệ protein BDN trong thức ăn. Nghiệm thức thay thế 20% và 30% protein bột đậu nành khác biệt không có ý nghĩa (p>0,05). Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, protein bột đậu nành có thể thay thế 30% protein bột cá mà không ảnh hưởng lên tăng trưởng và thành phần hóa học của lươn đồng giống.

4554	Đại học	Ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giai đoạn ương từ bột lên giống	Đặng, Trung Pha	Dương, Thúy Yên	2019	Đề tài thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng thể hệ con, giai đoạn ương từ bột lên giống làm cơ sở cho chọn giống cá trê vàng. Nghiên cứu gồm có 3 nghiệm thức là đàn cá con từ ba nguồn cá bố mẹ cá tự nhiên ở Cà Mau (CM), Long An (LA) và cá nuôi ở Cần Thơ (CT). Thí nghiệm được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn I, cá được nuôi ở giai trong 30 ngày. Giai đoạn II, cá được nuôi trong bể composite với 3 lần lập lại cho mỗi nghiệm thức. Các yếu tố môi trường trong 2 giai đoạn đều phù hợp để cho cá con phù hợp để phát triển. Sau 30 ngày ương ở giai, tỷ lệ sống cao nhất là nghiệm thức CM với 8.5% và nghiệm thức thấp nhất là LA với 5%. Tăng trưởng của cá thì ở nghiệm thức CM (khối lượng $0,57 \pm 0,09$ g và chiều dài $37,61 \pm 2,47$ mm) lớn hơn 2 nghiệm thức còn lại, tuy nhiên không có ý thống kê ($p > 0,05$). Ở giai đoạn II, tỷ lệ sống cao nhất là ở cá CT (53,75%) và thấp nhất là cá CM (27,25%). Tăng trưởng về khối lượng và chiều dài của cá CM ($1,51 \pm 0,61$ g; $52,42 \pm 2,99$ mm) cao hơn nhưng không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với cá CT ($1,23 \pm 0,274$ g; $50,06 \pm 0,98$ mm).
4555	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ cá nuôi và con mồi lên tỉ lệ sống của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn cá bột	Nguyễn, T Thu Hà	Phạm, Thanh Liêm	2019	Nghiên cứu này nhằm đánh giá ảnh hưởng của mật độ cá nuôi và mật độ con mồi lên tỉ lệ sống của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn cá bột. Các thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên, mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần. Cá trong cả hai thí nghiệm được ương trong bể nhựa 200L chứa 150L nước. Cá được cho ăn thức ăn tự nhiên gồm hỗn hợp phiêu sinh động vật (luân trùng, cladocera, copepoda, nauplius,...). Thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng mật độ cá nuôi lên tỷ lệ sống được thực hiện với 4 mật độ 5, 10, 15, 20 con/L, với mật độ con mồi là 5-7 con/mL. Sau 14 ngày nuôi, tỷ lệ sống cao nhất được ghi nhận ở mật độ cá 5 con/L (30,09%), thấp nhất ở mật độ 20 con/L (9,44%). Thí nghiệm về ảnh hưởng của mật độ con mồi được thực hiện với cỡ mồi là 60 - 100µm, ở 3 mật độ con mồi là 5, 10 và 20 con/mL. Kết quả cho thấy, cá có tỷ lệ sống cao nhất ở mật độ con mồi là 10 con/mL (18,58%) và thấp nhất ở mật độ 20 con/mL (7,64%).

4556	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi cá trên ruộng lúa trong mùa lũ tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Trát, Thanh Phong	Cao, Quốc Nam	2019	Thử nghiệm nuôi cá trên ruộng trong mùa lũ được thực hiện trên 03 ruộng nông dân ở xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang năm 2018, nhằm đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình. Một ruộng nông dân nuôi cá trên ruộng trong mùa lũ ở xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang được chọn làm đối chứng. Kết quả năng suất thuần của các loài cá nuôi thí nghiệm ở xã Định Thành dao động từ 191,8 – 292,9 kg/ha thấp hơn so với xã Phú Thuận. Lợi nhuận ròng trung bình ruộng đối chứng ở xã Phú Thuận là 614.640 đồng/ha, trong khi đó mỗi ruộng thí nghiệm ở xã Định Thành là 5.844.411 đồng/ha. Năng suất và lợi nhuận ròng thấp là do thả cá giống muộn, nước lũ cao đầu vụ nên không có lúa chết, mật độ thả cá chếp dày, thời gian nuôi ngắn, cá tăng trưởng chậm, cá tự nhiên ít, chưa tận dụng nguồn thu từ ốc. Để góp phần nâng cao hiệu quả kỹ thuật và tài chính cần thả cá sớm hơn, giảm mật độ thả cá chếp, tăng cỡ cá giống, bón phân dưỡng lúa chết để tăng nguồn thức ăn tự nhiên cho cá và kéo dài được thời gian nuôi để cá có thể đạt được cỡ thương phẩm và thu hoạch ốc tự nhiên để tăng doanh thu.
4557	Đại học	Thực nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trên ruộng lúa ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang	Phan, Hữu Văn	Dương, Nhật Long Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2019	Thực nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trên ruộng lúa ở huyện An Biên tỉnh Kiên Giang được thực nghiệm trong 6 tháng và trên 6 vuông tôm với diện tích mỗi vuông từ 5000 m2 đến 11000 m2, mật độ thả 3 PL/m2. Kết quả thực nghiệm cho thấy các yếu tố về môi trường nước như nhiệt độ (30,8 0C), pH (6,6), oxy (5,3 mg/L), NH4+ (0,39 mg/L), P-PO43- (0,4 mg/L), Độ kiềm (105 mgCaCO3/L) và Chlorophyll-a (34,25 µg/L) không ảnh hưởng bất lợi cho sự phát triển của tôm càng xanh. Sau chu kỳ nuôi 6 tháng, khối lượng của tôm nuôi đạt bình quân 42,19 g/con. Tỷ lệ sống ở các ao nuôi dao động từ 17,9 – 39,4%. Năng suất tôm dao động từ 259 - 400 kg/ha, hiệu quả mang lại từ mô hình nuôi đạt khá cao dao động từ 16.600.000 – 34.800.000 đồng/ha. Tỷ suất lợi nhuận dao động từ 95,40 – 294,92%. Mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa bước đầu cho thấy là mô hình nuôi có hiệu quả góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ nuôi tôm ở tỉnh Kiên Giang trong tương lai.
4558	Đại học	Thử nghiệm ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) với mật độ và thức ăn khác nhau trong bể tại công ty cổ phần Nam Việt	Lê, Thanh Duy	Dương, Nhật Long Nguyễn, Hoàng Thanh	2019	Nghiên cứu được tiến hành qua 2 thí nghiệm: (1) Ương giống cá tra với mật độ khác nhau, thời gian thí nghiệm là 5 ngày, (2) Ương giống cá tra với thức ăn khác nhau, thời gian là 12 ngày. Thí nghiệm 1 có 4 nghiệm thức (NT) NT- 1: 1.000 con/m3, NT- 2: 2.000 con/m3, NT- 3: 3.000 con/m3 và NT- Đối chứng 1.000con/m3. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống của cá tra cao nhất ở nghiệm thức 1.000 con/m3 là (62,3%) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức 2 (52,4%), nghiệm thức 3 (51,6%) và nghiệm thức đối chứng (33,2%). Thí nghiệm 2 cho thấy kết quả sau 12 ngày ương với các loại thức ăn khác nhau. Tỷ lệ sống cao nhất ở nghiệm thức 3 (10% Rotifera+90% Moina) là (33,3%) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức (2) (19,3%), nghiệm thức (3) (16,7%).

4559	Đại học	Sự chọn lựa thức ăn của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn bột đến 30 ngày tuổi	Hà, Thị Quỳnh Như	Phạm, Thanh Liêm	2019	Thí nghiệm nhằm khảo sát sự lựa chọn thức ăn của cá tra bột (Pangasianodon hypophthalmus) với các loại thức ăn tự nhiên trong điều kiện nuôi trong ao đất. Khảo sát được thực hiện trên cơ sở phân tích ruột cá trong suốt giai đoạn cá bột từ lúc cá bắt đầu ăn thức ăn ngoài cho đến ngày tuổi thứ 30. Thành phần thức ăn trong ruột cá được so sánh với thành phần thức ăn tự nhiên trong môi trường nuôi và tính toán hệ số lựa chọn thức ăn của cá. Cá bột bắt đầu lấy thức ăn ngoài vào ngày tuổi thứ 2 và chúng thể hiện chọn lựa chủ yếu trên các loại động vật phụ du. Qua khảo sát, có 4 nhóm ngành động vật phiêu sinh tồn tại trong ruột cá: Rotifera, Cladocera, Copepoda, Nauplius; trong đó Rotifera là thức ăn được cá ưa thích trong 4 ngày đầu sau khi hết noãn hoàng và sau đó thay thế bằng các loại thức ăn có kích thước lớn như Cladocera và Copepoda. Sau ngày tuổi thứ 21 cá có sự lựa chọn nhóm Copepoda nhiều hơn nhóm Cladocera. Đặc biệt, trong giai đoạn 4-18 ngày tuổi thì chỉ số electivity của loài Moina macrocopa dao động từ 0,3- 0,95 cho thấy rằng nhóm Cladocera là thức ăn ưa thích nhất.
4560	Đại học	So sánh một số chỉ tiêu sinh sản giữa các nguồn cá trê vàng (Clarias macrocephalus) bố mẹ khác nhau	Nguyễn, T Thanh Nhân	Dương, Thúy Yên	2019	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của các nguồn cá bố mẹ đến các chỉ tiêu sinh sản cá trê vàng và sự phát triển của cá bột để phục vụ cho nghiên cứu chọn giống. Cá được sinh sản từ 9 tổ hợp lai chéo được tạo từ 3 nguồn cá khác nhau gồm: cá trê vàng tự nhiên ở Cà Mau (CM), cá trê vàng tự nhiên ở Long An (LA) và cá trê vàng nuôi ở Cần Thơ (CT). Năm cặp cá được dùng cho mỗi công thức sinh sản. Đề tài được tiến hành với 2 thí nghiệm. Thí nghiệm 1 nhằm theo dõi các chỉ tiêu sinh sản của các dòng cá trê vàng. Thí nghiệm 2 nhằm theo dõi sự tăng trưởng của các dòng cá trê vàng trong 6 ngày. Kết quả cho thấy ba dòng cá có thời gian hiệu ứng thuốc và thời gian phát triển phôi không chênh lệch nhau. Tỷ lệ cá tham gia sinh sản dao động từ 7080%. Tỷ lệ thụ tinh cao nhất ở nghiệm thức CM×CM (77,79±11,54%) và thấp nhất ở nghiệm thức LA×CT (41,33±27,91%). Tỷ lệ nở của trứng đạt cao nhất ở nghiệm thức CM×LA (85,31%), thấp nhất (50,23%) ở nghiệm thức CT×CM. Sức sinh sản thực tế cao nhất dòng cá Cần Thơ 60,600±22,538 (trứng/g) và thấp nhất là Cà Mau 25,700±6,273 (trứng/g). Đường kính trứng nguồn cá Cà Mau có kích thước trứng lớn nhất 1,79±0,18 mm. Chiều dài cá mới nở lớn nhất ở nghiệm thức CM×CM là 3,61mm và nhỏ nhất ở nghiệm thức CT×CM với 3,34mm. Thời gian tiêu thụ noãn hoàng của nghiệm thức CM×CM và CT×LA chậm nhất (60h) so với các nghiệm thức còn lại (54h). Sau 6 ngày, chiều dài của cá CM×CM lớn nhất 10,2mm và thấp ở nghiệm thức CT×LA 8,9mm. Nhìn chung, tăng trưởng của cá khác biệt có ý nghĩa giữa các nghiệm thức.

4561	Đại học	Khảo sát hiện trạng kỹ thuật và tài chính các mô hình nuôi thủy sản ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Lê, Thị Thu Trinh	Dương, Nhựt Long	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra phương pháp nuôi kết hợp cá điều hồng và rau cải thìa theo mô hình Aquaponic cho hiệu quả tốt nhất, góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tăng năng suất trong mô hình nuôi kết hợp cá điều hồng với rau cải thìa. Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 4 nghiệm thức (NT) gồm trồng rau thủy canh không kết hợp nuôi cá (NT1), nuôi cá không có kết hợp rau thủy canh (NT2), nuôi cá điều hồng kết hợp rau thủy canh trong mô hình aquaponic (NT3, bơm trực tiếp) và trồng rau thủy canh trong mô hình aquaponic có lọc sinh học (NT4). Cá được cho ăn thức ăn viên 2 lần/ngày theo nhu cầu. Thời gian thí nghiệm 60 ngày. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu môi trường TAN (1,40-2,53 mg/L), NO ₂ -N (1,4-19,0 mg/L), NO ₃ -N (43,75- 54,0 mg/L), PO ₄ -P (7,58-8,50 mg/L). Tăng trưởng về khối lượng cá 1,27 g/ngày cao nhất ở NT3, chênh lệch so với NT2 0,99 g/ngày và NT4 1,04 g/ngày. Sinh khối rau ở NT3 là cao nhất 3,35 kg/m ² . Nhìn chung năng suất của rau khi nuôi kết hợp với cá điều hồng trong mô hình aquaponic cho năng suất cao hơn so với các phương thức khác. Đối với mô hình nuôi kết hợp thì từ bể nuôi cá có thể bơm trực tiếp qua hệ thống trồng rau mà không cần qua hệ thống lọc, tuy nhiên cần nghiên cứu để có đầy đủ cơ sở khoa học cho hình thức nuôi này.
4562	Đại học	Nghiên cứu nuôi vỗ thành thực lươn đồng (Monopterus albus)	Huỳnh, Quốc Cường	Nguyễn, Văn Triều	2019	Đề tài: “Nghiên cứu nuôi vỗ thành thực lươn đồng (Monopterus albus Zuiew, 1793)” bố trí tại trung tâm nghiên cứu Ứng Dụng Thủy Sản Công Nghệ Cao – Khoa Thủy Sản- Trường Đại Học Cần Thơ. Gồm 3 nghiệm thức: Nghiệm thức 1 (NT 1) nuôi vỗ lươn đồng bằng thức ăn công nghiệp 41% đậm trong ba tháng. Nghiệm thức 2 (NT 2) nuôi vỗ lươn đồng bằng thức ăn công nghiệp 30% đậm trong tháng đầu tiên và hai tháng sau là 41% đậm. Nghiệm thức 3 (NT 3) nuôi vỗ lươn đồng bằng thức ăn công nghiệp 30% đậm trong hai tháng đầu và tháng còn lại là 41% đậm. Mỗi nghiệm thức được bố trí trong bể composite (1m ³), và mật độ 40 con/bể. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm nhiệt độ và pH được thu hằng ngày trong suốt quá trình nuôi vỗ lươn. Định kỳ sau 30 ngày kiểm tra và đánh giá hệ số thành thực của lươn một lần. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc nuôi vỗ lươn bằng thức ăn 41% đậm trong suốt quá trình nghiên cứu ở (NT 1) đã làm gia tăng hệ số thành thực tốt hơn so với (NT 2) và (NT 3).

4563	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản của tôm mủ ni (<i>Thenus orientalis</i>) tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang	Lê, Thúy Duy	Trần, Ngọc Hải Ngô, Thị Thu Thảo	2018	Trong nghiên cứu này, mẫu tôm mủ ni (<i>Thenus orientalis</i>) được thu tại quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang nhằm nghiên cứu về chu kỳ sinh sản và đặc điểm sinh học. Mẫu tôm mủ ni phục vụ phân tích được thu 20 con/tháng, khối lượng từ 40 – 120 g/con, tôm mủ ni được giữ còn sống trong quá trình vận chuyển. Sau khi vận chuyển về phòng thí nghiệm bào ngư được rửa sạch, đo chiều dài, chiều rộng, khối lượng tổng, khối lượng thịt và khối lượng vỏ. Trọng lượng thịt khô sẽ được xác định bằng cách sấy mẫu trong tủ sấy ở 60oC trong 48 giờ liên tục, cắt tuyến sinh dục để thực hiện tiêu bản mô học và tần suất phân bố đường kính trứng tôm mủ ni. Mẫu mô để thực hiện mô học được xử lý trong 12 tiếng sau đó đúc khối, trữ đông 2 tiếng và tiến hành cắt mẫu bằng máy microtom với độ dày lát cắt là 5 – 6 um , sau đó nhuộm mẫu và quan sát dưới kính hiển vi với độ phóng đại là 10X để xác định các giai đoạn phát triển của tuyến sinh dục và tính được chỉ số thành thực sinh dục (GSI) còn tần suất đường kính trứng thì đếm tuyến sinh dục, đo ít nhất 50 trứng và tính trung bình. Kết quả cho thấy tôm mủ ni sinh sản hầu như ở tất cả các tháng thu mẫu (từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018), nhưng có 2 đỉnh cao sinh sản vào tháng 5 và tháng 9. Trong suốt thời gian nghiên cứu, tỉ lệ đực/cái dao động không nhiều đa số 1:1. Khối lượng của con cái tương đối là cao hơn qua các tháng như các chỉ số ở tháng thấp (tháng 12) của con đực $13\pm0,97$, $5,83\pm0,3$, $54,2\pm8,65$, và cũng là tháng thấp nhất của con cái với các chỉ số $13,76\pm0,8$, $6,22\pm0,35$, $66,99\pm12,22$. Những kết quả của nghiên cứu này đóng góp những thông tin cơ bản về đặc điểm sinh học và sinh sản của bào ngư tại địa điểm nghiên cứu
------	---------	---	--------------	-----------------------------------	------	--

4564	Đại học	Effect of different feed types and rearing densities on survival rate and growth performance of mud clam larvae(<i>Geloina coxans</i>)	Trinh, Hoai Nam	Ngô, Thị Thu Thảo	2017	The study is aimed to investigate suitable feed and stocking density in larvae rearing process to obtain the high survival rate. The experiment 1 included four food treatments as (i) 100% fresh algae (<i>Nanno chloropsis</i> sp and <i>Chaetoceros</i> sp with 1:1 ratio), (ii) 100% dry algae (<i>Spirulina</i> powder), (iii) 75% fresh algae + 25% dry algae, (iv) 50% fresh algae +50% dry algae. Larvae in each treatment cultured in 5L-bottles. Stocking density was 2000 larvae/L. Experiment period was from D-larvae to 12th – 15th days when observed that larvae metamorphosed to umbo stage and began transfer to spat. Experiment 2 included three treatments as (i) 2000 larvae/L, (ii) 4000 larvae/L, (iii) 8000 larvae/L. Kind of food had the best result from experiment 1 was applied for feeding in experiment 2. The best result in experiment 1 was treatment used 100% fresh algae. Length and width of larvae reach highest with 217.3µm and 230µm on day 17, respectively. Otherwise, metamorphosi rate of larvae was 31.2% and survival rate of mud clam larvae reached 10.5% on day 17. Larvae production reached 300 individuals/L. In experiment 2, the best result was treatment rearing with 2000 individuals/L. Length and width of larvae reach highest with 218.3µm and 231.3µm on day 17, respectively. Otherwise, metamorphosis rate of mud clam larvae was 34.9% and survival rate of mud clam larvae reached 10.3% on day 17. Larvae production at treatment 2000 larvae/L was the highest in all treatment with 294 individuals/L.
4565	Đại học	The immune response ability of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) against <i>Aeromonas Hydrophila</i>	Le, Tan Hung	Từ, Thanh Dung	2018	The study was conducted for the purpose of testing vaccine against haemorrhagic disease cause by <i>Aeromonas hydrophila</i> on striped catfish. Experimental design with 3 treatments: Control treatment was not injected vaccine and PBS (phosphate buffered saline), treatment was injected PBS and treatment was injected vaccines. Each reaments was using 30 fish and repeated 2 times. After 38 days collected data in each treatment about weight, length, observed and taked photos the abnormal sign at injection site and internal organs. The vaccine used in the experiments were oil-emulsion vaccine contain inactivated bacteri (<i>A. hydrophila</i> AH1). The results showed that vaccination did not affect fish growth. When challenge b bacteria (<i>A. hydrophila</i> AH1), the mortality rate of the fish in vaccination group was lower (6,67%) to th non-vaccintion group (100%). In addition, the microagglutination method was applied to determine specifi antibodies with bacteria (<i>A. hydrophila</i> AH1). After the first 7 days vaccination has increased antibodie (>7) and remained high (>4) compared with control groups (<3) during the experiment. The results showed that vaccinated fish has higher antibody response and longer duration of immunity than control. However, the limitation of this experiment is using bacteria (<i>A. hydrophila</i> AH1) to testing the effectiveness of vaccine AH1. Therefore, it is often to add new strains of bacteria to provide information for the production of vaccines against dangerous disease on fish.

4566	Đại học	The effects of dietary supplement with sodium citrate and probiotic on bactetia density in gastrodigestive tract and growth performance of Asian swamp eel(Monopterus albus)	Dang, Tan Hung	Huỳnh, Thanh Tới	2019	This research was conducted to assess the effect of probiotics and Sodium citrate on total bacterial density, Vibrio spp. and the growth performance of swamp eels (Monopterus albus). Swamp eels (21.4 ± 0.41 cm; 7.9 ± 0.09 gram) were arranged in 250L plastic tanks with density of 40 eels/tank. The experiment was conducte with 4 treatments: first treatment with artificial feed (protein 40% Grobest) second: artificial feed was upplemented with sodium citrate (T2), third with probiotics (T3) and of probiotics mixed with sodium citrate (T4). High growth performance (10.9 g) was recorded in (T2) on the 30th day. Up to 30th day of experiment DWG and SGR were not significantly different for eels fed on additives including sodium citrate, probiotics and probiotics mixed with sodium citrate, ($p>0.05$). High density of bacterial observed in T4, with density of 90.0×10^4 CFU/g and 56.3×10^4 CFU/g on 20th and on the 30th day respectively, while low bacterial density of 38.3×10^4 CFU/g was recorded in the control treatment on the 30th day. Highest density of Vibrio spp.was observed in control with 18.3×10^3 CFU/g. However, Vibrio density was not significantly different when compared among probiotics and sodium citrated added treatments, but the lowest density of Vibrio spp. observed in T4 with 0.4×10^3 CFU/g.The results of this research showed that both probiotics and the mixture of sodium citrate with robiotics improved growth and stimulated beneficial bacteria in gastro intestinal of M. albus.
4567	Đại học	Nghiên cứu khả năng nuôi Artemia thu trứng bào xác ở độ mặn thấp	Lê, Chí Linh	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Thí nghiệm nuôi Artemia franciscana trong ao đất ở độ mặn thấp hơn so với độ mặn khuyến cáo 80‰ được thực hiện nhằm nuôi Artemia sớm hơn mùa vụ truyền thống để tránh nắng nóng và mưa trái vụ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Thí nghiệm được thực hiện với ba độ mặn khác nhau 40‰; 60‰ và 80‰ nhằm đánh giá ảnh hưởng của độ mặn thấp đến tỉ lệ sống, chiều dài và sức sinh sản của Artemia. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống giảm dần khi nuôi ở độ mặn thấp, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa nghiệm thức 60‰ và 80‰ Kích cỡ chiều dài của Artemia nhỏ hơn khi nuôi ở độ mặn thấp, nhưng sức sinh sản cao vào 02 tuần cuối của thí nghiệm. Năng suất trứng bào xác đạt cao nhất ở nghiệm thức đối chứng 80‰ (ĐC) cao nhất (108,8 kg/ha/vụ), cao hơn không có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức 60‰ (101,5 kg/ha/vụ), nhưng cao hơn có ý nghĩa so với nuôi ở 40‰. Nhìn chung, Artemia nuôi ở độ mặn 60‰ không khác biệt về tỉ lệ sống, sinh trưởng và năng suất so với nuôi ở 80‰, nhưng giảm được thời gian chuẩn bị nước mặn. Do vậy, có thể áp dụng nuôi Artemia ở độ mặn 60‰ để giảm được chi phí chuẩn bị nước mặn và rút ngắn được thời gian.

4568	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung khoáng Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^{+} lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) giai đoạn giống nuôi ở độ mặn thấp.	Trương, Huỳnh Vũ	Huỳnh, Trường Giang	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung khoáng đa lượng Mg^{2+} , Ca^{2+} , và K^{+} lên sự tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) khi nuôi ở độ mặn thấp 2‰. Thí nghiệm gồm có 4 nghiệm thức, bao gồm: Nghiệm thức 1 (T1) đối chứng-không bổ sung khoáng; Nghiệm thức 2 (T2) bổ sung khoáng Mg^{2+} , Ca^{2+} , K^{+} ở hàm lượng 19,6-5,8-5,4 mg/L; Nghiệm thức 3 (T3) bổ sung khoáng Mg^{2+} , Ca^{2+} , K^{+} ở hàm lượng 58,7-17,4-16,1 mg/L; và Nghiệm thức 4 (T4) bổ sung khoáng Mg^{2+} , Ca^{2+} , K^{+} ở hàm lượng 97,5-29,5-26,75 mg/L. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần trong thời gian thí nghiệm là 37 ngày. Mật độ thả nuôi là 50 con/bể tương đương 100 con/m ³ với trọng lượng ban đầu là $0,85 \pm 0,01$ g/tôm. Sau 37 ngày thí nghiệm, kết quả cho thấy rằng tôm ở các nghiệm thức bổ sung khoáng có tốc độ tăng trưởng cao hơn nghiệm thức đối chứng, trong đó nghiệm thức T4 (bổ sung 97,5-29,5-26,75) khác biệt có ý nghĩa thống kê so với đối chứng. Tuy nhiên, tôm ở nghiệm thức T2 (bổ sung 19,6-5,8-5,4 mg/L) có tỉ lệ sống cao nhất, nhưng không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa giữa các nghiệm thức).
4569	Đại học	Ảnh hưởng của sử dụng các loài luân trùng lên tỉ lệ sống của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) bột	Trần, Lê hòa	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng tăng sinh và ảnh hưởng của luân trùng lên tỉ lệ sống của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) bột. Cá tra mới nở (0,4cm; 0,003g) được thả nuôi trong xô nhựa 20L, chứa 18L nước với mật độ 10 con/L và tiến hành cho ăn bằng 4 loài luân trùng trong 03 ngày đầu sau đó cho ăn bằng trứng nước (<i>Moina</i>) tương ứng với 04 nghiệm thức (NT) với loài <i>Brachionus plicatilis</i> (NT1), <i>B. angularis</i> (NT2), <i>B. pala</i> (NT3), và <i>B. calyciflorus</i> (NT4), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả cho thấy kích cỡ chiều dài của <i>B. pala</i> (237 μm) và <i>B. calyciflorus</i> (275 μm) gấp 02 lần <i>B. angularis</i> (105 μm), <i>B. pala</i> đạt mật số cực đại (800 con/mL) ở ngày nuôi thứ 03. Tỉ lệ sống của cá sau 21 ngày ương dao động từ 14,8-24,1%, cá cho ăn bằng <i>B. angularis</i> có tỉ lệ sống cao nhất (24,1%), thấp nhất ở cá cho ăn bằng <i>B. calyciflorus</i> (14,8%), nhưng sai biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$) so sánh giữa các nghiệm thức. Chiều dài và khối lượng cá có cải thiện ở các nghiệm thức cho ăn các loài luân trùng khác nhau nhưng sai biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$). Từ kết quả của thí nghiệm này có thể khẳng định rằng luân trùng <i>B. angularis</i> là loài tối ưu cho ương cá tra bột, nhưng <i>B. pala</i> cũng có thể sử dụng để ương cá khi cần luân trùng trong thời gian ngắn.

4570	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ thấp lên tăng trưởng và enzyme tiêu hóa của cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trần, Khắc Nguyên	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục đích nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của nhiệt độ thấp lên tăng trưởng và enzyme tiêu hóa cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Cá tra có khối lượng $24,08 \pm 0,9$ g/con được sử dụng để bố trí thí nghiệm ở 3 mức nhiệt độ là 27, 24, 21°C trong vòng 60 ngày. Thu mẫu tăng trưởng ở ngày 30 và 60. Ngày thứ 61 của thí nghiệm tiến hành thu mẫu ruột và dạ dày để phân tích hoạt tính của các enzyme tiêu hóa như pepsine, trypsine, chymotrypsine, α amylase. Kết quả cho thấy nhiệt độ thấp ảnh hưởng lên tăng trưởng tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa các nghiệm thức. Trong đó các chỉ tiêu như tăng trọng, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối ngày (DWG), tốc độ tăng trưởng tương đối ngày (SGR) cao nhất là ở nghiệm thức 27°C ($27,65 \pm 2,18$ g/con; $0,46 \pm 0,036$ g/ngày; $2,2 \pm 0,66$ %/ngày) và TỐM TẮT Nghiên cứu được thực hiện với mục đích nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của nhiệt độ thấp lên tăng trưởng và enzyme tiêu hóa cá tra giống (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Cá tra có khối lượng $24,08 \pm 0,9$ g/con được sử dụng để bố trí thí nghiệm ở 3 mức nhiệt độ là 27, 24, 21°C trong vòng 60 ngày. Thu mẫu tăng trưởng ở ngày 30 và 60. Ngày thứ 61 của thí nghiệm tiến hành thu mẫu ruột và dạ dày để phân tích hoạt tính của các enzyme tiêu hóa như pepsine, trypsine, chymotrypsine, α amylase. Kết quả cho thấy nhiệt độ thấp ảnh hưởng lên tăng trưởng tạo nên sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa các nghiệm thức. Trong đó các chỉ tiêu như tăng trọng, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối ngày (DWG), tốc độ tăng trưởng tương đối ngày (SGR) cao nhất là ở nghiệm thức 27°C ($27,65 \pm 2,18$ g/con; $0,46 \pm 0,036$ g/ngày; $2,2 \pm 0,66$ %/ngày) và thấp nhất là ở nghiệm thức 21°C ($7,56 \pm 1,1$ g/con; $0,18 \pm 0,018$ g/ngày; $1,84 \pm 0,12$ %/ngày). Nghiệm thức có tỷ lệ sống cao nhất là 21°C ($96,7 \pm 2,36$%) với FCR $1,46 \pm 0,15$, thấp nhất là 27°C ($90,8 \pm 4,25$%) với FCR là $0,93 \pm 0,05$. Kết quả cho thấy nhiệt độ thấp ảnh hưởng lên tăng trưởng và FCR nhưng không ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của cá trong thí nghiệm này. Ảnh hưởng của nhiệt độ thấp lên enzyme tiêu hóa cá tra nhưng trypsine, chymotrypsine, α amylase khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) giữa các nghiệm thức. Ngoại trừ enzyme pepsine khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) giữa các nghiệm thức. Hoạt tính enzyme tiêu hóa của cá tra trong thí nghiệm này giảm theo sự giảm của nhiệt độ và thấp nhất ở nghiệm thức 24 và 21°C.
------	---------	--	-------------------	---------------------	------	--

4571	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ và CO ₂ lên sự điều hòa ion và miễn dịch của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống	Kim, Chí Thiện	Nguyễn, Thị Kim Hà Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ và CO₂ lên điều hòa ion và miễn dịch của cá tra giống, từ đó có biện pháp phòng tránh trong quá trình nuôi. Nghiên cứu được bố trí với hai mức nhiệt độ 27oC và 33oC có bổ sung 3%CO₂ (21 mmHg) và không bổ sung CO₂. Sau khi nhiệt độ và nồng độ CO₂ đạt yêu cầu theo các nghiệm thức, thì tiến hành thu mẫu máu cá ở các thời điểm: 0 giờ, 3 giờ, 1 ngày, 3 ngày và 7 ngày. Mỗi lần thu 3 cá/bể, mẫu máu cá được chứa trong eppendorf và ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút trong 6 phút để thu huyết tương phân tích các chỉ tiêu glucose, Na⁺, Cl⁻, áp suất thẩm thấu, lysozyme, peroxidase. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi cho cá tra tiếp xúc với CO₂ ở nồng 3%CO₂ nồng độ ion Cl⁻ sau 1 ngày tiếp xúc luôn giảm thấp so với đối chứng; nồng độ ion Na⁺, và áp suất thẩm thấu ở các nghiệm thức không thay đổi. Nồng độ glucose tăng sau 1 ngày ở nghiệm thức bổ sung CO₂ và không có dấu hiệu phục hồi sau 7 ngày thí nghiệm. Hoạt tính peroxidase ở thời điểm 3 giờ có sự tăng cao của peroxidase ở nghiệm thức 33oC-CO₂, sau 1 ngày thì hoạt tính này phục hồi trở lại và không có dấu hiệu tăng. Hoạt tính lysozyme giảm khi cá tiếp xúc với CO₂ ở thời điểm 3 giờ, thời điểm 1 ngày hoạt tính lysozyme ở nghiệm thức nhiệt độ 33oC tăng cao hơn so với nghiệm thức 27oC. Tóm lại, ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ, CO₂ cao và sự kết hợp của hai yếu tố này có tác động lên quá trình điều hòa ion Cl⁻, tăng nồng độ glucose, thay đổi hoạt tính peroxidase, lysozyme và không làm ảnh hưởng quá trình điều hòa ion Na⁺ và áp suất thẩm thấu của cá tra trong thí nghiệm.
4572	Đại học	The effects of total ammonia nitrogen and nitrite concentrations on mouting and the surviving of white leg shrimp (Litopenaeus vannamei)	Nguyen, Thi Thanh Xuan	Le, Quoc Viet Truong, Quoc Phu	2019	White leg shrimp (Litopenaeus vannamei) or Pacific white leg shrimp is presently the most important cultivated shrimp species in the world. They can tolerate in low salinity waters, growth faster than other species. However, in low salinity condition, the toxicity of total ammonia nitrogen (TAN) and nitrite (NO₂--N) concentration is increased. In this study, Litopenaeus vannamei (4.54±0.58cm; 0.77±0.17g) was exposed to TAN (0 mg/L, 2.21 mg/L, 6.63 mg/L, 11.04 mg/L) and NO₂--N (0 mg/L, 9.33 mg/L, 27.95 mg/L, 46.59 mg/L) corresponding wit 0% (control), 5%, 15% and 25% of 48h LC₅₀ at 15ppt salinity waters. The experiment was carried out in two culture volume, 1.5 liter beaker and 30 liter aquaria. The density in individual test is 1 shrimp and 15 shrimps in population test. Total of each test have 16 treatments and each of which is triplicated. The result experimental after 30 days showed that Litopenaeus vannamei were sensitive to high TAN and NO₂--N concentration, specially high mortality at 6.63 mg/L of TAN and 46.59 mg/L of NO₂--N concentrations. Nitrite was more toxic than TAN at low salinity condition which was water quality resulting in high mortality and slow growth. The moulting cycle was observed and dead shrimps have soft shell and incomplete moulting.

4573	Đại học	Ảnh hưởng của chất chiết diệt hạ châu (Phyllanthus amarus) lên tăng trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý máu dưới tác động của nhiệt độ lên cá tra giống (Pangasianodon hypophthalmus)	Phan, Quốc Huy	Đỗ, Thị Thanh Hương Phạm, Ngọc Như	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mức độ chịu đựng nhiệt độ của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống thông qua tăng trưởng, tỷ lệ sống và một số chỉ tiêu sinh lý máu như hồng cầu, bạch cầu, hemoglobin, hematocrit, MCV, MCH, MCHC khi bổ sung chất chiết diệt hạ châu (Phyllanthus amarus) với nồng độ 0,5%/kg trong thức ăn. Thí nghiệm 1, nghiên cứu sự ảnh hưởng của chất chiết diệt hạ châu (Phyllanthus amarus) được bổ sung vào thức ăn lên chỉ tiêu các tăng trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý máu của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống, gồm hai nghiệm thức 0% và 0,5% chất chiết diệt hạ châu (Phyllanthus amarus), mỗi nghiệm thức lặp lại 9 lần, cá được đo tăng trưởng và thu mẫu máu vào ngày 0 và 42. Thí nghiệm 2, cá sau thí nghiệm 1 sẽ được bố trí với các mức nhiệt độ khác nhau 27oC, 31 oC, 35 oC cùng với hai loại thức ăn không bổ sung chất chiết và diệt hạ châu (0,5%), bao gồm 6 nghiệm thức và mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Mẫu máu được thu vào ngày 0, ngày 1, ngày 3, ngày 7 để đo các chỉ tiêu sinh lý máu và đo tăng trưởng vào ngày 0 và 42. Ở thí nghiệm 1 kết quả thí nghiệm cho thấy sau 42 ngày, nghiệm thức bổ sung 0,5% chất chiết diệt hạ châu cá có tăng trọng, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối (DWG), tốc độ tăng trưởng tương đối (SGR) và tỷ lệ sống cao và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$). Các chỉ tiêu hồng cầu ($3,47 \pm 0,09 \times 10^6$ tế bào/mm³), hematocrit ($38,99 \pm 1,32$ %), hemoglobin ($11,73 \pm 0,75$ g/100ml), MCH ($43,50 \pm 2,03$ pg), MCHC ($30,85 \pm 2,26$ %) tăng và khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$). Ở thí nghiệm 2 khi chịu tác động của nhiệt độ các nghiệm thức bổ sung 0,5% diệt hạ châu có tăng trọng và tỷ lệ sống đều tăng và khác biệt so với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$). Sau 7 ngày, chỉ tiêu bạch cầu tăng ($175,25 \pm 13,04 \times 10^3$ tế bào/mm³) khác biệt với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$). Tương tự các chỉ tiêu hematocrit, hemoglobin, MCV, MCHC tăng và khác biệt so với nghiệm thức đối chứng ($p < 0,05$).
------	---------	---	----------------	-------------------------------------	------	--

4574	Đại học	Screening natural prebiotic extracts for development of symbiotic for aquaculture	Lam, Anh Thu	Huynh, Truong Giang	2019	This study aimed to develop a relevant synbiotic to promote growth performance of the white shrimp, <i>Litopenaeus vannamei</i>. Four common natural prebiotic extracts from Arcera banana, Siamese banana, yellow sweet potato, and white sweet potato were screened for supporting the growth of <i>Lactobacillus</i> sp. which isolated from white shrimp intestines with probiotic activity, prebiotic score, and abilities to induce bacterial enzyme activities of protease, leu-aminopeptidase, and α-amylase. Results showed that <i>Lactobacillus</i> sp. was able to utilize all extracts from banana and sweet potato as the soles carbon sources. At 24 h of culture, growth of <i>Lactobacillus</i> sp. was highest after adding the extract from white sweet potato as the sole carbon source. Considering pathogenic bacteria, including <i>Vibrio harveyi</i>, white sweet potato extract had the highest prebiotic score with a mean of 0.25 as compared with those of <i>V. parahaemolyticus</i> with a mean of 0.16. White sweet potato extract induced the highest activities of protease, leu aminopeptidase, and α-amylase by <i>Lactobacillus</i> sp. These results indicated that white sweet potato extract was more suitable for combining with <i>Lactobacillus</i> sp. as a synbiotic for shrimp culture.
4575	Đại học	Study on biomass culture of freshwater rotifer (<i>Brachionus rubens</i> Ehrenberg 1838)	Nguyen, Huu The	Vu, Ngoc Ut	2019	This study was conducted to investigate the most appropriate algae species and concentration for the rotifers <i>Brachionus rubens</i> to the mass culture of this species to provide crucially initial feed for fish larvae. The study was designed with three experiments (three replication) to determine the most suitable micro-algae, micro-algae density and the combination of yeast and algae ratio for best growth of <i>B. rubens</i>. <i>Brachionus rubens</i> were cultured in 1L plastic bottle with an initial density of 50 inds/ml. In the first experiment, suitable micro-algae species was investigated. Rotifers were fed twice daily with <i>Chlorella</i> sp, <i>Nannochloropsis oculata</i> and <i>Chaetoceros calcitrans</i> at 2×10^6 cells/ml, highest rotifer density (182 ± 3 inds/ml) was found in the group fed <i>Chlorella</i> sp. In the second experiment rotifers were fed with <i>Chlorella</i> sp. at 40,000; 60,000 and 80,000 cells/rotifer/day. The results of this experiment showed that rotifers fed with 60,000 cells/rotifer/day performed better with highest density (185 ± 3 inds/ml). Third experiment was designed to replace algae by yeast at a ratio of 1:3, 1:1, 3:1. The highest rotifer density (185 ± 5 inds/ml) was recorded on the fifth day in the 1:1 treatment .

4576	Đại học	Study on some biological characteristics of a freshwater rotifer species (<i>Brachionus rubens</i> Ehrenberg 1838)	Ngo, Minh Cuong	Vu, Ngoc Ut	2019	The study was performed with the aim to determine the life cycle, fecundity, suitable environment parameters (temperature and pH) for development of a freshwater rotifer species this could be served as basic information for formulation of mass culture of this species. The study was implemented in laboratory condition including (i) effects of pH and temperature on life cycle of <i>B. rubens</i> ; (2) reproductive characteristics of <i>B. rubens</i> . Experiments were set up in 30ml cups with treated water containing 1 rotifer each with 10 replicates. The results showed that under pH of 8, life span of <i>B. rubens</i> was 4.08 ± 0.13 days and produced 5.90 ± 0.38 eggs. At 22°C the life span was 6.90 ± 0.57 days with 11.00 ± 2.05 eggs. However, at 28°C , life span of <i>B. rubens</i> was shorter, 4.80 ± 0.20 days. Under this temperature, the mean maturation, embryonic development duration, spawning interval and mean fecundity were 14.05 ± 0.73 hours, 9.82 ± 0.39 hours, 3.31 ± 0.70 hours and 6.50 ± 0.34 eggs, respectively().
4577	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp sử dụng thuốc gây mê và giảm nhiệt độ trong vận chuyển cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giống	Nguyễn, Tấn Lộc	Đỗ, Thị Thanh Hương	2019	The study "Applied research on the method of using anesthetic drugs, reducing the temperature in transporting striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)" was carried out in practice, to evaluate the physiological criteria of fingerlings and reduce loss during transportation and after transportation by using anesthetic and temperature reduction, combined transportation at 3 different time intervals (2 hours, 4 hours, 6 hours) and transported by vehicle load to the pond in Thot Not. Use anesthetic AQUI - S with a concentration of 10 mg/L, lower the temperature to 21°C to transport the fish. Sampling blood samples when reaching transport time (2 hours, 4 hours and 6 hours), after 3 days and 7 days of transport to analyze the parameters of hematocrit, hemoglobin, red blood cells and glucose, and record the mortality of fish during and after transport. Experimental results of erythrocytes, hematocrit, hemoglobin and glucose increased in transport and decreased upon stocking, the survival rate after 15 days reached from 99%, after 2 months the survival rate decreased, the lowest was 93%. .

4578	Đại học	Evaluating the effect of single cell detritus (SCD) from <i>Enteromorpha intestinalis</i> on growth of <i>artemia franciscana</i>	Vo, Hong Mi	Ngo, Thi Thu Thao	2019	This study evaluated of SCD from <i>Enteromorpha intestinalis</i> in order to develop the suitable diet for <i>Artemia</i> culture and reducing the dependence on microalgae and the effects of selected SCD diet on survival rate, growth performance and reproductive characteristics of <i>Artemia franciscana</i> under laboratory conditions. <i>Artemia</i> were fed with 5 different diets, and each diet has three replications. Commercial feed was the control, and 4 diets in which the shrimp feed was replaced by SCD with proportion of 100, 75, 50 and 25%. The diet with 100% shrimp food gave the best result of reproduction (89.53 ± 15.12 offsprings/female) of <i>Artemia</i> , but the replacement of 25% SCD showed the positive results in fecundity of <i>Artemia</i> (78.07 ± 8.81 offsprings/female). In term of growth of <i>Artemia</i> , the replacement of 25% SCD showed the best result in 14 day of the experiment (10.31 ± 0.02 mm). The findings showed that the diet with 25% SCD should be studied more to apply for feeding <i>Artemia</i> or filter feeders.
4579	Đại học	Species richness and diversity of benthic diatom communities in Tram Chim national park, Dong Thap province, Viet Nam	Nguyen, Thị Niem	Huynh, Truong Giang	2019	This study aimed to investigate the species richness and biodiversity of benthic diatoms in Tram Chim National Park in the dry season from February 2019 to May 2019. The benthic diatom samples were collected in 5 habitats, including (1) main canals, (2) criss-crossing canals, (2) <i>Melaleuca</i> habitat, (4) lotus <i>Nelumbo nucifera</i> habitat, and (5) <i>Eleocharis</i> sp. habitats. At each habitat the sample was collected at 3 sampling sites Results showed that a total of 125 species, belonging to 34 genera, 20 families, 12 orders, 3 classes were identified. The <i>Eleocharis</i> sp. habitat had the highest number of species with 104 species (28 genera), whereas the lowest one was in the main canals with 81 species (22 genera). The density of benthic diatoms ranged from from $56,473 \pm 56,850$ to $364,442 \pm 275,308$ ind. cm ⁻² . However, insignificant difference in density of benthic diatoms was found among habitats. The highest Shannon-Weiner H' diversity index was found in <i>Melaleuca</i> habitat with a value of 1.96 ± 0.32 , followed by lotus <i>Nelumbo nucifera</i> habitat with a value of 1.51 ± 0.74 ; and the lowest one was in criss-crossing canals with a value of 0.93 ± 0.39 . The <i>Nitzschia</i> , <i>Gomphonema</i> , <i>Eunotia</i> , <i>Navicula</i> , and <i>Pinularia</i> putatively dominated among habitats in the Tram Chim National Park.

4580	Đại học	Effects of phyllanthus amarus extract on digestive enzymes and stress resistance of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) at the fingerling stage	Huynh, Quyen Nhi	Do, Thi Thanh Huong	2019	This research was carried out to determine the effects of <i>Phyllanthus amarus</i> extract on selected enzymes and stress resistance of striped catfish fingerling stage (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). The study included two experiments (i) the experiment 1, fish was fed diets without the extract (control) and extract 0.5% <i>Phyllanthus amarus</i> supplementation in 42 days. The intestine and stomach samples was collected at day 0th and 42nd for analyzing digestive enzymes activities. The results indicated that pepsin, trypsin, and chymotrypsin activities in the stomach and intestine varied significantly ($p < 0.05$). After 42 days, the enzyme activities of the fish in control and supplementary <i>Phyllanthus amarus</i> treatment such as pepsin presented 0.13 and 0.29 mU/mL/mg protein; trypsin increased from 1.06 to 2.6 mU/mL/mg protein; chymotrypsin were 43.23 and 64.46 mU/mL/mg protein respectively. (ii) the fish of the experiment 1 were used for challenged with temperatures as 27°C, 31°C and 35°C in 14 days. The sampling period was implemented on day which reached the target temperature, day 7th, and day 14th for analyzing stress indicators and digestive enzyme activities. The results showed that glucose concentration decreased in <i>Phyllanthus amarus</i> treatment, the lowest glucose concentration of fish was found significantly of <i>Phyllanthus amarus</i> (41.70 mg/dL) at 35°C after 7 days. In conclusion, supplementation of 0.5% <i>Phyllanthus amarus</i> reduced glucose concentration and increased the activity of digestive enzymes of striped catfish. The research showed that <i>Phyllanthus amarus</i> had an effective effect on reducing stress and improving digestion of striped catfish.
------	---------	--	------------------	---------------------	------	---

4581	Đại học	Effects of psidium guajava extract on digestive enzymes and stress resistance of striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) at the fingerling stage	Dang, Ngoc Lan Hoa	Do, Thi Thanh Huong	2019	The study was carried out to evaluate the effects of Psidium guajava extract on selected enzymes and stress resistance of striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) fingerling. There were two experiments (i) the first experiment, fish was fed with basal diet (control) and extract of 0.2% Psidium guajava supplementation for 42 days. The intestine and stomach samples for analyzing digestive enzymes activities were collected at beginning of the experiment and at day 42. (ii) the second experiment, fish in the first experiment were use for challenge in different temperatures as 27°C, 31°C and 35°C for 14 days and were continuously fed with basal diet and 0.2% Psidium guajava supplementation. The sampling period was implemented on day which reached the target temperature, day 7 and day 14 for analyzing stress indicators and digestive enzyme activities. The results showed that after 42 days feeding with Psidium guajava, the digestive enzyme o fish increased and was not significant difference compared to control treatment. In second experiment, glucose concentration of the fish with Psidium guajava supplementation showed the lowest value (64.63 mg/100ml) at 35°C compared to at 27°C, 31°C treatments. In term of digestive enzyme, after 14 days with Psidium guajava supplementation, the activities of enzymes decreased and not significant different from control treatment. In conclusion, supplementation of 0.2% Psidium guajava extract in feed diet reduced the glucose level t limit stress and had positive to effect on some digestive activities.
4582	Đại học	Xác định liều lượng bổ sung bột dinh dưỡng (Supastock®) trong ao ương cá tra bột (Pangasianodon hypophthalmus)	Khuru, Linh Nhi	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 4/2019 đến tháng 5/2019 tại Khoa Thủy sản, trường Đại học Cần Thơ nhằm xác định liều lượng bột dinh dưỡng SUPASTOCK ® thích hợp trong ương cá tra để tạo nguồn thức ăn tự nhiên giúp cá bột tăng trưởng và đạt tỉ lệ sống cao. Thí nghiệm được thực hiện với 3 nghiệm thức và lặp lại 3 lần bao gồm (1) liều lượng 1kg/1 triệu cá bột (100% -ĐC); (2) liều lượng 0.5 kg/1 triệu cá bột (50%) và (3) liều lượng 2 kg/1 triệu cá bột (200%). Mật độ cá tra bột được bố trí là 10.000con/m ³ . Thành phần và mật độ thực vật và động vật phù du được ghi nhận mỗi ngày trong suốt thời gian 10 đầu. Tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá bột cũng được ghi nhận. Kết quả cho thấy tổng số TVPD (tảo) thu được là 177 loài thuộc 5 ngành, trong đó tảo lục chiếm phổ biến. Mật độ tảo dao động từ 72,963- 1,115,367 ct/L. Thành phần ĐVPD ghi nhận được 117 loài thuộc 4 nhóm trong đó Rotifera chiếm tỉ lệ cao nhất . Mật độ ĐVPD dao động trong khoảng 253.519 – 4.642.037ct/m ³ . Mật độ ĐVPD cao nhất ghi nhận được ở NT-100% (ĐC) là 4.642.037ct/m ³ vào ngày thứ 2, NT- 50% với 2.930.370 ct/m ³ ở ngày thứ 2 trước khi bón SUPASTOCK® và NT-200% vớ 4.236.343ct/m ³ vào ngày thứ 1. Chiều dài và khối lượng cá ở NT-100% (ĐC) cao hơn nhưng khác biệt không có ý nghĩa (p<0,05) với 2 NT-50% và NT-200%. Tỉ lệ sống của cá sau 20 ngày thì nghiệm thức liều lượng 1kg/1 triệu cá bột cao hơn khoảng 2,2-3,5 lần so với 2 nghiệm thức còn lại. Nhìn chung liều lượng 1kg/1 triệu cá bột cho kết quả tốt nhất .

4583	Đại học	Xác định thời điểm bổ sung bột dinh dưỡng (Supastock®) trong ương cá tra bột (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Trương, Thị Như	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định thời điểm thích hợp để bổ sung bột dinh dưỡng SUPASTOCK® vào ao ương cá tra bột. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2019 đến tháng 7/2019 với 3 nghiệm thức với 3 lần lặp lại, bao gồm (1) bổ sung bột SUPASTOCK® 1 ngày trước khi thả; (2) bổ sung bột SUPASTOCK® 2 ngày trước khi thả và (3) bổ sung bột SUPASTOCK® 3 ngày trước khi thả. Mật độ cá thả là 10.000 cá bột/m³. Thực vật và động vật phù du được theo dõi mỗi ngày trước và sau khi bổ sung bộ dinh dưỡng trong thời gian 10 ngày. Tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá bột cũng được ghi nhận khi kết thúc thí nghiệm. Kết quả ghi nhận được 144 loài TVPD thuộc 5 ngành: Chlorophyta (64 loài), Euglenophyta (36 loài), Bacillariophyta (24 loài), Cyanophyta (16 loài) và Dinophyta (4 loài). Mật độ tảo dao động từ 368.888 – 2.258.611 cá thể/L. ĐVPD phát hiện được 65 loài thuộc 4 nhóm: Protozoa (12 loài) Rotifera (29 loài), Copepoda (13 loài) và Cladocera (11 loài), mật độ ĐVPD dao động từ 910.231 - 8.457.222 cá thể/m³. Chiều dài, khối lượng của cá ở nghiệm thức 2 ngày trước khi thả cao hơn có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) so với 2 nghiệm thức còn lại. Tỉ lệ sống của cá sau 20 ngày thì NT-trước 2 ngày cao hơn khoảng 2-2,3 lần so với 2 nghiệm thức còn lại. Vì vậy, nghiệm thức bổ sung SUPASTOCK® 2 ngày trước khi thả cá bột vào ao ương là tốt nhất so với 2 nghiệm thức còn lại.
4584	Đại học	Chất lượng nguồn nước tự nhiên cho ao nuôi cá tra thâm canh thuộc TP Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Huyền	Huỳnh, Trường Giang	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước tại thủy vực tự nhiên thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ, làm cơ sở cho việc quản lý nguồn nước phục vụ cho nuôi cá tra thâm canh bền vững trong khu vực. Mẫu nước được thu tại 9 điểm (CT1-CT10) để phân tích một số thông số chất lượng nước, thời gian thu mẫu được thực hiện trong 10 tháng (01-10/2019). Kết quả cho thấy nhiệt độ và pH phù hợp với chất lượng nước tầng mặt. COD và N-NO₃⁻ có hàm lượng đáp ứng theo quy chuẩn quốc gia - QCVN 08-MT:2015/BTNMT thích hợp cho việc dùng nguồn nước phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, điển hình là cá tra. DO, độ kiềm và H₂S phù hợp với quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước cấp vào ao nuôi cá tra - QCVN 02-20:2014/BNNPTNT. Hàm lượng TSS, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻ trong nước cao, vượt mức cho phép so với quy chuẩn về chất lượng nước mặt gấp lần lượt là 10 lần, 27 lần và 8 lần, cần phải lưu ý chất lượng nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi cá tra. Nhìn chung, chất lượng nước tại các điểm khảo sát khá giàu dinh dưỡng, đặc biệt ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động nuôi trồng thủy sản.

4585	Đại học	Hiện trạng chất lượng nguồn nước cấp cho các khu vực nuôi tôm thâm canh ở tỉnh Cà Mau	Hồ, Thanh Quyên	Huỳnh, Trường Giang	2019	Nghiên cứu sự biến động chất lượng nước cấp tại các khu vực nuôi tôm thâm canh được thực hiện nhằm làm cơ sở cho quản lý chất lượng nước phục vụ cho các khu vực nuôi tôm phân bố của tỉnh Cà Mau. Mẫu nước được thu tại 9 điểm. Thời gian thu mẫu được thực hiện trong 10 tháng (01-10/2019). Các yếu tố môi trường nước được khảo sát bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, TSS, độ kiềm, DO, BOD5, COD, TAN, N-NO2-, N-NO3-, P-PO43, H2S. Kết quả cho thấy nhiệt độ, độ mặn, độ kiềm phù hợp với QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về chất lượng nước cấp vào ao nuôi tôm. DO và pH ở các điểm thu mẫu thích hợp QCVN 10-MT:2015/BTNMT về chất lượng nước biển vùng biển ven bờ. COD, BOD5, TAN, N-NO3-, H2S có hàm lượng đáp ứng theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT ở mức A1 cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bảo tồn động thực vật thủy sinh. N-NO2-, PO43-, TSS ở khu vực khảo sát có sự biến động khoảng 3-35 lần so với quy chuẩn QCVN 08- MT:2015/BTNMT. Vì vậy, cần có những biện pháp xử lý thích hợp trước khi sử dụng nguồn nước cấp vào nuôi tôm.
4586	Đại học	Effects of stocking density on growth performance of Asian swamp eel <i>Monopterus albus</i> (Zuiew,1793) reared in recirculation aquaculture system	Truong, Thi Khanh Linh	Pham, Thanh Liem Truong, Quoc Phu	2019	This study aims to determine the carrying capacity of a recirculating aquaculture system (RAS) for rearing Asian swamp eel (<i>Monopterus albus</i>). Two experiments with two sizes of swamp eel (3.08 ± 0.07 and 20.65 ± 0.36 g/ind.) were conducted in different stocking densities. Results showed that during the experiment, water quality (temperature, pH, DO, TAN and NO2-) had slight fluctuation but still in suitable range for eel in all treatments. In the first experiment, four different densities of 1, 1.5, 2 and 2.5 inds./L was conducted in RAS with 80L culture tanks for 3 months. Results showed that there is no significant difference ($p > 0.05$) in growth performance and survival rate of swamp eel between treatments. However, there is a significant difference ($p < 0.05$) on FCR between treatment 1 ind./L (0.76 ± 0.1) and 2.5 inds./L (0.56 ± 0.05). The average survival rate in all treatments was above 68% and was not significant difference among the treatments. The second experiment was carried out in RAS with 250L culture tanks for culture period of 2 months. Growth rates are not differences between treatments, but survival of eel had significantly affected by stocking density. The lowest survival found in treatment 0.3 inds./L may be due to reducing feeding activities. The density of 0.4 inds./L gave the best survival rate (75%) but there was no significant differences with those of treatment 0.5 (69%) and 0.6 inds./L (70%). Low FCR was found in treatment 0.4 and 0.5 inds./L (1.85 and 1.88, respectively), however, there was no significantly differences between treatments ($p > 0.05$).

4587	Đại học	Biến động chất lượng nước trên sông ở các tuyến sông ở khu vực nuôi tôm thâm canh tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Thị Mai Thi	Huỳnh, Trường Giang	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá hiện trạng chất lượng nước trên sông thuộc địa bàn tỉnh Bạc Liêu làm cơ sở cho việc quản lý nguồn nước phục vụ cho nuôi thủy sản bền vững trong khu vực. Mẫu nước được thu hàng tháng tại 10 điểm (BL1-BL10) trong 10 tháng (01/2019-10/2019). Các yếu tố chất lượng nước được thu và phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, độ mặn, oxy hòa tan (DO), độ kiềm, BOD5, COD, TAN, N-NO2-, N-NO3-, P-PO43-, TSS, S2. Kết quả cho thấy nhiệt độ, độ mặn và độ kiềm phù hợp với quy chuẩn QCVN 02- 19:2014/BNNT về chất lượng nước cấp vào ao nuôi tôm. Hàm lượng oxy hòa tan và pH ở các điểm thu mẫu thích hợp với quy chuẩn QCVN 10-MT:2015/BTNMT về chất lượng nước biển vùng biển ven bờ. Các chỉ số như COD, BOD5, TAN và N-NO3- có hàm lượng đáp ứng theo quy chuẩn quốc gia – QCVN 08-MT:2015/BTNMT ở mức A1 cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bảo tồn động thực vật thủy sinh. Bên cạnh đó, có một số chỉ tiêu như TSS, N-NO2-, P-PO43- và tổng S2- ở khu vực khảo sát có sự biến động rất lớn, dao động khoảng 5,5-50,7 lần so với quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Vì vậy cần lưu ý và có những biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước cấp cho ao nuôi tôm.
4588	Đại học	Khảo sát thành phần loài động vật đáy ở khu vực nuôi tôm nước lợ thâm canh	Đặng, Văn Tình	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu tiến hành với mục tiêu xác định tính đa dạng thành phần loài động vật đáy (ĐVĐ) phân bố ở khu vực nước lợ nuôi tôm thâm canh thuộc tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau, từ đó làm cơ sở cho việc sử dụng sinh vật chỉ thị trong quan trắc sinh học ở khu vực nước lợ nuôi tôm thâm canh. Nghiên cứu được thực hiện vào mùa mưa với 2 đợt thu mẫu (tháng 06/2019 và tháng 09/2019) bao gồm 29 điểm với 10 điểm ở Sóc Trăng và Bạc Liêu, và 9 điểm ở Cà Mau. Kết quả thành phần loài ĐVĐ ghi nhận tổng cộng 95 loài thuộc 5 lớp gồm lớp Gastropoda với 41 loài (42%), lớp giáp xác cỡ lớn (Malacostraca) 23 loài (24%), lớp Bivalvia 21 loài (22%), lớp giun nhiều tơ Polychaeta 9 loài (10%) và lớp giun ít tơ Oligochaeta 2 loài (2%). Mật độ ĐVĐ ở Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau biến động lần lượt từ 13-4.069 ct/m2, 26-9.820 ct/m2 và 46-5.457 ct/m2. Chỉ số đa dạng Shannon-Weaver (H'), độ giàu loài (d) và chỉ số đồng đều (J') biến động khá lớn tại khu vực nghiên cứu dao động lần lượt từ: 0,2-2,1, 0,6-2,4 và 0,1-1,0. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng nước tại các vị trí thu mẫu ở mức ô nhiễm nhẹ đến ô nhiễm trung bình.

4589	Đại học	Thành phần động vật không xương sống cỡ lớn vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ	Võ, Văn Ngà	Nguyễn, Thị Kim Liên	2019	Mục tiêu nghiên cứu là nhằm xác định tính đa dạng thành phần loài động vật không xương sống cỡ lớn ở vùng nuôi thủy sản nước lợ thuộc ba tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Nghiên cứu được tiến hành vào 2 đợt (tháng 3/2019 và tháng 6/2019) với 29 điểm thu mẫu, mẫu ĐVKXSCL được thu bằng vợt lưới hình chữ D (0,2 0,5mm) với diện tích 20m ² . Kết quả đã ghi nhận có tổng cộng 50 loài ĐVKXSCL thuộc 5 lớp, trong đó lớp Gastropoda là phong phú nhất 15 loài (30%), kế tiếp Insecta 14 loài (28%), các nhóm còn lại có số loài thấp hơn là Malacostraca, Bivalvia, Arachnida biến động từ (3-11 loài, 6-22%). Thành phần loài ĐVKXSCL sông nhánh có xu hướng đa dạng hơn sông chính, mật độ trung bình của ĐVKXSCL trên sông chính (2.877 ct/20m ²) thấp hơn so với sông nhánh (3.257 ct/20m ²). Ở vùng có độ mặn trung bình thấp Sóc Trăng (S=8 ‰) thành phần loài cao hơn so với vùng có độ mặn trung bình cao như Bạc Liêu (S=15,6 ‰), Cà Mau (S=18,9 ‰), loài hiện diện thường xuyên là Dostia violacea, Littoraria melanostoma (Gastropoda), Acetes (Malacostraca). Chỉ số H' đợt 1 cao nhất ở ST10 (H'=1,48) ghi nhận được 8 loài (44 cá thể/20m ²) cho thấy mức độ ô nhiễm của khu vực này là trung bình, H' đạt thấp nhất ở BL3 (H'=0) tìm thấy 4 loài (22 cá thể/20m ² có thể thấy thủy vực bị ô nhiễm nặng. Bước vào đợt 2 điểm thu ST8 đạt cao nhất (H'=2,27) tìm thấy 5 loài (529 cá thể/202) có thể thấy thủy vực ở đây chỉ ô nhiễm nhẹ, CM3 (H'=0,04) với 4 loài (2.339 cá thể/20m ²) thủy vực này bị ô nhiễm nặng. H' có sự biến động lớn giữa các điểm thu mẫu và dao động từ 0,22-1,19 đối với sông chính và 0,31-1,47 đối với sông nhánh, thể hiện sông nhánh có thành phần loài đa dạng hơn sông chính, loài chiếm ưu thế là Acetes (Malacostraca). Gastropoda, Malacostraca và Insecta ở tháng 3 có thành phần loài cao hơn tháng 6 cho thấy mức độ ô nhiễm hữu cơ ở đợt 1 cao hơn đợt 2.
4590	Đại học	Khảo sát chất lượng nước trên sông ở các khu vực nuôi cá tra thâm canh tỉnh An Giang	Lê, Hoàng Thiện Đăng	Huỳnh, Trường Giang	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước trên sông thuộc địa bàn tỉnh An Giang làm cơ sở cho việc quản lý nguồn nước phục vụ cho nuôi thủy sản bền vững trong khu vực. Mẫu nước được thu tại 10 điểm trên các sông thuộc tuyến sông Hậu, thời gian thực hiện trong 10 tháng (01/2019-10/2019). Các yếu tố chất lượng nước được thu và phân tích bao gồm nhiệt độ, pH, oxy hòa tan (DO), độ kiềm, tổng đạm Amon (TAN), Nitrite (N-NO ₂ -), Nitrate (N-NO ₃ -), tiêu hao oxy sinh học (BOD ₅)), tiêu hao oxy sinh học (COD), tổng S ₂ -, tổng vật chất lơ lửng (TSS), tổng S ₂ -. Kết quả cho thấy nhiệt độ và pH phù hợp với chất lượng nước tầng mặt. NO ₂ - ở các điểm thu biến động cao, đạt cao nhất với giá trị là 0,545 mg/L. Các chỉ số như pH, độ kiềm, COD, BOD ₅ , PO ₄ 3-, TAN và NO ₃ - có hàm lượng đáp ứng theo quy chuẩn quốc gia –QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Các chỉ tiêu nhiệt độ, kiềm, DO, S ₂ - nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn quốc gia-QCVN02-20:2014/BNNPTNT và thích hợp cho việc dùng nguồn nước cấp cho nuôi cá tra dọc tuyến sông Hậu.

4591	Đại học	Xác định chu kỳ bổ sung bột dinh dưỡng (Supastock®) trong ao ương cá tra bột (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Tăng, Thị Kim Ngân	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định chu kỳ thích hợp nhất để bổ sung bột dinh dưỡng SUPASTOCK® vào ao ương cá tra bột. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 9/2019 với 3 nghiệm thức với 3 lần lặp lại, bao gồm (1) bổ sung bột SUPASTOCK® hằng ngày; (2) bổ sung bột SUPASTOCK® cách 2 ngày và (3) bổ sung bột SUPASTOCK® cách 3 ngày. Mật độ cá thả là 10.000 cá bột/m ³ . Thực vật và động vật phù du được theo dõi mỗi ngày trước và sau khi bổ sung bột dinh dưỡng trong thời gian 10 ngày đầu. Tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá bột cũng được ghi nhận khi kết thúc thí nghiệm. Kết quả ghi nhận được 131 loài TVPD thuộc 5 ngành: Chlorophyta (66 loài), Euglenophyta (29 loài), Bacillariophyta (20 loài), Cyanophyta (14 loài) và Dinophyta (2 loài). Mật độ TVPD dao động từ 430.787 - 2.687.917 cá thể/L. ĐVDP phát hiện 74 loài thuộc 4 nhóm Protozoa(19 loài), Rotifera(35 loài), Cladocera(8 loài) và Copepoda(12 loài). Mật độ dao động t 1.205.972 - 9.682.315 cá thể/m ³ . Chiều dài, khối lượng và kích cỡ miệng cá ở NT-Hằng ngày cao hơn và không khác biệt ($p > 0,05$) so với 2 nghiệm thức còn lại. Nhìn chung, nghiệm thức bổ sung SUPASTOCK® 2 ngày trước khi thả cá bột vào ao ương là tốt nhất so với 2 nghiệm thức còn lại. Tỉ lệ sống của cá ở 20 ngày tuổi ở nghiệm thức hằng ngày cao hơn 2,3-3,2 lần so với 2 nghiệm thức còn lại. Nhìn chung, nghiệm thức bổ sung SUPASTOCK® theo chu kỳ hằng ngày vào ao ương là tốt nhất so với 2 nghiệm thức còn lại.
4592	Đại học	Khảo sát thành phần loài động vật đáy ở khu vực nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) thâm canh	Chung, Duy Nhân	Vũ, Ngọc Út	2019	Nghiên cứu tiến hành với mục tiêu xác định tính đa dạng thành phần loài động vật đáy (ĐVĐ) phân bố ở khu vực nuôi cá tra thâm canh thuộc tỉnh An Giang và Cần Thơ, làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình quan trắc sinh học, đánh giá chất lượng nước ở khu vực nuôi cá tra thâm canh. Nghiên cứu được thực hiện vào mùa mưa với 2 đợt thu mẫu (tháng 06/2019 và tháng 09/2019) bao gồm 19 điểm với 10 điểm ở An Giang và 9 điểm ở Cần Thơ. Kết quả ghi nhận được 44 loài thuộc 5 nhóm ĐVĐ gồm Gastropoda với 26 loài (59%), Bivalvia 13 loài (30%); giun ít tơ (Oligochaeta), giun nhiều tơ (Polychaeta) và giáp xác cỡ lớn (Malacostraca) từ 1-2 loài (2-5%). Mật độ ĐVĐ ở An Giang và Cần Thơ biến động lần lượt từ 13-5.029 ct/m ² và 37 đến 5.661 ct/m ² . Chỉ số đa dạng Shannon-Weaver (H'), độ giàu loài (d) và chỉ số đồng đều (J') biến động khá lớn tại khu vực nghiên cứu dao động lần lượt từ 0,8-2,7; 1,5-3,0 và 0,3-0,9. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng nước tại các vị trí thu mẫu ở mức ô nhiễm nhẹ đến rất ô nhiễm.

4593	Đại học	Effects of temperature and salinity on growth and feed utilization of giant freshwater prawn(<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	Tran, Thanh Truc	Tran, Thi Thanh Hien Lam, My Lan	2019	The study aims to evaluate the combined effects of salinity and temperature on growth and feed utilization of giant freshwater prawn to contribute for development the prawn farming under the impact of climate change in the Mekong Delta of Vietnam. The experiment was conducted with two factors. The first factor was the temperature - ambient temperature (not adjusted); 31°C and 34°C (using heater). The second factor was salinity at 3 levels of 0‰; 5‰ and 10‰. The experiment consisted of 9 treatments and each treatment was triplicated. The treatments were randomly designed. Prawn were stocked at a density of 14 inds/tank with male : female ratio of 1:1 (7 males and 7 females) and each were kept separately in a cylindrical plastic cage. The results showed that the growth performance of prawns was effected by temperature ($p<0.05$). The best growt performance was found at the treatments with ambient temperature at 0‰, 5‰ and 10‰ and they were significantly different ($p<0.05$) compared to the other treatments. The treatments with 34°C - 0‰; 5‰ and 10‰ had the lowest growth and they were not significantly different ($p>0.05$) compared to the treatments at 31°C. Feed efficiency was also affected by temperature, treatment with ambient temperature (0‰; 5‰ and 10‰) that had the lowest FCR and the highest PER which was significantly different from other treatments ($p<0.05$). The survival rate was significantly affected by salinity ($p<0.05$). The survival rate was highest in the treatment 5‰ salinity which was significantly different compared to the treatments 0‰ and 10‰ salinity ($p<0.05$).
4594	Đại học	Effects of carotenoid level on growth and color of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>)	Ngo, Minh Anh	Tran, Thị Thanh Hien	2019	This study was conducted to find out the optimal dietary pigmentation in terms of the growth performance, skin color and muscle color enhancement of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>). The experiment was set up with 9 dietary treatments with three replications. Each treatment contained non pigmentation, 1.25g Xanthophyll (Xan), 2.5g Xan, 3.75g Xan, 5g Xan, 0.125g Astaxanthin (Ast)+ 0.625g Xan, 0.25g Ast+ 1.25g Xan, 0.375g Ast+ 1.875g Xan, 0,5g Ast+ 2,5g Xan equivalent kg-1 diet. The diet had about 45% protein 8% lipid. Bighead catfish (39.28 ± 1.21 g/individual) were assigned randomly in 27 composite tanks (30 individuals /tank) with continuous aeration. They were fed twice daily (8 am and 4 pm) to satiation for 8 weeks. After 8 experimental weeks, the survival rate (SR) of bighead catfish ranged from 94 to 98%. Feed conversion ratio (FCR) was lowest at treatment 5g Xan /kg of feed (1.80 ± 0.23). In this treatment, the yellow color of treatment 3.75 and 5g Xan kg-1 diet brought out the best compared to the other treatments. These wer also the treatment that consumers appreciated and preferred.

4595	Đại học	Trial on nursing striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) from fry to fingerlings in oligohaline water using recirculating aquaculture system	Truong, Quoc Huy	Pham, Thanh Liem	2019	The study aimed to determine the adaptation of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) larvae to different salinities and stocking densities. Two experiments were carried out in a Recirculating Aquaculture System (RAS) with 150-L fiberglass rearing tanks. One-day-old larvae were stocked and fed on rotifer on the first 3 days, followed by <i>Artemia</i> nauplii up to day 7th, then they were weaned to commercial powder diet (40% protein) and commercial pellet (35% protein, diameter of 0.1mm) from day 21st. In the first experiment, larvae were stocked at the density of 5 fish.L-1 in salinities of 0, 3 and 6 ‰. Result after 30 days of rearing revealed that survival rate of striped catfish larvae was not affected since salinities raise up to 6 ‰. Growth rates of larvae reared in 3‰ and 6‰ (SGRs of 18.2 ± 0.45 and 17.9 ± 1.13 %·day-1, respectively) was significantly higher than those of larvae reared in freshwater (SGR of 16.6 ± 0.51 %·day-1). Length increases of striped catfish larvae nursed in 3‰ and 6 ‰ (daily length increase, DLI of 1.57 ± 0.08 and 1.52 ± 0.22 mm·day-1, respectively) was significantly higher than those of larvae nursed in 0‰ (DLI of 1.26 ± 0.06 mm·day-1). Water quality: pH was maintained 6.4-8, dissolved oxygen (DO) ranged 5.8-6.4 mg.L-1, and the temperature was kept 28-32°C during culture period. TAN, Nitrites (NO2-), Nitrates (NO3-) and total bacteria in all treatments were in suitable range for the growth of striped catfish larvae. In the second experiment, larvae were reared in water salinity of 6‰, at 3 different stocking densities of 5, 10 and 15 fish.L-1. After 30 days of rearing, result showed that survival rate of striped catfish larvae at stocking density of 5 fish.L-1 was better than the other two. Growth rates and length increase of larvae nursed in different stocking density was not significantly different ($p > 0.05$). Water quality: pH was maintained 6.8- 8.2, DO ranged 6.4-7 mg.L-1, and the temperature was kept 27.6-31.8°C during culture period. TAN, NO2-, NO3- and total bacteria in all treatments were in suitable range for the growth of striped catfish larvae.
------	---------	--	------------------	------------------	------	--

4596	Đại học	Evaluation of gonads development of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in salinity condition	Le, Hong Phuc	Bui, Minh Tam Dao, Minh Hai	2019	Striped Catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) is one of the major freshwater fish species harvested across the Mekong River Basin and this species provides one of the largest and most important aquaculture in the world (FAO, 2010). However, there are not studies on the effects of salinities on reproductive development of the striped catfish while Mekong Delta was predicted to strongly effects by salinity intrusion due to climat change. This study was conducted in College of Aquaculture and Fisheries, Can Tho University, Viet Nam from July/2018 to December/2019. Total of 10243 fish (average weight: 1080 ± 271 g/fish, at 12 month-age), produced from crossing 30 males and 30 females from three different provinces in Mekong Delta, were used in this study. These fish were separated for two groups such as 0 ppt and 5 ppt of salinity. All fish were use the same kind of foods and the same of water quality management. The samples were collected 3 time during experiment with schedule from 7-10 months/time according the gonadal development and used for histology analysis. There were a slightly difference between the weight of fish at 5 ppt (2287 ± 520 g/fish) and 0 ppt (2650 ± 235 g/fish) at 19 month-age. However, there were no difference in GSI (Gonado-somatic Index) index of females in both groups (0.22 for saline group and 0.24 for freshwater group). At 29 month-age, there were significant differences between eggs diameter of two group of fish (0.9 mm at 5ppt and 0.8 mm at 0ppt). The preliminary results of this study show that the striped catfish seem ability to reproduction in brackish water at 5‰ of salinity.
------	---------	--	---------------	------------------------------	------	---

4597	Đại học	Diversity of shrimp (Penaeidae Family) in coastal region of Cu Lao Dung district, Soc Trang province	Tran, Trong Hau	Tran, Van Viet	2019	Study on species composition of shrimp of Penaeidae family in the coastal area of Cu Lao Dung district, Soc Trang province. This family has highest economic value and large distributed in the coastal region with high fluctuated salinity. The purpose of the study was to evaluate the status of fishing, production, and income contribution of this fishing activity to each household of the coastal community of the study region. Besides, the study also identified biodiversity index of shrimp in this in this family. The samples were collected 8 times from April to July, 2019. The sample schedule was twice a month (on 15th and 30th lunar calendar). Sampling sites were 5 stations belong to 2 communes with different habitats and fishing gears. The study also surveye on 30 households, who are living in the study region and have participated in fishing activities. The results found that fishing is a traditional major and, there are 5 fishing gears popularly used by fisherman including: fence trap net (36.7%), bag net (16.7%), trawl net (26.7%), barrier net (20%) and gill net (3%). In which, the composition of Penaeidae family had a high rate in fence trap and trawl net, accounting for 15 - 30% to daily economic income of households. It found 7 species of this family, includes: <i>Metapenaeus ensis</i> (30.27%), <i>Metapenaeus lysianassa</i> (46.89%), <i>Penaeus monodon</i> (2.13%), <i>Metapenaeus affinis</i> (0.57%), <i>Metapenaeus tenuipes</i> (14.44%), <i>Parapenaeopsis cultrirostris</i> (5.27%), <i>Metapenaeus breviconis</i> (0.43%). However, shrimp species are unevenly distributed between the sampling location, the mudflats area have a species composition richer than the river area and the number of individuals of the species decreases gradually in rainy months (June and July). There is less diversity about shrimp composition in the region, Shannon Index (H') is 1.02 – 1.41, results also found that wild shrimp was decreasing in the region.
------	---------	--	-----------------	----------------	------	---

4598	Đại học	DNA barcoding and phylogenetic relationship of species belonging to family ariidae	Le, Ngoc Son	Duong, Thuy Yen	2019	Ariidae is the economically valuable family of Siluriformes, which are widely distributed in both fresh and brackish water. Currently, there are seven species distributed in the Mekong Delta among 153 species in the world. This study was aimed to identify DNA barcoding and comprehend phylogenetic relationship of these species in the Mekong Delta by using mitochondrial genome Cytochrome C oxidase subunit I (COI). Six species consist of <i>Sciades sagor</i> (n=2), <i>Arius maculatus</i> (n=10), <i>Arius nenga</i> (n=3), <i>Cryptarius truncatus</i> (n=1), <i>Cephalocassis borneensis</i> (n=11) and <i>Osteogeneiosus militaris</i> (n=3) were collected from natural water bodies in the provinces of Can Tho, Soc Trang, Tra Vinh and Ca Mau of the Mekong Delta. Firstly, fish samples were identified by external morphological characteristics. Then, DNA were extracted, and a 674 base pair of COI gene was amplified with a mixture of COI primers. Results of K2P-based genetic distance and phylogenetic tree revealed these six species separated into 2 main groups. Typically, <i>S. sagor</i> is in an isolated clad ranging 0.114 to 0.140 genetic distance compared to the other species. In addition, <i>A. maculatus</i> and <i>A. nenga</i> gather together with a small genetic distance (0.060). <i>Cephalocassis borneensis</i> and <i>Cryptarius truncatus</i> have a genetically closed (0.061). Furthermore, intraspecific genetic distance of Ariidae species ranges from 0.000 – 0.004 with the highest diverse value from <i>O. militaris</i> and <i>A. maculatus</i> and the smallest from <i>S. sagor</i>.
4599	Đại học	The fishes composition of bag-net along bay hap river and growth biology of soldier catfish, <i>Osteogeneiosus militaris</i> (Linnaeus, 1758)	Tran, Mong Kiep	Ha, Phuoc Hung	2019	A study on fish species composition, and growth biology characteristics of <i>Osteogeneiosus militaris</i> was done from February to September 2019 in Bay Hap River, Ca Mau province. Fishes composition and <i>Osteogeneiosus militaris</i> sample were collected mainly by bag net, and push net. The samples were collected one time a month. Results showed that there were 36 species of 20 families, 6 orders. In there, the <i>Peciformes</i> dominates with 18 species (50%), the following is <i>Clupeiformes</i> with 7 species (19.4%). <i>Beloniformes</i> with 5 species (13.9%), and the rest accounted for the total proportion (16.7%). By nonlinear regression method determined the closed relationship between length (L) and weight (W) of through the equation of the correlation length (L) and weight (W) some species have economic value: <i>Osteogeneiosus militaris</i> which is $W=0.0042 L^{3.1973}$, $R^2=0.9916$. The growth parameters were determined by the ELEFAN method that is apply for Non seasonal growth curves. Maximum asymptotic length $L_{\infty}= 38.74$ cm, growth coefficient $K= 0.79/\text{year}$ and $t_0= -0.3/\text{year}$. The growth performance index was estimated as 3.28. In general, fish species composition in Bay Hap River diverse, growth biology characteristics of fish develops naturally. There need more study about fishes species composition by using others fishing gears. Besides, study more growth biology of Soldier catfish in long time to have information that will be useful for deriving future sustainable management and conservation strategies.

4600	Đại học	Morphology and DNA barcoding of some henicorhynchus and labiobarbus	Tran, Anh Khoa	Duong, Thuy Yen	2019	“Ca linh” are important economic fish species, which are abundant during the flood season in the Mekong Delta. In the region, there are currently four species belonging to two groups of short (<i>Henicorhynchus siamensis</i> and <i>Henicorhynchus lobatus</i>) and long dorsal fin bases (<i>Labiobarbus siamensis</i> and <i>Labiobarbus leptocheila</i>). Identification of species within each group based on morphology is extremely difficult. This research was aimed to combine morphology characteristics and DNA barcoding for accurate specie identification of “ca linh” and understand their phylogeny relationships. Fish samples (<i>H. siamensis</i> (n=188), <i>H. lobatus</i> (n=135), <i>L. siamensis</i> (n=9), <i>L. leptocheila</i> (n=129)) were collected along the Mekong River. Initially, samples were morphologically classified and measured countable and morphometric traits. Then, COI (Cytochrome C Oxidase Subunit I) gene of each species was amplified. Principal component analysis based on morphometric data showed that four species were separated. Main morphometric characteristics tha discriminated among 2 species groups included dorsal fin base, head length, head depth, pre-dorsal distance, pre-pectoral distance, distance between anal and caudal fin, caudal peduncle depth. Morphometric based discriminant analysis could classified correctly 100% individuals to their original species. The phylogenetic tree based on COI gene indicates two clusters of the two genera, short and long dorsal fin bases. They differ 15.5-16% COI sequences based on Kimura-2P genetic distance. Within each genus, two species of <i>Labiobarbus</i> were genetically differentiated while two species of <i>Henicorhynchus</i> were more similar. These results provide important information for identification of “ca linh” species and contribute to DNA barcoding databases of freshwater species.
------	---------	---	----------------	-----------------	------	--

4601	Đại học	The fishes composition of trawl-net at Tran De estuary and growth biology of fourfinger threadfin fish, Eleutheronema tetradactylum(Shaw,1804)	Nguyen, Thi Kim Ngoc	Ha, Phuoc Hung	2019	A study on fish species composition of trawl-net and growth biology of fourfinger threadfin fish (<i>Eleutheronema tetradactylum</i>) was done from January to July in 2019 at Tran De estuary, Soc Trang province. The fish composition and Fourfinger threadfin fish samples were collected a monthly at three locations (Bay Gia, Cu Lao Dung and My Thanh). The survey result showed that there were 36 fish species belong to 7 orders and 15 families. In typically, the Perciformes order is the most abundant with 19 species which takes 52.78%, the next are the Clupeiformes and Pleuronectiformes, each of order has 5 fish species and the similar percentage is 13.89%. The Siluriformes makes up 11.11% with 4 species, the left orders like Synodontiformes, Mugiliformes and Anguilliformes have 2.78% with 1 species. Nonlinear regression method determined closed relationship between length (L) and weight (W) of fourfinger threadfin fish through the equation of the correlation length (L) and weight some species have economic value: fourfinger threadfin fish which is $W = 0.008 \times L^{3.0136}$ ($R^2 = 0.9572$). The growth parameters were determined by the PROJMAT method that is apply for Non seasonal growth curves. Maximum asymptotic length $L_{\infty} = 30.00$ cm, growth coefficient $K = 0.61/\text{year}$ and $t_0 = -0.83$. In general, fishes composition at Tran De estuary is relatively diverse, growth biology characteristics of fish have relative closely and they develop naturally. There need more study about fishes species composition by using others fishing gears such as bag-net, push-net and trap net. Besides, study more growth biology of Fourfinger threadfin fish in long time to have information that supply for management and protection.
------	---------	--	----------------------	----------------	------	--

4602	Đại học	Effects of heat – kill lactobacillus plantarum L-137 supplemental diets on growth performance and immune response of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) in fingerling stage	Tran, Thi Thuy Tien	Tran, Thi Thanh Hien	2019	This study was conducted to determine the effects of supplemental heat-kill <i>Lactobacillus plantarum</i> strain L-137 (HK L-137) on growth performance and immune response in fingerling stage of striped catfish, <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> . The HK L-137 contains 20% heat-killed <i>Lactobacillus plantarum</i> strain L-137 (HK L-137) and 80% dextrin in dried-weight basis. This experiment was conducted in Dong Thap province. The experimental period is 2 months. The experiment design was completely randomized with three feed treatments, three times replicated with difference HK-L137 concentrations 1) 0mg of HK L-137 kg-1, 2) 20mg of HK L-137 kg-1, 3) 20mg of HK L-137 kg-1. There was decreasing 10mg of HK L-1370 at the beginning o second month in treatment 2. The results showed that the final weight and length of striped catfish at 1 and 2 month trial periods feed containing 20mg of HK L-137 kg-1 of feed were significantly higher than those of fish fed basal diet ($P<0.05$). Results indicated that supplementation of <i>L. plantarum</i> into diet had significantly improved growth performance of striped catfish. In addition, the result represents that fish fed feed containing 20mg of HK L-137 kg-1in diet had immune parameters is lysozyme serum higher other test feed. Research shows that adding HK L-137 to striped catfish in fingerling stage feed with a concentration of 20mg HK L-137 kg-1 in feed can increase the natural immune response in fish.
4603	Đại học	Study on morphological changes and first feeding of peacock eel (<i>Macrogynathus siamensis</i>)	Nguyen, Hoang Sang	Bui, Minh Tam	2019	This research was carried out to examine morphological changes and the feeding behavior of peacock eel (<i>Macrogynathus siamensis</i>) at the larval stage. Fish was stocked in nylon lining tank 10 m ² at a density of 300 fish/m ² . Water supply from natural pond was fertilized to create natural food. Fish samples were collected dail for analyzing of food composition and quantity beside the observation of morphological changes. The results showed that mouth size of peacock eel larvae was 0.44 ± 0.05 mm in the third day after hatch (DAH). Peacock eel larvae had carnivorous feeding habit ($Li/Lt<1$). From 20th day onwards, external morphology of the peacoc eel was nearly the same as adult fish. Peacock eel from 3th day to 5th day chose nauplius to feed on. From the 6th day to the 8th day, fish chose rotifera. Peacock eel chose cladocera and copepoda from the 9th day until the end of the experiment (30 days). There was no selected phytoplankton for feeding.

4604	Đại học	Transportation of striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) fingerling in low temperature condition	Le, Thị Ai Nhi	Nguyen, Tinh Em Nguyen, Thi Kim Ha Nguyen, Thanh Phuong	2019	This study was conducted to evaluate the effects of the low temperature and transportation time on survival and physiological parameters of striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus). The experiment was designed as 9 treatments and triplicates for each treatment. The treatments were consisted of three temperatures (15, 18, 210C) in combination with three transportation times (2, 4 and 6 hrs.). After transportation period, fish were stocked in 500-L tanks with normal temperature for 72 hrs to monitor the recovery (mainly, survival rate). The blood sample of 5 randomly selected fish were collected for haematological parameter analysis just before transferred to normal temperature and after 72 hrs. The results showed that the highest of erythrocytes was found in the treatment 180C-4 hrs. ($2.91 \pm 0.4 \times 10^6$ cell/mm³), 150C-6 hrs. ($2.9 \pm 0.39 \times 10^6$ cell/mm³), and the lowest was in the 180C-2 hrs. ($2.06 \pm 0.28 \times 10^6$ cell/mm³), significantly different if compared to other treatments ($p < 0.05$). Haemoglobine levels in treatments of 6 hrs. was significantly higher than of the treatments of 2 hrs. and 4 hrs. ($p < 0.05$). Haematocrit in the treatments of 150 was higher if compared to the 180C and 210C treatments ($p < 0.05$). The plasma glucose level increased in the treatment of 150C (75.84 ± 9.99 mg/100mL), was significantly different in comparison with the 180C treatment (59.8 ± 9.66 mg/100 mL) and 210C treatment (66.45 ± 10.43 mg/100 mL) ($p < 0.05$). The survival rates of fish at 72 hrs. stocked in normal condition were significantly different among treatments ($p < 0.05$). The survival rate in 210C treatment was highest.
------	---------	---	----------------	---	------	--

4605	Đại học	Reproductive characteristics and larval development from different broodstock sources of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>)	Tran, Quoc Cuong	Duong, Thuy Yen Duong, Nhut Long	2019	Bighead catfish, <i>Clarias macrocephalus</i> , is an important species for aquaculture. Nevertheless, there are few studies about population-variation in their reproductive characteristics and larval growth. This research was aimed to evaluate reproductive performance and larval development of three bighead catfish broodstock sources. Broodstock were collected from two wild populations in Ca Mau (CM) and Hau Giang (HG) provinces, and one domesticated population in Can Tho (CT). Three groups of fish were cultured under optimal maturation conditions in a recirculating aquaculture system for three months. Then, 16-18 pairs from each broodstock source were artificially propagated. Their reproductive performance (i.e., relative fecundity, fertilization rate, hatching rate, deformity rate, and egg diameter) and larval development (including parameters of yolk sac and body length after hatch, survival and growth rates) were compared among three broodstock sources. Results indicated that three broodstock sources showed difference reproductive performance in terms of relative fecundity, fertilization rate, hatching rate,. In which the Can Tho domesticated strain was highest and wild fish in Ca Mau was lowest. Furthermore, reproductive traits including fertilization rate and hatching rate were quite high in all groups, and newly hatched larvae and yolk sac volume were higher in wild groups (Ca Mau and Hau Giang) compared to cultured Can Tho fish. Overall, difference broodstock sources did not affect significantly on larval growth and survival rate.
4606	Đại học	Maturation culture and spawning induction of banded sea urchin <i>Echinothrix calamaris</i> (Pallas, 1774)	Luong, Thi Yen Nhi	Hua, Thai Nhan	2019	This study conducted to determine an appropriate feed for broodstock culture, and concentration of potassium chloride (KCl 2M) for spawning induction of banded sea urchin <i>Echinothrix calamaris</i> . For the first experiment, banded sea urchin were fed on three different types of feed: 100% formulated diet (T1), 100% fresh seaweed <i>Gracilaria</i> sp (T2), and alternative feeding of T1 and T2. The results showed that no matured sea urchin were found in all feed trials, but the highest survival rate (77.78%) was found for treatments 2 and 3, whereas the lowest one occurred in T1 (55.56%) after 60 days. Growth in weight and shell diameter of banded sea urchin had no significant differences ($P > 0.05$) among treatments. However, the growth in height was significantly difference ($P < 0.05$) among treatments. Experiment 2 was conducted with four concentration of KCl 2 including 0.5 ml, 1 ml, 1.5 ml, and 2 ml. Results indicated that there was no spawning occurring by using 0.5 ml, 1 ml, and 1.5 ml KCl 2M. The spawning, fertilization and hatching rate of injecting 2ml KCl 2M method were found at $60.43 \pm 4.87\%$, $65.5 \pm 5.77\%$, and $80.6 \pm 5.3\%$, respectively. Thus, the results of this study suggested that formulated feed and/or alternative feeding with fresh sea weed could be used as potential used for maturation culture and injection of 2.0 mL KCl (2.0 M) method could be used for spawning induction of banded sea urchin.

4607	Đại học	Transportation of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) fingerling in low temperature condition	Le, Thi Ai Nhi	Nguyen, Tinh Em Nguyen, Thi Kim Ha Nguyen, Thanh Phuong	2019	This study was conducted to evaluate the effects of the low temperature and transportation time on survival and physiological parameters of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). The experiment was designed as 9 treatments and triplicates for each treatment. The treatments were consisted of three temperatures (15, 18, 210C) in combination with three transportation times (2, 4 and 6 hrs.). After transportation period, fish were stocked in 500-L tanks with normal temperature for 72 hrs to monitor the recovery (mainly, survival rate). The blood sample of 5 randomly selected fish were collected for aematological parameter analysis just before transfered to normal temperature and after 72 hrs. The results showed that the highest of erythrocytes was found in the treatment 180C-4 hrs. ($2.91 \pm 0.4 \times 10^6$ cell/mm ³), 150C-6 hrs. ($2.9 \pm 0.39 \times 10^6$ cell/mm ³), and the lowest was in the 180C-2 hrs. ($2.06 \pm 0.28 \times 10^6$ cell/mm ³), significantly different if compared to other treatments ($p < 0.05$). Haemoglobine levels in treatments of 6 hrs. was significantly higher than of the treatments of 2 hrs. and 4 hrs. ($p < 0.05$). Haematocrit in the treatments of 150C was higher if compared to the 180C and 210C treatments ($p < 0.05$). The plasma glucose level increased in the treatment of 150C (75.84 ± 9.99 mg/100mL), was significantly different in comparison with the 180C treatment (59.8 ± 9.66 mg/100 mL) and 210C treatment (66.45 ± 10.43 mg/100 mL) ($p < 0.05$). The survival rates of fish at 72 hrs. stocked in normal condition were significantly different among treatments ($p < 0.05$). The survival rate in 210C treatment was highest.
4608	Đại học	Super-intensive farming of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) applying bioflocs technology in Bac Lieu	Nguyen, Thanh Dat	Tran, Ngoc Hai Chau, Tai Tao	2019	Super-intensive culture of white leg shrimp (<i>L. vannamei</i>) is increasingly important in the Mekong Delta of Vietnam. The study was conducted at Long Manh Company in Bac Lieu province with aims at evaluating the efficiency of super intensive culture of white leg shrimp at commercial scale. Shrimp were cultured with two-phases in HDPE tanks under net houses. Shrimp postlarvae were nursed in four 100-m ³ circular tanks at a stocking density of 2500 PL/m ³ for the first phase, juvenile was then transferred to the second phase with four 500-m ³ tanks at 500 shrimps/m ³ . Molasses were added daily to the culture tanks at the C/N ratio of 15:1. Culture water was rarely exchanged during culture and salinity was maintained at around 20ppt. Shrimp with initial body weight and length were at 0.03 g and 1 cm, respectively. The results showed that after 90 days of culture, water quality was in suitable ranges for shrimp growth. The daily weight gain and daily length gain of shrimp during 2-phased culture were at 7.27 %/day and 2.88 %/day, respectively. Very high survival rates in nursing and grow-out phases (87% and 83.25%, respectively) and very high shrimp production (0.58kg/m ³ and 3009.5 kg/500m ³ , respectively) were achieved at harvest,.

4609	Đại học	Investigation the use of various pest control products for removing copepod in artemia pond at different salinities	Nguyen, Tan Dat	Nguyen, Van Hoa Nguyen, Thi Hong Van	2019	This study was carried out to evaluate the effect of different various pest control products for removing Copepod under laboratory condition at salinity of 40, 50 and 60ppt. Experiment was designed in two-factorial experiment in which 1st factor was various pest control product (aqua-Killer, Derris root and Tea-seed (Saponin)); 2nd factor was salinity levels. A combination of two factors was produced 9 treatments, triplicates for each. The results showed that Aqua-Killer (KL) was the best and most stable chemical at three experimental salinities for removing Copepod but it was rather harmful. It not only affected to Copepod but also affected to Artemia and took time before stocking compared to others. Derris root (DR) and Saponin (TS) had less effect on Artemia than Aqua-Killer, but Copepod showed the sign of population recovery and its activation was unstable at different salinity levels.
4610	Đại học	Comparing morphological and reproductive biology characteristics of two fresh-water snail species, pila globosa and pila polota	Nguyen, Cong Vinh	Ngo, Thi Thu Thao	2019	This study compared several morphological characteristics and reproductive biology of two fresh-water snail species, Pila globosa (Pg) and Pila polita (Pp).The colors of the snail shells change over the stages in their life. In the height group <30mm, Pg and Pp show green-yellow and green-dark color, besides that the height group >30mm, Pg shell is brown-yellow and Pp is green-dark color. Pg and Pp show a close correlation between morphological characteristics such as shell height with shell width, shell height with total weight or shell height with meat weight ($p < 0.05$). Results of broodstock conditioning and observations of some reproductive biology characteristics of two species showed that the weight and diameter of snail eggs, shell height and weight of newly hatched snails only from Pila polita. Pila globosa snail is very sensitive to environmental fluctuations capturing snails from the wild and transporting them to the hatchery conditions may have badly affected on snails and it's necessary to conduct further studies to acclimate and improve survival rate of this species.

4611	Đại học	Effects of salinity on selected reproductive physiological parameters of striped snakehead (<i>Channa striata</i>)	Le, Thi Ngoc Thuy	Nguyen, Thanh Phuong	2019	This study aimed to investigate the effect of salinity on reproductive physiological parameters of striped snakehead (<i>Channa striata</i>). Striped snakehead with the body weight of 400 grams were cultured in three salinities including 0‰ (control), 3‰ and 6‰ with three replicates. A recirculating culture system was used for each treatment, which consisted of two 500L-biofilter tanks and three 1m³ rearing tanks. Thirty fish were stocked in each tank. After 4 months of culture, the growth of fish was highest in the control treatment (279±165 g/fish) and the lowest was at 6‰ treatment (196±142 g/fish). Physiological parameters such as haemoglobin, haematocrit were significantly higher in 6‰ treatment if compared to 3‰ and control treatments. Red blood cells ranged between 3.07±0.3x10⁶ and 3.44±0.3x10⁶ cells/mm³, while the highest of white blood cells was at 6‰ (116.7±39.3x10⁶) which was significantly higher than in the control (62.9±16.9x10⁶). Osmolality and Cl⁻ ion concentrations in 6‰ treatment (301±5.5 mOsm/kg and 104±3.86 mM, respectively) were higher than that of 3‰ treatment (294±6.20 mOsm/kg and 99.9±3.23 mM) and the control treatment (287±6.9 mOsm/kg and 95±5.31 mM). The results also showed that the highest of gonadosomatic index of female (5.8±2.62%) was in the 3‰ treatment, while the lowest (3.85±1.95%) was in the control. The vitelline concentration was highest in the 6 ‰ treatment, and lowest in the control. The absolute fecundity and the relative fecundity were highest at 3‰ treatment and the lowest were in 6‰ for absolute fecundity and in the control for relative fecundity.
------	---------	--	-------------------	----------------------	------	--

4612	Đại học	The effects of combined salinity and temperature on growth survival and selected physiological parameters of striped snakehead (<i>Channas striata</i>)	Le, Thi My Duyen	Nguyen, Thanh Phuong Do, Thi Thanh Huong	2019	Striped snakehead, <i>Channa striata</i> (Bloch, 1793) is one of the most popular freshwater culture species in Mekong delta, Vietnam. This study aimed to find the effects of combined temperature and salinity on growth, survival and selected physiological parameters of this species. The experiment was set up in 500-L composite tanks containing 200-L water. The experiment was conducted using completely randomized design with 3 replicates including three elevated temperatures (270C, 300C and 330C) in combination with 3 salinities (0‰, 5‰ and 10‰). Each tank was stocked 300 individuals. Striped snakehead at hatching stage were used for this study. Salinity and temperature of the water in the treatments were increased by 2‰ and 2oC per day, respectively. The experiment was lasted for 90 days. The body mass of fish was monitored at 30, 60 and 90 days for calculating the growth and survival rate. Blood was collected at 90 days to measure hematocrit, hemoglobin, red blood cells, white blood cells, osmotic pressure, [Na+] and [Cl-]. The results showed that the interaction of temperature and salinity did not affect growth and survival rate. The salinity affected both growth and survival rate, where the highest weight gain and survival rate in treatment 270C combined with 5 (7.53±0.12 g) and 300C combined with 0‰ (7.88±4.71 g), respectively. The plasma osmolality was changed, but the number of red blood cells, white blood cells, hematocrit, hemoglobin, [Na+], [Cl-] were not changed. The plasma osmolality was highest (409±71.8 mOsm/kg) in treatment 300C combined with 5‰ and the lowest (283±5.72 mOsm/kg) was in treatment 330C combined with 0‰. In conclusion, hemoglobin, hematocrit and number of blood cells decreased at elevated temperature and high salinity. Ion [Na+] and [Cl+] levels increased with the increased of salinity.
4613	Đại học	Larval rearing of giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) in bioflocs systems supplemented with difference carbon sources	Pham, Vu Chi Linh	Tran, Ngoc Hai	2019	The study was carried out to evaluate the effects of three carbon sources (sugar, rice flour and wheat flour) added at C:N ratio of 15 on growth and survival rates of larvae and postlarvae of giant freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>), in comparison with a control treatment of no carbon source added. The larvae were cultured at the density of 60 individuals/litter in 500 litter composite tank with the salinity of 12‰. Larva prawn were fed with <i>Artemia</i> nauplius for the first 4 days, and supplemented with artificial feed (Lansy and Fripak) from day 5 onward. After 30 rearing days, prawn in the treatment with sugar addition had the highest growth (body length of PL 10 was 1.32 ± 0.08 cm), survival rate (59.3±17.6%) and yield (36.0±11.0 PL/L), which were statistically different from other treatments (p<0.05). Growth and survival rates of prawn in treatments of rice flour and wheat flour addition were higher but not significantly different compared wit the control treatment.

4614	Đại học	Effects of derris root on copepod and artemia population in coexistence at different salinities	Duong, Tan Dat	Nguyen, Van Hoa Nguyen, Thi Hong Van	2019	The study aimed to assess the effect of derris root doses on copepod and Artemia population in coexistence at different salinities under experimental condition. Experiment were carried out with a two-factorial experiment consisted of derris root dose (0.5 ppm, 1 ppm and 2 ppm) and salinity levels (40 ppt, 50 ppt, 60 ppt). Experiment has 9 treatments and each treatment had 3 replicates. Artemia and copepoda was cultured at the density of 120 ind and 100 ind per liter in the same plastic bottle in 7 days to get data on the survival and growth of both species. They were fed with Chaetoceros daily at 400,000 cells/ml. The result at day 7th of culturing showed that two factors (salinity and rotenone) affected on survival of Artemia population. The survival of Artemia was lowest in the combine-culture at 40 ‰ and 0.5ppm rotenone dose despite of copepod densities, but at salinity of 60 ‰ 0.5ppm rotenone dose, the highest survival of Artemia was obtained in the culture Artemia. Although Copepoda survival rate were no significant difference ($P>0.05$) among treatments, Copepoda population was decreased over 50% compare with initial density.
4615	Đại học	Nghiên cứu sử dụng thức ăn tự nhiên giàu hóa bằng tảo trong ương cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) bột	Phan, Tấn Đạt	Huỳnh, Thanh Tới	2019	Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng sử dụng thức ăn tự nhiên đã được giàu hóa bởi tảo cô đặc làm thức ăn cho cá tra bột (Pangasianodon hypophthalmus) thông qua việc đánh giá các chỉ tiêu như tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá tra bột. Cá tra bột được nuôi trong xô nhựa 20L chứa 18L nước với mật độ nuôi 10 con/L trong 21 ngày. Ba nghiệm thức cho ăn bằng luân trùng (rotifer) trong ba ngày đầu và trứng nước (Moina) cho ăn vào những ngày tiếp theo, trong đó có 02 nghiệm thức luân trùng và Moina được giàu hóa bằng tảo Chlorella sp. và Nanochloropsis sp. trong 03 giờ so sánh với cá cho ăn hoàn toàn bằng Moina, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả thí nghiệm cho thấy sau 21 ngày nuôi thấy chiều dài cá tra dao động từ 2,06-2,12 cm và khối lượng từ 0,08-0,09 g/con khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức ($p>0,05$). Tỷ lệ sống đạt cao nhất ở nghiệm thức cho ăn Moina và luân trùng Brachionus plicatilis đã được giàu hóa bằng tảo Chlorella (25,4%), thấp nhất ở nghiệm thức cho ăn hoàn toàn bằng Moina (15,9%). Mặc dù ở nghiệm thức cho ăn bằng thức ăn tự nhiên được giàu hóa bằng tảo Chlorella và Nanochloropsis cải thiện không có ý nghĩa ($p>0,05$) tăng trưởng và tỉ lệ sống so với cá cho ăn bằng thức ăn tự nhiên không giàu hóa trong điều kiện thí nghiệm, nhưng cần kiểm chứng ở diện tích ương lớn hơn để có kết luận chắc chắn.

4616	Đại học	Ảnh hưởng của các tổ hợp lai chéo đến tăng trưởng của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giai đoạn giống	Đỗ, Như Hiếu	Dương, Thúy Yên	2019	Đề tài nhằm đánh giá tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng ở giai đoạn giống từ các phép lai chéo để làm cơ sở cho chọn giống. Cá bột được lai chéo từ 3 nguồn cá khác nhau gồm: cá trê vàng tự nhiên ở Cà Mau (CM), cá trê vàng tự nhiên ở Hậu Giang (HG) và cá trê vàng nuôi ở Cần Thơ (CT). Cá được ương 60 ngày trên bể (500L) trong hệ thống tuần hoàn. Kết quả cho thấy cá ở nghiệm thức CTxHG có tỉ lệ sống cao nhất là CTxHG (34,11%) và thấp nhất là 25,33% ở cá HGxCT nhưng sự khác biệt giữa các nghiệm thức là không có ý nghĩa ($P>0,05$). Về tăng trưởng, khối lượng cá ở các nghiệm thức cá khác biệt không có ý nghĩa, dao động từ 3,52 – 8,62 g, tăng trưởng cao nhất ở nghiệm thức CTxCM và thấp nhất là HGxCT. Hệ số thức ăn của cá dao động 0,98 – 1,68 và khác biệt không có ý nghĩa giữa các tổ hợp lai ($P>0,05$)
4617	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung <i>Lactobacillus plantarum</i> HK L-137 vào thức ăn lên tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mô hình nuôi cá điêu hồng (<i>Oreochromis spp</i>) trong bè	Bùi, Văn Hiếu	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Thực nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng thức ăn có bổ sung LP20 (20% <i>Lactobacillus plantarum</i> HK L-137) nồng độ 20 ppm lên sự tăng trưởng của cá điêu hồng và đánh giá hiệu quả kinh tế khi sử dụng thức ăn bổ sung LP20 cho cá điêu hồng (<i>Oreochromis sp.</i>) nuôi bè. Thực nghiệm gồm 2 nghiệm thức (thức ăn có bổ sung LP20 và không có LP20) được thực hiện trên 6 bè nuôi ở 3 tỉnh (2 bè ở Đồng Tháp, 2 bè ở An Giang, 2 bè ở Vĩnh Long), thời gian nuôi kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11/2019 với mật độ nuôi khác nhau, khối lượng cá ban đầu khác nhau. Các chỉ tiêu theo dõi bao gồm khối lượng trung bình qua 2 tháng, 4 tháng nuôi và lúc thu hoạch cá, các chỉ tiêu về hồng cầu, bạch cầu và lysozyme được ghi nhận vào tháng nuôi thứ 2 và tháng nuôi thứ 4. Kết quả ghi nhận được cho thấy việc cho cá ăn thức ăn bổ sung LP20 nồng độ 20 ppm giúp cá điêu hồng tăng trưởng tốt hơn, khối lượng trung bình cao hơn so với cá ăn thức ăn không bổ sung LP20 ở cả 3 địa điểm. Tỉ lệ sống của cá ăn thức ăn bổ sung LP20 dao động từ 36,52% đến 52,45% cao hơn so với cá ở bè đối chứng. Lượng hồng cầu, bạch cầu và Lysozyme của cá ăn thức ăn bổ sung LP20 cao hơn so với cá ăn thức ăn không có bổ sung LP20, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) được so sánh đánh giá theo từng địa điểm khác nhau. Về hiệu quả kinh tế khi sử dụng thức ăn bổ sung LP20 có hiệu quả kinh tế cao hơn so với việc sử dụng thức ăn thường.

4618	Đại học	Ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tang trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giống	La, Nghĩa Lê Thanh	Dương, Thúy Yên	2019	Đề tài này thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng thế hệ con, giai đoạn ương từ hươg lên giống làm cơ sở cho chọn giống cá trê vàng. Ba nghiệm thức cá con được sinh sản từ ba nguồn cá bố mẹ cá tự nhiên ở Cà Mau (CM), Hậu Giang (HG) và cá nuôi ở Cần Thơ (CT). Cá được nuôi trong hệ thống tuần hoàn và được cho ăn bằng thức ăn viên công nghiệp (hiệu Việt Thắng, chứa 40% đạm) với 4 lần lập lại cho mỗi nghiệm thức, riêng nghiệm thức CT được lập lại 3 lần. Sau 2 tháng nuôi, khối lượng trung bình của các nghiệm thức dao động từ 5,7 – 10,2 g, tốc độ tăng trưởng đặc thù (SGR) đạt 4,94 – 5,28%/ngày. Cá Cần Thơ tăng trưởng cao nhất, tuy nhiên sự khác biệt giữa các nghiệm thức không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) từ 0,85 – 1,57, trong đó cao nhất là nghiệm thức HG. Tỉ lệ sống của nghiệm thức CT cao nhất (57,26%), tỉ lệ sống thấp nhất ở nghiệm thức HG (25,47%). Nhìn chung, cá có nguồn gốc CT tăng trưởng nhanh, tỉ lệ sống cao và FCR thấp hơn so với các nguồn cá khác.
4619	Đại học	Nhu cầu duy trì và hiệu quả sử dụng protein, năng lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở nhiệt độ và độ mặn cao	Trần, Thị Trúc Ngân	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định nhu cầu duy trì và hiệu quả sử dụng protein, năng lượng của cá lóc (<i>Channa striata</i>) ở nhiệt độ và độ mặn tăng cao. Nghiên cứu được thực hiện với các mức cho ăn khác nhau như 0, 20%, 40%, 60%, 80% và 100% nhằm tìm được nhu cầu tối ưu để cá sinh trưởng và phát triển tốt nhất trong điều kiện nuôi nhiệt độ, độ mặn thấp và ở nhiệt độ và độ mặn cao (34°C, 6ppt). Nghiệm thức không cho ăn nhằm xác định protein, năng lượng cá có thể duy trì sống. Thời gian thí nghiệm là 28 ngày. Kết quả cho thấy hiệu quả sử dụng protein và năng lượng của cá lóc nuôi ở điều kiện nhiệt độ, độ mặn thấp tốt hơn cá nuôi ở điều kiện nhiệt độ và độ mặn cao có giá trị lần lượt là 41%- 28% và 29%- 21%. Bên cạnh đó, nhu cầu protein và năng lượng cho duy trì của cá ở nhiệt độ, độ mặn cao thấp hơn ở nhiệt độ độ mặn thấp có giá trị lần lượt là 1,28 g/kg0,76/ngày- 66,03 kJ/g0,82/ngày và 1,03 g/kg0,76/ngày – 57,89 kJ/g0,82/ngày.

4620	Đại học	Đánh giá khả năng tiêu hóa của bột đậu nành lên men trong thức ăn của cá lóc (<i>Channa striata</i>)	Nguyễn, Tấn Lực	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá khả năng tiêu hóa của bột đậu nành lên men trong thức ăn của cá lóc (<i>Channa striata</i>). Thí nghiệm bao gồm 4 nghiệm thức thức ăn, trong đó Nghiệm thức 1 là Đối chứng. các nghiệm thức còn lại sử dụng 70% nghiệm thức chứng và 30% nguyên liệu: nghiệm thức 2 sử dụng nguyên liệu bột cá (FM), nghiệm thức 3 sử dụng bột đậu nành li trích (SBM), nghiệm thức 4 sử dụng bột đậu nành lên men (FSB). Mỗi nghiệm thức được lập lại 4 lần. 1% Cr ₂ O ₃ được trộn vào thức ăn để làm chất đánh dấu để xác định độ tiêu hóa của cá. Cá lóc kích cỡ trung bình 45g/con được bố trí và bể composite 170L với mật độ 35 con/bể. Kết quả 4 nghiệm thức Độ tiêu hóa vật chất khô, lipid, tro giữa các nghiệm thức thức ăn khác biệt không có ý nghĩa (p>0,05). Độ tiêu hóa Protein thấp nhất ở nghiệm thức đối chứng và cao nhất ở nghiệm thức bột cá. Độ tiêu hóa acid amin: Threonine, Valine, Phenylalanine, Histidine, Lysine, Arginine cao nhất (p<0,05) ở nghiệm thức bột cá, thấp nhất (p<0,05) ở nghiệm thức đối chứng còn ở giữa 2 nghiệm thức bột đậu nành li trích và bột đậu nành lên men (p>0,05) khác biệt không có ý nghĩa. Tuy nhiên Methionine, Isoleucine, Leucine giữa các nghiệm thức bột cá, bột đậu nành li trích, bột đậu len men khác biệt không có ý nghĩa (p>0,05) nhưng so với nghiệm thức đối chứng khác biệt có ý nghĩa (p<0,05). có thể sử dụng nguồn bột đậu nành lên men (FSB) thay thế bột cá để làm thức ăn cho cá lóc vì độ tiêu hóa của bột đậu nành lên men gần tương đương, và trong công thức thức ăn có thể bổ sung enzyme để hỗ trợ tiêu hóa và bổ sung acid amin.
4621	Đại học	Ảnh hưởng của mực nước lên hiệu quả tăng trưởng và tỉ lệ sống nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) luân canh trong ruộng lúa ở Cà Mau	Trần, Hưng Thạnh	Lam, Mỹ Lan Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của mực nước lên hiệu quả tăng trưởng và tỷ lệ sống nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) luân canh trong ruộng lúa ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thí nghiệm được thực hiện trên 6 ruộng nuôi với diện tích 1 ha/ruộng và được bố trí 2 nghiệm thức mực nước 30 – 40 cm và 50 – 60 cm và mực nước ở ruộng bao là 1,1 – 1,4 m. Mỗi nghiệm thức được lập lại 3 lần. Mật độ thả tôm giống ra ruộng 1,5 con/m ² . Kết quả cho thấy các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, độ kiềm, độ mặn, pH, oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻) đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của tôm càng xanh. Sau 2 tháng ương và 2 tháng nuôi, khối lượng tôm nghiệm thức 1 là 20,8 g/con và 29,3 g/con ở nghiệm thức 2. Tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi được ước tính nghiệm thức 1 là 33,1% và đạt 103,3 kg/ha. Tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi nghiệm thức 2 là 37,6% và đạt 165,3 kg/ha. Nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa luân canh ở vùng nước lợ với mực nước 50 – 60 cm tôm tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất cao.

4622	Đại học	Khảo sát khía cạnh kỹ thuật và sử dụng thức ăn của mô hình nuôi lươn (Monopterus albus) thâm canh	Nguyễn, Thị Cẩm Thúy	Trần, Thị Thanh Hiền	2019	Việc nuôi lươn thâm canh đang được phát triển ở một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Một cuộc khảo sát về nuôi lươn thâm canh đã được thực hiện bằng cách phỏng vấn 60 hộ nuôi lươn ở Cần Thơ và An Giang. Kết quả cho thấy có hai mô hình nuôi lươn: có và không có bùn. Quy mô nuôi lươn là $26,04 \pm 14,33\text{m}^2$ / bể mật độ cá giống là 113 ± 95 inv / m^2 . Năng suất trung bình của các hộ nông dân là $26,05 \pm 13,5$ kg / m^2 / vụ. Các hộ nuôi lươn không có hệ thống bùn sử dụng thức ăn hoàn toàn tươi hoặc thức ăn viên hoặc sự kết hợp của hai loại thức ăn này. Trong khi đó, tất cả những người nuôi lươn hệ thống bùn đã sử dụng kết hợp thức ăn tươi và thức ăn viên với hàm lượng protein trung bình là 18 - 40%. Hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) của thức ăn viên là 1,12 và 3,07 đối với thức ăn tươi. Chi phí thức ăn chiếm 48,8-54,3%, tỷ lệ cao nhất trong tổng chi phí sản xuất. Việc nuôi lươn không có hệ thống bùn có hiệu quả hơn hệ thống bùn. Hơn nữa, nuôi lươn đang phải đối mặt với những khó khăn như thị trường không ổn định, sự khan hiếm của hạt giống hoang dã, tỷ lệ sống của cá giống thấp, thiếu hụt nguồn nhân lực. Những rào cản ảnh hưởng đến việc nuôi lươn trong khu vực khảo sát.
4623	Đại học	Ảnh hưởng của chế độ dinh dưỡng lên tỷ lệ thành thực sinh dục của cá trê vàng (Clarias macrocephalus)	Lâm, Hoàng Ân	Nguyễn, Văn Triều	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm xác định chế độ dinh dưỡng nào phù hợp nhất trong nuôi vỗ cá trê vàng (Clarias macrocephalus). Thí nghiệm được thực hiện với 4 nghiệm thức (NT), và được bố trí như sau: NT1 được bố trí sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 30% trong cả quá trình nuôi vỗ, NT2 được bố trí sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 30% trong 60 ngày đầu nuôi vỗ và từ ngày 61-90 sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 41%, NT3 được bố trí sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 30% trong 30 ngày đầu nuôi vỗ và từ ngày 31-90 sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 41%, NT4 được bố trí sử dụng thức ăn có hàm lượng đạm 41% trong cả quá trình nuôi vỗ. Thí nghiệm được bố trí trực tiếp dưới ao nuôi, mỗi NT được bố trí trong vèo có diện tích 1 m^2 . Khối lượng trung bình ban đầu của cá là 300g/con, bố trí với mật độ 5kg/ m^2 , được cho ăn cùng khẩu phần ăn, thức ăn được sử dụng trong thí nghiệm là thức ăn công nghiệp NAFA với 2 hàm lượng đạm khác nhau là 30% và 41%. Sau 90 ngày nuôi vỗ kết quả cho thấy cá được cho ăn thức ăn hàm lượng đạm 30% trong 60 ngày đầu và từ ngày 61-90 cho ăn thức ăn có hàm lượng đạm 41% cho kết quả thành thực tốt nhất.
4624	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào thức ăn đến tăng trưởng và tỷ lệ sống cá chạch lấu (Mastacembelus favus Hora, 1923) giai đoạn giống	Trương, Minh Đức	Nguyễn, Văn Triều	2019	Ảnh hưởng của việc bổ sung trùn quế vào thức ăn đến tăng trưởng và tỷ lệ sống cá chạch lấu (Mastacembelus favus Hora, 1923) giai đoạn giống có 2 thí nghiệm: (1) tỷ lệ bổ sung trùn quế vào thức ăn khác nhau (2) thời gian cho ăn bằng thức ăn có bổ sung trùn quế vào thức ăn khác nhau. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức và 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức. Sau 7 tuần ương, cá chạch lấu đạt tăng trưởng và tỷ lệ sống cao khi được cho ăn bổ sung 15% trùn quế vào thức ăn. Cá chạch lấu giai đoạn giống có tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống cao khi được cho ăn thức ăn có bổ sung 15% trùn quế sau khi cá ăn trùn chỉ được 15 ngày.

4625	Đại học	Thực nghiệm ương tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong ao đất và mương vườn dừa	Lê, Thị Thúy Liễu	Dương, Nhựt Long	2019	Thực nghiệm được bố trí theo hai nghiệm thức ương trong ao đất và ương trong mương vườn dừa mỗi nghiệm thức lập lại 3 lần nhằm so sánh sự khác biệt của các thông số về khối lượng trung bình, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối, tỷ lệ sống và năng suất ở 2 nghiệm thức. Kết quả cho thấy các yếu tố về môi trường (nhiệt độ, pH, oxy hoà tan, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻) và Chlorophyll-a ở 2 nghiệm thức đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau 2,5 tháng ương, khối lượng trung bình, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối, tỷ lệ sống và năng suất ở NT 1 lần lượt là 10,26±1,89 g/con, 0,019 – 0,287 g/ngày, 61,3% và 113,3 kg/500m ² cao hơn NT 2 lần lượt là 6,61±0,55 g/con, 0,015 – 0,139 g/ngày, 42,3% và 50,4 kg/500m ² . Qua kết quả thực nghiệm cho thấy việc ương giống tôm càng xanh trong ao đất mang lại hiệu quả cao hơn việc ương giống tôm càng xanh trong mương vườn dừa.
4626	Đại học	Khảo sát sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) với mật độ khác nhau ở giai đoạn giống	Đinh, Văn Tràng	Nguyễn, Văn Triều Nguyễn, Thanh Hiệu	2019	Đề tài: Khảo sát sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) với mật độ khác nhau ở giai đoạn giống- được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức mật độ (2, 3 và 4 con/L) và 3 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức, thời gian nguyên cứu 60 ngày. Kích cỡ lươn bố trí ở các nghiệm thức là 4,2cm và 0,065g. Thức ăn để ương lươn bột trong 5 ngày đầu sau khi nở là trứng nước, từ ngày 6 đến ngày 30 lươn được cho ăn bằng trùn chỉ, từ ngày 30 trở đi tập cho lươn ăn thức ăn công nghiệp hiệu NAFA loại 41% đạm. Kết quả qua 60 ngày ương, tỉ lệ sống của lươn từ 55,5%- 87,5%, tăng trưởng về khối lượng đạt lần lượt (4,11), (4,31) và (4,8g), tăng trưởng về chiều dài là 16,01, 16,3 và 16,7 cm ống, lươn đồ
4627	Đại học	Ảnh hưởng của các loại chế phẩm lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vanamei</i>)	Võ, Đăng Lương	Lê, Quốc Việt	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá việc bổ sung chế phẩm sinh học nhằm nâng cao tỷ lệ sống và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>). Thí nghiệm được bố trí ngẫu nhiên gồm 5 nghiệm thức: (i) đối chứng; (ii) chế phẩm B; (iii) chế phẩm C; (iv) chế phẩm D và (v) chế phẩm E. Độ mặn của nước nuôi là 20‰, mật độ tôm nuôi là 150 con/m ³ . Tôm có khối lượng ban đầu dao động từ 1,21-1,24 g và tương ứng với chiều dài 5,18-5,23 cm. Sau 42 ngày nuôi chiều dài của tôm ở các nghiệm thức dao động từ 10,54-11,29 cm tương ứng với khối lượng là 11,93-12,48 g nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) giữa các nghiệm thức. Tỷ lệ sống của tôm ở các nghiệm thức dao động từ 84.5%-88.5% và sinh khối của tôm nằm trong khoảng từ 1,48-1,52 kg/m ³ nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) giữa các nghiệm thức FCR của các nghiệm thức dao động từ 0,95-0,97. Như vậy, Thí nghiệm cho thấy sự tăng trưởng về khối lượng, chiều dài và tỷ lệ sống của tôm giữa các nghiệm thức.

4628	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung khoáng tổng hợp liều thấp lên sinh trưởng và sinh sản của artemia khi nuôi ở độ mặn thấp	Hà, Cẩm Linh	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Trong nghiên cứu này, bố trí thí nghiệm hai nhân tố được thực hiện với các mức độ mặn (40, 50, 60 và 80ppt) kết hợp với các mức khoáng tổng hợp (0, 5, 10 và 15mg/L) để tìm xem sự ảnh hưởng của chúng lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia. Artemia được nuôi trong các chai nhựa 1,5L chứa 1L nước nuôi ở mật độ 200 nauplii/L và duy trì trong 4 tuần. Trong hai ngày đầu tiên Artemia được cho ăn tảo tươi Chaetoceros, sau đó được thay bằng thức ăn chế biến 30% đạm và 9% lipid. Khoáng được đưa vào môi trường nuôi từ ngày 5 và sau đó định kỳ bổ sung 3 ngày/lần theo khuyến cáo. Kết quả thí nghiệm cho thấy, cả hai nhân tố độ mặn và hàm lượng khoáng hầu hết đều có ảnh hưởng lên tỷ lệ sống, tăng trưởng (TLS và CD sau 14 ngày nuôi đạt 50-80%; 4,8-6,6mm tùy theo NT; $p < 0,05$) và sinh khối (1,29-2,34g/L, $p < 0,05$) của Artemia nhưng không ảnh hưởng tới khả năng sinh sản. Tuy nhiên, việc bổ sung khoáng vào môi trường nuôi đã cải thiện sức sinh sản, khả năng đẻ trứng và tỷ lệ con cái tham gia sinh sản so với việc không bổ sung.
4629	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học lên chất lượng nước, tăng trưởng và tỷ lệ sống tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) nuôi thâm canh trong bể	Nguyễn, Thành Đình	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của chế phẩm sinh học Bio Marine lên chất lượng nước, tăng trưởng và tỷ lệ sống của nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh gồm 4 nghiệm thức, (1) không bổ sung Bio Marine, (2) Bổ sung Bio Marine 0,4 mL/m ³ , (3) Bổ sung Bio Marine 0,8 mL/m ³ , và (4) Bổ sung Bio Marine 1,2 mL/m ³ , mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, bể nuôi tôm bằng composite có thể tích 1m ³ với mật độ 100 con/bể, độ mặn 15‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiệt độ, pH nằm trong khoảng thích hợp cho tôm. Hàm lượng TAN, NO ₂ và TSS của các nghiệm thức bổ sung Bio Marine đều thấp hơn khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức đối chứng. Tăng trưởng về khối lượng (14,3 g/con), tỷ lệ sống (94,7%) của tôm ở nghiệm thức bổ sung Bio Marine 1,2 mL/m ³ cao nhất và FCR thấp nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức đối chứng, nhưng không khác so với 2 nghiệm thức còn lại. Từ đó, cho thấy bổ sung Bio Marine 1,2 mL/m ³ trong nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh được xem là tốt nhất.
4630	Đại học	Nghiên cứu thời điểm bổ sung nguồn cacbon trong ương ấu trùng tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) bằng công nghệ biofloc	Dur, Văn Hậu	Châu, Tài Tảo	2019	Nhằm tìm ra thời điểm bổ sung cacbon thích hợp cho tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh để góp phần xây dựng qui trình sản xuất giống tôm càng xanh theo công nghệ biofloc. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức (i) Bổ sung đường cát từ giai đoạn 2 (ii) Bổ sung đường cát từ giai đoạn 4 (iii) Bổ sung đường cát từ giai đoạn 6 và (iv) Bổ sung đường cát từ giai đoạn 8 của ấu trùng. Mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần, bể ương tôm có thể tích 0,5 m ³ , độ mặn 12‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, TAN, NO ₂ -, độ kiềm...) nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm càng xanh. Nghiệm thức 2 tôm PL-15 có chiều dài (1,14 cm), tỷ lệ sống (45,27%) và năng suất (27.160±1.153b PL/m ³) cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với nghiệm thức 1, nghiệm thức 4 và khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với nghiệm thức 3.

4631	Đại học	Nghiên cứu nâng cao mật độ ương giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước	Bùi, Thị Cẩm Thu	Lý, Văn Khánh	2019	Nghiên cứu nâng cao mật độ ương cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong hệ thống tuần hoàn nước được thực hiện tại trại nước lợ của bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản thuộc Khoa Thủy sản của Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 10/2019 đến tháng 11/2019. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức là 4 mật độ khác nhau: (1) 151 con/m ³ , (2) 180 con/m ³ , (3) 210 con/m ³ và (4) 240 con/m ³ mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Cá chim vây vàng giống có khối lượng trung bình ban đầu là 1,96 g/con được bố trí ương trong bể nhựa 500L trong hệ thống nước lọc tuần hoàn, với độ mặn 20‰ và sục khí liên tục. Cá được cho ăn thức ăn công nghiệp hàm lượng đạm 44% và được điều chỉnh theo nhu cầu của cá ở tất cả các nghiệm thức. Kết quả sau 30 ngày ương, tốc độ tăng trưởng của cá ở nghiệm thức 180 con/m ³ (0,28 g/ngày và 5,54 %/ngày) là cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) với 3 nghiệm thức còn lại. Nghiệm thức mật độ 150 con/m ³ (0,20 g/ngày và 4,73 %/ngày) là thấp nhất và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức khác. Tỷ lệ sống đạt cao nhất 97,67% và khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở tất cả các nghiệm thức ($p > 0,05$). Mật độ ương cá chim vây vàng tối ưu nhất trong hệ thống tuần hoàn là 180 con/m ³ .
4632	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ C:N lên tang trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) ương trong hệ thống biofloc	Đỗ, Thị Bé Ngân	Lý, Văn Khánh	2019	Thí nghiệm ương cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) với tỷ lệ C:N khác nhau theo công nghệ biofloc được thực hiện tại trại thực nghiệm của Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2019. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức C:N khác nhau: C:N=0:0 (đối chứng), C:N=10:1, C:N=15:1, C:N=20:1 mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Cá chim vây vàng có khối lượng trung bình ban đầu 3,36 g/con được bố trí ương trong bể nhựa 120L được bổ sung rỉ đường theo tỷ lệ C:N khác nhau, độ mặn 20‰ và sục khí liên tục. Cá được cho ăn thức ăn công nghiệp dạng viên nổi với hàm lượng đạm 44%. Kết quả sau 30 ngày ương, cá ở nghiệm thức bón rỉ đường với tỷ lệ C:N=20:1 đạt khối lượng trung bình 6,91 g/con, tốc độ tăng trưởng về khối lượng, tỷ lệ sống cao nhất và khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với nghiệm thức bón rỉ đường với tỷ lệ C:N=15:1, nhưng khác biệt với các nghiệm thức còn lại. Như vậy, ương theo công nghệ biofloc bón rỉ đường với tỷ lệ C:N=15:1 là tốt cho sự phát triển của cá chim vây vàng và giảm được chi phí cho việc bón thêm rỉ đường.

4633	Đại học	Khảo sát thành phần tảo khuê bám ở vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Tháp vào mùa mưa	Chế, Thị Minh Thùy	Võ, Nam Sơn	2019	Nhằm mục tiêu đánh giá tính đa dạng thành phần loài tảo khuê bám ở Vườn quốc gia Tràm Chim, nghiên cứu được tiến hành vào 09/2018 đến tháng 12/2019. Nghiên cứu thực hiện tại 5 sinh cảnh khác gồm: kênh vùng đệm (KĐ); kênh vùng lõi (KL); rừng tràm (TR); lung năn (NG); và lung sen (LS), mỗi sinh cảnh thu 3 lần lậ lại. Mẫu tảo khuê bám được thu trên giá thể nhân tạo đã đặt trước đó 4 tuần. Mẫu được xử lý theo phương pháp của Schrader and Gersonde (2014) trước khi phân tích định tính và định lượng. Kết quả đã ghi nhận được 161 loài, 34 giống, 18 họ. Trong đó, sinh cảnh NG có thành phần loài cao nhất với 104 loài (28 giống), thấp nhất là sinh cảnh KĐ với 81 loài (22 giống). Mật độ trung bình biến động từ 56.473 ± 56.850 đến 364.442 ± 275.308 cá thể/cm ² . Chỉ số đa dạng Shannon-Weiner H' dao động từ $0,78 \pm 0,45$ - $1,42 \pm 0,37$ tương ứng với chất lượng nước cũng được đánh giá với mức độ ô nhiễm hữu cơ từ trung bình đến ô nhiễm nặng. Một số giống thường gặp trong các sinh cảnh là: Achnanthidium, Nitzschia, Gomphonema, Navicula, Pinnularia,...
4634	Đại học	Khảo sát vai trò và tác động của rong và thực vật thủy sinh trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến ở tỉnh Bạc Liêu	Hồng, Văn Đô	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Khảo sát được tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp 60 hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến (QCCT) ở huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu nhằm đánh giá vai trò và tác động của rong biển và thực vật thủy sinh (TVTS) đến năng suất và lợi nhuận của mô hình. Các hộ nuôi tôm QCCT được chọn phỏng vấn chia thành 2 nhóm về tình trạng rong biển và TVTS xuất hiện tự nhiên trong ao. Nhóm 1: ao nuôi tôm QCCT có sự hiện diện tự nhiên của nhiều loại rong biển và TVTS nhưng không có rong câu (rong hỗn hợp), nhóm 2: ao nuôi tôm QCCT có rong câu xuất hiện tự nhiên ưu thế hơn các loài rong biển và TVTS khác. Kết quả cho thấy ao nuôi tôm QCCT có rong câu đạt năng suất tôm sú trung bình là 268,6 kg/ha/năm với lợi nhuận trung bình là 58,4 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với ao có rong hỗn hợp (năng suất tôm sú: 203,1 kg/ha/năm và lợi nhuận: 43 triệu đồng/ha/năm) nhưng không khác biệt thống kê ($p > 0,05$). Đa số ý kiến nông hộ cho rằng rong biển và TVTS có vai trò quan trọng trong ao nuôi tôm QCCT như cải thiện chất lượng nước, làm thức ăn trực tiếp và là nơi trú ẩn cho tôm, cua. Bên cạnh đó, khi rong phát triển quá mức gây ra một số tác hại như thối nước, giảm năng suất và tăng trưởng của tôm, cua. Những ao có rong phát triển ở độ phủ $\leq 50\%$ thường cho năng suất cao hơn ao có rong phát triển ở độ phủ $> 50\%$, có 43,3% nông hộ thích duy trì rong câu trong ao nuôi hơn các loài rong khác.

4635	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cua biển (<i>Scylla paramamnosain</i>) giai đoạn zoea sang megalopa và giai đoạn megalopa lên cua 1	Huỳnh, Hữu Thiện	Nguyễn, Thanh Phương	2019	Trong những năm gần đây việc ương và nuôi cua biển (<i>Scylla parammaosain</i>) gặp nhiều khó khăn như dịch bệnh, nguồn giống, chất lượng của bố mẹ và đặc biệt là vấn đề biến đổi khí hậu. Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ lên sự tăng trưởng của ương ấu trùng cua trong giai đoạn từ zoea lên megalopa và t megalopa lên cua 1. Mỗi thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức ở 4 mức nhiệt độ 27-28°C, 30- 31°C, 33-34°C, 36-37°C mỗi nghiệm thức được 3 lần lặp lại, ấu trùng được bố trí ở giai đoạn zoea lên megalopa mật độ 200 con/l và giai đoạn megalopa lên cua 1 với mật độ 4 con/l. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng trưởng và chỉ số biến thái của ấu trùng cua trong giai đoạn zoea lên megalop giữa nghiệm thức 30-31°C và 33-34°C khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Tốc độ tăng trưởng tốt nhất được tìm thấy ở nghiệm thức 36-37°C và thấp nhất ở nghiệm thức 27-28°C, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức khác. Tăng trưởng đạt tốt nhất ở nghiệm thức nhiệt độ 36-37°C và 33-34°C tuy nhiên là chết hoàn toàn khi chuyển giai đoạn từ zoea 2 lên zoea 3 và zoea 3 lên zoea 4, tỷ lệ sống của ấu trùng cua ở nghiệm thức 27-28°C và 30- 31°C lần lượt là 11,5% và 7,5% khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Trong khi giai đoạn từ agalopa lên cua 1 với tỉ lệ sống thấp ở mức nhiệt độ 36-37°C và 33-34°C tỉ lệ sống lần lượt là 34,7% và 53,5% nhưng đạt được khối lượng và chiều dài cao hơn hay nghiệm thức 27-28°C và 30-31°C có tỉ lệ sống lần lượt là 72,9% và 69,7%, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0.05$). Qua nghiên cứu thấy được nhiệt độ thích hợp ương ấu trùng cua biển từ zoea lên megalopa và megalopa lên cua 1 là 27-28°C.
4636	Đại học	Nghiên cứu nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) siêu thâm canh trong các hệ thống nuôi khác nhau	Huỳnh, Hồng Hiến	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của mô hình nuôi siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng lên chất lượng nước, tăng trưởng và tỷ lệ sống. Thí nghiệm được thực hiện trong 60 ngày gồm 4 nghiệm thức (i) quy trình thay nước, (ii) quy trình thay nước kết hợp bổ sung chế phẩm sinh học, (iii) quy trình tuần hoàn nước, và (iv) quy trình biofloc, bể nuôi tôm bằng composite có thể tích 1m ³ với mật độ 300 con/bể, độ mặn 15‰. Sau 60 ngày nuôi tăng trưởng của tôm ($15,00\pm0,46$ g/con) tốt nhất ở nghiệm thức thay nước khác biệt có ý nghĩ thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại, tuy nhiên nghiệm thức nuôi theo quy trình tuần hoàn có tỉ lệ sống của tôm cao nhất ($82,20\pm1,08\%$) khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại, và năng suất $2,92\pm0,07$ kg/m ³ khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$) so với nghiệm thức quy trình thay nước là $3,23\pm0,20$ kg/m ³ . Kết quả nghiên cứu cho thấy nghiệm thức nuôi tôm theo quy trình thay nước và lọc tuần hoàn là tốt nhất.

4637	Đại học	Nghiên cứu nuôi cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong lồng với mật độ khác nhau	Nguyễn, Công Minh	Lý, Văn Khánh	2019	Nghiên cứu nuôi cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong lồng với mật độ khác nhau nhằm xác định mật độ thích hợp cho tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng nuôi trong lồng biển. Thí nghiệm gồm 3 nghiệm thức mật độ cá 20, 30 và 40 con/m ³ , mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Cá chim vây vàng giống th nghiệm được bố trí trong lồng có thể tích 27 m ³ và được cho ăn thức ăn công nghiệp dạng viên nổi của công ty Ocialis, mỗi ngày 2 lần. Sau 90 ngày nuôi kết quả cho thấy, nghiệm thức nuôi 20 con/m ³ có tỉ lệ sống là 99,1% và tỉ lệ sinh khối là 2,34 kg/m ³ và tốc độ tăng trưởng khối lượng là 119,91 g/con (2,64 %/ngày), nghiệm thức nuôi 30 con/m ³ có tỉ lệ sống 98,9% và tỉ lệ sinh khối 4.29 kg/m ³ và tốc độ tăng trưởng khối lượng là 144,41 g/con (2,64 %/ngày), nghiệm thức 40 con/m ³ có tỉ lệ sống 97,7% và tỉ lệ sinh khối 5,39 kg/m ³ và tốc độ tăng trưởng khối lượng là 138,15 g/con (2,66 %/ngày). Qua đó cho thấy cá chim vây vàng được nuôi với mật độ 30 con/m ³ có tỷ lệ sinh khối cao (4,29 kg/m ³), tỷ lệ sống cao thứ 2 (98,9%) và tốc độ tăng trưởng khối lượng là 144,41 g/con (2,64 %/ngày).
4638	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn khác nhau đến tăng trưởng, năng suất và chất lượng rong nho (<i>Caulerpa lentillifera</i>)	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn khác nhau đến tăng trưởng năng suất và chất lượng rong nho <i>Caulerpa lentillifera</i> được thực hiện gồm 6 nghiệm thức với các độ mặn khác nhau (1) 20‰, (2) 25‰, (3) 30‰, (4) 35‰, (5) 40‰, (6) 45‰, mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần. Rong nho giống được bố trí khối lượng ban đầu là 0,2kg/vi trong bể nhựa thể tích 100L và sục khí nhẹ liên tục. Bột cá là nguồn dinh dưỡng được bón 3 ngày 1 lần với lượng 35g/m ³ và được điều chỉnh theo thực tế thông qua đo hàm lượng dinh dưỡng trong bể nuôi. Sau 45 ngày nuôi, tốc độ tăng trưởng của rong nho ở độ mặn 30‰ (1,95%/ngày) là cao nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) với các nghiệm thức còn lại và tăng trưởng thấp nhất là 45‰ (0,22%/ngày). Ở nghiệm thức 40‰ có tỉ lệ thân đứng đạt kích cỡ thương phẩm (≥5 cm) là 85,2% nhưng so với độ mặn 30‰ (40,6%) thì tỉ lệ thân đứng đạt kích cỡ thương phẩm và màu sắc tươi sáng cùng với các quả cầu phân bố đều và dày hơn so với các độ mặn khác. Do đó, ở mức độ mặn 30‰ là thích hợp cho việc trồng rong nho để thu được rong nh có chất lượng thương phẩm tốt nhất. Bên cạnh đó, mức độ mặn mà rong nho có thể tồn tại được nằm trong khoảng 20-45‰.

4639	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung bột tảo spirulina vào thức ăn thương phẩm cho artemia	Nguyễn, Thị Huỳnh Như B1600680	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Thí nghiệm được tiến hành trên dòng Artemia franciscana Vĩnh Châu, sử dụng thức ăn chế biến có độ đậm 30% đồng thời bổ sung bột tảo Spirulina với các hàm lượng 0%, 1%, 2%, 3%, 4%, 5% tương ứng với 6 nghiệm thức. Kết quả cho thấy hàm lượng bột tảo Spirulina đã ảnh hưởng không rõ rệt đến tỉ lệ sống, nhưng rõ tới tăng trưởng và sinh sản của Artemia ($p < 0,05$). Các nghiệm thức có bổ sung bột tảo Spirulina (ngoại trừ BS1%) hầu như đều có tỷ lệ sống và tăng trưởng tốt hơn so với không bổ sung, đặc biệt nghiệm thức bổ sung từ 4% trở lên cho tỷ lệ sống tốt hơn và tăng trưởng cao nhất, khác biệt có ý nghĩa so với các nghiệm thức khác sau hai tuần nuôi. Kết quả thí nghiệm cũng cho thấy ở nghiệm thức không bổ sung bột tảo tuổi thọ của Artemia thấp hơn so với nghiệm thức có bổ sung bột tảo. Ngoài ra khi so sánh hoạt động sinh sản giữa các nghiệm thức cũng cho thấy có sự khác biệt giữa các chỉ tiêu sinh sản và ở nghiệm thức 3% bột tảo có các thông số sinh sản cao hơn so với các nghiệm thức còn lại.
4640	Đại học	Ảnh hưởng của các loại chế phẩm lên sinh trưởng của tôm thẻ chân trắng (Lipopenaeus vannamei)	Nguyễn, Thuận	Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của các loại chế phẩm sinh học lên sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm gồm 5 nghiệm thức: (i) Đối chứng (không bổ sung chế phẩm); (ii) chế phẩm B; (iii) chế phẩm C; (iv) chế phẩm D và (v) chế phẩm E. Kết quả sau 42 ngày nuôi, trung bình khối lượng tôm ở các nghiệm thức dao động từ 12,60 – 13,33, chiều dài tương ứng 10,93 – 11,53 cm và giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Tỷ lệ sống của tôm ở các nghiệm thức sử dụng chế phẩm B, C, D khác biệt không có ý nghĩa so với nghiệm thức đối chứng, nhưng lớn hơn và khác biệt có ý nghĩa so với chế phẩm E (80,50%). FCR của tôm ở các nghiệm thức dao động từ 0,88 – 0,97 và giữa các nghiệm thức khác biệt không ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Tương tự sinh khối của tôm dao động từ 1,48 – 6,3 kg/m ³ . Kết quả nghiên cứu cho thấy bổ sung các chế phẩm vào thức ăn không ảnh hưởng đến tăng trưởng, tỷ lệ sống, FCR và sinh khối của tôm.
4641	Đại học	Ảnh hưởng của polyphenol, butyric acid, và β - glucan bổ sung vào thức ăn lên tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống	Nguyễn, Đăng Dinh	Ngô, Thị Thu Thảo	2019	Cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) được thực hiện ương trong bể composite ngoài trời nhằm mục đích đánh giá ảnh hưởng thức ăn bổ sung hợp chất polyphenol, butyric acid, và β -glucan lên tỉ lệ sống, tăng trưởng, và hệ số tiêu tốn thức ăn của cá tra. Cá tra giống khỏe mạnh (2,23 g/con) được chọn và ương trong 1m ³ mỗi bể chứa 0,5 m ³ nước, mật độ thả 200 con/m ³ . Thức ăn thủy sản Grobest (28% đạm) được bổ sung polyphenol, butyric acid, và β -glucan ở các mức 0g, 5,4g, và 10,8 g/kg thức ăn tương ứng với 03 nghiệm thức (NT) là NT1, NT2 và NT3, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần,. Kết quả thu được sau 60 ngày thí nghiệm cho thấy tăng trưởng của cá nghiệm NT3 và NT2 cao hơn có ý thống kê ($p < 0,05$) so với cá ở NT1, và hệ số tiêu tốn thức ăn nhỏ nhất (0,92) ở NT3, kế đến là NT2 (1,01) và NT3 (1,25). Kết quả này cho thấy việc bổ sung polyphenol, butyric acid, và β -glucan vào thức ăn đã giúp cá phát triển tốt hơn về tăng trưởng, ảnh hưởng tích cực đến FCR của cá.

4642	Đại học	Ảnh hưởng của dây thuốc cá (Derris elliptica) lên copepoda ở các độ mặn và nhiệt độ khác nhau	Ngô, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Trong thí nghiệm này quần thể Copepoda tự nhiên từ ruộng muối Vĩnh Châu được thử nghiệm với mười nồng độ dây thuốc cá là 0ppm (đối chứng)-3,0ppm với bước nhảy là 0,3ppm ở các môi trường nuôi có độ mặn (40ppt, 50ppt, 60ppt) và nhiệt độ khác nhau (280C, 300C, 320C) nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của độ độc cấp tính lên mật độ và tăng trưởng quần thể (r) của chúng. Copepoda được bố trí nuôi trong các cốc nhựa có thể tích 220ml chứa 100ml nước nuôi, mật độ 10 con/100ml và được theo dõi trong 48 giờ kể từ sau khi dung dịch thuốc cá (rotenone) được bỏ vào môi trường nuôi. Trong suốt thí nghiệm Copepoda được cho ăn tảo tươi Chaetoceros calcitrans hàng ngày với 50,000tb tảo/cá thể. Đối với thí nghiệm nhiệt độ, độ mặn được giữ ở 50ppt và các điều kiện thí nghiệm thì tương tự như thí nghiệm độ mặn. Kết quả cho thấy mật độ và r của Copepoda đều bị ảnh hưởng bởi độ mặn, nhiệt độ và liều lượng thuốc cá (LLTC), LLTC tăng thì mật độ và r càng giảm và chúng hầu hết bị tiêu diệt ở liều từ 2,1-3,0ppm tùy theo độ mặn và nhiệt độ. Ở các mức độ mặn và nhiệt độ cao thì LLTC cần để tiêu diệt quần thể Copepoda sẽ giảm đi. LC50 biến động từ 0,53-1,62 tùy theo độ mặn và 0,43-1,51 tùy theo nhiệt độ nhưng theo khuynh hướng giảm với thời gian thử nghiệm và mức tăng độ mặn hoặc nhiệt độ.
4643	Đại học	Thực nghiệm mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (Lipopenaeus vannamei) siêu thâm canh trong hệ thống bể tuần hoàn kết hợp đa loài	Nguyễn, Thị Kiều Trân	Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu xác định sự tăng trưởng, tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng được nuôi theo mô hình kết hợp đa loài. Thí nghiệm được bố trí trong hệ thống tuần hoàn, gồm có 6 bể và mỗi bể có thể tích 10m ³ . Hệ thống tuần hoàn gồm 3 bể nuôi tôm, 1 bể nuôi cá rô phi, 1 bể trồng rong câu và 1 bể lọc sinh học (sử dụng giá thể hạt nhựa). Nước trong bể lọc được bơm cung cấp cho 3 bể nuôi tôm, sau đó từ 3 bể nuôi tôm sẽ tự động chảy qua bể nuôi cá rô phi, đến bể rong câu, sau đó nước tiếp tục tự chảy qua bể lọc sinh học và tiếp tục chu kỳ tuần hoàn. Nước trong hệ thống tuần hoàn có độ mặn 20‰ và độ kiềm ban đầu là 120 mg CaCO ₃ /L. Cá được thả vào bể nuôi với mật độ 50 con/10 m ³ (44,7 g/con) và rong câu 5 kg/10 m ³ . Tôm được thả nuôi với mật độ 200 – 300 con/m ³ (0,19 – 2,49 g/con) và mỗi bể thả cách nhau 30 ngày. Kết quả, chất lượng nước trong hệ thống nuôi (nitrite, nitrat, TAN và PO ₄ ³⁻) được cải thiện đáng kể thông qua tác động của cá rô phi, rong câu và bể lọc sinh học. Sau 70 ngày nuôi, tôm đạt kích cỡ từ 9,53 – 13,63 g/con, tỷ lệ sống của tôm đạt từ 93,4 – 95,8% và sinh khối đạt 2,56 – 3,82 kg/m ³ . Lượng thức ăn sử dụng để đạt được 1 kg tôm thương phẩm dao động từ 1,31 – 1,5 kg thức ăn viên kết hợp với 0,42 – 0,66 kg bí đỏ và tương ứng với giá 53.800 – 58.980 đồng cho tăng trọng của tôm trong 1 kg.

4644	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic trong nuôi artemia ở các độ mặn khác nhau	Đỗ, Ngọc Chi	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Thí nghiệm được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung Probiotic trong nuôi Artemia ở các độ mặn khác nhau thông qua tỷ lệ sống, tăng trưởng và khả năng sinh sản của chúng. Sản phẩm vi sinh được sử dụng là chủng Bacillus có hiệu quả tốt trong nuôi tôm và được phối trộn dưới dạng khô (1g chứa 109CFU). Artemia được nuôi trong các chai nhựa 1,5L chứa 1L nước nuôi ở mật độ 200 nauplii/L và duy trì trong 5 tuần. Trong hai ngày đầu tiên Artemia được cho ăn tảo tươi Thalassiosira, sau đó được thay bằng thức ăn chế biến 30% đậm và 9%. Probiotic được bổ sung với liều 105CFU/gram vào ngày thứ 5 của thí nghiệm và định kỳ 3 ngày bổ sung 1 lần tới khi kết thúc. Kết quả của thí nghiệm cho thấy cùng với độ mặn thích hợp thì bổ sung Probiotic vào môi trường nuôi Artemia sẽ đem lại kết quả tốt hơn về tỷ lệ sống và tăng trưởng so với không bổ sung ($p < 0,05$). Tuy nhiên khả năng sinh sản (ngoại trừ phương thức sinh sản) và sinh khối thì khác biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$) mặc dù có sự cải thiện về mặt số lượng.
4645	Đại học	Nghiên cứu sử dụng các loài rong biển khác nhau làm giá thể trong ương giống cua biển (Scylla paramamosain)	Nguyễn, Thành Công	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Nghiên cứu nhằm được tìm ra loài rong biển thích hợp làm giá thể trong ương cua giống đạt tỉ lệ sống và năng suất của giống (S. paramamosain) cao. Thí nghiệm gồm 7 nghiệm thức với ba lần lặp lại và bố trí ngẫu nhiên. Nghiệm thức đối chứng, bể nuôi không có giá thể và 6 nghiệm thức còn lại được bổ sung giá thể là rong câ (Gracilaria) hoặc rong bún (Enteromorpha intestinalis) với ba mật độ rong: 0,5, 1 và 2 kg/m². Cua con giai đoạn 2 có khối lượng trung bình 0,019 g được nuôi với mật độ 300 con/m² trong bể 250-L với độ mặn 20‰, cua được cho ăn Artemia sinh khối đông lạnh thỏa mãn 2 lần/ngày trong thời gian 4 tuần. Kết quả cho thấy tỉ lệ sống của cua ở tất cả các nghiệm thức giảm theo thời gian nuôi. Khi kết thúc thí nghiệm, nghiệm thức đối chứng đạt tỉ lệ sống thấp nhất (17,4%), kế đến là các nghiệm thức rong bún đạt từ 27,8-35,9%, và cao nhất là các nghiệm thức rong câ (53,3-70,7%). Mặc dù các nghiệm thức có rong biển đạt tỉ lệ sống cao hơn dẫn đến tăng trưởng chậm hơn nhưng sinh khối và năng suất của được tăng cao đáng kể. Hơn nữa, hàm lượng TAN và NO₂-ở nghiệm thức rong câ thấp hơn nhiều so với nghiệm thức đối chứng và nghiệm thức rong bún giúp cải thiện chất lượng nước. Kết quả chứng tỏ sử dụng loài rong câ rất thích hợp làm giá thể trong ương cua giống đạt năng suất cao.

4646	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung khoáng tổng hợp liều cao lên sinh trưởng và sinh sản của artemia nuôi ở độ mặn thấp	Nguyễn, Thị Phương Giang	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Trong nghiên cứu này, bố trí thí nghiệm hai nhân tố được thực hiện với các mức độ mặn (40, 50 và 60ppt) kết hợp với các mức khoáng tổng hợp (0, 20, 25 và 30mg/L) để tìm xem sự ảnh hưởng của chúng lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia. Artemia được nuôi trong các chai nhựa 1,5L chứa 1L nước nuôi ở mật độ 200 nauplii/L và duy trì trong 4 tuần. Trong hai ngày đầu tiên Artemia được cho ăn tảo tươi Chaetoceros, sau đó được thay bằng thức ăn chế biến 30% đạm và 9% lipid. Khoáng được đưa vào môi trường nuôi từ ngày 5 và sau đó định kỳ bổ sung 3 ngày/lần theo khuyến cáo. Kết quả thí nghiệm cho thấy, cả hai nhân tố độ mặn và hàm lượng khoáng đều có ảnh hưởng lên tỷ lệ sống, tăng trưởng (TLS và CD sau 14 ngày nuôi đạt 50-80%; 5,8-6,6mm tùy theo NT; $p < 0,05$) và sinh khối (1,87-3,23g/L, $p < 0,05$) của Artemia nhưng không ảnh hưởng tới khả năng sinh sản. Tuy nhiên, việc bổ sung khoáng vào môi trường nuôi đã cải thiện sức sinh sản, khả năng đẻ trứng và tỷ lệ con cái tham gia sinh sản so với việc không bổ sung.
4647	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng chu kỳ bổ sung đường cát trong ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) bằng công nghệ biofloc	Ngô, Sài Khoan	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm xác định chu kỳ bổ sung đường cát thích hợp cho tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh tốt nhất bằng công nghệ biofloc. Nghiên cứu gồm 5 nghiệm thức chu kỳ bổ sung đường cát là 1 ngày/lần; 2 ngày/lần; 3 ngày/lần; 4 ngày/lần và 5 ngày/lần, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể ương tôm bằng composite có thể tích 500 lít, bổ sung nguồn carbon từ đường cát, tỷ lệ C/N=15/1, độ mặn 12‰. Kết quả nghiên cứu cho thấy nghiệm thức chu kỳ bổ sung đường cát 1 ngày/lần cho kết quả tăng trưởng chiều dài PL-15 cao nhất ($10,35 \pm 0,03$ mm) khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với các nghiệm thức khác. Tỷ lệ sống ($48,2 \pm 0,81\%$) và năng suất (28.888 ± 485 con/m³) tôm PL-15 cao nhất ở nghiệm thức chu kỳ bổ sung đường cát 1 ngày/lần khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức chu kỳ bổ sung đường cát 3 ngày/lần; 4 ngày/lần và 5 ngày/ lần, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với nghiệm thức chu kỳ bổ sung đường cát 2 ngày/lần. Vì vậy có thể kết luận rằng, chu kỳ bổ sung đường cát tốt nhất cho ương ấu trùng tôm càng xanh là 1 ngày/lần và 2 ngày/lần.

4648	Đại học	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) theo công nghệ biofloc với các tỉ lệ C/N khác nhau	Nguyễn, Chí Anh	Trần, Ngọc Hải	2019	Nghiên cứu nhằm xác định tỉ lệ C/N thích hợp cho tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) tốt nhất bằng công nghệ biofloc. Nghiên cứu gồm 5 nghiệm thức tỉ lệ C/N khác nhau lần lượt là 12,5; 15; 17,5; 20 và nghiệm thức không bổ sung làm đối chứng, mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Bể ương tôm bằng composite có thể tích 500 lít và nước ương có độ mặn 12 ‰. Ấu trùng tôm được ương với mật độ 60 con/L và được cho ăn bằng <i>Artemia</i> và thức ăn nhân tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau 35 ngày ương, tôm ở nghiệm thức tỉ lệ C/N bằng 17,5 cho kết quả tăng trưởng chiều dài PL-15 cao nhất ($11,8 \pm 0,1$ mm) và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) so với các nghiệm thức đối chứng. Tỷ lệ sống ($56,8 \pm 4,4\%$) và năng suất (34.080 ± 2.658 con/m ³) tôm PL-15 cao nhất ở nghiệm thức tỉ lệ C/N bằng 17,5, mặc dù khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Vì vậy có thể kết luận rằng, tỉ lệ C/N bằng 17,5 là thích hợp cho ương ấu trùng tôm càng xanh bằng công nghệ biofloc.
4649	Đại học	Thực nghiệm nuôi kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>)- rong câu (<i>Gracilaria tenuistipitata</i>) trong ao quảng canh cải tiến quy mô nông hộ ở tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Chí Khanh	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	2019	Đánh giá thực nghiệm nuôi kết hợp tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) - rong câu (<i>Gracilaria tenuistipitata</i>) trong ao quảng canh cải tiến quy mô nông hộ ở tỉnh Cà Mau được thực hiện trong 6 tháng (tháng 1/2019 -6/ 2019) gồm 2 nghiệm thức (1) không cho ăn chỉ sử dụng ăn tự nhiên và (2) cho ăn viên 50% nhu cầu, mỗi nghiệm thức được lặp lại 2 lần, diện tích ao nuôi từ 1,0-1,5 ha có rong câu hiện diện tự nhiên và mật độ nuôi 4 con/m ² . Tôm sú có khối lượng trung bình ban đầu là 0,014g được nuôi với mật độ 4 con/m ² . Sau 6 tháng nuôi, khối lượng trung bình của tôm sú đạt từ 37,37- 49,77 g/con, tỉ lệ sống đạt từ 9,75%- 14,61% và năng suất tôm sú 123,7 211,2 kg/ha, trong đó nghiệm thức cho ăn 50% nhu cầu đạt kết quả cao hơn nghiệm thức không cho ăn nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Tổng thu nhập trung bình ở nghiệm thức 1 và 2 theo thứ tự là 41,007 và 69,466 triệu đồng/ha tương ứng với lợi nhuận 33,290 và 55,663 triệu đồng/ha và tỉ suất lợi nhuận 4,32 và 4,04 lần. Kết quả thống kê cho thấy hiệu quả tài chính khác nhau không có ý nghĩa ($p > 0,05$) giữa hai nghiệm thức. Do đó, có thể kết luận thực nghiệm nuôi kết hợp tôm sú-rong câu trong ao QCCT có thể không cần bổ sung thức ăn công nghiệp cho tôm.

4650	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn thấp và tỷ lệ C:N khác nhau lên sinh trưởng và sinh sản của artemia	Nguyễn, Khánh Trường	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	Trong nghiên cứu này, bố trí thí nghiệm hai nhân tố được thực hiện với các mức độ mặn (40, 50 và 60ppt) kết hợp với các tỷ lệ C/N (5, 10, 15 and 20) được thực hiện để tìm xem sự ảnh hưởng của chúng lên sinh trưởng và sinh sản của Artemia. Artemia được nuôi trong các chai nhựa 1,5L chứa 1L nước nuôi ở mật độ 200 nauplii/L và duy trì trong 5 tuần. Trong hai ngày đầu tiên Artemia được cho ăn tảo tươi Chaetoceros, sau đó được thay bằng thức ăn chế biến 30% đạm và 9% lipid. Rỉ đường được đưa vào môi trường nuôi từ ngày 5 v sau đó định kỳ bổ sung 3 ngày/lần theo lượng TAN trong nước. Kết quả thí nghiệm cho thấy, cả hai nhân tố độ mặn và tỷ lệ C/N đều có ảnh hưởng lên tỷ lệ sống, tăng trưởng và sinh khối của Artemia nhưng không ảnh hưởng tới sinh sản ngoại trừ phương thức sinh sản. Tuy nhiên, ở các độ mặn thấp (40 và 50) thì ảnh hưởng của tỷ lệ C/N rõ ràng hơn với khuynh hướng cải thiện các chỉ tiêu theo dõi ở Artemia. Ở 60ppt thì tỷ lệ C/N hầu như không có ảnh hưởng gì đến Artemia.
4651	Đại học	Nghiên cứu sử dụng bột rong bún (Enteromorpha intestinalis) lên men có bổ sung khoáng để nuôi artemia	Phan, Lê Thanh Nhã	Ngô, Thị Thu Thảo	2019	Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng sử dụng bột rong bún (Enteromorpha intestinalis) lên men làm thức ăn cho Artemia franciscana thông qua việc đánh giá các chỉ tiêu như tăng trưởng, phát triển và sinh sản của Artemia franciscana. Artemia được nuôi trong keo thủy tinh 8 L chứa 2 L nước ở độ mặn 80ppt với mật độ nuôi 200 con/L trong 21 ngày với 4 nghiệm thức tương ứng với tỉ lệ thay thế của bột rong bún lần lượt là 0%, 25%, 50% và 100% trong khẩu phần cho ăn, mỗi nghiệm thức thức ăn sẽ được lặp lại 3 lần. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống và sinh khối thu được cao nhất ở nghiệm thức cho ăn 100% thức ăn tôm sú ($85,67 \pm 1,61\%$ và sinh khối thu được $3,34 \pm 0,28$ g), thấp nhất ở nghiệm thức 4 cho ăn 100% SCD ($56,33 \pm 1,53\%$ và sinh khối thu được chỉ đạt $1,21 \pm 0,17$ g). Chiều dài Artemia đạt cao nhất ở nghiệm thức 2 thay thế 25% bột rong bún SCD ($7,60 \pm 0,84$ mm) vào ngày nuôi thứ 14. Sức sinh sản của Artemia cao nhất khi cho Artemia ăn 100% thức ăn tôm sú ($84,43 \pm 6,98$ trứng/con cái) và thấp nhất ở nghiệm thức cho ăn 100%SCD ($41,07 \pm 6,73$ trứng/con cái). Đánh giá chung về tỉ lệ sống, tăng trưởng, sức sinh sản trong suốt quá trình thí nghiệm luôn cao nhất nghiệm thức cho ăn 100% thức ăn tôm sú và nghiệm thức cho ăn kết hợp 75% thức ăn tôm sú với 25%SCD, đồng thời giữa 2 nghiệm thức này khác biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$). Kết quả cho thấy khả năng thay thế bột rong bún lên men (SCD) làm thức ăn cho Artemia franciscana với tỉ lệ thay thế 25% sẽ cho hiệu quả cao nhất.

4652	Đại học	Nghiên cứu bổ sung khoáng nhằm nâng cao giá trị dinh dưỡng của bột rong bún (<i>Enteromorpha intestinalis</i>) lên men	Phạm, Cẩm Tú	Ngô, Thị Thu Thảo	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá khả năng sử dụng bột rong bún (<i>Enteromorpha intestinalis</i>) lên men làm thức ăn cho <i>Artemia franciscana</i> thông qua các chỉ tiêu về sinh trưởng và tỷ lệ sống của <i>Artemia franciscana</i> . <i>Artemia</i> được nuôi trong chai nhựa 1,5L với mật độ thả là 200 con/L, độ mặn 80ppt được sục khí và chiếu sáng liên tục trong 21 ngày nuôi. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức được lặp lại 3 lần với lượng khoáng khác nhau. Trong đó, SCD là nghiệm thức đối chứng và 3 nghiệm thức còn lại gồm SCD-1, SCD-3, SCD-5 với mức bổ sung khoáng lần lượt là 1 gam, 3 gam và 5 gam khoáng. Kết quả cho thấy nghiệm thức khẩu phần ăn 100% SCD cho kết quả cao hơn so với bổ sung hàm lượng khoáng khác nhau về tăng trưởng và sinh sản, tỷ lệ sống không bị ảnh hưởng bởi hàm lượng khoáng trong khẩu phần ăn.
4653	Đại học	Đa dạng thành phần loài thực vật nổi ở khu vực nuôi tôm nước lợ-mặn thâm canh tại Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng	Phan, Yến Nhi	Võ, Nam Sơn	2019	Mục tiêu của nghiên cứu là xác định tính đa dạng thành phần loài thực vật nổi vùng nuôi tôm nước lợ tại tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Mẫu thực vật nổi được thu ở 29 điểm vào tháng 6 và tháng 9 năm 2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố chất lượng nước như DO, BOD5, COD, PO43-, TSS không có sự biến động lớn giữa hai đợt khảo sát. Độ mặn ở các điểm thu thuộc tỉnh Cà Mau cao hơn các điểm thu khác, đặc biệt vào đợt 1. Hàm lượng NO3- và TAN ở đợt 1 cao hơn đợt 2 ở hầu hết các điểm thu mẫu. Tổng cộng có 256 loài thực vật nổi được xác định khu vực nghiên cứu. Trong đó tảo khuê có thành phần loài phong phú nhất với 153 loài (58%), kế đến là tảo lục có 55 loài (20%), các ngành khác biến động từ 8-30 loài (3-11%). Số loài thực vật nổi dao động từ 11-45 loài và 16-42 loài lần lượt cho đợt 1 và đợt 2. Thành phần loài thực vật nổi tại các điểm thu ở sông nhánh có xu hướng cao hơn sông chính. Mật độ thực vật nổi biến động từ 1.792-35.750 ct/L cho thấy môi trường nước ở khu vực nghiên cứu có mức độ dinh dưỡng thấp. Chỉ số đa dạng Shannon-Weiner (H') biến động lần lượt từ 0,9-2,9 ở đợt 1 và 1-2,8 ở đợt 2 cho thấy thành phần thực vật nổi có tính đa dạng cao.

4654	Đại học	Ảnh hưởng của dây thuốc cá (<i>Derris elliptica</i>) lên ấu trùng artemia ở các độ mặn và nhiệt độ khác nhau	Phạm, Thị Tuyết Trinh	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Trong thí nghiệm này <i>Artemia franciscana</i> được thử nghiệm với mười nồng độ dây thuốc cá là 0ppm (đối chứng)-1,5ppm với bước nhảy là 0,15ppm ở các môi trường nuôi có độ mặn (40ppt, 50ppt, 60ppt) và nhiệt độ khác nhau (280C, 300C, 320C) nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của độ độc cấp tính lên tỷ lệ sống và tăng trưởng của chúng. <i>Artemianauplii</i> được bố trí nuôi trong các cốc nhựa có thể tích 220ml chứa 100ml nước nuôi, mật độ 10 nauplii/100ml, độ và được theo dõi trong 48 giờ kể từ sau khi dung dịch thuốc cá (rotenone) được bỏ vào môi trường nuôi. Trong suốt thí nghiệm <i>Artemia</i> được cho ăn tảo tươi <i>Chaetoceros calcitrans</i> hàng ngày với 50,000tb tảo/cá thể. Đối với thí nghiệm nhiệt độ, độ mặn được giữ ở 50ppt và các điều kiện thí nghiệm thì tương tự như thí nghiệm độ mặn. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống và tăng trưởng của <i>Artemia</i> đều bị ảnh hưởng bởi độ mặn, nhiệt độ và liều lượng thuốc cá (LLTC), tuy nhiên ảnh hưởng của LLTC là ngắn hơn ở các độ mặn (chỉ 24h) trong khi dài hơn khi thử nghiệm với nhiệt độ (48h). Đa số <i>Artemia</i> chết ở LLTC từ 1,35ppm trở lên ở bất kỳ độ mặn và nhiệt độ nào và tăng trưởng của <i>Artemia</i> ở các NT có thuốc cá đều chậm hơn so với đối chứng. LC50 biến động từ 0,37-0,65 tùy theo độ mặn và 0,37-0,65 tùy theo nhiệt độ nhưng theo khuynh hướng giảm với thời gian thử nghiệm và mức tăng độ mặn hoặc nhiệt độ
4655	Đại học	Nghiên cứu một số hóa chất cải thiện chất lượng nở cho trứng bào xác artemia	Phạm, Thị Ánh Tuyết	Nguyễn, Văn Hòa	2019	Trong thí nghiệm này, ba nguồn trứng <i>Artemia</i> thương mại được sử dụng bao gồm trứng Vĩnh Châu, trứng Nga và trứng Mỹ. Hóa chất được sử dụng là H ₂ O ₂ với các liều lượng 3%, 5% , 7% và NaHCO ₃ liều lượng 10g, 15g, 20g nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của H ₂ O ₂ và NaHCO ₃ (Baking Soda) lên việc cải thiện chất lượng nở. Mẫu được cho nở trên đĩa petri, các chỉ tiêu kiểm tra gồm tỷ lệ nở (HP), tốc độ nở (HR), thời gian nở và tính nở đồng bộ. Kết quả cho thấy, sau khi sử dụng 2 loại hóa chất tỉ lệ nở của 3 dòng trứng có sự khác biệt rõ rệt, trong đó liều lượng hóa chất là nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc nâng cao tỉ lệ nở (tăng thêm từ 10% đến 25% so với đối chứng). Tuy nhiên nguồn trứng cũng có ảnh hưởng kết hợp với loại hóa chất sử dụng. Việc sử dụng H ₂ O ₂ ở liều 3% có hiệu quả tốt nhất với trứng Mỹ: HP cao nhất là 87,31 ± 0.02%, thời gian nở ngắn đi từ 6-12 giờ) trong khi NaHCO ₃ lại có tác dụng tốt với trứng Vĩnh Châu, tỉ lệ nở cao nhất là 91,06 ± 0,06%, thời gian nở là 14,8 ± 1,8 giờ, ở liều lượng hóa chất 20g/L.

4656	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ tôm thẻ (Litopenaeus vannamei) kết hợp với rau muống (Ipomoea aquatica) trong hệ thống aquaponic	Tôn, Thị Hồng Thắm	Hứa, Thái Nhân	2019	Mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định được mật độ tôm thẻ (Litopenaeus vannamei) phù hợp trong hệ thống tuần hoàn aquaponic kết hợp với rau muống (Ipomoea aquatica). Đề tài được thực hiện gồm 3 nghiệm thức (NT) mật độ tôm khác nhau gồm 140 con/bể (NT1), 175 con/bể (NT2), 210 con/bể (NT3) kết hợp với cùng một mật độ rau 120 rọ rau/m ² với 3 lần lặp lại, diện tích trồng rau là 1m ² /NT. Tôm có khối lượng trung bình ban đầu là 0,51 gam/con được nuôi trong bể composite 350 L với độ mặn 5‰. Thời gian thí nghiệm 53 ngày/ 2 chu kỳ rau. Kết quả thí nghiệm cho thấy hàm lượng TAN, NO ₂ -N, NO ₃ -, PO ₄ - đều nằm trong giới hạn phù hợp cho sự phát triển của tôm và rau. Tuy nhiên ở NT1, NT2 có hàm lượng TAN và NO ₂ -N có xu hướng giảm từ bể tôm sang bể rau nhiều hơn so với NT3, kết quả này cho thấy được khả năng chuyển hóa và hấp thu chất dinh dưỡng ở 2 NT này hiệu quả hơn so với NT3. Tăng trưởng về trọng lượng và chiều dài của tôm ở các NT khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Ngược lại, tỷ lệ sống của tôm ở các NT khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,05$), trong đó tỷ lệ sống cao nhất là ở NT1 (99,3%) và khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p = 0,05$) so với 2 NT còn lại. Kết quả còn cho thấy năng suất của rau ở các NT tương đối cao và khác biệt không có ý nghĩa thống kê, đạt cao nhất ở NT2 (5,24 kg/m ²) đến NT3 (4,78 kg/m ²) và NT1 (4,47 kg/m ²). Nhìn chung thí nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp với rau muống ở NT1 (140 con/bể) và NT2 (175 con/bể) trong hệ thống tuần hoàn aquaponic tăng hiệu quả sử dụng thức ăn đồng thời duy trì chất lượng môi trường nước, tỷ lệ sống tôm, năng suất tôm và rau cao.
4657	Đại học	Nghiên cứu ương giống cá chim vây vàng (Trachinotus blochii) trong lồng với mật độ khác nhau	Trương, Thị Băng Strong	Lý, Văn Khánh	2019	Nghiên cứu ương cá chim vây vàng (Trachinotus blochii) trong lồng với các mật độ khác nhau được thực hiện từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 tại xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang nhằm tìm ra mật độ thích hợp trong ương giống cá chim vây vàng trong lồng. Nghiên cứu được thực hiện với 3 nghiệm thức mật độ 200, 300, 400 con/m ³ , cá có khối lượng ban đầu trung bình $1,88 \pm 0,26$ g được bố trí trong các lồng lưới có thể tích là 3 m ³ , lồng được đặt ngập trong nước 1,0 m, mắt lưới lồng là 0,8 cm, cho cá ăn hoàn toàn thức ăn công nghiệp (44% đạm, lipid 13%), thời gian thí nghiệm là 30 ngày. Kết quả sau 30 ương ở cả 3 chỉ tiêu tăng trưởng về chiều dài, khối lượng, tỷ lệ sống và hệ số phân cỡ giữa các nghiệm thức điều khác biệt không có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa ($p > 0,05$). Có thể ương cá chim vây vàng trong lồng ở mật độ 400 con/m ³ .

4658	Đại học	Khảo sát thành phần loài động vật nổi vùng nuôi tôm nước lợ thuộc các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau	Phan, Trung Hậu	Võ, Nam Sơn	2019	Mục tiêu nghiên cứu là xác định tính đa dạng thành phần loài động vật nổi nhằm sử dụng chúng làm sinh vật chỉ thị trong đánh giá chất lượng nước ở vùng nuôi tôm nước lợ thuộc các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Mẫu động vật nổi được thu tại 29 điểm vào 2 đợt tháng 3/2019 và tháng 6/2019. Kết quả cho thấy ghi nhận được tổng cộng 95 loài động vật nổi. Trong đó, Protozoa có số loài đa dạng nhất với 38 loài (40%), kế đến là Rotifera với 29 loài (31%), các nhóm còn lại biến động từ 6-13 loài tương ứng 6-14%. Thành phần loài động vật nổi biến động cao nhất tại Sóc Trăng (đợt 1 và đợt 2 lần lượt là 45 loài, 58 loài), biến động thấp nhất là tại Cà Mau với đợt 1 và đợt 2 đều có 35 loài. Mật độ động vật nổi biến động cao nhất tại Sóc Trăng (68.753-1.908.500 cá thể/m ³) và thấp nhất là tại Bạc Liêu (42.701-1.144.271 cá thể/m ³) cho thấy môi trường vừa có độ dinh dưỡng cao và vừa bị ô nhiễm. Chỉ số đa dạng H' biến động từ 1,75-2,15 cho thấy chất lượng nước ở khu vực nghiên cứu chỉ ô nhiễm ở mức độ trung bình.
4659	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên tỷ lệ sống, sinh trưởng-sinh sản và vòng đời của artemia Vĩnh Châu	Thái, Hồng Ngọc	Nguyễn, Thị Hồng Vân	2019	<i>Artemia franciscana</i> Vĩnh Châu được nuôi ở 9 độ mặn là 40‰; 50‰; 60‰; 70‰; 80‰; 90‰; 100‰; 110‰; 120‰ nhằm đánh giá ảnh hưởng của độ mặn lên tỷ lệ sống, tăng trưởng và sinh sản của <i>Artemia franciscana</i> . Kết quả cho thấy độ mặn ảnh hưởng đến tỉ lệ sống và chiều dài của <i>Artemia</i> kể từ ngày 7 trở đi, các độ mặn thấp hơn 80‰ có tỉ lệ sống và chiều dài tốt hơn so với ở các mức cao hơn (60‰ so với 55‰; 6,5-6mm so với 4,5-5mm; p<0,05). Kết quả cũng chỉ ra rằng ở các mức độ mặn 60-80‰ thì <i>Artemia</i> có vòng đời dài và sinh sản cũng tốt nhất, khả năng sinh sản của chúng ở các độ mặn này gấp 2-3 lần so với các độ mặn khác. Bên cạnh đó, tỷ lệ đẻ trứng quan sát được khá cao ở các độ mặn thấp từ 60‰ trở xuống (37-48%) trong khi rất thấp ở độ mặn 120‰ (8%). Nhìn chung ở độ mặn từ 60-80‰ là điều kiện tốt nhất cho sự sinh trưởng và sinh sản của <i>Artemia franciscana</i> .
4660	Đại học	Ảnh hưởng của mực nước và tỉ lệ thay nước khác nhau đến tăng trưởng, năng suất và chất lượng rong nho (<i>Caulerpa lentillifera</i>)	Thạch, Thị Kim Liên	Nguyễn, Thị Ngọc Anh Lê, Văn Thông	2019	Nghiên cứu nuôi trồng rong nho (<i>Caulerpa lentillifera</i>) trong bể lót bạt được bố trí hai nhân tố gồm 4 nghiệm thức (2 mức nước: 40 và 80 cm x 2 tỉ lệ thay nước: 25% và 50%/tuần), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Rong nho được nuôi trồng trong bể 1 m ² ở độ mặn 30 ppt và sục khí liên tục với mật độ ban đầu là 1 kg/m ² . Bọt cá làm nguồn dinh dưỡng với liều 70 g/m ³ và tần suất bón 3 ngày/lần trong 45 ngày. Kết quả cho thấy mức nước ảnh hưởng nhiều (p<0,05) đến tăng trưởng và năng suất rong nho trong khi tỉ lệ thay nước ít ảnh hưởng (p>0,05) và sự tương tác không có ý nghĩa đối với hai chỉ tiêu này (p>0,05). Nghiệm thức mức nước 80 cm- tỉ lệ thay nước 50%, rong nho đạt tốc độ tăng trưởng (5,38%/ngày), năng suất thân đứng rong nho (9,9 kg/m ²) và tỉ lệ thân đứng (88,2%) và thân đứng thương phẩm (7,1%) đạt cao hơn so với nghiệm thức 40 cm-50% (5,13%/ngày, 6,7 kg/m ² , 80,3% và 6,1%). Thêm vào đó, tỉ lệ thay nước 50% thì rong nho có màu sắc tươi sáng cùng với các quả cầu phân bố đều và dày hơn so với tỉ lệ 25%. Kết quả nghiên cứu này cho thấy rong nho được trồng bể lót bạt với mực nước 80 cm và tỉ lệ thay nước 50%/tuần là thích hợp trồng rong nho có chất lượng thương phẩm tốt nhất.

4661	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc	Trịnh, Hùng Chiêu	Châu, Tài Tảo	2019	Nghiên cứu nhằm xác định mật độ nuôi tôm thích hợp nhất cho sự sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng nuôi theo công nghệ biofloc. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức ở các mật độ khác nhau: (i) 100 con/m ³ , (ii) 150 con/m ³ , (iii) 200 con/m ³ và (iv) 250 con/m ³ . Mỗi nghiệm thức lặp lại 3 lần, bể nuôi tôm có thể tích 1m ³ , độ mặn 15‰, tỷ lệ C:N=12, tôm nuôi có khối lượng ban đầu là 0,61g. Kết quả nghiên cứu cho thấy sau 60 ngày nuôi các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, pH, TAN, NO ₂ ,...) nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của tôm thẻ chân trắng. Tôm ở nghiệm thức mật độ 100 con/m ³ có khối lượng 16,69±0,23 g/con và tỉ lệ sống 96,7±2,25% cao nhất và hệ số thức ăn thấp nhất khác biệt có ý nghĩa thống kê (p< 0,05) so với các nghiệm thức còn lại. Năng suất của tôm thu được thấp nhất ở nghiệm thức 100 con/m ³ là 1,43 kg/m ³ khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với nghiệm thức 250 con/m ³ , nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05) so với 2 nghiệm thức lại. Từ đó có thể kết luận rằng nuôi tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc ở mật độ 100 con/m ³ là tốt nhất.
4662	Đại học	Thực nghiệm mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i> De Man, 1897) thương phẩm sử dụng giống tách đực và giống không tách đực trong mương vườn dừa ở tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Thu Trang	Dương, Nhật Long Lam, Mỹ Lan	2020	Đề tài thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá sự tăng trưởng, tỷ lệ sống, năng suất và hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm càng xanh từ nguồn giống không tách đực và giống tách đực trong mương vườn dừa, làm cơ sở khoa học cải tiến quy trình kỹ thuật, thúc đẩy nghề nuôi tôm càng xanh phát triển. Thí nghiệm được bố trí theo hai nghiệm thức nuôi thương phẩm từ nguồn giống tách đực và không tách đực. Kết quả cho thấy, các yếu tố về môi trường (nhiệt độ, pH, oxy hòa tan, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ -) đều nằm trong khoảng thích hợp cho tôm càng xanh sinh trưởng và phát triển. Sau 6 tháng nuôi, khối lượng, tốc độ tăng trưởng tuyệt đối, năng suất của tôm ở nghiệm thức 1 là (51,06±0,51 g/con), (0,04 – 0,51 g/ngày), (471±29 kg/ha) cao hơn và khác biệt có nghĩa thống kê (p<0,05) so với nghiệm thức 2 (47,13±8,22 g/con), (0,03 – 0,47 g/ngày), (418±37 kg/ha). Tuy nhiên, tỷ lệ sống của nghiệm thức 1 (22,9±2,1%) thấp hơn nghiệm thức 2 (28,7±7,6%). Lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận ở nghiệm thức 1 (19,62 triệu/ha), (34%) cao hơn nghiệm thức 2 (5,16 triệu/ha), (8%) và khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Qua kết quả thực nghiệm cho thấy, sử dụng giống ương tách đực mang lại hiệu quả cao hơn việc sử dụng hoàn toàn giống không tách đực.

4663	Đại học	Đặc điểm hình thái và dinh dưỡng cá trên bầu (Ompok bimaculatus)	Mai, Ngọc Châu	Dương, Thúy Yên	2020	Nghiên cứu này nhằm so sánh đặc điểm hình thái và dinh dưỡng cá trên bầu ở một số nơi vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mẫu cá trên bầu được thu ở 3 địa điểm An Giang (N=40), Cần Thơ (N=35), Long An (N=10). Mẫu cá được đo các chỉ tiêu sinh trắc (tỉ lệ các chỉ tiêu phần thân so với dài chuẩn và phần đầu so với dài đầu) và các chỉ tiêu đếm (số lượng tia, gai ở vi). Kết quả cho thấy mối quan hệ giữa chiều dài (L) và khối lượng (W) của cá trên bầu thể hiện khác nhau ở 3 địa điểm, qua phương trình: Cá trên bầu An Giang $WAG = 0,0443 * L^{2,3538}$ ($R^2 = 0,71$), Cần Thơ $WCT = 0,0075 * L^{2,951}$ ($R^2 = 0,92$), Long An $WLA = 0,0043 * L^{3,1491}$ (với $R^2 = 0,9844$). Nghiên cứu cho thấy các chỉ tiêu đếm dao động trong khoảng giống nhau nhưng 14/21 chỉ tiêu sinh trắc khác biệt có ý nghĩa giữa các quần thể ($P < 0,05$). Khi phân tích các chỉ tiêu đã điều chỉnh cho thấy có sự khác biệt không đáng kể giữa ba quần thể, chứng tỏ sự khác biệt các chỉ tiêu sinh trắc chủ yếu d ảnh hưởng của kích cỡ cá mà ít ảnh hưởng bởi môi trường sống. Tỉ lệ chiều dài ruột và chiều dài tổng dao động khoảng 0,7-1,04, cho thấy cá trên bầu là loài ăn động vật.
4664	Đại học	Ảnh hưởng nồng độ Butyrate đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá rô phi đỏ (Oreochromis sp) giai đoạn nuôi thương phẩm	Tô, Thị Diễm My	Nguyễn, Văn Triều	2020	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng butyrate đến tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá rô phi đỏ (Oreochromis sp) trong giai đoạn nuôi thương phẩm. Nghiệm thức (NT) được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với hàm lượng butyrate khác nhau bao gồm NT1 (nghiệm thức đối chứng 1) 0 kg/tấn thức ăn, NT2 (0,5 kg/tấn thức ăn), NT3 1,0 kg/tấn thức ăn, NT4 (2,0 kg/tấn thức ăn), các nghiệm thức được bố trí với mật độ 90 con/giai. Sau 90 ngày nuôi tỷ lệ sống của 4 nghiệm thức đều lớn hơn 70 %. Khối lượng cá dao động từ 114,1-136,3 g/con Trong đó, NT4 có tốc độ tăng trưởng khối lượng theo ngày cao nhất đạt 1,4 g/ngày, thấp nhất là NT1 chỉ đạt 1,15 g/ngày. Tốc độ tăng trưởng đặt biệt dao động từ 2,66-2,85 %/ngày, các nghiệm thức không có sự khác biệt. Hệ số tiêu tốn thức ăn của NT2 nhỏ nhất ($1,15 \pm 0,01$), cao nhất là NT1 ($1,28 \pm 0,05$). Kết quả thu được có thể kết luận rằng việc bổ sung butyrate với hàm lượng 0,5 kg/tấn thức ăn không ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của cá nhưng nó giúp cá tăng trưởng nhanh, đạt năng suất cao, giảm chi phí thức ăn.

4665	Đại học	Tăng trưởng của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) từ các tổ hợp lai chéo ở giai đoạn nuôi thương phẩm	Phạm, Thị Thu Nguyệt	Dương, Thúy Yên	2020	Nghiên cứu nhằm đánh giá tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng ở giai đoạn nuôi thương phẩm từ các phép lai chéo để làm cơ sở cho chọn giống. Cá giống được lai chéo từ 3 nguồn cá khác nhau gồm: cá trê vàng tự nhiên ở Cà Mau (CM), cá trê vàng tự nhiên ở Hậu Giang (HG) và cá trê vàng nuôi ở Cần Thơ (CT). Cá được nuôi trong 90 ngày trên bể (500L) trong hệ thống tuần hoàn. Kết quả cho thấy tăng trưởng của cá cao nhất ở nghiệm thức CTxCM (Khối lượng cuối $W_{90} = 110,6 \pm 49,30$ g và tăng trưởng tuyệt đối (DWG) là $1,04 \pm 0,47$ g/ngày) và thấp nhất là cá của nghiệm thức HGxCT ($W_{90} = 56,95 \pm 17,04$ g và $DWG = 0,55 \pm 0,13$ g/ngày). Tuy nhiên, sự khác biệt về các chỉ tiêu tăng trưởng của cá ở các nghiệm thức không có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$). Tỉ lệ sống của cá đạt cao nhất là nghiệm thức CTxCM (80,1%) và thấp nhất là nghiệm thứ HGxCM (67,8%) và giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa ($P > 0,05$) Hệ số tiêu tốn thức ăn của cá dao động 0,85 đến 0,95 (ở nghiệm thức HGxC có hệ số FCR (0,85) thấp nhất), cho thấy cá HGxCT sử dụng hiệu quả nguồ thức ăn và khác biệt không có ý nghĩa giữa các tổ hợp lai chéo ($P > 0,05$). Co lai từ nguồn cá mẹ CT tăng trưởng nhanh nhất so với con lai từ nguồn cá m khác ($P < 0,05$). Ảnh hưởng của nguồn cá bố lên tăng trưởng của đàn con khôn có ý nghĩa ($P > 0,05$).
4666	Đại học	Ảnh hưởng của nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng (<i>Clarias macrocephalus</i>) giai đoạn nuôi thương phẩm	Lý, Thành Ngoan	Dương, Thúy Yên	2020	Nghiên cứu này nhằm xác định ảnh hưởng của ba nguồn cá bố mẹ đến tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá trê vàng giai đoạn nuôi thương phẩm, làm cơ sở cho việc chọn giống. Cá giống được sinh sản từ 3 nguồn cá khác nhau gồm: cá trê vàng tự nhiên của Cà Mau (CM), cá trê vàng tự nhiên của Hậu Giang (HG) và cá trê vàng nuôi của Cần Thơ (CT). Cá giống được nuôi trong 90 ngày trên bể (500L) trong hệ thống tuần hoàn. Kết quả cho thấy: cá CM có khối lượng thấp nhất ($94,92 \pm 55,36$ g) và cao nhất là cá CT ($154,05 \pm 61,26$ g). Tương tự, tăng trưởng tuyệt đối (DWG) ở nghiệm thức CM ($0,98 \pm 0,55$ g/ngày) và HG ($1,06 \pm 0,58$ g/ngày) thấp hơn có ý nghĩa so với cá CT ($1,47 \pm 0,48$ g/ngày). Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng tương đối (SGR) khác biệt không có ý nghĩa giữa ba nguồn cá. Tỉ lệ sống của cá dao động từ 76,5% (CM) đến 92,2% (CT) nhưng khác biệt giữa các nguồn cá không có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$). Hệ số tiêu tốn thức ăn của cá dao động từ 0,81 đến 0,86 và khác biệt không có ý nghĩa giữa ba nguồn cá ($P > 0,05$)

4667	Đại học	Thực nghiệm ương cá tra trong ao đất tại công ty cổ phần Nam Việt, tỉnh An Giang	Lưu, Thị Tuyết Nhung	Dương, Nhựt Long	2020	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10/2019 – 01/2020 tại công ty Cổ phần Nam Việt, tỉnh An Giang nhằm góp phần hoàn thiện quy trình ương cá tra giống; gồm 2 đợt ương, mỗi đợt ương trên 3 ao với diện tích 7.000 m ² , độ sâu 1,2 – 1,5 m, mật độ thả 1.000 con/m ² . Các yếu tố môi trường (nhiệt độ, pH, Oxy hòa tan, NH ₃ , độ trong) đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cá tra. Cá được thu hoạch sau 2 tháng ương, ở Đợt 1 thu được là 10.127 ± 2.883 (kg/ha) với khối lượng trung bình là 12,57 ± 1,61 (g/con), chiều dài trung bình là 11,76 ± 0,53 (cm/con), tỉ lệ sống đạt 8,1 ± 2,2 (%), FCR là 1,01 ± 0,10, lợi nhuận đạt 53.171.400 (đồng/ha), ở Đợt 2 thu được là 12.280 ± 1.137 (kg/ha) với khối lượng trung bình là 13,01 ± 1,51 (g/con), chiều dài trung bình là 12,26 ± 0,27 (cm/con), tỉ lệ sống đạt 9,4 ± 0,8 (%), FCR là 0,91 ± 0,05, lợi nhuận đạt 96.401.400 (đồng/ha).
4668	Đại học	Đặc điểm hình thái và dinh dưỡng cá kết (Kryptopterus bleekeri Gunther, 1864)	Đặng, Ái My	Dương, Thúy Yên	2020	Nghiên cứu này nhằm cung cấp thông tin về đặc điểm hình thái và dinh dưỡng của cá kết ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Mẫu cá kết được thu ở tỉnh An Giang (42 mẫu) và Cần Thơ (42 mẫu). Mẫu cá được xác định các chỉ tiêu đếm và đo hình thái để xác định các chỉ tiêu sinh trắc (tỉ lệ số đo phần thân và đầu trên chiều dài chuẩn hoặc chiều dài đầu). Đặc điểm dinh dưỡng của cá được xác định thông qua giải phẫu quan sát các cơ quan tiêu hóa và tỉ lệ chiều dài ruột so với chiều dài cơ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy các chỉ tiêu sinh trắc khác biệt có ý nghĩa (p<0,05) giữa hai quần thể ở 10/19 chỉ tiêu. Sự khác biệt có ý nghĩa (p<0,05) thể hiện ở các chỉ tiêu: cao cuống đuôi (CPD), chiều dài vi ngực (PFL), dài gốc vi hậu môn (ABL), chiều dài đầu (HL), cao đầu 2 (HD2), cao đầu 3 (HD3), rộng đầu (HW), khoảng cách hai mắt (IOD), miệng trên (UJ), miệng dưới (LJ). Mối tương quan chiều dài và khối lượng của cá kết thể hiện qua phương trình khác nhau ở hai quần thể: ở Cần Thơ là $WCT=0,0023 \times L3,2001$ (với $R^2=0,9645$) và ở An Giang là $WAG=0,0057 \times L2,9116$ (với $R^2=0,9668$). Kết quả phân tích tỉ lệ chiều dài ruột so với chiều dài tổng (RGL) của cá kết có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,01). Thức ăn được tìm thấy trong dạ dày cá là tôm và cá nhỏ. Như vậy, kết quả trên cho thấy cá kết là loài ăn động vật.

4669	Đại học	Đặc điểm hình thái và sinh học sinh sản của cá ba kỳ đỏ (Cyclocheilichthys apogon)	Trần, Thị Vân Phụng	Dương, Thúy Yên	2020	Nghiên cứu này nhằm xác định đặc điểm hình thái và đặc điểm sinh học sinh sản cá ba kỳ đỏ. Mẫu cá được thu ở kinh U Minh Thượng – Kiên Giang và tổng cộng có 326 mẫu. Mẫu được thu từ tháng 7/2019 đến tháng 3/2020. Đặc điểm hình thái gồm chỉ tiêu đếm (số lượng tia, gai ở vi) và chỉ tiêu sinh trắc (tỉ lệ số đo phần thân và đầu trên chiều dài chuẩn và dài đầu) được phân tích sự khác biệt so với tài liệu trước đó. Đồng thời, xác định đặc điểm sinh học sinh sản của cá ba kỳ đỏ. Kết quả nghiên cứu cho thấy chiều dài và khối lượng của cá ba kỳ đỏ có mối tương quan chặt chẽ thể hiện qua phương trình $WBKĐ=0,0098L3,0904$ (với $R^2=0,278$, $n=244$). Đa số các chỉ tiêu sinh trắc (14/21 chỉ tiêu) khác biệt có ý nghĩa giữa cá đực và cá cái, trong đó khác biệt rõ nhất ở phần đầu và cao thân. Đặc điểm hình thái cá ba kỳ đỏ dễ dàng phân biệt so với các loài cùng họ ở những đặc điểm như có một đốm đen ở vi đuôi và màu đỏ cam ở các vi hậu môn, vi lưng, vi đuôi. Tỉ lệ cá có tuyến sinh dục ở giai đoạn IV và hệ số thành thực (GSI) tăng nhanh từ tháng 9 và cao nhất ở tháng 12. Sức sinh sản tuyệt đối trung bình là 5.073 ± 2.052 trứng/ con cái, sức sinh sản tương đối trung bình là 107.486 ± 34.457 trứng/ kg cá cái, đường kính trứng trung bình là $0,10\pm 0,00$ mm. Kết quả nghiên cứu đã bổ sung các đặc điểm hình thái và cung cấp thêm thông tin đặc điểm sinh sản của cá ba kỳ đỏ.
4670	Đại học	Ảnh hưởng nồng độ hormone 17alpha Methyltestosteron đến tỷ lệ chuyển đổi giới tính của cá rô phi đỏ (Oreochromis sp) trong hệ thống tuần hoàn nước	Phạm, Thị Diễm Mi	Nguyễn, Văn Triều	2020	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định sự ảnh hưởng nồng độ hormon 17- α -methyltestosterone đến tỷ lệ chuyển đổi giới tính, tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá rô phi đỏ trong điều kiện hệ thống tuần hoàn nước. Cá rô phi đỏ giai đoạn cá bột 4 ngày sau khi nở, được hóa bằng phương pháp cho ăn hormon 17- α -methyltestosterone ở 3 nồng độ 40-60-80 mg/kg thức ăn thời gian cho ăn 21 ngày, mật độ 200 con/bể trong điều kiện hệ thống tuần hoàn nước. Sau 45 ngày thí nghiệm, tỷ lệ được hóa 77,8-92,2% (trung bình 85,2%), tỷ lệ sống 88,3-91,1% (trung bình 90,0%) và trung bình tăng trưởng chiều dài, khối lượng (5,11 cm, 2,24g). Tỷ lệ được hóa đạt cao nhất khi sử dụng hormon 17- α -methyltestosterone ở nồng độ 60 mg/kg thức ăn (92,2. Kết quả thí nghiệm chứng tỏ rằng với nồng độ hormon 17- α -methyltestosterone 60 mg/kg thức ăn cho kết quả được hóa cá rô phi đỏ đạt hiệu quả tốt hơn so với nồng độ 40-80 mg/kg thức ăn. Tỷ lệ sống của cá được nâng lên khi sử dụng hệ thống tuần hoàn nước.

4671	Đại học	Thực nghiệm ương giống cá tra tại trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản Caseamex	Phạm, Thành Ngoan	Dương, Nhựt Long Nguyễn, Hoàng Thanh	2020	Cá tra bột <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> (Sauvage, 1878) được bố trí thực nghiệm trong ao đất với mật độ thả 1.000 con/m ² trên 3 ao, mỗi ao 2,500 m ² với 2 lần: TN1 được thực hiện từ tháng 8 - 10/2019 và TN2 từ tháng 11/2019 - 01/2020. Kết quả một số yếu tố môi trường theo dõi nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng của cá con. Sau thời gian 2 tháng ương, cá đạt khối lượng trung bình từ 11,44 - 13,45 (g/con). Chiều dài trung bình dao động từ 12,16 - 12,65 (cm/con). Tỷ lệ sống của cá tra ương cao nhất ở TN1 (12%) và thấp nhất là TN2 với (9%). FCR của tra ương TN1 là 0,95 thấp hơn so với TN2 là 0,96, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Năng suất trung bình ở các thực nghiệm (1, 2) lần lượt là 4035 (kg/ao) và 2669 (kg/ao), khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$). Lợi nhuận mang lại ở TN1 là 30.147.914 đ/ao, TN2 là 18.921.447 đ/ao. Ương cá sau 2 tháng ở TN1 mang lại hiệu quả cao hơn so với TN2.
4672	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ lên hiệu quả nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) xen canh trong ruộng lúa ở Thới Bình, Cà Mau	Nguyễn, Việt Huỳnh	Lam, Mỹ Lan Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2020	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của mật độ đến hiệu quả kỹ thuật của mô hình nuôi tôm càng xanh xen canh trong ruộng lúa vùng nước lợ. Thí nghiệm được bố trí làm 3 nghiệm thức mật độ tôm giống lần lượt là NT 1 (1,5 con/m ²), NT 2 (2 con/m ²), NT 3 (2,5 con/m ²), mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả thí nghiệm cho thấy, các yếu tố môi trường nước (nhiệt độ, độ kiềm, độ mặn, pH, oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻) đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của tôm càng xanh. Sau thời gian ương nuôi 4 tháng, khối lượng tôm cao nhất ở nghiệm thức 1 là 49 g/con khác biệt có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức 2 là 42,5 g/con và nghiệm thức 3 là 40,3 g/con. Tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi được ước tính NT 1 là 48,4% và đạt 356 kg/ha, NT 2 là 44,8% và đạt 381 kg/ha và NT 3 là 42,4% và đạt 428 kg/ha. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận ở NT1 là 18,5 triệu và đạt 75,6%, NT2 là 17,05 triệu và đạt 60,4%, NT3 là 17,6 triệu và đạt 54,6%. Nuôi tôm càng xanh xen canh trong ruộng ở mật độ 1,5 con/m ² , có hiệu quả tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm nuôi cao hơn so với mật độ 2 và 2,5 con/m ² .
4673	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ lên hiệu quả nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) luân canh trong ruộng lúa ở tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Huỳnh Bá	Lam, Mỹ Lan Võ, Hoàng Liêm Đức Tâm	2020	Nghiên cứu nhằm xác định mật độ thích hợp của tôm trong mô hình nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) luân canh trong ruộng lúa ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thí nghiệm được thực trong 9 ô ruộng có diện tích 200 m ² Ba nghiệm thức mật độ tôm thả là 3, 4 và 5 tôm giống/m ² . Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả cho thấy nhiệt độ, độ kiềm, độ mặn, pH, oxy, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng của tôm càng xanh. Sau 4 tháng nuôi, khối lượng tôm ở nghiệm thức 1: 50,9 g/con, nghiệm thức 2: 46,5 g/con, nghiệm thức 3: 41,9 g/con. Tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi ở nghiệm thức 1 là 51,3% và đạt 783,3 kg/ha, nghiệm thức 2 là 43,3% và đạt 807,3 kg/ha và nghiệm thức 3 là 42,3% và đạt 871,6 kg/ha. Nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa luân canh với mật độ 3 con/m ² thì tôm tăng trưởng, tỷ lệ sống, năng suất và mang lại hiệu quả lợi nhuận tốt.

4674	Đại học	Thực nghiệm nuôi cá heo (<i>Yasuhikotakia modesta</i> Bleeker, 1865) trong vèo trong ao đất tại Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	Nguyễn, Văn Đình Anh	Lam, Mỹ Lan Nguyễn, Thanh Hiệu	2020	Thực nghiệm nuôi thương phẩm cá heo (<i>Yasuhikotakia modesta</i> Bleeker, 1865) trong vèo trong ao đất được thực hiện tại quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ để đánh giá tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá heo làm cơ sở phát triển mô hình nuôi. Thực nghiệm được thực hiện với 4 vèo mật độ 300 con/m ² . Cá giống có khối lượng $3,4 \pm 0,52$ g/con, cho ăn bằng thức ăn chế biến gồm cá nục xay và thức ăn công nghiệp. Kết quả cho thấy nhiệt độ, pH, Oxy, N-NH ₄ ⁺ độ trong nằm trong khoảng thích hợp cho sự sinh trưởng của cá heo. Sau 5 tháng nuôi thực nghiệm, khối lượng cá đạt trung bình $9,6 \pm 0,28$ g/con, tăng trưởng về khối lượng của cá heo trung bình là $6,2 \pm 0,12$ g/con, tỉ lệ sống là $62,8 \pm 0,29\%$, năng suất $1,81 \pm 0,02$ kg/m ² . Hệ số tiêu tốn thức ăn là $2,66 \pm 0,12$. Tỉ suất lợi nhuận $23,68 \pm 2,02\%$.
4675	Đại học	Thành phần động vật nổi ở ao ương cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Đỗ, Hiếu Nhân	Nguyễn, Thị Kim Liên	2018	Mục tiêu của nghiên cứu là xác định thành phần động vật nổi ở ao ương cá tra giai đoạn 1 tháng tuổi. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7-9/2017 tại công ty Caseamex- TP Cần Thơ. Tổng cộng có 11 đợt thu mẫu, chu kỳ 3 ngày/lần tại 3 điểm gồm 2 ao thí nghiệm và kênh cấp. Mẫu động vật nổi được thu bằng lưới phiêu sinh động vật (60 µm) để xác định thành phần loài và mật độ của động vật nổi ở ao ương cá tra. Kết quả đã xác định được tổng cộng 35 loài, trong đó Rotifera có thành loài loài cao nhất (16 loài), kế đến là Cladocera (8 loài), các nhóm còn lại biến động từ 1-6 loài. Thành phần loài động vật nổi ở ao ương cao hơn kênh cấp ở hầu hết các đợt khảo sát. Mật độ động vật nổi trong ao ương cá tra ghi nhận được cao hơn nhiều so với kênh cấp với mật độ tương ứng từ 383.917 - 3.799.917 cá thể/m ³ và 65.000-264.550 cá thể/m ³ lần lượt cho ao cá tra và kênh cấp. Nhìn chung, thành phần động vật nổi ở ao ương cá tra rất phong phú và là nguồn thức ăn tự nhiên rất tốt cho cá, đặc biệt ở giai đoạn nhỏ. Từ khóa: Động vật nổi, thành phần loài, mật độ, Cá tra

4676	Đại học	An Investigation into the Strategies Applied by English Interpretation and Translation-majored Juniors at School of Foreign Languages, Cantho University to Tackle Difficulties of Cultural Terms in Translation	Hoàng, Quang Huy	Vương Lê, Thiên Thanh	2018	In recent decades, culture translation is considered as one of the most important fields in the translation area. Actually, translating cultural terms may not be an easy work for translators, especially to EIT majored students. Accordingly, the translators have to face several challenges related to cultural terms in their translation. In the context of Can Tho University, there are little studies conducted to examine the difficulties of cultural terms and popular strategies applied to tackle these challenges. As a result, to fill the gap of the existing studies, this study was carried out to investigate cultural terms which create difficulties for English Interpretation and Translation majored students, Course 42 of Can Tho University in the translation and common strategies used by students to tackle these challenges. Subsequently, the questionnaire with 34 questions was designed to examine 40 participants from EIT major of course 42. The findings, after that, revealed that students actually face difficulties in their translating cultural terms. In particular, the responses of the current study showed that all typically mentioned cultural terms in the study namely terms of environmental culture, terms of material culture terms of social culture, terms of cultural heritage and terms of linguistic culture created difficulties for participants at various levels. Besides, the responses of the participants indicated that all 15 listed strategies including adaptation, borrowing, calque, compensation, compression, description, equivalence, explicitation, generalization, literal translation, modulation particularisation, substitution, transposition and variation were applied by EIT majored students at Can Tho University to overcome challenges of cultural terms and have more successful translation.
4677	Đại học	Understanding Idioms: Is It As Easy As Abc to English-majored Seniors at Cantho University?	Nguyễn, Minh Phú	Nguyễn, Thị Việt Anh	2018	Although idioms play an important role in understanding languages, they are not paid more attention from the learners than other features such as grammar, pronunciation. Recognizing the importance of idioms, the researcher conducted a research to answer two research questions: (1) Which challenges do English-majored seniors at Can Tho University encounter when they use English idioms? (2) Why are idioms difficult to understand? In the methodology, 57 questionnaires are completed with enthusiastic help from 57 seniors at Can Tho University. The results presents that cultures, in particular cultural symbols, strongly affect the difficulties of idioms since idioms are closest to cultures. The seniors may not be knowledgeable about cultural symbols and they lack useful techniques to translate idioms. Furthermore, the disparity of English and Vietnamese cultural symbols makes idioms hard to translate and understand. In terms of explanation of idioms of difficulties, the grammar complexity is also a factor to make idioms hard. In addition, context may be a useful evidence for learners to translate idioms but seniors use literal meanings if they are not knowledgeable about cultures. Last but not least, idioms are used in different situations such as formal and informal conversations, reports, and studies.

4678	Đại học	FACTORS HINDERING THE CONFIDENCE OF ENGLISH-MAJORED STUDENTS IN GIVING ORAL PRESENTATIONS: A CASE STUDY OF ENGLISH-MAJORED SOPHOMORES AT CAN THO UNIVERSITY	Tran, Lam Tot	Nguyen, Thi Van Su	2019-04	Giving oral presentations in English has long been one of the most common form of assessment at tertiary education, especially in English-majored classes. However, the confidence of the presenters in those English-related courses are usually limited by several hindering factors which not only affect the quality of their oral performances but also demotivate them from studying English in general. The purpose of this study, therefore, is to attempt to investigate all possible factors which hinder the confidence of English majored students while delivering an English oral presentation. Via the employment of case study method as a purely qualitative research design, the study conducted a series of individual semi-structured interviews with nine English-majored sophomores from three English majors of the School of Foreign Languages at Can Tho University. Qualitative data analysis framework by Huberman and Miles (1994) and the coding procedures of grounded theory analysis by Creswell (2007) were applied for this research. The final results demonstrate that the nine cases of English-majored sophomores mostly encountered four main categories of hindering factors, i.e. cognitive factors, behavioural factors, affective factors and physical factors, with a variety of smaller hindrances as sub-categories. The study points out the recursive relationship among the groups of factors and concludes that physical factors are the most striking finding compared to previous research in the field and that affective factors affect the majority of participants under study, the latter of which mirrors findings by Tanveer (2007) and Mazouzi (2013). Practical implications and potential recommendations for further research in similar areas are then suggested.
4679	Đại học	Obstacles and Solutions to English Public Speaking from EFL students' voices: A case at Can Tho University	Nguyen, Thi Minh Tuyen	Thai, Cong Dan	2019	This research was conducted with the aim of clarifying the difficulties that exist in public speaking skills of students who are majoring in English Studies, Department of English Language and Culture, School of Foreign Languages, Can Tho University, including 100 participants. Using the descriptive method, the questionnaire was designed with two separate sections to collect students' opinions about difficulties and solutions towards English public speaking. The collected data would be encoded and inputted in SPSS 22.0 program for analysis and statistics. The findings illustrated that the difficulties mainly came from the lack of English speaking environment, limited vocabulary knowledge and low-self confidence. From careful analysis of the above limitations, the corresponding solutions have been proposed to rise some pedagogical implications for educators.

4680	Đại học	INVESTIGATING STUDENTS' ATTITUDES TOWARDS BLENDED LEARNING IN HIGH QUALITY PROGRAMS AT CAN THO UNIVERSITY	Nguyễn, Cao Cường	Huỳnh, Minh Hiền	2019-05	ABSTRACT This thesis presents a case study of students' perceptions towards Blended Learning course on ESL Classrooms and around the use of Blended Learning in High-Quality program at Can Tho University. Blended learning has become an attractive tendency in education worldwide since the internet develops quickly and attracts a vast number of users. In English language teaching and learning, blended learning offers a lot of promising potential in helping learners to acquire and improve their language competence. The current study was conducted in form of a questionnaire survey at Can Tho University in Vietnam to explore students' overall perceptions of blended learning as well as its benefits and challenges. All 90 participants in the present study have experienced learning English in a blended learning environment in two consequential semesters. The findings revealed that more than half of participants had good perceptions about the environment and perceived various benefits as well as challenges. However, the study implied that to make blended learning more effective in Vietnam context, more teacher involvement should be implemented.
4681	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng của một số loại rau dại trồng tại nhà	Nguyễn, Lâm Thảo Lan	Lê, Trần Thanh Liêm	2018	Nghiên cứu Khảo sát sự sinh trưởng của một số loại rau dại trồng tại nhà tại Phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được tiến hành trên 3 loại rau hoang dại là rau sam, rau cắng cua và rau cải trời được trồng trên giá thể hữu cơ trong thùng xốp. Nghiên cứu được lặp lại 5 lần và được bố trí theo kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên. Các chỉ tiêu về ngày nảy mầm, chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá và năng suất của từng loại rau đã được nghiên cứu. Bên cạnh đó, các phương pháp trồng khác nhau như: trồng bằng hạt, tái sinh bằng gốc và trồng bằng hom cũng đã được nghiên cứu. Trong đó, các kết quả nghiên cứu nổi bật nhất như sau

4682	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam sành của nông hộ trên địa bàn thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang	Thái, Văn Khánh	Lê, Văn Dề	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam sành của nông hộ trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại 3 xã Đại Thành, Tân Thành, Hiệp Lợi thuộc Thị Xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, thời gian thực hiện đề tài từ tháng 5/2018 đến tháng 12/2018. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả kinh tế của các nông hộ trồng cam sành từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ trồng cam sành trên địa bàn nghiên cứu. Số liệu sơ cấp của đề tài thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 60 nông hộ sản xuất cam sành tại 3 xã Đại Thành, Tân Thành và Hiệp Lợi, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu là phương pháp thuận tiện. Nội dung phân tích bao gồm: Phân tích hiện trạng, bên cạnh đó đề tài phân tích hiệu quả kinh tế thông qua phương pháp đo lường hiệu quả kinh tế bằng công cụ phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis) và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất cam sành của nông hộ bằng phương pháp hồi quy Tobit. Hiệu quả kinh tế đạt được là 42,0% ($EE= 0.420$) Cho thấy trên địa bàn nghiên cứu đạt hiệu quả kinh tế chưa đạt tối ưu. Kết quả phân tích hồi quy Tobit cho thấy các tác nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế nông hộ như: diện tích, kinh nghiệm, có hệ số tương quan thuận với hiệu quả kinh tế; lao động gia đình, có hệ số hồi quy nghịch với hiệu quả kinh tế. Đề cải thiện hiệu quả kinh tế kinh tế nông hộ điều chỉnh các mức đầu vào theo tỷ lệ tối ưu có tính đến giá tương đối của các yếu tố đầu vào trong sản xuất.
4683	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Võ, Thị Huỳnh Nga	Lê, Văn Dề	2018	Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những nơi có diện tích sản xuất lúa lớn trong cả nước. Lúa là một trong những cây lương thực chính và cũng là trọng điểm để phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho nông dân nông thôn tại địa phương. Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long” nhằm ước lượng hiệu quả kinh tế và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ. Từ đó, tìm ra giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long Đề tài được thực hiện dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 180 nông hộ sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sử dụng phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA và mô hình hồi qui Tobit để ước lượng hiệu quả kinh tế và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động sản xuất lúa ở vụ đông xuân mang lại lợi nhuận cao hơn ở vụ hè thu. Nông hộ vẫn có lời khi tính chi phí công lao động gia đình vào phí sản xuất. Kết quả của mô hình hồi qui cho thấy tuổi, giới tính, trang thiết bị nông nghiệp có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ.

4684	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng lân lên sinh trưởng và năng suất của bắp nù (Zea mays L) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Võ, Văn Mãi	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài “ Ảnh hưởng của liều lượng lân lên sinh trưởng và năng suất của bắp nù (Zea mays L) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.” Được thực hiện vào vụ hè thu tại trại thực nghiệm khu Hòa An, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, thuộc xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Từ tháng 7 đến tháng 11 năm 201, đề tài thí nghiệm với liều lượng phân lân như: Nghiệm thức 1 không bón, nghiệm thức 2: 0.521 Kg N+ 0 kg P + 0.133 kg K, nghiệm thức 3 : 0.521 Kg N + 0.4 kg P+ 0.133 Kg K, nghiệm thức 4: 0.521 Kg N + 0.45 Kg P+ 0.133 Kg K, nghiệm thức 5 : 0.521 Kg N + 0.5 Kg P + 0.133 Kg K, nghiệm thức 6 : 0.521 Kg N+ 0.55 Kg P + 0.133 Kg K, nghiệm thức 7: 0.521 Kg N + 0.6 Kg P + 0.133 Kg K, lên sinh trưởng của cây bắp nù, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với một nhân tố là lân và ba lần lặp lại vào thời điểm 10, 20 NSKT thì bắt đầu bón lân và đến ngày 30 cho đến thu hoạch các chỉ tiêu nông học và chỉ tiêu năng suất đều có tác động bởi lân, các nghiệm thức có khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 5 % nghiệm thức bón 0.55 kg lân, cho kết quả tối ưu nhất so với các nghiệm thức còn lại. Tóm lại việc bón lân làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu nông học và chỉ tiêu cấu thành năng suất của cây bắp nù khi trong trại thực nghiệm Hòa An.
4685	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trên đất phèn	Lê, Minh Triết	Trần, Duy Phát	2018	Rau muống là cây rau phổ biến trong mọi bữa ăn của gia đình người Việt Nam, rau thích hợp phát triển trên nền đất giàu hữu cơ nhưng nông dân vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long lại không có thói quen sử dụng phân hữu cơ trong quá trình canh tác. Do đó đề tài “Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trên đất phèn” đã được thực hiện. Nhằm khuyến khích nông dân sử dụng phân hữu cơ tự ủ trong quá trình canh tác Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: không sử dụng phân bón; NT2: sử dụng 100% phân hóa học; NT3: sử dụng 2kg phân rơm ủ/m²; NT4: sử dụng 3kg phân rơm ủ/m²; NT5: sử dụng 4kg phân rơm ủ/m². Các NT sử dụng phân rơm ủ đều tưới bổ sung 600ml dung dịch vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân từ lúc gieo đến khi thu hoạch Kết quả thí nghiệm cho thấy NT bón phân hóa học có chiều cao, trọng lượng cây, năng suất tổng và năng suất thương phẩm cao nhất và khác biệt có ý nghĩa so với các NT còn lại. Tuy nhiên về dài lá, rộng lá và số lá thì cao hơn không ý nghĩa so với NT bón phân rơm ủ (4 kg/m²). Các NT bón phân rơm ủ (4 kg/m²) và (3 kg/m²) có cao cây, dài lá, rộng lá, trọng lượng cây, năng suất tổng và năng suất thương phẩm cao hơn có ý nghĩa so với NT không sử dụng phân bón. NT không sử dụng phân bón có các chỉ tiêu về sinh trưởng và năng suất thấp nhất và không khác biệt so với NT bón phân rơm ủ (2 kg/m²). Bón phân rơm ủ có bổ sung vi sinh với lượng từ 3 - 4kg /m² đã có ảnh hưởng tích cực đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trên đất phèn. Phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân chưa cho thấy ảnh hưởng rõ rệt đến hàm lượng vật chất khô của rau muống.

4686	Đại học	Khảo sát hiện trạng chăn nuôi bò sữa tại xã An Phú huyện Củ Chi	Huỳnh, Mạnh Khang	Nguyễn, Thiết	2018	Đề tài: “Khảo sát hiện trạng chăn nuôi bò sữa tại xã An Phú huyện Củ Chi” được thực hiện nhằm phân tích hiện trạng chăn nuôi của mô hình chăn nuôi bò sữa tại xã An Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh từ đó đưa ra giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ qua đó làm tăng thêm thu nhập cho nông hộ chăn nuôi bò sữa trong vùng nghiên cứu. Đề tài này được thực hiện từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp những nông hộ chăn nuôi bò sữa ở xã An Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với tổng số 30 mẫu. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, so sánh trung bình và phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình chăn nuôi bò sữa tại đây. Kết quả phân tích đã đánh giá được thực trạng của mô hình chăn nuôi bò sữa tại các nông hộ ở xã An Phú, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh: Tổng đàn đạt 755 con, trong đó 35,23% đang cho sữa, 39,34% hậu bị. Về kinh nghiệm trong chăn nuôi bò sữa của các nông hộ trung bình khoảng 15 năm. Người chăn nuôi đã tận dụng được nguồn cỏ tự nhiên và tận dụng diện tích để trồng cỏ. Chuồng trại thiết kế khá rộng rãi khoảng 218,37 m² tương đương 8,68 m²/bò. Hầu như nông hộ chăn nuôi còn thụ động trong việc phòng và trị bệnh cho bò, phụ thuộc vào cán bộ thú y. Đàn bò sữa thường mắc các bệnh như: viêm vú, viêm móng.... Trung bình để có được 10 kg sữa nông hộ phải cần khoảng 4,4 kg thức ăn tinh. Chi phí thức ăn hằng ngày của một con bò trung bình khoảng 77.551 VND, thì doanh thu từ sữa trung bình đạt 171.125 VND, tương đương 1 đồng vốn bỏ ra vào chi phí thì trung bình doanh thu sẽ là 1,21 đồng. Từ những phân tích về thực trạng chăn nuôi và các khó khăn gặp phải của nông hộ nuôi bò thì người chăn nuôi cần phải nâng cao hơn kỹ thuật phòng và trị bệnh cho bò sữa. Nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ chăn nuôi, thú y để đảm bảo tốt công tác chăm sóc cho đàn bò sữa. Thêm vào đó cần có những chính sách hỗ trợ nguồn vốn vay của nhà nước cho các nông hộ để đầu tư mở rộng trong chăn nuôi góp phần phát triển đàn bò sữa cũng như nâng cao đời sống cho những nông hộ nuôi bò sữa tại đây.
------	---------	---	-------------------	---------------	------	---

4687	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng quýt đường tại Thị Xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Mai, Ngọc Tuyền	Võ, Hồng Tú	2018	Ngày nay, trồng cây ăn quả là một phương án tốt cho những nhà vườn vì trồng cây ăn quả có thể mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nông hộ hơn những loại cây khác, trong số đó có quýt đường được người dân ở thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trồng nhiều do thuận lợi về mặt tài nguyên thiên nhiên cũng như khí hậu, sông ngòi, đất,.....thích hợp, đặc biệt cây quýt đường cũng rất dễ trồng và chăm sóc. Từ thực tiễn đó, đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất quýt đường trên địa bàn thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm: (i) Phân tích thực trạng sản xuất quýt đường trên địa bàn thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. (ii) Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất quýt đường và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trên địa bàn nghiên cứu. (iii) Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất quýt đường, cải thiện đời sống của họ. Đề tài chọn 40 nông hộ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đề tài đã lựa chọn sử dụng phương pháp DEA để ước lượng mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất quýt đường. Bên cạnh đó đề tài cũng sử dụng mô hình hồi quy tương quan đa biến để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế các nông hộ trồng quýt đường trên địa bàn thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Sau quá trình nghiên cứu đã cho ra kết quả đáng mong đợi, từ kết quả đó mà ta thấy được mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ sản xuất quýt đường trên địa bàn nghiên cứu là 37,9%. Với mức hiệu quả kinh tế trung bình đạt được thì chi phí tối thiểu là 52.031,43 nghìn đồng/ha. Trong đó chi phí thực tế trung bình của nông hộ là 111.887,9 nghìn đồng/ha. Qua kết quả ước lượng hiệu quả kinh tế cho thấy trong quá trình sản xuất quýt đường nông hộ phải đầu tư quá nhiều chi phí trong một khoảng thời gian dài mới có thể thu lại được lợi nhuận. Từ kết quả ước lượng cho thấy nông hộ cần điều chỉnh lại lượng phân bón sử dụng bón cho cây và lượng thuốc phòng trừ sâu bệnh sao cho hợp lý, kiểm soát lượng lao động chặt chẽ hơn để giảm thiểu chi phí đầu vào trong sản xuất. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố như: mật độ, giới tính, tập huấn, diện tích ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng quýt đường tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Bên cạnh đó các yếu tố: số năm kinh nghiệm, tín dụng không có ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất quýt đường của các nông hộ.
------	---------	--	-----------------	-------------	------	---

4688	Đại học	So sánh các giống lúa cao sản ngắn ngày năng suất cao, phẩm chất tốt, tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Việt Hùng	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh các giống lúa cao sản ngắn ngày năng suất cao, phẩm chất tốt, tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”. Đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại và 12 nghiệm thức tương ứng 12 giống lúa D253, OM359, D158, D169, D191, D262, D258, D268, MTL480, OM7347, OM9577 trong đó giống JASMINE làm giống đối chứng, 12 giống lúa đã được tuyển chọn từ trại giống Long Phú. Các giống lúa được áp dụng theo phương thức làm mạ sân và cấy mạ lúa 15 ngày tuổi, cây 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Kết quả thí nghiệm cho thấy có 2 giống lúa thích nghi tương đối tốt với điều kiện thời tiết thất thường, rầy nâu, sâu cuốn lá và bệnh đạo ôn. Đồng thời cho năng suất cao và phẩm chất tốt là + Giống SH2161 có thời gian sinh trưởng 96 ngày, năng suất thực tế 10.7 tấn/ha, phẩm chất tốt, dạng gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên 48.4%, kháng đạo ôn cấp 1 + Dòng D6-3 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất thực tế 10.22 tấn/ha, phẩm chất tốt, dạng gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên 44.7%, kháng đạo ôn cấp 1.
4689	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày A1 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Phan, Thanh Toàn	Nguyễn, Thành Trục	2018	Đề tài “So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày A1 tại Hòa An – Phụng Hiệp – Hậu Giang” được thực hiện nhằm tìm ra giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh, thích nghi với điều kiện canh tác tại địa phương phục vụ nhu cầu sản xuất. Giống lúa có nguồn gốc từ Trại giống Long Phú. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại, gồm 12 giống lúa: LP8, LP2, OM18, OM20, D1 – 2, LP29, D53-8, D536, OM138, LP15, JASMINE và giống đối chứng OM 5451. Các giống lúa được cấy khi mạ 15 ngày tuổi với khoảng cách 15 x 20 (cm). Phân N – P – K bón theo công thức 90 – 60 – 30. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm: thời gian sinh trưởng, số chồi, chiều cao cây, chiều dài bông, tính đổ ngã, số bông/m ² , hạt chắc/bông, tỉ lệ hạt chắc, trong lượng 1000 hạt, năng suất thực tế; phẩm chất hạt (tỉ lệ xay chà, kích thước và hình dạng hạt, tỉ lệ bạc bụng. Kết quả thí nghiệm chọn được 3 giống lúa triển vọng cho vùng đất phèn tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang: các giống lúa cho năng suất và phẩm chất cao là OM18 (9,67 tấn/ha), OM138 (8,24 tấn/ha) và JASMINE (9,6 tấn/ha), đây là những giống có phẩm chất tốt có tỷ lệ gạo trắng đạt từ 58,9 – 64,5%, tỷ lệ gạo nguyên từ 46,5 – 55,6%, độ bạc bụng 8,0 – 14,5 %, hai giống OM18 và JASMINE, cả 3 giống đều kháng đạo ôn cấp 0 và. Các giống triển vọng có thời gian sinh trưởng ngắn từ 101 - 102 ngày, chiều cao cây đạt 102,3 – 111,8 cm. Thích hợp trồng 2 vụ/năm tại địa phương.

4690	Đại học	Thực trạng sản xuất mít (Artocarpus heterophyllus) ở xã Đông Phước A huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Hoàng Thiện	Đỗ, Văn Hoàng	2018	Đề tài “Thực trạng sản xuất mít (Artocarpus heterophyllus) ở xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Thí nghiệm được tiến hành trên 45 nông hộ trồng mít tại xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của các nông hộ trồng mít tại xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng trái mít Qua kết quả điều tra cho thấy, vườn mít của nông hộ bị gây hại bởi bệnh xơ đen và xì mù là 100%, bệnh thối cuốn chiếm 11,1% , sâu đục thân chiếm 33,3%, ruồi đục trái 28,9%. Đồng thời các bệnh này xuất hiện vào các tháng 5,6,7 trong năm. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất thực tế chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi rất nhiều nhân tố như: kinh nghiệm, diện tích, sâu, bệnh và các nhân tố khác chưa được đưa vào mô hình Qua kết quả phân tích hồi quy cho thấy bệnh xơ đen là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của người dân vùng nghiên cứu, thông qua kết quả điều tra bệnh xơ đen ảnh hưởng 100% đối với 45 nhà vườn và bệnh xì mù ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất nhưng vì người dân phá cây khi phát hiện bệnh nên không quy về năng suất được Thực trạng cho thấy các nông hộ sản xuất mít (Artocarpus heterophyllus) đạt năng suất cao và đem lại thu nhập đáng kể cho người dân Qua quá trình điều tra cho thấy những khó khăn của các nông hộ như kỹ thuật còn thấp, sản xuất nhỏ lẻ manh mún, bị các sâu bệnh gây hại (xơ đen, xì mù, ruồi vàng...) chiếm tỷ lệ cao. Bên cạnh đó các nông hộ có những thuận lợi như đất đai phù hợp cho việc sản xuất mít, người dân có kinh nghiệm trồng mít.
------	---------	--	---------------------	---------------	------	--

4691	Đại học	Xây dựng mô hình lúa- cá - cây ăn trái ở xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Trần, Thị Thúy Đào	Cao, Quốc Nam	2018	Đề tài “Xây dựng mô hình lúa - cá - cây ăn trái ở xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang” được thực hiện trong điều kiện ruộng nông dân ở hai vụ lúa Thu Đông 2017 và Đông Xuân 2017 - 2018 nhằm để xây dựng mô hình sản xuất theo hướng đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tăng thu nhập cho nông dân sản xuất lúa. Đề tài xây dựng một mô hình sản xuất kết hợp lúa - cá - cây ăn trái trên 03 hộ nông dân với quy mô trung bình 1,0 ha/hộ. Để so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật và hiệu quả tài chính, 06 nông dân sản xuất lúa phổ biến trong vùng được lựa chọn thêm và phân thành 02 nhóm: độc canh lúa với nhóm nông dân sản xuất giỏi (03 hộ) và độc canh lúa với nhóm nông dân sản xuất trung bình (03 hộ). Phương pháp so sánh trung bình nhiều nhóm, phân tích phương sai (ANOVA) theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên được sử dụng để xác định có hay không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các chỉ số năng suất và hiệu quả tài chính giữa các mô hình lúa - cá - cây ăn trái và độc canh lúa. Mặc dù có mất đất để đào mương nuôi cá, đắp bờ trồng cây ăn trái, nhưng năng suất lúa tính trên diện tích mương và ruộng ở mô hình lúa - cá vẫn không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$) so với các mô hình còn lại. Tuy nhiên nếu xét ở mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$ thì năng suất lúa ở mô hình lúa – cá thấp hơn so với mô hình lúa độc canh. Năng suất lúa của mô hình lúa – cá là 11.613 (kg/ha/2 vụ), mô hình lúa độc canh nhóm nông dân giỏi là 14.874 (kg/ha/2 vụ) và nhóm nông dân trung bình là 11.077 (kg/ha/2 vụ). Năng suất thuần của cá nuôi biến động giữa 03 hộ, thấp nhất là 61 kg/ha, cao nhất 2.541 kg/ha và trung bình là 1.415 kg/ha. Năng suất thuần của các loài cá mè vinh, chép, rô đồng và sặc rằn rất thấp do hao hụt nhiều và thiếu thức ăn tự nhiên. Mực nước rất thấp trên ruộng cộng với lịch bơm xả nước tập thể 10 ngày/lần (5 ngày có nước trên ruộng, 5 ngày tháo cạn ruộng) nên hạn chế cá lên ruộng khai thác thức ăn tự nhiên. Lượng chim cò tự nhiên hiện diện trên ruộng nhiều đã góp phần làm cá hao hụt cao. Tổng chi phí sản xuất của các mô hình dao động từ 24,848 – 55,776 (triệu đồng/ha mương ruộng), cao nhất ở mô hình lúa - cá. Ở mô hình lúa - cá, tổng chi phí nuôi cá là 34,218 (triệu đồng/ha mương ruộng) (55,776-21,558). Trong đó chi phí thức ăn và con giống chiếm tỷ trọng lớn nhất. Lợi nhuận ròng giữa các mô hình có sự khác biệt, ở mô hình lúa – cá lợi nhuận ròng là 34,758 (triệu đồng/ha mương ruộng) tương đương lợi nhuận ròng ở mô hình lúa độc canh, nông dân sản xuất trung bình (36,573 tr đồng/ha) nhưng thấp hơn có ý nghĩa so với mô hình độc canh lúa, nhóm nông dân giỏi (64.930 tr
------	---------	--	--------------------	---------------	------	---

4692	Đại học	Đánh giá thực trạng sản xuất và giải pháp phát triển bưởi năm roi xã Phú Hữu huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Lê Ngọc Trâm	Đỗ, Văn Hoàng	2018	Đề tài nghiên cứu về “ Đánh giá thực trạng sản xuất và giải pháp phát triển bưởi Năm Roi xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” nhằm đánh giá thực trạng sản xuất, phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu. Từ đó đề xuất các giải pháp phát triển bưởi Năm Roi xã Phú Hữu Kết quả đánh giá thực trạng sản xuất cho thấy diện tích trồng bưởi Năm Roi trung bình là 4.210m² /hộ, diện tích trồng bưởi cao nhất là 10.000m² /hộ và diện tích trồng bưởi thấp nhất là 1.500m²/hộ. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính trong sản xuất bưởi Năm Roi là trình độ học vấn năng suất bưởi, giá bán, chi phí thuốc nông dược, chi phí bón phân, ngược lại các yếu tố không ảnh hưởng là số lần tập huấn, diện tích canh tác bưởi, chi phí lao động, chi phí giống Qua kết quả nghiên cứu cho thấy trồng bưởi mang lại nhiều thuận lợi cho nông hộ về lợi nhuận đạt được tương đối cao, vùng trồng bưởi nổi tiếng và đã có thương hiệu, nông hộ có kinh nghiệm trồng bưởi lâu năm, kỹ thuật trồng tốt đó là những yếu tố đạt được trong quá trình nghiên cứu. Đối với những mặt chưa đạt được là nguồn thông tin khoa học kỹ thuật mà nông hộ tiếp cận chủ yếu từ người thân và bạn bè. Dù vậy, nhưng các hộ trồng bưởi lại nhanh nhẹn trong áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và mang lại hiệu quả khá cao. Ngoài ra, chi phí sản xuất trong mô hình còn khá cao, nông hộ chưa giảm được chi phí đầu vào trong sản xuất và ổn định đầu ra cho nông hộ Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề xuất nông hộ nên sử dụng các yếu tố đầu vào phù hợp để đạt hiệu quả. Nông hộ nên tích cực tham gia các tổ chức tập huấn tại địa phương, đặc biệt là hội nông dân, tổ hợp tác. Bên cạnh nông hộ cũng chủ động tích cực học tập và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả.
4693	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến khả năng sinh trưởng của giống bắp nù (Zea mays L.) bằng phương pháp tưới gốc ở vụ xuân hè.	Tô, Hữu Tinh	Phạm, Ngọc Nhân	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến khả năng sinh trưởng của giống bắp nù (Zea mays L.) bằng phương pháp tưới gốc ở vụ Xuân Hè” được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên có 4 nghiệm thức với 4 lần lặp lại trong đó có 1 nghiệm thức đối chứng. Nghiệm thức 1 tưới 1 ngày /lần, nghiệm thức 2 tưới 3 ngày/lần, nghiệm thức 3 tưới 5 ngày/lần, nghiệm thức đối chứng được trồng theo tập quán canh tác của nông dân tưới mỗi ngày tùy theo điều kiện thời tiết. Thời gian sinh trưởng của các nghiệm thức bắp thí nghiệm dao động gần như tương đương nhau từ 67 - 69 ngày phù hợp với cơ cấu thời vụ trồng bắp tại địa phương. Qua kết quả thí nghiệm cho thấy các chỉ tiêu về chiều cao cây, chiều cao đóng bắp, đường kính thân, chiều cao rễ, số lá điều có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức ở mức ý nghĩa $\alpha=0,05$. Tỷ lệ cây chết ở các nghiệm thức dao động từ 3,3 - 9,2%. Trong đó nghiệm thức 2, 3 có tỷ lệ cây chết lần lượt là 6,7% và 5,8%. Nghiệm thức 1 có tỷ lệ cây chết thấp nhất là 3,3% và nghiệm thức DC cao nhất là 9,2%. Tỷ lệ đổ ngã của các nghiệm thức dao động từ 2,5 - 7,5%. Trong đó nghiệm thức 1, 2 tỷ lệ đổ ngã thấp nhất là 2,5% và nghiệm thức 3 và nghiệm thức DC có tỷ lệ đổ ngã cao nhất lần lượt là 7,5% và 6,7%.

4694	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và phát triển của cúc Tiger (Chrysanthemum SP.) trên các loại dinh dưỡng tại làng hoa Phó Thọ, Thành Phố Cần Thơ.	Nguyễn, Hoàng Anh Đạt	Đỗ, Thị Xuân	2018	Cúc Tiger là loại cây hoa mang lại nhiều giá trị cho người Việt Nam, ngoài việc trang trí vào dịp tết, trang trí phòng thì hoa cúc Tiger còn dùng để làm các loại thuốc trị bệnh hoặc làm trà. Vì thế nhu cầu về hoa cúc Tiger rất cao, để đáp ứng nhu cầu đó đề tài được thực hiện với mục tiêu xác định loại dinh dưỡng phù hợp cho cây cúc Tiger giúp cây sinh trưởng và phát triển hiệu quả trong điều kiện nhà màng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức (NT) và 4 lần lặp lại cho mỗi NT bao gồm: NT1: NPK (20 – 20 – 15) + TE; NT2: NPK (20 – 20 – 15) + TE + Humic (hữu cơ vi sinh); NT3: NPK (20 – 20 – 15) + TE + KNO ₃ . Kết quả thí nghiệm cho thấy, loại dinh dưỡng ở NT2 cho số lá, kích thước hoa nở, thời gian lưu hoa trên cây tốt hơn hơn so với các NT còn lại và thích hợp cho trồng cúc Tiger trong điều kiện nhà màng tại Làng hoa Phó Thọ, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy chế độ dinh dưỡng cho cây cúc Tiger sử dụng kết hợp phân vô cơ và phân hữu cơ giúp cải thiện sự sinh trưởng và phát triển của cây hoa cúc Tiger trong điều kiện nhà màng.
4695	Đại học	Khảo sát sự sinh trưởng và phát triển của cúc Tiger (Chrysanthemum Sp.) trên các loại giá thể tại làng hoa Phó Thọ, Thành Phố Cần Thơ	Đặng, Thị Thảo Ngân	Đỗ, Thị Xuân	2018	Cúc Tiger là loại cây hoa được nhiều người Việt Nam ưa chuộng với nhiều công dụng khác nhau như có thể trang trí ở phòng khách, trị bệnh, làm trà hoa cúc do đó nhu cầu về hoa cúc Tiger rất cao. Để đáp ứng nhu cầu đó, đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu tìm ra được loại giá thể phù hợp cho cúc Tiger giúp cây sinh trưởng và phát triển hiệu quả trong điều kiện nhà màng. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT), 4 lần lặp lại và mỗi lần lặp lại 1 chậu tổng cộng có 20 chậu. Thí nghiệm được lấy chỉ tiêu như chiều cao cây, số chồi, số lá, tán cây, số hoa, kích thước hoa nở, thời gian hoa bắt đầu nở, thời gian lưu hoa trên cây vào các giai đoạn như 15 NSKT, 30 NSKT, 45 NSKT, 60 NSKT, 75 NSKT. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giá thể Rơm (NT1), 1Rơm - 1Xơ dừa (NT2), 1Rơm – 1Xơ dừa - 1Phân bò (NT4) và 8Rơm – 1Xơ dừa - 1Phân bò (NT5) thích hợp cho trồng cúc Tiger trong điều kiện nhà màng. Giá thể phối trộn của 1Rơm – 1Xơ dừa - 1Phân bò (NT4) là giá thể cho chiều cao cây, tán cây, số hoa cũng như thời gian lưu hoa trên cây dài hơn và thích hợp cho trồng cúc Tiger trong điều kiện nhà màng tại Làng hoa Phó Thọ, thành phố Cần Thơ.

4696	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính mô hình sản xuất lúa vụ thu đông tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Ý Nhi	Cao, Quốc Nam	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính mô hình sản xuất lúa vụ Thu Đông tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài này là nhằm tìm hiểu thực trạng sản xuất lúa vụ Thu Đông từ đó đề xuất được một số giải pháp cải tiến để góp phần tăng năng suất và hiệu quả tài chính cho nông hộ trồng lúa vụ Thu Đông tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 70 nông hộ áp dụng mô hình sản xuất lúa Thu Đông ở xã Vị Đông và Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Một số phương pháp thống kê số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là thống kê mô tả (lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình và độ lệch chuẩn), so sánh trung bình hai tổng thể (T-test) và phân tích hồi qui tuyến tính bội. Kết quả phân tích cho thấy, diện tích canh tác trung bình của mỗi hộ là 1,8 ha, thời gian sạ là đầu tháng 05 al và thu hoạch lúa vào đầu và giữa tháng 08 al. Giống lúa OM5451 được đa số nông dân chọn canh tác. Lượng phân đạm (N), lân (P) và kali (K) nguyên chất được sử dụng lần lượt là 78,2, 60,6 và 45,8 kg/ha/vụ. Thuốc sâu và thuốc bệnh được nông dân sử dụng cho lúa từ 02 - 04 lần/vụ. Năng suất lúa vụ Thu Đông 2018 tại 02 xã không khác biệt có ý nghĩa, trung bình đạt 5.297,7 kg/ha/vụ. Năng suất lúa vụ Thu Đông tương quan tuyến tính nghịch với phương pháp sạ lan, tương quan thuận với phương pháp sạ hàng. Khi chi phí thuốc trừ sâu tăng lên thì năng suất lúa giảm xuống. Tổng chi phí sản xuất lúa vụ Thu Đông trung bình ở 02 xã là 14,112 triệu đồng/ha/vụ. Trong các khoảng chi phí biến đổi, chi phí phân bón là nhiều nhất (3,528 triệu đồng/ha/vụ), kế đến là chi phí thuê máy thu hoạch lúa, chi phí giống lúa, chi phí thuê lao động, chi phí nông dược,... Lợi nhuận ròng sản xuất lúa vụ Thu Đông ở xã Vị Đông là 12,139 triệu đồng/ha/vụ thấp hơn có ý nghĩa so với ở xã Vị Thanh là 14,095 triệu đồng/ha/vụ, nguyên nhân chính là do chi phí nông dược và lúa giống ở xã Vị Đông cao hơn so với ở xã Vị Thanh. Lợi nhuận ròng thu được từ vụ lúa Thu Đông tương quan tuyến tính thuận với biến tăng năng suất, tương quan tuyến tính nghịch với biến lượng phân N, phân P và lượng lúa giống. Nông dân ở xã Vị Đông và Vị Thanh nói riêng và các xã lân cận có điều kiện tương tự trong huyện Vị Thủy nói chung nên tiếp tục sản xuất lúa Thu Đông do sản xuất vẫn có lời. Các trở ngại khó khăn mà nông hộ sản xuất lúa vụ Thu Đông ở 02 xã thường gặp là (1) về khâu kỹ thuật sản xuất lúa: giống kém chất lượng, dịch bệnh khó kiểm soát; (2) về điều kiện tự nhiên: thời tiết diễn biến thất thường (mưa, bão, lũ
------	---------	--	---------------	---------------	------	---

4697	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và mức độ hài lòng của nông dân đối với hoạt động khuyến nông liên quan đến sản xuất lúa tại huyện vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Cao, Quốc Nam	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng sản xuất và mức độ hài lòng của nông dân đối với hoạt động Khuyến nông liên quan đến sản xuất lúa tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm đánh giá được tình hình sản xuất của mô hình canh tác lúa trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua; Phân tích các hoạt động Khuyến nông và mức độ hài lòng của người dân đối với công tác Khuyến nông phục vụ mô hình canh tác lúa trên địa bàn nghiên cứu; Phân tích các trở ngại khó khăn, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến công tác Khuyến nông, nâng cao hiệu quả sản xuất của mô hình canh tác lúa. Đề tài phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên 70 nông hộ áp dụng mô hình canh tác lúa ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Thời gian thu thập số liệu thứ cấp trong vòng 3 đến 5 năm qua và số liệu sơ cấp là vụ lúa Thu Đông năm 2018. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA và phương trình hồi qui tuyến tính bội (dựa vào 5 mức độ đánh giá của thang đo Likert được thiết kế từ 1 đến 5) để phân tích các hoạt động Khuyến nông và mức độ hài lòng của người dân đối với công tác Khuyến nông phục vụ mô hình canh tác lúa. Kết quả khảo sát 70 hộ áp dụng mô hình canh tác lúa ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về đặc điểm nông hộ giữa hai xã Vị Đông và Vị Thanh: số nhân khẩu, tuổi, số lao động, nam và nữ, kinh nghiệm trồng lúa, trình độ học vấn, diện tích trồng lúa Thu Đông. Trong 3 năm trở lại đây diện tích và sản lượng lúa cả năm tại 2 xã Vị Đông và Vị Thanh có sự thay đổi, theo hướng giảm diện tích nhưng tăng sản lượng. Các hoạt động Khuyến nông liên quan đến mô hình canh tác lúa trong vòng 3 đến 5 năm qua chủ yếu là: hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật (Tập huấn, hội thảo, trình diễn và nhân rộng mô hình), thông tin tuyên truyền, tư vấn dịch vụ và quản lý sản xuất. Qua kết quả thống kê mô tả về mức độ hài lòng của người dân đối với các hoạt động Khuyến nông thì phần lớn người dân đánh giá từ mức 3 đến mức 4 (không có ý kiến đến hài lòng). Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA và hồi qui cho thấy các nhân tố: Chất lượng chuyển giao khoa học kỹ thuật, Tư vấn dịch vụ và Nội dung tập huấn có ảnh hưởng tuyến tính thuận đến mức độ hài lòng chung là năng suất lúa, thu nhập ròng và công tác Khuyến nông đáp ứng nhu cầu mong đợi của người dân. Các trở ngại khó khăn mà người dân gặp phải khi tiếp cận và ứng dụng các khuyến cáo từ các hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật gồm: thiếu thử nghiệm, trình diễn, người dân ít gặp cán bộ Khuyến nông, mạng lưới Khuyến nông mỏng, cán bộ Khuyến nông chưa liên kết chặt chẽ với nông dân.
------	---------	---	-----------------------	---------------	------	---

4698	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong chăn nuôi heo thịt quy mô nông hộ tại địa bàn huyện Phong Điền Thành phố Cần Thơ	Trần, Huệ Mẫn	Trần, Thanh Dũng	2018	Đề tài: “Phân tích hiệu quả tài chính trong chăn nuôi heo thịt tại địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá thực trạng chăn nuôi heo thịt của nông hộ ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. (2) Phân tích hiệu quả tài chính và những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trong chăn nuôi heo thịt của nông hộ. (3) Trên cơ sở phân tích, đánh giá tìm ra những thuận lợi và khó khăn từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính trong chăn nuôi heo thịt của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 40 mẫu thuận tiện đều chăn nuôi heo thịt nằm trong 2 xã: Trường Long và Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích phương trình hồi quy đa biến để phân tích hiệu quả tài chính mô hình chăn nuôi heo thịt. Kết quả phân tích 40 hộ chăn nuôi heo thịt ở địa bàn nghiên cứu cho thấy mô hình chăn nuôi heo ở huyện đã có từ rất lâu nên họ đều có kinh nghiệm rất nhiều. Phần lớn nông hộ nuôi heo ở 2 xã đều có trình độ học vấn đủ đáp ứng cho việc chăn nuôi. Về việc nông hộ nuôi heo được tập huấn và tham gia các lớp tập huấn để tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi heo của nông hộ còn ít, đa phần hộ chăn nuôi còn thụ động trong việc tiêm phòng bệnh cho đàn heo. Bên cạnh đó, đề tài nghiên cứu cho thấy tại huyện có số lượng heo thịt tương đối ít, quy mô chăn nuôi trung bình là 11 con, trọng lượng heo xuất chuồng bình quân là 100,1 kg/con. Chi phí thức ăn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi phí chăn nuôi heo thịt (66,15%) và chi phí con giống cũng không kém phần quan trọng chiếm 28,5% trong tổng chi phí chăn nuôi. Tuy nhiên, các nông hộ nuôi heo thịt vẫn gặp phải một số khó khăn về vấn đề đầu ra cho sản phẩm do giá cả thị trường hiện nay thay đổi bất thường. Nghiên cứu kết quả cho thấy hoạt động chăn nuôi heo thịt của hộ đạt hiệu quả tương đối cao, cũng đã góp phần làm tăng thêm thu nhập cho nông hộ. Kết quả của mô hình hồi quy cho thấy trình độ học vấn của nông hộ, loại thức ăn của heo thịt và trọng lượng xuất chuồng lúc bán heo là những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ chăn nuôi.
------	---------	---	---------------	------------------	------	--

4699	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất cam sành của nông hộ tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thành Trung	Đỗ, Văn Hoàng	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất cam sành của các nông hộ tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2018. Đề tài được tiến hành trên 45 nông hộ trồng cam sành tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá hiện trạng sản xuất của cam sành tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Phân tích hiệu quả tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất trong sản xuất cam sành của nông hộ tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Đề xuất một số giải pháp hiệu quả, thiết thực để nâng cao hiệu quả tài chính trong sản xuất cam sành của nông hộ tại xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long Về thực trạng: Đa số nông dân có trình độ học vấn thấp, chủ hộ chủ yếu là nam, độ tuổi lao động chiếm đại đa số là từ 40 – 60 tuổi (chiếm 80%). Diện tích canh tác từ 0,5ha và dưới 2ha chiếm tỷ lệ 84,44%, năng suất trung bình đạt 1578,6 Kg/1000m². Các nông hộ đều sử dụng giống cam sành ghép gốc cam mật và gốc chanh. Các nông hộ canh tác dưới hình thức chuyên canh, và xen canh với các loại cây trồng khác như bưởi... Về tài chính: Lợi nhuận thu về 11.201.264 đồng/ 1000m² Chi phí phải bỏ ra trong việc trồng cam sành là 12.469.405 đồng/ 1000m² Doanh thu đạt được 17.965.575 đồng/ 1000m² Song song, kết quả cũng cho thấy điểm mạnh của nông hộ là có kinh nghiệm trồng cam sành lâu năm, tích cực áp dụng TBKHKT, chú trọng chăm sóc vườn cây. Điểm yếu cho thấy 100% chưa có hình thức liên kết, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm. kỹ thuật còn thấp, nông dân sử dụng vật tư nông nghiệp chưa phù hợp, trình độ học vấn còn thấp. Cơ hội qua nghiên cứu cho thấy rằng, đất đai thích hợp, dễ mua giống, lao động dồi dào, sản xuất tập trung, giao thông thuận lợi. Bên cạnh đó, nông hộ được đào tạo kỹ thuật tiến bộ. Cuối cùng thách thức của đối tượng là thị trường nhỏ lẻ nên dễ bị thương lái ép giá và chịu ảnh hưởng mạnh bởi điều kiện tự nhiên. Từ những kết quả trên, đề tài có thể đề xuất một số giải pháp đối với nông hộ như tích cực tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật, cải thiện và nâng cao kỹ thuật, đồng thời áp dụng những tiến bộ KH – KT đó vào trồng cam sành
------	---------	---	---------------------	---------------	------	--

4700	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất dừa (Cocos nucifera L.) của nông hộ tại huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh	Huỳnh, Thanh Trúc	Trần, Thanh Dũng	2018	Đề tài: “Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất dừa (Cocosnucifera L.) của nông hộ tại huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh” được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá thực trạng sản xuất dừa trên địa bàn huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. (2) Phân tích hiệu quả tài chính và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trong sản xuất dừa của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính trong hoạt động sản xuất dừa của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Đề tài thực hiện 6 tháng, sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 45 hộ có sản xuất dừa tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sử dụng các phương pháp thông kê mô tả, phân tích các tỷ số tài chính, phân tích chi phí - lợi ích, phương pháp SWOT và phân tích hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình. Từ đó dựa vào những thông tin đã phân tích đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính, cải thiện thu nhập cho nông hộ. Kết quả phân tích 45 hộ tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, năng suất trung bình của nông hộ sản xuất với mục đích bán dừa khô là 13.293,31 trái/ha/năm còn nông hộ sản xuất với mục đích bán dừa tươi là 378,00 trái/ha/năm, lợi nhuận trung bình của việc sản xuất dừa là 63,38 triệu đồng/ha/năm, qua kết quả cho thấy sản xuất dừa mang lại hiệu quả cao cho nông hộ. Sau khi phân tích hồi quy cho thấy số năm kinh nghiệm, mật độ trồng (cây/ha) và mục tiêu trồng ảnh hưởng đến lợi nhuận (triệu đồng/ha/năm) của nông hộ sản xuất dừa. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đưa ra một số giải pháp để nâng cao lợi nhuận của nông hộ như: nông hộ nên giảm mật độ trồng theo khuyến cáo của cán bộ địa phương, nông hộ nên sản xuất dừa tươi và dừa khô song song sẽ cho lợi nhuận cao hơn, đưa cơ giới hoá vào quá trình sản xuất dừa để giảm phụ thuộc vào sức lao động và giúp giảm chi phí sản xuất. Chính quyền địa phương cần hình thành các vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn, vận động nông hộ tham gia vào hợp tác xã, đẩy mạnh công tác khuyến nông mở rộng và đa dạng hoá hình thức tập huấn phổ biến các mô hình sản xuất có hiệu quả.
------	---------	--	-------------------	------------------	------	--

4701	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày A2, tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Ngô Minh Nhật	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tìm được các giống phù hợp mật năng suất và phẩm chất có khả năng chống chịu phèn, kháng được sâu bệnh chính, phục vụ canh tác là mục tiêu của đề tài đề “So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày A2 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ trại giống Long Phú gồm: LP11, D40-1, D49-19, D533, OM9921, D532, D2-3, D40-2, D9-10, OM10424, D514, OM5451 (Đối chứng), thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng OM5451 được canh tác phổ biến ở địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20(cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống phù hợp nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: giống LP11 có thời gian sinh trưởng 114 ngày, năng suất 7,13 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng cấp 1 (7,0%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên cấp 2 (52,95%); giống D532 có thời gian sinh trưởng 115 ngày, năng suất 6,4 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng cấp 1 (7,67%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên cấp 3 (47,75%).
4702	Đại học	Khảo nghiệm sản xuất bộ giống/dòng lúa năng suất và chất lượng tại huyện Diên Khánh tỉnh Khánh Hòa vụ đông xuân năm 2017-2018	Nguyễn, Quốc Việt	Võ, Công Thành	2018	Để chọn ra giống lúa có chất lượng tốt và giống lúa có năng suất cao làm giống lúa thuộc quyền sở hữu của tỉnh Khánh Hòa. Đề tài được thực hiện ở vụ Đông Xuân 2017-2018, bố trí theo phương pháp ngẫu nhiên, không nhắc lại và có giống đối chứng với 6 giống mỗi giống có diện tích 1000 m ² . Theo dõi chỉ tiêu nông học, năng suất và thành phần năng suất, đánh giá chất lượng hạt gạo, đánh giá chất lượng cơm nấu, điện di DNA lá lúa. Kết quả đã chọn được 2 giống có chất lượng và năng suất tốt nhất đó là 3T và 3C. Giống 3T có chất lượng tốt nhất với độ bền gel cấp 3, mềm cơm và có mùi thơm trong khi giống đối chứng 10T có độ bền gel cấp 3, cứng cơm và không thơm. Giống 3C có năng suất cao nhất với năng suất lý thuyết 8,55 tấn/ha cao hơn so với giống đối chứng 10C 7,4 tấn/ha và năng suất thực tế đạt 7,88 tấn/ha cao hơn so với giống đối chứng 10C 6,36 tấn/ha. Từ đó tiếp tục công nhận và đưa giống 3T và 3C vào sản xuất tại địa bàn huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

4703	Đại học	Khảo nghiệm sản xuất bộ giống dòng lúa năng suất và chất lượng tại huyện Cam Lâm tỉnh Khánh Hòa vụ đông xuân 2017-2018	Dương, Bửu Toàn	Võ, Công Thành	2018	Để chọn ra giống lúa có chất lượng tốt, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt và có khả năng thích nghi tốt với điều kiện môi trường, cơ cấu đất của vùng đất huyện Cam Lâm tỉnh Khánh Hòa. Nhằm thực hiện đánh giá khả năng thích nghi để chọn ra giống/dòng lúa cho chất lượng thơm, mềm cơm nhằm thay thế các nhược điểm như năng suất thấp, không thơm của giống lúa đối chứng 10T và giống/dòng lúa cho ra gạo cứng cơm hơn giống lúa đối chứng 10C phục vụ làm bánh, bún, thí nghiệm được tiến hành tại huyện Cam Lâm tỉnh Khánh Hòa vụ Đông Xuân 2017 – 2018 được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với diện tích mỗi giống 1000m². Trong quá trình nghiên cứu, mẫu phân tích đất được lấy vào 4 lần vào giai đoạn mạ, giai đoạn tượng khối sơ khởi, giai đoạn trổ và giai đoạn thu hoạch như: độ chua hiện tại, độ chua tiềm tàng... và các chỉ tiêu nông học của lúa: phân tích các thành phần năng suất và chất lượng. Kết quả cho thấy đất ở đây thuộc loại đất chua và đã tuyển chọn ra được giống 3C, 3T. Giống/dòng 3C có chiều cao cây 96 cm có các thành phần năng suất như số hạt chắc/bông đạt 105,1 hạt, tỷ lệ hạt chắc đến 87,51%, trọng lượng 1000 hạt cân được là 25,17g, số bông/m² là 316 bông trong khi đó giống/dòng đối chứng 10C có chiều cao cây là 75,38 cm, số hạt chắc/bông đạt 61,1 hạt, tỷ lệ hạt chắc chỉ đạt 81,57%, trọng lượng 1000 hạt với 24,17g, số bông/m² đạt 398 bông. Giống/dòng 3T có các chỉ tiêu chất lượng như hàm lượng amylose thấp đạt 16,04%, hàm lượng protein là 4,7%, độ trở hồ ở cấp 6, độ bền thể gel ở cấp 3 còn ở giống/dòng 10T có hàm lượng amylose đạt 12,86%, hàm lượng protein là 4,3%, độ trở hồ cấp 6, độ bền thể gel ở cấp 3 và kết quả kiểm tra tính thơm trên lá lúa bằng kỹ thuật DNA cho thấy giống 3T thể hiện tính thơm còn giống 10T không biểu hiện. Năng suất thực tế dao động trong khoảng 5,26 - 6,93 tấn/ha.
------	---------	--	-----------------	----------------	------	---

4704	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính hai mô hình sản xuất ổi Đài Loan và ổi nữ hoàng của nông hộ tại xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.	Võ, Minh Thuận	Trần, Thanh Dũng	2018	Đề tài “So sánh hiệu quả tài chính hai mô hình sản xuất ổi Đài Loan và ổi Nữ Hoàng của nông hộ tại xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang” được thực hiện nhằm: (1) Phân tích thực trạng sản xuất thanh ổi Đài Loan và Nữ Hoàng tại xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (2) So sánh hiệu quả tài chính và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của 2 mô hình sản xuất ổi Đài Loan và ổi Nữ Hoàng. (3) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình sản xuất có hiệu quả hơn.(4) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính, xem mô hình sản xuất nào có hiệu quả hơn để khuyến khích các nông hộ tập trung vào mô hình đó nhiều hơn và góp phần tăng thêm lợi nhuận cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 60 mẫu đều sản xuất ổi Đài Loan và ổi Nữ Hoàng 2 mô hình trong năm của nông hộ tại xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Cụ thể ở 3 ấp: ấp 1, ấp 2 và ấp 3. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích chi phí lợi ích, so sánh trung bình 2 tổng thể qua kiểm định T-test và sử dụng phương pháp phân tích hồi qui đa biến và phân tích SWOT Kết quả nghiên cứu cho thấy ở xã Tân Hưng có điều kiện tự nhiên rất thích hợp để sản xuất ổi, hiệu quả từ mô hình đem lại cho các nông hộ là rất khả quan. Cụ thể trong nhóm hộ sản xuất ổi Đài Loan bỏ ra 159.211,80 đồng chi phí thì lợi nhuận mà nông hộ đạt được là 154.892,64 đồng và nhóm nông hộ sản xuất ổi Nữ Hoàng bỏ ra 162.909,99 đồng chi phí thì lợi nhuận mà nông hộ đạt được là 272.946,12 đồng. Qua đó cho thấy được mô hình sản xuất ổi Nữ Hoàng có chi phí cao hơn mô hình sản xuất ổi Đài Loan không nhiều mà lợi nhuận của nhóm hộ sản xuất ổi Nữ Hoàng thì cao hơn rất nhiều so với nhóm hộ sản xuất ổi Đài Loan. Để giúp cho nông hộ đạt được hiệu quả cao hơn trong sản xuất đề tài đưa ra một số giải pháp sau: liên kết sản xuất tăng diện tích để bán được với giá cao hơn, giảm được chi phí đầu, ngày công lao động nông hộ ổi Nữ Hoàng nhiều hơn vì ổi Nữ Hoàng đem lại hiệu quả rất cao cho các nông hộ.
------	---------	--	----------------	------------------	------	---

4705	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc ở xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thị Hồng Ngọc	Võ, Hồng Tú	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc ở xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ” được thực hiện trên cơ sở thu thập số liệu thực tế từ 40 nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc ở xã Thới Hưng. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông hộ ở xã Thới Hưng. Đồng thời, đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để đánh giá thực trạng sản xuất xoài cát Hòa Lộc ở xã Thới Hưng, phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA ước lượng hiệu quả kỹ thuật TE, hiệu quả phân phối AE, hiệu quả kinh tế CE phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc tại địa bàn nghiên cứu. Bên cạnh đó, đề tài sử dụng phương pháp hồi qui tuyến tính để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ sản xuất xoài cát Hòa Lộc là 68,2%. Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế là tổng diện tích đất trồng xoài, mật độ trồng trên ha, kinh nghiệm chủ hộ, chi phí phân và chi phí lao động gia đình tham gia trồng xoài. Dựa trên kết quả phân tích, từ đó đề xuất giải pháp được đưa ra đó là khuyến khích các nông hộ trồng xoài tham gia vào hợp tác xã, các tổ hợp tác, tham gia các tổ chức hiệp hội để được hướng dẫn về kỹ thuật, áp dụng các ứng dụng khoa học vào trong sản xuất cũng như được hỗ trợ tìm được thị trường đầu ra cho sản phẩm xoài cát Hòa Lộc ở xã nhằm giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình.
4706	Đại học	Duy trì chất lượng 2 giống/dòng nếp lai THL01(nếp NK2 x lúa Nhật) và THL02 (nếp một bụi đỏ) tại huyện Phú Tân tỉnh An Giang ở cấp tác giả.	Huỳnh, Thị Cẩm Nhiên	Võ, Công Thành	2018	Nhằm duy trì chất lượng giống nếp có chất lượng tốt và cho ra năng suất cao để đáp ứng nhu cầu đang sản xuất của 2 giống nếp THL01 và THL02. Đề tài được thực hiện tại nhà lưới trong một vụ từ tháng 6 đến tháng 12 bằng cách cấy 216 cây với khoảng cách 25 x 25. Chọn ra 10 dòng ưu tú của hai giống để theo dõi chỉ tiêu nông học, năng suất và thành phần năng suất, đánh giá chất lượng hạt nếp. Thông qua quá trình thí nghiệm đã chọn được dòng 2 dòng ưu tú của hai THL. Dòng 2_19 của giống 2 thuộc THL01 và dòng 3_18 của giống 3 thuộc THL02. Dòng 2_19 với chiều dài lóng 5,23 cm, độ cứng lóng 12,86 N/cm, đường kính lóng 5,54 mm, số chồi đạt 5 chồi, hàm lượng amylose 3.86%, hàm lượng protein 7.00%, độ bền gel cấp 1, nhiệt trở hồ cấp 5. Dòng 3_18 với chiều dài lóng 5,90 cm, độ cứng lóng 10,45 N/cm, đường kính lóng 6,68 mm, số chồi đạt 7 chồi, hàm lượng amylose 7.94%, hàm lượng protein 6.48%, độ bền gel cấp 1, nhiệt trở hồ cấp 7.

4707	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa chịu phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Lý, Thị Thùy Nga	Nguyễn, Thành Trục	2018	Đề tài “ So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa chịu phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017–2018 nhằm tìm ra giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh, thích nghi với điều kiện canh tác tại địa phương phục vụ nhu cầu sản xuất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 3 lần lặp lại, 12 giống lúa tương ứng với 12 nghiệm thức: LP41, LP35, D70, LP26, LP27, D1-2, D45, D530-1, D53-8, D49-16, MTL480 và OM5451 làm giống đối chứng. Các giống lúa thí nghiệm được tiến hành theo phương pháp làm mạ sân, cấy khi mạ được 15 ngày tuổi với khoảng cách 15 x 20cm, cây 1 tép/bụi. Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Thu thập các chỉ tiêu nông học, năng suất và thành phần năng suất, phẩm chất gạo, tính chống chịu sâu bệnh, tính chống chịu phèn được đánh giá theo thang đánh giá IRRI và QCVN 01-55:2011/BNNPTNT. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 3 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất khá tốt là: Giống LP35 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất 9,03 tấn/ha, tỷ lệ bạc bụng 14%, hình dạng hạt gạo thon dài; giống LP26 có thời gian sinh trưởng 105 ngày, năng suất 8,58 tấn/ha, tỷ lệ bạc bụng 11%, hình dạng hạt gạo thon dài; giống D45 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất 8,40 tấn/ha, tỷ lệ bạc bụng 9%, hình dạng hạt gạo thon dài.
4708	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	Hứa, Hồng Ngọc	Võ, Hồng Tú	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm: (1) Phân tích thực trạng sản xuất dâu Hạ Châu; (2) Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền; (3) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất dâu Hạ Châu tại địa bàn nghiên cứu; (4) Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất dâu Hạ Châu của nông hộ Mẫu nghiên cứu được đề tài sử dụng là phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tiến hành bằng cách phỏng vấn trực tiếp 40 nông hộ trồng dâu Hạ Châu trên địa bàn huyện Phong Điền. Đề tài sử dụng phương pháp DEA để ước lượng hiệu quả kinh tế trong sản xuất dâu Hạ Châu của các nông hộ, bên cạnh đó đề tài cũng sử dụng mô hình hồi quy tương quan đa biến để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các nông hộ trồng dâu Hạ Châu trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ sản xuất dâu Hạ Châu trên địa bàn nghiên cứu là 60,4%, các nông hộ chưa đạt được mức hiệu quả kinh tế tối đa. Mức chi phí trung bình mà các nông hộ bỏ ra là 44.283,27 nghìn đồng/ha/năm. Bên cạnh đó các nông hộ sản xuất dâu Hạ Châu còn phải chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố đã được phân tích, cụ thể là các yếu tố nhân khẩu, diện tích, mật độ, chi phí thuốc BVTV và chi phí phân bón. Ngoài ra, các nông hộ sản xuất dâu Hạ Châu trên địa bàn huyện cần phải sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào cụ thể như phân bón, thuốc BVTV, lao động để giảm tối đa chi phí sử dụng trong hoạt động sản xuất.

4709	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa triển vọng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Thị Thắm	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất của 12 giống lúa triển vọng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng là OM4900 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống OM232 có thời gian sinh trưởng 111 ngày, năng suất 9,94 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 55,2% thuộc dạng hạt thon dài; Giống OM359 có thời gian sinh trưởng 110 ngày, năng suất 10,15 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 49,2 %, thuộc dạng hạt thon dài.
4710	Đại học	Ảnh hưởng của phân rác ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- Phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất cát.	Võ, Thị Ngọc Thuận	Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rác ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân đến sự sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất cát” được thực hiện từ tháng 05 năm 2018 đến tháng 10 năm 2018 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra sự Ảnh hưởng của phân rác ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân đến sự sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất cát. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân hóa học + không bón phân hữu cơ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân; NT2: Bón 100% phân hóa học; NT3: Bón 3kg/m ² phân hữu cơ; NT4: Bón 4kg/m ² phân hữu cơ; NT5: Bón 5kg/m ² phân hữu cơ. Các NT sử dụng phân hữu cơ đều bổ sung dung dịch vi sinh vật có ích. Kết quả thí nghiệm cho thấy NT2 có chiều cao cây, chiều dài lá, độ rộng lá, trọng lượng cây, năng suất tổng và năng suất thương phẩm cao hơn có ý nghĩa so với các NT còn lại. Các NT bón phân rác ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân có hầu hết các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cao hơn có ý nghĩa thống kê 1% so với NT1. Điều này cho thấy việc bón phân rác ủ có bổ sung vi sinh đã có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất cát. Độ brix và lượng vật chất khô của các NT khác biệt nhau không ý nghĩa thống kê. Như vậy, việc bón phân rác ủ có bổ sung vi sinh chưa có ảnh hưởng đến độ brix và lượng vật chất khô của cải xanh trồng trên đất cát.

4711	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa chịu phèn vụ đông xuân 2017-2018 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Võ, Văn Nhứt	Nguyễn, Thành Trục	2018	Xuất phát từ mong muốn nâng cao năng suất và phẩm chất lúa trên những vùng đất khó khăn. Việc đánh giá và chọn ra giống lúa, có tính thích nghi rộng trên vùng đất phèn, kháng sâu bệnh chính cho năng suất và phẩm chất tốt là điều rất cần thiết và là mục tiêu của đề tài “So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa chịu phèn vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Hoà An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đã được thực hiện tại khu thực nghiệm khoa Phát Triển Nông Thôn trường Đại Học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 12 nghiệm thức 3 lần lặp lại, bao gồm 12 giống lúa MTL480, OM11735, D49-19, LP36, OM9921, D40-1, D2-3, D37-2, D9-10, OM6677, OM10636 cung cấp từ trại giống Long Phú và giống đối chứng là OM5451 được sử dụng nhiều tại địa phương. Các giống lúa được gieo theo phương pháp làm mạ sên và cấy mạ vào lúc 15 ngày tuổi, cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm: thời gian sinh trưởng, chiều cao cây, khả năng nảy chồi, chiều dài bông, số bông/m², số hạt chắc/bông, tỉ lệ hạt chắc, trọng lượng 1000 hạt, năng suất thực tế; phẩm chất hạt (tỉ lệ xay chà, kích thước và hình dạng hạt, tỉ lệ bạc bụng) và đánh giá khả năng chống chịu với rầy nâu và bệnh đạo ôn trên từng giống lúa. Kết quả thí nghiệm cho thấy bộ giống lúa có thời gian sinh trưởng từ 98-109 ngày. Đa số có hình dạng hạt gạo thon dài, ít bạc bụng, chống chịu phèn từ cấp 1 đến cấp 2, kháng rầy và ít bị bệnh hại tấn công. Trong số các giống đã tiến hành trồng thí nghiệm, đã chọn được 2 giống lúa là MTL480 và OM11735. Giống MTL480 có thời gian sinh trưởng 101 ngày, năng suất thực tế 8,59 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên cấp 2 (49,3%), tỉ lệ bạc bụng 12,3%, hình dạng hạt gạo thon dài và chống chịu phèn cấp 1 (rất kháng). Giống OM11735 có thời gian sinh trưởng 99 ngày, năng suất 8,30 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên cấp 2 (52%), tỉ lệ bạc bụng 9,6%, hình dạng hạt gạo thon dài và chống chịu phèn cấp 1 (rất kháng). Phổ triển giống MTL480 trồng tại địa phương. Tiếp tục trồng giống OM11735 ở khu vực đất phèn khác trong vùng để xem xét tính ổn định về năng suất và phẩm chất hạt của giống.
------	---------	--	--------------	--------------------	------	---

4712	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2017-2018	Phạm, Thị Bích Như	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tuyển chọn các giống lúa có năng suất cao, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, phẩm chất tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2017-2018”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017-2018. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ trại giống Long Phú và trường Đại học Cần Thơ, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lặp lại với giống đối chứng OM5451 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 3 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống D387 có năng suất 10,59 tấn/ha, hình dạng hạt gạo thon dài và tỉ lệ gạo nguyên là 50,35%. Giống D532 có năng suất 9,81 tấn/ha, hình dạng hạt gạo thon dài và tỉ lệ gạo nguyên 53,85% và cuối cùng là giống D40-2 có năng suất 9,62 tấn/ha, hình dạng hạt gạo thon dài và tỉ lệ gạo nguyên 49,50%.
------	---------	---	--------------------	--------------------	------	---

4713	Đại học	Đánh giá khả năng chịu hạn của cỏ Paspalum Atratum được trồng trong điều kiện nhà lưới	Mai, Thị Ngọc Hân	Nguyễn, Thị Hồng Nhân Nguyễn, Thiết	2018	Đề tài “Đánh giá khả năng chịu hạn của cỏ Paspalum atratum được trồng trong điều kiện nhà lưới” được tiến hành từ tháng 01 - 07/2018 tại khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ. Nhằm đánh giá khả năng chịu hạn của cỏ lên khả năng sinh trưởng, năng suất và thay đổi sinh lý sau khi tiến hành các khoảng thời gian xử lý hạn nhân tạo khác nhau nhằm tìm ra được khoảng thời gian gây hạn mà cỏ vẫn còn khả năng hồi phục sau khi tưới trở lại. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên. Gồm 3 lúa cắt, mỗi lúa có 4 nghiệm thức và 4 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại tương ứng với một chậu thí nghiệm. Các nghiệm thức là: đối chứng P0 (Paspalum không xử lý hạn), nghiệm thức 1 (P1) (Paspalum xử lý hạn trong 5 ngày), nghiệm thức 2 (P2) (Paspalum xử lý hạn trong 10 ngày), nghiệm thức 3 (P3) (Paspalum xử lý hạn trong 15 ngày). Tổng số chậu thí nghiệm là: 4 nghiệm thức x 4 lần lặp lại x 3 lúa = 48 chậu. Sau đó được chia ngẫu nhiên thành 03 khối tương ứng với 03 lúa. Khối 1 tương ứng lúa 1 với 16 chậu được theo dõi về sinh trưởng, năng suất và các chỉ tiêu hình thái. Tại thời điểm thu hoạch, 16 chậu này được lấy chỉ tiêu hình thái rễ. Trong khi đó, ở khối 2 và 3 được chăm sóc giống như các chậu thí nghiệm ở khối 1 nhưng sẽ lấy chỉ tiêu hình thái rễ tương ứng lúa 2 và 3. Cỏ được trồng trong chậu đặt trong nhà lưới và được xử lý hạn nhân tạo ở thời điểm 30 ngày sau khi trồng, khi hết thời gian xử lý hạn thì tưới phục hồi trở lại bình thường. Thí nghiệm cho kết quả như sau: Số chồi tại thời điểm trước khi xử lý hạn và thời điểm thu hoạch của 3 lúa cắt không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Số chồi trung bình tại thời điểm thu hoạch của các lúa lần lượt là (lúa 1: 5,63-9,25 chồi/bụi, lúa 2: 9,13-10,88 chồi/bụi, lúa 3: 7,38-10,63 chồi/bụi). Tương tự, chiều cao của lúa cắt thứ 2 và 3 không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, tuy nhiên chiều cao của lúa 1 lúc thu hoạch có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$), cụ thể ở nghiệm thức xử lý hạn 5 ngày (102,13 cm) cao hơn nghiệm thức đối chứng (91,75 cm), 10 ngày (81,38 cm) và 15 ngày là (90,50 cm). Kết quả thí nghiệm cho thấy dài lá và rộng lá của 3 lúa cắt không bị ảnh hưởng bởi thời gian xử lý hạn nhưng ngược lại số lá ở lúa 2 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$). Cụ thể thời gian xử lý hạn càng dài thì số lá của cây càng giảm, đặc biệt giữa nghiệm thức đối chứng và nghiệm thức xử lý hạn 15 ngày (6,75 so với 3,17 lá/cây). Tiếp theo năng suất tươi và năng suất khô của cỏ chịu sự ảnh hưởng của thời gian xử lý hạn ($P<0,05$), tại nghiệm thức xử lý hạn 15 ngày có năng suất thấp nhất so với các nghiệm thức còn lại. Dài rễ và trọng lượng rễ ở các nghiệm
------	---------	--	-------------------	--------------------------------------	------	--

4714	Đại học	Đánh giá đặc tính nông học và chất lượng giống lúa PHKA-RUM DUAL vụ mùa 2018	Đặng, Đào Minh Nho	Võ, Công Thành	2018	Đề tài: "Đánh giá đặc tính nông học và chất lượng giống lúa PhKa-Rum Dual vụ mùa 2018: Để chọn lọc giống lúa có giá trị dinh dưỡng cao, mềm cơm và có mùi thơm đặc trưng của giống sưu tập. Giống lúa Phka-Rum Dual được chọn lọc và đánh giá ở vụ mùa 2018 trong điều kiện nhà lưới. Sử dụng phương pháp xử lý quang kỳ khi lúa trồng được 75 ngày. Trước khi thu hoạch tiến hành tuyển chọn phân tích DNA lá lúa chọn ra những cá thể mang gen thơm. Kết quả chọn được 13 dòng có thời gian sinh trưởng 148 ngày, có tiềm năng cho năng suất cao với năng suất lý thuyết trên bụi đạt $15.49 \pm 5.20g$, năng suất thực tế $11.68 \pm 3.72g$, chiều cao cây 189.08 ± 8.77 cm, nhiệt trở hồ cấp 4 – 6, độ bền thể gel dài $79,9 \pm 13.1$ mm đánh giá cấp 1 - 3 ($68.3 - 95mm$), hàm lượng amylose $15.4 \pm 2.03\%$ (mềm cơm), hàm lượng protein đạt $8.79 \pm 1.73\%$, có mùi thơm đặc trưng và nhiễm rầy nâu.
4715	Đại học	Đặc điểm hình thái và tập tính lựa chọn thức ăn của gà rừng tai trắng (Gallus gallus gallus) tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang	Lê, Thành Yên	Nguyễn, Thiết Trần, Thị Thúy Hằng	2018	Đề tài "Đặc điểm hình thái và tập tính lựa chọn thức ăn của gà rừng tai trắng (Gallus gallus gallus) tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang" được tiến hành từ 1/10/2018 - 25/10/2018 tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang. Tổng số gà rừng tai trắng làm thí nghiệm là 08 con, trong đó có 04 gà trống và 04 gà mái tất cả điều ở giai đoạn trưởng thành. Số liệu được thu thập bằng cách quan sát ghi chép về các đặc điểm hình thái bên ngoài kết hợp với lấy các số đo trực tiếp trên gà rừng tai trắng. Đối với đặc tính lựa chọn thức ăn thì bố trí 07 loại thức ăn trong chuồng nuôi mỗi ngày sẽ cân lượng thức ăn còn lại để tính lượng thức ăn trong một ngày của gà rừng tai trắng. Qua thời gian thí nghiệm thu được kết quả như sau: Đối với hình thái bên ngoài của gà rừng tai trắng thì thu nhận được có sự khác nhau về màu lông của gà trống và gà mái. Màu lông của tất cả gà trống trong thí nghiệm sự đồng nhất 100% về màu lông với các màu đỏ, đỏ cam, đen ánh kim, trắng. Đối với màu lông của gà mái thì có sự khác nhau, trong thí nghiệm có 75% gà có màu lông nâu, đen, xám và 25% gà có màu lông nâu, đen, xám, vàng cam. Thu thập được các số đo của các bộ phận cơ thể của gà rừng tai trắng trưởng thành Qua thí nghiệm tập tính thức ăn có 02 loại thức ăn được gà rừng tai trắng ưa thích nhất trong 07 loại thức ăn được sử dụng trong khẩu phần ăn của gà. Hai loại thức ăn ưa thích được ghi nhận là thịt và gạo lức.

4716	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến khả năng sinh trưởng của giống bắp nù (Zea mays L.) bằng phương pháp tưới phun ở vụ xuân hè	Lê, Đức Huy	Phạm, Ngọc Nhân	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến khả năng sinh trưởng của giống bắp nù (zea mays l.) bằng phương pháp tưới phun ở vụ Xuân Hè” được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2018 nhằm mục đích tìm ra chu kỳ tưới thích hợp và phương pháp tưới cho giống bắp nù sinh trưởng tốt, giúp người dân chọn được chu kỳ tưới thích hợp trên bắp. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên có 4 nghiệm thức và 4 lần lặp lại. Thí nghiệm sử dụng nghiệm thức đối chứng của nông dân được canh tác theo tập quán tại địa phương. Kết quả cho thấy chiều cao đóng bắp không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức $\alpha=0,05$. Có sự khác biệt về chiều cao cây, số lá trên cây, chiều cao rễ và đường kính thân ở mức ý nghĩa thống kê $\alpha=0,05$ Kết quả thí nghiệm cho thấy chu kỳ tưới 3 ngày/lần ở nghiệm thức 2 có chiều cao cây cao nhất 225,95 cm. Nghiệm thức 2 cũng có đường kính thân lớn nhất 3,05 cm, tốc độ tăng trưởng trung bình/ngày theo giai đoạn cũng nhanh nhất 2,086 cm/ngày. Bên cạnh đó tỷ lệ cây chết nhỏ nhất 2,29% và tỷ lệ cây nghiêng cũng chiếm tỷ lệ thấp nhất ở nghiệm thức 2. Chỉ tiêu số lá/cây ở nghiệm thức 3 cao nhất là 11,63 lá. Chỉ tiêu ngày trở cờ và ngày phun râu cho thấy là thấp nhất. Nghiệm thức 2 có độ ẩm đất thấp nhất trong quá trình nghiên cứu (ẩm độ 54%).
------	---------	--	-------------	-----------------	------	--

4717	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng KaLi lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới.	Bùi, Thị Ngọc Duyên	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng kali lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới”. Thí nghiệm được tiến hành nhằm tìm ra liều lượng dinh dưỡng K thích hợp cho sự sinh trưởng và năng suất cà chua, góp phần mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên có 1 nhân tố: liều lượng K thay đổi theo từng nghiệm thức, có 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu, 1 chậu trồng 1 cây. Với nghiệm thức 1: giảm 10% K, nghiệm thức 2: giảm 20% K, nghiệm thức 3: đối chứng (N = 83.5 ppm sử dụng từ tuần 1 đến tuần 4 và N = 105,11 ppm sử dụng từ tuần 5 đến tuần 24; P = 14.6 ppm và K = 133.28), nghiệm thức 4: tăng 10% K, nghiệm thức 5: tăng 20% K Kết quả thí nghiệm cho thấy liều lượng K thay đổi theo từng nghiệm thức có ảnh hưởng đến những chỉ tiêu sinh trưởng ở từng nghiệm thức tại mỗi giai đoạn khác nhau. Năng suất thực tế và năng suất lý thuyết, năng suất thương phẩm giữa các nghiệm thức có ảnh hưởng đến liều lượng K. Năng suất thực tế trung bình là 692,00 g/chậu. Năng suất lý thuyết của từng nghiệm thức là: nghiệm thức 1 (728,67 g/chậu), nghiệm thức 2 (920,67 g/chậu), nghiệm thức 3 (1174,33 g/chậu), nghiệm thức 4 (978 g/chậu), nghiệm thức 5 (940,67 g/chậu). Năng suất thương phẩm cao nhất là: nghiệm thức 3 (778 g/chậu), kế đến cao nhì là nghiệm thức 4 (762,33 g/chậu). Độ Brix giữa các nghiệm thức có ảnh hưởng bởi liều lượng K. Với thức 3 (7,75%) là cao nhất, cao thứ 2 là nghiệm thức 4 (7,54%). Liều lượng K cũng có ảnh hưởng đến độ dày thịt với nghiệm thức 1 (2,47 mm), nghiệm thức 2 (3,28 mm), nghiệm thức 3 (3,88 mm), nghiệm thức 4 (3,58 mm), nghiệm thức 5 (3,03 mm). Nên áp dụng công thức phân với liều lượng N = 83.5 ppm (sử dụng từ tuần 1 – 4) và N = 105,11 ppm (sử dụng từ tuần 5 – 24); P = 14.6 ppm và K = 133.28 và thực hiện các thí nghiệm ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng đạm, lân lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới.
------	---------	---	---------------------	---	------	---

4718	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng Đạm, Lân, KaLi lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (Solanum Lycopersicum) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới.	Dương, Đình Khôi	Phạm, Văn Trọng Tĩnh	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng đạm, lân, kali lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (Solanum Lycopersicum) theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới”. Thí nghiệm được tiến hành nhằm nhằm tìm ra nồng độ dinh dưỡng thích hợp giúp tăng năng suất, góp phần mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ, khu Hòa An. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên có 1 liều lượng ảnh hưởng: nồng độ N, P, K với 5 nghiệm thức 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu, mỗi chậu 1 cây. Với nghiệm thức 1 (giảm 20% nồng độ N, P, K), nghiệm thức 2 (giảm 10% nồng độ N, P, K), nghiệm thức 3 nồng độ đối chứng (N = 83,5 ppm sử dụng từ tuần 1 đến tuần 4 và N = 105,11 ppm sử dụng từ tuần 5 đến tuần 24; P = 14,6 ppm và K = 133,28 ppm), nghiệm thức 4 (tăng 10% nồng độ N, P, K), nghiệm thức 5 (tăng 20% nồng độ N, P, K) Kết quả thí nghiệm cho thấy liều lượng N, P, K có ảnh hưởng đến những chỉ tiêu sinh trưởng ở từng nghiệm thức tại mỗi thời điểm khác nhau nhưng vẫn không gây ảnh hưởng đến khả năng cho năng suất của cây cà chua vào lúc thu hoạch. Năng suất lý thuyết cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (879,67 g/chậu), nghiệm thức 2 (1001,00 g/chậu), nghiệm thức 3 (1005,67 g/chậu), nghiệm thức 4 (691,33 g/chậu), nghiệm thức 5 (698,33 g/chậu). Năng suất thực tế cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (750,67 g/chậu), nghiệm thức 2 (754,67 g/chậu), nghiệm thức 3 (814,33 g/chậu), nghiệm thức 4 (634,00 g/chậu), nghiệm thức 5 (601,00 g/chậu). Tỷ lệ năng suất thực tế/ lý thuyết cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (85,33%), nghiệm thức 2 (75,67%), nghiệm thức 3 (81,00%), nghiệm thức 4 (91,67%), nghiệm thức 5 (86,00%). Năng suất thương phẩm cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (656,67 g/chậu), nghiệm thức 2 (650,33 g/chậu), nghiệm thức 3 (684,00 g/chậu), nghiệm thức 4 (545,33 g/chậu), nghiệm thức 5 (518,33 g/chậu). DM (%) thịt trái cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (3,37%), nghiệm thức 2 (3,43%), nghiệm thức 3 (4,00%), nghiệm thức 4 (3,37%), nghiệm thức 5 (3,13%). Độ dày thịt (%) cụ thể ở từng nghiệm thức như sau: Nghiệm thức 1 (3,37 mm), nghiệm thức 2 (3,43 mm), nghiệm thức 3 (3,82 mm), nghiệm thức 4 (3,55 mm), nghiệm thức 5 (3,13 mm).
------	---------	---	------------------	-------------------------	------	---

4719	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng KALI HUMATE phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất giống bắp nù (Zea may L..) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Tiểu My	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài: “Ảnh hưởng của liều lượng Kali Humate phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất giống bắp nù (Zea mays L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2018 nhằm tìm ra liều lượng Kali Humate thích hợp nhất để làm cơ sở cho những thí nghiệm tiếp theo. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 7 nghiệm thức và 3 lần lặp lại (NT1) không bón phân không bổ sung Kali Humate, NT2 bón phân theo khuyến cáo không phun Kali Humate, các nghiệm thức còn lại được bón phân theo khuyến cáo nhưng có bổ sung Kali Humate với liều lượng lần lượt như sau: 0,5g Kali Humate/lít (NT3), 1g Kali Humate/lít (NT4), 1,5g Kali Humate/lít (NT5), 2g Kali Humate/lít (NT6), 2,5g Kali Humate/lít (NT7). Về chỉ tiêu kỹ thuật qua thí nghiệm có kết luận như sau. Chỉ tiêu thời gian kéo dài trổ cờ và phun râu khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Thời gian kéo dài trổ cờ dài nhất ở NT đối chứng là 11 ngày so với NT5 bổ sung 2g Kali Humate/lít là 4 ngày, thời gian kéo dài phun râu dài nhất ở NT đối chứng là 11,67 ngày so với NT4 bổ sung 1,5g Kali Humate/lít là 1,33 ngày. Về chỉ tiêu nông học các chỉ tiêu chiều cao cây, chiều cao tán, chiều dài lá, chiều rộng lá, đường kính gốc, trung bình số lá xanh và chiều cao đóng bắp khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Với liều lượng 2,5g Kali Humate/lít phun qua lá có chiều cao cây (182,02 cm), chiều cao tán (182,02 cm), chiều dài lá (72,48 cm), chiều rộng lá (8,94 cm), số lá xanh trung bình (8,63 lá) và chiều cao đóng bắp (50,58 cm) khác biệt so với nghiệm thức đối chứng. Về chỉ tiêu năng suất và thành phần năng suất thì chỉ tiêu trọng lượng 100 hạt, năng suất thực tế, năng suất lý thuyết, năng suất thương phẩm và tỷ lệ % năng suất khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Với liều lượng 2,5g Kali Humate/lít phun qua lá có trọng lượng 100 hạt (35,65g), năng suất lý thuyết (11,95 tấn/ha), năng suất thực tế thu được (7,58 tấn/ha), năng suất thương phẩm (6,93 tấn/ha), tỷ lệ % năng suất thực tế/năng suất lý thuyết (64,09%), tỷ lệ % năng suất thương phẩm (91,33%) khác biệt so với nghiệm thức đối chứng.
------	---------	---	-----------------	-------------------------	------	---

4720	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng lân (P2O5) lên sự sinh trưởng và năng suất rau tần dầy lá (Coleus amboinicus lour) tại xã Hòa An, huyện Phụng HIệp, tỉnh Hậu Giang.	Cao, Thành Duy Tân	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng phân lân đến sự sinh trưởng và năng suất rau tần dầy lá. Đề tài: “Ảnh hưởng của liều lượng phân lân đến sự sinh trưởng và năng suất của cây rau tần dầy lá ” đã được thực hiện. Thí nghiệm được thực hiện từ tháng 07/2018 đến tháng 10/2018 tại khu thực nghiệm Khoa Phát Triển Nông Thôn, trường Đại học Cần Thơ. Nhằm xác định liều lượng phân lân đến sự sinh trưởng và năng suất rau tần. Từ đó đưa ra các khuyến cáo phù hợp góp phần hoàn thiện kỹ thuật trồng loại cây này. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Với diện tích mỗi lô là $1m \times 5m = 5m^2$. Sau khi phân chia lô thí nghiệm, chúng ta đánh dấu và chia lô theo từng nghiệm thức bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên. Công thức phân (kg/ha): công thức I: $100 N + 90 K_2O$, công thức II: $100 N + 90 K_2O + 270 P_2O_5$, công thức III: $100 N + 90 K_2O + 300 P_2O_5$, công thức IV: $100 N + 90 K_2O + 330 P_2O_5$ Các nghiệm thức có bốn phân lân có các chỉ tiêu cao cây, số chồi, số cành , dài lá, rộng lá, đường kính khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Qua các bảng số liệu cho thấy NT4 ($100 N + 90 K_2O + 330 P_2O_5$) cho kết quả cao nhất so với các NT còn lại Năng suất thực tế của NT4 là cao nhất 13,96 tấn/ha. Năng suất tổng thấp nhất là 8,36 tấn/ha ở NT1. NT2, NT3 không có ý nghĩa ở mức thống kê. NT2 có năng suất thực tế là 12,17 tấn/ha và NT3 có năng suất tổng là 12,02 tấn/ha. Năng suất thương phẩm giữa các nghiệm thức có khác biệt thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Nghiệm thức có năng suất thương phẩm cao nhất là NT4 (13,26 tấn/ha), nghiệm thức có năng suất thương phẩm thấp nhất là NT1 (7,94 tấn/ha). Ở NT2, NT3 năng suất thương phẩm khác biệt thống kê không có ý nghĩa. NT2 có năng suất thương phẩm là 11,56 tấn/ha và NT3 có năng suất thương phẩm là 11,42 tấn/ha. Năng suất lý thuyết giữa các nghiệm thức có sự khác biệt, cao nhất là 23,92 tấn/ha (NT4) và thấp nhất là 16,20 tấn/ha (NT1).
------	---------	--	--------------------	----------------------	------	---

4721	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng đạm, lân và kali lên sinh trưởng, năng suất của giống bắp nù (Zea mays L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Nguyễn, Hoài Linh	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Ngọc Đệ	2018	Đề tài: “Ảnh hưởng của liều lượng Đạm, Lân và Kali lên sinh trưởng, năng suất của giống bắp Nù (Zea mays l.) trồng tại, Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đã được thực hiện. Nhằm đánh giá được sự ảnh hưởng của phân bón đạm, lân và kali lên sinh trưởng và năng suất của cây bắp nù tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang đề tìm ra được mức phân bón cũng như vai trò của từng nhân tố đạm, lân và kali cho cây bắp. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại như sau: NT1 (200N – 100P2O5 – 100K2O), NT2 không bón phân, NT3 (0N – 100P2O5 – 100K2O), NT4 (200N – 0P2O5 – 100K2O), NT5 (200N – 100P2O5 – 0K2O). Số liệu của thí nghiệm được thu thập tại nơi trồng là Trại thực nghiệm của Khoa Phát triển Nông Thôn trường Đại học Cần Thơ thuộc ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Kết quả cho thấy được nghiệm thức khi bón đầy đủ phân bón đạm, lân và kali cũng như nghiệm thứ thiếu hụt một trong các yếu tố hoặc không bón phân sẽ làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất cây. Qua thí nghiệm cho thấy NT1 công thức phân (200N – 100P2O5 – 100K2O) là tốt nhất, ở các chỉ tiêu về cây, lá và trái đều cho thấy sự lớn nhất và khác biệt so với các nghiệm thức còn lại. Với các chỉ tiêu như thời gian sinh trưởng tốt nhất trổ cờ và phun râu đồng loạt thời gian kéo dài ngắn (4,33 ngày – 3,66 ngày), có chiều cao cây cao nhất là 201,27 cm, chiều cao tán cao nhất là 201,27 cm, chiều dài lá lớn nhất (85,18 cm), chiều rộng lá lớn nhất (8,66 cm), năng suất thực tế là 3,08 tấn/ha, năng suất lý thuyết là 7,21 tấn/ha, và chỉ tiêu về thương phẩm của nghiệm thức này ít bị ảnh hưởng hạt phát triển bình thường và tốt nên cho tỷ lệ 89,09%. Với liều lượng phân bón như NT1 (200N – 100P2O5 – K2O) cho thấy sự sinh trưởng và năng suất tốt nhất, điều đó cho thấy sự thích nghi của cây bắp nù với liều lượng bón phân theo khuyến cáo tại vùng đất nơi thí nghiệm Kiến nghị cần thực hiện nhiều thí nghiệm về cây bắp Nù với lượng phân bón như NT1 (200N – 100P2O5 – 100K2O) hoặc tăng giảm liều lượng phân bón, trên những vùng đất khác để tìm ra được liều lượng bón đạt năng suất tốt hơn, chính xác hơn.
------	---------	---	-------------------	---	------	--

4722	Đại học	Ảnh hưởng của phân hóa học và giống lên chỉ tiêu nông học và năng suất cỏ PASPALUM ATRATUM và cỏ dẹp trồng trên đất phèn Hòa An	Nguyễn, Thị Chúc Linh	Nguyễn, Thị Hồng Nhân Nguyễn, Thiết	2018	Đề tài: “Ảnh hưởng của phân hóa học và giống lên chỉ tiêu nông học và năng suất cỏ Paspalum atratum và cỏ Dẹp trồng trên đất phèn Hòa An” được thực hiện từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 tại trại thực nghiệm khu Hòa An, khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức thừa số hai nhân tố với 4 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Tổng số lô thí nghiệm là 12 lô với diện tích mỗi lô là 4m². Nhân tố 1: là giống cỏ Dẹp và cỏ Paspalum atratum (Pas). Nhân tố 2: hai mức độ phân bón hóa học là: hóa học 1 (HH1): 250 kg Ure/ha – 500 kg Lân/ha – 200 kg Kali/ha, hóa học 2 (HH2): 350 kg Ure/ha – 750 kg Lân/ha – 300 kg Kali/ha. Các nghiệm thức thí nghiệm là: nghiệm thức 1 (Dẹp 1): Cỏ Dẹp được bón với mức phân bón hóa học 1; nghiệm thức 2 (Dẹp 2): Cỏ Dẹp được bón với mức phân bón hóa học 2; nghiệm thức 3 (Pas 1): Cỏ Paspalum được bón với mức phân bón hóa học 1; nghiệm thức 4 (Pas 2): Cỏ Paspalum được bón với mức phân bón hóa học 2. Tất cả nghiệm thức đều được bón lót phân hữu cơ với khối lượng 20 tấn/ha trước khi trồng. Phân hóa học được bón 10 ngày sau khi trồng và sau đó mỗi tháng bón một lần với khối lượng theo từng nghiệm thức. Kết quả thu được qua lúa cắt thứ nhất (60 ngày sau khi trồng) và lúa cắt thứ 2 (45 ngày sau khi tái sinh) của hai giống cỏ trồng với hai mức phân hóa học như sau: các chỉ tiêu nông học như chiều cao, số chồi/bụi của cỏ Dẹp cao hơn cỏ Paspalum nhưng có số lá, dài lá, rộng lá thấp hơn cỏ Paspalum. Chính vì thế cỏ Dẹp cho năng suất (1,77 tấn/ha) thấp hơn cỏ Paspalum (2,89 tấn/ha). Hai mức phân hóa học ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến khả năng sinh trưởng và năng suất cỏ Dẹp nhưng ảnh hưởng không ý nghĩa thống kê đến khả năng sinh trưởng và năng suất cỏ Paspalum, cỏ Dẹp bón phân hóa học cao cho năng suất cao và ngược lại.
------	---------	---	-----------------------	--------------------------------------	------	---

4723	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày triển vọng tại Hòa An, Phụng hiệp, Hậu Giang.	Thái, Hoàng Khoa	Nguyễn, Thành Trục	2018	Đề tài “So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày triển vọng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, được thực hiện 4 tháng trong vụ Đông Xuân (12/2017 - 3/2018) Nhằm tuyển chọn các giống lúa triển vọng có khả năng thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày triển vọng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ trại giống Long Phú, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng OM5451 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sên, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20(cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống D63 có thời gian sinh trưởng 96 ngày, năng suất 8,9 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên thuộc mức tốt (49,7%), tỉ lệ bạc bụng 2%, hình dạng hạt gạo thon dài. Giống OM359 có thời gian sinh trưởng 101 ngày, năng suất 10,3 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên thuộc mức tốt (50,7%), tỉ lệ bạc bụng 15%, hình dạng hạt gạo thon dài.
------	---------	--	------------------	--------------------	------	--

4724	Đại học	Thị hiếu sử dụng phân hữu cơ của các hộ trồng vườn trên địa bàn huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Nhựt Linh	Võ, Hồng Tú	2018	Đề tài: “Thị hiếu sử dụng phân hữu cơ của các hộ trồng vườn trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm (i) Phân tích hành vi sử dụng phân hữu cơ của các hộ trồng vườn trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. (ii) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng phân hữu cơ của các hộ trồng vườn trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. (iii) Đề xuất những giải pháp nhằm giúp cho các nhà sản xuất, doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các hộ trồng vườn trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ Bằng phương pháp hồi quy logit được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến quyết định mua và sử dụng các sản phẩm phân hữu cơ của các nông hộ trên địa bàn huyện Phong Điền, TP. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng phân hữu cơ của các nông hộ là: Tuổi, trình độ học vấn, tuổi cây, khoảng cách mua phân và quy cách đóng bao phù hợp để nông hộ chọn mua. Cụ thể đối với các biến như: độ tuổi của nông hộ, khoảng cách mua phân và quy cách đóng bao tỷ lệ nghịch với quyết định sử dụng mua phân hữu cơ của các hộ trồng cây ăn trái. Có nghĩa là nếu các yếu tố như: tuổi của nông hộ, khoảng cách mua phân, quy cách đóng bao càng cao thì quyết định mua và sử dụng phân hữu cơ của các nông hộ sẽ càng thấp và ngược lại. Các yếu tố như: Trình độ học vấn và tuổi cây tỷ lệ thuận với quyết định mua và sử dụng phân hữu cơ của nông hộ. Tức là nếu tuổi cây và trình độ học vấn càng cao thì quyết định mua và sử dụng phân hữu cơ của các nông hộ càng cao. Đề tài đã làm bật rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng phân hữu cơ của nông hộ từ đó giúp các công ty, doanh nghiệp tìm được mức giá phù hợp cũng như là những nhu cầu, nguyện vọng của các nông hộ trồng cây ăn trái để các công ty, doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng phân hữu cơ của nông hộ.
------	---------	---	-------------------	-------------	------	--

4725	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 13 giống lúa cao sản ngắn ngày tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Hồ, Quốc Việt	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tìm được các giống phù hợp mật năng suất và phẩm chất có khả năng chống chịu phèn, kháng được sâu bệnh chính, phục vụ canh tác là mục tiêu của đề tài đề “so sánh năng suất và phẩm chất của 13 giống lúa cao sản ngắn ngày tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018. Bộ giống gồm 13 giống lúa được cung cấp từ viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ, trại giống Long Phú gồm: MTL480, LP3, D53-7, D534-1, LP22, D536, OM230, D6-3, OM348, OM5629, SH2140-10, OM5451, JASMINE (đối chứng), thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tếp/bụi với khoảng cách 15x20(cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống phù hợp nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống D534-1 có thời gian sinh trưởng 95 ngày, năng suất 10 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng (1%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên (39,9); giống D6-3 có thời gian sinh trưởng 102 ngày, năng suất 9,3 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng (7%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên cấp (47,2).
------	---------	---	---------------	--------------------	------	--

4726	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng lân lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (Solanum lycopersicum) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong nhà lưới.	Nguyễn, Thành Đạt	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Trần, Duy Phát	2018	Đề tài: “Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng lân lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (solanum lycopersicum) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong nhà lưới” được thực hiện từ tháng 06/2018 đến tháng 11/2018 Trại thực nghiệm Bộ Môn Kỹ Thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ thuộc xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm xác định mức dinh dưỡng phù hợp cho sinh trưởng và phát triển của cà chua góp phần làm tăng năng suất cây cà chua và đem lại nguồn hiệu quả kinh tế cao. Thí nghiệm được bố trí khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT) và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu (trồng 1 cây/chậu). Tổng số cây là 150 chậu tương ứng với 150 cây cà chua. Nghiệm thức 1 tăng 20% liều lượng lân so với đối chứng (nồng độ NPK trong dung dịch đối chứng lần lượt là N = 83,5 ppm sử dụng từ tuần 1 đến tuần 4 và N = 105,11 ppm sử dụng từ tuần 5 đến tuần 24, P là 14,6 ppm, K là 133,28ppm), nghiệm thức 2 tăng 10% liều lượng lân so với đối chứng, nghiệm thức 3 nghiệm thức đối chứng, nghiệm thức giảm 10% liều lượng lân so với đối chứng, nghiệm thức 5 giảm 20% liều lượng lân so với đối chứng. Kết quả cho thấy việc tăng giảm liều lượng lân không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây cà chua. Nghiệm thức cho kết quả tốt nhất là nghiệm thức 1 (tăng 20% liều lượng lân) và nghiệm thức 2 (tăng 10% liều lượng lân), cả hai nghiệm thức đều cho chỉ số về sinh trưởng như nhau và cho năng suất lần lượt là nghiệm thức 1 (719 g/cây) và nghiệm thức 2 (698 g/cây), chất lượng trái cà chua về vật chất khô, hàm lượng nước, tỷ lệ thịt, độ brix và độ dày thịt trái cà chua đều không có sự khác biệt Đề tài: “Khảo sát tình hình chăn nuôi gà rừng (Gallus Gallus) tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm đánh giá tình hình chăn nuôi gà rừng của nông hộ tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, đồng thời tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng như về kinh tế - kĩ thuật trong việc chăn nuôi gà tại nông hộ. Nghiên cứu hiện tại được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện các nông hộ nuôi gà rừng trên địa bàn vùng Thất Sơn. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, tính trung bình của các chỉ tiêu nghiên cứu nhờ sự hỗ trợ của SPSS và hồi qui tuyến tính tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ. Kết quả điều tra 30 nông hộ chăn nuôi gà rừng tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, cho thấy tình hình chăn nuôi tại nông hộ chưa phát triển nhiều. Để khắc phục tình hình đó nông hộ cần phải nắm bắt được thông tin giá cả về thị trường, con giống, tham gia các lớp tập huấn nhằm nâng cao kinh nghiệm chăn nuôi, các loại thức ăn hợp lý nhằm tránh lãng
------	---------	--	-------------------	--	------	--

4727	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng đạm lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới.	Nguyễn, Thị Thúy Phương	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng dinh dưỡng đạm lên sự sinh trưởng và năng suất cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới” thí nghiệm được thực hiện nhằm xác định được nồng độ đạm trong dung dịch tưới nhỏ giọt phù hợp lên sinh trưởng và năng suất cây cà chua. Thí nghiệm được thực hiện tại Trại thực nghiệm Bộ môn Kỹ Thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, khu Hòa An thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 11/2018. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 1 nhân tố: liều lượng Đạm thay đổi ở 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu mỗi chậu trồng 1 cây, tổng thí nghiệm là 150 chậu tương ứng với 150 cây cà chua. Thí nghiệm được thực hiện với các liều lượng Đạm ở các nghiệm thức như sau: nghiệm thức 1 K, P theo công thức đối chứng, tăng 20% N; nghiệm thức 2 K, P theo công thức đối chứng, tăng 10% N; nghiệm thức 3 đối chứng theo Nguyễn Văn Đẹp (2008)* (*: N = 83,5 ppm sử dụng từ tuần 1 đến tuần 4 và N = 105,11 ppm sử dụng từ tuần 5 đến tuần 24; P = 14,6 ppm; K = 133,28 ppm); nghiệm thức 4 K, P theo công thức đối chứng, giảm 10% N; nghiệm thức 5 K, P theo công thức đối chứng, giảm 20% N Kết quả thí nghiệm cho thấy liều lượng Đạm khác nhau của nghiệm thức có ảnh hưởng đến những chỉ tiêu sinh trưởng ở từng nghiệm thức tại mỗi giai đoạn khác nhau và gây ảnh hưởng đến khả năng cho năng suất của cây cà chua vào lúc thu hoạch. Chiều cao cây cà chua nhìn chung không bị ảnh hưởng bởi liều lượng đạm. Số lá trung bình của cây cà bị ảnh hưởng bởi liều lượng đạm tại thời điểm 70, 80, 100 ngày sau khi trồng. Liều lượng đạm có ảnh hưởng đến kích thước lá cà chua ở chỉ tiêu rộng lá 15 và chỉ tiêu đường kính gốc ở thời điểm 20 ngày sau khi trồng. Năng suất thực tế và năng suất lý thuyết giữa các nghiệm thức bị ảnh hưởng bởi liều lượng Đạm khác nhau. Năng suất lý thuyết ở từng nghiệm thức là: nghiệm thức 1 (1676,75 g/cây), nghiệm thức 2 (646,16 g/cây), nghiệm thức 3 (973,72 g/cây), nghiệm thức 4 (737,01 g/cây), nghiệm thức 5 (765,56 g/cây). Năng suất thực tế ở từng nghiệm thức là: nghiệm thức 1 (537,34 g/ chậu), nghiệm thức 2 (525,00 g/ chậu), nghiệm thức 3 (711,69 g/ chậu), nghiệm thức 4 (440,00 g/ chậu), nghiệm thức 5 (670,59 g/chậu). DM thịt trái, độ Brix, hàm lượng nước, tỷ lệ thịt, độ dày thịt giữa các nghiệm thức không bị ảnh hưởng bởi liều lượng đạm. Với liều lượng đạm theo công thức đối chứng thì năng suất cà chua đạt cao nhất nên áp dụng liều lượng này trong canh tác và thử nghiệm với sự thay đổi liều lượng lân, kali trong
------	---------	--	-------------------------	---	------	---

4728	Đại học	Ảnh hưởng tỷ lệ phối trộn cát- xơ dừa- trấu đến sự sinh trưởng và năng suất của cây cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới.	Bùi, Diễm Sương	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Trần, Duy Phát	2018	Mục tiêu đề tài “Ảnh hưởng tỷ lệ phối trộn cát - xơ dừa - trấu đến sự sinh trưởng và năng suất của cây cà chua (<i>solanum lycopersicum</i>) trồng theo phương pháp tưới nhỏ giọt trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện nhằm: Khảo sát sự sinh trưởng và phát triển của cà chua với các tỷ lệ phối trộn cát + xơ dừa, trấu + xơ dừa khác nhau. Đánh giá ảnh hưởng của các tỷ lệ phối trộn cát + xơ dừa, trấu + xơ dừa khác nhau đến sự sinh trưởng, năng suất của cà chua. Tìm được tỷ lệ phối trộn cát + x dừa, trấu + xơ dừa phù hợp để đem lại năng suất cao nhất trên cà chua. Thí nghiệm được bố trí khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT) và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu (trồng 1 cây/chậu). Tổng số cây là 150 chậu tương ứng với 150 cây cà chua. Nghiệm thức 1 giá thể đối chứng 100% mụn xơ dừa, nghiệm thức 2 phối trộn giá thể 85% cát + 15% mụn xơ dừa, nghiệm thức 3 phối trộn giá thể 70% cát + 30% mụn xơ dừa, nghiệm thức 4 phối trộn giá thể 70% mụn xơ dừa + 30% trấu, nghiệm thức 5 phối trộn giá thể 85% mụn xơ dừa + 15% trấu. Kết quả cho thấy tỷ lệ phối trộn giá thể cát – trấu- xơ dừa khác nhau không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu như: chiều cao cây tổng số lá, kích thước lá, đường kính gốc, kích thước trái, tổng số chùm/cây, tổng số trái/chùm, trọng lượng trái, trọng lượng trái/chùm và trọng lượng trái/cây. Năng suất lý thuyết dao động (875,07 – 1.063,30 gam/cây), năng suất thực tế và năng suất thương phẩm cao nhất là (1.006,67 – 988,97 gam/cây) và thấp nhất là (636,37 – 610,61 gam/cây). Về chỉ tiêu chất lượng trái cà chua giữa các loại giá thể khác nhau trong thí nghiệm không ảnh hưởng ngoại trừ độ brix. Giá thể có 15% mụn xơ dừa + 85% cát có độ brix thấp nhất (4,38%) và khác biệt so với các giá thể còn lại. Giá thể 100% mụn xơ dừa 30% mụn xơ dừa + 70% cát, 70% mụn xơ dừa + 30% trấu, 85% mụn xơ dừa + 15% trấu có độ brix không khác biệt.
------	---------	--	-----------------	--	------	--

4729	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng dừa sáp tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Phạm, Nguyễn Ngọc Nguyễn	Trần, Thanh Dũng	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính câu mô hình trồng dừa Sáp tại huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh”. (1) Đánh giá hiện trạng sản xuất dừa Sáp tại huyện Cầu kè tỉnh Trà Vinh. (2) Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận ảnh hưởng đến mô hình. (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng dừa Sáp tại huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh Đề tài được thực hiện 4 tháng, điều tra 30 nông hộ có sản xuất dừa Sáp ở thị trấn Cầu Kè và xã Hòa Tân huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích lợi ích – chi phí và phân tích hồi quy đa biến để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, huyện Cầu Kè có điều kiện tự nhiên thích hợp cho hoạt động trồng dừa Sáp, người dân ở đây tham gia trong hoạt động trồng dừa Sáp trung bình là 16 năm trong đó cao nhất có kinh nghiệm trồng dừa Sáp là 50 năm và thấp nhất là 5 năm. Từ đó cho thấy người dân ở đây tham gia trong hoạt động trồng dừa Sáp khá lâu nên có khá nhiều kinh nghiệm trong hoạt động. Tuy nhiên, kiến thức nông nghiệp của họ vẫn chưa cao do ít tiếp cận với các hoạt động nông nghiệp trong vùng cũng như tham gia vào các lớp tập huấn. Trong hoạt động trồng dừa Sáp nông hộ bỏ ra khoảng 122,41 triệu đồng/ha chi phí thì trung bình doanh thu đạt được là 406,5 triệu đồng/ha/năm và lợi nhuận là 284,09 triệu đồng/ha/năm. Lợi nhuận của nông hộ trồng dừa Sáp có thể nói là khá cao, có thể xem đây là cây trồng có khả năng làm giàu cho người nông dân. Để giúp cho nông hộ sản xuất đạt hiệu quả cao hơn đề tài có đưa ra một số giải pháp như sau: Các HTX cần chuyển giao khoa học kỹ thuật nhiều hơn cho nông dân tự sản xuất, biểu dương nhân rộng mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao thông qua báo đài địa phương nhằm khuyến khích các hộ làm theo. Tăng cường công tác nhân giống cây trồng để có giống tốt nhất đưa vào sản xuất trên diện tích rộng, đảm bảo người dân ổn định năng suất. Cung cấp và hướng dẫn người dân sử dụng phân bón hợp lý và cân đối, thuốc BVTV đạt hiệu quả cao để góp phần tăng gia sản xuất, đảm bảo chất lượng
------	---------	--	--------------------------	------------------	------	---

4730	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến các yếu tố cấu thành năng suất của giống bắp nù (<i>Zea mays</i> L.) bằng phương pháp tưới phun ở vụ xuân hè	Nguyễn, Anh Quân	Phạm, Ngọc Nhân	2018	Đề tài Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến các yếu tố cấu thành năng suất của giống bắp nù (<i>Zea mays</i> L.) bằng phương pháp tưới phun ở vụ Xuân Hè được thực hiện từ tháng 04 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018 nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến các yếu tố cấu thành năng suất của giống bắp nù bằng phương pháp tưới phun vụ Xuân Hè. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 4 nghiệm thức với 4 lần lặp lại. Thí nghiệm sử dụng phương pháp tưới phun cho cây bao gồm: NT1 (tưới 1 ngày/lần), NT2 (tưới 3 ngày/lần), NT3 (tưới 5 ngày/lần), NTDC (tưới theo tập quán canh tác của nông hộ). Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa các nghiệm thức về các yếu tố cấu thành năng suất như số bắp/cây, chiều dài bắp, đường kính bắp, số hạt/hàng, trọng lượng 1000 ở mức ý nghĩa $\alpha=0,05$ qua các chu kì tưới khác nhau. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy số hàng hạt/bắp không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Năng suất thực tế đạt từ khoảng 29,53 – 35,22 tạ/ha, năng suất của các nghiệm thức thí nghiệm không có sự khác biệt ở mức ý nghĩa $\alpha=0,05$ qua phân tích thống kê.
4731	Đại học	So sánh khả năng chịu hạn của cỏ sả (<i>Panicum Maximum</i>) và cỏ Paspalum được trồng trong điều kiện nhà lưới	Lâm, Thái Ngọc	Nguyễn, Thị Hồng Nhân Nguyễn, Thiết	2018	Nhằm khảo sát khả năng chịu hạn và tính năng sản xuất của của hai loại cỏ chúng tôi đã tiến hành thí nghiệm từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018 tại Khoa Phát triển Nông thôn – Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với hai nhân tố: Nhân tố 1: loại cỏ Paspalum và cỏ Sả, nhân tố 2: thời gian gây hạn (0, 5, 10 và 15 ngày).. Cỏ sau khi trồng trong chậu được 30 ngày ở điều kiện tự nhiên thì bắt đầu cho chịu hạn nhân tạo). Thí nghiệm với các chỉ tiêu theo dõi là : chiều cao, số chồi, số lá, dài lá, rộng lá, dài rễ, khối lượng rễ, năng suất xanh, năng suất khô, Chlorophyll A, Chlorophyll B, Chlorophyll A+B. Trong quá trình nghiên cứu thu được một số kết quả sau: Số chồi tại thời điểm trước khi xử lý hạn (30 ngày sau khi trồng) không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Tại thời điểm 50 ngày số chồi của nghiệm thức (NT) PH0 là 10,38 chồi thấp hơn so với NT PH15 là 11,00 chồi và số chồi của NT SH0 là 15,50 chồi cao hơn so với NT SH15 (10,63 chồi) và số chồi tại thời điểm thu hoạch 60 ngày của NT PH0 là 10,25 chồi nhiều hơn so với 9,13 chồi của NT PH15 và số chồi của NT SH0 là 16,13 chồi cao hơn 11,38 chồi của NT SH15, ở cùng thời điểm chịu hạn 15 ngày thì số chồi cỏ sả cao hơn nhiều so với cỏ paspalum. Về Năng suất xanh/chậu (NSX/chậu) của NT PH0 là 159,81 g cao hơn so với NT PH15 là 127,03 g và NSX/chậu của NT SH0 là 166,28 g thấp hơn so với NT SH15 là 174,48 g. Về năng suất khô/chậu (NSK/chậu) của NT PH0 là 36,00 g cao hơn so với NT PH15 là 27,84g và NSK/chậu của NT SH0 là 48,92g lớn hơn so với NT SH15 là 44,88 g. Khi so sánh năng suất xanh và năng suất khô của cỏ Paspalum và cỏ Sả thì năng suất cỏ sả cao hơn cỏ paspalum ở tất cả nghiệm thức. Kết quả thí nghiệm cho thấy cỏ Sả có khả năng phục hồi cao hơn cỏ paspalum khi chịu hạn và phục hồi trở lại thì năng suất cỏ sả tăng, còn năng suất của cỏ paspalum giảm và cỏ sả có năng suất cao hơn cỏ paspalum.

4732	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn Carbohydrate khác nhau trong mô hình nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>) áp dụng công nghệ Biofloc.	Nguyễn, Hùng Vương	Trần, Nguyễn Hải Nam	2018	Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn carbohydrate khác nhau trong mô hình nuôi cá lóc (<i>Channa striata</i>(Bloch, 1793)) áp dụng công nghệ biofloc.” được thực hiện từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2018 tại trại Thực nghiệm Thủy sản, Khoa Phát Triển Nông Thôn, Trường Đại học Cần Thơ. Mục tiêu là nhằm đánh giá được sự ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn carbohydrtate khác nhau đến tỷ lệ sống, sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của cá lóc (<i>Channa striata</i>) trong giai đoạn từ hương lên giống ứng dụng công nghệ biofloc. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại. Trong đó: NT1 là nghiệm thức đối chứng không bổ sung carbohydrate; NT2 bổ sung carbohydrate bằng bột khoai mì; NT3 bổ sung carbohydrate bằng bột gạo; NT4 bổ sung carbohydrate bằng mật ri đường Sau 6 tuần nuôi, các yếu tố môi trường đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của cá. Tỷ lệ sống dao động từ $74.17 \pm 9.46\%$ đến $78.33 \pm 10.41\%$, không có sự khác biệt thống kê giữa các nghiệm thức. Tăng trưởng trung bình về trọng lượng cao nhất đạt được ở vào nghiệm thức đối chứng NT1 ($10,76 \pm 0,32$ g) lần lượt cao hơn các nghiệm thức NT3, NT2, NT4 ($p < 0,05$). Tương tự, tăng trưởng chiều dài của cá cũng đạt cao nhất ở nghiệm thức 1 ($7,93 \pm 0,78$ cm), cao hơn so với các nghiệm thức có bổ sung carbohydrate ($p < 0,05$). Hệ số chuyển hóa thức ăn cao nhất ở NT2 đạt $1,81 \pm 0,33$ và thấp nhất nằm ở nghiệm thức đối chứng (NT1) $1,31 \pm 0,16$. Sau khi kết thúc thí nghiệm thì năng suất thu được ở các nghiệm thức đạt từ $0,009 \pm 0,001$ kg/m³ đến $0,012 \pm 0,001$ kg/m³ trong đó NT1 đạt được năng suất cao nhất $0,012 \pm 0,001$ kg/m³ Từ kết quả về tỉ lệ sống của cá và các kết quả về tăng trưởng chiều dài của cá; tăng trưởng về khối lượng của cá; hệ số chuyển hóa thức ăn; cũng như năng suất của cá trong toàn thí nghiệm, nghiệm thức đối chứng NT1 (không bổ sung carbohydrate) luôn đạt được kết quả tốt nhất. Từ đó ta thấy được, trong điều kiện thí nghiệm, việc áp dụng công nghệ biofloc trong ương cá lóc không giúp cải thiện được các chỉ tiêu về tăng trưởng của đối tượng thí nghiệm cũng như không cải thiện được hệ số chuyển hóa thức ăn và chi phí sản xuất so với mô hình nuôi bình thường.
------	---------	---	--------------------	----------------------	------	---

4733	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình canh tác vú sữa của nông hộ trên địa bàn huyện Phong Điền, Thành Phố cần Thơ	Phạm, Hoàng Nguyên	Nguyễn, Thùy Trang	2018	Nhằm giúp nông hộ nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần cải thiện thu nhập ổn định cuộc sống, đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình canh tác vú sữa của nông hộ trên địa bàn huyện Phong Điền, Thành Phố Cần thơ” được thực hiện trên địa bàn huyện Phong Điền từ tháng 05/2018 đến tháng 12/2018. Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: Mục tiêu (1) Phân tích thực trạng sản xuất vú sữa ở huyện Phong Điền, Tp.Cần Thơ. Mục tiêu (2) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng vú sữa ở huyện Phong Điền, Cần Thơ. Mục tiêu (3) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ trồng vú sữa ở huyện Phong Điền, Cần Thơ.. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả (về các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất) đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính để xử lý số liệu sơ cấp được khảo sát từ 33 nông hộ sản xuất vú sữa. Đồng thời đề tài đi sâu vào phân tích hiệu quả kỹ thuật bằng phương pháp DEA (Data Envelopment Annlysis) và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tham gia sản xuất vú sữa. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ sản xuất vú sữa là 58,8%. Yếu tố về điều kiện kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật là kinh nghiệm sản xuất, tuổi cây và sử dụng phân hữu cơ. Từ đó đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình. Giải pháp cho nông hộ để nâng cao hiệu quả kỹ thuật là nông hộ cần sử dụng cân đối các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất như: lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo đúng khuyến cáo. Đảm bảo nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng phân bón, thuốc nông dược, tránh tình trạng sử dụng quá liều lượng không theo khuyến cáo... nhưng phải đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng và phòng trừ sâu bệnh gây hại cho cây một cách hiệu quả nhất nhằm giúp nông hộ tiết kiệm chi phí trong sản xuất.
------	---------	--	--------------------	--------------------	------	--

4734	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng dâu Hạ Châu ở huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	Trịnh, Thị Ngọc Trang	Võ, Hồng Tú	2018	Đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng dâu Hạ Châu ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” được thực hiện trên địa bàn huyện Phong Điền từ tháng 8/2018 đến 12/2018. Mục tiêu thực hiện đề tài như sau: (1) Phân tích thực trạng sản xuất dâu Hạ Châu ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ, (2) Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng dâu Hạ Châu ở huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ, (3) Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất dâu Hạ Châu Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả về (về các giá trị trung bình số học đơn giản) đối với các số liệu về diện tích, vốn sản xuất, nguồn lực lao động... và các chỉ tiêu tài chính để xử lý số liệu phỏng vấn từ 40 nông hộ sản xuất dâu Hạ Châu. Đề tài sử dụng phương pháp thu thập số liệu để chọn ra 40 hộ trên địa bàn nghiên cứu ở 2 xã: Mỹ Khánh và Nhơn Ái. Đề tài sử dụng phương pháp màng bao dữ liệu Data Envelopment Analysis - DEA và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất dâu Hạ Châu. Qua kết quả khảo sát và ước lượng tại địa bàn nghiên cứu, nông hộ trồng dâu Hạ Châu đạt mức hiệu quả trung bình là 87%. Với mức hiệu quả khá cao nhưng các nông hộ vẫn chưa đạt mức hiệu quả tối ưu. Kết quả phân tích từ mô hình hồi quy tuyến tính cho biết các yếu tố về ngày công lao động của gia đình và diện tích trồng tác động đến hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng dâu Hạ Châu. Từ kết quả phân tích được, đề tài đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng dâu Hạ Châu.
------	---------	---	-----------------------	-------------	------	--

4735	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật mô hình sản xuất bắp lai của nông hộ trên địa bàn huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Lê, Thị Mai Thanh	Lê, Văn Dễ Nguyễn, Thị Bạch Kim	2018	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài này là phân tích hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất bắp lai của nông hộ trên địa bàn huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nhằm đo lường hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong việc sử dụng các yếu tố đầu vào. Từ đó đề xuất giải pháp góp phần nâng cao mức hiệu quả kỹ thuật sản xuất bắp lai Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp DEA (Data Envelopment Annalysis) để phân tích mức độ tối ưu về mặt kỹ thuật, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy Tobit để đo lường mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng bắp lai. Dựa trên số liệu sơ cấp được thu thập từ 41 hộ trồng bắp lai ở 3 xã thuộc huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ trồng bắp lai là 0,82. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trồng bắp lai của nông hộ là số năm kinh nghiệm, dịch bệnh xảy ra, khoảng cách trung bình giữa các hàng bắp lai. Ngược lại các yếu tố không ảnh hưởng là vay vốn, tập huấn, khoảng cách từ nhà đến mảnh đất trồng bắp lai của nông hộ. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kỹ thuật trồng bắp lai cho nông hộ. Nông hộ nên sử dụng các yếu tố đầu vào một cách phù hợp để đạt hiệu quả tối ưu. Tích cực tham gia các tổ chức hội, đoàn thể tại địa phương, đặc biệt là hội nông dân, tổ hợp tác. Bên cạnh nông hộ cần chủ động tích cực học tập và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả.
------	---------	--	-------------------	--	------	--

4736	Đại học	Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trên đất cát.	Lê, Trung Hiếu	Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trên đất cát” được thực hiện từ tháng 06 năm 2016 đến tháng 08 năm 2018 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra sự ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm và phân giải lân lên sự sinh trưởng và năng suất cải của cải ngọt. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không sử dụng phân hóa học, không sử dụng phân hữu cơ (không bổ sung vi sinh vật); NT2: Sử dụng phân vô cơ (100 N: 80 P2O5: 40 K2O); NT3: Sử dụng 2 kg/m2 phân hữu cơ và bổ sung vi sinh vật; NT4: Sử dụng 3 kg/m2 phân hữu cơ và bổ sung vi sinh vật; NT5: Sử dụng 4 kg/m2 phân hữu cơ và bổ sung vi sinh vật. Kết quả thí nghiệm cho thấy nghiệm thức chiều cao cây, dài lá, rộng lá, dài cuốn và chiều dài phiến lá của NT5 cao hơn có ý nghĩa so với NT1, không khác biệt với NT3, NT4 nhưng lại thấp hơn có ý nghĩa so với NT2. Số lá của cải ngọt ở NT2, NT5 chênh lệch không có ý nghĩa trong khi đó cả 2 NT này đều chênh lệch có ý nghĩa so với NT1, NT3, NT4. Trọng lượng phần trăm vật chất khô ở NT3, NT4, NT5 cao hơn có ý nghĩa so với NT2 và không chênh lệch với NT1. Trọng lượng trung bình cây, năng suất tổng và năng suất thương phẩm của NT3, NT4, NT5 thấp hơn có ý nghĩa với NT2 nhưng lại cao hơn có ý nghĩa so với NT1. Kết quả thí nghiệm cho thấy việc bón phân hữu cơ vi sinh có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trồng trên đất cát.
4737	Đại học	Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải thìa trên đất cát.	Lê, Tấn Phát	Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải thìa trên Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: không sử dụng pha ủ đều được bổ sung dung dịch vi sinh vật có ít Kết quả thí nghiệm cho thấy NT sử dụng phân vô cơ có cá chỉ tiêu về sinh trưởng và năng suất cao nhất và khác biệt có ý phân giải lân ở mức khác nhau có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất cải thìa. Cụ thể, NT có lượng bón nhiều nhất (1 dùng phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm — phân giải lân cũng đã có ảnh hưởng tích cực đến độ Brix của cải thìa(6,4) và NT không bón phân (6,3).

4738	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trên đất cát.	Nguyễn, Minh Anh	Trần, Duy Phát	2018	Đề tài “Ảnh hưởng của phân phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân lên sự sinh trưởng và năng suất rau muống trên nền đất cát” được thực hiện từ tháng 06 năm 2018 đến tháng 08 năm 2018 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra sự ảnh hưởng của liều lượng phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân lên sự sinh trưởng và năng suất rau muống trên nền đất cát. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân hóa học và hữu cơ (không bổ sung vi sinh vật); NT2: bón phân hóa học theo công thức phân 100N-80P2O5-40K2O/ha; NT3: 2 kg/m² phân rơm ủ + bổ sung vi sinh vật; NT4: 3 kg/m² phân rơm ủ + bổ sung vi sinh vật; NT5: 4 kg/m² phân rơm ủ + bổ sung vi sinh vật. Kết quả thí nghiệm cho thấy chiều cao cây và độ rộng lá của rau muống ở NT2 cao hơn hẳn và khác biệt có ý nghĩa ** so với các NT còn lại, trong khi đó NT4 và NT5 đều cao hơn có ý nghĩa ** so với NT1 và NT3. Chiều dài lá và số lá trên cây của rau muống của NT2 và NT5 chênh lệch không có ý nghĩa trong khi đó cả 2 NT này cùng lớn hơn có ý nghĩa với NT1 và NT3. Trọng lượng trung bình cây, lá và thân ở NT2 đều cao hơn có ý nghĩa so với các NT còn lại trong khi các NT có bón phân hữu cơ vi sinh thì có giá trị tăng dần theo mức bón phân. Năng suất tổng và năng suất thương phẩm của NT5 và NT4 thấp hơn có ý nghĩa so với NT2 nhưng lại cao hơn có ý nghĩa so với NT3 và NT1. Kết quả thí nghiệm cho thấy việc bón phân hữu cơ vi sinh ở mức NT4 và NT5 có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của rau muống trồng trên đất cát.
------	---------	---	------------------	----------------	------	---

4739	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số chuyển hóa thức ăn của heo thịt quy mô nông hộ tại huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ.	Thạch, Thanh Tài	Trần, Thanh Dũng	2018	Đề tài “Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số chuyển hóa thức ăn của heo thịt quy mô nông hộ tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi heo nói chung và hệ số chuyển hóa thức ăn nói riêng, từ đó có thể đề xuất ra các giải pháp để giải quyết được những khó khăn và phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện bằng cách chọn phỏng vấn trực tiếp 40 nông hộ chăn nuôi heo thịt trên 2 xã Trường Long, Nhơn Nghĩa vì 2 xã này là nơi có qui mô chăn nuôi heo tương đối lớn so với các xã khác của huyện nên việc thực hiện đề tài trên địa bàn mang tính đại diện cho vùng. Đề tài sử dụng thống kê mô tả về số trung bình, giá trị min, giá trị max, độ lệch chuẩn, số phần trăm... để phân tích các yếu tố như: mật độ; diện tích chuồng trại, nguồn nước, thức ăn, dịch bệnh, tiêm phòng, và thức ăn... đặt biệt tìm ra hệ số trung bình (FCR) của nông hộ, qua mô tả (Descriptive Statistics) cho thấy tất cả 40 nông hộ trên 2 xã được khảo sát hệ số (FCR) trung bình của 3 giai đoạn (15 - 30 kg; 30 - 60 kg; 60 - XC) tương ứng (1,8; 2,85; 3,1) và tiếp tục sử dụng phân tích hồi quy đa biến để xét xem các biến yếu tố Xi nào làm ảnh hưởng trực tiếp đến biến Yi hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) trong chăn nuôi heo thịt của Đề tài “Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số chuyển hóa thức ăn của heo thịt quy mô nông hộ tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi heo nói chung và hệ số chuyển hóa thức ăn nói riêng, từ đó có thể đề xuất ra các giải pháp để giải quyết được những khó khăn và phương hướng nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện bằng cách chọn phỏng vấn trực tiếp 40 nông hộ chăn nuôi heo thịt trên 2 xã Trường Long, Nhơn Nghĩa vì 2 xã này là nơi có qui mô chăn nuôi heo tương đối lớn so với các xã khác của huyện nên việc thực hiện đề tài trên địa bàn mang tính đại diện cho vùng. Đề tài sử dụng thống kê mô tả về số trung bình, giá trị min, giá trị max, độ lệch chuẩn, số phần trăm... để phân tích các yếu tố như: mật độ; diện tích chuồng trại, nguồn nước, thức ăn, dịch bệnh, tiêm phòng, và thức ăn... đặt biệt tìm ra hệ số trung bình (FCR) của nông hộ, qua mô tả (Descriptive Statistics) cho thấy tất cả 40 nông hộ trên 2 xã được khảo sát hệ số (FCR) trung bình của 3 giai đoạn (15 - 30 kg; 30 - 60 kg; 60 - XC) tương ứng (1,8; 2,85; 3,1) và tiếp tục sử dụng phân tích hồi quy đa biến để xét xem các biến yếu tố Xi nào làm ảnh hưởng
------	---------	---	------------------	------------------	------	---

4740	Đại học	Khảo sát tình hình chăn nuôi gà rừng (Gallus gallus) tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang	Phạm, Bảo Nhi	Nguyễn, Thiết Nguyễn, Đỗ Như Loan	2018	Đề tài: “Khảo sát tình hình chăn nuôi gà rừng (Gallus Gallus) tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm đánh giá tình hình chăn nuôi gà rừng của nông hộ tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, đồng thời tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng như về kinh tế - kĩ thuật trong việc chăn nuôi gà tại nông hộ. Nghiên cứu hiện tại được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện các nông hộ nuôi gà rừng trên địa bàn vùng Thất Sơn. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, tính trung bình của các chỉ tiêu nghiên cứu nhờ sự hỗ trợ của SPSS và hồi qui tuyến tính tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ. Kết quả điều tra 30 nông hộ chăn nuôi gà rừng tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, cho thấy tình hình chăn nuôi tại nông hộ chưa phát triển nhiều. Để khắc phục tình hình đó nông hộ cần phải nắm bắt được thông tin giá cả về thị trường, con giống, tham gia các lớp tập huấn nhằm nâng cao kinh nghiệm chăn nuôi, các loại thức ăn hợp lí nhằm tránh lãng phí trong chăn nuôi. Hiện nay, chăn nuôi gà rừng đang từng ngày mở rộng tại các nông hộ. Chính vì vậy, cần sự hỗ trợ của Nhà nước thêm về mặt con giống hay nguồn vốn để nông hộ mở rộng qui mô. Bên cạnh đó, nông hộ cần nắm bắt kịp thời thông tin thị trường, tình hình dịch bệnh xảy ra xung quanh để phòng tránh và giảm rủi ro Qua kết quả phân tích số liệu cho thấy, các biến ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ như tham gia lớp tập huấn và tổng số gà rừng cho thấy nông hộ nuôi càng nhiều gà rừng thì lợi nhuận sẽ tăng.
------	---------	---	---------------	------------------------------------	------	---

4741	Đại học	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa của thành viên hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Hồ, Thị Thảo Nguyên	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài đánh giá thực trạng tiêu thụ nông sản của hợp tác xã lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thực hiện từ tháng 06 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 nhằm nghiên cứu về thực trạng tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh. Các số liệu thứ cấp được thu thập thông qua các báo cáo hằng năm về thực trạng tiêu thụ các mặt hàng nông sản lúa của các HTX và bao gồm những thông tin liên quan đến các nhân tố tác động đến sản xuất và tiêu thụ lúa của các HTX hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long qua các đề tài, báo cáo, chuyên đề, tạp chí, trang web của tỉnh, ...ngoài ra nguồn thông tin còn được lấy từ sở NN&PTNN tỉnh Vĩnh Long. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ phỏng vấn trực tiếp 60 nông dân tham gia vào HTX lúa bằng phiếu phỏng vấn trực tiếp tại địa bàn nghiên cứu. Một số phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm thống kê mô tả (cỡ mẫu: lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình và độ lệch chuẩn), sử dụng công cụ phân tích hồi quy hàm tuyến tính đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thực trạng của sản xuất và tiêu thụ lúa tại vùng nghiên cứu còn gặp phải nhiều khó khăn. Các khâu bao tiêu hiện còn ở mức độ trung bình, đa số là người dân tham gia HTX nhưng tính đến nay vẫn còn phụ thuộc bán cho thương lái. Một số HTX chưa đi vào hoạt động chính thức nên chưa ký kết hợp đồng nhiều với công ty lớn để bao tiêu đầu ra sản phẩm, hiện tại còn bán manh mún và nhỏ lẻ nên thường bị ép giá. Đa số hộ điều có thâm niên cao nên vấn đề về trình độ nhận thức đang bị kém dần, còn mang tính chất truyền thống, chưa nắm bắt được nguồn đầu ra ổn định. Sử dụng thống kê về phân tích các yếu tố tài chính (chi phí, doanh thu, lợi nhuận, ...) và các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu của 60 thành viên tham gia HTX lúa. Đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ sản xuất lúa tại tỉnh Vĩnh Long. Qua kết quả phân tích cho thấy diện tích đất canh tác lúa bình quân của các nông hộ là 2,59 ha/hộ, doanh thu đạt được sau khi bán sản phẩm là 45.501.850 đồng/ha/vụ. Tổng chi phí sản xuất trung bình của một nông hộ là 16.168.920 đồng/ha/vụ. Lợi nhuận nông hộ sau khi trừ tất cả chi phí lao động thì nông hộ thu lại được 110.697300 đồng/ha/vụ. Các chỉ số tài chính lợi nhuận/chi phí là 6,97, doanh thu/chi phí chiếm 2,74 và lợi nhuận/doanh thu là 2,53. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng và tiêu thụ trong kết quả nghiên cứu hầu hết đều chịu tác động của hai mô hình hồi quy và các biến độc lập. Dựa trên thuận lợi, khó khăn và thực trạng quá trình tiêu thụ lúa của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu. Đề tài đưa ra một số giải pháp giải quyết các vấn đề khó khăn từ thực trạng phụ giá bán cho nông hộ, một số giải
------	---------	---	---------------------	-------------	------	---

4742	Đại học	Đánh giá sự sẵn lòng tham gia và đóng góp cho quỹ tín dụng nội bộ của thành viên các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.	Quách, Tuyết Mơ	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài “Đánh giá sự sẵn lòng tham gia và đóng góp cho quỹ tín dụng nội bộ tại hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 9/2018 đến tháng 5/2019 nhằm nghiên cứu đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia và đóng góp của thành viên hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, đồng thời đề ra một số giải pháp nhằm phát triển hợp tác xã nông nghiệp nói chung và quỹ tín dụng nội bộ (TDNB) nói riêng Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá sự sẵn lòng tham gia và đóng góp cho quỹ tín dụng nội bộ tại hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Đề tài sử dụng phương pháp hồi quy probit và phương pháp hồi quy đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia và đóng góp cho quỹ TDNB của HTXNN. Dữ liệu được sử dụng trong đề tài này được phỏng vấn trực tiếp từ 244 nông hộ thành viên và 29 HTXNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long Kết quả thống kê thực trạng tình hình hoạt động HTXNN cho thấy còn nhiều yếu kém, khó khăn như về trụ sở hoạt động, diện tích đất nhỏ lẻ, cơ sở vật chất thiếu thốn, nguồn vốn chưa đủ cho hoạt động, đa phần các hoạt động chủ yếu là đơn dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng giống và vật tư nông nghiệp, chưa đa dạng được loại hình hoạt động,... Và các HTXNN trên địa bàn nghiên cứu chưa thành lập hoạt động quỹ TDNB trong HTXNN. Về kết quả phân tích sự sẵn lòng tham gia vào quỹ TDNB cho thấy các yếu tố là “Diện tích đất nông nghiệp”; “Tham gia vào hội, đoàn thể địa phương” “Độ tuổi, tham gia tập huấn” “Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp” là các yếu tố tác động đến sự sẵn lòng tham gia vào quỹ TDNB của thành viên HTXNN. Kết quả của quá trình phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn đóng góp vào quỹ TDNB của HTXNN cho thấy yếu tố “Sản xuất rau màu”; “Tham gia tập huấn”; “Kinh nghiệm sản xuất”; “Tham gia hội, đoàn thể”, là những yếu tố có tác động đến sự sẵn lòng đóng góp vào quỹ TDNB của thành viên HTXNN, trong đó các yếu tố còn lại như “Tuổi thành viên”; “Thành viên sản xuất lúa”, “Thành viên sản xuất cây ăn trái” là các yếu tố không tác động đến sự sẵn lòng đóng góp vào dịch vụ TDNB của thành viên HTXNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy giá sẵn lòng đóng góp trung bình của thành viên HTXNN vào quỹ TDNB là 313,59 (1000đồng/tháng). Nghiên cứu còn nêu nên một số giải pháp nhằm phát triển tình hình hoạt động và tăng số lượng tham viên tham gia vào quỹ TDNB của HTXNN.
------	---------	--	-----------------	-------------	------	--

4743	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất bắp lai của nông hộ trên địa bàn huyện An Phú tỉnh An Giang	Hồ, Thị Thảo My	Nguyễn, Thị Bạch Kim Lê, Văn Dề	2018	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất bắp lai ở huyện An Phú, tỉnh An Giang, ước lượng mức hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế. Bài nghiên cứu đã khảo sát 50 nông hộ trồng bắp lai tại huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đề tài sử dụng thống kê mô tả phân tích thực trạng sản xuất bắp lai tại huyện An Phú, dùng phương pháp MLE để phân tích hiệu quả kinh tế và phương pháp hồi qui OLS phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung của nông hộ trồng bắp lai là 81%, cao nhất là 94,9% và thấp nhất 53,6%. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất bắp lai là số lượng lao động gia đình đáp ứng, khoảng cách từ nhà đến đất và các yếu tố không tác động là: khối lượng giống, giới tính chủ hộ, đê bao, vay vốn. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề xuất nông hộ nên sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào trong sản xuất để đạt hiệu quả tốt hơn. Nông dân cũng nên tích cực tham gia các buổi tập huấn tại địa phương nhằm nâng cao kiến thức và ứng dụng kỹ thuật mới vào sản xuất của nông hộ nhằm góp phần tăng hiệu quả kinh tế.
4744	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính mô hình chanh không hạt của các nông hộ tại xã Đông Thạnh huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Hồ, Thị Mỹ Liên	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính mô hình chanh không hạt của các nông hộ tại xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện trong năm 2018 nhằm đánh giá hiện trạng chung của nông hộ trồng chanh không hạt tại xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố tài chính (chi phí, doanh thu, lợi nhuận...) và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính mô hình chanh không hạt của các nông hộ. Đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao thu nhập chanh không hạt cho các nông hộ tại xã Đông Thạnh. Nghiên cứu được thông qua phân tích các số liệu thứ cấp, tham gia phỏng vấn trực tiếp 50 nông hộ nông dân sản xuất chanh không hạt trên địa bàn xã Đông Thạnh. Qua kết quả phân tích cho thấy diện tích đất trồng chanh bình quân 6.066 m ² / hộ, doanh thu chanh trung bình của nông hộ đạt được là 38,75 triệu đồng/ công/ năm. Tổng chi phí sản xuất chanh năm 2017 trung bình là 16,026 triệu đồng/ công /năm. Sau khi trừ tất cả các chi phí thì lợi nhuận của các nông hộ trung bình là 22,724 triệu đồng nếu không tính chi phí lao động gia đình thì nông hộ đem lại trung bình là 29,21 triệu đồng/ công/ năm. Hiệu quả tài chính sản xuất chanh thể hiện qua tỷ suất lợi nhuận/chi phí là 1,44 lần. Doanh thu chi phí là 2,44 lần và lợi nhuận/ doanh thu là 0,59 lần. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả tài chính bị tác động bởi các yếu tố: diện tích, số năm kinh nghiệm, mật độ trồng, tuổi chanh, năng suất, giá bán. Trong đó, tất cả các biến điều có tác động tỷ lệ thuận với hiệu quả tài chính sản xuất chanh của nông hộ.

4745	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và quy mô trong sản xuất bắp lai của nông hộ tại huyện An Phú tỉnh An Giang	Quách, Thúy Quyền	Nguyễn, Thị Bạch Kim Lê, Văn Dề	2018	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài này là phân tích hiệu quả kỹ thuật và quy mô trong sản xuất bắp lai của nông hộ tại huyện An Phú, tỉnh An Giang, nhằm đo lường mức hiệu quả kỹ thuật và quy mô của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong việc sử dụng các yếu tố đầu vào. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao mức hiệu quả kỹ thuật. Nghiên cứu sử dụng phương pháp màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Annalysis) để phân tích mức độ tối ưu về mặt kỹ thuật, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy Tobit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng bắp lai. Dựa trên số liệu sơ cấp được thu thập từ 50 hộ trồng bắp lai (được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện) ở 3 xã thuộc huyện An Phú, tỉnh An Giang Kết quả phân tích cho thấy mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của nông hộ đạt được là 92%. Mức hiệu quả kỹ thuật thấp nhất là 70% và cao nhất là 100%. Các nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật là: vay vốn, giới tính của chủ hộ và số lượng lao động gia đình đáp ứng cho hoạt động sản xuất bắp lai. Mức hiệu quả quy mô trong hoạt động sản xuất là 92%. Mức hiệu quả quy mô tăng là 54%, mức hiệu quả quy mô cố định là 46% và không có mức hiệu quả quy mô giảm. Qua bài nghiên cứu, đề tài đề xuất các nông hộ nên sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào, tăng cường thêm các cuộc tập huấn đến với người dân để có thêm được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất bắp lai. Các nông hộ cần chủ động tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để ứng dụng vào hoạt động sản xuất bắp lai của mình tốt hơn để đạt được năng suất tối đa.
------	---------	---	-------------------	----------------------------------	------	--

4746	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong mô hình trồng bắp lai của nông hộ tại huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Mỹ Trân	Nguyễn, Thị Bạch Kim Lê, Văn Dể	2018	Đề tài “ Phân tích hiệu quả kinh tế trong mô hình trồng bắp lai của nông hộ tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp” nhằm phân tích mức hiệu quả kinh tế và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất bắp lai của nông hộ, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và cải thiện thu nhập cho nông hộ sản xuất bắp lai tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tổng số 41 nông hộ có tham gia sản xuất bắp lai tại 3 xã Tân Dinh, Tân Hòa, Tân Huê của huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đề tài nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất, phương pháp DEA (Data Envelopment Annalysis) để phân tích mức hiệu quả kinh tế, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy Tobit để xác định mức độ ảnh hưởng các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất bắp lai tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Qua kết quả điều tra và phân tích 41 nông hộ trồng bắp lai tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp mức hiệu quả kinh tế trung bình mà hộ đạt được là 56,6%. Chi phí trung bình mà hộ bỏ ra để sản xuất bắp lai là 4.861,09 nghìn đồng/1.000 m² và lợi nhuận thu lại là 3.612,41 nghìn đồng/1.000 m². Phần lớn nông hộ tốn nhiều chi phí vào phân, thuốc BVTV và công lao động mà giá bán thì thấp nên hiệu quả kinh tế mang lại là chưa cao. Qua đó, cũng xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất bắp lai của nông hộ bao gồm diện tích đất sản xuất bắp lai, khoảng cách từ nhà đến các mảnh đất và vay vốn. Bên cạnh đó, giá bán liên tục sụt giảm đây cũng là nguyên nhân làm giảm đi hiệu quả kinh tế của người dân
4747	Đại học	Phân tích thị hiếu người tiêu dùng ở Anh về gạo lúa mùa nổi ở Đồng Bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Bí	Võ, Hồng Tú	2018	Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích trồng lúa khoảng 3,04 triệu ha (3/2017), trong đó lúa và trên 90% tổng lượng gạo xuất khẩu của nước ta. Cây lúa hiện nay và trong những năm tới vẫn là lược của vùng. Không chỉ giữ vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, xã hội mà còn có giá trị lịch sử, bởi phát triển của khoa học kỹ thuật, cây lúa đang có những biến đổi để thích ứng với nhu cầu thực tế. Chính được bảo tồn và phát triển bởi lúa nổi với phẩm chất chống chọi được nước lũ, kháng các loại sâu bệnh của người tiêu dùng ở Anh về gạo lúa mùa nổi ở Đồng Bằng Sông Cửu Long” được thực hiện nhằm lúa mùa nổi tại ĐBSCL. (iii) Đề xuất những giải pháp nhằm giúp cho các nhà sản xuất, doanh nghiệp đá(iii) Nghiên cứu đo lường sự sẵn lòng chi trả (WTP) bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM) và mô hình lựa chọn (Choice Modelling) cho sản phẩm gạo thân thiện với môi trường. Khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp... người tiêu dùng tại Anh

4748	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình sản xuất rau tại Thành Phố Long Xuyên tỉnh An Giang	Nguyễn, La Thị Ngọc Thu	Cao, Quốc Nam	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình canh tác rau tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 08/2017 đến tháng 12/2018. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 30 nông hộ áp dụng mô hình canh tác rau trong năm 2017 tại xã Mỹ Hòa Hưng, xã Mỹ Khánh và phường Mỹ Thạnh thành phố Long Xuyên Kết quả nghiên cứu cho thấy, số vụ rau trong một năm canh tác trung bình là 8 vụ/năm/hộ, với nhiều loại rau được trồng/hộ. Phân hóa học và phân hữu cơ được sử dụng trong canh tác rau. Số lần phun thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trung bình là 1,9 lần/vụ/ 25-45 ngày. Có 30% nông dân áp dụng cả 2 loại thuốc sinh học và hóa học để phòng trừ sâu bệnh cho rau. Bên cạnh đó có đến 53,3% nông dân chỉ sử dụng thuốc hóa học và 10,0% chỉ sử dụng thuốc sinh học Năng suất thu hoạch của tổng các loại rau trung bình là 111.461 (kg/ha/năm), với tổng chi phí sản xuất trung bình là 411,8 triệu đồng/ha/năm. Trong đó biến phí chiếm 98,0%. Chi phí lao động gia đình (LĐGD) chiếm nhiều nhất là 256,6 triệu đồng/ha/năm, tiếp đến chi phí phân bón là 36,6 triệu đồng/ha/năm và thuốc BVTV là 30,3 triệu đồng/ha/năm. Lợi nhuận ròng trung bình là 401,8 triệu đồng/ha/năm và lợi nhuận không kể LĐGD trung bình là 756,3 triệu đồng/ha/năm. Tuy nhiên, có 20,0% tổng số hộ điều tra sản xuất rau không có lời. Có 68,3% hộ sản xuất rau có tỷ suất lợi nhuận cao hơn 0,50. Kết quả phân tích hồi qui tuyến tính bội cho thấy lợi nhuận trong canh tác rau tăng khi nông dân tham gia tổ chức sản xuất và tăng lượng phân hữu cơ, trong khi đó các hộ canh tác có áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn, tăng chi phí phân bón và việc tham gia tập huấn kỹ thuật làm giảm lợi nhuận trong canh tác rau. Các trở ngại khó khăn mà nông dân sản xuất rau tại địa bàn nghiên cứu thường gặp là thiếu vốn đầu tư sản xuất, giá bán rau không ổn định, thương lái ép giá, thời tiết thất thường,.... Một số giải pháp được đề xuất: tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật liên quan đến quy trình sản xuất rau, cách sử dụng phân bón hiệu quả hơn; khuyến khích nông dân tham gia các tổ hợp tác và hợp tác xã sản xuất rau để dễ dàng tìm thị trường đầu ra ổn định cho sản phẩm rau.
------	---------	---	-------------------------	---------------	------	--

4749	Đại học	Phân loại hình thái của gà nòi Bến Tre và gà nòi lai Bình Định	Lê, Trần Thanh Huyền	Nguyễn, Thiết	2018	Đề tài được tiến hành với mục tiêu khảo sát đặc điểm ngoại hình của gà Nòi Bến Tre và lai Bình Định và so sánh khả năng sinh trưởng, phát triển giữa hai nhóm gà Nòi Bến Tre và lai Bình Định. Đề tài được tiến hành trên 143 cá thể gà Nòi (65 gà mái và 35 gà trống Bến Tre và 43 gà trống Bình Định). Thí nghiệm trên gà Nòi ghi nhận các đặc điểm về ngoại hình, các chiều đo của cơ thể từ 40 ngày tuổi đến 110 ngày tuổi. Kết quả cho thấy, giữa gà trống và gà mái Bến Tre có sự khác biệt về đặc điểm ngoại hình như dài đầu, dài thân, dài cánh, vòng ngực rộng ngực, dài đuôi của gà trống đều dài hơn của gà mái. Gà mái có sự đa dạng phong phú hơn về màu sắc lông với 11 màu lông còn gà trống chỉ có 7 màu lông; màu mắt gà mái có 4 màu còn gà trống chỉ có 2 màu; và màu sắc chân gà mái có 4 màu, gà trống có 3 màu. Trong khi đó, giữa nhóm gà trống Bến Tre và gà trống Bình Định thì không có sự khác biệt nhiều về kích thước. Nhưng gà trống Bến Tre có kích thước cơ thể cao hơn so với gà trống Bình Định thông qua các chỉ tiêu: khối lượng cơ thể (1615 g/con so với 1538 g/con); dài thân (19,80 cm so với 18,92 cm); rộng ngực (7,42 cm so với 7,10 cm). Ngoài ra, giữa 2 nhóm gà này là về cấu trúc lông với gà Bến Tre có lông cổ và lông đuôi dài, lưng phủ kín lông, còn gà trống Bình Định lông cổ và lông đuôi ngắn, lưng không phủ kín lông. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, có thể phân biệt được nhóm gà Bến Tre và nhóm gà lai Bình Định thông qua kích thước cơ thể và đặc điểm hình thái. Vì vậy tùy vào mục đích sử dụng mà có phương pháp chọn lọc, lai tạo và nhân thuần phù hợp.
------	---------	--	----------------------	---------------	------	---

4750	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài cánh đồng lớn tại Đồng Bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Thảo Linh	Lê, Văn Dề	2018	So sánh hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài CĐT tại ĐBSCL, nhằm phân tích hiện trạng sản xuất sản xuất lúa của CĐT và các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận (lợi nhuận/ chi phí) của nông hộ trồng lúa tại địa bàn nghiên cứu; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ tại ĐBSCL . Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, sử dụng so sánh trong trung bình hai tổng thể để so sánh hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài cánh đồng lớn. Đề tài sử dụng phương trình hồi qui đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận (lợi nhuận/ chi phí) của mô hình Đối với vụ đông xuân, tổng chi phí của trong CĐT là 1.567.425 đồng/ 1000m2 thấp hơn so với ngoài mô hình là 1.638.467 đồng / 1000m2. Các chỉ số tài chính như năng suất, doanh thu, lợi nhuận tỷ suất lợi nhuận trên chi phí, doanh thu trên chi phí, lợi nhuận trên doanh thu lần lượt là 904.759 kg/ 1000m2 ; 4.593.444 đồng/ 1000m2 ; 3.026.020 đồng/1000m2 ; 2.017 lần; 3.017 lần; 0.653 lần cao hơn so với ngoài mô hình lần lượt là 848.337 kg/ 1000m2+; 4.108.225 đồng/ 1000m2 ; 2.469.759 đồng/ 1000m2; 1.576 lần ; 2.576 lần ;0589 lần. Đối với vụ hè thu, tất cả các chỉ số trong sản xuất lúa trong và ngoài CĐT như chi phí, năng suất, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu không có khác biệt có ý nghĩa thống kê, các chỉ số dao động lần lượt là 608.764-709.040 kg/ 1000m2; 1.043-1.068 lần; 2.042-2.067 lần ; 0464-0471 lần Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính ở vụ đông xuân như: việc tham gia mô hình có hiệu quả hơn. Lượng giống nông hộ sử dụng, tình hình vay vốn của nông hộ. Đối với vụ hè thu có các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính như: tuổi chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất, lượng giống sử dụng và tình hình vay vốn của nông hộ.
------	---------	--	-----------------------	------------	------	---

4751	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận lúa VietGap trong mô hình Tôm - Lúa ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Lê, Thái Thông	Trần, Thanh Dũng	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận lúa VietGAP trong mô hình Tôm - Lúa nhằm góp phần nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình giúp cải thiện đời sống nông dân, hướng đến phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch đáp ứng nhu cầu thị trường. Đề tài được thực hiện năm 2018 với 60 quan sát mẫu tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận lúa VietGAP trong mô hình Tôm - Lúa ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả tài chính của lúa VietGAP trong mô hình Tôm - Lúa VietGAP của nông hộ tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, cho thấy, tổng chi phí trung bình (có LDGD) là 12.707.750 đồng/vụ/ha. Tổng thu trung bình của các nông hộ trong mô hình là 23.763.140 đồng/vụ/ha. Lợi nhuận trung bình (có LDGD) là 11.055.400 đồng/vụ/ha. Hiệu quả đồng vốn của lúa VietGAP trung bình là 0,88 lần. Hiệu quả vật tư của lúa VietGAP trung bình là 1,28 lần. Hiệu quả lao động của lúa VietGAP trung bình 500 lần. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy, diện tích sản xuất càng nhiều làm tăng lợi nhuận lúa VietGAP, mức độ thực hiện tiêu chí VietGAP càng cao góp phần nâng cao lợi nhuận lúa VietGAP, và số lao động chính tham gia sản xuất lúa càng nhiều có khuynh hướng làm tăng lợi nhuận lúa VietGAP. Dựa vào kết quả phân tích và những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa VietGAP, đề tài cũng đề xuất một số giải pháp để duy trì và phát triển mô hình Tôm - Lúa VietGAP trên địa bàn huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
------	---------	--	----------------	------------------	------	---

4752	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2018	Lê, Ngọc Sơn	Võ, Hồng Tú	2019	Trong bối cảnh kinh tế hội nhập thị trường như hiện nay, các chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất cần hạ giá thành, sản xuất với quy mô lớn, đồng đều, chất lượng và có đầu ra ổn định. Điều này đòi hỏi nông dân phải liên kết và hợp tác với nhau. Chính vì vậy, đề tài “Phân tích hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2018” sẽ có ý nghĩa thực tiễn trong hoạt động sản xuất nông nghiệp hiện nay. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích bảng chéo và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến để xác định thực trạng và tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã (HTX) và thành viên hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN). Để từ đó, đề xuất các giải pháp để các HTXNN hoạt động một cách có hiệu quả. Các HTXNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long hoạt động với hình thức đơn dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. Chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc HTXNN có trình độ học vấn thấp và độ tuổi tương đối cao, nhưng nhìn chung trình độ học vấn của cả hội đồng quản trị thì tương đối cao. Phần lớn HTXNN vẫn chưa có trụ sở làm việc, thiếu trang thiết bị máy móc sản xuất, thiếu vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HTXNN vẫn còn nhiều hạn chế trong chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước. Bên cạnh những mặt hạn chế, các HTXNN cũng mang lại hiệu quả hoạt động tương đối cao. Trong 29 HTXNN thì có 34,5% được xếp loại khá/tốt, 34,5% loại trung bình và 31,0% loại yếu. Quy mô hoạt động của các HTXNN phần lớn là liên tỉnh chiếm 65,5%, hoạt động tỉnh chiếm 3,45%, hoạt động liên huyện 13,8%, hoạt động liên xã chiếm 6,9%, hoạt động xã chiếm 3,45%, hoạt động ấp và liên ấp chiếm 3,45%, hầu hết các HTXNN đều có lập sổ sách chứng từ kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm 96,6%. Từ lúc thành lập cho đến hiện tại tổng vốn hoạt động của các HTXNN tăng lên gấp 2 lần, vốn góp trung bình của các HTXNN là 224,92 (triệu/năm) và có 2 HTX góp trên 400 (triệu/năm) hiện là những HTXNN tiêu biểu điển hình của tỉnh. Nhìn chung, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của HTXNN. Trong đó: các yếu tố số thành viên tham gia HTXNN, số lượng dịch vụ, chi phí sản xuất, quy mô sản xuất của HTX và các yếu tố khác chưa được đưa vào mô hình, trong đó số thành viên tham gia HTXNN, số lượng dịch vụ, chi phí sản xuất của HTXNN có mối tương quan tỷ lệ thuận với lợi nhuận và ngược lại quy mô sản xuất của HTXNN có mối tương quan tỷ lệ nghịch với lợi nhuận của HTXNN. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sản xuất của thành viên HTXNN. Trong đó: các yếu tố thời
------	---------	--	--------------	-------------	------	--

4753	Đại học	Đánh giá sự ảnh hưởng của liều lượng phân đạm lên sự sinh trưởng và năng suất của rau tần dầy lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour.) tại tỉnh Hậu Giang.	Huỳnh, Trương Minh Quang	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài “ Đánh giá sự ảnh hưởng của liều lượng phân đạm lên sự sinh trưởng và năng suất của rau tần dầy lá (<i>Plectranthus amboinicus</i> Lour.) tại tỉnh Hậu Giang” Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm trồng trọt khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, thí nghiệm được thực hiện nhằm tìm ra liều lượng phân đạm thích hợp giúp cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất. Thí nghiệm gồm 4 nghiệm thức: NT1 (đối chứng) ; NT2 (90kg N/ha); NT3 (100 kg N/ha); NT4 (110 kg/ha) được trồng ngoài đồng ruộng và được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, với 3 lần lặp lại trên mỗi nghiệm thức Kết quả thí nghiệm cho thấy về khi bón đạm với các liều lượng khác nhau làm ảnh hưởng đến chiều dài phiến lá và chiều rộng phiến lá, cũng như trọng lượng lá và thân , năng suất lý thuyết, năng suất thực tế, nhưng không làm ảnh hưởng tới số chồi bên cấp 1, độ dày lá và hàm lượng vật chất khô. Ở nghiệm thức 4, khi bón với liều lượng 110 kg đạm/ha, có trọng lượng lá và thân cao nhất là 520,2 g và 311,2g có khác biệt so với nghiệm thức 1 (không bón phân) là 88,39g và 28,15g. Với chỉ tiêu năng suất lý thuyết và có sự khác biệt khi bón các liều lượng đạm khác nhau, ở nghiệm thức 1 (không bón phân) và nghiệm thức 4 (110kg đạm/ha) thì năng suất từ 8,86 tấn/ ha tăng lên 63,19 tấn/ha. Qua đó thể hiện rõ ở năng suất thực tế, năng suất cao nhất là ở nghiệm thức 4 (63 tấn/ha) và nhỏ nhất là ở nghiệm thức 1(11,29 tấn/ha)
------	---------	--	--------------------------	----------------------	------	---

4754	Đại học	Ảnh hưởng của tốc độ gia tăng độ mặn lên sinh trưởng, tỉ lệ sống của cá thát lát còm (<i>Chitala ornata</i> , Gray, 1831) ở giai đoạn cá bột.	Châu, Thành Hiếu	Lê, Thị Phương Mai	2019	Đề tài “ẢNH HƯỞNG CỦA TỐC ĐỘ GIA TĂNG ĐỘ MẶN LÊN TĂNG TRƯỞNG, TỈ LỆ SỐNG CỦA CÁ THÁT LÁT CÒM (<i>Chitala ornata</i>, Gray, 1831) Ở GIAI ĐOẠN CÁ BỘT ” được thực hiện tại trại thực nghiệm thủy sản Khoa Phát triển Nông thôn, Đại học Cần Thơ, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm đánh giá tỉ lệ sống và tốc độ tăng trưởng của cá thát lát còm ở các độ mặn khác nhau, từ đó góp phần cung cấp thông tin về tiềm năng nuôi loài này hiện tại và trong tương lai ở Hậu Giang nói riêng và ĐBSCL nói chung trong bối cảnh xâm nhập mặn. Nghiên cứu được thực hiện gồm 2 nội dung: (i): Ảnh hưởng của phương pháp thuần hóa khác nhau đến tỉ lệ sống và (ii) Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá thát lát còm giai đoạn cá bột. Đối với nội dung (i) được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức (NT), mỗi NT có 3 lần lặp lại. Độ mặn được nâng lên tương ứng với các NT 0‰/ngày (ĐC), 1, 2, 3, 4 và 5 ‰/ngày. Kết quả thí nghiệm cho thấy NT 1 (đối chứng) có tỉ lệ sống cao nhất 79% sau 13 ngày ương, các NT có nâng độ mặn toàn bộ cá đều chết sau khi đạt độ mặn 12‰. Do vậy ngưỡng độ mặn của cá thát lát còm giai đoạn bột là 12‰. Với tốc độ thuần hóa độ mặn 2‰/ngày mang lại hiệu quả về tỉ lệ sống và thời gian thuần hóa tốt hơn các NT còn lại. Đối với nội dung (ii) Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá thát lát còm giai đoạn cá bột thực hiện với 6 NT tương ứng 0 ‰ (ĐC), 2, 4, 6, 8 và 10‰ được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại ở mỗi NT. Sau 35 ngày ương NT2 (2‰) cho tăng trưởng của cá tốt nhất khác biệt không có ý nghĩa thống kê so với đối chứng (0‰) và cao hơn có ý nghĩa thống kê so với các NT còn lại ($p < 0.05$). Tỉ lệ sống của cá đạt cao nhất ở NT 1 (87%) và thấp nhất là ở NT 5 (34.97%) giữa các NT khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). NT 6 (10‰) chết hoàn toàn sau 15 ngày bố trí thí nghiệm. Hệ số tiêu tốn thức ăn FCR NT 3 cao nhất (3.42) thấp nhất NT 2 (2.86) ($p < 0.05$). Từ kết quả trên cho thấy khi ương cá thát lát còm từ giai đoạn cá bột lên cá giống ở trong môi trường nước lợ thì độ mặn không nên vượt quá 6‰.
------	---------	--	------------------	--------------------	------	--

4755	Đại học	Phân tích các nguồn vốn sinh kế của thành viên HTX trồng cam tỉnh Vĩnh Long.	Nguyễn, Anh Phụng	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài “Phân tích các nguồn vốn sinh kế của thành viên HTX trồng cam tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện với mục tiêu phân tích thực trạng các nguồn vốn sinh kế sẵn có; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng cam của các thành viên HTX tỉnh Vĩnh Long; Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển các nguồn vốn sinh kế cho các thành viên trồng cam HTX, đề tài được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 đến tháng 05 năm 2019. Các phương pháp đề tài đã sử dụng để phân tích như: thống kê mô tả, phân tích cross-tabulation và phương trình hồi qui tuyến tính. Mẫu phục vụ nghiên cứu được chọn theo phương pháp thuận tiện, được thu thập trực tiếp bằng cách phỏng vấn trực tiếp 40 thành viên HTX trồng cam trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Kết quả thống kê mô tả cho thấy, các thành viên tham gia sản xuất cam có kinh nghiệm dưới 5 năm. Nguồn lao động trẻ trong sản xuất cam không được dồi dào. Về trình độ học vấn, các thành viên có trình độ học vấn tương đối cao, các thành viên sẽ có những lựa chọn đúng đắn trong sản xuất mang lại hiệu quả. Đa số các thành viên có nguồn thu nhập đa dạng. Thu nhập trung bình của các thành viên HTX trồng cam đạt được là 1.053,520 triệu đồng/năm. Qua kết quả phân tích phương trình hồi quy với hệ số tương quan (R) là 0,923 và hệ số xác định (R²) 0,852 có nghĩa là các biến độc lập giải thích được 85,2% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Sự thay đổi thu nhập từ sản xuất cây cam của các thành viên HTX có các yếu tố ảnh hưởng: trình độ học vấn tỷ lệ nghịch với thu nhập của các thành viên. Khi các yếu tố khác không đổi trình độ học vấn các thành viên HTX tăng lên 1 năm thu nhập thành viên HTX giảm 63,237 triệu đồng. Kế tiếp biến diện tích cây ăn trái tương quan thuận với thu nhập của các thành viên. Khi các yếu tố khác không đổi, diện tích sản xuất cam của các thành viên tăng lên 1 m² thu nhập của các thành viên tăng 0,063 triệu đồng. Biến vay vốn tác động có ý nghĩa. Khi các yếu tố khác thay đổi, các thành viên có vay vốn thu nhập cao hơn các thành viên không vay vốn 556,920 triệu đồng. Biến xe gắn máy có ý nghĩa, khi các yếu tố khác không đổi, các thành viên có phương tiện xe gắn máy tăng thêm 1 chiếc xe thì thu nhập thành viên tăng 77,510 triệu đồng và biến tuổi của các thành viên có ý nghĩa, khi các yếu tố khác không đổi, các thành viên HTX tăng thêm 1 tuổi thì thu nhập giảm 10,483 triệu đồng. Qua kết quả phân tích trên, nhằm để phát triển các nguồn vốn sinh kế của các thành viên HTX trồng cam, đề tài có đề xuất một số giải pháp -Các thành viên nên tận dụng tối đa các vốn sinh kế sẵn có - Các thành viên nên trao đổi, chia sẻ học hỏi, giúp đỡ nhau trong sản xuất cam. Các
------	---------	--	-------------------	--------------------	------	--

4756	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa nếp ở huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp	Đào, Thị Ngọc Như	Nguyễn, Thùy Trang	2019	nhằm giúp nông hộ nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần cải thiện thu nhập, ổn định cuộc sống, đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa nếp ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện nhằm: (1) Phân tích thực trạng sản xuất của nông hộ trồng lúa nếp trên địa bàn nghiên cứu. (2) Ước lượng mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất của nông hộ trồng lúa nếp trên địa bàn nghiên cứu. (3) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất của nông hộ. Từ đó, phân tích những thuận lợi và khó khăn trong việc sản xuất lúa nếp. (4) Đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả đối với các số liệu về diện tích, kinh nghiệm sản xuất, năng suất và các chỉ tiêu tài chính,... được khảo sát từ 42 nông hộ trồng lúa nếp ở 2 vụ Thu Đông và Đông Xuân tại 2 xã Phú Điền và Thanh Mỹ của huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Sử dụng phương pháp DEA (Data Envelopment Analysis) để ước lượng mức hiệu quả kinh tế của lúa nếp và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa nếp ở địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ trồng lúa nếp vụ Thu Đông là 40,30% và vụ Đông Xuân là 47,20%. Nông hộ trồng lúa nếp có ít kinh nghiệm đa số từ 3 năm đến 6 năm. Trình độ học vấn ở các nông hộ còn thấp chủ yếu cấp I và cấp II. Các nông hộ tham gia tập huấn chỉ chiếm 28,6% trong tổng số nông hộ khảo sát. Doanh thu trung bình mà nông hộ thu được ở vụ Thu Đông là 43,48 triệu đồng/ha và vụ Đông Xuân là 46,67 triệu đồng/ha. Lợi nhuận trung bình mà nông hộ thu được ở vụ Thu Đông là 19,19 triệu đồng/ha và vụ Đông Xuân là 22,71 triệu đồng/ha. Tổng chi phí trung bình ở vụ Thu Đông là 24,29 triệu đồng/ha, vụ Đông Xuân là 23,96 triệu đồng/ha. Qua phân tích trên nông hộ nên lựa chọn sản xuất vụ Đông Xuân. Vì vụ Đông Xuân có chi phí gần như bằng nhau với vụ Thu Đông, nhưng lợi nhuận lại cao hơn vụ Thu Đông đến hơn 3 triệu đồng/ha. Nông hộ lựa chọn hoạt động sản xuất lúa nếp trên địa bàn nghiên cứu bởi tính dễ thích nghi và phù hợp với khả năng, điều kiện tự nhiên, năng suất cao, trình độ học vấn của nông hộ. Hoạt động sản xuất này cũng mang lại một khoản thu nhập đáng kể cho nông hộ nếu sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào. Trong kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho thấy việc tham gia tập huấn, giới tính chủ hộ và trình độ học vấn có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ. Bên cạnh đó, các yếu tố như: diện tích, tỉ lệ lao động
------	---------	---	-------------------	--------------------	------	--

4757	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác bưởi năm roi của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Mai	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Bưởi Năm Roi là một loại trái cây ngon, có giá trị dinh dưỡng cao và được nhiều người tiêu dùng ưa thích. Năm 2014, Châu Thành có 1.600ha diện tích trồng bưởi Năm Roi, cung cấp cho thị trường khoảng 30 tấn bưởi Năm Roi. Trồng bưởi Năm Roi mang lại hiệu quả kinh tế cao, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ. Do đó việc “Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình canh tác bưởi Năm Roi của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” là cần thiết nhằm phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất bưởi Năm Roi góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn huyện Để đạt được mục tiêu đề ra, đề tài thực hiện dựa trên các phương pháp như: thống kê mô tả, chiết khấu dòng tiền, phương pháp DEA, phương pháp hồi quy tương quan OLS, phân tích SWOT, với sự tham gia của 40 hộ nông dân trồng bưởi Năm Roi. Kết quả phân tích cho thấy, chi phí sản xuất bưởi Năm Roi khá cao, nông hộ chủ yếu sử dụng lao động nhà cho quá trình sản xuất. Tổng chi phí để đầu tư cho 1 công bưởi Năm Roi là 14.876.061 đồng và lợi nhuận nông hộ thu được là 15.972.589 đồng (bao gồm chi phí lao động nhà). Mô hình sản xuất bưởi Năm Roi mang lại hiệu quả tài chính khá cao, khi nông hộ bỏ ra một đồng vốn để sản xuất bưởi Năm Roi thì thu được 1,07 đồng lời. Tuy nhiên, khi xét về hiệu quả kinh tế thì nông hộ bỏ ra một đồng vốn để sản xuất bưởi Năm Roi thì thu được 0,57 đồng lời Để nâng cao hiệu quả mô hình sản xuất bưởi Năm Roi trên địa bàn huyện Châu Thành, cần phải nâng cao kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, tổ chức lại sản xuất; đẩy mạnh thị trường tiêu thụ và có những chính sách kịp thời, phù hợp.
------	---------	---	----------------------	--------------------	------	--

4758	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng xoài cát chu ở huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	Lê, Như Hảo	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: Mục tiêu (1) Phân tích thực trạng sản xuất của cây xoài Cát Chu tại huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng. Mục tiêu (2) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng xoài trên địa bàn huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng. Mục tiêu (3) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ trồng xoài Cát Chu ở huyện Kế Sách, Sóc Trăng. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả (về các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất) đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính để xử lý số liệu sơ cấp được khảo sát từ 30 nông hộ trồng xoài Cát Chu. Đồng thời đề tài đi sâu vào phân tích hiệu quả kỹ thuật bằng phương pháp DEA (Data Envelopment Annlysis) và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tham gia trồng xoài Cát Chu. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ sản xuất xoài là 70,4%. Yếu tố về điều kiện kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật là trình độ học vấn, tuổi cây và nguồn gốc giống cây trồng. Từ đó đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình Giải pháp cho nông hộ để nâng cao hiệu quả kỹ thuật là nông hộ cần sử dụng cân đối các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất, tham gia tập huấn sớm tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăm sóc và theo dõi tuổi thọ của cây trồng và chọn nguồn giống sao cho là tốt nhất. Đồng thời các yếu tố chủ quan khách quan khác như về: Thời tiết, tình trạng phòng ngừa sâu bệnh hại,... Phải được chú trọng và quan tâm nhiều hơn để nâng cao tối đa hiệu quả kinh tế cho từng nông hộ tham gia sản xuất.
------	---------	---	-------------	---------------------	------	---

4759	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển cho thành viên thuộc các hợp tác xã cam sành tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Thảo Nguyên	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài “Thực trạng và giải pháp phát triển cho thành viên thuộc các hợp tác xã cam Sành tại tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện với 3 HTX cam Sành Hiếu Trung, Xuân Hiếu Tây và Phú Nông thuộc 2 huyện Vũng Liêm và huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long từ tháng 8/2018 -5/2019. Đề tài được thực hiện với các mục tiêu như sau: (1) Phân tích thực trạng sản xuất của thành viên tham gia các HTX cam Sành tại tỉnh Vĩnh Long. (2) Phân tích hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả tài chính của thành viên. (3) Phân tích SWOT và đề xuất giải pháp phát triển sản xuất cho các thành viên của 3 HTX cam Sành trong mẫu khảo sát nói chung và những HTX cam Sành trong và ngoài địa bàn nói riêng. Nhờ sự trợ giúp của các phần mềm như Excel, DEA và SPSS, Satar đề tài đã sử dụng một số phương pháp thống kê mô tả được sử dụng trong nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng hoạt động sản xuất của thành viên của 3 HTX cam Sành thông qua một số thông tin có sẵn như: vốn sản xuất, nguồn lực sản xuất, khó khăn, thuận lợi và giá trị trung bình, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất, tần số xuất hiện. Các thông tin được cụ thể hóa bằng các bảng biểu, sơ đồ, đồ thị miêu tả. Sự kết hợp phân tích mảng bao dữ liệu nhằm phân tích hiệu quả kỹ thuật và sử dụng hồi quy tương quan phân tích chi phí lợi ích nhằm hiểu rõ hơn các khoản chi phí, doanh thu và lợi nhuận thành viên của 3 HTX cam Sành đã bỏ ra cũng như thu lại. Để ước lượng hiệu quả kỹ thuật mà nông hộ đạt được, đề tài sử dụng phương pháp ước lượng phi tham số DEA (Data Envelopment Analysis) để ước lượng mức hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào như: chi phí phân, chi phí thuốc, mật độ trồng, diện tích canh tác của mô hình trồng cam Sành thâm canh trên địa bàn nghiên cứu. Phân tích lợi nhuận để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất của những thành viên, nói lên kết quả toàn bộ hoạt động sản xuất của thành viên HTX Qua kết quả khảo sát cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các thành viên trong 3 HTX khảo sát là 75,1%, nguyên nhân dẫn đến mức hiệu quả kỹ thuật chưa tối đa là do chưa có khả năng hoạch định, lập ra kế hoạch canh tác cụ thể, ngoài ra còn do các yếu tố đầu vào như : phân bón, thuốc trừ sâu. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật bao gồm: số năm kinh nghiệm, mật độ trồng cây/ha và số năm tham gia HTX của thành viên. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận bao gồm: diện tích canh tác và số lần tập huấn/năm của thành viên trong 3 HTX cam Sành. Xác định những thuận lợi, khó khăn, thách thức và cơ hội của những thành viên khi tham gia một trong 3 HTX cam Sành Hiếu Trung, Xuân Hiếu Tây, Phú Nông qua phương pháp phân tích SWOT Từ đó đề xuất giải pháp
------	---------	--	-------------------------	--------------------	------	--

4760	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ xoài tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Huỳnh Ngân	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ xoài tại huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp nghiên cứu điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 30 nông hộ trồng xoài năm 2018 tại 3 xã trong huyện Kế Sách là xã An Lạc Tây, xã Thới An Hội, xã Nhơn Mỹ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các nông hộ trồng xoài Cát Chu tại địa bàn nghiên cứu đều đã có kinh nghiệm trong sản xuất (kinh nghiệm trung bình 8 năm) và nhờ có trình độ học vấn tương đối cao (chủ yếu là cấp 3), nên các nông hộ trồng xoài nơi đây có thể ứng dụng các kỹ thuật canh tác mới thông qua các buổi tập huấn kỹ thuật một cách dễ dàng và chính xác, cộng với kinh nghiệm sẵn có của bản thân sẽ giúp cho hoạt động sản xuất sẽ dễ dàng và đạt hiệu quả hơn. Tuy nhiên vẫn còn một số nhà vườn chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia tập huấn nên không mấy mặn mà với vấn đề này, họ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm đã tích lũy được để ứng dụng vào quá trình sản xuất của mình Diện tích trồng xoài nơi đây có quy mô trung bình (khoảng 7 công), chi phí đầu tư cho hoạt động sản xuất xoài tương đối cao, trung bình khoảng 25.665,39 nghìn đồng, trong đó chi phí thuốc BVTV chiếm tỷ trọng cao nhất khoảng 35,21%, chi phí trung bình là 9.036,72 nghìn đồng/công/năm, kể đến là chi phí lao động gia đình chiếm tỷ trọng 16,91%, chi phí trung bình là 4.340,7 nghìn đồng/công/năm. Sản lượng trung bình đạt được 2.721 kg/công. Với giá bán trung bình là 12 đồng/kg và doanh thu đạt được là 106.174,2 nghìn đồng/công/năm, sau khi trừ các khoản chi phí thì lợi nhuận trung bình của mỗi nông hộ là 102.752,1 nghìn đồng/công/năm. Như vậy, xoài cát Chu là loại cây trồng đem năng suất lợi nhuận kinh tế khá cao cho bà con nông dân nơi đây do giá bán và năng suất tương đối cao, lại dễ tiêu thụ do có nhiều đối tượng thu mua ở địa phương, vì vậy mà đây chính là những lý do chính mà các hộ nông dân nơi đây gắn bó với loại cây trồng này. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của những nông hộ trồng xoài nơi đây bao gồm những yếu tố sau: kinh nghiệm, lượng thuốc BVTV và ngày công lao động gia đình cả ba yếu tố này đều tỷ lệ thuận với năng suất trong điều kiện các yếu tố đầu vào khác không đổi Đề xuất một số giải pháp cho quá trình sản xuất và tiêu thụ xoài để nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất 1.Đối với quá trình sản xuất Các nhà vườn không chỉ dựa vào kinh nghiệm để trồng xoài mà cần học hỏi, trao đổi kỹ năng, khoa học kỹ thuật và tham gia vào các lớp tập huấn kỹ thuật trồng xoài để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao năng suất góp phần đem lại lợi nhuận cao
------	---------	---	--------------------	---------------------	------	---

4761	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng mít Thái ở huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Trần, Việt Khái	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Nhằm giúp nông hộ nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần cải thiện thu nhập ổn định cuộc sống, đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng mít thái ở huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang” được thực hiện trên địa bàn huyện Châu Thành từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: Mục tiêu (1) Phân tích tình hình sản xuất hiện tại của mô hình trồng mít thái trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang. Mục tiêu (2) Phân tích hiệu quả kỹ thuật, phân tích những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các hộ gia đình trồng mít tại Châu Thành- Hậu Giang. Mục tiêu (3) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật của mô hình sản xuất mít thái, thông qua phân tích hiệu quả kỹ thuật giúp người nông dân lựa chọn phương thức canh tác, kinh doanh có hiệu quả hơn. Đồng thời, làm căn cứ cho các cấp chính quyền địa phương có chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong quá trình canh tác mít thái của hộ nông dân. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả (về các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất) đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính để xử lý số liệu sơ cấp được khảo sát từ 45 nông hộ trồng mít thái. Đồng thời đề tài đi sâu vào phân tích hiệu quả kỹ thuật bằng phương pháp DEA (Data Envelopment Annlysis) và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tham gia sản xuất mít thái. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ sản xuất mít thái là 84,2%. Yếu tố về điều kiện kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật là kinh nghiệm sản xuất và mật độ trồng. Từ đó đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình. Giải pháp cho nông hộ là tích cực tìm tòi học hỏi các kỹ thuật mới trong sản xuất, chủ động và mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào trong quá canh tác, đưa các giống mới có năng suất và chất lượng tốt, góp phần nâng cao thu nhập và đạt hiệu quả cao trong sản xuất, đồng thời nông hộ nên sử dụng giống mít thái có giá trị kinh tế cao. Tích cực tìm hiểu thông tin, nhu cầu thị trường trên các phương tiện thông tin đại chúng để có phương hướng sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường sản phẩm làm ra để tiêu thụ và bán với giá cao.
------	---------	--	-----------------	---------------------	------	--

4762	Đại học	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mô hình sản xuất lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài “Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mô hình sản xuất lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản xuất lúa hữu cơ của nông dân. Phân tích thực trạng sản xuất lúa hữu cơ ở Tam Bình Phương pháp chọn mẫu thuận tiện những nhóm nông hộ sản xuất lúa hữu cơ và nhóm nông hộ sản xuất lúa canh tác truyền thống, phương pháp thống kê mô tả và phân tích hồi quy Binary Logistic đã được áp dụng trong nghiên cứu Kết quả phân tích 100 hộ canh tác lúa hữu cơ và lúa canh tác truyền thống tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho thấy chủ hộ có trình độ học vấn tương đối cao. Kinh nghiệm sản xuất lúa lâu năm, tất cả những hộ canh tác lúa hữu cơ đều tham gia CLB/HTX, lượng lao động tham gia vào sản xuất lúa không cao. Khi sản xuất lúa hữu cơ nông dân nhận được những lợi ích của trồng lúa hữu cơ mang lại, điều đó thúc đẩy nông dân chuyển đổi hướng canh tác hữu cơ nhiều hơn Lợi nhuận trung bình bước đầu từ sản xuất lúa hữu cơ đem lại cao hơn mặc dù hiệu quả đồng vốn chưa cao bằng mô hình sản xuất lúa canh tác truyền thống, nhưng lúa hữu cơ ít công chăm sóc, dễ quản lý sâu bệnh và lợi ích lâu dài nên nông dân quan tâm, duy trì và phát triển mô hình Qua nghiên cứu cho thấy có 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất lúa hữu cơ đó là: (1) lao động chính, (2) phần trăm nữ tham gia lao động, (3) số ngày công lao động gia đình, (4) số ngày công lao động thuê.
------	---------	--	----------------------	--------------------	------	---

4763	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre giai đoạn 2015-2017	Phan, Thị Thanh Thu	Võ, Hồng Tú	2019	Nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đề tài: “Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre giai đoạn 2015-2017” được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: Mục tiêu (1) Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của công ty qua 3 năm. Mục tiêu (2) Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản để thấy được khả năng thanh toán, tỷ số hiệu quả hoạt động, khả năng quản trị nợ và khả năng sinh lời của công ty. Mục tiêu (3) Đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới. Đề tài sử dụng phương pháp so sánh về tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận và phân tích SWOT để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của công ty. Đồng thời để đi sâu vào phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố đến lợi nhuận, đề tài còn sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định sự tác động của từng nhân tố đến lợi nhuận của công ty. Kết quả phân tích cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm có xu hướng thụt lùi, do tác động của các yếu tố nội tại (thiếu hụt nguyên liệu, chưa kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm) và bên ngoài (sự cạnh tranh của các doanh nghiệp về chi phí nhân công và giá bán sản phẩm thủy sản, ảnh hưởng hạn mặn tại Bến Tre) của công ty. Doanh thu và lợi nhuận giảm liên tục qua 3 năm, giảm mạnh ở giai đoạn năm 2015-2016. Bên cạnh đó, tỷ số tài chính giảm đáng kể cho thấy việc sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty chưa thật sự hiệu quả trong việc tạo ra lợi nhuận. Từ đó, đề xuất giải pháp giúp cho công ty cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh như các biện pháp tăng doanh thu và cắt giảm một số chi phí không cần thiết. Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong vấn đề ứng phó với hạn mặn tránh gây dịch bệnh, gây thất thoát nhiều đến sản lượng thủy sản.
------	---------	---	---------------------	-------------	------	---

4764	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất lúa hữu cơ của các nông hộ trên địa bàn huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Lý, Gia Hân	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Nhằm giúp đỡ nông hộ nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần cải thiện thu nhập, ổn định cuộc sống, đề tài “ Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất lúa hữu cơ của các nông hộ trên địa bàn huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm : (1) Phân tích thực trạng trồng lúa hữu cơ của nông hộ tại vùng nghiên cứu.(2) Ước lượng mức hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất lúa hữu cơ của nông hộ. (3) Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất lúa hữu cơ của nông hộ Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính được khảo sát từ 50 nông hộ trồng lúa hữu cơ ở vụ Hè Thu và Đông Xuân. Đề tài phân tích hiệu quả kinh tế bằng phương pháp DEA (Data Envelopment Analysis) và sử dụng mô hình hồi quy OLS để ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa hữu cơ ở địa bàn nghiên cứu Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ trồng lúa hữu cơ vụ hè thu là 74,6% và vụ đông xuân là 71,9%. Nông hộ trồng lúa hữu cơ có ít kinh nghiệm đa số từ 2 năm đến 3,5 năm. Trình độ học vấn ở các nông hộ chủ yếu là tiểu học và THCS. Các nông hộ trồng lúa hữu cơ tham gia 100% vào HTX. Lợi nhuận trung bình mà nông hộ thu được ở vụ hè thu là 13,78 triệu đồng / ha và vụ đông xuân là 27,04 triệu đồng/ ha Nông hộ lựa chọn mô hình sản xuất lúa hữu cơ là bởi vì nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương và công ty Sài Gòn Coopmart về kỹ thuật, vốn đầu vào, bao tiêu đầu ra đảm bảo được lợi ích cho người nông dân không sợ cạnh được mùa mất giá, mất mùa được giá. Mô hình sản xuất lúa hữu cơ còn đem lại thu nhập ổn định cho người nông dân, giúp người nông dân sử dụng các yếu tố đầu vào một cách hợp lý nhất giảm được chi phí sản xuất tăng lợi nhuận. Trong kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho thấy trình độ giới tính chủ hộ, lượng LĐGD, lượng LĐ thuê, diện tích, diện tích, kinh nghiệm không ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất của các nông hộ đạt được. Còn lại các nhân tố trình độ học vấn và tỷ lệ lao động nam ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ, vì vậy trình độ học vấn càng cao, tỷ lệ lao động nam tham gia vào sản xuất càng cao thì hiệu quả kinh tế của nông hộ sẽ càng cao
------	---------	---	-------------	--------------------	------	--

4765	Đại học	Phân tích và dự báo cầu tiêu dùng của hộ gia đình về sản phẩm đường mía trên địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang	Võ, Minh Xuân Lãm	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài “Phân tích và dự báo cầu sản phẩm đường mía trên địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang”” được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 5/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 243 hộ gia đình đang sử dụng các sản phẩm mía đường trên địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lượng đường sử dụng trong một năm trung bình là 14,89 kg/người/năm. Từ việc sử dụng phương pháp OLS để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cầu tiêu dùng cá nhân của các hộ gia đình, nghiên cứu rút ra một vài kết luận như sau: Với xu hướng hiện nay, nếu thu nhập càng tăng thì nhu cầu sử dụng đường càng giảm, do khi có thu nhập cao hơn thì người dân có nhu cầu sử dụng các sản phẩm cao cấp hơn để thay thế đường, nhân khẩu là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến lượng đường tiêu thụ của các hộ gia đình, cùng với đó, Xu hướng giá đường trong những năm gần đây đều giảm mạnh. Nếu tiếp tục theo xu hướng giảm giá đường mạnh như hiện nay, thì nhu cầu gia tăng sử dụng đường mía là tất yếu. Từ kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cũng như số liệu thu thập được từ việc nghiên cứu thị trường, đề tài đã dự báo lượng cầu trong thời gian sắp tới của ĐBSCL, Cần Thơ và An Giang trong giai đoạn 2018 – 2023, cũng như là tỉ lệ thay đổi về lượng đường tiêu thụ. Qua nghiên cứu cho thấy lượng sản phẩm tiêu dùng đường cá nhân của các khách hàng ở ĐBSCL có xu hướng tăng với mức gia tăng trung bình khoảng 0,97% và 0,46% ở từng viễn cảnh giá sau khi xem xét tất cả các yếu tố về thu nhập, giá và gia tăng về quy mô dân số. Đối với Cần Thơ là 1,12% và 0,62% ở từng viễn cảnh, còn với An Giang lần lượt là 0,82% và 0,30%. Dựa vào kết quả của đề tài, các doanh nghiệp, công ty sản xuất mía nội địa có thể nâng cao chất lượng sản phẩm của mình thông qua các cách sau: Thứ nhất, các doanh nghiệp, công ty cần chủ động được nguồn cung, khắc phục được các hạn chế làm cho chất lượng mía nguyên liệu thấp như tình trạng thu hoạch, vận chuyển, cũng như là tình trạng cạnh tranh bán mía nguyên liệu bất chấp chất lượng mía tốt hay xấu như hiện nay. Thứ hai, các công ty, doanh nghiệp cần phải đầu tư vào công nghệ sản xuất, các dây chuyền sản xuất hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng. Thứ ba, các công ty, doanh nghiệp phải đầu tư đội ngũ nhân lực, kỹ sư, công nhân có tay nghề cao, vì đây cũng là yếu tố quyết định không nhỏ đến chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, muốn tối đa được lượng đầu ra cho sản phẩm của mình, các công ty, doanh nghiệp phải thực hiện tốt các việc như sau: Thứ nhất, tăng cường và hoàn
------	---------	---	-------------------	-------------	------	---

4766	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình canh tác chôm chôm của nông hộ ở Thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Võ, Hồng Tú	2019	Hiện nay sản xuất nông nghiệp nói chung và hoạt động sản xuất chôm chôm nói riêng còn gặp nhiều vấn đề như: Bị ép giá, chưa nắm vững khoa học kỹ thuật mới, sử dụng các yếu tố đầu vào (phân bón, thuốc nông dược, lao động,...) chưa hợp lý và chưa hiệu quả làm tăng chi phí sản xuất. Từ thực tiễn đó, đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình canh tác chôm chôm của nông hộ ở thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm: (i) Phân tích thực trạng canh tác chôm chôm tại địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. (ii) Ước lượng mức hiệu quả kinh tế đạt được đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong canh tác chôm chôm tại địa bàn nghiên cứu. (iii) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong canh tác chôm, góp phần cải thiện đời sống kinh tế cũng như nâng cao thu nhập của những nông hộ trên địa bàn nghiên cứu Đề tài chọn 40 mẫu nông hộ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện ở xã Tân Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đề tài sử dụng phương pháp DEA để ước lượng mức hiệu quả kinh tế chôm chôm, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy tương quan đa biến để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các nông hộ ở Ngã Bảy Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ sản xuất chôm chôm tại Ngã Bảy đạt được là 46,5%. Với mức hiệu quả kinh tế trung bình đạt được thì chi phí thực tế trung bình mà nông hộ bỏ ra là 34.889.663đồng/ha/năm, mức chi phí tiềm năng tối thiểu trung bình nông hộ bỏ ra là 16.223.693đồng/ha/năm, từ đó cho thấy chi phí có thể giảm trung bình do kém hiệu quả là 18.665.970đồng/ha/năm. Để đạt được hiệu quả kinh tế ở mức tối đa, nông hộ có thể giảm đáng kể chi phí trong quá trình sản xuất chôm chôm. Nông hộ phải ước tính được lượng sử dụng và sử dụng các yếu tố đầu vào như phân bón và ngày công lao động có hiệu quả, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, tham gia các buổi chia sẻ kinh nghiệm để đạt năng suất và giá bán cao, khâu chăm sóc chặt chẽ hơn cũng như kỹ thuật canh tác cần được cải tiến để có thể giảm mức chi phí của mỗi nông hộ, hướng đến mức chi phí tối thiểu mà nông hộ có thể sản xuất Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cũng cho thấy yếu tố diện tích và tuổi cây có tác động hiệu quả kinh tế của nông hộ. Bên cạnh đó các yếu tố như: kinh nghiệm sản xuất, sử dụng phân hữu cơ, mật độ cây là các yếu tố không có tác động ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất chôm chôm của các nông hộ.
------	---------	--	-----------------------	-------------	------	--

4767	Đại học	Phân tích thị hiếu người tiêu dùng đối với các sản phẩm rau sạch tại Thành Phố Cần Thơ	Trần, Thị Huế Minh	Võ, Hồng Tú	2018	Ở Việt Nam, bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã có quy định về sản xuất rau an toàn, nhưng trên thực tế vẫn còn một số nơi sản xuất rau an toàn không đạt tiêu chuẩn , từ đó mà dẫn đến nhiều hiện trạng ở một số siêu thị, chợ nhập rau " không sạch" về bày bán cho người tiêu dùng cũng như trở ngại trong việc bán hàng của siêu thị. Vì vậy, ngon và sạch là hai yếu tố quan trọng để chúng ta xây dựng thương hiệu cả nội địa và Quốc tế. Tuy nhiên làm sao để sản xuất được rau ngon và sạch , người tiêu dùng quan tâm hơn về rau an toàn, có nguồn gốc xuất xứ, đó là trăn trở lớn nhất của doanh nghiệp xuất khẩu và người nông dân hiện nay từ thực tế trên, đề tài " Phân tích thị hiếu người tiêu dùng đối với các sản phẩm rau sạch tại Thành phố Cần Thơ " được thực hiện nhằm phân tích thị hiếu người tiêu dùng đối với các sản phẩm rau sạch cụ thể là rau muống sạch tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thị hiếu người tiêu dùng đối với các sản phẩm rau muống sạch tại Thành ph. Đề xuất những giải pháp nhằm giúp cho các nhà sản xuất, doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của người tiêu dùng. Nghiên cứu đo lường sự sẵn lòng chi trả bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên cho sản phẩm rau muống sạch. Khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp 100 người tiêu dùng rau tại Thành phố Cần Thơ (Quận Ninh Kiều) Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức giá trung bình mà người tiêu dùng sẵn lòng chi trả cho rau muống sạch là 17.777 đồng/ kg, có 69% số người đồng ý chi trả thêm cho sản phẩm này. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của đáp viên là giá, thu nhập, nhà có trẻ em dưới 12 tuổi và sự nguyên góp cho môi trường. Từ đó ta thiết kế mô hình canh tác rau muống sạch theo hướng VietGAP, GlobalGAP, thủy canh với mức giá cụ thể là 17.777 đồng/ kg.
------	---------	--	--------------------	-------------	------	--

4768	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức tiêu thụ đường của người tiêu dùng ở khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Minh Luân	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài "Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức tiêu thụ đường của người tiêu dùng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long" được thực hiện từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp 200 hộ gia đình thuộc hai tỉnh Cần Thơ (bao gồm TP.Cần Thơ, huyện Phong Điền và quận Thốt Nốt) và An Giang (bao gồm TP.Long Xuyên và huyện An Phú). Nghiên cứu tập trung vào đối tượng là việc tiêu dùng sản phẩm đường thành phẩm của người tiêu dùng chứ không phải việc sử dụng đường đã qua chế biến hay hoạt động kinh doanh đường. Qua việc thống kê mô tả, ta thấy rằng tỉ trọng khối lượng các sản phẩm tạo ngọt được sử dụng trong tháng như sau: đường cát chiếm 96,67%; đường phèn chiếm 2,38%; đường thẻ chiếm 0,64%; đường phèn chiếm 0,00% và cuối cùng là các sản phẩm tạo ngọt khác chiếm 0.31%. Bên cạnh đó, mức chi phí tối thiểu mà người tiêu dùng cần chi cho việc sử dụng đường là 40.000đ/người/tháng, mức phí tối đa là 100.000đ/người/tháng. Khoản biến động chi phí cho việc tiêu dùng đường khá thấp, điều này nói lên rằng nhu cầu sử dụng đường của người tiêu dùng không cao nhưng khá ổn định. Bên cạnh đó, người tiêu dùng hiện nay không chỉ ngừng lại ở mức "ăn no, mặc ấm" nữa mà còn đòi hỏi phải "ăn ngon, mặc đẹp" điều này thể hiện qua việc người tiêu dùng chú ý đến giá cả, kích thước hạt đường, màu sắc đường và thậm chí là nơi mua đường. Từ việc phân tích kết quả hồi quy OLS, ta thấy rằng có 5 yếu tố ảnh hưởng đến mức tiêu thụ đường của người tiêu dùng, các yếu tố đó là: Số lượng nhân khẩu của hộ gia đình; Nhu cầu sử dụng sản phẩm thay thế; Giá đường; Nguồn gốc và xuất xứ của đường; Thu nhập trung bình /người/tháng. Ngoài ra, các yếu tố khác như các yếu tố nội bộ ngành mía đường, các yếu tố từ thị trường, tác động của chính sách - hội nhập cùng với sự thay đổi nhu cầu sử dụng đường trong tương lai của người tiêu dùng cũng có ảnh hưởng đến thị trường đường và hoạt động tiêu thụ đường của người tiêu dùng. Điều đáng quan tâm nhất là khi Việt Nam thực hiện hiệp định ATIGA (đầu năm 2020), đây là một cơ hội lớn mà cũng là một thách thức không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, ngành hàng mía đường ở Việt Nam nói riêng. Vì vậy, cả người tiêu dùng lẫn nhà nước cần có những điều chỉnh cần thiết và phù hợp để đảm bảo cho sự phát triển ngành mía đường của nước nhà.
------	---------	---	-------------------	-------------	------	--

4769	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ chôm chôm ở Ngã Bảy - Hậu Giang	Nguyễn, Thị Hồng Thắm	Võ, Hồng Tú	2019	Thời gian qua, trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Hậu Giang luôn chú trọng tạo mọi điều kiện để phát triển về kinh tế, xã hội của Hậu Giang là không ít đặc biệt là kinh tế nông nghiệp, nổi tiếng với nhiều loại cây ăn trái như: bưởi năm roi Phú Hữu, cam sành, sầu riêng... trong đó có chôm chôm. Tất cả đều mang hương vị đậm đà, thơm ngon tự nhiên của vùng đất Hậu Giang. Chôm chôm được trồng ở Hậu Giang có hương vị ngọt thanh, cơm dày nên được rất nhiều người ưa chuộng. Tuy nhiên trong những năm gần đây, tuy diện tích chôm chôm tăng mạnh, nhưng do ảnh hưởng của nhiều yếu tố mà năng suất của chôm chôm không được cao gây ảnh hưởng đến kinh tế hộ dân nơi đây khá nhiều. Từ thực tiễn, đề tài “ Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ chôm chôm ở Thị Xã Ngã Bảy – Hậu Giang” được thực hiện nhằm: (1) Phân tích thực trạng chung của tình hình sản xuất và tiêu thụ chôm chôm ở ngã Bảy- Hậu Giang.(2) Phân tích kết quả tài chính của nông dân trồng chôm chôm và các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, tiêu thụ chôm chôm ở Ngã Bảy- Hậu Giang.(3) Phân tích những lợi nhuận, khó khăn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ chôm chôm ở Ngã Bảy- Hậu Giang. (4) Đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất và tiêu thụ chôm chôm trong thời gian tới Đề tài sử dụng phương pháp chọn vùng số liệu, thu thập số liệu, phân tích số liệu để phân tích tình hình sản xuất tiêu thụ chôm chôm ở địa bàn nghiên cứu từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, tiêu thụ chôm chôm ở Ngã Bảy- Hậu Giang Kết quả nghiên cứu cho thấy, sản lượng trung bình trên công của nông hộ nơi đây là:1502,23kg với giá bán trung bình là 8,200 đồng/kg, sau khi trừ tất cả các loại chi phí hộ dân thu lãi 8,827,445 đồng/ công. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất chôm chôm như: diện tích, kinh nghiệm, mật độ trồng, chi phí phân thuốc, trình độ học vấn chiếm hơn 80% và một số yếu tố khác chưa được phân tích trong bài. Qua nghiên cứu thực tế, nhà nước và chính quyền địa phương nơi đây nên quan tâm nhiều hơn về quá trình sản xuất và tiêu thụ chôm chôm nơi đây, thường xuyên tập huấn, trao đổi kinh nghiệm cho người dân để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất.
------	---------	--	-----------------------	-------------	------	--

4770	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính giữa sản xuất lúa 2 vụ và lúa 3 vụ ở xã Thạnh Hòa- huyện Giồng Riềng - tỉnh Kiên Giang	Bùi, Thị Diễm My	Trần, Duy Phát	2018	Những năm gần đây việc biến đổi khí hậu ngày càng thất thường và điều kiện kinh tế khó khăn nên nhu cầu sản xuất của người dân càng cao nên đề tài “ So sánh hiệu quả tài chính của mô hình sản xuất lúa 2 vụ và 3 vụ tại xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang năm 2018” nhằm xác định hiệu quả tài chính giữa hai mô hình để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất của các mô hình. Đề tài sử dụng phương pháp ngẫu nhiên phân tầng để khảo sát 30 nông hộ trồng lúa 2 vụ và 30 hộ trồng lúa 3 vụ tại xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang> Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để đánh giá thực trạng và phép thử T để so sánh kết quả của các chỉ tiêu tài chính của hai mô hình. Kết quả cho ta thấy ở địa bàn khảo sát các nông hộ có diện tích trung bình trên hộ là 2 ha đối với mô hình 2 vụ lúa và 2.5 ha đối với mô hình 3 vụ lúa và tất cả đều là đất chủ sở hữu. Số hộ mua vật tư nông nghiệp theo hình thức thu hoạch xong thanh toán chiếm tỷ lệ khá cao , 50% ở mô hình 2 vụ và đến 60% ở mô hình 3 vụ nên điều này đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ. Bán sản phẩm cho thương lái và có hợp đồng viết tay chiếm tỷ lệ khá cao 76.67% ở mô hình 2 vụ và đến 86.76% ở mô hình 3 vụ và việc thực hiện hợp đồng chủ yếu diễn ra khi gần đến ngày thu hoạch . Tổng lợi nhuận không có và có lao động gia đình của hai vụ ĐX và HT của mô hình 2 vụ luôn cao hơn 3 vụ cho dù không có ý nghĩa thống kê. Tổng chi phí cả mô hình của 3 vụ lúa cao hơn có ý nghĩa thống kê. Tổng chi phí cả mô hình của 3 vụ lúa cao hơn có ý nghĩa so với 3 vụ lúa.
------	---------	--	------------------	----------------	------	---

4771	Đại học	Phân tích hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau mầm tại Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Nhựt Quỳnh	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau mầm tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm xác định hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau mầm. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng, từ đó đề xuất các giải pháp giúp cho nhà sản xuất đáp ứng tốt hơn nhu cầu cho người tiêu dùng Đề tài phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên 100 người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Phạm vi thời gian nghiên cứu đề tài từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2019. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp hồi quy tuyến tính để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng Qua thực hiện điều tra 100 người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ về hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau mầm bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp, các kết quả nghiên cứu cho thấy 100% người tiêu dùng đã sử dụng rau mầm có mức thu nhập khác nhau. Phần đông người tiêu dùng lựa chọn giá bán của rau mầm cao hơn so với rau thông thường (53%), vì mức giá cao chứng tỏ người tiêu dùng sẵn sàng đánh đổi để mang lại nhiều lợi ích hơn. 46% là tỷ lệ người tiêu dùng lựa chọn rau mầm được mua tại siêu thị sẽ an toàn và uy tín hơn so với mua ở những nơi khác. Trình độ học vấn của những người được phỏng vấn nằm ở mức từ 5- 10 năm và trên 10 năm có tỷ lệ lần lượt là 46% và 47%, chứng tỏ người được phỏng vấn hoàn toàn đủ nhận thức để trả lời các câu hỏi. Tiếp theo đó, tình trạng hôn nhân cũng quyết định đến hành vi của người tiêu dùng khi có 82% người tiêu dùng đã kết hôn chia sẻ rằng họ giành nhiều thời gian để chăm sóc cho gia đình, từ đó việc lựa chọn thực phẩm tốt cho sức khỏe cũng được người tiêu dùng quan tâm hơn Đề xuất một số giải pháp giúp cho nhà sản xuất - Giá bán: đưa ra mức giá phù hợp cho người tiêu dùng, cần có sự đảm bảo ổn định về giá cho những khách hàng quen thuộc - Tạo ra nguồn cung ổn định: cần liên kết sản xuất giữa các nhà sản xuất để tạo ra sản lượng nhiều hơn, hiện nay có rất ít cơ sở sản xuất có quy mô lớn - Quảng bá sản phẩm dưới nhiều hình thức: đảm bảo giới thiệu được thông tin sản phẩm đến khách hàng nhiều hơn, từ đó kích thích người mua sử dụng sản phẩm.
------	---------	--	--------------------	---------------------	------	--

4772	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lúa IR 50404 tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thu Hiền	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Mô hình sản xuất lúa IR 50404 ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang sản xuất nhiều và còn gặp nhiều vấn đề như: Thời tiết, chưa áp dụng khoa học – kỹ thuật mới, sử dụng các yếu tố đầu vào (phân bón, thuốc nông dược, lao động,...) chưa hợp lý và chưa hiệu quả, điều này làm cho hiệu quả kinh tế của mô hình bị suy giảm. Từ đó, đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình lúa IR 50404 của nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm: 1) Phân tích thực trạng sản xuất lúa IR 50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. 2) Phân tích hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lúa IR 50404 trên địa bàn nghiên cứu. 3) Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất, đồng thời cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nông hộ ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 50 nông hộ sản xuất mô hình lúa IR 50404 trên địa bàn huyện Châu Thành bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Số liệu được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, đề tài còn sử dụng phương pháp DEA để ước lượng hiệu quả kinh tế của mô hình lúa IR 50404, bên cạnh đó còn sử dụng phương pháp ước lượng hồi quy tương quan để ước lượng mức ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất của nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Kết hợp với phân tích SWOT từ đó đưa ra giải pháp phát triển mô hình theo hướng bền vững. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của nông hộ sản xuất lúa IR 50404 vụ Đông Xuân đạt được là 70,8%, vụ Hè Thu là 69,5%. Với mức hiệu quả kinh tế trung bình đạt được thì chi phí tối thiểu trung bình là 10.932.320 đồng/ha/vụ (Đông Xuân) và 14.991.480 đồng/ha/vụ Hè Thu. Trong khi đó chi phí thực tế trung bình của nông hộ là 15.890.000 đồng/ha/vụ Đông Xuân, 19.830.000 đồng/ha/vụ Hè Thu và chi phí có thể giảm trung bình lần lượt là 4.957.680 đồng/ha/vụ và 4.838.520 đồng/ha/vụ. Qua kết quả ước lượng mức hiệu quả kinh tế cho thấy nông dân sản xuất lúa IR 50404 cần điều chỉnh lại mức sử dụng các yếu tố đầu vào như phân, thuốc, giá giống và ngày công lao động gia đình để giảm chi phí, áp dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, tham gia các buổi chia sẻ kinh nghiệm để góp phần tăng hiệu quả kinh tế cho lúa IR 50404 tại địa bàn. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cũng cho thấy các yếu tố: Tham gia tập huấn, giới tính chủ hộ, trình độ học vấn và kinh nghiệm sản xuất có tác động thuận chiều tới hiệu quả kinh tế của nông hộ. Bên cạnh đó, các yếu tố như: diện tích và nguồn gốc giống không có tác động ảnh hưởng đến
------	---------	---	----------------------	--------------------	------	---

4773	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình sản xuất lúa IR 50404 tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang	Trần, Hoàng Thái	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình sản xuất lúa IR 50404 tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm: (i) Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa IR 50404 của các hộ nông dân ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, (ii) Ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng lúa IR 50404 ở huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, (iii) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật và đề xuất giải pháp giúp các hộ nông dân trồng lúa IR 50404 huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần cải thiện đời sống của các nông hộ trồng lúa IR 50404 tại địa bàn nghiên cứu Hiệu quả kỹ thuật trong bài nghiên cứu này được ước lượng bằng phương pháp DEA. Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả phỏng vấn trực tiếp 50 nông hộ trồng lúa IR 50404 trong 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu năm 2018 tại xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Lợi, xã Hòa Bình Thạnh và thị trấn An Châu bằng phương pháp thuận tiện Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ trồng lúa IR 50404 vụ Đông Xuân là 93,7% và vụ Hè Thu là 87,4%. Qua kết quả ta thấy các nông hộ trồng lúa IR 50404 đạt mức hiệu quả kỹ thuật khá cao do giống lúa IR 50404 là giống lúa truyền thống của các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu, là giống lúa ít sâu bệnh và năng suất cao, do vậy các nông hộ có hiệu quả kỹ thuật ở mức cao. Tuy nhiên, còn nhiều nông hộ vẫn chưa đạt hiệu quả kỹ thuật cao vì không áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và sử dụng không hợp lý các nguồn nguyên liệu đầu vào Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật, ta nhận thấy yếu tố tham gia tập huấn, giới tính chủ hộ và trình độ học vấn có mối quan hệ thuận với mức hiệu quả kỹ thuật, trong khi đó yếu tố diện tích trồng lúa IR 50404 có mối quan hệ nghịch với mức hiệu quả kỹ thuật đạt được của các nông hộ. Yếu tố kinh nghiệm sản xuất không có tác động ảnh hưởng đến mức hiệu quả kỹ thuật trong việc sản xuất lúa IR 50404 trên địa bàn nghiên cứu.
------	---------	--	------------------	--------------------	------	---

4774	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của tổng công ty cổ phần lương thực Miền Nam	Tô, Quốc Hương	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty cổ phần lương thực miền Nam” được thực hiện từ tháng 1/2019 đến 5/1019. Luận văn sử dụng số liệu thứ cấp thu thập trong 3 năm 2016, 2017, 2018 để thực hiện đề tài phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm 2016 đến 2018 của Tổng công ty cổ phần lương thực miền Nam tình hình kinh doanh của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận đều có chiều hướng xấu. trong năm 2018 chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán tăng mạnh, các nhân tố này ngược chiều với lợi nhuận dẫn đến lợi nhuận âm, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo chiều hướng chưa tốt nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động kinh doanh trong 3 năm giảm là do Công tác nắm bắt thông tin thị trường đôi lúc chưa được nhanh và kịp thời, phụ thuộc quá nhiều vào thị trường tập trung. Nhiều doanh nghiệp thành viên chưa phát triển tốt thị trường thương mại nên khi tỷ trọng các hợp đồng tập trung giảm mạnh thì lập tức Tổng công ty rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Hạn chế trong việc sản xuất gạo chất lượng cao...Một số giải pháp được đề xuất: Đào tạo và xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Tổng công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt. Xây dựng các vùng nguyên liệu lớn theo mô hình liên kết sản xuất Cánh đồng lớn để có nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao.
------	---------	---	----------------	---------------------	------	--

4775	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật mô hình trồng lúa nếp của nông hộ trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Nhật Quang	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Nhằm giúp nông hộ nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần cải thiện thu nhập ổn định cuộc sống, đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng lúa nếp của nông hộ trên địa bàn huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện trên địa bàn huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp. Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: Mục tiêu (1) Phân tích thực trạng sản xuất của lúa nếp của nông hộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Mục tiêu (2) Ước lượng hiệu quả kỹ thuật và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng lúa nếp trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Mục tiêu (3) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các nông hộ trồng lúa nếp trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả (về các giá trị trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất) đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính để xử lý số liệu sơ cấp được khảo sát từ 42 nông hộ sản xuất lúa nếp. Đồng thời đề tài đi sâu vào phân tích hiệu quả kỹ thuật bằng phương pháp DEA (Data Envelopment Annlysis) và sử dụng mô hình hồi quy để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tham gia sản xuất lúa nếp Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ sản xuất lúa nếp ở vụ Thu Đông là 88,07% và 90,4% ở vụ Đông Xuân. Yếu tố về điều kiện kinh tế xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật là kinh nghiệm sản xuất, lượng lao động thuê và tập huấn. Từ đó đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình. Giải pháp cho nông hộ để nâng cao hiệu quả kỹ thuật là nông hộ cần sử dụng cân đối các yếu tố đầu vào trong quá trình sản xuất như: lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo đúng khuyến cáo. Đảm bảo nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng phân bón, thuốc nông dược, tránh tình trạng sử dụng quá liều lượng không theo khuyến cáo... nhưng phải đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng và phòng trừ sâu bệnh gây hại cho cây một cách hiệu quả nhất nhằm giúp nông hộ tiết kiệm chi phí trong sản xuất.
------	---------	--	--------------------	--------------------	------	---

4776	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp Tân An Luông huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Hoài Lộc	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp Tân An Luông huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long” thực hiện dựa trên bộ số liệu 3 năm kể từ năm 2016 đến năm 2018 của HTX NN Tân An Luông huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng Hoạt động kinh doanh của hợp tác xã mang tính chất mùa vụ, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, chủ yếu là sản xuất lúa ba vụ nhưng cũng có sản xuất hai vụ trên năm là do lịch xuống giống và lịch né rầy của tỉnh đề ra làm ảnh hưởng đến vụ tiếp theo vậy nên mới sản xuất hai vụ Qua quá trình kinh doanh dịch vụ của HTX trong những năm qua (2016-2018), ta thấy việc chuyển đổi canh tác đối với một hợp tác xã rất khó nhưng cán bộ quản lý HTX đã làm tốt nhiệm vụ của mình, tuy lợi nhuận của HTX có giảm qua từng năm hoạt động thế nhưng xét về góc độ mùa vụ và năng suất thì ta có thể thấy HTX đang phát triển mạnh và còn có định hướng phát triển thêm dịch vụ để tạo nên lợi nhuận nhiều hơn cho thành viên Hợp tác xã đang chuyển đổi để mang lại lợi nhuận cao hơn nhưng lại đánh mất đi dịch vụ cung cấp giống của mình. Diện tích trồng lúa giống nguyên chủng đã được chuyển đổi qua sản xuất lúa giống xác nhận và cuối cùng là lúa hàng hóa.
------	---------	--	----------------	---------------------	------	---

4777	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Nhằm giúp hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi nâng cao hiệu hoạt động kinh doanh của hợp tác xã nên đề tài “Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long” được thực hiện. Với mục tiêu phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi Với các mục tiêu đề ra thì đề tài sử dụng các phương pháp thu thập số liệu để thu thập số liệu từ hợp tác xã rau an toàn Thành Lợi, dùng phương pháp thống kê mô tả và so sánh để mô tả tổng quan về hoạt động kinh doanh của hợp tác xã và để đánh giá chung, đánh giá khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu phân tích, dùng phương pháp chênh lệch để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu và phương pháp phân tích ma trận SWOT để phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của hợp tác xã Từ kết quả phân tích cho thấy hợp tác xã hoạt động có hiệu quả với lợi nhuận tăng dần qua các năm, năm 2016 lợi nhuận của hợp tác xã là 16.975.000 đồng đến năm 2017 lợi nhuận tăng lên là 21.800.000 đồng tương ứng tăng 2,42%, từ năm 2017 đến năm 2018 lợi nhuận tăng lên là 30.750.000 đồng tương ứng tăng 41,1%. Nhưng doanh thu và chi phí của hợp tác xã còn chưa ổn định qua mỗi năm, với doanh thu năm 2016 là 709.000.000 đồng đến năm 2017 là 731.500.000 đồng tương ứng tăng 3,17% nhưng đến năm 2018 doanh thu của hợp tác xã giảm rất mạnh là 326.800.000 đồng tương ứng giảm 55,3%, chi phí năm 2016 là 692.025.000 đồng đến năm 2017 chi phí của hợp tác xã là 709.700.000 đồng tương ứng tăng 2,6% nhưng đến năm 2018 chi phí của hợp tác xã giống như doanh thu đều giảm rất mạnh với chi phí năm 2018 là 295.250.000 đồng so với năm 2017 tương ứng giảm 58,4%. Ngoài ra hợp tác xã còn phụ thuộc bởi một số yếu tố khác Từ kết quả phân tích hợp tác xã nên mở rộng quy mô để tăng sản lượng bán ra và đa dạng hóa nhiều loại sản phẩm để có đủ loại cung cấp cho người tiêu dùng, cần mở rộng thúc đẩy quan hệ với các đối tác đã có sẵn và người tiêu dùng thường xuyên....
------	---------	--	-------------------	---------------------	------	---

4778	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình canh tác bưởi năm roi của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình canh tác bưởi Năm Roi của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nhằm ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất bưởi Năm Roi của nông hộ, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao mức hiệu quả kỹ thuật sản xuất bưởi Năm Roi của nông hộ, góp phần nâng cao năng suất và đời sống cho nông hộ. Bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Annlysis) để ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật và sử dụng mô hình hồi quy OLS để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ tham gia sản xuất bưởi Năm Roi. Dữ liệu trong nghiên cứu này được sử dụng từ dữ liệu điều tra nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2019 với tổng số 40 nông hộ sản xuất bưởi Năm Roi. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của các nông hộ sản xuất bưởi Năm Roi là 70,5%. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật bằng phương pháp OLS cho thấy các yếu tố như: diện tích, tuổi cây, kinh nghiệm sản xuất và sử dụng phân hữu cơ có ảnh hưởng. Trong khi các yếu tố còn lại như: nguồn gốc giống và mật độ là các yếu tố không ảnh hưởng đến mức hiệu quả kỹ thuật. Từ đó đề xuất giải pháp giúp cho nông hộ đạt hiệu quả cao trong quá trình sản xuất của mình.
4779	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng kipus của các nông hộ được công ty cổ phần vườn trái Cừu Long thu mua	Dương, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Việc truy xuất nguồn gốc trên ứng dụng KIPUS của công ty cổ phần Vườn Trái Cừu Long chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố. Các nhân tố tuổi, địa chỉ, phương thức mua hàng có mối tương quan nghịch với khả năng tham gia sử dụng KIPUS của các nông hộ, trong khi nhân tố số năm đi học tương quan thuận với khả năng tham gia sử dụng ứng dụng. Đối với công ty, công ty còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình quản lý và mở rộng việc sử dụng ứng dụng KIPUS cho các nông hộ do do nguồn nhân lực còn thiếu, nông dân còn bạo thù trong quá trình canh tác. Đối với nông dân, nhiều nông dân vẫn chưa nhận thức đúng về truy xuất nguồn gốc, một số nông dân có độ tuổi cao gây khó khăn trong việc mở rộng sử dụng ứng dụng KIPUS. Từ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc truy xuất nguồn gốc. Đề tài đã đề ra 4 chiến lược nhằm nâng cao việc sử dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc tại công ty gồm chiến lược duy trì và mở rộng các nông hộ sử dụng KIPUS, chiến lược tăng cường nghiên cứu và các chương trình đào tạo, chiến lược tăng cường nguồn nhân lực, chiến lược truy xuất nguồn gốc đối với các hộ không sử dụng KIPUS.

4780	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trên đất phèn	Nguyễn, Nhứt Duy	Trần, Duy Phát	2019	-Đề tài ”Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trên đất phèn” được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019 tại nhà lưới khu thực nghiệm khoa Phát triển nông thôn, Trường Đại Học Cần Thơ xác định sự ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân đến sự sinh trưởng và năng suất của cải ngọt trồng trên đất phèn tại Hòa An. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân hóa học, không bón phân hữu cơ và không bổ sung vi sinh vật; NT2: bón phân hóa học theo công thức phân: 100N-80P2O5-40K2O/ha; NT3: 2 kg/m2 phân rơm ủ + 1 lít dung dịch vi sinh vật; NT4: 3 kg/m2 phân rơm ủ + 1 lít dung dịch vi sinh vật; NT5: 4 kg/m2 phân rơm ủ + 1 lít dung dịch vi sinh vật. Các NT bón phân hữu cơ vi sinh (NT3, NT4 và NT5), đều có các chỉ tiêu sinh trưởng lớn hơn có ý nghĩa thống kê với so với NT1 và thấp hơn có ý nghĩa so với NT2. Bón phân hữu cơ với lượng 4 kg/m2 cho chiều dài lá, chiều dài cuống lá và chiều dài phiến khác biệt không ý nghĩa so với NT2. Bón phân hữu cơ với lượng 4 kg/m2 cho trọng lượng cây thấp hơn có ý nghĩa so với NT2 nhưng lại cao hơn có ý nghĩa so với NT1. Bón phân hữu cơ với lượng 4 kg/m2 cho năng suất tổng và năng suất thương phẩm cao hơn có ý nghĩa so với NT1. Bón phân hữu cơ với liều lượng như thí nghiệm chưa có ảnh hưởng đến giá trị độ brix và tỷ lệ vật chất khô.
------	---------	---	------------------	----------------	------	---

4781	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Bùi, Tuyết Nhi	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Huyện Tam Bình là nơi có diện tích trồng cam sành lớn nhất trong tỉnh Vĩnh Long và đang được sự quan tâm đặc biệt từ nông dân và chính quyền địa phương. Cây cam sành là một trong những chương trình trọng điểm để phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người nông dân nông thôn tại địa phương. Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long” nhằm đánh giá thực trạng trồng cam sành tại địa phương, tìm ra những mặt tồn tại và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, từ đó đề xuất các giải pháp để góp phần phát triển mô hình trồng cam sành tại địa phương và những vùng lân cận. Đề tài được thực hiện dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 50 hộ trồng cam sành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả, chiết khấu dòng tiền, mô hình hồi quy SPSS, phân tích SWOT để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến mức hiệu quả của nông hộ tham gia sản xuất cam sành. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi nông hộ bỏ ra trong việc trồng cam sành là 13,2 triệu đồng/ 1.000m², doanh thu đạt được 25,7 triệu đồng/ 1.000m². Lợi nhuận thu về 12,5 triệu đồng/ 1.000m². Mô hình sản xuất cam sành mang lại hiệu quả tài chính khá cao. Khi nông hộ bỏ ra 1 đồng vốn để sản xuất cam sành thì sẽ thu về 0,9 đồng lời. Hộ trồng cam sành vẫn có lời khi đưa công lao động nhà vào chi phí sản xuất. Kết quả của mô hình hồi qui cho thấy số năm kinh nghiệm, tuổi cây, giống là những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của việc trồng cam sành. Dựa vào kết quả nghiên cứu, một số giải pháp về cải thiện chất lượng cây giống, nâng cao kỹ thuật sản xuất, cùng các chính sách nông nghiệp có liên quan để góp phần thúc đẩy phát triển mô hình trồng cam sành tại địa phương đã được đề xuất.
------	---------	--	----------------	---------------------	------	--

4782	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng bưởi năm roi ở xã Mỹ Hòa huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Tô, Thanh Thảo	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng bưởi năm roi ở xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn ngẫu nhiên 40 nông hộ trồng bưởi năm roi tại xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng mô hình trồng bưởi năm roi tại xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long chưa đạt kết quả cao về mặt kỹ thuật. Về mặt hiệu quả tài chính của mô hình trồng bưởi năm roi đem lại lợi nhuận trung bình là 12,7 triệu đồng/1.000m²/năm cho người nông dân, trong khi đó tổng chi phí sản xuất là 16,6 triệu đồng/1.000m²/năm. Để nâng cao thêm thu nhập thì các nông hộ cần tính toán chi phí, lợi nhuận mỗi năm, cân quản tốt các khoản chi phí đầu vào vì các khoản chi phí này ảnh hưởng lớn đến thu nhập của nông hộ Hiệu quả kỹ thuật trung bình của nông hộ trồng bưởi năm roi là 67,52%, hiệu quả kỹ thuật bị ảnh hưởng bởi ba nhân tố là trình độ học vấn và số năm kinh nghiệm, tham gia tập huấn. Trình độ học vấn có tác động tích cực đến hiệu quả kỹ thuật trình độ học vấn càng cao sẽ giúp cho nông hộ dễ dàng tiếp thu khoa học và dễ dàng áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong quá trình sản xuất hơn. Số năm kinh nghiệm có tác động tiêu cực đến hiệu quả kỹ thuật do những hộ có kinh nghiệm càng nhiều thì sản xuất theo kinh nghiệm bản thân, ít chịu thay đổi, tìm tòi phương hướng sản xuất mới. Tham tập huấn là yếu tố tác động tích cực đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ, cụ thể hơn là nếu là thành viên của những tổ chức này thì các nông hộ sẽ được các tổ chức này hỗ trợ về giống, phổ biến về kỹ thuật quy trình chăm sóc cho cây bưởi năm roi của mình như thế nào cho phù hợp cây bưởi năm roi nếu được chăm sóc đúng quy trình khi đó cây sẽ cho năng suất cao hơn
------	---------	--	----------------	---------------------	------	--

4783	Đại học	Phân tích chuỗi giá trị cam sành trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Phùng, Đăng Khoa	Lê, Văn Dề	2019	Đề tài “Phân tích chuỗi giá trị cam sành trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang” nhằm tìm hiểu rõ hơn về thực trạng sản xuất và kinh doanh giữa các tác nhân tham gia chuỗi, thông qua việc lượng hóa và vẽ sơ đồ chuỗi nhằm xác định kênh phân phối trong chuỗi, đồng thời phân tích tài chính các tác nhân tham gia chuỗi và phân tích SWOT ngành hàng cam sành từ đó đề xuất giải pháp phân phối lại lợi nhuận hợp lý giữa các tác nhân tham gia chuỗi Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình hình tiêu thụ cam sành của nông dân thông qua 7 kênh. Kênh tiêu thụ chính của nông dân là bán qua thương lái (70.6%), thương lái bán cho chủ vừa ngoài địa phương (36,7%), chủ vừa ngoài địa phương bán lại cho bán sỉ/bán lẻ ngoài địa phương (82,4%) và cuối cùng bán sỉ/bán lẻ ngoài địa phương bán trực tiếp đến tay người tiêu dùng. Năng suất cam sành của hộ đạt trung bình trên 19,24 tấn/ha/năm. Chi phí đầu tư bình quân cho 1ha cam sành ở giai đoạn khai thác trái khoảng 172.23 triệu đồng/ha/năm, và mức lợi nhuận thuần bình quân (24,67) triệu đồng/ha/năm. Giá trị gia tăng thuần bình quân toàn chuỗi là 6.784 đồng/kg, trong đó nông dân đạt mức giá trị gia tăng thuần bình quân 718 đồng/kg (chưa tính công lao động gia đình), chiếm 11%; Thương lái đạt giá trị cao nhất với 2,194 đồng/kg chiếm 32%; Vừa địa phương đạt 567 đồng/kg, chiếm 8%; Vừa ngoài địa phương đạt 1.305 đồng/kg, chiếm 19%; Bán sỉ/bán lẻ trong địa bàn 1.000 đồng/kg, chiếm 15% và bán sỉ/bán lẻ đạt 1.000 đồng/kg, chiếm 15% và bán sỉ/bán lẻ ngoài địa bàn 1.000 đồng/kg, chiếm 15% và bán sỉ/bán lẻ đạt 1.000 đồng/kg, chiếm 15% Kết quả nghiên cứu SWOT chuỗi giá trị cam sành trên địa bàn thị xã Ngã Bảy cho thấy, điểm mạnh nông dân có kinh nghiệm trồng cam sành lâu đời, đối tượng thương lái, vừa phát triển mạnh và rộng khắp; Điểm yếu: Hộ nông dân sản xuất cam sành chỉ chú trọng đến năng suất, sản lượng mà ít quan tâm đến việc nâng cao mẫu mã, hình thức cho sản phẩm. Hoạt động đa dạng hóa sản phẩm cam sành còn yếu, hoạt động liên kết giữa các tác nhân còn yếu kém; Cơ hội: Nhiều trại/trung tâm cung cấp cây giống và vật tư nông nghiệp phát triển. Diện tích canh tác lớn và tập trung tạo điều kiện việc mua bán thuận lợi; Thách thức: Chịu sự cạnh tranh gay gắt từ cam ngoài địa phương. Giá cả biến động làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của người dân, điều kiện thời biến động. Tình hình sâu bệnh trên cây có múi diễn biến khá phức tạp và ngày càng khó điều trị, giá đầu vào tăng.
------	---------	--	------------------	------------	------	---

4784	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng chôm chôm Java ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.	Trần, Huỳnh Như	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng chôm chôm Java ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện tại xã Bình Hoà Phước thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, thời gian thực hiện đề tài từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ trồng chôm chôm Java từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình. Số liệu sơ cấp của đề tài thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 40 hộ trồng chôm chôm Java ở xã Bình Hoà Phước, do không có sẵn danh sách các hộ trồng chôm chôm Java trên địa bàn nên tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu là phương pháp thuận tiện. Nội dung phân tích bao gồm: phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ thông qua phương pháp thống kê mô tả, tính toán các giá trị trung bình của các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các tỉ số tài chính; phân tích hồi quy đa biến SPSS 20 để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất trồng chôm chôm Java của các nông hộ; từ đó làm cơ sở để đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của các nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy đây là mô hình mang lại hiệu quả cao về mặt tài chính, năng suất trung bình là 2.200 kg/1.000 m²/năm, lợi nhuận trung bình là 12.360.000 đồng/1.000m²/năm. Dựa trên kết quả nghiên cứu đó một số giải pháp được đưa ra đó là chính quyền địa phương cần có chính sách vận động, hỗ trợ nông dân tham gia hợp tác xã, tham gia các lớp tập huấn để nông dân được trao đổi thêm thông tin, kiến thức về trồng chôm chôm Java và cần đầu tư thêm cơ sở hạ tầng cho nông hộ để việc sản xuất có thể đạt kết quả tốt nhất. Tăng cường đầu tư vào đầu ra của sản phẩm, giúp nông hộ không bị thua lỗ khi tới mùa vụ. Ngoài ra, các nông hộ cũng cần phải chú ý đến phân bón và thuốc dưỡng, vì đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng suất, phải sử dụng đúng liều lượng, đúng cách và đúng thời gian để đảm bảo hiệu quả tốt nhất và an toàn cho nông hộ.
4785	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lúa trên địa bàn xã Mỹ Lộc huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Bích Tuyền	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lúa xã Mỹ Lộc huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm (i) Phân tích thực trạng canh tác lúa thương phẩm tại địa bàn huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. (ii) Ước lượng mức hiệu quả kinh tế đạt được đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong canh tác lúa thương phẩm tại địa bàn nghiên cứu. (iii) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong canh tác lúa, góp phần cải thiện đời sống kinh tế cũng như nâng cao thu nhập của những nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Đề tài lựa chọn 50 nông hộ sản xuất lúa thương phẩm trên địa bàn huyện Tam Bình để nghiên cứu. Đề tài sử dụng phương pháp DEA để ước lượng mức hiệu quả kinh tế lúa, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy tương quan để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các nông hộ ở huyện Tam Bình. Kết quả cho thấy mức hiệu quả kinh tế trung bình vụ Đông Xuân là 0,811 vụ Hè Thu là 0,774 kết quả cho thấy vụ đông xuân mang lại lợi nhuận cao hơn vụ hè thu, và yếu tố tập huấn và giống có ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế sản xuất lúa thương phẩm của nông hộ.

4786	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất khoai lang vụ hè thu của nông hộ tại địa bàn huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long	Lê, Thái Bảo	Lê, Văn Dẽ	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế vụ Hè Thu trong sản xuất khoai lang tím Nhật của nông hộ tại địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Dữ liệu sử dụng trong bài dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 63 nông hộ trồng khoai lang tím tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long. Hiệu quả kinh tế được ước lượng bằng phương pháp bao phủ dữ liệu (DEA) và được sử dụng như là biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy Tobit Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng suất khoai lang tím trung bình đạt 2.827 kg/1.000m², doanh thu trung bình đạt 23,60 triệu/1.000m², lợi nhuận trung bình của nông hộ là 8,49 triệu đồng/1.000m². Hiệu quả kinh tế ở mức 73,2%. Có 82,5% tổng số hộ đạt mức hiệu quả kinh tế từ 50 – 90% và có 17,5% số nông hộ đạt mức hiệu quả kinh tế từ 90 – 100%. Kết quả phân tích hồi quy Tobit cho thấy các biến kinh nghiệm, trình độ học vấn, diện tích và lượng giống có tác động đến hiệu quả kinh tế. Bên cạnh một số biến tác động đến hiệu quả kinh tế thì vẫn còn một số biến như: lao động gia đình và tham gia tập huấn không tác động đến hiệu quả kinh tế Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng nông hộ cần cải thiện nhiều hơn trong quản lý các hoạt động của mình và quản lý tốt hơn chất lượng các yếu tố đầu vào. Tham gia vào các lớp tập huấn để trang bị thêm kiến thức cũng như kinh nghiệm trồng khoai lang tím. Việc áp dụng Khoa học – Kỹ thuật trong sản xuất cũng góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ
------	---------	--	--------------	------------	------	--

4787	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại Học Cần Thơ	Lê, Mỹ Anh	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Trên thế giới đang có nhiều quốc gia quan tâm đến khởi nghiệp nên các nghiên cứu liên quan đến khởi nghiệp được thực hiện khá nhiều đặc biệt là các nước đang phát triển đối tượng chủ yếu là những người trẻ, sinh viên, sinh viên cao học. Tuy nhiên ở các trường trên địa bàn Cần Thơ nói chung và trường Đại học Cần Thơ nói riêng các nghiên cứu liên quan đến vấn đề khởi nghiệp rất ít. Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích là xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khoa Phát triển nông thôn, trường Đại học Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp pháp nghiên cứu được thực hiện bước đầu bằng cách đề xuất mô hình và các biến trong mô hình thông qua điều tra bằng bảng hỏi likert-5, sử dụng Cronbach's Alpha để loại một số biến không phù hợp, EFA để hội tụ và sắp xếp lại những biến tương đồng vào chung một nhân tố và cuối cùng đề tài chạy hồi qui nhị phân Logistic để tìm ra các nhân tố cuối cùng thật sự có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khoa Phát triển nông thôn trường Đại học Cần Thơ. Kết quả điều tra từ 211 sinh viên tại Đại học Cần Thơ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện sau khi đã điều chỉnh mô hình ý định khởi nghiệp đề xuất trước đó, cho thấy ý định khởi nghiệp chịu tác động mạnh mẽ từ Động lực trở thành doanh nhân, Kinh nghiệm và khả năng tài chính, Nền tảng giáo dục và đam mê kinh doanh, năm nhân tố Kỳ vọng bản thân, Năng lực của bản thân, Tổ chức doanh nhân, Chuẩn mực niềm tin và Thái độ khởi nghiệp không cho thấy có ảnh hưởng rõ ràng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu này ra đời nhằm mong cải tiến chương trình đào tạo chất lượng giáo dục khởi sự doanh nghiệp và địa phương đưa ra những chính sách hợp lý như miễn giảm thuế thu nhập, thuế suất ưu đãi, hỗ trợ vay vốn cho doanh nghiệp mới thành lập, tạo cầu nối giữa nhà trường và doanh nghiệp, thành lập trung tâm tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp để sinh viên nắm bắt được những thông tin cần thiết trong lĩnh vực mình quan tâm. Bên cạnh đó, gia đình cũng cần khuyến khích, tạo điều kiện cho con em phát huy được khả năng thúc đẩy tin thần khởi nghiệp, đặc biệt l
------	---------	--	------------	---------------------	------	---

4788	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 của nông hộ tại huyện Vĩnh Thạnh, Thành Phố Cần Thơ	Dương, Mộc Quế Anh	Lê, Văn Dề	2019	Đề tài nhằm phân tích hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 của nông dân tại huyện Vĩnh Thạnh. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 tại địa bàn nghiên cứu Đề tài phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên 50 nông hộ sản xuất lúa Jasmine 85 tại huyện Vĩnh Thạnh. Thời gian thu thập số liệu thứ cấp trong vụ đông xuân năm 2018 và số liệu sơ cấp được lấy từ phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2018. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích màng bao dữ liệu DEA và phân tích hồi qui Tobit để phân tích hiện trạng sản xuất lúa Jasmine 85 trên địa bàn, phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 tại uyện Vĩnh Thạnh Kết quả khảo sát 50 hộ sản xuất lúa Jasmine 85 ở huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về đặc điểm nông hộ về: diện tích, tuổi của chủ hộ, số năm kinh nghiệm, diện tích trồng lúa bình phương. Các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến sản xuất lúa Jasmine 85 là: tập huấn, dịch bệnh và hợp đồng bao tiêu Đề tài đề xuất một số giải pháp để cải tiến công tác Khuyến nông: - Các nông dân nên trao đổi kiến thức canh tác bằng việc tham gia các buổi tập huấn về kỹ thuật canh tác, các buổi giới thiệu những loại phân thuốc giúp hoạt động sản xuất có hiệu quả hơn, cần sử dụng các yếu tố đầu vào đúng với khuyến cáo để tránh tình trạng lãng phí - Các cơ quan ban ngành chức năng, địa phương cần quan tâm hơn đến việc sản xuất bằng việc tạo ra những liên kết giữa nông dân các công ty chế biến xuất khẩu lúa gạo để có được đầu ra ổn định và lâu dài. Cần đảm bảo giá các yếu tố đầu vào do công ty hoặc hợp tác xã cung cấp không chênh lệch qua nhiều so với ngoài thị trường để nông dân có được lợi nhuận ổn định Bên cạnh đề tài phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa Jasmine 85 của nông hộ, cần có những đề tài nghiên cứu tiếp theo về lúa Jasmine 85 như: phân tích chuỗi trong sản xuất (tiêu thụ) lúa Jasmine 86 với quy mô hợp tác xã, phân tích hiệu quả kinh tế của đối tượng này trên những vụ khác trong năm để từ đó so sánh các khoản mục tài chính cũng như tìm ra những giải pháp tối ưu nhất giúp lúa Jasmine 85 có thể sinh trưởng ở những điều kiện khác...
------	---------	--	--------------------	------------	------	---

4789	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khoa Nông Nghiệp Trường Đại Học Cần Thơ	Phạm, Thanh Điền	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của 220 sinh viên Khoa Nông Nghiệp, Trường Đại Học Cần Thơ. Thông qua áp dụng mô hình mở rộng lý thuyết hành vi kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) kết hợp với đặc điểm nhân khẩu học, tính cách, và giáo dục khởi nghiệp kinh doanh, mô hình hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action – TRA) và các mô hình liên quan Kết quả nghiên cứu, đề tài sử dụng Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phương trình hồi quy đa biến cho thấy có 5 nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp của sinh viên bao gồm kinh nghiệm khởi nghiệp, xu hướng hành động, sẵn sàng kinh doanh, cố gắng của bản thân, chuẩn mực niềm tin. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đưa ra một số giải pháp khuyến khích các sinh viên khởi nghiệp kinh
------	---------	--	------------------	---------------------	------	--

4790	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình chăn nuôi vịt đẻ tại huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp	Triệu, Hoàng Nhân	Nguyễn, Thiết Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình chăn nuôi vịt đẻ tại huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019. Mục tiêu chính của đề tài là phân tích hiện trạng kỹ thuật của mô hình chăn nuôi vịt đẻ bằng cách Sử dụng phương pháp nghiên cứu bao gồm thống kê mô tả (giá trị trung bình, giá trị nhỏ nhất, giá Trị lớn nhất) để phân tích và đánh giá tình hình chăn nuôi (độ tuổi, số năm kinh nghiệm, quy mô chăn nuôi Sản lượng trứng ...) và tài chính (chi phí, lợi nhuận, doanh thu ...) của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu Từ đó sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến để tìm ra các nguyên nhân ảnh hưởng Đến sản lượng và lợi nhuận của hộ chăn nuôi. Các nông hộ được chọn điều tra được chọn theo phương Pháp chọn mẫu thuận tiện trên địa bàn huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp với tổng số mẫu là 25. Kết quả phân tích đã đánh giá được thực trạng của mô hình chăn nuôi vịt đẻ ại huyện Lai Vung tỉnh Đồng Tháp. Với số lượng nuôi trung bình là 1728 con/ hộ trong đó có 60% các hộ có quy mô chăn nuôi Từ 1000- 3000 con/ đợt nuôi với 100% con giống là vịt cò Trung Quốc, có 96% nông hộ hơn nuôi vịt từ giai đoạn hậu bị. Về kinh nghiệm chăn nuôi của các nông hộ trung bình khoảng 20,4 năm Phương háp nuôi vịt chạy đồng chiếm 44% và 36% hộ chăn nuôi theo phương pháp nuôi nhốt chuyên canh. Sản ượng trứng trung bình là 0,77 trứng /mái/ ngày với doanh thu từ trứng trung bình 592.503 đồng / con/ đợt nuôi và lợi nhuận trung bình 215.673 đồng/ con/ đợt nuôi, điều này cho thấy mô hình chăn nuôi của các nông hộ đều mang lại hiệu quả kinh tế với các chỉ số lợi nhuận lớn hơn 0 và chỉ số lợi nhuận trên doanh thu là 0.36 tương đương với tỉ suất lợi nhuận là 36%. Kết quả phân tích hồi quy tương quan các yếu tố ảnh hưởng tới lợi nhuận có 5 biến phụ thuộc vào Năng suất đạt được của hộ chăn nuôi là giá bán, chi phí lao động, chi phí thức ăn, chi phí tiêm phòng Chi phí vận chuyển. Trong đó chi phí thức ăn chiếm tỉ lệ chi phí cao nhất với 64,8 %. Từ các phân Tích trên đề tài đã đưa ra một số giải pháp giải quyết các vấn đề khó khăn mà hộ chăn nuôi đang mắ Phải về nguồn vốn đầu tư mở rộng mô hình và áp dụng các tiến bộ khoa học- kỹ thuật Vào chăn nuôi, các loại bệnh dịch. Một số giải pháp để giảm chi phí và tăng lợi nhuận.
------	---------	--	-------------------	------------------------------------	------	---

4791	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất dừa sáp (Makapuno Coconus) ở huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh.	Nguyễn, Thanh Bảo Hy	Trần, Thanh Dũng	2019	Đề tài “ Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất dừa Sáp ở huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh” được thực hiện nhằm:(1) Mô tả thực trạng trồng dừa sáp tại huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh.(2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng xuất đậu trái Sáp.(3) Đề xuất một số giải pháp nâng cao năng suất trồng dừa Sáp trong hoạt động sản xuất của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.Đề tài thực hiện 6 tháng, sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 45 hộ có sản xuất dừa Sáp tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Sử dụng các phương pháp thông kê mô tả, phân tích các số liệu thu thập được và phân tích hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của mô hình. Từ đó dựa vào những thông tin đã phân tích đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng suất đậu sáp, cải thiện thu nhập cho nông hộ. Kết quả phân tích 45 hộ tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, thời gian cho trái ổn định của dừa Sáp trung bình là 5 năm với mật độ trồng trung bình khoảng 230 cây/ha. Đa phần nông hộ thu hoạch 12 lần/năm, 100% nông hộ bán trái khô với năng suất trung bình đạt 13681,85 trái/ha/năm. Trong đó số trái bán sáp ước tính 5322,16 trái/ha/năm với tỷ lệ đậu sáp/buồng vào khoảng 28,84%. Lợi nhuận trung bình từ việc bán trái khô và trái sáp khoảng 484,47 triệu đồng/ha/năm. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất dừa Sáp là mật độ trồng và lượng phân bón bón cho dừa Đề tài đề xuất một số giải pháp như: trồng dừa theo đúng mật độ 200 cây/ha, bón phân cho dừa thường xuyên nhất là vào thời gian cây đậu trái nhưng lượng phân bón phải vừa phải tránh lạm dụng phân bón quá nhiều,... nhằm tăng năng suất đậu trái sáp.
------	---------	--	----------------------	------------------	------	--

4792	Đại học	So sánh năng suất và chất lượng 12 giống lúa cao sản ngắn ngày vụ Đông xuân 2017-2018 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Phạm, Vĩnh Nguyên	Nguyễn, Thành Trục	2019	Xuất phát từ mong muốn nâng cao năng suất và chất lượng lúa trên những vùng đất khó khăn. Việc đánh giá và chọn ra giống lúa, có tính thích nghi rộng trên vùng đất phèn, kháng sâu bệnh chính cho năng suất và phẩm chất tốt là điều rất cần thiết và là mục tiêu của đề tài “So sánh năng suất và chất lượng 12 giống lúa cao sản ngắn ngày vụ Đông Xuân 2017-2018 tại Hoà An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đã được thực hiện tại trại thực nghiệm bộ môn Kỹ Thuật Nông Nghiệp khoa Phát Triển Nông Thôn trường Đại Học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 12 giống lúa OM6976, LP8, D60-4, D70, D531-1, LP27, D45, D16-1, D56-1, D50-6, D268 cung cấp từ trại giống Long Phú và giống đối chứng là OM5451 tương ứng 12 nghiệm thức 3 lần lặp lại. Áp dụng phương pháp làm mạ sân và cấy mạ vào lúc 15 ngày tuổi, cây 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm: Chỉ tiêu về đặc tính nông học; tính chống chịu phèn và sâu bệnh; các thành phần năng suất và năng suất thực tế; phẩm chất hạt gạo. Kết quả thí nghiệm cho thấy bộ giống lúa có thời gian sinh trưởng từ 95-103 ngày. Đa số có hình dạng hạt gạo thon dài, ít bạc bụng, chống chịu phèn từ cấp 1 đến cấp 2, kháng rầy và ít bị bệnh hại tấn công. Trong số các giống đã tiến hành trồng thí nghiệm, đã chọn được 2 giống lúa là OM6976 và D50-6. Giống OM6976 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất thực tế 7,2 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên cấp 2 (51,3%), tỉ lệ bạc bụng 8,6%, hình dạng hạt gạo thon dài và chống chịu phèn cấp 1 (rất kháng). Giống D50-6 có thời gian sinh trưởng 99 ngày, năng suất 7,8 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên cấp 2 (52,3%), tỉ lệ bạc bụng 7,2%, hình dạng hạt gạo thon dài và chống chịu phèn cấp 1 (rất kháng). Tiếp tục trồng giống OM6976 và D50-6 ở khu vực đất phèn khác trong vùng để xem xét tính ổn định về năng suất và phẩm chất hạt của giống.
------	---------	--	-------------------	--------------------	------	--

4793	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm lên sinh trưởng và năng suất của bắp nù (<i>Zea mays L.</i>) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Nguyễn, Hữu An	Phạm, Văn Trọng Tính Nguyễn, Ngọc Đệ	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm lên sinh trưởng và năng suất của bắp nù (<i>Zea mays L.</i>) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đánh giá sự sinh trưởng và năng suất của bắp nù với các liều lượng phân đạm khác nhau. So sánh và tìm ra liều lượng phân đạm thích hợp cho bắp nù trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Trồng Trọt, Khoa Phát Triển Nông Thôn, Trường Đại Học Cần Thơ từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 7 nghiệm thức 3 lần lặp lại các nghiệm thức lần lượt là: Nghiệm thức 0: Không bón phân , nghiệm thức 1: Bón 0 kg N/ha, nghiệm thức 2: Bón 160 kg N/ha, nghiệm thức 3: Bón 180 kg N/ha, nghiệm thức 4: Bón 200 kg N/ha, nghiệm thức 5: Bón 220 k N/ha, nghiệm thức 6: Bón 240 kg N/ha. Kết quả thí nghiệm cho thấy chiều cao cây có sự khác biệt giữa các nghiệm thức tất cả các thời điểm ngoại trừ thời điểm 10 NSKT. Ở thời điểm 70 NSKT chiều cao cây cao nhất là 177,13 cm. Tương tự các chỉ tiêu chiều cao tán, chiều rộng lá, số lá/cây, đường kính gốc có sự khác biệt giữa các nghiệm thức tại các thời điểm khác nhau. Năng suất thực tế giữa các nghiệm thức có sự khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Năng suất thực tế ở nghiệm thức bón 200 kg N/ha (2,52 tấn/ha) thấp hơn có khác biệt so với nghiệm thức bón 220 kgN/ha (3,20 tấn/ha) và bón 240 kg N/ha (3,54 tấn/ha). Năng suất thương phẩm cao nhất là ở nghiệm thức bón 240 kg N/ha (3,54 tấn/ha). Các chỉ tiêu về tỷ lệ năng suất, trái, vỏ, cùi trái bắp đều bị ảnh hưởng bởi các liều lượng đạm khác nhau. Tỷ lệ trái tách vỏ tươi/trái tươi và tỷ lệ vỏ tươi/trái tươi ở các nghiệm thức dao động từ 54,75 – 65,25% và từ 34,75 – 45,24%. Tỷ lệ hạt tươi/trái tươi có khác biệt giữa các nghiệm thức, tỷ lệ hạt tươi/trái tươi này ở nghiệm thức bón 240 kgN/ha cao nhất (77,02%), có khác biệt so với nghiệm thức bón 200 kgN/ha (64,13%). Tỷ lệ năng suất thực tế giữa các nghiệm thức có bón N không có khác biệt ở mức 5%.
------	---------	---	----------------	---	------	--

4794	Đại học	Ứng dụng BioFloc trong nuôi lươn đồng (Monopterus albus) với các mật độ khác nhau	Đoàn, Thanh Bình	Trần, Nguyễn Hải Nam	2019	Đề tài “ Ứng dụng biofloc trong nuôi lươn đồng (Monopterus albus) với các mật độ khác nhau Được thực hiện tại trại thực nghiệm thủy sản Khoa Phát triển Nông thôn, Đại học Cần Thơ, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm mục đích đánh giá việc ứng dụng nuôi lươn (Monopterus albus) bằng công nghệ biofloc và tìm ra mật độ nuôi thích hợp.Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại Trong đó nghiệm thức 1 là nghiệm thức đối chứng với mật độ 100 con/m² (không bổ sung carbohydrate),Nghiệm thức 2 là nghiệm thức bổ sung nguồn carbohydrate là rỉ mật đường với mật độ 150 con/m², nghiệm thức 3 với mật độ 200 con/m² kết hợp bổ sung rỉ mật đường, nghiệm thức 4 là nghiệm Nghiệm thức bổ sung rỉ mật đường với mật độ 250 con/m². Các nghiệm thức được cho ăn với lượng thức Ăn bằng 3% trọng lượng thân.Sau 6 tuần nuôi, các yếu tố mô trường đều nằm trong khoảng thích hợp cho sự phát triển của lươn Các chỉ tiêu về tỷ lệ sống và tăng trưởng về khối lượng của lươn không chịu ảnh hưởng bởi mật độ Nuôi (dao động từ 100-250 con con/m) khi nuôi trong mô hình biofloc. Các chỉ tiêu về tăng trưởng Chiều dài, năng suất cao nhất ở NT3 (200 con/m², bổ sung rỉ mật đường) và NT4 (250 con/m², bổ sung rỉ mật đường. Và cũng là các nghiệm thức có hệ số chuyển hóa thức ăn thấp hơn so với 2 nghiệm thức còn lại Kết quả thí nghiệm cho thấy có thể nuôi lươn ở mật độ 200-250 con/m kết hợp rỉ mật đường trong hệ thống biofloc.
4795	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến suy giảm diện tích trồng mía của nông hộ ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh	Trần, Ngọc Mỹ	Trần, Thanh Dũng	2019	Ngành mía đường ở Việt Nam mang nhiều tiềm năng phát triển, tuy nhiên thời gian gần đây ngành Mía đường Việt Nam gặp không ít khó khăn trở ngại. Mà nguyên nhân là do sự biến động diện tích Trồng mía của người dân. Trong đó Trà Vinh là một tỉnh có diện tích trồng mía nhiều ở đồng bằng Sông Cửu Long. Từ đó, mà đề tài nghiên cứu “ Các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến động diện tích trồng mía ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh” được thực hiện nhằm : Tìm hiểu thực trạng sản xuất mía trên địa bàn huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Phân tích hiệu quả tài chính của việc canh tác mía tại huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh .Phân tích các yếu tố làm biến động diện tích trồng mía ở huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh.Đề xuất giải pháp nhằm khắc phục các yếu tố bất lợi làm biến động diện tích trồng mía tại huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Đề tài được thực hiện tại huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Với số mẫu là 92. Sử dụng phương pháp phân Tích thống kê mô tả, phân tích SWOT, phân tích hồi quy đa biến cụ thể là phương pháp Stepwise Nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến động diện tích trồng mía, từ đó đưa ra giải pháp.Qua nghiên cứu cho thấy:Chi phí trung bình là 94,65 triệu đồng /ha/năm. Năng suất trung bình là 79,52 tấn/ha/ năm. Giá bán trung bình là 1,06 triệu / ha. Và doanh thu trung bình là 109,52 triệu đồng/ ha/ năm. Lợi Nhuận trung bình (14,87 triệu đồng / ha/ năm) Kế tiếp là tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự suy giảm diện tích trồng mía tại đây là tỷ lệ nhiễm mặn, giá bán mía, sử dụng giống cũ, sâu bệnh nhiều. Từ đó, đưa ra giải pháp nhằm khắc phục các yếu tố bất lợi làm biến động diện tích trồng mía, giúp Người nông dân ổn định vùng mía nguyên liệu.

4796	Đại học	Phân tích vai trò của hội đồng quản trị trong sản xuất và tiêu thụ của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	Trương, Thị Tươi	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Đề tài: “Phân tích vai trò của Hội đồng quản trị trong sản xuất và tiêu thụ của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long”, được thực hiện từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực quản lý của Hội đồng quản trị các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long thông qua việc phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp, phân tích thực trạng năng lực quản lý của Hội đồng quản trị và phân tích yếu tố năng lực quản lý của Hội đồng quản trị ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp để thấy rõ vai trò năng lực quản lý của Hội đồng quản trị hợp tác xã nông nghiệp. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, thu thập số liệu sơ cấp bằng cách phỏng vấn trực tiếp 244 thành viên và 162 thành viên của Hội đồng quản trị (bao gồm giám đốc, phó giám đốc, kế toán, kiểm soát, tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng kinh doanh) của 30 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích và mô tả những đặc điểm của các đối tượng được phỏng vấn. Tiếp theo đó, đề tài dùng phương pháp tổng trung bình thang đo Likert 5 mức độ đáp ứng của thành viên và Hội đồng quản trị các hợp tác xã nông nghiệp để đánh giá năng lực quản lý của Hội đồng quản trị các hợp tác xã nông nghiệp. Sau đó, sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích các nhân tố năng lực quản lý của Hội đồng quản trị có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lợi nhuận của các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long tỷ lệ thuận với học vấn của giám đốc hợp tác xã và số lượng thành viên của hợp tác xã. Các giải pháp được đề xuất để nâng cao năng lực quản lý của Hội đồng quản trị các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long trong đề tài: Trong ngắn hạn, mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo nhu cầu khảo sát thực tế cho các thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng bộ giáo trình đào tạo chuẩn, bộ tiêu chí đánh giá kết quả sau đào tạo và khả năng áp dụng vào thực tế gắn liền với yêu cầu nâng cao năng lực quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; mở rộng thêm đối tượng được đào tạo để việc trao đổi, chia sẻ kiến thức của Hội đồng quản trị với các thành viên hợp tác xã được dễ dàng hơn. Trong dài hạn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các hợp tác xã nông nghiệp thông qua việc khảo sát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các hợp tác xã để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp; hoàn thiện đội ngũ cán bộ Nhà nước quản lý và hợp tác xã nông
------	---------	--	------------------	--------------------	------	--

4797	Đại học	Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ mít thái trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Phạm, Hữu Hậu	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài “Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ mít thái trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang”. Tìm hiểu thực trạng trong thời gian qua ngành nông nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn trong khâu sản xuất lẫn tiêu thụ, vấn đề đặc ra phải tìm loại cây trồng phù hợp mang lại nguồn thu ổn định cho người dân. Mít Thái là loại cây dễ trồng, giá bán cao, chi phí đầu tư thấp rất phù hợp với những yêu cầu đặc ra. Hậu Giang là vùng đất có đất đai màu mỡ, kinh nghiệm trồng mít lâu năm, và các hộ đã có mô hình trồng các loại cây có múi, nên dễ dàng triển khai các mô hình mới mang lại giá trị kinh tế cao cho nông hộ ở đây. Đề tài “Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ mít thái trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện trên 2 xã Đông Phước và Đông Phước A huyện Châu Thành, tôi gian thực hiện từ tháng từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 5 2019. Sử dụng số liệu phỏng vấn 45 nông hộ trồng mít Thái trên địa bàn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện thuận lợi cho việc thu thập số liệu Đề tài tập chung nghiên cứu (1): thực trạng sản xuất và tiêu thụ mít Thái trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, bằng phương pháp thống kê mô tả để tìm hiểu rõ thực trạng sản xuất và tiêu thụ mít thái trên địa bàn tìm ra những thuận lợi và khó khăn mà nông hộ gặp phải. (2): Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc sản xuất và tiêu thụ mít Thái trên địa bàn, bằng phương pháp hồi quy tuyến tính tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và giá bán của nông hộ. Từ đó (3): Xây dựng giải pháp mang tính khoa học giúp nâng cao hiệu quả trồng mít Thái trên địa bàn Kết quả nghiên cứu ta thấy được rằng năng suất phụ thuộc vào nhiều yếu tố ảnh hưởng và tác động như diện tích trồng, mật độ trồng, ngày lao động, lượng thuốc, tuổi của cây trồng,... cũng ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất. Khi tăng diện tích lên 1000m² thì năng suất tăng lên 0,226 kg/1.000m², trung bình mật độ của nông hộ 177 cây/công nếu tăng lên 1 cây trên công thì năng suất sẽ tăng lên 0.712 kg/công, qua kết quả mô hình hồi quy ta còn thấy được ngày lao động thuê cũng ảnh hưởng đến năng suất khi ngày lao động thuê tăng lên 1 ngày thì năng suất tăng lên 0,252 kg/công. Tuổi cây ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất khi tuổi cây tăng lên 1 năm thì năng suất sẽ bị giảm 0,446 kg/công và các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán của mít thái như chi phí thuốc và kinh nghiệm trồng mít chịu tác động 40,4% còn 59,6% sẽ ảnh hưởng bởi những yếu tố khác. Qua đó thấy được điểm mạnh, yếu đưa ra giải pháp để phát triển
------	---------	---	---------------	-------------	------	---

4798	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và kỹ thuật mô hình nuôi gà thịt trên nền đệm lót sinh học của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang	Phạm, Cảnh	Nguyễn, Thiết	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính và kỹ thuật mô hình nuôi gà thịt trên nền đệm lót sinh học của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 05 năm 2019. Mục tiêu chính của đề tài này là đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả kỹ thuật cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả kỹ thuật của 30 nông hộ nuôi gà thịt. Một số phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm thống kê mô tả (cỡ mẫu: lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình và độ lệch chuẩn), phân tổ thống kê, phương pháp phân tích lợi ích – chi phí (CBA), phương pháp phân tích màng bao dữ liệu (Data Envelopment Analysis – DEA) và phân tích hàm hồi quy Tobit và hàm tuyến tính đa biến. Kết quả đề tài cho thấy, hiện nay hầu hết các hộ nuôi đều đạt mức hiệu quả trung bình cao về mặt kỹ thuật ($TE = 0,902$). Khối lượng thịt xuất chuồng tính trên 1 con trung bình vào khoảng 1,5 kg, hộ thấp nhất là 1,0 kg/con và cao nhất là 2,0 kg/con. Tổng chi phí nuôi trên 1 kg thịt xuất chuồng/vụ nằm trong khoảng từ 35.641 đồng đến 60.212 đồng và trung bình là 46.347 đồng, lợi nhuận trung bình của nông hộ là 28.430 đồng/kg, thấp nhất là 19.184 đồng/kg và cao nhất là 37.040 đồng/kg với doanh thu giao động ở mức 65.000 đến 95.000 đồng/kg, trung bình là 74.778 đồng/kg. Nhìn chung mô hình gà thịt trên đệm lót tại địa bàn nghiên cứu tương đối ổn định và có hiệu quả về tài chính. Đối với nông hộ nuôi, hiệu quả kỹ thuật tương quan thuận với kinh nghiệm, giới tính và nghề nghiệp chính. Bên cạnh đó, qua phân tích cho thấy các yếu tố như tuổi, học vấn, kinh nghiệm và tập huấn đều ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình nuôi. Một số yếu tố gồm diện tích, số lao động tham gia nuôi khi đưa vào mô hình có ảnh hưởng nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ, vẫn chưa có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Đề tài đưa ra một số giải pháp giải quyết các vấn đề khó khăn từ thực trạng như dịch bệnh, áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật, giá bán cho nông hộ nuôi gà thịt trên đệm lót, một số giải pháp về kinh nghiệm, nâng trình độ học vấn, tăng cường tập huấn để nâng cao hiệu quả kỹ thuật và lợi nhuận cho nông hộ.
------	---------	--	------------	---------------	------	---

4799	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất lúa của nông hộ theo mô hình cánh đồng mẫu lớn ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Hoàng Giang	Lê, Văn Dề	2019	Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp DEA (Data Envelopment Annalysis) để phân tích mức độ tối ưu về mặt kỹ thuật, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy Tobit để ước lượng mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến hiệu quả sản xuất của hộ sản xuất lúa. Dựa trên số liệu sơ cấp được thu thập từ 180 hộ trồng lúa tại 3 tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Cần Thơ. Kết quả phân tích cho thấy, phần lớn nông hộ đạt được thu nhập khá cao trong hoạt động trồng lúa. Trong đó, vụ Đông Xuân có chi phí thấp nhất và mang lại lợi nhuận cao nhất, kế đến là vụ Hè Thu có chi phí cao hơn và lợi nhuận thấp hơn. Nông hộ CĐML có chi phí sản xuất thấp, được hỗ trợ về mặt kỹ thuật, các yếu tố đầu vào (phân bón, thuốc BVTV, giống) và được đảm bảo bao tiêu sản phẩm. Các chỉ số như: doanh thu/chí phí, lợi nhuận/chí phí, lợi nhuận/doanh thu, qua hai vụ Đông Xuân và Hè Thu ở mức cao. Trong đó, vụ Đông Xuân là vụ có hiệu quả cao hơn. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề xuất nông hộ nên sử dụng các yếu tố đầu vào phù hợp để đạt hiệu quả. Nông hộ nên tích cực tham gia các tổ chức hội đoàn thể tại địa phương, đặc biệt là hội nông dân, tổ hợp tác. Bên cạnh nông hộ cũng chủ động tích cực học tập và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả.
4800	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong tiến trình xây dựng nông thôn mới tại xã Hòa An giai đoạn 2015-2018 Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong tiến trình xây dựng nông thôn mới tại xã Hòa An giai đoạn 2015-2018	Trần, Minh Khương Trần, Minh Khương	Phạm, Ngọc Nhân Phạm, Ngọc Nhân	2019	Đề tài thực hiện trong thời gian 5 tháng, điều tra 105 hộ đang sinh sống trên địa bàn xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu đo lường, đánh giá, phân tích các thành phần tác động vào mức độ hài lòng của người dân trong tiến trình xây dựng NTM thông qua hệ số tin cậy Cronbach Alpha, phân tích nhân tố EFA, phân tích mô hình hồi qui. Bên cạnh đó, các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng cũng được xác định thông qua phân tích thống kê mô tả mức độ hài lòng của người dân đối với 19 tiêu chí xây dựng NTM. Kiểm định mô hình lý thuyết cho thấy 4 thành phần đề xuất có 2 thành phần là thành phần Cơ sở vật chất và thành phần Công tác vận động, tuyên truyền tác động đến mức độ mức độ hài lòng của người dân trong tiến trình xây dựng NTM. Trong đó, thành phần tác động mạnh nhất đến mức độ hài lòng của người dân trong tiến trình xây dựng NTM là Công tác vận động, tuyên truyền (78,0%), thứ 2 là thành phần Cơ sở vật chất (34,2%).

4801	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ chăn nuôi bò thịt tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Bạch Tuyền	Trần, Thanh Dũng	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ chăn nuôi bò thịt tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre” được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá thực trạng chăn nuôi bò thịt. (2) Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận. (3) Đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả chăn nuôi của nông hộ nuôi bò thịt, lao động tham gia vào chăn nuôi phần lớn là nam, độ tuổi trung bình từ 30 đến 60 tuổi phù hợp với khâu chăm sóc bò thịt đòi hỏi phải có nhiều sức khỏe, số năm kinh nghiệm chăn nuôi của các nông hộ ở đây khá cao trung bình 7,73 năm, nông hộ tham gia tập huấn chiếm tỷ lệ thấp, nông hộ nơi đây chủ yếu là mua giống bò thịt tại các trung tâm giống và thương lái, giống bò được nông hộ chọn nuôi đa phần là giống bò Lai Sind, đây là giống bò dễ nuôi, phổ biến, chống chịu dịch bệnh tốt, hiệu quả thịt xẻ cao, chất lượng thịt, khả năng sinh trưởng tốt và chống chịu dịch bệnh cao. Tuy nhiên, kiến thức chăn nuôi của họ vẫn chưa cao do ít tiếp cận với các hoạt động chăn nuôi trong vùng cũng như tham gia vào các lớp tập huấn. Trong hoạt động chăn nuôi bò thịt của nông hộ bỏ ra khoảng 19,808 triệu đồng/con/lứa chi phí thì trung bình doanh thu đạt được là 40, 167 triệu đồng/con/lứa và lợi nhuận là 20, 359 triệu đồng/con/lứa. Qua kết quả trên, giải pháp được đề ra: Nông hộ nên liên kết hợp tác với nhau, hai bên đều có lợi, liên kết nhiều nông hộ thành lập hợp tác xã để trao đổi kỹ thuật, kinh nghiệm, ổn định đầu ra cho bò, không bị thương lái ép giá, nhà nước mở cơ sở giết mổ tập trung, đạt chuẩn, thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, nên mở thêm các lớp tập huấn, khuyến khích nông dân tham gia, kỹ sư và nông dân hợp tác trao đổi, học hỏi kinh nghiệm kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò thịt cho nông hộ tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
------	---------	---	------------------------	------------------	------	---

4802	Đại học	Đánh giá thực trạng nguồn lực và nhu cầu học nghề của lao động nông thôn tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.	Hồ, Hoàng Phong Nhả	Phạm, Ngọc Nhân	2019	Đề tài “ Đánh giá thực trạng nguồn lực và nhu cầu học nghề của lao động nông thôn tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng nguồn lực lao động nông hộ ở vùng nông thôn , phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và giải pháp đào tạo nghề trên địa bàn huyện nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay. Trong nghiên cứu này tập trung giải quyết vấn đề trọng tâm đó là thực trạng nguồn lao động và khảo sát nhu cầu , các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn qua cách tiếp cận điều tra xã hội học. Các biến số độ tuổi (X1), giới tính (X2) , trình độ học vấn (X3) , thông tin giới thiệu đào tạo nghề (X4) , nguồn lực lao động trong nông hộ (X5) được xác định có ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề thông qua mô hình phân tích hồi quy Binary logistic. Ngoài ra, tại địa bàn nghiên cứu có độ tuổi lao động cao, số lượng lao động trên 45 tuổi Chiếm tỷ lệ cao với 66,67. Đa phần lao động nông thôn có trình độ cấp 1 và chưa qua đào tạo nghề Và họ có xu hướng chọn học nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp như sửa chữa máy móc, điện tử, sửa máy tính. . Chiếm tỷ lệ cao nhất. Bên cạnh đó, theo nghiên cứu thì trong công tác đào tạo nghề hiện nay đang còn gặp nhiều khó khăn , bất cập : thời gian lao động ngắn, nội dung đào tạo chưa phù hợp, còn rập khuôn, người học chưa có tay nghề và kỹ năng tốt để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng dẫn đến nhiều nhận định đào tạo nghề chưa tốt, người lao động nông thôn còn ngần ngại khi quyết định học nghề . Nghiên cứu cũng gợi mở một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề và việc làm cho lao động nông thôn tại địa bàn nghiên cứu.
4803	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất cam sành của nông hộ tại Thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Võ, Thị Kim Loan	Lê, Văn Dẽ	2019	Mục tiêu nghiên cứu hiệu quả kỹ thuật trong hoạt động sản xuất cam sành của nông hộ tại thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang, nhằm có cơ sở tìm ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần nâng cao thu nhập từ hoạt động cam sành cho các nông hộ. Nghiên cứu dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 60 hộ sản xuất cam sành tại sử dụng phương pháp ước lượng phi tham số, cụ thể với phương pháp phân tích mang bao dữ liệu (Data Envelopment Analysis - DEA). Bên cạnh, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến với mô hình Tobit để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật và thực hiện trên chương trình Stata Kết quả cho thấy hiệu quả kỹ thuật là $TE = 0,73$. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất cam sành của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu là: diện tích sản xuất, kinh nghiệm sản xuất, độ tuổi của cây và các yếu tố không ảnh hưởng là vay vốn , ngày công lao động gia đình. Đề tài đã đề ra giải pháp là nông hộ cần tăng diện tích sản xuất, loại bỏ cây cam sành quá lâu năm không còn mang lại năng suất cao, sử dụng hợp lý các lượng đầu vào, các nông hộ cần tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã học hỏi thêm kinh nghiệm sản xuất để nâng cao kiến thức và tìm hiểu thông tin về thị trường tiêu thụ nắm bắt được giá và nhu cầu để tránh bị thương lái ép giá nhằm nâng cao hiệu quả.

4804	Đại học	Nghiên cứu hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ tại xã Vĩ Đông, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.	Võ, Chí Thức	Đỗ, Văn Hoàng	2019	Đề tài “Nghiên cứu hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ tại xã Vĩ Đông, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện để nghiên cứu tình hình sản xuất lúa của nông hộ ở địa phương, hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa của người dân, cũng như vai trò quan trọng của người môi giới ở địa phương đối với nông dân. Các chỉ tiêu về chi phí, lợi nhuận, doanh thu, những lợi ích từ người môi giới, hoạt động hỗ trợ cũng như vai trò của người môi giới, từ đó xem lợi ích khi có người môi giới như thế nào để khuyến khích nông hộ sản xuất và tiêu thụ lúa thông qua “CÒ” Phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 48 mẫu phỏng vấn của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu ở tỉnh Hậu Giang, cụ thể ở 2 ấp là ấp 7 và ấp 8 của xã Vĩ Đông, huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang; được sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tìm ra lợi nhuận và từ đó so sánh người làm “CÒ” lúa và người không làm “CÒ” lúa. Kết quả phân tích cho thấy, lợi nhuận trung bình của nông hộ chuyên sản xuất lúa là 4.123.935 nghìn đồng/1000m²/năm và lợi nhuận trung bình của nông hộ sản xuất lúa kết hợp với làm người môi giới là 12.236.980 nghìn đồng/1000m²/năm (có cả chi phí lao động gia đình). Kết quả phân tích đến hiệu quả hiệu sản xuất của nông hộ và thu nhập của người môi giới gồm: là chi phí phân, chi phí lao động thuê, năng suất, giá bán, Qua đề tài được nghiên cứu, từ những hiện trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ cũng như thu nhập của người môi giới, thì đã tìm ra các khoảng chi phí và lợi nhuận, chi phí hoạt động tiêu thụ, những khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm của nông hộ. Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích 48 mẫu trên địa bàn nghiên cứu gồm 43 nông hộ là nông dân chuyên sản xuất lúa và 5 nông hộ vừa sản xuất lúa và là người môi giới cho thấy, năng suất và lợi nhuận của 5 hộ vừa sản xuất và làm người môi giới cao hơn so với 43 hộ chỉ chuyên sản xuất lúa.
------	---------	--	--------------	---------------	------	---

4805	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của HTX sản xuất và tiêu thụ rau an toàn Phước Hậu, Long Hồ, Vĩnh Long	Huỳnh, Thương Mãi	Nguyễn, Thùy Trang	2019	Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang ngày một hòa nhập vào nền kinh tế chung của khu vực và thế giới. Đi đôi với những cơ hội có được là rất nhiều khó khăn và thách thức cho các doanh nghiệp, HTX trong nước. Qua tìm hiểu HTX rau an toàn Phước Hậu là HTX có thành tích nổi bật trong thời gian qua, là HTX sản xuất các sản phẩm nông sản sạch cung ứng cho thị trường với hướng đi tương lai đầy hứa hẹn. Do đó từ phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có thể đánh giá năng lực hoạt động của HTX có thực sự tốt chưa. Phân tích thông qua các yếu tố: doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Với việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn giúp xác định từng nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí cũng như lợi nhuận, từ đó có thể nắm rõ và điều chỉnh nhằm giúp HTX có thể gia tăng doanh thu và lợi nhuận cũng như giảm chi phí sản xuất. Bên cạnh đó với phương pháp Swot giúp HTX nhận biết được những điểm mạnh và điểm yếu, cũng như những thách thức và khó khăn mà HTX phải đối mặt, từ đó đề ra các giải pháp để khắc phục như, làm mới tư duy về thị trường hiểu rõ được người dùng cần gì, mở rộng quy mô sản xuất theo hướng hiện đại, loại bỏ tập quán sản xuất lạc hậu thiếu hiệu quả, tích cực đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ và đẩy mạnh liên kết với các đơn vị có liên quan nhằm phát triển sản xuất kinh doanh. HTX có kết quả kinh doanh khá tốt, hoạt động hiệu quả nhưng vẫn còn những điểm yếu, những khoản làm chưa tốt. Từ những kết quả phân tích đó kết hợp với tình hình thực tế HTX đã tìm ra những thuận lợi cũng như khó khăn và đã đề ra một số giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn đó. Do còn rất nhiều hạn chế về thời gian, kiến thức, thông tin... mà đề tài này có thể chưa phân tích hết các yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của HTX cũng như tìm được nguyên nhân cốt lõi của thực tế vấn đề và các giải pháp có thể chưa khả thi, còn mang tính lý thuyết vì kinh nghiệm thực tế chưa có nên rất mong sự thông cảm của quý thầy cô, quý bạn đọc.
4806	Đại học	Đánh giá chỉ tiêu nông học và chất lượng của giống lúa Nhật Đen	Bùi, Trí Hải	Võ, Công Thành	2019	Đề hiều rõ về đặc tính nông học và chất lượng, từ đó chọn ra được giống lúa chất lượng tốt mềm cơm và có mùi thơm của giống lúa Nhật đen. Giống Nhật Đen được trồng và chọn lọc trong mùa thu- đông năm 2018. Các giống lúa được cấy với khoảng cách 20x20 cm tương đương với mật độ 25 cây/m² trong nhà lưới. Theo dõi các chỉ tiêu nông học: chiều cao cây, số chồi,.. vào thứ hai mỗi tuần. Sau khi thu hoạch tiếp tục khảo sát các thành phần năng suất và chất lượng. Kết quả chọn ra được 8 dòng lúa: NĐ-D3-10 (Nhật đen 3-1-1-10), NĐ-D4-9 (Nhật đen 4-1-2-9), NĐ-D5-6 (Nhật đen 4-3-2-6), NĐ-D6-8 (Nhật đen 5-2-3-8), NĐ-D7-1 (Nhật đen 5-3-2-1), NĐ-D7-2 (Nhật đen 5-3-2-2), NĐ-D7-4 (Nhật đen 5-3-2-4), NĐ-D7-7 (Nhật đen 5-3-2-7), có thời gian sinh trưởng 103 ngày, năng suất lý thuyết từ 497,43±71,75-1159,33±477,82 g/m². chiều cao cây 124±6.7-129,4±3 cm. nhiệt trời hồ cấp 6-7, độ bền gel cấp 1 (80-100 mm), hàm lượng amylose từ 6,72- 17,37% hàm lượng protein từ 5.5-11.6%

4807	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng mít thái tại huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Đặng, Thị Như Ý	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng mít thái tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện trên 2 xã Đông Phước và Đông Phước A huyện Châu Thành, thời gian thực hiện từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 5 2019. Sử dụng số liệu phỏng vấn 45 nông hộ trồng mít Thái trên địa bàn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện thuận lợi cho việc thu thập số liệu Đề tài tập chung nghiên cứu (1): Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả thông qua các chỉ số như: trung bình số học giản đơn, tỷ lệ phần trăm, số lớn nhất, nhỏ nhất, v.v... để phân tích và đánh giá thực trạng sản xuất mít Thái của các nông hộ ở huyện Châu Thành.. (2 Sử dụng các chỉ tiêu kinh tế như: chi phí (chi phí giống, phân bón, thuốc hóa học, chi phí chăm sóc, chi phí nhiên liệu, v.v...), thu nhập, lợi nhuận và các chỉ số tài chính như: “lợi nhuận/tổng chi phí”, “doanh thu/tổng chi phí”, “lợi nhuận không tính lao động gia đình / ngày công lao động gia đình” để phân tích hiệu quả tài chính của mô hình trồng mít Thái tại huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, tài sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất của người dân trồng mít Thái ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Từ đó (3): Từ kết quả phân tích mục tiêu 1, 2 đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng mít thái Kết quả nghiên cứu ta thấy được rằng năng suất phụ thuộc vào nhiều yếu tố ảnh hưởng và tác động như diện tích trồng, mật độ trồng, công lao động, lượng thuốc, kinh nghiệm sản xuất,... cũng ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất. Khi tăng diện tích lên 1000m² thì năng suất tăng lên 0,225 kg/1.000m², trung bình mật độ của nông hộ 177 cây/công nếu tăng lên 1 cây trên công thì năng suất sẽ tăng lên 0.676 kg/công, qua kết quả mô hình hồi quy ta còn thấy được ngày lao động thuê cũng ảnh hưởng đến năng suất khi ngày lao động thuê tăng lên 1 ngày thì năng suất tăng lên 2,96%. Kinh nghiệm sản xuất ảnh hưởng rất nhiều đến năng suất khi kinh nghiệm sản xuất tăng lên 1 năm thì năng suất sẽ bị giảm 0,552 kg/công và lượng nông được cũng ảnh hưởng đến năng suất. Qua đó thấy được điểm mạnh, yếu đưa ra giải pháp để phát triển
------	---------	---	-----------------	---------------------	------	---

4808	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất bò sữa Evergrwth tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Mai, Quốc Huy	Trần, Thanh Dũng	2019	Đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sữa bò của nông hộ trong hợp tác xã bò sữa Evergrowth tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá hiện trạng chăn nuôi bò sữa của nông hộ trong hợp tác xã Evergrowth tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (2) Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sữa bò của nông hộ trong hợp tác xã Evergrowth tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng suất sữa bò mang lại lợi luận cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu Đề tài này áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp 30 nông hộ có áp dụng mô hình chăn nuôi bò sữa để tìm hiểu hiện trạng chăn nuôi và hiệu quả kinh tế từ mô hình chăn nuôi bò sữa của các nông hộ trong địa bàn huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Đề tài sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả và mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sữa bò Nông dân có đủ kinh nghiệm, vốn đầu tư để chăn nuôi bò sữa tốt, không có sự khác biệt nhiều về cách cho ăn, nguồn nước uống hay cách tiêm phòng các loại dịch bệnh lở mồm long móng và tụ huyết trùng trên bò sữa của tổng 30 nông hộ trên địa bàn nghiên cứu Năng suất sữa trung bình là 3870 kg/chu kỳ, thời gian cho sữa của bò trung bình là 9,03 tháng, lợi nhuận từ mô hình chăn nuôi bò sữa của nông hộ tại đây là 3944 đồng/kg sữa bò. Các yếu tố có ảnh hưởng đến năng suất sữa bò là giống bò, quy mô đàn bò và phương pháp vắt sữa. Đề tài cũng đề xuất một số giải pháp như: tăng cường công tác quản lý, đầu tư máy vắt sữa, tăng quy mô và cải thiện nguồn giống.
------	---------	---	---------------	------------------	------	---

4809	Đại học	Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh của thành viên hợp tác xã sản xuất lúa tỉnh Vĩnh Long	Lương, Bằng Thi		2019	Đề tài “Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh của thành viên hợp tác xã sản xuất lúa tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh của thành viên hợp tác xã sản xuất lúa tỉnh Vĩnh Long. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 60 thành viên của các hợp tác xã sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Một số phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là thống kê mô tả, kiểm định T-Test và phân tích bằng mô hình Binary Logistic. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 100% thành viên trong tổng số điều tra cho rằng nguyên nhân ứng dụng công nghệ thông tin là do muốn tìm kiếm thông tin sản xuất đầu vào và đầu ra, trong tổng số thành viên điều tra có 1/3 thành viên cho rằng ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất còn có thể giúp họ giảm chi phí và tăng doanh thu. Nơi tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là Hợp tác xã (gọi tắt là HTX) chiếm 66,6%, trong đó có 16,7% thành viên bán cho công ty và còn lại 16,7% là bán cho thương lái, qua đó cho thấy thị trường tiêu thụ chủ yếu của các thành viên là HTX, vì thế giá bán của thành viên thường rất ổn định. Trình độ học vấn của thành viên là một hạn chế rất lớn cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ học vấn cấp 3 chiếm 86.7% số thành viên điều tra, và có 10% thành viên có trình độ học vấn cấp 2, đối với các thành viên có trình độ học vấn thấp sẽ làm họ khó tiếp thu khoa học công nghệ mới. Tuổi cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc ứng dụng công nghệ thông tin (gọi tắt là CNTT) của thành viên, trong đó có 10% thành viên trên 55 tuổi, do vấn đề thành viên lớn tuổi có sức khỏe kém, thị lực suy giảm gây cản trở việc ứng dụng CNTT. Kết quả so sánh chi phí và lợi nhuận có Sig. > 0.05, qua kết quả phân tích về sự khác biệt giữa chi phí và lợi nhuận giữa thành viên có ứng dụng và không ứng dụng cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa, vì mức độ ứng dụng CNTT còn thấp nên chưa tạo ra sự khác biệt rõ rệt. Ứng dụng CNTT vào sản xuất của thành viên còn phụ thuộc vào yếu tố độ tuổi và trình độ học vấn của thành viên, bên cạnh những thuận lợi của CNTT mang lại thì còn có nhiều khó khăn trong việc ứng dụng CNTT như tốn kém chi phí, không có chuyên môn và không đủ sức khỏe. Từ đó đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao việc ứng dụng CNTT tại các HTX sản xuất lúa trên địa bàn.
------	---------	---	-----------------	--	------	--

4810	Đại học	Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến các yếu tố cấu thành năng suất của giống bắp nù (<i>Zea mays</i> L.) bằng phương pháp tưới gốc ở vụ xuân hè.	Bùi, Thị Tiểu Yến	Phạm, Ngọc Nhân	2018	Đề tài nghiên cứu “Ảnh hưởng của chu kỳ tưới đến các yếu tố cấu thành năng suất của giống bắp nù (<i>zea mays</i> L.) bằng phương pháp tưới gốc ở vụ xuân hè tại huyện Châu Thành A” được tiến hành từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 11 năm nhằm tìm được chu kì tưới thích hợp mà vẫn đảm bảo năng suất giúp tiết kiệm chi phí sản xuất. Nghiên cứu được thực hiện ở nông hộ tại huyện Châu Thành A tỉnh Hậu Giang. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 lần lặp lại và 4 nghiệm thức. Nhân tố sử dụng là phương pháp tưới gốc cho cây bắp. Nghiệm thức đối chứng được tưới theo tập quán sản xuất của nông hộ địa phương. Kết quả cho thấy có sự khác biệt giữa các nghiệm thức về các yếu tố cấu thành năng suất như số bắp/cây, chiều dài bắp, đường kính bắp, số hạt/hàng, trọng lượng 1000 hạt ở mức ý nghĩa $\alpha=0,05$ qua các chu kì tưới khác nhau. Kết quả thí nghiệm cho thấy chu kỳ tưới 3 ngày/lần ở nghiệm thức 2 có số trái bắp trên cây cao nhất 2,47 trái. Nghiệm thức 2 cũng có dài trái bắp dài nhất là 17,17 cm , có đường kính trái bắp là 4,95 cm nhỏ hơn đường kính trái bắp của nghiệm thức đối chứng là 4,96 cm. Nghiệm thức 2 còn có số hàng hạt trên bắp cao nhất là 13,18 hàng hạt trên bắp, có số hạt bắp trên hàng cao nhất là 22,10 hạt bắp trên hàng. Ngoài ra nghiệm thức 2 còn có khối lượng 1000 hạt lớn nhất là 395,01 g. Năng suất thực tế đạt từ khoảng 29,53 – 35,22 tạ/ha, năng suất của các nghiệm thức tham gia thí nghiệm không có sự khác biệt có ý nghĩa qua phân tích thống kê.
------	---------	--	-------------------	-----------------	------	--

4811	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng Kali lên sinh trưởng, năng suất của giống bắp nù (Zea mays .L) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Từ, Thị Kim Cương	Nguyễn, Ngọc Đệ	2018	Đề tài “ Ảnh hưởng của liều lượng Kali lên sinh trưởng và năng suất giống bắp nù (Zea may. L) tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại khu thực nghiệm Bộ môn kỹ thuật nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ khu Hòa An từ 07/2018 đến 10/2018 nhằm xác định Liều lượng Kali thích hợp nhất giúp cho bắp có khả năng sinh trưởng, cho năng suất cao và phẩm chất trái tốt cũng như tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 7 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 100 cây. Nghiệm thức 1, 2 có nồng độ Kali giảm lần lượt 20%, 10% so với nghiệm thức đối chứng nghiệm thức , nghiệm thức 4 và 5 tăng liều lượng kali lần lượt 10%, 20%, nghiệm thức 6 không bón kali , bón ure và lân và nghiệm thức 7 không bón phân. Kết quả cho thấy các chỉ tiêu về sinh trưởng như chiều cao cây, chiều cao tán, chiều dài lá, rộng lá, rộng lá, tổng số lá và các chỉ tiêu về trái đều khác biệt có ý nghĩa thống kê 5% ở thời điểm 30, 40, 50, 60, 70 ngày nhưng khác biệt không có ý tại thời điểm 10, 20 ngày sau khi trồng. Chỉ tiêu về đường kính gốc, chiều cao đóng bắp, ngày kéo dài phun râu và ngàyf kéo dài trổ cờ ở các nghiệm thức bón phân khác biệt so với các nghiệm thức không bổ sung kali, tại các nghiệm thức tăng giảm liều lượng kali thì không có khác biệt. Các chỉ tiêu về năng suất và thành phần năng suất khác biệt có ý nghĩa ở mức thống kê 5 % năng suất thực tế cao nhất ở nghiệm thức 5 (8,38 tấn/ha) và nghiệm thức 7 có năng suất thấp nhất là (1,71 tấn/ ha). Như vậy liều lượng kali có ảnh hưởng đến bắp. Khi tăng liều lượng kali lên 20% so với công thức đối chứng thì ảnh hưởng đến cây bắp mạnh nhất. Do đó thí nghiệm nên được thực hiện ở những lần sau để có kết luận chính xác hơn.
------	---------	---	-------------------	-----------------	------	---

4812	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất cây họ trồng trên đất phèn tại Hòa An.	Nguyễn, Thanh Phong	Trần, Duy Phát	2018	Hiện nay người trồng họ lại sử dụng nhiều hóa chất nông được để canh tác nên ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe người tiêu dùng. Do đó đề tài “ ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất cây họ trồng trên đất phèn tại Hòa An” được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh đến sinh trưởng và năng suất của cây trồng trên đất phèn. Thí nghiệm được thực hiện làm 2 đợt và được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại: NT1 không bón phân hóa học và hữu cơ (không bổ sung vi sinh vật); NT2 : sử dụng 120N-80P2O5-30K2O; NT3: sử dụng 4 ký phân rơm ủ/m² +25%NT2; NT4: sử dụng 4 ký phân rơm ủ /m²+ 50%NT2; NT5 sử dụng 4 ký phân rơm ủ /m². Trong cả hai đợt thì các NT có sử dụng phân rơm ủ đều được tưới bổ sung dung dịch vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân 7 ngày 1 lần từ lúc trồng đến khi thu hoạch đợt 1 bắt đầu tưới 10 ngày sau khi trồng và đợt 2 bắt đầu tưới 10 ngày sau thu hoạch đợt 1. Ở đợt một 65 ngày sau khi trồng, sự khác biệt về dài l, rộng l, số lá, số tép không có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức của thí nghiệm. Trong khi năng suất tổng và năng suất thương phẩm có giá trị cao nhất thuộc về NT2 và NT4 và cùng khác biệt có ý nghĩa với NT1 nhưng cao hơn không có ý nghĩa với NT3 và NT. Ở đợt hai 45 ngày sau khi thu hoạch đợt 1, NT3 và NT4 có các chỉ tiêu về dài lá và rộng lá cao nhất và khác biệt có ý nghĩa 5% với NT1 và NT2 nhưng lại lớn hơn không có ý nghĩa so với NT5. Về số lá trên bụi NT3 và NT4 khác biệt có ý nghĩa 5% với NT1 mà nhiều hơn không khác biệt so với NT2 và NT. Ở chỉ tiêu số tép trên bụi thì NT4 có giá trị cao nhất và khác biệt có ý nghĩa 5% với nt1, tuy nhiên không khác biệt về mặt thống kê với ba NT còn lại. Năng suất tổng và năng suất thương phẩm cao nhất thuộc về NT3 và NT4 và cũng chỉ khác biệt có ý nghĩa 5% với NT1. Phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm- phân giải lân chưa cho thấy ảnh hưởng rõ rệt đến độ brix và lượng vật chất khô của cây họ
------	---------	---	---------------------	----------------	------	---

4813	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn carbohydrate khác nhau trong mô hình nuôi lươn (Monopterus albus) không bùn áp dụng công nghệ biofloc	Nguyễn, Thị Phương Thi	Trần, Nguyễn Hải Nam	2018	Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung các nguồn carbohydrate khác nhau trong mô hình nuôi lươn (Monopterus albus) không bùn áp dụng công nghệ biofloc” được thực hiện tại trại thực nghiệm thủy sản Khoa Phát triển nông thôn, Đại học Cần Thơ, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm mục đích đánh giá việc ứng dụng nuôi lươn (Monopterus albus) bằng công nghệ biofloc và tìm ra được loại carbohydrate thích hợp để bổ sung vào hệ thống nuôi. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức có 3 lần lặp lại. Trong đó, nghiệm thức 1 là nghiệm thức đối chứng (không bổ sung carbohydrate), nghiệm thức 2 là nghiệm thức bổ sung nguồn carbohydrate là bột gạo, nghiệm thức thứ 3 là nghiệm thức được bổ sung bột khoai mì và nghiệm thức thứ 4 là nghiệm thức được bổ sung ri mật đường. Các nghiệm thức được cho ăn với lượng thức ăn bằng 3% trọng lượng thân. Sau 6 tuần thực hiện thí nghiệm, kết quả cho thấy tỉ lệ sống ở cả 4 nghiệm thức đều đạt 100%. Các chỉ tiêu về môi trường như oxy, nhiệt độ, pH, TAN, NO2- đều nằm trong khoảng cho phép để nuôi lươn. Trong đó nghiệm thức 3 (bổ sung bột mì) và nghiệm thức 4 (bổ sung ri mật đường) là 2 nghiệm thức cho thấy mức độ an toàn và ổn định nhất trong 4 nghiệm thức. Các chỉ tiêu về tăng trưởng cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa giữa nghiệm thức đối chứng và những nghiệm thức có bổ sung carbohydrate. Trong đó, nghiệm thức số 3 (bổ sung bột mì) và nghiệm thức số 4 (bổ sung ri mật đường) cho kết quả tốt hơn nghiệm thức 1 và 2. So sánh về chi phí sản xuất, nghiệm thức 3 và 4 cũng mang lại tính vượt trội hơn. Dựa vào kết quả trên mà ta có thể nhận định rằng việc bổ sung carbohydrate vào hệ thống nuôi lươn không bùn mang lại nhiều kết quả khả quan và đặc biệt là bổ sung bột mì (nghiệm thức 3) và bổ sung ri mật đường (nghiệm thức 4).
------	---------	--	------------------------	----------------------	------	--

4814	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.	Hồ, Văn Hậu	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài “Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 04 đến tháng 12 năm 2018 nhằm phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính của mô hình, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả tài chính của các nông hộ góp phần tăng thu nhập cho người dân tại địa bàn nghiên cứu. Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 80 nông hộ trồng xoài cát Hòa Lộc bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả hiện trạng kỹ thuật và các thông tin về nông hộ. Bên cạnh đó, còn sử dụng các chỉ số tài chính để phân tích hiệu quả tài chính của các nông hộ và mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mang lại hiệu quả khá cao. Năng suất trung bình của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc là 5,365 tấn/ha/năm, hộ có năng suất thấp nhất là 4 tấn/ha/năm và cao nhất là 6,25 tấn/ha/năm. Lợi nhuận trung bình của mô hình mang lại cho nông hộ là 138,177 triệu đồng/ha/năm, thấp nhất là 47,980 triệu đồng/ha/năm và cao nhất là 193,542 triệu đồng/ha/năm. Năng suất của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc của các nông hộ phụ thuộc vào các yếu tố trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm, mật độ trồng và tham gia tập huấn. Lợi nhuận của mô hình phụ thuộc vào các yếu tố trình độ học vấn, số năm kinh nghiệm, mật độ trồng, diện tích và chi phí thuốc BVTV. Bên cạnh những thuận lợi như người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất xoài cát Hòa Lộc, hệ thống giao thông thuận lợi,...thì trong quá trình sản xuất xoài cát Hòa Lộc vẫn còn gặp nhiều khó khăn như các loại chi phí sản xuất cao, biến động giá, ép giá,... Từ những thuận lợi và khó khăn và các kết quả nghiên cứu ở trên đề xuất những giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính của mô hình trồng xoài cát Hòa Lộc của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.
------	---------	--	-------------	-------------------------	------	---

4815	Đại học	Phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính trồng chanh không hạt của các nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.	Tạ, Ngọc Yến	Phạm, Văn Trọng Tính	2018	Đề tài “phân tích hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả tài chính trồng chanh không hạt của các nông hộ tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang” đề tài thực hiện nhằm đánh giá thực trạng kỹ thuật của chanh không hạt tại địa phương, đồng thời tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và lợi của chanh không hạt, bên cạnh đó để biết thêm các chỉ tiêu tài chính của chanh không hạt của nông hộ. đề tài nghiên cứu dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 50 hộ trồng chanh không hạt ở hai xã Đông Thạnh và Phú An ở huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang. Đề tài được đánh giá qua công cụ phân tích thống kê: Thống kê mô tả, và các chỉ tiêu tài chính, sử dụng phương trình hồi quy tuyến tính để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận, từ đó nhận định những khó khăn và đưa ra giải pháp. Hộ sản xuất còn nhỏ lẻ, trình độ học vấn tương đối cao, hộ trồng chanh vẫn có lời khi đưa công lao động gia đình vào chi phí sản xuất. Năng suất trung bình là 2494 kg/1000m²/năm, chi phí trung bình là 14,38 triệu đồng/1.000m²/năm, lợi nhuận trung bình là 18,9 triệu đồng/1.000m²/năm doanh thu trên chi phí trung bình là 2,63 lần, lợi nhuận trên chi phí trung bình là 1,63 lần, lợi nhuận trên doanh thu trung bình là 0,53 lần. Kết quả phân tích hồi quy ta thấy được năng suất chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: Trình độ học vấn, kinh nghiệm, mật độ, mặc khác cũng có một số yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận: năng suất, giá bán, lao động thuê và diện tích. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đưa ra một số giải pháp dựa trên những khó khăn và thực trạng sản xuất để nâng cao năng suất và lợi nhuận cho chanh không hạt của nông hộ.
------	---------	---	--------------	-------------------------	------	---

4816	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác vú sữa của nông hộ trên địa bàn huyện Phong Điền, Thành Phố cần Thơ.	Nguyễn, Thị Ngọc Ngân	Nguyễn, Thùy Trang	2018	Hiện nay sản xuất nông nghiệp nơi chung và hoạt động sản xuất vú sữa nơi riêng còn gặp nhiều vấn đề như: Bị ép giá, chưa nắm vững khoa học kỹ thuật mới, sử dụng các yếu tố đầu vào (phân bón, thuốc nông dược, lao động,...) chưa hợp lý và chưa hiệu quả làm tăng chi phí sản xuất. Từ thực tiễn đó, đề tài “phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác vú sữa của nông hộ trên địa bàn huyện Phong Điền, TP Cần Thơ” được thực hiện nhằm: (i) Phân tích thực trạng canh tác vú sữa tại địa bàn huyện Phong Điền, TP Cần Thơ. (ii) Ước lượng mức hiệu quả kinh tế đạt được đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong canh tác vú sữa tại địa bàn nghiên cứu. (iii) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong canh tác vú sữa, góp phần cải thiện đời sống kinh tế cũng như nâng cao thu nhập của những nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Đề tài chọn 33 mẫu nông hộ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với: 15 mẫu ở xã Giai Xuân, 10 mẫu ở xã Nhơn Ái, 4 mẫu ở xã Tân Thới, 3 mẫu ở xã Trường Long và 1 mẫu ở xã Mỹ Khánh trên địa bàn huyện Phong Điền. Đề tài sử dụng phương pháp DEA để ước lượng mức hiệu quả kinh tế vú sữa, bên cạnh đó sử dụng mô hình hồi quy tương quan đa biến để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của các nông hộ ở huyện Phong Điền. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình của các nông hộ sản xuất vú sữa tại huyện đạt được là 32,5%. Với mức hiệu quả kinh tế trung bình đạt được thì chi phí thực tế trung bình mà nông hộ bỏ ra là 42.530.909đồng/ha/năm, mức chi phí tiềm năng tối thiểu trung bình nông hộ bỏ ra là 13.539.453 đồng/ha/năm, từ đó cho thấy chi phí có thể giảm trung bình do kém hiệu quả là 28.991.456 đồng/ha/năm. Để đạt được hiệu quả kinh tế ở mức tối đa, nông hộ có thể giảm đáng kể chi phí trong quá trình sản xuất vú sữa. Nông hộ phải ước tính được lượng sử dụng và sử dụng các yếu tố đầu vào như phân bón và ngày công lao động có hiệu quả, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, tham gia các buổi chia sẻ kinh nghiệm, đạt năng suất và giá bán cao, khâu chăm sóc chặt chẽ hơn cũng như kỹ thuật canh tác cần được cải tiến để có thể giảm mức chi phí của mỗi nông hộ, hướng đến mức chi phí tối thiểu mà nông hộ có thể sản xuất. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cũng cho thấy yếu tố diện tích và sử dụng phân hữu cơ có tác động thuận chiều tới hiệu quả kinh tế của nông hộ. Bên cạnh đó các yếu tố như: Độ tuổi, kinh nghiệm sản xuất, tham gia tập huấn và nguồn gốc giống là các yếu tố không có tác động ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất vú sữa của các nông hộ.
------	---------	--	-----------------------	--------------------	------	---

4817	Đại học	So sánh năng suất các giống lúa cao sản ngắn ngày phẩm chất tốt tại xã Hòa An huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Hà Quốc Bảo	Nguyễn, Thành Trục	2018	Đề tài “So sánh năng suất các giống lúa cao sản ngắn ngày phẩm chất tốt tại xã Hòa An huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm tìm ra giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh phục vụ nhu cầu sản xuất. . Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 3 lần lặp lại, 12 nghiệm thức tương ứng với 12 giống lúa: LP11, OM380, OM10424, D50- 3, LP36, OM372, LP5, D48 – 4, JASMINE (Đối Chứng), MTL812, OM5229, OM5451 trong đó giống JASMINE làm giống đối chứng. Các giống lúa được gieo phương pháp làm mạ sân, sau đó cấy xuống ruộng thí nghiệm. Công thức phân được áp dụng là NPK 90 – 60 - 30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, ghi nhận đặc tính nông học, chiều cao cây, số chồi và đánh giá mức độ gây hại sâu bệnh. Khi thu hoạch, xác định các thành phần năng suất và năng suất thực tế của các giống. Phân tích phẩm chất gạo của các giống lúa thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm cho thấy có nhiều giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, năng suất đạt yêu cầu. Trong đó có các giống lúa triển vọng nhất là các giống OM5229, D50-3, LP36, LP5 và OM5451 Cho năng suất cao từ 8,1 -8,6 tấn/ha, phẩm chất gạo tốt, dạng hạt gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên cao, kháng đạo ôn cấp 2. Tìm ra được 2 giống lúa vừa cho năng suất cao lại có phẩm chất tốt phù hợp với mục tiêu của đề tài là LP36 và OM5229
4818	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa cao sản ngắn ngày A1 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Võ, Ngọc Hân	Nguyễn, Thành Trục	2018	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất khá tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa cao sản ngắn ngày A1 tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”, đề tài được thực hiện tại khu thực nghiệm khoa Phát Triển Nông Thôn, trường đại học Cần Thơ xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2017 - 2018. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ trại giống Long Phú tỉnh Sóc Trăng và trường Đại học Cần Thơ, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng là giống OM5451 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Theo dõi và đánh giá các chỉ tiêu về đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 1 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao vượt trội so với giống đối chứng và phẩm chất khá tốt là: MTL480 có thời gian sinh trưởng ngắn 98 ngày, phù hợp với nhu cầu canh tác tăng vụ trên năm ở địa phương. Giống thích nghi tốt với điều kiện đất phèn, kháng rầy vào đạo ôn tốt (cấp 1), cho năng suất cao nổi trội (9,46 tấn/ha), gạo có dạng thon dài phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

4819	Đại học	Vai trò của hợp tác xã đối với thành viên tham gia sản xuất chanh không hạt tại xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.	Trần, Duy Khánh	Đỗ, Văn Hoàng	2018	Đề tài “ Vai trò của hợp tác xã đối với thành viên tham gia sản xuất chanh không hạt tại xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.” Được thực hiện để so sánh các chỉ tiêu về tiêu chí, lợi nhuận/ chi phí, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, những lợi ích từ hợp tác xã, hoạt động hỗ trợ cũng như vai trò của hợp tác xã, từ đó xem mô hình nào có hiệu quả để khuyến khích nông hộ tham gia phát triển. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 60 mẫu phỏng vấn nông hộ ở tỉnh Hậu Giang, cụ thể ở xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành; sử dụng phương pháp thống kê mô tả, so sánh trung bình 2 tổng thể qua kiểm định T-test Kết quả phân tích 60 mẫu nghiên cứu gồm 30 nông hộ sản xuất chanh không hạt có tham gia vào hợp tác xã và 30 nông hộ sản xuất chanh không hạt không tham gia vào hợp tác xã cho thấy, năng suất và lợi nhuận của 30 hộ tham gia HTX cao hơn so với 30 hộ không tham gia vào HTX. Đây là cơ sở rõ ràng để nông hộ mạnh dạn tham gia vào HTX để cải thiện thu nhập nâng cao hiệu quả cho nông hộ đa số nông hộ tham gia vào HTX đều cải thiện về mặt tài chính nên việc tham gia vào HTX khẳng định có hiệu quả hoàn toàn hợp lý.
4820	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng cam xoàn tại quận Ô Môn Thành Phố Cần Thơ	Hồ, Thị Thanh Xuân	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2019	Đề tài “ Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng cam xoàn tại quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ” Nhằm thực hiện 1) đánh giá thực trạng sản xuất của mô hình trồng cam xoàn ở quận Ô Môn TP. Cần Thơ. 2) Phân tích hiệu quả tài chính và những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính mô hình trồng cam xoàn của hộ nông dân ở quận Ô Môn, TP. Cần Thơ. 3) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính và nâng cao hiệu quả mô hình sản xuất cam xoàn của nông hộ ở quận Ô Môn TP. Cần Thơ. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thuận tiện để điều tra 50 nông hộ sản xuất cam xoàn và sử dụng phương pháp thống kê mô tả Sử dụng phương pháp phân tích các chỉ số tài chính mô hình hồi qui tuyến tính để phân tích các hiệu quả Tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình cam xoàn trên địa bàn có nhiều thuận lợi như cam xoàn thích nghi với đất đai, khí hậu, nông dân trồng cam xoàn có kinh nghiệm. Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi đó thì các nông hộ trồng cam cũng gặp một số khó khăn như mô hình trồng nhỏ , mang tính tự phát, nguồn giống còn hạn chế Ngoài ra mô hình có thực sự mang lại hiệu quả về tài chính vì lợi nhuận cao, tỷ suất lợi nhuận/ chi phí cao, nông hộ có mức sinh lợi cao. Từ nghiên cứu này, một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình trồng cam xoàn và đề xuất một số giải pháp nếu diện tích cam xoàn được mở rộng.

4821	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng lớn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Lê, Văn Dề	2019	Đề tài nghiên cứu “ Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng lớn ở ĐBSCL”. Nhằm phân tích hiệu quả kinh tế của các nông hộ sản xuất lúa từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ sản xuất lúa trên địa bàn nghiên cứu được thực hiện tại ba tỉnh chính đó là An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long thời gian thực hiện đề tài từ tháng 5/2018 đến tháng 12/2018. Số liệu sơ cấp của đề tài thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 180 nông hộ sản xuất lúa tại 3 tỉnh đó là An Giang, Đồng Tháp, cần Thơ do không có sẵn danh sách các hộ sản xuất lúa trên địa bàn nên tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu là phương pháp thuận tiện. Nội dung phân tích bao gồm: Phân tích hiện trạng, bên cạnh đó đề tài phân tích hiệu quả kinh tế thông qua phương pháp đo lường hiệu quả kinh tế bằng công cụ phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis) và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất Lúa của nông hộ bằng phương pháp hồi quy Tobit. Hiệu quả kinh tế đạt được là 65,3% (CE=0.653%) ở vụ đông xuân và hiệu quả kinh tế ở vụ hè thu đạt được là 52,3% (CE= 0.523%). Qua kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất lúa ở vụ đông xuân mang lại lợi nhuận cao hơn cho nông hộ. Nông hộ vẫn có lời khi đưa công lao động nhà vào chi phí sản xuất . Kết quả của mô hình hồi qui cho ta độ tuổi, trình độ học vấn số nhân khẩu và diện tích có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông hộ. Dựa vào kết quả nghiên cứu, một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông hộ sản xuất lúa đã được đề xuất.
4822	Đại học	So sánh năng suất và chất lượng 13 giống lúa cao sản ngắn ngày A1 trên vùng đất phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ hè thu 2018	Nguyễn, Trường An	Nguyễn, Thành Trục	2019	Đề Tài “SO SÁNH NĂNG SUẤT VÀ PHẨM CHẤT CÁC GIỐNG LÚA CAO SẢN NGẮN NGÀY A1 TRÊN VÙNG ĐẤT PHÈN TẠI HÒA AN, PHỤNG HIỆP, HẬU GIANG VỤ HÈ THU 2018” Đề tài thực hiện nhằm tìm và chọn ra những giống lúa ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt, và thích nghi được với vùng đất phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang để đáp ứng nhu cầu sản xuất giúp người dân nâng cao thu nhập. Từ đó, chọn ra 1 đến 2 giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, phẩm chất tốt và phù hợp với vùng đất phèn tại xã Hòa An. Thời gian từ tháng 4 đến tháng 8/2018. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với, 13 nghiệm thức tương đương với 13 giống lúa, 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 20 m², tổng diện tích lúa thí nghiệm là 900 m² khoảng cách cây là 15 x 20cm, cây 1 tép/bụi. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống phù hợp nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống OM5229 và MTL 480 có thời gian sinh trưởng 102 và 98 ngày, năng suất 5,43 và 5,57 tấn/ha, hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên 52,45 và 52,2 %. Thích hợp cho canh tác vụ hè thu

4823	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học tỉnh Hậu Giang.	Trần, Trung Triệu	Trần, Thanh Dũng	2019	Đề tài “ Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chăn nuôi heo trên địa đệm lót sinh học tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm: (1). Phân tích hiện trạng chăn nuôi của hai mô hình chăn nuôi heo, trên đệm lót sinh học và truyền thống của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu thuộc tỉnh Hậu Giang, (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học (3) Đề xuất giải pháp giúp tăng khả năng chuyển đổi sang mô hình chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 58 mẫu (28 mẫu nông hộ chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học và 30 mẫu nông hộ chăn nuôi heo truyền thống) hai mô hình đều đang hoạt động trong cùng một thời điểm tại tỉnh Hậu Giang. Cụ thể ở 6 khu vực: Long Mỹ, Vị Thủy, Phụng Hiệp, Thị xã Ngã Bảy, Châu Thành và Châu Thành A,. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích chi phí lợi ích, so sánh trung bình hai tổng thể qua kiểm định T-test, mô tả số liệu định tính Crsstab và sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉnh Hậu Giang có nhiều yếu tố thuận lợi thích hợp để áp dụng hình thức chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học, hiệu quả từ mô hình mang lại rất khả quan và có nhiều điểm vượt trội hơn so với mô hình chăn nuôi heo truyền thống, tình hình thua lỗ của chăn nuôi heo đã giảm. Cụ thể nông hộ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học thua lỗ 450 đồng/ ký thịt và thua lỗ đến 3700 đồng / ký heo bán ra ở hình thức nuôi heo truyền thống. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chăn nuôi đệm lót sinh học là tuổi, quy mô và lao động. Nguồn lực nông hộ tốt nhưng yếu tố sản xuất hiện tại thì chưa đạt. Giải pháp tăng khả năng chăn nuôi heo đệm lót sinh học hỗ trợ tài chính, tập huấn, tận dụng nguyên liệu chất độn.
------	---------	--	-------------------	------------------	------	---

4824	Đại học	So sánh năng suất và chất lượng của 13 giống lúa chịu phèn tại xã Hòa An huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang vụ Hè Thu năm 2018	Nguyễn, Bá Đạt	Nguyễn, Thành Trục	2019	Đề tài “ So sánh năng suất và chất lượng 13 giống lúa chịu phèn tại xã Hòa An huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang vụ hè thu năm 2018”. Được thực hiện nhằm tìm ra giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh chịu phèn tốt để thích nghi với điều kiện canh tác tại địa phương phục vụ nhu cầu sản xuất. Giống lúa có nguồn gốc từ trại giống Long Phúc và Viện lúa ĐBSCL. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với ba lần Lặp lại, gồm 13 giống lúa: LP11, D40-2, D2-3, D533, D532, D9-10, D514, OM359, LP29, D63, D60-4 MTL 480 và giống đối chứng OM 5451. Các giống lúa được cấy khi mạ 15 ngày tuổi với khoảng cách 15x20 (cm) phân N-P-K bón theo công thức 16-16-8. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm thời gian sinh trưởng chiều cao cây, chiều dài bông, tính đổ ngã, số bông/m², hạt chắc/bông. Tỷ lệ hạt chắc, trọng lượng 1000 hạt năng suất thực tế; phẩm chất hạt (tỷ lệ xay chà, kích thước và hình dạng hạt, tỷ lệ bạc bụng.) Kết quả thí nghiệm chọn được 3 giống lúa triển vọng vùng đất phèn tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.; các giống lúa cho năng suất và phẩm chất cao là OM359 (6,12 tấn/ha), D9-10 (5, 68 tấn/ ha) và D533 (5,13 tấn/ha), Đây Là những giống có phẩm chất tốt có tỷ lệ gạo chắc đạt từ 48,9-54,5%, tỷ lệ gạo nguyên từ 40,5-50,6% Độ bạc bụng 9,0-23%, hai giống D9-10 và OM359, cả hai giống đều kháng đạo ôn cấp 0 và các giống triển vọng có thời gian sinh trưởng ngắn từ 101-102 ngày, chiều cao cây đạt 102,3 -111,8 cm.
4825	Đại học	So sánh hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài cánh đồng lớn tại An Giang.	Nguyễn, Thị Ánh Lan	Lê, Văn Dề Nguyễn, Thị Bạch Kim	2019	Đề tài: Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tập trung so sánh hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa của nông hộ trong và ngoài mô hình cánh đồng lớn tỉnh An Giang thông qua sử dụng một số phương pháp như sau phương pháp DEA (Data Envelopment Annalysis) để phân tích mức độ tối ưu về hiệu quả kỹ thuật phương pháp kiểm định sự khác biệt trung bình Independent sample T-Test để so sánh hai mô hình trong và ngoài cánh đồng lớn, bên cạnh đề tài còn sử dụng mô hình hồi qui, Tobit để ước lượng mức độ ảnh hưởng các yếu tố đến hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa trong và ngoài cánh đồng lớn. Dựa trên số liệu sơ cấp thu thập được từ 120 hộ trồng lúa trên địa bàn ba huyện Châu Thành, Châu Phú và Thoại Sơn và Thoại Sơn. Từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả kỹ thuật sản xuất của nông hộ trong thời gian tới Kết quả phân tích cho thấy, mức độ hiệu quả kỹ thuật trung bình của các hộ trong và ngoài mô hình cánh đồng lớn vụ đông xuân lần lượt là 85,7% và 82,3% đối với vụ hè thu mức hiệu quả kỹ thuật trung bình lần lượt là 0.841 và 0.7777 So sánh mức hiệu quả kỹ thuật thì vụ đông xuân không có sự khác biệt, nhưng vụ hè thu có sự khác biệt. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật sản xuất của nông hộ trong và ngoài mô hình cánh đồng lớn ở vụ đông xuân – hè thu là mô hình, số nhân khẩu, liên kết đầu ra, chất lượng giống và giới tính.

4826	Đại học	Đánh giá hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ ở xã Tân Thạnh huyện Thới Lai Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Thành Trí	Đỗ, Văn Hoàng	2019	Đề tài: Đánh giá hoạt động sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ ở xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, Thành Phố Cần Thơ Được thực hiện để thống kê về tình hình sản xuất lúa của nông hộ ở địa phương hoạt động tiêu thụ lúa của người dân, Cũng như vai trò quan trọng của người môi giới ở địa phương đối với nông dân. Phương pháp chọn mẫu Thuận tiện với 48 mẫu phỏng vấn nông hộ ở TP. Cần Thơ cụ thể ở xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai ; sử dụng phương pháp thống kê mô tả . Kết quả phân tích 48 mẫu nghiên cứu gồm 43 nông hộ chuyên sản xuất lúa Tại địa phương và 05 nông hộ vừa sản xuất lúa vừa môi giới. Đây là cơ sở rõ ràng để cho thấy được vai trò Của nông hộ môi giới và hiệu quả kinh tế của người dân chuyên sản xuất lúa tại địa phương Đa số nông hộ có trình độ học vấn thấp, chủ hộ chủ yếu là nam độ tuổi lao động chiếm đại đa số là từ 40-60 tuổi (chiếm 64,6%) Diện tích canh tác thấp nhất 0,2 ha và cao nhất là 2,2 ha, năng suất trung bình đồng xuân đạt 691,46 kg/1000m². Năng suất trung bình hè thu đạt 508,7 kg/1000m² . Năng suất trung bình thu đông đạt 459kg/1000m², lợi nhuận trung bình thu về 3,945.325 ngàn đồng/1000m². Các nông hộ tập trung sản xuất lúa theo hình thức chuyên canh.Song song, kết quả cũng cho thấy điểm mạnh của nông hộ chuyên sản xuất lúa và làm môi giới là có kinh nghiệm lâu năm, tích cực áp dụng TBKHKT, nắm bắt thông tin giá cả thị trường và phương thức thu hoạch tiêu thụ Lúa ở địa phương. Điểm yếu của người dân chuyên sản xuất cho thấy chưa có hình thức liên kết, ký hợp đồng Bao tiêu sản phẩm. Diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ, tập trung sản xuất không đồng đều, còn đối với người môi giới Chưa có trách nhiệm và uy tín cao đối với nông dân.Từ những kết quả trên, đề tài có thể đề xuất một số giải pháp đối với nông hộ như tích cực tham gia các lớp tập huấn Kỹ thuật, cải tiến và nâng cao kỹ thuật, đồng thời áp dụng những tiến bộ KH_KT. Trong sản xuất tập trung Sản xuất theo cánh đồng mẫu lớn, đồng loạt, nắm bắt thông tin về thu hoạch và thị trường tiêu thụ lúa gạo tại địa phương
------	---------	---	-------------------	---------------	------	---

4827	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất bắp lai của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long	Lê, Thanh Tân	Nguyễn, Thị Bạch Kim Lê, Văn Dề	2019	Đề tài “phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất bắp lai của nông hộ ở Đồng Bằng sông Cửu Long” nhằm để (1)Đánh giá thực trạng sản xuất bắp lai ở Đồng bằng sông Cửu Long,(2)Phân tích hiệu quả tài chính và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận trong sản xuất bắp lai của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long (3)Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trong sản xuất bắp lai của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long, thời gian thực hiện đề tài là từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019.Sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các giá trị lớn nhất (max), giá trị nhỏ nhất (min), giá trị trung bình (mean), và phần trăm đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất, và các chỉ tiêu tài chính (doanh thu, lợi nhuận, chi phí, doanh thu trung bình trên mỗi lao động gia đình, tỷ suất lợi nhuận trên chi phí...) để mô tả thực trạng sản xuất bắp lai của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.Sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất bắp lai Qua kết quả nghiên cứu tình hình sản xuất bắp lai của nông hộ trên địa bàn 3 tỉnh An Giang, ĐồngTháp và Trà Vinh Cho Thấy,về độ tuổi của nông hộ sản xuất bắp lai thì đa số nông hộ có độ tuổi từ 30-50 tuổi chiếm 51,1% và trên 50 tuổi chiếm 47,8% còn lại là độ tuổi dưới 30. Trình độ học vấn của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu cũng tương đối cao, cấp 2 và cấp 3 chiếm tỷ lệ là 65,6% và đây cũng được xem là một thuận lợi cho việc tiếp cận khoa học công nghệ và áp dụng vào trong sản xuất tốt hơn.Các nông hộ trồng bắp lai ở đây trồng chủ yếu theo 2 hình thức chuyên canh và luân canh trong đó chuyên canh chiếm tỷ lệ 60% và luân canh chiếm tỷ lệ 40% và theo kết quả phân tích thì những nông hộ trồng theo hình thức luân canh sẽ cho năng suất cao hơn trồng theo hình thức chuyên canh. Tình hình nông hộ tham gia tập huấn chiếm 57,8% và không tham gia tập huấn chiếm 42,2% và theo như những người không tham gia tập huấn cho rằng nội dung tập huấn chỉ mang tính chất lí thuyết và họ chỉ canh tác theo nhưng kinh nghiệm lâu đời của mình.Xét về chi phí sản xuất bắp lai của nông hộ thì chi phí trung bình cho 1000 m2 là 2.335.000 đồng và lợi nhuận trung bình nông hộ thu lại được là 1.506.000 từ kết quả này nguồn thu nhập từ việc trồng bắp lai của nông hộ đang ở mức ổn định. Nông hộ cần chọn lượng giống gieo sạ phù hợp với diện tích gieo trồng tránh gieo sạ ở mật độ quá dày hoặc quá thưa. Dựa vào điều kiện tự nhiên của vùng nên lựa chọn hình thức trồng phù hợp. Qua kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng thì năng suất của mô hình chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố là diện tích sản
------	---------	---	---------------	----------------------------------	------	---

4828	Đại học	Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - Phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh trên đất phèn	Châu, Thị Huệ Mẫn	Trần, Duy Phát	2019	Đề tài “ Ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm–phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh trên đất phèn” được thực hiện từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 05 năm 2019 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ nhằm xác định ảnh hưởng của phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất phèn. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân hóa học cũng như phân hữu cơ; NT2: bón phân hóa học trong suốt quá trình canh tác và không bổ sung vi sinh vật; NT3: bón 2 kg/m² phân rom ủ; NT4: bón 3 kg/m² phân rom ủ; NT5: bón 4 kg/m² phân rom ủ. Trừ NT2 thì tất cả các nghiệm thức còn lại đều được tưới bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân. Kết quả thí nghiệm cho thấy, NT5 có các chỉ tiêu cao cây, dài lá, rộng lá, số lá/cây, năng suất tổng và năng suất thương phẩm đều không khác biệt thống kê so với NT2 và cao hơn có ý nghĩa 5% so với các NT1 và NT3. Điều này cho thấy việc bón phân rom ủ có bổ sung vi sinh vật với lượng 4 kg/m² đã có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh trồng trên đất phèn.
4829	Đại học	Ảnh hưởng bổ sung vitamin E và Selenium hữu cơ lên sinh trưởng và chất lượng quày thịt của heo giai đoạn vỗ béo - xuất chuồng	Võ, Quốc Thắng	Nguyễn, Nhựt Xuân Dung	2019	Một thí nghiệm được tiến hành trên 63 heo thịt ở giai đoạn vỗ béo đến xuất chuồng để đánh giá ảnh hưởng của vitamin E và vitamin E kết hợp selenium bổ sung trong khẩu phần lên sinh trưởng, chất lượng quày thịt của heo. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 nghiệm thức là khẩu phần cơ sở (KPCS) dùng thức ăn của trại làm nghiệm thức (NT) đối chứng (ĐC), khẩu phần 2 là KPCS có bổ sung 250 mg vitamin E/kg (VitE), khẩu phần 3 là KPCS có bổ sung 250 mg vitamin E kết hợp 0,1 mg selenium/kg (ESe) và 3 lần lặp lại. Kết quả chỉ ra rằng khi bổ sung vitamin E và vitamin E kết hợp selenium vào khẩu phần không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của heo. Tuy nhiên khẩu phần ở NT VitE, ESe có khuynh hướng cải thiện khả năng sinh trưởng và hệ số chuyển hóa thức ăn tốt hơn . Về các chỉ tiêu năng suất quày thịt thì tỉ lệ thị xẻ (TLTX) biến động từ 71,87% (ĐC) đến 74,46% (VitE). Diện tích cơ thể (DTCT) ở NT ĐC là 50,125 cm², NT VitE là 61,00 cm² và NT ESe là 62,25 cm². Độ dày mỡ lưng (ĐDML) ở NT ĐC là 1,18 cm, NT VitE là 1,05 cm và NT ESe là 1,02 cm. Như vậy, việc bổ sung vitamin E và vitamin E kết hợp selenium có khuynh hướng tăng TLTX, DTCT và giảm ĐDML. Đối với các chỉ tiêu về phẩm chất quày thịt. Kết quả màu sắc ở NT ĐC là 2, NT VitE và ESe là 3. Độ vân mỡ ở NT ĐC là 2, NT VitE và ESe là 3. Như vậy, việc bổ sung vitamin E và vitamin E kết hợp selenium có khuynh hướng cải thiện màu sắc và độ vân mỡ. Độ ri dịch biến động từ 2,11-3,66% đạt trong phạm vi cho phép. Độ pH sau 24 giờ ở NT ĐC là 5,22, NT VitE là 5,30 và NT ESe là 5,43. Tuy nhiên chỉ có pH ở NT ESe là đạt trong phạm vi cho phép từ 5,4-5,8, thịt bình thường. Hai NT ĐC và VitE dưới phạm vi cho phép, thịt bị PSE nhẹ. Về mặt hiệu quả kinh tế, NT VitE và ESe có chi phí cho 1 kg tăng trọng thấp hơn NT ĐC khoảng 3,54,0 %, nên mang lại hiệu quả kinh tế hơn.

4830	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần thủy sản Cafatex giai đoạn 2016-2018	Nguyễn, Quỳnh Vy	Võ, Hồng Tú	2019	Nhằm giúp công ty nắm được tình hình xuất khẩu, đề tài: “Phân tích tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần thủy sản Cafatex giai đoạn 2016 – 2018.”, được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Đề tài được thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau: mục tiêu (1) Phân tích tình hình xuất khẩu của Việt Nam và tình hình xuất khẩu của công ty cổ phần thủy sản Cafatex giai đoạn 2016 – 2018. Mục tiêu (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty cổ phần thủy sản Cafatex giai đoạn 2016 – 2018. Mục tiêu (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu thủy sản của công ty Cafatex phát triển bền vững trong những năm tới. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tình hình xuất khẩu thủy sản của công ty Cafatex trong thời gian nghiên cứu. Sử dụng phương pháp phân tích số tương đối và tuyệt đối, so sánh số liệu tuyệt đối và tương đối để đánh giá tình hình xuất khẩu thủy sản của công ty. Vận dụng lý thuyết, sử dụng phương pháp suy luận để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động XK thủy sản của công ty. Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của nhân tố sản lượng và đơn giá đến kim ngạch xuất khẩu của công ty. Đồng thời, dựa trên những phân tích ở mục tiêu trên và những điểm mạnh, điểm yếu của công ty đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động XK thủy sản của công ty phát triển bền vững trong những năm tới. Kết quả phân tích cho thấy tình hình xuất khẩu thủy sản của công ty qua 3 năm có xu hướng gia tăng, do tác động của các yếu tố nội tại (đáp ứng đủ nguồn nguyên liệu, kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm). Doanh thu và lợi nhuận gia tăng liên tục qua 3 năm, tăng mạnh ở giai đoạn năm 2016 – 2017. Bên cạnh đó, tỷ số tài chính tăng đáng kể cho thấy việc sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty đã thật sự mang lại hiệu quả trong việc tạo ra lợi nhuận. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu thủy sản của công ty Cafatex phát triển bền vững trong những năm tới. Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ của ban lãnh đạo công ty trong vấn đề ứng phó với tình trạng nghỉ việc không báo trước để tránh bị trì trệ nâng cao sản lượng xuất khẩu.
------	---------	--	------------------	-------------	------	--

4831	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế giống lúa OM5451 vụ hè thu năm 2018 trên địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Dương Phương Khanh	Võ, Hồng Tú	2019	Đề tài “ Phân tích hiệu quả kinh tế giống lúa OM5451 vụ hè thu 2018 ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được thực hiện nhằm (1) Đánh giá thực trạng tình hình sản xuất giống lúa OM5451 vụ hè thu năm 2018 (2) Phân tích hiệu quả kinh tế giống lúa OM5451 và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ. (3) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế giống lúa OM5451 cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 thông qua quá trình phỏng vấn 40 hộ nông dân sản xuất lúa OM5451 vụ hè thu tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện. Sau đó đề tài sử dụng phương pháp DEA để ước lượng mức hiệu qu Kinh tế giống lúa OM5451 của các nông hộ, bên cạnh đó đề tài cũng sử dụng mô hình hồi quy tương quan đa biến để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế các nông hộ trồng lúa OM5451 vụ hè thu trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa gồm giới tính chủ h Tuổi, số năm kinh nghiệm. Trong đó yếu tố có ảnh hưởng tích cực là giới tính chủ hộ, tuổi. Yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh tế lúa OM5451 là số năm kinh nghiệm. Bên cạnh đó, các yếu tố như: Tập huấn, diện tích là các yếu tố không có ảnh hưởng đến mức hiệu quả kinh tế trong sản xuất của các nông hộ Qua kết quả điều tra cũng cho thấy, các hộ sản xuất lúa OM5451 vụ hè thu năm 2018 trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn và dựa vào kết quả nghiên cứu, đề tài đã trình bày một số giải pháp thiết thực để giải quyết khó khăn mà người dân gặp phải, cũng như nêu lên những kiến nghị với chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ trong thời gian tới, giúp nông hộ phát triển một cách bền vững.
------	---------	---	----------------------------	-------------	------	---

4832	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung phân trùn quế vào giá thể đến sinh trưởng và năng suất của dưa lưới (Cucumis melo L.) trồng trong điều kiện nhà lưới.	Công, Tiến Trình	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thị Bạch Kim	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của việc bổ sung phân trùn quế vào giá thể mụn xơ dừa lên sinh trưởng, năng suất, chất lượng dưa lưới”. Thí nghiệm được tiến hành nhằm xác định lượng phân thích hợp giúp cây dưa lưới sinh trưởng tốt và cho năng suất cao. Thí nghiệm được thực hiện tại ở nhà lưới khu thực nghiệm Hòa An. Trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019. Thí nghiệm áp dụng công thức đối chứng bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên có 1 nhân tố: bổ sung phân trùn quế 5 nghiệm thức 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 5 cây/chậu. Với nghiệm thức NT0 (đối chứng) không bổ sung phân trùn quế, NT1 trộn phân trùn quế và giá thể với liều lượng 50 g/chậu, NT2 trộn phân trùn quế và giá thể với liều lượng 100 g/chậu, NT3 trộn phân trùn quế và giá thể với liều lượng 150 g/chậu, NT4 trộn phân trùn quế và giá thể với liều lượng 200g/chậu. Kết quả thí nghiệm cho thấy chỉ tiêu nông học: chiều dài thân chính, chiều dài lá khác biệt ở thời điểm 10, 20 và 30 NSKT, chiều rộng lá khác biệt ở lá thứ 5 tại thời điểm 10 NSKT, lá thứ 10 tại thời điểm 20 NSKT, đường kính gốc khác biệt ở thời điểm 10 và 20 NSKT. Chỉ tiêu nông học trái cho thấy liều lượng phân trùn quế không làm ảnh hưởng đến chiều cao trái, đường kính trái, độ dày vỏ, độ dày thịt, độ brix. Chỉ tiêu năng suất cho thấy liều lượng phân trùn quế không làm ảnh hưởng đến năng suất lý thuyết (33,04 tấn/ha), năng suất thực tế (28,73 tấn/ha), tỷ lệ năng suất thực tế trên năng suất lý thuyết là 87,403%
4833	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Biohumat phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất rau dền đỏ (Amaranthus dubius/ red L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Bùi, Hoàng Rát	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài “Đánh giá sự ảnh hưởng của nồng độ bio humat phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất rau dền đỏ (Amaranthus dubius/red L.)” được thực hiện nhằm tìm ra nồng độ acid humic thích hợp để sản xuất hiệu quả, tăng năng suất cho cây rau dền đỏ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 3 lần lặp lại, 5 nghiệm thức tương ứng với 5 nồng độ Acid humic khác nhau: 0g/l; 3g/l; 6g/l; 9g/l; 12g/l. Quy mô thí nghiệm 15 đơn vị thí nghiệm. Mỗi lần lặp lại ta chọn 1 lô thí nghiệm với kích thước 2 x 2m² (4m²), trồng 169 cây với khoảng cách 15 x 15 cm. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi bổ bio humat phun qua lá với các nồng độ khác nhau có ảnh hưởng lên sinh trưởng của rau dền ở lứa 2 có nồng độ 3g/l (NT2): Chiều cao cây đạt cao nhất (40,42 cm); chiều dài lá đạt cao nhất (16.57 cm); đường kính thân cao nhất (1.99cm). Lứa 2 có nồng độ 12g/l (NT5): Chiều rộng lá đạt cao nhất (12.36 cm). Các nồng độ acid humic không ảnh hưởng lứa 1: chiều cao cây; chiều dài lá; chiều rộng lá, lứa 2: số chồi. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi bổ acid humic phun qua lá với các nồng độ khác nhau có ảnh hưởng lên năng suất của rau dền, lứa 2 có nồng độ 3 g/l (NT2): năng suất tổng, năng suất thương phẩm lứa 1 cao nhất 451,12 kg/1000m² . Các nồng độ acid humic không ảnh hưởng lứa 1: trọng lượng trung bình cây; năng suất lý thuyết. Lứa 2: trọng lượng trung bình cây; năng suất lý thuyết, năng suất tổng, năng suất thương phẩm. Lứa 3: năng suất tổng, năng suất thương phẩm.

4834	Đại học	Đánh giá sự sinh trưởng và năng suất của 8 giống dưa leo (Cucumis sativus L.) trồng tại Hòa An, Phụng hiệp, Hậu Giang.	Chau, Phéth	Lê, Trần Thanh Liêm Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Đánh giá sự sinh trưởng và năng suất của 8 giống dưa leo (Cucumis sativus L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đã được thực hiện từ tháng 3-5/2019 nhằm tìm ra giống dưa leo có khả năng sinh trưởng tốt và năng suất cao. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại gồm 8 nghiệm thức là 8 giống dưa leo: NT1 giống HA46-2, NT2 giống HA09, NT3 giống HA26, NT4 giống HA27, NT5 giống HA52-7, NT6 giống HA07, NT7 giống HA35, NT8 giống HA57-3. Số liệu của thí nghiệm được thu thập tại Trại thực nghiệm của Khoa Phát triển Nông thôn trường Đại học Cần Thơ thuộc ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Kết quả cho thấy, các giống dưa leo đều sinh trưởng tốt và năng suất khá cao. Giống HA09 có năng suất thực tế (17,53 tấn/ha) và năng suất thương phẩm (13,99 tấn/ha) cao, kế đến là giống HA46-2 với năng suất thực tế là 16,86 tấn/ha và năng suất thương phẩm là 13,45 tấn/ha, cả 2 giống đều có khả năng sinh trưởng tốt. Độ Brix thịt trái cao ở 2 giống HA27 (4,47%), HA35 (4,67%) và thấp nhất ở giống HA26 (3,73%).
4835	Đại học	Khảo sát một số đặc tính thực vật của các giống hoa dạ yên thảo (Petunia spp.) được trồng trong chậu tại làng hoa Phó Thọ, Thành Phố Cần Thơ	Huỳnh, Lộc Tuấn	Đỗ, Thị Xuân	2020	Dạ yên thảo (Petunia spp.) là giống hoa nhập nội được ưa chuộng trên thị trường hiện nay do giống hoa này có nhiều màu sắc và chủng loại phong phú. Tuy nhiên, các giống hoa khác nhau đáp ứng sự sinh trưởng với kỹ thuật canh tác và điều kiện tự nhiên khác nhau ở Đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, đề tài được thực hiện với mục tiêu khảo sát một số chỉ tiêu sinh trưởng của các giống hoa Dạ yên thảo được canh tác trong điều kiện nhà màng tại làng hoa Phó Thọ, thành phố Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 5 nghiệm thức tương ứng với 5 giống hoa, 4 lần lặp lại và mỗi lần lặp lại là 1 chậu. Các chỉ tiêu nông học của hoa Dạ yên thảo được đánh giá như chiều cao cây, số lá, số chồi ở các giai đoạn sinh trưởng của hoa. Các chỉ tiêu về đường kính tán, số hoa, số nụ và tổng số hoa ở thời điểm thu hoạch. Kết quả thí nghiệm cho thấy, nghiệm thức NT2 (giống Hồng Gân) và nghiệm thức NT3 (giống Hồng Loan) có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt nhất trong 5 giống được thí nghiệm trong điều kiện thí nghiệm nhà màng. Kết quả thí nghiệm cho thấy giống hoa Hồng Gân và Hồng Loan có tiềm năng được nhân rộng trong điều kiện nhà màng tại làng hoa Phó Thọ, thành phố Cần Thơ.

4836	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm phân bón của công ty cổ phần phân bón sài gòn mekong giai đoạn 2015-2018	Phạm, Quốc Việt	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài: “Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm phân bón của Công Ty Cổ phần Phân Bón Sài Gòn MEKONG giai đoạn 2015-2018” Số liệu được sử dụng trong đề tài là số liệu thu thập được từ hoạt động tiêu thụ sản phẩm do phòng kinh doanh và phòng tổ chức hành chính của công ty cung cấp gồm các báo cáo hệ số năng lực phân bón, kế hoạch marketing và một số chứng từ có liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Mục tiêu 1: tổng doanh thu có xu hướng tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2015-2018. Doanh thu đạt 1,5 tỉ đồng ở năm 2018 so với 2015 cho thấy được hoạt động tiêu thụ sản phẩm đang hoạt động có hiệu quả với mức sản lượng cao nhất thuộc về giai đoạn 2017-2018 bước đầu công ty đang có những bước ổn định thị phần tiêu thụ. Mức sản lượng của sản phẩm phân bón của công ty qua giai đoạn 2015-2018 là không thay đổi đạt mức 1000 tấn trên năm, Nhưng sản lượng của các sản phẩm có sự thay đổi qua các năm. Đạt mức tăng trưởng cao nhất là phân bón chuyên dùng lúa đạt mức tăng thêm 63,2 tấn từ năm 2015 đến 2018 chiếm đến 46.3% tổng sản lượng phân bón của công ty năm 2011. Chi phí qua 4 năm hoạt động của công ty từ năm 2015-2018 giá vốn hàng bán là loại chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí của công ty, điều này thể hiện giá vốn hàng bán có mức ảnh hưởng quyết định đến lợi nhuận của công ty. Lợi nhuận của công ty có xu hướng tăng đều qua các năm, có bước tăng trưởng mạnh nhất là giai đoạn năm 2017-2018 với mức tăng là 431, 25 triệu đồng tương ứng chiếm 2.42% và có mức tăng trưởng thấp là giai đoạn năm 2015-2016 là 357,28 triệu đồng tương ứng chiếm 2.26% và năm 2017 tăng 393,68 triệu đồng chiếm 2,26% so với năm 2011. Mục tiêu 2: Doanh thu bán hàng: Đây là nhân tố ảnh hưởng cùng chiều với lợi nhuận của công ty, doanh thu bán hàng của công ty có mức ảnh hưởng với lợi nhuận là 453.4 triệu đồng năm 2015-2016 là 499,6 triệu đồng năm 2016-2017 và tăng 547,3 triệu đồng năm 2017-2018. Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là nhân tố tác động ngược chiều đến lợi nhuận làm giảm lợi nhuận lần lượt qua các giai đoạn là 96,12 triệu đồng năm 2015-2016, là 105,92 triệu đồng năm 2016-2017 và 116,05 triệu đồng năm 2017-2011. Mục tiêu 3: trong những giai đoạn mới công ty cần chú trọng việc cắt giảm các khoản làm giảm lợi nhuận, cải thiện công tác tiếp cận khách hàng và tăng cường công tác nâng cao thị phần và cũng như tăng cường mở rộng thương hiệu Sài Gòn Me Kong. Một số biện pháp: Bố trí cán bộ nghiệp vụ đi thu thập thông tin phản hồi từ khách hàng để đưa ra kế hoạch và chiến lược kinh doanh đúng.
------	---------	--	-----------------	-------------	------	--

4837	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ axit humic lên sinh trưởng và năng suất cải xanh (Brassica juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Đặng, Ngọc Dung	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ axit humic lên sinh trưởng và năng suất cải xanh (Brassica juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 04 đến tháng 06 năm 2019 nhằm tìm ra nồng độ axit humic thích hợp để cải xanh sinh trưởng và phát triển tốt nhất tại khu thực nghiệm, Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên, 2 nhân tố, với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: axit humic với nồng độ 0 g/l (Đối chứng), NT2: axit humic với nồng độ 3 g/l, NT3: axit humic với nồng độ 6 g/l, NT4: axit humic với nồng độ 9 g/l, NT5: axit humic với nồng độ 12 g/l. Kết quả thí nghiệm cho thấy, khi phun axit humic nồng độ 3g/l nước qua lá cải xanh cho sinh trưởng vượt trội về thân, lá tốt hơn so với nghiệm thức đối chứng và các nghiệm thức còn lại. Trong quá trình thực hiện nghiệm thức giai đoạn từ 5 đến 10 NSKT cây cải sinh trưởng chậm, từ 15 đến thời điểm thu hoạch 25 NSKT sinh trưởng và phát triển nhanh. Kết quả thí nghiệm cho thấy cải xanh sinh trưởng liên tục trong thời gian làm thí nghiệm. Về chỉ tiêu năng suất, kết quả thí nghiệm cho thấy trọng lượng trung bình cây khác biệt không ý nghĩa ở mức ý nghĩa thống kê 5%. Sử dụng axit humic 3g/l cho năng suất tổng cao nhất là 6,20 kg/m² và năng suất thương phẩm cao nhất là 4,80kg/m². Hầu hết việc phun axit humic với nồng độ như trong thí nghiệm chưa có ảnh hưởng đến tích lũy chất khô cũng như độ brix của cải xanh trồng trên đất phèn. Cần thực hiện thêm các thí nghiệm để có thể thấy rõ hơn tác động của axit humic trong việc cung cấp dinh dưỡng cho cây rau với năng suất cao và phát triển tốt nhất.
------	---------	--	-----------------	-------------------------	------	--

4838	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ axit humic lên sinh trưởng và năng suất cải thìa (<i>Brassica chinensis</i> L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Trần, Mỹ Tine	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ axit humic lên sinh trưởng và năng suất cải thìa (<i>Brassica chinensis</i> L.) Tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện từ cuối tháng 04 đến đầu tháng 06 năm 2019 thí nghiệm được thực hiện tại Trại thực nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Nông Nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ, khu Hòa An nhằm tìm ra sự ảnh hưởng của nồng độ axit humic lên sự sinh trưởng và năng suất của cải thìa. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Nghiệm thức 1: nồng độ axit humic là 0 g/l; Nghiệm thức 2: nồng độ axit humic là 2 g/l; Nghiệm thức 3: nồng độ axit humic là 3 g/l; Nghiệm thức 4: nồng độ axit humic là 4 g/l; Nghiệm thức 5: nồng độ axit humic là 5 g/l. Kết quả thí nghiệm cho thấy chiều cao cây, chiều dài lá và số lá của cải thìa ở giai đoạn 5, 10, 15, 20 và 25 NSKT giữa các nghiệm thức khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Chiều rộng lá ở giai đoạn 5 đến 10 NSKT khác biệt có ý nghĩa ở mức 5% và giai đoạn 15 đến 25 NSKT khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Chiều cao của cây trung bình dao động từ 6,71 – 12,75 cm. Chiều dài lá trung bình của cây dao động từ 5,07 – 8,91 cm. Số lá trung bình của cây dao động từ 4,14 – 10,81 lá. Chiều rộng lá ở thời điểm 5 NSKT cao nhất ở NT 2 là 2,30 cm, thời điểm 10 NSKT cao nhất ở NT 4 là 2,95 cm và giai đoạn 15 đến 25 NSKT chiều rộng cây dao động từ 3,45 – 4,80 cm. Đối với chỉ tiêu năng suất: trọng lượng trung bình của cây, năng suất tổng, năng suất thương phẩm, vật chất khô và độ Brix đều khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Trọng lượng trung bình cây dao động từ 12,54 – 16,97 g. Năng suất tổng dao động từ và năng suất thương phẩm. Vật chất khô dao động từ 5,95 – 9,34%. Độ Brix dao động từ 4,90 – 5,75%. Kết quả thí nghiệm cho thấy việc phun axit humic với nồng độ khác nhau không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất cải thìa.
------	---------	--	---------------	-------------------------	------	--

4839	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ dịch trích phân trùn quế bổ sung vào dung dịch dinh dưỡng lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng của dưa lưới (Cucumis melo L.)	Nguyễn, Thị Cẩm Hoa	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ dịch trích phân trùn Quế bổ sung vào dung dịch dinh dưỡng lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng của dưa lưới” được tiến hành nhằm xác định nồng độ dịch trích phân trùn quế thích hợp đảm bảo cây dưa lưới sinh trưởng, cho năng suất và chất lượng tốt. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ trong thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2019. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố, 5 nghiệm thức (tương ứng với 5 nồng độ dịch trích phân trùn Quế bổ sung vào dung dịch dinh dưỡng: 0, 500, 1000,1500, 2000ppm) với 3 lần lặp lại. Các chỉ tiêu theo dõi: sinh trưởng (dài thân, số lá, đường kính gốc), năng suất (trọng lượng trái, năng suất lý thuyết, năng suất thực tế) và chỉ tiêu về chất lượng (brix, dày vỏ, dày thịt). Kết quả thí nghiệm cho thấy sinh trưởng giữa các nghiệm thức là tương đương nhau: chiều dài thân chính từ 129,03-142,40 cm (40 NSKT), số lá trung bình là 21,9 lá (40 NSKT) và đường kính gốc thân ở 40 NSKT từ 0,91-1,01 cm. Nồng độ dịch trích phân trùn Quế bổ sung vào dung dịch dinh dưỡng không ảnh hưởng đến thành phần năng suất và phẩm chất trái. Trọng lượng trái trung bình là (1,063 kg). Năng suất lý thuyết trung bình 31,90 tấn/ha, năng suất thực tế trung bình 26,78 tấn/ha. Độ Brix trung bình 13,67%. Cần tiến hành thêm thí nghiệm có thể mở rộng nồng độ dịch trích phân trùn Quế bổ sung vào dung dịch dinh dưỡng.
4840	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa chịu phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019	Lý, Trí Hải	Nguyễn, Thành Trục	2020	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất 12 giống lúa chịu phèn tại Hòa An - Phụng Hiệp - Hậu Giang Đông vụ Xuân 2018-2019”. Đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại và 12 nghiệm thức tương ứng 12 giống lúa OM9577, OM465, OM11357, OM468, OM249, LP43, OM4900, An Sinh 1399, D21 – 3, OM6976(ĐC), OM5451 và MTL480 trong đó giống OM6976 làm giống đối chứng, 12 giống lúa đã được tuyển chọn từ trại giống Long Phú. Các giống lúa được áp dụng theo phương thức làm mạ sên và cấy mạ lúa 15 ngày tuổi, cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Kết quả thí nghiệm cho thấy có 2 giống lúa thích nghi tương đối tốt với điều kiện thời tiết thất thường, rầy nâu và bệnh đạo ôn. Đồng thời cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống MTL480 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất thực tế 7,2 tấn/ha, phẩm chất tốt, dạng gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên 59,5%,. Giống OM11357 có thời gian sinh trưởng 100 ngày, năng suất thực tế 9,2 tấn/ha, phẩm chất tốt, dạng gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên 54,8%.

4841	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ axit humic phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất của rau muống	Lý, Ngọc Hân	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ axit humic phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất của rau muống (<i>Impomoea aquatic F.</i>)” được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2019 nhằm khảo sát sự ảnh hưởng của các nồng độ axit humic khác nhau lên sự sinh trưởng và năng suất của rau muống tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang, từ đó tìm ra nồng độ axit humic thích hợp nhất cho sự sinh trưởng và năng suất của rau muống và làm cơ sở cho những thí nghiệm tiếp theo. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 5 nghiệm thức (là các nồng độ axit humic: 0 g/l, 3 g/l, 6 g/l, 9 g/l và 12 g/l) và 3 lần lặp lại. Diện tích mỗi đơn vị thí nghiệm là 4 m². Qua kết quả thí nghiệm cho thấy việc sử dụng axit humic phun qua lá với các nồng độ khác nhau chưa có sự ảnh hưởng rõ rệt ảnh hưởng đến chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá và số lá của rau muống qua các giai đoạn sinh trưởng: chiều cao cây rau muống trung bình của các nghiệm thức dao động từ 3,91 - 40,5 cm, chiều dài lá là 4,39 - 15,9 cm, chiều rộng lá là 0,59 - 2,09 cm và số lá 1,17 - 10,0 lá. Các chỉ tiêu về năng suất và độ Brix của rau cũng không bị ảnh hưởng: trọng lượng khô của rau là 6,72%, trọng lượng cây 14,0 g, trọng lượng thân 8,79 g, trọng lượng lá 5,26 g, năng suất tổng của rau muống trong thí nghiệm là 2,34 kg/m², năng suất thương phẩm là 2,23 kg/m², độ Brix là 2,98%.
4842	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ alpha-Naphthalen acetic axit (NAA) phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất của cây húng quế (<i>Ocimum basilicum L.</i>) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Lê, Thị Diễm Trang	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ α-Naphthalen acetic axit (NAA) phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất của cây Húng quế (<i>Ocimum basilicum L.</i>) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện tại Khu thực nghiệm khoa Phát triển nông thôn, trường Đại học Cần Thơ khu Hòa An từ 12/2018 – 03/2019 nhằm xác định nồng độ NAA thích hợp giúp cho cây Húng quế sinh trưởng tốt và đạt năng suất cao. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (tương ứng với 5 nồng độ NAA lần lượt là: 0 ppm, 5 ppm, 10 ppm, 15 ppm, 20 ppm) và 3 lần lặp lại, mỗi đơn vị thí nghiệm gồm 80 cây. Thí nghiệm cho kết quả như sau: Ở đợt 1, các chỉ tiêu sinh trưởng như chiều cao cây, kích thước lá, số lá trên thân chính, đường kính tán, đường kính gốc đều không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê 5%. Trong đó, NT4 (15 ppm) có số cành cấp 1 và 2 cao nhất có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê 5% so với các nghiệm thức còn lại. Năng suất tổng của NT4 (15 ppm) cao nhất là 0,77 kg/m² và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê 5% so với các nghiệm thức còn lại. Tuy nhiên, ở năng suất thương phẩm cả 5 NT đều không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Ở đợt 2, tất cả các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất đều không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê 5%. Việc phun NAA qua lá với nồng độ 15 ppm có ảnh hưởng đến sinh trưởng (làm tăng số cành cấp 1 và 2) và năng suất (làm tăng năng suất tổng) của cây Húng quế ở đợt 1 và không có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất ở đợt 2.

4843	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ nuôi đến sinh khối trùn quế (<i>perionyx excavatus</i>) và chất lượng phân trùn.	Trần, Thanh Sang	Nguyễn, Thị Bạch Kim Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của mật độ nuôi đến sinh khối trùn Quế (<i>Perionyx excavatus</i>) và chất lượng lượng phân trùn” đã được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng mật độ nuôi trùn Quế đến sinh khối trùn tươi và chất lượng phân trùn, tìm ra mật độ nuôi thích hợp đến sinh khối trùn tươi và cho ra phân trùn có chất lượng. Đề tài được thực hiện từ tháng 8 – 10/2018 tại khu Hòa An trường Đại học Cần Thơ khoa Phát triển Nông thôn. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, một nhân tố với 06 nghiệm thức ứng với 06 mật độ nuôi trùn Quế khác nhau (0kg/m², 2kg/m², 4kg/hm², 6kg/m², 8kg/m², 10kg/m²) được thực hiện 3 lần lặp lại. Tổng diện tích dùng để làm thí nghiệm là 27 m² mỗi ô thí nghiệm là 1,5 m². Thức ăn cho trùn Quế trong thí nghiệm là chất hữu cơ sẵn có tại Khoa Phát triển Nông thôn, khu Hòa An, trường Đại học Cần Thơ, bao gồm 60% phân bò và 40% rác sinh hoạt hữu cơ, phụ phế phẩm nông nghiệp và bèo tấm từ kênh mương. Khi nuôi trùn ở các mật độ khác nhau sinh khối trùn Quế tươi sẽ bị ảnh hưởng. Trong đó khối lượng trùn tăng cao (0,517 - 0,540 kg/m²) ở các nghiệm thức có mật độ cao. Tương tự như khối lượng trùn tăng thì tốc độ chuyển hóa thức ăn nhanh được thể hiện ở các nghiệm thức có mật độ cao (4,298 - 44,557). Hệ số sinh trưởng của tốt nhất nhất ở nghiệm thức mật độ thả thấp. Khi nuôi trùn ở các mật độ nuôi khác nhau thì chất lượng phân trùn được biểu hiện ở khối lượng phân tươi và hiệu suất phân tươi. Khối lượng phân giảm (8,956 - 11,333 kg/m²) ở các nghiệm thức có mật độ cao. Hiệu suất phân tươi cũng vậy phân giảm (0,392 - 0,397%) ở các nghiệm thức có mật độ cao. Hàm lượng dinh dưỡng N, P, K giữa các nghiệm thức không có dao động nhiều. Khi nuôi trùn ở các mật độ khác nhau mật độ thích hợp đến sinh khối trùn Quế tươi và chất lượng phân trùn là mật độ 6 kg/m² (nghiệm thức 4).
------	---------	---	------------------	--	------	---

4844	Đại học	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2014-2018	Nguyễn, Trí Hiền	Trần, Quốc Nhân	2020	Với mục đích xem xét tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 đề tài “Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2014-2018” được thực hiện. Với mục tiêu phân kết quả xuất khẩu gạo của Việt Nam về sản lượng, giá trị cũng như giá xuất khẩu của riêng Việt Nam và một số đối thủ cạnh tranh và đề xuất ra một số giải pháp giúp cho xuất khẩu gạo Việt ngày càng phát triển. Với các mục tiêu đề ra là đề tài sử dụng các phương pháp thu thập số liệu từ các cơ quan tổ chức thống kê của Việt Nam và thế giới. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả và so sánh để mô tả và hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam, đánh giá khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu phân tích, đồng thời tìm hiểu nguyên do biến động. Từ kết quả phân tích cho thấy tình hình xuất khẩu gạo Việt Nam trong giai đoạn 2014 đến 2018 có nhiều biến động, tăng giảm về giá trị xuất khẩu sản lượng cũng như giá xuất khẩu. Cụ thể sản lượng gạo xuất khẩu năm 2016 của Việt Nam là 4,809 triệu tấn mang về 2,159 tỷ USD đã tăng lên 6,115 triệu tấn gạo và mang về giá trị 3,068 tỷ USD tăng 21,4% về sản lượng và 29,7% về giá trị. Nhưng nhìn chung giá gạo xuất khẩu của Việt Nam còn thấp hơn so với các nước trên thế giới kéo theo đó là giá trị xuất khẩu không tương xứng với sản lượng. Bên cạnh đó yếu tố chất lượng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán gạo Việt và cũng ảnh hưởng không nhỏ đến xuất khẩu gạo Việt sang các thị trường khó tính. Tuy đạt sản lượng xuất khẩu cao nhưng gạo Việt vẫn phải phụ thuộc nhiều vào một số thị trường cụ thể như Trung Quốc, Philippines Malaysia..., đây là những thị trường mà gạo Việt Nam đạt sản lượng xuất khẩu cao nhất. Ngoài ra tình hình xuất khẩu gạo Việt Nam còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan khác. Từ kết quả phân tích cho thấy xuất khẩu gạo Việt Nam trong thời gian tới cần nâng cao chất lượng đáp ứng các yêu cầu của từng thị trường khác nhau, bên cạnh đó việc mở rộng thị trường và tìm kiếm các thị trường mới, các thị trường ở phân khúc cao cấp hơn cũng là một trong những việc làm quan trọng để giúp hạt gạo Việt Nam đi xa hơn để khẳng định thương hiệu chất lượng và nâng cao giá trị.
------	---------	---	------------------	-----------------	------	---

4845	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất 13 giống lúa triển vọng tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ hè thu 2018	Mai, Thị Hồng Nhung	Nguyễn, Thành Trục	2020	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất 13 giống lúa triển vọng tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ hè Thu 2018”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Hè Thu 2018. Bộ giống gồm 13 giống lúa được cung cấp từ Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long: OM359, OM6976, OM429, OM20, OM348, OM9577, OM384M OM368, OM121, OM3673, OM11375, OM4900 (Đối chứng), MTL480, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng là OM4900 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sên mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Thí nghiệm được thực hiện tại khu thực nghiệm trồng lúa kho Phát Triển Nông Thôn, trường Đại Học Cần Thơ khu Hòa An. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 3 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: giống OM359 có thời gian sinh trưởng 105 ngày, năng suất lúa khô 6,5 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 50,8 % thuộc dạng hạt trung bình; giống OM348 có thời gian sinh trưởng 105 ngày, năng suất lúa khô 6,22 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 55,2 %, thuộc dạng hạt thon dài; giống OM 9577 có thời gian sinh trưởng 105 ngày, năng suất lúa khô 6,06 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 57,6%, thuộc dạng hạt trung bình.
------	---------	---	---------------------	--------------------	------	--

4846	Đại học	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn thức ăn đến sinh khối trùn quế (<i>Perionyx excavatus</i>) và chất lượng phân trùn.	Nguyễn, Văn Ý	Nguyễn, Thị Bạch Kim Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn thức ăn đến sinh khối của trùn Quế và chất lượng phân trùn, thí nghiệm được thực hiện tại (Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại Học Cần Thơ). Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, một nhân tố với 05 nghiệm thức ứng với 05 tỷ lệ phối trộn thức ăn hữu cơ và bèo tấm khác nhau (60% phân bò + 40% rác hữu cơ + 0% bèo tấm; 60% phân bò + 30% rác hữu cơ + 10% bèo tấm; 60% phân bò + 20% rác hữu cơ + 20% bèo tấm; 60% phân bò + 10% rác hữu cơ + 30% bèo tấm; 60% phân bò + 0% rác hữu cơ + 40% bèo tấm) thực hiện 3 lần lặp lại, thức ăn cho trùn Quế trong thí nghiệm là chất hữu cơ sẵn có tại Hòa An, bao gồm rác hữu cơ và bèo tấm từ kênh mương phối trộn cùng với phân bò. Mật độ thả trùn sinh khối thả ban đầu bằng nhau giữa các nghiệm thức là 6 kg sinh khối trùn/ m² (sinh khối trùn bao gồm trùn bố mẹ, trùn con và môi trường sống). Diện tích ô nuôi 1,5m: 1m: 0,5m. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ phối trộn thức ăn có ảnh hưởng đến sinh khối của trùn Quế tươi, với tỷ lệ phối trộn thức ăn ở nghiệm thức 1 (60% phân bò + 40% rác hữu cơ + 0% bèo tấm) thì trùn tăng trưởng tốt nhất 0,523 kg/m² và có hệ số sinh trưởng tăng 4,16 lần cao hơn so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỷ lệ phối trộn thức ăn có ảnh hưởng đến chất lượng phân trùn, ở nghiệm thức (60% phân bò + 40% rác hữu cơ + 0% bèo tấm) có khối lượng phân thu được là 11,3 kg/m², có hiệu suất phân 0.48% thấp hơn các nghiệm thức còn lại. Kết quả phân tích chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng trong phân trùn: Ở các nghiệm thức không chênh lệch nhiều.
------	---------	---	---------------	--	------	--

4847	Đại học	Hiệu quả đầu tư và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang	Ngô, Gia Nguyên	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài “Hiệu quả đầu tư và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 08/2019 đến tháng 12/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp điều phỏng vấn 458 hộ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong năm 2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả đầu tư được đánh giá qua thu nhập của nông hộ. Kết quả hồi quy cho thấy có 5 biến có ý nghĩa là giới tính, diện tích đất sản xuất, tham gia hội, số hoạt động phi nông nghiệp, nhân khẩu. Hệ số ICOR đánh giá hiệu quả vốn đầu tư được tính từ năm 2008 – 2018 được chia ra 2 giai đoạn trước và sau nông thôn mới từ năm 2008 – 2010 thì hệ số ICOR được tính theo giá so sánh 1994 và từ năm 2011 – 2018 được tính theo giá so sánh 2010, nhìn chung hệ số ICOR có sự giảm dần qua các năm và trước khi thực hiện nông thôn mới thì hệ số ICOR lại cao hơn so với sau khi thực hiện nông thôn mới điều này cho thấy có hiệu quả đầu tư khi thực hiện nông thôn mới. Nguồn vốn đầu tư từ lúc đầu thực hiện nông thôn mới sẽ tác động đến những năm kế tiếp vì thế đến năm 2018 thì hệ số ICOR chỉ còn 6,26 và so với cả nước là 5,97 cho thấy không chênh lệch nhiều giữa tỉnh Hậu Giang và cả nước. Các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số ICOR là vốn đầu tư và tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư là cần phải đầu tư vào những chương trình lớn có tầm quan trọng phân bổ vốn đầu tư một cách hợp lý đúng theo từng ngành và từng lĩnh vực, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, quy mô lớn và hiện đại, thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài.
------	---------	--	-----------------	-------------	------	---

4848	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới Hậu Giang	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thùy Trang	2020	Đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới Hậu Giang”. Đề tài được thực hiện từ tháng 03 đến tháng 12 năm 2019. Dữ liệu được thu thập trong đề tài vào tháng 03 năm 2019 Xây dựng nông thôn mới là một trong những Chương trình mục tiêu quốc gia lớn theo chủ trương, chính sách nhà nước. Yếu tố quyết định đến sự thành công đối với chương trình là sự tham gia của người dân trên địa bàn. Nghiên cứu “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới Hậu Giang” được thực hiện với 03 mục tiêu cụ thể: (1) Thực trạng tham gia xây dựng nông thôn mới của người dân tỉnh Hậu Giang, (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đóng góp của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới, (3) Đề xuất các giải pháp nhằm tăng sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn 07 huyện, thị xã của tỉnh Hậu Giang (thị xã Ngã Bảy, Châu Thành A, Châu Thành, Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ, Long Mỹ, Vị Thùy). Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 hộ dân trên địa bàn 7 huyện, thị xã. Các phương pháp phân tích số liệu được sử dụng bao gồm: thống kê mô tả và mô hình Probit. Qua phân tích, có 06 yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng NTM, đó là yếu tố nhân khẩu, kinh nghiệm, lao động chính, nghề nghiệp (nông nghiệp, phi nông nghiệp và hành chính) Tổng hợp nội dung kết quả và thảo luận, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy, tăng sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới như đây mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân thức của người dân về vai trò của họ trong thực thi chính sách NTM, Khuyến khích giao cho địa phương và cộng đồng dân cư thực hiện những công trình, dự án gắn liền với lợi ích của họ để nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và vai trò của người dân trong triển khai thực hiện chương trình, mở các lớp đào tạo nghề cho các đối tượng chưa có nghề nghiệp ổn định, các đối tượng là phụ nữ chỉ đảm nhiệm vai trò nội trợ chưa có thu nhập, tổ chức các hoạt động, các buổi sinh hoạt chung để người dân cùng nhau tham gia, chia sẻ các kinh nghiệm Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng NTM còn gặp không ít khó khăn như: kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, khả năng thu hút đầu tư chưa cao; việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng còn hạn chế do kinh phí đầu tư lớn; thu nhập và mức sống của người dân còn chênh lệch nhiều, những hộ có mức thu nhập thấp chỉ tập trung vào hoạt động
------	---------	--	---------------------	--------------------	------	--

4849	Đại học	Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập của người dân tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Phương Trinh	Nguyễn, Thùy Trang	2020	Đề tài “Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập của người dân tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 03/2019 đến tháng 12/2019. Số liệu sơ cấp thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 hộ dân tại xã Đại Thành, Đông Phước A, Trường Long Tây, Long Phú, Vĩnh Trung, Hòa An, Vĩnh Viễn A trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thông qua bảng câu hỏi đã soạn sẵn Đề tài “Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập của người dân tỉnh Hậu Giang” thực hiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 hộ tại 7 huyện của tỉnh Hậu Giang chia thành 3 nhóm xã có mức hoàn thành khác nhau: ở nhóm xã có mức độ hoàn thành tốt (17 – 19 tiêu chí) là 144 hộ, ở nhóm xã có mức độ hoàn thành khá (12 – 15 tiêu chí) là 156 hộ, ở nhóm xã có mức độ hoàn thành thấp (12 – 15 tiêu chí) là 158 hộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích điểm xu hướng thông qua phương pháp so sánh cận gần và so sánh phạm vi/bán kính. Qua kết quả đánh giá tác động của chương trình NTM đến thu nhập của người dân cho thấy, thông qua phương pháp phân tích điểm xu hướng với phương pháp so sánh cận gần nhất thì tổng thu nhập của người dân sau khi có chương trình NTM tăng lên 56.246.000 đồng/năm có ý nghĩa ở mức 10%, với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính thì tổng thu nhập của người dân sau khi có chương trình NTM tăng lên 20.662.000 đồng/năm có ý nghĩa ở mức 1%. Với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính thì thu nhập từ nông nghiệp sau khi có chương trình NTM tăng lên 11.351.000 đồng/năm có ý nghĩa ở mức 10%. Từ đó, địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chương trình NTM để nâng cao sự tham gia đóng góp của người dân vào NTM góp phần cải thiện thu nhập người dân trong quá trình xây dựng NTM trên địa bàn.
------	---------	---	------------------------	--------------------	------	--

4850	Đại học	Nghiên cứu sự sẵn lòng đóng góp của người dân đối với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Mộng Linh	Võ, Hồng Tú	2020	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài này nghiên cứu sự sẵn lòng đóng góp của người dân đối với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang dựa trên số liệu điều tra 458 hộ dân theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Nghiên cứu từ mô hình hồi quy Probit để mô tả giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến yếu tố tác động đến quyết định tham gia đóng góp của người dân. Mô hình double bound trong CVM để phân tích các yếu tố tác động đến mức độ đóng góp của người dân vào các công trình xây dựng NTM tại địa bàn được nghiên cứu. Kết quả mô tả thống kê từ nghiên cứu này cho thấy, có 456 hộ gia đình chiếm khoảng 99,56% người dân chấp nhận đồng ý đóng góp cho dự án, có 3 nhóm xã thì có tỉ lệ phần trăm tham gia như: nhóm xã hoàn thành tốt chiếm 100%, hoàn thành khá 100% còn lại nhóm xã hoàn thành thấp là không đồng ý tham gia đóng góp chỉ chiếm 1,27%. Hình thức đóng góp bằng tiền được người dân lựa chọn tham gia tương đối cao và có giá trị đóng góp trung bình khoảng 1,35 triệu đồng và giá trị cao nhất khoảng 300 triệu đồng, thấp nhất là không đóng góp. Ngoài ra hình thức đóng góp chiếm trung bình khoảng 54,12 m² và giá trị cao nhất 5.205 m², giá trị thấp nhất là không đóng góp đất. Hình thức đóng góp ngày công lao động, giá trị đóng góp trung bình của hộ gia đình tham gia khảo sát cho hình thức này gần bằng 1 ngày công, trong đó hộ đóng góp cao nhất lên đến 60 ngày và thấp nhất là không có ngày nào. Kết quả mô hình hồi quy Probit sự đóng góp của người dân sẽ phụ thuộc vào những yếu tố như địa bàn các xã, tuổi, giới tính, trình độ, tham gia hội, thu nhập, gia đình văn hóa nên việc nghiên cứu sẽ ước lượng được mức sẵn lòng đóng góp của người dân. Thống kê mô tả và chi tiết về các biến giải thích được, cụ thể WTP có giá trị trung bình là 0,99 và 3 nhóm xã có giá trị trung bình là 2,03. Đề tài đã sử dụng sử dụng mô hình double bound trong CVM được chạy số liệu từ phần mềm stata, ta thấy giá trị kiểm định mô hình Prob > chi² = 0.000 thể hiện mô hình nghiên cứu với mức ý nghĩa cao. Trong đó có 6 biến độc lập có ý nghĩa về mặt thống kê từ 1% đến 10%, đó là các biến: gia đình văn hóa, thu nhập bình quân, tham gia hội, trình độ cấp 2, giới tính, mức giá bid. Từ kết quả nghiên cứu, một số nhóm giải pháp đa dạng hình thức huy động, giải pháp công tác tuyên truyền đến với người dân sẵn sàng tham gia đóng góp, vận động người dân đóng góp cho chương trình XD NTM, từ phân tích SWOT cũng có một số giải pháp đi kèm, đã được đề xuất nhằm đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng cho phát triển các công trình xây dựng tại vùng nông thôn tỉnh Hậu Giang.
------	---------	--	-------------------	-------------	------	---

4851	Đại học	Nhận thức của cộng đồng và chính quyền địa phương về chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang	Đặng, Thị Tiểu Sương	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài thực hiện từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019, điều tra phỏng vấn 458 hộ dân và 43 cán bộ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả thực trạng người dân tham gia, thực trạng đầu tư chương trình xây dựng NTM, kết quả hoàn thành các tiêu chí NTM và vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội,... trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Sử dụng phương pháp ANOVA để so sánh sự khác biệt về nhận thức của cộng đồng giữa 3 nhóm xã (hoàn thành tốt, hoàn thành khá, hoàn thành thấp). Phương pháp phân tích hồi quy Tobit để đo lường và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của cộng đồng và chính quyền địa phương về chương trình xây dựng NTM tại tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của người dân về chương trình xây dựng NTM giữa 3 nhóm xã thì nhóm xã hoàn thành tốt người dân có nhận thức cao hơn nhóm xã hoàn thành khá và hoàn thành thấp. Kết quả phân tích cho thấy có 4 nhóm nhân tố (có ý nghĩa thống kê) ảnh hưởng đến nhận thức của người dân: mức độ hoàn thành tốt là 30,5%, mức độ hoàn thành khá là 25,6%, tuổi chủ hộ là 0,4% và nghe về NTM là 61,9%. Kết quả nghiên cứu về nhận thức của cán bộ giữa 3 nhóm xã cho thấy không có sự khác biệt về nhận thức của cán bộ. Bên cạnh đó, kết quả phân tích cũng cho thấy không có nhân tố nào ảnh hưởng đến nhận thức của cán bộ địa phương.
4852	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Ngọc Duyên	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài nghiên cứu “Đánh giá mức độ hài lòng của cộng đồng đối với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019 nhằm đánh giá mức độ hài lòng của cộng đồng đối với CT XD NTM, từ đó đề ra giải pháp góp phần nâng cao mức độ hài lòng của cộng đồng tại địa bàn nghiên cứu. Đề tài được thực hiện tại 7 xã của 7 huyện tỉnh Hậu Giang, mẫu điều tra được chọn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện và số liệu thu thập được bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 nông hộ tại 7 huyện của tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu dùng thang đo Likert 5 cấp độ để đánh giá mức độ hài lòng. Bên cạnh đó, sử dụng kiểm định Cronbach Alpha kiểm định độ tin cậy của mô hình và dùng kiểm định Bartlett xem xét mối tương quan giữa các biến với nhau, sau đó phân tích nhân tố EFA và hồi quy tương quan đa biến để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hài lòng của cộng đồng được tác động mạnh mẽ bởi các thành phần nhân tố: Dân làm về tham gia đóng góp tài chính là 15.5%, ý nghĩa của dân biết về NTM là 13.9%, vai trò của người dân về đề án XD NTM là 17.1% và ý nghĩa của kết quả hưởng thụ đối với môi trường sinh hoạt là 38.3%.

4853	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Trần, Thái Dương	Nguyễn, Thành Trục	2020	Nhằm tìm được các giống phù hợp về mặt năng suất và phẩm chất, kháng được sâu bệnh chính, phục vụ canh tác là mục tiêu của đề tài đề “So sánh năng suất và phẩm chất các giống lúa cao sản ngắn ngày tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ, trại giống Long Phú gồm: D45, D16-1, D49-17, D2-3, LP44, D63, OM18, D6-3, LP-3, MTL480, OM5451, OM4900 (ĐC) thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại. Áp dụng phương pháp làm mạ sên 15 ngày tuổi, được cấy 1 tếp trên bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã chọn được 2 giống lúa phù hợp nhất thích nghi trên vùng đất phèn ở cấp 1 cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống D16-1 có thời gian sinh trưởng 96 ngày, năng suất lúa khô cao 7,95 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng (10%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên (48,5%). Giống D63 có thời gian sinh trưởng 99 ngày, năng suất lúa khô cao 7,49 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng (4%), hình dạng hạt gạo thon dài và tỷ lệ gạo nguyên (64,4%).
4854	Đại học	Thực trạng nguồn vốn sinh kế nông hộ và kết quả xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang	Trương, Thanh Tùng	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài “Thực trạng nguồn vốn sinh kế của nông hộ và kết quả chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang” thực hiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 hộ tại 7 huyện của tỉnh Hậu Giang chia thành 3 nhóm xã có mức hoàn thành khác nhau: ở nhóm xã có mức độ hoàn thành tốt (17 – 19 tiêu chí) là 144 hộ, ở nhóm xã có mức độ hoàn thành khá (12 – 15 tiêu chí) là 156 hộ, ở nhóm xã có mức độ hoàn thành thấp (12 – 15 tiêu chí) là 158 hộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích mô hình hồi quy đa biến. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy, có 4 yếu tố ảnh hưởng thuận chiều đến thu nhập của nông hộ: diện tích đất của hộ, tiếp cận vay vốn, nhân khẩu, mức độ hoàn thành tốt về việc xây dựng NTM. Từ đó, đưa ra đề xuất giải pháp góp phần tăng thu nhập hộ gia đình cũng như nâng cao sinh kế của hộ..

4855	Đại học	Nghiên cứu hoạt động của cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Tuyết Minh	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài “Nghiên cứu hoạt động của Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn Thành phố Cần Thơ” được thực hiện trong năm 2019 nhằm phân tích thực trạng chung của những nông hộ sản xuất lúa và cùng lúc có tham gia vào hoạt động mua bán lúa hay còn gọi là “Cò lúa” trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và cụ thể là trên 2 địa bàn, huyện là Ô Môn và quận Cờ Đỏ. Phân tích hiện trạng sản xuất và tiêu thụ của nông hộ. Nghiên cứu sự ảnh hưởng của “Cò lúa” trong khâu thu hoạch và tiêu thụ. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị để nâng cao hiệu quả trong khâu thu hoạch và tiêu thụ, cải thiện một số vấn đề về lợi nhuận cho nông dân. Nghiên cứu được thực hiện thông qua việc thu thập và phân tích số liệu thứ cấp, phỏng vấn trực tiếp 60 nông hộ sản xuất lúa và có tham gia vào hoạt động “Cò lúa” trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với việc phỏng vấn trực tiếp 60 nông hộ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, cụ thể là huyện Cờ Đỏ và quận Ô Môn. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tìm ra các chỉ tiêu lớn nhất, nhất và trung bình trong hoạt động sản xuất lúa và trong hoạt động Cò. Các chỉ tiêu được phân tích gồm các chi phí, doanh thu và lợi nhuận. Tìm ra những khó khăn trong hoạt động Cò từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục. Qua khảo sát thực tế 60 nông hộ hoạt động sản xuất lúa cho biết được sản lượng lúa thu hoạch được của vụ Đông xuân là cao nhất với 9.230 kg/ ha, thấp nhất là 4.680 kg/ ha; Hè thu và Thu đông có sản lượng cao nhất là 7.700 kg/ ha, thấp nhất là 3.800 kg/ ha. Chi phí sản xuất là tất cả các khoảng chi phí phục vụ cho sản xuất lúa, qua khảo sát 60 nông hộ hoạt động sản xuất lúa thì chi phí bỏ ra của nông hộ không thuê đất trong một năm cao nhất là 74.134.611 đồng/ ha/ năm, thấp nhất là 30.225.868 đồng/ ha. Với lợi nhuận thu về được cao nhất là 47.913.389 đồng/ ha/ năm, thấp nhất là 22.274.132 đồng/ ha/ năm. Về nông hộ có thuê đất thì chi phí cao nhất là 104.134.611 đồng/ ha/ năm, thấp nhất là 60.225.868 đồng/ ha/ năm. Qua đề tài nghiên cứu cho thấy được các hiện trạng hoạt động của Cò, các khoảng chi phí, doanh thu và lợi nhuận trong hoạt động Cò. Tổng chi phí của hoạt động Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ cao nhất là 75.000.000 đồng/ năm, thấp nhất là 450.000 đồng/ năm. Lợi nhuận của hoạt động này mang lại trong khâu thu hoạch cao nhất là 282.560.000 đồng/ năm, thấp nhất là 2.118.000 đồng/ năm. Lợi nhuận trong khâu tiêu thụ cao nhất là 320.000.000 đồng/ năm, thấp nhất là 640.000 đồng/ năm. Bên cạnh những mặt tích cực trong hoạt động Cò mang lại là giúp cho việc thu hoạch và tiêu thụ được dễ dàng hơn thì còn có
------	---------	---	-----------------------	---------------	------	---

4856	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình trồng măng cầu Xiêm của nông hộ tại xã Hòa Mỹ huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Anh Thư	Lê, Văn Dễ	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình trồng măng cầu Xiêm của nông hộ tại địa bàn xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực tại xã Hòa Mỹ thuộc huyện Phụng Hiệp thời gian thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích mức hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất măng cầu xiêm tại xã Hòa Mỹ, từ đó góp phần cải thiện thu nhập của nông hộ trồng măng cầu Xiêm. Số liệu sơ cấp được phỏng vấn trực tiếp 40 nông hộ trồng măng cầu Xiêm ở xã Hòa Mỹ, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Nội dung phân tích gồm: phân tích hiện trạng trồng măng cầu Xiêm và các nhân tố ảnh hưởng đến mức hiệu quả của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu. Đề tài phân tích hiệu quả kinh tế thông qua phương pháp đo lường hiệu quả kinh tế bằng bảng công cụ phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis) và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất măng cầu Xiêm của nông hộ bằng phương pháp hồi qui. Hiệu quả kinh tế đạt được là 43,1%, kết quả phân tích hồi cũng cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế là: diện tích, mật độ, chi phí lao động gia đình có tương quan nghịch với hiệu quả kinh tế; tập huấn, số năm kinh nghiệm có tương quan dương với hiệu quả kinh tế. Đề xuất một số biện pháp cải thiện mức hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng măng cầu Xiêm tại xã Hòa Mỹ, nông hộ nên điều chỉnh mức đầu vào theo tỷ lệ tối ưu có tính đến giá tương đối của các yếu tố đầu vào trong sản xuất.
4857	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ phân cá ủ truyền thống phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất của cây cải xanh (Brassica Juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Trần, Thị Mỹ Hào	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thị Bạch Kim	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ phân cá ủ truyền thống phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất của cây cải xanh (Brassica Juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đã được thực hiện. Thí nghiệm đã được thực hiện từ tháng 7/2019 đến 9/2019 tại khu thực nghiệm khoa Phát Triển Nông Thôn, trường Đại học Cần Thơ, nhằm tìm ra nồng độ thích hợp cho sinh trưởng và năng suất của cây cải xanh. Thí nghiệm được thực hiện theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại: nghiệm thức 1 phun phân cá nồng độ 0ml/lít; nghiệm thức 2 phun phân cá nồng độ 2,5 ml/lít; nghiệm thức 3 phun phân cá nồng độ 5 ml/lít; nghiệm thức 4 phun phân cá nồng độ 7,5 ml/lít; nghiệm thức 5 phun phân cá nồng độ 10 ml/lít. Kết quả thí nghiệm cho thấy việc phun bổ sung phân cá với nồng độ khác nhau có ảnh hưởng đến chỉ tiêu sinh trưởng tại thời điểm 20 NSKT (thu hoạch) ở nồng độ phân cá 2,5 ml/lít cho kết quả cao nhất; ảnh hưởng đến trọng lượng cây cũng ở nồng độ phân cá 2,5 ml/lít. Tại thời điểm sinh trưởng khác (4 NSKT, 8 NSKT, 12 NSKT, 16 NSKT) không bị ảnh hưởng khi phun bổ sung phân cá. Năng suất thực tế trung bình 10,71 tấn/ha, năng suất thương phẩm trung bình 10,04 tấn/ha, tỷ lệ thương phẩm trung bình là 93,64%, độ Brix trung bình đạt 3,27%. Nhìn chung, phân cá phun qua lá lên cải xanh ở các nồng độ khác nhau có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh, nhưng không ảnh hưởng đến độ Brix.

4858	Đại học	Ảnh hưởng liều lượng phân KaLi đến sự sinh trưởng và năng suất dưa leo (Cucumis sativus L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Đoàn, Minh Trung	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Lê, Trần Thanh Liêm	2020	Đề tài “ Ảnh hưởng liều lượng phân kali đến sự sinh trưởng và năng suất dưa leo (Cucumis sativus L.) Trồng tại hòa an, phụng hiệp, hậu giang” thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 4/2019 đến 6/2019 Qua thí nghiệm việc sử dụng 5 mức phân kali không ảnh hưởng đến sinh trưởng của dưa leo: chiều dài, đường kính, số lá.và cũng không làm ảnh hưởng đến năng suất và thành phần năng suất của dưa leo như trọng lượng trái, số trái trung bình trên dây, năng suất thương phẩm(32,8 tấn/ ha) năng suất tổng (38,75 tấn/ha) Qua thí nghiệm có thể sử dụng mức kali 19,2g/m2 đến 21,6g/m2 cây dưa vẫn sinh trưởng và cho năng suất tốt giảm được liều lượng phân
4859	Đại học	Hiệu quả sản xuất và đóng góp trong thu nhập nông hộ của mô hình sản xuất lúa ở xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Vạn Lý	Trần, Quốc Nhân	2020	Đề tài “Hiệu quả sản xuất và đóng góp trong thu nhập nông hộ của mô hình sản xuất lúa ở xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 - 12/2019 nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất và thu nhập của nông hộ trồng lúa ở xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Qua kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế trong canh tác và nâng cao hiệu quả sản xuất và đem lại thu nhập cao cho nông dân tại xã Tân Hòa Số liệu được thu thập từ 50 hộ trồng lúa ở xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thông qua phương pháp chọn mẫu thuận tiện và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích hồi quy đa biến và phân tích hồi quy tương quan để phân tích số liệu Kết quả phân tích cho thấy chủ hộ có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất lúa, tham gia nhiều buổi tập huấn về kỹ thuật sản xuất lúa, kỹ thuật phòng trừ dịch bệnh và nhưng buổi hội thảo giới thiệu phân thuốc mới. Diện tích đất trồng lúa trung bình của nông hộ là 1,05 ha chiếm 87% tổng diện tích đất nông nghiệp, thu nhập lúa trung bình một năm của nông hộ chiếm 52% trong tổng thu nhập của nông hộ, có thể thấy lúa là nguồn thu nhập chính mang lại nguồn thu nhập lớn cho nông hộ. Tuy nhiên, tổng thu nhập một người trên năm tương đối thấp so với trung bình tỉnh Hậu Giang và ĐBSCL Về hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ, cho thấy tổng chi phí vụ ĐX là thấp nhất và vụ HT là cao nhất, đồng thời lợi nhuận vụ ĐX là cao nhất và vụ HT là thấp nhất. Về hiệu quả đầu vốn thì vụ ĐX vẫn là cao nhất và thấp nhất là vụ HT, lợi nhuận vụ ĐX ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Nghiên cứu đã xác định giống IR50404 ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình trồng lúa và ảnh hưởng tỉ lệ nghịch với mô hình lúa Kết quả phân tích mối quan hệ thu nhập từ sản xuất lúa và tổng thu nhập của nông hộ thì có diện tích đất lúa và thu nhập lúa tương quan chặt chẽ với tổng thu nhập và mối quan hệ đó tuyến tính thuận chiều, tức diện tích đất lúa và thu nhập lúa tăng thì tổng thu nhập nông hộ tăng nhưng không đồng đều.

4860	Đại học	Khảo sát sinh trưởng và năng suất 5 giống cải ngọt (Brassica intergrifolia) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Thị Bích Thảo	Lê, Trần Thanh Liêm Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài: “Khảo Sát Sinh Trưởng Và Năng Suất 5 Giống Cải Ngọt (Brassica intergrifolia) Tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện tại Khu thực nghiệm Hòa An, Khoa Phát triển Nông Thôn, Trường Đại Học Cần Thơ từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019. Đề tài được tiến hành nhằm tìm ra giống cải ngọt phù hợp có khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên của vùng và cho năng suất cao phục vụ cho người dân trong khâu chọn giống. Thí nghiệm 1 nhân tố được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 5 nghiệm thức, 3 lần lặp lại. Các nghiệm thức lần lượt: Nghiệm thức 1 giống cải ngọt TSOI SIM, nghiệm thức 2 giống RICOTTO 52, nghiệm thức 3 TN01, nghiệm thức 4 TLP 198, nghiệm thức 5 Choke Kasikorn A1. Kết quả ở nội dung thí nghiệm cho thấy các chỉ tiêu về sinh trưởng như chiều cao cây, chiều dài và chiều rộng lá, chiều dài phiến lá, tại các thời điểm 4 NSKT, 8 NSKT, 12 NSKT, 16 NSKT và 20 NSKT đều khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%. Tuy nhiên ở chỉ tiêu sinh trưởng số lá là khác biệt có ý nghĩa ở mức 5%. Các chỉ tiêu về thành phần năng suất như năng suất thực tế, năng suất thương phẩm, tỷ lệ nswng suất thương/ năng suất thực tế và độ Brix tại thời điểm thu hoạch đều khác biệt không ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%. Tóm lại có thể sử dụng cả 5 giống cải ngọt đưa vào sản xuất do không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ở mức 5% ở chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất
4861	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng Kali humate phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất của giống bắp nù (Zea mays L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Văn Trễ	Phạm, Văn Trọng Tính Nguyễn, Đỗ Như Loan	2020	Đề tài: “Ảnh hưởng của liều lượng Kali humate phun qua lá đến sinh trưởng và năng suất của giống bắp nù (Zea mays L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” thí nghiệm được thực hiện tại Trại thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra liều lượng phun Kali humate thích hợp cho cây bắp Nù sinh trưởng tốt và đạt năng suất cao. Thí nghiệm được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2019, được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 1 nhân tố, 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại với diện tích mỗi lô là 9,1 m² (2,8m x 3,2m) mật độ 52 cây, phun Kali humate tại thời điểm 30, 40 NSKT với liều lượng NT1: 0 gam/lít (đối chứng); NT2: 2,0 gam/lít; NT3: 2,5 gam/lít; NT4: 3,0 gam/lít; NT5: 3,5 gam/lít. Thu thập các số liệu về chỉ tiêu sinh trưởng - năng suất - nông học cây - nông học trái. Kết quả thí nghiệm cho thấy liều lượng Kali humate không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu của cây bắp nù do đặc tính của giống, có thể làm thí nghiệm vào một thời vụ khác thích hợp hơn và thay đổi liều lượng phun cho thích hợp.

4862	Đại học	Hiệu quả sản xuất và đóng góp vào thu nhập của nông hộ từ mô hình trồng xoài ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Sùng Siêu	Trần, Quốc Nhân	2020	Đề tài “Hiệu quả sản xuất và đóng góp vào thu nhập nông hộ từ mô hình trồng xoài ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 - 12/2019 nhằm phân tích hiệu quả sản xuất và thu nhập của các nông hộ trồng xoài tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Qua nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế trong canh tác xoài, đem lại hiệu quả sản xuất cao làm tăng thu nhập cho nông hộ tại huyện Châu Thành A Số liệu được thu nhập từ 50 hộ trồng xoài trên địa bàn huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thông qua phương pháp chọn mẫu thuận tiện và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp kiểm định T-Test, phương pháp hồi quy để phân tích số liệu Kết quả phân tích cho thấy chủ hộ có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất xoài, nông dân nơi đây tham gia nhiều buổi tập huấn về kỹ thuật xử lý ra hoa trên xoài, các kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh trên xoài hay các buổi hội thảo giới thiệu về phân thuốc. Tổng diện tích đất canh tác xoài trung bình là 6.762 m2 chiếm 72,6% tổng diện tích đất nông nghiệp, thu nhập từ xoài trung bình một năm chiếm 69% cho thấy xoài là nguồn thu nhập chính mang lại nguồn thu nhập lớn cho nông hộ, thu nhập trung bình của nông hộ trồng xoài tương đối cao. Hiệu quả sản xuất xoài của nông hộ cho thấy chi phí sản xuất vụ nghịch cao hơn vụ thuận, nhưng lợi nhuận vụ thuận thấp hơn vụ nghịch. Về hiệu quả sản xuất vụ thuận cao hơn vụ nghịch, cho thấy vụ thuận ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Nghiên cứu xác định số thành viên tham gia sản xuất, tuổi cây, kỹ thuật áp dụng từ truyền hình và kỹ thuật áp dụng từ hàng xóm ảnh hưởng đến lợi nhuận mô hình trồng xoài Kết quả phân tích mối quan hệ thu nhập từ trồng xoài và diện tích đã cho trái với tổng thu nhập của nông hộ cho thấy diện tích xoài đã cho trái tương quan yếu với tổng thu nhập của nông hộ, còn thu nhập từ xoài tương quan mạnh với tổng thu nhập của nông hộ, hai mối quan hệ đó tuyến tính thuận chiều, tức diện tích xoài đã cho trái và thu nhập từ xoài tăng thì tổng thu nhập của nông hộ tăng.
------	---------	---	------------------	-----------------	------	--

4863	Đại học	Phân tích tình hình biến động thị trường xuất khẩu rau quả Việt Nam và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu	Phan, Thị Ngọc Hân	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài “ Phân tích tình hình biến động thị trường xuất khẩu rau quả Việt Nam và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu” được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ phương pháp tổng hợp và thống kê mô tả, tổng hợp giá Fob của 4 loại rau quả là Thanh long ruột đỏ, Thanh long ruột trắng, Xoài cát Hòa Lộc và Rau cải bó xôi giai đoạn từ năm 2014 đến tháng 9/2019. Sau đó sử dụng mô hình dự báo Arima để dự báo giá xuất khẩu 9 tháng năm 2020 và đề xuất giải pháp dựa trên kết quả dự báo Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng xuất khẩu rau quả Việt Nam đã và đang có những chuyển biến tích cực. Châu Á là thị trường chủ lực trong xuất khẩu nông sản Việt Nam năm 2018 đạt tỷ lệ 66,95%. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chiếm tỷ lệ cao nhất là 31,28%, thị trường xuất khẩu đang từng bước được mở rộng sang các thị trường tiềm năng mới như Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand,... Theo kết quả dự báo, giá Thanh long, Xoài cát Hòa Lộc và Rau cải bó xôi thường cao vào những tháng cuối năm, cận tết nên nông dân cần chủ động nguồn hàng vào những tháng cuối năm, cận tết giá xuất khẩu sẽ cao hơn, vào thời điểm chính vụ cần ổn định nguồn hàng và hạn chế thu hoạch ồ ạt để dẫn đến tình trạng cung vượt cầu giá bán thấp Những khó khăn mà ngành xuất khẩu rau quả Việt Nam còn gặp phải là tình trạng chất lượng nguồn hàng không ổn định do chưa có sự liên kết chặt chẽ của các khâu trong chuỗi, các tiêu chuẩn quốc tế về xuất khẩu cần được chú trọng và quan tâm nhiều hơn,... Các giải pháp được đề xuất: Liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp với các khâu từ sản xuất, chế biến đến thành phẩm cần được đẩy mạnh; các doanh nghiệp xuất khẩu cần đầu tư hệ thống quản lý chất lượng nông sản; đầu tư kỹ thuật vào các vùng trồng phải đảm bảo một số tiêu chuẩn xuất khẩu rau quả như VietGap, GlobalGap, ISO(ISO 22000),...
------	---------	--	--------------------	-------------	------	--

4864	Đại học	Ảnh hưởng của việc bổ sung phân cá ủ truyền thống lên sinh trưởng và năng suất của cải xanh (Brassica Juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Thạch, Thị Xê	Phạm, Văn Trọng Tính Nguyễn, Thị Bạch Kim	2020	Đề tài: “Ảnh hưởng của việc bổ sung phân cá ủ truyền thống lên sinh trưởng và năng suất của cải xanh (Brassica juncea L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện tại Khu thực nghiệm Hòa An, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019. Đề tài được tiến hành nhằm tìm được nồng độ phân cá ủ truyền thống phù hợp nhất để làm cơ sở cho những thí nghiệm tiếp theo. Thí nghiệm 1 nhân tổ được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 5 nghiệm thức, 3 lần lặp lại. Các nghiệm thức lần lượt: Nghiệm thức 1 (Đối chứng) chỉ tưới nước, nghiệm thức 2 tưới với nồng độ 10 ml phân cá/lít nước, nghiệm thức 3 tưới với nồng độ 20 ml phân cá/lít nước, nghiệm thức 4 tưới với nồng độ 30 ml phân cá/lít nước, nghiệm thức 5 tưới với nồng độ 40 ml phân cá/lít nước. Kết quả ở nội dung thí nghiệm cho thấy các chỉ tiêu về sinh trưởng như chiều cao cây, chiều dài và chiều rộng lá, số lá tại các thời điểm 4 NSKT, 8 NSKT, 12 NSKT, 16 NSKT và 20 NSKT đều khác biệt không ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%, tương tự chiều dài rễ tại thời điểm thu hoạch cũng khác biệt không ý nghĩa về mặt thống kê. Các chỉ tiêu về thành phần năng suất như trọng lượng trung bình cây (48,94 g/cây), NSTT (1090,22 kg/1000 m²), NSTP (954,44 kg/1000 m²), tỷ lệ NSTP/NSTT và độ Brix tại thời điểm thu hoạch đều khác biệt không ý nghĩa về mặt thống kê.
4865	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa cao sản ngắn ngày tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Lư, Huỳnh Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thành Trực	2020	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So Sánh Năng Suất Và Phẩm Chất Của 12 Giống Lúa Cao Sản Ngắn Ngày Tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang Vụ Đông Xuân 2018 - 2019”. Đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại và 12 nghiệm thức tương ứng 12 giống OM468, OM249, LP43, AN SINH 1399, LP44, OM359, SH2161, LP31, MTL812, OM4900, OM5451, MTL480, trong đó giống OM4900 làm giống đối chứng. Các giống lúa được áp dụng theo phương thức làm mạ sân và cấy mạ lúa 15 ngày tuổi, cây 1 tép/bụi với khoảng cách 15 x 20 (cm). Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Kết quả thí nghiệm cho thấy có 3 giống lúa thích nghi tương đối tốt với điều kiện thời tiết thất thường, kháng rầy nâu và bệnh đạo ôn, đồng thời cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống OM468 có thời gian sinh trưởng là 92 ngày, năng suất thực tế 8,4 tấn/ha, tỷ lệ gạo nguyên là 65,25%. Giống SH2161 có thời gian sinh trưởng là 104 ngày, năng suất thực tế 8,7 tấn/ha, tỷ lệ gạo nguyên là 61,1%. Giống LP31 có thời gian sinh trưởng là 103 ngày, năng suất thực tế 8,02 tấn/ha, tỷ lệ gạo nguyên là 61,8%. Các giống đều có phẩm chất gạo tốt, hình dạng hạt gạo thon dài, kháng đạo ôn và rầy nâu.

4866	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thành Trục	2020	Nhằm tuyển chọn và chọn lựa ra những giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn năng suất Hậu Giang nói riêng cũng như giống lúa tốt phục vụ cho những nơi đất phèn khác Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, với các đặc tính giống như: thời gian sinh trưởng ngắn , thích nghi được trên đất phèn chống chịu được sâu bệnh, cho năng suất cao, phẩm chất gạo tốt là mục tiêu của đề tài “so sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019”. Đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại của 12 nghiệm thức tương ứng với 12 giống lúa: D1-2, MTL480, OM3673, SH2161, D46, OM4900, OM359, OM5451, OM20, LP29, LP13, OM348. Trong đó giống OM4900 là giống đối chứng. Các giống lúa được áp dụng theo phương thức làm mạ sân và cấy mạ lúa 15 ngày tuổi, cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Các giống OM359, D46, LP29, D1-2 đã vượt trội so với giống đối chứng và đạt chỉ tiêu ban đầu đã đề ra.
------	---------	--	-------------------	--------------------	------	---

4867	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ tại Đồng Bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Phước Hậu	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện nhằm đề mô tả thực trạng sản xuất lúa, phân tích các chỉ tiêu về chi phí, lợi nhuận và các yếu tố có tác động đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ tại Đồng bằng Sông Cửu Long, từ đó tìm ra các khó khăn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ lúa, để đưa ra các biện pháp khắc phục phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ hướng pháp chọn mẫu thuận tiện phỏng vấn 120 hộ nông dân sản xuất lúa, sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích nguồn lực nông hộ, các chi phí đầu vào và đánh giá các yếu tố tác động đến lợi nhuận của nông hộ ở từng mùa vụ thông qua mô hình hồi quy đa biến Thực trạng: Đa số nông dân trồng lúa có học vấn chưa cao, chủ hộ thường là nam, độ tuổi lao động thường cao, dao động từ 31 – 66 tuổi Diện tích đất trung bình trong tổng số các hộ khảo sát là 2,976 ha Từ kết quả khảo sát, phân tích cho thấy năng suất vụ Đông Xuân cao hơn so với hai vụ Hè Thu và Thu Đông. Lợi nhuận của nông hộ từ canh tác vụ Đông Xuân cao hơn so với hai vụ còn lại, trong khi đó chi phí canh tác của vụ Đông Xuân không chênh lệch nhiều so với hai vụ Doanh thu trung bình từ việc sản xuất lúa trong một năm của 120 nông hộ là 86.531.036,07 đồng/ha với tổng chi phí trung bình phải bỏ ra là 46.224.547,88 đồng/ha, từ đó đạt lợi nhuận trung bình là 40.306.488 đồng/ha Qua phân tích hồi quy, cho thấy các yếu tố luôn tác động đến lợi nhuận của nông hộ ở các vụ lúa trong năm tại ĐBSCL là: Mật độ gieo sạ, độ tuổi chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất và năng suất lúa Song song, kết quả cũng cho thấy điểm mạnh của nông hộ là có kinh nghiệm sản xuất lâu năm, cơ giới hóa nông nghiệp. Một số điểm yếu như hạn chế tham gia tập huấn, áp dụng mô hình kỹ thuật chưa hiệu quả, thói quen sạ dày và sử dụng phân bón hóa học Từ những kết quả trên, đề tài có thể đề xuất một số giải pháp thích hợp để gia tăng hiệu quả sản xuất như: tích cực tham gia lớp tập huấn, khuyến khích sạ thưa, sử dụng phân hữu cơ.
------	---------	---	-------------------	---------------	------	--

4868	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Dương, Kim Ngân	Nguyễn, Thành Trục	2020	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa chịu phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp Trại giống Long Phú – Sóc Trăng và Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng OM4900, được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20(cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống lúa ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao, kháng phèn rầy nâu đạo ôn và phẩm chất tốt là + Giống D2-3 có thời gian sinh trưởng 98 ngày, năng suất 8,45 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng 8%, hình dạng hạt gạo thon dài, thơm nh + Giống D16-1 có thời gian sinh trưởng 97 ngày, năng suất 8 tấn/ha, tỉ lệ bạc bụng 3 %, hình dạng hạt gạo thon dài
4869	Đại học	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ xoài của nông hộ ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đinh, Thị Bích Hợp	Trần, Quốc Nhân	2020	Đề tài “Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ xoài của nông hộ ở huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất và tình hình tiêu thụ xoài của nông hộ, qua nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất xoài cho nông hộ. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 50 hộ trồng xoài bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu thu thập được như đặc điểm của nông hộ (tuổi, trình độ, kinh nghiệm, diện tích đất sản xuất) chi phí và hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp “Paired-Sample T-test” để đánh giá hiệu quả sản xuất xoài giữa vụ thuận và vụ nghịch. Các chỉ tiêu về chi phí, lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận được sử dụng để đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sản xuất xoài của nông hộ có hiệu quả về mặt tài chính, có sự khác biệt ý nghĩa về chi phí sản xuất, lợi nhuận, doanh thu giữa vụ thuận và vụ nghịch. Kết quả khảo sát cho thấy đa số nông hộ bán xoài cho thương lái, cũng có một số nông hộ bán cho HTX. Trong sản xuất xoài nông hộ có nhiều thuận lợi khi không bị thiếu hụt nguồn vốn, có nhiều kinh nghiệm, có thương lái đến tận vườn thu mua và có hệ thống giao thông phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như giá bán còn nhiều bất ổn, chi phí thuê lao động cao và chi phí đầu vào ngày càng cao.

4870	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Thái, Minh Văn	Nguyễn, Thành Trục Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Nhằm tuyển chọn và chọn lựa ra những giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn năng suất Hậu Giang nói riêng cùng như giống lúa tốt phục vụ cho những nơi đất phèn khác Đồng bằng sông Cửu Long nói chung, với các đặc tính giống như: thời gian sinh trưởng ngắn , thích nghi được trên đất phèn chống chịu được sâu bệnh, cho năng suất cao, phẩm chất gạo tốt là mục tiêu của đề tài “so sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019”. Đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại của 12 nghiệm thức tương ứng với 12 giống lúa: D1-2, MTL480, OM3673, SH2161, D46, OM4900, OM359, OM5451, OM20, LP29, LP13, OM348. Trong đó giống OM4900 là giống đối chứng. Các giống lúa được áp dụng theo phương thức làm mạ sân và cấy mạ lúa 15 ngày tuổi, cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Công thức phân được áp dụng là NPK 90:60:30 kg/ha. Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Các giống OM359, D46, LP29, D1-2 đã vượt trội so với giống đối chứng và đạt chỉ tiêu ban đầu đã đề ra.
4871	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2018-2019	Trần, Công Thức	Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài “So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ đông xuân 2018 -2019” được thực hiện nhằm tìm ra giống cho năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh phục vụ nhu cầu sản xuất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 3 lần lặp lại, 12 nghiệm thức tương ứng với 12 giống lúa: D387, OM5229, D50-3, OM108, LP5,MTL812, D530, OM5451, VD20, OM6976, D21-3, MTL480 trong đó giống OM6976 làm giống đối chứng. Các giống lúa được gieo phương pháp làm mạ sân, sau đó cấy xuống ruộng thí nghiệm. Công thức phân được áp dụng là NPK 90 – 60 - 30. Trong quá trình thí nghiệm, ghi nhận các đặc tính đặc tính nông học và đánh giá mức độ gây hại sâu bệnh. Khi thu hoạch, xác định các thành phần năng suất và năng suất thực tế của các giống. Phân tích phẩm chất gạo của các giống lúa thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm cho thấy có nhiều giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, năng suất đạt yêu cầu. Trong đó có các giống lúa triển vọng nhất là các giống LP5 và D21-3 Cho năng suất cao từ 7,74-8.96 tấn/ha, phẩm chất gạo tốt, dạng hạt gạo thon dài, tỷ lệ gạo nguyên cao, kháng đạo ôn cấp 1.

4872	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa ở Thành Phố Cần Thơ	Bùi, Văn Thảo	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài: “Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa ở thành phố Cần Thơ” thực hiện nhằm: Đánh giá thực trạng sản xuất lúa trên địa bàn TP.Cần Thơ, Phân tích hiệu quả tài chính và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trong sản xuất lúa của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu, và cuối cùng là đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính trong hoạt động sản xuất lúa của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu Đề tài thực hiện 5 tháng, sử dụng phương pháp chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện với 63 hộ có sản xuất lúa tại huyện Cờ Đỏ và quận Ô Môn thuộc địa bàn TP.Cần Thơ. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích các tỷ số tài chính, phân tích chi phí - Lợi ích, phương pháp SWOT và phân tích hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình. Từ đó dựa vào những thông tin đã phân tích đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính, cải thiện thu nhập cho nông hộ Kết quả phân tích 63 hộ tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, năng suất trung bình của nông hộ sản xuất là 17,5135 tấn/ha/năm và giá bán trung bình là 4,584 tổng doanh thu trung bình là 80,281,884 triệu/ha/năm và lợi nhuận trung bình thu được là trên 35 triệu đồng/ha/năm. Qua kết quả cho thấy đối với nông hộ sản xuất lúa thu nhập trung bình không cao cho lắm, sau khi phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy mật độ sạ lúa ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất lúa Dựa vào kết quả nghiên cứu, đưa ra một số giải pháp để nâng cao lợi nhuận của nông hộ như: nông hộ nên giảm lượng giống khi sạ theo khuyến cáo của các ban ngành nông nghiệp và cán bộ địa phương, nông hộ nên sản xuất lúa áp dụng những kỹ thuật tiên tiến cơ giới hóa sản xuất để hạn chế được sâu bệnh hại giúp cải thiện được lợi nhuận, qua đó chính quyền địa phương cần hình thành các vùng sản xuất lúa tập trung với quy mô lớn, vận động nông hộ tham gia vào hợp tác xã đẩy mạnh công tác khuyến nông mở rộng và đa dạng hóa hình thức tập huấn phổ biến các mô hình sản xuất lúa có hiệu quả.
------	---------	---	---------------	---------------	------	--

4873	Đại học	Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa vụ đông xuân của nông hộ tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang.	Lê, Văn Tấn	Trần, Quốc Nhân	2020	Đề tài “Phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất và tình hình tiêu thụ lúa của nông hộ. Qua nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ lúa cho nông hộ. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 60 hộ nông dân trồng lúa bằng phương pháp thống kê mô tả để phân tích các số liệu thu thập được như đặc điểm của nông hộ (tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, diện tích đất sản xuất, các khoản chi chi phí và hiệu quả sản xuất). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng thêm phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất lúa. Các chỉ tiêu về chi phí, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận được sử dụng để đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi nhuận mang lại cho các nông hộ trồng lúa là khá cao. Kết quả khảo sát cho thấy đa số các hộ nông dân bán lúa thông qua môi giới và một ít bán lúa trực tiếp cho thương lái. Trong quá trình sản xuất lúa nông hộ có nhiều thuận lợi như có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, tham gia các lớp tập huấn do cán bộ khuyến nông điều này giúp cho các hộ nông dân dễ dàng áp dụng KHKT vào trong sản xuất, được sự giúp đỡ của người môi giới nên việc tiêu thụ lúa của nông hộ cũng trở nên dễ dàng. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như giá bán lúa còn nhiều bất ổn, chi phí vật tư đầu vào ngày càng cao, quá trình tiêu thụ lúa còn qua nhiều trung gian điều này làm giảm đi lợi nhuận của nông hộ trồng lúa và thời tiết diễn biến thất thường tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển nhiều trên cây lúa.
------	---------	---	-------------	-----------------	------	---

4874	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm của công ty TNHH thương mại và sản xuất Viễn Đông trong giai đoạn 2016-2018	Nguyễn, Bùi Khánh Bằng	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2020	Đã có rất nhiều đề tài của thạc sĩ và sinh viên nghiên cứu về tình hình tiêu thụ sản phẩm của một công ty như đề tài của Nguyễn Việt Ngân (2006) “Phân tích tình hình tiêu thụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thủy Sản CAFATEX”. Mục tiêu của đề tài là thông qua việc các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm thủy hải sản của công ty, dựa trên quá trình phân tích để tìm ra và đánh giá các nhân tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, để từ đó đề tài đã đề ra được những biện pháp cụ thể nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu, nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Đề tài đã sử dụng hai phương pháp nghiên cứu cơ bản là phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh để phân tích hoạt động tiêu thụ của công ty thông qua số lượng cũng như doanh số tiêu thụ của các thời kỳ, lợi nhuận trên từng mặt hàng, so sánh các chỉ tiêu qua các năm, phân tích tỷ trọng của các mặt hàng kinh doanh và một số chỉ tiêu hiệu quả. Đề tài không chú trọng phân tích hoạt động kinh doanh của công ty bằng việc sử dụng các chỉ tiêu tài chính mà thay vào đó là tìm hiểu sâu các nhân tố tác động đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của công ty trên từng ngành hàng, lĩnh vực và thị trường. Đề tài cũng đã đưa ra được các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn cũng như nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty. Tuy nhiên đề tài này chỉ mới làm rõ được tình hình tiêu thụ sản phẩm và các tác nhân ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của công ty, chưa phân tích được những cơ hội cũng như mối đe dọa và điểm mạnh lẫn điểm yếu của công ty trong quá trình kinh doanh sản phẩm. Tuy nhiên tác giả Phạm Thị Bạch Huệ (2006) với đề tài “Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Thương Mại Thuốc Lá chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh” đã sử dụng phương pháp phân tích ma trận SWOT để phân tích, mục tiêu của đề tài là tìm hiểu đánh giá chung tình hình hoạt động kinh doanh của công ty Thương Mại Thuốc Lá chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu những cơ hội cũng như mối đe dọa và điểm mạnh lẫn điểm yếu của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh để từ đó tìm r được những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm của công ty trong thời gian tới, trong đề tài tác giả đã sử dụng các phương pháp: phương pháp so sánh, phương pháp thay thế liên hoàn và phân tích ma trận SWOT. Đề tài đã phân tích khá toàn diện tình hình tiêu thụ sản phẩm cũng như hoạt động kinh doanh của công ty, phân tích khá chi tiết tình hình hoạt động của từng loại thị trường cũng như đã đưa ra
------	---------	---	------------------------	---------------------	------	--

4875	Đại học	Ứng dụng của phân bón hỗn hợp NPK (18-14-18) chậm tan có kiểm soát và urea humate đến sự thay đổi dinh dưỡng trong đất và năng suất lúa trên vùng đất phèn nhiễm mặn tại Hậu Giang.	Trương, Thị Yến Nhi	Tất, Anh Thư	2020	Trong tình hình sản xuất nông nghiệp, phân bón góp phần đáng kể làm tăng năng suất cây trồng đặc biệt là đối với cây lúa. Nhưng thực trạng hiện nay nhà nông còn sử dụng phân bón mất cân đối do chưa tin tưởng lúa vẫn duy trì được năng suất khi giảm lượng phân. Bên cạnh đó, phân bón thông thường cây lúa chỉ có thể hấp thụ khoảng 30% gây hao hụt cho nhà nông. Vì vậy, đề tài được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của phân bón chậm tan NPK có kiểm soát đến dinh dưỡng trong đất và năng suất lúa và đánh giá hiệu quả tài chính của việc sử dụng phân bón chậm tan NPK có kiểm soát so với sử dụng phân bón truyền thống. Nhằm xác định ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón NPK chậm tan có kiểm soát, urea humate, năng suất lúa và dinh dưỡng trong đất vụ Đông-Xuân (2019) tại Xã Phiên, Long Mỹ, Hậu Giang. Thí nghiệm được bố trí với 2 nghiệm thức (nghiệm thức cải tiến sử dụng NPK (18-14-18) chậm tan có kiểm soát, Urea Humate, DAP; nghiệm thức nông dân sử dụng Urea, DAP, Kali clorua), đều sử dụng giống ST24 và sạ hàng. Mẫu đất được lấy vào 2 giai đoạn (đầu vụ và cuối vụ) để phân tích dinh dưỡng đất và các thành phần năng suất lúa cũng như năng suất thực tế và sinh khối rơm. Kết quả cho thấy các thành phần năng suất, năng suất thực tế và sinh khối rơm giữa 2 nghiệm thức không khác biệt, năng suất vẫn được ổn định (5,9 tấn/ha), nghiệm thức của nông dân (5,93 tấn/ha). Về dinh dưỡng trong đất cuối vụ các chỉ tiêu dinh dưỡng trong đất giữa 2 nghiệm thức đều khác biệt qua kiểm định T-test. pH của nghiệm thức cải tiến là 5,55 đã cải thiện so với đầu vụ (4,84), nhưng của nghiệm thức nông dân thì lại thấp hơn (4,82) so với đầu vụ. EC của nghiệm thức cải tiến (0,68 mS/cm), nghiệm thức nông dân (0,96 mS/cm) đều được cải thiện so với đầu vụ (1,2 mS/cm). Al trao đổi ở đầu vụ (2,63 meqAl³⁺/100g) đã giảm sau khi thí nghiệm ở nghiệm thức cải tiến (1,13 meqAl³⁺/100g), nghiệm thức nông dân (1,78 meqAl³⁺/100g). Acid trao đổi của 2 nghiệm thức khác biệt so với đầu vụ (2,5 meqH⁺/100g), nghiệm thức cải tiến (2,7 meqH⁺/100g) và nghiệm thức nông dân (3,18 meqH⁺/100g). Lân hữu dụng đầu vụ (64,1 mgP₂O₅/kg) đến cuối vụ thì lượng lân hữu dụng của cả 2 nghiệm thức đều tăng nghiệm thức cải tiến (69,4 mgP₂O₅/kg), nghiệm thức nông dân (64,5 mgP₂O₅/kg). Đạm hữu dụng ở nghiệm thức nông dân không tăng so với đầu vụ (5,64 mgN/kg), nghiệm thức cải tiến thì tăng đáng kể (7,63). Cuối cùng hàm lượng chất hữu cơ trong đất cuối vụ ở nghiệm thức cải tiến (6,42%) tăng so với đầu vụ (5,25%) và ở nghiệm thức nông dân (5,20%) cũng tăng nhưng ít hơn so với nghiệm
------	---------	---	---------------------	--------------	------	--

4876	Đại học	Phân tích thực trạng mua bán và thị hiếu người tiêu dùng về trái cây ngoại nhập tại các chợ truyền thống trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Phước Lợi	Trần, Quốc Nhân	2020	Đề tài “Phân tích thực trạng mua bán và thị hiếu của người tiêu dùng về trái cây ngoại nhập tại các chợ truyền thống trên địa bàn Thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 09/2019 đến tháng 12/2019. Số liệu thu thập bằng cách khảo sát trực tiếp 30 cửa hàng bán trái cây ngoại nhập tại chợ truyền thống và 50 người tiêu dùng tại Thành Phố Cần Thơ. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và số liệu thống kê từ các bài báo, tạp chí liên quan đến tình hình tiêu thụ trái cây ngoại nhập để phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả 30 cửa hàng đều có bán trái cây ngoại nhập như táo, lê, cam, nho,... đem về giá trị lợi nhuận cao từ 10 – 30% trong doanh thu bán. Đa số diện tích mặt bằng kinh doanh tương đối trung bình là 8.47m² và tất cả người bán đều trực tiếp quản lý cửa hàng của mình. Kinh doanh trái cây ngoại nhập đem đến cho người tiêu dùng nhiều sự lựa chọn, đa dạng về mẫu mã và giá cả. Tuy nhiên, việc bán trái cây ngoại nhập có nhiều khó khăn về giá cả, hàng Trung Quốc,...nên nhiều người tiêu dùng còn ít sử dụng. Nghiên cứu phân tích về thuận lợi và khó khăn của người bán trong kinh doanh trái cây nhập. Nghiên cứu còn khảo sát người tiêu dùng về nhu cầu sử dụng trái cây ngoại. Kết quả cho thấy tất cả người tiêu dùng đều có nhu cầu mua không phân biệt về độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp,.. Hộ dành chi phí từ 10 – 30 % chi phí cho việc mua trái cây nhập
4877	Đại học	Ảnh hưởng phân bón gốc Humic đến sự sinh trưởng và phát triển của cây dâu tây (Fragaria Vesca L.) trong điều kiện nhà lưới.	Nguyễn, Thị Bé Ngọc	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của phân bón gốc đến sự sinh trưởng và phát triển của cây dâu tây (Fragaria Vesca L.) trong điều kiện nhà lưới” được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019. Đề tài được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Kết quả thí nghiệm cho thấy việc bổ sung humic bón gốc ở các nồng độ 200, 400, 600, 800 và 1000 ppm không khác biệt có ý nghĩa đến sinh trưởng của cây dâu tây trong quá trình tiến hành thí nghiệm: chiều cao của cây dao động trung bình 15,56 – 18,58 cm. Đường kính gốc của cây dao động trung bình 1,28 – 1,55 cm. Tương tự chỉ tiêu sinh trưởng, kết quả thí nghiệm cũng không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa đến khả năng phát triển của cây dâu tây: số lá của cây dao động trung bình 6,90 – 1,27 cm. Số ngó của cây dao động trung bình 0,11 – 0,27 cm. Đề tài này cho thấy việc bổ sung humic bón gốc không ảnh hưởng đến các chỉ tiêu theo dõi, cần theo dõi tiếp tục để khảo sát sự ảnh hưởng của humic đến các chỉ tiêu năng suất và phẩm chất.

4878	Đại học	Thực trạng tổ chức và hoạt động của mô hình vườn du lịch sinh thái và thị hiếu của du khách tại huyện Phong Điền, Thành Phố Cần Thơ	Tổng, Thị Mộng Trinh	Trần, Quốc Nhân	2020	Du lịch sinh thái được tổ chức tại các nơi có hệ thực vật, động vật và di sản văn hóa, đây cũng là những điểm thu hút chính, mang đến cho du khách cái nhìn sâu sắc về tác động của con người lên môi trường với sự hy vọng sẽ thúc đẩy một đánh giá cao hơn về môi trường sống tự nhiên từ du khách. Tình hình phát triển du lịch của huyện Phong Điền đang có những bước tiến rõ rệt, khi lượt du khách và doanh thu tăng qua các năm. Trong đó, lượt du khách đến các điểm vườn DLST ngày một tăng. Tuy nhiên, các vùng có điều kiện tự nhiên giống nhau, phong tục tập quán và văn hóa như nhau. Chính vì vậy, rất khó để tạo điểm nổi bật thu hút du khách cho từng nơi. Trong nghiên cứu này, sử dụng phương pháp thống kê mô tả các đặc điểm của chủ vườn, của vườn DLST và cả những du khách tham quan. Ngoài ra, sử dụng phương pháp phân tích SWOT tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu, nguy cơ và thách thức trong quá trình tham gia tổ chức hoạt động vườn DLST tại nơi này. Kết quả phân tích cho thấy, đối với du khách tham quan có độ tuổi tập trung từ 18 tuổi đến 25 tuổi, còn độ thân nên đã dành nhiều thời gian tham quan và sử dụng dịch vụ, Mặc dù kết quả đánh giá của du khách về mô hình vườn DLST ở mức hài lòng nhưng vẫn còn một số điểm chưa tốt như: Thái độ phục vụ; Cơ sở vật chất; Bảng chỉ dẫn đường đi chưa rõ; Trường hợp giữ xe tự phát không thuộc quản lý của vườn; Mái che nắng không đủ. Dựa vào kết quả đánh giá của du khách cùng thực trạng tổ chức và hoạt động của các vườn làm cơ sở đề xuất một số giải pháp cần tiếp tục duy trì và phát triển những điểm sau: Cơ sở mua sắm; Khu vui chơi giải trí; Công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời khắc phục một số điểm còn hạn chế như: Về đào tạo; Nguồn nhân lực; Quảng bá du lịch; Cơ sở vật chất, hạ tầng.
4879	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa nhóm A2 tại Xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019	Trần, Kỳ Nguyên	Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài: “ SO SÁNH NĂNG SUẤT VÀ PHẨM CHẤT CỦA 12 GIỐNG LÚA NHÓM A2 TẠI XÃ HÒA AN, HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG, VỤ ĐÔNG XUÂN 2018-2019” được thực hiện nhằm mục tiêu chọn được giống lúa mới có năng suất cao, thích nghi vùng đất phèn đáp ứng nhu cầu sản xuất cho người trồng lúa. Các giống lúa được chọn tạo từ trại giống Long Phú. Thí nghiệm được thực hiện với 12 giống lúa D50-3, OM108, D532, D533, D514, MTL812, LP42, D50-5, D530, MTL480, OM5451 và giống đối chứng là OM4900 tương ứng với 12 nghiệm thức. Các giống lúa được bố trí nghiệm theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại, gieo mạ theo phương pháp mạ sân và cấy lúc 15 ngày tuổi, cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15×20 cm. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm: các đặc tính nông học, khả năng chống chịu phèn, kháng sâu và bệnh đạo ôn rất kháng đến kháng, các thành phần năng suất, năng suất thực tế và phẩm chất hạt gạo. Đề tài được thực hiện tại Khoa Phát triển nông thôn Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả thí nghiệm đã chọn ra được 2 giống lúa LP42 và D50-3 có thời gian sinh trưởng 102-108 ngày, thích nghi tốt trên điều kiện đất phèn, kháng bệnh đạo ôn và kháng rầy, năng suất đạt được từ 8,07- 8,25 tấn/ha, phẩm chất gạo tốt, tỷ lệ gạo nguyên 54,90 -50,55%, độ bạc bụng thấp 6-12%.

4880	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa của nông hộ trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Quốc Bảo	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả tài chính sản xuất lúa của nông hộ trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm để phân tích các chỉ tiêu về chi phí, doanh thu, thu nhập, hiệu quả giữa thu nhập và chi phí, hiệu quả ngày công lao động và các chỉ tiêu tài chính khác, đưa ra các giải pháp phù hợp để khuyến khích nông hộ tiếp tục phát triển Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phỏng vấn 40 hộ nông dân, sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm mô tả nguồn lực, tình hình sản xuất lúa của nông hộ, phương pháp phân tích hồi qui tuyến tính để xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận mà nông hộ đạt được có liên quan như thế nào với các nguồn lực đầu vào và các yếu tố khác có liên quan Qua phân tích cho thấy tổng thu nhập trung bình mà nông hộ đạt được là 93.856.000 đồng/ ha/ năm, chi phí trung bình một năm là 43.975.000 đồng/ ha/ năm và lợi nhuận trung bình 49.881.000 đồng/ ha/ năm. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất lúa bị ảnh hưởng bởi chi phí vật tư nông nghiệp, chi phí lao động gia đình, giá bán và tham gia hội thảo, ngoài ra còn có kỹ thuật canh tác còn phụ thuộc vào kinh nghiệm bản thân, không theo sự giúp đỡ chỉ dẫn của các cán bộ Khuyến Nông huyện, không tham gia tập huấn, tham quan các mô hình canh tác lúa của những nông hộ phát triển hơn, ngoài ra trình độ học vấn, và diện tích đất lúa cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ.
------	---------	---	------------------	---------------	------	---

4881	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón qua gốc lên sinh trưởng và năng suất cây húng quế (Ocimum basilicum L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Phạm, Ngọc Thanh	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón qua gốc lên sinh trưởng và năng suất cây Húng quế (Ocimum basilicum L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực tại khu thực nghiệm Bộ môn Kỹ Thuật Nông Nghiệp, trường Đại học Cần Thơ khu Hòa An từ 12/2018 – 05/2019 nhằm xác định liều lượng đạm thích hợp giúp cho Húng quế có khả năng sinh trưởng tốt và đạt năng suất cao cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi đơn vị thí nghiệm gồm 80 cây. Nghiệm thức 1 đối chứng (0 kg N/ha), nghiệm thức 2 (80 kg N/ha), nghiệm thức 3 (90 kg N/ha), nghiệm thức 4 khuyến cáo (100 kg N/ha), nghiệm thức 5 (110 kg N/ha) và nghiệm thức 6 (120 kg N/ha). Qua kết quả thí nghiệm cho thấy khi bón đạm ở các liều lượng khác nhau làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu cao cây, cao tán, dài lá, rộng lá, số lá, số nhánh cấp 1, số nhánh cấp 2, đường kính tán, trọng lượng trung bình cây, năng suất thực tế và năng suất thương phẩm. Nhưng không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chiều dài lá ở đợt 1, đường kính gốc, tỷ lệ trọng lượng lá/cây, tỷ lệ trọng lượng thân/cây, hàm lượng chất khô (DM) và tỷ lệ thương phẩm/năng suất thực tế. Ở đợt 1 khi bón đạm với liều lượng 120 kg N/ha đạt và năng suất thực tế cao nhất (1050,32 kg/1000m²) và thấp nhất tại nghiệm thức 1 không bón đạm (561,41 kg/1000 m²), năng suất thương phẩm đạt cao nhất tại nghiệm thức 6 (895,28 kg/1000m²) đạt thấp nhất tại nghiệm thức 1 (445,99 kg/1000m²). Ở đợt 2 khi bón đạm với liều lượng 120 kg N/ha đạt năng suất thực tế cao nhất (999,63 kg/1000 m²) và thấp nhất tại nghiệm thức 1 không bón đạm (518,46 kg/1000 m²), năng suất thương phẩm đạt cao nhất tại nghiệm thức 6 (877,31 kg/1000m²) đạt thấp nhất tại nghiệm thức 1 (409,37 kg/1000m²). Như vậy lượng đạm ảnh hưởng đến cây Húng quế ở NT6 với liều lượng đạm 120 kgN/ha so với công thức đối chứng ở NT1 với liều lượng đạm 0 kgN/ha thì ảnh hưởng đến cây Húng quế mạnh nhất. Vì vậy thí nghiệm cần được tiếp tục thực hiện ở các vụ tiếp theo để xem các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất có ổn định hay không.
------	---------	---	------------------	-------------------------	------	---

4882	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung dịch phân trùn quế vào giá thể mụn xơ dừa lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng dưa lưới (Cucumis melo L.)	Châu, Chí Cường	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Thí nghiệm được tiến hành nhằm xác định liều lượng dịch phân thích hợp giúp cây dưa lưới sinh trưởng tốt và cho năng suất cao. Thí nghiệm được thực hiện tại ở nhà lưới tại khu thực nghiệm Hòa An, Khoa Phát Triển Nông Thôn, Trường Đại Học Cần Thơ. Huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (2019) trong thời gian từ tháng 1/2019 đến tháng 4/2019 Thí nghiệm áp dụng công thức đối chứng bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên có 1 nhân tố: bổ sung dinh dưỡng dịch phân trùn quế 5 nghiệm thức Với nghiệm thức mỗi lần tưới (liều lượng 250ml dịch trích 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 cây). Kết quả thí nghiệm cho thấy chỉ tiêu nông học: chiều dài thân chính, đường kính gốc thân, số lá thân chính, kích thước lá không bị ảnh hưởng bởi liều lượng dịch phân trùn quế qua các lần tưới, khác biệt không có ý nghĩa ở mức 5%. Trọng lượng trung bình trái khác biệt không có ý nghĩa qua phân tích thống kê dao động từ 1,31kg/trái - 1,39 kg/trái. Đường kính trái và chiều cao trái khác biệt không có ý nghĩa ở mức 5% dao động từ 12,47 cm -13,99 cm; 13,37cm – 14,29 cm. Về Độ dày vỏ trái và Độ dày thịt trái ở 5 nghiệm thức khác biệt không ý nghĩa lần lượt dao động là 1,03 cm - 1,16 cm; 2,73 cm - 3,51 cm. Độ Brix khác biệt không có ý nghĩa qua các liều lượng dịch phân trùn quế mỗi lần tưới 250 ml là 13% - 13,50%. Kết quả việc sử dụng liều lượng dịch phân trùn quế chưa đủ để ảnh hưởng chỉ tiêu năng suất, phẩm chất của dưa lưới, khi tiến hành thí nghiệm có sự phát triển tương đồng so với sự sinh trưởng và phát triển của cây chiều dài thân chính, đường kính gốc thân, số lá thân chính, kích thước lá.
4883	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản nhóm A1 tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019	Hoàng, Cao Chí Trung	Nguyễn, Thành Trực	2020	Nhằm tìm được các giống phù hợp về mặt năng suất và phẩm chất có khả năng chống chịu phèn, kháng được sâu bệnh chính, phục vụ canh tác là mục tiêu của đề tài đề “So sánh năng suất và phẩm chất của các giống lúa cao sản nhóm A1 tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019 Bộ giống gồm các giống lúa được cung cấp từ viện lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, Đại học Cần Thơ, trại giống Long Phú gồm: D60-4, D387, OM5229, LP5, D63, D1-2, LP11, D40-2, D9-10, OM5451, MTL480, OM4900(đối chứng). Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20(cm). Trong quá trình thí nghiệm, theo dõi các chỉ tiêu: đặc tính nông học, tính chống chịu, năng suất và các thành phần năng suất, phẩm chất gạo. Kết quả thí nghiệm đã chọn được 2 giống lúa thích nghi với vùng đất phèn, kháng bệnh cháy lá và bệnh đạo ôn, năng suất cao và phẩm chất tốt là - Giống LP5 và D60-4 có thời gian sinh trưởng ngắn (102 ngày) phù hợp với khả năng chống chịu phèn ở địa phương, kháng cháy lá và đạo ôn(cấp 2), cho năng suất(lúa khô) cao (8.88-10.74 tấn/ha), tỷ lệ gạo nguyên cao (cấp 1), hạt gạo thon dài, độ bạc bụng thấp, gạo thơm đáp ứng tốt cho thị trường trong và ngoài nước.

4884	Đại học	Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng và tình hình sức khỏe của heo rừng lai được nuôi trên nền chuồng xi măng và nền trấu	Nguyễn, Hoàng Phương Uyên	Trần, Thanh Dũng	2020	TÓM LƯỢC Đề tài “Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng và tình hình sức khỏe của heo rừng lai được nuôi trên nền chuồng xi măng và nền trấu” được thực hiện từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 4 năm 2019 tại trại heo rừng ở ấp Phú Thạnh xã Phú Thành huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long, nhằm xác định được mô hình thích hợp mang lại hiệu quả trong việc nuôi heo rừng lai. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 2 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: gồm 1 con heo đực nặng 10kg được bố trí đầu chuồng và 2 con heo cái nặng 9kg/con; NT2: gồm 1 con heo đực nặng 10kg được bố trí đầu chuồng như nghiệm thức 1 và 1 con heo cái nặng 9kg, con còn lại nặng 11kg/con. Khẩu phần thức ăn của 2 thí nghiệm hoàn toàn giống nhau, chỉ theo dõi về nhiệt độ, tăng trưởng và sức khỏe của heo rừng lai được nuôi trên 2 nền chuồng. Sau 1 tháng thí nghiệm, kết quả theo dõi thu được về sự tăng trưởng giữa 2 nền chuồng thí nghiệm thì heo được nuôi ở nền trấu, trọng lượng cuối kỳ trung bình đạt được 14,67kg/con, ở nền xi măng đạt được cao hơn nền trấu là 15,63kg/con. Về tăng trọng toàn kỳ của heo nuôi trên nền trấu đạt 5,33kg/con sau 1 tháng nuôi, ở nền xi măng là 5,63kg/con. Ti lệ FCR ở nền chuồng trấu chiếm 6,05% cao hơn FCR ở nền xi măng là 5,77% có sự chênh lệch nhưng không có ý nghĩa thống kê. Trong thời gian thí nghiệm trên 2 nền chuồng, heo được nuôi ở nghiệm thức 2 dễ bị nhiễm bệnh hơn so với heo được nuôi ở nghiệm thức 1 không bị nhiễm bệnh. Hiệu quả chi phí kinh tế sau 1 tháng nuôi trên 2 nền thí nghiệm thì nuôi heo ở nghiệm thức 1 mang lại hiệu quả cao hơn so với nghiệm thức 2 cụ thể là ở nghiệm thức 1 lợi nhuận thu được sau một tháng là 17,010 đồng cao hơn 2,000 đồng so với nghiệm thức 2 thu được là 15,000 đồng.
4885	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019	Huỳnh, Đoàn Hoài Thuận	Nguyễn, Thành Trục Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Nhằm tuyển chọn các giống lúa thích nghi trên vùng đất phèn, kháng một số sâu bệnh chính, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, phẩm chất tốt, để phục vụ sản xuất là mục tiêu của đề tài: “So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa cao sản tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019”, đề tài được thực hiện tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2018 – 2019. Bộ giống gồm 12 giống lúa được cung cấp từ trại giống Long Phú, thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần lặp lại với giống đối chứng là OM4900 được canh tác phổ biến ở nhiều địa phương. Áp dụng phương pháp làm mạ sân mạ 15 ngày tuổi, được cấy 1 tép/bụi với khoảng cách 15x20 (cm). Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá gồm các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn và sâu bệnh, các thành phần năng suất và năng suất thực tế, phẩm chất hạt. Kết quả thí nghiệm đã xác định được 2 giống ưu tú nhất thích nghi trên vùng đất phèn cho năng suất cao và phẩm chất tốt là: Giống OM18 có thời gian sinh trưởng 99 ngày, năng suất 10,02 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 64,2% thuộc dạng hạt thon dài; Giống OM539 có thời gian sinh trưởng 101 ngày, năng suất 9,35 tấn/ha, tỉ lệ gạo nguyên 61,6 %, thuộc dạng hạt trung bình .

4886	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải thìa (<i>Brassica chinensis</i> L.) trên đất phèn	Cao, Đăng Khoa	Trần, Duy Phát	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cải thìa trên đất phèn” được thực hiện từ tháng 08 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 tại nhà lưới bộ môn Kỹ thuật nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm xác định ảnh hưởng của phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải thìa trồng trên đất phèn. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: không bón phân bón vô cơ và hữu cơ; NT2: bón phân vô cơ; NT3: bón 3 kg/m² phân rơm ủ; NT4: bón 4 kg/m² phân rơm ủ; NT5: bón 5 kg/m² phân rơm ủ. Các nghiệm thức bón phân rơm ủ đều được bổ sung dung dịch vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân. Kết quả thí nghiệm cho thấy khi bón 4 kg/m² phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đã cho các chỉ tiêu sinh trưởng của cải thìa trồng trên đất phèn tương đương với bón phân vô cơ. Nhưng khi bón 5 kg/m² phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân thì không chỉ các trị số về sinh trưởng mà các trị số về năng suất của cải thìa trồng trên đất phèn đều tương đương với bón phân vô cơ. Việc bón phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đã có ảnh hưởng đến tích lũy chất khô nhưng lại chưa có ảnh hưởng đến độ Brix của cải thìa trồng trên đất phèn Từ khóa: phân rơm ủ, vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân, cải thìa
4887	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất cây họ (<i>Allium tuberosum</i>) trên đất phèn	Nguyễn, Thị Thúy Duy	Trần, Duy Phát	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cây họ (<i>Allium tuberosum</i>) trên đất phèn” được thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019 tại khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ nhằm xác định công thức phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân phù hợp cho sinh trưởng và năng suất cây họ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, tương ứng với 5 mức phân. NT1: không bón phân hóa học và phân hữu cơ; NT2: bón 100% phân hóa học (120N-80P2O5-30K2O/ha); NT3: bón 25% phân hóa học của NT2 + 4kg/m² phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật; NT4: bón 50% phân hóa học của NT2 + 4kg/m² phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật; NT5: 4kg/m² phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật. Kết quả thí nghiệm ở đợt 3 và đợt 4 cho thấy, khi bón liên tục 4 kg/m² phân rơm ủ bổ sung vi sinh vật + 50% phân hóa học đã cho các chỉ tiêu sinh trưởng và thành phần năng suất cao hơn bón phân hóa học. Và khi bón 4 kg/m² phân rơm ủ bổ sung vi sinh qua 4 đợt liên tục thì cho các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất tương đương với bón phân hóa học và cao hơn không bón phân Từ khóa: cây họ, phân rơm ủ, vi sinh vật cố định đạm-phân giải lân.

4888	Đại học	Phân tích thực trạng sử dụng trà măng cầu của người tiêu dùng ở Thành Phố Cần Thơ	Võ, Thị Sánh	Nguyễn, Đỗ Như Loan	2020	Đề tài “Phân tích thực trạng sử dụng trà măng cầu của người tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 100 người tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện Từ kết quả nghiên cứu đã xác định được lượng trà tiêu thụ trung bình hàng tháng là 143,05g/người/tháng, mức tiêu thụ này cho thấy được tiềm năng phát triển của sản phẩm trong tương lai khá cao. Từ kết quả khảo sát, cho ta thấy đa phần người tiêu dùng mua trà ở cửa hàng bán trà tại thành phố Cần Thơ, một số khác mua ở siêu thị, online và tự chế biến hay mua từ người thân và mua ở hội chợ, triển lãm,... Bên cạnh đó, phần lớn người tiêu dùng đều cho mức giá mua trà hiện nay khá cao cao (chiếm 60%). Tuy nhiên trong tương lai vẫn còn 71% người tiêu dùng có nhu cầu sử dụng trà măng cầu. Qua kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng sử dụng trà măng cầu của người tiêu dùng đã chỉ ra được 3 biến trong tổng số 7 biến được đề xuất và 3 biến có tác động đến thực trạng tiêu dùng trà măng cầu là tuổi, trình độ học vấn, số người sinh sống trong gia đình. Từ đó đề xuất ra một số giải pháp nhằm giúp cho doanh nghiệp triển sản phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm đạt hiệu quả cao.
4889	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính và rủi ro thị trường trong hoạt động nuôi cá tra của nông hộ tại thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thanh Nhã	Lê, Văn Để	2020	Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá lóc đen ở đồng bằng sông Cửu Long”. Mục tiêu của đề tài là nhằm phân tích hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá lóc đến ở ĐBSCL từ đó đề xuất ra một số giải pháp thích hợp cho việc phát triển mô hình nuôi này. Tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng và hiệu quả tài chính của mô hình nuôi cá lóc đen, kiểm định T-test để so sánh các chỉ tiêu tài chính và phương pháp phân tích hồi quy tương quan để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các hộ nuôi cá lóc từ đó đề ra giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả và phát triển nghề nuôi cá lóc ở các tỉnh ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu thu được: lợi nhuận của nông hộ nuôi cá lóc trung bình đạt 846,7 ngàn đồng/m³/vụ, cao nhất là mô hình nuôi vèo đạt đến 1.384,1 ngàn đồng/m³/vụ, nuôi ao thu được lợi nhuận thấp hơn chỉ đạt 409,2 ngàn đồng/m³/vụ. Trung bình các nông hộ bỏ ra một đồng chi phí nuôi cá thì thu được 1,52 đồng lợi nhuận. Kết quả hồi quy tuyến tính cho thấy: mật độ thả giống, số vụ nuôi, giá bán, vùng nuôi cá lóc, hệ số thức ăn, giá thức ăn, giá thuốc phòng trị bệnh và mô hình nuôi cá lóc ảnh hưởng tới lợi nhuận/m³/vụ của nông hộ nuôi cá lóc.

4890	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Hữu Phước	Phạm, Ngọc Nhân	2020	Đề tài “ Phân tích hiệu quả tài chính của mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tỉnh Bến Tre” được thực hiện với các hộ có mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng thuộc ba huyện Mỏ Cày Bắc, Giồng Trôm và Thạnh phú tại tỉnh Bến Tre từ tháng 5/2019 – 11/2019. Đề tài được thực hiện với các mục tiêu sau: (1) Đánh giá tổng quan thực trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng tỉnh Bến Tre. (2) Dùng kiểm định anova nhằm so sánh hiệu quả tài chính của các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại tỉnh Bến tre, phân tích hồi quy đa biến các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận mô hình có tỷ suất lợi nhuận cao. (3) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ. Qua kết quả phân tích cho thấy được mô hình trồng cam mang lại hiệu quả cao nhất kể đến là mô hình chuyên canh bưởi, cam xen dừa. Mô hình cam xen dừa phù hợp với tất cả đối tượng đặc biệt ít vốn, đồng thời đưa ra một số khó khăn, từ đó đề ra một số giải pháp và kiến nghị đến các hộ nông dân sản xuất và chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy có 5 biến ảnh hưởng đến lợi nhuận của dừa truyền thống: Số năm kinh nghiệm (X4), trình độ học vấn (X3), số lao động (X6), năng suất (X8) Qua đó, đề tài cũng đề xuất một số giải pháp và kiến nghị góp phần thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả hơn, cải thiện thu nhập đời sống của người dân tại tỉnh Bến Tre Từ khóa: cây trồng, chuyển đổi, hiệu quả, tài chính.
4891	Đại học	Đánh giá thực trạng chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay tại tỉnh Bến Tre	Trần, Văn Quân	Phạm, Ngọc Nhân Lâm, Văn Lĩnh	2020	Đề tài nghiên cứu “Đánh giá thực trạng chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay tại tỉnh Bến Tre” đã được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 05/2019 đến 12/2019 nhằm đánh giá tình hình thực tế về chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp hiện nay, đồng thời xác định một số yếu tố tác động đến sự chuyển đổi của nông hộ. Đề tài được thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn 510 nông hộ với bảng câu hỏi soạn sẵn. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông dân có chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp chiếm 53%. Tỷ lệ nông dân dự định chuyển đổi trong tương lai chiếm 17%. Kiểm định sự khác biệt theo địa bàn nghiên cứu cho thấy nhóm tuổi, trình độ học vấn của nông dân không có sự khác biệt, diện tích đất sản xuất có sự khác biệt ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$. Kết quả phân tích mô hình hồi quy Binary Logistic cho thấy, mức độ phù hợp và khả năng dự đoán đúng đạt giá trị 63,3%, trong đó các biến số về giới tính (X2), diện tích đất sản xuất (X5) và chính sách đất đai (X7) là những yếu tố tác động có ý nghĩa về mặt thống kê. Trong đó, biến số diện tích đất sản xuất có sự tác động lớn nhất đến sự chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp của nông hộ và đây là vấn đề nông hộ đang quan tâm. Tính mới của nghiên cứu là dựa trên phương pháp phân tích mô hình hồi quy Binary Logistic để xác định các yếu tố điều kiện tự nhiên, thời tiết, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn tác động không có ý nghĩa thống kê trong nghiên cứu này.

4892	Đại học	Nghiên cứu sự hài lòng của người tiêu dùng đối với nhóm hàng rau tại chợ truyền thống trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Lê, Hoàng Khan	Lê, Văn Dể	2020	Đề tài Nghiên cứu sự hài lòng của người tiêu dùng đối với nhóm hàng rau tại chợ truyền thống trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt giữa hai nhóm khách hàng lựa chọn đi chợ và đi siêu thị và có 7 yếu tố ảnh hưởng đến sự khác biệt này. Đó là không gian mua sắm, chất lượng và phong phú hàng hóa, giá cả và các chính sách chăm sóc khách hàng, uy tín và phong cách phục vụ, an toàn, tuổi tác, thu nhập trung bình hàng tháng. Nghiên cứu cũng khám phá có 3 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với các siêu thị trên địa bàn thành phố cần Thơ. Đó là chất lượng và sự phong phú hàng hóa, không gian mua sắm, chính sách giá và các chính sách chăm sóc khách hàng. Mặt khác, sự hài lòng của khách hàng đối với các chợ truyền thống lại chịu sự tác động của hai nhân tố là: sản phẩm và giá cả, không gian mua sắm và thái độ phục vụ. Cuối cùng căn cứ kết quả nghiên cứu trên đề tài cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm tập trung vào các vấn đề mà người tiêu dùng quan tâm nhiều nhất và các điểm yếu, tồn tại của các chợ truyền thống và siêu thị tại Thành phố Cần Thơ
4893	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình trồng củ sắn của nông hộ tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long	Trần, Minh Luân	Lê, Văn Dể	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế mô hình trồng củ sắn của nông hộ tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện tại 2 xã Lục Sĩ Thành, Phú Thành, tỉnh Vĩnh Long, thời gian thực hiện đề tài từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2018. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả kinh tế của các nông hộ trồng củ sắn từ đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ trồng củ sắn trên địa bàn nghiên cứu. Số liệu sơ cấp của đề tài thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 50 nông hộ sản xuất củ sắn tại 2 xã cũ lao, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu là phương pháp thuận tiện. Nội dung phân tích bao gồm: phân tích hiện trạng, bên cạnh đó đề tài phân tích hiệu quả kinh tế thông qua phương pháp đo lường hiệu quả kinh tế bằng bằng công cụ phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis) và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất củ sắn của nông hộ bằng phương pháp hồi quy Tobit. Kết quả phân tích hồi quy Tobit cho thấy các tác nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế nông hộ như: diện tích, kinh nghiệm, có hệ số tương quan thuận với hiệu quả kinh tế; lao động gia đình, có hệ số hồi quy nghịch với hiệu quả kinh tế. Để cải thiện hiệu quả kinh tế nông hộ điều chỉnh các mức đầu vào theo tỷ lệ tối ưu có tính đến giá tương đối của các yếu tố đầu vào trong sản xuất.

4894	Đại học	Đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre	Dương, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Duy Cần Phạm, Ngọc Nhân	2020	Nhằm nâng cao hiệu quả trong việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông hộ, tạo nguồn thu nhập ổn định nên đề tài “Đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông hộ tại địa bàn huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre” được thực hiện. Với mục tiêu đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông hộ, những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông hộ tại huyện Với các mục tiêu đề ra, đề tài đã sử dụng các phương pháp thu thập số liệu để thu thập số liệu từ hộ nông dân. Dùng phương pháp thống kê mô tả và so sánh để mô tả tổng quan về tình hình tiêu thụ sản phẩm, đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm của nông hộ. Dùng phương pháp phân tích SWOT phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của nông hộ trong việc tiêu thụ sản phẩm Từ kết quả phân tích cho thấy, hoạt động tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của nông hộ còn gặp phải nhiều khó khăn. Đề tài tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Sự phụ thuộc vào thương lái còn khá phổ biến, đặc biệt về mặt giá cả. Đa số những nông hộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực này là ngoài 50 tuổi, họ tham gia sản xuất nông nghiệp còn rất sớm. Diện tích sản xuất của nông hộ còn khá nhỏ, lẻ, rất ít hộ có diện tích sản xuất lớn. Việc tiếp thu, tìm tòi những kiến thức mới có phần bị hạn chế và khó khăn do họ làm theo tập quán, thói quen nên khó thay đổi các quyết định. Chưa tiếp cận nhiều với thông tin thị trường. Nguồn tiếp cận chủ yếu qua các kênh như thương lái, bạn bè/người thân, hàng xóm và tivi. Hiệu quả của việc nắm bắt thông tin còn thấp ảnh hưởng đến quá trình mua bán của nông hộ, làm chậm trễ thu hoạch, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và nguồn thu nhập Từ kết quả đánh giá nông hộ cần tham gia sản xuất tập trung để tạo ra nguồn sản phẩm lớn, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng tiêu thụ. Tham gia các lớp tập huấn để có thêm kiến thức, mạnh dạn áp dụng và đổi mới để nâng cao thu nhập. Đồng thời tìm hiểu và nắm bắt thông tin thị trường.
------	---------	---	--------------------	----------------------------------	------	---

4895	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung liều lượng axit humic tưới gốc đến sinh trưởng và năng suất của rau dền đỏ (<i>Amaranthus dubius/red</i>) trồng tại Phụng Hiệp, Hậu Giang	Văn, Công Kha	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thành Trực	2020	Đề tài “ Ảnh hưởng của bổ sung liều lượng axit humic tưới gốc đến sinh trưởng và năng suất của rau dền đỏ (<i>Amaranthus dubius/Red</i>) trồng tại Phụng Hiệp, Hậu Giang ”. Nhằm xác định ảnh hưởng của liều lượng axit humic tưới gốc lên sinh trưởng và năng suất của rau dền đỏ. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: là nghiệm thức đối chứng không tưới axit humic; NT2: tưới axit humic với liều lượng 1g/m²; NT3: tưới axit humic với liều lượng 2g/m²; NT4: tưới axit humic với liều lượng 3g/m²; NT5: tưới axit humic với liều lượng 4g/m². Các chỉ tiêu theo dõi về sinh trưởng của cây: Chiều cao cây, đường kính gốc, chiều dài lá, chiều rộng lá, số lá trên thân. Các chỉ tiêu về sinh trưởng được thực hiện định kỳ 6 ngày/lần đến khi thu hoạch. Kết quả thí nghiệm cho thấy tất các nghiệm thức cây rau dền đỏ đều phát triển tốt. Các chỉ tiêu về sinh trưởng như là: chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá, số lá, đường kính gốc của cây cho thấy không có sự ảnh hưởng rõ rệt giữa các nghiệm thức ở mức ý nghĩa 5%. Các chỉ tiêu về thành phần năng suất cũng không có sự ảnh hưởng rõ rệt giữa các nghiệm thức ở mức ý nghĩa 5%. Năng suất tổng đạt cao nhất ở NT1 (816.66 kg/1000m²), thấp nhất là ở NT4 (611.11 kg/1000m²). Năng suất thương phẩm đạt cao nhất ở NT1 (738.89 kg/1000m²), thấp nhất là ở NT4 (577.78 kg/1000m²).
------	---------	---	---------------	--	------	---

4896	Đại học	Ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể giữa rễ lục bình và mụn xơ dừa lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng dưa lưới (Cucumis melo L.)	Trần, Hoài Nam	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của tỉ lệ phối trộn giá thể giữa rễ lục bình và mụn xơ dừa lên sinh trưởng, năng suất và chất lượng dưa lưới (Cucumis melo L.)” nhằm xác định tỉ lệ phối trộn giá thể giữa rễ lục bình và mụn xơ dừa phù hợp để cây dưa lưới sinh trưởng tốt, cho năng suất và chất lượng cao. Thí nghiệm được thực hiện ở Trại thực nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp, Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 9/2018 – 5/2019 và được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 6 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 10 chậu và mỗi chậu trồng 1 cây với các nghiệm thức lần lượt là: nghiệm thức 1 nghiệm thức đối chứng (100% mụn xơ dừa), nghiệm thức 2 (90% mụn xơ dừa + 10% rễ lục bình), nghiệm thức 3 (80% mụn xơ dừa + 20% rễ lục bình), nghiệm thức 4 (70% mụn xơ dừa + 30% rễ lục bình), nghiệm thức 5 (60% mụn xơ dừa + 40% rễ lục bình), nghiệm thức 6 (50% mụn xơ dừa + 50% rễ lục bình). Kết quả thí nghiệm cho thấy khi phối trộn giữa giá thể rễ lục bình và mụn xơ dừa theo từng tỉ lệ của nghiệm thức ảnh hưởng đến chỉ tiêu sinh trưởng (đường kính gốc, chu vi trái) ở từng nghiệm thức ở mỗi giai đoạn khác nhau nhưng không ảnh hưởng đến khả năng cho năng suất và chất lượng trái của dưa lưới ở thời điểm thu hoạch. Khi phối trộn giữa giá thể rễ lục bình và mụn xơ dừa ở tỉ lệ khác nhau thì năng suất lý thuyết và năng suất thực tế không bị ảnh hưởng. Năng suất thực tế cụ thể ở từng nghiệm thức: nghiệm thức 1 (29,23 tấn/ha); nghiệm thức 2 (26,84 tấn/ha); nghiệm thức 3 (27,57 tấn/ha); nghiệm thức 4 (28,12 tấn/ha); nghiệm thức 5 (31,78 tấn/ha); nghiệm thức 6 (30,64 tấn/ha). Độ Brix giữa các nghiệm thức cũng không bị ảnh hưởng khi phối trộn giữa giá thể rễ lục bình và mụn xơ dừa ở tỉ lệ khác nhau. Độ Brix ở từng nghiệm thức lần lượt là: nghiệm thức 1 (11,17%); nghiệm thức 2 (10,40%); nghiệm thức 3 (9,90%); nghiệm thức 4 (9,87%); nghiệm thức 5 (10,40%); nghiệm thức 6 (11,10%).
------	---------	--	----------------	-------------------------	------	--

4897	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại nông nghiệp AFC	Trần, Văn Khang	Võ, Hồng Tú	2020	Nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đề tài: “Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất nông nghiệp AFC” được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019. Đề tài thực hiện nghiên cứu các mục tiêu như sau Mục tiêu (1) Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của công ty qua 3 năm Mục tiêu (2) Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản để thấy được khả năng thanh toán, t số hiệu quả hoạt động, khả năng quản trị nợ và khả năng sinh lời của công ty Mục tiêu (3) Đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới. Đề tài sử dụng phương pháp so sánh, thống kê mô tả về tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận và phân tích SWOT để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của công ty. Đồng thời đi sâu vào phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố đến lợi nhuận, đề tài còn sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định sự tác động của từng nhân tố đến lợi nhuận của công ty Kết quả phân tích cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty qua 3 năm có xu hướng tăng dần, do chủ động được các yếu tố nội tại (đảm bảo nguyên liệu đầu vào kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm) và bên ngoài (sự cạnh tranh của các doanh nghiệp về chi phí nhân công và giá bán sản phẩm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) của công ty. Doanh thu và lợi nhuận tăng liên tục qua 3 năm, đặc biệt tăng mạnh ở giai đoạn năm 2017-2018 Mặc dù, tỷ số tài chính tăng cho thấy việc sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty được sử dụng hiệu quả. Nhưng công ty vẫn còn rất nhiều hạn chế cần phải khắc phục và định hướng trong thời gian tới, cụ thể như là hạn chế trong việc marketing bán hàng, quản lý đội ngũ lao động sản xuất... Từ đó, đề xuất giải pháp giúp cho công ty cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Giải pháp giúp cho công ty cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh gồm các biện pháp tăng doanh thu và cắt giảm một số chi phí không cần thiết. Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong vấn đề đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do xâm nhập mặn và các dự án công nghiệp hóa.
------	---------	---	-----------------	-------------	------	--

4898	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận chăn nuôi gà thịt của nông hộ tại huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Kim Sang	Trần, Thanh Dũng	2020	Đề tài: “Phân tích hiện trạng sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận chăn nuôi gà thịt của nông hộ tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long “ là rất cần thiết góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ chăn nuôi gà thịt. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện bằng cách chọn 30 hộ chăn nuôi gà thịt của các nông hộ, phương pháp thống kê mô tả và hồi quy tuyến tính được sử dụng chủ yếu để phân tích kết quả của đề tài Kết quả phân tích cho thấy nông hộ chưa có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi gà thịt; nông hộ chưa được tập huấn, trọng lượng xuất bán trung bình chỉ là 2,46kg, mật độ nuôi chủ yếu là 6 con/m² , thời gian nuôi trung bình là 116,37 ngày, quy mô nuôi trung bình là 270 con. Lợi nhuận trung bình là 6,54 nghìn đồng/kg, các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận là 3 yếu tố cụ thể như là trọng lượng xuất bán, mật độ, giống gà Tàu Vàng. Đề tài đề xuất giải pháp nên xuất bán gà có trọng lượng từ 2,5 - 3kg, nuôi với mật độ 10 con/m² và nên chọn giống gà Lương Phượng hay gà Tam Hoàng, cần nuôi theo hướng tập trung, đầu tư tập huấn kỹ thuật cho nôn hộ.
------	---------	---	------------------	------------------	------	--

4899	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của phân trùn quế sản xuất từ các nguồn hữu cơ khác nhau đến tốc độ sinh trưởng và năng suất của ba loại rau ăn lá tại xã Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Phạm, Văn Trình	Nguyễn, Thị Bạch Kim Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Khảo sát ảnh hưởng của phân trùn Quế được sản xuất từ các nguồn hữu cơ khác nhau đến tốc độ sinh trưởng và năng suất của ba loại rau ăn lá tại Xã Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện tại trại thực nghiệm, khoa Phát triển Nông Thôn, trường Đại học Cần Thơ từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 nhằm tìm ra tìm ra loại phân trùn Quế (được sản xuất từ các nguồn hữu cơ khác nhau) thích hợp cho rau ăn lá (rau muống, cải xanh, cải ngọt) đạt tốc độ sinh trưởng và năng suất cao. Thí nghiệm thực hiện được bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên, với 7 nghiệm thức (NT1 không bón phân; NT2 bón phân hóa học; NT3 bón phân trùn từ 40% rác hữu cơ, 0% bèo tấm, 60% phân bò; NT4 phân trùn từ 30% rác hữu cơ, 10% bèo tấm, 60% phân bò; NT5 phân trùn từ 20% rác hữu cơ, 20% bèo tấm, 60% phân bò; NT6 phân trùn từ 10% rác hữu cơ, 40% bèo tấm, 60% phân bò; NT7 phân trùn từ 0% rác hữu cơ, 40% bèo tấm, 60% phân bò) với 03 lần lặp lại. Nhìn chung bón phân trùn trên rau ăn lá (rau muống, cải xanh, cải ngọt) tốc độ sinh trưởng chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá và số lá rau muống (lần lượt là 1,00-1,19; 0,54-0,68 ; 0,04-0,06; 0,21-0,22 cm/ngày) phát triển vượt trội so với không bón phân (0,39; 0,42; 0,02; 0,17 cm/ngày) nhưng thấp hơn so với bón phân hóa học (1,34; 0,69; 0,08; 0,36 cm/ngày). Cải xanh (lần lượt là 1,161,22; 0,93-1,52; 0,61-0,99; 0,25-0,31 cm/ngày) phát triển vượt trội so với không bón phân (0,49; 0,52; 0,55; 0,23 cm/ngày) nhưng thấp hơn so với bón phân hóa học (1,41; 1,61; 1,03; 0,51 cm/ngày). Cải ngọt (lần lượt là 1,25-1,39; 0,511,70; 0,23-0,30; 0,33-0,41cm/ngày) phát triển vượt trội so với không bón phân (0,19; 0,32; 0,13; 0,28 cm/ngày) nhưng thấp hơn so với bón phân hóa học (1,49; 0,98; 0,34; 0,51 cm/ngày). Năng suất tổng (rau muống dao động từ 1,52 – 1,60 kg/m², cải xanh 1,52 – 1,60 kg/m² và cải ngọt 0,98 – 1,10 kg/m²) cao hơn so với không bón phân (rau muống 0,82 kg/ m², cải xanh 0,62 kg/m², cải ngọt 0,57 kg/m²) nhưng thấp hơn so với bón phân hóa học (rau muống 2,23 kg/ m², cải xanh 2,63 kg/m², cải ngọt 1,87 kg/m²). Tóm lại các phân trùn Quế được sản xuất từ các nguồn hữu cơ khác nhau đều ảnh hưởng như nhau đến sinh trưởng và năng suất của rau ăn lá (rau muống, cải xanh và cải ngọt).
------	---------	--	-----------------	--	------	---

4900	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 13 giống lúa cao sản ngắn ngày trên vùng đất phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Hè Thu năm 2018	Lữ, Minh Hữu Lê	Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài “so sánh năng suất và phẩm chất của 13 giống lúa cao sản ngắn ngày trên vùng đất phèn tại Hoà An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Hè Thu 2018” được thực hiện từ tháng 04/2018 đến tháng 08/2018. Số liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp bố trí thí nghiệm ngoài đồng theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 13 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức 3 lần lặp lại tại trại thực nghiệm bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp Khoa Phát triển Nông thôn trường Đại học Cần Thơ, trong quá trình canh tác ghi nhận các chỉ tiêu nông học, năng suất và phẩm chất của các nghiệm thức. Kết quả thí nghiệm " So sánh năng suất và phẩm chất của 13 giống lúa cao sản ngắn ngày trên vùng đất phèn tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Hè Thu năm 2018”, xác định được 2 giống lúa năng suất cao và phẩm chất tốt: Giống MTL480 có năng suất 5,35 tấn lúa khô/ha, TGST 108 ngày, tỉ lệ gạo nguyên 54,5% và hình dạng hạt gạo thon dài, kháng phèn cấp 1, trọng lượng 1000 hạt 28,1g, số bông/m ² là 333 bông Giống SH2161 có năng suất 5,25 tấn lúa khô/ha, TGST 106 ngày, tỉ lệ gạo nguyên 59,3% và hình dạng hạt gạo thon dài, kháng phèn cấp 1, trọng lượng 1000 hạt 26,8g, số bông/m ² là 249 bông.
4901	Đại học	So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa triển vọng trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018-2019	Nguyễn, Thanh Tuấn	Nguyễn, Thành Trục Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “So sánh năng suất và phẩm chất của 12 giống lúa triển vọng trên vùng đất phèn Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang vụ Đông Xuân 2018 – 2019” được thực hiện với mục tiêu tìm ra 1 – 2 giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn từ 90 – 105 ngày. Có khả năng chống chịu phèn ở cấp 3 và kháng được một số sâu bệnh chính như rầy nâu ở cấp 1 và đạo ôn cấp 2. Đồng thời có năng suất cao từ 5 tấn/ha trở lên, tỷ lệ gạo nguyên trên 48%, hình dạng hạt gạo thon dài và độ bạc bụng dưới 10%. Thí nghiệm thực hiện ngoài đồng được bố trí theo phương thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 12 nghiệm thức tương ứng với 12 giống lúa: D531-1, LP31, D535, D50-5, LP3, LP42, D530, LP36, LP27, OM5451, MTL480 và OM6976 với 3 lần lặp lại. Giống OM6976 được chọn làm giống đối chứng. Mỗi đơn vị thí nghiệm là 20 m ² . Khoảng cách giữa giống với giống là 40 cm và giữa các lần lặp lại là 45 cm. Các chỉ tiêu theo dõi gồm: các đặc tính nông học, tính chống chịu phèn, tính chống chịu sâu bệnh chính, năng suất và các thành phần năng suất. Kết quả thí nghiệm chọn được 3 giống lúa LP31, LP36 và LP42 đáp ứng được mục tiêu đề tài. Kiến nghị tiếp tục thử nghiệm giống LP31, LP36 và LP42 ở vụ Đông Xuân 2019 – 2020 để xét tính ổn định về năng suất.

4902	Đại học	Phân tích nhu cầu vay vốn ngân hàng của hộ sản xuất nông nghiệp tại huyện Thới Lai Thành Phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thị Anh Thư	Võ, Hồng Tú	2020	Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nâng mức sống cho người dân ở khu vực nông thôn là một trong những mục tiêu quan trọng của Nhà nước ta. Đề tài “Phân tích nhu cầu vay vốn ngân hàng của hộ sản xuất nông nghiệp tại huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ” được thực hiện dựa trên số liệu phỏng vấn trực tiếp 60 hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu. Mục tiêu của đề tài là phân tích tình hình nhu cầu vay vốn của hộ sản xuất nông nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vay vốn và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ vay vốn của hộ sản xuất nông nghiệp. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm giúp nông hộ đáp ứng nhu cầu vay vốn và mức độ vay vốn cho hộ sản xuất nông nghiệp để tăng năng lực sản xuất và thu nhập cho gia đình. Kết quả phân tích theo mô hình Binary Logistic chọn 9 biến nghiên cứu thì có 4 biến có ý nghĩa thống kê trong đó 3 biến: số đỏ, thủ tục vay và biến chi tiêu có mối tương quan thuận với khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng làm tăng khả năng tiếp cận của nông hộ, biến thu nhập cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng nhưng có mối tương quan nghịch làm giảm khả năng tiếp cận của nông hộ. Mô hình hồi quy đa biến xác định mức độ vay của các nhân tố trong đó biến mục đích vay, số đỏ và biến chi tiêu có mối tương quan thuận với mức độ vay của nông hộ làm tăng lượng vốn vay của nông hộ đối với ngân hàng, bên cạnh đó biến thu nhập có mối tương quan nghịch với mức độ vay làm giảm lượng vốn vay của nông hộ. Trên cơ sở kết quả phân tích của nghiên cứu này, từ đó đề ra các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn và mức độ vay vốn của hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.
------	---------	---	---------------------	-------------	------	--

4903	Đại học	Phân tích hoạt động của "cò" trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Mỹ Loan	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài “ Phân tích hoạt động của “Cò” trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019. Được xem là một nghiên cứu giúp làm rõ về hoạt động của “Cò”. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiện trạng các hoạt động của “Cò” trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Số liệu được thu thập nghiên cứu thông qua 50 hộ, trong đó 15 hộ nông dân chuyên sản xuất lúa và 35 hộ nông dân sản xuất lúa có tham gia hoạt động “Cò” tại 3 địa bàn Long Mỹ, Vị Thủy và Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang, sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu là thống kê mô tả để tìm ra các yếu tố lợi nhuận từ đó so sánh tìm sự chênh lệch lợi nhuận giữa nông hộ làm “Cò” lúa và không làm “Cò” lúa. Từ những kết quả đã phân tích về nông dân sản xuất lúa và nông dân sản xuất lúa có tham gia hoạt động cò trên 3 địa bàn nghiên cứu cho thấy, lợi nhuận của nông hộ tham gia sản xuất lúa trên một năm thấp nhất là 10.428.111 đồng/ ha/ năm, cao nhất là 48.180.128 đồng/ năm với trung bình là 27.498.818 đồng/ năm. Đối với “Cò” lợi nhuận thấp nhất là 4.066.000 đồng/ ha/ năm, với kinh nghiệm lâu và hoạt động với phạm vi rộng thì trong một năm cò có thể thu về số tiền cao nhất là 569.180.000 đồng/ năm. Với trung bình lợi nhuận trên một năm là 129.028.733 đồng/ ha/ năm. Do địa bàn nghiên cứu rộng nhộng số mẫu còn hạn chế, nên chỉ mang tính chất đại diện, chưa thể đánh giá đúng được hết tác động của “Cò” và các yếu tố khác trong khâu thu hoạch và tiêu thụ. Qua đề tài nghiên cứu, từ những hiện trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ cũng như thu nhập của người “Cò”, đã tìm ra các khoảng chi phí và lợi nhuận, chi phí hoạt động tiêu thụ, những khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm của nông hộ. Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích 50 mẫu trên địa bàn nghiên cứu gồm 15 nông hộ là nông dân chuyên sản xuất lúa và 35 nông hộ sản xuất lúa có tham gia hoạt động “Cò” cho thấy, năng suất và lợi nhuận của 35 hộ vừa sản xuất và làm “Cò” cao hơn so với 15 hộ chỉ chuyên sản xuất lúa.
------	---------	---	---------------------	---------------	------	--

4904	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng axit humic bón gốc lên sinh trưởng và năng suất của cây mồng tơi (Basella alba L.)	Lê, Gia Khang	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài —Ảnh hưởng của liều lượng Axit Humic bón gốc lên sinh trưởng và năng suất của cây mồng tơi (Basella alba L.) được thực hiện tại Trại thực nghiệm khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại Học Cần Thơ (6/2019 - 8/2019). Đề tài thực hiện nhằm mục đích xét xem Humic có ảnh hưởng như thế nào lên sinh trưởng và năng suất của cây mồng tơi để làm cơ sở cho những thí nghiệm tiếp theo. Thí nghiệm gồm 1 nhân tố, được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 5 nghiệm thức với liều lượng khác nhau, 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 40 cây, được trồng trên 1m x 2m, quy mô thí nghiệm là 10 cây trên một nghiệm thức (mỗi cây cách nhau 20cm). (NT1) đối chứng liều dùng 0.0g/m² axit Humic , (NT2) liều dùng 0.5g/m² axit Humic, (NT3) liều dùng 1.0g/m² axit Humic, (NT4) liều dùng 1.5g/m² axit Humic, (NT5) liều dùng 2.0g/m² axit Humic. Kết quả thí nghiệm cho thấy các chỉ tiêu về sinh trưởng và năng suất của các nghiệm thức khi bón Axit Humic lên gốc không ảnh hưởng đến chiều cao cây, chiều dài lá, chiều rộng lá, số lá, đường kính gốc và số chồi, trọng lượng trung bình cây, năng suất thực tế, năng suất tổng, tỷ lệ NSTT/NSTL, tỷ lệ NSTP/NST.
------	---------	--	---------------	--	------	---

4905	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần đầu tư Hợp Trí	Đào, Thị Ngọc Lan Thanh	Lê, Văn Dẽ	2020	Phân tích hiệu quả qua hoạt động kinh doanh giúp doanh nghiệp tự đánh giá về thế mạnh, thế yếu để củng cố, phát huy hay khắc phục cải tiến quản lý để từ đó phát huy mọi tiềm năng thị trường, khai thác tối đa những nguồn lực của doanh nghiệp, nhằm đạt đến hiệu quả cao nhất trong kinh doanh. Kết quả của phân tích là cơ sở để đưa ra các quyết định quản trị ngắn hạn và dài hạn. Phân tích kết quả kinh doanh giúp dự báo đề phòng và hạn chế những rủi ro trong kinh doanh. Hiện nay, trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế nước ta nói riêng, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nỗ lực rất lớn mới có thể tồn tại và phát triển được. Điều này đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp phải biết rõ thực lực của doanh nghiệp mình mà đề ra các phương hướng phát triển phù hợp. Để làm được điều này, nhà quản trị phải thực hiện nghiêm túc việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy phân tích kết quả hoạt động kinh doanh có vai trò rất quan trọng đối với một doanh nghiệp. Việc hoàn thành hay đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra sẽ quyết định sự sống còn của một doanh nghiệp. Để rút ngắn khoảng cách giữa những dự tính kế hoạch và thực tế thì việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được thực hiện cẩn trọng nhằm có được sự đánh giá đúng đắn, chính xác. Thông qua việc xem xét đánh giá những chỉ tiêu kinh tế của những năm trước sẽ giúp cho ban lãnh đạo thấy được những mặt tiêu cực cần phải hạn chế, xóa bỏ và những mặt tích cực cần được phát huy. Từ đó nhà quản trị hay ban lãnh đạo sẽ có được những quyết định hay những định hướng cho tương lai của doanh nghiệp phù hợp với sự phát triển chung của kinh tế đất nước, tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững Công ty Cổ phần đầu tư Hợp Trí qua gần 16 năm hình thành và phát triển, hiện nay, Công ty được công nhận là doanh nghiệp dẫn đầu ngành công nghiệp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, nhiều năm liên tiếp đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, “Sản phẩm chất lượng, vì môi trường”. Đạt được những thành tựu như vậy là kết quả to lớn của việc định hướng chiến lược kinh doanh của Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần đầu tư Hợp Trí, sự phân tích và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của các nhà quản trị qua mỗi kỳ hoạt động. Vì vậy việc phân tích thường xuyên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ giúp cho nhà lãnh đạo đánh giá đầy đủ, chính xác mọi diễn biến và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, biết được những mặt mạnh, mặt yếu của Công ty trong mối quan hệ với môi trường xung quanh, đồng thời biết được các nhân tố ảnh hưởng, mức độ và
------	---------	---	-------------------------	------------	------	--

4906	Đại học	Ảnh hưởng của kali humate, urea humate và phân bón hóa học chậm tan đến sự phát triển và năng suất lúa OM5451 trồng trên vùng đất phèn nhiễm mặn tại Hậu Giang	Võ, Thị Thúy Huỳnh	Tất, Anh Thư	2020	Trong thâm canh lúa, phân bón chiếm 30% chi phí. Bên cạnh đó vấn đề thất thoát trong sử dụng phân bón đang có xu hướng tăng do nông dân bón vượt liều lượng khuyến cáo cũng như cách bón hiện nay là rải trên mặt ruộng nên phân bón bị trực di, rửa trôi, bốc hơi, thất thoát 40-50% đạm, 60% lân và 50% kali, ngoài gây lãng phí lớn còn làm ô nhiễm môi trường (Phạm Quang Hà, 2013). Vì thế đề tài “Ảnh hưởng của kali humate, urea humate và phân bón hóa học chậm tan đến sự phát triển và năng suất lúa OM5451 trồng trên vùng đất phèn nhiễm mặn tại Hậu Giang” đã được thực hiện tại xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trong vụ Đông Xuân 2019 nhằm đánh giá hiệu quả của việc sử dụng kali humate, ure humate kết hợp NPK chậm tan có kiểm soát với Urea thông thường vào trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất lúa, gia tăng hiệu quả sản xuất giảm chi phí lao động, chi phí đầu tư phân bón hóa học và cải thiện dinh dưỡng trong đất. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên, với 3 lần lặp lại cho mỗi thí nghiệm, mỗi lặp lại có diện tích 1000m². Điểm thí nghiệm được thực hiện trên 3 hộ nông dân liền kề có chung giống lúa (OM5451), nguồn cung cấp/thoát nước, kỹ thuật canh tác, mùa vụ tương đồng nhau. Công thức phân bón khác nhau giữa 3 nông hộ và mô hình thí nghiệm như sau: Mô hình sử dụng phân bón NPK 18 – 14-18, Kali Humate, Ure Humate (50N - 40P2O5 -30K2O (kg/ha)). Các nông dân còn lại sử dụng phân bón Ure, KCl, DAP với công thức phân bón lần lượt ND1: 129N-83P2O5-30K2O mật độ sạ 10kg/1000m²; ND2: 119N-69P2O5-30K2O, mật độ sạ 15kg/1000m²; ND3:101N-71P2O5 -52K2O, mật độ sạ 10kg/1000m². Các chỉ tiêu theo dõi gồm các thành phần năng suất, sinh khối rơm và năng suất thực tế. Ảnh hưởng của phân bón đến các thành phần dinh dưỡng của đất và hiệu quả tài chính từ mô hình. Kết quả thí nghiệm cho thấy: Nghiệm thức phân tan chậm với công thức N-P-K: 18-14-8 cho hiệu quả cao nhất dù chỉ sử dụng 43% đạm, 54% lân và 81% kali so với công thức phân bón truyền thống của nông dân nhưng lại đạt năng suất và chất lượng tương đương, hàm lượng CHC tăng so với đầu vụ và 3 nông hộ 6,62%, hàm lượng Phd 51,3 mgP2O5/kg và Nhd 23,0 mgN/100g cao hơn so với đầu vụ và 3 nông hộ
------	---------	--	--------------------	--------------	------	--

4907	Đại học	Đánh giá tình hình tiêu thụ dừa của nông hộ tỉnh Bến Tre	Trần, Thị Quế Anh	Nguyễn, Duy Cần Phạm, Ngọc Nhân	2020	Nhằm giúp các hộ dân trồng dừa trên địa bàn tỉnh Bến Tre có mức tiêu thụ dừa một cách tốt hơn. Nên đề tài “Đánh giá tình hình tiêu thụ dừa của nông hộ tỉnh Bến Tre” được thực hiện nhằm đánh giá được tình hình tiêu thụ dừa trong tỉnh và từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần ổn định tình hình tiêu thụ, nâng cao hiệu quả các hộ gia đình trồng dừa trên địa bàn tỉnh Bến Tre Với mục tiêu đề ra đề tài sử dụng các phương pháp thu thập số liệu từ các hộ nông dân, dùng phương pháp thống kê mô tả, và phương pháp so sánh, phương pháp chênh lệch để thực hiện được đề tài Từ kết quả phân tích cho thấy tình hình sản xuất và tình hình tiêu thụ dừa của nông hộ khá ổn định. Dù vậy, tình hình sản xuất dừa và tình hình tiêu thụ dừa của tỉnh vẫn còn nhiều bất cập. Quy mô sản xuất dừa của các nông hộ còn nhỏ lẻ, độ tuổi sản xuất chính khá lớn. Tình hình tiêu thụ dừa của nông hộ chủ yếu bán dừa cho thương lái địa phương với số hộ chiếm đến 96% trên tổng hộ điều tra. Với giá dừa dao động từ 30.000-50.000 đ/chục, và năng suất bán ra trung bình là 11.658 trái/ha/năm. Các yếu tố tác động đến tiêu thụ dừa của các nông hộ đến từ người sản xuất là do độ tuổi của lao động chính cao từ 45-65 tuổi chiếm đến 63% trên tổng hộ điều tra, trình độ học vấn thì trung học cơ sở là phổ biến. Nguồn lao động và nguồn vốn chủ yếu là từ gia đình nhưng giảm và nghiêng về thuê lao động và vay để sản xuất với số hộ thuê lao động chiếm đến 55% tổng hộ điều tra, và tỷ lệ hộ vay vốn là 28,33%. Mức tiếp cận thông tin về giá và thông tin thị trường của nông hộ chủ yếu thông qua thương lái và hàng xóm xung quanh. Sự liên kết giữa nông dân và người mua dừa chủ yếu là qua thương lái vì thương lái mua dừa từ các hộ trồng dừa lên đến 95% số hộ và nông dân chủ yếu bán theo tập quán, thói quen nên chủ yếu là không có hợp đồng và được thanh toán ngay sau khi bán dừa Từ kết quả phân tích, các hộ trồng dừa cần nâng cao trình độ, lực lượng lao động, nguồn vốn để mở rộng quy mô sản xuất và tìm được người mua dừa với sản lượng và giá một cách hợp lý nhất. Các nông dân nên tìm hiểu và tiếp cận thông tin về thị trường và thông tin về giá nhiều hơn, đặc biệt là qua nhiều kênh khác nhau. Mặt khác, các cơ quan chức năng cần tạo điều kiện hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp hay hợp tác xã và cả nông dân để thúc đẩy việc tiêu thụ dừa của tỉnh Bến Tre. Cần thúc đẩy và mở rộng mối quan hệ giữa nông dân và các đơn vị tiêu thụ thường xuyên...
------	---------	--	-------------------	----------------------------------	------	---

4908	Đại học	Nghiên cứu hoạt động của "Cò" trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh An Giang	Tào, Thành Đô	Đỗ, Văn Hoàng	2020	Đề tài “Nghiên cứu hoạt động của Cò lúa trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn tỉnh An Giang” được thực hiện để nghiên cứu tình hình sản xuất lúa của nông hộ và nghiên cứu hoạt động của Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ trên địa bàn tỉnh An Giang. Phân tích các chỉ tiêu về chi phí, lợi nhuận, doanh thu,... của nông hộ để nắm được hiện trạng sản xuất lúa trên địa bàn. Đối với nông hộ tham gia hoạt động Cò phân tích các chỉ tiêu về tổng thu nhập từ khâu thu hoạch, tổng thu nhập từ khâu tiêu thụ, chi phí khi hoạt động Cò, lợi nhuận của Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ. Từ đó biết được hoạt động của Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ lúa trên địa bàn nghiên cứu là như thế nào. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 41 nông hộ được phỏng vấn trực tiếp trên địa bàn tỉnh An Giang, thực hiện phỏng vấn trên địa bàn huyện Thoại Sơn, huyện Châu Phú, huyện Chợ Mới thuộc tỉnh An Giang. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để biết được mức trung bình, thấp nhất, cao nhất của các chỉ tiêu từ đó đưa ra kết luận. Từ những kết quả thấy được mức thu nhập trung bình một năm của nông hộ trong hoạt động sản xuất lúa là 98.259.366 đồng/ ha, mức chi phí trung bình 49.402.524 đồng/ ha, lợi nhuận trung bình một năm của nông hộ là 48.856.841 đồng/ ha. Từ kết quả nghiên cứu biết được khoản thu nhập của nông hộ tham gia hoạt động Cò trên địa bàn nghiên cứu, chi phí trung bình của hoạt động Cò trong khâu thu hoạch là 6.691.379,31 đồng/ năm, chi phí trung bình trong khâu tiêu thụ 11.455.000 đồng/ năm. Phần trăm hoa hồng Cò được hưởng, lợi nhuận trung bình của Cò trong khâu thu hoạch là 44.001.758,62 đồng/ năm và lợi nhuận trung bình trong khâu tiêu thụ lúa là 100.801.500 đồng/ năm. Dựa trên kết quả nghiên cứu 41 nông hộ sản xuất lúa có tham gia hoạt động Cò, biết được những thuận lợi, khó khăn và mặt tiêu cực của hoạt động Cò trong khâu thu hoạch và tiêu thụ để đưa ra những kiến nghị phù hợp giải quyết vấn đề.
------	---------	---	---------------	---------------	------	---

4909	Đại học	Ảnh hưởng của các mức protein thô lên khả năng tăng trưởng của gà nòi giai đoạn vỗ béo	Phạm, Thị Nhân	Nguyễn, Thiết	2020	Đề tài được tiến hành với mục tiêu: (i) Xác định khẩu phần có mức protein thô phù hợp với sự tăng trưởng của gà Nòi giai đoạn vỗ béo.(ii) Đánh giá hiệu quả kinh tế của gà Nòi giai đoạn vỗ béo khi được nuôi các khẩu phần khác nhau. Đề tài được tiến hành trên 135 cá thể gà Nòi. Thí nghiệm nuôi dưỡng gà Nòi ghi nhận khối lượng cơ thể từ 63 ngày tuổi đến 87 ngày tuổi, thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với ba nghiệm thức ở mức CP 15% (CP15), CP 16% (CP16), CP 17% (CP17) với cùng mức năng lượng trao đổi (ME) 2900 kcal/kg DM. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần, mỗi đơn vị thí nghiệm có 15 con gà (5 gà trống và 10 gà mái). Kết quả thí nghiệm cho thấy: mức tiêu tốn thức ăn bình quân là 56,59; 58,57; 56,11 g/con/ngày ($P>0,05$); khả năng tăng trọng bình quân là 14,57; 15,10; 13,75 g/con/ngày ($P>0,05$); hệ số chuyển hóa thức ăn bình quân là 3,94; 3,93; 4,11 ($P>0,05$); chi phí thức ăn là 25.302; 25.651; 27.179 đồng/kg tăng trọng; tương ứng với các nghiệm thức CP15; CP16; CP17. Năng suất sinh trưởng của gà Nòi giữa các nghiệm thức không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, xét về mặt lợi nhuận thu được thì nghiệm thức CP15 đem lại hiệu quả kinh tế tốt nhất do chi phí thức ăn thấp nhất. Từ kết quả thí nghiệm cho thấy nên áp dụng khẩu phần có mức protein thô 15% trên gà Nòi giai đoạn 9-12 tuần tuổi ở các trang trại nuôi gà thịt để giảm chi phí thức ăn từ đó góp phần làm tăng lợi nhuận trong chăn nuôi gà Nòi.
4910	Đại học	Ảnh hưởng của các mức độ bổ sung dế Thái (Acheta domestica) lên khả năng tăng trọng của gà rừng tai trắng (Gallus gallus gallus) trong điều kiện nuôi nhốt.	Huỳnh, Thị Ngọc Trâm	Nguyễn, Thiết	2020	Thí nghiệm được tiến hành tại khu thực nghiệm khoa Phát triển Nông thôn, trường đại học Cần Thơ. Thí nghiệm nhằm đánh giá ảnh hưởng của dế Thái ở các mức độ khác nhau (0%, 3%, 6%) lên khả năng tăng trọng của gà rừng tai trắng (Gallus gallus gallus) trong điều kiện nuôi nhốt. Thí nghiệm được thiết kế với 3 nghiệm thức là ĐC, D3, D6 tương ứng với bổ sung 0%, 3%, 6% dế trong khẩu phần ăn của gà rừng tai trắng với 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại là 4 cá thể gà rừng, tổng thí nghiệm sẽ có 36 cá thể gà rừng, gà thí nghiệm ở giai đoạn 5 – 12 tuần tuổi. Các chỉ tiêu theo dõi là: Lượng thức ăn thu nhận (LTÁTN), sinh trưởng tích lũy, sinh trưởng tuyệt đối, sinh trưởng tương đối, hệ số chuyển hóa thức ăn, hiệu quả kinh tế. Kết quả thí nghiệm cho thấy ở nghiệm thức ĐC, D3, D6 thì lượng thức ăn ăn vào trung bình của thí nghiệm là 19,82 g/con/ngày; 20,15 g/con/ngày; 19,59 g/con/ngày ($P>0,05$). Sinh trưởng tích lũy trung bình của thí nghiệm là 233,90g/con; 257,30 g/con; 256,20g/con ($P>0,05$). Sinh trưởng tuyệt đối trung bình là 2,61 g/con/ngày; 3,65 g/con/ngày; 3,12 g/con/ngày ($P>0,05$). Sinh trưởng tương đối trung bình của thí nghiệm là 8,62%; 11,39%; 9,89% ($P>0,05$). Hệ số chuyển hóa thức ăn là 7,59; 5,52; 6,28 ($P>0,05$). Chi phí thức ăn trên kg tăng trọng của gà thí nghiệm là 54.685 đồng, 38.076 đồng, 41.372 đồng. Các chỉ tiêu sinh trưởng của thí nghiệm khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$) và từ kết quả trên cho thấy ở D3 tăng trọng tốt hơn so với nghiệm thức ĐC và D6. Hơn thế nữa, ở D3 cũng mang lại hiệu quả kinh tế tốt hơn do chi phí thức ăn thấp hơn so với các nghiệm thức còn lại. Qua nghiên cứu có thể kết luận rằng bổ sung dế ở mức 3% (D3) là tốt nhất so với mức bổ sung dế 6% (D6) và không bổ sung dế (ĐC).

4911	Đại học	Đánh giá thích nghi của 5 giống rau dền (<i>Amaranthus</i>) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Trịnh, Thị Hạnh	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài “Đánh giá thích nghi của 5 giống rau dền (<i>Amaranthus</i>) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang”. Giống rau dền được trồng phổ biến tại địa phương là dền đỏ, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự thích nghi của 5 giống rau dền để chọn ra giống dền phù hợp tại địa phương. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức 3 lần lặp lại các nghiệm thức lần lượt là: nghiệm thức 1: rau dền cơm, nghiệm thức 2: dền xanh lá tròn, nghiệm thức 3: dền đỏ, nghiệm thức 4: dền xanh, nghiệm thức 5: dền tiều. Thí nghiệm theo dõi lấy các chỉ tiêu nông học (cao cây, đường kính gốc, dài lá, rộng lá...) và chỉ tiêu năng suất (NSTT, NSTP, NSLL...) của 5 giống rau dền trên. Kết quả thí nghiệm cho thấy có sự khác biệt về sinh trưởng cũng như năng suất giữa các giống trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Tìm ra giống rau dền cơm có sinh trưởng tốt, và cho năng suất cao NSTTL1 (100.45 kg/1000m²) NSTTL2 (283.33 kg/1000m²)
4912	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và khả năng sinh trưởng của gà rừng tai trắng (<i>Gallus gallus gallus</i>) trong điều kiện nuôi nhốt	Trương, Văn Khang	Nguyễn, Thiết	2020	Đề tài “Nghiên cứu đặc điểm hình thái và khả năng sinh trưởng gà Rừng tai trắng (<i>Gallus gallus gallus</i>) trong điều kiện nuôi nhốt” được thực hiện từ tháng 07 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019. Mục tiêu chính của đề tài này là nghiên cứu các đặc điểm hình thái và khả năng sinh trưởng của gà Rừng tai trắng (<i>Gallus gallus gallus</i>) được nuôi trong điều kiện nuôi nhốt trên 23 cá thể gà Rừng tai trắng. Một số phương pháp nghiên cứu sử dụng bao gồm thống kê mô tả (cỡ mẫu: lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình, độ lệch chuẩn) bằng phần mềm Microsoft Excel 2013 và phương pháp Independent Samples T-Test. Kết quả của đề tài cho thấy gà Rừng tai trắng trống có lông màu vàng cam, đỏ, đen ánh kim, nâu, đen. Da thân có màu trắng, chân và mỏ gà trống có màu đen chì, mào lá và tai tích có màu đỏ đậm, yếm tai màu trắng. Gà Rừng tai trắng mái có lông màu đen nâu hoặc nâu vàng. Da thân có màu trắng, chân và mỏ gà trống có màu đen chì, mào lá có màu đỏ nhạt, yếm tai màu trắng. Trọng lượng 1 ngày tuổi trung bình trống – mái là 17,69 (g/con), gà trống là 17,84 (g/con) và mái là 17,48 (g/con); 12 tuần tuổi trung bình trống – mái là 290,67 (g/con), gà trống là 307,13 (g/con) và mái là 259,82 (g/con). Điều đó cho thấy gà sinh trưởng khá chậm và có trọng lượng tương đối nhỏ. Sinh trưởng tuyệt đối 1 tuần tuổi trung bình trống – mái là 1,84 (g/con/ngày), gà trống là 1,81(g/con/ngày) và mái là 1,91 (g/con/ngày); 12 tuần tuổi trống – mái là 2,38 (g/con/ngày), gà trống là 2,48 (g/con/ngày) và mái là 2,19 (g/con/ngày). Sinh trưởng tương đối 1 tuần tuổi trung bình trống – mái là 49,58% gà trống là 47,63% và mái là 53,23%; 12 tuần tuổi sinh trưởng tương đối trung bình trống – mái là 6,22%, gà trống là 6,14% và mái là 6,37%. Tăng trọng gà giai đoạn 0 – 5 tuần tuổi là 3,10 (g/con/ngày), giai đoạn 5 – 12 tuần tuổi là 3,35 (g/con/ngày). Hệ số FCR giai đoạn 0 – 5 tuần tuổi là 3,07, giai đoạn 5 – 12 tuần tuổi là 7,05.

4913	Đại học	Đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động dịch vụ cung ứng đầu vào của hợp tác xã tại tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Hồng Uyên	Võ, Hồng Tú	2020	Đề tài “Đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động dịch vụ cung ứng đầu vào của hợp tác xã tại tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2019 nhằm nghiên cứu đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động và yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động cung ứng đầu vào(CUDV) của các hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, đồng thời đề ra một số giải pháp nhằm phát triển HTXNN nói chung và dịch vụ CUDV nói riêng. Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh thực trạng và hiệu quả hoạt động dịch vụ cung ứng đầu vào của hợp tác xã tại tỉnh Vĩnh Long. Đề tài sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của dịch vụ CUDV của HTXNN. Dữ liệu được sử dụng trong đề tài này được phỏng vấn trực tiếp từ 244 hộ là thành viên của các HTXNN và 29 HTXNN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Kết quả thống kê tình hình hoạt động HTXNN cho thấy còn nhiều yếu kém, khó khăn như về trụ sở hoạt động, diện tích đất nhỏ lẻ, cơ sở vật chất thiếu thốn, nguồn vốn chưa đủ cho hoạt động, chiếm đa phần là các HTX hoạt động dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. Các HTXNN trên địa bàn nghiên cứu đã thành lập dịch vụ CUDV nhưng tính hoạt động chưa cao, các HTXNN hoạt động về dịch vụ này còn rất ít (chỉ có 10/29 HTXNN). Lợi nhuận các HTX không có hoạt động dịch vụ CUDV trung bình đạt 129.27 triệu đồng/ năm thấp hơn lợi nhuận trung bình của các HTXNN có hoạt động dịch vụ CUDV trung bình là 177.32 triệu đồng/ năm. Về kết quả phân tích các yếu tố cho thấy các yếu tố là “Diện tích đất nông nghiệp”; “Số thành viên tham gia” là các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh HTXNN. Nghiên cứu còn nêu nên một số giải pháp nhằm phát triển hiệu quả hoạt động và tăng số lượng thành viên tham gia vào dịch vụ CUDV của HTXNN cả nước nói chung và HTXNN tỉnh Vĩnh Long nói riêng. Từ khóa: Cung ứng đầu vào, Hợp tác xã nông nghiệp 109
------	---------	--	-------------------	-------------	------	--

4914	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất khóm của nông hộ tại Thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang	Ngô, Quốc Trinh	Lê, Văn Dề	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất khóm của nông hộ tại Thành Phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang” được thực hiện trên cơ sở thu thập số liệu thực tế từ 59 nông hộ trồng khóm ở Thành Phố Vị Thanh. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng khóm từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng khóm. Đồng thời, tác giả sử dụng phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA để ước lượng hiệu quả kỹ thuật TE, hiệu quả phân phối AE, Hiệu quả chi phí CE phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng khóm tại địa bàn nghiên cứu. Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng phương pháp hồi quy Tobit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng khóm trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kinh tế trung bình mà nông hộ trồng khóm đạt được là 56%. Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế là Hợp tác xã, diện tích, trình độ học vấn, bình phương diện tích. Dựa trên kết quả phân tích, từ đó đề xuất giải pháp được đưa ra đó là khuyến khích các nông hộ trồng khóm nên tham gia vào hợp tác xã, tham gia các tổ chức hiệp hội để được hướng dẫn về kỹ thuật, áp dụng các ứng dụng khoa học vào trong sản xuất cũng như được hỗ trợ tìm được thị trường đầu ra cho sản phẩm khóm nhằm giúp cho nông hộ đạt hiệu quả kinh cao trong quá trình sản xuất.
4915	Đại học	Nghiên cứu thị hiếu của người dân thành phố Cần Thơ về du lịch nông nghiệp	Lê, Thị Thảo	Võ, Hồng Tú	2020	Phần lớn hoạt động du lịch nông nghiệp hiện nay ở Việt Nam vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún, trùng lặp, sản phẩm chưa thực sự hấp dẫn du khách và chưa được chú trọng về thương hiệu. Hầu như nông dân chỉ quen sản xuất nông nghiệp, không có các kỹ năng để phục vụ khách du lịch một cách chuyên nghiệp. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục trợ tại các điểm du lịch nông nghiệp chưa được đầu tư đảm bảo chất lượng. Từ đó, du lịch nông nghiệp Việt Nam cần tìm những giải pháp để có thể khai thác tốt hơn nữa. Đó là cần có chính sách đặc thù cho nông nghiệp, nông dân, khuyến khích phát triển sản phẩm, tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá; đẩy mạnh công tác xúc tiến; tăng tính liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, doanh nghiệp lữ hành; nghiên cứu hình thành hiệp hội riêng cho du lịch nông nghiệp,... Từ những tiềm năng và những khó khăn của du lịch nông nghiệp như trên. Cho nên, việc điều tra thị hiếu nhu cầu du lịch nông nghiệp của người dân là rất quan trọng– những đối tượng khách hàng tiềm năng về du lịch nông nghiệp là yếu tố quyết định cho kế hoạch phát triển du lịch nông nghiệp bền vững. Vì thế, “Nghiên cứu thị hiếu của người dân ở Cần Thơ về du lịch nông nghiệp” nhằm cung cấp các thông tin về yêu cầu, mong muốn của du khách và thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp tăng thu nhập cho nông dân, tăng trưởng kinh tế Việt Nam và cũng đáp ứng tốt hơn nhu cầu du lịch của du khách.

4916	Đại học	Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm - phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất của cây họ trồng tại xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Đỗ, Thị Hồng Nhung	Trần, Duy Phát	2019	Đề tài “Ảnh hưởng của phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân đến sinh trưởng và năng suất cây họ trồng tại xã Thuận Hòa, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của phân hữu cơ có bổ sung vi sinh đến sinh trưởng và năng suất của cây trồng. Thí nghiệm được thực hiện làm 3 đợt và được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân hóa học và phân rơm ủ (không bổ sung vi sinh vật); NT2: bón phân vô cơ theo công thức 120N – 80P205 – 30K20; NT3: 4kg phân rơm ủ + 4 lít dung dịch vi sinh vật cố định đạm–phân giải lân/m² ; NT4: 5kg phân rơm ủ + 4 lít dung dịch vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân/m² ; NT5: 6kg phân rơm ủ + 4 lít dung dịch vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân/m² . Kết quả thí nghiệm cho thấy bón phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân với lượng bón 4kg/m² cho hệ liên tiếp qua 3 đợt sẽ cho các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất tương đương với bón phân hóa học và cao hơn không bón phân. Bón phân rơm ủ có bổ sung vi sinh vật cố định đạm – phân giải lân chưa cho thấy ảnh hưởng rõ rệt đến độ brix và lượng vật chất khô của cây họ.
------	---------	---	--------------------	----------------	------	--

4917	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của sản xuất lúa trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác ở xã Hồ Đắc Kịch, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Trần, Hồng Nhẫn	Trần, Duy Phát	2020	Đề tài “So sánh hiệu quả tài chính của sản xuất lúa trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác ở xã Hồ Đắc Kịch, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 08/2017 đến 12/2017, nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác tại xã Hồ Đắc Kịch, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Trong nghiên cứu này, đề tài tập trung vào nhóm đối tượng là hộ sản xuất lúa trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác trên địa bàn xã Hồ Đắc Kịch với tổng số mẫu là 60. Nghiên cứu tập trung tìm hiểu thực trạng của hộ sản xuất lúa và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của sản xuất lúa trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất trên địa bàn xã. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tìm hiểu thực trạng nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Phương pháp kiểm định tham số trung bình hai mẫu độc lập (Independent -Sample T-test) để so sánh hiệu quả tài chính của hộ trong và ngoài mô hình kinh tế hợp tác. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi nhuận/ chi phí trung bình ở vụ đông xuân là 2,83 vụ hè thu là 1,13 nghĩa là khi sản xuất lúa ở vụ đông xuân thì 1 đồng chi phí bỏ ra sẽ thu lại được 2,83 đồng lợi nhuận và ở vụ hè thu là 1,13 đồng. Các chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận trong quá trình sản xuất lúa là chi phí phân bón, chi phí thuốc, chi phí lao động thuê, chi phí thu hoạch, chi phí giống và chi phí vận chuyển. Vụ Đông xuân, tỷ suất lợi nhuận / chi phí trung bình của các nông hộ trong THT là 2,35 ngoài THT là 2,88 nghĩa là 1 đồng chi phí bỏ ra các nông hộ trong THT sẽ thu về 2,35 đồng lợi nhuận, bên ngoài là 2,88 đồng. Vì vụ đông xuân điều kiện tự nhiên thuận lợi không tốn nhiều chi phí sản xuất cộng với vụ này chủ yếu các hộ sản xuất RVT nên giá bán cao hơn từ đó lợi nhuận cũng cao hơn. Vụ Hè thu, tỷ suất lợi nhuận/chi phí trung bình của các nông hộ trong THT là 1,04 ngoài THT là 4,14 nghĩa là 1 đồng chi phí bỏ ra các nông hộ trong THT sẽ thu về 1,04 đồng lợi nhuận, bên ngoài là 1,14 đồng. Vì vụ hè thu điều kiện tự nhiên không thuận lợi thời tiết xấu nên cây lúa dễ bị sâu bệnh tấn công nên tốn nhiều chi phí sản xuất lợi nhuận thấp hơn nhiều so đông xuân. Qua kết quả nghiên cứu, ta thấy lợi nhuận bên ngoài THT cao hơn những hộ tham gia mô hình kinh tế hợp tác nhưng đó chỉ là một mặt của vấn đề. Sản xuất bên ngoài THT luôn tiềm ẩn nguy cơ về thị trường và đầu ra cho nông sản nói chung, cho lúa nói riêng. Khi THT có qui mô nhỏ, quản lý hợp đồng với các doanh nghiệp và lượng cung ứng vật tư nông nghiệp của doanh nghiệp bao tiêu còn cao nên ảnh hưởng đến lợi nhuận của các tổ viên trong
------	---------	---	-----------------	----------------	------	--

4918	Đại học	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh	Châu, Kim Anh	Trần, Duy Phát	2020	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh” được thực hiện từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 06 năm 2019 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 11 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: 0% NPK và không bổ sung vi khuẩn cố định đạm, NT2: 100% NPK với công thức phân 100N-80P2O540K2O kg/ha, NT3: Vi khuẩn Agrobacterium sp. CA09 + 0%N + 100%PK, NT4: Vi khuẩn Agrobacterium sp. CA09 + 25% N + 100%PK, NT5: Vi khuẩn Agrobacterium sp. CA09 + 50% N + 100% PK, NT6: Vi khuẩn Bacillus sp. CA18 + 0%N + 100%PK, NT7: Vi khuẩn Bacillus sp. CA18 + 25%N + 100%PK, NT8: Vi khuẩn Bacillus sp. CA18 + 50%N + 100%PK, NT9: Vi khuẩn Azotobacter sp. CA21 + 0%N + 100%PK, NT10: Vi khuẩn Azotobacter sp. CA21 + 25%N + 100%PK, NT11: Vi khuẩn Azotobacter sp. CA21 + 50%N + 100%PK. Kết quả cho thấy khi tưới thuần (không bổ sung N) thì cả ba dòng Agrobacterium sp. CA09 (NT3), Bacillus sp. CA18 (NT6) và Azotobacter sp. CA21 (NT9) đều có sinh trưởng và năng suất tương đương với bón phân vô cơ (NT2) và có hàm lượng nitrat thấp hơn ngưỡng qui định WHO (<300mg/kg). Dòng vi khuẩn Agrobacterium sp. CA09 cho sinh trưởng và năng suất cao hơn khác biệt so với bón phân vô cơ (NT2) khi được bổ sung 50%N (NT5). Dòng Agrobacterium sp. CA09 có ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất cải xanh trên đất phèn tốt hơn dòng Bacillus sp. CA18 và Azotobacter sp. CA21.
4919	Đại học	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh	Nguyễn, Thị Diễm My	Trần, Duy Phát	2020	Nhằm đánh giá ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh. Đề tài “Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh” đã được thực hiện. Thí nghiệm đã được thực hiện từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 tại khu thực nghiệm Khoa Phát Triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 11 nghiệm thức 3 lần lặp lại. Nghiệm thức 1: 0% NPK và không tưới vi khuẩn cố định đạm; nghiệm thức 2: 100% NPK với công thức phân 100kgN - 80kgP2O5 - 40kg K2O/ha; các NT3, NT4, NT5 tưới vi khuẩn cố định đạm Rhizobium sp. Tu9 và bổ sung 0% N, 25% N, 50% N của NT2 tương ứng với từng NT trong khi PK là 100% của NT2 cho tất cả các NT; tương tự, các NT6, NT7, NT8 tưới vi khuẩn cố định đạm Rhizobium sp. N18 và các NT9, NT10, NT11 tưới vi khuẩn cố định đạm Rhizobium sp. K35. Vi khuẩn cố định đạm được tưới 3 lần vào 6, 12, 18 NSK. Kết quả thí nghiệm cho thấy dòng vi khuẩn Rhizobium sp. N18 có ảnh hưởng rõ rệt đến các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất. Trong đó, NT8 có các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cao nhất và lớn hơn có ý nghĩa so với NT2. Còn NT6 thì lại có các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất tương đương với NT2. Các NT tưới vi khuẩn có bổ sung 50% N (NT5, NT8 và NT11) thì có hàm lượng nitrat trong cải xanh cao hơn ngưỡng cho phép của Việt Nam (500mg/kg) trong khi các NT chỉ tưới vi khuẩn (NT3, NT6 và NT9) có hàm lượng nitrat khá thấp (dưới 100mg/kg).

4920	Đại học	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm - Phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải thìa trồng trên đất cát	Nguyễn, Thúy Lam	Trần, Duy Phát	2020	“Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm – phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải thìa trồng trên đất cát” được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019 tại nhà lưới khu thực nghiệm khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm xác định ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm – phân giải lân lên sinh trưởng và năng suất của cải thìa trồng trên đất cát. Thí nghiệm được bố trí theo thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân vô cơ, không tưới vi khuẩn cố định đạm (<i>Bradyrhizobium</i> sp.) – phân giải lân (<i>Bacillus</i> sp.); NT2: chỉ bón phân vô cơ (100N - 80P2O5 - 40K2O); NT3: chỉ tưới vi khuẩn cố định đạm – phân giải lân; NT4: Tưới vi khuẩn cố định đạm – phân giải lân + 25% NT2; NT5: Tưới vi khuẩn cố định đạm – phân giải lân + 50% NT2. Kết quả thí nghiệm cho thấy các NT chỉ tưới vi khuẩn cố định đạm (<i>Bradyrhizobium</i> sp.) và phân giải lân (<i>Bacillus</i> sp.) hay tưới <i>Bradyrhizobium</i> sp. và <i>Bacillus</i> sp. có bổ sung 25% hoặc 50% NPK đều có các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cao hơn NT không bón phân (NT1) nhưng lại thấp hơn NT bón 100% NPK (NT2). Tưới vi khuẩn <i>Bradyrhizobium</i> sp. và <i>Bacillus</i> sp. có bổ sung 50% phân vô cơ cũng có các chỉ tiêu sinh trưởng cao hơn chỉ tưới <i>Bradyrhizobium</i> sp. và <i>Bacillus</i> sp. Tưới vi khuẩn <i>Bradyrhizobium</i> sp. và <i>Bacillus</i> sp. sẽ làm tăng giá trị độ brix nhưng lại làm giảm tỉ lệ chất khô so với không bón phân của cải thìa trồng trên đất cát.
4921	Đại học	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh (<i>Brassica juncea</i> . Czernjaew)	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	Trần, Duy Phát	2020	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh” được thực hiện từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 tại nhà lưới khu thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 11 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. NT1: Không bón phân vô cơ và không vi khuẩn cố định đạm; NT2: 100% phân hóa học NPK; NT3: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. CA29 + 0% N + 100% PK; NT4: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. CA29 + 25% N + 100% PK; NT5: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. CA29 + 50% N + 100% PK; NT6: vi khuẩn <i>Agrobacterium</i> sp. D9 + 0% N + 100% PK; NT7: vi khuẩn <i>Agrobacterium</i> sp. D9 + 25% N + 100% PK; NT8: vi khuẩn <i>Agrobacterium</i> sp. D9 + 50% N + 100% PK; NT9: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. DG1 + 0% N + 100% PK; NT10: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. DG1 + 25% N + 100% PK; NT11: vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. DG1 + 50% N + 100% PK. Kết quả cho thấy trong dòng vi khuẩn cố định đạm <i>Rhizobium</i> sp. CA29 cho ảnh hưởng lên sinh trưởng và năng suất của cải xanh tốt hơn dòng vi khuẩn <i>Agrobacterium</i> sp. D9 và vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. DG1. Dòng vi khuẩn <i>Rhizobium</i> sp. CA29 cũng cho các giá trị về sinh trưởng và năng suất tương đương với nghiệm thức bón phân vô cơ ngay cả khi chỉ tưới thuần (không bổ sung 25 hay 50% N). Các NT tưới thuần vi khuẩn cố định đạm có hàm lượng nitrat thấp hơn ngưỡng cho phép của WHO.

4922	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất hành lá của nông hộ tại huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, An Đông	Lê, Văn Dề	2020	“Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất trồng hành lá của nông hộ tại huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp” nhằm đề (1) đánh giá thực trạng chung của nông hộ sản xuất hành lá trên địa bàn huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp. (2) Phân tích hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình trồng hành lá trên địa bàn nghiên cứu. (3) Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính trong hoạt động sản xuất hành lá của nông hộ trên địa bàn huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp. Thời gian thực hiện đề tài từ tháng 08 đến tháng 12 năm 2019, với tổng số quan sát là 43 hộ trồng hành lá trên địa bàn 3 xã Long Thuận, Phú Thuận A, Phú Thuận B. Đề tài đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất, giá trị trung bình, tần số và phần trăm đối với các số liệu về đặc điểm nông hộ (tuổi, giới tính, trình độ học vấn, giới tính chủ hộ,...) và đặc điểm mô hình sản xuất (diện tích sản xuất, tập huấn kỹ thuật, hình thức canh tác,...) để mô tả thực trạng sản xuất hành lá của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Dùng phương pháp phân tích phương sai Anova (Oneway Anova) kiểm định các hạch toán chi phí, thu nhập, lợi nhuận và các tỷ số tài chính mô hình trồng hành lá. Sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình sản xuất hành lá bằng phần mềm STATA. Kết quả cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình là mật độ trồng, năng suất và mùa vụ.
------	---------	---	-----------------	------------	------	--

4923	Đại học	Thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa thơm RVT của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	Võ, Trần Phương Trang	Lê, Văn Dề	2020	Thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa thơm RVT của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa thơm RVT của nông hộ tại huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng, (2) Phân tích hiệu quả tài chính và các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất lúa thơm RVT tại huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng, (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện thu nhập cho nông hộ sản xuất lúa thơm RVT tại huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả với các giá trị lớn nhất (max), giá trị nhỏ nhất (min), giá trị trung bình (mean) và phần trăm đối với các số liệu về diện tích, sản lượng, năng suất và các chỉ tiêu tài chính (giá trị tổng sản phẩm, lợi nhuận, chi phí, tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí, tổng giá trị sản phẩm trên tổng chi phí) để mô tả thực trạng sản xuất lúa thơm RVT của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Sử dụng phương pháp hồi qui đa biến để phân tích các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ sản xuất lúa thơm RVT. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số nông hộ sản xuất lúa thơm RVT có độ tuổi từ 30 tuổi đến 50 tuổi chiếm 65%, đây là độ tuổi có nhiều sức khỏe, đảm bảo cho khâu chăm sóc, độ tuổi từ 50 tuổi đến 70 tuổi chiếm 27,5%, còn lại là độ tuổi từ 70 tuổi trở lên. Trình độ học vấn của chủ hộ tương đối cao, cấp 2 chiếm 47,5%, cấp 3 chiếm 22,5%, trên cấp 3 chiếm 5%, trình độ học vấn cao là một lợi thế cho tiếp cận và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nông hộ tham gia tập huấn chiếm 57,5%, không tham gia tập huấn chiếm 42,5%,, nông hộ sản xuất chủ yếu dựa theo kinh nghiệm tự đúc kết được. Xét về chi phí sản xuất lúa thơm RVT của nông hộ, thì chi phí trung bình vụ 1 là 20,5 triệu/ha, vụ 2 là 17,6 triệu/ha, lợi nhuận trung bình nông hộ thu được qua từng vụ là 44,8 triệu/ha và 25,4 triệu/ha. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ sản xuất là diện tích, ngày công lao động gia đình, mật độ gieo xạ, năng suất. Kênh tiêu thụ chủ yếu của nông hộ là thương lái. Qua kết quả trên, giải pháp được đề ra: nông hộ cần phải sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào để giảm nguồn chi phí đầu vào. Tham gia các lớp tập huấn, Nông dân cần tiếp cận các nguồn thông tin thị trường đầu vào cũng như đầu ra bằng các phương tiện thông tin như: báo chí, Tivi, hoặc các trang mạng internet đáng tin cậy hoặc do hỏi thông tin từ những người thân cận để tránh việc được mùa mất giá.
------	---------	---	-----------------------	------------	------	--

4924	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính mô hình trồng ớt của nông hộ ở huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp	Lương, Thị Mỹ Diễm	Lê, Văn Dẽ	2020	Đề tài nghiên cứu tập chung phân tích hiệu quả tài chính mà nông hộ đạt được, tại 5 xã An Long, Phú Thành A và Phú Thành B tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp. Thực hiện nhằm mục tiêu phân tích tình hình sản xuất mô hình trồng ớt, để thực hiện phân tích đó tiến hành sử dụng các phương pháp theo trình tự như sau: (1) phương pháp thống kê mô tả phân tích đặc điểm nông hộ và đặc điểm sản xuất mô hình trồng ớt của nông hộ; (2) phương pháp kiểm định T-Test (Paired sample T test) để kiểm định các hạch toán chi phí, doanh thu, lợi nhuận và các tỷ suất tài chính mô hình trồng ớt của nông hộ; (3) phương pháp phân tích hồi quy đa biến bằng STATA nhằm chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận mô hình trồng ớt của nông hộ. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn nhìn chung của nông hộ trồng ớt ở địa bàn nghiên cứu thuộc vào dạng tỷ lệ khá cao, trong đó tỷ lệ cấp 2 chiếm cao nhất với 42,5 %, kế tiếp là cấp 3 với tỷ lệ đạt được là 35% và còn lại cấp 1 với tỷ lệ là 22,5%. Kinh nghiệm trồng ớt của nông hộ có tỷ lệ nhóm từ 3 đến 10 năm chiếm nhiều nhất đạt 72,5%, kế tiếp là nhóm từ 10 đến 17 người chiếm 25,0%, còn lại trên 17 năm chỉ chiếm được có 2,5%. Nhóm năm kinh nghiệm trong hoạt động trồng ớt thuộc dạng thấp, tuy nhiên đổi lại độ tuổi này có khả năng tiếp thu và tìm tòi những mô hình trồng ớt mới có thể đạt hiệu quả hơn, có năng suất và chất lượng ớt ngày một tốt để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Xét về chi phí đầu tư mô hình trồng ớt của nông hộ, thì chi phí trung bình vụ Đông Xuân là 18,586 triệu đồng/1.000m², vụ Xuân Hè là 19,224 triệu đồng/1.000m². Lợi nhuận trung bình mô hình trồng ớt thu được qua mỗi vụ đạt được là 24,457 triệu đồng/1.000m² và 13,798 triệu đồng/1.000m². Kết quả phân tích 9 yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ớt, thì có 6 yếu tố ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến hiệu quả tài chính nông hộ trồng ớt như: kinh nghiệm sản xuất, ngày công lao động gia đình năng suất và mùa vụ (có ảnh hưởng tích cực); còn các yếu tố giới tính lao động trồng ớt, diện tích trồng ớt (có ảnh hưởng tiêu cực). Và 3 yếu tố còn lại là trình độ học vấn, ngày công lao động gia đình, mật độ giống gieo trồng ảnh hưởng không có mức ý nghĩa thống kê tới hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ớt. Từ những phân tích đó để có cái nhìn tổng thể những mặt có tốt và không tốt ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ớt tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp mà đưa ra những giải pháp thiết thực, có hiệu quả nhưng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên và điều kiện nông hộ làm được.
4925	Đại học	Phân tích nhận thức và các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các mặt hàng rau bán online ở Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Huỳnh Mỹ Bình	Võ, Hồng Tú	2020	“Phân tích nhận thức và các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng các mặt hàng sản phẩm rau bán online tại thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm để tìm hiểu, xác định nhận thức, nhu cầu, mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng đối với các sản phẩm rau online từ đó đưa ra những đề xuất, giải pháp giúp nông dân, những nhà kinh doanh đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người tiêu dùng.

4926	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng phân kali đến sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> L. Wilcezk)	Võ, Phú Quý	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng phân Kali đến sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> L. Wilcezk)” đánh giá sự sinh trưởng và năng suất của đậu xanh với các liều lượng phân kali khác nhau. So sánh và tìm ra liều lượng phân Kali thích hợp cho đậu xanh trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Khoa Phát Triển Nông Thôn, Trường Đại Học Cần Thơ từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức 3 lần lặp lại các nghiệm thức lần lượt là: nghiệm thức 1: Bón 0K, nghiệm thức 2: Bón 30K, nghiệm thức 3: Bón 40K, nghiệm thức 4: Bón 50K, nghiệm thức 5: Bón 60K. Chiều dài trái và số hạt trên trái của đậu xanh khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Chiều dài trái cao nhất là nghiệm thức 40K (9,64 cm) khác biệt có ý nghĩa với đối chứng (7,43 cm) và 30K (8,48 cm) nhưng khác biệt không có ý nghĩa với nghiệm thức 50K (8,81 cm) và 60K (9,00 cm). Số hạt trên trái lớn nhất là nghiệm thức 60K (9,91 hạt/trái) khác biệt có ý nghĩa với nghiệm thức ĐC (7,34 hạt/trái) và nghiệm thức 30K (8,02 hạt/trái) nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê với nghiệm thức 40K (9,23 hạt/trái) và nghiệm thức 50K (9,39 hạt/trái). Năng suất lý thuyết của đậu xanh trong thí nghiệm có sự khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Năng suất lý thuyết của liều lượng bón Kali cao nhất là 60K (3,83 tấn/ha) khác biệt có ý nghĩa với liều lượng bón đối chứng (2,85 tấn/ha) và 30K (2,97 tấn/ha) nhưng lại khác biệt không có ý nghĩa với liều lượng bón 50K (3,64 tấn/ha) và 40K (3,44 tấn/ha). Năng suất lý thuyết thấp nhất là nghiệm thức không bón Kali (2,85 tấn/ha). Năng suất thực tế của đậu xanh trong thí nghiệm có sự khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Năng suất thực tế của liều lượng bón phân Kali cao nhất là 60K (2,91 tấn/ha) khác biệt có ý nghĩa với liều lượng bón đối chứng (2,14 tấn/ha) và 30K (2,25 tấn/ha) nhưng lại khác biệt không có ý nghĩa với liều lượng bón 50K (2,77 tấn/ha) và 40K (2,49 tấn/ha). Năng suất thực tế thấp là nghiệm thức ĐC (2,14 tấn/ha) cao nhất là 60K (2,91 tấn/ha). Từ khóa: đậu xanh, sinh trưởng, năng suất thực tế, năng suất lý thuyết
------	---------	---	-------------	-------------------------	------	--

4927	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của mật độ trồng lên sinh trưởng và năng suất sả Java (<i>Cymbopogon winterianus</i> Jowitt) tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Bá Thụ	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Khảo sát ảnh hưởng của mật độ trồng lên sinh trưởng và năng suất sả Java (<i>Cymbopogon winterianus</i> Jowitt) tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm tìm ra mật độ trồng thích hợp để cây sả Java sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất tối ưu. Thí nghiệm được thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 2/2019 tại trại thực nghiệm bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp khoa Phát triển Nông thôn. Giống sả Java được cung cấp bởi trại thực nghiệm bộ môn Kỹ thuật Nông Nghiệp khoa Phát Triển Nông Thôn, thí nghiệm được bố trí theo hình thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, sả được trồng với các mật độ 8 cây/m²; 7 cây/m²; 6 cây/m²; 5 cây/m²; 4 cây/m², đối chứng là mật độ 6 cây/m². Các nghiệm thức được được trồng và chăm sóc như nhau, được cung cấp dinh dưỡng theo công thức phân 100N-150P-100K. Kết quả nghiên cứu cho thấy mật độ trồng ảnh hưởng đến số chồi và đường kính tép sả ở thời điểm 60 NSKT, đối với chiều dài thân sả và chiều cao tán lá của bụi mật độ ảnh hưởng ở thời điểm 90 NSKT. Ngoài ra mật độ trồng còn ảnh hưởng đến chiều dài lá sả và đường kính tán lá ở hai thời điểm 60 NSKT và 90 NSKT. Mật độ trồng gây ảnh hưởng mạnh nhất ở chiều cao của tép vào 3 thời điểm 60- 90-120 NSKT, đặt biệt đối với mật độ trồng thưa 40.000 cây/ha, cây sả có đủ không gian và dinh dưỡng để phát triển chiều cao tép. Khi trồng với mật độ 80.000 cây/ha sả Java sẽ cho năng suất lý thuyết (43,92 tấn/ha) năng suất thực tế (36,00 tấn/ha), trọng lượng thương phẩm (20,42 tấn/ha) cao nhất trong năm nghiệm thức và cao hơn mật độ đối chứng 60.000 cây/ha. Nông dân nên trồng mật độ 80.000 cây/ha để cây sả sinh trưởng và phát triển tối ưu, cho năng suất thực tế 36,0 tấn/ha, tỉ lệ thương phẩm 56,54%.
4928	Đại học	Phân tích thị hiếu người tiêu dùng đối với sản phẩm bưởi da xanh tại quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Trần, Mỹ Duyên	Nguyễn, Thùy Trang	2020	Đề tài “Phân tích thị hiếu của người tiêu dùng đối với sản phẩm bưởi da xanh tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ” nhằm xác định thị hiếu của người tiêu dùng đối với sản phẩm bưởi da xanh. Từ đó, đề ra các giải pháp giúp nhà sản xuất, doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng ở hiện tại và trong tương lai.

4929	Đại học	Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến sinh trưởng và năng suất của đậu nành (Glycine max (L) Merrill) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Lâm Tuyết Sơn	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến sinh trưởng và năng suất của đậu nành (Glycine max (L.) Merrill) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đánh giá sự sinh trưởng và năng suất của đậu nành với các liều lượng phân đạm khác nhau. So sánh và tìm ra liều lượng phân đạm thích hợp cho đậu nành trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Khoa Phát Triển Nông Thôn, Trường Đại Học Cần Thơ từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức 3 lần lặp lại các nghiệm thức lần lượt là: nghiệm thức 1: Bón 0N, nghiệm thức 2: Bón 40N, nghiệm thức 3: Bón 50N, nghiệm thức 4: Bón 60N, nghiệm thức 5: Bón 70N, nghiệm thức 6: Bón 80N. Kết quả thí nghiệm cho thấy chiều cao cây có sự khác biệt giữa các nghiệm thức tất cả các thời điểm ngoại trừ thời điểm 10, 20, 30 NSKG. Ở thời điểm 84 NSKG chiều cao cây cao nhất là 94,98cm. Tổng số hạt trên cây khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Tổng số hạt trên cây cao nhất là nghiệm thức 80N khác biệt có ý nghĩa so với nghiệm thức ĐC (91,42 hạt/cây), 40N (95,95 hạt/cây) và 50N (105,54 hạt/cây) nhưng lại không khác biệt với nghiệm thức 60N (117,72 hạt/cây) và 70N (119,77 hạt/cây). Năng suất thực tế giữa các nghiệm thức có sự khác biệt ở mức ý nghĩa 5%. Năng suất thực tế ở nghiệm thức bón 80N (5,58 tấn/ha) khác biệt so với nghiệm thức đối chứng (3,23 tấn/ha), bón 40N (3,31 tấn/ha) và bón 50N (3,35 tấn/ha) nhưng lại không khác biệt với nghiệm thức bón 60N (5,53 tấn/ha) và 70N (3,56 tấn/ha). Tương tự năng suất thực tế, năng suất lý thuyết cao nhất là nghiệm thức 80N (6,67 tấn/ha) không khác biệt với nghiệm thức 60N (6,27 tấn/ha) và 70N (6,42 tấn/ha) nhưng lại khác biệt với các nghiệm thức còn lại. Từ khóa: đậu nành, sinh trưởng, năng suất thực tế, năng suất lý thuyết
------	---------	--	-----------------------	----------------------	------	---

4930	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến sinh trưởng và năng suất của cây sả Java (<i>Cymbopogon winterianu</i> Jowitt) tại xã Hòa An, Hậu Giang 2018-2019	Lê, Hữu Nghị	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Khảo sát ảnh hưởng của liều lượng phân đạm đến sinh trưởng và năng suất của cây sả Java (<i>Cymbopogon winterianu</i> Jowitt) tại xã Hòa An, Hậu Giang” được thực hiện tại Khu thực nghiệm Bộ môn kỹ thuật Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ khu Hòa An từ tháng 9/2018 đến tháng 4/2019 nhằm xác định liều lượng Đạm thích hợp cho cây sả sinh trưởng tốt và cho năng suất cao. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 7 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, diện tích từng đơn vị thí nghiệm là 8m², mật độ 6 cây/m². Các nghiệm thức được bón Lân và Kali chung 1 liều lượng (60P – 40K) và thay đổi mức độ đạm (N) qua các nghiệm thức. Nghiệm thức 1 không bón phân, nghiệm thức 2 đối chứng không bón đạm, NT3 (80N), NT4 (90N), NT5 (100), NT6 (110N) và NT7 (120N). Về chỉ tiêu nông học thì phân đạm có sự ảnh hưởng số chồi, chiều dài thân, chiều dài lá, chiều cao tếp ở 1 số thời điểm như 90 NSKT và 120 NSKT. Kết quả cho thấy về chỉ tiêu nông học việc bổ sung phân đạm từ 80 – 120N có sự khác biệt thống kê ở thời điểm 90 NSKT và 120 NSKT về số chồi, chiều dài thân, chiều dài lá, chiều cao tếp. Tuy nhiên không có sự khác biệt về đường kính tán, cao tán, số lá, rộng lá, đường kính gốc. Nghiệm thức bổ sung 110N – 60P – 40K cho năng suất lý thuyết là 39,13 tấn/ha, năng suất thực tế là 21,17 tấn/ha, năng suất thực tế là 9,47 tấn/ha. Như vậy mức phân đạm 110N – 60P – 40K tuy không khác biệt với 100N – 60P – 40K nhưng lại cho năng suất vượt trội hơn nghiệm thức 100N. Trong canh tác sả nên bón phân theo công thức 110N – 60P – 40K. Cần lặp lại thí nghiệm ở những vụ tiếp theo tại Hòa An để tăng ổn định.
------	---------	---	--------------	-------------------------	------	--

4931	Đại học	Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cải xanh	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Trần, Duy Phát	2020	Nhằm đánh giá ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh. Đề tài “ Ảnh hưởng của các dòng vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất của cải xanh” đã được thực hiện. Thí nghiệm đã được thực hiện từ tháng 04 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 tại khu thực nghiệm Khoa Phát Triển Nông thôn, trường Đại học Cần Thơ theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 11 nghiệm thức 3 lần lặp lại. Nghiệm thức 1: 0% NPK và không bổ sung vi khuẩn cố định đạm; nghiệm thức 2: 100% NPK với công thức phân 100kgN - 80kgP2O5 - 40kg K2O/ha; các NT3, NT4, NT5 tưới vi khuẩn Acinetobacter sp NT1 và bổ sung 0% N, 25% N, 50% N của NT2 tương ứng với từng NT trong khi PK là 100% của NT2 cho tất cả các NT; tương tự, các NT6, NT7, NT8 tưới vi khuẩn Acinetobacter sp NT4 và các NT9, NT10, NT11 có bổ sung vi khuẩn Acinetobacter sp NT30. Vi khuẩn cố định đạm được tưới sau khi trồng 6 ngày và tưới định kỳ 6 ngày một lần. Kết quả thí nghiệm cho thấy, đối với dòng vi khuẩn Acinetobacter sp. NT30, chỉ tưới đã cho các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cao hơn bón phân vô cơ. Đối với dòng vi khuẩn Acinetobacter sp. NT4, sẽ cho các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cao hơn so với bón phân vô cơ khi có bổ sung 25% N. Đối với dòng vi khuẩn Acinetobacter sp. NT1, bổ sung 50%N thì các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất cũng chỉ tương đương với bón phân vô cơ. Tưới các dòng vi khuẩn cố định đạm nói trên mà không bổ sung đạm vô cơ sẽ làm cho hàm lượng tích lũy nitrat ở cải xanh trồng trên đất phèn ở mức dưới 100mg/kg.
4932	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ canxiclorua phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của rau quế (Ocimum Basilicum L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Trần, Thị Nhi	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Nguyễn, Thành Trục	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ Canxiclorua phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của rau quế (Ocimum basilicum L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2019 tại khu thực nghiệm của Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm ra nồng độ Canxiclorua thích hợp lên sự sinh trưởng và năng suất của rau quế trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT1: 0,028 g/l CaCl2; NT2: 0,056 g/l CaCl2; NT3: 0,112 g/l CaCl2; NT4: 0,224 g/l CaCl2; NT5: 0 g/l CaCl2, phun nước để đối chứng) và 3 lần lặp lại. Thí nghiệm theo dõi như sau: chiều cao cây, kích thước lá, đường kính gốc, số cành trên cây. Các nghiệm thức phun Canxiclorua qua lá với các nồng độ trên không làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và năng suất của rau quế trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang (NSLT 387,3 kg/1000 m2 ;NSTT 539,5 kg/1000 m2) trên cây rau quế ở mức ý nghĩa 5%.

4933	Đại học	Ảnh hưởng của bổ sung nồng độ đạm phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của cây rau quế (<i>Ocimum basilicum</i> L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Lê, Duy Lăng	Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài: “Ảnh hưởng của nồng độ đạm phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của cây rau quế (<i>Ocimum basilicum</i> L.) trồng tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2019 nhằm tìm ra nồng độ đạm phun qua lá thích hợp cho sự sinh trưởng và năng suất của cây rau quế. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại với nồng độ đạm lần lượt như sau: 0,3 % đạm/lít (NT1), 0,6 % đạm/lít (NT2), 0,9 % đạm/lít (NT3), 1,2 % đạm/lít (NT4) và không bón bổ sung đạm ở NT5. Các chỉ tiêu nông học được theo dõi để đánh giá tình hình sinh trưởng của cây gồm: Đường kính gốc (cm); chiều cao cây (cm); số nhánh (nhánh/cây); kích thước lá (cm). Về năng suất gồm có trọng lượng tươi trung bình cây (g/cây); trọng lượng kho trung bình cây (g/cây); năng suất tổng và năng suất thương phẩm (kg/1000m²). Kết quả thí nghiệm cho thấy: Với nồng độ 0,3% đạm/lít phun qua lá thí nghiệm có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê. Chiều cao cây lớn nhất ở NT1 (44,86 cm) so với NT5 đối chứng là 44,66 cm, chiều rộng lá lớn nhất ở NT1 (3,87 cm) so với NT5 đối chứng là 3,76 cm. Về năng suất thì năng suất trung bình đạt 335,38 kg/1000m². Qua kết quả thí nghiệm cho thấy việc bổ sung nồng độ đạm phun qua lá làm ảnh hưởng đến một số đặc tính nông học nhưng không làm ảnh hưởng đến năng suất của cây rau quế.
4934	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ kali humate phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> L. Wilezek) tại Hòa An, Phụng Hiệp Hậu Giang	Hồ, Thành Đạt	Phạm, Văn Trọng Tính Lê, Trần Thanh Liêm	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ Kali Humate phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> L. Wilczek) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu giang” được thực hiện nhằm xác định được nồng độ Kali Humate phun qua lá thích hợp để đậu xanh sinh trưởng tốt cho năng suất cao. Thí nghiệm được thực hiện tại trại thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại Học Cần Thơ, thời gian từ tháng 3-6 năm 2019. Thí nghiệm bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 3 lần lặp lại với 5 nghiệm thức (NT), mỗi lần lặp lại 6 m², mật độ 40 x 20 cm x 3 hạt/hốc. NT1: 0,5 g Kali Humate/lít; NT2: 1,0 g Kali Humate/lít; NT3: 1,5 g Kali Humate/lít; NT4: 2,0 g Kali Humate/l; NT5 (ĐC): Chỉ phun nước. Kết quả thí nghiệm cho thấy phun Kali Humate nồng độ 2,0 g/l ở giai đoạn 40 NSKG cho kết quả cao nhất 19,97 lá ở nghiệm thức 4 và thấp nhất 9,55 lá ở nghiệm thức 1. Năng suất lý thuyết của các nghiệm thức trung bình là 2,865 tấn/ha, năng suất thực tế của các nghiệm thức trung bình là 1,004 tấn/ha

4935	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ kali humate phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của cây rau quế (Ocimum Basilicum L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Nguyễn, Lâm Tuấn	Nguyễn, Thành Trức Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ Kali Humate phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của rau Quế (Ocimum Basilicum L.) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang” đã được thực hiện tại khu thực nghiệm của Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019 để xác định ảnh hưởng của nồng độ Kali Humate phun qua lá lên sự sinh trưởng và năng suất của rau Quế tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức (NT1: 0,25 g/l Kali Humate; NT2: 0,5 g/l Kali Humate; NT3: 0,75 g/l Kali Humate; NT4: 1 g/l Kali Humate; NT5: 0 g/l Kali Humate, phun nước để đối chứng) và 3 lần lặp lại. Thí nghiệm theo dõi các chỉ tiêu như sau chiều cao cây, đường kính gốc, chiều dài lá và chiều rộng lá, số cành/cây. Nhìn chung các nghiệm thức phun kali humate qua lá đều không có sự khác biệt thống kê về các chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất (NSTT 465,506 kg/1000 m ² ; NSLT 331,44 kg/1000 m ²) của cây rau Quế tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang ở mức ý nghĩa 5%.
4936	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ canxi clorua phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (Vigna radiata L. Wilczek) tại Hòa An, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Phạm, Cẩm Linh	Lê, Trần Thanh Liêm Phạm, Văn Trọng Tính	2020	Đề tài “Ảnh hưởng của nồng độ Canxi Clorua phun qua lá lên sinh trưởng và năng suất của đậu xanh (Vigna radiata L. Wilczek) tại Hòa An, Phụng hiệp, Hậu Giang” được thực hiện nhằm xác định được nồng độ Canxi Clorua phun qua lá thích hợp để đậu xanh sinh trưởng tốt cho năng suất cao. Thí nghiệm được thực hiện tại Trại thực nghiệm Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ, thời gian từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019. Thí nghiệm bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên gồm 3 lần lặp lại với 5 nghiệm thức (NT), mỗi lần lặp lại 6 m ² , mật độ 40 x 20 cm x 3hạt/hốc. NT1: 0,7 gam/lít CaCl ₂ ; NT2: 0,14 gam/lít CaCl ₂ ; NT3: 0,21 gam/lít CaCl ₂ ; NT4: 0,28 gam/lít CaCl ₂ ; NT5 (ĐC): Chỉ phun nước. Kết quả thí nghiệm cho thấy với các nồng độ CaCl ₂ khác nhau của nghiệm thức không có ảnh hưởng đến những chỉ tiêu sinh trưởng và năng suất của cây đậu xanh. Năng suất lý thuyết của các nghiệm thức trung bình là 2,736 tấn/ha, năng suất thực tế của các nghiệm thức trung bình là 1,02 tấn/ha.

4937	Đại học	Đánh giá sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống/ dòng bắp (Zea máy L.) tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Phúc Khang	Phạm, Văn Trọng Tĩnh Lê, Trần Thanh Liêm	2020	“Đánh Giá Sinh Trưởng, Phát Triển Và Năng Suất Của Các Giống/Dòng Bắp (Zea Mays L.) Trồng Tại Xã Hòa An, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại Khu thực nghiệm Bộ môn Kỹ thuật Nông nghiệp, trường Đại học Cần Thơ, khu Hòa An từ 01/03/2019 đến 01/06/2019 nhằm đánh giá sinh trưởng, phát triển và năng suất của các giống/dòng bắp (Zea mays L.) trồng tại xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, tìm ra giống bắp có khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất cao nhất để trồng. Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức và 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại 64 cây/nghiem thức. Sử dụng giống các giống bắp Tím dèo 926 Công ty: Hai Mũi Tên Đỏ, ADI 603 Công ty: Nông Phú Nguyên Co..Ltd, Super MX10 Công ty cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam, SRC 216, MILKY 36 Công ty: Seminis, bắp Nù Công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời. Kết quả cho thấy về sinh trưởng ở một số giai đoạn có một số giống có sự khác biệt ở một số giai đoạn, về năng suất năng suất của các giống bắp: Năng suất lý thuyết và năng suất thực tế của 6 giống bắp là: Tím dèo 926 (NSLT: 13,94 tấn/ha và NSTT 8,01 tấn/ha), ADI – 603 (NSLT: 12,06 tấn/ha và NSTT: 7,44 tấn/ha), Super MX10 (NSLT: 13,91 tấn/ha và NSTT: 9,14 tấn/ha), SRC 216 (NSLT: 13,77 tấn/ha và NSTT: 9,20 tấn/ha), MILKY 36 (NSLT: 10,95 tấn/ha và NSTT: 6,70 tấn/ha), bắp Nù (NSLT: 12,38 tấn/ha và NSTT: 8,78 tấn/ha). Tất cả các giống bắp đều không có sự khác biệt về năng suất giữa các giống bắp. Chọn ra giống Tím dèo 926 và Super MX10. Nên sử dụng giống bắp Tím dèo 926 hoặc Super MX10 để trồng tại Hòa An vào vụ xuân hè để đạt được kết quả cao hơn.
4938	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng măng cầu xiêm tại xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	Nguyễn, Thị Anh Thư	Võ, Hồng Tú	2020	Nhằm giúp nông hộ có thể nâng cao hiệu quả kỹ thuật, góp phần cải thiện thu nhập để ổn định cuộc sống, đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng măng cầu xiêm tại xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019. Đề tài được thực hiện gồm các mục tiêu như sau: (1) tìm hiểu thực trạng trồng măng cầu xiêm của nông hộ, (2) phân tích ước lượng mức hiệu quả kỹ thuật trồng măng cầu xiêm mà các nông hộ đạt được, (3) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của măng cầu xiêm mà nông hộ đạt được, (4) đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật của măng cầu xiêm ở xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang Đề tài chọn hộ phỏng vấn bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Đề tài sử dụng phương pháp DEA (Data Envelopment Annlysis) để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng măng cầu xiêm Kết quả phân tích cho thấy, mức hiệu quả kỹ thuật trung bình của nông hộ là 72,80%. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật như diện tích sản xuất, độ tuổi của cây, lượng nông được sử dụng và lượng nhiên liệu sử dụng. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp cho nông hộ có thể đạt hiệu quả cao hơn trong quy trình kỹ thuật của mình

4939	Đại học	Phân tích thị hiếu của người tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ đối với trái cây nhập khẩu	Nguyễn, Lê Thanh Nguyên	Võ, Hồng Tú	2020	: “ Phân tích thị hiếu người tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ đối với trái cây ngoại nhập” này được thực hiện để tìm hiểu về nhu cầu của người dân ở thành phố Cần Thơ về sản phẩm trái cây, các yếu tố có tác động đến việc lựa chọn trái cây sử dụng trong gia đình. Đồng thời, nâng cao tính cạnh tranh tìm lại chỗ đứng cho trái cây nội địa trên thị trường hiện nay trước sức ép của trái cây ngoại nhập.
4940	Đại học	Phân tích thị hiếu của người tiêu dùng đối với rau thủy canh tại địa bàn thành phố Cần Thơ	Dương, Thanh Chuyên	Võ, Hồng Tú	2020	“Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”. Số liệu nghiên cứu được lấy từ 180 người tiêu dùng có ý định mua rau an toàn trong tỉnh Vĩnh Long. Thông qua số liệu đó, các kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy bội được tiến hành để đạt được mục tiêu của nghiên cứu. Kết quả chỉ ra rằng có 7 yếu tố tác động đến ý định mua rau an toàn gồm: Mức quan tâm sức khỏe, nhận thức về chất lượng, mối quan tâm môi trường, lòng tin, chuẩn chủ quan, sự hợp lý về giá và truyền thông đại chúng. Trong đó yếu tố mức quan tâm sức khỏe tác động mạnh nhất đến ý định mua rau .
4941	Đại học	Ứng dụng mô hình Stella – Đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến sản lượng chuỗi giá trị lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long	Lê, Thị Diễm	Nguyễn, Hồng Tín Hồng, Minh Hoàng	2018	đề tài “Ứng dụng mô hình STELLA đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sản lượng chuỗi giá trị lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long” được đề xuất thực hiện nhằm nghiên cứu mô phỏng sự biến động của BĐKH đến chuỗi giá trị lúa gạo về sản lượng và tìm hiểu sự thay đổi về sản lượng cũng như lợi nhuận của các tác nhân tham gia chuỗi, đồng thời đưa ra được các giải pháp thích ứng sao cho chuỗi giá trị hiệu quả và ổn định nâng cao thu nhập cho người dân.

4942	Đại học	Đánh giá mô hình quản lý tưới có sự tham gia của cộng đồng tại xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Hà, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Mô hình quản lý tưới có sự tham gia của cộng đồng (PIM) mang lại hiệu quả cao trong quản lý công trình thủy lợi khi có sự tham gia của người dân, họ không chỉ được tham gia quản lý mà phải tham gia từ khâu quy hoạch, thiết kế, đầu tư vốn, xây dựng thì mới có thể tham gia quản lý một cách hiệu quả, bền vững. Tuy nhiên, mô hình PIM còn mới so với người dân, chưa đem lại hiệu quả cao như mô hình PIM mong đợi, do đó đề tài “Đánh giá mô hình quản lý tưới có sự tham gia của cộng đồng tại xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng mô hình PIM ở xã Trường Long, đánh giá sự thay đổi so với đề xuất ban đầu. Đồng thời, đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong Nông nghiệp. Đề tài được thực hiện tại xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Thông qua các phương pháp: phỏng vấn KIP, thu thập số liệu thứ cấp, phỏng vấn điều tra hộ để thu thập thông tin và số liệu thỏa mãn mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích SWOT để phân tích số liệu. Kết quả điều tra và đánh giá cho thấy sự tham gia của người dân trong mô hình PIM chỉ ở mức độ (1) tham gia bị động, do sự áp đặt, huy động của chính quyền để thỏa mãn yêu cầu của dự án. Thêm vào đó, những ý kiến đóng góp của người dân tham gia không được quan tâm và ghi nhận, chủ yếu do chính quyền quyết định sau đó thông báo lại cho người dân biết. Nhìn chung, do hạn chế am hiểu về sự tham gia, chính quyền còn lúng túng trong sự kết hợp giữa công trình và phi công trình. Chính vì vậy, công trình bị chậm trễ so với tiến độ thi công đề ra, người dân không được tạo điều kiện tốt nhất để tham gia quản lý mô hình. Hiện tại, công trình vẫn chưa đi vào hoạt động nên chưa đánh giá được hiệu quả của mô hình. Đối với mô hình PIM tại xã Trường Long, để công trình đạt hiệu quả cao chính quyền cần quan tâm và tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quản lý công trình. Đồng thời tăng cường trang thiết bị đảm bảo cho việc thu phí điện, thay đổi cơ chế điều lệ trong quản lý và tạo điều kiện về tài chính để người dân chủ động tham gia quản lý công trình.
------	---------	--	------------------	--------------------	------	--

4943	Dại học	Đánh giá hiệu quả tài chính mô hình trồng nấm rơm tại phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Đoàn, Bảo Hội	Phạm, Công Hữu	2018	Hiện nay ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), nguồn rơm sau thu hoạch rất dồi dào nhưng chưa tận dụng hết để trồng nấm, làm thức ăn cho gia súc và ủ làm phân hữu cơ cho cây trồng. Chính vì thế mà lượng rơm từ đồng ruộng rất nhiều được đem đi đốt hoặc vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Vì vậy mô hình trồng nấm rơm là giải pháp tốt nhất để giảm thiểu vấn đề này. Tuy nhiên việc trồng nấm có thực sự đem lại lợi nhuận cho nông dân là vấn đề cần nghiên cứu trong thực tiễn sản xuất. Hàng năm cứ vào cuối mỗi vụ lúa, lượng rơm được thải ra từ đồng ruộng rất lớn đã gây ra ô nhiễm nguồn nước. Nhiều nông dân đã tận dụng nguồn rơm sau thu hoạch mỗi vụ lúa để sản xuất nấm rơm kiếm thêm thu nhập. Thực tế cho thấy nhiều nông dân đã khá lên từ việc trồng nấm và ngày càng phát triển mô hình này. Do đó nguồn rơm rạ được khai thác, tận dụng triệt để và ngày càng khan hiếm nên giá rơm ngày càng đắt đỏ ít nhiều đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ. Trong thực tiễn, nguồn rơm sau thu hoạch được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau. Tuy nhiên việc đốt rơm tại ruộng không những gây ô nhiễm môi trường mà còn có thể làm giảm độ phì nhiêu của đất (Mai Văn Quyền, 2015). Vì vậy tận dụng nguồn rơm sau thu hoạch để trồng nấm là một trong các biện pháp phù hợp và cần thiết để xử lý chất thải sau thu hoạch, tạo việc làm và nâng cao thu nhập tăng thêm cho nông dân và đồng thời góp phần giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. Thới An Đông là một trong những phường thuộc quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nơi có nghề trồng nấm rơm được phát triển mạnh do có nhiều nông dân biết kỹ thuật, sử dụng nguồn nguyên liệu có sẵn để trồng nấm và đạt được hiệu quả cao. Theo đánh giá của nhiều nông dân, trồng các loại nấm rơm trên địa bàn phường có thể đạt thu nhập cao hơn gấp 6-7 lần trên cùng một diện tích sản xuất so với trồng lúa. Không chỉ có các hộ sản xuất nấm theo mùa vụ, ngày càng có nhiều hộ làm nghề chuyên nghiệp, tham gia sản xuất nấm quanh năm. Nhiều lao động nhàn rỗi tại địa phương cũng có thêm việc làm nhờ tham gia các công đoạn sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ nấm. Vì thế, nguồn thu nhập từ việc trồng nấm rơm là rất lớn và có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao kinh tế và thay đổi bộ mặt của vùng. Thực tế nhiều mô hình trồng nấm rơm đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nhiều nông dân, đặc biệt hiện nay nông dân đã liên kết lại để thành lập các Tổ hợp tác (THT) và sản xuất nấm theo quy trình an toàn gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm nhằm tạo thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên mô hình trồng nấm rơm có thực sự đem lại hiệu quả như thế nào
------	---------	--	---------------	----------------	------	---

4944	Đại học	Cải thiện thu nhập nông hộ thông qua mô hình sản xuất lúa-dưa hấu tại xã Phú Cường thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang	Lê, Thị Diễm Hương	Lê, Xuân Thái	2018	Đa số người dân ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (DBSCL) nơi chúng và tỉnh Tiền Giang nói riêng hầu như có thu nhập rất thấp, vì đa số người nông dân chỉ sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Vì vậy, để cải thiện thu nhập cho gia đình nhiều nông hộ trong tỉnh đưa ra giải pháp luân canh lúa và dưa hấu trên nền đất lúa; đặc biệt tại thị xã Cai Lậy, các nông hộ đưa xem cây dưa hấu xuống ruộng thay vì chỉ trồng chuyên lúa trước đây làm cho thu nhập được cải thiện hơn. Tuy nhiên trong quá trình sản xuất dưa hấu, các nông hộ còn gặp nhiều khó khăn làm cho nguồn thu nhập chưa mang lại hiệu quả tốt. Đề tài “Cải thiện thu nhập nông hộ thông qua mô hình lúa dưa tại xã Phú Cường, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang” được thực hiện thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 50 hộ nông dân, trong đó 25 hộ đang trồng chuyên lúa và 25 hộ trồng luân canh lúa dưa. Số liệu được thực hiện tại xã Phú Cường, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Từ số liệu thu thập điều được phương pháp thông kê mô tả sử dụng để phân tích thông tin nông hộ cũng như những thuận lợi, khó khăn của nông hộ sản xuất và dùng phương pháp kiểm định T – test dùng để phân tích so sánh hiệu quả sản xuất của mô hình trồng chuyên lúa và mô hình trồng luân canh lúa dưa. Ngoài ra, phương pháp hồi quy đa biến được sử dụng để phân tích những yếu tố ảnh hưởng lợi nhuận của hai mô hình trên 1 hecta và phân tích SWOT để tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc nâng cao thu nhập của nông dân thông qua sản xuất dưa hấu nhằm đưa ra những giải pháp góp phần giúp hộ trồng dưa đạt hiệu quả tốt hơn. Kết quả phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trong mô hình trồng chuyên lúa và mô hình luân canh lúa dưa cho thấy lợi nhuận trung bình hộ trồng chuyên lúa là 37,084 triệu đồng/ha, hiệu quả đầu tư (BCR) là 0,807 lần. Nông hộ luân canh lúa dưa có lợi nhuận trung bình là 101,197 triệu đồng/năm, hiệu quả đầu tư là 1,063 lần. Mô hình luân canh lúa dưa là mô hình cho hiệu quả hơn so với trồng chuyên lúa. Lợi nhuận mô hình trồng luân canh lúa dưa cao hơn so với mô hình trồng chuyên lúa gấp 2,73 lần. Lợi nhuận cao trong sản xuất là yếu tố quan trọng đã kích thích nông hộ thay đổi từ mô hình trồng chuyên lúa sang luân canh lúa dưa. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/người của nông hộ là trình độ học vấn chủ hộ, việc tham gia tổ chức xã hội và lợi nhuận thu được trong quá trình sản xuất. Mô hình luân canh lúa + dưa hấu cho hiệu quả sản xuất cao hơn so với trồng chuyên lúa nhưng trong quá trình sản xuất dưa hấu thì nông hộ còn gặp nhiều khó khăn và thách thức như giống chất lượng, kỹ thuật trồng dưa, sâu bệnh, đầu ra cho sản phẩm chất lượng. Một số
------	---------	---	--------------------	---------------	------	---

4945	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của mô hình chuyên canh đậu phộng tại huyện An Phú tỉnh An Giang	Nguyễn, Quốc Huy	Ông, Huỳnh Nguyệt Ánh	2018	Phát triển đẩy mạnh một cách phù hợp các mô hình sản xuất cây màu là một cách đa dạng hóa sản xuất và đem lợi nhuận cho nông hộ. Đề tài Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của mô hình chuyên canh đậu phộng tại huyện An Phú tỉnh An Giang được thực hiện nhằm phân tích tài chính, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận và đề ra các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả mô hình. Đề tài thu thập số liệu các mùa vụ trồng đậu phộng năm 2017 bằng phương pháp phỏng vấn nông hộ với bảng hỏi soạn sẵn. Số mẫu là 58 nông hộ, theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất tại hai xã thuộc huyện An Phú tỉnh An Giang. Số liệu được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích hiệu quả tài chính, phương pháp hồi qui đa biến. Kết quả cho thấy, mô hình sản xuất đậu phộng ở huyện An Phú tỉnh An Giang sử dụng 2 giống Đầu Vò và L14 được trồng vụ Đông Xuân năng suất đạt bình quân 7 tấn/ha, vụ Hè Thu đạt 4,7 tấn/ha. Diện tích đất màu trung bình nông hộ là 2 ha có kinh nghiệm sản xuất trung bình là 7 năm, trình độ học vấn tập trung cấp 1 và cấp 2. Phân tích các chỉ tiêu tài chính cho thấy lợi nhuận đậu phộng vụ Đông Xuân là 83.228.879 đồng/ha, hiệu quả đồng vốn là 3,1 lần, hiệu quả lao động 563.281 đồng/ngày và lợi nhuận vụ Hè Thu 36.369.686 đồng/ha, hiệu quả đồng vốn 1,4 lần, hiệu quả lao động 341.035 đồng/ngày. Mô hình chuyên canh đậu phộng có các yếu tố tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, chi phí vật tư, chi phí lao động, ảnh hưởng đến lợi nhuận vụ Đông Xuân. Các yếu tố chi phí thuê lao động, chi phí máy móc, đất màu, kinh nghiệm sản xuất, ảnh hưởng đến lợi nhuận vụ Hè Thu. Khó khăn mà nông hộ gặp phải ở mô hình là sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết, thiếu vốn, thiếu lao động, thiếu thông tin thị trường và giá cả đầu ra không ổn định. Những giải pháp được đưa ra là thành lập các tổ hợp tác sản xuất, huấn luyện nông dân sản xuất nông nghiệp cao an toàn, sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu thị trường.
------	---------	--	------------------	-----------------------	------	--

4946	Đại học	Đánh giá thực trạng phát triển chăn nuôi bò sữa tại xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng	Lý, Thị Ngọc Huyền	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Đề tài “Đánh giá thực trạng phát triển chăn nuôi bò sữa tại xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện nhằm mục đích (1) đánh giá về thực trạng phát triển chăn nuôi bò sữa; (2) đánh giá hiện trạng hiệu quả tài chính hộ chăn nuôi bò sữa; (3) xác định thuận lợi và khó khăn của đề đưa ra giải pháp nhằm phát triển chăn nuôi bò sữa hiệu quả, bền vững và phù hợp với điều kiện của vùng. Đề tài được thực hiện từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018, bằng phương pháp phỏng vấn những nông hộ chăn nuôi bò sữa ở xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng với tổng số 30 hộ. Phương pháp thông kê mô tả và phân tích chi phí lợi nhuận để phân tích số liệu. Kết quả phân tích đã đánh giá được thực trạng phát triển và phân tích được hiện trạng kỹ thuật của nông hộ chăn nuôi bò sữa tại xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Về kinh nghiệm chăn nuôi bò sữa của các nông hộ chưa cao, diện tích đất trồng cỏ trung bình của các hộ chiếm 28% trong tổng diện tích đất, vì thế một vài nông hộ không đủ đáp ứng nhu cầu cỏ cho bò sữa. Chuồng trại đã thiết kế với diện tích tương đối nhỏ hẹp trung bình khoảng 31m² điều này ảnh hưởng phần nào đến năng suất sữa của bò. Tất cả các nông hộ chăn nuôi bò sữa đều tham gia các lớp tập huấn nên đa phần người dân có thể nắm rõ cách nuôi bò cơ bản. Các nông hộ chăn nuôi bò sữa đa phần chưa chủ động trong việc phòng ngừa và điều trị cho bò, phụ thuộc vào cán bộ thú y. Nhiều nông hộ chưa áp dụng các biện pháp xử lý chất thải phân bò gây nên ô nhiễm môi trường tại các hộ chăn nuôi. Bên cạnh đó, đề tài cũng phân tích được hiệu quả kinh tế của các nông hộ chăn nuôi bò sữa trên địa bàn nghiên cứu: số lượng bò sữa của nông hộ tương đối nhiều so với quy mô chăn nuôi của nông hộ trung bình mỗi hộ có 4 con trong đó có 3 con bò đang cho sữa. Vì thế, lợi nhuận thu được từ chăn nuôi bò sữa là cũng tương đối cao, thu nhập trung bình của một nông hộ chăn nuôi bò sữa ở xã Phú Mỹ trong một năm là khoảng 48,79 triệu đồng. Các khó khăn mà các nông hộ gặp phải thường là các vấn đề về thiếu vốn để đầu tư phát triển đàn và trong quá trình chăn nuôi bò, thiếu diện tích đất, và kỹ thuật thú y. Do vậy, người chăn nuôi cần phải nâng cao kỹ thuật chăn nuôi của mình nhất là kỹ thuật phòng bệnh cho bò sữa chủ động phòng ngừa dịch bệnh trên đàn bò của nông hộ, bảo vệ môi trường xung quanh, tìm cách xử lý phân bò hợp lý, tốt nhất nên đào hố ở xa nhà để chứa phân. Nên mạnh dạn mở rộng quy mô chăn nuôi để tăng thêm thu nhập, tăng diện tích chuồng nuôi giúp bò thoải mái vận động, tăng năng suất. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý nông nghiệp cần tổ chức tuyên truyền, tập huấn
------	---------	--	--------------------	--------------------	------	--

4947	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính mô hình chuyên canh lúa trong đề bao tại xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, Hậu Giang	Lê, Huỳnh Khiêm	Phạm, Công Hữu	2018	Hiện nay mô hình canh tác lúa tăng vụ (2-3 vụ/năm) trong vùng có đề bảo khép kín có thật sự đem lại lợi nhuận để nâng cao thu nhập nông hộ là vấn đề cần được nghiên cứu trong thực tiễn. Mục tiêu chính của đề tài nghiên cứu: (i)Phân tích thực trạng canh tác lúa; (ii) Đánh giá hiệu quả tài chính trồng lúa và (iii) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chuyên canh lúa. Các phương pháp Thảo luận nhóm hộ (FGD), phỏng vấn cấu trúc và phương pháp điều tra nông hộ đã được áp dụng để thu thập thông tin và số liệu để thỏa mãn các mục tiêu đề tài nghiên cứu. Các phương pháp thống kê mô tả, phân tích trị số trung bình và SWOT, phương pháp hồi quy để phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu đã tìm thấy nguồn lực nông hộ chưa đáp ứng đầy đủ các hoạt động canh tác lúa, cả 2 mô hình 2 lúa và 3 lúa chuyên canh đều có lợi nhuận. Mô hình canh tác 2 lúa không có nhân tố nào ảnh hưởng đến lợi nhuận, trong khi mô hình canh tác 3 lúa thì nhân tố chi phí làm đất, chi phí thuê lao động, chi phí lao động gia đình ảnh hưởng đến lợi nhuận. Các khó khăn về chi phí, đất bị bạc màu, nguồn vốn, giá bán, khoa học kĩ thuật. Bên cạnh đó hỗ trợ đưa ra giải pháp giúp nông hộ sản xuất lúa hiệu quả nâng cao thu nhập.
4948	Đại học	Đánh giá hiện trạng di cư thành thị - nông thôn ở huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng	Lý, Thị Lành	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị của tỉnh Sóc Trăng là một địa phương có nhiều người dân di cư lên thành phố làm, cuộc sống của người dân ở xã đang dần được cải thiện nhiều hơn so với những năm khi chưa di cư, người dân di cư lên thành thị chủ yếu là lên Tp. HCM và Bình Dương. Mục tiêu chính trong nghiên cứu này là tìm hiểu được thực trạng di dân trên địa bàn xã Thạnh Tân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đang diễn ra như thế nào và những yếu tố dẫn đến di cư ở huyện, từ đó đưa ra những kế hoạch chiến lược cho sự phát triển kinh tế một cách hữu hiệu nhất giúp người di cư nhận định được những thuận lợi và khó khăn của mình ở hiện tại, và đưa ra được những nhận định giải pháp phát triển trong tương lai. Đề tài được thực hiện bằng các phương pháp chính như phỏng vấn nông hộ chủ yếu là các hộ có người di cư. Thực trạng di cư của người dân vẫn luôn diễn ra từ đầu năm 2010 đến năm 2016 và đến nay vẫn luôn tiếp diễn. Người dân di cư chủ yếu từ nông thôn lên thành thị là nhiều đa số là lên khu vực Đông Nam Bộ để tìm việc. Từ kết quả nghiên cứu ta nhận thấy rằng hộ có gia đình di cư là những hộ có ít đất sản xuất và kể cả những hộ có đất nhiều đất sản xuất, gia đình khó khăn về kinh tế, không có việc làm tạo thu nhập ở địa phương. Người di cư đa số là người có sức khỏe tốt và là lao động chính chủ yếu tạo ra thu nhập cao của gia đình. Trong quá trình di cư người dân có được thuận lợi cũng như phải đối mặt với những khó khăn trong việc hòa nhập cuộc sống và công việc hiện tại ở thành thị. Dòng người di cư lên thành thị đã góp phần không nhỏ đến sự phát triển của người di cư, Tuy nhiên di cư cũng đem lại những hệ lụy không hề nhỏ đến sự phát triển kinh tế – xã hội.

4949	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình sản xuất măng cầu xiêm tại huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Lê, Văn Mưa	Nguyễn, Hồng Tín	2018	Đề tài Đánh giá hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình sản xuất măng cầu Xiêm tại xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang được thực hiện nhằm phân tích hiệu quả tài chính đồng thời xác định và xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình măng cầu Xiêm tại huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Từ đó, đề ra giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình sản xuất tại địa phương. Đề tài được thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn nông hộ với bảng hỏi soạn sẵn trên 40 quan sát mẫu sản xuất măng cầu Xiêm tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang. Số liệu được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, phân tích chi tiêu tài chính, phương pháp phân tích thứ bậc AHP và phân tích SWOT. Kết quả cho thấy mô hình có quy mô đất sản xuất măng cầu Xiêm trung bình 0,7 ha/hộ, măng cầu Xiêm thu hoạch hai vụ/năm bao gồm vụ thuận và vụ nghịch, tuy nhiên phần lớn nông hộ lựa chọn thu hoạch quanh năm. Năng suất trung bình của mô hình măng cầu Xiêm đạt 27,95 tấn/ha/năm với giá bán trung bình 9.875 đồng/kg. Doanh thu trung bình đạt 285.203.875 đồng/ha/năm. Lợi nhuận thuần trung bình của mô hình đạt 220.255.164 đồng/ha/năm. Hiệu quả đồng vốn là 3,39 lần. Có 3 yếu tố chính ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng măng cầu Xiêm là giá, năng suất và chi phí. Trong đó giá được phân cấp ra yếu tố về chất lượng trái, xây dựng thương hiệu và liên kết sản xuất; năng suất phân cấp ra sử dụng phân hữu cơ, xử lý rải vùi và vệ sinh cây; chi phí được phân cấp ra yếu tố về tập huấn kỹ thuật, bao trái và cơ giới hóa trong sản xuất. Các yếu tố có sự đóng góp quan trọng đến lợi nhuận hộ canh tác măng cầu Xiêm và có trọng số cao nhất là: thời điểm xử lý ra hoa, xây dựng thương hiệu và sử dụng phân hữu cơ, với trọng số tương ứng là: 0.251; 0.201; 0.160. Các khó khăn chính mô hình gặp phải như tiếp thu và áp dụng khoa học kỹ thuật hạn chế, thiếu thông tin thị trường, giá cả đầu ra không ổn định. Giải pháp đưa ra cho mô hình là tăng cường hiệu quả các chương trình tập huấn kỹ thuật, quy hoạch vùng chuyên canh măng cầu Xiêm, đẩy mạnh công tác phát triển thương hiệu măng cầu Xiêm tại Phụng Hiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác.
------	---------	---	-------------	------------------	------	---

4950	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ trồng dâu Hạ Châu tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Chí Nhân	Nguyễn, Công Toàn	2018	Đề tài được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ trồng dâu Hạ Châu. Bên cạnh còn đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ; phân tích hiệu quả tài chính; phân tích các điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức của hộ trồng dâu Hạ Châu. Từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao lợi nhuận trồng dâu cho nông hộ. Kết quả điều tra thực tế 50 hộ trồng dâu tại các xã Nhơn Ái, Mỹ Khánh, Tân Thới và Trị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền cho thấy, hiệu quả tài chính của nông hộ trồng dâu Hạ Châu tương đối cao. Doanh thu trung bình là 196.879.360 đồng/ha/nam. Sau khi trừ hết chi phí, trung bình một vụ nông hộ lãi 159.777.710 đồng/ha. Tỷ số doanh thu/chi phí bằng 5,04 lần và lợi nhuận/chi phí bằng 4,09 lần với khả năng sinh lời của vốn đầu tư cao chiếm 0,81 lần. Các yếu tố diện tích, năng suất, kinh nghiệm trồng có ảnh hưởng cùng chiều đến lợi nhuận, trong khi đó, hai yếu tố trình độ học vấn và tập huấn kỹ thuật ảnh hưởng ngược chiều. Trở ngại lớn nhất của nông hộ trồng dâu Hạ Châu là tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ vẫn còn tồn tại và kỹ thuật xử lý ra hoa dưới tác động của quá trình biến đổi khí hậu như hiện nay làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng trái. Từ đó đề tài đã đưa ra giải pháp nhằm tăng năng suất, dẫn đến tăng lợi nhuận trồng dâu Hạ Châu là cần phải liên kết đất sản xuất, tạo các vườn mẫu, kết hợp trồng dâu Hạ Châu với du lịch sinh thái. Bên cạnh đó nông hộ cần chủ động học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất, tham quan các mô hình thực tế, giảm thiểu rủi ro do thời tiết.
------	---------	---	------------------	-------------------	------	---

4951	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình sản xuất chanh truyền thống và sản xuất chanh VietGAP tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đặng, Thị Hồng Nhiên	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Huyện Cao Lãnh là nơi có diện tích trồng chanh lớn nhất trong tỉnh Đồng Tháp và đang được sự quan tâm đặc biệt từ nông dân và chính quyền địa phương. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay, nhà vườn trồng chanh ở huyện Cao Lãnh đang gặp phải nhiều khó khăn trong sản xuất và sản phẩm khó tiêu thụ trên thị trường vì không đảm bảo chất lượng. Do vậy nhiều nhà vườn đã chuyển đổi từ mô hình sản xuất chanh truyền thống sang mô hình sản xuất chanh theo VietGAP. Do đó đề tài “So sánh hiệu quả tài chính giữa mô hình sản xuất chanh truyền thống và mô hình sản xuất chanh theo VietGAP tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện nhằm đánh giá, so sánh hiệu quả tài chính giữa hai mô hình sản xuất chanh trong huyện giúp cho nhà vườn sản xuất chanh lựa chọn được mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong quá trình nghiên cứu nhóm đã sử dụng phương pháp nghiên cứu chính là điều tra số liệu thông qua bảng câu hỏi phỏng vấn 60 hộ trồng chanh (30 hộ sản xuất chanh truyền thống, 30 hộ sản xuất chanh theo tiêu chuẩn VietGAP). Số liệu thứ cấp được phân tích bằng các phương pháp như: thống kê mô tả, phân tích SWOT và kiểm định giả thuyết bằng T-test để phân tích cụ thể hóa số liệu tạo cơ sở làm rõ các vấn đề nghiên cứu. Kết quả điều tra nông hộ cho thấy nhóm nông dân tham gia sản xuất chanh theo VietGAP thu được lợi nhuận cao hơn và tổn các khoản chi phí trong sản xuất thấp hơn nhóm nông dân sản xuất chanh truyền thống. Ở cả hai mô hình sản xuất đều gặp những khó khăn chủ yếu về sâu bệnh, kỹ thuật sản xuất và việc đưa sản phẩm ra thị trường vẫn còn gặp trở ngại. Qua đó đề xuất một số giải pháp về kỹ thuật trồng chanh và phát triển thị trường để khắc phục các khó khăn và phát huy những thuận lợi sẵn có tại địa phương.
------	---------	--	----------------------	--------------------	------	--

4952	Đại học	Đánh giá hiệu quả tài chính mô hình chăn nuôi bò sữa của nông hộ tại xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.	Võ, Thị Ngọc Như	Phạm, Công Hữu	2018	Hiện nay nhiều nông dân ưu tiên đầu tư chăn nuôi bò sữa với quy mô khác nhau để tăng thêm thu nhập nông hộ. Thực tế chăn nuôi bò sữa có thật sự đem lại thu nhập cho nông dân là vấn đề cần nghiên cứu trong thực tiễn. Mục tiêu nghiên cứu chính là đánh giá hiệu quả tài chính mô hình nuôi bò sữa từ 1 đến 2 con và trên 2 con và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình chăn nuôi bò sữa của nông hộ tại xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu này, nghiên cứu chủ yếu tập trung thu thập thông tin và số liệu bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp cán bộ địa phương, phỏng vấn sâu và điều tra nông hộ nuôi bò sữa. Các số liệu và thông tin được phân tích chủ yếu bằng phương pháp thống kê mô tả, so sánh trị số trung bình (T-TEST) và hồi quy đa biến để tìm các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình nuôi bò sữa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số nông hộ có kinh nghiệm nuôi bò sữa trung bình từ 5 – 10 năm. Cả hai nhóm nông hộ nuôi bò sữa từ 1 đến 2 con và trên 2 con đều có lợi nhuận lần lượt là 16.209 nghìn đồng/con và 19.108 nghìn đồng/con. Các yếu tố ảnh hưởng chính đến lợi nhuận của mô hình nuôi bò sữa từ 1 đến 2 con là chi phí giống, cỏ mua, thức ăn hỗn hợp, cỏ sản xuất, lao động gia đình, chuồng và máy bơm nước, trong khi nuôi bò sữa trên 2 con là chi phí giống, cỏ mua, thức ăn hỗn hợp, cỏ sản xuất, lao động gia đình và chi phí chuồng. Các khó khăn chính của mô hình chăn nuôi bò sữa là giá thức ăn hỗn hợp cao, giá sữa biến động, dịch bệnh nhiều và thiếu kỹ thuật chăn nuôi. Vì vậy cần nghiên cứu các giải pháp khắc phục các khó khăn để nâng cao hiệu quả nuôi bò sữa từ 1 đến 2 con và trên 2 con, để nâng cao thu nhập cho nông dân.
------	---------	--	------------------	----------------	------	---

4953	Đại học	Hiện trạng và giải pháp giảm nghèo cho đồng bào Khmer tại xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Như Quỳnh	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Đề tài “Hiện trạng và giải pháp giảm nghèo cho người Khmer xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện nhằm mục đích (1) Phân tích hiện trạng và nguyên nhân dẫn đến nghèo của hộ người Khmer trên địa bàn xã Phú Mỹ; (2) Tìm hiểu công tác xóa đói giảm nghèo của địa phương và (3) Nêu lên giải pháp cơ bản để từng bước giảm nghèo bền vững cho hộ nghèo người Khmer tại xã Phú Mỹ. Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2018 trên cơ sở số liệu bằng phương pháp phỏng vấn hộ nghèo ở xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng với tổng số 30 hộ. Phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu. Kết quả phân tích nhằm đánh giá hiện trạng sinh kế hộ nghèo và tìm hiểu công tác xóa đói giảm nghèo của địa bàn. Số hộ không có đất chiếm tỷ lệ cao, diện tích đất sản xuất lớn nhất chỉ ở 2000 m2 ảnh hưởng lớn đến việc tạo việc làm cũng như thu nhập của hộ. Số người nghèo di cư khá cao, nghề nghiệp thường là làm thuê trong lĩnh vực nông nghiệp. Khả năng tiếp cận vốn vay là mối quan ngại chính, dù có thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng, nhưng thường nguồn vốn không đáp ứng nhu cầu tài chính của hộ. Về nguồn nhân lực trình độ học vấn của hộ còn tương đối thấp, nhu cầu đào tạo kỹ năng cho người lao động là vấn đề cấp bách. Do vậy người nghèo để nâng cao thu nhập vươn lên thoát nghèo điều quan trọng nhất là ý chí của mỗi người trong gia đình hộ, tự mình vươn lên, không trông chờ ỷ lại vào chính sách. Người lao động cần tích cực tham gia các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật để nâng cao tay nghề. Những hộ có con cháu nhỏ cần chủ động cho trẻ đến trường, nhằm nâng cao trình độ của hộ và nâng cao vị trí của gia đình của thế hệ trẻ sau này. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần quan tâm đầu tư hơn nữa về các nguồn lực tài chính (nguồn vốn vay) và xã hội (tham gia hội đoàn thể) cho bà con.
------	---------	--	-------------------	--------------------	------	--

4954	Đại học	Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của việc ứng dụng sản phẩm an toàn sinh học trong sản xuất lúa tại huyện An Phú tỉnh An Giang	Lê, Văn Thật	Ông, Huỳnh Nguyệt Ánh	2018	Kỹ thuật canh tác lúa theo hướng an toàn sinh học là hướng đi cần thiết hiện nay nhằm giảm thiểu độc hại cho nông sản và môi trường. Phân tích hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của việc ứng dụng sản phẩm an toàn sinh học trong sản xuất lúa tại huyện An Phú tỉnh An Giang được thực hiện nhằm phân tích hiệu quả tài chính mô hình canh tác lúa an toàn sinh học so với canh tác lúa truyền thống, đề xuất hướng lựa chọn những tiến bộ kỹ thuật phù hợp theo hướng sản xuất bền vững cho người dân. Nghiên cứu được thực hiện qua việc phỏng vấn 30 hộ canh tác chuyên lúa ở huyện An Phú tỉnh An Giang bằng bảng hỏi soạn sẵn, phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Số liệu thu thập gồm các mùa vụ sản xuất lúa năm 2017. Đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích chi phí và lợi nhuận, kiểm định T-test, thang đo Linkert, hồi quy đa biến để phân tích số liệu. Kết quả đề tài cho thấy canh tác lúa an toàn sinh học có những cải tiến so với canh tác lúa truyền thống như sử dụng giống lúa mới, mật độ gieo sạ thấp, số lần phun xịt thuốc BVTV giảm. Phân tích hiệu quả tài chính cho thấy mô hình lúa an toàn sinh học đem lại hiệu quả cao hơn so với mô hình lúa truyền thống. Ở vụ Đông Xuân mô hình lúa an toàn sinh học lợi nhuận 21.737.200 đồng/ha, trong lúc mô hình lúa truyền thống là 18.847.000 đồng/ha. Ở vụ Hè Thu mô hình lúa an toàn sinh học lợi nhuận là 18.313.284 đồng/ha, trong lúc mô hình lúa truyền thống là 11.386.111 đồng/ha. Hiệu quả đồng vốn cả năm lúa an toàn sinh học là 1,32 lần và lúa thường là 0,76 lần. Ở mô hình lúa an toàn sinh học, các yếu tố như diện tích đất lúa, chi phí máy móc, sử dụng phân hữu cơ ảnh hưởng đến lợi nhuận hai mùa vụ. ở mô hình canh tác lúa truyền thống, yếu tố kinh nghiệm sản xuất và lượng phân kali cũng ảnh hưởng lợi nhuận hai mùa vụ, số lần phun xịt thuốc và chi phí vật tư ảnh hưởng riêng vụ Đông Xuân, yếu tố chi phí lao động thuê và vay vốn ảnh hưởng riêng vụ Hè Thu. Những khó khăn mà cả hai mô hình gặp phải là giá cả vật tư ngày càng tăng, thiếu thông tin thị trường, giá bán lúa bấp bênh. Đề tài đề ra những giải pháp như tổ chức lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân, định hướng sản xuất phù hợp, sản xuất có ký kết hợp đồng tiêu thụ, nhân rộng mô hình canh tác lúa an toàn sinh học nhằm tăng thu nhập, an toàn chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Từ khóa: Lúa an toàn sinh học, hiệu quả tài chính, huyện An Phú tỉnh An Giang.
------	---------	---	--------------	-----------------------	------	--

4955	Đại học	Ứng dụng mô hình Stella – Đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến sản lượng xoài vùng đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Kim Thùy	Nguyễn, Hồng Tín	2018	Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực trọng điểm về nông nghiệp của cả nước. ĐBSCL không chỉ tập trung sản xuất lúa mà còn là khu vực có diện tích cây tác cây ăn quả lớn với sự đa dạng về chủng loại. ĐBSCL có khoảng 293.768 ha diện tích trồng cây ăn quả, sản lượng ước đạt khoảng hơn 3 triệu tấn mỗi năm (Cục Trồng Trọt, 2015). Trong đó xoài là mặt hàng nông sản được trồng với diện tích lớn với diện tích khoảng 45.900 ha (Viện Cây Ăn Quả Miền Nam, 2015) và hình thành các vùng canh tác đặc trưng như Tiền Giang (4.894 ha), Đồng Tháp (9.200 ha), An Giang (4.664 ha) và Vĩnh Long (4.657 ha) (Trịnh Đức Trí và Võ Thị Thanh Lộc, 2015). Tổng doanh thu xoài của vùng ĐBSCL đạt 31.172 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 9.565 tỷ đồng (Võ Thị Thanh Lộc và ctv, 2014). Đánh giá chung xoài là loại cây trồng được trồng khá phổ biến trong suốt thời gian dài, người nông dân có nhiều kinh nghiệm trong canh tác, đặc biệt là xử lý nghịch vụ để ngành hàng xoài đạt giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây việc canh tác cũng gặp phải nhiều vấn đề khó khăn như nông dân trồng xoài với quy mô nhỏ lẻ, thiếu liên kết sản xuất giữa các hộ nông dân cũng như giữa nông dân với các ban ngành, doanh nghiệp có liên quan. Đồng thời thiếu nắm bắt thông tin thị trường do đó tình trạng “được mùa mất giá” cứ liên tiếp xảy ra. Việc trồng cây ăn quả nói chung và canh tác xoài nói riêng, người nông dân đang tập trung quan tâm vào số lượng chưa chú ý nhiều đến chất lượng, vấn đề sử dụng quá mức phân thuốc hóa học không đảm bảo được sức khỏe cho người tiêu dùng là nguyên nhân hàng đầu ngành hàng xoài chưa đáp ứng được nhu cầu của các thị trường đòi hỏi quản lý chất lượng nghiêm ngặt như Nhật Bản, Mỹ, và thị trường châu Âu. Việc sản xuất còn thiếu tính liên kết chặt chẽ từ khâu đầu vào (cung cấp giống, vật tư nông nghiệp...) đến khâu thu mua, bảo quản và chế biến, xuất khẩu. Các vấn đề bảo quản và chế biến xoài sau thu hoạch còn gặp nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật, cơ sở hạ tầng. Đặc biệt trong những năm gần đây tình trạng thời tiết diễn biến thất thường, dịch bệnh dưới tác động của biến đổi khí hậu cũng là vấn đề đáng quan ngại. BĐKH làm nhiệt độ tăng cao, dẫn theo các hiện tượng thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán... xuất hiện ngày càng nhiều ảnh hưởng đến sản xuất, đặc biệt về sản lượng. Trong những tháng cuối năm 2015 và những tháng đầu năm 2016 hiện trạng xâm nhập mặn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự sinh trưởng của cây trồng gây thiệt hại lớn và kinh tế. Ứng dụng mô hình stella vào việc mô phỏng lại chuỗi giá trị xoài. Quan trọng hơn, dựa vào những dự đoán biến đổi khí hậu cùng
4956	Đại học	So sánh kỹ thuật canh tác và hiệu quả tài chính giữa các vùng trồng đậu xanh ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Phạm, Nguyễn Bảo Trâm	Huỳnh Quang, Tín	2018	

4957	Đại học	Thực trạng và giải pháp bảo tồn lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, tỉnh An Giang	Lê, Văn Trung	Võ, Văn Tuấn	2018	Đề tài: “THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN LỄ HỘI VÍA BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM” được thực hiện nhằm mục đích phân tích, đánh giá cụ thể về tình hình diễn ra ở Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam hiện nay, trước những tác động tiêu cực từ các yếu tố xã hội bên ngoài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh của lễ hội. Đáng lo ngại hơn là những biến tướng này, có nguy cơ làm mất dần đi những giá trị truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc. Trên cơ sở phân tích nhằm đưa ra những giải pháp khả thi bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp ở lễ hội. Để có được những thông tin cụ thể phục vụ cho quá trình triển khai phân tích, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 30 du khách tham quan tại Khu di tích Miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, thuộc tỉnh An Giang. Sau đó, thông qua việc kết hợp các phương pháp thống kê mô tả, phân tích SWOT, phân tích định tính theo thời gian, phương pháp quan sát, nhằm mô tả lại những chỉ tiêu về du khách tham quan, đánh giá, nhận định về thực trạng ở lễ hội, kết hợp các nhóm mục tiêu trong sự tương quan nhằm đưa ra giải pháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam là một lễ hội cấp quốc gia có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống cộng đồng, hội tụ nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển. Nhưng trên thực tế, vẫn còn tồn tại nhiều thực trạng, ảnh hưởng đến hình ảnh của lễ hội, những biến tướng đáng quan ngại, cản trở sự phát triển bền vững. Do đó, triển khai thực hiện các giải pháp đúng đắn, siết chặt tình hình an ninh trật tự ở lễ hội, để lễ hội diễn ra trong không khí trang nghiêm, gìn giữ được những giá trị truyền thống vốn có của nó, là thực sự cần thiết. Đây là tiền đề quan trọng để bảo tồn, quảng bá và phát triển, khai thác hiệu quả hơn nữa tiềm năng của Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam trong tương lai.
4958	Đại học	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển mô hình vườn cây ăn trái gắn với du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Trần, Thắm Y	Nguyễn, Công Toàn	2018	

4959	Dại học	Đánh giá sự tham gia của cộng đồng với mô hình cây ăn trái gắn với du lịch tại thành phố Cần Thơ	Châu, Hải Yến	Nguyễn, Công Toàn	2018	Cần Thơ có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, trong đó nổi bật là du lịch sinh thái miệt vườn với các vườn cây ăn trái. Đề tài “Đánh giá nhu cầu của du khách đối với mô hình vườn cây ăn trái gắn với du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục tiêu: Để tìm hiểu nhu cầu của du khách khi đến với mô hình vườn cây ăn trái gắn với du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thiện và phát triển mô hình. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp đánh giá thông qua một vài phương pháp như phỏng vấn những người am hiểu (KIP), phỏng vấn nhóm với các câu hỏi bán cấu trúc, phương pháp phỏng vấn cá nhân, phương pháp điều tra nông hộ cũng được sử dụng để thu thập thông tin và số liệu cần thiết nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Nghiên cứu cho thấy trồng cây ăn trái là mô hình sản xuất hiệu quả và có tiềm năng tại vùng nghiên cứu. Nông dân làm mô hình không ngừng nâng cao trình độ, học hỏi kinh nghiệm nhằm hoàn thiện và phát triển mô hình. Hiện tại, khi tham gia mô hình người dân nơi đây có thuận lợi về nhiều mặt như: Điều kiện tự nhiên thích hợp; Người dân có kinh nghiệm lâu năm trong việc canh tác; Cơ sở vật chất hạ tầng được đảm bảo; Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ chính quyền địa phương. Song đó, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn mà người dân phải đối mặt như: Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng sản xuất; Hạn chế về trình độ chuyên môn (quản lý và làm du lịch, kỹ năng phục vụ chưa chuyên nghiệp, hạn chế giao tiếp bằng ngoại ngữ,...). Bên cạnh đó, nhu cầu và mong mỏi của du khách cũng là một phần quan trọng góp phần cải thiện mô hình. Mỗi nhóm du khách khác nhau sẽ có nhu cầu và mong muốn khác nhau: nhóm học sinh – sinh viên cần nhiều hơn các hoạt động vui chơi; nhóm du khách nước ngoài với mong muốn những mô hình mang đậm nét văn hóa Việt Nam; nhóm du khách đi tour với nhu cầu tham quan nghỉ dưỡng là chính; với nhóm du khách tự đi sẽ mong muốn tham gia các hoạt động vui chơi là chủ yếu. Đánh giá được nhu cầu của nhiều nhóm đối tượng du khách khác nhau tương tự như nhìn nhận được những lợi thế và khuyết điểm của mô hình. Từ đó có những biện pháp phù hợp nhằm duy trì lợi thế hiện có và khắc phục những khuyết điểm để mô hình được hoàn thiện hơn, phát triển hơn. Với những đánh giá trên, thì biện pháp cần làm là: Tận dụng tối đa những lợi thế đang có biến chúng thành công cụ để hỗ trợ cho sự phát triển của mô hình. Đồng thời nhanh chóng khắc phục những khó khăn bằng nhiều giải pháp như: Huy động mọi nguồn vốn có thể để phục vụ nhu cầu cần thiết của
------	---------	--	---------------	-------------------	------	---

4960	Đại học	ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH MÔ HÌNH CHUYÊN CANH LÚA VÀ TRỒNG XOÀI KEO CỦA NÔNG HỘ TẠI XÃ KHÁNH BÌNH HUYỆN AN PHÚ TỈNH AN GIANG	Pham, Hoai Phuong	Pham, Cong Huu	2018	Hiện nay nông dân nên chuyên canh lúa hay xoài keo là vấn đề cần nghiên cứu để nâng cao thu nhập nông hộ. Mục tiêu chính nghiên cứu này là đánh giá hiệu quả tài chính mô hình chuyên canh lúa và xoài keo, các nguyên nhân dẫn đến hiệu quả canh tác lúa và xoài keo kém hiệu quả, đồng thời đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu quả mô hình nâng cao thu nhập cho nông dân các phương pháp thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn bán cấu trúc và điều tra nông hộ để thu thập thông tin và dữ liệu. Các thông tin và dữ liệu đã được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh trị số trung bình (T-TEST), phương pháp hồi qui đa biến và phân tích SWOT. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 2 mô hình đều có lợi nhuận để nâng cao thu nhập cho nông hộ, trong đó lợi nhuận mô hình chuyên canh lúa thấp hơn mô hình trồng xoài keo. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình chuyên canh lúa là chi phí chuẩn bị đất, chi phí phân và chi phí lao động gia đình, trong khi nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận có ý nghĩa thống kê của mô hình trồng xoài keo là biến trình độ học vấn, chi phí phân, chi phí thuốc bảo vệ thực vật và chi phí thuê lao động. Khó khăn chính của mô hình chuyên canh lúa là dịch hại và bị thương lái ép giá, trong khi khó khăn chính của xoài là dịch hại và thiếu kỹ thuật canh tác. Từ khóa: Hiệu quả tài chính, trồng xoài keo, chuyên canh lúa và nhân tố ảnh hưởng.
4961	Đại học	Xây dựng mô hình toán tối ưu lựa chọn vị trí nhà máy lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trong chuỗi cung ứng ngành may	Mai, Thái Bảo	Nguyễn, Trường Thi	2019-03	Sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp làm gia tăng đáng kể nhu cầu sử dụng năng lượng, đồng thời làm giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có. Bên cạnh đó, lượng phát thải khí nhà kính (Greenhouse Gas emissions - GHGs) từ các nguồn năng lượng hóa thạch gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và con người. Việc tận dụng năng lượng mặt trời là giải pháp hiệu quả giúp giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch, lượng phát thải GHGs, đặc biệt là khí CO ₂ . Vì vậy, nghiên cứu đề xuất thiết kế mạng lưới cung ứng xanh tích hợp hệ thống pin năng lượng mặt trời (Photovoltaic - PVs). Đề tài sử dụng kỹ thuật phân tích chi phí sản xuất điện (The Levelized Cost of Electricity - LCOE) được đề xuất nhằm đánh giá tính khả thi khi lắp đặt PVs với nhiều quy mô khác nhau. Trên cơ sở đó, một mô hình tuyến tính nguyên hỗn hợp (MILP) được phát triển nhằm lựa chọn vị trí nhà máy, xác định lượng vận chuyển giữa các thành phần trong chuỗi cung ứng (Supply Chain - SC). Đề tài áp dụng cho một công ty may tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Kết quả mô hình cho thấy các quyết định liên quan đến lựa chọn vị trí nhà máy, lắp đặt PVs và xác định lượng vận chuyển có tác động đáng kể trong việc giảm tổng chi phí và lượng khí CO ₂ phát thải trong toàn chuỗi cung ứng.

4962	Đại học	Xây dựng sơ đồ dòng giá trị VSM cho sản phẩm áo sơ mi tay dài (Công ty CP May Tây Đô)	Trần, Lê Khoa	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-09	Đề tài tập trung vào việc ứng dụng sơ đồ dòng giá trị, tìm ra những nguyên nhân gây nên lãng phí. Từ đó, kết hợp với công cụ trong sản xuất tinh gọn để loại bỏ tồn kho bán thành phẩm, giải quyết nút thắt c chại và giảm thiểu thời gian sản xuất. Nội dung chính của đề tài là xây dựng được sơ đồ dòng giá trị hiện tại, từ đó nhận diện những nơi cần phải cải tiến, đề xuất phân b lại nguồn lực cho các trạm làm việc, đề xuất áp dụng thẻ kanban để đảm bảo chất lượng đầu ra và giảm thiểu sự sản xuất dư thừa, xây dựng sơ đồ dòng giá trị tương lai để có một cái nhìn tổng thể những lợi ích trước và sau khi áp dụng VSM. Để thực hiện đề tài này, tác giả đã tham gia thực tập tại công ty C may Tây Đô để thu thập số liệu cần thiết, áp dụng lý thuyết về VSM và sản xuất tinh gọn để thực hiện. Kết quả cho thấy, sau khi áp dụng VSM cho dây chuyền sản xuất áo sơ mi tay dài, lượng tồn kho bán thành phẩm giảm thiểu đáng kể và dây chuyền được cân bằng hơn.
4963	Đại học	Sử dụng sơ đồ chuỗi giá trị VSM để cải tiến chuyền may (Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long)	Nguyễn, Minh Tuấn	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-09	Sử dụng sơ đồ dòng giá trị VSM để cải tiến chuyền may tại công ty Cổ Phần May và Đầu Tư Thương Mại Thành Công – Vĩnh Long”, được tiến hành nghiên cứu trên dây chuyền số 15 đang thực hiện đơn hàng của khách hàng SEAR với mặt hàng áo thun 3 lỗ màu Red (308 – C2). Khảo sát thực tế công ty để thu thập những số liệu liên quan đến qui trình sản xuất mặt hàng áo thun 3 lỗ như: thời gian làm việc của các công đoạn, số lượng sản phẩm hư hỏng, số lượng tồn kho bán thành phẩm tại các công đoạn, thao tác may...vv. Qua những số liệu thu thập được, bằng phần mềm Igraxf, tôi tiến hành vẽ sơ đồ dòng giá trị cho qui trình may hiện tại để làm cơ sở phân tích đánh giá những hạn chế, bất cập và lãng phí trong qui trình may tại chuyền số 15 của công ty Cổ Phần May và Đầu Tư Thương Mại Thành Công – Vĩnh Long, từ đó có những giải pháp cụ thể để loại bỏ các lãng phí đang tồn tại. Xây dựng được sơ đồ dòng giá trị cho qui trình may hiện tại của chuyền số 15 và phát hiện chuyền may đang tồn tại các lãng phí: lãng phí do tồn kho, lãng phí thao tác, lãng phí do sản phẩm hư hỏng. Đề xuất được 3 giải pháp cải tiến: phân tích thao tác để loại bỏ lãng phí do thao tác thừa, cân bằng chuyền để loại bỏ bán thành phẩm tồn kho tại công đoạn cắt chỉ, gọt lại và giải pháp Kanban để loại bỏ lãng phí do sản phẩm hư hỏng.
4964	Đại học	Xây dựng mô hình tích hợp Lean và Six Sigma (Công ty TNHH MTV Thành Công Vĩnh Long)	Nguyễn, Thị Tú Nhi Nguyễn, Thị Thùy Nhiên	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-09	Mục tiêu của đề tài Luận văn là cải thiện năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm cho quy trình sản xuất áo Polo MC Donals - MC001. Để đạt được mục tiêu đó, cần có kiến thức về sản xuất tinh gọn và một số công cụ của Lean: Cân bằng chuyền, 5S, phân tích thao tác, VSM, Kanban,... Và nắm được tiến trình cải thiện chất lượng DMAIC của Six Sigma. Sau đó sử dụng phương pháp bấm giờ để thu thập các số liệu về thời gian sản xuất công đoạn, thời gian di chuyển, thời gian, số lượng tồn kho, kết hợp với thống kê kiểm tra tần suất xuất hiện lỗi và nguyên nhân gây ra lỗi trên sản phẩm. Xây dựng Mô hình tích hợp Lean - Six Sigma cho quy trình sản xuất nhằm cải tiến hiệu suất hoạt động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

4965	Đại học	Khảo sát thực trạng và áp dụng 5S tạo ra môi trường làm việc hiệu quả (Công ty TNHH Bao bì nhựa Thành Phú)	Huỳnh, Thị Kim Tươi Nguyễn, Tuyết Đông Nhi	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-09	Đề tài đề xuất thực hiện 5S tập trung vào S4 – Săn sóc, với việc sử dụng các tiêu chuẩn hóa công việc vào 3S đầu tiên nhằm duy trì 5S, đồng thời đề xuất một số cải tiến để việc thực hiện 5S thuận tiện hơn và thiết kế góc 5S, thiết kế checklist thực hiện vệ sinh hằng ngày, phiếu ý tưởng cải tiến, thi đua 5S thông qua đánh giá bằng sơ đồ mạng nhện, khen thưởng 5S, ... Ngoài ra, đề tài còn đề xuất ý tưởng cải tiến 5S tại khu vực kho thành phẩm 2, thông qua việc giải quyết vấn đề sắp xếp và đề xuất cải tiến đạt được kết quả như sau: sức chứa hàng hóa trong kho sau tái bố trí tăng 25% và sau cải tiến tăng 39.7%. Sức chứa số lượng bộ trực in gởi tạm sau tái bố trí tăng gần 2.1 lần so với hiện tại và sau đề xuất cải tiến tăng gấp 3.1 lần hiện tại. Tỷ lệ sử dụng mặt bằng từ 38.89% giảm xuống 31.75%, tăng không gian di chuyển và nhập – xuất hàng cho kho.
4966	Đại học	Nghiên cứu mô hình quản trị chi phí dòng nguyên vật liệu cho dây chuyền chế biến Tôm sushi (Công ty TNHH Thực phẩm Năng Đại Dương)	Phạm, Thị Hoài Thương	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-09	Nghiên cứu mô hình Quản trị chi phí dòng nguyên vật liệu (MFCA) cho dây chuyền sản xuất Tôm Sushi” cho công ty TNHH Thực Phẩm Năng Đại Dương, được thực hiện với mục tiêu nghiên cứu phương pháp MFCA và kết hợp đề xuất sản xuất sạch hơn (SXSH) cùng với những lợi ích mà các phương pháp này mang lại. Trong đó, đề tài tập trung vào việc áp dụng tiến trình PDCA, trọng tâm của các dự án MFCA và SXSH để nhận diện những tổn thất trong sản xuất, tìm ra nguyên nhân gây tổn thất nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả sử dụng, giảm thiểu chất thải ra môi trường. Nội dung chính của đề tài là tiến hành cân bằng nguyên vật liệu tại từng công đoạn trong quy trình sản xuất Tôm sushi tươi đông lạnh, tính toán định lượng dòng chảy nguyên vật liệu theo đơn vị vật lý và tiền tệ, sau đó tính toán chi phí hệ thống và chi phí năng lượng. Từ đó, nhận diện những tổn thất nguyên vật liệu và năng lượng tại các công đoạn và đề xuất các giải pháp cải tiến kết hợp SXSH. Để thực hiện đề tài, tác giả tham gia thực tập tại Công ty TNHH Thực phẩm Năng Đại Dương để thu thập các số liệu cần thiết, áp dụng lý thuyết MFCA kết hợp tiến trình PDCA để thực hiện tính toán. Tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến kết hợp đề xuất SXSH và ước tính lợi nhuận thay đổi khi áp dụng các cải tiến. Kết quả cho thấy, sau khi áp dụng MFCA cho dây chuyền sản xuất, lượng nguyên vật liệu và năng lượng sử dụng giảm thiểu đáng kể từ 15% - 20%.

4967	Đại học	Cải tiến năng suất xưởng Thôi sử dụng kỹ thuật quản trị 4M (Công ty TNHH Bao bì nhựa Thành Phú)	Lê, Thị Ngọc Lan Nguyễn, Thị Cẩm Thu	Võ, Trần Thị Bích Châu	2018-05	Đề tài đã thu thập các số liệu về xưởng Thôi, từ cách làm việc của nhân viên, phương pháp quản lí và lập kế hoạch, nguyên lý hoạt động và các hư hỏng của máy móc, lượng phế phẩm của xưởng, sự ảnh hưởng của 4 yếu tố trong 4M (Machines, Men, Materials, Methods) đến lượng phế phẩm đó. Trong quá trình phân tích 4M đã sử dụng biểu đồ Xương cá để có cái nhìn tổng quát mà cũng chi tiết về vấn đề. Sau đó, những nguyên nhân cốt yếu được tìm ra dựa trên nguyên lý 80/20 của biểu đồ Pareto và đưa ra giải pháp cho những nguyên nhân này. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng phương pháp tính định mức thời gian làm việc để tính được hiệu suất làm việc của công nhân, dùng chỉ số OEE để đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị toàn bộ của máy trong xưởng. Sau khi đề xuất những giải pháp ngắn hạn riêng cho từng nguyên nhân đã được phát hiện, đề tài còn thực hiện đề xuất những cải tiến nhằm phát triển lâu dài cho 4M của xưởng. 5S được lựa chọn là giải pháp cho nguyên vật liệu tại xưởng. Con người và máy móc là hai tác nhân có sự ảnh hưởng với nhau, vì thế Bảo trì năng suất toàn diện (TPM) được cho là phù hợp nhất với hiện trạng của xưởng bằng việc áp dụng 3 trụ cột: Bảo trì tự quản (AM), Bảo trì có kế hoạch và Huấn luyện - đào tạo. Trong phương pháp việc sắp kế hoạch không hợp lý được xem là nguyên nhân gây phế cao nhất, cho nên đề tài đã tiến hành dự báo cho các loại màng thường xuyên được đặt hàng để sản xuất dự phòng từ đó giảm thiểu phế đổi lệnh của xưởng.
------	---------	---	---------------------------------------	------------------------	---------	--

4968	Đại học	Cải tiến năng suất sản xuất cửa kéo thông qua một số công cụ Lean manufacturing (Công ty Đại Phát An Giang)	Huỳnh, Tuấn Anh Mai, Phúc Loan	Võ, Trần Thị Bích Châu	2019-05	Đề tài sử dụng số liệu thu thập trực tiếp tại xưởng sản xuất cửa kéo Đại Phát để vẽ sơ đồ chuỗi giá trị (VSM). Từ sơ đồ VSM, kết hợp phân tích với biểu đồ nhân quả, chúng tôi đã nêu ra được 11 vấn đề trong sản xuất của công ty. Từ đó, chúng tôi đã đề ra các giải pháp giải quyết các vấn đề như sau: bước đầu áp dụng 5S song song với việc tái bố trí kho vật tư, nhằm sắp xếp và lưu trữ vật liệu hợp lý, tạo không gian làm việc sạch sẽ, thoải mái. Đề xuất kế công nghiệp cùng sử dụng thẻ Kanban nhằm hỗ trợ việc sắp xếp và sử dụng nguyên vật liệu theo nguyên tắc FIFO. Ngoài ra, đề tài thu thập số liệu vật liệu giúp cho việc xác định mức tồn trữ vật tư an toàn đảm bảo nhằm cung cấp kịp thời trong quá trình sản xuất. Sau đó, đề tài còn cân bằng dây chuyền, sắp xếp lại trạm làm việc, phân bổ nguồn lực nhằm giảm thời gian lãng phí trong sản xuất, tăng hiệu suất sản xuất. Song song đó, chúng tôi thiết lập các bảng hướng dẫn công việc cho công nhân, giúp họ dễ dàng hiểu và thích ứng với công việc khi phải di chuyển nhiều công đoạn khác nhau. Cuối cùng, thông qua việc tìm hiểu và nghiên cứu tại công ty, đề tài đề xuất một số phần mềm hỗ trợ việc chuyển đổi nhanh trong sản xuất phù hợp với công ty. Kết quả đạt được của đề tài là áp dụng 5S cho kho vật tư hộp và rây, đề xuất các loại kệ lưu trữ vật tư và mẫu Kanban giúp sử dụng tuần hoàn vật tư; xác định mức tồn trữ an toàn cho các vật tư trong công đoạn lắp linh kiện hộp; thực hiện cân bằng chuyền phân bổ nguồn lực, gộp trạm làm việc từ 28 trạm còn 18 trạm; thực hiện bảng hướng dẫn công đoạn chạy U, chạy Lá, công đoạn lắp linh kiện hộp; cuối cùng cải thiện được thời gian leadtime thông qua việc so sánh sơ đồ VSM hiện tại với VSM tương lai được vẽ từ số liệu sau khi thực hiện các giải pháp trên.
4969	Đại học	Xây dựng mô hình toán đa mục tiêu thiết kế chuỗi cung ứng xanh cho Công ty Hải sản 404	Nguyễn, Thị Tường Vi	Nguyễn, Trường Thi	2018-05	Xây dựng chuỗi cung ứng xanh là một trong những xu hướng chung của nhiều doanh nghiệp hiện nay vì chuỗi cung ứng xanh mang lại những lợi ích về kinh tế và môi trường. Đề tài “Xây dựng mô hình toán đa mục tiêu thiết kế chuỗi cung ứng xanh cho Công ty Hải sản 404” tập trung vào việc phân tích hiện trạng chuỗi cung ứng của công ty và xây dựng mô hình quy hoạch tuyến tính hỗn hợp nguyên (MILP) để tính toán chi phí chuỗi cung ứng và đo lường lượng khí phát thải CO2 từ hoạt động vận tải. Qua đó, đề tài đề xuất các giải pháp để tối thiểu đồng thời yếu tố chi phí và lượng khí phát thải trong hoạt động vận tải. Để hoàn thành đề tài, tác giả đã thu thập các số liệu liên quan đến hoạt động cung ứng của công ty như vị trí, số lượng nhà cung cấp và khách hàng, nhu cầu cần đáp ứng của mỗi khách hàng, khả năng cung cấp của nhà cung cấp. Qua đó, phân tích được hiện trạng chuỗi cung ứng của công ty. Từ hiện trạng cho thấy công suất chế biến hiện tại của công ty không đủ để đáp ứng nhu cầu trong tương lai. Đề tài thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng cho công ty, tác giả đã xây dựng mô hình toán xem xét đồng thời yếu tố chi phí và môi trường nhằm xác định lượng sản phẩm vận chuyển tối ưu và vị trí nhà máy được thiết lập. Dựa trên các kết quả thu được, đề tài lựa chọn phương án tối ưu nhất.

4970	Đại học	Dự báo nhu cầu và hoạch định tồn kho áo sơ mi tay dài (Công ty Cổ phần May Tây Đô)	Huỳnh, Hoàng Ngọc Bá	Võ, Trần Thị Bích Châu	2019-03	Luận văn sẽ sử dụng phần mềm Evview để phân tích dữ liệu và dự báo nhu cầu sản phẩm của áo sơ mi tay dài mã hàng TMBL1 hiện đang chiếm doanh thu cao của công ty. Từ nhu cầu dự báo có được mô hình tồn kho “Lượng sản xuất kinh tế mờ” được khảo sát để xác định cỡ lô sản xuất tối ưu cho mỗi loạt sản xuất của mã hàng và số lần sản xuất trong năm nhằm tối thiểu chi phí. Cuối cùng, một lộ trình phân phối tối ưu cho sản phẩm sẽ được xác định bằng giải thuật di truyền trên phần mềm Matlab.
4971	Đại học	Ứng dụng mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS trong lựa chọn phương pháp và địa điểm xử lý chất thải rắn tại Cần Thơ	Phạm, Tiến Triển	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2019-03	Với làn sóng mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, đời sống của nhân loại cũng ngày càng hiện đại. Một vấn đề tồn tại song song với cuộc cách mạng ấy chính là chất thải rắn. Tại Việt Nam nói chung và tại Cần Thơ lượng chất thải rắn hàng ngày thải ra hàng chục tấn, để đánh giá được phương pháp xử lý hay lựa chọn được địa điểm xử lý thích hợp, đề tài “Ứng dụng mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS trong lựa chọn phương pháp và địa điểm xử lý chất thải rắn tại Cần Thơ” được đề xuất thực hiện. Đề tài tiến hành đánh giá lựa chọn 4 phương pháp: Chôn lấp, thiêu hủy, nhiệt phân, đốt RDF (Refuse Derived Fuel) dựa trên một bộ tiêu chí đánh giá (gồm 9 tiêu chí) và lựa chọn địa điểm xử lý tại 9 quận huyện của thành phố Cần Thơ: Bình Thủy, Ninh Kiều, Cái Răng, Thốt Nốt, Ô Môn, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Phong Điền dựa trên bộ tiêu chí (gồm 6 tiêu chí). Từ các tiêu chí đã đưa ra, đề tài áp dụng kết quả thu được từ bảng khảo sát đánh giá các tiêu chí của các chuyên gia và các tính toán của phương pháp Fuzzy AHP để xây dựng bộ trọng số các tiêu chí. Tiếp đến, đề tài sử dụng mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS để đánh giá xếp hạng các phương pháp và địa điểm xử lý, tìm ra phương pháp và địa điểm xử lý có khả năng thực hiện nhất dựa trên nguyên tắc xếp hạng theo tính tương đồng với các giải pháp lý tưởng. Tính toán với mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS đề tài đã tìm ra được phương pháp đốt RDF – (Refuse Derived Fuel) với chỉ số là 0.7839 và huyện Thới Lai với chỉ số là 0.9298 tốt nhất trong các lựa chọn được đưa ra. Ngoài ra, huyện Cờ Đỏ và quận Ô Môn cũng là những lựa chọn địa điểm phù hợp với bộ tiêu chí đưa ra và điều kiện hiện tại của Cần Thơ.

4972	Đại học	Khảo sát và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng HACCP (Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng STAPIMEX)	Nguyễn, Liêm Phúc	Nguyễn, Thị Lê Thủy	2019-05	HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point) là hệ thống quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm dựa trên nguyên tắc phân tích mối nguy và kiểm soát điểm kiểm soát tới hạn trong quá trình sản xuất thực phẩm kết hợp với qui phạm vệ sinh SSOP và qui phạm về sản xuất GMP. Nó là sự tiếp cận có tính khoa học, hợp lý và có tính hệ thống, xác định và kiểm soát mối nguy trong sản xuất, chuẩn bị và sử dụng thực phẩm để đảm bảo rằng thực phẩm là an toàn với sức khỏe người tiêu dùng. Ngoài việc nhận diện những mối nguy có thể xảy ra trong quá trình sản xuất thực phẩm, nó còn đặt ra các biện pháp kiểm soát để phòng ngừa. Việc áp dụng hài hòa giữa kiểm soát mối nguy với hai qui phạm SSOP và GMP trong sản xuất nhằm kiểm soát cả mối nguy trong thực phẩm, gia tăng chất lượng sản phẩm đầu ra, giảm phế phẩm, giảm chi phí sản xuất cho mỗi công đoạn và qua đó giúp chỉ ra các điểm để cải tiến. Nhận thấy những lợi ích mà hệ thống HACCP mang lại, đề tài “Khảo sát và đánh giá hệ thống quản lý chất lượng HACCP tại Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng Stapimex” được tiến hành thực hiện dựa trên việc khảo sát thực tế qui trình sản xuất để thu thập thông tin và số liệu, khảo sát từ đó xác định được những điểm cần cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm; Tình trạng lỗi của sản phẩm; Mức độ thực hiện các tiêu chí HACCP yêu cầu; Mức độ thực hiện 7 nguyên tắc trong HACCP và Nguyên nhân gây ra lỗi sản phẩm. Tiếp theo, tìm hiểu hiện trạng thực hiện HACCP cũng nh kế hoạch HACCP của công ty, tình hình lỗi sản phẩm và nguyên nhân gây ra lỗi trong sản xuất đưa ra những nhận xét dựa trên sơ đồ Mạng nhện (Radar Chart) để chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các tiêu chí đối với từng khâu sản xuất trong nhà máy cùng với sự kết hợp của sơ đồ nhân quả, bảng khảo sát mức độ khả thi một số giải pháp để tìm ra giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu nguyên nhân gây ra lỗi trong sản xuất góp phần nâng cao điều kiện sản suất cho các khu vực sản xuất từ khâu tiếp nhận đến khâu thành phẩm đủ điều kiện để HACCP đạt hiệu quả tốt nhất. Bên cạnh đó, đề tài cũng đề xuất một số phương án để cải thiện chất lượng sản phẩm tại nhà máy góp phần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có của đơn vị sản xuất: công nghệ, thiết bị, con người,...nhằm giảm chi phí và đạt được hiệu quả sử dụng thiết bị cao nhất, kiểm soát một hệ thống sản xuất ổn định và môi trường làm việc tốt nhất.
------	---------	--	-------------------	---------------------	---------	---

4973	Đại học	Tối thiểu chi phí thiết kế dây chuyền sản xuất khi nhu cầu biến động (Công ty May Nhật Thành)	Võ, Hồng Nhi	Nguyễn, Trường Thi	2018-05	Ngành may mặc là một trong những ngành cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho đời sống con người. Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn mà các công ty may gặp phải vẫn là khả năng cạnh tranh trong môi trường năng động. Chính vì vậy, việc tìm giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các Công ty may là rất cần thiết trong những năm sắp tới. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá tính hiệu quả hoạt động của dây chuyền. Tiếp theo, xây dựng mô hình tìm ra lượng sản xuất tối ưu khi nhu cầu sản phẩm biến động với tổng chi phí là thấp nhất. Sau đó tái cân bằng chuyền theo kết quả từ mô hình. Để đạt được các mục tiêu trên, sử dụng phần mềm CPLEX để giải mô hình. Dây chuyền sản xuất mới sẽ được cân bằng theo phương pháp RPW. Đồng thời kết hợp phần mềm mô phỏng để kiểm chứng tính hiệu quả của dây chuyền mới, hạn chế sai sót và lỗi khi áp dụng vào thực tế. Hơn nữa, để đảm bảo tính khách quan, thông qua mô phỏng biết được hiệu suất của dây chuyền mới. Kết quả cho thấy đã xác định được sản lượng sản xuất tối ưu.
4974	Đại học	Áp dụng mô hình tuyến tính đa mục tiêu để tối ưu hóa chuỗi cung ứng mặt hàng sữa bột cho công ty TNHH Vinamilk	Lê, Minh Triết	Nguyễn, Thăng Lợi	2018-05	Đề tài “Áp dụng mô hình tuyến tính đa mục tiêu để tối ưu hóa chuỗi cung ứng mặt hàng sữa bột cho công ty TNHH Vinamilk” được thực hiện nhằm mục tiêu tìm ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng của công ty Vinamilk, cụ thể là chuỗi cung ứng mặt hàng sữa bột Vinamilk cho các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Tôi đã xây dựng một mô hình tuyến tính đa mục tiêu dựa trên hiện trạng chuỗi cung ứng sữa bột của công ty TNHH Vinamilk ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình đa mục tiêu này hướng đến xác định dòng nguyên liệu – sản phẩm tối ưu trong chuỗi cung ứng, đồng thời giúp lựa chọn các nhà cung cấp tiềm năng, xác định vị trí nên lập kho mới. Ngoài ra, hàm mục tiêu còn hướng đến tối thiểu các chi phí sản xuất, chi phí lưu trữ. Mô hình trên được giải quyết bằng phần mềm CPLEX. Bên cạnh việc giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng, CPLEX còn được dùng để xem xét độ nhạy của tham số mức lưu kho chiến lược, hỗ trợ các nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định tồn kho. Sau khi giải quyết mô hình bằng phần mềm CPLEX, cho thấy mô hình đã xác định được các nhà cung cấp cần hợp tác, các kho cần xây dựng thêm và xác định được dòng nguyên liệu – sản phẩm giữa các thành phần trong chuỗi.

4975	Đại học	Đánh giá và so sánh hiệu quả quản lý chất thải rắn tại ĐBSCL và TP Cần Thơ bằng phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis)	Lê, Thiên Nga	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2019-05	Một trong những thách thức đối với các nước phát triển đó là việc kiểm soát và xử lý các chất thải từ quá trình công nghiệp hóa và bùng nổ dân số. Mục tiêu tổng quát của đề tài này là so sánh hiệu quả hoạt động quản lý chất thải rắn tại các tỉnh ĐBSCL và thành phố Cần Thơ. Đề tài sử dụng phương pháp phân tích màng bao dữ liệu, mô hình Tobit và hồi quy đa biến để phân tích hiệu quả hoạt động của 13 tỉnh ĐBSCL trong giai đoạn từ năm 2015 – 2017. Kết quả chỉ ra rằng hiệu quả quản lý chất thải rắn của mỗi tỉnh tương đối thấp. Việc sử dụng tối đa nguồn lực vốn có của mỗi tỉnh trong công tác quản lý chất thải rắn vẫn chưa hiệu quả cao như kỳ vọng. Kết quả phân tích hồi quy Tobit và hồi quy đa biến cho thấy các nhân tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các tỉnh bao gồm dân số thành thị (nghìn người), chỉ số sản xuất công nghiệp (%) và tỷ suất nhập cư (%). Đối với thành phố Cần Thơ, hiệu quả quản lý thể hiện qua việc thu thập các số liệu từ công ty Cổ phần đô thị thành phố Cần Thơ. Do đây là cơ sở phụ trách quản lý chất thải rác hầu hết trên địa bàn thành phố, cho nên kết quả sẽ tương đối khách quan hơn. Hồi quy Tobit và hồi quy đa biến không được sử dụng trong mô hình DEA tại thành phố Cần Thơ, vì do số liệu khó thu thập và các yếu tố chủ yếu liên quan nhiều đến công ty. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc đề xuất giải pháp cụ thể cho chính quyền thành phố, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn để bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp tại khu vực ĐBSCL và thành phố Cần Thơ
------	---------	--	---------------	---------------------	---------	--

4976	Đại học	Ứng dụng mô phỏng cải tiến nguồn lực sản xuất cầu kiện kết cấu thép (Công ty TNHH Cơ khí Lâm Nhứt Đại Phát)	Đoàn, Văn Toàn	Nguyễn, Trường Thi	2018-05	Từ sau thời kỳ hội nhập nền kinh tế của nước ta phát triển vượt bậc, song song đó Công Nghiệp Hoá - Hiện Đại Hoá cũng được đẩy mạnh. Chính vì thế thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và rất nhiều công ty, nhà máy, xí nghiệp có vốn đầu tư ở nước ngoài được thành lập. Hoạch định thiết kế mặt bằng cho một cơ sở là rất quan trọng, việc làm này có tác động rất lớn đến chất lượng hoạt động hàng ngày và có tác động lâu dài đến hiệu quả sản xuất, ảnh hưởng đến chi phí và thời gian cung ứng sản phẩm và dịch vụ. Tái bố trí mặt bằng là vấn đề đặt ra là doanh nghiệp phải có phương pháp bố trí mặt bằng tối ưu và thuyết phục nhất để có thể ứng dụng vào thực tế thì việc kết hợp mô phỏng là phương pháp thiết thực nhất. Mô phỏng là một trong những phương pháp phân tích và cải tiến quy trình sản xuất nhằm đánh giá được hiệu năng của quy trình sản xuất đó. Từ đó, hoạt động sản xuất được cải thiện, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vẫn đáp ứng nhu cầu khách hàng và tăng doanh thu cho doanh nghiệp. Phân bổ nguồn lực trong xưởng sản xuất kết hợp với mô phỏng đã có các nghiên cứu khá rộng rãi cả trong và ngoài nước, đặc biệt là sản xuất cơ khí, kim loại như sắt, thép, nhôm dúc. Việc phân bổ nguồn lực một cách hợp lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp nhưng để phân bổ là một việc không đơn giản. Vì vậy việc xây dựng một mô hình mô phỏng được cho là rất cần thiết để mang tính thuyết phục cao khi áp dụng vào thực trạng. Nắm bắt được những vấn đề và sự cấp bách nêu trên, đề tài tái thiết kế và mô phỏng lại hoạt động của công ty TNHH Cơ Khí Lâm Nhứt Đại Phát bằng phần mềm Arena mong muốn có thể tái bố trí thành công mặt bằng hiện tại của xưởng sản xuất, để giúp phần nào nâng cao được dòng di chuyển nguyên vật liệu trở nên hiệu quả và dễ dàng hơn, từ đó giúp đánh giá và cải tiến hiệu quả hoạt động của xưởng.
------	---------	---	----------------	--------------------	---------	--

4977	Đại học	Xây dựng mô hình đa mục tiêu thiết kế mạng lưới vận tải xanh cho hệ thống phân phối gạo (Công ty lương thực Sông Hậu)	Hồ, Thị Thu Ái	Nguyễn, Trường Thi	2018-03	Hoạch định vận tải theo tiêu chí xanh (G-VRP) là một trong những phương pháp hữu hiệu giúp sắp xếp các hoạt động phân phối một cách hợp lý hơn. Không chỉ hướng đến mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn lực (phương tiện, con người) mà còn góp phần đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động môi trường từ khí thải của phương tiện. Thông qua việc tìm ra một lịch trình vận chuyển phù hợp về chi phí và lượng khí thải, hoạch định vận tải theo tiêu chí xanh góp phần giúp công ty có những chiến lược phù hợp trong định hướng tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững. Nhận thấy được những hiệu quả đó, đề tài “Xây dựng mô hình đa mục tiêu thiết kế mạng lưới vận tải xanh cho hệ thống phân phối gạo (Công ty Lương thực Sông Hậu, Cần Thơ)” đã được thực hiện. Bằng phương pháp – constraints kết hợp với phân tích biểu đồ Pareto, đề tài tiến hành đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu nhất từ mô hình đa mục tiêu ban đầu. Từ đó đưa ra sự bố trí những xe nào sẽ phục vụ cho những khách hàng nào. Sự bố trí này sẽ điều chỉnh các tuyến đường giao hàng của mỗi xe, góp phần cải thiện hiệu quả sử dụng xe và lao động trong công ty. Bên cạnh cải thiện hiệu quả hoạt động vận tải, yếu tố môi trường (lượng khí thải CO₂) cũng được xem xét giảm thiểu nhằm hạn chế ảnh hưởng từ hoạt động của các xe tải đến khu vực dân cư lân cận. Đề tài rất mong nhận được sự nhận xét và đóng góp ý kiến từ các Thầy, Cô để đề tài được hoàn thiện hơn.
4978	Đại học	Mô hình kết hợp ISM, Fuzzy Topsis và Fuzzy electre I trong lựa chọn nhà cung ứng	Nguyễn, Trọng Trí Đức	Trần, Thị Thắm	2018-03	Lựa chọn nhà cung ứng là một trong những công tác quan trọng góp phần vào sự thành công trong quản trị chuỗi cung ứng của một công ty, doanh nghiệp. Lựa chọn nhà cung ứng thích hợp sẽ mang lại nhiều lợi ích về kinh doanh, giúp doanh nghiệp giảm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng toàn diện nhu cầu khách hàng. Đề tài “Mô hình kết hợp ISM, Fuzzy TOPSIS và Fuzzy ELECTRE I trong lựa chọn nhà cung ứng” được thực hiện nhằm xây dựng một mô hình mang đến giải pháp lựa chọn nhà cung ứng cho các công ty, doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong vấn đề tìm kiếm một giải pháp lựa chọn thích hợp. Đề tài sử dụng một bộ gồm 23 tiêu chí để thực hiện các bước phân tích và đánh giá. Trước tiên, mô hình hoá cấu trúc (Interpretive Structural Modeling – ISM) được sử dụng để phân tích mối quan hệ giữa một tiêu chí với các tiêu chí khác, từ đó loại bỏ những tiêu chí kém quan trọng, giữ lại những tiêu chí thích hợp cho công tác đánh giá nhà cung ứng ở giai đoạn sau. Mặt khác, mô hình ISM được áp dụng cũng nhằm thể hiện một cách trực quan mối quan hệ giữa các tiêu chí thông qua sơ đồ cấu trúc, giúp hỗ trợ cho quá trình đánh giá trọng số tiêu chí. Tiếp theo, phương pháp Fuzzy TOPSIS được áp dụng để xếp hạng các nhà cung ứng thông qua khoảng cách của từng nhà cung ứng đến giải pháp lý tưởng tích cực và giải pháp lý tưởng tiêu cực. Cuối cùng, kết quả xếp hạng nhà cung ứng đã đạt được từ phương pháp Fuzzy TOPSIS sẽ được củng cố và kiểm tra bằng phương pháp Fuzzy ELECTRE I, nhằm so sánh kết quả xếp hạng giữa hai phương pháp với nhau, từ đó đề tài đưa ra một số kết luận và kiến nghị phù hợp.

4979	Đại học	Mô hình kết hợp Fuzzy AHP - Topsis và Mô hình Fuzzy AHP - Vikor trong đánh giá lợi thế cạnh tranh website bán hàng online	Đỗ, Thị Kiều Hoanh	Trần, Thị Thắm	2018-05	Thương mại điện tử đã và đang không ngừng phát triển và ngày càng phổ biến trên toàn thế giới. Riêng ở Việt Nam, số lượng Website bán hàng online xuất hiện ngày càng nhiều và chiếm được vị thế không nhỏ trong lòng người tiêu dùng. Để đánh giá khả năng cạnh tranh, mức độ hài lòng của khách hàng đối với các Website, đề tài “Mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS và Fuzzy AHP – VIKOR trong đánh giá lợi thế cạnh tranh của Website bán hàng online” được đề xuất thực hiện. Đề tài tiến hành đánh giá lợi thế cạnh tranh của bốn Website Lazada, Tiki, Shopee và Sendo dựa trên một bộ tiêu chí đánh giá (gồm 18 tiêu chí). Từ các tiêu chí đã đưa ra, đề tài áp dụng kết quả thu được từ bảng khảo sát đánh giá các tiêu chí của các đối tượng khách hàng và các tính toán của phương pháp Fuzzy AHP để xây dựng bộ trọng số các tiêu chí. Tiếp đến, đề tài sử dụng mô hình Fuzzy AHP – TOPSIS để đánh giá xếp hạng các Website, tìm ra Website có lợi thế nhất dựa trên nguyên tắc xếp hạng theo tính tương đồng với các giải pháp lý tưởng. Sau đó, đề tài tiếp tục sử dụng mô hình Fuzzy AHP – VIKOR để một lần nữa xếp hạng các Website dựa trên chỉ số xếp hạng VIKOR nhằm củng cố lại kết quả ban đầu. Sau khi thu được kết quả từ hai phương pháp, đề tài tiến hành so sánh kết quả và chọn ra Website có lợi thế cạnh tranh nhất so với các Website còn lại.
4980	Đại học	Xây dựng mô hình đa mục tiêu trong hoạch định sản xuất tổng hợp với các tham số mờ	Võ, Thị Kim Cúc	Nguyễn, Trường Thi	2019-05	Theo quan điểm kinh doanh truyền thống, chi phí là yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động và ưu thế cạnh tranh của doanh nghiệp (DN). Mục tiêu của nhà quản trị là tối thiểu chi phí thông qua quản lý các hoạt động sản xuất, vận tải, phân phối hàng hóa... Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng nhiệt độ Trái Đất đã đặt ra yêu cầu đối với các DN trong việc thực hiện trách nhiệm môi trường. Yếu tố môi trường cần được xem xét trong các quyết định nhằm giảm lượng khí nhà kính (GHGs) từ các hoạt động sản xuất và vận tải. Bên cạnh đó, các yếu tố về xã hội như an toàn lao động, cân bằng công việc của người lao động cũng cần được xem xét. Việc thỏa mãn các yêu cầu trên giúp DN đạt được mục tiêu sản xuất bền vững (SM). Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này là đưa ra một kế hoạch sản xuất giúp DN tối thiểu đồng thời tổng chi phí, lượng CO2 phát thải và số lượng công nhân sa thải, nhưng vẫn thỏa mãn các ràng buộc về khả năng và nguồn lực sẵn có của nhà máy. Một mô hình APP đa mục tiêu với các tham số mờ được đề xuất và giải bằng phương pháp quy hoạch mục tiêu mờ (FGP). Kết quả mô hình với tổng chi phí được xác định là 2,444,466,441 (VNĐ), lượng CO2 phát thải là 70,197.13 (kg) và 6 (công nhân) sa thải trong 6 tháng. Kết quả đạt được từ các hàm mục tiêu cho phép người ra quyết định đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế, môi trường và xã hội lên kết quả hoạch định. Từ đó, lựa chọn giải pháp phù hợp với mong muốn của DN và yêu cầu của xã hội.

4981	Đại học	Tối ưu hóa hoạt động chuỗi cung ứng thủy sản sử dụng hợp đồng mua lại khi nhu cầu tiêu thụ là bất định và phụ thuộc vào giá	Trương, Quỳnh Hoa	Nguyễn, Thắng Lợi	2018-05	Đề tài “Tối ưu hóa hoạt động chuỗi cung ứng thủy sản sử dụng hợp đồng mua lại khi nhu cầu tiêu thụ là bất định và phụ thuộc vào giá” được thực hiện với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận chuỗi cung ứng thủy sản hoạt động dưới điều kiện của hợp đồng mua lại. Ba mô hình hoạt động chuỗi cung ứng thủy sản bao gồm chuỗi chuỗi tập trung, chuỗi phân cấp thông thường và chuỗi phân cấp sử dụng hợp đồng mua lại được xây dựng và phân tích giá trị lợi nhuận kỳ vọng. Trên cơ sở đó, áp dụng các nguyên lý toán học về giải tích, phân phối xác suất liên tục, cùng với các lý thuyết chuỗi cung ứng vào mô hình toán nhằm tìm ra lời giải tối ưu cho các quyết định đặt hàng, tồn kho và xây dựng khung giá phù hợp. Dựa trên số liệu thu thập từ thị trường tiêu thụ tôm tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau và Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, các số liệu tính toán được đã chứng minh kết luận của mô hình là đúng đắn. Việc phối hợp các chuỗi cung ứng tập trung và phân cấp tích hợp với hợp đồng mua lại đem hiệu quả tối đa hơn một chuỗi cung ứng phân cấp thông thường. Ngoài ra, các tác động giữa các giá trị tham số và giá trị tối ưu cũng được phân tích để làm rõ hơn tính chất và vai trò của chúng trong mô hình.
4982	Đại học	Nghiên cứu định hình cấu trúc mạng lưới chuỗi cung ứng thu gom tái chế Cartridge máy in cũ cho các cơ quan và trường học tại địa bàn thành phố Cần Thơ và các quận huyện lân cận	Phạm, Hoàng Tân	Nguyễn, Thắng Lợi	2018-05	Ngày nay, các yêu cầu khắc khe hơn về môi trường bắt buộc các doanh nghiệp phải có trách nhiệm nhiều hơn đến sản phẩm bao gồm các sản phẩm được trả lại cũng như các sản phẩm không còn hữu dụng. Việc xử lý hiệu quả nhóm sản phẩm này có thể tiết kiệm một lượng lớn tiền mặt vì nhiều tài liệu có thể được trích xuất, tái sử dụng và phân phối lại. Logistics ngược (Reverse Logistics) và Chuỗi cung ứng vòng kín (Closed-loop supply chain) đã thu hút nhiều sự quan tâm hơn như một cách để quản lý dòng sản phẩm ngược lại này một cách hiệu quả về chi phí. Trong bài báo này, chúng tôi nghiên cứu xây dựng mô hình toán về vấn đề tối ưu hoá cấu hình mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín. Để giải quyết vấn đề đặt ra, một mô hình tuyến tính nguyên kết hợp (Mixed-Integer Linear Programming - MILP) được đề xuất. Một nghiên cứu cụ thể về các sản phẩm hộp mực sử dụng trong máy in hoặc máy photocopy cho các cơ quan và trường thành phố Cần Thơ và các huyện lân cận được tiến hành để kiểm tra tính linh hoạt và hiệu quả của các mô hình vào các tình huống thực tế. Kết quả hiển thị một cấu hình chuỗi cung ứng bao gồm các nhà cung ứng, nhà sản xuất ngoài, nhà máy và các trung tâm như: trung tâm phân phối, trung tâm tái chế và trung tâm thu gom. Từ kết quả nghiên cứu, một hình mẫu cơ bản sẽ được định hình cho chuỗi cung ứng khép kín. Hình mẫu này có thể dễ dàng được điều chỉnh về quy mô cho phù hợp với các loại sản phẩm khác nhau. Cuối cùng, một phần mềm ứng dụng được xây dựng để hiển thị các kết quả của mô hình theo định hướng được đề xuất ban đầu.

4983	Đại học	Mô hình kết hợp ISM-Fuzzy ANP-Fuzzy-VIKOR đánh giá lợi thế cạnh tranh ngành dịch vụ thức ăn nhanh	Triệu, Quỳnh Tiên	Trần, Thị Thắm	2019-09	Thị trường thức ăn nhanh đang trở thành ngành có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong các ngành hàng tiêu dùng thực phẩm. Riêng ở Việt Nam, lĩnh vực nhà hàng thức ăn nhanh (Fast Food Restaurant) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành (hơn 43%), bao gồm hơn 40 thương hiệu nhà hàng thức ăn nhanh, gà rán, đồ uống,... Để đánh giá lợi thế cạnh tranh, mức độ hài lòng của khách hàng đối với các thương hiệu thức ăn nhanh, đề tài “Mô hình kết hợp ISM – Fuzzy ANP – Fuzzy VIKOR trong đánh giá dịch vụ thức ăn nhanh” được đề xuất thực hiện. Đề tài tiến hành đánh giá lợi thế cạnh tranh của ba thương hiệu như: KFC, Lotteria, Jollibie dựa trên một bộ tiêu chí đánh giá (gồm 3 tiêu chí chính và 10 tiêu chí phụ). Từ các tiêu chí đã đưa ra, đề tài áp dụng mô hình ISM để xét đến sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các tiêu chí. Sau khi xác định được mối quan hệ giữa các tiêu chí, phương pháp Fuzzy ANP được sử dụng để tính toán, xây dựng bộ trọng số các tiêu chí. Cuối cùng mô hình Fuzzy VIKOR được sử dụng để xếp hạng các thương hiệu thức ăn nhanh dựa trên chỉ số xếp hạng VIKOR nhằm chọn ra thương hiệu có lợi thế cạnh tranh cao nhất.
4984	Đại học	Ứng dụng Visual Basic để Dự báo và Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu (Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Rico Hậu Giang)	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Trường Thi	2019-09	Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp người sử dụng quản lý và thực hiện các thao tác tính toán trong công việc dễ dàng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra đúng kế hoạch. Trong nền kinh tế thị trường, công tác dự báo cho phép các nhà hoạch định chính sách có những quyết định về đầu tư, sản xuất... Dự báo không chỉ tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định, xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch tổng thể mà còn cho phép xem xét khả năng thực hiện kế hoạch và hiệu chỉnh kế hoạch. Vì vậy, đề tài đề xuất ứng dụng ngôn ngữ Visual Basic để dự báo và hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu với mục tiêu tối thiểu các sai lệch trong dự báo sản phẩm và hoạch định nhu cầu NVL. Các phương pháp dự báo được đề xuất sử dụng ba gồm bình quân di động, bình quân di động có trọng số, san bằng số mũ đơn, và bình quân di động kép. Để tìm ra phương pháp có độ chênh lệch thấp nhất giữa số liệu dự báo và thực tế, thì độ lệch tuyệt đối trung bình (MAD) hoặc sai số phần trăm tuyệt đối trung bình (MAPE) sẽ là tiêu chí đánh giá được lựa chọn sử dụng. Từ kết quả tính toán, tiến hành xây dựng phần mềm bằng ngôn ngữ Visual Basic để kiểm chứng kết quả dự báo và hoạch định nhu cầu NVL. Trong đó, đề tài xem xét tích hợp phần mềm Lingo để tính toán tìm ra Alpha, Beta và Gamma tối ưu nhất. Đề tài áp dụng cho Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Rico Hậu Giang. Kết quả đề tài cho thấy việc sử dụng phần mềm có thể giúp công ty có thể dễ dàng kiểm soát dòng NVL, tối thiểu chi phí lưu trữ, đáp ứng khách hàng nhanh chóng mang lại doanh thu.

4985	Đại học	Bước đầu nghiên cứu tái định hình mạng lưới chuỗi cung ứng tôm (CTCP tập đoàn thủy sản Minh Phú)	Nguyễn, Phú Vinh	Nguyễn, Thắng Lợi	2018-09	Đề tài “Bước đầu định dạng mạng lưới phân phối tôm tại Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú” nhằm mục đích xác định vị trí tối ưu để bố trí các trung tâm phân phối mới dựa trên tình hình phân phối hiện tại của công ty. Mô hình toán được đề xuất gắn với định hướng mở rộng của công ty bao gồm xác định lưu lượng vận chuyển và khả năng tồn trữ kho cũng giúp cho đề tài gắn gũi với thực tế hơn. Các số liệu cần thiết về thực trạng phân phối hàng hóa được thu thập và phân tích để có cái nhìn tổng quan nhất. Kết quả của quá trình phân tích là đề xuất hai vị trí mở trung tâm phân phối, đề tài có thể được mở rộng với việc xem xét sự xuất hiện của nhiều loại chi phí khác.
4986	Đại học	Xây dựng mô hình toán để tối ưu hóa mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín cho các sản phẩm điện tử (Địa bàn thành phố Cần Thơ)	Đoàn, Hoàng Tuấn	Nguyễn, Thắng Lợi	2018-09	Đề tài “Xây dựng mô hình tối ưu hóa mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín cho các sản phẩm điện tử địa bàn Thành phố Cần Thơ” đề xuất một mô hình toán tối ưu hoá trong hoạt động chuỗi cung ứng. Nguyên lý của bài toán quy hoạch tuyến tính được sử dụng xuyên suốt trong quá trình thiết lập mô hình. Mô hình sau đó sẽ được kiểm tra tính xác thực thông qua việc xử lý số liệu được thu thập từ thực tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Công cụ hỗ trợ để xử lý số liệu được trình bày trong đề tài là phần mềm Ilog Cplex kết hợp với Microsoft Excel. Kết quả mang đến cho các nhà sản xuất trong lĩnh vực điện tử một cái nhìn tổng quát về mô hình chuỗi cung ứng khép kín cho các sản phẩm điện tử và điện tử với hiệu quả tối ưu, có thể tận dụng tối đa được nguồn nguyên vật liệu sản xuất, đảm bảo chi phí hoạt động sản xuất là thấp nhất, đáp ứng được nhu cầu khách hàng và tối thiểu được lượng rác thải điện tử ra môi trường
4987	Đại học	Phối hợp chuỗi cung ứng ba cấp xem xét yếu tố chất lượng và chiến lược RFM (công ty Dược Hậu Giang)	Nguyễn, Thanh Phong	Nguyễn, Thắng Lợi	2018-09	Quản lý rủi ro là một nhiệm vụ quan trọng trong chuỗi cung ứng nhằm duy trì quá trình hoạt động của các mắt xích trong chuỗi một cách liên tục. Nhận diện rủi ro và xây dựng giải pháp quản lý rủi ro là một trong những công việc hết sức cần thiết trong quản lý chuỗi cung ứng. Ngày nay cùng với sự tham gia của nhiều thành phần thì chuỗi cung ứng ngày càng được mở rộng và phức tạp hơn, chính vì vậy việc quản lý rủi ro trong chuỗi ngày càng khó khăn. Quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả sẽ mang lại nhiều lợi ích cho mỗi thành phần trong chuỗi và định hướng phát triển bền vững. Nhận thức được vấn đề trên, đề tài “Phối hợp chuỗi cung ứng ba cấp xem xét yếu tố chất lượng và chiến lược RFM”.được thực hiện nhằm xây dựng một phương pháp chung để quản lý rủi ro cho cho các thành phần trong chuỗi. Trước tiên, đề tài sử dụng (RFM) kết hợp với khảo sát thực tế tại Cần Thơ để xem xét và có cái nhìn tổng quát về các hoạt động trong chuỗi cung ứng. Tiếp đến, đề tài sử dụng mô hình MS NASH để xác định các hoạt động cụ thể trong chuỗi cung ứng từ đó nhận diện các rủi ro có thể xảy ra từ các hoạt động. Bên cạnh đó, đề tài kết hợp với mô hình MR NASH để xác định mối quan hệ giữa rủi ro với nguyên nhân gây ra rủi ro xác định mối quan hệ giữa các rủi ro với nhau.

4988	Đại học	Ứng dụng mô hình kết hợp triển khai chức năng chất lượng AHP-QFD để phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng hệ thống e-learning tại Trường đại học Cần Thơ	Đặng, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2018-05	E-learning ngày nay là một trong những hệ thống không thể thiếu ở các trường đại học, bởi hiệu quả của nó mang lại cho công tác giảng dạy là vô cùng to lớn. Không chỉ giúp cho giảng viên dễ dàng truyền đạt bài giảng, thông báo của mình đến sinh viên kịp thời, nhanh chóng. Mà còn, giúp cho sinh viên tiếp cận bài giảng dễ dàng hơn, chủ động và tích cực hơn thông qua học tập nhóm, cá nhân hay tham gia những trò chơi củng cố kiến thức tại hệ thống. Tuy nhiên, công nghệ kỹ thuật phát triển không ngừng. Từ đó, nhu cầu của sinh viên cũng ngày một tăng. Trước tình hình này, cần phải nắm bắt được nhu khách hàng để có thể nâng cao chất lượng dịch vụ hệ thống e-learning cho phù hợp. Đề tài nghiên cứu “Ứng dụng mô hình kết hợp triển khai chức năng chất lượng AHP-QFD để phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng hệ thống e-learning tại Trường Đại học Cần Thơ” với mục tiêu phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng hệ thống e-learning của Trường Đại học Cần Thơ. Phương pháp được sử dụng để hoàn thành mục tiêu này bao gồm SERVQUAL, AHP và QFD. Trong đó SERVQUAL dùng để đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về các dịch vụ của hệ thống e-learning từ đó phát hiện ra các nhu cầu chưa được đáp ứng. AHP để tìm ra trọng số của các nhu cầu khách hàng, đánh giá được nhu cầu nào giữ trọng số cao hay nhu cầu nào được khách hàng mong muốn đáp ứng nhiều nhất. QFD để đưa ra chỉ số xếp hạng của các đặc tính chất lượng dựa vào ma trận quan hệ của đặc tính chất lượng và nhu cầu khách hàng. Kết quả cho ta thấy được các đặc tính chất lượng như công cụ hỗ trợ, tính linh hoạt hệ thống, tích hợp hệ thống với email là 3 đặc tính giữ vị trí hàng đầu trong việc đáp ứng nhu cầu khách hàng. Vì vậy, nếu muốn đáp ứng nhu cầu khách hàng thì cần ưu tiên phát triển các đặc tính chất lượng này.
------	---------	---	----------------------	---------------------	---------	--

4989	Đại học	Hiện trạng-giải pháp-đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thiết bị toàn bộ(Overall Equipment Effectiveness - OEE) – Công ty TNHH Bao bì nhựa Thành Phú	Mã, Mỹ Linh Trần, Hồng Uyên	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2018-05	Hiệu quả thiết bị toàn bộ (Overall Equipment Effectiveness – OEE) là một công cụ đánh giá quan trọng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt là sản xuất với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại với qui mô lớn. Nó phụ thuộc vào ba yếu tố đó là: Chỉ số khả năng sẵn sàng (A), Hiệu suất hoạt động của máy móc (PE) và Tỉ lệ chất lượng (Qr). Việc nâng cao hiệu quả thiết bị toàn bộ - OEE góp phần tăng hiệu suất hoạt động của máy móc và công nhân, tăng sản lượng bằng cách tìm, khắc phục những điểm ùn tắc trên dây chuyền, gia tăng sản phẩm đầu ra, giảm phế phẩm, giảm chi phí sản xuất cho mỗi công đoạn và qua đó giúp chỉ ra các vùng cơ hội để cải tiến. Nhận thấy những lợi ích mà OEE mang lại, đề tài “Hiện trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thiết bị toàn bộ - Công ty TNHH Bao Bì Nhựa Thành Phú” được tiến hành thực hiện dựa trên việc khảo sát thực tế dây chuyền sản xuất không liên tục để thu thập thông tin và số liệu, từ đó tính toán và xác định được tần suất hư hỏng; Khả năng sẵn sàng; Hiệu suất hoạt động của máy; Tỷ lệ chất lượng và Hiệu quả thiết bị toàn bộ - OEE. Tiếp theo, tìm hiểu hiện trạng bảo trì cũng như kế hoạch bảo trì, tình hình hư hỏng và nguyên nhân gây ra 6 tổn thất lớn trong sản xuất đưa ra những nhận xét dựa trên sơ đồ Mạng nhện (Radar Chart) để chỉ ra mức độ ảnh hưởng của 6 tổn thất đối với từng phân xưởng trong nhà máy cùng với sự kết hợp của mô hình Ngôi nhà rủi ro (House of Risk - HOR) để tìm ra giải pháp tối ưu nhằm giảm thiểu 6 tổn thất lớn trong sản xuất góp phần nâng cao OEE cho các phân xưởng (xưởng thổi, xưởng in, xưởng ghép) chưa đạt tiêu chuẩn thế giới (OEE = 85%). Bên cạnh đó, đề tài cũng đề xuất một số phương án để cải thiện công tác bảo trì tại nh máy góp phần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có của đơn vị sản xuất: công nghệ, thiết bị, con người,...nhằm giảm chi phí và đạt được hiệu quả sử dụng thiết bị cao nhất, kiểm soát một hệ thống sản xuất ổn định và môi trường làm việc tốt nhất.
------	---------	--	------------------------------	---------------------	---------	--

4990	Đại học	Phân tích, đánh giá và kiểm soát rủi ro chuỗi cung ứng lúa gạo dựa trên phương pháp phân tích thứ bậc Fuzzy AHP (Công ty Lương Thực Sông Hậu)	Lê, Thị Huỳnh Như Nguyễn, Thị Quyên	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2018-05	Đề tài tập trung phân tích rủi ro chuỗi cung ứng lúa gạo của Công ty Lương Thực Sông Hậu. Vấn đề nghiên cứu của tác giả bao gồm 2 thành phần của chuỗi cung ứng là doanh nghiệp lúa gạo và nông dân cung cấp lúa cho doanh nghiệp. Nghiên cứu này tiến hành liệt kê các rủi ro theo từng khu vực cụ thể cho cả doanh nghiệp và hộ nông dân. Sau quá trình phân tích và nghiên cứu, tác giả đã tổng hợp được 50 rủi ro mà doanh nghiệp có thể gặp và được phân loại thành 10 khu vực rủi ro; đối với nông dân, số lượng rủi ro và là 35 và số khu vực rủi ro là 6. Phương pháp áp dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phân tích thứ bậc mờ (Fuzzy AHP) và kết quả tính toán được tính bằng phần mềm Expert Choice. Đầu tiên là các khu vực rủi ro được so sánh cặp với nhau, kết quả khu vực sản xuất (RA4) ảnh hưởng nhiều nhất cho cả doanh nghiệp với trọng số 0,233 và nông dân với trọng số 0,322. Tiếp theo các rủi ro trong từng khu vực cũng được so sánh cặp với nhau. Đề tài cũng đề xuất được 4 phương án xử lý rủi ro cho tất các khu vực rủi ro gồm: né tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro, hạn chế rủi ro, chuyển giao rủi ro và kết quả cho được phương án 3 là phương án hạn chế rủi ro được đánh giá là phù hợp cho cả doanh nghiệp và nông dân. Bên cạnh đề tài cũng đề xuất các phương án cụ thể để giải quyết rủi ro cho khu vực sản xuất, đối với doanh nghiệp thì có 6 phương án cụ thể, và nông dân là 5 phươn án. Phương pháp Fuzzy AHP được kết hợp với phương pháp ngôi nhà rủi ro (House of Risk) được sử dụng đánh giá mức độ hiệu quả (ETDk) cũng như khả năng thực hiện các phương án giải quyết rủi ro và chọn ra phương án với hệ số ETDk cao nhất, đối với doanh nghiệp cao nhất là phương án thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo tiến độ công việc để ban quản trị, nắm được những rủi ro doanh nghiệp đang gặp phải (PA1), nông dân là phương án ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất lúa (PA2).
------	---------	---	--------------------------------------	---------------------	---------	--

4991	Đại học	Phân tích và đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng tôm dựa trên Mô hình cấu trúc diễn dịch (Interpretive Structural Modeling) và Quá trình phân tích mạng (Analytic Network Process)	Lê, Anh Tuấn	Nguyễn, Thị Lệ Thủy	2018-05	Đề tài “Ứng dụng mô hình cấu trúc diễn dịch (Interpretive Structural Modeling) và Quá trình phân tích mạng (Analytical Network Process) để phân tích và đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng tôm” được thực hiện nhằm hai mục đích chính. Thứ nhất, đây là nghiên cứu được thực hiện để bổ sung vào kho tài liệu về Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng, đặc biệt về lĩnh vực chế biến xuất khẩu tôm còn hạn chế. Thứ hai, do nhu cầu phát triển mạnh mẽ của chuỗi cung ứng tôm ở Đồng bằng Sông Cửu Long, nhu cầu phát triển càng lớn thì rủi ro trong chuỗi cung ứng càng nhiều. Do đó, cần có một phương pháp để đánh giá và hỗ trợ ra quyết định giảm nhẹ rủi ro. Về nội dung, đề tài được chia là hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, đề tài tập trung vào việc xác định rủi ro và đánh giá mối quan hệ giữa các rủi ro bằng phương pháp mô hình cấu trúc diễn dịch (Interpretive Structural Modeling – ISM). Phương pháp này thực hiện khảo sát ý kiến chuyên gia từ Công ty X về mối quan hệ giữa các rủi ro. Sau khi các mối quan hệ này được thành lập, chúng sẽ được gán trọng số dựa trên mức độ quan trọng từ Quá trình so sánh cặp ở giai đoạn II. Trong giai đoạn II, quá trình phân tích mạng được thực hiện để xác định trọng số đó. Một bảng khảo sát về so sánh cặp giữa các rủi ro được tiếp tục gửi đi cho công ty X cho điểm. Kết quả này được đưa vào mô hình ngôi nhà rủi ro để xếp hạng các rủi ro. Bảng xếp hạng này giúp người ra quyết định ra quyết định chính xác hơn trong việc thực hiện chiến lược phòng chống và giảm nhẹ rủi ro trong chuỗi cung ứng tôm.
4992	Đại học	Ứng dụng Orders of magnitude Fuzzy Analytic Network Process trong phân tích, đánh giá và kiểm soát rủi ro ngành công nghiệp đóng tàu biển (Công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy Sài Gòn)	Nguyễn, Thị Đàm	Nguyễn, Thắng Lợi	2019-05	Đề tài tập trung khảo sát và phân tích hoạt động quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng sản phẩm tàu biển. Một phương pháp mới được áp dụng trong nghiên cứu là sự kết hợp của phương pháp phân tích mạng mờ với nhóm ưu tiên, với tên gọi là OM-FANP (Orders of magnitude Fuzzy Analytic Network Process) để xây dựng mô hình phân tích với các tiêu chí và các rủi ro tương ứng. Một nghiên cứu thực nghiệm được tiến hành với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Sài Gòn để xác thực mô hình với 8 tiêu chí và 31 rủi ro đã được xây dựng. Các so sánh cặp được thực hiện để xác định mức độ tương quan giữa các tiêu chí. Kết quả cho thấy mối tương quan cụ thể của các phương án so với các tiêu chí đã đề ra, đồng thời hình thành nên các phương án giải quyết có mức độ tương thích với các tiêu chí ở mức độ đạt yêu cầu đề ra. Cuối cùng, phương án 5 (PA5) có trọng số mục tiêu cao nhất nên được lựa chọn.

4993	Đại học	Áp dụng cách tiếp cận k – median cho bước đầu xây dựng mạng lưới các trường trung học phổ thông trong tương lai tại khu vực thành phố Cần Thơ	Võ, Thái Bình	Nguyễn, Thắng Lợi	2019-03	Đề tài “Áp dụng cách tiếp cận k – median cho bước đầu xây dựng mạng lưới các trường trung học phổ thông trong tương lai tại khu vực thành phố Cần Thơ” được thực hiện để xác định các vị trí trường trung học phổ thông trong địa bàn thành phố Cần Thơ trong tương lai 10 năm tới có đáp ứng kịp nhu cầu học tập một cách tốt nhất cho học sinh. Áp dụng phương pháp k – median để xem xét các vị trí trường học hiện tại bằng việc tìm ra vị trí tiềm năng dựa vào số lần di chuyển tại các địa điểm và tiến hành dự báo dân số theo mô hình hồi quy logarit kép để xác định các khu vực có mật độ dân số cao và thấp nhằm đưa ra trọng số tại mỗi khu vực. Từ đó áp dụng mô hình cải tiến k – median để xác định các vị trí trong tương lai cần xây dựng trường học mới. Số liệu thu thập tại 19 địa điểm trong địa bàn thành phố Cần Thơ và một vài vùng lân cận bao gồm khoảng cách di chuyển, dân số,... Qua quá trình xử lý số liệu, chọn ra được 6 vị trí để xây dựng trường học mới trong tương lai 10 năm tới.
4994	Đại học	Bước đầu nghiên cứu xây dựng mô hình toán để tối ưu hoá mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín cho sản phẩm máy giặt – Khu vực thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Văn Đệ	Nguyễn, Thắng Lợi	2019-03	Đề tài “Bước đầu nghiên cứu xây dựng mô hình toán để tối ưu hóa mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín cho sản phẩm máy giặt – Khu vực Thành Phố Cần Thơ” đề xuất một cấu trúc mô hình chuỗi cung ứng để hình thành mạng lưới chuỗi cung ứng khép kín tối ưu. Mô hình toán được xây dựng dựa trên các nguyên lý của mô hình quy hoạch tuyến tính. Số liệu sử dụng trong mô hình được thu thập từ nhiều nguồn tạp chí, những nghiên cứu và các chuyên gia phù hợp với thực tế trên địa bàn Cần Thơ giúp kiểm tra được tính xác thực của mô hình. Kết quả cho thấy một cấu trúc mô hình chuỗi cung ứng tối ưu tại các vị trí tiềm năng trong thành phố.
4995	Đại học	Xây dựng mô hình tối ưu hóa mạng lưới chuỗi cung ứng xem xét sự gián đoạn đối với các nhà cung cấp và trung tâm phân phối cho các sản phẩm hoa tươi địa bàn thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Ngọc Diễm	Nguyễn, Thắng Lợi	2019-03	Đề tài “Xây dựng mô hình tối ưu hóa mạng lưới chuỗi cung ứng xem xét sự gián đoạn đối với các nhà cung cấp và trung tâm phân phối cho các sản phẩm hoa tươi địa bàn thành phố Cần Thơ” đề xuất một mô hình toán tối ưu hoá trong hoạt động chuỗi cung ứng. Thông qua việc xử lý số liệu được thu thập từ thực tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ để kiểm tra tính xác thực của mô hình. Công cụ hỗ trợ để xử lý số liệu được trình bày trong đề tài là phần mềm Ilog Cplex kết hợp với Microsoft Excel. Kết quả giúp cho các nhà cung ứng trong lĩnh vực hoa tươi nhìn thấy được các chi phí phát sinh. Từ đó các nhà quản lý có thể đề ra các phương án khắc phục chi phí phạt cho mỗi đơn vị dựa trên kinh nghiệm và đánh giá cá nhân. Có thể xây dựng các chiến lược và kế hoạch hành động khác nhau để giảm thiểu hoặc đối phó với sự gián đoạn chuỗi cung ứng. Đồng thời xem xét lựa chọn được nhà cung cấp và trung tâm phân phối phù hợp để có thể tối thiểu chi phí, ngăn ngừa được các tác động tiêu cực lâu dài đến hiệu quả tài chính do sự gián đoạn chuỗi cung ứng gây ra.

4996	Đại học	Điều tra hiện trạng chuyển giao công nghệ ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	Huỳnh, Thị Ái Linh Đặng, Hoàng Khánh	Đoàn, Văn Hồng Thiện Lê, Thanh Phong	2019-05	Đề tài: “Khảo sát và phân tích thực trạng chuyển giao công nghệ ở Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện nhằm các mục đích chính. Thứ nhất, đây là nghiên cứu được thực hiện để làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về chuyển giao công nghệ, đặc biệt là về lĩnh vực chuyển giao công nghệ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Thứ hai, đánh giá thực trạng chuyển giao công nghệ của Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua. Cuối cùng, dựa trên những cơ sở phân tích trên, đề xuất ra những phương pháp nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ ở Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian sắp tới. Về nội dung, đề tài được chia làm năm giai đoạn. Bao gồm: Giai đoạn I: Xác định phạm vi và đối tượng khảo sát; Giai đoạn II: Thiết kế bảng câu hỏi (phiếu thu thập thông tin); Giai đoạn III: Tiến hành thu thập thông tin từ các đối tượng; Giai đoạn IV: Tổng hợp dữ kiện đã thu thập; Giai đoạn V: Phân tích dữ kiện và đưa ra kết quả Sau khi thông tin thu thập được tổng hợp, chúng sẽ được mã hóa thành các dữ liệu và được phân tích bằng phần mềm SPSS, thu được kết quả cho thấy mối tương quan giữa các yếu tố, mức độ quan trọng của các yếu tố khi tác động đến biến lệ thuộc. Từ đó, có thể xác định được các yếu tố then chốt để đưa ra định hướng nhằm tập trung cải thiện và phát triển các yếu tố đó.
4997	Đại học	Bước đầu nghiên cứu định hình hoạt động Cross – docking trong hoạt động kho vận – tại Công ty Cổ phần TIKI	Trương, Thị Thu Hà	Nguyễn, Thắng Lợi	2019-05	Đề tài “Bước đầu nghiên cứu định hình hoạt động Cross-docking trong hoạt động kho vận – tại công ty Cổ phần TIKI” đã đề xuất một mô hình tối ưu trong việc quản lý kho vận thông qua việc áp dụng phương thức tiếp cận Cross-docking cho các ngành bán lẻ, nói chung và công ty Cổ phần TIKI, nói riêng. Mục tiêu đề ra là nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và vận chuyển hàng hóa đến các đại lý và khách hàng lẻ. Nguyên lý của bài toán quy hoạch tuyến tính được sử dụng xuyên suốt trong quá trình thiết lập mô hình. Mô hình sau đó sẽ được kiểm tra tính xác thực thông qua việc xử lý số liệu được thu thập từ thực tế từ nhà kho số 3 của công ty Cổ phần TIKI. Công cụ hỗ trợ để xử lý số liệu được trình bày trong đề tài là phần mềm Ilog Cplex kết hợp với Microsoft Excel. Kết quả đạt được là không chỉ giúp công ty giảm được chi phí trong việc vận hành kho bãi cũng như là chi phí vận chuyển hàng hóa mà còn mang đến cho các nhà quản lý một cái nhìn tổng quan về phương thức Cross-docking, làm nền tảng cho các ngành bán lẻ có thể áp dụng thực tiễn vào công tác quản lý kho bãi trong tương lai tại Việt Nam.

4998	Đại học	Xác định các trở ngại của đất cho phát triển các loại cây trồng chính ở An Giang	Trần, Thị Kim Yến	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài: “Xác định các trở ngại của đất cho phát triển các loại cây trồng chính ở An Giang” được thực hiện dựa trên điều kiện tự nhiên cụ thể và hiện trạng sử dụng các loại cây trồng ở An Giang, đánh giá biến động các chỉ tiêu hóa học trong đất, trên cơ sở đó xác định các trở ngại của các chỉ tiêu hóa học trong đất và đề xuất giải pháp khắc phục cho việc canh tác hiệu quả hơn. Đề tài được thực hiện với các mục tiêu: xác định hiện trạng các loại cây trồng chính ở An Giang; xác định đặc tính các loại đất cho cây trồng chính ở An Giang; xác định những yếu tố gây trở ngại cho đất có ảnh hưởng đến sự phát triển của các loại cây trồng; đề xuất một số biện pháp cải thiện hiệu quả canh tác các cây trồng chính. Phương pháp điều tra, phỏng vấn nông hộ và thu thập mẫu đất để phân tích qua nghiên cứu đề tài đã thu được kết quả: có một số loại đất chính ở An Giang như Loại đất Umbri Endo Proto Thionic Gleysols (GLtionum); Loại đất Fluvi Mollic Gleysols (Glmofv); Loại đất Mollic Gleysols (Glmo), bên cạnh đó có một số loại đất khác như: Loại đất Haplic Arenosols (Arha); Loại đất Mollic Arenosols (Armo); Loại đất Eutri Gleyic Fluvisols (FLgleu); Loại đất Gleyic Endo Orthi Thionic Fluvisols (FLgltion); Loại đất Haplic Fluvisols (FLha); Loại đất Umbri Epi Proto Thionic Fluvisols (FLtitpum); Loại đất Umbri Endo Orthi Thionic Gleysols (Gltionum); Loại đất Eutri Mollic Gleysols (GLmoeu); Loại đất Endo Proto Thionic Histosols (HStitn); Loại đất Dystri Linthic Leptosols (LPlidy); Loại đất Molli Gleyic Plinthosols (PTglmo); Loại đất Hapli Albic Plinthosols [Ptha(ab)]; Loại đất Umbri Albic Plinthosols [PTum(ab)] và có 3 đặc tính đất trở ngại cho cây trồng là thiếu đạm, thiếu lân và K trao đổi, riêng đối với đất trồng bắp và cây ăn trái có thêm một trở ngại nữa về pH, tuy nhiên mức độ phèn trong đất khá thấp, có thể không gây trở ngại về năng suất cho cây. Đất ở An Giang khá giàu về chất hữu cơ, không có hiện tượng nhiễm mặn, tuy nhiên đa số các loại đất tại vùng khảo sát đều có hàm lượng N, P và K trong đất không cao. Một vài điểm khảo sát trồng đất bắp và cây ăn trái còn bị nhiễm phèn ở mức nhẹ đến trung bình, không gây ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng và năng suất cây trồng. Chính vì vậy việc xác định các trở ngại của đất đối với các loại cây trồng là hết sức cần thiết để hạn chế rủi ro cho nông dân. Đề xuất các biện pháp để cải thiện các đặc tính bất lợi và các loại cây trồng có triển vọng cho từng loại đất.
------	---------	--	-------------------	----------------	------	---

4999	Đại học	Thiết kế cảnh quan khu trung tâm thương mại Huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Linh Tuyền	Trần, Văn Hùng	2018	Trung tâm thương mại đã phát triển trên thế giới từ khá sớm từ những năm 30 của thế kỷ XX đặc biệt là ở các nước tư bản, do tốc độ phát triển kinh tế cao, công nghệ và kỹ thuật xây dựng có những bước đột phá. Do vậy việc bùng nổ xây dựng khu trung tâm thương mại đã xảy ra trên khắp thế giới, nhưng phải đến những năm sau này trung tâm thương mại mới phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Trung tâm thương mại không chỉ thỏa mãn nhu cầu vật chất, còn cả tâm hồn, tâm lý. Với xu thế hiện nay, việc xây dựng khu trung tâm thương mại là một trong những việc rất cần thiết cho con người ngày nay, dựa vào mục tiêu phát triển của xã hội để xây dựng khu trung tâm thương mại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với tổng diện tích là 17 728 m², nhằm tạo ra một không gian tổ hợp thương mại, nhà ở, văn phòng phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo ra một không gian tiện nghi kiến trúc cho người sử dụng, tạo ra một công trình sinh thái hòa hợp với môi trường thiên nhiên tiết kiệm năng lượng, tạo ra một không gian cộng đồng thân thiện góp phần tạo thêm vẻ mỹ quan cho huyện Thới Lai nói riêng và đô thị Cần Thơ nói chung. Vì vậy, đề tài: “Thiết kế cảnh quan khu trung tâm thương mại Huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu là xác định được thực trạng khu đất phục vụ cho thiết kế cảnh quan trung tâm thương mại, xây dựng ý tưởng và thiết kế bản vẽ tổng thể khu trung tâm thương mại đồng thời thiết kế phân khu chức năng thể hiện không gian toàn khu vực trung tâm thương mại. Đề tài sử dụng phần mềm Autocad, SketchUp xây dựng bản vẽ mặt bằng tổng thể khu trung tâm thương mại và sử dụng phần mềm SketchUp xây dựng các bản vẽ phối cảnh chi tiết của 6 khu chức năng là khu siêu thị, khu nhà phố liền kề, khu công viên, khu vui chơi cho trẻ em, bãi xe ngoài trời, khu ẩm thực ven sông bằng mô hình 3D. Kết quả của quá trình thiết kế cảnh quan khu trung tâm thương mại Huyện Thới Lai với tổng diện tích là 17 728 m² đã đánh giá được hiện trạng của khu quy hoạch trung tâm thương mại, xây dựng được bản vẽ tổng thể mặt bằng trung tâm thương mại đồng thời thiết kế bản vẽ phối cảnh của 6 khu chức năng là khu siêu thị, khu nhà phố liền kề, khu công viên, khu vui chơi cho trẻ em, bãi xe ngoài trời, khu ẩm thực ven sông.
------	---------	---	-------------------------	----------------	------	--

5000	Đại học	Phân tích tính bền vững các mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng tại TP Trà Vinh	Trà, Thanh Danh	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đề xuất các mô hình sử dụng đất có triển vọng canh tác ở địa bàn TP Trà Vinh trên cơ sở nghiên cứu tính bền vững của từng mô hình sử dụng đất. Đề tài được thực hiện thông qua phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, tổng hợp số liệu thu thập được, dùng phương pháp đánh giá tính bền vững và phương pháp đề xuất biện pháp thích nghi. Kết quả cho thấy, các mô hình sử dụng đất hiện tại ở địa bàn tỉnh đều không đảm bảo bền vững về 3 mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Riêng mô hình Hoa kiểng đáp ứng khá tốt về 3 mục tiêu nhưng vẫn ở mức trung bình không cao. Chiến lược quản lý khai thác tài nguyên đất đai của tỉnh về cơ bản khá bền vững và hợp lý, tương ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tình hình diễn biến của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, giữa chiến lược quản lý của các cấp chính quyền vẫn còn nhiều bất cập, khá xa rời tình hình thực tế của từng mô hình canh tác dẫn đến sự phát triển ngành nông nghiệp đô thị kém hiệu quả, bền vững. Dựa trên những hạn chế về các mặt của từng mô hình và chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh đề đưa ra từng nhóm giải pháp về kỹ thuật, về quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và hướng đến phát triển nền nông nghiệp bền vững. Nghiên cứu là cơ sở nền tảng để nâng cao hiệu quả canh tác các mô hình sử dụng đất triển vọng ở địa phương đáp ứng sự phát triển bền vững và điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới, ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu.
------	---------	--	-----------------	----------------	------	---

5001	Đại học	Đánh giá thực trạng một số khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Lương, Trúc Ngân	Võ, Quang Minh	2018	đề tài “Đánh giá thực trạng ở một số khu dân cư trên địa bàn thành phố động sản ở thành phố Cần Thơ, đặc biệt hơn là ở các khu dân cư. Trong những năm gần đây, tình trạng giá đất nền hay các nhà ở xây sẵn hầu hết đều có sự dao động, hơn hết các nhà đầu tư đều đổ vốn vào thị trường này. Đề đạt được mục tiêu đề ra, đề tài thực hiện với những mục tiêu cụ thể như: Thực trạng biến động thực trạng ở một số khu dân cư ở Thành phố Cần Thơ. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của các khu dân cư. Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn của các khu dân cư về giá ở thành phố Cần Thơ. Với những mục tiêu cụ thể đã đề ra, đề tài đã thực hiện những hoạt động cụ thể như: Điều tra (khảo sát) thị trường. Thu thập thông tin: Xác định nguồn cung cấp thông tin bằng cách lập phiếu điều tra. Phân tích thông tin về giá của các khu dân cư: Phân tích những thông tin từ khảo sát hiện trường tài sản; Phân tích những đặc trưng của các khu dân cư. Việc nghiên cứu, thực hiện mang lại kết quả như sau: Thực trạng sự biến động giá của các khu dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ: hầu hết sản phẩm nhà ở và đất nền ở các dự án lẫn sản phẩm nhỏ lẻ trong dân đều tăng giá ít nhất từ 25-30%; đánh giá được những thuận lợi của các khu dân cư: hầu hết đều có vị trí tương đối gần hoặc nằm ngay trung tâm thành phố, sức cầu cũng khá cao... Bên cạnh đó, những khó khăn của thị trường hiện nay: nguồn vốn bị hạn chế, quỹ đất hạn hẹp. Qua đó đã đề xuất được giải pháp tháo gỡ những khó khăn về nhà đất ở: cần tạo nguồn vốn lâu dài vững mạnh, Rà soát các dự án đã giao để xác định các dự án tạm dừng, dự án được tiếp tục triển khai, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu sản phẩm. Khuyến khích hạ giá bán để đáp ứng nhu cầu và khả năng thanh toán của người dân
5002	Đại học	Tích hợp ảnh viễn thám có độ phân giải thấp và cao xây dựng bản đồ hiện trạng thủy sản vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Quốc Xuyên	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Sóc Trăng, giá trị kinh tế mang lại từ thủy sản to lớn đối cao, vì vậy, cần quản lý tốt giúp để khai thác tối đa, hiệu quả mang lại từ thủy sản. Đề tài sử dụng , ảnh Sentinel-2A, ảnh Landsat 8 và nghiên cứu pho hợp pháp tích hợp ảnh Landsat có độ phân giải cao 15m và ảnh có độ phân giải thấp 30m thành ảnh đa phổ có độ phân giải 15m để xây dựng bản đồ hiện trạng thủy sản vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng và so sánh kết quả đạt được của ba ảnh. Nghiên cứu xác định được vùng phân bố đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 48.578,11ha trên ảnh LANDSAT 8 trước khi tích hợp ảnh, 49.029,67ha trên ảnh LANDSAT 8 sau khi tích hợp ảnh và 41.060,16ha trên ảnh SENTINEL-2A. Độ chính xác toàn cục của ảnh Sentinel-2A là 85,9% và hệ số kappa là 0,72, ảnh Landsat 8 trước khi tích hợp với độ chính xác toàn cục là 87,7%, hệ số Kappa là 0,76, ảnh Landsat 8 sau khi tích hợp ảnh độ chính xác 91,5%, hệ số Kappa 0,83. Kết quả cho thấy ảnh Landsat 8 sau khi tích hợp ảnh sử dụng để phân loại đất nuôi trồng thủy sản tốt hơn so với ảnh Landsat 8 trước khi tích hợp và ảnh Sentinel-2A.

5003	Đại học	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp TP Vị Thanh Tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Lê Hoàng Yến	Lê, Tấn Lợi	2018	Đề tài được hực hiện nhằm đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp từ đó góp phần xác định được các mô hình sử dụng đất hiệu quả trên địa bàn thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang Đề tài sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp để thu thập các số liệu từ UBND TP Vị Thanh và phương pháp phỏng vấn trực tiếp nông hộ để thu thập số liệu phỏng vấn trực tiếp 111 hộ nông dân với mục tiêu phân tích thực trạng vùng nghiên hiệu quả kinh tế và xác định những thuận lợi khó khăn làm cơ sở đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại TP Vị Thanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện trạng đất nông nghiệp ở TP Vị Thanh bao Theo kết quả thống kê đất đai năm 2016, diện tích đất nông nghiệp là 9158,09 ha, chiếm 77,05 % diện tích. Đất sản xuất nông nghiệp là 9140,91 ha chiếm 99,8% diện tích đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 17,18 ha chiếm 0,2% và hầu như không có đất lâm nghiệp. Chi phí sản xuất trung bình của Mía cao nhất đạt 80.938.538 đồng/ha. Chi phí trung bình của cả 3 vụ lúa thấp nhất 16.130.632 đồng/ha. Lợi nhuận trung bình cao nhất là mô hình cây ăn quả lên đến 89.069.908 đồng/ha, lợi nhuận trung bình thấp nhất là mía 10.610.462 đồng/ha.Vị Thanh có điều kiện tự nhiên thuận lợi ,vị trí địa lý lý tưởng cho việc trao đổi mua bán hàng hóa và một số khó khăn :giao thông chưa thuận tiện cho việc đi lại, thiếu tính đa dạng trong các ngành nghề, lực lượng lao động có trình độ chưa cao, thị trường tiêu thụ thiếu tính ổn định khiến đầu ra sản phẩm của nông dân không được đảm bảo, cuộc sống rất bấp bênh.
------	---------	--	----------------------	-------------	------	---

5004	Đại học	Đánh giá hiệu quả các mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng tại quận Cái Răng thành phố Cần Thơ	Võ, Nhật Trường	Phạm, Thanh Vũ	2018	Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội, nhất là nông nghiệp, tuy nhiên tiềm năng nơi đây vẫn chưa được khai thác một cách hiệu quả, nền nông nghiệp hiện tại còn lạc hậu và tập trung ở nông thôn, đất đai ở các đô thị chưa được tận dụng và khai thác một cách hiệu quả để phù hợp với tiến trình đô thị hóa. Vì vậy, đề tài được thực hiện nhằm đánh giá tính hiệu quả các mô hình sản xuất có triển vọng có khả năng áp dụng cho Quận Cái Răng để phát triển nền nông nghiệp đô thị. Qua đó làm cơ sở cho địa phương lập quy hoạch, kế hoạch chi tiết, cụ thể về phát triển nông nghiệp đô thị hợp lý và bền vững, tận dụng được hiệu quả kinh tế - xã hội – môi trường mà nông nghiệp đô thị mang lại. Đề tài bằng phương pháp thu thập số liệu, điều tra 309 nông hộ, thống kê số liệu bằng phần mềm excel, phân tích, đánh giá tính hiệu quả bằng phương pháp đánh giá tính bền vững và phương pháp đề xuất biện pháp thích nghi. Kết quả cho thấy, các mô hình sử dụng đất hiện tại ở địa bàn tỉnh đều không đảm bảo hiệu quả cho cả 3 mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Riêng các mô hình Kiêng, Cây ăn trái, Lan đáp ứng khá tốt về mục tiêu kinh tế- xã hội- môi trường nhưng vẫn ở mức khá không cao, kể đến là mô hình Nấm, Thủy sản và Chăn nuôi đạt hiệu quả không ổn định về Kinh tế và Môi trường. Mô hình Rau ăn lá và Rau củ đạt hiệu quả cao về Xã hội, Môi trường nhưng kém hiệu quả Kinh tế. Dựa trên những hạn chế về các mặt của từng mô hình và chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh để đưa ra từng nhóm giải pháp về kỹ thuật, về quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và hướng đến phát triển nền nông nghiệp bền vững. Nghiên cứu là cơ sở nền tảng để nâng cao hiệu quả canh tác các mô hình sử dụng đất triển vọng ở địa phương đáp ứng sự phát triển bền vững và điều chỉnh quy hoạch nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới, ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu.
5005	Đại học	Tìm hiểu giá đất trên địa bàn quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Tươi	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài “Tìm hiểu giá đất trên địa bàn quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu đánh giá giá đất tại quận Thốt Nốt – TP. Cần Thơ, tìm hiểu những tác động của giá đất đến đời sống người dân trên địa bàn quận và đề xuất một số biện pháp trong thời gian tới nhằm cải thiện công tác quản lý nhà nước về giá đất tại quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ. Đề tài đã sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp người dân tại địa phương và đạt được các kết quả sau: Thứ nhất, mức độ tăng giá của giá đất của các tuyến đường tại quận Thốt Nốt do Nhà nước quy định là không đáng kể, tăng khoảng 1,43 lần giai đoạn 2015 - 2019 so với năm 2012, nhưng giá thị trường liên tục biến động điều này gây ra sự chênh lệch giá đất thị trường với giá quy định. Mức độ chênh lệch từ 1,21 đến 3,5. Thứ hai, sự thay đổi giá đất hầu như không ảnh hưởng đến vấn đề giáo dục và khu vui chơi giải trí của người dân. Giá đất ảnh hưởng nhiều đến vấn đề thu nhập từ nhà đất và kinh tế gia đình của người dân. Người dân tại quận thường xuyên cập nhật tìm hiểu về giá đất. Ngoài ra, cần phát tờ rơi, xây dựng website và đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu về pháp luật đất đai

5006	Đại học	Định giá đất nông nghiệp tại quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phú Thịnh	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài “Định giá đất nông nghiệp tại quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục đích xác định giá đất nông nghiệp. Qua quan sát, ghi nhận thực tế cũng như sử dụng phiếu điều tra để phỏng vấn trực tiếp người dân đang sinh sống và sinh hoạt trên địa bàn quận Bình Thủy. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Giá đất do cơ quan Nhà nước định giá có giá đất khác nhau tại các khu vực và tuyến, đoạn đường trong toàn quận. Khu vực 1 bao gồm các phường An Thới, Bình Thủy, Bùi Hữu Nghĩa, Trà An và Trà Nóc có giá đất cao nhất là 225.000 đồng/m² và khu vực 2 bao gồm các phường Long Hòa, Long Tuyền và Thới An Đông có giá thấp nhất là 195.000 đồng/m². Điều này dẫn đến sự chênh lệch và không đồng nhất giá đất giữa những tuyến đường và khu vực trong toàn quận. Qua kết quả điều tra và phân tích số liệu về giá đất, nhận được kết quả như sau: giá đất nông nghiệp tại khu vực trung tâm là cao nhất: 5.010.000 đồng/m², tiếp theo là khu vực ven quận: 3.752.000 đồng/m², giá đất nông nghiệp thấp nhất tập trung tại một số khu vực vùng sâu, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp: 1.044.000/m². Đồng thời qua kết quả phỏng vấn tại quận Bình Thủy cho thấy hiện nay đa số người dân có xu hướng lựa chọn thửa đất dựa vào vị trí và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hoàn chỉnh, đáp ứng được nhu cầu, thuận lợi kinh doanh, việc làm ăn buôn bán và an ninh xã hội được đảm bảo và đời sống người dân được nâng cao.
5007	Đại học	Định giá đất ở Quận Bình Thủy - thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Văn Thiết	Lê, Tấn Lợi Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài “Định giá đất ở Quận Bình Thủy – Thành Phố Cần Thơ” được thực hiện với mục đích xác định và đánh giá hiện trạng sử dụng đất và giá đất ở Quận Bình Thủy, định giá một số thửa đất trên các tuyến đường đã lựa chọn và đề xuất giải pháp định giá đất sao cho thực tế và khách quan nhất. Qua quá trình điều tra nghiên cứu, phỏng vấn và so sánh trực tiếp các thửa đất có được kết quả: Kết quả điều tra có được diện tích đất nông nghiệp của quận còn nhiều 3.994,51 ha chiếm 56,5 % tổng diện tích, đất phi nông nghiệp là 3.073,72 ha chiếm 43,5 % và không còn đất chưa sử dụng. Công tác định giá 3 thửa đất trên 3 tuyến đường lựa chọn để định giá, thu được kết quả đường Võ Văn Kiệt là 35,07 triệu/m², đường Nguyễn Huệ là 36,2 triệu/m², trục chính KDC Bình Nhựt là 12,2 triệu/m². Thực tế việc sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp để định giá thì giá thị trường và giá đã định không thay đổi nhiều. Trong quá trình nghiên cứu cho thấy, để công tác định giá đất sát với thực tế nhất, nhà nước phải có các chính sách cụ thể để hoàn thiện hơn.

5008	Đại học	Đánh giá sự thay đổi hệ thống sông rạch thành phố Cần Thơ từ năm 1965 đến năm 2017	Nguyễn, Kiều Ly	Võ, Quốc Tuấn	2018	Đề tài “ Đánh giá sự thay đổi hệ thống sông rạch thành phố Cần Thơ từ năm 1965 đến năm 2017” được thực hiện nhằm ứng dụng công nghệ GIS để đánh giá sự thay đổi mạng lưới sông rạch của thành phố Cần Thơ từ năm 1965 đến năm 2017 dựa vào thuật toán Detect Feature Change trong ArcGis từ đó thành lập bản các bản đồ để làm cơ sở quản lý tổng quát, kịp thời về hiện trạng của hệ thống sông rạch thành phố Cần Thơ năm 2017. Đồng thời đưa ra các giải pháp và phương hướng tốt nhất để bảo vệ bền vững nguồn tài nguyên nước mặt trên sông, ngòi, kênh, gạch. Nghiên cứu này được thực hiện từ bản đồ địa hình L7014 của Mỹ năm 1965 chủ yếu số hóa để thành lập bản đồ hệ thống sông rạch của thành phố Cần Thơ năm 1965, kết hợp với bản đồ hiện trạng hệ thống sông được số hóa trên Google Earth năm 2017 từ đó thành lập bản đồ thay đổi từ năm 1965 đến năm 2017 của thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích hệ thống sông rạch TPCT năm 1965 đến năm 2017 giảm 2.708 ha. Trong đó Quận Ninh Kiều có tỷ lệ diện tích sông rạch giảm cao nhất là 63% so với diện tích sông rạch của Quận Ninh Kiều năm 1965. Năm 1965, TPCT có diện tích sông rạch 15.195 ha. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống sông rạch TPCT từ năm 1965 đến năm 2017 giảm 2.708 ha trong đó Quận Ninh Kiều có tỷ lệ giảm nhiều nhất so với diện tích Quận Ninh Kiều năm 1965 là 63%. Các huyện Vĩnh Thạnh, huyện Cờ Đỏ và huyện Thới Lai có diện tích sông rạch nhiều nhất của khu nghiên cứu. Diện tích hệ thống sông rạch TPCT năm 1965 là 15.195 ha và diện tích hệ thống sông rạch TPCT năm 2017 là 12.487 ha, Huyện Vĩnh Thạnh và huyện Cờ Đỏ có diện tích sông rạch lớn lần lượt là 2.195 ha, 2129 ha chiếm 14% so với diện tích sông rạch của TPCT. Trong năm 2017, diện tích sông rạch là 12.487 ha. Huyện Vĩnh Thạnh có diện tích sông rạch lớn nhất lần lượt là 1.762 ha chiếm 14%, so với diện tích sông rạch của TPCT. Nhìn chung, việc đánh giá thay đổi hệ thống sông rạch từ năm 1965 đến năm 2017 thông qua kết quả diện tích sông rạch bị thay đổi mang tính chính xác không cao vì có thể sai biệt với hiện trạng do nhiều nguyên nhân khác nhau.
------	---------	--	-----------------	---------------	------	--

5009	Đại học	Mô phỏng diện tích sạt lở bờ sông tại phường Thành Phước Thị Xã Bình Minh Tỉnh Vĩnh Long	Huỳnh, Trần Vĩnh An	Trương, Chí Quang	2018	Tình hình sạt lở bờ sông ở nước ta diễn ra ngày càng phức tạp với tần số ngày càng nhiều. Do đó trong đề tài “Mô phỏng diện tích sạt lở bờ sông tại phường Thành Phước thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm mô phỏng diện tích sạt lở bờ sông. Mô hình được xây dựng dựa trên phương pháp mô phỏng Cellular Automata bằng phần mềm GAMA 1.7 với dữ liệu đầu vào cho mô hình được xây dựng từ ảnh vệ tinh trên Google Earth của năm 2016, 2017 và dữ liệu lượng mưa của năm tương ứng. Khu vực nghiên cứu được chia thành các ô với kích thước 1x1 m ² trên mỗi ô hệ số sạt lở được tính bằng tổng hợp của hệ số vùng nguy cơ, hệ số gần bờ, hệ số ngưỡng lượng mưa và dữ liệu lịch sử vùng sạt lở. Mô hình được cân chỉnh sao cho diện tích mô phỏng sạt lở gần đúng nhất với diện tích sạt lở thực tế năm 2017 của khu vực nghiên cứu, trên cơ sở mô hình đã xây dựng, tiến hành mô phỏng nguy cơ sạt lở đến năm 2018 để dự đoán diện tích sạt lở trong tương lai trên cơ sở đó xem xét ảnh hưởng của sạt lở đến hiện trạng của khu vực.
5010	Đại học	Xác định các yếu tố tác động của giá trị của dịch vụ hệ sinh thái kinh tế nuôi trồng thủy sản các huyện vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng	Lê, Nguyên Hoàng	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Giá trị hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi trồng thủy sản là toàn bộ các giá trị lợi ích kinh tế nhận được từ việc sử dụng và khai thác mô hình đó. Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng khi ra quyết định việc có nên duy trì sự tồn tại, phát triển của mô hình nuôi trồng thủy sản. Các mô hình nuôi tôm thâm canh và quảng canh tại huyện ven biển tỉnh Sóc Trăng gồm: huyện Mỹ Xuyên, thị xã Vĩnh Châu, huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng là mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao. Việc xác định đánh giá, giá trị kinh tế dịch vụ hệ sinh thái của mô hình là cần thiết để thấy được toàn bộ giá trị của mô hình. Nghiên cứu sử dụng số liệu điều tra khảo sát thực tế, thu thập số liệu tính toán giá trị kinh tế dịch vụ hệ sinh thái của mô hình nuôi tôm thâm canh và quảng canh tại huyện Mỹ Xuyên, thị xã Vĩnh Châu, huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng. Bằng phương pháp phân tích nhân tố, đề tài xác định được 03 nhân tố định tính là hình thức nuôi, vị trí xã, lịch thời vụ và 02 nhân tố định lượng là chi phí mùa vụ, năng suất - giá bán tác động đến giá trị dịch vụ hệ sinh thái tới mô hình thâm canh và quảng canh. Kết quả tính toán giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái trên 2 mô hình : thâm canh và quảng canh. Giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái trung bình mô hình thâm canh là 662.935.075,7 đồng/ha/năm. Giá trị dịch vụ sinh thái cao nhất mô hình thâm canh là 5.437.841.469 đồng/ha/năm, thấp nhất là - 2.083.722.727 đồng/ha/năm. Giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái trung bình mô hình quảng canh là 185.365.266 đồng/ha/năm. Giá trị dịch vụ sinh thái cao nhất mô hình quảng canh là 1.611.054.895 đồng/ha/năm, thấp nhất là -1.229.900.434 đồng/ha/năm.

5011	Đại học	Đánh giá thực trạng ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao tại An Giang	Võ, Quốc Siêu	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng tình hình ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao của tỉnh An Giang, xác định thuận lợi và khó khăn cho việc phát triển nông nghiệp thông minh và công nghệ cao của tỉnh An Giang, đề xuất giải pháp và định hướng phát triển nông nghiệp thông minh và công nghệ cao tỉnh An Giang. Các phương pháp được thực hiện: phương pháp tham khảo tài liệu: sách; Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: báo cáo sản xuất nông nghiệp 2017 của Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang, báo cáo kiểm kê đất đai tỉnh An Giang 2014, các số liệu các mô hình; Phương pháp đánh giá: đánh giá thuận lợi và khó khăn của việc ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao tại An Giang, đề xuất giải pháp và định hướng phát triển; Phương pháp xử lý thông tin: thống kê và xử lý số liệu thứ cấp trên phần mềm Excel. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình áp dụng nông nghiệp công nghệ cao đang ngày càng được phát triển như mô hình cánh đồng mẫu lớn, 1 phải 5 giảm, cá tra giống 3 cấp, xoài 3 màu theo chuẩn VietGAP. Nông dân luôn nỗ lực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi .Xác định được những thuận lợi của các mô hình như: giảm chi phí đầu tư sản xuất, tăng năng suất, chất lượng. Một số khó khăn gặp phải như: thiếu kinh nghiệm trong việc ứng dụng công nghệ cao, thiếu chi phí đầu tư. Dựa trên những hạn chế về các mặt của từng mô hình và chiến lược phát triển nông nghiệp của tỉnh để đưa ra từng nhóm giải pháp về kỹ thuật canh tác, tổ chức sản xuất, nguồn nhân lực, vốn đầu tư. Bên cạnh đó đề xuất định hướng được định hướng phát triển như tiếp tục nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn, mở rộng diện tích nuôi cá tra giống 3 cấp lên 1000 ha trong năm 2021, tăng diện tích trồng Xoài 3 màu theo tiêu chuẩn VietGAP lên 813 ha trong năm 2020
------	---------	---	---------------	----------------	------	---

5012	Đại học	Ứng dụng viễn thám theo dõi tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh A Giang – Đồng Tháp giai đoạn 2010 - 2017	Huỳnh, Thị Dạ Lan	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Hằng năm, sạt lở bờ sông Tiền và sông Hậu gây thiệt hại về người và tài sản, làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội khu vực ven sông. Ngày nay, phương pháp viễn thám cung cấp thông tin về hiện trạng đường bờ và giúp nhận biết khu vực sạt lở nhanh chóng. Nghiên cứu thực hiện nhằm xây dựng bản đồ diễn biến đường bờ trên địa bàn hai tỉnh giai đoạn 2010 – 2017 và đánh giá tình hình sạt lở thông qua việc sử dụng ảnh vệ tinh landsat 5,7,8. Dữ liệu được sử dụng cho nghiên cứu là ảnh viễn thám LANDSAT từ năm 2010 đến 2017. Tiến hành sử dụng phương pháp tính chỉ số nước và trích rút đường bờ trên ảnh LANDSAT sau đó tiến hành số hóa và chồng lắp các đường bờ với nhau. Dựa trên sự thay đổi đường bờ xác định và đánh giá các khu vực sạt lở trên địa bàn tỉnh An Giang – Đồng Tháp giai đoạn 2010 – 2017. Kết quả cho thấy giai đoạn 2010 – 2017 đường bờ sông Tiền và sông Hậu có sự biến động, trước năm 2014 diện tích sạt lở giảm qua các năm tuy nhiên hai năm gần đây sạt lở có dấu hiệu tăng nhẹ. Những khu vực sạt lở điển hình như: khu vực xã Vĩnh Xương, Vĩnh Hòa thị xã Tân Châu, xã Long Điền A huyện Chợ Mới, xã Vĩnh Tường huyện An Phú, xã Bình Thủy huyện Châu Phú, xã Long Thuận, Phú Thuận huyện Hồng Ngự, xã Tân Quới huyện Thanh Bình, Cao Lãnh, Lấp Vò, Tam Nông,...một số nơi biến động mạnh như: huyện Chợ Mới, thị xã Tân Châu tỉnh An Giang, huyện Hồng Ngự, huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp.
5013	Đại học	Sử dụng ảnh viễn thám Sentinel theo dõi tác động của đô thị hóa đến tình hình ngập lụt ở quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Dương, Trung Hiếu	Võ, Quang Minh	2018	Quận Ninh Kiều là một trong những quận trung tâm của thành phố Cần Thơ, có mức độ phát triển kinh tế xã hội vượt bậc, tập trung dân số cao với nhiều dự án nhà ở, khu dân cư. Là trung tâm chính của thành phố Cần Thơ có tốc độ phát triển công trình đô thị cao dẫn đến tình trạng ngập lụt đang diễn ra ngày càng xấu đi. Nghiên cứu đánh giá những tác động của sự phát triển của đô thị đến tình hình ngập lụt tại đô thị quận Ninh Kiều nhằm đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển đô thị tốt hơn cho tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng qua các năm thì diện tích ngập lụt đô thị càng tăng, vì thế cần phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình hình ngập lụt và đưa ra giải pháp khắc phục tình trạng này.

5014	Đại học	Mối quan hệ giữa các đặc tính phân loại đất với đặc tính độ phì đất FCC Tỉnh Vĩnh Long	Danh, Thị Cẩm Duyên	Võ, Quang Minh	2018	Ngày nay, việc thâm canh tăng vụ lúa có khả năng làm cho đất bị bạc màu, suy thoái. Vì vậy, việc xác định mối quan hệ giữa các đặc tính phân loại đất với đặc tính độ phì FCC cần được thực hiện, nhằm mục đích: xác định được mối quan hệ giữa các đặc tính phân loại đất với đặc tính độ phì FCC; qua đó, xác định trở ngại và đề xuất các khuyến cáo sử dụng, cải thiện độ phì đất cho canh tác. Tỉnh Vĩnh Long có 4 nhóm đất chính (phân loại theo WRB, 2006) là Gleysols, Fluvisols, Arenosols và Anthrosols với 29 biểu loại đất. Trong đó, có 3 tầng chẩn đoán chính: Mollic, Sulfuric và Plinthic; 3 đặc tính chẩn đoán: Gleyic, Eutric và Haplic với 5 đặc tính cho cấp phân vị thấp hơn Epi ProtoThionic, Endo ProtoThionic, Bathy ProtoThionic, Epi OrthoThionic, Endo OrthoThionic; và 2 vật liệu chẩn đoán: Fluvic và Sulfidic. Theo kết quả phân tích các đặc tính lý-hóa học đất của điểm khảo sát đất của Vĩnh Long có 8 loại độ phì, gồm: SkeoSkS, LLC, LLfC, CCC, CCiC, CCfC, CCCf-, Ca-pCa-Cc-. Từ kết quả chuyển đổi chú giải bản đồ đất phân loại theo hệ thống WRB (2006) sang bản đồ phân bố độ phì nhiều đất FCC cho canh tác lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, thì xác định được 10 loại độ phì, gồm: SkeoSkS, LLC, LLfC, LLCf-, CCC, CCiC, CCfC, CCCf-, CapCacC, Ca-pCa-Cc-. Qua đó xác định được 09 trở ngại độ phì cho canh tác lúa gồm: Đất chua nhiều (a, a-), khả năng cố định P cao (i), có khả năng thiếu lân (p), phèn hoạt động, khả năng ngộ độc Fe, Al cao (c, c-), phèn tiềm tàng xuất hiện (f, f-), khả năng cung cấp chất khoáng thấp (k), cacbon hữu cơ thấp (o), kiềm giữ chất dinh dưỡng thấp (e), khả năng bị xói mòn và trực di chất dinh dưỡng (LC). Qua đó, xác định trở ngại và đề xuất các khuyến sử dụng, cải thiện độ phì đất cho canh tác lúa, phù hợp với điều kiện ở Vĩnh Long. Kết quả đã cung cấp cho các nhà quản lý nông nghiệp những thông tin, giải pháp hiệu quả trong cải thiện đặc tính độ phì đất, nâng cao năng suất, làm cơ sở cho việc khuyến cáo người nông dân xây dựng các chiến lược, quy hoạch dinh dưỡng sử dụng đất hiệu quả.
------	---------	--	---------------------	----------------	------	---

5015	Đại học	Phân tích tính bền vững các mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng tại quận Cái Răng, Tp Cần Thơ	Đinh, Duy Khánh	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đề xuất các mô hình NNĐT có triển vọng canh tác ở địa bàn quận Cái Răng trên cơ sở nghiên cứu tính bền vững của từng mô hình NNĐT kết hợp với đánh giá chiến lược quản lý khai thác tài nguyên đất đai của quận. Đề tài được thực hiện thông qua phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, tổng hợp số liệu thu thập được, dùng phương pháp đánh giá tính bền vững và phương pháp đề xuất biện pháp thích nghi. Kết quả cho thấy, các mô hình sử dụng đất hiện tại ở địa bàn quận đều không đảm bảo bền vững về 3 mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường. Riêng mô hình Năm đáp ứng khá tốt về 3 mục tiêu nhưng vẫn ở mức tương đối không cao. Chiến lược quản lý khai thác tài nguyên đất đai của quận về cơ bản khá bền vững và hợp lý, tương ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tình hình diễn biến của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, giữa chiến lược quản lý của các cấp chính quyền vẫn còn nhiều bất cập, khá xa rời tình hình thực tế của từng mô hình NNĐT dẫn đến sự phát triển ngành NNĐT kém hiệu quả, bền vững. Dựa trên những hạn chế về các mặt của từng mô hình và chiến lược phát triển NNĐT của quận để đưa ra từng nhóm giải pháp về kỹ thuật, về quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và hướng đến phát triển nền NNĐT bền vững. Nghiên cứu là cơ sở nền tảng để nâng cao hiệu quả canh tác các mô hình sử dụng đất triển vọng ở địa phương đáp ứng sự phát triển bền vững và điều chỉnh quy hoạch NNĐT của quận trong thời gian tới, ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu.
5016	Đại học	Phân vùng định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng ở Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Phạm, Thanh Vũ	2018	Nông nghiệp đô thị được áp dụng cho các quận vùng ven của TPCT với tốc độ đô thị hóa cao, đất nông nghiệp giảm mạnh, lao động nông nghiệp vẫn còn cao. Việc phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị tiêu biểu phải đảm bảo phù hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường của nông hộ với các mô hình như trồng lan, trồng kiểng, chăn nuôi, thủy sản... Theo đó, nông dân sản xuất các nông sản hàng hóa dự vào các vùng đất và mặt nước nằm xen kẽ, rải rác trong các khu đô thị và trong các vùn ngoại ô của đô thị Với vị thế là cửa ngõ của thành phố Cần Thơ, Cái Răng đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa làm cho nền nông nghiệp truyền thống của quận đang dần được thay thế bởi các mô hình nông nghiệp hiện đại, áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao, các mô hình đó là các mô hình NNĐT có triển vọng. Dựa và phương pháp thu thập các tài liệu, số liệu có liên quan đến nông nghiệp đô thị, tìm hiểu các tài liệu liên quan đến đánh giá đất đai, tổng hợp lại các số liệu điều tra thực tế và dựa vào phương pháp FAO (1976) từ đó phân tích đánh giá, lập bảng phân cấp thích nghi đất đai và phân vùng cho các mô hình NNĐT có triển vọng. Các mô hình NNĐT có triển vọng được phân thành 4 vùng thích nghi khác nhau với các điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội, môi trường ở các phường của quận Cái Răng. Trước thực trạng đất nông nghiệp đang dần bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, người dân cần tập trung phát triển các mô hình theo từng vùng thích nghi, góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp của quận phát triển theo hướng bền vững và lâu dài.

5017	Đại học	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhà và kỹ năng của môi giới bất động sản (trường hợp nghiên cứu tại quận Ninh Kiều - Cần Thơ)	Quách, Tuấn Cảnh	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhà và kỹ năng của nghề môi giới bất động sản, được thực hiện nhằm mục tiêu tìm hiểu và đánh giá các ý kiến của khách hàng thông qua công tác điều tra phỏng vấn trực tiếp và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kết hợp với phần mềm Microsoft excel, Microsoft word,... Để tính toán đưa ra các số liệu và đánh cụ thể về các yếu tố ảnh hưởng cũng như các kỹ năng của nghề môi giới, để có thể áp dụng vào thực tế cho nghề môi giới bất động sản. Kết quả đạt được: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhà của người dân quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ cụ thể một số yếu tố như: vị trí, loại nhà, giá trị nhà, hình thức thanh toán và sự cần thiết của người môi giới. Đây là các yếu tố quan trọng được khách hàng quan tâm và trao đổi trong quá trình phỏng vấn, một số thắc mắc khách hàng thường rơi vào những yếu tố được nêu trên. Tuy nhiên còn rất nhiều yếu tố khác có tính chất quan trọng không kém, tác động mạnh đến quyết định mua nhà của khách hàng đã được trình bày và phân tích một cách cụ thể trong bài viết. Kỹ năng môi giới bất động sản tác động rất nhiều đến nghề môi giới bất động sản, và ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định mua nhà của khách hàng. Kỹ năng lắng nghe và kỹ năng giải quyết vấn đề chiếm tỷ lệ cao nhất và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chiếm tỷ lệ thấp nhất. Ngoài ra còn rất nhiều kỹ năng chiếm tỷ lệ cao khác cần người môi giới phải phát huy và trao đổi hơn nữa, bên cạnh đó có nhiều kỹ năng mà khách hàng không thật sự quan tâm nhiều cần được xem xét lại có thể bỏ qua hoặc phát triển thêm để có thể áp dụng hiệu quả vào nghề. Người môi giới phải biết chọn lọc và không ngừng trao đổi các kỹ năng để phát triển hơn nghề môi giới bất động sản và đưa nghề môi giới bất động sản ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp hơn trong tương lai.
------	---------	--	------------------	-----------------------	------	---

5018	Đại học	Đánh giá thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Quận Ninh Kiều, Quận Cái Răng và Huyện Cờ Đỏ - Thành Phố Cần Thơ	Lâm, Phương Ánh	Lê, Tấn Lợi Lý, Hằng Ni	2018	Với mục tiêu tìm hiểu, đánh giá quy trình, tình hình thực tế, những thuận lợi, khó khăn trong công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ đó đề xuất ra những giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn trong quá trình thực hiện. Đề tài được thực hiện thông qua quá trình tham gia thực tập thực tế tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ để thu thập số liệu về tình hình cấp GCN trên địa bàn 3 quận Ninh Kiều, Cái Răng và Cờ Đỏ. Từ đó, tiến hành phân tích, so sánh đánh giá quy trình, thủ tục cũng như tình hình cấp giấy chứng nhận tại địa bàn nghiên cứu và rút ra được những ưu điểm và những hạn chế của quy trình cấp GCN hiện nay và đề xuất những ý kiến nhằm góp cho quy trình cấp GCN cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Kết quả đánh giá cho thấy: quy trình đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 3 quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và huyện Cờ Đỏ được thực hiện cơ bản đúng theo những quy định của UBND thành phố và các văn bản pháp luật hiện hành. Đồng thời quy trình thực hiện cũng được cụ thể hóa, rút ngắn thời gian. Theo đánh giá của người dân về quy trình công tác cấp GCN trên địa bàn 3 quận huyện được thực hiện đúng quy trình, các thủ tục hành chính công khai, minh bạch, dễ hiểu, rõ ràng cho từng trường hợp và giải quyết đúng thời gian quy định cụ thể tại quận Ninh Kiều (81,71%), quận Cái Răng (77,78%), huyện Cờ Đỏ (100%). Đa số người dân hài lòng về thời gian thực hiện quy trình cũng như về mức phí quy định. Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả luôn tuân thủ đúng quy định và thực hiện đúng thời gian của quy trình, giải quyết kịp thời các hồ sơ tồn đọng, thể hiện rõ nhất là quận Ninh Kiều hồ sơ đã giải quyết là 92,80%, quận Cái Răng 42,81%, huyện Cờ Đỏ 92,40%, và ít có hồ sơ trễ hẹn. Về số lượng GCN đã cấp Ninh Kiều đã cấp là 23.707 GCN chiếm tỷ lệ 99,28%, Cái Răng đã cấp là 14.217 GCN chiếm tỷ lệ 44,15%, Cờ Đỏ: 11.936 GCN chiếm tỷ lệ 91,84%. Nhìn chung, bên cạnh những thành quả đạt được thì công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về nguồn nhân lực và công tác đo vẽ theo quy định mới
------	---------	---	-----------------	--------------------------	------	---

5019	Đại học	Nghiên cứu các mô hình nông nghiệp đô thị có khả năng áp dụng tại thành phố Trà Vinh	Võ, Thị Mai Chi	Võ, Quang Minh	2018	Trà Vinh là đô thị của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế thành phố Trà Vinh, trong đó có cơ cấu nông nghiệp, đã chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố Trà Vinh, việc phát triển nông nghiệp đô thị được xem như một hướng đi có tính khả thi cao, hướng tới xây dựng đô thị sinh thái bền vững trong tương lai. Vì vậy đề tài “Nghiên cứu các mô hình nông nghiệp đô thị có khả năng áp dụng tại thành phố Trà Vinh” được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu hiện trạng canh tác các mô hình nông nghiệp đô thị, phân loại các mô hình đang được thực hiện và mô hình có khả năng áp dụng ở thành phố, tìm ra yêu cầu cho phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị (điều kiện kinh tế- xã hội và môi trường), xác định bộ tiêu chí sản xuất nông nghiệp đô thị tại thành phố bằng các phương pháp điều tra số liệu thứ cấp, phỏng vấn nông hộ, phỏng vấn chuyên gia và đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng (phương pháp PRA) đánh giá thực trạng sử dụng đất, xây dựng các tiêu chí, đánh giá đất, đánh giá thích nghi định tính. Kết quả cho thấy diện tích đất nông nghiệp ở thành phố ngày càng bị thu hẹp, đề tài nghiên cứu được thành phố Trà Vinh là tính thích hợp để áp dụng nông nghiệp đô thị, tìm ra được yếu tố chính ảnh hưởng đối với nông hộ như lao động gia đình, kinh nghiệm sản xuất, tham gia các lớp tập huấn, cơ sở hạ tầng, bên cạnh đó còn có các yếu tố như thị trường, vốn, lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất và sự hỗ trợ của địa phương ngoài ra còn những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng nông nghiệp đô thị như diện tích, lao động khả năng áp dụng tài chính trình độ học vấn, phân cấp được những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng các mô hình nông nghiệp đô thị cho thành phố Trà Vinh.
------	---------	--	-----------------	----------------	------	--

5020	Đại học	Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian phục vụ phân vùng chức năng vùng ven biển dựa vào hệ sinh thái tỉnh Cà Mau	Trần, Quốc Cường	Võ, Quốc Tuấn	2018	Ngày nay, Việt Nam đang từng bước xây dựng và phát triển đất nước trở thành một quốc gia mạnh về biển. Biển đem lại nguồn lợi vô cùng lớn cho đất nước, nhưng hiện nay việc sử dụng, quản lý của chúng ta chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển. Nhất là vùng ven biển, nơi ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân ven biển. Để tạo được sự phát triển bền vững đòi hỏi phải có sự quy hoạch hợp lý, hòa hợp giữa sinh kế người dân và hệ sinh thái tự nhiên ven biển. Trên cơ sở của sự phát triển trên đề tài đã xây dựng nên các cơ sở dữ liệu không gian cho các đối tượng ven biển, nhằm khoanh vùng và thành lập bản đồ quy hoạch vùng ven biển dựa vào hệ sinh thái. Để thành lập cơ sở dữ liệu không gian đòi hỏi phải có được một hệ thống phù hợp để thực hiện, mà hệ thống thông tin địa lý (GIS) là phù hợp nhất Mục tiêu đề tài là xây dựng nên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy phục vụ cho quy hoạch phát triển vùng ven biển. Tạo thuận lợi cho người dân sử dụng đất, mặt nước ven biển đúng với quy hoạch của địa phương tránh trường hợp thực hiện sai quy hoạch gây ảnh hưởng đến việc phát triển của địa phương. Giúp cho các cơ quan có thẩm quyền quản lý khu vực ven biển một cách hiệu quả, có căn cứ để xử lý các sai phạm trong việc thực thi quy hoạch. Xây dựng vùng ven biển phát triển, giàu mạnh tạo tiền đề hướng ra biển theo định hướng phát triển của nước ta trở thành một “Việt Nam biển” Trong những năm gần đây, Hệ thống thông tin địa lý (GIS) đã được sử dụng rộng rãi và đa dạng hơn trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Ảnh vệ tinh là dữ liệu quan trọng đối với việc xây dựng cơ sở dữ liệu không gian, ngoài ra các dữ liệu thực địa như: tọa độ, thông tin thuộc tính của các đối tượng,v.v cũng rất quan trọng. Bằng việc sử dụng ảnh viễn thám thông qua các phần mềm chuyên dụng ta tạo ra các cơ sở dữ liệu về hiện trạng sử dụng, đường bờ, cũng như các hoạt động của con người Với các dữ liệu được thu thập ta có thể tạo ra các cơ sở dữ liệu về quy hoạch không gian vùng ven biển. Dựa vào đó thì các bản đồ quy hoạch không gian biển được ra đời với các vùng chức năng chuyên biệt cho từng hoạt động. Các vùng chức năng này phục vụ vào mục đích duy nhất là bảo vệ và duy trì hệ sinh thái ven biển.
------	---------	--	------------------	---------------	------	---

5021	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và giá đất trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng	Trương, Thị Ngọc Diễm	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và giá đất trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện nhằm xác định các yếu tố chính có ảnh hưởng đến giá đất nông nghiệp để phục vụ cho công tác định giá đất và bảo vệ quyền lợi của người dân về đất nông nghiệp khi giao dịch. Đề tài sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp người dân có đất sản xuất nông nghiệp tại huyện, đã điều tra 60 phiếu. Kết quả cho thấy Giá đất nông nghiệp trên địa bàn huyện có sự chênh lệch so với giá trên thị trường từ 1,3 lần đến 3,13 lần Đối với đất nông nghiệp có rất nhiều yếu tố tác động, ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp. Cụ thể là đối với đất trồng hoa màu chịu sự ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố chất lượng đất, khí hậu – thời tiết và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Còn với đất sản xuất lúa luôn chịu tác động nhiều nhất bởi yếu tố vị trí, địa hình và chất lượng – mức độ ô nhiễm nguồn nước. Riêng đối với đất nuôi trồng thủy sản phải chịu sự ảnh hưởng nhiều nhất là yếu tố chất lượng – mức độ ô nhiễm nguồn nước, vị trí và chất lượng đất.
5022	Đại học	Ứng dụng phương pháp phân loại theo quy tắc (rule – based image analysis) thành lập bản đồ hiện trạng cây thuốc lá tại tỉnh Sukhothai Thái Lan	Trần, Hữu Duy	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Cây thuốc lá là loại cây công nghiệp quan trọng, đặc biệt là những nước đang phát triển. Việc trồng trọt thuốc lá tuy đem lại hiệu quả kinh tế cao tuy nhiên cần quản lý tốt để giảm tác động đến cân bằng sinh thái và môi trường. Với mục tiêu xây dựng công cụ cho việc quản lý cây thuốc lá có hiệu quả, đề tài sử dụng phương pháp phân loại theo hướng đối tượng dựa vào quy tắc (Rule – based Image Analysis) trên ảnh vệ tinh Landsat 8 với độ phân giải không gian 15m để xây dựng bản đồ phân bố cây thuốc lá tại tỉnh Sukhothai, Thái Lan. Nghiên cứu xác định được vùng phân bố cây thuốc lá tại tỉnh Sukhothai năm 2017 với độ chính xác toàn cục là 85,61%, chỉ số độ tin cậy Kappa là 0,732. Hiện trạng sử dụng đất được phân thành 6 nhóm đối tượng bao gồm thuốc lá, lúa, đất nông nghiệp khác, đất rừng, sông (hồ), đô thị và đất trống. Trong đó diện tích canh tác thuốc lá chủ yếu tập trung ở huyện Muang và Sisamrong với mật độ cao và một phần nhỏ diện tích tập trung tại huyện Sawankhalok. Kết quả phân loại đối tượng hiện trạng sử dụng đất từ năm 2014 đến năm 2017 được sử dụng để đánh giá biến động diện tích canh tác thuốc lá tại tỉnh Sukhothai, Thái Lan

5023	Đại học	Ứng dụng toàn đạc điện tử đo đạc xây dựng bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Phường Phú Thứ Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	Lê, Hoài Mẫn	Trần, Văn Hùng	2018	Khu đô thị mới Phường Phú Thứ, TP. Cần Thơ nằm gần khu vực trung tâm của thành phố Cần Thơ. Việc xây dựng khu đô thị mới là hết sức cần thiết, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho người dân về nơi định cư mới cũng như cơ hội đi lại được thuận tiện hơn, khắc phục tình trạng phát triển tự phát và khó khăn về cơ sở hạ tầng tác động xấu đến môi trường sinh thái như hiện nay Việc đầu tư xây dựng khu đô thị mới sẽ tạo ra một hướng chuyển biến lớn, góp phần nâng cao cuộc sống người dân, tạo một diện mới cho thành phố Cần Thơ. Do đó, đề tài “Ứng dụng toàn đạc điện tử đo đạc xây dựng bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng khu đô thị mới phường Phú Thứ Q.Cái Răng, tp.Cần Thơ” được thực hiện Mục tiêu đề tài nhằm nắm vững những quy định trong công tác thành lập bản đồ, tìm hiểu về quy trình đo đạc, thành lập bản đồ địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng khu đô thị mới phường Phú Thứ Q.Cái Răng, tp.Cần Thơ. Nắm bắt được phương pháp sử dụng máy toàn đạc điện tử và kiến thức về bình sai xử lý số liệu đo đạc bằng phần mềm bình sai DPsuvey, phần mềm thiết kế biên tập bản đồ Autocad 2007 Xây dựng, bình sai được lưới đo lường chuyển kinh vĩ khép kín phù hợp với hiện trạng khu đo gồm có 2 điểm tọa độ thừa kế và 41 điểm mới lập, gần 2600 điểm đo chi tiết và 120 điểm cọc phụ. Kết quả đo đạc thành lập được bản đồ khu đô thị mới phường Phú Thứ Q.Cái Răng tp.Cần Thơ tỉ lệ 1/5000 và chia thành 4 mảnh bản đồ trích đo với tỉ lệ 1/2000 bằng phần mềm biên tập bản đồ Autocad 2007. Tính toán được tổng chi phí bồi hoàn về đất là 110.079.948.100 đồng (Một trăm mười tỉ không trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn một trăm đồng).
------	---------	--	--------------	----------------	------	--

5024	Đại học	Thực trạng công tác giải quyết khiếu nại của thanh tra Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Dương, Thị Thanh Nhân	Lê, Tấn Lợi	2018	Đề tài “Thực trạng công tác giải quyết khiếu nại của thanh tra nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện nhằm (1) Khảo sát thực trạng khiếu nại về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; (2) Đánh giá hiệu quả của thanh tra nhà nước về giải quyết khiếu nại đất đai; (3) Tìm ra những thuận lợi, khó khăn cũng như bất cập, vướng mắc trong công tác thanh tra giải quyết khiếu nại đất đai, làm cơ sở đề nghị giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bằng phương pháp thu thập số liệu; điều tra phỏng vấn trực tiếp người dân và phỏng vấn cán bộ. Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy khiếu nại đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long cao nhất ở lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (chiếm 65% theo khảo sát), số ít còn lại thuộc các lĩnh vực cấp, thu hồi GCNQSDĐ; khiếu nại cán bộ và xin hủy các quyết định hành chính về đất đai (chiếm 35% trong tổng số). Công tác tiếp công dân, đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại chưa được quan tâm dẫn đến kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu về lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long chưa đạt hiệu quả. Vẫn còn tình trạng người dân gửi đơn khiếu nại không đúng thẩm quyền giải quyết. Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình giải quyết khiếu nại được thực hiện tốt. Cơ chế tham mưu giải quyết khiếu nại đất đai cho UBND thành phố Vĩnh Long đa số là do Thanh tra thành phố đảm nhiệm. Giải quyết khiếu nại đất đai được chính quyền các cấp trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long hết sức quan tâm nhưng ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn chưa cao. Sự bất hợp lý trong quy định của văn bản pháp luật gây khó khăn trong công tác giải quyết khiếu nại của cán bộ. Giải pháp đề ra để giảm thiểu lượng đơn khiếu nại về lĩnh vực bồi thường là cho người dân có quyền yêu cầu tổ chức định giá đất để xác định giá đất và giá do cơ quan định giá đưa ra là giá để tính tiền bồi thường.
------	---------	---	-----------------------	-------------	------	---

5025	Đại học	Đánh giá sự thay đổi diện tích đất trồng lúa tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 1965 - 2017	Đào, Thảo Nguyên	Võ, Quốc Tuấn	2018	Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích tự nhiên khoảng 59.747 km² trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm trên 80%. Trong tổng diện tích đất nông nghiệp, đất trồng lúa chiếm khoảng 58% có thể nói cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long vừa là cây chủ lực, vừa là cây an ninh lương thực của quốc gia và cung cấp lúa gạo cho thị trường thế giới. Nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long thành phố Cần Thơ có điều kiện khí hậu, thủy văn rất thuận lợi cho các hoạt động sản xuất đặc biệt là canh tác lúa. Mặc dù có nhiều tiềm năng và lợi thế nhưng diện tích đất nông nghiệp đặc biệt là đất trồng lúa ngày càng bị thu hẹp, do nhu cầu về công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và phải đối mặt với vấn đề gia tăng dân số. Bên cạnh những vấn đề về xã hội thì theo dự đoán của tổ chức môi trường và phát triển German Watch (Đức), Việt Nam là một trong 5 quốc gia sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu toàn cầu, diện tích đất trồng lúa sẽ bị giảm thiểu do suy giảm nguồn nước, tài nguyên đất, xâm nhập mặn, nước biển dâng và nhiều yếu tố môi trường khác. Để xác định những yếu tố này đã tác động làm thay đổi diện tích đất trồng lúa của thành phố Cần Thơ như thế nào, thì việc đánh giá sự thay đổi của diện tích đất trồng lúa ở giai đoạn hiện tại (năm 2017) với một thời điểm mà những vấn đề về đô thị hóa, gia tăng dân số hay biến đổi khí hậu toàn cầu không phải là áp lực lên diện tích đất trồng lúa của thành phố (năm 1965) Thông qua quá trình nghiên cứu bằng phương pháp viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh Sentinel-2 và bản đồ hiện trạng sử dụng đất của vùng nghiên cứu năm 1965, cho ra kết quả là diện tích đất trồng lúa của thành phố Cần Thơ năm 2017 giảm so với năm 1965 là 60.389,97 ha, giảm đến 45,9% trong tổng diện tích đất trồng lúa năm 1965 của vùng. Đến năm 2017 quận Ninh Kiều và quận Cái Răng có đất trồng lúa được chuyển đổi hoàn toàn sang những mục đích sử dụng khác, với vai trò là trung tâm của thành phố Cần Thơ nên sự đô thị hóa là quá trình tất yếu, quá trình này là nguyên nhân chủ yếu tác động đến sự suy giảm diện tích đất trồng lúa của quận Ninh Kiều và quận Cái Răng cũng là nguyên nhân làm giảm diện tích đất trồng lúa của các quận khác trên địa bàn thành phố. Quận Phong Điền với mục tiêu phát triển là phần đầu trở thành đô thị sinh thái của vùng, để phát triển theo định hướng và tiềm năng, quận Phong Điền thực hiện việc triển khai cơ cấu cây trồng, sự thay đổi này làm giảm diện tích đất lúa năm 2017 giảm 9.847,11 ha so với năm 1965. Quận Ô Môn có diện tích đất lúa giảm khá lớn đến 9.437,99 ha. Tiếp đến là quận Thốt Nốt có diện tích đất trồng lúa giảm 1,1
------	---------	--	------------------	---------------	------	--

5026	Đại học	Phân vùng định hướng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng tại thành phố Trà Vinh	Lê, Thị Mộng Cầm	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích phân vùng và định hướng cho những mô hình nông nghiệp đô thị có triển vọng tại địa bàn thành phố Trà Vinh. Đề thực hiện được mục tiêu trên đề tài đã sử dụng các phương pháp như: phương pháp khảo sát thực tế các mô hình nông nghiệp đô thị thông qua phiếu điều tra (400 phiếu trên 7 phường và 1 xã) phương pháp thống kê xử lý số liệu, phương pháp đánh giá phân tích và phương pháp FAO 1976 đánh giá thích nghi cho các mô hình NNĐT có triển vọng. Kết quả nghiên cứu cho thấy được 7 mô hình có khả năng phát triển trong thời gian tới là trang trại ra sạch, mô hình trồng rau trong chậu/ thùng, mô hình hoa tết, mô hình hoa kiểng, mô hình lan, mô hình nấm, mô hình rau thủy canh hình thành nên 5 vùng thích nghi cho các mô hình NNĐT có triển vọng và đưa ra những giải pháp về đất đai, vốn và tín dụng, kỹ thuật, giống cây trồng và cuối cùng đề xuất để phát triển những mô hình này theo hướng kinh tế-xã hội-môi trường.
5027	Đại học	Thiết kế cảnh quan quán cà phê Sân vườn ở Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ	Lê, Thị Bích Trân	Trần, Văn Hùng	2018	Những quán cà phê sân vườn đang trở thành điểm hẹn được ưa chuộng khi mang đến không gian thoáng đãng tràn ngập màu sắc thiên nhiên. Mô hình kinh doanh này đang trở thành thị trường đầy tiềm năng khi thu hút được rất nhiều sự đầu tư vì khả năng thu lợi nhuận cao và đáp ứng thị hiếu của khách thưởng thức cà phê hiện nay. Quán cà phê sân vườn đang dần trở thành sự lựa chọn hàng đầu cho hầu hết các chủ đầu tư và đây là 1 giải pháp tuyệt vời giúp con người thoát khỏi cuộc sống ồn ào, náo nhiệt bởi giữa không gian thiên nhiên thoáng mát, vừa thưởng thức cà phê, vừa thả hồn ngắm khung cảnh xung quanh. Đề tài được thực hiện với mục tiêu xác định thực trạng khu vực trước khi triển khai ý tưởng thiết kế quán cà phê sân vườn và đưa ra thiết kế bản vẽ tổng thể, chi tiết mặt bằng các khu chức năng quán cà phê sân vườn. Bằng phương pháp thu thập số liệu, tài liệu về khu vực nghiên cứu và phương pháp khảo sát hiện trạng khu vực thiết kế, xác định điều kiện tự nhiên và đưa ra cách bố trí hợp lý các khu chức năng bằng phần mềm Autocad để cho ra mặt bằng tổng thể và dùng phần mềm Sketchup để phối cảnh và cho ra 2 phương án thiết kế phù hợp cho khu vực cần thiết kế là theo phương án 1: thiết kế theo không gian mở và theo phương án 2: thiết kế theo không gian vừa kín, vừa mở.

5028	Đại học	Đánh giá thực trạng ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao ở Hậu Giang	Nguyễn, Thúy Ngân	Võ, Quang Minh	2018	Nhờ có vị trí địa lý giáp với thành phố Cần Thơ – trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của vùng ĐBSCL, nên tỉnh Hậu Giang có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng. Nông nghiệp chính là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Hậu Giang. Trong đó, phát triển nông nghiệp thông minh và công nghệ cao là xu thế tất yếu trong sự phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa của tỉnh. Vì vậy, đề tài “Đánh giá thực trạng ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao ở Hậu Giang” được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng ứng dụng, xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp, định hướng phát triển các mô hình ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao trên địa bàn tỉnh. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp tham khảo tài liệu, thu thập thông tin và số liệu thứ cấp về hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp cũng như hiện trạng ứng dụng nông nghiệp thông minh và công nghệ cao trong địa bàn tỉnh; phương pháp so sánh, đánh giá tổng hợp thuận lợi, khó khăn của các mô hình. Từ đó đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn và đề xuất mô hình phù hợp với địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các mô hình “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, “cánh đồng mẫu lớn”, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và cơ giới hóa đã được ứng dụng vào sản xuất trong vài năm trở lại đây. Bên cạnh đó, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang ở huyện Long Mỹ cũng đã nghiên cứu và trình diễn thí điểm nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số khó khăn khi thực hiện ứng dụng các mô hình, chủ yếu do nông dân chưa có sự hiểu biết rõ về nông nghiệp thông minh và công nghệ cao. Do đó, diện tích ứng dụng các mô hình còn thấp (khoảng 1.995 ha), tập trung chủ yếu ở một số huyện như Vị Thủy, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Châu Thành A. Đề tài đã đề xuất được 4 giải pháp về tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và vốn đầu tư nhằm khắc phục khó khăn, định hướng phát triển sâu rộng các mô hình nông nghiệp thông minh và công nghệ cao, đặc biệt chú trọng phát triển mô hình sản xuất lúa, cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP và ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.
------	---------	--	-------------------	----------------	------	---

5029	Đại học	Thực trạng giá đất trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	Trần, Nguyệt Thanh Ngân	Vương, Tuấn Huy	2018	Đề tài nghiên cứu thực trạng giá đất trên địa bàn quận Ninh Kiều, tìm hiểu sự chênh lệch giá đất ở theo khung giá Nhà nước và giá thực tế trên Thị trường, đồng thời xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khảo sát, phân tích tác động của các yếu tố lên giá đất ở nơi đây, từ đó đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần hoàn thiện điều tiết giá đất Thông qua các phương pháp: Phương pháp thu thập (thu thập số liệu thứ cấp), phương pháp kế thừa (kế thừa các dữ liệu thứ cấp); Phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp người dân trên 12 tuyến đường thuộc khu vực trung tâm của quận, để thu thập giá đất và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố; Xử lý số liệu bằng Phương pháp thống kê – tổng hợp; Phương pháp mô tả – so sánh – phân tích tổng hợp để phân tích và đánh giá biến động giá đất, tìm ra tỷ lệ chênh lệch giá đất và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến giá đất ở Kết quả cho thấy: Giá nhà đất Thị trường và Nhà nước ở quận Ninh Kiều đang ngày một tăng cao theo thời gian và khu vực. Trên 12 tuyến đường khảo sát, mức tăng giá Nhà nước cao nhất là đường Hòa Bình, tăng 48,2 triệu đồng/m² (năm 2007 là 16,1 triệu đồng/m², năm 2015 là 65 triệu đồng/m²); mức tăng thấp nhất là 3,5 triệu đồng/m² tại đường CMT8 (1) (Vòng xoay bến xe – Nguyễn Văn Cừ) có giá năm 2007 là 13,1 triệu đồng/m² và năm 2015 là 17 triệu đồng/m². Khung giá đất ở đô thị do Nhà nước ban hành tại quận Ninh Kiều so với giá đất thực tế trên thị trường có sự chênh lệch khá cao, mức độ chênh lệch trung bình giữa giá Nhà nước và giá Thị trường năm 2010 là 90,43% và năm 2018 là 34,29%. Sự chênh lệch này có xu hướng giảm dần do các biện pháp quản lý thị trường của Nhà nước, tuy nhiên vẫn làm ảnh hưởng đến đời sống và nhu cầu sử dụng đất đai của người dân. Trong 8 yếu tố khảo sát: Vị trí (chiếm 32,94%) có ảnh hưởng nhiều nhất tới sự chênh lệch giá và thấp nhất là yếu tố Chất lượng môi trường (chiếm 4,71%). Các yếu tố còn gồm: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, Cơ sở hạ tầng xã hội, Quy hoạch, Điều kiện sinh lợi, Hình thức lô đất, Dân số chiếm từ 5 – 18% mức độ ảnh hưởng tới sự chênh lệch của 2 loại giá đất. Ngoài ra, yếu tố đầu cơ, tăng trưởng kinh tế và lãi suất ngân hàng cũng có tác động nhiều đến thị trường nhà đất, nhưng khi khảo sát vẫn chưa được người dân chú ý.
------	---------	---	-------------------------	-----------------	------	--

5030	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của một số dự án trên địa bàn huyện Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Trang Phụng	Lê, Tấn Lợi	2018	Đề tài “Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của một số dự án trên địa bàn huyện Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang” được thực hiện nhằm mục tiêu tìm hiểu và đánh giá các tiêu chí bồi hoàn và hỗ trợ tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện Phú Quốc, từ đó đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần hoàn thiện hơn về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để các dự án hoàn thành tốt tiến độ được giao. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp thu thập thông tin số liệu, điều tra thực tế ý kiến đánh giá chuyên gia và phân tích so sánh đánh giá để làm rõ vấn đề. Kết quả nghiên cứu của đề tài thấy được thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bị ảnh hưởng bởi những yếu tố: công tác giải phóng mặt bằng, sự ủng hộ của người dân, giá đất bồi thường, nguồn vốn đầu tư, sự quan tâm của nhà nước, kinh phí bồi thường, thủ tục pháp lý, vị trí thuận lợi, năng lực cán bộ của đơn vị thực hiện. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố là khác nhau, trong yếu tố công tác giải phóng mặt bằng được đánh giá là quan trọng nhất chiếm 63,3% của 19/30 phiếu khảo sát chuyên gia. Qua những ý kiến đánh giá và khảo sát của đề tài đã đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy nhanh tiến độ công tác, bồi thường và hỗ trợ tái định cư của các dự án trên địa bàn huyện Phú Quốc.
5031	Đại học	Xây dựng ứng dụng thông tin quy hoạch đất đai của thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Dương, Chí Xuyên	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Đề tài đã xây dựng hệ thống WebGIS và ứng dụng thiết bị di động về bản đồ hiện trạng cũng như bản đồ quy hoạch sử dụng đất thị xã Giá Rai nhằm phục vụ công tác chia dữ liệu không gian trên môi trường mạng Internet. Hệ thống WebGIS được xây dựng dựa trên nền tảng ngôn ngữ lập trình HTML, CSS, JavaScript. Bên cạnh đó ứng dụng trên Smartphone được xây dựng bằng App Studio for ArcGIS do hãng ESRI cung cấp. Toàn bộ cơ sở dữ liệu thuộc tính và không gian được lưu trữ trên ArcGIS Online Kết quả nghiên cứu đã hoàn thành việc chỉnh lý bản đồ và thông tin thửa đất cũng như bản đồ quy hoạch cho từng thị trấn và xã tại thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời hoàn thành xây dựng trang WebGIS cung cấp thông tin không gian và thuộc tính hiện trạng và quy hoạch đất đai. Các chức năng tương tác bản đồ, hiển thị, tìm kiếm bằng số hiệu thửa hoặc bằng bảng thuộc tính, đo lường, in bản đồ... có thể truy xuất trên trang web của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Giá Rai và trên smartphone.

5032	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang	Dương, Thị Hồng Tâm	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài: “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố và qua đó đề xuất các giải pháp để giá đất gần với giá thị trường. Qua quan sát và ghi nhận thực tế cũng như sử dụng phương pháp điều tra để phỏng vấn trực tiếp người dân đang sống và sinh hoạt trên các tuyến đường trong địa bàn cho thấy Giá đất ở trên địa bàn có sự chênh lệch so với giá thực tế trên thị trường từ 1,02 đến 4,27 lần Đối với giá đất ở có nhiều yếu tố tác động, trong đó yếu tố chiếm mức ảnh hưởng quan trọng nhất đến giá đất trên địa bàn là yếu tố vị trí và yếu tố quy hoạch, hai yếu tố chất lượng môi trường và an ninh xã hội chưa được chú trọng chiếm mức ảnh hưởng thấp Giá đất do cơ quan Nhà nước định giá rất ít biến động (mỗi năm tăng 1,25 đến 1,6 lần) nhưng đối với giá trên thị trường biến động liên tục trong những năm qua. Điều này càng gây khó khăn cho nhu cầu về nhà ở của những người có thu nhập thấp đến trung bình. Đồng thời thị trường nhà đất nơi đây có những biến động nhất định ảnh hưởng đến đời sống cũng như hoạt động kinh doanh sản xuất ở địa phương.
------	---------	---	---------------------	-----------------------	------	---

5033	Đại học	Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại xã Vĩnh Hòa Hưng Nam Huyện Gò Quao Tỉnh Kiên Giang	Luru, Ánh Phương	Vương, Tuấn Huy	2018	Đất phèn là một trong những yếu tố khó khăn gây ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Trong thời gian gần đây người dân có tìm cách để cải tạo đất phèn, nhưng do tác động bởi nhiều yếu tố về kinh tế - xã hội tác động nên người dân canh tác chưa đạt năng suất cao. Để hạn chế những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp thì việc đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội là việc rất cần thiết, giúp cho việc sử dụng đất có hiệu quả kinh tế cao, giảm chi phí và tăng lợi nhuận sản xuất, đặc biệt là giúp người dân lựa chọn kiểu sử dụng đất hợp lý với điều kiện của mình. Sử dụng các phương pháp điều tra nông hộ, phỏng vấn chuyên gia kết hợp với các phương pháp thống kê mô tả, phân tích hiệu quả tài chính để đánh giá chi phí, lợi nhuận các mô hình đem lại, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả xã hội. Kết quả cho thấy đây là vùng có đất phù sa, phèn tiềm tàng hoạt động nông 0 – 50cm, không nhiễm mặn. Diện tích Mía đang có xu hướng giảm và phần diện tích đó chuyển sang kiểu sử dụng Hồ tiêu và Lúa 2 vụ. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội trên 4 kiểu sử dụng đất chuyên Mía, chuyên Khóm, Lúa 2 vụ và chuyên Hồ tiêu cho thấy được: Lợi nhuận cao nhất là kiểu sử dụng đất Hồ tiêu mang lại (15.250.000 đồng/1000m²). Lợi nhuận thấp nhất là kiểu sử dụng đất chuyên Mía (2.480.000 đồng/1000m²). Tỷ suất lợi nhuận của kiểu sử dụng đất chuyên Mía, chuyên Khóm, Lúa 2 vụ, chuyên Hồ tiêu lần lượt là 0,42 – 1,29 – 1,98 – 0,61. Giá sản phẩm không ổn định, do tác động nhiều yếu tố như cung lớn hơn cầu. Hiệu quả xã hội các kiểu sử dụng ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố về lao động, tín dụng, các chính sách hỗ trợ. Về lao động trình độ học vấn trung bình chủ yếu từ cấp 2, chủ yếu các nông hộ canh tác theo kinh nghiệm bản thân, dù được tập huấn nhưng vẫn còn khá e dè, do chỉ tư vấn trên lý thuyết. Kiểu sử dụng đất chuyên Mía, chuyên Khóm, Lúa 2 vụ người dân có thể chủ động được nguồn vốn, riêng với kiểu sử dụng đất chuyên Hồ tiêu do vốn đầu tư ban đầu cao nên cần phải vay thêm vốn để canh tác mô hình. Về các chính sách được hỗ trợ các nông hộ chủ yếu được tập huấn nhiều về mảng kỹ thuật. Vùng nghiên cứu có thuận lợi giao thông thuận tiện, gần nguồn nước ngọt thuận tiện cho việc rửa phèn, bán sản phẩm dễ dàng, tuy nhiên gặp nhiều bất cập trong giá thành sản phẩm, kỹ thuật, vốn, sản xuất theo phong trào là chính.
------	---------	--	------------------	-----------------	------	---

5034	Đại học	Tình hình quản lý sử dụng đất trên địa bàn quận Cái Răng - thành phố Cần Thơ giai đoạn 2010 - 2015	Huỳnh, Thị Trúc Linh	Phạm, Thanh Vũ	2018	Với yêu cầu đẩy mạnh tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phân công lại lao động sẽ làm thay đổi nhu cầu sử dụng đất đai dẫn đến tình trạng biến động đất đai diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn quận. Vì vậy đề tài “Tình hình quản lý sử dụng đất trên địa bàn quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2010 - 2015” được thực hiện là cần thiết để nắm rõ tình hình quản lý sử dụng đất nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý sử dụng đất đai, giúp cơ quan quản lý Nhà nước quản lý chặt chẽ, hợp lý nguồn tài nguyên đất trên địa bàn quận Cái Răng. Các phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu bao gồm: phương pháp thu thập số liệu từ thống kê, kiểm kê đất đai và phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình sử dụng đất đai giai đoạn 2010 – 2015 phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiềm năng cũng như thế mạnh vốn có của quận, đem lại hiệu quả cao về sử dụng đất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo về mặt môi trường. Năm 2015, diện tích đất nông nghiệp tăng mạnh về quy mô diện tích và năng suất, chất lượng do chuyển sang các loại canh tác khác nhằm đáp ứng theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quận; diện tích đất phi nông khá lớn đủ để đáp ứng cho nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nên đã góp phần thúc đẩy phát triển thương mại – dịch vụ. Ngoài ra, quận đã thực hiện có hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước về đất đai nên đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận. Thực hiện tốt các cơ chế chính sách về đất đai đã góp phần từng bước ổn định chỗ ở, đời sống, chuyển đổi ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người dân có đất bị thu hồi, đặc biệt là đối với những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp; từng bước giải quyết hoà hoà giữa lợi ích Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư góp phần giữ vững an ninh trật tự xã hội. Tuy nhiên, còn một số tồn tại trong vấn đề quản lý và sử dụng đất cần chú trọng khắc phục trong những năm tới.
------	---------	--	----------------------	----------------	------	---

5035	Đại học	Xác định các yếu tố tác động đến mô hình canh tác nuôi trồng thủy sản vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng	Trần, Quốc Khải	Nguyễn, Thị Hồng Điệp	2018	Giá trị kinh tế dịch vụ hệ sinh thái là toàn bộ những giá trị lợi ích kinh tế nhận được từ việc sử dụng hệ sinh thái đó. Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng khi ra quyết định việc có nên duy trì sự tồn, phát triển hệ sinh thái. Hệ sinh thái các mô hình nuôi tôm thâm canh và khác (Bán thâm canh, Thâm canh – Bán thâm canh, Thâm canh – Quảng canh) tại huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, việc xác định giá trị kinh tế dịch vụ hệ sinh thái của mô hình là cần thiết để thấy được toàn bộ giá trị của mô hình. Nghiên cứu sử dụng ảnh Landsat 8 dựa trên phương pháp phân tích chỉ số nước MNDWI để xây dựng bản đồ hiện trạng canh tác nuôi trồng thủy sản kết hợp với điều tra khảo sát thực tế, thu thập số liệu tính toán giá trị kinh tế dịch vụ hệ sinh thái của mô hình nuôi tôm thâm canh tại huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả giải đoán thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, xác định được vùng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 45,165.6 Ha. Độ chính xác toàn cục đạt 93,85%, hệ số Kappa bằng 0,88, mức độ chấp nhận kết quả ở mức rất tốt. Kết quả tính toán giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái trên mô hình thủy sản thâm canh tại các xã ven biển, huyện Mỹ Xuyên và Thị xã Vĩnh Châu trung bình là 190.324.594 đồng/ha. Kết quả tính toán giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái mô hình thủy sản khác tại các xã ven biển, huyện Mỹ Xuyên và Thị xã Vĩnh Châu trung bình là 203.571.907 đồng/ha/năm. Bằng phương pháp phân tích nhân tố, đề tài xác định được 03 nhân tố định tính là hình thức nuôi, vị trí xã, lịch thời vụ và 2 nhân tố định lượng là chi phí mùa vụ, năng suất – giá bán tác động đến giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái mô hình thủy sản thâm canh và khác. Giá trị kinh tế dịch vụ sinh thái được dùng như một bộ chỉ tiêu để so sánh đánh giá hiệu quả giữa các mô hình sản xuất, đánh giá sức khỏe của hệ sinh thái cũng như sự lệ thuộc của dân sinh vào hệ sinh thái từ đó giúp nhà quy hoạch, quản lý cân nhắc phát triển mô hình sản xuất phù hợp, cải thiện sử dụng đất hợp lý và bảo vệ tài nguyên.
------	---------	--	-----------------	-----------------------	------	--

5036	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2005 - 2015	Lê, Hoàng Nhi	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự thay đổi tình hình sử dụng đất diễn ra nhanh và tìm các yếu tố ảnh hưởng tác động lên sự thay đổi sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đề tài thực hiện thông qua phương pháp thu thập xử lý số liệu, phương pháp phân tích nguyên nhân và đề xuất, so sánh để đánh giá sự thay đổi sử dụng đất từ giai đoạn 2005 - 2015. Kết quả cho thấy việc sử dụng đất đai ở tỉnh Hậu Giang diễn ra trong 10 năm trở lại đây có nhiều sự thay đổi. Chuyển từ nền nông nghiệp truyền thống sang phương thức sản xuất mới, hiện đại, dịch vụ chất lượng cao, trong điều kiện mở mang về đô thị, sự phát triển khu công nghiệp, các khu chế xuất đã làm cho diện tích đất nông nghiệp giảm đi rất nhiều, đồng thời đất phi nông nghiệp tăng lên. Sự thay đổi sử dụng đất đã tác động lên quá trình phát triển của tỉnh về cả 3 mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Kết quả cho thấy việc thay đổi sử dụng đất nông nghiệp của người dân bị tác động bởi các yếu tố: điều kiện đất đai, tình hình thời tiết, khô hạn, chất lượng nước, lợi nhuận, thị trường, kỹ thuật canh tác và theo quy hoạch chính sách hỗ trợ. Trong đó yếu tố thời tiết và lợi nhuận và thị trường được được quan tâm nhất. Nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở chú ý tới các yếu tố tác động chính đến sử dụng đất tại địa phương, làm cơ sở tham khảo cho điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất trong thời gian tới.
------	---------	--	---------------	----------------	------	---

5037	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mô hình một cấp tại huyện Giồng Trôm Tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Ánh Khuyên	Lê, Tấn Lợi Lý, Hằng Ni	2018	Đề tài thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mô hình một cấp tại huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre và tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn nhằm đề xuất giải pháp góp phần cải thiện công tác công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiệu quả hơn. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp thu thập các số liệu thứ cấp qua tiếp cận với cán bộ địa phương. Ngoài ra, đề tài còn điều tra khảo sát thực tế và phỏng vấn các chuyên gia Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tình hình đăng ký cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Giồng Trôm có chiều hướng gia tăng số lượng đặc biệt là tăng cho giấy chứng nhận năm 2016 là 1763 hồ sơ đến tháng 7/2017 là 1968 hồ sơ đồng thời tỉ lệ số hồ sơ xin kê khai cấp giấy chứng nhận lần đầu được giải quyết và hầu như là không còn tồn đọng cụ thể năm 2016 đạt 99,33% và 7/2017 là 100%. Khác biệt giữa Văn phòng đăng ký đất đai 01 cấp và 02 cấp là thẩm quyền ký giấy chứng nhận khi đăng ký đất đai. Thẩm quyền ký giấy chứng nhận khi đăng ký biến động theo mô hình hai cấp trước đây là Chủ tịch UBND huyện còn một cấp là Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường. Không chỉ thế thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi hoạt động của hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai ngày càng đơn giản hơn và thời gian thực hiện các thủ tục cũng được rút ngắn hơn. Bên cạnh những thuận lợi về thủ tục hành chính, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác đăng ký và cấp Giấy chứng nhận tại huyện thì việc vận chuyển hồ sơ cũng gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến thời gian thực hiện thủ tục hành chính đồng thời nguồn nhân lực phục vụ cho công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận còn thiếu mà lượng công việc cần giải quyết ngày càng tăng, cơ sở vật chất về trang thiết bị điện tử phục vụ cho công tác cấp Giấy chứng nhận cũng còn hạn chế. Do đó, để thực hiện công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận được tốt hơn thì cần bổ xung thêm nguồn nhân lực và hoàn thiện hệ thống đường chuyển và hạ tầng kỹ thuật phục vụ tác nghiệp và cơ sở dữ liệu để cán bộ rút ngắn được thời gian để giải quyết hồ sơ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tạo được lòng tin của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính
------	---------	--	------------------------	--------------------------	------	---

5038	Đại học	Ứng dụng viễn thám trong ước tính sản lượng gỗ hệ sinh thái rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	Dương, Văn Khắc	Võ, Quốc Tuấn	2018	Ngày nay cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ chế biến gỗ nên nhu cầu sử dụng gỗ ngày càng gia tăng, tình trạng chặt phá rừng trái phép và cháy rừng ngày càng xảy ra phổ biến. Do đó, sức ép lên công tác quản lý tài nguyên rừng là rất lớn với, vì thế việc theo dõi, nghiên cứu, tìm ra giải pháp quản lý và sử dụng tài nguyên rừng một cách hợp lý và hiệu quả là một vấn đề cần làm để đáp ứng được nhu cầu trên. Nghiên cứu này phân tích ảnh vệ tinh Sentinel-2 có độ phân giải 10m tại thời điểm năm 2017 thông qua công tác giải đoán tổ hợp màu sắc để người làm việc có cái nhìn tổng thể về diện tích rừng tại khu vực nghiên cứu và kết hợp với khảo sát thực địa từ thành lập được bản đồ hiện trạng rừng năm 2017 và ước tính trữ lượng rừng sử dụng kết hợp dựa vào diện tích giải đoán. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau được giải đoán là 69.467,42 ha. Trong đó trữ lượng lâm phần rừng được ước tính trung bình là 27.858.719m ³ gỗ tại tỉnh Cà Mau. Việc sử dụng ảnh vệ tinh vào việc giải đoán trữ lượng sắc tố thực vật thời gian và công sức so với phương pháp thủ công truyền thống và quá trình giải đoán cần kết hợp với một số phần mềm có liên quan để hỗ trợ trong việc tính toán được chính xác và cho ra kết quả tốt hơn.
5039	Đại học	Xây dựng thang điểm cho các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Hoàng, Trà My	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài :“Xây dựng thang điểm cho các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục tiêu xác định mức độ ảnh hưởng và xây dựng thang điểm cho các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Các phương pháp thực hiện đề tài gồm có: phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, phương pháp điều tra bằng cách phỏng vấn chuyên gia và người dân sống trên địa bàn nghiên cứu, phương pháp phân tích và đánh giá các số liệu thu thập được. Kết quả nghiên cứu cho thấy Có 10 yếu tố chính ảnh hưởng đến giá đất tại quận Ninh Kiều: loại đô thị, vị trí, hình thể lô đất, điều kiện sinh lợi, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường, an ninh xã hội, quy hoạch sử dụng đất và tính pháp lý của thửa đất và một số yếu tố nhỏ khác như: phong thủy, đầu cơ nhà đất, lãi suất ngân hàng. Trong đó, yếu tố điều kiện sinh lợi chiếm 50%, yếu tố vị trí và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đều chiếm 15%, yếu tố cơ sở hạ tầng xã hội chiếm 10%, yếu tố hình thể lô đất và yếu tố môi trường đều chiếm 3%, yếu tố tính pháp lý của thửa đất và an ninh xã hội đều chiếm 2%. Các yếu tố loại đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các yếu tố nhỏ khác tuy có ảnh hưởng đến giá đất nhưng ảnh hưởng ở tầm vĩ mô Trên cơ sở phân tích, đánh giá các yếu tố đã đưa ra được thang điểm cho các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất làm cơ sở cho việc xác định giá đất chính xác và công bằng.

5040	Đại học	Ứng dụng viễn thám Modis và landsat 8 phục vụ công tác xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long năm 2017	Danh, Thị Cẩm Loan	Huỳnh, Thị Thu Hương	2018	Tỉnh Vĩnh Long đang thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành trồng trọt, đa dạng hóa cây trồng, phá thế độc canh cây lúa, tăng diện tích rau màu trên đất lúa; nâng cao chất lượng vườn cây ăn trái, đa dạng hóa cây trồng, nâng cao sử dụng tài nguyên đất đai kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu chung nghiên cứu phương pháp quản lý và cập nhật tình hình sử dụng đất hiệu quả tại tỉnh Vĩnh Long, với các mục tiêu cụ thể như sau: Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long năm 2017, đánh tiến độ thực hiện quy hoạch sử dụng đất lúa tỉnh Vĩnh Long năm 2017 so với quy hoạch sử dụng đất năm 2020, xác định khó khăn, trở ngại và đề xuất giải pháp, được tính toán dựa trên bộ ảnh viễn thám đa thời gian của vệ tinh MODIS ngày 01/01/2016 đến ngày 13/08/2017 và ảnh Landsat 8 giai đoạn 2016-2017 Phương pháp thu thập dữ liệu từ dữ liệu khảo sát điều tra, dữ liệu ảnh viễn thám MODIS và Landsat 8, dữ liệu bản đồ sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long và bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long năm 2020 Kết quả bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 được xây dựng với 6 hiện trạng sử dụng đất chính bao gồm: lúa, cây ăn quả, thổ cư, sông rạch, màu và lúa-màu. Kết quả tính toán độ chính xác toàn cục $T=86,98\%$, hệ số Kappa $K=0,82$. Tiến độ chuyển đổi đất lúa sang các dạng sử dụng đất khác theo quy hoạch 2020 của tỉnh được tính toán từ bản đồ kết quả giải đoán so với quy hoạch 2017 là đạt tiến độ đề ra. Đã xác định được một số khó khăn, trở ngại trong công tác quy hoạch chuyển đổi sử dụng đất và phương pháp quản lý sử dụng đất Tuy nhiên, do những giới hạn về thời gian và chi phí trong khuôn khổ một luận văn tốt nghiệp nên việc đánh giá hiện trạng sử dụng đất còn thiếu sót Đề nâng cao độ chính xác cho kết quả thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long cần có những dữ liệu bổ trợ từ ảnh viễn thám có độ phân giải cao kết hợp công tác điều tra thực địa nhằm thu thập được nhiều số liệu thật chính xác trong thời gian phù hợp Kết quả đề tài là cơ sở để đánh giá tình hình biến động diện tích sử dụng đất, kết hợp với 430 điểm khảo sát, điều tra thực địa để từ đó có hướng quy hoạch, đầu tư phát triển kinh tế theo tiềm năng sử dụng đất của địa phương theo quy hoạch sử dụng đất năm 2020, để đạt hiệu quả cao hơn trong tương lai.
------	---------	---	--------------------	----------------------	------	--

5041	Đại học	Ứng dụng webgis phục vụ quảng bá du lịch sinh thái Tỉnh Sóc Trăng	Hồ, Tấn Đạt	Trần, Văn Hùng Trương, Chí Quang	2018	Trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, cùng với sự tăng trưởng về kinh tế đồng thời khoa học kỹ thuật công nghệ cũng phát triển nhất là công nghệ thông tin. Cụ thể hơn, hệ thống thông tin địa lý - GIS (Geographic information system) trở thành công cụ hữu hiệu trong việc quản lý nguồn cơ sở dữ liệu không gian và phi không gian trong mọi lĩnh vực kinh tế xã hội. Những năm gần đây, công nghệ GIS phát triển mạnh mẽ cùng với sự bùng nổ của mạng Internet, cho phép chia sẻ thông tin qua hệ thống mạng toàn cầu với sự kết hợp giữa GIS và Web hay còn gọi là WebGIS. Và công nghệ này rất thích hợp trong công tác quảng bá hình ảnh du lịch của một khu vực hoặc một vùng. Nhờ khả năng xử lý dữ liệu lớn từ các cơ sở dữ liệu phức tạp, cung cấp thông tin nhanh và hiệu quả hơn là điều cần thiết đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin du lịch ngày càng cao của xã hội. Đề tài “Ứng dụng WebGIS phục vụ quảng bá du lịch sinh thái tỉnh Sóc Trăng nhằm mục đích ứng dụng kỹ thuật GIS để xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu hình học và phi hình học của các thông tin về du lịch sinh thái tỉnh Sóc Trăng, đảm bảo cho việc tìm kiếm dễ dàng, nhanh chóng hơn. Nhất là trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế thì việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cho tất cả các ngành nói chung và ngành du lịch nói riêng là một vấn đề tất yếu. WebGIS quảng bá du lịch sinh thái tỉnh Sóc Trăng được thiết kế và xây dựng trên cơ sở ứng dụng công nghệ mã nguồn mở GeoServer để trình bày các lớp bản đồ du lịch sinh thái tỉnh Sóc Trăng và được lưu trữ trong hệ quản trị CSDL PostgreSQL. Bằng các công cụ trên đề tài đã đạt được những kết quả cụ thể sau: Xây dựng thành công trang WebGIS giới thiệu các điểm du lịch sinh thái và các thông tin về du lịch với các chức năng tương tác bản đồ, tìm kiếm, hiển thị,... Hoàn thành việc thiết kế các chức năng và thiết kế giao diện trang WebGIS để cung cấp thông tin các điểm du lịch. Các tiện ích liên kết web giúp người dùng có thể tìm hiểu thêm về lĩnh vực du lịch, các dịch vụ du lịch, các tour du lịch và các thông tin liên quan. Với các chức năng như trên, WebGIS này sẽ cung cấp các thông tin chính xác và chi tiết về du lịch sinh thái, hỗ trợ tốt cho việc quảng bá hình ảnh du lịch sinh thái của tỉnh Sóc Trăng.
------	---------	---	-------------	-----------------------------------	------	--

5042	Đại học	Nghiên cứu các mô hình nông nghiệp đô thị có khả năng áp dụng tại thành phố Cà Mau	Lê, Hoàng Đệ	Võ, Quang Minh	2018	Đề tài “Nghiên cứu các mô hình NNĐT có khả năng áp dụng tại TP. Cà Mau” được thực hiện nhằm mục tiêu: xác định hiện trạng sử dụng đất TP. Cà Mau, hiện trạng canh tác các mô hình NNĐT. Từ đó tiến hành phân nhóm các mô hình NNĐT, lập bảng phân cấp các yếu tố thích nghi cho các kiểu sử dụng đất của các mô hình canh tác NNĐT Sau khi tiến hành thực hiện đề tài bằng các phương pháp tham khảo, phỏng vấn nông hộ, thu thập số liệu sơ cấp ta thấy trong khu vực TP. Cà Mau có sự xuất hiện của 2 loại mô hình canh tác NNĐT: rau trồng trong chậu và rau trồng trên đất. trong đó - Rau trồng trong chậu có 2 kiểu sử dụng đất + Rau ăn lá trồng trong chậu + Cây kiểng - Rau trồng trên đất có 3 kiểu sử dụng đất + Rau ăn lá trồng trên đất + Rau ăn quả + Cây ăn quả Với kết quả thu được thì phần lớn các kiểu sử dụng được canh tác với mục đích tiêu thụ trong gia đình nên tất cả các kiểu sử dụng đều có khả năng áp dụng do quy mô nhỏ. Khả năng về vốn, thị trường, nguồn lao động, thời gian chăm sóc, đất, nước, đều ảnh hưởng nhưng rất thấp. Yếu tố về diện tích (quy mô) là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất do các kiểu sử dụng được canh tác trong khu vực nội thị nên diện tích đất không nhiều. Với diện tích thấp làm ảnh hưởng đến số lượng chậu Kiểu sử dụng có mục đích kinh tế là rau ăn lá trồng trên đất, rau ăn quả, cây ăn quả. Kiểu sử dụng rau ăn quả có lợi nhuận cao nhất (tính theo giá trị trung bình) 11 triệu/năm. Tiếp đến là cây ăn quả có lợi nhuận 10 triệu/năm, rau ăn lá trồng trên đất có lợi nhuận thấp nhất là 6,2 triệu/năm Hiện tại người dân tiếp tục phát triển và tiếp tục giữ nguyên hiện trạng không có sự thay đổi trong thời gian sắp tới (ý kiến nông hộ) Những khó khăn khi canh tác là: thiếu diện tích đất canh tác trong nội đô, hiệu quả mang lại chưa cao do các mô hình chưa được chú trọng quan tâm. Bên cạnh những khó khăn thì tại khu vực cũng có những thuận lợi: nguồn nước cung cấp cho cây, giống có tại địa phương, nguồn vốn, lao động tận dụng thời gian rảnh.
------	---------	--	--------------	----------------	------	--

5043	Đại học	Đánh giá thực trạng giá đất chuyển nhượng trên địa bàn Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Tô Giang Phan, Hồng Vân	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài “ Đánh giá thực trạng giá đất chuyển nhượng trên địa bàn Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá được thực trạng giá đất chuyển nhượng trên một số tuyến đường chính trong địa bàn quận Cái Răng, đồng thời so sánh được sự thay đổi về giá đất chuyển nhượng qua các giai đoạn và những tác động đến giá chuyển nhượng để từ đó đưa ra được những đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn quận Cái Răng thành phố Cần Thơ. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp khảo sát qua ghi nhận thực tế và phỏng vấn người dân trên các tuyến đường chính trong quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ Qua quá trình nghiên cứu cho thấy: Được thành lập theo Nghị định số 05/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ, nhưng bắt đầu từ năm 2017, thị trường bất động sản trên địa bàn Quận Cái Răng mới sôi động và có sự chuyển biến rõ rệt Mức chênh lệch giữa bảng giá đất và giá chuyển nhượng thực tế còn rất cao. Trong khi đó giá đất chuyển nhượng theo hợp đồng lại thấp hơn rất nhiều so với giá quy định của Nhà nước từ thỏa thuận "ngầm" của các bên,từ đó tránh việc phải nộp thuế trước bạ cao. Đây là một thực trạng đáng lo ngại dẫn đến thất thu thuế, lệ phí của Nhà nước. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự biến động về giá đất khiến cho giá đất trên thị trường địa bàn bị biến động như hình thức và quan hệ mua bán trong giao dịch bất động sản hoặc gặp phải một số vấn đề khi mua đất trên địa bàn như giá cao, không rõ quy hoạch. Bên cạnh đó còn có các nguyên nhân khác ảnh hưởng như: vị trí, khả năng sinh lợi, cơ sở hạ tầng tại khu vực,....
5044	Đại học	Đánh giá thuận lợi - khó khăn thị trường bất động sản Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ trên cơ sở người sử dụng đất	Trần, Thị Tuyết Hương	Nguyễn, Thị Song Bình	2018	Đề tài "Đánh giá thuận lợi - khó khăn thị trường bất động sản quận Cái Răng thành phố Cần Thơ,trên cơ sở người sử dụng đất" được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá tình hình thị trường bất động sản trên địa bàn quận Cái Răng, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển thị trường Đề tài sử dụng các phương pháp thu thập số liệu, tài liệu có liên quan đến thị trường bất động sản qua các trang mạng và các bài báo cáo khoa học, thống kê có liên quan cùng với điều tra 60 phiếu tại Quận Cái Răng Kết quả cho thấy thực trạng bất động sản trên địa bàn quận Cái Răng được đánh giá tổ về cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, vị trí,điều kiện sinh lợi, giá đất .D đoán thị trường bất động sản quận Cái Răng giá sẽ tăng trong thời gian tới Để phát triển thị trường bất động sản cần phải có những giải pháp như: Đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng xã hội, cần tiến hành ra soát, tập trung xây dựng và hoàn thiện h thống pháp luật, các cơ chế chính sách phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất Tạo điều kiện cho các công ty kinh doanh nhà đất hoạt động trên thị trường.

5045	Đại học	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm ArcGis trong lập bản đồ địa hình phục vụ tính toán diện tích chính xác tại tỉnh An Giang	Phạm, Công Hân	Trương, Chí Quang	2018	Đất đai là tài nguyên thiên nhiên quý giá của mọi quốc gia, là tư liệu sản xuất chủ yếu đặc biệt và không thể bị thay thế, đất đai bị giới hạn về diện tích và không thể mở rộng theo ý muốn chủ quan của con người. Hiểu được tầm quan trọng của đất đai các nhà quản lý phải quản lý chặt chẽ về diện tích cũng như chất lượng để có những phương án sử dụng đất đai một cách tốt nhất tránh lãng phí. Tuy nhiên, đồng bằng sông Cửu Long là một vùng có địa hình tương đối bằng phẳng chính vì vậy mà công tác quản lý thửa đất chủ yếu là trên mặt phẳng 2D bằng phần mềm MicroStation thể hiện diện tích của thửa đất, đại đa số thửa đất bằng phẳng đều được số hóa bằng phần mềm MicroStation để phục vụ cho công tác thống kê, quản lý. Đối với huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang do là vùng đồi núi nên khi dùng phần mềm MicroStation thể hiện diện tích sử dụng đất thì chưa được chính xác. Trước khi trên đề tài “Nghiên cứu ứng dụng phần mềm ARCGIS trong lập bản đồ địa hình phục vụ tính toán diện tích chính xác tại tỉnh An Giang” nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý, tính toán diện tích bề mặt, thể tích thửa đất ở những nơi không bằng phẳng. Để tính toán được diện tích bề mặt, thể tích thửa đất vùng đất không bằng phẳng đề tài đã sử dụng kết hợp phân tích tương quan giữa các điểm lấy mẫu với sự hỗ trợ của phần mềm GSPlus, các số liệu thu thập tại các điểm lấy mẫu sẽ được sử dụng để nội suy, từ những điểm lấy mẫu đã biết sẽ nội suy được những điểm chưa biết với độ chính xác cao giúp lấp đầy những khoảng trống chưa lấy mẫu của vùng nghiên cứu giúp thành lập bản đồ nội suy thể hiện bề mặt địa hình, sự phân bố độ cao huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Từ kết quả nội suy bằng phần mềm GSPlus ta tiến hành xây dựng mô hình 3D, bản đồ đường contour trên phần mềm ARCGIS để thấy rõ sự thay đổi bề mặt của địa hình của vùng nghiên cứu. Mô hình 3D được xây dựng bằng phần mềm ARCGIS ta sẽ dễ dàng tính toán một cách chính xác diện tích, thể tích thông qua mô hình dữ liệu dạng TIN. Qua quá trình nghiên cứu đã thành lập được mô hình 3D thể hiện một cách trực quan địa hình vùng đồi núi Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang. Tính toán được diện tích thửa đất một cách chính xác tương đương với phần mềm chuẩn MicroStation đang sử dụng hiện nay. Đặc biệt là bằng phần mềm ArcGIS đã tính được diện tích bề mặt trên thửa đất không bằng phẳng thể hiện chính xác diện tích sử dụng thực mà người chủ sử dụng đất đang sở hữu. Bằng phương pháp nội suy ta có thể biết được những điểm dữ liệu chưa biết từ những điểm đã biết với độ chính xác cao giúp tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí.
------	---------	---	----------------	-------------------	------	---

5046	Đại học	Ứng dụng ảnh viễn thám đánh giá sự phát triển đô thị thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang giai đoạn năm 1997 đến năm 2016	Nguyễn, Thành Hiếu	Võ, Quốc Tuấn	2018	Đề tài đã xây dựng bản đồ phân bố đất đô thị thành phố Rạch Giá năm 1997 và năm 2016. Dựa trên sự phân bố đất đô thị tính toán, xác định diện tích đất đô thị của thành phố. Qua đó xây dựng được bản đồ biến động đất đô thị thành phố Rạch Giá giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2016 Đề tài áp dụng phương pháp phân loại ảnh dựa trên đối tượng để xây dựng bản đồ phân bố đô thị thành phố Rạch Giá năm 1997 có độ chính xác toàn cục $T = 85\%$ và hệ số Kappa = 0,7. Đối với bản đồ phân bố đô thị thành phố Rạch Giá năm 2016 độ chính xác toàn cục $T = 87\%$ và hệ số Kappa = 0,74. Qua đó có thể nhận định, phương pháp phân loại ảnh dựa trên đối tượng đạt hiệu quả cao trong nghiên cứu theo dõi biến động đất đô thị Kết quả thực hiện cho thấy diện tích đất đô thị năm 1997 là 423,8 ha chỉ chiếm 4,28 % tổng diện tích toàn thành phố thì đến năm 2016 diện tích đất đô thị là 1777 ha chiếm 17,10 % tổng diện tích toàn thành phố. Diện tích đô thị thành phố Rạch Giá từ năm 1997 đến năm 2016 đã tăng thêm 1353,2 ha tương đương tăng 13,67%.
5047	Đại học	Thành phần và mức độ phong phú các loài thủy sản ở cửa sông Bảy Háp và Cửa Lớn, tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Tuyết Trang	Trần, Đắc Định	2018	Nghiên cứu thành phần loài cá vùng cửa sông Bảy Háp và Cửa Lớn được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2017. Kết quả đã xác định được 59 loài cá thuộc 32 họ của 9 bộ. Trong đó, chiếm ưu thế là bộ Perciformes (bộ cá vược) chiếm 59,32%; thứ hai là bộ Clupeiformes (bộ cá trích) chiếm 15,25%; tiếp theo là bộ Pleuronectiformes (bộ cá bơn) chiếm 6,78%. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài cá vùng cửa sông Bảy Háp và Cửa Lớn đa dạng và phong phú. Sản lượng đánh bắt trên đơn vị khai thác CPUE có sự khác nhau giữa hai cửa sông. CPUE cao nhất ở bờ trái cửa sông Cửa Lớn với CPUEW = 3364 g/ha, CPUEN = 947 cá thể/ha. CPUE thấp nhất ở bờ phải sông Bảy Háp với CPUEW đạt 1495 g/ha, CPUEN đạt 511 cá thể/ha.
5048	Đại học	Khảo sát thành phần thực vật nổi (Phytoplankton) trên tuyến sông Mỹ Thanh ở các khu vực có độ mặn khác nhau trong mùa khô	Nguyễn, Ngọc Sơn	Vũ, Ngọc Út	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11, 2017 đến tháng 4, 2018 trên sông Mỹ Thanh, Sóc Trăng nhằm xác định thành phần loài và mức độ phong phú của thực vật nổi dưới sự thay đổi của độ mặn. Mẫu định tính và định lượng thực vật nổi (tảo) được thu định kỳ mỗi tháng lúc triều cao và triều thấp tại 3 địa điểm khác nhau trên sông Mỹ Thanh bao gồm cửa sông Mỹ Thanh, Mỹ Thanh 1 và Nhu Gia. Kết quả nghiên cứu ghi nhận được 170 loài tảo thuộc 5 ngành: tảo khuê (71 loài), tảo lục (37 loài), tảo mắt (29 loài), tảo giáp (17 loài) và tảo lam (16 loài). Thành phần TVN cao nhất tại cửa sông Mỹ Thanh và thấp nhất ở Nhu Gia. Tảo khuê và tảo giáp xuất hiện ở các địa điểm có độ mặn cao (cửa sông Mỹ Thanh và Mỹ Thanh 1) giảm dần khi độ mặn thấp (Nhu Gia). Tảo lục, tảo lam, tảo mắt thì ngược lại. Mật độ trung bình TVN trên tuyến sông Mỹ Thanh dao động từ 18.417-114.286 ct/L cao nhất tại cửa sông Mỹ Thanh và thấp nhất tại Mỹ Thanh 1. Mỹ Thanh 1 và cửa sông Mỹ Thanh có mật độ tảo khuê cao nhất. Ở Nhu Gia tảo lục, tảo mắt, tảo khuê có mật độ tương đương nhau.

5049	Đại học	Thành phần loài cá nghề lưới te-xiếp và sinh học sinh trưởng của cá phèn vàng (Polynemus paradiseus Linnaeus,1758) vùng ven biển Sóc Trăng	Huỳnh, Như Ý	Hà, Phước Hùng	2018	Nghiên cứu thành phần loài cá của nghề lưới te xiếp và sinh học sinh trưởng của cá phèn vàng (Polynemus paradiseus) vùng ven biển Sóc Trăng được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2018. Mẫu cá phân loại thu được bằng tàu của nghề lưới te xiếp và sinh học sinh trưởng của cá phèn vàng (Polynemus paradiseus). Mẫu được thu mỗi tháng 1 lần. Kết quả có 26 loài cá thuộc 9 bộ và 18 họ, thì bộ cá vược (Perciformes) chiếm ưu thế với 11 loài (37%), kế tiếp là bộ cá trích (Clupeiformes) với 5 loài (15%), đứng thứ ba là bộ cá bơn (Pleuronectiformes) với 3 loài (11%), đứng thứ tư là bộ cá da trơn (Siluriformes) với 2 loài (8%), các bộ còn lại chỉ xuất hiện 1 họ và 1 loài chiếm tổng tỉ lệ (30%). Bằng phương pháp hồi quy tương quan đã xác định được mối quan hệ rất chặt chẽ giữa chiều dài và khối lượng của loài cá thông qua phương trình tương quan chiều dài (L) và khối lượng (W) của cá phèn vàng (Polynemus paradiseus) là $W = 0.0031L^{3.2964}$, ($R^2 = 0.9911$). Các tham số tăng trưởng được xác định thông qua phương pháp ELEFAN áp dụng dạng đường cong tăng trưởng không mùa vụ. Chiều dài tiệm cận cực đại $L_{\infty} = 29$ cm, tốc độ tăng trưởng $K = 0.98/\text{năm}$. Chỉ số thực hiện tăng trưởng $\Phi' = 2.936$. Nhìn chung, thành phần loài cá phân bố ven biển Sóc Trăng ngày càng đa dạng, các chỉ tiêu sinh học, sinh trưởng của cá phèn vàng (Polynemus paradiseus) phát triển đúng theo quy luật tự nhiên.
5050	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của lưới kéo và đẩy te tại vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Bích Phương	Đặng, Thị Phụng	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12/2018 nhằm so sánh hiệu quả tài chính của lưới kéo và đẩy te tại vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng và cung cấp thông tin về hiệu quả tài chính của hai ngư cụ này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công suất máy của lưới kéo 33,7 CV và đẩy te 35,1 CV. Sản lượng khai thác thủy sản của lưới kéo thấp hơn so với đẩy te tương ứng là 60,8 kg/chuyến và 85,5 kg/chuyến và sản lượng cá giống của đẩy te là 2776,5 con/chuyến. Một chuyến biển lưới kéo thu được 7,5 triệu đồng/chuyến, lợi nhuận đạt được 5,4 triệu đồng/chuyến, và tỉ suất lợi nhuận 5,3 lần. Doanh thu của đẩy te cao hơn so với lưới kéo 14,6 triệu đồng/chuyến, lợi nhuận là 12,5 triệu đồng/chuyến, và tỉ suất lợi nhuận là 6,3 lần. Thuận lợi chủ yếu của ngư dân là gần ngư trường và có kinh nghiệm đánh bắt. Tuy nhiên, vấn đề vốn đầu tư và nguồn lợi suy giảm hiện nay là những trở ngại mà ngư dân gặp phải.

5051	Đại học	So sánh hiệu quả tài chính của nghề lưới rê và lưới kéo (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang	Châu, Đặng Như Ý	Nguyễn, Thanh Long	2018	Nghiên cứu hiệu quả tài chính của nghề lưới rê và nghề lưới kéo tỉnh Kiên Giang được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12/2018 ở tỉnh Kiên Giang thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 53 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo và 84 hộ làm nghề lưới rê. Nội dung bảng phỏng vấn bao gồm tàu khai thác, mùa vụ khai thác, ngư trường, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy tàu lưới kéo đơn có công suất trung bình là 47,8 CV/tàu và công suất của tàu lưới rê là 26,6 CV/tàu. Lưới kéo và lưới rê đều có thể khai thác quanh năm. Sản lượng khai thác trung bình của nghề lưới kéo và lưới rê lần lượt là 39,415 kg/năm và 3,057 kg/năm, và tỉ lệ cá tạp của lưới kéo là 22,83% và lưới rê là 16,8%. Tổng chi phí trung bình của tàu lưới kéo là 549 triệu đồng/năm, lợi nhuận là 338 triệu đồng/năm, và tỉ suất lợi nhuận 0,66 lần. Và lưới rê có tổng chi phí bình là 193 triệu đồng/năm, lợi nhuận là 143 triệu đồng/năm, và tỉ suất lợi nhuận là 0,73 lần.
5052	Đại học	Khảo sát thành phần loài và kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản của tàu lưới kéo và lưới rê (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang	Đặng, Kim Phụng	Nguyễn, Thanh Long	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 nhằm xác định được thành phần loài, kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới rê và lưới kéo ven bờ (20- 90 CV) tỉnh Kiên Giang. Đề tài đã tiến hành thu mẫu của 10 hộ ngư dân làm nghề lưới rê và lưới kéo ven bờ và 8 cơ sở thu mua với nội dung về thành phần loài khai thác, các loài thu mua, sản lượng, chi phí thu mua, kênh phân phối sản phẩm, những thuận lợi và khó khăn của cơ sở thu mua. Kết quả cho thấy mùa vụ khai thác của nghề lưới kéo và lưới rê khai thác quanh năm, sản lượng và tỉ lệ cá tạp của nghề lưới rê ($3,05 \pm 2,2$ tấn/năm; 16,8%) thấp hơn nghề lưới kéo ($39,41 \pm 15,9$ tấn/năm; 22,8%), kênh phân phối sản phẩm của lưới rê và lưới kéo chủ yếu là cơ sở thu mua chiếm tỷ lệ rất cao, đầu tư trung bình cho một cơ sở thu mua cần 367 ± 113 triệu đồng
5053	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng cá úc chấm (Arius maculatus Thunberg, 1792) phân bố dọc theo hạ lưu sông Hậu	Mai, Thị Ngọc Huyền	Võ, Thành Toàn Tô, Thị Mỹ Hoàng	2018	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng cá Úc chấm được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2018 dọc theo tuyến sông Hậu. Mẫu được thu bằng lưới cào dọc theo cửa sông Hậu đến Trần Đề và Định An, chu kì thu mẫu 2 tháng/lần. Mẫu cá Úc chấm sau khi thu được cố định ngay bằng dung dịch formol 10% và sau đó phân tích ở phòng nguồn lợi Thủy sản khoa Thủy Sản trường Đại học Cần Thơ. Tổng số mẫu phân tích là 155 và phân tích ở 2 nhóm kích cỡ (chiều dài chuẩn, SL) ở giai đoạn chưa thành thực (SL<12 cm) và giai đoạn thành thực (SL≥12 cm). Kết quả nghiên cứu cho thấy cá úc chấm có miệng to và co duỗi được, răng mịn và nhọn. Cá có thực quản, dạ dày và ruột dài, có vách dày với nhiều nếp gấp ở mặt trong. Cá Úc chấm là loài ăn tạp thiên về động vật, thức ăn chủ yếu của chúng gồm: giáp xác lớn, giáp xác chân chèo, hai mảnh vỏ, rong tảo; trong đó nhóm giáp xác chân chèo chiếm ưu thế (54%), thành phần thức ăn của cá úc chấm có sự thay đổi theo kích cỡ của chúng, ở giai đoạn cá chưa thành thực thức ăn chủ yếu là giáp xác chân chèo (23,3%), trong khi đó ở giai đoạn thành thực thức ăn của chúng chủ yếu là giáp xác lớn (16,6%), thành phần thức ăn của cá úc chấm có sự thay đổi theo mùa, ở cả mùa mưa và mùa khô thức ăn chính là giáp xác chân chèo và giáp xác lớn.

5054	Đại học	Đánh giá hiện trạng khai thác của nghề lưới kéo đơn (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang	Trần, Thị Mỹ Hằng	Nguyễn, Thanh Long	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 nhằm đánh giá hoạt động khai thác của nghề lưới kéo đơn (20-90 CV), như phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới kéo đơn (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 53 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo đơn với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy, tàu nghề lưới kéo đơn có công suất trung bình là 47,8 CV/tàu và trọng tải trung bình 8,5 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 39.415 kg/năm. Tổng chi phí trung bình của một năm là 549 triệu đồng/năm và lợi nhuận trung bình là 338 triệu đồng/năm. Nghề lưới kéo đơn có thời gian đánh bắt ngắn, hiệu quả tài chính thấp nhưng thu nhập tương đối ổn định nên cần định hướng quản lý, duy trì và phát triển để ổn định thu nhập cho ngư dân theo nghề này.
5055	Đại học	Đánh giá hiện trạng khai thác của nghề lưới rê (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang	Trương, Huỳnh Anh	Nguyễn, Thanh Long	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 nhằm đánh giá hoạt động khai thác của nghề lưới rê ven bờ, những thuận lợi và khó khăn, phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính của nghề lưới rê ven bờ (20-90 CV) tỉnh Kiên Giang. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 84 hộ ngư dân làm nghề lưới rê ven bờ với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới rê ven bờ có công suất trung bình là 26,6 CV/tàu và trọng tải trung bình 3,7 tấn/tàu. Năng suất khai thác trung bình là 120 kg/tàu/năm, trong đó tỉ lệ cá tạp chiếm 16,8 %. Tổng chi phí trung bình là 193 triệu đồng/năm và lợi nhuận trung bình là 143 triệu đồng/năm, với tỉ suất lợi nhuận là 0,73 lần. Nghề lưới rê có công suất nhỏ, thời gian đánh bắt ngắn, đem lại thu nhập cho ng dân. Chính vì vậy cần duy trì và phát triển nghề này ổn định.
5056	Đại học	Hiệu quả tài chính của nghề khai thác thủy sản vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Anh Đào	Đặng, Thị Phụng	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 tại vùng cửa sông huyện Trần Đề và huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng. Đề tài đã phỏng vấn 38 hộ ngư dân làm nghề khai thác thủy sản ở huyện Trần Đề và 33 hộ ngư dân ở huyện Cù Lao Dung nhằm đánh giá khía cạnh kỹ thuật và tài chính của nghề khai thác thủy sản, những thuận lợi và khó khăn của ngư dân để tìm ra giải pháp hợp lý phát triển nghề ổn định. Kết quả cho thấy, công suất tàu khai thác vùng cửa sông ở huyện Trần Đề và huyện Cù Lao Dung lần lượt là 30,6 CV/tàu và 28,2 CV/tàu. Sản lượng của các nghề khai thác ở huyện Trần Đề 14,8 tấn/năm và nghề khai thác ở huyện Cù Lao Dung là 13,4 tấn/năm, lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận của các nghề khai thác ở huyện Trần Đề (0,9 triệu đồng/chuyến; 0,3 lần) cao hơn các nghề khai thác ở huyện Cù Lao Dung (0,8 triệu đồng/chuyến; 0,2 lần). Khó khăn hiện nay là thời tiết biến đổi thất thường, thiếu vốn khai thác. Để các nghề khai thác ở hai địa bàn này phát triển ổn định cần đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản, tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận vốn với lãi suất thấp để đầu tư sản xuất và tập huấn ngư dân sử dụng các thiết bị khai thác.

5057	Đại học	Đa dạng thành phần loài tôm họ palaemonidae và penaeidae dọc tuyến sông Hậu Cần Thơ- Sóc Trăng	Trần, Phương Nam	Trần, Văn Việt	2018	Nghiên cứu sự đa dạng thành phần loài tôm họ Palaemonidae và Penaeidae dọc tuyến sông Hậu Cần Thơ – Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 9-11 năm 2018 qua 6 điểm từ Cần Thơ- cửa Trần Đề, ngọj cụ thu mẫu là ghe cào, lú và dớn, có 6 đợt thu mẫu, tần suất thu là 2 tuần/lần vào các ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng kết hợp đo độ mặn.Ngoài ra, nghiên cứu còn khảo sát 12 hộ khai thác để xác định thông tin tình hình khai thác, ngọj cụ thu mẫu là các ngọj cụ có sẵn ở địa phương ngọj dớn, lú. Kết quả cho thấy nguồn lợi giáp xác suy giảm,sản lượng khai thác được ngoài tự nhiên rất ít, đã xác định 7 loài thuộc hai họ tôm sông và tôm ngọj lợ, mặn, chỉ số đa dạng Shannon nằm trong khoảng từ 1,3 đến 1,6là ở mức trung bình và sự phân bố của hai họ tôm Palaemonidae và Penaeidaecó yếu tố tác động bởi độ mặn. Có nhiều nguyên nhân cho sự suy giảm ngọj môi trường, thu hẹp không gian sống và khai thác quá mức.
5058	Đại học	Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá úc chấm Arius maculatus(Thunberg, 1792) phân bố vùng hạ lưu sông Hậu.	Phạm, Thị Huyền	Trần, Đắc Định Tô, Thị Mỹ Hoàng	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Kết quả cho thấy mối tương quan giữa chiều dài và khối lượng thân cá úc chấm rất chặt chẽ theo phương trình $W=0,026L^{2,666}$, R^2 là 0,9232 (với chiều dài thân dao động từ 12,5-22,5 cm, khối lượng từ 18,99-92,44 g).Hệ số điều kiện CF của cá cái từ 0,026-0,028 cm/g, cá đực từ 0,025-0,028 cm/g. Hệ số thành thực GSI của cá cái cao nhất vào tháng 8 là 6,5%, tháng thấp nhất vào tháng 11 là 0,46%; cá đực cao nhất vào tháng 8 là 0,12%; thấp nhất vào tháng 9 là 0,05%. Hệ số tích lũy năng lượng HSI của cá cái cao nhất vào tháng 11 (1,67%) và thấp nhất vào tháng 9 (1,41%), cá đực cao nhất vào tháng 11 (1,48%) và thấp nhất vào tháng 8 (0,92%).Chiều dài thành thực đầu tiên của cá úc chấm là $L_m = 12,05$ cm (SL). Sức sinh sản của cá úc chấm khoảng 12-20 trứng/cá thể cái
5059	Đại học	Phân tích hiện trạng kinh tế-xã hội của các nghề khai thác thủy sản ở vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng	Đặng, Thị Thúy Trâm	Huỳnh, Văn Hiền	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018, thông qua phỏng vấn trực tiếp 70 hộ ở Sóc Trăng bằng bảng câu hỏi soạn sẵn. Mục tiêu nghiên cứu là nhằm phân tích một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội của các hộ ngư dân khai thác thủy sản ở vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng. Kết quả cho thấy nghề te có tỷ lệ số hộ tham gia cao nhất (31,0%) và nghề lưới kéo (28,9%), số hộ tham gia thấp nhất là nghề đáy sông (6,0%) và rập xếp (6,0%). Tổng thu nhập của hộ từ tất cả các hoạt động sinh kế trung bình là 623,0 triệu đồng/hộ/năm tương đương với 32,7 triệu đồng/người/năm. Đối với hoạt động của nghề khai thác thủy sản thì lưới rê có thu nhập cao nhất (78,4 triệu đồng/người/năm). Cơ cấu thu nhập từ các hoạt động sinh kế thì làm công nhân ở các khu công nghiệp có thu nhập cao nhất (63,2 triệu đồng/người/năm), thấp nhất là nghề thủ công mỹ nghệ với 24,0 triệu đồng/người/năm. Phân theo nhóm tuổi lao động thì tuổi 15-30 tuổi có thu nhập cao nhất (49 triệu đồng/người/năm).Dân tộc Kinh có thu nhập cao hơn so với các dân tộc còn lại (40-44 triệu đồng/người/năm) Điều kiện xã hội và cơ sở hạ tầng đường giao thông được ngư dân đánh giá là khá tốt..

5060	Đại học	Thành phần loài tôm biển họ palaemonidae và penaeidae tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Huỳnh, Thị Thu Thảo	Trần, Văn Việt	2018	Nghiên cứu thành phần loài tôm họ Palaemonidae và Penaeidae tại xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng là vùng nước lợ ngọt biến động theo mùa được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2018. Nghiên cứu đã khảo sát trên các thủy vực sông và kênh rạch. Mẫu tôm thu bằng lưới 12 cửa ngực có ở địa phương. Tần xuất thu mẫu 2 lần/tháng vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng. Bên cạnh đó, đề tài còn khảo sát 30 hộ khai thác thủy sản trong vùng để tìm hiểu hiện trạng về tình hình khai thác và nguồn lợi tôm nơi đây. Kết quả cho thấy nghề khai thác thủy sản đã có từ lâu đời nhưng bầy lồng xếp mới phát triển từ năm 2008 và xác định được 7 loài thuộc 2 họ tôm Palaemonidae và Penaeidae, trong đó họ Penaeidae chiếm ưu thế, các loài xuất hiện nhiều như: tôm đất (<i>Metapenaeus ensis</i>), tép rong (<i>Macrobrachium lanchesteri</i>), tép bạc (<i>Metapenaeus lysianassa</i>). Thành phần giống loài tôm 2 họ này kém đa dạng, chỉ số đa dạng Shannon – Wiener từ 0,4– 0,7, kết quả cho thấy năng suất tôm trong tự nhiên giảm nghiêm trọng.
5061	Đại học	Phân tích hoạt động của các hộ kinh doanh sản phẩm thủy sản khai thác ở vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Mỹ Huyền	Đặng, Thị Phụng	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8-12/2018 nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của các hộ kinh doanh sản phẩm thủy sản khai thác tại hai huyện Trần Đề và Cù Lao Dung ở tỉnh Sóc Trăng, thông qua phỏng vấn 39 hộ kinh doanh sản phẩm thủy sản khai thác. Kết quả nghiên cứu cho thấy sản lượng mua bán bình quân là 34,91 kg/ngày, trong đó hải sản chiếm 89,3%. Một số loài thủy hải sản được mua bán thường xuyên như cá khoai, cá đối, cá lóc, cua biển, tép gạo. Tổng chi phí bình quân mỗi tháng của hộ là 84,61 triệu đồng, trong đó chi phí biến đổi chiếm 99,7%. Tổng doanh thu bình quân hàng tháng của hộ là 94,04 triệu đồng và mang lại 9,43 triệu đồng về lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận đạt 0,11 lần. Khó khăn trong mua bán là (1) thời tiết; (2) bảo quản hải sản; (3) nguồn cung hạn chế và (4) bán chậm.
5062	Đại học	Phân tích đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá đù <i>Nibea soldado</i> (Lacepede, 1802)	Trịnh, Phi Trà	Mai, Viết Văn	2018	Nghiên cứu đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá đù <i>Nibea soldado</i> (Lacepede, 1802) được thực hiện tại vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Kết quả cho thấy cá đù có miệng rộng, rạch miệng xiên; răng hàm sắc và nhọn, không có răng năg; lược mang mảnh, dài và thưa, thực quản dài khoảng 1,5-1,8 cm, vách thực quản dày với nhiều nếp gấp; dạ dày hình chữ A, mặt trong dạ dày có nhiều nếp gấp; có 8-10 ống manh tràng; ruột ngắn, xếp thành 2 gấp khúc. Tỷ lệ giữa chiều dài ruột và chiều dài tổng (RLG) nhỏ hơn 1. Kích cỡ miệng cá dao động 2,86-4,83 cm, cho thấy cá đù là loài cá ăn động vật. thành phần thức ăn trong ống tiêu hóa cá đù gồm có ruốc, tôm, tôm tít, cua, cá nhỏ, mực và loại thức ăn không xác định. Có sự thay đổi phổ thức ăn ở các giai đoạn phát triển của cá đù, cá còn nhỏ thì ăn chủ yếu là ruốc trong khi cá trưởng thành thì ăn chủ yếu là cá con.

5063	Đại học	Khảo sát hiện trạng và hiệu quả tài chính của nghề lưới kéo xa bờ và gần bờ tại huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng	Quách, Thị Kiều Loan	Trương, Hoàng Minh	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12/2018 tại huyện Trần Đề Sóc Trăng. Kết quả cho thấy, số lượng tàu khai thác xa bờ của huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng thấp (241 tàu), công suất trung bình là 495,4 CV/tàu và tải trọng trung bình là 38,2 tấn/tàu. Số lượng tàu lưới kéo gần bờ là 163 tàu, công suất trung bình là 31,8 CV/tàu và tải trọng trung bình là 4,38 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình tàu lưới kéo xa bờ (857,3 tấn/tàu) cao hơn so với sản lượng tàu lưới kéo gần bờ (22,7 tấn/tàu). Tỷ lệ cá tạp của lưới kéo gần bờ cao chiếm 57,3% và tàu lưới kéo xa bờ chiếm 54,3%. Thu nhập và lợi nhuận của tàu lưới kéo xa bờ cao (2.421 triệu/đồng/năm; 881,2 triệu/đồng/năm) cao hơn tàu lưới kéo gần bờ (243,17 triệu/đồng/năm; 96,2 triệu/đồng/năm). Khó khăn chung hiện nay của nghề lưới kéo là thiếu người lao động, giá nhiên liệu tăng, nguồn lợi suy giảm, thời tiết xấu, giá bán sản phẩm khai thác thấp, thiếu vốn...
5064	Đại học	Khảo sát lực lượng lao động của các hộ khai thác thủy sản vùng cửa sông huyện Trần Đề và Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Cẩm Hằng	Huỳnh, Văn Hiền	2018	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 tại Sóc Trăng thông qua phỏng vấn trực tiếp 70 hộ ở Sóc Trăng (Trần Đề 35 hộ và Cù Lao Dung 35 hộ) bằng bảng câu hỏi soạn sẵn. Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm giải quyết lao động nhàn rỗi và nâng cao thu nhập cho người dân trong vùng nghiên cứu đồng thời. Bên cạnh đó giúp quản lý tốt các hoạt động thủy sản ven biển và những định hướng phát triển ổn định cho vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng. Kết quả cho thấy số nhân khẩu trung bình của hộ khai thác huyện Trần Đề là 2,3 người/hộ và huyện Cù Lao Dung là 2,5 người/hộ. Trong đó số người trong độ tuổi lao động là 44% ở Trần Đề và 62,5% ở Cù Lao Dung. Lao động nam giới lực lượng lao động chính trong gia đình chiếm 68,3% số lao động ở Trần Đề và chiếm 61,8% số lao động ở Cù Lao Dung. Đối với lao động tham gia khai thác thủy sản ở hai huyện Trần Đề và Cù Lao Dung chủ yếu nằm trong độ tuổi tham gia lao động (78,5% và 60,6%). Lực lượng lao động nam ở huyện Trần Đề chiếm 52% và ở huyện Cù Lao Dung lao động nam chiếm 52,2%. Thu nhập trung bình của một người lao động nhà trên tàu ở huyện Trần Đề là 168,1 triệu đồng/năm cao hơn so với huyện Cù Lao Dung thu nhập là 138,2 triệu đồng/năm. Chi phí để thuê một lao động trên tàu ở huyện Trần Đề là 77,1 triệu đồng/năm, huyện Cù Lao Dung là thuê một lao động trên tàu 57,7 triệu đồng/năm.

5065	Đại học	Đánh giá hiện trạng quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ vùng cửa sông, tỉnh Sóc Trăng	Võ, Văn Nhịn	Trần, Đắc Định	2018	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 thông qua phỏng vấn 106 hộ ngư dân tại 3 huyện Trần Đề, Cù Lao Dung, Long Phú của tỉnh Sóc Trăng, nhằm đánh giá thực trạng khai thác thủy sản và hiện trạng quản lý nguồn lợi thủy sản từ đó đưa ra các giải pháp quản lý góp phần bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững. Qua kết quả khảo sát đã xác định được 11 nghề khai thác thủy sản trong đó nghề lưới kéo và nghề te chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 40 và 35%, đồng thời việc ngư dân sử dụng kích thước mắt lưới nhỏ so với quy định để khai thác là khá phổ biến như nghề lưới kéo là $21,1 \pm 6,4$ (mm), nghề đáy sông $14,3 \pm 8,5$ (mm), đáy biển $17,1 \pm 6,8$ (mm) và nghề te $15,9 \pm 8,5$ (mm). Ngoài ra số hộ đăng ký ngư cụ với cơ quan chỉ ở mức trung bình chiếm 53% số mẫu và số hộ được tập huấn trong khai thác cũng chỉ 54% số mẫu tuy nhiên số hộ được tuyên truyền trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản là khá cao chiếm 73% số mẫu nhưng 92% số mẫu ngư dân cho rằng nguồn lợi thủy sản đang suy giảm với nguyên nhân sản lượng giảm là do khai thác quá mức (chiếm 60% số mẫu). Trong khi đó mức độ quan tâm của ngư dân về các hình thức để phát triển nguồn lợi thủy sản là khá cao trung bình là 7,5/10 điểm cho hình thức bảo tồn hệ sinh thái - phát triển du lịch và đồng quản lý trong khai thác. Nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp thiết thực và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản ở vùng cửa sông tỉnh Sóc Trăng
5066	Đại học	Thành phần loài và đặc điểm phân bố của các loài cá ở vùng cửa sông trần đề	Nguyễn, Trọng Thiên	Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu thành phần loài và mức độ phong phú của các loài cá được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2017 dọc theo tuyến Sông Hậu. Mẫu được thu bằng lưới kéo dọc theo cửa sông Trần Đề (mép Trần Đề, giữa sông và mép Cù Lao Dung) đến Đại Ngãi và An Lạc Tây. Chu kỳ thu mẫu 2 tháng/lần. Kết quả có trên 80 loài cá xuất hiện nằm trong 7 bộ và khoảng 20 họ khác nhau trong đó chiếm phần lớn là họ cá pè (Mullidae), họ cá lù đù (Sciaenidae), họ cá úc (Ariidae),... trong đó loài úc chấm chiếm ưu thế. Ngoài ra các loài khác có tần số xuất hiện không cao và sản lượng rất ít. Kết quả khảo sát các chỉ tiêu môi trường cho thấy pH dao động từ 6-7,6, nhiệt độ nước ít biến động chỉ từ 26,8-30,2oC, độ sâu của nước thấp nhất là 4,6 m ở Trần Đề và cao nhất là 16.5 m tại An Lạc Tây tùy theo thời điểm nước lên hay xuống trong ngày. Đặc biệt, độ mặn có sự khác biệt giữa các đợt thu tháng 7 ở cửa sông Trần Đề lên đến 10‰, tháng 9 0‰ và tháng 11 là 4‰.

5067	Đại học	Thành phần loài tôm họ penaeidae dọc theo sông cửa lớn tại huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau.	Trần, Thanh Điền	Trần, Văn Việt	2019	Khảo sát đa dạng thành phần giống loài tôm họ Penaeidae được nghiên cứu từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018 trên địa bàn sông Cửa Lớn thuộc huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau. Ngư cụ thu mẫu là đáy trên sông, có 3 điểm thu mẫu là cửa ông Trang, Sa Pho và ngã ba Tam Giang. Tần suất thu mẫu 2 lần/tháng vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, tổng cộng có 6 đợt thu mẫu. Ngoài ra còn khảo sát 15 hộ khai thác dọc theo tuyến sông này để xác định thông tin tình hình khai thác, hiệu quả khai thác. Mục đích nghiên cứu nhằm đánh giá tình hình khai thác và xác định thành phần loài và mức độ đa dạng của họ tôm Penaeidae. Kết quả cho thấy nghề đáy là nghề truyền thống nhưng tình hình nguồn lợi ngày càng giảm nghiêm trọng, đã xác định được 4 giống với 11 loài thuộc họ tôm Penaeidae, chỉ số đa dạng ở mức khá. Các giống tôm xác định được gồm có Metapenaeus, Parapenaeopsis, Penaeus, Fenneropenaeus. Đa số các loài thu được đều có vai trò quan trọng đối với nghề nuôi và khai thác thủy sản trên vùng nghiên cứu.2
5068	Đại học	Phân tích đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn cá lượng dài vây ngắn Nemipterus nemurus (Bleeker, 1857)	Trần, Quang Hiền	Mai, Viết Văn	2019	Cá lượng dài vây ngắn có tên khoa học là Nemipterus nemurus (Bleeker, 1857) đây là loài có thịt thơm ngon và kích cỡ thương phẩm lớn nên có giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá lượng dài vây ngắn được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018 tại vùng ven biển từ Sóc Trăng đến Cà Mau. Kết quả quan sát cho thấy, cá lượng dài vây ngắn có miệng vừa, rạch miệng xiên; Răng hàm sắc và nhọn, không có răng chó; Lược mang thưa, cứng và ngắn để giữ thức ăn; Thực quản ngắn, thành thực quản dày, có nhiều nếp gấp; dạ dày hình túi, to, thành dạ dày dày, mặt trong có nhiều nếp gấp; manh tràng có 8-10 ống; Ruột ngắn, thành ruột dày, xếp gấp khúc. Tỷ lệ giữa chiều dài ruột và chiều dài tổng (RLG) <1, cho thấy cá lượng dài vây ngắn là loài cá ăn động vật. Thành phần thức ăn trong ống tiêu hóa cá lượng dài vây ngắn gồm có cá, giáp xác, mực và thức ăn khác.
5069	Đại học	Khảo sát thành phần loài và kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Bé Mơ	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019 nhằm xác định thành phần loài và kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản, những thuận lợi và khó khăn của các cơ sở thu mua sản phẩm khai thác thủy sản. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 40 hộ khai thác thủy sản về sản lượng khai thác thủy sản. Trực tiếp thu mẫu thành phần loài ở 10 tàu khai thác thủy sản (5 tàu lưới kéo và 5 tàu lưới rê), Phỏng vấn 5 cơ sở thu mua với nội dung về thành phần loài, sản lượng thu mua, chi phí, kênh phân phối sản phẩm, những thuận lợi và khó khăn. Kết quả cho thấy sản lượng và tỉ lệ cá tạp của nghề lưới rê (14,1 tấn/năm, 7,8%) thấp hơn nghề lưới kéo (17,7 tấn/năm, 45,2%). Kênh phân phối sản phẩm của nghề lưới kéo và lưới rê chủ yếu là bán cho cơ sở thu mua (79,3%). Lợi nhuận của cơ sở thu mua (4,25±3,2 tỷ đồng/năm) với tỉ suất lợi nhuận là 0,16 lần. Khó khăn của cơ sở thu mua chủ yếu là cạn kiệt của nguồn nguyên liệu do ngư trường ngày càng bị thu hẹp, mùa vụ thu mua không ổn định.

5070	Đại học	Đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn cá lượng xám <i>Nemipterus marginatus</i> (Valenciennes, 1830)	Lê, Thị Như Ý	Mai, Viết Văn	2019	Cá lượng xám có tên khoa học là <i>Nemipterus marginatus</i> (Valenciennes, 1830) đây là loài có chất lượng thịt ngon và có giá trị thương mại cao. Nghiên cứu đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá lượng xám được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018 ở vùng ven biển từ tỉnh Sóc Trăng đến tỉnh Cà Mau. Kết quả quan sát cho thấy, Cá lượng xám có miệng vừa, rạch miệng tương đối ngắn, miệng hướng lên; răng hàm trên có trung bình từ 3 đến 5 đôi răng nanh nhỏ, hàm dưới có răng nhỏ, mịn, không có răng khấu cái; cơ miệng cá dao động từ 1,18 cm đến 2,34 cm; lược mang thưa, ngắn và cứng để giữ thức ăn; thực quản ngắn, vách thực quản dày, có nhiều nếp gấp; dạ dày hình túi, thành dày, co giãn, mặt trong có nhiều nếp gấp; manh tràng có nhiều ống; ruột ngắn, thành ruột dày, xếp gấp khúc. Tương quan giữa chiều dài ruột và chiều dài tổng (RLG) <1, cho thấy cá lượng xám là loài cá ăn động vật. Thành phần thức ăn trong ống tiêu hóa cá lượng xám gồm có giáp xác, cá, mực và thức ăn không xác định ở cả 2 nhóm chiều dài tổng ≤12 cm và >12 cm. Cá lượng xám có s thay đổi thức ăn trong các giai đoạn phát triển, cá nhỏ ăn chủ yếu là giáp xác trong khi đó cá lớn ăn chủ yếu là cá con. ống tiêu hóa, phổ
5071	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản cá lảnh canh (<i>Coilia rebentischii</i>) phân bố ở cửa sông Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thục Trinh	Võ, Thành Toàn Tô, Thị Mỹ Hoàng	2019	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá lảnh canh (<i>Coilia rebentischii</i> Bleeker, 1858) đã được tiến hành tại vùng cửa sông Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019 nhằm cung cấp thêm những thông tin mới, làm cơ sở cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu, phát triển đối tượng nuôi mới, phục vụ cho nghề nuôi trồng thủy sản ở địa phương. Mẫu cá được thu 30 cá thể/tháng, mẫu được trữ lạnh và đưa về phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu sinh học sinh sản tại Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả cho thấy ngư cụ khai thác cá này chủ yếu là lưới kéo. Hệ số điều kiện (CF) của cá trong thời gian nghiên cứu dao động từ 0,00017-0,00403. CF cao nhất vào tháng 11, CF thấp nhất vào tháng 9. Hệ số thành thực sinh dục (GSI) cao nhất vào tháng 1 và thấp nhất vào tháng 10. Hệ số tích lũy năng lượng (HSI) cao nhất vào tháng 1 và thấp nhất vào tháng 10. Tỷ lệ thành thực của cá cái và cá đực tăng cao vào tháng 12 và tháng 1. Nghiên cứu đã xác định được sức sinh sản tuyệt đối là 723.691 trứng/cá thể cái. Sức sinh sản tương đối là 212trứng/g cá cái.

5072	Đại học	Khảo sát thành phần loài và kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản ở tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn, Thị Ái Mỹ	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019 nhằm xác định được thành phần loài, kênh phân phối sản phẩm khai thác thủy sản, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới rê và lưới kéo ở tỉnh Bạc Liêu. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 40 hộ làm nghề lưới kéo và lưới rê để tìm hiểu về hoạt động khai thác thủy sản. Trực tiếp thu mẫu ở 5 tàu lưới rê và 5 tàu lưới kéo để xác định thành phần loài và phỏng vấn 5 cơ sở thu mua sản phẩm khai thác về thành phần loài, sản lượng thu mua, chi phí, kênh phân phối sản phẩm, những thuận lợi và khó khăn. Kết quả cho thấy nghề lưới kéo và lưới rê có thể khai thác quanh năm, ngư trường chủ yếu ở vịnh Thái Lan. Kênh phân phối của nghề lưới kéo chủ yếu là bán cho cơ sở thu mua (96,94%), bán lẻ (2,81%), tiêu thụ trong gia đình (0,26%). Kênh phân phối của nghề lưới rê thì không bán lẻ mà chủ yếu bán cho vựa chiếm 90,48% còn lại 9,52% tiêu thụ trong gia đình. Cơ sở thu mua đạt lợi nhuận $6,59 \pm 1,1$ tỷ đồng/năm, với tỉ suất lợi nhuận là 0,19 lần. Khó khăn lớn nhất là về giá cả không ổn định.
5073	Đại học	Thành phần loài cá của nghề lưới kéo và sinh học sinh trưởng cá lười trâu vảy to (<i>Cynoglossus arel</i> (Bloch & Schneider, 1801) vùng ven biển Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Ngọc Trâm	Hà, Phước Hùng	2018	Thành phần loài cá của nghề lưới kéo và sinh học sinh trưởng của cá lười trâu vảy to (<i>Cynoglossus arel</i>) vùng ven biển Sóc Trăng đã được thực hiện từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018. Kết quả xác định được 41 loài thuộc 9 bộ và 27 họ. Trong đó bộ cá vược (Perciformes) với 19 loài (chiếm 46,34%), kế tiếp bộ cá trích (Clupeiformes) với 6 loài (chiếm 14,63%), bộ cá da trơn (Siluriformes) và bộ cá bơn (Pleuronectiformes) với 4 loài (chiếm 9,76%), bộ cá chình (Anguilliformes) với 3 loài (chiếm 7,32%), bộ cá đối (Mugiliformes) với 2 loài (chiếm 4,88%). Trong đó bộ cá đuối (Myliobatiformes), cá mối (Synodontiformes), mang liềm Synbranchiformes) với 1 loài (chiếm 2,44%). Quan hệ chiều dài – khối lượng của cá lười trâu vảy to được xác định bởi phương trình hồi quy $W=0.0114L^{2.63}$ với $R^2=0.9515$. Các yếu tố tăng trưởng cá lười trâu vảy to là $L_{\infty}=45,28$ cm, với tốc độ tăng trưởng $K=0,38/\text{year}$, và $t_0=-0.26$ (year), chỉ số thực hiện tăng trưởng ($\Phi'=3,732$). Nói chung, có sự đa dạng thành phần loài của nghề lưới kéo vùng ven biển Sóc Trăng.
5074	Đại học	Một số đặc điểm sinh trưởng của cá lảnh canh <i>Coilia rebentischii</i> bleeker, 1858	Nguyễn, Huỳnh Ngọc	Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh trưởng của cá Lảnh Canh (<i>Coilia rebentischii</i> Bleeker, 1858) đã được tiến hành ở cửa sông huy Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 nhằm cung cấp thêm thông tin, làm cơ sở cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu, phát triển đối tượng mới, phục vụ cho nghề nuôi trồng thủy sản ở địa phương. Tổng số mẫu cá được nghiên cứu là 714 mẫu. Mẫu được trữ lạnh và đưa về phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu, đặc điểm sinh học theo quy trình phân tích mẫu của Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Cá Lảnh Canh (<i>Coilia rebentischii</i>) có sự tương quan chặt chẽ giữa chiều dài tổng và trọng lượng cơ thể với phương trình $W=0,0055 \cdot L^{2,8936}$, $R^2=0,8995$. Các tham số tăng trưởng $L_{\infty}=23,35$ cm với tốc độ tăng trưởng $K=0,51/\text{năm}$ và $t_0=-0,85$.

5075	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi cá lóc (channa striata) trong vèo ở thị xã ngã năm, tỉnh sóc trăng	Nguyễn, Thị Ngọc Dung	Trần, Văn Việt	2019	Nghiên cứu này đã được thực hiện từ tháng 01-05/2019 thông qua việc phỏng vấn 50 hộ nuôi cá lóc trong vèo ở Thị xã Ngã Năm bằng bảng câu hỏi được soạn sẵn. Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng nuôi và phân tích một số chỉ tiêu kỹ thuật, tài chính của các hộ nuôi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình nuôi với quy mô gia đình, các vèo chủ yếu đặt ở kênh rạch, thể tích nuôi trung bình của vèo 11,0 m ³ . Thời gian nuôi và kích cỡ thu hoạch trung bình lần lượt là 4,1 tháng và 686g/con. Tổng chi phí đầu tư trung bình là 13,6 ± 5,38 triệu đồng/m ³ /vụ, trong đó thức ăn chiếm hơn 81,6% tổng chi phí, nhưng lợi nhuận trung bình thu được chỉ từ 15,7 ± 5,5 triệu đồng/m ³ /vụ, đa số hộ nuôi có lợi nhuận.
5076	Đại học	Đặc điểm sinh học sinh sản cá đù ngán Dendrophysa russelii (Cuvier, 1829)	Hồ, Anh Tú	Mai, Viết Văn	2019	Nghiên cứu về một số đặc điểm sinh sản của cá đù Dendrophysa russelii được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 06 năm 2019. Kết quả phân tích cho thấy hệ số điều kiện (CF) của cá dao động từ 0,00024 đến 0,0092. CF của cá cao nhất vào tháng 2 (cá đực là 0,0092±0,0007) và tháng 3 (cá cái là: 0,00027±0,00005), thấp nhất vào tháng 5 (cá đực: 0,0082±0.001) và tháng 6 (cá cái là 0,00024±0,00002) . Hệ số thành thực sinh dục (GSI) cao nhất tháng 3 (cá cái: 3,48%), và tháng 4 (cá đực: 0,32%). GSI thấp nhất vào tháng 3 (cá đực: 0,17%) và tháng 4 (cá cái: 1,9%). Hệ số tích lũy năng lượng (HIS) cao nhất vào tháng 2 (cá cái: 0,72%) và tháng 6 (cá đực: 0,58%), HSI thấp nhất vào tháng 1 (cá cái: 0,29%, cá đực: 0,29%). Tỷ lệ thành thực tuyến sinh dục của cá cái và cá đực tăng từ tháng 2 đến tháng 5, cao nhất vào tháng 4 (cá cái: 100%; cá đực: 60%). Điều đó cho thấy mùa vụ sinh sản tự nhiên của cá đù ngán phân bố vùng biển Sóc Trăng-Cà Mau, sinh sản tập trung vào tháng 3 và tháng 4 trong 6 tháng nghiên cứu. Đường kính trứng giai đoạn III là 680±0,62 µm, đường kính trứng giai đoạn IV là 788±0,36 µm. Sức sinh sản tuyệt đối của cá đù ngán dao động từ 17.113 đến 200.832 trứng/g cá cái và sức sinh sản tương đối của cá là 1.010 trứng/g cá với khối lượng thân dao động từ 18,14 đến 113,92 g/cá thể. Mối tương quan chặt chẽ đã được tìm thấy giữa sức sinh sản tuyệt đối và khối lượng thân cá (r=0,98).
5077	Đại học	Phân tích hiện trạng kinh tế-xã hội của các nghề khai thác thủy sản ở vùng cửa sông tỉnh trà vinh	Sơn, Thị Kim Tuyền	Huỳnh, Văn Hiền	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2019 thông qua phỏng vấn trực tiếp 71 hộ ở Trà Vinh bằng câu hỏi soạn sẵn. Mục tiêu nghiên cứu là phân tích một số chỉ tiêu về kinh tế-xã hội của các hộ ngư dân khai thác thủy sản ở vùng cửa sông tỉnh Trà Vinh. Kết quả cho thấy nghề lưới kéo có tỷ lệ số hộ tham gia cao nhất (35,2%) và nghề lưới rê (21,1%). Số hộ tham gia thấp nhất là nghề câu (8,5%). Đối với hoạt động khai thác thủy sản thì lưới kéo có thu nhập cao nhất 10 triệu đồng/chuyến và lợi nhuận là 6,7±10,8 triệu đồng/chuyến. Cơ cấu thu nhập theo nhóm hộ có các hoạt động sinh kế thì hộ tham gia 4 hoạt động sinh kế có thu nhập cao nhất (20,2 triệu đồng/hộ/tháng). Phân theo nhóm tuổi lao động thì từ 51-60 tuổi có thu nhập cao nhất 12,7±7,7 triệu đồng/người/tháng. Nhóm tuổi từ 15-30 có thu nhập thấp nhất là 8,9±2,8 triệu đồng/người/tháng. Điều kiện xã hội và cơ sở hạ tầng đường giao thông được ngư dân đánh giá là rất tốt.

5078	Đại học	Phân tích đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn cá ba thú <i>Rastrelliger brachysoma</i> (Bleeker, 1851)	Trương, Trùng Dương	Mai, Viết Văn	2019	Cá ba thú có tên khoa học là <i>Rastrelliger brachysoma</i> (Bleeker, 1851) thuộc họ cá thu ngư Scombridae. Loài cá này có thịt thơm ngon nên có giá trị thương phẩm tương đối cao. Nghiên cứu đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá ba thú được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 tại vùng ven biển Sóc Trăng đến Cà Mau. Kết quả cho thấy, cá ba thú là loài ăn tạp có miệng rộng. Răng hàm rất nhỏ và nhiều, không có răng chó. Lược mang dày. Thực quản dài, thành thực quản mỏng, có 5-7 nếp gấp dọc bên trong thực quản. Dạ dày cá ba thú dài hình chữ V, một nhánh có thành dày với nhiều nếp gấp dọc, nhánh còn lại có thành mỏng và có độ đàn hồi cao. Manh tràng có trên 250 ống với một đầu bịt kín, đầu còn lại nối với dạ dày. Ruột cá dài, thành ruột mỏng, xếp thành nhiều cuộn. Chiều dài tương đối của ruột cá ba thú (RLG) >1, cho thấy cá ba thú là loài ăn tạp. Thành phần thức ăn trong dạ dày cá ba thú gồm có cá nhỏ, giáp xác, mùn bã hữu cơ và thức ăn khác.
5079	Đại học	Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá ba thú <i>Rastrelliger brachysoma</i> (Bleeker, 1851)	Trần, Minh Thư	Mai, Viết Văn	2019	Nghiên cứu “một số đặc điểm sinh học sinh sản cá ba thú <i>Rastrelliger brachysoma</i> (Bleeker, 1851)” đã được thực hiện tại vùng ven biển từ Sóc Trăng đến Cà Mau từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 06 năm 2019. Kết quả cho thấy quan hệ giữa chiều dài tổng và khối lượng thân cá khá chặt chẽ theo phương trình hồi qui $W=0,0133L^{2,9721}$ với $R^2=0,8598$ (cá đực) và $W=0,0771L^{2,3815}$ với $R^2=0,7956$ (cá cái). Hệ số điều kiện (CF) của cá cao nhất vào tháng 5 ($0,01384\pm0,0008$) ở cá đực và ($0,07977\pm0,0047$) ở cá cái, thấp nhất vào tháng 6 ($0,01304\pm0,0006$) ở cá đực và vào tháng 12 ($0,07473\pm0,0049$) ở cá cái. Hệ số thành thực sinh dục (GSI) cao nhất vào tháng 6 (7,29%) ở cá cái và tháng 3 (6,13%) ở cá đực, thấp nhất vào tháng 1 (2,82% ở cá cái và 1,66% ở cá đực). Hệ số tích lũy năng lượng (HSI) cao nhất vào tháng 2 (0,89%) ở cá đực và (1,60%) ở cá cái; thấp nhất vào tháng 6 (0,57%) ở cá đực và tháng 12 (0,97%) ở cá cái. Sức sinh sản tuyệt đối của cá ba thú từ 8.746 đến 159.697 trứng/cá cái, sức sinh sản tương đối là 516 trứng/g cá cái, đường kính trứng ở giai đoạn IV là $812,85\pm0,52\ \mu\text{m}$.
5080	Đại học	Hiệu quả tài chính của hoạt động khai thác hải sản vùng cửa sông tại tỉnh Trà Vinh	Trần, Ngọc Anh Thư	Đặng, Thị Phụng	2019	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 6/2019 nhằm cung cấp thông tin cho việc quản lý và phát triển nghề khai thác thủy sản vùng cửa sông tại tỉnh Trà Vinh. Sản lượng khai thác thủy sản của nhóm cố định (383,9 kg/chuyến) cao hơn so với nhóm di động (144,2 kg/chuyến). Lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận của nhóm cố định (1,3 triệu đồng/chuyến; 1,1 lần) thấp hơn nhóm di động (2,8 triệu đồng/chuyến; 1,3 lần). Thuận lợi chính của hoạt động khai thác là gần ngư trường và có kinh nghiệm đánh bắt. Vấn đề về vốn đầu tư và nguồn lợi suy giảm là những trở ngại cần được khắc phục. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản; tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận vốn với lãi suất thấp để đầu tư sản xuất và tập huấn ngư dân biết sử dụng các thiết bị khai thác nhằm tăng hiệu quả khai thác của ngư dân.

5081	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của cá dảnh (<i>puntioplites proctozystron bleeker</i> , 1865) phân bố ở búng bình thiên, tỉnh An Giang	Trịnh, Phương Tùng	Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh trưởng của cá dảnh <i>Puntioplites proctozystron</i> (Bleeker, 1865) đã được tiến hành ở Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 06 năm 2019. Tần xuất thu mẫu mỗi tháng thu một lần, tổng số mẫu thu được là 2126 cá thể, mẫu được trữ lạnh và đưa về phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu, đặc điểm sinh trưởng theo quy trình phân tích mẫu của Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả cho thấy hệ số điều kiện (CF) của cá dảnh được dao động từ 0,0057 đến 0,0072 (đạt cao nhất vào tháng 5) và cá cái dao động từ 0,0047 đến 0,0065 và cao nhất cũng vào tháng 5. Nghiên cứu đã xác định được $L_{\infty} = 28,94$ cm với tốc độ tăng trưởng $K = 0,81/\text{năm}$, $t_0 = -0,47$.
5082	Đại học	Đặc điểm sinh trưởng của cá úc chấm (<i>ariius maculatus</i>) phân bố vùng cửa sông cửu long	Trần, Ánh Ngọc	Tô, Mỹ Hoàng Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 5 năm 2019 tại Định An tỉnh Trà Vinh và Trần Đề - tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu tập trung đặc điểm sinh trưởng cá Úc chấm (<i>Arius maculatus</i>). Mẫu cá (50-60 con/lần) được thu mỗi tháng một lần. Cá Úc Chấm thuộc bộ Siluriformes và phân bố trong các thủy vực nước ngọt và lợ. Có sự tương quan giữa chiều dài và khối lượng của cá Úc Chấm theo phương trình hồi qui $W=0,0891 \cdot L^{2,2052}$ với $R^2 = 0,8605$. Các tham số tăng trưởng của đường cong tăng trưởng Von - Bertalanffy (chiều dài tiệm cận cực đại L_{∞} , hệ số tăng trưởng K và tuổi chiều dài bằng 0, t_0) của cá Úc chấm là: $L_{\infty} = 39,17$ cm, $K = 0,32/\text{năm}$, $t = -0,09$ năm. Từ
5083	Đại học	phân tích đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn cá đù ngán <i>Dendrophysa ruselii</i> (Cuvier, 1829)	Sơn, Thị Ngọc Hân	Mai, Viết Văn	2019	Cá đù ngán có tên khoa học là <i>Dendrophysa russelii</i> (Cuvier, 1829) là loài cá có chất thịt thơm ngon, có giá trị kinh tế lớn. Nghiên cứu về đặc điểm ống tiêu hóa và tính ăn của cá đù ngán được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 ở ven biển từ Sóc Trăng - Cà Mau. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá đù có miệng rộng, rạch miệng xiên, cỡ miệng dao động từ 1,53 cm đến 1,96 cm; răng hàm rất phát triển; lược mang thưa, ngắn và cứng; thực quản ngắn, vách dày, có nhiều nếp gấp; manh tràng có từ 5- 8 ống với một đầu bịt kín gắn vào ống tiêu hóa ở nơi tiếp giáp giữa dạ dày và ruột; ruột ngắn, vách dày, xếp gấp khúc. Chiều dài tương đối của ruột cá đù ngán (RLG) <1 , cho thấy cá đù ngán có tính ăn động vật. Thành phần thức ăn trong ruột cá đù ngán gồm có giáp xác, cá con, nhuyễn thể. Cá đù ngán không thay đổi thức ăn nhiều ở các giai đoạn phát triển.

5084	Đại học	Ảnh hưởng của các ion khoáng đa lượng đến sinh trưởng và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaus vannamei</i>)	Lê, Thùy Linh	Lê, Quốc Việt Trương, Quốc Phú	2018	Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 8 đến tháng 11/2018, nhằm xác định ảnh hưởng của một số ion khoáng đa lượng trong nước lên sinh trưởng và tỉ lệ sống của tôm thẻ chân trắng. Thí nghiệm được bố trí gồm 6 nghiệm thức mỗi nghiệm thức lặp lại 4 lần. các nghiệm thức thí nghiệm gồm: NT1: không bổ sung khoáng; NT2: không bổ sung Ca^{2+} ; NT3: không bổ sung Mg^{2+} ; NT4: không bổ sung K^{+} ; NT5: không bổ sung SO_4^{2-} ; NT6: bổ sung đủ 4 loại khoáng. Nước dùng trong thí nghiệm có nồng độ 17ppt (nước ót pha với nước máy). Tôm thí nghiệm có kích cỡ 1,7 g được thuần hóa trong bể 2 m ³ từ 1–3 ngày cho đến độ mặn theo yêu cầu thí nghiệm. Tôm được bố trí trong bể kính 30L với mật độ 10 con/30L. Tôm được cho ăn thỏa mãn bằng thức ăn 40% protein. Mẫu nước được thu mỗi tuần để xác định hàm lượng các khoáng đa lượng. Kết thúc thí nghiệm, thu toàn bộ tôm để xác định tốc độ và tỉ lệ sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy hàm lượng Ca^{2+} và Mg^{2+} giảm nhiều nhất, K^{+} và SO_4^{2-} giảm không đáng kể. Tỉ lệ sống của tôm ở các nghiệm thức không bổ sung một loại khoáng thấp hơn so nghiệm thức bổ sung đầy đủ 4 loại khoáng và không bổ sung khoáng. Tỉ lệ các loại khoáng thay đổi lớn ở các nghiệm thức thí nghiệm. Hàm lượng khoáng không ảnh hưởng đến độ đàn hồi của cơ thịt tôm.
5085	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản của cá sừ răng nhỏ <i>Panna microdon</i> (Bleeker, 1849) vùng ven biển tỉnh Cà Mau	Võ, Đặng Thanh Trúc	Trần, Đắc Định	2019	Cá sừ răng nhỏ có tên khoa học là <i>Panna microdon</i> , là loài cá có giá trị kinh tế cao nên được khai thác khá phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu về đặc điểm sinh học sinh sản của cá sừ răng nhỏ <i>Panna microdon</i> (Bleeker, 1849) ở vùng ven biển tỉnh Cà Mau được tiến hành từ tháng 7-11 năm 2019. Kết quả cho thấy các hệ số CF, GSI, HSI của loài cá này có sự khác biệt giữa cá đực và cái. Kết quả cũng cho thấy tương quan giữa chiều dài và khối lượng cá rất chặt chẽ theo phương trình $W_{cá\ cái}=0,0032*L_{3,2928}^3$, $R^2=0,9361$ (chiều dài 15,6-30,2 cm, khối lượng 26,3-271,2 g) và $W_{cá\ đực}=0,005*L_{3,1513}^3$, $R^2=0,9344$ (chiều dài 15,1-29,6 cm, khối lượng 29,38-183,36 g). Hệ số điều kiện (CF) của cá cái cao nhất vào tháng 9 và thấp nhất vào tháng 7, ở cá đực cao nhất vào tháng 11 và thấp nhất tháng 8. Hệ số thành thực sinh dục (GSI) cá cái cao nhất vào tháng 7 và thấp nhất vào tháng 9, ở cá đực cao nhất vào tháng 8 thấp nhất vào tháng 10. Hệ số tích lũy năng lượng (HSI) của cá cái cao nhất vào tháng 8 thấp nhất vào tháng 10, ở cá đực có giá trị cao nhất vào tháng 8 thấp nhất vào tháng 10. Sức sinh sản tuyệt đối của cá sừ răng nhỏ dao động từ 43.480 đến 246.911 trứng/cá thể tương ứng với chiều dài 20,8-30,2 cm. Sức sinh sản tương đối của cá là 678 trứng/g cá thể.

5086	Đại học	Khảo sát biến động thành phần loài và sản lượng cá úc họ ariidae phân bố dọc theo hạ lưu sông Hậu	Nguyễn, Thị Kim Thảo	Trần, Đắc Định	2018	Nghiên cứu thành phần loài và biến động sản lượng của cá úc họ Ariidae được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2018 dọc theo tuyến hạ lưu sông Hậu. Mẫu được thu bằng lưới cào tại 5 điểm (Định An, Trần Đề, Đại Ngãi, An Lạc Tây và Cái Cui) với chu kì thu mẫu 2 tháng/lần. Kết quả cho thấy có 6 loài cá úc họ Ariidae xuất hiện trong vùng nghiên cứu. Trong đó cá úc chấm (<i>Arius maculatus</i>) là loài chiếm ưu thế nhất chiếm 69,4%, cá úc thép (<i>Osteogeneiosus militaris</i>) tăng suất xuất hiện tương đối nhiều tại các điểm thu mẫu chiếm tỉ lệ 24,5%, cá úc nghệ (<i>Arius nenga</i>) xuất hiện với số lượng ít (2,4%) , cá úc nghệ (<i>Arius venosus</i>) xuất hiện với sản lượng thấp (2,3%), cá úc anh (<i>Hemiarus verrucosus</i>) xuất hiện với sản lượng rất thấp (0,3%), cá úc mím (<i>Cephalocassis borneensis</i>) xuất hiện với sản lượng rất thấp 1,1%, các loài có kích thước tương đối nhỏ. Chỉ số đa dạng tại các vùng dao động trong khoảng $H' = 0-0,93$ cho thấy ở khu vực nghiên cứu kém đa dạng. Các chỉ số môi trường cũng được ghi nhận: pH (5,9-8,7), nhiệt độ nước ít biến động (28,6-30,7 0C), trong khi độ mặn biến động lớn (0-12ppt) từ vùng nước ngọt ra vùng cửa sông. Kết quả cũng cho thấy sản lượng CPUE tăng dần khi tiến gần về cửa sông. Sản lượng CPUE cao nhất ở vùng cửa sông Trần Đề là $1693,58 \pm 1442,98$ g/ha; 204 ± 118 cá thể/ha), tiếp đến là khu vực cửa sông Định An thu được sản lượng trung bình là $1273,09 \pm 1109,09$ g/ha; 125 ± 121 cá thể/ha và khu vực Cái Cui không thu được sản lượng cá úc.
5087	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Bạc Liêu	Võ, Chí Toàn	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Bạc Liêu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Có 40 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo xa bờ được phỏng vấn với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác, hiệu quả tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo xa bờ có công suất trung bình là 352 CV/tàu và trọng tải trung bình 28 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 16.390 kg/tàu/chuyến biển, trong đó tỉ lệ cá tạp chiếm 42,0%. Tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 223 triệu đồng và lợi nhuận trung bình là 47,9 triệu đồng/chuyến biển, với tỉ suất lợi nhuận là 0,21 lần.

5088	Đại học	Thành phần loài cá ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và sinh học sinh trưởng cá sặc bươm(<i>Trichopodus trichopterus</i> (Pallas,1770))	Trần, Thị Thúy Ngoan	Hà, Phước Hùng	2019	Nghiên cứu thành phần loài và sinh học sinh trưởng của cá sặc bươm <i>Trichopodus trichopterus</i> ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019. Mẫu được thu bằng nhiều loại ngư cụ khác nhau. Mẫu được thu mỗi tháng một lần. Kết quả nghiên cứu đã thu được 38 loài, 19 họ, 7 bộ. Trong đó, bộ cá vược (<i>Perciformes</i>) chiếm số lượng cao nhất với 13 loài (34,21%), tiếp đến là bộ cá chép (<i>Cypriniformes</i>) với 9 loài (23,68%), bộ cá da trơn (<i>Siluriformes</i>) với số lượng 8 loài (21,05%), bộ mang liềm (<i>Synbranchiiformes</i>) với 4 loài (10,53%), bộ cá nhúi (<i>Belontiiformes</i>) với 2 loài (5,26%). Trong khi bộ cá đối (<i>Mugiliformes</i>) và bộ cá thát lát (<i>Osteoglossiformes</i>) chiếm số lượng loài thấp nhất, mỗi bộ chỉ có 1 loài (2,63%). Bằng phương pháp hồi quy tuyến tính đã xác định được mối quan hệ rất chặt chẽ giữa chiều dài tổng (L) và khối lượng thân (W) của loài cá sặc bươm <i>Trichopodus trichopterus</i> thông qua phương trình giữa chiều dài tổng và khối lượng thân là $W=0,00002L^{3,005}$, với hệ số xác định $R^2=0,9566$. Các tham số tăng trưởng được xác định thông qua phương pháp ELEFAN áp dụng dạng đường cong tăng trưởng không mùa vụ (Non seasonal). Chiều dài tiệm cận cực đại $L_{\infty}=134,56$ mm, tốc độ tăng trưởng $K=0,99$ /năm, $t_0= -0,52$ năm. Chỉ số thực hiện tăng trưởng ($\Phi'=4,262$). Nói chung, có sự đa dạng thành phần loài phân bố ở huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
5089	Đại học	Thành phần loài cá huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và sinh học sinh trưởng cá chót trắng <i>Mystus gulio</i> (Hamilton,1822)	Trần, Hồng Thắm	Hà, Phước Hùng	2019	Nghiên cứu thành phần loài và sinh học sinh trưởng của cá chót trắng (<i>Mystus gulio</i>) ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019. Mẫu được thu bằng nhiều loại ngư cụ. Mẫu được thu mỗi tháng một lần. Kết quả có 39 loài, 19 họ, 7 bộ. Trong đó, bộ cá Vược (<i>Perciformes</i>) chiếm số lượng cao nhất với 13 loài (33,6%), tiếp đến là bộ cá Chép (<i>Cypriniformes</i>) với 10 loài (25,6%), bộ cá Da trơn (<i>Siluriformes</i>) với số lượng 7 loài (18%), bộ Mang liềm (<i>Synbranchiiformes</i>) với 5 loài (12,8%), bộ Cá lìm kìm (<i>Belontiiformes</i>) với 2 loài (5,13%). Trong khi bộ Cá đối (<i>Mugiliformes</i>) và bộ cá Thát lát (<i>Osteoglossiformes</i>) chiếm số lượng loài thấp nhất, mỗi bộ chỉ có một loài (2,5%). Bằng phương pháp hồi quy đã xác định được mối quan hệ rất chặt chẽ giữa chiều dài tổng và khối lượng thân của loài cá Chót trắng (<i>Mystus gulio</i>) thông qua phương trình giữa chiều dài tổng (L) và khối lượng thân (W) là $W=0,00005L^{2,7293}$, với hệ số $R^2=0,91238$. Các tham số tăng trưởng được xác định thông qua phương pháp ELEFAN áp dụng dạng đường cong tăng trưởng không mùa vụ (Non seasonal). Chiều dài tiệm cận cực đại $L_{max}= 201.42$ mm, tốc độ tăng trưởng $K= 1.10$ /năm, $t_0= -0.38$ năm.

5090	Đại học	Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá uớp mồm nhọn Chrysochir aureus (Richardson, 1846)	Trần, Thị Trúc Ly	Mai, Viết Văn	2019	Đề tài “Một số đặc điểm sinh học sinh sản cá uớp mồm nhọn Chrysochir aureus (Richardson, 1846)” đã được thực hiện tại vùng ven biển Sóc Trăng - Bạc Liêu từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2019. Kết quả phân tích cho thấy hệ số điều kiện (CF) của cá dao động từ 0,00000955 đến 0,00001046. Hệ số điều kiện (CF) cao nhất vào tháng 9 ($0,00001046 \pm 0,00000057$) ở cá cái và vào tháng 11 ($0,00001022 \pm 0,00000012$) ở cá đực, CF thấp nhất vào tháng 11 ($0,00000982 \pm 0,00000075$) ở cá cái và vào tháng 9 ($0,00000955 \pm 0,00000133$) ở cá đực. Hệ số thành thực sinh dục (GSI) của cá cao nhất vào tháng 8 (cá cái: 4,784%; cá đực: 1,66%), thấp nhất vào tháng 11 (cá cái: 0,813%; cá đực 0,203%). Hệ số tích lũy năng lượng (HSI) của cá cao nhất vào tháng 9 (1,888%) ở cá cái và vào tháng 8 (1,25%) ở cá đực, thấp nhất vào tháng 11 (1,221%) ở cá cái và vào tháng 9 (0,994%) ở cá đực. Đường kính trứng của cá ở giai đoạn III là $766,3 \pm 50,6 \mu\text{m}$, ở giai đoạn IV là $1013,6 \pm 72 \mu\text{m}$. Tỷ lệ thành thực tuyến sinh dục của cá cái và cá đực tăng từ tháng 8 đến tháng 9, cao nhất vào tháng 9 (cá cái: 78,95% ; cá đực: 50%). Sức sinh sản tuyệt đối của cá uớp mồm nhọn dao động từ 123,392 đến 822,206 trứng/cá thể. Sức sinh sản tương đối của cá 1578 trứng/g cá cái với khối lượng thân dao động từ 90,68 đến 566,71g/cá thể. Mối tương quan thấp đã được tìm thấy giữa sức sinh sản tuyệt đối và khối lượng thân cá ($r=0,29$).
5091	Đại học	Vai trò của thủy sản trong sinh kế của cộng đồng ở vùng đệm, vườn quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Trần, Hoàng Long	Trần, Văn Việt	2019	Nghiên cứu tình hình sinh kế tình hình sinh kế cộng đồng ở vùng đệm và vai trò của thủy sản trong sinh kế của cộng Vườn Quốc Gia U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang, nghiên cứu tại vùng đệm của VQG tọa lạc tại 2 xã Minh Thuận và An Minh Bắc huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang, thời gian thực hiện từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2019. Nghiên cứu đã khảo sát trực tiếp ngẫu nhiên 100 hộ. Kết quả cho thấy đa số cộng đồng sống nơi đây là trên 27 năm, diện tích canh tác là 4 ha/hộ, mỗi hộ có 4-5 người/hộ, sinh kế bằng trồng lúa $5,7 \pm 1,0$ tấn/ha/vụ, chuối và hoa màu thu nhập trung bình 35.000.000 đồng/ha/vụ, hiện diện tích rừng tràm bị giảm nghiêm trọng, do không hiệu quả kinh tế. Có 43 hộ tham gia nuôi trồng thủy, 10 hộ khai thác với quy mô nh do nguồn lợi thủy sản suy giảm nghiêm trọng, sinh kế cộng đồng còn nhiều khó khăn như khó tiêu thụ nông sản, bị thương lái ép giá, các hộ trồng mía không có lợi nhuận, trồng lúa hiệu quả kém. Do đó cần hỗ trợ từ VQG và nỗ lực của mỗi cá nhân thì sinh kế mới ổn định lúc đó việc bảo vệ tài nguyên trong VQG sẽ thuận lợi hơn

5092	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaues vannamei</i>) trong ao đất ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu	Tạ, Ngọc Quyên	Huỳnh, Văn Hiền	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 thông qua phỏng vấn 60 hộ (Sóc Trăng 30 hộ và Bạc Liêu 30 hộ) nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao đất nhằm đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy những hộ nuôi ở Sóc Trăng có qui mô diện tích lớn hơn (11.933,3 m ² /hộ) so với qui mô nuôi tôm TCT thâm canh ở Bạc Liêu (8.740 m ² /hộ). Mật độ thả nuôi ở Sóc Trăng cao hơn so với Bạc Liêu (42,93 con/m ² so với 30,67 con/m ²), thời gian nuôi ngắn hơn (2,75 tháng/vụ so với 3,22 tháng/vụ). Hệ số FCR của mô hình nuôi tôm TCT ở Sóc Trăng và Bạc Liêu lần lượt là 1,11 lần và 1,36 lần và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) Năng suất của mô hình nuôi tôm TCT ở Sóc Trăng cao hơn Bạc Liêu (2,94 tấn/ha/vụ so với 2,19 tấn/ha/vụ). Chi phí sản xuất cho mô hình nuôi tôm TCT ở Sóc Trăng (215,64 triệu đồng/ha/vụ) cũng cao hơn so với Bạc Liêu (174,86 triệu đồng/ha/vụ) và lợi nhuận cũng cao hơn (187,17 triệu đồng/ha/vụ so với 117,24 triệu đồng/ha/vụ). Tuy nhiên, nghề nuôi tôm hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn như dịch bệnh, thiếu vốn sản xuất, nguồn nước ô nhiễm và thời tiết biến đổi thất thường.
5093	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo vùng lộng ở tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Ngọc Hân	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo ở vùng lộng tỉnh Sóc Trăng được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới kéo vùng lộng ($L = 12 - < 15$ m). Có 50 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo đơn được phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi soạn sẵn với những thông tin về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo đơn có công suất trung bình là 84,0 CV/tàu và trọng tải trung bình 10,6 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 15,9 tấn/năm và tỉ lệ cá tạp chiếm 33,8% khối lượng khai thác. Với tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 10,6 triệu đồng, đã đem lại lợi nhuận là 18,8 triệu đồng/chuyến biển và tỉ suất lợi nhuận là 0,56 lần.
5094	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Cà Mau	Lê, Phương Uyên	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Cà Mau được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Có 40 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo xa bờ được phỏng vấn với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác, hiệu quả tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo xa bờ có công suất trung bình là 211 CV/tàu và trọng tải trung bình 31,2 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 73,1 tấn/tàu/năm, trong đó tỉ lệ cá tạp chiếm 18,1%. Tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 367 triệu đồng/chuyến và lợi nhuận trung bình là 95 triệu đồng/chuyến, với tỉ suất lợi nhuận là 0,26 lần

5095	Đại học	Hình thái phân loại một số loài cá thuộc họ cá Úc (Ariidae) phân bố tại Cần Thơ và Sóc Trăng	Phạm, Thị Ngọc Tuyền	Võ, Thành Toàn Tô, Thị Mỹ Hoàng	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2019. Kết quả có 5 loài cá úc họ (Ariidae) xuất hiện dọc theo sông Hậu. Trong đó cá úc chấm chiếm ưu thế, xuất hiện ở cả Cần Thơ và Sóc Trăng. Kết quả cho thấy mối tương quan giữa chiều dài và khối lượng của cá úc chấm rất chặt chẽ theo phương trình là $W=0,0154*L2,7896$, R^2 là 0,9459 (với chiều dài thân dao động từ 11,9- 22 cm, khối lượng từ 14,64-69,75 g). Tương quan giữa chiều dài và khối lượng cá úc thép rất chặt chẽ theo phương trình là $W=0,0149*L2,7982$, R^2 là 0,9445 (với chiều dài thân dao động từ 15,95-28 cm, khối lượng từ 28,43-143,35) . Mối tương quan giữa chiều dài và khối lượng của cá úc mím chặt chẽ theo phương trình $W=0,0094*L2,9355$, R^2 là 0,8643 (với chiều dài thân dao động từ 10,6-19 cm, khối lượng từ 19,8-51,29).
5096	Đại học	Một số đặc điểm sinh học cá Niên (<i>Onychostoma gerlachi</i> Peters, 1881) phân bố ở tỉnh Kon Tum	Phan, Thị Trúc Linh	Võ, Thành Toàn	2019	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học của cá niên được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019. Kết quả cho thấy mối tương quan giữa chiều dài và khối lượng thân cá niên chặt chẽ theo phương trình $W=0,0109*L2,861$, R^2 là 0,8196(cá cái); $W=0,0073*L3,0907$ (cá đực) với chiều dài thân dao động từ 8,4-25,3 cm, khối lượng từ 4,32-150,73 g. Hệ số điều kiện CF của cá cái từ 0,0029-0,0106 g/cm, cá đực từ 0,0025-0,00053 g/cm. Hệ số thành thực GSI của cá cái cao nhất vào tháng 7 là 2,43%, tháng thấp nhất vào tháng 9 là 0,44%; cá đực cao nhất vào tháng 7 là 2,64%; thấp nhất vào tháng 10 là 0,3%. Hệ số tích lũy năng lượng HSI của cá cái cao nhất vào tháng 7 (1,67%) và thấp nhất vào tháng 10 (0,048%), cá đực cao nhất vào tháng 7 (0,87%) và thấp nhất vào tháng 9 (0,43%).
5097	Đại học	Thành phần và sản lượng các loài thủy sản kinh tế khai thác ven bờ tỉnh Tiền Giang	Lâm, Tú Ngân	Trần, Đắc Định	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 05/2019 ở vùng cửa sông thuộc tỉnh Trà Vinh thông qua phỏng vấn trực tiếp 32 hộ lưới kéo, 20 hộ lưới rê và 18 hộ rập xếp nhằm xác định sự đa dạng về thành phần loài và sản lượng khai thác. Qua kết quả khảo sát cho thấy các loài thủy sản kinh tế phổ biến như <i>Parapenaeopsis hardwickii</i> , <i>Johnius borneensis</i> , <i>Parapenaeopsis gracillima</i> , <i>Polynemus melanochir</i> , <i>Fenneropenaeus merguensis</i> , ...; trong đó đối với lưới kéo loài chiếm tỉ lệ cao nhất là <i>P. hardwickii</i> (17,97% tổng SLKT); nghề lưới rê là <i>Harpadon nehereus</i> (57,68%); nghề rập xếp là <i>J. borneensis</i> (28,37% tổng SLKT). Về sản lượng của nghề lưới rê, lưới kéo và rập xếp lần lượt là 155,33kg/chuyến, 217,85kg/chuyến và 110,94 kg/chuyến; và lợi nhuận tương ứng lần lượt 5,27 triệu/chuyến, 4,30 triệu/chuyến và 2,77triệu/chuyến. Nghề lưới kéo mặc dù có sản lượng cao nhất nhưng lợi nhuận của nghề lưới rê lại cao nhất; nghề rập xếp có sản lượng và lợi nhuận đều thấp.

5098	Đại học	So sánh hiệu quả kỹ thuật và tài chính mô hình nuôi sò huyết ở bãi triều và trong ao nuôi tôm ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Lê, Hữu Phước	Trần, Văn Việt	2019	Nghiên cứu so sánh hiệu quả của việc nuôi sò huyết ở Bãi Triều và nuôi trong Ao nuôi tôm quảng canh cải tiến ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, đề tài được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm so sánh hiệu quả kỹ thuật và tài chính của 2 hình thức nuôi này. Nghiên cứu đã khảo sát trên 40 hộ nuôi ở Bãi Triều và 40 hộ nuôi trong Ao nuôi tôm. Kết quả cho thấy mật độ sò thả nuôi ở Bãi Triều là 852 ± 408 con/m² cao hơn 2,8 lần mật độ sò ở Ao nuôi tôm (304 ± 176 con/m²), thời gian nuôi ở Bãi Triều là 11 ± 3 tháng/vụ, cao hơn 1,57 lần so với thời gian nuôi ở Ao tôm ($7,0 \pm 3,0$ tháng/vụ), năng suất trung bình ở Bãi Triều ($3,25 \pm 2$ kg/m²/vụ) cao hơn 1,9 lần so với Ao nuôi tôm ($1,7 \pm 1,0$ kg/m²/vụ) nhưng diện tích nuôi trung bình của Ao nuôi tôm (15.325 ± 11.079 m²/hộ) lớn hơn 2,5 lần so với Bãi Triều (6.005 ± 5.177 m²/hộ), kích cỡ sò giống ở Ao nuôi tôm ($2,75 \pm 1,72$ g/con) lớn hơn 4,44 lần kích cỡ sò giống ở Bãi Triều ($0,62 \pm 1,1$ g/con), kích cỡ sò thu hoạch ở Ao nuôi tôm ($10,2 \pm 0,86$ g/con) lớn hơn 1,45 lần kích cỡ sò thu hoạch ở Bãi Triều ($8,9 \pm 3,21$ g/con). So sánh hiệu quả kinh tế của hai mô hình cho thấy mô hình nuôi sò huyết ở Ao tôm mặc dù cho tỉ suất lợi nhuận ($1,39 \pm 0,70$ đồng lợi nhuận/đồng vốn) thấp hơn mô hình nuôi ở Bãi Triều ($1,58 \pm 0,86$ đồng lợi nhuận/đồng vốn), nhưng chi phí đầu tư thấp hơn và thời gian nuôi ngắn hơn, do đó phù hợp cho các hộ nuôi ít vốn và có sẵn ao nuôi tôm. Nếu có đủ vốn đầu tư thì nên áp dụng mô hình nuôi sò huyết ở Bãi Triều sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy mô hình nuôi sò huyết ở Ao tôm sẽ ít gặp khó khăn và rủi ro hơn.
5099	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo vùng lộng ở tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Duy	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo ở vùng lộng tỉnh Cà Mau được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới kéo vùng lộng ($L = 12 - <15$ m). Có 40 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo đơn được phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi soạn sẵn với những thông tin về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo đơn có công suất trung bình là 159 CV/tàu và trọng tải trung bình 13,9 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 35,6 tấn/năm và tỉ lệ cá tạp chiếm 20,8% khối lượng khai thác. Với tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 22,2 triệu đồng, đã đem lại lợi nhuận là 15,1 triệu đồng/chuyến biển và tỉ suất lợi nhuận là 0,68 lần.

5100	Đại học	Thành phần loài họ cá đù (Sciaenidae) phân bố ở vùng ven biển ĐBSCL trong mùa mưa	Nguyễn, Thanh Thảo	Trần, Đắc Định Nguyễn, Thị Vàng	2019	Nghiên cứu được thực hiện ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long trong mùa mưa từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019, mẫu được thu mỗi tháng 1 lần bằng các loại ngư cụ khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy 13 loài thuộc 8 giống của họ cá đù (Sciaenidae) được xác định gồm: cá sừ Boesemania microlepis Bleeker, 1858; cá uớp mỡ nhọn Chrysochir aureus Richardson, 1846; cá đù râu Dendrophysa russelli Cuvier, 1829; cá đù Johnius borneensis Bleeker, 1851; cá đù Johnius belangerii Cuvier, 1830; cá đù Johnius carouna Cuvier, 1830; cá đù Johnius novaehollandiae Steindachner, 1866; cá đù mắt rộng Johnius plagiostoma Bleeker, 1849; cá đù xiêm Johnius trachycephalus Bleeker, 1851; cá sừ Nibea soldado Lacepède, 1802; cá sừ Otolithes ruber Bloch and Schneider, 1801; cá sừ răng nhỏ Panna microdon Bleeker, 1849; cá đù miệng rộng Pennahia anea Bloch, 1793. Trong đó giống Johnius chiếm 46,1%, các giống còn lại gồm Boesemania, Chrysochir, Dendrophysa, Nibea, Otolithes, Panna, Pennahia mỗi giống chiếm 7,7%.
5101	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo vùng lộng ở tỉnh Bạc Liêu	Lâm, Đức Huy	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo ở vùng lộng tỉnh Bạc Liêu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính, những thuận lợi và khó khăn của nghề lưới kéo vùng lộng ($L = 12 - < 15$ m). Có 40 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo đơn được phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi soạn sẵn với những thông tin về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo đơn có công suất trung bình là 43,0 CV/tàu và trọng tải trung bình 5,5 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 15,9 tấn/năm và tỉ lệ cá tạp chiếm 40,1% khối lượng khai thác. Với tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 10,1 triệu đồng, đã đem lại lợi nhuận là 5,8 triệu đồng/chuyến biển và tỉ suất lợi nhuận là 0,36 lần.

5102	Đại học	Hiện trạng nghề khai thác lưới kéo đơn (tàu <90CV) ven bờ tỉnh Bến Tre	Hồ, Quốc Sử	Mai, Viết Văn	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 tại 3 huyện ven biển tỉnh Bến Tre (Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú). Số liệu được thu thập qua phỏng vấn ngẫu nhiên 60 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo đơn ven bờ với các nội dung chính gồm thông tin về tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác và hiệu quả tài chính. Kết quả cho thấy nghề lưới kéo đơn ven bờ tỉnh Bến Tre có 316 tàu thuyền khai thác, chiếm 18,64% tổng số tàu thuyền khai thác thủy sản của tỉnh. Công suất trung bình 48,95 CV/tàu và trọng tải trung bình 4,65 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình 854,36 kg/tàu/chuyến biển, trong đó cá tạp chiếm 77,85%. Tổng chi phí trung bình của một chuyến biển 22,05 triệu đồng và lợi nhuận trung bình 7,61 triệu đồng/chuyến biển, với tỉ suất lợi nhuận 0,35 lần/chuyến biển. Khó khăn chung của nghề lưới kéo đơn ven bờ là thị trường tiêu thụ không ổn định, thiếu kỹ thuật tiên tiến trong đánh bắt và bảo quản sản phẩm nên dẫn đến chất lượng sản phẩm khai thác kém. Các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản ở địa phương, tập huấn cho ngư dân kỹ thuật khai thác và bảo quản sản phẩm tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và giá trị sản phẩm, góp phần ổn định sinh kế cộng đồng ngư dân ven biển.
5103	Đại học	Đánh giá sự đa dạng thành phần giống loài cá mùa lũ ở vùng ở tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Kim Nương	Trần, Văn Việt	2019	Đánh giá sự đa dạng thành phần giống loài cá mùa nước lũ ở tỉnh Đồng Tháp được thực hiện tại huyện đầu nguồn Tháp Mười và huyện cuối nguồn Lai Vung từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019. Nghiên cứu đã khảo sát trên thủy vực đồng ruộng và sông. Mẫu cá thu bằng Dớn có ở địa phương. Tần xuất thu mẫu 2 lần/tháng vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng. Bên cạnh đó, đề tài còn khảo sát 60 hộ khai thác thủy sản trong vùng để tìm hiểu hiện trạng về tình hình khai thác và nguồn lợi cá nơi đây. Kết quả cho thấy nghề dớn có từ lâu đời đã xác định được 27 loài thuộc 6 bộ. Chỉ số đa dạng Shannon – Wiener trong vùng nghiên cứu trong khoảng 1,67–2,24 đều này cho thấy thành phần loài ở đây có tính đa dạng tương đối tốt.
5104	Đại học	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Sóc Trăng	Lâm, Tuấn Đạt	Nguyễn, Thanh Long	2019	Nghiên cứu hoạt động khai thác của nghề lưới kéo xa bờ ở tỉnh Sóc Trăng được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 nhằm phân tích khía cạnh kỹ thuật, khía cạnh tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Có 50 hộ ngư dân làm nghề lưới kéo xa bờ được phỏng vấn với nội dung về số tàu thuyền, ngư trường, mùa vụ khai thác, những loài khai thác chính, sản lượng khai thác, hiệu quả tài chính và những thuận lợi và khó khăn. Kết quả cho thấy tàu nghề lưới kéo xa bờ có công suất trung bình là 223 ± 84 CV/tàu và trọng tải trung bình 28,4 tấn/tàu. Sản lượng khai thác trung bình là 87,3 tấn/tàu/năm, trong đó tỉ lệ cá tạp chiếm 11,9%. Tổng chi phí trung bình của một chuyến biển là 2,43 tỉ đồng và lợi nhuận trung bình là 2,18 tỉ đồng/chuyến biển, với tỉ suất lợi nhuận là 0,90 lần.

5105	Đại học	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thâm canh trong ao lót bạt ở tỉnh Sóc Trăng	Ngô, Thảo Vy	Huỳnh, Văn Hiền	2019	Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 08 đến tháng 12/2019 thông qua việc phỏng vấn trực tiếp 48 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao lót bạt ở tỉnh Sóc Trăng. Mục tiêu là nhằm phân tích các khía cạnh kỹ thuật, tài chính và xác định những thuận lợi và khó khăn tồn thông qua bảng phỏng vấn đã được soạn sẵn.. Kết quả cho thấy nông hộ có tổng diện tích nuôi bình quân là 1,3 ha/hộ và độ sâu mực nước ao nuôi là 1.2 m. Tôm giống được thả nuôi với mật độ thả là 162 con/m ² .. Sau thời gian nuôi trung bình là 87 ngày, kích cỡ tôm bình quân đạt 40 con/kg và năng suất 7 tấn/vụ. Tổng chi phí sản xuất ở mức 543 tr.đ/ha/vụ, cho doanh thu là 1.159,39 tr.đ/ha/vụ. Lợi nhuận bình quân là 616 tr.đ/ha/vụ với tỷ suất lợi nhuận là 1,13 lần và có 93,75 % hộ có lời. Tuy nhiên, nghề nuôi cũng gặp một số khó khăn lớn như vốn đầu tư lớn, dịch bệnh chưa kiểm soát được, thời tiết thất thường và nguồn nước bị ô nhiễm.
5106	Đại học	Thành phần loài cá phân bố vùng cửa sông Mỹ Thanh và sinh học sinh trưởng cá khoai (<i>Harpodon nehereus</i> (Hamilton,1822))	Đỗ, Trọng Thoại	Hà, Phước Hùng	2019	Thành phần loài cá phân bố vùng cửa sông Mỹ Thanh và sinh học sinh trưởng cá Khoai (<i>Harpodon nehereus</i>), tỉnh Sóc Trăng được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019. Kết quả xác định được 21 loài thuộc 7 bộ và 13 họ. Trong đó bộ cá Vược (<i>Perciformes</i>) với 11 loài (chiếm 52,4%), kế tiếp bộ cá Trích (<i>Clupeiformes</i>) với 4 loài (chiếm 19,04%), bộ cá Da Trơn (<i>Siluriformes</i>) với 2 loài (chiếm 9,52%). Trong đó bộ cá bơn (<i>Pleuronectiformes</i>), bộ cá Đoi (<i>Mugiliformes</i>), bộ cá Nhôi (<i>Belontiiformes</i>) và bộ cá Múi (<i>Synodontiformes</i>) chỉ 1 loài (chiếm 4,76%). Quan hệ chiều dài-khối lượng của cá Khoai được xác định bởi phương trình hồi quy $W=0,000005L^{3.42}$ với $R^2=0,948$. Các tham số tăng trưởng của Cá Khoai là $L_{\infty}=264,22$ mm, với tốc độ tăng trưởng $K=0,66$ /năm và $t_0=-0,13$ (năm), chỉ số thực hiện tăng trưởng ($\Phi'=4,95$). Nói chung, có sự đa dạng thành phần loài phân bố ở vùng cửa sông Mỹ Thanh.
5107	Đại học	Đa dạng thành phần loài cá phân bố ở Cù Lao Dung, Tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Anh Trang	Trần, Đắc Định	2019	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài cá trong huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2019. Nghiên cứu đã khảo sát trên các thủy vực kênh rạch, nuôi thủy sản, rẫy, mương và rừng ngập mặn. Tiến hành thu mẫu các loài cá trong huyện Cù Lao Dung, định kì thu 1 lần/tháng bằng các loại ngư cụ khai thác như: chài, lưới, vợt. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 42 loài thuộc 16 họ và 8 bộ. Trong đó bộ cá vược (<i>Perciformes</i>) chiếm ưu thế so với các bộ khác với số lượng loài là 25 loài. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được sự phân bố của các loài cá theo thủy vực, trong đó nuôi thủy sản là thủy vực thu được nhiều nhất với 34 loài và rừng ngập mặn là nơi thu được ít nhất với 12 loài. Từ đó cho thấy các loài cá phân bố không đồng đều ở các thủy vực dọc theo huyện Cù Lao Dung. Bộ <i>Perciformes</i> chiếm tỷ lệ cao nhất về thành phần loài ở tất cả 5 thủy vực khảo sát và nhiều nhất ở thủy vực nuôi thủy sản với 24 loài (70.6%)

5108	Đại học	Khảo sát các sáng kiến bản địa và hiệu quả kinh tế mô hình trồng ấu tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Trâm My Thạch, Thị Hồng Mai	Trương, Hoàng Đan Trần, Lê Ngọc Trâm	2018-12	Đề tài “Khảo sát các sáng kiến bản địa và hiệu quả kinh tế mô hình trồng ấu tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long” với mục đích là khảo sát kiến thức bản địa, đánh giá hiện trạng trồng ấu, phân tích các yếu tố tự nhiên và hiệu quả kinh tế, môi trường của mô hình trồng ấu tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đề tài được thực hiện từ tháng 08/2018 đến 12/2018, bằng phương pháp thu thập số liệu dựa trên bảng phỏng vấn nông hộ và cán bộ xã, cán bộ chuyên ngành khuyến nông, số liệu được tổng hợp, thống kê dạng mô tả, hồi quy, phân tích hiệu quả kinh tế, phân tích SWOT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn các nông hộ đều là những hộ có kinh nghiệm trồng ấu từ 10 đến trên 15 năm chiếm 76%. Vụ ấu thường bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 6 âm lịch và từ tháng 6 âm lịch đến tháng giêng năm sau (trồng ấu 3 vụ/năm), người dân tại khu vực nghiên cứu đều sử dụng giống ấu Đài Loan với mật độ trồng phổ biến là 3,000 dây/1000 m2 chiếm tỉ lệ cao 52%. Có 12 loại thuốc BVTV được sử dụng khi trồng ấu đều nằm trong danh mục cho phép sử dụng, trong đó có 6 loại thuốc trừ sâu, 3 loại thuốc trừ bệnh, 2 loại thuốc diệt ốc, 1 loại thuốc dưỡng; bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng chủ yếu được đốt tại đồng chiếm 46%. Năng suất ấu trung bình là $1.054 \pm 102,936$ (kg/1000 m2) và giá ấu trung bình là $7.460 \pm 0,482$ (kg/1000 m2). Qua phân tích các khoản mục chi phí trồng ấu thì chi phí lao động là khoản được chi trả lớn nhất trung bình là $1.972.260 \pm 514.867$ (đồng/1000m2) chiếm 55,86% và chi phí thuốc BVTV được chi trả nhỏ nhất trung bình 105.800 ± 47.236 đồng/1000m2 chiếm 2,97%. Điều này cho thấy trồng ấu mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các nông hộ với mức thu nhập trung bình là $5.073.560 \pm 810.210$ (đồng/1000 m2). Ngoài ra, các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh trưởng và phát triển của cây ấu như: nguồn nước, đất đai, các điều kiện thời tiết, khí hậu đều được người dân nhận xét là tốt và phù hợp để trồng ấu. Khả năng tận dụng diện tích mặt ruộng cho trồng ấu của người dân địa phương đạt 100% cho thấy hiệu quả trong việc sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước, góp phần phát huy giá trị của tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất nông nghiệp, vừa giúp nâng cao thu nhập cho nông hộ vừa đạt hiệu quả tối ưu về mặt môi trường. Từ những kết quả đạt được, đề tài sẽ tạo tiền đề cho quá trình định hướng quy hoạch, phân bố các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hợp lý và đạt hiệu quả kinh tế cao.
------	---------	---	--	---------------------------------------	---------	---

5109	Đại học	Đánh giá tình hình biến động đường bờ sông Hậu đoạn qua An Giang sử dụng công nghệ viễn thám và GIS	Hồ, Ngọc Kim Ngân	Võ, Thị Phương Linh	2018-12	Đề tài nghiên cứu được thực hiện tại sông Hậu đoạn thuộc tỉnh An Giang. Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định biến động đường bờ sông Hậu đoạn qua tỉnh An Giang trong giai đoạn 2007 - 2017. Đề tài sử dụng phương pháp giải đoán ảnh (Landsat) kết hợp với các ứng dụng của GIS để rút trích đường bờ, thành lập bản đồ kết hợp với các số liệu thu thập từ địa phương và ảnh vệ tinh Sentinel tiến hành so sánh lại kết quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể sử dụng ảnh vệ tinh kết hợp với GIS trong nghiên cứu biến động đường bờ. Đề tài đã xác định được những điểm biến động nghiêm trọng và thành lập được bản đồ thay đổi đường bờ. Kết quả nghiên cứu trên được xem như là nguồn tài liệu có thể hỗ trợ công tác quản lý tại địa phương hoặc phục vụ cho nghiên cứu tiếp theo, giúp xây dựng và cung cấp hạ tầng thông tin khách quan.
5110	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hồng Gấm Nguyễn, Thị Ngọc	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Đề tài “Đánh giá chất lượng nước mặt tại thành phố Cần Thơ” được tiến hành bằng cách thu thập số liệu quan trắc nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt của thành phố Cần Thơ từ năm 2014 đến năm 2016 và đánh giá được chất lượng nước mặt trong năm 2018, thông qua việc đánh giá một số thông số chất lượng nước mặt ở quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Thốt Nốt và huyện Thới Lai. Kết quả cho thấy nước mặt của thành phố Cần Thơ có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ. Các chỉ tiêu như nhu cầu oxy sinh học (BOD), Phosphat (PO43-), tổng chất rắn lơ lửng (TSS) và tổng coliforms cao hơn nhiều lần so với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08 -MT:2015/BTNMT). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do các kênh, rạch trên địa bàn đều là nơi tiếp nhận hầu hết mọi nguồn thải từ nước thải sinh hoạt; nước thải của nhà máy, xí nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt theo quy chuẩn quy định; nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi thủy sản. Kết quả đánh giá chất lượng nước mặt của thành phố Cần Thơ cho thấy cần thiết phải có những giải pháp phù hợp để quản lý chất lượng nguồn nước mặt dựa vào chính sách môi trường, các công cụ quản lý môi trường phù hợp.

5111	Đại học	Khảo sát mức sẵn lòng chi trả để bảo tồn rừng Tràm tại khu bảo vệ cảnh quan rừng Tràm Trà Sư của người dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.	Lê, Anh Tuấn Truong, Đức Tánh	Lê, Văn Dũ	2018-12	Mục đích của đề tài nhằm nghiên cứu, tìm hiểu về mức sẵn lòng chi trả của người dân sống xung quanh khu bảo vệ cảnh quan rừng Tràm Trà Sư (KBVCQRTTS) trong hoạt động bảo vệ rừng Tràm. Nghiên cứu được thực hiện bằng các phương pháp tổng giá trị kinh tế, đánh giá ngẫu nhiên, mức sẵn lòng chi trả, phương pháp so sánh, phỏng vấn và mô hình Probit trên 90 hộ dân. Kết quả chỉ ra được nhận thức, thái độ của người dân lân cận KBVCQRTTS về công tác và các hoạt động bảo vệ rừng Tràm. Cụ thể người dân nhận thức khá tốt về việc bảo tồn rừng Tràm với 67% các hộ dân đồng ý chi trả cho chương trình bảo tồn rừng Tràm tương ứng 60 người trên tổng số 90 hộ với số tiền là 150.744 đồng/năm/hộ. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng các yếu tố giới tính, thu nhập trung bình, trình độ học vấn, số thành viên trong gia đình là các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi trả (WTP) của người dân địa phương ở xung quanh khu vực rừng Tràm Trà Sư, còn các yếu tố như tin tưởng vào chương trình hoạt động hiệu quả và hiểu biết được thực trạng ở rừng Tràm Trà Sư không có sự ảnh hưởng đến quyết định WTP. Rừng Tràm có vai trò quan trọng đối với môi trường tự nhiên và đời sống người dân xung quanh khu vực nghiên cứu. Giá trị kinh tế, xã hội của rừng Tràm tại KBVCQRTTS cao và bền vững hơn khi sự bảo tồn rừng Tràm được duy trì, phát triển và có sự tham gia cộng đồng. Từ khóa: Cây Tràm, Giá trị kinh tế, Mô hình Probit, Mức sẵn lòng chi trả, Tham gia cộng đồng, WTP.
5112	Đại học	Đánh giá đa dạng loài phiêu sinh thực vật ở Làng sen huyện Tháp Mười	Phạm, Thanh Nhân	Truong, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài “ Đánh giá đa dạng loài phiêu sinh thực vật ở Làng sen huyện Tháp Mười” được thực hiện từ tháng tháng 10/2017 đến tháng 08/2018 khảo sát ở 3 sinh cảnh: Sen – Du lịch; Sen – Cá và Lúa 3 vụ trong 2 mùa với 4 đợt (đợt 1, đợt 4 vào mùa mưa và đợt 2, đợt 3 vào mùa khô). Với mục tiêu lập danh mục, đánh giá đa dạng phiêu sinh thực vật qua hai mùa (mưa, nắng), sử dụng phiêu sinh thực vật đánh giá chất lượng môi trường nước tại Làng Sen huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đề tài đã sử dụng phương pháp thu mẫu định tính. Kết quả khảo sát xác định được 4 ngành gồm: tảo Lục (Cyanophyta), tảo Lam (Chlorophyta), tảo Silic (Bacillariaophyta), tảo (Euglenophyta). Gồm 32 họ, 57 chi và 155 loài, trong đó ngành tảo Mắt (Euglenophyta) chiếm cao nhất 44 loài chiếm 28,38 %; tảo Lục (Chlorophyta) 44 loài chiếm 28,38%, tảo Silic (Bacillariaophyta) 40 loài chiếm 25,8% và loài thấp nhất là ngành tảo Lam (Cyanophyta) chiếm 18,06%. Đa dạng loài được xác định dựa trên phương pháp thu mẫu và phân tích định tính phiêu sinh thực vật. Kết quả cũng cho thấy sự đa dạng loài vào mùa mưa cao hơn mùa khô. Sinh cảnh Sen – Du lịch có tính đa dạng loài cao hơn các sinh cảnh khác. Đề tài sử dụng các chỉ thị sinh học để đánh giá chất lượng nước. Kết quả cho thấy có 7 chi được dùng để chỉ thị sinh học cho chất lượng nước tại đây là: Euglena, Phacus, Chlorella, Pediatrum, Oscillatoria, Silic. Từ kết quả phân tích hóa lí và sử dụng sinh vật chỉ thị đã xác định tại Sinh cảnh Sen – Du lịch vào mùa mưa nước vượt quá mức quy chuẩn A2 QCVN:08/2008/ BTNMT Cột A2.

5113	Đại học	Khảo sát hiện trạng xử lý rác thải tại khu vực chợ Cái Chanh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Xuân Liễu	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài "Khảo sát hiện trạng xử lý rác thải tại khu vực chợ Cái Chanh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ" được thực hiện từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018. Trong quá trình thực hiện đề tài tiến hành cân đo, đóng đếm thành phần khối lượng rác thải và phỏng vấn 63 mẫu (n=63), tương đương với 30 người đại diện cho tiểu thương, 30 người đại diện cho người đi chợ, 2 người công nhân thu gom rác và 1 ban quản lý chợ nhằm xác định nguồn gốc phát sinh rác thải, xác định thành phần, cân đo khối lượng và đề xuất giải pháp xử lý rác thải tại chợ. Trong đó, rác được phát sinh từ nhiều gốc khác nhau như rau củ, thịt cá, quần áo, giày dép... và rác từ những hộ dân sống gần chợ. Thành phần rác rất đa dạng, lượng rác phát sinh 3 ngày đầu, giữa, cuối trong tuần có khối lượng khác nhau riêng ngày cuối tuần có tổng lượng rác phát sinh cao nhất 106kg, trong đó rác hữu cơ là 70kg chiếm tỉ lệ 66,4%, vô cơ 36kg chiếm tỉ lệ 33,6%, giữa tuần tổng lượng rác phát sinh 84,4kg, trong đó hữu cơ là 60kg chiếm tỉ lệ 71,9%, vô cơ là 24,4kg chiếm tỉ lệ 28,1% và đầu tuần có tổng lượng rác phát sinh thấp nhất 69,9kg, trong đó hữu cơ là 50kg chiếm tỉ lệ 71,53%, vô cơ 19,9kg chiếm tỉ lệ 28,47%. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp quản lý phù hợp với tình hình địa phương.
5114	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh tế và môi trường của mô hình Biogas – bèo – ốc – cá tại nông hộ xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Trần, Lâm Ngọc Hà Tạ, Thị Trâm Anh	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Đề tài này được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế và môi trường của mô hình Biogas – bèo – ốc – cá tại xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Hiệu quả kinh tế của mô hình được đánh giá thông qua tính toán lợi nhuận từ các hợp phần trong mô hình Biogas kết hợp. Về mặt môi trường, các chỉ tiêu trong thành phần nước thải (từ chuồng trại, sinh hoạt gia đình...) sau khi qua xử lý bằng túi ủ biogas vẫn còn nồng độ các chất ô nhiễm cao, không đạt tiêu chuẩn xả thải trực tiếp vào sông (khu vực tiếp nhận). Tuy nhiên, bên cạnh đó các chỉ tiêu trong thành phần nước thải sau khi đi qua nước trong ao nuôi kết hợp với nuôi bèo - ốc thì nồng độ của các chất ô nhiễm như COD, N-NH4+, TKN, TP giảm mạnh. Đề tài này cho ta thấy được rằng khả năng xử lý của túi ủ biogas trong mô hình Biogas – bèo – ốc – cá là rất hiệu quả và còn góp phần giải quyết được vấn đề môi trường và cải thiện sinh kế của người dân, giúp nâng cao đời sống địa phương.

5115	Đại học	Khảo sát kiến thức bản địa trong mô hình trồng bông súng tại xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Lệ Duyên Phạm, Thị Tổ Phương	Bùi, Thị Bích Liên	2018-12	Đề tài “Khảo sát kiến thức bản địa trong mô hình trồng bông súng tại xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” nhằm mục đích đánh giá điều kiện tự nhiên, khả năng thích ứng của bông súng tại địa phương, thu thập những thông tin về kỹ thuật canh tác cũng như những hiểu biết, kinh nghiệm có được của nông hộ trong quá trình canh tác mô hình. Cùng với những tài liệu liên quan đến đề tài được thu thập (từ những bài báo, tạp chí khoa học, Ủy ban nhân dân xã), tiến hành tính toán, phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường. Từ đó thảo luận về những kiến thức mà nông hộ có được. Kết quả nghiên cứu cho thấy điều kiện tự nhiên tại địa phương thuận lợi và đánh giá là khá phù hợp để canh tác bông súng. Đặc biệt là nguồn tài nguyên đất phèn và nước dồi dào. Nắm bắt được đặc điểm cây trồng cùng những kinh nghiệm có được trong sản xuất nông nghiệp, có 87% số hộ phỏng vấn xem bông súng là nguồn thu nhập chính cho gia đình, nhờ có bông súng mà cuộc sống được ổn định hơn. Theo tính toán, thu nhập gia đình trung bình đạt 7,5 triệu/1000 m²/vụ, hiệu quả hơn so với một số mô hình khác. Đối với mỗi hộ có những kinh nghiệm, kiến thức khác nhau sẽ cho hiệu quả khác nhau. Ngoài ra, việc canh tác mô hình không gây ảnh hưởng nhiều sức khỏe của nông hộ và ít gây hại cho môi trường. Nhìn chung, mô hình trồng bông súng là một mô hình canh tác phù hợp với điều kiện địa phương và mang lại hiệu quả cao.
------	---------	---	---	--------------------	---------	--

5116	Đại học	Quan trắc và đánh giá sự biến đổi chất lượng nước theo mùa và theo không gian trong hệ thống sông (đoạn chảy qua tỉnh An Giang)	Dương, Vũ Kiệt	Huỳnh, Vương Thu Minh	2018	An Giang là tỉnh đầu nguồn của của sông Mê công chảy vào ĐBSCL. Hiện nay tỉnh An Giang đang đối mặt với nhiều thách thức lớn trong đó biến đổi khí hậu trong đó tình trạng lũ lụt vẫn thường xuyên diễn ra tại tỉnh An Giang. Chất lượng nước mặt chịu nhiều nguồn tác động quá trình đô thị hóa khép kín, từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nước thải sinh hoạt, làm ô nhiễm chất lượng nước mặt diễn biến phức tạp và khó dự báo hơn trước làm suy giảm chất lượng nguồn nước cho thấy chất lượng nước mặt tại tỉnh An Giang đang có xu hướng giảm theo thời gian. Mạng lưới quan trắc chất lượng nước còn thưa, một số nguyên nhân như các vị trí quan trắc tập trung gần khu vực đông dân cư và các khu sản xuất công nghiệp nhỏ lẻ cũng góp phần suy giảm chất lượng nguồn nước mặt. Vì vậy, đề tài “Quan trắc và đánh giá sự biến đổi chất lượng nước theo mùa và theo không gian trong hệ thống sông (đoạn chảy qua tỉnh An Giang)” được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tại tỉnh An Giang (i) so sánh sự khác biệt về chất lượng nước theo mùa (mùa khô và mùa mưa) trong vùng nghiên cứu (ii) phân tích tìm sự biến động chất lượng nước trong không gian theo mùa khô năm 2017 (iii) xác định các thông số chất lượng nước quan trọng trong mùa khô năm 2017. Kết quả cho thấy sự khác biệt của chất lượng mặt trong mùa mưa và mùa khô có rất nhiều chỉ tiêu không đạt quy chuẩn (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) cột A1. Cụ thể phân tích cụm (AHC) vào mùa khô năm 2017 đã nhóm 30 vị trí thành 3 cụm có chất lượng nước tương đồng nhau với sự khác biệt 95%. Bên cạnh đó kết quả phân tích thành phần chính PCA với sự khác biệt trên 90% cho thấy, chỉ tiêu NO₃- và NO₂- ảnh hưởng quan trọng trong mùa khô năm 2017.
------	---------	---	----------------	-----------------------	------	---

5117	Đại học	Khảo sát tác động của các loại hình thiên tai đến các mô hình trồng tràm và keo lai tại vùng đệm Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau	Bùi, Thị Phương Anh	Lê, Văn Dũ	2018	Đề tài được thực hiện tại vùng đệm VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau nhằm mục tiêu khảo sát tác động của thiên tai đến mô hình trồng tràm và keo lai bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 60 hộ dân trồng Tràm và Keo lai. Số liệu thu thập được tổng hợp xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS với các phép thống kê mô tả các loại hình thiên tai, các tác động cũng như các giải pháp phòng chống thiên tai đã được áp dụng của hộ dân ở hai mô hình. Kết quả đạt được cho thấy các hộ dân nơi đây sinh sống chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập từ việc trồng rừng, ở mô hình trồng tràm chiếm 86,7% và mô hình keo lai chiếm 93,3%. Tuy nhiên, người dân tại hai mô hình cảm nhận nơi đây thường xảy ra các loại hình thiên tai như nhiệt độ cao chiếm 85%, hạn hán chiếm 78,3%, bão và áp thấp nhiệt đới chiếm 66,7% và yếu tố nhiễm phèn chiếm 100%. Các yếu tố này đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả cây trồng ở cả hai mô hình như làm cây chậm phát triển, bị hư hại, đặc biệt tăng nguy cơ cháy rừng cao khi nhiệt độ cao và hạn hán xảy ra kéo dài. Các giải pháp của người dân đã áp dụng tại đây để phòng chống thiên tai còn khá ít, địa phương chưa quan tâm đến công việc tập huấn cũng như cung cấp các thông tin về thiên tai cho các hộ dân. Người dân ở cả hai mô hình đều cảm thấy thuận lợi về việc dễ chăm sóc, chủ động về nguồn nước trong quá trình canh tác. Các khó khăn người dân đang gặp phải đó là cây bị ảnh hưởng bởi thiên tai, giá cả chưa ổn định và thời gian thu hoạch quá lâu. Cây tràm và keo lai đã tạo nên sinh thái rừng đặc trưng ở vùng đệm VQG U Minh Hạ. Vì vậy cần được mở rộng mô hình, chăm sóc và phát triển để đảm bảo kinh tế người dân tại đây và bảo tồn đặc trưng của vùng đệm VQG U Minh Hạ, Cà Mau. Từ khóa: thiên tai, trồng tràm, trồng keo lai, vùng đệm VQG U Minh Hạ.
5118	Đại học	Ứng dụng viễn thám theo dõi biến động lớp phủ và chỉ số phát triển thực vật tại rừng Tràm Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Huỳnh Mi	Võ, Thị Phương Linh	2018	Nghiên cứu sử dụng tư liệu ảnh viễn thám Landsat 7 và Landsat 8 nhằm đánh giá biến động lớp phủ và tốc độ tăng trưởng của thực vật được thực hiện tại rừng Tràm Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích thực phủ từ năm 2008 đến năm 2018 có xu hướng tăng. Trong đó diện tích thực phủ giai đoạn năm 2008-2014 thấp hơn giai đoạn năm 2015-2018, nguyên nhân là do cải tiến phương pháp trồng rừng kết hợp việc trồng thêm keo lai nhằm rút ngắn chu kỳ khai thác và mang lại giá trị kinh tế cao hơn. Trong nghiên cứu về chỉ số phát triển của thực vật (NDVI), kết quả cho thấy những có khu vực có nước, đất trống, đất công trình ($NDVI < 0,63$) có xu hướng tăng, trong khi nhóm thực vật phát triển trung bình và tốt ($NDVI > 0,63$) ở độ tuổi có thể khai thác có xu hướng giảm mạnh, nguyên nhân là do tăng tốc độ khai thác. Năm 2008 chỉ số phát triển thực vật dao động từ -1 đến 0,936 và phần lớn thực vật phát triển tại giá trị 0,77; năm 2014 chỉ số phát triển thực vật dao động từ -1 đến 0,895 và phần lớn thực vật phát triển tại giá trị 0,81, năm 2018 chỉ số phát triển thực vật dao động từ -0,44 đến 0,99, thực vật phát triển chủ yếu trong ngưỡng 0,77-0,8. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học hỗ trợ chính quyền trong công tác quản lý và giám sát chất lượng rừng. Keywords: Rừng tràm Mỹ Phước, Landsat 7 và Landsat 8, NDVI, lớp phủ thực vật.

5119	Đại học	Đánh giá tính bền vững của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Nhật Trường	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Đề tài: “Nghiên cứu nhằm đánh giá tính bền vững của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng” dựa trên hiệu quả kinh tế và chất lượng môi trường được thực hiện tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Đề tài đã thực hiện phỏng vấn trực tiếp 30 hộ nuôi, để thu thập thông tin sơ cấp và sau đó chọn ra 1 hộ nuôi để theo dõi chất lượng nước và sự tích lũy dinh dưỡng trong ao nuôi tôm từ tháng 08/2018 đến 12/2018. Kết quả cho thấy, hiệu quả kinh tế của mô hình đa số các hộ nuôi đều thành công, lợi nhuận trung bình của hộ nuôi 301 triệu đồng/vụ/ha. Các chỉ tiêu nước trong ao nuôi: nhiệt độ, pH, độ mặn, DO, TSS, COD, TP, TKN qua 2 đợt thu mẫu hầu hết đều phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của tôm và nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn (QCVN 02-19:2014/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, QCVN 38:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt bảo vệ đời sống thủy sinh). Sự tích lũy chất hữu cơ, nitơ, photpho trong bùn đáy ao nuôi tôm ở mật độ nuôi 30 con/m² sau 30 ngày nuôi tăng thêm lần lượt là 0,16%, 0,02%, 0,09%. Cần nghiên cứu đánh giá chất lượng nước và bùn đáy mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trên thời gian dài hơn.
5120	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng các hiện tượng thời tiết cực đoan đến năng suất lúa tại huyện Vũng Liêm và huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	Lê, Cao Kỳ Duyên	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	Đề tài “ Đánh giá ảnh hưởng các hiện tượng thời tiết cực đoan đến năng suất lúa tại huyện Vũng Liêm và huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long ” được thực hiện nhằm mục đích đánh giá tác động thời tiết cực đoan cụ thể biểu hiện là hạn hán, xâm nhập mặn khi vào lúc đỉnh điểm của hiện tượng thời tiết cực đoan để từ đó xác định mức độ thiệt hại đến năng suất lúa phục vụ cho việc đánh giá ảnh hưởng chính xác hơn, đồng thời đưa ra những giải pháp canh tác phù hợp nhằm phát triển kinh tế bền vững cho nông dân trồng lúa. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện ở vùng trồng lúa huyện Mang Thít khá rộng và kéo dài. Riêng hiện tượng xâm nhập mặn xuất hiện với độ mặn cao lên đến 8-10‰ tại các điểm quan trắc ở Vũng Liêm, 5-6‰ tại Vàm Mang Thít và các xã giáp ranh như An Phước, Chánh An,... Thiệt hại hơn 3000 ha lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh – đồng trổ, hơn 390 ha vào giai đoạn xạ, đẻ nhánh – đồng trổ.. Tuy nhiên với tình hình thời tiết cực đoan như hạn hán, xâm nhập mặn diễn biến khó lường, khó kiểm soát như hiện nay thì năng suất lúa của người dân bị ảnh hưởng đáng kể sẽ kéo theo nhiều tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội. Từ khóa: Thời tiết cực đoan, hạn hán, xâm nhập mặn. năng suất lúa

5121	Đại học	Đánh giá hiện trạng rác thải sinh hoạt ở phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TPCT	Mai, Vàng ngọc Bích	Nguyễn, Thanh Giao	2018	Đề tài “Đánh giá hiện trạng rác thải sinh hoạt ở phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TPCT” được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 nhằm khảo sát lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) phát sinh và công tác quản lý CTRSH ở phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TPCT. Khoảng 30 hộ gia đình và một số cán bộ phường Cái Khế được phỏng vấn nhằm thu thập thông tin về lượng CTRSH phát sinh và thành phần chất thải rắn. Qua kết quả điều tra số lượng CTRSH của các hộ gia đình lượng rác thải trung bình 0.74kg/hộ/ngày và lượng rác thải bình quân mỗi người là 0.2kg/người/ngày. Thành phần CTR của các hộ gia đình tương đối khác nhau, trong đó chất thải hữu cơ chiếm tỉ lệ cao nhất (72,658%), thành phần nilon, nhựa chiếm tỉ lệ (13,404%). Các thành phần còn lại chiếm từ 1-7%, trong đó thành phần độc hại chiếm 1,392%. Hiện tại tỷ lệ thu gom chất thải rắn chiếm 90%. Nhìn chung, hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại phường Cái Khế tương đối tốt. Để đảm bảo môi trường sạch đẹp, cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân thông qua tuyên truyền, giáo dục và đưa ra các biện pháp quản lý và xử lý rác thải phù hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng dân cư.
------	---------	---	---------------------	--------------------	------	---

5122	Đại học	Đánh giá hiện trạng cây xanh khu II, Đại học Cần Thơ	Danh, Thanh Tâm	Trần, Thị Kim Hồng Ly, Văn Lợi	2018	Trường Đại học Cần Thơ là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Một trong ba trường đại học đa ngành đứng đầu về đào tạo tại miền Nam Việt Nam. Được xếp vào nhóm trường đại học trọng điểm quốc gia Việt Nam, là trụ cột trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. Ngoài đào tạo, trường đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học và chính sách quản lý lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trường là một trong ba trường đại học tại Việt Nam đạt chuẩn đào tạo quốc tế của Hệ thống đại học ASEAN, theo sau trường đại học Quốc tế của hệ thống đại học Quốc gia. Cây xanh là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên không gian đô thị không chỉ có tác dụng cung cấp oxy, hấp thụ khói bụi ô nhiễm, cây xanh còn mang những giá trị về thẩm mỹ cao, có ảnh hưởng đến sự cảm nhận của con người về cảnh quan thiên nhiên. Việc bố trí cây xanh trong trường thể hiện được bề dày lịch sử và có không gian giành cho những hoạt động học tập, nghỉ ngơi và giao lưu. Thời gian thực hiện nghiên cứu từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018. Đề tài tiến hành điều tra đánh giá hiện trạng hệ thống cây xanh trên các tuyến đường trong khuôn viên của khu II, Đại học Cần Thơ. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu dựa trên khảo sát thực địa thu thập thông tin, phương pháp điều tra trên các tuyến đường. Thông qua quá trình thu thập số liệu quản lý cây xanh. Kết hợp khảo sát thực địa và tham khảo tài liệu, đã xây dựng được thông tin của khoảng 1333 cây xanh trên 10 tuyến đường khảo sát gồm 18 loài cây trong đó đầu con rái là cây được trồng nhiều nhất với 335 cây (chiếm 25.13%), tiếp theo là sao đen với 326 cây (chiếm 24.46%). Cây trồng có số lượng ít nhất là xoài (2 cây) và bạch đàn (1 cây). Trong đó, nhóm cây có giá trị lịch sử, văn hóa gắn liền với sự phát triển của trường tập trung chủ yếu ở các khu vực đường chính (đường số 4, số 5). Trên 10 tuyến đường đã khảo sát, các tuyến đường với hàng cây xanh lâu năm cho bóng mát lớn. Tuy nhiên, cảnh quan cây xanh trong trường chưa có một quy hoạch chi tiết nên các khu vực cây trồng có nhiều loài không phù hợp; sự chăm sóc không thường xuyên dẫn đến sự suy giảm sức sống của nhiều loài cây, giảm giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng. Biện pháp lâu dài là phải có một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, với trình độ chuyên môn đảm bảo yêu cầu duy trì và phát triển được mảng xanh trong toàn bộ khuôn viên trường; nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác duy trì và bảo vệ hệ thống cây xanh phục vụ lợi ích chung.
------	---------	--	-----------------	---------------------------------	------	--

5123	Đại học	Đánh giá hiệu quả của mô hình trồng nấm rơm từ nguyên liệu rơm lúa ma tại vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Tháp	Phạm, Quốc Thái	Trương, Hoàng Đan Trần, Lê Ngọc Trâm	2018	Đề tài “Đánh giá hiệu quả của mô hình trồng nấm rơm từ nguyên liệu rơm lúa ma tại vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018 tại vườn quốc gia (VQG) Tràm Chim. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là xây dựng được mô hình để sản xuất Nấm rơm từ nguyên liệu rơm lúa ma tại VQG Tràm Chim, Đồng Tháp và từ đó đánh giá được hiệu quả của mô hình để tạo thêm một phương pháp sử dụng hiệu quả nguồn thực bì cho VQG cũng như tạo ra nguồn sinh kế mới cho cộng đồng dân cư vùng đệm VQG . Nguyên liệu rơm lúa ma được thu gom tại VQG Tràm Chim, Đồng Tháp. Xây dựng quy trình và bố trí thí nghiệm trồng nấm được thực hiện tại khoa môi trường, trường Đại học Cần thơ. Thí nghiệm bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên, 6 lần lặp lại với 2 nghiệm thức (Rơm lúa ma và Rơm lúa cao sản). Các chỉ tiêu C/N, nhiệt độ, độ ẩm, sản lượng, năng suất và chất lượng nấm được theo dõi suốt quá trình thử nghiệm. Ngoài ra đề tài còn đánh giá hiệu quả kinh tế đạt được từ mô hình. Tổng sản lượng nấm thu được ở hai nghiệm thức Rơm lúa cao sản là 10,45 kg và 8,36 kg ở nghiệm thức Rơm lúa ma. Trong đó, sản lượng trung bình của nghiệm thức lúa cao sản đạt khá cao $1,742 \pm 0,19$ kg/1m mô, ở nghiệm thức rơm lúa ma thấp hơn với $1,39 \pm 0,11$ kg/1m mô. Hàm lượng dinh dưỡng ở nghiệm thức lúa ma cao hơn so với nghiệm thức lúa cao sản. Không tìm thấy độc chất kim loại nặng Cd trong nấm rơm. Cả hai nghiệm thức đều ghi nhận đạt hiệu quả kinh tế. Trong đó, tỉ số lợi ích kinh tế ở nguyên liệu rơm lúa cao sản là 0,5 và nguyên liệu rơm lúa ma là 0,32.
------	---------	--	-----------------	---------------------------------------	------	--

5124	Đại học	Đánh giá tính bền vững về sinh kế của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp ở xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh trong bối cảnh thay đổi nguồn tài nguyên nước mặt	Nguyễn, Hồng Thêu	Văn, Phạm Đăng Trí	2018-12	Nghiên cứu “Đánh giá tính bền vững về sinh kế của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp ở xã Mỹ Long Nam, Huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh trong bối cảnh thay đổi nguồn tài nguyên nước mặt” được thực hiện để đánh giá tính bền vững về sinh kế của nông hộ vùng ven biển trong sản xuất nông nghiệp tại huyện cầu ngang trong bối cảnh thay đổi nguồn tài nguyên nước mặt trong giai đoạn 2012-2017. Đề tài sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp dựa trên phiếu điều tra thiết kế cho mô hình canh tác trồng lúa và trồng hoa màu xã Mỹ Long Nam. Nghiên cứu khảo sát, điều tra phỏng vấn 30 nông hộ tại vùng nghiên cứu, phỏng vấn KIP (phỏng vấn người am hiểu) và phỏng vấn nhóm có sự tham gia của người dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh kế tại khu vực nghiên cứu chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt hai Ấp Nhì và Ấp Nhứt có diện tích trồng màu và trồng lúa lớn nhất của xã Mỹ Long Nam. Kết quả khảo sát cho thấy nguồn nước mặt ảnh hưởng rất lớn đến canh tác nông nghiệp đặc biệt là trồng lúa và trồng màu. Tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô cho canh tác ngày càng tăng. Nguồn vốn tự nhiên ảnh hưởng rất lớn đến trồng lúa và màu đặc biệt là trồng lúa vì ở khu vực nghiên cứu lúa trồng dựa vào chủ yếu là nước mưa .Ngoài nguồn vốn tự nhiên thì nguồn vốn con người và nguồn vốn tài chính ảnh hưởng rất lớn đến sinh kế của người dân nơi đây. Nguồn vốn xã hội có chỉ số tổn thương cao nhất . Nhìn chung, tổng thể 5 nguồn vốn vẫn ở mức tổn thương thấp. Do đó địa phương cần tích cực vận động nông dân tham gia các tổ chức xã hội và cần có những chính sách hỗ trợ tốt nhất cho nông hộ .
------	---------	---	-------------------	--------------------	---------	---

5125	Đại học	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải hầm ủ Biogas bằng mô hình AAO	Võ, Thanh Trường	Lê, Hoàng Việt	2018	Các trang trại chăn nuôi hiện nay thường sử dụng hầm ủ biogas để xử lý nước thải, nhưng nước thải sau khi qua hầm ủ biogas vẫn còn nồng độ chất hữu cơ, đường chất cao. Do đó đề tài “Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải hầm ủ biogas bằng mô hình AAO” được thực hiện nhằm góp phần bảo vệ môi trường nước ở khu vực các trang trại chăn nuôi, với mục tiêu cụ thể là nghiên cứu một quy trình có khả năng loại bỏ chất hữu cơ, ni-tơ và phốt-pho đến mức thấp nhất, đồng thời tìm ra một số thông số vận hành phù hợp để xử lý nước thải hầm ủ bioags đạt quy chuẩn xả thải cho phép. Các thí nghiệm được tiến hành trên mô hình AAO với thể tích là 42 lít. Các kết quả vận hành mô hình cho thấy tổng thời gian lưu nước của bể AAO khá thi nhất về mặt kỹ thuật và kinh tế là 10 giờ. Với nồng độ COD, TKN, TP đầu vào lần lượt là $983,53 \pm 14,80$ mg/L, $134,73 \pm 4,20$ mg/L và $39,63 \pm 2,15$ mg/L tải nạp BOD trung bình là 1,12 kgBOD/m³*ngày thì nồng độ nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) với hiệu suất xử lý COD, TKN, TP lần lượt là 90,05%, 89,12% và 93,21%. Nhưng ở thời gian lưu nước xuống 9 giờ, tải nạp BOD trung bình là 1,25 kgBOD/m³*ngày thì nồng độ nước thải đầu ra chỉ đạt cột B do chỉ tiêu BOD5 và COD vượt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A). Như vậy, quy trình AAO với tổng thời gian lưu nước là 10 giờ có thể dùng để xử lý nước thải hầm ủ biogas để loại bỏ chất hữu cơ, ni-tơ và phốt-pho trong nước thải hầm ủ biogas có cùng khoảng nồng độ các chất ô nhiễm như trên.
5126	Đại học	Đánh giá tính đa dạng thực vật bậc cao của mô hình Sen – Lúa, Sen – Cá và trồng sen kết hợp du lịch tại huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Như Ý	Trương, Hoàng Đan	2018	Khảo sát sự đa dạng thực vật trong ba mô hình Sen – Cá, Sen – Lúa và trồng sen kết hợp du lịch nhằm làm cơ sở khoa học cho việc phát triển nông nghiệp và sử dụng đất hợp lý, góp phần vào việc bảo tồn và phát triển bền vững các hệ thực vật tự nhiên. Đề tài “Đánh giá tính đa dạng thực vật bậc cao của mô hình Sen – Lúa, Sen – Cá, trồng sen kết hợp du lịch tại huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 6/2018 đến 12/2018. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp điều tra ngoài đồng để lập danh lục các loài thực vật bậc cao có mặt trong các mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 112 loài, 99 chi, 56 họ thuộc 2 ngành thực vật. Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 108 loài chiếm 96,42% tổng số loài. Trong các loài thực vật thu được thì dạng sống thân cỏ chiếm tỷ lệ cao nhất với 46,43% số loài và cây có công dụng làm thuốc chiếm 66,07% số loài có tỷ lệ cao nhất. Qua đó thấy được sự phong phú và đa dạng về mặt phân loại thực vật trong mô hình nghiên cứu. Ở mô hình Sen – Cá có 84 loài, 76 chi, 46 họ thuộc 2 ngành. Ở mô hình trồng sen kết hợp du lịch có 45 loài, 41 chi, 29 họ thuộc 2 ngành. Còn ở mô hình Sen – Lúa có 29 loài, 27 chi, 18 họ thuộc 2 ngành.

5127	Đại học	Hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa 3 vụ trên địa bàn phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Trịnh, Khắc huy Trần, Mai Hùng	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Nghiên cứu “Hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa 3 vụ trên địa bàn phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ” được thực hiện phường Thới Thuận thông qua việc phỏng vấn 60 nông hộ canh tác lúa 3 vụ nhằm mục đích: Đánh giá hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa 3 vụ trên địa bàn phường Thới Thuận từ đó đề xuất giải pháp quản lý việc thu gom và xử lý chất thải này. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy 100% người dân sử dụng dạng nước và dạng bột các loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), rất đa dạng về mẫu mã. Sau khi sử dụng thuốc BVTV xong còn bao bì, người dân thường vứt bỏ ngoài đồng ruộng là 81,6%, đem chôn là 10% còn lại 8,4% là đem đốt. Thêm vào đó, có đến 73,3% nông hộ hoàn toàn không biết về tác hại của thuốc BVTV điều này cho thấy nhận thức của nông hộ còn kém và 26,7% còn lại chỉ hiểu rõ và biết khái quát về tác hại thuốc BVTV, vì vậy cần nâng cao công tác tuyên truyền về cách sử dụng thuốc BVTV và tác hại của thuốc mang lại. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật (BBTBVTV) tràn lan trên đồng ruộng cũng như trên sông đang là vấn nạn khó giải quyết nhất, nó làm ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh vật và sức khỏe con người cũng như cảnh quan thiên nhiên. Vì vậy chính quyền địa phương cần khuyến khích nông hộ sử dụng bao bì lao động trong quá trình canh tác. Đồng thời, địa phương cần xây dựng hệ thống thu gom xử lý các loại chất thải nguy hại này, mở các lớp tập huấn tuyên truyền nông hộ về liều lượng sử dụng thuốc BVTV và phương pháp thu gom xử lý BBTBVTV.
------	---------	---	---------------------------------	-------------------	---------	--

5128	Đại học	Ứng dụng GIS xây dựng bản đồ cây xanh đô thị ở các tuyến đường chính quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Tăng, Thị Việt Nhân	Trần, Thị Kim Hồng	2018	"Đề tài “Ứng dụng GIS xây dựng bản đồ cây xanh đô thị ở các tuyến đường chính quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Bằng phương pháp khảo sát thực địa tại các tuyến đường chính như đường 3 Tháng 2, đường 30 Tháng 4, đường Nguyễn Văn Linh, đường Đại Lộ Hòa Bình, đường Nguyễn Văn Cừ thuộc địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy có tổng số lượng được nghiên cứu là 1.855 cây, trong đó có tất cả 8 loài cây được trồng chủ yếu là Me (<i>Tranarindus indica</i>) với số lượng là 633 cây chiếm tỷ lệ cao nhất là 34,12%, Sao Đen (<i>Hopea odorata</i>) với số lượng là 489 cây, Dầu Rái (<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb) với số lượng là 317 cây, Lim Xẹt (<i>Peltophorum pterocarpum</i>) với số lượng là 31 cây, Muồng Hoàng Yến (<i>Cassia fistula</i>) với số lượng là 20 cây, Bằng Lăng (<i>Lagerstroemia speciosa</i>) với số lượng là 109 cây, Cau Vua (<i>Roystonea regia</i>) với số lượng là 255 cây, Phượng (<i>Delonix regia</i>) với số lượng là 1 cây chiếm tỷ lệ thấp nhất là 0,05%. Đề tài được sử dụng phần mềm Quantum GIS xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu về thông tin của khoảng 1.855 cây xanh trên 5 tuyến đường chính và xây dựng được bản đồ hiện trạng cây xanh, bản đồ phân loại cây, bản đồ đường kính cây, bản đồ tình trạng cây và bản đồ đường kính tán cây . Với các kết quả đạt được thì việc lưu trữ dữ liệu và truy xuất thông tin bằng phần mềm Quantum GIS được thực hiện dễ dàng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý dữ liệu. Góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí cho công tác quản lý, thay thế cho các phương pháp truyền thống như sổ liệu giấy hay băng lưu trữ dưới dạng Excel như trước đây
------	---------	--	---------------------	--------------------	------	---

5129	Đại học	Phân tích chi phí và lợi nhuận trong việc trồng cây Keo lai và cây Tràm ở Vườn quốc gia U Minh Hạ	Nguyễn, Nhựt Tâm Đoàn, Quốc Thịnh	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài “Phân tích chi phí và lợi nhuận trong việc trồng cây Keo lai và cây Tràm ở Vườn quốc gia U Minh Hạ” được nghiên cứu từ tháng 8/2018 đến tháng 11/2018. Mục tiêu của đề tài là phân tích chi phí và lợi nhuận đối với cây Keo lai và cây Tràm ở VQG U Minh Hạ và đưa ra các giải pháp sản xuất để ổn định kinh tế nghề rừng cho người dân địa phương. Đề tài được nghiên cứu dựa trên phiếu ghi nhật ký canh tác Keo lai và Tràm của 18 hộ dân ngẫu nhiên trong khu vực nghiên cứu, đồng thời kết hợp khảo sát thực địa trên 18 ô tiêu chuẩn ở ba cấp tuổi Tràm (nhỏ hơn 5 tuổi, lớn hơn 5 tuổi và lớn hơn 10 tuổi) và 12 ô tiêu chuẩn ở bốn cấp tuổi Keo lai (1 tuổi, lớn hơn 3 tuổi nhỏ hơn 4 tuổi, 4 tuổi và 5 tuổi). Đề tài được thực hiện theo các phương pháp cơ bản như phỏng vấn ngẫu nhiên các hộ dân, khảo sát thực địa, đo đạt các chỉ tiêu sinh trưởng của cây Keo lai và cây Tràm trong mỗi ô tiêu chuẩn và tính toán số liệu bằng phần mềm Excel, chạy chương trình thống kê SPSS. Qua kết quả tính toán cho thấy, tổng chi phí đầu tư trung bình của các hộ dân trồng Tràm ($26.819.440 \pm 3.843.631$ đồng/ha) thấp hơn so với các hộ trồng Keo Lai ($49.783.670 \pm 24.024.893$ đồng/ha). Lợi nhuận thu về của các hộ trồng Tràm là 148.458.451 đồng/ha cao hơn so với các hộ trồng Keo lai là 111.985.778 đồng/ha. Tổng giá trị kinh tế của mô hình canh tác Tràm cao hơn mô hình canh tác Keo lai. Cụ thể, giá trị kinh tế mà mô hình Tràm có thể đem lại là 72.512.505 đồng/năm/hộ cao hơn so với mô hình trồng Keo Lai là 49.809.646 đồng/năm/hộ. Tóm lại, mô hình canh tác Tràm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình trồng Keo lai, đồng thời việc canh tác Tràm cũng ít tác động đến môi trường hơn so với mô hình trồng Keo lai. Xét về giá trị lưu trữ và hấp thụ CO₂ thì mô hình canh tác Tràm đem lại giá trị kinh tế cao hơn so với mô hình canh tác Keo lai.
5130	Đại học	Xác định các dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm	Trịnh, Ý Lan Nguyễn, Việt Lâm	Lê, Văn Dũ	2018-12	Kết quả dịch vụ cung ứng được đánh giá ở mức quan trọng rất nhiều chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt 48,4% (tràm) 26,7% (keo lai); 29% (tràm), 16,7% (keo lai); sau đó là dịch vụ điều tiết chiếm 19,4% (tràm), 13,2% (keo lai); dịch vụ văn hóa chiếm 0% (tràm và keo lai). Và dịch vụ văn hóa ít được coi trọng bởi hầu hết các nhóm cư dân, thể hiện ở mức đánh giá không quan trọng chiếm tỷ lệ cao nhất là 80%. Dịch vụ cung ứng vẫn là dịch vụ người dân quan tâm nhiều hơn, vì dịch vụ cung ứng hiện tại là nguồn cung cấp thu nhập chính của người dân trồng tràm và keo lai.

5131	Đại học	Xây dựng bản đồ sinh cảnh Khu bảo tồn Loài - Sinh cảnh Phú Mỹ, Huyện Giang Thành, Tỉnh Kiên Giang	Trương, Quân Bảo	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	"Nghiên cứu “Ứng dụng GIS xây dựng bản đồ sinh cảnh Khu bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thanh, tỉnh Kiên Giang” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 11/2018 nhằm xây dựng bản đồ sinh cảnh Khu bảo tồn loài – sinh cảnh Phú Mỹ theo dõi sự thay đổi sinh cảnh và làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau này có liên quan. Trong quá trình nghiên cứu được tiến hành hướng đến các đối tượng: Số liệu chất lượng môi trường đất; nước; đa dạng sinh học thực vật bậc cao tại Khu bảo tồn loài – sinh cảnh Phú Mỹ, dữ liệu về sinh cảnh, các phần mềm dùng để biên tập bản đồ: Google Earth, Quantum GIS, Envi. Nghiên cứu đạt được kết quả như sau: Số liệu thứ cấp chất lượng môi trường đất, nước thu thập được cho thấy Khu bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ là vùng đất ngập nước bị nhiễm phèn nặng, mực nước cao thấp theo mùa, giàu hữu cơ và ít chất dinh dưỡng nên không thích hợp cho canh tác lúa và các loại cây trồng khác. Năm 2017, tại khu bảo tồn ghi nhận được 47 loài thực vật bậc cao với 22 họ, 18 bộ và 2 ngành. Có 03 loài thực vật ngoại lai có khả năng phát triển trên quy mô lớn là Lục bình (<i>Eichhornia crassipes</i>) và cây Mai Dương (<i>Mimosa pigra</i>), Tràm gió (<i>Melaleuca quinquenervia</i>). So với các khu bảo tồn khác trong khu vực ĐBSCL, đa dạng thực vật tại đây thuộc mức thấp. Kết quả khảo sát và xây dựng bản đồ sinh cảnh cho thấy đồng cỏ Bàng Phú Mỹ là một hệ sinh thái đất ngập nước theo mùa với 5 kiểu sinh cảnh đặc trưng: Sinh cảnh Bàng – Mầm mốc, sinh cảnh Bàng – Năng ngọt – Năng kim, sinh cảnh Năng ngọt, sinh cảnh Tràm – Bàng – Năng ngọt và sinh cảnh Lúa. Các hệ sinh thái đất ngập nước này có giá trị sinh thái lớn về bảo tồn thiên nhiên với những chức năng duy trì cân bằng của hệ sinh thái, là vùng duy nhất còn sót lại đồng cỏ Bàng tại ĐBSCL. Cỏ Bàng không chỉ mang lại giá trị bảo tồn đa dạng sinh học còn mang lại giá trị kinh tế cho nhóm người dân địa phương xã Phú Mỹ. Tuy nhiên, hiện nay diện tích cánh đồng cỏ đang bị thu hẹp. Xây dựng bản đồ sinh cảnh Khu bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ để theo dõi sự thay đổi sinh cảnh theo thời gian và làm tài liệu để đề xuất hình thành nên các phân khu chức năng đảm bảo khu bảo tồn phát triển bền vững. Từ khóa: Ứng dụng GIS, sinh cảnh, bản đồ, chất lượng đất; nước, thực vật bậc cao, WebGIS."
------	---------	---	------------------	--------------------	---------	---

5132	Đại học	Thực trạng quản lý khai thác cát trên Sông Hậu đoạn thuộc địa phận Thành phố Cần Thơ	Phan, Thanh Duy Nguyễn, Hoàng Thắng	Trương, Hoàng Đan	2018	"Nghiên cứu “Thực trạng quản lý khai thác cát trên Sông Hậu đoạn thuộc địa phận Thành phố Cần Thơ” được thực hiện ở địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm xác định: (1) Đánh giá thực trạng khai thác cát ở sông Hậu trên địa phận TP Cần Thơ, (2) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý khai thác cát ở sông Hậu trên địa phận TP Cần Thơ, (3) Đưa ra các đề xuất nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý khai thác cát ở sông Hậu trong thời gian tới. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp từ các cơ quan chuyên trách, các bài báo, tạp chí khoa học và các nghiên cứu có liên quan và thu thập thông tin sơ cấp thông qua kết quả phỏng vấn 04 cán bộ chuyên trách của bốn quận: Thốt Nốt, Ô Môn, Bình Thủy, Ninh Kiều thành phố Cần Thơ và 60 hộ dân sống tại phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy trên địa bàn thành phố hiện tại chỉ còn một quận có khai thác. Đó là phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ với số lượng một doanh nghiệp được cấp giấy phép khai thác là công ty Cổ phần An Lạc. Mặc dù số lượng cấp phép khai thác giảm, song công suất khai thác lại được tăng lên đảm bảo nhu cầu tiêu dùng cát trong xây dựng. Công tác quản lý khai thác cát trên địa bàn còn gặp một số khó khăn như: hệ thống công cụ pháp luật còn chồng chéo giữa các địa phương, vẫn còn hoạt động khai thác trái phép, khai thác không đúng với vị trí cho phép, phương tiện khai thác vẫn chưa đăng kí, hoạt động thanh kiểm tra còn gặp một số hạn chế về mặt nhân lực cũng như tài chính cũng như chưa có sự phối hợp giữa các khu vực lân cận. Ngoài ra thiếu sự phối hợp của người dân địa phương cũng như sự rò rỉ thông tin về hoạt động thanh kiểm tra. Từ khóa: khai thác, cát sông, công tác quản lý, cấp phép, trái phép, sông Hậu."
5133	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất tại rừng tràm Mỹ Phước - Sóc Trăng	Trần, Thị Loan Anh	Trần, Thị Kim Hồng	2018	Đề tài “Đánh giá chất lượng môi trường đất tại rừng tràm Mỹ Phước – Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 5 - 12/2018 tại rừng tràm Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Các chỉ tiêu: pH, EC, nhôm trao đổi, sắt tổng, nito tổng, photpho tổng, chất hữu cơ được thu và đo tại 28 vị trí vào 2 mùa nắng và mưa. Kết quả phân tích cho thấy, giá trị pH mùa mưa cao hơn mùa nắng và đa số giá trị pH đất đều thấp, đây là loại đất phèn chua nhiều có thể làm ảnh hưởng đến sự hữu dụng của các chất dinh dưỡng và sự phát triển của cây. Độ dẫn điện (EC) mùa nắng cao hơn mùa mưa và đa số đều cao hơn 1 mS/cm. Hàm lượng Al mùa nắng cao hơn mùa mưa ngược lại hàm lượng Fe mùa mưa cao hơn mùa nắng. Hàm lượng đạm và chất hữu cơ mùa mưa cao hơn mùa nắng, hàm lượng đạm đạt ở mức khá và giàu đạm, ngược lại hàm lượng lân tổng số của cả 2 mùa gần bằng nhau nhưng đa số chỉ ở mức nghèo lân đến trung bình, chất hữu cơ đa số đều ở mức khá. Nhìn chung, đa số các chỉ tiêu về chất lượng môi trường đất có sự chênh lệch giữa các vị trí và giữa 2 mùa tại rừng tràm Mỹ Phước – Sóc Trăng. Từ khóa: Môi trường đất, rừng tràm, Mỹ Phước.

5134	Đại học	Xây dựng bản đồ diễn biến mặn và đánh giá chất lượng nước dưới đất tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Quốc Cường	Nguyễn, Đình Giang Nam	2018	Đề tài được thực hiện tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre với mục tiêu nghiên cứu đánh giá chất lượng nước dưới đất trong khu vực và xây dựng bản đồ về chất lượng nước dưới đất và diễn biến mặn trong khu vực. Thời gian ghiên cứu từ 8/2018 – 12/2018. Tiến hành khảo sát, thu và đo nhanh mẫu nước tại khu vực nghiên cứu vào thời điểm nước kiệt, các mẫu nước sau đó được phân tích tại phòng thí nghiệm. Kết quả phân tích được so sánh với QCVN 09:2015/BTNMT và QCVN 01:2009:BYT, tính toán GWQI trong khu vực, xây dựng bản đồ piper và ứng dụng GIS để xây dựng bản đồ chất lượng nước dưới đất và diễn biến mặn trong khu vực nghiên cứu. Kết quả tính toán GWQI cho thấy chất lượng nước dưới đất trong khu vực vẫn nằm ở mức tốt, tuy nhiên tại một số điểm khảo sát chất lượng nước dưới đất chỉ đạt mức trung bình và phần lớn NDĐ tại huyện Ba Tri bị nhiễm Cl- trong nước là chủ yếu. Kết quả thu được từ bản đồ Piper cho thấy loại NDĐ chính trong khu vực nghiên cứu là Ca – Mg – Cl – SO₄, có các hỗn hợp muối Ca – Mg – Cl. Đồng thời xây dựng được cơ sở dữ liệu GIS, xây dựng bản đồ chất lượng nước dưới đất và diễn biến mặn tại các điểm quan trắc. Sau khi nghiên cứu và cho kết quả phân tích đánh giá chúng tôi đề xuất ứng dụng chỉ số GWQI đưa vào đánh giá mức độ suy giảm chất lượng hay cải thiện chất lượng NDĐ, bên cạnh đó đề xuất áp dụng các hệ thống quan trắc tự động. Đề theo dõi các về sự biến đổi về chất lượng và trữ lượng của NDĐ, các hiện tượng sụt lún và xâm nhập mặn
5135	Đại học	Đánh giá chất lượng nước thủy vực tiếp giáp nhà máy giấy Lee&Man, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang dựa vào động vật đáy	Dur, Thị Ngọc Hiền	Nguyễn, Văn Công	2018-12	Nghiên cứu đánh giá chất lượng nước thủy vực tiếp giáp nhà máy giấy Lee&Man, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang dựa vào động vật đáy được thực hiện từ 01/2018 – 03/2018 nhằm xác định được thành phần loài và sinh lượng động vật đáy trong phạm vi nghiên cứu từ đó đánh giá chất lượng nước. Tổng cộng có 5 điểm được chọn để thu mẫu. Kết quả đã phát hiện được 14 loài động vật đáy thuộc 6 lớp. Thành phần loài động vật đáy không có sự khác biệt lớn giữa các đợt khảo sát. Sinh lượng động vật đáy biến động rất lớn là do lớp Bivalvia chiếm hơn 90% sinh khối. Chỉ số đa dạng Shannon-Weaver (H') và chỉ số sinh học ASPT biến động lần lượt 0,5 – 2,1 và 3,4 – 6,5. Kết quả của nghiên cứu cho thấy các vị trí thu mẫu đều bị ô nhiễm từ mức ít ô nhiễm đến ô nhiễm trung bình và phần lớn là ô nhiễm hữu cơ. Nước thải sản xuất từ nhà máy giấy Lee&Man là nguyên nhân quan trọng nhất làm ảnh hưởng đến chất lượng nước. Vì vậy, cần phải được theo dõi và quản lý một cách phù hợp để đề phòng sự cố xảy ra. Ngoài ra, kết quả của nghiên cứu còn là nguồn dữ liệu cơ bản để xây dựng chương trình quan trắc sinh học trên sông Hậu.

5136	Đại học	Khảo sát thành phần loài và sản lượng cá tự nhiên ở các mô hình trồng keo lai, trồng tràm và tràm tự nhiên tại Vườn Quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau	Nguyễn, Thị Chúc Mai Lê, Quốc Dương	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài này được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 12/2018 tại vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau nhằm khảo sát sự biến động về số lượng thành phần loài và sản lượng cá tự nhiên ở các mô hình trồng keo lai, trồng tràm và tràm tự nhiên theo tầng phèn và độ tuổi cây từ đó đề xuất ra các giải pháp nhằm bảo tồn nguồn cá tự nhiên. Với phương pháp thu mẫu thực tế tại 73 ô trên 10 mô hình bằng các loại ngư cụ phổ biến như lưới kéo, lưới giăng, lợp, lờ, lú, dớn, bát quai và 12 cửa ngục thu được 21 loài cá thuộc 12 họ của 06 bộ được tìm thấy. Trong đó, Bộ cá vược chiếm tỷ lệ cao nhất với 12 loài. Thành phần loài cá ở các mô hình keo lai, tràm trồng và tràm tự nhiên trên BLĐ phèn sâu có số lượng loài cao hơn ở BLĐ phèn nông; trong đó mô hình keo lai < 3 năm phèn sâu có số loài cao nhất với 16 loài. Tương tự, tổng sản lượng cá tự nhiên trên mô hình keo lai < 3 năm tuổi phèn sâu cũng có tổng sản lượng cao nhất với 7883,18 (g), ngược lại trên hai mô hình keo lai < 3 năm tuổi và tràm trồng < 5 năm tuổi phèn nông có tổng sản lượng là 0 (g). Ngư cụ thu được sản lượng cá cao nhất là lưới giăng. Kết quả thu mẫu thực tế cho thấy kỹ thuật trồng keo lai và tầng phèn ảnh hưởng đến đa dạng loài và sản lượng cá tự nhiên. Ngoài ra, để bổ sung cho sự biến động về số lượng và thành phần loài cá tại VQG, đề tài cũng tiến hành phỏng vấn 30 tại địa bàn và khảo sát được 16 loài thuộc 09 họ của 04 bộ. Nhìn chung người dân nhận thấy nguồn cá tự nhiên suy giảm rất nhiều so với vài năm trước đây. Nguyên nhân chủ yếu là do các hoạt động của con người gây ra từ việc đánh bắt quá mức và sử dụng ngư cụ mang tính hủy diệt cao.
------	---------	---	--	------------	---------	---

5137	Đại học	Đánh giá thành phần động vật không xương sống cỡ lớn trên đoạn kênh Bờ Thiếc và kênh Một Trăm gần bãi rác Đông Thắng xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	Lý, Nhật Tân	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Môi trường nước và động vật đáy có liên quan mật thiết với nhau trong một thủy vực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng động vật đáy để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt được quan tâm vì phương pháp này ít gây ô nhiễm môi trường và ít tốn kém chi phí. Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá sự phân bố của động vật không xương sống (ĐVKXS) cỡ lớn trong hệ thống kênh rạch chịu tác động từ nước rỉ rác và các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Năm mẫu động vật đáy được thu hai đợt, đợt 1 vào tháng 5 và đợt 2 vào tháng 10 năm 2018. Mẫu nước cũng được thu để đánh giá chất lượng nước và làm cơ sở đánh giá hiệu quả của việc sử dụng ĐVKXS cỡ lớn làm chỉ thị chất lượng môi trường nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần ĐVKXS cỡ lớn phát hiện 17 loài thuộc 6 họ và 4 lớp, trong đó các Limnodrilus hoffmeisteri và loài Tendipes hiện diện thường xuyên trong hai đợt thu mẫu. Mật độ và sinh lượng có sự biến động lớn giữa các điểm và các đợt khảo sát chủ yếu là do sự thay đổi số lượng cá thể của loài Limnodrilus hoffmeisteri thuộc lớp Oligochaeta và sự biến động về khối lượng của các loài thuộc lớp Bivalvia. Dựa vào thành phần loài, sinh lượng và các chỉ và tính toán các chỉ số H', RBP III, ASPT cho thấy môi trường ô nhiễm rất nặng trong khi đó chỉ số WQI được tính toán dựa vào các chỉ tiêu lý hóa cho thấy mức độ ô nhiễm nước ở kênh xung quanh bãi rác chỉ ở mức nặng. Như vậy, việc sử dụng ĐVKXS cỡ lớn cho kết quả đánh giá chất lượng nước với mức độ ô nhiễm cao hơn bởi vì ĐVKXS cỡ lớn ảnh hưởng trực tiếp bởi nền đáy và sự tích tụ chất ô nhiễm tại nền đáy. Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường nước xung quanh bãi rác bị ô nhiễm nặng và việc sử dụng động vật đáy có thể đánh giá được mức độ ô nhiễm của thủy vực thủy vực này. Từ khóa: động vật không xương sống cỡ lớn, môi trường nước, nền đáy, bãi rác, ô nhiễm môi trường.
5138	Đại học	Khảo sát và đánh giá độ mặn nguồn nước mặt bên trong và ngoài đê bao khép kín - Một nghiên cứu ở rừng tràm Mỹ Phước, Sóc Trăng	Lê, Mai Trung Tính	Huỳnh, Vương Thu Minh	2018-12	Đề tài “Khảo sát và đánh giá độ mặn nguồn nước mặt bên trong và ngoài đê bao khép kín – Một nghiên cứu ở rừng tràm Mỹ Phước, Sóc Trăng” được thực hiện nhằm xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến độ mặn tại khu vực nghiên cứu. Việc khảo sát độ mặn được tiến hành đồ trực tiếp 60 vị trí khác nhau (30 vị trí bên trong đê và 30 vị trí bên ngoài đê) vào hai đợt (đợt 1 vào tháng 5 và đợt 2 vào tháng 8) năm 2018. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích sự khác biệt (DA) và phương pháp thiết lập bản đồ đường đẳng trị. Kết quả ghi nhận được độ mặn nguồn nước mặt bên trong đê cao hơn bên ngoài đê trong cả mùa khô và mùa mưa. Điều này cho thấy đê bao khép kín làm hạn chế sự trao đổi nước giữa trong và ngoài đê khiến cho độ mặn bên trong đê tích tụ và tăng theo thời gian. Kết quả DA mùa cho thấy độ mặn, pH, EC là các thông số quan trọng nhất cho sự khác biệt rõ rệt giữa mùa khô và mùa mưa và ba tham số có thể được sử dụng cho những thay đổi thời gian dự kiến trong chất lượng nước mặt trong khu vực nghiên cứu này. Không tìm thấy mối tương quan giữa giá trị độ mặn với pH và EC tại khu vực khảo sát.

5139	Đại học	Ứng dụng GIS đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng tại rừng tràm Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng	Trần, Ngọc Huy	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	Đề tài được thực hiện tại khu rừng Tràm Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng với mục tiêu là ứng dụng GIS xây dựng bản đồ hiện trạng cơ sở hạ tầng, từ đó cung cấp thông tin cơ bản làm cơ sở cho việc cải tạo cơ sở hạ tầng, góp phần bảo vệ tốt rừng tràm Mỹ Phước. Các số liệu về bản đồ hành chính, bản đồ nền hệ thống kênh rạch và hệ thống thủy lợi, các thông tin về hiện trạng cơ sở hạ tầng được thu thập từ ban quản lý rừng Tràm Mỹ Phước và các tài liệu có liên quan. Đề tài tiến hành đo đạc thực tế để thu thập số liệu về hiện trạng cơ sở hạ tầng tại nơi nghiên cứu. Tiến hành phỏng vấn ban quản lý và cán bộ địa phương, thu thập thông tin về công tác quản lý cơ sở vật chất; hệ thống giao thông – thủy lợi tại khu vực rừng tràm Mỹ Phước. Ứng dụng phần mềm QGIS 2.18.2 để xây dựng bản đồ cơ sở hạ tầng của Rừng tràm Mỹ Phước. Qua đó đánh giá được hiện trạng, chức năng và những hạn chế còn tồn tại của cơ sở hạ tầng. Từ đó đề xuất được một số giải pháp quản lý cơ sở hạ tầng tại vùng nghiên cứu. Qua nghiên cứu, đề tài đã lập được bản đồ hiện trạng cơ sở hạ tầng tại Rừng tràm Mỹ Phước bao gồm bản đồ của hệ thống đường bộ, hệ thống đường thủy, hệ thống quản lý nước và một số công trình phụ trợ. Cơ sở hạ tầng tại rừng tràm Mỹ Phước cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tuy nhiên, cũng còn những hạn chế tồn tại như toàn bộ khu vực rừng tràm hiện tại chưa có hệ thống cống để giữ nước, hệ thống đường giao thông chưa được nâng cấp, và một số hạn chế khác. Qua đó, nghiên cứu đưa ra một số giải pháp về công tác quản lý; giải pháp quy hoạch hoàn thiện cơ sở hạ tầng; giải pháp quy hoạch định hướng phát triển du lịch nhằm quản lý tốt rừng Tràm Mỹ Phước.
------	---------	---	----------------	--------------------	---------	---

5140	Đại học	Khảo sát thành phần phiêu sinh thực vật ở các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại vườn quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau.	Nguyễn, Thị Tuyết Hoa Nguyễn, Thị Bích Ngân	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài “Khảo sát thành phần phiêu sinh thực vật ở các mô hình trồng keo lai, trồng tràm và hệ sinh thái rừng tràm tự nhiên tại vườn quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau” được thực hiện với mục tiêu nghiên cứu và đánh giá thành phần, số lượng phiêu sinh thực vật (PSTV) và mối liên hệ với chất lượng môi trường nước ở các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại Vườn quốc gia (VQG) U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu được bố trí trên 3 khu vực tương ứng, mỗi khu vực có 2 biểu loại đất (BLĐ) phèn nông và phèn sâu, mỗi loại đất chọn ra 2 cấp tuổi, riêng khu vực Tràm tự nhiên chọn ra cấp tuổi lớn hơn 10 và mỗi mẫu được lặp lại 3 lần. Mỗi mẫu được thu thập bao gồm các chỉ tiêu định tính và định lượng PSTV. Kết quả phân tích định tính loài PSTV ở khu vực trồng Keo lai và khu vực Tràm trồng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 BLĐ phèn nông và phèn sâu. Ngược lại, Tràm tự nhiên không có sự khác biệt. Qua kết quả cho thấy, tổng trung bình thành phần loài tại mô hình Tràm trồng cao nhất với 16,17 loài, kế tiếp là Keo lai với 14,92 loài và Tràm tự nhiên với 10,17 loài. Mật độ cá thể PSTV tại khu vực trồng Keo lai trên BLĐ phèn sâu (867 cá thể/lít) cao hơn phèn nông (91 cá thể/lít) và có ý nghĩa ($p < 0,05$), tại khu vực Tràm thì không có sự khác biệt giữa 2 BLĐ phèn nông và phèn sâu. Nhìn chung, mật độ PSTV tại khu vực trồng Tràm cao nhất với 996 cá thể/lít, kế đến là khu vực Tràm tự nhiên có 746 cá thể/lít và thấp nhất tại khu vực trồng Keo lai với 479 cá thể/lít. Từ kết quả chỉ số đa dạng sinh học (ĐDSH) cho thấy, chất lượng nước tại khu vực trồng Keo lai nằm trong mức độ rất ô nhiễm và độ ĐDSH kém ($H' < 1$), tại khu vực Tràm trên BLĐ phèn nông cũng nằm trong mức rất ô nhiễm và có độ ĐDSH kém, còn trên BLĐ phèn sâu chất lượng nước cũng ô nhiễm nhưng mức độ ô nhiễm thấp hơn và có độ ĐDSH khá hơn ($1 < H' < 3$).
5141	Đại học	Khảo sát mức sẵn lòng chi trả để bảo tồn rừng tràm Mỹ Phước của người dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng”	Lâm, Thị Mai Trinh Nguyễn, Thị Bảo Hân	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài được thực hiện tại rừng tràm Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó tiến hành phân tích số liệu bằng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên, phương pháp thống kê, sử dụng các phép tính số từ excel, Stata, mô hình Probit. Qua kết quả phân tích, có 60% hộ dân sẵn lòng chi trả nếu chương trình bảo tồn được thực hiện và mức WTP trung bình là 16.000 đồng/hộ/tháng. Có 2 yếu tố ảnh hưởng đến mức WTP (ở mức có ý nghĩa) là số thành viên trong gia đình và sự tin tưởng vào chương trình.

5142	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước các đồng cỏ năng, cỏ ống, cỏ mồm, lúa ma tại Vườn Quốc Gia Tràm Chim huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp	Trần, Tứ Thiên	Trần, Thị Kim Hồng	2018	Đề tài “Đánh giá hiện trạng chất lượng nước tại các đồng cỏ năng, cỏ mồm, cỏ ống, lúa ma Vườn Quốc Gia Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 12/2018 để đánh giá, so sánh chất lượng nước tại sinh cảnh cỏ năng, cỏ ống, cỏ mồm, lúa ma và ảnh hưởng đến tính bảo tồn đa dạng sinh học. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường nước: độ ngập sâu, nhiệt độ, pH, EC, độ đục, DO, COD, NH4+ , PO43- mỗi sinh cảnh được thu mẫu tại 3 vị trí khảo sát: 4 sinh cảnh *3 vị trí=12 vị trí. Các chỉ tiêu sau khi phân tích kết quả sẽ được so sánh với QCVN 08:2015/BTNMT cột A1. Từ kết quả phân tích các chỉ tiêu đánh giá được: sinh cảnh nghiên cứu có giá trị độ ngập sâu, nhiệt độ, độ dẫn điện (EC) tương đối ổn định, chỉ tiêu pH tại 4 sinh cảnh không có sự khác biệt lớn dao động xung quanh khoảng pH trung tính thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển thủy sinh vật. Độ đục trong nước tại sinh cảnh cỏ năng rất cao, 3 sinh cảnh còn lại tương đối ổn định, độ đục cao hạn chế khả năng quang hợp thực vật thủy sinh. Chỉ tiêu NH4+ sự biến động khác nhau giữa các sinh cảnh, cao nhất tại sinh cỏ ống. Hàm lượng PO43- dao động không lớn tại sinh cảnh cỏ năng có vị trí khảo sát cao hơn quy chuẩn. Chỉ tiêu quan trọng DO thấp và COD cao nên có thể đánh giá được nước đã bị ô nhiễm chất hữu cơ, DO thấp nên hạn chế khả năng sinh trưởng của sinh vật thủy sinh. So sánh QCVN 08:2015/BTNMT cột A1 tại sinh cảnh chỉ tiêu COD, DO, NH4+ (sinh cảnh cỏ ống vượt 15 lần) không đạt quy chuẩn, các chỉ tiêu pH, PO43- nằm trong giới hạn cho phép. Nhìn chung nước ở sinh cảnh nghiên cứu bị ô nhiễm chất hữu cơ ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của thủy sinh vật.
5143	Đại học	Khảo sát chất lượng môi trường nước mặt tại rừng tràm Mỹ Phước, Tỉnh Sóc Trăng	Tất, Thủy Tiên Bùi, Ngọc Châm	Trần, Thị Kim Hồng	2018	Đề tài “Đánh giá chất lượng môi trường đất tại rừng tràm Mỹ Phước – Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 5 - 12/2018 tại rừng tràm Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Các chỉ tiêu: pH, EC, nhôm trao đổi, sắt tổng, nito tổng, photpho tổng, chất hữu cơ được thu và đo tại 28 vị trí vào 2 mùa nắng và mưa. Kết quả phân tích cho thấy, giá trị pH mùa mưa cao hơn mùa nắng và đa số giá trị pH đất đều thấp, đây là loại đất phèn chua nhiều có thể làm ảnh hưởng đến sự hữu dụng của các chất dinh dưỡng và sự phát triển của cây. Độ dẫn điện (EC) mùa nắng cao hơn mùa mưa và đa số đều cao hơn 1 mS/cm. Hàm lượng Al mùa nắng cao hơn mùa mưa ngược lại hàm lượng Fe mùa mưa cao hơn mùa nắng. Hàm lượng đạm và chất hữu cơ mùa mưa cao hơn mùa nắng, hàm lượng đạm đạt ở mức khá và giàu đạm, ngược lại hàm lượng lân tổng số của cả 2 mùa gần bằng nhau nhưng đa số chỉ ở mức nghèo lân đến trung bình, chất hữu cơ đa số đều ở mức khá. Nhìn chung, đa số các chỉ tiêu về chất lượng môi trường đất có sự chênh lệch giữa các vị trí và giữa 2 mùa tại rừng tràm Mỹ Phước – Sóc Trăng. Từ khóa: Môi trường đất, rừng tràm, Mỹ Phước.

5144	Đại học	Khảo sát hiện trạng phân bố và sản lượng Mật ong ở rừng Tràm tại huyện U Minh - Cà Mau	Phạm, Phương Uyên Đặng, Thị Thùy Trang	Lê, Văn Dũ	2018	Đề tài “Khảo sát hiện trạng phân bố và sản lượng mật ong ở rừng Tràm tại huyện U Minh – Cà Mau” được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 nhằm cung cấp thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu, đánh giá hiện trạng phân bố và ước tính sản lượng mật ong ở rừng Tràm tại khu vực huyện U Minh – Cà Mau. Qua đó, giúp cho việc quản lý rừng, tăng cường các giá trị cung ứng của rừng Tràm theo hướng khai thác hợp lý mật ong. Phương pháp điều tra thực tế được sử dụng để thực hiện đề tài này. Thông tin điều tra được thu thập theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên với cỡ mẫu là 30 hộ gác kèo ong trên khu vực huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Kết quả cho thấy thực trạng sản xuất mật ong ở khu vực rừng Tràm thuộc xã Khánh Thuận, huyện U Minh khá ổn định năng suất mật trung bình một năm của từng hộ dân khoảng 126,2 lít/năm. Sản lượng mật ong rừng Tràm có sự chênh lệch giữa 2 mùa là: mùa nắng và mùa mưa. Sản lượng mật ong mùa nắng luôn cao hơn so với mùa mưa. Bên cạnh đó, kỹ thuật gác kèo cũng ảnh hưởng lớn đến sản lượng mật. Theo kết quả điều tra ta có 30/30 số hộ dân có kỹ thuật gác kèo từ kinh nghiệm truyền lại hoặc do tự học. Do kinh nghiệm về kỹ thuật gác kèo là khác nhau nên tỷ lệ ong đến làm tổ sẽ khác nhau dẫn đến sản lượng mật thu được giữa các hộ dân gác kèo ong cũng khác nhau. Hơn thế nữa, sản lượng mật thu được trong năm sẽ phụ thuộc vào diện tích đất rừng, số lượng kèo gác nhiều hay ít. Năng suất mật thu được trên năm và tổng diện tích đất, tổng kèo có mối tương quan với nhau. Diện tích đất rừng càng lớn thì số lượng kèo gác sẽ được nhiều do đó tổng năng suất mật thu được cũng sẽ cao (năng suất mật thu được và tổng diện tích đất có mối tương quan thuận với nhau ở mức tương quan cao ($r = 0,89$); năng suất mật thu được cũng có mối tương quan thuận với tổng kèo ở mức tương quan $r = 0,8$).
5145	Đại học	Đánh giá biến động dòng chảy và độ mặn đến cây tràm và cây dừa nước theo mùa - Nghiên cứu tại Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng	Đặng, Thị Hồng Nhung	Huỳnh, Vương Thu Minh	2018	Đề tài “Đánh giá biến động dòng chảy và độ mặn đến cây tràm và cây dừa nước theo mùa - Nghiên cứu tại Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng” đã được thực hiện với mục tiêu (1) đánh giá hiện trạng hệ thống kênh rạch và công trình thủy lợi; (2) so sánh biến động dòng chảy mặt giữa mùa mưa và mùa khô trong vùng đê bao; (3) phân tích và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự thay đổi dòng chảy và chất lượng nước (mặn) đến sự phân bố thực vật (cây tràm và cây dừa nước). Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp (i) phương pháp vẽ mặt cắt ướt; (ii) phương pháp tính lưu tốc dòng chảy; (iii) phương pháp tính lưu lượng dòng chảy; (iv) phương pháp phân tích cụm; (v) phương pháp thống kê; (vi) phương pháp phân tích tương quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ thống kênh rạch và công trình thủy lợi (đê bao, cống) trong vùng nghiên cứu hiện nay đang hoạt động tốt. Tuy nhiên một số tuyến kênh đang có xu hướng bị bồi lắng và cống Ngã Năm đã ngưng hoạt động hơn 10 năm. Dòng chảy mặt trong mùa khô và mùa mưa có sự thay đổi nhưng rất ít. Sự thay đổi dòng chảy và chất lượng nước ở hai mùa đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển của cây tràm và cây dừa nước trong vùng nghiên cứu. Mặt khác, theo thời gian diện tích dừa nước bị suy giảm còn do con người đã phá bỏ.

5146	Đại học	Xây dựng bản đồ chất lượng đất, nước tại rừng tràm Mỹ Phước - Sóc Trăng	Lê, Cẩm Sang	Ngô, Thị Diễm My	2018	Đề tài “Xây dựng bản đồ chất lượng đất, nước tại rừng tràm Mỹ Phước - Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 5 - 12 năm 2018. Các chỉ tiêu chất lượng đất gồm pH, EC, Nhôm trao đổi, Sắt tổng, Đạm tổng, Lân tổng, chất hữu cơ và các chỉ tiêu chất lượng nước gồm pH, hàm lượng oxy hòa tan (DO), Độ dẫn điện (EC), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nitrat (NO₃-), Phosphate (PO₄³⁻), Amon (NH₄⁺) và Nhiệt độ được thu và đo tại 28 vị trí vào hai mùa nắng - mưa. Qua CSDL về chất lượng đất, chất lượng nước được xây dựng, đã lập thành các bản đồ chuyên đề về chất lượng đất (Bản đồ chỉ tiêu pH, EC,...), các bản đồ chất lượng nước (Bản đồ chỉ tiêu TSS, COD, DO,...) tại các vị trí thu mẫu. Đồng thời cũng xây dựng bản đồ có nguy cơ ô nhiễm đất, nước. Từ khóa: Chất lượng đất, chất lượng nước, bản đồ
------	---------	---	--------------	------------------	------	--

5147	Đại học	Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình lúa – tôm cày xanh tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Huỳnh, Thị Diễm My Lý, Ngọc Trân	Trương, Hoàng Đan	2018	Nghiên cứu “Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình lúa – tôm cày xanh tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018 thông qua việc phỏng vấn 50 nông hộ canh tác lúa – tôm và 5 cán bộ ở huyện, nhằm đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và môi trường của mô hình lúa – tôm cày xanh, qua đó nhận thấy được lợi ích của việc chuyển đổi phương thức canh tác trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, huyện Hồng Dân các nông hộ có trình độ học vấn đa số là cấp 1 và cấp 2. Thu nhập chính là từ mô hình lúa – tôm cày xanh và các nguồn thu nhập phụ cũng đem lại kinh tế ổn định cho gia đình. Giống lúa được các nông hộ lựa chọn là Một bụi đỏ, OM5451, F lai và giống tôm cày xanh được nông hộ lựa chọn là giống tôm cày ngang và giống tôm cày đực. Với mật độ gieo xạ 3 – 7 kg/công, thời gian gieo trồng là từ 4 – 5 tháng và năng suất trung bình 587,30±13,576 kg/công. Với vốn đầu tư trung bình 1.065.813,38±14.632,607 đồng/công, tổng thu nhập bình quân của việc trồng lúa là 2.863.892,40±69.522,388 đồng/công và tỷ suất lợi nhuận trung bình là 1.905.007±71.631,377 đồng/công. Đối với tôm cày xanh thời gian nuôi trung bình là 6 tháng với năng suất bình quân là 35,8±3,319 kg/công/vụ. Vốn đầu tư trung bình 1.639.819,76±57.033,71 đồng/công, tổng thu nhập trung bình quân 5.119.606±198.533,617 đồng/vụ, tỷ suất lợi nhuận đạt trung bình cho việc nuôi tôm cày xanh là 3.479.786,24±183.767,384 đồng/công. Mô hình lúa – tôm cày xanh dù mới phát triển gần đây nhưng không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn bảo vệ môi trường, cải thiện môi trường đất, nước, các loài sinh vật và không gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người nhờ vào việc sử dụng các loại phân bón được phép sử dụng và áp dụng một loạt các biện pháp tự nhiên và sinh học giảm thiểu tác động đến môi trường trong canh tác. Bên cạnh đó, nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn tổng thể về những khó khăn và thuận lợi của người dân hiện tại, những cơ hội và nguy cơ trong tương lai cho canh tác mô hình lúa – tôm cày xanh nhằm phát triển nông nghiệp bền vững. Ngoài ra, những kiến nghị nhằm giúp nâng cao nhận thức của người dân trong quá trình canh tác, mở rộng diện tích cho mô hình lúa – tôm cày xanh trong tương lai và hạn chế người dân lạm dụng các loại phân bón và thuốc BVTV.
------	---------	--	-----------------------------------	-------------------	------	---

5148	Đại học	Khảo sát thành phần động vật nổi ở các ở các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên VQG U Minh Hạ - Cà Mau	Phạm, Sĩ Nguyên Trần, Thị Ngọc	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Mục tiêu của đề tài là khảo sát thành phần loài và số lượng phiêu sinh động vật ở các kiểu sử dụng đất trồng Keo Lai, trồng Tràm và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại VQG U Minh Hạ, Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện trên cây Keo Lai (Acacia hybrid) và cây Tràm (Melaleuca cajuputi) ở 2 loại đất phèn nông và phèn sâu (gọi là BLĐ). Trên mỗi BLĐ thu mẫu 2 cấp tuổi (CT) khác nhau, riêng khu vực Tràm tự nhiên thu mẫu ở CT > 10 tuổi và được lặp lại 3 lần. Các số liệu được phân tích trong phòng thí nghiệm, phần mềm EXCEL và SPSS được dùng để tính toán và thống kê số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Rotifera là nhóm có số loài xuất hiện nhiều nhất ở tất cả các mô hình. Tràm trồng có trung bình tổng thành phần loài cao nhất 48,17 loài, tiếp theo là Keo lai 46,33 loài và thấp nhất là Tràm tự nhiên 28,01 loài. Về mật độ, Rotifera vẫn là nhóm chiếm ưu thế nhất trong mật độ phiêu sinh động vật (PSĐV) ở các mô hình. Khu vực có mật độ thấp nhất là Tràm tự nhiên – phèn sâu (41.773,33 ct/m3) và cao nhất là Tràm trồng (650.060,84 ct/m3). Tầng phèn nông tại các khu vực khảo sát có chỉ số đa dạng sinh học (ĐDSH) không cao ($H' < 1$) chứng tỏ môi trường rất ô nhiễm và kém ĐDSH hơn phèn sâu, khu vực Keo Lai – phèn sâu có H' cao nhất ($H' = 1,24$). Qua kết quả phân tích, mô hình Keo lai – phèn sâu là thích hợp nhất, mang lại giá trị kinh tế và môi trường, do đó cần quan tâm trong việc chọn và quy hoạch vùng trồng hợp lý để tránh ảnh hưởng đến môi trường.
5149	Đại học	Khảo sát hiện trạng sinh cảnh cây Keo lai thuộc vùng đệm Vườn Quốc Gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thị Ngọc Gấm	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài " Khảo sát hiện trạng sinh cảnh cây Keo lai thuộc vùng đệm Vườn Quốc Gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau" được tiến hành từ tháng 8 năm 2018. Đề tài xác định sinh khối Keo lai, đồng thời khảo sát các loài thực vật bậc cao tại khu vực nghiên cứu để từ đó đề xuất một số giải pháp quản lý và phát triển bền vững tính đa dạng sinh học tại Vườn Quốc Gia U Minh Hạ. Quá trình khảo sát được thực hiện trên 12 ô tiêu chuẩn có diện tích 10.000 mét vuông ở hai cấp tuổi (Keo lai lớn hơn 3 năm tuổi và Keo lai nhỏ hơn 3 năm tuổi). Qua kết quả đo đạc và tính toán đã xác định được sinh khối của rừng trồng Keo lai có thể cung cấp 299,82 (tấn/ha) tổng sinh khối và 140,92 (tấn/ha) đối với trữ lượng cacbon, bên cạnh đó có thể thấy sinh khối và trữ lượng cacbon của rừng trồng có xu hướng tăng theo cấp tuổi, tuổi càng lớn thì giá trị về sản lượng sinh khối cũng như trữ lượng cacbon càng cao và ngược lại. Thành phần các loài thực vật khảo sát tại rừng trồng Keo lai chủ yếu là các loài dây leo , dương xỉ sống bám vào thân cây đặc biệt là cây ở cấp tuổi nhỏ nơi có nước ngập thuận lợi cho sự phát triển của chúng. Tóm lại, để phát triển rừng trồng Keo lai đạt sản lượng giá trị sinh khối cao thì người dân cần có những kế hoạch từ việc lên liếp, chăm sóc, hạn chế sự ảnh hưởng của một số loài thực vật ngoại tăng gây ảnh hưởng đến sự phát triển cũng như năng suất cây.

5150	Đại học	Đánh giá môi trường và xây dựng kế hoạch quản lý môi trường cho vùng nuôi tôm - rừng ở khu vực rừng phòng hộ Năm Căn và Đất Mũi tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Hữu Duy	Nguyễn, Văn Công	2018-12	Đề tài “Đánh giá môi trường và xây dựng kế hoạch quản lý môi trường cho vùng tôm – rừng ở khu vực rừng phòng hộ Năm Căn và Đất Mũi tỉnh Cà Mau” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2017 nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của việc nạo vét cải tạo ao nuôi đến môi trường xung quanh cũng như việc nuôi tôm từ có những giải pháp, kế hoạch phù hợp để đảm bảo phát triển bền vững mô hình tôm – rừng bền vững hơn. Ban quản lý rừng và người nuôi được phỏng vấn về kỹ thuật nuôi tôm kết hợp trồng rừng. Chất lượng nước và trầm tích được thu ở một số kênh trong vùng nghiên cứu giai đoạn nuôi tôm và giai đoạn cải tạo vuông để phân tích các chỉ tiêu môi trường như pH, DO, nhiệt độ, TSS, N-NH₄⁺, N-NO₃⁻, độ trong, độ mặn, độ kiềm, COD, BOD, H₂S của nước và hàm lượng As, Cd, Pb, Hg trong trầm tích. Kết quả cho thấy người dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm canh tác truyền thống trong việc nuôi tôm cũng như quản lý môi trường. Các thông số môi trường nước như nhiệt độ, độ mặn, pH, nồng độ oxy hòa tan, độ trong, nhu cầu oxy hóa sinh, đạm ammonium, độ kiềm trong nước và hàm lượng Asen, Cadimi, thủy ngân, chì trong bùn đáy tại các con kênh cấp và thoát nước đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn liên quan. Chất lượng nước giai đoạn cải tạo ao tập trung ở các kênh rạch xung quanh suy giảm hơn trong giai đoạn nuôi. Thành lập các tổ hợp tác nuôi tôm trong cộng đồng là giải pháp khả thi giúp nghề nuôi phát triển bền vững hơn.
------	---------	---	-----------------	------------------	---------	--

5151	Đại học	Khảo sát hiện trạng quản lý chai lọ thuốc bảo vệ thực vật tại ấp Thới Thuận B, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Tạ, Thị Mỹ Ái	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Ô nhiễm môi trường nông nghiệp nông thôn do quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) là vấn đề được xã hội quan tâm, đòi hỏi mỗi địa phương phải nắm rõ hiện trạng để có thể đề ra giải pháp quản lý phù hợp. Đề tài này tiến hành khảo sát hiện trạng quản lý chai lọ thuốc BVTV tại ấp Thới Thuận B, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp người dân tại khu vực nghiên cứu. Kết quả của đề tài có thể được sử dụng cung cấp thông tin quan trọng về hiện trạng quản lý và sử dụng thuốc BVTV cho nhà quản lý môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy loại thuốc BVTV người dân thường dùng thuộc loại II và III chiếm 77.8%. Tỷ lệ tập huấn về sử dụng thuốc BVTV là 63.3% nhưng người dân vẫn sử dụng theo kinh nghiệm của bản thân. Một số hộ gia đình vẫn dùng các loại thuốc chứa hoạt chất cấm sử dụng như 2.4D và paraquat. Số lần phun thuốc trung bình trên vụ còn cao đến 5.5 lần/vụ. Có đến 50% (15 hộ dân) tăng liều lượng thuốc sử dụng gấp 2 – 3 lần so với khuyến cáo. Sau khi sử dụng xong có đến 50% người dân vứt bỏ chai lọ, bao bì xuống kênh, mương gần đất canh tác của hộ gia đình, 40% hộ dân đem đốt. Người dân chưa có hiểu biết đầy đủ về tác hại của thuốc BVTV đối với sức khỏe và môi trường, cụ thể là 33.3% người dân cảm thấy không có hiện tượng gì sau phun xịt thuốc. Hiện chỉ có 16.7% hộ dân được sử dụng chung hồ thu gom chai lọ thuốc BVTV của xã khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy vấn đề quản lý và sử dụng thuốc BVTV tại địa điểm nghiên cứu vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Các nhà quản lý cần tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng chai lọ thuốc BVTV để đảm bảo sức khỏe và tránh gây ô nhiễm môi trường.
------	---------	--	---------------	--------------------	---------	--

5152	Đại học	Đánh giá hiểu biết của người dân về hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt và không khí thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nguyễn, Duy Nhất Võ, Thị Kiều Oanh	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Trước những tác động tiêu cực đến từ các khu công nghiệp, đô thị và các hoạt động của con người gây ảnh hưởng trực tiếp lên môi trường nước và không khí, đề tài “Đánh giá hiểu biết của người dân về hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt và không khí thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang” trong giai đoạn 2015 – 2017 được thực hiện. Kết quả cho thấy chất lượng nước đang có dấu hiệu xuống cấp vì sự gia tăng và vượt quy chuẩn cho phép về hàm lượng TSS, COD, BOD5, Amoni, Coliform gây ô nhiễm theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, phản ánh đúng thực tế về sự suy giảm chất lượng nước mặt theo đánh giá của người dân trên địa bàn nghiên cứu. Môi trường không khí xung quanh thành phố Long Xuyên giai đoạn 2015 - 2017 đang có dấu hiệu ô nhiễm, có sự xuất hiện của khí NO2, CO, SO2 và có dấu hiệu ngày càng tăng nhưng đều đạt, nằm trong giá trị cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Bên cạnh đó, thực hiện khảo sát phỏng vấn 39 hộ dân để đánh giá sự hiểu biết về nguồn phát sinh, diễn biến chất lượng môi trường nước mặt và không khí và công tác quản lý môi trường. Kết quả cho thấy rằng người dân có hiểu biết đến vấn đề sử dụng nước và không khí, đến môi trường mà họ đang tiêu thụ hằng ngày, tuy nhiên các biện pháp làm giảm ô nhiễm chưa được hiểu sâu rộng, cũng như chưa được khắc phục. Do đó cần đến sự quan tâm của chính quyền có các biện pháp xử lý nước và khí thải thích hợp trước khi thải ra môi trường, đồng thời cần nâng cao nhận thức của người dân hiểu biết về môi trường, kèm theo những kiến nghị phù hợp cho công tác quản lý môi trường ở thành phố Long Xuyên hiện nay nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững, đảm bảo chất lượng cuộc sống trong tương lai. Kết quả của nghiên cứu này sẽ là tiền đề cho các các nghiên cứu tiếp theo.
5153	Đại học	Đánh giá công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất phục vụ sản xuất hoa màu trên đất giồng cát tại xã Đại Tâm huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.	Nguyễn, Minh Nhựt Huỳnh, Nhựt Phi	Võ, Thị Phương Linh	2018-12	Đề tài " Đánh giá công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất phục vụ sản xuất hoa màu trên đất giồng cát tại xã Đại Tâm huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng" được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu về các mô hình sản xuất, hiện trạng về nước dưới đất và bộ máy quản lý ở xã Đại Tâm và đánh giá về công tác quản lý ở khu vực nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xã Đại Tâm có hai loại mô hình canh tác: chuyên lúa và chuyên màu. Các loại hoa màu chủ lực của xã là: hành, hẹ, ớt, bắp cải,... So sánh giữa ba mô hình sử dụng nước dưới đất trong mùa khô thì cây hẹ sử dụng ít nước và mang hiệu quả kinh tế cao. Chất lượng nguồn nước dưới đất trong các năm gần đây chỉ ô nhiễm E.coli, amoni và clorua. Nhưng chỉ tiêu amoni và clorua đã được cải thiện nằm trong QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Bộ máy tổ chức tương tác với nhau theo cơ chế một chiều và không có sự tham gia của người dân vào công tác quản lý. Về luật và qui định vẫn còn phù hợp với tình hình của địa phương. Các số liệu thu thập về nguồn nước vẫn còn hạn chế nên không thể đánh giá hết nguồn tài nguyên nước.

5154	Đại học	Đánh giá hiện trạng môi trường đất và nước xung quanh bãi rác tại xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, TPCT	Huỳnh, Thị Hồng Nhiên	Nguyễn, Thanh Giao	2018-12	Đề tài "Đánh giá hiện trạng môi trường đất và nước xung quanh bãi rác tại xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, TPCT" được thực hiện nhằm đánh giá chất lượng nước, đất và bùn đáy bên trong và ngoài bãi rác thông qua các chỉ tiêu nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), nhu cầu oxy hóa học (COD), chất rắn lơ lửng (TSS), đạm ammon (N-NH₄⁺), nitrate (N-NO₃⁻), orthophosphate (P-PO₄³⁻), chất hữu cơ (CHC), đạm tổng số (TN), lân tổng số (TP) và kim loại nặng (Fe, Zn, Cu, Cr, Mn, Ni, Pb) của 5 mẫu nước, 3 mẫu đất và 3 mẫu bùn đáy. Kết quả phân tích mẫu nước kênh cho thấy các chỉ tiêu COD, TSS, và N-NH₄⁺ đều vượt quy chuẩn QCVN 08-MT: 2015/BTNMT. Các chỉ tiêu BOD, N-NO₃⁻ và P-PO₄³⁻ chưa vượt giới hạn cho phép. Chỉ có Mn, Fe hiện diện tại một số vị trí và vượt quy chuẩn cho phép của QCVN 08-MT: 2015/BTNMT cột A1, A2. Nồng độ Cu, Ni, Pb và Zn không được phát hiện trong nguồn nước kênh xung quanh bãi rác. Đối với mẫu nước rỉ từ bãi rác không đạt tiêu chuẩn xả thải. Đất xung quanh khu vực nghiên cứu có hàm lượng chất hữu cơ trung bình, trung bình đến giàu đạm, và khá đến giàu lân. Tất cả các kim loại nặng đều phát hiện trong đất và có nồng độ theo thứ tự tăng dần như sau Fe < Pb < Ni < Cu < Cr < Zn < Mn. Kim loại nặng trong đất đều nằm trong giới hạn QCVN 03-MT: 2015/BTNMT và CCME (2007), trừ Cr tại một số điểm vượt quá giới hạn CCME (2007). Trong bùn đáy kênh, hàm lượng kim loại nặng được xếp theo độ lớn tương tự như trong mẫu đất (Mn > Zn > Cr > Ni > Cu > Fe > Pb). Còn đối với mẫu bùn tại ô nước rỉ hàm lượng kim loại nặng theo thứ tự là Zn > Cu > Mn > Cr > Ni > Pb > Fe. Theo QCVN 43:2012/BTNMT thì Zn, Cu, Cr, Pb đều nằm trong giới hạn cho phép. Hàm lượng CHC, TN và TP trong bùn đáy kênh và trong ao nước rỉ ở mức giàu. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy có nhiều kim loại tìm thấy trong nước rỉ rác hiện diện ở môi trường đất, bùn đáy và nước khu vực xung quanh bãi rác. Điều này dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do kim loại nặng được tích tụ, ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và môi trường sinh vật khu vực lân cận bãi rác. Cần tiếp tục quan trắc để đánh giá tác động của bãi rác từ đến môi trường. Bãi rác cần được che chắn, nước rỉ rác cần được thu gom, xử lý trước khi xả thải.
------	---------	--	-----------------------	--------------------	---------	---

5155	Đại học	Khảo sát các sáng kiến bản địa trong chuyển đổi mô hình trồng lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.	Trần, Thị Ngọc Hân Trần, Lý Thúy Hồng	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Nghiên cứu “Khảo sát sáng kiến bản địa trong chuyển đổi mô hình trồng lúa hữu cơ tại xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện thông qua việc phỏng vấn 70 nông hộ canh tác lúa (35 hộ lúa hữu cơ và 35 hộ lúa thông thường) ở vụ Hè - Thu năm 2018 nhằm khảo sát và đánh giá các kiến thức bản địa trong chuyển đổi mô hình trồng lúa hữu cơ của người dân, đánh giá hiện trạng canh tác lúa hữu cơ và hỗ trợ cho công tác quản lý tại địa phương. Từ đó, phân tích cơ hội và thách thức của việc chuyển đổi phương thức canh tác trong sản xuất nông nghiệp. Mô hình trồng lúa hữu cơ không chỉ mang lại lợi ích về kinh tế mà còn cải thiện môi trường đất, nước, các loài sinh vật và không gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người vì sử dụng các loại phân hữu cơ và thuốc BVTV sinh học. Nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn tổng thể về những khó khăn và thuận lợi ở hiện tại, những cơ hội và nguy cơ trong tương lai cho canh tác lúa hữu cơ và lúa thông thường nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.
5156	Đại học	Khảo sát các sáng kiến bản địa trong mô hình trồng sen ở tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp	Lương, Thị Hồng Nhi Phạm, Thị Kim Phụng	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài “Khảo sát các sáng kiến bản địa trong mô hình trồng sen ở tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp” nghiên cứu từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018. Nhằm đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và môi trường của mô hình trồng sen đồng thời đề xuất các giải pháp góp phần phát triển ổn định cây sen và nâng cao sinh kế cho người dân tại hai tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp. Đề tài sử dụng các phương pháp phỏng vấn sâu và phân tích lợi ích chi phí để đánh giá tình hình canh tác sen và định lượng các dữ liệu về chi phí và lợi ích của mô hình canh tác sen tại các khu vực khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình trồng sen ở 2 khu vực khảo sát có trình độ học vấn đa số ở bậc trung học, thu nhập chính dựa vào trồng sen và canh tác lúa. Giống sen được sử dụng nhiều nhất là giống Đài Loan. Mật độ cây sen trung bình là 197 cây/1000 m2. Chi phí đầu tư trung bình của tỉnh An Giang là 2.860.000 đồng/1000 m2 thấp hơn so với tỉnh Đồng Tháp là 3.208.000 đồng/1000 m2. Năng suất trung bình của tỉnh An Giang là 497 kg/1000 m2 cao hơn tỉnh Đồng Tháp là 390 kg/1000 m2. Lợi nhuận trung bình của tỉnh An Giang là 4.892.000 đồng/1000 m2 thấp hơn tỉnh Đồng Tháp là 5.317.000 đồng/1000 m2. Thu nhập trung bình của tỉnh An Giang là 5.142.181 đồng/1000 m2 thấp hơn tỉnh Đồng Tháp là 5.455.008 đồng/1000 m2. Nhìn chung, hiện nay người dân cũng quan tâm nhiều hơn đến yếu tố môi trường và đã bắt đầu lồng ghép mục tiêu môi trường vào trong các mục tiêu canh tác, canh tác sen không có ảnh hưởng gì đến môi trường, ngược lại, môi trường luôn có những chuyển biến tốt kể từ khi thực hiện mô hình canh tác sen. Tuy nhiên, tại Đồng Tháp nông dân có xu hướng thu hẹp diện tích, chuyển đổi qua mô hình khác do gặp các vấn đề về bệnh thối ngó chưa có thuốc đặc trị và giá cả thị trường bấp bênh, đây là vấn đề đang được cơ quan địa phương đặc biệt quan tâm đến. Riêng ở An Giang mô hình trồng sen lấy ngó tại xã Thạnh Mỹ Tây huyện Châu Phú đang được người dân quan tâm vì cho thu nhập khá cao.

5157	Đại học	Đánh giá môi trường và xây dựng kế hoạch quản lý môi trường cho vùng rừng - tôm ở khu vực rừng phòng hộ Nhưng Miên và Kiềm Vàng, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau Đánh giá môi trường và xây dựng kế hoạch quản lý môi trường cho vùng rừng - tôm ở khu vực rừng phòng hộ Nhưng Miên và Kiềm Vàng, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau	Trần, Trọng Tính Trần, Trọng Tính	Nguyễn, Văn Công Nguyễn, Văn Công	2018-12	Nghiên cứu về quy trình, kỹ thuật nuôi tôm - rừng và hiện trạng chất lượng môi trường tại Lâm ngư trường Nhưng Miên và Kiềm Vàng - Ngọc Hiến - Cà Mau. Tiến hành thu thập thông tin về kỹ thuật, quy trình nuôi tôm rừng từ cán bộ Quản lý rừng phòng hộ, đồng thời theo dõi chất lượng nước và đặc tính bùn trong vuông nuôi từ tháng 08/2017 đến tháng 09/2017 nhằm đánh giá sự ảnh hưởng của việc nạo vét cải tạo ao nuôi đến môi trường xung quanh cũng như việc nuôi tôm, từ đó có những giải pháp, kế hoạch phù hợp để đảm bảo phát triển bền vững mô hình tôm - rừng mà không gây tác động xấu đến môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm canh tác truyền thống trong quá trình nuôi cũng như quản lý môi trường. Qua kết quả phân tích, mẫu hết các chỉ tiêu: nhiệt độ, độ mặn, pH, nồng độ oxy hòa tan, độ trong, nhu cầu oxy hóa sinh, đạm ammonium, độ kiềm trong nước và hàm lượng Asen, Cadimi, thủy ngân, chì trong bùn đáy tại các con kênh cấp và thoát nước, đều phù hợp cho sự sinh trưởng của tôm và nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn: QCVN 02-19:2014/BNNPTNT, QCVN 10:2008/BTNMT, QCVN 38:2011/BTNMT, QCVN 43:2012/BTNMT, Theo TCVN 5943:1995. Riêng hàm lượng đạm nitrite và hàm lượng chất rắn lơ lửng nằm vượt ngưỡng giá trị cho phép, cần có biện pháp quản lý và cải thiện chất lượng môi trường. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình tôm - rừng rất có tiềm năng để phát triển tại khu vực vì nó không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với môi trường xung quanh, nhưng đòi hỏi phải giúp người dân tiếp cận với kỹ thuật canh tác phù hợp để hạn chế tác động xấu của nó đến môi trường cũng như kinh tế của hộ nuôi. Giải pháp chính phát triển nghề nuôi tôm trong thời gian tới ở Cà Mau là hình thành các đơn vị hợp tác như tổ hợp tác, hợp tác xã để thực hiện nuôi tôm đạt tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế. Đồng thời tiến hành tập huấn cho người nông dân, đảm bảo phát triển kinh tế và môi trường bền vững. Từ khóa: Tôm sinh thái, tôm - rừng, chất lượng nước, chất lượng bùn, Nhưng Miên, Kiềm Vàng
------	---------	--	--	--	---------	---

5158	Đại học	Ứng dụng phân tích đa biến cho đánh giá hiện trạng chất lượng nước theo mùa - Trường hợp nghiên cứu tại Mỹ Phước, Sóc trăng	Phùng, Thanh Hường	Huỳnh, Vương Thu Minh	2018-12	Rừng tràm Mỹ Phước, Sóc Trăng là nơi có tiềm năng bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) cao – một trong những khu vực được ưu tiên cho quy hoạch bảo tồn ĐDSH của tỉnh. Trong những năm gần đây, vùng nghiên cứu xây dựng hệ thống đê bao khép kín nhằm trữ nước phòng chống cháy rừng. Song đê bao đã làm thay đổi chế độ thủy văn, hạn chế khả năng trao đổi nước bên trong và bên ngoài đê. Dẫn đến nước bị tù đọng, khó lưu thông, ảnh hưởng đến chất lượng nước và hệ sinh thái tự nhiên (Phạm Lê Mỹ Duyên và ctv, 2015). Do đó cần khảo sát nhằm (i) phân tích và đánh giá sự thay đổi chất lượng nước mặt vào mùa khô và mùa mưa; (ii) xác định các chỉ tiêu chất lượng nước quan trọng vào mùa khô và mùa mưa (iii) xây dựng bản đồ đường đẳng trị chất lượng nước. Để đạt được mục tiêu trên nghiên cứu đã ứng dụng phương pháp phân tích đa biến gồm phân cụm tích tụ theo thứ bậc (AHC), phân tích thành phần chính (PCA) và phân tích sự khác biệt (DA) bằng phần mềm XLSTAT 2018.1. Kết quả cho thấy chất lượng nước khu vực nghiên cứu cả hai mùa đều không đạt quy chuẩn (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) cột A1. Cụ thể phân tích cụm (AHC) đã nhóm 23 vị trí thành 5 cụm có chất lượng nước tương đồng nhau với sự khác biệt 70%. Trong đó, cả 5 cụm vào hai mùa đều có hàm lượng DO, COD và Cl- không phù hợp quy chuẩn, cho thấy chất lượng nước trong vùng nghiên cứu ô nhiễm hữu cơ và nhiễm mặn. Hơn nữa chất lượng nước mùa khô tốt hơn mùa mưa, và mùa khô các giá trị biến động nhiều hơn. Bên cạnh đó kết quả phân tích thành phần chính PCA với sự khác biệt trên 80% cho thấy, chỉ tiêu pH, DO, BOD5 ảnh hưởng quan trọng trong mùa khô và chỉ tiêu pH, TSS, Cl- ảnh hưởng quan trọng trong mùa mưa. Ngoài ra phân tích sự khác biệt DA cho thấy BOD5 và TSS là thông số có sự khác biệt nhất giữa hai mùa, với sự khác biệt trên 80% và có ý nghĩa thống kê ở 5%. Mặt khác bản đồ đường đẳng trị chất lượng nước cho thấy sự khác biệt của chỉ tiêu BOD5 và TSS vào mùa khô và mùa mưa.
------	---------	---	--------------------	-----------------------	---------	---

5159	Đại học	Khảo sát tính chất đất, nước ở các mô hình trồng Tràm, Keo lai và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại U Minh Hạ, Tỉnh Cà Mau	Trần, Văn Sơn Lê, Thị Hồng Nga	Bùi, Thị Bích Liên	2018-12	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là khảo sát chất lượng đất, nước ở 3 mô hình Keo lai, Tràm trồng và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện trên cây Keo lai và cây Tràm ở hai BLĐ phèn nông và phèn sâu. Trên mỗi mô hình lựa chọn hai CT. Cụ thể, mô hình Keo lai có hai CT là CT < 3 và CT > 3. Tương tự, ở mô hình Tràm trồng có CT < 5 và CT > 5. Riêng ở mô hình Tràm tự nhiên chỉ có một CT là CT > 10. Ở mỗi CT mẫu được thu 3 lần. Các số liệu được tính toán, chạy thống kê bằng phần mềm EXCEL và SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình Keo lai ở BLĐ phèn sâu ít bị ô nhiễm nhất so với hai mô hình còn lại. Trong đó, chỉ tiêu pH (6.84) nằm trong ngưỡng cho phép của quy chuẩn về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT). Còn ở BLĐ phèn nông có chỉ số Al, Fe cao hơn phèn sâu. Chỉ số BOD và COD cao nhất ở mô hình Tràm nông tương ứng 52.81 (mg/L) và 245.38 (mg/L). Lượng N-NO₃⁻, N-NH₄⁺ cao nhất ở mô hình Tràm tự nhiên. Đối với chỉ tiêu đất, ở mô hình Keo lai BLĐ phèn nông có chỉ số pH thấp dao động từ 2.7 – 3.08. Còn ở Tràm tự nhiên phèn nông có lượng CHC (16.65), ẩm độ (55.28%) và tổng Nito khá cao. Ngược lại, BLĐ phèn sâu ở Keo lai chỉ số CHC (26,19) thấp hơn. Về tỷ trọng, giữa các mô hình không có sự khác biệt lớn. Nhìn chung, các chỉ tiêu nước ở 3 mô hình hầu như đều vượt so với quy chuẩn về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT). Tuy nhiên ở BLĐ phèn nông của mô hình Keo lai có mức độ ô nhiễm cao hơn so với hai mô hình còn lại. Qua đó thấy, mô hình Keo lai phèn sâu là thích hợp nhất. Do vậy cần quan tâm trong việc chọn và quy hoạch vùng trồng hợp lý. Đối với đất, ở mô hình Tràm tự nhiên có chất lượng tốt hơn so với hai mô hình còn lại. Còn mô hình Keo lai phèn nông có chất lượng thấp nhất so với hai mô hình kia.
------	---------	--	---------------------------------	--------------------	---------	--

5160	Đại học	Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình trồng tràm tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Diễm Thị Lê, Thị Chúc Giang	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Kết quả nghiên cứu Nghiên cứu “Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình trồng tràm tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ ngày 09 tháng 09 năm 2018 thông qua việc phỏng vấn 40 nông hộ canh tác tràm và 2 cán bộ ở huyện số liệu khảo sát sẽ được tổng hợp và thống kê bằng phần mềm thống kê Excel và SPSS nhằm đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và môi trường của mô hình trồng tràm, qua đó nhận thấy được lợi ích của việc chuyển đổi phương thức canh tác trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tại khu vực khảo sát các nông hộ có trình độ học vấn không cao đa số là cấp 1 và cấp 2. Thu nhập chính là từ việc trồng tràm và các nguồn thu nhập phụ cũng đem lại kinh tế ổn định cho gia đình chủ yếu diện tích trung bình trong canh tác tràm là $13,35 \pm 11,513$ công lớn. Giống tràm được các nông hộ lựa chọn là tràm Úc. Sản lượng cây tràm trung bình đạt được từ $1.040 \pm 67,178$ cây/công lớn. Qua khảo sát vụ trồng tràm cho thấy tràm Úc tổng chi phí đầu tư trung bình là $748.200 \pm 89,685$ đồng/công lớn cao hơn không nhiều so với tổng chi phí ở Trung Tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân $734.909 \pm 0,47$ đồng/công lớn và lợi nhuận trung bình của xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ là $20.200.000 \pm 2,194$ đồng/công lớn cao hơn nhiều so với mô hình trồng tràm ở Trung Tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân $10.265.091 \pm 1,97$ đồng/công lớn. Bên cạnh đó, nghiên cứu đã cung cấp một cái nhìn tổng thể về những khó khăn và thuận lợi của người dân hiện tại, những cơ hội và nguy cơ trong tương lai cho canh tác tràm nhằm phát triển nông nghiệp bền vững.
5161	Đại học	Đánh giá chất lượng nước thủy vực tiếp giáp nhà máy nhiệt điện Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang dựa vào động vật đáy	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Văn Công	2018-12	Nghiên cứu này được tiến hành để đánh giá chất lượng nước tại thủy vực tiếp giáp nhà máy nhiệt điện Sông Hậu thông qua động vật đáy (ĐVD) trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 12/2018. Mẫu ĐVD được thu tại 4 điểm mỗi tháng một lần vào thời điểm triều kiệt. Thành phần loài và sinh lượng động vật đáy được sử dụng để đánh giá chất lượng nước mặt thông qua các chỉ số đa dạng Shannon-Weiner (H'), BMWPVIET (Biological Monitoring Working Party) và chỉ số ASPT (Average Score Per Taxon). Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài tại thủy vực tiếp giáp nhà máy nhiệt điện Sông Hậu kém phong phú. Tổng số loài phát hiện là 14 loài, thuộc 8 lớp. Mật độ ĐVD trung bình biến động $9 - 1.083$ ct/m ² . Lớp Insecta có số lượng ĐVD cao nhất dao động từ $237 - 1.080$ ct/m ² qua từng đợt khảo sát. Trong đó ấu trùng Metriocnemus knabi Coq. thuộc họ Chironomidae hiện diện với số lượng lớn (1585 ct/m ²) chiếm đến 90,21% tổng số lượng cá thể thuộc lớp Insecta. Các cá thể ĐVD thuộc các lớp Oligochaeta, Polychaeta và Bivalvia hiện diện với số lượng lớn ở hầu hết các vị trí của 3 đợt khảo sát. Nghiên cứu đã phát hiện 10 họ thuộc 9 bộ ĐVD tại khu vực khảo sát. Chỉ số BMWPVIET và ASPT cho thấy rằng thủy vực luôn nằm trong tình trạng ô nhiễm hữu cơ từ khá ô nhiễm đến ô nhiễm nặng. Thủy vực khảo sát có chỉ số đa dạng $H' < 1$ điều này cho thấy môi trường nước mặt tại đây bị ô nhiễm nặng.

5162	Đại học	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho công ty TNHH SX và TM bao bì giấy Nam Hưng Phát	Trần, Xuân Thanh Hình, Quốc Tuấn	Nguyễn, Văn Tuyền	2018-12	Nhà máy bao bì giấy Nam Hưng Phát khi đi vào hoạt động đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý 170 m3/ngày đêm tương ứng với công suất sản xuất của nhà máy. Hiện nay, do nhu cầu mở rộng sản xuất, công suất nhà máy tăng lên, hệ thống xử lý nước thải hiện hữu bị quá tải không đảm bảo công suất xử lý hiện tại, do đó chất lượng nước thải sau xử lý đưa ra nguồn tiếp nhận không đạt QCVN 15:2015/BTNMT, đòi hỏi phải cải tạo hệ thống cũ hoặc bổ sung thêm hệ thống mới chạy song song với hệ thống cũ. Để giải quyết vấn đề này, đề tài “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho công ty TNHH SX và TM bao bì giấy Nam Hưng Phát” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Đề tài được thực hiện bằng các phương pháp: đo lưu lượng nước thải theo giờ, lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu cơ bản đầu vào, tham khảo các tài liệu thiết kế hệ thống xử lý nước thải, QCVN 12:2015/BTNMT, tiêu chuẩn thiết kế các công trình TCXDVN 33:2006, TCVN 7957 - 2008. Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để lựa chọn phương án tối ưu nhất. Kết quả đạt được là tính toán được các công trình đơn vị, diện tích đất xây dựng công trình, chi phí vận hành, sau đó lựa chọn phương án có tính khả thi về mặt kỹ thuật và kinh tế để thực hiện bản vẽ công nghệ cho hệ thống xử lý nước thải với chất lượng đầu ra đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT. Ngoài ra, tác giả tính toán được giá thành thiết bị và chi phí xử lý 1m3 nước thải.
------	---------	---	-----------------------------------	-------------------	---------	--

5163	Đại học	Vai trò của thanh tra trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn TP. Cần Thơ	Lê, Văn Đăng Lê, Ngọc Phối Sang	Nguyễn, Thanh Giao	2018	Đề tài được thực hiện từ tháng 08 đến tháng 11 năm 2018 trên địa bàn 03 quận (huyện) của TP. Cần Thơ (quận Ô Môn, quận Bình Thủy, huyện Phong Điền) và Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ. Mục đích của đề tài là đánh giá vai trò của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi Trường trong công tác thanh tra bảo vệ môi trường trên địa bàn TP. Cần Thơ. Tìm hiểu những bất cập trong công tác thanh tra bảo vệ môi trường, những vi phạm phổ biến trong công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra bảo vệ môi trường. Qua quá trình thu thập thông tin, phỏng vấn cán bộ thực hiện công tác thanh tra bảo vệ môi trường và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP. Cần Thơ, thì nhận thấy rằng hiện nay công tác thanh tra bảo vệ môi trường trên địa bàn TP. Cần Thơ còn một số bất cập như: Việc bố trí biên chế cán bộ phục vụ cho công tác thanh tra bảo vệ môi trường còn rất hạn chế, nguồn nhân lực mỏng, dẫn đến không thể thanh tra bao quát hết địa bàn TP. Cần Thơ (Chỉ tiến hành thanh tra những cơ sở có quy mô lớn, có khả năng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng). Bên cạnh đó về cơ chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan chức năng còn một vài bất cập (cơ chế phối hợp giữa Thanh tra Sở và Chi Cục bảo vệ môi trường chưa cao). Các văn bản thực hiện trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã có nhiều đổi mới, nhưng hiện nay vẫn còn một số văn bản chưa hoàn thiện, dẫn đến gặp khó khăn trong việc thi hành. Vai trò của cơ quan thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn TP. Cần Thơ là rất quan trọng. Cơ quan Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ đã đóng góp một phần quan trọng trong việc nâng cao ý thức, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP. Cần Thơ.
------	---------	---	----------------------------------	--------------------	------	--

5164	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn đến canh tác lâm nghiệp và nông nghiệp ở vùng đệm và vùng lân cận Vườn quốc gia U Minh Hạ - tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Hoàn Hiếu Trần, Ngọc Phú	Lê, Văn Dũ	2018	Đề tài" Mục tiêu đề tài là đánh giá tác động của xâm nhập mặn đến các mô hình canh tác lâm nghiệp và nông nghiệp ở vùng đệm và vùng lân cận Vườn Quốc Gia U Minh Hạ - tỉnh Cà Mau. Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các hộ dân tương ứng năm mô hình canh tác lâm, nông nghiệp (tràm, keo lai, lúa 2 vụ, tôm - lúa, chuyên tôm) với 120 phiếu ở hai huyện U Minh và Trần Văn Thời. Đề tài được thực hiện bằng các phương pháp thống kê mô tả, thống kê tần số, kiểm định chi bình phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Cơ cấu sử dụng đất đai trong canh tác lâm nghiệp và nông nghiệp ở vùng đệm và vùng lân cận Vườn quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau khá hợp lý, (2) Nhìn chung, cả hai mô hình lâm nghiệp và nông nghiệp đa phần điều đủ nước phục vụ cho canh tác. Tuy nhiên, riêng mô hình tôm - lúa đa số nông hộ nhận định rằng thiếu nước cho mô hình canh tác do đặc thù là mô hình canh tác ngăn ngày hơn nữa là mô hình luân canh nên tình trạng thiếu nước khi chuyển canh tác là không thể tránh khỏi, (3) Tình hình xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp, nhanh và mạnh hơn so với những năm trước. Qua đó, đề tài cũng đã đề xuất một số giải pháp góp phần sản xuất lâm nghiệp và nông nghiệp có hiệu quả hơn, cải thiện thu nhập của người dân trong điều kiện xâm nhập mặn diễn ra ngày càng phức tạp.
5165	Đại học	Khảo sát hiện trạng cây xanh quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Tiên	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	Đề tài “KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG CÂY XANH QUẬN NINH KIỀU THÀNH PHỐ CẦN THƠ” được thực hiện tháng 8/2018 đến tháng 12/2018. Mục tiêu của đề tài là: Khảo sát hiện trạng hệ thống cây xanh trên một số tuyến đường chính của địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất biện pháp phát triển hệ thống cây xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ mang lại hiệu quả về môi trường và cả hiệu quả về cảnh quan cho đô thị. Nghiên cứu được tiến hành khảo sát chủ yếu là cây thân gỗ trên các tuyến đường chính cụ thể là đường 3 tháng 2, 30 tháng 4, Nguyễn Văn Cừ, Đại Lộ Hòa Bình, Nguyễn Văn Linh. Đề tài được thực hiện bằng phương pháp cơ bản khảo sát thực địa, phân loại định danh thực vật và phỏng vấn người dân sống ở các tuyến đường chính. Kết quả khảo sát cho thấy. Tổng số cây trên 5 tuyến đường khảo sát là 1.600 cây. Mật độ cây trung bình trên 5 tuyến đường khảo sát là 119,4 cây/km. Sự phân bố của hệ thống cây xanh đô thị tại 5 tuyến đường chính là không đều và có 7 loài cây được trồng làm cây bóng mát đường phố trên các tuyến đường này. Kết quả phỏng vấn người dân ghi nhận được đa số người dân cho rằng tổng quan quy hoạch cây xanh đô thị trên các tuyến đường khảo sát là tương đối tốt. Ghi nhận một số ý kiến người dân nên cây xanh nghiêng, cong mắt mỹ quan đô thị, cây xanh trên các tuyến đường này có khoảng cách không đều, tình trạng tán lá và cành lá gãy rơi rụng nhiều. Một số tuyến đường cây cao đụng đường dây điện, nên trồng cây có hoa để tạo thêm cảnh quan cho đô thị. Một số tuyến đường xây mới cây xanh còn thưa và nhỏ nên chưa tạo được bóng mát.

5166	Đại học	Khảo sát hiện trạng thực vật bậc cao và sinh khối rừng Tràm tại Vườn Quốc Gia U Minh Hạ - Cà Mau	Trương, Ngọc Trúc Huyền Tô, Thị Trúc Lệ	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài: “Khảo sát hiện trạng thực vật bậc cao và sinh khối rừng Tràm thuộc Vườn Quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau” nghiên cứu từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018, nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng loài thực vật bậc cao và ước lượng sản lượng sinh khối rừng Tràm, làm cơ sở cho công tác quản lý rừng Tràm hiệu quả hướng đến sự phát triển bền vững. Khảo sát được thực hiện trên 18 ô tiêu chuẩn ở hai mô hình: rừng Tràm tự nhiên (lớn hơn 10 tuổi) và mô hình hình rừng Tràm trồng (nhỏ hơn và lớn hơn 5 tuổi) tương ứng với hai biểu loại đất (phèn nông và phèn sâu). Tiến hành khảo sát thực địa, thu mẫu và phân loại định danh thực vật bậc cao, đo đạc các chỉ tiêu sinh trưởng của cây Tràm trong mỗi ô tiêu chuẩn và tính toán xử lý số liệu bằng phần mềm Excel, chạy chương trình thống kê SPSS. Qua nghiên cứu cho thấy, xác định được có 31 loài thuộc 24 họ, 19 bộ, của 04 lớp thuộc 03 ngành thực vật (ngành Dương Xi, ngành Ngọc Lan và ngành Nấm) tại rừng Tràm Vườn Quốc gia U Minh Hạ. Rừng Tràm ở khu vực nghiên cứu có mật độ trung bình Tràm thuộc loại thưa cho đến rất dày: 483,3 cây/ha ở Tràm tự nhiên lớn hơn 10 tuổi ở tầng phèn nông, cao nhất là Tràm trồng nhỏ hơn 5 tuổi ở tầng phèn nông với 28.200 cây/ha. Tổng sinh khối tươi của rừng Tràm tại Vườn Quốc gia U Minh Hạ là 993,74 tấn/ha (trong đó rừng Tràm tự nhiên chiếm 19,16% và rừng Tràm trồng chiếm 80,84%) và tổng sinh khối khô của rừng Tràm là 549,48 tấn/ha (trong đó rừng Tràm tự nhiên chiếm 20% và rừng Tràm trồng chiếm 80%). Tổng trữ lượng Cacbon của rừng Tràm là 274,75 tấn/ha.. Tóm lại, rừng Tràm Vườn Quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau có các loài thực vật bậc cao đặc trưng như: Dương Xi (<i>Cyclosorus parasiticus</i>), Bòng Bòng (<i>Lygodium japonicum</i>), dây Choại (<i>Stenochiaena palustris</i>), rau Muống (<i>Ipomoea aquatica</i>), cỏ Ống (<i>Cynodon dactylon</i>),...các loài thực vật bậc cao có các dạng sống và công dụng khác nhau. Xét về phân bố sinh khối và trữ lượng Cacbon thì tập trung nhiều ở rừng Tràm trồng. Để rừng Tràm cho sinh khối và trữ lượng Cacbon cao thì cần duy trì ổn định mật độ và tạo điều kiện tốt nhất cho cây phát triển về đường kính và chiều cao.
------	---------	--	---	-------------------	---------	---

5167	Đại học	Khảo sát hiện trạng canh tác lúa 3 vụ trong vùng đê bao khép kín dưới tác động của lũ tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Võ, Văn Toàn Lâm, Hoàng Tuấn	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài “Khảo sát hiện trạng canh tác lúa 3 vụ trong vùng đê bao khép kín dưới tác động của lũ tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang” được thực hiện thông qua việc phỏng vấn ngẫu nhiên 60 hộ canh tác lúa tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhằm mục tiêu đánh giá hiện trạng canh tác, hiệu quả kinh tế và các tác động của mô hình canh tác lúa ba vụ đến môi trường đồng thời đưa ra giải pháp canh tác lúa bền vững nhằm quản lí và bảo vệ môi trường tại khu vực nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các giống lúa OM5451, lúa IR50404, lúa nhật (ĐS1), dài thơm 8, nếp (DTR889) được người dân sử dụng phổ biến. Năng suất trung bình vụ đông xuân $939,2 \pm 56,07$ kg/1000m², hè thu $735,8 \pm 100,88$ kg/1000m², thu đông $720,3 \pm 85,66$ kg/1000m². Các loại phân như DAP, kali, URE được người dân sử dụng phổ biến. Còn có các loại thuốc diệt chuột, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt sâu, thuốc diệt ốc. Ngoài ra, qua quá trình phân tích còn cho thấy rằng, năng suất của lúa ngoài phụ thuộc khối lượng giống, khối lượng phân bón và số lần phun thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) còn phụ thuộc vào các yếu tố tự nhiên, công chăm sóc, chất lượng giống hay chất lượng phân bón, thuốc BVTV. Giữa thu nhập và chi phí cũng cho kết quả tương tự, thu nhập chịu ảnh hưởng bởi các chi phí làm đất, chi phí giống, chi phí thuốc BVTV, chi phí phân bón, chi phí thu hoạch đồng thời có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác như yếu tố tự nhiên và giá cả. Đặc biệt là chất thải nông nghiệp chưa được quản lý chặt chẽ góp phần tăng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
------	---------	---	-------------------------------	-------------------	---------	--

5168	Đại học	Hiện trạng chất lượng nước tại sinh cảnh rừng tràm và sen ở vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Minh Quân	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	Vườn Quốc Gia Tràm Chim có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, điều hoà khí hậu và duy trì đa dạng sinh học trong vùng đất ngập nước Đồng Tháp Mười. Tuy nhiên, sự phát triển của Vườn quốc Gia Tràm Chim phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố nguồn nước. Do đó khảo sát sự thay đổi hàm lượng các chất trong nước tại các sinh cảnh điển hình là sinh cảnh tràm, sen, lúa, cá, kênh chính, kênh lỏi thuộc Vườn Quốc Gia Tràm Chim nhằm đánh giá khả năng ô nhiễm của nguồn nước, góp phần vào công tác bảo vệ môi trường nước và bảo tồn đa dạng sinh học. Đề tài được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 với kết quả như sau: Thông số phosphate dao động từ 0,028 mg/L – 0,042 mg/L tại các sinh cảnh khảo sát có giá trị phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) cột A2 - chất lượng nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích khác như cột B1 và B2. Bên cạnh đó thông số pH dao động từ 3,61 – 6,97 cũng nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn, chỉ ngoại trừ giá trị pH tại ruộng lúa là 3,61 thấp hơn so với quy chuẩn. Hàm lượng oxy hòa tan trong nước (DO) thấp từ 1,9 mg/L – 5,49 mg/L. Chỉ số EC dao động từ 108,2 µS/cm – 684 µS/cm, độ đục dao động từ 3,7 NTU – 14,2 NTU và nhiệt độ dao động từ 30,5 – 32oC tương đối thấp và ổn định không ảnh hưởng đến sự phát triển của các sinh vật. Qua kết quả nghiên cứu và khảo sát một số thông số chất lượng nước mặt tại vườn quốc gia Tràm Chim cho thấy chất lượng nước mặt ở đây đã ô nhiễm hữu cơ, amoni. Do hàm lượng COD dao động từ 21,7mg/L – 31,3mg/L và hàm lượng N-NH4+ dao động từ 1,58 mg/L – 4,73 mg/L. Các chỉ tiêu này đều không nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT cột A2. Đây là điều mà ban quản lý vườn quốc gia Tràm Chim cần quan tâm trong việc quản lý môi trường nước tại vườn quốc gia. Từ khóa: vườn quốc gia Tràm Chim, hiện trạng chất lượng nước, sinh cảnh tràm, sinh cảnh sen.
5169	Đại học	Khảo sát nồng độ COD theo thời gian có sự hiện diện của một số loại chất kháng sinh	Nguyễn, Đức Anh	Ngô, Thụy Diễm Trang	2018-12	Mục tiêu biết được thời gian giảm 50% hàm lượng COD của một số loại chất kháng sinh phục vụ các nghiên cứu lựa chọn biện pháp loại bỏ dư lượng kháng sinh trong môi trường thích hợp

5170	Đại học	Khảo sát thành phần loài động vật đáy tại các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại VQG U Minh Hạ - Cà Mau	Nguyễn, Quốc Việt Phan, Thị Cẩm Linh	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Mục tiêu của đề tài là khảo sát thành phần loài và số lượng động vật đáy (ĐVĐ) trên các biểu loại đất (BLĐ) ở mô hình Tràm trồng, Keo lai và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên tại VQG U Minh Hạ, Cà Mau. Trên mỗi BLĐ thu mẫu 2 cấp tuổi (CT) khác nhau, riêng khu vực Tràm tự nhiên thu mẫu ở CT > 10 tuổi và được lặp lại 3 lần. Các số liệu được phân tích trong phòng thí nghiệm, phần mềm EXCEL và SPSS được dùng để tính toán và thống kê số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Arthropoda là nhóm có số loài xuất hiện chiếm đa số trong các mô hình. Tràm tự nhiên có trung bình tổng thành phần loài cao nhất (1,33 loài) và thấp nhất là Tràm trồng (0,17 loài). Tổng thành phần loài trung bình không có khác biệt giữa các BLĐ trong cùng khu vực. Mật độ ĐVĐ ở mô hình tràm tự nhiên chiếm ưu thế nhất với 59,26 cá thể/m², tiếp theo là keo lai với 29,63 cá thể/m² và thấp nhất ở mô hình Tràm trồng 14.81 cá thể /m². Nhìn chung, BLĐ tầng phèn sâu có số loài đa dạng hơn nên mật độ cũng cao hơn BLĐ tầng phèn nông. Arthropoda vẫn là nhóm chiếm ưu thế nhất trong tổng khối lượng ĐVĐ ở các mô hình. Tổng khối lượng ĐVĐ mô hình tràm tự nhiên chiếm ưu thế nhất với 0.0489 g/m², tiếp theo là keo lai 0.0192g/m² và thấp nhất ở mô hình Tràm trồng 0.0089 g/m². Trong cả 3 khu vực trồng Keo lai, Tràm trồng và hệ sinh thái rừng Tràm tự nhiên đều có giá trị H' = 0 (vì trong mỗi mô hình chỉ có 1 loài xuất hiện với số lượng rất thấp), chứng tỏ môi trường tại các mô hình đã bị ô nhiễm ở mức rất ô nhiễm, đặc biệt là ô nhiễm về kim loại nặng, nước bị nhiễm phèn sắt phèn nhôm. Nhìn chung, mức độ ô nhiễm chất lượng nước mặt ở BLĐ tầng phèn sâu tương đối thấp hơn so với tầng phèn nông. Do tính chất nền đáy cứng nên thành phần ĐVĐ nơi đây kém đa dạng. Từ khóa: Động vật đáy, Keo lai, Tràm, Tràm tự nhiên, Biểu loại đất, cấp tuổi, chỉ số đa dạng H', SPSS.
------	---------	---	--------------------------------------	-------------------	---------	--

5171	Đại học	Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi cá thát lát cườm ở tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Anh Thu Nguyễn, Bảo Tiên	Trương, Hoàng Đan	2018-12	Đề tài “Khảo sát hiện trạng và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi cá thát lát cườm ở tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 6 - 11/2018 thông qua phỏng vấn ngẫu nhiên 50 hộ dân phân bố tại 5 huyện (thị) thuộc tỉnh Hậu Giang bao gồm: huyện Long Mỹ, thị xã Long Mỹ, huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp và thành phố Vị Thanh. Số liệu thu thập được sẽ tổng hợp, thống kê thông tin phỏng vấn nông hộ nhằm mục đích đánh giá hiện trạng nuôi cá thát lát cườm (TLC) và phân tích hiệu quả kinh tế giữa các huyện (thị) thuộc địa bàn tỉnh Hậu Giang, từ đó đề xuất biện pháp phát triển bền vững cho mô hình, góp phần thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản ở Hậu Giang. Kết quả phỏng vấn 50 hộ dân phân bố qua 5 huyện (thị) thuộc địa bàn tỉnh Hậu Giang cho thấy, các chủ hộ nuôi cá TLC có độ tuổi trung bình từ 50 – 59 tuổi, trình độ học vấn chủ yếu là trung học cơ sở (42%). Nguồn thu nhập chính của 50 hộ này là nghề nuôi cá TLC (82%). Tại khu vực nghiên cứu, người dân áp dụng 2 mô hình nuôi chính là nuôi ao (42 hộ) và nuôi vèo (8 hộ). Kiến thức về nuôi cá TLC dựa vào kinh nghiệm của bản thân chiếm 38%, 62% còn lại kết hợp giữa kinh nghiệm, chuyên ngành đào tạo và tập huấn từ địa phương. Tổng diện tích nuôi cá TLC của 50 hộ được phỏng vấn ở tỉnh Hậu Giang là 136.528 m². Ở mô hình nuôi ao, số lượng cá nuôi nhiều nhất là 400.000 con, ít nhất là 1.200 con; năng suất đạt cao nhất là 125,00 kg/m², thấp nhất là 0,37 kg/m². Ở mô hình nuôi vèo, số lượng trung bình cá nuôi cao nhất là 5.000 con, thấp nhất là 1.500 con; năng suất đạt cao nhất là 119,05 kg/m², thấp nhất là 71,81 kg/m². Doanh thu của mô hình nuôi ao đạt 941.192.857 đồng/vụ cao gấp 16,4 lần so với doanh thu của mô hình nuôi vèo là 57.375.000 đồng/vụ. Tổng chi phí của mô hình nuôi ao là 884.626.000 đồng/vụ cao gấp 11,58 lần so với chi phí của mô hình nuôi vèo là 76.381.500 đồng/vụ. Ở 42 hộ nuôi ao, người dân đạt lợi nhuận trung bình là 56.566.857 đồng/vụ; trong khi đó, 8 hộ nuôi vèo bị lỗ vốn với lợi nhuận trung bình là -19.006.500 đồng/vụ. TLC là loại cá dễ nuôi, ít bệnh, lớn nhanh, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, với diện tích và sản lượng đạt được trong năm 2017 cho thấy tiềm năng phát triển loài cá này còn hạn hẹp, do đó cần xem xét đầu tư nhân rộng mô hình, phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.
------	---------	--	-----------------------------------	-------------------	---------	---

5172	Đại học	Khảo sát kiến thức bản địa trong mô hình trồng măng cầu xiêm tại xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu giang	Son, Thị Ngọc Quyền Tăng, Bảo Trân	Lê, Văn Dũ	2018-12	Đề tài "khảo sát kiến thức bản địa trong mô hình trồng măng cầu xiêm tại xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang" nhằm hiểu rõ về kinh nghiệm sản xuất của người nông dân, đánh giá hiệu quả kinh tế và điều kiện tự nhiên, khả năng thích ứng của măng cầu xiêm tại địa phương được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018. Phương pháp nghiên cứu là dựa trên phỏng vấn 30 hộ dân trồng MCX và phương pháp SWOT. Cụ thể để xử lý số liệu là sử dụng phần mềm Excel và SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số người dân được phỏng vấn có kinh nghiệm trồng MCX đều dưới 5 năm kinh nghiệm và nguồn tích lũy kinh nghiệm từ nông hộ xung quanh và các lớp tập huấn (chiếm 43,33%). Điều kiện tự nhiên tại địa phương thuận lợi và đánh giá là phù hợp để canh tác MCX. Trong đó: Nguồn tài nguyên đất phèn, nước dồi dào và khí hậu nhiệt đới gió mùa. Về phần kỹ thuật canh tác: Mật độ gieo trồng là 3-4,5m, thụ phấn dựa vào kinh nghiệm, có 10 loại phân bón và có 11 loại thuốc BVTV khác nhau được sử dụng, có 22 hộ thu gom vỏ, bao bì thuốc BVTV bỏ vào hố thu gom giúp bảo vệ môi trường. Theo tính toán, thu nhập gia đình trung bình đạt 22.340.676,97 nghìn đồng/công (1000 m2), hiệu quả hơn so với mô hình trước. Phân tích Swot cũng đưa ra điểm mạnh là điều kiện khí hậu, đất đai thổ nhưỡng phù hợp, MCX còn có giá trị về mặt dược phẩm, điểm yếu là chưa gắn kết chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ MCX, đầu ra không ổn định, cơ hội là UBND tỉnh đang xây dựng thương hiệu MCX, cơ sở hạ tầng và KHKT được áp dụng vào sản xuất, thách thức là chưa có loại phân bón, thuốc BVTV đặc trị riêng cho MCX, nông dân tự phát chưa đi vào quy hoạch. Tóm lại, mô hình trồng MCX là một mô hình canh tác phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và mang lại hiệu quả kinh tế cao.
5173	Đại học	Sử dụng viên nén bã cà phê làm giá thể trồng Ipomoea Aquatica trong mô hình Aquaponic	Trịnh, Thị Mỹ Duyên Trần, Nguyễn Kiều Lam	Nguyễn	2019-12	Đề tài thực hiện từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2019 nhằm sử dụng viên nén bã cà phê làm giá thể trồng rau muống trong mô hình Aquaponics để đánh giá hiệu quả môi trường và hiệu quả kinh tế mà viên nén bã cà phê đem lại. Thành phần dinh dưỡng trong bã cà phê chiếm tỉ lệ cao chủ yếu là đạm (N 2,4%), lân (P 0,47%), kali (K 0,94%) cùng các chất hữu cơ (chiếm 62,6%). Bã cà phê có thể sử dụng làm viên nén để trồng rau muống, kết quả cho thấy rau muống trồng trên viên nén bã cà phê sinh trưởng tốt, với các chỉ tiêu đo đạc gấp đôi rau muống trồng trên nghiệm thức đối chứng viên nén đất nung (với chiều cao cây 40,1cm, số lượng rễ là 8, số lượng lá 15, khối lượng nặng gấp 4 lần so với rau muống trồng trên giá thể viên nén đất nung...) cây con hao hụt rất thấp trong quá trình trồng 2% tương đương với 2 cây. Nước tưới qua viên nén bã cà phê có thể sử dụng để nuôi cá rô phi mà không làm ô nhiễm môi trường nước tận dụng được nguồn thức ăn thừa để nuôi cá mô hình mang lại lợi nhuận kinh tế ổn định chi phí thấp phù hợp áp dụng trong hộ gia đình Nghiên cứu cho thấy bã cà phê có thể tái sử dụng làm giá thể trong mô hình Aquaponics Địa chỉ thực hiện nghiên cứu: cơ sở chế biến bún vi sinh Nguyễn Trần kết hợp Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố Cần Thơ, số 41 Cách Mạng Tháng Tám- quận Ninh Kiều- Tp.Cần Thơ.

5174	Đại học	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại Búng Bình Thiên An Giang	Nguyễn, Thị Cà Liều Lê, Huỳnh My	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Đề tài nghiên cứu ”Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại Búng Bình Thiên, An Giang” nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt vào mùa khô và mùa mưa, đề xuất những chỉ tiêu và vị trí thu mẫu thích hợp phục vụ cho công tác quan trắc môi trường và đưa ra biện pháp cải thiện chất lượng nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, huyện An phú, tỉnh An Giang. Những thông số môi trường được phân tích bao gồm: nhiệt độ, pH, độ dẫn điện (EC), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy hóa học (COD)), tổng chất rắn hòa tan (TDS), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nitrate (N-NO3-), phosphate (P-PO43-), Ammonia (N-NH4+) và coliform. Kết quả cho thấy chất lượng nước ở Búng đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh nhẹ do các chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép của của quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cụ thể là TSS, DO và Coliform. Từ kết quả quan trắc cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm được nêu vào mùa mưa có giá trị cao hơn mùa khô, do đó có thể dự báo chất lượng nước mùa mưa có nhiều chuyển biến xấu hơn so với mùa khô. Phân tích cụm cho thấy chất lượng nước tại Búng Bình Thiên được chia thành 3 cụm cơ bản tương đồng về chất lượng nước. Về mặt phân tích thành phần chính đã tìm ra được 2 nguồn gây ô nhiễm chính, từ đó đề xuất một số chỉ tiêu cần thiết để phản ánh chính xác nguồn ô nhiễm đó là: Nhiệt độ, pH, EC, DO, COD, TSS, NH4+, PO43-, NO3- và Coliform. Từ kết quả này có thể nguyên nhân gây ô nhiễm chính là chất thải sinh hoạt, nguyên nhân thứ hai là từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do đó, muốn thực hiện tốt công tác quản lý môi trường nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên cần phải quản lý nghiêm ngặt việc xả thải và tuyên truyền
5175	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt và nguồn phát sinh ô nhiễm tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Trang, Thanh Hào Nguyễn, Thùy Bảo Ngọc	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Đề tài “Đánh giá chất lượng nước mặt và nguồn phát sinh ô nhiễm nước mặt tại Quận Bình Thủy từ năm 2014-2018” được tiến hành bằng cách thu thập số liệu thứ cấp trong các năm để so sánh và đánh giá, kết hợp phỏng vấn 60 hộ dân điều tra nguồn phát sinh ô nhiễm tại khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy chất lượng nước mặt tại quận Bình Thủy đã bị ô nhiễm. Hầu hết các thông số quan trắc qua các năm (2014, 2015, 2016 và 2018) đều có giá trị cao khi so sánh với các giá trị theo QCVN 08:2015/BTNMT (cột A1). Oxy hòa tan thấp luôn nằm thấp hơn ngưỡng cho phép, ô nhiễm hữu cơ và tổng Coliform rất cao, TSS vượt chuẩn cho phép có thể là do đặc tính của sông của vùng ĐBSCL có hàm lượng phù sa lớn. Nguồn gây ô nhiễm chính chủ yếu là nước thải của các hộ dân sống xung quanh khu vực địa điểm nghiên cứu và một phần ảnh hưởng từ các nhà máy chế biến thức ăn, nhà máy bia ở khu công nghiệp. Ý thức của người dân về bảo vệ nguồn nước chưa cao thể hiện ở việc vứt rác sinh hoạt ra kênh tại khu vực. Cần có thêm nhiều nghiên cứu ở phạm vi rộng hơn để đánh giá toàn diện hơn về chất lượng và nguồn phát sinh gây ô nhiễm.

5176	Đại học	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn và chất lượng nước mặt tại khu du lịch sinh thái Phú Hữu, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Lê Nhân Ái Đỗ, Thị Diễm Hương	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn và chất lượng nước mặt tại Khu du lịch sinh thái Phú Hữu, ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang từ tháng 7-11/2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy tốc độ phát sinh chất thải rắn (CTR) là 0,3 kg/người/ngày, khối lượng 70-100 kg/ngày đối với ngày thường và 200-300 kg/ngày đối với ngày nghỉ và lễ. Thành phần hữu cơ chiếm 69% bao gồm cơm, thức ăn thừa, rau củ hỏng, vỏ trái cây và lá cây trong khi thành phần vô cơ chiếm 31% bao gồm ly nhựa, ống hút, bọc nilon và hộp xốp. Việc quản lý CTR chưa tốt do việc bố trí thùng rác, kích thước thùng chưa hợp lý Kết quả phỏng vấn 60 khách du lịch cho thấy đa số khách du lịch chưa đồng ý với việc bố trí thùng rác và công tác quản lý chất thải rắn tại khu du lịch, công tác thu gom còn hạn chế Chất lượng nước mặt tại hồ tổ chức trò chơi dân gian cho thấy độ đục, COD, BOD5, TSS, NH4+-N, PO43-P đều vượt giới hạn cột A2 QCVN 08-MT:2015/BTNMT, chỉ có pH, PO43--P (đợt 1) và tổng Coliform cả 2 đợt nằm trong quy chuẩn cho phép. Chất lượng nước tại hồ chưa thực sự an toàn cho người tham gia vui chơi đặc biệt là trẻ em. Cần có biện pháp quản lý tốt hơn chất thải rắn và chất lượng nước khu vui chơi để đảm bảo sức khỏe người dân.
5177	Đại học	Thành phần phiêu sinh thực vật và chất lượng nước một số thủy vực tỉnh An Giang năm 2017-2018	Trương, Ánh Ngọc	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thành phần phiêu sinh thực vật (PSTV) và chất lượng nước ở một số thủy vực tỉnh An Giang năm 2017 – 2018. Số liệu về chất lượng nước mặt và PSTV được thu thập từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang năm 2017 – 2018 với 12 vị trí nghiên cứu trên các thủy vực sông Tiền, sông Hậu, Bắc Vàm Nao và kênh gạch nội đồng. Kết quả nghiên cứu trong 2 năm 2017 – 2018 phát hiện được 161 loài tảo với 94 chi thuộc 7 ngành tảo: tảo Lam (13,66%), tảo Khuê (24,22%), tảo Lục (24,22%), tảo Mắt (19,88%), tảo Vòng (14,91%), tảo Giáp (1,86%), tảo Vàng (1,24%). Chất lượng nước tại các thủy vực năm 2017 đa số đều bị ô nhiễm nặng; các chỉ tiêu pH, DO, TSS, COD, BOD, Phosphat, Amoni, Coliform hầu như đều vượt quá QCVN 08-MT:2015/BTNMT, tuy nhiên năm 2018 hầu hết chất lượng nước tại các thủy vực được cải thiện đều đạt QCVN 08MT:2015/BTNMT. Chỉ số đa dạng sinh học (H') cho thấy chất lượng nước ở các thủy vực phân loại từ ô nhiễm nhẹ đến ô nhiễm vừa. Chỉ số chất lượng nước (WQI) phân loại nước từ nước bị ô nhiễm trung bình đến nước bị ô nhiễm nặng. Như vậy chỉ số H' và WQI cho khác kết quả phân loại chất lượng nước. Kết quả phân tích CA cho thấy sự phân cụm giữa các điểm thu mẫu PSTV và chất lượng nước tương đồng nhau. Phân tích BIO-ENVI cho thấy các yếu tố nhiệt độ, pH, DO, Nitrat, Phosphat và Amoni có tác động đến phiêu sinh thực vật. Kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin quan trọng về mối liên hệ giữa chất lượng nước và phiêu sinh thực vật để có thể lựa chọn đối tượng quan trắc môi trường nước mặt phù hợp.

5178	Đại học	Thành phần phiêu sinh thực vật và mối quan hệ với chất lượng nước mặt ở một số thủy vực ĐBSCL	Lê, Đoan Trang Nguyễn, Thị Kim Trí	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 3/2019 tại ba khu vực chịu tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp, khu dân cư và hoạt động hữu cơ, chất rắn lơ lửng và vi sinh. Nghiên cứu đã ghi nhận được 422 loài phiêu sinh thực vật thuộc 5 ngành Bacillariophyta, Chlorophyta, Dinophyta, Cyanophyta và Euglenophyta. Mật độ phiêu sinh thực vật (PSTV) dao động từ 13 – 77.328 cá thể/L. Tại 3 khu vực nghiên cứu, khu vực 1 có thành phần loài và mật độ cao nhất, tiếp đến là khu vực 2 và cuối cùng là khu vực 3. Trong số các loài hiện diện, <i>Meslosira granualata</i> , <i>Cyclotella meneghiniana</i> , <i>Cyclotella comta</i> , <i>Trachelomonas</i> sp., <i>Glenodinium beronense</i> , <i>Oscillatoria muticola</i> và <i>Skeletonema costatum</i> chiếm ưu thế nhất và chỉ thị môi trường có chất hữu cơ cao, bị phú dưỡng và điều kiện mặn của từng khu vực. Cả hai chỉ số đánh giá chất lượng nước WQI (57 - 88) và chỉ số H' (0.71 – 3.89) đều cho thấy chất lượng nước tại 3 khu vực bị ô nhiễm ở mức trung bình; có khoảng 56% các vị trí có sự tương đồng trong việc đánh giá chất lượng nước giữa hai chỉ số. Nghiên cứu góp phần cung cấp thông tin quan trọng khi ứng dụng phiêu sinh thực vật trong quan trắc và quản lý môi trường nước.
5179	Đại học	Thành phần phiêu sinh thực vật, động vật đáy và chất lượng nước mặt vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao, An Giang	Phạm, Hoàng Phúc Lê, Văn Kháng	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Đề tài được thực hiện để nghiên cứu và tìm hiểu mối liên hệ giữa thành phần phiêu sinh thực vật, động vật đáy và chất lượng nước ở khu vực kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao, An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng nước tại khu vực nghiên cứu bị ô nhiễm hữu cơ do DO thấp và TSS, COD, BOD5 cao hơn quy chuẩn nước mặt (QCVN-MT:2015/BTNMT, cột A1). Bên cạnh đó Coliform trong nước ở khu vực cũng vượt quy chuẩn. Kết quả phân tích phiêu sinh thực vật cho thấy ngành Euglenophyta, Chlorophyta, Cyanophyta, chiếm tỉ lệ cao lần lượt là 23,9%; 22,8%; 22,8%. Đây là các ngành tảo chỉ thị cho môi trường nước bị ô nhiễm hữu cơ phù hợp với kết quả phân tích lý hóa. Kết quả phân tích động vật đáy cho thấy lớp Bivalvia chiếm ưu thế với 11 loài (55%) tổng số loài cùng với sự xuất hiện của họ Tubificidae chỉ thị cho nguồn nước bị ô nhiễm hữu cơ. Kết quả các chỉ số sinh học H', ASPT, RPB III, và chỉ số WQI cho thấy chưa có sự tương đồng cao, chỉ số đa dạng H' ở khu vực nghiên cứu ở mức rất thấp. Do đó, quan trắc chất lượng nước cần được tiến hành trên cơ sở kết hợp giữa lý, hóa với quan trắc phiêu sinh thực vật và động vật đáy.

5180	Đại học	Tìm hiểu hiện trạng quản lý chất thải tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ	Lê, Ái Lam	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Hiện tại, chất thải y tế tại bệnh viện là một vấn đề môi trường đang được quan tâm. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng phát sinh, hiện trạng quản lý, kiến nghị một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chất thải tại bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần chất thải rắn chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt chiếm 80%, chất thải nguy hại 16% và chất thải tái chế 4%. Từ năm 2014 đến 2018 tổng lượng chất thải rắn của bệnh viện giảm 465 tấn. Lượng chất thải rắn phát sinh không đồng đều giữa các tháng trong năm, cao nhất vào tháng 10 (108.071 kg) và thấp nhất vào tháng 2 (54.285 kg). Lượng chất thải rắn phát sinh trung bình mỗi ngày khoảng 2.442 kg/ngày và lượng chất thải rắn phát sinh trung bình trong một ngày trên một giường bệnh khoảng 1,9 kg/giường bệnh/ngày. Lưu lượng nước thải trung bình khoảng 790,7 m3/ngày đêm và lưu lượng nước thải phát thải trên một giường bệnh khoảng 0,72 m3/giường bệnh. Tại bệnh viện, 100% chất thải rắn phát sinh đều được phân loại và thu gom. Công tác phân loại đạt 100%, công tác thu gom và vận chuyển đạt 40% so với quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Hệ thống xử lý nước thải tại bệnh viện được vận hành liên tục hàng ngày. Chất lượng nước thải đầu ra đạt 85%, còn 2 chỉ tiêu trong nước thải đầu ra chưa đạt quy chuẩn cho phép là Amoni và Coliforms. Bệnh viện cần tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, xử lý nước thải và các vấn đề còn tồn đọng để đảm bảo vệ sinh môi trường trong bệnh viện
5181	Đại học	Đánh giá tác động đến môi trường của bãi chôn lấp rác xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Tuyết Kha Nguyễn, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá các tác động đến môi trường của bãi chôn lấp rác xã Đông Thắng thông qua kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý, hộ dân sống xung quanh bãi chôn lấp và khảo sát các thành phần môi trường nước, sinh vật, bùn đáy, đất. Số liệu được thu thập từ tháng 4/2018 đến 6/2019. Kết quả phân tích cho thấy môi trường không khí và xã hội chịu nhiều ảnh hưởng do mùi hôi, ruồi nhặng đặc biệt là suy giảm năng suất lúa từ 58,8 - 75%. Môi trường nước mặt có hàm lượng BOD5, COD, N-NH4+ và TSS ở một số vị trí vượt QCVN 08-MT: 2015/BTNMT cột A1. Các kim loại Fe, Mn, Zn cũng xuất hiện trong nước mặt và Fe, Mn vượt qui chuẩn (cột A1). Nước rỉ chưa đạt tiêu chuẩn xả thải và kim loại nặng giảm dần từ Fe> Mn> Cr> Zn> Ni> Cu (Pb chỉ ở đợt II). Trong nước có sự xuất hiện của 241 loài tảo thuộc 5 ngành và 17 loài động vật đáy thuộc 6 họ, 4 lớp, trong đó các loài chỉ thị môi trường ô nhiễm luôn chiếm ưu thế. Chỉ số H' và WQI chưa tương đồng cao, chỉ số RBP III và ASPT chứng tỏ nước ô nhiễm rất nặng. Trong môi trường đất và bùn đáy, thành phần dinh dưỡng đạt từ nghèo đến giàu và vượt tiêu chuẩn ở một số vị trí. Các kim loại nặng có hàm lượng cao trong bùn đáy ao và cao hơn bùn đáy kênh nhưng thấp hơn QCVN 43:2009/BTNMT (trừ Zn, Cu ở bùn đáy ao). Các kim loại tích tụ trong đất, di chuyển theo độ sâu, giảm dần từ Mn> Zn> Ni> Cr> Cu> Pb và đạt QCVN 03-MT:2015/BTNMT, CCME (2007). Bãi chôn lấp gây ra nhiều tác động đến môi trường, do đó cần có giải pháp xử lý nước rỉ và tăng cường quan trắc môi trường.

5182	Đại học	Đánh giá tần suất và chỉ tiêu quan trắc môi trường nước mặt tỉnh An Giang giai đoạn 2009-2018	Châu, Thị Hồng Hà	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt và tối ưu hóa tần suất quan trắc tại 3 điểm quan trắc liên tục trên sông Tiền (điểm MT1) và sông Hậu (điểm MH1 và MH8) trong giai đoạn 10 năm (2009-2018) với tần suất quan trắc 12 tháng mỗi năm thông qua các chỉ tiêu nhiệt độ (oC), pH, hàm lượng oxy hòa tan (DO, mg/L), tổng chất rắn lơ lửng (TSS, mg/L), nitrate (N-NO₃⁻, mg/L), orthophosphate (P-PO₄³⁻, mg/L), nhu cầu oxy hóa học (COD, mg/L), và Coliforms (MPN/100 mL). Chất lượng nước mặt được đánh giá bằng cách so sánh với QCVN 08-MT: 2015/BTNMT trong khi việc tối ưu hóa tần suất thu mẫu được thực hiện bằng phép phân tích nhóm (Cluster Analysis) sử dụng phần mềm Primer V5.2. Kết quả nghiên cứu cho thấy nước mặt trên sông Tiền, sông Hậu và đoạn cuối sông Hậu tiếp giáp Cần Thơ ô nhiễm chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật. Phân tích nhóm cho thấy tần suất quan trắc có thể giảm từ 12 tháng một năm xuống còn 5 tháng đại diện trong năm bao gồm Tháng 2, Tháng 3, Tháng 6, Tháng 9 và Tháng 12, giúp giảm 58% chi phí quan trắc. Để cải thiện chất lượng nước trên sông Tiền và sông Hậu cần có sự phối hợp chặt chẽ với các quốc gia thượng nguồn sông Mê Kông vì kết quả nghiên cứu cho thấy nước mặt đã ô nhiễm trước khi chảy vào địa phận An Giang. Cần phải có nghiên cứu về tối ưu hóa các chỉ tiêu quan trắc chất lượng môi trường nước mặt.
5183	Đại học	Hiệu quả kinh tế và quản lý môi trường mô hình sản xuất lúa tại Hậu Giang	Nguyễn, Thị Thu Ba Nguyễn, Thúy Linh	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu này được thực hiện tại huyện Châu Thành A và Long Mỹ tỉnh Hậu Giang từ tháng 08 đến tháng 12 năm 2019 nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế giữa hai mô hình trồng lúa 2 vụ, 3 vụ/năm và hiện trạng quản lý môi trường trong canh tác lúa. Kết quả cho thấy nông hộ áp dụng mô hình thâm canh 3 vụ lúa đem lại lợi nhuận cao hơn so với áp dụng 2 vụ lúa tuy nhiên chi phí cao hơn và hiệu quả lao động thấp hơn. Ở mô hình canh tác 2 vụ lúa phần lớn hộ dân được nghiên cứu đều sử dụng thuốc BVTV đúng liều lượng, chỉ có 3,33% sử dụng thấp hơn. Ngược lại, mô hình 3 vụ lúa có đến 36,67% hộ sử dụng cao hơn liều lượng quy định và 63,33% sử dụng đúng liều lượng. Cả 2 mô hình đều sử dụng nhóm thuốc thuộc loại II, III, IV và khu vực 3 vụ sử dụng nhiều loại hoạt chất hơn. Cách thức quản lý bao bì thuốc BVTV chủ yếu được người dân áp dụng là chôn lấp, đốt, thu gom và bán. Quá trình nghiên cứu nhận thấy nhận thức của người dân ở khu vực 2 vụ lúa về việc sử dụng, quản lý và tác hại của thuốc BVTV tốt hơn. Kết quả phân tích chất lượng đất ở mô hình lúa 3 vụ: CHC = 9,61%; N = 0,4205%; P = 0,135%; K = 2,605% cao hơn mô hình lúa 2 vụ: CHC = 5,73%; N = 0,242%; P = 0,0735%; K = 2,795%. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của hai mô hình sản xuất nông nghiệp từ đó hướng đến mô hình thân thiện với môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5184	Đại học	Khảo sát nguồn gây ô nhiễm môi trường nước ở khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang	Nguyễn, Hữu Định Trương, Thị Liễu Hà	Trương, Hoàng Đan Trần, Lê Ngọc Trâm	2019-05	Đề tài “Khảo sát nguồn gây ô nhiễm môi trường nước ở khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019 tại 3 xã Nhon Hội, Quốc Thái và Khánh Bình, với mục tiêu tổng quát là cung cấp thông tin và đánh giá hiện trạng về các nguồn có khả năng gây ô nhiễm chất lượng môi trường nước mặt ở Búng Bình Thiên từ đó đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động của các nguồn thải đến chất lượng nước mặt tại Búng. Thông qua việc phỏng vấn 60 hộ dân sống xung quanh khu đất ngập nước Búng Bình Thiên và 3 cán bộ thuộc 3 xã Nhon Hội, Quốc Thái và Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang kết hợp với việc thu thập thông tin, số liệu từ các nguồn tài liệu có liên cũng như các thông tin từ các Sở, Phòng, Ban. Sau đó các số liệu thu thập được mã hóa, tổng hợp bằng phần mềm Microsoft Excel và xử lý trên phần mềm thống kê SPSS sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích, phân loại và sắp xếp các yếu tố tác động, làm cơ sở cho việc đánh giá hiện trạng các nguồn ô nhiễm tác động đến chất lượng nước ở khu vực nghiên cứu. Đề tài đã đánh giá được nguồn ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng nước tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên. Các nguồn ô nhiễm chính ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt vùng nghiên cứu được xác định là các nguồn: nước thải sinh hoạt, nước thải trồng trọt, chất thải rắn, nước thải chăn nuôi, nước thải thủy sản và một số nguyên nhân khác như nước ô nhiễm từ thượng nguồn đổ về, nước bị ứ đọng, xác bã lục bình,... Việc quản lý và kiểm soát các chất thải tại nguồn, đặc biệt là nước thải chưa được thực hiện tốt do tại đây chỉ mới có dịch vụ thu gom chất thải rắn, vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Phần lớn nguồn gây ô nhiễm nước ở Búng Bình Thiên là từ các hoạt động của con người vì vậy cần nâng cao ý thức của cộng đồng dân cư địa phương trong vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, quy hoạch chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng tập trung qui mô lớn, ứng dụng mô hình VACB và khuyến khích người dân chuyển đổi canh tác nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái.
------	---------	---	---------------------------------------	---------------------------------------	---------	--

5185	Đại học	Khảo sát hiện trạng chất lượng nước vào mùa khô và so sánh với mùa mưa tại sinh cảnh rừng tràm và sen ở Vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Huỳnh Hậu	Trần, Thị Kim Hồng	2019-05	Nghiên cứu được thực hiện tại Vườn quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp với mục tiêu tổng quát là khảo sát và đánh giá chất lượng nước vào mùa khô và so sánh với mùa mưa tại sinh cảnh rừng tràm và sen ở VQG Tràm Chim. Từ đó đề xuất những giải pháp để góp phần bảo vệ môi trường nước tại khu vực nghiên cứu Số liệu về các chỉ tiêu môi trường nước vào mùa mưa được thu thập từ đề tài “Hiện trạng chất lượng nước tại sinh cảnh rừng tràm và sen ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp” do Nguyễn Minh Quân thực hiện năm 2018. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu mẫu tại khu vực nghiên cứu với tổng số mẫu thu là 6 mẫu thuộc 2 sinh cảnh tràm và sen. Số liệu sau khi phân tích được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, SPSS và được thể hiện bằng các biểu đồ Kết quả nghiên cứu cho thấy tại điểm 1 và điểm 6 các chỉ tiêu DO, NH4+ đã không nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT cột A1, pH tại điểm 2 cũng vượt giới hạn cho phép. Hàm lượng COD tại các sinh cảnh trong mùa khô đều vượt quy chuẩn cho phép QCVN 08:2015/BTNMT cột A1 khoảng 4 lần. Chất lượng nước tại các sinh cảnh có sự khác biệt giữa mùa khô và mùa mưa. Cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra chất lượng nước định kỳ nhằm nắm được diễn biến chất lượng nước mặt tại khu vực nghiên cứu góp phần quản lý nguồn nước tại đây.
5186	Đại học	Khảo sát sự biến động thành phần loài phiêu sinh thực vật theo chất lượng nước mặt trên sông Cái Sắn	Trần, Thanh Toàn Nguyễn, Thị Ngọc Trân	Nguyễn, Thanh Giao	2019-05	Đề tài “Khảo sát sự biến động thành phần loài phiêu sinh thực vật theo chất lượng nước mặt trên sông Cái Sắn” được thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 5/2019. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá sự biến động thành phần loài PSTV theo không gian và theo độ mặn. Nghiên cứu được thực hiện trên sông Cái Sắn với tổng số 9 điểm thu mẫu và thu 1 đợt. Đánh giá chất lượng nước mặt tại khu vực nghiên cứu bằng cách so sánh kết quả phân tích với chỉ số WQI và QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt). Qua kết quả nghiên cứu của đề tài đã phát hiện 200 loài phiêu sinh thực vật (phụ lục 3) trong nước mặt sông Cái Sắn. Trong đó, các ngành tảo giáp, khuê, lam, lục, mắt chim tỉ lệ lần lượt là 6,5%, 31,5 %, 12,5%, 26,5%, 23%. Các thông số DO, PO43--P, tổng Coliform đều đạt cột A1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Còn lại các thông số TSS, COD, BOD5, NH4+-N, NO3--N, E. coli đa số tại các điểm đều không đạt cột A1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Mặc dù tổng Coliform tại các điểm thu mẫu đều đạt cột A1 nhưng lại có sự xuất hiện của E.Coli tại điểm 3 vượt giới hạn quy định trong cột A1 đến 17 lần. Cần có thêm nhiều nghiên cứu, khảo sát thành phần, mật độ phiêu sinh và chất lượng nước trên sông Cái Sắn liên tục trong năm để ghi nhận sự biến động khi điều kiện môi trường thay đổi.

5187	Đại học	Xác định các dịch vụ hệ sinh thái của hệ sinh thái rừng tràm đối với vùng trồng lúa 2 vụ và lúa tôm ở vùng đệm vườn quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau	Lê, Thành Nhân Trần, Thiên Vĩnh	Lê, Văn Dũ	2019-05	Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Lợi An và xã Trần Hợi huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau với mục tiêu tổng quát là xác định vai trò và tầm quan trọng của các dịch vụ hệ sinh thái rừng của hệ sinh thái rừng tràm đối với vùng lúa 2 vụ và lúa tôm ở vùng đệm Vườn Quốc Gia U Minh Hạ - Cà Mau. Từ đó đề xuất giải pháp phát triển và nâng cao giá trị của các dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm Các số liệu về tọa độ địa lý, khí hậu thủy văn, địa hình đất đai, số liệu các loài động vật... được thu thập từ các thông tin cập nhật từ mạng internet, tạp chí, báo khoa học, vườn quốc gia U Minh Hạ, các nghiên cứu từ Khoa Môi trường & Tài Nguyên Thiên Nhiên, Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp 30 hộ vùng lúa 2 vụ và 30 hộ vùng lúa tôm, để thấy được sự nhận biết của người dân về các giá trị của dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm. Số liệu phỏng vấn được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, phần mềm Microsoft Office Excel và Microsoft Office Word Kết quả nghiên cứu cho thấy tầm quan trọng của từng dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm đối với người dân. Người dân cũng đã nhận biết được tầm quan trọng của rừng. Xác định nguyên nhân gây suy giảm giá trị các dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm Qua đó đưa ra những đề xuất phát triển và nâng cao giá trị của các dịch vụ hệ sinh thái rừng tràm.
5188	Đại học	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong đánh giá nồng độ phù sa lơ lửng trên sông Tiền và sông Hậu	Lê, Văn Hoàng	Võ, Thị Phương Linh	2019-05	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định phương trình ước lượng nồng độ phù sa lơ lửng trên cơ sở giải đoán ảnh Landsat 8 và ứng dụng phương trình để tính toán nồng độ phù sa lơ lửng cho vùng nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu sử dụng các số liệu nồng độ phù sa lơ lửng tại trạm Cần Thơ, trạm Mỹ Thuận và các ảnh viễn thám Landsat 8 trong giai đoạn 2013 - 2014. Số liệu nồng độ phù sa lơ lửng thu thập và số liệu phản xạ của các kênh phở được sử dụng để tìm ra phương trình hồi qui tuyến tính, phương trình được chọn dựa trên hệ số R2 lớn nhất. Để kiểm tra độ tin cậy của phương trình, sử dụng phương pháp phân tích tương quan giữa số liệu nồng độ phù sa lơ lửng thu thập và số liệu nồng độ phù sa lơ lửng phương trình (dựa vào hệ số R2). Áp dụng phương trình để tính toán nồng độ phù sa lơ lửng cho vùng nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy kênh đỏ và kênh lục của ảnh Landsat 8 có quan hệ tương quan chặt chẽ với nồng độ phù sa lơ lửng. Đồng thời, xác định được phương trình hồi qui tuyến tính dựa vào hai kênh này (hệ số R2 = 0,713) cho vùng nghiên cứu. Bên cạnh đó, kết quả phương trình giúp tạo bản đồ phân bố nồng độ phù sa lơ lửng phục vụ cho công tác giải đoán bằng hình ảnh trực quan. Đánh giá phân bố nồng độ phù sa lơ lửng thông qua yếu tố không gian, thời gian và yếu tố khí tượng thủy văn.

5189	Đại học	Đánh giá hiện trạng nguồn lợi cá tự nhiên trên mô hình Sen – cá, Sen – Dụ lịch và lúa ba vụ ở Đồng Sen Tháp Mười	Bùi, Chí Lam	Trương, Hoàng Đan Lý, Văn Lợi	2019-05	Đề tài này thực hiện nhằm đánh giá nguồn lợi cá ở các mô hình sản xuất Lúa 03 vụ, Sen – Dụ lịch và Sen – Cá ở xã Mỹ Hòa huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp. Với Phương pháp thu mẫu cá thực tế tại 3 mô hình bằng các loại ngư cụ phổ biến như lưới kéo, lưới giăng, dón, chài thu được 48 loài cá thuộc 20 họ và 8 bộ. Trong đó bộ cá chép có số lượng cao nhất là 21 loài. Thành phần loài cá ở các mô hình sen – dụ lịch, sen – cá có số lượng loài cao hơn mô hình lúa 03 vụ. Tương tự, tổng sản lượng cá tự nhiên trên mô hình sen – dụ lịch cũng có sản lượng cao nhất là 11,251 (g), ngược lại mô hình lúa 3 vụ có tổng sản lượng 1,551 (g) trong 5 lần thu mẫu. Ngoài ra, để tìm hiểu thêm về sự tác động về môi trường đến nguồn lợi cá, đề tài cũng tiến hành phỏng vấn 50 hộ dân tại địa bàn về các nguyên nhân làm suy giảm nguồn lợi cá tự nhiên của nhiều năm nay. Nhìn chung, người dân nhận thấy nguồn cá tự nhiên suy giảm rất nhiều so với những năm trước đây nguyên nhân chủ yếu là do các hoạt động của con người gây ra từ việc đánh bắt quá mức và sử dụng các ngư cụ mang tính hủy diệt cao. Mở rộng nghiên cứu thành phần loài và hiệu quả của các mô hình sản xuất ở các địa điểm khác trên địa bàn huyện Tháp Mười để có cái nhìn cụ thể và chính xác hơn và hiệu quả kinh tế của các mô hình.
5190	Đại học	Khảo sát hiện trạng và ứng dụng công nghệ GIS để xây dựng bản đồ hệ thống cây xanh ở viện lúa ĐBSCL	Phạm, Văn Khải	Bùi, Thị Bích Liên	2019-05	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu khảo sát được hiện trạng của các cây xanh cảnh quan trên các tuyến đường dân sinh của viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long. Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu và từ đó vẽ các bản đồ phân bố, bản đồ chuyên đề của cây xanh nhằm phục vụ cho công tác quản lý hiệu quả hơn. Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp như: Phỏng vấn cán bộ quản lý cây xanh và 30 hộ dân sống tại khu gia cư của viện lúa về tình hình phát triển, tình hình chăm sóc, tên, năm trồng và vai trò của cây xanh. Tiến hành đo đạc thực tế các chỉ tiêu: chiều cao, đường kính tán, chu vi gốc, tọa độ. Sử dụng phần mềm Excel để xử lý số liệu. Sử dụng phần mềm QGIS để xây dựng các bản đồ. Kết quả nghiên cứu cho thấy các cây xanh phát triển tốt, chất lượng không khí tại khu vực chưa bị ô nhiễm, không có người bị các bệnh về hô hấp. Xây dựng được các bản đồ phân bố, bản đồ chuyên đề để phục vụ cho công tác quản lý. Tuy nhiên, do yếu tố thời gian cũng như các vấn đề bảo mật của viện lúa nên đề tài chỉ xây dựng được hệ thống thông tin của cây xanh trên các tuyến đường dân sinh, vì vậy cần có đề tài nghiên cứu đầy đủ hơn để thực hiện việc quản lý hiệu quả hơn.

5191	Đại học	Khảo sát chất lượng đất và nước ở các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và Lúa hai vụ vào mùa khô tại VQG U Minh Hạ, Cà Mau	Lê, Nguyễn Trí Nhân Trần, Vũ Phong	Lê, Văn Dũ	2019-05	Đề tài được thực hiện với mục tiêu so sánh tính chất nước và đất trong ruộng liếp giữa kiểu sử dụng đất lên liếp trồng Keo lai (Acacia Hybrid), đất trồng Tràm (Melaleuca Cajuputi) và kiểu sử dụng đất trồng Lúa 2 vụ (bao gồm Lúa hai vụ và Lúa-tôm) tại khu vực vùng đệm VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện trên 3 khu vực trồng Keo lai, trồng Tràm, Lúa 2 vụ; đối khu vực Keo lai trồng và Tràm trồng nghiên cứu trên 2 BLĐ PN và PS, tương ứng mỗi BLĐ thu mẫu 2 cấp tuổi (CT) khác nhau và được lặp lại 3 lần; khu vực trồng Lúa 2 vụ nghiên cứu trên BLĐ PS thu mẫu lặp lại 3 lần ở mỗi vị trí (kết quả phân tích sẽ được so sánh với vùng luân canh Lúa-tôm). Sau đó so sánh các chỉ tiêu cần phân tích theo 2 nhóm cây trồng là cây trồng là cây công nghiệp: Tràm, Keo lai và nhóm cây nông nghiệp: Lúa 2 vụ, Lúa-tôm. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính chất nước ở khu vực trồng Tràm có xu hướng xấu hơn so với cây Keo lai với các chỉ tiêu COD, NH4+, pH và EC, Fe, Al đều không nằm trong quy chuẩn cho phép; đặc biệt là vùng Tràm PN với chỉ số COD vượt rất xa quy chuẩn. Tương tự chất lượng nước ở vùng trồng Lúa-tôm cũng tốt hơn so với vùng Lúa 2 vụ vì các chỉ số pH, EC, DO ở đây rất tốt. Kết quả nghiên cứu tính chất đất đã cho thấy chất lượng đất ở khu vực trồng Tràm tốt hơn vùng trồng Keo lai do các chỉ tiêu CHC, Photpho tổng và Âm độ ở vùng trồng Tràm rất tốt và đặc biệt là vùng Tràm PN. Chất lượng đất ở vùng trồng cây nông nghiệp thì cũng xác định được chất lượng đất ở vùng trồng Lúa 2 vụ tốt hơn vùng trồng Lúa-tôm với hầu hết các chỉ tiêu tốt cho đất như: Âm độ, Tỉ trọng, CHC, Nito tổng và Photpho tổng đều đạt giá trị cao hơn với vùng trồng Lúa 2 vụ mùa.
------	---------	---	-------------------------------------	------------	---------	--

5192	Đại học	Ứng dụng GIS để đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Phạm, Dương Chánh Đại	Võ, Thị Phương Linh	2019-05	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại quận Ninh Kiều TP Cần Thơ, thông qua ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS. Các số liệu về hiện trạng công tác thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thu thập tại phòng Quản lý đô thị quận Ninh Kiều. Các số liệu chi tiết về các nguồn phát sinh được thu thập thông qua việc khảo sát thực địa và phỏng vấn cán bộ quản lý tại vị trí các nguồn phát sinh trên địa bàn quận. Sau đó sử dụng phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu tạo ra bộ cơ sở dữ liệu GIS quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại quận Ninh Kiều, để thấy được các mối liên kết giữa các phần tử với nhau. Cuối cùng sử dụng phần mềm ArcMap để tiến hành biên tập và tạo ra sản phẩm là bản đồ chuyên đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt Quận Ninh Kiều. Kết quả nghiên cứu cho thấy phường Hưng Lợi có khối lượng rác phát sinh lớn nhất, phường Tân An có khối lượng rác phát sinh nhỏ nhất. Điểm tập kết 13 Khu dân cư Thới Nhứt có thể tích rác thu gom lớn nhất, Điểm tập kết 26 khu vực Cồn Khương còn lại là có thể tích rác thu gom nhỏ nhất. Kết quả nghiên cứu còn thấy được công tác thu gom còn gặp hạn chế như: số lượng nhân công và phương tiện thu gom phân bố không đồng đều, lượng rác thu gom được còn chưa đáp ứng được khối lượng phát sinh ước tính mỗi ngày. Ngoài ra hệ thống này còn có thể hỗ trợ công tác quản lý của quận ở một số khía cạnh như: có thể liên tục sửa đổi, bổ sung các thông tin trên bản đồ. Việc truy xuất, tìm kiếm các thông tin dễ dàng hơn. Người dùng có thể dễ dàng nhận biết hiện trạng, công tác thu gom và quản lý rác của địa phương thông qua màu sắc và kích thước của dữ liệu được hiển thị.
5193	Đại học	Xác định nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt tại rạch tham tướng quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Ân Đỗ, Hữu Tiến	Bùi, Thị Bích Liên	2019-05	Đề tài 'Xác định nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt tại rạch Tham Tướng quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ' được tiến hành bằng cách thu thập số liệu thứ cấp nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt từ năm 2014 - 2018 tại rạch Tham Tướng quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ và đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt trong năm 2019 thông qua việc đánh giá một số thông số, cũng như xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt. Kết quả nước mặt tại rạch Tham Tướng quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ có dấu hiệu ô nhiễm chất hữu cơ. Các chỉ tiêu như TSS, BOD5, COD, Coliform cao hơn nhiều so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Cụ thể là TSS cao gấp 2.225 lần, BOD5 cao gấp 12.12 lần, Coliform cao gấp 37.2 lần, COD cao gấp 17.9 lần. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do rạch chịu tiếp nhận hầu hết các loại chất thải của các hộ dân sống xung quanh như nước thải chưa qua xử lý và rác thải được ném trực tiếp xuống rạch. Kết quả đánh giá chất lượng nước mặt cho thấy cần thiết phải có những giải pháp phù hợp để quản lý chất lượng nguồn nước như địa phương cần có những buổi tuyên truyền đến người dân về chính sách bảo vệ môi trường, từ đó sẽ nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

5194	Đại học	Hiện trạng quản lý chất thải chăn nuôi heo ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Trịnh, Ngọc Phúc Trần, Thị Ngọc Ngân	Trương, Hoàng Đan	2019-05	Đề tài được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019 trên địa bàn thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Mục đích của đề tài là nghiên cứu hiện trạng quản lý chất thải chăn nuôi heo ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại khu vực có chăn nuôi heo và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng môi trường nước mặt. Sử dụng các phương pháp như: Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, phương pháp thu thập số liệu sơ cấp, phương pháp thu mẫu, phương pháp phân tích mẫu, phương pháp xử lý số liệu. Với các chỉ tiêu phân tích gồm pH, nhu cầu oxy hóa học (COD), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy sinh học (BOD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Ni tơ (TN), tổng Photpho (TP) Kết quả cho thấy các hộ chăn nuôi tại khu vực nghiên cứu chăn nuôi theo 3 loại hình phổ biến là Ao - Chuồng (AC), Chuồng - Vườn (CV), và Chuồng (C). Các phương pháp xử lý chất thải khác nhau được áp dụng tại các hộ chăn nuôi là hầm ủ biogas (35%), thải trực tiếp ra môi trường (40%) và thải bỏ ra ao cá (25%). Theo như kết quả phân tích ở mẫu 1 và 2, chỉ có giá trị pH còn nằm trong quy chuẩn cho phép, các chỉ tiêu như DO, COD, BOD5, TSS và tổng Photpho đã vượt chưa thỏa mãn quy chuẩn cho phép. Còn đối mẫu 3 có COD, TSS và Tổng Photpho vượt quy chuẩn cho phép, còn lại pH, DO, BOD5 và tổng Nitơ vẫn còn nằm trong ngưỡng cho phép. Sự khác biệt về mật độ heo nuôi và các hợp phần trong các mô hình chuồng trại nuôi heo là nguyên nhân chính dẫn tới các mức độ ô nhiễm nước mặt nặng nhẹ khác nhau. Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường tại các chuồng trại chăn nuôi heo tại khu vực nghiên cứu trong thời gian tới. Bên cạnh đó có một vài đề xuất cho hướng nghiên cứu mới như: Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát sự phát sinh khí thải trong chăn nuôi và ảnh hưởng của chúng đến môi trường, Đánh giá tình hình quản lý chất thải của các chuồng trại khác để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp đảm bảo môi trường.
------	---------	--	---------------------------------------	-------------------	---------	--

5195	Đại học	Đánh giá chất lượng đất và nước tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Phạm, Kim Anh Kim, Thị Tường Vi	Trần, Thị Kim Hồng	2019-03	Qua kết quả nghiên cứu và khảo sát đề tài “Đánh giá chất lượng đất và nước tại KBTTN Lung Ngọc Hoàng” nhằm đánh giá khả năng ô nhiễm của đất nước, góp phần bảo vệ nguồn nước sạch sinh hoạt cho người dân, đồng thời bảo vệ môi trường đất nước và bảo tồn đa dạng sinh học của vùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thay đổi các hàm lượng trong nước ở các kênh dẫn và hàm lượng trong đất tại các sinh cảnh trồng lúa, trồng mía, đất trồng tràm không ngập nước và đất trồng tràm ngập nước,. Các chỉ tiêu trong đất không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển cây trồng. Tuy nhiên hàm lượng lân ở mức nghèo, hàm lượng chất hữu cơ và đạm ở mức trung bình cần phải chăm bón cho đất và hạn chế việc khai thác đất quá mức. Còn đối với thông số chất lượng nước mặt tại khu bảo tồn cho thấy chất lượng nước mặt ở đây đã ô nhiễm hữu cơ, amoni, phosphate. Do hàm lượng COD dao động từ 7,74 – 27,27 mg/L, hàm lượng N-NH4+ dao động từ 0,69 – 0,25 mg/L , hàm lượng Phosphate dao động từ 0,05 – 0,39 mg/L các chỉ tiêu này đều không nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT cột A1. Đây là điều mà ban quản lý khu bảo tồn cần quan tâm trong việc quản lý môi trường nước tại đây.
5196	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước vào mùa khô tại các sinh cảnh đồng cỏ năng, cỏ ống, cỏ mồm và lúa ma Vườn quốc gia Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Võ, Quốc Thanh Sơn	Trần, Thị Kim Hồng	2019-03	Đề tài “Đánh giá hiện trạng chất lượng nước vào mùa khô tại các đồng cỏ năng, cỏ mồm, cỏ ống và lúa ma VQG Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện tại VQG Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 05 năm 2019 nhằm khảo sát chất lượng nước tại các sinh cảnh cỏ năng, cỏ ống, cỏ mồm và lúa ma vào mùa khô. Nghiên cứu được thực hiện thông qua thu mẫu và phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước, so sánh các chỉ tiêu với QCVN 08:2015/BTNMT cột A1 và số liệu nghiên cứu chất lượng nước tại các sinh cảnh vào mùa mưa. Kết quả nghiên cứu cho thấy Hàm lượng DO trung bình tại sinh cảnh lúa ma vẫn nằm trong giới hạn cột A1 QCVN 08:2015/BTNMT, các sinh cảnh còn lại có hàm lượng DO không đạt quy chuẩn cột A1 nhưng vẫn dao động ở mức khá từ 4,23 m/l đến 5,63 m/l. Trong khi đó, các sinh cảnh có hàm lượng COD trong nước rất cao, dao động từ 30,6 mg/l đến 53,07 mg/l ,vượt quá QCVN 08:2015/BTNMT cột A1 (<10 mg/l) từ 3 đến 5 lần Hàm lượng amoni (NH4+) trong nước tại 4 sinh cảnh cũng vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 08:2015/BTNMT cột A1 (<0,03 mg/l) từ 1,5 đến 2,5 lần. Nhưng bên cạnh đó chỉ tiêu pH, phosphate (PO43-) vẫn nằm trong khoảng cho phép của quy chuẩn. Các chỉ tiêu về độ đục, EC tại các sinh cảnh dao động tương đối thấp và ổn định, vẫn thích hợp cho đời sống thủy sinh vật.

5197	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng xâm nhập mặn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân huyện Vĩnh Thuận - Kiên Giang Nghiên cứu ảnh hưởng xâm nhập mặn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân huyện Vĩnh Thuận - Kiên Giang	Nguyễn, Thị Thắm Nguyễn, Thị Thắm	Nguyễn, Thanh Giao Nguyễn, Thanh Giao	2019-03	"Luận văn “Nghiên cứu ảnh hưởng xâm nhập mặn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang” được thực hiện từ đầu tháng 9/2018 đến cuối tháng 3/2019 trên địa bàn hai xã Vĩnh Bình Bắc và xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận - Kiên Giang. Qua đó thấy được phần nào ảnh hưởng của xâm nhập mặn lên hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân nơi đây, họ đang chịu những tổn thương do xâm nhập mặn gây nên, làm cho các hoạt động sản xuất cũng như sinh kế hằng ngày của họ gặp rất nhiều khó khăn và trở ngại. Xâm nhập mặn làm giảm năng suất lao động, giảm thu nhập kinh tế và làm chậm sự phát triển chung của địa phương trên địa bàn huyện nói riêng và tỉnh Kiên Giang nói chung. Kết quả nghiên cứu này góp phần cung cấp phương pháp luận cần thiết cho các nghiên cứu sau này, có thể mở rộng để nghiên cứu ảnh hưởng của xâm nhập mặn lên các thành phần hay đối tượng khác. Đồng thời, mở ra một hướng nghiên cứu mới về nông nghiệp, sinh kế của cộng đồng trong bối cảnh BĐKH toàn cầu. Mặc khác, cung cấp cho cộng đồng ở huyện những thông tin cần thiết nhằm chủ động thích ứng, cũng như cung cấp cho chính quyền các cấp những thông tin cần thiết từ đó có thêm căn cứ để đưa ra các chính sách hỗ trợ và ứng phó.
5198	Đại học	Đánh giá hiện trạng thủy sinh thực vật bậc cao tại Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Lung Ngọc Hoàng	Dương, Minh Thanh Nguyễn, Văn Kính	Trần, Thị Kim Hồng	2019-03	Nghiên cứu “Đánh giá hiện trạng thực vật thủy sinh bậc cao tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại 3 phân khu: Bảo vệ nghiêm ngặt, Phục hồi sinh thái và Dịch vụ - Hành chính của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Phụng Hiệp, Hậu Giang) từ 1/2019-5/2019 để xác định thành phần loài thủy sinh thực vật bậc cao tại 3 phân khu đồng thời đánh giá mức độ phân bố các loài thủy sinh thực vật bậc cao tại đây và so sánh thành phần loài và mức độ phân bố thủy sinh thực vật bậc cao ở 3 phân khu của Khu bảo tồn. Kết quả cho thấy có tổng cộng 13 loài thủy sinh thực vật hiện diện qua 7 vị trí khảo sát bao gồm: Bèo tai chuột (<i>Salvinia cucullata</i> Roxb), Bèo Tai Tượng (<i>Pistia stratiotes</i> L.), Bèo Cầm (<i>Lemna sequinnoxialis</i> Welwitsch), Lúa Ma (<i>Oryza rufipogon</i> Griff), Lục Bình (<i>Eichhornia crassipes</i> (Maret.) Slous), Bông Súng (<i>Nymphaea rubra</i> Roxb), Cỏ Mồ Mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i> (Steud.) Gilliland), Cỏ Mồ Lòng (<i>Brachiaria mutica</i> (L.) Stapf.), Mùn Nước (<i>Colocasia antiquorum</i> Schott), Rau Muống (<i>Imponoea aquatica</i> Forsk), Rong Đuôi Chồn (<i>Ceratophyllum demersum</i> L), Rong Trứng (<i>Utricularia aurea</i> Lour), Rau trai nước (<i>Commelina paludosa</i> Bl). Qua đây ta đánh giá được Khu bảo vệ nghiêm ngặt chiếm ưu thế về đa dạng thành phần loài; Lục bình (<i>Eichhornia crassipes</i> (Maret.) Slous) là loài thủy sinh thực vật ngoại lai chiếm ưu thế về mức độ phân bố tại các vị trí khảo sát; thành phần loài thực vật thủy sinh tại KBTN Lung Ngọc Hoàng hiện diện với số lượng tương đối ít trong quá trình khảo sát và có một loài nằm trong sách đỏ Việt Nam là Lúa ma (<i>Oryza rufipogon</i> Griff).

5199	Đại học	Hiện trạng quản lý chất thải chăn nuôi heo ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	Trịnh, Ngọc Phúc Trần, Thị Ngọc Ngân	Trương, Hoàng Đan	2019-05	Đề tài được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019 trên địa bàn thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Mục đích của đề tài là nghiên cứu hiện trạng quản lý chất thải chăn nuôi heo ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại khu vực có chăn nuôi heo và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng môi trường nước mặt. Sử dụng các phương pháp như: Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, phương pháp thu thập số liệu sơ cấp, phương pháp thu mẫu, phương pháp phân tích mẫu, phương pháp xử lý số liệu. Với các chỉ tiêu phân tích gồm pH, nhu cầu oxy hóa học (COD), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy sinh học (BOD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Ni tơ (TN), tổng Photpho (TP) Kết quả cho thấy các hộ chăn nuôi tại khu vực nghiên cứu chăn nuôi theo 3 loại hình phổ biến là Ao - Chuồng (AC), Chuồng - Vườn (CV), và Chuồng (C). Các phương pháp xử lý chất thải khác nhau được áp dụng tại các hộ chăn nuôi là hầm ủ biogas (35%), thải trực tiếp ra môi trường (40%) và thải bỏ ra ao cá (25%). Theo như kết quả phân tích ở mẫu 1 và 2, chỉ có giá trị pH còn nằm trong quy chuẩn cho phép, các chỉ tiêu như DO, COD, BOD5, TSS và tổng Photpho đã vượt chưa thỏa mãn quy chuẩn cho phép. Còn đối mẫu 3 có COD, TSS và Tổng Photpho vượt quy chuẩn cho phép, còn lại pH, DO, BOD5 và tổng Nitơ vẫn còn nằm trong ngưỡng cho phép. Sự khác biệt về mật độ heo nuôi và các hợp phần trong các mô hình chuồng trại nuôi heo là nguyên nhân chính dẫn tới các mức độ ô nhiễm nước mặt nặng nhẹ khác nhau. Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường tại các chuồng trại chăn nuôi heo tại khu vực nghiên cứu trong thời gian tới. Bên cạnh đó có một vài đề xuất cho hướng nghiên cứu mới như: Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát sự phát sinh khí thải trong chăn nuôi và ảnh hưởng của chúng đến môi trường, Đánh giá tình hình quản lý chất thải của các chuồng trại khác để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp đảm bảo môi trường.
------	---------	--	---------------------------------------	-------------------	---------	--

5200	Đại học	Khảo sát thành phần động vật nổi ở các mô hình trồng keo lai, trồng tràm và lúa hai vụ vào mùa khô tại vườn quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau	Lê, Thị Mỹ Linh Nguyễn, Bằng Luật	Lê, Văn Dũ	2019-05	Đề tài “Khảo sát thành phần động vật nổi ở các mô hình trồng Tràm, trồng Keo Lai, và lúa hai vụ vào mùa khô tại Vườn Quốc Gia U Minh Hạ - Cà Mau” được thực hiện tháng 01/2019 đến tháng 05/2019 nhằm mục tiêu đánh giá về thành phần loài và số lượng phiêu sinh động vật ở các kiểu sử dụng đất trồng Keo Lai, Tràm trồng và lúa tại VQG U Minh Hạ, Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện trên cây Tràm (<i>Melaleuca cajuputi</i>), Keo lai (<i>Acacia hybrid</i>) và Cây Lúa (<i>Oryza sativa</i>) ở 2 loại đất phèn nông và phèn sâu (gọi là BLĐ). Trên mỗi BLĐ thu mẫu 2 cấp tuổi (CT) khác nhau, riêng khu vực Lúa thu mẫu trên cùng đất phèn sâu trên 2 mô hình Lúa tôm và Lúa 2 vụ được lặp lại 3 lần. Kết quả nghiên cứu cho thấy: về thành phần loài, mô hình Tràm trồng phát hiện 64 loài động vật nổi, mô hình Keo Lai là 60 loài, mô hình trồng Lúa là 35 loài, ở cả 3 mô hình nhóm Trùng bánh xe (<i>Rotifera</i>) là nhóm có số loài xuất hiện nhiều nhất. Về mật độ, khu vực có mật độ cao nhất là Tràm trồng - phèn nông (698.966,5 ct/m³) và thấp nhất là Lúa tôm - Phèn sâu (59.464,3 ct/m³). Tương tự như thành phần loài, mật độ của nhóm <i>Rotifera</i> cũng là nhóm chiếm ưu thế hơn so với các nhóm còn lại. Tầng phèn nông tại các khu vực khảo sát có chỉ số đa dạng sinh học (ĐDSH) không cao ($H' < 1$) chứng tỏ môi trường rất ô nhiễm và kém ĐDSH hơn phèn sâu. Ở tầng phèn sâu có chỉ số ĐDSH ($1 < H' < 2$) điều này cho thấy môi trường ô nhiễm và khá ĐDSH, ngoại trừ mô hình Tràm trồng – phèn sâu có chỉ số ĐDSH ($H' < 1$), khu vực Keo Lai – phèn sâu có H' cao nhất ($H' = 1,48$), khu vực Keo Lai – phèn nông có H' thấp nhất ($H' = 0,51$). Qua kết quả phân tích, mô hình Keo lai – phèn sâu là phù hợp, do đó cần quan tâm trong việc chọn và quy hoạch vùng trồng hợp lý để tránh ảnh hưởng đến môi trường. Từ khóa: Keo lai, Tràm, Lúa, Phiêu sinh động vật, động vật nổi, chỉ số đa dạng, biểu loại đất, cấp tuổi.
------	---------	---	--	------------	---------	---

5201	Đại học	Đánh giá đa dạng phiêu sinh thực vật vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang.	Huỳnh, Thị Thắm Cao, Kim Ngân	Nguyễn, Thanh Giao	2019-09	Đánh giá đa dạng phiêu sinh thực vật vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang được thực hiện từ tháng 01 – 05/2019 với 11 vị trí thu mẫu bao gồm 10 vị trí bên trong Búng Bình Thiên và 1 vị trí bên ngoài thuộc sông Bình Di. Theo kết quả khảo sát đã phát hiện thành phần PSTV tại đây là khá đa dạng với 283 loài thuộc 85 chi của 5 ngành tảo. Trong đó, Tảo Khuê có 61 loài, Tảo Lục có 87 loài, Tảo Lam có 45 loài, Tảo Mắt có 60 loài và cuối cùng là Tảo Giáp với 30 loài. Một số loài được tìm thấy với số lượng lớn như: <i>Melosira granulata</i>, <i>Nitzschia longissima</i>, <i>Chodatella chodatii</i>, <i>Oscillatoria muticola</i>. Mật độ PSTV tại khu vực nghiên cứu có sự biến động lớn giữa các ngành tảo và phân bố không đồng đều giữa các vị trí thu mẫu, dao động từ 41-77.328 cá thể/Lít. Mặt khác, từ kết quả phân tích cụm CA đã chia các vị trí khảo sát thành 4 cụm dựa trên thành phần PSTV gồm có: cụm 1 (VT1, VT2, VT4), cụm 2 (VT6, VT9, VT10), cụm 3 (VT3, VT5, VT7, VT8) và cụm 4 (VT11), giúp đề xuất vị trí thu mẫu nhằm góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo thành phần PSTV thì chất lượng nước đạt mức sạch đến rất sạch với giá trị H' dao động từ 3,1 – 11,7. Bên cạnh đó, thông qua giá trị WQI được tính toán từ các chỉ tiêu chất lượng nước cho thấy nguồn nước đang bị ô nhiễm hữu cơ và coliforms, có nguy cơ dẫn đến hiện tượng phú dưỡng hoá sau này nếu không ngăn chặn kịp thời các nguồn thải.
5202	Đại học	Đánh giá khả năng sử dụng bùn thải đã qua máy ép của chế biến thủy sản cà mau (Camimex) để nuôi trùn quế	Trương, Anh Trà Nguyễn, Hữu Huy Hào	Bùi, Thị Bích Liên	2019-09	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG Bùn THẢI ĐÃ QUA MÁY ÉP CỦA CHẾ BIẾN THỦY SẢN CÀ MAU (CAMIMEX) ĐỂ NUÔI TRùn QUẾ" Đề tài được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Mục đích của đề tài là nghiên cứu việc xử lý bùn thải của quy trình chế biến thủy sản bằng việc nuôi trực tiếp trùn quế để đánh giá hiệu quả môi trường của trùn quế trong việc xử lý bùn thải Sử dụng các phương pháp như: Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp, Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp, Phương pháp thu mẫu, Phương pháp phân tích mẫu, Phương pháp xử lý số liệu. Với các chỉ tiêu phân tích gồm: độ ẩm, nhiệt độ, pH, Nito Tổng (Ntổng), Kali Tổng (Ktổng), Photpho Tổng (Ptổng) Kết quả cho thấy các thành phần hữu cơ có trong bùn thải như: Với các chỉ tiêu phân tích gồm ẩm độ, nhiệt độ, pH, Nito Tổng (Ntổng), Kali Tổng (Ktổng), Photpho Tổng (Ptổng) được trùn quế xử lý sau đó thu được kết quả vượt trội có thể dung làm sản phẩm hữu cơ, phân hữu cơ, đất sạch hữu cơ để phục vụ cây trồng. Các thông số vi sinh nguy hại đến sức khỏe con người như: E.Coli, Coliforms được giảm xuống mức tối thiểu dưới mức nguy hại đến sức khỏe con người. Qua đó đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường tại khu vực chứa bùn của các nhà máy chế biến thủy sản bằng cách tiến hành nuôi trùn để có thể xử lý hạn chế ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó có một vài đề xuất cho hướng nghiên cứu mới như: Tiếp tục nghiên cứu, Đánh giá tình hình quản lý bùn thải sau khi xử lý bằng trùn quế để làm phân bón hữu cơ Từ khóa: Bùn thải chế biến thủy sản, đặc tính bùn thải, xử lý bùn thải, quy chuẩn bùn thải thủy sản, năng xuất nuôi trùn quế, khả năng xử lý môi trường của trùn quế, đặc tính của trùn quế, lợi ích kinh tế trùn quế.

5203	Đại học	Khảo sát thành phần phiêu sinh thực vật ở các mô hình trồng Keo lai, trồng Tràm và Lúa hai vụ vào mùa khô tại vườn quốc gia U Minh Hạ - Cà Mau	Nguyễn, Thanh Phong Nguyễn, Thị Việt Trinh	Lê, Văn Dũ	2019-05	Đề tài được thực hiện để khảo sát thành phần, số lượng PSTV và mối liên hệ với chất lượng môi trường nước. Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại VQG U Minh Hạ trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2019, đề tài tập trung nghiên cứu thành phần, số lượng PSTV bằng cách phân tích định tính, định lượng, ứng dụng thống kê để xem xét sự khác biệt giữa các mô hình Keo lai, trồng Tràm, Lúa – Tôm và Lúa hai vụ. Kết quả cho thấy, tại khu vực Tràm ($16,08 \pm 7,83$ loài), khu vực trồng Keo lai ($25,50 \pm 17,75$ loài), khu vực luân canh Lúa – Tôm ($24,00 \pm 5,292$ loài) và khu vực Lúa hai vụ ($46,67 \pm 1,528$ loài). Dựa vào số liệu thống kê thấy rằng, ngành tảo khuê chiếm ưu thế với thành phần loài cao hơn so các ngành tảo khác tại cả 3 mô hình Keo lai ($9,92 \pm 5,02$ loài), trồng Tràm ($7,42 \pm 3,34$ loài) và Lúa – Tôm ($16,00 \pm 3,61$ loài), nguyên nhân là do tảo khuê là ngành phân bố rộng, ít chịu tác động của phèn, dễ thích nghi được trong cả thủy vực nước tĩnh và nước động, còn ở mô hình Lúa hai vụ thì ngành tảo mắt là loài chiếm ưu thế với thành phần loài là $27,67 \pm 3,21$ loài, sỡ dĩ loài tảo mắt chiếm ưu thế vì môi trường nước tại khu vực này giàu hữu cơ, ít chịu tác động bởi phèn sâu và đặc biệt loài tảo mắt phát triển tốt trong môi trường giàu hữu cơ như thế này, vì vậy thành phần loài cao hơn các ngành tảo khác là điều hợp lý. Nhìn chung, dựa vào bảng chỉ số H' cho thấy chất lượng nước ở 4 mô hình đều nằm ở mức rất ô nhiễm đến ô nhiễm và độ ĐDSH từ kém đến khá tùy từng mô hình. Nghiên cứu này chỉ thực hiện trong thời gian ngắn (vào mùa khô) do đó cần tiến hành khảo sát, nghiên cứu trong thời dài và liên tục để có được kết quả chi tiết và đầy đủ hơn để có những đánh giá chính xác hơn về chất lượng nước tại khu vực. Đề tài đã cung cấp thông tin về biến động thành phần, số lượng PSTV và mối liên hệ với chất lượng nước của từng điểm khảo sát, đó là những cơ sở ban đầu để đánh giá tác động của việc chuyển đổi trồng Tràm sang trồng Keo lai và tác động của canh tác - sản xuất Lúa, cũng như có kế hoạch kiểm soát và quản lý môi trường nước.
------	---------	--	---	------------	---------	---

5204	Đại học	Đánh giá hiện trạng sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa ba vụ tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Bảo Anh	Nguyễn, Thanh Giao	2019-05	Đề tài “Đánh giá hiện trạng sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác lúa ba vụ tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp”. Qua khảo sát cho thấy loại thuốc BVTV người dân thường dùng thuộc loại II và III chiếm 67.6%. Một số hộ gia đình còn sử dụng các loại thuốc chứa hoạt chất cấm sử dụng như 2.4D, Carbendazim và sử dụng phân bón kém chất lượng như Phân bón lá con cò, Nấm Trichodema. Điều này cho thấy các hộ dân tại nơi thực hiện đề tài chưa hiểu rõ về các loại thuốc BVTV và phân bón, hộ dân còn tin tưởng và phụ thuộc quá nhiều vào chủ cơ sở kinh doanh. Người dân tại địa phương chưa có ý thức cao trong việc bảo vệ môi trường. Thông qua xử lý bao bì, chai lọ thuốc và phân bón chưa hợp lý. Việc vứt bỏ bao bì, chai lọ phân bón và thuốc bừa bãi trên đồng ruộng còn chiếm tỷ lệ cao. Địa phương cũng chưa có biện pháp xử lý triệt để bao bì, chai lọ phân bón và thuốc nên hộ dân thường xử lý bừa bãi và không hợp lý gây ảnh hưởng đến môi trường. Hộ dân ở đây chưa có cách giải quyết tốt trong việc xử lý rơm, rạ sau khi thu hoạch xong, người dân thường đốt bỏ dẫn đến phát thải ra khí độc hại cho môi trường. Địa phương tạo nhiều điều kiện cho người dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, kỹ năng canh tác cũng như dùng phân bón và thuốc BVTV hợp lý, nhưng vẫn chưa thực hiện phù hợp dẫn đến nhiều người dân còn sử dụng và xử lý sai cách đối với chai lọ, bao bì phân bón và thuốc BVTV.
5205	Đại học	Xác định hiện trạng môi trường nước trên sông tại xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Hồng Nguyên Đương, Văn Thái	Trương, Hoàng Đan	2019-05	Đề tài “Xác định hiện trạng môi trường nước trên sông tại xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng” được tiến hành bằng các cách như sau; thu thập số liệu thứ cấp, thu thập số liệu sơ cấp, thu mẫu, phân tích mẫu, xử lý số liệu, đối với những chỉ tiêu phân tích như: pH, nhu cầu oxy hóa học (COD), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy sinh học (BOD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nitrit (NO₂-), sắt tổng (Fe). Nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước trên sông tại xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2019 Kết quả phân tích ở 3 vị trí lấy mẫu cho thấy chất lượng nước trên sông có các chỉ tiêu cụ thể như là: chỉ tiêu BOD₅, DO, COD và TSS đa phần đều vượt giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1. Các chỉ tiêu còn lại như pH, Fe, NO₂- đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN cột A1 (QCVN 08-MT:2015/BTNMT). Ngoài ra, hàm lượng DO ở mẫu 3 thấp so với giới hạn cho phép. Trong khi đó chất rắn lơ lửng lại luôn vượt giới hạn cho phép rất nhiều lần. TSS vượt tiêu chuẩn cho phép có thể do đặc điểm các sông vùng ĐBSCL có hàm lượng phù sa lớn. Hàm lượng BOD₅ vượt ngưỡng cho phép Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này do các kênh, rạch trên địa bàn đều là nơi tiếp nhận hầu hết mọi nguồn thải từ nước thải và rác thải sinh hoạt; nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt theo quy chuẩn quy định. Kết quả đánh giá chất lượng nước trên sông tại xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho thấy cần thiết phải có những giải pháp phù hợp để quản lý chất lượng nguồn nước trên sông dựa vào chính sách môi trường, các công cụ quản lý môi trường phù hợp.

5206	Đại học	Đánh giá sinh khối trên mặt đất rừng Tràm tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang	Trương, Thị Bích Duyên Nguyễn, Trần Thị Bích Thu	Trần, Thị Kim Hồng	2019-05	Nghiên cứu đánh giá sinh khối trên mặt đất của rừng Tràm tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng được thực hiện vào tháng 5-2019. Nghiên cứu đã thu thập số liệu về mật độ cây Tràm (độ tuổi >10) ở từng ô mẫu, đường kính trung bình ngang ngực, chiều cao trung bình vút ngọn của cây Tràm và khảo sát các thành phần và tần suất xuất hiện của các loài khác dưới tán Tràm tại 7 ô mẫu thuộc 3 phân khu: phục hồi sinh thái, hành chính - dịch vụ và khu bảo vệ nghiêm ngặt. Từ đó tính toán và đánh giá được tổng sinh khối của rừng Tràm (độ tuổi >10), trữ lượng Cacbon và khả năng hấp thụ CO₂ của rừng Tràm (độ tuổi >10). Các kết quả trên sẽ là cơ sở cho việc quản lý và sử dụng một cách hợp lý tài nguyên rừng Tràm. Qua quá trình khảo sát thực địa đã xác định được các chỉ tiêu cơ bản của cây Tràm (độ tuổi >10) như đường kính trung bình ngang ngực cây Tràm là 14,97 cm, chiều cao trung bình vút ngọn là 13,82 cm. Mật độ rừng Tràm tương đối dày với ô có mật độ cây cao nhất là 6.200 cây/ha. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tổng sinh khối tươi và khô trung bình của rừng Tràm (độ tuổi >10) tại 3 phân khu lần lượt là: phân khu phục hồi sinh thái với 599 tấn/ha và 298,3 tấn/ha, phân khu hành chính - dịch vụ là 639 tấn/ha và 317,6 tấn/ha và cuối cùng là phân khu bảo vệ nghiêm ngặt với 615,4 tấn/ha và 306,5 tấn/ha. Về sinh khối của cây bụi và dây leo: sinh khối tươi của cây bụi và dây leo của 3 phân khu là 30,9 tấn/ha và sinh khối khô tương đương là 11,226 tấn/ha. Rừng Tràm tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng với diện tích 1.200 ha đã cung cấp 4.282,3 tấn/ha tổng sinh khối tươi tương đương 2.131,8 tấn/ha tổng sinh khối khô, với tổng trữ lượng Cacbon tích lũy lên đến 1065,9 tấn C/ha, tổng lượng hấp thụ CO₂ là 3.908,3 tấn CO₂/ha.
5207	Đại học	Sử dụng phương pháp phân tích đa biến đánh giá chất lượng nước sông Hậu đoạn An Giang - Hậu Giang năm 2018	Nguyễn, Tô Yến Mi	Nguyễn, Thanh Giao	2019-05	Dùng phương pháp phân tích đa biến để đánh giá diễn biến chất lượng nước tại sông Hậu đoạn An Giang đến Hậu Giang trong 12 tháng của năm 2018 theo không gian và thời gian dựa trên 8 điểm quan trắc (2 điểm tại An Giang và 6 điểm tại Hậu Giang) ở 8 chỉ tiêu như nhiệt độ, pH, DO, TSS, Nitrate, Phosphate, COD và Coliforms. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các chỉ tiêu quan trắc đều đạt QCVN:08/2015_BTNMT cột A2, tuy nhiên trong đó có các chỉ tiêu như TSS, COD và Coliforms vượt quá qui chuẩn nên chất lượng nước tại sông Hậu đoạn An Giang đến Hậu Giang có thể sử dụng cho mục đích sinh hoạt nhưng cần có các biện pháp xử lý phù hợp. Ngoài ra, phương pháp phân tích cụm cho thấy, từ những điểm quan trắc ban đầu có thể giảm thiểu thành 3 đến 4 điểm quan trắc và các tháng quan trắc ban đầu cũng có thể giảm thiểu thành 3 hoặc 4 đợt quan trắc trong năm 2018. Bên cạnh đó các chỉ tiêu quan trắc có mối liên hệ đến nhau và cũng chịu tác động từ môi trường bên ngoài. Vì thế ngoài các chỉ tiêu có trong nghiên cứu cần quan trắc thêm các chỉ tiêu chất lượng nước khác để đảm bảo chất lượng nước tại khu vực và tạo nguồn cơ sở dữ liệu đầy đủ. Từ đó có thể đề xuất được hệ thống quan trắc phù hợp nhất cho khu vực.

5208	Đại học	Xây dựng bản đồ chất lượng nước tại VQG Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Bích Huyền	Trần, Thị Kim Hồng	2019-05	Nghiên cứu “Xây dựng bản đồ chất lượng nước tại VQG Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 05/2019 nhằm xây dựng bản đồ chất lượng nước vào mùa nắng và mùa mưa tại VQG Tràm Chim. Từ đó có thể theo dõi sự thay đổi chất lượng nước ở 2 mùa và làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu sau này có liên quan. Nghiên cứu được tiến hành tại các sinh cảnh năng ồng, cỏ mồm, lúc ma, cỏ ống, tràm. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường nước bao gồm: Độ ngập sâu, nhiệt độ, pH, EC, độ đục, DO, COD, NH4+ , PO43- mỗi sinh cảnh được thu mẫu tại 3 vị trí khảo sát, tổng cộng có 5 sinh cảnh vậy sẽ số 15 vị trí cần khảo sát vào mùa nắng và 15 vị trí cần khảo sát vào mùa mưa. Các chỉ tiêu sau khi phân tích kết quả so sánh với QCVN 08:2015/BTNMT cột A1. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy: Các chỉ tiêu chất lượng nước tại các vị trí khảo sát có các giá trị như nhiệt độ, độ dẫn điện (EC) vào 2 mùa tương đối ổn định, độ ngập sâu có sự chênh lệch lớn giữa 2 mùa mùa mưa cao hơn mùa nắng, chỉ tiêu pH tại 5 sinh cảnh vào 2 mùa không có sự khác biệt lớn dao động xung quanh khoảng pH trung tính thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển thủy sinh vật. Hàm lượng PO43- tại vị trí 3 sinh cảnh cỏ mồm vào mùa nắng vượt giới hạn cho phép còn các vị trí còn lại đều nằm trong mức giới hạn theo cột A1 của QCVN 08:2015/BTNMT phù hợp với mục đích bảo tồn động thực vật thủy sinh. Đặc biệt trong mùa mưa hàm lượng các chỉ tiêu có xu hướng tăng và vượt giới hạn cho phép QCVN 08:2015/BTNMT gồm COD, NH4+ điều này chứng tỏ khả năng tự làm sạch nước vào mùa mưa rất thấp, hàm lượng DO luôn ở dưới mức quy chuẩn cả hai mùa, mùa mưa DO giảm xuống mức rất thấp trung bình khoảng 3,46(mg/L). Nhìn chung nước ở sinh cảnh nghiên cứu bị ô nhiễm chất hữu cơ. Có nhiều chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép.
------	---------	---	----------------------	--------------------	---------	---

5209	Đại học	Đánh giá thành phần phiêu sinh thực vật và chất lượng nước xung quanh bãi rác tại xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.	Phạm, Giàu To	Nguyễn, Thanh Giao	2019-05	Môi trường nước và phiêu sinh thực vật (PSTV) có liên quan mật thiết với nhau trong một thủy vực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng phiêu sinh thực vật để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt được quan tâm vì phương pháp này ít gây ô nhiễm môi trường và ít tốn kém chi phí. Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá độ đa dạng về thành phần loài cũng như mật độ phiêu sinh thực vật khu vực chịu tác động từ nước rỉ của bãi rác xã Đông Thắng. Các mẫu phiêu sinh thực vật được thu hai đợt bao gồm thu mẫu định tính và định lượng, mẫu nước cũng được thu 2 đợt để đánh giá chất lượng nước và làm cơ sở đánh giá hiệu quả của việc sử dụng PSTV làm chỉ thị chất lượng môi trường nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài PSTV phát hiện tại 2 đợt lần lượt là 181 và 173 loài, trong đó các loài <i>Trachelomonas volvocina</i>, <i>Lepocinclis ovum</i>, <i>Oscillatoria muticola</i>, <i>Cyclotella comta</i>,... hiện diện thường xuyên trong hai đợt thu mẫu. Về mật độ PSTV thì kết quả trong đợt thu mẫu thứ hai cao hơn so với đợt thu mẫu đầu tiên. Dựa vào thành phần loài, mật độ và chỉ số tính toán Shannon cho thấy môi trường nước tại nơi đây đang ở mức ô nhiễm trong khi đó chỉ số WQI được tính toán dựa vào các chỉ tiêu lý hóa cho thấy chất lượng nước cũng ở mức ô nhiễm nhưng nồng độ có xu hướng tăng hơn so với đợt 1. Như vậy, kết quả đều thể hiện chất lượng nước chỉ nên phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2. Do vậy bộ phận quản lý bãi rác cần phải theo dõi thường xuyên hơn diễn biến chất lượng nước tại khu vực để xử lý kịp thời trường hợp nguồn nước bị ô nhiễm quá mức, áp dụng các biện pháp xử lý nước rỉ rác để hạn chế tác động đến môi trường nước xung quanh cũng như hoạt động canh tác nông nghiệp cùng một số mục đích sử dụng khác của người dân xung quanh.
------	---------	--	---------------	--------------------	---------	--

5210	Đại học	Đánh giá nhanh tác động của Xâm nhập mặn và BĐKH dựa vào cộng đồng đối với vùng sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm VQG U Minh Hạ - Tỉnh Cà Mau	Sử, Chí Đại	Lê, Văn Dũ	2019-09	Mục đích của đề tài nghiên cứu “Đánh giá nhanh tác động của Xâm nhập mặn và BĐKH dựa vào cộng đồng đối với vùng sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm VQG U Minh Hạ - Tỉnh Cà Mau” là nhằm đánh giá nhanh được tác động của quá trình xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu dựa vào cơ sở cộng đồng qua các công cụ của bộ công cụ PRA, qua đó phân tích ảnh hưởng của nó lên hoạt động sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm ở VQG U Minh Hạ-Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện ở mô hình trồng Tràm-Keo lai ở xã Khánh Thuận, huyện U Minh; mô hình Tôm-Lúa kết hợp ở xã Nguyễn Phích, huyện U Minh và mô hình Lúa 2 vụ ở xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Số liệu và thông tin được thu thập từ việc lấy ý kiến trực tiếp của người dân thuộc khu vực nghiên cứu, tổng hợp xử lý và sắp theo lại bằng các công cụ của Bộ công cụ PRA. Qua kết quả nghiên cứu nghiên cứu cho thấy rằng: Xâm nhập mặn ngày càng có những diễn biến mạnh mẽ, càng xâm nhập vào sâu trong nội đồng ở cả khu vực nghiên cứu. Diện tích trồng Tràm đang có xu hướng giảm, ngược lại xu hướng trồng keo lai đang dần trở nên rộng rãi và phổ biến ở xã Khánh Thuận, U Minh, Cà Mau (Tỉ lệ diện tích Tràm/Keo lai là 1/1). Mô hình Lúa-Tôm gặp nhiều khó khăn trong công tác điều tiết thủy lợi cho phù hợp khi chuyển đổi qua lại giữa hai hình thức canh tác mặn và ngọt. Ngoài ra, xâm nhập mặn làm độ mặn trong nước tăng cao (đạt mức kỉ lục 30‰ vào tháng 5/2016) ảnh hưởng nặng đến một số nơi trên địa bàn xã Nguyễn Phích làm người dân không thể trồng lúa, chỉ nuôi được thủy sản nước mặn. Trên địa bàn xã Khánh Bình Đông gặp phải tình trạng thiếu nước nghiêm trọng phục vụ cho hoạt động canh tác lúa, công tác thủy lợi ở địa phương còn nhiều bất cập gây ra khó khăn cho người dân. Cán bộ địa phương cần thắt chặt mối quan hệ, gần gũi hơn với quần chúng với người dân để nắm bắt tình hình và giải quyết các bất cập trong công tác quản lí điều tiết thủy lợi cho phù hợp với hoạt động sản xuất của người dân. Quá trình biến đổi khí hậu cũng trở nên khắc nghiệt hơn nhất là trong 5 năm trở lại đây gây khó khăn cho người dân trong sinh hoạt, lao động sản xuất. Cần triển khai các biện pháp cấp thiết và kịp thời đề phòng, ứng phó và làm nhẹ những hệ lụy do biến đổi khí hậu gây ra lên các mô hình sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm của Vườn Quốc Gia U Minh Hạ
------	---------	---	-------------	------------	---------	---

5211	Đại học	Đánh giá nhanh tác động của Xâm nhập mặn và BĐKH dựa vào cộng đồng đối với vùng sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm VQG U Minh Hạ - Tỉnh Cà Mau	Sử, Chí Đại	Lê, Văn Dũ	2019-09	Mục đích của đề tài nghiên cứu “Đánh giá nhanh tác động của Xâm nhập mặn và BĐKH dựa vào cộng đồng đối với vùng sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm VQG U Minh Hạ - Tỉnh Cà Mau” là nhằm đánh giá nhanh được tác động của quá trình xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu dựa vào cơ sở cộng đồng qua các công cụ của bộ công cụ PRA, qua đó phân tích ảnh hưởng của nó lên hoạt động sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm ở VQG U Minh Hạ-Cà Mau. Nghiên cứu được thực hiện ở mô hình trồng Tràm-Keo lai ở xã Khánh Thuận, huyện U Minh; mô hình Tôm-Lúa kết hợp ở xã Nguyễn Phích, huyện U Minh và mô hình Lúa 2 vụ ở xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019. Số liệu và thông tin được thu thập từ việc lấy ý kiến trực tiếp của người dân thuộc khu vực nghiên cứu, tổng hợp xử lý và sắp theo lại bằng các công cụ của Bộ công cụ PRA. Qua kết quả nghiên cứu nghiên cứu cho thấy rằng: Xâm nhập mặn ngày càng có những diễn biến mạnh mẽ, càng xâm nhập vào sâu trong nội đồng ở cả khu vực nghiên cứu. Diện tích trồng Tràm đang có xu hướng giảm, ngược lại xu hướng trồng keo lai đang dần trở nên rộng rãi và phổ biến ở xã Khánh Thuận, U Minh, Cà Mau (Tỉ lệ diện tích Tràm/Keo lai là 1/1). Mô hình Lúa-Tôm gặp nhiều khó khăn trong công tác điều tiết thủy lợi cho phù hợp khi chuyển đổi qua lại giữa hai hình thức canh tác mặn và ngọt. Ngoài ra, xâm nhập mặn làm độ mặn trong nước tăng cao (đạt mức kỉ lục 30‰ vào tháng 5/2016) ảnh hưởng nặng đến một số nơi trên địa bàn xã Nguyễn Phích làm người dân không thể trồng lúa, chỉ nuôi được thủy sản nước mặn. Trên địa bàn xã Khánh Bình Đông gặp phải tình trạng thiếu nước nghiêm trọng phục vụ cho hoạt động canh tác lúa, công tác thủy lợi ở địa phương còn nhiều bất cập gây ra khó khăn cho người dân. Cán bộ địa phương cần thắt chặt mối quan hệ, gần gũi hơn với quần chúng với người dân để nắm bắt tình hình và giải quyết các bất cập trong công tác quản lí điều tiết thủy lợi cho phù hợp với hoạt động sản xuất của người dân. Quá trình biến đổi khí hậu cũng trở nên khắc nghiệt hơn nhất là trong 5 năm trở lại đây gây khó khăn cho người dân trong sinh hoạt, lao động sản xuất. Cần triển khai các biện pháp cấp thiết và kịp thời đề phòng, ứng phó và làm nhẹ những hệ lụy do biến đổi khí hậu gây ra lên các mô hình sản xuất nông nghiệp ở vùng đệm của Vườn Quốc Gia U Minh Hạ
------	---------	---	-------------	------------	---------	---

5212	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang	Ngô, Ngọc Minh Anh Nguyễn, Thị Mộng Nghi	Nguyễn, Thanh Giao	2019-05	Nghiên cứu “Đánh giá chất lượng nước mặt vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang” nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước, đề xuất những vị trí và những chỉ tiêu thu mẫu thích hợp phục vụ cho công tác quan trắc môi trường và đưa ra biện pháp cải thiện chất lượng nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Những thông số môi trường được phân tích bao gồm: nhiệt độ (T), pH, độ dẫn điện (EC), độ đục, tổng chất rắn hòa tan (TDS), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh học (BOD), clorua (Cl⁻), sunfat (SO₄²⁻), nitơ trong amoni (NH₄⁺-N), nitơ trong nitrat (NO₃⁻-N), photphat (PO₄³⁻-P), tổng lân (TP), coliforms. Kết quả cho thấy chất lượng nước ở Búng đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh nhẹ do các chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép của qui chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT: TSS, COD, BOD và Coliform. Phân tích cụm cho thấy chất lượng nước tại Búng Bình Thiên được chia thành 3 cụm tương đồng về chất lượng nước. Về mặt phân tích thành phần chính đã tìm ra được 5 nguồn ô nhiễm chính, những chỉ tiêu quan trọng có thể gây ô nhiễm bao gồm: nhiệt độ, pH, EC, TSS, COD, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, TP và Coliforms. Từ kết quả này có thể nguyên nhân gây ô nhiễm chính là chất thải sinh hoạt, nguyên nhân thứ 2 là từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do đó, muốn thực hiện tốt công tác quản lý môi trường nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên cần phải quản lý nghiêm ngặt và tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân sống quanh khu vực Búng.
------	---------	--	---	--------------------	---------	---

5213	Đại học	Khảo sát hiện trạng khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm tại huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Hồng Thêm Lâm, Ngọc Trúc Ly	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước ngầm, hiện trạng khai thác, sử dụng và quản lý nước ngầm tại Vĩnh Châu giai đoạn 2016 đến 2018 và đề xuất các giải pháp quản lý nước ngầm nhằm khắc phục tình trạng khai thác tràn lan, tránh rủi ro cạn kiệt nguồn tài nguyên nước ngầm ở Vĩnh Châu trong bối cảnh nhu cầu khai thác gia tăng và tác động ngày càng nhiều của hiện tượng biến đổi khí hậu. Hiện trạng sử dụng được đánh giá thông qua số liệu phỏng vấn và số liệu quan trắc của Sở tài nguyên môi trường Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn tài nguyên nước ngầm đang bị suy giảm nhanh chóng do khai thác quá mức và sử dụng lãng phí. Hầu hết 100% người dân tại khu vực nghiên cứu đều sử dụng nước giếng cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày. Kết quả đánh giá chất lượng nước ngầm ở Vĩnh Châu giai đoạn 2016 đến 2018 dựa theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm (QCVN 09:2015/BTNMT) cho thấy các chỉ tiêu về TDS, N-NO₃⁻, N-NH₄⁺, Cl⁻, Fe, Coliforms, CaCO₃ đều nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên công tác quản lý nguồn tài nguyên nước ngầm tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng còn nhiều vấn đề hạn chế về tính rõ ràng và hiệu quả của hệ thống văn bản pháp lý. Giữa các cơ quan chưa có sự phối hợp và liên kết hiệu quả trong công tác quản lý nguồn tài nguyên nước ngầm. Thêm vào đó, sự tham gia vào quản lý nguồn tài nguyên nước ngầm chưa có sự tương tác và phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, cơ quan quản lý và người sử dụng. Quá trình kiểm tra, quá trình khai thác và tiếp xúc với người dân chưa được thực hiện định kỳ và tính chặt chẽ chưa cao. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về tác động của việc khai thác đến sự bền vững nguồn tài nguyên nước ngầm còn hạn chế. Nghiên cứu còn là nền tảng cho việc hướng tới nghiên cứu các biện pháp quản lý nước ngầm hiệu quả và toàn diện hơn.
------	---------	--	--------------------------------------	--------------------	---------	--

5214	Đại học	Khảo sát hiện trạng sử dụng và quản lý dược/mỹ phẩm tại các hộ gia đình ở vùng nông thôn tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Ngọc Hân Nguyễn, Thắm Quyên	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Đề tài này tiến hành khảo sát hiện trạng sử dụng và quản lý các loại dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc cá nhân (Pharmaceuticals and Personal Care Products hay PPCPs) của người dân qua phỏng vấn trực tiếp 95 hộ ở Cà Mau và Cần Thơ. Trong số các “nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm steroid, thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp” cũng như “nhóm thuốc đường tiêu hóa” được sử dụng nhiều nhất. Hoạt chất Acetaminophen tìm thấy có trong 17 loại thuốc được sử dụng thường xuyên. Người dân vẫn chưa hiểu rõ về công dụng, thành phần, tác dụng phụ hay độc tính của thuốc và điều kiện bảo quản tại gia đình. Có rất ít người dân cho rằng vứt bỏ thuốc sẽ gây nguy hại cho môi trường hay sinh vật, thậm chí còn có người đem thuốc cho gia cầm ăn. So với người dân ở nông thôn thì mức độ quan tâm và ý thức về hành vi của người dân ở TPCT có phần cao hơn, tuy nhiên sự hiểu biết và hành động của họ cũng chưa tốt hơn. Chủ yếu người dân ở nông thôn xử lý các loại PPCPs bằng cách đốt chung với rác sinh hoạt. Vấn đề về quản lý và xử lý PPCPs vẫn chưa được đề cập đến trong các văn bản pháp luật, do đó địa phương vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý. Cần tiếp tục nghiên cứu trên rộng hơn để hỗ trợ nhận dạng thành phần, loại thuốc được đưa vào môi trường từ đó đánh giá rủi ro và hoàn thiện các văn bản pháp lý quản lý các chất ô nhiễm mới này. Từ khóa: Dược phẩm, rủi ro môi trường, ô nhiễm môi trường, ý thức, hành vi
5215	Đại học	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường 7 thành phố Sóc Trăng	Hứa, Diễm Mi	Nguyễn, Thanh Giao	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm khảo sát hiện trạng phát sinh chất thải rắn tại phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thông qua phỏng vấn và đặt dụng cụ chứa rác thải trực tiếp tại hộ gia đình. Kết quả khảo sát cho thấy chất hữu cơ có trong rác cao (62.31%), thành phần có thể tái chế và tái sử dụng như nhựa (19.61%), giấy (chiếm 14,55%), thủy tinh (1,16%), kim loại (0,79%), vải (1,69%), xốp (0,74%). Chất thải nguy hại chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ (0,11%). Tốc độ phát sinh rác thải trung bình 0.91 kg/hộ/ngày và lượng rác thải bình quân mỗi người thải thải là 0,22 kg/người/ngày. Hiện tại lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn thành phố là 122 tấn/ngày, tương đương 44.530 tấn/năm, chiếm 96,8% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hiện nay công tác quản lý, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường 7 chưa được đảm bảo, chưa đạt hiệu quả, gây ra nhiều vấn đề; xuất hiện nhiều bãi rác tự phát không được thu gom do sự thiếu ý thức của hộ gia đình. Cần có biện pháp tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại phường 7, thành phố Sóc Trăng.

5216	Đại học	Đánh giá công tác quản lý và quy hoạch sử dụng đất đai trong nông nghiệp tại huyện Mỏ Cày Bắc, thành phố Bến Tre	Phạm, Hồng Thái Huỳnh, Trần Minh Trí	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre với mục tiêu tổng quát là đánh giá công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre giai đoạn 2012-2018. Từ đó góp phần nâng cao công tác quản lý đất đai tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre Các số liệu về bản đồ, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội tại huyện giai đoạn 2012-2018 được thu thập từ các báo cáo, niên giám thống kê của huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp 60 hộ sản xuất nông nghiệp than và 1 cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỏ Cày Bắc, để nhận thấy được ý kiến từ hiện trạng sử dụng đất đai giai đoạn 2012-2018 cũng như nguyên nhân, cơ sở quy hoạch sử dụng đất đai tại địa phương. Số liệu phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel và được thể hiện bằng các biểu đồ, sơ đồ nhằm thể hiện kết quả một cách trực quan. Sử dụng phần mềm GIS Microstation với xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự thống nhất đồng bộ trong công tác quy hoạch sử dụng đất của cán bộ với việc sử dụng đất trong nông nghiệp của người dân huyện Mỏ Cày Bắc, Bến Tre. sự thống nhất này mang lại nhiều lợi ích cho cả cán bộ và người dân tại địa phương: nâng cao hiệu quả kinh tế, năng suất và giúp cán bộ quản lý chặt chẽ đất đai và hoàn thiện mặt pháp lý về đất đai.
5217	Đại học	Đánh giá quá trình chuẩn bị ứng phó rủi ro môi trường và thiên tai tại tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Đức Anh Phạm, Hoàng Phúc	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích đánh giá quá trình chuẩn bị, ứng phó rủi ro môi trường và thiên tai tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả cho thấy tại huyện Mỹ Xuyên rủi ro môi trường do hoạt động của các nhà máy, cơ sở sản xuất (VD như: cháy, nổ, rò rỉ hệ thống thoát nước thải) không có xảy ra, thường xảy ra các thiên tai như: lốc xoáy, xâm nhập mặn, bão (áp thấp nhiệt đới), mưa cực đoan và nhiệt độ. Trong đó các thiên tai xảy ra hằng năm có tính chu kỳ như xâm nhập mặn, bão (áp thấp nhiệt đới), các thiên tai xảy ra thất thường như: lốc xoáy, mưa cực đoan, nhiệt độ và những ảnh hưởng của các thiên tai gây ra. Vì thế, đề tài đã xác định được các Sở, Ban, Ngành tham gia vào công tác chuẩn bị, ứng phó với thiên tai và nhiệm vụ cụ thể của các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị, ứng phó với thiên tai tại địa phương. Quá trình chuẩn bị, ứng phó với thiên tai xảy ra trên địa bàn, chính quyền địa phương thực hiện rất tốt, công tác phối hợp tổ chức thực hiện giữa các ngành và địa phương khá chặt chẽ, công tác chuẩn bị, ứng phó với thiên tai được triển khai kịp thời, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

5218	Đại học	Đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến sự thay đổi cơ cấu sử dụng đất tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trần, Vũ Linh Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Trong những năm gần đây, bên cạnh sự phát triển của xã hội thì sự thay đổi điều kiện tự nhiên cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi mục đích sử dụng đất đai. Chính vì vậy, đề tài được thực hiện nhằm xác định sự biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất đai tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2014 – 2018 từ đó xác định các nguyên nhân và đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai. Phương pháp số hóa bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai năm 2014 và 2018, phỏng vấn trực tiếp nông hộ và thống kê mô tả được thực hiện trong đề tài. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố điều kiện tự nhiên tại huyện Long Phú giai đoạn 2014 – 2018 đang thay đổi theo xu hướng tăng dần về nhiệt độ và lượng mưa, riêng yếu tố xâm nhập mặn không thay đổi theo một xu hướng nhất định đặc biệt là sự gia tăng bất thường trong năm 2016 do đó tiềm ẩn nhiều rủi ro trong quá trình canh tác nông nghiệp. Xu hướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai chủ yếu từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm khác hoặc cây lâu năm và đất sản xuất nông nghiệp sang đất ở. Có năm nguyên nhân chính dẫn đến quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng trong nhóm đất nông nghiệp. Trong đó, sự thay đổi của điều kiện tự nhiên cụ thể là xâm nhập mặn là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến xu hướng chuyển đổi đất trồng lúa sang các mục đích sử dụng đất đai khác. Các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa có thay đổi tuy nhiên được đánh giá là không ảnh hưởng đến quá trình canh tác nông nghiệp.
5219	Đại học	Khảo sát nhận thức của người dân trong việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mai, Kim Riêng Trương, Lê Mi Mi	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Đề tài “Khảo sát nhận thức của người dân trong việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 08 đến tháng 12 tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm đánh giá hiểu biết, thái độ và hành vi của cộng đồng dân cư đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) từ đó xác định được những thuận lợi, khó khăn và mức độ đồng thuận của người dân để làm cơ sở khoa học cho công tác quản lý tại phường. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 60 hộ dân tại 6 tuyến đường 30/4, 3/2, Nguyễn Văn Linh, Trần Hoàng Na, Tầm Vu và Trần Ngọc Quế và thu mẫu CTRSH tại 15 hộ (tần suất lặp lại 3 lần/ tuần), kết hợp với việc thu thập thông tin, số liệu từ các nguồn tài liệu có liên quan cũng như từ UBND phường Hưng Lợi. Kết quả nghiên cứu cho thấy tại địa bàn nghiên cứu lượng CTRSH phát sinh dao động từ 0,742 - 1,016 kg/người/ngày, tùy theo mức thu nhập và số lượng thành viên trong gia đình, phần lớn người dân có người có kiến thức (93.33%) và thái độ tương đối tốt với các vấn đề liên quan đến CTRSH, những hành vi của người dân với rác thải sinh hoạt hiện tại đang đi ngược lại hoàn toàn với kiến thức và thái độ mà họ đang có. Vì vậy, để cải thiện hành vi của người dân điều quan trọng cấp thiết là phải tổ chức xây dựng hệ thống thu gom rác trên địa bàn toàn xã đồng thời cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền nâng cao kiến thức về các vấn đề môi trường liên quan đến rác thải.

5220	Đại học	Khảo sát sự tham gia của các bên liên quan và công tác phục hồi sau thiên tai tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Từ, Văn Sát	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng với mục tiêu tổng quát là đánh giá sự tham gia của các bên liên quan, cơ cấu tổ chức và các biện pháp được sử dụng trong công tác phục hồi sau thiên tai tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Các số liệu như các loại thiên tai, thiệt hại, các biện pháp phục hồi sau thiên tai được thu thập từ các báo cáo cuối năm và phỏng vấn trực tiếp một số bên liên quan. Phỏng vấn trực tiếp 60 hộ gia đình trong vùng nghiên cứu về các loại thiên tai xảy ra ở địa phương, xu hướng trong quá khứ so với hiện tại và hiện tại so với tương lai, thiệt hại của từng loại thiên tai,... Đề tài sử dụng phần mềm Excel 2013, phương pháp SWOT và phân tích phương sai một yếu tố để xử lý số liệu thu thập. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loại thiên tai thường xuyên xuất hiện trên địa bàn Mỹ Xuyên: (1) xâm nhập mặn, (2) lốc xoáy, (3) bão và áp thấp nhiệt đới. Có nhiều Cơ quan, Ban, Ngành trên địa bàn huyện cùng phối hợp để khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Chính quyền đã đưa ra nhiều biện pháp cho từng loại thiên tai và được sự ủng hộ của người dân, tuy nhiên quá trình khắc phục vẫn còn gặp nhiều khó khăn.
5221	Đại học	Ứng dụng GIS đánh giá hiện trạng cây xanh đô thị trên một số tuyến đường quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Hồ, Phúc Khang Nguyễn, Văn Nam	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Đề tài “Ứng dụng GIS đánh giá hiện trạng cây xanh đô thị trên một số tuyến đường quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được tiến hành tại địa bàn quận Ninh Kiều, thời gian từ tháng 8 đến tháng 12/2019 Trong quá trình thực hiện, nghiên cứu đã tiến hành thu thập tài liệu, số liệu cây xanh, dữ liệu đường giao thông, bản đồ ranh giới hành chính quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ làm dữ liệu đầu vào cho quá trình thực hiện nghiên cứu, đánh giá. Nghiên cứu sử dụng phần mềm QuantumGIS để đánh giá hiện trạng cây xanh đô thị trên các tuyến đường này, tính toán các số liệu về tổng sinh khối cây xanh, hàm lượng CO2 cây xanh hấp thụ và đánh giá công tác quản lý cây xanh tại đơn vị quản lý cây xanh. Từ đó hỗ trợ các nhà quản lý trong công tác quản lý, quy hoạch và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn quận Ninh Kiều Kết quả nghiên cứu của đề tài là xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cây xanh tại một số tuyến đường quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tính toán được tổng sinh khối và lượng CO2 cây xanh hấp thụ và đánh giá được công tác quản lý tại cơ quan quản lý, chăm sóc cây.

5222	Đại học	Ứng dụng GIS trong công tác đánh giá hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Lê, Thị Ánh Dương Phan, Mai Trinh	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, thông qua ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS). Các số liệu về hiện trạng công tác thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thu thập tại Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Cái Bè. Các số liệu chi tiết về các nguồn phát sinh được thu thập thông qua việc khảo sát thực địa và phỏng vấn cán bộ quản lý, công nhân vệ sinh và các hộ dân. Sau đó sử dụng phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu tạo ra bộ cơ sở dữ liệu GIS quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Cái Bè, để thấy được các mối liên kết giữa các phần tử với nhau. Cuối cùng sử dụng phần mềm Quantum GIS để tiến hành biên tập và tạo ra sản phẩm là bản đồ chuyên đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Cái Bè. Kết quả nghiên cứu cho thấy xã Hòa Khánh có khối lượng rác phát sinh lớn nhất, xã Mỹ Tân có khối lượng rác phát sinh nhỏ nhất. Điểm tập kết chợ Cái Bè có thể tích rác thu gom lớn nhất, điểm tập chợ Mỹ Thiện có thể tích rác thu gom nhỏ nhất. Kết quả nghiên cứu còn thấy được công tác thu gom còn gặp hạn chế như: phương tiện thu gom phân bố không đồng đều, lượng rác thu gom được còn chưa đáp ứng được khối lượng phát sinh ước tính mỗi ngày. Ngoài ra hệ thống này còn có thể hỗ trợ công tác quản lý của huyện ở một số khía cạnh như: có thể liên tục sửa đổi, bổ sung các thông tin trên bản đồ. Việc truy xuất, tìm kiếm các thông tin dễ dàng hơn. Người dùng có thể dễ dàng nhận biết hiện trạng, công tác thu gom và quản lý rác của địa phương thông qua màu sắc và kích thước của dữ liệu được hiển thị.
5223	Đại học	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý trong quản lý cây xanh đô thị tại các khu dân cư quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Mỹ Trinh	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xây dựng bản đồ phân bố không gian cây xanh nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý, theo dõi và giám sát cây xanh thân gỗ tại các khu dân cư thuộc quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Các số liệu về nội dung nghiên cứu: thông tin cây, tên cây, tên khoa học, đường kính, chiều cao vượt ngọn, vị trí cây được thu thập tại khu dân cư 91B thuộc phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TPCT và khu dân cư Hồng Phát thuộc phường An Bình, quận Ninh Kiều, TPCT. Đề tài đã sử dụng các phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp, xử lý số liệu, thiết kế hệ thống, số hóa bản đồ, chồng lớp bản đồ, phân loại các đối tượng được sử dụng nhằm thực hiện xây dựng bản đồ trên ứng dụng QGIS Qua Kết quả đã xác định được số lượng cây ở mỗi khu dân cư và sự đa dạng về thành phần loại cây ở các khu dân cư, đồng thời thấy được một cách bao quát về tình trạng, chiều cao, danh mục cây theo quy định của đề góp phần hỗ trợ cho việc quản lý cây xanh tương lai cho khu dân cư, góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí cho công tác quản lý.

5224	Đại học	Ứng dụng viễn thám theo dõi biến động diện tích và đánh giá sự phát triển của thực vật tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Trần, Văn Đô Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Võ, Thị Phương Linh	2019-12	Nghiên cứu sử dụng tư liệu ảnh viễn thám Landsat 8 và ảnh Sentinel – 2 nhằm đánh giá biến động diện tích và đánh giá sự phát triển của thực vật được thực hiện tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích thực vật từ 2015 đến 2019 có xu hướng tăng, do cải tiến phương pháp bảo vệ rừng và trồng rừng nên mang lại kết quả cao. Trong nghiên cứu về chỉ số phát triển của thực vật (NDVI), kết quả cho thấy những khu vực có nước ($-1 < 0$), đất trống, đất nông nghiệp ($0 < 0,33$) có xu hướng giảm và thực vật ($0,33 - 1$) có xu hướng tăng. Ở mùa khô thì năm 2018 chỉ số thực vật NDVI dao động từ -0,234 đến 0,789 phần lớn thực vật phát triển ở giá trị 0,33. Ở mùa mưa thì năm 2019 chỉ số thực vật NDVI dao động từ -0.003 đến 0,773. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng ảnh Sentinel – 2 nên đưa vào sử dụng phổ biến để phục vụ cho ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường.
5225	Đại học	Hiện trạng công tác quản lý chất thải tại bệnh viện thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Võ, Hoàng Phúc Nguyễn, Minh Nhật	Bùi, Thị Bích Liên	2019-12	Đề tài “Hiện trạng công tác quản lý chất thải tại bệnh viện đa khoa Thị xã Ngã Bảy” được thực hiện với mục tiêu đánh giá được hiện trạng của việc quản lý chất thải rắn, bộ máy xử lý nước thải và khí thải từ lò đốt của BVĐK Thị xã Ngã Bảy nhằm đưa ra một số đề xuất hạn chế tác hại đến con người và môi trường. Thông qua việc khảo sát, thu thập thông tin từ bệnh viện, phỏng vấn các cán bộ y tế và bệnh nhân cho thấy hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện được thiết kế và vận hành không đạt chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn Việt Nam về nước thải y tế theo cột B, trong đó hàm lượng TSS, Coliform và Nito còn vượt quy chuẩn cho phép. Quá trình phân loại, thu gom, và xử lý chất thải rắn y tế thông thường và nguy hại còn nhiều thiếu sót chưa đúng theo quy định của thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT đã quy định về chất thải y tế. Khí thải đầu ra của lò đốt chất thải rắn không đạt hiệu quả vì khi đo có hàm lượng Dioxin và CO rất cao không đạt chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT – Quy chuẩn về lò đốt chất thải rắn y tế. Vì vậy cần phải đề xuất một số giải pháp khắc phục những chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu của hệ thống xử lý nước và khí thải cùng với việc khắc phục những khó khăn trong thu gom và phân loại chất thải rắn y tế để đạt hiệu quả trong công tác quản lý chất thải bệnh viện
5226	Đại học	Khảo sát hiện trạng chất lượng nước mặt tại sông Hậu và các kênh rạch trong phạm vi quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Mạnh Cường Nguyễn, Hữu Đăng Khoa	Bùi, Thị Bích Liên	2019-12	Đề tài “Khảo sát hiện trạng chất lượng nước mặt tại sông Hậu và các kênh rạch trong phạm vi Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp từ năm 2016-2018, kết hợp phỏng vấn 30 hộ dân và 30 sinh viên sinh sống xung quanh các sông, rạch tại khu vực nghiên cứu. Từ đó đánh giá diễn biến chất lượng nước theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2 và tính chỉ số chất lượng nước mặt WQI.

5227	Đại học	Tìm hiểu công tác quản lý và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Trần, Nguyễn Trung Hiếu Nguyễn, Vĩnh Nghi	Bùi, Thị Phương Linh	2019-12	Kết quả khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị xã Long Mỹ vẫn còn nhiều bất cập. Chất thải rắn sinh hoạt của thị xã phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó thành phần chất hữu cơ dễ phân hủy chiếm trên 69,11% lượng rác phát sinh. Tuy đã có chủ trương và qui định nhưng việc phân loại rác tại nguồn vẫn chưa hiệu quả. Lượng chất thải rắn sinh hoạt trên toàn tuyến thị xã được thu gom bình quân là 32,2 tấn/ngày chiếm 59,05% lượng rác thải phát sinh. Hình thức xử lý rác hiện nay vẫn là trung chuyển đến bãi rác thành phố Vị Thanh, do bãi rác nơi đây đã ngưng hoạt động. Từ trước đến nay ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ luôn tiến hành tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý rác thải nói riêng, bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn về quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho cán bộ chuyên môn. Thị xã tiếp tục phát huy những mặt đã đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả hơn chương trình phân loại rác thải tại nguồn.
5228	Đại học	Khảo sát năng lực thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu của phụ nữ cộng đồng tại ấp Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Kim Phương	Lê, Văn Dũ	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019, nhằm đánh giá năng lực thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu của cộng đồng phụ nữ xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đánh giá nhanh PRA có 15 người tham gia, phương pháp điều tra phỏng vấn 100 đối tượng phụ nữ được lựa chọn ngẫu nhiên có độ tuổi từ 18 tuổi trở lên sinh sống tại vị trí nghiên cứu và phương pháp sử dụng thang đo linkert 5 điểm. Công cụ dùng để xử lý số liệu sau khi phỏng vấn là phần mềm Excel 2013 và phần mềm SPSS phiên bản 20. Kết quả nghiên cứu cho thấy đối tượng phỏng vấn có nhận thức khá tốt về biến đổi khí hậu, thấy năng lực phòng chống thiên tai của cộng đồng phụ nữ ở mức trung bình khá, sự hiểu biết về các mô hình sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế, có thái độ tích cực trong việc áp dụng các mô hình sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu, tuy nhiên còn hạn chế nguồn nhân lực, nguồn tài chính. Từ đó, ta thấy năng lực thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu của cộng đồng phụ nữ xã Thạnh Phú ở mức trung bình khá. Từ đó, bài nghiên cứu đề xuất ra một số giải pháp để nâng cao năng lực thích ứng của phụ nữ cộng đồng xã Thạnh Phú như đào tạo đội ngũ, cán bộ khuyến nông các cấp có đủ năng lực để nghiên cứu tạo ra giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với những thay đổi của khí hậu, thường xuyên mở lớp học, tập huấn, hội thảo, quan tâm hỗ trợ vay vốn cho nhóm phụ nữ nghèo và nâng cao vai trò của Hội Phụ nữ trên địa bàn huyện trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên phụ nữ.

5229	Đại học	Khảo sát năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu của nhóm phụ nữ cộng đồng tại hai địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang	Nguyễn, Thị Mỹ Trình Trần, Thị Bảo Vy	Lê, Văn Dũ	2019-12	Đề tài "Khảo sát năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu của nhóm phụ nữ cộng đồng tại hai địa bàn tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang" được thực hiện để nghiên cứu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu tới sinh kế, nông nghiệp và môi trường tại địa bàn nghiên cứu. Cuộc khảo sát bằng phương pháp PRA và khảo sát 323 phụ nữ trên 18 tuổi bằng phiếu câu hỏi có sẵn tại các xã thuộc huyện Long Mỹ- tỉnh Hậu Giang và huyện Mỹ Tú- tỉnh Sóc Trăng. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số phụ nữ được phỏng vấn cho rằng ở địa bàn bị nhiều tác động bởi ngập lụt, nắng nóng, nhiệt độ cao và mưa nắng thất thường. Tuy nhiên, hiện nay theo chị em phụ nữ được phỏng vấn cho biết ở địa phương đã thực hiện các mô hình để thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu và mang lại những hiệu quả khả quan cho người dân như mô hình " Nuôi lươn không bùn", " Nâng cao giá trị cây mần cầu xiêm" ở Hậu Giang hay "Mô hình Biogas" ở Sóc Trăng đang được áp dụng. Mặt khác, trước những diễn biến phức tạp của thiên tai thì việc phòng ngừa thiên tai của người dân địa phương chưa đủ tốt và chỉ mang tính đối phó trước mắt chưa mang tính lâu dài. Qua đó, thảo luận và đưa ra một số kiến nghị góp phần trong việc giảm nhẹ tổn thương và nâng cao khả năng thích ứng của người dân tại địa bàn khảo sát.
5230	Đại học	Khảo sát phân bố động vật nổi ở khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Ngô, Tấn Huy	Lê, Văn Dũ	2019-12	Đề tài: ""Khảo sát phân bố động vật nổi tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng"" được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá về thành phần loài và số lượng phiêu sinh động vật tại phân khu sinh thái khác nhau vào 2 đợt thu mẫu vào cuối mùa khô và đầu mùa mưa năm 2019 Kết quả nghiên cứu cho thấy: về thành phần loài tại đợt mùa khô 66 loài động vật nổi và đợt vào mùa mưa là 69 loài. Nhóm Trùng bánh xe (Rotifera) là nhóm có số loài xuất hiện nhiều nhất. Về mật độ, Tổng mật độ trung bình phân bố của động vật nổi vào đợt 1 tại phân khu nghiêm ngặt cao nhất với 1,561,800 ct/m3 tại vị trí NN04 và thấp nhất là tại vị trí DV02 với 186,833 ct/m3. Tại đợt 2 cao nhất là vị trí DV01 với 1,489,930 ct/m3 và thấp nhất là tại vị trí DV02 với 158,165 ct/m3. Tương tự như thành phần loài, mật độ của nhóm Rotifera cũng là nhóm chiếm ưu thế hơn so với các nhóm còn lại. Tại các khu vực khảo sát có chỉ số đa dạng không cao ($H' < 1$) chứng tỏ rất ô nhiễm và ĐDSH kém. Chỉ số đa dạng Shannon-Weiner qua 2 đợt khảo sát biến động từ 0.68-1.14 và 0.35-1.49 tương ứng vào đợt 1 và đợt 2.

5231	Đại học	Khảo sát thành phần động vật đáy ở Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang	Lê, Tuấn Em	Lê, Văn Dũ	2019-12	Nghiên cứu Khảo sát thành phần động vật đáy ở Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang được thực hiện qua 2 đợt vào đầu và giữa mùa mưa trong năm 2019. Kết quả cho thấy trong khu vực này thành phần loài sinh vật đáy kém phong phú, với 11 loài thuộc 4 nhóm: Oligochaeta, Gastropoda, Bivalvia và Insecta. Mật độ động vật đáy biến động tương đối lớn, từ 9 đến 178 ct/m² chủ yếu do sự đóng góp của loài <i>Limnodrilus hoffmeisteri</i> và <i>Filopadulina sumatrensis</i>. Chỉ số sinh học H' qua hai đợt khảo sát cho thấy nguồn nước mặt tại các điểm khảo sát bị ô nhiễm hữu cơ từ ô nhiễm đến rất ô nhiễm, còn đối với chỉ số quan trắc sinh học RBP(III) và ASPT của hai mùa cho thấy nguồn nước mặt tại các điểm khảo sát bị ô nhiễm hữu cơ từ khá nặng đến rất nặng trong đợt I nhưng đã cải thiện ở hầu hết các điểm trong đợt II, các kết quả từ hai giá trị trên cũng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của các loài động vật đáy. Khi phân tích tính tương đồng bằng phần mềm PRIMER V5.2.9 ở mức khoảng 50% thì trùng hợp với các thang đánh giá mức độ ô nhiễm của các chỉ số H', ASPT và RBP(III) trong đợt I nhưng có sự khác biệt trong đợt II.
5232	Đại học	Khảo sát thành phần loài động vật đáy tại các mô hình trồng keo lai, trồng tràm, tôm lúa và lúa hai vụ tại vườn quốc gia U Minh Hạ-Cà Mau	Thạch, Trinh	Lê, Văn Dũ	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu khảo sát thành phần loài và số lượng động vật đáy trên các biểu loại đất của mô hình tràm trồng, keo lai và trên 2 mô hình tôm lúa- lúa 2 vụ tại VQG U Minh Hạ, Cà Mau. Tiến hành thu mẫu lặp lại 3 lần ở mỗi mô hình riêng mô hình tràm trồng và keo lai thì có thu theo cấp tuổi và biểu loại đất. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài động vật đáy ở 2 mô hình tràm trồng và keo lai kém đa dạng chỉ có 2 loài thuộc duy nhất 1 ngành Arthropoda. Trong khi đó mô hình tôm lúa – lúa 2 vụ có thành phần loài động vật đáy đa dạng hơn với 9 loài thuộc 3 ngành Annelia, Mollusca, Arthropoda. Mật độ cá thể động vật đáy ở mô hình tràm trồng cao hơn mô hình keo lai, tương tự mật độ cá thể ở mô hình lúa 2 vụ cao hơn mô hình tôm lúa. Tổng khối lượng động vật đáy ở mô hình tràm trồng cao 2.086g/m² so với mô hình keo lai là 0.4290g/m², tương tự mô hình lúa 2 vụ cao 178.926g/m² so với mô hình tôm lúa 0.7970g/m². Trong 4 mô hình tràm trồng, keo lai, tôm lúa và lúa 2 vụ thì chỉ có mô hình tôm lúa có giá trị H'=1.40 > 1 nên được xếp ở mức ô nhiễm, còn các mô hình còn lại đều có giá trị H' < 1 nên đều được xếp ở mức rất ô nhiễm. Tóm lại với sự xuất hiện của của nhóm ĐVĐ đặc trưng thuộc các họ Chironomidae và các loài thuộc lớp Oligochaeta thì ta kết luận môi trường nước của tất cả các mô hình trên đang bị ô nhiễm hữu cơ.

5233	Đại học	Khảo sát thành phần loài và sản lượng cá tự nhiên ở các mô hình trồng Keo Lai, Tràm trồng và Tràm tự nhiên tại Vườn Quốc Gia U Minh Hạ-Cà Mau	Trần, Thị Bé Bảy Nguyễn, Thị Thu Thảo	Lê, Văn Dũ	2019-12	Đề tài này được thực hiện từ tháng 03/2019 đến tháng 08/2019 tại vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau nhằm khảo sát sự biến động về thành phần loài và sản lượng cá tự nhiên ở các mô hình trồng Keo Lai, trồng Tràm và Tràm tự nhiên theo tầng phèn và theo cấp độ tuổi của cây. Trên mỗi mô hình lựa chọn 2 cấp tuổi (CT) và thu mẫu bằng cách lặp lại 03 lần ở mỗi cấp tuổi. Từ đó đề xuất ra các giải pháp nhằm bảo tồn nguồn cá tự nhiên. Bằng phương pháp thu mẫu thực tế trên các ô trên 10 mô hình ở mùa mưa và 08 mô hình ở mùa khô bằng các loại ngư cụ phổ biến và được sử dụng thường xuyên của người dân xung quanh VQG U Minh Hạ. Kết quả thu được 21 loài cá thuộc 06 Bộ, 12 Họ vào mùa mưa (mô hình Keo Lai, Tràm trồng và Tràm tự nhiên) và 25 loài cá thuộc 08 Bộ, 15 Họ vào mùa khô (mô hình Keo Lai và Tràm trồng). Trong đó, Bộ cá Vược chiếm ưu thế nhất ở cả 2 mùa với 11 loài xuất hiện. Ngoài ra, thấy rằng sản lượng và thành phần cá ở tầng phèn sâu đa dạng và phong phú hơn BLĐ tầng phèn nông. Nhóm cá trắng như cá Rầm, cá Đỏ mang, Lành canh xiêm, Ngựa sông phân bố trên vùng đất phèn sâu. Nhóm cá đen như cá Rô, Bải châu, Lia thia thường phân bố ở vùng đất phèn nông. Bên cạnh đó, sản lượng cá trên mô hình Keo Lai < 3 tuổi PS là cao nhất đạt 7652,53 (g) – mùa mưa; 10339,85 (g) – mùa khô. Kế đến là mô hình Tràm trồng < 5 tuổi PS đạt trữ lượng là 6436,3 (g) – mùa mưa và 9853,39 (g) – mùa khô. Đồng thời, đánh giá ảnh hưởng của việc lên liếp trồng cây đến thành phần loài cá tự nhiên ở các mô hình Trên BLĐ. Qua nghiên cứu của Lê Thị Hồng Nga và Trần Văn Sơn (2018) xác định được 03 chỉ tiêu ảnh hưởng đến nguồn cá tự nhiên là pH, EC, Al. Kết quả thu mẫu thực tế cho thấy việc lên liếp trồng Keo Lai và trồng Tràm trên tầng phèn ảnh hưởng đến đa dạng loài và sản lượng cá tự nhiên. Qua đó, cần thực hiện các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của việc lên liếp đến môi trường. Từ khóa: Cá tự nhiên, sản lượng, thành phần loài, trữ lượng, phèn nông, phèn sâu, VQG U Minh Hạ.
------	---------	---	---	------------	---------	--

5234	Đại học	Khảo sát xây dựng bản đồ quan trắc mặn và xác định các điểm xâm nhập mặn khu vực lân cận vùng đệm VQG U Minh Hạ, Cà Mau.	Bùi, Hữu An Nguyễn, Tuấn Vũ	Lê, Văn Dũ	2019-12	Đề tài này thực hiện tại huyện U Minh và Trần Văn Thời. Mục tiêu của đề tài là xác định các hướng, nguồn cấp nước mặn đến khu vực nghiên cứu, đo đặc độ mặn và ứng dụng phương pháp nội suy Kriging và GIS xây dựng bản đồ hiện trạng mặn, đồng thời đề xuất vị trí các điểm quan trắc mặn cần thiết, theo dõi diễn biến mặn và đánh giá hiện trạng sử dụng đất trong canh tác nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu. Trên cơ sở số liệu quan trắc mặn tại 136 điểm trên địa bàn từ tháng 03 – 05 năm 2018 và 2019, cùng với số liệu từ các nhà quản lý về tài nguyên nước xác định hướng và nguồn cấp nước mặn chủ yếu tại khu vực nghiên cứu là từ sông Cái Tàu, sông Trẹm và hướng từ biển Tây. Kết quả ứng dụng phương pháp nội suy Kriging đã loại trừ được 116 điểm quan trắc không cần thiết, đồng thời đề xuất 20 điểm quan trắc thiết yếu với độ tin cậy R2 đạt 0,89, đảm bảo theo dõi được diễn biến mặn để khai thác các mô hình canh tác nông nghiệp mặn ngọt phù hợp ở khu vực Xem xét chuyển đổi những diện tích lúa ven biển không hiệu quả, thường xuyên bị ảnh hưởng độ mặn, sang nuôi trồng thủy sản. Hoàn thiện, nâng cấp, cải tạo hệ thống đê biển và công kiểm soát mặn khép kín ở từng khu vực canh tác ổn định.
5235	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt ở An Giang	Trương, Minh Thư	Huỳnh, Vương Thu Minh	2019-12	Nghiên cứu “Đánh giá chất lượng nước mặt ở An Giang” nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước tại các con sông chính và KRND theo mùa trong giai đoạn 2013 - 2018, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tỉnh An Giang và ảnh hưởng của chất lượng nước mặt đến sức khỏe người dân. Nghiên cứu tiến hành so sánh kết quả quan trắc định kỳ nước mặt tỉnh An Giang với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, đồng thời tiến hành tính toán và so sánh chỉ số WQI giữa các sông chính và KRND. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng nước mặt tại An Giang đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh do các chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép của quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT: TSS, COD, BOD và Coliforms. So sánh chỉ số WQI giữa sông chính và KRND cho thấy chất lượng nước tại sông chính và KRND xuống thấp vào mùa mưa. Tuy nhiên, so với năm 2013, chất lượng nước năm 2018 trên sông chính và KRND được cải thiện hơn nhưng vẫn còn thấp. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tại An Giang bao gồm yếu tố tự nhiên và yếu tố nhân tạo. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra ảnh hưởng của nước mặt đến sức khỏe người dân và đưa ra các giải pháp hạn chế ảnh hưởng cũng như các giải pháp bảo vệ nguồn nước.

5236	Đại học	Đánh giá đặc tính thủy văn dòng chảy ở Hồ Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Yên Nhi	Huỳnh, Vương Thu Minh	2019-12	Đề tài “Đánh giá đặc tính thủy văn dòng chảy tại hồ Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang” được thực hiện với 02 mục tiêu: (01) So sánh biến động dòng chảy mặt giữa mùa khô và mùa mưa tại hồ nước ngọt Búng Bình Thiên, An Giang; (02) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy trong hai mùa tại vùng nghiên cứu; Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp: (i) Phương pháp phân tích tương quan; (ii) Phương pháp xử lý nội nghiệp; (iii) Phương pháp nội suy không gian để phân tích đánh giá biến động độ sâu mực nước, biến động dòng chảy và các yếu tố ảnh hưởng đến dòng chảy của vùng nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019. Kết quả cho thấy vùng nghiên cứu chịu ảnh hưởng của chế độ triều và phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn chảy về nên độ sâu mực nước giữa hai mùa có sự biến động rõ rệt từ 2,0 – 3,0m. Diện tích các mặt cắt ướt trong lòng Búng Bình Thiên rộng hơn 07 lần so với các mặt cắt phía ngoài. Mặt cắt giữa Búng có đáy kênh tương đối bằng phẳng. Mặt cắt đầu và cuối Búng là nơi tiếp nhận nguồn nước nên đáy kênh gồ ghề hơn. Tuy nhiên, do quá trình bồi lắng tự nhiên nên đã lấp mất cửa ra vào phía Đông – vị trí cuối Búng. Các mặt cắt ngoài Búng hẹp, có độ sâu lớn, có độ dốc dần về đáy kênh. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy, chế độ bán nhật triều từ biển đông và điều kiện địa hình của vùng nghiên cứu đã gây tác động đến chế độ dòng chảy là chủ yếu. Do thời gian nghiên cứu có giới hạn và phạm vi nghiên cứu hẹp cần mở rộng các nghiên cứu tiếp theo tại Búng Bình Thiên để có thể quản lý tốt nguồn nước cho khu vực trong điều kiện Biến đổi khí hậu hay kịch bản xâm nhập xảy ra ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
5237	Đại học	Đánh giá chế độ thủy văn và hệ thống công trình thủy lợi đến dòng chảy tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Trương, Minh Hải Võ, Hoàng Khương	Huỳnh, Vương Thu Minh	2019-12	Đề tài ”Đánh giá chế độ thủy văn và hệ thống công trình thủy lợi ảnh hưởng đến dòng chảy tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng” được thực hiện với các mục tiêu (1) Đánh giá chế độ thủy văn và hệ thống công trình thủy lợi; (2) Xác định chế độ dòng chảy dưới sự ảnh hưởng của chế độ thủy văn và hệ thống công trình thủy lợi. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp (a) Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập số liệu thứ cấp và thu thập số liệu sơ cấp; (b) Phương pháp xử lý số liệu: (i) Phương pháp vẽ mặt cắt ướt; (ii) Phương pháp tính lưu tốc dòng chảy; (iii) Phương pháp tính lưu lượng dòng chảy; (iv) Phương pháp thống kê mô tả; (v) Phương pháp phân tích tương quan. Trong thời gian nghiên cứu từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 thì kết quả nghiên cứu cho thấy chế độ thủy văn (lượng mưa, lưu lượng, độ ẩm, nhiệt độ, lượng bốc hơi) và hệ thống công trình thủy lợi (cống, kênh, đê bao) có ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên tại vùng nghiên cứu. Hệ thống công trình thủy lợi tại vùng nghiên cứu đang hoạt động tốt, đáp ứng ổn định cho nhu cầu giữ nước vào mùa khô để đủ nước cho sinh hoạt sản xuất và ứng phó cháy rừng, thoát nước tốt vào mùa mưa để giữ lượng nước ổn định tránh ngập nước. Sau quá trình nghiên cứu thấy được tầm quan trọng của đề tài là để đáp ứng những số liệu thực cho nghiên cứu hiện tại và những nghiên cứu về sau tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.

5238	Đại học	Thực trạng công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại Ban quản lý rừng Hòn Đất-Kiên Hà	Nguyễn, Hữu Trọng	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “ Thực trạng công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại khu rừng phòng hộ BQL rừng Hòn Đất - Kiên Hà”.Hiện nay tình hình cháy rừng ngày càng phức tạp và nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân và suy giảm đa dạng sinh học và nguồn tài nguyên rừng cùng với đó tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và diễn biến khó lường ở Việt Nam đang là nguy cơ tiềm ẩn gây cháy rừng. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác PCCCR từ đó đề xuất xây dựng kế hoạch công tác quản lý tại BQL rừng Hòn Đất - Kiên Hà tốt hơn. Đề tài được thực hiện từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019, nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin từ BQL rừng Hòn Đất Kiên Hà và phỏng vấn 30 hộ dân vùng đệm khu vực rừng phòng hộ. Qua quá trình thu thập thông tin cho thấy vấn đề chính xảy ra cháy rừng tại khu vực quản lý của BQL Hòn Đất kiên Hà từ năm 2013 đến 2019 đã xảy ra 9 vụ cháy rừng thiệt hại hơn 64.000 hecta rừng phòng hộ ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và đa dạng sinh học. Nguyên nhân được xác định chủ yếu là do hoạt động của người dân khi đốt ông lấy mật,nhiệt độ da tăng và quá trình quản lý còn nhiều bất cập. Từ đó cần có các giải pháp nâng cao ý thức của người dân và cải thiện công tác quản lý PCCCR được tối hơn.
5239	Đại học	Ứng dụng ảnh Sentinel-1A giám sát quá trình sinh trưởng các mô hình trồng lúa chính trường hợp tỉnh An Giang	Nguyễn, Hoàng Anh Tú	Huỳnh, Thị Bích Liên	2019-12	Đề tài “Ứng dụng ảnh Sentinel – 1A giám sát quá trình sinh trưởng các mô hình trồng lúa chính – Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh An Giang” được thực hiện với mục tiêu (1) Đánh giá phân bố hệ thống công trình thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp ở An Giang; (2) Đánh giá tán xạ ngược Sentinel – 1A (VV và VH) theo các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa trong ba mô hình trồng lúa; (3) Phân tích tương quan giữa các giá trị tán xạ ngược phân cực VV và VH của ảnh Sentinel – 1A với chiều cao cây lúa. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp (i) phương pháp phân tích dữ liệu ảnh Sentinel – 1A; (ii) phương pháp thống kê; (iii) phương pháp phân tích tương quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy dữ liệu ảnh Sentinel – 1A với phân cực kép VV và VH có khả năng sử dụng để nhận diện tốt được đối tượng cây lúa và thể hiện một cách tiếp cận tiềm năng cho việc ứng dụng dữ liệu ảnh Sentinel – 1A nhằm giám sát các giai đoạn sinh trưởng của mô hình lúa. Phân cực VH có sự tương quan mạnh mẽ với các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa so với phân cực VV, đặc biệt là giai đoạn sinh sản vì giảm độ ẩm của đất và thoát nước trên ruộng lúa. Phân cực VV còn thể hiện tốt sự tăng trưởng chiều cao cây lúa đối với vùng canh tác lúa trong điều kiện thiếu nước như ở vùng lúa đơn vụ với hệ số tương quan $r = 0,95$. Để ứng dụng dữ liệu ảnh Sentinel – 1A trong quản lý, giám sát các mô hình trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long một cách tổng hợp, cần tiếp tục mở rộng thực hiện các nghiên cứu sử dụng ảnh Sentinel – 1A đối với các yếu tố khác như diễn biến trữ lượng phù sa và hoạt động của hệ thống thủy lợi. Từ khóa: An Giang, đề bao, giá trị tán xạ, mô hình trồng lúa, Sentinel – 1A.

5240	Đại học	Đánh giá chất lượng môi trường đất tại các sinh cảnh cỏ Mồm, cỏ Ống, cỏ Năng và lúa Ma ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim vào mùa khô	Nguyễn, Thanh Hà Nguyễn, Trí Ngôn	Huỳnh, Vương Thu Minh	2019-12	Đề tài “Đánh giá chất lượng môi trường đất vào mùa khô tại các sinh cảnh cỏ mồm, cỏ ống, cỏ năng, lúa ma ở VQG Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp” được thực hiện với mục tiêu khảo sát và đánh giá chất lượng môi đất ở các sinh cảnh cỏ mồm, cỏ năng, cỏ ống, lúa ma tại Vườn quốc gia Tràm Chim phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu GIS và bản đồ chuyên đề về chất lượng đất tại các điểm nghiên cứu. Nhằm mục đích đánh giá sự biến động về chất lượng môi trường đất ở thời điểm hiện tại so với các nghiên cứu trước và đưa ra kết luận, kiến nghị. VQG Tràm Chim thuộc tỉnh Đồng Tháp là một khu đất ngập nước, được xếp trong hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam. VQG Tràm Chim nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 7.313 ha nằm trong địa giới của 4 xã (Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thành B, Phú Thọ) và Thị trấn Tràm Chim, với số dân trong vùng là 30.000 người.
5241	Đại học	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên hoạt động nuôi tôm sú ở huyện Thạnh Phú - Bến Tre	Huỳnh, Thanh Tiên Lê, Minh Vàng	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu lên hoạt động nuôi tôm sú ở huyện Thạnh Phú” được thực hiện nhằm đánh giá cụ thể sự ảnh hưởng của BĐKH lên hoạt động nuôi tôm và sự thích ứng của người dân đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan dưới tác động của BĐKH. Đề tài tiến hành phỏng vấn trực tiếp 60 hộ gia đình trong khu vực nghiên cứu, thu thập được những thông tin về ảnh hưởng của BĐKH lên hoạt động nuôi tôm sú, kết quả cho thấy sự gia tăng và diễn biến bất thường của các yếu tố như nhiệt độ, lượng mưa, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng...Trong đó mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bao gồm : Nhiệt độ tăng, hạn hán, bão và ATND - ảnh hưởng nhiều (chiếm tỷ lệ lần lượt là 66,67%, 60%, 58,33%); Xâm nhập mặn và lượng mưa thay đổi thất thường - ảnh hưởng trung bình (chiếm tỷ lệ lần lượt là 58,34%, 63,33%); Lũ lụt và NBD - ảnh hưởng ít (chiếm tỷ lệ 61,67%). Các yếu tố trên làm cho sản lượng tôm của các hộ dân có xu hướng suy giảm trong những năm gần đây. Để ứng phó với điều kiện thời tiết bất lợi do tác động của BĐKH ảnh hưởng đến hoạt động nuôi tôm sú của huyện Thạnh Phú hiện nay, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp về áp dụng khoa học kỹ thuật, nuôi bổ sung thêm các loại hải sản khác, giải pháp hỗ trợ về chính sách và một số mô hình có thể áp dụng trên địa bàn của huyện (mô hình nuôi tôm công nghiệp hiện đại có mái che, mô hình sản xuất đa canh tác tôm – lúa, tôm – vườn) để hoạt động sản xuất tôm sú có thể tồn tại và phát triển bền vững trong tương lai. Từ khóa: Biến đổi khí hậu, nước biển dâng, hiệu ứng nhà kính, áp thấp nhiệt đới, thời tiết cực đoan, thích ứng, ứng phó, sản xuất tôm,...

5242	Đại học	Xây dựng giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất-Kiên Hà	Lê, Thị Bích Lam	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Xây dựng giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà” được thực hiện để đánh giá công tác bảo vệ và phát triển rừng ven biển, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển phù hợp với vai trò và chức năng chắn sóng lấn biển tại khu vực Hòn Đất - Kiên Hà. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy rừng phòng hộ ven biển tại khu vực có mật độ thấp (hơn 3.000 cây/ha) và đơn loài (đa số là rừng Đước trồng thuần loài) nhưng vẫn giữ được chức năng chắn sóng, lấn biển. Những năm qua Ban quản lý rừng Hòn Đất - Kiên Hà đã thực hiện với nhiều chính sách từ Nhà nước trong công tác trồng rừng, diện tích rừng trồng đã tăng lên qua các năm (giai đoạn năm 2014 -1018 đã trồng được 99,92 ha rừng) tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn vẫn chưa thể khắc phục do ảnh hưởng của sóng triều và hoạt động khai thác thủy sản, chặt phá rừng trái phép của người dân nên tỉ lệ rừng trồng thành công chỉ đạt 50%. Về công tác tuyên truyền BQL rừng đã thực hiện hơn 50 chương trình tuyên truyền bảo vệ rừng phòng hộ ven biển nhưng vẫn chưa thu hút sự tham gia đông đủ người dân. Công tác trao đổi học tập kinh nghiệm trong việc nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả để cải thiện cuộc sống của người dân chưa được Ban quản lý thực sự quan tâm. Để góp phần phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng phòng hộ ven biển tại Ban quản lý rừng Hòn Đất - Kiên Hà được tốt hơn, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp và một số mô hình có thể áp dụng trên địa bàn (mô hình trồng rừng trên đất trống trong khu vực sản xuất lâm - ngư nghiệp và mô hình trồng rừng trên bãi bồi) để tỉ lệ rừng trồng đạt tỉ lệ thành công cao hơn để rừng phòng hộ ven biển phát triển bền vững trong tương lai.
------	---------	---	------------------	-------------------	---------	---

5243	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt lục tuyến sông Tiền, Cỏ Chiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Tấn Tài Nguyễn, Minh Tiền	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Tài nguyên nước đặc biệt là nước mặt trở thành mối quan tâm hàng đầu ở khắp nơi trên thế giới. Đề tài nghiên cứu “Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt tuyến sông Tiền, Cỏ Chiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện thông qua việc thu thập số liệu thứ cấp về chất lượng nước mặt từ Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Long nhằm đánh giá chất lượng nước thông qua kết quả quan trắc của các thông số chất lượng nước mặt vào (tháng 3, tháng 6, tháng 9 của 2 năm 2017 và năm 2018) so sánh với giá trị giới hạn của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT: 2015/BTNMT, cột A2. Mẫu nước mặt được lấy tại 11 vị trí giám sát thuộc tuyến sông Tiền, Cỏ Chiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Có tất cả 17 thông số gồm: pH, Nhiệt độ, Độ đục, EC, DO, TSS, Fe, COD, BOD5, NO3-, NH4+, PO43-, NO2-, Cr6+, Cl- , EColi và Coliform được đánh giá. Kết quả đánh giá chất lượng nước mặt ghi nhận có 3 thông số ô nhiễm là PO43-, TSS, Ecoli, 3 thông số ô nhiễm nhẹ là DO, Amoni, coliform, còn lại là các thông số không ô nhiễm. Cr6+ không phát hiện trên tất cả các điểm quan trắc. Quá trình phỏng vấn được thực hiện xung quanh tuyến Sông Tiền, Cỏ Chiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành phỏng vấn 20 hộ dân dọc tuyến sông nhằm đánh giá chất lượng nước mặt hiện tại so với những năm trước đây. Từ đó đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động đến nguồn nước. Kết quả phỏng vấn cho thấy có 10% nhận định nguồn nước bị ô nhiễm, 50% ô nhiễm nhẹ, 40% không có sự thay đổi. Tính toán WQI trên cơ sở các chỉ số WQI tính được, tiến hành phân loại và đánh giá chất lượng nước theo thang điểm WQI từ 0 – 100, sử dụng bảng giá trị WQI tương ứng với mức đánh giá chất lượng nước để so sánh, đánh giá tương ứng với mục đích sử dụng. Kết quả tính toán cho thấy Từ năm 2017 đến năm 2018 cho thấy phần lớn các vị trí thu mẫu đều có giá trị từ WQI dao động từ : 69 đến 86, từ màu vàng đến màu xanh lá cây; sử dụng cho mục đích sinh hoạt nhưng phải có biện pháp xử lý phù hợp.
------	---------	---	--	-------------------	---------	--

5244	Đại học	Đánh giá hiện trạng và xây dựng bản đồ chất lượng đất tại các sinh cảnh Tràm, Sen, Ruộng lúa ở Vườn Quốc Gia Tràm Chim vào mùa khô	Võ, Hoài Tân	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Đánh giá hiện trạng và xây dựng bản đồ chất lượng đất tại các sinh cảnh tràm, sen, ruộng lúa ở Vườn quốc gia Tràm Chim vào mùa khô” được thực hiện từ tháng 6/2019 - 12/2019 nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng đất tại 03 sinh cảnh sen, tràm và ruộng lúa ở VQG, từ các đánh giá đó đưa ra bản đồ thể hiện chất lượng đất của ba sinh cảnh thông qua các chỉ tiêu pH, acid tổng số, CHC, đạm tổng, lân tổng số, sắt tổng, Al trao đổi. Các mẫu đất được thu tại 03 sinh cảnh sen, tràm và ruộng lúa. Số lượng mẫu là 18 mẫu, thu tại 03 sinh cảnh, mỗi mẫu thu ở 02 tầng đất A (0 – 20cm) và B (20 – 40cm). Kết quả cho thấy đất tại đây là đất phèn với độ pH ở mức chua vừa đến rất chua, axit tổng và nhôm trao đổi cao. Đất có hàm lượng CHC ở mức trung bình, hàm lượng lân tổng số ở mức rất thấp. Hàm lượng đạm tại đây ở mức từ nghèo đến khá. Chất lượng môi trường đất tại VQG Tràm Chim cho thấy đây là khu vực nhiễm phèn nặng, hữu cơ ở mức trung bình, ngập nước theo mùa, hàm lượng dinh dưỡng thấp, không phù hợp cho cây lúa, thích hợp để các loài có khả năng chịu phèn cao như cỏ năng và tràm, các loài thực vật ngập nước như sen, súng sinh trưởng và phát triển. Đề tài giúp có các đánh giá tốt hơn về chất lượng đất của VQG và sự ảnh hưởng đến các sinh cảnh nơi đây, thông qua đó giúp cho cán bộ VQG có cơ sở để quản lý tốt hơn trong tương lai.
5245	Đại học	Đánh giá sự thay đổi thực vật bậc cao và động vật đất sau khi đốt thảm thực bì tại vườn quốc gia Tràm Chim, Đồng Tháp	Trịnh, Lê Bảo Ngọc	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá sự thay đổi thực vật bậc cao và động vật đất sau khi đốt thảm thực bì tại khu A5, Vườn Quốc Gia Tràm Chim, Đồng Tháp từ tháng 2 đến tháng 11 năm 2019. Trước khi tiến hành đốt thực bì tại khu A5 của VQG, kết quả ghi nhận được thực vật ở khu vực khảo sát có thành phần loài rất thấp chỉ phát hiện được 02 loài là Cỏ cú (<i>Cyperus rotundus</i> L.) và Năng ngọt (<i>Eleocharis dulcis</i> (Burm.f.) Trinius ex Hensch). Loài năng ngọt phát triển mạnh mẽ, chiếm ưu thế tuyệt đối ở khu vực này. Thành phần loài thực vật sau khi đốt lần đầu giống thời điểm chưa đốt, chỉ phát hiện hai loài cỏ Cú và Năng Ngọt. Sau lần đốt thứ hai thì không phát hiện được loài thực vật nào do đã bị cháy hoàn toàn. Tốc độ hồi phục của Năng ngọt cũng vượt trội, chỉ sau 11 ngày từ khi bị đốt thì các gốc năng bị cháy đã đâm chồi xanh lại. Việc đốt lớp thực bì không làm giảm sự sinh trưởng và phát triển của thảm thực vật bề mặt. Trong số 11 loài thu được thì có đến 09 loài Nhện thuộc 4 họ, 01 loài kiến thuộc 01 họ và Dế cũng có 1 loài thuộc 1 họ. Sau khi đốt, tổng số loài phát hiện được là 07 loài, thuộc 05 họ. Như vậy, so với trước khi đốt thì có 04 loài bị biến mất, chủ yếu là một số loài Nhện và Dế sống trong các tán lá của thảm thực vật. Cần có các nghiên cứu lâu dài để đánh giá đầy đủ tác động của lửa đối với hệ sinh thái tại khu A5.

5246	Đại học	Đánh giá tính chất của đất trước và sau khi đốt thảm thực bì tại Khu A5, vườn quốc gia Tràm Chim	Nguyễn, Thanh Tâm Trần, Thị Diễm Trân	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Nghiên cứu được khảo sát và thu mẫu để phân tích một số đặc tính lý hóa học của đất trước và sau khi đốt thảm thực bì tại khu A5, so sánh với chất lượng đất ở khu A4 và giữa khu vực có năng kim với không có năng kim tại Vườn Quốc gia Tràm Chim – huyện Tam Nông – tỉnh Đồng Tháp từ tháng 02/2019 đến tháng 05/2019 Đối với các chỉ tiêu lý học: thu mẫu để phân tích dung trọng và độ ẩm bằng cách dùng ống lấy mẫu (ring). Còn đối với sa cấu tiến hành các bước tương tự với thu các chỉ tiêu hóa học. Đối với các chỉ tiêu hóa học: tại các vị trí đã được chọn dùng xẻng thu mẫu đất ở độ sâu 0 – 20 cm ở mỗi ô tiêu chuẩn (1m²) lặp lại 4 lần. Một số chỉ tiêu được phân tích trong nghiên cứu như pH, EC (mS/cm), chất hữu cơ (%), hàm lượng đạm tổng số (TN, %), lân tổng số (%P₂O₅), kali tổng số (%K₂O) Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự thay đổi một số chỉ tiêu của đất trước và sau khi đốt thảm thực bì. Thành phần cơ giới trong đất có hàm lượng sét giảm đáng kể, hàm lượng cát và thịt thì cao hơn trước khi đốt. Đối với các chỉ tiêu lý học của đất, ẩm độ sau khi đốt đều tăng so với trước khi đốt. Giá trị dung trọng của đất khá tương tự nhau giữa các đợt thu mẫu. Về các chỉ tiêu hóa học của đất, pH, EC và lân tổng số đều tăng so với trước đốt. Hàm lượng chất hữu cơ sau khi đốt có sự tương đồng so với trước đốt. Đạm tổng số sau 11 ngày đốt giảm tuy nhiên sau khi đốt lần 2 thì tăng lên. Kali tổng số của đất bị đốt có xu hướng cao hơn so với không bị đốt sau 11 ngày và có hàm lượng giảm sau 37 ngày đốt.
5247	Đại học	Khảo sát hiện trạng phân bố thành phần loài phiêu sinh thực vật tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Kiều, Vũ Khan	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài: “Khảo sát hiện trạng phân bố thành phần loài phiêu sinh thực vật tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng” được thực hiện nhằm đánh giá chất lượng môi trường nước thông qua các chỉ số đánh giá đa dạng phiêu sinh thực vật. Nghiên cứu được thu mẫu trên 9 điểm tại Lung, Mỗi lần thu mẫu được thu thập bao gồm các chỉ tiêu định tính và định lượng phiêu sinh thực vật. Kết quả phân tích định tính loài PSTV ở khu Bảo tồn cho thấy tại khu vực thu mẫu đợt 1 (131 loài) có thành phần loài PSTV đa dạng hơn đợt 2 (106 loài). Tương tự, chỉ số đa dạng sinh học Shannon đợt 1 (1<H’<3) cao hơn đợt 2 (H’ < 1).

5248	Đại học	Khảo sát hiện trạng quản lý rác thải nhựa ở xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Trâm	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Mục tiêu của đề tài nhằm khảo sát thực trạng rác thải nhựa và công tác quản lý rác thải nhựa ở xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ nhằm đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả hơn. Đề tài sử dụng phương pháp dã ngoại điều tra, phỏng vấn 40 hộ dân về hiện trạng phát sinh rác thải nhựa và thu mẫu ngẫu nhiên 15 hộ dân tại địa bàn nghiên cứu để xác định lượng rác thải thực tế trong 1 tuần; nghiên cứu kết hợp với mô hình Euler cải tiến để ước tính khối lượng rác thải nhựa phát sinh trong tương lai. Kết quả nghiên cứu đã xác định được thực trạng phát sinh rác thải nhựa chủ yếu là rác sinh hoạt và rác thải trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả phỏng vấn cho thấy đa số người dân sử dụng túi nilon của người bán chiếm tỷ lệ 73%, sử dụng túi xách mang theo khi mua sắm chiếm tỷ lệ 12%, sử dụng giỏ đựng thực phẩm chiếm 10% và sử dụng đồ dùng khác khi mua hàng hóa chiếm 5%. Bên cạnh đó, kết quả thu mẫu tại các hộ dân trong 1 tuần cho thấy tỷ lệ rác thải nhựa là chiếm tỷ lệ cao nhất là chai nhựa, dao động từ 87,7 - 92%; túi nilon chiếm tỷ lệ 4,7 - 7,1%; ống hút nhựa chiếm tỷ lệ 1,7 - 4,8%; hộp xốp chiếm tỷ lệ 0,8 - 1,2%. Lượng rác thải nhựa được các hộ dân thải ra trung bình trong 1 tuần là 3,12 kg/hộ; tương đương với 0,11 kg/người/ngày; với dân số năm 2019 ước tính là 8.346 người thì lượng rác thải trung bình được thải ra trong 1 ngày là 918,06 kg/ngày; đến năm 2021 lượng rác được thải ra là 959,42 kg/ngày; qua đó cho thấy lượng rác thải nhựa tăng bình quân 2,25%/năm giai đoạn 2019 - 2021. Công tác quản lý rác thải nhựa tại địa phương được đặc biệt quan tâm để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên vẫn còn ở quy mô nhỏ. Người dân chưa thực sự ý thức được hết những tác hại của rác thải nhựa nên công tác quản lý rác thải nhựa vẫn còn nhiều khó khăn. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý rác thải nhựa tại địa bàn nghiên cứu ở hiện tại cũng như trong tương lai. Kết quả của nghiên cứu giúp cho địa phương có được sự quản lý rác thải nhựa tốt hơn trong tương lai.
5249	Đại học	Đánh giá hiện trạng canh tác và chất lượng đất của mô hình trồng dưa hấu và mô hình lúa 3 vụ tại xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Lê, Văn Tạo	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Đánh giá hiện trạng canh tác và chất lượng đất của mô hình trồng dưa hấu trên đất trồng lúa và mô hình trồng lúa 3 vụ tại xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau” được thực hiện tại xã Lý Văn Lâm vào tháng 4/2019 và từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 trên hai mô hình là mô hình trồng dưa hấu trên đất trồng lúa và mô hình trồng lúa 3 vụ. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá được hiện trạng canh tác, lợi nhuận và ảnh hưởng của hai mô hình này đến chất lượng đất canh tác.

5250	Đại học	Khảo sát hiệu quả kinh tế và tác động đến môi trường từ mô hình trồng hành tím tại xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Võ, Thị Như Huỳnh Nguyễn, Phương Tường Vy	Nguyễn, Thanh Giao	2018-05	"Nghiên cứu được thực hiện tại xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nhằm mục tiêu tổng quát là đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động đến môi trường của mô hình trồng hành tím. Các số liệu về hiện trạng vùng nghiên cứu, đặc tính cây hành tím được thu thập từ các nghiên cứu đáng tin cậy. Các số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp điều tra phỏng vấn 30 nông hộ có tham gia sản xuất hành tím tại vùng nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình trồng hành tím. Đồng thời nghiên cứu tiến hành thu mẫu và phân tích mẫu đất ngoài thực địa nhằm đánh giá tác động của mô hình trồng hành tím đối với môi trường, từ đó đề xuất các biện pháp cải thiện mô hình trồng hành tím tại vùng nghiên cứu. Các số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê như Microsoft Excel và SPSS để tính toán phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn và vẽ biểu đồ nhằm thể hiện kết quả nghiên cứu một cách trực quan. Qua nghiên cứu cho thấy hoạt động canh tác nông nghiệp chủ yếu tại vùng nghiên cứu là sản xuất hành tím, ngoài ra còn có các mô hình luân canh, xen canh hành tím với các loại cây trồng khác. Qua quá trình tính toán, tổng chi phí để sản xuất hành tím ở vụ mùa cuối năm là 8.007.733 đồng/1000 m ² với lợi nhuận thu được là 14.732.266 đồng. Cho thấy hoạt động sản xuất hành tím mang lại hiệu quả cao, góp phần xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống và thu nhập cho người dân. Kết quả phân tích lượng phát thải CO ₂ từ 1 kg hành tím là 786.72g CO ₂ -e phụ thuộc vào lượng nước sử dụng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Về môi trường, kết quả phân tích các yếu tố trong đất về hàm lượng chất hữu cơ, đạm tổng số, lân dễ tiêu, kali trao đổi, pH cho thấy đất bắt đầu suy kiệt, nguyên nhân có thể do sử dụng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong thời gian lâu dài."
------	---------	--	--	--------------------	---------	---

5251	Đại học	Đánh giá hiện trạng sinh khối lúa ma (Oryza rufipogon) tại Vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông - Đồng Tháp	Bùi, Thị Yến My	Trương, Hoàng Đan	2018-05	Đề tài nghiên cứu tại các quần xã lúa ma phân bố ở các phân khu thuộc Vườn quốc gia Tràm Chim với mục tiêu tổng quát là đánh giá hiện trạng và xây dựng bản đồ sinh khối lúa ma. Từ đó cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phòng cháy đồng cỏ và bảo tồn quần xã lúa ma tại Vườn quốc gia. Các số liệu về cao trình, hiện trạng đồng cỏ, bản đồ thảm thực vật, bản đồ hiện trạng rừng được thu thập từ ban quản lý và các nghiên cứu có liên quan. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực địa và lập ô tiêu chuẩn để thu thập các số liệu về độ sâu mực nước, sinh khối tươi, sinh khối khô nhằm đánh giá hiện trạng sinh khối lúa ma tại Vườn quốc gia. Nghiên cứu sử dụng phần mềm Q.GIS 2.18 để tạo cơ sở dữ liệu và xây dựng bản đồ sinh khối lúa ma. Đồng thời nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp cán bộ quản lý tại Vườn quốc gia nhằm đánh giá công tác phòng cháy đồng cỏ và bảo tồn quần xã lúa ma. Ngoài ra các số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2013, sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistic 20 để thống kê mô tả số liệu nhằm xác định sự tương quan giữa sinh khối tươi và độ sâu mực nước. Qua nghiên cứu cho thấy, tại thời điểm khảo sát tổng lượng sinh khối tươi là 31.943,90 tấn và tổng sinh khối khô là 6.583,11 tấn, lượng sinh khối này sẽ còn tăng lên vào mùa mưa. Sinh khối tươi Lúa Ma dao động trong khoảng 19,00 đến 71,53 tấn/ha, sinh khối khô Lúa Ma thì dao động từ 4,68 đến 13,47 tấn/ha. Về công tác phòng chống cháy tại VQG là thực hiện giữ nước quanh năm, đồng thời kiểm soát các khu vực có nguy cơ cháy cao. Dựa vào số liệu các chỉ tiêu khảo sát đã tạo được cơ sở dữ liệu và xây dựng các bản đồ gồm: bản đồ sinh khối Lúa Ma, bản đồ tổng hợp các chỉ tiêu khảo sát, làm công cụ hỗ trợ cho công tác phòng chống cháy đồng cỏ và quản lý thực bì ở Tràm Chim.
------	---------	--	-----------------	-------------------	---------	---

5252	Đại học	Đánh giá tác động của nước thải từ khu dân cư và khu đô thị đến chất lượng nước sông Tiền và sông Hậu trên địa bàn tỉnh An Giang.	Đỗ, Thị Bé Ngoan Kiều, Thị Thanh Kiều	Nguyễn, Thanh Giao	2018-09	"Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh An Giang với mục tiêu tổng quát là tìm hiểu về tác động của nước thải từ khu dân cư và khu đô thị đến chất lượng nước sông Tiền và sông Hậu. Đồng thời đánh giá mức độ ô nhiễm của nước dựa vào các số liệu quan trắc trên sông Nghiên cứu tiến hành thu thập các số liệu quan trắc chất lượng nước mặt trên sông Tiền và sông Hậu giai đoạn 2009 - 2016 tại 16 vị trí thu mẫu. Sử dụng phần mềm Microsoft Excel để nhập số liệu và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động chất lượng môi trường nước mặt. Dùng phần mềm IBM SPSS statistics for Windows, Version 20.0 (IBM Corp., Armonk, NY, USA) để so sánh sự biến động số liệu chất lượng nước theo năm và so sánh giữa sông Tiền và sông Hậu với nhau. Đồng thời số liệu của các chỉ tiêu được so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A để đánh giá chất lượng nước mặt. Qua nghiên cứu cho thấy các hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại các khu dân cư, khu đô thị đã có tác động đến chất lượng nước trên sông Tiền và sông Hậu. Số liệu thu thập được từ các trạm quan trắc cho thấy giá trị TSS tại vị trí quan trắc nền đều vượt quy chuẩn 08-MT:2015/BTNMT, thêm vào đó các hoạt động và nước thải từ các khu dân cư, khu đô thị ven sông trong tỉnh An Giang góp phần tạo nên sự gia tăng đáng kể các giá trị TSS, đồng thời làm tăng giá trị BOD và coliforms, làm cho một số khu vực bị ô nhiễm chất hữu cơ và vi sinh. "
5253	Đại học	Khảo sát, đánh giá hiện trạng đa dạng thực vật bậc cao, cá và chim tại Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Ngô, Thị Kim Ngọc Trần, Thị Kim Yến		2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại Khu bảo tồn loài – sinh cảnh Phú Mỹ, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang nhằm mục tiêu tổng quát là đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học ở các sinh cảnh khác nhau trong Khu bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ Nghiên cứu kế thừa các thông tin về bản đồ khu bảo tồn Phú Mỹ, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các tài liệu về thực vật bậc cao, cá, chim và loài ngoại lai được thu thập từ cơ quan quản lý và các nghiên cứu có liên quan. Từ đó xác định các thành phần thực vật bậc cao, cá, chim và loài ngoại lai ở từng sinh cảnh. Để đánh giá hiện trạng và thành phần loài đề tài tiến hành thu mẫu thực địa kết hợp phỏng vấn trực tiếp 30 phiếu bao gồm cán bộ quản lý và người dân trong khu vực; riêng đối với loài chim đề tài sử dụng phương pháp khảo sát định tính và khảo sát định lượng để xác định thành phần và số lượng hiện có. Bên cạnh đó đề tài sử dụng phương pháp định danh và lập danh mục các loài thực vật bậc cao, cá, chim và loài ngoại lai nhằm đánh giá sự thay đổi thành phần loài so với các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu sử dụng phần mềm QGIS để xây dựng bản đồ chuyên đề đa dạng sinh học tại khu bảo tồn. Các số liệu được xử lý bằng các phần mềm thống kê như Microsoft Excel và SPSS. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với thực vật bậc cao có 47 loài với sinh cảnh khác chiếm ưu thế; cá có 31 loài; chim có 128 loài. Nghiên cứu đã lập được bản đồ hiện trạng đa dạng các loài thực vật bậc cao; bản đồ xuất hiện loài ngoại lai. Ngoài ra nghiên cứu còn cho thấy sự xuất hiện của các loài ngoại lai, loài quý hiếm tại Khu bảo tồn.

5254	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt kênh rạch nội đồng tỉnh An Giang giai đoạn 2009 - 2016	Trần, Huỳnh Như	Nguyễn, Thanh Giao	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh An Giang nhằm mục tiêu tổng quát là đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt trên kênh rạch nội đồng thuộc tỉnh An Giang giai đoạn 2009 - 2016 để làm số liệu phục vụ công tác quan trắc đánh giá trong những năm tiếp theo. Từ đó đề xuất giải pháp quản lý chất lượng nguồn nước mặt Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu quan trắc về các chỉ tiêu nước mặt trên kênh rạch nội đồng và sông Hậu giai đoạn 2009-2016. Đồng thời thu thập các thông tin liên quan từ báo cáo hiện trạng môi trường, niên giám thống kê của tỉnh An Giang. Phần mềm Microsoft Excel được sử dụng để nhập số liệu và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động chất lượng môi trường nước mặt. Khác biệt về giá trị trung bình các thông số đánh giá chất lượng nước mặt tại các khu vực nghiên cứu được phân tích bằng phương sai một nhân tố sử dụng phần mềm IBM SPSS statistics for Windows, Version 20.0 (IBM Corp., Armonk, NY, USA); kiểm định Duncan được áp dụng để so sánh sự khác biệt của các thông số chất lượng nước mặt ở các khu vực nghiên cứu. Sai khác được xác định ở mức ý nghĩa 5% ($p < 0,05$). So sánh số liệu về các thông số đánh giá chất lượng nước mặt tại các khu vực nghiên cứu với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A để đánh giá chất lượng nước mặt Qua nghiên cứu cho chất lượng nước mặt các kênh rạch nội đồng thuộc tỉnh An Giang giai đoạn 2009-2016 đã có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, không đảm bảo cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bảo tồn động thực vật thủy sinh. Đồng thời nghiên cứu cũng đã đề xuất được một số nhóm giải pháp về kinh tế, kỹ thuật, chính sách và giáo dục nhằm quản lý tốt chất lượng nguồn nước mặt.
------	---------	---	-----------------	--------------------	---------	---

5255	Đại học	Khảo sát chất lượng đất và nước tại các mô hình trồng trà và keo lai ở vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau.	Ngô, Nguyễn Trúc Quỳnh	Lê, Văn Dũ	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện ở vùng đệm thuộc 2 xã: xã Khánh An thuộc huyện U Minh và xã Trần Hợi thuộc huyện Trần Văn Thời với mục tiêu tổng quát là khảo sát biến động chất lượng đất, nước tại các mô hình canh tác trồng trà và keo lai. Từ đó làm cơ sở cho công tác quản lý chất lượng đất, nước vừa phù hợp cho các mô hình canh tác vừa tránh làm xáo trộn đất gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên tại VQG U Minh Hạ. Nghiên cứu tiến hành thu mẫu ngoài thực địa, lưu trữ và mang về phòng thí nghiệm phân tích. Cụ thể đối với chất lượng đất nghiên cứu khảo sát các chỉ tiêu: dung trọng, tỷ trọng, pH và CHC; đối với chất lượng nước nghiên cứu khảo sát các chỉ tiêu: pH, DO, N-NH₄⁺ và BOD. Dựa vào kết quả phân tích, khảo sát và so sánh chất lượng đất, nước giữa các mô hình canh tác: cây trà, cây keo lai. Các số liệu phân tích mẫu và trình bày kết quả được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2013 và SPSS. Qua nghiên cứu cho thấy: Các chỉ số của đất có biến động không lớn và không có khác biệt ở hai vùng. Đối với vùng trồng keo lai dung trọng, tỷ trọng, hàm lượng chất hữu cơ, TAA và TPA ở biểu loại đất phèn nông cao hơn so với biểu loại đất phèn sâu; chỉ số DO, BOD và N-NH₄⁺ ở biểu loại đất phèn nông có biến động cao hơn ở biểu loại đất phèn sâu. Đối với vùng trồng trà chỉ số EC, hàm lượng TAA, TPA ở biểu loại đất phèn nông có xu hướng cao hơn so với ở biểu loại đất phèn sâu; chỉ số DO, BOD và N-NH₄⁺ ở biểu loại đất phèn nông có biến động cao hơn ở biểu loại đất phèn sâu. Qua đó nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp để quản lý chất lượng đất, nước.
5256	Đại học	Khảo sát hiện trạng kinh tế xã hội của mô hình trồng trà thích ứng với xâm nhập mặn tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ - tỉnh Cà Mau.	Nguyễn, Tấn Thi Nguyễn, Ái Nhân	Lê, Văn Dũ	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau với mục tiêu tổng quát là khảo sát hiện trạng kinh tế xã hội, mức độ tác động đến môi trường tự nhiên và khả năng thích ứng với xâm nhập mặn mô hình trồng Trà. Từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp. Các thông tin về hiện trạng tại Vườn quốc gia được thu thập từ các cơ quan quản lý và các nghiên cứu có liên quan. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 35 hộ tại vùng đệm Vườn quốc gia theo bảng câu hỏi đã xây dựng nhằm khảo sát đánh giá hiện trạng kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của mô hình. Số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả với phần mềm Microsoft Excel và Excel, thể hiện bằng các biểu đồ nhằm thể hiện kết quả thống kê một cách trực quan. Ngoài ra nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích số liệu kinh tế để tính toán các khoảng chi phí, lợi nhuận, nhằm tính toán hiệu quả kinh tế của mô hình một cách cụ thể. Qua nghiên cứu cho thấy trồng Trà là thu nhập chính của các nông hộ, mật độ trồng Trà từ 1000 – 10000 cây/công là phổ biến. Chi phí đầu tư vào sản xuất Trà tương đối thấp trung bình khoảng 2.122.886 đồng/công/vụ. Lợi nhuận trung bình khoảng 11.956.448 đồng/công/vụ. Từ đó nghiên cứu cũng đưa ra một số giải pháp tạm thời và lâu dài để thích ứng với tình hình xâm nhập mặn hiện tại.

5257	Đại học	Khảo sát hiện trạng canh tác, kinh tế xã hội mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến thích ứng với xâm nhập mặn tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.	Huỳnh, Thị Hoàng Anh Phạm, Thị Như Thảo	Lê, Văn Dũ	2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nhằm mục tiêu tổng quát là đánh giá hiện trạng kỹ thuật canh tác và hiệu quả kinh tế của các mô hình nuôi tôm và đề xuất giải pháp ứng phó xâm nhập mặn. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 42 phiếu khảo sát bao gồm cán bộ quản lý và các nông hộ nuôi tôm trong khu vực nhằm đánh giá hiện trạng, kỹ thuật và tình hình tác động của xâm nhập mặn tại vùng nghiên cứu. Sử dụng phần mềm Microsoft Office Excel để nhập, xử lý số liệu và vẽ đồ thị, phân tích thống kê bằng phần mềm Stata. Ngoài ra phương pháp phân tích số liệu kinh tế được sử dụng để tính toán chi phí, lợi nhuận từ mô hình nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình một cách cụ thể. Qua nghiên cứu cho thấy các hộ canh tác theo mô hình L-T có sự tuân thủ lịch thời vụ cao hơn các hộ canh tác theo mô hình TQCCT. Tỉ suất lợi nhuận trung bình giữa hai mô hình là 3,91 lần, trong đó tỉ suất lợi nhuận trung bình của mô hình TQCCT là 1,93 lần, còn mô hình L-T là 5,88 lần, cao gấp 3,05 lần so với TQCCT. Từ đó nghiên cứu cũng đã đề xuất những giải pháp nhằm ứng phó với xâm nhập mặn.
5258	Đại học	Hiệu quả kinh tế và quản lý môi trường của mô hình tôm - lúa huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Quách, Thị Minh Tâm	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế và quản lý môi trường trong mô hình tôm – lúa tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thông qua phỏng vấn trực tiếp 20 nông hộ đang canh tác mô hình tôm – lúa trong thời gian từ 08 đến tháng 12 năm 2019 tại xã Gia Hoà 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức đầu tư trung bình cho mô hình tôm – lúa khoảng 11.102.772 đồng/công, tổng thu trung bình khoảng 15.665.455 đồng/công và lợi nhuận đem đến từ mô hình khoảng 6.572.355 đồng/công. Hiện nay, số lao động trẻ không còn mặn mà trong việc canh tác mô hình tôm – lúa tại khu vực nghiên cứu, đó cũng là một trong những khó khăn trong việc canh tác mô hình hiện nay, vì các hộ dân đều đã lớn tuổi, sức khoẻ suy giảm, không thể tham gia canh tác mô hình đạt được như mong đợi. Việc quản lý môi trường nước trước và sau khi thực hiện môi trường vẫn chưa được thực hiện tốt từ đó cho thấy người dân nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của các yếu tố môi trường đến năng suất tôm. Việc quản lý bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật vẫn chưa được thực hiện tốt có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Cần nghiên cứu nâng cao năng suất tôm trong mô hình lúa tôm thông qua quản lý tổng hợp môi trường ao nuôi tôm. Từ khoá: mô hình lúa – tôm, môi trường nước, hiệu quả kinh tế, quản lý nước, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng.

5259	Đại học	Quản lý bùn đáy tại Búng Bình Thiên, An Giang	Nguyễn, Thái Bình Đặng, Thành Nhựt	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Quản lý bùn đáy Búng Bình Thiên, An Giang” được nghiên cứu vào 2 đợt từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2019 tại Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Nghiên cứu này nhằm đánh giá chất lượng bùn đáy thông qua việc phân tích các chỉ tiêu chất hữu cơ (CHC), tổng đạm (TN) và tổng lân (TP). Từ đó, so sánh có hay không sự khác biệt chất lượng bùn đáy vào mùa khô và mùa mưa. Bên cạnh, còn nghiên cứu mức độ bồi lắng bùn đáy và đo độ dày lớp bùn nhằm tính toán được lượng bùn tích tụ cũng như tính thể tích không gian cần thiết để nạo vét. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng bùn đáy vào 2 mùa ở khu vực khảo sát thuộc dạng ô nhiễm hữu cơ vừa (trung bình là $3,54 \pm 1,54\%$ vào mùa khô) do nguồn thải từ các hộ dân sống xung quanh Búng. Hàm lượng CHC, TN, TP ở các vị trí trong Búng lần lượt là: 4.05%, 2.4% và 0.06% có sự khác biệt so với hàm lượng chất dinh dưỡng ở khu vực ngoài Búng lần lượt là: 1.65%, 0.93% và 0.044%. Kết quả đo đạc độ sâu lớp bùn có thể nạo vét nằm trong khoảng 20cm – 214cm và ước tính tổng trữ lượng bùn đáy mà thủy vực đang chứa vào khoảng 2,66 – 3,23 triệu m³ bùn đáy ướt. Cần sớm có kế hoạch nạo vét bùn Búng Bình Thiên để mở rộng không gian trữ nước cũng như cải thiện chất lượng nước của Búng. Từ khóa: bùn đáy, Búng Bình Thiên, bùn lắng, bầy bùn
5260	Đại học	Khảo sát và đánh giá mức độ ô nhiễm không khí vào mùa khô do hoạt động sản xuất than củi trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thủy Hà Anh	Lê, Anh Tuấn	2018-09	Bên cạnh những vấn đề ô nhiễm do tác động của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa như hiện nay thì ở một số địa phương tác động của các làng nghề truyền thống tự phát cũng rất đáng quan tâm. Các làng nghề tự phát này thải ra một lượng khí thải lớn trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm. Tuy nhiên việc quản lý và xử lý các khí thải này còn nhiều khó khăn. Hiện nay trên địa bàn xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã và đang phát triển hoạt động sản xuất than củi, phát thải ra một lượng lớn khói bụi và khí độc CO, SO₂. Nhằm khảo sát và đánh giá hiện trạng môi trường không khí tại đây, đề tài "Khảo sát và đánh giá mức độ ô nhiễm không khí vào mùa khô do hoạt động sản xuất than củi trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang" được thực hiện bằng phương pháp điều tra phỏng vấn kết hợp với đo đạc số liệu tại hiện trường. Kết quả quá trình nghiên cứu cho thấy, hiện tại số lượng lò than của vùng đang ngày càng tăng thêm. Nồng độ CO, SO₂ vượt QCVN 19:2009/BTNMT. Bụi PM_{2.5} có vùng ảnh hưởng hơn 1.200 m, ảnh hưởng nghiêm trọng sức khỏe con người và môi trường xung quanh trong và ngoài khu vực. Hơn nữa nồng độ Bụi PM_{2.5} cao tăng nguy cơ rủi ro sức khỏe đối với công nhân tại lò than nhất là nữ giới. Qua đó đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế lượng khí thải từ hoạt động sản xuất than củi tại vùng, trước hết là hạn chế sự tăng số lượng lò than và áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào quá trình sản xuất.

5261	Đại học	Đánh giá nhận thức-thái độ-hành vi của sinh viên đại học Cần Thơ về BĐKH ở ĐBSCL	Dur, Quốc An Nguyễn, Thanh Hòa	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Đề tài “Đánh giá nhận thức – thái độ – hành vi của sinh viên Đại Học Cần Thơ về biến đổi khí hậu” được thực hiện từ tháng 07 đến tháng 12 tại trường Đại học Cần Thơ nhằm đánh giá, so sánh và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết, thái độ và hành vi của sinh viên trường Đại học Cần Thơ về biến đổi khí hậu từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức của sinh viên. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 120 sinh viên thuộc 04 khoa bao gồm: khoa Môi trường & TNTN, khoa Nông nghiệp, khoa Sư Phạm và khoa Kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả sinh viên tham gia khảo sát có nhận thức về BĐKH, biểu hiện và tác động của BĐKH tới đời sống hằng ngày tương đối cao. Bên cạnh đó, sinh viên khoa Sư Phạm tham gia phỏng vấn có nhận thức về BĐKH thấp nhất so với các khoa còn lại. Đa số sinh viên khoa Môi trường & TNTN chỉ quan tâm đơn thuần đến các vấn đề BĐKH trong khi sinh viên các khoa được hỏi còn lại đều thể hiện thái độ thường xuyên quan tâm hoặc rất quan tâm về các vấn đề về này. Với các hành vi tác động đến BĐKH được đưa ra hầu hết đáp viên đều tỏ thái độ đặc biệt mong muốn các hành vi này được thực hiện. Đặc biệt ở khoa Kinh tế số lượng lựa chọn mức độ đặc biệt mong muốn nhiều nhất cho các hành vi này để tác động đến vấn đề BĐKH. Vì vậy, để nâng cao nhận thức – thái độ – hành vi của sinh viên thì cần thay đổi một cách cụ thể và tích cực về mặt chính sách, sáng tạo trong giáo dục và cải tiến về kỹ thuật.
5262	Đại học	Khảo sát mức sẵn lòng chi trả để tăng cường bảo tồn vườn quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp.	Tân, Giám Chi Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Lê, Văn Dũ	2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp nhằm mục tiêu tổng quát là đánh giá mức sẵn lòng chi trả của cộng đồng để tăng cường bảo vệ Vườn quốc gia Tràm Chim tỉnh Đồng Tháp. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao ý thức của người dân và khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương vào công tác bảo tồn và phát triển Vườn quốc gia Tràm Chim. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn 90 phiếu trong đó có 30 hộ được hưởng lợi ích trực tiếp từ Vườn quốc gia; 30 hộ không được hưởng lợi ích trực tiếp từ Vườn quốc gia và 30 du khách đến tham quan du lịch. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để đánh giá nhận thức thái độ của người dân đối với vai trò và giá trị của Vườn quốc gia. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng công thức tính mức sẵn lòng chi trả để tính giá sẵn lòng trả của từng đối tượng trong công tác bảo tồn Vườn quốc gia. Đồng thời nghiên cứu áp dụng mô hình Probit nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả của người dân đối với công tác bảo tồn. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số người dân ở cả ba nhóm đối tượng đều cho rằng lợi ích của Vườn quốc gia đến từ cảnh quan, thủy sản và du lịch. Số người đồng tình chi trả ở nhóm được hưởng lợi là 60%, ở nhóm không được hưởng lợi là 40% và nhóm du khách là 34%. Số tiền đồng ý quyên góp nhằm bảo tồn Vườn quốc gia ở nhóm được hưởng lợi là 66.000 đồng/năm/hộ; nhóm không được hưởng là 55.992 đồng/năm/hộ và nhóm du khách là 61.906 đồng/năm/hộ. Yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả là mức độ tin tưởng đối với chương trình.

5263	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt tỉnh Hậu Giang năm 2018	Lê, Thị Bảo Ngọc Trần, Phương Thảo	Dương, Văn Ni	2019-12	Đề tài “ Đánh giá chất lượng nước mặt tỉnh Hậu Giang năm 2018” được tiến hành nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu để góp phần hỗ trợ cho các nhà quản lý môi trường tại địa phương có cách nhìn tổng thể và đưa ra các phương án để kiểm soát chất lượng nước trên sông Hậu nói riêng và bảo vệ môi trường nước nói chung. Kết quả cho thấy tỉnh Hậu Giang có dấu hiệu ô nhiễm bởi Sắt (Fe), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nitrite (NO2-), Amoni (NH4+), Nhu cầu oxy sinh học (BOD), Nhu cầu oxy hóa học (COD), và Phosphate (PO43-), Coliform cao hơn nhiều lần so với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT).Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do nước thải của nhà máy, xí nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt theo quy chuẩn, nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi thủy sản và nước thải sinh hoạt. Từ đó cần phải có giải pháp phù hợp để quản lý chất lượng nguồn nước mặt dựa vào chính sách môi trường. Từ khóa: Chất lượng nước, nước mặt, Hậu Giang
5264	Đại học	Khảo sát hiện trạng kinh tế - xã hội mô hình trồng keo lai thích ứng với xâm nhập mặn tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau.	Đinh, Văn Huyền Linh Huỳnh, Nhật Huynh	Lê, Văn Dũ	2018-09	"Nghiên cứu được thực hiện tại xã Khánh Thuận huyện U Minh tỉnh Cà Mau nhằm mục tiêu tổng quát là tìm hiểu hiện trạng mô hình trồng Keo lai và tác động xâm nhập mặn đến mô hình này tại vùng đệm VQG U Minh Hạ. Từ đó đề xuất những giải pháp ứng phó phù hợp Nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn trực tiếp 30 nông hộ trong vùng nghiên cứu theo bảng câu hỏi đã xây dựng nhằm đánh giá được hiện trạng canh tác cũng như tình hình xâm nhập mặn hiện tại. Số liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phương pháp phân tích số liệu kinh tế, tính toán các chỉ phí, lợi nhuận, từ đó đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình trồng Keo lai. Ngoài ra các số liệu được xử lý thông kê bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS, số liệu sau xử lý được thể hiện qua các biểu bảng nhằm thể hiện kết quả một cách trực quan Kết quả nghiên cứu cho thấy Keo lai là loài cây thích hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, có hiệu quả kinh tế cao. Tuy xâm nhập mặn vẫn chưa tiến sâu vào vùng này nhưng việc phòng chống sớm từ trước của chính quyền và người dân là điều rất cần thiết để giảm các ảnh hưởng xấu đến mô hình."

5265	Đại học	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào sự tham gia của cộng đồng phụ nữ tại xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh.	Hà, Thị Ngọc Giàu Nguyễn, Thị Thái Hậu	Lê, Văn Dũ	2018-05	"Nghiên cứu được thực hiện tại ấp Thạnh An và ấp Thạnh Thắng thuộc xã Hòa Tiến, Tp.Vị Thanh nhằm mục tiêu tổng quát là Khảo sát mức độ hiểu biết và nhận thức của người dân, đặc biệt là phụ nữ về tầm quan trọng của Thiên tai. Từ đó tăng cường khả năng ứng phó thiên tai của xã thông qua việc nâng cao vị thế của cộng đồng phụ nữ với chính quyền địa phương và lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội Nghiên cứu tiến hành điều tra khảo sát bằng 2 hình thức: phỏng vấn trực tiếp 100 phiếu đối với phụ nữ (trên 18) tuổi tại 2 ấp Thạnh An và Thạnh Thắng nhằm đánh giá mức độ nhận thức của phụ nữ cộng đồng về việc nhận định vấn đề, rủi ro, nguồn lực sẵn có liên quan đến BĐKH trong cộng đồng; phỏng vấn PRA 48 người bao gồm các cán bộ ngành, cán bộ ấp, cán bộ hội LHPN nhằm phân tích nguồn lực và khả năng ứng phó với rủi ro thiên tai của phụ nữ trong cộng đồng. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để thống kê mô tả, phân tích tần số và kiểm định trung bình các số liệu sơ cấp thu thập được, tổng hợp vẽ biểu đồ bằng Microsoft Excel và đánh giá mức độ nhận thức của cộng đồng phụ nữ về các rủi ro thiên tai và việc quản lý rủi ro thiên tai. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ có vai trò quan trọng trong ứng phó với TT và BĐKH vì họ tham gia trực tiếp sản xuất nông nghiệp và hiểu biết về điều kiện tự nhiên kỹ thuật canh tác như nước tưới, tính chất đất và nước sinh hoạt ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe. Cộng đồng phụ nữ ở xã Hòa Tiến đã thảo luận và đưa ra những cách ứng phó khi thiên tai xảy ra đặc biệt là việc đề nghị gia cố đê bao của cộng đồng phụ nữ cho thấy phụ nữ không chỉ quản lý việc trong gia đình mà còn có thể đưa ra những ý kiến ứng phó khi thiên tai xảy ra. Từ đó tạo điều kiện cho cán bộ tính chủ động trong việc thực hiện kế hoạch ứng phó và phòng chống rủi ro thiên tai. "
------	---------	--	---	------------	---------	---

5266	Đại học	Đánh giá diễn biến chất lượng nước ngầm và rủi ro sức khỏe liên quan đến sử dụng nước ở tỉnh An Giang.	Phan, Kim Anh	Nguyễn, Thanh Giao	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh An Giang nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước ngầm trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2016 và đánh giá rủi ro sức khỏe liên quan đến sử dụng nước ngầm. Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu quan trắc về các chỉ tiêu chất lượng nước ngầm trên địa phận tỉnh An Giang giai đoạn từ 2009 đến 2016 và các tài liệu có liên quan từ các cơ quan quản lý. Từ đó đánh giá diễn biến chất lượng nước ngầm tại vùng nghiên cứu. Phương pháp đánh giá rủi ro sức khỏe được sử dụng để tính toán nhằm đánh giá rủi ro sức khỏe liên quan đến sử dụng nước ngầm bị nhiễm Asen, từ đó đề xuất một số giải pháp hạn chế. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel để nhập số liệu và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động chất lượng môi trường nước ngầm ở tỉnh An Giang trong giai đoạn từ 2009 – 2016; phần mềm IBM SPSS statistics for Windows, Version 20.0 (IBM Corp., Armonk, NY, USA) để so sánh sự biến động số liệu chất lượng nước ngầm theo năm và giữa các vị trí thu mẫu với nhau. Qua kết quả đánh giá diễn biến chất lượng nước ngầm tại 8 giếng quan trắc trên địa bàn tỉnh An Giang trong giai đoạn từ năm 2009 – 2016 và so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất QCVN 09-MT:2015/BTNMT cho thấy nước ngầm đã có dấu hiệu bị ô nhiễm. Dựa vào kết quả tính toán đánh giá rủi ro sức khỏe cho hai đối tượng người lớn và trẻ em sử dụng nước ngầm phục vụ cho ăn uống với hàm lượng Asen khác nhau của các giếng quan trắc cho thấy rủi ro ung thư từ trung bình cho đến cao. Ngoài ra nghiên cứu đã đề xuất được một số giải pháp nhằm quản lý nguồn nước ngầm cũng như giải pháp hạn chế rủi ro sức khỏe.
5267	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt trên sông chính và sông nhánh tại thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Bích Phượng Nguyễn, Đình Sang	Dương, Văn Ni	2019-12	Nghiên cứu về chất lượng nước mặt trên sông chính và sông nhánh tại Thành Phố Cần Thơ giai đoạn 2016-2018 được tiến hành thông qua đánh giá các chỉ tiêu chất lượng môi trường nước bao gồm nhiệt độ, pH, oxy hòa tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh học (BOD), lân hòa tan (P-PO43-), nitrate (N-NO3-) và coliforms tại các điểm quan trắc thuộc quận Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng, Phong Điền, Thới Lai, Thốt Nốt, Cờ Đỏ và huyện Vĩnh Thạnh. Kết quả cho thấy chất lượng nước mặt tại thành phố Cần Thơ có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ. Các chỉ tiêu như nhu cầu Oxy sinh học (DO), nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD5), nhu cầu Oxy hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Coliform cao hơn so với quy chuẩn chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Nguyên nhân dẫn đến sự ô nhiễm này là do các kênh rạch địa bàn đều là nơi tiếp nhận hầu hết các nguồn ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt; nước thải của các nhà máy, xí nghiệp chưa được xử lý hoặc chưa xử lý đạt quy chuẩn quy định; nước thải từ nông nghiệp, chăn nuôi chưa qua xử lý thải trực tiếp ra kênh rạch; nước thải từ chăn nuôi thủy sản và một phần từ hoạt động du lịch. Cần phải có những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nước mặt

5268	Đại học	Đánh giá chất lượng nước ngầm tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thoại Miêu	Dương, Văn Ni Lý, Văn Lợi	2019-12	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước ngầm tỉnh An Giang giai đoạn 2009-2018. Bao gồm những vị trí thuộc An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Chợ Mới, Long Xuyên, Thoại Sơn, Tịnh Biên, với các chỉ tiêu như nhiệt độ, pH, tổng chất rắn hòa tan, độ cứng tổng số, amoni, nitrat, asen, sắt tổng và coliforms. Số liệu thứ cấp thu thập được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel (2013) và phần mềm IBM SPSS statistics 20 phân tích One – Way ANOVA, sử dụng phương pháp phân tích cụm (Cluster Analysis - CA) và phân tích nhân tố chính (Principal Component Analysis - PCA). Nhìn chung, chất lượng nước ngầm tỉnh An Giang ở các vị trí quan trắc ít có sự biến động, cho thấy nguồn nước ngầm đang được sử dụng có chất lượng khá tốt nhưng không đồng đều. Vì một số vị trí giếng có hàm lượng TDS, độ cứng, amoni vượt QCVN 09-MT:2015/BTNMT tiêu biểu là GM3, GM4. Đáng quan tâm, nước ngầm tại các vị trí GM1, G2, GM3 và G7 đã vượt quá tiêu chuẩn nước uống của tổ chức y tế thế giới (WHO). Kết quả phân tích thành phần chính (PCA) đã chỉ ra được các nhân tố chính ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm bao gồm asen, coliforms và amoni. Kết quả phân tích CA cũng chỉ ra được có 3 nhóm các giếng có chất lượng nước tương đồng. Cần có những biện pháp quản lý để giảm tác động của con người đến chất lượng nước ngầm và xử lý nước để loại bỏ Asen trước khi sử dụng. Từ khóa: Nước ngầm, Asen, Coliforms, An Giang, PCA, CA
5269	Đại học	Khảo sát mức sẵn lòng chi trả của các hộ dân ở rừng phòng hộ ven biển xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.	Huỳnh, Bá Lợi Danh, Thị Kim Phiến	Lê, Văn Dũ	2018-09	"Nghiên cứu được thực hiện tại rừng Phòng Hộ ven biển xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu với mục tiêu tổng quát là tìm hiểu về sự sẵn lòng chi trả để bảo tồn rừng phòng hộ ở ven biển. Từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn và phát triển bền vững rừng phòng hộ Các số liệu về hiện trạng, điều kiện kinh tế - xã hội được thu thập từ các cơ quan chủ quản và các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn trực tiếp 60 hộ dân sống xung quanh rừng phòng hộ nhằm khảo sát đánh giá nhận thức, thái độ của người dân đối với việc bảo vệ rừng phòng hộ. Số liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, để đánh giá nhận thức, thái độ của đáp viên đối với vai trò và giá trị của rừng phòng hộ ven biển. Ngoài ra nghiên cứu sử dụng phương pháp tính giá sẵn lòng chi trả để khảo sát được mức sẵn lòng trả của người dân đối với công tác bảo tồn Kết quả nghiên cứu cho thấy, người dân sống ở Ngoài Đê có sự quan tâm đến các vấn đề môi trường Rừng Phòng Hộ, nhận thức của người dân trong công tác bảo tồn rừng Phòng Hộ còn thấp đối với số hộ gia đình ở khu vực Trong Đê. Có 02 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi trả tiền của người dân cho công tác bảo tồn Rừng Phòng Hộ là giới tính và Sự tin tưởng."

5270	Đại học	Đánh giá diễn biến chất lượng nước các loại hình nuôi thủy hải sản trên sông Hậu ở An Giang giai đoạn 2009 - 2015.	Lý, Hùng	Nguyễn, Thanh Giao	2018-05	Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước các loại hình nuôi thủy sản trên sông Hậu ở An Giang trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2015 để làm số liệu nền phục vụ cho công tác đánh giá và quản lý chất lượng nước trong những năm tiếp theo. Đồng thời so sánh mức độ tác động giữa các loại hình nuôi thủy sản đối với sông Hậu Các số liệu quan trắc về các chỉ tiêu nước mặt trên sông tại các nơi khai thác thủy sản bằng hình thức nuôi Bè, Đàng Quảng và nuôi Hầm và trên sông Hậu giai đoạn từ 2009- 2015 được thu thập từ các cơ quan chủ quản. Sử dụng phần mềm Microsoft Excel để nhập số liệu và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động chất lượng môi trường nước mặt giai đoạn từ 2009 – 2015. Ngoài ra nghiên cứu sử dụng phần mềm IBM SPSS statistics for Windows, Version 20.0 (IBM Corp., Armonk, NY, USA) để so sánh sự biến động số liệu chất lượng nước theo năm và so sánh giữa loại hình nuôi Bè, Đàng Quảng và nuôi Hầm với sông Hậu. Từ kết quả thống kê số kê tiến hành so sánh QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A để đánh giá chất lượng nước mặt Qua khảo sát đánh giá diễn biến chất lượng nước nuôi thủy sản đến sông Hậu tại địa phận An Giang giai đoạn 2009 - 2015 cho thấy có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, colifoms và hàm lượng chất rắn lơ lửng cao tại nhiều vị trí quan trắc. Mặt khác, nước trên sông Hậu ô nhiễm hữu cơ, colifoms và hàm lượng chất rắn lơ lửng cao có sự góp phần của hoạt động nuôi thủy sản từ các loại hình nuôi Bè, Đàng Quảng và nuôi Ao Hầm. Qua đó nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp nhằm sản xuất thủy sản bền vững bảo vệ nguồn nước sông Hậu.
5271	Đại học	Khảo sát hiện trạng canh tác, kinh tế - xã hội mô hình lúa 2 vụ thích ứng xâm nhập mặn tại vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ - tỉnh Cà Mau.	Nguyễn, Quốc Duy Đoàn, Văn Lập	Lê, Văn Dũ	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại Xã Khánh Thuận, Nguyễn Phích thuộc huyện U Minh và các xã Lợi An, Khánh Lộc thuộc huyện Trần Văn Thời nhằm mục tiêu tổng quát là khảo sát hiện trạng kinh tế - xã hội mô hình lúa 2 vụ và tác động xâm nhập mặn đến mô này tại vùng đệm VQG U Minh Hạ. Từ đó đề xuất những giải pháp ứng phó phù hợp Các số liệu về hiện trạng kinh tế, xã hội và môi trường tại vùng nghiên cứu được thu thập từ các cơ quan quản lý và các nghiên cứu có liên quan. Nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn trực tiếp 30 nông hộ về hiện trạng, kỹ thuật, chi phí, lợi nhuận và tác động của xâm nhập mặn đến quá trình canh tác. Số liệu được xử lý bằng phép thống kê mô tả và thống kê suy luận (so sánh trung bình T – Test, độ lệch chuẩn) bằng phần mềm Excel, SPSS. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy canh tác lúa là nguồn sinh kế chính của các nông hộ từ nhiều năm nay. Phần lớn người dân chủ động tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật và áp dụng các biện pháp KHKT vào canh tác để nâng cao năng suất. Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều hộ dân canh tác theo kinh nghiệm chủ quan của bản thân, sử dụng phân bón, thuốc BVTV không hợp lý, vừa gây hại cho sức khỏe và môi trường sinh thái, vừa không đạt hiệu quả cao. Ngoài ra năng suất lúa còn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như thời tiết, chất lượng đất, nước, vì vậy nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp ứng phó xâm nhập mặn, hạn chế ảnh hưởng đến năng suất lúa.

5272	Đại học	Đánh giá rủi ro sức khỏe công nhân tại công ty cổ phần SADICO Cần Thơ.	Lê, Lương Yến Nhi	Nguyễn, Thanh Giao	2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với mục tiêu tổng quát là đánh giá rủi ro sức khỏe của công nhân tại công ty và đề xuất giải pháp hạn chế rủi ro sức khỏe. Các số liệu về chất lượng không khí được kế thừa từ các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu tiến hành điều tra phỏng vấn trực tiếp 30 công nhân tại công ty. Phương pháp đánh giá rủi ro sức khỏe được sử dụng để xác định mối nguy hại, tính toán rủi ro. Từ đó đánh giá rủi ro đến sức khỏe do các chất ô nhiễm không khí tại nơi làm việc của công nhân như benzene, toluene, methyl ethyl ketone. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ tiêu nhiệt độ, tiếng ồn đã vượt tiêu chuẩn cho phép hiện hành về sức khỏe của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu khác như độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, bụi hô hấp, hơi khí độc (benzene, toluene, methyl ethyl ketone) đều đạt quy chuẩn cho phép tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe. Kết quả tính toán rủi ro có thể gây ung thư đối với benzene cho thấy có 4/5 khu vực sản xuất có rủi ro gây ra ung thư cho công nhân với xác suất từ 1 đến 7 người trong 10.000 người.
5273	Đại học	Đánh giá tính bền vững của mô hình thâm canh tôm thẻ chân trắng tại xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Hồng Lê Vân, Thùy Trang	Dương, Văn Ni	2019-12	Hiện nay, nghề nuôi tôm nước mặn, lợ đặc biệt nuôi tôm thẻ chân trắng (TTCT) đang được quan tâm và phát triển cả về diện tích lẫn mức độ thâm canh. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá tính bền vững của mô hình thâm canh tôm thẻ chân trắng tại xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, nghiên cứu được tiến hành trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2019 thông qua phỏng vấn 10 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng. Kết quả trên hộ bố trí mô hình địa bàn nghiên cứu cho thấy tổng chi phí nuôi TTCT trung bình 216,82 (triệu đồng/vụ/ha), thu nhập trung bình đạt 335,40 (triệu đồng/vụ/ha), mang lại lợi nhuận trung bình 118,58 (triệu đồng/vụ/ha) (bảng 4.11). Tỷ suất lợi nhuận trung bình của mô hình là 1,5. Tại địa điểm thực nghiệm các chỉ tiêu chất lượng nước trong ao nuôi qua các đợt thu mẫu hầu hết phù hợp cho sự sinh trưởng của tôm và nằm trong vùng cho phép của các quy chuẩn, trừ độ mặn còn hơi thấp so với quy chuẩn, hàm lượng chất hữu cơ, nitơ, photpho tích lũy trong bùn đáy ao sau 30 ngày tăng thêm lần lượt là 0,15%; 0,042%; 0,003%. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng cũng gặp một số khó khăn lớn như chi phí thức ăn tăng cao, không được tập huấn kỹ thuật, vốn đầu tư lớn, dịch bệnh và giá con giống cao. Cần đưa ra những biện pháp, kỹ thuật canh tác hợp lý đảm bảo phát triển bền vững thâm canh TTCT.

5274	Đại học	Khảo sát thành phần cá tự nhiên ở vùng đầm Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau.	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Lê, Văn Dũ	2018-09	"Nghiên cứu được thực hiện tại xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nhằm mục tiêu tổng quát là khảo sát thành phần và sản lượng cá tự nhiên ở vùng đầm VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau Các thông tin về hiện trạng, thành phần loài cá hiện tại được thu thập từ các cơ quan quản lý và các nghiên cứu trước đó, từ đó xác định được thành phần loài cá nước ngọt tự nhiên tại vùng. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 45 hộ dân trong vùng nghiên cứu nhằm sát nhận thức của người dân địa phương về sự thay đổi vùng phân bố và số loài cá theo kiểu sử dụng đất. Số liệu sau phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, được trình bày dưới dạng biểu bảng nhằm thể hiện kết quả một cách trực quan Qua nghiên cứu cho thấy, tổng số loài cá khảo sát ghi nhận được tại vùng là 16 loài, thuộc 6 họ, 3 bộ. Hiện trạng tài nguyên cá đang bị suy giảm cả về lượng cá và số lượng loài với nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm trên địa bàn được người dân cung cấp là do ô nhiễm môi trường."
5275	Đại học	Khảo sát và đánh giá ý kiến cộng đồng về tác động môi trường và xã hội từ các lò than tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.	Đinh, Thị Nhi	Lê, Anh Tuấn	2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang với mục tiêu tổng quát là khảo sát và đánh giá ý kiến cộng đồng về sự tác động đến môi trường và xã hội từ các lò hầm than. Từ đó đề xuất những giải pháp để phát triển nghề hầm than một cách bền vững không gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội. Các số liệu về bản đồ, thông tin số lượng lò than, trữ lượng than qua các năm được thu thập từ các báo cáo, niên giám thống kê của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp 70 hộ sản xuất than và 70 hộ không sản xuất than trong vùng nghiên cứu, để nhận thấy được ý kiến cộng đồng về hoạt động sản xuất cũng như những tác động của lò hầm than đến đời sống, môi trường và xã hội. Số liệu phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel và được thể hiện bằng các biểu đồ, sơ đồ nhằm thể hiện kết quả một cách trực quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất than có vai trò quan trọng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của vùng. Tuy nhiên hầu hết các hộ làm than đều không có hệ thống xử lý khói, bụi, làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và cây trồng của người dân xung quanh khu vực. Mặt khác người lao động trong khu vực sản xuất than đều không có trang bảo hộ lao động nên việc bị ảnh hưởng từ khói, bụi đến sức khỏe là khó tránh khỏi.

5276	Đại học	Khảo sát mức sẵn lòng chi trả để bảo vệ và phát triển cánh đồng sen ở khu du lịch Gò Tháp huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Trịnh, Thị Ánh Hồng Phan, Hồng Thắm	Lê, Văn Dũ	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại cánh Đồng Sen ở KDL Gò Tháp thuộc xã Mỹ Hòa và xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp với mục tiêu tổng quát là tìm hiểu về sự sẵn lòng chi trả để bảo vệ và phát triển cánh Đồng Sen thông qua việc đánh giá nhận thức của khách tham quan, người dân lân cận ở khu du lịch Gò Tháp. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác nhân rộng và phát triển bền vững cây sen Các số liệu về lịch sử hình thành, điều kiện kinh tế xã hội được thu thập từ các cơ quan chủ quản và các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu thực hiện thu thập số liệu sơ cấp thông qua việc điều tra phỏng vấn trực tiếp từ 30 hộ gia đình sống xung quanh cánh Đồng Sen, 10 hộ trồng sen cùng với 30 người khách du lịch. Phương pháp thống kê sử dụng các phép tính số từ Excel, STATA để xử lý các số liệu thu thập được từ việc phỏng vấn trực tiếp các hộ sống xung quanh cánh Đồng Sen, từ đó mô tả đặc điểm nông hộ, nhận thức hiểu biết của người dân về vai trò của cây sen. Phương pháp thống kê mô tả được dùng để đánh giá nhận thức, thái độ của đáp viên đối với vai trò và giá trị của cánh Đồng Sen. Sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính bội bằng mô hình Probit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng chi trả cho Quỹ bảo bảo vệ và phát triển cánh Đồng Sen Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển cánh Đồng Sen còn thấp. Ý kiến của các hộ dân có khả năng đóng góp trung bình hàng năm với số tiền 112.284 đồng/năm/hộ. Có 04 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi trả tiền của người dân cho công tác bảo bảo vệ và phát triển cánh Đồng Sen là giới tính, nhận thức, thu nhập và tin tưởng.
5277	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Quốc Thịnh	Nguyễn, Thanh Giao	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm mục tiêu tổng quát là nhằm đánh giá chất lượng nước mặt ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và đề xuất giải pháp quản lý chất lượng nguồn nước mặt Nghiên cứu tiến hành thu thập các số liệu quan trắc về các chỉ tiêu nước mặt của quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ năm 2013 và năm 2014 từ các cơ quan chủ quản. Sử dụng phần mềm Microsoft Excel để nhập số liệu và vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động chất lượng môi trường nước mặt. Dùng phần mềm IBM SPSS statistics for Windows, Version 20.0 để so sánh chất lượng nước ở quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ theo năm và so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Tính chỉ số WQI để đánh giá chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố Cần Thơ Kết quả nghiên cứu cho thấy, một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép về chất lượng nước mặt sinh hoạt tại cột A. Chất lượng nước trên các vị trí có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh. Trong tương lai, với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thành phố nói chung và quận Ninh Kiều nói riêng sẽ chịu áp lực lớn về vấn đề ô nhiễm môi trường nước nếu không có những giải pháp kịp thời và hữu hiệu.

5278	Đại học	Khảo sát hiện trạng rác thải sinh hoạt ở Chợ nổi Cái Răng, thành phố Cần Thơ.	Đặng, Hoàng Bích Nguyên	Lê, Văn Dũ	2018-05	Nghiên cứu được thực hiện tại Chợ nổi Cái Răng thuộc phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ nhằm mục tiêu tổng quát là khảo sát nhận thức, hành vi của các thương hồ và người dân sống ven sông về rác thải sinh hoạt trên sông Cần Thơ đoạn qua Chợ nổi Cái Răng. Từ đó đề xuất giải pháp quản lý phù hợp loại chất thải này Các thông tin về lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội được thu thập từ cơ quan xã phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc điều tra phỏng vấn trực tiếp từ 30 hộ gia đình sống xung quanh Chợ nổi Cái Răng và 30 thương hồ trên Chợ nổi Cái Răng. Từ đó xác định được nguồn thải rác thải sinh hoạt ở khu vực, đồng thời đánh giá khả năng nhận thức, hành vi về môi trường và bảo vệ môi trường của các thương hồ và người dân sống ven sông tại chợ nổi Cái Răng. Phương pháp thống kê sử dụng các phép tính số từ Excel, SPSS 22.0 để xử lý các số liệu thu thập được , được thể hiện qua các biểu bảng nhằm thể hiện kết quả một cách trực quan Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết dân cư sẽ có nhận thức kém về việc bảo vệ môi trường nói chung, và việc phân loại xử lý rác là nói riêng. Tuy có sự thu gom rác từ công ty cổ phần đô thị Cần Thơ, nhưng do thói quen người dân vẫn bỏ rác trực tiếp xuống sông. Các chương trình về môi trường vẫn chưa được tuyên truyền rộng rãi, những kiến thức phân loại rác người dân chưa được biết đến, chưa có sự kết hợp giữa chính quyền và người dân.
5279	Đại học	Đánh giá hiện trạng nước mặt sông Tiền, sông Hậu giai đoạn 2015-2018	Khoa, Tú Phụng	Dương, Văn Ni	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá chất lượng nước mặt sông Tiền và sông Hậu giai đoạn năm 2015-2018 từ tháng 3/2015 đến tháng 09/2018. Nước mặt được đánh giá thông qua so sánh các chỉ tiêu phân tích Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT: 2015/BTNMT) và sử dụng chỉ số chất lượng nước (WQI). Kết quả nghiên cứu trên 2 con sông cho thấy chỉ có thông số pH, N-NO3-, PO43-, N-NH4+ đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2, trong khi TSS, BOD, và tổng coliform vượt quy chuẩn nhiều lần so với cột A2 quy chuẩn này. Chỉ số WQI được tính toán kết quả ở hầu hết các thời điểm đều cho ra màu đỏ và giá trị không quá 20 cho thấy chất lượng nước đang bị ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai. Nhìn chung, kết cho thấy chất lượng nước mặt tại đây không thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cần phải có biện pháp xử lý và quản lý thích hợp.

5280	Đại học	Xây dựng bản đồ hiện trạng chất lượng đất, nước tại Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.	Lê, Hoàng Trung	Trần, Thị Kim Hồng	2018-09	Nghiên cứu được thực hiện tại khu bảo tồn loài – sinh cảnh tại xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang với mục tiêu tổng quát là xây dựng bản đồ hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước nhằm phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn. Nghiên cứu tiến hành thu mẫu ngoài thực địa, mẫu được thu vào mùa mưa sau đó được lưu trữ, vận chuyển về phòng thí nghiệm để phân tích. Đối với đất tiến hành phân tích các chỉ tiêu: pH, EC, hàm lượng hữu cơ, tổng đạm, tổng lân, lân dễ tiêu, kali dễ tiêu, axit tổng và Al^{3+} ; đối với nước, phân tích các chỉ tiêu: độ mặn, EC, COD, tổng đạm, tổng lân, Al^{3+} và Fe^{2+} . Từ đó đánh giá được hiện trạng chất lượng môi trường đất và nước tại vùng nghiên cứu, đồng thời xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu để lập bản đồ hiện trạng chất lượng đất, nước tại Khu bảo tồn. Qua nghiên cứu đã lập được bản đồ chất lượng đất, nước thể hiện rõ sự phân bố về mặt không gian, các chỉ tiêu, sự chênh lệch và mối tương quan của các chỉ tiêu đánh giá môi trường đất, nước trong Khu bảo tồn. Chất lượng đất nước tại Khu bảo tồn ảnh hưởng do các yếu tố ngoại cảnh: thời tiết, khí hậu, nước biển dâng, nuôi trồng thủy sản của các khu vực lân cận và địa hình. Các chỉ tiêu phân tích phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cỏ bàng, năng nị, năng ngọt. Không thích hợp để trồng lúa, nếu trồng lúa sẽ rất tốn kém để cải tạo đất và không đem lại năng suất cao.
5281	Đại học	Hiện trạng phát sinh và quản lý một số chất thải điện tử tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Thủy Thanh Lê, Thanh Tùng	Dương, Văn Ni	2019-12	Hiện nay các thành phần trong các thiết bị điện tử luôn không được chú trọng, các linh kiện các thiết bị điện tử khi thải ra ngoài môi trường sẽ trở thành rác thải nguy hại, vấn đề về rác thải điện tử này được nghiên cứu và đi vào khảo sát vào tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, khảo sát về việc thải bỏ các thiết bị của hộ dân, ý thức trong việc nhận biết các thiết bị điện tử và việc quản lý các thiết bị đã qua sử dụng của các nhà sản xuất. kết quả đạt được là nắm bắt được lượng rác thải do các hộ dân thải ra, số lượng rác thải được thải ra ngoài môi trường, hầu như chưa có chính sách cụ thể nào trong việc thu hồi và xử lý các rác thải điện tử.
5282	Đại học	Hiện trạng phát sinh và quản lý một số chất thải điện tử tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Thủy Thanh Lê, Thanh Tùng	Dương, Văn Ni Lý, Văn Lợi	2019-12	Hiện nay các thành phần trong các thiết bị điện tử luôn không được chú trọng, các linh kiện các thiết bị điện tử khi thải ra ngoài môi trường sẽ trở thành rác thải nguy hại, vấn đề về rác thải điện tử này được nghiên cứu và đi vào khảo sát vào tháng 8/2019 đến tháng 12/2019, khảo sát về việc thải bỏ các thiết bị của hộ dân, ý thức trong việc nhận biết các thiết bị điện tử và việc quản lý các thiết bị đã qua sử dụng của các nhà sản xuất. kết quả đạt được là nắm bắt được lượng rác thải do các hộ dân thải ra, số lượng rác thải được thải ra ngoài môi trường, hầu như chưa có chính sách cụ thể nào trong việc thu hồi và xử lý các rác thải điện tử.

5283	Đại học	Xác định khả năng tích lũy cacbon và tiềm năng phát triển thành khu bảo tồn thiên nhiên của rừng tràm Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng	Lê, Phát Huy Phạm, Ngọc Bảo Trâm	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Xác định khả năng tích lũy cacbon và tiềm năng phát triển thành khu bảo tồn thiên nhiên của rừng tràm Mỹ Phước, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019. Nghiên cứu được khảo sát ở 12 ô tiêu chuẩn (kích thước 10m x10m) với 2 nhóm tuổi. Đối với nhóm 1 (tràm trên 10 tuổi) có các chỉ tiêu về đường kính trung bình là 4,8 (cm), chiều cao trung bình vút ngọn là 7 (m) với mật độ trung bình là 4766 (cây/ha) và nhóm 2 (tràm dưới 10 tuổi) với đường kính trung bình là 8,9 (m) và chiều cao trung bình là 11,7 (m) với mật độ trung bình là 2766 (cây/ha). Chiều cao tăng theo độ tuổi của cây. Hàm lượng cacbon tích lũy của rừng tràm ở 2 nhóm tuổi có sự khác biệt rõ rệt, giá trị của nhóm trên 10 tuổi và dưới 10 tuổi lần lượt là 34,73 (tấn/ha) và 16,77 (tấn/ha). Lượng CO₂ hấp thu của tràm trên 10 tuổi là 127,34 (tấn/ha) và tràm dưới 10 tuổi 61,39 (tấn/ha). Đề tài đã đánh giá được hiện trạng rừng tràm Mỹ Phước đã đáp ứng được các tiêu chí thành lập khu bảo tồn thiên nhiên. Với sự phong phú về loài và đa dạng sinh học, các loài sinh vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam, vừa có giá trị về giáo dục, khoa học và lịch sử chính nơi đây có di tích lịch sử là khu căn cứ Tỉnh ủy là tiềm năng phát triển thành khu bảo tồn thiên nhiên kết hợp du lịch sinh thái góp phần nâng cao mức sống của người dân xung quanh khu vực rừng Tràm nói riêng và đẩy mạnh phát triển nền KT-XH của tỉnh Sóc Trăng nói chung
5284	Đại học	Đánh giá hiện trạng thực vật bậc cao thân gỗ ở hệ sinh thái rừng úng phèn và hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh tại vườn quốc gia Phú Quốc	Nguyễn, Thị Thiên Kim Ngô, Thị Hồng Cúc	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Khảo sát hiện trạng thực vật bậc cao thân gỗ ở hệ sinh thái rừng úng phèn và hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh tại vườn quốc gia Phú Quốc” nghiên cứu từ tháng 08 đến tháng 12/2019, nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng loài thực vật bậc cao và ước lượng sinh khối hệ sinh thái rừng úng phèn và hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh làm cơ sở nhằm cung cấp những thông tin phục vụ cho công tác kiểm kê. Khảo sát thực hiện trên 12 ô tiêu chuẩn ở hai hệ sinh thái: hệ sinh thái rừng úng phèn và hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh. Qua nghiên cứu đã xác định được 43 loài thực vật bậc cao thuộc 26 họ, 13 bộ của lớp Mộc Lan (Magnoliopsida) thuộc ngành Mộc Lan (Magnoliophyta) tại Vườn quốc gia Phú Quốc, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tổng sinh khối tươi, khô và khả năng hấp thụ CO₂ của hệ sinh thái rừng úng phèn lần lượt là 125,23 tấn/ha; 75,14 tấn/ha; 37,57 tấn/ha và tại hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh tổng sinh khối tươi là 187,97 tấn/ha; tổng sinh khối khô là 121,11 tấn/ha; khả năng hấp thụ CO₂ là 60,55 tấn/ha Hệ sinh thái rừng úng phèn có loài thực vật đặc trưng là Tràm Nước (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powel); ở hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh có các loài thực vật bậc cao thân gỗ đặc trưng là: Ôi Rừng (<i>Tristaniaopsis merguensis</i> (Griff.) Wils. & Waterh.), Bứa Núi (<i>Garcinia Oliveri</i> Pierre), Mô Ca (<i>Buchanania reticulata</i> Hance.), các loài thực vật có dạng sống khác nhau và có nhiều công dụng. Để cả hai hệ sinh thái có khả năng hấp thụ CO₂ cao thì cần duy trì ổn định mật độ và tạo điều kiện tốt nhất cho cây phát triển về đường kính và chiều cao.

5285	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt kênh Xáng Mới khu vực chợ Rạch Gòi-Huyện Châu Thành A-tỉnh Hậu Giang	Lê, Huỳnh Như Trần, Quốc Triệu	Trương, Hoàng Đan	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng nước mặt tại kênh Xáng Mới, khu vực chợ Gạch Ròi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, đánh giá hiện trạng nước và xác định nguồn ô nhiễm nước mặt tại kênh Xáng Mới. đánh giá hiện trạng nước mặt kênh Xáng Mới, đề xuất một số biện pháp quản lý chất lượng nước mặt ở kênh Xáng Mới. Phỏng vấn các hộ dân xung quanh khu vực nghiên cứu để xác định nhu cầu sử dụng nước và các nguồn phát sinh ô nhiễm môi trường nước mặt ở khu vực kênh Xáng Mới. Thu mẫu, phân tích đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt thô qua các chỉ tiêu pH, COD, DO, độ đục, TSS, BOD5, nitrat (NO3-), phosphat (PO43-).Kiến nghị một số giải pháp quản lý tài nguyên nước mặt phù hợp cho kênh Xáng Mới khu vực chợ Rạch Gòi, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
5286	Đại học	Đánh giá khả năng hấp thụ carbon của rừng ngập mặn ven biển tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.	Huỳnh, Thị Thanh Thúy	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá khả năng hấp thụ Cacbon của rừng ngập mặn ven biển tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng” được tiến hành nhằm đánh giá khả năng tích lũy cacbon thông qua xác định sinh khối trên các đối tượng Bần chua (Sonneratia Caseolaris), Mắm trắng (Avicennia Alba) và Mắm đen (Secura Marina Forsk) bằng việc kế thừa và vận dụng phương pháp tính toán trên các chỉ tiêu mật độ, đường kính, chiều cao của cây gỗ ngập mặn. Qua đó cho thấy, tại khu vực giáp biển, tổng sinh khối thấp nhất với 3,41 tấn/ha, cao nhất tại vùng giữa rừng với 3.432,20 tấn/ha. Trong khi đó, tại khu vực ven đất liền, tổng sinh khối ở khu vực này là 2.243,53 tấn/ha. Cacbon tích lũy trung bình tại các khu vực khảo sát là 894,30 tấn C/ha. Tổng CO2 mà cây gỗ ngập mặn tại khu vực nghiên cứu hấp thụ là 9.846,22 tấn CO2/ha, bình quân 3.282,07 tấn CO2 /ha. Giá trị lưu trữ cacbon của rừng ngập mặn ven biển huyện Cù Lao Dung là 49.231,12 USD/tấn CO2/ha.
5287	Đại học	Tìm hiểu quy trình lập kế hoạch sử dụng đất tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Trần, Ngọc Ái Vy	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Tìm hiểu quy trình lập kế hoạch sử dụng đất tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ” nhằm tìm hiểu các văn bản quy phạm pháp luật về kế hoạch sử dụng đất bằng phương pháp tổng hợp, đối chiếu với các văn bản hiện hành và sử dụng phương pháp điều tra xã hội học để tìm hiểu công tác lấy ý kiến người dân. Kết quả nghiên cứu cho thấy các quy định về kế hoạch sử dụng đất được nhà nước quy định cụ thể và sửa đổi, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế. Đối với sự tham gia của cộng đồng dân cư còn hạn chế do công tác lấy ý kiến chỉ mang tính chất hình thức và chưa có quy định cụ thể. Bên cạnh những thuận lợi như quy định pháp lý ngày càng đầy đủ và hoàn thiện; có sự quan tâm của các sở, ban, ngành thì cũng còn gặp một số bất cập như hệ thống pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, dẫn tới không rõ trách nhiệm quản lý, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện; một số nội dung phát sinh mới trong thực tiễn nhưng pháp luật chưa có quy định điều chỉnh. Để hoàn thiện quy trình lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cần tìm hiểu thêm công tác lấy ý kiến người dân về kế hoạch sử dụng đất ở nhiều địa phương khác để từ đó rút ra ý kiến của người dân về kế hoạch sử dụng đất cũng như nội dung lấy ý kiến; phân tích và so sánh các văn bản pháp luật của các lĩnh vực có liên quan và nguyên tắc lựa chọn, áp dụng các văn bản pháp luật.

5288	Đại học	Đánh giá hiện trạng rác thải nhựa ở Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên và Khoa Kinh tế tại khu 2 đại học Cần Thơ	Trần, Thị Cẩm Ngọc	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá hiện trạng rác thải nhựa ở Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên và Khoa Kinh tế tại khu II Đại học Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 08/2019 đến tháng 12/2019 nhằm đánh giá hiện trạng rác thải nhựa tại 2 Khoa. Kết quả phân tích thành phần rác thải nhựa tại 2 Khoa cho thấy tất cả các thành phần rác thải nhựa ở Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên đều cao hơn Khoa Kinh tế. Tổng lượng rác thải nhựa tại Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên là 34,63 kg nhiều hơn Khoa Kinh tế là 27,16 kg. Trong các thành phần rác thải nhựa bao gồm: túi nilon, ly nhựa, chai nhựa, hộp xốp, ống hút nhựa và muỗng nhựa thì túi nilon chiếm khối lượng và tỷ lệ phần trăm cao nhất. Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên lượng túi nilon chiếm 10,9 kg, với 9,63% thành phần rác thải nhựa. Đồng thời, Khoa Kinh tế lượng túi nilon chiếm 11,9 kg với 8,3% thành phần rác thải nhựa. Muỗng nhựa chiếm tỷ lệ ít nhất trong các thành phần rác thải nhựa, với khối lượng 1,03 kg chiếm tỷ lệ 0,91% tại Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên; Khoa Kinh tế có khối lượng muỗng nhựa là 1,03 kg với tỷ lệ 0,5% trong thành phần rác thải nhựa. Còn lại, lần lượt thứ tự giảm dần là ly nhựa, chai nhựa, hộp xốp và ống hút nhựa. Tốc độ phát sinh rác thải nhựa tại 2 Khoa là 0,001kg/người*ngày rất thấp trong tổng lượng phát sinh rác thải sinh hoạt tại quận Ninh Kiều là 0,61kg/người*ngày.
5289	Đại học	Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, tỉnh Long An	Nguyễn, Thị Thu Em Cổ, Lê Minh Khoa	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen, Long An”, được thực hiện từ 8/2019 đến 12/2019. Mục tiêu của đề tài là dựa vào kết quả khảo sát và hiện trạng cơ sở hạ tầng tại Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen để đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Đề xuất giải pháp để định hướng phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen. Kết quả nghiên cứu đánh giá được hiện trạng, tiềm năng về các khu vực tham quan trong Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen như: Đồng cỏ ngập nước theo mùa; Rừng tràm nguyên sinh và thứ sinh; Đê, kênh, rạch nhân tạo; Cánh đồng ruộng lúa canh tác theo 2 mùa; Lung; để phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen, và xác định được vai trò cơ sở hạ tầng trong việc phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen, đề xuất các giải pháp để phát triển Khu Bảo Tồn Đất Ngập Nước Láng Sen hướng tới phát triển bền vững. Bên cạnh đó kết quả cho thấy nhu cầu du lịch của người dân địa phương tại Khu bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen rất cao. Ý thức bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường của người dân ngày càng cao, công tác quản lý của các cơ quan nhà nước đã có những định hướng nhất định để phát triển Khu bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen thành khu du lịch sinh thái.

5290	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt giai đoạn 2015-2018 tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Lâm, Trí Cường Mai, Thị Kiều Đăng	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá chất lượng nước mặt giai đoạn 2015 - 2018 tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ” được tiến hành bằng cách thu thập số liệu quan trắc từ Phòng Tài nguyên và môi trường nhằm đánh giá được chất lượng môi trường nước mặt giai đoạn 2015 - 2018 tại quận Cái Răng thành phố Cần Thơ, thông qua việc đánh giá một chỉ tiêu như: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, BOD5 20oC, TSS, COD, NH4 +, Sắt tổng, NO2-, NO3- , P-PO43- , Cr6+, F-, Pb, As, tổng Coliform và khảo sát điều tra về các nguồn thải ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt. Kết quả cho thấy nước mặt của quận có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ. Các chỉ tiêu như: BOD5 20oC, COD, TSS vượt ngưỡng so với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) loại A1. Tại khu vực nghiên cứu hàm lượng DO thấp hơn quy chuẩn cho phép, Phosphat bị ô nhiễm nặng ở chợ Cái Răng và vàm Cái Cui, Pb tăng cao vào năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm chủ yếu là do nguồn thải từ nước thải sinh hoạt. Ngoài ra còn do các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và nguồn nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp chưa được xử lý hoặc xử lý không đạt theo quy định. Từ kết quả đánh giá chất lượng nước mặt và nguồn thải ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tại quận Cái Răng cho ta thấy cần phải có những giải pháp phù hợp để quản lý chất lượng nước mặt.
5291	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của xâm nhập mặn lên các mô hình canh tác tại huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Vũ Luân Trần, Nguyễn	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động của xâm nhập mặn đến các mô hình canh tác của người dân của vùng ven biển tỉnh Bến Tre, cụ thể ở đây là trên địa bàn 4 xã Thạnh Trị, Thạnh Phước, Thừa Đức, Thới Thuận tại huyện Bình Đại. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn nông hộ (gồm 83 phiếu phỏng vấn) và 12 cán bộ địa phương (cán bộ phòng Nông nghiệp Bình Đại, cán bộ các xã nghiên cứu) nhằm khảo sát về ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến các mô hình canh tác (cụ thể khảo sát được là các mô hình: chuyên tôm, mô hình lúa – tôm, rau màu, chăn nuôi, làm muối). Kết quả đạt được cho thấy xâm nhập mặn ảnh hưởng nhiều nhất tới sản xuất ở các xã Thạnh Trị, Thừa Đức các mô hình chịu tác động mạnh mẽ của thời tiết cực đoan là lúa – tôm, rau màu. Đặc biệt vào năm 2016, tình hình Elnino diễn biến cực đoan làm thiệt hại 268,5ha diện tích lúa gây tổn thất khoảng 01 tỷ đồng, và 63ha diện tích hoa màu thiệt hại ở mức 70% tại xã Thừa Đức. Ngoài ra các mô hình như chuyên tôm, làm muối không bị ảnh hưởng nhiều bởi xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan, có thể thấy các mô hình này thích hợp trong điều kiện mặn kéo dài và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Để giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn nông hộ tại khu vực nghiên cứu có những giải pháp đối phó như: luân canh mô hình khác, nghỉ vụ, và tiếp tục canh tác bình thường để tránh lãng phí thời gian cũng như đất trồng. Đề tài đề xuất chính quyền địa phương cần đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai quy hoạch, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi và công ngăn mặn, lai tạo nhiều hơn các giống cây trồng, vật nuôi chịu mặn tốt nhằm hỗ trợ người dân sản xuất hiệu quả nhất trong tình hình xâm nhập mặn phức tạp như hiện nay.

5292	Đại học	Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt mùa mưa tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Đinh, Công Bằng Lê, Phước Nhân	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt mùa mưa tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng” xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Thông qua việc phỏng vấn và thu mẫu tại 15 vị trí trong khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng bao gồm các chỉ tiêu DO, pH, EC, TSS, BOD5, COD, Al3+, Fe2+, SO42-, TP, TN. Qua 2 đợt thu mẫu vào tháng 8/2019 và tháng 12/2019 từ đó phân tích đánh giá sự thay đổi của chất lượng nước tại 3 phân khu dựa vào việc so sánh với số liệu của các nghiên cứu trước đây và QCVN 08:2015/BTNMT- cột A1. Kết quả nghiên cứu cho thấy các chỉ tiêu như BOD5, COD, Fe2+ đều vượt quá ngưỡng cho phép tại đa số các vị trí qua 2 đợt thu mẫu có thể thấy được chất lượng nguồn nước mặt tại đây đang có dấu hiệu ô nhiễm chất hữu cơ từ quá trình sản xuất nông nghiệp do đó cần phải có biện pháp quản lý phù hợp.
5293	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt sông Cái Lớn ở thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017-2019	Nguyễn, Nhật Dương Lương, Trọng Trường Sơn	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “Đánh giá chất lượng nước mặt tại sông Cái Lớn ở thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017 – 2019” được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2019 tại sông Cái Lớn nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tại sông Cái Lớn. Từ đó, xác định các nguồn thải chính ảnh hưởng đến chất lượng sông và đề ra giải pháp để giảm thiểu tác động của nguồn thải đối với chất lượng nước mặt tại sông Cái Lớn. Số liệu thu thập được mã hóa, tổng hợp bằng phần mềm Microsoft Excel và xử lý trên phần mềm thống kê SPSS để phân tích, phân loại và sắp xếp các yếu tố tác động, làm cơ sở cho việc đánh giá hiện trạng các nguồn ô nhiễm tác động đến chất lượng nước mặt ở khu vực nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chất lượng nước mặt tại sông Cái Lớn thị xã Long Mỹ tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017 – 2019 so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) cho thấy các chỉ tiêu DO, BOD5, TSS, Coliform,... đã vượt mức cho phép cột A. Giá trị BOD5 tại 3 vị trí quan trắc từ năm 2017 – 2018 vượt từ 2,5 – 3,1 lần, Coliforms tại 3 vị trí quan trắc từ năm 2017 – 2019 vượt từ 2,2 – 3,7 lần, TSS tại 3 vị trí quan trắc từ năm 2017 – 2018 và 2 vị trí năm 2019 (NM32 và NM33) vượt từ 1,2 đến 2 lần so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A. Nguồn gây ảnh hưởng chính ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tại khu vực sông Cái Lớn được xác định là các nguồn từ hoạt động khu công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt và khu dân cư. Việc quản lý và kiểm soát các chất thải tại nguồn, đặc biệt là nước thải chưa qua xử lý thải trực tiếp ra sông, cùng với công nghệ sản xuất còn lạc hậu, hệ thống xử lý nước thải chưa hoàn thiện, vận hành không đúng với quy trình xả thải nên chưa đạt chuẩn để thải ra môi trường. Do thị xã Long Mỹ là một trong những trung tâm phát triển mạnh của tỉnh Hậu Giang thì nguồn nước mặt tại thị xã Long Mỹ phải đối mặt với các vấn đề ô nhiễm là việc không thể tránh khỏi.

5294	Đại học	Đề xuất mô hình cây xanh tại khu II Đại học Cần Thơ	Lê, Kim Liễu Trần, Thị Minh Kha	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	“Nghiên cứu đề xuất mô hình cây xanh khu II Đại học Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019. Nghiên cứu nhằm tiến hành điều tra đánh giá hiện trạng hệ thống cây xanh trong khuôn viên khu II, Đại học Cần Thơ. Xác định số lượng, số loài cây và các loài cây trồng không phù hợp, đồng thời tính toán sinh khối và khả năng hấp thụ CO₂. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu dựa trên khảo sát thực địa thu thập thông tin, phương pháp điều tra. Kết quả nghiên cứu xác định được 84 loài cây với số lượng 5809 cây thuộc 34 họ, trong đó cây được trồng nhiều nhất là cây thuộc họ Dầu là cây sao đen 964 cây (chiếm 16,6%), Dầu con rái 731 cây (chiếm 12,6%). Có 3 loài cây nằm trong danh mục cây cấm trồng và 28 loài cây nằm trong danh mục cây hạn chế trồng theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Tuy nằm trong danh mục cây hạn chế trồng nhưng một số loài cây được trồng nhằm mục đích phục vụ cho công tác nghiên cứu, thí nghiệm. Số lượng cây và loài cây phân bố không đều phần lớn do các khoa có diện tích khác nhau và kế hoạch trồng cây khác nhau. Nghiên cứu đề xuất thay thế các cây nằm trong danh mục cây cấm trồng và hạn chế trồng cũng như trồng không có tính đồng bộ ở các khu vực như: Nhà học A3 – B1, nhà học B1, khoa Công Nghệ, tuyến đường số 2 và tuyến đường số 7. Các khu vực có một số cây không phù hợp nghiên cứu đề xuất thay thế, thu thập lại số liệu; thông tin cây xanh chính xác, lập danh sách và tổ chức đánh số, ngày trồng, xuất xứ các loại cây xanh giúp quản lý tốt hơn đồng thời giúp sinh viên hiểu biết thêm kiến thức về cây xanh một cách tự nhiên và dễ dàng nhất và khơi nguồn sáng tạo. Hàng năm kiểm kê diện tích cây xanh và số lượng cây trồng,
5295	Đại học	Hiện trạng quản lý chất thải trên mô hình trồng hành tím và ớt tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Thạch, Thị Rách Tha Cao, Trần Thủy Tiên	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Đề tài “ Hiện trạng quản lý chất thải trong mô hình trồng hành tím và ớt tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 9 năm 2019 qua kết quả phỏng vấn 90 hộ dân tại 3 xã Phụng 2, Lạc Hòa, Vĩnh Hải mỗi xã là 30 phiếu. Bên cạnh đó điều tra phỏng vấn nông hộ được sử dụng để thu thập số liệu sơ cấp, từ kết quả phỏng vấn nghiên cứu các điều kiện và nguồn lực nông hộ được đánh giá các hệ thống canh tác mang lại hiệu quả kinh tế cao và thích hợp với địa phương được xác định. Kết quả thu được từ khảo sát sẽ được tổng hợp và thống kê bằng phần mềm Excel, xác định được các loại phụ phế phẩm, khối lượng và các chất thải bao bì thuốc BVTN trong canh tác hành tím và ớt. Qua đó đề xuất được các biện pháp quản lý chất thải cho phù hợp với tình hình hiện nay của cả 3 xã có diện tích canh tác nhiều nhất của Vĩnh Châu.

5296	Đại học	Đánh giá hiện trạng thực vật thủy sinh bậc cao vào mùa mưa tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Cẩm Duyên Lê, Thị Huyền Như	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Nghiên cứu “Đánh giá hiện trạng thực vật thủy sinh bậc cao vào mùa mưa tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại 3 phân khu: Bảo vệ nghiêm ngặt, Phục hồi sinh thái và Dịch vụ - Hành chính của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Phụng Hiệp, Hậu Giang) từ 8/2019 - 12/2019 để xác định thành phần loài thực vật thủy sinh bậc cao tại 3 phân khu đồng thời đánh giá mức độ phân bố các loài thủy sinh thực vật bậc cao, so sánh thành phần loài và mức độ phân bố thủy sinh thực vật bậc cao ở 3 phân khu của Khu bảo tồn. Kết quả cho thấy có tổng cộng 14 loài thủy sinh thực vật hiện diện qua 9 vị trí khảo sát bao gồm: Bèo tai chuột (<i>Salvinia cucullata</i> Roxb), Bèo Tai Tượng (<i>Pistia stratiotes</i> L.), Bèo Cầm (<i>Lemna sequioxialis</i> Welwitsch), Lúa Ma (<i>Oryza rufipogon</i> Griff), Lục Bình (<i>Eichhornia crassipes</i> (Maret.) Slous), Bông Súng (<i>Nymphaea rubra</i> Roxb), Cỏ Mồm Mỡ (<i>Hymenachne acutigluma</i> (Steud.) Gilliland), Cỏ Lông Tây (<i>Brachiaria mutica</i>), Môn Nước (<i>Colocasia antiquorum</i> Schott), Rau Muống (<i>Imponoea aquatica</i> Forsk), Rong Đuôi Chồn (<i>Ceratophyllum demersum</i> L), Hẹ nước (<i>Vallisneria spiralis</i> L), Bèo Hoa Dâu (<i>Azolla caroliniana</i>), Rau trai nước (<i>Commelina paludosa</i> Bl). Qua đó đã đánh giá được Khu bảo vệ nghiêm ngặt đa dạng về thành phần loài, trong đó Lục bình là loài thực vật thủy sinh ngoại lai chiếm ưu thế về mức độ phân bố tại các vị trí khảo sát. Thành phần loài thực vật thủy sinh hiện diện với số lượng tương đối ít trong quá trình khảo sát.
5297	Đại học	Hiện trạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát tại Búng Bình Thiên, tỉnh An Giang	Phan, Quốc Hưng Võ, Văn Lương	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Lưỡng cư, bò sát là một nguồn tài nguyên đang bị khai thác quá mức có thể dẫn đến suy kiệt. Trong những năm gần đây, số lượng loài lưỡng cư, bò sát ở Búng Bình Thiên đang bị săn bắt nhiều dẫn đến suy giảm số lượng cá thể loài. Vì thế, nghiên cứu được tiến hành để xác định thành phần, đặc điểm phân bố của các loài lưỡng cư, bò sát và đề xuất giải pháp bảo tồn các loài lưỡng cư, bò sát ở Búng Bình Thiên. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực địa trong tháng 8/2019. Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến kết hợp phỏng vấn trong nhân dân bước đầu ghi nhận được 9 loài lưỡng cư và 12 loài bò sát thuộc 2 bộ, 11 họ trong các sinh cảnh khác nhau như đầm lầy, đê bao và vườn cây. Sinh cảnh vườn cây là khu vực có hệ lưỡng cư, bò sát đa dạng nhất trong các sinh cảnh khảo sát. Ghi nhận có 2 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), đó là Tắc kè (<i>Gekko gecko</i>) và Rắn ri voi (<i>Subessor bocourti</i>). So với các khu bảo tồn khác trong khu vực ĐBSCL, đa dạng lưỡng cư, bò sát tại đây thuộc mức thấp. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự đa dạng lưỡng cư, bò sát khu vực này gồm mất môi trường sống, săn bắt quá mức và buôn bán trái phép. Trong thời gian tới cần quy hoạch để bảo tồn sinh cảnh sống cũng như để bảo vệ các loài lưỡng cư, bò sát ở Búng Bình Thiên

5298	Đại học	Ứng dụng GIS trong quản lý đa dạng sinh học và môi trường nước mặt tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Cẩm Nhung Nguyễn, Hoài Tâm	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Nghiên cứu “Ứng dụng gis trong quản lý đa dạng sinh học và môi trường nước mặt tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện ở 3 phân khu: phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu Phục hồi sinh thái và phân khu Hành chính, dịch vụ và du lịch của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Phụng Hiệp, Hậu Giang) từ 08/2019 – 12/2019. Với mục tiêu ứng dụng GIS xây dựng bản đồ đa dạng sinh học và chất lượng môi trường nước nhằm phục vụ công tác quản lý và bảo tồn Đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng Các số liệu về chất lượng môi trường nước mặt, phiếu sinh thực vật, phiếu sinh động vật, động vật đáy và thực vật thủy sinh bậc cao được thu thập từ nhóm thu mẫu qua 2 đợt là ngày 23/05/2019 và 25/09/2019. Nghiên cứu đã đánh giá được chất lượng môi trường nước mặt tại KBT TN Lung Ngọc Hoàng với 11 chỉ tiêu bao gồm: pH, DO, EC, BOD, COD, Tổng P, Tổng N, SO42-, TSS, Fe2+, Al3+ ở 2 đợt thu mẫu tại các vị trí thu mẫu, các phân khu và so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt tại cột A1 cho thấy chất lượng môi trường nước bị ô nhiễm chủ yếu là do chỉ tiêu: DO, BOD (đợt 1) COD cả 2 đợt đều vượt quy chuẩn cho phép nhưng tại đợt 2 cho thấy chất lượng nước được cải thiện, ít bị ô nhiễm hơn so với đợt 1. Bên cạnh đó thì phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái có chất lượng môi trường nước mặt ổn định và ít bị ô nhiễm hơn so với phân khu hành chính, dịch vụ và du lịch Kết quả đa dạng sinh học cho thấy thành phần loài phiếu sinh thực vật có 945 (55%) loài phiếu sinh thực vật, 517 (30%) loài phiếu sinh thực vật, 199 (11.6%) loài thực vật thủy sinh bậc cao và 53 (3.4%) loài động vật đáy. Sự đa dạng sinh học tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phục hồi sinh thái cao hơn so với phân khu hành chính, dịch vụ và du lịch Nghiên cứu đã đánh giá được chất lượng môi trường nước mặt và sự đa dạng sinh học tại các vị trí thu mẫu, tạo cơ sở dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian.
5299	Đại học	Xây dựng quy trình quan trắc chất lượng nước mặt tại khu bảo tồn loài-sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Ngô, Thị Trúc Linh	Trần, Thị Kim Hồng	2019-12	Nghiên cứu được thực hiện nhằm để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt tại các sinh cảnh KBT và xây dựng quy trình quan trắc (QTQT) môi trường nước mặt tại KBT Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ để góp phần trong công tác quản lý và bảo tồn ĐDSH. Kết quả đánh giá cho thấy nguồn nước nơi đây giàu chất hữu cơ và bị nhiễm phen biểu hiện qua nồng độ sắt (0,23-3,19 mg/L) và nhôm (2,85-21,35mg/L) trong nước cao, giá trị pH (nhỏ hơn 6) và DO (2,21-8,48 mg/L) còn khá thấp so với QCVN 08:2015/BTNMT, giá trị COD (>10 mg/L) lại cao hơn QCVN 08:2015/BTNMT, đối với hàm lượng đạm và lân tổng số có sự chênh lệch giữa các sinh cảnh, giá trị EC và độ mặn tại KBT ở mức trung bình. Đề tài xây dựng QTQT chất lượng môi trường nước mặt trong KBT tại 3 vị trí quan trắc với 14 thông số quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, EC, độ mặn, độ đục, DO, COD, TP, TN, SO42-, Cl-, sắt, nhôm, dư lượng thuốc BVTV. Việc xây dựng QTQT nước mặt tại KBT để theo dõi diễn biến chất lượng nước mặt tại KBT để có hướng khắc phục và giải quyết kịp thời

5300	Đại học	Ước tính sinh khối và khả năng hấp thụ CO2 của nhóm cây gỗ ở một số tuyến đường chính quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Giang Cẩm Tú	Trần, Thị Kim Hồng	2018-12	Nghiên cứu “Ước Tính Sinh Khối Và Khả Năng Hấp Thụ CO2 Của Nhóm Cây Gỗ Ở Một Số Tuyến Đường Chính Quận Ninh Kiều Thành Phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 12/2018, địa bàn khảo sát là 5 tuyến chính với tổng chiều dài gần 13 km phân bố ở đường 3 Tháng 2 là 3,2 km, 30 Tháng 4 là 3,8 km, Nguyễn Văn Cừ với 1,6 km, Đại Lộ Hòa Bình là 0,8 km và Nguyễn Văn Linh là 3,6 km. Trong đó có sáu loài cây chính là Sao đen (<i>Hopea odorata</i>) gồm 487 cây, Dầu rái (<i>Dipterocarpus alatus</i>) có 319 cây, Me (<i>Tranilarindus indica</i>) có 633 cây, Liêm xẹt (<i>Peltophorum pterocarpum</i>) có 31 cây, Muồng hoàng yến (<i>Cassia fistula</i>) với 20 cây và Bằng lăng (<i>Lagerstroemia calyculata</i>) có 109 cây, tổng cộng khảo sát được 1.599 cây các loại. Bằng cách thu thập các chỉ tiêu đường kính và chiều cao để áp dụng công thức tính được sinh khối tươi của cây, hàm lượng cacbon và lượng CO2 mà cây xanh có thể hấp thụ được. Kết quả cho thấy Dầu rái (<i>Dipterocarpus alatus</i>) là loài hấp thụ được lượng CO2 cao nhất trong các loài cây khảo sát và được chọn trồng nhân rộng ở quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ trong tương lai. t Nghiên cứu “Ước Tính Sinh Khối Và Khả Năng Hấp Thụ CO2 Của Nhóm Cây Gỗ Ở Một Số Tuyến Đường Chính Quận Ninh Kiều Thành Phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 08/2018 đến tháng 12/2018, địa bàn khảo sát là 5 tuyến chính với tổng chiều dài gần 13 km phân bố ở đường 3 Tháng 2 là 3,2 km, 30 Tháng 4 là 3,8 km, Nguyễn Văn Cừ với 1,6 km, Đại Lộ Hòa Bình là 0,8 km và Nguyễn Văn Linh là 3,6 km. Trong đó có sáu loài cây chính là Sao đen (<i>Hopea odorata</i>) gồm 487 cây, Dầu rái (<i>Dipterocarpus alatus</i>) có 319 cây, Me (<i>Tranilarindus indica</i>) có 633 cây, Liêm xẹt (<i>Peltophorum pterocarpum</i>) có 31 cây, Muồng hoàng yến (<i>Cassia fistula</i>) với 20 cây và Bằng lăng (<i>Lagerstroemia calyculata</i>) có 109 cây, tổng cộng khảo sát được 1.599 cây các loại. Bằng cách thu thập các chỉ tiêu đường kính và chiều cao để áp dụng công thức tính được sinh khối tươi của cây, hàm lượng cacbon và lượng CO2 mà cây xanh có thể hấp thụ được. Kết quả cho thấy Dầu rái (<i>Dipterocarpus alatus</i>) là loài hấp thụ được lượng CO2 cao nhất trong các loài cây khảo sát và được chọn trồng nhân rộng ở quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ trong tương lai. t
------	---------	--	---------------------	--------------------	---------	---

5301	Đại học	Phân tích nhận thức, thái độ và hành vi hộ gia đình về chất thải rắn từ thức ăn thừa tại huyện Phong Điền, TP Cần Thơ	Huỳnh, Như Phước Tài Lê, Thị Mỹ Ngân	Lê, Văn Dũ	2019-03	Đề tài “Phân tích nhận thức, thái độ và hành vi của hộ gia đình về chất thải rắn từ thức ăn thừa tại Huyện Phong Điền, TP Cần Thơ ” được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019 thông qua việc phỏng vấn 65 hộ gia đình trên địa bàn huyện, nhằm phân tích hiện trạng nhận thức, thái độ và hành vi của các hộ gia đình trong việc lựa chọn, bảo quản, chế biến và xử lý thực phẩm làm phát sinh chất thải rắn từ thức ăn thừa Đề tài “Phân tích nhận thức, thái độ và hành vi của hộ gia đình về chất thải rắn từ thức ăn thừa tại Huyện Phong Điền, TP Cần Thơ ” được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2019 thông qua việc phỏng vấn 65 hộ gia đình trên địa bàn huyện, nhằm phân tích hiện trạng nhận thức, thái độ và hành vi của các hộ gia đình trong việc lựa chọn, bảo quản, chế biến và xử lý thực phẩm làm phát sinh chất thải rắn từ thức ăn thừa
------	---------	---	---	------------	---------	--

5302	Đại học	Đánh giá chất lượng nước mặt vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang	Ngô, Ngọc Minh Anh Nguyễn, Thị Mộng Nghi	Nguyễn, Thanh Giao	2019-09	Nghiên cứu “Đánh giá chất lượng nước mặt vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang” nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước, đề xuất những vị trí và những chỉ tiêu thu mẫu thích hợp phục vụ cho công tác quan trắc môi trường và đưa ra biện pháp cải thiện chất lượng nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Những thông số môi trường được phân tích bao gồm: nhiệt độ (T), pH, độ dẫn điện (EC), độ đục, tổng chất rắn hòa tan (TDS), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh học (BOD), clorua (Cl-), sunfat (SO42-), nitơ trong amoni (NH4+-N), nitơ trong nitrat (NO3--N), photphat (PO43--P), tổng lân (TP), coliforms. Kết quả cho thấy chất lượng nước ở Búng đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh nhẹ do các chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép của qui chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT: TSS, COD, BOD và Coliform. Phân tích cụm cho thấy chất lượng nước tại Búng Bình Thiên được chia thành 3 cụm tương đồng về chất lượng nước. Về mặt phân tích thành phần chính đã tìm ra được 5 nguồn ô nhiễm chính, những chỉ tiêu quan trọng có thể gây ô nhiễm bao gồm: nhiệt độ, pH, EC, TSS, COD, NH4+-N, NO3--N, TP và Coliforms. Từ kết quả này có thể nguyên nhân gây ô nhiễm chính là chất thải sinh hoạt, nguyên nhân thứ 2 là từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Do đó, muốn thực hiện tốt công tác quản lý môi trường nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên cần phải quản lý nghiêm ngặt và tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân sống quanh khu vực Búng. Nghiên cứu “Đánh giá chất lượng nước mặt vào mùa khô tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, An Giang” nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng nước, đề xuất những vị trí và những chỉ tiêu thu mẫu thích hợp phục vụ cho công tác quan trắc môi trường và đưa ra biện pháp cải thiện chất lượng nước mặt tại khu đất ngập nước Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Những thông số môi trường được phân tích bao gồm: nhiệt độ (T), pH, độ dẫn điện (EC), độ đục, tổng chất rắn hòa tan (TDS), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), oxy hòa tan (DO), nhu cầu oxy hóa học (COD), nhu cầu oxy sinh học (BOD), clorua (Cl-), sunfat (SO42-), nitơ trong amoni (NH4+-N), nitơ trong nitrat (NO3--N), photphat (PO43--P), tổng lân (TP), coliforms. Kết quả cho thấy chất lượng nước ở Búng đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và vi sinh nhẹ do các chỉ tiêu vượt ngưỡng cho phép của qui chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT: TSS, COD, BOD và Coliform. Phân tích cụm cho thấy chất lượng nước tại Búng Bình Thiên
------	---------	--	---	--------------------	---------	---

5303	Đại học	Đánh giá thành phần phiêu sinh thực vật và chất lượng nước xung quanh bãi rác tại xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.	Phạm, Giàu To	Nguyễn, Thanh Giao	2019-09	Môi trường nước và phiêu sinh thực vật (PSTV) có liên quan mật thiết với nhau trong một thủy vực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng phiêu sinh thực vật để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt được quan tâm vì phương pháp này ít gây ô nhiễm môi trường và ít tốn kém chi phí. Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá độ đa dạng về thành phần loài cũng như mật độ phiêu sinh thực vật khu vực chịu tác động từ nước rỉ của bãi rác xã Đông Thắng. Các mẫu phiêu sinh thực vật được thu hai đợt bao gồm thu mẫu định tính và định lượng, mẫu nước cũng được thu 2 đợt để đánh giá chất lượng nước và làm cơ sở đánh giá hiệu quả của việc sử dụng PSTV làm chỉ thị chất lượng môi trường nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài PSTV phát hiện tại 2 đợt lần lượt là 181 và 173 loài, trong đó các loài Trachelomonas volvocina, Lepocinclis ovum, Oscillatoria muticola, Cyclotella comta,... hiện diện thường xuyên trong hai đợt thu mẫu. Về mật độ PSTV thì kết quả trong đợt thu mẫu thứ hai cao hơn so với đợt thu mẫu đầu tiên. Dựa vào thành phần loài, mật độ và chỉ số tính toán Shannon cho thấy môi trường nước tại nơi đây đang ở mức ô nhiễm trong khi đó chỉ số WQI được tính toán dựa vào các chỉ tiêu lý hóa cho thấy chất lượng nước cũng ở mức ô nhiễm nhưng nồng độ có xu hướng tăng hơn so với đợt 1. Như vậy, kết quả đều thể hiện chất lượng nước chỉ nên phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2. Do vậy bộ phận quản lý bãi rác cần phải theo dõi thường xuyên hơn diễn biến chất lượng nước tại khu vực để xử lý kịp thời trường hợp nguồn nước bị ô nhiễm quá mức, áp dụng các biện pháp xử lý nước rỉ rác để hạn chế tác động đến môi trường nước xung quanh cũng như hoạt động canh tác nông nghiệp cùng một số mục đích sử dụng khác của người dân xung quanh. Môi trường nước và phiêu sinh thực vật (PSTV) có liên quan mật thiết với nhau trong một thủy vực. Trong những năm gần đây, việc sử dụng phiêu sinh thực vật để đánh giá chất lượng môi trường nước mặt được quan tâm vì phương pháp này ít gây ô nhiễm môi trường và ít tốn kém chi phí. Nghiên cứu được tiến hành để đánh giá độ đa dạng về thành phần loài cũng như mật độ phiêu sinh thực vật khu vực chịu tác động từ nước rỉ của bãi rác xã Đông Thắng. Các mẫu phiêu sinh thực vật được thu hai đợt bao gồm thu mẫu định tính và định lượng, mẫu nước cũng được thu 2 đợt để đánh giá chất lượng nước và làm cơ sở đánh giá hiệu quả của việc sử dụng PSTV làm chỉ thị chất lượng môi trường nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài
------	---------	--	---------------	--------------------	---------	--

5304	Đại học	Sử dụng vật liệu sau ủ nấm để sản xuất phân compost	Huỳnh, Tấn Khoa\Thạch, Lậy	Trương, Hoàng Đan	2018-09	Mô hình trồng nấm rơm bằng thực bì lúa ma được đưa vào nghiên cứu nhằm hạn chế cháy rừng, không gây ảnh hưởng đến môi trường đồng thời phát triển sinh kế cho người dân tại Vườn quốc gia Tràm Chim. Tuy nhiên phế phẩm sau quá trình ủ nấm rơm nếu không được xử lý hợp lý sẽ gây ô nhiễm môi trường và lãng phí nguồn tài nguyên. Vì vậy nghiên cứu được thực hiện, với mục tiêu tổng quát là ứng dụng quá trình ủ phân compost để xử lý phế phẩm nông nghiệp từ mô hình trồng nấm tại Vườn quốc gia Tràm Chim. Nghiên cứu tiến hành bố trí thí nghiệm ủ phân compost từ các loại nguyên liệu khác nhau trên các khối ủ có diện tích bằng nhau với 4 nghiệm thức lần lượt là rơm, lúa ma, lúa ma phối trộn tri - co, rơm phối trộn tri - co. Phân compost sau quá trình ủ được đánh giá chất lượng thông qua các chỉ tiêu dinh dưỡng. Ngoài ra chất lượng phân sau ủ còn được đánh giá thông qua thử nghiệm trồng rau muống. Các thông số được tính toán, xử lý và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel 2010. Thực hiện phân tích thống kê mô tả, thống kê One - Way - ANOVA phép kiểm định Duncan để so sánh thành phần dinh dưỡng của các nghiệm thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc kết hợp giữa các nguyên liệu ủ nấm với nấm trichoderma cho ra phân compost nhanh hơn. Hàm lượng dinh dưỡng trong phân compost của rơm tri - co và lúa ma tri - co có chất lượng tốt, dao động trong khoảng 1,395 - 1,902%. Năng suất rau muống khi trồng trên phân compost của rơm tri - co đạt giá trị cao nhất, tiếp theo là rơm lúa ma tri - co. Mô hình trồng nấm rơm bằng thực bì lúa ma được đưa vào nghiên cứu nhằm hạn chế cháy rừng, không gây ảnh hưởng đến môi trường đồng thời phát triển sinh kế cho người dân tại Vườn quốc gia Tràm Chim. Tuy nhiên phế phẩm sau quá trình ủ nấm rơm nếu không được xử lý hợp lý sẽ gây ô nhiễm môi trường và lãng phí nguồn tài nguyên. Vì vậy nghiên cứu được thực hiện, với mục tiêu tổng quát là ứng dụng quá trình ủ phân compost để xử lý phế phẩm nông nghiệp từ mô hình trồng nấm tại Vườn quốc gia Tràm Chim. Nghiên cứu tiến hành bố trí thí nghiệm ủ phân compost từ các loại nguyên liệu khác nhau trên các khối ủ có diện tích bằng nhau với 4 nghiệm thức lần lượt là rơm, lúa ma, lúa ma phối trộn tri - co, rơm phối trộn tri - co. Phân compost sau quá trình ủ được đánh giá chất lượng thông qua các chỉ tiêu dinh dưỡng. Ngoài ra chất lượng phân sau ủ còn được đánh giá thông qua thử nghiệm trồng rau muống. Các thông số được tính toán, xử lý và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel 2010. Thực hiện phân tích thống kê mô tả, thống kê One - Way - ANOVA phép kiểm định Duncan để so sánh thành phần dinh dưỡng của các nghiệm thức.
5305	Đại học	Phân tích nhận thức của cộng đồng địa phương về việc tham gia vào hoạt động du lịch tại cồn Mỹ Phước tỉnh Sóc Trăng	Trịnh, Thanh Tuyền	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích ảnh hưởng của nhận thức về các tác động của du lịch và các đặc điểm nhân khẩu học của cộng đồng địa phương đến dự định tham gia du lịch của họ trong tương lai. Đưa ra một số đề xuất, kiến nghị nhằm thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch.
5306	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực khách sạn tại An Giang	Nguyễn, Thị Bích Tuyền	Võ, Hồng Phượng	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về nhân lực du lịch lĩnh vực lưu trú. Phân tích thực trạng sử dụng nguồn nhân lực lĩnh vực lưu trú tỉnh An Giang. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lĩnh vực lưu trú tại An Giang.
5307	Đại học	Thiết kế tuyến du lịch đường sông nội ô TP Cần Thơ	Nguyễn, Yến Nhi	Võ, Hồng Phượng	2018	Phân tích thực trạng và đánh giá tiềm năng du lịch đường sông từ đó thiết kế tuyến du lịch đường sông nội ô TP Cần Thơ.

5308	Đại học	Tác động của mức độ nghiêm trọng lỗi dịch vụ và khắc phục lỗi dịch vụ trong hoạt động du lịch tại các điểm đến ở Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Như Quỳnh	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Thực trạng lỗi dịch vụ trong hoạt động du lịch tại các điểm đến ở Thành phố Cần Thơ. Đánh giá sự tác động của mức độ nghiêm trọng lỗi dịch vụ và khắc phục lỗi dịch vụ trong hoạt động du lịch tại các điểm đến ở Thành phố Cần Thơ. Đề xuất hàm ý quản trị nhằm hạn chế các lỗi dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm đến trên địa bàn nghiên cứu.
5309	Đại học	Phân tích định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên Khoa Kinh tế, trường đại học Cần Thơ	Huỳnh, Thị Yến Nhi	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích định hướng nghề nghiệp đối với sinh viên Khoa Kinh tế, trường đại học Cần Thơ, qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Cần Thơ.
5310	Đại học	Phân tích tác động hình ảnh điểm đến thành phố Rạch Giá – Kiên Giang đến lựa chọn điểm đến du lịch của người dân Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Yến Trân	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Phân tích tác động của hình ảnh điểm đến của Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang và lựa chọn điểm đến du lịch của người dân thành phố Cần Thơ. Qua đó đưa ra các giải pháp nâng cao sự tác động của hình ảnh điểm đến Thành phố Rạch Giá nói riêng và điểm đến du lịch tại Kiên Giang nói chung
5311	Đại học	Phân tích một số giải pháp marketing góp phần phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Triệu, Cao Mỹ Hiền	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích những thuận và khó khăn trong hoạt động du lịch cộng đồng tại huyện Phong Điền TPCT. Qua đó đề ra một số giải pháp Marketing góp phần phát triển du lịch cộng đồng ở khu vực nghiên cứu, nhằm thu hút khách du lịch đến với Phong Điền nhiều hơn và nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương.
5312	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng tại các điểm đến du lịch ở Cồn Sơn	Nguyễn, Thái Thanh Nhã	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích đặc điểm của du khách đến tham quan tại Cồn Sơn. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng của các điểm đến du lịch tại Cồn Sơn. Đề xuất một số định hướng giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn.
5313	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng quay lại của du khách nội địa đối với các điểm du lịch tâm linh ở An Giang	Hồ, Thị Cẩm Tiên	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến sự sẵn lòng quay lại của khách du lịch tại các điểm du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh An Giang. Qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao sự sẵn lòng quay lại của du khách.
5314	Đại học	Tác động của hướng dẫn viên du lịch đến sự hài lòng và ý định trung thành điểm đến của du khách quốc tế đối với chợ nổi Cái Răng	Lê, Huệ Anh	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Đánh giá sự hài lòng của du khách quốc tế đối với hướng dẫn viên du lịch tại chợ nổi Cái Răng, TPCT. Xác định những yếu tố thuộc về hướng dẫn viên tác động đến sự hài lòng và ý định trung thành điểm đến của du khách quốc tế tại chợ nổi Cái Răng. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của hướng dẫn viên du lịch tại điểm đến Chợ nổi Cái Răng, TPCT
5315	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia phát triển du lịch của cộng đồng địa phương tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Hồ Thiên Kiều	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia phát triển du lịch của cộng đồng địa phương tại Thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất giải pháp khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch.
5316	Đại học	Ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến tới sự hài lòng và lòng trung thành của khách du lịch trẻ nội địa tại cù lao Thới Sơn tỉnh Tiền Giang	Võ, Thị Kim Vân	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Nghiên cứu nhằm xác định mối quan hệ của hình ảnh điểm đến tới sự hài lòng và lòng trung thành của khách du lịch trẻ nội địa tại cù lao Thới Sơn tỉnh Tiền Giang. từ đó đề xuất một số giải pháp để cải thiện hình ảnh điểm đến du lịch tại Cù lao Thới Sơn
5317	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tỉnh Bến Tre	Trần, Kim Chi	Trương, Thị Bích Liên	2018	Đánh giá thực trạng về chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại tỉnh Bến Tre
5318	Đại học	Phân tích hoạt động marketing của công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ	Đỗ, Huỳnh Như	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích hoạt động marketing của công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động marketing của công ty

5319	Đại học	Nghiên cứu nhu cầu mua sắm sản phẩm lưu niệm tại trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Kim Phụng	Huỳnh, Trường Huy	2018	Nghiên cứu phân tích thực trạng và đánh giá nhu cầu của khách tham quan, sinh viên đến các loại sản phẩm lưu niệm khi đến trường Đại học Cần Thơ. Từ đó, đưa ra những giải pháp cần thiết cho việc tổ chức sản xuất để phát triển sản phẩm lưu niệm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và quảng bá hình ảnh về trường Đại học Cần Thơ
5320	Đại học	Phân tích nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng của người dân ở Thành phố Cần Thơ – Trường hợp 40-60 tuổi	Trần, Ngọc Trân	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Đề tài nhằm mục đích xác định được nhu cầu đi du lịch nghỉ dưỡng của người ở độ tuổi 40 - 60 tuổi ở Thành phố Cần Thơ. Tìm hiểu mong muốn của người ở độ tuổi này trong quá trình đi du lịch về lưu trú, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí,...đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đi du lịch của họ, nhằm phát triển thêm các loại hình mới phù hợp với người ở độ tuổi này để phục vụ tốt hơn nhóm khách hàng tiềm năng này
5321	Đại học	Đánh giá mức độ hấp dẫn của chợ đêm Phú Quốc đối với du khách	Hồ, Thị Trúc Loan	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích thực trạng hoạt động và đánh giá mức độ hấp dẫn của chợ đêm Phú Quốc. Từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng của chợ đêm Phú Quốc
5322	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách đối với du lịch lễ hội trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Lê	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của du khách đối với du lịch lễ hội trên địa bàn TPCT, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển du lịch lễ hội cho Thành phố ngay trong thời gian tới.
5323	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cầu du lịch của người dân thành phố Sóc Trăng	Dương, Trường Duy	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến cầu du lịch của người dân thành phố Sóc Trăng trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp giúp các doanh nghiệp du lịch hoạt động trên địa bàn thành phố xây dựng chiến lược “cung” hợp lý để đáp ứng “cầu” du lịch của người dân thành phố Sóc Trăng.
5324	Đại học	Phân tích đánh giá của người tiêu dùng đối với các thuộc tính của sản phẩm kẹo đậu phộng Sơn Hải Vĩnh Long	Võ, Hoàng Phúc	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích đánh giá của người tiêu dùng đối với các thuộc tính của sản phẩm kẹo đậu phộng Sơn Hải Vĩnh Long, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm điều chỉnh, bổ sung các thuộc tính sản phẩm để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng
5325	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Trinh	Võ, Hồng Phụng	2018	Thực trạng phát triển du lịch của Thành phố Cần Thơ. Thực trạng nguồn nhân lực du lịch của Thành phố Cần Thơ. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch của Thành phố Cần Thơ.
5326	Đại học	Mối quan hệ giữa sức hấp dẫn của điểm đến, động lực tìm kiếm sự mới lạ, sự hài lòng và lòng trung thành điểm đến của du khách đối với hoạt động du lịch biển đảo của tỉnh Kiên Giang	Trần, Thị Bé Mi	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Nghiên cứu mối quan hệ giữa sức hấp dẫn của điểm đến, động lực tìm kiếm sự mới lạ, sự hài lòng và lòng trung thành điểm đến của du khách đối với hoạt động du lịch biển đảo của tỉnh Kiên Giang, từ đó đưa ra các đề xuất phát triển du lịch biển đảo của tỉnh Kiên Giang
5327	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch chợ nổi Cái Răng – Cần Thơ	Đinh, Thị Hồng Thắm	Trương, Thị Bích Liên	2018	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ du lịch tại chợ nổi Cái Răng. Đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại chợ nổi Cái Răng.
5328	Đại học	Quản lý chất lượng chuỗi giá trị cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long	Lưu, Nguyễn Nguyệt Minh	Lê, Nguyễn Đoàn Khôi	2018	Phân tích chuỗi giá trị cá tra tại ĐBSCL. Đánh giá hoạt động quản lý chất lượng chuỗi giá trị cá tra ở ĐBSCL.Đề xuất các giải pháp để phát triển bền vững chuỗi giá trị cá.

5329	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến sự hài lòng và ý định quay lại của khách du lịch nội địa tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Yến Vi	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Đánh giá thực trạng du lịch thành phố Cần Thơ từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và ý định quay trở lại của khách nội địa tại Cần Thơ. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng và ý định quay trở lại của du khách đến Cần Thơ.
5330	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với chất lượng dịch vụ tại khu du lịch Xẻo Quýt	Đặng, Ngọc Như Quỳnh	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ tại khu du lịch Xẻo Quýt từ đó đưa ra những đề xuất nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách đồng thời phát triển du lịch tại Xẻo Quýt – Đồng Tháp.
5331	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của ẩm thực địa phương đến sự hài lòng của du khách đến du lịch tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Văn Luân	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Nghiên cứu nhằm mục tiêu phân tích ảnh hưởng của ẩm thực địa phương đến sự hài lòng của du khách đến du lịch tại thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số một số hàm ý quản lý cho doanh nghiệp và cấp quản trị du lịch trong phát triển ẩm thực địa phương nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách đến du lịch tại thành phố Cần Thơ
5332	Đại học	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến chợ nổi Cái Răng thành phố Cần Thơ của khách du lịch nội địa	Ngô, Trung Tín	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến Chợ nổi Cái Răng thành phố Cần Thơ của du khách nội địa, từ đó đề xuất một số giải pháp cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong việc hoạch định những chiến lược kinh doanh hiệu quả, phát triển các dịch vụ du lịch mới để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch nội địa.
5333	Đại học	Phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo tại Thành phố Cần Thơ – Mô hình dịch vụ lưu trú cộng đồng	Hồ, Thị Cẩm	Hoàng, Thị Hồng Lộc	2018	Bền vững về kinh tế được hiểu là sự phát triển ổn định lâu dài của du lịch, tạo ra nguồn thu đáng kể, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của kinh tế - xã hội, đem lại lợi ích cho cộng đồng, đặc biệt người dân địa phương. Vì thế, đề tài phát triển du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo đề xuất mô hình dịch vụ lưu trú cộng đồng được thực hiện thông qua khảo sát chọn mẫu thuận tiện đối với 2 nhóm khách quốc tế và khách nội địa (80 khách nội địa, 20 khách quốc tế) đến du lịch có lưu trú tại các cơ sở lưu trú và các hộ nghèo tại địa bàn phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Phân tích đặc điểm chung, hành vi lựa chọn cơ sở lưu trú, thời gian đi du lịch, mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nơi lưu trú, mức độ yêu thích các đặc điểm cơ sở lưu trú của từng nhóm khách nội địa và quốc tế. Từ đó, thấy được nhu cầu lưu trú của 2 nhóm khách quốc tế và nội địa đối với mô hình dịch vụ lưu trú cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, phân tích đặc điểm nhân khẩu học của hộ nghèo để đánh giá khả năng cung ứng dịch vụ lưu trú cho du khách, các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng mà du khách có thể tham gia tại đây.
5334	Đại học	Phân tích tác động của hình ảnh điểm đến tới dự định quay trở lại của du khách – trường hợp du khách nội địa đến Cần Thơ	Bùi, Tấn Tài	Lê, Quang Viết	2018	Đánh giá thực trạng về tình hình quay trở lại thành phố Cần Thơ của du khách nội địa. Phân tích tác động của các nhân tố cấu thành nên hình ảnh điểm đến tới dự định quay trở lại thành phố Cần Thơ của du khách nội địa. Đề xuất các giải pháp để nâng cao dự định quay lại thành phố Cần Thơ của du khách nội địa trong tương lai.

5335	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua Smartphone của người tiêu dùng ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Trần, Phước Hậu	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Đánh giá thực trạng sử dụng smartphone của người tiêu dùng tại Việt Nam và hành vi tiêu dùng smartphone của người tiêu dùng tại Quận Ninh Kiều, TPCT. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua smartphone của người tiêu dùng ở Quận Ninh Kiều, TPCT. Đề xuất giải pháp giúp đẩy mạnh việc tiêu thụ smartphone.
5336	Đại học	Phân tích yếu tố tác động đến quyết định tham quan các khu du lịch sinh thái của du khách trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Dương, Nguyễn Băng Khanh	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định tham quan các khu DLST của du khách tại Cần Thơ. Qua đó, đề xuất ra những giải pháp hợp lý để nâng cao chất lượng loại hình DLST tại các KDLST trên địa bàn Cần Thơ.
5337	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch nội địa của người dân Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Văn Thành	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Phân tích được thực trạng về phát triển nhu cầu du lịch nội địa trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Xác định được các yếu tố tác động đến nhu cầu du lịch nội địa của người dân trên địa bàn thành phố. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy nhu cầu du lịch nội địa của người dân trên địa bàn thành phố và góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch ở Cần Thơ.
5338	Đại học	Đo lường hình ảnh điểm đến chợ nổi Cái Răng trong cảm nhận của khách du lịch nội địa	Trương, Yến Nhi	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Phân tích thực trạng phát triển du lịch của Cần Thơ và chợ nổi Cái Răng trong giai đoạn 2015 – 2017, có một số chỉ tiêu được phân tích đến 6 hoặc 9 tháng đầu năm 2018. Đo lường hình ảnh điểm đến chợ nổi Cái Răng đối với khách du lịch nội địa. Đề xuất, đưa ra những định hướng để cải thiện và nâng cao hình ảnh điểm đến chợ nổi Cái Răng.
5339	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn loại hình du lịch sinh thái của du khách tại Cần Thơ	Vưu, Quế Lam	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn loại hình DLST của du khách tại Cần Thơ, nhằm xác định sự tác động của các yếu tố đó đến sự phát triển của loại hình này. Từ đó, đưa ra các giải pháp nâng cao sự thu hút du khách đến DLST tại địa phương.
5340	Đại học	Nghiên cứu tác động của hình ảnh điểm đến An Giang đến sự hài lòng của du khách nội địa	Lê, Thị Kim Ngân	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Phân tích thực trạng khách du lịch đến An Giang giai đoạn năm 2015 đến nửa đầu năm 2018. Đánh giá tác động của các nhân tố tạo nên hình ảnh điểm đến An Giang đối với sự hài lòng của du khách nội địa. Đề xuất giải pháp cải thiện, nâng cao hình ảnh điểm đến.
5341	Đại học	Đánh giá năng lực tham gia hoạt động du lịch cộng đồng của các hộ gia đình tại Cù Lao Mây tỉnh Vĩnh Long	Hồ, Minh Đạt	Hoàng, Thị Hồng Lộc	2018	Phân tích thực trạng phát triển du lịch của cù lao Mây, Trà Ôn, Vĩnh long qua 2 năm 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá năng lực tham gia hoạt động du lịch cộng đồng của các hộ gia đình tại cù lao Mây bằng phương pháp KSAP: đánh giá hiểu biết, kỹ năng, thái độ và thực tiễn tham gia hoạt động du lịch của các hộ dân. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao năng lực tham gia của các hộ gia đình vào hoạt động du lịch, góp phần phát triển du lịch cù lao Mây cũng như du lịch Vĩnh long
5342	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận rủi ro đến ý định quay lại của du khách đối với đảo Phú Quốc – tỉnh Kiên Giang	Cao, Thị Việt Mỹ	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích thực trạng phát triển du lịch tại huyện đảo Phú Quốc từ năm 2015 đến 2017. Phân tích các nhân tố của cảm nhận rủi ro ảnh hưởng để quyết định quay lại của du khách tại đảo Phú Quốc-tỉnh Kiên Giang. Đề xuất các giải pháp để giảm thiểu rủi ro cho du khách, tăng khả năng quay lại của du khách đối với đảo Phú Quốc - tỉnh Kiên Giang.

5343	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch ở Côn Sơn	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Thực trạng phát triển du lịch tại Thành Phố Cần Thơ và Côn Sơn từ năm 2015 đến năm 2017. Đánh giá mức độ hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch tại Côn Sơn. Đề xuất các kiến nghị chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch Côn Sơn
5344	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thị Chúc Ly	La, Nguyễn Thùy Dung	2018	Đánh giá thực trạng kinh tế của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch.
5345	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại điểm đến Côn Sơn – Cần Thơ	Danh, Thị Thên	Trần, Thu Hương	2018	Phân tích thực trạng tình hình phát triển du lịch cộng đồng và chất lượng dịch vụ du lịch tại Côn Sơn – Cần Thơ. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch tại điểm đến Côn Sơn Cần Thơ thông qua sự hài lòng của du khách. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng chất lượng dịch vụ du lịch ở địa phương này trong thời gian tới.
5346	Đại học	Ảnh hưởng của Website tác động đến ý định hành vi du lịch của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Huỳnh Anh	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Đánh giá thực trạng về hành vi truy cập website du lịch của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích mối quan hệ giữa chất lượng website và ý định hành vi du lịch của người dân tại thành phố Cần Thơ Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng website trong hoạt động du lịch.
5347	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia tổ chức du lịch cộng đồng của người dân ở huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Mai, Thị Ngọc Như	Hoàng, Thị Hồng Lộc	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động du lịch cộng đồng của người dân ở tỉnh Vĩnh Long. Từ đó, đề xuất giải pháp khuyến khích sự tham gia của các hộ gia đình vào hoạt động du lịch cộng đồng, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
5348	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch Homestay trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lương, Thị Bé	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch homestay tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề ra một số giải pháp để du lịch homestay ở thành phố Cần Thơ phát triển tốt hơn.
5349	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch văn hóa tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	Đồng, Thị Như Quỳnh	Lưu, Thanh Đức Hải	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá tiềm năng du lịch văn hóa của thành phố Châu Đốc cũng như phân tích các yếu tố cung cầu có ảnh hưởng đến phát triển du lịch văn hóa tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
5350	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của nhà hàng lẩu băng chuyền KICHI KICHI Xuân Khánh	Vũ, Hữu Toàn	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của NHKKXK, nhằm tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cho NHKKXK.
5351	Đại học	Đánh giá của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch Thành phố Cần Thơ	Thị, Cẩm Thiên	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích thực trạng hoạt động du lịch hiện nay của Cần Thơ. Đánh giá của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch tại Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp phát huy những lợi thế và tiềm năng du lịch tại Cần Thơ, đồng thời khắc phục hoặc hạn chế những điểm yếu nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, giúp thỏa mãn nhu cầu của du khách nội địa cao hơn, phát triển mạnh hơn du lịch của thành phố Cần thơ.

5352	Đại học	Đánh giá mối quan hệ giữa sự hài lòng và ý định quay lại làng du lịch Mỹ Khánh của du khách nội địa	Nguyễn, Thị Ngọc Giàu	Hồ, Lê Thu Trang	2018	Phân tích thực trạng du lịch tại Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2015-9 tháng đầu năm 2018. Đánh giá mối quan hệ giữa sự hài lòng và ý định quay lại của du khách nội địa khi đến tham quan Làng du lịch Mỹ Khánh. Đề xuất giải pháp nâng cao sự hài lòng và tăng tỷ lệ quay lại tham quan Làng du lịch Mỹ Khánh của du khách nội địa.
5353	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của đánh giá điểm đến du lịch Kiên Giang trên mạng xã hội đến quyết định lựa chọn điểm đến của du khách	Đỗ, Ngọc Hồng Nhung	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của đánh giá điểm đến du lịch Kiên Giang trên mạng xã hội đến quyết định lựa chọn điểm đến của du khách. Từ đó đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao động cơ tạo đánh giá của khách du lịch và chất lượng của các bài đánh giá.
5354	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của du khách tại làng du lịch Mỹ Khánh ở Thành phố Cần Thơ.	Đặng, Thị Kim EM	Thái, Văn Đại	2018	Khái quát thực trạng hoạt động du lịch Thành phố Cần Thơ. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của du khách tại khu du lịch Mỹ Khánh. Xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của du khách tại làng du lịch Mỹ Khánh. Từ đó đề xuất giải pháp mới cho làng du lịch Mỹ Khánh để nâng cao giá trị cảm nhận của du khách.
5355	Đại học	Thực trạng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại trung tâm anh ngữ ILA Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích thực trạng dịch vụ CSKH tại trung tâm Anh ngữ ILA Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của các hoạt động CSKH góp phần mang đến sự hài lòng cho KH cũng như giữ vững thị phần cho trung tâm
5356	Đại học	Phân tích các yếu tố đến ý định đặt phòng khách sạn trực tuyến của người dân Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thị Xuân Mai	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đặt phòng khách sạn trực tuyến. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến ý định đặt phòng khách sạn trực tuyến. Đề xuất một số giải pháp cải thiện tình hình đặt phòng khách sạn trực tuyến của người dân thành phố Cần Thơ.
5357	Đại học	Phân tích các yếu tố về chất lượng dịch vụ du lịch tại Thiền Viện Trúc Lâm Phương Nam Cần Thơ	Trịnh, Thị Chàng	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích chất lượng dịch vụ du lịch tại Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam thông qua cảm nhận của khách du lịch nội địa từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại đây.
5358	Đại học	Tác động của truyền miệng điện tử đến quyết định mua mỹ phẩm của người tiêu dùng nữ tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Khánh Hà	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của truyền miệng điện tử (eWOM) đến quyết định mua mỹ phẩm của người tiêu dùng nữ tại thành phố Cần Thơ. Qua đó, kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ đóng góp thêm hiểu biết về truyền miệng điện tử, cũng như những tác động của nó đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm tại địa phương; đồng thời, cung cấp bằng chứng khoa học cần thiết giúp các doanh nghiệp sử dụng eWOM hiệu quả trong các hoạt động marketing trực tuyến.
5359	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn tại tỉnh Kiên Giang	Tạ, Mỹ Duyên	Võ, Hồng Phụng	2019	Phân tích thực trạng công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn tỉnh Kiên Giang. Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn. Đề xuất một số giải pháp cho các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú khách sạn nhằm nâng cao kết quả công việc của nhân viên
5360	Đại học	Phân tích chất lượng dịch vụ du lịch tại chợ nổi Cái Răng Cần Thơ	Từ, Thị Mỹ Trinh	Huỳnh, Trường Huy	2019	Đánh giá thực trạng du lịch tại chợ nổi Cái Răng. Phân tích những yếu tố thể hiện chất lượng dịch vụ du lịch tại chợ nổi Cái Răng. Đề xuất một số định hướng giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại chợ nổi Cái Răng.
5361	Đại học	Phân tích động cơ du lịch của du khách nội địa đến Thành phố Cần Thơ	Thạch, Thị Hiên	Võ, Hồng Phụng	2019	Phân tích thực trạng về phát triển du lịch tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích các động cơ đi du lịch của các nhóm khách du lịch nội địa khác nhau đến Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch nhằm thu hút du khách.

5362	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến Đà Lạt của sinh viên Đại học Cần Thơ	Ông, Thị Đỗ Uyên	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Phân tích thực trạng tình hình du lịch hiện nay của Đà Lạt đặc biệt là du khách trẻ tuổi. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến Đà Lạt của sinh viên Đại Học Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng khả năng quyết định đi du lịch Đà Lạt.
5363	Đại học	Phân tích các động cơ tác động đến quyết định đi du lịch của người dân Thành phố Cần Thơ	Ngô, Mỹ Xuyên	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích các động cơ tác động đến quyết định đi du lịch của người dân thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất các chính sách chiến lược du lịch cho các doanh nghiệp du lịch để hành thúc đẩy người dân thành phố Cần Thơ đi du lịch và sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp.
5364	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến hành vi tiêu dùng rau an toàn của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hiếu	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích thực trạng tiêu dùng RAT của người dân tại TP.Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng RAT của người dân tại TPCT. Đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy việc tiêu dùng RAT của người dân tại TPCT
5365	Đại học	Nghiên cứu tác động của hình ảnh điểm đến đến ý định quay lại của khách du lịch tại khu du lịch Núi Cấm, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Nhất Uyên	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Phân tích ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến đến ý định quay lại của khách du lịch đối với KDL Núi Cấm, tỉnh An Giang. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hình ảnh điểm đến, góp phần thu hút và đáp ứng nhu cầu của du khách, phát triển bền vững KDL Núi Cấm.
5366	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của NV tại CT Du lịch Vietravel – CN Cần Thơ. Từ đó đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả làm việc của NV
5367	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tỉnh An Giang	Trần, Thị Huyền Đăng	Vương, Quốc Duy	2019	Đánh giá tổng quan tình hình du lịch tỉnh An Giang trong những năm gần đây và đưa ra các đề xuất giúp cho chất lượng du lịch ở An Giang được nâng cao và hoàn thiện hơn.
5368	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách về ẩm thực tại phố ăn vặt bên Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Diễm My	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động ẩm thực tại phố ăn vặt bên Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ. Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch về ẩm thực và các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của du khách tại phố ăn vặt bên Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ. Đề ra các hàm ý quản trị để nâng cao sự hài lòng của khách du lịch về hoạt động ẩm thực tại phố ăn vặt bên Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ.
5369	Đại học	Đánh giá sức hấp dẫn của các điểm đến ở thành phố Đà Lạt đối với khách du lịch	Nguyễn, Chung Kim Ngân	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá sức hấp dẫn của các điểm đến ở Thành phố Đà Lạt đối với khách du lịch, từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm gia tăng lượng khách du lịch tại các điểm đến của Tp. Đà Lạt
5370	Đại học	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách du lịch quốc tế đối với nhân tố thị thực và thủ tục xuất nhập cảnh tại Việt Nam	Đỗ, Thị Thanh Thanh	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Tổng quan về điều kiện, thủ tục cấp thị thực tại Việt Nam hiện nay đối với khách du lịch quốc tế. Đánh giá mức độ hài lòng của du khách quốc tế đối với nhân tố thị thực du lịch và thủ tục XNC tại điểm đến của Việt Nam. Đề xuất một số hàm ý chính sách đối với vấn đề thị thực và thủ tục XNC Việt Nam nhằm thu hút khách du lịch quốc tế.
5371	Đại học	Phân tích các yếu tố chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Trần, Huỳnh Mi	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích các yếu tố chất lượng dịch vụ du lịch qua khảo sát du khách và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng du lịch sinh thái tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ

5372	Đại học	Nghiên cứu tác động của hình ảnh điểm đến Cần Thơ đến lòng trung thành của du khách quốc tế	Nguyễn, Thị Huyền Trang	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Nghiên cứu tác động của hình ảnh điểm du lịch Cần Thơ đến lòng trung thành của du khách quốc tế. Từ đó làm cơ sở đề xuất một số giải pháp cải thiện hình ảnh điểm đến du lịch Cần Thơ trong tâm trí của du khách quốc tế.
5373	Đại học	Phân tích mức chi tiêu của du khách nội địa tham quan tại bến Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Diễm My	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích chi tiêu của du khách nội địa tham quan tại bến Ninh Kiều Thành Phố Cần Thơ. Từ đó đề ra một số giải pháp cần thực hiện để tăng mức chi tiêu của du khách nhằm tăng doanh thu góp phần phát triển ngành du lịch của Thành Phố Cần Thơ
5374	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Ngọc Huyền	Võ, Hồng Phượng	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn tại TPCT. Từ đó, đề xuất các giải pháp để cải thiện và nâng cao kết quả công việc của nhân viên lĩnh vực khách sạn tại TPCT.
5375	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn cơ sở lưu trú của khách du lịch nội địa tại Thành phố Cần Thơ	Đặng, Tuyết Linh	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn cơ sở lưu trú của khách du lịch nội địa tại Thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, thu hút khách du lịch.
5376	Đại học	Đánh giá của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch tại bến Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Thị, Hồng Nghi	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích thực trạng du lịch tại Bến Ninh Kiều TP. Cần Thơ. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch tại Bến Ninh Kiều TP. Cần Thơ qua khảo sát du khách nội địa. Đề xuất một số hàm ý giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại Bến Ninh Kiều TP. Cần Thơ.
5377	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của điểm đến du lịch Đồng Tháp đến ý định quay lại của du khách	Trần, Thị Việt Anh	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Phân tích ảnh hưởng của các điểm đến du lịch Đồng Tháp đến ý định quay lại của du khách nhằm đề xuất hàm ý khuyến nghị tăng cường sự thu hút du khách đối với điểm đến Đồng Tháp.
5378	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến đến truyền miệng tích cực của khách du lịch tại Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Ngọc Huyền	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Thực trạng về hoạt động du lịch tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích ảnh hưởng hình ảnh điểm đến đến truyền miệng tích cực của khách du lịch đối với Thành phố Cần Thơ; Đề xuất một số giải pháp nâng cao hình ảnh điểm đến đối với Thành phố Cần Thơ và đáp ứng sự hài lòng của du khách.
5379	Đại học	Đề xuất một số giải pháp marketing góp phần phát triển du lịch cộng đồng tại Cù Lao Mây tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Cẩm Tú	Hoàng, Thị Hồng Lộc	2018	Đánh giá thực trạng phát triển du lịch và các chiến lược marketing hiện tại ở cù lao Mây Vĩnh Long từ 2015-2017. Mục tiêu 2: Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của vùng . Đề xuất một số giải pháp marketing cho du lịch cộng đồng ở cù lao Mây
5380	Đại học	Phân tích mức chi tiêu của khách du lịch đến Cồn Sơn, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Thanh Ngân	Huỳnh, Trường Huy	2019	Nghiên cứu nhằm xác định được đặc điểm trong cơ cấu chi tiêu, mức chi tiêu và đo lường các yếu tố tác động đến mức chi tiêu của khách du lịch khi đến điểm đến Cồn Sơn, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
5381	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn bến Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ làm điểm đến du lịch của khách du lịch nội địa	Lữ, Quốc Trung	Đỗ, Thị Tuyết	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn điểm đến của khách du lịch và đề xuất một số giải pháp nâng cao sức hút du lịch tại Bến Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ.
5382	Đại học	ứng dụng YOUTUBE trong quảng bá điểm đến chợ nổi Cái Răng Thành phố Cần Thơ	Trịnh, Hải My	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Nghiên cứu tập trung vào ứng dụng Youtube trong quảng bá điểm đến chợ nổi Cái Răng, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường công tác quảng bá điểm đến chợ nổi Cái Răng của địa phương qua Youtube, thu hút du khách.

5383	Đại học	Ảnh hưởng của không gian dịch vụ Buffet đến sự hài lòng của khách hàng tại nhà hàng khách sạn Anh Đào Mekong 2	Đặng, Ngọc Thanh Nhã	Lưu, Tiến Thuận	2019	Đánh giá thực trạng chất lượng không gian dịch vụ buffet thông qua chất lượng cảm nhận của khách hàng tại Nhà hàng - Khách sạn Anh Đào Mekong 2. - Xác định và phân tích sự ảnh hưởng của không gian dịch vụ buffet tại Nhà hàng – Khách sạn Anh Đào Mekong 2. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng không gian dịch vụ buffet tại Nhà hàng - Khách sạn Anh Đào Mekong 2.
5384	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại nhà hàng VUVUZELA BEER CLUB LOTTE MART Cần Thơ	Thạch, Thị Rone	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của nhà hàng Vuvuzela Beer Club Lotte Mart Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp cải thiện chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng khi đến nhà hàng Vuvuzela Beer Club Lotte Mart Cần Thơ
5385	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định quay lại điểm đến du lịch Thành phố Cần Thơ của khách du lịch nội địa	Nguyễn, Trúc Quỳnh	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Tổng quan lý thuyết về du lịch, khách du lịch, hành vi tiêu dùng du lịch và ý định quay lại điểm đến du lịch của du khách. Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định quay lại điểm đến du lịch thành phố Cần Thơ của khách du lịch nội địa. Đo lường và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến ý định quay lại điểm đến du lịch thành phố Cần Thơ của khách du lịch nội địa. Đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút khách du lịch nội địa quay lại điểm đến du lịch thành phố Cần Thơ.
5386	Đại học	Đánh giá của khách du lịch nội địa về dịch vụ ẩm thực tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Thực trạng về kinh doanh du lịch và dịch vụ ẩm thực tại Thành phố Cần Thơ từ năm 2016 – 2018. Phân tích những đánh giá của khách du lịch về dịch vụ ẩm thực tại thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao trải nghiệm của du khách về dịch vụ ẩm thực của địa phương.
5387	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch nội địa đối với điểm đến Sóc Trăng	Bùi, Thị Tú Huỳnh	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích thực trạng phát triển du lịch tại tỉnh Sóc Trăng từ năm 2016 đến năm 2018. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KDL nội địa đối với du lịch Sóc Trăng. Đề xuất các khuyến nghị nhằm phát triển và quảng bá du lịch Sóc Trăng trong tương lai theo những nhu cầu của KDL nội địa.
5388	Đại học	Ảnh hưởng của kênh YOUTUBE quảng bá du lịch đến niềm tin và ý định hành vi du lịch của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Tiểu Ngọc	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của kênh Youtube quảng bá du lịch đến niềm tin và ý định hành vi du lịch của người dân thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thông tin trên kênh Youtube quảng bá du lịch.
5389	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa của huyện Phong Điền Thành phố Cần Thơ	Ngô, Thị Hồng Thắm	Phan, Đình Khôi	2019	Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch nội địa của huyện Phong Điền – thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng khả năng thu hút khách du lịch đến Huyện Phong Điền - Thành phố Cần Thơ.
5390	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Homestay ở thành phố Đà Lạt của khách du lịch nội địa trẻ	Tăng, Yến Linh	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi lựa chọn homestay tại thành phố Đà Lạt của khách du lịch nội địa trẻ, Từ đó hỗ trợ các doanh nghiệp đề ra một số hàm ý nhằm nâng cao chất lượng của homestay cũng như là các giải pháp marketing để thu hút người tiêu dùng hơn.
5391	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia du lịch trải nghiệm của người dân Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Lam Phương		2019	Khái quát thực trạng tham gia du lịch trải nghiệm của người dân Thành phố Cần Thơ. Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia du lịch trải nghiệm của người dân Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý khuyến khích nhu cầu du lịch trải nghiệm của người dân Thành phố Cần Thơ.

5392	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của không gian dịch vụ tại các nhà hàng Buffet ở Thành phố Cần Thơ đến sự hài lòng và ý định truyền miệng tích cực của khách hàng	Tô, Doanh Doanh	Luu, Tiến Thuận	2019	Tìm hiểu và phân tích các khía cạnh của không gian dịch vụ, cũng như ảnh hưởng của chúng đến sự hài lòng và ý định truyền miệng tích cực của khách hàng tại các nhà hàng buffet ở thành phố Cần Thơ.
5393	Đại học	Đánh giá của sinh viên Đại học Cần thơ về chất lượng dịch vụ ẩm thực đường phố tại chợ đêm Ninh Kiều	Huỳnh, Ngọc Nhi	Dương, Quế Nhu	2018	Phân tích chất lượng dịch vụ ẩm thực đường phố tại chợ đêm Ninh Kiều đối với sinh viên Đại học Cần Thơ từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ ẩm thực đường phố tại chợ đêm.
5394	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thuê xe điện du lịch của du khách nội địa trên địa bàn TP. Cần Thơ	Nguyễn, Tuyết Nhi	Dương, Quế Nhu	2018	Phân tích thực trạng tình hình sử dụng dịch vụ xe điện du lịch của du khách nội địa trên địa bàn TP. Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thuê xe điện du lịch của khu khách nội địa trên địa bàn TP. Cần Thơ. Đề xuất các giải pháp nhằm tăng khả năng ý định sử dụng dịch vụ xe điện du lịch.
5395	Đại học	Tác động của hình ảnh điểm đến Cần Thơ tới truyền miệng của du khách nội địa	Đào, Thị Tú Quỳnh	Dương, Quế Nhu	2018	Phân tích tác động của hình ảnh điểm đến tới truyền miệng của du khách nội địa đối với du lịch Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm tăng khả năng truyền miệng để thu hút khách du lịch.
5396	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến Cồn Sơn, Bình Thủy, TP. Cần Thơ của du khách nội địa	Nguyễn, Văn Sơn	Trần, Thị Bạch Yến	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn tham quan, du lịch ở Cồn Sơn, qua đó đề xuất giải pháp cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và hộ gia đình làm du lịch trên cù lao trong hoạch định chiến lược Marketing hiệu quả, phát triển các sản phẩm và các hoạt động dịch vụ du lịch mới để góp phần nâng cao khả năng thu hút và làm thỏa mãn đối tượng khách du lịch nội địa đến.
5397	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu của du khách khi tham gia du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn	Nguyễn, Tú Tài	Hoàng, Thị Hồng Lộc	2018	Đánh giá thực trạng phát triển du lịch cộng đồng ở làng du lịch Cồn Sơn quận Bình Thủy-Cần Thơ. Phân tích các yếu tố có tác động đến mức chi tiêu của du khách khi tham gia du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn. Đề ra giải pháp giúp nâng cao mức chi tiêu của du khách đến du lịch cộng đồng Cồn Sơn.
5398	Đại học	Phân tích sự ảnh hưởng của bài đánh giá trực tuyến đến hình ảnh điểm đến và dự định đi du lịch – trường hợp thành phố Đà Lạt	Nguyễn, Thị Lan Anh	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích ảnh hưởng bài đánh giá trực tuyến đến hình ảnh và quyết định đi du lịch Đà Lạt, từ đó đề xuất một số giải pháp quảng bá tốt hơn các trang du lịch và nâng cao tác động của các bài đánh giá đến hình ảnh điểm đến dự định đi du lịch của người xem
5399	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch Hòn Sơn – Kiên Giang	Lâm, Như Quỳnh	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2018	Phân tích thực trạng phát triển du lịch Hòn Sơn giai đoạn 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch Hòn Sơn – Kiên Giang. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để thỏa mãn tối đa nhu cầu khách du lịch.
5400	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng nhà hàng xanh của du khách quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô, Phương Quỳnh	Khuru, Ngọc Huyền	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng nhà hàng xanh của du khách quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm khuyến khích du khách quyết định tiêu dùng nhà hàng xanh đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ của nhà hàng và phát triển du lịch thành phố Hồ Chí Minh bền vững trong thời gian tới.
5401	Đại học	Phân tích tác động của sự hài lòng đến sự sẵn lòng chi trả và xu hướng chuyển đổi của du khách quốc tế tại chợ nổi Cái Răng, TP Cần Thơ	Trần, Lâm Xuân Dung	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách quốc tế tại chợ nổi Cái Răng. Phân tích sự tác động của sự hài lòng đến sự sẵn lòng chi trả và xu hướng chuyển đổi. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng, tạo ấn tượng tốt cho du khách quốc tế về chợ nổi Cái Răng.

5402	Đại học	Xây dựng chương trình du lịch Cần Thơ – Phú Quốc đối với khách đoàn cho chi nhánh công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ	Huỳnh, Kim Phụng	Huỳnh, Trường Huy	2019	Xây dựng chương trình du lịch Cần Thơ – Phú Quốc đối với khách đoàn cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ.
5403	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Phan, Hồng Vân	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Nghiên cứu “Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” nhằm mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái và lượng hóa ảnh hưởng của từng nhân tố đến chất lượng của sản phẩm du lịch.
5404	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hình thức thực hiện luận văn tốt nghiệp đại học của sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Trường Đại học Cần Thơ	Phan, Thị Loan Anh	Huỳnh, Trường Huy	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hình thức thực hiện luận văn tốt nghiệp đại học của sinh viên chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại thành phố Cần Thơ.
5405	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham quan du lịch sinh thái của khách nội địa tại TP Cần Thơ	Phạm, Xuân Hương	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham quan du lịch sinh thái của du khách tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại thành phố Cần Thơ.
5406	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm tổ chức MICE: Trường hợp Thành phố Cần Thơ	Thái, Thị Ngọc Hà	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa điểm tổ chức MICE, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ.
5407	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch MICE tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Nhật Hào	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch MICE và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch MICE tại Cần Thơ
5408	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ của du khách nội địa đối với du lịch sinh thái huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	Hà, Mạnh Phúc	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Đánh giá chất lượng dịch vụ của du khách nội địa đối với chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp để nâng cao chất lượng du lịch và thu hút khách du lịch đến Phong Điền nhiều hơn.
5409	Đại học	Đánh giá nhận thức và ý định tham gia kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng bền vững của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Nguyễn Anh Duy	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá nhận thức và ý định tham gia kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng bền vững của người dân tại thành phố Cần Thơ. Để từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức và ý định của người dân khi tham gia phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại thành phố Cần Thơ.
5410	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tại Thành phố Cần Thơ	Danh, Tình	Bùi, Văn Trịnh	2019	Nghiên cứu thực trạng của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ, tìm ra những khó khăn và những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới
5411	Đại học	Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Đoàn, Huỳnh Như	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá tiềm năng phát triển du lịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Từ đó, đề xuất các giải pháp khai thác tiềm năng phát triển du lịch huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5412	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh công ty cổ phần du lịch và tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel – chi nhánh Cần Thơ	Ngô, Kim Thi	Huỳnh, Trường Huy	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần du lịch và tiếp thị GTVT Việt Nam chi nhánh Cần Thơ dựa trên các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tìm hiểu sự biến động của các chỉ tiêu đó trong giai đoạn 2016 - 2018.
5413	Đại học	Phân tích hoạt động truyền thông đối với chương trình lễ hành Cần Thơ – Bangkok-Pattaya của công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Minh Khoái	Huỳnh, Trường Huy	2019	Vận dụng cơ sở lý thuyết về hoạt động truyền thông của doanh nghiệp để phân tích chương trình lễ hành của Công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ nhằm phát hiện những mặt tích cực và hạn chế của chương trình lễ hành đó.
5414	Đại học	Xác định sản phẩm du lịch đặc thù của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Trần, Mẫn Nghi	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Xác định sản phẩm du lịch đặc thù của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển sản phẩm du lịch đặc thù của huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
5415	Đại học	Xây dựng chương trình du lịch Cần Thơ – Đà Lạt cho chi nhánh công ty TNHH MTV dịch vụ lễ hành Saigontourist tại Cần Thơ	Huỳnh, Thị Khía	Huỳnh, Trường Huy	2019	Xây dựng chương trình du lịch Cần Thơ – Đà Lạt cho chi nhánh công ty TNHH MTV Dịch vụ lễ hành Saigontourist tại Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp xúc tiến bán tour du lịch Cần Thơ- Đà Lạt.
5416	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu dịch vụ giáo dục trải nghiệm nông trại sạch của học sinh tiểu học trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Mai, Xuân Kiên	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng dịch vụ giáo dục trải nghiệm nông trại sạch của học sinh tiểu học từ đó đề ra các giải pháp nhằm khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ giáo dục trải nghiệm nông trại sạch trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
5417	Đại học	Các giải pháp phát triển du lịch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Nguyễn, Thanh Vũ Minh	Võ, Hồng Phụng	2019	Đánh giá thực trạng phát triển du lịch của vùng ĐBSCL hiện nay. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch trong tương lai và tránh gây ra những tác động tiêu cực.
5418	Đại học	Giải pháp phát triển loại hình du lịch Homestay tại Mỹ Hòa Hưng tỉnh Hậu Giang	Trần, Thị Ngọc Hà	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Tìm hiểu thực trạng kinh doanh mô hình du lịch Homestay tại xã Mỹ Hòa Hưng. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các hộ kinh doanh loại hình Homestay tại xã Mỹ Hòa Hưng để chỉ ra những mặt hạn chế. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của mô hình du lịch Homestay ở Mỹ Hòa Hưng.
5419	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của chuỗi nhà hàng King BBQ Buffet tại Thành phố Cần Thơ	Đỗ, Kim Quý	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Đánh giá, đo lường mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ, phân tích các nhân tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của chuỗi nhà hàng King BBQ Buffet tại Cần Thơ.
5420	Đại học	Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Hà, Thị Yến Ngọc	Võ, Hồng Phụng	2019	Phân tích thực trạng nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch tại TPCT, từ đó đề ra một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của du lịch Cần Thơ
5421	Đại học	Đánh giá thái độ và ý định tham gia kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng bền vững của cư dân địa phương tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Minh Anh	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Nghiên cứu về thái độ và ý định của cư dân địa phương khi tham gia kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại thành phố Cần Thơ
5422	Đại học	Đánh giá nhận thức và thái độ của cư dân địa phương khi tham gia kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bích Tuyền	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Đánh giá nhận thức và thái độ của cư dân về phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại địa bàn Thành phố Cần Thơ. Từ đó đề ra các khuyến nghị nâng cao nhận thức và thái độ của cư dân nhằm hướng tới phát triển bền vững loại hình du lịch sinh thái tại Thành phố Cần Thơ

5423	Đại học	Đánh giá của du khách quốc tế đối với chất lượng dịch vụ các khách sạn từ 3 đến 5 sao trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Tú Nguyên	Võ, Hồng Phượng	2019	Đánh giá chất lượng dịch vụ của các khách sạn 3 sao, 4 sao và 5 sao trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay thông qua đánh giá của du khách quốc tế đang lưu trú tại các khách sạn 3 đến 5 sao ở Cần Thơ nhằm phân tích thực trạng chất lượng dịch vụ hiện tại và tìm ra các nhân tố tác động gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cũng như đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ của các khách sạn này để thu hút v giữ chân du khách đến với miền đất Tây Đô
5424	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại dịch vụ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Trung Nguyên	Bùi, Văn Trinh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại dịch vụ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
5425	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm lưu niệm của khách du lịch nội địa tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Bích Huệ	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua quà lưu niệm của khách du lịch nội địa ở Cần Thơ.
5426	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch nước ngoài theo tour của người dân quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Thê Tâm	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch nước ngoài theo tour của người dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp giúp các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch nâng cao khả năng phục vụ, đáp ứng nhu cầu du khách.
5427	Đại học	Phân tích hoạt động marketing của công ty du lịch Vietravel chi nhánh Cần Thơ	Trần, Gia Kỳ	Huỳnh, Trường Huy	2019	Nghiên cứu nội dung hoạt động marketing trong ngành du lịch nhằm làm cơ sở phân tích hoạt động marketing đối với công ty du lịch Vietravel – chi nhánh Cần Thơ
5428	Đại học	Khảo sát nhu cầu tham gia loại hình du lịch thiện nguyện của sinh viên Thành phố Cần Thơ	Trần, Ngọc Trúc Quỳnh	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Khảo sát nhu cầu tham gia loại hình du lịch thiện nguyện của sinh viên Thành phố Cần Thơ và từ đó đề xuất giải pháp ứng dụng loại hình du lịch theo quy mô học tập.
5429	Đại học	Nghiên cứu mức độ nhận biết thương hiệu PiZZa INN của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lưu, Thị Ngọc Trân	Dương, Quế Nhu	2019	Nghiên cứu mức độ nhận biết thương hiệu Pizza Inn của người dân Thành phố Hồ Chí Minh.
5430	Đại học	Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng địa phương vào loại hình du lịch có trách nhiệm tại chợ nổi Cái Răng	Nguyễn, Thị Thắm	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng địa phương vào loại hình du lịch có trách nhiệm tại Chợ nổi Cái Răng, TP Cần Thơ. Từ đó đề ra những giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào sự phát triển bền vững của du lịch tại Cái Răng nói riêng và TP Cần Thơ nói chung
5431	Đại học	Phân tích thực trạng ẩm thực địa phương đối với du lịch tỉnh An Giang	Trần, Thị Thu Phương	Nguyễn, Thị Tú Trinh	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của ẩm thực địa phương đến sự hài lòng của du khách nội địa tại tỉnh An Giang để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và khai thác tiềm năng ẩm thực du lịch tỉnh An Giang.
5432	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định đặt phòng khách sạn trực tuyến của người dân quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hồng Phúc	Dương, Quế Nhu	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định đặt phòng khách sạn trực tuyến của người dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ đem lại nguồn lợi lớn cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khách sạn.

5433	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn, Thành phố Cần Thơ	Lý, Thùy Hương	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích thực trạng phát triển du lịch thành phố Cần Thơ và các dịch vụ du lịch tại Cồn Sơn trong giai đoạn 2016-2018. Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn, thành phố Cần Thơ. Đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng tại Cồn Sơn, thành phố Cần Thơ.
5434	Đại học	Nghiên cứu nhu cầu đối với du lịch thông minh của khách du lịch nội địa tại chợ nổi Cái Răng, Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Trân	Dương, Quế Nhu	2019	Đánh giá thực trạng ứng dụng du lịch thông minh tại chợ nổi Cái Răng, Cần Thơ. Nghiên cứu nhu cầu của khách du lịch nội địa đối với du lịch thông minh tại chợ nổi Cái Răng, Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch thông minh tại chợ nổi Cái Răng, Cần Thơ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch nội địa.
5435	Đại học	Phân tích động cơ du lịch của khách du lịch tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Trúc Uyên	Hồ, Lê Thu Trang	2019	Phân tích động cơ du lịch của khách du lịch tại thành phố Cần Thơ nhằm phân khúc thị trường để đưa ra một số đề xuất thu hút khách du lịch đến thành phố Cần Thơ
5436	Đại học	Phân tích động cơ du lịch của khách du lịch quốc tế đến Thành phố Cần Thơ	Cao, Thị Loan	Võ, Hồng Phượng	2019	Phân tích động cơ du lịch của khách du lịch quốc tế khi đến Tp. Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần thu hút du khách và phát triển ngành du lịch tại Tp. Cần Thơ.
5437	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Homestay sinh thái của du khách quốc tế tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Sỹ Toàn	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn Homestay sinh thái của du khách quốc tế đến thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất hàm ý quản trị phát triển du lịch Homestay sinh thái ở TP Cần Thơ.
5438	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Homestay tại thành phố Đà Lạt	Lê, Thị Trúc Nguyên	Dương, Quế Nhu	2019	Phân tích thực trạng và đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ homestay tại thành phố Đà Lạt nhằm đem lại chất lượng dịch vụ hoàn thiện hơn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.
5439	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với du lịch tỉnh Vĩnh Long	Lê, Thị Nho	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Đánh giá mức độ hài của du khách đối với hoạt động du lịch mà họ trải nghiệm khi đến với tỉnh Vĩnh Long, từ đó giúp cho các nhà kinh doanh du lịch nói riêng và địa phương tỉnh Vĩnh Long nói chung có thể tìm ra những giải pháp có thể khắc phục những hạn chế, những biện pháp thúc đẩy sự phát triển du lịch và đáp ứng được nhu cầu của du khách đối với tỉnh Vĩnh Long.
5440	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với du lịch sinh thái tỉnh Vĩnh Long	Lý, Bảo Triệu	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với sản phẩm du lịch sinh thái tại tỉnh Vĩnh Long. Từ đó đưa ra các giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách nội địa đối với sản phẩm du lịch sinh thái tại tỉnh Vĩnh Long.
5441	Đại học	Nhu cầu du lịch nội địa của đối tượng khách hàng là nhân viên văn phòng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch HT Travel ở Thành phố Cần Thơ	Dương, Thái Thanh	Nguyễn, Phú Sơn	2019	Tìm hiểu nhu cầu du lịch nội địa và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch của NVVP tại công ty HT Travel. Từ đó, đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu của NVVP.
5442	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội Facebook đến ý định đi du lịch của người dân tại thành phố Vĩnh Long	Lê, Thị Huỳnh Hương	Dương, Quế Nhu	2019	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội Facebook đến ý định du lịch của người dân tại thành phố Vĩnh Long, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần giúp các công ty du lịch, các trang quảng bá du lịch nâng cao hiệu quả quảng cáo qua Facebook.

5443	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành về các học phần chuyên ngành thông qua các hoạt động thực hành, kiến tập	Lê, Thu Giang	Huỳnh, Trường Huy	2019	Vận dụng cơ sở lý thuyết về sự hài lòng nhằm phân thích thực trạng giảng dạy của các học phần chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành thông qua ý kiến từ người học tại Trường đại học Cần Thơ.
5444	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hình thức lưu trú dạng Homestay của du khách ở cù lao An Bình, Vĩnh Long	Phan, Thị Phi Yến	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Đánh giá thực trạng phát triển du lịch homestay. Xác định các nhân tố ảnh hưởng quyết định lựa chọn hình thức lưu trú homestay của du khách. Đề ra một số giải pháp phát triển giúp các hộ dân ở các homestay nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của du khách.
5445	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thương nghiệp tổng hợp Cần Thơ	Nguyễn, Thụy Trúc Mi	Nguyễn, Tri Nam Khang	2019	Thông qua việc phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần thương nghiệp Tổng hợp Cần Thơ để đánh giá đúng thực trạng hoạt động của công ty. Từ đó, phát huy những mặt tích cực, đồng thời đưa ra những biện pháp khắc phục những mặt hạn chế nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt
5446	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH thương mại Nhu Huỳnh	Bùi, Thị Diệu Hiền	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích tình hình về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty qua ba năm 2015 – 2016 – 2017 và sáu tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty qua ba năm 2015 – 2016 – 2017 và sáu tháng đầu năm 2018. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty
5447	Đại học	Phân tích tác động của việc quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua sắm của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đặng, Thanh Toàn	Võ, Văn Dứt	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động quảng cáo qua mạng xã hội với người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm 5 nhóm sản phẩm của người tiêu dùng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ sau khi tiếp xúc với quảng cáo qua MXH. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của việc quảng cáo qua MXH đối với người tiêu dùng tại địa bàn nghiên cứu nói riêng và cả nước nói chung
5448	Đại học	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hành chính Trường Đại học Cần Thơ	Lâm, Hoàng Minh	Nguyễn, Văn Duyệt	2018	Phân tích thực trạng đánh giá công việc của nhân viên hành chính trường ĐHCT, từ đó đề xuất và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hành chính tại trường ĐHCT.
5449	Đại học	Ảnh hưởng của việc thực hiện trách nhiệm xã hội đến kỹ năng và khả năng xin việc của cựu sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Quách, Thị Mỹ Duyên	Lưu, Tiến Thuận	2018	Đánh giá thực trạng về việc làm của cựu sinh viên sau khi ra trường. Phân tích việc thực hiện trách nhiệm xã hội ảnh hưởng đến kỹ năng và khả năng xin việc của cựu sinh viên. Đề xuất các hàm ý quản trị góp phần gia tăng khả năng xin được việc làm của sinh viên Đại học Cần Thơ sau khi ra trường
5450	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Loan	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn từ năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ tiêu tài chính của công ty. Đề ra các giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho Công ty trong tương lai.
5451	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Ô tô Quốc Việt Cần Thơ	Nguyễn, Thị Phương Thảo	Lê, Bình Minh	2018	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2015- 2017 và tháng 6 đầu năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính của công ty. Đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty trong tương lai.

5452	Đại học	Nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – phòng giao dịch Sa Đéc, Đồng Tháp	Bùi, Thị Tú Trinh	Huỳnh, Hữu Thọ	2018	Đánh giá thực trạng chăm sóc khách hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – PGD Sa Đéc, Đồng Tháp từ năm 2015 đến sáu tháng đầu năm 2018 và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng của ngân hàng.
5453	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long chi nhánh Sóc Trăng	Hứa, Thị Thùy Dung	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Khái về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kiên Long – quất Chi nhánh Sóc Trăng qua 3 năm (2015 – 2017). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Sóc Trăng. Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Sóc Trăng.
5454	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty TNHH TM-DV giống cây trồng Phú Hưng	Lê, Thị Cẩm Nhung	Huỳnh, Hữu Thọ	2018	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công Ty TNHH TM - DV giống cây trồng Phú Hưng, từ đó đề xuất giải pháp để thực hiện chiến lược nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH TM – DV Phú Hưng.
5455	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Bích Duyên	Trần, Quốc Dũng	2018	Đánh giá mức độ trung thành của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ. Xác định các nhóm nhân tố liên quan đến công việc ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ. Đồng thời xác định mối liên hệ giữa tính cách của đáp viên và nhận thức của họ về các nhân tố liên quan đến công việc. Đề xuất các giải pháp nâng cao lòng trung thành của nhân viên tại Ninh Kiều Riverside Hotel – Cần Thơ.
5456	Đại học	Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Võ, Ngọc Bảo Trân	Ngô, Mỹ Trân	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ. Phân tích thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao động lực làm việc của nhân viên tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ.
5457	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mekongland	Trần, Ngọc Thúy	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng MeKongLand nhằm đánh giá tình hình hoạt động công ty, từ đó tìm ra các giải pháp để nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho công ty
5458	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm thương hiệu việt của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT	Trần, Thị Cẩm Tuyên	Trần, Khánh Dung	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm thương hiệu việt của người tiêu dùng trên địa bàn TPCT nhằm nghiên cứu xu hướng và thị hiếu của người tiêu dùng. Qua đó để đưa ra các giải pháp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời cũng là cơ sở để các nhà sản xuất và quản trị nâng tầm sản phẩm Việt để người dân ưu tiên dùng hàng Việt
5459	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ví điện tử ở khu vực Thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Thanh Vy	Trần, Khánh Dung	2018	Thực trạng sử dụng ví điện tử của giới trẻ ở Thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ví điện tử của giới trẻ ở Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp để phát triển dịch vụ ví điện tử ở TPCT.
5460	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Sao Vàng	Trần, Thị Thùy Linh	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Sao Vàng qua 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 và đề ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

5461	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên sản xuất và phân phối Hải Vân	Nguyễn, Thị Hoài Thu	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận và so sánh kết quả kinh doanh của ba năm 2015-2017 với 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích một số chỉ tiêu về tài chính để thấy được hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
5462	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Bạc Liêu	Nguyễn, Yến Phi	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Bạc Liêu qua 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5463	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã Ngã Năm – Sóc Trăng	Đinh, Tuấn Kiệt	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã Ngã Năm – Sóc Trăng trong 3 năm gần nhất từ 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong những năm tới.
5464	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần in tổng hợp Cần Thơ	Diệp, Huỳnh Nga	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần in tổng hợp Cần Thơ qua 3 năm, từ năm 2015 đến năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong tương lai.
5465	Đại học	Phân tích hành vi tiêu dùng của người Khmer về bánh trung thu ở huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh	Ngô, Ngọc Ý Nhi	Trần, Quế Anh	2018	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của người Khmer về bánh trung thu ở huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh, từ đó đưa ra đề xuất các giải pháp kiến nghị phát triển thị trường tiêu dùng này
5466	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần in tổng hợp Cần Thơ đến năm 2025	Trần, Thị Thu Thảo	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phân tích môi trường bên trong và bên ngoài của Công ty để giúp công ty phát huy được những điểm mạnh, khắc phục được những điểm yếu, đồng thời để đón nhận các cơ hội và hạn chế các nguy cơ từ các môi trường, từ đó xây dựng và lựa chọn chiến lược kinh doanh phù hợp với thực trạng sản xuất ở Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ.
5467	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ dầu mỡ nhờn tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Nguyễn, Thị Kim Nhi	Trần, Quế Anh	2018	Đề tài tập chung phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm dầu mỡ nhờn tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng 2018 để thấy được thực trạng hoạt động tiêu thụ sản phẩm dầu mỡ nhờn của công ty và đánh giá hoạt động tiêu thụ. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động tiêu thụ dầu mỡ nhờn tại công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ
5468	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên bê tông Phan Vũ Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Thủy Tiên	Thạch, Keo Sa Ráté	2018	Phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty Phan Vũ năm 2015, năm 2016, năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động của công ty Phan Vũ giai đoạn 2015 - 2018. Đề ra một số giải pháp giúp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5469	Đại học	Giải pháp tăng số lượng sinh viên quyết định lựa chọn học tiếng Anh tại Trung tâm anh ngữ SPEAK UP Cần Thơ	Phan, Khắc Phùng	Châu, Thị Lệ Duyên	2018	Tìm hiểu thực trạng học tiếng Anh của sinh viên. Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn trung tâm ngoại ngữ của sinh viên. Đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút các đối tượng là sinh viên lựa chọn học tiếng Anh tại Trung tâm Anh ngữ Speak UP Cần Thơ.

5470	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Trương, Lê Gia Thịnh	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng TMCP VN Thương Tín chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích chiến lược Marketing tại Ngân hàng. Đánh giá môi trường bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến chiến lược marketing của ngân hàng. Đề ra chiến lược thích hợp trong tình hình thực tế hiện nay.
5471	Đại học	Phân tích thực trạng hoạt động marketing tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 9 chi nhánh Cần Thơ	Bùi, Anh Khoa	Trần, Quốc Dũng	2018	Phân tích thực trạng hoạt động marketing của công ty dịch vụ Mobifone khu vực 9 chi nhánh Cần Thơ. Thông qua kết quả phân tích, đề tài đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao, thúc đẩy hoạt động Marketing cho công ty trong thời gian tới.
5472	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Vũ, Hoàng Minh Nguyệt	Trần, Khánh Dung	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chi nhánh Cần Thơ từ các chỉ số đã được phân tích, đưa ra một số giải pháp để nâng cao và phát triển hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
5473	Đại học	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến lòng trung thành của khách hàng tại siêu thị Lotte Mart chi nhánh Cần Thơ	Tôn, Kim Thao	Lê, Phước Hương	2019	Đánh giá thực trạng tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội và thương hiệu Lotte Mart tại thị trường Thành phố Cần Thơ. Phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố trách nhiệm xã hội đến lòng trung thành thương hiệu Lotte Mart. Đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu Lotte Mart thông qua tăng cường thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội.
5474	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) chi nhánh Vĩnh Long	Trần, Huỳnh Hoàng Nguyên	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2018	Thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Trong đó đi sâu vào phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để hạn chế các rủi ro trong hoạt động tại Ngân hàng
5475	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp in bao bì Hoàng Lộc	Châu, Ngọc Bảo Châu	Nguyễn, Thúy An	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp in bao bì Hoàng Lộc nhằm đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty
5476	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Quỳnh Như	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart của khách hàng tại thành phố Cần Thơ. Đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart của khách hàng. Xem xét sự ảnh hưởng của độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp và thu nhập khi khách hàng quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart. Dựa trên kết quả nghiên cứu đưa ra những đề xuất hàm ý quản trị giúp cho siêu thị Lotte Mart thu hút khách hàng tốt hơn, phục vụ hiệu quả hơn dựa vào những yếu tố mà người tiêu dùng Cần Thơ mong đợi và cảm thấy hài lòng.
5477	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại khách sạn Hòa Bình tỉnh Cà Mau	Hồ, Minh Tý	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách sạn Hòa Bình trong giai đoạn 2016-2018. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

5478	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thủy sản Hà Nội – Cần Thơ	Trần, Thị Tú Trinh	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thủy sản Hà Nội – Cần Thơ (HACASEAFOOD) trong giai đoạn năm 2015-2017 để đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn này, tìm ra hạn chế, khó khăn để tìm cách khắc phục nhằm giúp công ty kinh doanh hiệu quả và phát triển tốt hơn
5479	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần thủy sản Hà Nội – Cần Thơ (HACASEAFOOD)	Nguyễn, Cẩm Thu	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Phân tích tình hình quản trị nguồn nhân lực tại công ty về các công tác có liên quan. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại công ty thông qua chỉ số KPI. Đánh giá thành tựu hạn chế trong việc quản trị nguồn nhân lực của công ty. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực của công ty
5480	Đại học	Đánh giá hiệu quả chương trình giá sốc đối với hoạt động kinh doanh tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Dương, Huỳnh Tú Lê	Lê, Tấn Nghiêm	2018	- Phân tích thực trạng chương trình giá sốc đối với hoạt động kinh doanh tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ trong giai đoạn 2015 - 2017, 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả chương trình với hoạt động kinh doanh. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chương trình giá sốc đối với hoạt động kinh doanh tại nơi đây.
5481	Đại học	Đánh giá thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học nghề của lao động nông thôn tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Trân	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích và đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn Thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đề xuất giải pháp thu hút lao động nông thôn tham gia học nghề tại địa phương
5482	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh Đồng Tháp	Lê, Tú Hào	Nguyễn, Phạm Thanh Nam	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh Đồng Tháp trong 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề ra những giải pháp và phương hướng hữu hiệu nhất góp phần hạn chế những rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.
5483	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH vật liệu xây dựng Châu Thiên Như	Hà, Tấn Đạt	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Đánh giá tình hình hoạt động: Doanh thu, lợi nhuận, chi phí của công ty qua 3 năm 2015 - 2017. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động. Đánh giá chỉ số tài chính. Đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty
5484	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về việc mua sắm hàng tiêu dùng nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Hà My	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Đánh giá được thực trạng phát triển hàng tiêu dùng nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ. Phân tích sự hài lòng của người tiêu dùng hàng nước ngoài tại đây và nguyên nhân vì sao hàng tiêu dùng nước ngoài lại được người tiêu dùng Việt Nam sử dụng. Đề xuất các hàm ý quản trị giúp các doanh nghiệp khắc phục những yếu kém trong việc kinh doanh hàng tiêu dùng, đồng thời cũng nâng cao chất lượng hàng hóa trong thị trường hàng tiêu dùng ở Cần Thơ và cả nước.
5485	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Minh Liêm	Phan, Thị Bích Tuyền	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí và lợi nhuận đạt được của công ty từ 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty qua các chỉ tiêu tài chính. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty

5486	Đại học	Phân tích thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Cà Mau	Lý, Thị Thanh Thoảng	Trần, Quốc Dũng	2018	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Cà Mau giai đoạn năm 2015- 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Cà Mau giai đoạn năm 2015- 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện, nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng trong thời gian tới.
5487	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng nhận biết thương hiệu của người dân đối với công ty cổ phần bưu chính Viettel tại địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Huỳnh Anh	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Đánh giá thực trạng sự nhận biết của người dân thành phố Cần Thơ đối với thương hiệu Viettel Post, và phân tích các nhân tố tác động đến khả năng nhận biết đó. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đạt được, đề ra những giải pháp nhằm giúp Viettel Post có những chính sách phù hợp để nâng cao sự nhận biết thương hiệu của mình đối với khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.
5488	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vĩnh Long	Trần, Huỳnh Nhi	Hà, Mỹ Trang	2018	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vĩnh Long qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vĩnh Long qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vĩnh Long
5489	Đại học	Xây dựng chiến lược marketing cho hoạt động huy động tiền gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ (SACOMBANK)	Lê, Thị Chăm Anh	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của Sacombank Chi Nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích môi trường và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động huy động tiền gửi của Sacombank Chi Nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Hoạch định chiến lược và đề xuất giải pháp thực thi chiến lược marketing cho hoạt động huy động tiền gửi của Sacombank Chi Nhánh Cần Thơ đến năm 2020.
5490	Đại học	Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển sản phẩm thẻ ATM tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (SACOMBANK) chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Mỹ Lệ		2018	Đánh giá thực trạng phát hành sản phẩm thẻ thanh toán và thẻ tín dụng, qua đó đề xuất một số giải pháp phát triển sản phẩm thẻ thanh toán và thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh Cần Thơ.
5491	Đại học	Nghiên cứu về phản ứng của khách hàng đối với nỗ lực khắc phục lỗi dịch vụ trong ngành dịch vụ chuyển phát nhanh tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Quang Triệu	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Đánh giá thực trạng lỗi dịch vụ trong ngành dịch vụ chuyển phát nhanh tại thành phố Cần Thơ. Phân tích các yếu tố trong quá trình giải quyết lỗi dịch vụ tác động đến sự hài lòng và ý định hành vi của khách hàng. Xác định ảnh hưởng của mức độ nghiêm trọng của lỗi dịch vụ đến quá trình khắc phục lỗi. Đề xuất các hàm ý quản trị nhằm khắc phục lỗi dịch vụ một cách hiệu quả trong ngành chuyển phát nhanh tại thành phố Cần Thơ.
5492	Đại học	Xây dựng chiến lược kinh doanh cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ đến năm 2023	Phan, Thị Cẩm Thùy	Nguyễn, Phạm Thanh Nam	2018	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi Nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015 – 6.2018. Phân tích các yếu tố môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi Nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015 – 6.2018. Đề xuất những chiến lược cụ thể và giải pháp thực thi các chiến lược cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi Nhánh Cần Thơ đến năm 2023.

5493	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần mía đường Cần Thơ (CASUCO)	Bùi, Kim Chi	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5494	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Mạc Quyết Thắng	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Đánh giá thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Cần Thơ để tìm ra các điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó, đưa ra các biện pháp hoàn thiện công tác quản trị nhân sự của ngân hàng.
5495	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Kim Chung Cường Thịnh	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Hà, Mỹ Trang	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kim Chung Cường Thịnh giai đoạn từ năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 nhằm đề xuất giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kim Chung Cường Thịnh.
5496	Đại học	Đánh giá thực trạng quản trị nguồn nhân lực và hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cờ Đỏ, Cần Thơ	Đoàn, Thị Như Ý	Trương, Thị Thúy Hằng	2018	Phân tích và đánh giá tình hình phát triển nguồn nhân lực tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Cờ Đỏ, Cần Thơ. Qua đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao và hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại chi nhánh.
5497	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ôtô Cần Thơ	Võ, Thị Ngọc Ngân	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	“Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn ô tô Cần Thơ – Cần Thơ” nhằm đánh giá những điểm mạnh, điểm hạn chế và nguyên nhân của chúng từ đó đề xuất ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị tại Công ty
5498	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Huỳnh, Trường Huy	2018	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long trong giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5499	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Bình Minh Phước Long	Võ, Thị Ngọc Trân	Lê, Thị Diệu Hiền	2018	Phân tích thực trạng hoạt động của công ty TNHH MTV Bình Minh Phước Long qua 3 năm (2015–2017) và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty qua kết quả phân tích 3 năm (2015-2017) và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty.
5500	Đại học	Phân tích thái độ người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ đối với VIDEO quảng cáo trên Youtube	Nguyễn, Thị Mỹ Tạng	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Đánh giá thực trạng quảng cáo trực tuyến thông qua Video quảng cáo trên Youtube. Phân tích thái độ của người tiêu dùng tại TP Cần Thơ đối với các Video quảng cáo trên Youtube. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cho các Video quảng cáo trên Youtube.
5501	Đại học	Nghiên cứu mối quan hệ của sự hài lòng và niềm tin thương hiệu đến lòng trung thành thương hiệu trường hợp sản phẩm điện thoại thông minh tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Dự	Trần, Thu Hương	2018	Đánh giá thực trạng điện thoại thông minh tại Việt Nam và hành vi tiêu dùng của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích mối quan hệ của sự hài lòng và niềm tin thương hiệu đến lòng trung thành thương hiệu của khách hàng đối với sản phẩm điện thoại thông minh tại các cửa hàng điện thoại trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý đối với sự phát triển thị trường của sản phẩm điện thoại thông minh dành cho các cửa hàng điện thoại trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5502	Đại học	Hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng tại công ty TNHH Ngọc Phương	Nguyễn, Thị Thu Thảo	Nguyễn, Tấn Tài	2018	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng của công ty TNHH Ngọc Phương. Đánh giá hoạt động CRM tại công ty TNHH Ngọc Phương. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của công ty. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng tại công ty TNHH Ngọc Phương.
5503	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Thị Kim Ngân	Thạch, Keo Sa Ráté	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của NH TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Cần Thơ từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018 để thấy được những thuận lợi cũng như những tồn tại. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng
5504	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại, dịch vụ Ngọc Khuê	Lê, Thị Bé Tư	Thạch, Keo Sa Ráté	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH sản xuất thương mại, dịch vụ Ngọc Khuê trong ba năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 nhằm đánh giá những thành tựu đạt được cũng như tìm ra những mặt hạn chế còn tồn tại, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5505	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến niềm tin khi mua hàng trực tuyến của khách hàng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến niềm tin khi mua hàng trực tuyến của khách hàng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến niềm tin khi mua hàng trực tuyến của khách hàng. Đề xuất giải pháp giúp cho các nhà kinh doanh trực tuyến nâng cao chất lượng giao dịch từ đó tạo dựng niềm tin cho khách hàng khi mua sắm.
5506	Đại học	Phân tích sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Khoa Phát triển nông thôn Trường đại học Cần Thơ	Phạm, Lê Thiên Lý	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích thực trạng dịch vụ đào tạo tại Khoa PTNT, trường ĐHTC. Phân tích sự hài lòng của SV về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Khoa PTNT, trường ĐHTC. Đề xuất giải pháp nâng cao sự hài lòng của SV về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Khoa PTNT, trường ĐHTC.
5507	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Phạm, Ngọc Thùy	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích tình hình thu hút, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô thông qua chỉ số KPI. Đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng trong thời gian tới.
5508	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, thị Kim Hương	Trần, Quốc Dũng	2018	Phân tích thực trạng công tác quản trị quan hệ khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Cần Thơ. Trên cơ sở phân tích, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động quản trị quan hệ khách hàng cho Ngân hàng trong thời gian tới.
5509	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Trang Trí chi nhánh Cần Thơ	Trần, Đình Khôi	Trương, Đông Lộc	2018	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Đề xuất một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
5510	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho vay tại PVCOMBANK chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch An Phú	Huỳnh, Thúy Duy	Ngô, Mỹ Trân	2018	Xác định mô hình đo lường sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ cho vay tại ngân hàng PVcomBank chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch An Phú. Phân tích mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ cho vay tại ngân hàng PVcomBank chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch An Phú. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho vay tại ngân hàng PVcomBank - Phòng giao dịch An Phú.

5511	Đại học	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua sắm của thế hệ Millennials tại Thành phố Cần Thơ	Phạm, Mai Diễm Ngọc	Châu, Thị Lệ Duyên	2018	Phân tích tác động của quảng cáo qua mạng xã hội đến ý định mua hàng của thế hệ Millennials tại thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quảng cáo qua mạng xã hội và thu hút nhiều khách hàng nhằm gia tăng doanh số bán hàng.
5512	Đại học	Tác động của chất lượng Website bán lẻ trực tuyến đến lòng trung thành và hành vi truyền miệng của khách hàng tại Cần Thơ	Trần, Thị Diễm Hương	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Khám phá và đo lường các yếu tố cấu thành chất lượng website tác động đến hành vi truyền miệng của khách hàng thông qua lòng trung thành. Hàm ý nâng cao chất lượng website trong công tác quảng bá hoạt động bán lẻ trực tuyến trên địa bàn Cần Thơ. Đồng thời, là tiền đề tạo nên chất lượng hoạt động kinh doanh bán lẻ tại Cần Thơ nói riêng và các tỉnh khác nói chung đạt được cao nhất có thể.
5513	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh quận Cái Răng, Cần Thơ	Lý, Khánh Duy	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh quận Cái Răng, Cần Thơ qua 3 năm 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để từ đó tìm ra những giải pháp giúp cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng ngày càng đạt hiệu quả tốt hơn.
5514	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Ta, Thị Bích Quyên	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Phân tích đánh giá hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Cần Thơ trong 3 năm 2015 - 2017 nhằm làm rõ thực trạng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng từ đó xác định được những điểm mạnh điểm yếu hiện có của ngân hàng để đề ra những giải pháp giúp cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng ngày càng hiệu quả hơn.
5515	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần phân bón Sài Gòn Mekong	Hà, Anh Thư	Nguyễn, Hữu Tâm	2018	Phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần phân bón Mekong qua 3 năm 2015- 2017. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5516	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Trần, Minh Vẹn	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm qua các năm 2015, 2016, 2017, và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm tới.
5517	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen tại Cà Mau	Nguyễn, Chí Lượng	Thạch, Keo Sa Rát	2018	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty trong giai đoạn 2015 đến 6 tháng đầu 2018. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
5518	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần vật tư Hậu Giang	Trần, Hữu Trí	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang giai đoạn năm 2015-2017, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5519	Đại học	Phân tích mối quan hệ giữa năng lực tâm lý và kết quả công việc của nhân viên văn phòng trong các doanh nghiệp tại Thành phố Cần Thơ	Trương, Hồng Cẩm	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Đánh giá năng lực tâm lý và kết quả công việc hiện nay của nhân viên văn phòng tại TPCT. Phân tích mối quan hệ giữa năng lực tâm lý và kết quả công việc của nhân viên văn phòng tại TPCT. Đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực tâm lý và hiệu quả công việc của nhân viên văn phòng tại TPCT.
5520	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau	Trần, Chí Nguyên	Nguyễn, Thúy An	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam Chi nhánh Cà Mau nhằm đề ra những giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

5521	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV xăng dầu Lê Uyên 1 tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Ánh Mơ	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV xăng dầu Lê Uyên 1 giai đoạn 2015-2017. Đánh giá tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty từ năm 2015-2017. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính để thấy rõ hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tìm ra những nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đề xuất một số giải pháp, và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát huy những điểm mạnh và hạn chế những rủi ro.
5522	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Buôn Phương	Phạm, Thị Thu Hà	Hà, Mỹ Trang	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TMDV Buôn Phương qua ba năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 qua đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Buôn Phương.
5523	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của những người buôn bán nhỏ lẻ trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Xuân	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực trạng về ý định khởi nghiệp của những người buôn bán nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của những người buôn bán nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết luận và đề xuất hàm ý về chính sách nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của những người buôn bán nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
5524	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của nhân viên văn phòng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thùy Dương	Phan, Anh Tú	2018	Đánh giá thực trạng khởi nghiệp của nhân viên khối văn phòng đang làm việc trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của nhân viên văn phòng đang làm việc trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho các nhân viên văn phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
5525	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân ở thành phố Cà Mau	Lê, Thị Diệu Ái	Phan, Anh Tú	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân trên địa bàn Thành phố Cà Mau và xác định trong các nhân tố ảnh hưởng đó nhân tố nào là nhân tố chính có tác động mạnh đến ý định khởi nghiệp của người dân Thành phố Cà Mau. Từ đó đề xuất các hàm ý nghiên cứu về chính sách nhằm hạn chế những tác động của nhân tố đó đến ý định khởi nghiệp của người dân ở Thành phố Cà Mau cũng như toàn tỉnh Cà Mau và các tỉnh ở ĐBSCL.
5526	Đại học	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm của Vinamilk tại công ty TNHH MTV Hùng Dũng, tỉnh Vĩnh Long	Phan, Minh Luân	Trần, Bá Trí	2018	Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Hùng Dũng. Phân tích tình hình doanh số tiêu thụ sản phẩm sữa Vinamilk tại Công ty TNHH MTV Hùng Dũng. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao doanh số tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong tương lai.
5527	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI	Huỳnh, Thị Ngọc Thảo	Huỳnh, Hữu Thọ	2018	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI trong tương lai.
5528	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa nông hộ và doanh nghiệp trong cánh đồng lớn trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Lê, Văn Sang	Nguyễn, Quốc Nghi	2018	Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng mối quan hệ giữa nông hộ và doanh nghiệp trong cánh đồng lớn trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa nông hộ và doanh nghiệp tham gia mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn nghiên cứu.

5529	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Lữ, Mỹ Nhung	Nguyễn, Thanh Bình	2018	Phân tích doanh thu, lợi nhuận, chi phí của công ty từ năm 2015 đến 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh thông qua một số chỉ tiêu về tài chính. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5530	Đại học	Phân tích sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Thế giới di động tại Thành phố Cần Thơ	Sơn, Thanh Trung	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Khám phá, đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng. Xác định mức độ tác động của từng nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của Thế giới di động tại Cần Thơ. Đưa ra một số giải pháp để nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của Thế giới di động tại Cần Thơ.
5531	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần điện nước An Giang	Nguyễn, Thị Diễm Trinh	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của POWACO giai đoạn năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích một số chỉ tiêu về tài chính của công ty. Đánh giá những thành tựu và hạn chế trong hoạt động kinh doanh của POWACO. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian sắp tới
5532	Đại học	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến thành tích học tập của sinh viên Đại học Cần Thơ	Bùi, Thị Kim Liễu	Lưu, Tiến Thuận	2018	Phân tích thực trạng về thành tích học tập của sinh viên ĐHCT. Phân tích và kiểm định sự tác động của trách nhiệm xã hội đến kỹ năng xã hội và thành tích học tập của sinh viên ĐHCT. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao thành tích học tập của sinh viên.
5533	Đại học	Nghiên cứu tác động của thông tin truyền miệng đến hình ảnh và danh tiếng thương hiệu trường Đại học Cần Thơ	Đoàn, Phương Thắm	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	
5534	Đại học	Sử dụng mô hình sự lựa chọn để ước lượng nhu cầu của người dân thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang đối với dự án bảo tồn và phát triển rừng tràm Trà Sư	Trương, Ngọc Đan Tâm	Huỳnh, Việt Khải	2018	Đề tài được thực hiện nhằm đo lường mức sẵn lòng chi trả của người dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đối với chương trình bảo tồn và phát triển rừng tràm Trà Sư. Từ đó, góp phần giúp cho các nhà quản lý đề ra giải pháp phát triển và khai thác một cách hiệu quả tiềm năng du lịch mà vẫn giữ được nét hoang sơ vốn có của rừng tự nhiên.
5535	Đại học	Nghiên cứu mô hình ý định chuyển đổi thương hiệu của người dùng điện thoại di động tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trúc Ngân	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi thương hiệu của người dùng điện thoại di động trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất những hàm ý quản trị giúp nhà quản lý có những chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm nâng cao sức cạnh tranh và giữ thị phần.
5536	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh của công ty TNHH tư vấn xây dựng thương mại và dịch vụ Hồng Thuận đến năm 2022	Huỳnh, Thanh Luân	Huỳnh, Hữu Thọ	2018	Hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng – Thương Mại & Dịch vụ Hồng Thuận đến năm 2022 nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của công ty trong thời gian tới.
5537	Đại học	Phân tích hoạt động cung ứng bao bì tại công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lao, Nhựt Huyền	Lê, Thị Thu Trang	2018	Phân tích tình hình cung ứng bao bì tại công ty cổ phần C.P. Việt Nam – Chi Nhánh Cần Thơ từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018, nhằm đề ra những giải pháp và kiến nghị cho công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác cung ứng bao bì cho đóng gói và sản xuất

5538	Đại học	Phân tích xu hướng tiêu dùng sữa dinh dưỡng của người dân thị xã Ngã Bảy – Hậu Giang	Đặng, Phan Phước Hiếu	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng sữa dinh dưỡng của người dân thị xã Ngã Bảy- Hậu Giang. Từ đó, đề xuất những giải pháp giúp những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực sữa dinh dưỡng nâng cao mức tiêu thụ sữa dinh dưỡng cũng như nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường đồng thời giúp cho người tiêu dùng hình thành những thói quen tốt cho sức khỏe tiêu dùng sữa.
5539	Đại học	Tác động của quản trị quan hệ khách hàng đến lòng trung thành khách hàng trong ngân hàng Thương mại cổ phần tại Cần Thơ	Dương, Nhựt Long	Lê, Thị Thu Trang	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích xác định sự tác động của các yếu tố quản trị quan hệ KH đến lòng trung thành của KH trong các NH thương mại cổ phần ở Cần Thơ từ đó làm nền tảng đưa ra những hàm ý, giải pháp nâng cao lòng trung thành KH cũng như cải thiện hiệu quả kinh doanh
5540	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Long Mỹ - Hậu Giang	Đinh, Thị Mỹ Dung	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh tại NHNN & PTNT Chi nhánh Long Mỹ – Hậu Giang qua 3 năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 nhằm làm rõ thực trạng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng từ đó đề ra những giải pháp giúp cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng ngày càng hiệu quả hơn.
5541	Đại học	Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm gạo của công ty TNHH MTV lương thực Vĩnh Lộc	Lê, Kim Ngọc	Trần, Ái Kết	2018	Phân tích những cơ hội, lợi thế sẵn có của công ty và thực trạng về việc xây dựng và phát triển thương hiệu. Đánh giá nhu cầu thị trường đối với sản phẩm gạo chất lượng cao. Đề ra những giải pháp xây dựng thương hiệu gạo nội địa cho công ty.
5542	Đại học	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm tại chuỗi cửa hàng tiện lợi Vinmart+ ở Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Ngọc Đàm	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn của khách hàng và đưa ra mô hình các yếu tố tác động phù hợp đến quyết định lựa chọn cửa hàng tiện lợi VinMart+ làm địa điểm mua hàng của người dân Thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện, thu hút và đáp ứng tốt khách hàng tới cửa hàng trong thời gian tới.
5543	Đại học	Giải pháp phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Lê, Ánh Vy	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích thực trạng hoạt động dịch vụ bán lẻ tại chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Cần Thơ, từ đó xây dựng các giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại chi nhánh Cần Thơ.
5544	Đại học	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động marketing cho công ty trách nhiệm hữu hạn SAGOPHAR	Hứa, Thị Băng Trinh	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH SAGOPHAR, tập trung trong giai đoạn 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích thực trạng hoạt động Marketing của Công ty TNHH SAGOPHAR. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động Marketing cho Công ty TNHH SAGOPHAR.
5545	Đại học	Phân tích hành vi tiêu dùng bao cao su ở nhóm MSM tại Thành phố Cần Thơ	Danh, Tùng	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích hành vi sử dụng bao cao su của nhóm MSM tại thành phố Cần thơ nhằm nắm bắt được thực trạng kinh doanh bao cao su hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng của nhóm MSM và từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị cho các đơn vị kinh doanh.
5546	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ	Hồ, Ngọc Thi	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ nhằm hiểu rõ tình hình hoạt động cũng như nắm được điểm mạnh và điểm yếu của Ngân hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp làm cho Ngân hàng phát triển ngày một vững mạnh hơn.

5547	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) chi nhánh Cần Thơ, phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Nguyễn, Thị Trúc Quỳnh	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ, PGD Lý Tự Trọng (VPBank Lý Tự Trọng) để từ đó đề xuất ra các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.
5548	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tìm hiểu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Xuyên	La, Nguyễn Thùy Dung	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tìm hiểu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Từ đó, đề xuất với nhà trường các giải pháp trong vấn đề khuyến khích sinh viên trường đại học Cần Thơ tích cực tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
5549	Đại học	Phân tích các yếu tố thuộc giá trị thương hiệu Biti's ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trần Hồng Ngọc	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Xác định các nhân tố cấu thành giá trị thương hiệu Biti's ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng Đo lường mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đó đối với quyết định mua hàng của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao giá trị thương hiệu Biti's trong tâm trí người tiêu dùng tại nơi đây
5550	Đại học	Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ Grabbike của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Trương, Minh Giới	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Phân tích những yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ GrabBike của khách hàng tại thành phố Cần Thơ. Qua đó đề xuất giải pháp giúp nâng cao chất lượng, dịch vụ cho công ty dịch vụ grab.
5551	Đại học	Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Nguyễn, Kim Huỳnh Như	Lê, Phước Hương	2018	Phân tích thực trạng trách nhiệm xã hội và kiểm định mối quan hệ của trách nhiệm xã hội với hiệu quả tài chính của các ngân hàng TMCP tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của các ngân hàng TMCP tại Việt Nam.
5552	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Xuyên	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Cần Thơ; Phân tích thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Cần Thơ; Đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Cần Thơ.
5553	Đại học	Phân tích chiến lược huy động vốn của SACOMBANK chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Cao Kỳ	Nguyễn, Thúy An	2018	Phân tích, đánh giá chiến lược huy động vốn tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Cần Thơ. Và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược nhằm làm cơ sở cho việc thiết lập chiến lược huy động vốn tại Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Cần Thơ.
5554	Đại học	Phân tích tác động của nhận thức các khía cạnh trách nhiệm xã hội đến giá trị thương hiệu của khách hàng đối với các ngân hàng thương mại ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Lê, Công Trực	Lê, Phước Hương	2019	Phân tích tác động của các khía cạnh trách nhiệm xã hội đến các khía cạnh giá trị thương hiệu, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao giá trị thương hiệu của ngân hàng thông qua việc tăng cường hoạt động trách nhiệm xã hội ở các ngân hàng thương mại vùng đồng bằng sông Cửu Long
5555	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Điềm	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, từ đó làm nền tảng đưa ra một số hàm ý chính sách cho chính phủ và doanh nghiệp thúc đẩy phong trào tiêu dùng xanh tại Việt Nam nói chung và Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ nói riêng.

5556	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần in Nguyễn Văn Thành, Vĩnh Long	Trần, Thị Kim Thoa	Trần, Quế Anh	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Đánh giá kết quả kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
5557	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đóng tàu Đại Phú Thành – Cần Thơ	Nguyễn, Bảo Nhi	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đóng tàu Đại Phú Thành – Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, qua đó đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm nâng cao kết quả hoạt động của công ty trong tương lai.
5558	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Một thành viên Thương mại tổng hợp Hải Đăng Khoa	Ngô, Nguyễn Hoàng Thắng	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Phân tích tình hình hoạt động của công ty về doanh thu, chi phí, lợi nhuận. Phân tích các chỉ tiêu tài chính nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty. Đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty
5559	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội chi nhánh Cần Thơ	Đặng, Kim Huệ	Nguyễn, Thị Phương Dung	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần quân đội chi nhánh Cần Thơ qua các năm 2015,2016,2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong những năm tiếp theo
5560	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Huỳnh, Thị Thanh Vân	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP công thương Việt Nam (vietinbank)-chi nhánh Tây đô năm 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian sắp tới.
5561	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần thủy sản Mekong	Đinh, Nguyễn Tố Mai	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực về hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá kết quả thực hiện công việc, lương và chế độ đãi ngộ của Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong. Đánh giá hiệu quả quản trị nguồn nhân lực với các chỉ số đo lường kết quả thực hiện công việc KPI. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực.
5562	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thủy sản Mekong (MEKONGFISH)	Huỳnh, Thị Thảo Loan	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy Sản Mekong giai đoạn 2015 – 6/2018, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5563	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hồng Phát	Nguyễn, Thị Anh Thư	Thạch, Keo Sa Rát	2018	Phân tích hoạt động quản trị nguồn nhân lực của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hồng Phát giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hồng Phát giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hồng Phát.
5564	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn Sáu Mừng	Nguyễn, Thu Trang	Trần, Quốc Dũng	2018	Phân tích thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh bao gồm: Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích tình hình các nguồn lực; Phân tích kết quả kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017 và 06 tháng đầu năm 2018 của Công ty; Đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao tình hình hoạt động kinh doanh cho công ty trong thời gian tới.

5565	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ chăm sóc và bảo dưỡng tại công ty B-Select Autocare24 chi nhánh Cần Thơ	Lê, Trọng Phú	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2018	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng . Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hài lòng của khách hàng. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với công ty.
5566	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Trần, Hoàng Yến	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích hoạt động tín dụng thông qua phân tích doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ, nợ xấu. Đánh giá hoạt động tín dụng thông qua các chỉ tiêu kinh tế. Đề xuất một số giải pháp cho hoạt động tín dụng tại ngân hàng.
5567	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cờ Đỏ	Nguyễn, Hồ Như Thủy	Ngô, Mỹ Trân	2018	Phân tích tình hình nhận diện khách hàng, phân loại và xếp hạng khách hàng, tương tác với khách hàng và cá biệt hóa khách hàng. Đánh giá công tác quản trị quan hệ khách hàng tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Cờ Đỏ. Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Cờ Đỏ.
5568	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đỗ Mạnh	Danh, Vũ Trường Giang	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018; Đánh giá công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Đỗ Mạnh.
5569	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Tân Tiên	Nguyễn, Nhựt Cường	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tân Tiên qua các năm 2016, 2017, 2018. Phân tích các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm tới.
5570	Đại học	Phân tích sự ảnh hưởng của việc tự học đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Diễm Trang	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích thực trạng tình hình tự học và kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Cần Thơ Phân tích sự ảnh hưởng của tự học đến kết quả học tập của sinh viên trong trường. Đề xuất giải pháp pháp nhằm nâng cao năng lực tự học và kết quả học tập cho sinh viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Cần Thơ.
5571	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định xây dựng quan hệ đặc biệt qua mạng xã hội với đồng nghiệp ở nơi làm việc địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Lê, Gia Hân	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định đến quyết định xây dựng quan hệ đặc biệt qua mạng xã hội với đồng nghiệp ở nơi làm việc trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp giúp cải thiện và nâng cao mối quan hệ đồng nghiệp thông qua mạng xã hội, giúp hiểu rõ nhau hơn từ đó giúp nâng cao hiệu quả làm việc.
5572	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê nhà trọ của sinh viên tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Lưu, Kim Phụng	Trần, Thu Hương	2019	Phân tích các yếu tố làm ảnh hưởng đến quyết định thuê trọ của sinh viên tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm thu hút khách hàng và nâng cao vị thế cạnh tranh cho của hộ kinh doanh tại Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
5573	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần MISA Cần Thơ	Lê, Thị Hồng Ngọc	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận của Công ty từ năm 2016 đến năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh thông qua các chỉ tiêu về tài chính. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của ông ty trong thời gian tới.

5574	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần 720	Vi, Thị Thúy Hằng	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần 720. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần 720 thông qua các chỉ tiêu kinh tế. Đề xuất giải pháp cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần 720.
5575	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của siêu thị Co.Opmart Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bảo Trân	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của siêu thị Co.opmart Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp giúp siêu thị có thể nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.
5576	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Lâm, Minh Tân	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực trong thời gian tới tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô.
5577	Đại học	Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố marketing du lịch đối với sự hài lòng của du khách tại vườn quốc gia U Minh Thượng	Trần, Thị Ngọc Lý	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Cơ sở lý luận về nội dung Marketing du lịch. Phân tích, đánh giá về thực trạng Marketing du lịch tại VQG U Minh Thượng. Đánh giá sự hài lòng của du khách đối với các yếu tố Marketing du lịch tại VQG U Minh Thượng. Đề xuất các hàm ý quản trị liên quan đến các yếu tố Marketing du lịch cho VQG U Minh Thượng.
5578	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ của rạp chiếu phim Lotte cinema Thành phố Cần Thơ	Trần, Đoàn Ngọc Yến	Võ, Văn Dứt	2019	Phân tích thực trạng chất lượng dịch vụ tại rạp chiếu phim Lotte Cinema trong khoảng thời gian từ 2015 đến cuối năm 2018. Phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ tại rạp chiếu phim Lotte Cinema. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khắc phục những hạn chế còn tồn tại tại rạp chiếu phim Lotte Cinema
5579	Đại học	Nghiên cứu thái độ của người tiêu dùng đối với hoạt động quảng cáo trong ngành hàng mỹ phẩm tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Quan, Minh Nhựt	2019	Nghiên cứu thái độ của người tiêu dùng đối với hoạt động quảng cáo trong ngành hàng mỹ phẩm tại thành phố Cần Thơ. Qua đó, nhằm đề xuất một số giải pháp cho các doanh nghiệp trong việc quản lý tài sản thương hiệu và đầu tư đúng mức vào các hoạt động quảng cáo.
5580	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô – Cần Thơ	Phạm, Khánh Toàn	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn và hoạt động kinh doanh, và đề xuất giải pháp đẩy mạnh hoạt động huy động vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Đô.
5581	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của cụm khách sạn Đông Xuyên thuộc công ty cổ phần du lịch An Giang	Tô, Ngọc Yến	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của Cụm Khách sạn qua 3 năm 2016, 2017 và 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty dựa trên những phân tích một số chỉ tiêu tài chính từ năm 2016 đến 2018. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Cụm khách sạn Đông Xuyên.
5582	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH sản xuất – thương mại – dịch vụ Lê Gia Phát	Lê, Thị Minh Trang	Lê, Quang Viết	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH SX-TM-DV Lê Gia Phát trong giai đoạn năm 2016-2018 nhằm đánh giá hoạt động kinh doanh và đề xuất các giải pháp nâng cao kết quả kinh doanh của công ty.
5583	Đại học	Mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Long Xuyên	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích hiện trạng sử dụng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Long Xuyên. Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ lưu trú tại khách sạn. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và thu hút nhiều khách hàng hơn.

5584	Đại học	Phân tích mức độ ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc lên hiệu quả sáng tạo của nhân viên giao tiếp trực tiếp với khách hàng	Lê, Thị Ngọc Xuyên	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Đề tài “Phân tích mức độ ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc lên hiệu suất sáng tạo của nhân viên giao tiếp trực tiếp với khách hàng” được thực hiện để đánh giá mức độ ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc lên hiệu quả sáng tạo của nhân viên tiếp xúc trực tiếp với khách hàng từ nhiều nơi khác nhau. Qua đó, giúp các nhà quản lý có cái rõ ràng hơn về tầm ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc lên hiệu suất sáng tạo của nhân viên cũng như hiệu quả hoạt động của tổ chức.
5585	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tiệc cưới tại nhà hàng – khách sạn Cửu Long	Nguyễn, Thị Thùy Duyên	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích hành vi tham gia dịch vụ tiệc cưới của khách hàng tại NH – KS Cửu Long. Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tiệc cưới tại NH - KS Cửu long. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tiệc cưới tại NH - KS Cửu Long.
5586	Đại học	Thương hiệu thời trang trên các trang Web thương mại điện tử: Hiệu quả mong đợi của khách hàng và sự truyền miệng điện tử	Nguyễn, Thị Vân Anh	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Đề tài “Thương hiệu thời trang trên các trang Web Thương mại điện tử: Hiệu quả mong đợi của khách hàng và sự truyền miệng điện tử” được thực hiện nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả mong đợi của khách hàng khi mua sắm thời trang trực tuyến đồng thời đề xuất giải pháp giúp các nhà cung cấp trang Web thương mại điện tử đáp ứng đúng nhu cầu của người tiêu dùng
5587	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến đối với mặt hàng quần áo của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Mỹ Ngọc	Trương, Chí Tiến	2019	Xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua sắm trực tuyến đối với mặt hàng quần áo của người tiêu dùng ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động mua sắm trực tuyến phát triển hơn
5588	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng khi mua hàng tại trang thương mại điện tử Lazada tại Thành phố Cần Thơ	Bùi, Đình Thông	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng khi mua hàng tại trang thương mại điện tử Lazada tại Thành phố Cần Thơ. Qua đó đề xuất giải pháp nhằm có được sự hài lòng của người tiêu dùng và duy trì nó trên thị trường thương mại điện tử. Giúp doanh nghiệp điều chỉnh sự phục vụ tốt nhất của mình.
5589	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng của khách hàng ở công ty TNHH Hồng Phúc tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Vĩnh Hậu	Vương, Quốc Duy	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng của khách hàng tại công ty TNHH Hồng Phúc, từ đó xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng đến sử dụng dịch vụ, nâng cao tính cạnh tranh, gia tăng thị phần và tăng hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.
5590	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Agribank chi nhánh Mỹ Lâm Kiên Giang	Nguyễn, Thúy Đan	Trần, Quế Anh	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Mỹ Lâm Kiên Giang qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 và đưa ra một số giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho ngân hàng
5591	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng điện tử trực tuyến của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Đặng, Thị Ngọc Thanh	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng điện tử trực tuyến của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp giúp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mua hàng điện tử trực tuyến thu hút được nhiều khách hàng tham gia các giao dịch hơn.
5592	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn thương hiệu cà phê của người dân quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Khả Quỳnh	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng quyết định lựa chọn sử dụng các thương hiệu cà phê của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều TPCT. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng trong việc lựa chọn một thương hiệu cà phê cho bản thân.

5593	Đại học	Phân tích hoạt động bán hàng sản phẩm xăng tại công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Trần, Hoàng Hải Đăng	Trần, Quế Anh	2018	Phân tích hoạt động bán hàng sản phẩm xăng tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ trong giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Qua đó đưa ra các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng sản phẩm xăng, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ bán hàng, tăng lợi nhuận cho công ty.
5594	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần truyền thông Gia Định	Nguyễn, Thành Khang	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần truyền thông Gia Định qua 3 năm 2016- 2018. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5595	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua điện thoại thông minh thương hiệu SAMSUNG của người dân tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Khánh Hiền	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn mua điện thoại Samsung của người tiêu dùng tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị giúp cho công ty Samsung có những giải pháp phù hợp với người tiêu dùng.
5596	Đại học	Phân tích hành vi tiêu dùng sữa bột trẻ em từ 1-3 tuổi tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Dương, Trọng Tính	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hành vi tiêu dùng sữa bột trẻ em từ 1 -3 tuổi tại quận Ninh Kiều TPCT và đề xuất khuyến nghị cho người bán sữa bột trẻ em từ 1- 3 tuổi tại quận Ninh Kiều TPCT phục vụ khách hàng tốt hàng tốt hơn.
5597	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của người tiêu dùng đối với chất lượng dịch vụ của siêu thị điện máy – nội thất Chợ Lớn trong Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phước Ngọc	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị điện máy- nội thất Chợ Lớn qua đó đề xuất ra các giải pháp để nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ
5598	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ	Danh, Thị Thúy An	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích thực trạng công tác thu hút, đào tạo và phát triển, duy trì nguồn nhân lực tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016-2018; Đánh giá hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực qua các chỉ số đo lường kết quả thực hiện công việc KPI tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016-2018; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu chi nhánh Cần Thơ .
5599	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ CATA	Lê, Ngọc Ngân	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ CATA qua 3 năm, từ năm 2015 đến năm 2017. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho công ty.
5600	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh An Giang	Thị, Sạ	Lê, Thị Thu Trang	2019	Phân tích, đánh giá tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh An Giang và các chỉ tiêu đo lường kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2016 – 2018. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng trong những năm tới.
5601	Đại học	Phân tích thực trạng các yếu tố có ảnh hưởng đến quyết định mua điện thoại thông minh OPPO của người dân huyện Tri Tôn tỉnh An Giang	Nguyễn, Kim Hậu	Trương, Chí Tiến	2019	Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua điện thoại Oppo của người dân sống tại huyện Tri Tôn tỉnh An Giang, từ đó đề xuất các giải pháp, định hướng cho việc tiếp thị sản phẩm nhằm thu hút người tiêu dùng chọn mua và sử dụng sản phẩm của Oppo
5602	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua điện thoại thông minh thương hiệu SAMSUNG của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Kim Ngân	Ngô, Mỹ Trân	2018	

5603	Đại học	Thực trạng và giải pháp giao nhận hàng hóa của công ty TNHH tiếp vận Hiệp Sĩ Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh, Ngọc Thu	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Tiếp Vận Hiệp Sĩ. Phân tích các yếu tố hoạt động ảnh hưởng đến tình hình hoạt động logistics của công ty. Phân tích doanh thu, lợi nhuận, chi phí và đánh giá hiệu quả kinh doanh. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5604	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Hứa, Hoàng Quyên	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Cần Thơ trong 3 năm 2016, 2017, 2018. Đánh giá hiệu quả quản trị nguồn nhân lực qua một số chỉ tiêu KPI. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện nguồn nhân lực giúp cho sự phát triển của Vietcombank chi nhánh Cần Thơ.
5605	Đại học	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ thư viện của Trung tâm Học liệu đối với sinh viên ở Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Sang	Huỳnh, Thị Kim Uyên	2019	Phân tích mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ thư viện tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ.
5606	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua điện thoại OPPO của sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Cần Thơ	Trần, Thị Huỳnh Như	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích thực trạng sử dụng điện thoại Oppo của sinh viên khoa Kinh Tế trường Đại học Cần Thơ. Ước lượng mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua điện thoại thương hiệu Oppo của sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ. Đề xuất các hàm ý quản trị nhằm thu hút khách hàng chọn mua và sử dụng sản phẩm của Oppo.
5607	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn loại hình quán cóc tại địa bàn quận Ninh Kiều	Lê, Triều Phong	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn loại hình quán cafe cóc tại địa bàn quận Ninh Kiều, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giúp cho các nhà quản lý kinh doanh trong lĩnh vực này có cái nhìn rõ hơn về đối tượng phục vụ của mình, từ đó đề ra chiến lược kinh doanh hợp lý.
5608	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau	Lê, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Thị Kim Hà	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công Ty Cổ phần Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cà Mau (Công ty CASES) và qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
5609	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh thẻ tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Đặng, Thị Kim Hoa	Trương, Chí Tiến	2019	Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến thẻ ngân hàng. Phân tích thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh thẻ tại Vietinbank chi nhánh Tây Đô. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thẻ tại Vietinbank chi nhánh Tây Đô. Đề xuất giải pháp phù hợp cho việc phát triển kinh doanh thẻ tại Vietinbank chi nhánh Tây Đô
5610	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ Internet tại huyện Châu Thành tỉnh An Giang	Phan, Thị Mỹ Tiên	Châu, Thị Lệ Duyên	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ internet tại huyện Châu Thành Tỉnh An Giang nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự trung thành của khách hàng, dựa vào những yếu tố đó đề xuất một số giải pháp giữ chân và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.
5611	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh Hậu Giang	Trương, Thị Nguyên Trang	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích thực trạng nguồn nhân lực tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông chi nhánh Hậu Giang. Đánh giá hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại Ngân hàng thông qua chỉ số KPI. Đánh giá hạn chế trong việc quản trị nguồn nhân lực tại Ngân Hàng, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại đây.

5612	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Trần, Khánh Dung	2018	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Hậu Giang giai đoạn năm 2015 – năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Hậu Giang. Đề xuất một số giải pháp phù hợp với thực tiễn để hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng giúp Ngân tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
5613	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang	Huỳnh, Thái Tài	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang từ năm 2016 đến năm 2018 để hiểu rõ tình hình hoạt động của Ngân hàng và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
5614	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Mai, Hoài Sương	Khuru, Ngọc Huyền	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ giai đoạn 2016-2018 thông qua một số chỉ tiêu. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ trong thời gian tới.
5615	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của chuỗi cửa hàng VINMART+ Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Lương Thuần	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Đo lường mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ khi mua sắm tại chuỗi cửa hàng Vinmart+ và qua đó đề xuất những giải pháp để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của khách hàng đối với siêu thị và có những cải tiến thích hợp trong quản trị và sản phẩm dịch vụ của chuỗi cửa hàng Vinmart+
5616	Đại học	Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của nhân viên bán hàng tại Cần Thơ	Phạm, Thị Mỹ Dung	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của nhân viên bán hàng nhằm đề xuất hàm ý quản trị nâng cao kết quả công việc cho nhân viên bán hàng tại TPCT.
5617	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trà sữa thương hiệu Đài Loan của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Kim, Nguyễn Thúy Vy	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trà sữa thương hiệu Đài Loan của khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ từ đó đưa ra giải pháp để doanh nghiệp trà sữa trong nước có những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ để thương hiệu trà sữa trong nước ngày càng được ưa chuộng và ưu tiên lựa chọn.
5618	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh tại Khoa Phát triển nông thôn trường Đại học Cần Thơ	Hồ, Hoàng Duy Tính	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Đánh giá tổng quan quá trình phát triển các KNM của SV ngành QTKD, xác định những nhân tố tác động đến sự hài lòng của SV trong quá trình tiếp thu KNM. Qua đó, đề xuất các giải pháp kiến nghị giúp SV ngành QTKD trang bị đầy đủ các KNM cần thiết sau khi ra trường.
5619	Đại học	Phân tích tác động của sự hài lòng, nhận thức rủi ro, truyền miệng tiêu cực đến ý định chuyển đổi thương hiệu điện thoại di động của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Sơn, Thị Bích Trân	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Mô tả thực trạng thị trường ĐTDD tại TPCT. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định chuyển đổi thương hiệu ĐTDD của khách hàng tại TPCT. Đề xuất các giải pháp khả thi giúp doanh nghiệp tối ưu hóa sự trải nghiệm của khách hàng
5620	Đại học	ảnh hưởng đa dạng hóa thu nhập đến thu nhập của nông hộ huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Thị Thanh Thủy	Lê, Khương Ninh	2019	Ước lượng ảnh hưởng đa dạng hóa thu nhập đến thu nhập của nông hộ ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, nhằm đề xuất giải pháp làm tăng thu nhập cho nông hộ bằng cách tạo điều kiện để nông hộ đa dạng hóa nguồn thu nhập của mình.

5621	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh các sản phẩm xăng dầu của xí nghiệp xăng dầu Kiên Giang	Nguyễn, Văn Hải Đăng	Võ, Thị Ánh Nguyệt	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh các sản phẩm của Chi nhánh Xăng, dầu thuộc Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang nhằm tìm hiểu hoạt động kinh doanh của công ty trong lĩnh vực xăng dầu. Từ đó đưa ra những giải pháp để Xí nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
5622	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng của công ty TNHH dịch vụ Dafuna Đất Phương Nam Cần Thơ	Trương, Chiêu Thư	Nguyễn, Hồng Thoa	2018	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại công ty TNHH dịch vụ Dafuna Đất Phương Nam để nhìn nhận lại những mặt chưa hoàn thiện. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp giúp hoàn thiện công tác CRM tại công ty nhằm hướng đến sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế trong tâm trí của khách hàng.
5623	Đại học	Giải pháp marketing nhằm thu hút khách hàng đăng ký học tại công ty TNHH âm nhạc VIBE	Nguyễn, Thị Trà My	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty từ 9/2017 đến 3/2019. Phân tích thực trạng Marketing tại công ty bao gồm: Phân tích thực trạng công tác Marketing; Phân tích tình hình hoạt động Marketing; Phân tích môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; Đề xuất giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy, nâng cao hoạt động Marketing cho công ty trong thời gian tới.
5624	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trên kênh thương mại điện tử B2C tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Huỳnh, Huỳnh Như	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích hình sử dụng mua sắm trên kênh TMĐT B2C của người dùng tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trên kênh TMĐT B2C của người dùng tại địa bàn nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hoạt động và chất lượng các dịch vụ mua sắm trên kênh TMĐT B2C
5625	Đại học	Hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ viễn thông trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2013 - 2018	Hồ, Thị Thảo Vy	Bùi, Văn Trinh	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ viễn thông niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2013 – 2018. Đồng thời, đưa ra được các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên lĩnh vực công nghệ viễn thông tại Việt Nam.
5626	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH công nghệ tin học Minh Khôi	Lê, Công Lập	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH công nghệ tin học Minh Khôi. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công trong thời gian tới.
5627	Đại học	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của Highland Coffee tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngọc Châu	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm, dịch vụ tại Highlands Coffee nhằm giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn về những mong đợi của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của mình từ đó triển khai những kế hoạch , định hướng và chiến lược cụ thể trong việc phát triển kinh doanh cũng như thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.
5628	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Nguyễn, Thanh Dũng	Lưu, Thanh Đức Hải	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty.
5629	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua mỹ phẩm chăm sóc da của sinh viên tại Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Hồng Đua		2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua mỹ phẩm chăm sóc da của sinh viên trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nhằm cung cấp những thông tin ý nghĩa và đề ra các giải pháp cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mỹ phẩm tiếp cận khách hàng mục tiêu tốt hơn .

5630	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm tươi sống tại siêu thị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bé Thy	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm tươi sống tại siêu thị trên địa bàn Thành Phố Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp khuyến khích người tiêu dùng mua thực phẩm tươi sống tại siêu thị.
5631	Đại học	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi thương hiệu điện thoại di động của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Hạnh Duyên	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi thương hiệu điện thoại di động của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp định hướng cho việc tiếp thị và chiến lược kinh doanh, hạn chế lượng khách hàng chuyển đổi sang sử dụng một thương hiệu điện thoại di động khác.
5632	Đại học	Phân tích nhu cầu sử dụng tiệc cưới lưu động của người dân huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long	Phan, Hồng Phong	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Xác định nhu cầu của người dân huyện Tam Bình đối với dịch vụ tiệc cưới. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng tiệc cưới. Đề ra giải pháp để nâng cao khả năng sử dụng dịch vụ tiệc cưới lưu động của người dân
5633	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Lê, Phan Mỹ Hạnh		2019	Phân tích thực trạng hoạt động dịch vụ ngân hàng bán lẻ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long giai đoạn 2015 – 2018. Đánh giá chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ thông qua ý kiến khách hàng tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Vĩnh Long. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ của BIDV Vĩnh Long
5634	Đại học	Hoàn thiện công tác marketing Mix nhằm thu hút học viên cho trung tâm Hàn ngữ New Windows Cần Thơ	Trần, Thanh Tuyền	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích thực trạng công tác Marketing tại Trung tâm Hàn ngữ New Windows hiện nay. Đánh giá hiệu quả công tác marketing hiện tại của Trung tâm Hàn ngữ New Windows. Đánh giá mức hài lòng của học viên với các chương trình đào tạo và chiến lược marketing mix của trung tâm, từ đó góp phần điều chỉnh các chương trình học phù hợp với nhu cầu của học viên. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác marketing mix cho Trung tâm Hàn ngữ New Windows.
5635	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Tâm Nhiên trong giai đoạn từ năm 2016 - 2018	Nguyễn, Thành Đạt	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Tâm Nhiên trong 3 năm 2016 - 2018 giúp đánh giá đúng thực trạng hoạt động của công ty, biết được các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Từ đó, đề ra phương hướng và biện pháp nhằm phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt hơn.
5636	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đầu giá Phương Nam	Trần, Thanh Lâm	Trần, Thị Bạch Yến	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu giá Phương Nam từ năm 2016 đến năm 2018 để tìm ra những giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và đề ra chiến lược kinh doanh trong thời gian tới.
5637	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Ánh Sao	Phạm, Thị Mai Nhi	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đầu tư sản xuất và Thương mại Ánh Sao trong giai đoạn 2016 - 2018, để từ đó đề xuất những giải pháp hợp để giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty
5638	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH may xuất nhập khẩu Đức Thành 2	Trần, Thị Hồng Ngọc	Huỳnh, Nhựt Phương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH May Xuất Nhập Khẩu Đức Thành 2 trong 3 năm (2016 – 2017 – 2018) và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong các năm tới.

5639	Đại học	Anh hưởng của biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ ở huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Mỹ Trân		2019	Ước lượng ảnh hưởng của biến động giá bán lúa đến thu nhập của nông hộ ở huyện Châu Phú – tỉnh An Giang nhằm đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ bằng cách ổn định giá bán lúa.
5640	Đại học	Thực trạng xuất khẩu và chiến lược kinh doanh của công ty cổ phần tập đoàn Lộc Trời	Đặng, Thị Ánh Trúc	Trương, Khánh Vĩnh Xuyên	2018	Phân tích thực trạng xuất khẩu gạo của Công ty cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời. Phân tích chiến lược kinh doanh hiện tại và đánh giá các yếu tố môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của công ty. Xây dựng chiến lược kinh doanh và đề ra giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh phù hợp cho công ty đến năm 2021.
5641	Đại học	Nghiên cứu tác động của trách nhiệm xã hội lên giá trị thương hiệu của các ngân hàng TMCP vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Châu, Thị Bích Hoa	Lê, Phước Hương	2019	Đánh giá tác động của nhận thức trách nhiệm xã hội đến các thành phần giá trị thương hiệu tại các ngân hàng thương mại cổ phần ở ĐBSCL. Từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị để các ngân hàng nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội.
5642	Đại học	Kết quả hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng của công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Nguyễn, Ngọc Hương Giang	Lê, Khương Ninh	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ qua 3 năm 2016 – 2018 để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty, giúp đẩy nhanh tốc độ bán hàng, tăng trưởng lợi nhuận cho công ty.
5643	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng BIDV chi nhánh Long Mỹ - Hậu Giang	Lê, Ngọc Thắm	Lê, Bình Minh	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP BIDV chi nhánh Long Mỹ - Hậu Giang qua 03 năm từ 2016 - 2018. Qua đó tìm ra những biện pháp thích hợp để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.
5644	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Hoàng Thái	Trần, Trung Thiện	Nguyễn, Kim Hạnh	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2016 đến năm 2018 để từ đó có thể tìm ra giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5645	Đại học	Thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh An Giang	Dương, Thị Kim Ngân	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích tình hình thu hút, đào tạo và duy trì nguồn nhân lực tại Ngân hàng Kiên Long chi nhánh An Giang. Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại Ngân hàng Kiên Long – Chi nhánh An Giang thông qua chỉ số KPI. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại ngân hàng Kiên Long – Chi nhánh An Giang.
5646	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh EXIMBANK Cần Thơ – PGD Hưng Lợi	Võ, Thị Yến Nhi	Huỳnh, Hữu Thọ	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chi nhánh EXIMBANK Cần Thơ-PGD Hưng Lợi trong 3 năm 2016-2018 nhằm đề xuất giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
5647	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty CP kinh doanh khí Miền Nam chi nhánh Miền Tây	Hà, Vĩnh Khang		2019	Phân tích về thực trạng kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam chi nhánh Miền Tây trong 3 năm (2016 – 2018). Qua đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trong tương lai gần.
5648	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng VPBANK chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Dương, Hữu Nhân	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Lý Tự Trọng, để đánh giá những tồn tại khó khăn cũng như những mặt đạt được trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng từ đó đề ra một số biện pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.

5649	Đại học	Phân tích mức độ Stress công việc của nhân viên ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tiền Giang	Tào, Việt Tuyết Thanh	Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Phân tích mức độ stress công của nhân viên tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tiền Giang, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm góp phần kiểm soát stress công việc cho nhân viên trong ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tiền Giang.
5650	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thủy sản Hà Nội – Cần Thơ (HACASEAFOOD)	Đinh, Thị Yến Thu	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích kết quả kinh doanh thông qua phân tích doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong giai đoạn 2016-2018 Phân tích kết quả kinh doanh thông qua các chỉ tiêu tài chính của công ty trong giai đoạn 2016-2018. Đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương lai.
5651	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến biến động giá bán lúa của nông hộ huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Lê, Thị Huỳnh Mai	Lê, Khương Ninh	2019	Đánh giá thực trạng biến động giá bán lúa của nông hộ ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến biến động giá bán lúa của nông hộ ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Đề xuất giải pháp làm giảm thiểu biến động giá bán lúa cho nông hộ ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.
5652	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Huỳnh, Khánh Linh	Đàm, Thị Phong Ba	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Bimico trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới.
5653	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	Trương, Hoàng Đăng Thanh	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Sao Ta (FIMEX VN) trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 để đánh giá tình hình hoạt động của công ty. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.
5654	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn AGRIBANK Châu Thành – Kiên Giang	Đinh, Hồng Lĩnh	Trần, Khánh Dung	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Châu Thành - Kiên Giang trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 từ đó đề xuất giải pháp giúp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
5655	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần xây dựng thương mại địa ốc Hồng Loan	Dương, Thị Vân Anh	Nguyễn, Hữu Đăng	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty công ty cổ phần xây dựng thương mại địa ốc Hồng Loan trong giai đoạn từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Tìm hiểu một cách chính xác về tình hình kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, khả năng thanh toán của công ty, tìm ra những hạn chế còn tồn tại ở công ty. Từ đó đề xuất biện pháp khắc phục, giúp cải thiện những hạn chế, phát huy tiềm lực, tăng hiệu quả kinh doanh.
5656	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV TMDV Đặng Như Ngọc	Nguyễn, Thành Lễ	Đặng, Thị Ánh Dương	2018	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV TMDV Đặng Như Ngọc giai đoạn 2015 - 6T 2018 từ đó đề xuất giải pháp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty
5657	Đại học	Đánh giá chất lượng dịch vụ tại siêu thị Big C Cần Thơ	Nguyễn, Thị Tuyết Nhi	Thạch, Keo Sa Rát	2018	Đánh giá thực trạng mua sắm và mức độ hài lòng của khách hàng tại siêu thị Big C Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cho khách hàng tại siêu thị Big C Cần Thơ. Đề ra các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu khách hàng và mang lại lòng trung thành của khách hàng đối với siêu thị Big C Cần Thơ.

5658	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH nông sản VINACAM Cờ Đỏ	Trần, Nguyễn Minh Mẫn	Nguyễn, Thị Diệu	2018	Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty TNHH Nông Sản VINACAM Cờ Đỏ trong 3 năm 2015 – 2017 và 6 tháng đầu 2018. Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty thông qua các tỷ số tài chính. Đề xuất giải pháp giúp cho công ty nâng cao được hiệu quả hoạt động và cải thiện những điểm hạn chế.
5659	Đại học	Một số giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại công ty TNHH dịch vụ vệ sinh công nghiệp Đất Phương Nam	Vương, Thị Tuyết Vy	Châu, Thị Lệ Duyên	2018	Đánh giá thực trạng về chất lượng công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty TNHH DV Vệ sinh Công nghiệp Đất Phương Nam. Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến chất lượng công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty TNHH DV Vệ sinh Công nghiệp Đất Phương Nam trong giai đoạn 2015 –2017 và tháng 6 năm 2018. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị nguồn nhân lực của Công ty TNHH DV Vệ sinh Công nghiệp Đất Phương Nam trong thời gian tới.
5660	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ NORIK	Nguyễn, Thị Thu An	Lê, Tấn Nghiêm	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ NORIK trong giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5661	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Cát đá Việt sàng rửa sạch	Phan, Quốc Trung	Lê, Trần Phước Huy	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá tình hình lợi nhuận và các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần cát đá việt sàng rửa sạch, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty
5662	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Ánh Sao	Nguyễn, Nhật Dương	Đinh, Công Thành	2018	Thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và Thương mại Ánh Sao từ năm 2015 – tháng 6/2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và Thương mại Ánh Sao từ năm 2015 – tháng 6/2018. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và Thương mại Ánh Sao.
5663	Đại học	Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty cổ phần sản xuất nhựa Duy Tân	Trần, Huyền Châu	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Đề tài công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân nhằm làm rõ những vấn đề công tác đào tạo – phát triển nguồn nhân lực tại doanh nghiệp và phân tích, đánh giá thực trạng công tác đào tạo và phát triển tại công ty. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân, TP. Hồ Chí Minh.
5664	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến hành vi tiêu dùng mỹ phẩm chăm sóc da của nam giới tại quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Nguyễn, Thị Cẩm Hương	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến nhu cầu tiêu dùng mỹ phẩm ở nam giới, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm thỏa mãn hơn nhu cầu sử dụng mỹ phẩm cho nam giới.
5665	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng Thành Nền	Trần, Bảo Quảng	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Thành Nền nhằm đề xuất giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho Công ty trong thời gian tới.

5666	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên khoa Phát triển nông thôn trường Đại học Cần Thơ khi mua sắm trực tuyến tại trang Website của Shopee	Huỳnh, phong Duy	Võ, Thị Lang	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên Khoa Phát Triển Nông Thôn Trường Đại học Cần Thơ và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của sinh viên Khoa Phát Triển Nông Thôn Trường Đại học Cần Thơ khi mua sắm trực tuyến tại trang website của Shopee
5667	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Đặng Hoàng Khang	Nguyễn, Huỳnh Thu	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Đặng Hoàng Khang từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty.
5668	Đại học	Phân tích công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần cấp nước Cà Mau	Nguyễn, Diễm My	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực của công ty.
5669	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổng công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần – chi nhánh Thốt Nốt	Nguyễn, Thị trúc Linh	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần – Chi nhánh Thốt Nốt nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh.
5670	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại nhà hàng khách sạn Ninh Kiều 2	Nguyễn, Thị Tường Vi	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn Ninh Kiều 2 thuộc Công ty TNHH MTV 622 và qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà hàng, khách sạn Ninh Kiều 2
5671	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ ở Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Ngọc Ý	Trần, Ái Kết	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng xe ôm công nghệ ở thành phố Cần Thơ, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân ở khu vực Cần Thơ.
5672	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trực tuyến qua các trang thương mại điện tử của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thúy My	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến lựa chọn và quyết định mua hàng trực tuyến tại các trang thương mại điện tử của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất một số gợi ý đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực bán lẻ trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong khu vực nghiên cứu cũng như các khu vực lân cận
5673	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên Đại học Cần Thơ về chất lượng dịch vụ mạng di động Mobifone	Nguyễn, Thị Anh Đào	Võ, Văn Dứt	2019	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên Đại học Cần Thơ về chất lượng dịch vụ mạng di động MobiFone nhằm đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thỏa mãn nhu cầu của sinh viên đối với dịch vụ mạng di động MobiFone.
5674	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trung tâm anh ngữ Gia Việt Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Nga	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của Trung tâm Anh ngữ Gia Việt nhằm đề xuất một số giải pháp giúp trung tâm kịp thời có những điều chỉnh hợp lý trong công tác đào tạo, góp phần đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đào tạo Anh ngữ tại Trung tâm.
5675	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Đặng Thành Được	Lư, Thanh Tú	Trần, Ái Kết	2019	Phân tích tình hình hoạt động của Doanh nghiệp tị nhân Đặng Thành Được từ năm 2016 đến 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó đánh giá tình hình hoạt động của Doanh nghiệp. Qua đó đưa ra những giải pháp phù hợp giải quyết những khó khăn mà Doanh nghiệp đang gặp phải và phát triển tốt những lĩnh vực của doanh nghiệp hơn nữa trong tương lai.

5676	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng qua Facebook của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Văn, Bích Nhơn	Trương, Chí Tiến	2019	Nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng qua Facebook của sinh viên Đại học Cần Thơ.
5677	Đại học	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh Sóc Trăng	Quách, Thu Mộng	Thái, Văn Đại	2019	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Sóc Trăng từ năm 2016 đến cuối tháng 6 đầu năm 2019 để chỉ ra những mặt tích cực, đồng thời thấy được các nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh tại đơn vị. Từ đó, đề xuất các giải pháp giúp Ngân hàng nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
5678	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty TNHH MTV lương thực Vĩnh Bình	Trần, Kim Anh	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh công ty TNHH MTV lương thực Vĩnh Bình, từ đó đề xuất những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian trước đó.
5679	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cái Tắc – Hậu Giang	Nguyễn, Trần Hải Dương	Trần, Khánh Dung	2019	Thông qua việc phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Cái Tắc – Hậu Giang trong 3 năm 2016 - 2018 giúp đánh giá đúng thực trạng hoạt động của ngân hàng, biết được các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Từ đó, đề ra phương hướng và biện pháp nhằm phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế nhằm làm cho hoạt động của ngân hàng này đạt được hiệu quả tốt hơn.
5680	Đại học	Ảnh hưởng của kết quả học tập đến cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp Đại học Cần Thơ năm 2018 - 2019	Trần, Phạm Thiên Nhi	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Đánh giá ảnh hưởng của kết quả học tập đến cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp Đại học Cần Thơ, nhằm đưa ra giải pháp nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên.
5681	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Minh Hải	Lê, Công Trọng	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Minh Hải nhằm đề xuất các giải pháp để nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp và tận dụng các cơ hội do Hiệp định CPTPP mang lại.
5682	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn rạp chiếu phim của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Tâm	Trần, Khánh Dung	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn rạp chiếu phim của sinh viên trường Đại học Cần Thơ, từ đó xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định và đưa ra một số kiến nghị cho các rạp chiếu phim làm cơ sở xây dựng giải pháp.
5683	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ KP Tech	Dương, Quang Đạt	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH TM DV KP Tech, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới
5684	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó công việc của công nhân tại khu công nghiệp Bình Minh	Huỳnh, Ngọc Anh Thư	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó công việc của công nhân lao động tại khu công nghiệp Bình Minh, từ đó đề xuất các giải pháp giúp các nhà quản lý nhân sự của các doanh nghiệp tại khu công nghiệp này duy trì và phát triển nguồn nhân lực của mình tốt hơn.
5685	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV công nghệ An Toàn Tín	Phạm, Tiểu Vi	Trương, Chí Tiến	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Công Nghệ An Toàn Tín qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5686	Đại học	Phương thức tiêu thụ lúa và thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Phước Long – tỉnh Bạc Liêu	Lê, Quốc Toàn	Lê, Khương Ninh	2019	Ước lượng ảnh hưởng của phương thức tiêu thụ lúa đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nhằm đề xuất giải pháp tăng thu nhập cho nông hộ.

5687	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với công tác đào tạo tại khoa Phát triển nông thôn trường Đại học Cần Thơ	Hồ, Chí Huynh	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Đề tài xác định và đánh giá mức độ quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về công tác đào tạo tại Khoa phát triển nông thôn trường đại học Cần Thơ sau đó đề xuất một số giải pháp nhằm tấn hơn nữa mức độ hài lòng của sinh viên đối với công tác đào tạo tại trường
5688	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non đến sự hài lòng của phụ huynh tại Thành phố Vị Thanh	Lê, Dũ Thanh	Ngô, Mỹ Trân	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non đến sự hài lòng của phụ huynh tại thành phố Vị Thanh, từ đó đề xuất khuyến nghị nâng cao mức độ hài lòng của phụ huynh về chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non tại thành phố Vị Thanh.
5689	Đại học	Phân tích hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của công ty TNHH MTV Xây Lắp Nước 94	Huỳnh, Trường An	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây lắp Nước 94 (sau đây gọi là Công ty Xây lắp Nước 94), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp quản trị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực cho Công ty.
5690	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần thiết bị chiếu sáng Ánh Sao	Huỳnh, Minh Toàn	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thiết Bị Chiếu Sáng Ánh Sao và dựa trên các kết quả đó, tác giả đưa ra một số giải pháp và kiến nghị giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5691	Đại học	Giới tính và bất bình đẳng trong tiền lương của người lao động tại thành thị và nông thôn Việt Nam	Trần, Thị Anh Thu	Quách, Dương Từ	2019	Xác định sự khác biệt trong tiền lương giữa lao động nam và lao động nữ tại khu vực thành thị và nông thôn ở Việt Nam. Từ đó đề xuất các khuyến nghị góp phần làm giảm sự bất bình đẳng trong tiền lương của lao động nam và nữ tại thành thị và nông thôn Việt Nam.
5692	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Lộc Nghi	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Dịch vụ Lộc Nghi (sau đây được gọi là Công ty Lộc Nghi), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
5693	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại tổng công ty lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần – chi nhánh Thốt Nốt	Lê, Kiều Thanh Thanh	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại Tổng công ty lương thực miền Nam - Công ty cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại Chi nhánh trong thời gian tới.
5694	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Châu Phú – tỉnh An Giang	Trần, Thị Thủy Tiên	Lê, Khương Ninh	2019	Ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Châu Phú tỉnh An Giang nhằm đề xuất giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
5695	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Sài Gòn Ô Tô Cần Thơ	Nguyễn, Hải Đăng	Nguyễn, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cần Thơ Ford trong 3 năm 2016-2018. Qua đó giúp Công ty thấy được những ưu điểm, khuyết điểm để tiếp tục phát huy hay khắc phục nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong kinh doanh.
5696	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV đầu tư sản xuất thương mại Khánh Đăng	Huỳnh, Nhật Hào	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Sản Xuất Thương Mại Khánh Đăng nhằm đánh giá tình hình hoạt động của công ty, từ đó tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty

5697	Đại học	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty Viettel Cần Thơ – chi nhánh tập đoàn viễn thông Quân đội	Phạm, Nhật Trường	Trần, Khánh Dung	2019	Đề tài “Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty Viettel Cần Thơ - Chi Nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội” nhằm phân tích đánh giá thực trạng quản trị nguồn nhân lực, đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại đơn vị. Từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty Viettel Cần Thơ - Chi Nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội trong thời gian tới.
5698	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng mỹ phẩm chăm sóc da của nam giới tại thành phố Long Xuyên	Lê, Thị Chúc Loan	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng mỹ phẩm chăm sóc da của nam giới tại thành phố Long Xuyên, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khuyến khích nam giới ở thành phố Long Xuyên tiêu dùng mỹ phẩm chăm sóc da.
5699	Đại học	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi cua biển ở tỉnh Cà Mau	Phạm, Thị Huỳnh Trân	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích hiệu quả sản xuất và những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất, lợi nhuận của nông hộ nuôi cua biển ở tỉnh Cà Mau, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ nuôi cua biển ở tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.
5700	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Chân Tín	Nguyễn, Hoàng Trâm Anh	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong ba năm 2016, 2017, 2018 đồng thời đề ra một số giải pháp giúp doanh nghiệp nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.
5701	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV khai thác và chế biến đá An Giang	Neang, Ngọc Sang	Nguyễn, Phạm Thanh Nam	2019	Đánh giá hiệu quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Khai thác và Chế biến đá An Giang và thông qua đó đề xuất những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5702	Đại học	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Mỹ Xuyên	Đàm, Nguyệt Hân	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Mỹ Xuyên (Agribank Mỹ Xuyên). Qua đó, đề ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Agribank Mỹ Xuyên
5703	Đại học	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại dịch vụ Phương Trúc Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2018	Nguyễn, Lý Thảo Quỳnh Như	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại DNTN SX TM DV Phương Trúc Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2018. Từ đó đề ra một số giải pháp để cải thiện, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động cho doanh nghiệp
5704	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thuốc thú y Á Châu	Chiêm, Mỹ Dung	Trần, Thị Hanh Phúc	2019	Phân tích kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thuốc Thú Y Á Châu trong giai đoạn 2016- 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 nhằm đánh giá thực trạng kết quả hoạt động tại công ty. Từ đó, đề ra giải pháp phù hợp, thiết thực để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty trong tương lai.
5705	Đại học	Thực trạng công bố các chỉ số phát triển bền vững: Trường hợp các công ty cổ phần tại Việt Nam	Phan, Thị Tuyết Hạnh	Lê, Phước Hương	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả thực trạng công bố các chỉ số phát triển bền vững của các công ty cổ phần (CTCP) Việt Nam từ quan điểm phát triển bền vững toàn cầu, từ đó đề xuất các chỉ số bền vững phù hợp với việc thực hiện phát triển bền vững tại Việt Nam.
5706	Đại học	Phân tích tình hình tài chính tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Sài Gòn Kiến Phú	Nguyễn, Hiệp Minh Nghi	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Sài Gòn Kiến Phú từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính của công ty.

5707	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Lotte Mart làm địa điểm mua sắm của người dân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Võ, Nhật Tiến	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị LOTTE Mart làm địa điểm mua sắm của người dân trên địa bàn TP.Cần Thơ.
5708	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Cần Thơ – PGD Phú An	Châu, Gia Lộc	Bùi, Văn Trinh	2019	Phân tích thực trạng công tác quản trị quan hệ khách hàng và đề xuất giải pháp hoàn thiện quản trị quan hệ khách hàng tại VietABank chi nhánh Cần Thơ - PGD Phú An.
5709	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại cửa hàng xăng dầu Cô Tô chi nhánh khai thác đá và chế biến An Giang	Khuru, Nguyễn Quang Vinh	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Thông qua việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh để đánh giá đúng thực trạng hoạt động của công ty, từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những mặt tích cực nhằm làm cho hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt hơn.
5710	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng khi đi siêu thị của sinh viên tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Kha, Thị Hồng Anh	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến hành vi mua hàng ngẫu hứng khi đi siêu thị của sinh viên tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm xác định các yếu tố tác động đến việc mua hàng ngẫu hứng của sinh viên khi đi siêu thị. Từ đó đề xuất hàm ý quản trị giúp các siêu thị kích thích hành vi mua hàng ngẫu hứng của sinh viên
5711	Đại học	Ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định chọn mua sản phẩm sơn 3CE của giới trẻ Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Cẩm Thi	Lê, Thị Thu Trang	2019	Khám phá ra những thành phần của giá trị thương hiệu ảnh hưởng đến quyết định chọn mua sản phẩm sơn 3ce của giới trẻ thành phố cần thơ và đề xuất giải pháp và kiến nghị
5712	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức biến động trong giá bán lúa của nông hộ ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thị Minh Thư	Lê, Khương Ninh	2019	Đề tài ước lượng ảnh hưởng các yếu tố đến mức độ biến động trong giá bán lúa của nông hộ ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nhằm đề xuất giải pháp giảm thiểu biến động trong giá bán lúa và nâng cao thu nhập cho nông hộ.
5713	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm quần áo trực tuyến của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Son, Thị Hồng Xuân	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm quần áo trực tuyến của sinh viên Khoa Kinh tế - Trường Đại học Cần Thơ để tìm ra nhu cầu mua sắm trực tuyến của sinh viên, các quyết định của sinh viên khi chọn mua một sản phẩm
5714	Đại học	Phân tích hiệu quả sử dụng lao động tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam EXIMBANK chi nhánh Cần Thơ	Trần, Dương Thanh	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Phân tích thực trạng hiệu quả sử dụng lao động tại ngân hàng Eximbank – CN Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại ngân hàng Eximbank – CN Cần Thơ
5715	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần MISA văn phòng đại diện Cần Thơ	Đỗ, Phương Nam	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích, đánh giá về doanh thu, chi phí lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Từ đó tìm ra những thiếu sót, những vấn đề khó khăn còn tồn tại để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới
5716	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm của công ty TNHH TM-DV Tài Nam tại Thành phố Cần Thơ	Dương, Minh Thư	Đinh, Công Thành	2019	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty TNHH TM – DV Tài Nam để thấy được thực trạng hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty từ đó đề ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm cho Công ty.
5717	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân Hiếu Huy 1	Nguyễn, Đặng Thái Phương	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNTN Hiếu Huy I trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

5718	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm chăm sóc da mặt của nam giới tại Thành phố Cần Thơ	Lê, Thị Thanh Thủy	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm chăm sóc da mặt của nam giới tại Thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất một số giải pháp marketing cho ngành mỹ phẩm nam giới tại Thành phố Cần Thơ.
5719	Đại học	Phân tích mức độ hài lòng của du khách đối với chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái miệt vườn tại Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ánh Ngọc	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích mức độ hài lòng của du khách đối với chất lượng dịch vụ du lịch sinh thái miệt vườn tại Cần Thơ và đưa ra kết quả phân tích để đề xuất các giải pháp và định hướng phát triển cho các sản phẩm du lịch sinh thái miệt vườn tại Cần Thơ trong thời gian tới.
5720	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về dịch vụ thuê sân bóng đá của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Thái, Phương Anh	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về dịch vụ thuê sân bóng của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ nhằm đề xuất một số giải pháp tối ưu để đáp ứng được nhu cầu sử dụng sân bóng của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ.
5721	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại khách sạn Ninh Kiều 2 Cần Thơ	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của nhà hàng khách sạn Ninh Kiều 2 Cần Thơ. Qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà hàng trong thời gian tới.
5722	Đại học	Phân tích thực trạng và đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần dược Hậu Giang	Hứa, Tài Lợi	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích thực trạng hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty CP Dược Hậu Giang giai đoạn từ đầu năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019, đồng thời đánh giá kết quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực qua các chỉ tiêu đo lường kết quả quản trị then chốt, qua đó đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại công ty.
5723	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thiết kế và xây dựng cảnh quan Lê Thanh	Lê, Thị Hồng Đào	Trần, Thị Hanh Phúc	2019	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thiết Kế và Xây Dựng Cảnh Quan Lê Thanh giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó tìm ra những nguyên nhân tồn tại và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những mặt còn hạn chế về hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới
5724	Đại học	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm bia Lager của công ty cổ phần thương mại bia Sài Gòn Sông Hậu	Giang, Thị Hồng Cẩm	Lê, Thị Thu Trang	2019	Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu trong 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó, đánh giá kết quả kinh doanh của công ty và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm Bia Lager trong thời gian tới
5725	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm thời trang trực tuyến của sinh viên Đại học Cần Thơ	Trương, Thị Cẩm Nhung	Võ, Văn Dứt	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của sinh viên Đại học Cần Thơ đối với các sản phẩm thời trang (chỉ bao gồm quần áo, giày dép, túi xách, ba lô, ví các loại và phụ kiện thời trang). Từ đó, đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển các đơn vị kinh doanh thời trang trực tuyến tại Cần Thơ.
5726	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Grabbike của khách hàng tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Hồ, Chí Nguyên	Lê, Thị Thu Trang	2019	Phân tích những yếu tố tác động đến quyết định sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ GrabBike của khách hàng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Qua đó đề xuất giải pháp giúp nâng cao chất lượng, dịch vụ cho công ty dịch vụ grab.
5727	Đại học	Khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Lê, Thanh Nhi	Đinh, Công Thành	2019	Khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ.

5728	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH sản xuất thương mại Phước Thành IV	Hồ, Thị Thúy Nhi	Trương, Thị Bích Liên	2019	Từ việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV có thể đánh giá được thực trạng hoạt động của công ty. Từ đó, đưa ra các hướng giải quyết vấn đề hay các kế hoạch trong ngắn hạn và dài hạn nhằm giúp công ty đạt hiệu quả tối ưu hơn trong các hoạt động kinh doanh.
5729	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Thanh Long Long Xuyên	Bùi, Thị Thanh Ngân	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thanh Long Long Xuyên qua 3 năm 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó, đề ra một số giải pháp để phát huy điểm mạnh, khắc phục những mặt yếu kém, nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.
5730	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua trái cây của người dân ở Lai Vung	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng quyết định mua trái cây lai Vung qua việc tìm hiểu nhu cầu tiêu thụ, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mua trái cây, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần làm tăng việc tiêu thụ trái cây ở Lai Vung.
5731	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng tại các cửa hàng tiện lợi trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Dương, Châu Đoàn	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng tại các cửa hàng tiện lợi trên địa bàn TPCT và qua đó đề xuất những giải pháp để thu hút khách hàng cho các doanh nghiệp kinh doanh mô hình bán lẻ này.
5732	Đại học	Phân tích hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Võ, Thị Anh Thư	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả của công tác quản lý nhân sự tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Số 10 IDICO, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự tại công ty trong thời gian tới.
5733	Đại học	Phân tích hoạch định marketing tại công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ du lịch Rừng Nước	Lê, Phạm Ngọc Nhiều	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích thực trạng hoạt động marketing của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Dịch vụ Du lịch Rừng Nước (sau đây được gọi là Công ty Rừng Nước), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing của Công ty.
5734	Đại học	Phân tích sự ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ 4G đến sự hài lòng của khách hàng tại tập đoàn công nghiệp – viễn thông quân đội chi nhánh Cần Thơ	Đoàn, Ái Như	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích sự ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ 4G đến sự hài lòng của khách hàng tại Viettel Cần Thơ nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ 4G tại Viettel Cần Thơ trong thời gian tới.
5735	Đại học	Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong hoạt động Logistics của công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển Nhất Tín chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Hồng Sương	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động của dịch vụ khách hàng tại công ty Nhất Tín Logistics và đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong thời gian tới.
5736	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Sơn Ca	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng kinh doanh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Cần Thơ trong ba nă 2016 – 2018 nhằm đề ra những giải pháp đúng đắn góp phần hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng ngày càng được nâng cao.
5737	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân tại khu công nghiệp Giao Long – Bến Tre	Nguyễn, Thị Khă Hân	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Đề tài phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân tại Khu công nghiệp (KCN) Giao Long, tỉnh Bến Tre từ đó hàm ý một số chính sách quản trị nhằm nâng cao động lực của làm việc của công nhân, giúp các doanh nghiệp sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả hơn.

5738	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ	Nguyễn, Thị Ngân	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ trong giai đoạn 2016-2018 và 6 tháng đầu năm 2019 nhằm đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5739	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh xuất khẩu tại công ty The Fruit Republic Cần Thơ	Lê, Tổ Như	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng kinh doanh xuất khẩu của công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm phát huy tối đa nguồn lực và khắc phục những khó khăn của công ty trong những năm tới.
5740	Đại học	Đánh giá thực trạng ý định kinh doanh online của sinh viên Khoa Kinh tế - Đại học Cần Thơ	Lý, Thị Hà	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Đánh giá được thực trạng kinh doanh online hiện nay cũng như ý định xây dựng công việc kinh doanh online của sinh viên Khoa Kinh tế - Đại học Cần Thơ.
5741	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Phước Mỹ Hưng	Huỳnh, Thị Tú Ngân	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động của tại Công ty TNHH Phước Mỹ Hưng giai đoạn 2016-2018 và 6 tháng đầu 2019, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm củng cố và nâng cao hoạt động kinh doanh tại công ty.
5742	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường của người dân quận Ninh Kiều – Thành phố Cần Thơ	La, Kim Phụng	Đinh, Công Thành	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường của người dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
5743	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng và sự hài lòng của người sử dụng hệ thống E-Learning của trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Phụng Thu	Ngô, Mỹ Trân	2019	Nghiên cứu được các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng và sự hài lòng của người sử dụng hệ thống E-learning của Trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng E-learning của Trường trong thời gian tới.
5744	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua điện thoại di động thương hiệu Oppo tại địa bàn quận Ninh Kiều	Dương, Công Hậu	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua điện thoại di động thương hiệu Oppo của người tiêu dùng tại địa bàn quận Ninh Kiều, từ đó đề xuất các giải pháp giúp các nhà sản xuất và kinh doanh điện thoại đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả kinh doanh hơn.
5745	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Quốc	Võ, Thị Hồng Búp	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Phú Quốc trong giai đoạn 2016-2018. Từ đó biết được tình hình kinh doanh của ngân hàng này cũng như biết được những điểm mạnh, điểm yếu của ngân hàng để đưa ra những kiến nghị và giải pháp hợp lý giúp cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu của xã hội góp phần xây dựng đất nước.
5746	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm xanh của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phạm, Thị Tuyết Nhi	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng sản phẩm xanh của người tiêu dùng trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người tiêu dùng quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ và từ đó đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy hành vi tiêu dùng sản phẩm xanh của người tiêu dùng nơi đây.
5747	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về cửa hàng bán lẻ bách hóa xanh trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bảo Trân	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của hệ thống cửa hàng bán lẻ Bách hóa Xanh trên địa bàn TP Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các giải pháp giúp nâng cao sự hài lòng và trung thành của khách hàng đối với Bách hóa Xanh.

5748	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người dân khu vực quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Ngọc Muội	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm rau an toàn của người dân tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu dùng rau an toàn trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ.
5749	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng thực phẩm thịt lợn an toàn của người dân khu vực quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Thùy Dương	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng thực phẩm thịt lợn an toàn của người dân khu vực quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm tìm hiểu hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm thịt lợn an toàn, các yếu tố chính tác động đến hành vi tiêu dùng thực phẩm thịt lợn này và đưa ra giải pháp thúc đẩy người dân dùng và nhận dạng thịt lợn an toàn.
5750	Đại học	Ảnh hưởng của động lực đến kết quả học tập của sinh viên tốt nghiệp Đại học Cần Thơ năm 2018-2019	Ngô, Thị An	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích ảnh hưởng của động lực đến kết quả học tập của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Cần Thơ năm 2019 - 2019, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao động lực học tập của sinh viên và góp phần cải thiện kết quả học tập của sinh viên
5751	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trang Hiền Anh	Phan, Văn Dể	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Trang Hiền Anh” nhằm đánh giá tình hình hoạt động của công ty, từ đó tìm ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5752	Đại học	Đánh giá nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Huỳnh Hoa	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Đánh giá nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về kỹ năng nghề nghiệp bên cạnh đó đề xuất giải pháp nhằm cải thiện kỹ năng cho sinh viên.
5753	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định theo học chương trình chất lượng cao tại trường Đại học Cần Thơ của tân sinh viên	Trần, Văn Hường	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Chương trình Chất lượng cao tại Trường Đại học Cần Thơ. Từ đó đưa ra một số kiến nghị trong việc phát triển và mở rộng đào tạo Chương trình Chất lượng cao.
5754	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên Hùng Dũng	Đoàn, Ngọc Hân	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Hùng Dũng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
5755	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại khách sạn Ninh Kiều 2	Trần, Ngọc Hân	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của khách sạn Ninh Kiều 2 giai đoạn năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019.
5756	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Nguyễn Anh Thư	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử của khách hàng tại thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất một số hàm ý chính sách giúp gia tăng ý định sử dụng ví điện tử của khách hàng trong thời gian tới.
5757	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Trí Danh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích tình hình hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty giúp cho công ty có định hướng và quản lý ngày càng có hiệu quả.
5758	Đại học	Đánh giá hiệu quả sử dụng lao động của công ty cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau	Lê, Thị Kim Oanh	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích tình hình sử dụng nguồn lao động và đánh giá hiệu quả sử dụng lao động tại công ty Cổ Phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau giai đoạn từ năm 2016 - 2018 và sáu tháng đầu năm 2019, từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lao động của công ty.

5759	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch nội địa đối với du lịch Tri Tôn	Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích, đánh giá tiềm năng và thực trạng du lịch và mức độ hài lòng của khách khi đến du lịch ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Từ đó phát hiện ra được những cơ hội và thách thức của vùng, qua đó đưa ra các giải pháp để du lịch Tri Tôn phát triển tốt hơn.
5760	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Hoàng Minh Nhật	Nguyễn, Toàn Phát	phan, Đình Khôi	2019	Đánh giá và phân tích lại kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Hoàng Minh Nhật giai đoạn 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó đề xuất các giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty trong thời gian tới.
5761	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh trung tâm vui chơi giáo trí Tiniworld tại chi nhánh Vincom Hùng Vương, TP. Cần Thơ	Danh, Lê Hồng Ngọc	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại trung tâm vui chơi giáo trí tiNiWorld VCT từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019 từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh khu vui chơi trong thời gian tới
5762	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH sản xuất và thương mại Năm Vàng	Đình, Thế Vinh	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Năm Vàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những hạn chế cũng như nâng cao tính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo lợi thế cạnh tranh góp phần vào sự phát triển của công ty.
5763	Đại học	Tác động của bao bì đến quyết định mua nước giải khát có ga của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Bành, Ngọc Yến Nhi	Trần, Khánh Dung	2019	Phân tích sự tác động của bao bì đến quyết định mua nước giải khát có ga của người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp giúp cho các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm nước giải khát có ga có chiến lược marketing phù hợp nhằm thu hút khách hàng.
5764	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của khách hàng tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Trương, Thị Bé Nhi	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của khách hàng tại Lotte Mart Cần Thơ
5765	Đại học	Phân tích tác động của hoạt động khuyến mại đến hành vi người tiêu dùng của khách hàng tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ	Ngô, Lê Như Thơ	Đình, Công Thành	2019	Phân tích tác động của hoạt động khuyến mại đến hành vi người tiêu dùng của khách hàng tại siêu thị Lotte Mart Cần Thơ trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp nâng cao tác dụng của hoạt động khuyến mại cho siêu thị Lotte Mart Cần Thơ.
5766	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH TMDV tin học Huỳnh Nguyễn Điền Thanh	Lê, Thị Thùy Dương	Trần, Khánh Dung	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn 2016 - 6/2019 để tìm ra những hạn chế và từ đó đề xuất những biện pháp hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty
5767	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Đông Nam Á SEABANK	Đặng, Hoàng Dũ	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á Chi Nhánh Cần Thơ trong ba năm gần đây, giúp lãnh đạo Ngân hàng đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trong quá trình kinh doanh.
5768	Đại học	Phân tích thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh Cần Thơ II phòng giao dịch An Hòa	Lê, Văn Tứ	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích thực trạng công tác quản trị quan hệ khách hàng tại Agribank chi nhánh Cần Thơ II - PGD An Hòa. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị quan hệ khách hàng tại PGD trong thời gian tới.
5769	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH dịch vụ tổng hợp 99 chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Nhật Hào	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99 và qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

5770	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần phân bón và hóa chất Cần Thơ	Huỳnh, Minh Điền	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần phân bón và hóa chất Cần Thơ trong ba năm 2016, 2017, 2018 và sáu tháng đầu năm 2019 từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5771	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trung tâm ngoại ngữ cho con của phụ huynh tại địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Bích Phương	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trung tâm ngoại ngữ cho con của phụ huynh tại địa bàn quận Ninh Kiều ở thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giúp học viên có môi trường học tập tốt hơn và nâng cao vị thế cạnh tranh của các trung tâm ngoại ngữ trên thị trường.
5772	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Cần Thơ		Nguyễn, Quốc Nghi	2019	Xác định những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ.
5773	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng chất lượng dịch vụ nhà hàng King BBQ Buffet đến sự hài lòng của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Ngô, Mỹ Trân	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng chất lượng dịch vụ nhà hàng King BBQ Buffet đến sự hài lòng của khách hàng tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao sự hài lòng khách hàng khi sử dụng dịch vụ ở nhà hàng King BBQ Buffet tại thành phố Cần Thơ.
5774	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Tiên Phong chi nhánh Bắc Cần Thơ	La, Mỹ Duyên	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong chi nhánh Bắc Cần Thơ, nhằm đề ra những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.
5775	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Việt Á chi nhánh Cần Thơ	Đặng, Hồng Vy	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Việt Á chi nhánh Cần Thơ nhằm đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng.
5776	Đại học	Phân tích và đánh giá công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần hóa nông An Giang	Lê, Thị Huỳnh Mai	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích và đánh giá công tác quản trị NNL tại công ty cổ phần Hóa Nông An Giang nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị NNL tại công ty này.
5777	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại khách sạn Cửu Long Cần Thơ	Lê, Thị Tâm	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh Khách sạn Cửu Long giai đoạn 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, qua đó đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
5778	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua căn hộ chung cư trong các dự án dân cư của người dân Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phúc Đình	Nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua căn hộ chung cư trong các dự án dân cư của người dân thành phố Cần Thơ, từ đó tạo cơ sở nắm bắt thông tin nhu cầu sử dụng căn hộ chung cư trong các dự án dân cư của người dân thành phố Cần Thơ để đưa ra giải pháp khắc phục và phát triển nhằm thúc đẩy việc mua căn hộ chung cư trong các dự án dân cư của người dân thành phố Cần Thơ.
5779	Đại học	Nghiên cứu ý định sử dụng giày thể thao Biti's Hunter của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Lê, Thị Mộng Kha	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng giày thể thao BH của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị cho nhà sản xuất để góp phần nâng cao khả năng đáp ứng của giày BH đối với sự hài lòng của sinh viên nói riêng và người tiêu dùng nói chung.
5780	Đại học	Phân tích các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại chuỗi cửa hàng Bách hóa xanh ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thu Dung	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ khi mua sắm tại chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất những giải pháp để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của khách hàng đối với chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

5781	Đại học	Phân tích thực trạng dịch vụ Logistics tại cảng Cái Cui	Lê, Thị Bích Phụng	Nguyễn, Thị Lan Anh	2019	Phân tích thực trạng dịch vụ logistics tại cảng Cái Cui trong 3 năm 2016- 2018 giúp ta nắm rõ tình hình hoạt động của cảng, các nguyên nhân và các mặt còn hạn chế nhằm đề xuất các giải pháp hiệu quả để cung cấp dịch vụ tốt hơn.
5782	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên Shopee của giới trẻ tại Thành phố Cần Thơ	Phạm, Ánh Nguyệt	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên Shopee của giới trẻ tại thành phố Cần Thơ từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm thu hút sự quan tâm và nâng cao lòng tin của giới trẻ đối với việc mua hàng thông qua ứng dụng mua hàng trực tuyến Shopee.
5783	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Dương, Thị Ngọc Hiền	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Cần thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thu hút người tiêu dùng sử dụng mua sắm trực tuyến qua các trang thương mại điện tử.
5784	Đại học	Phân tích những nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh ngành nhựa – bao bì nhựa được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trần, Tường Duy	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành nhựa-bao bì nhựa được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm đề xuất các giải pháp cải thiện và nâng cao khả năng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành nhựa-bao bì nhựa.
5785	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH thiết kế xây dựng Hoàng Kim Phát tại Cần Thơ	Đặng, Như Ý	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Hoàng Kim Phát từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019 nhằm đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Hoàng Kim Phát.
5786	Đại học	Phân tích mối quan hệ giữa các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu và hiệu quả tài chính: Trường hợp các công ty cổ phần tại Việt Nam	Nguyễn, Bình An	Lê, Phước Hương	2019	Phân tích mối quan hệ giữa các mục tiêu SDGs với hiệu quả tài chính của các công ty cổ phần niêm yết tại Việt Nam, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm giúp các nhà quản lý, nhà đầu tư và người ra quyết định, những người thiết kế các chiến lược, đầu tư và chính sách cụ thể của các công ty ở Việt Nam có thêm cái nhìn tổng quan hơn để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDG.
5787	Đại học	Thực trạng và một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho công ty cổ phần thương mại đầu tư phát triển Nhất Tín – chi nhánh Cần Thơ	Lương, Phước Hoài	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Nhất Tín – Chi nhánh Cần Thơ từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh.
5788	Đại học	Giải pháp đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm gạo của công ty TNHH sản xuất thương mại Phước Thành IV	Nguyễn, Lê Anh Thư	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty Phước Thành IV.
5789	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu Vinamilk trên địa bàn quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Đinh, Thị Hồng Tươi	Trần, Quế Anh	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với thương hiệu Vinamilk trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Thông qua đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao mức độ trung thành của khách hàng đối với thương hiệu Vinamilk.
5790	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ dựa tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Hồng Phúc	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các DNNVV trong lĩnh vực TCMN dựa tại tỉnh Bến Tre, từ đó đưa ra biện pháp giúp các DN này hoạt động hiệu quả hơn.

5791	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	Hồ, Lý Gia Bảo	Lê, Tấn Nghiêm	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang – Petrolimex Kiên Giang từ năm 2016 đến năm 2018, từ đó làm cơ sở đề xuất một số giải pháp giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.
5792	Đại học	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ tại huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Võ, Thị Lang	2019	Phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất mía nguyên liệu của nông hộ tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính trong sản xuất góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nông hộ.
5793	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua thức ăn qua ứng dụng điện thoại Grabfood của người dân quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Trương, Hoàng Đại	Thạch, Keo Sa Rate	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng hành vi đặt đồ ăn trên ứng dụng điện thoại của người dân tại Quận Ninh Kiều- TP. Cần Thơ. Thông qua nghiên cứu và phân tích, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kênh kinh doanh ẩm thực qua ứng dụng điện thoại tại Thành phố Cần Thơ và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
5794	Đại học	Tác động của quản trị công ty đến công bố trách nhiệm xã hội: Trường hợp các công ty cổ phần Việt Nam	Trần, Thị Ngọc Trang	Lê, Phước Hương	2019	Nghiên cứu tác động của quản trị công ty đến công bố trách nhiệm xã hội của các công ty cổ phần Việt Nam. Từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao mức độ công bố trách nhiệm xã hội của các công ty cổ phần Việt Nam.
5795	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã Chợ Vàm	Trương, Quốc Cường	Châu, Thị Lệ Duyên	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của HTX NN Chợ Vàm dựa trên các báo cáo về tình hình hoạt động trong giai đoạn 3 năm từ 2016 đến 2018. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, vận hành HTX NN Chợ Vàm.
5796	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng xanh đối với các sản phẩm thay thế nhựa dùng một lần của giới trẻ tại Thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Thảo Nguyên	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng xanh đối với các sản phẩm thay thế nhựa dùng một lần của giới trẻ tại TPCT, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy ý định tiêu dùng xanh, loại bỏ và thay thế nhựa dùng một lần.
5797	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại các cửa hàng bán lẻ điện máy ở Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Việt Trinh	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của các nhân viên.
5798	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của cà phê Lotus Ninh Kiều tại TP. Cần Thơ	Bùi, Nguyễn Phương Thảo	Nguyễn, Thu Nha Trang	2019	Nghiên cứu mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của cà phê Lotus Ninh Kiều tại Tp.Cần Thơ, khẳng định được mối quan hệ giữa chất lượng sản phẩm dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của cà phê Lotus.
5799	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen chi nhánh Bình Minh – Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Tuyết Ngân	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Chi nhánh Bình Minh - Vĩnh Long trong giai đoạn 2016 - 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 qua đó đề xuất giải pháp nâng cao kết quả hoạt động của chi nhánh trong những năm tiếp theo.
5800	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Big C của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ	Nguyễn, Tường Vy	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn siêu thị Big C của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ. Đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Dựa trên các kết quả nghiên cứu đề xuất hàm ý quản trị nhằm thu hút người tiêu dùng lựa chọn siêu thị Big C làm nơi mua sắm đáng tin cậy.

5801	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Trà Vinh	Lê, Nhật Quang	Đỗ, Thị Tuyết	2019	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (LienVietPostBank) chi nhánh Trà Vinh. Trên cơ sở phân tích, đề tài đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn của ngân hàng trong tương lai.
5802	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Nhiệt Điện Cần Thơ	Phạm, Hữu Khánh	Nguyễn, Phạm Thanh Nam	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Nhiệt điện Cần Thơ từ đó đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.
5803	Đại học	Phân tích hành vi khách hàng khi sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường tại siêu thị Co.opmart Cần Thơ	Lê, Minh Châu	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Tìm hiểu đặc điểm của khách hàng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng khi lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường ở siêu thị Co.opmart Cần Thơ. Thông qua đó, đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy sự tiêu dùng các sản phẩm tại Co.opmart nói chung và các sản phẩm thân thiện môi trường nói riêng, nâng cao nhận thức khách hàng về bảo vệ môi trường, xây dựng hình ảnh thương hiệu với các sản phẩm “ tiêu dùng xanh ” thu hút khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh trong khu vực.
5804	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên tại công ty Bảo Việt Nhân thọ Bạc Liêu	Tô, Nhật Hào	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Đánh giá thực trạng sự hài lòng trong công việc, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của nhân viên trong công việc tại Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Bạc Liêu
5805	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV thương mại Hoàng Thịnh Phúc	Lê, Thị Anh Thư	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Thương Mại Hoàng Thịnh Phúc trong giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019, từ đó đề ra các giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
5806	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ ngân hàng di động tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TECHCOMBANK) chi nhánh Vĩnh Long	Võ, Thị Ánh Đào	Lê, Phước Hương	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ Ngân hàng di động, từ đó đề ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện và phát triển hệ thống, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng di động.
5807	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn mua sắm của khách hàng tại chuỗi cửa hàng bách hóa Xanh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Hứa, Thị Thúy Vi	Phan, Thị Ngọc Khuyên	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn mua sắm tại chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh của khách hàng trên quận Ninh Kiều, TPCT nhằm nắm bắt rõ những xu hướng tiêu dùng thực tế, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ và ngày càng thu hút khách hàng trên địa bàn.
5808	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của siêu thị MEGA tại quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thế Bảo	Nguyễn, Phạm Tuyết Anh	2019	Đánh giá chất lượng dịch vụ tại siêu thị Mega TP Cần Thơ trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với Mega. Từ đó, đề xuất một số hàm ý giúp siêu thị Mega nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ hơn nữa nhằm thu hút nhiều khách hàng hơn trong thời gian tới.
5809	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng mì Samurai của người dân tại các siêu thị ở quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Nhi	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng mì Samurai của người dân ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5810	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn cửa hàng Bách hóa Xanh làm điểm mua hàng tiêu dùng của người dân tại huyện Phụng Hiệp	Phạm, Thị Thùy Trang	Lê, Thị Diệu Hiền	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn cửa hàng Bách Hóa Xanh làm điểm mua hàng tiêu dùng của người dân tại huyện Phụng Hiệp, nhằm xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nơi mua hàng của người dân và mức độ ảnh hưởng của chúng. Từ đó đề ra các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho cửa hàng.
5811	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ	Trần, Phi Long	Nguyễn, Thị Ngọc Hoa	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên nhằm đề xuất giải pháp nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh Tế Trường Đại học Cần Thơ.
5812	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ trên các Website thương mại điện tử	Võ, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Hữu Tâm	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng ở Thành phố Cần Thơ trên các website thương mại điện tử, từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị phát triển các website thương mại điện tử, thúc đẩy việc mua hàng qua website trở nên phổ biến hơn đối với người tiêu dùng ở Thành phố Cần Thơ.
5813	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần Bia – Nước giải khát Cần Thơ	Lâm, Thị Thanh Đan	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Cần thơ từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty.
5814	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần nhiên liệu Tây Đô (Cần Thơ)	Đặng, Văn Tuấn Linh	Đặng, Thị Ánh Dương	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần Nhiên Liệu Tây Đô, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
5815	Đại học	Phân tích hoạt động bán hàng sản phẩm phần mềm MISA SME.NET tại công ty cổ phần MISA Cần Thơ	Giang, Thị Hồng Sơn	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích hoạt động bán sản phẩm phần mềm MISA SME.NET tại Công ty cổ phần MISA trong giai đoạn từ năm 2016-2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Qua đó đưa ra các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động bán sản phẩm phần mềm kinh doanh doanh nghiệp, từ đó đưa ra một số giải pháp đẩy nhanh tốc độ bán hàng, tăng lợi nhuận cho công ty.
5816	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê lô-sạp kinh doanh tại chợ Sang Tráng 1 – TP. Cần Thơ	Đào, Kim Ngân	Nguyễn, Thị Phương Dung	2019	Xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định thuê lô- sạp kinh doanh tại chợ Sang Tráng 1- Thành phố Cần Thơ. Từ đó, tổng hợp và đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút khách hàng thuê lô- sạp để kinh doanh tại chợ.
5817	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh của công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang	Trần, Thị Mỹ Ái	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh tại công ty Bảo Việt Nhân Thọ Hậu Giang, để đánh giá đúng thực trạng, tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của công ty từ đó phát huy được hết tiềm năng của doanh nghiệp, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm làm cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả tốt nhất trong thời gian tới.
5818	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH dược phẩm Kim Hoàng Đức	Trần, Minh Đức	Ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH DP Kim Hoàng Đức, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm tới.
5819	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng hệ thống E-Learning đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Thảo	ngô, Mỹ Trân	2019	Phân tích ảnh hưởng của việc sử dụng hệ thống Elearning đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên thông qua việc sử dụng E-learning của Trường trong thời gian tới.
5820	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động công ty TNHH tư vấn DP	Mai, Hà Mỹ Hân	Đinh, Thị Ngọc Hương	2019	Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn DP qua 3 năm 2016 – 2018. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty

5821	Đại học	Đánh giá sự hài lòng về chất lượng đào tạo của sinh viên theo học chương trình chất lượng cao trường Đại học Cần Thơ	Lê, Văn Phát	Lê, Bình Minh	2019	Đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của SV theo học chương trình CLC trường ĐHCT. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các Khoa đã và dự định sẽ có các chương trình CLC và trường ĐHCT.
5822	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần thủy sản Tâm Phương Nam	Lâm, Thành Nhã	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ phần thủy sản Tâm Phương Nam. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh qua một số chỉ tiêu tài chính, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho công ty trong thời gian tới.
5823	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến quyết định áp dụng hệ thống năng lượng điện mặt trời vào sinh hoạt của người dân tại địa bàn quận Thốt Nốt	Trần, Thị Nhật Linh	Trương, Thị Thúy Hằng	2019	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến quyết định tiêu dùng điện mặt trời của người dân trên địa bàn quận Thốt Nốt cũng như ý thức về việc tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy ý định tiêu dùng xanh của người dân thông qua việc áp dụng hệ thống điện mặt trời phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày.
5824	Đại học	Tuyển Chọn Chất Mang Để Tồn Trữ Vi Khuẩn Có Khả Năng Phân Hủy Chlorate Kali	Nguyễn, Phan Hồng Anh	TS. Nguyễn, THỊ PHI OANH	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát khả năng sống sót và khả năng phân hủy KClO ₃ của 2 dòng vi khuẩn Aerococcus sp. TN3 và Enterobacter sp. CR10 trong 5 loại chất mang khác nhau sau 5 tháng tồn trữ. Năm loại chất mang là cám, gạo xay, trấu xay, lúa xay và bột talc được khảo sát và tuyển chọn dựa vào khả năng duy trì mật số vi khuẩn trên 106 CFU/g chế phẩm và khả năng phân hủy KClO ₃ trong điều kiện nhà lưới của vi khuẩn sau thời gian tồn trữ. Sau 3 tháng, chế phẩm với chất mang là cám, gạo xay và lúa xay duy trì mật số vi khuẩn (MSVK) trên 106 CFU/g chế phẩm. Chế phẩm với chất mang là bột talc đạt mật số cao nhất khi chứa dòng vi khuẩn Aerococcus sp. TN3 sau 5 tháng tồn trữ (1,56×10 ⁸ CFU/g chế phẩm) và dòng Enterobacter sp. CR10 sau 4 tháng tồn trữ (2,4×10 ⁷ CFU/g chế phẩm). Những chế phẩm đạt yêu cầu về mật số được tiếp tục khảo sát khả năng phân hủy KClO ₃ trong điều kiện nhà lưới. Hai dòng vi khuẩn trong những chế phẩm này đều duy trì được khả năng phân hủy KClO ₃ trong điều kiện nhà lưới. Như vậy, bột talc được chọn làm chất mang để tồn trữ dòng vi khuẩn Aerococcus sp. TN3 trong 5 tháng và tồn trữ dòng vi khuẩn Enterobacter sp. CR10 trong 4 tháng.

5825	Đại học	Tuyển Chọn Chất Mang Để Tồn Trữ Vi Khuẩn Có Khả Năng Phân Hủy Chlorate Kali	Nguyễn, Phan Hồng Anh	Ts. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát khả năng sống sót và khả năng phân hủy KClO₃ của 2 dòng vi khuẩn <i>Aerococcus</i> sp. TN3 và <i>Enterobacter</i> sp. CR10 trong 5 loại chất mang khác nhau sau 5 tháng tồn trữ. Năm loại chất mang là cám, gạo xay, trấu xay, lúa xay và bột talc được khảo sát và tuyển chọn dựa vào khả năng duy trì mật số vi khuẩn trên 10⁶ CFU/g chế phẩm và khả năng phân hủy KClO₃ trong điều kiện nhà lưới của vi khuẩn sau thời gian tồn trữ. Sau 3 tháng, chế phẩm với chất mang là cám, gạo xay và lúa xay duy trì mật số vi khuẩn (MSVK) trên 10⁶ CFU/g chế phẩm. Chế phẩm với chất mang là bột talc đạt mật số cao nhất khi chứa dòng vi khuẩn <i>Aerococcus</i> sp. TN3 sau 5 tháng tồn trữ (1,56×10⁸ CFU/g chế phẩm) và dòng <i>Enterobacter</i> sp. CR10 sau 4 tháng tồn trữ (2,4×10⁷ CFU/g chế phẩm). Những chế phẩm đạt yêu cầu về mật số được tiếp tục khảo sát khả năng phân hủy KClO₃ trong điều kiện nhà lưới. Hai dòng vi khuẩn trong những chế phẩm này đều duy trì được khả năng phân hủy KClO₃ trong điều kiện nhà lưới. Như vậy, bột talc được chọn làm chất mang để tồn trữ dòng vi khuẩn <i>Aerococcus</i> sp. TN3 trong 5 tháng và tồn trữ dòng vi khuẩn <i>Enterobacter</i> sp. CR10 trong 4 tháng.
5826	Đại học	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn Lactic có khả năng sản xuất bacteriocin tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Đức Thiên	Trần, Thanh Mến	2018	Ngày nay, việc sử dụng quá nhiều các chất bảo quản thực phẩm hóa học cùng việc lạm dụng chất kháng sinh trong việc bảo quản thực phẩm đã và đang làm cho hiện tượng kháng thuốc ở vi sinh vật gây bệnh càng trở nên nghiêm trọng. Đồng thời cũng chính điều này đã gây nên nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người. Dưới sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, nhiều nghiên cứu về việc thay thế các chất bảo quản hóa học bằng các chất bảo quản có nguồn gốc sinh học đã được thực hiện. Nghiên cứu này được thực hiện trên các chủng vi khuẩn lactic được phân lập từ các sản phẩm lên men ở thành phố Cần Thơ nhằm tìm ra các dòng vi khuẩn có khả năng tổng hợp bacteriocin có tính kháng khuẩn mạnh, phục vụ cho việc sản xuất chất bảo quản sinh học thay thế cho các chất bảo quản hóa học. Bốn mươi bảy dòng vi khuẩn lactic đã được phân lập từ hai mươi ba mẫu sản phẩm lên men. Đa số các dòng vi khuẩn phân lập được có hình que, các đặc điểm sinh lý, sinh hóa đều đặc trưng cho các dòng vi khuẩn lactic. Khi khảo sát khả năng kháng khuẩn bằng phương pháp khuết tán qua giếng thạch cho thấy có hai mươi ba dòng kháng <i>Escherichia coli</i>, hai mươi lăm dòng kháng <i>Salmonella enterica</i>, hai mươi sáu dòng kháng <i>Staphylococcus aureus</i>, hai mươi lăm dòng kháng <i>Shingella flexneri</i> và hai mươi lăm dòng kháng <i>Vibrio parahaemolyticus</i>. Trong đó có mười một dòng có khả năng kháng được bốn trên năm dòng vi khuẩn gây bệnh. Hai dòng có khả năng kháng cao nhất là C.C.5 và C.B.3 được nhận diện là <i>Lactobacillus reuteri</i> strain DF2 với độ đồng hình là 97% và <i>Lactobacillus planetarium</i> strain PX0076 với độ đồng hình 97%.

5827	Đại học	Định tính thành phần hóa học và khảo sát khả năng kháng oxy hóa của cây Lưỡi Rắn (<i>Hedyotis corymbosa</i> (L.) Lam) và cây Lưỡi Rắn TRẮNG (<i>Hedyotis diffusa</i> Willd.)	Phan Hồng Khánh Vi	PGS. TS. Đái Thị Xuân Trang	2018	Mục đích của nghiên cứu này là định tính thành phần hóa học và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết Lưỡi Rắn (<i>Hedyotis corymbosa</i> (L.) Lam) và Lưỡi Rắn TRẮNG (<i>Hedyotis diffusa</i> Willd.). Khả năng kháng oxy hóa in vitro được xác định bằng phương pháp khử sắt, phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH (2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl) và phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS ^{•+} (Diamonium-2,2'-azino-bis(3-thylbenzthiazoline-6-sulphonate)).
5828	Đại học	Khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết từ thân cây SỔ TRAI (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th.)	Nguyễn – Phạm, Thị Anh Thư - Thị Kim Ngân	TS. Nguyễn, Trọng Tuấn	2019	Khảo sát khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh trên thủy sản của một số loài thực vật vùng Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh trên thủy sản của các cao chiết có nguồn gốc từ thực vật, được thực hiện từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 4 năm 2019. Phương pháp khuếch tán trên đĩa thạch dùng để kiểm tra khả năng kháng khuẩn từ cao chiết của 39 loài thực vật đối với ba dòng vi khuẩn gây bệnh thủy sản. Trong đó sàng lọc được 5 loài thực vật như Lựu, Bàng, Diệp hạ châu thân đỏ, Rau muống, Phèn đen thể hiện hoạt tính kháng cả 3 dòng vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> , <i>Aeromonas dhakensis</i> B38, <i>Aeromonas dhakensis</i> N5 ở nồng độ 1000 µg/mL, 2000 µg/mL, 3000 µg/mL, 4000 µg/mL, 5000 µg/mL. Các kết quả này sẽ đem lại nguồn thông tin bổ ích cho những nghiên cứu tiếp theo cũng như sự phát triển của ngành thủy sản.
5829	Đại học	Hiệu quả của nồng độ Benzyl Adenine và phân NPK (10-60-10) lên sự ra hoa của cây lan Hồ Điệp (<i>Phalaenopsis amabilis</i> L.)	Nguyễn, Thị Thúy Mai	TS. Nguyễn, Văn Ấy	2019	Lan Hồ Điệp là một loài Phong Lan có giá trị kinh tế cao và được trồng phổ biến bởi vẻ đẹp cùng đặc điểm hoa lâu tàn rất được ưa chuộng. Cây lan Hồ Điệp thích hợp ra hoa trong điều kiện nhiệt độ lạnh, tuy nhiên với điều kiện khí hậu nhiệt đới như ở Việt Nam thì việc xử lý ra hoa để cây ra hoa đồng loạt gặp nhiều khó khăn và thực tế ở Việt Nam có rất ít tài liệu nghiên cứu về các biện pháp xử lý ra hoa cho lan Hồ Điệp. Do đó, việc khảo sát ảnh hưởng của nồng độ Benzyl Adenine và NPK 10-60-10 lên sự ra hoa của lan Hồ Điệp (<i>Phalaenopsis amabilis</i> L.)” được tiến hành nhằm tìm ra nồng độ Benzyl adenine và NPK 10-60-10 thích hợp để xử lý ra hoa trên cây lan Hồ Điệp theo ý người trồng. Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức, 5 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại có 3 cây. Kết quả thí nghiệm cho thấy phun BA nồng độ 200 mg/lít kết hợp với NPK 10-60-10 nồng độ 0,5 g/lít cho tỷ lệ ra hoa cao (93,33% sau 60 ngày xử lý). Các hoa/phát hoa vẫn giữ được các đặc tính hình thái và màu sắc như bình thường, đồng thời các cây lan hồ điệp này vẫn sinh trưởng và phát triển tốt trong suốt thời gian thí nghiệm.

5830	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA HÀM LƯỢNG METHANOL VÀ KOH LÊN SỰ HÌNH THÀNH DẦU SINH HỌC TỪ MỘT SỐ NGUỒN PHÉP PHỤ PHẨM CỦA ĐỘNG THỰC VẬT.	Nguyễn, Lê Thu Sang	TS. Nguyễn, Văn Ấy	2019	Hiện nay, nguồn nhiên liệu tự nhiên từ hóa thạch đang dần bị cạn kiệt và thay vào đó là nguồn nhiên liệu sinh học sạch, giảm ô nhiễm môi trường. Diesel sinh học là một trong những nguồn nhiên liệu điển hình. Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng methanol và KOH, cũng như nguồn nguyên liệu phụ phẩm (mỡ cá, mỡ heo, dầu thực vật đã qua chế biến và dầu thực vật) lên quá trình hình thành biodiesel. Trong quá trình thử nghiệm điều chế biodiesel từ các nguồn nguyên liệu cho thấy: (i) hàm lượng CH ₃ OH và KOH có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tạo ra biodiesel, trong đó hàm lượng CH ₃ OH 15-20% kết hợp với KOH nồng độ 0,05-0,1M tạo ra hàm lượng biodiesel cao nhất (247 ml – 262,83 ml) so với nguyên liệu ban đầu là 297 ml – 315ml. Hơn nữa các nguồn nguyên liệu khác nhau sẽ tạo ra hàm lượng dầu sinh học khác nhau. Nguyên liệu dầu thực vật và mỡ cá cũng như mỡ heo cho hàm lượng dầu sinh học cao (249,5 – 251,2 ml, hiệu suất đạt từ 83,17 đến 83,73%). Kết quả này cho thấy việc tận dụng các nguồn nguyên liệu từ phụ phẩm động thực vật vào quá trình sản xuất biodiesel rất khả quan, từ đó góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường.* Từ khóa: Methanol, phụ phẩm động thực vật, potassium hydroxide, dầu sinh học.
5831	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa Cây dừa cạn (Catharanthus roseus L.) tại núi Cẩm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.	Nguyễn, Phương Thanh	PGS. TS. Đái, Thị Xuân Trang	2019	Cây Dừa cạn (Catharanthus roseus (L.) G. Don) được thu hái tại núi Cẩm huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Từ cây Dừa cạn đã chiết xuất được 8 loại cao chiết khác nhau. Hàm lượng polyphenol tổng (TPC) và flavonoid tổng (TFC) cao ethyl acetate Dừa cạn hoa hồng lần lượt là 20,37±0,06 mg GAE/g cao chiết và 62,59±2,47 mg QE/g cao chiết nhiều nhất trong tất cả các phân đoạn được khảo sát. Hoạt tính kháng oxy hóa được thử nghiệm bằng 3 phương pháp gồm khử sắt (Reducing power-RP), ABTS.+ và DPPH thu được kết quả hoạt tính kháng oxy hóa mạnh nhất ở phân đoạn cao ethyl acetate, đặc biệt là nhóm hoa màu hồng và yếu nhất ở phân đoạn cao hexane. Tuy nhiên, cao ethyl acetate Dừa cạn hoa hồng vẫn thể hiện hoạt tính trung hòa gốc tự do trong phương pháp RP (OD _{0.5} =31,77±0,26 µg/mL), ABTS.+ (EC ₅₀ =16,40±0,54 µg/mL), DPPH (EC ₅₀ =57,28±2,12 µg/mL) yếu hơn chất chuẩn Trolox lần lượt là: RP (OD _{0.5} =1,92±0,11 µg/mL) khoảng 16,5 lần, ABTS.+ (EC ₅₀ =3,31±0,05 µg/mL) khoảng 5 lần, DPPH (EC ₅₀ =0,64±0,01 µg/mL) 90 lần.

5832	Đại học	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa của lá và thân Muồng trâu (<i>Cassia alata</i> L.)	Vũ, Duy Tân	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Cây Muồng trâu (<i>Cassia alata</i> L.) được thu hái tại núi Cẩm huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Từ cây Muồng trâu đã chiết xuất được 6 loại cao chiết khác nhau. Kết quả định tính đã xác định xuất hiện các hợp chất tự nhiên trong các loại cao chiết cây Muồng trâu. Hàm lượng polyphenol tổng và flavonoid tổng của cao ethyl acetate lá Muồng trâu là $44,2 \pm 0,4$ mg GAE/g cao chiết và $346,82 \pm 40,37$ mg QE/g cao chiết nhiều nhất trong tất cả các phân đoạn được khảo sát. Hoạt tính kháng oxy hóa được thử nghiệm bằng 5 phương pháp gồm FRAP, DPPH, ABTS+, RP và phosphomolybdenum thu được kết quả hoạt tính kháng oxy hóa mạnh nhất ở phân đoạn cao ethyl acetate, đặc biệt là ở lá và yếu nhất ở phân đoạn cao n-hexane. Khả năng kháng oxy hóa của cao chiết ethyl acetate lá cây Muồng trâu thể hiện qua giá trị EC50 theo phương pháp FRAP là 9,77 µg/mL, theo phương pháp DPPH là 72,72 µg/mL, theo phương pháp ABTS+ là 11,06 µg/mL, theo phương pháp RP là 21,67 µg/mL, theo phương pháp phosphomolybdenum là 80,12 µg/mL. Từ khóa: <i>Cassia alata</i> L., flavonoid, polyphenol, kháng oxy hóa, FRAP, DPPH, ABTS+, RP, phosphomolybdenum.
5833	Đại học	Nghiên cứu chất mang thích hợp để tồn trữ vi khuẩn có khả năng phân hủy benzene, toluene hoặc xylene	Đặng, Anh Việt	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Đề tài được thực hiện nhằm khảo sát khả năng sống sót của 7 dòng vi khuẩn phân hủy benzene, toluene hoặc xylene BZWI31, BZWI34, TLS34, TLS44, XLWWT3, XLS42 và XL6.2 trong 5 loại chất mang khác nhau sau thời gian 5 tháng và khảo sát khả năng phân hủy benzene, toluene hoặc xylene của vi khuẩn sau thời gian tồn trữ. Năm loại chất mang là bột talc, cám, bã mía, rơm và mật cưa được khảo sát dựa vào khả năng duy trì mật số hơn 106 CFU/g chế phẩm và khả năng phân hủy benzene, toluene hoặc xylene của 7 dòng vi khuẩn sau thời gian tồn trữ. Sau 5 tháng tồn trữ, mật số của 7 dòng vi khuẩn trong 2 loại chất mang là bột talc và rơm đạt hơn 106 CFU/g chế phẩm; trong đó dòng vi khuẩn BZWI31, BZWI34 và XLWWT3 duy trì được mật số vi khuẩn (MSVK) cao nhất trong nghiệm thức bột talc, dòng vi khuẩn TLS34, TLS44, XLS42 và XL6.2 duy trì được MSVK cao nhất trong nghiệm thức rơm. Các dòng vi khuẩn trong những chế phẩm này đều duy trì được khả năng phân hủy benzene, toluene hoặc xylene. Như vậy bột talc được chọn làm chất mang để tồn trữ 3 dòng vi khuẩn BZWI31, BZWI34 và XLWWT3; rơm được chọn làm chất mang để tồn trữ 4 dòng vi khuẩn TLS34, TLS44, XLS42 và XL6.2 trong 5 tháng.

5834	Đại học	Ảnh hưởng của pH đến khả năng phân hủy xylene của vi khuẩn	Đinh, Minh Thu	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Từ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên “Phân lập vi khuẩn có khả năng phân hủy hydrocarbon thơm trong hệ thống xử lý nước thải của Công ty lọc hóa dầu Nam Việt”, sáu dòng vi khuẩn XLS42, XLS43, XLWO6, XLWWT3, XLWWT4 và XLWWT5 được chứng minh có khả năng phân hủy xylene hiệu quả. Dòng XLWWT5 có đặc điểm của chi Pseudomonas, hai dòng XLS42, XLWWT3 và XLWWT4 có thể thuộc chi Bacillus. Hai dòng XLS43 và XLWO6 có thể thuộc chi Enterobacter. Khả năng phân hủy xylene của sáu dòng vi khuẩn sau 12 giờ cho thấy cả sáu dòng vi khuẩn đều có khả năng phân hủy 100% p-xylene và o-xylene ở cả 3 nồng độ 0,01%; 0,05%; 0,1%(v/v) xylene. Dòng XLWWT3 phân hủy cao nhất 99%, dòng XLS42 phân hủy 98% khi bổ sung 0,05% (v/v) xylene; kể đến, hai dòng XLS43 và XLWWT6 phân hủy 98% khi bổ sung 0,01% (v/v) xylene. Hai dòng XLWWT4, XLWWT5 phân hủy lần lượt 96% và 97% khi bổ sung 0,1% (v/v) xylene. Khảo sát ảnh hưởng pH đến khả năng phân hủy xylene 0,1(v/v) của vi khuẩn sau 12 giờ cho thấy cả 2 dòng vi khuẩn đều có khả năng phân hủy xylene ở cả 3 giá trị pH khảo sát, tuy nhiên pH=7 là pH tối ưu cho sự phân hủy ở cả 2 dòng vi khuẩn này. Dòng XLWWT5 phân hủy xylene kém hơn ở pH=8.
5835	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Muồng trâu	Huỳnh, Minh Tân	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Muồng trâu (Cassia alata L.)” được thực hiện nhằm đánh giá khả năng ức chế enzyme α -amylase in vitro của cao chiết cây Muồng trâu. Quy trình khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase được thực hiện theo phương pháp của Đái Thị Xuân Trang và ctv (2012) có hiệu chỉnh. Hỗn hợp phản ứng gồm 50 μ L dung dịch đệm phosphate natri pH = 7 với 50 μ L enzyme α -amylase 0,75 U được đem ủ ở nhiệt độ 37oC trong 5 phút. Sau đó, 50 μ L tinh bột 2 mg/mL được cho vào hỗn hợp trên và tiếp tục ủ 37oC trong 15 phút. Tiếp theo, 200 μ L dung dịch HCl đậm đặc được thêm vào để ngừng phản ứng. Cuối cùng, 300 μ L dung dịch thuốc thử iod được thêm vào để nhận biết lượng tinh bột còn dư sau phản ứng dựa trên phản ứng màu xanh tím đặc trưng. Hỗn hợp trên được đo độ hấp thu quang phổ của phức hợp tinh bột-iod ở bước sóng 660 nm. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng ức chế enzyme α -amylase tăng dần khi tăng nồng độ mỗi cao chiết từ 0,1 đến 0,2; 0,4; 0,8; 1,6; 3,2 mg/mL. Trong đó, cao chiết lá ethyl acetate có khả năng ức chế enzyme α -amylase với giá trị IC50 = 1,40 mg/mL, thấp hơn 11,67 lần so với khả năng ức chế enzyme α -amylase Acarbose (IC50 = 0,12 mg/mL).

5836	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Hoa phần (Mirabilis jalapa L.)	Nguyễn, Ngọc Gia Hân	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Một trong những biện pháp để ngăn ngừa và điều trị bệnh đái tháo đường một cách hiệu quả là làm chậm quá trình hấp thu glucose bằng cách ức chế quá trình hoạt động của enzyme α -amylase thủy phân tinh bột. Đề tài “Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Hoa phần (Mirabilis jalapa L.)” được thực hiện nhằm định tính các thành phần hóa học và xác định khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Hoa phần. Các bộ phận của cây Hoa phần được tách chiết bằng các dung môi gồm ethanol, n-hexan, dichloromethane và ethyl acetate. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khả năng ức chế enzyme α -amylase tăng dần khi tăng nồng độ cao chiết từ 0,1; 0,2; 0,4; 0,8; 1,6; 3,2 mg/mL. Cao ethyl acetate được tách chiết từ củ của cây Hoa phần ở nồng độ 3,2 mg/mL có khả năng ức chế cao nhất trong các cao chiết được khảo sát là 83,12%. Khi so sánh với khả năng ức chế enzyme α -amylase của Acarbose (IC ₅₀ = 0,12 mg/mL) thì cao củ ethyl acetate (IC ₅₀ = 1,52 mg/mL) thấp hơn 12,58 lần. Đồng thời, khi định tính thành phần hóa học cho thấy được trong các cao chiết của cây Hoa phần có chứa các hợp chất như alkaloid, flavonoid, saponin, tannin và đường khử. Dựa trên những kết quả đạt được cho thấy rằng các cao chiết của cây Hoa phần có tiềm năng lớn trong việc phòng và trị bệnh đái tháo đường.
5837	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Dừa cạn (Catharanthus roseus (L.) G. Don)	Trần, Quốc Bảo	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Đề tài “Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Dừa cạn (Catharanthus roseus (L.) G. Don)” được thực hiện nhằm xác định khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase in vitro của các cao chiết cây Dừa cạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase tăng dần khi tăng nồng độ mỗi cao chiết từ 0,1 đến 0,2; 0,4; 0,8; 1,6 và 3,2 mg/mL. Khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase của cao ethyl acetate chiết từ cây Dừa cạn hoa trắng ở nồng độ 3,2 mg/ mL có thể ức chế 77,38% hoạt tính của enzyme $\square$ -amylase với IC ₅₀ = 1,73 mg/mL và so sánh với khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase bởi Acarbose (IC ₅₀ = 0,12 mg/mL) thấp hơn 14,42 lần. Cao ethyl acetate chiết từ cây Dừa cạn hoa hồng ở nồng độ 3,2 mg/ mL cũng có thể ức chế 67,14% hoạt tính của enzyme $\square$ -amylase với IC ₅₀ = 2,23 mg/mL và so sánh với khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase bởi Acarbose (IC ₅₀ = 0,12 mg/mL) thấp hơn 18,3 lần. Các cao chiết ethanol tổng, n-hexan và dichloromethane từ cây Dừa cạn hoa trắng và cây Dừa cạn hoa hồng cũng có khả năng ức chế enzyme $\square$ -amylase nhưng ở hiệu suất thấp hơn cao chiết ethyl acetate.

5838	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết cây Núc nác (<i>Oroxylum indicum</i> L.)	Lê, Thanh Phương Thảo	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Các bộ phận lá, gỗ, vỏ thân của cây Núc Nác (<i>Oroxylum indicum</i> L.) được tách chiết với các dung môi khác nhau gồm ethanol, hexane, dichloromethane và ethyl acetate. Mười hai cao chiết của cây Núc Nác được khảo sát hoạt tính kháng oxy hoá bằng 4 phương pháp: phương pháp khử sắt RP (Reducing power), phép thử phosphomolybdenum, phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS+ (2,2'-azino-bis(3-ethylbenzthiazoline-6-sulfonic acid)) và phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH (1,1-diphenyl-2-picrylhydrazyl). Kết quả cho thấy cao ethyl acetate của vỏ thân cây Núc nác có khả năng trung hòa gốc tự do ABTS+ (EC50= 8,43 µg/ml), DPPH (EC50= 8,44 µg/ml), RP (EC50= 10,724 µg/ml), phosphomolybdenum (EC50= 80,231 µg/ml) yếu hơn chất chuẩn Trolox lần lượt là ABTS+ (2,5 lần), DPPH (13,1 lần), RP (5,6 lần), phosphomolybdenum (2,3 lần). Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy các bộ phận của cây Núc nác có khả năng kháng oxy hóa tốt, đặc biệt là cao ethyl acetate của vỏ thân.
5839	Đại học	Đánh giá hoạt tính chống oxy hóa, chống viêm của cao chiết cây Lưỡi Rắn Trắng (<i>Hedyotis diffusa</i> Willd.)	Võ, Thị Mỹ Huyền	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Nghiên cứu này thực hiện nhằm khảo sát hoạt tính chống oxy hóa in vitro bằng phương pháp phosphomolybdenum, phương pháp khử sắt (Ferric reducing antioxidant power - FRAP); khảo sát hoạt tính chống oxy hóa in vivo thông qua xác định hàm lượng malondialdehyde (MDA), glutathione (GSH) trong mô gan chuột trên mô hình chuột gây độc bởi carbon tetrachloride (CCl4) và khảo sát hoạt tính chống viêm in vitro bằng phương pháp ức chế sự biến tính protein albumin huyết thanh bò và ức chế sự biến tính protein albumin lòng trắng trứng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt tính chống oxy hóa theo phương pháp phosphomolybdenum của cao chiết (OD0,5 = 436,85±3,41 µg/mL) thấp hơn 798,63 lần so với vitamin C (OD0,5 = 0,547±0,003 µg/mL). Hoạt tính chống oxy hóa theo phương pháp khử sắt của cao chiết (OD0,5 = 333,24±1,01 µg/mL) thấp hơn 370,27 lần so với vitamin C (OD0,5 = 0,90±0,02 µg/mL). Hàm lượng MDA và hàm lượng GSH trong mô gan chuột cho hiệu quả ở liều 200 mg/kg khối lượng chuột (MDA = 1,27±0,11 nM/g gan; GSH = 388,40±68,20 nM/g gan) và liều 400 mg/kg khối lượng chuột (MDA = 1,06±0,09 nM/g gan; GSH = 398,60±83,10 nM/g gan). Hoạt tính chống viêm theo phương pháp ức chế sự biến tính albumin huyết thanh bò của cao chiết (IC50 = 105,89±3,41 µg/mL) thấp hơn 189,09 lần so với diclofenac (IC50 = 0,56±0,21 µg/mL). Hoạt tính chống viêm theo phương pháp ức chế sự biến tính albumin lòng trắng trứng của cao chiết (IC50 = 120,77±2,95 µg/mL) thấp hơn 2,92 lần so với diclofenac (IC50 = 41,60±3,94 µg/mL).

5840	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của cao chiết Dây vác (<i>Cayratia trifolia</i> L.) lên cấu trúc mô tụy tạng chuột nhắt trắng (<i>Mus musculus</i>) tổn thương bởi alloxan monohydrate.	Diệp, Ngọc Thanh	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Đề tài nghiên cứu “Khảo sát ảnh hưởng của cao chiết Dây vác (<i>Cayratia trifolia</i> L.) lên cấu trúc mô tụy tạng chuột nhắt trắng (<i>Mus musculus</i>) tổn thương bởi alloxan monohydrate” được khảo sát thông qua việc thực hiện tiêu bản hiển vi cố định lát cắt ngang tụy tạng chuột nhắt trắng bệnh đái tháo đường với phương pháp nhuộm kép Hematoxylin và Eosin Y (H & E). Khả năng hạ glucose huyết của cao chiết Dây vác được xác định bằng cách sử dụng alloxan monohydrate liều 135 mg/kg khối lượng chuột để gây bệnh đái tháo đường trên chuột nhắt trắng. Sau 21 ngày khảo sát, ghi nhận nồng độ glucose huyết ở các nghiệm thức điều trị bệnh và tiến hành giải phẫu thu mẫu tụy tạng để thực hiện tiêu bản hiển vi cố định mô tụy tạng chuột. Kết quả cho thấy, nghiệm thức chuột bệnh uống cao chiết Dây vác liều 100 mg/kg khối lượng chuột có glucose huyết tăng và tử vong hoàn toàn vào tuần thứ 2 điều trị bệnh. Nghiệm thức chuột bệnh uống cao chiết liều 200 mg/kg, 400 mg/kg khối lượng chuột và thuốc glucophage liều 108 mg/kg có biểu hiện giảm nồng độ glucose huyết so với nồng độ glucose huyết chuột bệnh trước khi điều trị. Kết quả khảo sát cấu trúc mô bệnh học tụy tạng cho thấy, cao chiết Dây vác liều 200 mg/kg và 400 mg/kg khối lượng chuột đều có hiệu quả phục hồi cấu trúc mô tụy tạng chuột tổn thương bởi alloxan monohydrate. Hiệu quả phục hồi cấu trúc mô học tổn thương của cao chiết Dây vác liều 400 mg/kg tương đương với thuốc glucophage liều 108 mg/kg. Ngoài ra, nồng độ glucose huyết và cấu trúc mô học tụy tạng ở chuột bình thường uống cao chiết Dây vác với liều 200 mg/kg và 400 mg/kg khối lượng chuột không khác biệt so với chuột bình thường. Vì vậy, cao chiết Dây vác ở hai liều 200 mg/kg và 400 mg/kg an toàn đối với cấu trúc mô học tụy tạng chuột nhắt trắng khỏe mạnh. Từ khóa: <i>Cayratia trifolia</i> (L), <i>Mus musculus</i>, Glucophage, mô bệnh học, Alloxan monohydrate, cấu trúc mô học tụy tạng.
------	---------	---	------------------	---------------------	------	---

5841	Đại học	Khảo sát một số thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy hóa từ cao chiết lá Mật Gấu	Nguyễn, Gia Thịnh	Nguyễn, Thị Hồng Nhân	2019	Thí nghiệm từ cao chiết lá Mật Gấu (Khảo sát một số thành phần hóa học và hoạt tính kháng oxy hóa từ cao chiết lá Mật Gấu) được thực hiện tại phòng thí nghiệm E109 thuộc khoa Nông Nghiệp - trường Đại học Cần Thơ. Thời gian tiến hành thí nghiệm từ tháng 01/2019 đến tháng 04/2019. Các cao chiết lá cây Mật Gấu (<i>Vernonia amygdanila</i>) được chiết xuất bằng ethanol, hexane, ethyl acetate, butanol, nước được khảo sát đều chứa các hợp chất tự nhiên như phenolic, tannin, flavonoid. Cao chiết Ethyl acetate và cao chiết Tổng (ethanol) từ lá cây Mật Gấu có hàm lượng tannin cao nhất là 17,4% và 17,1%. Hàm lượng phenolic tổng đạt cao nhất là 11.666 mg gallic acid/g chiết xuất thuộc về cao chiết Ethyl acetate. Hàm lượng flavonoid từ cao chiết Ethyl acetate đạt cao nhất là 9.841 mg quercetin/g chiết xuất. Thí nghiệm hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết lá cây Mật Gấu được tiến hành bằng hai phương pháp là DPPH và ABTS. Cao chiết Ethyl acetate cho thấy khả năng kháng oxy hóa cao hơn các cao chiết còn lại với giá trị IC50 đạt thấp nhất là 44,76 µg/mL (với phương pháp DPPH) và 13,75 µg/mL (với phương pháp ABTS). Cây mật gấu có thể được xem là nguồn thực vật tự nhiên đầy tiềm năng của các hợp chất có hoạt tính kháng oxy hóa và kháng khuẩn.
5842	Đại học	Khảo Sát Khả Năng Ức Chế Thực Vật Của Dịch Chiết, Cao Chiết Từ Cây Sả (<i>Cymbopogon Citratus</i> (Dc) Stapf) Và Cây Đền Ma Mỹ (<i>Aeschynomene Americana</i> L.)	Phạm, Lâm Thảo Uyên	Trần, Thanh Mến	2019	Cỏ dại là các loài thực vật mọc không theo chủ đích của con người, chúng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Việc nghiên cứu và tìm ra hợp chất kháng cỏ có nguồn gốc từ thực vật đang là hướng nghiên cứu mới trong giai đoạn hiện nay. Trong nghiên cứu này, khả năng ức chế nảy mầm và phát triển hạt của dịch chiết và cao chiết từ cây Sả (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC) Stapf.) và cây Đền ma mỹ (<i>Aeschynomene americana</i> L.) được khảo sát trong điều kiện phòng thí nghiệm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dịch chiết từ cây Sả và hai bộ phận từ thân, lá cây Đền ma mỹ có hiệu quả ức chế sự nảy mầm đối với hạt cỏ Lồng vực, Xà lách và Cải củ tại các nồng độ khảo sát. Tại nồng độ 10% (w/v), dịch chiết Sả ức chế nảy mầm 92,31% hạt cỏ Lồng vực, cao hơn so với dịch chiết thân (31,03%) và dịch chiết lá (27,59%) của Đền ma mỹ. Cao chiết methanol Sả và thân, lá Đền ma mỹ có hiệu quả ức chế nảy mầm hạt cỏ Lồng vực lần lượt là 82,14%, 78,57% và 96,43% tại nồng độ khảo sát 5 mg/mL. 100% hạt Cải củ và hạt Xà lách không nảy mầm khi bị xử lý bằng các cao chiết ở nồng độ 5 mg/mL. Cao chiết từ Sả có hiện diện tất cả các hợp chất đã định tính gồm: Alkaloids, Cardiac glycosides, Flavonoids, Tannins và Phenols. Cao chiết thân và lá Đền ma mỹ không chứa Tanins. Trong nghiên cứu này, hàm lượng polyphenol và flavonoid tổng trong cây Sả và Đền ma mỹ được xác định bằng phương pháp đo quang phổ. Kết quả thí nghiệm cho thấy polyphenol và flavonoid có hiện diện trong cây Sả và thân, lá cây Đền ma mỹ. Trong cao chiết lá Đền ma mỹ có flavonoid và polyphenol tổng số lần lượt là 124,63 mg/g cao chiết và 63,47 mg/g cao chiết. Cao chiết Sả có hàm lượng flavonoid và polyphenol tổng số lần lượt là 69,73 mg/g cao chiết và 58,24 mg/g cao chiết.

5843	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng viêm và ức chế enzyme α -amylase của các cao chiết cây Núc nác (<i>Oroxylum indicum</i> L.)	Trần, Huỳnh Tuyết Trang	PGS. TS Đái, Thị Xuân Trang	2019	“Khảo sát hoạt tính kháng viêm và ức chế enzyme α-amylase của các cao chiết cây Núc nác (<i>Oroxylum indicum</i> L.)”, được thực hiện nhằm xác định khả năng ức chế enzyme α-amylase in vitro của các cao chiết cây Núc nác. Đồng thời, hoạt tính kháng viêm của các cao chiết cây Núc nác cũng được khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng khả năng ức chế enzyme α-amylase tăng dần khi tăng nồng độ cao chiết từ 0,1; 0,2; 0,4; 0,8; 1,6; 3,2 mg/mL. Cao ethyl acetate chiết từ vỏ thân cây Núc nác có khả năng ức chế enzyme α-amylase với IC₅₀ = 1,26 mg/mL, thấp hơn 10,5 lần so với khả năng ức chế enzyme α-amylase của Acarbose (IC₅₀ = 0,12 mg/mL). Tiến hành khảo sát hoạt tính kháng viêm của các cao chiết cây Núc nác in vitro, hai chất chuẩn dùng để đối chiếu là diclofenac và prednisolon, kết quả cho thấy cao ethanol chiết từ vỏ thân cây Núc nác có khả năng kháng viêm tốt với IC₉₀ = 5,04 μg/mL, cao hơn hai thuốc chuẩn diclofenac (IC₉₀ = 10,62 μg/mL), prednisolone (IC₉₀ = 7,84 μg/mL) lần lượt là 2,11 lần và 1,56 lần. Mặt khác, khi định lượng hàm lượng polyphenol toàn phần và flavonoid toàn phần của các cao chiết cây Núc nác, cao chiết ethyl acetate từ vỏ thân cây Núc nác cho kết quả cao hơn có giá trị lần lượt là 69,6 mg GAE/g cao chiết và 271,85 mg QE/g cao chiết. Từ khóa: α-amylase, Acarbose, Bệnh đái tháo đường, kháng viêm, Núc nác (<i>Oroxylum indicum</i> L.).
5844	Đại học	Khảo sát khả năng phục hồi tổn thương gan và tính an toàn của cao chiết rễ cây Gáo vàng (<i>Nauclea orientalis</i> L.).	Nguyễn Văn Màng,	Th.S Phan Kim Định, Kim Định	2019	Đề tài nghiên cứu “Khảo sát khả năng phục hồi tổn thương gan và tính an toàn của cao chiết rễ cây Gáo vàng (<i>Nauclea orientalis</i> L.)” được thực hiện từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 03 năm 2019 bằng phương pháp nhuộm kép Hematoxylin – Eosin Y (H&E). Trong quá trình thực hiện đã hoàn thiện được 170 tiêu bản hiển vi cố định của 17 nghiệm thức thuộc 4 nhóm chính, bao gồm: nhóm đối chứng sinh lý (4 nghiệm thức), nhóm đối chứng bệnh (1 nghiệm thức), nhóm chuột được điều trị (4 nghiệm thức) và nhóm khảo sát độc tính (8 nghiệm thức). Khảo sát độc tính cấp của cao chiết rễ Gáo vàng ở nồng độ 5000 mg/kg khối lượng chuột và khảo sát độc tính bán trường diễn ở nồng độ 400 mg/kg khối lượng chuột, kết quả phân tích mô học cho thấy cao chiết có tính an toàn trên chuột thí nghiệm. Kết quả khảo sát khả năng phục hồi tổn thương gan ở nồng độ 100 mg/kg, 200 mg/kg và 400 mg/kg trọng lượng chuột cho thấy cao chiết rễ Gáo vàng có hiệu quả làm phục hồi tổn thương tốt hơn tinh chất silymarin. Cao chiết ở nồng độ 400 mg/kg khối lượng chuột có hiệu quả phục hồi tổn thương gan cao nhất, có khả năng đưa cấu trúc mô học trở về trạng thái an toàn gần như tương tự cấu trúc mô gan chuột bình thường.

5845	Đại học	Ảnh hưởng của pH và sự thông khí đến khả năng phân hủy benzene của vi khuẩn	Nguyễn, Thị Ngọc Hương	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Sáu dòng vi khuẩn có khả năng phân hủy benzene được phân lập từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty lọc hóa dầu Nam Việt, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ. Khảo sát đặc điểm sinh hóa cho thấy dòng BZS42 có khả năng đồng hóa citrate, có hoạt tính urease và catalase. Bốn dòng vi khuẩn BZWI31, BZWI37, BZWI34 và BZWO6 đều có hoạt tính urease và catalase, thủy phân tinh bột. Dòng vi khuẩn BZS53 có hoạt tính urease. Hai dòng vi khuẩn Gram dương gồm BZS42 và BZWI34 đã được xác định có một số đặc điểm sinh hóa tương đồng với các đặc điểm của chi Bacillus, bốn dòng vi khuẩn Gram âm gồm BZS53, BZWI31, BZWI37 và BZWO6 mang một số đặc điểm tương đồng với chi Pseudomonas. Khảo sát khả năng phân hủy benzene trong môi trường khoáng tối thiểu sau 12 giờ nuôi cấy cho thấy 3 dòng vi khuẩn BZS42, BZWI34 và BZWO6 có khả năng phân hủy 100% benzene ở cả 3 nồng độ 0,01; 0,05; 0,1% (v/v), dòng vi khuẩn BZS53 có khả năng phân hủy hoàn toàn benzene ở nồng độ thấp 0,01; 0,05% (v/v). Khảo sát ảnh hưởng của pH và sự thông khí đến sự phân hủy benzene cho trong điều kiện thông khí hiệu quả phân hủy benzene cao hơn trong điều kiện không thông khí. Ở pH = 7 và pH = 8, cả 3 dòng vi khuẩn BZS42, BZWI34 và BZWO6 đều phân hủy hoàn toàn benzene (0,1%) sau 12 giờ nuôi cấy trong điều kiện thông khí. Trong điều kiện không thông khí, dòng BZWI34 phân hủy hoàn toàn benzene ở pH = 7 trong khi 2 dòng vi khuẩn BZS42 và BZWI34 phân hủy 100% benzene (0,1%) ở pH = 8 sau 12 giờ nuôi cấy.
5846	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của cây Hoa phấn (Mirabilis jalapa L.)	Lê, Thị Kim Phượng	PGS.TS Đái Thị Xuân Trang, Thị Xuân Trang	2019	Các bộ phận của cây Hoa phấn (Mirabilis jalapa L.) được tách chiết xuất với các dung môi khác nhau gồm ethanol, hexane, dichloromethane và ethyl acetate. Kết quả định lượng cho thấy cao chiết ethyl acetate củ Hoa phấn có hàm lượng polyphenol (69 mg GAE/g cao chiết) và flavonoid (346,51 mg QE/g cao chiết) cao hơn so với lá và thân. Bên cạnh đó, mười hai cao chiết của cây Hoa phấn cũng được khảo sát hoạt tính kháng oxy hoá bằng 5 phương pháp trung hòa gốc tự do DPPH (1,1-diphenyl-2-picrylhydrazyl), phương pháp khử sắt RP (Reducing power), phương pháp phosphomolybdenum, FRAP (Ferric reducing-antioxidant power) và ABTS+ (2,2-azino-bis(3-ethylbenzthiazoline-6-sulfonic acid)). Trong các cao chiết được khảo sát, cao ethyl acetate củ Hoa phấn có hoạt tính kháng oxy hóa mạnh hơn các cao còn lại. Tuy nhiên, cao ethyl acetate củ cây Hoa phấn vẫn thể hiện hoạt tính trung hòa gốc DPPH (EC50=10,48 µg/mL), ABTS+ (EC50 =4,39 µg/mL), RP (EC50 = 3,57 µg/mL), FRAP (EC50 = 2,87 µg/mL), phosphomolybdenum (EC50 = 45,53 µg/mL) yếu hơn chất chuẩn Trolox lần lượt là DPPH (15,85 lần), ABTS+ (1,18 lần), RP (1,84 lần), FRAP (143,5 lần), phosphomolybdenum (1,32 lần). Từ đó cho thấy cây hoa phấn có hoạt tính kháng oxy hóa khá cao. Các kết quả này góp phần làm phong phú thêm sự hiểu biết về hoạt tính sinh học của cây Hoa phấn, tạo cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo.

5847	Đại học	Khả năng phân hủy toluene của vi khuẩn trong điều kiện thông khí và không thông khí	Nguyễn, Quốc Cường	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Bốn dòng vi khuẩn TLS33, TLS34, TLS37, TLS44 có khả năng phân hủy toluene được phân lập từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty lọc hóa dầu Nam Việt, kết quả kiểm tra một số đặc điểm sinh hóa cho thấy một số dòng dương tính với urease như dòng TLS34, TLS44; dòng TLS44 có hoạt tính catalase hay dòng TLS33, TLS37 có khả năng lên men với glucose, sucrose, lactose. Bốn dòng vi khuẩn này có một số đặc điểm sinh hóa tương đồng với các dòng vi khuẩn có khả năng phân hủy toluene thuộc các chi Pseudomonas, Enterococcus và Bacillus. Khả năng phân hủy toluene trong môi trường khoáng tối thiểu lỏng sau 12 giờ nuôi cấy cho thấy 2 dòng vi khuẩn TLS34 và TLS37 có khả năng phân hủy 100% toluene ở nồng độ 0,01% (v/v). Dòng vi khuẩn TLS44 có khả năng phân hủy hoàn toàn toluene ở nồng độ 0,1% (v/v). Khả năng phân hủy toluene trong môi trường khoáng tối thiểu lỏng trong điều kiện thông khí và không thông khí sau 12 giờ nuôi cấy cho thấy trong điều kiện thông khí vi khuẩn có khả năng phân hủy toluene tối ưu hơn trong điều kiện không thông khí.
5848	Đại học	Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô trong nhân giống cây hoa lan hoàng thảo kèn (dendrobium lituiflorum)	Hồ, Ngọc Như	TS. Nguyễn, Văn Ấy	2019	Hoa lan rừng là một trong những chi có nhiều loài hoa đẹp và đa dạng nhất, có hương thơm dễ chịu và lâu tàn, đặc biệt là phong lan Dendrobium lituiflorum nói riêng, một loại lan rừng của nước ta. Do nạn phá rừng và khai thác quá mức mà loài lan này đang đứng trước nguy cơ có thể bị tuyệt chủng. Với những ưu điểm của của kỹ thuật nuôi cấy mô, đề tài “Ứng dụng kỹ thuật nuôi cấy mô trong nhân giống cây hoa lan hoàng thảo kèn (Dendrobium lituiflorum)” đã được thực hiện. Đề tài này nhằm xác định nồng độ thích hợp của chất điều hòa sinh trưởng lên sự nhân nhanh protocorm like bodies và tạo rễ, cũng như chọn giá thể phù hợp cho sự tạo cây hoàn chỉnh về mặt chức năng và sinh lý trong môi trường Murashige và Skoog (MS). Đề tài đã được tiến hành tại Phòng nuôi cấy mô của Bộ môn Sinh Lý – Sinh Hóa, Khoa Nông Nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ từ tháng 9/2018 – 4/2019. Kết quả cho thấy: (i) có thể nuôi cấy các PLBs trên môi trường MS bổ sung NAA 0,05 ppm kết hợp với TDZ nồng độ từ 0,5 – 1,5 ppm sẽ giúp gia tăng nhanh sinh khối cao nhất (5,01 – 6,11g/PLB) so với nghiệm thức đối chứng (2,11 g/PLB) sau 12 tuần nuôi cấy; (ii) môi trường MS bổ sung NAA nồng độ 1 – 2 ppm, chuối chín 150 g/l, không hoặc bổ sung thêm than hoạt tính 3 g/l có hiệu quả cao trong giai đoạn tạo rễ in vitro trên cây lan hoàng thảo kèn (số rễ từ 10 – 13 rễ/cây sau 6 tuần nuôi cấy). Ngoài ra, trong giai đoạn thuần dưỡng ở vườn ươm, có thể sử dụng giá thể với tỉ lệ 50% than : 50% dớn mềm thích hợp cho sự phát

5849	Đại học	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn có khả năng cố định đạm từ đất vùng rẫy và nội sinh rẫy cây Mắm ở tỉnh Cà Mau	Trần, Nguyễn Thúy Uyên	PGs.TS. Ngô, Thanh Phong	2019	Đề tài phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn có khả năng cố định đạm từ đất vùng rẫy và nội sinh rẫy cây Mắm ở tỉnh Cà Mau” được thực hiện từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. Kết quả đã phân lập được 69 dòng vi khuẩn cố định đạm từ 5 mẫu đất vùng rẫy và 10 mẫu rẫy của cây Mắm tại huyện U Minh tỉnh Cà Mau trên môi trường Pseudomonas Isolation Agar (PIA). Đa số các dòng vi khuẩn đều có dạng hình que với hình dạng khuẩn lạc tròn, màu trắng đục, bìa nguyên, độ nổi mô. Tất cả các dòng vi khuẩn đều có khả năng tổng hợp NH_4^+ khi nuôi trong môi trường Burk lỏng không đạm tại thời điểm 2 ngày, 4 ngày, 6 ngày và 8 ngày. Trong đó có bảy dòng có hiệu quả cố định đạm cao được trồng thử nghiệm trên cây lúa trong môi trường khoáng không đạm trong 21 ngày và trồng đồng thời trong chậu đất có bổ sung đạm ngoài nhà lưới trong 45 ngày để đánh giá khả năng tương tác tốt với cây lúa thông qua các chỉ tiêu nông học như: chiều cao cây, chiều dài rễ, khối lượng khô, số chồi. Kết quả cho thấy dòng vi khuẩn CM9.1 có khả năng cố định đạm cao và tương tác tốt với cây lúa cả trong điều kiện phòng thí nghiệm và ngoài nhà lưới.
5850	Đại học	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chuyển hóa nitrite tro g một số ao nuôi thủy sản	Nguyễn, Thị Trúc Mai	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Trong chu trình chuyển hóa nitơ, nitrite (NO_2^-) là hợp chất trung gian trong quá trình nitrate hóa. Nitrite được tạo ra từ quá trình oxy hóa ammonia trong điều kiện hiếu khí. Sự tích tụ nitrite gây độc cho tôm, cá trong các ao nuôi thủy sản dẫn đến ảnh hưởng năng suất và chất lượng thủy sản. Ba mươi chín dòng vi khuẩn được phân lập từ 3 mẫu bùn và 5 mẫu nước được thu từ các ao nuôi cá ở Đồng Tháp và các ao nuôi tôm ở Bạc Liêu và Kiên Giang trong đó 6 dòng vi khuẩn gồm BLS1.3, BLW2.2, BLW2.4, ĐTW3.2, KGW1.4, KGW3.6 có khả năng chuyển hóa nitrite cao hơn 60%, trong đó 3 dòng BLW2.2, KGW1.4 và KGW3.6 có hiệu suất chuyển hóa nitrite cao hơn 96%. Trong 6 dòng vi khuẩn được khảo sát khả năng chuyển hóa nitrite trong nước ao nuôi thì dòng vi khuẩn ĐTW3.2 được phân lập từ nước ao nuôi cá ở Đồng Tháp có khả năng chuyển hóa nitrite hiệu quả hơn các dòng còn lại, đạt 46,22% sau 7 ngày khảo sát.

5851	Đại học	Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn chịu mặn có khả năng cố định đạm từ đất vùng rẫy được tại xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Tăng, Huyện Cờ	PGS. TS. Ngô, Thanh Phong	2019	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn chịu mặn có khả năng cố định đạm từ đất vùng rẫy được tại xã Khánh Tiến – huyện U Minh – tỉnh Cà Mau” được tiến hành thực hiện từ tháng 8/2018 – 3/2019. Đề tài được thực hiện nhằm tuyển chọn các dòng vi khuẩn chịu mặn có khả năng cố định đạm được phân lập từ đất vùng rẫy được. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được như sau: Đã phân lập được 40 dòng vi khuẩn trên môi trường Pseudomonas Isolation Agar (PIA) từ 10 mẫu đất vùng rẫy được thu tại vùng đê biển Tây thuộc xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Khuẩn lạc của các dòng vi khuẩn phân lập được đa số có dạng tròn, độ nổi mô, bìa nguyên, không có nhân, có màu trắng đục và trắng sữa, có đường kính biến thiên từ 0,5 – 6mm. Các dòng vi khuẩn phân lập được đều thuộc Gram âm, tế bào vi khuẩn có dạng hình cầu và có kích thước biến thiên từ 1 – 1,5µm. Tất cả các dòng vi khuẩn phân lập được đều phát triển trong môi trường Burk’s lỏng không đạm, tiến hành thực hiện phương pháp Phenol – Nitroprusside để xác định hàm lượng NH₄⁺ mà các dòng vi khuẩn tổng hợp được. Giá trị NH₄⁺ trung bình sau 8 ngày tổng hợp của 40 dòng vi khuẩn biến thiên từ 1,14 – 6,8mg.l⁻¹. Tuyển chọn được 15/40 dòng vi khuẩn có khả năng tổng hợp hàm lượng NH₄⁺ trung bình trên 2mg.l⁻¹. Mười lăm dòng vi khuẩn này được sử dụng để tiếp tục tuyển chọn các dòng tốt nhất qua khả năng cung cấp đạm cho cây lúa OM 10636 trồng trong ống nghiệm chứa môi trường khoáng không đạm. Song song, thực hiện thí nghiệm khảo sát sự ảnh hưởng của 15 dòng vi khuẩn đến khả năng chịu mặn của cây lúa OM 10636 trồng trong ống nghiệm chứa môi trường khoáng không đạm – có độ mặn. Dựa trên các chỉ tiêu sinh trưởng như chiều cao thân lá, chiều dài rễ, khối lượng tươi và khối lượng khô của cây lúa sau 21 ngày trồng trong ống nghiệm, kết quả tuyển chọn được 9/15 dòng vi khuẩn có khả năng cung cấp đạm hiệu quả cho cây lúa và chọn được 3/15 dòng vi khuẩn có độ tương tác tốt với cây lúa trong thí nghiệm khảo sát sự ảnh hưởng đến khả năng chịu mặn của cây lúa.
------	---------	---	----------------	---------------------------	------	--

5852	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế nảy mầm & phát triển của thực vật từ dịch trích & cao chiết cây mai dương (<i>Mimosa pigra</i> L.)	Nguyễn, Thị Anh Thư	TS. Trần ; TS. Đỗ, Thanh Mến; Tấn Khang	2019	Mai dương (<i>Mimosa pigra</i> L.) là một trong những loài thực vật mọc hoang dại tại nhiều nơi ở Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích khảo sát khả năng kháng cỏ của các bộ phận Mai dương từ dịch trích và cao chiết trong điều kiện phòng thí nghiệm. Dịch trích từ rễ, thân, lá, hoa, trái và hạt có hiệu quả ức chế cao đến sự nảy mầm, sinh trưởng và phát triển hạt Xà lách, hạt Cải củ và hạt c Lồng vực tại nồng độ 10% (w/v), tuy nhiên tại nồng độ 10% không cho hiệu quả ức chế sự nảy mầm đối với hạt Cải củ. Nồng độ 5 mg/mL cao chiết của rễ, thân, lá, hạ và hoa cho hiệu quả ức chế nảy mầm hạt Xà lách cao nhất từ 85% - 100%. Đối với sự sinh trưởng và phát triển cao chiết các bộ phận Mai dương cho hiệu quả ức chế cao theo từng nồng độ tăng dần. Kết quả định tính đã xác định sự hiện diện của các hợp chất có hoạt tính sinh học trong các mẫu cao chiết: alkaloid, flavonoid terpenoid, coumarin, quinone, phenolic và tannin. Các nhóm chất này đã được nhiều nhà khoa học chứng minh là có hoạt tính kháng cỏ dại. Hàm lượng phenolic flavonoid, alkaloid và mimosine tổng số trong Mai dương cũng được xác định bằng phương pháp đo quang phổ. Kết quả cho thấy hàm lượng, flavonoid và mimosin tổng số cao nhất có trong lá lần lượt là 66,26 mg/g cao chiết và 264,64 mg/g cao chiết. Hàm lượng phenolic và alkaloid tổng số trong Mai dương có nhiều nhất ở hoa với nồng độ tương ứng là 235,50 mg/g và 118,16 mg/g cao chiết. Từ những kết quả nghiên cứu có thể kết luận rằng, Mai dương là một loài thực vật hoang dại có tiềm năng trong nghiên cứu về các hợp chất kháng cỏ.
5853	Đại học	Khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết gỗ cây Sỗ Trai (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th.)	Nguyễn, Thị Hồng Đào	PGS.TS Đái, Thị Xuân Trang	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết gỗ cây Sỗ Trai, đồng thời xác định thành phần hóa học có trong gỗ cây Sỗ Trai. Kết quả cho thấy gỗ Sỗ Trai chứa các hợp chất như alkaloid, flavonoid, steroid, triterpenoid, saponin và tannin, hàm lượng flavonoid và polyphenol trong cao chiết gỗ Sỗ Trai được xác định lần lượt là 166,38±0,56 mg QE/g cao chiết và 71,42±0,54 mg GAE/g cao chiết. Bên cạnh đó, cao chiết gỗ Sỗ Trai còn thể hiện hoạt tính kháng oxy hóa tốt khi khảo sát cả 3 phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS ^{•+} , phương pháp FRAP và phương pháp DPPH với hiệu quả loại bỏ gốc tự do EC50 lần lượt là 7,79±0,27 µg/mL, 1,66±0,07 µg/mL và 7,29±0,03 µg/mL. Ngoài ra, cao chiết gỗ Sỗ Trai cho hiệu quả kháng khuẩn cao với chủng vi khuẩn <i>Listeria innocua</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Escheria coli</i> , kháng yếu với các chủng <i>Bacillus cereus</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> và không kháng với chủng vi khuẩn <i>Salmonella typhimurium</i> . Thêm vào đó, cao chiết gỗ Sỗ Trai còn cho hiệu quả kháng nấm cao với các chủng nấm <i>Colletotrichum</i> sp., <i>Fusarium oxysporum</i> , <i>Pyricularia oryzae</i> và <i>Corynespora cassiicola</i> ở nồng độ từ 400 µg/mL đến 6400 µg/mL.

5854	Đại học	Ảnh hưởng của điều kiện ánh sáng và thời gian trồng lên hàm lượng một số hợp chất trong cây mã đề (plantago major l.).	Nguyễn, Thị Quới Trâm	TS Nguyễn, Văn Ấy	2019	“Ảnh hưởng của điều kiện ánh sáng và thời gian trồng lên hàm lượng một số hợp chất trong cây mã đề (Plantago major)” được thực hiện với mục tiêu đánh giá tác động của yếu tố ánh sáng và thời gian trồng lên hàm lượng của một số hợp chất phổ biến có trong dịch trích mã đề. Bằng phương pháp sử dụng các thuốc thử và dựa vào sự biểu hiện màu sắc, kết tủa, sự tách lớp để nhận biết các hợp chất thực vật thứ cấp có trong mã đề (Plantago major), cho thấy trong dịch trích mã đề có sự hiện diện của các hợp chất như flavonoid, alkaloid, phenolic, tanin, coumarine, terpenoid, saponin và glycoside, không có mặt của steroid. Bên cạnh đó, trong quá trình khảo sát hàm lượng các hợp chất phenolic tổng, tannin tổng và flavonoid tổng bằng phương pháp quang phổ từ các nguồn nguyên liệu cho thấy thời gian sinh trưởng, phát triển và cường độ ánh sáng có ảnh hưởng lớn đến việc sinh tổng hợp các hợp chất phenolic, tannin, và flavonoid trên cây mã đề Plantago major. Ở cây mã đề 4 tháng tuổi có hàm lượng hợp chất phenolic tổng, tanin và flavonoid tổng (lần lượt là 6,58, 9,03 và 5,98 mg/g TLK) cao hơn ở cây 6 tháng tuổi (lần lượt là 2,88, 2,79 và 4,98 mg/g TLK). Cây mã đề trồng ở điều kiện ánh sáng 75% có hàm lượng các hợp chất phenolic tổng, tanin và flavonoid tổng (lần lượt là 7,92, 4,25 và 6,74 mg/g TLK) cao nhất và khác biệt so với các nghiệm thức còn lại. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy có sự ảnh hưởng của điều kiện ánh sáng và thời gian trồng lên hàm lượng các hoạt chất này, trong đó nghiệm thức các cây mã đề 4 tháng trồng ở điều kiện ánh sáng 75% có hàm lượng các hoạt chất phenolic tổng, tanin và flavonoid tổng (lần lượt là 12,68, 19,24 và 8,13 mg/g TLK), cao nhất so với ở các nghiệm thức còn lại.
------	---------	--	-----------------------	-------------------	------	--

5855	Đại học	Tổng hợp chitosan và thử tính kháng của chitosan với vi khuẩn gây bệnh cháy bìa lá lúa xanthomonas oryzae pv. oryzae trong điều kiện in vitro	NGUYỄN, CAO TUÔNG VI	TS. NGUYỄN, THỊ PHI OANH	2019	Chitosan là một hợp chất hữu cơ có tính chất sinh học đặc biệt, bao gồm sự phân hủy sinh học và không độc hại. Chitosan đã được nghiên cứu ứng dụng trong thực phẩm, dược phẩm, dệt may, nông nghiệp, xử lý nước và công nghiệp mỹ phẩm. Trong phạm vi nghiên cứu này, chitosan được tổng hợp bằng cả 2 phương pháp hóa học và hóa sinh để so sánh hoạt tính của chitosan. Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng hợp chitosan bằng phương pháp hóa học có hiệu suất đạt 18,27% và phương pháp hóa sinh có hiệu suất đạt 20,96%. So sánh khả năng kháng khuẩn đối với vi khuẩn Xanthomonas oryzae pv. oryzae (Xoo) gây bệnh cháy bìa lá lúa của chitosan thương mại, chitosan tổng hợp hóa học và chitosan tổng hợp hóa sinh cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Khảo sát khả năng kháng khuẩn của 3 loại chitosan ở các nồng độ 10 mg/mL; 5mg/mL; 1 mg/mL; 0,4 mg/mL; 0,2 mg/mL; 0,1 mg/mL và 0,05 mg/mL cho thấy các nồng độ chitosan có hiệu quả nhất là 10 mg/mL; 5 mg/mL. Bên cạnh đó, khảo sát ảnh hưởng của thời gian đến khả năng kháng khuẩn của chitosan cho thấy chitosan thương mại kháng khuẩn cao nhất tại thời điểm 24 giờ, chitosan hóa học và chitosan hóa sinh đạt hiệu quả tại thời điểm 12 giờ. Nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của ba loại chitosan đều $\geq 0,2$ mg/mL. Chitosan có ảnh hưởng đến sự rò rỉ ADN và protein của tế bào vi khuẩn Xanthomonas oryzae pv. oryzae được khảo sát trong thời gian 60 phút.
5856	Đại học	NGHIÊN CỨU DUNG DỊCH DINH DƯỠNG THÍCH HỢP BẢO QUẢN HOA HỒNG (Rosa sp.) CẮT CÀNH	Lê, Thị Diễm Hương	TS. TRẦN ; TS. NGUYỄN, THANH MẾN ; VĂN ÂY	2019	Nghiên cứu dung dịch thích hợp bảo quản hoa hồng (Rosa sp.) cắt cành” nhằm xác định được các thành phần bổ sung trong dung dịch dinh dưỡng có ảnh hưởng đến chất lượng và thời gian cắm bình của hoa hồng cắt cành sau thu hoạch. Đề tài nghiên cứu gồm 3 thí nghiệm: (1) Ảnh hưởng của việc bổ sung đường sucrose, bạc nitrate (AgNO ₃), acid citric, BA và sự kết hợp với Thiamin (B1) đến thời gian bảo quản hoa hồng cắt cành; (2) Khảo sát sự ảnh hưởng của đường sucrose, Thyamin (B1) kết hợp với BA đến chất lượng và thời gian cắm bình của hoa hồng cắt cành; (3) Khảo sát sự ảnh hưởng của đường sucrose kết hợp với Silver Thiosunphate (STS) đến chất lượng và thời gian cắm bình của hoa hồng cắt cành. Các thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên 1 nhân tố với 10 lần lặp lại cho mỗi nghiệm thức. Kết quả thí nghiệm cho thấy, những cành hoa ở nghiệm thức có bổ sung 3% đường + 2 ppm B1 + 3 ppm BA và hỗn hợp dung dịch nồng độ 3% đường + 7,5 ppm STS được đánh giá là thích hợp nhất với hoa hồng cắt cành, hoa vẫn giữ được độ tươi tốt hơn 8 ngày sau khi bảo quản.

5857	Đại học	Khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết từ thân cây Sỗ Trai (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th.)	Trần, Thị Tuyết Ngân	PGS.TS. Đái, Thị Xuân Trang	2019	Thân cây Sỗ Trai (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th) được chiết tách trong dung môi ethanol. Định tính thành phần hóa học của cao chiết thân cây Sỗ Trai có chứa các hợp chất như: alkaloid, flavonoid, steroid, glycoside, saponin, tannin và sesquiterpen lacton. Kết quả định lượng cho thấy cao chiết thân cây Sỗ Trai có hàm lượng polyphenol là $97,62 \pm 0,32$ mg GAE/g cao chiết và flavonoid là $188,81 \pm 1,47$ mg QE/g cao chiết. Cao chiết thân cây Sỗ Trai cho kết quả kháng nấm chủng vi khuẩn: <i>Bacillus cereus</i>, <i>Escherichia coli</i>, <i>Pseudomonas aeruginosa</i>, <i>Staphylococcus aureus</i>, <i>Listeria innocua</i> và không kháng vi khuẩn <i>Salmonella typhimurum</i>. Cao chiết thân Sỗ Trai kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> mạnh nhất. Bên cạnh đó, cao chiết thân cây Sỗ Trai cho kết quả ức chế cả ba chủng nấm <i>Colletotrichum</i> sp., <i>Fusarium oxysporum</i>, <i>Corynespora cassiicola</i>. Kết quả cho thấy hiệu quả kháng nấm <i>Colletotrichum</i> sp. là tốt nhất. Ngoài ra, cao chiết thân Sỗ Trai cũng thể hiện khả năng kháng oxy hóa được khảo sát qua phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS⁺, FRAP và phosphomolybdenum và cho giá trị EC50 lần lượt là $6,66 \pm 0,09$ µg/mL; $1,47 \pm 0,05$ µg/mL và $16,73 \pm 0,55$ µg/mL. Hiệu quả kháng oxy hóa của cao chiết thân Sỗ Trai tốt hơn so với chất chuẩn Trolox ở phương pháp phosphomolybdenum nhưng lại có khả năng trung hòa gốc tự do ABTS⁺ và khả năng khử sắt (FRAP) yếu hơn Trolox. Từ các kết quả trên, cho thấy tiềm năng về hoạt tính sinh học của thân cây Sỗ Trai và tạo cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo.
------	---------	--	----------------------	-----------------------------	------	---

5858	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase và kháng khuẩn từ các cao chiết thân cây Móp Gai (<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thwaites)	Lê, Thị Huyền Trân	PGS.TS. Đái, Thị Xuân Trang	2019	Cây Móp Gai (<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thwaites) được biết đến là một thảo dược có nhiều công dụng nhưng vẫn rất ít người nghiên cứu về hiệu quả của nó trong việc điều trị bệnh đái tháo đường và khả năng kháng khuẩn. Vì vậy mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát khả năng ức chế enzyme α-amylase và khảo sát khả năng kháng khuẩn của các cao chiết thân cây Móp Gai (<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thwaites). Khảo sát khả năng ức chế enzyme α-amylase của cao chiết thân Móp Gai được thực hiện bằng cách ủ enzyme α-amylase lần lượt với các loại cao ethanol, cao hexane, cao dicloromethane và cao ethyl acetate trong dung dịch đệm phosphate pH=7 ở 37°C, sau đó tinh bột được cho vào hỗn hợp phản ứng và ủ 15 phút. Thêm HCl đậm đặc để phản ứng kết thúc và nhận biết lượng tinh bột còn lại sau phản ứng với thuốc thử iod bằng phản ứng màu xanh đặc trưng. Kết quả hiệu suất ức chế enzyme α-amylase dựa vào mật độ quang (OD) đo được ở bước sóng 660 nm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cao chiết ethanol có khả năng ức chế enzyme là 90,79% vượt trội hơn so với cao hexan, cao dicloromethane, cao ethyl acetate có khả năng ức chế enzyme lần lượt là 61,80%, 65,33%, 72,28% ở nồng độ 200 μg/mL. Ngoài ra các cao chiết thân cây Móp Gai được khảo sát khả năng kháng khuẩn ở các nồng độ 80 μg/mL, 160 μg/mL, 320 μg/mL, 640 μg/mL và 1280 μg/mL bằng phương pháp nhỏ giọt cho hiệu quả kháng khuẩn cao với chủng vi khuẩn <i>Bacillus cereus</i>, <i>Escherichia coli</i>, tuy nhiên không hiệu quả với chủng vi khuẩn <i>Salmonella typhimurium</i>. Cao dicloromethane cho hiệu quả kháng <i>Escherichia coli</i> cao nhất với hiệu suất ức chế 81,40%, bên cạnh đó cao hexane cho hiệu quả kháng <i>Bacillus cereus</i> tốt nhất với hiệu suất ức chế là 74,46% ở nồng độ 1280 μg/mL so với các cao được khảo sát. Các kết quả này góp phần kết luận tiềm năng hoạt tính sinh học của thân cây Móp Gai và tạo cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo.
------	---------	--	--------------------	-----------------------------	------	--

5859	Đại học	ĐỊNH DANH CÂY MÍT NÀI BẰNG HÌNH THÁI VÀ DẤU PHÂN TỬ DNA	Lữ, Thị Minh Trang	TS. Huỳnh, Kỳ	2019	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nguồn gốc và định danh cây Mít nài bằng mã vạch DNA; dựa vào phương pháp so sánh hình thái để nhận diện sự khác biệt giữa cây Mít nài và cây Xa kê. Kết quả nhận dạng sự khác biệt của cây Mít nài và Xa kê thu được từ phương pháp so sánh hình thái giữa cây Mít nài và cây Xa kê cho thấy có sự khác biệt rõ ràng ở các phần thân, trái và cách nhân giống cây; phần lá cây gần như không có sự khác biệt để nhận dạng hai loài. So sánh hình thái cho thấy sự khác biệt của thân cây Mít nài và Xa kê là ở thân cây Mít nài có những nốt sần ở phần gần gốc mà cây Xa kê không có. Sự khác biệt của trái: trái của Mít nài ít thịt hơn so với trái Xa kê nhưng có hạt ăn được và nhân giống được. Trái Mít nài và Xa kê có kích thước gần bằng nhau. Kết quả phân tích mã vạch DNA và so sánh trên ngân hàng gen NCBI cho ta thấy trình tự gen của các mẫu Mít nài, Xa kê và Mít thường gần như không có sự khác biệt trình tự nucleotide giữa cây. Kết quả so sánh trình tự nucleotide đoạn gen RbcL có độ dài 577 base pair cho thấy kết quả so sánh sự khác biệt trình tự của các nucleotide giữa ba mẫu Mít nài, Xa kê và Mít thường có thể kết luận rằng Mít nài là loài cùng họ với Mít thường và là một phân loài của Xa kê.có Kết quả của nghiên cứu này là bước đầu để nhận diện sự khác biệt giữa Mít nài và Xa kê qua mã vạch DNA, đồng thời góp phần tìm ra nguồn gốc của Mít nài.Từ khóa: mã vạch DNA, Mít nài, Xa kê, so sánh hình thái.
5860	Đại học	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa in vitro và in vivo một số dược liệu dân gian.	Nguyễn, Phương Anh Thư	TS. Trần, Thanh Mến	2019	Nghiên cứu hoạt tính kháng oxy hóa của dược liệu là giai đoạn đầu của nghiên cứu dược chất chống lão hóa. Trong nghiên cứu này, hoạt tính kháng oxy hóa của một số dược liệu sẽ được khảo sát trong điều kiện in vitro và in vivo. Kết quả khảo sát trong điều kiện in vitro cho thấy cao chiết từ củ nghệ có hoạt tính kháng oxy hóa tốt hơn so với cao chiết từ lá dâu tằm, cao chiết từ lá và trái nhàu. Kết quả thí nghiệm trong điều kiện in vivo cho thấy ruồi giấm (<i>Drosophila melanogaster</i>) được nuôi giữ trong điều kiện có paraquat hoặc H₂O₂ chết nhanh hơn so với đối chứng không sử dụng paraquat hoặc H₂O₂. Kết quả nghiên cứu chứng minh rằng trong môi trường nuôi có bổ sung acid gallic hoặc quercetin ruồi giấm có khả năng chống chịu tốt trong điều kiện stress do paraquat hoặc H₂O₂ gây ra. Nghiên cứu cũng ghi nhận cao chiết từ củ nghệ có khả năng kháng oxy hóa in vivo tốt. Kết quả nghiên cứu là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính chống lão hóa Từ khóa: dược liệu, H₂O₂, kháng oxy hóa, lão hóa, ruồi giấm và paraquat.

5861	Đại học	Khảo Sát Ảnh Hưởng Của Nhiệt Độ, Ph Và Nh4no3 Đến Hoạt Độ Của Enzyme B-Glucosidase Ở Dòng Nấm Sợi T7	Chiêm, Hoàng Uyên	TS. Nguyễn, Thị Phi Oanh	2019	Nấm có vai trò quan trọng trong các quá trình chuyển hóa vật chất do chúng có khả năng tổng hợp enzyme cellulase để phân hủy các nguồn carbon có sẵn trong tự nhiên. Phức hệ enzyme cellulase gồm 3 enzyme endocellulase, exocellulase và β -glucosidase có khả năng thủy phân cellulose thành glucose. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định nhiệt độ, pH và nồng độ NH_4NO_3 thích hợp cho hoạt độ của enzyme β -glucosidase ở dòng nấm sợi T7. Kết quả thực nghiệm cho thấy enzyme β -glucosidase ở dòng nấm sợi T7 có hoạt độ tối ưu là 0,3564 U/ml ở 500C và pH = 5 và ở nồng độ NH_4NO_3 0,1%, enzyme có hoạt độ tối ưu là 0,3855 U/ml.
5862	Đại học	Đa dạng di truyền 3 giống đinh lăng bằng hình thái và DNA BARCODE	Nguyễn, Thảo Nguyên	TS. Huỳnh, Kỳ	2019	Do đinh lăng có nhiều giá trị về mặt y học nhưng hiện nay có rất ít những nghiên cứu về mặt di truyền nên đề tài “Đa dạng di truyền 3 giống đinh lăng bằng hình thái và DNA Barcode” được thực hiện nhằm khảo sát sự đa dạng di truyền thông qua 3 đặc điểm hình thái và phương pháp DNA Barcode để xác định loài tương đồng của chúng. Phân tích dựa trên hệ số di truyền tương đồng chia đinh lăng thành 3 nhóm chủ yếu. Dựa vào kết quả giải trình tự gene với cặp mồi RbcL của 3 mẫu thí nghiệm so với cơ sở dữ liệu GenBank (NCBI) đã cho thấy mẫu đinh lăng viên bạc tương đồng 99% với loài <i>Polyscias guilfoylei</i> , đinh lăng lá răng và đinh lăng lá tròn tương đồng 99% so với loài <i>Polyscias balfouriana</i> . Kết quả này là bước đầu cho những nghiên cứu tiếp theo về cây đinh lăng. Từ khóa: Đa dạng di truyền, đinh lăng, DNA Barcode.
5863	Đại học	Đánh giá hiệu quả cố định đạm của các dòng vi khuẩn hòa tan lân và kal được phân lập từ đất tại núi Tô, núi Nước tỉnh An Giang.	Dương, thị Thúy Ái	Nguyễn, Thị Đơn	2019	Hai mươi chín dòng vi khuẩn ở núi Tô và mười bảy dòng vi khuẩn núi Nước đề có khả năng cố định đạm khi nuôi trong môi trường Burk's lỏng. Trong đó, 6 dòng có hoạt tính cố định đạm cao (núi Tô 3 dòng vi khuẩn T12, T6, T10; núi Nước 3 dòng vi khuẩn N24, N18, N4) đã được tiến hành thử nghiệm trên rau mồng tơi và trên lúa. Sáu dòng vi khuẩn này có khả năng cố định đạm và làm gia tăng chiều cao cây lúa. Trong thí nghiệm trên rau mồng tơi, dòng vi khuẩn N4 và N24 ở núi Nước có hiệu quả cố định đạm cao cho năng suất rau ở các nghiệm thức 50% phân bón kết hợp 50% vi khuẩn tương đương nghiệm thức bón 100% phân bón. Như vậy, hai dòng vi khuẩn này có thể thay thế 50% lượng phân hóa học giúp cây tăng chiều cao, số lá trên cây cũng như năng suất cho rau mồng tơi. Các dòng vi khuẩn ở núi Tô, hiệu quả cố định đạm trên rau mồng tơi cung cấp cho cây trồng cho năng suất khác biệt không ý nghĩa giữa nghiệm thức chủng vi khuẩn và bón 25% đạm hóa học.
5864	Đại học	"Phân lập hợp chất từ cao n-hexane của lá Ổi (<i>Psidium guajava</i> L.), họ Sim (Myrtaceae)".	Thạch, Thị Bô Ra	ThS. Lê, Thị Bạch	2019	Nguyên liệu được sử dụng là lá Ổi (<i>Psidium guajava</i> L.) tươi được thu hái trên địa bàn thành phố Cần Thơ vào tháng 6/2019 được thu hái và xử lý, làm khô ở nhiệt độ phòng, sau đó nghiền thành bột mịn. Tiến hành ngâm dầm, chiết kiệt mẫu bột nguyên liệu khô với ethanol thu được cao tổng, tiếp tục chiết lỏng-lỏng với n-hexane thu được cao Hex. Bằng phương pháp sắc ký cột kết hợp với sắc ký lớp mỏng từ cao n-hexane đã cô lập được hợp chất PG1. Với các phương pháp phổ hiện đại là IR, $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$, DEPT, HSQC, HMBC xác định cấu trúc hợp chất PG1 là Clovandiol. Từ khóa: lá Ổi, <i>Psidium guajava</i> L., Clovandiol.

5865	Đại học	Đánh giá hoạt tính kháng oxy hóa và kháng đái tháo đường in vitro của các cao chiết từ thân cây Móp Gai	Phạm, Ngọc Khang	PGS.TS Đái, Thị Xuân Trang	2019	Nghiên cứu đã đánh giá tác dụng ức chế hoạt động in vitro các enzyme liên quan đến bệnh đái tháo đường (enzyme α -amylase và α -glucosidase) và các gốc tự do hóa học của các cao chiết thân Móp Gai. Từ thân Móp Gai đã chiết xuất được 4 loại cao khác nhau gồm ethanol, n-hexane, ethyl acetate và nước đã được thử nghiệm ức chế những enzyme tiêu chuẩn liên quan đến bệnh đái tháo đường. Hoạt tính kháng oxy hóa được thử nghiệm bằng 5 phương pháp gồm kháng oxy hóa tổng (Total antioxidant capacity), trung hòa gốc tự do (2,2-diphenyl-1-picrylhydrazyl), năng lực khử (Reducing power), khử sắt (Ferric reducing-antioxidant power), trung hòa gốc tự do (2,2'-azino-bis(3-ethylbenzothiazoline-6-sulphonic acid)) và khả năng ức chế enzyme α -amylase và α -glucosidase thu được kết quả hoạt tính kháng oxy hóa mạnh nhất ở phân đoạn cao ethyl acetate và yếu nhất ở phân đoạn n-hexane.
5866	Đại học	Tối ưu hóa môi trường nuôi cấy vi khuẩn kết tụ sinh học bacillus subtilis pro.01.c trong xử lý nước thải từ cơ sở chế biến sữa đậu nành	NGUYỄN, THỊ YẾN NHI	GS.TS. CAO NGỌC ĐIẾP ; NCS. LÊ THỊ LOAN, NGỌC ĐIẾP ; THỊ LOAN	2019	Chất kết tụ sinh học là một hợp chất được tổng hợp từ vi sinh vật, chúng gom v lắng các chất hữu cơ nên được sử dụng để xử lý nước thải và chúng không độc hại ch con người và môi trường. Dòng vi khuẩn Bacillus subtilis PRO.01.C được phân lập t mẫu nước thải của cơ sở sản xuất hủ tiếu Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang, có khả năng tổng hợp chất kết tụ sinh học cho tỷ lệ kết tụ với dung dịch kaolin là 12,25%. Thành phần môi trường tối ưu cho dòng vi khuẩn Bacillus subtilis PRO.01.C gồm có nguồn khoáng vô cơ là KCl (0,5%), nguồn nitrogen là urea (0,05%), nguồn carbon là tinh bột (1%) pH 6 cho tỷ lệ kết tụ 10,14% với dung dịch kaolin sau 5 phút để lắng, bổ sung dung dịch CaCl ₂ và 0,2% dịch nuôi sinh khối vi khuẩn. Ứng dụng chủng vi khuẩn này trong xử lý nước thải cơ sở chế biến sữa đã làm giảm các chỉ số BOD ₅ , chỉ số TSS, chỉ s Nito tổng, chỉ số Photpho tổng và hàm lượng Amonium lần lượt là 4,69%, 18,18% 8,93%, 3,13% và 85,37% so với chỉ số ban đầu.
5867	Đại học	Ảnh hưởng của nhiệt độ và loại bao gói đến chất lượng và thời gian tồn trữ ba giống khoai lang tím (Ipomoea batatas (L.) Lam)	Cao, Thị Ngọc Thảo	Phạm, Thị Phương Thảo	2018	Tìm hiểu ảnh hưởng của nhiệt độ và loại bao gói đến chất lượng và thời gian tồn trữ ba giống khoai lang tím (Ipomoea batatas (L.) Lam)
5868	Đại học	Ảnh hưởng của phân bò, gà, trùn quế lên sinh trưởng, năng suất, chất lượng rau dền tía (Amaranthus tricolor L.)	Nguyễn, Bảo Ngọc	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Đánh giá ảnh hưởng của phân bò, gà, trùn quế lên sinh trưởng, năng suất, chất lượng rau dền tía (Amaranthus tricolor L.)
5869	Đại học	Ảnh hưởng của Benzyladenine và α – Naphthalene acetic acid đến nhân chồi và ra rễ In vitro cây lan gấm (Anoectochilus sp)	Võ, Hoàng Phúc	Lê, Văn Bé	2018	Khảo sát ảnh hưởng của Benzyladenine và α – Naphthalene acetic acid đến nhân chồi và ra rễ In vitro cây lan gấm (Anoectochilus sp)
5870	Đại học	Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây tỏi (Allium sativum L.) có ở tỉnh Sóc Trăng	Dương, Gia Linh	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây tỏi (Allium sativum L.) có ở tỉnh Sóc Trăng
5871	Đại học	Khảo sát một số hoạt tính sinh học của cao chiết diếp cá (Houttuynia cordata thunb)	Dương, Thị Huỳnh Như	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Khảo sát một số hoạt tính sinh học của cao chiết diếp cá (Houttuynia cordata thunb)

5872	Đại học	Nhân chồi, tạo rễ In vitro và thuần dưỡng cây đẳng sâm (<i>Codonopsis javanica</i> (Blume Hook. F.))	Lâm, Thảo Nhi	Lâm, Ngọc Phương	2018	Nhân chồi, tạo rễ In vitro và thuần dưỡng cây đẳng sâm (<i>Codonopsis javanica</i> (Blume Hook. F.))
5873	Đại học	Nghiên cứu môi trường nuôi cấy <i>Bacillus subtilis</i> sinh tổng hợp protease	Lương, Thị Thu Hương	Phan, Thị Bích Trâm	2018	Nghiên cứu môi trường nuôi cấy <i>Bacillus subtilis</i> sinh tổng hợp protease
5874	Đại học	Thành phần hóa học và khả năng chống oxy hóa và kháng vi sinh của cao chiết ngải tím (<i>Kaempferia galangal</i>) và nghệ đen (<i>Curcuma zedoaria</i>)	Lê, Phương Vy	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát thành phần hóa học và khả năng chống oxy hóa và kháng vi sinh của cao chiết ngải tím (<i>Kaempferia galangal</i>) và nghệ đen (<i>Curcuma zedoaria</i>)
5875	Đại học	Thành phần hóa học, hoạt tính kháng oxy hóa và kháng vi sinh vật của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Roscoe)	Lê, Thị Thu Thanh	Lưu, Thái Danh	2018	Tìm hiểu thành phần hóa học, hoạt tính kháng oxy hóa và kháng vi sinh vật của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Roscoe)
5876	Đại học	Phân tích thành phần hóa học, khả năng kháng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu vỏ chanh không hạt (<i>Citrus latifolia</i>)	Phạm, Trần Mỹ Xuyên	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát thành phần hóa học, kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu hạt ngò (<i>Coriandrum Sativum</i> L)
5877	Đại học	Ảnh hưởng của Benzyladenine và α – Naphthalene acetic acid đến nhân chồi và ra rễ In vitro cây nhung hoa (<i>Iresine herbstii</i> ‘Aureoreticulata’)	Phan, Dạ Nguyệt	Lê, Văn Bé	2018	Khảo sát ảnh hưởng của Benzyladenine và α – Naphthalene acetic acid đến nhân chồi và ra rễ In vitro cây nhung hoa (<i>Iresine herbstii</i> ‘Aureoreticulata’)
5878	Đại học	Ảnh hưởng của phân kali đến năng suất và phẩm chất của củ đậu (<i>Pachyrhizus erosus</i>) tại xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Ngọc Biết	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Đánh giá ảnh hưởng của phân kali đến năng suất và phẩm chất của củ đậu (<i>Pachyrhizus erosus</i>) tại xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
5879	Đại học	Ảnh hưởng của Gibberellic acid và mực nước trong chậu đến sự sinh trưởng và phát triển cây lác (<i>Cyperus tegetiformis</i> Roxb) cây mô	Nguyễn, Thị Diễm Hằng	Lâm, Ngọc Phương	2018	Ảnh hưởng của Gibberellic acid và mực nước trong chậu đến sự sinh trưởng và phát triển cây lác (<i>Cyperus tegetiformis</i> Roxb) cây mô
5880	Đại học	Ảnh hưởng của Brassinolide, N – Triacantanol, Humate Kali Canxi oxit đến sự sinh trưởng tươi mần 40/oogiai đoạn 20 ngày sau khi gieo	Nguyễn, Minh Tính	Lê, Văn Bé	2018	Tìm hiểu ảnh hưởng của Brassinolide, N – Triacantanol, Humate Kali Canxi oxit đến sự sinh trưởng tươi mần 40/00 giai đoạn 20 ngày sau khi gieo
5881	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu cam ngọt (<i>Citrus sinensis</i> L)	Phan, Thị Thùy	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát thành phần hóa học kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu cam ngọt (<i>Citrus sinensis</i> L)
5882	Đại học	Đánh giá hiệu quả của Canxi silicat và Paclobutrazol đến khả năng chống đổ ngã của giống lúa OM 4900 vụ Đông Xuân tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Khánh Nhân	Lê, Văn Bé	2018	Đánh giá hiệu quả của Canxi silicat và Paclobutrazol đến khả năng chống đổ ngã của giống lúa OM 4900 vụ Đông Xuân tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

5883	Đại học	Anh hưởng của N – Triacntanol Canxi oxit, Brassinolide, Humate Kali đến sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR 50404 trong điều kiện tưới mặn 40/00 giai đoạn 35 NSKG	Trần, Văn Khải	Lê, Văn Bé	2018	Đánh giá ảnh hưởng của N – Triacntanol Canxi oxit, Brassinolide, Humate Kali đến sự sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR 50404 trong điều kiện tưới mặn 40/00 giai đoạn 35 NSKG
5884	Đại học	Anh hưởng của độc chất sắt khi bổ sung Calci silicate lên giống lúa OM4900 giai đoạn mạ	Lương, Quốc Hùng	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Hào sát ảnh hưởng của độc chất sắt khi bổ sung Calci silicate lên giống lúa OM4900 giai đoạn mạ
5885	Đại học	Thành phần hóa học, kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu hạt ngô (Corciandrum Sativum L)	Nguyễn, Thị Loan	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát thành phần hóa học, kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu hạt ngô (Corciandrum Sativum L)
5886	Đại học	Thành phần hóa học, hoạt tính kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu củ gừng gió (Zingiber zerumbet L)	Nguyễn, Thị Lệ Nghi	Lưu, Thái Danh	2018	Tìm hiểu hành phần hóa học, hoạt tính kháng oxy hóa và kháng vi sinh của tinh dầu củ gừng gió (Zingiber zerumbet L)
5887	Đại học	So sánh sinh trưởng và năng suất của một số loại rau bên ngoài và bên trong màng phủ	Nguyễn, Thị Tiểu Yến	Lê, Văn Bé	2018	So sánh sinh trưởng và năng suất của một số loại rau bên ngoài và bên trong màng phủ
5888	Đại học	Anh hưởng của Brassinolide và calcium nitrat đến sinh trưởng và năng suất cây lác cây mô (Cyperus tegetiformis roxb) ngoài đồng	Nguyễn, Trần Diễm Phương	Lâm, Ngọc Phương	2018	Ảnh hưởng của Brassinolide và calcium nitrat đến sinh trưởng và năng suất cây lác cây mô (Cyperus tegetiformis roxb) ngoài đồng
5889	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của đồng độ đường, salicylic acid, silver thiosulphate và chất kháng khuẩn đến thời gian bảo quản hoa sen (Nulumbo nicifera gaer tn.) cắt cành	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Phạm, Thị Phương Thảo	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của đồng độ đường, salicylic acid, silver thiosulphate và chất kháng khuẩn đến thời gian bảo quản hoa sen (Nulumbo nicifera gaer tn.) cắt cành
5890	Đại học	Khảo sát hàm lượng B – carotene, Lycopene, Vitamin E, đường tổng số và đạm tổng số trong hai giống gác trồng Momordica cochinchinensis (Lour) Spreng	Đoàn, Giao Linh	Phạm, Phước Nhẫn	2018	Khảo sát hàm lượng B – carotene, Lycopene, Vitamin E, đường tổng số và đạm tổng số trong hai giống gác trồng Momordica cochinchinensis (Lour) Spreng
5891	Đại học	Khảo sát hàm lượng Polyphenol, saponin và hoạt tính kháng oxy hóa của cao phân đoạn củ rễ môn ngừ (Colocasia escutenta)	Văn, Hoàng Nhã Uyên	Nguyễn, Đức Độ	2018	Khảo sát hàm lượng Polyphenol, saponin và hoạt tính kháng oxy hóa của cao phân đoạn củ rễ môn ngừ (Colocasia escutenta)
5892	Đại học	Thành phần hóa học, khả năng kháng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu ngải sậy (Zingiber cassumunar)	Phạm, Phương Trúc	Lưu, Thái Danh	2018	Khảo sát thành phần hóa học, khả năng kháng oxy hóa và vi sinh của tinh dầu vỏ chanh không hạt (Citrus latifolia)
5893	Đại học	Khảo sát hoạt tính sinh học của dịch trích cây mã đề (Plantago sp.)	Nguyễn, Lê Thục Đức	Nguyễn, Văn Ấy	2019	Khảo sát hoạt tính sinh học của dịch trích cây mã đề (Plantago sp.)

5894	Đại học	Ảnh hưởng của quản lý nước và hàm lượng kẽm đến sinh trưởng, năng suất lúa OM4900 trồng trong chậu	Nguyễn, Ô Ghel	Phạm, Phước Nhân	2017	Ảnh hưởng của quản lý nước và hàm lượng kẽm đến sinh trưởng, năng suất lúa OM4900 trồng trong chậu
5895	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển ngành nuôi trồng thủy sản tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thúy Ái	Lê, Văn Hiệu	2018	Trình bày cơ sở lý luận về NTTS; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động NTTS tỉnh Cà Mau; Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển bền vững.
5896	Đại học	Tài nguyên thiên nhiên tỉnh Hậu Giang và vấn đề phát triển bền vững	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Lê, Thành Nghê	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Trình bày khái quát cơ sở lý thuyết về tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững; Đánh giá tiềm năng và thực trạng tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Đề xuất một số giải pháp PTBV
5897	Đại học	Đánh giá tiềm năng, thực trạng và định hướng phát triển nghề đan lục bình ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Võ, Thị Trang	Trịnh, Chí Thâm	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Tìm hiểu về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và kinh tế-xã hội của huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long. Từ đó đánh giá tác động của những nhân tố này đến sự hình thành và phát triển nghề đan lục bình tại huyện; Thu thập số liệu, nghiên cứu thực tế tại địa phương để phân tích thực trạng phát triển nghề đan lục bình, tạo cơ sở đưa ra giải pháp hợp lý để duy trì và phát triển ngành nghề đem lại nhiều lợi ích kinh tế và an sinh xã hội.
5898	Đại học	Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng ở An Giang	Nguyễn, Thị Kiều Loan	Lê, Văn Nhung	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Trình bày cơ sở lý thuyết về DLCĐ; Phân tích các nguồn lực tác động phát triển DLCĐ tại An Giang; Đánh giá hiện trạng phát triển thông qua dữ liệu thứ cấp và sơ cấp và đề xuất một số giải pháp phát triển.
5899	Đại học	Thực trạng và giải pháp về nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp ở huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ	Lý, Thị Thoại Mỹ	Hồ, Thị Thu Hồ	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng qua về nguồn nước và ngành nông nghiệp; Phân tích định tính về chất lượng nguồn nước trên địa bàn huyện Thới Lai – TP Cần Thơ; Đánh giá tác động của nguồn nước đến nền nông nghiệp huyện Thới Lai và đề xuất một số giải pháp PTBV
5900	Đại học	Nghiên cứu bão nhiệt đới và một số kinh nghiệm dân gian, phần mềm trong dự báo bão ở Việt Nam	Quách, Khánh Linh	Lê, Thành Nghê	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Giới thiệu tổng quan về khí hậu và bão nhiệt đới; Thống kê những kinh nghiệm dân gian trong dự báo bão đồng thời kết hợp phân tích dự báo bão qua các phần mềm chuyên dụng được áp dụng tại Việt Nam; Đánh giá nét tương đồng trong cách dự báo bão ở Việt Nam
5901	Đại học	Thực trạng và giải pháp của việc vận dụng phương pháp làm việc nhóm trong dạy học ngành Sư phạm Địa lý ở Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Tố Ngân	Trịnh, Chí Thâm	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng quan về phương pháp dạy học theo nhóm và thực tiễn ngành sư phạm Địa lý ĐHCT; Khảo sát tình hình áp dụng dạy học theo nhóm của cán bộ và sinh viên ngành SP Địa lý; Phân tích kết quả và đề xuất giải pháp
5902	Đại học	Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng học tập chuyển đổi tại huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ	Trần, Thị Mỹ Linh	Lê, Văn Hiệu	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu và tổng hợp lý thuyết về T – learning và mô hình DLCĐ; Khảo sát thực trạng phát triển DLCĐ huyện Phong Điền và tác động của mô hình đến sinh kế của người dân nơi đây; Đánh giá hiệu quả và tìm hiểu những khó khăn còn tồn tại trong quá trình học tập chuyển đổi tại vùng nghiên cứu; Đưa ra những đề xuất, biện pháp nhằm PTBV mô hình DLCĐ tại huyện Phong Điền nói riêng và những vùng nông thôn khác nói chung.

5903	Đại học	Tiềm năng, hiện trạng và giải pháp phát triển rừng ngập mặn ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long	Bùi, Thị Thu Quỳnh	Phan, Hoàng Linh	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Làm rõ tiềm năng phát triển rừng ngập mặn ĐBSCL; Phân tích hiện trạng rừng ngập mặn ở ĐBSCL, nhất là sự biến động về diện tích, đồng thời làm rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến động rừng ngập mặn ở ĐBSCL; Đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ và phát triển bền vững rừng ngập mặn ở ĐBSCL
5904	Đại học	Dạy học theo chủ đề trong chương trình địa lý lớp 10 ở trường THPT thực Hành Sư Phạm	Cao, Cẩm My	Hồ, Thị Thu Hồ	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng quan về dạy học theo chủ đề; Xây dựng những chủ đề trong chương trình Địa lí lớp 10 có thể vận dụng; Tổ chức dạy học thực nghiệm tại trường THPT Thực hành Sư Phạm - ĐHCT và phân tích đánh giá kết quả; đúc kết những bài học kinh nghiệm.
5905	Đại học	Hiện trạng và định hướng sử dụng tài nguyên đất huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước.	Lưu, Thị Hoàng Yến	Huỳnh, Hoàng Khả	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Phân tích hiện trạng sử dụng tài nguyên đất tại huyện Đồng Phú – tỉnh Bình Phước; Đề ra định hướng và giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này hướng tới phát triển bền vững
5906	Đại học	Áp dụng phương pháp Dạy học dự án trong giảng dạy chương trình Địa lí lớp 10 ở trường THPT Giai Xuân, huyện Phong Điền, Tp. Cần Thơ	Phan, Thị Cẩm Lài	Lê, Văn Nhung	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng quan về dạy học dự án; Phân tích những nội dung trong chương trình Địa lí lớp 10 có thể vận dụng dạy học dự án; Tổ chức dạy học thực nghiệm tại trường THPT Giai Xuân huyện Phong Điền và phân tích đánh giá kết quả; đúc kết những bài học kinh nghiệm.
5907	Đại học	Thực trạng xâm nhập mặn và giải pháp hạn chế ảnh hưởng xâm nhập mặn đến môi trường tự nhiên và sản xuất nông nghiệp huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Huỳnh Hoa	Phan, Hoàng Linh	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng quan về vấn đề xâm nhập mặn; Tập trung phân tích nguyên nhân và hệ quả của của xâm nhập mặn đến huyện Kế Sách; Đề xuất giải pháp đề ứng phó với tình hình xâm nhập mặn ở huyện Kế Sách
5908	Đại học	Thực trạng và giải pháp vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm ở huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Trương, Thị Biên	Trịnh, Chí Thâm	2018	Luận văn trình bày khái quát về cơ sở lý luận thất nghiệp và thiếu việc làm. Thông qua số liệu thứ cấp và sơ cấp, tiến hành phân tích hiện trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở huyện Trần Văn Thời – Cà Mau. Đề xuất một số giải pháp giải quyết vấn đề thất nghiệp và thiếu việc làm
5909	Đại học	Tổ chức dạy học trải nghiệm tại cộng đồng qua môn địa lý lớp 10 THPT Cái Lắc	Dương, Thị Chúc Huyền	Hồ, Thị Thu Hồ	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu tổng quan về học tập trải nghiệm; Phân tích những nội dung có thể vận dụng học tập trải nghiệm trong chương trình Địa lí lớp 10; Tổ chức dạy học thực nghiệm tại trường THPT Cái Lắc và phân tích đánh giá kết quả; đúc kết những bài học kinh nghiệm.
5910	Đại học	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Trình bày cơ sở lý thuyết về DLST; Phân tích các nguồn lực tác động phát triển DLST tại Đồng Tháp; Đánh giá hiện trạng phát triển thông qua dữ liệu thứ cấp và sơ cấp và đề xuất một số giải pháp phát triển.	Lý, Thị Mộng Lài	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để phát triển bền vững mô hình tôm – lúa; Phân tích tình hình sản xuất và phát triển bền vững mô hình tôm - lúa ở huyện Mỹ Xuyên – Sóc Trăng; Đề xuất biện pháp phát triển bền vững mô hình tôm - lúa ở huyện để giúp người dân khắc phục khó khăn và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

5911	Đại học	Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái ở Đồng Tháp	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Trịnh, Chí Thâm	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Trình bày cơ sở lý thuyết về DLST; Phân tích các nguồn lực tác động phát triển DLST tại Đồng Tháp; Đánh giá hiện trạng phát triển thông qua dữ liệu thứ cấp và sơ cấp và đề xuất một số giải pháp phát triển.
5912	Đại học	Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Scratch vào dạy học địa lý 11 THPT	Nguyễn, Hoàng Lâm	Hồ, Thị Thu Hồ	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Giới thiệu tổng quan về lập trình Scratch; Đề xuất những nội dung trong chương trình Địa lý 11 THPT có thể vận dụng lập trình Scratch; Tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả
5913	Đại học	Nghiên cứu tác động biến đổi khí hậu đối với phát triển nông nghiệp huyện Long Hồ - tỉnh Vĩnh Long	Trần, Phạm Diễm Hương	Huỳnh, Hoang Khả	2019	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với phát triển nông nghiệp huyện Long Hồ □ tỉnh Vĩnh Long. Đề ra những biện pháp nhằm phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.
5914	Đại học	Tìm hiểu tình hình sử dụng đất mặn của người dân trên địa bàn huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Tô, Minh Sang	Trịnh, Chí Thâm	2019	Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng sử dụng đất mặn trên địa bàn huyện U Minh, tỉnh Cà Mau - Tìm hiểu chung về đất mặn ở huyện U Minh - Tìm hiểu thực trạng khai thác đất mặn của người dân trên một số địa bàn thuộc huyện U Minh, tỉnh Cà Mau - Đề ra phương hướng khai thác và sử dụng đất mặn một cách tốt hơn
5915	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hậu Giang	Hà, Thị Hồng Nhung	Lê, Văn Nhung	2019	Tìm hiểu thực trạng về đào tạo nghề cho lao động nông thôn để có những đề xuất phù hợp giúp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hậu Giang - Tìm hiểu về thực trạng đào tạo nghề của lao động nông thôn tỉnh Hậu Giang - Đánh giá tiềm lực của tỉnh Hậu Giang - Đề xuất giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hậu Giang
5916	Đại học	Đề tài tập trung vào một số nội dung sau - Nguyên nhân hình thành cũng như sự tác động của BĐKH đến tài nguyên đất - Tác động của BĐKH đến Việt Nam và ĐBSCL - Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến tài nguyên đất. - Tác động của BĐKH đến tài nguyên đất là sự suy giảm chất lượng tài nguyên đất, năng suất và diện tích từng loại đất.	Trần, Linh Đa	Phan, Hoàng Linh	2019	Nghiên cứu tập trung vào các nội dung sau - Phân tích được những đặc điểm nổi bật của các loại tài nguyên thiên nhiên chính của tỉnh Cà Mau. - Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh. - Đề ra một số các giải pháp nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hơn các loại tài nguyên thiên nhiên tỉnh Cà Mau.
5917	Đại học	Lũ lụt và ảnh hưởng của lũ lụt đến tự nhiên và kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Long	Huỳnh, Tuấn Kiệt	Lê, Thành Nghê	2019	Nghiên cứu tập trung vào một số nội dung sau - Làm rõ các khái niệm về lũ và tìm hiểu ảnh hưởng của lũ đối với tự nhiên và kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long - Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long - Tìm hiểu về đặc điểm và diễn biến lũ tại Vĩnh Long

5918	Đại học	Tiềm năng, hiện trạng và giải pháp khai thác hiệu quả tài nguyên đất thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Phước An	Phan, Hoàng Linh	2019	Qua nghiên cứu nhằm tìm hiểu tiềm năng và hiện trạng sử dụng đất thành phố Cần Thơ. Qua đó, phân tích tiềm năng và hiện trạng sử dụng đất để đề xuất một số giải pháp khai thác hiệu quả tài nguyên đất - Làm rõ đặc điểm tài nguyên đất, hiện trạng sử dụng, những thuận lợi và bất lợi của từng loại đất trong quá trình khai thác sử dụng chúng để sản xuất ở thành phố Cần Thơ - Đưa ra những đánh giá chung và đề xuất các hướng sử dụng hợp lí cho từng loại đất ở thành phố Cần Thơ.
5919	Đại học	Đài Loan – đất nước công nghiệp mới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Phạm, Trọng Phú	Ngô, Ngọc Trân	2019	- Nghiên cứu và tìm hiểu về khái niệm, sự phân bố NICs cũng như các tiêu chí để một quốc gia được xếp vào NICs. Ngoài ra tác giả còn nghiên cứu thêm về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp của một đất nước để từ đó làm tiền đề cho việc nghiên cứu về đất nước Đài Loan cũng như là quá trình 3CNH, HĐH và những nguyên nhân giúp cho Đài Loan trở thành đất nước công nghiệp mới - Nghiên cứu một số mặt khái quát về đất nước Đài Loan như: lịch sử hình thành, nguồn gốc tên gọi, quốc kì, hành chính, điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - Xã hội. Ngoài ra để người đọc có cái nhìn tổng quan hơn về tình hình kinh tế của Đài Loan - Từ việc nghiên cứu quá trình CNH, HĐH và những nguyên nhân giúp cho Đài Loan trở thành nước công nghiệp mới với việc so sánh những nét tương đồng và khác biệt của Đài Loan với Việt Nam
5920	Đại học	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất tỉnh Bến Tre và giải pháp thích ứng	Phạm, Văn Danh	Huỳnh, Hoang Khả	2019	Đề tài tập trung vào một số nội dung sau - Nguyên nhân hình thành cũng như sự tác động của BĐKH đến tài nguyên đất - Tác động của BĐKH đến Việt Nam và ĐBSCL - Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến tài nguyên đất. - Tác động của BĐKH đến tài nguyên đất là sự suy giảm chất lượng tài nguyên đất, năng suất và diện tích từng loại đất.
5921	Đại học	Thực trạng và giải pháp của việc vận dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học ngành Sư phạm Địa lí ở Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Ngọc Tuyết	Trịnh, Chí Thâm	2019	Nội dung nghiên cứu hướng đến việc sử dụng hiệu quả phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học cho SV Sư phạm Địa lí - Khái quát về cơ sở lý luận của phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề - Đánh giá thực trạng vận dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học cho SV Sư phạm Địa lí Trường Đại học Cần Thơ - Định hướng và đề xuất giải pháp để vận dụng hiệu quả phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học cho SV Sư phạm Địa lí.
5922	Đại học	Đánh giá tiềm năng và định hướng phát triển du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ	Trương, Thị Thanh Trúc	Huỳnh, Hoang Khả	2019	Phân tích tiềm năng phát triển du lịch MICE để thấy rõ được thuận lợi và chỉ ra được những khó khăn, thách thức trong sự phát triển loại hình du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ để xây dựng cơ sở lý thuyết đưa ra những phương hướng, giải pháp góp phần phát triển du lịch MICE một cách hiệu quả và bền vững.
5923	Đại học	Tác động của xâm nhập mặn đến sản xuất và đời sống ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Quỳnh Nhi	Hồ, Thị Thu Hồ	2019	Đề tài Nghiên cứu về ảnh hưởng của xâm nhập mặn (XNM) ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre □Tìm hiểu thực trạng và nguyên nhân dẫn đến XNM ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre □Nghiên cứu ảnh hưởng của XNM đến sản xuất và đời sống ở huyện □Đề xuất một số giải pháp để khắc phục và ứng phó với XNM.

5924	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 10 Trường THPT Nguyễn Minh Quang	Tô, Thị Lành	Hồ, Thị Thu Hồ	2019	Đề tài này giúp HS phát triển năng lực và phẩm chất qua HĐTN theo định hướng HĐTN của Bộ GD&ĐT trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 12/2018 - Phát triển những năng lực chung và năng lực chuyên biệt cho HS thông qua HĐTN tại địa phương - Hình thành và phát triển phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm cho HS.
5925	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển hệ thống giao thông nông thôn ở địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Trần, Thị Bảo Xuyên	Lê, Văn Hiệu	2019	Đánh giá được thực trạng mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Đông Hải – tỉnh Bạc Liêu và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và phát triển - Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng mạng lưới GTNT ở địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu - Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hệ thống giao thông ở địa bàn huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.
5926	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học địa lí lớp 10 THPT – phần Địa lí dịch vụ	Trần, Thị Hữu Lý	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2019	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong phần Địa lí Dịch vụ lớp 10 nhằm góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy và học theo hướng phát triển năng lực của HS tại các trường THPT - Bổ sung CSLL và CSTT tổ chức những hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Địa lí lớp 10 - Đưa ra những yêu cầu thiết kế và tổ chức những hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lí lớp 10 – phần Địa lí Dịch vụ - Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong chương IX – Phần Địa lí Dịch vụ - Thực nghiệm sư phạm tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong chương IX - phần Địa lí Dịch vụ - Đánh giá hiệu quả và những khó khăn còn tồn tại trong quá trình tổ chức thực nghiệm các hoạt động trải nghiệm trong phần Địa lí Dịch vụ lớp 10 tại nơi trường nghiên cứu thực nghiệm - Đưa ra những đề xuất và biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của GV và HS theo định hướng phát triển năng lực.
5927	Đại học	Hoạt động gió mùa ở Việt Nam và ảnh hưởng gió mùa đến sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Trịnh, Hồng Cẩm	Châu, Hoàng Trung	2019	Nghiên cứu này tìm nhằm tìm hiểu rõ về gió mùa, gió mùa ở Việt Nam và gió mùa ở Đồng bằng sông Cửu Long, nông nghiệp, nông nghiệp ở Việt Nam và của Đồng bằng sông Cửu Long - Tìm hiểu hoạt động gió mùa ở Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long - Gió mùa đã mang những thuận lợi và khó khăn nào trong quá trình sản xuất nông nghiệp, cần tận dụng thuận lợi để phát triển thành thế mạnh, tìm cách thi nghi với điều kiện khó khăn cho người nông dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.
5928	Đại học	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Cẩm Tú	Lê, Văn Nhung	2019	Nghiên cứu sự phát triển của nông nghiệp công nghệ ở thành phố Cần Thơ tập trung vào các nội dung sau - Nghiên cứu này đánh giá được tiềm năng, hiện trạng áp dụng công nghệ cao trong hoạt động nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ; - Tìm ra những yếu tố tác động đến sự phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Cần Thơ; - Đề xuất những giải pháp để thành phố Cần Thơ phát triển nông nghiệp công nghệ cao hiệu quả hơn.
5929	Đại học	Tổ chức trải nghiệm qua phương pháp trò chơi cho HS trong quá trình dạy học Địa lí lớp 11 THPT	Nguyễn, Thanh Toàn	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2019	Tổ chức trò chơi để tăng cường sự trải nghiệm của người học và tạo sự thoải mái trong học tập - Về kiến thức: Xây dựng kiến thức cho học sinh ngay trong quá trình chơi - Về kĩ năng: hình thành các kĩ năng như hợp tác, tư duy... - Về thái độ: hình thành thái độ say mê học tập, tôn trọng trò chơi, bạn chơi và tôn trọng sự công bằng trong mỗi trò chơi.

5930	Đại học	Sự kiện Brexit và những tác động của Brexit đến nền kinh tế Liên minh châu Âu (EU)	Trần, Thị Diễm	Hồ, Thị Thu Hồ	2019	Đề tài này nhằm nghiên cứu tác động của sự kiện Brexit đến nền kinh tế EU trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ - Nghiên cứu sự kiện Brexit: diễn biến, nguyên nhân - Nghiên cứu những tác động từ sự kiện Brexit đến kinh tế của EU - Nhận định về tình hình tương lai về sự kiện này đối với kinh tế của EU.
5931	Đại học	Đánh giá sự thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Địa lí Đại học Cần Thơ qua hoạt động Thực tập sư phạm	Đoàn, Hữu Vinh	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2019	Đánh giá khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành sư phạm Địa lí năm cuối thông qua hoạt động thực tập sư phạm từ đó đề ra các biện pháp phát triển khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Địa lí trong hoạt động thực tập sư phạm - Bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về sự cần thiết chuẩn bị năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Địa lí trong thực tập sư phạm - Xác định các yếu tố mà sinh viên sư phạm Địa lí cần chuẩn bị để thích ứng nghề nghiệp trong giai đoạn thực tập sư phạm - Đánh giá thực trạng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Địa lí trong quá trình thực tập sư phạm với các yếu tố đã xác định - Đề xuất các biện pháp để giúp sinh viên sư phạm Địa lí thích ứng nghề nghiệp trong quá trình thực tập sư phạm và chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai.
5932	Đại học	Thực trạng và biện pháp phát triển cây mía trên đất phèn ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Bá Thủ	Trịnh, Chí Thâm	2019	Thông qua việc nghiên cứu đề tài này người thực hiện sẽ hiểu rõ hơn về thực trạng sản xuất cây mía nguyên liệu của huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp để phát triển ngành trồng mía nguyên liệu ở huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang - Đánh giá được tiềm năng phát triển ngành trồng mía trên đất phèn ở huyện Phụng Hiệp - Đánh giá được thực trạng và phát triển ngành trồng mía tại huyện Phụng Hiệp - Xác định được những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến việc phát triển cây mía ở huyện Phụng Hiệp - Đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển ngành trồng mía của huyện Phụng Hiệp trong những năm tiếp theo.
5933	Đại học	Tổ chức hoạt động tình nguyện trải nghiệm cho học sinh lớp 11 Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Võ, Thị Hồng Trinh	Hồ, Thị Thu Hồ	2019	Thực hiện đề tài này nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh (HS) qua hoạt động trải nghiệm (HĐTN) theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành vào tháng 12 năm 2018 - Phát triển năng lực chung và năng lực chuyên biệt cho HS như năng lực + Năng lực tự chủ và tự học + Năng lực giao tiếp hợp tác trong giao tiếp với thầy cô, làm việc nhóm và phỏng vấn người dân địa phương + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo từ đó đề xuất được các giải pháp thích ứng và bảo vệ môi trường + Năng lực khoa học khám phá được vấn đề môi trường tại thực tế địa phương + Năng lực tin học + Năng lực thẩm mỹ thiết kế các sản phẩm như video, poster, powerpoint, mô hình - Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
5934	Đại học	Thực trạng và giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động tại thành phố Cần Thơ theo hướng công nghiệp hóa	Nguyễn, Thị Thúy Ái	Lê, Văn Nhung	2019	Tìm hiểu thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động tại thành phố Cần Thơ - Tìm hiểu thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động tại thành phố Cần Thơ - Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động tại thành phố Cần Thơ theo hướng công nghiệp hóa - Đề xuất giải pháp nâng cao chuyển dịch cơ cấu lao động tại thành phố Cần Thơ theo hướng công nghiệp hóa.

5935	Đại học	Đánh giá thích nghi sinh thái tài nguyên đất phục vụ phát triển cây cao sản tỉnh Vĩnh Long.	Mai, Quốc Cường	Phan, Hoàng Linh	2019	Đề tài tập trung vào một số nội dung sau Phân tích đặc điểm tài nguyên đất, thực trạng sử dụng đất, Đánh giá khả năng TN sinh thái của các loại cây cao sản trên từng loại đất của tin Đưa ra những định hướng không gian phát triển cho một số loại cây cao sản tiêu biểu của tỉnh Vĩnh Long.
5936	Đại học	Tiềm năng, hiện trạng và giải pháp phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	Trần, Hoàng Khiêm	Lê, Thành Nghê	2019	Luận văn tập trung vào một số nội dung sau - Nghiên cứu về rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau - Đánh giá tiềm năng và hiện trạng rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau. - Đề xuất một số các giải pháp phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà au.
5937	Đại học	Thực trạng và giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh theo hướng phát triển bền vững	Nguyễn, Thị Kim Huỳnh	Lê, Văn Hiệu	2019	Đề tài tập trung nghiên cứu một số nội dung sau - Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của huyện Càng Long - Đánh giá được thực trạng và hiệu quả của việc chuyển đổi cây trồng trong những năm thực hiện chuyển đổi của huyện Càng Long - Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị để thực hiện công tác chuyển đổi cây trồng trong thời gian tới, nhằm phát triển kinh tế ổn định, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường hướng tới việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phát triển bền vững trong tương lai.
5938	Đại học	Thực trạng và giải pháp khai thác các di tích lịch sử - văn hóa trong du lịch ở tỉnh Sóc Trăng	Hồ, Thị Mỹ Linh	Lê, Văn Hiệu	2019	Nghiên cứu thực trạng khai thác các di tích lịch sử - văn hóa trong du lịch ở tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề giải pháp thiết thực góp phần phát triển loại hình du lịch này cụ thể - Phân tích tiềm năng, nguồn tài nguyên vốn có và tình hình phát triển du lịch của các điểm di tích LSVH ở địa bàn tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua - Đánh giá thực trạng khai thác, bảo tồn và phát huy các tiềm năng di tích LSVH ở địa bàn tỉnh Sóc Trăng hiện nay - Đề xuất một số giải pháp khai thác di tích LSVH trong phát triển du lịch ở địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
5939	Đại học	Nghiên cứu tác động của lũ đối với kinh tế - xã hội huyện An Phú, tỉnh An Giang	Nguyễn, Văn Ngoán	Ngô, Ngọc Trân	2019	- Đầu tiên tác giả tìm hiểu được các điều kiện để hình thành lũ ở huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đó là các điều kiện như sau: Vị trí địa lý, địa hình, mưa , sự điều tiết của Biển Hồ, các đập thủy điện ở thượng nguồn , thủy triề - Thứ hai, tác giả tìm hiểu về tình hình lũ ở huyện An Phú thông qua các số liệu mực nước lũ hằng năm thu thập được từ phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện An Phú, tỉnh An Giang - Thứ ba, tác giả đã tìm hiểu về các tác động của lũ đối với kinh tế xã hội ở An Phú. Bao gồm tác động tích cực, tiêu cực về kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) và xã hội đối với người dân An Phú. - Cuối cùng tác giả dựa trên một số cơ sở để đưa ra định hướng, giải pháp thích nghi hơn với lũ ở huyện An Phú, tỉnh An Giang
5940	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực cho chương trình Địa lí lớp 10. Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Cần Thơ	Phan, Yến Nhi	Trịnh, Chí Thâm	2019	Thiết kế các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực cho chương trình Địa lí lớp 10, góp phần phát triển được năng lực cho người học - Thiết kế một số hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực - Vận dụng nội dung được thiết kế vào dạy học một số bài cụ thể trong chương trình Địa lí lớp 10 - Đánh giá hiệu quả của các hoạt động được thiết kế và đề xuất giải pháp để thiết kế các hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực HS tốt hơn.

5941	Đại học	Đánh giá tác động của phát triển công nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Thạch, Thị Minh Phương	Lê, Văn Nhung	2019	Đánh giá tác động của phát triển công nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ - Phân tích thực trạng phát triển công nghiệp chung - Đánh giá tác động của phát triển công nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ - Đề xuất một số giải pháp góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số ở thành phố Cần Thơ.
5942	Đại học	Tiềm năng, hiện trạng và giải pháp phát triển loại hình du lịch tôn giáo tỉnh Bạc Liêu.	Nguyễn, Thị Ngọc Truyền	Phan, Hoàng Linh	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá rõ tiềm năng, thực trạng từ đó đề xuất các giải pháp góp phần quản lí và khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa tôn giáo, phục vụ phát triển du lịch tôn giáo nói riêng, du lịch văn hóa nói chung phù hợp với các định hướng và chiến lược phát triển của tỉnh Bạc Liêu.
5943	Đại học	Dấu ấn văn hóa Ấn Độ trong văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Cẩm Tú	Hồ, Thị Thu Hồ	2019	Đề tài tập trung làm rõ nét văn hóa Ấn Độ trong văn hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long - Tìm hiểu nét văn hóa ẩm thực của Ấn Độ có trong văn hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long - Tìm hiểu nét văn hóa tôn giáo của Ấn Độ có trong văn hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long - Tìm hiểu nét văn hóa nghệ thuật của Ấn Độ có trong văn hóa ở Đồng bằng sông Cửu Long.
5944	Đại học	Tiềm năng, hiện trạng và định hướng sử dụng tài nguyên đất trong nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Thị Tuyết Xuân	Lê, Thành Nghê	2019	Nghiên cứu tập trung vào một số nội dung sau - Làm rõ đặc điểm tài nguyên đất - Phân tích hiện trạng sử dụng - Đưa ra định hướng cũng như giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất trong phát triển nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng.
5945	Đại học	Khảo sát hàm lượng formol, hàn the, chất bảo quản trong các loại ngũ cốc ăn liền dạng sợi	Đinh, Hữu Khả Ái	Hoàng, Hải Yến	2018	Thực nghiệm đề tài, tiến hành thu thập ngẫu nhiên 50 mẫu thực phẩm gồm 5 loại: bún, hủ tiếu, bánh lọt, mì tươi, bánh phở tại 4 chợ trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Tiến hành kiểm tra định tính hàn the bằng giấy nghệ. Tiến hành đánh giá độ tin cậy của quy trình định lượng formol qua các thông số: khoảng tuyến tính, giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn định lượng (LOQ), độ chính xác. Tiến hành kiểm tra định lượng formol bằng phương pháp đo quang phổ hấp thụ phân tử UV-VIS. Kết quả thu được có 17/50 mẫu phát hiện chứa formol, tuy nhiên không thể định lượng vì hàm lượng tất cả các mẫu nhỏ hơn giá trị LOQ. Tiến hành kiểm tra định lượng natri benzoat, kali sorbat bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) đầu dò UV. Kết quả thu được có 9/50 mẫu vượt quá hàm lượng natri benzoat cho phép trong thực phẩm (chiếm 18% tổng số). Đối với định lượng kali sorbat hầu như không phát hiện hàm lượng chất này có trong thực phẩm.

5946	Đại học	Tổng hợp vật liệu ZIF mới có độ xốp cao dựa trên hỗn hợp ba linker và muối kẽm nitrat	Nguyễn, Ngọc Khánh Anh	Nguyễn, Thị Tuyết Nhung	2018	Vật liệu khung cơ kim cấu trúc zeolite-HL3 (ZIF-HL3) được tạo thành từ phản ứng nhiệt dung môi của kẽm nitrate với hỗn hợp ba linker 2-methylimidazole, imidazole, và benzimidazole, trong dung môi N,N-dimethylformamide. Vật liệu tạo thành được phân tích cấu trúc bằng phương pháp nhiễu xạ tia X (XRD) cho thấy ZIF-HL3 có độ kết tinh cao và có thông số mạng của ô đơn vị cơ sở $a = b = c = 45,725 \text{ \AA}$ và $V_0 = 94025,7 \text{ \AA}^3$. Kết quả phân tích nhiệt trọng lượng (Thermal Gravimetric Analysis - TGA) cho thấy vật liệu có độ bền nhiệt cao khoảng 450°C . Ngoài ra, vật liệu ZIF-HL3 có diện tích bề mặt lớn khoảng $1751 \text{ m}^2 \text{ g}^{-1}$, được tính toán theo mô hình Brunauer-Emmett-Teller (BET) dựa trên đường hấp phụ đẳng nhiệt N_2 ở 77 K , được xếp vào loại vật liệu có độ xốp cao.
5947	Đại học	Cô lập một hợp chất từ methanol của cây Hồng ri (Cleome spinosa), Họ màn màn (Capparaceae)	Lê, Hồng Cẩm	Nguyễn, Phúc Đảm	2018	Từ bột cây hồng ri phần trên mặt đất và bột rễ Hồng ri tiến hành điều chế 5 loại cao chiết có độ phân cực tăng dần thu được 5 loại cao tương ứng của mỗi loại: cao n-hexane, cao chloroform, cao ethyl acetate, cao methanol và cao methanol-nước. Bằng phương pháp sắc ký cột nhiều lần trên cao ethyl acetate và cao methanol phần trên mặt đất cây Hồng ri đã cô lập được 2 hợp chất sạch: 5-hydroxymethylfurfural, 1-O- α -D-glucopyranosyl-3,4-dihydroxy-2-(2'-hydroxyoctadecanoylamino)-12E-icosene. Cấu trúc các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$, DEPT, HSQC, HMBC, MS và so sánh với tài liệu tham khảo.
5948	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học phân đoạn ít phân cực của cao ethyl acetate cây mơ lông (Paederia lanuginosa Wall) ở Thành phố Cần Thơ	Võ, Thành Chung	Ngô, Quốc Luân	2018	Đề tài đã tiến hành khảo sát định tính sơ bộ thành phần hóa học trong cây mơ lông cho thấy có sự hiện diện của các hợp chất: steroid, flavonoid, alkaloid, saponin, tannin, glycoside, coumarine. Từ cao EtOAc đã cô lập, tinh chế và định danh được năm hợp chất là kaempferol, 1-ethyl-O- β -D-glucopyranoside, quercetin, kaempferol-7-O- α -L-rhamnopyranoside và 6-hydroxygeniposide. Trong đó, 1-ethyl-O- β -D-glucopyranoside, kaempferol-7-O- α -L-rhamnopyranoside và 6-hydroxygeniposide lần đầu tiên được phân lập từ cây mơ lông. Cấu trúc các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm $^1\text{H-NMR}$, $^{13}\text{C-NMR}$, DEPT, HSQC, HMBC, MS và so sánh với tài liệu tham khảo.
5949	Đại học	Hệ thống kiến thức và xây dựng một số dạng bài tập glucide – aminoacide – peptide – protein	Nguyễn, Quốc Huy	Thái, Thị Tuyết Nhung	2018	Đề tài “Hệ thống kiến thức và xây dựng một số dạng bài tập các hợp chất sinh hóa glucide – amino acid – peptide – protein” được thực hiện nhằm xây dựng một cơ sở lý thuyết đầy đủ về các hợp chất sinh hóa trên, đồng thời hệ thống hóa lại các kiến thức đó theo các phương pháp hệ thống hóa kiến thức như sử dụng Graph, sơ đồ tư duy, biểu bảng. Cuối cùng, xây dựng các dạng bài tập giúp củng cố kiến thức và rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề tài chủ yếu xoay sâu vào lĩnh vực sinh hóa tĩnh, mà chi tiết đó là các hợp chất glucide – amino acid – peptide – protein.

5950	Đại học	Thiết kế bài tập hóa học theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh lớp 10, Chương oxi – lưu huỳnh, ban Cơ bản	Lê, Thị Khánh Linh	Bùi, Phương Thanh Huân	2018	Đề tài nghiên cứu việc hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hoá học cho HS lớp 10 thông qua hệ thống bài tập hoá học được thiết kế, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học hoá học ở trường trung học phổ thông. Quá trình thực nghiệm sư phạm tại trường THPT Bình Thủy - thành phố Cần Thơ, bước đầu cho thấy việc thiết kế bài tập theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hoá học cho HS là cần thiết và phù hợp với thực tiễn của việc dạy và học hiện nay.
5951	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học phân đoạn phân cực của cao ethyl acetate cây mơ lông (<i>Paederia lanuginosa</i> Wall) ở Thành phố Cần Thơ	Hồ, Thị Thúy Như	Ngô, Quốc Luân	2018	Đề tài đã tiến hành khảo sát định tính sơ bộ thành phần hóa học trong cây mơ lông cho thấy có sự hiện diện của các hợp chất: steroid, flavonoid, alkaloid, saponin, tannin, glycoside, coumarine. Từ cao EtOAc đã cô lập, tinh chế và định danh được năm hợp chất là kaempferol, 1ethyl-O-β-D-glucopyranoside, quercetin, kaempferol-7-O-α-L-rhamnopyranoside và 6hydroxygeniposide. Trong đó, 1-ethyl-O-β-D-glucopyranoside, kaempferol-7-O-α-L-rhamnopyranoside và 6-hydroxygeniposide lần đầu tiên được phân lập từ cây mơ lông. Cấu trúc các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm ¹ HNMR, ¹³ C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC, MS và so sánh với tài liệu tham khảo.
5952	Đại học	Thiết kế giáo án và các bài thí nghiệm hóa học gắn với thực tiễn	Võ, Hoàng Huynh	Nguyễn, Thị Tuyết Nhung	2018	Đề tài “Thiết kế giáo án và các bài thí nghiệm hóa học gắn với thực tiễn” nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học hóa học cho giáo viên và học sinh ở các cấp học trong nhà trường phổ thông. Đề tài tiến hành nghiên cứu thiết kế 5 giáo án thí nghiệm hóa học thuộc khối kiến thức THPT, gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực thực hành cho HS – một năng lực riêng biệt của Hóa học.
5953	Đại học	Thiết kế bài tập hóa học theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh lớp 11, Chương hidroacbon, ban Cơ bản	Phạm, Thị Trúc Mai	Bùi, Phương Thanh Huân	2018	Đề tài tiến hành nghiên cứu thiết kế bài tập hóa học phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học chương hidroacbon cho học sinh lớp 11, tuyển chọn và thiết kế được 167 bài tập hóa học, trong đó tuyển chọn 60 bài tập hóa học và thiết kế 107 bài tập hóa học. Thông qua bài tập hóa học, có thể đánh giá thực trạng sử dụng ngôn ngữ hóa học của học sinh lớp 11, góp phần phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh.
5954	Đại học	Khảo sát thành phần hóa học phân đoạn phân cực trung bình của cao ethyl acetate cây mơ lông (<i>Paederia lanuginosa</i> Wall) ở Thành phố Cần Thơ	Phan, Như Thảo	Ngô, Quốc Luân	2018	Đề tài đã tiến hành khảo sát định tính sơ bộ thành phần hóa học trong cây mơ lông cho thấy có sự hiện diện của các hợp chất: steroid, flavonoid, alkaloid, saponin, tannin, glycoside, coumarine. Từ cao EtOAc đã cô lập, tinh chế và định danh được năm hợp chất là kaempferol, 1ethyl-O-β-D-glucopyranoside, quercetin, kaempferol-7-O-α-L-rhamnopyranoside và 6hydroxygeniposide. Trong đó, 1-ethyl-O-β-D-glucopyranoside, kaempferol-7-O-α-L-rhamnopyranoside và 6-hydroxygeniposide lần đầu tiên được phân lập từ cây mơ lông. Cấu trúc các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm ¹ HNMR, ¹³ C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC, MS và so sánh với tài liệu tham khảo.

5955	Đại học	Đánh Giá Phương Pháp Phân Tích Photpho Trong Nước Thải Thủy Sản Bằng Phổ Hấp Thu Phân Tử UV-Vis Và Phổ Phát Xạ Cao Tần Cảm Ứng ICP-OES	Ngô, Khương Duy	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	Đề tài “Đánh giá phương pháp phân tích photpho trong nước thải thủy sản bằng phổ hấp thu phân tử UV-Vis và phổ phát xạ cao tần cảm ứng ICP-OES” đã tối ưu hóa kiện phù hợp cho phân tích photpho trên hai thiết bị phổ phát xạ cao tần (ICP-OES) và hấp thu phân tử (UV-Vis) theo các tiêu chí về độ tuyến tính (với $0,99 < R_2 < 1$), độ ổn định thiết bị, độ lặp lại, hiệu suất thu hồi (98,6%), giới hạn phát hiện (LOD = 0,086), giới hạn định lượng (LOQ = 0,107). Các tiêu chí phù hợp với qui định về phân tích photpho của AOAC. Phương pháp được áp dụng phân tích 11 mẫu nước thải thủy sản ở ba địa điểm khác nhau (Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Khu công nghiệp Trà Nóc 2 và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ) khi đối chiếu với QCVN 11-MT:2015/BTNMT cho kết quả 7 mẫu nước thải thủy sản có hàm lượng photpho vượt giới hạn cho phép có nồng độ từ 12,23-29,17 mg/L, 4 mẫu không bị nhiễm photpho (< 10 ppm).
5956	Đại học	Đánh giá hàm lượng dinh dưỡng đa lượng và chất bảo quản trong cháo dinh dưỡng dành cho trẻ em trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Trần, Thị Thu Hồng	Hoàng, Hải Yến	2018	Thực nghiệm đề tài, tiến hành thu thập và phân tích 20 mẫu cháo dinh dưỡng dành cho trẻ em (của 11 cơ sở bán cháo dinh dưỡng) trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Các thành phần dinh dưỡng đa lượng trong cháo được phân tích gồm cacbohydrat, chất béo và protein; các chất bảo quản khảo sát là natri benzoat và kali sorbat. Những quy trình phân tích sử dụng trong đề tài đều là các quy trình tiêu chuẩn và được thẩm định với độ tin cậy cao. Các phương pháp phân tích hàm lượng dinh dưỡng của cháo sử dụng trong đề tài gồm: phương pháp Bertrand, phương pháp Adam – Rose – Gottlieb, phương pháp chưng cất đạm Kjeldahl. Riêng đối với phương pháp phân tích natri benzoat và kali sorbat chúng tôi đã tham khảo quy trình phân tích hai chất này theo phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao, đầu dò UV trên nền mẫu rau quả. Do có sự khác biệt giữa nền mẫu của quy trình tham khảo so với nền mẫu thực tế nên chúng tôi phải khảo sát, điều chỉnh lại quy trình xử lý mẫu cho phù hợp. Chúng tôi đã thẩm định phương pháp phân tích định lượng natri benzoat và kali sorbat để đảm bảo độ tin cậy cho phương pháp phân tích này. Kết quả khảo sát cho thấy 100% mẫu cháo đạt yêu cầu về tỉ lệ năng lượng cacbohydrat, không có mẫu cháo nào đạt yêu cầu về tỉ lệ năng lượng chất béo và 35% mẫu cháo đạt yêu cầu về tỉ lệ năng lượng protein. Không phát hiện natri benzoat và kali sorbat trong tất cả các mẫu cháo khảo sát.
5957	Đại học	Cô lập một hợp chất trong cao chloroform của quả cây Bần chua (Sonneratia caseolaris (L.) Engl.), Họ bần lã (Lythraceae)	Nguyễn, Thị Thùy Linh	Nguyễn, Phúc Đám	2018	Cô lập được 3 hợp chất có danh pháp daucosterol; 1-O- -Dglucopyranosyl-(2S,3R,4E,8E)-2-(2 R-2 -hydroxyhexa-decanoylamino) 4,8octadecadien-1,3-diol; 1-O- -D-glucopyranosyl-(2S,3S,4R,8Z/8E)-2- R-2 hydroxytetracosanoylamino)-8-octadecene-1,3,4-triol từ bột quả bần chua ở 4 loại cao có độ phân cực tăng dần n-hexane, cao chloroform, cao ethyl acetate và cao methanol. Hợp chất cô lập được phân tích định danh bằng các phương pháp ¹ H-NMR, ¹³ C- NMR, DEPT, HSQC, MS và đối chiếu so sánh.

5958	Đại học	Xây dựng thí nghiệm và giáo án trung học phổ thông theo hướng đổi mới giáo dục	Trần, Lưu Tiến Đạt	Nguyễn, Thị Tuyết Nhung	2018	Đề tài bước đầu tiên hành xây dựng những thí nghiệm để đáp ứng được xu thế và nhu cầu đề ra và sau đó thiết kế thành những giáo án. Trong những thí nghiệm có các tiêu chí sau: Tính mới: Các thí nghiệm hoàn toàn mới, không có trong chương trình phổ thông. Đặc biệt các thí nghiệm này có mối liên hệ với thực tế và bám sát với kiến thức cơ bản trong chương trình hoá học. Tính khả thi: Các thí nghiệm được tiến hành với dụng cụ, hóa chất dễ tìm kiếm, thiết bị đơn giản, thiết kế một số thí nghiệm có thể áp dụng vào bài giảng của GV đứng lớp hoặc một bài thí nghiệm thực hành đảm bảo 1 tiết dạy là 45 phút. Mặt khác nội dung phải phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh trung học THCS hoặc THPT. Đặc biệt hướng đến sản phẩm có thể sử dụng được cho các trường ở vùng sâu, vùng xa điều kiện còn hạn chế bằng cách quay lại các video clip thí nghiệm. Các video clip thể hiện đầy đủ nội dung thí nghiệm.
5959	Đại học	Cô lập một hợp chất từ ethyl acetate của dây vác Dây vác (<i>Cayratia trifolia</i> L.), họ nho (Vitaceae)	Nguyễn, Huỳnh Phúc Lộc	Thái x, Thái Thị Tuyết Nhung	2018	Dây Vác thu hái tại huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long được rửa sạch, sấy khô, xay thành bột. Từ 10 kg bột Dây Vác tiến hành điều chế 3 loại cao chiết có độ phân cực tăng dần thu được 3 loại cao tương ứng: cao hexane, cao ethyl acetate và cao methanol. Bằng phương pháp sắc ký cột nhiều lần trên cao ethyl acetate đã cô lập được 1 hợp chất sạch: daucosterol. Sau đó tiến hành bán tổng hợp daucosterol bằng phản ứng acetyl hóa bởi anhydric acetic với xúc tác triethylamine.
5960	Đại học	Cô lập một hợp chất từ cao ethyl acetate của cây Hồng ri (<i>Cleome spinosa</i>), Họ màn màn (Capparaceae)	Nguyễn, Thị Trà My	Nguyễn, Phúc Đám	2018	Từ bột cây hồng ri phần trên mặt đất và bột rễ Hồng ri tiến hành điều chế 5 loại cao chiết có độ phân cực tăng dần thu được 5 loại cao tương ứng của mỗi loại: cao n-hexane, cao chloroform, cao ethyl acetate, cao methanol và cao methanol-nước. Bằng phương pháp sắc ký cột nhiều lần trên cao ethyl acetate và cao methanol phần trên mặt đất cây Hồng ri đã cô lập được 2 hợp chất sạch: 5-hidroxymethylfufural, 1-O- α -D-glucopyranosyl-3,4dihydroxy-2-(2'-hydroxyoctadecanoylamino)-12E-icosene. Cấu trúc các hợp chất được xác định dựa trên các phương pháp phổ nghiệm ¹ HNMR, ¹³ C-NMR, DEPT, HSQC, HMBC, MS và so sánh với tài liệu tham khảo.
5961	Đại học	Phương pháp đồng đẳng hóa dùng giải nhanh bài tập hóa học phổ thông	Nguyễn, Thị Cẩm Quyên	Nguyễn, Mộng Hoàng	2018	Những hợp chất có thành phần phân tử hơn kém nhau một hay nhiều nhóm CH ₂ nhưng có những tính chất hóa học tương tự nhau là những dãy đồng đẳng. Dựa vào điều này, ta có thể quy đổi hỗn hợp phức tạp về các chất đơn giản hơn (thường là các chất đầu dãy kèm theo một lượng CH ₂ tương ứng). Rất nhiều chất khác nhau và cùng dãy đồng đẳng, theo lý thuyết phải tính cụ thể khối lượng từng phân tử trong hỗn hợp ban đầu và bắt đầu tính toán. Nhưng khi ta đồng đẳng hóa hỗn hợp cắt toàn bộ CH ₂ của các chất lớn thành các phân tử có trong dãy đồng đẳng có khối lượng phân tử nhỏ hơn thì chỉ còn lại 2 chất (đó là chất nhỏ và CH ₂). Và đó là lý do tôi chọn đề tài: “Phương pháp đồng đẳng hóa giúp giải nhanh bài toán Hóa học phổ thông”.

5962	Đại học	Thiết kế thí nghiệm hóa học theo chuyên đề dành cho chương trình hóa học phổ thông	Trương, Tú Trinh	Nguyễn, Thị Tuyết Nhung	2018	Đề tài bước đầu tiến hành xây dựng những thí nghiệm để đáp ứng được xu thế và nhu cầu đề ra và sau đó thiết kế thành những giáo án. Các thí nghiệm được tiến hành với dụng cụ, hóa chất thiết bị đơn giản, thiết kế một số thí nghiệm có thể áp dụng vào bài giảng của GV đứng lớp hoặc một bài thí nghiệm thực hành đảm bảo 1 tiết dạy là 45 phút. Mặt khác nội dung phải phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh trung học THCS hoặc THPT.
5963	Đại học	Hệ thống và phân loại bài tập chuyên đề cơ sở hóa học – hóa học lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Huỳnh, Thị Nhi	Phan, Thị Ngọc Mai	2019	Đề tài “Hệ thống và phân loại bài tập chuyên đề cơ sở hóa học hóa học lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông mới” chủ yếu xây dựng cơ sở lý thuyết tóm tắt và hệ thống bài tập tự luận, trắc nghiệm theo phân mức nhận thức từ thấp đến cao, từ d đến khó cho một số chuyên đề hóa học lớp 10 trong chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới. Đây đều là các chuyên đề nằm trong phần hóa học cơ sở, là phần kiến thức cơ bản và là nền tảng mà HS bắt buộc phải nắm vững khi tiếp tục nghiên cứu môn hóa học ở những năm học tiếp theo. Luận văn bao gồm các nội dung chính: cơ sở lý luận, tóm tắt lý thuyết các chuyên đề: liên kết hóa học, phản ứng hạt nhân, tốc độ phản ứng và năng lượng hoạt hóa, năng lượng hóa học, phân loại bài tập theo mức độ nhận thức: biết, hiểu, vận dụng có kèm theo đáp án và lời giải.
5964	Đại học	Thiết kế và tuyển chọn bài tập hóa học theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh lớp 11, chương dẫn xuất halogen -ancol - phenol, ban cơ bản	Phùng, Loan Thảo	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2019	Đề tài "Tuyển chọn và thiết kế bài tập hóa học theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh lớp 11, chương Dẫn xuất halogen - ancol - phenol, ban cơ bản" nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học môn hóa học ở trường Trung học phổ thông (THPT). Đề tài tiến hành tuyển chọn và nghiên cứu thiết kế BTHH phát triển NL SDNNHH của HS lớp 11, chương Dẫn xuất halogen - ancol - phenol, tuyển chọn và thiết kế được 106 BTHH, trong đó tuyển chọn 42 BTHH và thiết kế 64 BTHH. Tiến hành thực nghiệm tại trường THPT Nguyễn Việt Dũng và tiến hành trên hai lớp thuộc khối 11 (lớp 11A1 và lớp 11A9) với tổng số là 90 HS, thông qua việc kiểm tra NL SDNNHH của HS lớp 11 kết hợp với lấy ý kiến của các GV bộ môn hóa học cho thấy HS có khả năng sử dụng ngôn ngữ hóa học (NNHH) trong các trường hợp đơn giản và khá phức tạp. Bên cạnh đó, số HS có khả năng sử dụng thành thạo NNHH cũng chiếm một tỷ lệ khá cao. Thông qua BTHH, có thể đánh giá thực trạng khả năng sử dụng NNHH của học HS 11, bên cạnh đó còn góp phần phát triển NL SDNNHH cho HS.

5965	Đại học	Cô lập một vài hợp chất trong cao chloroform của quả khô qua rừng (Monordica charantina L. var. abbreviata Ser)	Nguyễn , Thị Hải Yến, Kiều Thơ Nguyễn	Nguyễn, Phúc Đảm	2019	Tên đề tài: Cô lập một vài hợp chất trong cao chloroform của quả khô qua rừng (Momordica charantia L. var. abbreviata Ser). Bột khô của quả khô qua rừng (6 kg) được điều chế thành các cao chiết có độ phân cực tăng dần bằng phương pháp ngâm ở nhiệt độ phòng lần lượt với 60 lít dung môi là nhexane, chloroform, ethyl acetate, methanol để thu được các cao chiết tương ứng: cao nhexane (cao I, 95 g), cao chloroform (cao II, 144 g), cao ethyl acetate (cao III, 87 g) và cao methanol (cao IV, 180 g). Từ cao chloroform (cao II) tiến hành tinh chế nhiều lần bằng sắc kí cột pha thường để thu được 2 hợp chất là 3β,7β,25 trihydroxycucurbitane-5,23(E)-diene-19-al và (23E)-5β,19-epoxycucurbitane-6,23-diene-3β,25-diol. Cấu trúc các hợp chất được xác định bởi phương pháp phổ ESI-MS, NMR và kết hợp so sánh với các tài liệu đã công bố trước đây
5966	Đại học	Khảo sát dư lượng carbendazim trong gạo bằng phương pháp sắc ký lỏng hai lần khối phổ lc-ms/ms)	Mai, Tấn Phát	Hoàng, Hải Yến	2019	Luận văn nghiên cứu khảo sát dư lượng carbendazim trong các mẫu gạo bằng phương pháp sắc ký lỏng hai lần khối phổ (LC-MS/MS). Kỹ thuật chiết QuEChERS được sử dụng để chiết và làm sạch carbendazim trong gạo. Pha động sắc ký gồm methanol-nước (95/5-v/v) theo chế độ gradient, tốc độ dòng 0,3 mL/phút và tổng thời gian chạy là 6 phút. Giới hạn phát hiện của phương pháp là 10 µg Kg-1, giới hạn định lượng là 30 µg Kg-1. Hiệu suất thu hồi trong khoảng từ 92,0% đến 99,9%. Kết quả khảo sát 30 mẫu gạo được thu mua từ 4 chợ ở quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ cho thấy đã phát hiện 7 mẫu có dư lượng carbendazim, nhưng đều nằm trong mức cho phép theo quy định của Bộ Y tế.
5967	Đại học	Tổng hợp xúc tác TiO2 giàu pha anatase bằng phương pháp thủy nhiệt cho phản ứng phân hủy cinnamic acid	Trần, Khánh Sơn	Nguyễn, Điền Trung	2019	Đề tài “Tổng hợp xúc tác TiO2 giàu pha anatase bằng phương pháp thủy nhiệt cho phản ứng phân hủy cinnamic acid” đã tối ưu điều kiện thủy nhiệt cho việc tổng hợp TiO2 giàu pha anatase như nồng độ HCl là 0.9 M, khối lượng tiền chất TTIP là 2.88 g, nhiệt độ thủy nhiệt là 160 °C và thời gian thủy nhiệt là 12 h. Xúc tác TiO2 tổng hợp có kích thước hạt đồng đều từ 5–10 nm; kích thước lỗ xốp 2.7 nm; diện tích bề mặt riêng 102.9 m2 g–1; năng lượng vùng cấm có giá trị 3.11 eV và điểm đẳng điện 3.13. Ngoài ra, tìm được các điều kiện tối ưu cho phản ứng phân hủy cinnamic acid trên xúc tác TiO2 tổng hợp như hàm lượng xúc tác là 0.25 g L–1, pH đầu dung dịch là 3.8 và lưu lượng không khí là 0.3 L min–1 Sau 40 min phản ứng, độ chuyển hóa cinnamic acid trên xúc tác TiO2 tổng hợp cao hơn so với xúc tác P25 khoảng 1.3 lần: 90.9% so với 68.9%..
5968	Đại học	Bước đầu khảo sát thành phần hóa học phân đoạn ethyl acetate của quả đầu lân (couroupita guianensis aubl.) ở thành phố cần thơ	Nguyễn, Thế Long	Ngô, Quốc Luân	2019	Từ bột quả đầu lân tiến hành điều chế cao ethyl acetate. Sử dụng phương pháp sắc ký cột cô điển trên cao ethyl acetate và tinh chế các phân đoạn kết hợp với sắc ký lớp mỏng để cô lập được hai chất sạch đặt tên là ĐL01 và ĐL03. Đề tài phân lập và nhận danh được 2 hợp chất: citric acid 2-methyl ester và tryptanthrin. Trong đó citric acid 2-methyl ester là hợp chất lần đầu tiên được phân lập từ quả cây đầu lân.

5969	Đại học	Bước đầu khảo sát thành phần hóa học phân đoạn n-hexane của quả đầu lân (couroupita guianensis aubl.) ở thành phố cần thơ	Hồ, Khoa Nguyên	Ngô, Quốc Luân	2019	Đề tài Bước đầu khảo sát thành phần hóa học phân đoạn n-hexane của quả đầu lân (Couroupita guianensis Aubl) ở thành phố Cần Thơ. Quả đầu lân sau khi xử lý sơ bộ thu được (3 kg) bột quả đầu lân được tận trích bằng methanol, lọc bỏ bã, cô cạn dưới áp suất thấp thu được cao methanol tổng (400 g). Từ cao methanol tổng tiếp tục chiết kiệt với n-hexane (5 lít), cô cạn dưới áp suất thấp được cao nhexane (77,4 g). Từ cao n-hexane tiến hành tinh chế nhiều lần bằng sắc ký cột pha thường thu được hợp chất ĐL06 (β-amyrin). Cấu trúc hợp chất được xác định bởi các phổ IR, MS, NMR và kết hợp với tài liệu tham khảo đã công bố.
5970	Đại học	Cô lập một vài hợp chất trong cao chloroform của quả khô qua rừng (Monordica charatina L. var. abbreviata Ser)	Nguyễn , Thị Hải Yến, Kiều Thơ Nguyễn	Nguyễn, Phúc Đâm	2019	Tên đề tài: Cô lập một vài hợp chất trong cao chloroform của quả khô qua rừng (Momordica charantia L. var. abbreviata Ser). Bột khô của quả khô qua rừng (6 kg) được điều chế thành các cao chiết có độ phân cực tăng dần bằng phương pháp ngâm ở nhiệt độ phòng lần lượt với 60 lít dung môi là nhexane, chloroform, ethyl acetate, methanol để thu được các cao chiết tương ứng: cao nhexane (cao I, 95 g), cao chloroform (cao II, 144 g), cao ethyl acetate (cao III, 87 g) và cao methanol (cao IV, 180 g). Từ cao chloroform (cao II) tiến hành tinh chế nhiều lần bằng sắc ký cột pha thường để thu được 2 hợp chất là 3β,7β,25 trihydroxycucurbitane-5,23(E)-diene-19-al và (23E)-5β,19-epoxycucurbitane-6,23-diene-3β,25-diol. Cấu trúc các hợp chất được xác định bởi phương pháp phổ ESI-MS, NMR và kết hợp so sánh với các tài liệu đã công bố trước đây
5971	Đại học	Thiết kế giáo án và các bài thí nghiệm hóa học gắn với thực tiễn	Trần, Thị Thanh	Bùi, Phương Thanh Huân	2019	Đề tài "Tuyển chọn và thiết kế bài tập hóa học theo hướng phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh lớp 11, chương Dẫn xuất halogen - ancol - phenol, ban cơ bản" nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học môn hóa học ở trường Trung học phổ thông (THPT). Đề tài tiến hành tuyển chọn và nghiên cứu thiết kế BTHH phát triển NL SDNNHH của HS lớp 11, chương Dẫn xuất halogen - ancol - phenol, tuyển chọn và thiết kế đượ 106 BTHH, trong đó tuyển chọn 42 BTHH và thiết kế 64 BTHH. Tiến hành thực nghiệm tại trường THPT Nguyễn Việt Dũng và tiến hành trên hai lớp thuộc khối 11 (lớp 11A1 và lớp 11A9) với tổng số là 90 HS, thông qua việc kiểm tra NL SDNNHH của H lớp 11 kết hợp với lấy ý kiến của các GV bộ môn hóa học cho thấy HS có khả năng sử dụng ngôn ngữ hóa học (NNHH) trong các trường hợp đơn giản và khá phức tạp. Bên cạnh đó, số HS có khả năng sử dụng thành thạo NNHH cũng chiếm một tỷ lệ khá cao. Thông qua BTHH, có thể đánh giá thực trạng khả năng sử dụng NNHH của học HS 11, bên cạnh đó còn góp phần phát triển NL SDNNHH cho HS.
5972	Đại học	Xây dựng bài tập cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ dành cho sinh viên chuyên ngành sư phạm hóa học	Bùi, Tuấn Cường	Nguyễn, Phúc Đâm	2019	Nhằm xây dựng hệ thống một số bài tập cơ sở lý thuyết hóa Hữu cơ dành cho sinh viên sư phạm Hóa học, luận văn đã tổng hợp được lý thuyết về các cơ chế phản ứng đơn giản (phản ứng cộng, phản ứng thế, phản ứng tách, phản ứng gốc tự do) từ các sách chuyên ngành trong và ngoài nước. Luận văn đã xây dựng hệ thống bài tập cơ chế phản ứng kèm theo hướng dẫn giải chi tiết.

5973	Đại học	Điển tích trong Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh	Lâm, Thị Mỹ Hân	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	1. Mục tiêu Có cái nhìn toàn diện về tài năng văn chương và khả năng vận dụng từ ngữ một cách tài tình của Bác. Qua đó, thấy được vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của Người qua tập thơ Hiểu rõ hơn về điển tích giúp nhận biết được giá trị nội và nghệ thuật lớn lao mà Bác đã truyền tải trong tập nhật kí Làm sáng tỏ được tác dụng và ý nghĩa của điển tích được Bác sử dụng trong tập thơ Nhật kí trong tù Dựa trên một số bài thơ Đường để thấy được sự tiếp thu và vận dụng của Bác nhưng trên tinh thần cách tân, sáng tạo không rập khuôn 2. Nội dung chín Phân tích ý nghĩa điển tích được sử dụng trong tập thơ trên hai phương diện: điển tích truyện và điển tích chữ Tác dụng của việc sử dụng điển tích trong Nhật kí trong tù được thể hiện qua: Câu văn ngắn gọn nhưng giàu ý nghĩa biểu đạt; Gợi nhớ đến một tích xưa hay một câu văn cũ; Tăng thêm tính thẩm mỹ cho câu văn Ý nghĩa của việc sử dụng điển tích trong Nhật kí trong tù 3. Kết quả Qua việc tìm hiểu điển tích trong Nhật kí trong tù đã làm nổi bật lên giá trị nội dung và nghệ thuật lớn lao của tập thơ. Đồng thời góp phần làm cho người đọc cảm nhận được toàn diện tư tưởng nhân đạo và tinh thần dân tộc cao đẹp của Bác Thấy được tài năng của Bác khi tập thơ Nhật kí trong tù mang hơi hướng của Đường thi nhưng bằng sự tiếp thụ và vận dụng một cách tinh tế Bác đã sáng tạo nên một tập thơ cùng giá trị.
5974	Đại học	Vận dụng phương pháp trực quan vào dạy học Ngữ văn, chương trình tiếng Việt	Cao, Thị Hà Tiên	Nguyễn, Hải Yến	2018	Trình bày lý thuyết về phương pháp dạy học trực quan, vấn đề dạy học Tiếng Việt; từ đó thiết kế các hoạt động dạy học có ứng dụng phương pháp trực quan
5975	Đại học	Hình tượng người Vệ quốc quân trong thơ kháng chiến chống Pháp 1945-1954	Cao, Thị Phương Dung	Trần, Văn Minh	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hình tượng nhân vật; khảo sát và mô tả những đặc điểm phẩm chất của hình tượng người Vệ quốc quân cũng như những phương thức nghệ thuật thể hiện hình tượng trong thơ kháng chiến chống Pháp 1945-1954

5976	Đại học	Cảm thức “Thiền” trong thơ Nguyễn Trãi	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Đặng, Thị Hoa	2019	I. Tên đề tài và Cảm thức “Thiền” trong thơ Nguyễn Trãi 2.1 Mục tiêu chung Tìm hiểu cảm hứng “thiền” trong thơ ca Nguyễn Trãi 2.2 Mục tiêu cụ thể - Làm sáng tỏ hơn về thơ thiền cũng như ảnh hưởng của thơ thiền trong thơ Nguyễn Trãi - Hiểu được thêm về đặc trưng của thơ thiền trong thơ của Nguyễn Trãi để từ đó khẳng định bản lĩnh, tài năng cũng như giá trị của những áng thơ thiền mà tác giả đem lại - Nghiên cứu đề tài “cảm thức thiền trong thơ của Nguyễn Trãi” còn góp phần cho độc giả thấy được những đóng góp quan trọng của Nguyễn Trãi cho sự phát triển dòng thơ thiền ở phương Đông 3. Phương pháp nghiên cứu - Phương pháp phân tích- tổng hợp - Phương pháp lịch sử - cụ thể - Phương pháp so sánh- đối chiếu - Phương pháp thống kê 4. Cấu trúc luận văn Luận văn được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 giới thiệu tổng quan về vấn đề “thơ thiền” và thơ thiền trong văn học trung đại Việt Nam. Ở chương này, người viết tập trung tìm hiểu về các vấn đề chung của thơ thiền: Khái niệm thơ thiền, khái niệm ý thiền, mối quan hệ giữa thơ ca và thiền học. Bên cạnh đó, người viết còn tập trung tìm hiểu đặc điểm của thơ thiền và nhà thơ Nguyễn Trãi với cảm hứng thơ thiền. Chương 2 của luận văn khai thác vấn đề “Nội dung cả thức thiền trong thơ Nguyễn Trãi”. Ở chương này, người viết ba nội dung chính trong cảm thức thiền trong thơ Nguyễn Trãi: Thứ nhất là tìm về thiên nhiên, thứ hai là tâm sự lánh đời và thứ ba là triết lý nhân sinh sâu sắc. Ở chương 3 của luận văn sẽ tìm hiểu về cảm hứng thiền trong thơ Nguyễn Trãi dưới góc nhìn nghệ thuật. Trong chương này, người viết chú ý đến các yếu tố nghệ thuật chính là yếu tố ngôn ngữ nghệ thuật và không gian nghệ thuật Luận văn được thực hiện với mong muốn nhằm góp thêm một cách nhìn, cách khai thác, khám phá nghệ thuật độc đáo của cảm hứng thơ thiền trong thơ ca Nguyễn Trãi. Luận văn làm nổi bật những đặc trưng, những nét riêng biệt, độc đáo của cảm hứng thơ thiền trong thơ ca Nguyễn Trãi. Luận văn góp phần khẳng định giá trị, vị trí cũng như tầm quan trọng của bộ phận thơ thiền trong dòng chảy văn học Việt Nam. Bên cạnh đó, hy vọng luận văn sẽ góp thêm một tài liệu hữu ích trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập ở các trường phổ thông và các cấp 5. Kết luận và kiến nghị - Đề tài đã giải quyết một số vấn đề sau + Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về thơ thiền và một số ảnh hưởng của “thiền” trong sáng tác Nguyễn Trãi + Tìm hiểu được đặc trưng nội dung của “thơ thiền” Nguyễn Trãi + Xác định được một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong mảng “thơ thiền” của Nguyễn Trãi.
------	---------	--	----------------------	---------------	------	---

5977	Đại học	LânBản sắc truyền thống Việt Nam trong tập truyện ngắn Vang bóng một thời của Nguyễn Tuân	Trần, Thị Mỹ Nhiên	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Đề tài sáng tạo đề tài luận văn “Bản sắc truyền thống Việt Nam trong tập vang bóng một thời của Nguyễn Tuân”, người viết đã nghiên cứu và trình bày nội dung luận văn theo 3 chương gồm: Chương 1 là chương tổng quan tình hình nghiên cứu về Nguyễn Tuân và tập truyện ngắn Vang bóng một thời. Có rất nhiều nghiên cứu về Nguyễn Tuân và tập Vang bóng một thời, điểm chung của các nghiên cứu là đều đi đến khẳng định tài năng của Nguyễn Tuân và sự thành công của tập truyện ngắn Vang bóng một thời. Ở chương 2, người nghiên cứu trình bày về biểu hiện của bản sắc truyền thống Việt Nam thể hiện trong Vang bóng một thời qua ba biểu hiện: (1) Sự phong phú, đa dạng của các thú vui mang đậm chất Việt như: thú uống trà, thú thả thơ, thú thưởng ngoạn thư pháp, thú chơi hoa; (2) Khẳng định, đề cao các mối quan hệ trong cuộc sống con người như: tình cảm gắn kết trong gia đình, mối quan hệ gắn kết giữa người và giữa trong xã hội; (3) Đề cao giá trị của những vật dụng dân dã mang đậm truyền thống Việt Nam như: ấm trà, chén ngọc, đèn kéo quân... Đến chương 3, người nghiên cứu trình bày về bản sắc truyền thống Việt Nam trong Vang bóng một thời nhìn từ phương diện nghệ thuật. Các phương diện nghệ thuật được đề cập bao gồm: (1) Nghệ thuật xây dựng nhân vật được thể hiện qua: lời nói của nhân vật và hành động của nhân vật; (2) Ngôn ngữ tác giả phải kể đến là ngôn ngữ cổ kính, trang trọng và ngôn ngữ mang tính bình dân; (3) Không gian – thời gian nghệ thuật. Không gian nghệ thuật mang nét truyền thống Việt Nam từ cách bố trí những ấm trà, vườn hoa cho đến cách chia từng gian nhà, gian phòng. Thời gian nghệ thuật được Nguyễn Tuân khắc họa là thời gian tuyến tính, thuận chiều với thời gian tự nhiên, và có sự đan xen thời gian hồi tưởng gắn liền với lịch sử dân tộc mà các nhân vật trong truyện chứng kiến và trải qua; (4) Giọng điệu được tập trung khai thác là giọng điệu trang trọng và giọng điệu tha thiết. Kết luận của luận văn đi đến khẳng định và đề cao bản sắc truyền thống Việt Nam trong tập truyện Vang bóng một thời. Đồng thời, luận văn cho thấy được tầm lòng trân trọng và khao khát muốn bảo tồn của Nguyễn Tuân đối với những giá trị cổ truyền của dân tộc. Kết quả đạt được sau quá trình nghiên cứu: Cho thấy được những biểu hiện đa dạng của những giá trị truyền thống mang đậm truyền thống Việt trong tập truyện Vang bóng một thời. Người viết hiểu biết thêm về vốn văn hóa truyền thống dân tộc. Góp thêm tiếng nói mới khẳng định giá trị của tác phẩm. Cung cấp thêm một hướng tiếp cận mới về bản sắc truyền thống Việt Nam trong Vang bóng một thời.
5978	Đại học	Văn hóa Nam bộ qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh	Hà, Thị Mỹ Phượng	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Luận văn với đề tài “Văn hóa Nam bộ qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh” có cấu trúc gồm 3 chương. Chương I nêu lên những vấn đề chung về tổng quan về nghiên cứu đề tài, những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành, biến chuyển của văn hóa Nam bộ giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và vài nét về tác giả và tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Chương II làm nổi bật sự tồn tại các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống người Nam bộ qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Đó là những nét văn hóa về tổ chức và ứng xử của người Nam bộ được Hồ Biểu Chánh ghi nhận và phản ánh lại một cách khá rõ. Chương ba trình bày những biến động đổi thay của văn hóa Nam bộ khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

5979	Đại học	Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Vĩnh Hưng (Thành phố Sóc Trăng)	Nguyễn, Ngọc Hiền	Đặng, Thị Hoa	2019	Luận văn gồm có ba phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Phần mở đầu gồm lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu. Phần nội dung với 3 chương, Chương 1: Một vài nét về chùa Vĩnh Hưng. Chương một này thể hiện các nội dung về Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài, lịch sử hình thành và phát triển, kiến trúc, đối tượng thờ cúng, các ngày lễ vía và công tác từ thiện của chùa Vĩnh Hưng. Chương 2: Giới thiệu về câu đối và hoành phi. Tại chương này, người viết đã trình bày các nội dung về khái niệm, tính chất, đặc điểm và phân loại cũng như cho ví dụ về từng loại câu đối, hoành phi. Chương 3: Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Vĩnh Hưng. Đây là chương chính của luận văn, các câu đối và hoành phi trong chùa được mô tả, dẫn nguyên văn, phiên âm dịch nghĩa và trình bày thành từng nhóm theo các vị trí: cổng tam quan, chánh điện, Bảo tháp và nhà thờ Tổ. Ở phần kết luận, người viết đã khẳng định những giá trị, tầm quan trọng của di sản Hán Nôm, và nơi lưu giữ nó cụ thể là Chùa Vĩnh Hưng. Kết quả nghiên cứu thể hiện qua những trình bày chi tiết về chùa Vĩnh Hưng, về di sản Hán Nôm là câu đối và hoành phi và mô tả về vị trí, cũng như là phiên âm, dịch nghĩa, chủ thích được những từ ngữ được dùng với ý nghĩa riêng trong những câu đối và hoành phi tại chùa Vĩnh Hưng.
5980	Đại học	Từ xưng hô trong tiểu thuyết của Chu Lai	Nguyễn, Thanh Hằng	Nguyễn, Thị Ngọc Diệp	2018	Khảo sát lớp từ xưng hô và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong tiểu thuyết của Chu Lai
5981	Đại học	Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa ông Bồn thành phố Sóc Trăng (tỉnh Sóc Trăng)	Nguyễn, Thị Ngọc Là	Đặng, Thị Hoa	2019	Trong Luận văn “Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Ông Bồn ở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng” người viết đã trình bày những vấn đề: Chương 1: Giới thiệu đôi nét về chùa Ông Bồn tại đường Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Sóc Trăng. Ở chương này, người viết đã đi sâu tìm hiểu về lịch sử hình thành, kiến trúc, đối tượng thờ cúng và các ngày lễ lớn trong năm của chùa Ở chương 2: Người viết giới thiệu đôi nét về hoành phi và câu đối. Trong chương này, người viết đã sưu tầm hoành phi và câu đối làm ví dụ để người đọc có thể dễ dàng theo dõi, diễn giải lý thuyết về đặc điểm, tính chất của hoành phi, câu đối Và cuối cùng là chương 3: Người viết sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Ông Bồn. Đây được xem là một trong những chương quan trọng và trọng tâm của luận văn. Trong chương này, người viết đã đi vào mô tả phiên âm, dịch nghĩa tất cả hoành phi và câu đối có trong chùa. Với luận văn này người viết đã giúp người đọc có thêm những kiến thức, nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, thông qua việc sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa hệ thống câu đối và hoành phi tại chùa Ông Bồn. Từ đó góp phần vào việc lưu giữ và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

5982	Đại học	Tổ chức hoạt động dạy-học môn Ngữ văn lớp 11 thông qua Edmodo nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh	Võ, Ngọc Trâm	Nguyễn, Hải Yến	2019	Đất nước Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển tiếp sang nền kinh tế tri thức, vai trò của nền giáo dục đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Thực tế đó, đòi hỏi người dạy và người học phải không ngừng đổi mới, nâng cao trình độ, tri thức trong nhiều lĩnh vực để có thể đáp ứng kịp thời cho sự phát triển của đất nước. Song song đó, công nghệ thông tin (CNTT) cũng đang phát triển mạnh mẽ, tạo nên bước đột phá mới trong các giờ giảng dạy trong trường phổ thông. Với việc ứng dụng Edmodo vào tổ chức hoạt động dạy - học môn Ngữ văn nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh là một trong những phương pháp mới, góp phần giúp cho việc đổi mới dạy học được tiến hành một cách hoàn thiện hơn. Từ khóa: hoạt động dạy – học, Edmodo, năng lực tự học.
5983	Đại học	Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift	Tô, Ngọc Trân	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Đối với đề tài nghiên cứu “HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT GULLIVER DU KÍ CỦA JONATHAN SWIFT”, người viết khám phá hệ thống hình tượng nhân vật và nghiên cứu bút pháp nghệ thuật của Jonathan Swift trong việc xây dựng hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí. Qua đó, khẳng định tài năng và những đóng góp lớn lao của ông cho nền văn học Anh nói riêng và cho nhân loại nói chung. Trong đề tài nghiên cứu này, người viết thực hiện các phần sau: Chương 1. Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết: người viết bước đầu tìm hiểu tác giả Jonathan Swift và tiểu thuyết Gulliver du kí để hiểu rõ cuộc đời, sự nghiệp của tác giả, sự ra đời, nhan đề tiểu thuyết, nội dung tư tưởng và nghệ thuật to lớn của tác phẩm cũng như các đóng góp to lớn của tác giả trong văn học Anh thế kỉ XVIII. Bên cạnh đó, người viết còn tìm hiểu một số cơ sở lý thuyết về tình hình nước Anh thế kỷ XVIII- Thời kỳ văn học Ánh sáng Anh, khái niệm hình tượng nhân vật, các loại hình nhân vật văn học, kết cấu hệ thống hình tượng nhân vật. Chương 2. Hệ thống hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift: người viết nghiên cứu về hệ thống các hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Đó là hình tượng nhân vật trung tâm- Gulliver: nhân vật thích phiêu lưu, khám phá và nhân vật trí tuệ, dũng cảm và ngay thẳng; hình tượng nhân vật phụ: hình tượng nhân vật tí hon, hình tượng nhân vật khổng lồ, hình tượng nhân vật kì quặc và hình tượng nhân vật dị dạng. Chương 3. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift: người viết tìm hiểu các phương diện nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm. Đó là nghệ thuật sử dụng yếu tố kì ảo, nghệ thuật cường điệu, nghệ thuật tương phản và nghệ thuật phóng dụ.

5984	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Robinson Crusoe của Daniel Defoe	Nguyễn, Quỳnh Như	Phạm, Tuấn Anh	2019	Người viết trình bày về những vấn đề nội dung và nghệ thuật trong tiểu “Robinson Crusoe” gồm 3 chương. Đầu tiên là chương 1, người viết đã chỉ ra những vấn đề chung về văn học Anh thế kỷ XVIII, giới thuyết về tiểu thuyết và tác giả, tác phẩm. Từ đó làm tiền đề, để người viết có cơ sở xây dựng chương 2, trong chương này người viết đã tìm hiểu và trình bày đặc điểm nội dung của tiểu thuyết “Robinson Crusoe” ở ba bình diện : Thể hiện khát vọng phiêu lưu khám phá; Đề cao trí tuệ, nghị lực của con người và cuối cùng là đề cao đạo đức, ý chí gìn giữ văn minh. Cuối cùng là chương 3 của luận văn, người viết cũng đã thể hiện, được cụ thể về phương diện nghệ thuật bao gồm: Nghệ thuật xây dựng kết cấu, nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, không gian và thời gian. Nghiên cứu tác phẩm từ phương diện đặc điểm nội dung và nghệ thuật là một hướng đi đúng đắn để hiểu, khám phá tác phẩm một cách toàn diện, bao quát. Nhà văn Defoe xây dựng là mẫu người tiêu biểu trong thế kỷ ánh sáng - thế kỷ đề cao trí tuệ, ý chí nghị lực, lòng lạc quan... của con người.
5985	Đại học	Thể loại truyện kí trong văn xuôi chống Mỹ (Khảo sát qua 3 tác phẩm Hòn đất, Người mẹ cầm súng, Sống như anh)	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Trần, Văn Minh	2019	Đề tài “Đặc điểm truyện kí trong văn xuôi chống Mỹ” là quá trình nghiên cứu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật qua ba tác phẩm truyện kí Hòn Đất của Anh Đức, Người mẹ cầm súng của Nguyễn Thi, Sống như Anh của Trần Đình Vân. Đầu tiên, chúng tôi tiến hành tổng hợp những tài liệu, cơ sở lí thuyết của loại hình truyện kí, tìm ra đặc trưng của truyện kí trong văn xuôi chống Mỹ để làm nền tảng cho việc nghiên cứu nội dung và nghệ thuật của thể loại truyện kí qua ba tác phẩm Hòn Đất, Người mẹ cầm súng, Sống như Anh. Trong đó, phần nội dung sẽ nghiên cứu về những đau thương mất mát mà nhân dân miền Nam phải chịu đựng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ những năm 1954 -1975. Ba tác phẩm truyện kí đã tái hiện chân thật đời sống kháng chiến, hoàn cảnh xuất thân của chiến sĩ, chỉ rõ tội ác mà đế quốc Mỹ gây ra. Nhà văn đã khắc họa thành công hình tượng người chiến sĩ cùng với niềm tin tuyệt đối vào lí tưởng cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản. Đồng thời, ba tác phẩm truyện kí đã thể hiện được tinh thần đoàn kết, yêu nước sâu sắc của nhân dân, thể hiện được truyền thống bất khuất hàng ngàn năm của dân tộc. Cuối cùng, phần nghệ thuật, luận văn làm sáng tỏ những đặc điểm nghệ thuật về kết cấu, giọng điệu, cốt truyện, ngôn ngữ trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật.

5986	Đại học	Biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn qua tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo của nhà văn Alexandre Dumas	Nguyễn, Thị Tiên	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Chủ nghĩa lãng mạn là một trong những trào lưu tiêu biểu của thế kỉ XIX. Chủ nghĩa lãng mạn vừa “chống lại” chủ nghĩa cổ điển, vừa là “cầu nối” cho sự ra đời của chủ nghĩa hiện thực. Nhà văn Alexandre Dumas là một trong những cây bút lãng mạn tiêu biểu của chủ nghĩa lãng mạn. Những tác phẩm của Alexandre Dumas hấp dẫn người đọc và chứa đầy màu sắc lãng mạn. Trong số những tác phẩm đó, chúng ta phải kể đến tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo. Thực hiện đề tài Biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn qua tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo của nhà văn Alexandre Dumas, chúng tôi tìm hiểu biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn ở phương diện nội dung, tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật thông qua tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo. Ở chương 1, chúng tôi tìm hiểu tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm hiểu về tác giả Alexandre Dumas và tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo, từ đó, giúp chúng tôi có cơ sở vững chắc để nghiên cứu đề tài. Ở chương 2, chúng tôi khảo sát biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn ở phương diện nội dung, tư tưởng qua tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo, dựa trên các nguyên tác sáng tác. Thông qua tiểu thuyết này, chúng tôi nhận biết được bức tranh xã hội Pháp ở thế kỉ XIX qua lăng kính chủ quan của tác giả. Hiện thực cuộc sống xã hội Pháp lúc bấy giờ là điều kiện để nhà văn thể hiện “mộng tưởng” hướng đến tương lai tốt đẹp bằng sức mạnh tình thương của Chúa và niềm tin vào công bằng – công lý tồn tại. Tiểu thuyết còn đề cao tình cảm cao quý ở con người, đó là: tình yêu thiên nhiên, tình bạn bè, tình cảm gia đình và tình yêu nam nữ. Tiểu thuyết gây ấn tượng với người đọc nhờ vào việc nhà văn sử dụng dấu ấn văn hoá dân gian. Trong tác phẩm, dấu ấn văn hoá dân gian được thể hiện qua: lễ hội văn hoá, phong tục tập quán và motif văn học dân gian. Ở chương 3, chúng tôi tìm hiểu biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn ở phương diện hình thức nghệ thuật. Ở chương này, dấu ấn chủ nghĩa lãng mạn thể hiện thông qua nghệ thuật khắc hoạ nhân vật, thời gian – không gian nghệ thuật, kết cấu nghệ thuật, điểm nhìn trần thuật và giọng điệu trần thuật. Tóm lại, với đề tài Biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn qua tiểu thuyết Bá tước Monte Cristo của nhà văn Alexandre Dumas, chúng tôi tìm hiểu biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn ở phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức nghệ thuật, nhằm làm rõ vẻ đẹp của văn học lãng mạn và khẳng định tài năng của tác giả, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
5987	Đại học	Vấn đề phân biệt chủng tộc trong văn học Mỹ	Nguyễn, Thị Trúc Ly	Trần, Thị Nâu	2019	Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận về khái niệm phân biệt chủng tộc (“Apartheid”) với tư cách là “một vấn đề xã hội” và “một chủ đề của văn học Mỹ”; vận dụng cơ sở lý luận để nghiên cứu, lí giải vấn đề phân biệt chủng tộc được thể hiện qua 3 tác phẩm: Túp lều bác Tom (Harriet Beecher Stowe), Giết con chim nhại (Harper Lee), Người yêu dấu (Toni Morrison); Đánh giá ý nghĩa giáo dục, giá trị nhân đạo và tính nhân văn của các tác phẩm; So sánh và chỉ ra điểm giống và khác nhau trong cách thức thể hiện đề tài phân biệt chủng tộc cũng như đóng góp của các nữ văn sĩ Mỹ trong văn học Mỹ và thế giới.

5988	Đại học	Biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực phê phán qua tiểu thuyết <i>Đồi gió hú</i> của Emily Bronte	Lương, Thị Như Mơ	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Chủ nghĩa hiện thực phê phán là một phương pháp sáng tác đạt đỉnh cao vào thế kỉ XIX. Chủ nghĩa hiện thực phê phán ra đời tiếp thu những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu của các phương pháp sáng tác trước đó. Nhà văn Emily Bronte là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của nước Anh. Trong suốt sự nghiệp sáng tác, bà chỉ viết một tiểu thuyết đó là <i>Đồi gió hú</i> và nó cũng trở thành một tiểu thuyết xuất sắc của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Trong nội dung nghiên cứu, chúng tôi tiến hành nghiên cứu những biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong tác phẩm <i>Đồi gió hú</i> cả về nội dung, tư tưởng và hình thức, nghệ thuật. Về nội dung, tư tưởng, chúng tôi tập trung nghiên cứu những vấn đề xã hội có ảnh hưởng đến nhận thức và có tác động mạnh mẽ đến hành động của nhân vật như: sự phân biệt địa vị xã hội, sức mạnh của đồng tiền. Đồng thời, nghiên cứu còn đi sâu vào những vấn đề cá nhân để khám phá những tâm tư, tình cảm của con người và phát hiện ra những góc khuất bên trong của những con người xã hội. Ở đó, tình yêu và thù hận là những vấn đề có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới tinh thần của nhân vật. Về hình thức, nghệ thuật, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình và nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết <i>Đồi gió hú</i>. Từ đây, chúng tôi sẽ có những nhận định về tài năng của nhà văn trong cách vận dụng những nguyên tắc sáng tác của chủ nghĩa hiện thực phê phán vào quá trình sáng tác. Tóm lại, với đề tài: Biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực phê phán qua tiểu thuyết <i>Đồi gió hú</i> của Emily Bronte, chúng tôi tìm hiểu biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực phê phán ở phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức, nghệ thuật nhằm làm rõ vẻ đẹp của văn học hiện thực phê phán và khẳng định tài năng của tác giả, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
------	---------	---	-------------------	-----------------------	------	---

5989	Đại học	Cái tôi trữ tình trong thơ Bùi Giáng	Châu, Nhật Huỳnh	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Cái tôi trữ tình là sự tự ý thức của cái tôi trong nghệ thuật, cái tôi của hành vi sáng tạo, là cái tôi được thể hiện thông qua phương tiện trữ tình. Có thể xác định khái niệm cái tôi trữ tình là: “Sự thể hiện một cách nhận thức và cảm xúc đối với thế giới và con người thông qua lăng kính cá nhân của chủ thể và thông qua việc tổ chức các phương tiện của thơ trữ tình, tạo ra một thế giới tinh thần riêng biệt, độc đáo, mang tính thẩm mỹ, nhằm truyền đạt năng lượng tinh thần ấy đến người đọc”. Cái tôi trữ tình với sự lãng mạn, chất chứa tình cảm, nhận thức,... của con người là một sự thu hút lớn, cùng với niềm say mê thơ ca đã thôi thúc tôi nghiên cứu đề tài Cái tôi trữ tình trong thơ Bùi Giáng. Qua đây tôi muốn đi sâu tìm hiểu về thơ Bùi Giáng qua nhiều khía cạnh có liên quan. Bài nghiên cứu của tôi gồm ba chương. Chương thứ nhất là những vấn đề chung bao gồm phần tổng quan tài liệu, phần cơ sở lý thuyết của cái tôi trữ tình và phần khái quát về tác giả Bùi Giáng. Ở chương hai và ba tôi làm sáng tỏ những biểu hiện của cái tôi trữ tình ở các phương diện nội dung, trên khía cạnh cái tôi vô thức và tâm linh, cái tôi hiện sinh, cái tôi hoài niệm, cái tôi tự họa và cái tôi du ngoạn thế gian. Cùng với đó là Phương diện nghệ thuật trong thơ Bùi Giáng Từ đây, ta có thể thấy được một cuộc đời kì bí song hành với một tài năng thơ kì lạ như Bùi Giáng, thì dạng thức thể hiện của cái tôi trữ tình trong thơ ông đã thực sự mang đến một diện mạo mới cho Văn học Việt Nam hiện đại. Đề tài Cái tôi trữ tình trong thơ Bùi Giáng là bước ban đầu để tôi có thể tìm hiểu sâu hơn về cõi thơ Bùi Giáng trong mạch vận động của thi đàn văn học.
------	---------	--------------------------------------	------------------	-----------------------	------	--

5990	Đại học	Tổ chức hoạt động thuyết trình để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 10	Đinh, Thị Phương Ngân	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2019	Với đề tài “Tổ chức hoạt động thuyết trình để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 10” mục tiêu của chúng tôi là hướng đến làm sáng tỏ lí luận các vấn đề: Năng lực giao tiếp và hoạt động thuyết trình. Từ đó, thiết kế hoạt động thuyết trình cho các bài học cụ thể thuộc phần: Đọc - hiểu văn bản, tiếng Việt, làm văn của chương trình Ngữ văn lớp 10. Từ mục tiêu trên nội dung được chúng tôi xây dựng trong nội dung chính gồm 2 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở lí luận của năng lực giao tiếp và hoạt động thuyết trình. Ở nội dung năng lực giao tiếp chúng tôi trình bày các khái niệm về năng lực, và giao tiếp. Từ đó làm tiền đề cho việc tìm hiểu năng lực giao tiếp, cũng như những kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết của năng lực giao tiếp. Ở nội dung: Tổ chức cho học sinh thuyết trình để phát triển năng lực giao tiếp của chương 1, chúng tôi chỉ ra thể nào là thuyết trình và mối quan hệ giữa hoạt động giao tiếp và thuyết trình. Từ mối quan hệ đó có sẽ phần nào làm rõ được vấn đề ứng dụng hoạt động thuyết trình vào trong dạy học nhằm giúp học sinh phát triển được năng lực giao tiếp, mà cụ thể ở đây là đối với môn Ngữ văn. Chương 2 ứng dụng hoạt động thuyết trình vào quá trình dạy học, song quá trình này giáo viên chỉ đóng vai trò chủ đạo, còn học sinh là đóng vai trò chủ động. Ở chương 2 thiết kế hoạt động thuyết trình trong chương trình Ngữ văn lớp 10 để phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh, chúng tôi nêu nguyên tắc thiết kế và mục đích thiết kế cụ thể. Kết quả của đề tài là chúng tôi đã thiết kế các chủ đề thuyết trình khác nhau với thời lượng và hình thức, đối tượng học sinh khác nhau tương ứng với các phần: Đọc - hiểu văn bản, tiếng Việt, tập làm văn. Tùy vào điều kiện của từng lớp, từng bài, từng thời điểm mà giáo viên có thể lựa chọn những chủ đề thuyết trình phù hợp cho tiết dạy của mình nhằm mang lại những hiệu quả tối ưu trong quá trình dạy học. Đặc biệt, có thể phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác của học sinh mà cụ thể là năng lực giao tiếp với các kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Học sinh có cơ hội thể hiện, rèn luyện năng lực bản thân trước tập thể lớp, và rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm,...Giúp học sinh nâng cao kết quả học tập và nhất là hoạt động này giúp học sinh có thêm hứng thú trong môn học Ngữ văn.
5991	Đại học	Thi pháp tiểu thuyết Hội chợ phù hoa của William Thackeray	Đặng, Thị Huỳnh Như	Phạm, Tuấn Anh	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết thi pháp học; vận dụng lý thuyết thi pháp học để nghiên cứu tiểu thuyết Hội chợ phù hoa của William Thackeray qua một số phương diện: quan niệm nghệ thuật về con người, thi pháp nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, kết cấu và giọng điệu

5992	Đại học	Văn hóa ứng xử của người Việt qua văn học dân gian	Quách, Huỳnh Như	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Luận văn “Văn hóa ứng xử của người Việt qua văn học dân gian” gồm 3 chương. Chương I trình bày những nét cơ bản về văn hóa ứng xử và văn học dân gian, ở chương này người viết phần nào hiểu rõ hơn về các vấn đề cơ bản của văn hóa ứng xử và văn học dân gian thông qua khái niệm: văn hóa ứng xử, văn học dân gian; đặc điểm ứng xử của người Việt, đặc điểm nội dung và nghệ thuật của văn học dân gian. Chương II trình bày kết quả nghiên cứu về các biểu hiện của văn hóa ứng xử: tận dụng và ứng phó của người Việt với môi trường tự nhiên thông qua việc tận dụng: trong lao động sản xuất, trong các nhu cầu đời sống hằng ngày; ứng phó với thời tiết, khí hậu, các loài động vật hoang dã,... Đặc biệt ở chương này người viết đã nhận thấy được sự linh hoạt và tư duy nhạy bén của người Việt trong việc tận dụng và ứng phó với môi trường, cùng với đó là những kinh nghiệm sống và lao động quý báu của người Việt. Chương III trình bày về văn hóa ứng xử của người Việt trong các mối quan hệ: với gia đình, xã hội, trong mối quan hệ bang giao và giao lưu văn hóa. Ở chương này, người viết nhận thấy được: thông qua văn học dân gian những giá trị truyền thống tốt đẹp của người Việt trong các mối quan hệ xã hội được phản ánh một cách cụ thể, toàn diện. Đó là giá trị tinh thần có ý nghĩa cho đến ngày hôm nay.
5993	Đại học	So sánh kiểu truyện người bất hạnh (Tip truyện Lọ Lem-Tấm Cám) trong truyện cổ tích thần kỳ ở Đông Nam Á	Danh, Ngọc Thảo	Phạm, Hoàng Nghĩa	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết truyện cổ tích, tip (type) và motip (motif); so sánh tip truyện Lọ-Lem-Tấm Cám trong truyện cổ tích thần kỳ các nước Đông Nam Á (Việt Nam, Thái Lan Campuchia) để chỉ ra sự tương đồng và khác biệt và lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt
5994	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Đỏ và đen của Stendhal	Nguyễn, Thị Ánh	Phạm, Tuấn Anh	2018	Phân tích, làm rõ đặc điểm nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tiểu thuyết Đỏ và Đen của Stendhal

5995	Đại học	Quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan	Quách, Thị Diễm My	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Cấu trúc của đề tài nghiên cứu “Quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan”, chúng tôi triển khai gồm ba phần: Mở đầu, nội dung, kết luận. Ở phần mở đầu chúng tôi đã trình bày những lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Về phần nội dung, chúng tôi đã triển khai làm ba vấn đề lớn: Những vấn đề chung, quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan nhìn từ phương diện nội dung, quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan nhìn từ phương diện nghệ thuật. Trước hết, về những vấn đề chung thì chúng tôi đã khảo sát, tìm hiểu, thống kê và chứng minh có nhiều nhà nghiên cứu, phê bình tìm hiểu về quan niệm nghệ thuật con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan ở trước và sau cách mạng tháng Tám năm 1945. Đồng thời, chúng tôi đã tìm hiểu vài nét về truyện ngắn, quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học và tìm hiểu về nhà văn Nguyễn Công Hoan cũng như vị trí của nhà văn trong nền văn học dân tộc để có cái nhìn khách quan hơn khi đi sâu vào nghiên cứu đề tài. Bên cạnh đó, ở đề tài nghiên cứu này chúng tôi đã tìm hiểu và chỉ ra được những biểu hiện quan niệm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan từ hai phương diện chính: Nội dung và nghệ thuật. Cụ thể, về nội dung chúng tôi đã khảo sát, tìm hiểu tất cả các truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan và thấy nổi bật lên những vấn đề chính sau: Con người là sản phẩm của hoàn cảnh (Hoàn cảnh giàu sang; hoàn cảnh nghèo hèn); Con người có tâm tính bất nhân, vô đạo (Bất luận cương thường, đạo lý; tham lam, xảo trá; tàn ác, độc đoán); Con người nhân hậu, thật thà (Sống trọng tình, trọng nghĩa; ngay thẳng, thật, thà; bao dung, độ lượng). Về nghệ thuật, qua quá trình khảo sát truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan chúng tôi thấy một số yếu tố nghệ thuật mà nhà văn sử dụng chủ yếu như sau: Nghệ thuật trào phúng; Nghệ thuật xây dựng nhân vật (Ngoại hình, hành động, ngôn ngữ đối thoại nhân vật); Xây dựng tình huống truyện (Tình huống nghịch lí, tình huống ngẫu nhiên, tình huống nhân vật dùng mẹo); Không gian nghệ thuật; thời gian nghệ thuật; ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật Về kết luận, qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người của Nguyễn Công Hoan chúng tôi đã tìm ra được những biểu hiện quan niệm về con người của Nguyễn Công Hoan qua hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Đồng thời, chúng tôi thấy được cách cảm nhận, cách nhìn của Nguyễn Công Hoan về con người trong xã hội đương thời. Cụ thể, nhà văn
------	---------	--	--------------------	--------------------	------	--

5996	Đại học	Thiên nhiên trong Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh	Nguyễn, Quốc Cường	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	Với những đóng góp to lớn trong sự nghiệp văn chương cũng như những cống hiến trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc – Hồ Chí Minh được xem là vị lãnh tụ vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam. Khi nhắc đến những sáng tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không thể nào không nhắc đến tập Nhật ký trong tù – một tập thơ được xem là một tài sản vô giá và có những tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của mỗi con người Việt Nam. Qua đó Hồ Chí Minh đã giành một tình cảm đặc biệt khi viết về thiên nhiên với những xúc cảm chân thành, nồng nàn và chan chứa của một tâm hồn thi nhân đầy sâu sắc và nhạy cảm trước cuộc đời. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài “Thiên nhiên trong Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh” làm sáng rõ một số vấn đề sau: (1) Đôi nét về cuộc đời, sự nghiệp văn chương, quan niệm sáng tác, những nhận định về chủ tịch Hồ Chí Minh và tập thơ Nhật ký trong tù; (2) Thiên nhiên trong sáng tác của Hồ Chí Minh luôn phong phú đa dạng với hình ảnh của hoa, mây, trăng, gió, núi,... Thiên nhiên trong sáng tác của Hồ Chí Minh luôn có sự vận động, mang màu sắc tươi sáng. Bộc lộ mối quan hệ giữa thiên nhiên và nội tâm con người; (3) Nghệ thuật thể hiện hình ảnh thiên nhiên trong Nhật ký trong tù mang tính biểu tượng, được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa và bút pháp chấm phá phác họa độc đáo Nghiên cứu đề tài giúp tôi có thể tìm hiểu sự vận động của hình ảnh thiên nhiên trong sáng tác của Hồ Chí Minh một cách rõ nhất. Đồng thời, nghiên cứu về đề tài còn giúp tôi có thêm những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, quan niệm văn chương và tinh thần, ý chí, nghị lực và niềm tin vào một ngày mai tươi sáng của Hồ Chí Minh; Thông qua việc tìm hiểu đề tài còn cung cấp thêm nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của người đọc khi nghiên cứu về “Thiên nhiên trong Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh”
------	---------	--	--------------------	-------------------	------	--

5997	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản thơ trung đại nhằm phát triển năng lực so sánh cho học sinh (Ngữ văn 10)	Nguyễn, Thúy Ngân	Võ, Huy Bình	2019	Luận văn được thực hiện nhằm mục đích phát triển năng lực so sánh cho người học thông qua các hoạt động so sánh khi dạy học văn bản thơ trung đại lớp 10. Luận văn được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1 giới thiệu tổng quan tình hình nghiên cứu về vấn đề so sánh và phát triển năng lực so sánh trong dạy học đọc hiểu văn bản thơ trung đại. Bên cạnh việc trình bày các khái niệm năng lực, năng lực so sánh, lý thuyết về đặc điểm loại thể của văn bản thơ trung đại, Chương 1 còn miêu tả tiến trình thiết kế các hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực so sánh cho người học. Chương 2 trình bày các hoạt động dạy học cụ thể cho 05 văn bản thơ trung đại gồm: Độc Tiểu Thanh Kí (Nguyễn Du), Nỗi oán người phòng khuê (Khuê oán – Vương Xương Linh), Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (trích Chinh phụ ngâm), Trao duyên (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du), Nỗi thương mình (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du). Các hoạt động được thiết kế dựa trên cơ sở: xác định mục tiêu, tiến trình hướng dẫn học sinh so sánh gồm: nội dung; hình thức; cách thức và thời điểm so sánh. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần vào việc phát triển năng lực so sánh cho người học, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Qua nghiên cứu, người viết thấy được đề tài của luận văn sẽ phát huy được tính hiệu quả trong thực tế giảng dạy ở trường phổ thông hiện nay. Đây là đề tài mang tính thực tiễn khá cao, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực liên hệ, so sánh Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 đã đề ra. Góp phần làm tài liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập.
5998	Đại học	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong chương trình Ngữ văn lớp 11	Trần, Quốc Dũng	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2019	Với mong muốn đóng góp một phần sức nhỏ vào công cuộc đổi mới và phát triển Giáo dục nước ta hiện nay, giúp mọi người có một cái nhìn toàn diện hơn về tổ chức hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực giải quyết vấn đề, người viết quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong chương trình Ngữ văn lớp 11” Trong bài nghiên cứu của mình, ở chương 1, người viết đã tìm hiểu và tổng hợp các khái niệm, mục tiêu, nội dung, ý nghĩa, cấu trúc của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh. Bên cạnh đó, bài viết cũng đã rút ra những kinh nghiệm về quy trình tổ chức cũng như cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh Đến chương 2, người viết đã thiết kế một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong chương trình Ngữ văn lớp 11. Các hoạt động đó được tổ chức bên trong lẫn ngoài nhà trường, bao gồm 4 hoạt động: Nụ cười cho em, Chủ nhật xanh, Tôi là nhà xuất bản, Trò chơi và văn học. Các hoạt động đều gắn với một bài học trong chương trình sách giáo khoa lớp 11, điều đó không chỉ giúp cho các em rèn luyện, trau dồi, ôn tập kiến thức mà còn tạo một môi trường trải nghiệm vô cùng lý thú, là điều kiện để học sinh phát triển toàn diện các phẩm chất trí, đức, thể, mỹ, lao, trở thành một người công dân tốt của xã hội.

5999	Đại học	Nghiên cứu tiểu thuyết Con hủi của Helena Mnitzek dưới góc nhìn đặc trưng thi pháp	Đỗ, Thị Lê Phương Anh	Phạm, Tuấn Anh	2018	Cơ sở lý thuyết thi pháp học; vận dụng lý thuyết thi pháp học để nghiên cứu tiểu thuyết Con hủi của Mnitzek qua một số phương diện: quan niệm nghệ thuật về con người, thi pháp nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, kết cấu và giọng điệu
6000	Đại học	“Cái Ác” trong văn học-nhìn từ phương diện mỹ học (Khảo sát và so sánh qua một số tác phẩm văn học)	Trương, Quỳnh Nhi	Trần, Thị Nâu	2019	Giới thuyết khái niệm “Cái Ác” với tư cách là một phạm trù của triết học, đạo đức học trong mối quan hệ so sánh với các phạm trù khác: cái Thiện, cái Đẹp, cái cao cả, cái thấp hèn; đồng thời lí giải “Cái Ác” với tư cách là một trong những chủ đề của văn học từ góc độ mỹ học; khảo sát và so sánh biểu hiện của Cái Ác qua một số tác phẩm như Chém treo ngành (Nguyễn Tuân), Đàn hương hình (Mạc Ngôn), Chiếc cầu trên sông Drina (Ivo Andritch)
6001	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Bà Bovary của Gustave Flaubert	Thạch, Thị Trúc Ly	Phạm, Tuấn Anh	2019	Thực hiện đề tài luận văn này, người viết tự thấy đã hoàn thành được những việc cơ bản ở mỗi chương nghiên cứu. Ở chương 1, người viết đã chỉ ra được cơ sở lí thuyết về khái niệm và những đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết. Ngoài ra, người viết có cung cấp một số thông tin cần thiết về tác giả và tác phẩm cần nghiên cứu. Đến chương 2 của luận văn, đây có lẽ là chương nghiên cứu kĩ công nhất bởi vì người viết phải khám phá, đọc lại quyển tiểu thuyết rất nhiều lần mới có thể đi vào phân tích và dẫn chứng được những nội dung liên quan đến các nhân vật cụ thể trong tác phẩm. Bên cạnh đó, qua việc miêu tả hành động, tâm lý của tác giả, người viết cũng đã rút ra được quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn Gustave Flaubert. Cuối cùng là chương 3 của luận văn, người viết cũng đã thể hiện được những biểu hiện cụ thể về đặc điểm nghệ thuật của tiểu thuyết Bà Bovary thông qua việc nghiên cứu nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, thời gian nghệ thuật (bao gồm thời gian tự nhiên, thời gian đồ vật và thời gian tâm lý), không gian nghệ thuật (bao gồm không gian bối cảnh, không gian sự kiện và tâm lý) và sau cùng là kết cấu nghệ thuật của tác phẩm. Thực hiện công trình nghiên cứu của mình (cụ thể là qua 3 chương), người viết nhận thấy rằng, việc nghiên cứu về nhà văn Gustave Flaubert và tiểu thuyết Bà Bovary cần được phát huy nhiều hơn ở nhiều khía cạnh khác nhau. Từ việc sáng tạo bi kịch cho tác phẩm, Flaubert đã thay đổi góc độ trải nghiệm của độc giả, khiến ta phải xem xét lại những giá trị đạo đức truyền thống, giúp con người thấu hiểu nhau hơn và trân trọng những giá trị cuộc sống đích thực hơn. Trên đây là phần tóm tắt nội dung thực hiện luận văn của người viết. Mong rằng, với việc nghiên cứu về đề tài luận văn này, người viết sẽ được đóng góp một nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho việc nghiên cứu, học tập và giảng dạy sau này.

6002	Đại học	So sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Thanh Liên	Nguyễn, Văn Nở	2019	Luận văn “So sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng” ngoài phần Mở đầu, và Phụ lục được triển khai thành 3 chương Chương 1 là Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết. Trong chương này, người viết đã lược khảo những tài liệu có liên quan đến đề tài để nghiên cứu, kế thừa làm cơ sở thực hiện luận văn. Ngoài ra, người viết còn tìm hiểu về lịch sử, văn hóa – xã hội tỉnh Sóc Trăng, để qua đó có thể nắm được đặc trưng về vùng đất này nhằm khi phân tích giá trị biểu đạt sẽ chỉ ra được những nét riêng được phản ánh trong ca dao Chương 2, luận văn khảo sát về cấu trúc hình thức và hình tượng được dùng làm so sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng. Ở phần cấu trúc, người viết thống kê và phân tích các cấu trúc so sánh tu từ được dùng trong ca dao của tỉnh Sóc Trăng. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy có ba cấu trúc được vận dụng. Đó là: Cấu trúc có đầy đủ thành tố so sánh, Cấu trúc lược thành tố so sánh và Cấu trúc đảo thành tố so sánh. Về các nhóm hình tượng được dùng làm so sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng, người viết đã thống kê và phân tích các nhóm hình tượng: Nhóm hình tượng tự nhiên, Nhóm hình tượng động vật, Nhóm hình tượng thực vật và Nhóm hình tượng là vật thể nhân tạo Chương 3, chúng tôi khảo sát giá trị biểu đạt của các hình tượng được dùng làm so sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng. Trong chương này, người viết cố gắng phân tích giá trị biểu đạt của các hình tượng được dùng làm so sánh tu từ trong ca dao tỉnh Sóc Trăng ở ba khía cạnh, xét về mặt nội dung: Thể hiện tình yêu đôi lứa, Thể hiện tình yêu gia đình và Thể hiện quan niệm nhân sinh.
------	---------	---	----------------------	----------------	------	--

6003	Đại học	Một số vấn đề tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi	Thị, Bích	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	nguyên cứu để tài một số vấn đề về văn bản tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi nhằm nhận biết những vấn đề liên quan đến tác phẩm như văn bản, bản dịch và dịch giả. Cụ thể tôi mong muốn làm sáng tỏ giá trị tác phẩm trên, giải quyết những tranh cãi về bản dịch, ngoài ra tôi mong sẽ tìm ra bản dịch đầu tiên và bản dịch vượt trội nhất khi so sánh các bản dịch với nhau. Với đề tài trên tôi đã kết hợp 4 phương pháp để làm sáng tỏ vấn đề được nêu: phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá. Trên cơ sở đó tôi đã xây dựng đề cương tổng quát của mình với 3 phần: mở đầu, nội dung và kết luận. Trong nội dung tôi đã triển khai 3 chương để làm rõ đề tài Đầu tiên, chương 1 sẽ là những vấn đề chung như tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết. Sau đó tôi sẽ trình bày đôi nét về tác giả Nguyễn Trãi và tác phẩm Bình Ngô đại cáo. Từ đó, làm sáng tỏ giá trị tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi đây là áng thiên cổ hùng văn của dân tộc Chương 2 là vấn đề văn bản, dịch giả và bản dịch của tác phẩm Bình Ngô đại cáo. Ở chương này tôi sẽ bước đầu tiếp cận tác phẩm, các bản dịch và tìm hiểu một số dịch giả tiêu biểu như: Trần Trọng Kim, Bùi Văn Nguyên và Bùi Kỳ. Đặc biệt trong chương này tôi phải xác định được Trần Trọng Kim là người đầu tiên dịch Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi ra chữ quốc ngữ. Từ đó bác bỏ ý kiến của nhiều người cho rằng Bùi Kỳ là người đầu tiên dịch tác phẩm này ra chữ quốc ngữ. Đồng thời tôi phải xác định lại Bùi Kỳ chỉ là người được Trần Trọng Kim tranh thủ ý kiến khi dịch thuật. Qua đó, tôi cũng sẽ giới thiệu sơ lược về 3 dịch giả này và kết hợp giới thiệu ba bản dịch Bình Ngô đại cáo của họ bằng chữ quốc ngữ ở phần phụ lục Chương 3 là khảo sát, lựa chọn và đối chiếu bản dịch văn bản Bình Ngô đại cáo của dịch giả Trần Trọng Kim và Bùi Văn Nguyên. Chương này tôi dành nhiều thời gian và nhiều trang viết nhất. Ở chương này tôi đã tiến hành khảo sát, lựa chọn và đối chiếu hai bản dịch tiêu biểu của hai dịch giả Trần Trọng Kim và Bùi Văn Nguyên. Từ đó nhận ra được những ưu và nhược điểm của từng bản dịch cũng như những điểm giống và khác nhau. Điểm nổi bật là tôi có những đề xuất riêng trong bài nghiên cứu mình. Ngoài việc chỉnh sửa những sai sót, tôi tâm đắc nhất với đề xuất tăng cường việc dạy và học chữ Hán trong nhà trường. Tôi mong nó sẽ được xem xét và thực hiện tốt Như vậy, về văn bản tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi có rất nhiều vấn đề cần đề cập. Rõ ràng trong nguyên tác của ông còn phải bàn về vấn đề chữ nghĩa. Riêng về các bản dịch đều có những ưu, nhược điểm và giống, khác nhau. Vì vậy, để tìm ra bản dịch nổi bật nhất thật Trình bày cơ sở lý luận về bản sắc dân tộc, khảo sát một số truyện ngắn để nhận diện, lí giải bản sắc dân tộc được thể hiện trong truyện ngắn của Thạch Lam từ góc nhìn văn hóa
6004	Đại học	Bản sắc dân tộc trong truyện ngắn Thạch Lam từ góc nhìn văn hóa	Dương, Bích Liên	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	

6005	Đại học	Biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn qua tiểu thuyết Hoa Tulip đen của Alexandre Dumas	Đào, Thị Cúc	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Chủ nghĩa lãng mạn là thuật ngữ vừa để chỉ một trào lưu văn học, vừa để chỉ một phương pháp sáng tác tồn tại trong nền văn học châu Âu từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Vốn sinh trưởng trong dòng văn học lãng mạn Pháp, ngòi bút mang tên Alexandre Dumas (1802 – 1870) đã tạo được cho mình một vị trí vững chắc trong dòng văn học ấy và trong lòng độc giả bao thế hệ bằng những tác phẩm lớn, trong đó không thể không nhắc đến Hoa tulip đen. Từ lòng say mê và trân trọng đối với dòng văn học lãng mạn, khi nghiên cứu đề tài Biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn qua tiểu thuyết Hoa Tulip đen của Alexandre Dumas, chúng tôi mong muốn đóng góp một phần kiến thức của mình để đưa ra những nhận thức sâu sắc, khách quan về chủ nghĩa lãng mạn nói chung và tác giả Alexandre Dumas cũng như tác phẩm Hoa Tulip đen nói riêng. Luận văn gồm ba chương. Chương một trình bày tổng quan tài liệu, phần cơ sở lý thuyết về sự ra đời và các nguyên tắc sáng tác của chủ nghĩa lãng mạn và phần khái quát về tác giả Alexandre Dumas và tiểu thuyết Hoa tulip đen. Đến với chương hai và chương ba, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn ở phương diện nội dung, tư tưởng lẫn phương diện hình thức, nghệ thuật qua tiểu thuyết Hoa Tulip đen bằng việc tập trung làm rõ ba nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa lãng mạn đó là: đề cao mộng tưởng, đề cao tình cảm, đề cao sự tự do. Qua đó, có thể thấy qua tiểu thuyết Hoa Tulip đen, Alexandre Dumas đã thể hiện niềm khao khát hạnh phúc ở tương lai của con người, trước cuộc sống thực tại đầy những ngọt ngào, u ám của xã hội lúc bấy giờ. Ngoài ra, nhà văn còn thể hiện sự ca ngợi đối với những tình cảm cao đẹp của con người, niềm tin về sự chiến thắng của cái thiện trước cái ác, khẳng định quyền tự do yêu đương, và quyền được sống với những đam mê cháy bỏng dành cho thiên nhiên. Tất cả những điều này đã làm nên những giá trị nội dung sâu sắc, góp phần tạo nên sức lan tỏa mãnh liệt của tiểu thuyết Hoa Tulip đen đối với độc giả. Đồng thời, trong Hoa Tulip đen, những biểu hiện của chủ nghĩa lãng mạn về phương diện nghệ thuật cũng được Alexandre Dumas lưu dấu ấn đậm sâu ở các thủ pháp nghệ thuật như: nghệ thuật khắc họa nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, nghệ thuật xây dựng kết cấu của tác phẩm. Đây chính là những phương thức hữu hiệu đem lại những phong vị tươi mới cho tác phẩm và là yếu tố góp phần khẳng định sức sống của tiểu thuyết lẫn tài năng nghệ thuật của tác giả.
6006	Đại học	Ý thức nữ quyền trong ca dao người Việt	Nguyễn, Thị Sầu Riêng	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý luận về nữ quyền, phân tích bối cảnh xã hội và lí giải ý thức nữ quyền được thể hiện trong ca dao người Việt
6007	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật truyện ngắn Chekhov	Nguyễn, Thị Kiều	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Mô tả, lí giải đặc điểm nội dung và nghệ thuật nổi đặc sắc của truyện ngắn A. Chekhov
6008	Đại học	Chuẩn mực đạo đức của người Việt qua truyện Nôm khuyết danh	Nguyễn, Thị Ngọc Kim	Đặng, Thị Hoa	2018	Căn cứ trên cơ sở quan niệm đạo đức của người Việt, tìm hiểu quan niệm chuẩn mực đạo đức của người Việt được thể hiện qua một số truyện Nôm khuyết danh
6009	Đại học	Tư duy nghệ thuật của Nguyễn Nhật Ánh trong Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh	Đoàn, Nguyễn Ngọc Ánh	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Tìm hiểu, lí giải tư duy nghệ thuật của Nguyễn Nhật Ánh được thể hiện trong tác phẩm Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh

6010	Đại học	Thi pháp tiểu thuyết Jane Eyre của Charlotte Bronte	Nguyễn, Tuấn Anh	Phạm, Tuấn Anh	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết thi pháp học; vận dụng lý thuyết thi pháp học để nghiên cứu tiểu thuyết Jane Eyre của Charlotte Bronte qua một số phương diện: quan niệm nghệ thuật về con người, thi pháp nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, kết cấu và giọng điệu
6011	Đại học	Văn hóa tổ chức gia đình của người Nam Bộ qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh	Kổng, Thùy Quyên	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Khảo sát, lí giải văn hóa tổ chức gđinh của người Việt Nam bộ qua một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh từ góc nhìn văn hóa
6012	Đại học	Khảo sát tình thái từ trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam	Nguyễn, Thị Thảo Nguyên	Nguyễn, Thị Ngọc Diệp	2018	Khảo sát tình thái từ và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam
6013	Đại học	Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Bà Địa Mẫu thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trần, Quốc Sự	Đặng, Thị Hoa	2018	Khảo sát, Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm tại chùa Bà Địa Mẫu thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; đề xuất giải pháp bảo tồn di sản Hán Nôm
6014	Đại học	Khảo sát tình thái từ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh	Phạm, Thu Hường	Nguyễn, Thị Ngọc Diệp	2018	Khảo sát, thống kê, phân loại tình thái từ và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh
6015	Đại học	Giá trị nội dung và nghệ thuật qua truyện Nôm khuyết danh	Đoàn, Ngọc Lệ	Đặng, Thị Hoa	2018	Nghiên cứu, phân tích giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của một số truyện Nôm khuyết danh
6016	Đại học	Nhân vật tự ý thức trong sáng tác của Nam Cao	Nguyễn, Thị Thanh Tâm	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Lý luận về nhân vật; khảo sát mô tả nhân vật tự ý thức, nghệ thuật xây dựng nhân vật tự ý thức trong sáng tác của Nam Cao
6017	Đại học	Chuyện tình ma nữ trong Truyền kỳ mạn lục (Việt Nam), Tiển đăng tân thoại (Trung Quốc), Vũ nguyệt vật ngữ (Nhật Bản)	Phạm, Thị Thơ	Phạm, Hoàng Nghĩa	2018	Khảo sát, mô tả những motif tình yêu người-ma nữ trong 3 tác phẩm; so sánh để chỉ ra sự tương đồng/khác biệt và lí giải nguyên nhân sự tương đồng/khác biệt đó.
6018	Đại học	Vấn đề phân biệt chủng tộc trong tiểu thuyết Giết con chim nhại của Harper Lee	Trần, Thị Diễm My	Trần, Thị Nâu	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phân phân biệt chủng tộc; khảo sát, nhận diện, mô tả và lí giải vấn đề phân biệt chủng tộc được thể hiện trong tiểu thuyết Giết con chim nhại của Harper Lee
6019	Đại học	Kiểu truyện người đội lốt vật trong truyện cổ tích thần kì Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam.	Thạch, Gia Bảo	Phạm, Hoàng Nghĩa	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết truyện cổ tích thần kì, type truyện người đội lốt vật; so sánh để chỉ ra sự tương đồng, khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt của kiểu truyện cổ tích thần kì Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam
6020	Đại học	Từ xưng hô trong một số tác phẩm của Nguyễn Thi	Trần, Nguyễn Băng Thanh	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Khảo sát, thống kê phân loại từ xưng hô và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong một số tác phẩm của Nguyễn Thi
6021	Đại học	Hàm ý trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine	Thạch, Thị Diễm Kiều	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Phân tích hàm ý và các cơ chế tạo hàm ý trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine
6022	Đại học	Từ láy trong tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh	Tiêu, Minh Vươn	Nguyễn, Thị Ngọc Diệp	2018	Khảo sát lớp từ láy và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong tác phẩm “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh
6023	Đại học	Cảm hứng hiện thực và phê phán trong tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng	Trần, Gia Linh	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Trình bày cơ sở lý luận về cảm hứng sáng tác của văn học hiện thực phê phán; lí giải cảm hứng hiện thực và phê phán được thể hiện trong tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng
6024	Đại học	Tình yêu và nỗi đau đời trong thơ Nguyễn Trãi	Trần, Phạm Trúc Diệp	Lê, Thị Ngọc Bích	2018	Tìm hiểu, phân tích, lí giải tình yêu nước và nỗi yêu đời trong thơ Nguyễn Trãi

6025	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Người chậm của John Maxwell Coetzee	Trần, Thị Bích Quyên	Phạm, Tuấn Anh	2018	Phân tích, làm rõ đặc điểm nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tiểu thuyết Người chậm của John Maxwell Coetzee
6026	Đại học	Từ láy trong một số tác phẩm của Đoàn Giỏi	Trịnh, Trúc Ngân	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Khảo sát, thống kê, phân loại lớp từ láy và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong một số tác phẩm của Đoàn Giỏi
6027	Đại học	Tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh	Trương, Ngọc Duy	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Khảo sát, thống kê, phân loại lớp tính từ chỉ màu sắc và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong một số tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh
6028	Đại học	Triết lý đạo Phật trong truyện Kiều	Trương, Thị Ngọc Nhung	Lê, Thị Ngọc Bích	2018	Trình bày cơ sở lý luận về triết lý đạo Phật, tìm hiểu và lý giải sự tiếp biến của đạo Phật trong truyện Kiều
6029	Đại học	Phương thức sáng tác huyền thoại trong tiểu thuyết Nghệ Nhân và Margarita của M. Bulgacov	Nguyễn, Thị Đoan	Trần, Thị Nâu	2019	Hệ thống hóa và xác lập cơ sở lý thuyết về huyền thoại văn chương, phương thức sáng tác huyền thoại; khảo sát, nhận diện, mô tả những biểu hiện của phương thức sáng tác huyền thoại trong tiểu thuyết Nghệ Nhân và Margarita của Mikhail Bulgacov qua các phương diện: nhân vật mang dáng dấp cổ mẫu huyền thoại, motif Kyto giáo; hệ thống biểu tượng; Phân tích ý nghĩa của phương thức sáng tác huyền thoại trong việc biểu đạt nội dung tư tưởng của tác phẩm.

6030	Đại học	Tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử	Trần, Thị Liên	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Bảng mem danh me với mang thơ tình yêu trong phong trào Thơ mới và lòng ngưỡng mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử. Đồng thời, để phục vụ cho việc dạy và học tác phẩm thơ Hàn Mặc Tử ở trường phổ thông nên người viết quyết định chọn đề tài Tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử làm đề tài nghiên cứu. Hy vọng thông qua đề tài, người viết sẽ đóng góp một phần nhỏ bé trong việc tìm hiểu những biểu hiện tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử. Đề từ đó gợi mở được phần nào trong cách nghĩ và cách cảm về thơ tình yêu của Hàn Mặc Tử. Cấu trúc của Luận văn gồm ba phần: Mở đầu, Nội dung và Kết luận. Trong phần Mở đầu, người viết nêu rõ lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Trong phần Nội dung, người viết chia làm ba chương Chương 1: Những vấn đề chung: Tổng quan tình hình nghiên cứu; một số nét chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Hàn Mặc Tử. Quan niệm nghệ thuật, cảm hứng chủ đạo trong thơ Hàn Mặc Tử. Quan niệm tình yêu qua các thời kì văn học: tình yêu trong ca dao dân ca; tình yêu trong văn học trung đại và tình yêu trong văn học hiện đại 1900 - 1945. Chương 2. Biểu hiện tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử nhìn từ phương diện nội dung. Người viết khai thác trên những phương diện sau: Tình yêu gắn liền với sự rung động thiết tha; Tình yêu gắn liền với khát khao chinh phục; tình yêu gắn liền với niềm vui và hạnh phúc; tình yêu gắn liền với nỗi đau và khát vọng; tình yêu mộng ảo. Chương 3. Phương diện nghệ thuật biểu hiện tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử bao gồm thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật, ngôn ngữ thơ và giọng điệu. Trong ngôn ngữ thơ gồm có ngôn ngữ thơ giàu tính tạo hình và ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc Phần kết luận: Trong suốt chặng đường thơ, tình yêu là đề tài, là nguồn cảm hứng vô tận trong cảm hứng sáng tạo của Hàn Mặc Tử. Những người con gái bước qua cuộc đời Hàn Mặc Tử đã khơi nguồn cảm hứng để ông viết lên nhiều áng thơ rung động lòng người. Và từ đây, hồn thơ của ông như được chấp thêm đôi cánh để bay vào thế giới huyền diệu của tình yêu và mơ ước. Thời gian có trôi qua nhưng Hàn Mặc Tử vẫn còn sống mãi trên thi đàn và trong lòng của người mến mộ. Trải qua quá trình nghiên cứu người viết đã được kết quả sau: Phân tích được các biểu hiện tình yêu trong thơ Hàn Mặc Tử, đồng thời có sự so sánh và đối chiếu với các nhà thơ cùng thời; xác định và phân tích các phương diện nghệ thuật tiêu biểu góp phần làm nổi bật nội dung đề tài; người viết không chỉ có nhiều hiểu biết hơn xoay quanh đề tài mà còn bổ sung cho mình nhiều kiến thức mới
6031	Đại học	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh lớp 11 trong môn học ngữ văn	Nguyễn, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hoạt động trải nghiệm sáng tạo, chương trình Ngữ văn lớp 11; thiết kế một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo
6032	Đại học	Phương thức sáng tác huyền thoại trong tiểu thuyết Người yêu dấu của Toni Morrison	Trương, Thị Ngọc Phượng	Trần, Thị Nâu	2018	Trình bày cơ sở lý luận về phương thức sáng tác; phương thức sáng tác huyền thoại; tiểu thuyết huyền thoại thế kỉ XX; nhân diệ, mô tả biểu hiện và ý nghĩa của phương thức sáng tác huyền thoại trong tiểu thuyết Người yêu dấu của Toni Morrison
6033	Đại học	Hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm Chiến tranh không có gương mặt đàn bà của Svetlana Alexeievich	Lê, Thảo Nghi	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hình tượng nhân vật; khảo sát, mô tả đặc điểm, phẩm chất của hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm Chiến tranh không có gương mặt đàn bà của Svetlana Alexeievich

6034	Đại học	Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift	Hà, Thị Kim Yến	Phạm, Tuấn Anh	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về nhân vật và thế giới nhân vật; khảo sát, mô tả thể đặc điểm và nghệ thuật xây dựng giới nhân vật trong tiểu thuyết Gulliver du kí của Jonathan Swift
6035	Đại học	Tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam	Thị, Noi	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Nói đến văn học Việt Nam hiện đại giai đoạn 1930 – 1945 không thể không nhắc đến nhà văn Thạch Lam. Đây là một trong những nhà văn có đóng góp đáng kể cho quá trình hiện đại hoá văn học dân tộc. Bằng tài năng cũng như tâm huyết của một nhà văn yêu nghề, có trách nhiệm với nghề, Thạch Lam đã sáng tác nên những trang viết có giá trị, mang đậm dấu ấn riêng. Bằng tình yêu và niềm đam mê với văn chương của nhà văn, người viết thực hiện đề tài: Tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam. Trong luận văn Tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam, người viết trình bày những biểu hiện của tính dân tộc qua phương diện nội dung và phương diện nghệ thuật của truyện ngắn Thạch Lam. Luận văn gồm có 3 chương: Ở chương 1, người viết đi vào những vấn đề chung, gồm có tổng quan tình hình nghiên cứu, một số khái niệm cơ bản, biểu hiện của tính dân tộc trong văn học, vài nét về nhà văn Thạch Lam và thể loại truyện ngắn. Ở chương 2, người viết trình bày biểu hiện của tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam nhìn từ phương diện nội dung thể hiện qua tâm hồn, tính cách của con người Việt Nam, lối sống và cách ứng xử của con người Việt Nam. Trong tâm hồn, tính cách của người con người Việt Nam bao gồm: Giàu đức hy sinh, chịu thương, chịu khó; Giàu lòng thương người, nhân hậu, bao dung; Thủy chung, son sắt; Yêu thiên nhiên, tạo vật. Trong lối sống và cách ứng xử của con người Việt Nam, bao gồm: Lối sống giản dị, chân thành; Trọng tình, trọng nghĩa; Cách ứng xử tinh tế, kín đáo; Linh hoạt, nhạy bén. Ở chương 3, người viết đi vào khai thác những biểu hiện của tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam nhìn từ phương diện nghệ thuật. Đầu tiên là ở ngôn ngữ, bao gồm: Ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế, giàu cảm xúc; Ngôn ngữ giản dị, gần gũi, dễ hiểu. Tiếp theo là về giọng điệu, bao gồm: Giọng thủ thỉ, tâm tình; Giọng ngậm ngùi, đồng cảm, thương xót; Giọng chân thành, tha thiết. Cuối cùng là yếu tố không gian đậm đà phong vị của quê hương, đất nước và thời gian mang âm sắc quê hương Việt Nam. Kết quả của đề tài nghiên cứu này là người viết đã làm sáng tỏ những biểu hiện của tính dân tộc trong truyện ngắn của Thạch Lam ở phương diện nội dung và phương diện nghệ thuật. Qua đó, thấy được ý thức cũng như tinh thần dân tộc sâu sắc của Thạch Lam cùng với những đóng góp của nhà văn đối với nền văn học dân tộc.
6036	Đại học	Nghệ thuật miêu tả tâm lí dòng ý thức trong tiểu thuyết Âm thanh và cuồng nộ của William Faulkner	Dương, Thị Mỹ Quyên	Trần, Thị Nâu	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết dòng ý thức trong văn học thế giới; khảo sát, hệ thống và mô tả, lí giải biểu hiện và giá trị của nghệ thuật miêu tả dòng ý thức qua tiểu thuyết Âm thanh và cuồng nộ của William Faulkner
6037	Đại học	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam lớp 12 (ban cơ bản)	Nguyễn, Thị Thúy An	Nguyễn, Hải Yến	2018	Trình bày lý thuyết về phiếu học tập, thiết kế phiếu học tập trong dạy học Ngữ văn lớp 12 (các bài học thuộc văn học VN hiện đại)

6038	Đại học	Thương nhân Trung Hoa trong tiểu thuyết thời Minh-Thanh từ góc nhìn văn hóa	Huỳnh, Nguyễn Thảo	Phạm, Hoàng Nghĩa	2018	Hệ thống hóa cơ sở xã hội của hình tượng thương nhân và quan điểm thẩm mỹ về hình tượng thương nhân; Phân tích đặc điểm, vai trò, nghệ thuật biểu hiện của hình tượng thương nhân Trung Hoa trong tiểu thuyết thời Minh-Thanh từ góc nhìn văn hóa
6039	Đại học	Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong văn xuôi chống Mỹ 1965-1975	Nguyễn, Thị Cẩm Thư	Trần, Văn Minh	2018	Trình bày cơ sở lý luận về khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn; khảo sát, phân tích, lí giải khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong văn xuôi chống Mỹ 1965-1975
6040	Đại học	Vấn đề kiểm tra viết trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn.	Lâm, Thị Mai Trân	Nguyễn, Hải Yến	2018	Tổng quan vấn đề nghiên cứu, khảo sát đề thi quốc gia và đề thi lớp 12 của một số sở GD&ĐT ở ĐBSCL giai đoạn 2012-2017; đánh giá kết quả khảo sát và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra tra, đánh giá kết quả môn Ngữ văn
6041	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong dạy học Ngữ văn lớp 11	Lê, Nhựt Huyền	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về năng lực giao tiếp và chương trình Ngữ văn lớp 11, thiết kế một số hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho HS
6042	Đại học	Từ láy trong thơ Huy Cận	Hà, Thị Cẩm Duyên	Nguyễn, Văn Tư	2018	Khảo sát lớp từ láy và phân tích giá trị biểu đạt của Từ láy trong thơ Huy Cận
6043	Đại học	Từ láy trong thơ Xuân Quỳnh	Huỳnh, Hoàng Huyền	Nguyễn, Văn Tư	2018	Khảo sát lớp từ láy và phân tích giá trị biểu đạt của Từ láy trong thơ Xuân Quỳnh
6044	Đại học	Vận dụng lý thuyết kiểm tra đánh giá để thiết kế đề kiểm tra Ngữ văn	Lâm, Như Phượng	Nguyễn, Hải Yến	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về kiểm tra đánh giá, trên cơ sở đó thiết kế một số đề kiểm tra môn Ngữ văn lớp 10
6045	Đại học	Phương thức ẩn dụ tu từ trong thơ Nguyễn Bính	Nguyễn, Thị Thúy Duy	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Khảo sát, thống kê, phân loại phương thức ẩn dụ tu từ và phân tích giá trị biểu đạt của chúng trong thơ Nguyễn Bính
6046	Đại học	Số phận con người trong Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư	Lê, Thị Kim Chi	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Căn cứ trên bối cảnh xã hội, quan niệm nghệ thuật về con người của Nguyễn Ngọc Tư, phân tích, lí giải vấn đề số phận con người trong tác phẩm Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư
6047	Đại học	Cảm hứng thế sự trong truyện ngắn Sơn Vương	Lê, Huỳnh Thu Vân	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý luận về cảm hứng sáng tác; phân tích cảm hứng thế sự trong truyện ngắn của Sơn Vương
6048	Đại học	Cảm hứng thế sự trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh	Lê, Thị Hằng Ni	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý luận về cảm hứng sáng tác; phân tích cảm hứng thế sự trong một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh
6049	Đại học	Hình tượng nhân vật người mẹ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh	Trương, Trung Triệu	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hình tượng nhân vật; khảo sát, mô tả đặc điểm, phẩm chất của hình tượng người mẹ trong một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh
6050	Đại học	Từ địa phương Nam bộ trong tiểu thuyết “Đứa con của đất” của Anh Đức	Trần, Thị Thu Thảo	Nguyễn, Văn Tư	2018	Khảo sát lớp từ địa phương và phân tích giá trị biểu đạt của từ địa phương trong tiểu thuyết “Đứa con của đất” của Anh Đức
6051	Đại học	Ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn 10	Trần, Thúy Hằng	Nguyễn, Hải Yến	2018	Trình bày lý thuyết về sơ đồ tư duy, thiết kế một số hoạt động dạy học có ứng dụng SĐTD ở chương trình Ngữ văn 10
6052	Đại học	Từ địa phương Nam bộ trong “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn Giỏi	Võ, Thị Ngọc Tuyền	Nguyễn, Văn Tư	2018	Khảo sát lớp từ địa phương Nam Bộ và phân tích giá trị biểu đạt của từ địa phương trong “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi
6053	Đại học	Mối quan hệ mẹ chồng-nàng dâu qua truyện thơ Nôm khuyết danh	Trịnh, Thị Cẩm Linh	Đặng, Thị Hoa	2018	Tìm hiểu, lí giải về mối quan hệ mẹ chồng-nàng dâu qua việc khảo sát một số truyện thơ Nôm khuyết danh

6054	Đại học	Thực trạng học tập chuyển đổi trong mô hình VACB ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ và vận dụng trong dạy học ở trường phổ thông	Nguyễn, Cao Cường	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu và tổng hợp lý thuyết về T – learning và mô hình VACB; Khảo sát thực trạng của việc áp dụng mô hình VACB của nông dân huyện Phong Điền và tác động của mô hình đến sinh kế của người dân nơi đây; Đánh giá hiệu quả và tìm hiểu những khó khăn còn tồn tại trong quá trình học tập chuyển đổi tại vùng nghiên cứu; Đưa ra những đề xuất, biện pháp nhằm PTBV mô hình VACB tại huyện Phong Điền nói riêng và những vùng nông thôn khác nói chung.
6055	Đại học	“Mệnh” và triết lí “Mệnh” trong Truyện Kiều của Nguyễn Du	Nguyễn, Hồng Muội	Lê, Thị Ngọc Bích	2018	Trình bày quan niệm “Mệnh” và triết lí “Mệnh” và phân tích quan niệm, triết lí này của Nguyễn Du qua Truyện Kiều
6056	Đại học	Đề tài tình yêu tuổi mới lớn trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh	Nguyễn, Hương Giang	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Phân tích, lí giải những phương diện thể hiện của đề tài tình yêu tuổi mới lớn trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh
6057	Đại học	Thiết kế câu hỏi hướng dẫn học sinh lớp 11 phát triển năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận	Nguyễn, Bích Ngung	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về năng lực đọc hiểu, văn bản nghị luận; thiết kế câu hỏi hướng dẫn HS lớp 11 nhằm phát triển năng lực đọc hiểu
6058	Đại học	Từ xưng hô trong một số tác phẩm của Bình Nguyên Lộc	Bùi, Thị Trinh	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2018	Khảo sát, thống kê, phân loại từ xưng hô và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong một số tác phẩm của Bình Nguyên Lộc
6059	Đại học	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong chương trình dạy học ngữ văn 12	Lê, Trúc Lam	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hoạt động trải nghiệm sáng tạo, chương trình Ngữ văn lớp 12; thiết kế một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo
6060	Đại học	Nhân vật xưng “Tôi” trong tiểu thuyết bộ ba tự thuật của Macxim Gorki	Mai, Thị Trúc Linh	Trần, Thị Nâu	2018	Trình bày cơ sở lý luận về nhân vật, nhân vật tự thuật xưng tôi ; tiểu thuyết tự thuật; Phân tích lí giải đặc điểm của nhân vật xưng tôi trong tiểu thuyết bộ ba tự thuật của Macxim Gorki
6061	Đại học	Từ láy trong thơ Nguyễn Khuyến	Nguyễn, Đỗ Ngọc Trường	Nguyễn, Văn Tư	2018	Khảo sát lớp từ láy và phân tích giá trị biểu đạt của Từ láy trong thơ Nguyễn Khuyến
6062	Đại học	Tiếng cười trào lộng châm biếm trong Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh	Lê, Thị Kim Cương	Lê, Thị Ngọc Bích	2018	Trên cơ sở lý luận phạm trù mỹ học cái hài, luận văn khảo sát và phân tích tiếng cười trào lộng châm biếm trong tập thơ Nhật Ký trong tù của Hồ Chí Minh
6063	Đại học	Cảm hứng đạo lý trong truyện cổ tích người Việt	Lê, Tường Duy	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý luận về truyện cổ tích; Phân tích, lí giải cảm hứng đạo lý của người Việt được thể hiện qua truyện cổ tích
6064	Đại học	Giá trị nội dung và nghệ thuật trong Không ai qua sông của Nguyễn Ngọc Tư	Nguyễn, Phạm Bích Trâm	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2018	Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm Không ai qua sông của Nguyễn Ngọc Tư
6065	Đại học	Khảo sát tình thái từ trong tiểu thuyết của Trần Quang Nghiệp	Nguyễn, Ngọc Phương Nghi	Nguyễn, Thị Ngọc Điệp	2018	Khảo sát tình thái từ và phân tích giá trị biểu đạt của lớp từ này trong tiểu thuyết của Trần Quang Nghiệp
6066	Đại học	Dạy viết cho học sinh phổ thông thông qua ứng dụng Google Drive.	Tăng, Quang Sang	Nguyễn, Hải Yến	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về năng lực viết, Google Drive, thiết kế hoạt động, mô tả tiến trình và kết quả thực nghiệm sư phạm ứng dụng Google Drive trong dạy học lớp 10 tại trường THPT thực hành SP.
6067	Đại học	Khảo sát lỗi hành văn của học sinh trường THPT Bùi Hữu Nghĩa	Quách, Thanh Long	Nguyễn, Thị Ngọc Điệp	2018	Khảo sát lỗi hành văn của học sinh trường THPT Bùi Hữu Nghĩa (TPCT); phân tích, đánh giá kết quả khảo sát để chỉ ra những lỗi thường gặp, nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục
6068	Đại học	Hình tượng tác giả qua sáng tác của Franz Kafka	Phạm, Trần Hồng Vân	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2018	Trình bày cơ sở lý luận về hình tượng tác giả; khảo sát, mô tả và lí giải đặc điểm hình tượng tác giả được thể hiện qua sáng tác của Franz Kafka

6069	Đại học	Hình tượng người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh sau 1975	Phan, Thị Mùi	Trần, Văn Minh	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về hình tượng nhân vật; khảo sát, mô tả đặc điểm, phẩm chất của hình tượng nhân vật phụ nữ, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh
6070	Đại học	Cảm hứng chủ đạo trong truyện ngắn Trần Quang Nghiệp	Phan, Ngọc Thúy	Huỳnh, Thị Lan Phương	2018	Trình bày cơ sở lý luận về cảm hứng sáng tác; phân tích bối cảnh xã hội, quan điểm sáng tác để làm rõ cảm hứng chủ đạo trong truyện ngắn Trần Quang Nghiệp
6071	Đại học	Tình yêu nước và niềm tự hào dân tộc qua các tác phẩm Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt, Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão và Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu	Trần, Thị Huyền Trân	Lê, Thị Ngọc Bích	2018	Nghiên cứu, so sánh để chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt về tình yêu nước và niềm tự hào dân tộc qua 3 tác phẩm
6072	Đại học	Sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm ở Phước Minh Cung (chùa Ông) tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Trần, Thị Ngọc Trân	Đặng, Thị Hoa	2018	Khảo sát, sưu tầm phiên âm, dịch nghĩa di sản Hán Nôm ở Phước Minh Cung (chùa Ông) tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; đề xuất giải pháp bảo tồn di sản Hán Nôm
6073	Đại học	Về một cách hiểu trong tiểu thuyết Người đẹp say ngủ của Yasunari Kawabata	Trần, Thị Huyền Khang	Phạm, Hoàng Nghĩa	2018	Khảo sát văn bản tiểu thuyết Người đẹp say ngủ, mô tả và lí giải một số biểu tượng nhân vật trong tiểu thuyết từ góc nhìn văn hóa, phân tâm học và biểu tượng luận
6074	Đại học	Phát triển bền vững mô hình tôm - lúa luân canh ở huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng	Lý, Thị Mộng Lài	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2018	Luận văn tập trung vào một số nội dung chính sau: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để phát triển bền vững mô hình tôm – lúa; Phân tích tình hình sản xuất và phát triển bền vững mô hình tôm - lúa ở huyện Mỹ Xuyên – Sóc Trăng; Đề xuất biện pháp phát triển bền vững mô hình tôm - lúa ở huyện để giúp người dân khắc phục khó khăn và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

6075	Đại học	Thiên nhiên trong thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi	Phùng, Thị Thu Hương	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	1. Mục tiêu: - Có cái nhìn toàn vẹn về tài năng của Nguyễn Trãi trong việc miêu tả thiên nhiên. Đồng thời, tìm hiểu những tâm sự mà nhà thơ gửi gắm đằng sau bức tranh thiên nhiên tràn đầy màu sắc và hình ảnh - Dựa trên cơ sở so sánh thiên nhiên trong văn học trung đại Việt Nam với thiên nhiên trong thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi để thấy được nét tương đồng và dị biệt qua những cây viết đại thụ của nền văn học trung đại Việt Nam. - Qua đề tài này người viết hy vọng sẽ có thêm một số hiểu biết về Nguyễn Trãi. Tiếp thu thêm một số vốn quư của tinh thần dân tộc, cách sống, cách làm người, tư tưởng nhân nghĩa, tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước trong thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi nhằm góp phần tạo nên tiền đề trong việc xây dựng đất nước ở thời đại mới. 2. Nội dung chính: Chúng tôi tìm hiểu thiên nhiên trong đề tài này ở 5 mặt đó là: - Thiên nhiên gắn với cuộc đời, lối sống thanh cao, bình dị của nhà thơ - Cảm thức thiên nhiên trong thơ viết bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi - Thiên nhiên gắn với làng quê Việt Nam. - Hình ảnh thiên nhiên gắn liền với chân-thiện-mỹ. - Cuối cùng chúng tôi xem xét nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong thơ viết bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi trên các bình diện: bút pháp và ngôn ngữ miêu tả thiên nhiên của nhà thơ. 3. Kết quả đạt được - Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi giúp người đọc phát hiện ra tài năng, thành tựu và tấm lòng ưu dân ái quốc của một doanh nhân văn hóa thế giới - Đồng thời, giúp tôi chuẩn bị hành trang kiến thức cho công trình nghiên cứu khoa học cũng như việc giảng dạy về sau.
------	---------	---	----------------------	-------------------	------	--

6076	Đại học	Khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Nguyễn Tuân	Thái, Thị Thu Thảo	Nguyễn, Văn Tư	2019	Với đề tài “Tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Nguyễn Tuân”, người viết đã trình bày bố cục theo quy định của bộ môn gồm mở đầu, nội dung, kết luận và tài liệu tham khảo. Để nghiên cứu đề tài này, với niềm yêu thích và mong muốn tìm hiểu sâu về khía cạnh nghệ thuật này người viết đã xác định cho mình một hướng đi cụ thể, người viết đã tiến hành đọc hiểu các tác phẩm của Nguyễn Tuân ở giai đoạn từ năm 1945 trở về sau và thống kê lại các tính từ chỉ màu sắc có trong tác phẩm như đã trình bày ở phần phụ lục. Ở chương một, người viết đã nêu khái quát về những công trình nghiên cứu về từ loại tính từ và đưa ra nhận xét riêng của mình về các nghiên cứu này. Từ những nghiên cứu ở trên, người viết chọn cho mình một quan điểm, cách trình bày mình cho là hợp lý nhất để nêu lên khái quát về từ loại tính từ gồm các phân khái niệm, phân loại, chức năng cú pháp và khả năng kết hợp. Sau khi trình bày khái quát xong, người viết đi sâu vào phân lý thuyết trọng tâm của đề tài là lớp tính từ chỉ màu sắc, ở đây người viết cũng trình bày về khái niệm, phân loại, chức năng cú pháp và khả năng kết hợp. Ở chương hai “tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Nguyễn Tuân”, người viết trình bày những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Tuân như cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông. Để làm rõ hơn về lớp tính từ chỉ màu sắc trong tác phẩm của Nguyễn Tuân, từ phần thống kê và phân loại về lớp tính từ này trong tác phẩm người viết đã xử lý và cho ra những số liệu cụ thể về sự xuất hiện của nó để phục vụ cho việc miêu tả các tính từ chỉ màu sắc trong tác phẩm. Sau khi miêu tả về lớp tính từ này xong, người viết đưa ra những nhận xét của mình về tính từ chỉ màu sắc trong một số tác phẩm của Nguyễn Tuân để làm rõ vai trò, giá trị của lớp từ này trong việc thể hiện nội dung tác phẩm. Trong quá trình nhận xét người viết có sự so sánh về việc sử dụng tính từ chỉ màu sắc của Nguyễn Tuân và một số tác giả khác để chỉ ra sự khác biệt, nổi bật trong cách sử dụng tính từ chỉ màu sắc của Nguyễn Tuân. Cuối cùng, ở phần kết luận, người viết đưa ra những nhận định tổng hợp về vấn đề nghiên cứu.
------	---------	--	--------------------	----------------	------	---

6077	Đại học	Từ địa phương Nam bộ trong Buffet truyện ngắn đồng bằng – truyện ngắn tự chọn của 20 nhà văn ở Đồng bằng sông Cửu Long	Phạm, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	“Từ địa phương Nam bộ trong Buffet truyện ngắn đồng bằng - truyện ngắn tự chọn của 20 nhà văn ở đồng bằng sông Cửu Long” là đề tài nghiên cứu được chúng tôi lựa chọn để khai thác hệ thống từ địa phương Nam bộ có trong quyển sách này để hiểu thêm về ngôn ngữ vùng miền và cảm nhận được đầy đủ nội dung tác phẩm hơn trên phương diện ngôn ngữ. Với đề tài này chúng tôi thực hiện hai chương. Chương một nói về một số vấn đề chung của đề tài, cụ thể là vấn đề về phương ngữ; từ địa phương và từ địa phương Nam bộ. Chương hai là: Từ địa phương Nam bộ trong “Buffet truyện ngắn đồng bằng - truyện ngắn tự chọn của 20 nhà văn ở đồng bằng sông Cửu Long”. Ở chương này chúng tôi tiến hành thống kê, phân loại và nêu giá trị sử dụng của từ địa phương Nam bộ trong tác phẩm. Có 770 từ địa phương Nam bộ được chúng tôi khảo sát và chia làm 3 loại chính. Loại 1: Từ địa phương miêu tả thiên nhiên Nam bộ; loại 2: Từ địa phương miêu tả cuộc sống sinh hoạt; loại 3: Từ địa phương khắc họa con người Nam bộ. Thông qua việc phân loại từ địa phương Nam bộ trong quyển “Buffet truyện ngắn đồng bằng” chúng tôi thấy được giá trị sử dụng của từ địa phương Nam bộ qua 3 mặt: thứ nhất là từ địa phương trong việc thể hiện thiên nhiên Nam bộ. Thứ hai là từ địa phương trong việc thể hiện cuộc sống sinh hoạt của người Nam bộ. Thứ ba là từ địa phương trong việc phản ánh văn hóa và khắc họa hình ảnh con người Nam bộ. Tất cả những yếu tố đó đã vẽ ra toàn cảnh Nam bộ bằng chất liệu ngôn từ đậm chất miền Nam.
------	---------	--	----------------------	-------------------------	------	---

6078	Đại học	Hàm ý trong truyện cười hiện đại	Nguyễn, Thúy Vy	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Từ trước tới giờ, khi nhìn nhận hay phân tích, đánh giá về truyện cười, chúng ta thường nhìn ở góc độ ý nghĩa xã hội mà thiếu đi cái nhìn của ngôn ngữ học, nhất là những quan điểm và phương pháp của ngôn ngữ học hiện đại để khai thác và phát hiện, những giá trị của các tác phẩm truyện cười đối với đời sống con người. Ngày nay, truyện cười không chỉ dùng để giải trí mà nó còn có tác dụng phê phán, châm biếm và đả kích những cái sai, cái xấu trong xã hội. Cái mà người ta cười ở đây chính là những điều chướng tai gai mắt trong cuộc sống, được tác giả lồng vào một cách tinh tế nhẹ nhàng sau những câu chuyện, nhưng nó chứa đựng những ý nghĩa, bài học hay những triết lý sống sâu sắc. Trong Ngữ dụng học đó được gọi là ý nghĩa hàm ẩn, được tạo ra bằng cách vận dụng một số cơ chế ngôn ngữ nhất định. Phần mở đầu chúng tôi giới thiệu về lý do chọn đề tài này. Đồng thời nêu rõ mục đích nghiên cứu cùng với phạm vi nghiên cứu của đề tài. Cuối cùng là liệt kê một số phương pháp sẽ áp dụng khi nghiên cứu. Ở phần nội dung, chúng tôi trình bày chi tiết về tổng quan tình hình nghiên cứu. Sau đó là về cơ sở lý luận. Đó là một số quan điểm của các tác giả về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, hàm ý. Cùng với đó là quan điểm của một số tác giả về hàm ý. Sau đó, chúng tôi trình bày quan điểm về cơ chế tạo hàm ý của các tác giả: Đỗ Hữu Châu, Hồ Lê, Cao Xuân Hạo. Bên cạnh đó, chúng tôi trình bày đôi nét về khái niệm truyện cười, đặc trưng của truyện cười và so sánh truyện cười với truyện ngụ ngôn. Cuối cùng, chúng tôi tiến hành khảo sát và phân tích cơ chế tạo hàm ý trong truyện cười để thấy ý nghĩa hàm ẩn sau mỗi câu chuyện và rút ra những ý nghĩa, bài học mang tính giáo dục hay những thông điệp ý nghĩa cho cuộc sống. Cuối cùng là phần kết luận, chúng tôi rút ra những nhận xét về giá trị của nghĩa hàm ẩn trong truyện cười hiện đại.
------	---------	----------------------------------	-----------------	-------------------------	------	--

6079	Đại học	Hình tượng người phụ nữ qua tác phẩm Jane Eyre của Charlot Bronte	Tô, Nguyễn Kim Thoa	Nguyễn, Thị Hồng Hạnh	2019	Hình tượng người phụ nữ, là đề tài muôn thuở trong các sáng tác văn học. Trong cuộc sống, đa phần người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi và luôn khao khát sống hạnh phúc. Là một nhà văn nữ, Charlotte Bronte (1816 – 1855) từng có một cuộc đời không được vui vẻ và phải trải qua những sóng gió của cuộc đời. Tác phẩm Jane Eyre, là đại diện tiêu biểu của Charlotte khi viết về Hình tượng người phụ nữ, chịu tổn thương và thiệt thòi trong cuộc sống, nhưng luôn có một sức mạnh và bản lĩnh phi thường. Với việc tìm hiểu đề tài “Hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm Jane Eyre”, chúng tôi mong muốn rằng, sẽ đóng góp một phần kiến thức sâu sắc về hình tượng người phụ nữ và tác giả Charlotte Bronte, nhất là những đóng góp của bà khi xây dựng hình tượng người phụ trong tiểu thuyết Jane Eyre. Khi thực hiện đề tài, chúng tôi sẽ tiến hành tìm hiểu qua ba chương Chương một là những vấn đề chung bao gồm tổng quan tài liệu, hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm văn học trong đó trong đó chúng tôi sẽ tìm hiểu khái niệm hình tượng nhân vật và hình tượng nhân vật phụ nữ, cuối cùng là tìm hiểu nhà văn Charlotte Bronte và tác phẩm Jane Eyre Đến với chương hai và chương ba, chúng tôi sẽ tiến hành tìm hiểu các vấn đề về “Hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm Jane Eyre” ở phương diện nội dung và nghệ thuật. Qua đó, có thể thấy khi xây dựng hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm Jane Eyre, Charoltte Bronte đã làm sáng tỏ được địa vị của người phụ nữ trong gia đình, xã hội và trong tình yêu. Đặc biệt, khi xây dựng người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi nhưng luôn mạnh mẽ và bản lĩnh. Điều đáng trân trọng nhất ở người phụ nữ, là dù có căm giận ai nhưng đến cuối cùng lòng nhân ái của họ cũng tha thứ tất cả và với sự mềm mại, nữ tính của mình đã làm cho người phụ nữ dung hòa hết tất cả mọi việc. Tất cả những điều này, làm giá trị về nội dung sâu sắc của tác phẩm Jane Eyre. Đồng thời, thông qua nghệ thuật khi khắc họa hình tượng người phụ nữ đã khẳng định được sức sống tiềm tàng của tiểu thuyết Jane Eyre và tài năng của Charlotte Bronte.
------	---------	---	---------------------	-----------------------	------	---

6080	Đại học	Cảnh mùa xuân trong thơ Nguyễn Khuyến	Nguyễn, Toàn Cơ	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	Đề tài luận văn “Cảnh mùa xuân trong thơ Nguyễn Khuyến”, người thực hiện sinh viên Nguyễn Toàn Cơ dưới sự hướng dẫn của cô Lê Thị Ngọc Bích. Thực hiện đề tài này mục đích tìm hiểu, nghiên cứu về bức tranh mùa xuân trong thơ Nguyễn Khuyến ở cả chữ Hán và chữ Nôm. Với luận văn này, ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần nội dung gồm có 3 chương. Chương một, “Tổng quan tình hình nghiên cứu và đôi nét về nhà thơ Nguyễn Khuyến”. Đây là chương tiền đề để người viết có thêm tài liệu, cơ sở để hoàn thành luận văn. Chương 2, tìm hiểu về “Cảnh mùa xuân mùa xuân trong thơ trung đại Việt Nam”. Ở chương này, chúng tôi tiến hành thống kê các tác phẩm, tác giả viết về mùa xuân trong thơ trung đại, sau đó tiến hành phân tích làm rõ biểu hiện mùa xuân qua thời Lý – Trần, thời Lê, thời Tây Sơn và thời Nguyễn trên cơ sở so sánh sự khác biệt của nó. Chương 3 là chương trọng tâm của luận văn “Cảnh mùa xuân được thể hiện trong thơ Nguyễn Khuyến”. Người viết tìm hiểu trên 2 phương diện là biểu hiện bức tranh mùa xuân và một vài nét nghệ thuật tiêu biểu trong thơ Nguyễn Khuyến. Sau khi tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy, bức tranh mùa xuân trong thơ Nguyễn Khuyến mang màu sắc tươi mới ấm áp và đậm nét nông thôn. Thế nhưng, bên trong bức tranh ấy lại ẩn chứa một tâm trạng, nỗi niềm trước cả nước mất nhà tan và cuộc sống đói nghèo, tang thương của người lao động.
6081	Đại học	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh dựa trên dạy học dự án trong môn Ngữ văn 11	Lâm, Nữ Tôn Minh	Nguyễn, Hải Yến	2019	Ngày nay, quá trình toàn cầu hóa đã và đang diễn ra một cách mạnh mẽ bao trùm hầu hết tất cả các lĩnh vực. Từ đó kéo theo sự hội nhập, cạnh tranh, hợp tác giữa các nước ngày càng trở thành phổ biến. Có thể nói, kiến thức và kỹ năng của con người chính là nhân tố hàng đầu quyết định sự sống còn của mỗi quốc gia. Song song đó, ngành giáo dục đã không ngừng nghiên cứu ứng dụng nhiều phương pháp giáo dục mới trong nhiều môn học, trong đó có môn Ngữ văn. Giáo dục bắt đầu chuyển hướng từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, phẩm chất của người học nhằm góp phần nâng cao tính tích cực, tính sáng tạo từ đó giúp cho người học ngày càng tự tin hơn. Các nhà giáo dục cũng tích cực nghiên cứu và ứng dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó, phương pháp dạy học dự án là một phương án tích cực và tiến bộ. Với việc vận dụng phương pháp dạy học dự án không phải là một phương pháp dạy học hoàn toàn mới. Không chỉ ở Việt Nam mà rất nhiều nước trên thế giới đã áp dụng và đã mang lại hiệu quả rất tích cực. Mục tiêu của bài viết này là làm sáng tỏ một số vấn đề sau: lý thuyết về phương pháp dạy học dự án và năng lực, tiến trình dạy học dự án để phát triển năng lực dạy học dự án trong môn Ngữ văn lớp 11. Từ đó bắt đầu thiết kế dạy học dự án để tiến hành thực nghiệm, kiểm tra đánh giá tính thiết thực của đề tài Từ khóa: năng lực giải quyết vấn đề, dạy học dự án, dạy học dự án để phát triển năng lực dạy học dự án.

6082	Đại học	Đóng góp truyện ngắn Thạch Lam từ góc nhìn thể loại	Trần, Thị Diễm My	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Luận văn gồm có 69 trang. Ngoài phần Mở đầu (3 trang), Kết luận (3 trang), Tài liệu tham khảo (2 trang), Niên biểu (2 trang), phần Nội dung chính của luận văn gồm 57 trang, được triển khai trong ba chương Chương 1: Cơ sở lý thuyết Ngoài phần giới thiệu thuật ngữ, những lý thuyết về thể loại truyện ngắn, cuộc đời, sự nghiệp, những tác phẩm chính của tác giả, khái lược những truyện ngắn Thạch Lam. Đề từ đó, nhận thấy những tiền đề lý thuyết về truyện ngắn, hoàn cảnh, tiểu sử của tác giả cùng cộng hưởng, chi phối, tác động tạo nên những đoán thiên tiểu thuyết độc đáo, góp phần tạo nguồn cảm hứng bất tận cho công trình nghiên cứu được diễn ra Chương 2: Đóng góp truyện ngắn Thạch Lam trong xây dựng nhân vật Từ những tiền đề của chương trước, chương này trình bày những khái niệm về nhân vật văn học, các kiểu nhân vật và đi sâu vào khám phá những khía cạnh: Nghệ thuật khắc họa nhân vật qua ngoại hình và tâm lý – tính cách nhân vật. Từ đó phát hiện và trình bày những nghệ thuật độc đáo mà nhà văn đã vận dụng. Chương 3: Đóng góp truyện ngắn Thạch Lam từ phương diện ngôn ngữ, giọng điệu, không gian và thời gian nghệ thuật Chương này chỉ ra đóng góp truyện ngắn Thạch Lam từ một số phương diện: nghệ thuật xây dựng giọng điệu, không gian – thời gian . Kết luận khái quát kết quả nghiên cứu
6083	Đại học	Nhân vật mảnh vỡ trong tiểu thuyết Ruồng bỏ của John Maxwell Coetzee	Lương, Trung Hào	Phạm, Tuấn Anh	2019	Thực hiện luận văn này, người viết đi sâu tìm hiểu kiểu “nhân vật mảnh vỡ” trong tiểu thuyết Ruồng bỏ. Qua đó, thấy rõ cách sử dụng kỹ thuật mảnh vỡ của John Maxwell Coetzee, cũng như cách mà ông xây dựng lên các yếu tố nghệ thuật trong tác phẩm. Luận văn gồm 3 chương: Chương 1 – Những vấn đề chung (trình bày các giới thuyết quan trọng với đề tài: mảnh vỡ, nhân vật mảnh vỡ, khái niệm và đặc trưng hậu hiện đại); Chương 2 – Biểu hiện của nhân vật mảnh vỡ trong tiểu thuyết Ruồng bỏ (trình bày kết quả mà người viết nghiên cứu được về các mảnh vỡ đồng dạng và nghịch dạng); Chương 3 – Nghệ thuật xây dựng nhân vật mảnh vỡ trong tiểu thuyết Ruồng bỏ (trình bày các phương diện nghệ thuật góp phần tạo nên kiểu nhân vật mảnh vỡ). Qua quá trình nghiên cứu, người viết nhận thấy “nhân vật mảnh vỡ” là một kiểu nhân vật rất độc đáo và mới mẻ, mang đậm đặc trưng văn học hậu hiện đại. Đồng thời, đây cũng là một trong những yếu tố làm nên sự thành công của tiểu thuyết Ruồng bỏ.

6084	Đại học	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn cho học sinh lớp 10 nhằm phát triển năng lực giao tiếp	Lê, Trường An	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2019	Hoạt động trải nghiệm là một loại hình hoạt động giáo dục như các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông, được thực hiện một cách có tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển, phát huy tiềm năng của người học. Xuất phát từ mục tiêu của việc thiết kế hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh, luận văn chia làm ba phần chính Phần mở đầu: nêu lên được lý do xây dựng đề tài của mình. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học sẽ đặt người học là chủ thể của hoạt động học tập vào những tình huống của thực tế được trải nghiệm. Phần nội dung: luận văn chia làm hai chương cụ thể Chương 1: Cơ sở lý luận, trình bày được tổng quan đề tài nghiên cứu (các tài liệu liên quan đến hoạt động trải nghiệm và năng lực giao tiếp), khái niệm năng lực giao tiếp và tầm quan trọng của việc phát triển năng lực giao tiếp cho người học sẽ như thế nào. Cùng với đó là việc trình bày các quan niệm về hoạt động trải nghiệm, mục tiêu, yêu cầu, vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho người học sẽ đạt được những gì. Cuối cùng, sẽ có những phương pháp, cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm và những hình thức tổ chức hoạt động thông qua các hoạt động (thuyết trình, kịch bản, dự án, đóng vai,..) nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho người học Chương 2: Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn cho học sinh lớp 10 nhằm phát triển năng lực giao tiếp cho người học. Qua đó, trình bày vài nét về mục tiêu môn học trong chương trình trung học phổ thông. Để thực hiện việc học tập trải nghiệm cần phải đề ra các nguyên tắc xây dựng cụ thể, để từ đó mỗi giáo viên có được cơ sở xây dựng được các chương trình học tập phù hợp nhất, đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác giảng dạy. Vấn đề cốt lõi, quan trọng của chương này là thiết kế những chủ đề học tập gắn với hoạt động trải nghiệm để phát triển những năng lực cần đạt được cho người học (Thiết kế hoạt động thuyết trình về chủ đề văn học dân gian, dự án văn học dân gian, sân khấu hóa truyện dân gian), mỗi hoạt động đề ra cần xác định giúp người học đạt được những mục tiêu cần đạt là gì và định hướng phát triển những năng lực gì thông qua mỗi hoạt động Phần kết luận mặc dù hoạt động trải nghiệm được thiết kế tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy năng lực, vai trò chủ thể người học. Nhưng hiện nay, việc tổ chức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm trong chương trình trung học phổ thông còn ít và chưa đi sâu để khai thác từng môn học cụ thể. Với đề tài này, chúng tôi mong rằng trong thời gian tới sẽ có nhiều người thiết kế, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, phong phú, đa dạng hơn nữa
------	---------	--	---------------	----------------------	------	--

6085	Đại học	Hành trình “Từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui” trong thơ Chế Lan Viên	Võ, Thị Kim Thoa	Trần, Văn Minh	2019	Đề tài “Hành trình từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui trong thơ Chế Lan Viên”, là kết quả nghiên cứu về sự thay đổi nội dung thơ Chế Lan Viên trước và sau 1945. Luận văn được triển khai gồm ba phần: mở đầu, nội dung và kết luận. Trong phần mở đầu người viết đã trình bày lí do chọn đề tài, phạm vi nghiên cứu, mục đích nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu Phần nội dung nghiên cứu được chúng tôi chia thành ba chương như sau: Ở chương I, chúng tôi tổng hợp những tài liệu và cơ sở lí thuyết liên quan đến đề tài, sơ lược về tác giả Chế Lan Viên. Kế tiếp, ở chương II, chúng tôi phân tích nỗi đau bế tắc và khao khát thoát li của tác giả trước năm 1945. Cuối cùng, trong chương III, chúng tôi tập trung thể hiện niềm hạnh phúc hòa nhập và khát vọng sáng tạo của Chế Lan Viên sau 1945 Trong bài nghiên cứu này, ở phần kết luận, chúng tôi đã khái quát lại những nội dung chính trong hành trình thơ Chế Lan Viên để mọi người thấy được những đóng góp của nhà thơ trong sự nghiệp phát triển thơ ca hiện đại của nước nhà. Bên cạnh đó tôi mong muốn giúp cho việc giảng dạy, cảm nhận thơ ca Chế Lan Viên ở trường phổ thông ngày một tốt hơn.
6086	Đại học	Thiết kế giáo án dạy đọc hiểu văn học dân gian nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh ở trung học cơ sở	Ngô, Nguyễn Xuân Quyên	Nguyễn, Thị Hồng Nam	2019	Năng lực và năng lực đọc hiểu văn bản là một trong những khái niệm được quan tâm, đánh giá và trao đổi trong ngành khoa học giáo dục Việt Nam nhiều năm trở lại đây. Năng lực đọc hiểu văn bản được xem là năng lực cốt yếu của môn học Ngữ văn. Hiểu được vấn đề đó người viết đã lựa chọn và thực hiện đề tài Thiết kế giáo án dạy đọc hiểu văn học dân gian nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho HS ở trung học cơ sở Khi thực hiện đề tài luận văn này, người viết tự thấy đã hoàn thành được những việc cơ bản ở mỗi chương nghiên cứu. Ở phần mở đầu, người viết đã chỉ ra được tổng quan tài liệu của đề tài trên. Trong phần nội dung người viết chia bài nghiên cứu thành hai chương. Đến với chương một, người viết đã đi sâu vào tìm hiểu và phân tích khái niệm của năng lực, năng lực đọc hiểu để từ đó đề ra các biện pháp cụ thể cho việc phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh. Cuối cùng là chương 2, đây có lẽ là chương nghiên cứu kì công nhất bởi vì người viết phải đọc, lựa chọn một số tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu, kết hợp với các khái niệm, nội dung bên trên và biện pháp để từ đó thiết kế ra giáo án hoàn chỉnh nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh Thực hiện công trình nghiên cứu của mình, người viết nhận thấy rằng việc phát triển các năng lực nói chung và năng lực đọc hiểu nói riêng là rất thực sự rất cần thiết trong quá trình học tập của học sinh. Bởi lẽ theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể thì Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mĩ - nhân văn; giúp học sinh có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Trên đây là phần tóm tắt nội dung thực hiện luận văn của người viết. Mong rằng, với việc nghiên cứu về đề tài này, người viết sẽ đóng góp một nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho việc nghiên cứu, học tập và giảng dạy sau này.

6087	Đại học	Đặc điểm nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh	Bùi, Thị Yến Ngân	Trần, Văn Minh	2019	Luận văn Đặc điểm nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh gồm ba chương, được thực hiện nhằm làm rõ về những nét nghệ thuật cơ bản trong thơ Xuân Quỳnh và hiệu quả nghệ thuật, từ đó, thấy được đóng góp to lớn của nữ nhà thơ Việt Nam hiện đại – Xuân Quỳnh Chương I giới thiệu tổng hợp những tài liệu và cơ sở lí thuyết cần thiết về các bình diện của nghệ thuật thơ: thể thơ (thơ lục bát, thơ ngũ ngôn, thơ tự do), giọng điệu thơ, ngôn ngữ thơ, hình ảnh thơ và các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ, câu hỏi tu từ) và đôi nét về nữ sĩ Xuân Quỳnh (Cuộc đời và sự nghiệp, Các tác phẩm chính, Quan niệm thơ) để làm nền tảng khai thác những đặc sắc nghệ thuật ở chương II và chương III Chương II trình bày kết quả khảo sát: đặc điểm về thể thơ, giọng điệu thơ và các biện pháp tu từ sử dụng trong thơ Xuân Quỳnh Chương III trình bày những vấn đề về đặc điểm ngôn ngữ, hình ảnh thơ Xuân Quỳnh.
6088	Đại học	Thi pháp tiểu thuyết Ruồng bỏ của John Maxwell Coetzee	Phạm, Yến Nhi	Phạm, Tuấn Anh	2019	Để thực hiện đề tài luận văn “ Thi pháp tiểu thuyết Ruồng bỏ của John Maxwell Coetzee” người viết đã hoàn thành những việc cơ bản sau đây: Chương I (Những vấn đề chung) người viết đã trình bày các giới thuyết cơ bản về thi pháp và thi pháp học ở chương này người viết phần nào hiểu rõ hơn về các kiến thức cơ bản về thi. Chương 2 (Nhân vật và quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết “Ruồng bỏ”) người viết trình bày kết quả người viết nghiên cứu về hệ thống nhân vật và Coetzee đã sử dụng các thủ pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật và quan niệm nghệ thuật con người thông qua hệ thống nhân vật. Bộc lộ cái nhìn của nhà văn khá tinh tế và chân thực về con người trước một xã hội nước Nam Phi thế kỉ XX, con người bị cô lập và sống trong xã hội hỗn loạn. Chương 3 (thi pháp không gian, thời gian, kết cấu nghệ thuật).Trình bày các yếu tố nghệ thuật được tác giả sử dụng trong tác phẩm. Người viết đã nhận thấy rằng khi nghiên cứu về một tác phẩm ở góc nhìn nội dung lẫn nghệ thuật là hướng đi đúng. Bởi vì qua đó chúng ta sẽ nhận thấy những quan niệm, tư tưởng mà tác giả đã thể hiện vào.

6089	Đại học	Vấn đề giáo dục trong thơ Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn, Thị Cẩm Nhung	Đặng, Thị Hoa	2019	Người viết thực hiện đề tài “Vấn đề giáo dục trong thơ Nguyễn Bình Khiêm” để nghiên cứu về phương diện giáo dục trong thơ ông. Kết quả của đề tài nghiên cứu này là người viết đã làm sáng tỏ một số khía cạnh liên quan đến vấn đề giáo dục trong thơ Nguyễn Bình Khiêm như sau: Thơ ông là bài học giáo dục muôn đời về rèn luyện bản thân và đối nhân xử thế, trong đó người viết đi sâu nghiên cứu về những biểu hiện của tính giáo dục đối với bản thân mỗi người như rèn luyện đạo đức và cách đối nhân xử thế để giữ gìn, bảo vệ các mối quan hệ xung quanh; Thơ Nguyễn Bình Khiêm còn là tiếng nói giáo dục về tầm quan trọng của nhân dân và tình yêu đối với quê hương đất nước; Bài học về lối sống giản đơn, tâm hồn thanh cao và khát khao cống hiến. Ở khía cạnh này, người viết tìm hiểu về phong cách sống hòa hợp, gắn bó với thiên nhiên, triết lý nhân văn trong thơ ông từ đó bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước, đồng thời cũng làm rõ khát khao cống hiến của ông. Từ những khía cạnh được làm rõ trên, người viết soi rọi vào xã hội hiện nay để thấy được những giá trị giáo dục phù hợp và không phù hợp trong thời đại mới Sau khi là làm rõ về nội dung của một số vấn đề giáo dục trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, người viết tiến hành làm sáng tỏ một vài điểm đặc sắc về nghệ thuật góp phần không nhỏ vào thành công của các vấn đề giáo dục được đề cập như: Sự đa dạng của đề tài; Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc; Vận dụng thủ pháp đối lập và mối quan hệ nguyên nhân – kết quả; Cuối cùng là Sự khéo léo trong việc vận dụng ngôn ngữ Đó là những vấn đề người viết sẽ tiến hành nghiên cứu trong luận văn.
------	---------	---	-----------------------	---------------	------	---

6090	Đại học	Thi pháp tiểu thuyết Đợi bọn mọi của John Maxwell Coetzee	Lê, Hoàng Công Danh	Phạm, Tuấn Anh	2019	Ở luận văn này người viết muốn đi sâu vào tìm hiểu kĩ hơn về nhà văn John Maxwell Coetzee cũng như quyển tiểu thuyết đã đem tên tuổi của ông vươn tầm thế giới và đó chính là quyển tiểu thuyết “Đợi bọn mọi” bằng một góc nhìn mới hơn đó là góc nhìn của thi pháp học, để từ đó thấy được những điểm đặc sắc cả về nội dung cũng như về nghệ thuật của tác phẩm. Vì vậy người viết chọn tên đề tài nghiên cứu của mình là: Thi pháp tiểu thuyết “Đợi bọn mọi” của John Maxwell Coetzee. Bài luận văn của người viết gồm 3 chương: Trong chương 1, người viết nêu ra cơ sở lí thuyết của thi pháp, thi pháp học, các phương diện chủ yếu của thi pháp tác phẩm như thi pháp nhân vật và quan niệm nghệ thuật về con người, thi pháp thời gian và không gian nghệ thuật, thi pháp kết cấu. Đến chương 2 của luận văn thông qua việc miêu tả hành động, tâm lí nhân vật của tác giả, người viết đã rút ra được quan niệm nghệ thuật về con người mà nhà văn Coetzee muốn gửi gắm đằng sau những con chữ. Từ những quan niệm nghệ thuật về con người đó, người viết cũng cho thấy được tư tưởng và tinh thần nhân đạo của nhà văn. Cuối cùng là chương 3 của luận văn, người viết cũng đã thể hiện được những biểu hiện cụ thể của thời gian nghệ thuật (bao gồm thời gian trần thuật và thời gian được trần thuật), không gian nghệ thuật (bao gồm không gian bối cảnh, tâm lí và sự kiện) và kết cấu nghệ thuật của tác phẩm. Thực hiện công trình nghiên cứu của mình (cụ thể là qua 3 chương), người viết nhận thấy rằng, nghiên cứu tác phẩm từ phương diện thi pháp quả thật là một hướng đi rất hiệu quả bởi vì qua đó chúng ta nhận thấy được phương pháp, phong cách, cách thức sáng tạo nên văn chương nghệ thuật của tác giả, đồng thời cũng thấy rõ được nội dung tư tưởng được thể hiện trong đứ con tinh thần. Cho nên có thể khẳng định, nghiên cứu tác phẩm từ góc nhìn thi pháp sẽ nhìn nhận được tác phẩm một cách toàn diện và đa chiều hơn, từ nội dung cho đến nghệ thuật.
------	---------	---	---------------------	----------------	------	--

6091	Đại học	Ẩn dụ tu từ trong ca dao Việt Nam	Dương, Thị Bích Duyên	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Mục đích nghiên cứu của khóa luận này là tìm hiểu hiện tượng chuyển nghĩa mà cụ thể là ẩn dụ tu từ trong ca dao Việt Nam để góp phần làm nên vẻ đẹp của ca dao cũng như sự thành công của ẩn dụ tu từ trong ca dao Việt Nam. Luận văn của người viết gồm ba phần : Mở đầu, Nội dung, Kết luận được triển khai thành hai chương. Đầu tiên, chương 1: Những vấn đề chung. Người viết phân biệt ẩn dụ tu từ với ẩn dụ tu từ. Tiếp theo, người viết đi tìm hiểu cấu tạo, chức năng và phân loại ẩn dụ tu từ phân biệt ẩn dụ tu từ với hoán dụ, ẩn dụ tu từ với so sánh. Kế tiếp, người viết đi tìm hiểu những công trình nghiên cứu về ẩn dụ trong văn chương để làm cơ sở nghiên cứu để viết khóa luận tốt hơn. Và cuối cùng, người viết đi tìm hiểu nguồn gốc sự hình thành, phát triển của ca dao, phân biệt ca dao với dân ca. Tiếp theo, đến với chương 2: Khảo sát ẩn dụ tu từ trong ca dao Việt Nam. Người viết đi khảo sát ẩn dụ tu từ trong quyển “ Ca dao Việt Nam” của tác giả Đinh Gia Khánh và quyển “Ca dao Việt Nam” của Châu Nhiên Khanh. Qua khảo sát, thống kê, người viết nhận thấy ẩn dụ xuất hiện 226 lần, trong đó ẩn dụ phẩm chất -trạng thái xuất hiện nhiều nhất với 180 lần, đứng thứ hai là ẩn dụ hành động với 40 lần có mặt, tiếp đó là ẩn dụ bổ sung với số lần xuất hiện là 5 và cuối cùng là ẩn dụ hình thức với 1 lần xuất hiện. Dù xuất hiện ít hay nhiều, thì mỗi hình ảnh ẩn dụ tu từ cũng góp phần làm nên sự thành công trong ca dao. Cuối cùng, phần Giá trị biểu đạt của ẩn dụ tu từ trong ca dao Việt Nam , người viết đi phân tích giá trị biểu đạt của ẩn dụ : thể hiện tình yêu đôi lứa, thể hiện tình yêu lao động - sản xuất, thể hiện tình cảm gia đình.
------	---------	-----------------------------------	-----------------------	-------------------------	------	---

6092	Đại học	Khảo sát sát tính từ chỉ màu sắc trong truyện ngắn của Nguyễn Khải	Diệp, Trầm Bảo Anh	Nguyễn, Văn Tư	2019	Trong luận văn, ngoài những mục mở đầu, tổng kết và tài liệu tham khảo thì nội dung chính của luận văn gồm hai chương Chương một là tổng quan tình hình nghiên cứu và lý thuyết về từ loại tính từ. Ở chương này, người viết chủ yếu đi tìm hiểu các công trình nghiên cứu về từ loại tính từ các khái niệm, quan niệm về từ loại tính từ của nhiều tác giả để làm nền tảng cho việc nghiên cứu đề tài “Khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong truyện ngắn của Nguyễn Khải”. Chương hai là chương khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong truyện ngắn của Nguyễn Khải. Do đây là chương trọng tâm nên người viết sẽ đi tìm hiểu, thống kê các tính từ chỉ màu sắc trong tác phẩm. Trong phần thống kê người viết sẽ phân chia tính từ chỉ màu sắc ra làm hai loại, đó là tính từ chỉ màu sắc không xác định thang độ và tính từ chỉ màu sắc xác định thang độ. Sau khi đã thống kê các từ chỉ màu sắc trong tác phẩm người viết tiến hành phân tích các từ chỉ màu sắc trong từng bối cảnh. Song song đó người viết so sánh với một số chi tiết về màu sắc tương tự của các tác giả khác để làm nổi bật giá trị của màu sắc đó. Từ những phân tích, miêu tả đó người viết sẽ nêu lên được giá trị của các tính từ chỉ màu sắc đối với tác phẩm. Sau cùng người viết sẽ nhận xét các tính từ chỉ màu sắc trong tác phẩm xuất hiện theo ba cấp bậc: Tính từ chỉ màu sắc được sử dụng với tần số tương đối cao; Tính từ chỉ màu sắc được sử dụng rất linh hoạt và có kết hợp hài hòa giữa các tính từ chỉ màu sắc và sau đó đưa ra kết luận Trên đây là phần tóm tắt của đề tài “Khảo sát tính từ chỉ màu sắc trong truyện ngắn của Nguyễn Khải”.
6093	Đại học	Tổ chức hoạt động dạy-học môn Ngữ văn lớp 10 thông qua Edmodo nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh	Võ, Thị Cẩm Tiên	Nguyễn, Hải Yến	2019	Việc phát triển năng lực tự học cho học sinh là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay. Trong nhà trường, việc phát triển năng lực tự học cho HS đang được quan tâm. Đặc biệt, thông qua đổi mới phương pháp dạy học, GV có thể tạo ra những môi trường học tập trong và ngoài phạm vi lớp học qua các ứng dụng học tập để giúp HS phát triển NL này. Từ cách truyền thụ kiến thức một cách khô khan, nhàm chán, nhờ ứng dụng CNTT tiết học trở nên sinh động hơn, từng bước chuyển giao nhiệm vụ học tập vào mỗi học sinh, nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu “chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học” Từ khóa: hoạt động dạy – học, Edmodo, năng lực tự học, ...

6094	Đại học	Biện pháp tu từ từ ngữ theo quan hệ liên tưởng trong thơ Nguyễn Bính	Bùi, Thị Cẩm Hồng	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Chúng tôi thực hiện khóa luận với đề tài “Biện pháp tu từ từ ngữ theo quan hệ liên tưởng trong thơ Nguyễn Bính”. Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều trong cách nói năng của người Việt, hơn nữa biện pháp đã trở thành chìa khóa mở ra cánh cửa thành công cho nhiều tác giả và tác phẩm. Vì thế, đến với đề tài này, người viết mong muốn phân tích được những giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ từ ngữ để thỏa mãn niềm say mê của bản thân đồng thời muốn đóng góp sự hiểu biết của mình đến với người đọc-những người yêu thơ Nguyễn Bính một cách hiểu mới lạ từ góc nhìn biện pháp tu từ Người viết đi vào phân tích giá trị biểu đạt của từng biện pháp tu từ từ ngữ: So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, phúng dụ, tượng trưng trong thơ Nguyễn Bính để cho người đọc thấy được cái hay, cái tài của Nguyễn Bính khi vận dụng những biện pháp tu từ một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao. Từ đó công nhận vai trò quan trọng của các biện pháp tu từ. Các biện pháp này đã làm nên thành công cho thơ Nguyễn Bính trong suốt quá trình sáng tác từ Bắc chí Nam, trải dài từ trước và sau cách mạng tháng Tám và nó sẽ mãi là những dòng thơ gây xao xuyến mọi thế hệ độc giả.
6095	Đại học	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh dựa trên dạy học dự án trong môn Ngữ văn 10	Thạch, Thị Bé Thúy	Nguyễn, Hải Yến	2019	Hiện nay, trình toàn cầu hóa đã và đang diễn ra một cách mạnh mẽ bao trùm hầu hết tất cả các lĩnh vực. Để nâng cao hội nhập, giáo dục chính là yếu tố hàng đầu quyết định năng lực của mỗi quốc gia. Trong đó, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học dự án đã tạo nên bước tiến mới trong công tác giảng dạy ở các trường phổ thông trong việc phát triển năng lực chung và năng lực chuyên biệt. Dạy học dự án không phải là một phương pháp hoàn toàn mới, nó đã được áp dụng thành công không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Mục tiêu của bài viết này là làm sáng tỏ một số vấn đề sau: lý thuyết về phương pháp dạy học dự án và năng lực giải quyết vấn đề, tiến trình dạy học dự án để phát triển Từ khóa: năng lực giải quyết vấn đề, dạy học dự án, dạy học dự án để phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

6096	Đại học	Giá trị nội dung và nghệ thuật trong truyện ngắn Kim Lân	Võ, Anh Thu	Hồ, Thị Xuân Quỳnh	2019	Trong luận văn Giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Kim Lân người viết trình bày về những giá trị nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn Kim Lân. Luận văn gồm có 3 chương gồm: Đầu tiên là phần nội dung, người viết đã trình bày việc nhà văn phản ánh chân thực cuộc sống của người nông dân lao động, cuộc sống nghèo khổ, túng quẫn, cuộc sống vất vả, đắng cay, bẽ tắc trong sáng tác của mình. Phản ánh sinh động phong tục tập quán ở làng quê Việt Nam gồm cả những phong tục tập quán tốt đẹp lẫn những phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu. Đồng thời, thông qua ngòi bút của nhà văn Kim Lân đã tố cáo tội ác dã man của phong kiến, thực dân và phát xít, cũng như ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của người lao động nghèo đó là sự hy sinh, bao dung, độ lượng, sự chân chất, mộc mạc, chăm lam, chăm làm. Ngoài ra, người viết còn khai thác những giá trị nghệ thuật trong các truyện ngắn của Kim Lân. Đầu tiên là nghệ thuật xây dựng truyện gồm: Cốt truyện mang đặc điểm đơn giản, chi tiết, chọn lọc, hấp dẫn, còn tình huống truyện thì éo le, bất ngờ. Thứ hai là nghệ thuật miêu tả nhân vật trong đó người viết làm rõ những yếu tố như qua tên nhân vật quê mùa, tội nghiệp, ngoại hình được miêu tả chi tiết, chân thật, sắc sảo và qua biểu hiện tâm lý nhân vật nhà văn đã khắc họa tâm lý nhân vật qua những biểu hiện bên ngoài: ngôn ngữ, hành động, trang phục và nghệ thuật miêu tả trực tiếp tâm lý nhân vật. Thứ ba, là ngôn ngữ và giọng điệu, với giọng điệu nhẹ nhàng, sâu lắng. Cuối cùng là không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật được xây dựng và miêu tả một cách chân thật.
6097	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Nhà thờ Đức bà Paris của Victor Hugo	Giang, Thị Diệu Ái	Phạm, Tuấn Anh	2019	Thực hiện đề tài luận văn “đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết "Nhà thờ Đức bà Paris" của Victor Hugo”, người viết đã hoàn thành được những việc cơ bản sau đây: Ở chương 1, (Những vấn đề chung), người viết trình bày về “Giới thuyết về tiểu thuyết và những đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết”, “vài nét về văn học Pháp thế kỷ XIX” và những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, quan niệm sáng tác của tác giả Victor Hugo. Đến chương 2 của luận văn người viết trình bày kết quả nghiên cứu về các khía cạnh nội dung trong tác phẩm như: phản ánh số phận bất hạnh của con người trong xã hội, bộc lộ cái nhìn của nhà văn về tình yêu và hạnh phúc, đề cập đến tính lưỡng diện trong bản thân mỗi người, trân trọng, nâng niu cái đẹp tiềm ẩn bên trong mỗi người. Cuối cùng là chương 3 của luận văn, người viết cũng đã trình bày được các yếu tố nghệ thuật tác giả đã sử dụng trong tác phẩm như: Nghệ thuật xây dựng nhân vật, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, nghệ thuật xây dựng cái nghịch dị và kết cấu nghệ thuật của tác phẩm. Người viết nhận thấy rằng khi nghiên cứu về tác phẩm ở cả góc nhìn nội dung và nghệ thuật là một hướng đi đúng đắn. Bởi vì qua đó, chúng ta nhận thấy được những quan niệm, tư tưởng mà tác giả đã lồng ghép vào đấy. Từ đó, chúng ta có thể hiểu được tác phẩm một cách toàn diện và đa chiều hơn.

6098	Đại học	Văn hóa nhận thức của người Việt qua văn học dân gian	Nguyễn, Thị Kim Quỳnh	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Đề tài “Văn hóa nhận thức của người Việt qua văn học dân gian” là quá trình nghiên cứu về những nhận thức của người Việt được ghi chép và phản ánh lại trong nền văn học dân gian từ thời xa xưa cho đến nay. Ở luận văn này chúng tôi tập trung nghiên cứu theo ba chương lớn Chương 1: Những vấn đề chung Chương 2: Nhận thức về thế giới tự nhiên của người Việt qua văn học dân gia Chương 3: Nhận thức về con người và xã hội của người Việt qua văn học dân gia Thông qua ba chương này chúng tôi cung cấp một số cơ sở lí thuyết cùng với việc nghiên cứu về những nhận thức và những kinh nghiệm mà người Việt đã đúc kết ra được về thế giới tự nhiên, về con người và xã hội thông qua một số thể loại văn học dân gian tiêu biểu. Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng nhận thức của người Việt vốn đã sớm hình thành rất lâu, tồn tại từ thời khai thiên lập địa và phát triển trong suốt quá trình sống và lao động sản xuất của họ. Con người đã giải thích được nguồn gốc của vụ trụ và muôn loài, giải thích được các đặc điểm của các hiện tượng tự nhiên tự nhiên, nêu lên được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên thông qua hệ thống các câu truyện thần thoại, truyện cổ tích dân gian và con người cũng đã thể hiện ý thức, kinh nghiệm, quan điểm sống và ước mơ của mình qua qua những câu truyện ngụ ngôn, truyện cười, ca dao tục ngữ,.. Từ đó, độc giả sẽ có cách hiểu khái quát hơn về những nhận thức của người Việt trải dài qua từng thế hệ đồng thời công nhận những đóng góp mà nền văn học dân gian đã để lại cho nước nhà.
------	---------	---	-----------------------	-----------------------	------	---

6099	Đại học	Giá trị biểu ý của văn tự Hán	Lê, Hồng Ân	Lê, Thị Ngọc Bích	2019	Trong luận văn với đề tài “Giá trị biểu ý của văn tự Hán” này, chúng tôi chia làm ba phần lớn đó là mở đầu, nội dung và kết luận Phần mở đầu gồm những mục giới thiệu khái quát về đề tài “Giá trị biểu ý của văn tự Hán” như lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Các phần trên giúp chúng ta phần nào hiểu được giá trị của đề tài, giúp đề tài được thực hiện theo đúng trình tự được đưa ra Phần nội dung của đề tài gồm những chương được triển khai để dần làm sáng tỏ đề tài được nghiên cứu Chương 1 gồm ba mục nhỏ, những mục này góp phần làm sáng tỏ những vấn đề chung như những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài được trình bày trong tổng quan tình hình nghiên cứu; Giới thuyết về văn tự Hán và khái niệm biểu ý của văn tự Hán. Mục những vấn đề chung về văn tự Hán trình bày quá trình hình thành và phát triển của văn tự Hán cũng như sự du nhập, phát triển và suy thoái của văn tự Hán ở Việt Nam Giá trị biểu ý của văn tự Hán được trình bày ở chương 2 tập trung nghiên cứu, chỉ ra giá trị biểu ý của văn tự Hán dựa trên bốn phép tạo chữ là Tượng hình, Chỉ sự, Hội ý và Hình thanh. Ở mỗi phép tạo chữ, chúng tôi luôn làm rõ đặc điểm, phương thức cấu tạo của loại chữ được hình thành theo phép tạo chữ đó. Song song bên cạnh đó, chúng tôi chỉ ra biểu ý của văn tự được hình thành theo phép tạo chữ tương ứng, từ đó nêu lên giá trị biểu ý đối với bản thân văn tự cũng như đối với sự tồn tại của phép tạo chữ đó Ở Chương 3, chúng tôi tiến hành phân tích giá trị biểu ý của văn tự Hán qua một số văn bản trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông. Vận dụng những kiến thức ở chương 2, chúng tôi lựa chọn và phân tích những văn tự có giá trị biểu ý cao trong những tác phẩm văn học được viết bằng chữ Hán được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn của cấp trung học phổ thông Chúng tôi khái quát lại tất cả những ý quan trọng, then chốt của nghiên cứu đồng thời đưa ra đánh giá của bản thân về vấn đề được nghiên cứu ở phần kết luận.
------	---------	-------------------------------	-------------	-------------------	------	--

6100	Đại học	Cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian Việt Nam	Trịnh, Thị Huyền Trân	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Trong luận văn với đề tài “ Cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian” này, chúng tôi chia làm ba phần lớn đó là mở đầu, nội dung và kết luận Phần mở đầu gồm những mục giới thiệu khái quát về đề tài “ Cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian Việt Nam” như lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Các phần trên giúp chúng ta phần nào hiểu được giá trị của đề tài, giúp đề tài được thực hiện đúng trình tự được đưa ra Phần nội dung của đề tài gồm những chương được triển khai để làm sáng tỏ đề tài được nghiên cứu Chương 1 gồm ba mục nhỏ, những mục này góp phần làm sáng tỏ những vấn đề chung như những công trình có liên quan đến đề tài được trình bày trong tổng quan nghiên cứu; Khái niệm về cảm hứng phê phán và vài nét về truyện cười dân gian Chương 2 tập trung nghiên cứu, trình bày nội dung cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian dựa trên những mục như: Truyện cười dân gian chia mũi nhọn vào giai cấp thống trị và truyện cười dân gian phê phán mọi việc làm không tốt trong nhân dân Chương 3 tiến hành phân tích những nghệ thuật được sử dụng trong Cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian bao gồm nghệ thuật xây dựng cốt truyện, nghệ thuật kết cấu truyện và nghệ thuật xây dựng nhân vật, các thủ pháp tạo tiếng cười mỉa mai, châm biếm Phần kết luận, kết luận lại những nội dung chính trong đề tài Cảm hứng phê phán trong truyện cười dân gian Việt Nam đồng thời rút ra được những giá trị trong đề tài, làm hành trang cho việc giảng dạy sau này.
6101	Đại học	Thiết kế chuyên đề học tập nhằm phát triển năng lực thuyết trình cho học sinh	Mai, Hoàng Phú	Võ, Huy Bình	2019	Trong luận văn này, chúng tôi thiết kế chuyên đề học tập Ngữ văn để phát triển năng lực thuyết trình cho học sinh lớp 10. Nội dung luận văn, gồm hai chương. Trong chương một, chúng tôi tìm đọc – tổng hợp những công trình nghiên cứu trước liên quan đến thuyết trình và năng lực thuyết trình. Từ đó chúng tôi khái quát chung về chuyên đề học tập Ngữ văn, xác định những nguyên tắc khi thiết kế chuyên đề và mô tả quy trình thiết kế chuyên đề. Trong quy trình thiết kế chuyên đề, chúng tôi nêu ra những vấn đề cần giải quyết trong chuyên đề, mục đích khi thực hiện chuyên đề. Từ đó, chúng tôi đề ra nội dung dạy học để thực hiện nhiệm vụ của chuyên đề là phát triển năng lực thuyết trình cho học sinh. Chương hai trình bày các kết quả cụ thể của quá trình nghiên cứu. Ở chương này, chúng tôi thực hiện thiết kế giáo án dạy học của chuyên đề bao gồm: các hoạt động dạy học và cách thức đánh giá, chấm điểm cho HS. Tuy chưa được tổ chức thực nghiệm nhưng phần nào những hoạt động thiết kế của chuyên đề đã bám sát định hướng phát triển năng lực thuyết trình cho người học. Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa trong việc phát triển năng lực thuyết trình cho học sinh phổ thông.

6102	Đại học	Ẩn dụ tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử	Lương, Mỹ Duyên	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Để tiến hành nghiên cứu về ẩn dụ tu từ trong thơ Hàn Mặc Tử thì bài luận văn được thực hiện theo các bước sau. Trước hết, tôi tiến hành khảo sát thơ Hàn Mặc Tử và từ đó rút ra được các giá trị ẩn dụ tu từ tiêu biểu trong thơ ông. Với thơ Hàn Mặc Tử ẩn dụ tu từ được sử dụng một cách đa dạng ở từng loại. Trong đó, ẩn dụ hình thức, ẩn dụ cách thức, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được sử dụng đều nhau và không có sự chênh lệch lớn ở ba loại này. Và trong thơ Hàn Mặc Tử ẩn dụ tính chất chiếm số lượng lớn hơn thấy, chiếm bảy mươi lăm phần trăm so với ẩn dụ cùng loại. Ẩn dụ tính chất trải đều trong thơ ông, đặc biệt ẩn dụ đó được xây dựng qua các hình tượng hoa, thuyền, biển, xuân... Qua cách chọn lựa các hình ảnh ẩn dụ cho thấy được tài năng của nhà thơ cũng như khả năng sáng tạo của mỗi người nghệ sĩ. Và với Hàn Mặc Tử cách chọn lựa hình ảnh ẩn dụ cũ nhưng mang lại một nét nghĩa mới rất riêng đậm chất Hàn Mặc Tử. Thông qua việc khảo sát ẩn dụ đặc trưng trong thơ góp phần khẳng định phong cách thơ của Hàn Mặc Tử, đó là trữ tình gợi cảm trong điên cuồng đau thương. Là những vần thơ trữ tình, đắm thắm trong tình yêu và cũng có khi bộc lộ một nỗi đau đớn, quằn quại chỉ muốn được tan ra. Qua đó, chúng ta có thể thấy yếu tố nghệ thuật đã góp phần tạo nên thành công cho thơ Hàn Mặc Tử. Bên cạnh đó, bài nghiên cứu này cũng giúp người đọc nâng cao sự hiểu biết về phương diện nghệ thuật và có cách nhìn mới trong việc đánh giá thơ Hàn Mặc Tử.
6103	Đại học	Ca dao Đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa	Huỳnh, Như	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Đề tài “Ca dao đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa” được triển khai thành 3 phần: Mở đầu, nội dung, kết luận Phần mở đầu chia làm bốn mục: Lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và cuối cùng là phương pháp nghiên cứu Phần nội dung gồm 3 chương Chương 1: Khái quát chung: Nói về tình hình nghiên cứu ca dao đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa, về khái niệm văn hóa và giới thuyết về vấn đề nghiên cứu ca dao từ góc nhìn văn hóa; giới thiệu vài nét về ca dao và vùng đất con người đồng bằng sông Cửu Long Chương 2: trình bày 3 nội dung trọng tâm: Không gian văn hóa (không gian gắn với môi trường tự nhiên đó là không gian sông nước, không gian ruộng đồng, vườn tược và yếu tố không gian gắn với sinh hoạt cộng đồng bao gồm không gian sinh hoạt làng xã nông thôn, không gian sinh hoạt đô thị và không gian sinh hoạt gia đình); Thời gian văn hóa (thời gian được miêu tả trong bài ca dao. Bao gồm các thời kì trước khi có sự giao lưu văn hóa phương Tây, thời kì khi bắt đầu giao lưu văn hóa phương Tây và thời kì sau cách mạng tháng Tám); Chủ thể văn hóa, là hình ảnh con người đồng bằng sông Cửu Long được thể hiện trong ca dao. Đó là những hình ảnh con người đi mở đất, khai hoang, tiếp theo là hình ảnh con người chống giặc ngoại xâm và cuối cùng là hình ảnh con người xây dựng cuộc sống Chương 3: Nói đến các giá trị văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu long thể hiện trong ca dao. Đó là văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử của con người với thiên nhiên với xã hội Phần Kết luận khái quát lại vấn đề nghiên cứu.

6104	Đại học	Hình tượng nhân vật nghệ sĩ trong một số truyện ngắn của O. Henry	Đoàn, Thị Kim Ngọc	Trần, Thị Nâu	2019	O'Henry là một trong những bậc thầy về truyện ngắn thế giới. Truyện ngắn của ông được xếp vào hàng mẫu mực, rất nhiều nhà văn sau này đã chịu ảnh hưởng từ ông. Trong thế giới nhân vật đa dạng của ông, nhân vật nghệ sĩ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhưng hiện nay vẫn chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về nhân vật này. Trong luận văn này, chúng tôi chú trọng nghiên cứu vấn đề Nhân vật nghệ sĩ trong truyện ngắn của O'Henry. Những nhân vật này hiện lên với một số đặc điểm nổi bật như: có địa vị xã hội thấp hèn, tâm hồn cao thượng, giàu đức hy sinh, chung thủy trong tình yêu, luôn hướng về nghệ thuật chân chính. Với nghệ thuật miêu tả tài tình của O'Henry, kiểu nhân vật này đã được khắc họa rõ nét từ ngoại hình, hành động, tâm lí, đến quan điểm nghệ thuật được thể hiện qua cách họ sáng tạo và hi sinh vì nghệ thuật... Ngoài ra, tác giả còn xây dựng nhân vật với mô típ “người cứu nguy”, đặt nhân vật vào những tình huống truyện độc đáo qua đó để nhân vật bộc lộ cá tính, tính cách riêng của mình. Tác giả như đã hóa thân vào các nhân vật nghệ sĩ để nói lên quan niệm về nghệ thuật của mình như: nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì con người và nghệ thuật có chức năng cao cả chính là thanh lọc tâm hồn và nhân đạo hóa con người.
6105	Đại học	Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học Ngữ văn 10 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Lê, Hoàng Toàn	Nguyễn, Hải Yến	2019	Như chúng ta đã biết, xã hội ngày càng phát triển cùng với đó là việc ứng dụng những thành quả của công nghệ thông tin (CNTT) một cách nhanh chóng vào tất cả các ngành nghề. Ở Việt Nam, kể từ khi CNTT từng bước thâm nhập vào mọi lĩnh vực đời sống thì cụm từ “ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học” cũng xuất hiện và dần trở nên quen thuộc. Dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược (Flipped classrooms) là một trong những cách thức dạy học hiện đại và đáp ứng được những yêu cầu nêu trên. Mục tiêu của luận văn này là làm sáng tỏ một số vấn đề sau: (1) khái niệm năng lực giải quyết vấn đề và lớp học đảo ngược; (2) tiến trình thực hiện ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học Ngữ Văn 10 nhằm giúp học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề; (3) kiểm tra, đánh giá tính thiết thực của đề tài.
6106	Đại học	Từ láy trong thơ Nguyễn Bính trước Cách mạng	Lê, Hồng Đức	Nguyễn, Thụy Thùy Dương	2019	Luận văn khảo sát và đánh giá việc sử dụng từ láy trong các tập thơ của Nguyễn Bính trước cách mạng (thống kê, phân loại từ láy, tần suất sử dụng...) đồng thời phân tích, đánh giá giá trị biểu đạt của từ láy trong thơ Nguyễn Bính.

6107	Đại học	Cách dùng từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong một số truyện ngắn của Nguyễn Khải	Ngô, Nguyễn Huỳnh Giao	Nguyễn, Văn Tư	2019	Luận văn này gồm ba phần: mở đầu, nội dung và kết thúc. Phần mở đầu chúng tôi giới thiệu khái quát về đề tài “Cách dùng từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong truyện ngắn của Nguyễn Khải” gồm có các tiểu mục: lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Về phần lí do chọn đề tài: Chúng tôi nhận thấy : Tiếng Việt là loại ngôn ngữ đa dạng và phong phú, chúng ta có quyền tự hào vì chúng ta có một thứ tiếng rất giàu đẹp. Hệ thống từ loại tiếng Việt là một trong những nguyên nhân tạo nên sự đa dạng và phong phú đó. Trong hệ thống từ loại tiếng Việt Chúng tôi đặc biệt chú ý đến hư từ tiếng Việt nói chung và phó từ nói riêng. Trong hệ thống phó từ chúng tôi nhận thấy tầm quan trọng của các phó từ chỉ mức độ vì chúng có giá trị biểu đạt cao và cũng còn nhiều khía cạnh về các phó từ chỉ mức độ làm chúng tôi cảm thấy còn cần phải nghiên cứu thêm. Vì vậy chúng tôi đã chọn và viết về vấn đề các từ chỉ mức độ trong tiếng Việt để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này. Nguyễn Khải là một nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám, ông sáng tác ở nhiều thể loại từ và ở mỗi thể loại đều có những đóng góp, đặc biệt là truyện ngắn. Có rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến những tác phẩm của Nguyễn Khải ở nhiều vấn đề tuy nhiên nhận thấy vấn đề sử dụng các từ chỉ mức độ trong tác phẩm của ông nói chung và trong truyện ngắn nói riêng chưa được chú ý. Vì vậy, chúng tôi muốn khảo sát về cách dùng từ chỉ mức độ, cụ thể là các từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong truyện ngắn của Nguyễn Khải. Về phạm vi nghiên cứu Chúng tôi khảo sát cách dùng từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong 30 truyện ngắn của Nguyễn Khải in trong tập Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Khải (NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2014). Về phương pháp nghiên cứu: chúng tôi sử dụng các phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, chứng minh kết hợp với một số phương pháp khác. Phần nội dung gồm hai chương: Khái quát chung về từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá và Từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong truyện ngắn của Nguyễn Khải. Trong chương Khái quát chung về từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá gồm 4 phần chính: tổng quan tình hình nghiên cứu, khái quát về từ loại, khái quát về phó từ (phó từ), từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá. Trong chương từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong truyện ngắn của Nguyễn Khải gồm 2 phần chính: vài nét về cuộc đời Nguyễn Khải nêu cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn; từ chỉ mức độ Rất-Lắm-Quá-Hơi-Khá trong truyện ngắn của Nguyễn. Phần cuối cùng của luận văn này là phần kết luận.
------	---------	--	------------------------	----------------	------	---

6108	Đại học	Những đóng góp của thơ Tân Đà trên tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX	Lê, Thị Kim Khánh	Huỳnh, Thị Lan Phương	2019	Có thể nói Tân Đà là người đi tiên phong trong việc phá bỏ những rào chắn của văn học trung đại mở đường cho văn học hiện đại phát triển. Thông qua luận văn này người viết muốn khẳng định những đóng góp của thơ Tân Đà trên tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX. Để thấy được những đóng góp của Tân Đà chúng tôi đi sâu vào hai khía cạnh chính đó là đóng góp trên bình diện nội dung và phương thức thể hiện Về mặt nội dung, thơ ông đã góp tiếng nói phản ánh hiện thực xã hội một cách chân thật và cụ thể nhất những năm đầu thế kỉ XX. Dưới ngòi bút của mình, ông đã vạch trần hiện thực thối nát của bọn quan lại, sự lên ngôi của đồng tiền cũng như sự xuống cấp về đạo đức. Qua đó cũng phần nào thể hiện tấm lòng yêu nước của ông. Tân Đà ảnh hưởng của hai luồng văn hóa Đông và Tây, truyền thống và hiện đại. Là người mở đường cho chủ nghĩa lãng mạn của văn học Việt Nam, nên trong sáng tác của mình, Tân Đà thể hiện cái tôi lãng mạn và cái ngông rất riêng Về phương thức thể hiện, thơ Tân Đà luôn đa dạng về thể loại, có khi vay mượn của Trung Hoa nhưng có khi viết theo thể thơ dân tộc và một số bài không định thể. Ông vừa đa dạng thể thơ dân tộc, vừa là người mạnh dạn có những cách tân, phá vỡ tính quy phạm, chọn thể loại ít gò bó phù hợp với tâm lý thị hiếu. Đồng thời ông cũng biết chọn lọc những hình ảnh, ngôn ngữ bình dị gắn bó với đời thường đưa vào thơ văn mình, nhưng ông cũng không quên phát huy những đặc trưng của văn học trung đại mà thế hệ đi trước đã từng rất thành công.
------	---------	---	-------------------	-----------------------	------	---

6109	Đại học	Thiết kế hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản sử thi nhằm phát triển năng lực so sánh cho học sinh (Ngữ văn 10)	Nguyễn, Thị Lệ Quyền	Võ, Huy Bình	2019	Với mong muốn góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy học đọc hiểu nói chung và dạy học đọc hiểu văn bản sử thi nói riêng, chúng tôi đã chọn đề tài Thiết kế hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản sử thi nhằm phát triển năng lực so sánh cho HS –Ngữ văn 10 Thông qua đề tài này, người viết muốn làm sáng tỏ cơ sở lý thuyết về việc phát triển năng lực so sánh, đề từ đó thiết kế các hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản sử thi nhằm phát triển năng lực so sánh cho HS trong chương trình Ngữ văn lớp 10. Luận văn được cấu trúc gồm 02 chương. Trong chương 1, phần tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy so sánh trong dạy học văn bản sử thi vẫn còn mang tính chất khái quát về mặt lý thuyết và hầu như chưa có nghiên cứu về thiết kế hoạt động dạy học cụ thể. Bên cạnh đó, chương 1 còn giới thiệu lý thuyết về đặc trưng thể loại sử thi, năng lực so sánh và tầm quan trọng của năng lực so sánh đối với việc đọc hiểu văn bản. Điểm nổi bật là việc xác định một số hình thức hoạt động so sánh như: phiếu học tập kết hợp bảng liên hệ so sánh, câu hỏi so sánh kết hợp vấn đáp, câu hỏi so sánh kết hợp với thuyết trình, viết đoạn văn hoặc bài văn so sánh, lời diễn giảng có liên hệ so sánh. Chương 2 trình bày các hoạt động dạy học cụ thể cho 03 đoạn trích sử thi trong chương trình Ngữ văn lớp 10 gồm: Chiến thắng Mtao Mxây (trích Đăm Săn – sử thi Tây Nguyên), Uy-lít-xơ trở về (trích Ô-đi-xê –sử thi Hi Lạp), Ra-ma buộc tội (trích Ra-ma-ya-na – sử thi Ấn Độ) Ở mỗi bài, người nghiên cứu đều xác định trọng tâm bài học, những kiến thức dùng để so sánh, nội dung so sánh và cách tiến hành. Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa trong việc phát triển năng lực so sánh cho người học để nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu văn bản theo định hướng trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo).
6110	Đại học	Tiếp cận tác phẩm của Edgar Allan Poe và William Faulkner từ góc nhìn phê bình phân tâm học	Thạch, Mô Ny	Trần, Thị Nâu	2019	Hệ thống hóa và xác lập cơ sở lý luận cốt lõi của phân tâm học, phê bình phân tâm học; Bước đầu vận dụng lý luận phê bình phân tâm học (theo hướng xem phê bình phân tâm học như một công cụ tiếp cận văn học; không kết hợp với các lý thuyết nghiên cứu văn học khác) để nghiên cứu truyện ngắn của Edgar Allan và hai tiểu thuyết (Âm thanh và cuồng nộ, Khi tôi nằm chết) của William Faulkner; đánh giá tiềm năng nghiên cứu và vận dụng phê bình phân tâm học trong nghiên cứu văn học.
6111	Đại học	Nghiên cứu thành phần loài và tính kháng oxy hóa của các loài thuộc họ Gừng (Zingiberaceae) tại Núi Cấm, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thùy Nhiên	Phùng, Thị Hằng	2018	

6112	Đại học	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Diễm Trúc	Đặng, Minh Quân	2018	Đề tài “Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ thuộc huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2018 trên 5 tuyến nghiên cứu qua 5 sinh cảnh ở Khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ bao gồm sinh cảnh rừng tràm, đồng cỏ, ven đường, kênh mương và đất trồng. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng hoàn chỉnh bảng danh lục thực vật bậc cao có mạch cho Khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ gồm 202 loài thuộc 172 chi trong 77 họ của 3 ngành thực vật. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 193 loài chiếm tới 95,54% tổng số loài. Dạng sống chủ yếu là thân cỏ với 92 loài chiếm tỉ lệ 45,54% tổng số loài. Có 199 loài xác định được yếu tố địa lý thực vật trong tổng số 202 loài, trong đó yếu tố Nhiệt đới Châu Á chiếm ưu thế với 48,25% số loài xác định được yếu tố địa lí. Tài nguyên cây có giá trị sử dụng và cây nguy cấp cũng được xác định, với 200 loài có giá trị sử dụng chiếm tỉ lệ 99,01%. Có 2 loài có tên trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007) chiếm tỉ lệ 0,99% số loài của hệ. Đồng thời đề xuất được một số giải pháp cho sự bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học ở khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ
6113	Đại học	Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Vương, Thị Giàu	Đặng, Minh Quân	2018	Đề tài “Nghiên cứu đa dạng các nguồn tài nguyên cây thuốc ở huyện Phụng hiệp tỉnh Hậu Giang” được thực hiện từ tháng 08 năm 2017 và kết thúc vào tháng 5 năm 2018. Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá được sự đa dạng về nguồn tài nguyên làm thuốc và các bài thuốc chữa bệnh từ những loài cây thu được ở huyện Phụng Hiệp. Bằng phương pháp chính là điều tra thực địa theo tuyến, kết hợp với phỏng vấn các lương y, người đi hái thuốc và người dân địa phương, đề tài đã xác định được 320 loài và dưới loài cây có thể dùng làm thuốc thuộc 256 chi của 101 họ trong 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế với 310 loài chiếm 96,87% tổng số loài, 246 chi chiếm 96,10% tổng số chi và 91 họ chiếm 90,10% tổng số họ. Các loài cây dùng làm thuốc thu được ở huyện Phụng Hiệp có 11 dạng sống, trong đó, dạng sống chủ yếu là cây thân cỏ với 147 loài chiếm 45,94%. Bộ phận của cây dùng làm thuốc chiếm tỉ lệ cao nhất là lá với 145 loài chiếm tỉ lệ 45,31%. Có 01 loài cây nguy cấp có tên trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007). Các loài cây làm thuốc này phân bố trong 5 sinh cảnh, nhưng tập trung nhiều nhất là ở sinh cảnh vườn nhà, vườn cây ăn trái, vườn thuốc với 248 loài chiếm tỉ lệ 77,50% tổng số loài. Kết quả nghiên cứu đã sưu tầm được 445 bài thuốc chữa bệnh từ các cây dùng làm thuốc thu được ở huyện Phụng Hiệp có thể dùng trong việc phòng và điều trị 36 nhóm bệnh, trong đó các bài thuốc sưu tầm được nhiều nhất từ “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ Tất Lợi (2015) có 201 bài chiếm tỉ lệ 62,39% tổng số bài thuốc sưu tầm được

6114	Đại học	Thiết kế Video hỗ trợ Sinh viên tự học học phần kỹ thuật vẽ trong Sinh học (SG263)	Dương, Thúy Vy	Nguyễn, Thanh Tùng	2018	Với mục tiêu thiết kế video hỗ trợ sinh viên tự học học phần Kỹ thuật vẽ trong Sinh học (SG262) – Phần kỹ thuật vẽ máy bằng phần mềm Adobe Illustrator CS6, đề tài “Thiết kế video hỗ trợ sinh viên tự học học phần Kỹ thuật vẽ trong Sinh học (SG262)” đã tiến hành nghiên cứu, phân tích nội dung bài giảng Kỹ thuật vẽ trong Sinh học của Nguyễn Thanh Tùng và Phùng Thị Hằng (2016). Sau đó, đề tài lựa chọn ngẫu nhiên 06 nội dung để xây dựng kịch bản và thiết kế video thử nghiệm. Để đánh giá hiệu quả của 06 video thử nghiệm, đề tài tiến hành khảo sát đối với sinh viên ngành Sư phạm Sinh học Khóa 42 đang học học phần. Qua phân tích kết quả khảo sát, đề tài tiến hành điều chỉnh nội dung kịch bản và xây dựng 20 video chính thức hỗ trợ sinh viên tự học học phần Kỹ thuật vẽ trong Sinh học (SG262) – Phần kỹ thuật vẽ máy. Kết quả nghiên cứu của đề tài là nguồn tư liệu học tập hữu ích đối với sinh viên ngành Sư phạm Sinh học nói riêng và sinh viên các ngành khác nói chung khi nghiên cứu lĩnh vực vẽ kỹ thuật bằng phần mềm Adobe Illustrator CS6.
6115	Đại học	Nghiên cứu sự đa dạng về thành phần loài tảo ở rừng tràm Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Lê, Thị Cẩm Tú	Đặng, Minh Quân	2018	Đề tài “Nghiên cứu sự đa dạng thành phần loài tảo ở rừng tràm Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng” đã tiến hành 06 đợt thu mẫu ở 16 địa điểm trong 4 sinh cảnh vào mùa mưa và mùa khô, từ tháng 8/2017 đến tháng 4/2018. Kết quả nghiên cứu ở toàn khu vực rừng tràm đã xác định được 118 loài thuộc 53 chi của 33 họ trong 7 ngành tảo: Cyanophyta (tảo lam), Xanthophyta (tảo ánh lục), Chrysophyta (tảo ánh vàng), Dinophyta (tảo giáp), Bacillariophyta (tảo silic), Euglenophyta (tảo mắt) và Chlorophyta (tảo lục). Trong đó ngành tảo Euglenophyta có số lượng loài đa dạng nhất với 38 loài chiếm 32,2%, đa dạng thấp nhất là Chrysophyta 1 loài chiếm 0,847% trên tổng số loài của khu vực nghiên cứu. Thành phần loài tảo phân bố tại các điểm khảo sát trong mùa mưa có 99 loài thuộc 50 chi 31 họ, mùa khô có 105 loài thuộc 47 chi 32 họ. Các loài tảo phát triển mạnh và chiếm ưu thế trong khu vực nghiên cứu như: Phormidium lucidum Kützinger ex Gomont, Pinnularia legumen Ehrenberg, Lepocinclis fusiformi (H. J. Carter) Lemm., Lepocinclis salina Fritsch, Phacus acuminatus Stokes, Phacus orbicularis K.Hübner, Phacus tortus (Lemm.) Skv., Trachelomonas hispida (Perty.) F. Stein ex Defl. Mật độ trung bình loài tảo dao động từ 27,23 – 4.351,97 cá thể/lít, trong đó ngành tảo Euglenophyta chiếm tỉ lệ cao nhất 4.351,97 cá thể/lít, ngành tảo có mật độ thấp nhất là Chrysophyta 27,23 cá thể/lít. Mật độ tảo mùa mưa dao động từ 5,32 - 3.695,16 cá thể/lít và mùa khô từ 39,63 – 3.179,83 cá thể/lít. Chỉ số đa dạng sinh học Shannon – Weiner của hệ sinh thái rừng tràm Mỹ Phước là 4,01 trong đó mùa mưa có chỉ số đa dạng là 3,7855 và mùa khô là 3,8603

6116	Đại học	Thực hiện tiêu bản hiển vi cố định quá trình giảm phân ở tế bào sinh dục đực Châu chấu (Acrididae)	Nguyễn, Thị Thu Trang	Võ, Thị Thanh Phương	2018	Đề tài “Thực hiện tiêu bản hiển vi cố định quá trình giảm phân ở tế bào sinh dục đực của châu chấu <i>Oxya chinensis</i> (Thunberg, 1815)” được tiến hành tại phòng Thí nghiệm Sinh lý người và động vật, thời gian từ tháng 09 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018. Kết quả nghiên cứu đã tìm ra qui trình thực hiện tiêu bản hiển vi cố định quá trình giảm phân ở tuyến tinh châu chấu <i>Oxya chinensis</i> bằng phương pháp ép. Qui trình gồm 6 bước chính: cố định mẫu trong Carnoy biến đổi, nhuộm mẫu trong aceto – carmine, tách mẫu bằng axit axetic 20%, khử nước bằng cồn, làm trong mẫu trong xylen và dán mẫu bằng Baume Canada. Đề tài đã thực hiện được 30 tiêu bản hiển vi cố định có đầy đủ các giai đoạn của quá trình giảm phân, bắt màu đẹp, có độ tương phản tương đối giữa tế bào chất và nhiễm sắc thể. Ngoài ra, nghiên cứu đã xác định được số lượng nhiễm sắc thể lưỡng bội với $2n = 23$ (XO) và lập được kiểu nhân của loài châu chấu <i>Oxya chinensis</i>.
6117	Đại học	Thực hiện quy trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm bào ngư (<i>Pleurotus</i> sp.) trên mặt cưa cây cao su (<i>Hevea brasiliensis</i>)	Phạm, Ngọc Hoài	Nguyễn, Thị Hà	2018	Để tận dụng được nguồn phụ phế phẩm trong nông nghiệp là mặt cưa dùng làm nguồn cơ chất trong trồng nấm bào ngư, đề tài “Thực hiện quy trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm bào ngư (<i>Pleurotus</i> sp.) trên mặt cưa cây cao su (<i>Hevea brasiliensis</i>)” được tiến hành nhằm mục tiêu đưa ra quy trình tạo meo nấm bào ngư và trồng thử nghiệm, xác định ảnh hưởng của thành phần dinh dưỡng đến khả năng phát triển, năng suất và chất lượng của nấm bào ngư. Đề tài được thực hiện tại phòng thí nghiệm Sinh lý người và động vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên có 3 nghiệm thức: Nghiệm thức 1: mặt cưa cao su + 2% cám bắp + 2% cám gạo, nghiệm thức 2: mặt cưa cao su + 2% cám bắp + 2% cám gạo + 0,2% phân DAP, nghiệm thức 3: mặt cưa cao su + 2% cám bắp + 2% cám gạo + 0,2% phân DAP + 1% CaCO_3. Kết quả thí nghiệm cho thấy tỉ lệ phối trộn phù hợp nhất là mặt cưa cao su + 2% cám bắp + 2% cám gạo. Kết quả phân tích các chỉ tiêu đánh giá cho thấy tơ nấm lan nhanh nhất và thu hoạch nấm sớm nhất (51 ngày sau khi cấy giống) trên nghiệm thức 1. Số tai nấm trên mỗi chùm và kích thước đường kính tai nấm ở các lần thu hái giữa các nghiệm thức không có sự khác biệt qua xử lý thống kê. Nghiệm thức 1 cho năng suất trung bình sau 3 lần thu hoạch cao nhất là 214,02 g, nghiệm thức 2 là 203,76 g và thấp nhất là nghiệm thức 3 với 197,15 g. Hàm lượng ẩm trung bình của quả thể nấm bào ngư cao nhất ở nghiệm thức 1 với 86,66% chênh lệch không nhiều so với các nghiệm thức còn lại, nghiệm thức 2 là 85,38%, nghiệm thức 3 là 85,40%. Hiệu suất sinh học trung bình của các nghiệm thức qua 3 lần thu hoạch có giá trị khá cao, cụ thể là nghiệm thức 1 có hiệu suất cao nhất 17,83%, kế đến là nghiệm thức 2 với hiệu suất 17,28%, nghiệm thức 3 thấp nhất với 16,18%.

6118	Đại học	Khảo sát đặc điểm sinh học và tần suất nhiễm ký sinh trùng ở nghêu Bến Tre (<i>Meretrix lyrata</i>) tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Yến Lan	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2018	Nghiên cứu được tiến hành trên đối tượng nghêu (<i>Meretrix lyrata</i>) thương phẩm tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ trong thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 4/2018. Qua khảo sát trên 200 mẫu, nghêu thương phẩm có chiều dài bằng $1,23 \pm 0,04$ lần chiều rộng và gấp $1,85 \pm 0,08$ lần chiều cao. Khảo sát trên 60 mẫu nghêu thương phẩm ghi nhận được độ ẩm trung bình là $91,25 \pm 2,4\%$. Một số về đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của nghêu được ghi nhận lại dưới dạng hình ảnh có kèm theo chú thích. Tất cả các mẫu nghêu còn sống được phân tích, quan sát dưới kính hiển vi, quét lugol iodine và ngâm trong dung dịch NaOH 2M. Kết quả cho thấy nghêu chỉ nhiễm một loại ký sinh duy nhất là trùng bào tử là <i>Perkinsus</i> sp. với tần suất nhiễm thấp tương ứng 24,36%, thấp nhất ở kích cỡ < 35 mm và cao nhất ở cỡ 35 – 38 mm tương ứng ở mức 5% và 34,5%. Không phát hiện các loài giun sán ký sinh trên cơ thể của nghêu khi quan sát mẫu tươi dưới kính hiển vi. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp nguồn tư liệu khoa học khách quan đánh giá thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm trên nghêu thương phẩm ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và cho những nghiên cứu cơ bản sau này
6119	Đại học	Khảo sát và đánh giá đa dạng thành phần loài thực vật có hoa làm thuốc mọc hoang dại ở Núi Cô Tô, tỉnh An Giang	Phạm, Đông Hải	Phùng, Thị Hằng	2018	Đề tài “Khảo sát và đánh giá đa dạng thành phần loài thực vật có hoa làm thuốc mọc hoang dại ở núi Cô Tô – An Giang” được thực hiện từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2018 với mục tiêu khảo sát, thống kê và đánh giá sự đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại núi Cô Tô – An Giang. Đề tài sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát và thu mẫu theo tuyến để xây dựng danh lục thực vật có hoa làm thuốc mọc hoang dại tại vùng nghiên cứu theo 6 tuyến khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy có 179 loài thuộc 156 chi, 68 họ thuộc ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta). Trong đó, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) là lớp đa dạng nhất, 3 họ đa dạng nhất là họ Đậu (Fabaceae), họ Cúc (Asteraceae) và họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), chi đa dạng nhất là chi Dioscorea. Trong đó, đã ghi nhận được 3 loài thực vật có trong “Sách đỏ Việt Nam” (2007) là Trầm dó (<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte), Lan một lá (<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter) và Lệ dương (<i>Aeginetia indica</i> L.). Trong bốn sinh cảnh được khảo sát thì lối mòn là sinh cảnh có nhiều loài nhất với 122 loài hiện diện và dạng sống thân thảo chiếm đa số trong tổng số loài. Có nhiều cây thuốc được dùng cho nhóm bệnh chống viêm, ly, chống, tiêu chảy. Bộ phận được sử dụng nhiều nhất trong chữa trị là lá. Bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu số gồm: hình ảnh, tên khoa học, mô tả và công dụng của 20 loài thực vật có giá trị về bảo tồn và dược liệu tại núi Cô Tô An Giang. Ứng dụng ArcGIS để lưu giữ và quản lý, từ đó có thể góp phần bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc tại địa phương.

6120	Đại học	Khảo sát một số đặc điểm sinh học và thành phần hóa học của cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.) ở Thành phố Cần Thơ	Phạm, Cẩm Thúy	Võ, Thị Thanh Phương	2018	Mục tiêu của nghiên cứu là: (1) Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu, điều kiện sống của cây trứng cá, (2) Khảo sát số lượng nhiễm sắc thể của cây trứng cá bằng xử lý sốc nhiệt và phẩm nhuộm nhiễm sắc thể là aceto – carmine và (3) Định tính, sơ bộ thành phần hóa học của cao chiết Methanol từ lá, trái và vỏ thân của cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.). Kết quả nghiên cứu cho thấy cây trứng cá có các đặc điểm hình thái, giải phẫu phù hợp với điều kiện sống của địa phương. Cây có thể sống trong điều kiện khô hạn, tuy nhiên cây không sinh trưởng và phát triển tốt. Số lượng nhiễm sắc thể của cây trứng cá là $2n = 30$. Bằng phương pháp sử dụng các thuốc thử và dựa vào biểu hiện màu sắc, kết tủa và sự tách lớp cho thấy trong cây trứng cá có sự hiện diện của các hợp chất như chất Flavonoid, Glycoside, Alkaloid, Tanin và Steroid. Riêng Alkaloid chỉ xuất hiện ở lá và trái, không xuất hiện ở vỏ thân. Cả ba loại cao đều không có sự hiện diện của hợp chất Saponin.
6121	Đại học	Thực hiện quy trình làm meo và trồng thử nghiệm nấm rơm (<i>Volvariella</i> sp.) trên mặt cưa cây cao su	Trần, Văn Khang	Nguyễn, Thị Hà	2018	Hiện nay có rất nhiều phụ phế phẩm nông nghiệp giàu cellulose nếu không được sử dụng tốt sẽ gây ô nhiễm môi trường. Nấm rơm là loại nấm ăn được trồng phổ biến với nhiều ưu thế về giá trị dinh dưỡng và dược liệu. Đề tài: “Thực hiện quy trình làm meo và trồng thử nghiệm nấm rơm (<i>Volvariella</i> sp.) trên mặt cưa cao su” được thực hiện trong 7 tháng từ tháng 10/2017 đến tháng 4/2018. Đề tài được tiến hành dựa trên các nghiên cứu về quy trình phân lập tạo meo giống và trồng nấm rơm trên mặt cưa. Đề tài được tiến hành qua 3 lần lặp lại sau đó lấy kết quả trung bình. Đồng thời mô tả đặc điểm hình thái của nấm và xác định được nấm thuộc nhóm <i>Volvaria</i> thông qua phương pháp quan sát đại thể và quan sát vi thể. Ngoài ra còn tìm được quy trình thực hiện làm meo giống cấp 1, cấp 2 và cấp 3 phù hợp với từng loại giống. Tốc độ lan tơ của giống cấp 1 trên môi trường PDA ở ngày thứ 2 (48 giờ sau cấy truyền) là nhanh nhất. Meo nấm rơm cấp 3 đã được trồng thành công trên cơ chất mặt cưa cao su và thu được quả thể. Bên cạnh đó quả thể nấm thu được có các chỉ tiêu sinh học như có kích thước chiều dọc trung bình dao động trong khoảng 21,73 mm đến 34,21 mm, chiều ngang trung bình là từ 14,12 mm đến 21 mm, trọng lượng trung bình của quả thể trong khoảng 2,25 g đến 6,27 g và có tỉ lệ chiều dọc/ngang là 1,34 đến 1,86; độ ẩm trung bình của quả thể thu được rất cao dao động từ 88,52% đến 92,36% và tỉ lệ vật chất khô của nấm là 7,64% đến 11,48%. Tuy nhiên năng suất trung bình nấm thu được chỉ đạt từ 5,27 (g)/ túi đến 13,51 (g)/túi và có hiệu suất sinh học trung bình thấp dao động từ 0,44% đến 1,12%

6122	Đại học	Khảo sát đặc điểm sinh học và tần suất nhiễm ký sinh trùng ở Sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) tại quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phan, Vĩnh Phú	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2018	Đề tài “Khảo sát đặc điểm sinh học và tần suất nhiễm giun sán ký sinh ở sò huyết (<i>Anadara granosa</i>) tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” được tiến hành nghiên cứu tại phòng thí nghiệm Sinh lý động vật từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018. Đề tài bao gồm hai thí nghiệm là (1) thí nghiệm khảo sát đặc điểm sinh học và (2) thí nghiệm khảo sát tần suất nhiễm giun sán ký sinh. Thí nghiệm khảo sát đặc điểm sinh học được tiến hành với 740 cá thể sò huyết có kích thước từ 20,3 – 51,5 mm. Kết quả nghiên cứu đã xác định được sò huyết loài tăng trưởng đồng đẳng, không có sự tương quan giữa độ ẩm với sự tăng trưởng chiều dài và khối lượng toàn phần, xác định được một số đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu của sò huyết. Khảo sát 376 cá thể sò huyết thương phẩm ghi nhận được độ ẩm trung bình là $86,49 \pm 3,87\%$, chỉ số thể trạng trung bình là $64,13 \pm 21,61\%$. Khảo sát 740 cá thể sò huyết thương phẩm ghi nhận được độ béo trung bình là $12,2 \pm 5,41\%$. Thí nghiệm xác định tần suất nhiễm giun sán ký sinh được thực hiện trên 364 cá thể ở 3 nhóm kích thước gồm < 25 mm, 25 – 35 mm và > 35 mm. Nghiên cứu giun sán ký sinh bằng phương pháp soi tươi chưa phát hiện được giun sán ngoại ký sinh trong các mẫu sò huyết
6123	Đại học	Nghiên cứu tính ăn và phổ thức ăn của cá thòi lòi <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> (Hamilton, 1822) phân bố ở huyện Long Phú và Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Tô, Kiều Diễm	Đinh, Minh Quang	2018	Cá thòi lòi <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> (Hamilton, 1822) là loài cá quen thuộc đối với người dân Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, đến nay, có rất ít thông tin về đối tượng này. Đề tài này được thực hiện ở vùng nước ngọt huyện Kế Sách và huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng từ tháng 07 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018 để cung cấp những thông tin hữu ích về đặc điểm dinh dưỡng của loài này như tính ăn và phổ thức ăn. Kết quả phân tích chỉ số sinh trắc ruột (RLG) của 375 mẫu cá (226 cá đực và 149 cá cái) cho thấy loài này thuộc nhóm cá ăn động vật vì $RLG = 0,59 \pm 0,16$ SD. Trong tổng số 375 mẫu cá, 324 mẫu có chứa thức ăn được dùng để phân tích và kết quả cho thấy có 6 nhóm thức ăn được tìm thấy trong ống tiêu hóa của loài này như cá (0,01%), tép (0,15%), ốc (3,89%), còng (0,21%), mùn bã hữu cơ (29,9%) và kiến (65,84%). Phổ dinh dưỡng có sự thay đổi theo nhóm chiều dài và theo mùa. Đề tài không những đã bổ sung dẫn liệu khoa học về đặc điểm dinh dưỡng của loài này mà làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo về việc nuôi nhân tạo đối tượng này trong tương lai.

6124	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm và kháng oxy hóa của cây môn nước (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Shott)	Nguyễn, Kim Hoàn	Võ, Thị Thanh Phương	2018	Mục tiêu của đề tài nhằm khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao methanol cây môn nước (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott) được khảo sát ở vi khuẩn <i>E. coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> và <i>Bacillus subtilis</i> bằng phương pháp khuếch tán giếng thạch. Cao chiết cao chiết rễ – phiến lá và rễ – thân củ môn nước đều biểu hiện hoạt tính kháng khuẩn với bốn chủng vi khuẩn nghiên cứu. Nồng độ ức chế tối thiểu MIC của cao methanol của cây môn đối với <i>E. coli</i> , <i>S. aureus</i> , <i>P. aeruginosa</i> và <i>B. subtilis</i> lần lượt là $25 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 50 \text{ mg/ml}$, $250 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 300 \text{ mg/ml}$ đối, $350 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 400 \text{ mg/ml}$ và $350 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 400 \text{ mg/ml}$. Hoạt tính kháng nấm của cao methanol cây môn nước (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott) được khảo sát ở nấm <i>Aspergillus niger</i> bằng phương pháp khuếch tán giếng thạch. Cao chiết methanol môn nước không biểu hiện tính kháng nấm đối với nấm <i>A. niger</i> . Hoạt tính kháng oxy hóa của cao methanol cây môn nước (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott) được khảo sát bằng phương pháp DPPH. Kết quả chứng minh khả năng kháng oxy hóa của cao methanol rễ – phiến lá và rễ – thân củ thấp hơn chất kháng oxy hóa chuẩn vitamin C. Hoạt tính kháng oxy hóa của cao methanol rễ – thân củ cao hơn cao methanol rễ – phiến lá
6125	Đại học	Khảo sát thành phần loài nhện giăng lưới ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Tạ, Chí Linh	Trần, Thị Anh Thu	2018	Đề tài “Khảo sát thành phần loài nhện giăng lưới ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được thực hiện tại 5 sinh cảnh: vườn tạp, vườn cây ăn trái, đất trồng lúa, ven đường và tràm từ tháng 9/2017 đến tháng 5/2018. Kết quả đề tài ghi nhận được 37 loài, 22 giống thuộc 7 họ nhện. Trong đó có 33 loài được định danh đến loài, 4 loài được định danh đến giống. Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng bổ sung vào danh lục nhện Việt Nam 20 loài mới: <i>Araneus fengshanensis</i> Zhu & Song, 1994; <i>Argiope dang Jäger & Praxaysombath</i> , 2009; <i>Caerostris sumatrana</i> Strand, 1915; <i>Cyclosa confusa</i> Bösenberg & Strand, 1906; <i>Cyclosa cucurbitoria</i> (Yin, Wang, Xie & Peng, 1990); <i>Cyclosa monticola</i> Bösenberg & Strand, 1906; <i>Cyclosa sachikoe</i> Tanikawa, 1992; <i>Cyphalonotus selangor</i> Dzulhelmi, 2015; <i>Cyrtophora unicolor</i> (Döleschall, 1857); <i>Neoscona bengalensis</i> Tikader & Bal, 1981; <i>Polys milledgei</i> Smith, 2006; <i>Pardosa songosa</i> Tikader & Malhotra, 1976; <i>Oxyopes sertatus</i> L. Koch, 1878; <i>Cyrtaea oreophila</i> Simon, 1902; <i>Tylorida ventralis</i> (Thorell, 1877); <i>Argyroides antipodanus</i> O. Pickard-Cambridge, 1880; <i>Argyroides flavescens</i> O. Pickard-Cambridge, 1880; <i>Argyroides kumadai</i> Chida & Tanikawa, 1999; <i>Nihonhimea tessellata</i> (Keyserling, 1884); <i>Parasteatoda celsabdomina</i> (Zhu, 1998); <i>Uloborus penicillatoides</i> Xie, Peng, Zhang, Gong & Kim, 1997

6126	Đại học	Nghiên cứu sự đa dạng về thành phần loài tảo ở Khu di tích căn cứ tỉnh ủy Cần Thơ thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giang, Thị Ngọc My	Đặng, Minh Quân	2018	Đề tài “Nghiên cứu sự đa dạng về thành phần loài tảo ở khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang” được tiến hành nghiên cứu từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 ở 18 điểm dọc theo 3 kênh thuộc khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ thuộc huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang qua hai mùa, mỗi mùa thu mẫu 2 đợt. Mùa mưa tiến hành thu từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2017. Mùa khô tiến hành thu từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2018. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 123 loài, 46 chi, 26 họ thuộc 4 ngành: Cyanophyta (Tảo lam), Bacillariophyta (Tảo Silic), Euglenophyta (Tảo mắt), Chlorophyta (Tảo lục). Trong đó, ngành Chlorophyta có số loài đa dạng nhất với 47 loài chiếm 38,21% thuộc 21 chi 12 họ. Thành phần loài tảo phân bố tại các điểm khảo sát trong mùa mưa có 89 loài, 39 chi, 24 họ thấp hơn mùa khô có 118 loài, 44 chi, 25 họ. Các loài tảo phát triển mạnh và chiếm ưu thế ở khu vực nghiên cứu là <i>Pandorina morum</i> Bory, <i>Eudorina illinoensis</i> Pascher, <i>Closterium gracile</i> Breb (Chlorophyta), <i>Trachelomonas volvocinopsis</i> Swir, <i>Phacus tortus</i> Skvortzov, <i>Phacus longicauda</i> Duj, <i>Phacus inflatus</i> Playfair, <i>Lepocinclis salina</i> F.E.Fritsch, <i>Euglena oxyuris</i> Schmarda, <i>Euglena acus</i> Ehr. var. <i>longissima</i> Defl (Euglenophyta), <i>Navicula cryptocephala</i> Kutz, <i>Gyrosigma attenuatum</i> Kutz (Bacillariophyta). Mật độ tảo trong mùa mưa dao động từ 53,559 – 7586,799 ct/L và mùa khô là 79,742 – 1607,042 ct/L. Trong đó ngành Euglenophyta có mật độ cao cả hai mùa. Chỉ số đa dạng sinh học Shannon – Weiner của khu vực là 2,491 trong đó mùa mưa là 1,87 và mùa mưa là 3,112
6127	Đại học	Khảo sát sự đa dạng thành phần loài Dương xỉ (Polypodiophyta) ở huyện Long Hồ và Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Lý, Thị Mỹ Oanh	Phạm, Thị Bích Thủy	2018	Đề tài: “Khảo sát sự đa dạng về thành phần loài Dương xỉ (Polypodiophyta) ở huyện Long Hồ và thành phố Vĩnh Long tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 8/2017 đến 05/2018. Kết quả đã thống kê, định danh và mô tả được 27 loài, thuộc 16 chi, 9 họ, thuộc ngành Dương xỉ (Polypodiophyta); trong đó, ở huyện Long Hồ tiến hành điều tra thu được 14 loài, thuộc 11 chi, 7 họ Dương xỉ; thành phố Vĩnh Long tiến hành điều tra thu được 24 loài, thuộc 14 chi, 8 họ; có 9 loài phổ biến được tìm thấy ở cả 2 huyện Long Hồ và thành phố Vĩnh Long. Có 13 loài chỉ gặp một lần khi khảo sát. Kết quả nghiên cứu hoàn thành bộ sưu tập ảnh gồm 103 ảnh và bộ mẫu gồm 50 mẫu ép khô, góp phần làm phong phú bộ sưu tập mẫu bằng những mẫu mới, bổ sung lại mẫu cũ cho trong phòng thí nghiệm thực vật. Ngoài việc đánh giá sự đa dạng về thành phần loài Dương xỉ đề tài còn đánh giá đa dạng về mặt sinh cảnh, dạng sống và công dụng của chúng.

6128	Đại học	Khảo sát mối tương quan giữa cấu trúc lỗ đực và buồng giao phối của một số loài giun đất ở Việt Nam	Nguyễn, Thị Tú Như	Nguyễn, Thanh Tùng	2018	Trên cơ sở khảo sát trên 169 tiêu bản cắt ngang qua nhú đực của 107 loài giun đất có mẫu lưu trữ tại phòng thí nghiệm Động vật - Bộ môn Sư phạm Sinh học - Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ. Qua đó có thể chia cấu trúc lỗ đực thành 4 kiểu chính: kiểu 1 - đổ trực tiếp trên bề mặt thành cơ thể (63 loài), kiểu 2 - được che kín bởi lớp cơ (7 loài), kiểu 3 - thành cơ thể quanh lỗ đực lõm đều (20 loài), kiểu 4 - thành cơ thể quanh lỗ đực lõm đều và gấp nếp (17 loài). Trong đó, kiểu 1 và kiểu 2 được xếp vào nhóm không có buồng giao phối vì thực chất ở 2 cấu trúc trên thì lỗ đực vẫn đổ trực tiếp ra bề mặt thành cơ thể, không có hiện tượng lõm vào của thành cơ thể đặc biệt là ở các lớp cơ; kiểu 3 và kiểu 4 được xếp vào nhóm có buồng giao phối vì thành cơ thể quanh lỗ đực có hiện tượng lõm vào trong để hình thành buồng giao phối và lớp biểu mô có thể hình thành nếp gấp hoặc không. Tuy nhiên, chỉ có kiểu 4 là có buồng giao phối chính thức vì có lớp cơ riêng và buồng giao phối nổi rõ trong thể xoang. Nhìn từ bên ngoài, những loài có lỗ đực nhú đực đơn giản thường có lỗ đực đổ trực tiếp ra bên ngoài, những loài có nhú đực lõm một bên thì có lỗ đực được che bởi lớp cơ của thành cơ thể, các loài có nhú đực dạng khe thì thành cơ thể quanh lỗ đực lõm đều hoặc hình thành thêm nếp gấp. Nghiên cứu cũng đã bổ sung 80 tiêu bản cắt ngang vùng đực của 52 loài, cung cấp mã số cho bộ mẫu 169 tiêu bản của 107 loài. Hơn nữa, nghiên cứu này cũng đã lần đầu tiên so sánh sự tương quan giữa hình thái ngoài của nhú đực và cấu trúc mô học của nó
------	---------	---	--------------------	--------------------	------	---

6129	Đại học	Khảo sát các chỉ tiêu huyết học, sinh hóa và tăng trưởng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phân bố ở hạ lưu sông Cửu Long	Nguyễn, Thảo Trân	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2018	Đề tài nghiên cứu “Khảo sát chỉ tiêu huyết học, sinh hóa và tăng trưởng của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) phân bố ở hạ lưu sông Cửu Long” được bố trí tại huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang và huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre trong 6 tháng (kể cả mùa nắng và mùa mưa). Nghiên cứu sử dụng cá tra giống có khối lượng 8 – 10 g/con cho thí nghiệm để xác định khả năng tăng trưởng về trọng lượng, chiều dài, tỉ lệ sống, tốc độ tăng trọng tương đối, tăng trưởng ngày, FCR và các chỉ tiêu huyết học, sinh hóa với các điều kiện môi trường tương đương với nước ngọt, nước lợ nhẹ và nước lợ vừa; mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần tương đương 9 ao nuôi. Thí nghiệm được tiến hành trong vòng 120 ngày nuôi, trong đó cá được thu mẫu máu và tăng trưởng sau mỗi 30 ngày. Số cá chết và khối lượng thức ăn cá sử dụng được ghi nhận mỗi ngày. Kết quả thí nghiệm cho thấy, ở điều kiện lợ vừa, cá tra bị stress, ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng của cá, làm cá chậm lớn hơn các nghiệm thức còn lại ($p < 0,05$). Ở các điều kiện còn lại cá tăng trưởng tốt và ít tiêu tốn thức ăn hơn. Cá tăng trưởng tốt nhất ở điều kiện lợ nhẹ với tăng trọng trong 120 ngày nuôi là $143,487 \pm 2,693$ g, tăng dài $12,297 \pm 0,232$ cm ($p < 0,05$). Hệ số tiêu tốn thức ăn ở nghiệm thức lợ vừa cao hơn các nghiệm thức còn lại ($p < 0,05$). Hàm lượng hemoglobin và số lượng hồng cầu của cá nuôi ở nghiệm thức lợ vừa đạt giá trị cao nhất, tương ứng $7,107 \pm 0,459$ g/dL và $2.789.333 \pm 76.787$ hồng cầu /mm³ máu ($p < 0,05$). Hàm lượng glucose cao nhất ở nghiệm thức có độ mặn 0‰ là $123,333 \pm 5,686$ mg/dL và thấp hơn ở các nghiệm thức khác ($p < 0,05$). Bên cạnh đó, cá nuôi ở các độ mặn khác nhau cho tỉ lệ sống như nhau dao động khoảng 77, 5 – 95, 3%. Như vậy, độ mặn có ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng và sinh lý của cá tra giống. Độ mặn cao cá ăn nhiều, tăng trưởng chậm; độ mặn nhẹ cá ăn nhiều tăng trưởng nhanh; độ mặn 0 ‰ cá tăng trưởng khá nhanh. Bên cạnh đó, độ mặn càng cao càng làm thay đổi các chỉ số huyết học, sinh hóa của cá. Vì vậy, trong điều kiện ngọt và lợ nhẹ thì nuôi cá tra mang lại hiệu quả kinh tế cao.
6130	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và cấu trúc mô học của tuyến trứng cá thòi lòi <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> (Hamilton, 1822) phân bố ở huyện Long Phú và huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Phạm, Bích Trâm	Đinh, Minh Quang	2018	Nghiên cứu cấu trúc mô học và sức sinh sản của cá thòi lòi <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> được thực hiện ở xã Long Đức, huyện Long Phú và xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng từ tháng 07 năm 2017 đến tháng 02 năm 2018. Mẫu cá được thu hàng tháng bằng cần câu hoặc bằng tay. Kết quả phân tích 394 mẫu cá (156 cá cái và 238 cá đực) cho thấy có nhiều thời kỳ phát triển khác nhau của noãn bào được tìm thấy trong cấu trúc mô học của tuyến trứng giai đoạn II, III và IV của loài cá này. Sức sinh sản tuyệt đối của cá thòi lòi là khá cao dao động từ 990 đến 6.890 trứng/cá cái và có mối quan hệ hồi quy tương đối chặt với khối lượng và chiều dài tổng của cá. Trung bình đường kính trứng dao động từ 293,79 µm (tuyến trứng giai đoạn I) đến 406,78 µm (tuyến trứng giai đoạn IV). Những kết quả này sẽ cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo về sinh sản nhân tạo ở khu vực nghiên cứu

6131	Đại học	Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài và tính kháng oxy hóa của các loài thuộc họ Củ nâu (Dioscoreaceae) tại Núi Cẩm, tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Thanh Diệu	Phùng, Thị Hằng	2018	Đề tài “Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài và hoạt tính kháng oxy hóa của các loài thuộc họ Củ nâu Dioscoreaceae) tại núi Cẩm, tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 08/2017 đến tháng 05/2018 với mục tiêu điều tra đa dạng về thành phần loài và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của các loài thuộc họ Củ nâu (Dioscoreaceae) ở núi Cẩm tỉnh An Giang. Đề tài sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát theo tuyến để lập danh sách các loài thuộc họ Củ nâu hiện có ở khu vực nghiên cứu. Sau đó tiến hành phân tích, mô tả hình thái để phân loại và lập khóa định loại các loài thuộc họ Củ nâu tại núi Cẩm tỉnh An Giang. Kết quả khảo sát được 9 loài thuộc chi Củ nâu (Dioscorea) Khoai mài (Dioscorea persimilis Prain & Burk.), Từ nhiều lá (Dioscorea cf. polyphylla R. Kunth.), Hoài sơn Trung Quốc (Dioscorea batatas Dcne.), Củ nâu trắng (Dioscorea hispida Dennst.), Từ tam giác (Dioscorea deltoidea Wall. ex Griseb.), Khoai trời (Dioscorea bulbifera L.), Từ năm lá (Dioscorea pentaphylla L.), Từ mỏng (Dioscorea membranacea Pierre ex Prain & Burk.). Khoai rặng (Dioscorea glabra Roxb.) tại 5 sinh cảnh gồm: lối mòn, khe suối, khu dân cư, vườn và rừng. Trong đó, có 1 loài có trong Sách đỏ Việt Nam Từ mỏng (Dioscorea membranacea Pierre ex Prain & Burk.). Đề tài tiến hành so sánh cấu trúc vi phẫu 8 mẫu lá thu được, đồng thời bước đầu sử dụng phương pháp DPPH – khử gốc tự do để khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của 8 mẫu trong 7 loài thu được Khoai mài (Dioscorea persimilis Prain & Burk.), Từ nhiều lá (Dioscorea cf. polyphylla R. Kunth.), Hoài sơn Trung Quốc (Dioscorea batatas Dcne.), Củ nâu trắng (Dioscorea hispida Dennst.), Từ tam giác (Dioscorea deltoidea Wall. ex Griseb.), Khoai trời (Dioscorea bulbifera L.), Từ năm lá (Dioscorea pentaphylla L.), Từ mỏng (Dioscorea membranacea Pierre ex Prain & Burk.). Kết quả cho thấy loài có hoạt tính kháng oxy hóa cao nhất là: Hoài sơn Trung Quốc (Dioscorea batatas Dcne.) với chỉ số IC₅₀ = 34,43 (µg/mL) và thấp nhất là Khoai mài (Dioscorea persimilis Prain & Burk.) với chỉ số IC₅₀ = 237,5 (µg/mL).
------	---------	---	------------------------	-----------------	------	--

6132	Đại học	Khảo sát mối tương quan giữa nhú phụ sinh dục và tuyến phụ sinh dục của một số loài giun đất ở Việt Nam	Lê, Thị Mông Ý	Nguyễn, Thanh Tùng	2018	Đề tài “Khảo sát mối tương quan giữa nhú phụ sinh dục và tuyến phụ sinh dục của một số loài giun đất ở Việt Nam” được thực hiện tại phòng thí nghiệm Động vật, bộ môn Sư phạm Sinh học, khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ. Trên cơ sở khảo sát nhú phụ và tuyến phụ sinh dục của 91 loài giun đất có mẫu lưu trữ tại phòng thí nghiệm Động vật. Trong đó, khảo sát nhú phụ sinh dục của 79 loài, tuyến phụ sinh dục của 87 loài trên 141 tiêu bản. Đề tài thu được một số kết quả như sau: nhú phụ sinh dục có 4 kiểu chính: giác (54 loài), nhú (21 loài), hình liềm (3 loài), hợp (1 loài); trong đó, nhú phụ kiểu giác có thể có lỗ thông (9 loài) hoặc không có lỗ thông (46 loài). Tuyến phụ sinh dục có 3 kiểu chính: ẩn trong thành cơ thể (20 loài), không cuống (24 loài), có cuống (38 loài). Trong đó, kiểu ẩn trong thành cơ thể có thể ẩn trong lớp biểu mô hoặc xen lẫn với các lớp cơ; kiểu không cuống có thể ở dạng lát, có bao cơ hoặc không có bao cơ; kiểu có cuống có 2 dạng là cuống đơn và cuống hợp. Nhú phụ kiểu giác có lỗ thông thì có tuyến phụ dạng không cuống có bao cơ (8 loài), chỉ 1 loài có tuyến phụ không có bao cơ; không có lỗ thông thì tuyến phụ có các kiểu: cuống hợp, không cuống và ẩn trong thành cơ thể; đặc biệt hơn, nhú phụ kiểu giác có bề mặt đồng nhất thì luôn có tuyến phụ kiểu ẩn trong thành cơ thể (3 loài). Nhú phụ kiểu nhú thường có tuyến phụ kiểu cuống hợp (5 loài), cuống đơn (3 loài). Nhú phụ hình liềm có tuyến phụ ẩn trong thành cơ thể (1 loài). Nhú phụ kiểu hợp có tuyến phụ kiểu cuống đơn (1 loài). Ngoài ra, có một số loài không thấy nhú phụ sinh dục ở bên ngoài nhưng có tuyến phụ sinh dục ở bên trong. Nghiên cứu này cũng đã bổ sung 72 tiêu bản cắt ngang qua tuyến phụ sinh dục của 46 loài, đặt mã số cho bộ mẫu 141 tiêu bản của 87 loài. Hơn nữa, đề tài phân tích rõ mối tương quan giữa các kiểu nhú phụ và tuyến phụ sinh dục ở mức độ chi tiết hơn
------	---------	---	----------------	--------------------	------	--

6133	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên các chỉ tiêu huyết học và tăng trưởng của cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.)	Trịnh, Ngọc Phương Trinh	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2018	Cá điêu hồng (<i>Oreochromis</i> sp.) cỡ giống 10 – 12 g được bố trí vào các bể nhựa 200 L với 160 L nước thí nghiệm tương ứng với 3 nghiệm thức 3 lần lặp lại gồm nghiệm thức nước ngọt, lợ nhẹ (6 g/l) và lợ vừa (12 g/l) trong mỗi bể được bố trí 30 cá giống cỡ 10 – 12 g với chiều dài, cân nặng tương đương nhau. Thí nghiệm nuôi tăng trưởng trong điều kiện phòng thí nghiệm trong 45 ngày với 3 đợt thu mẫu sau mỗi tháng thí nghiệm. Mẫu thu gồm số lượng tăng trưởng, tỉ lệ sống, số thức ăn tiêu hao và các chỉ tiêu huyết học. Kết quả thí nghiệm cho thấy cá điêu hồng là cá rất rộng muối với tỉ lệ sống và tốc độ tăng trưởng khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa ba nghiệm thức với khoảng dao động tương ứng từ 75 – 85 % sống và 0,277 – 0,364 g/ngày ($p > 0,05$). Hệ số tiêu tốn thức ăn cho cá điêu hồng cũng tương đương nhau ở ba nghiệm thức ($p > 0,05$). Số lượng hồng cầu của cá điêu hồng dao động từ 1,9 – 3,2 triệu hồng cầu/ml, cao nhất ở điều kiện lợ vừa ($p < 0,05$). Trong khi đó, nồng độ Hb trong máu cá điêu hồng khá biến động trong cùng điều kiện về độ mặn. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá điêu hồng thương phẩm là đối tượng nuôi trồng có khả năng thích ứng rất lớn trong sự thay đổi điều kiện nuôi, đặc biệt là dưới ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu. Có thể phát triển vùng nuôi đến các khu vực hạ lưu sông Cửu Long, kể cả vùng lợ nhẹ giáp biển.
6134	Đại học	Khảo sát sự đa dạng thành phần loài Dương xỉ (Polypodiophyta) ở huyện Tam Bình và huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Hồng Phúc	Phạm, Thị Bích Thủy	2018	Đề tài: “Khảo sát đa dạng về thành phần loài Dương xỉ (Polypodiophyta) ở huyện Tam Bình và huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2018. Kết quả đã thống kê, định danh và mô tả được 22 loài Dương xỉ, thuộc 16 chi, 9 họ, tất cả các loài đều thuộc lớp Dương xỉ (Polypodiopsida). Trong đó, ở huyện Tam Bình tiến hành điều tra 14/17 xã, thị trấn, thu được 21 loài, thuộc 16 chi, 9 họ Dương xỉ; huyện Trà Ôn tiến hành điều tra 11/14 xã, thị trấn, thu được 18 loài, 13 chi, 8 họ Dương xỉ; Có 7 loài phổ biến được tìm thấy ở cả 2 huyện Tam Bình và huyện Trà Ôn; 1 loài chưa có tên trong danh lục thực vật Việt Nam. Hoàn thành bộ sưu tập ảnh gồm 80 ảnh và bộ bách thảo tập gồm 50 mẫu ép khô, góp phần làm phong phú bộ sưu tập mẫu trong phòng thí nghiệm thực vật, đồng thời bổ sung và thay thế những mẫu bị hư hại trong phòng thí nghiệm, phục vụ cho quá trình học tập và trong nghiên cứu. Đề tài không chỉ đánh giá sự đa dạng về thành phần loài mà còn đánh giá đa dạng về sinh cảnh, dạng sống và công dụng của Dương xỉ.

6135	Đại học	Xác định vị trí phân loại học một số họ nhện (Araneae) ở Núi Cấm, tỉnh An Giang	Phan, Thị Phới	Trần, Thị Anh Thư	2018	Đề tài “Xác định vị trí phân loại học của một số họ nhện (Araneae) ở Núi Cấm, tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018. Qua phân tích 135 cá thể nhện trưởng thành, đề tài đã ghi nhận được 28 loài, thuộc 20 giống, của 12 họ nhện. Kết quả đề tài đã bổ sung thêm 26 loài, 13 giống và 4 họ vào danh lục nhện núi Cấm, ghi nhận mới 19 loài cho danh lục nhện Việt Nam: <i>Cyclosa moenduensis</i>, <i>C. quinqueguttata</i>, <i>Eriovixia hainanensis</i>, <i>Neoscona menghaiensis</i>, <i>Jacaena mihun</i>, <i>Oedignatha scrobiculata</i>, <i>Anisaedus levii</i>, <i>Spermophora</i> sp., <i>Otacilia sinifera</i>, <i>Cytaa oreophila</i>, <i>Leucauge decorate</i>, <i>L. mahabascapae</i>, <i>L. parangscipinia</i>, <i>Glenognatha dentata</i>, <i>Tharrhalea mariae</i>, <i>Nihonhimea tessellata</i>, <i>Parasteatoda celsabdomina</i>, <i>Mallinella convolutiva</i>, <i>Strenomorpha hainanensis</i>. Trong 17 taxon nhện đã định danh đến giống (kết quả nghiên cứu nhện núi Cấm giai đoạn 2014 – 2017), đề tài đã xác định lại vị trí phân loại học cho 2 taxon: 1 taxon xác định lại họ và giống 1 taxon xác định lại giống và định danh đến loài
6136	Đại học	Nghiên cứu tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở rừng tràm Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	Thiều, Phạm Thảo Vy	Đặng, Minh Quân	2018	Đề tài “Nghiên cứu tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở rừng tràm Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 nhằm mục tiêu đánh giá sự đa dạng về nguồn tài nguyên cây làm thuốc và sưu tầm các bài thuốc chữa bệnh từ những loài cây thu được ở rừng tràm Mỹ Phước thuộc huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Phương pháp nghiên cứu chính của đề tài bao gồm điều tra thực địa thu mẫu theo tuyến, thu thập thông tin từ điều tra phỏng vấn người dân địa phương và các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc. Kết quả nghiên cứu có 159 loài và dưới loài thuộc 133 chi của 68 họ trong 3 ngành thực vật có công dụng làm thuốc. Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) đa dạng nhất với 152 loài chiếm 95,60% tổng số loài. Trong 10 dạng sống chính của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu thì dạng thân cỏ chiếm tỉ lệ cao nhất với 73 loài chiếm 45,91% tổng số loài. Các cây làm thuốc được phân bố trong 4 sinh cảnh, trong đó sinh cảnh đề bao có số loài nhiều nhất với 127 loài chiếm 79,87%. Các cây thuốc thu được có thể phòng và chữa trị được 35 nhóm bệnh. Kết quả cũng đã sưu tầm được 529 bài thuốc trong đó của Võ Văn Chi (2012) 255 bài, Đỗ Tất Lợi (2015) 163 bài và của dân gian 111 bài.

6137	Đại học	Khảo sát thành phần loài và đặc điểm phân bố của nhện (Araneae) ở Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thị Anh Thu	Trần, Thị Anh Thu	2018	Đề tài “Khảo sát thành phần loài và đặc điểm phân bố của nhện (Araneae) ở thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng” được thực hiện từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018. Qua phân tích 503 cá thể nhện trưởng thành thu được ở bốn sinh cảnh: vườn cam, vườn tạp, ruộng lúa và ven đường, đề tài đã ghi nhận được 30 loài thuộc 26 giống trong 11 họ. Trong đó 25 loài được nhận diện đến mức loài, 5 loài nhận diện đến mức giống. Các họ Araneidae, Salticidae, Theridiidae, Tetragnathidae, Uloboridae có thành phần loài, giống đa dạng nhất trong 11 họ. Loài Tetragnatha mandibulata là loài khá đa dạng, thu được ở cả 4 sinh cảnh. Loài Araneus inustus là loài chiếm số lượng nhiều nhất trong các loài với số lượng 112 cá thể chiếm 22,27% tổng số cá thể thu được. Kết quả đề tài cũng bổ sung thêm 9 loài mới Argiope dang, Larinia phthisica, Pardosa songosa, Hyllus maskaranus, Argyrodes antipodianus, Argyrodes flavescens, Nihonhimea tessellata, Rhomphaea nasica, Uloborus penicillatoides và 1 giống mới Cytaea vào danh lục nhện Việt Nam 2015. Độ đa dạng của các sinh cảnh lần lượt theo thứ tự sinh cảnh ven đường, sinh cảnh vườn tạp, sinh cảnh vườn cam và sinh cảnh ruộng lúa. Trong đó sinh cảnh ven đường ghi nhận được 25 loài thuộc 22 giống nhện chiếm 83,33% tổng số loài. Sinh cảnh vườn tạp thu được 16 loài trong 14 giống chiếm 53,33% tổng số loài. Sinh cảnh vườn cam ghi nhận được 15 loài, 13 giống chiếm 50% tổng số loài. Sinh cảnh ruộng lúa thu được với 7 loài, 5 giống chiếm 23,33% tổng số loài. Qua thống kê theo hai mùa thì mùa mưa ghi nhận được thành phần loài cũng như số lượng cá thể nhiều hơn mùa khô nhưng độ chênh lệch giữa 2 mùa là không nhiều
6138	Đại học	Bộ sưu tập ảnh và mẫu ép khô hình thái lá của Thực vật hạt kín (Angiospermatophyta)	Nguyễn, Thị Yến Thanh	Phạm, Thị Bích Thủy	2018	Đề tài nghiên cứu “Bộ sưu tập ảnh và mẫu ép khô hình thái lá của Thực vật hạt kín (Angiospermatophyta)” được tiến hành thực hiện chủ yếu ở thành phố (TP) Cần Thơ, các tỉnh lân cận, thời gian thực hiện từ tháng 08 năm 2017 đến tháng 05 năm 2018. Kết quả đã thực hiện được 1 bộ sưu tập ảnh gồm 134 ảnh thuộc 84 loài và bộ sưu tập mẫu ép khô gồm 102 mẫu thuộc 68 loài. Hoàn thành 5 poster ảnh và 4 khung ảnh mẫu lá ép khô, góp phần làm phong phú bộ mẫu trong phòng thí nghiệm thực vật, đồng thời bổ sung nguồn tư liệu phục vụ trong học tập và nghiên cứu. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện đề tài, cho thấy kiểu lá đơn có hình dạng phong phú hơn kiểu lá kép, phiến lá thuôn và chóp lá nhọn là hai đặc điểm hình thái lá phổ biến nhất. Ngoài ra, đề tài còn thực hiện được mẫu ảnh của chóp lá biến đổi thành công cụ bẫy côn trùng ở lá cây Nắp ấm, Gọng vó, Bắt ruồi và mẫu ép khô chóp lá biến đổi ở lá cây Nắp ấm.

6139	Đại học	Nghiên cứu hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm và kháng oxy hóa của cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.)	Mai, Thị Diễm Thu	Võ, Thị Thanh Phương	2018	Mục tiêu của đề tài là khảo sát hoạt tính kháng khuẩn (gram +, gram -) của cao methanol cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.) được khảo sát ở các chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Bacillus subtilis</i> bằng phương pháp khuếch tán giếng thạch. Kết quả cho thấy cao methanol có hiệu quả kháng khuẩn mạnh đối với bốn chủng vi khuẩn khảo sát. Ở vi khuẩn <i>E. coli</i> có nồng độ ức chế tối thiểu của lá, vỏ thân và trái đều là $2,5 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 5 \text{ mg/ml}$. Ở vi khuẩn <i>P. aeruginosa</i> có nồng độ ức chế tối thiểu của lá, vỏ thân và trái đều là $1,25 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 2,5 \text{ mg/ml}$. Ở vi khuẩn <i>S. aureus</i> có nồng độ ức chế tối thiểu của lá và trái $2,5 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 5 \text{ mg/ml}$, vỏ thân là $2,5 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 5 \text{ mg/ml}$. Ở vi khuẩn <i>B. subtilis</i> có nồng độ ức chế tối thiểu của lá và vỏ thân là $25 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 12,5 \text{ mg/ml}$ và của trái là $2,5 \text{ mg/ml} < \text{MIC} \leq 5 \text{ mg/ml}$. Hoạt tính kháng nấm của cao methanol cây trứng cá được khảo sát ở nấm <i>Aspergillus niger</i> bằng phương pháp khuếch tán giếng thạch. Cao chiết methanol cây trứng cá thể hiện tính kháng mạnh đối với <i>A. niger</i> đường kính vòng kháng nấm $> 15 \text{ mm}$. Nồng độ ức chế tối thiểu của cao trứng cá đối với <i>A. niger</i> là 50 mg/ml . Hoạt tính kháng oxy hóa cao methanol cây trứng cá (<i>Muntingia calabura</i> L.) được khảo sát bằng phương pháp DPPH. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng kháng oxy hóa của cao lá, cao vỏ thân và cao trái thấp hơn chất chống oxy hóa chuẩn vitamin C. Hoạt tính kháng khuẩn của cao trái cao hơn so với khả năng kháng oxy hóa của cao vỏ thân và hoạt tính kháng oxy hóa của cao vỏ thân cao hơn so với hoạt tính kháng oxy hóa của cao lá
6140	Đại học	Khảo sát các chỉ tiêu huyết học, sinh hóa và tăng trưởng của cá lóc (<i>Chana striata</i>) nuôi ở hạ lưu sông Cửu Long	Nguyễn, Thị Thanh Thúy	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2018	Cá lóc (<i>Channa striata</i>) được thuần và bố trí thí nghiệm nhằm xác định sự ảnh hưởng của độ mặn lên các chỉ tiêu tăng trưởng, huyết học và sinh hóa. Thí nghiệm được bố trí với ba nghiệm thức nước ngọt, nước lợ nhẹ và nước lợ vừa. Lập lại 3 lần. Qua 4 tháng nuôi kết quả thu được cho thấy, cá lóc tại nghiệm thức nước lợ nhẹ có tốc độ tăng trưởng về trọng lượng và chiều dài nhanh nhất lần lượt là $236,90 \pm 7,25 \text{ g}$, $29,50 \pm 0,37 \text{ cm}$ ($p > 0,05$). Tốc độ tăng trưởng tuyệt đối, tăng trưởng ngày và tỉ lệ sống đều đạt giá trị cao nhất tại nghiệm thức nước lợ nhẹ khác biệt có ý nghĩa với các nghiệm thức còn lại với giá trị lần lượt là $3,95 \pm 0,12 \text{ g/ngày}$, $1,81 \pm 0,02\%$ và 63% ($p > 0,05$). Hệ số FCR đạt giá trị cao nhất ở nghiệm thức nước lợ nhẹ nhưng giữa ba nghiệm thức sự khác biệt không có ý nghĩa ($p < 0,05$) dù có sự biến động lớn về tăng trọng và chiều dài của cá ở ba nghiệm thức. Số lượng hồng cầu (trung bình $3,15 \pm 0,64$ triệu hồng cầu/ml) và nồng độ Hb (trung bình $8,07 \pm 3,3 \text{ g/dL}$) trong máu cá lóc dao động rất lớn phụ thuộc trực tiếp bởi nồng độ oxy trong nước và điều kiện độ mặn của môi trường khi chuyển giao từ mùa mưa sang mùa khô, thông qua đó cá lóc có thể thích nghi tốt với sự biến đổi của môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cá lóc khá rộng muối, thích hợp nuôi thương phẩm trong điều kiện lợ nhẹ. Trong môi trường lợ vừa tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá bị ảnh hưởng lớn bởi độ mặn ở các khu vực hạ lưu sông Cửu Long.

6141	Đại học	Tổ chức trải nghiệm qua phương pháp trò chơi cho HS trong quá trình dạy học Địa lí lớp 11 THPT	Nguyễn, Thanh Toàn	Nguyễn, Thị Ngọc Phúc	2019	Tổ chức trò chơi để tăng cường sự trải nghiệm của người học và tạo sự thoải mái trong học tập - Về kiến thức: Xây dựng kiến thức cho học sinh ngay trong quá trình chơi - Về kỹ năng: hình thành các kỹ năng như hợp tác, tư duy... - Về thái độ: hình thành thái độ say mê học tập, tôn trọng trò chơi, bạn chơi và tôn trọng sự công bằng trong mỗi trò chơi.
6142	Đại học	Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị các bệnh về gan ở đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang	Trương, Minh Phương	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị các bệnh về gan ở đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang” được thực hiện từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 04 năm 2019. Đề tài này được thực hiện nhằm mục tiêu điều tra thực trạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc và sưu tầm bài thuốc chữa các bệnh về gan ở đảo Nam Du. Đề tài đã sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn và điều tra thực địa, thu mẫu theo tuyến, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 54 loài cây làm thuốc thuộc 50 chi của 36 họ trong 01 ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, lớp Ngọc Lan chiếm ưu thế với 30 họ (chiếm 83,33% so với tổng số họ), 42 chi (chiếm 84,00% so với tổng số chi) và 46 loài (chiếm 85,19% so với tổng số loài). Có 02 loài có tên trong “Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam” (2006), “Sách đỏ Việt Nam” (2007). Các loài cây làm thuốc thu được có 08 dạng sống và phân bố trong 06 sinh cảnh, trong đó đa dạng nhất là sinh cảnh vườn nhà (chiếm 50,00% tổng số loài) và sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá (chiếm 40,74% tổng số loài). Có 10 bộ phận của cây được dùng làm thuốc và dùng để chữa trị cho 5 nhóm bệnh về gan. Có 7 loài cây làm thuốc được người dân địa phương sử dụng nhiều nhất để chữa các bệnh về gan. Sưu tầm được 44 bài thuốc chữa bệnh gan từ các loài cây điều tra được tại khu vực nghiên cứu.
6143	Đại học	Khảo sát sự đa dạng thành phần loài nhện trên ruộng lúa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Nguyễn, Tuấn Khanh	Trần, Thị Anh Thư	2019	Đề tài “Khảo sát thành phần loài nhện trên ruộng lúa ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang” được thực hiện từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019. Qua phân tích 512 cá thể nhện trưởng thành thu được ở sinh cảnh: ruộng lúa trong đê và ngoài đê, đề tài đã ghi nhận được 15 loài thuộc 12 giống 6 họ. Trong đó, 11 loài được nhận diện đến mức loài, 4 loài nhận diện đến mức giống. Các họ Araneidae và Salticidae có thành phần loài, giống đa dạng nhất trong 6 họ. Loài Araneus inustus là loài chiếm số lượng nhiều nhất trong các loài với số lượng 257 cá thể chiếm 50,2% tổng số cá thể thu được. Kết quả đề tài cũng bổ sung 3 loài mới cho danh lục nhện Việt Nam: Argiope dang; Clubiona coreana; Oxyopes sertatus. Độ đa dạng thành phần loài nhện ở khu vực ruộng lúa trong đê cao hơn ruộng lúa ngoài đê. Trong đó, ruộng lúa trong đê ghi nhận được 13 loài thuộc 10 giống nhện chiếm 66,67% tổng số loài. Ruộng lúa ngoài đê ghi nhận 9 loài trong 9 giống chiếm 33,33% tổng số loài. Độ đa dạng thành phần loài nhện vụ Thu đông cao hơn vụ Hè thu. Vụ Thu đông ghi nhận được 147 cá thể chiếm 28,71% , 13 loài chiếm 86,67%, 11 giống chiếm 91,67%, 6 họ chiếm 100% trong tổng số nhện ghi nhận được. Vụ Hè thu ghi nhận được 365 cá thể chiếm 71,29%, 8 loài chiếm 53,33%, 7 giống chiếm 58,33%, 5 họ chiếm 83,33%.

6144	Đại học	Thiết kế bài thực hành học phần Thực tập Động vật không xương sống - Ngành giun tròn, Ngành giun dẹp và Ngành giun đốt	Lê, Nguyễn Ngọc Chăm	Đình, Minh Quang	2019	Đề tài “Thiết kế bài thực hành học phần Thực tập Động vật không xương sống – Bài ngành Giun dẹp, ngành Giun tròn và ngành Giun đốt” được thực hiện nhằm mục tiêu thiết kế nội dung bài thực hành về ba ngành động vật này phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của sinh viên về học phần Thực tập Động vật không xương sống (SP177). Đề tài được thực hiện trong 8 tháng từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. Chúng tôi đã tiến hành phân tích nội dung các tài liệu liên quan đến học phần Thực tập Động vật không xương sống, chọn đối tượng để tiến hành giải phẫu và xây dựng nội dung bài học đề xuất cho việc giảng dạy. Đề tài đã cung cấp nguồn tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập cũng như biên soạn giáo trình Thực hành động vật trong thời gian tới.
6145	Đại học	Nghiên cứu về thực vật học và hoạt tính kháng oxy hóa của 2 loài Cúc chi thiên (Elephantopus scaber L.) và Cúc chi thiên mềm (Elephantopus mollis H.B.K.) tại núi Cẩm – An Giang	Nguyễn, Thị Kiều Nhi	Phùng, Thị Hằng	2019	Đề tài “Nghiên cứu về thực vật học và hoạt tính kháng oxy hóa của hai loài Cúc chi thiên (Elephantopus scaber L.) và Cúc chi thiên mềm (Elephantopus mollis H.B.K.) tại An Giang” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 05/2019. Thực hiện mục tiêu nghiên cứu thực vật học đề tài đã sử dụng phương pháp phân tích hình thái và phương pháp cắt vi mẫu nhuộm hai màu son phèn – lục iod (Carmin aluné – vert d’iod) để so sánh các điểm giống nhau và khác nhau về hình thái và cấu tạo giải phẫu ở các bộ phận rễ, thân, lá. Đồng thời sử dụng phương pháp DPPH – khử gốc tự do để khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa ở các bộ phận lá, hoa của hai loài này. Kết quả cho thấy vì cùng một chi nên hai loài có nhiều điểm giống nhau về hình thái lẫn giải phẫu, tuy nhiên vẫn có những điểm khác biệt mang tính chất đặc trưng cho từng loài như màu hoa hay dạng thân v.v. Về tính kháng oxy hóa, khả năng kháng oxy hóa của hoa Cúc chi thiên (Elephantopus scaber L.) cao hơn lá trong cùng một loài và cao hơn cao lá và hoa của Cúc chi thiên mềm (Elephantopus mollis H.B.K.) với chỉ số (IC 50 = 80,026 µg/mL).
6146	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và cấu trúc mô học của tuyến tinh cá thòi lòi biển Periophthalmodon schlosseri (Pallas, 1770)	Võ, Ngọc Minh Châu	Đình, Minh Quang	2019	Nghiên cứu này đã bổ sung dân liệu về đặc điểm hình thái và cấu trúc mô học của tuyến tinh cá thòi lòi biển Periophthalmodon schlosseri phân bố ở ven biển huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả phân tích 115 mẫu được thu bằng cách đặt lưới trên miệng hang hoặc bắt trực tiếp bằng tay khi thủy triều thấp dọc theo bãi bồi và cửa sông ven biển Trần Đề tỉnh Sóc Trăng từ tháng 07 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 đã tìm được 4 giai đoạn phát triển của tuyến tinh (I: non, II: đang phát triển, III: đang phát triển, IV: trưởng thành). Giai đoạn V (chín) và VI (sau khi đẻ) chưa được tìm thấy trong nghiên cứu này. Kích cỡ của tuyến tinh tăng dần từ giai đoạn I đến IV. Cá thòi lòi biển có khả năng phóng tinh nhiều đợt trong mùa sinh sản vì có nhiều giai đoạn phát triển khác nhau của tinh bào trong tuyến tinh giai đoạn III và IV. Kết quả của đề

6147	Đại học	Thiết kế bài thực hành Kỹ thuật vẽ trong sinh học - Phần vẽ tay	Trương, Thị Thúy Vi	Nguyễn, Thanh Tùng	2019	Trước đây, Kỹ thuật vẽ trong sinh học là một học phần bắt buộc cho sinh viên học ngành Sư phạm Sinh học của một số trường Đại học Sư phạm ở Việt Nam. Tuy nhiên, với nhiều lý do khác nhau trong một thời gian dài học phần này không được giảng dạy trên cả nước. Đến năm 2013, học phần Kỹ thuật vẽ trong sinh học được ThS. Võ Thị Thanh Phương (nguyên trưởng Bộ môn Sư phạm Sinh học – Khoa Sư phạm) đề xuất giảng dạy lại cho sinh viên ngành Sư phạm Sinh học của trường Đại học Cần Thơ (từ khoá 40 trở về sau) trong nhóm các học phần tự chọn. Với mục tiêu thiết kế nội dung thực hành cho học phần Kỹ thuật vẽ trong sinh học – phần vẽ tay theo tiến trình phát triển kỹ năng vẽ tay của người học, xác định mục tiêu, nội dung cụ thể và xây dựng hệ thống bài tập ôn tập cho từng bài thực hành, đề tài đã thiết kế được 6 bài thực hành kỹ thuật vẽ tay trong sinh học. Các bài thực hành được thiết kế theo hướng kết hợp song song lý thuyết với thực hành và sắp xếp theo thứ tự từ những bài đơn giản đến phức tạp giúp người học phát triển dần kỹ thuật vẽ. Sau mỗi bài hướng dẫn là bài vận dụng, người học vừa phát triển được kỹ năng vẽ, vừa áp dụng được ngay vào thực tế. Thông qua đó, người học ngoài học kiến thức còn phát triển được khả năng tự học, tư duy, sáng tạo và các đức tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ,... Ở mỗi bài thực hành, người học còn cung cấp các câu hỏi luyện tập, vận dụng để có thể tự rèn luyện và hoàn thiện kỹ thuật vẽ ở nhà. Với kết quả trên, đề tài cung cấp nguồn tài liệu quan trọng cho việc giảng dạy học phần Kỹ thuật vẽ trong sinh học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học học phần này Nội dung cụ thể 6 bài thực hành kỹ thuật vẽ tay trong sinh học như sau + Bài 1: Hướng dẫn vẽ các nét cơ bản + Bài 2: Thực hành vẽ hình phẳng từ mẫu đại th + Bài 3: Thực hành vẽ hình phẳng từ mẫu hiển v + Bài 4: Hướng dẫn biểu thị sáng tối trong hình khối + Bài 5: Thực hành vẽ hình khối từ mẫu đại th + Bài 6: Kỹ thuật sơ đồ hóa hình ảnh trong giảng dạy sinh học
------	---------	---	---------------------	--------------------	------	--

6148	Đại học	Đánh giá hiện trạng mảng xanh tại các khu dân cư ở quận Ninh Kiều và quận Cái Răng thuộc thành phố Cần Thơ	Di, Thị Tú Em	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Đánh giá hiện trạng mảng xanh ở các khu dân cư tại các quận Ninh Kiều và Cái Răng thuộc thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 và kết thúc vào tháng 05 năm 2019. Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu lập danh lục và đánh giá thực trạng các loài cây xanh trồng trong các khu dân cư quận Ninh Kiều và Cái Răng. Qua thực tế đo đạc, đếm số lượng cây và phân loại các loài cây trong các khu dân cư tại các quận Ninh Kiều và Cái Răng, đã phân loại được 149 loài của 133 chi thuộc 63 họ thực vật. Trong tổng số cây xanh thuộc mảng xanh đô thị là 16.033 cây (gồm 7.192 cây bóng mát và 8.841 cây trang trí). Trong số 7.192 cây bóng mát thuộc mảng xanh đô thị có 2.669 cây cao dưới 6 m (chiếm 37,1 %), 3.916 cây cao từ 6 m – 12 m (chiếm 55,3 %), 546 cây cao trên 12 m (chiếm 7,6 %). Số cây phát triển tốt là 16.272 cây, số cây cần được chăm sóc là 922 cây. So với so với Hướng dẫn thiết kế đô thị của Bộ Xây dựng (2013) đối với đô thị loại I thì có 4/13 KDC đạt chuẩn. Những KDC đạt chuẩn: KDC 586, KDC Hưng Phú 1, KDC Long Thịnh. Những KDC chưa đạt chuẩn: KDC 91B, KDC 923, KDC 515, KDC Metro, KDC Hàng Bàng, KDC Hồng Phát A, KDC Diệu Hiền, KDC Hoàng Quân, KDC Hồng Loan, KDC Nam Long, KDC Nông Thổ Sản. Tổng diện tích phủ xanh là 63.492,13 m². Tỷ lệ diện tích phủ xanh trên đầu người là 2,98 m² /người. Tổng diện tích phủ xanh thiếu hụt để đạt chuẩn của các KDC là 22.691,17 m².
6149	Đại học	Thiết kế bài thực hành phục vụ giảng dạy học phần thực tập Động vật không xương sống (SP177) Ngành Chân Khớp – Lớp giáp xác	Mai, Thị Mỹ Hiền	Trần, Thị Anh Thu	2019	Qua 9 tháng thực hiện (tháng 08 năm 2018 – tháng 04 năm 2019) đề tài đã thiết kế một số nội dung và hoạt động dạy học phục vụ giảng dạy học phần thực tập Động vật không xương sống - ngành chân khớp - lớp giáp xác. Nội dung bài thực hành bao gồm: hoạt động nhận diện 10 loài động vật thuộc lớp giáp xác (Crustacea), thuộc ngành chân khớp (Arthropoda), giải phẫu hai đối tượng: Cua đồng (Somanniathelphusa germaini Rathbun, 1902), Tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii De Man, 1879). Ngoài ra, đề tài cũng tiến hành lấy ý kiến góp ý của các bạn sinh viên khóa 43 và khóa 44 – bộ môn Sư phạm Sinh học về mục tiêu, nội dung thực hành và phương thức tổ chức các hoạt động giảng dạy. Hầu hết (trên 95%) ý kiến hài lòng về bài thực hành, số ít (dưới 5%) không hài lòng về bài thực hành và yêu cầu rút ngắn nội dung lý thuyết.

6150	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và cấu trúc mô học của tuyến trứng cá thòi lòi biển <i>Periophthalmodon schlosseri</i> (Pallas, 1770)	Sơn, Sa Men	Đình, Minh Quang	2019	Nghiên cứu này được thực hiện ở ven biển huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 nhằm bổ sung đặc điểm hình thái và cấu trúc mô học của tuyến trứng cá thòi lòi biển <i>Periophthalmodon schlosseri</i> . Kết quả phân tích 179 mẫu cá cái cho thấy có nhiều thời kỳ phát triển khác nhau của noãn bào được tìm thấy trong cấu trúc mô học của tuyến trứng giai đoạn III và IV của loài cá này. Điều này chứng tỏ cá thòi lòi biển thuộc nhóm cá đẻ nhiều lần trong mùa sinh sản. Sức sinh sản tuyệt đối dao động từ 17.644 trứng/cá đến 70.746 trứng/cá cái. Sức sinh sản tương đối dao động từ 338 đến 623/g cơ thể. Trung bình đường kính trứng dao động từ 41,08 µm (tuyến trứng giai đoạn I) đến 320,02 µm (tuyến trứng giai đoạn IV). Phương trình hồi quy tương quan giữa sức sinh sản tuyệt đối và khối lượng và chiều dài cá lần lượt là $\text{LogF} = 1,03 \times \text{LogW} + 2,61$ ($r^2 = 0,81$, $n = 16$) và $\text{LogF} = 3,03 \times \text{LogTL} + 0,63$ ($r^2 = 0,80$, $n = 16$). Điều này cho thấy sức sinh sản của cá tăng theo kích cỡ của cá.
6151	Đại học	Khảo sát kiến thức, phương pháp và thái độ của sinh viên Sư Phạm về giáo dục môi trường	Ngô, Huệ Mẫn	Huỳnh, Thị Thúy Diễm	2019	Nhận thức và thái độ của con người với môi trường còn hạn chế là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm môi trường. Theo quyết định 1363/2001/QĐ – TTg “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống GD quốc dân”. Từ đó, đặt ra nhiệm vụ to lớn của người GV trong công tác GDMT, đặc biệt các SVSP. Tuy nhiên, các nghiên cứu về kiến thức, thái độ và phương pháp GDMT của SVSP còn ít chú ý đến. Chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu là phân tích kết quả khảo sát thực trạng về kiến thức, phương pháp và thái độ của SVSP đối với GDMT, để đề xuất các giải pháp thích hợp cho việc GDMT cho đối tượng SVSP hiện nay được hiệu quả. Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với định tính dựa theo chiến lược nghiên cứu là khảo sát (Croswel, 2007). Kết quả nghiên cứu cho thấy: SVSP hiện nay có kiến thức tương đối về các vấn đề GDMT, đa phần SVSP cho rằng mình sẽ vận dụng nhiều phương pháp GDMT như diễn giảng lồng ghép, trò chơi, tuyên truyền trong tương lai. Thái độ của sinh viên với GDMT, cơ bản còn hạn chế. Cần tăng cường công tác GDMT hơn nữa, đặc biệt ở các môn học đặc thù như: Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lí, Hóa học; xem xét lại chất lượng của các học phần liên quan đến GDMT tránh trường hợp học qua loa, học mà không hành. Xây dựng các mô-đun GDMT, tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực tế, các dự án trong các học phần GDMT nhằm hướng đến xây dựng hành động của sinh viên hiện nay.

6152	Đại học	Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị bệnh cao huyết áp và tiểu đường ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Nguyễn, Hoàng Phúc	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị bệnh cao huyết áp và tiểu đường ở vườn quốc gia U Minh Thượng” được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 và kết thúc vào tháng 05 năm 2019. Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá được sự đa dạng về nguồn tài nguyên làm thuốc và các bài thuốc trong điều trị bệnh cao huyết áp và bệnh tiểu đường thu được ở VQG U Minh Thượng. Bằng phương pháp chính là điều tra thực địa theo tuyến, kết hợp với phỏng vấn các lương y, người hái thuốc, người am hiểu về cây thuốc và người dân sinh sống tại vùng đệm ở VQG U Minh Thượng. Trong đó số 82 cây thuốc có 37 loài cây có khả năng trị bệnh cao huyết áp chiếm 45,12% số loài thuộc 35 chi, 27 họ; 23 loài cây có khả năng điều trị bệnh tiểu đường chiếm 28,05% số loài thuộc 21 chi, 19 họ và 22 loài có công dụng chữa được cả hai bệnh này. Có 2 loài nằm trong Nghị định 32/CP/2006 của Chính phủ và “Sách đỏ Việt Nam” (2007). Có 14 loài có tên trong danh mục 70 cây thuốc mẫu theo Thông tư số 40/2013/TT-BYT. Các loài cây làm thuốc chữa bệnh cao huyết áp thu được ở VQG U Minh Thượng có 9 dạng sống chính. Trong đó, cây thân cỏ là dạng sống chủ yếu với 29 loài, chiếm 37,18%. Với các bộ phận của cây dùng làm thuốc thì lá cây chiếm số lượng và tỷ lệ cao nhất lần lượt là 28 loài với 35,90% so với tổng số loài. Các loài cây làm thuốc chữa bệnh cao huyết áp phân bố trong 5 sinh cảnh, trong đó sinh cảnh đồi bao có số lượng và tỷ lệ cao nhất là 65 loài, chiếm 79,27% so với tổng số loài. Từ các tài liệu chuyên khảo kết hợp với điều tra phỏng vấn, đề tài đã sưu tầm được 94 bài thuốc chữa bệnh cao huyết áp và bệnh tiểu đường từ người dân sinh sống ở vùng đệm của VQG U Minh Thượng.
------	---------	---	--------------------	-----------------	------	--

6153	Đại học	Nghiên cứu về thực vật học và hoạt tính kháng oxy hóa của 2 loài Khổ qua (<i>Momordica charantia</i> L.) và Khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>abbreviate</i> Ser.)	Nguyễn, Hoàng Thi Thơ	Phùng, Thị Hằng	2019	Đề tài “Nghiên cứu thực vật học và tính kháng oxy hóa của hai thứ Khổ qua (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>charantia</i> L.) và Khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>abbreviate</i> Ser.) tại núi Cẩm – An Giang” được thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019 với mục tiêu nghiên cứu thực vật học và khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa bằng phương pháp DPPH của ba giống Khổ qua đang có trên thị trường hiện nay, đó là Khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>abbreviate</i> Ser.) được cung cấp tại Trung tâm dược liệu Núi Cẩm – An Giang và hai giống Khổ qua (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>charantia</i> L.) gồm Khổ qua lai F1 RADO 09 của công ty giống Rạng Đông và Khổ qua vườn được cung cấp từ vườn nhà tại Bến Tre. Trong đề tài này cả 3 giống đều được gieo trồng và chăm sóc tại 2 địa điểm là Núi Cẩm – An Giang và Cần Thơ. Đề tài đã tiến hành phân tích, mô tả hình thái và vi phẫu sau đó so sánh sự khác nhau giữa 3 giống Khổ qua. Kết quả cho thấy, có sự khác biệt ở đặc điểm hình thái lá và trái giữa 3 giống Khổ qua, đối với đặc điểm giải phẫu thì các giống tương tự nhau. Kết quả về khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa bằng phương pháp DPPH - khử gốc tự do của các mẫu nghiên cứu cho thấy giữa thân lá và trái, thân lá có khả năng kháng oxy hóa cao hơn so với trái. Khả năng kháng oxy hóa ở thân lá và trái của Khổ qua rừng có khả năng kháng cao hơn so với Khổ qua lai F1.
6154	Đại học	Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị các bệnh về gan ở Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Lưu, Thị Huyền Trâm	Đặng, Minh Quân	2019	Đề tài “Điều tra, sưu tầm các cây thuốc và bài thuốc điều trị các bệnh về gan ở Vườn quốc gia U Minh Thượng” được thực hiện từ tháng 08 năm 2018 đến tháng 05 năm 2019 tại Vườn quốc gia (VQG) U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nhằm mục tiêu điều tra thực trạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc và sưu tầm bài thuốc chữa các bệnh về gan có ở VQG này. Đề tài đã sử dụng phương pháp điều tra phỏng vấn và điều tra thực địa, thu mẫu theo tuyến, kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về cây làm thuốc. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 45 loài cây làm thuốc thuộc 43 chi của 33 họ trong 02 ngành thực vật là ngành Dương xỉ (<i>Polypodiophyta</i>) và ngành Ngọc lan (<i>Magnoliophyta</i>). Trong đó, ngành Ngọc lan (<i>Magnoliophyta</i>) có nhiều loài chữa bệnh về gan với 32 họ (96,97% tổng số họ), 44 loài (chiếm 97,78% tổng số loài của vùng nghiên cứu). Hai họ nhiều loài nhất là: họ Hòa thảo (<i>Poaceae</i>) và họ Cúc (<i>Asteraceae</i>) Các loài cây làm thuốc thu được có 08 dạng sống và phân bố trong 05 sinh cảnh, trong đó đa dạng nhất là sinh cảnh đồi bao (chiếm 84,44% tổng số loài) và sinh cảnh đồng cỏ (chiếm 42,22% tổng số loài). Có một loài nằm trong Nghị định 32/CP/2006 của Chính phủ và “Sách đỏ Việt Nam” (2007). Có 9 bộ phận của cây được dùng làm thuốc và dùng để chữa trị cho 05 nhóm bệnh về gan. Đề tài đã sưu tầm được 53 bài thuốc chữa các bệnh về gan, trong đó các bài thuốc chữa viêm gan chiếm số lượng nhiều nhất với 33 bài chiếm 62,26% tổng số bài thuốc sưu tầm được.

6155	Đại học	Khảo sát và đánh giá hiện trạng nhiễm giun, sán ký sinh trong cá nước ngọt thu nhận tại các chợ thuộc quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Trịnh, Ngọc Kiều Trân	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2019	Đề tài khảo sát thành phần giun, sán ký sinh (GSKS) trên một số loài cá nước ngọt thương phẩm được thu mua từ các chợ quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. Tổng cộng có 32 mẫu cá lóc đồng, 31 mẫu cá trê vàng, 37 mẫu cá rô đồng, 30 mẫu cá diêu hồng và 30 mẫu cá he vàng được quan sát dấu hiệu bệnh lý và soi tươi để kiểm tra GSKS. Kết quả cho thấy có 8 bộ (Dactylogyridea, Gyrodactylidea, Mazocraeidea, Fasciolata, Pseudophyllidae, Spirudida, Acanthogyrida, Rhynchobdellea) GSKS ký sinh trên các bộ phận như da, mang, vây, dạ dày và ruột của cá. Loài và số lượng trùng ký sinh trên cá thể phụ thuộc vào giống loài vật chủ và đặc tính ký sinh của mỗi GSKS. Trong đó, cá lóc đồng có tỷ lệ nhiễm GSKS cao nhất (87,5%) và cá diêu hồng có tỷ lệ nhiễm GSKS thấp nhất (13,33%). Hầu hết các nhóm GSKS được phát hiện không lây nhiễm cho người, cường độ nhiễm thấp không ảnh hưởng lớn đến sức khỏe cá.
6156	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của cây lê bạn (<i>Tradescantia spathacea</i> Sw.) ở thành phố Cần Thơ	Phan, Trần Học Khang	Võ, Thị Thanh Phương	2019	Mục tiêu nghiên cứu là: (1) Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu của cây lê bạn (<i>Tradescantia spathacea</i> Sw.) bằng thuốc nhuộm son phenyl iod; khảo sát số lượng nhiễm sắc thể bằng xử lý sốc nhược trương tế bào và sử dụng thuốc nhuộm nhiễm sắc thể aceto – carmin, (2) Định tính thành phần hóa học của cao chiết methanol từ lá lê bạn trưởng thành, (3) Định lượng một số thành phần hóa học hữu cơ của cao chiết diethyl ether từ lá lê bạn với chất chuẩn là gallic acid và quercetin. Kết quả nghiên cứu cho thấy cây lê bạn có đặc điểm hình thái, giải phẫu phù hợp với điều kiện sống của địa phương. Số lượng nhiễm sắc thể của cây lê bạn là $2n = 12$. Bằng phương pháp sử dụng các thuốc thử và dựa vào sự biểu hiện màu sắc, kết tủa và sự tách lớp cho thấy trong lá lê bạn trưởng thành có sự hiện diện của các hợp chất như flavonoid, alkaloid, phenolic, tanin, coumarine, steroid, terpenoid, saponin và glycoside. Kết quả định lượng cho thấy tổng hàm lượng phenolic và tanin được thể hiện qua 1 mg gallic acid trên 1 g chất khô lần lượt là $53,37 \pm 2,93$ mg/g và $22,4 \pm 1,73$ mg/g. Hàm lượng tổng flavonoid được thể hiện qua 1 mg quercetin trên 1 g chất khô là $11,04 \pm 0,24$ mg/g.

6157	Đại học	Khảo sát chỉ số sinh trưởng và phát triển của học sinh lứa tuổi 9 - 14 ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thị Cẩm Loan	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2019	Nghiên cứu được thực hiện trên nhóm đối tượng gồm 276 học sinh (144 học sinh nam, 132 học sinh nữ) có độ tuổi từ 9 – 14 tuổi ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy tuổi dậy thì của học sinh có xu hướng giảm (12,11 tuổi ở nam và 10,96 tuổi ở nữ) tương ứng là sự tăng lên về độ tuổi sinh con của người mẹ (trung bình 28,52 tuổi). Các chỉ số thể lực (BMI, Pignet) trong độ tuổi dậy thì tăng liên tục theo độ tuổi nhưng tăng với tốc độ khác nhau. 6,59 % học sinh có BMI ở mức suy dinh dưỡng, 15,01% học sinh có BMI mức béo phì, thể lực kém hơn với các nghiên cứu tương đương, học sinh có Pignet thể lực bình thường và tốt là 54,96%, các tỉ lệ ở mức cao hơn so với nghiên cứu khác. Chỉ số tỉ trọng mỡ cơ thể (BFP) ở học sinh nữ cao hơn học sinh nam, sự thay đổi BFP không phụ thuộc vào độ tuổi. Các chỉ số về tim mạch trong độ tuổi này khá cao, phù hợp với đặc điểm sinh lý tuổi dậy thì, nhóm học sinh có BMI ở mức béo phì có chỉ số tim mạch cao hơn chỉ số tim mạch trung bình. Tỉ lệ 2D/4D ở nam giới nhỏ hơn ở nữ giới, chiều dài ngón trỏ và ngón áp út gần bằng nhau ở nữ, chiều dài ngón trỏ ngắn hơn chiều dài ngón áp út ở nam giới.
6158	Đại học	Thực hiện quy trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm Hoàng Đế (<i>Calocybe sp.</i>) trên mùn cưa cây cao su (<i>Hevea brasiliensis</i>)	Trương, Hồng Nhung	Nguyễn, Thị Hà	2019	Đề tài nghiên cứu “Thực hiện quy trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm Hoàng Đế (<i>Calocybe sp.</i>) trên mặt cưa cây cao su (<i>Hevea brasiliensis</i>)” được tiến hành từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 tại phòng thí nghiệm Sinh lý động vật, Bộ môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ. Đề tài thực hiện phân lập nấm Hoàng Đế chọn dòng thuần và trồng thử nghiệm giống nấm trên cơ chất mùn cưa cao su với các thành phần dinh dưỡng bổ sung khác nhau. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên có 4 nghiệm thức, mỗi nghiệm thức 20 túi phôi. Kết quả thí nghiệm cho thấy giống nấm Hoàng Đế đạt chất lượng là giống nấm có hệ sợi đồng nhất, phát triển và phân nhánh mạnh với tốc độ lan tơ trung bình trên môi trường thạch là 0,35 cm/ngày. Giống không bị nhiễm nấm mốc, vi khuẩn. Mỗi túi phôi thu hái từ 2 lần trở lên. Tổng hợp các chỉ tiêu về thời gian lan tơ kín túi phôi; thời gian thu hoạch quả thể đầu tiên, hàm lượng ẩm, hiệu suất sinh học thì nghiệm thức 2 (mùn cưa cao su + 1,5% vôi + 5% cám gạo + 5% cám bắp) mang lại hiệu quả tốt nhất với 2 lần thu hoạch, thời gian lan tơ kín túi phôi trung bình là 78,95 ngày, thời gian thu hoạch quả thể đầu tiên trung bình là 25,90 ngày, hàm lượng ẩm trung bình là 90,49%, hiệu suất trung bình là 37,49%. Thời gian thu hoạch quả thể là 102 ngày sau khi cấy giống. Vì vậy nghiệm thức 2 là công thức thích hợp để xây dựng qui trình sản xuất thực tế.

6159	Đại học	Xây dựng một số kịch bản học tập trải nghiệm môn Sinh học bậc trung học phổ thông	Trần, Ngọc Cẩm	Nguyễn, Trọng Hồng Phúc	2019	Đề tài “Xây dựng một số kịch bản học tập trải nghiệm môn Sinh học bậc trung học phổ thông” nghiên cứu về việc thiết kế và đánh giá hiệu quả HĐTN tại hai hiện trường giáo dục là khu căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng (hiện trường giáo dục tại nông thôn) và Cần Thơ Farm (hiện trường giáo dục tại thành thị). Mục tiêu đề tài là (1) xây dựng một số kịch bản học tập trải nghiệm môn Sinh học cho học sinh trung học phổ thông khu vực thành thị và nông thôn và (2) đánh giá hiệu quả của các kịch bản học tập trải nghiệm đạt được. Nghiên cứu được thực hiện trên đối tượng học sinh trường trung học phổ thông Thực hành Sư phạm – Đại học Cần Thơ và học sinh trường trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa – thành phố Cần Thơ. Các hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại thực địa trong thời gian một ngày (nông thôn) và một buổi sáng (thành thị). Đánh giá hiệu quả hoạt động trải nghiệm được tổ chức thông qua phiếu khảo sát, bài thu hoạch của học sinh khi tham gia trải nghiệm. Kết quả nghiên cứu thu được bao gồm 9 hoạt động trải nghiệm tại khu vực nông thôn và 7 hoạt động trải nghiệm tại khu vực thành thị. Trong đó các hoạt động trải nghiệm tại khu vực nông thôn mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất. Học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm tại nông thôn được đánh giá về năng lực chung và năng lực nhận biết kiến thức sinh học đều tốt hơn so với các hoạt động trải nghiệm tại khu vực thành thị. Kết thúc quá trình hoạt động trải nghiệm trong học sinh, các kịch bản được cải thiện về nội dung và thời gian tổ chức để mang lại hiệu quả giáo dục tích cực cho các lần tổ chức hoạt động trải nghiệm trong tương lai.
------	---------	---	----------------	-------------------------	------	--

6160	Đại học	Thực hiện qui trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm mốc nhĩ (<i>Auricularia</i> sp.) trên mùn cưa cây cao su	Tiêu, Hoàng Phước	Nguyễn, Thị Hà	2019	Đề tài “Thực hiện quy trình tạo meo và trồng thử nghiệm nấm mốc nhĩ (<i>Auricularia</i> sp.) trên mùn cưa cây cao su” được tiến hành tại phòng thí nghiệm Sinh lý động vật, Khoa Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ. Nấm mốc nhĩ dùng để phân lập được thu hái từ trại nấm Út Hậu, thành phố Cần Thơ. Phương pháp nuôi cấy mô thịt từ quả thể nấm đã được sử dụng để tạo nguồn giống thuần khiết trên các đĩa petri, sau đó được cấy truyền để tạo giống cấp 1. Giống cấp 1 được tạo trên 5 môi trường thạch với các chất bổ sung khác nhau. Kết quả cho thấy hệ sợi nấm phát triển tốt nhất trên môi trường PDA có bổ sung thêm 10% nước dừa. Giống cấp 2 được bố trí trên môi trường hạt lúa với 2 nghiệm thức. Kết quả cho thấy hệ sợi nấm phát triển tốt nhất trên môi trường hạt lúa có bổ sung thêm 5% cám gạo. Giống cấp 3 được bố trí trên môi trường cơ chất mùn cưa với 2 nghiệm thức. Kết quả đo tốc độ lan tơ của hệ sợi nấm trên hai nghiệm thức không có sự khác biệt qua xử lý thống kê ở độ tin cậy 95%. Nghiệm thức 9 với việc bổ sung 0,3% $MgSO_4 \cdot 7H_2O$ cho thấy hệ sợi nấm phát triển tốt nhất, màu sắc tơ nấm đậm và dày hơn so với nghiệm thức 8. Tuy nhiên, kết quả nghiệm thức 8 cho năng suất trung bình khá cao với 368,09 g, nghiệm thức 9 cho năng suất thấp hơn với 279,83 g. Kết quả phân tích độ ẩm trung bình ở nghiệm thức 8 là 91,15%, nghiệm thức 9 cho độ ẩm trung bình nhỏ hơn với 88,41%. Hiệu suất sinh học (trên cơ chất ướt) ở nghiệm thức 8 là 36,81%, ở nghiệm thức 9 là 27,98%. Hiệu suất sinh học (trên cơ chất khô) ở nghiệm thức 8 là 73,62%, ở nghiệm thức 9 là 55,97%.
6161	Đại học	Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968 ở Vĩnh Long	Lê, Hoàng Thiên Phúc	Phạm, Đức Thuận	2018	Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, Mặt trận Vĩnh Long được Quân khu 9 xem là trọng điểm hai (sau Cần Thơ) và đã giành được thắng lợi to lớn, toàn diện, là một trong những điểm sáng ở đồng bằng sông Cửu Long. Luận văn đã góp phần nghiên cứu về truyền thống Vĩnh Long trong kháng chiến chống ngoại xâm nói chung, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 nói riêng. Đây luôn là niềm tự hào, là những bài học kinh nghiệm vô giá đối với quân và dân tỉnh Vĩnh Long anh hùng. Bố cục luận văn gồm 3 chương: - Chương 1: Tổng quan về tình hình Vĩnh Long trước thời điểm tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968. - Chương 2: Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 ở Vĩnh Long - Chương 3: Một số nhận xét và những bài học kinh nghiệm của quân và dân Vĩnh long trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968 ở Vĩnh Long.

6162	Đại học	Giáo dục Nho học triều Nguyễn (1802 – 1883)	Lê, Hoàng Tín	Phạm, Đức Thuận	2018	Giáo dục, khoa cử triều Nguyễn bắt đầu từ năm 1807 và kết thúc vào năm 1919. Trong khoảng thời gian đó, gần như song song với sự tồn tại của triều đại, nhà Nguyễn đã tổ chức nhiều khoa thi, tuyển chọn ra nhiều nhà khoa bảng mà tên tuổi vẫn còn rạng danh đến ngày nay... Vì vậy, khoa cử triều Nguyễn là một vấn đề đáng được quan tâm, tìm hiểu nhất là trong giai đoạn thịnh trị của vương triều này trước khi mất vào tay người Pháp (từ năm 1802 đến năm 1883). Nội dung luận văn đã góp phần tìm hiểu về nền giáo dục lấy Nho giáo làm trọng tâm của triều Nguyễn trong giai đoạn từ năm 1802 đến năm 1883. Bố cục luận văn gồm 3 chương: - Chương 1: Bối cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XIX và công cuộc chấn hưng Nho giáo dưới triều đại nhà Nguyễn. - Chương 2: Nền giáo dục Nho học Việt Nam dưới triều đại nhà Nguyễn (1802 – 1883). - Chương 3: Một vài nhận xét về nền giáo dục Nho học triều Nguyễn (1802 – 1883).
6163	Đại học	Sự đầu hàng của nhà Nguyễn từ hiệp ước 1862 đến hiệp ước 1884	Lê, Huỳnh Diễm Trang	Phạm, Đức Thuận	2018	Luận văn chủ yếu tập trung giải quyết các nội dung chính: - Bối cảnh thế giới và khu vực nửa sau thế kỉ XIX trước xu hướng bành trướng thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và âm mưu xâm chiếm Việt Nam. Mối quan hệ của Việt Nam – Pháp trước khi cuộc xâm lược nổ ra và chủ thể là tình hình Việt Nam trước khi thực dân Pháp xâm lược. - Thông qua hoàn cảnh và nội dung các bản hiệp ước mà triều Nguyễn ký với Pháp từ năm 1862 đến 1874 để đánh giá nhận xét việc làm của triều Nguyễn. - Làm sáng tỏ vấn đề độc lập của Việt Nam kết thúc sau hai Hiệp ước 1883 và 1884. Đánh dấu cơ bản việc hoàn thành xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
6164	Đại học	Phong trào đấu tranh vũ trang ở tỉnh Sóc Trăng (1961 – 1975)	Mai, Kiên Nhẫn	Phạm, Đức Thuận	2018	Luận văn đã góp phần làm rõ yêu cầu khách quan, hoàn cảnh lịch sử dẫn đến quá trình xây dựng và đấu tranh của lực lượng vũ trang cách mạng Sóc Trăng (1961 – 1975). Đồng thời qua đó còn phân tích được quá trình xây dựng và đấu tranh của lực lượng vũ trang cách mạng kể từ khi hình thành đến khi phát triển, trưởng thành qua các trận đánh lớn, đánh bại lần lượt các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ”. Bố cục luận văn gồm các nội dung cơ bản: - Chương 1: Những yếu tố tác động đến phong trào đấu tranh vũ trang ở Sóc Trăng - Chương 2: Phong trào đấu tranh vũ trang trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975 - Chương 3: Một số nhận xét về phong trào đấu tranh vũ trang trong giai đoạn từ năm 1961 đến năm 1975
6165	Đại học	Huỳnh Văn Nghệ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Đông Nam Bộ (1945 – 1954)	Nguyễn, Kim Hên	Bùi, Hoàng Tân	2018	Thông qua việc tìm hiểu nhân vật Huỳnh Văn Nghệ, luận văn đã làm phong phú thêm nguồn tài liệu về nhân vật này cũng như giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về vai trò của Huỳnh Văn Nghệ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Đông Nam Bộ giai đoạn 1945 – 1954. Bố cục luận văn gồm 3 nội dung chủ yếu: - Chương 1: Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ở miền Đông Nam Bộ giai đoạn 1945 – 1954 - Chương 2: Cuộc đời và sự nghiệp của Huỳnh Văn Nghệ - Chương 3: Vai trò của Huỳnh Văn Nghệ trong những năm kháng chiến chống Pháp xâm lược trở lại ở miền Đông Nam Bộ (1945 – 1954)

6166	Đại học	Chính sách dinh điền dưới chế độ Việt Nam cộng hòa (1957 – 1963)	Nguyễn, Tú Nhi	Phạm, Đức Thuận	2018	Luận văn nghiên cứu về sự triển khai chính sách “dinh điền” ở miền Nam trong điều kiện chính quyền Việt Nam cộng hòa lên nắm quyền ở miền Nam và các giai đoạn triển khai của nó. Đồng thời luận văn còn làm rõ nội dung chính sách “dinh điền” của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với nông thôn miền Nam trước 1975, làm rõ hơn giai đoạn đầu tranh chống các chính sách của Mỹ – Diệm ở miền Nam sau Hiệp định Geneve và tiến tới “Đồng Khởi”. Bố cục luận văn gồm 3 nội dung chính: - Chương 1: Những tiền đề của chính sách dinh điền - Chương 2. Chính sách dinh điền dưới chế độ Việt Nam cộng hòa - Chương 3: Chống phá dinh điền của các lực lượng cách mạng miền Nam
6167	Đại học	Quá trình giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng Khởi tại Bến Tre (Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1960)	Phan, Trọng Tuyển	Phạm, Đức Thuận	2018	Phong trào Đồng Khởi được tiến hành theo quan điểm chỉ đạo của hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (tháng 1-1959); ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để đánh đổ sự can thiệp của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Luận văn nghiên cứu nhằm cung cấp toàn diện và sâu sắc về quá trình giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng Khởi tại Bến Tre (Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1960) từ đó thấy được đóng góp của phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre trong việc thúc đẩy mạnh mẽ cao trào Đồng Khởi ở Nam Bộ năm 1960. Trên cơ sở đó, đưa ra một số nhận xét về Đồng Khởi tại Bến Tre. Bố cục luận văn gồm các nội dung chính: - Chương 1: Những tiền đề đấu tranh cách mạng - Chương 2: Quá trình giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng Khởi tại Bến Tre (1954 – 1960) - Chương 3: Một số nhận xét về quá trình giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng Khởi tại Bến Tre (1954 – 1960)
6168	Đại học	Hệ thống kinh đào ở miền Tây Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1874 – 1939)	Trần, Kim Thi	Trần, Minh Thuận	2018	Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất năm 1897, thực dân Pháp đã tiến hành quy hoạch và đào kinh xáng trên khắp miền Tây Nam Kỳ phục vụ cho việc đánh chiếm và bình định, trấn áp các cuộc khởi nghĩa, sau đó là mở rộng hệ thống giao thông, khai thác về kinh tế. Việc cho đào vét cũng như tiếp tục mở rộng hệ thống kinh đào đã góp phần làm thay đổi bộ mặt miền Tây Nam Kỳ. Kinh đào đã làm cho kinh tế khu vực này có điều kiện phát triển nhanh chóng. Bên cạnh đó, sự giao lưu và tiếp xúc văn hóa với phương Tây cũng diễn ra mạnh mẽ không chỉ về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần. Điều này đã góp phần làm thay đổi mô thức văn hóa cổ truyền của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngày nay, hệ thống kinh đào xưa vẫn còn đóng góp những giá trị quan trọng cho sự phát triển kinh tế, văn hóa của miền Tây thời hiện đại, mà biểu hiện đó là nét đẹp của chợ nổi qua bao thế hệ vẫn giữ vẹn nguyên về truyền thống đồng thời tiếp biến nét đẹp hiện đại bởi hệ thống kinh đào được xây dựng lại bằng bê tông cốt thép. Vấn đề kinh đào và mối quan hệ với kinh tế, văn hóa miền Tây Nam Kỳ đã được luận văn nghiên cứu đề cập đến.

6169	Đại học	Quan hệ ngoại giao Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010	Tăng, Hoàng Đông	Phạm, Đức Thuận	2019	Đề tài nhằm mục đích cho thấy đường lối khôn khéo, linh hoạt của Đảng đối với Việt Nam nói chung và ngành Ngoại giao Việt Nam nói riêng. Cho thấy quá trình đấu tranh gian khổ của ngành Ngoại giao Việt Nam để có thành tựu như ngày hôm nay. Tìm ra những hạn chế và đưa ra cách khắc phục để phục vụ cho sự phát triển của đất nước sau này.
6170	Đại học	Biển Đông trong chiến lược xoay trục Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ (2009 – nay)	Nguyễn, Sơn Hương Quỳnh	Nguyễn, Hữu Thành	2019	Khái quát về vấn đề Biển Đông và các vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông cũng như tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với các cường quốc, trong đó có Mỹ. Từ đó, sự thay đổi trong chiến lược xoay trục Châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ trong những năm gần đây, đặc biệt là dưới thời kì Tổng thống Mỹ Barack Obama và sự thay đổi chính sách dưới nhiệm kì của Tổng thống Donald Trump. Phân tích chiến lược xoay trục Châu Á - Thái Bình Dương cũng như các lợi ích của Mỹ ở Biển Đông về kinh tế, chính trị, an ninh-quân sự. Làm rõ các chính sách của Mỹ về vấn đề Biển Đông. Trên cơ sở đó, sẽ bước đầu tổng kết các tác động của chiến lược này đối với khu vực Đông Nam Á và các cường quốc trên thế giới. Từ đó, đưa ra các dự đoán về các xu hướng chính về Biển Đông trong chiến lược xoay trục Châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ. Đề ra các kiến nghị cho Việt Nam, một số giải pháp về vấn đề Biển Đông đối với Việt Nam.
6171	Đại học	Hệ thống thuế của thực dân Pháp ở Việt Nam (1862 - 1945)	Ngô, Quốc Hậu	Lê, Thị Minh Thu	2019	
6172	Đại học	Sở hữu ruộng đất ở huyện Phong Phú, tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX	Võ, Ngọc Hiền	Bùi, Hoàng Tân	2019	Huyện Phong Phú, tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX là một vùng đất trù và được khai phá gần như sau cùng trong tiến trình khẩn hoang ở Nam Bộ do vậy vấn đề sở hữu ruộng đất mang những nét đặc thù. Với phương pháp toán thống kê và xử lý tư liệu, luận văn đã đi vào nghiên cứu và phân tích địa bạ triều Nguyễn của tác giả Nguyễn Đình Đầu. Qua đó cho thấy: ruộng đất ở huyện Phong Phú, tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX bao gồm 2 loại hình sở hữu: sở hữu công và sở hữu tư, trong đó sở hữu công gồm có công điền công thổ. Đồng thời, luận văn còn tìm ra một số đặc điểm nổi bật về diện tích và quy mô của các loại hình sở hữu ruộng đất; chính sách quản lý của triều Nguyễn đối với đầy đai ở huyện Phong Phú. Từ đó chuyển tải một vài hàm ý về chính sách trong việc đổi mới chính sách quản lý đất nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay ở thành phố Cần Thơ.
6173	Đại học	Quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng từ năm 1992 - 2015	Nguyễn, Trường Giang	Bùi, Hoàng Tân	2019	Kinh tế - xã hội là một trong những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của mọi dân tộc. Với ý nghĩa đó, đề tài này trình bày tổng quan về kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng. Nhằm phục dựng lại bức tranh toàn cảnh kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng sau 23 năm tái lập. Từ đó rút ra một số đặc điểm, đánh giá quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, từ sự phân tích quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội góp phần gợi mở một số định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

6174	Đại học	Quan hệ ngoại giao của Việt Nam từ năm 1950 đến năm 1954	Lâm, Thị Tiên	Phạm, Đức Thuận	2019	Luận văn nghiên cứu, làm rõ hơn về những hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn 1950-1954 với Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, góp phần làm rõ những hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn 1950-1954 với Pháp, Mỹ và các nước có liên quan. Phân tích những hoạt động đấu tranh ngoại giao của Việt Nam trong ký kết hiệp định Genève, từ đó làm rõ sự đúng đắn về chiến lược ngoại giao của Việt Nam trong giai đoạn này, rút ra một số kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.
6175	Đại học	Hoạt động đấu tranh của đồng bào dân tộc Khmer ở Sóc Trăng (1954 – 1975)	Sơn, Ngô Thị Tú Trinh	Bùi, Hoàng Tân	2019	Đề tài tập trung nghiên cứu về hoạt động đấu tranh của đồng bào dân tộc Khmer ở Sóc Trăng trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975). Trên cơ sở đó, rút ra một số nhận xét về tổng thể quá trình đấu tranh của đồng bào Khmer Sóc Trăng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
6176	Đại học	Chùa tron đời sống vă hóa - xã hộ của người Khmer tin Trà Vinh	Dương, Thu Nga	Đặng, Thị Tầm	2019	Luận văn gồm có 3 chương Chương 1: Khái quát về người Khmer tỉnh Trà Vinh Chương 2: Chùa trong đời sống văn hóa của người Khmer tỉnh Trà Vinh Chương 3: chùa trong đời sống xã hội của người Khmer tỉnh Trà Vinh.
6177	Đại học	Cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Tiền Giang năm 1975	Trần, Thị Ngọc Thi	Bùi, Hoàng Tân	2019	Luận văn góp phần làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ Tiền Giang đã vận dụng, sáng tạo, chủ động, linh hoạt đường lối chủ trương giải phóng miền Nam của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của Tiền Giang trong thời kỳ Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Từ thực tiễn của cuộc kháng chiến, luận văn nghiên cứu vai trò cách mạng của quần chúng nhân dân, việc phát huy sức mạnh tổng hợp chính trị, quân sự và binh vận để thực hiện thắng lợi của cuộc kháng chiến. Đồng thời, phân tích về sức mạnh của truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng kiên cường đã góp phần to lớn tạo nên chiến thắng của nhân dân Tiền Giang. Từ những bài học kinh nghiệm quý báu, luận văn rút ra một số vấn đề nhận xét về tinh thần đấu tranh cách mạng, về tinh thần đại đoàn kết dân tộc... Qua đó, có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.
6178	Đại học	Quan hệ Mỹ-Trung (1989-2001)	Trần, Tôn Bảo	Nguyễn, Hữu Thành	2019	Đề tài này đã trình bày quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Trung Quốc từ năm 1989 đến 2001. Từ đó nêu lên những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc từ sau năm 1989 đến 2001. Qua đó ta có thể thấy những vấn đề quốc tế tác động đến mối quan hệ Mỹ-Trung làm cho quan hệ hai nước trở nên lúc căng thẳng lúc hòa dịu, ngoài ra luận văn còn rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong các vấn đề đối ngoại với các nước lớn
6179	Đại học	Một số vấn đề về quan hệ thứ tự giữa các tập	Nguyễn, Thị Diễm My	Phạm, Thị Vui	2018	Luận văn hệ thống hóa và trình bày chi tiết các kiến thức về quan hệ thứ tự giữa các tập hợp. Các quan hệ thứ tự này được sử dụng hiệu quả trong việc so sánh các giá trị của hàm đa trị, đây là cách tiếp cận mới trong lĩnh vực lý thuyết tối ưu. Các tính chất và mối quan hệ của chúng được trình bày chi tiết. Ngoài ra, hàm khoảng cách định hướng được sử dụng để khảo sát các tính chất của các dạng quan hệ thứ tự tập
6180	Đại học	Thiết kế và sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học chương đạo hàm lớp 11	Đặng, Đào Thiên An	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn và chọn lọc theo lý thuyết CTT liên quan đến đạo hàm

6181	Đại học	Dạy học tích hợp hệ trục tọa độ	Lương, Thị Hương Nhi	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Thiết kế các tình huống dạy học hệ trục tọa độ theo hướng tích hợp
6182	Đại học	Thiết kế và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học số phức	Dương, Thị Trúc Như	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn và chọn lọc theo lý thuyết CTT liên quan đến số phức
6183	Đại học	Dạy học giải phương trình logarit	Phạm, Minh Châu	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Phân tích hướng trình logarit ở trường PT và đưa ra các phương án dạy học
6184	Đại học	Phép biến đổi Laplace và phương trình Vật lý -Toán	Nguyễn, Thị Yến Nhi	Phùng, Kim Chức	2018	Nêu một số ứng dụng của phép biến đổi Laplace vào Phương trình Vật lý -Toán
6185	Đại học	Ứng dụng đạo hàm vào dạy học giải các bài toán có nội dung thực tiễn	Nguyễn, Thị Bích Chi	Bùi, Phương Uyên	2018	Nghiên cứu một số ứng dụng của đạo hàm vào dạy học giải các bài toán thực tiễn và thực nghiệm sư phạm ở hai bài “Định nghĩa và ý nghĩa đạo hàm” , bài “ Đạo hàm cấp hai”.
6186	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán logic	Danh, Hoàng Phát	Lê, Phương Thảo	2018	Trình bày ba phương pháp giải bài toán logic: phương pháp suy luận trực tiếp, phương pháp logic mệnh đề và phương pháp bảng. Mỗi phương pháp được trình bày chi tiết cùng nhiều ví dụ minh họa phong phú.
6187	Đại học	Tìm hiểu sâu về cực trị của hàm số một biến .	Châu, Huỳnh Như	Lê, Hồng Đức	2018	Nghiên cứu về cực trị của hàm một biến , cực trị của hàm hợp , hàm trị tuyệt đối .
6188	Đại học	Một số vấn đề liên quan đến hình đa diện và khối đa diện	Đặng, Thu Cúc	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2018	Luận văn trình bày các khái niệm, tính chất và một số vấn đề liên quan đến hình đa diện; Hệ thống lại công thức, sưu tầm và phân loại các bài tập tự luận và bài tập trắc nghiệm khách quan liên quan đến khối đa diện và thể tích và tỷ số thể tích của khối đa diện.
6189	Đại học	Lý thuyết Matroid	Trần, Thị Kim Đào	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Lý thuyết Matroid ra đời từ sự tổng quát hóa các khái niệm có tính chất tương tự trong đại số tuyến tính và lý thuyết đồ thị. Luận văn mô tả các định nghĩa cơ bản về không gian Matroid, cơ sở trong không gian Matroid, thuật toán tham lam...
6190	Đại học	Tối ưu đa mục tiêu	Lư, Kim Ngân	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Lý thuyết tối ưu đa mục tiêu được phát triển cùng với những ứng dụng thực sự trong y học, kinh tế, thiết kế hệ thống... Luận văn tổng hợp các tính chất và thuật toán cơ bản cho lý thuyết này.
6191	Đại học	Sử dụng máy tính CASIO để giải phương trình , bất phương trình Vô tỷ và Bất đẳng thức .	Nguyễn, Thị Thu Hiền	Lê, Hồng Đức	2018	Nghiên cứu về sử dụng máy tính CASIO để giải phương trình , bất phương trình Vô tỷ và Bất đẳng thức .
6192	Đại học	Wolfram Alpha và một số vấn đề Đại số.	Dương, Trọng Đức	Nguyễn, Thanh Hùng	2018	Luận văn trình bày cách sử dụng công cụ trực tuyến Wolfram Alpha để giải một số bài toán Đại số.
6193	Đại học	Ứng dụng của Toán trong lý thuyết mật mã	Danh, Tùng Phương	Nguyễn, Thanh Hùng	2018	Trình bày cơ sở Toán của quá trình mã hóa và giải mã đối với một số hệ mật mã cổ điển và hiện đại.
6194	Đại học	Phép vô hướng hóa và ứng dụng	Lê, Thị Diễm	Lâm, Quốc Anh	2018	Luận văn nghiên cứu về các phép vô hướng hóa bao gồm vô hướng hóa tuyến tính và vô hướng hóa phi tuyến tính. Với phương pháp vô hướng hóa này, một bài toán tối ưu vector được chuyển về bài toán tối ưu vô hướng, từ đó cho phép ta áp dụng các điều kiện kiểu Fermat và Lagrange để thiết lập điều kiện tối ưu.
6195	Đại học	Các bài toán về đồng cấu K-không gian vector	Quan, Thanh Hải	Nguyễn, Hoàng Xinh	2018	Trình bày một số vấn đề về đồng cấu không gian vector, các loại đồng cấu, các dạng toán cũng như giải quyết một số bài toán liên quan.

6196	Đại học	Tính đủ của hệ lượng giác các phép toán đối với chuỗi Fourier	Nguyễn, Hải Đăng	Phùng, Kim Chức	2018	Hệ thống hóa và nêu các phép toán với chuỗi Fourier
6197	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm dạng tổng quát chủ đề	Phạm, Hồng Thái	Nguyễn, Thanh Hùng	2018	Luận văn đã tổng quát hóa các câu hỏi trắc nghiệm chuyên đề hàm số trong các đề thi của Bộ giáo dục thành các câu hỏi trắc nghiệm dạng tổng quát.
6198	Đại học	Một số vấn đề về spline bậc ba	Huỳnh, Thị Tuyết Mai	Nguyễn, Thư Hương	2018	Tìm hiểu spline bậc ba, các kiến thức về nội suy, hermite spline và spline bậc ba, từ đó trình bày các ứng dụng của spline bậc ba vào việc tìm đa thức nội suy, tính gần đúng đạo hàm và giải gần đúng phương trình vi phân cấp hai.
6199	Đại học	Lý thuyết trò chơi bất hợp tác với hai người chơi	Trần, Huỳnh Mỹ Duyên	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Luận văn hệ thống hóa các khái niệm và thuật toán cho lý thuyết trò chơi bất hợp tác (đề xuất bởi John von Neumann). Tác giả chủ yếu xem xét trường hợp đặc biệt với hai người chơi trong luận văn này.
6200	Đại học	Dùng lập trình Scratch để giải một số bài toán cấp số cộng	Trần, Nguyễn Văn Khanh	Bùi, Lê Diễm	2018	Nghiên cứu sử dụng NNLT Scratch để lập trình một số bài toán Cấp số cộng và tạo tình huống để giải quyết các vấn đề thực tế, sử dụng trong dạy và học Toán. Kết quả giúp cho tiết học Toán trở nên sinh động hơn. GV và HS tương tác tốt với nhau trong tiết học và làm cho việc của việc học Toán trở nên nhẹ nhàng mà hiệu quả hơn. Qua đó phát triển tư duy máy tính và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học.
6201	Đại học	Một số dạng phương trình lượng giác	Trần, Thị Ngọc Hiếu	Lê, Phương Thảo	2018	Hệ thống lại các dạng phương trình lượng giác và cách giải các dạng phương trình này. Luận văn cũng trình bày một số ứng dụng của lượng giác để giải các bài toán đại số. Ngoài ra, LV trình bày cách sử dụng máy tính cầm tay để giải nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm và thiết kế một số câu hỏi trắc nghiệm về chủ đề phương trình lượng giác.
6202	Đại học	Bài toán kiểm định giả thiết thống kê	Đoàn, Ngọc Yến Thy	Lê, Phương Thảo	2018	Trình bày bài toán kiểm định giả thiết thống kê: kiểm định tham số và kiểm định phi tham số. Mỗi bài toán được trình bày đầy đủ các dạng, cách giải từng dạng cùng các ví dụ minh họa phong phú. Ngoài ra, luận văn cũng trình bày cách sử dụng Excel trong bài toán kiểm định giả thiết về sự bằng nhau của hai trung bình.
6203	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về Nguyên hàm, Tích phân và ứng dụng	Phan, Thái Ngọc	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến Nguyên hàm, Tích phân và ứng dụng
6204	Đại học	Bài toán tối ưu cho các $G(Z,C)$ -hàm	Trương, Phước Nhân	Lâm, Quốc Anh	2018	Luận văn nghiên cứu về cấu trúc không gian nửa tuyến tính sắp thứ tự, và các phép toán inf-difference. Giới thiệu công cụ và các hướng tiếp cận chính cho bài toán tối ưu tập. Thiết lập các tiêu chuẩn nghiệm và hàm Lagrange cho bài toán tối ưu của các hàm dạng $G(Z,C)$.
6205	Đại học	Cấu trúc thứ tự theo nón và ứng dụng	Nguyễn, Thị Thanh Thùy	Lâm, Quốc Anh	2018	Luận văn trình bày khái quát các khái niệm liên quan đến sắp thứ tự từng phần, cấu trúc thứ tự biến số, các mô hình bài toán tối ưu, phần tử bị trội, phần tử cực tiểu và các ánh xạ có giá trị nón. Đồng thời, luận văn cũng giới thiệu một số ứng dụng của cấu trúc thứ tự biến số cho các bài toán thực tế.
6206	Đại học	Các bài toán về vành ma trận	Trần, Nhật Tân	Nguyễn, Hoàng Xinh	2018	Hệ thống các kiến thức về cấu trúc vành ma trận. Thiết lập các phương pháp cũng như các bài toán liên quan đến vành ma trận.
6207	Đại học	Phương trình đạo hàm riêng cấp một và phương trình tích phân	Võ, Thành Linh	Phùng, Kim Chức	2018	Tính duy nhất và sự tồn tại của nghiệm

6208	Đại học	Một số vấn đề liên quan đến khối nón-khối trụ-khối cầu	Nguyễn, Thị Thu Sương	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2018	Hệ thống lại lý thuyết, tổng hợp công thức, xây dựng, chứng minh công thức đặc biệt (tính nhanh), phân dạng bài tập đưa ra phương pháp giải tự luận và trắc nghiệm về các đến liên quan đến khối tròn xoay.
6209	Đại học	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phần “Phương trình và bất phương trình căn thức”	Nguyễn, Thị Thảo Phương	Bùi, Anh Tuấn	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết và xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan về “Phương trình và bất phương trình căn thức”; thẩm định câu hỏi trắc nghiệm bằng phần mềm IATA
6210	Đại học	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phần “Tổ hợp và xác suất” ở lớp 11	Dương, Trung Trực	Bùi, Anh Tuấn	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết và xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan về “Tổ hợp và xác suất”; thẩm định câu hỏi trắc nghiệm bằng phần mềm IATA
6211	Đại học	Một số câu hỏi trắc nghiệm vận dụng và vận dụng cao Giải tích 12	Đoàn, Thị Cẩm Tiên	Trang, Văn Dê	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm Giải tích 12 ở mức độ vận dụng và vận dụng cao
6212	Đại học	Dạy học các khái niệm vectơ - Hình học 10 - theo cách tiếp cận quy nạp	Đào, Duy Cang	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Sử dụng các mô hình dạy học quy nạp để hình thành các khái niệm vectơ
6213	Đại học	Mô hình xạ ảnh của không gian Euclide	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2018	Luận văn trình bày một số vấn đề có liên quan đến mô hình xạ ảnh của không gian Euclide; áp dụng mô hình này vào giải một số bài toán phổ thông.
6214	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về tích vô hướng của hai vectơ và ứng dụng	Vũ, Thị Dung	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến tích vô hướng hai vectơ
6215	Đại học	Bài toán xếp ba lô	Nguyễn, Thị Kiều Vân	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Luận văn tổng hợp lại các tính chất và thuật toán liên quan đến bài toán xếp ba lô (Knapsack problem). Đây là bài toán kinh điển trong tối ưu rời rạc và có ý nghĩa quan trọng trong lý thuyết về độ phức tạp tính toán
6216	Đại học	Dạy học tích hợp hàm số bậc hai	Trần, Phương Duy	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Thiết kế các tình huống dạy học hàm số bậc II theo cách tích hợp
6217	Đại học	Các hàm số số học và ứng dụng	Võ, Thị Thúy Duy	Nguyễn, Hoàng Xinh	2018	Liệt kê, mô tả các hàm số số học thường gặp và các tính chất của nó. Ngoài ra, LV còn tổng hợp các bài toán có liên quan đến hàm số và số học, các bài toán trong các đề thi học sinh giỏi trong và ngoài nước.
6218	Đại học	Cực trị hình học	Nguyễn, Việt Hào	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Luận văn sưu tập và hệ thống lại các bài tập về GTLN và GTNN có liên quan đến hình học.
6219	Đại học	Một số lỗi sai của học sinh khi giải bài tập toán bằng phép quay	Bùi, Hoàng Ly Đô	Bùi, Phương Uyên	2018	Tóm tắt cơ sở lý luận về sai lầm, phân tích dự đoán một số sai lầm của học sinh khi sử dụng phép quay vào giải bài tập toán và thực nghiệm kiểm chứng
6220	Đại học	Tương giao giữa các đường conic	Trần, Thủ Lễ	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Luận văn nêu lên các kết quả mới về sự tương giao của các đường conic. Các kết quả trong luận văn là sự khái quát hóa các kết quả kinh điển trong hình học Euclide như định lý ba đường conic, định lý Miquel, định lý bundle...
6221	Đại học	Bài toán luồng cực đại trong mạng	Cao, Quốc Hưng	Nguyễn, Trung Kiên	2018	Luận văn khái quát hóa các vấn đề thuật toán quanh các bài toán luồng cực đại và nêu lên một số ứng dụng của bài toán này
6222	Đại học	Một số bài toán về nhóm các ma trận	Đoàn, Nguyễn Đình Khang	Nguyễn, Hoàng Xinh	2018	Hệ thống các kiến thức về cấu trúc nhóm các ma trận. Thiết lập các phương pháp cũng như các bài toán liên quan đến nhóm các ma trận.
6223	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về Tổ hợp và xác suất	Đỗ, Ngọc Hân	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến Tổ hợp và xác suất

6224	Đại học	Nghiên cứu sai lầm của học sinh khi giải phương trình mũ và logarit	Trương, Thị Thúy Kiều	Bùi, Phương Uyên	2018	Tóm tắt cơ sở lý luận về sai lầm, phân tích dự đoán một số sai lầm của học sinh khi giải phương trình mũ và logarit theo quan điểm của didactic toán và thực nghiệm kiểm chứng
6225	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về số phức	Đỗ, Thị Bích Hương	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến số phức
6226	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về Đạo hàm và ứng dụng	Nguyễn, Duy Linh	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến Đạo hàm và ứng dụng
6227	Đại học	Rèn luyện kỹ năng giải bài toán tìm phương trình đường thẳng trong không gian	Lâm, Thế Nghiêm	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Tổ chức các quá trình dạy học nhằm rèn luyện kỹ năng giải toán PTĐT trong không gian
6228	Đại học	Ứng dụng ma trận trong xử lý đồ họa	Nguyễn, Thanh Nga	Nguyễn, Thanh Hùng	2018	Trình bày các phép biến hình và các phương pháp nâng cao chất lượng ảnh dưới dạng ma trận.
6229	Đại học	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phần “Lượng giác” ở lớp 11	Nguyễn, Hoàng Phúc	Bùi, Anh Tuấn	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết và xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan về “Lượng giác”; thẩm định câu hỏi trắc nghiệm bằng phần mềm IATA
6230	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học tích hợp vào dạy học một số kiến thức chương đạo hàm lớp 11	Mai, Ngọc Lan Lil	Bùi, Phương Uyên	2018	Tóm tắt cơ sở lý thuyết về dạy học tích hợp, đề xuất các giáo án dạy học tích hợp ở chương đạo hàm và thực nghiệm kiểm chứng.
6231	Đại học	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phần “Nhị thức Newton” ở lớp 11	Nguyễn, Thị Luyến	Bùi, Anh Tuấn	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết và xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan về “Nhị thức Newton”; thẩm định câu hỏi trắc nghiệm bằng phần mềm IATA
6232	Đại học	Thiết kế một số tình huống giải quyết các bài toán cực trị với sự hỗ trợ của GEOGEBRA	Võ, Quốc Thịnh	Nguyễn, Phú Lộc	2018	Thiết kế và dạy học thử nghiệm một số bài toán cực trị Hình học vớu sự hỗ trợ của GeoGebra
6233	Đại học	Một số phương pháp giải gần đúng phương trình tích phân Fredholm loại II	Lương, Minh Tân	Nguyễn, Thư Hương	2018	Trình bày một số phương pháp giải gần đúng như phương pháp xấp xỉ nhân, phương pháp xấp xỉ liên tiếp, phương pháp cầu phương và phương pháp Garlekin với các thủ tục trên Maple 14 để giải phương trình tích phân Fredholm loại II.
6234	Đại học	Xây dựng câu hỏi trắc nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT về Khối đa diện lớp 12	Huỳnh, Mỹ Ngân	Bùi, Anh Kiệt	2018	Thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, thẩm định bằng phần mềm IATA liên quan đến Khối đa diện lớp 12
6235	Đại học	Phân loại và phương pháp giải nguyên hàm và tích tích phân .	Dương, Minh Toàn	Lê, Hồng Đức	2018	Nghiên cứu sâu về các bài toán về nguyên hàm và tích phân trong chương trình phổ thông .
6236	Đại học	Ánh xạ bảo giác và một số ứng dụng	Nguyễn, Thị Minh Trang	Nguyễn, Thư Hương	2018	Hệ thống hóa các kiến thức về ánh xạ bảo giác, một số nguyên lí chung của phép biến hình bảo giác và các phép biến hình của một số hàm sơ cấp. Qua đó luận văn giới thiệu ứng dụng của ánh xạ bảo giác trong việc giải quyết một số bài toán truyền nhiệt, tĩnh điện và sự chảy của lưu chất.

6237	Đại học	Ứng dụng bài giảng E-Learning vào dạy học chương Vector trong không gian và quan hệ vuông góc trong không gian (Hình học 11)	Trần, Thị Thu Thảo	Bùi, Anh Tuấn	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về E-learning, cách sử dụng phần mềm Ispring để soạn giảng, xây dựng các bài giảng minh họa và thực nghiệm sư phạm
6238	Đại học	Một số phương pháp tính gần đúng trong giải tích số và ứng dụng	Nguyễn, Văn Quý	Trần, Thị Thanh Thúy	2018	Trình bày các phương pháp tính gần đúng nghiệm của phương trình một ẩn, nghiệm của hệ phương trình phi tuyến, hệ phương trình tuyến tính; các phép tính gần đúng dựa vào khai triển Taylor và dùng phần mềm Geogebra minh họa.
6239	Đại học	Phổ của toán tử và toán tử Compact trong không gian định chuẩn ,	Lê, Quý Thông	Lê, Hồng Đức	2018	Nghiên cứu sâu về Phổ Phổ của toán tử và toán tử Compact trong không gian định chuẩn.
6240	Đại học	Ứng dụng phần mềm Maple soạn giáo án vào dạy học toán khảo sát hàm số lớp 12	Cao, Thạch Tùng	Châu, Xuân Phương	2018	Nghiên cứu sử dụng phần mềm Maple vào giải một số bài toán khảo sát hàm số lớp 12. Nghiên cứu Maple vào soạn giáo án một số bài Khảo sát hàm số lớp 12.
6241	Đại học	Một số dạng bài toán cực trị trong hình học	Nguyễn, Minh Hòa	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	- Các kiến thức chuẩn bị - Một số bài toán trong hình học thuần túy - Một số bài toán trong hình học giải tích - Một số bài toán thực tế về cực trị hình học - Phụ lục một số câu hỏi trắc nghiệm về cực trị hình học.
6242	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học bài đầu của tam thức bậc hai.	Nguyễn, Thị Hải Yến	Bùi, Phương Uyên	2019	Cơ sở lý luận và thực tiễn phương pháp dạy học khám phá Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học bài Đầu tam thức bậc ha Thực nghiệm
6243	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương: “Giới hạn”.	Thịnh, Thị Linh Diệu	Bùi, Anh Kiệt	2019	-Cơ sở lý luận của kiểm tra đánh giá kết quả học tập -Soạn thảo ma trận đề kiểm tra và đề kiểm tra của chương “Giới hạn” - Thực nghiệm để thu thập số liệu -Sử dụng phần mềm IATA để thống kê và thẩm định đề kiểm tra vừa ra để được một đề kiểm tra đạt yêu cầu.
6244	Đại học	Ứng dụng Google Forms vào dạy học Toán	Trần, Thu Giang	Bùi, Anh Tuấn	2019	Ứng dụng CNTT vào dạy học Toá Công cụ Google Form Thực nghiệm
6245	Đại học	Phân tích nội dung chương trình và phân loại các dạng toán tích phân trong chương trình Giải tích 12	Liêu, Quốc Duẩn	Nguyễn, Phú Lộc	2019	-Phân tích nội dung chương trình tích phân trong chương trình Giải tích 12 cơ bản và nâng cao -Phân loại các dạng toán, phương pháp giải và ứng dụng của tích phân - Tổng hợp một số câu nguyên hàm tích phân có trong các đề thi minh họa và đề thi chính thức trong kì thi trung học phổ thông quốc gia trong những năm gần đây.
6246	Đại học	Thuật toán ngẫu nhiên cho bài toán tối ưu tổ hợp	Mai, An Khương	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Các kiến thức chuẩn bị Giới thiệu khái niệm thuật toán ngẫu nhiên và bài toán về tuyển dụng Các thuật toán ngẫu nhiên Một vài ví dụ về thuật toán ngẫu nhiên.
6247	Đại học	Xây dựng các công thức tính nhanh thể tích khối đa diện trong hình học không gian	Nguyễn, Thị Tiểu Đăng	Bùi, Anh Tuấn	2019	Cơ sở lý luận về hình học Các công thức tính nhanh thể tích khối đa diện trong hình học không gia Thực nghiệm sư phạm
6248	Đại học	Câu hỏi trắc nghiệm khách quan vận dụng - vận dụng cao chương phương pháp tọa độ trong không gian.	Trần, Thị Thanh Thúy	Trang, Văn Dể	2019	Hệ thống lý thuyết, câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương phương pháp tọa độ trong không gian Trình bày chi tiết lời giải, phân tích một số bài toán, phân tích đáp án nhiều.

6249	Đại học	Xây dựng các bài toán thực tế cho chương trình hình học bậc Trung học phổ thông	Lê, Nguyễn Minh Duy	Lâm, Quốc Anh	2019	- - Nghiên cứu thực trạng việc thiết kế và sử dụng các bài toán Hình học gắn với thực tiễn trong dạy học Hình học ở trường THPT - -Xây dựng được một hệ thống bài tập có nội dung thực tiễn đối với từng chương để sử dụng trong dạy Toán ở trường Trung học phổ thông.
6250	Đại học	Các câu hỏi vận dụng và vận dụng cao của tọa độ trong mặt phẳng hình học 10	Trần, Thị Hoàng Dung	Trang, Văn Dẻ	2019	- Hệ thống lý thuyết về tọa độ trong mặt phẳng -Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm phân theo dạng có lời giải chi tiết và phân tích phương án nhiều.
6251	Đại học	Một số chủ đề của lý thuyết đồ thị và ứng dụng	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn, Trung Kiên	2019	1.Trình bày tổng quan một số vấn đề cơ bản của Lý thuyết đồ thị bao gồm các khái niệm cơ bản, định nghĩa, định lý cơ bản về lý thuyết đồ thị 2.Làm nổi bật ưu điểm của lý thuyết đồ thị trong việc giải quyết các vấn đề thực tế cũng như nêu ra được một số bài toán liên quan đến đỉnh, cạnh, liên kết, tô màu, chu trình, đường đi của đồ thị. Các bài toán đó được chứng minh một cách cụ thể và có tìm năng ứng dụng trong việc giải các bài toán thực tế trong đời sống.
6252	Đại học	Vận dụng một số yếu tố lịch sử toán học trong dạy học môn toán lớp 10	Cao, Minh Hậu	Nguyễn, Phú Lộc	2019	-Cơ sở lí luận và thực tiễn -Chọn lọc một số câu chuyện, mẫu chuyện về các phát minh và các nhà Toán học -Thực nghiệm sư phạm nhằm khảo sát tính khả thi.
6253	Đại học	Ứng dụng GeoGebra để dạy học xác suất trong mô hình WebQuest 2.0	Nguyễn, Thị Diệu Hiền	Bùi, Anh Tuấn	2019	Cơ sở lí luận và thực tiễn về dạy học xác suất ở trường THPT Mô hình WebQuest 2.0 và ứng dụng trong dạy học toán Giới thiệu GeoGebra và ứng dụng để dạy học xác suất Thực nghiệm.
6254	Đại học	Chuỗi hàm biến phức: Chuỗi Laurent và chuỗi Fourier.	Nguyễn, Hoàng Oanh	Nguyễn, Thư Hương	2019	Gồm 3 chương - Chương 1: Trình bày một số kiến thức cơ bản về số phức, hàm biến phức, tích phân hàm biến phức và chuỗi hàm biến phức - Chương 2: Hệ thống lí thuyết và đưa ra ví dụ minh họa về chuỗi Laurent và chuỗi Fourier - Chương 3: Hệ thống, phân loại bài tập về khai triển chuỗi Laurent, chuỗi Fourier và ứng dụng của hai chuỗi này vào toán học.
6255	Đại học	Ứng dụng nguyên lý Dirichlet giải toán	Nguyễn, Đức Khiêm	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Giới thiệu nguyên lý Dirichlet - Phân loại, đưa ra một số bài toán có thể ứng dụng nguyên lý Dirichlet để giải.
6256	Đại học	Điều kiện tối ưu của bài toán tối ưu tập	Nguyễn, Đại Dương	Lâm, Quốc Anh	2019	- Các điều kiện cần tối ưu theo cách tiếp cận trực tiếp và cách tiếp cận của Dubovitskii- Milyutin - Các điều kiện đủ tối ưu theo tính lồi, tựa lồi và theo para lồi dựa trên cách tiếp cận của Amahroq và Taa - Các điều kiện đủ tối ưu dưới tính nửa khả vi theo cách tiếp cận của Luc.
6257	Đại học	Một số phương pháp giải gần đúng ma trận nghịch đảo và bài toán giá trị riêng.	Trần, Ngọc Nhã Hân	Nguyễn, Thư Hương	2019	- Một số phương pháp tìm ma trận nghịch đảo như phương pháp Jordan, phương pháp Lập, xây dựng chương trình trên Maple 18 để tìm ma trận nghịch đảo theo các phương pháp trên - Một số phương pháp giải bài toán giá trị riêng như phương pháp Krylov, phương pháp Leverie, phương pháp Lũy thừa và xây dựng chương trình trên Maple 18 để giải bài toán giá trị riêng theo các phương pháp trên.
6258	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương “Nguyên hàm - tích phân và ứng dụng”	Đào, Thị Diễm	Bùi, Anh Kiệt	2019	-Nghiên cứu cơ sở lí luận kiểm tra đánh giá bằng trắc nghiệm khách qua -Biên soạn đề trắc nghiệm chương “Nguyên hàm - tích phân và ứng dụng” -Thực nghiệm sư phạm và phân tích thẩm định bằng phần mềm IATA.

6259	Đại học	Sai lầm thường gặp trong giải toán Tổ hợp -Xác suất cho học sinh trung học phổ thông	Nguyễn, Hoàng Long	Bùi, Phương Uyên	2019	Cơ sở lý luận về tư duy, năng lực tư duy toán học và một số quan niệm sai lầm trong phương pháp dạy học Phân tích những sai lầm của học sinh khi giải bài toán Tổ hợp - Xác suất, thực nghiệm để kiểm chứng sai lầm Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn và sai lầm khi giải bài toán Tổ hợp - Xác suất
6260	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương hàm số lượng giác và phương trình lượng giác.	Thái, Tuyết Kha	Bùi, Anh Kiệt	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận kiểm tra đánh giá, cơ sở lý luận lý thuyết trắc nghiệm cổ điển và lý thuyết ứng đáp câu hỏi - Xây dựng ma trận và đề kiểm tra chương “Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác” - Thực nghiệm sư phạm và dùng phần mềm thống kê IATA phân tích và thẩm định đề kiểm tra.
6261	Đại học	Ứng dụng phương pháp quy nạp toán học vào giải toán	Nguyễn, Thị Tuyết Hoa	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	-Một số kiến thức chuẩn bị -Một số nội dung cơ bản về phương pháp quy nạp toán học, ví dụ có sử dụng phương pháp quy nạp để giải -Sử dụng phương pháp quy nạp toán học để giải một số dạng toán thường gặp.
6262	Đại học	Các loại nghiệm vững cho bài toán tối ưu đa mục tiêu không chắc chắn theo cách tiếp cận quan hệ thứ tự tập dạng u.	Trương, Khánh Nguyên	Lâm, Quốc Anh	2019	Nghiên cứu bài toán tối ưu đa mục tiêu với yếu tố không chắc chắn và thuật toán tìm nghiệm
6263	Đại học	Các bài toán liên quan đến tỷ số kép, hàng điều hoà và chùm điều hoà.	Nguyễn, Quốc Chiến	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	Hệ thống lại các kiến thức liên quan như: tỷ số đơn, tỷ số kép, phương tích, hàng điểm điều hoà, chùm điều hoà,...và các định lý bổ trợ: định lý Ceva,Menelaus,Thales, Brocard, Ptolemy,.. Phân dạng các bài tập theo từng nhóm chứng minh: thẳng hàng, song song, vuông góc, điều hoà,...Có gợi ý hướng giải và cách chứng minh.
6264	Đại học	Thiết kế các dự án STEM trong trường THPT: Thực nghiệm nhỏ tại thành phố Cần Thơ	Lâm, Minh Huy	Bùi, Anh Tuấn	2019	- Nghiên cứu về Giáo dục STEM, dự án STEM - Thực nghiệm 3 dự án STEM với lớp 11A1. Tổ chức hoạt động tạo ra sản phẩm STEM với trường THPT Thực hành Sư phạm - Khảo sát, phân tích đánh giá kết quả.
6265	Đại học	Một số phương pháp giải phương trình nghiệm nguyên	Đào, Thị Duyên	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Nhắc lại các kiến thức cơ sở - Trình bày phương pháp giải và ví dụ minh họa phương trình nghiệm nguyên thường gặp - Hệ thống, trình bày một số tính chất của phương trình vô định bậc nhất hai ẩn, nhiều ẩn, phương trình Pell và phương trình đặc biệt khác - Các bài toán từ kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi Olympic trong và ngoài nước.
6266	Đại học	Dạy học chương Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng theo định hướng phát triển năng lực tự học	Nguyễn, Ánh Hương	Bùi, Phương Uyên	2019	- Cơ sở lý luận: Năng lực và năng lực tự học của HS THPT - Phân tích nội dung và kiến thức của chương; vận dụng các mô hình dạy học vào chương Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng - Thực nghiệm sư phạm.
6267	Đại học	Lý thuyết đa diện cho bài toán quy hoạch nguyên.	Huỳnh, Khánh Duy	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Giới thiệu một số dạng toán cơ bản về quy hoạch nguyên tuyến tính Lý thuyết đa diện cho quy hoạch nguyên.
6268	Đại học	Nghiên cứu sai lầm của học sinh khi giải bài toán tích phân	Tạ, Thị Kiều	Bùi, Phương Uyên	2019	Cơ sở lý luận của sai lầm Phân tích nội dung bài tích phân trong sách giáo khoa giải tích 11 Dự đoán một số sai lầm của học sinh khi giải toán tích phân Nghiên cứu thực nghiệm
6269	Đại học	Dạy học giải toán phương trình lượng giác	Trương, Thị Chánh Như	Bùi, Phương Uyên	2019	Cơ sở lý luận về dạy học giải bài tập toán Nội dung phương trình lượng giác trong chương trình toán phổ thông Dạy học giải phương trình lượng giác Thực nghiệm

6270	Đại học	Cực trị trong nhà trường trung học phổ thông: quá trình hình thành khái niệm và phương pháp giải các dạng toán liên quan.	Sầm, Thạch Lâm	Nguyễn, Phú Lộc	2019	Cực trị trong nhà trường trung học phổ thông: quá trình hình thành khái niệm và phương pháp giải các dạng toán liên quan.
6271	Đại học	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm về đồ thị đạo hàm	Phạm, Vương Đăng Linh	Bùi, Anh Tuấn	2019	- Tóm tắt các lý thuyết liên quan đến việc giải quyết bài toán về đồ thị đạo hàm - Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến đồ thị, bảng biến thiên, bảng xét dấu đạo hàm. (có lời giải chi tiết và phân tích đáp án nhiều) - Thực nghiệm sư phạm, dùng phần mềm phân tích tính khả thi của một số câu hỏi và các phương án nhiều.
6272	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương II, giải tích 12, “Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số logarit”	Đường, Gia Long	Bùi, Anh Kiệt	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận kiểm tra, đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan - Cơ sở lý luận lý thuyết trắc nghiệm cổ điển và lý thuyết ứng đáp câu hỏi - Biên soạn ma trận đề và đề trắc nghiệm chương “Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số logarit - Thực nghiệm sư phạm và phân tích thẩm định câu hỏi bằng phần mềm IATA.
6273	Đại học	Các dạng toán trong đề thi Olympic sinh viên quốc tế	Nguyễn, Hà Công Lý	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Trình bày các bài toán liên quan đến giải tích, đại số, số học và tổ hợp theo như tinh thần của các kì thi Olympic Toán sinh viên.
6274	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá trong dạy học chương Đạo hàm - Đại số và Giải tích 11	Nguyễn, Tấn Bích Ngân	Bùi, Phương Uyên	2019	- Cơ sở lý luận và thực tiễn - Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào chương Đạo hàm - Đại số và Giải tích 11 - Thực nghiệm sư phạm
6275	Đại học	Một số dạng bài toán quỹ tích trong hình học.	Trần, Hùng Phú	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	- Hệ thống lại các quỹ tích cơ bản trong mặt phẳng và không gian thường gặp trong chương trình phổ thông Tổng hợp, phân loại và đưa ra phương pháp giải đối với các bài toán áp dụng ứng với từng dạng trên (có tự luận và trắc nghiệm), có hướng dẫn giải - Thiết kế một số giáo án mẫu dạy quỹ tích có ứng dụng phần mềm Geogebra trong việc giúp học sinh dự đoán quỹ tích.
6276	Đại học	Các loại nghiệm vững cho bài toán tối ưu đa mục tiêu không chắc chắn theo cách tiếp cận quan hệ thứ tự tập dạng I.	Trần, Hữu Ngung	Lâm, Quốc Anh	2019	Nghiên cứu bài toán tối ưu đa mục tiêu với yếu tố không chắc chắn và thuật toán tìm nghiệm vững bằng phương pháp vô hướng hóa với tổng có trọng số.
6277	Đại học	Một số phương pháp giải gần đúng phương trình phi tuyến	Nguyễn, Ngọc Sương	Nguyễn, Thư Hương	2019	Một số phương pháp giải gần đúng phương trình phi tuyến. Ứng dụng phần mềm Maple 18 để giải gần đúng phương trình phi tuyến
6278	Đại học	Trắc nghiệm nguyên hàm- tích phân và ứng dụng trong chương trình phổ thông giải tích 12	Nguyễn, Hữu Tài	Trang, Văn Dẽ	2019	Hệ thống lý thuyết về nguyên hàm, tích phân xác định và ứng dụng Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phân theo từng dạng toán có lời giải chi tiết và phân tích đáp án nhiều một số bài toán.
6279	Đại học	Dạy học khám phá chủ đề phương trình mặt phẳng hình học 12	Lê, Anh Tú	Nguyễn, Phú Lộc	2019	-Cơ sở lý luận của dạy học khám phá -Phân tích nội dung phương trình đường thẳng trong mặt phẳng và phương trình mặt phẳng trong không gian -Dạy học khám phá chủ đề phương trình mặt phẳng trong gian -Khảo sát thực tiễn về khám phá chủ đề phương trình mặt phẳng.
6280	Đại học	Thiết kế tình huống dạy học bài hai vecto cùng phương cùng với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra	Trần, Tín Thành	Nguyễn, Phú Lộc	2019	Tìm hiểu sơ lược về phần mềm geogebra Cơ sở lý luận về dạy học kết hợp với sử dụng phần mềm Geogebra Thiết kế tình huống dạy học bài hai vecto cùng phương cùng sự hỗ trợ của Geogebra Kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được sau khi thực nghiệm.

6281	Đại học	Bài toán tối ưu hóa có nhiều	Đào, Duy Phúc	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Kiến thức chuẩn bị: một số khái niệm ma trận ,giải tích,hình học, giải tích lồi Giới thiệu bài toán tối ưu tổng quát Bài toán tối ưu có nhiều và một số ví dụ, bài tập
6282	Đại học	Phương pháp giải bài toán khoảng cách và bài toán góc trong hình học không gian	Phạm, Thị Ngọc Tâm	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	- Hệ thống lại kiến thức chuẩn bị liên quan đến bài toán tính khoảng cách và góc trong không gian. - Phân dạng, phương pháp giải từng dạng bài toán tính khoảng cách và góc trong không gian, ví dụ minh họa, bài tập từng dạng, bài tập tổng hợp có đáp án và lời giải chi tiết - Tuyển tập một số câu tính khoảng cách và góc trong các đề thi thử năm 2018 và 2019, đề kiểm tra gợi ý - Khảo sát ý kiến học sinh và đánh giá, nhận xét.
6283	Đại học	Khoảng cách dạng Hausdorff, đạo hàm có hướng của ánh xạ đa trị và ứng dụng trong tối ưu tập.	Hoàng, Thị Minh Thư	Phạm, Thị Vui	2019	Các dạng quan hệ thứ tự tập và các khái niệm hỗ trợ Khoảng cách dạng Hausdorff và đạo hàm có hướng của ánh xạ đa trị Các điều kiện cần và/hoặc điều kiện đủ cho cực tiểu, cực đại của ánh xạ đa trị.
6284	Đại học	Phân tích phương án nhiều trong các câu hỏi trắc nghiệm về nguyên hàm - tích phân trong các đề thi tốt nghiệp THPT Quốc gia của Bộ Giáo dục.	Nguyễn, Thị Mỹ Xuyên	Nguyễn, Thanh Hùng	2019	- Tổng hợp lý thuyết liên quan đến nguyên hàm - tích phân - Phân tích lỗi sai học sinh thường mắc phải khi giải các bài toán nguyên hàm - tích phân - Phân tích phương án nhiều trong các đề thi (minh họa, tham khảo, chính thức) tốt nghiệp THPT Quốc gia của Bộ Giáo dục.
6285	Đại học	Một số phương trình đồng dư và ứng dụng	Thạch, Văn Quyên	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Nhắc lại các kiến thức cơ sở - Hệ thống hóa, trình bày các tính chất, các phương pháp giải và nhiều ví dụ minh họa đối với mỗi loại phương trình đồng dư trong giới hạn phương trình đồng dư một ẩn bao gồm phương trình đồng dư bậc nhất một ẩn, phương trình đồng dư bậc hai và các phương trình đồng dư bậc cao như: phương trình đồng dư bậc cao modulo nguyên tố, phương trình đồng dư bậc cao modulo lũy thừa nguyên tố, phương trình nhị thức. Đặc biệt, đối với phương trình đồng dư và hệ phương trình đồng dư bậc nhất một ẩn, có nghiên cứu đưa ra và phân loại thành các dạng bài toán thường gặp và trình bày lời giải chi tiết - Nghiên cứu, lựa chọn và trình bày các bài toán vận dụng về phương trình đồng dư cũng như các bài toán liên quan có tính chất bổ sung kiến thức hoặc gợi ý tìm tòi, nghiên cứu sâu hơn. Đặc biệt là các bài toán đã được giải và trình bày chi tiết.
6286	Đại học	Sử dụng phương pháp phản chứng giải toán	Lê, Văn Nhiều	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Nhắc lại kiến thức cơ sở - Giới thiệu phương pháp phản chứng và Phân dạng các bài toán được giải bằng phương pháp phản chứng - Một số bài toán trong các kỳ thi Olympic trong nước và Quốc tế.
6287	Đại học	Quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự	Hồ, Bảo Trân	Lê, Phương Thảo	2019	- Một số kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ và quan hệ hai ngôi - Hệ thống kiến thức về quan hệ tương đương, lớp tương đương, tập thương, phân hoạch trong quan hệ tương đương và một số bài tập có liên quan - Định nghĩa quan hệ thứ tự, một số loại quan hệ thứ tự, các phần tử cực trị, Bô đê Zorn và một số ví dụ.
6288	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương: “Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng”.	Thịnh T, hị Linh Phương	Bùi, Anh Kiệt	2019	-Nghiên cứu cơ sở lý luận của kiểm tra đánh giá kết quả học tập -Soạn thảo ma trận đề kiểm tra và đề kiểm tra của chương “Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng” - Thực nghiệm đề thu thập số liệu -Sử dụng phần mềm IATA để thống kê và thẩm định đề kiểm tra vừa ra để được một đề kiểm tra đạt yêu cầu.

6289	Đại học	Dạy học một số bài toán mô hình hóa có sử dụng công nghệ 3D trong chương trình toán lớp 10	Nguyễn, Ngọc Thảo Uyên	Bùi, Anh Tuấn	2019	Khái quát về mô hình hóa và giới thiệu công nghệ 3D Giới thiệu một số bài toán mô hình hóa trong chương trình Toán lớp 10 và giáo án đề nghị Thực nghiệm sư phạm.
6290	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán Logic	Nguyễn, Phước Thọ	Lê, Phương Thảo	2019	Luận văn gồm có 4 chương Chương 1: Trình bày vài nét về phương pháp quy nạp, nguyên lý và phương pháp chứng minh bằng quy nạp cùng các ví dụ vận dụng phương pháp quy nạp để giải toán Chương 2: Trình bày vài nét về phương pháp phản chứng, cơ sở lý thuyết, phương pháp chứng minh bằng phản chứng và các ví dụ vận dụng phương pháp để giải toán Chương 3: Trình bày về phương pháp sơ đồ và các ví dụ vận dụng phương pháp để giải toán Chương 4: Trình bày một số khái niệm và kết quả cơ bản của lý thuyết đồ thị, phương pháp đồ thị và các ví dụ vận dụng phương pháp để giải toán.
6291	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán chia hết trong tập số nguyên	Nguyễn, Duy Thái	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	Chương 1: Hệ thống lại các kiến thức cơ bản của số học nhằm cung cấp kiến thức và phục vụ chương 2 Chương 2: Hệ thống các phương pháp giải và các bài tập minh họ Chương 3: Các bài tập về phép chia hết có lời giải chi tiết trong các cuộc thi HSG Olympic.
6292	Đại học	Thiết kế một số tình huống dạy học khái niệm hàm số lượng giác dưới sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra	Lưu, Bá Phúc	Nguyễn, Phú Lộc	2019	● Cơ sở lý luận về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học dưới sự hỗ trợ của GeoGebra; Hàm số lượng giác trong chương trình phổ thông ● Thiết kế tình huống dạy học khái niệm hàm số lượng giác dưới sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra ● Thử nghiệm sư phạm tính khả thi của đề tài
6293	Đại học	Định lý Desargues và các bài toán liên định lý Desargues trong hình học phẳng	Liêu, Uyển Nhi	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	-Hệ thống các kiến thức liên quan đến hình học afin, xạ ảnh, Euclide trong phạm vi mặt phẳng và định lý trong hình học phẳng như định lý Pappus, Menelaus,... -Phát biểu và chứng minh định lý Desargues thứ nhất và thứ hai trong các mô hình hình học -Đưa ra một số bài tập ứng dụng định lý Desargues.
6294	Đại học	Một số vấn đề về Dàn và đại số Boole	Nguyễn, Phát Tài	Lê, Phương Thảo	2019	- Hệ thống các kiến thức cơ bản về Dàn, đại số Boole về một số định lý, tính chất quan trọng và mối liên hệ giữa Dàn và đại số Boole -Trình bày các ví dụ và một số bài tập liên quan đến Dàn và đại số Boole.
6295	Đại học	Tìm k chữ số cuối cùng trong hệ thập phân của số tự nhiên	Trần, Quốc Văn	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Các kiến thức liên quan - Bài toán tìm k chữ số cuối cùng trong hệ thập phân của số tự nhiên - Các bài toán từ các kỳ thi học sinh giỏi, các kỳ thi Olympic trong và ngoài nước.
6296	Đại học	Một số bài toán về số nguyên tố	Phạm, Ngọc Thùy	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	-Nhắc lại kiến thức cơ sở. - Kiến thức cơ bản về số nguyên tố và phân loại các dạng bài toán liên quan đến số nguyên tố cùng lời giải chi tiết. - Các bài toán liên quan đến số nguyên tố trong các kỳ thi Olympic môn Toán trong và ngoài nước.
6297	Đại học	Nghiên cứu sai lầm của học sinh khi giải bài toán về khảo sát hàm số	Nguyễn, Đăng Quang	Bùi, Phương Uyên	2019	--Cơ sở lý luận những sai lầm trong giải bài toán của học sinh --Hệ thống trình bày các định nghĩa, tính chất của các dạng toán liên quan đến khảo sát hàm số --Phân tích một số sai lầm, nguyên nhân sai lầm và lời giải đúng cho bài toán khảo sát hàm số --Thực nghiệm, thu thập số liệu.
6298	Đại học	Một số bài toán về số chính phương	Phạm, Thùy Trang	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Hệ thống lại kiến thức về số chính phương bao gồm lý thuyết và bài tập - Tổng hợp và phân chia bài tập thành từng dạng, có phương pháp và lời giải chi tiết - Mở rộng trình bày một phần lý thuyết và bài tập về số chính phương mô đun p.

6299	Đại học	Phân tích phương sai và phân tích hồi qui	Từ, Ngọc Thảo	Lê, Phương Thảo	2019	- Chương 1: Kiến thức chuẩn bị: Nhắc lại các kiến thức cơ bản về ma trận, các khái niệm cơ bản trong thống kê,... làm nền tảng cho bài toán phân tích phương sai và phân tích hồi qui - Chương 2: Phân tích phương sai: Trình bày các khái niệm liên quan đến các mô hình phân tích phương sai, các bước cơ bản để giải quyết bài toán. Ứng dụng Excel và SPSS cho việc giải bài toán phân tích phương sai - Chương 3: Phân tích hồi qui: Trình bày các khái niệm liên quan đến các mô hình phân tích hồi qui, các bước cơ bản để giải quyết bài toán. Ứng dụng Excel và SPSS cho việc giải bài toán phân tích hồi qui.
6300	Đại học	Phân tích các hoạt động trong chương I: Vectơ hình học 10 cơ bản	Võ, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Phú Lộc	2019	Cơ sở lý luận về hoạt động Hệ thống, trình bày các định nghĩa và tính chất cơ bản của vectơ Phân tích các hoạt động trong chương vectơ Khảo sát giáo viên
6301	Đại học	Một số câu hỏi vận dụng và vận dụng cao Giải tích 12	Trần, Thị Ngọc Tuyền	Trang, Văn Dê	2019	- Hệ thống lý thuyết 4 chương Giải tích 12 - Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm theo phân dạng cụ thể và có lời giải chi tiết.
6302	Đại học	Dạy học một số bài toán mô hình hóa lớp 11 kết hợp sử dụng công nghệ 3D.	Phạm, Nguyễn Gia Hưng	Bùi, Anh Tuấn	2019	Khái quát về mô hình hóa và giới thiệu công nghệ 3D Một số bài toán mô hình hóa lớp 11 có kết hợp công nghệ 3D, giáo án đề nghị Thực nghiệm sư phạm.
6303	Đại học	Một số phương pháp giải phương trình đạo hàm riêng	Nguyễn, Minh Thành	Nguyễn, Thư Hương	2019	Một số phương pháp giải phương trình đạo hàm riêng Phương pháp tách biến Phương pháp sai phân hữu hạn
6304	Đại học	Những vấn đề liên quan đến khối tròn xoay	Đặng, Thị Hồng Thanh	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	-Hệ thống các công thức liên quan, công thức tính nhanh -phân dạng bài tập, bài tập ôn luyện tự luận và trắc nghiệm có hướng dẫn giải -Các bài toán thực tế thường gặp của khối tròn xoay. -Giới thiệu phần mềm geogebra trong giảng dạy khối tròn xoay. - Thực nghiệm sư phạm.
6305	Đại học	Một số phương pháp giải gần đúng bài toán Cauchy đối với phương trình vi phân	Nguyễn, Đặng Tường Vy	Nguyễn, Thư Hương	2019	- Một số phương pháp giải gần đúng bài toán Cauchy đối với phương trình vi phân: phương pháp chuỗi Taylor, lặp Picard, phương pháp Euler và Euler cải tiến, Runge - Kutta và Adams và sử dụng phần mềm Maple 18 để giải gần đúng bài toán Cauchy đối với phương trình vi phân - Một vài ứng dụng của RK4 trong lĩnh vực vật lý, hóa học và sinh học.
6306	Đại học	Vành đa thức	Hồ, Thị Diễm Quỳnh	Lê, Phương Thảo	2019	-Hệ thống kiến thức về Vành đa thức một biến và Vành đa thức nhiều biến - Đưa ra Ví dụ về các dạng bài tập liên quan và Ứng dụng của Vành đa thức trong Toán sơ cấp
6307	Đại học	Một số tính chất quan trọng của hàm giải tích phức	Đoàn, Thị Kim Quyên	Nguyễn, Thư Hương	2019	Gồm 2 chương -Chương 1: Trình bày các kiến thức cơ bản về số phức, hàm số biến số phức, hàm giải tích phức và các tính chất liên quan -Chương 2: Một số tính chất quan trọng của hàm giải tích phức được trình bày, chứng minh chi tiết cùng với các ví dụ minh họa ứng dụng của tính chất.
6308	Đại học	Một số hàm phức sơ cấp và phép biến hình	Nguyễn, Thị Bé	Nguyễn, Thư Hương	2019	- Trình bày một số kiến thức cơ bản về số phức, hàm số biến số phức, hàm chỉnh hình và phép biến hình bảo giác - Hệ thống lại các kiến thức của các hàm phức sơ cấp và các phép biến hình tương ứng như hàm lũy thừa, hàm tuyến tính, hàm phân tuyến tính, hàm Jukovski,...và đưa ra ví dụ minh họa - Hệ thống lại một số dạng bài tập liên quan đến phép biến hình của một số phức sơ cấp.

6309	Đại học	Chủ đề đường tròn trong trường phổ thông: Phân tích nội dung và phương án dạy học	Đỗ, Minh Thư	Nguyễn, Phú Lộc	2019	- Cơ sở lý luận: Mô hình dạy học khái niệm và định lý; dạy học quy tắc và dạy học giải bài tập - Phân tích nội dung và kiến thức đường tròn lớp 9; phương trình đường tròn lớp 10 và phân loại các dạng toán liên quan phương trình đường tròn (có ví dụ minh họa). Đồng thời đề xuất các phương án dạy học hiệu quả phương trình đường tròn lớp 10 - Thực nghiệm sư phạm.
6310	Đại học	Bài toán vận tải và bài toán gán	Nguyễn, Thị Phương Lành	Nguyễn, Trung Kiên	2019	-Bài toán vận tải -Bài toán gán -Dùng Microsoft Excel để giải bài toán vận tải và bài toán gán
6311	Đại học	Tương quan và hồi qui	Nguyễn, Phạm Bảo My	Lê, Phương Thảo	2019	-Nhắc lại các kiến thức cơ bản về thống kê -Trình bày mối quan hệ tương quan giữa hai hoặc nhiều đại lượng ngẫu nhiên, xác định các hệ số tương quan và tỷ số tương quan -Thiết lập và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính đơn, hồi qui tuyến tính bội và hồi qui phi tuyến -Đưa ra ví dụ minh họa cho từng dạng và ứng dụng phần mềm SPSS để giải các bài toán liên quan.
6312	Đại học	Vành nguyên thủy và vành nửa nguyên thủy	Nguyễn, Quốc Cường	Lê, Phương Thảo	2019	- Một số kiến thức cơ bản về vành, modul - Hệ thống lại các kiến thức, định nghĩa vành nguyên thủy, nửa nguyên thủy, các tính chất của nó và mối quan hệ giữa chúng và các vành khác (Artin, đơn, nửa đơn, nguyên tố..)
6313	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương Tổ hợp - Xác suất-Đại số và giải tích 11	Mã, Mỹ Duyên	Bùi, Anh Kiệt	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận kiểm tra đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; đo lường trong giáo dục - trắc nghiệm cổ điển; lý thuyết xây dựng ma trận đề thi và quy trình biên soạn trắc nghiệm khách quan - Biên soạn đề trắc nghiệm “Tổ hợp-Xác suất - Thực nghiệm sư phạm và phân tích, thẩm định câu hỏi bằng phần mềm IATA
6314	Đại học	Xây dựng các bài toán thực tế cho chương trình Giải tích bậc Trung học phổ thông.	Nguyễn, Thụy Thùy Linh	Lâm, Quốc Anh	2019	Nghiên cứu thực trạng và tóm tắt lại kiến thức chương trình Đại số Trung học phổ thông Xây dựng một số ví dụ và bài toán có nội dung thực tiễn đối với chương Đại số lớp 10, 11 bậc Trung học phổ thông.
6315	Đại học	Xây dựng các bài toán thực tế cho chương trình Giải tích bậc Trung học phổ thông.	Trần, Thị Thái Ngọc	Lâm, Quốc Anh	2019	Hệ thống và tóm tắt lại kiến thức chương trình Giải tích bậc Trung học phổ thông lớp 11,12 Xây dựng một số ví dụ và bài tập có nội dung thực tế đối với chương Giải tích ở chương trình lớp 11,12 để sử dụng trong việc dạy học Toán.
6316	Đại học	ỨNG DỤNG KIẾN THỨC KHỐI ĐA DIỆN VÀ KHỐI TRÒN XOAY VÀO MỘT SỐ BÀI TOÁN THỰC TẾ	Nguyễn, Thanh Tổng	Nguyễn, Thị Thảo Trúc	2019	
6317	Đại học	Phương pháp giảm biến tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của biểu thức	Nguyễn, Khoa Nam	Bùi, Anh Tuấn	2019	- Cơ sở lý luận các bất đẳng thức cơ bản, tính đơn điệu của hàm số, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số - Một số phương pháp giảm biến thu sử dụng - Thực nghiệm sư phạm.

6318	Đại học	Ứng dụng lý thuyết đồ thị trong giải quyết một số bài toán.	Huỳnh, Ái Triều	Nguyễn, Thanh Hùng	2019	- Chương 1: Kiến thức chuẩn bị (trình bày các khái niệm cơ bản của đồ thị, các khái niệm liên quan đến bậc, xích, chu trình, đường, vòng của đồ thị, đồ thị liên thông, chu trình và đường đi Euler, đường đi Hamilton, đường đi trong mê cung, sắc số và đồ thị tô màu, số ổn định trong, số ổn định ngoài, nhân và cây của đồ thị. Ngoài ra còn có các thuật toán như thuật toán tìm đường đi Euler, đường đi Hamilton, đường đi trong mê cung, thuật toán tìm số ổn định trong, số ổn định ngoài, thuật toán tìm cây sinh ước và thuật toán ứng dụng cho trò chơi bốc các vật. Mỗi khái niệm có ví dụ tương ứng, mỗi định lý kèm theo chứng minh.) - Chương 2: Khai thác lý thuyết đồ thị vào giải toán (hướng dẫn cách quy bài toán sang ngôn ngữ lý thuyết đồ thị. Trình bày các bài toán có liên quan đến tô màu đồ thị, số ổn định trong, số ổn định ngoài, bài toán liên quan đến bậc và cạnh của đồ thị, bài toán liên quan đến đường đi như đường đi Euler, đường đi Hamilton, đường đi trong mê cung, bài toán liên quan đến đồ thị liên thông, bài toán liên quan đến nhân của đồ thị và ứng dụng chúng vào trò chơi cùng với bài toán liên quan đến cây.)
6319	Đại học	Các phương pháp giải bài toán tối ưu không ràng buộc.	Cao, Thị Minh Nguyệt	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Giới thiệu bài toán tối ưu không ràng buộc Một số phương pháp giải bài toán tối ưu không ràng buộc: Gradient, Newton, hướng liên hợp, tựa Newton, tìm kiếm trực tiếp.
6320	Đại học	Phương pháp đếm Pólya - Burnside.	Nguyễn, Thị Thùy Tiên	Lê, Phương Thảo	2019	- Hệ thống lại các kiến thức cơ bản về nhóm, nhóm con, nhóm đối xứng, định lý Lagrange, tác động nhóm lên một tập hợp và Đại số Boole - Trình bày và chứng minh bổ đề Burnside, định lý đếm Pólya, đa thức chỉ số chu trình, một số ví dụ và các dạng bài toán thường gặp.
6321	Đại học	Một số phương pháp tính gần đúng tích phân	Lê, Thương Tín	Nguyễn, Thư Hương	2019	Một số phương pháp tính gần đúng tích phân. Sử dụng phần mềm Maple 17 để tính gần đúng tích phân
6322	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương III, Đại số 10 “ Phương trình - Hệ phương trình”.	Đoàn, Đặng Gia Thuyên	Bùi, Anh Kiệt	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận kiểm tra, đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan - Cơ sở lý luận lý thuyết trắc nghiệm cổ điển và lý thuyết ứng đáp câu hỏi - Biên soạn ma trận đề và đề trắc nghiệm chương “ Phương trình - Hệ phương trình” - Thực nghiệm sư phạm và phân tích thẩm định câu hỏi bằng phần mềm IATA.
6323	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương Dãy số - Cấp số cộng - Cấp số nhân.	Võ, Lê Anh Thơ	Bùi, Anh Kiệt	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận kiểm tra đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; đo lường trong giáo dục - trắc nghiệm cổ điển; lý thuyết xây dựng ma trận đề thi và quy trình biên soạn trắc nghiệm khách quan - Biên soạn đề trắc nghiệm “Dãy số - Cấp số cộng và Cấp số nhân - Thực nghiệm sư phạm và phân tích, thẩm định câu hỏi bằng phần mềm IATA.
6324	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thẩm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương “Khối đa diện” 12.	Phạm, Thị Huyền Trang	Bùi, Anh Kiệt	2019	-Nghiên cứu cơ sở lý luận việc kiểm tra, đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; nghiên cứu lý thuyết trắc nghiệm cổ điển và lý thuyết ứng đáp câu hỏi -Xây dựng ma trận đề, biên soạn hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương “ Khối đa diện” -Thực nghiệm sư phạm và phân tích câu hỏi bằng phần mềm thống kê thẩm định IATA.
6325	Đại học	Một số dạng bài toán đại số tổ hợp và xác suất trong chương trình phổ thông	Đỗ, Thị Bảo Trâm	Trang, Văn Dễ	2019	- Hệ thống lý thuyết tổ hợp và xác suất phổ thông - Phân dạng các bài toán tổ hợp và xác suất, có phương pháp giải, ví dụ, bài tập tự luận và câu hỏi trắc nghiệm.

6326	Đại học	Hàm số bậc ba	Đặng, Vũ Cát Tường	Nguyễn, Phú Lộc	2019	Cơ sở lý thuyết về hàm số bậc ba và khái niệm trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan Các dạng toán liên quan của hàm số bậc ba Ứng dụng phần mềm Geogebra thiết kế chương trình giải một số bài tập hàm số bậc ba cơ bản.
6327	Đại học	Sử dụng phần mềm thống kê trong việc thăm định câu hỏi trắc nghiệm khách quan chương: “Ứng dụng của đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số”.	Lương, Trọng Khánh Vy	Bùi, Anh Kiệt	2019	-Cơ sở lý luận của kiểm tra đánh giá kết quả học tập -Soạn thảo ma trận đề kiểm tra và đề kiểm tra của chương “Ứng dụng của đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số” - Thực nghiệm để thu thập số liệu -Sử dụng phần mềm IATA để thống kê và thăm định đề kiểm tra vừa ra để được một đề kiểm tra đạt yêu cầu.
6328	Đại học	Sagemath và Lý thuyết đồ thị	Trần, Thị Mỹ Xuyên	Nguyễn, Thanh Hùng	2019	- Giới thiệu chung về phần mềm Sagemat - Đại cương về đồ th - Vận dụng SageMath để giải một số bài toán liên quan đến lý thuyết đồ thị như: các bài toán về đường đi, đồ thị phẳng và bài toán tô màu đồ thị và cây.
6329	Đại học	Phát triển năng lực tự học môn Toán cho học sinh trung học phổ thông: Một nghiên cứu đối với phương trình đường thẳng Hình học 10 cơ bản	Thạch, Bành Sa Vane	Nguyễn, Phú Lộc	2019	- Nghiên cứu cơ sở lý luận về vấn đề tự học và tự học môn Toán - Hệ thống các kiến thức phương trình đường thẳng trong mặt phẳng - Hướng dẫn học sinh tự học bằng cách vận dụng các mô hình dạy học khái niệm, dạy học định lý và quy trình giải bài toán viết phương trình đường thẳng trong mặt phẳng - Thực nghiệm sư phạm.
6330	Đại học	Bài toán lập lịch trên máy đơn và máy song song	Trần, Thị Như Quỳnh	Nguyễn, Trung Kiên	2019	Nghiên cứu một số định nghĩa, đại lượng liên quan đến bài toán lập lịch Đưa ra phương án giải quyết và các thuật toán cho các bài toán lập lịch trên máy đơn và máy song song Trình bày độ phức tạp của các thuật toán đã đưa ra.
6331	Đại học	Câu hỏi trắc nghiệm chuyên đề Tổ hợp - Xác suất	Đinh, Thị Thảo	Trang, Văn Dẽ	2019	- Tổng hợp lý thuyết liên quan đến chuyên đề Tổ hợp - Xác suất - Xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm có phân tích lời giải và phương án nhiều theo từng chương.
6332	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với Chương II. Động lực học chất điểm – VL10NC	Nguyễn, Ngọc Thanh An	Đặng, Thị Bắc Lý	2018	Xây dựng được cơ sở lý luận của việc thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho HS. Xây dựng quy trình thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho HS. Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho HS, đối với 5 bài của chương II. Động lực học chất điểm – Vật lý 10 NC.
6333	Đại học	Nghiên cứu tạo Webquest trong dạy học VL10 chương chất khí	Trịnh, Thị Bích Trang	Trần, Thị Kiểm Thu	2018	Luận văn bao gồm các nội dung sau:Cơ sở lý luận của việc vận dụng kỹ thuật WebQuest vào dạy học Vật Lý; Phân tích cấu trúc chương Chất Khí; Thiết kế WebQuest chương Chất Khí, Vật lý 10. Đề tài thể hiện cách dạy học môn Vật lý có sự hỗ trợ mạng máy tính, cụ thể là chương Chất khí, chương đầu tiên trong phần “Nhiệt học”.
6334	Đại học	Tìm hiểu về sóng hấp dẫn	Nguyễn, Vân Hà	Huỳnh, Anh Huy	2018	Nghiên cứu lý thuyết về sóng hấp dẫn và tìm hiểu thực nghiệm phát hiện sóng hấp dẫn cũng như những ứng dụng tiềm năng của nó.
6335	Đại học	Hệ thống thủy điện trên sông Đồng Nai – Nhà máy thủy điện Trị An	Nguyễn, Thị Tuyết Hoa	Trần, Thanh Hải	2018	+ Tìm hiểu về hệ thống thủy điện trên sông Đồng Nai: dòng chảy, phụ lưu, phân lưu, các công trình thủy điện và thủy lợi được xây dựng trên sông Đồng Nai và nhà máy thủy điện Trị An.

6336	Đại học	Thiết kế và thực hiện hệ thống video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm vật lý phổ thông phần điện học.	Cao, Thị Thùy Trang	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Nghiên cứu, thực hiện và đăng tải lên mạng xã hội (youtube) hệ thống năm video hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm vật lý phổ thông phần Điện học cụ thể các bài là: Khảo sát chiều của dòng điện cảm ứng – Định luật Lenz; Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của Diot bán dẫn; Khảo sát sự xuất hiện dòng nhiệt điện; Khảo sát hiện tượng tự cảm khi đóng và khi ngắt mạch điện; Kiểm nghiệm định luật Ohm đối với đoạn mạch có chứa điện trở R. Được khảo sát đánh giá tại trường THPT Vĩnh Long trong thời gian thực tập tại trường và sinh viên sư phạm Vật lý. Nhận được đánh giá từ khá tốt từ nhiều nguồn. Trong luận văn còn cung cấp chức năng và vai trò của thí nghiệm trong dạy học vật lý, quy trình thực hiện một video, những yêu cầu cần đạt của một video tốt.
6337	Đại học	Xác định bước sóng của các Diot phát quang (LED) bằng máy quang phổ huỳnh quang	Nguyễn, Ngọc Huyền	Nguyễn, Trí Tuấn	2018	Giới thiệu sơ lược về lịch sử ra đời của LED, cấu tạo, nguyên tắc hoạt động cũng như một số ứng dụng trong nhiều lĩnh vực của LED. Tổng quan về cấu tạo, các tính năng vượt trội và nguyên lý hoạt động của máy quang phổ huỳnh quang FluoroMax-4. Các phép đo phổ hấp thụ, phổ huỳnh quang, phổ kích thích huỳnh quang và các bước thực hiện để đo được bước sóng của LED. Trình bày kết quả đo đặc được trong quá trình thực nghiệm của các LED đo với dải phổ rộng từ 600-650 nm, xanh lá với dải phổ rộng từ 475-550 nm, xanh dương với dải phổ rộng từ 435-500 nm và trắng với ba đỉnh phát xạ là sự tổ hợp từ ba đỉnh phát xạ của LED đỏ, xanh lá và xanh dương.
6338	Đại học	Ứng dụng của nguyên lý I và nguyên II nhiệt động lực học	Nguyễn, Ngọc Trâm	Phan, Thị Kim Loan	2018	Gồm 4 phần: Chương 1: Lịch sử phát triển ngành nhiệt động lực học. Chương 2: Các khái niệm dùng trong nhiệt động lực học. Chương 3: Nguyên lý thứ nhất và nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học. Chương 4: Ứng dụng của nguyên lý thứ nhất và nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học.
6339	Đại học	Những hằng số cơ bản mang tên các nhà khoa học	Huỳnh, Trọng Hiếu	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Chương 1: Khái quát chung các hằng số trong nghiên cứu Vật lý. Nội dung của chương là: Khái quát chung về các hằng số trong nghiên cứu Vật lý, những trở ngại trong quá trình nghiên cứu Vật lý, cơ sở xuất hiện về các hằng số trong nghiên cứu Vật lý và những ý tưởng ra đời của các hằng số này. Chương 2: Bảy hằng số cơ bản trong Vật lý học. Nội dung của chương là: Giới thiệu về bảy hằng số cơ bản trong Vật lý học, lịch sử hình thành cũng như biểu thức và giá trị của các hằng số cơ bản chung. Giới thiệu về lịch sử hình thành, đóng góp khoa học của các hằng số mang tên các nhà khoa học, trình bày vài nét về thân thế và sự nghiệp của các nhà khoa học đó. Chương 3: Một số vấn đề giảng dạy về các hằng số Vật lý. Nội dung của chương là: Lồng ghép một số vấn đề giảng dạy về các hằng số Vật lý, giáo dục lòng say mê nghiên cứu khoa học, tính kiên trì và tinh thần lao động sáng tạo cho học sinh.
6340	Đại học	Hệ thống trắc nghiệm lượng tử ánh sáng và vật lý hạt nhân ôn luyện kì thi THPT quốc gia	Nguyễn, Hồng Quân	Nguyễn, Trường Long	2018	Tổng hợp các cơ sở lý thuyết của hai chương “lượng tử ánh sáng và vật lý hạt nhân”. Tổng hợp và biên soạn các chuyên đề : Hạt photon, các hiện tượng quang điện, dòng quang điện bão hòa – công suất nguồn sáng, tia rơn ghen”, “Cấu trúc hạt nhân, hiện tượng phóng xạ, bài toán định tuổi, phản ứng hạt nhân, phản ứng phân hạch - nhiệt hạch ” theo 3 hướng: bài tập có hướng dẫn giải, bài tập tự rèn có đáp án, bài tập nâng cao có gợi ý. Tổng hợp một số câu hỏi đã ra trong các kì thi THPT quốc gia các năm trước.

6341	Đại học	Biên soạn hệ thống chuyên đề bài tập vật lý nguyên tử hạt nhân trong các đề thi học sinh giỏi và Olympic	Nguyễn, Thái Lộc	Nguyễn, Trường Long	2018	Hệ thống kiến thức cần có về nguyên tử hạt nhân. Soạn thảo bài tập và hướng dẫn giải 4 chuyên đề về nguyên tử hạt nhân dựa trên cấu trúc các dạng bài tập trong các kì thi trước đây. Tài liệu giúp học sinh sinh viên giỏi nắm vững những vấn đề nâng cao.
6342	Đại học	Physics in protein folding and molecular motors	Nguyễn, Võ Anh Duy	Đặng, Minh Triết	2018	Protein plays a major role in living cells and defects in protein structures can lead to critical diseases for human beings. However, since protein is a complex bio-polymer system, the physics of protein, especially protein folding and molecular motors is still poorly explored anymore. Recent breakthrough to physics at atomic level and micro-biology allows physicists to explore biological objects such as proteins in an effective way. Here, we review fundamental physics principles of motion of molecular motors and protein folding including protein interactions, structures, and its free energy. It resolves the relationship between these contributions to help physics students understand the human diseases caused by the defects of protein folding.
6343	Đại học	Dạy học STEM-Robotics thông qua mô hình xe tự hành theo cách nhận diện đường đã định sẵn	Dương, Nhã Trúc	Dương, Bích Thảo	2018	giảng dạy STEM – Robotics thông qua xe tự hành nhận diện đường đã định sẵn đã mang lại một phần hiệu quả không nhỏ trong bước đầu triển khai giáo dục STEM – Robotics ở Đồng bằng sông Cửu Long. Phát huy được kỹ năng cộng tác, tư duy phân biện và sáng tạo của học sinh thông qua việc học tích hợp 4 môn học đó là công nghệ, kỹ thuật, toán học và khoa học.
6344	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh đối với chương V. Chất khí/VL10NC	Tiêu, Vũ Bích Huyền	Đặng, Thị Bắc Lý	2018	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh. Hệ thống những khái niệm cơ bản, những vấn đề liên quan đến dạy học, bản chất của quá trình dạy học, nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh. Từ đó thiết kế nhiệm vụ học tập qua 5 bài học thuộc chương V. Chất khí – Vật lý 10 Nâng cao.
6345	Đại học	Ứng dụng google và google scholar trong tìm kiếm học thuật	Lê, Thành Toại	Phạm, Phú Cường	2018	Đề tài giới thiệu một cách tổng quan về các công cụ tìm kiếm tài liệu nói chung và tài liệu học thuật nói riêng, cách sử dụng các công cụ tìm kiếm, cách chúng sắp xếp các trang web. Bên cạnh đó là những chức năng và thủ thuật làm cho việc tìm tài liệu trở nên dễ hơn như các phép toán thông thường và phép toán logic; các phép tìm kiếm nâng cao; các chức năng đặc thù. Ngoài ra dựa vào phương pháp SQ4R (survey, question, read, recite, review and reflect), ta có thể xây dựng nên phương pháp tối ưu hóa kết quả tìm kiếm học thuật. Hơn nữa, bài viết còn giới thiệu về những kĩ năng cần thiết khi bạn sử dụng phương pháp để tìm tài liệu học thuật. Cuối cùng, bài viết đưa ra một số chủ đề để áp dụng phương pháp.
6346	Đại học	Sự xuất hiện các nguyên lý nhiệt động lực học và ứng dụng	Nguyễn, Tuấn Kha	Phan, Thị Kim Loan	2018	Đề tài nhằm cung cấp kiến thức về quá trình xây dựng cũng như phát triển của các nguyên lý nhiệt động lực học qua từng giai đoạn và sự đóng góp quan trọng của nó trong các công trình nghiên cứu cũng như trong cuộc sống con người.

6347	Đại học	Đồng vị phóng xạ và ứng dụng trong y học	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Huỳnh, Anh Huy	2018	trình bày cơ sở lý thuyết vật lý, các phóng xạ cũng như các đồng vị phóng xạ và phương pháp điều chế các đồng vị phóng xạ. Bên cạnh đó, luận văn còn trình bày về các ứng dụng của đồng vị phóng xạ trong y học, cụ thể là: chẩn đoán hình ảnh (PET và SPECT), xạ trị trong y học. Luận văn còn đề cập đến các biện pháp an toàn phóng xạ, giúp giảm đến mức thấp nhất nhiễm phóng xạ cho bệnh nhân cũng như cho nhân viên, bác sĩ, những người tiếp xúc với phóng xạ. Việc ứng dụng các đồng vị phóng xạ vào trong y học sẽ giúp việc chẩn đoán bệnh trở nên chính xác hơn và việc điều trị hiệu quả hơn.
6348	Đại học	Mặt trăng trong đời sống con người	Phạm, Kim Liên	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Bên cạnh những nghiên cứu khoa học như sự hình thành, cấu tạo, đặc điểm của Mặt Trăng ở chương 1. Chương 2 trình bày về hình ảnh Mặt Trăng trong đời sống sinh hoạt của người dân khá mới mẻ và thú vị, gắn bó với con người từ xa xưa cho đến nay như sự gắn kết giữa trăng và lịch, trăng trong văn học, thơ ca, câu chuyện thần thoại và một số tập tục... Ngoài ra, có thể thấy được tầm quan trọng của việc quan sát thiên văn đối với học sinh cấp 3 vì không những nó mang lại sự hứng thú, tìm tòi trong khoa học Vật Lý mà còn giúp học sinh có thêm say mê đối với ngành khoa học Thiên văn học – một ngành khoa học mũi nhọn hàng đầu hiện nay.
6349	Đại học	Phân loại và giải bài tập chương chất khí VL10CB	Nguyễn, Hoàng Lâm	Phan, Thị Kim Loan	2018	Chương một phân tích những vấn đề quan trọng về mặt lý thuyết của đề tài. Trong phần cơ sở lý luận trình bày sáng tỏ một số vấn đề lý luận trong việc dạy và học bài tập vật lý. Phần này được thảo luận chi tiết để nêu bật được tầm quan trọng của bài tập trong môn vật lý học. Chi tiết hơn tôi đã đưa ra cơ sở để phân loại các dạng bài tập vật lý và các phương pháp giải các bài tập đó để phù hợp với HS ở những huyện, xã, biên giới hải đảo – nơi điều kiện giáo dục thiếu thốn, học lực thường ở mức trung bình, yếu. (2) Chương 2 là nội dung cơ bản của luận văn này. Để tiến tới soạn thảo và xây dựng hệ một hệ thống bài tập cho chương “Chất khí” lớp 10 ban cơ bản, tôi đã tiến hành phân tích chi tiết cấu trúc nội dung chương “Chất khí”. Trên cơ sở đó, đã đặt ra mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải bài tập vật lý 10 chương “chất khí”.
6350	Đại học	Tập thiết kế một số nội dung giáo dục lồng ghép vào giảng dạy một số bài chương trình trong vật lý phổ thông	Trần, Thê Mười	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Tập thiết kế một số nội dung giáo dục lồng ghép vào giảng dạy một số bài chương trình trong vật lý phổ thông bao gồm: Giáo dục môi trường cho ; Giáo dục sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả ; Giáo dục phòng chống cháy nổ ; Giáo dục sức khỏe ; Giáo dục bảo vệ hòa bình
6351	Đại học	Vận dụng định hướng giáo dục tích hợp STEM trong giảng dạy Vật lý về các dạng năng lượng sạch	Nguyễn, Thanh Long	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến lý thuyết dạy học theo định hướng giáo dục tích hợp STEM trong dạy học Vật lý. Soạn được một số bài giảng học theo định hướng giáo dục tích hợp STEM theo giới hạn trong tên đề tài. Áp dụng giảng dạy thử nghiệm chủ đề “pin điện hóa xanh”, từ đó rút ra được các kinh nghiệm và đề xuất, ý kiến dựa trên thực tiễn.

6352	Đại học	Thiết kế một số bài giảng theo chuyên đề động lực học chất điểm	Nguyễn, Thị Mỹ Ngân	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Thiết kế các bài giảng theo chuyên đề “Lực” gồm 6 bài: Lực- Tổng hợp và phân tích lực, Lực ma sát, Ba định luật Niu- tơn, Lực hấp dẫn, Lực hướng tâm, Lực đàn hồi. Mỗi bài giảng gồm có 4 bước lên lớp: Bước 1: Tìm hiểu vấn đề trước khi đến lớp ;Bước 2: Tìm hiểu tại lớp ; Bước 3: Vận dụng ; Bước 4: Nhiệm vụ về nhà ; Nội dung và cấu trúc bài giảng giúp học sinh phát triển năng lực cần thiết, chủ động và sáng tạo, đáp ứng kiến thức khoa học vật lý. Bài giảng gồm 2 phần: Phần 1: Bài giảng dành cho học sinh ; Phần 2: Hướng dẫn dành cho giáo viên
6353	Đại học	Thiết kế một số bài giảng sử dụng cho sách giáo khoa lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực người học dựa vào nội dung dự thảo chương trình giáo dục phổ thông mới 2018	Nguyễn, Thị Kim Anh	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực có hiệu quả trong dạy học tích cực, phù hợp với một trong những xu hướng đổi mới hiện nay theo nội dung dự thảo 2018 của Bộ giáo dục & Đào tạo. Đề tài luận văn đã thiết kế một số bài giảng sử dụng cho sách giáo khoa lớp 10 theo định hướng phát triển năng lực người học dựa vào nội dung dự thảo chương trình giáo dục phổ thông. Đề tài xây dựng tóm lược cơ sở lý luận của một số phương pháp giảng dạy, nêu bật ưu điểm của phương pháp dạy học phát triển năng lực, tóm tắt kiến thức Vật lý 10 theo nội dung dự thảo và thiết kế một số bài giảng cho sách giáo khoa. Chúng tôi hy vọng những kịch bản giảng dạy đã đề ra sẽ góp phần phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong việc dạy và học môn Vật lý ở trường phổ thông.
6354	Đại học	Vai trò của vật lý học trong cuộc cách mạng công nghiệp	Từ, Lâm Bảo Ngọc	Huỳnh, Anh Huy	2018	Tìm hiểu thế nào là cách mạng công nghiệp và vai trò của vật lý học trong các cuộc cách mạng công nghiệp, phân tích rõ vai trò của Vật lý trong từng giai đoạn lịch sử, vẽ lại bức tranh về con đường hình thành của Vật lý từ lúc còn chưa hoàn thiện đến lúc đã trở thành một lĩnh vực không thể thiếu trong đời sống, phân tích và làm rõ những thách thức khi chúng ta đối đầu với cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư, đưa ra những phương án, định hướng con đường phát triển khoa học sau này bằng việc đổi mới phương pháp dạy học môn Vật lý sao cho phù hợp trong thời điểm diễn ra cách mạng công nghiệp và kết quả thực nghiệm sư phạm.
6355	Đại học	Khảo sát địa thường từ Khu vực thành phố Cần Thơ sử dụng thuật toán nội suy	Phan, Đặng Thảo Nguyên	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Trong địa vật lý thăm dò, nghiên cứu địa thường từ phục vụ cho công tác lập bản đồ địa chất, tìm kiếm khoáng sản đặc biệt là quặng sắt, tìm kiếm dầu khí, tìm nước ngầm, khảo cổ học,... Nhờ vào việc thành lập bản đồ địa thường từ cho từng khu vực mà một số loại tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế cao có thể được xác định. Bản đồ địa thường từ khu vực thành phố Cần Thơ được xây dựng dựa vào thuật toán nội suy Kriging. Thông qua việc tính toán và vẽ bản đồ địa thường từ bằng phần mềm Surfer 11, nhận thấy có 4 nguồn địa thường chính trong khu vực thành phố Cần Thơ và tất cả đều là địa thường âm, có qui mô lớn. Và đây sẽ là những thông tin bổ ích hỗ trợ cho công tác thăm dò và tìm kiếm tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là ở khu vực thành phố Cần Thơ.

6356	Đại học	Nghiên cứu và so sánh cách đặt câu hỏi trong giảng dạy của một số sinh viên trong học phần tập giảng và giáo sinh trong giai đoạn TTSP với giáo viên phổ thông - bài học từ môn vật lý	Phạm, Thị Bích	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến cách đặt câu hỏi trong giảng dạy. - Nghiên cứu và so sánh cách đặt câu hỏi trong giảng dạy của một số sinh viên trong học phần tập giảng và giáo sinh trong giai đoạn thực tập sư phạm so với giáo viên phổ thông – Vật lý. - Rút ra một số nhận xét, kết luận và đề xuất.
6357	Đại học	Lịch âm trong đời sống người Việt Nam	Nguyễn, Thị Thanh Hiền	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	gồm 2 chương Chương 1: KHÁI NIỆM VỀ LỊCH – LỊCH ÂM: trong chương này tôi tập trung tìm hiểu cơ sở hình thành của lịch âm, cách phân loại lịch. Chương 2: LỊCH ÂM TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI VIỆT: chương này tôi tập trung tìm hiểu tầm quan trọng của lịch âm trong đời sống con người Việt Nam và những nét văn hóa gắn liền với lịch âm.
6358	Đại học	Tìm hiểu về nguồn gốc khối lượng của hạt cơ bản	Trần, Kim Huệ	Huỳnh, Anh Huy	2018	Trình bày hai lý thuyết quan trọng là đại lượng khối lượng và mô hình chuẩn của vật lý hạt. Từ đó đưa ra giả thuyết về hạt Higgs góp phần giải thích khối lượng của mọi vật trong vũ trụ.
6359	Đại học	Nghiên cứu tạo Webquest trong dạy học VL10 chương động lực học chất điểm	Trương, Hoàng Ngọc Ngân	Trần, Thị Kiểm Thu	2018	Webquest là công cụ dạy học, phương tiện dạy học mới mang lại nhiều tiện ích cho người học. Trong đó, nổi bật của phương pháp này là rèn luyện cho học sinh khả năng tự học. Luận văn bao gồm các nội dung như sau: Khái niệm Webquest. Ứng dụng Webquest trong dạy học. Cấu trúc bên trong của một webquest. Nghiên cứu nội dung dạy học và định hướng nội dung dạy học khi xây dựng webquest bài Lực hấp dẫn, Định luật vạn vật hấp dẫn. -Tạo được trang webquest có các bước trong một webquest.
6360	Đại học	Nghiên cứu tạo Webquest trong dạy học Vật lý theo chủ đề tích hợp bài Mắt – Vật lý 11	Tạ, Thị Thanh Thủy	Trần, Thị Kiểm Thu	2018	Việc vận dụng kỹ thuật webquest vào soạn giảng theo chủ đề cụ thể ở luận văn là chủ đề mới. (nằm trong chương 1). Thực trạng sử dụng webquest ở các trường THPT và điều kiện để phát triển trong tương lai. (nằm trong chương 1). Kết quả thu được dựa trên 1 cuộc khảo sát tại trường THPT Vĩnh Long. Sản phẩm tạo ra trên google sites và kết quả thực nghiệm sư phạm. (nằm trong chương 3). Kết quả thực nghiệm thu được dựa vào việc thực nghiệm tại trường THPT Vĩnh Long.
6361	Đại học	Thiết kế thí nghiệm nhiễu xạ ánh sáng giao tiếp với máy tính	Nguyễn, Minh Trường	Trần, Thanh Hải	2018	Trình bày về hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng, các hiện tượng nhiễu xạ gây bởi các sóng cầu, sóng phẳng. + Trình bày một số khái niệm cơ bản về cảm biến. + Giới thiệu các cảm biến đo cường độ ánh sáng và cảm biến đo vị trí, trình bày các thông số kỹ thuật. + Trình bày sơ lược về Arduino, Matlab. + Trình bày một số hàm, thủ tục trong lập trình Arduino, lập trình Matlab. +Thiết kế thí nghiệm nhiễu xạ ánh sáng giao tiếp với máy tính
6362	Đại học	Khảo sát dị thường ở khu vực tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn, Hoàng Nhi	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Trong đề tài luận văn này tôi đã giới thiệu về tổng quan về phương pháp thăm dò trọng lực, giúp người đọc có thể biết được thế nào là dị thường trọng lực và một số phương pháp thăm dò trọng lực cũng như ứng dụng của nó vào đời sống và khoa học. Cũng trong đề tài này tôi đã giới thiệu về thuật toán nội suy và cách sử dụng phần mềm Surfer 11 để vẽ một bản đồ dị thường trọng lực. Từ những kiến thức trên tôi đã xây dựng bản đồ dị thường trọng lực ở khu vực tỉnh Sóc Trăng

6363	Đại học	Thiết kế và thực hiện hệ thống video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm Vật lý phổ thông phần Quang và Điện	Ngô, Huỳnh Tiểu Uyên	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến thí nghiệm Vật lý phổ thông và biện pháp hướng dẫn thí nghiệm Vật lý phổ thông. - Thiết kế các kịch bản hướng dẫn các bài TNVLPT phần Quang học - Thực hiện các video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm Vật lý phổ thông phần Quang học và Điện học. - Thử nghiệm công bố trên các mạng xã hội và nhận thông tin phản hồi.
6364	Đại học	Hiển thị nội dung tin nhắn điện thoại lên LED ma trận	Hồ, Thị Diễm Kiều	Phạm, Phú Cường	2018	Thiết kế mô hình hiển thị nội dung tin nhắn từ điện thoại lên bảng led ma trận. Mô hình bao gồm module sim800DS, module bluetooth HC-05, Arduino UNO R3, 3 module led ma trận 8x8 tích hợp IC MAX7219. Module sim800DS, module bluetooth HC-05 đóng vai trò như một thiết bị nhận tín hiệu tin nhắn từ điện thoại và truyền cho Arduino.
6365	Đại học	Phân tích các dị thường từ tuyến Sóc Trăng – Long An bằng phép biến đổi wavelet	Nguyễn, Bích Ngọc	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Bắt đầu từ những năm 40 của thế kỉ trước, người ta đã chú ý đến việc nghiên cứu về các phương pháp phân tích các dữ liệu từ thu được từ công tác đo đạc thực tế. Từ các đề xuất lý thuyết, tôi đã sử dụng phép biến đổi wavelet để phân tích một tuyến đo thực tế tại Đồng Bằng Sông Cửu Long là tuyến Sóc Trăng – Long An và đặt tên cho đề tài của mình là “Phân tích các dị thường từ tuyến Sóc Trăng – Long An bằng phép biến đổi wavelet”. Đề tài hướng đến và đã hoàn thành các mục tiêu: Tìm hiểu về trường địa từ, các phương pháp thăm dò từ và ứng dụng của phương pháp thăm dò từ trong đời sống và kỹ thuật; sử dụng một họ hàm wavelet (hàm wavelet phức Farshard - Sailhac) trong phương pháp wavelet cực đại độ lớn để phân tích định lượng tài liệu từ nhằm xác định vị trí và độ sâu của nguồn dị thường; áp dụng phương pháp được đề xuất để phân tích tuyến đo thực tế Sóc Trăng – Long An.
6366	Đại học	Tìm hiểu về mô hình chuẩn trong nghiên cứu vật lý hạt cơ bản	Son, Hồng Thảo	Huỳnh, Anh Huy	2018	Đề tài trình bày lịch sử về hạt cơ bản, xây dựng cơ sở lý thuyết của mô hình chuẩn, QED nền tảng xây dựng QCD và GWS. Hai thuyết này thông qua một nguyên lý chuẩn đã làm rõ việc thống nhất các tương tác vật lý học hiện đại, các tương tác và khối lượng của các hạt được mô tả một cách thống nhất bởi các đối xứng chuẩn và cơ chế phá vỡ các đối xứng tự phát. Ở chương ba sẽ tìm hiểu về mô hình chuẩn, phương hướng thống nhất của các loại tương tác và đánh giá mô hình chuẩn.
6367	Đại học	Thiết kế mạch điều khiển đèn LED có sử dụng phương pháp ổn định cường độ sáng	Trần, Văn Thiện	Phạm, Phú Cường	2018	Thiết kế mạch điều khiển bằng điện thoại cường độ sáng của đèn LED trắng có công suất 5W với phương pháp điều chế độ rộng xung PWM, xây dựng giải thuật ổn định cường độ sáng cải thiện tốc độ đáp ứng của phương pháp tăng bậc cố định. Kết quả đạt được là: cải thiện được tốc độ đáp ứng từ hơn 10 giây xuống còn 0,5 giây; mô hình mạch thiết kế có thể điều khiển được LED trắng 5W có khả năng ổn định độ sáng trong khoảng từ 0-2300 lux ở khoảng cách 30cm thông qua cảm biến ánh sáng; ứng dụng điều khiển được xây dựng trên nền web và có thể điều khiển thông qua thiết bị có kết nối internet (điện thoại, máy tính).

6368	Đại học	Hai mặt của Sét	Huỳnh, Thị Cẩm Tú	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Luận văn này giúp tìm hiểu về nguồn gốc sinh ra sét, bản chất của sét, nguyên nhân hình thành cũng như những tác hại và các biện pháp phòng chống sét. Bên cạnh đó khai thác những lợi ích, tiềm năng ứng dụng mà sét mang lại cho con người. Những phát minh và thành tựu của nhân loại trong công cuộc chinh phục sét.
6369	Đại học	Building English vocabulary system for Physics students, Department of physics, Can Tho University, part II	Trịnh, Đình Văn	Vũ, Thanh Trà	2018	Xây dựng hệ thống từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Vật Lý áp dụng trong một số chủ đề.
6370	Đại học	Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Scratch hỗ trợ một số hoạt động dạy học Vật lý	Lâm, Thị Tường Vi	Dương, Bích Thảo	2018	Thiết kế được 4 hoạt động hỗ trợ giảng dạy Vật lý lớp 10, 11 gồm những bài: Bài 19. Từ trường” vật lý lớp 11 cơ bản, mô phỏng ba định luật Kê - ple “Bài 40. Các định luật Kê - ple chuyển động của vệ tinh” vật lý 10 nâng cao, mô phỏng cho thí nghiệm dòng điện trong mạch và định luật Ohm “Bài 9. Định luật ôm đối với toàn mạch ” vật lý 11 cơ bản, Mô phỏng thí nghiệm sự nở vì nhiệt của thanh đồng và xác định hệ số nở dài trong “Bài 36. Sự nở vì nhiệt của vật rắn” vật lý lớp 10 cơ bản và tiến hành thực nghiệm sự phạm tại trường phổ thông
6371	Đại học	Ứng dụng cộng hưởng từ (MRI) trong y học	Lê, Huỳnh Như	Đặng, Minh Triết	2018	Đề tài đã tập trung tìm hiểu về nguồn gốc của từ trường, momen từ của nguyên tử, hiệu ứng Zeeman và phương trình Larmor – phương trình đặt trung cho cộng hưởng từ, giới thiệu về cấu tạo bên trong của máy cộng hưởng từ, vị trí đặt máy cộng hưởng, quy trình chụp, nguyên lý tạo ảnh và nguyên lý hoạt động của MRI và một số ứng dụng lâm sàng của máy cộng hưởng từ MRI.
6372	Đại học	Phân loại bài tập chương sóng ánh sáng VL12CB theo thang nhận thức Bloom	Vũ, Thị Nhi Nữ	Đặng, Minh Triết	2018	Giúp học sinh có một hệ thống kiến thức của chương “Sóng ánh sáng”, phân dạng bài tập và phương pháp giải của từng dạng toán từ đó có thể hiểu rõ hơn về chương “Sóng ánh sáng”. Phần nội dung chính của luận văn giới thiệu tổng quan về các mức độ nhận thức trong giáo dục; khái niệm và hình thức phân loại bài tập vật lý; các kĩ năng, kĩ xảo, thói quen cần hình thành cho học sinh trong học tập vật lí. Đặc biệt, phần nội dung quan trọng nhất trong luận văn là hệ thống lại nội dung kiến thức chương “Sóng ánh sáng” sách giáo khoa vật lý 12 cơ bản và phân loại bài tập chương theo bảy dạng và đưa ra các ví dụ minh họa cho từng dạng. Đồng thời, biên soạn đề kiểm tra kết thúc chương với hình thức trắc nghiệm khách quan.
6373	Đại học	Vai trò và chức năng của hệ cơ trong hệ thống song	Cao, Mạnh Cường	Vũ, Thanh Trà	2018	Tổng quan về các hệ cơ trong hệ thống sống, chức năng cũng như tầm quan trọng của hệ cơ trong hệ thống sống. Phân tích và chỉ rõ ra các tính chất vật lý mà mô cơ có được. Đồng thời xác lập các biểu thức có liên quan và đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc nhau giữa các đại lượng vật lý trong mô cơ. Phân tích các quy luật hoạt động, cơ chế co cơ của các loại cơ trong cơ thể. Sử dụng các kiến thức vật lý để giải thích các hoạt động, cơ chế cơ cơ và một số nguyên nhân, cơ chế gây ra các bệnh về cơ trong hệ thống sống.
6374	Đại học	Thiết kế một số bài giảng VL theo hướng phát triển năng lực bằng Tiếng Anh	Lê, Thị Tâm	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến cách thiết kế chương trình và bài giảng Vật lý phổ thông theo định hướng tiếp cận năng lực bằng tiếng Anh. - Thiết kế 5 bài giảng Vật lý phổ thông bằng tiếng Anh theo hướng tiếp cận năng lực.

6375	Đại học	Biên soạn tài liệu Bồi dưỡng học sinh giỏi góp phần nâng cao chất lượng dạy và học phần từ trường trong chương trình VLPT	Hồ, Thị Xiêm	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Lí luận về sử dụng hệ thống bài tập trong dạy học vật lí. -Phân loại bài tập vật lí. - Phương pháp giải bài tập vật lí. - Xây dựng lập luận trong giải bài tập vật lí. - Lựa chọn và sử dụng bài tập trong dạy học vật lý. - Các cách hướng dẫn học sinh giải bài tập vật lí. -Phân loại bài tập vật lí góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. - Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập phần Từ trường lớp 11 THPT trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi.
6376	Đại học	Đo sức căng bề mặt chất lỏng.	Lê, Ngọc Kiều Anh	Trần, Thanh Hải	2018	Luận văn “Đo sức căng mặt ngoài của chất lỏng” gồm có 4 chương: Chương 1 - Trạng thái lỏng của các chất: Ở chương này, tôi đã giới thiệu về trạng thái lỏng. Nguyên nhân mà chất lỏng có thể chảy được, bên cạnh đó làm cho chất lỏng có nhiều hình thù khác nhau và vật rắn cũng có thể đặt trong lòng chất lỏng. Chương 2 - Các phân tử nằm gần mặt thoáng thì mặt cầu của chúng không nằm hoàn toàn trong chất lỏng, có một phần nằm trong không khí, làm cho các phân tử bị hút lên phía trên với một lực rất yếu. Và nguyên nhân chất lỏng có xu hướng co lại để năng lượng của nó là cực tiểu. Chương 3 - Trong đo lường các đại lượng vật lí, giá trị sai số có yếu tố quan trọng cho biết được giá trị đo được sai lệch bao nhiêu so với giá trị thực. Chương 4 - Kết quả thí nghiệm và nhận xét.
6377	Đại học	Ứng dụng dòng điện Foucault trong kỹ thuật nung cao tần	Võ, Niềm Tin	Phạm, Phú Cường	2018	Đề tài nghiên cứu về ứng dụng của dòng điện Foucault trong kỹ thuật nung cao tần. Thiết kế một mô hình máy nung cao tần có công suất nhỏ dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện Foucault, tạo ra dòng điện Foucault trong phôi dựa vào nguyên lý hoạt động của một máy biến áp đơn giản với cuộn thứ cấp có số vòng là một (phôi). Dựa trên mô hình mạch dao động, mạch nghịch lưu và kết quả tính toán đã thực hiện được mạch nung có tần số dao động là 196kHz, máy sử dụng nguồn điện cung cấp 12VDC với dòng điện cực đại khi có tải là 8,5A, điện áp dao động cực đại 22,4V, công suất tiêu thụ là 97W. Thực nghiệm hệ thống đã nung nóng đỏ một lá thép mỏng trong 25 giây.
6378	Đại học	Quang khắc: Nguyên lý và ứng dụng	Lâm, Triều Phú	Đặng, Minh Triết	2018	Đề tài này nhằm tìm hiểu về quy trình lithography - quang khắc, một kỹ thuật sử dụng trong công nghệ bán dẫn và công nghệ vật liệu nhằm tạo ra các chi tiết của vật liệu và linh kiện với hình dạng và kích thước xác định bằng cách sử dụng các bức xạ (ánh sáng, chùm điện tử...) làm biến đổi các chất cản quang phủ trên bề mặt để tạo ra hình ảnh cần tạo và các ứng dụng của quy trình này.
6379	Đại học	Nghiên cứu tạo Webquest trong dạy học Vật lý 12 chương dao động cơ	Nguyễn, Hồng Như Ngọc	Trần, Thị Kiểm Thu	2018	Khái niệm Webquest. Ứng dụng Webquest trong dạy học. Cấu trúc bên trong của một webquest. Nghiên cứu nội dung dạy học và định hướng nội dung dạy học khi xây dựng webquest bài Lực hấp dẫn, Định luật vạn vật hấp dẫn. -Tạo được trang webquest có các bước trong một webquest chương dao động cơ.
6380	Đại học	Hệ thống bài tập nâng cao dành cho học sinh khá giỏi phần nhiệt học VL10 THPT	Trần, Thị Nhân	Phan, Thị Kim Loan	2018	Phần nội dung của đề tài gồm 3 chương: Chương 1 Phân loại bài tập vật lý phổ thông Chương 2 Hệ thống kiến thức cơ bản phần Nhiệt học vật lý lớp 10 THPT Chương 3 Phân loại và phương pháp giải bài tập.

6381	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh đối với phần Quang hình học/VL11CB	Nguyễn, Thị Phượng Nhi	Đặng, Thị Bắc Lý	2018	Xây dựng được cơ sở lý luận của việc thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh. - Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với 5 bài của phần Quang hình học.
6382	Đại học	Ứng dụng phương pháp ảnh điện để giải các bài toán trường tĩnh điện.	Trần, Hoàng Phúc	Trần, Thanh Hải	2018	Tóm tắt lý thuyết về trường tĩnh điện, nghiên cứu những tính chất của vật dẫn cân bằng tĩnh điện và những hiện tượng xảy ra khi vật dẫn đặt trong điện trường. - Giới thiệu nội dung và cơ sở lý thuyết của phương pháp ảnh điện. - Ứng dụng phương pháp ảnh điện để giải các bài tập trường tĩnh điện. - Xây dựng, phân loại hệ thống bài tập theo các chuyên đề riêng từ cơ bản đến chuyên sâu nhằm giúp cho quá trình học và nghiên cứu được thuận lợi.
6383	Đại học	Phân loại bài tập động lực học chất điểm VL10NC theo thang bậc nhận thức của Bloom	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Đặng, Minh Triết	2018	Phần nội dung chính của luận văn giới thiệu tổng quan về các mức độ nhận thức trong giáo dục; về khái niệm, nội dung câu hỏi trắc nghiệm và hình thức phân loại bài tập vật lý. Đặc biệt, phần nội dung quan trọng nhất trong luận văn là hệ thống lại các kiến thức chương Động lực học chất điểm – Vật lý 10 nâng cao theo các dạng bài tập phổ biến và minh họa các nội dung này dưới dạng các câu hỏi trắc nghiệm. Đề tài này không những giúp người dạy dễ dàng hơn trong việc phân loại các dạng bài tập trong quá trình giảng dạy. Mà còn giúp người học cụ thể hóa được các nội dung cần thiết trong một bài học. Tôi hi vọng đề tài này sẽ là một hành trang hữu ích cho học sinh trong quá trình học tập và cả các nhà giáo trong quá trình giảng dạy ở các trường phổ thông của mình.
6384	Đại học	Ứng dụng Polyme thông minh trong công nghiệp	Trịnh, Lệ Quyên	Đặng, Minh Triết	2018	Trong những năm gần đây, vật liệu polyme thông minh được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như trong y học, trong công nghệ thông tin, trong công nghiệp,... Việc nghiên cứu tính chất vật lý của vật liệu polyme thông minh và ứng dụng của nó nhất là trong lĩnh vực công nghiệp là một vấn đề hấp dẫn và có nhiều ý nghĩa. Đề tài luận văn này đã hệ thống một cách khoa học các kiến thức về lịch sử, khái niệm và cấu trúc của polyme; các tính chất vật lý và các thể tương tác trong polyme; tìm hiểu về ba cách điều khiển polymer là sử dụng nhiệt độ, quang và từ trường; và trên cơ sở đó tìm hiểu ứng dụng cũng như cơ chế của ứng dụng của những polyme thông minh này trong các thiết bị y tế và ngành dệt. Chúng tôi hy vọng luận văn này sẽ tạo được sự hứng thú và giúp ích cho các bạn có nhu cầu tìm hiểu về vật liệu polyme cũng như về vật lý và ứng dụng trong đời sống.
6385	Đại học	Tia Gamma và ứng dụng của tia Gamma	Lý, Quang Phước	Vũ, Thanh Trà	2018	Trình bày cơ sở hình thành thang sóng điện từ, lịch sử và nguồn gốc của tia Gamma và cuối cùng là ứng dụng của tia Gamma (trong đời sống, trong quân sự và trong y học).

6386	Đại học	Cấu trúc tinh thể trong vật lý chất rắn	Nguyễn, Thế Phụng	Vũ, Thanh Trà	2018	Giới thiệu lại lý thuyết về chất rắn, phân loại chất rắn, cách biểu diễn mạng tinh thể chất rắn, tinh thể được biểu diễn với ô cơ sở hay ô đơn vị và tính đối xứng của mạng tinh thể trong chất rắn. Đưa ra các loại mạng cơ bản trong hệ Bravais theo không gian hai chiều và ba chiều. Biểu diễn chỉ số nút, chỉ số chiều, chỉ số mặt và còn được gọi là chỉ số Miller và đưa cách tính số phối vị và số hạt trong một ô đơn vị. Dựa vào cơ sở lý thuyết đã đưa ra được một số cấu trúc tinh thể thường gặp như muối Xêsi clorua (CsCl), muối NaCl, kim cương, cấu trúc kẽm sunfua lục phương và lập phương, cấu trúc lục giác xếp chặt.
6387	Đại học	Thiết kế bài giảng chương “cơ sở của nhiệt động lực học” SGK lớp 10 song ngữ Việt – Anh theo phương pháp đàm thoại gợi mở	Hồ, Huỳnh Hoa	Đặng, Minh Triết	2018	Với yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học vật lý, hướng tới việc phát huy tính chủ động học tập học sinh phương pháp dạy học theo hướng đàm thoại gợi mở tỏ ra hiệu quả, phù hợp với xu hướng đổi mới của Bộ giáo dục & Đào tạo. Hiện nay, đề tài luận văn đã xây dựng các phương án nhằm thiết kế bài giảng chương “Cơ sở nhiệt động lực học” trong chương trình sách giáo khoa lớp 10 song ngữ Việt Anh theo hướng đàm thoại gợi mở. Đề tài bắt đầu bằng việc tóm lược cơ sở lý luận của một số phương pháp giảng dạy, nêu bật ưu điểm của phương pháp đàm thoại gợi mở, tóm tắt kiến thức Vật lý cơ bản của chương Nhiệt động lực học và thiết kế một số giáo án có tích hợp những một số kịch bản giảng dạy theo phương pháp đàm thoại gợi mở. Chúng tôi hy vọng những kịch bản giảng dạy đã đề ra sẽ góp phần phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong việc dạy và học môn Vật lý ở trường phổ thông.
6388	Đại học	Vận dụng định hướng giáo dục tích hợp STEM trong soạn giảng một số hoạt động dạy học phần quang hình học chương trình VL11CB	Trần, Hữu Nghĩa	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	2018	Trong đề tài này, tôi đã nghiên một phần cơ sở lý luận về giáo dục STEM: các khái niệm, định nghĩa, lịch sử ứng dụng STEM ở nước ta... Từ những cơ sở lý luận đó cùng với nội dung của phần Quang hình học chương trình Vật lý 11 cơ bản, tôi đã thiết kế hoạt động giảng dạy của một số bài trong chương này. Tuy nhiên, tôi chỉ dừng lại ở việc khảo sát khả năng ứng dụng STEM vào trong giảng dạy, chưa tiến hành thực nghiệm sư phạm.
6389	Đại học	Pin mặt trời và ứng dụng trong đời sống sản xuất	Phan, Thị My	Đặng, Minh Triết	2018	Trong khi các nguồn năng lượng truyền thống như than đá, dầu mỏ đang dần cạn kiệt, giá thành cao, nguồn cung không ổn định, nhiều nguồn năng lượng thay thế đang được các nhà khoa học quan tâm, đặc biệt là nguồn năng lượng mặt trời. Việc tiếp cận để tận dụng nguồn năng lượng mới này không nhỏ, góp phần cung ứng kịp nhu cầu năng lượng của xã hội mà còn giúp tiết kiệm điện năng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, hiện nay pin mặt trời vẫn đang còn là món hàng xa xỉ đối với các nước nghèo như chúng ta. Dựa trên thực trạng đó, đề tài này đã góp phần quan trọng trong việc triển khai nghiên cứu ứng dụng pin mặt trời. Đề tài luận văn đã hệ thống được những kiến thức cơ bản về pin mặt trời như: cấu tạo, nguyên lý hoạt động của pin mặt trời. Ngoài ra, đề tài còn tóm tắt được một vài cơ sở lý thuyết vật lý cơ bản, chỉ rõ ưu và nhược điểm của pin mặt trời. Chúng tôi mong rằng, với đề tài này sẽ đóng góp một phần nào đó cho việc nghiên cứu và cải tiến pin mặt trời. Góp phần phát triển đất nước và đưa nguồn năng lượng mới này lên một tầm cao mới.

6390	Đại học	Dạy học STEM-ROBOTICS thông qua mô hình xe được điều khiển bằng giọng nói trên Smartphone	Võ, Ngọc Bảo Ngân	Dương, Bích Thảo	2018	Ứng dụng STEM-Robotics vào dạy học thông qua mô hình xe được điều khiển bằng giọng nói trên smartphone giúp người học hình thành các kiến thức, kỹ năng và tư duy khoa học thông qua việc chế tạo, lắp ráp robot, tạo cho người học cơ hội tiếp xúc với khoa học, kỹ thuật một cách trực quan hơn, có cái nhìn rõ nét hơn về các ngành công nghệ, kỹ thuật, giúp người học định hướng được sự phát triển của bản thân trong tương lai. Luận văn được thực nghiệm ở 62 giáo viên tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả, cung cấp cho người học kiến thức về khoa học, kỹ thuật từ việc xây dựng mô hình, phát triển các kỹ năng mềm, nâng cao năng lực tin học trong quá trình giảng dạy.
6391	Đại học	Sử dụng ngôn ngữ lập trình SCRATCH để hỗ trợ một số hoạt động học môn tin học lớp 11	Luu, Ánh Ngọc	Dương, Bích Thảo	2018	Đề tài nghiên cứu gồm 3 mục tiêu chính: Nâng cao chất lượng dạy và học theo xu hướng GDPT mới; Phát huy năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề; Phát huy tư duy lập trình, khả năng sáng tạo. Đề tài đã thực hiện được một số sản phẩm cụ thể về ngôn ngữ lập trình Scratch và tiến hành thực nghiệm sư phạm.
6392	Đại học	Phân tích định lượng dữ liệu ra đa xuyên đất bằng phép biến đổi wavelet	Nguyễn, Thị Mỹ Nhung	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Luận văn gồm 3 chương chia làm 2 phần. Chương I và II thuộc phần 1, bao gồm những kiến thức tổng quan về phương pháp ra đa xuyên đất và phép biến đổi wavelet liên tục. Chương III thuộc phần 2, chương này trình bày kết quả minh giải số liệu ra đa xuyên đất lý thuyết và thực tế của một số mô hình bằng phép biến đổi wavelet.
6393	Đại học	Các thiết bị ứng dụng tác dụng nhiệt của bức xạ hồng ngoại	Nguyễn, Thị Ngọc Oanh	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Ở chương 1 và 2 trình bày một cách tổng quát về bức xạ hồng ngoại, tìm hiểu chi tiết về các tính chất và ứng dụng của bức xạ hồng ngoại. Ở chương 3, đề tài nghiên cứu các thiết bị ứng dụng tác dụng nhiệt là đèn hồng ngoại, gối massage hồng ngoại, thiết bị hồng ngoại dùng trong phòng xông hơi và máy sấy hồng ngoại. Mỗi thiết bị đều có chức năng, ưu, nhược điểm riêng, người dùng khi hiểu rõ về nguyên lý hoạt động cũng như công dụng của nó và có cách sử dụng đúng đắn hợp lý sẽ mang lại những <u>hiệu quả nhất định</u> .
6394	Đại học	Hệ thống bài tập nâng cao phần Nhiệt động lực học Vật lý lớp 10 THPT	Nguyễn, Duy Đăng	Phan, Thị Kim Loan	2018	Chủ đề 1: nội năng và sự biến đổi nội năng 1. Tóm tắt kiến thức. 2. Bài tập vận dụng. Chủ đề 2: các nguyên lý của nhiệt động lực học 1. Tóm tắt kiến thức. 2. Bài tập vận dụng.
6395	Đại học	Thiết kế và thực hiện hệ thống video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm vật lý phổ thông phân cơ học	Nguyễn, Thị Trúc Giang	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến thí nghiệm Vật lý phổ thông và biện pháp hướng dẫn thí nghiệm Vật lý phổ thông. - Thiết kế được các kịch bản (giáo án) hướng dẫn các bài TNVLPT phần Cơ học. - Thực hiện được bộ video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm Vật lý phổ thông phần Cơ học. - Thử nghiệm công bố trên các mạng xã hội và nhận thông tin phản hồi.

6396	Đại học	Ứng dụng phần mềm Crocodile Physics để giảng dạy một số bài trong Sgk Vật lý 12	Nguyễn, Phạm Hồng Hạnh	Dương, Bích Thảo	2018	Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng phần mềm Crocodile Physics. - Ứng dụng phần mềm Crocodile Physics vào thiết kế các thí nghiệm và đưa các thí nghiệm mô phỏng của phần mềm vào 2 bài giảng: Bài 2: CON LẮC LÒ XO, Bài 8: GIAO THOA SÓNG. Bên cạnh đó, mở rộng thiết kế thêm một số thí nghiệm ứng dụng vào dạy học trong SGK Vật lý 12 như thí nghiệm con lắc đơn, sóng dừng trên dây. - Thực nghiệm sư phạm: sử dụng bài giảng Bài 8: Giao thoa sóng được thiết kế có sử dụng phần mềm Crocodile Physics vào giảng dạy và rút ra kết quả cũng như kết luận trong quá trình thực nghiệm.
6397	Đại học	Dạy học STEM – Robotics thông qua mô hình nhận diện thân nhiệt có kết nối trên Smartphone	Trần, Văn Cường	Dương, Bích Thảo	2018	Nghiên cứu và áp dụng phương pháp giáo dục STEM để phát huy khả năng tích hợp các kiến thức về Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học của người học thông qua việc dạy học STEM – Robotics với mô hình nhận diện thân nhiệt có kết nối trên Smartphone. Đồng thời giúp người học hình thành và phát triển năng lực Tin học và năng lực Công nghệ.
6398	Đại học	Từ học : Nguyên lý và ứng dụng trong các thiết bị lưu trữ thông tin	Lê, Trung Hậu	Đặng, Minh Triết	2018	Đề tài đã trình bày được một số khái niệm, lý thuyết cơ bản nhằm giúp bạn đọc có cái nhìn sơ bộ về từ học cũng như có các kiến thức cơ bản. Bên cạnh đó đề tài còn đưa ra một số ứng dụng của từ học trong các thiết bị lưu trữ thông tin hiện tại nguyên lý hoạt động cũng như cấu tạo của chúng. Hi vọng bài viết này sẽ giúp ít cho bạn đọc cũng như góp phần cho vật liệu từ ngày càng phát triển phục vụ nhu cầu đời sống của con người.
6399	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh đối với chương IV. Các định luật bảo toàn – VL10NC	Vũ, Thị Thùy Dung	Đặng, Thị Bắc Lý	2018	Hệ thống các cơ sở lý thuyết về Thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực - Thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn đối với môn Vật Lí - Thiết kế các nội dung học nhằm phát triển năng lực trong hoạt động học môn Vật lí
6400	Đại học	Vật liệu từ cấu trúc nano và ứng dụng trong y sinh học	Châu, Trung Tính	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	tìm hiểu các đặc tính đặc biệt của vật liệu nano nói chung và các hạt nano từ tính nói riêng; hệ thống lại các phương pháp chế tạo vật liệu nano từ tính và các ứng dụng của chúng, em quyết định lựa chọn đề tài “Vật liệu từ cấu trúc nano và ứng dụng trong Y – Sinh học” cho luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn đã hệ thống lại các lý thuyết có liên quan về vật liệu từ và vật liệu cấu trúc nano mà trọng tâm chính là vật liệu siêu thuận từ và các hiệu ứng khi vật liệu ở kích thước nano. Khi nghiên cứu về các phương pháp chế tạo vật liệu nano từ tính, luận văn đã trình bày theo hai hướng chế tạo đó chính là: chế tạo các hạt nano từ tính đơn lẻ và chế tạo hạt nano composite từ tính. Cuối cùng là một nội dung vô cùng quan trọng đó chính là các ứng dụng của vật liệu nano từ tính trong lĩnh vực Y – Sinh học mà điển hình là các ứng dụng bên trong (in-vivo) và bên ngoài (in-vitro) có thể kể đến như: dẫn truyền thuốc, tăng thân nhiệt cục bộ, phân tách tế bào, tăng độ tương phản của ảnh chụp cộng hưởng từ,...

6401	Đại học	Tìm hiểu các phương pháp xử lý chất thải phóng xạ	Nguyễn, Huỳnh Thu	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Chương 1 giới thiệu khái quát về chất thải phóng xạ, nguồn gốc của từng loại chất thải. -Chương 2 Nói về chất thải phóng xạ hạt nhân, từ các hoạt động nào sinh ra chất thải cách phân loại từng loại chất thải và các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất thải phóng xạ. - Chương 3 Nói về các phương pháp xử lý chất thải phóng xạ, phương pháp nào an toàn phương pháp nào không an toàn và giới thiệu một số phương pháp tối ưu hiện đang được hoàn thiện.
6402	Đại học	Phân loại bài tập theo thang bậc nhận thức Bloom chương VI: Chất khí và chương VIII: Cơ sở của nhiệt động lực học (VL10NC song ngữ)	Nguyễn, Thị Mỹ Xuyên	Đặng, Minh Triết	2018	Ở chương trình Vật lý phổ thông hiện nay, thì có nhiều mảng kiến thức khác nhau, do đó các dạng bài tập tương ứng với đó cũng đa dạng không kém. Chương VI và chương VIII của chương trình vật lý 10 nâng cao cũng không ngoại lệ.Đề tài “Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương VI: Chất khí và chương VIII: Cơ sở của nhiệt động lực học sách giáo khoa Vật lý 10 (song ngữ)” đã tóm lược cơ sở lý thuyết của hai chương trên. Thông qua đó, giải thích được nhiều hiện tượng vật lý cũng như các chu trình biến đổi trạng thái, nguyên lý hoạt động của động cơ nhiệt, máy lạnh. Hơn nữa, phần tiếng anh có thể giúp học sinh bổ sung thêm cho từ vựng chuyên ngành Vật lý ở tiếng anh đối với bản thân.Tóm lại, tôi hy vọng đề tài này có thể giúp học sinh hệ thống lại lượng kiến thức và phương pháp giải để các em tự tin vào kỳ thi Trung học phổ thông sắp tới.
6403	Đại học	Xây dựng cơ sở lý thuyết chương phương trình sóng và ứng dụng để giải một số dạng bài tập cơ bản.	Nguyễn, Thị Thanh Tuyền	Vũ, Thanh Trà	2018	Chương 1 – Đại cương về phương trình sóng: Tôi đã giới thiệu về các loại phương trình vi phân trong vật lý – toán gồm ba loại cơ bản: phương trình Hyperbolic, Parabolic và Elliptic. Dạng đơn giản nhất của phương trình Hypebolic là phương trình sóng: trình bày khái niệm, cách thiết lập phương trình, năng lượng dao động của dây, các điều kiện để tồn tại phương trình dao động. - Chương 2 – Các bài toán trong phương trình sóng: Phương pháp tách biến và đổi biến số được tôi áp dụng nhiều để xây dựng phương trình dao động của dây vô hạn, dây hữu hạn, màng hình chữ nhật; giải thích được ý nghĩa vật lý của các nghiệm riêng. - Chương 3 – Bài tập vận dụng: Tôi đã phân loại và giải chi tiết các bài tập về dao động tự do, dao động cưỡng bức của dây hữu hạn, dao động tự do của màng chữ nhật và màng vuông. Phương pháp tách biến được tôi sử dụng chủ yếu trong các bài tập.
6404	Đại học	Phân tích cấu trúc đề thi trắc nghiệm Olympic Vật lý sinh viên toàn quốc năm 2016 - 2017	Châu, Hoàn Hồng Phương	Vũ, Thanh Trà	2018	Quyển luận văn trình bày các dạng câu hỏi trắc nghiệm; các phần cơ học, nhiệt học, điện từ học, vật lý nguyên tử hạt nhân, vật lý hiện đại và các bài tập trắc nghiệm, kĩ thuật giải nhanh tương ứng với từng phần.

6405	Đại học	Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương 1 dao động cơ học sách giáo khoa lớp 12 (cơ bản)	Mai, Duy Tân	Đặng, Minh Triết	2018	Giới thiệu sơ lược phần cơ sở lí thuyết của đề tài cũng như là phần lí thuyết chương “Dao động cơ”. Đề tài tập trung phân loại các dạng bài tập, đưa ra các ví dụ minh họa cụ thể trong chương “ Dao động cơ”. Bài tập sẽ được phân dạng theo một trình tự logic, từ các dạng sơ cấp đến nâng cao ứng với năm chủ đề lớn trong chương: Dao động điều hòa, con lắc lò xo, con lắc đơn, dao động tắt dần, duy trì. Dao động cưỡng bức, cộng hưởng và tổng hợp các dao động điều hòa. Cuối cùng là phần hệ thống câu hỏi trắc nghiệm theo các mức độ khó khác nhau của các câu hỏi trắc nghiệm được trích từ đề thi Đại học và Tốt nghiệp Trung học Phổ thông giai đoạn 2013 – 2017. Đề tài “Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương 1 Dao động cơ học lớp 12 (Cơ bản)” sẽ đáp ứng thỏa mãn các mục tiêu trên.
6406	Đại học	Ứng dụng của ngôn ngữ lập trình Mathematica trong bài toán nguyên tử Hydro	Lâm, Gia Bảo	Huỳnh, Anh Huy	2018	Đề tài “Ứng dụng của ngôn ngữ lập trình Mathematica trong bài toán nguyên tử Hydro” nhằm mục đích giới thiệu, hướng dẫn người dùng sử dụng ngôn ngữ lập trình Mathematica hiện đại và ứng dụng cụ thể vào bài toán nguyên tử Hidro trong cơ học lượng tử.
6407	Đại học	Tia tử ngoại và ứng của tia tử ngoại trong y học	Châu, Văn Trà	Vũ, Thanh Trà	2018	Nghiên cứu về lịch sử hình thành ,khái quát về sóng điện từ cũng như là nguồn gốc,phân loại sóng điện từ, các tính chất,phân loại,đặc điểm và nguồn gốc sinh ra tia tử ngoại, Ứng dụng tia tử ngoại trong đời sống:nêu rõ được các dụng của tia tử ngoại trong đời thường như là:tác dụng khử khuẩn,không khí,trong việc bảo quản hoa quả và được ứng dụng trong việc kiểm tra tiền tệ và tài liệu quý,..., Ứng dụng của tia tử ngoại trong y học:nêu rõ được nguyên nhân dẫn đến bệnh còi xương và các biểu hiện bệnh còi xương và phương pháp điều trị bệnh còi xương, Ứng dụng tia UVB trong điều trị bệnh bạch biến và vảy nến ở da:biết được cách thức sử dụng tia tử ngoại UVB trong việc điều trị 2 bệnh bạch biến và vảy nến ở da.
6408	Đại học	Thiết kế và thực nghiệm hệ thống video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm vật lý phổ thông phần cơ học và nhiệt học	Lê, Thanh Thảo	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến thí nghiệm Vật lý phổ thông và biện pháp hướng dẫn thí nghiệm Vật lý phổ thông. - Thực hiện được bộ video clip hướng dẫn giảng dạy thí nghiệm Vật lý phổ thông phần Cơ học và Nhiệt học. - Thử nghiệm công bố trên các mạng xã hội và nhận thông tin phản hồi.

6409	Đại học	Dạy học STEM-Robotics thông qua mô hình cảnh báo nồng độ khí có kết nối Smartphone	Diệp, Thị Bích Quyền	Dương, Bích Thảo	2018	Xu hướng giáo dục nước ta hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực theo hướng hình thành và phát triển các năng lực, các kỹ năng. Đối với định hướng phát triển chương trình giáo dục Tin học thì giáo dục STEM là một định hướng giúp người học hình thành và phát triển các năng lực, các kỹ năng đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thông qua mô hình cảnh báo nồng độ khí có kết nối smartphone tôi muốn giới thiệu định hướng giáo dục STEM, đặc biệt là định hướng dạy học STEM – Robotics giúp người học hình thành và phát triển năng lực tin học, kỹ năng công nghệ, người học có thể sáng tạo thêm các mô hình để giải quyết các vấn đề trong thực tế. Đề tài này được thực nghiệm với các bạn sinh viên ngành Sư phạm Tin học khóa 42 tại Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ, đây sẽ là lực lượng giáo viên đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong tương lai. Kết quả thực nghiệm cho thấy rằng định hướng dạy học STEM – Robotics nhận được sự quan tâm của các bạn sinh viên, đem lại hiệu quả tích cực cho việc dạy và học, giúp người học phát huy tối đa tiềm năng của bản thân.
6410	Đại học	Thiết kế và cải tiến bài 4 và 5 học phần thực tập kỹ thuật điện tử 1	Nguyễn, Ngọc Tiên	Phạm, Phú Cường	2018	Thiết kế một board mạch tích hợp có 6 khối mạch thiết yếu trên đó, các khối mạch thiết yếu gồm: khối nguồn, khối xung, khối tạo logic, khối hiển thị, khối IC, khối test board. Các khối được bố trí hợp lý, thuận tiện trên một board mạch tích hợp, sử dụng hàng rào nhỏ gọn và linh động để kết nối các khối khi sử dụng. Board mạch tích hợp được sử dụng trong dạy học thực tập kỹ thuật điện tử, lắp ráp, khảo sát IC, các mạch digital, flip flop, mạch ghi dịch, mạch đếm, mạch giải mã.
6411	Đại học	Đo bước sóng ánh sáng của bột huỳnh quang ba màu và màu trắng bằng máy quang phổ huỳnh quang	Nguyễn, Thị Hoàng Anh	Nguyễn, Trí Tuấn	2018	Đại cương dòng điện xoay chiều gồm dạng bài tập xác định suất điện động cảm ứng, giải toán điện xoay chiều bằng mối liên quan giữa dao động điều hòa và chuyển động tròn đều, điện lượng qua tiết diện dây dẫn. Viết biểu thức của u và I gồm dạng bài tập mạch điện chỉ có điện trở thuần, mạch điện chỉ có tụ điện, mạch điện chỉ có cuộn cảm thuần, mạch điện không phân nhánh RLC. Quan hệ giữa các điện áp hiệu dụng Công suất tiêu thụ trong mạch điện xoay chiều
6412	Đại học	Sao và sự tiến hóa của sao	Lý, Thị Thu Sương	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Đề tài hướng tới các mục đích sau: + Hệ thống các khái niệm về sao + Làm rõ những thời kì hình thành sao. + Tổng quát hóa về sự tiến hóa của các vì sao. + Làm rõ vai trò, vị trí của sao trong đời sống hằng ngày cũng như làm rõ mối quan hệ của sao và con người thông qua số mệnh, bốn mệnh hằng năm theo quan niệm của người Á Đông.
6413	Đại học	Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm và ứng dụng của chúng trong hệ thống trồng cây thông minh	Nguyễn, Thị Út Vẹn	Phạm, Phú Cường	2018	Ứng dụng của cảm biến nhiệt độ và độ ẩm, vận dụng chúng để đo đạt được các giá trị nhiệt độ, độ ẩm không khí, độ ẩm đất trong mô hình trồng cây thông minh. Hệ thống được xây dựng có các tính năng tự động tưới và bật quạt qua các thông số ngưỡng có thể thiết lập bằng tay, các thông số cảm biến được cập nhật theo thời gian thực và trả về điện thoại thông minh để quản lý tình trạng cây trồng thông qua kết nối Internet.

6414	Đại học	Nhiệt và nhiệt độ	Lưu, Thị Huyền Trân	Phan, Thị Kim Loan	2018	Luận văn nghiên cứu ba vấn đề chính: lý thuyết về nhiệt và nhiệt độ; sự ảnh hưởng của nhiệt độ; các hiện tượng vật lý thường gặp liên quan vấn đề nhiệt. Đầu tiên, luận văn đưa ra các khái niệm nhiệt, nhiệt độ theo quan điểm vĩ mô và vi mô. Luận văn còn giới thiệu các hệ thống đo nhiệt độ, lịch sử hình thành và phát triển nhiệt kế, đơn vị đo nhiệt độ. Các lý thuyết về năng lượng chuyển động nhiệt, nội năng, nhiệt lượng, nhiệt dung, công cơ học đều được đề cập đến và giải thích. Thứ hai, luận văn đã nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ từ sự truyền nhiệt đến sự giãn nở vì nhiệt của các chất. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của nhiệt độ đến động thực vật cũng rất quan trọng. Nhiệt độ Trái Đất và nhiệt độ vũ trụ, đặc biệt là độ không tuyệt đối đều được luận văn nhắc đến. Cuối cùng, từ những hiểu biết có được sẽ giải thích một số hiện tượng vật lý thường gặp trong cuộc sống liên quan nhiệt.
6415	Đại học	Mặt trăng – vệ tinh tự nhiên của Trái Đất và những cuộc thám hiểm của con người	Lê, Thị Thanh Vân	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Tổng hợp những thông tin cơ bản nhất về Mặt trăng. - Tìm hiểu về những cuộc thám hiểm của con người đến Mặt Trăng. - Tìm hiểu một số kết quả nghiên cứu Mặt Trăng trong những năm gần đây, các kết quả nghiên cứu về Mặt Trăng trong Giáo dục và đào tạo ngành Sư phạm Vật lý tại Đại học Cần Thơ.
6416	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố vật lý dựa trên đặc điểm sinh học trong nhận dạng vân tay, khuôn mặt, tiếng nói	Trần, Hải Bình	Phạm, Phú Cường	2018	Giới thiệu công nghệ sinh trắc học và vấn đề bảo mật của sinh trắc học, kiến trúc, qui trình của một hệ thống nhận dạng vân tay tự động. Trình bày tình hình nghiên cứu về nhận dạng vân tay và một số khái niệm liên quan đến hệ thống nhận dạng vân tay như: Hệ thống sinh trắc, cách đánh giá lỗi của hệ thống nhận dạng vân tay...Nghiên cứu phương pháp đối sánh ảnh vân tay dựa vào độ tương quan, đặc trưng và đặc tính vân, các phương pháp xác định khuôn mặt người và một cách phân loại các hướng tiếp cận từ ảnh xám đến ảnh màu và giới thiệu các loại thuật toán được dùng để thể hiện khuôn mặt, tổng hợp nội dung lý thuyết tiếng nói, đặc trưng ngữ âm tiếng Việt và phương pháp nhận dạng tiếng nói tiếng Việt, lượng tử vector ứng dụng trong xử lý tiếng nói, các kiến thức về xử lý tín hiệu, giới thiệu phương pháp phát hiện điểm đầu – điểm cuối của một từ,...
6417	Đại học	Thiết kế và thử nghiệm một số đề kiểm tra phát triển năng lực chương các định luật bảo toàn và chương chất khí, VL10CB	Trương, Thị Hồng Duyên	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Luận văn nghiên cứu lý luận dạy học vật lý, cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh theo định hướng đánh giá năng lực. Thiết kế đề và kiểm tra độ tin cậy và độ giá trị của một số đề kiểm tra theo định hướng đánh giá năng lực chương “Các định luật bảo toàn trong cơ học” và chương “Chất khí” SGK Vật lý 10 cơ bản, có hướng dẫn giải và đáp án. Thực hiện thí điểm các đề kiểm tra đã thiết kế, thống kê điểm số và phổ điểm, tính các chỉ số độ khó, độ phân biệt của các câu hỏi.

6418	Đại học	Vận dụng định hướng giáo dục tích hợp STEM trong soạn giảng một số hoạt động dạy học phần nhiệt học chương trình VL10CB	Phạm, Thùy Dương	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	nghiên cứu cơ sở lý luận về giáo dục STEM. Cụ thể là những khái niệm về STEM, một vài ngộ nhận, lịch sử vận dụng giáo dục STEM tại Việt Nam và biện pháp giảng dạy STEM được đề xuất. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã đưa ra một vài bài giảng thiết kế theo định hướng giáo dục STEM trong phạm vi đề tài (Phần Nhiệt học trong chương trình Vật lý 10 cơ bản). Đồng thời, tôi cũng đã tiến hành thực nghiệm sư phạm một vài bài giảng đã soạn trên, từ đó rút ra được những ưu – khuyết điểm và nêu lên hướng khắc phục.
6419	Đại học	Hiệu ứng đường ngầm và ứng dụng	Phạm, Nguyễn Hữu Hạnh	Huỳnh, Anh Huy	2018	Phần nội dung chia làm 2 chương chính, “Chương 1 Hiệu ứng đường ngầm” đề cập đến các vấn đề lý thuyết về hiệu ứng đường ngầm, “Chương 2 Ứng dụng của hiệu ứng đường ngầm” giới thiệu về các ứng dụng của hiệu ứng này đối với sự phát triển của vật lý học.
6420	Đại học	Ứng dụng phương pháp ánh xạ bảo giác trong tĩnh điện trường.	Đặng, Cẩm Linh	Trần, Thanh Hải	2018	Giải quyết một số bài toán về tĩnh điện trường mà những phương pháp cơ bản không thể thực hiện được – Đó là phương pháp Ánh xạ bảo giác. Bố cục của luận văn gồm có ba phần: Sơ lược và tĩnh điện trường trường, Sơ lược về phương pháp ánh xạ bảo giác và Ứng dụng phương pháp ánh xạ bảo giác trong tĩnh điện trường.
6421	Đại học	Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương sóng ánh sáng VL12NC	Võ, Thị Minh Trân	Phan, Thị Kim Loan	2018	Hệ thống lại toàn bộ những nội dung chính yếu của chương : Sóng ánh sáng – chương trình Vật lí 12 Nâng cao qua 4 chủ đề : Tán sắc ánh sáng -Các loại quang phổ -Nhiều xạ và giao thoa ánh sáng -Tia hồng ngoại, tử ngoại, ron-ghe và thang sóng điện từ. Phân tích và tìm ra những dạng bài tập thông dụng và phân loại cụ thể, rõ ràng theo từng dạng
6422	Đại học	Phân tích các dị thường trọng lực khu vực An Giang bằng phép biến đổi Wavelet.	Nguyễn, Văn Hậu	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Luận văn gồm có 3 chương: Ở chương 1 trình bày các nguyên lý cơ bản trong việc thăm dò trọng lực cũng như tóm tắt một số cơ sở lý thuyết, phương pháp đo và một số dụng cụ đo. Sau đó ở chương 2 giới thiệu về phép biến đổi wavelet và bộ lọc gradient. Từ cơ sở ở hai chương trên từ đó có thể áp dụng để phân tích số liệu trọng lực ở một số vùng ở khu vực An Giang trên mô hình lý thuyết và thực tế được thể hiện chi tiết ở chương 3.
6423	Đại học	Vận dụng dạy học tích hợp trong vật lý chương chất khí và cơ sở nhiệt động lực học	Lê, Ngọc Quyên	Phan, Thị Kim Loan	2018	Làm sáng tỏ các khái niệm về DHTH từ đó vận dụng vào quá trình dạy học. Giúp HS biết phối hợp các kiến thức, kỹ năng đã được lĩnh hội vào các tình huống cụ thể nhằm đạt được mục tiêu trong từng bài học, tạo điều kiện phát triển tư duy tích cực, vận dụng sáng tạo kiến thức. Xây dựng các bước vận dụng DHTH trong dạy học Vật lý phối hợp với các phương pháp DHTC nhằm thực hiện được các mục tiêu tích hợp. Dựa trên cơ sở lý luận để phát triển hứng thú và năng lực vận dụng kiến thức đã tiến hành xây dựng tiến trình DHTH cho một số bài học cụ thể chương “Chất khí” và “Cơ sở của nhiệt động lực học”. Bài 1. Cấu tạo chất. Thuyết động học phân tử chất khí. Bài 2. Nội năng và sự biến đổi nội năng. Bài 3. Các nguyên lý của nhiệt động lực học. Nêu các phương pháp và cách thức để GV có thể thực hiện phương pháp dạy học tích hợp vào giảng dạy môn Vật lý THPT.

6424	Đại học	Mô phỏng giải thuật MPPT tối ưu hiệu suất pin quang điện bằng Matlab/Simulink.	Luu, Thị Bích Phương	Phạm, Phú Cường	2018	Tìm hiểu mô hình mạch điện tương đương và vẽ đường biểu diễn đặc tính làm việc của pin mặt trời bằng Matlab và Simulink mà tiêu biểu là ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết thay đổi như cường độ bức xạ mặt trời và nhiệt độ. Tìm hiểu thuật toán xác định điểm làm việc có công suất cực đại MPPT với phương pháp nhiễu loạn và quan sát P&O (Perturb & Observe Method). Tối ưu hiệu suất pin quang điện bằng phương pháp bám điểm công suất cực đại (MPPT) trên phương pháp P&O thông qua mô phỏng. Kết quả mô phỏng cho thấy hiệu quả của phương pháp P&O có thể bám rất tốt được điểm công suất cực đại dưới mọi điều kiện chẳng hạn như các mức độ khác nhau của bức xạ mặt trời và nhiệt độ. Kết quả phương pháp P&O bằng Simulink có giá trị công suất gần giống với công suất của đường đặc tuyến pin mặt trời bằng Matlab và Simulink.
6425	Đại học	Nghiên cứu và chế tạo buồng điều khiển nhiệt độ	Huỳnh, Phương Uyên	Trần, Thanh Hải	2018	Các linh kiện cần thiết có trong mạch điều khiển và Sản phẩm hoàn thành gồm bộ điều khiển nhiệt độ và phần lập trình code điều khiển. - Ứng dụng khả năng điều khiển của Arduino để điều khiển sò Peltier thu bớt nhiệt lượng và điện trở tải cung cấp nhiệt lượng cho buồng mà từ đó nhiệt độ buồng được giữ ổn định như mong muốn vì chúng ta đã biết nhiệt độ của vật thay đổi khi vật nhận thêm hay mất đi nhiệt lượng.
6426	Đại học	Hệ thống và phân loại bài tập chương “Các định luật bảo toàn” lớp 10 CB	Hoàng, Huỳnh Thanh Thủy	Phan, Thị Kim Loan	2018	Củng cố kiến thức về chương “Các định luật bảo toàn” lớp 10 cơ bản. - Phân loại các dạng bài tập của chương “Các định luật bảo toàn”.
6427	Đại học	Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương sóng cơ chương trình vật lý THPT 12 CB	Đặng, Bá Tài	Phan, Thị Kim Loan	2018	Nghiên cứu cơ sở và hệ thống lí luận liên quan đến củng cố kiến thức và thiết kế bài tập vật lí. + Hệ thống kiến thức trọng tâm của chương Sóng cơ, giúp học sinh tư duy, chủ động ghi nhớ. + Thiết kế và phân loại bài tập vật lí, giúp các em củng cố kiến thức, đồng thời rèn luyện kĩ năng giải bài tập nhanh, chính xác.
6428	Đại học	Thiết kế một số dự án dạy học môn Vật lý, Lớp 10 (Cơ bản)	Nguyễn, Thị Mỹ Lan	Đặng, Thị Bắc Lý	2018	Trong nội dung luận văn đã hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến phương pháp dạy học theo dự án. Từ cơ sở lý thuyết nêu trên đã thiết kế được 3 dự án phục vụ cho việc dạy học theo dự án môn Vật lý, lớp 10 (cơ bản). Sau đó, tiến hành thực nghiệm sư phạm đối với 1 dự án đã được thiết kế; ghi nhận kết quả đạt được và rút ra nhận xét về tính khả thi của dự án.
6429	Đại học	Phân tích dị thường từ vùng ven biển Trà Vinh – Sóc Trăng bằng sự chuẩn hóa tham số tỉ lệ	Lê, Văn Mộng	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Áp dụng phương pháp xác định biên đa tỉ lệ sử dụng phép biến đổi wavelet Farshad - Sailhac kết hợp với phép lọc sử dụng toán tử Gradient để phân tích các mô hình lý thuyết và mô hình thực nghiệm, từ đó tiến đến phân tích định lượng dữ liệu từ nhằm xác định vị trí, độ sâu và kích thước của các nguồn từ trên tuyến đo Trà Vinh – Sóc Trăng.
6430	Đại học	Một số dạng bài tập dòng điện xoay chiều	Nguyễn, Thị Thảo Nhi	Trần, Thanh Hải	2018	Đại cương dòng điện xoay chiều gồm dạng bài tập xác định suất điện động cảm ứng, giải toán điện xoay chiều bằng mối liên quan giữa dao động điều hòa và chuyển động tròn đều, điện lượng qua tiết diện dây dẫn. Viết biểu thức của u và I gồm dạng bài tập mạch điện chỉ có điện trở thuần, mạch điện chỉ có tụ điện, mạch điện chỉ có cuộn cảm thuần, mạch điện không phân nhánh RLC. Quan hệ giữa các điện áp hiệu dụng Công suất tiêu thụ trong mạch điện xoay chiều

6431	Đại học	Thiết kế và thử nghiệm một số đề kiểm tra theo định hướng đánh giá năng lực người học cho các chương chất khí và chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể, vật lý 10 chương trình chuẩn	Cao, Thị Kiều Trang	Đỗ, Thị Phương Thảo	2018	Luận văn nghiên cứu lý luận dạy học vật lý, cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá năng lực người học theo định hướng đánh giá năng lực. Thiết kế một số đề kiểm tra theo định hướng đánh giá năng lực người học chương “Chất khí” và chương “Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể” Vật lý 10 chương trình chuẩn, có hướng dẫn giải và đáp án. Khảo sát thực tế các đề kiểm tra đã thiết kế bằng việc cho làm bài kiểm tra 30 phút chương “Chất khí” với chủ đề “Các định luật chất khí” và chương “Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể” với chủ đề “Nước và các hiện tượng bề mặt”, thống kê điểm số và phổ điểm, tính các chỉ số độ khó, độ phân biệt của các câu hỏi. Sử dụng phiếu khảo sát ý kiến giáo viên và học sinh để tìm ra quan điểm của họ về việc vận dụng đề kiểm tra vận dụng thực tế vào các bài kiểm tra sắp tới của người học. Từ đó giúp học sinh củng cố kiến thức của chương, có hứng thú tìm tòi học hỏi từ thực tế và giúp giáo viên có thể dễ dàng đánh giá được năng lực hiện tại của học sinh để tìm giải pháp cải thiện tình hình học tập của các em.
6432	Đại học	Trái đất ngày nay	Thái, Ngọc Mỹ Kim	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	Tìm hiểu về sự hình thành, cấu tạo và các đặc điểm Vật Lý của Trái Đất. - Chỉ ra sự thay đổi trong bầu khí quyển, thủy quyển và một số thành phần khác trên bề mặt Trái Đất để thấy được những gì đang diễn ra đối với hành tinh chúng ta đang sinh sống. Đề tài nghiên cứu các nguyên nhân từ tự nhiên và từ con người đã gây nên những biến đổi của Trái Đất. Bên cạnh đó, đề tài chỉ ra những tác hại mà sự biến đổi của Trái Đất đã và đang ảnh hưởng lên các sinh vật sống trên Trái Đất kể cả con người. - Nêu giải pháp tiêu biểu của một số quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam để chung tay bảo vệ Trái Đất, bảo vệ môi trường xanh, giảm thiểu những biến đổi tiêu cực của Trái Đất. - Nêu các phương pháp, cách thức để người giáo viên có thể thực hiện tích hợp kiến thức về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu vào giảng dạy môn Vật Lý ở cấp THPT. Giới thiệu một số bài học và nội dung kiến thức có khả năng giáo dục tích hợp kiến thức về sự biến đổi khí hậu trong chương trình Vật Lý cấp THPT.
6433	Đại học	Phân tích sự phân bố hoạt độ phóng xạ ở một số khu vực thuộc nội ô thành phố Cần Thơ sử dụng thuật toán nội suy	Phạm, Ngọc Ngân	Dương, Quốc Chánh Tín	2018	Chương I: Tổng quan phóng xạ Lịch sử khám phá ra hiện tượng phóng xạ. Khái niệm phóng xạ. Các đại lượng và đơn vị đo lường. Phương pháp quan sát và dụng cụ đo lường phóng xạ. Ảnh hưởng của phóng xạ lên cơ thể người. Chương II: Phần mềm Surfer 11 và thuật toán nội suy Chương III: Phân tích sự phân bố hoạt độ phóng xạ ở khu vực nội ô thành phố Cần Thơ Hoạt độ phóng xạ tập trung cao tại các khu vực có các khu công nghiệp như là quận Bình Thủy, Ninh Kiều, Ô Môn, hoạt độ phóng xạ tại khu vực quận Cái Răng không vượt qua mức tiêu chuẩn phóng xạ hiệu dụng.

6434	Đại học	Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập nhiệt chương chất khí	Nguyễn, Thị Mai Quyền	Phan, Thị Kim Loan	2018	Nội dung luận văn được viết theo chủ đề, dạng toán cụ thể, bám sát nội dung của sách giáo khoa lớp 10 cơ bản, gồm các phần chính sau: Phần 1: Cơ sở lý luận của đề tài Phần 2: Tóm tắt lý thuyết cơ bản về nhiệt học Phần 3: Kết luận Nội dung được trình bày chi tiết gồm: lý thuyết cơ bản, phương pháp giải, bài tập giải mẫu, bài tập đề nghị đối với bài tập định tính, định lượng và bài tập đồ thị. các bài tập trình bày trong luận văn đều có phương pháp giải và hướng dẫn giải cụ thể từ đó có thể giúp HS giải được các bài tập tương tự, rèn luyện kỹ năng giải bài tập, phát triển năng lực tự làm việc của HS. Đề tài được viết với mục đích là để phân loại và giải được bài tập vật lý phần nhiệt học trên cơ sở các bài tập giải mẫu nhằm mục đích nâng cao kỹ năng học tập và nhận thức của bản thân.
6435	Đại học	Sử dụng Smartphone để giải bài tập lập trình Pascal trong Sgk Tin học 11	Trương, Trọng Nhân	Dương, Bích Thảo	2018	Giải các bài tập lập trình Pascal trong sách Tin học, nghiên cứu cách thức và khả năng sử dụng chức năng lập trình trong smartphone để giải bài tập lập trình Pascal. Trong luận văn này sẽ hướng dẫn học sinh cài đặt phần mềm Turbo Pascal trên thiết bị điện thoại di động Android và khởi chạy toàn bộ chương trình. Từ đó, học sinh có thể học lập trình ở mọi lúc và mọi nơi.
6436	Đại học	Building English vocabulary system for Physics students, Department of physics, Can Tho University, part I	Trần, Thị Hồng Yến	Vũ, Thanh Trà	2018	The Introduction presents the importance of English for Physics vocabulary for Physics students who are studying in Department of Physics, Can Tho University. This thesis just focuses on four contents which relate to electric and magnetic field. They are “Electricity”, “Electromagnetic waves”, “Semiconductors” and “Light scattering”.
6437	Đại học	Sao hỏa và những cuộc thám hiểm của con người	Võ, Thị Trúc Ly	Nguyễn, Hữu Khanh	2018	tổng hợp các tài liệu liên quan đến đề tài để tìm ra những nội dung phù hợp và thể hiện rõ từng chi tiết của đề tài. Qua đề tài này, em cũng đã giới thiệu sơ lược về Hỏa Tinh – hành tinh thứ tư từ Mặt Trời trong Thái Dương Hệ và các đặc điểm vật lý của hành tinh này. Dựa trên những đặc điểm đó mà các nhà khoa học vũ trụ cũng như các Cơ quan Hàng không và Vũ trụ đã nghiên cứu Hỏa Tinh để tìm ra sự sống trên hành tinh này thông qua các cuộc thám hiểm của những con tàu vũ trụ mà con người phóng lên Sao Hỏa, mỗi tàu vũ trụ sẽ mang một sứ mệnh nghiên cứu riêng. Ngoài ra, trong đề tài này em cũng tìm hiểu các quan sát của con người về Sao Hỏa bằng kính thiên văn như là quan sát của Galileo Galilei, Fancisco Fantana, Christiaan Huygens....
6438	Đại học	Tìm hiểu dao động tử điều hòa và ứng dụng	Phạm, Hữu Thiện	Huỳnh, Anh Huy	2018	Tìm hiểu bài toán dao động điều hòa cổ điển và lượng tử, so sánh khác nhau giữa chúng và tìm hiểu khái quát nội dung dao động mạng tinh thể.
6439	Đại học	Tìm hiểu về mặt trời và pin năng lượng mặt trời	Lê, Bình Phương	Phạm, Nguyễn Toại	2018	Trong đề tài sẽ giới thiệu một số đặc điểm về Mặt trời, cũng như quá trình hình thành Mặt trời. Năng lượng bức xạ Mặt trời. Pin năng lượng Mặt trời sẽ giới thiệu sơ lược cấu tạo và đặc tính vật lý, nguyên lý hoạt động của pin Mặt trời. Tuy luận văn này không phải là tài liệu đầu tiên nói về Mặt trời, nhưng tôi mong rằng nó sẽ giúp ích cho công tác giảng của mình sau này, giúp cho các em học sinh thích tìm tòi, khám phá.

6440	Đại học	Tia hồng ngoại và ứng dụng của nó trong y học	Phùng, Thị Thủy Tiên	Vũ, Thanh Trà	2018	Trình bày về các đại lượng cơ bản của trường điện từ và sóng điện từ, tìm hiểu về sóng điện từ và trường điện từ tự do. Sau đó, giới thiệu về tia hồng ngoại cũng như một số ứng dụng điển hình của nó trong đời sống. Cuối cùng, trình bày ứng dụng của tia hồng ngoại trong ngành y học. Qua đó làm rõ một số loại bệnh, đề ra biện pháp trị liệu và cách phòng tránh các loại bệnh này bằng phương pháp sử dụng tia hồng ngoại.
6441	Đại học	Tìm hiểu về Diode phát quang LED lam	Nguyễn, Thị Kiều Nga	Huỳnh, Anh Huy	2018	Tìm hiểu về cơ sở lý thuyết của phát xạ lượng tử; LED; và giảng dạy LED trong trường phổ thông.
6442	Đại học	Tìm hiểu về cấu trúc bán dẫn dị thường trong quang điện tử tốc độ cao	Nguyễn, Xuân Thảo	Huỳnh, Anh Huy	2018	Trong xã hội hiện đại, các thiết bị điện tử cao có vai trò quan trọng trong đời sống con người. Chính sự phát triển của xã hội, đòi hỏi các linh kiện điện tử cũng phát triển. Các nhà khoa học đã tạo ra một cấu trúc vật lý mới, đó là cấu trúc bán dẫn dị thường, liên quan đến ghép các loại bán dẫn pha tạp, nuôi các lớp đơn tinh thể bằng các phương pháp khác nhau. Nhằm tạo ra các linh kiện điện tử xử lý nhanh hơn. Cấu trúc bán dẫn dị thường tạo ra nhiều ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của con người: đèn LED, LASER...Các thiết bị tạo ra rẻ, độ bền cao, nhỏ gọn...
6443	Đại học	Ứng dụng thí nghiệm mô phỏng trong dạy học phần quang hình học chương trình vật lý phổ thông	Đặng, Tường Vi	Huỳnh, Anh Huy	2018	sử dụng phần mềm làm thí nghiệm ảo và bài tập thí nghiệm để hình thành và phát triển hứng thú học tập cho học sinh. Bên cạnh đó hướng dẫn sử dụng phần mềm Crocodile Physisic để xây dựng thí nghiệm mô phỏng chi tiết cho các bài trong phần quang hình học lớp 11. Cuối cùng là kết hợp lại tất cả các thí nghiệm mô phỏng và bài tập thực nghiệm và thể hiện nó trong phần giáo án giảng dạy và cho học sinh làm để kiểm tra hiệu quả
6444	Đại học	Phân loại bài tập theo thang bậc nhận thức Bloom chương điện tích-điện trường VL11NC	Phạm, Thị Thanh Vân	Đặng, Minh Triết	2018	Đề tài làm công cụ đánh giá một cách khá đầy đủ và toàn diện mức độ đạt mục tiêu dạy học môn Vật lý với chương Điện tích- Điện trường. Nội dung chính của đề tài hệ thống được kiến thức chương Điện tích- Điện trường trong chương trình lớp 11 và phân loại được một số dạng bài tập của chương dựa theo từng mức độ nhận thức, hiểu bài của học sinh. Đặc biệt thể hiện qua các dạng bài tập gây khó cho học sinh như dạng bài tập về chuyển động của điện tích trong điện trường và các dạng bài tập dễ lẫn lộn như dạng bài tập về ghép các tụ điện. Đề tài giúp giáo viên có những định hướng cụ thể để điều chỉnh hoạt động dạy, điều khiển hoạt động học của học sinh một cách phù hợp, tạo sự chuyển biến tốt trong công tác dạy và học môn Vật lý ở trường phổ thông.

6445	Đại học	Cơ sở lý thuyết về pin mặt trời	Trần, Anh Tú	Đặng, Minh Triết	2018	Năng lượng mà mặt trời có thể xem là nguồn năng lượng sạch có thể thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và văn hóa cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, các công trình nằm trong khu vực không có lưới điện. Đề tài luận văn này chủ yếu tìm hiểu về lịch sử ra đời và phát triển của pin mặt trời, tìm hiểu nguyên lý hoạt động của pin mặt trời với nhiều loại vật liệu khác nhau trên cơ sở lý thuyết và ứng dụng của pin mặt trời trong đời sống. Đề tài cũng nêu lên được ưu nhược điểm của pin mặt trời trong cuộc sống hiện nay. Hiện tại thì pin mặt trời đang được nghiên cứu và phát triển rộng rãi, tuy nhiên còn nhiều nhược điểm nhưng với tính ưu việt như tính linh động cao và giá thành thấp thì trong tương lai mô hình pin mặt trời sẽ được nghiên cứu, phát triển và sử dụng rộng rãi trên toàn cầu.
6446	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với chương “Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể” Vật lý 10 nâng cao	Nguyễn, Văn Thép	Đặng, Thị Bắc Lý	2019	Đề phục vụ cho việc dạy học gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, trong luận văn này tôi thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn đối với 5 bài trong chương “Chất rắn và chất lỏng. Sự chuyển thể” – Vật lý 10 Nâng cao. Tất cả các nhiệm vụ được thiết kế theo quy trình 4 bước (trang 11, luận văn). Đồng thời, tôi cũng đưa ra được lời giải, đáp án, hướng dẫn thực hiện cho 20 nhiệm vụ đã được thiết kế.
6447	Đại học	Ứng dụng plasma trong xử lý bề mặt vật liệu.	Trần, Thị Hằng Ni	Trần, Thanh Hải	2019	Hầu hết các phương pháp làm sạch, tăng hấp thụ bề mặt chủ yếu được sử dụng là hóa chất. Với những quy trình trên, quá trình xử lý diễn ra trong thời gian dài, hệ thống công kênh, tốn nhiều năng lượng, quá trình xử lý diễn ra không liên tục, đặc biệt các dư lượng hóa chất thải ra bên ngoài gây ô nhiễm môi trường. Để khắc phục những hạn chế của phương pháp cũ thì người ta đã đưa ra giải pháp mới đó là sử dụng plasma trong xử lý bề mặt vật liệu. Với ưu điểm xử lý nhanh, xử lý bề mặt với kích thước rất nhỏ, không tạo ra dư lượng hóa chất, dễ dàng điều khiển, dễ dàng lắp ráp vào dây chuyền xử lý. Khả năng xử lý nhiều loại vật liệu khác nhau như thủy tinh, gạch men, kim loại, vải, plastic. Khi xử lý mọi quá trình đều tiến hành trực tiếp trên bề mặt.
6448	Đại học	Vận dụng dạy học điều tra theo các bước nghiên cứu khoa học trong thiết kế kế hoạch giảng dạy vật lý phổ thông theo chủ đề âm thanh	Phan, Thị Trà My	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	2019	Đề tài được thực hiện thông qua hoạt động điều tra dựa theo các bước nghiên cứu khoa học để thiết kế một số hoạt động cho học sinh tham gia. Qua đó ngoài việc giúp các em có thể học được kiến thức Vật lý, phát triển năng lực, tập trung rèn luyện suy nghĩ phê phán, mà còn giúp các em phát triển kỹ năng cho việc điều tra khoa học theo chủ đề “Ô nhiễm tiếng ồn”. Ngoài ra đề tài này đã được sử dụng thực nghiệm sư phạm tại trường THPT và cần được phát triển thêm để có thể ứng dụng rộng rãi trong chương trình học.
6449	Đại học	Đo các đặc tính của plasma với đầu dò Langmuir	Đoàn, Thị Kim Ngân	Trần, Thanh Hải	2019	Plasma ứng dụng rộng rãi trong đời sống, khoa học, công nghệ, công nghiệp. Plasma giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên mỗi trường hợp thì nó lại yêu cầu nguồn plasma có thông số phù hợp. Chính vì vậy việc mà sản xuất và xác định các thông số của nguồn plasma là rất cần thiết và quan trọng. Trong số các phương pháp chẩn đoán thì phương pháp chẩn đoán bằng đầu dò tĩnh điện Langmuir là phương pháp được sử dụng rộng rãi do độ tin cậy cao.

6450	Đại học	Nghiên cứu chế tạo máy biến áp một pha	Nguyễn, Hoàng Duy	Trần, Thanh Hải	2019	- Trình bày khái quát về các đại lượng, thông số có liên quan đến máy biến áp khái quát về máy biến áp - Trình bày đặc điểm của các chế độ làm việc của máy biến áp - Thiết kế thí nghiệm khảo sát các thông số, thu thập và xử lý số liệu.
6451	Đại học	Tìm hiểu tính chất quang và ứng dụng của tinh thể nano kẽm Oxyt (ZnO)	Trần, Thị Phương Anh	Phan, Thị Kim Loan	2019	- Tổng quan về vật liệu nano cụ thể như khái niệm về vật liệu nano cũng như các hiệu ứng liên quan đến loại vật liệu này - Tập trung nghiên cứu và phân tích cấu trúc tinh thể vật liệu nano Kẽm oxyt ZnO, từ đó tìm hiểu tính chất quang và một số các yếu tố nổi bật ảnh hưởng đến tính chất quang của vật liệu nano ZnO - Ứng dụng của vật liệu nano kẽm oxyt ZnO trong công nghệ năng lượng và điện tử, công nghệ mỹ phẩm và lĩnh vực y sinh.
6452	Đại học	Tìm hiểu nhà máy điện hạt nhân loại PWR_LP và mô phỏng trên phần mềm PCTran PWRLP (IAEA)	Nguyễn, Thúy Quyên	Vũ, Thanh Trà (Long)	2019	Nhà máy điện hạt nhân loại áp lực nước chiếm trên 60% tổng số nhà máy đang được sử dụng trên thế giới. Lò phản ứng hạt nhân – bộ phận quan trọng nhất của nhà máy, tùy theo mục đích sử dụng mà có cấu trúc đa dạng và rất phức tạp. Phần mềm mô phỏng PCTran PWR 3LP là phần mềm được thiết lập sẵn, người dùng có thể sử dụng các điều kiện ban đầu và mô phỏng một hoặc nhiều tai nạn xảy ra cùng lúc cho hệ thống nhà máy
6453	Đại học	Vận dụng dạy học điều tra theo các bước nghiên cứu khoa học trong thiết kế kế hoạch dạy học vật lý theo chủ đề năng lượng	Đặng, Thị Ngọc Thu	Nguyễn, Thị Thúy Hằng	2019	Đề tài vận dụng phương pháp dạy học điều tra dựa trên các bước nghiên cứu khoa học để thiết kế các hoạt động học cho HS học tập kiến thức Vật lý và phát triển kỹ năng điều tra khoa học theo chủ đề “Năng lượng Mặt trời”. Đề tài đã được thực nghiệm sư phạm khả quan tại trường THPT và cần được nghiên cứu thêm để có thể vận dụng vào chương trình giảng dạy Vật lý THPT.
6454	Đại học	Những hạn chế của nguyên lý I Nhiệt Động Lực Học và sự ra đời của nguyên lý II Nhiệt Động Lực Học.	Châu, Thảo Nghi	Phan, Thị Kim Loan	2019	luận văn gồm các nội dung: các khái niệm cơ bản trong nguyên lý I và nguyên lý II Nhiệt động lực học; nội dung của nguyên lý I Nhiệt động lực học và những hạn chế của nó; cơ sở lý thuyết và bài tập nguyên lý II Nhiệt động lực học; ứng dụng của nguyên lý II trong cuộc sống.
6455	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết ảnh hưởng của các tham số cấu trúc lên cấu trúc vùng năng lượng của Penta-Graphene.	Trần, Thị Kim Ngọc	Vũ, Thanh Trà	2019	Lũn văn này đã trình bày tổng quan về sự ra đời và một số tính chất của Penta-Graphene. Giới thiệu cơ sở lý thuyết vùng năng lượng của vật rắn và tính toán cấu trúc vùng theo phương pháp gần đúng liên kết mạnh. Từ đó, xây dựng mô hình và tính toán cho Penta-Graphene. Bên cạnh đó, dưới sự hỗ trợ của phần mềm Matlab luận văn đã phân tích tác động của từng tham số, so sánh cấu trúc vùng với những kết quả nghiên cứu khác và cho ra bộ tham số lý tưởng cho Penta-Graphene.
6456	Đại học	Đưa bài thí nghiệm xác định chiết suất lăng kính do hãng Pasco sản xuất thay bài thí nghiệm hiện hành trong học phần Thực tập Quang học SP140	Nguyễn, Hoài Nam	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Tìm hiểu và thực hiện lại bộ thí nghiệm của hãng Cenco trong bài thí nghiệm theo giáo trình “Thực tập quang học”. Tìm hiểu và thực hiện bộ thí nghiệm của hãng Pasco. Thực hiện bộ thí nghiệm mới trên hai nguồn sáng Neon và Natri So sánh một số đặc điểm của hai bộ thí nghiệm Tìm ra được các ưu điểm và tồn tại của hai bộ dụng cụ Viết được tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ thí nghiệm mới.

6457	Đại học	Thù hình dạng cầu của Carbon	Hoàng, Trung Đức	Huỳnh, Anh Huy	2019	Luận văn này nhằm mục đích xây dựng một nguồn tài liệu tham khảo cho những ai có mục đích tìm hiểu về phân tử đặc biệt này. Luận văn sẽ cung cấp cho người đọc quá trình hình phát hiện, cấu trúc và ứng dụng trong y học của phân tử đặc biệt này. Thông qua các công cụ như VMD (Visual Molecular Dynamic) và I.S.A.A.C.S (Interactive Structure Analysis of Amorphous and Crystalline Systems) để thấy được hình dạng và các tính chất về cấu trúc của C60. Trong mục ứng dụng, người đọc sẽ hiểu rõ hơn tiềm năng của phân tử này trong hỗ trợ ung thư và HIV.
6458	Đại học	Tìm hiểu sự tương quan giữa học phần Quang học SP139 phần Quang hình học với môn học Vật lý trong chương trình giáo	Vương, Gia Bảo	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Một số vấn đề cơ bản về chương trình giáo dục phổ thông môn Vật lý 2018 (Tìm ra các điểm mới so với chương trình GDPT 2006) Những thay đổi của chương Quang hình học trong hai chương trình GDPT 2006 và 2018 Sơ lược nội dung phần Quang hình học trong học phần Quang học SP139 do thầy Nguyễn Hữu Khanh biên soạn năm 2000 Đề xuất chỉnh sửa giáo trình Quang học SP139, nội dung phần Quang hình học theo chương trình GDPT 2018.
6459	Đại học	Cấu trúc tinh thể của vật liệu penta-graphene	Nguyễn, Kiều Phương Thảo	Huỳnh, Anh Huy	2019	Trong luận văn này tôi đã trình bày tổng quan về đặc điểm cấu trúc tinh thể của vật liệu penta-graphene, xác định được tọa độ 6 nguyên tử Cacbon trong ô cơ sở đồng thời xây dựng được mô hình mạng tinh thể của penta-graphene gồm 10086 nguyên tử. Ngoài ra tôi cũng đã thể hiện trực quan cấu trúc mạng tinh thể của penta-graphene trên phần mềm VMD 1.9.1, vẽ đồ thị hàm phân bố xuyên tâm, đồ thị phân bố khoảng cách và đồ thị phân bố góc liên kết.
6460	Đại học	Sóng điện từ và tác động của sóng điện từ lên cơ thể sống	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Vũ, Thanh Trà	2019	“Sóng điện từ và tác động của sóng điện từ lên cơ thể sống” đã trình bày rõ lý thuyết về trường điện từ và sóng điện từ, giới thiệu tia hồng ngoại và tia tử ngoại cũng như tác động của chúng lên cơ thể sống. Qua đó làm rõ những lợi ích, tác hại của tia hồng ngoại và tia tử ngoại lên cơ thể sống.
6461	Đại học	Phân tích dị thường trọng lực khu vực tỉnh Trà Vinh sử dụng thuật toán nội suy	Võ, Thị Ngân	Dương, Quốc Chánh Tín	2019	Tổng quan về các phương pháp thăm dò trọng lực cho biết dị thường trọng lực là gì? Các phương pháp thăm dò trọng lực, một số máy đo trọng lực phổ biến và ứng dụng của phương pháp thăm dò trọng lực. Chương 2 là phần mềm Surfer và thuật toán nội suy. Chương 3 Xây dựng bản đồ dị thường khu vực tỉnh Trà Vinh tìm được hai nguồn dị thường, xác định vị trí địa lí, tính toán kích thước và phân tích hai nguồn dị thường trên.
6462	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn nhằm phát triển năng lực cho học sinh, đối với các chương “Từ trường” và “Cảm ứng điện từ” Vật lý 11 nâng cao	Lê, Hoàng Phúc	Đặng, Thị Bắc Lý	2019	Xuất phát từ nhu của việc sử dụng các nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để tạo điều kiện giúp học sinh hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết, thông qua các hoạt động giáo dục nói chung và việc dạy, học môn Vật lý nói riêng, tôi đã tiến hành thiết kế các nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để áp dụng trong quá trình giảng dạy đối với 5 bài ở chương IV-Từ trường và chương V-Cảm ứng điện từ, Vật lý 11 nâng cao.
6463	Đại học	Ứng dụng plasma trong công nghệ vật liệu polyme	Đường, Bội Ngọc	Trần, Thanh Hải	2019	Nội dung của luận văn gồm chương 1 là chương tổng quan về plasma cho biết quá trình hình thành và phát triển của plasma, sự tồn tại plasma quanh ta, định nghĩa và các đặc tính cơ bản của plasma. Chương 2 là một số lý thuyết về xử lí plasma bề mặt polyme và ví dụ cụ thể của ứng dụng plasma trong xử lí bề mặt polyme.

6464	Đại học	Phân tích cấu trúc đề thi, hệ thống và hướng dẫn giải các bài tập Nhiệt Học qua các kỳ thi Olympic Vật lý sinh viên	Trần, Văn Anh Thư	Phan, Thị Kim Loan	2019	Đề tài bao gồm 3 chương với những nội dung sau - Hình thức các kỳ thi Olympic Vật lý sinh viên trong những năm gần đây và nội dung phần nhiệt học qua các kỳ thi Olympic Vật lý sinh viên - Phân tích cấu trúc bài tập nhiệt học qua các đề thi Olympic Vật lý sinh viên ở phần thi trắc nghiệm và tự luận - Hệ thống và hướng dẫn giải các bài tập nhiệt học qua đề thi Olympic Vật lý sinh viên ở phần thi trắc nghiệm và tự luận
6465	Đại học	Sử dụng giải thuật mờ (Fuzzy logic) thiết kế hệ thống cảnh báo tự động	Nguyễn, Ngọc Bảo Vi	Phạm, Phú Cường	2019	Hệ thống cảnh báo và cảnh báo cháy dựa trên logic mờ được dùng để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các vụ hỏa hoạn. Mục tiêu của đề tài này là phát hiện các sự cố hỏa hoạn thực sự ở giai đoạn đầu, và cảnh báo mọi người và dập tắt đám cháy càng sớm càng tốt, điều tiết được khói, chữa cháy tạm thời trong trường hợp khi không có đường thoát để chờ cơ quan chức năng giải cứu. Nhiều cảm biến (Cảm biến nhiệt độ, cảm biến khói và khí gas) được sử dụng để có được kết quả chính xác nhằm giảm báo động sai. Trong đề tài này, logic mờ và Arduino support package simulink được sử dụng như những công nghệ và giải pháp lập trình mới.
6466	Đại học	Biên soạn câu hỏi ôn tập, hệ thống bài tập tự luận chương giao thoa ánh sáng học phần Quang học SP139, bổ sung nguồn học liệu cho sinh viên ngành sư phạm Vật lý.	Lý, Hoàng Ái Tiên	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Đề tài nghiên cứu: - Một số vấn đề cơ bản về câu hỏi ôn tập, bài tập Vật lý và rèn luyện kỹ năng trong dạy học - Đề tài tập trung nghiên cứu phân loại câu hỏi ôn tập theo mục tiêu lí luận dạy học và theo thang bậc nhận thức của Bloom - Đối với bài tập tự luận, đề tài tập trung nghiên cứu phân loại câu hỏi theo nội dung và theo thang bậc nhận thức của Bloom - Hệ thống kiến thức cơ bản và sơ đồ cấu trúc nội dung chương “Giao thoa ánh sáng”. - Biên soạn 5 câu hỏi ôn tập phân loại theo mục tiêu lí luận dạy học và hệ thống 23 bài tập tự luận phân loại theo nội dung chương “Giao thoa ánh sáng” học phần Quang học SP139, kết hợp phân loại theo thang bậc nhận thức của Bloom - Thống kê và vẽ biểu đồ kết quả mức độ đồng ý các tiêu chí đánh giá về nội dung câu hỏi ôn tập và bài tập tự luận đã được biên soạn dựa trên phiếu khảo sát.
6467	Đại học	Nghiên cứu chế tạo nguồn plasma hoạt động ở áp suất khí quyển	Lâm, Thế Ngôn	Trần, Thanh Hải	2019	Nội dung của luận văn sẽ được chia làm bốn chương như sau CHUỖNG 1: “Sơ lược về plasma và những ứng dụng nổi bật CHUỖNG 2: “Khái niệm về plasma và các phương pháp chẩn đoán plasma CHUỖNG 3: “Một số phương pháp tạo ra plasma và những nguồn plasma trong công nghiệp CHUỖNG 4: “Thiết kế - Mô phỏng - Chế tạo nguồn plasma trong điều kiện khí quyển.”
6468	Đại học	Phân loại và giải bài tập Nhiệt Học Đại Cương	Nguyễn, Thị Lắc Pho	Phan, Thị Kim Loan	2019	phân loại các dạng bài tập và hướng dẫn giải được bài tập Vật lý phần nhiệt học trên cơ sở các bài tập giải mẫu nhằm mục đích nâng cao kỹ năng học tập và nhận thức của người học, góp phần giúp người học ôn tập, nắm vững kiến thức cơ bản. Bên cạnh đó đề tài có đưa ra một số bài tập tự giải kèm đáp số để người học tự rèn luyện kỹ năng giải bài tập, kỹ xảo vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, phát triển khả năng tư duy.

6469	Đại học	Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược để thiết kế hoạt động dạy học Vật lý 10 cơ bản	Trương, Minh Tân	Dương, Bích Thảo	2019	Trong luận văn này, tôi trình bày quy trình để áp dụng mô hình lớp học đảo ngược và dựa vào quy trình đó để thiết kế hoạt động dạy học đối với 3 bài trong chương trình Vật lý 10 Cơ bản. Tôi tiến hành thực nghiệm trên 41 học sinh lớp 10 trường THPT Nguyễn Minh Quang, tỉnh Hậu Giang. Kết quả thực nghiệm cho thấy, mô hình này mang lại hiệu quả trong dạy học và nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía giáo viên và học sinh.
6470	Đại học	Cấu trúc vật liệu silicene 2 lớp	Nguyễn, Thị Anh Thư	Huỳnh, Anh Huy	2019	Trong luận văn này, tôi đã trình bày tổng quan về cấu trúc tinh thể của vật liệu silicene đơn lớp cũng như hai lớp. Các cách xếp chồng có thể của silicene hai lớp. Bên cạnh đó cũng đã xây dựng lại các vector cơ sở và tìm được vị trí các nguyên tử Si trong ô cơ sở của mạng tinh thể silicene hai lớp theo stacking A'B', từ đó vẽ lại các cấu trúc của silicene hai lớp và thiết lập mô hình tinh thể silicene hai lớp stacking A'B' trên 10000 nguyên tử. Mô phỏng mạng tinh thể silicene hai lớp stacking A'B' bằng phương pháp Động lực học phân tử (MD). Hồi phục mạng tinh thể silicene hai lớp stacking A'B' ở nhiệt độ 50 K. Và cũng thể hiện trực quan quá trình nung nóng và làm lạnh của silicene hai lớp stacking A'B' này.
6471	Đại học	Thay các hình minh họa trong giáo trình Thực tập Quang học – SP140 bằng các hình thật từ các dụng cụ mô tả trong bài thí nghiệm.	Phạm, Văn Tính	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	ngiên cứu một số vấn đề trong giáo trình thực tập Quang học (TTQH) năm 2010 như -Các hình ảnh minh họa trong giáo trình -Các số đề mục hình và bảng số liệu - Tên gọi của một vài dụng cụ thí nghiệm Sau khi nghiên cứu các vấn đề trên đề tài đã chỉ ra được các hạn chế còn tồn tại ở chúng từ đó đề ra biện pháp khắc phục
6472	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với các chương “Dao động cơ” và “Sóng cơ và sóng âm” Vật lý 12 (cơ bản)	Châu, Samael	Đặng, Thị Bắc Lý	2019	Luận văn này thực hiện hệ thống cơ sở lý luận của việc thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh và thiết kế nhiệm vụ học tập gắn thực tiễn. Có tất cả 21 nhiệm vụ học tập đã được thiết kế, theo quy trình phù hợp với cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu, cho 5 bài học được chọn từ 2 chương Dao động cơ và chương Sóng cơ và sóng âm thuộc trường trình sách giáo khoa Vật lý 12(cơ bản). Luận văn dừng lại ở việc nghiên cứu lý thuyết và không tiến hành thực nghiệm sư phạm.
6473	Đại học	Tìm hiểu về tia gamma và ứng dụng của tia gamma trong đời sống và trong y học	Nguyễn, Thị Xuân Trang	Vũ, Thanh Trà	2019	Đề tài nghiên cứu -Tìm hiểu về lịch sử hình thành, nguồn gốc, quá trình và tính chất của tia gamma -Nêu các cơ chế và bản chất của bức xạ gamma -Tìm hiểu bức xạ được sinh ra từ những nguồn phóng xạ khác nhau -Nêu các cơ chế tương tác với bức xạ gamma và sự ảnh hưởng của nó lên cơ thể sống -Các ứng dụng của tia gamma như chiếu xạ thực phẩm, phát hiện vết nứt, xạ trị ung thư,...
6474	Đại học	Cấu trúc tinh thể của vật liệu tetra-silicene	Nguyễn, Văn Cần	Huỳnh, Anh Huy	2019	Trong luận văn này, tôi đã trình bày tổng quan về cấu trúc tinh thể của vật liệu tetra-silicene – một dạng thù hình mới của silicene. Xác định vị trí các nguyên tử của ô đơn vị trong mạng tinh thể tetra-silicene từ đó thiết lập được mô hình mạng tinh thể tetra-silicene với 10404 nguyên tử. Mô phỏng mạng tinh thể tetra-silicene bằng phương pháp Động lực học phân tử (MD). Hồi phục mạng tinh thể tetra-silicene tại 300 K với bước MD.

6475	Đại học	Tìm hiểu bộ mô phỏng thí nghiệm ảo về phóng xạ nuclear chemistry	Trần, Thanh Diệu	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	+ Tóm lược cơ sở lý thuyết về phóng xạ + Tìm hiểu cách sử dụng phần mềm thí nghiệm ảo Nuclear Chemistry, thực hiện 5 thí nghiệm được thiết kế trong phần mềm: xác định loại bức xạ; đánh giá sự hấp thụ của màn chắn đối với các loại tia bức xạ; xác định sự phụ thuộc của cường độ bức xạ vào khoảng cách; định tuổi bằng phóng xạ Carbon-14. So sánh các kết quả thu được bằng phần mềm thí nghiệm ảo với lý thuyết + Thiết kế 3 bài thực tập với phần mềm Nuclear Chemistry cho SV, sử dụng làm tư liệu cho giảng dạy Chương 7. Hiện tượng phóng xạ - HP. Vật lý nguyên tử và hạt nhân SP141 + Thiết kế 2 nội dung hỗ trợ giảng dạy bài Phóng xạ Vật lý 12 THPT.
6476	Đại học	Sự ẩn chứa khoa học vật lý trong một số kinh nghiệm dân gian của đời sống con người.	Nguyễn, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Đề tài “Sự ẩn chứa Vật lý trong đời sống dân gian của con người” sưu tầm các câu thơ, ca dao, tục ngữ, thi ca có chứa nội dung ở 2 khía cạnh về kinh nghiệm dân gian trong đời sống của con người và ẩn chứa khoa học vật lý trong các câu thơ ca đó. Đề tài cũng đã đề xuất một giáo án ngoại khóa với chủ đề “Ca dao tục ngữ dưới góc nhìn vật lý”
6477	Đại học	Ứng dụng phương pháp tính giải bài tập vật lý	Nguyễn, Thị Hồng Cẩm	Trần, Thanh Hải	2019	Chương I giới thiệu tổng quan về phương pháp tính và một số phương pháp tính gần đúng. Chương II tìm hiểu rõ hơn phương pháp Euler cải tiến và phương pháp Runge Kutta bậc 4 cho việc giải phương trình vi phân bậc nhất và giải bài toán về mạch điện bằng 2 phương pháp trên phần mềm Matlab. Chương III giải các bài toán - phương trình vi phân cấp cao bằng phương pháp Runge Kutta bậc 4 và ứng dụng để giải bài toán về dao động tắt dần và bài toán rơi tự do. Chương IV tìm hiểu phương pháp sai phân hữu hạn và ứng dụng vào giải bài toán truyền nhiệt và bài toán dầm bị uốn.
6478	Đại học	Phân tích cấu trúc đề thi Olympic Vật lý toàn quốc và Châu Á	Trần, Tấn Chức	Vũ, Thanh Trà	2019	Quyển luận văn này được viết dựa trên cơ sở các bộ đề thi bài tập SPPhO từ các năm 2013- 2018; đề thi lý thuyết APPhO 2015; nhằm hỗ trợ đội tuyển Olympic Vật lý của trường trong việc xây dựng phương án chiến lược ôn luyện; bao gồm các nội dung - Tổng quan về cuộc thi SPPhO và APPhO -Cơ sở lý thuyết về vật lý đại cương -Nhận xét và bài học kinh nghiệm -Tổng hợp đề và bài giải
6479	Đại học	Tìm hiểu bộ mô phỏng thí nghiệm ảo về phóng xạ radiation lab	Phan, Thị Bích Huyền	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Chuyên ngành Vật lý nguyên tử và hạt nhân là một lĩnh vực nghiên cứu thực nghiệm. Tuy nhiên, việc giảng dạy nó ở các trường THPT và cả bậc Đại học thì gặp nhiều khó khăn. Vì thế phần mềm thí nghiệm ảo về phóng xạ Radiation Lab là một lựa chọn thích hợp để phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy. Trong đề tài này tôi sẽ tìm hiểu cách sử dụng phần mềm Radiation Lab và thiết kế một số bài thực tập cho học phần Vật lý nguyên tử - hạt nhân SP141.
6480	Đại học	Tìm hiểu về hệ vật liệu dạng keo	Phan, Thị Hương Giang	Đặng, Minh Triết	2019	Vật liệu vô định hình đang được chú trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khoa học trong những năm gần đây đặc biệt là vật liệu vô định hình ở dạng keo. Đề tài này cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ vật liệu dạng keo và các thành tựu cơ bản về hệ vật liệu dạng keo mà khoa học đã đạt được. Từ đó tạo điều kiện để tìm ra các loại vật liệu mới thông minh hơn, đa chức năng hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

6481	Đại học	Mô phỏng hệ vật liệu vô định hình dạng glass dưới tác dụng của ngoại lực	Phạm, Hải Đăng	Đặng, Minh Triết	2019	Đề tài nghiên cứu hệ vô định hình dạng glass dưới tác động của ngoại lực và mối quan hệ giữa cấu trúc vật liệu và năng lượng khi hệ chịu tác dụng của ngoại lực theo thời gian thông qua mô phỏng động lực học phân tử MD (Molecular Dynamics). Chạy mô phỏng với hai hệ là hệ glass và hệ chất lỏng. Từ các kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, tiến hành phân tích cấu trúc vật liệu của hai hệ thông qua hàm phân bố xuyên tâm, số phối vị, trung bình bình phương độ dịch chuyển và năng lượng tự do.
6482	Đại học	Ứng dụng plasma trong công nghệ tạo màng mỏng	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Trần, Thanh Hải	2019	Luận văn trình bày các mốc lịch sử phát triển của plasma. Những kiến thức tổng quan về plasma và các phương pháp tạo ra plasma Đưa ra khái niệm và ứng dụng của màng mỏng trong cuộc sống. Các phương pháp tạo màng mỏng thường dùng. Trình bày bản chất, cơ chế của phương pháp phun xạ. Đưa ra các phương pháp phun xạ, những ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp Trình bày các thông số, quy trình tạo màng mỏng bằng phương pháp phun xạ sử dụng plasma và ứng dụng của một số màng mỏng.
6483	Đại học	Tìm hiểu về năng lượng địa nhiệt và ứng dụng	Đinh, Thị Chúc Mai	Trần, Thanh Hải	2019	Tìm hiểu về Năng Lượng Địa Nhiệt, đặc điểm, nguyên lý sử dụng và cách khai thác của Năng Lượng Địa Nhiệt, Việc xây dựng các nhà máy địa nhiệt có tác động như thế nào đối với môi trường.Tìm hiểu sâu về ứng dụng của năng lượng địa nhiệt ở Việt Nam và trên thế giới.
6484	Đại học	Ứng dụng phần mềm mô phỏng PHET giảng dạy chương Chất khí, sách giáo khoa Vật lý 10 cơ bản	Hứa, Thái An	Dương, Bích Thảo	2019	Nội dung chủ yếu là giới thiệu về phần mềm thí nghiệm mô phỏng PHET nhằm ứng dụng vào giảng dạy Vật lý phổ thông, cụ thể là chương trình Vật lý 10 cơ bản ở chương Chất khí. Trong quá trình xây dựng đề tài, tôi đã nghiên cứu và tìm các tài liệu liên quan đến việc ứng dụng mô phỏng vào giảng dạy. Kết quả mà tôi đạt được một phần như mong đợi của tôi - Chứng minh được sự hiệu quả và tính khả dụng của PhET vào dạy học Vật lý phổ thông.
6485	Đại học	Các hiện tượng thiên văn trong tự nhiên	Trần, Thị Yến Oanh	Phạm, Nguyễn Toại	2019	Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về mặt thiên văn học, trái đất, sau đó giải thích các hiện tượng thiên văn trong tự nhiên. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu là các hiện tượng thiên văn gần gũi với đời sống con người.
6486	Đại học	Vật liệu nano và ứng dụng	Mai, Nhựt Hoang	Phan, Thị Kim Loan	2019	Đề tài nhằm mục đích tìm hiểu những vấn đề cơ bản liên quan đến công nghệ nano và vật liệu nano bao gồm các nội dung cơ sở lý thuyết về hệ cấu trúc nano và công nghệ nano, kỹ thuật chế tạo vật liệu có cấu trúc nano và một vài ứng dụng tiêu biểu của vật liệu nano.
6487	Đại học	Sử dụng một số thí nghiệm tự tạo trong dạy học phần Nhiệt Học và Nhiệt Động Lực Học	Huỳnh, Thanh Tàn	Phan, Thị Kim Loan	2019	Luận văn giới thiệu về thí nghiệm trong dạy học Vật lý, vai trò của phương pháp thực nghiệm trong dạy học, tiến trình xây dựng tri thức khi sử dụng thí nghiệm trong dạy học Vật lý, thí nghiệm biểu diễn, và thiết kế một số thí nghiệm cho phần nhiệt học Vật lý 10 cơ bản như: thí nghiệm về sự nở dài của vật rắn, thí nghiệm về sự nở khối của viên bi kim loại và thí nghiệm sự chuyển thể của vật liệu chì.

6488	Đại học	Sử dụng mô phỏng Phet để hỗ trợ dạy học một số hiện tượng Quang học	Trương, Thị Mộng Kha	Dương, Bích Thảo	2019	việc ứng dụng các phần mềm tin học vào việc giảng dạy ngày càng phổ biến, trong đó có vật lý. Để góp phần làm nguồn tư liệu phong phú trong việc ứng dụng phần mềm vào quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đối với chương trình vật lý phổ thông tôi đã về việc: “Sử dụng mô phỏng PhET để hỗ trợ dạy học một số hiện tượng quang học”. Nội dung của luận văn bao gồm Chương 1: Đổi mới phương pháp dạy học vật lý trung học phổ thông Chương 2: Sử dụng mô phỏng PhET để hỗ trợ dạy học một số hiện tượng quang học trong chương trình sách giáo khoa vật lý phổ thông Chương 3: Thực nghiệm sư phạm.
6489	Đại học	Thiết kế loa plasma	Đặng, Lộc Trương	Phạm, Phú Cường	2019	Tìm hiểu về cơ sở lý thuyết của dòng điện trong không khí; các kỹ thuật điều chế thông tin; Thiết kế mạch điện tử tạo dòng điện trong không khí dùng flyback và mạch điều chế âm thanh, tự làm ra được một mạch phóng điện trong không khí. Kết quả là tôi đã làm ra được mạch phóng điện trong không khí và tia điện có thể phát ra âm thanh theo tín hiệu âm thanh cung cấp vào mạch.
6490	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với các chương “Tĩnh học vật rắn” và “Cơ học chất	Trần, Thị Lan Nhi	Đặng, Thị Bắc Lý	2019	Tìm hiểu khái niệm năng lực, dạy học gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, quy trình thiết kế nhiệm vụ học tập Thiết kế nhiệm vụ học tập đối với 5 bài theo tình tự các bước trong quy trình thiết kế nhiệm vụ: tìm hiện tượng - xác định mục tiêu - lựa chọn hiện tượng - thiết kế nhiệm vụ. Lập bảng nhiệm vụ, gợi ý cách sử dụng nhiệm vụ và chỉ ra các năng lực được phát triển.
6491	Đại học	Bài toán nâng cao môn Nhiệt học	Võ, Thị Kim Ngọc	Phan, Thị Kim Loan	2019	Nội dung được trình bày chi tiết gồm: Hệ thống lý thuyết để giải bài tập, phương pháp giải bài tập Vật Lý và các bài tập phần Vật lý phân tử, nhiệt động lực học được phân theo nội dung có hướng dẫn giải chi tiết. Đề tài được viết với mục đích phân loại bài tập vật lý phân tử và nhiệt động lực học và đưa ra phương pháp, hướng dẫn giải bài tập nhiệt học từ cơ bản đến nâng cao.
6492	Đại học	Biên soạn câu hỏi ôn tập, hệ thống bài tập tự luận chương phân cực ánh sáng học phần Quang học SP139, bổ sung nguồn học liệu cho sinh viên ngành sư phạm Vật lý.	Trang, Tú Mỹ	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Đề tài đã nghiên cứu - Một số vấn đề cơ bản về câu hỏi ôn tập, bài tập Vật lý và rèn luyện kỹ năng trong dạy học - Hệ thống kiến thức cơ bản và xây dựng sơ đồ cấu trúc nội dung chương “Phân cực ánh sáng” - Biên soạn câu hỏi ôn tập phân loại theo mục tiêu lý luận dạy học và hệ thống bài tập tự luận phân loại theo nội dung chương “Phân cực ánh sáng” học phần Quang học SP139, kết hợp phân loại theo thang bậc nhận thức của Bloom - Thống kê và vẽ biểu đồ kết quả mức độ đồng ý các tiêu chí đánh giá về nội dung câu hỏi ôn tập và bài tập tự luận đã được biên soạn dựa trên phiếu khảo sát.
6493	Đại học	Mô phỏng quá trình tự lắp ráp của chất keo dị hướng dưới tác dụng của lực Casimir tới hạn	Ngô, Bé Mơ	Đặng, Minh Triết	2019	Chương 1. Giới thiệu: Giới thiệu sơ lược về khái niệm chất keo, tính chất của chất keo về chuyển động Brown, giải thích về quan điểm xem chất keo như mô hình phân tử, để dẫn đến việc hình thành chất keo dị hướng, đồng thời giới thiệu thêm một số loại chất keo dị hướng và cuối cùng là tìm hiểu về sự lắp ráp của chất keo có ảnh hưởng như thế nào đến cấu trúc vật liệu Chương 2. Tương tác giữa những hạt keo Chương 3. Một số kết quả thực nghiệm Chương 4. Phương pháp mô phỏng phân tử: Chương 5. Mô phỏng quá trình tự lắp ráp của chất keo dị hướng dưới tác dụng của lực Casimir tới hạn

6494	Đại học	Ứng dụng lịch sử Vật lý vào thiết kế các hoạt động giảng dạy phần Nhiệt học, Vật lý 10 cơ bản.	Tôn, Thị Cẩm Tiên	Đỗ, Thị Phương Thảo	2019	Hệ thống được các nội dung lý luận liên quan đến vấn đề đưa LSVL vào giảng dạy Ứng dụng thông tin, câu chuyện LSVL để thiết kế các hoạt động giảng dạy phần Nhiệt học, vật lý 10 cơ bản Khảo sát ý kiến của giáo viên và học sinh về vấn đề.
6495	Đại học	Entropy và ứng dụng	Nguyễn, Thị Ngọc Mai	Phan, Thị Kim Loan	2019	Trình bày các khái niệm cơ bản trong phần nhiệt học và nhiệt động lực học, các khái niệm như: nhiệt độ, nhiệt lượng, công, nhiệt năng, nội năng, quá trình thuận nghịch, quá trình bất thuận nghịch, quá trình đoạn nhiệt, chu trình, chu trình Carnot thuận nghịch. Hai cách phát biểu của nguyên lý II nhiệt động lực học theo Thomson và Claudius. Entropy trong vật lý đại cương và vật lý thống kê. Ứng dụng về độ biến thiên entropy trong các quá trình thuận nghịch để giải các bài toán cụ thể.
6496	Đại học	Ngày âm và ngày dương trong đời sống hàng ngày	Trần, Văn Tân	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	Trình bày lịch sử hình thành của ngày âm và ngày dương, các khái niệm như: ngày âm, giờ âm, tháng âm, năm âm, ngày dương, giờ dương, tháng dương, năm dương. Cơ sở xây dựng ngày âm: Mặt Trăng và quan hệ của nó với Trái Đất, chuyển động biểu kiến của Mặt Trăng, chu kỳ tuần trăng. Cơ sở xây dựng ngày dương: ngày Mặt Trời và thời gian Mặt Trời, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời, ngày sao, năm xuân phân. Đưa ra những ngày lễ ở Việt Nam theo ngày âm và ngày dương. Những nhận xét sự tồn tại và đánh giá sử dụng ngày âm và ngày dương như hiện nay.
6497	Đại học	Tìm hiểu bộ mô phỏng thí nghiệm phóng xạ ảo radlab 1.03	Trần, Thúc Khánh Linh	Nguyễn, Hữu Khanh	2019	-Tóm lược những lý thuyết về hiện tượng phóng xạ -Tìm hiểu về mô phỏng, ứng dụng của mô phỏng trong dạy học và nghiên cứu -Tìm hiểu về bộ thí nghiệm phóng xạ ảo RadLab 1.03 -Xây dựng một số bài thí nghiệm ảo làm tư liệu tham khảo cho học phần Vật lý Nguyên Tử và Hạt Nhân SP141.
6498	Đại học	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong củng cố, ôn tập và vận dụng kiến thức vào thực tiễn môn Vật lý 10 cơ bản	Huỳnh, Hữu Phúc	Đỗ, Thị Phương Thảo	2019	nhằm nâng cao chất lượng, sự phong phú và đa dạng của các phiếu học tập. Đồng thời, tôi cũng đã nghiên cứu và tổng hợp cơ sở lý luận về việc thiết kế và sử dụng phiếu học tập vào giảng dạy Vật lý phổ thông. Thiết kế một số phiếu học tập để giúp học sinh củng cố cũng như ôn tập và vận dụng được những kiến thức mà các em đã được học vào thực tiễn. Thử nghiệm và khảo sát hiệu quả của việc sử dụng các phiếu học tập.
6499	Đại học	Tổng hợp, thiết kế các câu hỏi, bài tập và đề kiểm tra vận dụng thực tế cho các chương “Lượng tử ánh sáng”, “Hạt nhân nguyên tử” và “Từ vi mô đến vĩ mô” Vật lý 12 cơ bản.	Lê, Thị Diễm Ngọc	Đỗ, Thị Phương Thảo	2019	Trong đề tài tôi đã thiết kế được 3 bài kiểm tra (1 bài 1 tiết và 2 bài 15 phút) □Đề 1 tiết chương “ lượng tử ánh sáng” □Đề 15 phút bài phóng xạ của chương “ hạt nhân nguyên tử □Đề 15 phút chương “ từ vi mô tới vĩ mô”

6500	Đại học	Năng lượng và các quá trình biến đổi năng lượng bên trong hệ thống sống.	Võ, Duy Khánh	Vũ, Thanh Trà	2019	Luận văn đã giới thiệu về các đại lượng Vật lý gắn với hệ thống sống. Cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa Vật lý và hệ thống sống. Luận văn đã nêu lên một cách tổng quát về việc áp dụng nguyên lý I và II nhiệt động học vào hệ thống sống. Ngoài ra còn giới thiệu về các dạng năng lượng bên trong hệ thống sống như hóa năng, động năng, nhiệt năng, điện năng và mối quan hệ mật thiết của các dạng năng lượng. Dựa vào đó đề ra phương pháp điều chỉnh thực đơn sao cho phù hợp với thể trạng, cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của mọi người. Giúp cải thiện sức khỏe bằng cách ăn uống hợp lý hài hòa giữa năng lượng cung cấp và tiêu hao của cơ thể.
6501	Đại học	Nguyên lý II Nhiệt động lực học và khái niệm Entropy	Nguyễn, Thị Tuyết Khoa	Phan, Thị Kim Loan	2019	người đọc có cái nhìn tổng quan hơn về Nguyên lý hai nhiệt động lực học và Khái niệm Entropy. Nội dung của luận văn gồm ba chương chính. Chương 1 gồm các khái niệm cơ bản trong nhiệt động lực học. Chương 2 thì đi vào nghiên cứu Nguyên lý hai nhiệt động lực học và Khái niệm entropy. Chương 3 thì gồm những vận dụng của Nguyên lý hai nhiệt động lực học và Entropy vào trong các lĩnh vực đời sống.
6502	Đại học	Khảo sát địa thường từ khu vực tỉnh Hậu Giang bằng thuật toán nội suy	Võ, Thị Thảo Ngân	Dương, Quốc Chánh Tín	2019	Luận văn giới thiệu về cách sử dụng phần mềm Surfer 15, các phương pháp được sử dụng trong việc thực hiện vẽ bản đồ. Dựa vào cấu trúc dữ liệu từ tại Hậu Giang sử dụng phần mềm Surfer 15 vẽ bản đồ địa thường từ khu vực tỉnh Hậu Giang từ đó xác định được có 04 nguồn địa thường từ và tính được kích thước của từng địa thường từ. Hỗ trợ các nhà địa chất có thể tìm khoáng sản đặc biệt là quặng sắt, tìm kiếm dầu khí, tìm nước ngầm, khảo sát địa chất công trình, địa chất môi trường và tai biến tự nhiên, khảo cổ học, tìm vật chìm ở biển, tìm vật chưa nổ,...
6503	Đại học	Các cấu trúc sai hỏng điểm trên vật liệu graphene	Trương, Văn Quân	Huỳnh, Anh Huy	2019	Chương 1. Vật liệu graphene: lịch sử ra đời, cấu trúc tinh thể, tính chất, phân loại và ứng dụng đặc biệt các sai hỏng điểm. Chương 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp tính toán: giới thiệu về các lý thuyết để tìm hiểu cấu trúc tinh thể graphene; phương pháp động lực học phân tử (MD); hàm thế LCBOP và quá trình mô phỏng mô hình tinh thể graphene khi nhiệt độ thay đổi. Chương 3. Kết quả và Thảo luận: kết quả tính toán cơ sở, vector cơ sở vẽ lại cấu trúc tinh thể graphene; kết quả nhận được về hàm phân bố xuyên tâm, phân bố góc, khoảng cách và năng lượng và các dạng sai hỏng thu được.
6504	Đại học	Thiết kế xe dò line bằng giải thuật PID	Võ, Kim Quyền	Phạm, Phú Cường	2019	Luận văn này trình bày về hoạt động của Xe dò line. Yêu cầu của luận văn là đưa giải thuật PID vào điều khiển. Phần cứng sử dụng Arduino Mega2560 nhận tín hiệu từ cảm biến hồng ngoại để xử lý và điều khiển tốc độ quay của motor bánh xe. Mạch cầu H có chức năng đảo chiều quay động cơ. Màn hình LCD nối với 3 biến trở để điều chỉnh các hệ số. Kết quả của đề tài là xe dò được line theo giải thuật PID. Chỉ số Kp Ki Kd chạy tối ưu nhất của đề tài này là Kp = 65, Ki = 40, Kd = 35, tốc độ xung từ (0,255).

6505	Đại học	Ra đa xuyên đất và kết quả khảo sát ở một số tuyến đường ở Tp Cần Thơ	Nguyễn, Cao Sang	Dương, Quốc Chánh Tín	2019	Tập hợp dữ liệu tổng quan về radar xuyên đất, nguyên lý hoạt động và ứng dụng của radar xuyên đất. Bước đầu nghiên cứu áp dụng radar xuyên đất vào việc khảo sát nhằm phát hiện các vật thể bị vùi trong đất với địa hình thấp, thường xuyên ngập nước như thành phố Cần Thơ nhằm phục vụ cho các nghiên cứu liên quan khác.
6506	Đại học	Cấu trúc tinh thể của vật liệu penta-silicene	Nguyễn, Quốc Thanh	Huỳnh, Anh Huy	2019	Chương 1. Tổng quan về penta silicene: trình bày sơ lược về penta silicene, một số nghiên cứu lý thuyết và các phần mềm mô phỏng về penta silicene - giới thiệu về cơ sở của phương pháp mô phỏng và phương pháp động lực học phân tử cổ điển - phương pháp MD và các phần mềm Lammps, VMD; Chương 2. Cơ sở lý thuyết bao gồm lý thuyết về mạng tinh thể và sơ lược về vật liệu silicene; Chương 3. Mô phỏng mạng tinh thể penta silicene: trình bày các bước để hình thành và vẽ Cấu trúc tinh thể penta silicene, vẽ đồ thị thể năng theo thời gian, đồ thị hàm phân bố xuyên tâm, phân bố khoảng cách và phân bố góc của penta silicene.
6507	Đại học	Thiết kế máy vẽ tự động hai chiều	Nguyễn, Đức Thắng	Phạm, Phú Cường	2019	Luận văn trình bày về tổng quan phần mềm vẽ CNC và thiết kế cơ bản của một máy vẽ 2 chiều tự động thương mại, tìm hiểu về nguyên lý chuyển động của máy vẽ này theo dữ liệu ảnh. Từ đó em xây dựng một mô hình cơ bản của máy vẽ 2D tự động. Sau đó tiến hành chạy thử và đánh giá thông số, so sánh sản phẩm của máy so với các bản khác trên thị trường. Cuối cùng đưa ra đề xuất cải tiến thiết bị hoàn làm tiền đề cho những đồ án cao hơn.
6508	Đại học	Ứng dụng plasma trong công nghệ bán dẫn	Nguyễn, Thị Cẩm Thi	Trần, Thanh Hải	2019	Chương 1: Giới Thiệu Về Plasm Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của plasma qua các giai đoạn khác nhau. Plasma tồn tại xung quanh con người Chương 2: Khái Niệm Cơ Bản Về Plasm Tìm hiểu plasma là gì? Những đặc trưng cơ bản của plasma, Phân loại plasma theo nhiệt động lực học Chương 3: Các Nguồn Plasma Trong Công Nghiệp Tìm hiểu về 3 nguồn plasma: DBD, CCP, ICP. Đặc điểm và ứng dụng của từng loại Chương 4: Ứng Dụng Plasma Trong Công Nghệ Bán Dẫn Tìm hiểu về chất bán dẫn, transistor, IC. Nêu ra các quy trình để sản xuất IC hoàn chỉnh có ứng dụng của plasma trong đó
6509	Đại học	Tổng hợp, thiết kế các câu hỏi, bài tập và đề kiểm tra vận dụng thực tế cho các chương “Dao động cơ” và “Sóng cơ và sóng âm” Vật lý 12 cơ bản.	Huỳnh, Thị Kim Thoa	Đỗ, Thị Phương Thảo	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá, năng lực và đánh giá năng lực trong môn Vật lý Nghiên cứu cơ sở lý luận về biên soạn đề kiểm tra và biên soạn đề kiểm tra vận dụng thực tế Thiết kế 1 đề kiểm tra 45 chương “ Dao động cơ” và “ Sóng cơ và sóng âm”, 1 đề kiểm tra 20 phút chương “ Dao động cơ”, 1 đề kiểm tra 30 phút chương “ Sóng cơ và sóng âm” Thực nghiệm Sư phạm 2 đề kiểm tra: đề kiểm tra 45 chương “ Dao động cơ” và “ Sóng cơ và sóng âm”, đề kiểm tra 30 phút chương “ Sóng cơ và sóng âm”. Từ đó rút ra nhận xét, kết luận và chỉnh sửa cho phù hợp với đánh giá năng lực trong môn Vật lý.
6510	Đại học	Các cấu trúc sai hỏng điểm trên vật liệu silicene	Vũ, Nguyễn Diệu Thu	Huỳnh, Anh Huy	2019	Trong luận văn, tôi đã trình bày tổng quan về vật liệu silicene, sai hỏng điểm trên vật liệu silicene. Tôi đã xác định vị trí các nguyên tử trong ô sở của mạng tinh thể silicene, xây dựng được mô hình mạng tinh thể gồm 10000 nguyên tử và tiến hành chạy mô phỏng trên phần mềm LAMMPS. Khảo sát mô hình nhận được sau khi mô phỏng và sai hỏng Stone-Wales, DV-2 trong mạng tinh thể silicene.

6511	Đại học	Phương pháp cực đại wavelet trong việc xử lý dữ liệu ra đa xuyên đất bằng	Nguyễn, Lê Anh Thư	Dương, Quốc Chánh Tín	2019	Đề tài của tôi gồm có 3 nội dung chính (tổng quan về radar xuyên đất; phép biến đổi wavelet và các phép lọc; áp dụng phép biến đổi wavelet liên tục để xử lý dữ liệu ra đa xuyên đất). Do phương pháp GPR truyền thống gặp không ít khó khăn trong việc xác định vị trí và kích thước của dị vật, vì nó phụ thuộc vào vận tốc truyền sóng điện từ trong môi trường vật chất. Nên tôi đã đưa ra biện pháp sử dụng phương pháp wavelet trong việc xử lý số liệu GPR, nó xác định vị trí và độ sâu của dị vật một cách dễ dàng mà không phụ thuộc vào việc xác định vận tốc truyền sóng điện từ trong môi trường.
6512	Đại học	Mô phỏng hệ keo dị hướng dưới tác dụng của lực Casimir tới hạn	Nguyễn, Thị Bảo Trang	Đặng, Minh Triết	2019	Hệ keo dị hướng có khả năng tự kết dính trong đó kết dính tạo thành chuỗi dưới tác dụng của lực Casimir tới hạn là dạng kết dính đáng chú ý. Em tiến hành mô phỏng hệ hạt gồm 200 hạt bằng phương pháp động lực học phân tử (MD) với 100000 bước từ đó em đưa ra được cấu hình mô phỏng là các liên kết dạng chuỗi, năng lượng toàn phần theo thời gian, hàm phân bố xuyên tâm, phân bố góc theo thời gian.
6513	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của cluster Cadmium Sulfide hấp thụ trên nền Armchair Graphene Nanoribbon	Nguyễn, Thảo Trang	Đặng, Minh Triết	2019	Luận văn nhằm tìm hiểu tổng quan về graphene, GNR và AGNR. Tìm hiểu lý thuyết về vật rắn và lý thuyết phiếm hàm mật độ (DFT). Đặc biệt, luận văn xây dựng và tối ưu thành công mô hình CdnSn hấp thụ vuông góc trên nền AGNR với các cấu hình ưu tiên Cd và S khi n=1, 2, 3 tại các vị trí hấp thụ hõm (vị trí 1) và đỉnh (vị trí 2, 3 và 7). Đồng thời, luận văn cũng phân tích và so sánh sự ảnh hưởng của cấu hình ưu tiên, ảnh hưởng của số lượng cluster và ảnh hưởng của vị trí hấp thụ đến tính chất vật liệu và cấu trúc vùng năng lượng của các mẫu hấp thụ với nhau và với mẫu thuần.
6514	Đại học	Nghiên cứu lý thuyết tính chất quang của Graphene	Nguyễn, Hoàng Tỷ	Vũ, Thanh Trà	2019	- Chương 1: Tổng quan, trình bày về graphene, bài toán cấu trúc vùng năng lượng và phương pháp gần đúng liên kết mạnh - Chương 2: Phổ hấp thụ quang của zigzag graphene, trình bày mô hình Hamilton để tính toán cấu trúc vùng năng lượng của zigzag graphene thông qua phương pháp gần đúng liên kết mạnh, trình bày kết quả khảo sát cấu trúc vùng năng lượng và phổ hấp thụ của zigzag graphene dưới tác dụng của điện trường ngang không biến thiên và điện trường dọc biến thiên.
6515	Đại học	Sử dụng Sketchnote để hỗ trợ hoạt động dạy học Vật lý	Nguyễn, Hoàng Duy Khang	Dương, Bích Thảo	2019	- Tìm hiểu về phương pháp Sketchnote - Ứng dụng phương pháp Sketchnote vào việc thiết kế bài giảng của một số bài tron chương trình Vật lý ở phổ thông - Thực nghiệm sư phạm để thấy được hiệu quả của việc sử dụng Sketchnote trong qu trình học của học sinh.
6516	Đại học	Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh, đối với chương “Dòng điện trong các môi trường” Vật lý 11 nâng cao	Trần, Thị Kim Tuyền	Đặng, Thị Bắc Lý	2019	- Hệ thống được cơ sở lý luận của việc thiết kế nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho HS. - Thiết kế một số nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn để phát triển năng lực cho học sinh đối với 5 bài của chương “Dòng điện trong các môi trường” Vật lý 11 nâng cao.

6517	Đại học	Mô phỏng hệ vật liệu dạng gel bằng phương pháp động học phân tử	Ngô, Thị Phương Yến	Đặng, Minh Triết	2019	Đề tài mô phỏng thành công hệ vật liệu theo thời gian với các mô hình ban đầu được tạo ngẫu nhiên có các thể tích khối khác nhau (2% ứng với 3333 nguyên tử, 5% ứng với 8333 nguyên tử và 20% ứng với 33333 nguyên tử). Qua mô phỏng quá trình tạo gel bằng phương pháp động học phân tử, thể năng thay đổi theo thời gian của các mô hình ban đầu được tạo ngẫu nhiên với thể tích khối khác nhau, nhưng đến một giai đoạn sau khi áp thể casimir, các mô hình đạt trạng thái cân bằng như nhau, đồng thời, với từng loại thể tích khối và kết quả thu được từ mô phỏng, ta có thể thấy được cấu trúc và các tính chất Vật Lý của hệ theo thời gian. Các kết quả này có thể tham khảo và ứng dụng trong sản xuất gelatin trong thực phẩm.
6518	Đại học	Tìm hiểu các dạng năng lượng trong vật lý đại cương (cơ, nhiệt, điện, quang, vật lý nguyên tử) và ứng dụng trong cuộc sống (nếu có)	Phan, Thanh Tuyền	Phan, Thị Kim Loan	2019	gồm có 3 nội dung chính (Một số khái niệm trong Vật lý đại cương; Các dạng năng lượng trong Vật lý đại cương; Ứng dụng của năng lượng trong đời sống). Qua đề tài này tôi mong muốn có thể tổng hợp lại các kiến thức về năng lượng đã được học trong Vật lý đại cương, ứng dụng của các dạng năng lượng này trong đời sống, tiềm năng năng lượng ở Việt Nam và cũng như biết được cách sử dụng, khai thác hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng.
6519	Đại học	Các dạng thù hình của Carbon	Nguyễn, Thị Như Ý	Huỳnh, Anh Huy	2019	Phần nội dung ở chương 1 tôi đi giới thiệu sơ lược về vật liệu carbon, các dạng thù hình của chúng, đặc điểm cấu trúc của từng loại mà tôi tìm hiểu đó là: than chì, kim cương, carbon nanotubes. Ở Chương 2 Tôi bắt đầu đi xây dựng cơ sở lý thuyết của cấu trúc mạng tinh thể của vật liệu carbon. Tôi xây dựng phương pháp tính toán về vector cơ sở của than chì, kim cương, CNT. Giới thiệu phần mềm mô phỏng VMD 1.9.1 và cách vẽ đồ thị hàm phân bố trên phần mềm này và Originpro 8.0, ISAAC.Đối với chương 3 tôi trình bày tất cả kết quả mà mình tính toán được để nhận xét và thảo luận về kết quả đạt được. Và ở chương cuối cùng là chương 4 tôi trình bày các ứng dụng tìm năng đang được nghiên cứu và phát triển ở tương lai.
6520	Đại học	Các bài toán về ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất	Lâm, Thị Cẩm Thu	Nguyễn, Hoàng Xinh	2019	- Hệ thống kiến thức lý thuyết về ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất và các kiến thức khác có liên quan đến ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất và đưa ra một số ví dụ minh họa - Phân loại các dạng bài toán liên quan đến ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất và trình bày lời giải chi tiết.
6521	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lê, Hữu Đức	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ từ đó, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại ngân hàng.
6522	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – PGD Chợ Mới – chi nhánh An Giang	Võ, Văn Thái	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích thực trạng về hoạt động tín dụng của ngân hàng từ năm 2016 - 2018. Đánh giá thực trạng tín dụng tại ngân hàng qua ba năm từ 2016 – 2018. Đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Chợ Mới - Chi nhánh An Giang.
6523	Đại học	Phân tích hoạt động tiếp thị hỗn hợp (Marketing Mix) trong huy động vốn tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh Cái Răng	Trần, Thị Như Tuyết	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động Marketing mix trong hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Cái Răng, từ đó đề xuất các giải pháp Marketing nhằm hoàn thiện và tăng sức cạnh tranh cho hoạt động huy động vốn của Ngân hàng.

6524	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Liêu, Quốc Toàn	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích hoạt động cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ và từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng.
6525	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ – PGD Ninh Kiều	Võ, Thị Kiều Oanh	Bùi, Văn Trinh	2018	Phân tích khái quát tình hình hoạt động kinh doanh tại VPBank CN Cần Thơ – PGD Ninh Kiều. Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại VPBank CN Cần Thơ – PGD Ninh Kiều. Đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng tại VPBank CN Cần Thơ – PGD Ninh Kiều.
6526	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ	Hồ, Văn Nhịn	Trần, Bá Trí	2018	Phân tích tình hình cho vay ngắn hạn tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để thấy rõ thực trạng cho vay ngắn hạn và đề xuất giải pháp phát triển hoạt động cho vay của ngân hàng.
6527	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ	Bùi, Quang Phát	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Phân tích hoạt động cho vay nông nghiệp tại Sacombank chi nhánh Cần Thơ giai đoạn từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018, qua đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay nông nghiệp của ngân hàng.
6528	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Duy Khánh	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích kết quả hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Cần Thơ từ năm 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng.
6529	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Sóc Trăng	Lê, Mỹ Quyền	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Sóc Trăng giai đoạn qua 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng thông qua các chỉ tiêu. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng.
6530	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phong Điền Cần Thơ II	Triệu, Vỹ	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích, đánh giá hoạt động cho vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phong Điền Cần Thơ II giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất giải pháp cho hoạt động cho vay của Ngân hàng.
6531	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tín chấp tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Cao Vĩ	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích thực trạng và đánh giá hoạt động cho vay tín chấp tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động cho vay tín chấp tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Cần Thơ
6532	Đại học	Phân tích tình hình rủi ro lãi suất tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Lê, Thị Bé Ngoan	Trương, Thị Bích Liên	2018	Khái quát chung về kết quả hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín – Chi nhánh Cần thơ. Phân tích hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng trong giai đoạn 2015 – 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó, đưa ra một số giải pháp góp phần quản trị rủi ro lãi suất tại Ngân hàng.
6533	Đại học	Hoạt động tín dụng trung và dài hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Trần, Thị Kim Diệp	Thái, Văn Đại	2018	Đánh giá thực trạng cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó, đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm nâng cao kết quả hoạt động tín dụng trung và dài hạn của Sacombank chi nhánh Cần Thơ trong những năm tới.

6534	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh An Giang	Trần, Hữu Nghĩa	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Phân tích tình hình huy động vốn tại VAB-AG trong giai đoạn từ năm 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hoạt động huy động vốn tại VAB_AG thông qua các chỉ tiêu: Cơ cấu vốn huy động, chi phí huy động vốn, chi phí bình quân đầu vào. Đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng hoạt động huy động vốn của NH.
6535	Đại học	Hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng Quốc dân phòng giao dịch Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Hồ Chí Minh	Võ, Hồng Nhân	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng thông qua phân tích dư nợ theo ngành kinh tế, thời hạn và phân loại nợ. Phân tích nợ xấu tại ngân hàng thông qua phân tích nợ xấu theo ngành kinh tế, địa bàn. Đề xuất giải pháp, đề hạn chế rủi ro tại Ngân hàng.
6536	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Trần, Hà Mộng Trinh	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích, đánh giá hoạt động tín dụng tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp và đưa ra những kiến nghị góp phần nâng cao hoạt động tín dụng tại ngân hàng
6537	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Phạm, Thị Như Anh	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2018	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô qua 3 năm 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 như: Doanh số cho vay, tình hình thu nợ, dư nợ và nợ xấu. Đánh giá hoạt động tín dụng thông qua các chỉ tiêu tài chính. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hoạt động tín dụng
6538	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô – phòng giao dịch Xuân Khánh	Kim, Khánh Tiên	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích và đánh giá hoạt động cho vay ngắn hạn, từ đó đưa ra đề xuất giải pháp cho hoạt động cho vay ngắn hạn tại PVcomBank chi nhánh Tây Đô - phòng giao dịch Xuân Khánh
6539	Đại học	Phân tích thực trạng tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương chi nhánh Cần Thơ (SAIGONBANK Cần Thơ)	Phan, Thị Ngọc Hân	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Đánh giá thực trạng tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, từ đó đề ra các giải pháp để nâng cao hoạt động tín dụng của Ngân hàng trong tương lai
6540	Đại học	Nghiên cứu tác động của nhà đầu tư nước ngoài đến việc cải thiện hiệu quả giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	Nguyễn, Ngọc Dung Tú	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Nghiên cứu xem sự tác động của nhà đầu tư nước ngoài đến việc cải thiện hiệu quả giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, cùng xem xét những tác động khác như thanh khoản, giá trị vốn hóa thị trường và mức giá có mối tương quan đến việc cải thiện giá cổ phiếu. Từ đó đề ra một số biện pháp để hoàn thiện thông tin giá cổ phiếu trên thị trường.
6541	Đại học	Phân tích thực trạng huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Ninh Kiều	Phan, Thị Mỹ	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2018	Phân tích thực trạng huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Ninh Kiều từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng
6542	Đại học	Ứng dụng mô hình lựa chọn danh mục đầu tư hiệu quả của Markowitz vào thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thị Kiều Hạnh	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát về hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình lựa chọn danh mục đầu tư hiệu quả của Markowitz đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó rút ra những thuận lợi và khó khăn khi lựa chọn danh mục đầu tư. Đề xuất một số khuyến nghị phù hợp cho nhà đầu tư khi lựa chọn danh mục đầu tư

6543	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Yến Khoa	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt chi nhánh Cần Thơ
6544	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh An Giang	Nguyễn, Thanh Tuấn	Bùi, Văn Trinh	2018	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ACB An Giang giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích thực trạng hoạt động cho vay KHCN tại Ngân hàng ACB chi nhánh An Giang giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hoạt động cho KHCN tại ngân hàng.
6545	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Mạc, Dương Huỳnh Như	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích hoạt động tín dụng và đánh giá hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô. Phân tích thực trạng và đánh giá rủi ro tín dụng Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam -Chi nhánh Tây Đô. Đề xuất giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô.
6546	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng Việt Nam – chi nhánh Tây Đô	Lâm, Thanh Tâm	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân Hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, qua đó đề ra một số giải pháp nâng cao chất lượng của hoạt động tín dụng trong thời gian tới.
6547	Đại học	Áp dụng phương pháp Dupont và cách tiếp cận ma trận trong phân tích hiệu quả tài chính của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	Tăng, Thị Mỹ Duyên	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát thực trạng hoạt động của hệ thống NHTM Việt Nam. Phân tích hiệu quả tài chính của hệ thống NHTM Việt Nam bằng phương pháp Dupont và cách tiếp cận ma trận. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả tài chính của hệ thống NHTM Việt Nam.
6548	Đại học	Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa giá giao dịch tiền ảo và giá vàng	Nguyễn, Thị Ngọc Lan	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát quá trình hình thành và phát triển, đặc điểm, ưu nhược điểm của BTC, ETH, LTC, XMR, XRP và XAU. Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa giá giao dịch tiền ảo và giá vàng thông qua kiểm định nhân quả Granger. - Đưa ra khuyến nghị cho các nhà làm chính sách và nhà đầu tư trên thị trường.
6549	Đại học	Thực trạng marketing Mix trong hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Đỗ, Cao Trí	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích thực trạng marketing mix trong hoạt động cho vay của ngân hàng Sacombank Chi nhánh Cần Thơ, trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình cho vay và các chiến lược Marketing trong hoạt động cho vay mà ngân hàng đã và đang thực hiện. Từ đó đề xuất các giải pháp marketing cho các hoạt động cho vay vẫn còn hạn chế nhằm tăng sức cạnh tranh và hoàn thiện hơn cho hoạt động cho vay của ngân hàng.
6550	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam chi nhánh An Giang phòng giao dịch Vĩnh An	Lý, Lan Trâm	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh An Giang – PGD Vĩnh An giai đoạn 2016 – 2018. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng

6551	Đại học	Phân tích hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thanh Ngân	Huỳnh, Thị Tuyết Suong	2018	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng thương mại, và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển các dịch vụ này. Phân tích thực trạng hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng. Đề xuất một số giải pháp phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng.
6552	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ	Đỗ, Huyền Trân	Lê, Long Hậu	2018	Phân tích tình hình thu nhập, chi phí và lợi nhuận của Ngân hàng Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm từ 2015 đến 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ thông qua các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ. Đề ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ.
6553	Đại học	Phân tích kết quả kinh doanh của hoạt động bán lẻ tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng	Mã, Tú Huê	Nguyễn, Thị Lương	2018	Phân tích tình hình kinh doanh hoạt động bán lẻ tại BIDV Sóc Trăng giai đoạn 2015 đến 6/2018. Phân tích kết quả hoạt động bán lẻ thông qua phân tích thu nhập chi phí và lợi nhuận của hoạt động bán lẻ. Đánh giá công tác hoạt động dịch vụ bán lẻ của Ngân hàng. Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng.
6554	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ niêm yết tại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2017	Bùi, Phương Anh	Lê, Long Hậu	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các công ty bảo hiểm phi nhân thọ niêm yết tại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty bảo hiểm trong thời gian tới.
6555	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Bạc Liêu	Võ, Hoàng Nhật	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích tình hình thu nhập, chi phí, lợi nhuận của ngân hàng. Đánh giá các chỉ số tài chính về hoạt động tín dụng và hoạt động kinh doanh. Đánh giá các chỉ số rủi ro tài chính. Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.
6556	Đại học	Phân tích hiệu quả kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam bằng mô hình Camels	Nguyễn, Thị Bích Tuyền	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát về tiến trình phát triển của hệ thống NHTM Việt Nam. Phân tích hiệu quả kinh doanh của hệ thống NHTM Việt Nam theo những yếu tố của mô hình CAMELS từ năm 2015 đến năm 2017. Đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống NHTM Việt Nam.
6557	Đại học	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	Tô, Tú Trân	Vương, Quốc Duy	2018	Đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang. Thu thập các số liệu liên quan, qua đó đánh giá chính xác thực trạng nợ xấu cũng như hiệu quả phòng ngừa và xử lý nợ xấu tại ngân hàng. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nợ xấu để làm cơ sở đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và xử lý nợ xấu thích hợp với điều kiện của ngân hàng sở tại
6558	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh thành phố Vĩnh Long	Nguyễn, Phương Uyên	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích tình hình hoạt động cho vay ngắn hạn tại NHNo & PTNT Việt Nam Chi nhánh Thành phố Vĩnh Long giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, qua đó thấy được thực trạng về cho vay ngắn hạn để đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay ngắn hạn của ngân hàng trong thời gian tới.

6559	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng hộ sản xuất tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cầu Ngang, Trà Vinh	Lê, Ngọc Trâm	Trần, Bá Trí	2018	Phân tích hoạt động tín dụng hộ sản xuất của Agribank chi nhánh Cầu Ngang, Trà Vinh trong giai đoạn 2015-2017 và sáu tháng đầu năm 2018. Đánh giá hoạt động tín dụng hộ sản xuất của Agribank chi nhánh Cầu Ngang qua việc phân tích các số liệu có liên quan trong thời gian từ 2015 đến 2017 và sáu tháng đầu năm 2018. Đề ra một số giải pháp để mở rộng hoạt động tín dụng hộ sản xuất của Agribank chi nhánh Cầu Ngang.
6560	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cần Thơ II	Nguyễn, Diễm My	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng, đánh giá tình hình rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Cần Thơ II qua các năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để có cái nhìn chung và đưa ra các giải pháp nhằm để ngăn ngừa, hạn chế và giảm thiểu tối đa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Ngân hàng.
6561	Đại học	Phân tích thực trạng quản lý thu thuế tại chi cục thuế huyện An Phú, tỉnh An Giang	Nguyễn, Trần Thy Trúc	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thu thuế tại Chi cục thuế huyện An Phú, tỉnh An Giang, nhằm đưa ra những giải pháp giúp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế tại Chi cục thuế huyện An Phú.
6562	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau	Nguyễn, Vân Thanh	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay KHCN tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Cà Mau. Phân tích các tỷ số tài chính liên quan đến cho vay KHCN tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Công Thương Chi nhánh Cà Mau. Đề ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay KHCN tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Cà Mau.
6563	Đại học	Phân tích thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Trương, Thị Hạnh Nguyên	Trần, Ái Kết	2018	Đánh giá thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015 - 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thanh toán không dùng tiền mặt của Ngân hàng trong những năm tới.
6564	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt chi nhánh Cần Thơ	Lý, Công Hải Đăng	Trương, Thị Bích Liên	2018	Hệ thống hóa lý luận về hoạt động cho vay tiêu dùng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần. Phân tích tình hình cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ theo thời hạn cho vay và hình thức đảm bảo tín dụng. Đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất những giải pháp để nâng cao hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ.
6565	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng của nhóm khách hàng cá nhân trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Tổng, Thúy Phương	Nguyễn, Thị Lương	2018	Nghiên cứu và phân tích các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn ngân hàng của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ, qua đó đề ra các giải pháp hữu hiệu giúp ngân hàng thu hút được sự chú ý cũng như giữ được lòng trung thành của khách hàng cá nhân.
6566	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Minh thư	Thái, Văn Đại	2018	Phân tích hoạt động tín dụng cũng như hiệu quả hoạt động tín dụng bằng việc đi sâu vào nguồn vốn huy động, doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ, nợ xấu và tính toán các chỉ số tài chính có liên quan ở VCCB Cần Thơ qua các năm 2015, 2016, 2017, và 6 tháng đầu năm 2018 để thấy được điểm mạnh cần phát huy, và đưa ra giải pháp để có thể phần nào loại bỏ được những hạn chế còn tồn đọng trong vấn đề liên quan.

6567	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã Ngã Bảy tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Kim Ngọc	Phạm, Phát Tiến	2018	Đánh giá khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng thông qua các chỉ số tài chính từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Từ thực tế phân tích trên đề ra một số giải pháp cho hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng.
6568	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á phòng giao dịch Minh Lương	Đàm, Thị Hương	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP Đông Á - Phòng giao dịch (PGD) Minh Lương giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2018. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị để mở rộng hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng.
6569	Đại học	Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa giá hợp đồng tương lai và giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thị Mỹ Anh	Lê, Long Hậu	2018	Tìm hiểu về cơ chế hoạt động cũng như hình thức giao dịch của HĐTL trên TTCK, đồng thời kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa giá HĐTL và giá chứng khoán. Dựa trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các nhà đầu tư có thể lựa chọn kênh đầu tư hiệu quả.
6570	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh	Nguyễn, Tuấn Toàn	Trần, Ái Kết	2018	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân của NHNN & PTNT huyện Vĩnh Thạnh qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 để thấy rõ rủi ro tín dụng cá nhân và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.
6571	Đại học	Phân tích thực trạng kinh doanh của ngân hàng SHB chi nhánh Thành phố Cần Thơ	Trần, Thanh Mai	Trần, Ái Kết	2018	Đánh giá thực trạng KDNH của Ngân hàng SHB chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của nghiệp vụ này của Ngân hàng
6572	Đại học	Quản trị rủi ro lãi suất tại ngân hàng TMCP Á Châu phòng giao dịch Thốt Nốt	Hoàng, Quyên	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích, đánh giá rủi ro lãi suất của NHTMCP Á Châu PGD Thốt Nốt. Từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro lãi suất và nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng trong thời gian tới.
6573	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Võ, Ngọc Liễu	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích tình hình hoạt động của dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ. Để từ đó, đề xuất một số giải pháp giúp nhà quản trị ngân hàng nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử, đáp ứng tốt nhất về nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.
6574	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô – Cần Thơ	Phan, Đức Phong	Trần, Bá Trí	2018	Nghiên cứu về tình hình huy động vốn từ năm 2015 đến 2017 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tây Đô. Qua việc nghiên cứu đề tài sẽ rút ra được mặt mạnh, mặt yếu ở lĩnh vực hoạt động này của ngân hàng. Từ đó giúp ngân hàng phát huy thế mạnh, hạn chế mặt yếu và tìm ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện và mở rộng huy động vốn của Ngân hàng.
6575	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex – chi nhánh An Giang	Trần, Thiện Phong	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang từ đó, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại ngân hàng.
6576	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng TMCP Á Châu phòng giao dịch Xuân Khánh Thành phố Cần Thơ	Võ, Hướng Quy	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng Á Châu PGD Xuân Khánh giai đoạn 2016-2018. Để thấy rõ thực trạng cho vay và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay trong thời gian sắp tới

6577	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Dương, Ngọc Hân	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích và đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện hoạt động cho vay không có tài sản đảm bảo (TSDB) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ - PGD Lý Tự Trọng.
6578	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân chi nhánh Cần Thơ	Lương, Ngọc Bích Trâm	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân chi nhánh Cần Thơ qua các năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đề xuất những giải pháp và kiến nghị để mở rộng đồng thời nâng cao hiệu quả sản phẩm cho vay này tại Ngân hàng.
6579	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Minh Thi	Trương, Thị Bích Liên	2019	Sơ lược về nguồn vốn của ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô. Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô. Đánh giá hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô
6580	Đại học	Thực trạng và giải pháp của hoạt động cho vay tín chấp tại NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ – PGD Lý Tự Trọng	Phan, Thị Hồng Đào	Phan, Đình Khôi	2018	Đánh giá hoạt động tín dụng của Vp bank thông qua một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2015 đến nay và 6 tháng đầu năm 2018. Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay tín chấp của ngân hàng (VP Bank) Chi Nhánh Lý Tự Trọng. Đề xuất giải pháp kiến nghị hoạt động cho vay tín chấp của ngân hàng VP Bank chi nhánh Lý Tự Trọng.
6581	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần thương mại Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	Dương, Minh Tuấn	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của Techcombank Kiên Giang. Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Techcombank – Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng.
6582	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt – chi nhánh Bạc Liêu	Trần, Hồng Hạnh	Bùi, Văn Trịnh	2018	Phân tích khái quát hoạt động kinh doanh và phân tích tình hình hoạt động cho vay cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - chi nhánh Bạc Liêu; Đề xuất một số giải pháp phát triển hơn nữa hoạt động cho vay cá nhân tại Ngân hàng .
6583	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành – tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Ngọc Lan	Mai, Lê Trúc Liên	2018	Phân tích tình hình hoạt động cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Châu Thành – Kiên Giang từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và mở rộng hoạt động cho vay ngắn hạn tại NHNo & PTNT chi nhánh này.
6584	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu	Hồ, Thị Diệu Thuyền		2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Hồng Dân tỉnh Bạc Liêu và đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại chi nhánh.
6585	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015-2017 và 6 tháng đầu năm 2018, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng.

6586	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Nguyễn, Thị Kiều Ny	Phạm, Phát Tiến	2018	Phân tích các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017. Qua đó, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị đối với các Ngân hàng thương mại và Ngân hàng nhà nước nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại các ngân hàng.
6587	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hậu Giang	Dương, Linh	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP BIDV–CHI NHÁNH HẬU GIANG từ năm 2016 đến hết năm 2018 để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân tại đây
6588	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ	Lê, Ngọc Bửu Châu	Trần, Bá Trí	2018	Phân tích, đánh giá tình hình huy động vốn của ngân hàng từ năm 2015 đến 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó làm cơ sở đề đưa ra các giải pháp tăng cường khả năng huy động trong thời gian tới.
6589	Đại học	Phân tích ảnh hưởng của vốn vay đến quyết định đầu tư của nhóm công ty ngành công nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trương, Brenda	Trần, Ái Kết	2018	Khái quát về nhóm công ty ngành công nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2013 – 2017; Phân tích ảnh hưởng của vốn vay đến quyết định đầu tư của nhóm công ty ngành công nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bằng phương pháp phù hợp nhất trong 03 (ba) phương pháp sau: ước lượng hồi quy bình phương bé nhất với số liệu gộp (pooled OLS), mô hình hồi quy ảnh hưởng ngẫu nhiên (random effects – RE) và mô hình hồi quy ảnh hưởng cố định (fixed effects – FE); Đề xuất một số khuyến nghị về vốn vay - đầu tư của nhóm công ty ngành công nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
6590	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cần Thơ	Đặng, Đình Dương Duy	Trương, Đông Lộc	2018	Phân tích thực trạng hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ (sau đây được gọi là SACOMBANK Cần Thơ), trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân trong thời gian tới.
6591	Đại học	Phân tích tình hình nguồn vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Quốc	Nguyễn, Thị Trà My	Thái, Văn Đại	2019	Đề tài phân tích, đánh giá tình hình nguồn vốn của Sacombank Phú Quốc trong giai đoạn 2016-2018, từ đó đề xuất một số giải pháp quản lý nguồn vốn tại ngân hàng trong những năm tới.
6592	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân và giải pháp phát triển tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – phòng giao dịch Thốt Nốt	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Nguyễn, Thị Lương	2018	Phân tích và tìm hiểu sâu hơn về hoạt động cho vay khách hàng cá nhân và đưa ra những giải pháp để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân của ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt trong giai đoạn năm 2015-06/2018.
6593	Đại học	Phân tích tình hình cho vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (HDBANK) – chi nhánh Cần Thơ	Dương, Thị Anh Đào	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Phân tích tình hình cho vay ngắn hạn và đánh giá hiệu quả hoạt động này tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM chi nhánh Cần Thơ giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 06/2018. Từ đó đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay ngắn hạn
6594	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh thẻ tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Vĩnh Long	Trang, Thị Thanh Tuyền	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (sa đây gọi là Sacombank) Chi nhánh Vĩnh Long. Qua đó, đề xuất giải pháp cho hoạt động kinh doanh thẻ tại Sacombank – Chi nhánh Vĩnh Long.

6595	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay hộ sản xuất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Cần Thơ I	Phạm, Thị Hồng Loan	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích tình hình cho vay và đánh giá hoạt động cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Cần Thơ I để tìm ra những nhân tố ảnh hưởng trong hoạt động cho vay của ngân hàng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng hộ sản xuất trong thời gian tới.
6596	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Ngô, Thị Kim Ngọc	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2018	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2015 – 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng tại Ngân hàng.
6597	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương chi nhánh Tây Đô	Phạm, Thủ	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích khái quát về nguồn vốn cùng với tình hình hoạt động cho vay khách hàng bán lẻ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô giai đoạn 2016 – 2018. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay đối tượng khách hàng bán lẻ tại Ngân hàng.
6598	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Cần Thơ – PGD An Thới	Bùi, Ngọc Tiên	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Cần Thơ – PGD An Thới, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và mở rộng hoạt động cho vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần tại phòng giao dịch An Thới.
6599	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long – chi nhánh Cần Thơ	Trương, Thị Na Rinh	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích thực trạng về tình hình hoạt động tín dụng qua 3 năm 2016 – 2018 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Cần Thơ. Đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính. Đề ra một số giải pháp để nâng cao hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn hiện nay
6600	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long chi nhánh Cần Thơ	Phan, Thị Thanh Tuyền	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích và đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng ở Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2016 – 2018, từ kết quả phân tích đó một số giải pháp giúp Chi nhánh được đề xuất trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng
6601	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến huy động tiền gửi của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Lê, Nguyễn Thảo Vy	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến huy động tiền gửi ở các ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTMVN), từ đó đề xuất các giải pháp giúp củng cố và nâng cao lượng tiền gửi vào các ngân hàng thương mại Việt Nam.
6602	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng trung dài hạn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang	Nguyễn, Thanh Tuyền	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng trung và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó làm cơ sở để đưa ra các biện pháp nhằm mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả trong hoạt động tín dụng trung và dài hạn về sau.
6603	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn, Hoàng Duy	Thái, Văn Đại	2019	Đánh giá hiện trạng của tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng bền vững của các ngân hàng thương mại tại Việt nam.

6604	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín SACOMBANK chi nhánh Sóc Trăng	Thạch, Minh Quang	Trần, Ái Kết	2019	Phân tích thực trạng cho vay thông qua doanh số thu nợ, dư nợ và nợ xấu của Sacombank chi nhánh Sóc Trăng, từ năm 2016 đến 2018. Đánh giá một số chỉ tiêu về hoạt động cho vay của Sacombank chi nhánh Sóc Trăng từ năm 2016 đến 2018. Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho vay của ngân hàng trong những năm tới.
6605	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hậu Giang	Phạm, Thị Diễm Mi	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Hậu Giang giai đoạn 2016-2018 để tìm ra những điểm mạnh cũng như những hạn chế nhằm đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của ngân hàng trong thời gian tới.
6606	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Võ, Văn Hiền	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm hạn chế rủi ro tín dụng tại các NHTM Việt Nam.
6607	Đại học	Nghiên cứu sự chấp nhận sử dụng dịch vụ thanh toán bằng mã QR của người dân tại Thành phố Cần Thơ	Trần, Thế Khánh Vy	Phan, Đình Khôi	2019	Nghiên cứu sự chấp nhận sử dụng dịch vụ QR Pay của người dân tại Thành phố Cần Thơ, qua đó đưa ra giải pháp phù hợp để phát triển phương thức thanh toán QR tại Cần Thơ.
6608	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp siêu nhỏ kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại Cần Thơ	Cao, Thị Thu Hiền	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp siêu nhỏ kinh doanh phân bón và thuốc BVTV tại địa bàn thành phố Cần Thơ
6609	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các nhà máy xay xát lúa gạo tại tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Thị Minh Duy	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích thực trạng hoạt động của nhà máy xay xát lúa gạo tại tỉnh Tiền Giang. Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp xay xát tại tỉnh Tiền Giang. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng hiệu quả hoạt động của các nhà máy xay xát tại tỉnh Tiền Giang. Đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà máy xay xát lúa gạo tại tỉnh Tiền Giang.
6610	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ	Võ, Lê Đông Phương Nhã Ca	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích thực trạng rủi ro tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ, từ đó thấy được những thực trạng và thách thức nhằm đề ra các giải pháp để hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ của ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ.
6611	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh quận Ô Môn	Đào, Thị Kim Thảo	Bùi, Văn Trịnh	2019	Đề tài tập trung phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Agribank chi nhánh Ô Môn giai đoạn 2016 – 2018, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng.
6612	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Tăng, Tú Mẫn	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp lưu trú du lịch trên địa bàn TP Cần Thơ.
6613	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Vĩnh Thạnh	Đặng, Thị Ngọc Thu	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn huyện Vĩnh Thạnh 2016-2018. Đề qua đó đề xuất những giải pháp kinh doanh an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần thúc đẩy lợi nhuận cao.

6614	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực kinh doanh tôm giống tại tỉnh Sóc Trăng	Võ, Thị Kiều My	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh tôm giống tại tỉnh Sóc Trăng để thấy được tình hình hoạt động của các DNVTN trong lĩnh vực ương vào tôm giống, từ đó có những giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh tôm giống để phục vụ cho sự phát triển bền vững của nghề nuôi tôm tỉnh Sóc Trăng nói riêng, cũng như khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.
6615	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Trúc Phương	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh Cần Thơ, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng của Ngân hàng.
6616	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng tại ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Sóc Trăng	Nguyễn, Trọng Cường	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Sóc Trăng. Đánh giá kết quả hoạt động tín dụng tại ngân hàng thông qua các chỉ số tài chính. Nhận định, đánh giá những điểm mạnh và hạn chế. Từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng của ngân hàng tại thời gian tới.
6617	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Kiên Giang	Giang, Quý Hà	Bùi, Lê Thái Hạnh	2019	Phân tích thực trạng tình hình hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang trong giai đoạn 2016 – 2018. Từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân trong thời gian tới.
6618	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Huỳnh, Ngọc Thúy An	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến khả năng thanh khoản của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2018; từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao khả năng thanh khoản cho các ngân hàng thương mại.
6619	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với thẻ tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thanh Ngân	Nguyễn, Thị Lương	2019	Khảo sát sự hài lòng của khách hàng đối với thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của KH đối với thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của KH đối với thẻ TD tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ.
6620	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thùy Tiên	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Đánh giá về kết quả kinh doanh của Ngân hàng trong giai đoạn năm 2016 – 2018; Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 – 2018, thông qua việc phân tích doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ và nợ xấu; Đánh giá hoạt động tín dụng của Ngân hàng thông qua việc phân tích một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động tín dụng; Giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cần Thơ.
6621	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ô Môn	Nguyễn, Thị Diễm Trinh	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Ô Môn từ năm 2016 đến năm 2018, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả huy động vốn của ngân hàng
6622	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Lê, Nguyễn Nhã Tuấn	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô. Từ đó đề ra một số giải pháp giúp mở rộng hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng

6623	Đại học	Phân tích thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Hoàng Quỳnh Như	Trần, Ái Kết	2019	Phân tích thực trạng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại VietinBank-chi nhánh Tây Đô từ năm 2016 đến 2018, đề từ cơ sở đó đề ra các giải pháp phát triển, đẩy mạnh triển khai các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng hơn nữa
6624	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại NH TMCP Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Minh Tùng	Lê, Long Hậu	2019	Khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank Chi nhánh Cần Thơ Phân tích hoạt động cho vay cá nhân tại Vpbank Cần Thơ qua 3 năm 2016, 2017, 2018. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả trong hoạt động của NH nói chung và hoạt động cho vay cá nhân nói riêng.
6625	Đại học	Ảnh hưởng của nợ xấu đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	Nguyễn, Thị Huyền Mỹ	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích ảnh hưởng của nợ xấu đến lợi nhuận các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Cùng với, xem xét tác động của các nhân tố khác đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại. Sau đó, đề xuất giải pháp hạn chế nợ xấu nhằm và gia tăng lợi nhuận của ngân hàng.
6626	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Võ, Thị Ngọc Huyền	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ của Ngân hàng. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như lợi nhuận của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Tây Đô.
6627	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh An Giang	Nguyễn, Kiều Trang	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh An Giang. Gia đoạn 2016 – 2018 để thấy được thực trạng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm phát triển hoạt động tín dụng tại ngân hàng.
6628	Đại học	Phân tích tình hình nguồn vốn tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ	Trần, Thị Ngọc Diễm	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng về nguồn vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, từ đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác quản lý nguồn vốn của chi nhánh trong thời gian tới.
6629	Đại học	Vận dụng hiệp ước Basel để hạn chế nợ xấu trong các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Bùi, Thị Kiều My	Bùi, Văn Trịnh	2019	Từ phân tích thực trạng an toàn vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, đề tài nghiên cứu, phân tích các yếu tố tác động đến an toàn vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao an toàn vốn cho các Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.
6630	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Quốc Việt	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ. Đánh giá hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ.
6631	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại NH TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch Tây Đô	Trang, Tường Vi	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại phòng giao dịch Tây Đô giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Đánh giá các chỉ số về hoạt động tín dụng cá nhân của phòng giao dịch Tây Đô qua các giai đoạn. Từ các cơ sở đánh giá trên đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Tây Đô.
6632	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau	Nguyễn, Dương Kim Khánh	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Vietinbank chi nhánh Cà Mau và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay KHCN.

6633	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đông Á Việt Nam chi nhánh Kiên Giang	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích, đánh giá hoạt động tín dụng tại ngân hàng Dong A bank chi nhánh Kiên Giang, từ đó đề xuất giải pháp và đưa ra những kiến nghị góp phần nâng cao hoạt động tín dụng tại ngân hàng.
6634	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn, Thanh Nhi	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ đó đưa ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động của các ngân hàng thương mại niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.
6635	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	Điền, Thị Phol	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích thực trạng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Châu Thành tỉnh Sóc Trăng(sau đây được gọi là Agribank Châu Thành), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn cho Ngân hàng.
6636	Đại học	Phân tích khả năng sinh lời của ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Thị Cẩm Vân	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của ngân hàng - Đánh giá khả năng khả năng sinh lời của ngân hàng từ năm 2016, 2017, 2018. Đề xuất các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô.
6637	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Dương, Thị Mỹ Huyền	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích hoạt động cho vay đối với Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại BIDV Vĩnh Long từ năm 2016 đến năm 2018 làm cơ sở để đề xuất một số giải pháp nâng cao kết quả hoạt động cho vay đối với Doanh nghiệp vừa và nhỏ.
6638	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh An Giang	Nguyễn, Ngọc Kim Nương	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích tình hình huy động vốn tại NHTMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh An Giang, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục được những hạn chế và phát huy được những mặt tích cực đã và đang đạt hiệu quả cao trong công tác huy động vốn.
6639	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Á Châu – chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch An Thới	Lê, Thu Trang	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - PGD An Thới. Qua đó, đề xuất các biện pháp hợp lý nhằm góp phần giúp ngân hàng gia tăng lượng tiền được gửi vào, nâng cao hoạt động huy động vốn vào ngân hàng.
6640	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Huỳnh, Thị Hoàng Anh	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến lợi nhuận của Ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2018. Từ đó, chúng ta tiến hành đưa ra các kết luận và kiến nghị cho các NHTM Việt Nam nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.
6641	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Trần, Huỳnh Nam Phương	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến lợi nhuận của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn 2013-2018. Qua đó, đề xuất một số giải pháp góp phần giúp các NHTM ở Việt Nam gia tăng lợi nhuận.
6642	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ	Kim, Nhật Anh Ngừ	Nguyễn, Văn Duyệt	2019	Phân tích tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt- Chi nhánh Cần Thơ (sau đây được gọi là BAOVIET Bank), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn của Phòng giao dịch trong thời gian tới.

6643	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng	Trần, Thị Thanh Tâm	Trần, Bá Trí	2019	Đánh giá lại tình hình huy động vốn của VietinBank Sóc Trăng trong thời gian qua, nhằm rút ra những kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại cần khắc phục, làm cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp, chiến lược kinh doanh cho giai đoạn tới, đưa hoạt động huy động vốn tại VietinBank Sóc Trăng tăng trưởng vượt bậc, an toàn, phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương
6644	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Trương, Ngọc Đoàn Trang	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (sau đây được gọi là VietinBank - Chi nhánh Tây Đô) trong giai đoạn 2016 - 2018, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động cho vay tiêu dùng trong thời gian tới.
6645	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng	Châu, Ngọc Thùy Trang	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng giai đoạn 2016 – 2018. Phân tích rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng giai đoạn 2016 – 2018. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng trong thời gian tới.
6646	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch Cái Răng	Mạch, Hương Trang	Nguyễn, Thị Lương	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Cái Răng giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, qua đó đề xuất giải pháp.
6647	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh Tịnh Biên - An Giang	Huỳnh, Cẩm Loan	Nguyễn, Thị Lương	2019	Phân tích thực trạng rủi ro tín dụng tại ngân hàng, đồng thời tìm ra những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro.
6648	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Võ, Thị Kim Ngân	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích tình hình huy động vốn và đánh giá hiệu quả hoạt động này tại ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, nhằm rút ra những kết quả đạt được cũng như những mặt còn hạn chế, từ đó làm cơ sở để đưa ra một số giải pháp để khắc phục những mặt còn hạn chế cũng như nâng cao hoạt động huy động vốn của ngân hàng
6649	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau	Lê, Thị Xuân Diễm	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cà Mau, và đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng
6650	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh Vĩnh Long	Nguyễn, Thị Ánh Loan	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Vĩnh Long và đề xuất một số giải pháp phù hợp giúp Ngân hàng tăng trưởng quy mô hoạt động tín dụng cá nhân.
6651	Đại học	Giải pháp phát triển dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Đồng Tháp phòng giao dịch Hồng Ngự	Đặng, Thị Út Diễm	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích tình hình phát triển các dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Phòng giao dịch Hồng Ngự qua các năm 2016, 2017, 2018. Đánh giá hiệu quả hoạt động của dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng Phòng giao dịch Hồng Ngự. Tìm ra các điểm đã đạt được và hạn chế trong việc phát triển dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Phòng giao dịch Hồng Ngự - Đồng Tháp. Đề ra các giải pháp nhằm khắc phục các điểm yếu của dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

6652	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn của ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Tây Đô, phòng giao dịch Trà Nóc	Thái, tú Ngân	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô, PGD Trà Nóc giai đoạn 2016-2018. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động huy động vốn tại PGD Trà Nóc trong thời gian sắp tới
6653	Đại học	Phân tích tình hình thanh toán không dùng tiền mặt của NH TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Võ, Huỳnh Mộng Thủy	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam nói chung và Sacombank nói riêng. Tìm ra những mặt tích cực và hạn chế của hoạt động TTKDTM tại Sacombank. Tìm ra giải pháp cụ thể để cải thiện tình hình TTKDTM tại ngân hàng này.
6654	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Đồng Tháp	Lê, Huỳnh Phương Trang	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích hoạt động Tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đồng Tháp giai đoạn năm 2016 đến năm 2018 cho thấy thực trạng Tín dụng, những nguyên nhân gây nên rủi ro Tín dụng trong cho vay. Từ đó đề ra một giải pháp nhằm ngăn ngừa rủi ro và nâng cao chất lượng hoạt động Tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng.
6655	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Cần Thơ (NCB)	Nguyễn, Hoàng Dũng	Trần, Bá Trí	2019	Đánh giá thực trạng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016-2018 nhằm đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 3 năm 2016,2017,2018. Từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm giúp cho Ngân hàng hoạt động ngày càng hiệu quả.
6656	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Liên, Thái Thảo	Trương, Đông Lộc	2019	Đánh giá thực trạng hiệu quả tài chính của các công ty bất động sản; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của các công ty bất động sản.
6657	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM (HDBANK) chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Tiểu Đan	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) qua 3 năm 2016 - 2018 của HDBank để thấy rõ thực trạng mảng tín dụng này của Chi nhánh, từ đó kiến nghị giải pháp mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng DNNVV của Chi nhánh.
6658	Đại học	Mô hình CAPM và xây dựng danh mục đầu tư cổ phiếu	Lê, Chí Công	Vương, Quốc Duy	2019	Giới thiệu sơ lược về TTCK Việt Nam hiện nay, Phân tích ngành nghề, đánh giá các chỉ số tài chính của một số công ty trong ngành nghề được chọn và tính toán các chỉ số phương sai, độ lệch chuẩn, hiệp phương sai, hệ số tương quan giữa các cổ phiếu, từ đó sẽ tính toán việc kết hợp và đa dạng hóa danh mục ra sao để thành lập và lựa chọn danh mục tối ưu từ các cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
6659	Đại học	Phân tích hiệu quả hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ	Tăng, trần Quỳnh Như	Đỗ, Thị Tuyết	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt- Chi nhánh Cần Thơ. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân cho Ngân hàng.
6660	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành, An Giang	Lữ, Hoàng Bửu	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Châu Thành từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động cho vay của ngân hàng trong thời gian tới.

6661	Đại học	Giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Nguyễn, Phương Lợi	Trần, Thị Hạnh Phúc	2018	Hệ thống hoá lý luận cơ bản về ngân hàng điện tử tại ngân hàng TMCP . Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Cần Thơ - PGD Lý Tự Trọng. Đề xuất một số giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Cần Thơ - PGD Lý Tự Trọng nhằm góp phần cho ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững
6662	Đại học	Phản ứng của thị trường chứng khoán trước sự thay đổi của hệ số tín nhiệm	Đoàn, Thị Hân Hân	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát về hoạt động xếp hạng tín nhiệm của ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's, Standard and Poor's và Fitch Ratings và vài nét về thị trường chứng khoán Việt Nam. Kiểm định sự thay đổi của giá chứng khoán trước và sau khi thông tin thay đổi hệ số tín nhiệm, phân tích phản ứng của thị trường chứng khoán trước sự thay đổi đó. Đề xuất một số kiến nghị với các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.
6663	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Trần, Thúy Diễm	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến nợ xấu của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2018. Từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần cải thiện tình hình xử lý nợ xấu tồn đọng của các NHTM ở Việt Nam.
6664	Đại học	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại ngân hàng Agribank chi nhánh Bình Minh Vĩnh Long	Nguyễn, Lê Ngọc Trang	Vương, Quốc Duy	2018	Phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân trong xu hướng hiện nay, từ kết quả phân tích đó đưa ra được giải pháp giúp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Agribank - Chi nhánh Bình Minh Vĩnh Long trong thời gian tới có thể thu được nguồn vốn cao và nâng cao thêm vị trí Ngân hàng trong lòng khách hàng
6665	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến chất lượng khoản vay của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Lý, Thị Thùy Linh	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố tác động đến tỷ lệ nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong giai đoạn 2013-2018. Qua đó, đề xuất một số giải pháp góp phần giúp các NHTM ở Việt Nam giảm tỷ lệ nợ quá hạn.
6666	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả chi phí và tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Lê, So Nét	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả chi phí và tỷ lệ nợ xấu ở các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam giai đoạn 2013 – 2018, từ đó đề xuất một số khuyến nghị giúp cho các Ngân hàng thương mại giảm được tình trạng nợ xấu và hoạt động hiệu quả hơn.
6667	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hậu Giang	Dương, Hào Quang	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Hậu Giang, từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển hoạt động tín dụng cá nhân của ngân hàng, duy trì được sự ổn định và tăng trưởng tốt trong môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt.
6668	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Châu Thành tỉnh Tiền Giang	Trần, Nhật Tâm	Phan, Đình Khôi	2018	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành -Tiền Giang từ năm 2015 đến năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 tìm ra những thuận lợi, khó khăn, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp giúp ngân hàng tăng trưởng quy mô hoạt động tín dụng.
6669	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Quang Trung	Tạ, Trung Hiếu	Lê, Bình Minh	2019	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Techcombank Quang Trung trong giai đoạn 2016 - 2018; Phân tích và đánh giá tình hình tín dụng ngắn hạn của Techcombank Quang Trung giai đoạn 2016 - 2018 ; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng trong thời gian tới.

6670	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Lai Vung	Phạm, Lê Tuấn	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích tình hình huy động vốn nhằm có cái nhìn sâu sắc hơn về tình hình huy động vốn của NHNo&PTNT chi nhánh huyện Lai Vung. Từ đó đề xuất một số giải pháp để mở rộng hoạt động huy động vốn của NHNo&PTNT Chi nhánh huyện Lai Vung, duy trì được sự ổn định và tăng trưởng tốt trong môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt.
6671	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng ngắn hạn và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ngắn hạn tại PGD Khánh Hưng – NHNo & PTNT tỉnh Sóc Trăng	Bùi, Thanh Hiếu	Đỗ, Thị Tuyết	2019	Phân tích về hoạt động tín dụng ngắn hạn tại phòng giao dịch (PGD) Khánh Hưng - NHNo & PTNT tỉnh Sóc Trăng từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó sẽ đề ra những giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng.
6672	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Quốc Khởi	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Phân tích tổng quát nguồn vốn của Ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2018. Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng thông qua phân tích: Doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ và nợ xấu. Đánh giá hoạt động tín dụng thông qua các chỉ số tài chính. Đề ra một số giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng ngắn hạn Ngân hàng.
6673	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước Cà Mau	Hồ, Hằng Ni	Mai, Lê Trúc Liên	2019	Phân tích hoạt động tín dụng của Agribank Chi nhánh huyện Cái Nước Cà Mau giai đoạn 2016 – 2018 để thấy được thực trạng tín dụng của ngân hàng. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng của ngân hàng
6674	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay hộ sản xuất nông nghiệp tại NHNo & PTNT chi nhánh Gò Quao tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Thanh Tâm	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động cho vay hộ SXNN tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) chi nhánh Gò Quao tỉnh Kiên Giang giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó đưa ra một số giải pháp giúp cải thiện hoạt động cho vay hộ SXNN tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Gò Quao tỉnh Kiên Giang
6675	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Hậu Giang	Tô, Huỳnh Trân	Trương, Thị Bích Liên	2018	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2018, từ đó đánh giá thực trạng tín dụng ngắn hạn của ngân hàng.
6676	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Long An – PGD Kiến Tường	Nguyễn, Quốc Toàn	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2018	Phân tích tình hình tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh Long An – PGD Kiến Tường giai đoạn 2015 – đến tháng 6 năm 2018. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng.
6677	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Duyên Hải	Dương, Ngọc Thanh Hiền	Trương, Đông Lộc	2018	Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Duyên Hải (sau đây được gọi là AGRIBANK chi nhánh Duyên Hải), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho vay tại AGRIBANK chi nhánh Duyên Hải.
6678	Đại học	Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa vốn và thu nhập của các Ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn, Thiên Thảo	Lê, Long Hậu	2018	Khái quát về hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa vốn và thu nhập của các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị đối với các ngân hàng thương mại và các nhà quản lý.

6679	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ – phòng giao dịch Hưng Lợi	Hà, thị Ngọc Hân	Trương, Đông Lộc	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng cá nhân tại VPBank Cần Thơ PGD Hưng Lợi. Phân tích hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân tại VPBank Cần Thơ PGD Hưng Lợi. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân của Ngân hàng.
6680	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng đầu tư tại ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang	Võ, Thanh Ngọc Hiền	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hoạt động tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp – An Giang giai đoạn 2016 đến 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Qua đó, đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng đầu tư tại ngân hàng.
6681	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các ngân hàng TMCP Việt Nam	Nguyễn, Thanh Nhân	Thái, Văn Đại	2019	Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư tài sản của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Qua đó đưa ra đề xuất thích hợp để khuyến nghị về đầu tư tài sản cho các ngân hàng thương mại.
6682	Đại học	Tác động của lượng cung tiền mặt đối với nền kinh tế Việt Nam	Hồ, Bảo Trọng	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích sự tác động của lượng cung tiền đối với nền kinh tế Việt Nam và xem sự tác động từ các yếu tố bên ngoài nền kinh tế với cung tiền trong nước như thế nào. Qua đó, đề ra những giải pháp góp phần hoàn thiện lượng cung tiền phù hợp cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam.
6683	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp – phòng giao dịch Lý Thường Kiệt	Phạm, Thị Thùy Dung	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt (sau đây được gọi là BIDV Đồng Tháp – PGD Lý Thường Kiệt), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm gia tăng vốn huy động cho Ngân hàng.
6684	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Ngô, Kim Loan	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ (TCB) từ năm 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 . Đồng thời, tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng.
6685	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh ngân hàng điện tử tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Thị Thanh Ngân	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích tình hình hoạt động của dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ. Qua đó nhằm đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của dịch vụ ngân hàng điện tử
6686	Đại học	Phân tích tình hình nguồn vốn tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Thu Ngân	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích tình hình nguồn vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương, chi nhánh Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 đến cuối tháng 6 năm 2019. Từ đó đề xuất những giải pháp giúp ngân hàng nâng cao công tác quản lý nguồn vốn để luôn có đủ nguồn vốn đáp ứng các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
6687	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ Mobile banking của khách hàng cá nhân trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Phan, Văn Dũng	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ Mobile Banking của khách hàng cá nhân tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ Mobile Banking trong thời gian tới.
6688	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bạc Liêu	Ngô, Thúy Duy	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Bạc Liêu, đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại chi nhánh.

6689	Đại học	Vận dụng mô hình Camels trong phân tích tình hình hoạt động kinh doanh tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích khái quát về tình hình hoạt động kinh doanh của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng giai đoạn 2009 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của VPBank theo mô hình CAMELS với 6 chỉ tiêu: vốn, chất lượng tài sản có, năng lực quản lý, khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản và mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại VPBank. Đồng thời, đưa ra các kiến nghị cần thiết cho ngân hàng.
6690	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến huy động tiền gửi của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn, Quốc Kim	Nguyễn, Thị Lương	2019	Phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến huy động tiền gửi của các NHTMVN ở 2 giai đoạn: Giai đoạn 2007-2012 (Giai đoạn kinh tế suy yếu), giai đoạn 2013-2018 (Giai đoạn kinh tế tăng trưởng). Thông qua đó, đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao lượng tiền gửi vào các NHTMVN.
6691	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCOMBANK) CN Cần Thơ, PGD An Phú	Đinh, Thị Cẩm Tú	Nguyễn, Thị Lương	2019	Phân tích hoạt động tín dụng đối với KHCN tại NH Thương mại cổ phần (TMCP) Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch An Phú, giai đoạn 2016 - 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 để thấy được thực trạng và từ đó đề ra giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng đối với KHCN tại NH.
6692	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch An Phú	Bùi, Phi Long	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích, đánh giá hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ – PGD An Phú giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019.
6693	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Lê, Anh Kiệt	Nguyễn, Thị Kim Phụng	2019	Đánh giá tình hình hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long giai đoạn từ 2016 đến 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 để thấy rõ tình hình hoạt động tín dụng, từ đó đề ra những giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng nhằm nâng cao hoạt động tín dụng của ngân hàng.
6694	Đại học	Đánh giá các nhân tố tác động đến tỷ lệ thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trần, Minh Thư	Thái, Văn Đại	2019	Đánh giá một số nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ thanh khoản ở các ngân hàng thương mại Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm cải thiện hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản, qua đó góp phần phòng ngừa và hạn chế rủi ro thanh khoản tại các NHTM Việt Nam trong thời gian tới
6695	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Trà Vinh	Võ, Thị Trúc Phương	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng cho ngân hàng.
6696	Đại học	Phân tích tình hình huy động vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong chi nhánh Bắc Cần Thơ	Lê, Kim Tuyền	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích thực trạng huy động vốn và đề xuất các giải pháp liên quan đến huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – CN Bắc Cần Thơ
6697	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TECHCOMBANK) chi nhánh Vĩnh Long	Lê, Minh Tuấn	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng qua 3 năm 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 của Techcombank để thấy được các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng. Từ đó đề xuất nâng cao hoạt động tín dụng của chi nhánh.

6698	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại NHNo & PTNT chi nhánh Bắc Đồng Nai	Lê, Duy Tân	Trần, Thị Hanh Phúc	2019	Phân tích tình hình huy động vốn nhằm có cái nhìn sâu sắc hơn về tình hình huy động vốn của Agribank Chi nhánh Bắc Đồng Nai. Từ đó đề xuất một số giải pháp để mở rộng hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Đồng Nai, duy trì được sự ổn định và tăng trưởng tốt trong môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt.
6699	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Chí Công	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích đánh giá hoạt động cho vay KHCN tại Sacombank Chi nhánh Cần Thơ trong giai đoạn 2016 - 2018 và 6 tháng đầu của năm 2019.
6700	Đại học	Phân tích tình hình nguồn vốn tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Nguyễn, Thanh Tín	Thái, Văn Đại	2019	Phân tích tình hình nguồn vốn của ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long trong giai đoạn 2016 đến 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao việc quản lý nguồn vố của ngân hàng.
6701	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Văn, Thái Nguyệt	phan, Đình Khôi	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng tại Techcombank chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016-2018 và nửa đầu 2019. Từ đó thấy được những điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động kinh doanh thẻ tín dụng và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh thẻ tín dụng tại Techcombank chi nhánh Cần Thơ.
6702	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Gò Quao Kiên Giang	Tạ, Thị Mỹ Duyên	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Gò Quao Kiên Giang trong giai đoạn 2016 - 2018 và sáu tháng đầu năm 2019 để thấy được những điểm mạnh cần phát huy và đề ra một số giải pháp góp phần khắc phục những hạn chế trong hoạt động tín dụng của ngân hàng trong tương lai.
6703	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp	Nguyễn, Phước Vinh	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp từ năm 2016 đến cuối tháng 6 năm 2019. Từ đó, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay đối với KHCN tại Chi nhánh Vietcombank Đồng Tháp trong thời gian tới.
6704	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ	Lý, Thị Hương Giang	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động cho vay tiêu dùng trong thời gian tới.
6705	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Vĩnh Long	Lê, Yến Nhi	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích thực trạng huy động vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Vĩnh Long (sau đây được gọi là Sacombank Vĩnh Long), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn cho Ngân hàng.
6706	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Nguyễn, Thị Thúy Vi	Trần, Thị Hanh Phúc	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Đô qua 3 năm 2016 – 2019, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng của Chi nhánh.
6707	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô, phòng giao dịch Xuân Khánh	Nguyễn, Thị Ngọc Trâm	Nguyễn, Thị Kim Phượng	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng PVcomBank Xuân Khánh giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019 để thấy rõ thực trạng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng. Từ đó, đưa ra giải pháp để nâng cao hoạt động tín dụng tại Ngân hàng trong thời gian tới.

6708	Đại học	Phân tích thực trạng huy động vốn tại ngân hàng TMCP Đại Chúng phòng giao dịch An Phú	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, PGD An Phú qua các năm 2016, 2017, 2018, 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại PVcomBank An Phú.
6709	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Ông, Văn Hiếu	Trương, Đông Lộc	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chi nhánh Cần Thơ (sau đây được gọi là SACOMBANK Cần Thơ), trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn của Ngân hàng.
6710	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kiều Tiên	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT Việt Nam Chi nhánh Thành phố Cần Thơ qua 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Trên cơ sở đó đề xuất ra các giải pháp mở rộng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng.
6711	Đại học	Phân tích tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Trương, Hà Phương Trâm	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Đánh giá thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả TTKDTM của Ngân hàng trong những năm tới.
6712	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hậu Giang	Trần, Cẩm Xuyên	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hậu Giang giai đoạn 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của Ngân hàng trong thời gian tới.
6713	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Phạm, Thị Mỹ Anh	Bùi, Văn Trịnh	2019	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ và đề ra giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng.
6714	Đại học	Phân tích thực trạng phát hành và sử dụng sản phẩm thẻ thanh toán tại ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Bắc Cần Thơ	Hoàng, Phương Quyên	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động phát hành và sử dụng thẻ thanh toán tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bắc Cần Thơ giai đoạn 2016-2018 và 6 tháng đầu năm 2019 , từ đó đề ra những giải pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả và giảm rủi ro trong kinh doanh các sản phẩm thẻ thanh toán của ngân hàng trong tương lai.
6715	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phòng giao dịch Ninh Kiều	Võ, Thị Thúy	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Ninh Kiều giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tiêu dùng tại VPBank chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Ninh Kiều.
6716	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động cho vay tiêu dùng tại ngân hàng TMCP Bảo Việt chi nhánh Cần Thơ	Trịnh, Quốc Khánh	Nguyễn, Thanh Bình	2019	Phân tích hiệu quả hoạt động CVTD tại NH TMCP Bảo Việt-Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động CVTD tại NH.
6717	Đại học	Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh tại chi nhánh NHNo & PTNT huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Trần, Thị Thúy Duyên	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Bình Tân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp Ngân hàng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

6718	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam chi nhánh Tây Đô	Phạm, Thị Thanh Trúc	Nguyễn, Thị Kim Phượng	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chi nhánh Tây Đô – EXIMBANK Tây Đô. Nhằm đánh giá hoạt động tín dụng để biết được tình hình kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian qua, đồng thời biết được những thuận lợi và khó khăn. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động tín dụng trong tương lai để Ngân hàng ổn định và phát triển hơn trong thời gian tới.
6719	Đại học	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Internet Banking của khách hàng tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ	Dương, Hải Phụng	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Internet banking của khách hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh (CN) Cần Thơ, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển dịch vụ này trong tương lai.
6720	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất kinh doanh cây giống tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Thị Hồng Nhung	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (SXKD) cây giống trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
6721	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang	Trang, Thị Diễm Ngân	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang, từ đó đề ra một số giải pháp góp phần nâng cao khả năng huy động vốn tại ngân hàng này.
6722	Đại học	Các nhân tố tác động đến dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trần, Anh Duy	Thái, Văn Đại	2019	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến dư nợ tín dụng của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam và đề xuất một số khuyến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động tín dụng của các NHTM.
6723	Đại học	Thực trạng và giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Bắc Á chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Khánh Ngọc	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích về thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Cần Thơ, từ đó đề ra những giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng.
6724	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng Kiên Long chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Hoàng Yến Nhi	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kiên Long Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần mở rộng cũng như nâng cao hoạt động tín dụng của ngân hàng
6725	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại NH TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Cà Mau	Dương, Huỳnh My	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích hoạt động huy động vốn, và đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín – chi nhánh Cà Mau.
6726	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT chi nhánh huyện Châu Thành Sóc Trăng	Nguyễn, Thị Thanh Nhân	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Châu Thành Sóc Trăng trong giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019. Từ đó, đề xuất giải pháp để nâng cao hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng.
6727	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Thị Mỹ Liên	Nguyễn, Xuân Thuận	2019	Phân tích tình hình rủi ro tín dụng, các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong thời gian qua tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi Nhánh Cần Thơ trong 3 năm 2016-2018, từ đó nhận biết được những mặt tích cực cũng như những mặt hạn chế và đề xuất các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong thời gian tới tại Ngân hàng.

6728	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh thẻ tại ngân hàng ngoại thương chi nhánh Tây Cần Thơ	Đỗ, Khánh Thy	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích hoạt động kinh doanh thẻ tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Cần Thơ, qua đó, đưa ra các giải pháp góp phần phát triển hoạt động kinh doanh thẻ tại ngân hàng.
6729	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín chi nhánh Trà Vinh	Lê, Thị Thủy Tiên	Trần, Ái Kết	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay KHCN.
6730	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Đông Á phòng giao dịch huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Quốc Khánh	Trương, Thị Bích Liên	2019	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về HĐTD ngắn hạn đối với KHCN. Phân tích thực trạng HĐTD ngắn hạn đối với KHCN tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Phòng Giao Dịch huyện Càng Long. Đề xuất các giải pháp nâng cao HĐTD ngắn hạn đối với KHCN.
6731	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng TMCP Kỹ thương chi nhánh Cần Thơ	Trần, Thảo Quyên	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích khái quát hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2016 – 2019. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng.
6732	Đại học	Phân tích skeest quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Tây Đô	Lâm, Thị Mộng Thu	Phan, Đình Khôi	2019	Phân tích kết quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội Chi nhánh Tây Đô nhằm đề xuất các giải pháp phát triển hơn nữa về cho vay khách hàng cá nhân tại MBbank.
6733	Đại học	Phân tích thực trạng và đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay mua xe ô tô của ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam chi nhánh Tây Đô, phòng giao dịch Xuân Khánh	Đỗ, Uyên Chi	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích thực trạng cho vay và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay mua xe ô tô của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, chi nhánh Tây Đô, phòng giao dịch Xuân Khánh từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019
6734	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM chi nhánh Cần Thơ	Võ, Thị Bảo Trâm	Phạm, Phát Tiến	2019	Phân tích hoạt động tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp để mở rộng hoạt động tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng
6735	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại NHNo & PTNT Việt Nam chi nhánh thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang	Nguyễn, Thị Mộng Tuyền	Lê, Long Hậu	2019	Phân tích hoạt động cho vay cá nhân tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang từ giai đoạn năm 2016 đến năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong cho vay cá nhân và góp phần phát triển, nâng cao chất lượng tín dụng khách hàng cá nhân tại Agribank Cai Lậy.
6736	Đại học	Phân tích hoạt động huy động vốn tại ngân hàng TMCP Á Châu phòng giao dịch Xuân Khánh Thành phố Cần Thơ	Hồ, Thị Mỹ Ngân	Trương, Thị Bích Liên	2019	Phân tích tình hình huy động vốn của Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Xuân Khánh giai đoạn từ năm 2016 đến 6 tháng đầu năm 2019. Để thấy khai thác cụ thể hơn điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động huy động vốn của Ngân hàng. Qua đó nghiên cứu đề xuất những giải pháp để nâng cao hoạt động huy động vốn của Ngân hàng.
6737	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Cần Thơ phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Nguyễn, Mộng Kha	Huỳnh, Thị Tuyết Sương	2019	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng – PGD Lý Tự Trọng. Từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng.
6738	Đại học	Phân tích khả năng trả nợ đối với hộ vay tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang	Dương, Hoài Ân	Trần, Bá Trí	2019	Phân tích khả năng trả nợ đối với hộ vay tại ngân hàng Chính Sách Xã Hội tỉnh An Giang. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tăng khả năng trả nợ cho các hộ vay, tạo cơ sở cho những chính sách trong tương lai của ngân hàng.

6739	Đại học	Phân tích rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Phạm, Mỹ Phương	Trần, Thị Hạnh Phúc	2019	Phân tích rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân tại NHNo&PTNT huyện Vĩnh Thạnh qua 3 năm 2016 - 2018. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng
6740	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam – chi nhánh Tây Đô – Phòng giao dịch Lý Tự Trọng	Nguyễn, Thị Kim Hạnh	Vương, Quốc Duy	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng PVcombank- PGD Lý Tự Trọng. Từ đó đề ra giải pháp góp phần giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng tín dụng
6741	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG ĐIỆN THOẠI TRÊN NỀN TẢNG ASP.NET MVC	Trương, Đạt Vinh	Nguyễn, Minh Trung	2018	“Xây dựng website quản lý cửa hàng điện thoại trên nền tảng ASP.NET MVC” là một nhu cầu không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh và phát triển của quán. Đề tài sử dụng ngôn ngữ ASP.NET, hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server và áp dụng ASP.NET MVC để thực hiện. Phía khách hàng có thể đăng nhập vào website sẽ được cung cấp các dịch vụ như: xem menu, xem sản phẩm, xem giá tiền của các sản phẩm, mua sản phẩm. Về phía quản trị viên có thể quản lý bảng, quản lý các sản phẩm, xem báo cáo, thống kê kho hàng, doanh thu sản phẩm.
6742	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GIỚI THIỆU VÀ MUA BÁN SÁCH TRÊN NỀN ASP.NET CORE, SIGNALR	Lý, Nhật Tâm	Hồ, Văn Tú	2019	Ngày nay, khi nhân loại bước vào kỷ nguyên công nghệ 4.0, khi mọi thứ đã bắt đầu trở nên tin học hóa, công nghệ thông tin đã và đang đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới, là một phần không thể thiếu trong một xã hội ngày càng hiện đại hoá. Khi khách hàng muốn tìm kiếm thông tin về sản phẩm, dịch vụ nào đó họ sẽ ngay lập tức vào google để tìm kiếm. Website sẽ là nơi lưu trữ tất cả những thông tin cần thiết cho khách hàng. Đặc biệt trong lĩnh vực bán giáo trình vốn đã khó khăn khi hiện nay nhu cầu đọc giáo trình online đang tăng mạnh thì nhu cầu bán giáo trình truyền thống càng phải được đẩy mạnh để không làm mất đi nét đẹp của văn hóa đọc cũng như doanh thu của các nhà sản xuất. Vì thế, trong đề tài này tôi đã xây dựng thành công website giới thiệu và mua bán sách trên nền tảng ASP.NET Core và công nghệ SignalR, cụ thể ở đây là khách hàng có thể đặt hàng trực tiếp trên website, giao tiếp với nhau thông qua phòng chat..., còn quản trị viên có thể quản lý các danh mục sản phẩm, xem và quản lý các đơn hàng hiện có, thống kê theo tháng, quản lý tài khoản nhân viên và khách hàng... Mục đích chính là thuận tiện cho việc mua bán online ngày càng dễ dàng hơn, đáp ứng được nhu cầu mua hàng của khách hàng, bên cạnh đó có thể trò chuyện trực tiếp với các thành viên đang online trên trang web. Website sử dụng .NET CORE 2.1(C# và ASP.NET) để vận hành, kết hợp với công nghệ SignalR để giao tiếp thời gian thực, đảm bảo việc mua bán nhanh chóng, tốc độ thực thi của website tối ưu nhất, đáp ứng được yêu cầu đã đề ra.

6743	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN HÀNG TRÀ-CAFE TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Nguyễn, Công Hồ	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2018	“Xây dựng website bán hàng trà-cà phê” trên nền Laravel framework. Website mua bán trà-cà phê được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, ... Website bán hàng online được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng. Người dùng có thể mua hàng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào. Về phía quản trị, quản trị có thể quản lý hệ thống website một cách dễ dàng, thuận tiện, đồng thời có thể lập báo cáo, thống kê doanh thu bán hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau. Hệ thống website cấp quyền tương đối bảo mật và cụ thể cho từng nhân viên quản lý, giúp nhân viên có trách nhiệm và có ý thức hơn đối với công việc.
6744	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ PHÂN HỆ QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG TRÊN NỀN TẢNG ARAVEL FRAMEWORK	Lê, Minh Trường	Võ, Hải Đăng	2018	Hệ thống thương mại điện tử được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascript,.... Website bán hàng online được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng.
6745	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN TRÁI CÂY NHẬP KHẨU TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Huỳnh, Long Hồ	Lê, Minh Lý	2019	Trong thời đại kỹ thuật số ngày nay, công việc mua bán ngày càng trở nên đơn giản hơn. Từ việc tìm kiếm, chọn sản phẩm, đến việc đặt hàng để có thể thực hiện trên máy tính hoặc điện thoại. Đề tài “Xây dựng hệ thống bán trái cây ngoại nhập trên nền tảng Android” được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu này. Đề tài được xây dựng trên hệ điều hành Android với phiên bản Android 6 Marshmallow trở lên, hệ quản trị cơ sở dữ liệu được sử dụng là MySQL. Để có thể sử dụng người dùng cần đăng ký tài khoản bằng email và được xác nhận bằng mã OTP. Sau khi đã có tài khoản, người dùng vẫn có thể cập nhật các thông tin đã đăng ký (không thể thay đổi email). Nếu quên mật khẩu người dùng có thể đặt lại mật khẩu bằng cách nhập mã OTP được gửi đến email và đặt lại mật khẩu mới của mình. Như vậy tài khoản của người dùng luôn được bảo mật và an toàn. Ứng dụng cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng và đặt mua sản phẩm. Khi đặt mua, các thông tin như tên người đặt, địa chỉ, số điện thoại được lấy từ thông tin người dùng đã đăng ký. Tuy nhiên, người dùng có thể thay đổi trong phần đặt mua. Hệ thống có 2 phương thức thanh toán là: thanh toán khi nhận hàng và thanh toán bằng ví điện tử MoMo. Hệ thống còn cho phép người dùng đánh giá sản phẩm và xem đánh giá. Ngoài ra nếu tài khoản đăng nhập có phân quyền admin, chức năng duyệt đơn hàng và xem thống kê theo năm của đơn đặt hàng, các loại sản phẩm và khách hàng được hiển thị. Nếu tài khoản có phân quyền shipper thì được bổ sung thêm chức năng xác nhận đã giao hàng.
6746	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN QUÀ TẶNG TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Lê, Hoàng Em	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2018	Website quản lý cửa hàng bán quà tặng được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, ... Website bán hàng online được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng.

6747	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN ĐĨA NHẠC TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Trần, Hùng Chương	Lê, Minh Lý	2018	Website thương mại điện tử với tên đề tài là “xây dựng website cửa hàng bán đĩa nhạc” tập trung vào việc mua bán các sản phẩm liên quan đến âm nhạc. Đối với những khách hàng có nhu cầu sưu tầm các đĩa nhạc gốc của các nghệ sĩ, hệ thống mua bán đĩa nhạc online sẽ giúp các khách hàng dễ dàng đặt mua sản phẩm mà mình yêu thích, dù ở xa hay không có nhiều thời gian chỉ với vài cú click chuột khách hàng có thể đặt hàng một cách dễ dàng. Thông qua website khách hàng có thể đặt mua đĩa nhạc với những thao tác đơn giản. Nhân viên (bao gồm quản lý và nhân viên bình thường) có thể dễ dàng quản lý các đĩa nhạc, tin tức âm nhạc, đơn hàng đã được đặt, các phiếu nhập hàng, quản lý quảng cáo hay các sự kiện khuyến mãi một cách dễ dàng. Nhân viên quản trị có thêm chức năng quản lý tài khoản của các nhân viên khác và khách hàng. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP – Laravel framework và hệ quản trị cơ sở dữ liệu mysql.
6748	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE DU LỊCH CỬA LAO AN BÌNH TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL VÀ ANGULARJS	Tô, Thị Phương Thảo	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	“Xây dựng website du lịch An Bình trên nền tảng Laravel và AngularJS” sẽ phần nào tiết kiệm thời gian trong khâu quản lý, tổ chức đăng ký du lịch, khách hàng cảm thấy thoải mái hơn khi có sẵn hệ thống quản lý trực tuyến có thể đăng ký tham khảo và lựa chọn những dịch vụ phù hợp với mình, điều này sẽ thu hút lượng khách nhiều hơn trong thời gian sắp tới. Ứng dụng này được xây dựng trên Laravel Framework 5.X và AngularJS. Đối với khách hàng có thể đăng ký tài khoản để đặt tour, gửi email liên hệ góp ý, tìm kiếm tour, tìm đường trên bản đồ, xem thông tin về các tour cũng như các địa điểm du lịch của cửa lao An Bình. Với thành viên sẽ kế thừa các chức năng của khách hàng, cần đăng nhập để đặt tour, xem thông tin đặt tour, hủy đặt tour, xem thông tin cá nhân và đăng xuất tài khoản. Trang quản trị sẽ có hai phân quyền: quản lý, nhân viên. Đối với phân quyền nhân viên có các chức năng như: quản lý khách hàng, quản lý điểm du lịch, quản lý tour, quản lý phương tiện, quản lý khách sạn. Đối với phân quyền quản lý sẽ kế thừa các chức năng của nhân viên và mở rộng thêm chức năng: quản lý thống kê và quản lý nhân viên.
6749	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ	Nguyễn, Hoàng Mẫn	Huỳnh, Phụng Toàn	2018	Trong giáo dục cũng vậy, cần có các phần mềm giúp cho việc quản lý trở nên dễ dàng hơn. Hiện tại, tại trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang với hệ thống trang thiết bị y tế và phòng thực hành tương đối lớn, nhưng việc quản lý thông qua sổ sách hoặc lưu dưới các file excel cơ bản. Nhận thấy những hạn chế trong việc quản lý đó, nên tôi đã quyết định xây dựng một trang web nhằm đáp ứng các nghiệp vụ trong trường. Cụ thể tôi xây dựng một website quản lý hệ thống trang thiết bị y tế, phòng thực hành, đăng ký lịch dạy cho các giảng viên, quản lý thông tin các cán bộ, giảng viên trong trường. Các chức năng phê duyệt đăng ký, nhập xuất thiết bị, phân công chịu trách nhiệm quản lý các phòng thực hành cho giảng viên và phân quyền, ... Ngoài ra còn có các chức năng báo cáo, thống kê, giúp cho người quản trị dễ dàng nắm bắt được tình trạng, số lượng các phòng thực hành, trang thiết bị. Chương trình được viết bằng ngôn ngữ Java và sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.

6750	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐĂNG KÍ VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NIÊN LUẬN – LUẬN VĂN	Trang, Quốc Quý Dương	Võ, Hải Đăng	2018	“Hệ thống đăng kí và theo dõi thực hiện đề tài niên luận – luận văn” được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị CSDL MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javacripts,... Hệ thống quản lý đăng kí và theo dõi thực hiện niên luận – luận văn được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về đăng kí, quản lý sinh viên trong việc hoàn thành niên luận, luận văn.
6751	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ ĐOÀN VIÊN VỚI LARAVEL FRAMEWORK	Dương, Thị Hồng Ngân	Lê, Văn Quan	2018	Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý thông qua các website đang là một xu hướng được lựa chọn hàng đầu. Sự hỗ trợ của công nghệ đang phát triển một cách nhanh chóng “Laravel ramework” là một trong những Framework hỗ trợ hàng đầu của PHP Framework. Đề tài xây dựng website quản lý được xây dựng trên nền tảng Laravel Framework. Với ngôn ngữ lập trình PHP và cơ sở dữ liệu MySQL. Về mặt lý thuyết đề tài đã ứng dụng mô hình MVC, một số lớp cơ bản trong Laravel Framework. Về mặt thực tiễn đề tài đã xây dựng cơ bản một website quản lý cho phép người dùng xem thông tin và đăng ký online và cho người quản lý dễ dàng hơn....
6752	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN ĐỒNG HỒ VỚI FRAMEWORK LARAVEL 5	Phạm, Văn Cường	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	Ở Việt Nam, công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển có rất nhiều cửa hàng và doanh nghiệp kinh doanh đang tiến hành thương mại hóa trên Internet. Chính vì thế em đã chọn đề tài “Xây dựng website quản lý bán đồng hồ dựa trên công nghệ Laravel Framework 5” để thực hiện báo cáo. Website nhằm hiển thị thông tin và phân loại sản phẩm có trong cửa hàng. Khách hàng có thể vào website để tìm kiếm và lựa chọn các sản phẩm mà họ cần và muốn mua. Khách hàng có thể đặt mua sản phẩm ngay tại website thông qua chức năng giỏ hàng để thêm, xóa, cập nhật số lượng sản phẩm cần mua. Quản trị của web có các chức năng quản lý nhân viên, quản lý khách hàng, xem và duyệt đơn đặt hàng, quản lý đơn nhập và xuất hàng, cập nhật sản phẩm, thống kê doanh thu của cửa hàng theo tháng, quý, năm. Website được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng Framework Laravel 5.2 theo mô hình MVC, hệ quản trị CSDL MySQL, hiển thị danh sách các sản phẩm và bố cục của trang web bằng HTML 5, CSS3 và Bootstrap Framework.

6753	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN QUỐC GIẢI KHÁT TỪ TRÁI DỪA TỐI BẢNG NGÔN NGỮ PHP VÀ NỀN TẢNG LARAVEL	Phạm, Mỹ Chi	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2018	Với sự phát triển của công nghệ 4.0, công nghệ thông tin chính là “chìa khóa” của sự thay đổi, là đòn bẩy giúp Việt Nam phát triển trong nhiều lĩnh vực, trong đó có kinh doanh online. Mua bán trực tuyến đang phát triển mạnh mẽ cùng với điện thoại smartphone, máy tính bảng, laptop, rất tiện lợi cho việc mua hàng tại nhà của khách hàng. Chính vì vậy mà trang web quản lý bán hàng trực tuyến rất cần thiết cho các cửa hàng, doanh nghiệp. Từ những lý do trên mà tôi chọn đề tài Xây dựng trang web bán các loại nước giải khát từ trái dừa tươi. Qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện, website đã hoàn thành đáp ứng mục tiêu đặt ra của đề tài. Người dùng tại thành phố Cần Thơ có thể mua hàng ở bất cứ nơi đâu trong thành phố. Về phía quản trị, quản trị có thể quản lý hệ thống website một cách dễ dàng, thuận tiện, thống kê doanh thu bán hàng. Hệ thống website cấp quyền tổng đối bảo mật và cụ thể cho từng nhân viên quản lý, giúp việc quản lý bán hàng trực quan và hiệu quả hơn.
6754	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ PHÂN HỆ QUẢN LÝ GIAN HÀNG TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Phạm, Thị Thanh Ngân	Võ, Hải Đăng	2018	Website thương mại điện tử ra đời mang thông tin đến với mọi người với mục đích chính là giúp khách hàng có thể đặt mua tất cả các loại sản phẩm qua mạng một cách nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm chi phí. Việc bạn có thể ở nhà mà đi đến cửa hàng này hoặc cửa hàng khác trong không gian ảo đã trở thành hiện thực. Ngày nay, bất cứ thứ hàng nào, bạn có thể đặt mua qua Internet từ một bó hoa tươi, một chiếc điện thoại, một chiếc máy vi tính cho đến một chiếc xe,... Bạn có thể mua cho mình tất cả các mặt hàng được bán ở một cửa hàng nào đó trên mạng. Nếu bạn muốn kinh doanh thì hãy nhanh chóng mở một cửa hàng vì đây chính là nơi mà bạn sẽ lôi kéo được nhiều khách hàng quen thuộc nhất về mình. Do đó, xây dựng “Website thương mại điện tử” là một vấn đề thực tế, ứng dụng được và có tiềm năng phát triển trong tương lai. Sự ra đời của ngôn ngữ lập trình cho phép chúng ta có thể thiết kế và xây dựng các ứng dụng giao dịch điện tử dưới nhiều hình thức khác nhau.

6755	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ VÀ DỊCH VỤ CẦM ĐỒ	Phạm, Quốc Việt	Huỳnh, Phụng Toàn	2018	Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông đã giải quyết rất nhiều khó khăn trong việc quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp. Công việc quản lý từ đó cũng ngày càng được số hóa một cách nhanh chóng, tiện lợi và an toàn. Tuy nhiên, liên hệ thực tế tại quê nhà, vẫn còn nhiều ngành nghề kinh doanh đi theo cách quản lý truyền thống từ nhiều năm qua gây nhiều khó khăn, bất tiện, tốn nhiều thời gian, nhân lực dẫn đến tốc độ phát triển chậm, doanh thu thấp. Nổi bật có các doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh vàng bạc hay dịch vụ cầm đồ - đối tượng khách hàng có nguồn thu nhập cao, sẵn sàng chịu đầu tư số tiền lớn vào kinh doanh, quản lý nhưng lại không chú tâm vào phát triển công nghệ, phần mềm (vì chưa biết đến hoặc nếu có thì cũng chỉ là những phần mềm hay bảng tính đơn giản, không chuyên nghiệp dành cho ngành nghề, kém tiện lợi, các chức năng chưa giải quyết được những yêu cầu của cửa hàng, doanh nghiệp). Từ đó ý tưởng về một phần mềm winform quản lý sử dụng ngôn ngữ lập trình C# .Net Framework cùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server để phát triển các chức năng đặc thù về mua, bán, trao đổi trang sức vàng bạc và các chức năng liên quan đến dịch vụ cầm đồ một cách phù hợp hơn, chuyên sâu hơn và dành riêng cho các cửa hàng, doanh nghiệp kể trên được ra đời. Đề tài được nghiên cứu, học hỏi dựa trên sự quan sát và khảo sát ở các cửa hàng kinh doanh vàng bạc (những doanh nghiệp này thường kinh doanh cả dịch vụ cầm đồ) cùng với trải nghiệm kinh doanh thực tế của bản thân tại doanh nghiệp tư nhân gia đình từ đó rút kết những kinh nghiệm, những điều doanh nghiệp cần, những điều doanh nghiệp thiếu để phát triển các chức năng của phần mềm sao cho phù hợp nhất. Chương trình hiện tại đã đáp ứng được phần lớn các nhu cầu về chức năng từ cơ bản đến chuyên sâu của một cửa hàng, doanh nghiệp vừa và nhỏ với định hướng phát triển tương lai sẽ đưa vào áp dụng thực tế để tiếp tục tiến hành chỉnh sửa, mở rộng các chức năng sao cho phù hợp với các yêu cầu của từng đối tượng khách hàng khác nhau
------	---------	--	-----------------	-------------------	------	--

6756	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE MUA BÁN MỸ PHẨM VỚI ASP.NET & MVC	Nguyễn, Thị Thúy An	Lê, Văn Quan	2018	Thế hệ XXI là thời kỳ bùng nổ của công nghệ. Nhiều thiết bị công nghệ ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc, học tập và giải trí của con người. Cùng với đó là sự phát triển về cơ sở hạ tầng làm cho mảng công nghệ nói chung và internet nói riêng ngày càng trở nên quan trọng và không thể thiếu đối với cuộc sống con người. nhắc đến internet không thể không nhắc đến website. Website được tạo ra bằng nhiều cách với nhiều mục đích khác nhau. Truy cập đơn giản, tiết kiệm chi phí là lợi thế mà website mang lại. Vì thế đề tài “Xây dựng website mua bán mỹ phẩm với ASP.NET & MVC” được lựa chọn. Đề tài sử dụng ngôn ngữ lập trình ASP.NET, hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server để thực hiện. Các chức năng chính của website về phía khách hàng: đăng ký, đăng nhập, mua hàng và về phía nhân viên gồm: quản lý nhập hàng, quản lý đơn hàng, quản lý xuất hóa đơn. Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã vận dụng kiến thức nhà trường và kinh nghiệm trong việc xây dựng mô hình hệ thống thông tin, lập trình bằng ngôn ngữ ASP.NET và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Website tạo ra đáp ứng được cơ bản mục tiêu và thực tiễn, bên cạnh vẫn còn một số vấn đề chưa giải quyết được. Tuy nhiên hệ thống sẽ được triển khai và tiếp tục hoàn thiện hơn trong tương lai.
6757	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE MUA BÁN SÁCH TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Trần, Phương Phụng	Lê, Văn Quan	2018	“Xây dựng website mua bán sách trên nền tảng Laravel Framework” mong muốn thiết kế một website bán sách, cung cấp cho khách hàng các nhóm chức năng: đăng ký, đăng nhập, mua sách và các nhóm chức năng quản lý cho nhân viên: quản lý nhập, quản lý đơn hàng, quản lý sách, báo cáo thống kê và sao lưu dữ liệu. Đề tài này được chúng tôi sử dụng công nghệ Laravel Framework, sau khi hoàn thành sẽ đáp ứng được các mục tiêu cơ bản đã đề ra và thực tiễn.
6758	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THI TRẮC NGHIỆM TRỰC TUYẾN TRÊN NỀN TẢNG .NET MVC 5	Trần, Thiện Phúc	Nguyễn, Minh Trung	2018	“Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến trên nền tảng .Net MVC 5” xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu, quản trị dự án, lập trình bằng ngôn ngữ lập trình ASP.NET và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Website được tạo nên từ nhu cầu thực tiễn của người dùng, đáp ứng được mục đích kiểm tra trắc nghiệm khách quan cho người dùng.
6759	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG CODEIGNITER FRAMEWORK	Thạch, Quyên	Nguyễn, Minh Trung	2018	“Xây dựng website bán điện thoại di động trên nền tảng Codeigniter framework” để làm đề tài luận văn. Mục tiêu của đề tài nhằm đáp ứng các yêu cầu: Khách hàng mua hàng trực tuyến.- Quản lý thông tin sản phẩm.- Quản lý thông tin đơn hàng, nhập hàng, nhà cung cấp, khách hàng ...
6760	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN ĐỒ PHƯỢT	Lê, Hoàng Minh	Nguyễn, Minh Trung	2018	“Xây dựng website quản lý cửa hàng bán đồ PHƯỢT” được đề xuất nhằm giải quyết vấn đề trên. Phần mềm có một số chức năng chính dành cho người dùng như: đăng ký, đăng nhập, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm... Đối với người quản lý thì có thể quản lý sản phẩm, quản lý người dùng, quản lý đơn hàng, quản lý danh mục sản phẩm, quản lý thành viên. Chương trình sử dụng phần mềm XAMPP để tạo CSDL và chương trình sử dụng Codeigniter để xây dựng website.

6761	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG WEBSITE QUẢN LÝ COFFE SHOP VỚI SPRING FRAMEWORK	Huỳnh, Đặng Thành Đạt	Huỳnh, Phụng Toàn	2018	Trong những năm gần đây, trên địa bàn thành phố Cần Thơ mọc lên rất nhiều cửa hàng kinh doanh về thức ăn, đồ uống nhằm phục vụ nhu cầu thưởng thức đồ ăn thức uống ngon, thư giãn, nghỉ dưỡng cho các đối tượng khách hàng là người đã và đang đi làm. Cũng như cho các bạn trẻ, các bạn sinh viên có môi trường yên tĩnh để học tập và trò chuyện với bạn bè. Nhưng một hiện trạng phổ biến đang xảy ra gây bất lợi đến với đối tượng khách hàng, họ phải tốn rất nhiều thời gian cho việc di chuyển đến cửa hàng, sau đó còn phải lựa chọn sản phẩm phù hợp thông qua thực đơn chỉ có tên và giá món ăn, thức uống. Các mặt hạn chế này làm khách hàng tốn nhiều thời gian và đôi khi họ còn lựa chọn lầm sản phẩm do thực đơn không có trình bày hình thức sản phẩm (hình ảnh sản phẩm). Về kinh doanh của cửa hàng, họ còn sử dụng cách thức quảng cáo sản phẩm là phát tờ rơi, băng rôn quảng cáo và đôi khi còn quản lý kinh doanh, quản lý nhân sự bằng hình thức lưu trữ giấy tờ. Điều này gây tiêu tốn nhiều chi phí và thông tin lưu trữ không an toàn, dễ mất mát. Do đó, em quyết định lựa chọn đề tài Xây dựng hệ thống website quản lý và kinh doanh Coffe Shop nhằm cố gắng khắc phục những mặt hạn chế nêu trên. Tuy nhiên khi vào thực tiễn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót cũng như phát sinh thêm những yêu cầu cao hơn về chức năng.
6762	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÁN ĐẤU GIÁ SẢN PHẨM TRÊN NỀN TẢNG SPRING MVC FRAMEWORK VÀ HIBERNATE	Vũ, Thị Bích Liên	Võ, Hải Đăng	2018	Mạng Internet là một trong những sản phẩm có giá trị hết sức lớn lao và ngày càng trở nên một công cụ không thể thiếu, là nền tảng để truyền tải và trao đổi thông tin toàn cầu. Bằng Internet, chúng ta đã thực hiện được những công việc với tốc độ nhanh hơn, chi phí thấp hơn nhiều so với các cách thức truyền thông khác. Chính điều này đã thúc đẩy sự khai sinh và phát triển của thương mại điện tử trên khắp thế giới, làm biến đổi đáng kể bộ mặt văn hóa, nâng cao đời sống con người. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử đã khẳng định được xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Người tiêu dùng Việt Nam đã xem Internet là một công cụ để tìm kiếm thông tin về những sản phẩm, mặt hàng, những thông tin về người bán và người mua. Hiện nay trên thực tế có nhiều sản phẩm người này cần bán, người kia cần mua... Vì vậy chúng ta cần một nơi để kết nối người mua và người bán, đồng thời có những sản phẩm cho phép đấu giá trực tuyến. Vì vậy em quyết định chọn đề tài “Xây dựng hệ thống bán đấu giá sản phẩm”. Website đấu giá không chỉ là nơi đấu giá các sản phẩm, là công cụ hỗ trợ cho người sử dụng tìm hiểu về sản phẩm mình cần và có thể liên hệ, để biết thêm thông tin về sản phẩm cần mua mà còn là nơi để mọi người có thể rao quảng cáo, việc làm, phòng trọ, nhà ở,... Mong rằng trang web này có thể đáp ứng những yêu cầu của người sử dụng.

6763	Đại học	XÂY DỰNG WEB SERVICE CHO DỊCH VỤ SỬA CHỮA	Trần, Minh Tuyền	Lê, Văn Quan	2018	Đề tài “xây dựng Web Service cho dịch vụ sửa chữa ” sẽ tạo ra một hệ thống dịch vụ sửa chữa: ứng dụng chạy trên nền tảng web dùng để quản trị toàn bộ hoạt động của hệ thống, ứng dụng chạy trên hệ điều hành android dùng cho khách hàng và kỹ thuật viên sử dụng. Ứng dụng web sẽ được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình: PHP và Codeigniter Framework, ngôn ngữ Android, cùng với hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL ngoài ra ứng dụng cũng sẽ hỗ trợ thanh toán trực tuyến với Onepay. Ứng dụng sẽ phục vụ ba nhóm người dùng chính bao gồm khách hàng, kỹ thuật viên và quản trị viên. Trong luận văn này sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho quản trị viên quản trị hệ thống một cách đơn giản, bên cạnh đó còn nhắm tới khách hàng và kỹ thuật viên, mang đến những chức năng dễ sử dụng mà hầu hết những người sử dụng Smartphone cơ bản điều biết sử dụng. Ứng dụng đó giúp cho chúng ta tiết kiệm được rất nhiều thời gian và mang đến cuộc sống tuyệt vời cho chúng ta.
6764	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ MUA BÁN VẬT NUÔI TRÊN NỀN TẢNG ASP.NET MVC	Bùi, Văn Thiện	Hồ, Văn Tú	2018	“Xây dựng website bán vật nuôi dựa trên nền tảng Framework ASP.NET MVC” để hỗ trợ khách hàng trong việc đặt hàng qua mạng Internet. Website quản lý mua bán vật nuôi được viết bằng ngôn ngữ lập trình C# dựa trên nền tảng ASP.NET MVC5 sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server cùng với các công nghệ web Ngày nay vật nuôi đối với HTML, Javascript. Các vấn đề đã nghiên cứu được về framework ASP.NET MVC5, công nghệ AJAX, cấu trúc JSON, Bootstrap. Các hướng tiếp cận phát triển là tìm kiếm thông tin qua Internet, xử lý thông tin. Kết quả cuối cùng, đã xây dựng thành công website bán vật nuôi với các chức năng như: đăng ký, đăng nhập, xem thông tin sản phẩm, đặt hàng online, bình luận,... Website sử dụng giao diện Bootstrap, hỗ trợ người dùng với các kích thước màn hình khác nhau như máy desktop, laptop, tablet, smartphone.
6765	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEBSITE QUẢN LÝ NHÀ HÀNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ ASP.NET MVC 5 TÍCH HỢP ANGULARJS VÀ WEB API	Nguyễn, Thành Công	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	“Xây dựng ứng dụng website quản lý nhà hàng sử dụng ngôn ngữ ASP.NET MVC 5 tích hợp AngularJS và Web API” nhằm mục đích xây dựng một trang web trình bày những món ăn trong nhà hàng một cách hấp dẫn, cho phép khách hàng đặt món ăn trực tuyến hoặc khách hàng cũng có thể đặt bàn trước khi đến nhà hàng. Bên cạnh đó, có thêm các tính năng do người thiết kế đưa vào như: quản lý tài khoản của nhân viên, xem và duyệt đơn đặt món ăn món ăn trực tuyến, đơn đặt bàn, thống kê doanh thu của nhà hàng theo ngày, theo tháng và theo năm v.v. Ứng dụng web được xây dựng dựa trên ngôn ngữ C# theo công nghệ ASP.NET với mô hình MVC 5 tích hợp với AngularJS và Web API dựa trên hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server, hiển thị danh sách món ăn và trình bày bộ cục của trang Web bằng HTML5 và định dạng CSS3. Trang web sau khi xây dựng hoàn chỉnh sẽ hỗ trợ cho việc quản lý nhà hàng một cách linh hoạt và hiệu quả hơn khi có truy cập internet mọi lúc mọi nơi, khách hàng tìm kiếm thông tin của nhà hàng, thông tin món ăn một cách dễ dàng và nhanh chóng.

6766	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH THỰC PHẨM SẠCH VỚI NODEJS VÀ MONGODB	Son, Thị Mỹ Lê	Hồ, Văn Tú	2018	Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin nói chung cũng như thương mại điện tử nói riêng đã giúp cho chất lượng cuộc sống con người ngày càng được nâng cao một cách rõ rệt. Song song với sự phát triển đó, con người càng có nhiều nhu cầu hơn về đời sống vật chất, tinh thần và đặc biệt đó là sức khỏe. Thực phẩm sạch, ngày càng được người tiêu dùng quan tâm và chọn mua để bảo vệ sức khỏe khỏi những thực phẩm chứa thuốc trừ sâu, chất độc hại, ... Nhưng hiện nay để biết và mua được thực phẩm thật sự sạch, nơi bán thật sự uy tín thì khá là khó khăn. Do đó cần có một trang web bán thực phẩm sạch uy tín, chất lượng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cũng như nhà cung cấp. □ Mục tiêu của đề tài: “Xây dựng website kinh doanh thực phẩm sạch với NodeJS và MongoDB” là: - Người mua có thể tìm kiếm, xem và đặt mua sản phẩm trực tuyến dễ dàng. - Cửa hàng có thể trình bày, giới thiệu và bán sản phẩm. - Giúp cửa hàng quản lý sản phẩm, hóa đơn, phiếu đặt, nhân viên, khách hàng. - Giúp người quản lý có thể quản lý nhân viên, sản phẩm, khách hàng.
6767	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG CHIA SẺ CÔNG THỨC MÓN ĂN TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG ĐA NỀN TẢNG VỚI XAMARIN FORMS VÀ WEB SERVICE	Trần, Nguyễn Minh Trung	Nguyễn, Đức Khoa	2018	Nghiên cứu, phát triển ứng dụng chia sẻ công thức món ăn trên thiết bị di động là lựa chọn tối ưu nhất vì có thể khai thác các tín năng mà một chiếc điện thoại thông minh cung cấp. Người dùng có thể sử dụng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào. Đề tài luận văn được gọi “Xây dựng ứng dụng chia sẻ công thức món ăn trên thiết bị di động đa nền tảng với Xamarin Forms và Webservice”. Qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện, ứng dụng đã hoàn thành đáp ứng mục tiêu đặt ra của đề tài. Ứng dụng có thể giúp người dùng tìm kiếm và chia sẻ các công thức nấu ăn, cũng như những nơi có thể tìm thấy món ăn đó. Giao diện của ứng dụng thân thiện, tiện ích cho người sử dụng. Với đề tài trên có thể mở rộng quy mô cơ sở dữ liệu lớn hơn, mở rộng services để có thể đáp ứng nhu cầu của nhiều người dùng cùng một lúc.
6768	Đại học	XÂY DỰNG TỔNG ĐÀI THÔNG MINH (Phân hệ quản lý người sử dụng và trả lời tự động)	Lê, Nguyễn Thanh Hiền	Hồ, Văn Tú	2018	Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và kỹ thuật. Ứng dụng của công nghệ thông tin đang đi đầu ở các lĩnh vực như viễn thông, y tế, bảo hiểm, ngân hàng... Các hệ thống lớn hiện nay phần lớn đã chuyển sang nền tảng dịch vụ web. Không dừng lại ở đó, kiến trúc hướng dịch vụ giải quyết các vấn đề sự liên kết chặt chẽ của các dịch vụ. Vấn đề liên lạc mang tính tất yếu trong cuộc sống hiện nay. Các cuộc giao dịch, đàm thoại, trả lời tư vấn... ngày một tăng đáng kể. Cho nên, các tổng đài hỗ trợ đã được sinh ra nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách trên. Bất kỳ lĩnh vực nào đều cũng phải cần đến giải pháp liên lạc. Ở phân hệ trả lời tự động cũng không kém phần quan trọng. Việc này giúp cho dịch vụ chăm sóc khách hàng hoàn thiện một cách đáng kể. Các công ty, cửa hàng buôn bán, hay các hệ thống trường học, bệnh viện... từ rất lớn đến vừa và nhỏ đều cần đến. Vì vậy, tôi chọn đề tài “Xây dựng tổng đài thông minh – Phân hệ quản lý người sử dụng và trả lời tự động” để làm đề tài luận văn này. □ Mục tiêu của đề tài nhằm đáp ứng các yêu cầu: - Quản lý nhóm người dùng dịch vụ. - Quản lý hàng đợi trả lời dịch vụ. - Thiết kế kịch bản trả lời tự động.

6769	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN SÁCH TRỰC TUYẾN	Dương, Trọng Tín	Hoàng, Minh Trí	2018	Để phục vụ cho nhu cầu mua sắm đồ thì ngày càng nhiều “website bán hàng trực tuyến” cũng xuất hiện, thân thiện và gần gũi với người dùng, giúp cho người dùng dễ dàng đặt mua những thứ mình cần và tạo cho họ cảm giác thoải mái khi tương tác với trang web đó. Không chỉ thế, các trang web còn giúp cho người quản lý cửa hàng có thể quản lý tốt hơn sản phẩm, nhân viên của mình một cách nhanh chóng và chính xác ở mọi lúc, mọi nơi có internet. Trước tình hình đó, thì để hòa chung với xu thế phát triển của xã hội đòi hỏi những cửa hàng, nhà sách cần phải xây dựng một website hỗ trợ cho việc kinh doanh của mình. Website được xây dựng không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn cần phải thật sự linh hoạt để có thể dễ dàng mở rộng sau này. Đề tài “xây dựng một website hỗ trợ bán sách trực tuyến”. Đây là một website không chỉ hỗ trợ bán sách trực tuyến mà còn giúp người quản lý nhà sách có thể quản lý danh mục sách, nhân viên , khách hàng của nhà sách và tình trạng hoạt động của nhà sách.
6770	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG QUẢN LÝ DỊCH VỤ VÀ THỢ HỐT TÓC VỚI CODEIGNITER FRAMEWORK	Phạm, Tuấn Phát	Lê, Minh Lý	2018	Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đến cùng với sự phát triển bùng nổ của internet hiện nay, con người có thể nhanh chóng giao tiếp và kết nối với nhau thông qua các dịch vụ internet. Chỉ cần một thiết bị có kết nối internet là ta có thể thực hiện các nhu cầu như mua bán hàng hóa, đặt xe, đặt khách sạn, vé máy bay... một cách dễ dàng. Cùng với đó là sự ra đời của công nghệ web services trong những năm gần đây, được biết đến là công nghệ cho phép người dùng có thể thực hiện các nhu cầu cần thiết của mình một cách dễ dàng chỉ cần một chiếc smart phone và có kết nối với internet. Việc kết hợp các phần mềm trên smart phone sẽ đem lại cho người dùng một trải nghiệm mua sắm vô cùng thú vị. Ứng dụng web sẽ được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình PHP và Codeigniter Framework cùng với hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và hệ điều hành Android Studio. Ứng dụng sẽ phục vụ hai nhóm người dùng chính bao gồm khách hàng và quản trị viên. Trong đó quản trị viên sẽ có các chức năng để quản lý trong quản trị của hệ thống như: quản lý khách hàng, quản lý thợ, loại dịch vụ, quản lý thông báo, quản lý đơn hàng, quản lý lịch hẹn, quản lý các thông tin giới thiệu và trợ giúp... Về khách hàng sẽ có các chức năng như: tìm thợ, xem thông tin thợ, đặt lịch hẹn, đánh giá thợ, xem thông tin dịch vụ...

6771	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA CHO MỘT TRƯỜNG THPT	Võ, Hoài Nhân	Huỳnh, Phụng Toàn	2018	Từ năm 2015, kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc Gia đã có ở Việt Nam, hình thức thi trắc nghiệm cũng dần xuất hiện nhiều trong đề thi. Cho đến năm 2017, tất cả đề thi đều là thi trắc nghiệm, ngoại trừ môn Ngữ Văn. Bộ Giáo dục – Đào tạo cho biết, từ năm 2021 trở đi, nếu điều kiện cho phép có thể tổ chức cho thí sinh làm bài thi trên máy tính, nhằm để phù hợp với lộ trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới trong kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc Gia. Chính vì những thay đổi đó, các trường THPT đã và đang cố gắng đổi mới phương pháp ôn tập cho các em học sinh. Nhằm giúp các giáo viên tại các trường có thể ôn thi tốt cho các em học sinh, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới của Bộ Giáo dục... Vì vậy, tôi chọn đề tài: “Xây dựng hệ thống hỗ trợ ôn thi tốt nghiệp THPT cho một trường THPT” là đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.
6772	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN DỤNG CỤ THỂ THAO GYM	Lâm, Thanh Bình	Lê, Minh Lý	2018	Trước đây việc quản lý một cửa hàng nói chung và một cửa hàng kinh doanh dụng cụ thể thao Gym nói riêng chủ yếu sử dụng sức người và sổ sách nên mất rất nhiều công sức cho các thao tác nghiệp vụ: quản lý nhân viên, nhập, xuất, sửa, xác nhận, ... Dữ liệu hàng hóa, khách hàng, đơn hàng ngày càng lớn thì việc lưu trữ dữ liệu lâu dài và an toàn trở nên rất khó khăn. Đối với người mua hàng cũng gặp không ít bất tiện: không có thời gian, khó khăn trong việc lựa chọn sản phẩm, ... nên họ rất ngại việc phải tới trực tiếp cửa hàng để mua sắm. Do đó đề tài “Xây dựng website quản lý cửa hàng thể thao Gym” được đề xuất nhằm giải quyết vấn đề trên. Phần mềm có một số chức năng chính dành cho người dùng như: đăng ký, đăng nhập, đổi mật khẩu, tìm kiếm sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm... Đối với người quản lý thì có thể quản lý sản phẩm, quản lý người dùng, quản lý đơn hàng, quản lý danh mục sản phẩm, quản lý thành viên. Chương trình sử dụng phần mềm XAMPP để tạo CSDL và chương trình sử dụng PHPSTORM để xây dựng website.

6773	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG SPRING MVC VÀ HIBERNATE FRAMEWORK	Nguyễn, Văn Thuận	Lê, Minh Lý	2018	Với sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng của ngành công nghệ thông tin, đặc biệt là mạng internet đã làm xuất hiện nhiều loại Website. Website còn gọi là trang web, là công cụ truyền tải thông tin, hình ảnh, quảng cáo, kinh doanh, dịch vụ mà các doanh nghiệp, công ty, sử dụng để mua bán, giao tiếp và trao đổi thông tin rất hiệu quả, là mọt công cụ rất quan trọng trong cuộc sống hiện nay. Website mang lại hiệu quả rất lớn và không thể thiếu đối với các doanh nghiệp và các cá nhân hiện tại. Một số Website nổi tiếng như Amazon, Lazada, Tiki. Mục tiêu của đề tài này giúp khách hàng cũng như nông dân tiếp cận với công nghệ thông tin một cách dễ dàng. Giúp người nông dân tìm kiếm thông tin sản phẩm, mua hàng một cách hiệu quả và nhanh chóng. Không mất quá nhiều thời gian khi muốn mua sản phẩm vì không cần đến ngay cửa hàng. Giúp doanh nghiệp có thể quảng cáo và kinh doanh sản phẩm. Ngoài ra còn quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên và quản lý thông tin khách hàng rất tiện lợi, không mất nhiều thời gian và nguồn nhân lực như cách truyền thống. Website được viết bằng ngôn ngữ java (version 8) về phần front-end sử dụng các framework như Bootstrap, jQuery và bộ thư viện JSTL (JavaServer Pages Standard Tag Library) để xử lý logic. Phần back-end sử dụng Spring MVC là một framework được xây dựng trên nền tảng Spring nên khá gọn nhẹ. Spring ORM kết hợp với Hibernate cho phép chúng ta biểu diễn các bảng dữ liệu dưới dạng java object.
6774	Đại học	HỆ THỐNG MỞ CỬA TỰ ĐỘNG THÔNG QUA NHẬN DẠNG KHUÔN MẶT	Huỳnh, Phước Sơn	Vũ, Duy Linh	2018	Camera quan sát đã và đang trở thành con mắt thứ hai của con người bằng những công nghệ đột phá. Ngoài khả năng ghi hình, camera của Đề tài “HỆ THỐNG MỞ CỬA TỰ ĐỘNG THÔNG QUA NHẬN DẠNG KHUÔN MẶT” còn cung cấp sự an toàn để bảo vệ những doanh nghiệp và những hộ gia đình. Việc này đang được diễn ra trên toàn thế giới bằng việc sử dụng sự tiến bộ của công nghệ xử lý ảnh. An toàn là điều quan trọng, cần thiết cho doanh nghiệp và hộ gia đình khi chủ doanh nghiệp hay chủ nhà không có mặt tại doanh nghiệp hay nhà. Camera của đề tài “HỆ THỐNG MỞ CỬA TỰ ĐỘNG THÔNG QUA NHẬN DẠNG KHUÔN MẶT” sẽ phân biệt được người quen hay người lạ thông qua công nghệ nhận dạng khuôn mặt. Từ đó hệ thống sẽ quyết định tự động mở cửa hay sẽ phát ra cảnh báo đồng thời thông báo bằng email tới chủ doanh nghiệp hay chủ nhà nếu khuôn mặt không được nhận dạng đúng. Hệ thống góp phần nâng cao an toàn cho chính doanh nghiệp và hộ gia đình.

6775	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẮNG NGÔN NGỮ JAVA SỬ DỤNG FRAMEWORK SPRING MVC	Lê, Thị Phấn	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	Ngày nay, công nghệ thông tin đã và đang phát triển không ngừng, nó thúc đẩy tất cả các lĩnh vực và ngành nghề khác ngày càng tăng trưởng. Website là một công cụ giúp độc giả có thể tìm kiếm tài liệu một cách hiệu quả, hơn thế ứng dụng web còn cho phép quản lý hoạt động của một hệ thống được linh hoạt hơn khi có mạng Internet. Đề tài luận văn: “Xây dựng website quản lý thư viện của một trường đại học bằng ngôn ngữ Java sử dụng framework spring MVC” mong muốn thiết kế một trang web trung bài các tài liệu trong thư viện, cho phép độc giả có thể đặt mượn tài liệu trực tuyến, cùng với các tính năng quản lý được người thiết kế đưa vào như: quản lý tài khoản nhân viên, quản lý việc nhập xuất phiếu mượn trả tài liệu, xem và duyệt phiếu mượn trả, thống kê,... Website được xây dựng dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server 2014, ngôn ngữ Java theo framework spring MVC, hiển thị tài liệu lên trang JSP với định dạng CSS. Website sau khi được xây dựng hoàn thành sẽ hỗ trợ cho việc quản lý tài liệu trong thư viện một cách hiệu quả và linh động hơn, độc giả có thể tìm kiếm thông tin của tài liệu dễ dàng.
6776	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ SHOP “XÓM GIÀY” BẰNG ASP MVC5	Nguyễn, Quang Phú	Hoàng, Minh Trí	2018	Trong thời buổi hiện nay, khi công nghệ thông tin và thương mại điện tử ngày càng phát triển trên thế giới cũng như Việt Nam, dần khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường. Cùng với đó là sự ra đời của các ngôn ngữ lập trình cho phép thiết kế và xây dựng các ứng dụng thương mại điện tử dưới nhiều hình thức khác nhau. Và một trong những ứng dụng của thương mại điện tử phổ biến ở nước ta là dịch vụ bán hàng qua mạng internet. Dịch vụ này cho phép người dùng tìm kiếm chọn lựa sản phẩm để mua, thực hiện giao dịch mà không cần phải trực tiếp đến cửa hàng, mà chỉ cần sử dụng một thiết bị máy tính có kết nối internet. Tuy nhiên hiện nay dịch vụ này vẫn còn khá mới với nhiều người tiêu dùng nước ta, đặc biệt là những người không có kiến thức về tin học nói chung và thương mại điện tử nói riêng. Nên hiện giờ các đối tượng chính của thương mại điện tử vẫn chủ yếu là tầng lớp tri thức và học sinh, sinh viên. Đề tài “Xây dựng website quản lý shop XÓM GIÀY” được xây dựng để đáp ứng nhu cầu trên. Dựa trên các cơ sở lý thuyết về phân tích và lập trình để xây dựng một hệ thống website quản lý shop bán giày online. Cho phép nhà quản lý kiểm soát hoá đơn đặt hàng, thống kê doanh thu hàng tháng và đồng thời quản lý thông tin sản phẩm một cách dễ dàng. Đối với khách hàng có thể xem và tìm kiếm thông tin sản phẩm dễ dàng, lựa chọn đặt hàng nhanh chóng và tiện lợi sau khi đăng ký và đăng nhập vào hệ thống.

6777	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Huỳnh, Thanh Duyên	Võ, Hải Đăng	2019	Bán hàng trực tuyến hay thương mại điện tử là một lĩnh vực đang phát triển mạnh mẽ, là một phần không thể thiếu trong hoạt động của doanh nghiệp trên toàn thế giới. Quy mô thị trường thương mại điện tử của Việt Nam đang tăng trưởng khá nhanh và ổn định trong những năm gần đây. Với tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định như vậy, kết hợp với xu hướng chuyển dịch thói quen mua sắm của người tiêu dùng, có thể khẳng định thương mại điện tử sẽ ngày càng chiếm lĩnh những vị thế quan trọng hơn đối với các cửa hàng và doanh nghiệp. Nắm bắt được lợi ích mà thương mại điện tử mang lại cho cửa hàng và doanh nghiệp nên đề tài “Xây dựng hệ thống thương mại điện tử trên nền tảng Android” được đề xuất để giải quyết vấn đề hiện nay. Ứng dụng được thực hiện trên nền tảng Android sử dụng cơ sở dữ liệu Firebase của Google và được viết bằng ngôn ngữ Java trên phần mềm Android Studio. Trang quản trị được sử dụng HTML, CSS, Javascript và Bootstrap 4. Ứng dụng sau khi hoàn thành sẽ hỗ trợ việc mua bán của khách hàng và việc quản lý của các cửa hàng, doanh nghiệp trở nên thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân công.
6778	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN ĐIỆN THOẠI TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Nguyễn, Văn Huy	Nguyễn, Minh Trung	2019	Đề tài “Xây dựng Website quản lý bán điện thoại trên nền Laravel framework”. Website mua bán điện thoại được viết bằng ngôn ngữ lập trình PHP trên nền tảng Laravel Framework sử dụng hệ quản trị MySQL, máy chủ Apache và các công nghệ web như HTML, Javascripts, CSS3...Website bán hàng online được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng. Người dùng có thể mua hàng ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào. Về phía quản trị, quản trị có thể quản lý hệ thống website một cách dễ dàng, thuận tiện, đồng thời có thể lập báo cáo, thống kê doanh thu bán hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau. Hệ thống website cấp quyền tương đối bảo mật và cụ thể cho từng nhân viên quản lý, giúp nhân viên có trách nhiệm và có ý thức hơn đối với công việc.
6779	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE BÁN BÁNH NGỌT SỬ DỤNG NỀN TẢNG LARAVEL	Võ, Hồng Luân	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2019	Lĩnh vực kinh doanh bán hàng trực tuyến ngày nay đã không còn xa lạ trong cuộc sống của chúng ta, đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin không ngừng phát triển. Những cửa hàng dần dần tự trang bị cho mình một trang website để thuận tiện cho việc quản lý, trao đổi và mua bán sản phẩm. Vận dụng những kiến thức sau quá trình học tập, nghiên cứu tại trường với mong muốn hỗ trợ một phần cho các cửa hàng kinh doanh, chúng tôi đề xuất đề tài “Xây dựng website quản lý cửa hàng bánh ngọt trên nền tảng Laravel”. Xây dựng website bán hàng trực tuyến nhằm đáp ứng các yêu cầu phục vụ các chức năng cơ bản về bán hàng như: hỗ trợ khách hàng mua hàng trực tuyến, quản lý thông tin sản phẩm, quản lý thông tin phiếu nhập và hóa đơn, v.v. Đề tài được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP sử dụng Laravel Framework kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện, công nghệ hỗ trợ web như: JavaScript, CSS, Ajax, v.v. Ngoài ra còn có sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và máy chủ Apache.

6780	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN MỸ PHẨM ONLINE TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Nguyễn, Thị Mộng Thùy		2019	Đề tài “ Xây dựng Website buôn bán mỹ phẩm online” được phát triển nhằm đáp ứng thị hiếu đó từ người tiêu dùng với các chức năng như: Giới thiệu sản phẩm, giá cả cũng như thông tin chi tiết sản phẩm, cho phép khách hàng đăng ký thông tin, đăng nhập trên hệ thống và mua hàng trực tiếp cũng như xem lại lịch sử các đơn hàng đã mua... Đề tài được xây dựng dựa trên ngôn ngữ PHP và một số công cụ hỗ trợ jQuery, Javascripts, Ajax,...Ngoài ra còn sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
6781	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE KINH DOANH VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRÊN NỀN TẢNG LARAVEL FRAMEWORK	Cao, Hoàng Anh	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2019	Với sự phát triển mạnh mẽ và không ngừng của ngành công nghệ thông tin, đặc biệt là mạng Internet đã làm xuất hiện nhiều loại hình Website. Website còn được gọi là trang web, là công cụ truyền tải thông tin, hình ảnh, quảng cáo mà các công ty, doanh nghiệp sử dụng để kinh doanh, mua bán. Nó mang lại hiệu quả rất lớn và không thể thiếu đối với các doanh nghiệp và các cá nhân ở thời điểm hiện tại. Nắm bắt điều đó tôi đã quyết định nghiên cứu và thực hiện đề tài: “Xây dựng website kinh doanh vật tư nông nghiệp trên nền tảng laravel framework”. Mục tiêu của đề tài này giúp khách hàng cũng như nông dân tiếp cận với công nghệ thông tin một cách dễ dàng. Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin sản phẩm, mua hàng một cách hiệu quả, nhanh chóng, không mất quá nhiều thời gian. Vì không cần phải trực tiếp đến cửa hàng hay đại lý mà chỉ cần có một thiết bị có kết nối Internet là có thể mua hàng mọi lúc, mọi nơi. Ngoài ra Website còn giúp quản lý thông tin các khách hàng, đơn hàng, doanh thu sản phẩm một cách tiện lợi, nhanh chóng hơn so với các truyền thống. Đề tài sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị CSDL SQL Server và Framework Laravel để thực hiện. Website được tạo nên từ nhu cầu thực tiễn của người dùng, vẫn còn một số vấn đề thiếu sót chưa được giải quyết. Nhưng hệ thống vẫn có tính khả thi khá cao có khả năng được triển khai và phát triển trong tương lai.

6782	Đại học	TÌM HIỂU VÀ PHÁT TRIỂN GAME BẰNG UNITY ENGINE TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG	Nguyễn, Lê Trung	Lê, Thị Diễm	2019	Trong thời đại công nghệ tiên tiến hiện nay, một chiếc SmartPhone không đơn thuần chỉ sử dụng để nhắn tin và nghe gọi nữa mà còn phục vụ nhu cầu giải trí cho người sử dụng nó. Nói đến giải trí, thì GameMobile đang chiếm ưu thế cao nhất trong lĩnh vực giải trí và hầu như người sử dụng nào cũng có nhu cầu chơi game hầu như là hằng ngày. Khi chiếc SmartPhone càng ngày càng tân tiến thì người sử dụng cũng đòi hỏi chất lượng GameMobile cao hơn. Vì thế thị trường GameMobile ngày càng phát triển và tạo nên vị thế riêng của mình. Để thiết kế một GameMoblie ở thể loại game2D hay game3D đi chăng nữa thì người lập trình cũng cần cho mình một Engine có thể hỗ trợ tối đa việc lập trình cũng như các khía cạnh khác. Vì lý do đó, tôi quyết định chọn và thực hiện đề tài: "Tìm Hiểu Và Phát Triển Game Bằng Unity Engine Trên Thiết Bị Di Động" nhằm tìm hiểu về ứng dụng Unity Engine, phân tích ưu nhược điểm của ứng dụng này từ đó xây dựng một game 2D Sunny Land.Game Sunny Land là một thể loại game “Running As Soon As Possible” đòi hỏi người chơi phải khéo léo tránh né quái vật trên đường đi, hạ chúng bắt những loạt đạn chính xác, vượt địa hình sau đó thu thập tiền tệ rơi ra từ quái vật để mở khoá các nhân vật có trong cửa hàng. Qua các lượt chơi, người chơi có thể lưu lại điểm cao nhất của mình lại, tùy chỉnh các thông số cài đặt của game. Game Sunny Land sẽ mang lại sự giải trí cũng như nhu cầu thư giãn cho người chơi sau những giờ làm việc căng thẳng.
6783	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE BÁN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TRỰC TUYẾN BẰNG CÔNG NGHỆ LARAVEL FRAMEWORK	Đặng, Quốc Tuấn	Huỳnh, Phụng Toàn	2019	Đề tài luận văn: “Xây dựng website bán điện thoại di động trực tuyến bằng công nghệ Laravel Framework” sẽ xây dựng một trang web hiển thị các mẫu điện thoại, phụ kiện, tablet trong hệ thống cửa hàng, cho phép khách hàng có thể đặt sản phẩm trực tuyến mà không cần đến trực tiếp cửa hàng, cùng với các tính năng quản lý được người thiết kế đưa vào như: quản lý nhân viên, quản lý hóa đơn, quản lý sản phẩm, xem và duyệt đơn đặt hàng, thống kê số lượng đơn hàng theo ngày,... Website được xây dựng dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, ngôn ngữ Php, theo công nghệ Laravel Framework, hiển thị trực quan, trình bày bố cục trang Web bằng HTML với định dạng CSS. Website ứng dụng sau khi được xây dựng hoàn thành sẽ hỗ trợ cho việc quản lý cửa hàng điện thoại một cách hiệu quả và linh động hơn khi được truy cập mọi nơi, mọi lúc khi có internet, khách hàng có thể tìm kiếm thông tin của hàng và các sản phẩm của cửa hàng dễ dàng hơn khi truy cập vào website.

6784	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ TRUNG TÂM GIA SƯ – ASP.NET MVC5	Nguyễn, Gia Hưng	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2019	Công tác quản lý luôn là vấn đề quan trọng và hết sức cần thiết đối với công việc và cuộc sống. Đặc biệt trong thời đại CNTT phát triển vượt bậc như ngày nay, thì việc tin học hóa công tác quản lý rất được chú trọng. Các tổ chức, doanh nghiệp dần trang bị cho mình một trang web để nâng cao hiệu suất công việc trong quản lý và kinh doanh. Vận dụng những kiến thức trong quá trình học tập và nghiên cứu, tôi đề xuất đề tài "Xây dựng website quản lý trung tâm gia sư bằng ASP.NET MVC5". Để nâng cao hiệu suất trong công tác quản lý của trung tâm. Website quản lý trung tâm gia sư trực tuyến được xây dựng nhằm đáp ứng các chức năng cơ bản về quản lý của trung tâm: hỗ trợ người học đăng ký lớp học, cho phép giáo viên đăng ký nhận lớp, quản lý thông tin lớp học, thông tin giáo viên, v.v. Ứng dụng web xây dựng trên ngôn ngữ ASP.NET trên IDE là Visual Studio 2017 kết hợp với các ngôn ngữ, thư viện, công nghệ hỗ trợ web khác như JavaScript, CSS, jQuery, v.v. ngoài ra còn sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server 2012 để quản lý dữ liệu. Website sau khi được xây dựng đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ việc quản lý trung tâm gia sư hiệu quả và linh động hơn khi được truy cập mọi nơi có Internet, học viên và gia sư có thể dễ dàng truy cập tìm kiếm thông tin gia sư, thông tin lớp học, đăng ký lớp học và đăng ký dạy. Dự kiến sẽ hoàn thiện những chức năng quản lý cho. Cho phép người quản lý trang web có thể tùy chỉnh giao diện website, tăng cường tính bảo mật, tốc độ truy xuất của website
6785	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ UNIVERSAL WINDOWS PLATFORM	Dương, Trung Nhì	Lê, Văn Quan	2019	Hiện nay, hầu hết khách sạn vẫn đang sử dụng phương thức quản lý cũ đó là: sử dụng sổ sách, giấy tờ kết hợp với Microsoft Excel để tính toán. Tuy nhiên, phương pháp quản lý đó lại có rất nhiều hạn chế như: mất quá nhiều thời gian để quản lý; thất thoát doanh thu; không thể nắm bắt được chính xác lượt khách nghỉ, thời lượng nghỉ; hay gặp vấn đề trong việc quản lý nhân viên,... Và việc ứng dụng công nghệ vào nghiệp vụ quản lý ngày càng phổ biến và đã trở thành một lợi thế cạnh tranh hiện nay. Để bắt kịp nhu cầu trên, “Hệ thống quản lý khách sạn” ra đời. Hệ thống được xây dựng bằng công nghệ ứng dụng desktop mới nhất của Microsoft – Universal Windows Platform (UWP), kết hợp với hệ cơ sở dữ liệu SQLite. Hệ thống có những chức năng như: quản lý nhân viên, quản lý khách hàng, quản lý phòng, quản lý thiết bị, quản lý dịch vụ, đặt phòng, thuê phòng, trả phòng, xuất hóa đơn, sao lưu hóa đơn, thống kê doanh thu, thống kê quỹ thời gian sử dụng phòng. Từ khóa: Quản lý khách sạn, Phần mềm quản lý khách sạn, Ứng dụng quản lý khách sạn, Hệ thống quản lý khách sạn.

6786	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GIỚI THIỆU & ĐẶT TOUR DU LỊCH DỰA TRÊN NỀN TẢNG JOOMLA	Lê, Văn Sơn	Hoàng, Minh Trí	2018	Ngày nay với sự phát triển công nghệ hiện đại, mọi người đều biết đến Internet. Do đó việc quản bá du lịch đến người dùng thông qua Internet là rất quan trọng, góp phần thu hút lượng lớn khách hàng cho du lịch, đồng thời việc tin học hóa trong công tác quản lý ngày càng được quan tâm, đặt biệt là ứng dụng hệ thống thông tin vào quản lý du lịch, vì vậy xây dựng website du lịch trực tuyến là yêu cầu cần thiết đáp ứng yêu cầu đặt ra, ngoài ra để khách hàng không cần tốn thời gian phung phí mà có thể tìm hiểu được thông qua internet, chỉ cần vài cái lick chuột khách hàng có thể đặt được những tour du lịch không những có chất lượng mà chi phí giá cả lại phải chăng. Hệ thống được xây dựng theo mô hình MVC dựa trên nền Joomla. Hệ thống đã hoàn thành được các yêu cầu chức năng đề ra như: khách hàng có thể tìm kiếm nơi muốn đi, giá cả, gợi ý địa điểm du lịch, quản lý thông tin khách hàng, quản lý đặt tour, quản lý thông tin du lịch... Bên cạnh đó website đã áp dụng thành công nhiều công nghệ mới như: ajax, jquery, camera slider... hoàn thành với yêu cầu đặt ra. Bố cục bài luận văn bao gồm 3 chương như sau:
6787	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẮNG NGÔN NGỮ JAVA SỬ DỤNG FRAMEWORK SPRING MVC	Lê, Thị Phấn	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2018	Đề tài luận văn: “Xây dựng website quản lý thư viện của một trường đại học bằng ngôn ngữ Java sử dụng framework spring MVC” mong muốn thiết kế một trang web trung bài các tài liệu trong thư viện, cho phép độc giả có thể đặt mượn tài liệu trực tuyến, cùng với các tính năng quản lý được người thiết kế đưa vào như: quản lý tài khoản nhân viên, quản lý việc nhập xuất phiếu mượn trả tài liệu, xem và duyệt phiếu mượn trả, thống kê,... Website được xây dựng dựa trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server 2014, ngôn ngữ Java theo framework spring MVC, hiển thị tài liệu lên trang JSP với định dạng CSS. Website sau khi được xây dựng hoàn thành sẽ hỗ trợ cho việc quản lý tài liệu trong thư viện một cách hiệu quả và linh động hơn, độc giả có thể tìm kiếm thông tin của tài liệu dễ dàng.

6788	Đại học	THIẾT KẾ WEBSITE BÁN QUẦN ÁO DỰA TRÊN ASP.NET.	Nguyễn, Lâm Toàn	Cao, Hoàng Tiến	2019	Trong thời đại ngày nay, công nghệ thông tin ngày càng phát triển mạnh mẽ, hầu như không thể thiếu trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội. Nó hỗ trợ mạnh mẽ giúp công việc tiếp kiệm nhiều thời gian, đạt hiệu quả công việc hơn. Các trang web bán hàng online ngày nay ngày càng thân thiện giúp cho người sử dụng dễ dàng mua sắm những sản phẩm một cách nhanh chóng và nắm rõ được thông tin sản phẩm mà không cần đến cửa hàng. Ngoài ra, người quản lý cửa hàng thì quản lý sản phẩm dễ dàng cũng như tăng năng suất doanh thu, thông tin sản phẩm mới đến khách hàng một nhanh chóng và chính xác từ bất cứ nơi đâu có internet. Vì thế sau quá trình học tập và nghiên cứu em quyết định chọn đề tài “Thiết kế website bán quần áo dựa trên ASP.NET”. Website bán hàng xây dựng nhằm đáp ứng các nhu cầu chức năng cơ bản về bán hàng như: - Quản lý thông tin sản phẩm. - Khách hàng đặt hàng trực tuyến. - Quản lý hóa đơn, lịch sử mua hàng của khách hàng. - Quản lý thống kê doanh thu và lợi nhuận. - Và một số chức năng khác cần thiết cho khách hàng và quản lý. Website bán hàng được xây dựng trên nền tảng ASP.NET kết hợp với HTML, Ajax, jQuery, ... và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.
6789	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ HỆ THỐNG BÁN ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VỚI CÔNG NGHỆ ASP.NET WEB PI, ANGULARJS VÀ ENTITY FRAMEWORK CODE FIRST	Trần, Hữu Toàn	Nguyễn, Thị Thùy Linh	2019	Ngày nay, công nghệ thông tin đã và đang phát triển không ngừng, nó thúc đẩy tất cả các lĩnh vực và ngành nghề khác cùng phát triển theo. Website là một công cụ giúp tiếp cận khách hàng và giới thiệu sản phẩm một cách hiệu quả, hơn thế ứng dụng web còn cho phép quản lý hoạt động của một hệ thống được linh hoạt hơn khi có mạng Internet. Đề tài luận văn: “Xây dựng Website quản lý hệ thống bán điện thoại di động với công nghệ ASP.NET Web Api, AngularJS và Entity Framework Code First” mong muốn thiết kế một trang web trưng bày các sản phẩm trong hệ thống, cho phép khách hàng có thể đặt điện thoại di động qua mạng mà không cần đến cửa hàng, cùng với các tính năng quản lý được người thiết kế đưa vào như: quản lý tài khoản nhân viên, quản lý việc nhập xuất hóa đơn, xem và duyệt đơn hàng trực tuyến, thống kê doanh thu, chi tiết theo sản phẩm... Website được xây dựng bởi ngôn ngữ C# theo công nghệ ASP.NET Web Api, AngularJS và Entity Framework Code First theo mô hình MVC5, hiển thị “menu” 3D dựa trên nền tảng Javascript, trình bày bố cục trang Web bằng HTML với định dạng CSS. Website sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Website ứng dụng sau khi được xây dựng hoàn thành sẽ hỗ trợ cho việc quản lý bán điện thoại di động và laptop một cách hiệu quả và linh động hơn khi được truy cập mọi nơi có Internet, khách hàng có thể tìm kiếm thông tin dễ dàng hơn khi truy cập vào website. Từ khóa: Website hệ thống cửa hàng bán điện thoại di động, ASP.NET Web Api, AngularJS và Entity Framework Code First.

6790	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE GIỚI THIỆU VÀ MUA BÁN THỰC PHẨM SẠCH TRÊN NỀN LARAVEL FRAMEWORK	Nguyễn, Tuấn Vũ	Hồ, Văn Tú	2019	ý do thực hiện đề tài: Do tình hình phát triển công nghệ hiện nay, muốn trao đổi thông tin, thương mại và dịch vụ thì internet là một lĩnh vực không thể thiếu. Bên cạnh đó, các webstie thương mại, quảng cáo, bán hàng cũng góp phần khá quan trọng, đây chính là nơi để các người kinh doanh (chủ cửa hàng) quảng cáo các sản phẩm của mình, cầu nối nhanh nhất với người tiêu dung. Các vấn đề cần giải quyết trong đề tài (mục tiêu): Đề tài lựa chọn là “Xây dựng Website giới thiệu và mua bán thực phẩm sạch trên nền Lavarel Framework.” Website với giao diện thân thiện, dễ sử dụng. Chạy ổn định trên các trình duyệt web thông dụng hiện nay, trên các điện thoại thông minh. Đảm bảo các chức năng cập nhật thông tin và bảo mật thông tin một cách an toàn nhất. Hệ thống xử lý các yêu cầu một cách chính xác và nhanh nhất. Phương pháp đã thực hiện: Sử dụng các ngôn ngữ lập trình web thông dụng như: - Javascript - JQuery - Bootstrap - Framework laravel - Mô hình MVC (Model – View – Controler). - Cơ sở dữ liệu hỗ trợ: - MySQL (phpmyadmin). Một số công cụ hỗ trợ khác: power designer, phpstorm, và visio.
6791	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN MẶT HÀNG ĐIỆN TỬ	Nguyễn, Quốc Bình	Hoàng, Minh Trí	2019	Ngày nay, kinh tế xã hội phát triển, đời sống con người được nâng cao. Cùng với sự phát triển của internet, việc mua bán và giao dịch trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến. Ở nước ta nhiều trang bán hàng trực tuyến đã ra đời và đang hoạt động rất thành công, giúp giảm thiểu chi phí đi lại, đem lại sự thuận tiện và nhanh chóng cho người tiêu dùng. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc áp dụng các công nghệ lập trình vào phát triển kinh doanh của các cửa hàng, doanh nghiệp trở nên phổ biến và hiệu quả, trong đó có thể kể đến công nghệ lập trình ASP .NET MVC. Mục tiêu chính của đề tài là xây dựng thành công website “Quản lý bán hàng trực tuyến” trên nền ASP .NET MVC. Để đạt được mục tiêu đề ra, cơ sở để thực hiện đề tài là nghiên cứu, tìm hiểu về công nghệ lập trình web ASP .NET theo mô hình MVC, sử dụng Entity Framework EF Designer From Database để kết nối cơ sở dữ liệu. Đồng thời qua quá trình thực hiện đề tài, cũng chính là một cơ hội để tổng hợp và ứng dụng tất cả các kiến thức đã nghiên cứu và học tại nhà trường. Đề tài đã đạt được các kết quả cụ thể như sau: Xây dựng thành công hệ thống bán hàng trực tuyến với giao diện thân thiện, bắt mắt dễ sử dụng và thu hút khách hàng. Hệ thống giúp người bán dễ dàng giới thiệu sản phẩm của mình và đưa ra cho người mua nhiều phương pháp tiếp cận chọn mua hàng hóa phù hợp. Chủ cửa hàng dễ dàng quản lý hệ thống website như: quản lý nhân viên, sản phẩm, hàng tồn kho, nhập hàng và xuất hàng, đồng thời có thể báo cáo, thống kê doanh thu bán hàng.

6792	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 VỚI ASP.NET CORE MVC, XAMARIN VÀ WEB SERVICE	Phan, Văn Hoan	Nguyễn, Đức Khoa	2019	Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý trung tâm để xây dựng chương trình quản lý trung tâm là rất cần thiết. Chương trình này sẽ giúp học viên đăng ký các lớp học online mà không cần đến trực tiếp tại trung tâm, nhân viên tại trung tâm có thể dễ dàng theo dõi và cập nhật các lớp học theo từng khóa học, lĩnh vực của trung tâm để học viên đăng ký. Bên cạnh đó, các báo cáo thống kê được cập nhật liên tục đảm bảo tính chính xác, minh bạch về dữ liệu. Thông tin hồ sơ học viên và những dữ liệu liên quan được lưu trữ, cập nhật và bảo mật tuyệt đối. Xuất phát từ những lợi ích trên, em đã chọn đề tài tốt nghiệp “xây dựng ứng dụng quản lý trung tâm đo lường chất lượng 3 với asp.net core mvc, xamarin và web service”. Với đề tài này, em mong muốn áp dụng các kiến thức được học trong trường cùng với việc tìm hiểu nghiên cứu ngôn ngữ và môi trường lập trình để xây dựng hệ thống phần mềm quản lý trung tâm cho trung tâm Quatest 3 đạt được hiệu quả hơn.
6793	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEB QUẢNG CÁO BẤT ĐỘNG SẢN VỚI LARAVEL FRAMEWORK VÀ LEAFLET JS	Nguyễn, Chí Nguyễn	Nguyễn, Đức Khoa	2019	Công nghệ thông tin là ngành khoa học đang trên đà phát triển mạnh mẽ và ứng dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực. Song song đó là sự mở rộng nhanh chóng của mạng lưới internet đã góp phần thay đổi không nhỏ đến phương thức kinh doanh cũng như thói quen của người tiêu dùng. Internet cung cấp cho chúng ta một kho tàng thông tin khổng lồ, phục vụ gần như mọi nhu cầu mà chỉ cần một vài cú nhấp chuột. Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển nhanh chóng ở Việt Nam hiện nay, hoạt động mua bán và quảng bá cũng đồng thời thay đổi theo hướng số hóa với các tiêu chí như nhanh chóng, tiện lợi nhưng vẫn phải đảm bảo tính xác thực thông tin, chất lượng sản phẩm và an toàn trong giao dịch. Hoạt động mua bán bất động sản cũng không phải là một ngoại lệ nên việc xây dựng sàn giao dịch thông tin bất động sản trực tuyến là rất thiết thực đối với thị trường. Sàn giao dịch bất động sản trực tuyến sẽ là nơi giao lưu hiệu quả mà ở đó có những thông tin chính xác của những dự án bất động sản đã, đang hoặc sẽ triển khai. Sàn giao dịch có thể quảng bá giúp cho người bán và người mua dễ dàng tiếp cận thông tin chính xác của bất động sản cũng như rút ngắn thời gian giao dịch xuống thấp nhất. Với những điều kiện và nhu cầu trên, việc nghiên cứu và xây dựng một website cho phép khách hàng có thể rao bán, cho thuê, đăng tin nhu cầu cũng như tìm kiếm bất động sản theo nhu cầu là sự lựa chọn tiện lợi nhất. Các thông tin và hình ảnh trực quan giúp khách hàng dễ dàng so sánh lựa chọn. Website đóng vai trò trung gian trong hoạt động giao dịch là hết sức cần thiết vì bất động sản có đặc trưng là cố định nên không thể đem trưng bày và giới thiệu cụ thể được. Mục tiêu của bài luận văn này là “Xây dựng ứng dụng web quảng cáo bất động sản sử dụng Laravel Framework và Leaflet JS”. Qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện, website đã hoàn thành đáp ứng mục tiêu đặt ra của đề tài. Website tạo ra một môi trường giao dịch bất động sản thân thiện, vừa cung cấp thông tin xác thực cho mỗi bất động sản được quảng bá, đồng thời cung cấp công cụ tìm kiếm địa điểm thông qua bản đồ.

6794	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MUA BÁN GIÀY TRÊN NỀN ASP.NET CORE	Kim, Thanh Hoàng	Hồ, Văn Tú	2019	Ngày nay, ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong đời sống ngày càng phổ biến, quảng cáo thương hiệu Online là việc cần thiết và mang lại lợi ích lớn. Vì vậy tôi đã chọn đề tài “Xây Dựng Hệ Thống Quản Lý Mua Bán Giày Trên Nền Asp.Net Core” giúp việc giới thiệu sản phẩm đến với khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả, ngoài ra còn giúp người quản lý có thể quản lý việc mua bán một cách tốt hơn thông qua việc quản lý hàng hóa, thống kê doanh thu,... Website được viết bằng ngôn ngữ lập trình C# dựa trên nền tảng ASP.NET CORE MVC, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server và công nghệ giao diện web như Bootstrap, HTML, JavaScript... Các vấn đề đã nghiên cứu: framework ASP.NET CORE MVC, AJAX, Bootstrap, các thư viện JavaScript như: bootbox.js, notify.js, CKEditor.js, mustache.js và thư viện CSS Ballon.css. Kết quả, đã xây dựng thành công website Quản Lý Mua Bán Giày tuy chưa đến mức hoàn thiện nhưng cũng đầy đủ các chức năng như: đăng ký, đăng nhập, quản lý sản phẩm, xem chi tiết sản phẩm, đặt hàng, quản lý đơn hàng,... Website sử dụng giao diện responsive do vậy có thể hỗ trợ người dùng với các môi trường, kích thước màn hình khác nhau (Desktop, Laptop, smartphone,...).
6795	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HIỂN MẪU TRÊN NỀN TẢNG SPRING BOOT VÀ REACTJS	Phạm, Hữu Thiện	Vũ, Duy Linh	2019	Hiện nay, việc số hóa các thủ tục, quy trình giấy tờ ở các cơ quan, tổ chức đang trở nên hết sức phổ biến và cần thiết. Và Trường Đại học Cần Thơ cũng đang dần thay thế các quy trình cũ bằng việc số hóa, đưa vào sử dụng những hệ thống quản lý điện tử. Việc này không những góp phần làm giảm các thủ tục lằng nhằng, giảm việc sử dụng quá nhiều giấy tờ, chứng từ phức tạp mà còn giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng hơn với những thông tin, quy trình của Nhà trường. Đi đầu là Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông với những giải pháp như Hệ thống đăng ký học phần trực tuyến, Hệ thống đăng ký lao động trực tuyến... Chính vì những lý do đó mà đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống quản lý hiển mẫu trên nền tảng Spring boot và ReactJS” ra đời nhằm đáp ứng những yêu cầu trên. Với những chức năng chính như quản lý tập trung quá trình tổ chức, kết quả các đợt hiển mẫu nhân đạo tại trường Đại học Cần Thơ, đăng ký tham gia hiển mẫu trực tuyến, xác nhận các phiếu đăng ký tham gia hiển mẫu của sinh viên bằng tay hoặc mã barcode, v.v. Giúp cho việc quản lý tổ chức các đợt hiển mẫu cũng như quản lý việc tham gia của sinh viên được dễ dàng, dễ tiếp cận và nhanh chóng hơn. Đề tài được xây dựng theo dạng ứng dụng web, sử dụng các công nghệ mới hiện tại như Spring boot framework, thư viện ReactJS kết hợp hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Giao diện được thiết kế thân thiện, dễ sử dụng.

6796	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ TRÊN NỀN ASP.NET MVC	Phan, Bùi Phương Nhi	Hồ, Văn Tú	2019	Trong những năm gần đây nước ta đang quan tâm và chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính tại các cơ quan nhà nước nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Hằng ngày tại một cơ quan Tòa án phải tiếp nhận và xử lý rất nhiều vụ án, tuy nhiên hình thức này còn khá thủ công, khi cán bộ cần tra cứu hoặc cập nhật thông tin vụ án tương đối mất thời gian và công sức. Bên cạnh đó, việc công bố lịch xét xử và kết quả xét xử của các vụ án giúp người dân dễ dàng nắm bắt thông tin trên trang web rất nhanh. Ngoài ra, người dân cũng có thể được giải đáp thắc mắc và đóng góp ý kiến qua hòm thư hỗ trợ. Cũng chính vì lý do đó mà đề tài luận văn “Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý vụ án dân sự bằng ASP.NET MVC” được ra đời nhằm đáp ứng các nhu cầu trên. Hệ thống bao gồm 3 phân hệ người dùng chính: Người quản trị, nhân viên và khách vãng lai. Người quản trị có thể quản lý danh sách nhân viên, phân quyền truy cập cho các nhân viên, quản lý danh sách các phòng ban một cách dễ dàng. Nhân viên được phân quyền quản lý thông tin đương sự, hồ sơ vụ án, lịch xét xử, kết quả xét xử và hòm thư hỗ trợ. Ngoài ra, người dân (khách vãng lai) cũng có thể truy cập vào trang web và xem được thông tin lịch xét xử (ngày, giờ, địa điểm...) do cơ quan công bố. Chương trình được sử dụng bằng công nghệ ASP.NET MVC kết hợp SQL Server để lưu trữ dữ liệu. Giao diện trang web được thiết kế thân thiện dễ dàng sử dụng cho cán bộ nhân viên trong cơ quan và người dân.
6797	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE QUẢN LÝ KINH DOANH CỬA HÀNG GIA DỤNG - TRANG TRÍ TRÊN NỀN TẢNG ASP.NET	Huỳnh, Trung Hải	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2019	Website quản lý kinh doanh cửa hàng gia dụng và trang trí hỗ trợ cho các cửa hàng trong việc quản lý các đơn đặt hàng, giao dịch và mua sắm trở nên thuận lợi. Nhân viên nhờ có website có thể rút ngắn được thời gian, tránh sai sót. Chủ quán có thể dễ dàng quản lý, nắm bắt tình hình kinh doanh của quán thông qua ứng dụng, từ đó đưa ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp, nâng cao lợi nhuận. Sử dụng website cũng mang đến trải nghiệm được phục vụ một cách chuyên nghiệp đối với khách hàng. Với giao diện thân thiện, bắt mắt cùng với cách sử dụng đơn giản, dễ hiểu, website sẽ là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc kinh doanh. Chương 1: Tổng quan đề tài □ Mục tiêu đề tài, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Chương 2: Cơ sở lý thuyết □ Giới thiệu tổng quan về những công nghệ đã nghiên cứu để thực hiện đề tài. Chương 3: Nội dung và kết quả nghiên cứu □ Phác thảo mô hình, vẽ các sơ đồ thực thể quan hệ; thiết kế cơ sở dữ liệu và cấu trúc hệ thống; tiến hành chạy thử hệ thống và ghi nhận lại kết quả đạt được. Chương 4: Kết luận và hướng phát triển □ Những ưu điểm đạt được, những khuyết điểm cần khắc phục và hướng phát triển đề tài trong tương lai.

6798	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ QUÁN CÀ PHÊ TRÊN HỆ ĐIỀU HÀNH ANDROID VÀ NỀN ASP.NET	Phạm, Thị Cẩm Nhung	Nguyễn, Nhị Gia Vinh	2019	Ứng dụng Quản lý quán cà phê trên điện thoại và máy tính sẽ hỗ trợ cho các quán cà phê trong việc quản lý các đơn đặt hàng và tình trạng bàn còn trống một cách nhanh chóng và thuận lợi. Nhân viên nhờ có ứng dụng có thể rút ngắn được thời gian, tránh sai sót. Chủ quán có thể dễ dàng quản lý, nắm bắt tình hình kinh doanh của quán thông qua ứng dụng, từ đó đưa ra những kế hoạch kinh doanh phù hợp, nâng cao lợi nhuận. Sử dụng ứng dụng cũng mang đến trải nghiệm được phục vụ một cách chuyên nghiệp đối với khách hàng. Với giao diện thân thiện, bắt mắt cùng với cách sử dụng đơn giản, dễ hiểu, ứng dụng sẽ là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc kinh doanh. Chương 1: Tổng quan đề tài – Mục tiêu đề tài, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Chương 2: Cơ sở lý thuyết – Giới thiệu tổng quan về những công nghệ đã nghiên cứu để thực hiện đề tài. Chương 3: Nội dung và kết quả nghiên cứu – Phác thảo mô hình, vẽ các sơ đồ thực thể quan hệ; thiết kế cơ sở dữ liệu và cấu trúc hệ thống; tiến hành chạy thử hệ thống và ghi nhận lại kết quả đạt được. Chương 4: Kết luận và hướng phát triển – Những ưu điểm đạt được, những khuyết điểm cần khắc phục và hướng phát triển đề tài trong tương lai.
6799	Đại học	Phân tích thống kê việc sử dụng Facebook của sinh viên Khoa Khoa học Tự nhiên Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Võ, Văn Tài	2018	Luận văn trình bày các biến có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và tiến hành phân tích thống kê mối liên hệ giữa Facebook và các nhân tố xung quanh sinh viên, mà chủ yếu là việc học tập, rèn luyện của sinh viên.
6800	Đại học	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THỐNG KÊ NHIỀU CHIỀU.	Hồ, Huyền My	TS. Trần, Văn Lý	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Tìm hiểu một số phương pháp phân tích thống kê nhiều chiều, áp dụng những phương pháp đó trên bộ dữ liệu thực. Những phương pháp cơ bản được dùng trong bài luận văn: hồi quy tuyến tính, phân tích nhân tố, phân tích thành phần chính và phân tích chuỗi thời gian.
6801	Đại học	Một số phương pháp khởi tạo dãy số ngẫu nhiên.	Phan, Hoàng Ngọc Hồng.	TS.Lâm, Hoàng Chương	2019	Các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và tìm hiểu về cách khởi tạo các biến ngẫu nhiên trên máy tính.
6802	Đại học	PHÂN TÍCH HỒI QUY TUYẾN TÍNH VÀ ANOVA ĐƠN BIẾN THEO HAI PHƯƠNG PHÁP FREQUENTIST VÀ BAYES	Nguyễn, Thị Thanh Huệ	Nguyễn, Thị Hồng Dân	2018	Hướng dẫn sử dụng trên phần mềm thống kê R phân tích tương quan, hồi quy tuyến tính và ANOVA đơn biến theo hai phương pháp Frequentist và Bayes.
6803	Đại học	MAPLE VÀ ỨNG DỤNG TRONG TOÁN ỨNG DỤNG	THÁI, MINH TRỌNG	NGUYỄN, HỮU KHÁNH	2018	Luận văn giới thiệu cách sử dụng phần mềm Maple, giải quyết các bài toán Phương trình và Phương trình vi phân thường thông qua các thuật toán xấp xỉ, giúp đơn giản quá các bài toán lớn và phức tạp với độ chính xác cao.
6804	Đại học	QUY HOẠCH TOÀN PHƯƠNG VÀ ỨNG DỤNG TRONG BÀI TOÁN LỰA CHỌN DANH MỤC ĐẦU TƯ.	BÙI, THỊ CẨM TÚ.	LÊ, THANH TÙNG.	2018	Trình bày tổng quan được một số phương pháp giải bài toán QHTP. Trình bày và tổng hợp lại những nội dung cơ bản của danh mục đầu tư, nêu lên được tổng quan và phương pháp giải cụ thể mô hình Markowitz, mô hình Markowitz mở rộng trong việc tối ưu hóa danh mục đầu tư để có rủi ro thấp nhất. Sử dụng được công cụ Solver trong bảng tính Excel để xác định danh mục đầu tư tối ưu với rủi ro thấp nhất và vẽ đường biên hiệu quả bằng Visual Basic hỗ trợ việc lựa chọn danh mục đầu tư.

6805	Đại học	Mô hình hồi qui Logistic và phân tích sự sống sót với phần mềm SPSS	Bùi, Phong Quy	Võ, Văn Tài	2018	Ngày nay, phân tích sự sống sót có vai trò quan trọng đối với xã hội, chúng được sử dụng trên nhiều phương diện khác nhau trong các lĩnh vực của đời sống, từ trong nông nghiệp, ứng dụng trong chuyên ngành thủy sản, các cuộc hội thảo, các dự báo trong y học,... Các con số thống kê cũng là cơ sở để đánh giá tình trạng thực hiện các kế hoạch, chiến lược và các chính sách kinh tế - xã hội. Hơn nữa, những tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin đã tạo ra những phần mềm hỗ trợ rất tốt cho việc thực hiện phân tích sống sót một cách dễ dàng. Như ta đã biết, mô hình hồi quy logistic có nhiều ứng dụng trong thực tiễn nhất là trong kinh tế, y học..., trong mô hình này biến phụ thuộc Y là biến nhị phân (gồm 2 giá trị 0 và 1) và các biến độc lập $X_i, i = \overline{1, n}$, là các biến định lượng và định tính. Mô hình này có nhiều ứng dụng trong nghiên cứu thực tiễn nhưng hiện tại có ít tài liệu tiếng Việt viết về nó. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài “Mô hình hồi quy logistic và phân tích sống sót với phần mềm thống kê SPSS” cho việc thực hiện luận văn của mình. Cấu trúc luận văn gồm có ba phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần tài liệu tham khảo. Trong đó, phần nội dung gồm có 3 chương: Chương 1: Phân tích hồi qui logistic với SPSS Chương này giới thiệu tổng quan các kiến thức cơ bản, phương pháp xây dựng và nghĩa của các hệ số hồi quy của mô hình hồi quy logistic đơn và bội. Chương 2: Phân tích sự sống sót với SPSS Chương này tổng kết các kiến thức cơ bản, giới thiệu cách xây dựng mô hình Cox và phân tích Kaplan - Meier trên phần mềm SPSS. Chương 3: Ứng dụng trong y học
6806	Đại học	Dự báo đỉnh mặn tại các trạm đo chính của tỉnh Trà Vinh bằng các mô hình chuỗi thời gian mờ	Nguyễn, Thu Hiền	Võ, Văn Tài	2018	Xây dựng mô hình chuỗi thời gian mờ phù hợp để dự báo đỉnh mặn tại từng trạm đo trên các con sông chính của tỉnh Trà Vinh.
6807	Đại học	Giải bài toán quy hoạch đa mục tiêu bằng phương pháp thỏa dụng mờ và ứng dụng trong quy hoạch đất nông nghiệp tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.	Ngô, Thị Quyên	Lê, Thanh Tùng	2018	Luận văn đã tóm tắt, hệ thống lại một số phần lý thuyết chính của quy hoạch tuyến tính, các cách giải quy hoạch đa mục tiêu từ các tài liệu tham khảo trong chương một và hai. Một số ví dụ minh họa về tính chất nghiệm, tối ưu đa mục tiêu và cách giải cũng được nêu ra. Trong chương ba, luận văn tham khảo một số nội dung và sử dụng số liệu được thu thập và xử lý chi tiết trong tài liệu tham khảo [5] và [6]. Đồng thời, cách lập trình file Excel tính toán được thực hiện riêng bằng cách tính toán trực tiếp thống nhất giữa các phương án giống như trong Ví dụ 2.6 chứ không dựa vào cách tìm từng hàm thỏa dụng mờ như trong các tài liệu tham khảo [5] và [6]. Một số nội dung liên quan đến tối ưu đa mục tiêu và ý nghĩa thực tế cũng được phân tích kỹ hơn.
6808	Đại học	Phân tích thống kê việc đi làm thêm của sinh viên Khoa Khoa học Tự nhiên Trường Đại học Cần Thơ	Nguyễn, Minh Tài	Võ, Văn Tài	2018	Tiến hành lấy số liệu khảo sát sinh viên Khoa Khoa học Tự Nhiên với chủ đề về việc làm thêm. Tiến hành phân tích thống kê xung quanh việc đi làm thêm của sinh viên, đặc biệt là xem xét mối liên hệ giữa việc đi làm thêm với kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên khoa. Đưa ra nhận xét và kết luận

6809	Đại học	Độ Đo Và Ứng Dụng	Trần, Tuấn Kiệt	Nguyễn, Hữu Khánh	2018	Luận văn “Độ Đo Và Ứng Dụng” nhằm tìm hiểu một cách tuy cơ bản nhưng có cái nhìn tổng quan nhất về các vấn đề phát sinh của độ đo cùng tích phân. Tìm hiểu về những khái niệm lý thuyết tập hợp, độ đo Lebesgue; sự tương đương của hai hàm số và sự hội tụ theo độ đo. Sau đó là phép tính tích phân qua giới hạn: Levi, Fatou, Lebesgue. Hơn nữa, là sự so sánh giữa hai tích phân Riemann và Lebesgue. Chương tiếp theo, tôi trình bày một không gian quan trọng lĩnh vực giải tích hàm và vài ứng dụng của chúng thông qua phép biến đổi Fourier. Ở chương cuối cùng, tôi phát biểu những khái niệm cơ bản nhất về độ đo tích và độ đo có dấu. Với mỗi mục ở chương này đều có mục tiêu rõ ràng; về độ đo tích tôi chủ yếu giới thiệu phép đổi thứ tự lấy tích phân. Còn ở mục độ đo có dấu, tôi hướng đến định lý Radon- Nykodym để phục vụ cho việc nghiên cứu về các nội dung khai triển và tính chất của hàm.
6810	Đại học	Hàm khả vi & ứng dụng	Tiêu, Lê Gia Hưng	TS.Nguyễn, Hữu Khánh	2018	Giới thiệu về hàm khả vi. Giới thiệu và chứng minh khả vi của hàm một biến. Giới thiệu các định lý cơ bản của hàm khả vi. Giới thiệu các hàm liên tục không khả vi tại một điểm. ứng dụng của các hàm khả vi thường gặp.
6811	Đại học	Quá trình Markov và ứng dụng	Hồ, Thị Kim Quyên	Lâm, Hoàng Chương	2018	Luận văn “Quá trình Markov và ứng dụng” là một kỹ thuật ước tính xác suất các sự kiện xảy ra trong tương lai bằng việc phân tích xác suất đã biết trong hiện tại. Kỹ thuật này được ứng dụng rất rộng rãi trong quản trị kinh doanh, kết toán, marketing, kỹ thuật... bao gồm việc phân tích sự thay đổi thị phần, dự báo các khoản nợ khó đòi và xác định tình trạng hư hại của máy móc thiết bị trong tương lai. Những phân tích Markov hỗ trợ cho những nhà quản trị đưa ra những quyết định có cơ sở khoa học và có hiệu quả. Phân tích Markov giả định rằng hệ thống bắt đầu ở trạng thái ban đầu. Và trong bài nghiên cứu này tôi tập trung phân tích quá trình Markov tuân thủ theo các giả thiết như: • Xích Markov có hữu hạn trạng thái. • Xác suất thay đổi trạng thái không thay đổi theo thời gian. • Chúng ta có thể dự đoán bất kỳ trạng thái tương lai dựa trạng thái trước đó và ma trận xác suất chuyển đổi. • Dự báo về chính sách, quản lí, hệ thống, mô hình, sự hội tụ, tăng trưởng, các khoảng thu trong kinh tế. Trong mỗi chương tôi sẽ trình bày tuần tự rõ ràng từ lý thuyết cơ bản đến ví dụ thực tiễn, trình bày cụ thể hơn ứng dụng của Markov trong đời sống xã hội-kinh tế thông qua các bài toán-mô hình thực tế để đáp ứng được tính ứng dụng của Markov trong đời sống-kinh tế-xã hội.

6812	Đại học	Chuỗi thời gian với phần mềm R	Ngô, Thị Kim Ngoan	Võ, Văn Tài	2018	Ngày nay, hoạt động dự báo đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống và được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như: kinh tế, giáo dục, y tế,... Dự báo là phương pháp giúp ta thực hiện các phán đoán tốt nhất về sự việc có thể có xảy ra trong tương lai. Dự báo có độ chính xác cao thì cung cấp cơ sở tính cậy cho các hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh. Vì vậy dự báo luôn cần thiết và là nhu cầu không thể thiếu của mọi hoạt động kinh tế-xã hội, khoa học-kỹ thuật,... Trong thống kê, hai mô hình đang được sử dụng rộng rãi trong dự báo là mô hình hồi quy và mô hình chuỗi thời gian. Mỗi hình đều có ưu điểm và nhược điểm riêng. Trong hai mô hình này, chuỗi thời gian là mô hình được đánh giá có nhiều ưu việt hơn. Chuỗi thời gian được sử dụng phổ biến và hiệu quả trong nghiên cứu khoa học vì nhiều số liệu cần dự báo được thu thập theo thời gian. Các mô hình chuỗi thời gian như tự hồi quy (AR), trung bình trượt (MA), tự hồi quy trung bình trượt (ARMA), tự hồi quy tích hợp trung bình trượt (ARIMA),... đã được áp dụng phổ biến trong các dự báo kinh tế xã hội,... Tuy nhiên dự báo bằng chuỗi thời gian sẽ không hiệu quả nếu chuỗi dữ liệu không dừng và không tuyến tính. Mô hình chuỗi thời gian mờ ra đời phần nào đã khắc phục được những hạn chế của chuỗi thời gian không mờ. Có rất nhiều tài liệu trình bày về chuỗi thời gian mờ và không mờ, tuy nhiên việc trình bày kiến thức này trên phần mềm thống kê R còn hạn chế. Chính vì lý do này em chọn đề tài “Chuỗi thời gian với phần mềm R” làm luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu nhỏ của sinh viên để hoàn thành chương trình học. Đề tài "Phần mềm R với chuỗi thời gian" đã mang lại cho tôi hứng thú trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu. Đồng thời, với đề tài này, sau khi hoàn thành xong tôi sẽ có thêm những bài học cũng như kinh nghiệm bổ ích cho công việc của mình sau này. Luận văn gồm có phần mở đầu, phần nội dung, kết luận và tài liệu tham khảo. Trong đó, phần luận văn gồm có 4 chương: Chương 1. Căn bản về phần mềm R: Trình bày các thao tác cơ bản trên R: gom, tách dữ liệu; các phép tính trên ma trận,... mà máy tính cầm tay không thay thế được. Chương 2. Phần mềm R với chuỗi thời gian không mờ: Trình bày các khái niệm cơ bản về chuỗi thời gian, các mô hình cơ bản của chuỗi thời gian không mờ như mô hình tự hồi quy (AR), mô hình trung bình trượt (MA), mô hình tự hồi quy trung bình trượt (ARIMA), phương pháp Box-Jenkins,... Chương 3. Phần mềm R với chuỗi thời gian mờ: Giới thiệu các phương pháp làm trơn mờ hóa số liệu, trình bày mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ.
6813	Đại học	Phân tích phương sai đa biến	Ung, Quốc Trị	Võ, Văn Tài	2018	Phân tích phương sai đơn biến ANOVA Phân tích phương sai đa biến Trình bày hai ứng dụng của phân tích phương sai trong y tế và giáo dục.
6814	Đại học	Lý thuyết chuỗi và ứng dụng	Lê, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Hữu Khánh	2019	Nội dung luận văn gồm 2 chương chính là chương 1 Lý thuyết chuỗi và chương 2 Ứng dụng của chuỗi. Trong chương 1, nội dung chủ yếu trình bày các khái niệm, định lý, tính chất của chuỗi số và chuỗi hàm để làm nền tảng cho chương sau. Trong chương 2 chúng ta trình bày các ứng dụng của chuỗi trong giải các bài toán, tính giá trị gần đúng, tìm giới hạn, tính tích phân, hàm sinh, tính phương trình vi phân. Và cuối cùng, chúng ta sẽ trình bày các bài toán với lời giải sử dụng các ứng dụng của chuỗi số.

6815	Đại học	Một số ứng dụng của bài toán phân loại trong Y học	Lê, Thị Hồng Nhung	Võ, Văn Tài	2019	Bài luận văn trình bày các phương pháp trong phân loại Fisher, logistic, Bayes và vấn đề tính toán của chúng. Bài luận văn cũng giải quyết vấn đề ứng dụng thực tế từ số liệu rời rạc của các phương pháp này bằng các chương trình được xây dựng trên phần mềm SPSS, Matlab. Đó là chương trình ước lượng hàm mật độ xác suất, phân loại một phần tử và tính sai số Bayes. Một ứng dụng thực tế trong mô hình bài toán phân loại được trình bày chi tiết: Tìm mô hình thích hợp trong đánh giá khả năng sống của người bệnh ung thư vú từ các biến. Hơn thế nữa các chương trình tính toán, các phân tích thống kê để chọn mô hình phân loại bệnh tối ưu cụ thể của luận văn sẽ áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác của thực tế. Bài luận văn gồm có 4 chương: Chương 1: Kiến thức chuẩn bị Chương 2: Các phương pháp phân loại Chương 3: Phân loại bệnh nhân ung thư vú Chương 4: Phân loại bệnh thận mạn Luận văn đã thực hiện được những công việc sau: Tổng hợp tương đối đầy đủ, có hệ thống các phương pháp phân loại đã và đang được sử dụng: Phương pháp hồi quy Logistic, phương pháp Fisher và phương pháp Bayes. Trình bày vấn đề tính toán của bài toán phân loại bằng phương pháp Bayes và phương pháp Fisher. Với các chương trình được viết bởi phần mềm Matlab (chương trình ước lượng hàm mật độ xác suất n chiều, chương trình tính sai số Bayes, chương trình phân loại một phần tử mới bằng phương pháp Bayes) sự tính toán phức tạp và khó khăn của hai phương pháp này đã được giải quyết. Các chương trình trên phần mềm SPSS (chương trình phân loại một phần tử mới bằng phương pháp Fisher và phương pháp hồi quy Logistic. Khảo sát việc đánh giá khả năng mắc bệnh ung thư vú và suy thận mạn của bệnh nhân bằng 3 phương pháp, qua đó đã lựa chọn được các biến có ý nghĩa thống kê đưa vào mô hình và các mô hình phù hợp nhất cho từng phương pháp. Việc thực hiện cho bài toán phân loại với số liệu cụ thể trong luận văn có thể áp dụng tương tự cho nhiều ứng dụng của nhiều lĩnh vực khác.
6816	Đại học	Mô hình dự báo chuỗi thời gian của Abbasov và Mamedova	Ngô, Ngọc Trọng	Võ, Văn Tài	2019	Luận văn được cấu trúc gồm có phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận và tài liệu tham khảo. Trong đó phần nội dung gồm có 3 chương. Chương 1. Kiến thức chuẩn bị: Trình bày các kiến thức nền tảng cho Chương 2. Đó là bài toán phân tích chùm cho các phần tử rời rạc, chuỗi thời gian không mờ, các phương pháp làm trơn và mờ hóa dữ liệu phổ biến. Chương này cũng trình bày các tiêu chuẩn đánh giá mô hình. Chương 2. Mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ và một số cải tiến: Trình bày mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ của Abbasov-Mamedova, mô hình cải tiến của mô hình này và các vấn đề liên quan đến áp dụng thực tế của hai mô hình trên. Chương 3. Dự báo sản lượng lúa một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: Áp dụng mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ cải tiến, dự báo sản lượng lúa tại 3 tỉnh Đồng Tháp, An Giang và Hậu Giang dựa vào các tập dữ liệu thực tế của quá khứ.

6817	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa, kháng khuẩn của các cao chiết từ lá cây Sỗ Trai (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th.)	Nguyễn, Thị Cẩm Diệp	Đái, Thị Xuân Trang	2019	Lá cây Sỗ Trai (<i>Dillenia ovata</i> Wall. ex Hook. f. & Th.) được tách chiết với các dung môi khác nhau gồm hexane, dichloromethane và ethyl acetate. Định tính thành phần hóa học cho thấy lá Sỗ Trai chứa các hợp chất như alkaloid, flavonoid, steroid, glycoside, saponin, tanin và sesquiterpen lacton. Kết quả định lượng cho thấy cao chiết ethyl acetate lá Sỗ Trai có hàm lượng polyphenol ($98,10 \pm 0,67$ mg GAE/g cao chiết) và flavonoid ($164,78 \pm 0,56$ mg QE/g cao chiết) cao hơn cao chiết ethanol, cao chiết hexane và cao chiết dichloromethane. Ngoài ra các cao chiết lá Sỗ Trai cho hiệu quả kháng khuẩn cao với chủng vi khuẩn <i>Bacillus cereus</i> , tuy nhiên không hiệu quả với chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> , <i>Salmonella typhimurium</i> . Bên cạnh đó, các cao chiết lá Sỗ Trai cũng thể hiện hoạt tính kháng oxy hóa khi khảo sát bằng phương pháp trung hòa gốc tự do ABTS ⁺ , phương pháp FRAP và phương pháp phosphomolybdenum, trong đó cao chiết ethyl acetate thể hiện khả năng kháng oxy hóa cao với EC50 lần lượt là $5,73 \pm 0,02$ µg/mL, $1,51 \pm 0,11$ µg/mL và $58,16 \pm 0,99$ µg/mL và thấp hơn chất chuẩn Trolox lần lượt là 1,73 lần, 1,48 lần và 1,66 lần. Các kết quả này góp phần kết luận tiềm năng hoạt tính sinh học của lá Sỗ Trai và tạo cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo.
6818	Đại học	Các dạng định lý giới hạn cho bước đi ngẫu nhiên.	Đặng, Thị Thùy Dương	Lâm, Hoàng Chương.	2019	Luận văn nghiên cứu về “Các dạng định lý giới hạn cho bước đi ngẫu nhiên”. Bài luận văn gồm 3 chương: □ Chương 1: Kiến thức chuẩn bị. Trong chương này là hệ thống một số kiến thức về lý thuyết xác suất là không gian xác suất, biến ngẫu nhiên và các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất. □ Chương 2: Luật số lớn cho bước đi ngẫu nhiên. Nội dung chính là đánh giá được tốc độ hội tụ trong luật số lớn cho mô hình bước đi không cân bằng. □ Chương 3: Định lý giới hạn trung tâm cho bước đi ngẫu nhiên. Nội dung chính là đánh giá về tốc độ hội tụ trong định lý giới hạn trung tâm cho mô hình bước đi cân bằng.
6819	Đại học	Bài toán quy hoạch tuyến tính mờ và ứng dụng trong bài toán lập kế hoạch sản xuất của công ty bánh kẹo CHOCOMAN.	Nguyễn, Mai Hoàng Yến.	Lê, Thanh Tùng.	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Các nội dung cơ bản và các cách giải của bài toán quy hoạch tuyến tính mờ và ứng dụng vào bài toán lập kế hoạch sản xuất của công ty bánh kẹo CHOCOMAN.
6820	Đại học	Dự báo bệnh suy thận mạn qua mô hình bài toán phân loại.	Nguyễn, Lê Phúc Anh	Võ, Văn Tài	2019	Chương 1. KIẾN THỨC CHUẨN BỊ Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN LOẠI Chương 3. PHÂN LOẠI BỆNH SUY THẬN MẠN
6821	Đại học	Phân loại hai tổng thể và ứng dụng trong ngân hàng.	Trang, Thị Hiền	Võ, Văn Tài	2019	Chương 1. KIẾN THỨC CHUẨN BỊ. Chương 2. BÀI TOÁN PHÂN LOẠI. Chương 3. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VAY CỦA KHÁCH HÀNG.

6822	Đại học	Phân loại hai tổng thể	Bành Bảo Định, Bảo Định	TS. Võ, Văn Tài	2019	9. Tóm tắt nội dung: Phân loại là việc gán một phần tử mới thích hợp nhất vào các tổng thể đã được biết trước dựa vào các biến quan sát của nó. Bài toán phân loại ra đời do nhu cầu thực tế trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Kinh tế, xã hội, y học,... Có nhiều phương pháp phân loại khác nhau: Fisher, logistic và Bayes. Một phương pháp phân loại được coi là tốt khi nó có xác suất phân loại đúng cao. Phương pháp Fisher ra đời sớm nhất, có thể phân loại cho trường hợp hai hay nhiều hơn hai tổng thể bằng cách dựa vào hàm phân biệt Fisher. Hàm này bị ràng buộc bởi giả thiết ma trận hiệp phương sai của các tổng thể bằng nhau nên có nhiều hạn chế trong áp dụng thực tế. Phương pháp hồi qui logistic được đề xuất muộn nhất và chỉ phân loại cho hai tổng thể. Phương pháp này cũng bị ràng buộc về sự tuyến tính của dữ liệu. Phương pháp Bayes, mặc dù đã được đề xuất từ rất lâu nhưng cho đến nay nó vẫn luôn được sự quan tâm đặc biệt của các nhà thống kê. Phương pháp này có nhiều ưu điểm, có thể phân loại được cho trường hợp hai tổng thể hay nhiều hơn hai tổng thể. Nó không bị ràng buộc bởi các giả thiết tính chuẩn của dữ liệu và giả thiết phương sai bằng nhau. Có nhiều tài liệu khác nhau tổng kết các vấn đề liên quan đến phân loại bằng phương pháp Bayes, nhưng đến nay các vấn đề liên quan đến nó vẫn chưa được giải quyết trọn vẹn. Ước lượng hàm mật độ xác suất, xác định xác suất tiên nghiệm và tính sai số Bayes vẫn là các bài toán chưa có lời giải cuối cùng. Mặt khác, trong thực tế các dữ liệu thường lớn và nhiều chiều. Do vậy, khi sử dụng phương pháp phân loại Bayes, chúng ta phải giải quyết nhiều vấn đề tính toán phức tạp. Theo sự hiểu biết của mình, tôi nhận thấy rằng nghiên cứu về phương pháp phân loại Bayes là mảng rất có tiềm năng phát triển về mặt lý thuyết và ứng dụng. Nó thực sự là một vấn đề rất lý thú và hấp dẫn. Chính vì các lý do trên, tôi chọn đề tài PHÂN LOẠI HAI TỔNG THỂ làm luận văn tốt nghiệp của mình.
6823	Đại học	Phân tích thống kê việc sử dụng Facebook của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ.	Nguyễn, Như Huỳnh	T.S. Võ, Văn Tài	2019	Luận văn gồm có phần mở đầu, phần nội dung, kết luận và tài liệu tham khảo. Phần nội dung gồm 3 chương: Chương 1: Kiến thức thống kê sử dụng. Trình bày các phương pháp thống kê đơn biến và đa biến được sử dụng trong phân tích số liệu ở chương 3. Chương 2: Tổng quan các vấn đề liên quan đến việc thực hiện. Nhằm giúp hiểu rõ hơn về Facebook làm rõ quá trình phát triển và sự ảnh hưởng từ Facebook trong đời sống sâu rộng của sinh viên. Bên cạnh đó giới thiệu về khoa Kinh tế, sinh viên khoa nhằm hiểu rõ hơn về nơi lấy số liệu để đảm bảo các phân tích hợp lệ và có ý nghĩa thống kê.

6824	Đại học	Ma Trận Và Ứng Dụng	Cao Sơn Hoàng Yến, Sơn Hoàng Yến	PGS.TS Nguyễn Hữu Khánh, Hữu Khánh	2019	Ma trận là đề tài hấp dẫn đối với nhiều lớp sinh viên yêu thích bộ môn Đại số . Đặc biệt trong quá trình học tập các môn học em đã tiếp thu được một số kiến thức: định thức, vectơ riêng, giá trị riêng...Chính những kiến thức này đã tạo cho em niềm say mê và muốn tìm hiểu kĩ hơn về ma trận. Khi ta làm việc trên các con số, chúng thường có các thuộc tính đồng, đồng nhất, nghịch đảo, liên kết, giao hoán, phân bố. Ngoài ra, ma trận rất gần gũi đối với vectơ, một công cụ hiệu quả trong phân tích toán học. Với những phân tích trên, em chọn đề tài nghiên cứu “Ma trận và ứng dụng” cho luận văn này. Bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học, từ đó hình thành tư duy logic đặc thù của bộ môn. Nghiên cứu về những kiến thức về ma trận. Các kiến thức về ma trận như tổng hai ma trận, hiệu hai ma trận, tích của ma trận, phép chuyển vị, nghịch đảo, sử dụng định thức, hay chéo hóa... để áp dụng các ứng dụng của ma trận.
6825	Đại học	DỰ BÁO MỨC TIÊU THỤ NƯỚC UỐNG CÓ CỒN TRUNG BÌNH HÀNG NĂM CỦA NGƯỜI VIỆT NAM BẰNG CÁC MÔ HÌNH CHUỖI THỜI GIAN	Nguyễn, Như Ý	Võ, Văn Tài	2019	Nước uống có cồn (rượu, bia, cocktail, vodka,v.v....) là mặt hàng được tiêu thụ rộng khắp nơi trên thế giới. Không chỉ xuất hiện trong các dịp lễ hội tiệc tùng, nước uống có cồn còn xâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhiều người dân Việt Nam. Để có thể có cái nhìn tổng quát về xu hướng tiêu thụ nước uống có cồn, ta có thể phân tích số liệu về lượng nước uống có cồn tiêu thụ của người dân Việt Nam (trên 15 tuổi) trung bình trong một năm. Thông qua phân tích và áp dụng các mô hình ARIMA, Abbasov-Mamedova và NFTS, ta có thể dự báo xu hướng tiêu thụ nước uống có cồn của người dân Việt Nam sẽ ra sao trong các năm tiếp theo. Từ đó, ta có thể lên phương án quản lí phù hợp cho cộng đồng để cân bằng lợi ích giữa rượu bia và tác hại của nó đối với sức khỏe.
6826	Đại học	HÀM SINH MÔMEN VÀ ỨNG DỤNG	Phạm, Thị Chúc Huỳnh	Lâm, Hoàng Chương	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Giới thiệu hàm sinh , hàm sinh có phân phối rời rạc, hàm sinh có mật độ liên tục, quá trình phân nhánh và ứng dụng của hàm sinh
6827	Đại học	Phân tích thống kê việc sử dụng Facebook của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ.	Nguyễn, Như Huỳnh	T.S. Võ, Văn Tài	2019	Luận văn gồm có phần mở đầu, phần nội dung, kết luận và tài liệu tham khảo. Phần nội dung gồm 3 chương: Chương 1: Kiến thức thống kê sử dụng. Trình bày các phương pháp thống kê đơn biến và đa biến được sử dụng trong phân tích số liệu ở chương 3. Chương 2: Tổng quan các vấn đề liên quan đến việc thực hiện. Nhằm giúp hiểu rõ hơn về Facebook làm rõ quá trình phát triển và sự ảnh hưởng từ Facebook trong đời sống sâu rộng của sinh viên. Bên cạnh đó giới thiệu về khoa Kinh tế, sinh viên khoa nhằm hiểu rõ hơn về nơi lấy số liệu để đảm bảo các phân tích hợp lệ và có ý nghĩa thống kê. Chương 3: Kết quả phân tích. Được trình bày dưới dạng Bảng và hình vẽ để thấy rõ sự tương quan ảnh hưởng lên nhau giữa các biến được xét.
6828	Đại học	Một số phương pháp giải bài toán quy hoạch đa mục tiêu và ứng dụng trong quy hoạch đất nông nghiệp tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.	Nguyễn, Thị Đài Trang	TS. Lê, Thanh Tùng	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Các nội dung cơ bản và các cách giải của bài toán quy hoạch đa mục tiêu và ứng dụng vào quy hoạch đất nông nghiệp tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6829	Đại học	Tình hình dân số đồng bằng sông Cửu long từ năm 2011 – 2016 & dự báo tình hình dân số đến 2020	Võ, Thanh Tuyền	Dương, Thị Tuyền	2019	Luận văn gồm có 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Phần nội dung: gồm 3 chương. Chương 1: Tình hình dân số ĐBSCL từ năm 2011 đến năm 2016 2 Giới thiệu chung về ĐBSCL, phân bố dân cư giữa các tỉnh, giới tính, thành thị và nông thôn. Chương 2: Cơ sở lý thuyết cho các mô hình dự báo dân số Các mô hình hồi quy tuyến tính, mô hình chuỗi thời gian, mô hình chuỗi thời gian không mờ, mô hình chuỗi thời gian mờ được sử dụng trong dự báo dân số. Chương 3: Dự báo dân số ĐBSCL đến năm 2020. Áp dụng cơ sở lý thuyết trên chương 2 để dự báo dân số ĐBSCL trong 3 năm tiếp theo.
6830	Đại học	Phân tích thống kê việc làm thêm của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Cần Thơ.	Nguyễn, Thị Ngọc Nhiên	Võ, Văn Tài	2019	Luận văn gồm có phần mở đầu, phần nội dung, kết luận và tài liệu tham khảo. Trong đó phần nội dung gồm 3 chương: Chương 1: Kiến thức thống kê sử dụng. Chương 2: Tổng quan về khoa Kinh tế và vấn đề thực hiện. Chương 3: Kết quả phân tích.

6831	Đại học	PHÂN TÍCH THỐNG KÊ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ.	Nguyễn, Thanh Tiền	TS. Võ, Văn Tài	2019	Kết quả học tập là một vấn đề quan trọng bậc nhất của sinh viên khi học ở một trường Đại học. Kết quả này phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Điểm trúng tuyển đầu vào, trình độ ngoại ngữ, thời gian đến thư viện, thời gian tra cứu tài liệu trên internet, việc xem trước bài mới hay xem lại bài cũ,...Nó còn có thể phụ thuộc vào giới tính, ngành học, hoàn cảnh gia đình, việc làm thêm, việc tham gia các hoạt động phong trào,... Việc xác định được các yếu tố thật sự ảnh hưởng đến kết quả học tập sẽ có ý nghĩa quan trọng để đề ra các biện pháp nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này, vì vậy việc nghiên cứu đầy đủ để xác định yếu tố thật sự tác động đến kết quả học tập của trường đại học Cần Thơ thì rất cần thiết. Đối tượng nghiên cứu: Các yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Phạm vi nghiên cứu: Sinh viên đang học tập tại trường Đại học Cần Thơ. Luận văn được chia làm bốn chương: - Chương 1: Tổng quan về trường Đại học Cần Thơ và vấn đề thực hiện Giới thiệu khái quát về môi trường đào tạo sinh viên của trường Đại học Cần Thơ. Qua đó, trình bày mục đích, ý nghĩa và tổng quan về vấn đề nghiên cứu. - Chương 2: Các kiến thức thống kê sử dụng Trình bày các mô hình và các vấn đề tính toán có liên quan đến các phương pháp phân tích thống kê được thực hiện trong luận văn như: Thống kê mô tả, kiểm định các tham số thống kê, phân tích phương sai đơn và đa biến, phân tích nhân tố,... - Chương 3: Các nhân tố chủ quan và kết quả học tập Dựa vào các kết quả phân tích thu được, xác định các yếu tố chủ quan thực sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến kết quả học tập. Từ đó, đưa ra những giải pháp và kiến nghị đến nhà trường và các cơ quan quản lý liên quan nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên. - Chương 3: Các nhân tố khách quan và sự tương tác của các nhân tố đến kết quả học tập của sinh viên Dựa vào các kết quả phân tích thu được, xác định các yếu tố khách quan thực sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan đến kết quả học tập. Từ đó, đưa ra những giải pháp và kiến nghị đến nhà trường và các cơ quan quản lý liên quan nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Phần kết luận chung: - Sinh viên có mức học tập ở mức khá. - Các yếu tố khách quan: Khoa, giới tính, Khóa học, nơi ở của gia đình, nơi ở học tập có ảnh hưởng đến KQHT. - Các yếu tố chủ quan: Điểm thi đầu vào, thời gian đến TTHL và thư viện, xem bài mới ở nhà, xem TLTK, sử dụng internet trong học tập, yêu thích ngành học
6832	Đại học	Phân Tích Chuỗi Thời Gian Bằng Phần Mềm R	Trần, Tú Linh	Dương, Thị Tuyền	2019	Chương 1: Khái quát về chuỗi thời gian. Giới thiệu tổng quan về chuỗi thời gian trên tập không mờ và các mô hình dự báo bằng chuỗi thời gian trên tập không mờ. Chương 2: Giới thiệu về phần mềm R Giới thiệu tổng quan về phần mềm R, các kiến thức và câu lệnh cơ bản trong R Chương 3: Ứng dụng

6833	Đại học	Cải tiến mô hình chuỗi thời gian mờ của Singh	Nguyễn, Thị Mỹ Vân	TS. Võ, Văn Tài	2019	Chương 1: CÁC MÔ HÌNH MỜ HÓA VÀ DỰ BÁO SỐ LIỆU CHUỖI THỜI GIAN Trình bày các kiến thức có liên quan đến mô hình hồi quy, mô hình chuỗi thời gian, các phương pháp xử lý số liệu ban đầu như: làm trơn số liệu, mờ hóa số liệu. Chương này cũng trình bày các tiêu chuẩn đánh giá và các vấn đề tính toán trong dự báo số liệu theo thời gian. Chương 2: MÔ HÌNH CHUỖI THỜI GIAN MỜ CẢI TIẾN CỦA SINGH Trình bày các bước tính toán, ví dụ minh họa của mô hình Singh, mô hình cải tiến, so sánh và nhận xét giữa hai mô hình này. Chương 3: DỰ BÁO ĐỈNH MẶN TẠI CÁC TRẠM ĐO CHÍNH CỦA TỈNH KIẾN GIANG Ứng dụng mô hình cải tiến của Singh dự báo đỉnh mặn tại trạm đo Gò Quao và Xẻo Rô.
6834	Đại học	Dự báo đỉnh mặn ở tỉnh Trà Vinh bằng các mô hình thống kê	Nguyễn, Mộng Quỳn	TS Võ, Văn Tài	2019	Chương 1: KIẾN THỨC CHUẨN BỊ Trình bày các kiến thức có liên quan đến các mô hình hồi quy, mô hình chuỗi thời gian không mờ và các mô hình chuỗi thời gian mờ phổ biến và các tiêu chuẩn đánh giá mô hình. Chương 2: MÔ HÌNH CHUỖI THỜI GIAN MỜ VÀ MÔ HÌNH CHUỖI THỜI GIAN MỜ CẢI TIẾN Trình bày các khái niệm, ví dụ minh họa của mô hình Abbasov - Mamenova, mô hình đề nghị, và vấn đề tính toán. Chương 3: DỰ BÁO ĐỈNH MẶN TẠI CÁC TRẠM ĐO CHÍNH CỦA TỈNH TRÀ VINH Ứng dụng mô hình dự báo trong việc dự báo đỉnh mặn tại các trạm đo chính của tỉnh Trà Vinh, cụ thể tại trạm Cầu Quan và trạm Trà Vinh
6835	Đại học	500 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHẦN XÁC SUẤT.	Vũ, Thị Phương Quỳn	ThS. Dương, Thị Tuyền	2019	Nội dung luận văn xoay quanh việc áp dụng trắc nghiệm trong phân xác suất của môn Xác suất thống kê bằng việc đưa ra 500 câu trắc nghiệm mẫu theo từng dạng của phương pháp trắc nghiệm và giới thiệu cũng như hướng dẫn sử dụng một số phần mềm trộn trắc nghiệm thông dụng để phương pháp trắc nghiệm đạt hiệu quả cao hơn khi áp dụng vào môn Xác suất thống kê. Nội dung gồm 3 chương chính: Chương I: TRẮC NGHIỆM Giới thiệu sơ lược về phương pháp trắc nghiệm, các dạng của nó và hướng dẫn tạo câu trắc nghiệm cho từng dạng. Chương II: 500 CÂU TRẮC NGHIỆM PHẦN XÁC SUẤT Các câu hỏi trắc nghiệm theo từng dạng của phương pháp trắc nghiệm. Chương III: MỘT SỐ PHẦN MỀM TRỘN TRẮC NGHIỆM Giới thiệu sơ lược về đặc điểm của các phần mềm trộn trắc nghiệm và hướng dẫn sử dụng chúng.
6836	Đại học	MÔ HÌNH CHỈ SỐ ĐƠN SHARPE TRONG BÀI TOÁN LỰA CHỌN DANH MỤC ĐẦU TƯ	Nguyễn, Thùy Trinh	TS. Lê, Thanh Tùng	2019	Nội dung luận văn xoay quanh “MÔ HÌNH CHỈ SỐ ĐƠN SHARPE TRONG BÀI TOÁN LỰA CHỌN DANH MỤC ĐẦU TƯ” nhằm tăng tính ứng dụng và thực tiễn có thể cung cấp một cơ sở Toán học và các phương pháp tính toán tìm danh mục đầu tư tối ưu với rủi ro thấp nhất tương ứng với lợi suất mong muốn. Qua đó, phần nào giúp các nhà đầu tư có hiệu quả, gia tăng được lợi nhuận và khắc phục những rủi ro, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

6837	Đại học	Hệ phương trình vi phân và ứng dụng	Cao, Thị Trang Linh	PGS.TS. Nguyễn, Hữu Khánh	2019	Chương 1: Kiến thức chuẩn bị. Chương này trình bày các lý thuyết cơ bản, các ví dụ tiêu biểu sử dụng cho việc nghiên cứu luận văn. Chương 2: Hệ phương trình vi phân tuyến tính. Chương này chủ yếu đưa ra một số cách giải phương trình vi phân trong các trường hợp khác nhau. Chương 3: Hệ phương trình vi phân phi tuyến. Chương này cung cấp cho ta kiến thức về tuyến tính hóa, một số định lý và cách xấp xỉ nghiệm hệ phi tuyến bằng phương pháp nhiễu đồng luân. Chương 4: Ứng dụng trong mô hình toán học. Chương này trình bày ứng dụng của hệ phương trình vi phân để mô hình hóa các hiện tượng tự nhiên.
6838	Đại học	Ứng dụng quy hoạch đa mục tiêu giải bài toán lựa chọn danh mục đầu tư Markowitz.	Nguyễn, Ái Khoa	TS. Lê, Thanh Tùng	2019	Luận văn trình bày tổng quan một số phương pháp giải bài toán Quy hoạch đa mục tiêu - Ứng dụng để Quy hoạch đa mục tiêu để giải bài toán lựa chọn danh mục đầu tư - Sử dụng công cụ Solver trong Excel để xác định danh mục đầu tư tối ưu và rủi ro thấp nhất
6839	Đại học	NGHIÊN CỨU CÁC DẠNG HỘI TỤ CỦA QUÁ TRÌNH MARKOV	Lê, Thị Diễm Hương	Ts. Lâm, Hoàng Chương	2019	Nội dung liên quan tới tốc độ hội tụ của quá trình markov, luật số lớn cho quá trình markov, các kiến thức lý thuyết về tốc độ hội tụ trong xác suất.... Nội dung gồm 3 chương chính: Chương 1: KIẾN THỨC CHUẨN BỊ. Giới thiệu sơ lược về kiến thức chuẩn bị về markov, giải tích, giới hạn.... Chương 2: ĐỊNH LÝ GIỚI HẠN TRUNG TÂM CHO QUÁ TRÌNH MARKOV CÂN BẰNG. Giới thiệu mô hình markov cân bằng và các moment của nó, định lý chính, các chứng minh liên quan đến định lý giới hạn trung tâm. Chương 3: LUẬT SỐ LỚN CHO QUÁ TRÌNH MARKOV KHÔNG CÂN BẰNG. Giới thiệu mô hình markov không cân bằng và các moment của nó, định lý chính, các bổ đề cần thiết liên quan luật số lớn.
6840	Đại học	SO SÁNH HAI MÔ HÌNH DỰ BÁO CHUỖI THỜI GIAN MỜ VÀ KHÔNG MỜ TRONG DỰ BÁO ĐÌNH MẶN TẠI MỘT SỐ TỈNH VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.	Nguyễn, Lý Nguyệt Sang	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Xuất phát từ những đòi hỏi của nhiều lĩnh vực thực tế và tìm năng phát triển lý thuyết, nên dự báo số liệu theo thời gian được sự quan tâm của các nhà thống kê hiện nay. Chính vì những lý do trên em chọn đề tài So sánh hai mô hình chuỗi thời gian mờ và không mờ trong dự báo đình mẶn tại một số tỉnh ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long làm luận văn tốt nghiệp của mình. Và ứng dụng mô hình dự báo trong việc dự báo đình mẶn tại một số tỉnh ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long như Trà Vinh, Kiên Giang, Cà Mau.
6841	Đại học	: Phân tích thống kê nhận thức và thái độ của sinh viên khoa Khoa học Tự nhiên hiện nay về người đồng tính	Phạm, Chí Thiện	PGS. TS. Võ, Văn Tài	2019	Phân tích thống kê nhận thức và thái độ của sinh viên khoa Khoa học Tự nhiên hiện nay về người đồng tính, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm cải thiện thái độ, nhận thức của sinh viên theo hướng tích cực về người đồng tính.
6842	Đại học	PHÂN PHỐI TỔNG CỦA CÁC BIẾN NGẪU NHIÊN PHỤ THUỘC VÀ ỨNG DỤNG TRONG TÀI CHÍNH	Mai, Thị Hồng Thắm	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Tóm tắt nội dung luận văn: Phân phối tổng của các biến ngẫu nhiên phụ thuộc và ứng dụng phân tích rủi ro khi đầu tư vào cổ phiếu trong tài chính.
6843	Đại học	PHÂN PHỐI TỶ SỐ CỦA HAI BIẾN NGẪU NHIÊN	Trần, Nguyễn Anh Thư	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Phân phối tỷ số của hai biến ngẫu nhiên độc lập và phụ thuộc
6844	Đại học	GIẢI BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH ĐA MỤC TIÊU BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUY HOẠCH MỤC TIÊU VÀ MỘT SỐ VÍ DỤ ỨNG DỤNG	Lê, Nguyễn Kiều Trinh	PGS. TS. Lê, Thanh Tùng	2019	Hệ thống lại một số kiến thức cơ bản và cách giải về quy hoạch tuyến tính đa mục tiêu, từ đó áp dụng vào việc giải hai bài toán thực tế thu thập từ hai bài báo.

6845	Đại học	PHÂN PHỐI TỶ SỐ CỦA HAI BIẾN NGẪU NHIÊN	Trần, Nguyễn Anh Thư	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Phân phối tỷ số của hai biến ngẫu nhiên độc lập và phụ thuộc
6846	Đại học	TÍCH THÔNG KÊ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG FACEBOOK CỦA SINH VIÊN KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP.	Trần, Hồng Ngọc	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Phân tích thông kê thực trạng sử dụng Facebook của sinh viên Khoa Khoa học Tự nhiên và mức độ ảnh hưởng của chúng đến kết quả học tập để từ đó đề ra những biện pháp cải thiện hợp lý giúp sinh viên học tập tốt hơn.
6847	Đại học	HAI MÔ HÌNH DỰ BÁO CẢI TIẾN DỮ LIỆU CHUỖI THỜI GIAN VÀ ỨNG DỤNG	Huỳnh, Thị Yến Nhi	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Hai mô hình dự báo cải tiến dữ liệu chuỗi thời gian và ứng dụng trong dự báo đỉnh mận tại các trạm đo chính của tỉnh Trà Vinh.
6848	Đại học	PHÂN PHỐI LIÊN QUAN ĐẾN HAI TỶ LỆ VÀ ỨNG DỤNG TRONG BÀI TOÁN PHÂN LOẠI.	Phạm, Thị Huỳnh Liên.	PGS.TS Võ, Văn Tài	2019	Tổng kết các vấn đề liên quan đến phân phối xác suất của tổng, hiệu, tích, thương cho hai tỷ lệ độc lập, ứng dụng tỷ số của hai tỷ lệ trong xác định xác suất tiên nghiệm của bài toán phân loại bằng phương pháp Bayes và ứng dụng các xác suất tiên nghiệm trong giải quyết bài toán phân loại cho một số liệu thực tế.
6849	Đại học	Ứng dụng hồi quy lasso trong R	Vương, Thị Mỹ Tiên	Th.s Nguyễn, Thị Hồng Dân	2019	Ứng dụng hồi quy LASSO vào dữ liệu giá nhà ở Boston của Harrison bằng phần mềm R
6850	Đại học	MÔ HÌNH MỜ HÓA SỐ LIỆU TOÀN CHUỖI DỰA VÀO BÀI TOÁN PHÂN TÍCH CHÙM	Nguyễn Văn Huynh	PGS. TS. Võ, Văn Tài	2019	Mô hình mờ hóa số liệu toàn chuỗi dựa vào bài toán phân tích chùm và ứng dụng trong dự báo đỉnh mận tại các trạm đo chính của tỉnh Trà Vinh.
6851	Đại học	CẢI TIẾN MÔ HÌNH MỜ HÓA CHUỖI THỜI GIAN VÀ ỨNG DỤNG TRONG DỰ BÁO LƯỢNG ĐỒ UỐNG CÓ CỒN Ở VIỆT NAM.	Nguyễn, Thị Thơi Thới	PGS.TS. Võ, Văn Tài	2019	Cải tiến mô hình mờ hóa dữ liệu chuỗi thời gian của Singh và ứng dụng để dự báo lượng đồ uống có cồn ở Việt Nam.
6852	Đại học	MÔ HÌNH MỜ HÓA SỐ LIỆU TOÀN CHUỖI DỰA VÀO BÀI TOÁN PHÂN TÍCH CHÙM	Nguyễn, Văn Huynh	PGS. TS. Võ, Văn Tài	2019	Mô hình mờ hóa số liệu toàn chuỗi dựa vào bài toán phân tích chùm và ứng dụng trong dự báo đỉnh mận tại các trạm đo chính của tỉnh Trà Vinh.

6853	Đại học	Bài Toán Quy Hoạch Tuyến Tính Đa Mục Tiêu Mờ Và Một Số Ví Dụ Ứng Dụng	Từ, Kim Phụng	TS. Lê, Thanh Tùng	2019	Ngày nay việc lập kế hoạch sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Vai trò của sản xuất công nghiệp là một trong những yếu tố quyết định góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong đó việc vận hành kế hoạch sản xuất có vai trò ngày càng cao. Vì thế việc lập kế hoạch sản xuất mang tới hiệu quả cao nhất đang là vấn đề cấp thiết của các công ty, doanh nghiệp. Tối ưu hóa là một lĩnh vực của toán học có ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực, trong đó có công nghiệp chế biến. Ngày nay phương pháp sử dụng mô hình toán tối ưu được áp dụng rộng rãi và hiệu quả, giúp lựa chọn ra những phương án tốt nhất, tiết kiệm chi phí, đồng thời mang lại hiệu quả cao. Mô hình Quy hoạch tuyến tính đa mục tiêu mờ mờ là một mô hình ra quyết định nhiều mục tiêu và được giải bằng phương pháp đối thoại người ra quyết định, nhằm giúp người ra quyết định từng bước tìm hiểu và thích nghi với các thông tin nội tại của mô hình, để cuối cùng đi tới một lời thỏa mãn nhất. Các mục tiêu của mô hình được chuyển sang các mục tiêu mờ phản ánh độ thỏa dụng của người ra quyết định. Các bước nghiên cứu và ứng dụng một bài toán quy hoạch tuyến tính điển hình là như sau: Xác định vấn đề cần giải quyết, thu thập dữ liệu; Lập mô hình toán học; Xây dựng các thuật toán để giải bài toán đã mô hình hoá bằng ngôn ngữ thuận lợi cho việc lập trình cho máy tính; Tính toán thử và điều chỉnh mô hình nếu cần; Áp dụng giải các bài toán thực tế. Ứng dụng của quy hoạch trong tuyến tính trong đời sống mang lại cho con người nhiều lợi ích như việc tối ưu hóa lợi nhuận sản xuất của công ty hay việc tối ưu hóa quá trình sản xuất của công ty. Bên cạnh đó, chúng ta phải biết áp dụng đúng quy trình để mang lại hiệu quả tốt nhất. Do đó việc hệ thống lại một số kiến thức cơ bản về quy hoạch tuyến tính mờ và tìm hiểu cách áp dụng vào thực tiễn trong việc lập kế hoạch sản xuất là có ý nghĩa cả về lý thuyết lẫn thực tiễn. Đó là lý do em chọn đề tài: Bài toán quy hoạch tuyến tính đa mục tiêu mờ và một số ví dụ ứng dụng.
6854	Đại học	Ảnh hưởng của các mức độ bổ sung hành tím (<i>Allium ascalonicum</i> L.) lên sự tăng trưởng của gà nòi lai	Phạm, Thanh Hùng	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Ảnh hưởng của các mức độ bổ sung hành tím (<i>Allium ascalonicum</i> L.) lên sự tăng trưởng của gà nòi lai.
6855	Đại học	Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà và tính gây bệnh của virus IB phân lập được tại tỉnh Vĩnh Long	Phạm, Hồng Tiến	Nguyễn, Phúc Khánh Nguyễn, Thị Cẩm Loan	2018	Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà và tính gây bệnh của virus IB phân lập được tại tỉnh Vĩnh Long.
6856	Đại học	Khảo sát hiệu quả kháng khuẩn của hành tím (<i>Allium ascalonium</i> L.) trên <i>Escherichia coli</i> ở gà	Đoàn, Thành An	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát hiệu quả kháng khuẩn của hành tím (<i>Allium ascalonium</i> L.) trên <i>Escherichia coli</i> ở gà.
6857	Đại học	Khảo sát các dòng vi khuẩn có tiềm năng Probiotic phân lập từ ruột heo và đất tại Hậu Giang và Cà Mau	Hà, Tuấn Anh	Nguyễn, Trọng Ngữ	2018	Khảo sát các dòng vi khuẩn có tiềm năng Probiotic phân lập từ ruột heo và đất tại Hậu Giang và Cà Mau.
6858	Đại học	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên gà tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Lê, Hữu Hậu	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên gà tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

6859	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh viêm tích mủ tử cung trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị	Trịnh, Thị Thúy An	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát tình hình bệnh viêm tích mủ tử cung trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị.
6860	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh tiêu chảy máu trên chó	Dương, Hữu Phước	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát tình hình bệnh tiêu chảy máu trên chó.
6861	Đại học	Khảo sát một số bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa trên chó tại Trung tâm hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi và thú y Tp. Cần Thơ	Dương, Thị Phương Uyên	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát một số bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa trên chó tại Trung tâm hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi và thú y Tp. Cần Thơ.
6862	Đại học	Khảo sát tác dụng của vitamin C lên đáp ứng miễn dịch phòng bệnh Newcastle trên gà vườn	Hà, Văn Đen	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát tác dụng của vitamin C lên đáp ứng miễn dịch phòng bệnh Newcastle trên gà vườn.
6863	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcatsle và khả năng đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên giống gà thả vườn ở xã Hòa An, huyện Phụng hiệp, tỉnh Hậu Giang	Huỳnh, Hà Quốc Thịnh	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcatsle và khả năng đáp ứng miễn dịch đối với vaccine phòng bệnh Newcastle trên giống gà thả vườn ở xã Hòa An, huyện Phụng hiệp, tỉnh Hậu Giang.
6864	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của Vi khuẩn clostridium botulinum trên chuột bạch	Nguyễn, Hoài Nhân	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của Vi khuẩn clostridium botulinum trên chuột bạch
6865	Đại học	Khảo sát sự lưu hành bệnh newcastke disease (ND) và đặc điểm phân tử gen F của các chủng virut gây bệnh ND trên gà tại tỉnh Vĩnh Long	Vongnalath, Khemphone	Nguyễn, Phúc Khánh	2018	Khảo sát sự lưu hành bệnh newcastke disease (ND) và đặc điểm phân tử gen F của các chủng virut gây bệnh ND trên gà tại tỉnh Vĩnh Long.
6866	Đại học	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn Salmonella trên thăn lắn ở một số cơ sở chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ	Phan, Nhựt Vinh	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn Salmonella trên thăn lắn ở một số cơ sở chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ.
6867	Đại học	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh phù thũng trên heo con sau cai sữa tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	Huỳnh, Lý Thị Kim Sang	Lý, Thị Liên Khai	2018	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh phù thũng trên heo con sau cai sữa tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
6868	Đại học	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia Coli gây bệnh phù thũng trên heo con sau cai sữa tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Lê, Chí Công	Lý, Thị Liên Khai	2018	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia Coli gây bệnh phù thũng trên heo con sau cai sữa tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
6869	Đại học	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh trên heo con sau cai sữa tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Ông, Trí Huy	Lý, Thị Liên Khai	2018	Phân lập và khảo sát sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh trên heo con sau cai sữa tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

6870	Đại học	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên vịt tại huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên vịt tại huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh
6871	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh tiêu chảy và khả năng tăng trưởng trọng ở heo con theo mẹ tại xã Bình Đông và Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	Lê, Tấn Đạt	Phạm, Hoàng Dũng	2018	Khảo sát tình hình bệnh tiêu chảy và khả năng tăng trọng ở heo con theo mẹ tại xã Bình Đông và Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.
6872	Đại học	Tình hình bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) và khả năng đáp ứng miễn dịch của gà khi nhiễm virus IB tại thành phố Cần Thơ	Lê, Quốc Đạt	Nguyễn, Phúc Khánh Nguyễn, Thị Cẩm Loan	2018	Tình hình bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) và khả năng đáp ứng miễn dịch của gà khi nhiễm virus IB tại thành phố Cần Thơ
6873	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá bán tự mốc (Hemigraphis glaucescens) lên gan, thận, lách và chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà nòi lai	Phạm, Thị Ngọc Lan	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá bán tự mốc (Hemigraphis glaucescens) lên gan, thận, lách và chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà nòi lai
6874	Đại học	Ảnh hưởng của hỗn hợp dầu cá hồi và dầu đậu nành lên tỷ lệ tiêu hóa, lên men dạ cỏ và sinh khí methane của dê	Phạm, Trường Thoại Kha	Lâm, Phước Thành	2018	Ảnh hưởng của hỗn hợp dầu cá hồi và dầu đậu nành lên tỷ lệ tiêu hóa , lên men dạ cỏ và sinh khí methane của dê.
6875	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh Carré trên chó và đánh giá kết quả điều trị tại bệnh xá thú y Trường đại học Cần Thơ	Trần, Dã Thảo Ngân	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Khảo sát tình hình bệnh Carré trên chó và đánh giá kết quả điều trị tại bệnh xá thú y Trường đại học Cần Thơ.
6876	Đại học	So sánh khả năng phòng bệnh và tác động trên tăng trưởng giữa kháng sinh và lá diếp cá (Houttuynia cordata) trên gà nòi	Hà, Thị Yến Hà	Huỳnh, Kim Diệu	2018	So sánh khả năng phòng bệnh và tác động trên tăng trưởng giữa kháng sinh và lá diếp cá (Houttuynia cordata) trên gà nòi
6877	Đại học	Phân lập vi khuẩn Salmonella trên chó không tiêu chảy tại phòng mạch thú y Tp. Cần Thơ	Trần, Thị Chúc Linh	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Phân lập vi khuẩn Salmonella trên chó không tiêu chảy tại phòng mạch thú y Tp. Cần Thơ
6878	Đại học	Tình hình viêm cầu trùng gà tại hai cơ sở chăn nuôi công nghiệp huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Lê, Hồng Thanh San	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Khảo sát tình hình viêm cầu trùng gà tại hai cơ sở chăn nuôi công nghiệp huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long
6879	Đại học	Xác định tốc độ Bolutin type C, D, E sinh ra từ vi khuẩn Clostridium botulinum bằng kháng độc tố chuẩn	Nguyễn, Thị Mỹ Thu	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Xác định tốc độ Bolutin type C, D, E sinh ra từ vi khuẩn Clostridium botulinum bằng kháng độc tố chuẩn
6880	Đại học	Xác định độ tổ Botulin trong huyết thanh vịt bị liệt và mềm cổ bằng phương pháp tiêm kháng độc tố chuẩn trên chuột	Nguyễn, Trọng Trí	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Xác định độ tổ Botulin trong huyết thanh vịt bị liệt và mềm cổ bằng phương pháp tiêm kháng độc tố chuẩn trên chuột
6881	Đại học	Tình hình nhiễm giun sán đường tiêu hóa vịt đẻ tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn, Văn Hào	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Tình hình nhiễm giun sán đường tiêu hóa vịt đẻ tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

6882	Đại học	Xác định lý lệ nhiễm vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh trên vịt tại huyện Châu Thành và huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Trương, Nhật Trường	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Xác định lý lệ nhiễm vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh trên vịt tại huyện Châu Thành và huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
6883	Đại học	Định lượng nấm mốc trên thức ăn gà tại một số quận thuộc thành phố Cần Thơ	Lư, Châu Nhi	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Định lượng nấm mốc trên thức ăn gà tại một số quận thuộc thành phố Cần Thơ.
6884	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên vịt và môi trường chăn nuôi ở huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Liên, Mai Phương Vy	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát sự lưu hành của Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên vịt và môi trường chăn nuôi ở huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
6885	Đại học	Khảo sát một số bệnh phổ biến trên chó tại thị xã Tân Châu	Dương, Văn Khỏe	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát một số bệnh phổ biến trên chó tại thị xã Tân Châu
6886	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase trên thân thịt heo tại một số cơ sở giết mổ tỉnh Vĩnh Long	Phan, Tùng Khương	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta lactamase trên thân thịt heo tại một số cơ sở giết mổ tỉnh Vĩnh Long.
6887	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm khuẩn Escherichia coli, Staphylococcus aureus và Streptococcus spp trong dịch âm đạo của dê	Tô, Đức Hoài	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Khảo sát tình hình nhiễm khuẩn Escherichia coli, Staphylococcus aureus và Streptococcus spp trong dịch âm đạo của dê.
6888	Đại học	Phân bố nhóm huyết thanh và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tp. Cần Thơ	Thái, Dương Đăng Khoa	Hồ, Thị Việt Thu	2018	Phân bố nhóm huyết thanh và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli trên vịt tại tp. Cần Thơ
6889	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá bán tự mốc (Hemigraphis glaucescens) đến khả năng tăng trưởng và phòng bệnh của gà nòi lai	Trần, Quốc Hiệp	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột lá bán tự mốc (Hemigraphis glaucescens) đến khả năng tăng trưởng và phòng bệnh của gà nòi lai
6890	Đại học	Khảo sát một số chỉ tiêu vi sinh vật trên mẫu thịt heo tại chợ Càng Long thuộc huyện Càng Long và chợ Cầu Kè thuộc huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Văn Thanh	Trần, Ngọc Bích	2017	Khảo sát một số chỉ tiêu vi sinh vật trên mẫu thịt heo tại chợ Càng Long thuộc huyện Càng Long và chợ Cầu Kè thuộc huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh
6891	Đại học	Tỷ lệ nhiễm và sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Escherichia Coli trên dê tại trại dê Hải Triều huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang	Trần, Thiện Lâm	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Xác định sự hiện diện của vi khuẩn E. coli trên mẫu phân và mẫu môi trường hạn chế các nguồn vi khuẩn lây lan cho vật nuôi. Xác định độ nhạy của vi khuẩn E. coli đối với một số loại kháng sinh từ đó lựa chọn kháng sinh điều trị có hiệu quả và tránh tình trạng đề kháng với kháng sinh của vi khuẩn E. coli.
6892	Đại học	Khảo sát quy trình giết mổ và một số bệnh tích đại thể trên phổi, gan heo tại cơ sở giết mổ Ngọc Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Lưu, Phú Cường	Phạm, Hoàng Dũng	2018	Khảo sát quy trình giết mổ và một số bệnh tích đại thể trên phổi, gan heo tại cơ sở giết mổ Ngọc Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Lon .
6893	Đại học	Theo dõi năng suất, chất lượng sữa và hiệu quả kinh tế của trại bò sữa xã Tu Tra, Đơn Dương, Lâm Đồng	Nguyễn, Trường An	Hồ, Quảng Đồ	2018	Theo dõi năng suất, chất lượng sữa và hiệu quả kinh tế của trại bò sữa xã Tu Tra, Đơn Dương, Lâm Đồng

6894	Đại học	Khảo sát bệnh viêm tử cung và năng suất sinh sản trên heo nái tại một số trại heo hộ gia đình thuộc hai xã Tân Thạnh và Bình Thành, huyện thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Trần, Thanh Tiến	Phạm, Hoàng Dũng	2018	Khảo sát bệnh viêm tử cung và năng suất sinh sản trên heo nái tại một số trại heo hộ gia đình thuộc hai xã Tân Thạnh và Bình Thành, huyện thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
6895	Đại học	Ảnh hưởng của các mức độ men tiêu hóa (bio-prozyme) lên tăng trưởng của gà Ayam cemani giai đoạn từ 0-4 tuần tuổi tại Vĩnh Long	Võ, Đăng Khoa	Phạm, Tấn Nhã	2018	Ảnh hưởng của các mức độ men tiêu hóa (bio-prozyme) lên tăng trưởng của gà Ayam cemani giai đoạn từ 0-4 tuần tuổi tại Vĩnh Long.
6896	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên heo tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Võ, Quốc Cường	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn escherichia coli sinh beta lactamase phổ rộng trên heo tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
6897	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Trương Thái Bảo	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Khảo sát tình hình nhiễm leptospira trên heo nái tại một số huyện thuộc thành phố Cần Th .
6898	Đại học	Nghiên cứu tác động của bột diếp cá (Houttuynia cordata thunb) đến khả năng tăng trưởng và phòng bệnh trên gà nòi lai	Nguyễn, Chí Khang	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Nghiên cứu tác động của bột diếp cá (Houttuynia cordata thunb) đến khả năng tăng trưởng và phòng bệnh trên gà nòi lai
6899	Đại học	Phân lập vi khuẩn Escherichia coli K88, K99, 987P và thử độ nhạy của vi khuẩn đối với kháng sinh từ phân heo tại một số nông hộ thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đặng, Thanh Tính	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Phân lập vi khuẩn Escherichia coli K88, K99, 987P và thử độ nhạy của vi khuẩn đối với kháng sinh từ phân heo tại một số nông hộ thuộc huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
6900	Đại học	Khảo sát bệnh đường hô hấp trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá thú y thực hành Trường Đại học Cần Thơ	Đặng, Thảo Vy	Trần, Ngọc Bích	2018	Khảo sát bệnh đường hô hấp trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá thú y thực hành Trường Đại học Cần Th .
6901	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcastle trên gà nòi ở huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	Nguyễn, Trung Tín	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát tình hình nhiễm virus Newcastle trên gà nòi ở huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.
6902	Đại học	Những thay đổi về sinh lý máu trên chó tiểu đường bị tăng huyết áp tại bệnh xá thú y Trường ĐHCT	Phạm, Nguyễn Minh Đạt	Huỳnh, Kim Diệu	2018	Những thay đổi về sinh lý máu trên chó tiểu đường bị tăng huyết áp tại bệnh xá thú y Trường ĐHCT
6903	Đại học	Khảo sát tình hình chăn nuôi heo và sử dụng thuốc thú y tại huyện Càng Long, huyện Trà Cú và huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Đức Duy	Lưu, Hữu Mạnh Bùi, Thị Lê Minh	2017	Khảo sát tình hình chăn nuôi heo và sử dụng thuốc thú y tại huyện Càng Long, huyện Trà Cú và huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh

6904	Đại học	Tình hình nhiễm cầu trùng trên gà công nghiệp lông màu tại huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre và thử nghiệm hiệu quả phòng bệnh bằng vaccine, thuốc	Nguyễn, Đức Tài	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Tình hình nhiễm cầu trùng trên gà công nghiệp lông màu tại huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre và thử nghiệm hiệu quả phòng bệnh bằng vaccine, thuốc
6905	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên ếch tại huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp	Châu, Thị Thanh Tâm	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên ếch tại huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp
6906	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà công nghiệp lông màu bán chăn thả tại huyện mô cây bắc tỉnh Bến Tre và theo dõi tình trạng bệnh lý trên gà thí nghiệm	Nguyễn, Văn Dũng	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà công nghiệp lông màu bán chăn thả tại huyện mô cây bắc tỉnh Bến Tre và theo dõi tình trạng bệnh lý trên gà thí nghiệm
6907	Đại học	Tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà nuôi bán chăn thả tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và theo dõi tình trạng bệnh lý trên đàn gà thử nghiệm	Ngô, Quốc Tín	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà nuôi bán chăn thả tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang và theo dõi tình trạng bệnh lý trên đàn gà thử nghiệm
6908	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm ngoại ký sinh trên chó được mang đến và hiệu quả điều trị tại trạm Thú Y Liên Quận Ninh Kiều - Bình Thủy	Mai, Ngọc Tường Minh	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm ngoại ký sinh trên chó được mang đến và hiệu quả điều trị tại trạm Thú Y Liên Quận Ninh Kiều - Bình Thủy
6909	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Thành phố Cần Thơ	Ngô, Thị Thu Trâm	Nguyễn, Hữu Hưng	2018	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng thỏ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Thành phố Cần Thơ
6910	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà Nòi nuôi bán chăn thả tại huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre và thử nghiệm hiệu quả của thuốc, vaccine phòng bệnh	Ngô, Hoàng Huy	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà Nòi nuôi bán chăn thả tại huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre và thử nghiệm hiệu quả của thuốc, vaccine phòng bệnh
6911	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà nòi nuôi bán chăn thả tại huyện Mô Cây Bắc tỉnh Bến Tre và theo dõi tình trạng bệnh lý trên đàn gà thử nghiệm	Nguyễn, Thị Anh Đào	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng trên đàn gà nòi nuôi bán chăn thả tại huyện Mô Cây Bắc tỉnh Bến Tre và theo dõi tình trạng bệnh lý trên đàn gà thử nghiệm
6912	Đại học	Khảo sát sự hiện diện của Escherichiacolisinh β -lactamase phổ rộng trên bò ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Nguyễn, Thị Bích Ngọc	Bùi, Thị Lê Minh	2018	Khảo sát sự hiện diện của Escherichiacolisinh β -lactamase phổ rộng trên bò ở huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
6913	Đại học	Khảo sát tác dụng của củ hành tím (Allium ascalonicum L) và biochar lên đáp ứng miễn dịch phòng bệnh Newcastle trên gà nuôi thả vườn	Nguyễn, Thị Cẩm Hương	Huỳnh, Ngọc Trang	2018	Khảo sát tác dụng của củ hành tím (Allium ascalonicum L) và biochar lên đáp ứng miễn dịch phòng bệnh Newcastle trên gà nuôi thả vườn

6914	Đại học	Sự hiện diện của vi khuẩn Salmonella spp. trên phân cừu và độ nhạy của vi khuẩn với một số loại kháng sinh	Nguyễn, Trong Trắng	Nguyễn, Thu Tâm	2018	Sự hiện diện của vi khuẩn Salmonella spp. trên phân cừu và độ nhạy của vi khuẩn với một số loại kháng sinh
6915	Đại học	Tình hình nhiễm cầu trùng trên gà công nghiệp tại thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và thử nghiệm hiệu quả phòng bệnh của vaccine, thuốc trên đàn gà thí nghiệm	Phạm, Thị Ngọc Châu	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Tình hình nhiễm cầu trùng trên gà công nghiệp tại thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và thử nghiệm hiệu quả phòng bệnh của vaccine, thuốc trên đàn gà thí nghiệm
6916	Đại học	Nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng tại 2 tỉnh Hậu Giang và Đồng Tháp	Tăng, Minh Hiền	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên chuột đồng tại 2 tỉnh Hậu Giang và Đồng Tháp
6917	Đại học	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn Salmonella trên heo và môi trường tại hai cơ sở giết mổ thuộc tỉnh Hậu Giang	Trần, Quốc Tuấn	Lý, Thị Liên Khai	2018	Khảo sát sự hiện diện và tính nhạy cảm đối với kháng sinh của vi khuẩn Salmonella trên heo và môi trường tại hai cơ sở giết mổ thuộc tỉnh Hậu Giang
6918	Đại học	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có tiềm năng probiotic từ ruột gà tại tỉnh Trà Vinh	Phạm, Vũ Linh	Nguyễn, Trọng Ngừ	2019	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có tiềm năng probiotic từ ruột gà tại tỉnh Trà Vinh
6919	Đại học	Khảo sát các chỉ tiêu sinh lý – sinh hóa nước tiểu trên chó rối loạn hệ niệu tại thành phố Cà Mau	Phạm, Thị Như Huỳnh	Nguyễn, Thị Bé Mười	2017	Khảo sát các chỉ tiêu sinh lý – sinh hóa nước tiểu trên chó rối loạn hệ niệu tại thành phố Cà Mau
6920	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên cóc (Duttaphrynus melanostictus) tại tỉnh Sóc Trăng	Trần, Thanh Long	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên cóc (Duttaphrynus melanostictus) tại tỉnh Sóc Trăng
6921	Đại học	Khảo sát tình hình nhiễm ngoại ký sinh trên chó được mang đến và hiệu quả điều trị tại phòng mạch thú y Vemedim thành phố Cần Thơ	Phan, Thị Bảo Trân	Nguyễn, Hữu Hưng	2019	Khảo sát tình hình nhiễm ngoại ký sinh trên chó được mang đến và hiệu quả điều trị tại phòng mạch thú y Vemedim thành phố Cần Thơ
6922	Đại học	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn Escherichia coli sinh β -latamase phổ rộng trên heo tại huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh	Trần, Thanh Sử	Lưu, Hữu Mạnh	2018	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn Escherichia coli sinh β -latamase phổ rộng trên heo tại huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh
6923	Đại học	Chữ hiếu trong triết học phật giáo và ảnh hưởng của nó đến đạo đức thanh niên ở TPCT hiện nay	Hà, Trần Ái Ngọc	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6924	Đại học	Thiên Chúa giáo và ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội ở ĐBSCL hiện nay.	Huỳnh, Thị Thảo Trâm	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6925	Đại học	Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức nữ tỉnh Cà Mau trong thời kỳ CNH-HĐH hiện nay	Huỳnh, Thị Diễm	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2018	
6926	Đại học	Nâng cao nhận thức về con đường quá độ lên CNXH ở VN	Lê, Tuấn Linh	Phan, Văn Thạng	2018	

6927	Đại học	Rèn luyện tư duy biện chứng của sinh viên trường ĐHCT hiện nay thông qua việc học tập những nguyên lý cơ bản của CNMLNN	Ngô, Khánh Duy	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2018	
6928	Đại học	Chủ nghĩa thực dụng của CHARLES SANDERS PEIRCE - giá trị và hạn chế	Nguyễn, Cao Siêng	Nguyễn, Thành Nhân	2018	
6929	Đại học	Phép biện chứng duy vật với việc rèn luyện tư duy phản biện của sinh viên trường ĐHCT	Nguyễn, Kim Ngân	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2018	
6930	Đại học	Vận dụng CNMLN về quyền con người vào việc thực hiện quyền con người ở tỉnh BL hiện nay	Nguyễn, Thị Hòa	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2018	
6931	Đại học	Vận dụng TT Khổng tử về lễ, nghĩa vào việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ VN hiện nay	Nguyễn, Thị Kim Doanh	Phan, Văn Thạng	2018	
6932	Đại học	Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của người Hoa ở tỉnh ST hiện nay	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6933	Đại học	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cộng đồng người Việt ở ĐBSCL hiện nay.	Phạm, Nguyễn Ngọc Ánh	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6934	Đại học	Kế thừa TT tích cực của đạo đức nho giáo trong XD đạo đức của con người HG hiện nay	Phạm, Thị Huỳnh ý	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6935	Đại học	Mối quan hệ giữa tài năng và đạo đức trong việc XD đội ngũ CB, đảng viên ở nước ta hiện nay- thực trạng và giải pháp	Phạm, Trúc Như	Phan, Văn Thạng	2018	
6936	Đại học	Học thuyết chính danh của Khổng tử với việc tuyển chọn cán bộ, công chức ở tỉnh CM hiện nay	Phan, Hải Âu	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2018	
6937	Đại học	Vận dụng quan điểm triết học MLN về con người vào việc phát triển nguồn lực con người trong thời kỳ CNH-HĐH ở tỉnh Cà Mau hiện nay	Trà, Thị Phương Nguyên	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6938	Đại học	Phát triển nguồn nhân lực trong quá trình CNH-HĐH ở tỉnh Bạc Liêu hiện nay.	Trần, Công To	Trần, Thị Như Tuyền	2018	
6939	Đại học	Học thuyết âm dương trong triết học Trung hoa cổ đại và ảnh hưởng của nó đến đời sống tinh thần XHVN hiện nay.	Trần, Hoàng Nam	Lê, Ngọc Triết	2018	

6940	Đại học	Bảo tồn và phát triển văn hóa KHMER ở tỉnh ST hiện nay -thực trạng và giải pháp	Trần, Thị Mỹ Xuân	Lê, Ngọc Triết	2018	
6941	Đại học	Ảnh hưởng của TT nhân sinh trong Phật giáo Nam Tông đến đời sống tinh thần của đồng bào KHMER tỉnh ST hiện nay	Võ, Thị Mỹ Duyên	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6942	Đại học	Vấn đề giáo dục đạo đức với việc hình thành nhân cách thanh niên Kiên Giang hiện nay	Phan, Trần Bảo Trâm	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6943	Đại học	GIAO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT Ở ĐẢNG CẦN THƠ)	Nguyễn, Thị Khánh Vy	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6944	Đại học	PHÁT HUY C TỐ CON NGƯỜI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ HIỆN NAY	Phạm, Việt Em	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6945	Đại học	Ảnh hưởng của thuyết âm dương - ngũ hành đến đời sống văn hóa tinh thần người dân tỉnh HG hiện nay	Nguyễn, Hùng Tinh	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6946	Đại học	Ảnh hưởng của quan điểm "Nhân" trong triết học Khổng tử đến sự hình thành nhân cách con người ở ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay.	Nguyễn, Thị Diễm My	nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2018	
6947	Đại học	Kế thừa đạo đức của nho giáo trong giáo dục đạo đức cho thanh niên VN hiện nay (qua khảo sát ở tỉnh BT)	Trương, Thị Bích Tuyền	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6948	Đại học	NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	Võ, Thị Bé Nhí	Phan, Văn Thặng	2018	
6949	Đại học	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ NGƯỜI DÂN TỘC KHMER Ở SÓC TRĂNG HIỆN NAY	Lý, Hoàng Chấn	Hồ, Thị Hà	2018	
6950	Đại học	Vận dụng thuyết quân tử của Khổng tử vào quá trình giáo dục cho đạo đức cho thanh niên VN hiện nay	Lê, nguyễn Hữu Thành	Trần, Thanh Quang	2018	
6951	Đại học	Phát huy giá trị đạo đức nho giáo ở VN hiện nay	Lê, Thị Hồng Gấm	Trần, Thị Như Tuyền	2018	

6952	Đại học	Phát huy nhân tố con người trong quá trình CNH-HĐH ở huyện Thới Lai, TPCT	Nguyễn, Hồng Dư	Trần, Thanh Quang	2018	
6953	Đại học	Mối quan hệ giữa con người và môi trường trong sự phát triển bền vững ở nước ta hiện nay.	Trần, Thị Lan Anh	Phan, Văn Thặng	2018	
6954	Đại học	THUYẾT ÂM DƯƠNG – NGŨ HÀNH TRONG TRIẾT HỌC TRUNG HOA CỔ ĐẠI VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TRONG KIẾN TRÚC NHÀ Ở NAM BỘ HIỆN NAY	Nguyễn, Thúy Duy	Lê, Ngọc Triết	2018	
6955	Đại học	VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU TRONG ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC Ở TỈNH BẠC LIÊU HIỆN NAY	Huỳnh, Minh Vương	Hồ, Thị Hà	2018	
6956	Đại học	Học thuyết "tam tông, tứ đức" trong triết học của Khổng tử - mặt tích cực và hạn chế	Dương, Minh Nguyệt	Lê, Ngọc Triết	2018	
6957	Đại học	QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC KHÔNG TỬ - GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ	Ngô, Huỳnh Vinh Huê	Lê, Ngọc Triết	2018	
6958	Đại học	Quan điểm Hiếu trong triết học Phật giáo và ảnh hưởng của nó ở VN hiện nay.	Tăng, Tường Hiếu	Trần, Thanh Quang	2018	
6959	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO ĐẾN GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT Ở TỈNH VĨNH LONG)	Lê, Thị Hoa	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6960	Đại học	HỌC THUYẾT CHÍNH DANH TRONG TRIẾT HỌC KHÔNG TỬ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	Nguyễn, Tuấn Em	Lê, Ngọc Triết	2018	
6961	Đại học	Quan điểm triết học MLN về con người và vai trò của nhân tố con người trong thời kỳ CNH-HĐH ở huyện Trần Văn Thời, Cà Mau hiện nay.	Tổng, Tú Trinh	Hồ, Thị Hà	2018	
6962	Đại học	Chính sách XH đối với việc phát huy nguồn nhân lực con người ở tỉnh Cà Mau hiện nay.	Trần, Thảo My	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	

6963	Đại học	PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	Nguyễn, Thị Ngọc Lành	Phan, Văn Phúc	2018	
6964	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO ĐẾN ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TÌNH THẦN NGƯỜI DÂN TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY	Trịnh, Văn Lợi	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6965	Đại học	Ảnh hưởng của TT nhân sinh trong triết học Phật giáo Nam Tông đến đời sống sinh hoạt tinh thần của người KHMER tỉnh ST hiện nay	Phan, Thanh Thường	Trần, Thị Như Tuyền	2018	
6966	Đại học	phát huy nguồn nhân lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh BL hiện nay	Trần, Văn Nhờ	Trần, Thanh Quang	2018	
6967	Đại học	QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH SÓC TRĂNG HIỆN NAY	Tổng, Quốc Bảo	Hồ, Thị Hà	2018	
6968	Đại học	TT "Đức trị" trong triết học Khổng tử đối với việc giáo dục đạo đức thanh niên ở khu vực ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay.	Thạch, Thị Loan	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2018	
6969	Đại học	ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI NHÂN VĂN ĐẾN VIỆC HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY	Ngô, Thảo Vy	Phan, Văn Thặng	2018	
6970	Đại học	Kế thừa tư tưởng đạo đức của nho giáo trong giáo dục đạo đức cho thanh niên ở tỉnh HG thời kỳ đổi mới hiện nay	Lê, Văn Phát	Đinh, Ngọc Quyên	2018	
6971	Đại học	Xây dựng giai cấp công nhân VN đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH và hội nhập quốc tế	Thạch, Thị Xây La	Phan, Văn Thặng	2018	
6972	Đại học	Ảnh hưởng của Triết học Phật giáo đến đời sống tinh thần người Việt ở tỉnh Vĩnh Long	Cao, Trường Ân	Trần, Thanh Quang	2018	
6973	Đại học	Phát huy giá trị đạo đức truyền thống dân tộc đối với việc XD lối sống mới cho sinh viên ĐBSCL hiện nay.	Đào, Diễm Phúc	Trần, Thị Tuyết Hà	2018	
6974	Đại học	Phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay.	Đặng, Thị Hồng Diễm	Trần, Thanh Quang	2018	

6975	Đại học	Quan điểm "Nhân" trong tác phẩm luận ngữ của Khổng tử - mặt tích cực và hạn chế.	Danh, Thị Tuyết Lài	Lê, Ngọc Triết	2018	
6976	Đại học	Ảnh hưởng tư tưởng giáo dục của Khổng Tử đến nền giáo dục Việt Nam hiện nay	Lê, Chí Nhân	Phan, Văn Thặng	2018	Các trường phái triết học Trung Quốc thời cổ đại đã có những quan điểm riêng của mình về giáo dục. Trong các trường phái tư tưởng ấy, tư tưởng giáo dục của Khổng Tử là phong phú, hệ thống nhất và vẫn đang tiếp tục vận động, phát triển, có những đóng góp quan trọng đối với giáo dục hiện đại. Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử về giáo dục với quá trình du nhập và phát triển lâu dài ở nước ta đã tạo nên những ảnh hưởng lớn đến nền giáo dục Việt Nam không chỉ thời kỳ phong kiến mà cả giáo dục Việt Nam hiện nay. Trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta đã, đang có những chủ trương, chính sách nhằm phát triển con người, đổi mới giáo dục, đào tạo. Những chủ trương, chính sách đó xây dựng trên cơ sở không chỉ là sự tiếp thu có chọn lọc những cái mới mà còn kế thừa, phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử văn minh nhân loại, trong đó có tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Làm rõ ảnh hưởng tư tưởng giáo dục của Khổng Tử đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay và đề xuất những giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng này là việc làm quan trọng, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới toàn diện nền giáo dục Việt Nam.
6977	Đại học	Vai trò của đoàn thanh niên trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Châu Phú - An Giang hiện nay	Phạm, Phương Nam	Lê, Ngọc Triết	2018	Với mục tiêu tìm hiểu về quá trình xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Luận văn đã nghiên cứu và phân tích làm rõ một phần quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới trên quê hương huyện Châu Phú - An Giang hiện nay. Luận văn nhấn mạnh vào những vai trò tiêu biểu của đoàn thanh niên trong xây dựng nông thôn mới ở huyện Châu Phú - An Giang hiện nay
6978	Đại học	TT triết học của Hàn phi - Ý nghĩa và bài học lịch sử của nó trong việc xây dựng Nhà nước pháp wueenf XHCN Việt Nam hiện nay	Nguyễn, Thúy Lam	Mai, Phú Hợp	2019	Luận văn trên cơ sở nghiên cứu tư tưởng triết học của Hàn Phi. Tác giả đi sâu phân tích tư tưởng ấy – rút ra ý nghĩa và bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay làm đề tài luận văn tốt nghiệp.
6979	Đại học	Ảnh hưởng của nhân sinh quan phật giáo trong công tác đền ơn đáp nghĩa tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang hiện nay	Nguyễn, Huỳnh Chúc Anh	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Luận văn tìm hiểu lịch sử thành thành, phát triển và sự du nhập của đạo Phật cũng như nội dung nhân sinh quan về đạo Phật đối với các mặt trong đời sống xã hội. Từ đó, tác giả phân tích những thành tựu cũng như hạn chế và nguyên nhân của các mặt này có liên quan đến công tác đền ơn đáp nghĩa tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thời gian qua. Qua đó, đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những mặt tích cực của nhân sinh quan Phật giáo trong công tác đền ơn đáp nghĩa tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang hiện nay.
6980	Đại học	Quan điểm đạo đức trong triết học nho giáo - giá trị và hạn chế	Nguyễn, Thị Trúc	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2019	Luận văn trên cơ sở nghiên cứu về quan điểm đạo đức trong triết học Nho giáo. Tác giả đi sâu quan điểm đạo đức trong triết học Nho giáo – rút ra giá trị và hạn chế. Đây là nội dung của đề tài luận văn tốt nghiệp.

6981	Đại học	Sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong cộng đồng dân tộc KHMER vùng Tây Nam Bộ hiện nay	Võ, Trọng Thống Nhất	Mai, Phú Hợp	2019	Luận văn tìm hiểu chiến lược phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước Việt Nam, chính sách phát triển bền vững cho cộng đồng người dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ. Phân tích những thành tựu và hạn chế từ việc thực hiện các chính sách cho cộng đồng người dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ đề xuất những giải pháp khắc phục những hạn chế nhằm phát triển bền vững cho cộng đồng người dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ.
6982	Đại học	Tư tưởng Triết học về con người và vấn đề phát triển con người ở VN hiện nay	Nguyễn, Thị Mỹ Dung	Phan, Văn Phúc	2019	Trong luận văn trên, tác giả đi vào tìm hiểu về quan niệm con người trong tư tưởng triết học Mác - Lênin và trong tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh; tìm hiểu một cách khái quát quan niệm về phát triển con người hiện nay. Bên cạnh đó, tác giả cũng tìm hiểu về thực trạng phát triển con người ở Việt Nam từ sau đổi mới đến nay. Từ thực trạng trên, tác giả tập trung nghiên cứu và đề xuất những phương hướng và giải pháp nhằm đẩy mạnh sự phát triển con người ở Việt Nam hiện nay.
6983	Đại học	CM công nghiệp 4.0 với việc phát triển khoa học và công nghệ ở TPCT giai đoạn hiện nay	Lê, Thành Cây	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh và có sức ảnh hưởng sâu rộng đến các nước trên thế giới và khu vực trong đó có Việt Nam nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng. Nhận thấy tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế - xã hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại cho thành phố Cần Thơ, tác giả lựa chọn đề tài: Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với việc phát triển khoa học và công nghệ ở thành phố Cần Thơ làm đề tài luận văn tốt nghiệp Đại học. Luận văn trên cơ sở tìm hiểu một cách khái quát là làm rõ nhận thức về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 về lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ trong lực lượng sản xuất. Qua cơ sở tìm hiểu và làm rõ nhận thức, tác giả hướng đi sâu phân tích thực trạng việc phát triển khoa học và công nghệ ở thành phố Cần Thơ thời gian qua theo hai hướng chính. Đó là những thành tựu và nguyên nhân của những thành tựu đạt được do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại và phần hạn chế - nguyên nhân của hạn chế. Từ đó, tác giả đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc phát triển khoa học và công nghệ cho thành phố Cần Thơ thời gian tới.
6984	Đại học	Vận dụng cấp phạm trù nguyên nhân kết quả trong phép biện duy vật vào việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Đồng bằng sông Cửu Long	Phan, Nguyễn Thùy Tên	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2019	Luận văn trên cơ sở nghiên cứu về cấp phạm trù nguyên nhân – kết quả. Tác giả đi sâu vào vận dụng cấp phạm trù nguyên nhân – kết quả trong phép biện chứng duy vật vào việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Đồng bằng sông Cửu Long làm đề tài luận văn tốt nghiệp Đại học.
6985	Đại học	Tác phẩm "Nhà nước và CM" của V.I. Lê Nin với vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện nay	Cao, Nhật Phi	Trần, Thị Như Tuyền	2019	Luận văn làm rõ cơ sở hình thành và nội dung quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”. Từ đó, vận dụng quan điểm của V.I. Lênin vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

6986	Đại học	Tư tưởng của trường phái đạo gia giá trị và hạn chế	Trương, Nguyễn Khả Khảm	Phan, Văn Phúc	2019	Luận văn trình bày điều kiện về kinh tế, điều kiện về chính trị – xã hội và thân thể sự nghiệp của Lão Tử, Trang Tử để thể hiện sự hình thành của trường phái Đạo gia một cách khái quát. Đồng thời, phân tích làm rõ nội dung tư tưởng triết học của trường phái Đạo gia trên các khía cạnh bản thể luận, nhận thức luận, luân lý xã hội, chính trị dựa trên quan điểm của Lão Tử và Trang Tử. Từ đó, đưa ra những giá trị về mặt nhận thức, giá trị về mặt thực tiễn của trường phái Đạo gia, đồng thời nêu lên được những hạn chế của trường phái này trong đời sống xã hội.
6987	Đại học	TT triết học HCM về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp, vấn đề dân tộc và vận dụng TT đó vào sự nghiệp đổi mới ở VN hiện nay	Lâm, Thị Diễm Sương	Trần, Thị Như Tuyền	2019	Luận văn tìm hiểu về cơ sở hình thành và nội dung tư tưởng triết học Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Từ đó, vận dụng tư tưởng của Người vào việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.
6988	Đại học	Triết học Phật giáo và sự ảnh hưởng của nó đến đời sống tinh thần của người Vn hiện nay	Phan, Thị Huỳnh Như	Mai, Phú Hợp	2019	Trên cơ sở tìm hiểu về triết học Phật giáo, tác giả tập trung đi sâu phân tích nội dung triết học Phật giáo và sự ảnh hưởng của nó đến đời sống tinh thần của người Việt Nam. Đây là nội dung cốt lõi của luận văn.
6989	Đại học	TT Triết học đạo đức của HCM và việc vận dụng TT đó vào việc giáo dục đạo đức cho Cán bộ ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay	Nguyễn, Văn Thuận	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2019	Qua nội dung luận văn với đề tài: “Tọa toạng triết học đạo đức của Hồ Chí Minh và vận dụng tọa toạng đó vào việc giáo dục đạo đức cho cán bộ ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay”. Tác giả đã trình bày luận văn bao gồm 2 chương và 5 tiết. Chương một Tác giả tập chung làm rõ tọa toạng triết học đạo đức của Hồ Chí Minh. Chương hai tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm giáo dục nâng cao đạo đức cán bộ tỉnh Sóc Trăng. Xuất phát từ thực trạng tác giả đưa ra đề xuất giải pháp mong muốn nâng cao đạo đức cán bộ tỉnh Sóc Trăng một cách có hiệu quả nhất, để từ đó tạo sự phát triển đội ngũ cán bộ tiên tiến góp phần thúc đẩy sự phát triển của tỉnh nhà.
6990	Đại học	Vận dụng cấp phạm trù nguyên nhân kết quả trong phép biện duy vật vào việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Đồng bằng sông Cửu Long	Phan, Nguyễn Thị Thùy Tiên	Nguyễn, Thị Bạch Tuyết	2019	Luận văn trên cơ sở nghiên cứu về cấp phạm trù nguyên nhân – kết quả. Tác giả đi sâu vào vận dụng cấp phạm trù nguyên nhân – kết quả trong phép biện chứng duy vật vào việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ở Đồng bằng sông Cửu Long làm đề tài luận văn tốt nghiệp Đại học.
6991	Đại học	Quan niệm của Chủ nghĩa Mác- Lenin về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn sự vận dụng quan điểm của Đảng ta trong việc giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội ở VN hiện nay	Bùi, Thị Thảo Nguyên	Mai, Phú Hợp	2019	Luận văn tìm hiểu, phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Từ đó, vận dụng quan điểm của Đảng ta vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay.
6992	Đại học	Triết lý nhân sinh của Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với đời sống của người dân Nam Bộ hiện nay	Trịnh, Thùy Dương	Phan, Văn Phúc	2019	Luận văn trên cơ sở tìm hiểu về Triết lý nhân sinh của Phật Giáo. Tác giả đi sâu phân tích Triết lý nhân sinh của Phật Giáo và ảnh hưởng của nó đối với đời sống của người dân nam bộ hiện nay. Là nội dung chính để làm đề tài luận văn tốt nghiệp Đại học.

6993	Đại học	Vận dụng nguyên lý về sự phát triển trong phép biện chứng duy vật vào việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay	Lương, Thị Ngọc Ánh	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Trên cơ sở tìm hiểu và làm rõ những vấn đề lý luận chung về nguyên lý về sự phát triển và một số khái niệm liên quan đến việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh Sóc Trăng, luận văn hướng trọng tâm vào việc phân tích, đánh giá đúng thực trạng việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó tác giả đã đề xuất ra những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng nguyên lý về sự phát triển trong phép biện chứng duy vật vào việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay để góp một phần nào đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đưa đất nước ta hướng đến một quốc gia có nền kinh tế - xã hội phát triển vượt bậc hướng đến đạt mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa toàn diện.
6994	Đại học	TT yêu nước thời Trần và sự vận dụng của đảng ta trong công cuộc giải phóng dân tộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế Quốc Mỹ	Trần, Công Thành	Trần, Thị Như Tuyền	2019	Luận văn nghiên cứu tư tưởng yêu nước nhà Trần và sự vận dụng tư tưởng yêu nước nhà Trần trong cuộc chiến giải phóng dân tộc (chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ). Luận văn tập trung nghiên cứu tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh lòng dân trong tư tưởng yêu nước nhà Trần.
6995	Đại học	Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và vai trò của nhà nước đối với đời sống con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Danh, Thị Ngọc Giàu	Trần, Thanh Quang	2019	Đề tài luận văn tốt nghiệp “Nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và vai trò của Nhà nước đối với đời sống con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, được nghiên cứu nhằm mục đích giúp cho mọi người thấy rõ được vai trò của Nhà nước đối với con người Việt Nam, không những vậy còn nhằm góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Bài luận văn gồm 2 chương 4 tiết. Ở phần chương 1, tác giả nêu nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, hình thức của Nhà nước và bản chất, những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời trình bày những quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Trong phần chương 2, tác giả trình bày vai trò của Nhà nước đối với đời sống con người Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Ngoài ra còn nêu một số thành tựu, hạn chế và phương hướng giải pháp khắc phục trong các lĩnh vực của đời sống con người Việt Nam Để hoàn thành bài luận văn, tác giả đã vận dụng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng trong triết học Mác – Lênin. Ngoài ra còn sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá, quy nạp và diễn dịch.
6996	Đại học	XD quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở VN hiện nay	Dương, Thị Thu	Phan, Văn Thặng	2019	Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, việc xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn đối với động lực phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà nước ta xây dựng phải phù hợp trong mỗi bước đi của tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội phải vì mục tiêu chung của đất nước là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” theo định hướng xã hội chủ nghĩa Mục đích của luận văn là trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng ở Việt Nam trong thời gian tới.

6997	Đại học	Ảnh hưởng nhân sinh quan của Triết học phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay	Trần, Thị Huỳnh Như	Lê, Ngọc Triết	2019	Nhân sinh quan Phật Giáo ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam, luôn chứa đựng tính nhân văn sâu sắc, khơi dậy và phát huy giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, cảm hóa và hướng con người đến niềm tin chân chính thông qua nội dung nhân sinh quan triết học Phật giáo như: tư tưởng luân hồi, nhân quả, nghiệp báo, tứ diệu đế,.. Song, do quá trình hội nhập và phát triển đất nước con người đang đứng trước nguy cơ suy thoái về mặt đạo đức, vì thế việc giáo dục đạo đức, đặc biệt là giáo dục đạo đức cho giới trẻ mà cụ thể hơn là sinh viên, vô cùng cấp thiết và quan trọng Để thực hiện được mục tiêu, phát huy giá trị tích cực của nhân sinh quan triết học Phật giáo trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay. Tác giả làm rõ cơ sở lý luận nhân sinh quan triết học Phật Giáo, thực trạng việc ảnh hưởng nhân sinh quan triết học Phật Giáo. Đồng thời, đề xuất những giải pháp nhằm phát huy giá trị tích cực trong việc ảnh hưởng nhân sinh quan Phật giáo đối với việc giáo dục cho sinh viên hiện nay.
6998	Đại học	Phép biện chứng duy vật và vận dụng phép biện chứng duy vật vào giải quyết mối quan hệ giữa con người và môi trường ở Việt Nam hiện nay	Võ, Thái Bảo	Phan, Văn Thặng	2019	Hiện nay vấn đề môi trường là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của một quốc gia, hay mối quan hệ giữa con người và môi trường cũng có tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế đất nước, hiểu được vấn đề đó nên tác giả chọn đề tài: “Phép biện chứng duy vật và vận dụng phép biện chứng duy vật vào giải quyết mối quan hệ giữa con người và môi trường ở Việt Nam hiện nay”, làm đề tài nghiên cứu. Luận văn nghiên cứu phép biện chứng duy vật của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở giải quyết vấn đề, tiếp đó là phân tích làm rõ thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa con người và môi trường ở Việt Nam trong thời gian qua. Đề từ đó đi đến vận dụng phép biện chứng vào giải quyết mối quan hệ giữa con người và môi trường trong thời gian tới.
6999	Đại học	Học thuyết tính thiện của Mạnh Tử và sự vận dụng học thuyết đó vào việc giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay	Huỳnh, Thị Kim Chi	Phan, Văn Thặng	2019	Học thuyết tính thiện của Mạnh Tử là cống hiến khá đặc sắc cho nền triết học với những ý nghĩa hết sức to lớn cho xã hội đương thời và góp phần cho quá trình phát triển luân lý đạo đức xã hội Trung Quốc cũng như các nước chịu ảnh hưởng của Nho học trong đó có Việt Nam. Luận văn gồm 3 chương 9 tiết. Trong chương 1, triết học Trung Quốc cổ đại và vị trí của triết học Mạnh Tử trong nền triết học Trung Quốc cổ đại. Chương 2, nội dung học thuyết tính thiện trong triết học Mạnh tử. Chương 3 tác giả vận dụng tính tích cực của học thuyết tính thiện của Mạnh Tử vào giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cuối cùng là phần kết luận và phần tài liệu tham khảo trong luận văn.

7000	Đại học	Kế thừa quan niệm "người thầy" của Khổng Tử vào việc phát triển đội ngũ nhà giáo ở huyện Cờ đỏ, TPCT hiện nay	Truong, Bảo Trúc	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Đội ngũ giáo viên là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định đến việc thành công của quá trình đổi mới Giáo dục. Giáo viên được coi như yếu tố then chốt của cải cách, đổi mới Giáo dục. Vì thế, vấn đề nghiên cứu phát triển trình độ, năng lực cho đội ngũ giáo viên được Đảng, Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi. Với những ảnh hưởng sâu sắc, tác động tích cực đến Giáo dục Việt Nam, tư tưởng “Người thầy” của Khổng Tử trở thành đề tài nghiên cứu thiết thực trong sự nghiệp phát triển Giáo dục Đội ngũ nhà giáo huyện Cờ Đỏ hiện nay đã và đang đạt được những thành tựu vượt bậc, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của Giáo dục Thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, đội ngũ nhà giáo vẫn còn nhiều mặt hạn chế, bất cập cần có những điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu đổi mới của Giáo dục trong và ngoài nước. Chính về thế, việc kế thừa quan niệm “Người thầy” của Khổng Tử vào việc phát triển đội ngũ nhà giáo ở huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ hiện nay là một hướng đi đúng đắn và thiết thực.
7001	Đại học	XD xã hội nông thôn mới Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang hiện nay - thực trạng và giải pháp	Khuru, Ngọc Diễm	Phan, Văn Thạng	2019	Xây dựng xã nông thôn mới là một chương trình lớn của Đảng và nhà nước ta với mục tiêu cốt lõi là làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Hạn chế khoảng cách thu nhập giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn, triển khai quy hoạch tổng thể, tạo nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chủ trương này là một trong những động lực quan trọng nhằm đẩy nhanh tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn nước ta Mục tiêu của luận văn nhằm đề nghiên cứu lí luận chung về xây dựng xã nông thôn mới, thực trạng xây dựng xã nông thôn mới Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng xã nông thôn mới Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.
7002	Đại học	TT "dân bản" của Mạnh tử và kế thừa giá trị tư tưởng đó trong phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn, Minh Cảnh	Phan, Văn Thạng	2019	Mục tiêu của luận văn là làm rõ nội dung tư tưởng “Dân bản” của Mạnh Tử, phân tích những thành tựu và hạn chế từ việc kế thừa tư tưởng “Dân bản” của Mạnh Tử trong phát huy dân chủ ở Việt Nam thời gian qua. Trên cơ sở đó, tác giả đề ra những giải pháp nhằm phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực trong phát huy dân chủ ở Việt Nam trong thời gian tới.

7003	Đại học	Phát huy vai trò của thanh niên huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh hiện nay trong việc XD nông thôn mới	Mai, Thị Yến Oanh	Lê, Ngọc Triết	2019	Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước. Trong những bước tiến củ xã hội, thanh niên luôn phải thực hiện cùng lúc nhiều vai trò, đóng góp tích cực ch nhiều lĩnh vực. Qua việc phân tích, đánh giá thực trạng phát huy vai trò của thanh niê huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh hiện nay trong việc xây dựng nông thôn mới, đề tà luận văn này đã đề xuất những giải pháp nhằm phát huy tối đa vai trò của lực lượn thanh niên địa phương tham gia vào việc thực hiện xây dựng nông thôn mới Trong Chương 1, luận văn làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn việc phát huy vai tr của thanh niên huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh hiện nay trong xây dựng nông thôn mới Trong Chương 2, luận văn trình bày thực trạng việc phát huy vai trò của than niên địa phương trong xây dựng nông thôn mới, phương hướng và hệ thống các giả pháp Cuối cùng là Kết luận và Danh mục Tài liệu tham khảo của luận văn.
7004	Đại học	Phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức - giá trị và hạn chế	Nguyễn, Thị Quế Anh	Phan, Văn Thạng	2019	Trong nhu cầu nghiên cứu triết học Mác – Lênin hiện nay, bên cạnh việc nắm vững các nguyên lý, quy luật, phạm trù của nó thì việc nghiên cứu phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức với tư cách là tiền đề hình thành triết học Mác – Lênin cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng. Nhận thấy sự cần thiết trên, luận văn giúp người đọc nhận thức sâu sắc và đúng đắn hơn vai trò, vị trí của phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức trong lịch sử nhận thức, đặc biệt là trong triết học Mác – Lênin. Từ đó giúp người đọc nghiên cứu triết học Mác – Lênin một cách có hệ thống và khoa học hơn.
7005	Đại học	Nâng cao tư duy biện chứng cho sinh viên Khoa Khoa học chính trị hiện nay	Liang, Vĩnh Thạnh	Lê, Ngọc Triết	2019	Tư duy biện chứng được là loại hình tư duy phát triển ở trình độ cao nhất của tư duy, có vai trò quan trọng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Tư duy biện chứng có tầm quan trọng đặc biệt đối với sinh viên Khoa Khoa học Chính trị, nó giúp nâng cao năng lực tư duy khoa học trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của sinh viên trong quá trình học cũng như khi ra làm việc sau này. Tuy nhiên, tư duy của nhiều sinh viên Khoa Khoa học Chính trị còn thiếu biện chứng, hoạt động nhận thức và thực tiễn của họ vẫn còn yếu kém Do vậy mục tiêu của bài luận văn này là nhằm nâng cao năng lực tư duy biện chứng cho sinh viên, để thực hiện mục tiêu này tác giả đã làm rõ khái niệm, cơ sở lí luận và vai trò của tư duy biện chứng, nắm bắt được thực trạng tư duy biện chứng của sinh viên qua hoạt động khảo sát và làm rõ nguyên nhân của tình trạng tư duy thiếu biện chứng ở sinh viên. Từ đó tác giả đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao tư duy biện chứng cho sinh viên Khoa Khoa học Chính trị Trường Đại học Cần Thơ.
7006	Đại học	Quan điểm đức trị của nho giáo và việc vận dụng nó trong XD mô hình XHCN ở nước ta hiện nay	Phan, Thị Cẩm Nhung	Trần, Thanh Quang	2019	Nho giáo là một trong những tôn giáo lớn. Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm từ thế kỷ thứ I TCN. Nho giáo dạy cho con người nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dạy cho con người cách cư xử trong gia đình và với toàn xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống nội dung quan điểm Đức trị của Nho giáo, luận văn chỉ ra mặt tích cực và hạn chế cơ bản và vận dụng của nó đối với việc xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

7007	Đại học	Vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân kết quả của phép biện chứng duy vật vào việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở ST hiện nay	Nguyễn, Thị Trân	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Luận văn nghiên cứu đề tài vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân kết – kết quả của phép biện chứng duy vật vào việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở Sóc răng hiện nay. Luận văn gồm 3 chương và 6 tiết. hương 1: lý luận chung về cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả của phép biện chứng duy vật và vài nét về đặt điểm tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến vấn đề ô nhiễm môi trường ở Sóc răng hiện nay, thứ nhất lý luận chung về cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả của phép biện chứng duy vật, thứ hai, vài nét về đặt điểm tình hình kinh tế xã hội ảnh hưởng đến vấn đề ô nhiễm môi trường ở Sóc răng hiện nay. Chương 2: thực trạng việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở Sóc răng thời gian qua, Những thành tựu và nguyên nhân của thành tựu trong giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở Sóc răng thời gian qua, Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong giải quyết vấn ô nhiễm môi trường ở Sóc răng thời gian qua. hương 3: phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả của phép biện chứng duy vật vào việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở sóc trắng thời gian tới, một là phương hướng chung, hai là những giải pháp chủ yếu.
7008	Đại học	Quan điểm của triết học MLN về con người và sự vận dụng quan điểm đó vào XD con người Việt Nam hiện nay	Nguyễn, Thị Thúy Cẩm	Phan, Văn Thạng	2019	Mục đích nghiên cứu luận văn này làm rõ một số quan điểm trước Mác về con người và triết học Mác – Lênin về con người, sự vận dụng quan điểm đó vào xây dựng con người Việt Nam hiện nay Trong chương 1, tác giả tập trung vào nội dung quan niệm con người trong triết học phương Đông và phương Tây cũng như nguồn gốc bản chất con người; vị trí con người; quan điểm triết học Mác – Lênin về giải phóng con người; mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử Trong chương 2, tác giả tập trung vào nội dung là thành tựu và hạn chế trong xây dựng con người Việt Nam thời gian qua; con người Việt Nam trong lịch sử và xây dựng con người Việt Nam hiện nay Cuối cùng là phần kết luận và mục tài liệu tham khảo trong luận văn.
7009	Đại học	Nội dung cơ bản của TT Phật giáo và sự ảnh hưởng của nó đến xã hội Việt Nam trong thời đại ngày nay.	Lê, Thị Như Ngọc	Trần, Thanh Quang	2019	Mục tiêu của luận văn này là nghiên cứu về sự ảnh hưởng của nội dung cơ bản trong tư tưởng Phật giáo đến xã hội nước ta trong thời đại ngày nay.Nhằm chỉ ra mặt tích cực và hạn chế của Phật giáo Việt Nam hiện nay Trong chương 1, luận văn trình bày về nguồn gốc, lịch sử phát triển và nội dung cơ bản của tư tưởng Phật giá Trong chương 2, luận văn trình bày về sự ảnh hưởng của Phật giáo trong xã hội Việt Nam thời đại ngày nay
7010	Đại học	Vận dụng mối quan hệ nhân quả trong phép biện chứng duy vật vào việc giải quyết vấn đề TT trọng nam khinh nữ ở huyện Trà Ôn, tỉnh VL hiện nay	Lê, Thị Ngọc Trang	Trần, Thị Tuyết Hà	2019	Với đề tài “Vận dụng mối quan hệ nhân quả trong phép biện chứng duy vật vào việc giải quyết vấn đề tư tưởng trọng nam khinh nữ ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long hiện nay” luận văn gồm có 03 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Trong phần mở đầu, luận văn giới thiệu khái quát về lý do chọn đề tài. Phần nội dung, luận văn tập trung nghiên cứu vấn đề về cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả trong phép biện chứng duy vật, về tư tưởng trọng nam khinh nữ và những vấn đề liên quan. Phần kết luận, luận văn tổng kết lại những nội dung đã được trình bày, đưa ra một số nguyên nhân hạn chế khách quan và chủ quan trong quá trình hoàn thành luận văn.

7011	Đại học	TT pháp trị của Hàn Phi và sự vận dụng trong Xd Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay	Lê, Thị Hồng Nhiên	Trần, Thanh Quang	2018	Tất cả nội dung của luận văn được thể hiện qua 2 chương Trong chương 1: tác giả khái quát những tiền đề hình thành và nội dung toạ toạ pháp trị của Hàn Phi và một số đánh giá về mặt giá trị và hạn chế Trong chương 2: dựa trên cơ sở giá trị toạ toạ pháp trị của Hàn Phi và thực trạng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thời gian qua, tác giả đã vận dụng toạ toạ pháp trị của Hàn Phi và đưa ra những giải pháp phù hợp với tình hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.
7012	Đại học	Những phạm trù cơ bản của đạo đức nho giáo và ảnh hưởng của nó trong giáo dục đạo đức gia đình ở tỉnh VL hiện nay	Trần, Thị Kim Huyền	Trần, Thanh Quang	2019	Mục đích của luận văn là nghiên cứu sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo trong giáo dục đạo đức gia đình ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay. Từ đó đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của nó Luận văn gồm có 2 chương, 6 tiết Trong chương 1, tác giả trình bày về cơ sở lý luận của triết học Nho giáo và những phạm trù cơ bản của đạo đức Nho giáo. Ở chương này tác giả trình bày về quá trình hình thành và phát triển của triết học Nho giáo. Mà chủ yếu là tập trung vào 5 phạm trù cơ bản là: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín Ở chương 2, tác giả trình bày về sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo trong việc giáo dục đạo đức gia đình ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay. Tác giả đã khái quát về tỉnh Vĩnh Long, vai trò của gia đình ở tỉnh Vĩnh Long nói riêng và Việt Nam nói chung trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Mà chủ yếu là chỉ ra mặt tích cực và tiêu cực trong sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo và đưa ra giải pháp để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong việc giáo dục đạo đức gia đình ở tỉnh Vĩnh Long Cuối cùng là phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.
7013	Đại học	Quan điểm "Hiếu" trong triết học Khổng tử - mặt tích cực và hạn chế	Nguyễn, Hồng Thuận	Lê, Ngọc Triết	2019	“Vạn thế sư biểu” _ bậc thầy của muôn đời, đó là danh hiệu mà hậu thế dành tặng cho Khổng Tử vì chính những đóng góp to lớn của ngài. Khổng Tử là người sáng lập ra Nho giáo và Khổng Tử đã để lại cho nhân loại những tư tưởng, những quan điểm mà cho đến ngày nay những tư tưởng, những quan điểm ấy vẫn còn vẹn nguyên giá trị của nó. Trong những quan điểm của Khổng Tử thì quan điểm "Hiếu" là quan điểm chu chót, vừa đóng vai trò nền tảng, vừa bao trùm mọi mặt tư tưởng triết học của Khổng Tử. Việc giáo dục chữ "Hiếu" trong xã hội hiện đại ở các nước trên thế giới và đặc biệt là Việt Nam đang dần chuyển biến phức tạp, trở thành vấn đề cần được quan tâm hơn bao giờ hết Trên cơ sở làm rõ nội dung quan điểm "Hiếu" trong triết học Khổng Tử. Từ đó luận văn đã chỉ ra những giá trị và hạn chế của quan điểm "Hiếu" trong triết học Khổng Tử. Qua luận văn của mình, tác giả đã trình bày nội dung triết học Khổng Tử và quan điểm "Hiếu" của triết học Khổng Tử. Ngoài ra, tác giả còn đi vào phân tích những mặt tích cực và hạn chế của quan điểm "Hiếu" trong triết học Khổng Tử. Từ đó, rút ra nhận xét để làm nền tảng cho việc phát huy những giá trị tích cực và khắc phục những mặt hạn chế của quan điểm "Hiếu" trong triết học Khổng Tử, góp phần vào việc củng cố lại đạo đức gia đình trong xã hội hiện nay.

7014	Đại học	Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và sự tác động của nó tới sự phát triển lực lượng sản xuất ở VN hiện nay	Lê, Thị Hoàng	Phan, Văn Thạng	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu, khái quát quá trình hình thành và những đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Luận văn làm rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cách mạng công nghiệp 4.0; đồng thời luận văn nghiên cứu những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tới sự phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.
7015	Đại học	Phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH-HĐH ở TPCT hiện nay.	Nguyễn, Thị Hồng Trúc	Phan, Văn Phúc	2020	Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức của thành phố Cần Thơ, luận văn sẽ đề xuất một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố Cần Thơ.
7016	Đại học	TT triết học HCM về công tác dân vận và sự vận dụng TT này vào việc nâng cao chất lượng công tác dân vận ở tỉnh ST hiện nay	Trần, Thị Tuyết Nghi	Trần, Thị Như Tuyền	2020	Luận văn tìm hiểu về lý luận chung của Tọa toạng Triết học Hồ Chí Minh về công tác dân vận đồng thời tác giả luận văn phân tích thực trạng, phân tích những thành tựu cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác dân vận ở tỉnh Sóc Trăng giai đoạn hiện nay. Từ đó, làm rõ phương hướng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác dân vận của Ban Dân vận trên địa bàn tỉnh giai đoạn hiện nay.
7017	Đại học	Vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả trong triết học MLN vào việc giải quyết vấn đề nâng cao ý thức tham gia giao thông ở tỉnh ST hiện nay	Lê, Thị Thùy Dương	Trần, Thị Tuyết Hà	2020	Trong luận văn tốt nghiệp với đề tài “Vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả trong triết học Mác - Lênin vào việc giải quyết vấn đề nâng cao ý thức tham gia giao thông ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay” đã khái quát sơ lược cơ sở lý luận chung của cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả trong triết học Mác – Lênin; đưa ra thực trạng tham gia giao thông ở tỉnh Sóc Trăng trong thời gian vừa qua, từ đó phân tích đánh giá những thành tựu hạn chế và nguyên nhân của thành tựu hạn chế trong việc giải quyết vấn đề nâng cao ý thức tham gia giao thông ở tỉnh Sóc Trăng thời gian vừa qua. Từ đó, đề xuất một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả trong triết học Mác - Lênin vào việc giải quyết vấn đề nâng cao ý thức tham gia giao thông ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay.
7018	Đại học	Quan điểm triết học MLN, TT triết học HCM về con người và sự vận dụng các quan điểm, TT này của đảng ta vào XD con người VN hiện nay	Dương, Quốc Bảo	Phan, Văn Thạng	2020	Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, vấn đề con người là nhân tố nội tại, cơ bản, quyết định sự nghiệp đổi mới. Vì vậy, trong luận văn của mình, tác giả tập trung nghiên cứu quan điểm trước Mác cũng như quan điểm Mác – Lênin và tư tưởng triết học Hồ Chí Minh về con người và giải phóng con người và làm rõ sự vận dụng các quan điểm triết học Mác – Lênin, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh về con người của Đảng Cộng sản Việt Nam vào xây dựng con người Việt Nam hiện nay.
7019	Đại học	Quan điểm đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay thực trạng, phương hướng và giải pháp.	Lê, Thị Tím	Nguyễn, Khánh Linh	2020	Trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ các quan điểm về giai cấp, đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, luận văn phân tích thực trạng đấu tranh giai cấp của nước ta hiện nay, từ đó thấy được những thành tựu và thách thức trong đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay. Từ đó, đề ra phương hướng và giải pháp giành thắng lợi đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay.

7020	Đại học	Triết lý nhân sinh của Trần Nhân Tông và sự vận dụng giá trị tích cực của nó vào việc giáo dục đạo đức con người VN hiện nay.	Nguyễn, Thị Thanh Xuân	Hồ, Thị Hà	2020	Luận văn tìm hiểu những điều kiện, tiền đề lịch sử tác động đến sự hình thành triết lý nhân sinh của Trần Nhân Tông cũng như sự nghiệp suốt đời vì sự phồn thịnh của đất nước, vì cuộc sống bình an của dân chúng. Từ đó tác giả đi sâu vào phân tích nội dung triết lý nhân sinh của Trần Nhân Tông. Qua đó có thể đề xuất một số phương hướng chủ yếu nhằm vận dụng nhân sinh quan tích cực của ông vào việc xây dựng, giáo dục lối sống, đạo đức con người Việt Nam hiện nay. Góp phần nêu bật giá trị lý luận của triết lý nhân sinh và giá trị thực tiễn của sự vận dụng triết lý này trong đời sống đạo đức củ con người Việt Nam trong thời đại mới.
7021	Đại học	Cặp phạm trù nguyên nhân, kết quả và sự vận dụng cặp phạm trù này vào việc phân tích vấn đề tai nạn giao thông ở TPCT hiện nay	Nguyễn, Duy Lê	Trần, Thị Như Tuyền	2020	Trong khuôn khổ luận văn, tác giả tập trung nghiên cứu nội dung của cặp phạm trù nguyên nhân, kết quả trong phép biện chứng duy vật. Từ đó, dựa trên giá trị của cặp phạm trù này đối với tình hình thực tiễn, tác giả phân tích nguyên nhân của vấn đề tai nạn giao thông ở thành phố Cần Thơ cũng như nêu lên hậu quả của tai nạn giao thông không chỉ gây thiệt hại về người mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội nói chung. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu góp phần khắc phục, giảm thiểu vấn đề tai nạn giao thông ở thành phố Cần Thơ hiện nay.
7022	Đại học	Công tác giảm nghèo ở ST hiện nay - thực trạng và giải pháp	Lê, Trúc Hạ	Trần, Thị Như Tuyền	2020	Đói nghèo chính là vấn đề hệ trọng mang tính toàn cầu. Hiện nay vấn đề giảm nghèo được xem là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Sóc Trăng cũng rất chú trọng thực hiện công tác giảm nghèo.. Đề tài “ Công tác giảm nghèo ở Tỉnh Sóc Trăng hiện nay – thực trạng và giải pháp” nghiên cứu về: Chương 1 là về cơ sở lý luận chung về giảm nghèo Chương 2 phân tích thực trạng giảm nghèo ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay Chương 3 làm rõ phương hướng và đề xuất một số giải pháp cho công tác giảm nghèo tỉnh Sóc Trăng hiện nay.
7023	Đại học	Chữ "hiếu" trong nho giáo và ảnh hưởng của nó đến đạo đức gia đình ở TPCT hiện nay.	Châu, Huyền Trân	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2020	Luận văn tập trung làm rõ nguồn gốc, khái niệm của chữ “Hiếu” trong Nho giáo và phân tích những nội dung cơ bản của chữ “Hiếu” qua các thời kỳ Nho giáo Tiên Tần Nho giáo thời Hán và Nho giáo thời Tống – Minh. Từ đó, tác giả đã phân tích sự du nhập và biến đổi của chữ “Hiếu” cũng những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của chữ “Hiếu trong Nho giáo, từ đó chỉ ra thực trạng đạo đức gia đình ở thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp cơ bản góp phần kế thừa những nhân tố tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của chữ “Hiếu” trong việc xây dựng đạo đức gia đình ở thành phố Cần Thơ hiện nay.

7024	Đại học	Ảnh hưởng học thuyết "tam tông, tứ đức" trong nho giáo đối với người phụ nữ nông thôn ở đồng bằng SCL hiện nay	Phạm, Thị Hồng Đào	Trần, Thị Tuyết Hà	2020	Với đề tài “Ảnh hưởng học thuyết “Tam tông, Tứ đức” trong Nho giáo đối với người phụ nữ nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” luận văn bao gồm 03 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Trong phần mở đầu luận văn giới thiệu khái quát về lý do chọn đề tài. Phần nội dung, luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận chung về Nho giáo và học thuyết “Tam tông, Tứ đức” trong Nho giáo, thực trạng ảnh hưởng học thuyết đến người phụ nữ nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long thời gian vừa qua, phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực và khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của học thuyết “Tam tông, Tứ đức” đối với người phụ nữ nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Phần kết luận, luận văn tổng kết lại những nội dung đã trình bày.
7025	Đại học	Phát huy vai trò của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN	Mai, Thanh Sơn	Trần, Thanh Quang	2020	Luận văn tìm hiểu cơ sở lý luận về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng như thực trạng phát huy vai trò nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, từ đó, thấy được những thành tựu và hạn chế trong việc phát huy vai trò của nền kinh tế nhiều thành phần mà nước ta đang thực hiện. Trên cơ sở phương hướng của Đảng đề ra trong kỳ Đại hội toàn Quốc lần thứ XII (năm 2016) về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, luận văn phân tích và nêu ra giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời gian tới, sớm đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển, tiến nhanh, tiến chắc qua thời kỳ quá độ xây dựng thành công chế độ Chủ nghĩa xã hội.
7026	Đại học	Đặc trưng của TT biện chứng Trung Quốc, Ấn Độ thời cổ đại- mặt tích cực và hạn chế	Nguyễn, Tấn Tài	Trần, Thanh Quang	2020	Luận văn tốt nghiệp đại học với đề tài “Đặc trưng của tư tưởng biện chứng Trung Quốc, Ấn Độ thời cổ đại – mặt tích cực và hạn chế”, với tổng số trang là: 71 trang (trong đó phần chính văn gồm 61 trang), nội dung của luận văn được chia thành 04 mục A, B, C, D. Mục B (chính văn) gồm 02 chương và 06 tiết. Nội dung trọng tâm và xuyên suốt của luận văn là làm rõ những tư tưởng của các trường phái triết học những tư tưởng của các nhà triết học tiêu biểu nhất của Trung Quốc và Ấn Độ thời cổ đại có chứa đựng trong đó tính biện chứng, trên cơ sở đó rút ra, làm rõ tính đặc trưng của tư tưởng biện chứng của Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại cũng như sự tương quan và nét đặc trưng tư tưởng biện chứng giữa Trung Quốc, Ấn Độ thời cổ đại.

7027	Đại học	Vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả trong triết học MLN vào việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở tỉnh HG hiện nay.	Hứa, Thị Kim Uyên	Trần, Thị Tuyết Hà	2020	Trong luận văn tốt nghiệp với đề tài “ Vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả trong triết học Mác – Lênin vào việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang hiện nay” đã khái quát sơ lược cơ sở lý luận chung của cặp nguyên nhân – kết quả trong triết học Mác – Lênin và quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài ; phân tích đánh giá những mặt tích cực và tiêu cực vào việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang trong thời gia vừa qua cũng như trình bày những nguyên nhân dẫn đến việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài . Từ đó đề xuất một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng cặp phạm trù nguyên nhân – kết quả trong triết học Mác – Lênin vào việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở tỉnh Hậu Giang hiện nay.
7028	Đại học	Ảnh hưởng của phật giáo Nam tông đến đạo đức cộng đồng người KHMER ở tỉnh ST hiện nay.	Nguyễn, Thị Tú Trinh	Nguyễn, Thị Đan Thụy	2020	Luận văn tìm hiểu về nguồn gốc ra đời, sự phát triển và nội dung cơ bản của Phật giáo Nam tông cũng như quá trình du nhập, phát triển và đặc điểm của Phật giáo Nam tông ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó, tác giả phân tích thực trạng ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông đến đạo đức cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay. Qua đó, tác giả đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm phát huy những giá trị tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của Phật giáo Nam tông trong xây dựng đạo đức cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng hiện nay.
7029	Đại học	TT giáo dục của JOHN DEWEY ý nghĩa và bài học của nó đối với nền giáo dục VN hiện nay	Trần, Thị Kiều Trân	Mai, Phú Hợp	2020	Giáo dục là một vấn đề vẫn luôn được quan tâm hàng đầu trong mọi xã hội. Khi xã hội thay đổi và phát triển, giáo dục cũng cần có sự nhìn nhận lại để thay đổi cho phù hợp. Tuy nhiên tất cả sự thay đổi sẽ trở nên vô nghĩa nếu phủ sạch mọi nền tảng trong quá khứ và dựng nên bằng một loạt bức tường mới, giáo dục cũng vậy Đó cũng chính là tài sản mà John Dewey đã để lại cho những nền giáo dục về sau, trong đó có cả những ảnh hưởng đối với nền giáo dục Việt Nam. Khi tiếp thu và vận dụng, có cả những ý nghĩa và bài học; tuy nhiên Việt Nam ta cũng đã chọn lọc một cách phù hợp với thực tiễn mà vẫn giữ được những giá trị truyền thống của dân tộc.
7030	Đại học	Vấn đề làm việc và giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh ST hiện nay.	Nguyễn, Thúy Loan Thảo	Trần, Thanh Quang	2020	Luận văn tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội và các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề việc làm và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Từ đó tác giả phân tích những mặt thuận lợi cũng như những hạn chế ảnh hưởng đến vấn đề giải quyết việc làm cho lao động ở tỉnh Sóc Trăng. Qua đó, đề xuất những phương hướng và giải pháp nhằm phát huy những mặt tích cực cũng như khai thác triệt để lợi thế của vùng đồng thời hạn chế, cũng như áp dụng những giải pháp một cách đồng bộ nhằm góp phần tạo thêm nhiều việc làm, giải quyết việc làm cho lao động, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

7031	Đại học	Đặc điểm của phật giáo VN trong thời kỳ Bắc thuộc -giá trị và hạn chế.	Trần, Thị Thùy Trang	Mai, Phú Hợp	2020	Dựa trên nhu cầu nghiên cứu về Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng mà đặc biệt là Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc, ngoài việc nắm vững được bối cảnh lịch sử, nguồn gốc ra đời hay nghiên cứu về quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo Việt Nam thì việc nghiên cứu về đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc là một nhiệm vụ rất cần thiết. Nhận thấy được sự quan trọng đó, luận văn này sẽ giúp cho người đọc nhận thức một cách sâu sắc hơn bối cảnh lịch sử và quá trình du nhập của Phật giáo vào Việt Nam. Đặc biệt là thấy được những đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt nam trong thời kỳ Bắc thuộc. Từ đó giúp cho người đọc sẽ thấy những giá trị và hạn chế của vấn đề một cách khách quan và có hệ thống hơn.
7032	Đại học	Giá trị luân lý đạo đức trong nho giáo và những ảnh hưởng của nó đến triết học đạo đức HCM	Trần, Hải Đăng	Phan, Văn Phúc	2020	Luận văn nghiên cứu những giá trị của hệ tư tưởng đạo đức trong Nho giáo và những ảnh hưởng của nó đến quá trình hình thành và hoàn thiện triết học đạo đức của Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, đề tài đi sâu tìm hiểu quá trình tiếp thu, sáng tạo linh hoạt của Hồ Chí Minh đối với những giá trị đạo đức trong Nho giáo. Luận văn khái quát những giá trị đạo đức tiêu biểu trong hệ tư tưởng đạo đức Nho giáo giai đoạn Tiên Tần. Luận văn phân tích đánh giá sự ảnh hưởng của những tư tưởng đạo đức Nho giáo đến triết học đạo đức Hồ Chí Minh; làm nổi bật những nét mới, sáng tạo của Hồ Chí Minh dựa trên những tinh hoa đạo đức đã được tiếp thu. Luận văn nghiên cứu những phương pháp tu dưỡng đạo đức theo triết tư tưởng đức Hồ Chí Minh
7033	Đại học	Thực trạng nguồn nhân lực ở VN hiện nay	Khuu, Hoàng Thuận	Mai, Phú Hợp	2020	Đề tài “Thực trạng nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay” là một đề tài khá rộng và đã được nghiên cứu ở nhiều phương diện khác nhau, tuy nhiên mỗi đề tài lại có cái riêng bổ sung cho nhau từ đó nói lên đúng thực trạng của nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay. Trong khuôn khổ Luận văn tốt nghiệp đại học tác giả đã có những hướng nghiên cứu phù hợp với trình độ của mình và yêu cầu của ngành học đặt ra. Với đề tài này, Luận văn gồm có bốn phần bao gồm: Phần mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Trong đó, ở phần mở đầu tác giả đã đưa ra lý do chọn đề tài và tình hình nghiên cứu, từ đó làm nổi bật sự cần thiết cần phải thực hiện đề tài. Trong phần nội dung gồm có hai chương, từ việc phân tích những vấn đề lý luận chung về nguồn nhân lực tác giả đã đi đến nêu những thực trạng đồng thời phân tích những giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay.
7034	Đại học	Học thuyết chính trị -xã hội của Khổng Tử giá trị và hạn chế	Huỳnh, Chí Thiện	Trần, Thanh Quang	2020	Luận văn tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của Khổng Tử, bối cảnh lịch sử và tiền đề lý luận hình thành học thuyết chính trị – xã hội của Khổng Tử cũng như những nội dung và đặc điểm của học thuyết này, từ đó rút ra những giá trị và hạn chế của nó. Trên cơ sở đó, luận văn phân tích và nêu ra ý nghĩa của học thuyết Khổng Tử về chính trị – xã hội đối với đường lối chính trị – xã hội của Việt Nam, với công tác giáo dục, nâng cao đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, góp phần xây dựng thành công tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7035	Đại học	Quan niệm của nho giáo về chữ hiếu và ảnh hưởng của quan niệm đó trong đời sống gia đình VN hiện nay	Lê, Thị Tiền	Mai, Phú Hợp	2020	Bên cạnh việc khái quát về sự ra đời và quá trình phát triển của Nho giáo, cũng như là quá trình du nhập của Nho giáo vào Việt Nam. Thì luận văn còn phân tích nội dung quan điểm “Hiếu” của Nho giáo, và khi du nhập vào Việt Nam, đạo “Hiếu” đã dung hợp với đạo hiếu của người Việt hình thành nên sắc thái văn hóa đặc sắc. Trên cơ sở đó, chỉ ra được những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực của quan niệm đó đến đời sống gia đình Việt Nam hiện nay. Từ đó, phát huy những mặt tích cực và đưa ra những cách khắc phục mặt tiêu cực, góp phần làm cho đạo đức gia đình được củng cố, ổn định.
7036	Đại học	Ảnh hưởng của Thuyết "Nhân chính" của Mạnh Tử đối với việc XD Nhà nước pháp quyền VN hiện nay.	Lê, Thị Thúy Huỳnh	Phan, Văn Phúc	2020	Luận văn trình bày về học thuyết “Nhân chính” của Mạnh Tử, đầu tiên trình bày điều kiện lịch sử, cuộc đời, sự nghiệp của Mạnh Tử, nêu lên cơ sở hình thành và nội dung thuyết “Nhân chính” của Mạnh Tử. Từ đó trình bày ảnh hưởng của học thuyết này đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay, trong đó khái quát về khái niệm, đặc trưng và vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay. Qua đó liên hệ nêu ra những ảnh hưởng tích cực và mặt hạn chế từ học thuyết “Nhân chính” của Mạnh Tử đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.
7037	Đại học	Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn-ý nghĩa của nó trong sự nghiệp đổi mới ở VN hiện nay.	Trịnh, Minh Thu	Phan, Văn Thặng	2020	Trong luận văn tốt nghiệp với đề tài “ Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn - Ý nghĩa của nó trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay ” đã khái quát sơ lược cơ sở lý luận chung của mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm và tư tưởng quan trọng góp phần phát triển đất nước trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Từ đó tác giả phân tích những ý nghĩa của mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn để nâng cao và khắc phục những hạn chế, đẩy mạnh phát triển đất nước ngày càng vững mạnh và có vị thế trên trường quốc tế.
7038	Đại học	Tìm hiểu triết lý nhân sinh trong tác phẩm "Tây du ký"	Trương, Thị Minh Thu	Mai, Phú Hợp	2020	Luận văn với đề tài “Tìm hiểu triết lý nhân sinh trong tác phẩm Tây Du Ký”. Tìm hiểu vấn đề này, tác giả đã chú ý quan sát một cách chặt chẽ, nghiêm túc về triết lý nhân sinh trong tác phẩm Tây Du Ký. Bọớc đầu tìm hiểu triết lý nhân sinh trong tác phẩm Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, từ việc tìm hiểu lịch sử vấn đề, phân tích triết lý nhân sinh. Luận văn muốn làm rõ khái quát về tác phẩm Tây Du Ký. Qua đó, khái quát ý nghĩa một số nhân vật trung tâm và các biểu tượng của tác phẩm để đi đến những triết lý nhân sinh cơ bản trong tác phẩm Tây Du Ký.
7039	Đại học	Toàn cầu hóa với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc VN hiện nay	Tăng, Hoàng Sơn	Trần, Thanh Quang	2020	Quá trình toàn cầu hóa là một xu thế cũng như là yêu cầu cấp thiết của thế giới hiện nay đối với mỗi quốc gia. Trên cơ sở phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận về toàn cầu hóa và vấn đề gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và đưa ra những nhận định khoa học về sự tác động của quá trình toàn cầu hóa đối với vấn đề gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ở nước ta, tác giả đã đề xuất những giải pháp cấp thiết nhằm gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của Việt Nam hiện nay trước sự tác động của quá trình toàn cầu hóa.

7040	Đại học	Nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An trong giai đoạn hiện nay.	Huỳnh, Hồng Sơn	Nguyễn, Thị Thúy Lựu	2020	Mục đích chủ yếu của đề tài là nghiên cứu thực trạng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An giai đoạn hiện nay. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của Đảng, khẳng định vị trí, vai trò của Đảng bộ xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An trong giai đoạn hiện nay.
7041	Đại học	Quy luật phủ định của phủ định và vận dụng quy luật này vào XD nền VH VN tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc	Bùi, Kiều Diễm	Phan, Văn Thặng	2020	Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ về quy luật phủ định của phủ định nên văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, vận dụng quy luật này vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Trong chương 1, tác giả tập trung vào nội dung của quy luật phủ định của phủ định về khái niệm, quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng, ý nghĩa của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng; lý luận về nền văn hóa, nền văn hóa tiên tiến và nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Trong chương 2, tác giả tập trung vào nội dung sự vận dụng quy luật phủ định của phủ định vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
7042	Đại học	Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập và vận dụng quy luật này vào phân tích quan điểm của đảng trong giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.	Lê, Tấn Duy	Phan, Văn Thặng	2020	Luận văn trình bày khái quát quy luật thông nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập, từ đó thấy được tầm quan trọng của các mặt đối lập trong quá trình hội nhập quốc tế và vận dụng đúng đắn quy luật vào giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Tác giả đã làm rõ các quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế và vận dụng quy luật thông nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập vào giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.
7043	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGI Module 1: Bộ phận một cửa	Huỳnh, Thị ngọc Huyền	Ngô, Bá Hùng	2018	Hệ thống đăng ký cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm dịch được xây dựng theo hướng ứng dụng công nghệ quản lý quy trình. Hệ thống thông tin được phát triển bao gồm nhiều module, mỗi module xử lý một phần trong quy trình nghiệp vụ. Có thể có các module sau: - Module 1: Bộ phận một cửa - Module 2: Phân công và kiểm tra lô hàng - Module 3: Phòng kiểm nghiệm sinh học - Module 4: Xét cấp chứng nhận Mỗi module sẽ nhận dữ liệu đầu vào (gọi là các hồ sơ) từ một hàng đợi yêu cầu do các module khác gửi đến. Xử lý cho từng hồ sơ tùy theo chức năng của module mình để sinh ra một hồ sơ mới. Hồ sơ mới sẽ được gởi vào một hàng đợi kết quả. Module quản lý quy trình sẽ đảm nhận công việc chuyển tiếp các hồ sơ ở hàng đợi kết quả kết quả vào một hàng đợi yêu cầu cho bước xử lý kế tiếp. Đối với module của bộ phận một cửa gồm các chức năng: tạo một hồ sơ đăng ký kiểm định mới, in biên nhận hồ sơ, in phiếu thu lệ phí, xóa một hồ sơ đang biên soạn, tìm một hồ sơ, xem danh sách hồ sơ đang chờ xử lý, xem thông tin chi tiết hồ sơ, cập nhật tình trạng hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phân công, thống kê tình hình nhận, trả hồ sơ, tiến độ xử lý, hệ thống tương tác xem tin nhắn, gửi tin nhắn.

7044	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGi Module : Quản lý kết quả học tập sinh viên	Trần, Thanh Học	Ngô, Bá Hùng	2018	“Hệ thống quản lý đào tạo các trường Cao đẳng dựa trên công nghệ OSGi” là hệ thống đưa việc quản lý đào tạo lên nền tảng web và sử dụng công nghệ OSGi trên nền Liferay 7 để phát triển. Với công nghệ này, hệ thống sẽ được module hóa và sẽ dễ dàng để cập nhật và phát triển. Chính vì thế sẽ đảm bảo chất lượng trong công tác quản lý tại trường học. Sản phẩm của đề tài là tài liệu về công nghệ OSGi và một phần mềm tích hợp các module cơ bản trong một hệ thống quản lý đào tạo của các trường Cao đẳng cụ thể như: “Quản lý chương trình đào tạo”, “Quản lý quá trình học tập của sinh viên”, “Quản lý kết quả học tập của sinh viên”.
7045	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP MODULE 3: XỬ LÝ VÀ QUẢN TRỊ	Nguyễn, Hoài Trọng Nguyễn	Ngô, Bá Hùng	2018	“Xây dựng hệ thống hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp ” trên nền tảng Angular, quản lý trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, thống kê quản lý giá cả nông sản trên Elastic Stack, xem bản đồ đơn hàng nông sản của nông dân. Với hệ thống này được ứng dụng trên website để giúp quản trị viên có thể quản lý nguồn nông sản của từng hộ cá nhân, cụ thể với những chức năng:cập nhật giá thị trường, thêm nhóm nông sản, thêm loại nông sản, thêm tên nông sản, đăng kí, đăng nhập, bản đồ và biểu đồ thống kê . Với các tính năng dễ sử dụng, giao diện thân thiện, hình ảnh minh họa thực tế, thống kê cụ thể chi tiết từng loại nông sản tương ứng với từng vùng miền khác nhau trên khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trang website sẽ mang lại sự tiện lợi cho người quản lý trong việc cập nhật giá cả của nông sản trên thị trường, thêm nhóm, loại và tên nông sản cụ thể và xem bản đồ và biểu đồ thống kê về đơn hàng đang bán nông sản của nông dân.
7046	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐĂNG KÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGi	Nguyễn, Trần Quang Minh	Ngô, Bá Hùng	2018	“Hệ thống đăng kí cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm dịch dựa trên công nghệ OSGi”. Hệ thống được chia thành nhiều module chức năng khác nhau giúp khách hàng thực hiện việc đăng kí và làm hồ sơ được đơn giản hóa, giúp nhân viên có thể tiến hành thực hiện các quy trình cấp chứng nhận một cách nhanh chóng.
7047	Đại học	NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG TRỢ LÝ CÁ NHÂN ẢO	Nguyễn, Thị Huỳnh Giao	Đỗ, Thanh Nghị	2018	Báo cáo luận văn này trình bày quá trình nghiên cứu và xây dựng một trợ lý cá nhân ảo (VPA) được điều khiển bằng giọng nói, người có thể hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh với người dùng, sử dụng các công cụ chuyển giọng nói thành văn bản (STT) và công cụ chuyển văn bản thành giọng nói (TTS) bên thứ ba được hỗ trợ trong thư viện SpeechRecognition và gTTS của Python. VPA có thể hỗ trợ người dùng các tác vụ hàng ngày như: Tìm thông tin từ Wolfram Alpha và Wikipedia, báo cáo thời tiết, đọc tin tức mới nhất, kiểm tra email, ghi chú, đồng bộ hóa với tài khoản Twitter, báo thời gian hoặc giúp người dùng giải trí với trò đùa ngẫu nhiên. Các mô-đun dịch vụ hoạt động độc lập và được kích hoạt dựa trên các từ khóa từ lệnh của người dùng bằng thuật toán phân tích cú pháp ngôn ngữ để dự đoán ý định người dùng.

7048	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM VÀ HỖ TRỢ TUYỂN DỤNG TRÊN NỀN TẢNG WEB	Ngô, Thanh Duy	Trương, Minh Thái	2019	Với những khó khăn trên, em xin đề xuất xây dựng đề tài “Xây dựng hệ thống tìm kiếm việc làm và hỗ trợ tuyển dụng trên nền tảng web”. Hệ thống được xây dựng bằng ngôn ngữ PHP cung cấp cho người quản lý các chức năng: tìm kiếm việc làm, đăng công việc, xem biểu đồ thống kê về sự quan tâm của ứng viên. Đồng thời, cung cấp cho nhà quản trị như khoá tài khoản ứng viên hay nhà tuyển dụng vi phạm. Hơn nữa, việc sử dụng PHP xây dựng hệ thống thông qua mô hình MVC làm cho việc bảo trì và mở rộng trở nên dễ dàng hơn. Kết quả của đề tài là xây dựng thành công hệ thống tìm kiếm việc làm và hỗ trợ tuyển dụng trên nền tảng web, cung cấp chức năng quản lý cho nhà tuyển dụng cũng như gợi ý việc làm cho ứng viên. Qua đó góp phần gắn kết giữa ứng viên và nhà tuyển dụng.
7049	Đại học	GIẢI PHÁP AN NINH MẠNG HỆ THỐNG PHÁT HIỆN XÂM NHẬP MẠNG PHÂN HỆ: THỰC NGHIỆM CÁC HƯỚNG ÁN TẤN CÔNG XÂM NHẬP HỆ THỐNG MẠNG GIẢ LẬP	Thái, Nguyễn Hoài Sơn	Phạm, Hữu Tài	2018	Ngày nay các hệ thống mạng đều hướng tới sử dụng các giải pháp IPS thay vì hệ thống IDS. Tuy nhiên các hệ thống IPS phần lớn đều phải trả phí còn các hệ thống IDS thì có thể sử dụng những phần mềm mã nguồn mở miễn phí để cài đặt. Cơ sở hạ tầng CNTT càng phát triển, thì vấn đề phát triển mạng lại càng quan trọng, mà trong việc phát triển mạng thì việc đảm bảo an ninh mạng là một vấn đề tối quan trọng. Sau hơn chục năm phát triển, vấn đề an ninh mạng tại Việt Nam đã dần được quan tâm đúng mức hơn. Trước khi có một giải pháp toàn diện thì mỗi một mạng phải tự thiết lập một hệ thống tích hợp IDS của riêng mình. Đề tài này chúng tôi với mục tiêu là dùng Snort để phát hiện xâm nhập một hệ thống mạng có đầy đủ các thiết bị như Firewall, Router, Switch, Server được giả lập như một hệ thống thật bằng công cụ GNS3 2.1 và VMware Workstation 14 Pro kết hợp với các công cụ tấn công sưu tầm được trên Linux để kiểm tra độ ổn định của Snort trong mạng.

7050	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT GIAO THÔNG VÀ NHẬN DẠNG BIỂN SỐ XE THỜI GIAN THỰC DỰA TRÊN NỀN TẢNG XỬ LÝ DỮ LIỆU LỚN	Tăng, Vĩnh Tài	Phan, Thượng Cang	2018	Bài toán hệ thống giám sát giao thông và nhận dạng biển số xe thời gian thực dựa trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn là một bài toán điển hình cho các lớp bài toán vừa nêu ở trên. Để giải quyết được yêu cầu thực tế đã đặt ra và xây dựng hệ thống này, kỹ thuật lập trình song song đã được nghĩ tới thay thế cho các kỹ thuật lập trình theo hướng tuần tự trên một máy, với mục đích nhằm tăng tốc độ xử lý trên một tập dữ liệu lớn và dữ liệu này hoàn toàn trong thời gian thực. Có rất nhiều mô hình lập trình để hỗ trợ cho kỹ thuật lập trình song song. Trong đó, mô hình lập trình được chọn nghiên cứu ở đây là mô hình lập trình Apache Spark. Sử dụng Spark kết hợp cùng với OpenCV, OpenAlpr, Apache Kafka và MongoDB để giải quyết bài toán nêu trên. Bên cạnh đó để thực hiện việc giao tiếp giữa client với server trong đề tài sử dụng Vert.x để làm điều này. Với mô hình lập trình Spark, Có rất nhiều bài toán cần xử lý trên tập dữ liệu streaming lớn làm nó trở nên đơn giản và giảm thiểu thời gian xử lý. Kết quả thực nghiệm cho thấy khi xây dựng hệ thống giám sát giao thông và nhận dạng biển số xe thời gian thực dựa trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn đã tăng tốc xử lý dữ liệu đáng kể, giảm thiểu thời gian xử lý. Góp phần rất lớn vào việc xây dựng công cụ tìm kiếm hiệu quả. Điều này càng làm tăng khả năng tin cậy đối với mô hình lập trình Spark trong việc giải quyết các bài toán đặc trưng trên tập dữ liệu lớn và tập dữ liệu lớn thời gian thực.
7051	Đại học	ỨNG DỤNG QUẢN LÝ CÂY XANH SMARTPOT	Trần, Thị Thảo Em	Phạm, Hữu Tài Huỳnh, Minh Trí	2018	Hiện nay, các công trình xanh càng được chú trọng trong thiết kế nội - ngoại thất, giúp điều hòa không khí, trang trí không gian xanh và chống tia cực tím từ máy tính. Tuy nhiên, cuộc sống càng hiện đại, con người càng bận rộn và có ít thời gian chăm sóc với việc quản lý rất nhiều cây xanh trong nhiều phòng khác nhau. Giải pháp nào để giúp ta vừa có cây cối tươi tốt lại không phải tốn nhân lực, kinh phí, thời gian và công sức cho việc chăm sóc cây thường xuyên? Nhận thấy được nhu cầu trên, ứng dụng quản lý Smartpot ra đời. Smartpot là ứng dụng thông minh được thiết kế dựa trên một Platform IoT là TMA IoT Platform (TIP) giúp xây dựng kiến thức toàn diện về Internet-of-Things hoàn toàn trên mã nguồn mở. TIP sẽ giúp tăng tốc và tích hợp đa dạng các ứng dụng IoT một cách liền mạch trên một nền tảng chung, tận dụng cơ sở hạ tầng được chia sẻ với nhiều loại phần cứng, cảm biến, các thiết bị kết nối không dây. Giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc phát triển ứng dụng về IOT.

7052	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP MODULE 1: HỖ TRỢ NÔNG DÂN	Trịnh, Thục Trinh	Ngô, Bá Hùng	2018	Các ứng dụng nông nghiệp hiện nay giải quyết được hầu hết các vấn đề cơ bản cho nông dân, chưa giải quyết chi tiết những vấn đề tồn đọng lâu năm mà nông dân đang gặp phải. Cụ thể nhất là tình trạng được mùa mất giá hàng nhiều năm nay ở hầu hết tất cả các mùa vụ nông sản nông nghiệp Việt Nam, nông dân không thể bán đúng giá với giá trị nông sản trên thị trường, thương lái chen ép giá, gây mất giá trị nông sản. Hiểu được vấn đề đó, em đã thực hiện đề tài “Xây dựng hệ thống hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp” trên nền tảng Ionic Framework, quản lý trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Với hệ thống này được ứng dụng điện thoại di động thông minh để giúp nông dân có thể quản lý nguồn nông sản của mình, cụ thể với những chức năng: tra cứu giá nông sản, lưu mẫu tin nông sản đang quan tâm, xem giá cả thị trường, đăng tin nông sản, quản lý mẫu tin đã đăng, quản lý sản phẩm đang quan tâm. Các tính năng dễ sử dụng, giao diện thân thiện, hình ảnh minh họa thực tế, ứng dụng sẽ giúp nông dân không còn lo ngại về vấn đề tình trạng tiêu thụ để tập trung nâng cao sản xuất mang lại giá trị nông sản tốt nhất, có thể xuất khẩu nông sản ra ngoài nước nhằm giúp quảng bá thị trường Nông nghiệp Việt Nam.
7053	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP MODULE 2: HỖ TRỢ NGƯỜI MUA	Phước, Hải Minh Nhựt	Ngô, Bá Hùng	2018	“Xây dựng hệ thống hỗ trợ sản phẩm nông nghiệp” với mong muốn mang được một giải pháp khả quan cho người nông dân. Giải pháp được đề xuất cho tình trạng này được phát triển trên nền mobile, cụ thể trên nền tảng Ionic Framework, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL kết hợp với phía server được xây dựng trên pringboot, JPA và thư viện Karthasis JSON API. Hơn thế nữa với cách thức thao tác đơn giản trên ứng dụng, giao diện thân thiện với người dùng đi cùng với những hình ảnh minh họa sống động, tự nhiên cho người nông dân sử dụng ứng dụng trên điện thoại thông minh. Người dùng có thể xem được kế hoạch thu hoạch, nhu cầu bán, sản lượng bán ra cùng với giá chi tiết của các loại nông sản, các chức năng ứng dụng phù hợp với nhu cầu thực tiễn của người dùng. Với mong muốn đề ra giải pháp hiệu quả đầy nhanh sự phát triển nông nghiệp đáp ứng trước các nhu cầu và giảm bớt áp lực hiện nay cho người nông dân khu vực ĐBSCL nói riêng và nền nông nghiệp Việt Nam nói chung.
7054	Đại học	ỨNG DỤNG HÔM NAY ĂN GÌ – WEB APP	Đặng, Thị Hồng Nhung	Ngô, Bá Hùng	2018	Website giúp cho mọi người nói chung và người nội trợ nói riêng tiết kiệm được phần lớn thời gian và công sức về việc lựa chọn món ăn cho từng ngày. Với các tính năng như: gợi ý món ăn theo nguyên liệu, gợi ý món chay, gợi ý món ăn theo loại món ăn (canh, chiên, hầm,...), gợi ý menu từ một ngày đến một tuần từ đó người sử dụng có thể lưu vào chế độ ăn uống để thuận tiện cho việc theo dõi thực đơn mình đã dùng hoặc sẽ dùng. Bên cạnh đó, người sử dụng có thể tạo ra cho mình những menu riêng bằng những món ăn gợi ý để phù hợp với sở thích cũng như nhu cầu của mỗi gia đình. Ngoài ra, ứng dụng còn đưa ra phiếu đi chợ cho người sử dụng về các nguyên liệu cần mua, đồng thời gợi ý một số siêu thị online để người sử dụng có thể thuận tiện nhất.

7055	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG DỰA TRÊN CÔNG NGHỆ OSGi MODULE 2: QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN	Nguyễn, Thị Nhung	Ngô, Bá Hùng	2018	Hằng năm, các trường Cao đẳng tiến hành tuyển sinh từng đợt, sau khi tuyển sinh, trường sẽ có danh sách sinh viên trúng tuyển tùy thuộc vào các ngành khác nhau. Với số lượng sinh viên trúng tuyển, trường sẽ tạo ra các lớp quản lý để quản lý sinh viên. Song song đó, trường cũng tạo ra các lớp môn học cho sinh viên học trong từng học kỳ. Trước mỗi đầu học kỳ, khi danh sách lớp môn học đã có, trường bộ môn sẽ phân công giảng viên dạy cho từng lớp môn học. Tuy nhiên, việc thực hiện các công việc này sẽ gặp những khó khăn khi các công việc có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau, hệ thống thường xuyên thay đổi thông tin để phù hợp với tình hình thực tế thì công đoạn chỉnh sửa rất khó khăn, tốn nhiều thời gian và công sức. Do đó, để giải quyết vấn đề trên, tôi đã chọn đề tài “Xây dựng hệ thống quản lý đào tạo các trường cao đẳng dựa trên công nghệ OSGi”, cụ thể là module Quản lý quá trình học tập của sinh viên. Với sự hỗ trợ của OSGi trong Liferay Portal 7 giúp chúng ta có thể phát triển từng chức năng như là một thành phần độc lập, khi một chức năng gặp lỗi sẽ không ảnh hưởng những chức năng khác. Module này được xây dựng dựa trên công nghệ OSGi và cơ sở dữ liệu MySQL.
7056	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG VẼ ĐỒ THỊ TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Trần, Văn Triều	Đoàn, Hòa Minh	2018	Với sự phát triển mạnh mẽ của thiết bị di động, các ứng dụng cho thiết bị di động đã phát triển trong mọi lĩnh vực. Các ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, kinh tế, thống kê, toán học,...thường sử dụng đồ thị. Tuy nhiên, việc tìm hiểu để ứng dụng các thư viện vào trong lập trình vẽ đồ thị không dễ dàng. Trên kho ứng dụng CH Play của Google cũng có nhiều ứng dụng vẽ đồ thị, nhưng những ứng dụng này chỉ vẽ các loại đồ thị theo mẫu (số liệu đã được cài đặt sẵn trong mã nguồn của ứng dụng), không hỗ trợ người dùng nhập số liệu để vẽ đồ thị theo nhu cầu của mình. Trong luận văn tốt nghiệp này chúng tôi xây dựng một “Ứng dụng vẽ đồ thị mà nó cho phép người dùng nhập số liệu để vẽ theo nhu cầu” trên thiết bị Android, với phiên bản hệ điều hành từ 4.1(API 16) về sau. Chúng tôi đã tìm hiểu và sử dụng các thư viện như MpAndroidChart, AndroidPlot, chartEngine để phát triển các chức năng vẽ đồ thị với số liệu được nhập vào bởi người dùng. Chúng tôi đã tạo giao diện để cho người dùng dễ dàng nhập số liệu và tìm được giải thuật để chuyển giao số liệu đến các lớp vẽ đồ thị trong các thư viện có sẵn. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng trình bày cách tạo một thư viện đơn giản trên Android. Ứng dụng hỗ trợ người dùng vẽ 4 loại đồ thị phổ biến là: đồ thị tròn (PieChart), đồ thị cột (BarChart), đồ thị đường (LineChart), đồ thị hàm số (FxChart) trong không gian 2 chiều, số liệu để vẽ tổng quát là số thực (gồm cả số nguyên). Ứng dụng đã được kiểm thử, kết quả là đã hoạt động ổn định trên thiết bị thật và có thể phát hành, cơ bản đã đạt được mục tiêu của luận văn. Tuy nhiên, ứng dụng còn các hạn chế như sau: số loại đồ thị được hỗ trợ còn ít, giao diện còn đơn giản, đồ thị hàm số vẫn còn khó khăn khi người dùng nhập dữ liệu, đồ thị đường còn hạn chế số đường vẽ. Chúng tôi hy vọng ứng dụng đáp ứng phần nào nhu cầu thực tế và sẽ cố gắng khắc phục các hạn chế, cải tiến để các phiên bản sau hoàn thiện hơn.

7057	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN Phân hệ: Triển khai hệ thống mạng an toàn với Microsoft Forefront TMG 2010	Phạm, Thành Nam	Phạm, Hữu Tài	2018	“XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN” để thấy và hiểu rõ nguyên lý hoạt động của một mô hình mạng công ty vừa và nhỏ trong thực tế. Cài đặt một số dịch vụ cơ bản của một hệ thống mạng như Web, Mail, FTP, ... để người dùng bên trong và ngoài mạng sử dụng. Thiết đặt Firewall cho từng chi nhánh để bảo vệ hệ thống server và mạng nội bộ của công ty. Cùng với đó là phải đề ra các biện pháp, chính sách an ninh cần thiết cho hệ thống mạng.
7058	Đại học	HỆ THỐNG PHÁT HIỆN XÂM NHẬP MẠNG HONEYNET PHÂN HỆ: NGHIÊN CỨU KIẾN TRÚC GEN II HONEYNET	Phan, Hiền Toàn	Phạm, Hữu Tài	2018	Kiến trúc mạng Honeynet thế hệ thứ 2 thuộc một dự án được nghiên cứu, cải tiến và công khai đầu năm 2001 bởi dự án Honeynet. Mô hình mạng Honeynet thế hệ thứ 2 được triển khai với mục đích chính là thu thập thông tin từ các mối đe dọa. Tất cả các lưu lượng mạng đi vào và rời khỏi Honeynet đều phải đi qua Honeywall. Vì vậy, Honeywall có thể kiểm soát tất cả các hoạt động bên trong mạng Honeynet qua các cơ chế kiểm soát dữ liệu, bắt dữ liệu và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, người quản trị còn có thể giám sát Honeywall bằng giao diện web gọi là Walleye thông qua giao diện quản trị từ xa. Honeywall trong kiến trúc mạng Honeynet thế hệ thứ 2 được cài đặt bằng chương trình Honeywall CDROM phiên bản 1.4. Honeywall CDROM ROO là một hệ điều hành được xây dựng trên nền tảng CentOS 5.0 giúp cài đặt, triển khai và bảo trì dễ dàng hơn và giảm chi phí khi triển khai mạng Honeynet. Honeywall Roo bao gồm các công cụ bảo mật mã nguồn mở như: Snort, Snort_inline, Argus, TCPdump, Pof, Swatch,... Mô hình mạng Honeynet thế hệ thứ 2 được giả lập bằng công cụ GNS3 và VMware workstation pro 14.0. Kết hợp với các kịch bản tấn công như mã độc máy tính Trojan và sử dụng các công cụ tấn công trên Kali Linux để kiểm tra chức năng và cơ chế hoạt động trong mạng Honeynet. Các thông tin thu thập bởi Honeywall được phân tích và hiển thị một cách tổng quan thông qua giao diện web.
7059	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN PHÂN HỆ: THỰC NGHIỆM KHAI THÁC LỖ BẢO MẬT VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC HẠN CHẾ TẤN CÔNG CHIẾM QUYỀN KIỂM SOÁT HỆ THỐNG	Nguyễn, Trí Dũng	Phạm, Hữu Tài	2018	“XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN” để thấy và hiểu rõ nguyên lý hoạt động của một mô hình mạng công ty vừa và nhỏ trong thực tế. Cài đặt một số dịch vụ cơ bản của một hệ thống mạng như Web, Mail, FTP, ... để người dùng bên trong và ngoài mạng sử dụng. Thiết đặt tường lửa cho từng chi nhánh để bảo vệ hệ thống server và mạng nội bộ của công ty. Cùng với đó là phải đề ra các biện pháp, chính sách an ninh cần thiết cho hệ thống mạng.

7060	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN PHẦN HỆ: THỰC NGHIỆM KHAI THÁC LỖI BẢO MẬT VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC HẠN CHẾ TẤN CÔNG GIẢ MẠO, DOS TRÊN GIAO THỨC DHCP	Hồng, Phước Sang	Phạm, Hữu Tài	2018	“Xây dựng mô hình mạng doanh nghiệp an toàn”, đầu tiên cần phải thiết lập được một hệ thống mạng, tiếp theo cần phải đảm bảo được hệ thống vận hành một cách an toàn. Để xây dựng được một hệ thống mạng, cần phải có các thiết bị mạng như Router, Switch, máy Server, máy trạm, dây cable... thực hiện quá trình cấu hình Router, Switch gồm vạch đường, chia VLAN. Trên các máy Server cài đặt các dịch vụ cơ bản của một hệ thống mạng như: DNS, FTP, WEB, MAIL, ... cung cấp các dịch vụ đã cài đặt cho người dùng trong và ngoài mạng sử dụng. Sau khi hệ thống đã vận hành hoàn thiện, với cương vị là người thiết kế, quản trị hệ thống thì cần phải nghĩ đến giải pháp làm sao để có thể đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu vào ra trên hệ thống cho người dùng, bằng việc sử dụng tường lửa, đặt ra các điều luật, các chính sách nhằm hạn chế một cách tối đa những vấn đề có thể gây hại cho hệ thống như các loại mã độc: Malware, Virus, các hình thức tấn công, các lỗ hổng của hệ thống, thực hiện các giải pháp phòng thủ, hạn chế tấn công giả mạo và DoS trên DHCP, Web.
7061	Đại học	XÂY DỰNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NUÔI THỦY SẢN PHẦN HỆ ỨNG DỤNG WEB QUẢN LÝ AO NUÔI	Cao, Huỳnh Như	Trương, Minh Thái	2018	“Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng nước và quản lý nuôi thủy sản phần hệ ứng dụng web quản lý ao nuôi”. Hệ thống được xây dựng bằng Vue.js kết hợp với Vuex cung cấp cho người quản lý các chức năng: theo dõi sự thay đổi của các yếu tố môi trường nước, xem biểu đồ thống kê về sự thay đổi dữ liệu và quản lý các thành phần liên quan. Việc sử dụng Vue.js kết hợp với kỹ thuật SFC (single file components) xây dựng hệ thống làm cho việc bảo trì và nâng cấp dễ dàng hơn. Kết quả của đề tài là xây dựng thành công hệ thống theo dõi môi trường nước, cung cấp chức năng quản lý cho người quản lý. Qua đó góp phần nâng cao hiệu suất ngành thủy sản.
7062	Đại học	ỨNG DỤNG CHIA SẺ TÀI LIỆU HỌC TẬP TRÊN NỀN TẢNG SPRING BOOT Phần hệ Sách Được Bán Và Sách Miễn Phí	Trần, Hạnh Ngọc	Nguyễn, Hữu Văn Long	2018	Nhằm đáp ứng cho sự thuận tiện trong việc giúp câu lạc bộ làm công việc quản lý, hỗ trợ trao đổi sách giữa các sinh viên, Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập ra đời với vai trò là kênh giao tiếp trung gian giữa các sinh viên cũng như người quản lý câu lạc bộ. Mặt khác cũng giúp cho các sinh viên có thể nắm bắt được số lượng đầu sách đang có của câu lạc bộ mà không cần đích thân đến câu lạc bộ để kiểm tra, trao đổi. Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập được chia thành hai phần hệ chính: Phần hệ chia sẻ tài liệu miễn phí, có phí và Phần hệ chia sẻ tài liệu đầu giá, bên cạnh đó còn có module quản trị hệ thống của người dùng quản lý câu lạc bộ. Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập được phát triển dựa trên công nghệ: Spring MVC, Spring Boot, Spring Security, MySQL, Thymeleaf, HTML, CSS, Javascript, jQuery, Bootstrap,...

7063	Đại học	ỨNG DỤNG CHIA SẺ TÀI LIỆU HỌC TẬP TRÊN NỀN TẢNG SPRING BOOT	Nguyễn, Lê Hiếu Minh	Nguyễn, Hữu Vân Long	2018	Vào mỗi học kì, mỗi sinh viên đều cần trang bị cho mình những tài liệu, giáo trình, sách tham khảo phù hợp với những học phần khác nhau. Bên cạnh đó, một số sinh viên khác lại thừa giáo trình không sử dụng của những học phần đã học. Trước tình trạng kẻ thừa, người thiếu tài liệu, giáo trình, câu lạc bộ Chia sẻ tài liệu học tập của khoa CNTT & TT ra đời với mong muốn tạo điều kiện cho các bạn sinh viên trao đổi giáo trình với nhau, sẽ chia cho nhau những kiến thức và giúp giảm một phần nào chi phí học tập cho việc mua giáo trình. Nhằm đáp ứng cho sự thuận tiện trong việc giúp câu lạc bộ làm công việc quản lý, hỗ trợ trao đổi sách giữa các sinh viên, Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập ra đời với vai trò là kênh giao tiếp trung gian giữa các sinh viên cũng như người quản lý câu lạc bộ. Mặt khác cũng giúp cho các sinh viên có thể nắm bắt được số lượng đầu sách đang có của câu lạc bộ mà không cần đích thân đến câu lạc bộ để kiểm tra, trao đổi. Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập được chia thành hai phân hệ chính: Phân hệ chia sẻ tài liệu miễn phí, có phí và Phân hệ chia sẻ tài liệu đấu giá, bên cạnh đó còn có module quản trị hệ thống của người dùng quản lý câu lạc bộ. Ứng dụng chia sẻ tài liệu học tập được phát triển dựa trên công nghệ: Spring MVC, Spring Boot, Spring Security, MySQL, hymerleaf, HTML, CSS, Javascript, jQuery, Bootstrap,...
7064	Đại học	XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIẢ LẬP ĐIỀU KHIỂN NHÀ THÔNG MINH Phân Hệ: Hệ Thống Điều Khiển Các Thiết Bị Vi Môi Trường	Trần, Hà Phương	Phạm, Hữu Tài	2018	“Xây dựng môi trường giả lập điều khiển nhà thông minh – phân hệ: điều khiển các thiết bị vi môi trường” được thực hiện với mong muốn giúp cho người dùng Việt Nam hiểu thêm một phần nào đó về việc điều khiển hệ thống nhà thông minh. Hệ thống điều khiển các thiết bị vi môi trường được xây dựng dựa trên việc kết nối các thiết bị thông qua hệ thống mạng, mỗi thiết bị được quản lý, và giao tiếp với bộ điều khiển bằng địa chỉ IP. Các công cụ được sử dụng để phát triển hệ thống là hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, Framework Spring Boot, Frameword Hibernate, Socket, ngôn ngữ lập trình Java, Javascript và thư viện lập trình JQuery, BootStrap.

7065	Đại học	NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP CHỮ KÝ SỐ CHO NỘI BỘ DOANH NGHIỆP	Đào, Minh Quân	Ngô, Bá Hùng	2018	Sự phát triển của công nghệ thông tin đang diễn ra rất mạnh mẽ giải quyết được hàng triệu vấn đề trong cuộc sống của chúng ta, chữ ký số là một trong những vấn đề gần đây đang rất được quan tâm bởi nó đóng vai quan trọng trong chặn đường thay thế dần chữ ký truyền thống, PKI là hệ thống cung cấp chứng thư số, gồm nhiều thành phần được phân chia nhiệm vụ rõ ràng, tuân thủ các quy tắc về an ninh pháp luật nhằm đảm độ tin cậy, hợp pháp của chứng thư được cấp phát. Giải pháp chữ ký số cho doanh nghiệp được xây dựng dựa vào nhu cầu thực tế này tại Trường Đại Học Cần Thơ, là việc trao đổi, lưu truyền, phát hành các văn bản như thông báo, quyết định, công văn, bảng điểm, kết quả các kì thi... đều được thực hiện theo các truyền thống là văn bản sẽ được ký tên của người có thẩm quyền, và sau đó san thành file điện tử để truyền qua các kênh truyền thống, hệ thống. Hệ thống sẽ cung cấp chứng thư số cho mỗi cá nhân thuộc Đại Học Cần Thơ sử dụng để ký xác nhận các loại tài liệu đã nêu trên trực tiếp bằng các phần mềm có hỗ trợ chữ ký số. Bằng phương pháp này sẽ mang lại nhiều lợi ích như tính toàn vẹn của dữ liệu, tính chống chối bỏ, tiết kiệm được thời phát hành tài liệu, chi phí cho giấy, mực in, chi phí máy scan, nhân lực...
7066	Đại học	HỆ THỐNG NHẬN DẠNG VÀ PHÂN LOẠI ẢNH XUẤT HUYẾT NÃO TRÊN NỀN TẢNG XỬ LÝ DỮ LIỆU LỚN. PHẦN HỆ 1: THU THẬP DỮ LIỆU VÀ RÚT TRÍCH ĐẶC TRƯNG DỰA TRÊN CHỈ SỐ HOUNSFIELD	La, Ngọc Nguyên	Phan, Thượng Cang	2018	Đề tài “Hệ thống nhận dạng và phân loại ảnh xuất huyết não trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn”, chúng tôi đề xuất phương pháp sử dụng chỉ số Hounsfield và áp dụng các thuật toán máy học để nhận dạng và phân loại xuất huyết não từ các hình ảnh CT/MRI. Phương pháp dựa trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn và cận thời gian thực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phương pháp này giúp rút ngắn khá nhiều thời gian cho bác sĩ trong việc chẩn đoán xuất huyết não, từ đó phát hiện sớm căn bệnh và có hướng điều trị kịp thời cho bệnh nhân. Mặt khác, đề tài đã có đóng góp tích cực về mặt khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu do những nghiên cứu trước đây chỉ tập trung nhiều về việc phân loại mà chưa thực sự dựa trên nền tảng dữ liệu lớn. Ngoài ra, do hệ thống có thể phát triển theo mô hình lớn trên nhiều bệnh viện ở nhiều vùng miền nên có ý nghĩa đối với xã hội nói chung và lĩnh vực y tế cộng đồng nói riêng.
7067	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ANDROID HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC TOÁN NHÂN	Nguyễn, Phương Thanh	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Phép nhân là một trong những phép tính cơ bản giúp con người phát triển tư duy toán học từ khi còn ở bậc Tiểu học. Vì thế việc học và củng cố kiến thức về phép nhân rất quan trọng. Mục đích chính của đề tài là xây dựng một ứng dụng dạng game trên điện thoại thông minh vừa cho phép người dùng có thể học tập các phép nhân cũng như bảng cửu chương, vừa có thể thực hiện kiểm tra kiến thức thông qua việc chơi game. Đặc biệt, ứng dụng này còn giúp các bậc phụ huynh dễ dàng kiểm tra kiến thức của con bằng việc cho đề bài. Ứng dụng được phát triển trên nền tảng Android với giao diện cơ bản kết hợp với các hiệu ứng dễ nhìn, ngoài ra ứng dụng còn có dung lượng nhẹ.

7068	Đại học	HỆ THỐNG NHẬN DẠNG VÀ PHÂN LOẠI ẢNH XUẤT HUYẾT NÃO TRÊN NỀN TẢNG XỬ LÝ DỮ LIỆU LỚN PHÂN HỆ 2: NHẬN DẠNG XUẤT HUYẾT NÃO CẬN THỜI GIAN THỰC DỰA TRÊN CHỈ SỐ HOUNSFIELD	Phạm, Duy Khang	Phan, Thương Cang Phan, Anh Cang	2018	Trong đề tài “Hệ thống nhận dạng và phân loại ảnh xuất huyết não trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn”, chúng tôi đề xuất phương pháp sử dụng chỉ số Hounsfield và áp dụng các thuật toán máy học để nhận dạng và phân loại xuất huyết não từ các hình ảnh CT/MRI. Phương pháp dựa trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn và cận thời gian thực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phương pháp này giúp rút ngắn khá nhiều thời gian cho bác sĩ trong việc chẩn đoán xuất huyết não, từ đó phát hiện sớm căn bệnh và có hướng điều trị kịp thời cho bệnh nhân. Mặt khác, đề tài đã có đóng góp tích cực về mặt khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu do những nghiên cứu trước đây chỉ tập trung nhiều về việc phân loại mà chưa thực sự dựa trên nền tảng dữ liệu lớn. Ngoài ra, do hệ thống có thể phát triển theo mô hình lớn trên nhiều bệnh viện ở nhiều vùng miền nên có ý nghĩa đối với xã hội nói chung và lĩnh vực y tế cộng đồng nói riêng.
7069	Đại học	NGHIÊN CỨU MÔ HÌNH MẠNG CNN CHO XE TỰ LÁI	Lâm, Khả Tính	Đỗ, Thanh Nghị	2018	Hiện nay, ứng dụng CNTT đã được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực và một trong số đó là lĩnh vực ô tô, với sự kết hợp của ô tô truyền thống và ngành CNTT hiện nay chúng ta đã có một phương tiện có thể tự điều khiển mà không cần hoặc rất ít sự tương tác của con người được gọi là xe tự lái. Xe tự lái không chỉ mang đến sự thuận tiện cho người dùng mà còn giảm thiểu tai nạn giao thông. Nội dung bài báo cáo trình bày quá trình tìm hiểu và phát triển mô hình xe tự lái, người sử dụng có thể điều khiển mô hình thông qua wifi hoặc kích hoạt chế độ lái tự động sử dụng mạng nơ-ron nhân tạo cho việc tự động lái. Bài báo cáo sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo được phát triển bởi Google cùng với ngôn ngữ Python, có thể tự động điều khiển mô hình xe theo làn đường. Hệ thống được phát triển trên ngôn ngữ python, vì vậy có thể hoạt động trên nhiều hệ điều hành như Linux, Windows, MacOS.
7070	Đại học	WEBSITE GỢI Ý NHÀ HÀNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP LỌC CỘNG TÁC	Phạm, Hoàng Gia	Trần, Nguyễn Minh Thư	2018	Hiện nay, công nghệ thông tin được áp dụng gần như hầu hết mọi lĩnh đời sống cùng với đó là sự xuất hiện của nhiều trang web hỗ trợ tìm kiếm những địa điểm ăn uống, dẫn đến thông tin trở nên ngày càng nhiều. Điều đó khiến thực khách gặp không ít khó khăn để tìm kiếm được nhà hàng phù hợp với yêu cầu của mình. Đề tài này sử dụng phương pháp lọc cộng tác để xây dựng website có tích hợp chức năng gợi ý và hỗ trợ thực khách trong việc tìm kiếm địa điểm ăn uống. Hệ thống dựa vào những đánh giá nhà hàng trước đó từ người dùng để tiến hành lọc ra 10 địa điểm phù hợp với từng cá nhân và gợi ý. Giải thuật được xây dựng dựa trên tập dữ liệu từ Yelp với thông tin của 5,354 nhà hàng và 32,985 người dùng cùng với đó là 95,413 đánh giá. Độ hiệu quả của giải thuật lọc cộng tác được đánh giá thông qua chỉ số RMSE là 3.817, với tỉ lệ tập huấn luyện và tập kiểm tra lần lượt là 2/3 và 1/3.

7071	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG ANDROID GIÚP TRẺ EM LÀM QUEN TOÁN HỌC ĐƠN GIẢN	Dương, Thiện Chí	Phạm, Thị Ngọc Diễm	2018	Ngày nay các bậc phụ huynh luôn muốn chuẩn bị trước cho con mình một nền tảng trước khi bước vào ghế nhà trường nhưng lại không muốn học tập trở thành gánh nặng khi trẻ vẫn còn đang ở tuổi vui chơi. Vì thế việc chuẩn bị này cho trẻ đòi hỏi phải kết hợp giữa việc học và chơi sao cho không thấy nhàm chán và áp lực từ phụ huynh. Nhưng không phải gia đình nào cũng có đủ thời gian để ngồi mỗi ngày hàng giờ để chơi và học cùng bé. Bên cạnh đó với sự phát triển mạnh mẽ của thiết bị di động, đặc biệt là di động thông minh, máy tính bảng...với giá thành rẻ và lợi ích mang lại cùng với sở thích sử dụng điện thoại từ rất sớm của các bé. Dựa trên những nhu cầu và đặc điểm đó ứng dụng “Toán học cho trẻ” được xây dựng nhằm giúp bé nhận biết các số, kết hợp với phát âm, kiểm tra kiến thức qua các bài tập vui nhộn góp phần tạo một nền tảng về toán học nhất định cho bé. Ứng dụng “Toán học cho trẻ” được xây dựng trên nền tảng Android, sử dụng công cụ Android Studio 3.2 và Android Virtual Device hỗ trợ tạo máy ảo và chạy giả lập phần mềm.
7072	Đại học	ỨNG DỤNG HÔM NAY ĂN GÌ MOBILE APP	Trần, Thị Ngọc Linh	Ngô, Bá Hùng	2018	Ăn uống là cơ sở của sức khỏe, là nhu cầu cần thiết trong đời sống hằng ngày của con người. Và trong đời sống xã hội ngày càng phát triển thì việc ăn no chưa đủ mà phải ăn như thế nào để cơ thể và trí óc được phát triển tốt, tái tạo lại chất xám và sức khỏe để làm việc. Để đáp ứng được nhu cầu trên, người nội trợ cần biết cách tổ chức bữa ăn gia đình, cách chọn lựa thực phẩm sao cho vừa đầy đủ các chất dinh dưỡng, vừa ngon miệng. Nhưng để trả lời được câu hỏi “Hôm nay ăn gì?” không phải là vấn đề đơn giản. Hiểu được vấn đề khó khăn đó cùng với sự phát triển vượt bậc của Internet trong thời đại công nghiệp 4.0 em đã làm ra “Ứng dụng hôm nay ăn gì”. Ứng dụng giúp cho mọi người nói chung và người nội trợ nói riêng tiết kiệm được phần lớn thời gian và công sức về việc lựa chọn món ăn cho từng ngày. Với các tính năng như: gợi ý món ăn theo nguyên liệu, gợi ý món chay, gợi ý món ăn theo loại món ăn (canh, chiên, hầm,...), gợi ý menu từ một ngày đến một tuần từ đó người sử dụng có thể lưu vào chế độ ăn uống để thuận tiện cho việc theo dõi thực đơn mình đã dùng hoặc sẽ dùng. Bên cạnh đó, người sử dụng có thể tạo ra cho mình những menu riêng bằng những món ăn gợi ý để phù hợp với sở thích cũng như nhu cầu của mỗi gia đình. Ngoài ra, ứng dụng còn đưa ra phiếu đi chợ cho người sử dụng về các nguyên liệu cần mua, đồng thời gợi ý một số siêu thị online để người sử dụng có thể thuận tiện nhất.

7073	Đại học	XÂY DỰNG NGÔI NHÀ THÔNG MINH	Nguyễn, Hữu Phúc	Đỗ, Thanh Nghị Võ, Phước Hưng Huỳnh, Phước Hải	2019	Đề tài “Xây dựng ngôi nhà thông minh” cho đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Để xây dựng ngôi nhà thông minh tôi đã lựa chọn Raspberry Pi 3 B+, các cảm biến như là: cảm biến chuyển động, cảm biến nhiệt độ, độ ẩm, cảm biến mưa, cảm biến độ ẩm đất, cảm biến khí gas... các thiết bị module relay, camera, máy bơm nước mini, các đèn led. Raspberry Pi 3 B+ với các Pin GPIO thuận tiện cho việc lập trình và điều khiển thiết bị. Tôi xây dựng máy chủ web Tornado framework đơn giản để điều khiển các cảm biến và xử lý các dữ liệu của các cảm biến trả về trên chính Raspberry Pi 3 B+ này và nó hoạt động trên giao thức HTTP. Để lưu trữ dữ liệu phục vụ cho việc phân tích cũng như sử dụng các cảm biến tôi chọn MongoDB, một cơ sở dữ liệu NoSQL thuận tiện cho việc truy xuất, ghi dữ liệu với tốc độ cao. Ngôn ngữ lập trình tôi lựa chọn là ngôn ngữ Python hiệu quả và nhanh chóng cho Raspberry Pi 3 B+. Để tăng khả năng nâng cấp, bảo trì và phát triển hệ thống nhà thông minh, nên hệ thống được xây dựng trên mô hình MVC. Người sử dụng chỉ cần thao tác trên giao diện, thông qua giao thức HTTP gửi yêu cầu về máy chủ của ngôi nhà. Hệ thống sẽ thực thi các yêu cầu và điều khiển các cảm biến thông qua các chân Pin GPIO của Raspberry Pi 3 B+. Một số chức năng của ngôi nhà: tự động bật/tắt đèn chiếu sáng, tự động tưới cây, tự động bật/tắt quạt khi nhiệt độ trong phòng quá cao, cảnh báo cháy nổ... Hệ thống cũng có camera quan sát, giúp cho việc theo quan sát ngôi nhà ở bất kì đâu.
7074	Đại học	NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI MỘT HỆ THỐNG HONEYNET CHO CƠ CHẾ PHÒNG CHỐNG VÀ PHÁT HIỆN TẤN CÔNG TỪ XA	Bùi, Minh Trí	Lê, Văn Lâm	2019	Để nghiên cứu các phương thức tấn công mới mà các kẻ tấn công sử dụng, chúng ta có thể thiết lập các hệ thống đánh lừa cho các kẻ xâm nhập nhằm thu thập thông tin các cuộc tấn công. Thông qua dữ liệu thu thập được, chúng ta có thể xác định được kẻ tấn công đã khai thác lỗ hổng nào, mã lỗi nào, phương pháp kẻ tấn công vận dụng khi tấn công trên hệ thống giả. Từ đó, chúng ta có thể gia cố hệ thống thật, tránh kẻ tấn công chạm đến hệ thống thật của chúng ta. Vì vậy Honeypot là sự lựa chọn tốt cho những ai muốn nghiên cứu các hình thức tấn công, muốn giảm thiểu tấn công cho hệ thống thật. Tuy nhiên, đối với những ai mới tiếp cận hoặc muốn triển khai các tấn công để nghiên cứu thì việc sử dụng honeypot rất khó hình dung cách thức tiến hành, triển khai. Do đó cần có một mô hình đơn giản hỗ trợ người dùng mới tiếp cận có thể sử dụng, nghiên cứu, hiểu được cách thức hoạt động, phương thức tấn công, các thông tin thu thập được từ các cuộc tấn công. Đặc biệt mô hình này rất cần cho các bạn sinh viên muốn bắt đầu bước vào nghiên cứu, thực nghiệm về tấn công, phòng chống tấn công mạng, nhằm chuẩn bị cho việc tiếp cận xây dựng các phương pháp phòng chống tấn công mạng, các phương pháp bảo vệ cho hệ thống thực tế.

7075	Đại học	THỰC NGHIỆM TRIỂN KHAI HỆ THỐNG PHÁT HIỆN XÂM NHẬP MẠNG	Phan, Đình My	Phạm, Hữu Tài	2019	Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ nói chung và công nghệ thông tin nói riêng là sự gia tăng của tội phạm công nghệ cao điển hình có thể kể đến là tội phạm mạng. Để hạn chế sự ảnh hưởng của các hình thức tấn công từ tin tặc các cơ quan tổ chức doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp về an ninh bảo mật cho hệ thống mạng của mình, trong đó phải nói đến IDS hệ thống phát hiện xâm nhập mạng được sử dụng phổ biến bởi nhiều ưu điểm của nó. Cơ sở hạ tầng CNTT càng phát triển, thì vấn đề phát triển mạng lại càng quan trọng, mà trong việc phát triển mạng thì việc đảm bảo an ninh mạng là một vấn đề tối quan trọng. Chưa có một giải pháp chung nào được gọi là hoàn hảo trong việc phát hiện và ngăn chặn tấn công mạng, do đó mỗi cơ quan doanh nghiệp có liên quan phải tự triển khai cho mình một giải pháp phù hợp nhất có thể để hạn chế những rủi ro do tấn công mạng đem đến. Với đề tài này, mục tiêu của em là xây dựng hệ thống phát hiện xâm nhập mạng có đầy đủ Firewall, Router, Switch, Server được giả lập như một hệ thống thật bằng công cụ GNS3 và VMware Workstation 15 Pro kết hợp với các công cụ tấn công sru tầm được trên Linux và Windows để kiểm tra chức năng và cơ chế hoạt động của Snort trong hệ thống mạng giả lập đó.
7076	Đại học	XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIẢ LẬP ĐIỀU KHIỂN NHÀ THÔNG MINH Phân Hệ: Giả Lập Và Mô Phỏng Hoạt Động Thiết Bị Gia Dụng	Cao, Kim Ngân	Phạm, Hữu Tài	2019	Nhà thông minh là xu hướng phổ biến trên thế giới. Nó sở hữu nhiều ưu điểm giúp việc quản lý các thiết bị dễ dàng hơn, tiện nghi hơn nhờ hệ thống điều khiển trên giao diện web hoặc cái ứng dụng trên smartphone. Ngày nay, khi công nghệ IoT càng ngày càng phát triển, nhà thông minh cũng không còn quá xa lạ với những ngôi nhà tại Việt Nam. Nhà thông minh mang lại nhiều lợi ích: tiết kiệm điện, an toàn, kiểm soát tốt hơn, giảm bớt áp lực công việc và giúp chăm sóc gia đình tốt hơn,... Chi phí để lắp đặt nhà thông minh có thể dao động từ vài triệu đến vài chục triệu hay vài trăm triệu tùy theo nhu cầu sử dụng của mỗi người. Tuy nhiên, với thu nhập trung bình của người dân Việt Nam hiện nay, việc tiếp cận và trải nghiệm với hệ thống nhà thông minh vẫn còn khó khăn và hạn chế. Đề tài “Xây dựng môi trường giả lập điều khiển nhà thông minh – phân hệ: Giả lập và mô phỏng hoạt động thiết bị gia dụng” được thực hiện với mong muốn giúp người dùng hiểu thêm một phần nào đó về các thiết bị gia dụng được sử dụng trong nhà. Hệ thống giả lập và mô phỏng hoạt động thiết bị gia dụng – được xây dựng trên nền tảng Web, cho phép quản lý và thực hiện các chức năng, hoạt động trên một số thiết bị gia dụng. Hệ thống này sử dụng một số công cụ phát triển sau: các ngôn ngữ lập trình – HTML, CSS, JavaScript, Java; các thư viện lập trình JQuery, Bootstrap; framework Spring Boot, Hibernate; hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.

7077	Đại học	XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN PHẦN HỆ: THỰC NGHIỆM KHAI THÁC LỖ BẢO MẬT VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC HẠN CHẾ TẤN CÔNG GIẢ MẠO, DOS CÁC WEBSITE	Ngô, Trọng Hiếu	Phạm, Hữu Tài	2018	Ngày nay, Công nghệ thông tin có vai trò hết sức quan trọng trong sự tồn tại và phát triển đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức, công ty hay rộng hơn là đối với toàn thể nhân loại. Song bên cạnh những tác động tích cực mà Công nghệ thông tin đem lại thì cũng đã xuất hiện khía cạnh tiêu cực rất lớn dựa trên nền tảng ứng dụng Công nghệ thông tin đó là việc khai thác, sử dụng, lấy cắp những thông tin nhạy cảm, các tài liệu mật, ... Do đó, đối với bất kỳ một cá nhân, tổ chức nào khi đưa Công nghệ thông tin vào áp dụng thì cũng sẽ có thể phải đối mặt với những vấn đề tiêu cực trên. Do đó nhóm chúng em đã quyết định chọn đề tài “XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN” làm luận văn tốt nghiệp với mong muốn tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng được các giải pháp để đảm bảo nâng cao được sự an toàn bảo mật cho hệ thống các công ty, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với đề tài “XÂY DỰNG MÔ HÌNH MẠNG DOANH NGHIỆP AN TOÀN” để thấy và hiểu rõ nguyên lý hoạt động của một mô hình mạng công ty vừa và nhỏ trong thực tế. Cài đặt một số dịch vụ cơ bản của một hệ thống mạng như Web, Mail, FTP, ... để người dùng bên trong và ngoài mạng sử dụng. Thiết đặt Firewall cho từng chi nhánh để bảo vệ hệ thống server và mạng nội bộ của công ty. Cùng với đó là phải đề ra các biện pháp, chính sách an ninh cần thiết cho hệ thống mạng.
7078	Đại học	XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GREENIE ECO-FARM	Đỗ, Quang Thọ	Đỗ, Thanh Nghi Huỳnh, Phước Hải Võ, Phước Hưng	2019	Trong những năm gần đây việc sử dụng website thương mại điện tử đang dần trở thành một phần không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh thời đại 4.0. Để bắt kịp xu hướng đó, trong dự án mới nhất của công ty Thời trang và Du lịch Hải Âu chi nhánh Cần Thơ đã lên kế hoạch xây dựng một hệ thống website thương mại điện tử nhằm quảng bá rộng rãi cho sản phẩm du lịch bền vững kết hợp nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường. Vì vậy ý tưởng về hệ thống “Bảo Gia Greenie Eco-farm” đã được ra đời nhằm tận dụng hệ thống quản lý nông trại với mã QR hiện có của Danny Green và phục vụ cho những dự án trong tương lai. Đề tài luận văn này sẽ tập trung trình bày những phần căn bản trong hệ thống website thương mại điện tử áp dụng quản lý bằng mã QR. Hệ thống sẽ được xây dựng bằng các ngôn ngữ lập trình PHP, HTML, CSS, Javascript và có dùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.

7079	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG ONLINE – Nguyễn Vũ Store	Trần, Thị Tố Quyên	Đỗ, Thanh Nghị	2018	Với vấn đề được đặt ra nhiều công ty, doanh nghiệp đã chọn website thương mại điện tử để đáp ứng được nhu cầu của mình. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển của công nghệ như hiện nay và số lượng người dùng điện thoại di động để mua sắm tăng đáng kể thì việc thiết kế các ứng dụng quản lý và bán hàng trên mobile là hoàn toàn cần thiết. Điển hình chỉ tính riêng ở Việt Nam, App hiện là công cụ mua sắm hữu hiệu nhất khi có khoảng 35 triệu chiếc Smartphone đang hoạt động, chưa kể các thiết bị tương tự khác như Tablet, máy tính bảng,... Ngoài ra còn một số lý do ít quan trọng hơn thuyết phục doanh nghiệp nên thiết kế ứng dụng bán hàng online trên mobile: Hoạt động mua bán, trao đổi dễ dàng hơn; Tương tác cao hơn với người dùng, theo dõi và nắm bắt nhu cầu thị trường, truyền thông, dễ dàng gửi thông báo khuyến mãi tới thiết bị người dùng; Tương tự website bán hàng, ngoài chức năng tăng doanh thu, ứng dụng bán hàng còn là một công cụ truyền thông mobile hiệu quả; Dễ sử dụng, dễ quản lý. Chính vì thế, việc xây dựng Hệ thống quản lý và bán hàng online – Nguyễn Vũ Store sẽ giúp đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp về thương mại và trước nhu cầu xây dựng một đề tài thực sự thiết thực của sinh viên.
7080	Đại học	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ BLOCKCHAIN CHO QUẢN LÝ NGUỒN GỐC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP	Nguyễn, Hữu Tài	Trương, Minh Thái	2019	Hiện nay, hoạt động truy xuất nguồn gốc ngày càng trở nên phổ biến trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao dịch,... của doanh nghiệp nói riêng và đời sống toàn dân nói chung. Tuy nhiên, việc triển khai hệ thống truy xuất chỉ xuất hiện ở một số quốc gia lớn trên thế giới như Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc,... Bên cạnh đó, việc triển khai và xây dựng hệ thống truy xuất chỉ tập trung ở các doanh nghiệp lớn. Thông tin truy xuất chỉ thể hiện thông tin nhà bán lẻ, chưa mô tả rõ ràng và cụ thể quy trình sản xuất của sản phẩm. Điều đó dẫn đến thông tin truy xuất bị sai lệch, không khớp với các thông tin của quy trình sản xuất và đánh mất sự tin tưởng vào sản phẩm của người tiêu dùng. Trong khuôn khổ đề tài Ứng dụng công nghệ Blockchain cho quản lý nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, em xây dựng hệ thống có khả năng quản lý quy trình sản xuất nông sản từ khâu trồng cây giống đến khâu bán lẻ trước khi đến tay người tiêu dùng. Để thực hiện các chức năng trên, em đã sử dụng nền tảng Hyperledger với công cụ hỗ trợ Composer để thiết lập các chuỗi mã (chaincode) nhằm thông tin sản phẩm được truy xuất chính xác hơn trong từng giai đoạn của quy trình sản xuất như: trồng cây giống, trồng cây ăn trái, thu mua, phân phối và bán lẻ. Ứng dụng là một giải pháp mang đến cho người tiêu dùng một công cụ gọn nhẹ đáp ứng được các công việc truy xuất thông tin nguồn gốc sản phẩm, dễ sử dụng, đảm bảo thông tin rõ ràng và chính xác. Đồng thời nhờ vào việc được xây dựng trên nền tảng công nghệ mới là Blockchain thì thông tin sản phẩm được bảo mật, chống sự thay đổi và sự can thiệp của các yếu tố bên ngoài.

7081	Đại học	MỘT GIẢI PHÁP MẠNG DOANH NGHIỆP TỐC ĐỘ CAO	Lăng, Kim Hưng	Ngô, Bá Hùng	2019	Ngày nay, sự bùng nổ của Internet và các ứng dụng trên Internet đã làm thay đổi mô hình, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp. Việc chuyển dần các giao dịch truyền thống sang giao dịch điện tử, thông qua internet đã ảnh hưởng không nhỏ đến vị trí, vai trò và phương thức hoạt động của các bên liên quan thuộc chuỗi hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư,v.v). Các giao dịch điện tử ngày càng có số lượng lớn hơn, đòi hỏi tốc độ nhanh hơn, chính xác và an toàn hơn. Do đó mô hình CNTT của doanh nghiệp cũng phải thay đổi, cần phải có các sản phẩm, giải pháp giúp hệ thống CNTT hoạt động nhanh hơn, các dịch vụ, ứng dụng phục vụ doanh nghiệp, khách hàng vận hành ổn định hơn, tăng cường sự linh hoạt và an ninh bảo mật với chi phí đầu tư hợp lý nhất. Để giải quyết được bài toán đó, việc xây dựng một hệ thống mạng với kiến trúc tiên tiến, có khả năng kết nối tất cả các thành phần trong hệ thống CNTT với tốc độ cao, tạo nền tảng đồng nhất cho tất cả các ứng dụng, giao dịch nội bộ cũng như bên ngoài là điều tiên quyết.
7082	Đại học	ỨNG DỤNG BLOCKCHAIN VÀO QUẢN LÝ NGUỒN GỐC SẢN PHẨM THỦY SẢN	Nguyễn, Quang Nam	Trương, Minh Thái	2019	Truy xuất nguồn gốc đang là vấn đề nóng hiện nay do sự thay đổi dữ liệu trong quá trình truy xuất làm ảnh hưởng tới lợi ích của người tham gia và người sử dụng sản phẩm. Để giải quyết vấn đề trên thì blockchain là sự lựa chọn hợp lý bởi nó đảm bảo tính bất biến cũng như bảo mật cho dữ liệu nhập vào. Trong khuôn khổ đề tài luận văn tốt nghiệp, tôi xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản có khả năng quản lý các giai đoạn của sản phẩm thủy sản từ khâu nuôi con giống đến khâu bán lẻ. Để thực hiện các chức năng trên tôi sử dụng nền tảng Hyperledger Fabric để thiết lập các hợp đồng thông minh (chaincode) nhằm thực hiện các quy trình quản lý giai đoạn: nuôi giống, nuôi nguyên liệu, chế biến, phân phối, bán lẻ cũng như truy xuất nguồn gốc sản phẩm đã hoàn tất.

7083	Đại học	SỬ DỤNG FIREBASE ĐỂ XÂY DỰNG ỨNG DỤNG CHAT TRÊN NỀN TẢNG ANDROID	Trần, Quốc Trung	Đoàn, Hòa Minh	2019	Sự phát triển nhanh chóng của các thiết bị di động mà đặc biệt là điện thoại di động đã kéo theo nhu cầu sử dụng các ứng dụng di động ngày càng gia tăng, đặc biệt là nhu cầu về các ứng dụng trò chuyện và giao tiếp. Những ứng dụng nhắn tin đang ngày càng phổ biến và là ứng dụng không thể thiếu trên mỗi chiếc điện thoại thông minh, thậm chí là đồng hồ thông minh nhờ tính tiện dụng của chúng. Mục tiêu của đề tài là xây dựng một ứng dụng nhắn tin thời gian thực với sự đơn giản trong cách sử dụng, ứng dụng không chỉ cho phép nhắn tin và còn cho phép người dùng gọi điện thông qua internet hoàn toàn miễn phí. Hiện nay trong nước ta và trên thế giới có nhiều ứng dụng giao tiếp nổi bật như Messenger, Skype, Whatsapp, Zalo... Tuy nhiên, các ứng dụng này đa phần còn khá phức tạp, một số ứng dụng còn vướng phải các nghi vấn về việc đánh cắp dữ liệu người dùng. Nội dung đề tài xoay quanh việc xây dựng một ứng dụng nhắn tin mang khuynh hướng đơn giản trong cách sử dụng. Ứng dụng cho phép người dùng kết bạn, gửi tin nhắn, gọi điện thoại hoặc gọi video thông qua Internet. Ứng dụng được xây dựng dựa trên các API có sẵn của Firebase mà không sử dụng các thư viện hỗ trợ Firebase của bên thứ ba nhằm làm cho mã nguồn và giải pháp trong ứng dụng bám sát với các tài liệu về Firebase. Trong quá trình thực hiện, ứng dụng đã được chỉnh sửa và tối ưu hóa rất nhiều lần do sự khác biệt trong thiết kế CSDL NoSQL và SQL. Cùng với đó, Firebase là một dịch vụ còn khá mới và không nằm trong chương trình giảng dạy nên việc tìm hiểu về Firebase có một số khó khăn nhất định. Phương pháp thực hiện đề tài chủ yếu là tự học, nghiên cứu, kết hợp với đặt câu hỏi trên các diễn đàn hỏi đáp cho lập trình viên như StackOverflow, Medium Ngoài ra, thực hành là một phần không thể thiếu, đặc biệt là theo các bài luyện tập chuẩn (“Best Practices”) cho Firebase. Khi hoàn thành, đề tài cơ bản đã đạt được các mục tiêu ban đầu đã đề ra là xây dựng ứng dụng nhắn tin để đáp ứng nhu cầu của người dùng và xây dựng được một cơ sở lý thuyết ngắn gọn về Firebase. Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên ứng dụng vẫn còn thiếu nhiều chức năng hữu ích khác, đặc biệt là các chức năng về riêng tư hóa. Vì vậy, mở rộng thêm các chức năng về cài đặt và quản lý quyền riêng tư cho người dùng, tối ưu hóa CSDL hơn nữa để tăng tốc độ phản hồi của ứng dụng... sẽ là những chức năng ưu tiên trong hướng phát triển của ứng dụng sau khi hoàn thành đề tài.
------	---------	--	------------------	----------------	------	---

7084	Đại học	PHẦN MỀM ĐIỂM BÁO	Nguyễn, Lữ Khánh Duy	Đỗ, Thanh Nghị	2019	Vào tháng 10 năm 1993, tờ báo điện tử đầu tiên ra đời tại Khoa Báo chí thuộc Đại học Florida (Hoa Kỳ). Chỉ một tháng sau khi Internet du nhập vào Việt Nam, ngày 03 tháng 12 năm 1997, tạp chí Quê Hương (tạp chí của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại Giao Việt Nam) có địa chỉ là quehuongonline.vn đã trở thành tờ báo điện tử đầu tiên của nước ta. Ngày nay, nhờ vào sự phát triển của internet, báo điện tử đã tận dụng những chức năng vượt trội của mình để khai thác và làm tối ưu hóa chức năng của báo chí truyền thống, đó là: xuất bản nhanh và tiếp cận gần hơn với người đọc. Tuy nhiên mỗi ngày, con số tin đăng có thể tính được bằng hàng ngàn, thậm chí hàng triệu, một thách thức không nhỏ được đặt ra: làm sao để kiểm soát một lượng lớn thông tin như vậy? Để trả lời câu hỏi đó, “Phần mềm điểm báo” được xây dựng với mục đích thu thập các bài viết, hình ảnh từ RSS do các báo điện tử cung cấp. Bao gồm các chức năng chính như: quản lý bài viết, hình ảnh, thẻ từ khóa, tòa soạn, chuyên mục, người dùng, tiến trình, thống kê và nhật ký hệ thống. Các công nghệ mà phần mềm sử dụng như: PHP, Laravel Framework 5.8, MySQL, Ubuntu Desktop 19.10, Cronjob, Ajax, Pusher, Flask API.
7085	Đại học	HỆ THỐNG GIÁM SÁT SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI	Châu, Vũ Luân	Đỗ, Thanh Nghị	2019	Ngày nay xã hội ngày càng phát triển bên cạnh đó tỉ lệ người cao tuổi ngày một tăng vì thế vấn đề sức khỏe được quan tâm, đặc biệt là những người cao tuổi. Người cao tuổi việc đi lại tới các trạm y tế gặp nhiều khó khăn. Hiện nay có rất nhiều thiết bị để theo dõi sức khỏe nhưng các thiết bị đó lại giá thành lại khá cao và khó sử dụng, trong khi đó các thiết bị đeo tay nhỏ gọn khác thì giá thành lại khá cao và dữ liệu lại được lưu trên điện thoại thông minh không thể truy xuất ra được , không thể giám sát trên các thiết bị khác. Tuy nhiên Thiết bị đeo tay Mi Band 2 của Xiaomi là một thiết bị giá rẻ nhưng có thể đo được nhịp tim , đếm số bước chân, và số calories tiêu hao, ... Luận văn này đề xuất giải pháp sử dụng một chương trình được viết bằng ngôn ngữ Python để kết nối với thiết bị vòng đeo tay Mi Band 2 để truy xuất các thông số nhịp tim , đếm số bước chân, và số calories tiêu hao, ... và gửi lên Web Server và các thiết bị di động hoặc laptop để truy cập vào để theo dõi . Trong nội dung của luận văn, tôi sẽ trình bày về cách kết nối Mi Band 2 và Laptop thông qua Bluetooth , cách lấy dữ liệu từ Mi Band 2 về cho Server Web và hiển thị lên trình duyệt Web.

7086	Đại học	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ - MODULE MOBILEAPP	Nguyễn, Ngọc Yến	Ngô, Bá Hùng	2019	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trung tâm đào tạo ngoại ngữ là một hoạt động quan trọng và cần thiết trong công tác nâng cao chất lượng giảng dạy. Với mong muốn giới thiệu các khóa học đang giảng dạy và đang chiêu sinh, đồng thời mang đến cho học viên cái nhìn tổng quát về các thông tin học tập thông qua MobileApp. Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, các ngôn ngữ cũng như công cụ lập trình ra đời và không ngừng hoàn thiện, đó là môi trường thuận lợi để xây dựng các hệ thống giúp tin học hóa việc trao đổi thông tin một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Vì vậy, đề tài “Hệ thống thông tin quản lý trung tâm đào tạo ngoại ngữ - Module MobileApp” được đề xuất, hệ thống là một phần trong hệ thống của trung tâm ngoại ngữ Gia Việt, được xây dựng để sử dụng trên thiết bị mobile, hỗ trợ trung tâm nâng cao nghiệp vụ cung cấp thông tin một cách hiệu quả nhất, giảm tối đa thời gian thực hiện, tăng độ chính xác và kịp thời, dễ dàng sao lưu và phục hồi. Bên cạnh đó, người dùng có thể dễ dàng tiếp cận, tạo cho học viên môi trường học tập dễ dàng theo dõi, tìm kiếm và nắm bắt thông tin. Hệ thống được xây dựng trên cơ sở hỗ trợ cả hai nền tảng Android và iOS phù hợp với tất cả các thiết bị điện thoại thông minh của người dùng. Ngoài ra, nó còn được phát triển dựa trên Ionic Framework, tiêu chuẩn RESTFUL API và các công nghệ hỗ trợ khác như JavaScript, Angular, CSS, Nodejs,...
------	---------	---	------------------	--------------	------	--

7087	Đại học	HỆ THỐNG QUẢN LÝ MẠNG CÁP VIỄN THÔNG	Mai, Ngọc Hải	Đỗ, Thanh Nghị	2019	Hiện nay, công nghệ thông tin ngày càng phát triển, việc chú trọng áp dụng tiến bộ này vào các lĩnh vực đời sống xã hội đã một ngày phổ biến hơn. Trong các công tác quản lý đòi hỏi một sự chính xác và nhanh chóng nhất định. Điều này là hết sức quan trọng vì nó sẽ có vai trò tất yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia và trở nên ngày càng phức tạp do nhu cầu sử dụng của xã hội càng nhiều. Từ đó, một trong những vấn đề cần quản lý thông qua công nghệ hiện nay là quản lý hệ thống mạng cáp viễn thông. Vậy làm thế nào để quản lý hệ thống cáp mạng được linh hoạt, chính xác, hiệu quả, thuận lợi cho việc bảo trì và lắp đặt? Bằng việc sử dụng công nghệ GIS - Geographic Information System, việc quản lý giám sát một đối tượng cụ thể trong hệ thống sẽ dễ dàng hơn vì các đối tượng đã được số hóa trên bản đồ địa lý. Ngoài ra, kết hợp sử dụng trên nền tảng website, giúp công tác quản lý có thể thực hiện nhanh chóng khi chỉ cần thông qua Internet. Đề tài xây dựng hệ thống quản lý mạng cáp viễn thông trên nền tảng WebGIS (công nghệ GIS trên website) nhằm mục tiêu hỗ trợ công tác quản lý cáp mạng, thực hiện giám sát một cách trực quan các đối tượng đã số hóa trên bản đồ. Từ đó góp phần thúc đẩy, hỗ trợ quản lý hồ sơ địa chính ở từng địa phương, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng bền vững. Qua nghiên cứu, đề tài đã đạt được một số kết quả cụ thể trong việc phân tích hệ thống cáp mạng, hỗ trợ làm việc trực tiếp trên bản đồ; xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính (dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính); xây dựng giao diện bản đồ biến động và công cụ hỗ trợ công tác quản lý đối tượng mạng cáp viễn thông trên bản đồ. Hướng phát triển tương lai của đề tài là nghiên cứu phát triển chu trình xử lý biến động của hệ thống, nâng cấp giao diện đồ họa và thêm nhiều chức năng tiện ích, hỗ trợ sâu hơn về quản lý mạng cáp viễn thông trong thực tế.
------	---------	--------------------------------------	---------------	----------------	------	---

7088	Đại học	XÂY DỰNG DỊCH VỤ LƯU TRỮ VỚI CEPH TRÊN NỀN ĐÁM MÂY OPENSTACK	Thái, Vĩnh Tài	Ngô, Bá Hùng	2019	Trong thời đại hiện nay cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bùng nổ mạnh mẽ. Trong đó sự phát triển của mạng 5G, IoT (Internet of Thing), và nhiều những ứng dụng đòi hỏi xử lý thời gian thực làm phình to khối lượng dữ liệu vượt quá khả năng đáp ứng của các giải pháp lưu trữ phần cứng cũ. Chính vì vậy đòi hỏi một giải pháp mới linh hoạt, an toàn và tiết kiệm chi phí hơn. Trong hoàn cảnh đó công nghệ lưu trữ phân tán dựa trên phần mềm (Software – defined) đã ra đời và nổi bật trong số đó là Ceph. Như vậy việc xây dựng hệ thống lưu trữ phân tán dựa trên công nghệ Ceph là cần thiết và có khả năng ứng dụng thực tiễn cao. Hệ thống lưu trữ phân tán dựa trên công nghệ Ceph đáp ứng được các yêu cầu như: - Mã nguồn mở: Không tốn chi phí bản quyền, không bị ràng buộc về mặt pháp lý. - Quản lý bằng phần mềm: Không phụ thuộc vào thiết bị phần cứng, trường hợp sử dụng đa dạng, hiệu quả cao. - Khả năng mở rộng dễ dàng. - Hỗ trợ lưu trữ khối (Block) và đối tượng (Object): Nâng cao hiệu suất điện toán đám mây. - Tính năng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. - An toàn dữ liệu: đảm bảo rằng việc hư hỏng 1 phần thiết bị lưu trữ cứng, hay hư một cụm thiết bị là không ảnh hưởng đến dữ liệu toàn hệ thống. - Tùy chỉnh và vận hành dễ dàng. - Khối lượng lưu trữ lớn. - Truy xuất nhanh đáp ứng các ứng dụng xử lý thời gian thực. Trong phạm vi đề tài này mục tiêu là nắm được các tính chất và nguyên tắc vận hành cơ bản của Ceph và áp dụng xây dựng một hệ thống lưu trữ phân tán nhỏ mô phỏng việc ứng dụng công nghệ Ceph cho điện toán đám mây.
7089	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NỀN WEB THEO KIẾN TRÚC MICROSERVICES (PHÂN HỆ DI ĐỘNG)	Lê, Thiện Khiêm	Ngô, Bá Hùng	2019	Ngày nay, việc xây dựng các ứng dụng không chỉ tập trung vào chức năng nghiệp vụ mà còn phải quan tâm đến việc bảo trì và mở rộng về sau. Các ứng dụng hiện nay luôn đòi hỏi khả năng đáp ứng nhu cầu lớn của người dùng. Với cấu trúc nguyên khối mọi thứ từ ngôn ngữ đến cơ sở dữ liệu đều được gộp chung lại. Các thành phần của kiến trúc nguyên khối được kết nối với nhau và phụ thuộc lẫn nhau, giúp phần mềm đảm bảo được tính thống nhất. Ứng dụng nguyên khối mang lại nhiều lợi ích cho các ứng dụng có qui mô nhỏ như việc phát triển nhanh chóng và triển khai dễ dàng. Tuy nhiên, việc cập nhật bổ sung đều được gói trong một ứng dụng nguyên khối dẫn đến khi muốn nâng cấp một thành phần, ta phải triển khai lại toàn bộ dự án, đồng thời khiến việc bảo trì, nâng cấp càng trở nên phức tạp và tốn nhiều thời gian. Để giải quyết vấn đề đó, tôi đã thực hiện đề tài luận văn “Phát triển ứng dụng nền web theo kiến trúc Microservices” để tìm hiểu và áp dụng kiến trúc microservices kết hợp với các công nghệ như Ionic, dịch vụ điện toán đám mây trong việc xây dựng và phát triển một ứng dụng cụ thể là một ứng dụng “Đăng tin bất động sản” được xây dựng trên hai nền tảng website và di động. Ứng dụng tập trung vào xây dựng các tính năng cho phép người dùng đăng tin cần bán nhà, bán đất hoặc cho thuê và quản lý thông tin các bất động sản đã tạo cũng như thông tin cá nhân. Dựa trên việc áp dụng kiến trúc microservices trong thực tế từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá và rút ra các ưu nhược điểm của kiến trúc microservices.

7090	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NỀN WEB THEO KIẾN TRÚC MICROSERVICES (PHÂN HỆ WEB APP)	Hà, Huỳnh Mai Thy	Ngô, Bá Hùng	2019	Ngày nay, việc xây dựng các ứng dụng không chỉ tập trung vào chức năng nghiệp vụ mà còn phải quan tâm đến việc bảo trì và mở rộng về sau. Các ứng dụng hiện nay luôn đòi hỏi khả năng đáp ứng nhu cầu lớn của người dùng. Với cấu trúc nguyên khối mọi thứ từ ngôn ngữ đến cơ sở dữ liệu đều được gộp chung lại. Các thành phần của kiến trúc nguyên khối được kết nối với nhau và phụ thuộc lẫn nhau, giúp phần mềm đảm bảo được tính thống nhất. Ứng dụng nguyên khối mang lại nhiều lợi ích cho các ứng dụng có qui mô nhỏ như việc phát triển nhanh chóng và triển khai dễ dàng. Tuy nhiên, việc cập nhật bổ sung đều được gói trong một ứng dụng nguyên khối dẫn đến khi muốn nâng cấp một thành phần, ta phải triển khai lại toàn bộ dự án, đồng thời khiến việc bảo trì, nâng cấp càng trở nên phức tạp và tốn nhiều thời gian. Để giải quyết vấn đề đó, chúng tôi đã thực hiện đề tài luận văn “Phát triển ứng dụng nền web theo kiến trúc Microservices” để tìm hiểu và áp dụng kiến trúc microservices kết hợp với các công nghệ như Thymeleaf, Maven, Lombok và Bootstrap hiện đang được các công ty phần mềm sử dụng để cùng với Spring tạo nên một ứng dụng web enterprise. Sau khi tìm hiểu chúng tôi sẽ vận dụng kết quả tìm hiểu được vào việc xây dựng một ứng dụng nhằm mục đích minh họa cho phần lý thuyết đã trình bày. Chúng tôi sẽ xây dựng và phát triển một ứng dụng cụ thể là ứng dụng “Rao bán bất động sản” được xây dựng trên hai nền tảng website và di động. Dựa trên việc áp dụng kiến trúc microservices trong thực tế từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá và rút ra các ưu nhược điểm của kiến trúc microservices. Ứng dụng sẽ được thiết kế thành ba module chính là module web app, module mobile app và module xử lý nghiệp vụ. Trong luận văn này chúng tôi sẽ trình bày chi tiết phần thiết kế và xây dựng module web app. Kiến trúc microservices là một kiểu kiến trúc phần mềm mới và đang phát triển hiện nay. Các dịch vụ được chia nhỏ để thực hiện một chức năng duy nhất của hệ thống. Việc chia nhỏ các dịch vụ trong kiến trúc microservices giúp cho hệ thống đơn giản hơn, dễ phát triển hơn, giảm chi phí xây dựng, tăng khả năng thích ứng công nghệ. Kiến trúc microservices được coi là lời giải ưu việt cho bài toán xây dựng và phát triển các hệ thống lớn dựa trên dịch vụ hiện nay.
------	---------	--	-------------------	--------------	------	---

7091	Đại học	MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM XE CỨU HỎA MINI TỰ HÀNH	Huỳnh, Thị Yến Quyên	Trần, Công Ân	2019	Ngày nay, tai nạn hỏa hoạn ngày càng trở nên phổ biến và trở thành vấn đề luôn được xã hội đặc biệt quan tâm. Hỏa hoạn có thể xảy ra ở bất cứ đâu vào bất kỳ thời điểm nào, con người không thể theo dõi liên tục và có mặt kịp thời trong các tình huống xảy ra hỏa hoạn. Việc phát hiện ra hỏa hoạn có thể nói là rất quan trọng vì nó không những ảnh hưởng đến tài sản mà còn là ranh giới giữa sự sống và cái chết. Do đó, với hy vọng xây dựng một hệ thống thông minh giúp con người trong việc bảo vệ tính mạng, hạn chế rủi ro do hỏa hoạn gây ra. Chúng tôi đã chọn đề tài "Mô hình thử nghiệm xe cứu hỏa mini tự hành" để xây dựng đề tài luận văn của mình. Phân hệ “Phát hiện vật cản, thay đổi lộ trình và nhận dạng lửa bằng camera” được tôi lựa chọn để thực hiện. Trong nghiên cứu này, việc phát hiện, tự động việc tránh chướng ngại vật và nhận diện lửa bằng camera được tập trung để phân tích. Mô hình là một thiết bị thông minh có thể tự động cảm nhận chướng ngại vật phía trước nó và tránh chúng bằng cách tự xoay theo hướng khác. Mục đích của việc nghiên cứu này là thiết kế một mô hình xe sử dụng board mạch Arduino Mega 2560 kết nối với Raspberry Pi 3 B+, cảm biến và các động cơ. Để phát hiện chướng ngại vật sử dụng cảm biến khoảng cách siêu âm HC-SR04 gắn trên động cơ Servo và camera được sử dụng để phát hiện đám cháy trong phạm vi có thể. Ngoài ra, nó cũng được trang bị còi báo động để thông báo ngay lập tức khi đám cháy xảy ra. Xe chữa cháy tự động sẽ là giải pháp hoàn hảo để bảo vệ tài sản, tính mạng con người và môi trường xung quanh.
7092	Đại học	MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM XE CỨU HỎA MINI TỰ HÀNH Phân hệ: Phát hiện và dập lửa thông qua cảm biến và camera	Thái, Minh Anh	Trần, Công Ân	2019	Ngày nay, tai nạn hỏa hoạn ngày càng trở nên phổ biến và trở thành vấn đề luôn được xã hội đặc biệt quan tâm. Hỏa hoạn có thể xảy ra ở bất cứ đâu vào bất kỳ thời điểm nào, con người không thể theo dõi liên tục và có mặt kịp thời trong các tình huống xảy ra hỏa hoạn được. Việc phát hiện ra hỏa hoạn có thể nói là rất quan trọng vì nó không những ảnh hưởng đến tài sản mà còn là ranh giới giữa sự sống và cái chết. Do đó, với hy vọng xây dựng một hệ thống thông minh giúp con người trong việc bảo vệ tính mạng, hạn chế rủi ro do hỏa hoạn gây ra. Chúng tôi đã chọn đề tài "Mô hình thử nghiệm xe cứu hỏa mini tự hành" để xây dựng đề tài luận văn của mình. Trong nghiên cứu này, việc phát hiện và tự động dập tắt đám cháy kết hợp với việc tránh chướng ngại vật được tập trung để phân tích. Mục đích của việc nghiên cứu này là thiết kế một mô hình xe sử dụng board mạch Arduino Mega 2560 kết nối với Raspberry Pi 3 B+, cảm biến và các động cơ. Để phát hiện chướng ngại vật sử dụng cảm biến khoảng cách siêu âm HC-SR04 và cảm biến phát hiện lửa, camera được sử dụng để phát hiện đám cháy trong phạm vi có thể. Bên cạnh đó, mô hình xe có thêm một vòi có khả năng phun nước và xoay theo nhiều hướng. Ngoài ra, nó cũng được trang bị còi báo động để thông báo ngay lập tức khi đám cháy xảy ra. Xe chữa cháy tự động sẽ là giải pháp hoàn hảo để bảo vệ tài sản, tính mạng con người và môi trường xung quanh.

7093	Đại học	PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NỀN WEB THEO KIẾN TRÚC MICROSERVICES (PHÂN HỆ XỬ LÝ NGHIỆP VỤ)	Lương, Hoàng Quý	Ngô, Bá Hùng	2019	Ngày nay, việc xây dựng các ứng dụng không chỉ tập trung vào chức năng nghiệp vụ mà còn phải quan tâm đến việc bảo trì và mở rộng về sau. Các ứng dụng hiện nay luôn đòi hỏi khả năng đáp ứng nhu cầu lớn của người dùng. Với cấu trúc nguyên khối mọi thứ từ ngôn ngữ đến cơ sở dữ liệu đều được gộp chung lại. Các thành phần của kiến trúc nguyên khối được kết nối với nhau và phụ thuộc lẫn nhau, giúp phần mềm đảm bảo được tính thống nhất. Ứng dụng nguyên khối mang lại nhiều lợi ích cho các ứng dụng có qui mô nhỏ như việc phát triển nhanh chóng và triển khai dễ dàng. Tuy nhiên, việc cập nhật bổ sung đều được gói trong một ứng dụng nguyên khối dẫn đến khi muốn nâng cấp một thành phần, ta phải triển khai lại toàn bộ dự án, đồng thời khiến việc bảo trì, nâng cấp càng trở nên phức tạp và tốn nhiều thời gian. Để giải quyết vấn đề đó, tôi đã thực hiện đề tài luận văn “Phát triển ứng dụng nền web theo kiến trúc Microservices – Phân hệ xử lý nghiệp vụ” để tìm hiểu và áp dụng kiến trúc microservices kết hợp với các công nghệ như Ionic, dịch vụ điện toán đám mây trong việc xây dựng và phát triển một ứng dụng cụ thể là một ứng dụng “Đăng tin bất động sản” được xây dựng trên hai nền tảng website và di động. Dựa trên việc áp dụng kiến trúc microservices trong thực tế từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá và rút ra các ưu nhược điểm của kiến trúc microservices. Kiến trúc microservices là một kiểu kiến trúc phần mềm mới và đang phát triển hiện nay. Các dịch vụ được chia nhỏ để thực hiện một chức năng duy nhất của hệ thống. Việc chia nhỏ các dịch vụ trong kiến trúc microservices giúp cho hệ thống đơn giản hơn, dễ phát triển hơn, giảm chi phí xây dựng, tăng khả năng thích ứng công nghệ. Kiến trúc microservices được coi là lời giải ưu việt cho bài toán xây dựng và phát triển các hệ thống lớn dựa trên dịch vụ hiện nay.
------	---------	--	------------------	--------------	------	--

7094	Đại học	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG MÔ PHỎNG BỘ NHỚ ĐỆM VÀ BỘ NHỚ ẢO BẰNG NODE.JS	Võ, Thị Hồng Châu	Trần, Công Ân	2019	Kiến thức về bộ nhớ đệm và bộ nhớ ảo là một phần không thể thiếu trong môn học Kiến trúc máy tính, tuy nhiên nếu chỉ học lý thuyết trong giáo trình thì phần lớn sinh viên sẽ không thể nắm rõ được kiến thức này. Với mục đích giúp giảng viên có một công cụ phục vụ quá trình giảng dạy và giúp sinh viên thông qua công cụ đó có thể hiểu rõ hơn về cách thức vận hành của bộ nhớ đệm và bộ nhớ ảo, nghiên cứu này tiến hành xây dựng một công cụ mô phỏng dựa trên nền tảng Node.js với chức năng mô phỏng lại hoạt động của hai loại bộ nhớ trên. Để thực hiện được điều đó, em đã tiến hành nghiên cứu lý thuyết liên quan về bộ nhớ đệm và bộ nhớ ảo sau đó sử dụng phương pháp phân tích và mô hình hóa để xây dựng nên công cụ. Chức năng chính yếu của công cụ là giúp người dùng có thể nắm được hoạt động của bộ nhớ đệm theo các cách tổ chức tương ứng trực tiếp, hoàn toàn phối hợp và phối hợp theo tập hợp. Để người dùng có thể nắm được kiến thức nêu trên thì công cụ thực hiện mô phỏng từng bước CPU thâm nhập và yêu cầu dữ liệu từ bộ nhớ từ bước tìm kiếm, so sánh cho đến đưa ra kết quả thành công hay thất bại. Sau đó người dùng cũng có thể so sánh tỷ lệ truy xuất dữ liệu thành công giữa các loại bộ nhớ đệm bằng chức năng so sánh. Cuối cùng là mô phỏng từng bước tìm kiếm dữ liệu với bộ nhớ ảo phân trang. Với các chức năng đã xây dựng được, công cụ đáp ứng được 80% mục tiêu đề ra và hy vọng với kết quả nghiên cứu này, có thể đáp ứng được mục đích áp dụng vào thực tế trong tương lai.
7095	Đại học	Đặc điểm nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh trước năm 1975	Phạm, Khánh Duy	Lê, Thị Nhiên	2019	Luận văn “Đặc điểm nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh trước năm 1975” trình bày những vấn đề liên quan đến phương diện nghệ thuật trong thơ Xuân Quỳnh mà trước đó chưa tìm thấy một công trình nào nghiên cứu đầy đủ và đầy đặn. Với đề tài này, người nghiên cứu đi sâu vào vấn đề: Không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, ngôn ngữ, giọng điệu trong thơ Xuân Quỳnh trước ngày giải phóng. Đồng thời, luận văn cũng chỉ ra sự độc đáo, tài hoa cũng như phong cách nghệ thuật riêng biệt, không trộn lẫn của Xuân Quỳnh so với những cây bút nữ cùng thời như: Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi, Nguyễn Thị Hồng Ngát...

7096	Đại học	Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết Đàn hương hình của Mạc Ngôn	Dương, Thị Diệu Hiền	Bùi, Thị Thúy Minh	2019	Nhà văn Mạc Ngôn đã miêu tả những hình phạt dã man, khủng khiếp với một cái nhìn hết sức thâm mỹ, đưa nó lên đỉnh cao của nghệ thuật hành hình nhưng thực chất không phải để ca ngợi mà để phê phán, hạ bệ với giọng điệu hết sức mỉa mai, châm biếm. Ngoài ra ông còn tìm về những phong tục, tập quán lạc hậu tồn tại hàng ngàn năm đã làm đau khổ về thể xác và tinh thần, đã làm rơi nước mắt không biết bao nhiêu người phụ nữ, đã làm dị tật cả đời không biết bao nhiêu đôi bàn chân. Họ luôn bị kìm kẹp trong lễ giáo phong kiến, để thoát khỏi sự áp đặt của lễ giáo Mạc Ngôn đã xây dựng nhân vật Tôn Mi Nương cho cô ấy vượt qua tất cả những rào cản đó, từ việc đôi chân nguyên bản không bó cho đến sự khát khao tình dục lẫn tình yêu đã giúp nàng vượt qua tất cả thị phi mà đến với người tình không cùng đẳng cấp. Nàng là đại diện cho mẫu người người dám nghĩ dám làm, dù có chút yếu đuối của nữ nhi thường tình nhưng vẫn có đầu óc sự mạnh mẽ, quyết đoán để tìm kiếm hạnh phúc.
7097	Đại học	Tác phẩm thơ văn sử dụng trong các vở cải lương đề tài lịch sử	Nguyễn, Thị Kim	Bùi, Thị Thúy Minh	2019	Với đề tài “Tác phẩm thơ văn sử dụng trong các vở cải lương lịch sử”, luận văn có ba phần chính: mở đầu, nội dung và kết luận. Phần mở đầu, luận văn đưa ra một số vấn đề như: mục đích của luận văn, cách tiếp cận đề tài, phương pháp nghiên cứu và một số vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu. Ở phần nội dung có ba chương, đây là phần quan trọng của luận văn. Chương một là những vấn đề chung về cải lương và các soạn giả, đồng thời cũng giới thiệu về các vở cải lương được nghiên cứu. Chương hai, nghiên cứu thơ và các thể loại của văn học dân gian được sử dụng trong các vở cải lương. Chương ba, luận văn nói về việc vận dụng thơ văn trong các vở cải lương đề tài lịch sử. Cuối cùng là phần kết luận để tổng kết lại những nghiên cứu về cải lương và việc sử dụng thơ văn trong cải lương đề tài lịch sử.
7098	Đại học	Đặc điểm tập truyện "Kẻ tổng tình" của Bích Ngân	Võ, Thị Ngọc Linh	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Với đề tài Đặc điểm tập truyện Kẻ tổng tình của Bích Ngân người viết chủ yếu khai thác giá trị về mặt nội dung và nghệ thuật của tập truyện Kẻ tổng tình. Trong quá trình nghiên cứu, người viết chủ yếu khai thác các đặc điểm có liên quan, nhằm tiếp cận và tìm ra giá trị cốt lõi về mặt nội dung và nghệ thuật của tập truyện. Ngoài ra, người viết đã tìm hiểu thêm về thể loại truyện ngắn, đôi nét về tác giả Bích Ngân và tập truyện Kẻ tổng tình. Về mặt nội dung người viết tìm hiểu về những mảng hiện thực trong cuộc sống, đan xen vào đó là thái độ, nhân cách của con người và ý nghĩa nhân sinh được tác giả thể hiện trong tập truyện. Về mặt nghệ thuật, người viết chủ yếu khai thác tình huống truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật và giọng điệu nghệ thuật. Mặt khác, qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu đề tài, người viết đã có cơ hội đóng góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu nền văn học Nam Bộ cũng như các sáng tác của Bích Ngân trong đó có tập truyện Kẻ tổng tình.

7099	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết Đồng vọng ngược chiều của Nguyễn Nhuận Hồng Phương	Trần, Trang Thảo Ngân	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Đồng vọng ngược chiều là tiểu thuyết viết về đề tài chiến tranh. Với dung lượng hơn bốn trăm trang in, Đồng vọng ngược chiều đã chuyển tải những câu chuyện bộn bề xảy ra ngót nửa thế kỷ 20, như một tiếng vọng về từ quá khứ giúp người đọc nhìn nhận, chiêm nghiệm lại những gì đã qua để gây dựng nơi mình một thái độ sống đúng đắn cho hiện tại và tương lai. Hiện thực đời sống cùng số phận con người những năm chiến tranh cũng như những năm hòa bình đã được phản ánh một cách toàn diện và bao quát dưới cái nhìn khách quan và nhân bản của nhà văn. Những đặc sắc trong bút pháp kể chuyện, trong lối kết cấu, cách vận dụng không gian – thời gian đồng hiện, sự lựa chọn và sử dụng hợp lý ngôn ngữ, giọng điệu trần thuật đã góp phần đáng kể vào thành công chung của tác phẩm.
7100	Đại học	Đặc điểm thể loại tin trong chuyên mục "thời sự" trên báo mạng điện tử VnExpress	Trần, Hồng Ngọc	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Trong đề tài này, thể loại tin trên báo mạng điện tử được xem xét qua hai đặc điểm chính, đặc điểm cấu trúc và đặc điểm ngôn ngữ. Với đặc điểm cấu trúc, tin được trình bày theo nhiều cấu trúc, trong đó có năm cấu trúc phổ biến (hình tháp xuôi, tháp ngược, chữ nhật, bậc thang, đồng hồ cát); thông qua khảo sát cấu trúc kết hợp yếu tố dung lượng, kiểu sự kiện trong tin, đề tài còn phân loại các loại tin thường gặp. Với đặc điểm ngôn ngữ, chúng tôi quan niệm ngôn ngữ tin trên báo mạng điện tử được thể hiện qua hai bộ phận, ngôn ngữ dưới hình thức chữ viết và ngôn ngữ dưới hình thức đa phương tiện. Ngôn ngữ chữ viết mang ba đặc điểm nổi bật: ngôn ngữ chính xác, khách quan; ngôn ngữ mang nhiều thông tin nền; ngôn ngữ chuẩn mực, cô đọng. Song song đó, ngôn ngữ đa phương tiện của tin được thể hiện qua các yếu tố đa phương tiện đặc trưng của báo mạng điện tử, gồm hình ảnh, video, cách trình bày văn bản và một số yếu tố tương tác khác. Từ nội dung trên, đề tài làm rõ hai đặc điểm, thứ nhất là cấu trúc tin, thứ hai là ngôn ngữ tin – ngôn ngữ dưới hình thức đa phương tiện, dựa trên mẫu là 140 tin đăng trong chuyên mục "Thời sự" trên báo mạng điện tử VnExpress, đề tài mang tên “Đặc điểm tin trong chuyên mục “Thời sự” trên báo mạng điện tử VnExpress”

7101	Đại học	Cái bi trong truyện ngắn Nam Cao	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Bài luận văn gồm có 3 phần: phần mở đầu, nội dung và kết luận. Ở phần mở đầu gồm có 5 mục cơ bản lý do chọn đề tài, lịch sử vấn đề, mục đích nghiên cứu, đối tượng phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Phần nội dung gồm có 3 chương. Chương 1 là một số vấn đề chung, thứ nhất là đi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nam Cao và thứ hai là đi tìm hiểu giới thuyết về cái bi, trong đó tìm hiểu khái niệm, bản chất thẩm mỹ và biểu hiện của cái bi. Chương 2 là biểu hiện của cái bi trong các truyện ngắn Nam Cao. Đầu tiên là phải nói đến cái bi của người nông dân. Họ rơi vào bi kịch phá sản, bản cùng hóa và bi kịch của những nhu cầu khát vọng chân chính đều không thể thực hiện được. Không chỉ người nông dân, những người trí thức tiểu tư sản nghèo cũng rơi vào bi kịch cay đắng của cuộc đời. Họ rơi vào bi kịch vỡ mộng trong sự nghiệp và bi kịch tình thương trong gia đình. Ở chương 3 là nghệ thuật thể hiện cái bi trong truyện ngắn Nam Cao. Bao gồm nghệ thuật tạo tình huống bi kịch trong đó có tình huống đối lập, xung đột và kết thúc bi đát, đau thương. Bên cạnh đó, Nam Cao còn thành công trong nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật mang yếu tố bi kịch: bi kịch ở nhân dạng và bi kịch trong nội tâm nhân vật. Song song đó, giọng điệu nghệ thuật cũng làm nên cái bi trong các truyện ngắn Nam Cao. Giọng điệu triết lý về số phận con người và giọng thương cảm thống thiết là làm nổi bật lên được cái bi trong các tác phẩm của ông. Cuối cùng là phần kết luận đúc kết lại vấn đề.
7102	Đại học	Đặc điểm tập truyện Mười ba bến nước của Sương Nguyệt Minh	Lê, Thị Ngọc Oanh	Lê, Thị Nhiên	2019	Luận văn tập trung khai thác các yếu tố đặc điểm về mặt nội dung và nghệ thuật tập truyện Mười ba bến nước của Sương Nguyệt Minh. Về mặt nội dung tập truyện phản ánh chân thật những khó khăn, vất vả của bộ đội ta thời chiến và cuộc sống của họ ở thời bình. Ngoài ra những vấn đề cấp thiết của xã hội như nạn săn bắt động vật và tàn phá tài nguyên môi trường cũng được tác giả khai thác. Về mặt nghệ thuật, Sương Nguyệt Minh sử dụng hợp lý nhiều biện pháp nghệ thuật khác nhau như: nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, nghệ thuật xây dựng không gian – thời gian, nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ. Các biện pháp nghệ thuật đã được ông kết hợp một cách tài tình để đem đến sự thành công cho tác phẩm
7103	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết Chuyện của Lý của Ma Văn Kháng	Nguyễn, Thị Phương Giang	Bùi, Thanh Thảo	2019	Nghiên cứu đề tài Đặc điểm tiểu thuyết Chuyện của Lý của Ma Văn Kháng, đã cho người viết thấy được một bức tranh hiện thực sinh động của đất nước ta trong thời kỳ đổi mới. Bên cạnh đó tác phẩm còn thể hiện sự tài hoa và bút pháp nghệ thuật điêu luyện của nhà văn. Từ việc nghiên cứu đề tài trên đã phần nào giúp người đọc thấy được những đổi mới trong tư duy nghệ thuật của Ma Văn Kháng. Những sáng tạo, đổi mới trong sáng tác của ông đã góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới văn học của đất nước. Từ đó cũng khẳng định vai trò và vị trí của ông đối với nền văn học nước nhà.

7104	Đại học	Đặc điểm tin trong chuyên mục “Thời sự” trên báo mạng điện tử VietNamnet	Huỳnh, Thị Thảo Nguyên	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Với đề tài luận văn “Đặc điểm tin trong chuyên mục “Thời sự” trên báo mạng điện tử VietNamnet” đi vào phân tích những đặc điểm về mặt cấu trúc, ngôn ngữ, các yếu tố đa phương tiện của tin trên báo mạng điện tử. Qua đó, thấy được thể loại tin trên báo mạng điện tử không có quá nhiều điểm khác biệt so với tin trên các loại hình báo chí truyền thống, khi sử dụng 3 loại cấu trúc tin phổ biến là tháp ngược, tháp xuôi, hình chữ nhật để viết tin. Đồng thời, ngôn ngữ tin của báo mạng điện tử cũng mang tính toàn dân, với độ nén thông tin cao và mang tính chính xác và cụ thể. Điểm khác biệt của báo mạng điện tử, chính là cách trình bày hình thức văn bản, hình ảnh, video trong tin mang tính đa phương tiện cũng như độ tương tác cao góp phần nâng cao hiệu quả trong việc truyền tải thông tin đến công chúng nhanh chóng và tiện ích hơn
7105	Đại học	Chủ nghĩa hiện thực trong tiểu thuyết “Đỏ và đen” của Stendhal	Tô, Yến Nhi	Bùi, Thanh Thảo	2019	Kết cấu của luận văn gồm Phần mở đầu; Phần nội dung gồm 3 chương: Chương 1. Những vấn đề chung, Chương 2. Biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực nhìn từ phương diện nội dung trong tiểu thuyết “Đỏ và đen”, Chương 3. Biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực nhìn từ phương diện nghệ thuật trong tiểu thuyết “Đỏ và đen”; Phần kết luận. Trong luận văn này, người viết đi sâu tìm hiểu biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực về mặt nội dung và nghệ thuật trong tiểu thuyết “Đỏ và đen”. Hi vọng luận văn này sẽ đóng góp vào mảng nghiên cứu về tiểu thuyết hiện thực Pháp và là tài liệu tham khảo cho việc học tập văn học Pháp.
7106	Đại học	Khảo sát nội dung và ý nghĩa của hoành phi – câu đối chữ Hán tại đình thần Châu Phú (Châu Đốc – An Giang)	Lư, Khánh Phương	Tạ, Đức Tú	2019	Hệ thống hoành phi – câu đối chữ Hán ở các di tích lịch sử – văn hoá nói chung chứa đựng nhiều giá trị nhân bản sâu sắc, thế nên việc nghiên cứu chúng trong giai đoạn hiện nay khi mà nền Hán học đã lùi xa để góp phần phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta và bảo tồn cho thế hệ mai sau là việc vô cùng cần thiết. Đối với hệ thống hoành phi – câu đối chữ Hán tại đình thần Châu Phú (Châu Đốc – An Giang) nói riêng, qua việc nhận thấy các công trình trước đây viết về chúng còn rời rạc nên chúng tôi bổ khuyết bằng cách chọn đề tài luận văn này nhằm hi vọng thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau có dịp được tìm hiểu một cách đủ đầy hơn
7107	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết “Chuyện hai thành phố” của Charles Dickens	Phan, Thanh Phương	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Chuyện hai thành phố là một trong những tiểu thuyết lịch sử hấp dẫn nhất của Charles Dickens nói riêng và của nền văn học Anh nói chung. Sau quá trình nghiên cứu Chuyện hai thành phố, chúng ta nhận thấy được nhiều điều. Về mặt nội dung, Chuyện hai thành phố giúp người đọc như được lần nữa nhìn lại cuộc cách mạng dân chủ tư sản Pháp 1789. Qua diễn biến của cách mạng, chúng ta còn được nhìn thấy hiện thực cuộc sống và con người ở Pháp, Anh vào giai đoạn này. Về mặt nghệ thuật, Chuyện hai thành phố là tác phẩm thành công trong cách xây dựng nhân vật qua xuất thân, cử chỉ, hành động, ngoại hình, tâm lý. Xây dựng cốt truyện theo trật tự tuyến tính và cốt truyện truyện lồng ghép cũng là một điểm sáng. Ngoài ra, kể chuyện theo ngôi thứ ba gắn với điểm nhìn trần thuật từ bên ngoài kết hợp với việc sử dụng giọng điệu đa thanh cũng là một yếu tố làm nên thành công của tác phẩm.

7108	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết “Chuyện hai thành phố” của Charles Dickens	Phan, Thanh Phương	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Chuyện hai thành phố là một trong những tiểu thuyết lịch sử hấp dẫn nhất của Charles Dickens nói riêng và của nền văn học Anh nói chung. Sau quá trình nghiên cứu Chuyện hai thành phố, chúng ta nhận thấy được nhiều điều. Về mặt nội dung, Chuyện hai thành phố giúp người đọc như được lần nữa nhìn lại cuộc cách mạng dân chủ tư sản Pháp 1789. Qua diễn biến của cách mạng, chúng ta còn được nhìn thấy hiện thực cuộc sống và con người ở Pháp, Anh vào giai đoạn này. Về mặt nghệ thuật, Chuyện hai thành phố là tác phẩm thành công trong cách xây dựng nhân vật qua xuất thân, cử chỉ, hành động, ngoại hình, tâm lý. Xây dựng cốt truyện theo trật tự tuyến tính và cốt truyện truyện lồng ghép cũng là một điểm sáng. Ngoài ra, kể chuyện theo ngôi thứ ba gắn với điểm nhìn trần thuật từ bên ngoài kết hợp với việc sử dụng giọng điệu đa thanh cũng là một yếu tố làm nên thành công của tác phẩm.
7109	Đại học	Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tập truyện ngắn “Gạt nước mắt đi” của Võ Diệu Thanh	Lê, Duy Khánh	Bùi, Thanh Thảo	2018	Luận văn tốt nghiệp ngành Văn học, đề tài: “Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tập truyện ngắn “Gạt nước mắt đi” của Võ Diệu Thanh”. Người viết: Lê Duy Khánh, Khóa 41. Cán bộ hướng dẫn: TS. Bùi Thanh Thảo. Luận văn bao gồm ba phần: mở đầu, nội dung và kết luận. Phần mở đầu gồm có: lí do chọn đề tài, lịch sử vấn đề, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Phần nội dung bao gồm: một số vấn đề khái quát và nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua các yếu tố nghệ thuật trong tập truyện ngắn “Gạt nước mắt đi” của Võ Diệu Thanh. Cuối cùng là phần kết luận. Qua đó, người viết hi vọng luận văn có thể đóng góp vào việc nghiên cứu về phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật qua tác phẩm của Võ Diệu Thanh.
7110	Đại học	Đặc điểm chương trình Tin tức Mekong – Đài truyền hình Hậu Giang	Mai, Thị Phượng Vi	Bùi, Thanh Thảo	2018	Thực hiện đề tài nghiên cứu Đặc điểm chương trình Tin tức Mekong – Đài truyền hình Hậu Giang, người viết phân chia đề cương thành 3 chương. Ở chương 1, người viết tìm hiểu một số vấn đề chung về tin, tin truyền hình và giới thiệu khái quát về chương trình Tin tức Mekong. Ở chương 2, người viết tìm hiểu đặc điểm nội dung của chương trình Tin tức Mekong theo cách phân loại thành các mảng tin khác nhau để khảo sát, bao gồm mảng tin tức về chính trị - xã hội, mảng tin tức về kinh tế, mảng tin tức về văn hóa – nghệ thuật, giải trí, du lịch và mảng tin về khoa học công nghệ. Ở chương 3, người viết khảo sát một số vấn đề về hình thức của chương trình Tin tức Mekong gồm có bố cục – tổ chức chương trình, ngôn ngữ trong chương trình, lời dẫn, lời bình, hình ảnh trong chương trình và một số hình thức hỗ trợ khác như âm thanh, phỏng vấn.

7111	Đại học	Đặc điểm tập truyện ngắn "Mảnh vỡ của đàn ông" của Hồ Anh Thái	Triệu, Văn Deo	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2018	Hồ Anh Thái là một trong những nhà văn đã góp phần cách tân và hiện đại hóa văn xuôi Việt Nam, đưa văn học Việt Nam hòa nhập vào dòng chảy của văn học thế giới. Những tác phẩm của ông được độc giả đón đọc bởi hầu hết đó là những tác phẩm viết về cuộc sống của những con người đời thường, gần gũi với những nỗi niềm băn khoăn, trăn trở nhứt nhói. Luận văn này nghiên cứu hai vấn đề đó là đặc điểm nội dung và đặc điểm nghệ thuật của tập truyện ngắn Mảnh vỡ của đàn ông của Hồ Anh Thái. Về nội dung, tập truyện đã phản ánh hiện thực xã hội phong phú và đầy phức tạp, trong đó con người được hiện lên khá rõ với đầy đủ các mặt tốt xấu. Bên cạnh đó, tập truyện còn ca ngợi tình cảm quý báu của con người, đó là tình yêu đôi lứa trong sáng và tình cảm gia đình thiêng liêng, tình người với người trong một xã hội rối ren và hỗn tạp. Qua đó, tập truyện đã thể hiện những giá trị nhân sinh sâu sắc, ý nghĩa về con người và cuộc sống trong đời sống hiện đại. Về nghệ thuật, luận văn đề cập đến các phương diện như nghệ thuật xây dựng nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật, các yếu tố ấy phần nào cho thấy được những giá trị đặc sắc của tập truyện ngắn, đồng thời, góp phần làm rõ phong cách sáng tác của nhà văn Hồ Anh Thái cũng như thấy được những đặc điểm của thể loại truyện ngắn Hồ Anh Thái nói riêng và của truyện ngắn văn học Việt Nam hiện đại nói chung.
7112	Đại học	Thiên nhiên trong Đường thi	Nguyễn, Hoàng Dung	Tạ, Đức Tú	2018	Luận văn với đề tài Thiên nhiên trong Đường thi, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về các hình ảnh thiên nhiên được các tác giả Đường thi sử dụng ở nhiều khía cạnh như: tần suất sử dụng, nội dung thể hiện, giá trị biểu đạt của thiên nhiên, nghệ thuật trong việc vận dụng hình ảnh thiên nhiên. Hoàn thành luận văn, chúng tôi mong góp công vào việc nghiên cứu hình ảnh thiên nhiên trong văn học Trung Quốc cũng như văn học Trung đại Việt Nam, đồng thời phục vụ cho công tác giảng dạy thơ chữ Hán (phiên âm). Đặc biệt, chúng tôi rất hy vọng sẽ giúp cho học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông nhận định đúng và phân tích sâu sắc hơn về thiên nhiên trong thơ Đường nói riêng và thơ chữ Hán nói chung.
7113	Đại học	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của truyện cực ngắn trong "Hoa hồng đại"	Trần, Khắc Duy	Bùi, Thị Thuý Minh	2018	Truyện cực ngắn là một thể loại còn mới nhưng dần khẳng định được giá trị và được sự đón nhận từ người đọc. Với đề tài Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của truyện cực ngắn trong Hoa hồng đại, luận văn tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của thể loại này. Về nội dung, luận văn tìm hiểu các mặt khác nhau của cuộc sống như: mối quan hệ của con người đối với vật chất và quyền vị, phê phán sự vô cảm của con người trong cuộc sống, định hướng những giá trị tốt đẹp và vấn đề về tình yêu đôi lứa và tình nghĩa vợ chồng. Về nghệ thuật, luận văn tìm hiểu những yếu tố góp phần vào việc truyền đạt nội dung như: cách mở và kết thúc truyện, cách xây dựng nhân vật. Từ đó thấy được sự đóng góp của truyện cực ngắn trong nền văn học hiện nay.

7114	Đại học	Hình tượng người phụ nữ trong truyện ngắn Lỗ Tấn	Nguyễn, Ngọc Phương Tuyền	Bùi, Thị Thuý Minh	2018	Đề tài nghiên cứu trên được chia thành ba phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Phần nội dung được chia thành ba chương, lần lượt theo trình tự như sau: Chương một giới thiệu sơ lược về một số khái niệm như nhân vật văn học, hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học, hình tượng nhân vật nữ và giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp, đôi nét về truyện ngắn Lỗ Tấn. Chương hai tiến hành khai thác các yếu tố cấu thành đặc trưng của nhân vật nữ trong truyện ngắn Lỗ Tấn như: hoàn cảnh sống ở thành thị và nông thôn; tính cách tiêu biểu như: bị nô lệ thiếu sự phản kháng, phản kháng thất bại, là nô lệ cũng là nô lệ hóa kẻ khác, niềm tin vào cuộc sống và khát khao hạnh phúc; cuối cùng là nguyên nhân của sự đau khổ chính là cường quyền, phụ quyền và thần quyền. Chương ba bàn về những nghệ thuật sáng tác làm nên thành công cho tác phẩm như: miêu tả nhân vật qua ngoại hình qua sự khiếm khuyết và hoàn cảnh gia đình thiếu thốn, miêu tả nhân vật qua hành động, ngôn ngữ nhân vật qua những lời độc thoại và đối thoại, cuối cùng là giọng điệu của tác giả.
7115	Đại học	Hình tượng nhân vật người phụ nữ trong truyện ngắn của Võ Diệu Thanh	Trần, Đình Ngoan	Nguyễn, Kim Châu	2018	Luận văn nghiên cứu về hình tượng nhân vật người phụ nữ trong truyện ngắn của Võ Diệu Thanh. Dưới góc nhìn từ nội dung đến hình thức thể hiện, luận văn đã khám phá hình tượng người phụ nữ. Ở đó, nhân vật người phụ nữ trở thành trung tâm của số phận, luôn gánh chịu những bi kịch của cuộc đời nhưng vẫn không nguôi khát vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Song song đó, luận văn còn tìm hiểu yếu tố nghệ thuật xây dựng nhân vật để làm rõ sự nhạy bén, tinh tế của nhà văn. Luận văn còn đóng góp một cái nhìn tổng quát về hình tượng nhân vật nữ trong sáng tác của Võ Diệu Thanh, đồng thời cho thấy phong cách sáng tác đặc trưng “lạ mà quen” của Võ Diệu Thanh.
7116	Đại học	Thế giới nhân vật trong tập truyện ngắn Không ai qua sông của Nguyễn Ngọc Tư	Cao, Huyền Trân	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2018	Luận văn nghiên cứu sự đa dạng và phức tạp của thế giới nhân vật trong tập truyện ngắn Không ai qua sông của Nguyễn Ngọc Tư. Trong đó, nổi bật hình tượng nhân vật cô đơn, bất hạnh do những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Đặc biệt, người phụ nữ luôn là hình tượng nhân vật trung tâm và chủ đạo với những nỗi bất hạnh, đau khổ và chịu những bi kịch của số phận. Bên cạnh đó, luận văn còn khám phá những yếu tố nghệ thuật xây dựng nhân vật để làm rõ sự tinh tế, sâu sắc trong cảm nhận thẩm mỹ của nhà văn. Qua đó, luận văn góp phần làm rõ giá trị của tập truyện ngắn Không ai qua sông nói riêng, đồng thời cho thấy được nét đặc trưng trong phong cách sáng tác mang đậm phong vị Nam Bộ của Nguyễn Ngọc Tư.

7117	Đại học	Một số đặc điểm thi pháp trong thơ Vũ Cao	Hà, Quốc Bình	Lê, Thị Nhiên	2018	Vũ Cao là một nhà thơ có những đóng góp quan trọng trong thơ ca Việt Nam hiện đại với các tác phẩm có giá trị không chỉ về mặt nội dung mà còn thể hiện ở các yếu tố thi pháp. Luận văn với đề tài Một số đặc điểm thi pháp trong thơ của Vũ Cao sẽ phần nào đi vào tìm hiểu những đặc điểm nổi bật trong việc vận dụng các phương diện thi pháp của nhà thơ Vũ Cao trong các sáng tác thơ như yếu tố không gian và thời gian nghệ thuật, ngôn từ nghệ thuật và giọng điệu nghệ thuật. Đồng thời, từ đó giúp hiểu rõ hơn sự đa dạng trong phong cách sáng tác của Vũ Cao, đóng góp thêm cho việc nghiên cứu về tác giả Vũ Cao ở một phương diện mới.
7118	Đại học	Hình tượng người phụ nữ nông thôn trong truyện ngắn Đồng bằng Sông Cửu Long đầu thế kỉ XXI	Lâm, Thị Thuý Dẽ	Nguyễn, Kim Châu	2018	Cùng với sự phát triển của truyện ngắn Việt Nam đầu thế kỉ XXI, truyện ngắn ĐBSCL đã đạt được những thành tựu đáng kể. Với đề tài “Hình tượng người phụ nữ nông thôn trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long đầu thế kỉ XXI”, chúng tôi đã giới thiệu sơ lược về hình tượng người phụ nữ trong văn học Việt Nam qua các thời kì, cũng như những thành tựu cơ bản của truyện ngắn ĐBSCL đầu thế kỉ XXI. Và đi sâu phân tích về hình tượng người phụ nữ nông thôn trong truyện ngắn ĐBSCL đầu thế kỉ XXI về đặc điểm tính cách số phận cũng như những thủ pháp xây dựng nhân vật được các nhà văn sử dụng. Thông qua việc tìm hiểu hình tượng người phụ nữ trong truyện ngắn, người viết mong muốn có thể hiểu rõ hơn về tính cách cũng như suy nghĩ của người phụ nữ nông thôn ĐBSCL.
7119	Đại học	Tìm hiểu thể du ký trên Nam Phong tạp chí	Huỳnh, Thị Châu Đoan	Bùi, Thị Thuý Minh	2018	Du ký là một thể loại đã có và được yêu thích từ lâu, từ thời trung đại các tác giả đã chọn viết những tác phẩm du ký tuy nhiên các tác phẩm này chỉ xuất hiện lẻ tẻ. Cho đến thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX thể loại du ký mới có bước phát triển mạnh mẽ, trong giai đoạn này văn học chứng kiến sự xuất hiện một số lượng tác giả lẫn tác phẩm du ký với tần số dày đặc. Qua các giai đoạn phát triển của văn học, du ký từng bước chứng tỏ sức hấp dẫn của mình. Ngày nay, du ký vẫn tiếp tục chứng tỏ giá trị của mình trong đời sống văn học tuy nhiên từ khi du ký ra đời cho đến thế kỷ XXI, giới nghiên cứu chỉ cho ra đời những bài nghiên cứu về du ký phân tán theo từng thời điểm và phân tán ở nhiều nơi dẫn đến hiện trạng chưa tập trung và bao quát. Vì thế, đề tài này sẽ cố gắng tập hợp lại những bài nghiên cứu còn lẻ tẻ đó để đưa vào luận văn, sau đó chúng tôi sẽ đưa ra nhận định, đánh giá chung nhất về du ký nhưng chỉ tập trung nhiều nhất trên Nam Phong tạp chí. Du ký luôn để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc, giúp người đọc yêu đất nước mình hơn và làm cho họ tự nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ những tinh túy của văn hóa, lịch sử, đất nước Việt Nam mà cha ông đã hy sinh biết bao xương máu để lại cho chúng ta.

7120	Đại học	Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết "Sự trở lại của vết xước" của Trần Nhã Thụy	Phạm, Thị Thuý Loan	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2018	Thực hiện luận văn với đề tài Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết Sự trở lại của vết xước của Trần Nhã Thụy, người viết đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để chỉ ra, phân tích, tổng hợp và đánh giá những đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật thể hiện qua một số phương diện như điểm nhìn trần thuật, kết cấu trần thuật, ngôn ngữ trần thuật, giọng điệu trần thuật của tiểu thuyết Sự trở lại của vết xước của Trần Nhã Thụy. Qua đó thấy được sự sáng tạo nghệ thuật trong sáng tác của nhà văn. Đồng thời, với đề tài nghiên cứu này, người viết hy vọng góp phần vào việc nghiên cứu về nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết Sự trở lại của vết xước của Trần Nhã Thụy nói riêng và toàn bộ sáng tác của nhà văn nói chung.
7121	Đại học	Đặc điểm tập truyện ngắn “Những người đàn ông không có đàn bà” của Haruki Murakami	Võ, Thị Yên Nhi	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2018	Thực hiện luận văn với đề tài Đặc điểm tập truyện ngắn “Những người đàn ông không có đàn bà” của Haruki Murakami, người viết đã vận dụng những phương pháp phù hợp nhằm khai thác những đặc điểm cơ bản của truyện ngắn. Đồng thời tìm hiểu về tiểu sử cũng như quá trình sáng tác của nhà văn Haruki Murakami trong những truyện ngắn của ông nói chung và tập truyện “Những người đàn ông không có đàn bà” nói riêng. Trong tập truyện trên, chúng tôi tiến hành khai thác những đặc điểm nổi bật trong phương diện nội dung và phương diện nghệ thuật. Hơn nữa, qua đề tài luận văn người viết mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu thể loại truyện ngắn Haruki Murakami ở Việt Nam, đồng thời thể hiện được niềm say mê tìm hiểu về nền văn học Nhật Bản
7122	Đại học	Vấn đề chiến tranh trong Tam quốc diễn nghĩa của La Quán Trung	Nguyễn, Minh sang	Bùi, Thị Thuý Minh	2018	Luận văn gồm có ba chương. Chương thứ nhất trình bày đôi nét về cuộc đời tác giả La Quán Trung và tiểu thuyết Tam quốc diễn nghĩa. Trong đó nêu rõ về hoàn cảnh ra đời và tên gọi của tác phẩm, một số giá trị mà tác phẩm mang lại. Chương hai trình bày về vấn đề chính trong tác phẩm là chiến tranh. Chiến tranh ở phần này được tìm hiểu trên các phương diện: chiến tranh tâm lý, chiến tranh quân sự, chiến tranh ngoại giao và chiến tranh gián điệp. Chiến tranh quân sự gồm có thủy chiến và hỏa công. Chương ba của luận văn nói về nghệ thuật miêu tả chiến tranh trong tác phẩm. Nghệ thuật này được biểu hiện qua nhân vật, qua những trận chiến, qua khung cảnh chiến tranh và tương quan lực lượng trong chiến tranh.

7123	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết “Sanshiro” của tác giả Natsumse Soseki	Phạm, Thị Ngọc Thuỷ	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2018	Với đề tài “Đặc điểm tiểu thuyết Sanshiro của tác giả Natsume Soseki” người viết thiên về khai thác khía cạnh nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Sanshiro. Qua đó, người viết đã sàan lọc và lựa chọn những yếu tố có liên quan nhằm tiếp cận và tìm ra những giá trị về nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Sanshiro. Ngoài ra, để nghiên cứu đề tài được khách quan người viết có đi tìm hiểu về thể loại tiểu thuyết, đời nét về tác giả Natsume Soseki và tiểu thuyết Sanshiro. Về mặt nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Sanshiro được coi là hai phần quan trọng của đề tài, nên người viết đi sâu vào phân tích các đặc điểm và khái quát lên những giá trị, ý nghĩa xung quanh tác phẩm. Mặt khác, qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu đề tài luận văn giúp người viết có cơ hội tiếp cận và đặc biệt là đóng góp phần nhỏ vào việc nghiên cứu văn học Nhật Bản ở Việt Nam cũng như những sáng tác của Natsume Soseki trong đó có tiểu thuyết Sanshiro.
7124	Đại học	Hình tượng nhân vật AQ trong truyện ngắn "AQ chính truyện" của tác giả Lỗ Tấn	Trần, Huỳnh Diễm Trinh	Bùi, Thị Thuý Minh	2018	Luận văn nghiên cứu về hình tượng nhân vật AQ trong truyện ngắn AQ chính truyện của tác giả Lỗ Tấn dựa trên những công trình và tài liệu trước đó. Trong luận văn chúng tôi trình bày thành 5 phần lớn. Thứ nhất là trình bày lý do chọn đề tài, lịch sử nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Thứ hai chúng tôi tìm hiểu về tác giả Lỗ Tấn, tác phẩm AQ chính truyện cùng một số phần lý thuyết quan trọng. Phần thứ ba phân tích hình tượng nhân vật AQ, phép thăng lợi tinh thần cũng như ý nghĩa của việc nhìn nhận ra phép thăng lợi tinh thần. Thứ tư, chúng tôi tìm hiểu về nghệ thuật Lỗ Tấn dùng trong truyện để khắc họa nhân vật AQ. Phần cuối cùng là kết luận, đánh giá lại về giá trị của tác phẩm AQ chính truyện cũng như vai trò lớn lao của Lỗ Tấn trong nền văn học Trung Quốc và thế giới.
7125	Đại học	Thiên nhiên và con người Nam Bộ trong thơ Huỳnh Văn Nghệ	Nguyễn, Thị Ngọc Bích	Lê, Văn Phương	2019	Với tất cả lòng mến mộ và trân quý đối với cuộc đời sống và chiến đấu của người con Đồng Nai Huỳnh Văn Nghệ, người viết đã quyết tâm thực hiện đề tài: “Thiên nhiên và con người Nam Bộ trong thơ Huỳnh Văn Nghệ”. Luận văn bao gồm ba chương với dung lượng mỗi chương được phân bổ hợp lý. Ở chương một, người viết trình bày về các vấn đề khái quát có tác động đến đời thơ Huỳnh Văn Nghệ gồm có khái lược về thiên nhiên và con người Nam Bộ, thơ ca Nam Bộ giai đoạn 1930 – 1954, cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ. Chương hai đi sâu vào tìm hiểu hình tượng về thiên nhiên và con người Nam Bộ trong thơ. Trong đó, bao trùm trong thơ Huỳnh Văn Nghệ là hình ảnh thiên nhiên “rừng thẳm”, “sông dài”, về con người có “những con người lam lũ nghèo khó”, “những con người dũng cảm trong chiến đấu” và “những con người xa quê nhưng lòng luôn hướng về nguồn cội”. Ở chương ba người viết tiến hành phân tích những phương thức biểu hiện thiên nhiên và con người Nam Bộ, hay nói khác hơn là những đặc sắc nghệ thuật trong thơ được Huỳnh Văn Nghệ sử dụng nhằm phục vụ ý đồ nghệ thuật và mục đích nội dung. Qua luận văn, người viết mong muốn được góp một phần nhỏ vào con đường nghiên cứu đời thơ của người thi tướng Nam Bộ Huỳnh Văn Nghệ.

7126	Đại học	Niềm tin tôn giáo trong thơ Hàn Mặc Tử	Lê, Nguyên Đĩnh	Lê, Văn Phương	2019	Bằng việc sử dụng các phương pháp tiểu sử, liên ngành, tâm lý học sáng tác, phân tích – tổng hợp, luận văn của chúng tôi cho thấy sự ảnh hưởng của niềm tin tôn giáo lên tư duy thơ Hàn Mặc Tử. Niềm tin tôn giáo – một cách vô thức đã làm cho cấu trúc nội tại của hệ thống thi phẩm mô phỏng hành trình cứu rỗi của Thiên Chúa giáo.
7127	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết “Godan” của Munshi Premchand	Son, Thị Tiểu Hạnh	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Chúng tôi thực hiện đề tài này, thứ nhất là để nghiên cứu đặc điểm nội dung của tác phẩm về: Bức tranh hiện thực xã hội được phản ánh trong tác phẩm, những khó khăn của những người lao động nghèo, những phẩm chất cao đẹp của họ và sự tiến bộ của những lớp người mới. Thứ hai, chúng tôi nghiên cứu về đặc điểm nghệ thuật: Phương diện kết cấu, nhân vật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân vật và giọng điệu trần thuật. Tất cả những yếu tố này đều góp phần cho chúng ta thấy được phong cách sáng tác của Munshi Premchand. Sự thành công của một tác phẩm cả về hình thức lẫn nội dung đã một lần nữa khẳng định vai trò và vị trí của một tác giả người Ấn viết bằng tiếng Hindi- Munshi Premchand. Thực hiện đề tài này, chúng tôi mong muốn góp phần vào sự nghiệp nghiên cứu tiểu thuyết “Godan” nói riêng và tiểu thuyết Ấn Độ nói chung.
7128	Đại học	Đặc điểm tập thơ Ra ngoài ngàn năm của Trương Nam Hương	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Lê, Thị Nhiên	2019	Trương Nam Hương xuất hiện trên thi đàn Việt Nam sau những năm 1975 với nhiều tập thơ đặc sắc. Với đề tài Đặc điểm tập thơ Ra ngoài ngàn năm của Trương Nam Hương chúng tôi đi vào tìm hiểu đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tập thơ từ đó làm bật lên giá trị của tập thơ cũng như làm rõ hơn phong cách sáng tác của nhà thơ Trương Nam Hương. Ở phương diện nội dung, chúng tôi tập trung tìm hiểu về những hoài niệm ẩn chứa, nỗi nhớ khôn nguôi, nỗi ám ảnh và những nỗi niềm suy tư, trăn trở trong tập thơ Ra ngoài ngàn năm. Trong tập thơ này, Trương Nam Hương vẫn giữ nét đậm thắm, đượm buồn quen thuộc với những kỉ niệm về tuổi thơ, gia đình, quê hương cùng những mối tình ngây dại qua đó bộc lộ được những nỗi ám ảnh trong tiềm thức nhà thơ - nỗi ám ảnh về không gian và thời gian. Nổi bật trong tập thơ này là những suy tư, trăn trở của Trương Nam Hương về cuộc đời, thi ca và các giá trị truyền thống. Tất cả những nội dung đó được thể hiện qua thể thơ lục bát truyền thống kết hợp với các thể thơ hiện đại trên nền tảng của ngôn từ bình dân, gần gũi nhưng đầy độc đáo, mới lạ cùng với giọng điệu tâm tình, tha thiết, suy tư, chiêm nghiệm và pha chút hài hước. Qua việc tìm hiểu đặc điểm tập thơ Ra ngoài ngàn năm” một lần nữa đã khẳng định được những đóng góp của Trương Nam Hương trên thi đàn Việt Nam hiện đại.

7129	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết Rong chơi miền kí ức của Đỗ Phấn	Phan, Thị Bảo như	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Đỗ Phấn là một nhà văn nổi bật với những tác phẩm viết về mảnh đất Hà Nội. Dù viết ở thể loại tiểu thuyết hay truyện ngắn, những tác phẩm của ông đều mang một màu sắc rất thâm trầm, đằm đậm, nhẹ nhàng nhưng ẩn sâu trong đó là những băn khoăn, trăn trở, khát vọng tìm về những giá trị truyền thống tốt đẹp của Việt Nam. Với đề tài: “Đặc điểm tiểu thuyết Rong chơi miền kí ức của Đỗ Phấn”, luận văn hướng tới việc làm rõ những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết này. Về nội dung, luận văn đi vào tìm hiểu bức tranh hiện thực cuộc sống của những con người trong thời kì chiến tranh và sau chiến tranh. Từ đó có cái nhìn đa chiều hơn về khát vọng của những con người trong thời hiện đại: con người với khát vọng tìm về những giá trị xưa cũ và con người với khát vọng tình yêu và hạnh phúc. Về nghệ thuật, luận văn đi sâu phân tích các giá trị nghệ thuật của tiểu thuyết như: cốt truyện, ngôn ngữ, không gian và thời gian nghệ thuật để phát hiện ra những nét độc đáo của tác giả trong việc vận dụng khéo léo các yếu tố nghệ thuật trong tác phẩm. Từ đó, cho thấy được giá trị của tác phẩm Rong chơi miền kí ức cũng như những sáng tạo và đóng góp của Đỗ Phấn đối với nền văn học Việt Nam hiện đại.
7130	Đại học	Từ Hán Việt trong "Cung oán ngâm khúc" của Nguyễn Gia Thiều	Phạm, Thị Ngọc Phụng	Nguyễn, Kim Châu	2019	Đây là luận văn nghiên cứu sâu về các từ Hán Việt và hiệu quả nghệ thuật của chúng trong tác phẩm “Cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều. Chắc hẳn, “Cung oán ngâm khúc” không mấy xa lạ với chúng ta nhưng những từ Hán Việt trong tác phẩm không phải ai cũng hiểu hết được. Đến với luận văn, chúng ta sẽ được tìm hiểu một cách khái quát về tác giả, tác phẩm đặc biệt là từ Hán Việt, thông qua việc thống kê, phân loại đưa người đọc đến gần với từ Hán Việt và dễ dàng tiếp cận với tác phẩm hơn. Từ đó, hiểu được ý đồ nghệ thuật, hiệu quả dùng từ và giá trị của các từ Hán Việt một cách thấu đáo trên các phương diện: tạo hình, biểu cảm và phong cách.

7131	Đại học	Chiến tranh trong thơ Đường	Võ, Thị Mai Thi	Tạ, Đức Tú	2019	Nếu thơ Đường là vườn hoa rực rỡ hương sắc thì thơ Đường viết về chiến tranh chắc chắn là một trong những khóm hoa lung linh sắc màu nhất trong khu vườn ấy. Và để cảm nhận một cách trọn vẹn những sắc hương tuyệt diệu này của thơ Đường, người viết đi vào nghiên cứu đề tài “Chiến tranh trong thơ Đường” ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Về phương diện nội dung thì luận văn tìm hiểu về lòng yêu nước và số phận con người trong chiến tranh. Trong đó, lòng yêu nước được biểu hiện qua lòng căm thù giặc và ý chí chiến đấu, tòng quân đánh giặc của người nam nhi. Còn số phận của con người trong chiến tranh được thể hiện qua sự hi sinh gian khổ của người chiến sĩ ngoài biên ải, nỗi nhớ của người chinh nhân nơi xa trường cũng như nỗi lòng của người vợ nơi quê nhà trong hoàn cảnh chia cắt bởi loạn lạc. Về phương diện nghệ thuật, người viết tập trung nghiên cứu về thời gian, không gian nghệ thuật, nghệ thuật sử dụng điển cố, hình ảnh ước lệ - tượng trưng trong thơ viết về đề tài chiến tranh thời Đường. Đây cũng là những đặc trưng nghệ thuật điển hình của thơ ca cổ điển Trung Hoa và góp phần không nhỏ để tạo nên thành công của thơ Đường. Qua đề tài này, người viết không chỉ muốn tìm hiểu, tôn vinh những đặc sắc của thơ chiến tranh thời Đường nói riêng và thơ Đường nói chung mà còn muốn khám phá và tôn vinh những tư tưởng tiến bộ, vượt thời đại của các thi nhân thời Đường qua cách họ phản đối về chiến tranh và thể hiện tấm lòng thương xót của mình đối với nhân dân trong hoàn cảnh binh đao.
7132	Đại học	Đặc điểm hồi ký "Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương"	Lê, Gia Thịnh	Lê, Thị Nhiên	2019	Bên cạnh sự thành công ở thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết, Ma Văn Kháng còn được độc giả biết đến ông ở thể loại hồi ký. Với đề tài “Đặc điểm hồi ký Năm tháng nhọc nhằn năm tháng nhớ thương”, chúng tôi sẽ đi sâu nghiên cứu và tìm ra những đặc điểm về nội dung và đặc điểm về nghệ thuật của tác phẩm. Ở đặc điểm nội dung, hồi ký thể hiện những ký ức về cuộc đời của nhà văn. Đó là ký ức mơ hồ về tuổi thơ gắn với quê hương, và hành trình gian khổ gắn liền với nghề viết của tác giả, hay hồi ký còn tái hiện bức tranh hiện thực của đất nước trong chiến tranh. Đồng thời, còn thấy được những băn khoăn và trăn trở của nhà văn về con người, về cuộc đời và nghề viết. Về đặc điểm nghệ thuật, chúng tôi sẽ tìm hiểu một vài đặc điểm nổi bật trong tác phẩm như: Nghệ thuật thể hiện hình tượng nhân vật trong hồi ký, nghệ thuật tái hiện không gian và thời gian, ngoài ra còn có ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật trong hồi ký. Để từ đó thấy được tài năng sáng tạo và phong cách sáng tác của Ma Văn Kháng.

7133	Đại học	Đặc điểm truyện ngắn Khái Hưng qua “Anh Phái Sống”, “Tình điên”, “Tình tuyệt vọng”	Bùi, Thị Hồng Ngân	Lê, Văn Phương	2019	Bằng cảm hứng mới mẻ, Khái Hưng đã tạo ra một thế giới trong truyện ngắn đầy sinh động bởi lối viết hòa quyện giữa chất hiện thực và lãng mạn. Từ đó, cũng giúp người viết có thể tìm hiểu, khám phá những đổi mới về nội dung tư tưởng trong truyện ngắn của Khái Hưng. Nói về hiện thực cuộc sống nhà văn đã tái hiện một không khí đầy gian lao và vất vả của những người lao động bình dân. Và với ý thức nâng niu, trân trọng và tình cảm tha thiết đối với những giá trị văn hóa truyền thống. Khái Hưng đã đưa người đọc tìm về không gian văn hóa cổ xưa. Từ đó nhà văn không chỉ làm sống dậy những cảnh sắc quê hương, những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian quen thuộc và bảo lưu những vẻ đẹp nghìn đời của dân tộc ta. Đồng thời, giúp người viết nhận thấy được sự cách tân về nghệ thuật trong sáng tác của nhà văn này. Với chất giọng trữ tình sâu lắng kết hợp với giọng suông sã giễu nhại đã thực sự làm nên tính đa giọng điệu trong truyện ngắn của Khái Hưng. Đọc truyện của ông chúng tôi không thoát khỏi sự băn khoăn và ám ảnh bởi những tiếng cười trào ra nước mắt lẫn uẩn khúc, đau thương, chua xót. Chứa đựng những nỗi niềm được tạo bởi tâm huyết, sự chiêm nghiệm sâu sắc lẫn những trăn trở, suy tư của nhà văn trước cuộc đời. Khái Hưng đã khéo léo dùng ngôn ngữ để diễn tả tư tưởng, các cung bậc tình cảm yêu thương đều được ông phản ánh rất sinh động trong các tác phẩm của mình. Đó là những triết lý trong quá trình từng trải và chiêm nghiệm lẽ đời mà Khái Hưng muốn gửi đến con người từ muôn thế hệ.
7134	Đại học	Nghệ thuật trần thuật trong “Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ” của Nguyễn Thị Minh Ngọc	Trương, Thị Ngọc Huyền	Bùi, Thanh Thảo	2019	Trong luận văn này, chúng tôi tìm hiểu về nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ của tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc ở các khía cạnh chủ thể, điểm nhìn, kết cấu, ngôn ngữ và giọng điệu. Tiểu thuyết được trần thuật bằng sự kết hợp chủ thể trần thuật ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba với sự dịch chuyển điểm nhìn linh hoạt. Kết cấu của tác phẩm là kết cấu mang tính tầng bậc khi tác giả sử dụng kết cấu sự kiện đan xen kết cấu tâm lý và kết cấu phân mảnh. Ngôn ngữ trần thuật trong tác phẩm gần gũi với cuộc sống đời thường và mang tính chất đa thanh. Giọng điệu xót xa, ngậm ngùi kết hợp giọng điệu chiêm nghiệm, triết lý góp phần vào việc truyền tải nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Những yếu tố nói trên góp phần tạo nên thành công cho tác phẩm thể hiện phong cách, mong muốn đổi mới tiểu thuyết ở phương diện nghệ thuật của tác giả Minh Ngọc.

7135	Đại học	Đặc điểm chương trình “Ký ức miền quê” của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	Trần, Hoàng Đăng thư	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đa dạng như phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp phân tích - tổng hợp; phương pháp loại hình và phương pháp so sánh. Luận văn nghiên cứu ba nội dung chính: tìm hiểu chung về thể loại ký sự truyền hình, đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang và chương trình Ký ức miền quê; đặc điểm nội dung của chương trình Ký ức miền quê; đặc điểm hình thức của chương trình Ký ức miền quê. Qua nghiên cứu, nội dung của chương trình là những món ăn đặc sản đậm chất quê hương đồng bằng sông nước, những nghề truyền thống và những nét sinh hoạt văn hóa xã hội đặc trưng. Chương trình cũng mang những điểm đặc trưng của thể loại ký sự truyền hình. Luận văn đã cung cấp những kiến thức hữu ích liên quan đến thể loại ký sự truyền hình, mà cụ thể là chương trình Ký ức miền quê của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang
7136	Đại học	Thể giới nhân vật trong tập truyện ngắn “Nơi những cơn gió dừng chân” của Minh Nhật	Nguyễn, Kim Yến	Lê, Văn Phương	2019	Trong luận văn này, chúng tôi tìm hiểu về thể giới nhân vật trong tập truyện ngắn Nơi những cơn gió dừng chân của Minh Nhật từ phương diện nội dung và nghệ thuật của tập truyện. Hệ thống nhân vật của Minh Nhật phần lớn là các bạn trẻ, luôn có ước mơ, hoài bão và hướng về một cuộc sống tốt đẹp. Nhà văn đã khắc họa đặc điểm nổi bật của nhân vật về tính cách, hành động, tâm lý,... Mỗi nhân vật đều có những số phận khác nhau, nhưng điểm chung là họ luôn trong trạng thái cô đơn, trống trải khi một mình đối diện với nghịch cảnh và những bất hạnh trong cuộc sống. Nhưng chính niềm tin, ước mơ về cuộc sống tốt đẹp đã giúp các nhân vật vượt lên tất cả, đây là một điểm sáng ở các nhân vật của Minh Nhật, tạo nên chất thơ sâu lắng cho tác phẩm. Nhân vật chính là linh hồn của tác phẩm văn học. Và, Minh Nhật đã rất thành công khi ở từng nhân vật đều để lại ấn tượng, suy nghĩ, trầm trồ cho bạn đọc. Những dòng cảm xúc cứ trôi mãi trong lòng độc giả khi được chiêm nghiệm, dần trải với những cảm xúc mới lạ ở các nhân vật. Có thể thấy, với tài năng của mình thì Minh Nhật đã góp phần tạo nên sự đa dạng cho văn học Việt Nam hiện đại và dần khẳng định được phong cách sáng tác riêng, thể hiện tinh thần của thế hệ nhà văn trẻ. Thiết nghĩ, đọc văn của Minh Nhật không chỉ để đọc mà là để suy ngẫm, chiêm nghiệm.
7137	Đại học	Thể giới nhân vật trong tiểu thuyết “Sóng ở đáy sông” của Lê Lưu	Tạ, Thị Kim An	Lê, Thị Nhiên	2019	Thể giới nhân vật trong tiểu thuyết “Sóng ở đáy sông” của Lê Lưu là đề tài được người nghiên cứu lựa chọn nhằm gợi nhắc về những đóng góp của Lê Lưu đối với nền văn học Việt Nam nói chung cũng như quá trình đổi mới tiểu thuyết Việt Nam hiện đại nói riêng. Để có thể nghiên cứu đề tài, người viết đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau nhưng phương pháp chủ yếu là phương pháp phân tích - tổng hợp. Nghiên cứu về đề tài này sẽ giúp chúng ta khám phá ra được các dạng thức nhân vật cơ bản xuất hiện ở tiểu thuyết “Sóng ở đáy sông” đồng thời phân tích được những yếu tố lôi cuốn, hấp dẫn trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả này. Qua đó khẳng định thêm tài năng và thành công của nhà văn khi viết nên tác phẩm “Sóng ở đáy sông”.

7138	Đại học	Đặc điểm tập truyện “Người yêu dấu và những truyện khác” của Dạ Ngân	Trần, Thị Ngọc Hân	Lê, Thị Nhiên	2019	Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn với đề tài Đặc điểm tập truyện “Người yêu dấu và những truyện khác” của Dạ Ngân, người viết đã kỳ công tìm hiểu về nhà văn Dạ Ngân và hoàn cảnh ra đời của tập truyện. Qua việc tìm hiểu trên người viết nắm bắt được đặc điểm của tập truyện ở cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt nhận thấy được vị trí của nữ nhà văn Dạ Ngân trên văn đàn với những đóng góp tích qua từng thời kỳ của đất nước. Đề tài đã đóng góp cho mảng nghiên cứu Văn học thêm phần đa dạng và kịp thời, thiết thực.
7139	Đại học	Tính thời sự của thể loại phóng vấn trên báo Thanh Niên (khảo sát trên báo in, từ tháng 4 đến hết tháng 6 năm 2019)	Phạm, Văn Lệ	Đỗ, Thị Xuân Quyên	2019	Với đề tài trên người viết khảo sát qua hai khía cạnh đó là: nội dung và hình thức của các bài phóng vấn nhằm nổi bật lên tính thời sự. Về nội dung người viết tập trung khảo sát vào các tiêu chí: cập nhật những vấn đề dư luận xã hội đang quan tâm; đưa thông tin nhanh, kịp thời và cập nhật liên tục những thông tin có liên quan. Về hình thức người viết khảo sát ở nhiều phương diện khác nhau trong đó câu hỏi và hình ảnh trong các bài phóng vấn được người viết tập trung nhiều nhất. Ngoài ra người viết cũng nêu lên những ưu thế của tính thời sự nên được duy trì, phát huy và những đề xuất nhằm thu hút bạn đọc báo Thanh Niên nhiều hơn. Phóng vấn được đánh giá là một thể loại hay và hấp dẫn kết hợp với tính thời sự thì người viết tin rằng sẽ thu hút và nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ công chúng đối với thể loại này.
7140	Đại học	Hình tượng người phụ nữ miền núi trong tiểu thuyết của Đỗ Bích Thủy	Nguyễn, Thị Kim Ngân	Nguyễn, Thị Kiều Oanh	2019	Luận văn nghiên cứu về chân dung người phụ nữ miền núi trong một số tiểu thuyết của Đỗ Bích Thủy. Bằng việc sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp; phương pháp tiểu sử; phương pháp hệ thống và các thao tác chứng minh; bình luận; giải thích trong quá trình thực hiện đề tài, người viết đã khám phá và phân tích những nét đặc trưng của hình tượng người phụ nữ miền núi trong tiểu thuyết của Đỗ Bích Thủy. Đồng thời, người viết cũng chỉ ra được những thành công và hạn chế của nhà văn Đỗ Bích Thủy trong nghệ thuật khắc họa hình tượng người phụ nữ miền núi. Từ đó, khẳng định những đóng góp nhất định của nhà văn Đỗ Bích Thủy ở mảng đề tài miền núi.
7141	Đại học	Một số vấn đề về nội dung về nghệ thuật của chương “Viên Đại Pháp Quan tôn giáo” trong tiểu thuyết “Anh em nhà Karamazov” của F.Đôxtôiepxki.	Nguyễn, Đăng Thư	Trần, Văn Thịnh	2019	Luận văn nghiên cứu về vấn đề bản chất con người như: con người yếu hèn và con người hùng mạnh; con người của sự ích kỷ và vị tha, yêu thương đồng loại. Luận văn còn nghiên cứu về vấn đề về tôn giáo và những vấn đề về xã hội tương lai: xã hội độc tài, độc đoán và sự hủy diệt; xã hội tự do, trách nhiệm. Bên cạnh đó luận văn cũng nghiên cứu về nghệ thuật đa thanh được biểu hiện qua một số yếu tố như xây dựng nhân vật, lập trường nghệ thuật của nhà văn, cốt truyện và lời văn. Qua những yếu tố đó đã góp phần cho đoạn trích cũng như cả tác phẩm trở thành một điển hình tiêu biểu của thiêu thuyết đa thanh cả về nội dung lẫn nghệ thuật. Từ đó khẳng định được tài năng cũng như những đóng góp to lớn của F.Đôxtôiepxki cho nền văn học thế giới.

7142	Đại học	Đặc điểm tập tiểu phẩm báo chí “Quét Cầu Thang” của Hữu Thọ	Nguyễn, Hồng Thu	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	Luận văn gồm có 3 phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Trong phần mở đầu gồm 5 vấn đề: (Lí do chọn đề tài, lịch sử nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu). Phần nội dung gồm 3 chương:Chương 1: Khái quát về tiểu phẩm báo chí, tác giả Hữu Thọ và tác phẩm “Quét Cầu Thang”. Chương 2: Đặc điểm nội dung của tập tiểu phẩm báo chí “Quét Cầu Thang”(Suy đồi về đạo đức và phản ánh những tệ nạn tham ô tham nhũng, mua quan bán chức sách nhiễu cửa quyền.Chương 3: Đặc điểm hình thức của tập tiểu phẩm báo chí “Quét Cầu Thang”(cách đặt tiêu đề, kết cấu, phương tiện diễn đạt từ ngữ, các thủ pháp). Cuối cùng là kết luận đánh giá lại những mặt làm được và hạn chế ở luận văn này.
7143	Đại học	Đặc điểm tiểu thuyết “Trong sương hồng hiện ra” của Hồ Anh Thái	Nguyễn, Thị Tuyết Trinh	Bùi, Thanh Thảo	2019	Đề tài luận văn là Đặc điểm tiểu thuyết “Trong sương hồng hiện ra” của Hồ Anh Thái, gồm có 3 phần: Phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Phần mở đầu gồm có 5 vấn đề: Lí do chọn đề tài, lịch sử nghiên cứu vấn đề, mục đích nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu. Phần nội dung tôi triển khai gồm có 3 chương. Chương 1: Những vấn đề chung về Hồ Anh Thái và tiểu thuyết “Trong sương hồng hiện ra” cũng như lí thuyết về tiểu thuyết. Chương 2: Nội dung tiểu thuyết, có hai vấn đề chính, đó là con người và xã hội. Chương 3: Nghệ thuật tiểu thuyết, tôi đi sâu vào những yếu tố nghệ thuật như: Không gian, thời gian, kết cấu, mô típ, biểu tượng, giọng điệu và ngôn từ. Cuối cùng là phần kết luận tôi đã đánh giá lại về tài năng của Hồ Anh Thái cũng như giá trị về nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết.
7144	Đại học	Trào phúng trong thơ Tú Xương	Đặng, Phụng Tường	Tạ, Đức Tú	2019	Với đề tài Trào phúng trong thơ Tú Xương. Người viết không chỉ nghiên cứu đề hiểu rõ hơn về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của ông, mà trong quá trình tìm hiểu người viết còn nhận thấy được nét riêng trong thơ ông so với các nhà thơ cùng thời, đề từ đó thấy được bút pháp đặc trưng của nhà thơ. Không chỉ vậy, việc nghiên cứu đề tài này còn là cơ sở để tôi nhận thấy được hiện thực xã hội lúc bấy giờ, cũng như hiểu được cái nhìn đầy trào phúng của ngòi bút Vị Xuyên về con người, khoa cử. Từ đó, cảm nhận được tiếng cười mỉa mai đầy nỗi đau đời của một nhà nho cuối mùa tài giỏi bị thế lực đồng tiền vùi dập.
7145	Đại học	Đặc điểm tập tiểu phẩm báo chí “Ghế” của Hữu Thọ	Phạm, Thị Mỹ Yên	Trần, Vũ Thị Giang Lam	2019	“Ghê” là tập tiểu phẩm thứ bảy được xuất bản trong thời diêm đỏ của nhà báo Hữu Thọ, tiểu phẩm “Ghê” gồm 138 tiểu phẩm có nội dung xoay quanh tệ nạn tham ô, tham nhũng, tha hóa nhân cách đạo đức, những thói hư tật xấu, xu nịnh, ham danh, háms lợi,...chung quy những vấn nạn đó đều vì một lí do duy nhất là chiếc ghế địa vị, quyền lực, một chỗ đứng vững chắc của mình trong xã hội được phơi bày dưới ngòi bút trào phúng, châm biếm, đã kích được thể hiện, vạch trần bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau như ẩn dụ, so sánh, ví von, sử dụng thành ngữ, tục ngữ, các biện pháp gây cười mang những thông điệp ý nghĩa làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

7146	Đại học	Đề tài đặc điểm nội dung và nghệ thuật tập di cao thơ “Những bông hoa không chết” của Lưu Quang Vũ	Trương, Ái Khanh	Trần, Văn Thịnh	2018	Đây là đề tài nghiên cứu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật đặc sắc trong tập di cao thơ “Những bông hoa không chết” của Lưu Quang Vũ. Luận văn gồm ba chương chính bao gồm: chương 1- Những vấn đề chung, giới thiệu sơ lược về tác giả Lưu Quang Vũ và tập di cao thơ “Những bông hoa không chết”. Chương hai: đặc điểm nội dung trong tập di cao thơ “Những bông hoa không chết”, chương này nêu khái quát hai nội dung chính của tập di cao là tình yêu đôi lứa và quan niệm tác giả về chiến tranh. Chương ba: đặc sắc nghệ thuật trong tập di cao thơ “Những bông hoa không chết”. Chương ba làm rõ những thành công của tác giả trong việc sử dụng các yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong việc truyền tải nội dung của tập di cao thơ. Qua đề tài nghiên cứu chúng tôi hy vọng sẽ góp một phần nhỏ công sức của mình vào việc đưa những tác phẩm thơ của Lưu Quang Vũ đến gần hơn với bạn đọc.
7147	Đại học	Hình ảnh người phụ nữ trong thơ Đường	Nguyễn, Thị Hồng Loan	Tạ, Đức Tú	2018	Hình ảnh người phụ nữ là đề tài quen thuộc trong văn học thế giới nói chung và thơ ca Trung Hoa nói riêng. Hình ảnh người phụ nữ thể hiện trong thơ Đường tiêu biểu với hình ảnh người khuê phụ, hình ảnh người phụ nữ tài hoa, hình ảnh người phụ nữ có số phận bất hạnh, hình ảnh người cung nữ và hình ảnh người mẹ. Nỗi lòng, trạng thái xúc cảm của những người phụ nữ đã được miêu tả cụ thể bằng nghệ thuật thể hiện hình ảnh người phụ nữ như: thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật, nghệ thuật sử dụng điển cố, điển tích và thủ pháp ước lệ, biểu trưng. Qua đó, giúp chúng ta có cái nhìn đầy đủ hơn về hình ảnh người phụ nữ trong thơ Đường và trân trọng thêm những giá trị mà thơ Đường mang lại
7148	Đại học	ỨNG DỤNG CỦA LASER KHÍ TRONG ĐIỀU TRỊ CÁC TẬT KHÚC XẠ VỀ MẮT	Lương, Nguyễn Tường Minh	Huỳnh, Anh Huy	2018	Khái quát về sự ra đời và phát triển của laser. Trình bày cơ sở lý thuyết, nguyên lý hoạt động và các tính chất của laser. Giới thiệu chung về các loại laser và ứng dụng của laser khí. Cấu tạo mắt và các tật khúc xạ của mắt. Phương pháp điều trị các tật khúc xạ mắt bằng laser excimer, kỹ thuật LASIK và các kỹ thuật tiên tiến hiện nay
7149	Đại học	Thiết kế sơ đồ ứng dụng cảm biến E18-D80NK trong mạch	Nguyễn, Lê Huỳnh Như	Nguyễn, Thanh Phong	2019	Nội dung luận văn xoay quanh việc tìm hiểu và nghiên cứu các đặc tính, ứng dụng của cảm biến E18-D80NK trên cơ sở lý thuyết và thông số kỹ thuật. Và sau đó là tiến hành thực hiện lắp ráp các linh kiện để phát triển đề tài Thiết kế sơ đồ ứng dụng cảm biến E18-D80NK trong mạch đếm sản phẩm.

7150	Đại học	TỔNG HỢP VÀ NGHIÊN CỨU TÍNH CHẤT QUANG CỦA NANO TINH THỂ ZnO PHA TẠP ION Eu3+ BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHIẾU XẠ VI SÓNG	Nguyễn, Thanh Tuấn	PGS. TS. Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Các hạt nano tinh thể ZnO:Eu3+ có cấu trúc lục giác Wurzite được chế tạo bằng phương pháp chiếu xạ vi sóng. Sản phẩm bột nano ZnO:Eu3+ được đo nhiễu xạ tia X (XRD), ảnh hiển vi điện tử quét (FESEM) để xác định cấu trúc mạng, kích thước, hình thái học của tinh thể. Các hạt nano tinh thể có kích thước ~ 330 - 460 nm tùy theo nồng độ ion Eu3+ pha tạp khi được chiếu xạ ở nhiệt độ 190 0C. Tính chất quang của mẫu ZnO:Eu3+ chế tạo được nghiên cứu bằng phổ huỳnh quang (PL). Phổ huỳnh quang của các mẫu này vật liệu phát xạ mạnh ở vùng nhìn thấy do những sai hỏng, khuyết tật oxi, kẽm. đồng thời xuất hiện đỉnh phát xạ do sự chuyển dời mức năng lượng 5D0 – 7F2 do các điện tử trong ion Eu3+ ứng với bước sóng 613 nm nhưng với cường độ khá yếu. Tuy nhiên, sau khi nung mẫu ở 900 0C và kích thích ở bước sóng 466 nm, đỉnh phát xạ do sự chuyển dời mức năng lượng 5D0 – 7F2 phát xạ với cường độ mạnh và xuất hiện thêm các đỉnh phát xạ ở vị trí 586 nm, 591 nm do các chuyển dời mức năng lượng 5D0 – 7F0 và 5D0 – 7F1.
7151	Đại học	Tổng hợp vật liệu nano SnO2:Mn2+ bằng phương pháp thủy nhiệt	Trương, Hà Nhi	PGS.TS Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Chương 1. Tổng quan trình bày lý thuyết về vật liệu nano, vật liệu SnO2, ứng dụng, các phương pháp chế tạo vật liệu nano SnO2 và ảnh hưởng của pha tạp Mn lên SnO2.Chương 2. Thực nghiệm: trình bày các dụng cụ, thiết bị, hóa chất và quy trình chế tạo vật liệu nano SnO2:Mn2+.Chương 3. Kết quả và thảo luận: trình bày một số kết quả về nhiễu xạ tia X, về hình thái học được đo bằng kính hiển vi điện tử quét xạ trường (FESEM) và các phép đo về phổ huỳnh quang. Từ đó đưa ra một số kết luận và đề xuất về triển vọng và hướng nghiên cứu tiếp theo.
7152	Đại học	THIẾT KẾ HỆ THỐNG KHÓA ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG KEYPAD 4x4 VÀ RFID	Nguyễn, Quốc Trường	Vương - Nguyễn, Tấn Sĩ - Thanh Phong	2019	THIẾT KẾ HỆ THỐNG KHÓA ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG KEYPAD 4x4 VÀ RFID trình bày về việc lập trình hệ thống khóa điện tử sử dụng vi điều khiển Arduino Nano.Nội dung luận văn:CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀITrình bày lý do chọn đề tài, phạm vi nghiên cứu và các bước thực hiện.CHƯƠNG 2: THIẾT BỊ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ Trình bày các phần cứng: Arduino Nano, module RFID RC522, keypad4x4,... thông số kỹ thuật và nguyên lý hoạt động của chúngCHƯƠNG 3: THIẾT KẾ, LẬP TRÌNH VÀ LẮP ĐẶT MẠCH THỰC TẾ Trình bày về các phần mềm thiết kế lập trình: Arduino IDE, Fritzing,RealPCB. Thiết kế và hoàn thiện mạch in, trình bày nguyên lý hoạt động, lưu đồ thuật toán của hệ thống khóa điện tử. CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN :Trình bày kết quả đạt được, ưu nhược điểm và hướng phát triển đề tài.
7153	Đại học	Xử lý tín hiệu điện tim bằng phép đổi fourier nhanh sử dụng phần mềm matlab	Hồ, Minh Kha	PGS.TS. Dương, Hiếu Đầu	2019	Chương 1: Tổng quan về tín hiệu điện tim.Chương 2: Tìm hiểu về hàm FFT trong Matlab. Chương 3: Phân tích tín hiệu điện tim bằng biến đổi Fourier nhanh trên phần mềm Matlab.

7154	Đại học	Nghiên cứu và sử dụng máy HORIBA để khảo sát nước trong các ao nuôi cá ở Đại học Cần Thơ	Lý, Hồng Hưng	PGS. TS Dương, Hiếu Đầu	2019	Cần Thơ nằm giữa Đồng bằng sông Cửu Long, trên trục giao thông thủy bộ quan trọng, là cửa ngõ giao lưu chính của vùng Tây Nam sông Hậu với vùn tứ giác Long Xuyên và Bắc sông Tiền. Với địa hình mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mạng lưới kênh rạch phân bố rộng. Cần Thơ có nhiều tiềm năng về nguồn nước. Tuy nhiên thời gian gần đây môi trường nước tại các kênh rạch trên địa bàn thành phố đang phải gánh chịu nhiều nguồn thải từ các hoạt động công nghiệp, các hoạt động sinh hoạt của người dân,... làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, chất lượng nước suy giảm. Do vậy, việc theo dõi, đánh giá chất lượng nước thường xuyên là một biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa những ảnh hưởng xấu đối với môi trường nước. Đại học Cần Thơ, khu II, là một trong những khu trung tâm đào tạo chính của trường Đại học Cần Thơ, khu nằm tại địa bàn phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ và được xem là nơi có cảnh quan đẹp nhất của trường. Ngoài diện tích rộng và có nhiều cây xanh, xung quanh trường còn có hệ thống ao hồ là địa điểm giải trí, thư giãn của sinh viên lại vừa có chức năng quan trọng trong việc điều tiết nước thải, tiêu thoát nước mưa, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy nuôi trồng thủy hải sản cho các khoa nông nghiệp, thủy sản và môi trường. Tuy nhiên, hiện nay trên các mặt hồ, lòng hồ có phát sinh các loại rác thải sinh hoạt, các thực vật hữu cơ, chất thải từ các sinh vật dưới nước có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước. Do đó, đề tài “ Nghiên cứu và sử dụng máy Horiba U50 để khảo sát chất lượng nước trong các ao thuộc Đại học Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu đánh giá chất lượng nguồn nước tại các ao thuộc Khu II, Đại học Cần Thơ, cũng như nhằm hiểu sâu hơn về cơ chế hoạt động, cách sử dụng của máy đo chất lượng nước đa chỉ tiêu Horiba U50 để có thể sử dụng máy một cách hiệu quả nhất.
7155	Đại học	ứng dụng phần mềm testpro và tnmarker để tạo bộ đề kiểm tra trắc nghiệm đánh giá kết quả bằng điện thoại di động	Nguyễn, Trung Trực	PGS.TS. Dương, Hiếu Đầu	2019	Chương 1: Giới thiệu tổng quan . Chương 2: Giới thiệu phần mềm TestPro và phần mềm TNMarker
7156	Đại học	Tổng hợp và nghiên cứu tính chất quang của vật liệu cấu trúc nano ZnO:Mn ²⁺	Lê, Đặng Ngọc Diễm	PGS.TS Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Thanh nano ZnO:Mn ²⁺ được tổng hợp bằng phương pháp thủy nhiệt ở nhiệt độ 190 °C trong 20 giờ, sử dụng tiền chất là Zn(CH ₃ COO) ₂ và MnCl ₂ với nồng độ tạp Mn lần lượt từ 1% đến 9%. Các thanh nano được phân tích cấu trúc bằng phương pháp nhiễu xạ tia X (XRD). Thành phần và hàm lượng các nguyên tố trong mẫu nano được khảo sát bằng phổ tán sắc năng lượng (EDS). Hình thái bề mặt và kích thước của vật liệu được xác định bằng phương pháp chụp ảnh hiển vi điện tử quét phát xạ trường (FESEM). Đường kính các thanh nano ZnO:Mn ²⁺ trung bình khoảng 48 – 68 nm và chiều dài trung bình ~ 119 nm. Tính chất huỳnh quang của vật liệu được khảo sát bằng phổ huỳnh quang (PL). Phổ quang huỳnh quang của những mẫu này đều có hai vùng phát xạ chính là phát xạ ở vùng tử ngoại gần (390 nm) do chuyển mức vùng vùng và phát xạ ở vùng khả kiến có đỉnh phát quang cực đại lần lượt ở 456 nm và 638 nm do nút khuyết kẽm và oxi trong mạng nền.

7157	Đại học	MÔ HÌNH THU NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI THEO PHƯƠNG VỊ VÀ ỨNG DỤNG	Đinh, Văn Lộc	Nguyễn, Thanh Phong	2019	Chương 1: Tổng quan đề tài: Trình bày lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu và các bước thực hiện. Chương 2: Giới thiệu chung về điện Mặt Trời. Trình bày sơ lược về điện năng lượng Mặt Trời và cấu tạo, phân loại, nguyên lý hoạt động của pin năng lượng Mặt Trời. Chương 3: Mô hình thu năng lượng Mặt Trời theo phương vị. Giới thiệu một số linh kiện và phần mềm, thực hiện thiết kế lắp ráp mô hình. Chương 4: Kết luận và hướng phát triển. Trình bày kết quả đạt được, ưu nhược điểm và hướng phát triển đề tài.
7158	Đại học	Thiết kế và kiểm tra độ chính xác của các phép đo độ nhớt của chất lưu.	BÙI, NGỌC DIỄM	DƯƠNG, HIẾU ĐÀU	2019	Xác định hệ số nhớt của các chất lưu qua các phương pháp đo. Trong bài luận văn này thực hiện qua 3 phương pháp: là phương pháp động học (sử dụng cốc đo), phương pháp động lực (sử dụng máy Brookfield), và phương pháp viên bi rơi
7159	Đại học	PHÂN PHỐI LAPLACE VÀ ỨNG DỤNG	Nguyễn, Cao Ngâu	Lâm, Hoàng Chương	2019	Luận văn tập trung nghiên cứu phân phối xác suất Laplace và những phân phối xác suất xuất phát từ phân phối này như Laplace xiên (Skew Laplace), Laplace xiên rút gọn (Truncated Skew Laplace) và có thể sử dụng để mô hình hóa những số liệu thực tế khác nhau. Dựa trên những thuộc tính đó, ta sẽ áp dụng cho các ứng dụng thực tế. Đặc biệt là xem xét dữ liệu tỷ giá hối đoái của sáu loại tiền tệ khác nhau, cụ thể là Đô la Úc, Đô la Canada, Euro (Châu Âu), Yên Nhật ,Franc Thụy Sĩ, Bảng Anh.
7160	Đại học	Mô hình báo cháy và hệ thống ổn định môi trường	Đặng, Thị Thủy Tiên	Nguyễn, Thanh Phong	2019	Nội dung luận văn: Chương 1: Tổng quan đề tài. Trình bày lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu. Chương 2: Giới thiệu các linh kiện. Trình bày về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các linh kiện: ESP8266 Lua V3 CH340, module DHT11, module MQ02...Chương 3: Giới thiệu các phần mềm: Giới thiệu về phần mềm Blynk và Arduino. Chương 4: Mô hình báo cháy :Trình bày sơ đồ khối, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của mô hình. Chương 5: Kết luận: Trình bày kết quả đạt được, ưu nhược điểm và hướng phát triển đề tài.
7161	Đại học	Thiết kế máy CNC 3 trục điều khiển bằng board Mach3	Huỳnh, Hùng Mạnh	Ts. Huỳnh, Thanh Tuấn	2019	Chương 1: Tổng quan về máy CNC trình bày giới thiệu về máy CNC và cấu trúc tổng thể của máy CNC. Chương 2: Thiết kế kết cấu máy phay gỗ CNC trình bày nguyên lý hoạt động, cấu tạo cơ bản máy phay gỗ CNC, kết cấu cơ khí và phần giao diện. Chương 3: Sơ lược về phần mềm Mach3 trình bày giao diện làm việc và cách khai báo các thông số cho phần mềm điều khiển Mach3. Kết quả thực nghiệm trong nghiên cứu. Chương 4: Kết luận về các kết quả thu được và mặt hạn chế .
7162	Đại học	Thiết kế hệ thống bán tự động kết nối wifi ứng dụng trong thủy canh tĩnh	Dương, Thị Ngọc Hân	Vương & Nguyễn, Tấn Sĩ & Thanh Phong	2019	Nội dung luận văn xoay quanh tìm hiểu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động và thông số kỹ thuật của hai module cảm biến DHT11, photodiode và các vi điều khiển. Và sau đó tiến hành thực hiện lắp ráp các linh kiện để phát triển đề tài Thiết kế hệ thống bán tự động kết nối wifi ứng dụng trong thủy canh tĩnh.
7163	Đại học	Thiết kế sơ đồ ứng dụng cảm biến E18-D80NK trong mạch	Nguyễn, Lê Huỳnh Như	Nguyễn, Thanh Phong	2019	Nội dung luận văn xoay quanh việc tìm hiểu và nghiên cứu các đặc tính, ứng dụng của cảm biến E18-D80NK trên cơ sở lý thuyết và thông số kỹ thuật. Và sau đó là tiến hành thực hiện lắp ráp các linh kiện để phát triển đề tài Thiết kế sơ đồ ứng dụng cảm biến E18-D80NK trong mạch đếm sản phẩm.

7164	Đại học	MÔ PHỎNG TÌM ĐIỂM CÔNG SUẤT CỰC ĐẠI CHO HỆ THỐNG PIN MẶT TRỜI BẰNG PHƯƠNG PHÁP P&O VÀ INC TRÊN MATLAB SIMULINK	NGUYỄN – BÙI, THỊ THÚY AN; THỊ QUỲNH NHƯ	Th.S: NGUYỄN, THÁI SƠN	2019	Đề tài sử dụng phần mềm matlab/simulink để xây dựng mô hình và mô phỏng hệ thống nối lưới sử dụng pin mặt trời. Như chúng ta đã biết, nguồn năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch có trữ lượng lớn, đang là mục tiêu nghiên cứu của nhiều nước trên thế giới nhằm thay thế dần nguồn năng lượng hóa thạch có nguy cơ cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường. Trong quá trình làm việc, pin mặt trời phụ thuộc nhiều vào yếu tố ảnh hưởng như cường độ ánh sáng, nhiệt độ môi trường hiện tượng bóng râm ...mặt khác, công suất sinh ra do tấm pin mặt trời phụ thuộc vào bức xạ mặt trời và nhiệt độ. Nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng thực hiện nối lưới, đòi hỏi phải có các giải thuật điều khiển. Ở đây sử dụng giải thuật hệ bám điểm công suất cực đại nhằm đảm bảo rằng pin mặt trời sẽ luôn luôn làm việc ở điểm cực đại khi tải thay đổi.
7165	Đại học	Điều khiển từ xa các thiết bị dân dụng qua blynk trên điện thoại thông minh kết hợp hệ thống báo cháy	Nguyễn, Minh Luân	PGS.TS. Nguyễn, Thanh Phong	2019	Điều khiển các thiết bị trong gia đình-kết hợp hệ thống báo cháy. Sử dụng các module cảm biến: lửa (Flame), khí gas (MQ-02), module relay, cùng với các linh kiện khác như hộp vít, công tắc,...
7166	Đại học	Khảo sát nồng độ đường, độ cồn, khối lượng riêng, độ tạp chất và độ pH của một số loại nước giải khát	Nguyễn, Thị Ngọc Anh	PGS.TS Dương, Hiếu Đầu	2019	Khảo sát nồng độ đường, nồng độ cồn, khối lượng riêng, độ tạp chất và độ pH của một số loại nước giải khát phổ biến như: Trà xanh C2, trà Ô long, Coca-cola, Pepsi, Sting, Fanta. Các loại nước giải khát phổ biến được đo trực tiếp tại phòng thí nghiệm, sử dụng máy đo tỉ trọng DMA _{TM} 35, máy đo độ pH và máy đo độ TDS. Phương pháp thực nghiệm là thực nghiệm và thống kê để xác định hàm lượng - vẽ biểu đồ so sánh và phân tích kết quả. Tiến hành thí nghiệm và phân tích kết quả đo để khảo sát nồng độ đường, nồng độ cồn, khối lượng riêng, độ tạp chất và độ pH của một số loại nước giải khát. Qua kết quả khảo sát đánh giá chất lượng dinh dưỡng và mức độ nguy hiểm của các loại nước giải khát phổ biến ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng. Chúng tôi đã đo và so sánh nồng độ cồn, độ đường, độ pH, khối lượng riêng và độ TDS của một số nước giải khát phổ biến trên thị trường. Các số đo cho thấy những loại nước giải khát đều đảm bảo phù hợp với các thông số ghi trên nhãn hiệu với mức an toàn cho phép. Một số giá trị có chênh lệch không quá lớn với thực tế có thể do quá trình đưa các loại nước này ra không khí trong thời gian lâu khi làm thực nghiệm có thể ảnh hưởng đáng kể đến số đo.
7167	Đại học	KHẢO SÁT NỒNG ĐỘ CỒN, ĐỘ ĐƯỜNG, KHỐI LƯỢNG RIÊNG, ĐỘ pH VÀ ĐỘ TINH KHIẾT TRONG MỘT SỐ LOẠI BIA RƯỢU THÔNG DỤNG	Lý, Triều Tân	PGS.TS. Dương, Hiếu Đầu	2019	Chương 1: Tổng quan đề tài;Chương 2: Phương pháp thực hiện;Chương 3: Kết quả thảo luận ; Chương 4: Kết luận

7168	Đại học	TỔNG HỢP NGHIÊN CỨU TÍNH CHẤT HUỖNH QUANG CỦA TiO_2 VÀ TiO_2 PHA TẠP Eu^{3+}	Hoàng, Thị Hồng Thắm	PGS. TS. Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Mục tiêu của luận văn, tổng hợp vật liệu nano TiO_2 và TiO_2 pha tạp Eu có các tính chất quang học độc đáo, không chỉ phụ thuộc vào kích thước mà còn phụ thuộc vào hình dạng. Các hạt nano TiO_2 được tổng hợp với nồng độ pha tạp từ 1-10% mol Eu bằng phương pháp thủy nhiệt, có dạng gần hình cầu. Các mẫu bột thu được, ủ nhiệt ở 500 oC trong 2 giờ, để xác định sự chuyển pha anatase thành pha Rutile. Hình thái học, cấu trúc, thành phần pha và tính chất quang học của hạt nano chưa ủ và ủ nhiệt đã được nghiên cứu bằng phương pháp nhiễu xạ tia X (XRD), đo ảnh hiển vi điện tử quét (FESEM), phổ tán sắc năng lượng (EDS) và phổ quang huỳnh quang (PL). Kết quả thu được cho thấy các hạt nano TiO_2 có dạng gần hình cầu và có kích thước hạt khoảng 95-125 nm. Phổ huỳnh quang của vật liệu nano TiO_2 pha tạp Eu^{3+} phụ thuộc nhiều vào nồng độ pha tạp và hình thái của chúng. Kết quả thực nghiệm đo được đã phân tích và so sánh, cho thấy hạt nano TiO_2 pha tạp nồng độ 10% mol Eu^{3+} , có cường độ phát quang mạnh nhất trong các mẫu chưa được ủ nhiệt. Trong luận văn, tôi mong muốn phát triển hướng nghiên cứu bằng cách pha tạp các ion đất hiếm vào mạng nền TiO_2 làm tăng hiệu suất huỳnh quang của nano TiO_2 , mở rộng vùng ánh sáng phát xạ và ứng dụng trong việc chế tạo LED phát ánh sáng trắng.
7169	Đại học	NGHIÊN CỨU TỔNG HỢP VẬT LIỆU NANO $\text{SnO}_2:\text{Eu}^{3+}$	Lê, Thị Thanh Thủy	PGS. TS. Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Các hạt nano tinh thể $\text{SnO}_2:\text{Eu}^{3+}$ có cấu trúc Tetragonal được chế tạo bằng phương pháp thủy nhiệt. Sản phẩm bột nano $\text{SnO}_2:\text{Eu}^{3+}$ được đo nhiễu xạ tia X (XRD), ảnh hiển vi điện tử quét (FESEM) để xác định cấu trúc mạng, kích thước, hình thái học của tinh thể. Những nano dạng phiến có chiều dài ~ 94 – 127 nm và chiều dày ~ 13 – 22 nm (trước ủ nhiệt ở 500 0C, 2 giờ) ; dạng hạt nano có đường kính trung bình ~ 25 – 33 nm và sự kết đám của các hạt là khoảng ~ 91 – 140 nm. Tính chất quang của mẫu $\text{SnO}_2:\text{Eu}^{3+}$ chế tạo được nghiên cứu bằng phổ huỳnh quang (PL). Phổ huỳnh quang của các mẫu này vật liệu phát xạ mạnh ở vùng nhìn thấy do những sai hỏng mạng nền, khuyết tật oxi. Đồng thời xuất hiện đỉnh phát xạ do sự chuyển dời mức năng lượng 5D0 – 7F2 do các điện tử trong ion Eu^{3+} ứng với bước sóng 611 nm nhưng với cường độ khá yếu. Tuy nhiên, sau khi nung mẫu ở 500 0C và kích thích ở bước sóng 310 nm, đỉnh phát xạ do sự chuyển dời mức năng lượng 5D0 – 7F2 phát xạ với cường độ mạnh và xuất hiện thêm các đỉnh phát xạ ở vị trí 587 nm, 589 nm và 598 nm do các chuyển dời mức năng lượng từ 5D0 – 7F1.

7170	Đại học	THIẾT KẾ MÔ HÌNH PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI XOAY TỰ ĐỘNG THEO HAI TRỤC	NGUYỄN, HỮU TÍNH	PGS.TS Nguyễn, Thành Tiên	2019	Năng lượng mặt trời ngày càng được sử dụng một cách phổ biến nhưng hiệu suất sử dụng vẫn còn thấp so với tiềm năng của chúng mang lại. Đa phần hệ thống pin năng lượng mặt trời được đặt vị trí cố định, đó là nguyên nhân làm cho hiệu suất không đạt tối ưu. Từ đó, người ta đã nghiên cứu, tìm ra các phương pháp để làm tăng hiệu suất của hệ thống pin năng lượng mặt trời. Trong đó, thiết kế mô hình pin năng lượng mặt trời xoay tự động theo hai trục là một giải pháp tương đối tối ưu nhất. Mô hình sử dụng các thiết bị, linh kiện điện tử, module cảm biến,... giúp cho mô hình có thể điều khiển tự động. Bề mặt của hệ thống pin năng lượng mặt trời luôn vuông góc với tia sáng của mặt trời. Như vậy, mô hình pin năng lượng mặt trời xoay tự động theo hai trục góp phần làm tăng thêm hiệu suất của các hệ thống pin được đặt cố định vị trí.
7171	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp TiO ₂ và TiO ₂ pha tạp Mn.	Lâm, Khả Nhi.	PGS.TS. Nguyễn, Trí Tuấn.	2019	Mục tiêu của luận văn này là thực hiện các nghiên cứu chế tạo TiO ₂ anatase pha tạp Mangan có kích thước nm bằng phương pháp thủy nhiệt và khảo sát các tính chất quang của vật liệu này, nhằm chế tạo vật liệu TiO ₂ hấp thụ ánh sáng vùng nhìn thấy ứng dụng trong lĩnh vực quang điện tử. Từ những nguyên liệu ban đầu chúng tôi tiến hành chế tạo TiO ₂ với các tỷ lệ % Mangan khác nhau. Trong luận văn này, cấu trúc vật liệu được nghiên cứu bằng phương pháp hiển vi điện tử quét FESEM được tiến hành tại phòng thí nghiệm Hiển vi điện tử và Vi phân tích (BKEMMA), viện Tiên tiến khoa học và Công nghệ (AIST), trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Phương pháp phân tích phổ nhiễu xạ tia X (XRD) tại Bộ môn Hóa vô cơ, Khoa Hóa học, Đại học Khoa học Tự nhiên, 19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Phương pháp phân tích phổ quang phát quang (PL), và phương pháp phân tích phổ tán sắc năng lượng (EDS). Kết quả thực nghiệm được so sánh để rút ra kết luận về ưu và nhược điểm của vật liệu chế tạo với mong muốn phát triển hướng nghiên cứu và ứng dụng của vật liệu này.
7172	Đại học	Nghiên Cứu Chế Tạo Bột Huỳnh Quang SrMgAl ₁₀ O ₁₇ Pha Tạp Ion Mn ⁴⁺ Phát Xạ Đỏ Mở Ra Hướng Ứng Dụng Cho Điốt Phát Ánh Sáng Trắng	Đoàn, Nam Hải	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Chương I: Tổng Quan Về Lý Thuyết; Chương 2: Thực Nghiệm Chế Tạo Vật Liệu; Chương 3: Kết Quả Và Phân Tích; Chương 4: Kết Luận Và Kiến Nghị
7173	Đại học	NGHIÊN CỨU VÀ CHẾ TẠO BỘT HUỖNH QUANG PHA TẠP ION Mn ⁴⁺ VÀ ĐỒNG PHA TẠP Mn ⁴⁺ , Na ⁺ VÀO MẠNG NỀN Sr ₄ Al ₁₄ O ₂₅ PHÁT XẠ ĐỎ ĐỂ ỨNG DỤNG CHO ĐIỐT PHÁT ÁNH SÁNG TRẮNG	Nguyễn ; Trương, Thị Phương Thảo ; Thị Cẩm Thi	Nguyễn, Thị Kim Chi	2019	Chương 1: Tổng quan lý thuyết ; Chương 2: Dụng cụ, hóa chất và thiết bị hỗ trợ ; Chương 3: Thực nghiệm, chế tạo và kết quả phân tích của bột huỳnh quang Sr ₄ Al ₁₄ O ₂₅ : Mn ⁴⁺ ; Chương 4: Thực nghiệm, chế tạo và kết quả phân tích của bột huỳnh quang Sr ₄ Al ₁₄ O ₂₅ : Mn ⁴⁺ , Na ⁺

7174	Đại học	NGHIÊN CỨU THIẾT VÀ LẮP RÁP BẢNG HIỆU ĐÈN LED MA TRẬN ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI	Trần, Văn Tấn	PGS.TS Nguyễn, Trí Tuấn	2019	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT ĐÈN LED VÀ MODULE LED MA TRẬN: Trình bày sơ lược về lịch sử ra đời đèn LED, cấu tạo, nguyên lý hoạt động và module LED ma trận. CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ VÀ LẮP RÁP BẢNG HIỆU ĐÈN LED MA TRẬN ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI: Trình bày phần chuẩn bị dụng cụ, sau đó tiến hành thiết kế lắp ráp bảng đèn LED ma trận điều khiển bằng wifi, cuối cùng lập trình hiển thị văn bản trên phần mềm LedArt trên điện thoại và HD trên lap top. CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN: Trình bày kết quả đạt được, ưu điểm nhược điểm và hướng phát triển đề tài.
7175	Đại học	Thiết Kế Lắp Ráp Và Khảo Sát Sự Chuyển Hóa Năng Lượng Của Tấm Pin Năng Lượng Mặt Trời Công Suất 50w.	Nguyễn Văn Lộc; La Thành Gia Thịnh, Văn Lộc; Thành Gia Thịnh	PGS. TS Nguyễn Trí Tuấn	2019	Đề tài Thiết kế lắp ráp và khảo sát sự chuyển hóa năng lượng của tấm pin năng lượng mặt trời công suất 50W trình bày về việc thiết kế lắp đặt và khảo sát sự chuyển hóa năng lượng của tấm pin năng lượng mặt trời theo thời gian và vị trí góc để tấm pin tạo ra dòng điện tối ưu. Tìm hiểu lý thuyết về hiệu ứng quang điện, tấm pin năng lượng mặt trời, nguyên lý hoạt động của tấm pin năng lượng mặt trời, ưu điểm và nhược điểm của tấm pin năng lượng mặt trời, hệ thống sử dụng pin năng lượng mặt trời và cách tính toán để lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời. Trình bày về bản vẽ, dụng cụ và thiết bị trong việc lắp đặt. Trình bày kết quả đạt được, ưu nhược điểm và hướng phát triển đề tài.
7176	Đại học	Thiết bị định vị GPS bằng Wi-Fi	Bùi, Thu Hà	Vương ; Nguyễn, Tấn Sĩ; Thanh Phong	2019	Luận văn này nghiên cứu đề tài “Thiết bị định vị GPS bằng Wi-Fi”. Nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu định vị, giám sát các đối tượng di động bằng việc khai thác sử dụng các tính năng của hệ thống định vị toàn cầu GPS, cùng với thế mạnh về sự phát triển của công nghệ không dây Wi-Fi trong việc lưu trữ và truyền dữ liệu lên Internet Kết quả sau 5 tháng nghiên cứu, tôi đã tạo ra được sản phẩm thiết bị định vị GPS bằng Wi-Fi, có khả năng định vị với độ chính xác cao, hiển thị được thông tin về vĩ độ, kinh độ, vận tốc di chuyển, số vệ tinh trong tầm quan sát của thiết bị lên màn hình điện thoại thông minh, cùng màn hình LCD, và vẽ lại được lộ trình di chuyển của thiết bị một cách trực quan.
7177	Đại học	Thiết kế chế tạo hệ thống pin mặt trời tự quay theo hai trục.	Nguyễn, Thanh Hoàng	PGS.TS. Nguyễn, Thành Tiên.	2019	Trong bài luận văn này, chủ yếu nêu lên cách thiết kế và chế tạo hệ thống pin năng lượng mặt trời tự xoay theo hai trục. Hệ thống được thiết kế nhằm mục đích cho pin năng lượng mặt trời luôn đón được hướng mặt trời để độ gọi vào pin tại mọi thời điểm là cao nhất. Hệ thống pin được chế tạo dựa trên nguyên lý cầu quang trở. Pin mặt trời chuyển động theo hai hướng giúp pin luôn nhận được độ gọi cực đại tại mọi thời điểm trong ngày. Mọi cảm biến chuyển động, ghi dữ liệu, định hướng ngày giờ của hệ thống đều được sử dụng cảm biến thông qua phần mềm lập trình ADRUINO dựa trên lập trình C++, bên cạnh đó trên hệ thống có lắp đặt thêm hai cảm biến nhiệt độ và độ ẩm, giúp ta xác định được mối tương quan của độ rọi, nhiệt độ và độ ẩm trong ngày.

7178	Đại học	Dự báo bão và áp thấp ở Việt Nam	Phạm, Kiều Trang	PGS.TS Dương Hiếu Đẩu, Hiếu Đẩu	2019	Trong luận văn này nêu lên những đặc điểm về bão và áp thấp, hiện trạng, tác hại và nguyên nhân gây ra nó, đồng thời nêu lên cách dự báo cũng như cách phòng chống bão và áp thấp, và đặc biệt Trong luận văn này, bản thân tôi đã sử dụng công cụ là phần mềm trực tuyến Venstusky để nghiên cứu, phân tích đánh giá và dự báo các cơn bão lớn trong năm 2017 tại Việt Nam, qua đó đưa ra một qui trình sử dụng phần mềm này phân tích và dự báo các cơn bão sẽ hình thành và phát triển trong thời gian tới tại Việt Nam nói chung và tại các nơi khác trên thế giới nói riêng, chúng ta sẽ so sánh diễn biến được dự báo với tình hình thực tế để từ đó rút ra các qui luật vận động của các cơn bão sắp tới đã có các bước phòng chống và giám sát hạn chế tác hại của các cơn bão tạo ra.
7179	Đại học	Mô hình điều khiển thiết bị từ xa sử dụng sóng radio và sóng hồng ngoại	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Vương ; Nguyễn, Tấn Sĩ; Thanh Phong	2019	Luận văn trình bày về các thành phần linh kiện, cấu tạo, sơ đồ mạch, cũng như việc lập trình cho mô hình điều khiển thiết bị từ xa, sử dụng hai loại sóng là Radio và sóng hồng ngoại. Luận văn bao gồm các chương: CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI Trình lý do chọn đề tài, phạm vi nghiên cứu và các bước thực hiện.CHƯƠNG 2: THÀNH PHẦN LINH KIỆN Trình bày về cấu tạo và chức năng của các linh kiện chính trong mô hình. CHƯƠNG 3: CÁC PHẦN MỀM HỖ TRỢ, THIẾT KẾ, LẬP TRÌNH VÀ HOÀN THIỆN MẠCHTrình bày các sơ đồ về cấu tạo, nguyên lý và lập trình thông qua các phần mềm hỗ trợ. CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN Trình bày kết quả đạt được, ưu nhược điểm và hướng phát triển của đề tài.
7180	Đại học	Nghiên cứu mạ đồng bằng điện trên sắt	Nguyễn, Văn Nghĩ	TS. Huỳnh, Thanh Tuấn	2019	Luận văn nghiên cứu về lý thuyết mạ điện, lý thuyết về mạ đồng, thực nghiệm tiến hành mạ đồng bằng dòng điện một chiều qua dung dịch sulphate và nêu lên kết quả thực nghiệm.
7181	Đại học	Chế tạo Pin mặt trời	Trần, Thị Tường Vi		2019	Khái quát về năng lượng mặt trời, năng lượng điện Mặt trời, hiện trạng & ứng dụng của năng lượng Mặt trời. Thực nghiệm chế tạo tấm pin mặt trời từ tấm mica & dây đồng. Nguyên lý & quy trình thực nghiệm. Kết quả đo khi đo 1 tấm, đo PP mắc nối tiếp & đo bằng mắc song song. Biểu đồ & nhận xét, Cuối cùng là kết luận & phần kiến nghị.
7182	Đại học	Tự động đo & ghi phổ bằng giao tiếp Matlab – Arduino.	Ngô, Đăng Khoa	TS. Trần, Thanh Hải	2019	Mục tiêu chính của đề tài này là xây dựng được thiết bị ghi qua phổ nhiễu xạ dựa trên nền của một quang phoorkees có sẵn. Thiết kế mạch dựa trên vi điều khiển Arduino. Thiết kế giao diện người dùng GUI trên Matlab, lập được đồ thị phổ ngay trên giao diện này , xuất được tập tin dữ liệu.

7183	Đại học	Chế tạo màng mỏng TiO ₂ ứng dụng cho solar cell	Huỳnh, Phan Thành Đô	PGS.TS Nguyễn, Trí Tuấn	2019	Màng mỏng TiO ₂ được lắng đọng trên đế thủy tinh phủ màng ITO (Indium Tin Oxide) từ hạt nano TiO ₂ bằng phương pháp điện phân dòng một chiều trong môi trường Isopropanol, và được sử dụng làm điện cực để chế tạo pin DSSC. Phân tích màng mỏng bằng các phương pháp khác nhau để khảo sát tính chất vật lý của màng: xác định pha, cấu trúc bề mặt bằng phương pháp đo nhiễu xạ tia X (XRD); bề mặt màng được đo bằng kính hiển vi quang học (OM); hình thái bề mặt, độ xốp màng được xác định bằng ảnh hiển vi điện tử quét phát xạ trường (FESEM). Màng mỏng thu được sau đó đem đi chế tạo thành DSSC và đo điện áp hở mạch (VOC), dòng ngắn mạch (ISC) của pin chế tạo được.
7184	Đại học	Nghiên cứu thời gian & nhiệt độ hoạt hóa carbon nanotube định hướng ứng dụng trong điện cực pin nhiên liệu dùng methanol trực tiếp	Phan , Diễm Trinh, Dương Ngọc ái Trinh Huỳnh	Ths.Đặng, Long Quân	2019	
7185	Đại học	Xác định nồng độ dung dịch vanadium bằng máy quang phổ UV-VIS	VÕ PHAN THIẾT, VÕ PHAN THIẾT	TS. NGUYỄN, THỊ HỒNG	2019	Xác định độ hấp thụ quang của dung dịch phức vanadium và thiết lập phương trình đường chuẩn.
7186	Đại học	THIẾT KẾ MÔ HÌNH NHÀ THÔNG MINH	TỔNG, THUY MY	VƯƠNG TÂN SĨ & NGUYỄN THANH PHONG, Tấn Sĩ & Thanh Phong	2019	THIẾT KẾ MÔ HÌNH NHÀ THÔNG MINH trình bày về việc thiết kế mô hình nhà thông minh với các tính năng tự động và điều khiển các thiết bị thông qua mạng wifi và hệ thống chống trộm cho ngôi nhà.
7187	Đại học	Thiết kế chế tạo và lập trình cánh tay robot 4 bậc tự do.	Hứa, Vũ Thiệu Bằng	Vương & Nguyễn, Tấn Sĩ & Thanh Phong	2019	Nghiên cứu về cấu tạo & các PP điều khiển thích hợp trên cơ sở ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến & xây dựng những giải pháp phần cứng cũng như phần mềm để chế tạo bộ điều khiển cánh tay robot 4 bậc tự do. Nhằm làm chủ kỹ thuật chế tạo robot, có thể áp dụng vào phòng thí nghiệm của các trường cao đẳng, đại học cũng như ứng dụng trong sản xuất công nghiệp.
7188	Đại học	PHÂN LẬP THỰC KHUẨN THỂ TỪ ĐẤT TRỒNG CÂY RIỀNG (Alpinia officinarum Hance) CÓ KHẢ NĂNG ỨC CHẾ VI KHUẨN Ralstonia solanacearum GÂY BỆNH HÉO XANH TRÊN CÂY TRỒNG	Nguyễn, Thị Bích Hiền	Trương, Thị Bích Vân	2018	
7189	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG HÒA TAN LÂN TRONG ĐẤT TRỒNG LÚA BỊ NHIỄM MẶN TẠI MỘT SỐ HUYỆN CỦA TỈNH SÓC TRĂNG	Nguyễn, Thị Chi Linh	Bùi, Thị Minh Diệu	2018	
7190	Đại học	TUYỂN CHỌN NẤM MEN SẢN XUẤT SINH KHỐI CAO VÀ KHẢO SÁT CÁC ĐIỀU KIỆN NUÔI CẤY NẤM MEN TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC CHUA TÀU HỦ	Đặng, Thanh Nhân	Huỳnh, Xuân Phong	2018	

7191	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ CAO CHIẾT LÁ MÙ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Lê, Thị Thanh Nhân	Nguyễn, Đức Độ	2018	
7192	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG CỐ ĐỊNH ĐẠM, HỒA TAN LÂN, TỔNG HỢP IAA CỦA CÁC CHỦNG VI KHUẨN BACILLUS SP. LÊN SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY DƯA LEO TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM	Trần, Thị Yến Nhi	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7193	Đại học	TỐI ƯU HÓA CÁC ĐIỀU KIỆN LÊN MEN RƯỢU VANG THANH LONG RUỘT ĐỎ (<i>Hylocereus polyrhizus</i>)	Nguyễn, Ngọc Anh Thư	Huỳnh, Xuân Phong	2018	
7194	Đại học	ĐỊNH DANH VÀ TUYỂN CHỌN CHẤT MANG ĐỂ TỒN TRỮ VI KHUẨN Bacillus sp. ĐỐI KHÁNG VỚI NẤM Colletotrichum lagenarium GÂY BỆNH THÁN THƯ TRÊN CÂY DƯA LEO	Quang, Minh Thư	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7195	Đại học	ĐÁNH GIÁ ĐẶC TÍNH LIÊN QUAN PROBIOTIC CỦA VI KHUẨN ACID LACTIC PHÂN LẬP TỪ SỮA MẸ VÀ PHÂN TRẺ EM	Nguyễn, Châu Hồng Trâm	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7196	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ TÍNH KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY TỎI (<i>Allium sativum</i>) TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Châu, Ngọc Tuyên	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
7197	Đại học	KHẢO SÁT CÁC ĐIỀU KIỆN THU NHẬN YEAST EXTRACT VÀ BETA GLUCAN TỪ NẤM MEN TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC CHUA TÀU HỦ	Trần, Thị Hồng Vần	Huỳnh, Xuân Phong	2018	
7198	Đại học	KHẢO SÁT ĐIỀU KIỆN TĂNG SINH VI KHUẨN LACTIC TẠO CHẤT KHÁNG KHUẨN TỪ NƯỚC CHUA TÀU HỦ	Phạm, Thúy Vi	Huỳnh, Xuân Phong	2018	
7199	Đại học	TUYỂN CHỌN NẤM MEN TỰ NHIÊN LÊN MEN RƯỢU VANG DƯA GANG (<i>Cucumis melo</i> Linn)	Nguyễn, Võ Long Việt	Nguyễn, Văn Thành	2018	

7200	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY TỎI (<i>Allium sativum</i>) Ở TỈNH VĨNH LONG	Nguyễn, Thị Xuân Thảo	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
7201	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG VỚI MỘT SỐ NẤM GÂY BỆNH CÂY TRỒNG VÀ HIỆU QUẢ GIẢM BỆNH VÀNG RỤNG LÁ TRÊN DQJA LEO CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp.	Nguyễn, Hoài Nhân	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7202	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MĂNG CẦU XIÊM (<i>Annona muricata</i> L.)	Mai, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7203	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG MĂNG CẦU XIÊM (<i>Annona muricata</i> L.)	Mai, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7204	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN LACTIC KHÁNG VI KHUẨN <i>Propionibacterium</i> sp. GÂY MỤN TRÊN DA	Nguyễn, Thị Tuyết Mai	Huỳnh, Xuân Phong	2018	
7205	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN TỰ NHIÊN LÊN MEN RƯỢU VANG CHUỐI CAU	Nguyễn, Phan Kim Châu	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7206	Đại học	KHAO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN NITROGEN VÀ THỜI GIAN NUÔI CÂY LÊN SỰ HÌNH THÀNH QUẢ THỂ, SINH TỔNG HỢP POLYSACCHARIDE CỦA NẤM NHỘNG TẦM THẢO (<i>Cordyceps militaris</i>)	Nguyễn, Thị Minh Ngọc	Trần, Nhân Dũng	2018	
7207	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG VI KHUẨN GÂY MỤN CỦA CAO CHIẾT HẠT CÂY MAI DƯƠNG (<i>Mimosa pigra</i>)	Trần, Hồng Ngọc	Đỗ, Tấn Khang	2018	
7208	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG VỚI MỘT SỐ NẤM GÂY BỆNH CÂY TRỒNG VÀ HIỆU QUẢ GIẢM BỆNH VÀNG RỤNG LÁ TRÊN DQJA LEO CỦA VI KHUẨN <i>Bacillus</i> sp.	Nguyễn, Hoài Nam	Nguyễn, Thị Liên	2018	

7209	Đại học	KHAO SÁT CÁC ĐIỀU KIỆN THUY PHÂN VỎ KHÓM VÀ ỨNG DỤNG TRONG SẢN XUẤT ETHANOL SINH HỌC SỬ DỤNG NẤM MEN CHỊU NHIỆT	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	Huỳnh, Xuân Phong	2018	
7210	Đại học	TUYỂN CHỌN DÒNG NẤM MEN CÓ KHẢ NĂNG LÊN MEN RƯỢU VANG ĐU ĐỦ (<i>Carica papaya</i>)	Ngô, Huỳnh Ngọc Bút	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7211	Đại học	PHÂN LẬP VÀ KHẢO SÁT VI KHUẨN CỐ ĐỊNH ĐẠM TRONG VÙNG RỄ CÂY DƯA LEO TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM	Nguyễn, Minh Vũ	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7212	Đại học	KHAO SÁT SỰ ANH HƯỞNG CỦA NGUỒN NITROGEN, KHOÁNG VI LƯỢNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH QUẢ THỂ VÀ SINH TỔNG HỢP POLYSACCHARIDE CỦA NHỘNG TẦM THẢO (<i>Cordyceps militaris</i>)	Phạm, Thị Thùy Dương	Trần, Nhân Dũng	2018	
7213	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY SẢ (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf) Ở TỈNH AN GIANG	Nguyễn, Thị Xuân Phụng	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
7214	Đại học	PHÂN LẬP VÀ KHẢO SÁT KHẢ NĂNG ĐỐI KHÁNG CỦA NẤM <i>Trichoderma</i> sp. VỚI NẤM <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG THÍ NGHIỆM	Nguyễn, Hoàng Hải Bằng	Nguyễn, Thị Liên	2018	
7215	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC DÒNG VI KHUẨN NỘI SINH CÓ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TRONG CÂY TỎI (<i>Allium sativum</i>) ĐƯỢC TRỒNG Ở TỈNH AN GIANG	Huỳnh, Thị Ngọc Vàng	Nguyễn, Hữu Hiệp	2018	
7216	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG ỔI (<i>Psidium guajava</i> L.)	Trương, Ngọc Phương	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7217	Đại học	KHAO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG VI KHUẨN (<i>Vibrio parahaemolyticus</i>) GÂY BỆNH HOẠI TỬ TRÊN TÔM CỦA MỘT SỐ THỰC VẬT	Trần, Thị Bé Thắm	Nguyễn, Thị Liên	2018	

7218	Đại học	TỐI ƯU HÓA ĐIỀU KIỆN LÊN MEN ETHANOL TỪ DỊCH THỦY PHÂN VỎ KHÓM SỬ DỤNG NẤM MEN CHỊU NHIỆT	Ngô, Thị Kim Ly	Huỳnh, Xuân Phong	2019	
7219	Đại học	KHẢO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC CHỦNG VI KHUẨN CỐ ĐỊNH ĐẠM, HÒA TAN LÂN LÊN SỰ SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY ĐƯA LEO TRONG ĐIỀU KIỆN NHÀ LƯỚI	Đỗ, Thị Kiều My	Nguyễn, Thị Liên	2019	
7220	Đại học	TỐI ƯU HÓA ĐIỀU KIỆN LÊN MEN ETHANOL TỪ DỊCH THỦY PHÂN BÃ MÍA SỬ DỤNG NẤM MEN CHỊU NHIỆT	Huỳnh, Quang Khải	Huỳnh, Xuân Phong	2019	
7221	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN LÊN MEN RƯỢU VANG THANH LONG RUỘT ĐỎ (<i>Hylocereus polyrhizus</i>)	Phạm, Thị Thu Thảo	Huỳnh, Xuân Phong	2019	
7222	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN LACTIC KHÁNG VI KHUẨN <i>Propionibacterium</i> sp. GÂY MỤN TRÊN DA	Nguyễn, Thị Tuyết Mai	Huỳnh, Xuân Phong	2019	
7223	Đại học	PHÂN LẬP THỰC KHUẨN THỂ TỪ NƯỚC AO NUÔI TÔM CÓ KHẢ NĂNG ỨC CHẾ VI KHUẨN <i>Vibrio</i> spp. GÂY BỆNH TRÊN TÔM TRONG ĐIỀU KIỆN IN VITRO	Nguyễn, Bích Ngọc	Trương, Thị Bích Vân	2019	
7224	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN NẤM MEN TỰ NHIÊN LÊN MEN RƯỢU VANG CHUỐI CAU	Nguyễn, Phan Kim Châu	Nguyễn, Văn Thành	2019	
7225	Đại học	TUYỂN CHỌN VI KHUẨN <i>Acetobacter</i> sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIÂM VANG MĂNG CÀU XIÊM (<i>Annona muricata</i> L.)	Mai, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn, Văn Thành	2018	
7226	Đại học	KHẢO SÁT KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN TỪ CAO PHẦN ĐOẠN LÁ CÂY MŨ U (<i>Calophyllum inophyllum</i>)	Nguyễn, Thị Hải Yến	Nguyễn, Đức Độ	2019	
7227	Đại học	PHÂN LẬP CÁC ĐỒNG VI KHUẨN NỘI SINH TRONG CÂY NGŨ GAI (<i>Eryngium foetidum</i> L.) Ở TỈNH HẬU GIANG	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	

7228	Đại học	PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỒNG VI KHUẨN PHÂN HỦY CHẤT TẨY RỬA TỔNG HỢP TRONG NƯỚC THẢI SINH HOẠT CỦA HỘ DÂN Ở TỈNH VĨNH LONG	Huỳnh, Ngọc Lý Nữ	Nguyễn, Hữu Hiệp	2019	
7229	Đại học	PHÂN LẬP THỰC KHUẨN THỂ TỪ NƯỚC BIỂN VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG ỨC CHẾ VI KHUẨN <i>Vibrio</i> spp. GÂY BỆNH TRÊN THUỖ SẢN	Nguyễn, Hoàng Vũ	Trương, Thị Bích Vân	2019	
7230	Đại học	Mức độ phát triển du lịch ở vùng sinh thái nhạy cảm, trường hợp nghiên cứu tại bãi biển Mỏ Ó, huyện Trần đề, tỉnh Sóc trăng.	Luu, Yến Nhi	Lê, Thị Tố Quyên	2018	Đề tài “Mức độ phát triển du lịch bền vững ở vùng sinh thái nhạy cảm, trường hợp nghiên cứu tại bãi biển Mỏ Ó, huyện Trần đề, tỉnh Sóc trăng” nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ phát triển du lịch ở bãi biển Mỏ Ó, từ đó rút ra đánh giá về tình hình du lịch bền vững tại đây. Nghiên cứu dùng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp với việc hỏi trực tiếp 121 người dân địa phương. Qua quá trình xử lý dữ liệu bởi các phương pháp như thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính đã đưa ra kết quả nghiên cứu như sau : nhân tố “đa dạng sinh học” đóng góp 33,7%, nhân tố “cơ sở vật chất – cơ sở hạ tầng” đóng góp 24,2%, nhân tố “công tác quản lý của chính quyền địa phương” đóng góp 23,6% và nhân tố “con người với môi trường” đóng góp 18,5% trong mức độ phát triển du lịch bền vững tại bãi biển Mỏ Ó.
7231	Đại học	Phân tích hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch mạo hiểm tại hang Sơn Đoòng, tỉnh Quảng Bình	Phan, Thị Huyền Trang	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Mục đích chính của nghiên cứu là phân tích hiện trạng hoạt động du lịch mạo hiểm tại hang Sơn Đoòng từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp phát triển loại hình du lịch mạo hiểm tại Hang Sơn Đoòng, Tỉnh Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy Hang Sơn Đoòng có tiềm năng kinh doanh du lịch mạo hiểm rất lớn, ngày một thu hút du khách đặc biệt là khách nước ngoài có xu hướng tăng đột biến. Cùng với những tiềm năng vốn có song hang Sơn Đoòng vẫn đang phát triển theo hướng tự phát, khai thác đại trà vẫn tiếp diễn.
7232	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đến du lịch tâm linh tỉnh Bạc Liêu	Đoàn, Văn Đà	Lê, Thị Tố Quyên	2018	Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đến những địa điểm lịch tâm linh tỉnh Bạc Liêu. Dựa vào phương pháp thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Đánh giá tiềm năng và thực trạng du lịch tâm linh của tỉnh. Từ đó đưa ra đề xuất để nâng cao mức độ hài lòng của du khách về hoạt động du lịch tâm linh của tỉnh cũng như thu hút du khách trở lại vào những lần tiếp theo.

7233	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch ở khu du lịch Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	Trần, Thị Ngọc Trân	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch ở khu du lịch Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang được nghiên cứu từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2018. Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá tiềm năng từ đó phân tích hiện trạng và đưa ra những giải pháp để phát triển du lịch bền vững tại khu du lịch Lại Sơn. Sử dụng ba phương pháp nghiên cứu là phương pháp thu thập, xử lý thông tin và tổng hợp tài liệu, tài liệu và thông tin được lấy chủ yếu từ Sở du lịch tỉnh Kiên Giang, phòng Văn hóa và thông tin huyện Kiên Hải và UBND xã Lại Sơn; phương pháp khảo sát thực địa đến khu du lịch Lại Sơn lấy những thông tin thực tế, hình ảnh để phục vụ cho quá trình nghiên cứu; phương pháp phỏng vấn, điều tra bảng hỏi, phương pháp này sử dụng 100 bảng hỏi để phỏng vấn khách du lịch và sử dụng bảng phỏng vấn để hỏi chính quyền và người dân địa phương tại xã Lại Sơn, thời gian phỏng vấn từ tháng 9 đến tháng 11, thông qua những bảng phỏng vấn để đưa ra những ý kiến thiết thực nhất. Qua quá trình nghiên cứu có những kết quả đạt được như: về mặt thuận lợi nhận thấy tại khu du lịch Lại Sơn có nhiều tiềm năng phát triển các loại hình du lịch mới, là điểm mới nên thu hút được nhiều khách du lịch và nằm ở một vị trí khá thuận lợi; bên cạnh những lợi ích có những khó khăn như hoạt động du lịch còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, tài nguyên du lịch chưa được khai thác triệt để, nguồn lao động còn hạn chế về trình độ và làng nghề nước mắm cần được sự quan tâm nhiều hơn của chính quyền địa phương.
7234	Đại học	Đánh giá của người dân địa phương về các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại Núi Sam, thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang	Nguyễn, Thị Kiều Nhanh	Lê, Thị Tố Quyên	2018	Mục tiêu của đề tài phân tích đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại Núi Sam, từ đó xác lập cơ sở khoa học cho việc đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Núi Sam, thành phố Châu Đốc Tỉnh An Giang. Kết quả phân tích cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại Núi Sam, thành phố Châu Đốc Tỉnh An Giang. Kết quả phân tích cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững tại Núi Sam: “sự phát triển kinh tế địa phương”, “tình trạng ô nhiễm môi trường”, “tình trạng an ninh trật tự”, “sự hài lòng”, “công tác quản lý của chính quyền địa phương”
7235	Đại học	TIỀM NĂNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA KHU QUAN ÂM PHẬT ĐÀI TẠI THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU	Nguyễn, Văn Kết	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Đề tài này nhằm mục tiêu chính là đánh giá tiềm năng phát triển du lịch, phân tích thực trạng phát triển du lịch khu Quan Âm Phật Đài Mẹ Nam Hải. Đưa ra những giải pháp phát triển phù hợp hơn cho khu Quan Âm Phật Đài Mẹ Nam Hải.

7236	Đại học	Văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer Trà Vinh và khả năng đưa vào khai thác trong du lịch	Phan, Thị Á Xuân	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Đề tài tập trung nghiên cứu về mọi mặt của văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer Trà Vinh. Từ nguồn gốc, nguyên liệu, cách chế biến, trình bày của văn hóa ẩm thực trong đời sống hàng ngày của đồng bào Khmer và nền ẩm thực truyền thống trong thi ca. Thấy được tiềm năng của văn hóa ẩm thực trong phát triển du lịch. Cũng như tìm hiểu về thực trạng và hướng giải pháp để đưa văn hóa ẩm thực của đồng bào Khmer vào trong phát triển du lịch tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu thông qua việc thu thập dữ liệu từ nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, từ cuộc khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu. Kết quả cho thấy văn hóa ẩm thực của người Khmer Trà Vinh hội tụ đủ các yếu tố để đưa vào phát triển du lịch của tỉnh. Để đẩy mạnh việc phát triển du lịch ẩm thực tỉnh Trà Vinh cần có những chiến lược và giải pháp tối ưu để khắc phục những yếu kém và phát huy một cách tốt đa thế mạnh của văn hóa ẩm thực người Khmer, cần phải có sự chung tay nỗ lực không chỉ là chính quyền địa phương mà còn của người dân địa phương và khách du lịch.
7237	Đại học	ĐÁNH GIÁ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH MÙA XUÂN – TỈNH HẬU GIANG	Huỳnh, Trí Linh	Lý, Mỹ Tiên	2018	Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tại khu du lịch Mùa Xuân . Xác định và đánh giá những nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại khu du lịch Mùa Xuân. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch tại khu du lịch Mùa Xuân theo các nhân tố tác động. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại Mùa Xuân ngày một tốt hơn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.
7238	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch nông thôn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Ngô, Thị Ái Thi	Lý, Mỹ Tiên	2018	Đề tài nhằm mục tiêu phân tích tiềm năng phát triển du lịch nông thôn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch nông thôn ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển du lịch nông thôn tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
7239	Đại học	Đánh giá những nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại quần đảo Bà Lụa – tỉnh Kiên Giang	Dương, Thị Duyên	Lê, Thị Tố Quyên	2018	Nghiên cứu “Đánh giá những nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại quần đảo Bà Lụa – tỉnh Kiên Giang” nhằm đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch của quần đảo Bà Lụa để xác lập cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững tại quần đảo Bà Lụa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đề tài được thực hiện bởi phương pháp định lượng với mẫu nghiên cứu gồm 120 đáp viên là du khách nội địa đến tham quan du lịch tại xã Sơn Hải, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Qua tìm hiểu và phân tích đánh giá của 120 du khách đến tham quan quần đảo Bà Lụa – tỉnh Kiên Giang, tác giả đã nhận thấy được những nhân tố có tác động tích cực cũng như những vấn đề hạn chế còn tồn đọng đến sự phát triển du lịch nơi đây. Kết quả đánh giá của 120 du khách cho thấy được có 6 nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại quần đảo Bà Lụa bao gồm: nhân tố 1 “tình trạng an ninh trật tự an toàn”, nhân tố 2 “Giá cả dịch vụ”, nhân tố 3 “Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch”, nhân tố 4 “Điểm tham quan, ăn uống và lưu trú”, nhân tố 5 “Thái độ phục vụ của hướng dẫn viên du lịch”, nhân tố 6 “Kĩ năng phục vụ của hướng dẫn viên du lịch”. Trong đó cả 6 nhân tố đều được đánh giá là có tác động tốt đến sự phát triển du lịch tại quần đảo Bà Lụa.

7240	Đại học	Đánh giá các nhân tố tạo nên sự thu hút khách du lịch ở Côn Đảo	Luru, Duyệt An	Lê, Thị Tố Quyên	2018	Mục tiêu chung của đề tài nghiên cứu nhằm xác định và đánh giá những nhân tố tạo nên sự thu hút khách du lịch ở quần đảo Côn Đảo. Bài nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 20.0, sử dụng phương pháp thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA. Thông qua nghiên cứu, đã xác định được năm yếu tố ảnh hưởng đến sự thu hút khách: tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, hướng dẫn viên; Ẩm thực và nguồn nhân lực; Giá cả dịch vụ; Tình trạng an ninh trật tự; Cơ sở hạ tầng và công tác quảng bá du lịch.
7241	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch quốc tế đến tham quan tại làng Chấm Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang	Trịnh, Xuân Giang	Lê, Thị Tố Quyên	2018	- Tổng quan cơ sở lý luận về du lịch - Phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tại làng Chấm Đa Phước. - Sử dụng mô hình nghiên cứu SERVPERF để đánh giá được mức độ hài lòng của khách du lịch với 2 nhóm tiêu chí chỉ được đánh giá ở mức độ trung lập là “chỉ tiêu về CSVC-KT và CSHT”, “chỉ tiêu về sản phẩm du lịch” và có 3 nhóm tiêu chí được đánh giá ở mức độ hài lòng là: “chỉ tiêu và môi trường và tài nguyên du lịch”, “chỉ tiêu về giá cả dịch vụ”, “chỉ tiêu về nhân viên phục vụ”. - Khi phân tích có 7 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch quốc tế đến tham quan tại LCDP, bao gồm: (1) môi trường, CSVC-KT và CSHT; (2) giá cả dịch vụ; (3) sản phẩm du lịch; (4) nhân viên phục vụ; (5) hoạt động du lịch; (6) tài nguyên du lịch và CSVC-KT; (7) bảo vệ môi trường. - Đề xuất được giải pháp để nâng cao mức độ hài lòng của khách du lịch quốc tế.
7242	Đại học	Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Mũi Cà Mau	Quách, Văn Nghi	Lý, Mỹ Tiên	2018	Mục đích của nghiên cứu là: Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại VQG Mũi Cà Mau, đánh giá các điều kiện tác động phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Mũi Cà Mau. Qua phương pháp phân tích nhân tố khám phá cho được kết quả nghiên cứu có 8 nhân tố: Hướng dẫn viên du lịch, Tình hình an ninh – an toàn, diễn giải về môi trường, dịch vụ phục vụ du lịch, cơ sở - vật chất, giá cả dịch vụ du lịch, nguồn nhân lực ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Mũi Cà Mau. Từ đó đề xuất định hướng và mô hình thực tiễn phát triển du lịch sinh thái. Đưa ra một số giải pháp thực hiện.
7243	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của du khách đối với chất lượng homestay ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Hồng Phận	Lý, Mỹ Tiên	2018	Đề tài nghiên cứu với mục đích đánh giá sự hài lòng của du khách đối với chất lượng Homestay ở huyện Phong Điền, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng du lịch của huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố tác động đến sự hài lòng của du khách: Cơ sở hạ tầng, sự đáp ứng, an ninh trật tự, sự đồng cảm, yếu tố hữu hình.
7244	Đại học	ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỰ TỔ CHỨC ĐI DU LỊCH CỦA SINH VIÊN NGÀNH VIỆT NAM HỌC ĐẠI HỌC CẦN THƠ Ở HÒA AN	Phan, Hữu Lợi	Lý, Mỹ Tiên	2018	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tự tổ chức đi du lịch của sinh viên ngành Việt Nam học Đại học Cần Thơ ở Hòa An và đưa ra những giải pháp phù hợp để phát triển loại hình du lịch tự tổ chức ở sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố tác động đến hoạt động tự tổ chức đi du lịch của sinh viên ngành Việt Nam học ở Hòa An là: Động cơ, Kiến thức bản thân, Yếu tố khách quan và Môi quan hệ.

7245	Đại học	Đánh giá thực trạng và định hướng nâng cao an toàn an ninh trong phát triển du lịch ở quận Ninh Kiều-thành phố Cần Thơ.	Trần, Ngọc Dung	Lý, Mỹ Tiên	2018	Nghiên cứu “Đánh giá thực trạng và định hướng nâng cao an toàn an ninh trong phát triển du lịch ở quận Ninh Kiều-thành phố Cần Thơ” nhằm đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến an toàn an ninh trong du lịch ở quận Ninh Kiều để xác định cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp giữ vững an toàn an ninh và phát triển du lịch ở quận Ninh Kiều-thành phố Cần Thơ, đề tài được thực hiện bởi phương pháp định lượng với mẫu nghiên cứu gồm 125 đáp viên là du khách nội địa đến tham quan du lịch khu vực quận Ninh Kiều-thành phố Cần Thơ. Qua tìm hiểu và phân tích đánh giá 125 du khách đến du lịch khu vực quận Ninh Kiều, tác giả đã nhận thấy ưu điểm và một số hạn chế tác động tiêu cực đến an toàn an ninh trong du lịch ở quận Ninh Kiều. Kết quả đánh giá của 125 du khách cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng đến an toàn an ninh trong du lịch quận Ninh Kiều bao gồm: nhân tố 1 “vai trò của nhà cung cấp dịch vụ”, nhân tố 2 “trật tự trị an xung quanh điểm du lịch”, nhân tố 3 “vai trò cầu chính quyền địa phương”, nhân tố 4 “nhân lực”
7246	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của du khách đến với sự phát triển du lịch tâm linh tại thành phố Sóc Trăng	Thạch, Minh Thường	Lý, Mỹ Tiên	2018	Đề tài nghiên cứu sự hài lòng của du khách đến với sự phát triển du lịch tâm linh tại thành phố Sóc Trăng, thông qua phỏng vấn 120 khách và nhập dữ liệu lên phần mềm SPSS 20 để chạy dữ liệu, qua đó kết quả đạt được là du khách cảm thấy khá hài lòng với những sản phẩm hiện tại tại thành phố Sóc Trăng, đó là bước đầu thành công trong định hướng phát triển du lịch của thành phố Sóc Trăng, trong định hướng phát triển du lịch từ năm 2020 đến 2025. Tuy nhiên, để thu hút nhiều thị trường khách khác nhau thì chúng ta cần phát huy những sản phẩm hiện tại và quan tâm và đầu tư ra nhiều sản phẩm mang giá trị văn hóa đặc trưng riêng của từng địa phương, để du khách đến đây trải nghiệm nhiều hoạt động khi đến vui chơi, tham quan tại thành phố Sóc Trăng.
7247	Đại học	Khai thác giá trị văn hóa lễ hội đình thần AHDT Nguyễn Trung Trực trong phát triển du lịch tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Viên, Đăng Khoa	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Thông qua quá trình khảo sát và đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch nhận thấy khách du lịch đến lễ hội chủ yếu với mục đích hành hương là chính so với việc tham gia các hoạt động khác tại thành phố Rạch Giá. Tuy nhiên các hoạt động nghệ thuật, chợ phiên, thi cộ hoa diễu hành, thả đèn hoa đăng, triển lãm tranh, . . . thật sự để lại ấn tượng. Tuy nhiên vấn đề an ninh trật tự, chèo kéo và chặt chém khách trong mùa lễ hội chưa được giải quyết triệt để.
7248	Đại học	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn, Thảo Vuy	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Nhằm đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; Phân tích một số hiện trạng phát triển du lịch sinh thái tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; Đề xuất các giải pháp khả thi cho sự phát triển du lịch sinh thái tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
7249	Đại học	Tiềm năng và định hướng khai thác nghệ thuật đờn ca tài tử trong hoạt động du lịch thành phố Bạc Liêu	Phạm, Thị Ánh Chúc	Trương, Thị Kim Thủy	2018	- Tìm hiểu tổng quan về nghệ thuật ĐCTT Nam Bộ. - Nghiên cứu tiềm năng và hiện trạng khai thác ĐCTT trong du lịch của thành phố Bạc Liêu. - Định hướng và đề ra giải pháp khắc phục hiện trạng, góp phần phát triển ĐCTT trong du lịch thành phố Bạc Liêu.

7250	Đại học	Tiềm Năng Và Định Hướng Phát Triển Du Lịch Lễ Hội Ở Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn, Ngô Thùy Dương	Trương, Thị Kim Thủy	2018	đề tài là làm rõ những tiềm năng về đặc trưng trong lễ hội của người dân TPCT. Đề tài cho thấy vai trò và ý nghĩa của văn hóa lễ hội đối với khả năng khai thác du lịch của TPCT. Phân tích hiện trạng phát triển của các lễ hội trong du lịch văn hóa tại TPCT. Bên cạnh đó, đưa ra những định hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát triển du lịch TPCT thông qua nguồn tài nguyên văn hóa nhân văn này trong tương lai.
7251	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch tâm linh ở Châu Đốc, An Giang	Lưu, Thị Mỹ Duyên	Trương, Thị Kim Thủy	2018	Thông qua quá trình khảo sát thực địa cùng với hoạt động phỏng vấn sâu, tại một số địa điểm du lịch tâm linh tại núi Sam – Châu Đốc – An Giang. Tác giả đã thấy được việc thực hành du lịch tâm linh, qua đó đưa ra các khái niệm, nhân tố đánh giá việc phát triển du lịch tâm linh tại Châu Đốc, An Giang. Qua đó đã đưa ra một số định hướng, giải pháp và những khuyến nghị để góp phần phát triển hoàn thiện du lịch tâm linh ở Châu Đốc, An Giang cũng như Việt Nam.
7252	Đại học	Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch làng nghề truyền thống làm kẹo dừa tại Bến Tre	Nguyễn, Thị Minh Khánh	Nguyễn, Mai Quốc Việt	2018	Đề tài tập trung đánh giá chân thật khách quan về những tiềm năng thực trạng trong hoạt động sản xuất và sự phát triển du lịch của làng nghề làm kẹo dừa truyền thống tại Bến Tre. Đồng thời, đưa ra những định hướng giải pháp tối ưu nhất cho sự phát triển bền vững của làng nghề làm kẹo dừa truyền thống tại Bến Tre, góp phần phát triển du lịch của vùng và tôn vinh những giá trị của làng nghề truyền thống, vẻ đẹp tinh hoa văn hóa dân tộc. kết quả nghiên cứu thông qua việc thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, từ cuộc khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu. Kết quả cho thấy, Bến Tre hội tụ đủ các yếu tố cho du lịch làng nghề làm kẹo dừa, Đề xuất mạnh việc phát triển du lịch tại làng nghề làm kẹo dừa Bến Tre, cần có những chiến lược và giải pháp tối ưu để khắc phục những yếu kém tồn tại trong làng nghề, phát huy tối đa thế mạnh làng nghề trong khai thác và hực vụ du lịch.
7253	Đại học	Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Bùi, Thanh Nhà	Nguyễn, Mai Quốc Việt	2018	- Đối tượng nghiên cứu: Du lịch văn hóa huyện Thoại Sơn. - Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2012 đến 2017 - Kết quả đạt được: Đánh giá được tiềm năng của du lịch ở huyện Thoại Sơn và đánh giá được những thực trạng hiện tại của du lịch văn hóa ở huyện Thoại Sơn và từ đó cũng đã đưa ra được một số biện pháp giúp thay đổi tình trạng hiện nay.
7254	Đại học	XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH Ở NHA TRANG	Nguyễn, NGỌC THIÊN PHƯỚC	Trương, Thị Kim Thủy	2018	nghiên cứu các tài nguyên du lịch đặc trưng các phương hướng giúp cho thành phố thúc đẩy ngành du lịch ngày một phát triển hơn, qua các hệ thống lý luận, nghiên cứu đặc biệt là đề xuất nhận diện như: tên gọi, Logo, . Nhằm tạo lập thương hiệu chất lượng uy tín, riêng biệt trong giai đoạn phát triển du lịch hiện tại cũng như tương lai.
7255	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch cộng đồng ở Đắk Lắk	Huỳnh, Ngọc Phượng	Cao, Mỹ Khanh	2018	đánh giá các tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng ở tỉnh Đắk Lắk, trình bày một số thực trạng đang mắc phải, từ đó nêu ra các định hướng phát triển DLCD trong thời gian tới. Nghiên cứu cho thấy Đắk Lắk có nhiều tiềm năng về DLCD: các giá trị văn hóa tộc người, hệ thống các di sản, di tích văn hóa... tuy nhiên thực trạng về nhận thức người dân còn thấp, vốn đầu tư thấp... đã làm cho DLCD phát triển chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Các định hướng đưa ra nhằm giúp DLCD Đắk Lắk phát triển bền vững hơn.

7256	Đại học	TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ	Lưu, LƯU THẠCH SANH	Trương, Thị Kim Thủy	2018	- Tìm hiểu về tiềm năng của du lịch văn hóa tại TP. Cần Thơ - Phân tích một số vấn đề về thực trạng phát triển và nghiên cứu khai thác loại hình du lịch văn hóa của TP. Cần Thơ. - Đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy khai thác du lịch văn hóa trong phát triển du lịch tại TP. Cần Thơ
7257	Đại học	Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bạc Liêu	Lê, Thị Thảo	Trương, Thị Kim Thủy	2018	Tìm hiểu những tiềm năng của Tài nguyên du lịch văn hoá tỉnh Bạc Liêu. Phân tích hiện trạng khai thác Tài nguyên du lịch văn hóa Bạc Liêu nhằm mục đích đưa ra định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa ở Bạc Liêu.
7258	Đại học	Khai thác Lễ Hội Nghinh Ông Sông Đốc trong phát triển du lịch tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Phước Tôn	Cao, Mỹ Khanh	2018	Phân tích, đánh giá tiềm năng và hiện trạng khai thác giá trị văn hóa cũng như những mặt tích cực, hạn chế tồn tại trong Lễ Hội Nghinh Ông Sông Đốc. Trên cơ sở đó, đưa ra một số định hướng, giải pháp cụ thể giúp cho việc phát triển du lịch của tỉnh Cà Mau.
7259	Đại học	Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh Thượng	Trần, Thị Mỹ Trân	Nguyễn, Mai Quốc Việt	2018	Trên cơ sở các lý luận về du lịch và du lịch sinh thái, luận văn tập trung nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng. Từ đó, tiến hành phân tích hiện trạng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia, đồng thời đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn.
7260	Đại học	Tìm hiểu lễ hội Songkran, Loykrathong (Thái Lan) và bài học kinh nghiệm cho du lịch lễ hội Việt Nam	Lê, Thị Huyền Trang	Trương, Thị Kim Thủy	2018	Tìm hiểu về lễ hội truyền thống là Songkran (Tết của người Thái), Loykrathong, hai lễ hội thu hút đông đảo khách du lịch lần Châu Á và Châu Âu đến Thái Lan. Thông qua hai lễ hội rút ra bài học kinh nghiệm cho du lịch lễ hội Việt Nam.
7261	Đại học	Mô hình phát triển Du lịch Nông nghiệp tại Cù lao Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Tăng, Khánh Trung	Cao, Mỹ Khanh	2018	Tập trung nghiên cứu về tiềm năng du lịch, đặc biệt là tiềm năng Du lịch Nông nghiệp. Từ đó, tổng hợp và xây dựng chương trình một số tour thử nghiệm thực tiễn về Du lịch Nông nghiệp dựa trên những tiềm năng vốn có, đồng thời đưa ra những định hướng và giải pháp để có thể phát triển Du lịch Nông nghiệp bền vững tại cù lao Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
7262	Đại học	HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM TẠI HUYỆN ĐẢO PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG	Phạm, Tường Vi	Cao, Mỹ Khanh	2018	Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch trải nghiệm tại Phú Quốc. - Khảo sát lợi thế và hạn chế của các hoạt động du lịch trải nghiệm phổ biến, đóng góp cho kinh tế địa phương và đánh giá của du khách khi tham gia các hoạt động này. - Đề xuất một số giải pháp, hướng đi góp phần khai thác, phát triển loại hình du lịch trải nghiệm tại huyện đảo Phú Quốc hiệu quả và bền vững hơn.

7263	Đại học	Sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Việt Nam học (chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch) trường Đại học Cần Thơ	Lê, Thị Chúc Duy	Nguyễn, Trọng Nhân	2018	Nghiên cứu được hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Nội dung bao gồm khảo sát sự hài lòng của 152 sinh viên thuộc khóa 41 - 43 ngành Việt Nam học tại khu 2 trường Đại học Cần Thơ đối với chất lượng dịch vụ đào tạo ngành Việt Nam học thông qua 5 thang đo đề xuất gồm: cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, học phí, giảng viên, hoạt động thực tế. Qua phân tích hồi quy cho thấy, có 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên theo thứ tự ảnh hưởng từ mạnh đến yếu như giảng viên; hoạt động thực tế; chương trình đào tạo; phòng học rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ thiết bị, sự phù hợp giữa các môn cơ sở ngành với chuyên ngành và sự phù hợp giữa lý thuyết với thực hành; học phí và cơ sở vật chất. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với từng nhân tố ảnh hưởng theo thứ tự giảm dần như sau: giảng viên; chương trình đào tạo; hoạt động thực tế; phòng học rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ thiết bị, sự phù hợp giữa các môn cơ sở ngành với chuyên ngành và sự phù hợp giữa lý thuyết với thực hành; cơ sở vật chất và học phí. Trong đó cơ vật chất và học phí không được sinh viên đánh giá cao chỉ ở mức tương đối hài lòng và trung bình. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ đào tạo và nâng cao sự hài lòng của sinh viên dựa các nhân tố ảnh hưởng, mức độ hài lòng của sinh viên đối với các nhân tố cùng những góp ý với kiến nghị của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo. Giải pháp bao gồm: nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, khuyến khích cải thiện chương trình đào tạo, tăng cường nhiều hoạt động thực tế và nâng cấp cơ sở vật chất phòng học. Ngoài một số giải pháp ra, còn có một số kiến nghị giữa các bên liên quan như nhà trường; công ty du lịch, doanh nghiệp nhà hàng – khách sạn; giảng viên và sinh viên nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đào tạo và sự hài lòng của sinh viên ngành Việt Nam học (chuyên ngành HDV du lịch) trường Đại học Cần Thơ.
7264	Đại học	Nghiên cứu tiềm năng và định hướng phát triển du lịch sinh thái tại Trung Tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn, Thị Yến Ngọc	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Đề tài nghiên cứu nhằm đề giới thiệu độ đa dạng sinh học và đánh giá đúng tiềm năng phát triển DLST của khu du lịch đến với mọi người và góp phần định hướng xây dựng khu du lịch mùa Xuân-Hậu Giang là một điểm du lịch sinh thái hấp dẫn nhất ĐBSCL, đồng thời bảo tồn bền vững tài nguyên của Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân.
7265	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch miệt vườn tại tỉnh Vĩnh Long	Huỳnh, Thị Cẩm Nhi	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Vĩnh Long có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch miệt vườn như có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội. Đề tài cũng trình bày tiềm năng (có nhiều trái cây ngon, các món ăn dân dã, các di tích lịch sử, đình chùa gắn liền với các lễ hội, các làng nghề truyền thống và các văn nghệ nghệ thuật đờn ca tài tử,...), các điều kiện tác động đến du lịch miệt vườn (hệ thống đường giao thông, hệ thống điện nước, cơ sở ăn uống lưu trú, nguồn nhân lực và chính sách nhà nước) và thực trạng phát triển du lịch miệt vườn của tỉnh Vĩnh Long như số lượng khách, các loại hình du lịch và địa bàn phát triển. Đề từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp phát triển du lịch miệt vườn (chính sách phát triển, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, tài nguyên môi trường, quảng bá và an ninh an toàn)

7266	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch miệt vườn tại thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Đỗ, Thị Mỹ Hạnh	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch miệt vườn ở thị xã Ngã Bảy từ đó đề xuất định hướng và giải pháp phát triển du lịch miệt vườn thị xã Ngã Bảy.
7267	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng cù lao Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Phan, Hữu Hưng	Nguyễn, Trọng Nhân	2018	Hệ thống hóa các cơ sở lý luận và thực tiễn về du lịch cộng đồng - Phân tích các điều kiện phát triển du lịch cộng đồng cù lao Thới Sơn - Đánh giá thực trạng khai thác và phát triển du lịch cộng đồng cù lao Thới Sơn - Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch cộng đồng cù lao Thới Sơn
7268	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch ở cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Huỳnh, Thúy Hằng	Nguyễn, Trọng Nhân	2018	- Phân tích, đánh giá điều kiện phát triển du lịch ở cù lao Tân Lộc. - Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển du lịch ở cù lao Tân Lộc. - Đề xuất giải pháp phát triển du lịch. Phương pháp nghiên cứu: - Phương pháp thu thập và xử lý số liệu thứ cấp. - Phương pháp quan sát thực địa. - Phương pháp tham vấn cơ quan. Kết quả nghiên cứu: Từ việc phân tích hiện trạng ngành du lịch cù lao Tân Lộc, đề tài “Giải pháp phát triển du lịch ở cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ”, bước đầu đã đề xuất được các giải pháp phát triển du lịch phù hợp đối với cù lao Tân Lộc. Trong đó có các giải pháp phát triển về sản phẩm, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, bảo tồn tài nguyên, chiến lược xúc tiến, quảng bá du lịch.
7269	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Võ, Thị Diễm Hương	Nguyễn, Thị Bé Ba	2018	Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch - Thực trạng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quận Ninh Kiều: các cơ sở lưu trú, cơ sở ăn uống, vui chơi giải trí, các dịch vụ bổ sung khác,... - Định hướng và giải pháp phát triển nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ
7270	Đại học	Khai thác di sản văn hóa Khmer phục vụ du lịch ở thành phố Trà Vinh	Trần, Lê Khánh	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Tìm hiểu thực trạng và tiềm năng của các di sản văn hóa Khmer trên địa bàn thành phố, từ đó đưa ra những định hướng, giải pháp nhằm góp phần khai thác tốt hơn các di sản văn hóa Khmer để phát triển loại hình du lịch văn hóa Khmer ở thành phố Trà Vinh.
7271	Đại học	Xây dựng mô hình team building kết hợp du lịch dành cho khách du lịch là học sinh	Lê, Minh Ngọc	Nguyễn, Thị Bé Ba	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích xây dựng và phát triển mô hình teambuilding kết hợp du lịch dành cho khách du lịch là học sinh trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Từ đó đưa ra những thực trạng, mô hình chung để xây dựng những chương trình teambuilding và phát triển mạnh mô hình này. Nghiên cứu đã được thực hiện từ tháng 08 đến tháng 11 năm 2018. Tác giả đã sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp quan sát thực địa và thu thập dữ liệu thứ cấp để có thể phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ cho đề tài nghiên cứu, đồng thời thu thập tư liệu trong quá trình làm việc. Với các tiềm năng có sẵn cùng các kỹ năng xây dựng mô hình teambuilding kết hợp du lịch tại Bến Tre, tác giả mong muốn không chỉ riêng Bến Tre, mà các tỉnh khác trên địa bàn ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung cũng sẽ áp dụng được mô hình mà tác giả đưa ra
7272	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch cộng đồng ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Chung, Thị Mỹ Ngọc	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Đánh giá tiềm năng và thực trạng du lịch cộng đồng ở Cù Lao Dung. Từ đó đề xuất định hướng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng ở Cù Lao Dung

7273	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch cộng đồng cồn Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	Tiêu, Thanh Phát	Nguyễn, Thị Bé Ba	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá những tiềm năng, đưa ra những định hướng và giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng cồn Bình Thạnh huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Dựa trên khảo sát thực tế cuộc sống của người dân tại địa phương, tác giả nhận thấy tại đây có nhiều điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng bên cạnh đó cũng có những khó khăn cần được khắc phục từ đó có những hướng đi và cách tổ chức du lịch cộng đồng tốt hơn.
7274	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch sinh thái tại khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, tỉnh Hậu Giang	Lê, Phạm Hồng Thắm	Đào, Ngọc Cảnh	2018	luận văn đã thực hiện tìm hiểu cơ sở lý luận về du lịch sinh thái, tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Lung Ngọc Hoàng, thực trạng phát triển du lịch tại Lung Ngọc Hoàng cũng như đã đưa ra định hướng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái trong những năm tiếp theo
7275	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa tại các chùa Khmer tỉnh Sóc Trăng	Đặng, Thị Diễm Thu	Đào, Ngọc Cảnh	2018	Luận văn cho thấy tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch văn hóa tại các chùa Khmer tỉnh Sóc Trăng tuy nhiên việc phát triển triển chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, thực trạng còn gặp nhiều khó khăn bất cập xảy ra chưa được giải quyết triệt để. Chính vì vậy đã đưa ra định hướng và giải pháp cho việc phát triển du lịch tại chùa Khmer tỉnh Sóc Trăng
7276	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch ở các đảo ven bờ tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Thuỳ Trang	Nguyễn, Thị Bé Ba	2018	Đánh giá tiềm năng tự nhiên và tài nguyên nhân văn trên các đảo ven bờ tỉnh Cà Mau. Từ đó đưa ra một số loại hình phát triển du lịch trên các đảo, đồng thời đề ra định hướng cho phát triển du lịch trên các đảo ven bờ tỉnh Cà Mau.
7277	Đại học	Đặc trưng tổ chức đời sống & sinh hoạt gia đình kinh doanh lưu trú homestay ở Thành phố Cần Thơ	Sử, Kim Tuyền	Nguyễn, Thị Bé Ba	2018	- Cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức đời sống & sinh hoạt gia đình - Thực trạng khai thác đời sống & tổ chức sinh hoạt homestay ở cần thơ - Định hướng và giải pháp khai thác giá trị đời sống & sinh hoạt hoạt gia đình trong lưu trú homestay - Cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức đời sống & sinh hoạt gia đình - Thực trạng khai thác đời sống & tổ chức sinh hoạt homestay ở cần thơ - Định hướng và giải pháp khai thác giá trị đời sống & sinh hoạt hoạt gia đình trong lưu trú homestay
7278	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch TP. Hà Tiên – tỉnh Kiên Giang	Nguyễn, Phan Minh Hoài Phương	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2019	-Phân tích tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch của TP. Hà Tiên -Đưa ra định hướng và giải pháp cho việc phát triển du lịch bền vững tại TP. Hà Tiên.
7279	Đại học	Hiện trạng phát triển du lịch văn hóa ở TP. Bạc Liêu	Nguyễn, Hoàng Nhi	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2019	Phân tích tiềm năng phát triển du lịch văn hóa ở thành phố Bạc Liêu - Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch văn hóa ở thành phố Bạc Liêu - Nêu định hướng và đề xuất một số giải pháp để phát triển du lịch văn hóa ở thành phố Bạc Liêu.
7280	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò người phụ nữ Chăm trong phát triển du lịch cộng đồng tại 3 làng Chăm: làng Chăm Châu Phong, làng Chăm Châu Giang và làng Chăm Đa Phước tỉnh An Giang	Kim, Thị Ly Na	Lê, Thị Tố Quyên	2019	-Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của người phụ nữ trong việc phát triển du lịch tại địa phương -Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của người phụ nữ Chăm trong việc phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương.
7281	Đại học	Đánh giá tiềm năng, thực trạng, giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trong cộng đồng người Hoa ở khu vực Chợ Lớn thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn, Thị Anh Thư		2019	-Phân tích những tiềm năng, lợi thế của cộng đồng người Hoa ở khu vực Chợ Lớn trong việc phát triển du lịch cộng đồng -Đánh giá thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trong cộng đồng người Hoa ở khu vực Chợ Lớn -Đề xuất các định hướng, giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trong cộng đồng người Hoa ở khu vực Chợ Lớn TP.HCM

7282	Đại học	Đánh giá của khách du lịch nội địa về thực trạng an toàn an ninh trong phát triển du lịch ở thành phố Sóc Trăng	Trần, Mỹ Tiên	Lý, Mỹ Tiên	2019	Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch ở thành phố Sóc Trăng -Đánh giá thực trạng an toàn an ninh trong du lịch ở Sóc Trăng -Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao an toàn an ninh trong du lịch để làm cho du lịch Sóc Trăng ngày càng phát triển mạnh và bền vững hơn.
7283	Đại học	Khai thác loại hình nghệ thuật đờn ca tài tử trong phát triển du lịch tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Bích	Lê, Thị Tố Quyên	2019	-Phân tích, đánh giá tiềm năng và thực trạng khai thác phát triển Đờn ca tài tử trong hoạt động du lịch của thành phố Cần Thơ -Đề xuất những định hướng và giải pháp để khai thác, phát triển nghệ thuật Đờn ca tài tử trong du lịch tại thành phố Cần Thơ.
7284	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ Chăm trong phát triển du lịch cộng đồng tại làng Chăm Đa Phước, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang	Dương, Thị Linh Huệ	Lê, Thị Tố Quyên	2019	-Phân tích, đánh giá thực trạng vai trò của người phụ nữ Chăm trong phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương -Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò và năng lực kinh doanh du lịch cộng đồng của phụ nữ tại địa phương.
7285	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong mô hình du lịch cộng đồng tại xã Mỹ Hòa Hưng, tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang	Cao, Thị Diễm Mi	Lê, Thị Tố Quyên	2019	-Phân tích tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng tại xã Mỹ Hòa Hưng -Đánh giá thực trạng sự tham gia của người dân trong mô hình du lịch cộng đồng xã Mỹ Hòa Hưng -Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong mô hình du lịch cộng đồng xã Mỹ Hòa Hưng -Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của người dân trong mô hình du lịch cộng đồng xã Mỹ Hòa Hưng.
7286	Đại học	Thiết kế kỹ thuật Trường THCS HUỖNH KHUÔNG NINH	Trần Duy, Linh	Lê Tuấn, Tú	2018	Thiết kế kiến trúc Thiết kế kết cấu sàn Thiết kế kết cấu cầu thang Thiết kế kết cấu khun Thiết kế móng
7287	Đại học	Thiết kế kỹ thuật Trường THCS HUỖNH KHUÔNG NINH	Trần Duy, Linh	Lê Tuấn, Tú	2018	Thiết kế kiến trúc Thiết kế kết cấu sàn Thiết kế kết cấu cầu thang Thiết kế kết cấu khun Thiết kế móng
7288	Đại học	TKKT công trình Chung Cư Gia Định	Nguyễn Văn, Tiến	Trần Thị, Phương	2018	Tiêu chuẩn, tải trọng áp dụng & vật liệu thiết k Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hìn Thiết kế kết cấu cầu thang Thiết kế kết cấu bể nước má Thiết kế kết cấu khung không gian
7289	Đại học	TKKT công trình chung cư lô C 92 hộ 23-49 Đinh Tiên Hoàng_P3_Q.BÌNH THẠNH	Nguyễn Duy, Tân	Lê Tuấn, Tú	2018	Phần I: Kiến trúc + Giới thiệu công trìn Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng + Thiết kế kết cấu + Thiết kế cầu thang + Thiết kế hồ nước má + Thiết kế kết cấu khun Phần III: Thiết kế kết cấu móng + Thiết kế kết cấu móng cọc BTCT
7290	Đại học	TKKT công trình viettinbank Hậu Giang	Trần Thế, Ngọc	Trần Văn, Tuấn	2018	Luận văn gồm 3 phần và 13 chương, theo hướng móng chính phần thân thiết kế sàn tầng 2 điển hình, cầu thang tầng 2 lên tầng 3, hồ nước mái, khung trục 3 điển hình, móng được thiế kế cọc nhồi, cọc ép và bè trên nền cọc nhồi
7291	Đại học	Thiết kế kết cấu chung cư Hưng Lộc	Nguyễn Thanh, Tùng	Hồ Ngọc Tri, Tân	2018	Phần I: Kiến trúc Phần II: Kết cấu thượng tầng Phần III: Kết cấu hạ tầng
7292	Đại học	TKKT Trụ sở mới sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn và các đơn vị trực thuộc tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Trung, Nghĩa	Lê Tuấn, Tú	2018	Chương 1 : Giới thiệu công trìn Chương 2 : Thiết kế kiến trúc Chương 3 : Tiêu chuẩn thiết k Chương 4 : Thiết kế kết cấu sàn Chương 5 : Thiết kế kết cấu cầu thang Chương 6 : Phân tích địa chất và chọn móng Chương 7 : Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép
7293	Đại học	TKKT Trụ sở ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam BIDV, chi nhánh Ninh Thuận	Thạch Hoàng, Thừa	Lê Tuấn, Tú	2018	Kết cấu thượng tầng gồm 4 chương Chương 1: Tài liệu & tiêu chuẩn thiết kế Chương 2: Thiết kế kết cấu sàn Chương 3: Thiết kế kết cấu cầu thang Chương 4: Thiết kế kết cấu khung.

7294	Đại học	Thiết kế kết cấu khách sạn tại Nha Trang	Ngô Đức, Phước	Đặng Thế, Gia	2018	Thiết kế và tính toán sàn BTCT, thiết kế cầu thang, tính toán và thiế kế khung BTCT, thiết kế móng cọc BTCT
7295	Đại học	TKKT Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Trà Nóc – Cần Thơ (VIETCOMBANK)	Cao Đức, Huy	Lê Tuấn, Tú	2018	Phần 1: Thiết kế kiến trú Phần 2: Thiết kế kết cấu thượng tầng Phần 3: Thiết kế kết cấu hạ tầng
7296	Đại học	Thiết kế Cao ốc văn phòng và Trung tâm thương mại hàm rồng thành phố Thanh Hóa.	Lê Tiên, Tử	Võ Văn, Đẩu	2018	Thiết kế kết cấu Cao ốc văn phòng và Trung tâm thương mại Kiến trúc công trình, Thiết kế kết cấu thượng tầng (Dầm, sàn , cột) Thiết kế kết cấu hạ tầng (móng)
7297	Đại học	TKKT Ngân hàng Vietbank Sóc Trăng	Đặng Phước, Vinh	Lê Tuấn, Tú	2018	-Thiết kế kiến trú -Thiết kế kết cấu sà -Thiết kế kết cấu cầu Than -Thiết kế kết cấu bể nướ -Thiết kế kết cấu khung không gia -Thiết kế móng
7298	Đại học	Thiết kế tuyến đường A-B thuộc huyện XUYỀN MỘC,BÀ RỊA VŨNG TÀU (đất yếu)	DANH CHUNG	Trần Trang Nhất	2019	
7299	Đại học	Thuyết kế kỹ thuật Ngân Hàng Ngoại Thương Sao Đỏ Tỉnh Hải Dương	Lê Văn, Lượm		2018	Phần I: Kiến Trú Phần I: Kết Cấu Thượng Tầng Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng tác dụng Chương 4: Thiết kế kết cấu sà Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang b Chương 6: Thiết kế kết cấu khun Phần II: Kết Cấu Hạ Tầng
7300	Đại học	Thiết kế kết cấu công trình KTX Đại Học Xây Dựng Miền Tây	Tôn Minh, Tài	Lê Gia, Lâm	2018	Phần Kiến Trú Phần Kết Cá Phần Thi Công Nền Móng
7301	Đại học	Thiết kế tuyến đường A-B thuộc huyện U Minh, Cà Mau(nút)	TRẦN, CHÍ ĐIỀN	Trần, Trang Nhất	2019	
7302	Đại học	thiết kế tuyến đường A-B thuộc huyện Mỹ Xuyên , Sóc Trăng (nút)	NGUYỄN HOÀI BẢO	Trần Trang Nhất	2019	
7303	Đại học	Khảo sát cấu trúc hình thái của hệ blend PMMA/PHEMA - vật liệu tiềm năng chế tạo kính áp tròng	Bùi, Thị Ngọc Hân Lâm, Tuyết Nhi	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	Trong nghiên cứu này, hỗn hợp polymerđược tạo thành bởi sự trùng hợp gốc tự do monomer 2-hydroxyethyl methacrylate (HEMA) sử dụng chất khơi mào là AIBN với sự có mặt của PMMA. Phản ứng polymer hóa đượcthực hiện với tỉ lệ thành phần và nhiệt độ khác nhau sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc hình thái của hệ blend.Cụ thể, nhiệt độ thí nghiệm được khảo sát từ 70, 80, 90, 100, 110, 120 oC và phần trămkhối lượng của PMMA tăng từ 1 đến 15%. Ảnh hưởng của các thông số đến hình thái học và tính chất của hỗn hợp polymersẽ được làm rõ trong nghiên cứu. Kính hiển vi quang học, Xray CT được sử dụng để quan sát cấu trúc của các mẫu thu được. Phần mềm Igor - Pro được sử dụng cho việc tính toán đường kính đặc trưng và độ tương phản cho cấu trúc mẫu. Bên cạnh đó, độ truyền quang, ổn định nhiệt, hấp thụ nước của các sản phẩm được xác định bằng cách sử dụng phổ Uv- Vis, TGA và phương pháp trương. Mẫu tối ưu với tỉ lệ PMMA / PHEMA là 12/88 thực hiện ở 100 oC đạt được 95% về khả năng truyền quang, khả năng chịu nhiệt trên 270 oC, khả năng hấp thụ nước trên 30%. Các kết quả được xem là phù hợp với vật liệu chế tạo kính áp tròng.

7304	Đại học	Tối ưu hóa phản ứng glycolysis PET bằng phương pháp bề mặt đáp ứng	Lê, Quốc Hiển Nguyễn, Minh Sang	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	Trong nghiên cứu này, phản ứng glycolysis Poly(Etylen Terephtalat) (PET) được thực hiện với xúc tác NaHCO_3 nhằm tìm ra điều kiện tối ưu để thu được monomer bis-hydroxyetyl terephtalat (BHET) với hiệu suất cao nhất. Ảnh hưởng của các điều kiện (thời gian, nhiệt độ, tỉ lệ EG:PET, tỉ lệ xúc tác:PET) khác nhau lên hiệu suất phản ứng sẽ được khảo sát. Thí nghiệm được thiết kế dựa trên phương pháp bề mặt đáp ứng cụ thể là phương pháp Box-Behnken. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong phản ứng sẽ được làm rõ trong nghiên cứu này. Phần mềm Design Expert 11 sẽ được sử dụng để thiết kế và phân tích các số liệu thí nghiệm. Bên cạnh đó, cấu trúc hình thái và tinh thể lần lượt được quan sát và xác minh qua việc đo kính hiển vi và nhiễu xạ tia X. Công thức phân tử, độ tinh khiết của BHET tạo thành sẽ được đánh giá thông qua các phương pháp đo FTIR, NMR, TGA, DSC.
7305	Đại học	Chế tạo giá thể từ tro trấu và nhựa Epoxy có tiềm năng ứng dụng trong thủy canh	Ngô, Thành An	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	Trong đời sống hiện nay, các sản phẩm composite được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực. Vật liệu composite có nguồn gốc từ các phế phẩm nông nghiệp đang ngày càng được các nhà nghiên cứu quan tâm. Trong đó, việc ứng dụng tro trấu để chế tạo giá thể trồng cây bằng thủy canh, với phương pháp gia công đơn giản tiếp cận trực tiếp đến người nông dân chính là điều mà đề tài hướng đến. Giá thể của đề tài được gia công từ tro trấu và nhựa epoxy, đây là hướng đi mới trong việc ứng dụng sản phẩm composite trong nông nghiệp. Các yếu tố để gia công cho đề tài bao gồm PVA, tro trấu và nhựa epoxy. Tỉ lệ của PVA:tro trấu:nhựa epoxy tương ứng với 1:3:3, 1:3:4, 1:3:5, 1:3:6 sẽ lần lượt khảo sát để tìm ra tỉ lệ phối trộn tối ưu về khả năng chứa nước, độ xốp của giá thể. Đồng thời, cùng với việc so sánh độ chứa nước, độ xốp và tỉ trọng của mẫu với các sản phẩm trên thị trường, để đánh giá được tiềm năng ứng dụng của sản phẩm nghiên cứu trong phương pháp trồng cây thủy canh.
7306	Đại học	ỨNG DỤNG MỤN DỪA VÀ MÙN CƯA TRÊN NỀN NHỰA POLYESTER CHẾ TẠO GIÁ THỂ TRỒNG CÂY THỦY CANH	Đoàn, Thụy Thanh Trúc	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	Giá thể là vật liệu được dùng để thay thế cho đất trồng trong hệ thống thủy canh. Giá thể trồng cây phải có nhiều tính chất giống đất như giữ nước và chất dinh dưỡng, tạo nền tảng cho việc phát triển của bộ rễ. Giá thể thường được đánh giá dựa trên hai tiêu chí: độ thoáng khí và khả năng giữ nước. Các giá thể phổ biến có thể kể đến như: sợi xơ dừa, perlite, vermiculite, rockwool, cray pellets, pumice, cát và sỏi. Trong nhiều trường hợp, giá thể được tạo thành bởi hỗn hợp của nhiều loại vật liệu để tận dụng ưu điểm của từng loại, nguyên nhân là vì một vài vật liệu có khả năng giữ nước tốt nhưng độ thoáng khí thấp trong khi một số vật liệu có độ thoáng khí tốt nhưng khả năng giữ nước thấp. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm ra phương pháp chế tạo giá thể trồng cây từ mụn dừa/mùn cưa, polyvinyl alcohol trên nền nhựa polyester. Kết quả cho thấy trồng rau trên cả giá thể mụn dừa và mùn cưa rất dễ thực hiện, rau muống sinh trưởng và phát triển tốt.

7307	Đại học	TỔNG HỢP POLYSTYRENE VÀ KHẢO SÁT SỰ KHUẾCH TÁN TẠI LIÊN DIỆN CỦA TẦM ACRYLONITRILE BUTADIEN STYRENE - POLYSTYRENE	Trần, Thị Diễm Trang	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	Trong nghiên cứu này, Polystyrene (PS) được tổng hợp bởi phản ứng polymer hóa mạch gốc tự do giữa monomer styrene với chất khơi mào được sử dụng là 2,2'-Azobis – Isobutyronitrile. Ảnh hưởng của nồng độ chất khơi mào, nhiệt độ và thời gian phản ứng đến phân tử lượng trung bình và độ đa phân tán của PS được khảo sát. Cụ thể, nồng độ chất khơi mào tăng từ 0,5 đến 1,5% theo khối lượng so với monomer, nhiệt độ được tiến hành khảo sát ở ba mức: 70, 90 và 110 oC với thời gian phản ứng lần lượt là 30, 60 và 90 phút. Phân tử lượng trung bình và độ đa phân tán của PS được xác định bằng phương pháp đo độ nhớt và sắc ký rây phân tử (GPC). PS được kết hợp với ABS bằng phương pháp ép nóng ở 160 oC để khảo sát sự ảnh hưởng của độ nhớt, phân tử lượng trung bình và độ đa phân tán đến quá trình khuếch tán tại liên diện. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích nhiệt quét vi sai (DSC) xác định nhiệt độ chuyển thủy tinh của PS nhằm giải thích cho quá trình khuếch tán. Ngoài ra, ngưỡng tan của ABS trong styrene cũng được khảo sát bằng kính hiển vi quang học để xác định sự tương hợp giữa ABS và PS. Phương pháp phân tích ANOVA được sử dụng để đánh giá sự sai khác giữa các mẫu khi thay đổi các điều kiện phản ứng. Thể tích khuếch tán và diện tích liên diện được tính toán để so sánh mức độ khuếch tán của các mẫu PS có phân tử lượng trung bình khác nhau.
7308	Đại học	Ảnh hưởng của phương pháp ngâm tẩm monomer đến cơ tính vật liệu composite sợi xơ dừa	Nguyễn, Thiện Tâm	Văn Phạm, Đan Thủy	2018	
7309	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp nano tẩm Pd-Au lõi/vỏ với tính chất quang cao	Huỳnh Thanh, Hiền Trương Khải, Hoàn	Trần Thị Bích, Quyên	2019	
7310	Đại học	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NHẤT LÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở NƯỚC TA HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	Phạm, Thị Huyền Trần	Phan, Văn Thặng	2018	

7311	Đại học	Nguồn nhân lực chất lượng cao người Chăm ở An Giang	Trương, Tiểu My	Lê, Ngọc Triết	2018	Đề tài nghiên cứu nguồn nhân lực chất lượng cao người Chăm ở An Giang. Nguồn nhân lực là đối tượng được quan tâm hàng đầu trong các nguồn lực hợp thành động lực phát triển của đất nước. Chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng cao ở các tỉnh thành địa phương và các vùng dân tộc. Trong đó có người Chăm ở An Giang, tuy là dân tộc thiểu số nhưng nguồn nhân lực người Chăm ở An Giang không ngừng phát huy tiềm năng khẳng định vị trí của mình công cuộc phát triển vương mình trời đất của đất nước. Thế nhưng, nguồn nhân lực chất lượng cao người Chăm ở An Giang thực tế gặp nhiều khó khăn trở ngại. Qua nghiên cứu thực trạng bằng các phương pháp khoa học xã hội khảo sát, quan sát, phân tích, kết luận đề có thể đề xuất giải pháp giúp nguồn nhân lực chất lượng cao người Chăm ở An Giang khắc phục khó khăn phát triển toàn diện. Qua thống kê số lượng nguồn nhân lực, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực xác lập chỉ tiêu nguồn nhân lực chất lượng cao áp dụng vào đối tượng người Chăm ở An Giang. Từ đó có thể xác định đối tượng nguồn nhân lực chất lượng cao người Chăm ở An Giang để đánh giá thực trạng và đánh giá hai mặt tích cực hạn chế của đối tượng và đề xuất giải pháp phù hợp.
7312	Đại học	Nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tỉnh Vĩnh Long giai đoạn hiện nay	Nguyễn, Thúy Vân	Lê, Duy Sơn	2018	Trên cơ sở làm rõ những nhận thức chung về dân chủ, về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, luận văn hướng trọng tâm vào việc phân tích, đánh giá đúng thực trạng xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian qua; từ đó đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới. Đề đạt được mục đích nêu trên, luận văn tập trung làm rõ và giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau thứ nhất, phân tích làm rõ những nhận thức chung về dân chủ, về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thứ hai, phân tích đánh giá đúng thực trạng xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong tỉnh Vĩnh Long những năm vừa qua. Thứ ba, đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong tỉnh Vĩnh Long thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong tỉnh Vĩnh Long giai đoạn hiện nay.
7313	Đại học	Tìm hiểu về tư tưởng chính trị Lý Quang Diệu những giá trị tuyệt đối với Việt Nam hiện nay.	Huỳnh, Hải Đăng	Trần, Văn Hiếu	2018	Với mục tiêu tìm hiểu về tư tưởng chính trị Lý Quang Diệu và những kinh nghiệm Việt Nam có thể học hỏi trong quá trình hoàn thiện xã hội chủ nghĩa, Luận văn đã cơ bản đạt được những nhiệm vụ đề ra. Luận văn đã nghiên cứu, phân tích những tiền đề ảnh hưởng đến quá trình hình thành tư tưởng chính trị Lý Quang Diệu; những nội dung cơ bản của tư tưởng chính trị Lý Quang Diệu và những giá trị đối với Việt Nam hiện nay. Luận văn nhấn mạnh vào phần những giá trị của tư tưởng đối với quá trình xây dựng và phát triển Việt Nam hiện nay, nhất là công tác phòng chống tham nhũng, mối quan tâm hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân hiện nay./.

7314	Đại học	Xây dựng phong cách tư duy cho đội ngũ cán bộ, đảng viên tỉnh Tiền Giang dưới ánh sáng TTHCM trong giai đoạn hiện nay	Trần, Thoại Ba	Nguyễn, Xuân Hương	2018	Phong cách tư duy Hồ Chí Minh đã trở thành tấm gương mẫu mực cho cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, noi theo. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần hoàn thiện nhân cách cho mỗi người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay, đồng thời khắc phục các bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa, giáo điều, duy ý chí và từng bước xây dựng phong cách tư duy khoa học, nâng cao trình độ tư duy lý luận cho cán bộ, đảng viên nhằm vận dụng sáng tạo, thành công chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới. Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở, tác giả tiến hành nghiên cứu: “Xây dựng phong cách tư duy cho đội ngũ cán bộ, đảng viên tỉnh Tiền Giang dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình. Luận văn tập trung làm rõ những nội dung cơ bản trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh: Phong cách tư duy độc lập, tự chủ sáng tạo; phong cách tư duy luôn thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; phong cách tư duy linh hoạt, mềm dẻo. Luận văn phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng phong cách tư duy của đội ngũ cán bộ, đảng viên tỉnh Tiền Giang theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả việc xây dựng phong cách tư duy cho cán bộ, đảng viên ở tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay.
7315	Đại học	Khảo sát hàm lượng phospho tổng trong nước thải ao nuôi cá lóc trên một số ao nuôi thuộc địa bàn tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ UV-VIS	Trần, Thị Hồng Nhung	Nguyễn, Thị Thu Thủy	2018	
7316	Đại học	Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch sinh thái của Tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Hữu Thế	Nguyễn, Thị Huỳnh Phụng	2018	Đề tài này nhằm tập trung tìm hiểu tiềm năng và hiện trạng phát triển DLST tỉnh Cà Mau trên cơ sở đó đề xuất một số định hướng và giải pháp phát triển DLST Cà Mau trong tương lai.
7317	Đại học	Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch cù lao Giêng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Khuru, Trúc Lam	Nguyễn, Trọng Nhân	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá về thực trạng sản phẩm du lịch tại cù lao Giêng, huyện Chợ Mới tỉnh An Giang từ đó đề xuất được những giải pháp góp phần đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm du lịch tại đây. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018. Tác giả đã sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp quan sát thực địa và thu thập dữ liệu thứ cấp để có thể phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ cho đề tài nghiên cứu. Kết quả đạt được sau quá trình thực hiện nghiên cứu là nhận thấy được sản phẩm du lịch trụ cột hiện tại của cù lao Giêng là về du lịch tôn giáo – tâm linh. Du lịch sông nước, miệt vườn sẽ là loại hình thu hút khách du lịch bậc nhất trong tương lai tại cù lao Giêng. Ngoài ra, cù lao Giêng cũng cần phải đẩy mạnh phát triển các dịch vụ và sản phẩm phụ trợ khác như đặc sản, hàng lưu niệm.

7318	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ	Huỳnh, Nghi	Nguyễn, Xuân Thuận	2018	Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ qua 3 năm 2015, 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Qua đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới
7319	Đại học	Phân tích tình hình tín dụng tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Cà Mau	Trần, Văn Trung	Trương, Thị Bích Liên	2018	Phân tích tình hình hoạt động tín dụng và đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng hoặc nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Cà Mau
7320	Đại học	Nghiên cứu và đề xuất phương pháp viễn thám trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Thạch, Thị Hồng Duyên	Võ, Quốc Tuấn	2018	Hiện nay, việc sử dụng đất không theo quy hoạch hoặc triển chậm theo quy hoạch đã đến lãng phí tài nguyên, mất cân bằng trong sử dụng đất. Việc giám sát trên diện rộng và thời gian dài là vấn đề cần thiết cho các cơ quan quản lý các cấp. Để quản lý, phát triển bền vững, một trong những nhiệm vụ đặt ra là cần giám sát sử dụng đất có định hướng. Để đáp ứng được những vấn đề trên, ngày nay công nghệ viễn thám rất phát triển đáp ứng không chỉ để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ trong công tác quy hoạch sử dụng đất mà còn trong nhiều lĩnh vực khác nữa. Vì vậy, đề tài “Nghiên cứu và đề xuất phương pháp viễn thám trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh” được thực hiện nhằm mục tiêu chung là đề xuất phương pháp tích hợp viễn thám trong giám sát quy hoạch để nâng cao hiệu quả của quy hoạch sử dụng đất đai và các mục tiêu cụ thể sau - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất đai, tình hình biến động đất đai của tỉnh Sóc Trăng trước khi quy hoạch - Xây dựng phương án quy hoạch kết hợp tích hợp viễn thám trong giám sát QHSD tỉnh Sóc Trăng. Đề tài nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh Sóc Trăng, nghiên cứu đã sử dụng 1 ảnh Landsat 8 với độ phân giải 30m được chụp vào 09/02/2015 và sử dụng các phương pháp như phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp xử lý ảnh viễn thám, phương pháp khảo sát thực địa, phương pháp đánh giá độ tin cậy. Kết quả nghiên cứu về cơ bản đã đánh giá được hiện trạng sử dụng đất đai, tình hình biến động đất đai của tỉnh Sóc Trăng trước khi quy hoạch. Về xây dựng phương án quy hoạch kết hợp tích hợp viễn thám trong giám sát QHSDĐ nghiên cứu đã xây dựng được phương án quy hoạch, xử lý ảnh Landsat 8 bằng phần mềm ENVI 4.8, đã khảo sát được 125 điểm hiện trạng thông qua thực địa, thông qua phương pháp đánh giá độ tin cậy cho thấy ảnh Landsat 8 có độ chính xác và độ tin cậy ($T=80,8\%$, $K=0,62$) nghiên cứu đã thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Sóc Trăng năm 2015 bằng phần mềm Qgis 2.16. Khi so sánh mức độ chênh lệch của số liệu giải mã và số liệu quy hoạch so với số liệu hiện trạng thì mức độ chênh lệch của số liệu giải mã thấp hơn số liệu quy hoạch, cho thấy số liệu giải mã gần với hiện trạng hơn so với số liệu quy hoạch. Qua kết quả áp dụng viễn thám nêu trên, cho thấy rằng ta có thể áp dụng viễn thám vào trong quy hoạch để theo dõi hiện trạng sử dụng đất và có thể điều chỉnh được diện tích của từng mục đích sử dụng đất quy hoạch ít chênh lệch và gần với hiện trạng hơn.

7321	Đại học	EFL STUDENTS' SPEAKING SKILL DIFFICULTIES AND SOLUTIONS	Cao, Minh Ky	Thai, Cong Dan	2019	This paper aims to investigate into the difficulties when speaking English that many EFL students face during their learning courses at university. It will also hope to provide possible solutions or directions to counter or at the very least mitigate these problems for EFL students on their process of becoming future fluent English speakers. A survey was conducted on 43 students ranging from freshmen to senior students at the School of Foreign Languages at Can Tho University in order to identify the the core of their problems when it comes to speaking English. The results show that the primary cause leading to unfluent speeches in English is the lack of vocabulary needed to convey thoughts and ideas. Fortunately, the key to solving this problem is quite simple and can be applied to every EFL students at any level to better their speaking skills. Based on the findings, the solutions seem to be an increase interaction with the language itself and also the improvement of other essential English skills. These solutions can be practiced by EFL students themselves or with the help of English instructors and teachers from various institutions.
7322	Đại học	DIFFICULTIES IN IMPROVING LISTENING SKILL OF SECOND-YEAR STUDENTS WHO MAJOR IN ENGLISH AT CAN THO UNIVERSITY	Nguyen, Thanh Thien	Nguyen, Thi Van Su	2019	Motivated by the dearth of studies investigating language learners' listening difficulties in EFL context, this research study aims to explore the difficulties of students in listening comprehension and their solutions towards the problems. The research is conducted with quantitative and qualitative methods to investigate and compare the data to be more connected. It employs 77 second-year students majoring in English in Can Tho University who response to the questionnaire and 6 students from the participants who completed the questionnaire for a structured interview. The result of this research indicates three main groups of influential problems to students' listening comprehension to English, such as text factors, processing factors and listener factors. The data from qualitative method also clarifies some suggestions from students to solve the problem, such as taking more listening practice, learning more vocabulary, being more confident and asking for explanation. Key words: Difficulties, difficulties in EFL listening comprehension, listening comprehension, text factors, listener factors, processing factors, second-year students in CTU.

7323	Đại học	AN INVESTIGATION INTO ENGLISH MAJORED STUDENTS' ATTITUDES TOWARDS THE USE OF YOUTUBE® IN ENGLISH ON IMPROVING LISTENING SKILL AT CAN THO UNIVERSITY	Pham, Viet Thuy	Ho, Phuong Thuy	2019-04	Previous linguistic studies have indicated that while listening is one of the most important skills, it is also the most neglected one in English language learning. Many studies have shown that many universities and schools did not paid enough attention to listening comprehension; consequently, students lose their motivation and distracted with the traditional audio method to continue improving their competence. Opportunely, with the existence of the technology revolution 4.0, technology has become an effective language learning tool. The advent of social networks which helps socialize people also increased rapidly, which leads to a new acquisition of language learning. With the aim of supporting and broadening this innovation, this study investigates the attitudes of English majored students on using YouTube in English to practice listening skill. The participants were 88 EFL students in CTU from the four courses namely 39 to 42. The findings show that the learners have a positive attitude towards using YouTube in English as a means to practice listening skill. This research provides further suggestions for teachers to have YouTube corporated in more English classes.
7324	Đại học	Hệ thống kiến thức và phân loại bài tập chương dòng điện xoay chiều VL12CB theo thang nhận thức Bloom	Trần, Thị Mộng Cầm	Đặng, Minh Triết	2018	
7325	Đại học	Khảo sát vấn đề tự học của sinh viên Bộ môn Sư phạm Vật lý – Đại học Cần Thơ các khóa 39-42	Trần Công Khánh, Công Khánh	Đỗ Thị Phương Thảo, Thị Phương Thảo	2019	Tìm hiểu thực trạng vấn đề tự học của sinh viên Bộ môn Sư phạm Vật lý trường Đại học Cần Thơ các khóa 39, 40, 41 trong đào tạo theo học chế tín chỉ, các hình thức tự học của sinh viên, những khó khăn gặp phải của sinh viên trong quá trình tự học để đưa ra những đề xuất phù hợp với tình hình chung của SV
7326	Đại học	Đo vận tốc sóng âm trong không khí với bộ thí nghiệm của hãng Pasco	Võ Tuyết Hương, Tuyết Hương	Trần Thanh Hải, Thanh Hải	2019	Tìm hiểu nội dung “sóng cơ học – sóng âm” Thực hành thí nghiệm: Khảo sát sự giao thoa của hai sóng âm có cùng phương, tần số và biên độ nhưng ngược chiều nhau, cho ta hiện tượng sóng dừng; Khảo sát vận tốc sóng âm khi bước sóng thỏa mãn điều kiện cộng hưởng.
7327	Đại học	Tổng hợp, thiết kế các câu hỏi, bài tập và đề kiểm tra vận dụng thực tế cho chương “Sóng ánh sáng” Vật lý 12 cơ bản.	Nguyễn Thị Kim Xuyên, Thị Kim Xuyên	Đỗ Thị Phương Thảo, Thị Phương Thảo	2019	Nội dung được trình bày chi tiết gồm: thiết kế các câu hỏi, các đề kiểm tra mang tính ứng dụng thực tế cao và các bài tập, câu hỏi trình bày trong luận văn đều có phương pháp giải và hướng dẫn giải cụ thể từ đó có thể giúp HS giải được các bài tập, các hiện tượng tương tự, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển năng lực tự làm việc của HS.

7328	Đại học	Phân bố không gian môi trường phóng xạ trên địa bàn Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	Lê Thị Hoàng Trang, Thị Hoàng Trang	Dương Quốc Chánh Tín, Quốc Chánh Tín	2019	Nội dung được trình bày chi tiết gồm: thiết kế các câu hỏi, các đề kiểm tra mang tính ứng dụng thực tế cao và các bài tập, câu hỏi trình bày trong luận văn đều có phương pháp giải và hướng dẫn giải cụ thể từ đó có thể giúp HS giải được các bài tập, các hiện tượng tương tự, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, phát triển năng lực tự làm việc của HS Chương 1 trình bày tổng quan về phóng xạ. Chương 2 giới thiệu phần mềm surfer 11, thuật toán nội suy, cách cài đặt phần mềm và các thao tác cơ bản trong sử dụng phần mềm Surfer 11 để xây dựng bản vẽ. Chương 3 xây dựng bản đồ phân bố không gian môi trường phóng xạ ở 3 độ cao khác nhau qua đó đánh giá được sự phân bố cũng như mức độ phóng xạ ở quận Ninh Kiều.
7329	Đại học	Tổng hợp, thiết kế các câu hỏi, bài tập và đề kiểm tra vận dụng thực tế cho các chương “Dòng điện xoay chiều” và “Dao động và sóng điện từ” Vật lý 12 cơ bản.	Lê Thị Mộng Nhung, Thị Mộng Nhung	Đỗ Thị Phương Thảo, Thị Phương Thảo	2019	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về việc thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập vận dụng thực tế, thực tiễn trong dạy học Vật lý Xây dựng hệ thống những câu hỏi, bài tập và đề kiểm tra VL mang tính thực tiễn có thể vận dụng vào chương trình VL lớp 12 THPT
7330	Đại học	Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại trường THPT Nguyễn Việt Hồng TP Cần Thơ	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Thị Ngọc Huyền	Nguyễn Hữu Khanh, Hữu Khanh	2019	Luận văn gồm có 3 chương sau đây Chương 1: Một số vấn đề cơ bản giáo dục hướng nghiệp hiện nay Chương 2: Tìm hiểu hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại trường trong những năm qu Chương 3: Một vài nhận xét và đề nghị về hoạt động giáo dục hướng nghiệp hiện nay
7331	Đại học	Thiết kế bài thực hành học phần Thực tập Động vật không xương sống - Ngành giun tròn, Ngành giun dẹp và Ngành giun đốt	Lê, Nguyễn Ngọc Chăm	Đinh, Minh Quang	2019	Đề tài “Thiết kế bài thực hành học phần Thực tập Động vật không xương sống – Bài ngành Giun dẹp, ngành Giun tròn và ngành Giun đốt” được thực hiện nhằm mục tiêu thiết kế nội dung bài thực hành về ba ngành động vật này phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của sinh viên về học phần Thực tập Động vật không xương sống (SP177). Đề tài được thực hiện trong 8 tháng từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019. Chúng tôi đã tiến hành phân tích nội dung các tài liệu liên quan đến học phần Thực tập Động vật không xương sống, chọn đối tượng để tiến hành giải phẫu và xây dựng nội dung bài học đề xuất cho việc giảng dạy. Đề tài đã cung cấp nguồn tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập cũng như biên soạn giáo trình Thực hành động vật trong thời gian tới.
7332	Đại học	TUYÊN CHỌN VI KHUẨN Acetobacter sp. ỨNG DỤNG TRONG LÊN MEN GIẤM VANG DƯA GANG (Cucumis melon L.)	Thạch, Út Sáu	Nguyễn, Văn Thành	2019	
7333	Đại học	TKKT Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Văn, Âm	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phầ - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Tổng quan kiến trúc công trình - Phần II: Tính toán kết cấu bên trên □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Tính toán kết cấu cầu thang □ Chương 6: Tính toán hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Tính toán kết cấu móng □ Chương 8: Phân tích & đánh giá địa chất công trình □ Chương 9: Đánh giá sơ bộ phương án móng □ Chương 10: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép.

7334	Đại học	TKKT Nhà điều hành và sản xuất phần mềm xuất khẩu Kiên Giang	Võ Nguyễn Thế, Anh	Hà Quốc, Đông	2019	Phần I: Kiến trú + Giới thiệu đặc điểm và kiến trúc công trìn Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tần + Tiêu chuẩn và tải trọng tác độn + Thiết kế kết cấu sà + Thiết kế kết cấu cầu than + Thiết kế kết cấu khun Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tần + Thống kê số liệu địa chấ + Thiết kế kết cấu móng cọc BTCT đúc sẵn + Thiết kế kết cấu móng cọc khoan nhồi
7335	Đại học	TKKT Ngân Hàng Sacombank – Bình Thuận	Kim Thanh, Bình	Trần Thị, Phượng	2019	Luận văn gồm 3 phần - Phần 1: Kiến trúc công trìn □ Chương 1: Kiến trúc công trìn □ Chương 2: Đặc điểm về kiến trúc côn trìn - Phần 2: Kết cấu thượng tần □ Chương 3: Tiêu chuẩn thiết k □ Chương 4: Thiết kế sàn tần □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu than □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khun - Phần 3: Kết cấu hạ tần □ Chương 7: Phân tích tải liệu địa chất v chọn phương án món □ Chương 8: Thiết kế móng cọc ép
7336	Đại học	TKKT Nhà khách – tp Vị Thanh – tỉnh Hậu Giang	Lê Hải, Âu	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ Phần I: Kiến trúc công trình -Chương 1: Giới thiệu công trình - Chương 2: Thiết kế kiến trúc Phần II: Kết cấu công trình -Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế -Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn -Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ -Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước -Chương 7: Thiết kế kết cấu khung Phần III: Nền móng công trình -Chương 8: Thống kê số liệu địa chất -Chương 9: Thiết kế móng cọc ép bê tông cốt thép.
7337	Đại học	TKKT Trụ Sở Làm Việc Ngân Hàng Thương Tín VietBank- Sóc Trăng	Nguyễn Văn, Đạt	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thống kê tài liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc.
7338	Đại học	TKKT Bệnh Viện Đa Khoa – Huyện An Dương – TP. Hải Phòng	Lê Văn, Cao	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Giải phá kiến trúc & kỹ thuật -Phần II: Kết cấu thượng tần □Chương 3: Thiết kế sàn tầng 3 điển hìn □Chương 4: Tính toán cầu thang b □Chương 5: Tính toán thiết kế hồ nước mái □Chương 6: Tính toán khung không gia -Phần III: Kết cấu hạ tần □Chương 7: Số liệu tính toá □Chương 8: Thiết kế móng cọc ép bê tông cốt thép.
7339	Đại học	TKKT Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê TECHCOM BANK CẦN THƠ	Phạm Tiến, Chiêu	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Thiết kế kiến trúc công trìn □ Chương 1: Giới thiệu công trìn □ Chương 2: Thiết kế kiến trú - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tần □ Chương 3: Tiêu chuẩn thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sà □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu than □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tần □ Chương 7: Phân tích tải liệu địa chấ □ Chương 8: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép
7340	Đại học	TKKT Chung Cư An Phú	Nguyễn Chí, Cường	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ -Phần I: Kiến trúc công trình -Chương 1: Giới thiệu công trình -Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật -Phần II: Kết cấu công trình - Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế -Chương 4: Tính toán và thiết kế sà - Chương 5: Tính toán và thiết kế cầu thang -Chương 6: Tính toán và thiết kế khung - Phần III: Nền móng công trình -Chương 7: Số liệu địa chất và phương án móng - Chương 8: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.

7341	Đại học	TKKT Trung Tâm Quản Lý Ứng Dụng Marketing Nha Trang	Trương Hải, Đăng	Hoàng Vĩ, Minh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 2: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 4: thiết kế cầu thang bộ □ Chương 5: Thiết kế kết cấu khung BTCT toàn khối - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 6: Thống kê số liệu địa chất và lựa chọn phương án móng □ Chương 7: Thiết kế móng cọc BTCT đúc sẵn □ Chương 8: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7342	Đại học	TKKT Trụ sở công an Quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ	Nguyễn Võ Thế, Danh	Trần Thị, Phượng	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế và tính toán sàn BTC □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế và tính toán khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích địa chất công trình và chọn phương án nền móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc BTCT
7343	Đại học	TKKT Chi cục thuế Hậu Giang-Phường 3-TP.Vị Thanh	Nguyễn Thành, Đạt	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 4: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 5: Thiết kế và tính toán sàn bê tông cốt thép □ Chương 6: Tính toán cầu thang bộ □ Chương 7: Khung bê tông cốt thép toàn khối - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Lựa chọn giải pháp móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép
7344	Đại học	TKKT Trụ Sở Ngân Hàng BIDV Sóc Trăng	Huỳnh Tấn, Đạt	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc công trình - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn & tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích và đánh giá địa chất công trình □ Chương 8: Lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép
7345	Đại học	TKKT Chung Cư – Thái Hòa – TP.CM	Nguyễn Quốc, Đến	Trần Thị, Phượng	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 8: Tính toán tải tác dụng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 11: Thiết kế móng cọc ép.
7346	Đại học	TKKT Chung Cư Linh Đàm – Từ Liêm – TP.Hà Nội	Phan Văn, Đầy	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thống kê số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng cọc bê tông cốt thép.

7347	Đại học	TKKT Nhà khách tỉnh ủy Cà Mau	Hứa Hoàng, Dư	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn bê tông cốt thép □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang dạng bản □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung không gian - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Số liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép □ Chương 10: Thiết kế móng cọc khoan nhồi □ Chương 11: Thiết kế hệ giằng móng
7348	Đại học	TKKT Chi Cục Thuế Tỉnh Hậu Giang – TP Vị Thanh – Tỉnh Hậu Giang	Lê Thành, Đức	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp thiết kế - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình □ Chương 5: Thiết kế cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế bể nước mái □ Chương 7: Tải trọng và tổ hợp nội lực □ Chương 8: Thiết kế khung Bê Tông cốt thép - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 10: Thiết kế móng cọc ép.
7349	Đại học	TKKT Trường Cao Đẳng Y Tế Cần Thơ	Mai Huyền, Đức	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần □ Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc □ Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: Thiết kế sàn điển hình □ Chương 5: Tính toán cầu thang □ Chương 6: Khung bê tông cốt thép toàn khối □ Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích tải trọng địa chất công trình □ Chương 8: Thiết kế móng phương án móng cọc ép □ Chương 9: Thiết kế móng phương án móng cọc khoan nhồi
7350	Đại học	TKKT Khách Sạn Cần Thơ	Nguyễn Thị Phương, Dung	Trần Hoàng, Tuấn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu chung về công trình - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 2: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu bể nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế hệ thống đà kiềng □ Chương 9: Tài liệu địa chất-Phân tích phương án móng □ Chương 10: Thiết kế móng cọc ép
7351	Đại học	TKKT Chung Cư An Mỹ – Phường Phú Nhuận – Quận 7 – TP. HCM	Nguyễn Nhật, Duy	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 1: Phân tích và lựa chọn hệ chịu lực chính của công trình □ Chương 2: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 3: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 4: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 1: Phân tích tải trọng địa chất công trình và chọn phương án nền móng □ Chương 2: Thiết kế móng cọc khoan nhồi

7352	Đại học	TKKT Nhà Đa Khoa Bệnh Viện An Dương	Trần Khánh, Duy	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thiết kế đà kiềng □ Chương 8: Đánh giá khả năng chịu tải của đất nền và lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng cọc ép □ Chương 10: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7353	Đại học	TKKT Nhà Điều Hành Sản Xuất Truyền Tải Điện Miền Tây – Cần Thơ	Nguyễn Khánh, Duy	Trần Vũ, An	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu chung về công trình □Chương 2: Thiết kế kiến trúc. -Phần II: Kết cấu thượng tầng. □Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng tác động □Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn bê tông cốt thép □Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □Chương 6: Thiết kế kết cấu khung btct toàn khối -Phần III: Kết cấu hạ tầng □Chương 7: Thống kê số liệu địa chất □Chương 8: Thiết kế móng cọc ép btct.
7354	Đại học	TKKT Cục Thuế tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Hoàng, Giang	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần A: Phần kiến trúc: Chương 1: Giới thiệu chung. Phần B: Kết cấu thượng tầng: Chương 2: Tổng quan về kết cấu công trình. Chương 3: Tính toán thiết kế sàn tầng điển hình. Chương 4: Thiết kế cầu thang bộ Chương 5: Tính toán hồ nước mái Chương 6: Tính toán khung BTCT. Phần C: Kết cấu hạ tầng: Chương 7: Tính toán thiết kế móng.
7355	Đại học	TKKT Trường Đại Học Kinh tế - Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Huỳnh Trường, Giang	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thống kê số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc.
7356	Đại học	TKKT Nhà làm việc công an tỉnh Bến Tre	Nguyễn Thanh, Duy	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Giới thiệu kiến trúc. Chương 2: Đặc điểm kiến trúc. Phần II: Kết cấu công trình. Chương 3: Tính toán kết cấu sàn điển hình Chương 4: Tính toán cầu thang Chương 5: khung bê tông cốt thép toàn khối. Phần III: Nền móng công trình. Chương 6: phân tích tài liệu địa chất công trình.. Chương 7: Thiết kế móng cọc ép.
7357	Đại học	TKKT Trụ Sở Cơ Quan 8 Tầng – Q.Ninh Kiều – TP.Cần Thơ	Đào Đắc Bảo, Hân	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Thiết kế kiến trú □ Chương 1: Tổng quan công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tải trọng và tiêu chuẩn thiết kế □ Chương 4: Thiết kế tính toán sàn □ Chương 5: Tính toán cầu thang □ Chương 6: Khung bê tông cốt thép toàn khổ - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích tài liệu địa chất và phương án nền móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc ép.
7358	Đại học	TKKT Ngân Hàng BIDV Ninh Thuận	Đoàn Hữu, Hạnh	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Giới thiệu công trình. Chương 2: Thiết kế Kiến Trúc Công Trình Phần II: Kết cấu công trình. Chương 3: Tiêu chuẩn và Tải Trọng Thiết kế . Chương 4: Thiết kế cầu sàn Chương 5: Thiết kế cầu thang Chương 6: Thiết kế kết cấu khung Phần III: Nền móng công trình. Chương 7: Thiết kế kết cấu móng.

7359	Đại học	TKKT Sở giao thông vận tải tỉnh Cà Mau	Nguyễn Trung, Hậu	Trần Hoàng, Tuấn	2019	Luận Văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Tổng quan kiến trúc công trình - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 2: Cơ sở thiết kế □ Chương 3: Tính toán thiết kế sàn □ Chương 4: Thiết kế cầu thang bộ □ Chương 5: Thiết kế hồ nước mái □ Chương 6: Thiết kế tính toán dầm dọc trục □ Chương 7: Tính toán thiết kế khung - Phần III: Móng công trình □ Chương 8: Tính toán thiết kế các phương án móng.
7360	Đại học	Chung cư cao ốc quận Tân Phú	Nguyễn Thị Thúy, Hoa	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Tổng quan về kiến trúc công trình - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 2: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 5: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án nền móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7361	Đại học	TKKT Chung Cư Nhà Xanh – Bình Dương	Phan Ngọc, Hoàn	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu thượng tầng. □ Chương 3: Giải pháp kết cấu, tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Địa chất và cơ sở lý thuyết □ Chương 8: Tính toán và thiết kế móng cọc ép.
7362	Đại học	TKKT Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng	Võ Minh, Hoàng	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần □ Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu về công trình □ Chương 2: Giải pháp kỹ thuật. □ Phần II: Kết cấu thượng tầng. □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung □ Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích tài liệu địa chất □ Chương 8: Thiết kế móng cọc ép
7363	Đại học	TKKT Chung cư Hoàng Gia – Quận Bình Thạnh - TPHCM	Quách Đại, Hùng	Phạm Anh, Du	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Tổng quan về kiến trúc □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần 2: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần 3: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích tài liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép.
7364	Đại học	TKKT Khối Nhà Ở Chuyên Gia – Bệnh Viện Thái Hòa – Đồng Tháp	Võ Thiện, Hữu	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Phần kiến trúc. Chương 1: Giới thiệu công trình. Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật. Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng. Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế. Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn. Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang. Chương 6: Thiết kế kết cấu khung. Phần III: Thiết kế kết cấu phần ngầm. Chương 7: Thiết kế móng cọc ép.
7365	Đại học	TKKT Thư viện – Đại học Quốc Gia – TP HCM	Đào Nguyễn Đức, Huy	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Địa chất công trình – Phân tích và lựa chọn phương án móng □ Chương 8: Thiết kế kết cấu móng

7366	Đại học	TKKT Khu Hiệu Bộ - Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ	Lê Thế, Huy	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình Chương 1: Giới thiệu kiến trúc công trình Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình Phần II: Kết cấu thượng tầng Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang Chương 6: Thiết kế hồ nước mái Chương 7: Thiết kế kết cấu khung Phần III: Kết cấu hạ tầng Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất và lựa chọn phương án móng Chương 9: Thiết kế móng cọc ép Chương 10: Thiết kế móng cọc khoan nhồi
7367	Đại học	TKKT Trụ sở Chi nhánh Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận	Hứa Minh, Kha	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	
7368	Đại học	TKKT Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thành phố Cần Thơ	Đỗ Tuấn, Khanh	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Thiết kế kiến trúc -Phần II: Kết cấu thượng tầng □Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ. □Chương 6 Thiết kế kết cấu khung chịu lực -Phần III: Kết cấu hạ tầng □Chương 7: Phân tích địa chất □Chương 8: Thiết kế nền móng.
7369	Đại học	TKKT Ngân hàng ngoại thương Việt Nam chi nhánh Trà Nóc	Mạch Nguyễn, Khánh	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Thiết kế kiến trúc -Phần II: Kết cấu thượng tầng □Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □Chương 4: Thiết kế sàn tầng điển hình □Chương 5: Thiết kế cầu thang bộ □Chương 6: Thiết kế khung -Phần III: Kết cấu hạ tầng □Chương 7: Tài liệu địa chất-phương án móng □Chương 8: Thiết kế móng.
7370	Đại học	TKKT Chung Cư CT8 – Văn Quán – Hà Đông – Hà Nội	Trần Quốc, Khánh	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thống kê địa chất và lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép.
7371	Đại học	TKKT Chung Cư – Quận 08 – TP.HCM	Bùi Đăng, Khoa	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng tác động □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế kết cấu đà kiềng □ Chương 9: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án nền móng □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7372	Đại học	Can Tho Soft Soil Improved By Soil Cement Mixing Through Experiments And Simulations	Trần Quốc, Kính	Lê Gia, Lâm	2019	Luận văn: Gồm 6 chương Chương 1: Introduction Chương 2: Literature review Chương 3: Laboratory experiment Chương 4: finite element applied for soil cement columns supported embankment Chương 5: Experimental and simulation result Chương 6: Conclusions and recommendations

7373	Đại học	TKKT Khách sạn Tân Cửu Long	Bùi Trần Nhật, Ngôn	Nguyễn Hoàng, Anh	2019	Luận văn: gồm 3 phần - Phần 1: Kiến trúc □ Chương 1:Giới thiệu về công trình □ Chương 2:Giải pháp kiến trúc - Phần 2: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3:Tiêu chuẩn thiết kế, vật liệu và tải trọng □ Chương 4:Thiết kế sàn điển hình □ Chương 5:Thiết kế cầu thang □ Chương 6:Thiết kế bể nước mái □ Chương 7:Khung bê tông cốt thép toàn khối - Phần 3: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế nền móng.
7374	Đại học	TKKT Khoa tim bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình Chiểu – Phường 5 – TP Bến Tre	Diệp Hữu, Lộc	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Tính toán thiết kế hồ nước □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế hệ thống đà kiềng □ Chương 9: Phân tích số liệu và phương án móng □ Chương 10: Tính toán móng cọc.
7375	Đại học	TKKT Bệnh viện Bình Thủy – Cần Thơ	Võ Trung, Kiên	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu cầu thượng tầng □ Chương 1: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 2: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 3: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 4: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 5: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế hạ tầng □ Chương 1: Thiết kế kết cấu đà kiềng □ Chương 2: Phân tích tải trọng địa chất công trình và chọn phương án móng □ Chương 3: Thiết kế móng cọc
7376	Đại học	TKKT Trường Trung cấp nghề - Huyện Bình Chánh – tp HCM	Bùi Vĩnh, Khánh	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Phân tích tải trọng địa chất công trình và lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế nền móng cọc □ Chương 10: Thiết kế nền móng cọc khoan nhồi
7377	Đại học	TKKT Ngân Hàng Kiên Long – TP.HCM	Kiều Chí, Nhân	Trần Hoàng, Tuấn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn bê tông cốt thép □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế khung bê tông cốt thép toàn khối - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thống kê số liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép bê tông cốt thép.
7378	Đại học	TKKT Nhà điều hành sản xuất truyền tải điện miền tây	Nguyễn Minh, Luân	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Tổng quan công trình. □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Giải pháp kiến trúc & Kỹ thuật -Phần II: Kết cấu công trình □Chương 3: Giải pháp kết cấu □Chương 4: Tiêu chuẩn áp dụng & Số liệu thiết kế □Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □Chương 6: Thiết kế kết cấu khung □Chương 7: Thiết kế kết cấu cầu thang -Phần III: Nền móng công trình □Chương 8: Số liệu địa chất & Thiết kế móng.

7379	Đại học	TKKT Trụ sở Công an huyện Trà Ôn	Nguyễn Văn, Kiện	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Giải pháp kết cấu, tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án nền móng □ Chương 8: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7380	Đại học	TKKT Nhà khách Minh Hải – Cà Mau	Huỳnh Thị Mỹ, Linh	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Tính toán cầu thang dạng bản □ Chương 6: Tính toán hồ nước mái □ Chương 7: Xác định nội lực khung không gian - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Số liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép.
7381	Đại học	TKKT Chung cư 6 tầng Hậu Giang	Dương Văn Nhân, Dương Văn Nhân	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật -Phần II: Kết cấu công trình □Chương 3: Giải pháp kết cấu □Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □Chương 6: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □Chương 7: Thiết kế móng cọc khoan nhồi □Chương 8: Thiết kế móng cọc ép.
7382	Đại học	TKKT Khách sạn – Nha Trang – Khánh Hòa	Trương Nhật, Len	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình - Phần II: Thượng tầng kết cấu □ Chương 3: Lựa chọn giải pháp kết cấu, tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Tính toán và thiết kế sàn □ Chương 5: Tính toán và thiết kế cầu thang □ Chương 6: Tính toán và thiết kế bể nước mái □ Chương 7: Tính toán và thiết kế khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Phân tích số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép BTCT.
7383	Đại học	TKKT Nhà làm việc Bưu điện Tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Thị Yến, Nhi	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu □ Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thiết kế kết cấu đà kiềng □ Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất và lựa chọn phương án nền móng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7384	Đại học	TKKT Tái định cư Bình Khánh.	Võ Tấn, Lợi	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Tính toán và thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng – nền móng □ Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất công trình và chọn phương án nền móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép.

7385	Đại học	TKKT Chi cục thuế Cà Mau	Nguyễn Yến, Nhi	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần □ Phần I: Phần kiến trúc □ Chương 1: Tổng quan về công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình □ Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế sàn điển hình □ Chương 5: Thiết kế cầu thang bộ □ Chương 6: Tải trọng và tổ hợp nội lực □ Chương 7: Thiết kế khung bê tông cốt thép □ Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép cọc BTCT □ Chương 10: Thiết kế móng cọc khoan nhồi
7386	Đại học	TKKT Bảo Hiểm Xã Hội Huyện Thái Thụy	Lương Hoàng, Nhu	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Phần I: Kiến trúc công trình Chương 1: Giới thiệu kiến trúc Chương 2: Đặc điểm kiến trúc Phần II: Kết cấu thượng tầng Chương 3 : Lựa chọn giải pháp kết cấu Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình Chương 5: Tính toán cầu thang Chương 6: Khung bê tông cốt thép toàn khối Phần III: Kết cấu hạ tầng Chương 7: Phân tích tài liệu địa chất công trình và chọn phương án nền móng Chương 8: Thiết kế móng cọc ép
7387	Đại học	TKKT Khu Nhà ở Cán bộ Chiến sĩ Công an Quận Ninh Kiều	Nguyễn Hữu, Lộc	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 4: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thiết kế kết cấu dầm kiềng □ Chương 9: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án móng □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7388	Đại học	TKKT Ngân hàng Vietinbank – Thành phố Sóc Trăng	Nguyễn Thị Hồng, Nhung	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ. □ Chương 6: Thiết kế hồ nước má □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Phân tích địa chất □ Chương 9: Thiết kế nền móng.
7389	Đại học	TKKT Trụ Sở Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Tỉnh Hậu Giang	Lưu Duy, Phúc	Trần Vũ, An	2019	Luận văn: Gồm 3 phần □ Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu về công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Phần II: Kết cấu thượng tầng. □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 5: Tính toán cầu thang bộ □ Chương 6: Tính toán khung btct toàn khối □ Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thiết kế móng cọc ép btct.
7390	Đại học	TKKT Trung Tâm Ứng Dụng Tiến Bộ Khoa Học Công Nghệ Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Trần Hoàng, Phúc	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Giới thiệu công trình.. Phần II: Kết cấu công trình. Chương 2: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế. Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình. Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang. Chương 5: Thiết kế kết cấu khung chịu lực Phần III: Nền móng công trình. Chương 6: Phân tích địa chất và chọn PP móng Chương 7: Thiết kế móng cọc ép.

7391	Đại học	TKKT Tòa nhà 7 tầng Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ	Nguyễn Hoàng Thiên, Phước	Đặng Thế, Gia	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng tính toán thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu thượng tầng □ Chương 7: Tài liệu địa chất và phân tích phương án móng □ Chương 8: Thiết kế móng
7392	Đại học	TKKT Trạm vùng tác động Miền Tây Nam Bộ – TP.CT	Nguyễn Hoàng, Phúc	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Giới thiệu công trình. Phần II: Kết cấu thượng tầng. Chương 2: Thiết kế kết cấu sàn. Chương 3 Thiết kế kết cấu cầu thang.. Chương 4:. Thiết kế kết cấu khung. Phần III: Kết cấu hạ tầng. Chương 5: Thống kê số liệu địa chất. Chương 6: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép.
7393	Đại học	TKKT Chung Cư – LÊ HỒNG PHONG – Phường 8 – Quận 5– TP.HCM	Nguyễn Hữu, Phước	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 4 phần - Phần I: Phần Kiến Trúc □ Chương 1: Tổng quan về công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc và hạn tầng kỹ thuật □ Chương 3: Cơ sở nghiên cứu thiết kế - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 4: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 5: Tải trọng và tổ hợp tải trọng □ Chương 6: Tính toán kết cấu sàn □ Chương 7: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 8: Thiết kế bể nước mái □ Chương 9: Đặc trưng động học công trình □ Chương 10: Tải trọng gió □ Chương 11: Thiết kế khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 12: Phân tích số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 13: Phương án cọc khoan nhồi - Phần VI: Thiết kế tự động hóa □ Chương 14: Thiết kế tự động hóa bằng phần mềm Etabs 17
7394	Đại học	Thiết kế kỹ thuật Nhà ở riêng lẻ	Ngô Thanh, Phúc	Hà Quốc, Đông	2019	Luận văn gồm 4 phần Phần I: Kiến trúc □ Chương 1. Giới thiệu công trình □ Chương 2. Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3. Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4. Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5. Thiết kế cầu thang bộ □ Chương 6. Thiết kế kết cấu khung Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7. Số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 8. Thiết kế móng cọc ép Phần IV: Thi công □ Chương 9. Tổ chức thi công phần ngầm
7395	Đại học	TKKT Tòa nhà VIETTEL An Giang	Lâm Huy, Phương	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Thiết kế kiến trúc □Chương 1: Giới thiệu tổng quan kiến trúc -Phần II: Thượng tầng kết cấu □Chương 2: Tính toán sàn □Chương 3:Thiết kế cầu thang □Chương 4: tính toán kết cấu khung -Phần III: Hạ tầng kết cấu □Chương 5: Tính toán và thiết kế móng.
7396	Đại học	TKKT Bệnh Viện Đa Khoa Huyện An Dương	Sơn, Phương	Trần Hoàng, Tuấn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Đặc điểm công trình □ Chương 2: Giải pháp thiết kế - Phần II: Kết cấu □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 8: Thiết kế kết cấu khung phẳng - Phần III: Nền móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép.

7397	Đại học	TKKT Nhà ở cán bộ Quận Cái Răng	Trần Thanh, Quí	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Tổng quan về kiến trúc công trình. Chương 2: Các đề xuất giải pháp công trình. Phần II: Kết cấu công trình. Chương 3: Tải trọng và tính toán.. Chương 4: Thiết kế và tính toán sàn BTCT. Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang.. Chương 6: Thiết kế và tính toán khung trục Phần III: Nền móng công trình. Chương 7: Thiết kế kết cấu móng.
7398	Đại học	TKKT Chung Cư Tài Nguyên – TP.HCM	Đặng Minh, Quân	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tải trọng và cường độ vật liệu □ Chương 4: Thiết kế sàn tầng điển hình □ Chương 5: Thiết kế cầu thang □ Chương 6: Thiết kế hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Tài liệu địa chất công trình và phương án nền móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc BTCT.
7399	Đại học	TKKT Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi	Lê Minh Đăng, Quang	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Tải trọng giàn mái thép □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Phân tích số liệu và phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng.
7400	Đại học	TKKT Bệnh Viện Lao Phổi TP Cần Thơ (khối D)	Nguyễn Trọng, Quý	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình -Phần II: Kết cấu công trình □Chương 2: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn □Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang. □Chương 5: Thiết kế kết cấu khung -Phần III: Nền móng công trình □Chương 6: Số liệu địa chất, thống kê tải trọng □Chương 7: Thiết kế găng móng □Chương 8: Thiết kế móng cọc ép.
7401	Đại học	TKKT Khối nhà học và nguyên cứu trường Đại Học Trà Vinh	Trần Thanh, Sang	Hoàng Vĩ, Minh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Thiết kế kiến trúc □Chương 1: Giới thiệu tổng quan kiến trúc -Phần II: Thượng tầng kết cấu □Chương 2: Tính toán sàn □Chương 3:Thiết kế cầu thang □Chương 4: tính toán kết cấu khung -Phần III: Hạ tầng kết cấu □Chương 5: Tính toán và thiết kế móng.
7402	Đại học	TKKT Chung Cư 10 Tầng – Quận 2 – TP.HCM	Lê Tấn, Sang	Trần Thị, Phượng	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp thiết kế - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 5: Tính toán cầu thang bộ □ Chương 6: Tính toán hồ nước mái □ Chương 7: Tính toán khung không gia - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 10: Thống kê số liệu địa chất công trình và chọn phương án nền móng □ Chương 11: Thiết kế nền móng

7403	Đại học	TKKT Trường Đại Học Đồng Bằng Sông Cửu Long	Lê Tài, Sang	Hà Quốc, Đông	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương I: Giới thiệu công trình □ Chương II: Thiết kế kiến trú - Phần II: Kết cấu thượng tần □ Chương III: Tiêu chuẩn và tải trọng tác độn □ Chương IV:Thiết kế kết cấu sàn □ Chương V: Thiết kế kết cấu cầu than □ Chương VI: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Kết cấu hạ tần □ Chương VII: Thống kê số liệu địa chất và chọn phương án món □ Chương VIII: Thiết kế móng cọc ép □ Chương IX: Giải pháp thi công phần ngà □ Chương X: Dự toán
7404	Đại học	Thiết kế kỹ thuật chung cư Hồng Văn	Thân Văn, Sậy	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế kết cấu đà kiềng và giằng móng □ Chương 9: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án nền món □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7405	Đại học	TKKT Ngân hàng VietBank Sóc Trăng	Huỳnh Hồng, Sơn	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu kiến trúc công trình □Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình -Phần II: Kết cấu thượng tầng □Chương 3: Tiêu chuẩn tải trọng và thiết kế □Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □Chương 6: Thiết kế kết cấu khung -Phần III: Kết cấu hạ tầng □Chương 7: Phân tích số liệu và phương án móng □Chương 8: Tính toán móng cọc.
7406	Đại học	TKKT Bệnh Viện Đa Khoa Huyện An Dương – Hải Phòng	Nguyễn Văn, Tài	Phạm Anh, Du	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải phá kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung chịu lự - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 7: Thiết kế hệ thống đà kiềng □ Chương 8: Đánh giá khả năng chịu tải của đất nền và lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép.
7407	Đại học	TKKT Siêu thị y tế - Bệnh viện Thái Hòa	Nguyễn Hữu, Tấn	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần Phần I: Kiến trúc công trình. Chương 1: Kiến trúc công trình Phần II: Kết cấu thượng tầng Chương 2: Thiết kế kết cấu sàn Chương 3: Thiết kế kết cấu cầu thang Chương 4: Thiết kế kết cấu khung Phần III: Kết cấu hạ tầng Chương 5: Số liệu địa chất Chương 6: Thiết kế móng cọc ép. Chương 7: Thiết kế móng cọc khoan nhồi
7408	Đại học	TKKT Ký Túc Xá THPT Chuyên Tiền Giang	Châu Minh, Tâm	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phâ - Phần I: Tổng quan về công trìn □ Chương 1: Khái niệm về công trìn □ Chương 2: Giải phá kiến trú - Phần II: Kết cấu thượng tần □ Chương 3: Tiêu chuẩn áp dụng và tải trọng tác dụn □ Chương 4: Tính toán sàn và xà gồ má □ Chương 5: Tính toán cầu than □ Chương 6: Tính toán thiết kế khun - Phần III: Kết cấu hạ tần □ Chương 10: Thống kê số liệu địa chất và chọn phương án món □ Chương 11: Tính toán móng cọc bê tông cốt thép

7409	Đại học	TKKT Thư viện Đại Học Quốc Gia TP.HCM	Phùng Khắc, Tâm	Hoàng Vĩ, Minh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Tiêu chuẩn thiết kế và tải trọng - Phần II: Kết cấu Thượng Tầng □ Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 4: Tính toán kết cấu cầu thang □ Chương 5: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 6: Khảo sát và chỉnh lý số liệu địa chất □ Chương 7: Thiết kế móng cọc ép □ Chương 8: Thiết kế móng cọc khoan nhồi □ Chương 9: So sánh và lựa chọn phương án móng.
7410	Đại học	TKKT Nhà hiệu bộ đại học y dược Cần Thơ	Nguyễn Minh, Tân	Lê Tuấn, Tú	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Tổng quan kiến trúc công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình □ Chương 3: Cơ sở thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 4: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 5: Thiết kế sàn tầng điển hình □ Chương 6: Thiết kế sàn mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 8: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 9: Thiết kế kết cấu khung □ Chương 10: Thiết kế kết vách cừm - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 11: Phân tích tài liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 12: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7411	Đại học	TKKT Trường mầm non Mặt Trời Hồng	Triệu Quang, Thái	Trần Thị, Phượng	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung phẳng - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Số liệu địa chất & thiết kế móng cọc ép bê tông.
7412	Đại học	TKKT Trường cao đẳng nghề Sóc Trăng	Đặng Hồng, Thái	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Thiết kế kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kỹ thuật - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Thiết kế hệ thống giằng móng □ Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép
7413	Đại học	TKKT Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê Techcombank TP.HCM	Trương Quốc, Thái	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc □ Chương 3: Giải pháp kết cấu công trình - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 4: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 5: Tính toán thiết kế sàn □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Tính toán thiết kế khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thống kê tài liệu địa chất và lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng cọc.

7414	Đại học	TKKT Ngân hàng Vietbank Sóc Trăng	Bùi Hoàng Thắng, Bùi Hoàng Thắng	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Thiết kế sàn BTCT □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế khung BTCT toàn khối - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thống kê số liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép BTCT.
7415	Đại học	TKKT Khách sạn Tân Cửu Long – TP.Vĩnh Long	Trần Hoàng, Tấn	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trìn □ Chương 1: Giới thiệu công trìn □ Chương 2: Thiết kế kiến trú - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Xác định tiêu chuẩn và tải trọng thiết k □ Chương 4: Thiết kế và tính toán sàn □ Chương 5: Thiết kế cầu thang □ Chương 6: Thiết kế bể nước má □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Số liệu địa chất và chọn phương án móng □ Chương 9: Phương án cọc bê tông cốt thép
7416	Đại học	TKKT Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê techcombank chi nhánh Cần Thơ	Lê Duy, Tân	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Tính thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Phân tích số liệu địa chất □ Chương 8: Thiết kế móng cọc ép □ Chương 9: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7417	Đại học	TKKT Trụ sở ngân hàng BIDV Tuyên Quang	Nguyễn Chí, Thanh	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trìn - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết k □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 7: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 8: Thiết kế móng cọc ép □ Chương 9: Thiết kế móng cọc khoan nhồi
7418	Đại học	TKKT Công trình xổ số kiến thiết Kiên Giang	Trần Phi, Thường	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình □Chương 2: Thiết kế kiến trú -Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □Chương 3: Tiêu chuẩn thiết k □Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □Chương 5: Thết kế kết cấu cầu thang □Chương 6: Thiết kế kết cấu khun -Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □Chương 7: Phân tích tài liệu địa chấ □Chương 11: Thiết kế móng cọc ép.
7419	Đại học	TKKT Nhà làm việc VKSND – Quận 07 – TP.HCM	Nguyễn Văn, Toàn	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Phân tích kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế kết cấu tường tầng bán hầm □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khun - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất công trình và lựa chọn phương án nền móng. □ Chương 9: Thiết kế nền móng : Thiết kế móng coc ép.

7420	Đại học	TKKT Nhà Khách – Thành phố Rạch Giá – Kiên Giang	Trần Chí, Thức	Lê Gia, Lâm	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế và tính toán cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Tính toán kết cấu khung - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Phân tích số liệu và phương án móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc.
7421	Đại học	TKKT Sở chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Thị Mỹ, Thanh	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng tính toán thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế xà gồ □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Tài liệu địa chất và phân tích – lựa chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu móng cọc.
7422	Đại học	TKKT Bệnh viện Đa Khoa-Huyện Tiền Lãng	Võ Thị Mai, Thảo	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Thiết kế kiến trúc □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Thiết kế kết cấu hạ tầng □ Chương 7: Số liệu địa chất công trình và phương án nền móng □ Chương 8: Thiết kế nền móng.
7423	Đại học	TKKT Bệnh viện nhi đồng thành phố vị thanh	Phan Trần Đạt, Thịnh	Trần Đức, Trung	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tính toán kết cấu sàn điển hình □ Chương 5: thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép.
7424	Đại học	Thiết kế kỹ thuật nhà khách tỉnh Kiên Giang	Danh, Tình	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ □ Chương 6: Thiết kế hồ nước □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế hệ thống giằng móng □ Chương 9: Phân tích số liệu địa chất công trình và chọn phương án móng □ Chương 10: Tính toán móng cọc
7425	Đại học	TKKT Sở Tài Chính Tỉnh Quảng Trị	Đỗ Ngọc, Tinh	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn gồm 9 chương □ Chương 1: Giới thiệu công trìn □ Chương 2: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình (sàn tầng 2) □ Chương 5: Tính toán kết cấu sàn điển hình (sàn tầng 4) □ Chương 6: Thiết kế cầu thang □ Chương 7: Khung bê tông cốt thép toàn khối □ Chương 8: Phân tích tài liệu địa chất □ Chương 9: Thiết kế móng cọc bê tông cốt thép

7426	Đại học	TKKT Trụ sở làm việc Công ty cổ phần phát triển đô thị dầu khí Cà Mau	Nguyễn Minh, Truân	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Lựa chọn giải pháp kết cấu □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn bê tông cốt thép □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Khung bê tông cốt thép toàn khối - Phần III: Kết cấu hạ tầng □ Chương 8: Thiết kế hệ thống giằng móng □ Chương 9: Phân tích tải liệu địa chất và chọn phương án nền móng □ Chương 10: Thiết kế móng cọc ép.
7427	Đại học	TKKT BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN DƯƠNG	Đoàn Quốc, Trường	Nguyễn Hoàng, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Tổng quan về công trình □ Chương 2: Đặc điểm kiến trúc - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Tiêu chuẩn, tải trọng và vật liệu thiết kế □ Chương 4: Tính toán kết cấu sàn điển hình □ Chương 5: Tính toán kết cấu cầu thang □ Chương 6: Tính toán khung bê tông cốt thép toàn khối □ Chương 7: Tính toán đà kiềng khung trục đại diện - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thống kê số liệu địa đất và chọn phương án móng □ Chương 9: Thiết kế nền móng phương án cọc ép.
7428	Đại học	TKKT Khách Sạn Cửu Long	Nguyễn Đình, Văn	Nguyễn Anh, Duy	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc - Phần II: Kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế kết cấu cầu thang bộ. □ Chương 6: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thiết kế hệ thống đà kiềng □ Chương 9: Phân tích địa chất □ Chương 10: Thiết kế nền móng.
7429	Đại học	TKKT Khối học tập và nghiên cứu trường Đại học Trà Vinh	Nguyễn Văn, Thuận	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình - Phần II: Thiết kế Kết cấu thượng tầng □ Chương 2: Tiêu chuẩn, tải trọng thiết kế □ Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 5: Thiết kế kết cấu bể nước mái □ Chương 6: Thiết kế kết cấu khung bê tông cốt thép - Phần III: Thiết kế Kết cấu hạ tầng □ Chương 10: Thiết kế nền móng công trình □ Chương 11: Thiết kế móng cọc khoan nhồi
7430	Đại học	TKKT Chung Cư Gia Định – Quận Bình Thạnh – TP.HCM	Nguyễn Lộc, Vinh	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu kiến trúc công trình □ Chương 2: Thiết kế kiến trúc công trình - Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng □ Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết kế □ Chương 4: Thiết kế kết cấu sàn □ Chương 5: Thiết kế cầu thang □ Chương 6: Thiết kế hồ nước mái □ Chương 7: Thiết kế kết cấu khung - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 8: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 9: Thiết kế móng cọc ép □ Chương 10: Thiết kế móng cọc khoan nhồi.
7431	Đại học	Thiết kế kỹ thuật công trình Bảo hiểm xã hội tỉnh Cà Mau.	Phạm, Vĩnh. Công	Trần Văn, Tuấn	2019	Luận văn gồm 3 phần chính: Kiến trúc, thiết kế thượng tầng, thiết kế hạ tầng. Phần kiến trúc giới thiệu công trình, trình bày các giải pháp gia thông đứng, chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy,... Phần thiết kế thượng tầng trình bày các tính toán về sàn, cầu thang, bể nước, khung không gian của công trình. Phần thiết kế hạ tầng trình bày các tính toán về cọc đơn móng cọc và móng bè cọc.

7432	Đại học	TKKT Trường ĐHCN Kỹ Thuật Cần Thơ	Hồ Hoàng Phi, Yến	Hồ Ngọc Tri, Tân	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 8: Tính toán tải tác dụng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 11: Thiết kế móng cọc ép.
7433	Đại học	TKKTVKhối học tập và nghiên cứu ĐH Trà Vinh – TP.Trà Vinh	Lê Thị Ngọc, Yến	Đặng Trâm, Anh	2019	Luận văn: Gồm 3 phần -Phần I: Kiến trúc công trình □Chương 1: Giới thiệu công trình -Phần II: Kết cấu công trình □Chương 2: tiêu chuẩn tải trọng & vật liệu thiết kế □Chương 3: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □Chương 4: Thiết kế kết cấu cầu thang □Chương 5: Thiết kế kết cấu khung -Phần III: Nền móng công trình □Chương 6: Phân tích địa chất và lựa chọn phương án móng □Chương 7: Thiết kế móng cọc ép.
7434	Đại học	TKKT Chung cư Thống Nhất	Lâm Duy, Khánh	Cao Tấn Ngọc, Thân	2019	Kết cấu thượng tầng gồm 5 chương Chương 1: Cơ sở thiết kế Chương 2: Tính toán sàn tầng điển hình Chương 3: Thiết kế cầu thang bộ Chương 4: Tính toán thiết kế hồ nước mái Chương 5: Thiết kế tính toán khung trục 1,2.
7435	Đại học	TKKT Chung Cư – Quận 09 – TP.HCM	Trần Văn, Cẩn	Dương Nguyễn Hồng, Toàn	2019	Luận văn: Gồm 3 phần - Phần I: Kiến trúc công trình □ Chương 1: Giới thiệu công trình □ Chương 2: Giải pháp kiến trúc & kỹ thuật - Phần II: Kết cấu công trình □ Chương 3: Giải pháp kết cấu □ Chương 4: tiêu chuẩn áp dụng & số liệu thiết kế □ Chương 5: Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình □ Chương 6: Thiết kế kết cấu cầu thang □ Chương 7: Thiết kế kết cấu hồ nước mái □ Chương 8: Tính toán tải tác dụng □ Chương 9: Thiết kế kết cấu khung chịu lực - Phần III: Nền móng công trình □ Chương 10: Thiết kế kết cấu móng □ Chương 11: Thiết kế móng cọc ép.
7436	Đại học	Thiết kế kỹ thuật KDC Miền Tây	Lê Hải, Đăng	Lê Tuấn, Tú	2019	Nội dung gồm 3 phần:phần kiến trúc, phần kết cấu, phần ngà -Phần kiến trúc Chương 1: Tổng quan về công trìn Chương 2: Thiết Kế kiến trúc công trìn -Phần kết cấu Chương 3: Tiêu chuẩn và tải trọng thiết k Chương 4: Thiết kế kết cấu sà Chương 5: Thiết kế cầu thang b Chương 6: Thiết kế kết cấu mái thê Chương 7: Thiết kế kết cấu bể nướ Chương 8: Thiết kế cấu cầu cấu khun -Phần ngà Chương 9: Tài liệu địa chất – Thiết kế móng cọc ép
7437	Đại học	TKKT Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng	Trương, Đạt Mẫn	Lê Tuấn, Tú	2019	Phần 1: Thiết kế kiến trúc Phần 2: Thiết kế kết cấu thượng tầng Phần 3: Thiết kế kết cấu hạ tầng.
7438	Đại học	Thiết kế kỹ thuật chung cư Miếu Nổi, Lô A, Q.Bình Thạnh	Nguyễn Đình Sơn, Hà	Võ Văn, Đẩu	2019	Luận văn bao gồm 3 phần Phần 1: kiến trúc công trình nhằm giới thiệu về công trình và giải pháp thiết kế kiến trúc Phần 2: thiết kế kết cấu thượng tầng có 5 chương với nội dung chủ yếu l thiết kế kết cấu sàn, cầu thang, hồ nước mái và kết cấu khung Phần 3:Thiết kế kết cấu hạ tầng có 3 chương với nội dung chủ yếu là thiế kế phương án móng cọc.

7439	Đại học	Thiết Kế Kỹ Thuật Nhà Khách Tỉnh Ủy Bến Tre	Son Phương, Hồng	Lê Tuấn, Tú	2019	PHẦN 1: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH Chương 1: Giới Thiệu Công Trình Chương 2: Thiết Kế Kiến Trúc PHẦN 2: KẾT CẤU THƯỢNG TẦNG Chương 3: Tiêu Chuẩn Và Tải Trọng Thiết Kế Chương 4: Thiết Kế Kết Cấu Sàn Chương 5: Thiết Kế Kết Cấu Cầu Thang B Chương 6: Tính Toán Thiết Kế Hồ Nướ Chương 7: Thiết Kế Kết Cấu Khun PHẦN 3: KẾT CẤU HẠ TẦNG Chương 8: Thiết Kế Kết Cấu Đà Kiềm Chương 9: Phân Tích Số Liệu Và Phương Án Móng Chương 10: Tính Toán Móng Cọc
7440	Đại học	TKKT công trình công ty cổ phần công nghệ Minh Thái	Nguyễn Thanh Hoài, Em	Lê Tuấn, Tú	2019	Phần I: Kiến trúc + Giới thiệu công trình Phần II: Thiết kế kết cấu thượng tầng + Thiết kế kết cấu + Thiết kế cầu thang + Thiết kế hồ nước má + Thiết kế kết cấu khun Phần III: Thiết kế kết cấu móng + Thiết kế kết cấu móng cọc BTCT
7441	Đại học	TKKT TRỤ SỞ LÀM VIỆC CHI CỤC THUẾ TP.VỊ THANH- TỈNH HẬU GIANG	Phan Duy, Hào	Lê Tuấn, Tú	2019	-NHIỆM VỤ THIẾT K -THẾT KẾ KẾT CẤU SÀ -THIẾT KẾ KẾT CẤU CẦU THAN -THIẾT KẾ KẾT CẤU KHUN THIẾT KẾ KẾT CẤU MÓNG
7442	Thạc sĩ	Hiện tượng luận Fermion và vô hướng trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3 :	Lê, Hoàng Tuấn	Lê Hoàng Tuấn ; Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu tìm hiểu về khối lượng và sự trộn quark, khối lượng và sự trộn lepton, khối lượng Higgs. Vô hướng trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3. Thử Higgs và trị trung bình chân không mô hình.
7443	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế dự án thoát nước đô thị tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ :	Mai, Hoàng Thảo Nguyên	Mai Hoàng Thảo Nguyên ; Nguyễn Hiếu Trung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thoát nước đô thị tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhằm tìm ra những dự án thoát nước đô thị có tính hiệu quả kinh tế, mang lại lợi ích cho thành phố và cộng đồng dân cư tại địa phương.
7444	Thạc sĩ	Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận - Kinh nghiệm cho Việt Nam :	Võ, Hồng Đăng Phong	Võ Hồng Đăng Phong ; Phan Ngọc Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, đánh giá và tổng hợp các quy định của pháp luật, các hiệp định, điều ước quốc tế về giải quyết tranh chấp quốc tế trên cơ sở lý luận và nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư trên thế giới tại một số quốc gia điển hình từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cụ thể cho Việt Nam để giải quyết có hiệu quả các tranh chấp có liên quan.
7445	Thạc sĩ	Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp :	Phạm, Thị Tuyết Giang	Phạm Thị Tuyết Giang ; Lê Thanh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, đánh giá và tổng hợp các quy định của pháp luật dựa trên cơ sở lý luận, nêu lên những thực trạng áp dụng các quy định hiện hành về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp.
7446	Thạc sĩ	Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp - Bất cập và hướng hoàn thiện :	Nguyễn, Thị Mỹ	Nguyễn Thị Mỹ ; Lê Thanh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, so sánh, đánh giá và tổng hợp các quy định của pháp luật dựa trên cơ sở lý luận, nêu lên những bất cập và hạn chế của các quy định về ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp.
7447	Thạc sĩ	Bồi thường công trình xây dựng, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng :	Nguyễn, Thị Thúy Loan	Nguyễn Thị Thúy Loan ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, đánh giá, tổng hợp có tính hệ thống căn cứ trên cơ sở lý luận và thực tiễn về liên quan đến chế định bồi thường công trình xây dựng, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

7448	Thạc sĩ	Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu theo pháp luật Việt Nam và hiệp định TRIPS :	Nguyễn, Hoàng Hải Yến	Nguyễn Hoàng Hải Yến ; Trần Lê Đăng Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm nắm bắt được những quy định của pháp luật Việt Nam và hiệp định TRIPS về điều kiện đăng ký nhãn hiệu thông qua việc phân tích, đánh giá, tổng hợp các quy định đó. Đồng thời tìm ra những điểm phù hợp và chưa phù hợp hoặc cần phải mở rộng thêm phạm vi được bảo hộ của nhãn hiệu đối với pháp luật trong nước để phù hợp với hiệp định TRIPS.
7449	Thạc sĩ	Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa từ thực tiễn giải quyết tranh chấp tại tòa án :	Trịnh, Thị Thanh Tâm	Trịnh Thị Thanh Tâm ; Nguyễn Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về pháp luật hợp đồng mua bán hàng hóa, quy định về chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng và chế tài vi phạm hợp đồng của các bên.
7450	Thạc sĩ	Bảo vệ quyền lao động của người khuyết tật theo pháp luật lao động Việt Nam - Thực trạng và hướng hoàn thiện :	Đỗ, Thị Tuyết Hạnh	Đỗ Thị Tuyết Hạnh ; Nguyễn Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu làm sáng tỏ hệ thống lý luận về bảo vệ quyền lao động của người khuyết tật. Đồng thời phân tích thực trạng thực hiện pháp luật lao động liên quan đến bảo vệ quyền lao động của người khuyết tật.
7451	Thạc sĩ	Trách nhiệm đối với hàng hóa khuyết tật theo pháp luật Việt Nam và Cộng hòa Pháp :	Nguyễn, Thanh Tú	Nguyễn Thanh Tú ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá các quy định của pháp luật dựa trên cơ sở lý luận và nêu lên thực trạng các quy định pháp luật của Việt Nam về trách nhiệm hàng hóa có khuyết tật đối với người tiêu dùng thông qua so sánh với pháp luật của nước Cộng hòa Pháp.
7452	Thạc sĩ	Pháp luật về hạn mức sử dụng đất nông nghiệp và vấn đề tích tụ ruộng đất - Thực tiễn tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thanh Tân	Nguyễn Thanh Tân ; Nguyễn Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, đánh giá, tổng hợp các quy định của pháp luật dựa trên cơ sở lý luận, nêu lên thực tiễn áp dụng các quy định hiện hành về hạn mức sử dụng đất nông nghiệp và tích tụ ruộng đất nhằm hạn chế rủi ro cho hộ gia đình, cá nhân trong tích tụ ruộng đất cũng như nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai.
7453	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Hạn chế và hướng hoàn thiện :	Lưu, Chí Tâm	Lưu Chí Tâm ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích các quy định của pháp luật về giấy đăng ký doanh nghiệp, từ đó đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
7454	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư :	Lê, Văn Hận	Lê Văn Hận ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát pháp luật về chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư qua đó xác định những ưu khuyết điểm và nguyên nhân.
7455	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ của viên chức ngành giáo dục trên địa bàn thành phố Long Xuyên :	Nguyễn, Minh Quang	Nguyễn Minh Quang ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát thực trạng thị trường bảo hiểm nhân thọ và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ của viên chức ngành giáo dục trên địa bàn thành phố Long Xuyên.
7456	Thạc sĩ	Phân lớp dữ liệu lớn với SVM sử dụng giải thuật mini-batch gradient descent :	Lê, Thị Phương Dung	Lê Thị Phương Dung ; Đỗ Thanh Nghị (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu tập trung giải quyết bài toán phân lớp tập dữ liệu lớn bằng cách cải tiến khả năng xử lý dữ liệu lớn của giải thuật máy học vector hỗ trợ sử dụng kỹ thuật hướng giảm gradient theo từng khối.
7457	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Lê, Trần Minh Nhật	Lê Trần Minh Nhật ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất lúa tham gia mô hình cánh đồng lớn, qua đó đề xuất các hàm ý chính sách nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện mô hình cánh đồng lớn tại thành phố Cần Thơ.

7458	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố tác động đến hạn chế tín dụng chính thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam :	Phan, Lý Ngọc Thảo	Phan Lý Ngọc Thảo ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng hạn chế tín dụng chính thức, xác định và phân tích các nhân tố tác động đến hạn chế tín dụng chính thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.
7459	Thạc sĩ	Kiểm định danh mục đầu tư tối ưu trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Thụy Hồng Ngọc	Nguyễn Thụy Hồng Ngọc ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng mô hình chỉ số đơn, từ đó kiểm định tính hiệu quả của danh mục đầu tư tối ưu; rút ra một số thuận lợi và khó khăn khi xây dựng danh mục trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
7460	Thạc sĩ	Khả năng hấp thu lân của nấm rễ nội cộng sinh với rễ bắp (Zea mays, L.) trong điều kiện nhà lưới :	Võ, Thị Tú Trinh	Võ Thị Tú Trinh ; Dương Minh, Trần Vũ Phấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu định danh một số chi nấm rễ dựa trên đặc điểm hình thái nhằm xác định sự phân bố của các chi nấm trong đất trồng bắp tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tác động của các dòng nấm rễ trong các tập đoàn nấm có triển vọng giúp cây bắp hấp thu lân hiệu quả nhất.
7461	Thạc sĩ	Ảnh hưởng bổ sung vitamin E và selenium trong khẩu phần lên năng suất sinh sản và tỷ lệ ấp nở của đàn gà giống bố và mẹ Ross 308 :	Nguyễn, Thị Thúy Hậu	Nguyễn Thị Thúy Hậu ; Nguyễn Nhựt Xuân Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát ảnh hưởng của các mức độ bổ sung vitamin E kết hợp với selenium lên năng suất sinh sản, chuyển hóa thức ăn, tỷ lệ trứng có phôi, tỷ lệ ấp nở và hiệu quả kinh tế của đàn gà
7462	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập lãi cận biên của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Nguyễn, Phan Thanh Ngân	Nguyễn Phan Thanh Ngân ; Lê Tấn Nghiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp giúp nâng cao khả năng sinh lời cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.
7463	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của muối Sodium chloride đến sự sinh trưởng của mô sẹo và chồi của cây lác (Cyperus tegetiformis Roxb.) cây mô :	Võ, Phương Trinh	Võ Phương Trinh ; Lâm Ngọc Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu tìm nồng độ 2,4-D thích hợp lên sự tạo thành của mô sẹo lác và đánh giá ảnh hưởng của muối NaCl đến sự sinh trưởng của mô sẹo và chồi lác in vitro.
7464	Thạc sĩ	Ước lượng khí CH ₄ phát thải tại phân khu phục hồi hệ sinh thái và phân khu bảo vệ nghiêm ngặt ở vườn quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang :	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Nguyễn Thị Kim Thoa ; Nguyễn Xuân Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát các yếu tố lý hóa đất, lý hóa nước và mực nước ở khu vực rừng tràm trên đất sét và rừng tràm trên đất than bùn, khảo sát lượng khí CH ₄ phát thải tại 2 khu vực nghiên cứu và xác định yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sự phát thải.
7465	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng than sinh học làm giảm tác động của Fenobucarb đến Enzym cholinesterase cá rô đồng (Anabas testudineus) :	Nguyễn, Khoa Nam	Nguyễn Khoa Nam ; Nguyễn Văn Công (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của lượng than và loại than cần thiết làm giảm tối đa tác động của hoạt chất Fenobucarb đến Enzym cholinesterase cá rô đồng.
7466	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng than sinh học làm giảm tác động của Chlorpyrifos ethyl đến Enzym cholinesterase cá rô đồng (Anabas testudineus) :	Phạm, Văn Nhã	Phạm Văn Nhã ; Nguyễn Văn Công (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của lượng than và loại than theo thời gian trong dung dịch Chlorpyrifos ethyl đến Enzym cholinesterase cá rô đồng.
7467	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng hấp thu đạm, lân trong nước thải ao nuôi thâm canh cá tra của một số thực vật trong điều kiện thủy canh :	Lê, Quốc Vinh	Lê Quốc Vinh ; Ngô Thụy Diễm Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá sự thích nghi và khả năng sinh trưởng của 3 trong 5 loài cây trồng trong nước thải ao nuôi thâm canh cá tra điều kiện thủy canh, ảnh hưởng của mật độ đến khả năng hấp thu đạm và lân của các loài cây được lựa chọn.

7468	Thạc sĩ	Khám phá và gán nhãn chủ đề cho thông điệp trên mạng xã hội sử dụng công nghệ xử lý dữ liệu lớn Apache Spark :	Đặng, Xuân Linh	Đặng Xuân Linh ; Huỳnh Xuân Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng bộ dữ liệu thông điệp trên mạng xã hội để sử dụng cho việc kiểm tra độ chính xác của hệ thống, tìm hiểu mô hình tính toán song song và phân tán trên Apache Spark để áp dụng xử lý dữ liệu lớn.
7469	Thạc sĩ	Phân đoán đánh giá chức năng sản phẩm dựa trên phân tích bình luận của khách hàng :	Huỳnh, Trung Long	Huỳnh Trung Long ; Trương Quốc Định (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng hệ thống đọc các review một cách tự động và phân đoán đánh giá về sản phẩm theo tính năng dựa trên mô hình topic model và phân đoán quan điểm thông qua từ điển cảm xúc.
7470	Thạc sĩ	Ước lượng nhịp tim sử dụng Smartphone camera :	Dương, Bích Chi	Dương Bích Chi ; Trương Quốc Định (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích xây dựng được ứng dụng ước lượng nhịp tim bằng smartphone camera giúp phát hiện sớm nhịp tim không bình thường nhằm để tránh tình trạng bị đột quỵ từ tim mạch và đưa ra cảnh báo sớm nhất có thể.
7471	Thạc sĩ	Đáp ứng của lúa đối với đạm từ nước thải biogas với nguyên liệu nạp phân bón trên đất phù sa :	Lê, Thúy An	Lê Thúy An ; Nguyễn Hữu Chiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tiềm năng sử dụng nước thải biogas từ vật liệu nạp phân bón để trồng lúa nhằm hạn chế đưa nước thải sau túi ủ biogas vào nguồn tiếp nhận và giảm lượng phân hóa học bón cho cây lúa.
7472	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của khuyến mãi đến hình ảnh thương hiệu sữa tươi TH True Milk tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Nhung	Nguyễn Thị Nhung ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng việc sử dụng các chương trình khuyến mãi và nghiên cứu ảnh hưởng của các chương trình khuyến mãi đến hình ảnh thương hiệu sữa tươi TH True Milk tại thành phố Cần Thơ.
7473	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của học vấn đến sự tham gia các hoạt động phi nông nghiệp của phụ nữ ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long :	Trần, Thị Thanh Tuyền	Trần Thị Thanh Tuyền ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu thực trạng về trình độ học vấn của phụ nữ, việc làm phi nông nghiệp của phụ nữ nông thôn và các yếu tố tác động đến sự tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp của phụ nữ nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
7474	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo nợ vay: Trường hợp tín dụng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bạc Liêu :	Huỳnh, Thị Anh Đài	Huỳnh Thị Anh Đài ; Nguyễn Hữu Đặng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu các nhân tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định việc sử dụng tài sản bảo đảm và tỷ lệ tài sản bảo đảm trên khoản vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại BIDV Bạc Liêu.
7475	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa giá vàng và chỉ số giá chứng khoán VnIndex: Ứng dụng hàm Copula :	Trần, Thu Hiền	Trần Thu Hiền ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích mối quan hệ giữa giá vàng và chỉ số giá chứng khoán VnIndex bằng hàm Copula trong điều kiện thị trường bình thường và thị trường có biến lớn, từ đó tìm ra ý nghĩa của vàng trong việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
7476	Thạc sĩ	Tác động của các yếu tố chiêu thị đến giá trị thương hiệu Viettel Store tại thị trường thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Tường Phát	Nguyễn Tường Phát ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích tình hình bán lẻ tại thị trường thành phố Cần Thơ và đánh giá giá trị thương hiệu Viettel Store, tác động của các yếu tố chiêu thị đến giá trị thương hiệu Viettel Store.
7477	Thạc sĩ	Nghiên cứu các rào cản ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Thái Thanh Hà	Lê Thái Thanh Hà ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tổng quan tình hình khởi nghiệp và nghiên cứu các rào cản ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

7478	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trong khu vực cánh đồng lớn ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ :	Lê, Thị Hồng Nhung	Lê Thị Hồng Nhung ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Mô tả thực trạng canh tác, sản xuất và thu nhập của nông hộ, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trong khu vực cánh đồng lớn ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
7479	Thạc sĩ	Phân tích lợi thế so sánh ngành hàng gạo tại tỉnh Đồng Tháp :	Lê, Thanh Long	Lê Thanh Long ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng sản xuất, chế biến, xuất khẩu gạo và kênh phân phối gạo xuất khẩu, lợi thế so sánh ngành hàng gạo tại tỉnh Đồng Tháp.
7480	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Đặng, Thị Phương Nga	Đặng Thị Phương Nga ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng cấu trúc sở hữu và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, đo lường ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam
7481	Thạc sĩ	Anh hưởng của hoạt động chiêu thị đến mức độ tín nhiệm của khách hàng tại Tp. Cần Thơ đối với dòng thực phẩm chức năng của Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang :	Lê, Thị Thanh Huyền	Lê Thị Thanh Huyền ; Nguyễn Thị Liên Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Mô tả, phân tích thực trạng và các yếu tố hoạt động quảng cáo và quan hệ công chúng của Công ty Dược Hậu Giang hiện nay đang áp dụng đối với dòng thực phẩm chức năng có ảnh hưởng đến mức độ tín nhiệm của người tiêu dùng.
7482	Thạc sĩ	Phân tích mối quan hệ giữa chi phí bôi trơn và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam :	Trần, Ngọc Lành	Trần Ngọc Lành ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích mối quan hệ giữa chi phí bôi trơn và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Từ đó đề xuất một số chính sách giúp doanh nghiệp hạn chế tác hại của chi phí bôi trơn nhằm tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
7483	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sản xuất cam xoàn của nông hộ ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Phương Thảo	Nguyễn Thị Phương Thảo ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất cam xoàn của nông hộ, ước lượng hiệu quả và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất cam xoàn tại huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang.
7484	Thạc sĩ	Phân tích tác động của quảng cáo truyền hình đến ý định mua hàng của người dân thành phố Cần Thơ :	Ngô, Thị Như Nguyệt	Ngô Thị Như Nguyệt ; Huỳnh Thanh Nhã (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thói quen xem quảng cáo truyền hình và phân tích tác động của quảng cáo truyền hình đến ý định mua hàng của người dân thành phố Cần Thơ.
7485	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giảng viên trường Cao Đẳng Nghề Cần Thơ :	Đặng, Lê	Đặng Lê ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định các nhân tố và đo lường tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của giảng viên trường Cao Đẳng Nghề Cần Thơ.
7486	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng tích lũy carbon của hệ sinh thái rừng được khu vực rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu :	Phạm, Trung Nghiệm	Phạm Trung Nghiệm ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định được sinh khối và hàm lượng carbon tích lũy trong đất, cây được trồng. Khảo sát khả năng tích lũy carbon của được theo từng cấp tuổi.

7487	Thạc sĩ	EFL lectures' beliefs of their roles in General English classes at a local university in Mekong delta :	Nguyễn, Thị Kim Thuận	Nguyễn Thị Kim Thuận ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu này nhằm vào mục đích điều tra niềm tin của các giảng viên tiếng Anh về vai trò của họ trong các lớp Anh văn tổng quát tại một trường Đại học địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
7488	Thạc sĩ	Xử lý dữ liệu lớn trong việc khai phá quan điểm trên mạng xã hội Facebook :	Nguyễn, Tuấn Vũ	Nguyễn Tuấn Vũ ; Huỳnh Xuân Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Mô tả hệ thống xử lý dữ liệu lớn trong việc khai phá quan điểm sử dụng mạng nơ-ron tích chập (CNN).
7489	Thạc sĩ	Nghiên cứu nguyên nhân gây ra hiện tượng xơ đen và biện pháp khắc phục trên mít Chiang Rai (Artocarpus heterophyllus Lam) tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thành Nhân	Nguyễn Thành Nhân ; Lê Văn Bé, Trần Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu nguyên nhân gây ra hiện tượng xơ đen và bước đầu đưa ra hướng khắc phục hiện tượng này.
7490	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và bất cập trong thực hiện đầu tư các công trình dự án trên địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Lê, Điền Em	Lê Điền Em ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu thực trạng và bất cập trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình dự án trên địa bàn huyện Long Mỹ thời gian qua nhằm tìm ra những khó khăn để có những giải pháp khắc phục tình trạng khó khăn trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình dự án
7491	Thạc sĩ	Sử dụng than tổ ong sau hấp thụ đạm trong chất thải Biogas để trồng dưa leo (Cucumis sativus L.) :	Huỳnh, Phương Diễm	Huỳnh Phương Diễm ; Bùi Thị Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu than tổ ong sau hấp thụ đạm trong nước thải biogas để trồng dưa leo nhằm tận dụng nguồn dinh dưỡng trong nước thải biogas, giảm lượng phân bón trong sản xuất và góp phần bảo vệ môi trường.
7492	Thạc sĩ	Đánh giá vai trò của con người trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn năm 2005 - 2015 tại thành phố Cần Thơ :	Phan, Trung Kiên	Phan Trung Kiên ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá vai trò của các chủ thể (con người) trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai từ năm 2005 - 2015 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
7493	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến bằng công nghệ sấy bột đến chất lượng bột đu đủ :	Lê, Phương Liên	Lê Phương Liên ; Võ Tấn Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu điều kiện chế biến tối ưu để sản xuất được bột đu đủ bằng công nghệ sấy bột
7494	Thạc sĩ	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến sự lão hóa của tinh bột khoai lang ứng dụng trong chế biến vỏ bánh Mochi :	Nguyễn, Trung Nghĩa	Nguyễn Trung Nghĩa ; Nhan Minh Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự lão hóa của tinh bột khoai lang để ứng dụng trong chế biến vỏ bánh Mochi
7495	Thạc sĩ	Nghiên cứu phát thải khí CH ₄ vụ lúa thu đông ở một số huyện tỉnh An Giang :	Trần, Thị Thanh Thúy	Trần Thị Thanh Thúy ; Nguyễn Xuân Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ruộng lúa canh tác ít phát thải khí CH ₄ qua 02 nghiệm thức ngập khô xen kẽ và ngập nước liên tục. Khảo sát ảnh hưởng của việc canh tác lúa và quản lý nước ngập khô xen kẽ hay ngập nước liên tục đến một số đặc tính của đất, năng suất lúa.

7496	Thạc sĩ	Anh hưởng của loại đèn compact và thời gian chiếu sáng đến sự ra hoa của cây thanh long ruột trắng (Hylocereus undatus Haw.) tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An :	Trương, Hoàng Ninh	Trương Hoàng Ninh ; Lê Văn Bé (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm ra loại đèn có thể thay thế bóng đèn compact vàng 20W trong việc xử lý ra hoa Thanh Long ruột trắng, thời gian chiếu sáng ngắn hơn 10 giờ trên đêm để cây Thanh Long ra hoa đạt hiệu quả.
7497	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của rủi ro riêng đến lợi nhuận cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :		Dương Thị Mỹ Phương ; Lê Long Hậu (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khái quát về thị trường chứng khoán Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng của rủi ro riêng đến lợi nhuận cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Kết luận và kiến nghị
7498	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua rau hữu cơ của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ :		Nguyễn Trung Tiến ; Ngô Thị Thanh Trúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua rau hữu cơ của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Kết luận, giải pháp và kiến nghị.
7499	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia cánh đồng lớn của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Hồng Nhựt	Nguyễn Hồng Nhựt ; Dương Ngọc Thành (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia cánh đồng lớn của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.
7500	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của cựu sinh viên kinh tế trường đại học An Giang :		Nguyễn Thị Diễm Hằng ; Ngô Mỹ Trân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan tình hình việc làm sau tốt nghiệp của cựu sinh viên kinh tế đại học An Giang 2012 - 2015. Mối quan hệ các yếu tố kiến thức, kỹ năng đối với khả năng tìm việc của cựu sinh viên. Kết luận và kiến nghị.
7501	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay ngân hàng đúng hạn của nông hộ tại Vietinbank Hậu Giang :		Phạm Thị Ngọc Bích ; Nguyễn Hữu Đăng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu, thảo luận, giải pháp và kiến nghị.
7502	Thạc sĩ	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông hộ vay vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hậu Giang :		Lê Phan Phương Nam ; Dương Ngọc Thành (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động tín dụng tại ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Hậu Giang. Đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ, giải pháp và kiến nghị.
7503	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở Đồng bằng Sông Cửu Long :		Huỳnh Thị Hoài Mỹ ; Vương Quốc Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Ảnh hưởng của giáo dục đến tăng trưởng kinh tế, các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của hộ gia đình ở ĐBSCL. Kết luận và kiến nghị.
7504	Thạc sĩ	Phân tích tác động của quản trị vốn lưu động đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) :		Đỗ Hữu ; Đặng Thanh Sơn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng quản trị vốn lưu động đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Kết quả nghiên cứu, thảo luận, kết luận và kiến nghị đề xuất.

7505	Thạc sĩ	Phân tích sự tham gia đóng góp của người tiêu thụ hưởng trong xây dựng công trình thủy lợi nội đồng ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh :	Hoàng, Đức Nhã	Hoàng Đức Nhã ; Lê Cảnh Dũng (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích sự tham gia đóng góp của người tiêu thụ hưởng trong xây dựng công trình thủy lợi nội đồng ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh
7506	Thạc sĩ	Phân tích giá trị gia tăng đậu nành rau ở huyện Chợ mới, tỉnh An Giang :	Nguyễn, Bá Ngữ	Nguyễn Bá Ngữ ; Dương Ngọc Thành (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích giá trị gia tăng đậu nành rau ở huyện Chợ mới, tỉnh An Giang.
7507	Thạc sĩ	Phân tích tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đến đầu tư tư nhân tại ASEAN - 5 :		Lim Minh Ngọc ; Nguyễn Hữu Đăng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đến đầu tư tư nhân tại ASEAN - 5. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đến đầu tư tư nhân tại ASEAN - 5 giai đoạn 1996 - 2016 và một số giải pháp.
7508	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn hòa tan Silic từ nền đất nông nghiệp lên sinh trưởng cây lúa cao sản (Oryza sativa L.) :	Đào, Thị The	Đào Thị The ; Nguyễn Khởi Nghĩa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận án nghiên cứu phân lập và tuyển chọn vi khuẩn hòa tan Silic từ nền đất nông nghiệp lên sinh trưởng cây lúa cao sản.
7509	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam :		Đào Thị Bích Thủy ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Giải pháp và kiến nghị nâng cao thanh khoản tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.
7510	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ hài lòng gói vay tín chấp tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ :	Nguyễn, Hoàng Minh	Nguyễn Hoàng Minh ; Vương Quốc Duy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng chất lượng gói vay tín chấp tại Lienvietpostbank chi nhánh Cần Thơ từ 2015 - 2017. Thực trạng chất lượng gói vay và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng gói vay.
7511	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn nấm men tự nhiên lên men rượu vang dâu hạ châu (Baccaurea ramiflora L.) :	Nguyễn, Văn Vũ	Nguyễn Văn Vũ ; Nguyễn Văn Thành (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung nghiên cứu phân lập và tuyển chọn nấm men tự nhiên lên men rượu vang dâu hạ châu (Baccaurea ramiflora L.).
7512	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động phi nông nghiệp của lao động nông thôn sở Đồng bằng Sông Cửu Long :		Nguyễn Thị Minh Phương ; Phạm Lê Thông (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động phi nông nghiệp của lao động nông thôn sở Đồng bằng Sông Cửu Long. Kết luận và kiến nghị.
7513	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực nghề nghiệp của nhân lực du lịch tại các điểm đến du lịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ :		Trần Kim Nhung ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá năng lực nghề nghiệp của nhân lực du lịch tại các điểm đến du lịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Một số hàm ý giải pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp của nhân lực du lịch tại các điểm đến du lịch trên địa bàn. Kết luận và kiến nghị.
7514	Thạc sĩ	Đánh giá tính tổn thương của sinh kế nông hộ tại xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Lê, Kim Hăng	Lê Kim Hăng ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá tính tổn thương của sinh kế nông hộ tại xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7515	Thạc sĩ	Phân tích giá trị kinh tế du lịch đối với các điểm đến du lịch tại tỉnh Cà Mau :		Trần Sao Bâu ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng phát triển du lịch của tỉnh Cà Mau và mô tả mẫu khảo sát, phân tích giá trị kinh tế du lịch tỉnh Cà Mau. Kết luận và kiến nghị.
7516	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của mức độ tập trung vốn đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :		Lê Thị Trang ; Ngô Mỹ Trân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu, thảo luận, kết luận và hàm ý chính sách.
7517	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thù lao cho tổng giám đốc của các công ty niêm yết chứng khoán Việt Nam :		Giang Minh Tiến ; Ngô Mỹ Trân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng thù lao của CEO tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết luận và kiến nghị đề xuất.
7518	Thạc sĩ	Khả năng tiếp cận chương trình cho vay mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Trung Đông	Nguyễn Trung Đông ; Phan Đình Khôi (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng vay vốn mua nhà ở xã hội của người thu nhập thấp tại thành phố Cần Thơ từ 2014 - 2016. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận chương trình vay vốn của người có thu nhập thấp để mua nhà ở xã hội tại thành phố Cần Thơ.
7519	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ tiền gửi của khách hàng cá nhân tại ngân hàng Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Vĩnh Long :		Nguyễn Thị Ánh Ngọc ; Trần Ái Kết (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu, thảo luận, giải pháp và kiến nghị.
7520	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang :		Nguyễn Thị Ngọc Hân ; Trương Đông Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
7521	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa của nông hộ ứng dụng mô hình "1 phải 5 giảm" tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang :	Nguyễn, Đăng Khoa	Nguyễn Đăng Khoa ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hiệu quả kỹ thuật sản xuất lúa của nông hộ ứng dụng mô hình "1 phải 5 giảm" tại huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
7522	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của hộ sản xuất ngành nghề truyền thống ở huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre :	Nguyễn, Thị Khánh Tâm	Nguyễn Thị Khánh Tâm ; Võ Hùng Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của hộ sản xuất ngành nghề truyền thống ở huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Kết luận và kiến nghị nâng cao hiệu quả kinh doanh.
7523	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề mặt cầu với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :		Huỳnh Thị Lựu ; Nguyễn Phú Lộc (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Dạy học chủ đề mặt cầu với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra. Kết luận và kiến nghị.
7524	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của kiểm soát quản trị công ty đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội :		Bùi Tấn Lộc ; Trương Đông Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng kiểm soát quản trị công ty của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ảnh hưởng của kiểm soát quản trị công ty đến hiệu quả hoạt động công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7525	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chiêu thị đến giá trị thương hiệu - trường hợp kem đánh răng P/S tại thị trường thành phố Vĩ Thanh :		Đào Trần Hiếu Nghĩa ; Lê Khương Ninh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Những nghiên cứu về ảnh hưởng của chiêu thị đến giá trị thương hiệu. Kết luận và kiến nghị.
7526	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chất chiết từ thảo dược lên một số chỉ tiêu sinh lý và enzyme tiêu hóa cá Tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống :		Nguyễn Thị Hội ; Đỗ Thị Thanh Hương (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu ảnh hưởng của chất chiết từ thảo dược lên một số chỉ tiêu sinh lý và enzyme tiêu hóa cá Tra (Pangasianodon hypophthalmus) giống.
7527	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp và thử hoạt tính kháng khuẩn của màng Nano Chitosan/Bạc :	Trần, Quang Thanh	Trần Quang Thanh ; Trần Thị Bích Quyên (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về nghiên cứu dung dịch nano chitosan/Ag đã được tổng hợp bằng phương pháp hóa học xanh sử dụng nước ép hạnh làm chất Ag+ tạo thành hạt nano Ag và chitosan.
7528	Thạc sĩ	Nghiên cứu bổ sung Vitamin C vào thức ăn nuôi cá lóc (Channa striata) thương phẩm :		Mai Thanh Lâm ; Phạm Minh Đức (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu nhằm xác định phương pháp bổ sung thích hợp và hàm lượng vitamin C tối ưu vào thức ăn công nghiệp giúp kích thích tăng trưởng và sức khỏe cá lóc nuôi thương phẩm.
7529	Thạc sĩ	Khảo sát hiện trạng khai thác cá sừ Boesemania microlepis (Bleeker, 1858) trên sông Hậu :		Mai Thanh Lâm ; Mai Văn Viết (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, khảo sát hiện trạng khai thác cá sừ Boesemania microlepis (Bleeker, 1858) trên sông Hậu.
7530	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê ở tỉnh Bạc Liêu :		Lê Văn Chí ; Nguyễn Thanh Long (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê ở tỉnh Bạc Liêu .
7531	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của dịch chiết lá ổi (Psidium guajava) và rong mơ (Sargassum microcystum) lên sự đề kháng bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (Channa striata) :		Nguyễn Như Huỳnh ; Từ Thanh Dung (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chiết lá ổi (Psidium guajava) và rong mơ (Sargassum microcystum) lên sự đề kháng bệnh đốm trắng nội tạng trên cá lóc (Channa striata)
7532	Thạc sĩ	Nghiên cứu ương giống cá Nâu (Scatophagus argus) trong hệ thống Biofloc :		Nguyễn Tấn Duy ; Lý Văn Khánh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu ương giống cá Nâu (Scatophagus argus) trong hệ thống Biofloc.
7533	Thạc sĩ	Đánh giá sự sẵn lòng tham gia tour du lịch của cộng đồng dân cư ở xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang :		Trần Thị Ngọc Giàu ; Nguyễn Quang Tuyền (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tìm hiểu thực trạng và tiềm năng làm du lịch sinh thái của dân cư xã Hòa Khánh và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân làm du lịch sinh thái, nghiên cứu trường hợp 175 hộ dân ở xã Hòa Khánh. Kết luận và kiến nghị.
7534	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong chế biến thủy sản qua thực tiễn áp dụng tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long :		Hồ Dũng Liêm ; Phạm Văn Võ (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khái quát về bảo vệ môi trường và luật bảo vệ môi trường trong chế biến thủy sản. Thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường trong chế biến thủy sản qua thực tiễn áp dụng tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long. Kết luận, giải pháp và kiến nghị.

7535	Thạc sĩ	Hiện tượng luận Fermion và vô hướng trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3 :	Lê, Hoàng Tuấn	Lê Hoàng Tuấn ; Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu tìm hiểu về khối lượng và sự trộn quark, khối lượng và sự trộn lepton, khối lượng Higgs. Vô hướng trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3. Thử Higgs và trị trung bình chân không mô hình.
7536	Thạc sĩ	Vô hướng Higgs và Boson chuẩn trong mô hình chuẩn với đối xứng trái phải :	Lý, Thị Mỹ Linh	Lý Thị Mỹ Linh ; Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về cấu trúc hạt, cơ chế Higgs sinh khối lượng hạt, tính toán chi tiết phổ khối lượng sason và fermion của SM, giới thiệu cơ chế seesaw để sinh khối lượng neutrino...
7537	Thạc sĩ	Vô hướng Higgs và Boson chuẩn trong mô hình chuẩn với đối xứng B - L :	Đỗ, Thị Xuân	Đỗ Thị Xuân ; Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về cấu trúc hạt, cơ chế Higgs sinh khối lượng hạt, tính toán chi tiết phổ khối lượng sason và fermion của SM, giới thiệu cơ chế seesaw để sinh khối lượng neutrino...
7538	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn có hàm lượng đạm khác nhau đến hiệu quả nuôi vỗ và ương giống ốc bươu đồng (Pila polita Deshayes, 1830 :		Võ Thị Kiều Diễm ; Lý Văn Khánh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn có hàm lượng đạm khác nhau đến hiệu quả nuôi vỗ và ương giống ốc bươu đồng (Pila polita Deshayes, 1830 .
7539	Thạc sĩ	Khối lượng và ma trận trộn Quark trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3 :	Nguyễn, Văn Phi	Nguyễn Văn Phi ; Nguyễn Trí Tuấn, Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu khối lượng và ma trận trộn quark trong mô hình hai lưỡng tuyến Higgs với đối xứng S3 để tìm mô hình vật lý mở rộng SM.
7540	Thạc sĩ	Rã LFV trong mô hình Neutrino nhận khối lượng từ bỏ đỉnh :	Võ, Văn Lâm	Võ Văn Lâm ; Nguyễn Thanh Phong (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu về mặt lý thuyết và đóng góp của quá trình rã vi phạm số lepton thế hệ trong mô hình neutrino nhận khối lượng từ bỏ đỉnh.
7541	Thạc sĩ	Bố trí thí nghiệm mặt đáp ứng, phân đoạn và ứng dụng :		Lê Đức Đông ; Tô Anh Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Bố trí thí nghiệm các nhân tố lồng nhau và tương tác, bố trí thí nghiệm mặt đáp ứng phân đoạn. Kết luận, giải pháp và kiến nghị.
7542	Thạc sĩ	Điều chế polymer siêu hút nước trên nền cellulose :		Huỳnh Ngọc Diễm ; Nguyễn Huy Cường (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Các phương pháp tổng hợp polymer siêu hút nước từ Cellulose. Kết luận và kiến nghị.
7543	Thạc sĩ	Thiết kế và điều khiển Robot dây định vị trong mặt phẳng :		Trần Thiện Trường ; Nguyễn Hữu Cường (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giới thiệu mô hình robot dây song song, thiết kế phần cứng, sơ đồ nối hệ thống, điều khiển mô hình robot 3 dây. Kết luận, kiến nghị và định hướng phát triển
7544	Thạc sĩ	Tối ưu hóa bộ điều khiển PID bằng thuật toán di truyền :		Phan Văn Lợi ; Nguyễn Chí Ngôn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Ứng dụng thuật toán di truyền trong điều khiển động cơ không đồng bộ 3 dây. Kết quả mô phỏng, kiến nghị và định hướng phát triển.

7545	Thạc sĩ	Tìm đường đi ngắn nhất cho robot di động dùng thuật toán PSO :		Trần Thế Thông ; Trần Thanh Hùng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tìm đường cho robot di động dùng thuật toán PSO, kết quả mô phỏng. Kết luận và hướng phát triển.
7546	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ laser vision trong phát hiện lỗi bề mặt sản phẩm :		Võ Phạm Thiên Thảo ; Nguyễn Hữu Cường (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hệ thống, thiết kế và phân tích phần cứng, thực nghiệm xử lý ảnh trong hệ thống laser - camera vision, thu thập đám mây điểm ảnh, xử lý đám mây điểm ảnh. Kết luận và hướng phát triển.
7547	Thạc sĩ	Vận dụng suy luận tương tự vào dạy học chủ đề phương trình mặt cầu :		Dương Thị Ngọc Dung ; Bùi Phương Uyên (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Vận dụng suy luận tương tự vào dạy học chủ đề phương trình mặt cầu. Kết luận và kiến nghị.
7548	Thạc sĩ	Nghiên cứu và thiết kế hệ thống giám sát và điều khiển từ xa vài thông số của môi trường nước trong ao nuôi thủy sản :		Trần Công Bằng ; Nguyễn Huy Cường (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu và thiết kế hệ thống giám sát và điều khiển từ xa vài thông số của môi trường nước trong ao nuôi thủy sản. Kết quả mô phỏng, kiến nghị và định hướng phát triển.
7549	Thạc sĩ	Xác định tọa độ mắt trái dựa bằng phương pháp xử lý ảnh :		Ngô Minh Chánh ; Ngô Quang Hiếu (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Ứng dụng các thuật toán thị giác máy tính để xác định vị trí mắt dựa và xây dựng đường cắt dựa nhằm hỗ trợ hệ thống cắt mắt dựa tự động.
7550	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống phát hiện lỗi và phân loại chất lượng da :		Nguyễn Hoàng Giang ; Nguyễn Hữu Cường (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thu thập dữ liệu, tiền xử lý, phân đoạn ảnh, phát hiện lỗi. Kết luận và hướng phát triển.
7551	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cam kết gắn bó của kiểm toán viên tại kiểm toán nhà nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long :		Lê Huỳnh Như ; Nguyễn Thiện Phong (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nhân tố ảnh hưởng đến cam kết gắn bó của kiểm toán viên tại kiểm toán nhà nước vùng ĐBSCL. Kết luận và hàm ý quản trị.
7552	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kênh phân phối tôm sú tỉnh Trà Vinh :	Phạm, Yến Nhi	Phạm Yến Nhi ; Nguyễn Phú Sơn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ tôm sú. Đánh giá hiệu quả thị trường của các tác nhân tham gia kênh phân phối. Thuận lợi và khó khăn, kết luận và kiến nghị nâng cao hiệu quả kênh phân phối.
7553	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật sản xuất cam sành của nông hộ ở tỉnh An Giang :	Lê, Thanh Sang	Lê Thanh Sang ; Nguyễn Văn Hồng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hiệu quả kỹ thuật sản xuất cam sành của nông hộ ở tỉnh An Giang.
7554	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực của nhân viên du lịch tỉnh Bạc Liêu :		Nguyễn Kiến Duy ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu và mô tả dữ liệu. Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực của nhân viên du lịch tỉnh Bạc Liêu. Kết luận và kiến nghị.

7555	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn chính thức của hộ sản xuất nông nghiệp ở Trà Vinh :	Nguyễn, Thành Đạt	Nguyễn Thành Đạt ; Trần Ái Kết (hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn chính thức của hộ sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Trà Vinh. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng vay vốn chính thức của hộ sản xuất nông nghiệp.
7556	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền bán chịu của các đại lý vật tư nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh :		Thạch Rương ; Trần Ái Kết (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền bán chịu của các đại lý vật tư nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh. Kết luận và kiến nghị nâng cao lượng tiền bán chịu vật tư nông nghiệp của các đại lý vật tư nông nghiệp.
7557	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam :		Nguyễn Thị Quỳnh Trang ; Phan Đình Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng cấu trúc sở hữu và tác động của cấu trúc sở hữu đến hoạt động của các ngân hàng thương mại. Kết luận và kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.
7558	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ thẻ trả trước tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín trên địa bàn thành phố Cần Thơ :		Lê Thị Thu Nga ; Nguyễn Huỳnh Phước (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng kinh doanh thẻ trả trước hiện nay, giải pháp và kiến nghị.
7559	Thạc sĩ	Các giải pháp nâng cao hiệu quả kênh phân phối bò sinh sản tỉnh Trà Vinh :		Lưu Minh Đức ; Nguyễn Phú Sơn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích thực trạng kênh phân phối và đề xuất giải pháp và kiến nghị hiệu quả kênh phân phối bò sinh sản tỉnh Trà Vinh.
7560	Thạc sĩ	Đa dạng hóa và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam :		Hà Nguyễn Tuyết Minh ; Nguyễn Tri Khiêm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả thảo luận, kết quả nghiên cứu, giải pháp và kiến nghị.
7561	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe ô tô thương hiệu Toyota của khách hàng tại Cần Thơ :		Nguyễn Quỳnh Như ; Lưu Tiến Thuận (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe ô tô thương hiệu Toyota của khách hàng tại Cần Thơ. Kết luận, giải pháp và kiến nghị.
7562	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng vay vốn của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ :		Đặng Trúc Phương ; Vũ Thị Hồng Nhung (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu thực trạng cung cấp tín dụng tại thành phố Cần Thơ. Các nhân tố quyết định lựa chọn ngân hàng vay vốn của khách hàng. Đánh giá và kiểm định thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng của khách hàng.
7563	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng tại ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh Cần Thơ :		Nguyễn Hồ Thùy Linh ; Nguyễn Huỳnh Phước (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng sử dụng thẻ, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng, hàm quản trị và một số đề xuất kiến nghị.

7564	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại thuộc địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ :		Đinh Vũ Thùy Dung ; Đỗ Văn Xê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu, cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu, thảo luận, giải pháp và kiến nghị.
7565	Thạc sĩ	Phân tích mối quan hệ giữa lạm phát với tăng trưởng kinh tế và bội chi ngân sách ở Việt Nam :		Lê Thị Mỹ Linh ; Đỗ Văn Xê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về lạm phát, tăng trưởng kinh tế và bội chi ngân sách ở Việt Nam. Phân tích mối quan hệ giữa lạm phát với tăng trưởng kinh tế và bội chi ngân sách ở Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7566	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của quy mô hội đồng quản trị đến mối quan hệ giữa đặc điểm của hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần ở Việt Nam :		Ngô Huỳnh Minh Nhật ; Phan Anh Tú (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu và thảo luận. Kết luận và hàm ý quản trị.
7567	Thạc sĩ	Phát triển tư duy thuật toán cho học sinh thông qua dạy học chủ đề số phức :		Lê Mộng Khanh ; Bùi Phương Uyên (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phát triển tư duy thuật toán cho học sinh thông qua dạy học chủ đề số phức. Kết luận và kiến nghị.
7568	Thạc sĩ	Chuẩn hóa hệ số tỉ lệ của phương pháp cực đại độ lớn Wavelet để xác định cấu trúc và độ sâu các nguồn dị thường từ gần nhau ở vùng ven biển Sóc Trăng - Cà Mau :	Nguyễn, Bình Kha	Nguyễn Bình Kha ; Dương Hiếu Đầu (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về chuẩn hóa hệ số tỉ lệ của phương pháp cực đại độ lớn Wavelet để xác định cấu trúc và độ sâu các nguồn dị thường từ gần nhau ở vùng ven biển Sóc Trăng - Cà Mau.
7569	Thạc sĩ	Dạy học khảo sát hàm số với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :		Nguyễn Minh Hậu ; Nguyễn Phú Lộc (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Dạy học khảo sát hàm số với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra. Kết luận và kiến nghị.
7570	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trong quá trình xây dựng nông thôn mới trường hợp ở xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Trần, Nguyễn Mỹ Linh	Trần Nguyễn Mỹ Linh ; Nguyễn Quang Tuyền (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trong quá trình xây dựng nông thôn mới trường hợp ở xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
7571	Thạc sĩ	Đánh giá tính kháng khuẩn của nấm mốc được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang :		Nguyễn Tấn Bình ; Cao Ngọc Điệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, đánh giá tính kháng khuẩn của nấm mốc được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang.
7572	Thạc sĩ	Đánh giá tính kháng khuẩn của vi khuẩn sợi được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang :		Phạm Ngọc Hân ; Cao Ngọc Điệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, đánh giá tính kháng khuẩn của vi khuẩn sợi được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang.

7573	Thạc sĩ	Đánh giá tính kháng khuẩn của vi khuẩn sợi được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang :		Phan Văn Hà Lâm ; Cao Ngọc Điệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, đánh giá tính kháng khuẩn của vi khuẩn sợi được phân lập từ Hải Miên ở vùng biển Hà Tiên, Kiên Giang.
7574	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận vay vốn tại công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam thịnh vượng của người dân TP. Vĩnh Long :		Nguyễn Thị Cẩm Nhung ; Lưu Tiến Thuận (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan hoạt động tín dụng tiêu dùng trên địa bàn thành phố Vĩnh Long. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận vay vốn tại công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt Nam thịnh vượng.
7575	Thạc sĩ	Khảo sát và đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn đến sức khỏe cộng đồng tại tỉnh Hậu Giang :		Võ Thị Ngọc Diễm ; Lê Anh Tuấn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, khảo sát và đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng nước sạch và vệ sinh nông thôn đến sức khỏe cộng đồng tại tỉnh Hậu Giang.
7576	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm của công ty Bảo Việt nhân thọ Vĩnh Long, tại tỉnh Vĩnh Long :		Lê Thị Thu Trúc ; Lê Nguyễn Đoàn Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về bảo hiểm nhân thọ Vĩnh Long. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm của công ty Bảo Việt nhân thọ Vĩnh Long, tại tỉnh Vĩnh Long. Kết luận, giải pháp và kiến nghị.
7577	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng chanh không hạt tại tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Đỗ Như Loan	Nguyễn Đỗ Như Loan ; Đỗ Văn Xê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng chanh không hạt tại tỉnh Hậu Giang.
7578	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định và hành vi tìm kiếm thông tin du lịch của du khách: trường hợp điểm đến du lịch tỉnh An Giang :		Nguyễn Đặng Đăng Ngân ; Lưu Tiến Thuận (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định và hành vi tìm kiếm thông tin du lịch của du khách trường hợp điểm du lịch An Giang. Kết luận và kiến nghị đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của du lịch An Giang.
7579	Thạc sĩ	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp đô thị của người dân trên địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ :	Phạm, Trần Bảo Trân	Phạm Trần Bảo Trân ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp đô thị của người dân trên địa bàn quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
7580	Thạc sĩ	Kiểm soát dao động của chất lỏng :		Trần Vĩnh Phúc ; Nguyễn Chánh Nghiệm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu kết quả mô phỏng và thực nghiệm xác minh phương pháp Input shaping có thể làm giảm biên độ và thời gian dao động của chất lỏng trong thùng chứa hờ hình hộp một cách hiệu quả.
7581	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của độ mặn và cường độ ánh sáng trong ương giống tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) bằng công nghệ Biofloc :		Dương Thiên Kiều ; Châu Tài Tảo (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu độ mặn và cường độ ánh sáng trong ương giống tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) bằng công nghệ Biofloc.
7582	Thạc sĩ	Xử lý số liệu ảnh vệ tinh MODIS bằng biến đổi Wavelet để phân vùng xâm nhập mặn ảnh hưởng trong nông nghiệp của huyện U Minh - Cà Mau :	Nguyễn, Huỳnh Như	Nguyễn Huỳnh Như ; Dương Hiếu Đầu (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về xử lý số liệu ảnh vệ tinh MODIS bằng biến đổi Wavelet để phân vùng xâm nhập mặn ảnh hưởng trong nông nghiệp của huyện U Minh - Cà Mau.

7583	Thạc sĩ	Phương pháp cực đại độ lớn và chuẩn hóa tham số Wavelet để xác định vị trí và độ sâu các nguồn dị thường trọng lực kề nhau ở vùng ven biển Sóc Trăng - Cà Mau :	Danh, Thủy Hồng Mai	Danh Thủy Hồng Mai ; Dương Hiếu Đầu (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về phương pháp cực đại độ lớn và chuẩn hóa tham số Wavelet để xác định vị trí và độ sâu các nguồn dị thường trọng lực kề nhau ở vùng ven biển Sóc Trăng - Cà Mau.
7584	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự sai hỏng của tinh thể Silicene bằng phương pháp phiếm hàm mật độ liên kết mạnh :	Nguyễn, Thị Thùy Dương	Nguyễn Thị Thùy Dương ; Huỳnh Anh Huy (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về nghiên cứu sự sai hỏng của tinh thể Silicene bằng phương pháp phiếm hàm mật độ liên kết mạnh.
7585	Thạc sĩ	Khảo sát ảnh hưởng của mặn và biện pháp rửa mặn đến sinh trưởng của lúa trong mô hình lúa - tôm có kết hợp tôm công nghiệp :		Trần Anh Đức ; Dương Minh Viễn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu, khảo sát ảnh hưởng của mặn và biện pháp rửa mặn đến sinh trưởng của lúa trong mô hình lúa - tôm có kết hợp tôm công nghiệp.
7586	Thạc sĩ	Tương tác Boson chuẩn Z trong mô hình G (2-2-1) với Quark ngoại lai tựa Vector :	Nguyễn, Văn Tam	Nguyễn Văn Tam ; Hoàng Ngọc Long (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu ma trận sinh khối lượng của các trường chuẩn. Tương tác của Z Boson với Fermion và một số kênh rã của Z Boson trong mô hình G(2-2-1).
7587	Thạc sĩ	Tương tác Boson chuẩn mang điện trong mô hình G (2-2-1) với Quark ngoại lai tựa Vector :	Trần, Thị Hồng Anh	Trần Thị Hồng Anh ; Hoàng Ngọc Long (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu Tương tác Boson chuẩn mang điện trong mô hình G (2-2-1) với Quark ngoại lai tựa vector.
7588	Thạc sĩ	Tương tác Boson chuẩn mới Z' trong mô hình G (2-2-1) với Quark ngoại lai tựa Vector :	Bùi, Thị Gấm	Bùi Thị Gấm ; Hoàng Ngọc Long (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn nghiên cứu tương tác Boson chuẩn mới Z' trong mô hình G (2-2-1) với Quark ngoại lai tựa vector.
7589	Thạc sĩ	Quá trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình 3-3-1 với $\beta = 0$:	Nguyễn, Ngọc Thức	Nguyễn Ngọc Thức ; Lê Thọ Huệ (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về quá trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình 3-3-1 với $\beta = 0$.
7590	Thạc sĩ	Thế Higgs trong mô hình G(2-2-1) với Quark ngoại lai tựa Vector :	Phạm, Thanh Thủy	Phạm Thanh Thủy ; Hoàng Ngọc Long (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về thế Higgs trong mô hình G(2-2-1) với Quark ngoại lai tựa Vector.
7591	Thạc sĩ	Quá trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình chuẩn :	Ngô, Thị Hiền Trân	Ngô Thị Hiền Trân ; Lê Thọ Huệ (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình chuẩn.

7592	Thạc sĩ	Quá trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình Zee :	Huỳnh, Lê Tuyết Mai	Huỳnh Lê Tuyết Mai ; Lê Thọ Huệ (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu về quá trình rã Higgs Boson ra Photon và Z Boson trong mô hình Zee.
7593	Thạc sĩ	Hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng - từ thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của tòa án :		Lê Thị Vũ Tiên ; Nguyễn Hạnh (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và pháp luật về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thương mại. Hạn chế và giải pháp hoàn thiện do vi phạm hợp đồng - từ thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của tòa án.
7594	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ tại Việt Nam :	Võ, Văn Khúc	Đinh Thảo Nguyên ; Phan Anh Tú (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ tại Việt Nam. Kết luận và kiến nghị
7595	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn sản phẩm sơn nước của khách hàng tại thành phố Cần Thơ :	Bùi, Quang Bình	Bùi Quang Bình ; Nguyễn Tri Khiêm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn sản phẩm sơn nước của khách hàng tại thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7596	Thạc sĩ	Khảo sát đặc điểm của trái Giác (Cayratia trifolia) ở Đồng bằng Sông Cửu Long và chất lượng sản phẩm rượu vang trái Giác lên men sử dụng nấm men chịu nhiệt :	Huỳnh, Thị Ngọc Mi	Huỳnh Thị Ngọc Mi ; Ngô Thị Phương Dung (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát đặc điểm của trái Giác (Cayratia trifolia) ở Đồng bằng Sông Cửu Long và chất lượng sản phẩm rượu vang trái Giác lên men sử dụng nấm men chịu nhiệt. Kết luận và kiến nghị.
7597	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành cơ khí chế tạo, gia công kim loại tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thành Tấn	Nguyễn Thành Tấn ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành cơ khí chế tạo, gia công kim loại tại thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7598	Thạc sĩ	An investigation into teaching methods and Non-English major students' perception of their usefulness to the requirement of learning outcomes: a case study of a university in Mekong delta :	Tăng, Thị Lệ Huyền	Tăng Thị Lệ Huyền ; Thái Công Dân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about investigation into teaching methods and Non-English major students' perception of their usefulness to the requirement of learning outcomes: a case study of a university in Mekong delta.
7599	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của giống và thời gian thu hoạch đến năng suất và chất lượng gạo ở hai vụ hè thu 2014 và đông xuân 2014 - 2015 vùng phù sa ngọt :	Nguyễn, Bảo Hộ	Nguyễn Bảo Hộ ; Lê Vĩnh Thúc, Huỳnh Văn Nghiệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Ảnh hưởng của giống và thời gian thu hoạch đến năng suất và chất lượng gạo ở hai vụ hè thu 2014 và đông xuân 2014 - 2015 vùng phù sa ngọt. Kết luận và kiến nghị.
7600	Thạc sĩ	Hiện trạng khai thác nghề lưới rê và lưới kéo vùng ven biển huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau :	Hồ, Tấn Thanh	Hồ Tấn Thanh ; Trần Đắc Định (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Hiện trạng khai thác nghề lưới rê và lưới kéo vùng ven biển huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Kết luận và kiến nghị.

7601	Thạc sĩ	Khảo sát hiệu quả của Enterococcus faecalis và Enterococcus faecium trong chăn nuôi gà :	Mai, Thị Ly	Mai Thị Ly ; Nguyễn Hữu Hiệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát hiệu quả của Enterococcus faecalis và Enterococcus faecium trong chăn nuôi gà. Kết luận và kiến nghị.
7602	Thạc sĩ	Negotiation of meaning in online voice interaction: native speaker teacher Vietnamese EFL learner and non-native speaker teacher Vietnamese EFL learner :	Phạm, Kim Chi	Phạm Kim Chi ; Nguyễn Văn Lợi (giảng viên hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about negotiation of meaning in online voice interaction: native speaker teacher Vietnamese EFL learner and non-native speaker teacher Vietnamese EFL learner.
7603	Thạc sĩ	An investigation into EFL teachers' strategies to promote peer interaction in speaking classes at intermediate level of proficiency :	Nguyễn, Thị Mỹ Kim	Nguyễn Thị Mỹ Kim ; Nguyễn Văn Lợi (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about investigation into EFL teachers' strategies to promote peer interaction in speaking classes at intermediate level of proficiency.
7604	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions of using creative writing to develop EFL learners' writing performance :	Đỗ, Lê Trường Vinh	Đỗ Lê Trường Vinh ; Nguyễn Văn Lợi (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about EFL teachers' perceptions of using creative writing to develop EFL learners' writing performance.
7605	Thạc sĩ	Khảo sát biến dị di truyền của các giống lúa mùa thu nhập ở tỉnh Trà Vinh dựa vào đặc tính hình thái, nông học và dấu phân tử ADN :	Phạm, Công Trứ	Phạm Công Trứ ; Trần Thị Thanh Xà (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát biến dị di truyền của các giống lúa mùa thu nhập ở tỉnh Trà Vinh dựa vào đặc tính hình thái, nông học và dấu phân tử ADN. Kết luận và kiến nghị.
7606	Thạc sĩ	EFL learners' common errors of tenses use in letter writing and their self-recognition :	Lê, Thủy Tiên	Lê Thủy Tiên ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about EFL learners' common errors of tenses use in letter writing and their self-recognition.
7607	Thạc sĩ	EFL nursing students' problems in reading medical academic texts: a case in a medical collegde in Can Tho city :	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn Trọng Nghĩa ; Phương Hoàng Yến (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about EFL nursing students' problems in reading medical academic texts: a case in a medical collegde in Can Tho city.
7608	Thạc sĩ	Professional development needs of EFL secondary and high school teachers' in Bac Lieu city :	Nguyễn, Thị Lâm Đan	Nguyễn Thị Lâm Đan ; Lê Xuân Mai (giáo viên hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about professional development needs of EFL secondary and high school teachers' in Bac Lieu city .
7609	Thạc sĩ	The effects of question-answer relationship strategy on English as a foreign language (EFL) high school students' reading comprehension :	Nguyễn, Thị Bích Thủy	Nguyễn Thị Bích Thủy ; Nguyễn Bửu Huân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about effects of question-answer relationship strategy on English as a foreign language (EFL) high school students' reading comprehension.

7610	Thạc sĩ	EFL high school teachers' expectations and experiences of professional development: a case in Soc Trang province :	Nguyễn, Thị Minh Trang	Nguyễn Thị Minh Trang ; Lê Xuân Mai (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about EFL high school teachers' expectations and experiences of professional development: a case in Soc Trang province .
7611	Thạc sĩ	English-majored students' self-evaluated English proficiency and potential influencing factors: a case at a university in the Mekong delta :	Phan, Nguyễn Nhật Trường	Phan Nguyễn Nhật Trường ; Phương Hoàng Yến (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about English-majored students' self-evaluated English proficiency and potential influencing factors: a case at a university in the Mekong delta.
7612	Thạc sĩ	The impact of writing hournals on vocabulary learning of English as a foreign language (EFL) young learners :	Phạm, Thanh Mỹ Dịu	Phạm Thanh Mỹ Dịu ; Nguyễn Bửu Huân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about impact of writing hournals on vocabulary learning of English as a foreign language (EFL) young learners.
7613	Thạc sĩ	English as a foreign language teachers' perceptions of using powerpoint as an ICT tool for teaching vocabulary in Kien Giang province :	Phạm, Thái Hồng	Phạm Thái Hồng ; Nguyễn Bửu Huân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about English as a foreign language teachers' perceptions of using powerpoint as an ICT tool for teaching vocabulary in Kien Giang province .
7614	Thạc sĩ	The impact of storytelling in high school students' oral performance :	Nguyễn, Thanh Loan	Nguyễn Thanh Loan ; Nguyễn Bửu Huân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about impact of storytelling in high school students' oral performance.
7615	Thạc sĩ	Thử nghiệm khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli của thực khuẩn thể phân lập từ các trại gà tại các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre và Tiền Giang :	Trần, Trung Tú	Trần Trung Tú ; Nguyễn Trọng Ngữ (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thử nghiệm khả năng phân giải vi khuẩn Escherichia coli của thực khuẩn thể phân lập từ các trại gà tại các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre và Tiền Giang. Kết luận và kiến nghị.
7616	Thạc sĩ	EFL teachers' and students' perceptions toward the authenticity of the new textbook Tieng Anh 11: a case at an upper secondary school :	Nguyễn, Thị Liên	Nguyễn Thị Liên ; Nguyễn Thị Phương Nam (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about EFL teachers' and students' perceptions toward the authenticity of the new textbook Tieng Anh 11.
7617	Thạc sĩ	An investigation into Non-English majored studens' perceptions of the required language learning outcome and their preparation: a case of a university in Can Tho city :	Huỳnh, Thị Tuyết Hồng	Huỳnh Thị Tuyết Hồng ; Phạm Thị Hồng Nhung (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about investigation into English-majored studens' perceptions of the use of Vietnamese in EFL class.
7618	Thạc sĩ	Hiệu quả của phương pháp sửa lỗi từ bạn học trong việc sử dụng phương tiện liên kết trong kĩ năng nói của người học :	Nguy, Bảo Trọng	Nguy Bảo Trọng ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Hiệu quả của phương pháp sửa lỗi từ bạn học trong việc sử dụng phương tiện liên kết trong kĩ năng nói của người học.

7619	Thạc sĩ	Implementing project activities in Tiếng Anh 10 and 11: English as a foreign language teachers' challenges and strategies :	Nguyễn, Huỳnh Công Lý	Nguyễn Huỳnh Công Lý ; Nguyễn Văn Lợi (giáo viên hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about Implementing project activities in Tiếng Anh 10 and 11: English as a foreign language teachers' challenges and strategies.
7620	Thạc sĩ	An investigation into students' attitudes towards "test-preparation teaching" in their TOEIC-ORIENTED courses: a case in the Mekong delta :	Lê, Văn Lành	Lê Văn Lành ; Thái Công Dân (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about investigation into students' attitudes towards "test-preparation teaching" in their TOEIC-ORIENTED courses: a case in the Mekong delta.
7621	Thạc sĩ	EFL college teachers' perceptions and implementation of different listening task types in the Mekong delta, Vietnam :	Lương, Tú Ngân	Lương Tú Ngân ; Trần Quang Ngọc Thúy (giảng viên hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu sự hiểu biết của giảng viên cao đẳng giảng dạy tiếng Anh rất thường áp dụng các dạng bài tập nghe, cách lựa chọn ứng dụng dạng bài tập và biết được mối quan hệ giữa việc nhận thức và ứng dụng các bài tập tiếng Anh.
7622	Thạc sĩ	The effects of awareness-oriented tasks with explicit pragmatic instruction on EFL students' competence to make request :	Nguyễn, Vương Quốc	Nguyễn Vương Quốc ; Châu Thiện Hiệp (cán bộ hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about effects of awareness-oriented tasks with explicit pragmatic instruction on EFL students' competence to make request.
7623	Thạc sĩ	An investigation into terminology learning strategies used by EFL students at people's police college 2 :	Phạm, Thị Thanh Giang	Phạm Thị Thanh Giang ; Nguyễn Huỳnh Trang (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about investigation into terminology learning strategies used by EFL students at people's police college 2.
7624	Thạc sĩ	The effects of using Video-Based instruction on EFL teenage learners' writing performance :	Đỗ, Thành Nhân	Đỗ Thành Nhân ; Trương Viên (giáo viên hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about effects of using Video-Based instruction on EFL teenage learners' writing performance.
7625	Thạc sĩ	Khảo sát tính chịu mặn của các dòng lúa lai Hời Giao OMCS2000*4/POKKALI ở thể hệ BC3F2 :	Biện, Anh Khoa	Biện Anh Khoa ; Nguyễn Thị Lang (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát tính chịu mặn của các dòng lúa lai Hời Giao OMCS2000*4/POKKALI ở thể hệ BC3F2. Kết luận và kiến nghị.
7626	Thạc sĩ	An Giang medical college teachers' and students' evaluations of English for specific purposes coursebook for students of health sciences :	Phan, Thị Nguyệt Quế	Phan Thị Nguyệt Quế ; Lê Xuân Mai (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about An Giang medical college teachers' and students' evaluations of English for specific purposes coursebook for students of health sciences.
7627	Thạc sĩ	University EFL teachers' perceptions of holistic and analytic rubrics in assessing speaking :	Lương, Trọng Linh	Lương Trọng Linh ; Phạm Thị Hồng Nhung (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about University EFL teachers' perceptions of holistic and analytic rubrics in assessing speaking.

7628	Thạc sĩ	Teachers' use of Vietnamese in EFL classrooms: a case at a medical college in Can Tho city :	Ngô, Bích Ngọc	Ngô Bích Ngọc ; Phương Hoàng Yến (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about Teachers' use of Vietnamese in EFL classrooms: a case at a medical college in Can Tho city .
7629	Thạc sĩ	EFL high school teachers' strategies to promote students' willingness to teachers' perceptions and practices :	Lê, Thị Diễm	Lê Thị Diễm ; Lê Xuân Mai (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about EFL high school teachers' strategies to promote students' willingness to teachers' perceptions and practices.
7630	Thạc sĩ	Factors influencing EFL university students' participation in groupwork activities: a student at Tay Do university :	Huỳnh, Nguyễn Bảo Ngọc	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc ; Thái Công Dân (cán bộ hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about factors influencing EFL university students' participation in groupwork activities: a student at Tay Do university.
7631	Thạc sĩ	Non-English majored students' perceptions and practices of learner autonomy in learning English listening comprehension :	Dương, Tú Ngân	Dương Tú Ngân ; Luu Nguyễn Quốc Hưng (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about Non-English majored students' perceptions and practices of learner autonomy in learning English listening comprehension.
7632	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của nhân lực trong lĩnh vực lữ hành tại thành phố Cần Thơ :	Chung, Văn Giang	Chung Văn Giang ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của nhân lực trong lĩnh vực lữ hành tại thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7633	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Sóc Trăng :	Nguyễn, Thị Huệ	Nguyễn Thị Huệ ; Vũ Thị Minh Hiền (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Sóc Trăng. Giải pháp nâng cao sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp vừa và nhỏ.
7634	Thạc sĩ	Mức độ cạnh tranh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam :	Nguyễn, Thị Huỳnh Nhu	Nguyễn Thị Huỳnh Nhu ; Phan Đình Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng cạnh tranh, phân tích mức độ cạnh tranh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7635	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thẻ tín dụng tại thành phố Cần Thơ :	Tăng, Bảo Phương Hà	Tăng Bảo Phương Hà ; Vương Quốc Huy (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thẻ tín dụng tại thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7636	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị nấm rơm tỉnh Đồng Tháp :	Dương, Minh Toàn	Dương Minh Toàn ; Ngô Thị Thanh Trúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích chuỗi giá trị nấm rơm tỉnh Đồng Tháp, thực trạng và giải pháp nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm nấm rơm.

7637	Thạc sĩ	Nghiên cứu truyền dẫn chính sách tiền tệ qua kênh lãi suất tại Việt Nam :	Huỳnh, Tấn Phú	Huỳnh Tấn Phú ; Nguyễn Tấn Kiệt (giảng viên hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng về lãi suất của Việt Nam giai đoạn 1996 - 2017. Phân tích mức độ tác động của lãi suất cấp vốn GDP, CPI và tiền M2 giai đoạn từ 1996 đến 2017. Kiểm định tác động của lãi suất tái cấp vốn.
7638	Thạc sĩ	Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu gạo ST 20 Sóc Trăng :	Lê, Duy Khánh	Lê Duy Khánh ; Luu Thanh Đức Hải (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu gạo ST 20 Sóc Trăng, thực trạng và giải pháp nâng cao thương hiệu sản phẩm gạo ST20.
7639	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề truyền thống ở tỉnh Bạc Liêu :	Đinh, Thảo Nguyên	Đinh Thảo Nguyên ; Mai Văn Nam (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề truyền thống ở tỉnh Bạc Liêu. Kết luận và kiến nghị
7640	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia dự án CIDA tại Sóc Trăng :	Quang, Mỹ Trang	Quang Mỹ Trang ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia dự án CIDA tại Sóc Trăng. Kết luận và kiến nghị nâng cao hiệu quả cạnh tranh tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
7641	Thạc sĩ	Các yếu tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của nhân viên tại các điểm du lịch tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Thị Kim Hòa	Nguyễn Thị Kim Hòa ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Các yếu tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của nhân viên tại các điểm du lịch tỉnh Vĩnh Long. Kết luận và kiến nghị.
7642	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến quyết định lựa chọn nhãn hiệu xe gắn máy của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Lê, Thành Đạt	Lê Thành Đạt ; Luu Thanh Đức Hải (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến quyết định lựa chọn nhãn hiệu xe gắn máy của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7643	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của nông hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Trà Vinh :	Huỳnh, Ngọc Tú	Huỳnh Ngọc Tú ; Đỗ Văn Xê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của nông hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Trà Vinh. Giải pháp nâng cao khả năng trả được nợ của nông hộ.
7644	Thạc sĩ	Phân tích phản ứng của nhân viên trong điều kiện không chắc chắn về việc làm ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Trà Vinh :	Huỳnh, Thanh Tuấn	Huỳnh Thanh Tuấn ; Huỳnh Trường Huy (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích phản ứng của nhân viên trong điều kiện không chắc chắn về việc làm ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Trà Vinh. Kết luận và kiến nghị nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
7645	Thạc sĩ	Mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN - 6 :	Lê, Duy Thanh	Lê Duy Thanh ; Đỗ Văn Xê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng đầu tư FDI và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN - 6. Mối quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia ASEAN - 6. Kết luận và kiến nghị
7646	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - chi nhánh Sa Đéc :	Huỳnh, Thị Kiều Oanh	Huỳnh Thị Kiều Oanh ; Nguyễn Hữu Đăng (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - chi nhánh Sa Đéc. Kết luận và kiến nghị.

7647	Thạc sĩ	Phân tích hành vi ứng phó trong điều kiện không chắc chắn về việc làm của nhân viên tại các chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Kim Thi	Nguyễn Kim Thi ; Huỳnh Trường Huy (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hành vi ứng phó trong điều kiện không chắc chắn về việc làm của nhân viên tại các chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần tỉnh Vĩnh Long. Kết luận và kiến nghị.
7648	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố tâm lý ảnh hưởng đến dự định sử dụng dịch vụ Internet banking của người dân trên địa bàn thành phố Vĩnh Long :	Lê, Ngọc Trúc Linh	Lê Ngọc Trúc Linh ; Vũ Thị Hồng Nhung (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố tâm lý ảnh hưởng đến dự định sử dụng dịch vụ Internet banking của người dân trên địa bàn thành phố Vĩnh Long. Giải pháp phát triển dịch vụ Internet banking trên địa bàn.
7649	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây rau Sam (Portulaca oleracea L.) mọc hoang tại tỉnh Vĩnh Long :	Trần, Thanh Nhi	Trần Thanh Nhi ; Nguyễn Hữu Hiệp (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây rau Sam (Portulaca oleracea L.) mọc hoang tại tỉnh Vĩnh Long. Kết luận và kiến nghị.
7650	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của quảng cáo và nhận thức đến hành vi mua thực phẩm chức năng của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Phan, Thị Thúy An	Phan Thị Thúy An ; Lưu Tiến Thuận (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích ảnh hưởng của quảng cáo và nhận thức đến hành vi mua thực phẩm chức năng của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7651	Thạc sĩ	Đặc điểm động vật đáy trên kênh Xáng Xà No :	Trần, Vũ Phong	Trần Vũ Phong ; Nguyễn Văn Công (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu hàm lượng oxy hòa tan thấp và ô nhiễm hữu cơ, mức độ ô nhiễm. Kết luận và kiến nghị biện pháp ngăn ngừa các nguồn thải đưa vào kênh để cải thiện chất lượng nước trong khu vực nghiên cứu.
7652	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng sử dụng nước dưới đất cho cây hành tím và củ cải trắng tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng :	Ngô, Hoàng Dện	Ngô Hoàng Dện ; Nguyễn Xuân Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung sách giới thiệu phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá hiện trạng sử dụng nước dưới đất cho cây hành tím và củ cải trắng tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận và kiến nghị.
7653	Thạc sĩ	Khảo sát hiệu quả phòng trị bệnh thối rễ củ hành tím của dịch trích sài đất trong điều kiện ngoài đồng và tồn trữ tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng :	Trần, Thị Diễm My	Trần Thị Diễm My ; Nguyễn Đắc Khoa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát hiệu quả phòng trị bệnh thối rễ củ hành tím của dịch trích sài đất trong điều kiện ngoài đồng và tồn trữ tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng. Kết luận và kiến nghị.
7654	Thạc sĩ	So sánh hiệu quả giảm bệnh của các chủng vi khuẩn Bacillus sp. và Serratia sp. đối kháng với vi khuẩn Xanthomonas oryzae pv. oryzae gây bệnh cháy bìa lá lúa và tuyến chất mang tồn trữ vi khuẩn :	Nguyễn, Huỳnh Nhã Uyên	Nguyễn Huỳnh Nhã Uyên ; Nguyễn Đắc Khoa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. So sánh hiệu quả giảm bệnh của các chủng vi khuẩn Bacillus sp. và Serratia sp. đối kháng với vi khuẩn Xanthomonas oryzae pv. oryzae gây bệnh cháy bìa lá lúa và tuyến chất mang tồn trữ vi khuẩn. Kết luận và kiến nghị.
7655	Thạc sĩ	Khảo sát tỷ lệ thích hợp gạo lứt tím than và lúa mì ở hai nguồn ánh sáng khác nhau trong nuôi cấy nấm (cordyceps militaris) :	Võ, Hoàng Đăng Thi	Võ Hoàng Đăng Thi ; Trần Nhân Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát tỷ lệ thích hợp gạo lứt tím than và lúa mì ở hai nguồn ánh sáng khác nhau trong nuôi cấy nấm (cordyceps militaris). Kết luận và kiến nghị.

7656	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế Enzyme α -Amylase và α -Glucosidase của cao chiết từ cây cải trời (Blumea lacera) :	Trần, Thị Ngọc Mai	Trần Thị Ngọc Mai ; Trần Nhân Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát khả năng ức chế Enzyme α -Amylase và α -Glucosidase của cao chiết từ cây cải trời (Blumea lacera). Kết luận và kiến nghị.
7657	Thạc sĩ	An investigation into English-majored studens' perceptions of the use of Vietnamese in EFL class :	Phan, Thanh Tâm	Phan Thanh Tâm ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about investigation into English-majored studens' perceptions of the use of Vietnamese in EFL class.
7658	Thạc sĩ	Teachers' perceptions and implementations of groupwork activities in EFL speaking classes at high school in Dong Thap province :	Le, Thị Tuyen Mai	Le Thị Tuyen Mai ; Do Minh Hung (supersor)	2018	This thesis introduce about Teachers' perceptions and implementations of groupwork activities in EFL speaking classes at high school in Dong Thap province.
7659	Thạc sĩ	Ly trích và so sánh hoạt tính của Enzyme α -Amylase từ mầm lúa, tụy heo và vi khuẩn Bacillus spp. :	Nguyễn, Huỳnh Trang Thu Hương	Nguyễn Huỳnh Trang Thu Hương ; Nguyễn Minh Chon (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Ly trích và so sánh hoạt tính của Enzyme α -Amylase từ mầm lúa, tụy heo và vi khuẩn Bacillus spp.. Kết luận và kiến nghị.
7660	Thạc sĩ	The use of portfolio on EFL young learners' sentence writing: a case at an english language center in the Mekong delta, Vietnam :	Phan, Thị Mộng Kiều	Phan Thị Mộng Kiều ; Phạm Thị Hồng Nhung (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about use of portfolio on EFL young learners' sentence writing: a case at an english language center in the Mekong delta, Vietnam.
7661	Thạc sĩ	English as a foreign language (EFL) teachers' perceptions about teaching vocabulary through flashcars at English language centers in Can Tho city :	Nguyễn, Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thị Hồng Gấm ; Nguyễn Bửu Huân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about English as a foreign language (EFL) teachers' perceptions about teaching vocabulary through flashcars at English language centers in Can Tho city.
7662	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and teaching procedure of project activities in Tieng Anh textbook series :	Tran, Thanh Tung	Tran Thanh Tung ; Pham Thi Hong Nhung (supersor)	2018	This thesis introduce about EFL teachers' perceptions and teaching procedure of project activities in Tieng Anh textbook series.
7663	Thạc sĩ	High school students' perceptions of the use of facebook-based e-portfolios in writing :	Trần, Quế Nhi	Trần Quế Nhi ; Lê Xuân Mai (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about high school students' perceptions of the use of facebook-based e-portfolios in writing.
7664	Thạc sĩ	The impact of questioning and semantic map in pre-reading stage on EFL gifted high school students' reading comprehension: a comparative study :	Trần, Thị Thanh Thủy	Trần Thị Thanh Thủy ; Phương Hoàng Yến (người hướng dẫn khoa học)	2018	This thesis introduce about impact of questioning and semantic map in pre-reading stage on EFL gifted high school students' reading comprehension: a comparative study.

7665	Thạc sĩ	Dấu ấn văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn của Lê Văn Thảo :	Nguyễn, Thị Cẩm Nhung	Nguyễn Thị Cẩm Nhung ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nhận dạng và làm rõ những biểu hiện của văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn của Lê Văn Thảo qua các phương diện về nội dung và phương thức thể hiện.
7666	Thạc sĩ	Diện mạo và đặc điểm văn học hiện đại Sóc Trăng :	Nguyễn, Trương Tuấn	Nguyễn Trương Tuấn ; Nguyễn Hữu Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu cơ sở lịch sử - văn hóa và khái lược tiến trình phát triển văn học hiện đại tỉnh Sóc Trăng, văn học hiện đại Sóc Trăng nhìn từ nội dung và nghệ thuật, những tác giả - tác phẩm tiêu biểu văn học hiện đại Sóc Trăng.
7667	Thạc sĩ	Đánh giá đa dạng di truyền nguồn gen cây măng cầu ta (Annona squamosa L.) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu :	Nguyễn, Tuấn Vũ	Nguyễn Tuấn Vũ ; Huỳnh Kỳ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Điều tra, thu thập nguồn gen cây măng cầu ta tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, mô tả đặc điểm nguồn gen cây măng cầu ta sau thu thập, đánh giá đa dạng di truyền nguồn gen măng cầu ta bằng chỉ thị ISSRs kết hợp với đặc điểm hình thái, nông học.
7668	Thạc sĩ	Tuyển chọn các dòng lúa mới (Oryza sativa L.) có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh Khánh Hòa :	Phạm, Thị Oanh	Phạm Thị Oanh ; Quan Thị Ái Liên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá đặc tính hóa học của đất đầu vụ và chất lượng hạt gạo tại 3 huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Ninh Hòa qua 2 vụ Đông Xuân 2015 - 2016 và Hè Thu 2016.
7669	Thạc sĩ	Thuật toán tự cập nhật chùm và ứng dụng trong nhận dạng ảnh :	Lê, Thị Kim Ngọc	Lê Thị Kim Ngọc ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng kết một cách có hệ thống, rõ ràng các thuật toán tự cập nhật chùm cho các đối tượng khác nhau, giải quyết vấn đề tính toán liên quan đến các thuật toán và áp dụng chúng trong nhận dạng ảnh.
7670	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng chịu mặn, năng suất và chất lượng của bộ giống lúa thơm (Oryza sativa L.) tại tỉnh Sóc Trăng :	Trần, Trung Hiếu	Trần Trung Hiếu ; Quan Thị Ái Liên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng chịu mặn của bộ giống thí nghiệm giai đoạn mạ trong dung dịch dinh dưỡng và chỉ thị phân tử DNA, diễn biến mặn, đặc tính hóa học đất và sâu bệnh tại 3 địa điểm thí nghiệm Kế Sách, Long Phú, Trần Đề.
7671	Thạc sĩ	Đa dạng di truyền của 30 giống/dòng khoai môn (Colocasia esculenta (L.) Schott) bằng các đặc điểm nông học, hình thái và ISSR-DNA :	Nguyễn, Hoàng Anh Tịnh	Nguyễn Hoàng Anh Tịnh ; Nguyễn Lộc Hiền, Huỳnh Kỳ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự đa dạng di truyền về mặt phân tử, hình thái, cảm quan và nông học của 30 giống/dòng khoai môn, tìm ra một vài giống/dòng có các đặc tính tốt phục vụ cho công tác cải thiện và chọn tạo giống, đánh giá quá trình sinh trưởng của những giống/dòng tiềm năng.
7672	Thạc sĩ	Pháp luật về điều kiện giao, cho thuê đất đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa :	Nguyễn, Thị Kim Nhiên	Nguyễn Thị Kim Nhiên ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về điều kiện giao, cho thuê đất đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa và đề xuất và giải pháp.
7673	Thạc sĩ	Pháp luật về trách nhiệm của thương nhân đối với hàng hóa khuyết tật :	Nguyễn, Đình Nam	Nguyễn Đình Nam ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và quy định về trách nhiệm của thương nhân đối với hàng hóa khuyết tật - thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện.
7674	Thạc sĩ	Pháp luật về xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng - Thực trạng và hướng hoàn thiện :	Lê, Thị Bội Bội	Lê Thị Bội Bội ; Lê Vũ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận về nợ xấu và pháp luật xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, thực trạng và hướng hoàn thiện quy định pháp luật về xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng.

7675	Thạc sĩ	Một số kết quả liên quan đến quá trình Markov :	Nguyễn, Thị Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hà ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số kiến thức cơ bản của giải tích, định lý giới hạn trung tâm cho quá trình Markov cân bằng, luật số lớn cho quá trình Markov với độ nhiễu.
7676	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng phòng trị bệnh thối để củ hành tím của xạ khuẩn Streptomyces albaduncus trong điều kiện ngoài đồng và tồn trữ tại xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng :	Ngô, Bửu Tân	Ngô Bửu Tân ; Nguyễn Đắc Khoa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát khả năng phòng trị bệnh thối để củ hành tím của chủng xạ khuẩn Streptomyces albaduncus trong điều kiện ngoài đồng và tồn trữ ở vụ hành giống và hành sớm tại xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
7677	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -Glucosidase từ cao chiết lá sầu đâu (Azadirachta sp.) :	Lâm, Bảo Như Phương	Lâm Bảo Như Phương ; Dương Xuân Chử, Nguyễn Thị Ngọc Vân (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng ức chế enzyme α -Glucosidase từ cao chiết lá sầu đâu ở mức độ in vitro làm cơ sở cho nghiên cứu sản xuất dược phẩm để hỗ trợ trong điều trị bệnh đái tháo đường.
7678	Thạc sĩ	Dạy học truyện ngắn bằng tình huống để phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT :	Nguyễn, Thị Yến Nhung	Nguyễn Thị Yến Nhung ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng quan về vấn đề nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế các tình huống trong dạy học truyện ngắn để phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.
7679	Thạc sĩ	Tính rủi ro danh mục đầu tư và tối ưu ngẫu nhiên danh mục đầu tư tiếp cận bằng phương pháp Copula :	Bùi, Thiên Hòa	Bùi Thiên Hòa ; Tạ Quốc Bảo (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số khái niệm cơ bản về tài chính và phương pháp cổ điển trong tính rủi ro danh mục đầu tư, phương pháp Copula tính rủi ro danh mục đầu tư ước tính thông số, tối ưu ngẫu nhiên danh mục đầu tư bằng phương pháp Copula.
7680	Thạc sĩ	Sử dụng phiếu học tập trong dạy đọc văn bản văn học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh THPT :	Trần, Thị Kim Giao	Trần Thị Kim Giao ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế phiếu học tập trong dạy đọc văn bản văn học để phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.
7681	Thạc sĩ	Một số kết quả liên quan bước đi ngẫu nhiên :	Võ, Hiếu Trọng	Võ Hiếu Trọng ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số kiến thức cơ bản của giải tích, định lý giới hạn trung tâm cho bước đi ngẫu nhiên cân bằng, luật số lớn cho bước đi ngẫu nhiên với độ nhiễu.
7682	Thạc sĩ	Một số kết quả liên quan quá trình khuếch tán :	Võ, Hoàng Giang	Võ Hoàng Giang ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số kiến thức cơ bản của giải tích, định lý giới hạn trung tâm cho quá trình khuếch tán cân bằng, luật số lớn cho quá trình khuếch tán với độ nhiễu.
7683	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của chủ thể kinh doanh về chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Ngọc Hoi	Nguyễn Ngọc Hoi ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của chủ thể kinh doanh về chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh và đề xuất hàm ý chính sách hoàn thiện chất lượng dịch vụ này trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

7684	Thạc sĩ	Nghiên cứu tuyển chọn các giống lúa ngắn ngày, chống chịu nhiệt độ cao và thích nghi trong điều kiện canh tác ở tỉnh Đồng Tháp :	Trần, Anh Thái	Trần Anh Thái ; Lê Việt Dũng, Trần Đình Giỏi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm bổ sung một số giống lúa chống chịu nhiệt độ cao vào cơ cấu giống lúa trong tỉnh, hạn chế sự rủi ro trong sản xuất lúa đáp ứng với biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt.
7685	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự phân bố và đa dạng thành phần loài của rong nâu (Phaeophyta) ven bờ đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang :	Ngô, Thị Cẩm Tú	Ngô Thị Cẩm Tú ; Huỳnh Văn Tiền, Trương Trọng Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự phân bố rong nâu ven bờ đảo Phú Quốc, xác định tên loài và đa dạng thành phần loài rong nâu, thử nghiệm ly trích DNA ở các loài rong nâu đã thu được.
7686	Thạc sĩ	Phân tích tài liệu trọng lực ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Diễm Huyền	Nguyễn Thị Diễm Huyền ; Đặng Văn Liệt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số phương pháp chuyển trường, phương pháp ổn định lời giải của thép chuyển trường xuống và xác định độ sâu, phân tích tài liệu trọng lực ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
7687	Thạc sĩ	Tính chất vận chuyển điện tử của Graphene nanoribbon thay đổi biên cấu trúc :	Nguyễn, Văn Út	Nguyễn Văn Út ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày tổng quan về Graphene và Graphene nanoribbon, cơ sở lý thuyết sự vận chuyển điện tử, tính chất vận chuyển điện tử của Graphene nanoribbon.
7688	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự thích nghi của 04 giống/dòng lúa (Oryza sativa L.) trong điều kiện khô hạn nhân tạo :	Nguyễn, Thị Bích Vân	Nguyễn Thị Bích Vân ; Võ Công Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tạo lập những cơ sở dữ liệu tìm hiểu những giá trị thích nghi của cây lúa trong điều kiện khô hạn, từ đó tạo tiền đề phục vụ cho công tác chọn tạo giống lúa chống chịu hạn.
7689	Thạc sĩ	Nghiên cứu quy trình nhân mật số trong điều kiện phòng thí nghiệm và tuyển chọn chất mang để tồn trữ xạ khuẩn Streptomyces albaduncus đối kháng với nấm Fusarium oxysporum gây bệnh thối củ hành tím :	Nguyễn, Quang Tiến	Nguyễn Quang Tiến ; Nguyễn Thị Phi Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Thiết kế quy trình nhân mật số bào tử xạ khuẩn Streptomyces albaduncus trong phòng thí nghiệm và tuyển chọn chất mang để tồn trữ với tiêu chí dễ tìm, giá thành rẻ, giúp xạ khuẩn duy trì mật số lâu nhất và khả năng đối kháng trên đĩa thạch cũng như điều kiện nhà lưới và tồn trữ.
7690	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động - Thực trạng tại các doanh nghiệp và giải pháp :	Trần, Thị Thu Vân	Trần Thị Thu Vân ; Nguyễn Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động, thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động.
7691	Thạc sĩ	Mô hình dự báo chuỗi thời gian mờ và một số cải tiến :	Nguyễn, Văn Pha	Nguyễn Văn Pha ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát mô hình chuỗi thời gian mờ, cải tiến việc chọn các tham số, mối quan hệ mờ và vấn đề tính toán để nâng cao hiệu quả trong áp dụng; áp dụng mô hình cải tiến trong một số dự báo liên quan đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
7692	Thạc sĩ	Pháp luật về trách nhiệm của thương nhân trong việc cung cấp thông tin hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng - Thực trạng và Giải pháp :	Dương, Quốc Thịnh	Dương Quốc Thịnh ; Đặng Thanh Hoa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày những vấn đề lý luận về trách nhiệm cung cấp thông tin của thương nhân cho người tiêu dùng, quy định pháp luật về trách nhiệm cung cấp thông tin hàng hóa và dịch vụ của thương nhân.

7693	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn nội sinh trong cây đước (<i>Rhizophora mucronata</i>) và cây mắm (<i>Avicennia alba</i>) tại rừng ngập mặn huyện Năm Căn, Cà Mau :	Phạm, Lê Ngân Hà	Phạm Lê Ngân Hà ; Cao Ngọc Diệp, Hồ Thanh Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm, hòa tan lân, tổng hợp IAA và sản xuất siderophore, nhằm tìm ra những dòng có hoạt tính cao có khả năng chịu mặn để đưa vào sản xuất phân vi sinh.
7694	Thạc sĩ	Pháp luật về về người đại diện trong các giao dịch kinh doanh, thương mại :	Nguyễn, Thị Oanh	Nguyễn Thị Oanh ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày những vấn đề lý luận về người đại diện trong các giao dịch kinh doanh thương mại, quy định pháp luật về người đại diện trong các giao dịch kinh doanh thương mại - thực trạng và giải pháp.
7695	Thạc sĩ	Quá trình khuếch tán và ứng dụng :	Ngô, Thuận Dũ	Ngô Thuận Dũ ; Dương Tôn Đảm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số khái niệm cơ bản trong giải tích ngẫu nhiên, quá trình khuếch tán và ứng dụng trong quá trình khuếch tán.
7696	Thạc sĩ	Pháp luật về trách nhiệm của thương nhân trong việc bảo hành sản phẩm :	Đặng, Thị Soa	Đặng Thị Soa ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và quy định về trách nhiệm bảo hành sản phẩm của thương nhân - thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện.
7697	Thạc sĩ	Khảo sát hiệu quả phòng trị bệnh cháy bìa lá lúa của vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Bacillus pumilus</i> trên đồng ruộng :	Nguyễn, Ngọc Lộc	Nguyễn Ngọc Lộc ; Nguyễn Đắc Khoa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát hiệu quả làm giảm bệnh cháy bìa lá của vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Bacillus pumilus</i> bằng phương pháp phun vào đất và ngâm hạt.
7698	Thạc sĩ	Biến dị di truyền của các đặc tính hình thái, nông học và chỉ thị phân tử RAPD ở 30 giống/dòng khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott) :	Lý, Thị Diễm Kiều	Lý Thị Diễm Kiều ; Nguyễn Lộc Hiền, Huỳnh Kỳ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Thu thập các giống/dòng khoai môn tại các địa phương khác nhau, trồng và đánh giá các đặc tính nông học, hình thái, năng suất và chất lượng củ của các giống/dòng khoai môn thu thập được, phân tích sự khác biệt di truyền bằng 24 chỉ thị phân tử RAPD trên các giống/dòng khoai môn.
7699	Thạc sĩ	Sử dụng biến đổi Wavelet rời rạc Daubechie để phân tích sóng địa chấn và xác định chấn tâm-chấn tiêu của một trận động đất :	Nguyễn, Huyền Trâm	Nguyễn Huyền Trâm ; Dương Hiếu Đầu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày phép biến đổi Wavelet rời rạc Daubechie, phương pháp phân tích sóng địa chấn để xác định thông số động đất, phương pháp phân tích và mô phỏng động đất bằng phần mềm matlab.
7700	Thạc sĩ	Một khung mới của mô hình suy diễn trong phân tích thống kê :	Bành, Văn Viên	Bành Văn Viên ; Phạm Hoàng Uyên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết, khung mới của mô hình suy diễn, thuận lợi khung mô hình suy diễn và ứng dụng suy diễn tỉ lệ Bayes vào đánh giá hợp đồng bảo hiểm cho cây lúa.
7701	Thạc sĩ	Hệ thống gợi ý món ăn :	Đoàn, Hồ Hạnh Nguyên	Đoàn Hồ Hạnh Nguyên ; Nguyễn Hữu Hòa, Nguyễn Thái Nghe (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu hệ thống gợi ý, các kỹ thuật xây dựng hệ thống gợi ý, phương pháp gợi ý dựa trên lọc cộng tác, xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác dữ liệu.

7702	Thạc sĩ	Sử dụng nhật ký học tập để phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học của học sinh :	Lê, Thị Bích Tuyền	Lê Thị Bích Tuyền ; Trần Thị Nâu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế bài tập nhật ký học tập để phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học của học sinh, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.
7703	Thạc sĩ	Vận chuyển điện tử trong các cấu trúc Graphene nanoribbon kiểu Zigzag sai hông dạng lỗ Nano :	Bùi, Thái Học	Bùi Thái Học ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày tổng quan về Zigzag Graphene nanoribbon, cơ sở lý thuyết sự vận chuyển điện tử trong vật liệu nano và sự vận chuyển điện tử trong cấu trúc Graphene nanoribbon biên Zigzag có sai hông dạng lỗ nano.
7704	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của người lao động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bao bì VEMEDIM :	Nguyễn, Thành Danh	Nguyễn Thành Danh ; Lê Nguyễn Đăng Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát thực trạng sự gắn bó của người lao động đối với công ty, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của người lao động đối với công ty.
7705	Thạc sĩ	Pháp luật về sản xuất thiết bị và kinh doanh trò chơi mạo hiểm :	Trần, Lý Anh Tuấn	Trần Lý Anh Tuấn ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày những vấn đề lý luận liên quan đến pháp luật về sản xuất thiết bị và kinh doanh trò chơi mạo hiểm, pháp luật về sản xuất thiết bị và kinh doanh trò chơi mạo hiểm - hạn chế và hướng hoàn thiện.
7706	Thạc sĩ	Tuyển chọn và phát triển các giống lúa nếp ở Đồng bằng sông Cửu Long dựa vào đặc tính hình thái, nông học và dấu phân tử ADN :	Nguyễn, Khiết Tâm	Nguyễn Khiết Tâm ; Trương Trọng Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá năng suất của 14 giống lúa nếp trong thí nghiệm, tính khác biệt di truyền, mùi thơm thông qua dấu phân tử BADH, chất lượng gạo và cơm
7707	Thạc sĩ	Phương pháp mô hình tiến để giải bài toán ngược trọng lực với mô hình bốn trăm tích có mật độ thay đổi theo độ sâu :	Lê, Thị Mỹ Huyền	Lê Thị Mỹ Huyền ; Đặng Văn Liệt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số phương pháp xác định độ sâu trong thăm dò trọng lực, mô hình bốn trăm tích 2-D và 3-D trong phương pháp mô hình tiến, xây dựng chương trình xác định độ sâu bằng phương pháp mô hình tiến và xác định tham số Tikhonov tối ưu.
7708	Thạc sĩ	Hiệu quả của việc sử dụng biện pháp phân tích mẫu trong dạy đọc hiểu văn bản thuyết minh đối với việc phát triển năng lực tạo lập văn bản thuyết minh cho học sinh :	Đỗ, Thanh An	Đỗ Thanh An ; Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định các đặc trưng của văn bản thuyết minh, các đặc điểm của biện pháp phân tích mẫu trong dạy học ngữ văn, làm rõ mối quan hệ giữa đọc hiểu văn bản thuyết minh và tạo lập văn bản thuyết minh.
7709	Thạc sĩ	Nghiên cứu phục tráng giống lúa mùa thơm (Oryza sativa L.) ở Tây Ninh theo hướng chất lượng cao :	Trịnh, Văn Dũng	Trịnh Văn Dũng ; Võ Công Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm khôi phục đặc tính mùi thơm của giống lúa mùa thơm ở Tây Ninh, đồng thời giúp nông dân trồng lúa sản xuất một cách bền vững, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống.
7710	Thạc sĩ	Đặc điểm truyện ngắn Việt Đông :	Nguyễn, Quốc Tân	Nguyễn Quốc Tân ; Lê Ngọc Thúy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu, khảo sát về những đặc điểm trong nội dung cũng như nghệ thuật của truyện ngắn Việt Đông, tiến tới khẳng định đóng góp đáng trân trọng của ông vào quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam
7711	Thạc sĩ	Phát triển năng lực viết văn nghị luận xã hội cho học sinh thông qua dạy học tích hợp đọc hiểu văn bản và làm văn :	Nguyễn, Thị Kim Hoa	Nguyễn Thị Kim Hoa ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế giáo án dạy tích hợp đọc hiểu văn bản và làm văn, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.

7712	Thạc sĩ	Dấu ấn văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Quang Sáng :	Võ, Thị Thúy Ái	Võ Thị Thúy Ái ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Những vấn đề chung về văn hóa Nam Bộ và nhà văn Nguyễn Quang Sáng, dấu ấn văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Quang Sáng nhìn từ nội dung và nghệ thuật thể hiện.
7713	Thạc sĩ	Điều khiển độ dẫn điện của Penta-Graphene bằng điện trường ngoài :	Phạm, Thị Như Ý	Phạm Thị Như Ý ; Vũ Thanh Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý thuyết về cấu trúc vùng năng lượng và phương pháp tính, mô hình Hamilton của Penta-Graphene.
7714	Thạc sĩ	Pháp luật về bồi thường cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp :	Nguyễn, Thành Phương	Nguyễn Thành Phương ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về vấn đề bồi thường cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp - đề xuất và giải pháp.
7715	Thạc sĩ	Phát triển năng lực đọc và viết cho học sinh bằng biện pháp dạy tích hợp đọc hiểu và viết văn bản nghị luận :	Trần, Văn Cảnh	Trần Văn Cảnh ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, thiết kế giáo án tích hợp dạy đọc và viết, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.
7716	Thạc sĩ	Pháp luật về xác định các trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng :	Đinh, Thị Mỹ Linh	Đinh Thị Mỹ Linh ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về xác định các trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và kiến nghị hoàn thiện.
7717	Thạc sĩ	Áp dụng các phương pháp hình thái trong việc xác định u não :	Lê, Thị Hồng Như	Lê Thị Hồng Như ; Đặng Văn Liệt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một số phương pháp phân đoạn ảnh, phương pháp hình thái, phép toán hình thái trong việc xác định u não và xác định u não của một số ảnh.
7718	Thạc sĩ	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh Gas :	Phạm, Quang Vũ	Phạm Quang Vũ ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh gas và kiến nghị hoàn thiện.
7719	Thạc sĩ	Hiệu quả của loại dung dịch dinh dưỡng với các loại giá thể lên sự sinh trưởng và phát triển của cây hoa cúc đồng tiền (Gerbera jamesonii) trên hệ thống tưới nhỏ giọt :	Phạm, Thị Xuân Quỳên	Phạm Thị Xuân Quỳên ; Lê Văn Hòa, Lê Bảo Long (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn xác định loại dung dịch dinh dưỡng và giá thể thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây hoa đồng tiền lên chiều cao cây, số lá trên cây, diện tích lá, chất lượng hoa (tổng số hoa/cây, chiều dài phát hoa, đường kính hoa, đường kính trung bình phát hoa và độ bền hoa) áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt trồng hoa đồng tiền châu thương phẩm.
7720	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian xử lý colchicine trên phôi và chồi mầm của giống quýt Hồng (Citrus reticulata Blanco) :	Nguyễn, Thị Nga	Nguyễn Thị Nga ; Nguyễn Bảo Vệ, Trần Thị Oanh Yên (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn xác định nồng độ colchicine và thời gian xử lý tạo đột biến tứ bội hiệu quả cao trên phôi mầm hạt và chồi non giống quýt Hồng.

7721	Thạc sĩ	Genetic diversity and structure of macrognaethus siamensis in the Mekong river inferred from ezrad data :	Nguyen, Thi Ngoc Tran	Nguyen Thi Ngoc Tran ; Duong Thuy Yen, Vu Ngoc Ut (supervisor)	2018	This book introduce about Optimize EzRAD protocol in a new lab. Compare levels of genetic diversity and genetic difference between populations of M. siamensis in Hau and Tien Rivers and Paksan of Laos.
7722	Thạc sĩ	Tính chất vận chuyển điện tử của Graphene nanoribbon pha tạp phức :	Võ, Trung Phúc	Võ Trung Phúc ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày tổng quan về Graphene và Zigzag graphene nanoribbon, lý thuyết phiếm hàm mật độ, hình thức luận hàm Green không cân bằng và vận chuyển điện tử trong linh kiện.
7723	Thạc sĩ	Hệ thống hỗ trợ phân loại gạo từ máy xay thóc :	Nguyễn, Hồng Sơn	Nguyễn Hồng Sơn ; Nguyễn Thái Nghe (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu, nghiên cứu các kỹ thuật, phương pháp, thuật toán để thực hiện tất cả các công việc trong quá trình hoạt động của hệ thống, thông qua đó thực hiện việc huấn luyện mô hình, cũng như làm chủ các công nghệ máy học như CNN hay SVM, khởi đầu bằng việc phân loại gạo tẻ và gạo nếp. Cuối cùng xây dựng hệ thống hỗ trợ phân loại gạo với độ chính xác cao, phù hợp và đủ khả năng đưa vào thực tế để có thể phục vụ cho con người.
7724	Thạc sĩ	Effects of fish size, feeding rations and vitamin C supplement on growth performance and immune responses of waigieu sea perch (Psammoperca waigiensis) at juvenile stage :	Masengesho, Barthazar	Barthazar Masengesho; Le Minh Hoang, Pham Duc Hung (supervisor)	2018	This book introduce about to evaluate the effect of feeding ration on growth performance of Waigieu. Determine the impact of vitamin C supplement on growth performance and immune responses of Waigieu Sea perch (Psammoperca waigiensis) juvenile.
7725	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên dưa hấu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Cẩm Tú	Trần Thị Cẩm Tú ; Trần Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên dưa hấu hướng tới việc sản xuất rau giảm ô nhiễm môi trường do dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo sức khỏe con người và góp phần phát triển sản xuất dưa hấu hiệu quả hơn trên địa bàn huyện Phong Điền.
7726	Thạc sĩ	Mô hình mờ hóa dữ liệu chuỗi thời gian và ứng dụng :	Trần, Quốc Anh	Trần Quốc Anh ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Cải tiến phương pháp xác định số tập mờ, nguyên tắc mờ hóa dữ liệu trong các mô hình chuỗi thời gian mờ dựa vào bài toán phân tích chùm từ đó tối ưu các kết quả dự báo; Ứng dụng mô hình đề nghị trong dự báo thủy văn tại hai trạm đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu.
7727	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Thành Thừa	Nguyễn Thành Thừa ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động, xác định những yếu tố chính ảnh hưởng đến hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
7728	Thạc sĩ	Chất lượng nước mặt và trầm tích trên sông Hậu trong phạm vi thị trấn Mái Dầm - huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang :	Phan, Văn Tươi	Phan Văn Tươi ; Nguyễn Văn Công (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng, chất lượng và đặc điểm trầm tích trong thủy vực sông Hậu.
7729	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của phân compost được sản xuất từ vật liệu sau ủ nấm rơm đến năng suất rau muống :	Phạm, Hoàng Dương	Phạm Hoàng Dương ; Trương Hoàng Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xử lý các phế phẩm sau quá trình trồng nấm rơm bằng phương pháp ủ phân compost nhằm xử lý lượng chất thải từ mô hình trồng nấm rơm, góp phần bảo vệ môi trường.

7730	Thạc sĩ	Vấn đề xác định xác suất tiên nghiệm trong bài toán phân loại bằng phương pháp Bayes :	Đặng, Thị Thu Thảo	Đặng Thị Thu Thảo ; Lê Phương Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày khái niệm phân tích chùm không thứ bậc, một số phương pháp phân loại, nghiên cứu cách tính xác suất tiên nghiệm trong phân loại Bayes và ứng dụng về phân loại trẻ sơ sinh, tín nhiệm khách hàng.
7731	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp xử lý nước thải sản xuất công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ :	Mai, Phước Vinh	Mai Phước Vinh ; Phạm Văn Toàn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng và tìm ra giải pháp xử lý nước thải sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, đảm bảo nước thải đầu ra đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường.
7732	Thạc sĩ	Hiện trạng kinh tế - xã hội và giải pháp phát triển bền vững đồng cỏ bàng tại khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang :	Trần, Lê Ngọc Trâm	Trần Lê Ngọc Trâm ; Dương Văn Ni (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội cộng đồng dân cư xung quanh khu bảo tồn và xác định sinh khối cỏ bàng làm cơ sở cho việc vạch ra kế hoạch đường bàng, khai thác cỏ bàng hợp lý phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội và bảo tồn đa dạng sinh học khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ.
7733	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng và xây dựng bản đồ chất lượng môi trường đất, nước ở khu bảo tồn loài - sinh cảnh xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang :	Khả, Thị Kiều Tiên	Khả Thị Kiều Tiên ; Dương Văn Ni (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá chất lượng môi trường đất và nước tại khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ, xây dựng bản đồ và đề xuất giải pháp quản lý môi trường đất và nước tại khu bảo tồn.
7734	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Phan, Văn Tín	Phan Văn Tín ; Võ Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá đa dạng sinh kế nông hộ vùng sản xuất lúa thâm canh ở tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp phát triển và nâng cao sinh kế cải thiện thu nhập cho người dân vùng thâm canh lúa.
7735	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tự học của học sinh lớp 10 qua hoạt động xây dựng tư liệu văn học :	Nguyễn, Ngọc Thanh Vy	Nguyễn Ngọc Thanh Vy ; Nguyễn Kim Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế và hướng dẫn thực hiện tư liệu văn học theo định hướng phát triển năng lực tự học.
7736	Thạc sĩ	Đo lường mức độ thông tin bất cân xứng trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Phan, Ánh Tuyết	Phan Ánh Tuyết ; Trần Ái Kết (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khái quát về thị trường và việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7737	Thạc sĩ	Một số biện pháp giúp học sinh lớp 10 khắc phục sai lầm khi giải bất phương trình một ẩn :	Nguyễn, Văn Viếng	Nguyễn Văn Viếng ; Dương Hữu Tòng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận, thực trạng các sai lầm của học sinh khi giải bất phương trình một ẩn, một số biện pháp giúp học sinh khắc phục sai lầm khi giải bất phương trình một ẩn và thực nghiệm sư phạm.
7738	Thạc sĩ	Phân tích kênh phân phối sản phẩm vú sữa tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ :	Trần, Quốc Việt	Trần Quốc Việt ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vú sữa tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ, phân tích cấu trúc kênh phân phối, giá trị gia tăng và phân phối giá trị gia tăng giữa các tác nhân trong kênh phân phối sản phẩm vú sữa.
7739	Thạc sĩ	Đặc điểm tạp văn trên An Hà báo :	Võ, Thanh Dũ	Võ Thanh Dũ ; Lê Ngọc Thúy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu, tiếp cận và phân tích các phương diện nội dung, nghệ thuật của mảng tạp văn trên An Hà báo

7740	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi phản nản của khách hàng tại các cửa hàng bán lẻ điện thoại di động trên địa bàn tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thị Tiểu Loan	Nguyễn Thị Tiểu Loan ; Lê Tấn Nghiêm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các yếu tố tác động đến hành vi phản nản của khách hàng tại các cửa hàng bán lẻ điện thoại di động trên địa bàn tỉnh An Giang. Giải pháp và kiến nghị.
7741	Thạc sĩ	Thi pháp hồi ký Cát bụi chân ai và Chiều chiều của Tô Hoài :	Trần, Thị Cường	Trần Thị Cường ; Nguyễn Hoa Bằng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Hình tượng cái "Tôi" và quan niệm nghệ thuật về người nghệ sĩ trong hồi ký Cát bụi chân ai và Chiều chiều, thời gian và điểm nhìn, ngôn từ và giọng điệu nghệ thuật trong hồi ký Cát bụi chân ai và Chiều chiều.
7742	Thạc sĩ	Ảnh hưởng bổ sung bột tỏi đến năng suất và chất lượng thịt gà nòi lai :	Trần, Thị Anh Đào	Trần Thị Anh Đào ; Nguyễn Minh Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiệu quả của việc bổ sung bột tỏi trong khẩu phần thức ăn gà nòi trên năng suất sinh trưởng, tỷ lệ nuôi sống, mật số E. coli trong phân và chất lượng thịt của gà nòi lai.
7743	Thạc sĩ	Đặc điểm tiểu thuyết của Nguyễn Việt Hà :	Mai, Thị Minh	Mai Thị Minh ; Trần Thị Nâu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu những vấn đề chung về Nguyễn Việt Hà và tiểu thuyết Việt Nam đương đại, đặc điểm nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà
7744	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng môi trường sản xuất than củi trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang :	Lê, Thị Thùy Như	Lê Thị Thùy Như ; Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Mô tả thực trạng làng nghề hầm than, đánh giá sự tác động của việc sản xuất than củi đến môi trường, sức khỏe cộng đồng và sinh kế của người dân.
7745	Thạc sĩ	Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thơ trong tuyển tập Tiếng hát những người đi tới :	Lê, Thị Hồng Liên	Lê Thị Hồng Liên ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu khái quát về bối cảnh ra đời, sự hình thành và phát triển của thơ ca yêu nước đô thị miền Nam, khai thác và làm rõ đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thơ trong Tiếng hát những người đi tới.
7746	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình bệnh do vi khuẩn E. coli trên vịt và thử nghiệm quy trình phòng trị bệnh tại tỉnh Trà Vinh :	Nguyễn, Hà Vinh	Nguyễn Hà Vinh ; Hồ Thị Việt Thu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tình hình nhiễm của vi khuẩn E. coli trên vịt, sự hiện diện của một số nhóm huyết thanh E. coli gây bệnh và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn E. coli gây bệnh trên vịt tại tỉnh Trà Vinh
7747	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm của hộ gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Trịnh, Thị Ngọc Ngân	Trịnh Thị Ngọc Ngân ; Phạm Lê Thông (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm của các hộ gia đình khu vực ĐBSCL.
7748	Thạc sĩ	Hệ thống hỗ trợ chẩn công bằng nhận dạng khuôn mặt :	Phạm, Thanh Phong	Phạm Thanh Phong ; Nguyễn Thái Nghe (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục tiêu của đề tài là xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn công bằng nhận dạng khuôn mặt cụ thể như sau: Dùng mô hình Multi-task Cascaded Convolutional Networks (MTCNN) để phát hiện khuôn mặt và tiền xử lý khuôn mặt. Dùng Mô hình Facenet để trích đặc trưng khuôn mặt và tính các đặc trưng khuôn mặt. Dùng máy học Support vector machines (SVM) để phân loại khuôn mặt và nhãn để tạo tập dữ liệu huấn luyện khuôn mặt để nhận biết khuôn mặt. Kết hợp các mô hình MTCNN phát hiện, Mô hình Facenet trích đặc trưng và dùng SVM phân loại khuôn mặt để tạo ra hệ thống nhận dạng khuôn mặt. Kết quả cần đạt được cuối cùng của đề tài là xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn công bằng nhận dạng khuôn mặt để kiểm soát, thống kê việc vào, ra của nhân viên.

7749	Thạc sĩ	Dạy học chương "nguyên hàm, tích phân và ứng dụng" của nội dung chương trình giải tích 12 trung học phổ thông theo hướng :	Phan, Tuấn Khanh	Phan Tuấn Khanh ; Lê Hiền Dương (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung nghiên cứu cơ sở lý luận của thuyết kiến tạo. Đề xuất quy trình xây dựng giáo án dạy học chương "nguyên hàm, tích phân và ứng dụng" của nội dung chương trình giải tích 12 trung học phổ thông theo hướng
7750	Thạc sĩ	The influence of stocking density on water quality and growth of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>) in recirculating aquaculture system :	Luvanga, Siwema Amran	Siwema Amran Luvanga ; Pham Thanh Liem (supervisor)	2018	The aim of proposed study was to examine the influence of stocking density on (1) water quality parameters (2) fish production performance (3) Also the experiment will determine the amount of waste (sludge) produced and its dry matter. Results obtained will help to suggest the optimum carrying capacity to be applied on rearing bighead catfish in RAS and its challenges.
7751	Thạc sĩ	Xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực chương ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số lớp 12 :	Lương, Khánh Tường	Lương Khánh Tường ; Bùi Anh Kiệt (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu các cơ sở lý thuyết về việc xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, nội dung sách giáo khoa cơ bản lớp 12 trong chương ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số, xây dựng đề kiểm tra cho chương ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị hàm số theo định hướng năng lực.
7752	Thạc sĩ	Một số biện pháp giúp đỡ học sinh yếu toán thông qua dạy học Đại số 10 ở trường phổ thông dân tộc nội trú thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Ngọc Trân	Trần Thị Ngọc Trân ; Lê Xuân Trường (hướng dẫn khoa học)	2018	Đề xuất một số biện pháp nhằm giúp đỡ các học sinh yếu Toán ở trường Phổ thông Dân tộc nội trú thành phố Cần Thơ có thể thông hiểu và vận dụng các kiến thức ở phân môn Đại số lớp 10 để giải quyết các bài toán và đạt kết quả cao hơn trong học tập.
7753	Thạc sĩ	Chuẩn bị cho học sinh tri thức nhằm điều chỉnh, thúc đẩy các hoạt động phán đoán trong dạy học kiến tạo hình học không gian 11 :	Trần, Thị Thúy An	Trần Thị Thúy An ; Đào Tam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu làm sáng tỏ các dạng hoạt động phán đoán và đề xuất một số biện pháp nhằm điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động phán đoán. Rèn luyện tư duy phán đoán và phán đoán có căn cứ và lôgic.
7754	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Paclobutrazol, biện pháp khắc canh và phủ gốc lên sự ra hoa cam soàn (<i>Citrus sinensis</i> L.) tại xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Minh Thụ	Nguyễn Minh Thụ ; Trần Văn Hâu (cán bộ hướng dẫn)	2018	Ảnh hưởng của paclobutrazol, khắc canh và phủ gốc lên sự ra hoa cam Soàn (<i>Citrus sinensis</i> L.) tại xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm mục tiêu: xác định hiệu quả của biện pháp xử lý ra hoa bằng hóa chất paclobutrazol, khắc canh và phủ gốc lên sự ra hoa cam Soàn.
7755	Thạc sĩ	Phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm văn chương theo đặc trưng thi pháp thể loại bằng biện pháp câu hỏi trong dạy học Ngữ văn 10 (Ban cơ bản) :	Âu, Tú Nga	Âu Tú Nga ; Nguyễn Hoa Bằng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm văn chương theo đặc trưng thi pháp thể loại bằng biện pháp câu hỏi, từ đó rút ra bài học có tính chất phương pháp luận cho mình và đồng thời có phương pháp tiếp cận tác phẩm hiệu quả hơn phù hợp cuộc vận động đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường.
7756	Thạc sĩ	Xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực trong chương hàm số lũy thừa, hàm số mũ, hàm số lôgarit lớp 12 :	Bùi, Nguyễn Phương	Bùi Nguyễn Phương ; Bùi Anh Kiệt (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cách xây dựng, biên soạn, thẩm định một đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực và đưa ra 2 đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan đã qua thực nghiệm và thẩm định trong chương “Hàm số lũy thừa, hàm số mũ và hàm số lôgarit” lớp 12.
7757	Thạc sĩ	Ôn chương "Phương pháp tọa độ trong không gian"-Hình học 12 cơ bản với các câu hỏi trắc nghiệm: Một nghiên cứu với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Nguyễn, Chín Em	Nguyễn Chín Em ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, xây dựng bài tập trắc nghiệm với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra trong ôn chương "Phương pháp tọa độ trong không gian"-Hình học 12 cơ bản.

7758	Thạc sĩ	Rèn luyện lực đọc hiểu văn bản văn học Việt Nam cho học sinh THCS qua dạy học theo chủ đề tích hợp :	Nguyễn, Thanh Nhanh	Nguyễn Thanh Nhanh ; Nguyễn Kim Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu tác động của dạy học theo chủ đề tích hợp đối với việc rèn luyện năng lực đọc hiểu văn bản văn học Việt Nam cho học sinh Trung học Cơ sở.
7759	Thạc sĩ	Phát triển năng lực ứng dụng toán học vào thực tiễn cho học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học chủ đề tổ hợp – xác suất đại số và giải tích 11 :	Nguyễn, Thị Thanh Hà	Nguyễn Thị Thanh Hà ; Nguyễn Dương Hoàng (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục đích của Luận văn nhằm làm rõ năng lực ứng dụng toán học vào thực tiễn, từ đó nghiên cứu đề xuất các biện pháp góp phần phát triển năng lực ứng dụng toán học vào thực tiễn thông qua dạy học chủ đề TH–XS của Đại số và Giải tích 11 để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục Toán học cho HS THPT.
7760	Thạc sĩ	Xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng phát triển năng lực của học sinh chương giới hạn lớp 11 :	Nguyễn, Thị Thoa	Nguyễn Thị Thoa ; Bùi Anh Kiệt (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu xây dựng hai đề trắc nghiệm mẫu về chương "Giới hạn" theo hướng phát triển năng lực của học sinh có sự hỗ trợ của phần mềm đánh giá câu hỏi.
7761	Thạc sĩ	Một số biện pháp giúp học sinh vượt qua trở ngại trong giao tiếp toán học khi học tập nội dung giới hạn của hàm số lớp 11 :	Nguyễn, Trần Thúy An	Nguyễn Trần Thúy An ; Nguyễn Phương Thảo (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu tìm ra một số trở ngại của học sinh trong giao tiếp toán học khi học tập nội dung “Giới hạn của hàm số” lớp 11 và đề xuất một số biện pháp có thể áp dụng để giúp học sinh vượt qua các trở ngại đó, từ đó giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học – một trong những năng lực quan trọng để phát triển các phẩm chất cá nhân người học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.
7762	Thạc sĩ	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng - Hình học 10 trung học phổ thông :	Hồ, Thị Ngọc Hiến	Hồ Thị Ngọc Hiến ; Nguyễn Văn Hồng (hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng và sử dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán trung học phổ thông để góp phần cải thiện nội dung và công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chương “Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng” Hình học 10 của học sinh.
7763	Thạc sĩ	Xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực trong chương đạo hàm lớp 11 :	Phạm, Ngọc Như	Phạm Ngọc Như ; Bùi Anh Kiệt (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu chương trình sách giáo khoa Toán 11 về nội dung “Đạo hàm” và các tài liệu khác liên quan, quy trình ra đề trắc nghiệm và lý thuyết trắc nghiệm để biên soạn câu hỏi trắc nghiệm.
7764	Thạc sĩ	Hình thành và khắc sâu tri thức phương pháp trong dạy học chương "Phương pháp tọa độ trong không gian" :	Hoàng, Thị Ngọc Hà	Hoàng Thị Ngọc Hà ; Đào Tam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu việc hình thành và khắc sâu các tri thức phương pháp giúp định hướng, điều chỉnh các hoạt động phát hiện, chiếm lĩnh kiến thức trong dạy học phương pháp tọa độ trong không gian, góp phần nâng cao chất lượng dạy học hình học.
7765	Thạc sĩ	Dạy học "Phép dời hình và phép đồng dạng" với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Nguyễn, Thị Tính	Nguyễn Thị Tính ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, thiết kế một số giáo án dạy học về phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra.
7766	Thạc sĩ	Dạy học khối đa diện với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Phạm, Hồng Ngọc	Phạm Hồng Ngọc ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu các biện pháp sư phạm nhằm xây dựng các tình huống dạy học phát huy tính tích cực, chủ động trong tiếp thu các kiến thức của học sinh về khối đa diện với sự hỗ trợ chủ yếu của phần mềm Geogebra.

7767	Thạc sĩ	Học qua quan sát và việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên trong học phần tập giảng Ngữ văn :	Võ, Huy Bình	Võ Huy Bình ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Hệ thống hóa lại cơ sở lý thuyết để xây dựng và tổ chức lại mô hình tập giảng hướng đến việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm trong học phần Tập giảng Ngữ văn.
7768	Thạc sĩ	Dạy học giới hạn hàm số ở trường phổ thông với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Nguyễn, Thị Khánh Hồng	Nguyễn Thị Khánh Hồng ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu lý thuyết về giới hạn hàm số và việc vận dụng GeoGebra vào dạy học giới hạn hàm số (Định nghĩa, định lý, tính chất, bài tập) ở trường Trung học phổ thông, cụ thể là phần môn Đại số và Giải tích 11 nhằm tạo hứng thú học tập, nâng cao kỹ năng quan sát đồ thị dự đoán kết quả giới hạn của hàm số từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả trong học tập ở học sinh
7769	Thạc sĩ	Dạy học hàm số liên tục với sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra :	Huỳnh, Thị Diễm Kiều	Huỳnh Thị Diễm Kiều; Bùi Phương Uyên (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục đích của luận văn là nghiên cứu vận dụng phần mềm GeoGebra vào dạy học hàm số liên tục nhằm phát huy tính tích cực chủ động của học sinh (HS) trong học tập. Góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn toán THPT.
7770	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong các dự án đầu tư xây dựng trọng điểm huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Tấn Kiệt	Nguyễn Tấn Kiệt ; Võ Quang Minh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong các dự án đầu tư xây dựng trọng điểm huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Giải pháp và kiến nghị.
7771	Thạc sĩ	Đánh giá đa dạng sinh kế nông hộ vùng sản xuất lúa thâm canh ở tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ :	Thị, Kiều Na	Thị Kiều Na ; Võ Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá đa dạng sinh kế nông hộ vùng sản xuất lúa thâm canh ở tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp phát triển và nâng cao sinh kế cải thiện thu nhập cho người dân vùng thâm canh lúa.
7772	Thạc sĩ	Đánh giá nguồn lực và đa dạng sinh kế nông hộ ở hệ thống lúa - màu và màu chuyên vùng ĐBSCL :	Nguyễn, Thị Tuyết Lan	Nguyễn Thị Tuyết Lan ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá đa dạng sinh kế đến gia tăng thu nhập của nông hộ để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao sinh kế cho nông hộ trong các mô hình sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL.
7773	Thạc sĩ	Dạy học tích phân với sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra :	Võ, Huỳnh Hưng	Nguyễn Quốc Khánh ; Bùi Phương Uyên (hướng dẫn khoa học)	2018	Phân tích điều kiện thực hiện dạy học tích cực có sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra cũng như ưu và khuyết điểm của dạy học tích cực có sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra. Phân tích nội dung tích phân 12 trong sách giáo khoa Giải tích 12. Thiết kế giáo án minh họa và dạy thực nghiệm bài tích phân - Toán 12 theo hướng dạy học tích cực có sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra.
7774	Thạc sĩ	Tư tưởng Nho giáo trong văn học thời Lê Sơ :	Trịnh, Ngọc Linh	Trịnh Ngọc Linh ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát về Nho giáo ở Việt Nam và văn học thời Lê Sơ, tư tưởng chính trị nho giáo và tư tưởng giáo dục trong văn học thời Lê Sơ.
7775	Thạc sĩ	Ước lượng phù sa lơ lửng trên sông Hậu và sông Tiền đoạn Tân Châu - Cần Thơ bằng thiết bị ADCP (Acoustic Doppler Curent Profiler):	Phạm, Hữu Phát	Phạm Hữu Phát ; Văn Phạm Đăng Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu và đưa ra các ứng dụng của thiết bị đo dòng chảy bằng sông âm ADCP vào công tác quản lý hệ thống sông thông qua những thông số quan trọng của dòng chảy như hàm lượng phù sa lơ lửng và địa mạo sông.
7776	Thạc sĩ	Đánh giá sinh khối và khả năng sản xuất nấm rơm của lúa ma ở vườn quốc gia Tràm Chim :	Lê, Trọng Thắng	Lê Trọng Thắng ; Trương Hoàng Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát, xây dựng bản đồ hiện trạng sinh khối lúa ma tại vườn quốc gia Tràm Chim, từ đó nghiên cứu sử dụng nguồn thực bì này để sản xuất nấm rơm góp phần giảm áp lực cháy rừng cho vườn quốc gia cũng như tạo nguồn sinh kế mới, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư vùng đệm vườn quốc gia.

7777	Thạc sĩ	Sử dụng sơ đồ tư duy để phát triển kỹ năng lập dàn ý trong văn nghị luận cho học sinh lớp 11 :	Trà, Diệu Hào	Trà Diệu Hào ; Nguyễn Hoa Bằng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận, thiết kế các hoạt động hướng dẫn học sinh sử dụng sơ đồ tư duy để lập dàn ý bài văn nghị luận.
7778	Thạc sĩ	Ứng dụng viễn thám để quan sát biến động ngập giai đoạn 2000 - 2017 và phân tích hiện trạng quản lý thủy nông trong vùng đê bao tỉnh An Giang :	Trương, Thanh Tân	Trương Thanh Tân ; Vân Phạm Đăng Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá ảnh hưởng đê bao khép kín đến ngập vùng thượng nguồn Đồng bằng sông Cửu Long nhằm phục vụ cho việc đưa ra quyết định quan trọng trong quản lý tài nguyên nước và quản lý rủi ro do lũ ở địa phương.
7779	Thạc sĩ	Ngôn từ nghệ thuật trong tác phẩm Phan Trần :	Hồ, Ngọc Thử Uyên	Hồ Ngọc Thử Uyên ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu truyện Phan Trần trong tiến trình truyện thơ Nôm Việt Nam, ngôn từ nghệ thuật trong truyện Phan Trần xét ở cấp độ từ ngữ và cú pháp.
7780	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang :	Nguyễn, Ngọc Tiến	Nguyễn Ngọc Tiến ; Dương Văn Ni (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tổng quan khu bảo tồn loài - sinh cảnh Phú Mỹ, xác định loài thực vật bậc cao, chim, cá và các loài ngoại lai và lập bản đồ đa dạng sinh học của các loài được khảo sát.
7781	Thạc sĩ	Phong cách nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp :	Phan, Thị Thùy Dương	Phan Thị Thùy Dương ; Nguyễn Hoa Bằng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu về phong cách nghệ thuật và vài nét về truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, phong cách nghệ thuật truyện ngắn xét từ phương diện nhân vật, chi tiết, kết cấu,...
7782	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng đặc điểm của người quản lý đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách sạn tại Đồng Bằng Sông Cửu Long :	Đoàn, Thanh Ngọc	Đoàn Thanh Ngọc ; Ngô Mỹ Trân (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu ảnh hưởng đặc điểm của người quản lý đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của khách sạn tại Đồng Bằng Sông Cửu Long. Giải pháp và kiến nghị.
7783	Thạc sĩ	Hình thành và khắc sâu tri thức phương pháp cho học sinh trong dạy học chủ đề "Vector và hệ thức lượng" ở lớp 10 THPT :	Hồ, Thị Ánh Như	Hồ Thị Ánh Như ; Đào Tam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, khảo sát thực trạng, một số biện pháp hình thành và khắc sâu tri thức phương pháp cho học sinh trong dạy học chủ đề vector và hệ thức lượng.
7784	Thạc sĩ	Vận dụng dạy học tích hợp trong dạy học chương thống kê – Toán lớp 10 trung học phổ thông :	Nguyễn, Quốc Khánh	Nguyễn Quốc Khánh ; Nguyễn Dương Hoàng (hướng dẫn khoa học)	2018	Làm rõ nội dung dạy học theo hướng tích hợp môn Toán nói chung và chủ đề Thống kê nói riêng, từ đó đề xuất một số cách thức tổ chức thực hiện dạy học tích hợp chủ đề Thống kê – Toán 10 nhằm giúp học sinh nắm được nội dung, hiểu được ý nghĩa của kiến thức về Thống kê và biết cách sử dụng chúng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.
7785	Thạc sĩ	"Bắc hành tạp lục" của Nguyễn Du nhìn từ thi luận của Viên Mai :	Đổng, Tuyết Nhi	Đổng Tuyết Nhi ; Đoàn Lê Giang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Những vấn đề chung về Bắc hành tạp lục của Nguyễn Du và thi luận của Viên Mai, Bắc hành tạp lục nhìn từ phạm trù "Chân", "Tinh", "Tự ngã", "Phong phú", "Bình đạm", "Thi tài" trong thi luận của Viên Mai.
7786	Thạc sĩ	Thiên nhiên Huế trong thơ chữ Hán Việt Nam thế kỷ XIX :	Nguyễn, Anh Thư	Nguyễn Anh Thư ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát về Huế và thiên nhiên Huế trong thơ chữ Hán Việt Nam thế kỷ XIX nhìn từ phương diện nội dung và hình thức.

7787	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của nhân viên lễ tân khách sạn tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Mai Uyên	Nguyễn Mai Uyên ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích thực trạng hoạt động lĩnh vực khách sạn tại thành phố Cần Thơ. Phân tích sự gắn bó công việc và các nhân tố ảnh hưởng trong lĩnh vực khách sạn. Giải pháp và kiến nghị.
7788	Thạc sĩ	Đặc điểm thơ Giang Nam :	Nguyễn, Thị Cúc	Nguyễn Thị Cúc ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Những nét chính về nhà thơ Giang Nam, những cảm hứng nổi bật và đặc điểm nghệ thuật trong thơ Giang Nam.
7789	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng trò chơi để dạy học chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng hình học 10 :	Lê, Thanh Điền	Lê Thanh Điền ; Dương Hữu Tòng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn của việc sử dụng trò chơi dạy học và dạy học chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng, thiết kế và sử dụng trò chơi dạy học chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.
7790	Thạc sĩ	Vận dụng quan điểm hoạt động vào dạy học chủ đề Lượng giác lớp 10 cơ bản :	Phan, Trường Giang	Nguyễn Quốc Khánh ; Lê Xuân Trường (hướng dẫn khoa học)	2018	Đề xuất các cách thức vận dụng quan điểm hoạt động vào dạy học một số tình huống điển hình trong toán học như: Dạy học khái niệm, dạy học các định lý và quy tắc, dạy học giải bài tập. Nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường THPT.
7791	Thạc sĩ	Dạy học nhị thức Niu-Ton theo hướng tiếp cận phát triển một số năng lực tư duy toán học cho học sinh lớp 11 :	Lê, Mộng Tuyền	Lê Mộng Tuyền ; Dương Hữu Tòng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu làm rõ các vấn đề liên quan đến một số năng lực tư duy toán học của học sinh, từ đó đề xuất những biện pháp nhằm phát triển một số năng lực tư duy toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề “Nhị Thức Niu-ton”.
7792	Thạc sĩ	Ứng dụng E-learning hỗ trợ học sinh lớp 11 tự học Toán - chương dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân tại một số trường THPT tỉnh Hậu Giang :	Lê, Thị Hiếu	Lê Thị Hiếu ; Nguyễn Văn Hồng (hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận về học, tự học, DH, nghiên cứu về đổi mới PPDH ở trường phổ thông với sự hỗ trợ của CNTT&TT. Nghiên cứu cơ sở lý luận về e-learning, DH trực tuyến, hệ thống e-learning, các yếu tố e-learning. Tìm hiểu thực trạng ứng dụng e-learning trong DH ở một số trường THPT tỉnh Hậu Giang: nhận thức và thái độ của GV và HS đối với DH sử dụng e-learning.
7793	Thạc sĩ	Dạy học quan hệ song song trong không gian - hình học 11 với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Lương, Việt Hưng	Lương Việt Hưng ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu vận dụng phần mềm Geogebra vào dạy học toán nội dung trong chương "Quan hệ song song" thuộc chương trình hình học lớp 11 bậc Trung học phổ thông nhằm nâng cao năng lực khám phá, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.
7794	Thạc sĩ	Xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực chương hàm số lượng giác và phương trình lượng giác lớp 11 :	Vương, Thị Xuân Mai	Vương Thị Xuân Mai ; Bùi Anh Kiệt (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận về xây dựng đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực học sinh, biên soạn đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan theo định hướng năng lực chương hàm số lượng giác và phương trình lượng giác, phân tích và đánh giá kết quả thu được từ thực nghiệm.
7795	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học của học sinh trong dạy học khái niệm hàm số :	Phạm, Hồng Nguyên Thảo	Phạm Hồng Nguyên Thảo ; Lê Thái Bảo Thiên Trung (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, yếu tố thuật ngữ và cách biểu diễn hàm số cần thiết để giao tiếp toán học và đề xuất một số tình huống dạy học chủ đề “khái niệm hàm số” nhằm phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh.
7796	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch kết hợp vườn cây ăn trái tỉnh An Giang :	Lê, Minh Thông	Lê Minh Thông ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ cây ăn trái, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch kết hợp vườn cây ăn trái.

7797	Thạc sĩ	Truyện địa danh Đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa người Việt :	Huỳnh, Thị Mỹ Thơm	Huỳnh Thị Mỹ Thơm ; Trần Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Những vấn đề chung về văn hóa, khái niệm truyện địa danh người Việt, mối quan hệ giữa văn hóa và văn học dân gian, hệ thống motif và nguồn gốc văn hóa của các motif tiêu biểu.
7798	Thạc sĩ	Xây dựng và sử dụng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học chương tổ hợp và xác suất lớp 11 :	Nguyễn, Thị Nguyên	Nguyễn Thị Nguyên ; Nguyễn Văn Hồng (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu cách xây dựng và sử dụng hệ thống câu hỏi TNKQ trong dạy học nói chung và đối với chương Tổ hợp và Xác suất theo chương trình ĐSGT 11 nói riêng, nhằm NC KQHT của HS.
7799	Thạc sĩ	Một số biện pháp khắc phục những sai lầm của học sinh khi học hàm số liên tục :	Trần, Thanh Tú	Trần Thanh Tú ; Lê Phương Thảo (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, thực trạng những sai lầm của học sinh khi học hàm số liên tục và đề xuất một số biện pháp khắc phục.
7800	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng các tình huống dạy học bài phương trình đường thẳng trong chương trình hình học lớp 10 nhằm bồi dưỡng năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề cho học sinh :	Trần, Thi Hoa	Trần Thi Hoa ; Lê Hiền Dương (hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu một số vấn đề lí luận về năng lực PH và GQVĐ trong dạy học Hình học ở trung học phổ thông; từ đó thiết kế và sử dụng tình huống dạy học bài phương trình đường thẳng trong chương trình Hình học 10, đồng thời tổng hợp đưa ra biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng năng lực PH và cho HS THPT nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Hình học.
7801	Thạc sĩ	Dạy học dạng toán "Tìm tập hợp điểm" chương trình hình học lớp 11 với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra :	Nguyễn, Thành Thật	Nguyễn Thành Thật ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu phần mềm GeoGebra để vận dụng vào dạy học dạng toán “tìm tập hợp điểm” thuộc chương trình hình học lớp 11 bậc trung học phổ thông nhằm giúp cho học sinh dự đoán được tập hợp điểm và định hướng tìm ra lời giải bài toán.
7802	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của mô hình cánh đồng lớn tại huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ :	Lâm, Minh Trí	Lâm, Minh Trí ; Phạm Lê Thông (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng sản xuất lúa tại huyện Cờ Đỏ. Hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ. Những giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật trong cánh đồng lớn. Kết luận và kiến nghị.
7803	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách tại các điểm du lịch làng nghề truyền thống ở Bảy Núi, tỉnh An Giang :	Hứa, Ngọc Thùy Trang	Hứa Ngọc Thùy Trang ; Nguyễn Hữu Đăng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách tại các điểm du lịch làng nghề truyền thống ở Bảy Núi, tỉnh An Giang. Giải pháp và kiến nghị.
7804	Thạc sĩ	Hệ thống gợi ý dựa trên nội dung sử dụng Apache Spark :	Võ, Văn Liệt	Võ Văn Liệt ; Nguyễn Thái Nghe, Nguyễn Hữu Hòa (hướng dẫn khoa học)	2018	Đề tài tập trung nghiên cứu xây dựng hệ thống gợi ý dựa trên nội dung sử dụng công nghệ Apache Spark trong quá trình xử lý dữ liệu nhằm tăng tốc độ xử lý của hệ thống. Hệ thống hỗ trợ người dùng tìm nhanh tài liệu theo nội dung tương đồng với nội dung tệp đang xem trong tập tài liệu nguồn, từ đó người dùng sẽ chọn tài liệu phù hợp.
7805	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) của bèo bồng (<i>Typha orientalis</i> C. Presl) và năn tượng (<i>Scirpus</i> sp.) ở các mức nước khác nhau :	Lâm, Thị Như Mơ	Lâm Thị Như Mơ ; Ngô Thụy Diễm Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng thích nghi và khả năng xử lý nước thải ao nuôi tôm thẻ chân trắng của bèo bồng và năn tượng ở các mức nước khác nhau.

7806	Thạc sĩ	Giọng điệu trần thuật trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh :	Nguyễn, Hoài Thanh	Nguyễn Hoài Thanh ; Nguyễn Hoa Bằng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu về những giọng điệu trần thuật và vài nét về tác giả Nguyễn Xuân Khánh, sự luân phiên điểm nhìn và sự kết hợp của nhiều sắc thái trong giọng điệu trần thuật của tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh
7807	Thạc sĩ	Đặc điểm nhà lãnh đạo và mức độ quốc tế hóa các doanh nghiệp lĩnh vực chế biến chế tạo tại Việt Nam :	Võ, Thị Diễm Thu	Võ Thị Diễm Thu ; Phan Anh Tú (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đặc điểm nhà lãnh đạo và mức độ quốc tế hóa các doanh nghiệp lĩnh vực chế biến chế tạo tại Việt Nam. Giải pháp và kiến nghị.
7808	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả đầu tư của mô hình trồng Tràm - Keo lai tại khu vực rừng sản xuất huyện U Minh, tỉnh Cà Mau :	Trịnh, Nhựt Nam	Trịnh Nhựt Nam ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các khoản mục doanh thu, chi phí trong sản xuất tràm - keo lai. Phân tích hiệu quả đầu tư của mô hình trồng tràm - keo lai tại vùng nghiên cứu. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của hộ trồng rừng sản xuất tràm - keo lai.
7809	Thạc sĩ	Khảo sát năng lực đọc hiểu văn bản văn chương của học sinh ở hai trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ: THPT Thực hành Sư phạm và THPT An Khánh :	Nguyễn, Ngọc Hiền	Nguyễn Ngọc Hiền ; Trần Văn Minh (Hướng dẫn khoa học)	2018	So sánh, đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản văn chương của học sinh hai trường, từ đó tìm ra nguyên nhân của thực trạng và đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản văn chương cho học sinh.
7810	Thạc sĩ	Nghiên cứu biện pháp phòng bệnh thối trái thanh long do nấm Bipolaris sp. gây ra bằng dịch trích thực vật :	Nguyễn, Trịnh Sỹ	Nguyễn Trịnh Sỹ ; Trần Thị Thu Thủy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu đặc điểm hình thái của các chủng nấm Bipolaris sp. gây bệnh thối trái thanh long. Xác định được chủng nấm Bipolaris sp. Gây hại nặng trên trái thanh long. Xác định một số nồng độ của dịch trích thực vật có khả năng ức chế sự phát triển khuẩn ty và mọc mầm của bào tử nấm Bipolaris sp. Xác định thời gian xử lý của dịch trích lá bạch đàn trắng 30% đối với bệnh thối trái thanh long do nấm Bipolaris sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm.
7811	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Thị Hồng Phát	Nguyễn Thị Hồng Phát ; Võ Thành Danh (cán bộ hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Giải pháp và kiến nghị.
7812	Thạc sĩ	Dạy và học hàm số bậc hai ở trường phổ thông :	Huỳnh, Ngọc Huy Tùng	Huỳnh Ngọc Huy Tùng ; Nguyễn Phú Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu dạy học hàm số bậc hai ở trường phổ thông để vận dụng vào dạy học Toán 9 và Đại số 10, nhằm giúp họ tự phát hiện ra kiến thức.
7813	Thạc sĩ	Tích hợp lịch sử toán vào dạy học một số chủ đề toán học Trung học phổ thông :	Trần, Thị Ý	Trần Thị Ý ; Dương Hữu Tông (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu và lựa chọn một số yếu tố lịch sử toán phù hợp với chương trình môn toán Trung học phổ thông, thiết kế tình huống dạy học cho phép học sinh tiếp cận lịch sử toán theo quan điểm dạy học tích hợp tạo sự hứng thú học tập cho học sinh.
7814	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Vĩnh Long :	Lê, Thị Ngọc Hân	Lê Thị Ngọc Hân ; Đặng Thanh Sơn (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Vĩnh Long. Giải pháp và kiến nghị.

7815	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua sắm trực tuyến mặt hàng gia dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Phạm, Trung Anh	Phạm Trung Anh ; Lê Nguyễn Đoàn Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua sắm trực tuyến mặt hàng gia dụng tại Cần Thơ. Giải pháp và kiến nghị.
7816	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của thu nhập ngoài lãi đến thu nhập lãi cận biên tại các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Trịnh, Ngọc Duy	Trịnh Ngọc Duy ; Trần Ái Kết (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng thu nhập của các ngân hàng thương mại giai đoạn 2010 - 2016. Ảnh hưởng của thu nhập ngoài lãi cận biên tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2016.
7817	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng cam mật tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ :	Lưu, Giang Đông	Lưu Giang Đông ; Lê Nguyễn Đoàn Khôi (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng cam mật tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7818	Thạc sĩ	Mối liên hệ phi tuyến tính giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế: bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam :	Hồ, Hữu Phương Chi	Hồ Hữu Phương Chi ; Vũ Thị Hồng Nhung (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Mối liên hệ phi tuyến giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Giải pháp kiểm soát lạm phát trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay và theo mục tiêu nhà nước đề ra.
7819	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của ánh sáng đèn LED (Light - Emiting Diodes) đến sự sinh trưởng và năng suất xà lách (Lactuca sativa L) :	Nguyễn, Thị Kiều Khuyên	Nguyễn Thị Kiều Khuyên ; Trần Thị Ba (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn tìm ra nguồn sáng nhân tạo (đèn LED) có thể thay thế ánh sáng trời phục vụ trồng rau ăn lá trong nhà. Xác định quang phổ của đèn LED phù hợp cho sự sinh trưởng và năng suất xà lách. Xác định cường độ ánh sáng và thời gian chiếu sáng của đèn LED phù hợp cho sự sinh trưởng và năng suất xà lách.
7820	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia việc làm phi chính thức của người lao động tại thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Bảo Trân	Trần Thị Bảo Trân ; Huỳnh Trường Huy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan địa bàn nghiên cứu và thực trạng việc làm phi chính thức của người lao động tại thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7821	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của gốc ghép và biện pháp phủ liếp đến bệnh héo xanh vi khuẩn (Ralstonia solanacearum), năng suất và chất lượng ớt hiểm lai, tại củ lao huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp :	Huỳnh, Thị Tố Chi	Huỳnh Thị Tố Chi ; Trần Thị Ba (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn xác định hiệu quả của gốc ghép và biện pháp phủ liếp đến bệnh héo xanh vi khuẩn, năng suất và chất lượng của ớt hiểm lai tại Củ Lao huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
7822	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thổ cư tại tỉnh Hậu Giang :	Đoàn, Như Ngọc	Đoàn Như Ngọc ; Vương Quốc Duy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng đất thổ cư tại tỉnh Hậu Giang. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thổ cư tại tỉnh Hậu Giang. Kết luận và kiến nghị.
7823	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của hộ nghèo vay tại ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sóc Trăng :	Trương, Công Trứ	Trương Công Trứ ; Bùi Văn Trịnh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng cho vay và trả nợ vay của hộ nghèo tại ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Kết quả nghiên cứu và thảo luận.
7824	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long :	Phan, Việt Thúy	Phan Việt Thúy ; Quan Minh Nhựt (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá tình hình phát triển và thực trạng tuân thủ thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Kết luận và kiến nghị.

7825	Thạc sĩ	Hiệu quả xử lý ô nhiễm nước thải pha chế từ hệ thống nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) của bồn bồn (<i>Typha orientalis</i> C. Presl) và nân tượng (<i>Scirpus</i> sp.) :	Nguyễn, Hoàng Minh Hữu	Nguyễn Hoàng Minh Hữu ; Ngô Thụy Diễm Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định diễn biến nồng độ đạm, lân trong nước thải bể nuôi tôm thẻ chân trắng có bổ sung lượng N để đạt các tỷ lệ N:P và hiệu suất xử lý của hệ thống đất ngập nước, đánh giá hàm lượng đạm, lân trong bùn đáy ao nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng trước và sau khi trồng cây.
7826	Thạc sĩ	Phân tích năng lực cạnh tranh của Sacombank :	Lê, Văn Mến	Lê Văn Mến ; Trần Ái Kết (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh tại Sacombank. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh tại Sacombank. Kết luận và kiến nghị.
7827	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng mức độ không tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang :	Mai, Thị Thanh Thuần	Mai Thị Thanh Thuần ; Bùi Văn Trịnh (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng về việc tuân thủ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ không tuân thủ thuế của các doanh nghiệp. Giải pháp nâng cao mức độ tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
7828	Thạc sĩ	So sánh hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú (<i>Penaeus monodon</i>) và tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) thâm canh ở tỉnh Trà Vinh :	Lâm, Thị Quang Tạo	Lâm Thị Quang Tạo ; Trương Hoàng Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất của mô hình nuôi tôm sú và nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, so sánh hiệu quả kỹ thuật và tài chính của hai mô hình.
7829	Thạc sĩ	Nghiên cứu phòng trị bệnh thán thư trên trái thanh long do nấm <i>Colletotrichum</i> sp. gây ra bằng dịch trích thực vật :	Nguyễn, Minh Tuấn	Nguyễn Minh Tuấn ; Trần Thị Thu Thủy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát đặc điểm hình thái của nấm <i>Colletotrichum</i> spp. gây bệnh trên trái thanh long tại 2 tỉnh Tiền Giang và Long An. Xác định được chủng nấm <i>Colletotrichum</i> sp. gây hại nặng trên trái thanh long. Xác định được loại dịch trích thực vật cho hiệu quả ức chế sự phát triển của nấm gây bệnh thán thư trên trái thanh long trong điều kiện phòng thí nghiệm. Xác định được loại dịch trích thực vật có khả năng phòng ngừa bệnh trên trái thanh long do nấm <i>Colletotrichum</i> sp. gây ra.
7830	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính đến hoạt động đầu tư của các công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Trần, Thị Tâm Nguyên	Trần Thị Tâm Nguyên ; Trương Đông Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan về các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính đến hoạt động đầu tư của các công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
7831	Thạc sĩ	Nghiên cứu phòng trị bệnh lem lép hạt lúa do nấm <i>Fusarium</i> spp. bằng dịch trích thực vật :	Ngô, Lê Yến Nhi	Ngô Lê Yến Nhi ; Trần Thị Thu Thủy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Biết được đặc điểm hình thái và nuôi cấy của các chủng nấm <i>Fusarium</i> spp. gây bệnh trên hạt của một số giống lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Fusarium</i> spp. gây triệu chứng lem lép hạt trên giống lúa Jasmine 85. Đánh giá khả năng ức chế nấm <i>Fusarium</i> sp. của các loại dịch trích thực vật trong điều kiện phòng thí nghiệm. Đánh giá khả năng phòng trị bệnh lem lép hạt do nấm <i>Fusarium</i> sp. bằng dịch trích thực vật trong điều kiện nhà lưới.
7832	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của mật độ bồn bồn (<i>Typha orientalis</i> C. Presl) và nân tượng (<i>Scirpus</i> sp.) đến khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải ao nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) :	Võ, Chí Linh	Võ Chí Linh ; Ngô Thụy Diễm Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng chịu mặn của hai loài cây bồn bồn và nân tượng, phân tích và đánh giá nồng độ đạm, lân trong các nghiệm thức theo thời gian.

7833	Thạc sĩ	Phân vùng khả năng thích nghi theo độ phì nhiêu đất cho các mô hình canh tác có triển vọng tại tỉnh Hậu Giang :	Phạm, Đức Lợi	Phạm Đức Lợi ; Trần Văn Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân vùng khả năng thích nghi theo độ phì nhiêu đất cho các mô hình canh tác có triển vọng tại tỉnh Hậu Giang. Giải pháp và kiến nghị.
7834	Thạc sĩ	Đánh giá độ phì thực tế và định hướng cải thiện độ phì nhiêu đất thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn vùng Bảy Núi - tỉnh An Giang :	Nguyễn, Tuấn Anh	Nguyễn Tuấn Anh ; Võ Quang Minh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá độ phì thực tế và định hướng cải thiện độ phì nhiêu đất thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn vùng Bảy Núi - tỉnh An Giang. Kết luận và kiến nghị
7835	Thạc sĩ	Xây dựng công cụ tự động nhận dạng cảm xúc dựa trên mặt người :	Trầm, Vũ Kiệt	Trầm Vũ Kiệt ; Trương Quốc Định (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu về các loại cảm xúc của con người, các đặc trưng của gương mặt người và sự tương quan giữa cảm xúc và các đặc trưng đó. Nghiên cứu các kỹ thuật, phương pháp, thuật toán để thực hiện các công việc cụ thể trong toàn bộ quá trình hoạt động của hệ thống, như đặc trưng HOG, Haar-like, các đơn vị vận động trên gương mặt AUs. Thông qua đó, thực hiện huấn luyện được một mô hình với SVM hay ANN, có khả năng nhận dạng được cảm xúc của con người thông qua gương mặt. Cuối cùng, xây dựng được một hệ thống nhận dạng cảm xúc con người dựa trên các hình ảnh hay video đầu vào.
7836	Thạc sĩ	Tìm kiếm ảnh theo nội dung sử dụng kỹ thuật học sâu với mạng nơ-ron tích chập :	Lê, Hoàng Nhí	Lê Hoàng Nhí ; Trương Quốc Định (hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày về mạng nơ-ron nhân tạo và mạng nơ-ron tích chập. Trình bày mô hình mạng nơ-ron tích chập cho hệ thống kiểm ảnh theo nội dung. Trình bày chuẩn hoá ảnh, làm giàu dữ liệu thực nghiệm. Trình bày kết quả thực nghiệm và so sánh, đánh giá kết quả của mô hình với các phương pháp khác.
7837	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên được đào tạo ở nước ngoài làm việc tại thành phố Cần Thơ :	Hà, Thị Hồng Thủy	Hà Thị Hồng Thủy ; Ngô Mỹ Trân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng công tác đào tạo bồi dưỡng của thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7838	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó với tổ chức của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang :	Bùi, Quang Vinh	Bùi Quang Vinh ; Bùi Văn Trịnh (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó với tổ chức của người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Phân tích sự gắn bó của người lao động. Kết luận và kiến nghị
7839	Thạc sĩ	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) bằng công nghệ biofloc :	Phạm, Văn Đầy	Phạm Văn Đầy ; Trần Ngọc Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm càng xanh bằng công nghệ biofloc với các nguồn cacbon, mật độ và ánh sáng khác nhau.
7840	Thạc sĩ	Thành phần loài và mật độ tảo trong Búng Bình Thiên :	Diệp, Thành Toàn	Diệp Thành Toàn ; Vũ Ngọc Út (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định thành phần loài và sự biến động của tảo, đánh giá mức độ đa dạng sinh học của tảo trong Búng Bình Thiên.
7841	Thạc sĩ	So sánh hiệu quả của mô hình nuôi tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii De Man, 1879) trên ruộng lúa có mức nước khác nhau :	Nguyễn, Nhật Minh	Nguyễn Nhật Minh ; Dương Nhựt Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát thực trạng kỹ thuật và hiệu quả mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa ở các mức nước khác nhau.

7842	Thạc sĩ	Nghiên cứu nuôi lươn (Monopterus albus, Zuiew 1793) kết hợp rau xà lách xoong (Nasturtium officinale) trong hệ thống AQUAPONIC :	Phan, Quỳnh Như	Phan Quỳnh Như ; Hứa Thái Nhân, Phạm Minh Đức (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá ảnh hưởng của các mật độ nuôi lươn khác nhau kết hợp với rau xà lách xoong trong mô hình aquaponic.
7843	Thạc sĩ	Nghiên cứu ương nuôi tôm sú (Penaeus monodon) kết hợp với rong câu (Gracilaria sp.) :	Trình, Tái Luyện	Trình Tái Luyện ; Nguyễn Thị Ngọc Anh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu ương nuôi các mật độ tôm sú kết hợp với mật độ rong câu và đánh giá hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm sú có kích cỡ khác nhau trong nuôi kết hợp với rong câu ở điều kiện thí nghiệm.
7844	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của độ mặn kết hợp nhiệt độ lên tiêu hóa và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá rô phi đỏ (Oreochromis sp.) :	Trần, Tín Nhiệm	Trần Tín Nhiệm ; Trần Thị Thanh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá mức độ ảnh hưởng của độ mặn kết hợp nhiệt độ lên sự tiêu hóa và hiệu quả sử dụng thức ăn của cá rô phi đỏ làm cơ sở đề xuất giải pháp kỹ thuật nuôi cá rô phi đỏ dưới tác động của biến đổi khí hậu.
7845	Thạc sĩ	Một nghiên cứu so sánh các giải pháp xử lý dữ liệu nghiêng cho các hoạt động Join trong MapReduce với Apache Spark :	Phan, Thúy Quỳnh	Phan Thúy Quỳnh ; Phan Thương Càng (hướng dẫn khoa học)	2018	Tìm hiểu vấn đề nghiêng dữ liệu của xử lý Join trong môi trường MapReduce. Điều tra các giải pháp chính cho xử lý dữ liệu nghiêng hiện nay. Phân tích ưu nhược điểm của mỗi giải pháp và sự phù hợp của chúng khi thực thi trên nền tảng phân tích dữ liệu lớn thế hệ mới Spark Đánh giá tính hiệu quả của các giải pháp thông qua mô hình chi phí được đề xuất và các thực nghiệm.
7846	Thạc sĩ	The effect of combined salinities and elevated temperature on protein, energy requirements for maintenance and feed utilization of red tilapia (Oreochromis sp.) :	Tran, Thi Thap Hieu	Tran Thi Thap Hieu ; Tran Thi Thanh Hien, Tran Thi Nang Thu (supervisor)	2018	This book introduce about effect of salinity and elevated temperature on maintenance requirements and efficiency of feed utilization. The effect of salinity at elevated temperature on protein and lipid requirements in red tilapia.
7847	Thạc sĩ	Genetic parameters for reproductive traits in red tilapia (Oreochromis spp.) in the RIA2 of Vietnam :	Charles, Muhirwa Safari	Muhirwa Safari Charles ; Trình Quốc Trọng (supervisor)	2018	This book introduce about produce families of 5th generation of red tilapia. Estimate genetic parameters for reproductive traits in red tilapia. Determine survival, fertility and hatching rate of red tilapia.
7848	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nhiệt độ và CO2 lên sinh lý và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) giai đoạn giống đến tiền trưởng thành :	Nguyễn, Thị Thúy Nga	Nguyễn Thị Thúy Nga ; Đỗ Thị Thanh Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định mức độ ảnh hưởng của nhiệt độ và CO2 lên sinh lý và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng giai đoạn giống đến tiền trưởng thành, làm cơ sở góp phần vào việc cải tiến kỹ thuật nuôi và thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.
7849	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng khác nhau lên sự phát triển của tảo Spirulina platensis :	Kim, Lệ Chân	Kim Lệ Chân ; Trần Thương Ngọc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá sự phát triển và thành phần dinh dưỡng của tảo Spirulina platensis được nuôi cấy dưới các điều kiện chiếu sáng khác nhau để tìm ra màu sắc, cường độ và chu kỳ chiếu sáng thích hợp cho tảo.
7850	Thạc sĩ	Dạy học "Vector trong không gian, quan hệ vuông góc trong không gian" ở hình học lớp 11 Trung học phổ thông theo hướng vận dụng lý thuyết kiến tạo :	Lâm, Thị Kim Nhân	Lâm Thị Kim Nhân ; Lê Hiền Dương (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu cơ sở lý luận, hệ thống hóa các vấn đề lý luận dạy học có liên quan đến vận dụng lý thuyết kiến tạo, thiết kế và tổ chức quá trình dạy học môn toán nói chung, dạy học chủ đề "Vector trong không gian, quan hệ vuông góc trong không gian" nói riêng.

7851	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học chủ đề mặt nón, mặt trụ, mặt cầu :	Lê, Thanh Sử	Lê Thanh Sử ; Dương Hữu Tông (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu nhằm đưa ra một số biện pháp trong dạy học phần “Mặt nón, mặt trụ, mặt cầu” hình học 12 trong việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng dạy học môn Toán chủ đề mặt nón, mặt trụ, mặt cầu.
7852	Thạc sĩ	Chỉnh hóa một lớp bài toán Cauchy không chỉnh :	Trần, Thị Thùy Dương	Trần Thị Thùy Dương ; Trần Ngọc Liên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một phương pháp chỉnh hóa cho lớp bài toán Cauchy không chỉnh, chi tiết các chứng minh định lý chỉnh hóa và đánh giá sai số.
7853	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học của cây Hồng Ri (Cleome spinoa Jacq.), họ Mãn Mãn (Cleomaceae) :	Nguyễn, Hoàng Trung	Nguyễn Hoàng Trung ; Nguyễn Phúc Đảm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thí nghiệm bằng các phương pháp thử hoạt tính, tách chiết và phân lập hợp chất hữu cơ thông dụng, khảo sát với nguồn nguyên liệu mới ban đầu là cây Hồng Ri. Giải pháp và kiến nghị.
7854	Thạc sĩ	Phương ngữ Nam Bộ trong tiểu thuyết Hoàng Văn Bôn :	Quách, Việt Tú	Quách Việt Tú ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Giới thiệu những vấn đề chung về phương ngữ Nam Bộ và tác giả Hoàng Văn Bôn, cách sử dụng phương ngữ Nam Bộ trong tiểu thuyết Hoàng Văn Bôn xét trên bình diện ngữ âm và từ vựng, giá trị biểu đạt của phương ngữ Nam Bộ trong sáng tác của Hoàng Văn Bôn.
7855	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm cho lao động nông thôn tại thị xã Bình Minh, Vĩnh Long :	Phạm, Thùy Minh Trang	Phạm Thùy Minh Trang ; Quan Minh Nhựt (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giới thiệu tổng quan về tỉnh Vĩnh Long và thị xã Bình Minh. Thực trạng việc làm của lao động nhân rỗi ở nông thôn tại thị xã Bình Minh. Kết luận và kiến nghị.
7856	Thạc sĩ	EFL Learners’ Attitudes towards Teachers’ Use of ICT Tools in Teaching Listening :	Võ, Diễm Trinh	Võ Diễm Trinh ; Trịnh Quốc Lập (giảng viên hướng dẫn)	2018	The first aim of the study is to investigate ICT tools EFL teachers use in listening lessons. Secondly, the study aims to explore EFL learners’ attitudes towards the EFL teachers’ use of ICT tools in listening lessons.
7857	Thạc sĩ	Pháp luật về giải quyết vụ việc phá sản của doanh nghiệp tại Tòa án theo Luật phá sản năm 2014 :	Đặng, Thị Vàng	Đặng Thị Vàng ; Nguyễn Hạnh, Cao Nhất Linh (hướng dẫn khoa học)	2018	Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích hoàn thiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thủ tục giải quyết những vụ việc phá sản phát sinh tại Tòa án, làm tư liệu nghiên cứu đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật trong luật phá sản nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho hệ thống Tòa án, nhằm hoàn thiện hơn khi áp dụng Luật phá sản vào thực tiễn.
7858	Thạc sĩ	Khảo sát các quá trình chuyển pha của tetra-silicene bằng phương pháp động lực học phân tử :	Nguyễn, Trương Quốc Thái	Nguyễn Trương Quốc Thái ; Võ Văn Hoàng (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung trình bày tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố về quá trình chuyển pha topo giúp hình thành các dạng thù hình khác của các loại vật liệu hai chiều (2D) như graphene hay silicene, tiếp theo là tổng quan về tetra-silicene và một số loại vật liệu dạng 2D khác từ đó nêu lên tầm quan trọng của việc khảo sát quá trình chuyển pha của tetrasilicene. Giới thiệu về phương pháp mô phỏng Động lực học phân tử cổ điển - MD Simulation. Chương này nhằm trình bày thể tương tác và các kỹ thuật tính toán của mô hình. Trình bày các kết quả so sánh về cấu trúc, các kết quả về quá trình chuyển pha, các tính chất liên quan đến cấu trúc trong quá trình nung nóng hoặc làm lạnh và cơ chế nguyên tử trong hai quá trình trên.

7859	Thạc sĩ	Nghiên cứu tính chất quang của graphene hai lớp bằng phương pháp gần đúng liên kết mạnh :	Thái, Thành Lập	Thái Thành Lập ; Phan Thị Kim Loan (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung nghiên cứu tính chất quang của graphene hai lớp nanoribbon biên cắt dạng zigzag. Tập trung khảo sát phổ hấp thụ quang và sự ảnh hưởng của điện trường tĩnh vuông góc đến phổ hấp thụ quang của zigzag graphene hai lớp.
7860	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường đến các đặc tính sinh học của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Nguyễn, Thanh Diễm	Nguyễn Thanh Diễm ; Nguyễn Trọng Hồng Phúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường đến các đặc tính sinh học của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus). Kết luận và kiến nghị.
7861	Thạc sĩ	The Effect of Picture Description on EFL Students' Coherence in Speaking:	Bùi, Huệ Phương	Bùi Huệ Phương ; Trịnh Quốc Lập (giảng viên hướng dẫn)	2018	The current study was conducted, aiming to achieve two research aims. Firstly, the study investigated the extent to which the use of picture description affects students' coherence in speaking. Secondly, the study is also aimed at exploring students' attitudes towards the use of picture description in speaking sessions.
7862	Thạc sĩ	Nhận diện truyện cổ tích loài vật và truyện ngụ ngôn trong truyện cổ nước Nam của Nguyễn Văn Ngọc :	Lê, Hoàng Tho	Lê Hoàng Tho ; Lê Thị Diệu Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát chung về truyện cổ tích loài vật và truyện ngụ ngôn, nhận diện truyện cổ tích loài vật và truyện ngụ ngôn trong "Truyện cổ nước Nam" của Nguyễn Văn Ngọc phần chim muông qua các lớp truyện và đặc điểm nội dung.
7863	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp sản xuất giá đậu xanh (Vigna radiata (L.) R. Wilczek) :	Nguyễn, Thị Cẩm Hằng	Nguyễn Thị Cẩm Hằng ; Trần Thị Ba (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xác định thùng trồng giá đậu xanh, vật liệu làm giá thể, tầng gieo hạt trong thùng giá, xác định lỗ lưới phù hợp, khối lượng hạt giống, biện pháp tưới. Giải pháp và kiến nghị.
7864	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và các yếu tố tác động đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Minh Trung	Nguyễn Minh Trung ; Võ Quang Minh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá thực trạng và các yếu tố tác động đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị
7865	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp trồng rau non trong nhà màng :	Huỳnh, Bá Di	Huỳnh Bá Di ; Trần Thị Ba (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xác định giống rau non, lượng hạt giống gieo, giá thể kết hợp phương pháp tưới và loại dinh dưỡng bổ sung thích hợp để sản xuất rau non trong nhà màng. Giải pháp và kiến nghị.
7866	Thạc sĩ	Pháp luật về xử lý diện tích đất còn lại sau khi nhà nước thu hồi đất :	Nguyễn, Minh Phương	Nguyễn Minh Phương ; Phan Trung Hiền (hướng dẫn khoa học)	2018	Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của những vấn đề liên quan đến việc xử lý diện tích đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó luận văn chú trọng đến các quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất một số các giải pháp nhằm giải quyết triệt để phần diện tích đất còn lại thiếu chuẩn xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất, hạn chế sự xuất hiện của những căn nhà “siêu mỏng, siêu méo” và để đảm bảo về mỹ quan cho các đô thị.

7867	Thạc sĩ	Teachers' perceptions of portfolio implementation in EFL classes for young language learners :	Trần, Ngọc Bảo Trân	Trần Ngọc Bảo Trân ; Nguyễn Hồ Hoàng Thủy (giảng viên hướng dẫn)	2018	This study aimed to determine teachers' perceptions of portfolio implementation in young learners' classroom regarding their general understanding of portfolios and their perceived advantages as well as disadvantages arising during the process.
7868	Thạc sĩ	Khảo sát đa dạng thành phần loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở tỉnh Bình Phước :	Lương, Thị Huỳnh Tiên	Lương Thị Huỳnh Tiên ; Nguyễn Thanh Tùng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xác định được đa dạng thành phần loài, lập danh lục và xây dựng khóa định loại các loài giun đất ở tỉnh Bình Phước. Mô tả các loài giun đất và xây dựng bộ mẫu các loài đã gặp ở khu vực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Xác định đặc điểm phân bố của giun đất ở các dạng địa hình, sinh cảnh và loại đất trong khu vực nghiên cứu.
7869	Thạc sĩ	Chế biến sơ cấp và bảo quản rau Mồng Tơi (Basella alba) tươi	Phạm, Hồng Nhị	Phạm Hồng Nhị ; Tống Thị Ánh Ngọc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Chế biến sơ cấp và bảo quản rau Mồng Tơi (Basella alba) tươi. Kết luận và kiến nghị.
7870	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp Nano tấm Pd@Au và ứng dụng trong phát hiện phân tử màu bằng phương pháp Raman :	Đoàn, Thị Ngọc Châu	Đoàn Thị Ngọc Châu ; Trần Thị Bích Quyên (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu tổng hợp Nano tấm Pd@Au và ứng dụng trong phát hiện phân tử màu bằng phương pháp Raman. Giải pháp và kiến nghị.
7871	Thạc sĩ	Bài toán tối ưu ngược với chuẩn Chebyshev và khoảng cách Hamming :	Trình, Thị Cẩm Thúy	Trình Thị Cẩm Thúy ; Nguyễn Trung Kiên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các kiến thức cơ sở, bài toán tối ưu tổ hợp ngược với chuẩn Chebyshev và khoảng cách Hamming cổ chai và bài toán 1-Median ngược trên cây với chuẩn Chebyshev và khoảng cách Hamming cổ chai.
7872	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất 1,2,3-Oxadiazole :	Nguyễn, Phú Quý	Nguyễn Phú Quý ; Bùi Thị Bửu Huệ (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xây dựng quy trình tổng hợp dẫn xuất 1,2,3-Oxadiazole, tổng hợp dẫn xuất dẫn xuất 1,2,3-Oxadiazole . Giải pháp và kiến nghị.
7873	Thạc sĩ	Tác động của tỷ giá hối đoái đến tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam :	Lê, Công Nhã	Lê Công Nhã ; Bùi Văn Trinh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng tỷ giá hối đoái ở Việt Nam. Phân tích sự tác động của tỷ giá đến lạm phát ở Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7874	Thạc sĩ	Nghiên cứu thủy phân protein hòa tan từ thịt cá lóc nuôi có khả năng ức chế enzyme chuyển hóa angiotensin :	Nguyễn, Hoàng Sinh	Nguyễn Hoàng Sinh ; Nguyễn Văn Mười (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu thủy phân protein hòa tan từ thịt cá lóc nuôi có khả năng ức chế enzyme chuyển hóa angiotensin. Kết luận và kiến nghị.
7875	Thạc sĩ	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm chà bông gà (Gallus gallus) :	Lê, Ngọc Phúc	Lê Ngọc Phúc ; Phan Thị Thanh Quế (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm chà bông gà (Gallus gallus). Kết luận và kiến nghị.

7876	Thạc sĩ	Non – English majored students’ evaluation of the course book “LIFE” for the General English course at Bac Lieu University :	Dương, Thế Bảo	Dương Thế Bảo ; Thái Công Dân (giảng viên hướng dẫn)	2018	This aims of the study were to investigate how non- English majored students evaluate the course book LIFE for their General English Course. In addition, the result of the study proposes a deep insight from non – English majored students’ evaluation of the course book for teachers and administrators to enhance the teaching method and quality of General English Course at the university as well as propose solutions for adoption of the new course book in the future.
7877	Thạc sĩ	Tổng hợp nano paladium bằng phương pháp khử từ dịch chiết cây rau Diếp Cá :	Võ, Thị Thơ	Võ Thị Thơ ; Đoàn Văn Hồng Thiện (cán bộ hướng dẫn)	2018	Mục tiêu của đề tài là khảo sát ảnh hưởng tỉ lệ thể tích PdCl ₂ và dịch chiết rau Diếp Cá đến quá trình tổng hợp. Khảo sát ảnh hưởng thời gian phản ứng đến quá trình tổng hợp. Khảo sát ảnh hưởng nhiệt độ phản ứng đến quá trình tổng hợp. Khảo sát ảnh hưởng nồng độ PdCl ₂ ban đầu đến quá trình tổng hợp. Tổng hợp hạt nano paladium theo những điều kiện đã khảo sát. Đánh giá các tính chất đặc trưng của sản phẩm tạo thành bằng phép đo FT – IR, XRD, TEM.
7878	Thạc sĩ	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa của một số Flavonol và Flavone bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ :	Phan, Hữu Hạnh	Phan Hữu Hạnh ; Phạm Vũ Nhật (cán bộ hướng dẫn)	2018	Mục tiêu của đề tài là khảo sát khả năng thu giữ gốc tự do của một số phân tử flavonoid: 3-hydroxyflavone, kaempferol và apigenin bằng tính toán hóa học lượng tử (lý thuyết phiếm hàm mật độ). Trên cơ sở đó đánh giá tiềm năng kháng oxy hóa của chúng và tìm hiểu mối quan hệ định lượng giữa cấu trúc, tính chất điện tử và hoạt tính kháng oxy hóa của các hợp chất này.
7879	Thạc sĩ	Phân lập chất từ cao phân cực trung bình của cây Thủ Lù (Physalis angulata L.) :	Trần, Nhật Minh	Trần Nhật Minh ; Tôn Nữ Liên Hương (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu, phân lập, tinh chế các loại cao và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất phân lập được. Giải pháp và kiến nghị.
7880	Thạc sĩ	Sử dụng lá xuân hoa (Pseuderanthemum palatiferum) để phòng và trị bệnh do Escherichia coli gây ra trên gà thả vườn :	Ngô, Thành Tâm	Ngô Thành Tâm ; Huỳnh Kim Diệu (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá khả năng phòng bệnh và tác động trên tăng trọng gà của bột lá Xuân Hoa. Đánh giá khả năng trị bệnh do E. coli gây ra trên gà của cao chiết lá Xuân Hoa. Giải pháp và kiến nghị.
7881	Thạc sĩ	Nghiên cứu phát triển siêu vật liệu hấp thụ sóng điện từ với hiệu suất cao :	Nguyễn, Thanh Vân Khánh	Nguyễn Thanh Vân Khánh ; Trần Thanh Hải (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung phân tích mạch siêu cao tần thì lý thuyết đường truyền đóng vai trò quan trọng, ngoài ra còn làm cầu nối cho sự cách biệt giữa phép phân tích trường và lý thuyết mạch cơ sở. Từ việc mở rộng lý thuyết mạch hay từ sự biến đổi các phương trình Maxwell ta có thể tìm hiểu về hiện tượng lan truyền sóng trên các đường dây.
7882	Thạc sĩ	Mô phỏng chẩn đoán đặc tính plasma dựa trên đầu dò tần số cắt :	Phùng, Danh Sâm	Phùng Danh Sâm ; Trần Thanh Hải (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung Phân tích các tính chất của plasma, các tính chất lan truyền sóng điện từ trong các môi trường và tiến hành các khảo sát các tham số vật lý của plasma như mật độ electron, tần số, áp suất plasma, các ảnh hưởng của điều kiện khác lên tần số cắt của plasma bằng việc mô phỏng thông qua phần mềm COMSOL Multiphysics V5.3a.
7883	Thạc sĩ	Comparing students’ self- assessment and teacher’s assessment on students ‘writings :	Nguyễn, Huỳnh Huế Thu	Nguyễn Huỳnh Huế Thu ; Phạm Thị Hồng Nhung (giảng viên hướng dẫn)	2018	This study aims to examine the results of student’s self- assessment in comparison to the results of teacher’s assessment on student’s writing. The goals of the present study were to explore whether there are differences between them in the assessment results.

7884	Thạc sĩ	Pháp luật về hóa đơn giá trị gia tăng – thực trạng và giải pháp :	Nguyễn, Thị Như Ngọc	Nguyễn Thị Như Ngọc ; Lê Thị Nguyệt Châu (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục đích nghiên cứu đề tài là tìm ra các luận cứ khoa học; phân tích, đánh giá về hóa đơn GTGT trong giai đoạn hiện nay ở nước ta và đi sâu vào nghiên cứu, đánh giá các quy định hiện hành, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật và quy định pháp luật về hóa đơn GTGT. Qua đó, chỉ rõ những hạn chế, vướng mắc, bất cập trong các quy định hiện hành, đặc biệt là về quản lý, sử dụng, xử lý vi phạm về hóa đơn GTGT; tìm ra nguyên nhân và kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định và trong quá trình áp dụng pháp luật trên phạm vi cả nước.
7885	Thạc sĩ	Pháp luật về thẩm định giá - thực trạng và kiến nghị áp dụng đối với tài sản bảo đảm tiền vay tại ngân các hàng thương mại :	Nguyễn, Thị Mỹ Hằng	Nguyễn Thị Mỹ Hằng ; Cao Nhất Linh (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục đích của luận văn là nghiên cứu toàn diện và có hệ thống cơ sở lý luận nhằm góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận cơ bản về thẩm định giá đối với TSBD, nhằm giúp người đọc có cái nhìn tổng quát đến chi tiết về hoạt động thẩm định giá đối với TSBD tại NHTM. Bên cạnh đó, tác giả phân tích, đối chiếu nội dung của quy định pháp luật với thực tiễn áp dụng pháp luật tại các NHTM trong vấn đề thẩm định giá đối với TSBD, từ đó tìm ra những quy định còn bất cập, chưa phù hợp. Cuối cùng tác giả đưa ra những kiến nghị mang tính lý luận để làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật cho lĩnh vực này.
7886	Thạc sĩ	Nghiên cứu nâng cao tần số và dải tần hoạt động của siêu vật liệu chiết suất âm :	Nguyễn, Tấn Thành	Nguyễn Tấn Thành ; Trần Thanh Hải (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung tìm hiểu các nghiên cứu trước đây từ đó đề xuất ra mẫu cấu trúc có khả năng khảo sát các thông số cấu trúc ảnh hưởng đến vùng tần số có chiết suất âm của mẫu cấu trúc mới nhằm nâng cao dải tần số hoạt động và mở rộng vùng tần số có chiết suất âm.
7887	Thạc sĩ	A comparative study on the effects of rote learning of short texts and sentence writing on high school students' vocabulary retention :	Nguyễn, Thị Mỹ Huyền	Nguyễn Thị Mỹ Huyền ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (giảng viên hướng dẫn)	2018	The research aims to examine the effects of RL of short texts on high school students' vocabulary retention. It also attempts to investigate the effects of sentence writing on the participants' vocabulary retention. Importantly, the research would compare the effects of the two VLSs to find out whether there is any difference between their effects on high school students' vocabulary retention.
7888	Thạc sĩ	EFL Primary School Teachers' Professional Development in Can Tho city: Evaluation and Post Training Stage :	Bùi, Thị Mỹ Duyên	Bùi Thị Mỹ Duyên ; Lê Xuân Mai (giảng viên hướng dẫn)	2018	This study aims to identify the EFL primary school teachers evaluation of the PD training in Can Tho city. In addition, the study also aims to find out the follow up activities the teachers have implemented in the post training stage. Two research questions of this study are formulated as follows: What is EFL primary school teachers' evaluation of the PD training? What are the follow up activities the teachers have implemented in the post training stage?
7889	Thạc sĩ	Tính trơn của nghiệm suy rộng của bài toán biên ban đầu thứ hai của phương trình Parabolic trong hình trụ hữu hạn đáy không trơn :	Mai, Quang Vinh	Mai Quang Vinh ; Phùng Kim Chúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn trình bày cách đặt bài toán biên ban đầu thứ hai của phương trình parabolic trong hình trụ hữu hạn với đáy không trơn, trình bày nghiệm suy rộng sự tồn tại và duy nhất nghiệm suy rộng của bài toán.
7890	Thạc sĩ	EFL Teachers' Perceptions of the Implementation of Individualized Learning Model: a Case at an English Language Center in Can Tho City :	Ngô, Ngọc Hải	Ngô Ngọc Hải ; Nguyễn Trung Cang (giảng viên hướng dẫn)	2018	The present research is conducted to obtain two research aims. The first aim is to find out the teachers' perception of the implementation of the individualized learning model. The second aim is to investigate the benefits and difficulties teachers face when they implement the individualized learning model in their classrooms.

7891	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and practices towards delivering corrective feedback on young learners' writing performance :	Lê, Nguyễn Thảo Trinh	Lê Nguyễn Thảo Trinh ; Phạm Thị Hồng Nhung (giảng viên hướng dẫn)	2018	The study aims to investigate what EFL teachers think about corrective feedback and how they deliver it to young learners in writing skills. The study aims at: (1) investigating teachers' perceptions of using corrective feedback; and (2) figuring out how teachers deliver corrective feedback. From the aims given, the research aimed to answer the following questions: What are EFL teachers' perceptions of delivering corrective feedback on young learners' writing? How do they deliver corrective feedback on young learners' writing?
7892	Thạc sĩ	Cooperative learning in English language classrooms: teachers' perception and actions :	Lê, Thị Trúc Đào	Lê Thị Trúc Đào ; Nguyễn Trung Cang (giảng viên hướng dẫn)	2018	This study was conducted to investigate teachers' perceptions toward cooperative learning in teaching and learning English. In particular, the study aims to investigate if the participating teachers have positive perceptions toward this method and its impact on their English language classrooms as well as aims to find out their practices in their English language classrooms in order to promote cooperative learning.
7893	Thạc sĩ	Non-English Majored Students' Perceptions and Practice of Self-Assessment in Writing English Paragraphs: A Study at a College in the Mekong Delta :	Nguyễn, Thị Thanh Quyên	Nguyễn Thị Thanh Quyên ; Nguyễn Hồ Hoàng Thủy (giảng viên hướng dẫn)	2018	The current study aims to answer two questions including: What are non-English majored students' perceptions of self-assessment in writing English paragraphs? How do the students practice self-assessment in writing English paragraphs?
7894	Thạc sĩ	Ben Tre city high school EFL teachers' and students' perception of the reading lessons section in the piloted Tiếng Anh 10 and 11 volume :	Nguyễn, Văn Phúc	Nguyễn Văn Phúc ; Đỗ Minh Hùng (giảng viên hướng dẫn)	2018	The study was therefore delimited to the following: The teacher's and the student's perceptions of RL in these piloted textbooks; only teachers' and learners' perceptions towards advantages and shortcomings of RL in these student books are investigated and other sections of the books are not included in this study. Only one high school participated in the study with eighty students and two English teachers who taught these two pilot classes formed the study sample.
7895	Thạc sĩ	The effects of collocation instruction on high school students' EFL writing performance :	Trần, Đức Phong	Đặng Thị Huyền Trân ; Châu Thiện Hiệp (giảng viên hướng dẫn)	2018	The aim of this study is twofold- to investigate the effects of collocation instruction on the complexity, accuracy and fluency of EFL high school students' writing perform nice and the ways to integrate collocation teaching alongside with traditional vocabulary teaching in high schools. The results are expected to satisfy the hypotheses that collocation teaching will induce greater fluency, complexity, and accuracy in the writing performance among EFL high school students and also contribute to the deeper understanding of the previous studies on the Lexical Approach.
7896	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hiệu quả mang Paclitaxel chống ung thư của hệ thống Nanogel Chitosan-Pluronic P123 :	Trần, Hoàng Tú	Trần Hoàng Tú ; Trần Ngọc Quyên (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Khảo sát phản ứng tổng hợp hệ copolymer Chitosan-Pluronic P123, tiến hành nang hóa, đánh giá cấu trúc vật liệu, khảo sát khả năng mang và nhả thuốc, đánh giá độc tính của tế bào. Giải pháp và kiến nghị.

7897	Thạc sĩ	Teachers' and students' perceptions of factors causing high school students' speaking anxiety :	Đào, Nguyễn Anh Đào	Đào Nguyễn Anh Đào ; Trần Quang Ngọc Thúy (giảng viên hướng dẫn)	2018	The study attempts to determine the perceptions of the students and the teachers of factors causing speaking anxiety in the EFL classes. The key aims of this research are to find out the differences between the students' and teachers' perceptions of the factors causing high school students' speaking anxiety.
7898	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa chất lượng cao OM 4900 của nông hộ ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu :	Nguyễn, Hữu Long	Nguyễn Hữu Long ; Võ Hoàng Khiêm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa chất lượng cao OM 4900 của nông hộ ở huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Kết luận và kiến nghị.
7899	Thạc sĩ	Nghiên cứu bổ sung lá Đinh Lăng (Polyscias fructicosa) trong chế biến xức xích cá lóc	La, Thị Bích Ngoan	La Thị Bích Ngoan ; Trần Thanh Trúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu bổ sung lá Đinh Lăng (Polyscias fructicosa) trong chế biến xức xích cá lóc. Kết luận và kiến nghị.
7900	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng thủy phân phụ phẩm cá lóc nuôi bằng vi khuẩn Bacillus Subtilis :	Lương, Ngọc Khỏe	Lương Ngọc Khỏe ; Trần Thanh Trúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu khả năng thủy phân phụ phẩm cá lóc nuôi bằng vi khuẩn Bacillus Subtilis. Kết luận và kiến nghị.
7901	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của việc làm di cư mùa vụ tới thu nhập nông hộ huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ :	Hồ, Thị Diễm	Hồ Thị Diễm ; Lê Cảnh Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích ảnh hưởng của việc làm di cư mùa vụ tới thu nhập nông hộ huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Kết luận và kiến nghị.
7902	Thạc sĩ	Phân tích thị hiếu của người tiêu dùng thành thị đối với sản phẩm thịt heo an toàn ở Đồng Bằng Sông Cửu Long :	Diệp, Thị Thảo Lan	Diệp Thị Thảo Lan ; Huỳnh Việt Khải (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm và tiềm năng phát triển thịt heo an toàn tại Việt Nam và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Kết luận và kiến nghị.
7903	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập từ trồng lúa của nông hộ tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long :	Trần, Thị Mỹ Duyên	Trần Thị Mỹ Duyên ; Quan Minh Nhật (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng sản xuất nông nghiệp và thu nhập của nông hộ ở huyện Mang Thít. Những thuận lợi và khó khăn và một số giải pháp nâng cao thu nhập từ trồng lúa cho nông hộ tại Mang Thít.
7904	Thạc sĩ	Phân tích khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của nông hộ nghèo tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang :	Võ, Thị Thúy Băng	Võ Thị Thúy Băng ; Quan Minh Nhật (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng tiếp cận và sử dụng vốn của hộ nghèo tại thành phố Vị Thanh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay của nông hộ nghèo ở Vị Thanh.
7905	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kinh tế của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Bạc Liêu :	Đặng, Hoàng Vĩnh	Đặng Hoàng Vĩnh ; Quan Minh Nhật (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan địa bàn nghiên cứu, phân tích hiệu quả tài chính, hiệu quả sản xuất, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật, phân phối và kinh tế của các nông hộ. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất.
7906	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học của Dây Vác - Cayratia trifolia (L.), họ Nho (Vitaceae) :	Phạm, Thừa Nghiệp	Phạm Thừa Nghiệp ; Nguyễn Phúc Đảm (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu phương pháp thường qui tách chiết hợp chất hữu cơ trong thực vật, mẫu thử nghiệm hoạt tính sinh học. Giải pháp và kiến nghị.

7907	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng phân hủy Chlorpyrifos bằng Plasma lạnh công nghệ màn chắn :	Nguyễn, Văn Nhã	Nguyễn Văn Nhã ; Hồ Quốc Phong, Nguyễn Văn Dũng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu khả năng phân hủy của độc chất hữu cơ bằng Plasma lạnh công nghệ màn chắn bằng Plasma lạnh công nghệ màn chắn bằng Plasma lạnh công nghệ màn chắn để từ đó cho thấy khả năng áp dụng plasma lạnh trong việc xử lý nước ô nhiễm bằng Plasma lạnh công nghệ màn chắn. Giải pháp và kiến nghị.
7908	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học của trái Mít đực (Artocarpus heterophyllus Lamk) :	Trần, Thanh Điền	Phạm Thừa Nghiệp ; Nguyễn Phúc Đám (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu phương pháp chiết, sắc ký cột kết hợp với sắc ký lớp mỏng để phân lập các chất tinh khiết, điều chế cao tổng và cao phân đoạn có độ phân cực tăng dần từ quả mít đực. Giải pháp và kiến nghị.
7909	Thạc sĩ	Phương pháp Monte Carlo và ứng dụng trong thuật toán cực đại hóa kỳ vọng :	Trần, Thị Ngọc Hân	Trần Thị Ngọc Hân ; Trần Văn Lý (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các kiến thức cơ sở, một số thuật toán Monte Carlo và ứng dụng
7910	Thạc sĩ	Các thuật giải lập và khai triển tiệm cận liên kết với bài toán Dirichlet cho phương trình sóng phi tuyến có chứa tích chập :	Phạm, Nguyễn Nhật Khanh	Phạm Nguyễn Nhật Khanh ; Nguyễn Thành Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu sử dụng phương pháp xấp xỉ Faedo - Galerkin cùng với các kỹ thuật đánh giá tiên nghiệm, kỹ thuật về tính compact yếu và hội tụ yếu để khảo sát phương trình sóng phi tuyến.
7911	Thạc sĩ	Thuật giải lập cấp hai và khai triển tiệm cận liên kết với bài toán Dirichlet cho phương trình sóng có chứa tích chập phi tuyến :	Trầm, Phước Hậu	Trầm Phước Hậu ; Nguyễn Thành Long (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu sử dụng định lý điểm bất động để chứng minh sự tồn tại và duy nhất nghiệm trong phương pháp Galerkin.
7912	Thạc sĩ	Phương pháp entropy chéo tổng quát trong phân tích mô hình servqual và ứng dụng :	Huỳnh, Văn Quân	Huỳnh Văn Quân ; Tô Anh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các kiến thức về khái niệm entropy cực đại, entropy chéo, entropy chéo tổng quát và một số ứng dụng cho các bài toán ngược tuyến tính, ứng dụng ước lượng tham số bằng phương pháp entropy chéo tổng quát trong mô hình servqual.
7913	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp dẫn xuất Pyrazolo - Pyridazine sử dụng phản ứng Japp - Klingemann :	Luu, Huỳnh Nhung	Luu Huỳnh Nhung ; Bùi Thị Bửu Huệ (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu tổng hợp dẫn xuất Pyrazolo - Pyridazine sử dụng phản ứng Japp - Klingemann. Giải pháp và kiến nghị.
7914	Thạc sĩ	Thơ văn Nguyễn Trãi từ góc nhìn phê bình sinh thái :	Nguyễn, Lê Huệ Thanh	Nguyễn Lê Huệ Thanh ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát về phê bình sinh thái, những khả năng và xu hướng ứng dụng lý thuyết phê bình sinh thái trong nghiên cứu văn học trung đại, mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong thơ văn Nguyễn Trãi từ góc nhìn phê bình sinh thái.
7915	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự đa dạng và mục đích sử dụng thực vật bậc cao ở thành phố Vị Thanh :	Trương, Cẩm Loan	Trương Cẩm Loan ; Đặng Minh Quân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu sự đa dạng và mục đích sử dụng thực vật bậc cao ở thành phố Vị Thanh. Kết luận và kiến nghị.
7916	Thạc sĩ	Nghiên cứu đa dạng tài nguyên cây thuốc ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Tiết Nhung	Nguyễn Thị Tiết Nhung ; Đặng Minh Quân (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân tích và đánh giá sự đa dạng về nguồn tài nguyên cây làm thuốc ở Long Mỹ, Hậu Giang làm cơ sở khoa học cho việc quản lý, bảo tồn và sử dụng nguồn tài nguyên làm thuốc ở địa phương. Giải pháp và kiến nghị.

7917	Thạc sĩ	Sự khác biệt trong ảnh hưởng của học vấn đối với thu nhập giữa lao động nam và nữ tại Đồng Bằng Sông Cửu Long :	Lê, Ánh Ngọc	Lê Ánh Ngọc ; Phạm Lê Thông (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng về giới trong giáo dục của lao động tại Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tác động của học vấn và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động. Kết luận và kiến nghị.
7918	Thạc sĩ	Một số cải tiến của phương pháp chọn mẫu GIBBS :	Nguyễn, Kim Minh Nguyệt	Nguyễn Kim Minh Nguyệt ; Trần Văn Lý (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Trình bày các kiến thức cơ bản biến ngẫu nhiên, xích Markov, một số phương pháp mô phỏng và không gian Hilbert, một số thuật toán chọn mẫu Gibbs. Kết luận và kiến nghị.
7919	Thạc sĩ	Phân lập chất từ cao kém phân cực của thân cây Phèn Đen (Phyllanthus reticulatus Poir.) họ Thầu Dấu (Euphorbiaceae) :	Nguyễn, Ngọc Thái Trân	Nguyễn Ngọc Thái Trân ; Tôn Nữ Liên Hương (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu, phân lập, tinh chế các hợp chất hữu cơ từ cao hexane. Giải pháp và kiến nghị.
7920	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đa dạng hóa ngành nghề đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam :	Tường, Thị Yến	Tường Thị Yến ; Phạm Lê Thông (giảng viên hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng đa dạng hóa đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7921	Thạc sĩ	Factors preventing non-English major college students from achieving the required English proficiency level standard: A case at a college in Can Tho city :	Pham, Thanh Huyền	Pham Thanh Huyền ; Tôn Nữ Như Hương, Phương Hoàng Yến (giảng viên hướng dẫn)	2018	This research is conducted to investigate the extent to which non-English major college students think they can achieve English proficiency level standard (level B1). Find out the factors preventing non-English major college students from achieving that required proficiency level standard.
7922	Thạc sĩ	The effect of cognitive reading strategy training on reading performance of EFL students - A case study at an upper-secondary school in Vietnam :	Lạc, Minh Thư	Lạc Minh Thư ; Nguyễn Thị Phương Nam (giảng viên hướng dẫn)	2018	The present study is aimed to shed light on the effects of cognitive reading strategy training on EFL students' reading performance in an upper secondary school in Vietnam. Also, this study aims to find out the students' perception about the training for using cognitive reading strategies after a short period of training. The author was really motivated to choose this topic based on the belief that reading is an indispensable language skill for EFL students but reading nervousness – a common issue in the process of learning English – was reported to prevent learners from acquiring foreign language.
7923	Thạc sĩ	Nghiên cứu phong cách lãnh đạo, văn hóa tổ chức và hiệu quả tài chính: trường hợp các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Sóc Trăng :	Phạm, Thái Bảo	Phạm Thái Bảo ; Phan Anh Tú (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng phong cách lãnh đạo và văn hóa tổ chức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Sóc Trăng. Kết luận và kiến nghị.
7924	Thạc sĩ	High school English teachers' perceptions and use of motivational strategies in EFL classes :	Trần, Thị My	Trần Thị My ; Trần Quang Ngọc Thúy (giảng viên hướng dẫn)	2018	The study attempts to examine as to how the high school English teachers perceived and used the motivational strategies in the EFL classes. The main purpose of the study is to find out the motivational strategies used by the high school teachers in their classes and to figure out their challenges when implementing motivational strategies in EFL classes.

7925	Thạc sĩ	Non- English Major Students' Common Errors in Paragraph Writing and Their Preferences of Teacher's Feedback: A Case at a College in Can Tho City :	Hà, Thị Bích Ngân	Hà Thị Bích Ngân ; Phương Hoàng Yến (giảng viên hướng dẫn)	2018	This study aims to figure out Vietnamese students' common errors in English paragraph writing. Furthermore, this paper investigates the types of feedback practiced by the teachers on students' writing and examine students' preferences of the most effective feedback for each type of their errors.
7926	Thạc sĩ	The impacts of portfolio - based assessment on grade 10 students' writing performance :	Phạm, Trung Việt	Phạm Trung Việt ; Phương Hoàng Yến (giảng viên hướng dẫn)	2018	The current study aims to investigate the impact of portfolio- based assessment on Grade 10 students' writing performance in a mountainous high school in An Giang province. The study consists of 2 sub purposes (1) examining the impact of portfolio-based assessment on grade 10 students' writing performance, and (2) examining the impact of portfolio- based assessment on different components of their writing performance.
7927	Thạc sĩ	Phân lập và khảo sát hoạt tính sinh học của một số hợp chất được chiết xuất từ địa y <i>Dirinaria applanata</i> (Fée) D. D. Awasthi :	Đỗ, Phước Quý	Đỗ Phước Quý ; Nguyễn Tọng Tuấn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu về loài địa y, trích ly cao methanol tổng từ bột khô và sử dụng các dung môi có độ phân cực khác nhau.... Giải pháp và kiến nghị.
7928	Thạc sĩ	The effects of mind mapping activities on EFL students' writing performance: A case at an upper secondary school :	Đặng, Thị Huyền Trân	Đặng Thị Huyền Trân ; Nguyễn Thị Phương Hồng (giảng viên hướng dẫn)	2018	The research is an attempt to first investigate the effects of mind mapping on students' writing performance. The research also intends to determine the most influential and the least influential impact of mind mapping on improving students' writing ability. The purpose of this study is also conducted to know mind mapping can improve students' writing of the tenth grade students of a high school or not.
7929	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự thay đổi hoạt tính chống oxy hóa trong quá trình chế biến trà lá sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn) :	Nguyễn, Thị Thanh Xuyên	Nguyễn Thị Thanh Xuyên ; Nguyễn Văn Mười (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu sự thay đổi hoạt tính chống oxy hóa trong quá trình chế biến trà lá sen (<i>Nelumbo nucifera</i> Gaertn. Kết luận và kiến nghị.
7930	Thạc sĩ	Xây dựng quy trình chế biến Nectar măng cầu gai (<i>Annona muricata</i> trồng tại Hậu Giang :	Phan, Thị Hiện	Phan Thị Hiện ; Phan Thị Thanh Quế (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xây dựng quy trình chế biến Nectar măng cầu gai (<i>Annona muricata</i> trồng tại Hậu Giang. Kết luận và kiến nghị.
7931	Thạc sĩ	Đánh giá tính bền vững độ phì nhiêu đất lúa tỉnh An Giang :	Lê, Huỳnh Ngọc Yến	Lê Huỳnh Ngọc Yến ; Võ Quang Minh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất trên địa bàn tỉnh và đưa ra những giải pháp nhằm hướng tới phát triển bền vững, góp phần định hướng sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả.
7932	Thạc sĩ	Synthesis of 1,2--Disubstituted Benzimidazole derivatives and their anti-hepatitis virus C and anti-zika activities :	Mai, Văn Hiếu	Mai Văn Hiếu ; Bùi Thị Bửu Huê (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn cung cấp các quy trình mới và hiệu quả được ứng dụng trong công việc tổng hợp các 1,2 - Disubstituted Benzimidazole. Bên cạnh đó, nghiên cứu về hoạt tính sinh học cho thấy khung sườn N-alkyl-naphthyl-2benzimidazoles có nhiều tiềm năng trong nghiên cứu và phát triển các chất ức chế HCV mới.
7933	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn từ hạt ngũ cốc có khả năng giảm màu mật rỉ của nước thải sau lên men cồn :	Võ, Thị Lệ Trinh	Võ Thị Lệ Trinh ; Nguyễn Khởi Nghĩa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn từ hạt ngũ cốc có khả năng giảm màu mật rỉ của nước thải sau lên men cồn. Kết luận và kiến nghị.

7934	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn một số dòng nấm có khả năng hòa tan lân từ nền đất trồng lúa theo mô hình canh tác cải tiến (SRI)	Trần, Thị Phương Thu	Trần Thị Phương Thu ; Nguyễn Khởi Nghĩa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân lập và tuyển chọn một số dòng nấm có khả năng hòa tan lân từ nền đất trồng lúa theo mô hình canh tác cải tiến (SRI). Kết luận và kiến nghị.
7935	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng từ phụ phẩm lòng trắng trứng vịt muối :	Nguyễn, Thị Mộng Xinh	Nguyễn Thị Mộng Xinh ; Bùi Thị Quỳnh Hoa (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng từ phụ phẩm lòng trắng trứng vịt muối. Kết luận và kiến nghị.
7936	Thạc sĩ	Phân tích hành vi tiêu dùng gạo "thân thiện môi trường" được sản xuất xung quanh vườn cò Bằng Lăng - thành phố Cần Thơ :	Lê, Phạm Minh Tâm	Lê Phạm Minh Tâm ; Huỳnh Việt Khải (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng quan địa bàn nghiên cứu Đồng Bằng Sông Cửu Long và hiện trạng vườn cò Bằng Lăng. Đánh giá nhận thức - thái độ của đáp viên và định giá giá trị các thuộc tính của sản phẩm "gạo thân thiện" Kết luận và kiến nghị.
7937	Thạc sĩ	Nghiên cứu bảo quản Pu-Rê và sử dụng hiệu quả cho quá trình chế biến sản phẩm nước ép từ trái Thanh Trà (Bouea macrophylla Griffth) :	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Nguyễn Thị Huỳnh Như ; Nguyễn Minh Thủy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu bảo quản Pu-Rê và sử dụng hiệu quả cho quá trình chế biến sản phẩm nước ép từ trái Thanh Trà (Bouea macrophylla Griffth). Kết luận và kiến nghị.
7938	Thạc sĩ	Hợp đồng bảo hiểm tài sản – thực tiễn áp dụng trong lĩnh vực nuôi tôm thương mại trên địa bàn một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long :	Đình, Thanh Phong	Đình Thanh Phong ; Lê Minh Hùng (hướng dẫn khoa học)	2018	Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống cơ sở lý luận liên quan đến HDBH tài sản. Người viết phân tích các đặc điểm, đối tượng của hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia hợp đồng, từ đó có cơ sở để phân tích sâu vào thực trạng HDBH tài sản trong lĩnh vực nuôi tôm thương mại trên địa bàn một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và chỉ ra những khó khăn. Từ đó, đề xuất trong quá trình triển khai và hoàn thiện những quy định của pháp luật thực định về vấn đề này.
7939	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của độ tuổi ngọn dưa Lê Kim Cô Nương (Cucumis lelo L.) và gốc ghép bầu bí dưa đến năng suất và chất lượng trái :	Lê, Thanh Duy	Nguyễn Thị Cẩm Hằng ; Trần Thị Ba (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Ảnh hưởng của độ tuổi ngọn dưa Lê Kim Cô Nương (Cucumis lelo L.) và gốc ghép bầu bí dưa đến năng suất và chất lượng trái. Giải pháp và kiến nghị.
7940	Thạc sĩ	Biểu diễn tiệm cận của nghiệm của bài toán biên ban đầu thứ hai đối với hệ Schrodinger trong hình trụ hữu hạn đáy không tròn :	Phan, Thị Huỳnh Như	Phan Thị Huỳnh Như ; Phùng Kim Chúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các kiến thức cơ sở, sự tồn tại nghiệm, tính chính quy của nghiệm theo biến thời gian, không gian và theo cả hai biến không gian và thời gian.
7941	Thạc sĩ	Phương pháp Hermite - Birkhoff cấp 5 giải một số phương trình Burgers :	Ngô, Thị Minh Tâm	Ngô Thị Minh Tâm ; Nguyễn Thu Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng phương pháp Hermite - Birkhoff cấp 5, từ đó so sánh độ ổn định của phương pháp với một số phương pháp khác như là phương pháp đa bước tuyến tính, phương pháp Runge - Kutta,...
7942	Thạc sĩ	Bài toán điều khiển tối ưu bang - bang cho phương trình đạo hàm riêng Elliptic nửa tuyến tính :	Trương, Gia Đại	Trương Gia Đại ; Lê Thanh Tùng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các kiến thức cơ sở, khảo sát sự tồn tại nghiệm và thiết lập các điều kiện tối ưu cho bài toán điều khiển tối ưu bang-bang đang xét.

7943	Thạc sĩ	Xử lý số liệu ảnh vệ tinh Modis bằng biến đổi Wavelet để phát hiện và theo dõi diễn tiến lũ theo thời gian của huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ :	Hoàng, Thị Thủy	Hoàng Thị Thủy ; Dương Hiếu Đầu (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn tạo cơ sở cho công tác quản lý và dự báo về diễn tiến lũ giúp các nhà quản lý có cái nhìn tổng quát và đưa ra những giải pháp kịp thời để hạn chế những thiệt hại đáng tiếc do diễn tiến lũ, giúp ngành nông nghiệp phát triển bền vững.
7944	Thạc sĩ	Một số phương pháp nghiên cứu phương trình trong không gian có thứ tự :	Lâm, Văn Đầy	Lâm Văn Đầy ; Nguyễn Bích Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các định nghĩa, định lý cơ bản và mối liên hệ giữa chúng, chứng minh một số kết quả trong việc ứng dụng các nguyên lý cơ bản, nghiên cứu các ứng dụng của phương pháp bậc tập.
7945	Thạc sĩ	University EFL teachers' perceptions of intercultural communicative competence and their classroom practices :	Dương, Ngọc Huyền	Dương Ngọc Huyền ; Tôn Nữ Như Hương (giảng viên hướng dẫn)	2018	This thesis introduce about describes the context in which the study was carried out, statement of the problem, research questions as well as significance of the study. Presents the literature and the theoretical frameworks on which the study is based. Presents the methodology, participants of the study. Reports the results and discussion of the teachers' perceptions of culture in language teaching and their culture teaching practices. Draws the conclusions of the study and presents its contributions, implications, as well as outlining directions for future research
7946	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của thông tin chi trả cổ tức đến giá của các cổ phiếu được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Lê, Văn Khánh	Lê Văn Khánh ; Trương Đông Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng hoạt động chi trả cổ tức của các công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích ảnh hưởng của thông tin chi trả cổ tức đến giá cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
7947	Thạc sĩ	Khảo sát chất lượng xăng sinh học theo thời gian lưu trữ và kiểm tra chất lượng khí thải của xăng sinh học dùng cho động cơ đốt trong theo quy chuẩn Việt Nam :	Nguyễn, Văn Quốc Sự	Nguyễn Văn Quốc Sự ; Nguyễn Thị Thu Thủy (cán bộ hướng dẫn)	2018	Đề tài nghiên cứu thực hiện các mục tiêu sau: Đánh giá chất lượng và sự ổn định chất lượng của xăng sinh học theo thời gian lưu trữ, giúp các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu có hình thức phối trộn và lưu trữ hiệu quả nhất. Nghiên cứu, chọn lọc hàm lượng ethanol pha trộn vào xăng sinh học để đạt được sự phát thải thấp nhất và ít ảnh hưởng đến động cơ nhất. Chỉ ra các ưu và khuyết điểm của xăng sinh học.
7948	Thạc sĩ	Tri thức dân gian về biển trong ca dao Nam Bộ :	Nguyễn, Ngọc Hạc	Nguyễn Ngọc Hạc ; Lê Thị Diệu Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khái quát về biển Nam Bộ, nội dung và nghệ thuật biểu hiện tri thức dân gian về biển trong ca dao Nam Bộ
7949	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin đến chi phí vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội :	Lê, Thị Mỹ Huyền	Lê Thị Mỹ Huyền ; Võ Văn Út (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng minh bạch và công bố thông tin của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ảnh hưởng của minh bạch và công bố thông tin đến chi phí vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7950	Thạc sĩ	Một số hướng tiếp cận, xác định dạng phân phối của chỉ số sáng :	Đinh, Thị Lệ Hằng	Đinh Thị Lệ Hằng ; Trần Văn Lý (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung giới thiệu một số kiến thức xác suất cơ bản, quá trình ngẫu nhiên, xích Markov, ước lượng hàm mật độ bằng phương pháp hàm hạt nhân, kiểm định Kolmogorov-Smirnov so sánh hai phân phối. Trình bày về bức xạ Mặt trời và các mô hình vật lý, chỉ số sáng và các mô hình thống kê. Đồng thời, nghiên cứu một số đề xuất về dạng phân phối của dãy chỉ số sáng hàng ngày và phút của một số tác giả nhằm chuẩn bị cho việc đánh giá dạng phân phối chỉ số sáng ở chương 3. Ước lượng các tham số của mô hình, sau đó sử dụng mô hình nhận được tạo ra một lượng lớn dữ liệu mô phỏng để kiểm định, đánh giá sự phù hợp của các dạng phân phối chỉ số sáng đề xuất.
7951	Thạc sĩ	Tính chất của cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ở một số vùng thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long và ứng dụng trong bảo quản và chế biến :	Đặng, Hữu Trọng	Đặng Hữu Trọng ; Trần Thanh Trúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tính chất của cá lóc (<i>Channa striata</i>) nuôi ở một số vùng thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long và ứng dụng trong bảo quản và chế biến. Kết luận và kiến nghị.
7952	Thạc sĩ	Khảo sát lớp phương trình vi phân giá trị khoảng có điều khiển bằng tính co yếu :	Nguyễn, Thành Nghĩa	Nguyễn Thành Nghĩa ; Nguyễn Đình Phur (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày một cách đầy đủ về cấu trúc của lớp hàm khoảng bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân và tích phân.
7953	Thạc sĩ	So sánh hoạt tính kháng oxy hóa của Flavanone với Flavonol và Flavone dựa trên tính toán hóa lượng tử :	Trần, Thị Tuyết Quyên	Trần Thị Tuyết Quyên ; Phạm Vũ Nhật (cán bộ hướng dẫn)	2018	Đề tài được thực hiện với mục tiêu chính là khảo sát và so sánh khả năng kháng oxy hóa của ba nhóm flavanone, flavonol và flavone với ba hợp chất đại diện tương ứng là eriodictyol, quercetin và baicalein. Các phép tính hóa học lượng tử được sử dụng thay vì các phương pháp thực nghiệm truyền thống. Trên cơ sở đó, đánh giá tiềm năng kháng oxy hóa và tìm hiểu mối liên hệ giữa cấu trúc hình học, mật độ electron và hoạt tính kháng oxy hóa của các hợp chất này thông qua việc tính các giá trị BDE, IP, PA, PDE, và ETE cho mỗi hợp chất được khảo sát.
7954	Thạc sĩ	Phân tích tác động của nợ xấu đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại nhà nước :	Tổng, Bảo Ngọc	Tổng Bảo Ngọc ; Quan Minh Nhựt (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại nhà nước ở Việt Nam. Kết luận và kiến nghị.
7955	Thạc sĩ	Khảo sát đa dạng thành phần loài và đặc điểm phân bố của giun đất ở tỉnh Bình Dương :	Đinh, Sô Na	Đinh Sô Na ; Nguyễn Thanh Tùng (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Xác định thành phần loài, lập danh lục và xây dựng khóa định loại các loài giun đất xuất hiện ở tỉnh Bình Dương, góp phần hoàn thiện dẫn liệu giun đất ở Việt Nam. Xác định đặc điểm phân bố bằng số liệu thu định tính giun đất ở các dạng địa hình, sinh cảnh và ở từng loại đất trong khu vực nghiên cứu. Mô tả các loài giun đất và xây dựng bộ mẫu các loài đã gặp ở khu vực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

7956	Thạc sĩ	The Effect of Moodle-Based Vocabulary Quiz on EFL Grade-10 Students' Vocabulary Retention :	Nguyễn, Quốc Bảo	Nguyễn Quốc Bảo ; Nguyễn Văn Lợi (giảng viên hướng dẫn)	2018	The current experimental study was conducted with an aim of measuring the effect of Moodle-based vocabulary quiz on EFL grade-10 students' vocabulary retention. Then, the results of the study were further analyzed to observe: 1) whether there was any statistically significant difference in vocabulary retention between blended learning with Moodle-based vocabulary quiz and traditional vocabulary learning with paper-based vocabulary practice, 2) what the effect size of Moodle-based vocabulary quiz was when vocabulary retention is considered, and 3) whether there was any statistically significant difference in vocabulary retention between male students and female students who received blended learning.
7957	Thạc sĩ	Phân lập chất từ cao phân cực trung bình của thân cây Phèn Đen (<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.), họ Thầu Dầu (<i>Euphorbiaceae</i>) :	Lê, Thị Anh Vy	Lê Thị Anh Vy ; Tôn Nữ Liên Hương (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất từ cao chiết dichloromethane và ethyl acetate của phần thân cây Phèn Đen. Giải pháp và kiến nghị.
7958	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường đến các đặc tính sinh học của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>)	Mai, Nguyễn Diễm An	Mai Nguyễn Diễm An; Nguyễn Trọng Hồng Phúc (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường đến các đặc tính sinh học của cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>). Kết luận và kiến nghị.
7959	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp Nanochitosan làm chất mang Curcumin :	Trần, Như Thùy	Trần Như Thùy ; Lê Thanh Phước (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Tổng hợp Nanochitosan tiến hành mang curcumin lên Nanochitosan tổng hợp, khảo sát khả năng mang và phóng thích curcumin từ hệ Nanochitosan. Giải pháp và kiến nghị.
7960	Thạc sĩ	Các quá trình rã vi phạm số Lepton trong mô hình S4 :	Đinh, Hoàng Minh Tân	Đinh Hoàng Minh Tân ; Nguyễn Thanh Phong (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung tổng quan về mô hình chuẩn và sự vi phạm số thế hệ. Mô hình đối xứng S4. Một số quá trình rã vi phạm số lepton thế hệ.
7961	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa các tập và ứng dụng trong tối ưu hóa :	Tạ, Tiểu Châu	Tạ Tiểu Châu ; Lâm Quốc Anh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng hợp và trình bày các quan hệ thứ tự tập, tính chất và mối liên hệ giữa các quan hệ thứ tự tập, đồng thời áp dụng vào việc khảo sát các dạng nghiệm của bài toán tối ưu tập theo hướng tiếp cận theo nghĩa vector và tiếp cận theo nghĩa thứ tự tập.
7962	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn thuộc chương trình cho vay học sinh, sinh viên tại ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sóc Trăng :	Trần, Thị Huệ	Tổng Bảo Ngọc ; Bùi Văn Trịnh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Thực trạng cho vay và trả nợ vay thuộc chương trình cho vay học sinh, sinh viên tại ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Kết luận và kiến nghị.

7963	Thạc sĩ	Khảo sát quá trình hồi phục màng penta-silicene bằng phương pháp mô phỏng động lực học phân tử :	Lê, Thị Phúc Lộc	Lê Thị Phúc Lộc ; Huỳnh Anh Huy (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung trình bày sơ lược về silicene, một số nghiên cứu lý thuyết và mô phỏng về penta-silicene, sơ lược quá trình hồi phục chất bán dẫn. Tính toán – Mô phỏng: giới thiệu về cơ sở của phương pháp mô phỏng và phương pháp động lực học phân tử cổ điển – phương pháp MD. Kết quả và thảo luận: thể hiện các kết quả về các tính chất nhiệt động học, sự thay đổi cấu trúc khi hồi phục màng penta-silicene ở 300K. Kết luận và hướng phát triển của đề tài: nêu tóm tắt các việc đã làm được trong đề tài và ý nghĩa vật lý tương ứng, đồng thời nêu lên các việc chưa làm được trong đề tài, những định hướng, ý tưởng để phát triển đề tài.
7964	Thạc sĩ	Pháp luật về Nhà nước cho doanh nghiệp thuê đất - thực trạng và hướng hoàn thiện :	Đặng, Ngọc Thanh Hà	Đặng Ngọc Thanh Hà ; Nguyễn Hạnh, Nguyễn Lan Hương (hướng dẫn khoa học)	2018	Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về việc Nhà nước cho doanh nghiệp thuê đất và nâng cao hiệu quả thi hành lĩnh vực pháp luật này ở Việt Nam thông qua việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về cho thuê đất.
7965	Thạc sĩ	Nguyên lý biến phân cho bài toán cân bằng :	Nguyễn, Thị Thùy Lên	Nguyễn Thị Thùy Lên ; Đinh Ngọc Quý (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích, tổng hợp và trình bày lại các kết quả nghiên cứu về sự tồn tại nghiệm cho bài toán cân bằng đơn trị và đa trị dựa vào nguyên lý biến phân cho bài toán cân bằng.
7966	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng thích nghi đất đai và kinh tế xã hội đến sự phát triển cây sầu riêng tại huyện Cái Bè :	Dư, Lê Minh Hiền	Dư Lê Minh Hiền ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất và khả năng thích nghi tự nhiên cho phát triển cây sầu riêng tại huyện Cái Bè, xác định các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp để phát triển cây sầu riêng.
7967	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả tài chính canh tác lúa của nông hộ trong và ngoài mô hình liên kết tại An Giang, Đồng Tháp và Vĩnh Long :	Hồ, Lê Cảnh Hà	Hồ Lê Cảnh Hà ; Võ Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng nguồn lực và canh tác lúa của nông hộ, so sánh hiệu quả tài chính canh tác lúa của nông hộ trong và ngoài liên kết, đề xuất các giải pháp cải thiện lợi nhuận canh tác lúa của nông hộ.
7968	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo sợi nano chitosan/Bi2O3 bằng phương pháp electrospinning :	Trần, Văn Lượm	Trần Văn Lượm ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Hướng dẫn khoa học)	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng của quá trình tạo sợi nano chitosan/Bi2O3 bằng phương pháp electrospinning và sử dụng năng lượng microwave, phân tích đặc trưng và tính chất của vật liệu tổng hợp được.
7969	Thạc sĩ	Phân bố các nhóm huyết thanh và đặc điểm di truyền của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh trên vịt tại một số tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Đoàn, Trần Loan Anh	Đoàn Trần Loan Anh ; Hồ Thị Việt Thu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự lưu hành nhóm huyết thanh vi khuẩn E. coli quan trọng trên vịt ở Đồng bằng sông Cửu Long, sự lưu hành của một số gene mã hóa yếu tố độc lực và đề kháng kháng sinh của vi khuẩn E. coli.
7970	Thạc sĩ	Pháp luật về thuế thu nhập đối với thu nhập từ kinh doanh :	Trần, Thị Kim Anh	Trần Thị Kim Anh ; Lê Thị Nguyệt Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Khái quát thu nhập từ kinh doanh và pháp luật về thu nhập đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh, thực trạng pháp luật về thuế thu nhập đối với thu nhập từ kinh doanh và giải pháp hoàn thiện.

7971	Thạc sĩ	Đánh giá công tác quản lý của nhà nước và hiệu quả việc giao đất cho các tổ chức kinh tế tại thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang :	Trần, Thanh Tùng	Trần Thanh Tùng ; Phạm Thanh Vũ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng nhằm phát hiện ra những tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng đất của các tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất trên địa bàn thành phố Vị Thanh, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất của các tổ chức kinh tế.
7972	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi sinh vật có tiềm năng probiotic từ cây môn ngọt (Colocasia esculenta (L.) Schott) :	Nguyễn, Lê Hồng Diệp	Nguyễn Lê Hồng Diệp ; Huỳnh Ngọc Thanh Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập và định danh sơ bộ những dòng vi khuẩn và nấm men từ cây môn ngọt, đánh giá tiềm năng probiotic của những dòng vi khuẩn và nấm men đã phân lập, định danh dòng vi khuẩn và nấm men có tiềm năng probiotic tốt nhất
7973	Thạc sĩ	Khảo sát bệnh phù thũng và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli trên heo con sau cai sữa tại hai tỉnh Hậu Giang và Vĩnh Long :	Lê, Trịnh Cẩm Lại	Lê Trịnh Cẩm Lại ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tỷ lệ bệnh do vi khuẩn E. coli gây phù thũng heo con sau cai sữa, sự hiện diện gene mã hóa hai chủng F4, F18 và độc lực Stx2e của vi khuẩn E. coli gây phù thũng trên heo con sau cai sữa tại hai tỉnh Hậu Giang và Vĩnh Long.
7974	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán xuất huyết não từ ảnh CT/MRI :	Nguyễn, Thị Mỹ Nga	Nguyễn Thị Mỹ Nga ; Phan Anh Cang (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày một cách tiếp cận mới sử dụng kỹ thuật mạng nơ-ron tích chập nhận dạng xuất huyết não từ các ảnh CT/MRI.
7975	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn của củ hành tím (Allium ascalonicum L.) đối với vi khuẩn Escherichia coli, đáp ứng miễn dịch và tăng trưởng của gà nòi :	Nguyễn, Thị Ngọc Hân	Nguyễn Thị Ngọc Hân ; Nguyễn Nhựt Xuân Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tác dụng kháng khuẩn của củ hành tím tươi đối với vi khuẩn E. coli, ảnh hưởng của các mức bổ sung củ hành tím tươi vào khẩu phần lên khả năng tăng trưởng và đáp ứng miễn dịch của gà đối với vaccine phòng bệnh Newcastle.
7976	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất và kinh tế xã hội chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Huy Cường	Nguyễn Huy Cường ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất và phát triển kinh tế xã hội trong xây dựng nông thôn mới tại thành phố Vị Thanh nhằm tìm ra những thuận lợi và khó khăn từ đó đề xuất các giải pháp thực hiện tốt nhất trong xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế xã hội cho thành phố Vị Thanh nói riêng và tỉnh Hậu Giang nói chung.
7977	Thạc sĩ	Phân tích hiệu suất mạng cục bộ không dây :	Đặng, Quốc Trung	Đặng Quốc Trung ; Trần Thanh Điền (Hướng dẫn khoa học)	2018	Phân tích hiệu suất của mạng cục bộ không dây được triển khai tại trường Đại học Cần Thơ, tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất của mạng cục bộ không dây và đề xuất giải pháp phù hợp trong việc nâng cao hiệu suất mạng cục bộ không dây của trường.
7978	Thạc sĩ	Khảo sát sự lưu hành và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli gây bệnh phù thũng trên heo con sau cai sữa tại tỉnh Cà Mau và Kiên Giang :	Huỳnh, Thị Ái Xuyên	Huỳnh Thị Ái Xuyên ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tỷ lệ nhiễm bệnh phù thũng do vi khuẩn E. coli gây ra trên heo sau cai sữa, sự hiện diện của gene mã hóa yếu tố độc lực Stx2e của vi khuẩn E. coli gây bệnh phù thũng trên heo sau cai sữa.

7979	Thạc sĩ	Khảo sát sự lưu hành và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium trên heo và môi trường tại một số cơ sở chăn nuôi thuộc thành phố Cần Thơ :	Lý, Bảo Trân	Lý Bảo Trân ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định sự lưu hành của vi khuẩn Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium trên heo, môi trường và xác định mối liên hệ giữa Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium phân lập được trên heo, sự đề kháng và các gene mã hóa tính kháng kháng sinh của vi khuẩn Salmonella phân lập được trên heo và môi trường chăn nuôi heo tại thành phố Cần Thơ.
7980	Thạc sĩ	Đánh giá công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng :	Hoàng, Minh Quang	Hoàng Minh Quang ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tình hình giao đất, cho thuê đất và việc sử dụng đất được giao, đất thuê của các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và đưa ra giải pháp nhằm tăng cường quản lý đất đai trong công tác giao đất.
7981	Thạc sĩ	Xây dựng công cụ hỗ trợ đọc xuất bản phẩm lưu chiều dựa trên phương pháp đối sách ảnh tài liệu :	Phạm, Thị Minh Thư	Phạm Thị Minh Thư ; Lê Việt Phương (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng công cụ hỗ trợ đọc xuất bản phẩm lưu chiều dựa trên phương pháp đối sách ảnh tài liệu và đề xuất giải pháp nhằm phát hiện các thành phần khác nhau trong hai ảnh tài liệu.
7982	Thạc sĩ	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng từ bò tại tỉnh Trà Vinh :	Lê, Trung Đăng	Lê Trung Đăng ; Lưu Hữu Mạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên bò và các yếu tố môi trường chăn nuôi bò tại tỉnh Trà Vinh, tính đề kháng kháng sinh của E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng.
7983	Thạc sĩ	Xây dựng bộ trích xuất và phân loại quan điểm thời gian thực cho các bài viết tiếng Việt trên Facebook :	Nguyễn, Phương	Nguyễn Phương ; Phan Thượng Càng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng hệ thống trích xuất và phân loại quan điểm thời gian thực cho các bài viết tiếng Việt trên Facebook trên nền tảng thể hệ mới Apache Spark.
7984	Thạc sĩ	Thực trạng tham gia giải quyết khiếu nại của thanh tra nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Thành Nam	Lê Thành Nam ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng của công tác giải quyết khiếu nại của thanh tra nhà nước về đất đai, xác định những thuận lợi và khó khăn từ đó đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.
7985	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong xây dựng nông thôn mới trên cơ sở đầu tư tài chính tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang :	Phạm, Tấn Bửu	Phạm Tấn Bửu ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong xây dựng và phát triển nông thôn mới qua phân tích đầu tư tài chính nhằm tìm ra hiệu quả sử dụng đất trong quá trình thực hiện nông thôn mới.
7986	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và điều hòa lipid huyết của cao chiết rễ cây me keo (Pithecellobium dulce (Roxb) Benth.) trên chuột bệnh đái tháo đường :	Trà, Lâm Tuấn Vũ	Trà Lâm Tuấn Vũ ; Đái Thị Xuân Trang, Nguyễn Thị Ái Lan (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng kháng oxy hóa và điều hòa lipid huyết của cao chiết rễ cây me keo trên chuột bệnh đái tháo đường.
7987	Thạc sĩ	Khảo sát sự lưu hành và tính đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium trên heo và môi trường ở một số trại heo tỉnh Hậu Giang :	Trương, Anh Thy	Trương Anh Thy ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định sự lưu hành, serotype của vi khuẩn Salmonella trên heo và môi trường xung quanh khu vực chăn nuôi heo, mối quan hệ giữa các chủng vi khuẩn Salmonella phân lập được, sự đề kháng và gene mã hóa sự kháng với kháng sinh của các chủng Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium phân lập được.

7988	Thạc sĩ	Anh hưởng của việc niêm yết bổ sung vào danh mục VN30 đến sự thay đổi giá và thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Lê, Như Hiếu	Lê Như Hiếu ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đo lường ảnh hưởng của thông tin niêm yết bổ sung vào danh mục VN30 đến sự thay đổi giá và thanh khoản của các cổ phiếu trên HOSE.
7989	Thạc sĩ	Tổng hợp xúc tác nano ZnO/HA và ứng dụng xử lý H ₂ S :	Trần, Thành Tâm	Trần Thành Tâm ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu và xác định ảnh hưởng của nhiệt độ nung và tỷ lệ khối lượng ZnO/HA để tổng hợp nano ZnO/HA bằng phương pháp hóa học, ứng dụng xử lý H ₂ S để đánh giá hoạt tính xúc tác của vật liệu nano ZnO/HA.
7990	Thạc sĩ	Khảo sát bệnh bại huyết do <i>Riemerella anatipestifer</i> gây ra trên vịt tại Bến Tre :	Nguyễn, Hiền Hậu	Nguyễn Hiền Hậu ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tỷ lệ bệnh bại huyết do <i>R. anatipestifer</i> gây ra trên vịt tại tỉnh Bến Tre, sự nhạy cảm kháng sinh của các chủng <i>R. anatipestifer</i> phân lập được để có kết quả điều trị tốt.
7991	Thạc sĩ	An investigation into EFL student teachers' perceptions and practices of intercultural communication competence in English language teaching: A case study in a university in the Mekong Delta :	Thiều, Quang Minh	Thiều Quang Minh ; Thái Công Dân (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu khảo sát về khía cạnh năng lực giao tiếp liên văn hóa trong việc giảng dạy ngoại ngữ.
7992	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của cảm nhận văn hóa doanh nghiệp đến sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng :	Lý, Ngọc Thiên Kim	Lý Ngọc Thiên Kim ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích tình hình xây dựng văn hóa doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại, sự ảnh hưởng của cảm nhận văn hóa doanh nghiệp đến sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
7993	Thạc sĩ	Khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết lá mơ xanh (<i>Paederia consimilis</i>) :	Hồ, Ngọc Trinh	Hồ Ngọc Trinh ; Nguyễn Đức Độ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của dung môi và sóng siêu âm lên sự hiện diện các hợp chất thực vật thứ cấp phổ biến qua đó khảo sát khả năng kháng oxy hóa và khả năng kháng vi sinh vật của lá mơ xanh.
7994	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Biochar trong khẩu phần và chất độn chuồng lên mật độ vi sinh vật và sinh trưởng của gà nòi lai :	Nguyễn, Ngọc Hiền	Nguyễn Ngọc Hiền ; Nguyễn Nhựt Xuân Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát ảnh hưởng của bổ sung Biochar trong thức ăn và chất độn chuồng lên tăng trưởng, chuyển hóa thức ăn, chỉ tiêu sinh lý, sinh hóa máu của gà nòi lai, đánh giá tác động của Biochar lên mật độ vi sinh vật, ký sinh trùng trong phân và chất độn chuồng.
7995	Thạc sĩ	Phát hiện dư lượng kháng sinh Enrofloxacin, Sulfadimidine và Benzylpenicillin trong cá tra và cá lóc tại tỉnh An Giang bằng vi sinh vật chỉ thị (<i>Escherichia coli</i> , <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Kocuria rhizophila</i>) :	Huỳnh, Thị Minh Tâm	Huỳnh Thị Minh Tâm ; Nguyễn Văn Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Thử nghiệm tính nhạy cảm của 3 chủng vi sinh vật <i>Escherichia coli</i> , <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Kocuria rhizophila</i> với kháng sinh chuẩn Enrofloxacin, Sulfadimidine và Benzylpenicillin, xác định lượng ức chế tối thiểu của kháng sinh chuẩn với chủng vi sinh vật nhạy cảm nhất.

7996	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu Biti's tại thành phố Cần Thơ :	Phạm, Hoàng Trang	Phạm Hoàng Trang ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích sự đánh giá và mức độ cảm nhận về thương hiệu Biti's, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu Biri's đồng thời phân tích mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến giá trị thương hiệu Biti's tại thành phố Cần Thơ.
7997	Thạc sĩ	Pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với ngân hàng thương mại :	Trần, Phan Ý Vy	Trần Phan Ý Vy ; Lê Thị Nguyệt Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu các quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt của ngân hàng thương mại, qua đó phát hiện ra một số hạn chế và đề xuất các hướng hoàn thiện đối với hoạt động này.
7998	Thạc sĩ	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng từ vịt tại tỉnh Trà Vinh :	Bùi, Thị Tuyết Băng	Bùi Thị Tuyết Băng ; Lưu Hữu Mạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tình hình nhiễm E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên vịt và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn phân lập được, xác định sự hiện diện gen E. coli mã hóa beta-lactamase phổ rộng từ đó giúp người chăn nuôi vịt tại Trà Vinh có biện pháp phòng trị tốt hơn.
7999	Thạc sĩ	Đánh giá tác động thoái hóa đất và kinh tế xã hội trong sản xuất cây lúa, cây màu ở thị xã Bình Minh và huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long :	Bùi, Minh Chánh	Bùi Minh Chánh ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá các yếu tố tác động đến mô hình sản xuất cây lúa, cây màu tỉnh Vĩnh Long và đề xuất giải pháp sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả và khả thi trong tương lai.
8000	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của sự khác biệt các yếu tố vĩ mô đến lựa chọn phương thức gia nhập thị trường của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam :	Nguyễn, Ngọc Anh Thư	Nguyễn Ngọc Anh Thư ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư và cách lựa chọn phương thức gia nhập thị trường của các công ty đa quốc gia, phân tích tác động của sự khác biệt về các yếu tố thuộc hoàn cảnh quốc gia đến phương thức gia nhập thị trường của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam.
8001	Thạc sĩ	Ứng dụng vi khuẩn Pseudomonas stutzeri và Phantoe agglomerans lên sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR50404 trồng ở Châu Đốc - An Giang :	Nguyễn, Ngọc Phương Uyên	Nguyễn Ngọc Phương Uyên ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định hiệu quả của vi khuẩn Pseudomonas stutzeri và Phantoe agglomerans lên sinh trưởng và năng suất của giống lúa IR50404 trồng ở Châu Đốc - An Giang.
8002	Thạc sĩ	Khảo sát hoạt tính sinh học của cao chiết cây môn ngứa (Colocasia esculenta) :	Nguyễn, Văn Bản	Nguyễn Văn Bản ; Nguyễn Đức Độ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát hoạt tính sinh học dựa trên các thành phần hóa học có khả năng kháng oxy hóa và khả năng kháng khuẩn của cao chiết cây môn ngứa.
8003	Thạc sĩ	Pháp luật về các khoản thu nộp ngân sách trong lĩnh vực thi hành án dân sự :	Lê, Thị Hồng Phấn	Lê Thị Hồng Phấn ; Lê Thị Nguyệt Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Khái quát pháp luật về các khoản thu nộp ngân sách trong lĩnh vực thi hành án dân sự, các khoản thu nộp ngân sách trong lĩnh vực thi hành án dân sự - thực trạng và hướng hoàn thiện.
8004	Thạc sĩ	Đánh giá diễn tiến đường bờ tại các cửa sông chính vùng hạ lưu sông MeKong :	Phan, Nhựt Trường	Phan Nhựt Trường ; Nguyễn Thị Hồng Điệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Theo dõi diễn tiến đường bờ và đánh giá sự thay đổi đường bờ tại các cửa sông chính vùng hạ lưu sông MeKong và dự báo xu hướng biến động đường bờ trong tương lai.

8005	Thạc sĩ	Khảo sát bệnh dại trên chó và biện pháp phòng chống ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long :	Lưu, Thị Như Mộng	Lưu Thị Như Mộng ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định mối liên hệ giữa tiêm phòng bệnh dại trên chó và tiêm phòng bệnh dại trên người, ảnh hưởng nồng độ kháng thể từ chó mẹ truyền sang con để đưa ra khuyến cáo thời gian tiêm phòng.
8006	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng phân lập từ gà tại tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh :	Bùi, Minh Khải	Bùi Minh Khải ; Lưu Hữu Mạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng phân lập từ gà khỏe, xác định nồng độ ức chế tối thiểu và kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng đối với một số loại kháng sinh.
8007	Thạc sĩ	Khảo sát và đánh giá các thuật toán Join trong MapReduce với Apache Spark :	Phạm, Hồng Cẩm	Phạm Hồng Cẩm ; Phan Thượng Càng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu đưa ra một số giải pháp hiệu quả cho xử lý Join trong môi trường MapReduce phù hợp với từng tập dữ liệu, các giải pháp này cần tiếp cận đến nền tảng xử lý dữ liệu lớn thế hệ mới Spark.
8008	Thạc sĩ	Khảo sát bệnh Gumboro và phân tích trình tự gene VP2 của virus Gumboro trên gà thả vườn tại tỉnh Bến Tre :	Trần, Trung Tín	Trần Trung Tín ; Nguyễn Văn Khanh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định sự biến đổi đặc điểm di truyền của gene VP2 của virus gây bệnh Gumboro trên đàn gà, so sánh chủng virus vaccine và các chủng đã công bố trên ngân hàng gene đồng thời lập bản đồ phá hệ virus thu thập được.
8009	Thạc sĩ	Điều chế và ứng dụng zeolite 4A từ tro bay nhà máy nhiệt điện Trà Vinh :	Vũ, Xuân Tú	Vũ Xuân Tú ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận về tro bay, zeolite 4A và cón tuyệt đối, thực nghiệm và đánh giá hiệu quả ứng dụng zeolite 4A tổng hợp từ tro bay nhà máy nhiệt điện Trà Vinh vào điều chế cón tuyệt đối.
8010	Thạc sĩ	EFL teachers' and students' evaluation of the pilot textbook tiếng Anh 10 :	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Nguyễn Thị Mỹ Linh ; Đỗ Minh Hùng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu khảo sát sự đánh giá của giáo viên và học sinh ở Cần Thơ và sách giáo khoa tiếng Anh thí điểm lớp 10.
8011	Thạc sĩ	Hệ thống thông minh hỗ trợ hỏi đáp thủ tục hành chính :	Nguyễn, Thanh Điền	Nguyễn Thanh Điền ; Đỗ Thanh Nghị (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu trên các lĩnh vực: phân lớp tự động văn bản, truy hồi thông tin, hỏi đáp tự động, chatbot và xử lý ngôn ngữ tự nhiên.
8012	Thạc sĩ	Khảo sát phổ ký chủ, phân bố và biến động mật số của nhện gié Steneotarsonemus Spinki Smiley trên ruộng lúa sạ lan tại tỉnh Hậu Giang :	Phùng, Thị Anh Thư	Phùng Thị Anh Thư ; Nguyễn Văn Huỳnh, Lăng Cảnh Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát mức độ sống sót và phát triển của nhện gié trên một số loài cỏ phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long để xác định phổ ký chủ của nhện gié, xác định sự phân bố và biến động của nhện gié trên ruộng lúa sạ lan tại tỉnh Hậu Giang.
8013	Thạc sĩ	Khảo sát sự hiện diện của Escherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên thân thịt gia súc, gia cầm tại cơ sở giết mổ tập trung ở Vĩnh Long :	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Nguyễn Thị Thanh Thảo ; Nguyễn Nhựt Xuân Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát sự hiện diện của vi khuẩn E. coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên thịt và môi trường giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung ở tỉnh Vĩnh Long, xác định một số gene mã hóa beta-lactamase phổ rộng của các chủng E. coli sinh ESBL phân lập trên thịt.

8014	Thạc sĩ	Khảo sát sự lưu hành của vi khuẩn Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium trên heo và môi trường tại một số cơ sở chăn nuôi thuộc tỉnh Vĩnh Long :	Huỳnh, Thị Thúy An	Huỳnh Thị Thúy An ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định sự lưu hành và mối liên hệ của vi khuẩn Salmonella, chủng Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium trên heo và môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, sự đề kháng đối với kháng sinh và tỷ lệ hiện diện các gene kháng kháng sinh của các chủng Salmonella Weltevreden và Salmonella Typhimurium phân lập được.
8015	Thạc sĩ	Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thơ cho học sinh lớp 11 bằng phương pháp tổ chức thuyết trình :	Trần, Thị Kim Thêu	Trần Thị Kim Thêu ; Lê A (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận, thiết kế nội dung thực nghiệm đọc hiểu văn bản thơ bằng phương pháp tổ chức cho người học thuyết trình trong chương trình ngữ văn 11 cơ bản.
8016	Thạc sĩ	Đánh giá vai trò của làng nghề trong phát triển kinh tế hộ ở huyện Phú Tân, tỉnh An Giang :	Trương, Kim Oanh	Trương Kim Oanh ; Nguyễn Hồng Tín (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng vai trò của làng nghề đối với kinh tế hộ gia đình, phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ tham gia làng nghề và đề xuất giải pháp phát triển làng nghề góp phần phát triển kinh tế hộ.
8017	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng bệnh viêm tử cung và thử nghiệm biện pháp điều trị trên bò tại tỉnh Tiền Giang :	Hồ, Vân Thanh	Hồ Vân Thanh ; Nguyễn Trọng Ngữ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng bệnh viêm tử cung trên đàn bò nuôi tại tỉnh Tiền Giang và đưa ra biện pháp điều trị hữu hiệu bệnh viêm tử cung bò.
8018	Thạc sĩ	So sánh hiệu quả sản xuất nhân Ido của nông hộ trong và ngoài tiêu chuẩn VietGAP ở huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long :	Hồ, Huy Cường	Hồ Huy Cường ; Vũ Anh Pháp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ nhân Ido, phân tích và so sánh hiệu quả kinh tế sản xuất nhân Ido trong và ngoài tiêu chuẩn VietGAP.
8019	Thạc sĩ	Chẩn đoán bệnh trên hệ tiết niệu của chó bằng phương pháp siêu âm và hiệu quả của phác đồ điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá Thú y thực hành Đại học Cần Thơ :	Trần, Thị Kiều Trinh	Trần Thị Kiều Trinh ; Nguyễn Văn Khanh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tình hình bệnh trên tiết niệu của chó bằng phương pháp siêu âm, qua đó xác định các dạng bệnh lý thường gặp trên hệ tiết niệu của chó đồng thời đánh giá hiệu quả điều trị tại phòng thí nghiệm bệnh xá thú y thực hành Đại học Cần Thơ.
8020	Thạc sĩ	Nghiên cứu biện pháp phòng trừ bệnh thối khô củ do tuyến trùng Pratylenchus sp. trên khoai mỡ (Dioscorea alata L.) tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long :	Trương, Thanh Thảo	Trương Thanh Thảo ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tuyển chọn chủng xạ khuẩn và thuốc hóa học có khả năng đối kháng cao đối với tuyến trùng Pratylenchus sp. trong điều kiện phòng thí nghiệm, đánh giá hiệu lực của xạ khuẩn và thuốc hóa học ở điều kiện ngoài đồng nhằm tìm ra biện pháp phòng trừ hiệu quả cao đối với tuyến trùng Pratylenchus sp.
8021	Thạc sĩ	Khảo sát một số chỉ tiêu lý hóa và đánh giá chất lượng nước thải tại một số cơ sở giết mổ gia súc trên địa bàn tỉnh Trà Vinh :	Phạm, Quốc Lĩnh	Phạm Quốc Lĩnh ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng tình hình thực hiện bảo vệ môi trường tại một số cơ sở giết mổ, chất lượng nước thải tại cơ sở giết mổ và nước sinh hoạt gần lò mổ.
8022	Thạc sĩ	Xác định mối liên quan giữa chứng tăng huyết áp và bệnh tiểu đường trên chó tại phòng thí nghiệm bệnh xá Thú y thực hành Đại học Cần Thơ :	Đặng, Thị Thắm	Đặng Thị Thắm ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tỷ lệ chó bị chứng tăng huyết áp có liên quan tới bệnh tiểu đường, qua đó xác định mối liên quan giữa chứng tăng huyết áp và bệnh tiểu đường đồng thời đánh giá hiệu quả của phác đồ điều trị chứng tăng huyết áp trên chó.

8023	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mạng cảm biến vào giám sát môi trường hệ thống nuôi cá kết hợp trồng rau (Aquaponics) :	Huỳnh, Minh Thế	Huỳnh Minh Thế ; Trần Thanh Điền (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng hệ thống giám sát một số chỉ số môi trường quan trọng của hệ thống nuôi cá kết hợp trồng rau nhằm mục đích hỗ trợ người sử dụng phát hiện ra các bất thường của hệ thống để có biện pháp điều chỉnh phù hợp và kịp thời.
8024	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của xạ khuẩn, chất kích kháng và thuốc hóa học trong phòng trị bệnh rỉ sắt do nấm <i>Puccinia arachidis</i> trên cây đậu phộng :	Nguyễn, Minh Nhã Vi	Nguyễn Minh Nhã Vi ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả phòng trị bệnh của các chủng xạ khuẩn, xác định được nồng độ hóa chất có khả năng kích thích tính kháng bệnh rỉ sắt trên cây đậu phộng.
8025	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng hấp phụ asen trong nước giả thải bằng biochar biến tính Fe(III) :	Lâm, Cẩm Hoa	Lâm Cẩm Hoa ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu biến tính biochar làm từ thân lục bình bằng Fe(III) và khảo sát khả năng hấp phụ asen trong nước của các biochar.
8026	Thạc sĩ	Phân lập và khảo sát tính đề kháng kháng sinh của <i>Escherichia coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng phân lập từ heo ở tỉnh Trà Vinh :	Lâm, Thị Ngọc Trúc	Lâm Thị Ngọc Trúc ; Lưu Hữu Mạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tình hình chăn nuôi và sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi heo tại tỉnh Trà Vinh, sự hiện diện của vi khuẩn <i>E. coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng trên heo, môi trường chăn nuôi heo, người nuôi heo và tính đề kháng kháng sinh của <i>E. coli</i> sinh beta-lactamase phổ rộng đối với một số loại kháng sinh tại tỉnh Trà Vinh.
8027	Thạc sĩ	Phân lập và thử nghiệm hiệu quả điều trị của thực khuẩn thể (Bacteriophage) đối với vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> gây bệnh đường hô hấp trên gà :	Keomany, Daosavanh	Daosavanh Keomany ; Nguyễn Trọng Ngừ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập thực khuẩn thể có khả năng phân giải vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> gây bệnh đường hô hấp trên gà và xác định hiệu quả điều trị bệnh của thực khuẩn thể đối với <i>E. coli</i> gây bệnh đường hô hấp trên gà.
8028	Thạc sĩ	Nghiên cứu biện pháp kích kháng và thực khuẩn thể trong phòng trừ bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn <i>Xanthomonas oryzae</i> pv. <i>Oryzae</i> ở điều kiện nhà lưới :	Homsavanh, Souvannasone	Souvannasone Homsavanh ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu về hoạt tính enzyme phenylalanine ammonia lyase có liên quan đến sự tăng cường tính kích thích kháng bệnh cháy bìa lá lúa, xác định hiệu quả phòng trừ bệnh của biện pháp sinh học thực khuẩn thể, biện pháp kích kháng, hóa học và biện pháp xử lý phối hợp ở điều kiện nhà lưới.
8029	Thạc sĩ	So sánh hoạt tính kháng khuẩn, khả năng phòng bệnh và ảnh hưởng tăng trưởng trên gà nòi lai của lá diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i>) và lá bán tự mọc (<i>Hemigraphis glaucescens</i>) :	Trần, Thị Xuân Quỳnh	Trần Thị Xuân Quỳnh ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát tính kháng khuẩn của cao chiết từ bột lá diếp cá và bột lá cây bán tự mọc đối với một số loại vi khuẩn sau tách chiết và sau khi bảo quản 1 tháng, khả năng phòng bệnh và tác động trên sự tăng trưởng của gà nòi lai.
8030	Thạc sĩ	Khảo sát đáp ứng miễn dịch trên chó sau tiêm phòng vaccine dại Rabisin và sự hiện diện của kháng thể kháng virus dại trên dơi (<i>Megaderma spasma</i>) ở tỉnh Hậu Giang :	Lâm, Khánh Toàn	Lâm Khánh Toàn ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tỷ lệ tiêm phòng dại trên chó và người, đồng thời xác định khả năng đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm phòng vaccine Rabisin trên chó và xác định sự hiện diện của kháng thể virus dại trên dơi.
8031	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên ếch và thử hiệu quả của thuốc tẩy trừ tại tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Ngọc Mai Thy	Nguyễn Ngọc Mai Thy ; Nguyễn Hữu Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tình hình nhiễm các loại giun sán ký sinh trên ếch đồng và ếch nuôi tại tỉnh Đồng Tháp, loại thuốc tẩy trừ giun sán ký sinh trên ếch nuôi.

8032	Thạc sĩ	Nghiên cứu các biện pháp kết hợp hóa học và sinh học trong phòng trừ bệnh cháy lá hành (Allium fistulosum) do vi khuẩn Xanthomonas sp. :	Nguyễn, Thị Kim Vui	Nguyễn Thị Kim Vui ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích tìm ra biện pháp hiệu quả nhất trong việc phòng trị bệnh cháy lá trên cây hành lá do vi khuẩn Xanthomonas sp. gây ra ở điều kiện nhà lưới và ngoài đồng.
8033	Thạc sĩ	Xác định sự lưu hành và các type Parvovirus gây bệnh trên chó tại tỉnh Tiền Giang :	Trần, Văn Thanh	Trần Văn Thanh ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định type CPV-2 gây bệnh viêm dạ dày và ruột trên chó để có giải pháp chẩn đoán sớm, can thiệp kịp thời, giảm tỷ lệ chết trên chó của Tiền Giang khi bị nhiễm CPV-2.
8034	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị lúa gạo Jasmine ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang :	Bùi, Văn Thanh	Bùi Văn Thanh ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa gạo Jasmine, phân tích chuỗi giá trị lúa gạo jasmine tại huyện Châu Phú tỉnh An Giang.
8035	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và thử nghiệm nuôi thương phẩm vọp (Geloina coxans) tại tỉnh Kiên Giang :	Nguyễn, Nhật Cường	Nguyễn Nhật Cường ; Huỳnh Thanh Tới, Ngô Thị Thu Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng, sinh trưởng và sinh học sinh sản của vọp U Minh Thượng, ảnh hưởng của mật độ nuôi đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của vọp.
8036	Thạc sĩ	Khảo sát hiện trạng canh tác, tình hình dịch hại và biện pháp phòng trị trong sản xuất hành lá tại huyện Hồng Ngự (Đồng Tháp) và Bình Tân (Vĩnh Long) :	Lê, Thị Trúc Phương	Lê Thị Trúc Phương ; Trần Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu hiện trạng canh tác hành lá tại hai huyện Hồng Ngự và Bình Tân, xác định thành phần sâu bệnh và mức độ gây hại trên hành lá, phân tích hiện trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ sâu bệnh trên hành lá tại hai huyện Hồng Ngự và Bình Tân.
8037	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình bệnh do Parvovirus trên chó và xác định type virus gây bệnh tại bệnh xá Thú y Đại học Cần Thơ :	Phuthavong, Keovongphet	Keovongphet Phuthavong ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tình hình nhiễm bệnh viêm ruột do Parvovirus trên chó nuôi, xác định type virus đang lưu hành và gây bệnh trên chó, đánh giá hiệu quả liệu pháp hỗ trợ điều trị bệnh viêm ruột do Parvovirus gây ra trên chó.
8038	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất lúa SRP tại huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Hoàng Tính	Nguyễn Hoàng Tính ; Võ Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng và hiệu quả mô hình sản xuất lúa trong và ngoài SRP, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả mô hình sản xuất lúa trong và ngoài SRP tại huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng.
8039	Thạc sĩ	Đánh giá một số chỉ tiêu vi sinh vật trên thịt heo tại lò mổ gia súc tập trung và các quầy, kệ kinh doanh thịt tại huyện Châu Thành và huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh :	Lê, Hoàng Khương	Lê Hoàng Khương ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng và điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia súc và chợ bày bán thịt heo trên địa bàn, khảo sát tình hình nhiễm vi sinh vật trên thịt và môi trường tại cơ sở giết mổ.
8040	Thạc sĩ	Đánh giá tính bền vững các mô hình sử dụng đất tại vùng U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Thị Mỹ Thúy	Nguyễn Thị Mỹ Thúy ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tính bền vững các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường của các mô hình sử dụng đất canh tác nông nghiệp từ đó định hướng đề xuất phát triển các mô hình sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả cho khu vực U Minh Hạ tỉnh Cà Mau.

8041	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có tiềm năng Probiotic ứng dụng trong chăn nuôi heo :	Trịnh, Thị Hồng Mơ	Trịnh Thị Hồng Mơ ; Nguyễn Thị Hồng Nhân (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu tuyển chọn 1 - 2 dòng vi khuẩn có tiềm năng về probiotic bao gồm vi khuẩn Bacillus và Lactobacillus để làm nguồn giống trong sản xuất chế phẩm sinh học cho chăn nuôi gia súc.
8042	Thạc sĩ	Khảo sát điều kiện vệ sinh thú y và sự lây nhiễm vi sinh vật trên thịt gia cầm và môi trường giết mổ tại các cơ sở giết mổ gia cầm tỉnh Trà Vinh :	Trần, Duy Khang	Trần Duy Khang ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng vệ sinh thú y ở các cơ sở giết mổ gia cầm tỉnh Trà Vinh, tình hình lây nhiễm các chỉ tiêu vi sinh vật trên thịt gia cầm và chất lượng thân thịt gia cầm
8043	Thạc sĩ	So sánh các phương pháp rút trích đặc trưng trong bài toán phân lớp ảnh :	Diệp, Quốc Minh	Diệp Quốc Minh ; Phạm Thế Phi (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày việc so sánh các phương pháp rút trích đặc trưng ảnh trong bài toán phân lớp ảnh dựa trên nền tảng kiến thức về thị giác máy tính và xử lý ảnh.
8044	Thạc sĩ	Phân tích đảo nhiệt đô thị và tiêu thụ năng lượng tại đô thị Bangkok sử dụng viễn thám :	Nguyễn, Trọng Căn	Nguyễn Trọng Căn ; Nguyễn Thị Hồng Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm xác định phân bố không gian hiện tượng đảo nhiệt đô thị và phân tích mối liên hệ giữa tiêu thụ năng lượng và hiện tượng đảo nhiệt đô thị.
8045	Thạc sĩ	Đánh giá một số chỉ tiêu vi sinh vật trên thịt heo tại cơ sở giết mổ gia súc và các quầy, kệ bán ở các chợ tại thành phố Trà Vinh và huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh :	Ngô, Ngọc Hương	Ngô Ngọc Hương ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng và điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia súc và các quầy, kệ kinh doanh thịt trên địa bàn, khảo sát tình hình nhiễm vi sinh vật trên thịt và môi trường tại cơ sở giết mổ.
8046	Thạc sĩ	Đánh giá tiềm năng phát triển mô hình trồng nhãn E-Dor tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ :	Lê, Minh Tân	Lê Minh Tân ; Nguyễn Hồng Tín (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng sản xuất và hiệu quả tài chính của mô hình trồng nhãn E-Dor, tiềm năng phát triển của mô hình trồng nhãn E-Dor dựa trên tiềm lực sẵn có của nông hộ, đồng thời đề xuất giải pháp phát triển mô hình sản xuất nhãn E-Dor hiệu quả hơn.
8047	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Minh Mẫn	Nguyễn Minh Mẫn ; Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ từ đó tìm ra những thuận lợi và khó khăn làm cơ sở đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đất đai tại thành phố Cần Thơ.
8048	Thạc sĩ	Điều khiển tuabin nhiệt điện :	Trần, Anh Duy	Trần Anh Duy ; Ngô Quang Hiếu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu về nguyên lý, xây dựng bộ điều khiển tốc độ trên tuabin nhiệt điện sử dụng phương pháp điều khiển trượt.
8049	Thạc sĩ	Hiệu quả sản xuất cá lóc nuôi vèo ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng :	Võ, Minh Quân	Võ Minh Quân ; Cao Quốc Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng sản xuất, hiệu quả sản xuất và những yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất mô hình nuôi cá lóc vèo ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
8050	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and practices of using compliments in motivating students in English classrooms :	Nguyễn, Thị Thanh Thế	Nguyễn Thị Thanh Thế ; Trịnh Quốc Lập (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu mô tả này được thực hiện nhằm mục đích tìm hiểu nhận thức và việc thực hành lời khen của các giáo viên nhằm tạo động lực để học sinh học tốt hơn trong môn tiếng Anh.

8051	Thạc sĩ	Hiệu quả của hoạt động chỉnh sửa đối với việc nâng cao kỹ năng lập luận trong bài văn nghị luận xã hội của học sinh THPT :	Nguyễn, Thị Minh	Nguyễn Thị Minh ; Đặng Ngọc Lệ (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận, tổ chức hoạt động chỉnh sửa trong bài văn nghị luận xã hội của học sinh, thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.
8052	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất cây khoai lang tím Nhật của nông hộ tỉnh Vĩnh Long :	Võ, Ngọc Thơ	Võ Ngọc Thơ ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng canh tác khoai lang tím Nhật, phân tích hiệu quả sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khoai lang tím Nhật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.
8053	Thạc sĩ	Khảo sát năng lực tạo lập văn bản nghị luận của học sinh ở hai trường: THPT Thực hành Sư phạm và THPT Nguyễn Việt Dũng (Thành phố Cần Thơ) :	Ngô, Thúy Kiều	Ngô Thúy Kiều ; Trần Văn Minh (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu thực trạng năng lực viết văn bản nghị luận của học sinh lớp 11, tìm ra nguyên nhân của thực trạng và đề xuất giải pháp góp phần nâng cao năng lực tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh.
8054	Thạc sĩ	Khả năng phòng trừ của nhóm ong ký sinh trên sâu cuốn lá nhỏ Cnaphalocrosis medinalis Guenée hại lúa và ảnh hưởng của một số loại thuốc bảo vệ thực vật đối với ong ký sinh Trichogramma sp. (Hymenoptera: Trichogrammatidae) :	Trần, Ngọc Ân	Trần Ngọc Ân ; Trần Văn Hai, Phạm Kim Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá tình hình ký sinh của nhóm ong ký sinh trên trứng và ấu trùng của sâu cuốn lá nhỏ hại lúa, nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh học của ong mắt đỏ, ảnh hưởng của điều kiện thức ăn đến thời gian sống sót của ong ký sinh.
8055	Thạc sĩ	Mô hình phun thuốc tự động :	Nguyễn, Lê Thế Duy	Nguyễn Lê Thế Duy ; Trần Thanh Hùng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu phương pháp xây dựng và hiệu chỉnh một tập dữ liệu tọa độ bản đồ lấy từ định vị GPS, xây dựng mô hình động học của xe tự hành và mô phỏng mô hình trên MATLAB, thiết kế mô hình phun thuốc tự động bằng phương pháp kỹ thuật định vị toàn cầu, ứng dụng thuật toán dẫn đường để điều khiển góc lái.
8056	Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống giám sát nhịp sinh học trong thời gian thực (Phần mềm) :	Hồ, Minh Tân	Hồ Minh Tân ; Nguyễn Hoàng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Thiết kế giao diện phần mềm đo nhịp tim theo thời gian thực trên máy tính, thiết lập giao tiếp của máy tính với thiết bị đo nhịp tim, mô phỏng tín hiệu não và chèn tín hiệu nhiễu từ nhịp tim nhận được từ thiết bị.
8057	Thạc sĩ	Teaching and learning EFL speaking in large classes at a high school in Can Tho city :	Nguyễn, Kim Tuyền	Nguyễn Kim Tuyền ; Nguyễn Huỳnh Trang (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu xác định những vấn đề gây ra bởi các lớp học đông khi giáo viên tiếng Anh và học sinh thực hành kỹ năng nói.
8058	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh đạo ôn trên lúa do nấm Pyricularia oryzae của các chủng xạ khuẩn triển vọng trong điều kiện ngoài đồng tại huyện Cờ Đỏ - thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Bích Trâm	Trần Thị Bích Trâm ; Lê Minh Tường (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm ra chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh đạo ôn hại lúa ở điều kiện ngoài đồng.
8059	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm tại hội chợ triển lãm của người tiêu dùng ĐBSCL :	Trần, Thanh Hùng	Trần Thanh Hùng ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng mua sắm, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm tại hội chợ triển lãm của người tiêu dùng Đồng bằng sông Cửu Long.

8060	Thạc sĩ	Mô hình hóa và điều khiển hệ thống treo xe ô tô :	Nguyễn, Nhật Duy	Nguyễn Nhật Duy ; Ngô Quang Hiếu (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tìm hiểu, phân tích về mặt kết cấu cũng như nguyên lý động lực học của hệ thống treo, xây dựng mô hình hệ thống cho bài toán dao động và cân bằng dao động ô tô theo mô hình 1/4 xe.
8061	Thạc sĩ	Khảo sát phương pháp định lượng kim loại Cd, Pb, As trong sơn môi bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) và quang phổ phát xạ nguyên tử (ICP-OES) :	Ngô, Văn Bến	Ngô Văn Bến ; Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Xuân Dư (Hướng dẫn khoa học)	2018	Lựa chọn và tối ưu hóa thiết bị phân tích, quy trình chuẩn bị mẫu, khảo sát so sánh, chọn lọc để chuẩn hóa quy trình định lượng ion kim loại nặng Pb, Cd, As có trong sơn môi.
8062	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi mô hình sản xuất lúa sang cam sành của nông hộ huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long :	Ngô, Thị Phụng	Ngô Thị Phụng ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất lúa sang sản xuất cam sành huyện Vũng Liêm, nhằm đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả và thúc đẩy chuyển đổi mô hình cam sành trên đất lúa của nông hộ.
8063	Thạc sĩ	Yếu tố giới trong quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội :	Nguyễn, Phan Hoàng Ngọc	Nguyễn Phan Hoàng Ngọc ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của yếu tố giới tính trong ban quản trị công ty đến hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
8064	Thạc sĩ	Lập chỉ mục và tìm kiếm video theo nội dung :	Trang, Thanh Trí	Trang Thanh Trí ; Phạm Thế Phi (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng mô hình máy học sử dụng phương pháp mạng nơ-ron tích chập để giải quyết vấn đề phát hiện và nhận dạng chuyển cảnh sao cho đạt hiệu quả cao về hiệu suất nhận dạng lẫn tốc độ tính toán.
8065	Thạc sĩ	Đánh giá sinh kế và hiệu quả các mô hình sử dụng đất nông nghiệp tại địa bàn thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang :	Huỳnh, Hà Trang	Huỳnh Hà Trang ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng sinh kế nông hộ và hiệu quả sử dụng đất canh tác nông nghiệp từ đó xác định được những yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tính bền vững của các mô hình canh tác.
8066	Thạc sĩ	Nghiên cứu động học phản ứng quang oxy hóa p-xylene trên xúc tác perovskite LaFeO ₃ dạng màng mỏng :	Nguyễn, Lâm Thùy Dương	Nguyễn Lâm Thùy Dương ; Lưu Cẩm Lộc (Hướng dẫn khoa học)	2018	Chế tạo xúc tác perovskite LaFeO ₃ màng mỏng, khảo sát các tính chất lý hóa của LaFeO ₃ , nghiên cứu động học phản ứng quang oxy hóa p-xylene và đề xuất phương trình động học.
8067	Thạc sĩ	Mức độ cạnh tranh và ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Phạm, Thị Quỳnh Như	Phạm Thị Quỳnh Như ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích mức độ cạnh tranh và ổn định tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, qua đó đề xuất chính sách quản lý phù hợp để thúc đẩy cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.
8068	Thạc sĩ	Điều khiển trượt hệ tay máy dựa trên mạng nơ-ron RBF :	Nguyễn, Thị Kiều Phụng	Nguyễn Thị Kiều Phụng ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng lại mô hình tay máy 3 bậc tự do trên MATLAB, thiết kế bộ điều khiển trượt dựa trên mạng nơ-ron RBF với cơ chế học trực tuyến và dựa theo lý thuyết ổn định Lyapunov để kiểm soát tay máy với mức dao động quanh mặt trượt giảm đi đáng kể.
8069	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên công ty điện lực thành phố Cần Thơ :	Trịnh, Thị Hằng Nga	Trịnh Thị Hằng Nga ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích và đánh giá thực trạng nhân sự của công ty, các yếu tố ảnh hưởng đến sự cam kết gắn bó đối với tổ chức của nhân viên công ty điện lực thành phố Cần Thơ.

8070	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng bắt giữ ion Pb^{2+} và Hg^{2+} của Au_6 gắn kết cysteine bằng lý thuyết phiếm hàm mật độ :	Trần, Thị Diễm Trang	Trần Thị Diễm Trang ; Nguyễn Thị Thu Thủy (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xác định cấu trúc tối ưu của phức $Au_6.Cys-Pb^{2+}$ và $Au_6.Cys-Hg^{2+}$, khảo sát năng lượng tương tác và bản chất liên kết của phức Au_6-Cys với các ion Pb^{2+} và Hg^{2+} , khảo sát phổ UV-Vis của các phức được tạo thành.
8071	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa hỗ trợ phát triển chính thức nước ngoài (ODA) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) :	Đinh, Thị Ngọc Hương	Đinh Thị Ngọc Hương ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đo lường mối quan hệ giữa viện trợ nước ngoài (ODA) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của một số nước đang phát triển khu vực Châu Á, trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị nhằm giúp chính phủ các nước sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả để thu hút FDI hợp lý.
8072	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and strategies for developing pedagogical knowledge after pedagogical training programs :	Đặng, Vũ Hoài Nhân	Đặng Vũ Hoài Nhân ; Trịnh Quốc Lập (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu mô tả này được thực hiện nhằm mục đích tìm ra những nhận thức và chiến lược mà những giáo viên đang giảng dạy tiếng Anh dùng để phát triển kiến thức sư phạm của họ sau khi tham gia vào các khóa tập huấn giảng dạy.
8073	Thạc sĩ	Hội tụ biến phân và xấp xỉ các bài toán tối ưu :	Lê, Thị Anh Thư	Lê Thị Anh Thư ; Phan Quốc Khánh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Trình bày các khái niệm và kiến thức cơ sở về giải tích biến phân, giải tích đa trị và giải tích lồi, hội tụ biến phân của song hàm trên miền chữ nhật cùng các ứng dụng cho bài toán biến phân trên miền ràng buộc cố định.
8074	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc và tương tác của các Cluster Au_6 và Ag_6 với Cysteine bằng tính toán hóa lượng tử :	Bùi, Nhật Vũ	Bùi Nhật Vũ ; Phạm Vũ Nhật (Hướng dẫn khoa học)	2018	Khảo sát bản chất tương tác, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tương tác của cysteine với cluster vàng, bạc và so sánh khả năng tương tác với cysteine của cluster Au_6 và Ag_6 .
8075	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và kháng vi sinh vật của cao chiết từ cây trái nỏ (<i>Ruellia tuberosa</i> L.) :	Đào, Hương Khoa	Đào Hương Khoa ; Nguyễn Đức Độ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát các hợp chất tự nhiên có khả năng kháng oxy hóa, kháng khuẩn và kháng nấm của cao chiết từ các bộ phận cây trái nỏ.
8076	Thạc sĩ	Phân lập và thử nghiệm hiệu quả điều trị của Bacteriophage (Thực khuẩn thể) đối với vi khuẩn Salmonella gây bệnh đường ruột trên gà :	Vannapaseut, Souvannaty	Souvannaty Vannapaseut ; Nguyễn Trọng Ngữ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập các bacteriophages có khả năng phân giải Salmonella gây bệnh trên đường tiêu hóa của gà và thử nghiệm khả năng phòng và điều trị của bacteriophages phân lập được đối với vi khuẩn Salmonella trên gà Cobb 500.
8077	Thạc sĩ	Tính ổn định và phân nhánh trong mô hình nguồn tài nguyên - dân số :	Nguyễn, Trường Duy	Nguyễn Trường Duy ; Nguyễn Hữu Khánh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng mô hình toán học cho nguồn tài nguyên và dân số từ đó dùng lý thuyết của hệ động lực để phân tích tính ổn định của mô hình và đưa ra biểu đồ phân nhánh miêu tả bức tranh ổn định toàn cục của mô hình
8078	Thạc sĩ	Đề xuất giải pháp lọc thích nghi cho tín hiệu điện não :	Nguyễn, Văn Khôi	Nguyễn Văn Khôi ; Nguyễn Hoàng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu về tín hiệu EEG, nhiễu do nhịp tim, nhịp thở và áp suất máu, phương pháp lấy tín hiệu EEG thực từ EPOC, lọc RLSE và lowpass cho tín hiệu EEG.

8079	Thạc sĩ	La Traduction des pronoms personnels à latroisième personne du français au vietnamien. Etude de cas des pronoms personnels à la troisième personne avec référence humaine dans l'Amant de Marguerite Duras :	Trần, Trang Thanh Nhã	Trần Trang Thanh Nhã ; Trần Văn Lụa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Notre mémoire contient donc deux grandes parties. La première partie sera consacrée au cadre théorique. Dans cette partie, nous aborderons des systèmes de pronoms personnels de troisième personne dans les deux langues. Nous présenterons ensuite des différents concepts de la traduction littéraire tels que la notion, la fidélité, le contexte verbal, l'interférence linguistique et des procédés de traductions.
8080	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng sử dụng dịch vụ internet thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại thành phố Cần Thơ: Mô hình thời gian :	Lê, Ngọc Diễm Trang	Lê Ngọc Diễm Trang ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng sử dụng dịch vụ internet của người dân, các nhân tố ảnh hưởng lòng trung thành của khách hàng khi sử dụng dịch vụ internet của VNPT tại thành phố Cần Thơ.
8081	Thạc sĩ	Khảo sát ảnh hưởng của nhện lông nhung (Eriophyes sp.) lên sự thể hiện hội chứng chổi rồng trên nhãn :	Lương, Thị Thùy Linh	Lương Thị Thùy Linh ; Lê Văn Vàng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định kiểu hình nhện lông nhung trên nhãn và sự liên quan của nhện lông nhung với hiện tượng chổi rồng trên nhãn
8082	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách quốc gia đến khả năng thâm nhập tài sản địa phương của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam :	Huỳnh, Trung Quốc Thái	Huỳnh Trung Quốc Thái ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Mô tả thực trạng về các hoạt động kinh doanh, phân tích tác động của các yếu tố khoảng cách quốc gia đến việc thâm nhập tài sản địa phương của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam.
8083	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ :	Bùi, Minh Trung	Bùi Minh Trung ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng người lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ.
8084	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Trường Nhựt	Nguyễn Trường Nhựt ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2013 - 2017 và đề xuất giải pháp hoàn thiện cấu trúc vốn của đối tượng nghiên cứu.
8085	Thạc sĩ	Khảo sát ảnh hưởng của một số hóa chất tín hiệu đối với sùng khoai lang, Cylas formicarius (Coleoptera: Curculionidae) :	Keomanivone, Douangvilavang	Douangvilavang Keomanivone ; Lê Văn Vàng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của tinh dầu sả, dầu tỏi và hợp chất AITC lên hành vi tìm giao phối của sùng khoai lang đực và hành vi tìm ký chủ đẻ trứng của sùng khoai lang cái trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.
8086	Thạc sĩ	Tổng hợp TiO2/Zeolite để xử lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Pyrethroids (Alpha - Cypermethrin) :	Trần, Thị Tường Vi	Trần Thị Tường Vi ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Hướng dẫn khoa học)	2018	Đánh giá tiềm năng của vật liệu TiO2/ZSM-5, thông qua việc ứng dụng vật liệu TiO2/ZSM-5 xử lý dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Pyrethroids (Alpha - Cypermethrin).
8087	Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống phân loại, sắp xếp sản phẩm sử dụng công nghệ xử lý ảnh và cánh tay robot :	Nguyễn, Ngọc Đăng Khoa	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa ; Trương Quốc Bảo (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến thiết kế hệ thống phân loại sản phẩm có sử dụng công nghệ xử lý ảnh kết hợp với kỹ thuật điều khiển cánh tay robot gấp vật.

8088	Thạc sĩ	Nghiên cứu nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cần Thơ :	Vi, Thị Đáng	Vi Thị Đáng ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích tình hình hoạt động dịch vụ bán lẻ, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ thông qua khảo sát đánh giá của khách hàng, giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt Cần Thơ.
8089	Thạc sĩ	Gợi ý sản phẩm với tiếp cận khai phá quan điểm :	Bùi, Thị Diễm Trinh	Bùi Thị Diễm Trinh ; Trương Quốc Định (Hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng hệ thống gợi ý sản phẩm dựa trên tính năng của sản phẩm được người dùng quan tâm, sử dụng kỹ thuật rút trích thông tin và khai phá quan điểm.
8090	Thạc sĩ	Điều khiển thông minh động cơ không đồng bộ ba pha :	Trương, Nhựt Xuân Phong	Trương Nhựt Xuân Phong ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển thông minh ứng dụng mạng RBF để khắc phục những nhược điểm của phương pháp điều khiển truyền thống được đề cập, nhanh chóng và chính xác.
8091	Thạc sĩ	Xây dựng thiết bị nhận dạng và đếm tôm giống sử dụng công nghệ ảnh trên hệ thống nhúng :	Bùi, Chí Thanh	Bùi Chí Thanh ; Trương Quốc Bảo (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng hệ thống cơ khí vận chuyển tôm giống kết hợp với buồng chụp ảnh và camera nhận biết được tôm giống và trả về số lượng chính xác.
8092	Thạc sĩ	Phân tích tác động của đòn bẩy tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Ngô, Hoàng Bảo Châu	Ngô Hoàng Bảo Châu ; Phước Minh Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích thực trạng sử dụng đòn bẩy tài chính và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
8093	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của dịch trích thực vật trong phòng trừ một số bệnh hại lúa quan trọng trên nền canh tác theo hướng bón hữu cơ ở địa bàn huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp :	Phạm, Thị Kim Quyên	Phạm Thị Kim Quyên ; Trần Kim Tính (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xác định khả năng hạn chế bệnh hại lúa của xử lý dịch trích thực vật và đánh giá ảnh hưởng của dịch trích thực vật đối với sự sinh trưởng, thành phần năng suất và năng suất lúa trên nền canh tác sử dụng phân bón hữu cơ.
8094	Thạc sĩ	Mô hình hóa và điều khiển thông minh động cơ DC Servo :	Đặng, Thanh Trúc	Đặng Thanh Trúc ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu mô phỏng động cơ DC Servo bằng công cụ Simulink/Matlab sau đó tiến hành thiết kế bộ điều khiển thích nghi RBF để khắc phục nhược điểm của phương pháp điều khiển kinh điển từ đó mở ra tiềm năng áp dụng cài đặt vào các thiết bị điều khiển trong công nghiệp.
8095	Thạc sĩ	Thiết kế hệ thống giám sát nhịp sinh học trong thời gian thực (Phần cứng) :	Phan, Hoài Loan	Phan Hoài Loan ; Nguyễn Hoàng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Thiết kế thiết bị có khả năng đo, hiển thị và truyền tín hiệu nhịp tim của con người đến các thiết bị ngoại vi nhằm sử dụng cho các mục đích hữu dụng khác: theo dõi nhịp tim và chỉ số sinh tồn theo thời gian thực, loại bỏ nhiễu nhịp tim trong tín hiệu não, chẩn đoán các bệnh liên quan về tim mạch,...
8096	Thạc sĩ	Tác động của đặc điểm nhà quản lý và hình thức sở hữu đến mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp tại Việt Nam :	Trần, Văn Cần	Trần Văn Cần ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chế biến, chế tạo tại Việt Nam, phân tích tác động của đặc điểm nhà quản lý và hình thức sở hữu đến mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp.

8097	Thạc sĩ	Nghiên cứu biện pháp tăng năng suất nấm rom (<i>Volvariella volvacea</i>) :	Nguyễn, Việt Trung	Nguyễn Việt Trung ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định lượng meo và kiểu mô thích hợp, liều lượng phân HVP và trùn quế thích hợp để nấm rom cho năng suất cao nhất, xác định kiểu mô và đánh giá hiệu quả tăng năng suất của phương pháp đốt mô.
8098	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của giống và hệ thống thủy canh đến sinh trưởng năng suất và chất lượng xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) :	Nguyễn, Lê Quốc Thi	Nguyễn Lê Quốc Thi ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm chọn được giống và loại hệ thống thủy canh cho cây xà lách sinh trưởng, đạt năng suất và chất lượng tốt nhất ở vùng có khí hậu nóng như thành phố Cần Thơ.
8099	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của ánh sáng đèn LED đến sinh trưởng và năng suất của cải củ (<i>Raphanus sativus</i> L.), cải ngọt (<i>Brassica integrifolia</i>) thu non :	Nguyễn, Bình Khang	Nguyễn Bình Khang ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra quang phổ, cường độ và thời gian chiếu sáng đèn LED phù hợp cho sự sinh trưởng, năng suất của cải củ và cải ngọt đuôi phụng thu non.
8100	Thạc sĩ	Phân tích mối quan hệ phụ thuộc giữa giá vàng và tỷ giá ngoại tệ theo hướng tiếp cận Copula :	Văng, Công Hiền	Văng Công Hiền ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích mối quan hệ phụ thuộc giữa giá vàng và tỷ giá ngoại tệ bằng cách sử dụng các hàm Copula, từ đó đề xuất khuyến nghị khi xem xét vàng là tài sản phòng ngừa rủi ro hay kênh trú ẩn an toàn khi tỷ giá biến động.
8101	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục tham gia hội trợ triển lãm của các doanh nghiệp Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Hoài An	Nguyễn Hoài An ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng tham gia hội chợ, triển lãm thương mại của các doanh nghiệp, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục tham gia hội chợ, triển lãm thương mại của các doanh nghiệp Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long.
8102	Thạc sĩ	L'autonomie des apprenants vietnamiens dans une formation en ligne. Le cas du Module d'Insertion Professionnelle sur la plate-forme en ligne du Campus Numérique Francophone partenaire de l'Université de Can Tho :	Nguyễn, Hoàng Thái	Nguyễn Hoàng Thái ; Võ Văn Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Notre mémoire s'organisera en 3 chapitres principaux. Le premier chapitre se consacrera aux considérations théoriques nécessaires à notre recherche. Les notions théoriques telles que la formation en ligne, l'autonomie de l'apprenant, en particulier celle dans la formation en ligne, etc. seront passées en revue pour appuyer nos analyses ultérieures. Dans le chapitre 2, nous expliciterons la méthodologie que nous avons utilisée pour mener notre recherche. Et le chapitre 3 sera réservé à la présentation des résultats de nos analyses.
8103	Thạc sĩ	L'enseignement de la grammaire au service de la production orale. Étude de cas des points grammaticaux dans le manuel ADO 1 pour la classe de onzième :	Nguyễn, Tấn Phú	Nguyễn Tấn Phú ; Trần Văn Lừa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	L'objectif de notre recherche vise à identifier, à mieux comprendre les causes des difficultés des élèves des classes FLV2. En outre, cette recherche nous permettrait également d'avoir des solutions appropriées dans l'enseignement du FLVE 2.
8104	Thạc sĩ	L'introduction des activités ludiques dans les heures de grammaire aux élèves à l'école primaire Binh Thuy, à Cantho :	Trần, Thị Cẩm Thanh	Trần Thị Cẩm Thanh ; Nguyễn Hương Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2018	En menant cette recherche, nous espérons trouver des solutions pour aider les élèves à avoir la motivation dans l'apprentissage du français, surtout pour des contenus sur la conjugaison du verbe au temps demandé. Ils pourront, de ce fait, obtenir les meilleurs résultats.

8105	Thạc sĩ	Prise de parole des élèves en 9e année du collège Luong The Vinh dans les jeux de rôle en classe de FLE: Problèmes posés dans la pratique de l'oral :	Trần, Ngọc Diễm Huỳnh	Trần Ngọc Diễm Huỳnh ; Nguyễn Thắng Cảnh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Dans l'espoir d'explicitier les idées exploitées dans notre champ de recherche, l'architecture de notre travail se subdivise en trois chapitres : Le premier chapitre porte sur le cadre théorique de notre recherche. D'abord, nous exposerons les définitions l'oral dans l'enseignement du FLE. Dans cette partie, nous évoquerons les aspects spécifiques de la pratique de l'oral et les compétences de l'oral dans la classe de FLE. Le deuxième chapitre sera consacré à l'analyse des corpus. En effet, nos corpus sont constitués des questionnaires et des enregistrements vidéo. Cette partie vise à examiner les difficultés auxquelles les élèves sont confrontées au cours de la pratique de l'oral en classe de FLE. Le troisième chapitre sera destiné aux propositions didactiques et aux grandes lignes des perspectives de recherche. Effectivement, cette partie a pour fonction de lancer des solutions et des suggestions pour remédier à des difficultés de communication des élèves et les encourager à s'engager de façon efficace dans leur production orale en classe.
8106	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo sợi nano chitosan/ZnO bằng phương pháp electrospinning :	Lê, Văn Mạnh	Lê Văn Mạnh ; Đoàn Văn Hồng Thiện (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng: Hàm lượng chitosan/Zn(NO ₃) ₂ , hiệu điện thế, lưu lượng dòng dung dịch polymer, nồng độ dung môi. Sợi 2 chitosan/Zn(NO ₃) ₂ được chiếu chùm vi sóng với các năng suất lò vi sóng khác nhau để nhiệt phân sợi chitosan/Zn(NO ₃) ₂ thành sợi nano chitosan/ZnO. Phân tích đặc tính sợi chitosan/Zn(NO ₃) ₂ và sợi nano chitosan/ZnO. Các phương pháp phân tích hiện đại được sử dụng gồm: SEM, IR, XRD và TGA được sử dụng.
8107	Thạc sĩ	Giải quyết tranh chấp lao động cá nhân theo pháp luật Việt Nam :	Nguyễn, Thanh Hằng	Nguyễn Thanh Hằng ; Đoàn Thị Phương Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích làm rõ một số vấn đề lý luận về tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Đánh giá các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động cá nhân qua đó thấy được những điểm còn hạn chế để đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp lao động cá nhân.
8108	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về lao động là người giúp việc gia đình - Thực trạng và kiến nghị :	Bùi, Thị Hoa Hạ	Bùi Thị Hoa Hạ ; Đoàn Thị Phương Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu đề tài nhằm để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực trạng thực hiện pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị để góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về lao động là người giúp việc gia đình.
8109	Thạc sĩ	Pháp luật về hợp đồng theo mẫu áp dụng trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại :	Diệp, Mỹ Nhân	Diệp Mỹ Nhân ; Lê Vũ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng theo mẫu áp dụng trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại. Phân tích sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi tham gia giao kết hợp đồng theo mẫu. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng như hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng theo mẫu áp dụng trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại trong lĩnh vực này.

8110	Thạc sĩ	Pháp luật về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi đất :	Phạm, Thị Bé Hiền	Phạm Thị Bé Hiền ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân tích làm rõ các vấn đề liên quan đến thu hồi đất, công tác thực hiện các chế định về ổn định đời sống, sản xuất. Từ đó có những đánh giá pháp luật cũng như thi hành chế định pháp luật trong quá trình thu hồi đất đến giai đoạn hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.
8111	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải trong khu công nghiệp :	Đinh, Trần Ngọc Huyền	Đinh Trần Ngọc Huyền ; Phạm Văn Võ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu làm rõ thực trạng pháp luật về kinh doanh dịch vụ xử lý nước thải trong khu công nghiệp, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
8112	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và kháng vi khuẩn <i>Propionibacterium acnes</i> gây mụn trứng cá từ cao chiết lá và trái cây ổi sê (<i>Psidium guajava</i> L.) :	Trương, Thị Ý Nhi	Trương Thị Ý Nhi ; Nguyễn Minh Chơn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu xác định khả năng kháng oxy hoá của cao chiết lá và trái ổi. Xác định khả năng kháng vi khuẩn <i>P. acnes</i> từ cao chiết lá và trái ổi ở mức độ in vitro. Ứng dụng điều chế được mỹ phẩm trong tương lai.
8113	Thạc sĩ	So sánh một số chỉ tiêu hình thái, tăng trưởng giữa cá lóc (<i>Channa striata</i>) tự nhiên, cá lóc nuôi, con lai giai đoạn giống và cá thương phẩm :	Lê, Hoàng Khương	Lê Hoàng Khương ; Bùi Minh Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu đánh giá một chỉ tiêu về hình thái; tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ sống của các dòng cá lóc tự nhiên, cá lóc nuôi và thế hệ con lai ở hai giai đoạn: từ cá bột lên cá giống và từ cá giống đến cá thương phẩm, nhằm mục đích chọn ra dòng cá giống để nuôi thương phẩm đạt hiệu quả kinh tế cao.
8114	Thạc sĩ	Nghiên cứu sàng lọc loại thảo dược tiềm năng để phòng bệnh do vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. ở tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) :	Võ, Tấn Huy	Võ Tấn Huy ; Trần Thị Tuyết Hoa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Sàng lọc cao chiết thảo dược có hoạt tính kháng vi khuẩn gây bệnh trên tôm; Xác định khả năng tăng cường miễn dịch và sức đề kháng với vi khuẩn gây bệnh ở tôm thẻ chân trắng khi ăn thức ăn bổ sung cao chiết thảo dược. Xác định khả năng kích thích tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng khi ăn thức ăn bổ sung cao chiết thảo dược.
8115	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các điều kiện tưới nước đến năng suất củ, hàm lượng Curcumin và tinh dầu của bốn giống nghệ vàng (<i>Curcuma</i> spp.) :	Nguyễn, Hoàng Hôn	Nguyễn Hoàng Hôn ; Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định được mức độ ảnh hưởng của các điều kiện hạn đến năng suất củ, hàm lượng curcumin, hàm lượng và thành phần hóa học của tinh dầu trên bốn giống nghệ vàng <i>Curcuma longa</i> . Từ đó, làm cơ sở lựa chọn được giống nghệ có khả năng chịu hạn và ít ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng tinh dầu, hàm lượng curcumin trong củ nghệ để đưa vào trong sản xuất.
8116	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập tại công ty TNHH kiểm toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ :	Trần, Phương Yến	Trần Phương Yến ; Nguyễn Tri Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá thực trạng dịch vụ kiểm toán độc lập tại Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập tại công ty, qua đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút dịch vụ kiểm toán độc lập tại Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt chi nhánh Cần Thơ
8117	Thạc sĩ	Bảo vệ quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số :	Trần, Kim Thoa	Trần Kim Thoa ; Trần Lê Đăng Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ những quy định của pháp luật của Việt Nam về việc bảo hộ quyền liên quan dưới góc độ quyền của người biểu diễn; quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và quyền của tổ chức phát sóng. Từ đó, đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền liên quan nói chung và bảo vệ quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số nói riêng, nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về bảo vệ quyền liên quan ứng dụng vào thực tế.

8118	Thạc sĩ	Khảo sát năng lực hợp tác của học sinh trung học phổ thông trong giờ học Ngữ Văn :	Vương, Thị Kiều Nhi	Vương Thị Kiều Nhi ; Trần Thị Nâu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu hệ thống hóa cơ sở lý luận về năng lực hợp tác, các loại hình và phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực hợp tác của học sinh; khảo sát thực trạng qua việc dự giờ, phỏng vấn trực tiếp, gián tiếp và bằng bảng hỏi đối tượng giáo viên, học sinh để có cơ sở đánh giá năng lực hợp tác của học sinh trong giờ học Ngữ văn ở một số trường THPT trên địa bàn thành phố Cà Mau.
8119	Thạc sĩ	Hướng dẫn học sinh lập dàn ý bài văn nghị luận :	Vũ, Thị Hương	Vũ Thị Hương ; Lê A (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích: Phát triển năng lực lập dàn ý bài văn nghị luận cho người học, giúp các em làm tốt bài văn nghị luận
8120	Thạc sĩ	Phát triển năng lực khái quát cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh về sơ đồ tư duy trong dạy học hiểu văn bản :	Sầm, Thị Thanh Vân	Sầm Thị Thanh Vân ; Trần Thị Nâu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu nhằm kiểm chứng tính hiệu quả của việc phát triển năng lực khái quát cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học hiểu văn bản.
8121	Thạc sĩ	Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua dạy học nguyên hàm - tích phân :	Trần, Trung Nhiệm	Trần Trung Nhiệm ; Nguyễn Dương Hoàng (Hướng dẫn khoa học)	2018	Trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn, một số biện pháp góp phần phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua dạy học nguyên hàm tích phân.
8122	Thạc sĩ	Pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp :	Tô, Kim Dung	Tô Kim Dung ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu các vấn đề lý luận về doanh nghiệp, lý luận về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, làm rõ các khái niệm, đặc điểm về doanh nghiệp, khái niệm về đầu tư, phân loại đầu tư...làm rõ vai trò của hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, cụ thể nghiên cứu các quy định về phạm vi, thẩm quyền, trình tự thủ tục đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, nêu ra các vấn đề còn hạn chế trong thực tiễn thực hiện pháp luật về các hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.
8123	Thạc sĩ	Dạy học hàm số lượng giác theo quan điểm mô hình hóa :	Nguyễn, Ái Minh	Nguyễn Ái Minh ; Lê Thái Bảo Thiên Trung (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu của luận văn là vận dụng mô hình hóa trong quá trình dạy học toán nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn toán ở trường phổ thông, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã được học để giải quyết một số bài toán có nội dung thực tế.
8124	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của calcium silicate và paclobutrazol đến khả năng chống đổ ngã của giống lúa OM4900 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Vũ Bằng	Lê Vũ Bằng ; Lê Văn Bé (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm mục tiêu so sánh hiệu quả của calcium silicate và paclobutrazol trong việc gia tăng độ cứng cây chống đổ ngã trên giống lúa OM4900.
8125	Thạc sĩ	Pháp luật về thế chấp hàng hóa luân chuyển trong hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại :	Nguyễn, Quốc Văn	Nguyễn Quốc Văn ; Lê Vũ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm để phân tích, đánh giá và tổng hợp các quy định của pháp luật dựa trên cơ sở lý luận; nêu lên thực trạng áp dụng các quy định hiện hành về việc thế chấp hàng hóa luân chuyển trong hoạt động cho vay của các Ngân hàng thương mại, nhằm nâng cao công tác quản lý khoản vay, nâng cao chất lượng tín dụng và cũng như hạn chế rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng khi nhận thế chấp hàng hóa luân chuyển.

8126	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ - Hạn chế và hướng hoàn thiện :	Nguyễn, Thị Mỹ Trinh	Nguyễn Thị Mỹ Trinh ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm mục đích hoàn thiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận, quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Những hạn chế, tồn tại của quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Đề xuất những giải pháp hoàn thiện đối với những quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.
8127	Thạc sĩ	Khảo sát sự phân hủy sinh học KClO ₃ trong đất trồng nhãn :	Huỳnh, Minh Đức	Huỳnh Minh Đức ; Nguyễn Thị Phi Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng phân hủy KClO ₃ trong đất của 8 dòng vi khuẩn được phân lập tại vùng trồng nhãn quận Thốt Nốt và quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ trong điều kiện nhà lưới.
8128	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của dòng thấm tới ổn định mái dốc bờ sông Ông Chưởng - An Giang :	Nguyễn, Tuấn Phong	Nguyễn Tuấn Phong ; Châu Nguyễn Xuân Quang (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu sự thay đổi áp lực nước lỗ rỗng trong mái dốc và ảnh hưởng của nó tới ổn định mái dốc bờ sông khi xuất hiện dòng thấm; Phân tích ổn định mái bờ sông Ông Chưởng – An Giang trong trường hợp xuất hiện dòng thấm và mối quan hệ giữa lưu lượng thấm và hệ số ổn định của mái dốc bờ sông Ông Chưởng – An Giang.
8129	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng nấm Colletotrichum sp. gây bệnh thán thư trên trái xoài cát hòa lộc sau thu hoạch của một số loại tinh dầu :	Bùi, Thị Giao	Bùi Thị Giao ; Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập và xác định đặc điểm hình thái nấm Colletotrichum spp. gây hại trên trái xoài Cát Hòa Lộc, xác định được chủng nấm gây hại nặng nhất trên trái xoài Cát Hòa Lộc, hiệu quả ức chế của tinh dầu vỏ Quế, lá Húng Quế, Sả Chanh, vỏ Cam Sành, hạt Ngõ Rí và Bạc Hà đối với sự phát triển của nấm bằng phương pháp khuếch tán, xác định nồng độ ức chế tối thiểu của các loại tinh dầu đối với sự phát triển của nấm Colletotrichum sp. bằng phương pháp pha loãng nồng độ, đánh giá hiệu quả của các loại tinh dầu trong phòng bệnh thán thư trên trái xoài Cát Hòa Lộc.
8130	Thạc sĩ	Điều tra, khảo sát đặc tính nông học chất lượng của một số dòng lúa nàng thơm chợ Đào tại xã Mỹ Lệ huyện Cần Đước tỉnh Long An :	Hà, Thị Xuân Mai	Hà Thị Xuân Mai ; Võ Công Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định các yếu tố điều tra có ảnh hưởng chính đến năng suất lúa Nàng thơm chợ Đào. Đó là 5 yếu tố: tự đề giống; mua giống; cày - bừa - trực – trang; xử lý phèn, ngộ độc hữu cơ và thoát nước tốt. Tuyển chọn được các dòng lúa Nàng thơm chợ Đào có chất lượng tốt, hàm lượng amylose thấp < 15%, hàm lượng protein cao > 9%, độ bền gel cấp dẻo cơm, nhiệt trở hồ cấp 4 đến cấp 5. Xác định một số dòng lúa có mang gen thơm qua chạy điện di DNA lá lúa. Nhằm mục đích phục vụ cho công tác chọn tạo giống của tỉnh Long An nói riêng và của ĐBSCL nói chung.
8131	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp giảm lún đường dẫn đầu cầu trên nền đất yếu vùng ĐBSCL - Áp dụng cầu Quang Trung đơn nguyên :	Lê, Thị Ánh Hồng	Lê Thị Ánh Hồng ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu phương án giảm lún đường dẫn đầu cầu được xây dựng trên đất yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long gia cố bằng cọc xi măng đất.
8132	Thạc sĩ	Tạo hứng thú học tập cho học sinh trong môn Ngữ văn thông qua hoạt động trải nghiệm :	Nguyễn, Thị Phương Anh	Nguyễn Thị Phương Anh ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, thiết kế các hoạt động trải nghiệm nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh trong môn ngữ văn.

8133	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh qua dạy học theo dự án :	Đỗ, Thanh Tâm	Đỗ Thanh Tâm ; Nguyễn Văn Nở (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu nhằm chứng minh hiệu quả của phương pháp dạy học theo dự án giúp học sinh rèn luyện năng lực tạo lập văn bản nghị luận và góp phần làm tăng kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận cho người học.
8134	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của khoảng cách rãnh thoát nước lên sự sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn hoạt động sâu, đất phù sa loang lổ và đất xám gley tại tỉnh Đồng Tháp :	Mai, Thị Út	Mai Thị Út ; Nguyễn Thành Hối, Nguyễn Bảo Vệ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu ghi nhận sự thay đổi một số đặc tính hóa học của đất, tìm ra khoảng cách rãnh thoát nước thích hợp đến sự sinh trưởng và năng suất lúa.
8135	Thạc sĩ	Vận dụng chiến lược “siêu sáu” trong dạy đọc truyện ngắn để phát triển năng lực đọc của học sinh :	Nguyễn, Thị Thường	Nguyễn Thị Thường ; Dương Thị Hồng Hiếu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu cách thức tổ chức vận dụng chiến lược “siêu sáu” vào giảng dạy truyện ngắn chương trình lớp 11 để góp phần nâng cao năng lực đọc cho học sinh trung học phổ thông.
8136	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải mã và kiến tạo nghĩa cho văn bản văn chương của học sinh THPT bằng mô hình dạy đọc dựa trên sự phản hồi của người đọc :	Trịnh, Thị Thanh Hà	Trịnh Thị Thanh Hà ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu hiệu quả của mô hình dạy đọc dựa trên sự phản hồi của người đọc đối với việc phát triển năng lực kiến tạo nghĩa cho văn bản văn chương của học sinh.
8137	Thạc sĩ	Phân tích đánh giá độ lún nền đất yếu dưới công trình đắp cho bãi toán cổ kết hai chiều :	Nguyễn, Công Sơn	Nguyễn Công Sơn ; Trần Văn Tuấn, Bùi Trường Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Tổng hợp một số kết quả nghiên cứu lý thuyết cổ kết thấm và ước lượng độ lún của nền theo thời gian; Thực hiện tính toán độ lún và độ lún theo thời gian cho công trình đất đắp của khu dân cư thực tế ở địa phương; Phân tích tổng hợp và so sánh kết quả tính toán.
8138	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình ANN mô phỏng hạn khí tượng tại tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Phương Đông	Nguyễn Phương Đông ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng hạn hán trong những năm gần đây, hiệu chỉnh và kiểm định thông số trong mô hình ANN, sử dụng các thông số đã được hiệu chỉnh từ mô hình ANN để mô phỏng hạn khí tượng tại tỉnh Hậu Giang (1 tháng, 3 tháng & 6 tháng).
8139	Thạc sĩ	Pháp luật về lập dự toán ngân sách địa phương - Thực tiễn tại tỉnh Sóc Trăng :	Cao, Thùy Thiên Phương	Cao Thùy Thiên Phương ; Nguyễn Thanh Bình (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu những vấn đề lý luận và đánh giá tính hợp lý trong các quy định pháp luật về lập dự toán ngân sách địa phương; đồng thời nhận diện những bất cập của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan và đề xuất giải pháp để khắc phục những bất cập nói trên.
8140	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của độ sâu làm đất đến sự sinh trưởng và năng suất lúa trên vùng đất xám (Xg) và đất phèn (Sj2) trồng lúa 3 vụ tại tỉnh Đồng Tháp :	Phan, Minh Triết	Phan Minh Triết ; Nguyễn Thành Hối, Nguyễn Bảo Vệ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra độ sâu làm đất thích hợp đến sinh trưởng và năng suất lúa trên vùng đất xám (Xg) và đất phèn (Sj2) trồng lúa 3 vụ tại tỉnh Đồng Tháp.
8141	Thạc sĩ	Scaffolding in developing young learners' oral performance: Teachers' perceptions and practices :	Lê, Thị Kim Phượng	Lê Thị Kim Phượng ; Nguyễn Bửu Huân (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu được tiến hành để tìm hiểu nhận thức và cách thực hành của giáo viên trong việc tạo bước đệm gợi ý cho việc thực hành nói tiếng Anh của học viên thiếu nhi.

8142	Thạc sĩ	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hạn chế sạt lở bờ sông Thốt Nốt :	Nguyễn, Thị Trúc Ly	Nguyễn Thị Trúc Ly ; Nguyễn Võ Châu Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ổn định bờ sông Thốt Nốt, xác định các nguyên nhân gây ra sạt lở và đề xuất giải pháp hạn chế sạt lở.
8143	Thạc sĩ	Nghiên cứu khai thác công trình thủy lợi trong điều kiện xâm nhập mặn tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng :	Bùi, Quang Nhật	Bùi Quang Nhật ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi và hiện trạng sản xuất nông nghiệp huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; Đánh giá ảnh hưởng xâm nhập mặn đến sản xuất nông nghiệp huyện Long Phú và đề xuất các giải pháp công trình, phi công trình giảm thiểu mặn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp cho huyện Long Phú
8144	Thạc sĩ	Đánh giá lựa chọn giải pháp khắc phục xói lở tuyến đê biển Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng :	Hồng, Văn Non	Hồng Văn Non ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu diễn biến thay đổi đường bờ hiện trạng tuyến đê biển Vĩnh Châu, đánh giá thiệt hại và thống kê các giải pháp đã áp dụng khắc phục xói lở tuyến đê biển Vĩnh Châu. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội các giải pháp khắc phục xói lở tuyến đê biển Vĩnh Châu và đề xuất giải pháp hiệu quả lâu dài phù hợp với điều kiện đặc thù của tuyến đê biển Vĩnh Châu.
8145	Thạc sĩ	An investigation into EFL university students' perceptions toward Moodle Quiz-supported listening practice :	Võ, Văn Sĩ	Võ Văn Sĩ ; Nguyễn Văn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu này nhằm tìm ra thái độ của người học đối với việc thực hành nghe tiếng Anh trên Moodle và những trở ngại họ gặp phải trong quá trình trải nghiệm hình thức học mới này.
8146	Thạc sĩ	Đề xuất quy hoạch thủy lợi thích ứng tái cơ cấu nông nghiệp huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Mai, Hoàng Tâm	Mai Hoàng Tâm ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiện trạng thủy lợi và sản xuất nông, xây dựng bản đồ quy hoạch hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thích ứng với tái cơ cấu nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tính toán mực nước tưới cho cây lúa ở một khu vực có trạm bơm.
8147	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của liều lượng phân đạm, kali đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng bồn bồn tại Cà Mau :	Chim, Cẩm Chi	Chim Cẩm Chi ; Phạm Phước Nhẫn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định được liều lượng đạm thích hợp cho bồn bồn sinh trưởng tốt, đạt năng suất và chất lượng cao và khảo sát ảnh hưởng của kali đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng cây bồn bồn.
8148	Thạc sĩ	Phát triển năng lực nói và nghe cho học sinh lớp 11 qua tổ chức hoạt động thuyết trình trong dạy học văn bản văn học Việt Nam hiện đại :	Lê, Thị Ngọc Lan	Lê Thị Ngọc Lan ; Nguyễn Kim Châu (Hướng dẫn khoa học)	2018	Giới thiệu tổng quan tài liệu và cơ sở lý luận, thiết kế hoạt động thuyết trình trong dạy học văn bản văn học Việt Nam hiện đại theo định hướng phát triển năng lực nói và nghe.
8149	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo bê tông hạt mịn chất lượng cao cho các cấu kiện bê tông đúc sẵn :	Nguyễn, Nhật Trường	Nguyễn Nhật Trường ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu chế tạo bê tông hạt mịn chất lượng cao có cường độ chịu nén ở 56 ngày tuổi $\geq 60\text{MPa}$, tính công tác cao, co ngót thấp, có khả năng chống thấm tốt, chống ăn mòn Sunfat cao từ các nguồn nguyên vật liệu sẵn có của địa phương, các phế phẩm trong các ngành công nghiệp. Bê tông hạt mịn chất lượng cao ứng dụng cho các cấu kiện bê tông đúc sẵn và các cấu kiện bê tông đổ tại chỗ.
8150	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng cải tạo đất bị nhiễm mặn của một số giống cây trồng và cây hoang dại :	Lê, Ngọc Phương	Lê Ngọc Phương ; Nguyễn Minh Đông (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá khả năng chịu mặn của một số giống cây trồng và cây hoang dại ở các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá hiệu quả của việc cải thiện độ mặn của đất bằng thực vật trong điều kiện có và không có bổ sung vôi

8151	Thạc sĩ	So sánh ảnh hưởng của một số chất điều hòa sinh trưởng, vi lượng đến năng suất mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L.) tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Trần Quốc Tuấn	Nguyễn Trần Quốc Tuấn ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu nhằm tìm ra ảnh hưởng của các chất điều hòa sinh trưởng (NAA, GA3, BL) và nguyên tố vi lượng (Mn, Bo, Se, Mo) lên sinh trưởng và năng suất mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L.).
8152	Thạc sĩ	Nghiên cứu thí nghiệm trong phòng cường độ nén đơn của mẫu xi măng đất kết hợp tro bay ở thành phố Cần Thơ :	Trần, Tấn Đạt	Trần Tấn Đạt ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tỷ lệ xi măng, tro bay phù hợp trong gia cố bằng phương pháp cọc xi măng đất, xác định cường độ của cọc xi măng đất kết hợp tro bay. Đề xuất cường độ thiết kế cọc xi măng đất với tro bay đối với đất yếu ở Cần Thơ.
8153	Thạc sĩ	Xác định hệ số sức chịu tải Nq của cọc ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Bùi, Hữu Trọng	Bùi Hữu Trọng ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đề tài tập trung vào việc xác định hệ số sức chịu tải Nq của cọc ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bằng phương pháp phần tử hữu hạn (Plaxis 2D) kết hợp phương pháp giải tích.
8154	Thạc sĩ	Nghiên cứu dinh dưỡng khoáng của cây cam sành (<i>Citrus Nobilis</i> Loureiro) trồng trên đất liếp ở huyện Tam Bình - tỉnh Vĩnh Long :	Phạm, Hoàng Trúc	Phạm Hoàng Trúc ; Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu dinh dưỡng khoáng của cây cam sành (<i>Citrus Nobilis</i> Loureiro) trồng trên đất liếp ở huyện Tam Bình - tỉnh Vĩnh Long
8155	Thạc sĩ	Xác định hàm lượng kim loại nặng trong nước ngầm và trầm tích tại một số khu vực thuộc Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ phát xạ ICP-OES :	Hứa, Mỹ Hạnh	Hứa Mỹ Hạnh ; Nguyễn Thị Tuyết Nhung (Hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung nghiên cứu xây dựng các điều kiện tối ưu trên thiết bị ICP-OES, một trong những thiết bị hiện đại cho giá trị phân tích đáng tin cậy, trên cơ sở đó để đánh giá, xác định hàm lượng kim loại nặng trong môi trường nước ngầm và trầm tích ở một vài địa phương thuộc thành phố Cần Thơ.
8156	Thạc sĩ	Ảnh hưởng liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất, hàm lượng tinh dầu và curcumin trên giống nghệ Thái (<i>Curcuma longa</i> L.) trồng trong bao :	Đinh, Phước Sang	Đinh Phước Sang ; Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghệ Thái với vai trò là thuốc điều trị nhiều bệnh và là gia vị tạo màu cho các món ăn. Từ đó việc đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch là hướng cần được chú trọng. Phân hữu cơ cung cấp các chất dinh dưỡng giúp cây phát triển tự nhiên và đảm bảo tính an toàn của củ nghệ. Nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất, hàm lượng tinh dầu và curcumin trong nghệ Thái trồng trong bao và che mát còn 60% sáng.
8157	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự đa dạng thực vật bậc cao ở thị xã Giá Rai tỉnh Bạc Liêu :	Huỳnh, Quốc Anh	Huỳnh Quốc Anh ; Đặng Minh Quân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tính đa dạng của hệ thực vật bậc cao có mạch có trong các sinh cảnh đặc trưng của thị xã Giá Rai, làm cơ sở khoa học cho việc quy hoạch, quản lí, sử dụng và bảo tồn tài nguyên thực vật ở thị xã Giá Rai có hiệu quả hơn.
8158	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp siêu nhỏ tại thành phố Cần Thơ :	Trần, Thế Khương	Trần Thế Khương ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng và đề xuất các hàm ý chính sách đối với khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp siêu nhỏ tại thành phố Cần Thơ.
8159	Thạc sĩ	Nhận thức và ứng phó của nông dân đối với rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Tấn Phát	Nguyễn Tấn Phát ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu về thực trạng rủi ro và cách ứng phó của nông dân đối với rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất khuyến nghị giúp nâng cao nhận thức và cách ứng phó rủi ro trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân ở vùng nghiên cứu.

8160	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của nhận thức về thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngành thực phẩm đóng hộp đến ý định mua lại của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ :	Trương, Huỳnh Anh	Trương Huỳnh Anh ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của nhận thức về trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm đến ý định mua lại của người tiêu dùng nhằm đề xuất những hàm ý chính sách để các doanh nghiệp quan tâm hơn đến việc thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp để nâng cao những phản ứng tích cực từ phía người tiêu dùng về doanh nghiệp.
8161	Thạc sĩ	Phân tích thực trạng và hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng khóm Cầu Đúc tại tỉnh Hậu Giang :	Tô, Ngọc Trang	Tô Ngọc Trang ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng và hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khóm Cầu Đúc tại tỉnh Hậu Giang và đề ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho nông hộ trồng khóm Cầu Đúc tại tỉnh Hậu Giang.
8162	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị bưởi da xanh ở huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Thanh Tân	Nguyễn Thanh Tân ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích chuỗi giá trị ngành hàng bưởi da xanh, đề xuất các giải pháp nâng cao giá trị trong chuỗi giá trị bưởi da xanh ở huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng
8163	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thới Lai :	Nguyễn, Hồng Thi	Nguyễn Hồng Thi ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thới Lai – Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm giúp cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn trong thời gian sắp tới.
8164	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc tính cọc xi măng đất cho công trình thủy lợi tỉnh Sóc Trăng :	Ngô, Trường Lâm	Ngô Trường Lâm ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định loại xi măng phù hợp cho phương pháp gia cố bằng cọc xi măng đất ở Trần Đề, Sóc Trăng; Xác định tỷ lệ xi măng phù hợp để cho phương pháp xi măng đất ở khu vực nghiên cứu; Xác định cường độ xi măng đất.
8165	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa thanh khoản và lợi nhuận của hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam :	Huỳnh, Kim Ngân	Huỳnh Kim Ngân ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích mối quan hệ giữa thanh khoản và lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó đưa ra được các khuyến nghị phù hợp nhằm cải thiện thanh khoản và nâng cao khả năng sinh lợi của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
8166	Thạc sĩ	Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa – thực trạng và giải pháp :	Nguyễn, Hoàng Dư	Nguyễn Hoàng Dư ; Nguyễn Ngọc Điện (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, thực trạng pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và giải pháp hoàn thiện.
8167	Thạc sĩ	Thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết yêu cầu về kinh doanh, thương mại :	Trần, Bửu Thanh	Trần Bửu Thanh ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày cơ sở lý luận về thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết yêu cầu về kinh doanh, thương mại. Quy định về thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết yêu cầu về kinh doanh, thương mại – Hạn chế và hướng hoàn thiện.
8168	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa tại thành phố Cần Thơ :	Tô, Thị Bích Ngọc	Tô Thị Bích Ngọc ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của nông hộ trồng lúa trên địa bàn nghiên cứu.
8169	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại VietinBank vùng Nam sông Hậu :	Lương, Anh Kiệt	Lương Anh Kiệt ; Vũ Thị Minh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh VietinBank ở vùng Nam sông Hậu, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng trả nợ vay của nhóm khách hàng này và góp phần hạn chế rủi ro tín dụng tại các chi nhánh VietinBank vùng Nam sông Hậu.

8170	Thạc sĩ	Nghiên cứu sản xuất bê tông nhẹ trong xây dựng công trình thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Dương, Hoàng Bảo Khánh	Dương Hoàng Bảo Khánh ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá tính khả thi của việc sản xuất cốt liệu nhẹ từ nguồn tro bay địa phương ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bằng phương pháp liên kết nguội.
8171	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự duy trì tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Bè Tiền Giang :	Phùng, Quang Anh	Phùng Quang Anh ; Trương Thị Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự duy trì tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Bè Tiền Giang, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm duy trì tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cho ngân hàng.
8172	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo bê tông cường độ cao cho các công trình thủy ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Kiều, Phước Ngọc	Kiều Phước Ngọc ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sản xuất bê tông cường độ cao đạt các tiêu chí về cường độ nén, tính công tác, độ co ngót, khả năng chống thấm nước và độ ăn mòn sunfat của bê tông từ các nguồn vật liệu và các phế phẩm nhà máy công nghiệp ở địa phương.
8173	Thạc sĩ	Đánh giá sự tham gia của người dân trong xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thái Phương	Nguyễn Thái Phương ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá sự tham gia của người dân trong xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ, qua đó đề xuất giải pháp nhằm phát huy sự tham gia của người dân trong xây dựng đường giao thông nông thôn tại huyện Cờ Đỏ thành phố Cần Thơ.
8174	Thạc sĩ	Đánh giá giá trị và giải pháp phát triển mô hình du lịch sinh thái tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ :	Lê, Tuấn Kiệt	Lê Tuấn Kiệt ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm phân tích thực trạng, đánh giá giá trị du lịch của mô hình du lịch sinh thái và đề xuất giải pháp phát triển mô hình du lịch sinh thái huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
8175	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sản xuất mô hình nuôi gà nòi trên nền đệm lót sinh học tại huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng :	Phạm, Thành Trung	Phạm Thành Trung ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu nhằm đánh giá được hiệu quả sản xuất mô hình chăn nuôi gà nòi trên nền đệm lót sinh học của hộ chăn nuôi gà trên địa bàn huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng trong giai đoạn 2013 - 2017, từ đó đề xuất các giải pháp để mở rộng mô hình cải thiện đời sống của nông hộ chăn nuôi gà.
8176	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ ảnh hưởng của nợ xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam :	Bùi, Vũ Hà My	Bùi Vũ Hà My ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá mức độ ảnh hưởng của nợ xấu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2016 và từ đó đưa ra một vài khuyến nghị nhằm hạn chế mức độ ảnh hưởng của nợ xấu, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng này.
8177	Thạc sĩ	Phân tích đồng thời một số nhóm kháng sinh bằng sắc kí lỏng khối phổ :	Cô, Hồng Sơn	Cô Hồng Sơn ; Trần Minh Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phương pháp phân tích định lượng đồng thời các nhóm kháng sinh như tetracyclines (oxytetracycline, tetracycline, chlortetracycline, doxycycline), sulfonamides (sulfadiazine, sulfamethoxazole, sulfadimidine, sulfadimethoxine), fluoroquinolones (enrofloxacin, ciprofloxacin), betalactams (amoxicillin, ampicillin) và phenicols (florfenicol, chloramphenicol) trên nền mẫu cá tra bằng kỹ thuật sắc ký lỏng ghép hai lần khối phổ thông qua các nội dung cơ bản như (i) tối ưu hóa điều kiện hệ thống UPLC/MS/MS cho các chất phân tích (ii) khảo sát quy trình chiết tách và làm sạch mẫu, (iii) đánh giá ảnh hưởng của nền mẫu, (iv) thực nghiệm đánh giá quy trình xử lý mẫu và (v) thẩm định phương pháp phân tích.

8178	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay tiêu dùng tín chấp của viên chức ngành giáo dục tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Ngọc Thủy Tiên	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay tiêu dùng tín chấp của viên chức ngành giáo dục tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8179	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm y tế tự nguyện của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Lệ Quyên	Nguyễn Thị Lệ Quyên ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và đề xuất một số giải pháp nhằm khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện.
8180	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao công tác quản lý chất lượng giai đoạn thiết kế công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng :	Lê, Thị Kim Châu	Lê Thị Kim Châu ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng công tác quản lý chất lượng thiết kế công trình thủy lợi tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (PTNT) tỉnh Sóc Trăng, lựa chọn giải pháp nâng cao công tác quản lý chất lượng giai đoạn thiết kế xây dựng. Đề xuất giải pháp nâng cao công tác quản lý chất lượng giai đoạn thiết kế công trình thủy lợi tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Sóc Trăng nói riêng và trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nói chung.
8181	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hệ thống công trình phân ranh mặn ngọt tỉnh Sóc Trăng - Bạc Liêu :	Nguyễn, Quang Chiến	Nguyễn Quang Chiến ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội dựa trên tính bền vững của dự án theo ba khía cạnh tài chính, kinh tế xã hội và môi trường.
8182	Thạc sĩ	Nghiên cứu mở rộng hệ thống cấp nước khu vực quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đến năm 2030 :	Trần, Minh Khoa	Trần Minh Khoa ; Nguyễn Võ Châu Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đề xuất mạng lưới đường ống cấp nước hợp lý cho quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đảm bảo năng lực cung cấp đến năm 2030.
8183	Thạc sĩ	Nghiên cứu ổn định bờ sông Ô Môn khu vực kè phường Thới An, Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ :	Lê, Khải Hoàn	Lê Khải Hoàn ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu khả năng tự ổn định của mái dốc dưới tác động của tải trọng, dòng thấm, sóng tàu, nước rút... Đồng thời, giải pháp công trình, phi công trình tối ưu để áp dụng cho khu vực nghiên cứu.
8184	Thạc sĩ	Nghiên cứu đề xuất giải pháp chống sạt lở bờ sông Cần Thơ, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Quý Ninh	Nguyễn Quý Ninh ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nguyên nhân gây sạt lở của bờ sông: xem xét các nguyên nhân do địa hình, địa chất, thủy văn, tải trọng. Đề xuất một số giải pháp chống sạt lở sau đó chạy mô hình để kiểm tra
8185	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng hấp phụ Crom VI của một số loại than trong điều kiện phòng thí nghiệm :	Nguyễn, Xuân Cương	Nguyễn Xuân Cương ; Nguyễn Văn Công (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định khả năng hấp phụ của than Tràm, Tre và Trấu ở các nồng độ Crom VI khác nhau, ảnh hưởng thời gian đến khả năng hấp phụ Crom VI của than Tràm, Tre và Trấu. Ảnh hưởng của pH đến khả năng hấp phụ Crom VI của than Tràm, Tre và Trấu.
8186	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm cọc xi măng đất có lõi bê tông :	Phạm, Tiến Lập	Phạm Tiến Lập ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá cường độ chịu nén của cọc xi măng đất và xi măng đất có lõi bê tông, sự phân bố ứng suất của cọc xi măng đất có lõi bê tông và xây dựng mô hình số của xi măng đất có lõi bê tông.

8187	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của cạnh tranh đến đầu tư của doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Hồng, Trung Hưng	Hồng Trung Hưng ; Lê Khương Ninh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ước lượng ảnh hưởng của cạnh tranh đến đầu tư của doanh nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm đề xuất giải pháp giúp kích thích doanh nghiệp đầu tư hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp nói riêng và kinh tế khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.
8188	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự tác động của chính sách cho vay theo Nghị Định 55/2015/NĐ-CP đến thu nhập của nông hộ sản xuất lúa trên địa bàn Thị xã Cai Lậy – tỉnh Tiền Giang :	Nguyễn, Chánh Trục	Nguyễn Chánh Trục ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sự tác động của chính sách cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP đến thu nhập của nông hộ sản xuất lúa. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay từ chương trình cho vay theo Nghị định này, và từ đó góp phần làm tăng thu nhập của nông hộ sản xuất lúa trên địa bàn Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
8189	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng xâm nhập mặn và đề xuất giải pháp vận hành công trình thủy lợi huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Dương, Văn Đạt	Dương Văn Đạt ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Long Mỹ, quan trắc nồng độ mặn, xu thế xảy ra xâm nhập mặn và đánh giá ảnh hưởng xâm nhập mặn đến sản xuất. Đề xuất giải pháp vận hành công trình thủy lợi.
8190	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ sau bán hàng đến ý định mua lặp lại của khách hàng tại thành phố Cần Thơ: Trường hợp sản phẩm xe của Toyota :	Thái, Thị Cẩm Trang	Thái Thị Cẩm Trang ; Luu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu sự ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ sau bán hàng đến ý định mua lặp lại xe Toyota của khách hàng tại thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng nhằm duy trì và phát triển khách hàng của hãng Toyota cũng như các doanh nghiệp kinh doanh xe ô tô trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8191	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ sản xuất lúa trong mô hình cách đồng lớn tỉnh Sóc Trăng :	Thái, Dương Hồng Ngọc	Thái Dương Hồng Ngọc ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài đo lường, phân tích và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế qua đó đề xuất các hàm ý chính sách để nâng cao hiệu quả kinh tế cho các hộ sản xuất lúa trong mô hình cánh đồng lúa lớn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
8192	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Cần Thơ :	Phan, Phi Phụng	Phan Phi Phụng ; Võ Hoàng Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các chi nhánh VietinBank ở vùng Nam sông Hậu, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng trả nợ vay của nhóm khách hàng này và góp phần hạn chế rủi ro tín dụng tại các chi nhánh VietinBank vùng Nam sông Hậu.
8193	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhớt mô tô SJ Petrolimex của khách hàng tại các cửa hàng ở thành phố Vĩnh Long :	Võ, Hữu Phước	Võ Hữu Phước ; Lê Quang Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhớt mô tô SJ Petrolimex của khách hàng tại các cửa hàng ở thành phố Vĩnh Long. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng lượng tiêu thụ sản phẩm nhớt mô tô SJ của Công ty Xăng dầu Vĩnh Long.
8194	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xăng dầu tại thành phố Cần Thơ :	Võ, Minh Trí	Võ Minh Trí ; Luu Tiến Thuận (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xăng dầu trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Từ đó đề ra một số hàm ý quản trị để nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp xăng dầu được thuận lợi và hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.
8195	Thạc sĩ	Hoàn thiện pháp luật về thừa phát lại :	Võ, Thái Hòa	Võ Thái Hòa ; Lê Thanh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về Thừa phát lại. Trên cơ sở phát hiện những bất cập và nguyên nhân của những bất cập sẽ đề xuất những giải pháp để phần nào hoàn thiện pháp luật về Thừa phát lại.

8196	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Lương, Trần Diễm Phúc	Lương Trần Diễm Phúc ; Nguyễn Tri Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố quyết định hệ số an toàn vốn của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm duy trì hệ số an toàn vốn của các Ngân hàng.
8197	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của tiếp cận tín dụng đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Bá Phương Thảo	Nguyễn Bá Phương Thảo ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu thực trạng tiếp cận tín dụng chính thức và ảnh hưởng của tiếp cận tín dụng chính thức đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Từ đó đề tài góp phần chỉ ra một số định hướng giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức để sản xuất, tái sản xuất, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống xã hội đồng thời giúp các ban ngành đoàn thể, tổ chức tín dụng đưa ra các giải pháp phù hợp với nông hộ, góp phần phát triển kinh tế địa phương.
8198	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận vốn chính thức của cá nhân tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Hà	Trần Thị Hà ; Võ Hoàng Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận vốn chính thức của cá nhân tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ, đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn chính thức của các cá nhân tại địa bàn huyện.
8199	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro cho vay tiêu dùng tín chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long :	Nguyễn, Thị Cẩm Duyên	Nguyễn Thị Cẩm Duyên ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro cho vay tiêu dùng tín chấp tại BIDV Vĩnh Long, từ đó đề ra một số khuyến nghị góp phần hạn chế rủi ro cho vay tiêu dùng tín chấp tại BIDV Vĩnh Long.
8200	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các yếu tố vốn lưu động đến lợi nhuận của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Ninh Kiều :	Đoàn, Thúy Hằng	Đoàn Thúy Hằng ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường ảnh hưởng của các yếu tố vốn lưu động đến lợi nhuận của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các doanh nghiệp quản lý vốn lưu động tốt hơn, qua đó nâng cao lợi nhuận của các doanh nghiệp.
8201	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của thông tin chia tách cổ phiếu đến giá và thanh khoản của các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Quan, Lý Ngôn	Quan Lý Ngôn ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường ảnh hưởng và xác định ảnh hưởng của thông tin chia tách cổ phiếu đến giá và thanh khoản của các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam
8202	Thạc sĩ	Pháp luật về giao đất cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án hạ tầng nghĩa trang :	Nguyễn, Thị Cẩm Vân	Nguyễn Thị Cẩm Vân ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Những vấn đề lý luận về giao đất cho tổ chức kinh tế kinh doanh dự án hạ tầng nghĩa trang, pháp luật về giao đất cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án hạ tầng nghĩa trang và giải pháp hoàn thiện
8203	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng - tuổi thọ công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo vòng đời dự án :	Nguyễn, Ngọc Phi	Nguyễn Ngọc Phi ; Nguyễn Thanh Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định các hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến chất lượng – tuổi thọ công trình theo vòng đời dự án, xác định các yếu tố ảnh hưởng chất lượng - tuổi thọ công trình thủy lợi tại Đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống hóa nhóm các yếu tố có ảnh hưởng lớn, biểu diễn dưới dạng biểu đồ xương cá và phân tích các yếu tố (đã xác định trên) để tìm ra giải pháp cải thiện chất lượng – tuổi thọ công trình thủy lợi.
8204	Thạc sĩ	Suất sinh lời của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Huỳnh, Phương Dung	Huỳnh Phương Dung ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu khả năng giải thích của mô hình Long Chen và Lu Zhang trong việc ước lượng suất sinh lời của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

8205	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Văn Linh	Nguyễn Văn Linh ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu nhằm xác định những yếu tố tác động, hạn chế, khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp, đồng thời đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.
8206	Thạc sĩ	Tác động của quá trình tê cứng đến tính chất hóa lý của cá tra phi lê đông lạnh tại nhà máy Ấn Độ Dương :	Vũ, Ngọc Thuận	Vũ Ngọc Thuận ; Phan Thị Thanh Quế (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định thời gian tê cứng của cá tra và ảnh hưởng của quá trình biến đổi tê cứng đến chất lượng của sản phẩm cá tra phi lê đông lạnh.
8207	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng áp dụng bón giảm phân đạm và lân trên nền tưới tiết kiệm nước trong canh tác lúa tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang :	Đỗ, Bá Tân	Đỗ Bá Tân ; Châu Minh Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả giảm chi phí bơm tưới, giảm chi phí bón phân, giúp tăng tính bền vững của hệ thống canh tác lúa trong điều kiện thiếu nước tưới trong mùa khô tại tỉnh Hậu Giang.
8208	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn lactic từ sữa người có khả năng kháng khuẩn và ứng dụng trong lên men sữa chua :	Nguyễn, Thị Thủy Duy	Nguyễn Thị Thủy Duy ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập và tuyển chọn một số dòng vi khuẩn lactic có lợi từ sữa người có khả năng kháng lại vi khuẩn gây bệnh Escherichia coli, Staphylococcus aureus. Đồng thời xác định ảnh hưởng của pH, nhiệt độ đến sự sinh trưởng và khả năng kháng khuẩn của các dòng vi khuẩn được tuyển chọn.
8209	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa liên kết với doanh nghiệp trong và ngoài hợp tác xã ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Kim Thoa	Nguyễn Thị Kim Thoa ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa liên kết với doanh nghiệp trong và ngoài hợp tác xã ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập trong sản xuất lúa cho nông hộ.
8210	Thạc sĩ	Xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn Salmonella spp. và E. coli phân lập từ quy trình chế biến cá tra fillet :	Phạm, Biên Phòng	Phạm Biên Phòng ; Tống Thị Ánh Ngọc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát tỉ lệ và mức độ kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh E. coli và Salmonella spp. phân lập từ cá tra trong qui trình chế biến nhằm góp phần vào việc thiết lập hệ thống giám sát và kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm trong chuỗi sản xuất cá tra
8211	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đèn LED đến sự ra hoa trên thanh long ruột trắng (Hylocereus undatus Haw.) tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An :	Nguyễn, Thanh Thiện	Nguyễn Thanh Thiện ; Lê Văn Bé (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định hiệu quả của bóng đèn LED đến sự ra hoa trên thanh long ruột trắng và tính hiệu quả kinh tế khi sử dụng bóng đèn LED 10W so với bóng đèn compact 20W.
8212	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điều kiện bảo quản đến sự hô hấp của nấm rom :	Cao, Hồ Thanh Trúc	Cao Hồ Thanh Trúc ; Võ Tấn Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp làm lạnh đến tốc độ làm lạnh, môi trường bảo quản đến sự hô hấp của nấm rom và đề nghị phương pháp bảo quản thích hợp với kết quả thí nghiệm.
8213	Thạc sĩ	Ảnh hưởng dịch trích từ nấm kim châm (Flammulina velutipes) đến tăng trưởng cá tra (Pangasius hypophthalmus) và chất lượng sản phẩm trong chế biến và bảo quản :	Lê, Văn Toàn	Lê Văn Toàn ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định nồng độ dịch trích từ nấm kim châm thích hợp nhất để bổ sung vào thức ăn để xem sự tăng trưởng của cá tra và chất lượng sản phẩm trong chế biến và bảo quản.
8214	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của dịch trích thực vật đối với một số bệnh hại lúa quan trọng trên nền canh tác sử dụng phân bón hữu cơ tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long :	Ngô, Thị Ngọc Yến	Ngô Thị Ngọc Yến ; Trần Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định thành phần bệnh hại lúa và khả năng hạn chế bệnh trên nền canh tác sử dụng phân hữu cơ từ trùn quế trong điều kiện dịch trích thực vật được sử dụng để kích kháng và trị bệnh hại lúa, đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng dịch trích thực vật trong phòng trị và trị bệnh đến năng suất lúa.

8215	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của dịch trích thực vật đối với một số bệnh hại lúa quan trọng trên nền canh tác sử dụng phân bón hữu cơ tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang :	Đặng, Hiếu Đông	Đặng Hiếu Đông ; Trần Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định thành phần bệnh hại lúa và khả năng hạn chế bệnh trên nền canh tác sử dụng phân hữu cơ từ trùn quế khi có sử dụng dịch trích thực vật và không có sử dụng dịch trích thực vật.
8216	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với bệnh lem lép hạt trên lúa do nấm <i>Curvularia</i> sp. gây ra :	Biện, Thị Bích Chi	Biện Thị Bích Chi ; Lê Minh Tường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra chủng xạ khuẩn có khả năng quản lý bệnh lem lép hạt trên lúa do nấm <i>Curvularia</i> sp. gây ra.
8217	Thạc sĩ	Đánh giá tổn thất sau thu hoạch cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) tại Cty TNHH MTV Ấn Độ Dương :	Lê, Thanh Cường	Lê Thanh Cường ; Nguyễn Bảo Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định tổn thất về khối lượng, chất lượng và quy đổi ra tổn thất tài chính kể từ khi đánh bắt tới khi bảo quản trong kho và đề xuất một số biện pháp giảm tổn thất sau thu hoạch cá tra tại công ty Ấn Độ Dương.
8218	Thạc sĩ	Nghiên cứu thu hồi protein từ phụ phẩm trong sản xuất tinh bột gạo và đánh giá sự phát triển của <i>Bacillus subtilis</i> trên dịch thủy phân :	Trần, Đình Sỹ	Trần Đình Sỹ ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định các điều kiện tối ưu cho quá trình trích ly protein từ phụ phẩm trong sản xuất tinh bột gạo và điều kiện thích hợp cho quá trình thủy phân chúng bằng enzyme Pâpin và Neutrase.
8219	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp Ergothioneine của <i>Aspergillus oryzae</i> và ứng dụng chế phẩm để hạn chế sự oxy hóa chất béo trong gạo mầm :	Đoàn, Lê Phương Thảo	Đoàn Lê Phương Thảo ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình sinh tổng hợp Ergothioneine từ <i>A. oryzae</i> , thời gian đun để trích ly Ergothioneine đạt hiệu quả hàm lượng và hoạt tính tối ưu nhất, hàm lượng Ergothioneine bổ sung để tối ưu hóa quá trình hạn chế sự oxy hóa chất béo trong sản xuất gạo mầm.
8220	Thạc sĩ	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chả cá chế biến từ thịt vụn cá tra :	Nguyễn, Hà Thanh	Nguyễn Hà Thanh ; Phan Thị Thanh Quế (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định số lần rửa cá với dung dịch NaHCO_3 0,5% hàm lượng gelatin (da heo, da cá) và hàm lượng lòng trắng trứng và hàm lượng bột lòng trắng trứng muối thích hợp nhằm cải thiện chất lượng sản phẩm chả cá từ thịt vụn cá tra
8221	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế biến malt từ giống lúa IR50404 :	Trần, Lê An	Trần Lê An ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định nhiệt độ và thời gian ngâm lúa phù hợp cho hoạt tính của enzyme alpha amylase và protease, thời gian nảy mầm tối ưu cho giống lúa IR50404, xác định nhiệt độ và thời gian đường hóa, thời gian rang thích hợp đến chất lượng malt caramel.
8222	Thạc sĩ	Nghiên cứu thành phần hóa học hướng tác dụng hạ đường huyết từ lá cây sấu đầu ăn lá (<i>Azadirachta indica</i> Jus.F.) tại An Giang :	Đặng, Xuyên Em	Đặng Xuyên Em ; Nguyễn Thị Thu Trâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hoạt tính ức chế enzyme α -glucosidase của các cao chiết từ lá cây sấu đầu ăn lá, phân lập và xác định cấu trúc của các hợp chất tinh khiết từ cao có hoạt tính.
8223	Thạc sĩ	Hiệu quả của xạ khuẩn trong phòng trừ bệnh vàng lá thối rễ do nấm <i>Fusarium solani</i> Sacc gây hại cây cam sành trong điều kiện nhà lưới :	Ngô, Quang Chánh	Ngô Quang Chánh ; Lê Minh Tường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra dòng nấm <i>F. solani</i> gây bệnh vàng lá, thối rễ nặng nhất trên cây cam sành, đánh giá hiệu quả của xạ khuẩn đối với nấm <i>F. solani</i> gây bệnh và xác định cơ chế đối kháng của các chủng xạ khuẩn có triển vọng thông qua khả năng tiết enzyme chitinase và β -glucanase.
8224	Thạc sĩ	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chả lụa trong quá trình bảo quản :	Trương, Thanh Tú	Trương Thanh Tú ; Nhan Minh Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm chả lụa trong quá trình bảo quản sản phẩm chả lụa ở nhiệt độ thường và bảo quản mát, xác định sự biến đổi các chỉ tiêu chất lượng cơ bản có ảnh hưởng lớn đến an toàn thực phẩm.

8225	Thạc sĩ	Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến quy trình lên men giấm vang từ xơ mít :	Ngô, Minh Quang	Ngô Minh Quang ; Tống Thị Ánh Ngọc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến quá trình lên men giấm từ xơ mít nhằm xây dựng quy trình chế biến sản phẩm giấm xơ mít đạt chất lượng cao, an toàn.
8226	Thạc sĩ	Nghiên cứu biến động thành phần loài và sản lượng cá ở vùng cửa sông Hậu :	Lê, Hữu Nhân	Lê Hữu Nhân ; Trần Đắc Định (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm xác định sự đa dạng thành phần loài và sản lượng cá khai thác vùng cửa sông Hậu, từ đó để làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản vùng cửa sông Cửu Long.
8227	Thạc sĩ	So sánh đặc điểm bệnh học của vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây bệnh gan thận mủ trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) và cá điêu hồng (Oreochromis sp.) :	Nguyễn, Thị Ngọc Huyền	Nguyễn Thị Ngọc Huyền ; Đặng Thị Hoàng Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập và định danh vi khuẩn E. ictaluri trên cá điêu hồng bệnh gan thận mủ và so sánh đặc điểm hình thái, kiểu gen của chủng vi khuẩn E. ictaluri phân lập từ cá tra.
8228	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của Ergothioneine đến sự biến đổi sinh hóa cá tra filet trong quá trình chế biến và bảo quản :	Lê, Thị Bích Hiệp	Lê Thị Bích Hiệp ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định nồng độ dịch trích từ nấm kim châm thích hợp nhất để bổ sung vào thức ăn cho cá tra hạn chế sự biến đổi sinh hóa trong quá trình chế biến và bảo quản.
8229	Thạc sĩ	Khảo sát sự biến động thành phần và mật độ phiêu sinh vật vùng cửa sông Hậu :	La, Minh Trung	La Minh Trung ; Vũ Ngọc Út (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát sự biến động về thành phần và mật độ quần xã phiêu sinh vật dưới sự thay đổi của độ mặn ở vùng cửa sông Hậu làm cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu đánh giá, quan trắc về môi trường và hệ sinh thái.
8230	Thạc sĩ	Khảo sát sự tương tác giữa Cluster vàng Au8 với Cysteine, Glutathione :	Nguyễn, Thanh Sĩ	Nguyễn Thanh Sĩ ; Phạm Vũ Nhật (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm sáng tỏ bản chất của sự tương tác giữa cluster vàng Au8 với cysteine và glutathione. Bên cạnh đó sự ảnh hưởng của dung môi nước cũng sẽ được khảo sát.
8231	Thạc sĩ	Một số đặc điểm sinh học sinh sản và nhu cầu lipid trong nuôi vỗ nhum trắng Echinotrix calamaris (Pallas, 1774) :	Nguyễn, Huỳnh Long	Nguyễn Huỳnh Long ; Hứa Thái Nhân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và xác định nhu cầu lipid trong thức ăn nuôi vỗ nhum trắng.
8232	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê ở tỉnh Kiên Giang :	Lê, Duy Lam	Lê Duy Lam ; Nguyễn Thanh Long (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát các yếu tố kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê, thành phần loài cá được khai thác và những thuận lợi, khó khăn của nghề lưới kéo và lưới rê từ đó có giải pháp thích hợp.
8233	Thạc sĩ	Xác định đặc điểm mô bệnh học của một số bệnh thường gặp trên cá điêu hồng (Oreochromis sp.) nuôi bè ở tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Ngọc Huyền	Lê Ngọc Huyền ; Đặng Thị Hoàng Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát sự xuất hiện của các bệnh qua các vụ nuôi trên địa bàn bao gồm tần suất, mùa vụ, giai đoạn xuất hiện bệnh và các yếu tố môi trường cũng như tình hình sử dụng thuốc hóa chất trong điều trị bệnh, từ đó đánh giá hiện trạng bệnh trên cá điêu hồng nuôi bè ở tỉnh Vĩnh Long.
8234	Thạc sĩ	Đánh giá việc thực hiện hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bằng phương pháp phân tích vi sinh vật trong chuỗi chế biến cá tra :	Trần, Văn Nhâm	Trần Văn Nhâm ; Tống Thị Ánh Ngọc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá sự lây nhiễm vi sinh vật gây bệnh trên bề mặt tiếp xúc với cá trong quá trình chế biến và trên mẫu nước chế biến tại nhà máy.

8235	Thạc sĩ	Khảo sát an toàn vệ sinh thực phẩm trong thịt heo tươi phân phối trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Vĩnh Nghi	Nguyễn Vĩnh Nghi ; Huỳnh Thị Phương Loan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm của thịt heo tươi bày bán trên địa bàn quận Ninh Kiều và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thịt.
8236	Thạc sĩ	Khả năng thay thế protein bột cá bằng protein bột đậu nành làm thức ăn cho lươn (Monopterus albus) giống :	Nguyễn, Thị Thanh Tú	Nguyễn Thị Thanh Tú ; Phạm Thanh Liêm, Trần Thị Thanh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định được mức thay thế protein bột cá bằng protein bột đậu nành thích hợp để đảm bảo tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lươn. Kết quả mang lại từ nghiên cứu này là cơ sở để xây dựng công thức thức ăn cho lươn, giảm giá thành thức ăn và hạn chế sử dụng bột cá góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
8237	Thạc sĩ	Tổng hợp dẫn xuất chalcone và thử nghiệm hoạt tính sinh học :	Hứa, Hữu Bằng	Hứa Hữu Bằng ; Trần Quang Đệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện, nhằm tìm ra nhóm chất mới có nhiều tiềm năng về hoạt tính sinh học, ứng dụng trong Y học.
8238	Thạc sĩ	Tổng hợp và thử nghiệm hoạt tính sinh học một số dẫn xuất của quinazolinone :	Lê, Thị Hồng Búp	Lê Thị Hồng Búp ; Bùi Thị Bửu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm tổng hợp các hợp chất có khung sườn quinazolinone có hoạt tính sinh học như: kháng virus Zika, kháng khuẩn,... và có tiềm năng ứng dụng trong y học.
8239	Thạc sĩ	Rèn luyện kỹ năng giải toán cho học sinh: Trường hợp phương trình đường thẳng trong mặt phẳng :	Hà, Thiện Ngợi	Hà Thiện Ngợi ; Nguyễn Phú Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nội dung phương trình đường thẳng của hình học lớp 10 nhằm đề xuất một số phương án khả thi và hiệu quả trong quá trình rèn luyện kỹ năng giải toán cho học sinh về phương trình đường thẳng trong mặt phẳng.
8240	Thạc sĩ	Dạy học giải toán thiết diện với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra: Trường hợp quan hệ vuông góc - hình học 11 :	Nguyễn, Quốc Bảo	Nguyễn Quốc Bảo ; Nguyễn Phú Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu vận dụng phần mềm GGB vào dạy học giải toán thiết diện trong trường hợp quan hệ vuông góc ở chương trình hình học 11 nhằm phát huy tính tích cực và chủ động của học sinh.
8241	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình thu thập dữ liệu và cảnh báo tấn công mạng :	Nguyễn, Văn Kha	Nguyễn Văn Kha ; Trương Minh Nhật Quang, Lê Văn Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng mô-đun thu thập dữ liệu tấn công mạng, xây dựng mô-đun trích lọc và đánh giá dữ liệu và xây dựng mô-đun cảnh báo tấn công mạng.
8242	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm sinh sản của cá thòi lòi nước ngọt Periophthalmodon septemradiatus (Hamilton, 1822) phân bố dọc sông Hậu :	Ngô, Chơn Như	Ngô Chơn Như ; Đinh Minh Quang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bổ sung thông tin về tỉ lệ đẻ cái, sự thành thực sinh dục, mùa vụ sinh sản, sức sinh sản và mối tương quan giữa sức sinh sản với chiều dài và khối lượng của loài cá này.
8243	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc và vai trò của hang cá thòi lòi nước ngọt Periophthalmodon septemradiatus (Hamilton, 1822) phân bố dọc sông Hậu :	Phan, Thị Thanh	Phan Thị Thanh ; Đinh Minh Quang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cấu trúc của hang như chiều cao, tổng chiều dài, số lượng và đường kính của miệng hang và chấm cũng như sự biến động của những chỉ số này theo mùa và điểm thu mẫu.

8244	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của cá Thòi lòi nước ngọt <i>Periophthalmodon septemradiatus</i> (Hamilton, 1822) phân bố dọc tuyến sông Hậu :	Trần, Thị Minh Tuyết	Trần Thị Minh Tuyết ; Đinh Minh Quang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm bổ sung dẫn liệu khoa học về đặc điểm dinh dưỡng của loài cá này, bổ sung nguồn tư liệu cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển thêm đối tượng nuôi làm cảnh trong tương lai, cũng như bảo vệ và phát triển nguồn lợi cá tự nhiên trong khu vực.
8245	Thạc sĩ	Tổng hợp một số dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole và thử nghiệm hoạt tính sinh học :	Nguyễn, Thị Kim Huyền	Nguyễn Thị Kim Huyền ; Bùi Thị Bửu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích tổng hợp các dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole mới, góp phần làm phong phú thêm cấu trúc hóa học của dẫn xuất 1,3,4-oxadiazole. Ngoài ra, việc nghiên cứu sẽ giúp sàng lọc các chất khởi nguồn có tiềm năng ứng dụng trong việc khám phá và phát triển thuốc mới: kháng virus Zika, ung thư,...
8246	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp dẫn xuất N-benzyl-2-pyrrolylbenzimidazole :	Nguyễn, Hoàng Sơn	Nguyễn Hoàng Sơn ; Trần Quang Đệ, Bùi Thị Bửu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện, nhằm tổng hợp các dẫn xuất N-benzyl-2-pyrrolylbenzimidazole mới, sàng lọc các chất khởi nguồn có tiềm năng ứng dụng trong việc nghiên cứu và khám phá thuốc mới chống virus viêm gan siêu vi C và ung thư.
8247	Thạc sĩ	Thiết kế một số hoạt động trải nghiệm hỗ trợ việc dạy học môn toán 10 :	Phạm, Hùng Cường	Phạm Hùng Cường ; Dương Hữu Tông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm và cách thức tổ chức hoạt động, từ đó xây dựng một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn toán 10 nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng và hứng thú cho học sinh khi học môn toán.
8248	Thạc sĩ	Giáo dục toán học thực tiễn: Một nghiên cứu áp dụng vào dạy học hình học 10 :	Ngô, Trần Thủy Tiên	Ngô Trần Thủy Tiên ; Nguyễn Phú Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu vận dụng giáo dục toán học thực tiễn vào dạy học hình học lớp 10 nhằm góp phần giáo dục tính thực tiễn cho học sinh trong quá trình dạy học.
8249	Thạc sĩ	Dạy học hệ thức lượng trong tam giác theo hướng dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực tự học của học sinh :	Huỳnh, Nguyễn Vũ Linh	Huỳnh Nguyễn Vũ Linh ; Lê Hiền Dương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trường phổ thông, đề xuất một số thiết kế mô hình tổ chức dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm chủ đề hệ thức lượng trong tam giác chương trình hình học lớp 10 cơ bản.
8250	Thạc sĩ	Khảo sát sự đa dạng và phân bố của các loài lưỡng cư, bò sát ở khu vực Bảy Núi, tỉnh An Giang :	Lâm, Quang Ngôn	Lâm Quang Ngôn ; Ngô Văn Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm cập nhật số liệu mới nhất về thành phần loài LCBS và khu vực phân bố của chúng, làm cơ sở cho việc theo dõi biến đổi đa dạng sinh học và bảo tồn nguồn gen ở khu vực Bảy Núi.
8251	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải thuật điều chỉnh thông số cho bộ điều khiển con lắc ngược :	Nguyễn, Thanh Nhã	Nguyễn Thanh Nhã ; Nguyễn Hữu Cường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm đưa ra một số giải thuật di truyền để tự tìm ra các luật tối ưu của hệ mờ và điều chỉnh lại các thông số cho hệ mờ này. Các phương pháp mã hóa cấu trúc dữ liệu của các nhiệm sắc thể để đưa đến lời giải tốt hơn, và tăng tốc độ tìm kiếm lời giải.
8252	Thạc sĩ	Điều khiển robot SCARA sử dụng giải thuật mờ - nơron :	Huỳnh, Minh Vũ	Huỳnh Minh Vũ ; Nguyễn Hữu Cường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu kiểm chứng khả năng học hành vi điều khiển của chuyên gia dựa trên cơ chế suy diễn mờ - nơron thích nghi (adaptive neuro fuzzy inference systems -ANFIS).

8253	Thạc sĩ	Rút trích đặc trưng lệnh di chuyển dựa trên tín hiệu điện não :	Huỳnh, Thế Hiển	Huỳnh Thế Hiển ; Ngô Trúc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân loại chuyển động trái và phải của tín hiệu điện não dựa trên mạng nơ-ron truyền thẳng nhiều lớp.
8254	Thạc sĩ	Giám sát và điều khiển từ xa hệ thống xử lý nước pha chế thuốc phần 2 :	Trần, Quang Thịnh	Trần Quang Thịnh ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các phương pháp, thiết bị lọc nước hiện đại, từ đó xây dựng quy trình xử lý nước bắt đầu từ nước nguồn, qua công đoạn làm mềm, đến công đoạn lọc nước làm mềm thành nước RO và cuối cùng là lọc nước RO thành nước tinh khiết. Hệ thống sử dụng các thiết bị lọc nước hiện đại như Autovalve, EDI, nâng cao tính tự động hóa cho hệ thống.
8255	Thạc sĩ	Điều khiển quy trình tiết trùng hơi cho bồn pha thuốc nhà máy thuốc thú y Vemedim :	Trương, Hoài Bảo	Trương Hoài Bảo ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng được quy trình tiết trùng riêng biệt cho từng loại bồn, sau đó sử dụng giải thuật tự động nhận diện thể tích các bồn, để chọn quy trình tiết trùng thích hợp, nhằm tối ưu hóa được thời gian sản xuất, tránh lãng phí năng lượng đốt lò không cần thiết.
8256	Thạc sĩ	Giám sát và điều khiển từ xa hệ thống xử lý nước pha chế thuốc phần 1 :	Hồ, Thanh Liêm	Hồ Thanh Liêm ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các phương pháp, thiết bị lọc nước hiện đại, từ đó xây dựng quy trình xử lý nước bắt đầu từ nước nguồn, qua công đoạn làm mềm, đến công đoạn lọc nước làm mềm thành nước RO và cuối cùng là lọc nước RO thành nước tinh khiết. Hệ thống sử dụng các thiết bị lọc nước hiện đại như Autovalve, EDI, nâng cao tính tự động hóa cho hệ thống.
8257	Thạc sĩ	Robot khử trùng điều khiển từ xa qua sóng wifi :	Nguyễn, Ngọc Phú	Nguyễn Ngọc Phú ; Nguyễn Chí Ngôn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu và chế tạo robot khử trùng điều khiển từ xa qua sóng wifi là đề tài mang tính cấp thiết giải quyết bài toán kinh tế và an toàn lao động theo xu hướng phát triển công nghệ hiện nay, công nghệ 4.0, là cuộc cách mạng không dây trong nhà máy sản xuất thuốc thú y Vemedim.
8258	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Văn Tuấn Hiệp	Nguyễn Văn Tuấn Hiệp ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá tổng quan về đặc điểm hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đo lường ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện cấu trúc hội đồng quản trị, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
8259	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến giá trị của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Hoài Nam	Nguyễn Hoài Nam ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường ảnh hưởng giữa cấu trúc vốn đến giá trị của các công ty niêm yết trên HOSE, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao giá trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên HOSE
8260	Thạc sĩ	Dạy học các khái niệm vectơ - hình học 10: Một nghiên cứu theo hướng tiếp cận lý thuyết xử lý thông tin :	Vô, Khương Duy	Vô Khương Duy ; Nguyễn Phú Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu vận dụng lý thuyết xử lý thông tin nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học nội dung các khái niệm vectơ trong chương trình sách giáo khoa hình học lớp 10 cơ bản.
8261	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Cần Thơ :	Trần, Nguyễn Huyền Trân	Trần Nguyễn Huyền Trân ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Cần Thơ.

8262	Thạc sĩ	Nghiên cứu sử dụng thân lá khoai môn (<i>Colocasia esculenta</i>) ủ chua trong khẩu phần nuôi bò thịt tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp :	Trần, Hoàn Quý	Trần Hoàn Quý ; Nguyễn Thị Hồng Nhân, Nguyễn Thiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá chất lượng, thành phần hóa học của thân lá khoai môn ủ chua với các công thức và thời gian bảo quản khác nhau. Đánh giá khả năng thu nhận thức ăn ủ chua của bò thịt (từ công thức ủ phù hợp nhất) và tỷ lệ thay thế hiệu quả trong khẩu phần thức ăn chăn nuôi bò
8263	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sản xuất trong chăn nuôi bò sữa của nông hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng :	Lâm, Trịnh Hồng Nhung	Lâm Trịnh Hồng Nhung ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu góp phần giúp cho nông hộ có được những giải pháp xác thực để phát triển bò sữa và nâng cao thu nhập, bên cạnh đó cũng góp phần cung cấp dữ liệu cho Tỉnh có những chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn sản xuất tại địa phương.
8264	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế của các nông hộ trồng cam sành tại tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Hoàng Dang	Nguyễn Hoàng Dang ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng Cam Sành, nhằm đề xuất giải pháp tăng hiệu quả trồng Cam Sành của nông hộ trồng tại tỉnh Hậu Giang.
8265	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị đội ngũ bán hàng kênh truyền thống tại chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Thanh Hương	Nguyễn Thị Thanh Hương ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm mục tiêu đánh giá hiệu quả kỹ thuật và lựa chọn kỹ thuật xuống giống trong sản xuất lúa ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các kỹ thuật xuống giống vào sản xuất lúa.
8266	Thạc sĩ	Sử dụng ảnh viễn thám và mô hình logistic để đánh giá các yếu tố tác động đến quá trình phát triển đô thị tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 2003 - 2017 :	Trịnh, Hữu Thành	Trịnh Hữu Thành ; Nguyễn Thị Hồng Điệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Theo dõi tình hình đô thị hóa và xác định các yếu tố tác động đến quá trình phát triển đô thị tại thành phố Cần Thơ, lựa chọn mô hình dự đoán yếu tố kỳ vọng tác động đến quá trình phát triển đô thị tại thành phố Cần Thơ.
8267	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của giá thể, số dây và phương pháp xử lý tạo củ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng của ba giống khoai lang tím (<i>Ipomoea batatas</i> (L.) Lam.) trồng chậu :	Lê, Thị Hoàng Yến	Lê Thị Hoàng Yến ; Lê Văn Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu tìm ra: loại giá thể, số dây và phương pháp xử lý tạo củ đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng của ba giống khoai lang tím.
8268	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của giá thể, nồng độ NAA và thể hệ canh giâm trong giâm cành cây dã yên thảo (<i>Petunia hybrida</i>) :	Nguyễn, Thị Đan Thi	Nguyễn Thị Đan Thi ; Lê Văn Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu: tìm ra được giá thể, nồng độ NAA và thể hệ canh giâm thích hợp nhân giống bằng giâm cành cây dã yên thảo.
8269	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chi phí đại diện đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Phan, Minh Khang	Phan Minh Khang ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của chi phí đại diện đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
8270	Thạc sĩ	Thiết kế các tình huống dạy học chủ đề vectơ trong hình học 10 theo hướng vận dụng lí thuyết kiến tạo :	Lê, Dũng Tiền	Lê Dũng Tiền ; Lê Hiền Dương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế một số tình huống về dạy học chủ đề vectơ trong hình học lớp 10 theo hướng vận dụng lí thuyết kiến tạo.

8271	Thạc sĩ	Anh hưởng của phối hợp phân hữu cơ, Biochar và vi khuẩn nội sinh đến năng suất cây bắp lai (Zea mays L.), dinh dưỡng đất trong điều kiện nhà lưới :	Nguyễn, Trúc Như	Nguyễn Trúc Như ; Tất Anh Thư (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định ảnh hưởng của phối hợp giữa phân bón hữu cơ, biochar đến năng suất bắp lai, dinh dưỡng đất và đánh giá hiệu quả của chủng vi khuẩn Enterobacter asburiae đến năng suất của bắp lai trong điều kiện nhà lưới.
8272	Thạc sĩ	Xác định công thức phân bón N, P, K cho lúa trên đất phù sa chua tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bằng phương pháp quản lý dinh dưỡng theo địa điểm chuyên biệt :	Phạm, Ngọc Khoa	Phạm Ngọc Khoa ; Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm xác định công thức phân bón N, P, K cho lúa trên đất phù sa chua tại Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bằng phương pháp quản lý dinh dưỡng theo địa điểm chuyên biệt
8273	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả tài chính sản xuất lúa trong và ngoài liên kết ở tỉnh An Giang và Đồng Tháp :	Nguyễn, Thị Bích Ngọc	Nguyễn Thị Bích Ngọc ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của sản xuất lúa trong hợp tác xã/tổ hợp tác so với canh tác theo tập quán bên ngoài hợp tác xã/tổ hợp tác, và qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao lợi nhuận cho nông dân sản xuất lúa, góp phần mở rộng qui mô và phát triển sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng liên kết tại 2 tỉnh An Giang và Đồng Tháp.
8274	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả tài chính sản xuất cam của nông hộ tại quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ :	Huỳnh, Văn Hậu	Huỳnh Văn Hậu ; Vũ Anh Pháp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả tài chính sản xuất cam Xoàn tại quận Ô Môn nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ và hướng tới phát triển bền vững vùng chuyên canh cây cam Xoàn của Quận.
8275	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo của người Kinh và người Khmer ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thị Diệp	Nguyễn Thị Diệp ; Nguyễn Thanh Bình (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo của người Kinh và người Khmer ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng vấn đề nghèo đói và công tác xóa đói giảm nghèo ở tỉnh An Giang nói chung và huyện Tịnh Biên nói riêng. Đồng thời đưa ra các gợi ý chính sách về công tác giảm nghèo căn cứ vào các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo của hộ trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nhằm giúp hộ nghèo trên địa bàn huyện tăng khả năng thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.
8276	Thạc sĩ	Đánh giá vai trò của phụ nữ trong quản trị tài nguyên nước tại một số dự án thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Đinh, Thị Bạch Phượng	Đinh Thị Bạch Phượng ; Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng quản trị tài nguyên nước ở nước ta và sự tham gia của phụ nữ trong quản trị tài nguyên nước tại một số dự án thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả và khuyến khích sự tham gia của nữ giới trong quản trị tài nguyên nước.
8277	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre :	Võ, Thị Thúy Diễm	Võ Thị Thúy Diễm ; Nguyễn Hữu Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre hiện nay. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. Đề xuất giải pháp hỗ trợ nông hộ ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre tiếp cận tín dụng chính thức.
8278	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam :	Huỳnh, Thủy Tuyên	Huỳnh Thủy Tuyên ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường mức độ ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị về chính sách tỷ giá nhằm gia tăng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

8279	Thạc sĩ	Xây dựng bản đồ địa chất công trình dọc tuyến sông Cần Thơ, thành phố Cần Thơ :	Thái, Thanh Hậu	Thái Thanh Hậu ; Phạm Văn Toàn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng bản đồ địa chất của đoạn sông Cần Thơ. Dữ liệu về các hồ khoan địa chất, kết hợp với việc sử dụng phương pháp nội suy dạng điểm - phần mềm QGIS được sử dụng để xây dựng bản đồ địa chất công trình nhằm làm cơ sở đánh giá đặc điểm địa chất công trình; và đánh giá ổn định hiện trạng công trình thủy lợi dọc tuyến sông Cần Thơ.
8280	Thạc sĩ	Kiểm định mô hình năm nhân tố Fama - French kết hợp nhân tố thanh khoản trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Huỳnh, Phương Linh	Huỳnh Phương Linh ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Kiểm định mô hình năm nhân tố của Fama - French kết hợp nhân tố thanh khoản trong dự báo suất sinh lời, hay còn gọi là tỷ suất sinh lời của cổ phiếu niêm yết tại HOSE.
8281	Thạc sĩ	Nghiên cứu ổn định kè thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp - giai đoạn III :	Nguyễn, Hoàng Nhật Huy	Nguyễn Hoàng Nhật Huy ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu khả năng tự ổn định kè và ổn định của mái dốc bờ sông, tận dụng tối đa sự làm việc của đất nền dưới tác động của tải trọng của công trình, mực nước sông và dòng chảy tác dụng vào công trình. Đồng thời đề xuất phương pháp tính toán có độ tin cậy cao đảm bảo điều kiện kỹ thuật tại vị trí nghiên cứu và áp dụng cho công trình có tính chất gần giống với vị trí nghiên cứu.
8282	Thạc sĩ	Tác động của tiền gửi về (remittances) đến phân phối chi tiêu của các hộ gia đình tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Ngô, Trần Thanh	Ngô Trần Thanh ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu “Tác động của tiền gửi về (remittances) đến phân phối chi tiêu của các hộ gia đình tại Đồng bằng sông Cửu Long” nhằm cung cấp những bằng chứng phân tích về thực trạng sử dụng lượng tiền gửi về trong việc chi tiêu cho cuộc sống của các hộ gia đình (có thành viên di cư lao động).
8283	Thạc sĩ	Cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động tại các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Đỗ, Lê Quỳnh Trang	Đỗ Lê Quỳnh Trang ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng hoạt động chung của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
8284	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của rủi ro và cạnh tranh đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam :	Trịnh, Thị Kiều Hạnh	Trịnh Thị Kiều Hạnh ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường ảnh hưởng của rủi ro và cạnh tranh đến lợi nhuận của các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.
8285	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo của hộ gia đình khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long :	Đặng, Thiện Hiếu	Đặng Thiện Hiếu ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định những nhân tố và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó đến tình trạng nghèo của hộ gia đình khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long.
8286	Thạc sĩ	Sự sẵn lòng chi trả của các hộ gia đình cho việc bảo tồn rừng U Minh Hạ - Cà Mau: Tiếp cận theo mô hình lựa chọn :	Đặng, Thị Thanh Tuyền	Đặng Thị Thanh Tuyền ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu sự sẵn lòng chi trả của các hộ gia đình cho việc bảo tồn rừng U Minh Hạ - Cà Mau đối với từng thuộc tính lợi ích mà việc bảo tồn mang lại nhằm mục đích đánh giá thực trạng và mức chi phí sẵn sàng bỏ ra để phát triển hệ sinh thái rừng U Minh Hạ.
8287	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các nguồn lực sinh kế đến thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Huỳnh Trang Nhã	Nguyễn Huỳnh Trang Nhã ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tìm hiểu thực trạng về thu nhập và tình hình phát triển các nguồn lực sinh kế ở nông thôn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực sinh kế đến thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất các giải pháp nâng cao thu nhập của nông hộ dựa trên phát triển các nguồn lực sinh kế ở nông thôn.

8288	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động phi nông nghiệp của lao động nông thôn vùng Đông Nam Bộ :	Hồ, Minh Khoa	Hồ Minh Khoa ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hoạt động phi nông nghiệp của lao động nông thôn vùng Đông Nam Bộ. Từ đó, đề ra các giải pháp cụ thể để nâng cao cơ hội tham gia hoạt động phi nông nghiệp cho lao động nông thôn vùng Đông Nam Bộ.
8289	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng sen ở thành phố Cần Thơ :	Huỳnh, Thị Tú Trinh	Huỳnh Thị Tú Trinh ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá đúng được thực trạng sản xuất, yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất (HQSX), thấy rõ được các tồn tại, hạn chế của việc sản xuất, trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất sen cho các hộ nông dân ở hành phố Cần Thơ.
8290	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Việt An Cư	Nguyễn Việt An Cư ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại Thành phố Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị giúp tăng trưởng kinh tế ổn định cho thành phố Cần Thơ.
8291	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở tỉnh Sóc Trăng :	Phan, Thị Ngọc Mụi	Phan Thị Ngọc Mụi ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở tỉnh Sóc Trăng. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho bà con nông dân tại địa bàn nghiên cứu để họ ổn định sản xuất và đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia.
8292	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia Bảo hiểm Nhân Thọ của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Hồ, Nam	Hồ Nam ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia Bảo hiểm Nhân Thọ của khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giúp các Công ty Bảo hiểm Nhân Thọ đang hoạt động trên địa bàn khai thác thị trường hiệu quả hơn.
8293	Thạc sĩ	Xác định mức giá sẵn lòng trả của nông dân cho thuốc trừ sâu sinh học trên địa bàn thành phố Cần Thơ bằng phương pháp đấu giá thực nghiệm :	Lê, Minh Tuấn	Lê Minh Tuấn ; Tống Yên Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm khuyến khích nông dân sử dụng các sản phẩm trừ sâu sinh học trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng đề ra chính sách đẩy mạnh việc sử dụng các sản phẩm thuốc sinh học trong sản xuất nông nghiệp an toàn và thân thiện với môi trường.
8294	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp bảo vệ bờ sông Tiền thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp :	Trần, Văn Em	Trần Văn Em ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nguyên nhân cơ chế sạt lở do thay đổi dòng chảy; Nghiên cứu tính ổn định bờ sông theo mô hình mô phỏng; Đề xuất các giải pháp bảo vệ bờ sông, đảm bảo tính ổn định bền vững bằng phù hợp với cơ chế sạt lở.
8295	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của chương trình tín dụng chính sách đối với thu nhập của hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng :	Phí, Thị Đan Thanh	Phí Thị Đan Thanh ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng chương trình tín dụng chính sách, phân tích ảnh hưởng của chương trình tín dụng chính sách đối với thu nhập của các hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng.
8296	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ của người hưu trí trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Kim Dung	Nguyễn Thị Kim Dung ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ của người hưu trí trên địa bàn thành phố Cần Thơ, qua đó tìm kiếm các hàm ý quản trị thúc đẩy việc mua bảo hiểm nhân thọ của người hưu trí tại địa bàn thành phố Cần Thơ.
8297	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife của khách hàng tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Côt phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long :	Lê, Hồng TrúC	Lê Hồng TrúC ; Trương Thị Bé Hai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife của khách hàng tiền gửi tiết kiệm tại BIDV Vĩnh Long, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm gia tăng số lượng khách hàng tiền gửi tiết kiệm tham gia bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife trong thời gian tới.

8298	Thạc sĩ	Hiệu ứng tháng Giêng và tác động của nó trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Thanh Tùng	Nguyễn Thanh Tùng ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá sự biến động của giá cổ phiếu theo chu kỳ thời gian dưới sự tác động của nhiều yếu tố cả vi mô và vĩ mô. Từ đó rút ra được qui luật biến động giá theo chu kỳ thời gian của thị trường chứng khoán.
8299	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nguồn tín dụng của nông hộ tại địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang :	Phạm, Võ Long	Phạm Võ Long ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mô tả thực trạng thị trường tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức tại địa bàn địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nguồn tín dụng của nông hộ tại địa bàn địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Đề xuất một số giải pháp nâng cao doanh số cho vay của các tổ chức tín dụng chính thức tại địa bàn địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
8300	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình khu vực nông thôn tỉnh Hậu Giang :	Cam, Cẩm Châu	Cam Cẩm Châu ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn tỉnh Hậu Giang; từ đó, đề xuất giải pháp để nâng cao thu nhập của hộ gia đình khu vực nông thôn tỉnh Hậu Giang.
8301	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện trên địa bàn huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long :	Trương, Thị Ngọc Anh	Trương Thị Ngọc Anh ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện trên địa bàn huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện trên địa bàn huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.
8302	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa ở tỉnh An Giang :	Trần, Thái Như Phụng	Trần Thái Như Phụng ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017. Tính toán hiệu quả kỹ thuật (TE: Technical Efficiency) của hoạt động trồng lúa và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của hộ nông dân sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.
8303	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các hộ trồng bắp nếp trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang :	Lý, Huỳnh Nhật Tiến	Lý Huỳnh Nhật Tiến ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của các hộ trồng bắp nếp trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật, nâng cao thu nhập để người nông dân trồng bắp hiệu quả hơn.
8304	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình xác thực tính toàn vẹn cơ sở dữ liệu quan hệ bằng kỹ thuật nhúng thủy vân :	Trần, Việt Thanh	Trần Việt Thanh ; Trần Cao Đệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các kỹ thuật thủy vân để vẽ, trong đó, thủy vân đóng vai trò như là dấu hiệu nhận dạng của cơ sở dữ liệu, bất kỳ thay đổi nào đối với cơ sở dữ liệu cũng sẽ làm thay đổi dấu hiệu nhận dạng và do đó làm thay đổi thủy vân. Bằng cách kiểm tra tính toàn vẹn của thủy vân, ta có thể xác thực được tính toàn vẹn của cơ sở dữ liệu tương ứng.
8305	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của sở hữu tập trung và sở hữu hỗn hợp đến rủi ro của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam :	Phạm, Thanh Hoàng	Phạm Thanh Hoàng ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu (tập trung và hỗn hợp) đến rủi ro của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị cho công tác quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.
8306	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của sự đa dạng hóa trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Phạm, Thị Hồng Vân	Phạm Thị Hồng Vân ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng sự đa dạng hóa trong hội đồng quản trị trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng của sự đa dạng hóa trong hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đề xuất hàm ý quản trị nhằm giúp các doanh nghiệp niêm yết thiết lập một cơ cấu hội đồng quản trị phù hợp hơn để nâng cao hiệu quả hoạt động.

8307	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ :	Lê, Thị Kim Sang	Lê Thị Kim Sang ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ.
8308	Thạc sĩ	Tác động của cấu trúc sở hữu đến sức cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Huỳnh, Cảnh Thanh Thanh	Huỳnh Cảnh Thanh ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tác động của cấu trúc sở hữu đến sức cạnh tranh, từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách hướng tới xây dựng môi trường cạnh tranh hiệu quả hơn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.
8309	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng xuất khẩu lao động của thanh niên tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long :	Hồ, Kim Yển	Hồ Kim Yển ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất hàm ý nhằm hoàn thiện chính sách tiếp cận tín dụng xuất khẩu lao động của thanh niên tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
8310	Thạc sĩ	Tác động của trải nghiệm dịch vụ đến hành vi sau sử dụng: Trường hợp dịch vụ xe khách chất lượng cao tại Thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Hiếu Nghĩa	Trần Thị Hiếu Nghĩa ; Huỳnh Thanh Nhã (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tác động của trải nghiệm dịch vụ đến hành vi sau khi sử dụng của khách hàng. Từ đó giúp các công ty cung cấp dịch vụ nhận biết được các tác động của trải nghiệm dịch vụ đến hành vi sau sử dụng của khách hàng và có những chính sách phù hợp làm cho khách hàng gắn bó với doanh nghiệp hơn.
8311	Thạc sĩ	Các yếu tố quyết định dòng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc vào ASEAN: Tiếp cận bằng mô hình lực hấp dẫn :	Võ, Thái Quyên	Võ Thái Quyên ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích khái quát dòng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc vào khu vực ASEAN; Xác định các yếu tố quyết định đầu tư FDI ra nước ngoài của Trung Quốc vào ASEAN giai đoạn 2004-2017; Đề xuất giải pháp góp phần thu hút nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc vào các nước ASEAN.
8312	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chính sách chi trả cổ tức đến giá trị của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam :	Liên, Thái Huỳnh	Liên Thái Huỳnh ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của chính sách chi trả cổ tức đến giá trị của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trên cơ sở đó, góp phần làm phong phú hơn các bằng chứng thực nghiệm liên quan đến vấn đề này và đề xuất hàm ý trong việc xây dựng chính sách cổ tức hợp lý hơn cho các doanh nghiệp.
8313	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật và lựa chọn kỹ thuật sạ lúa của nông dân ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng :	Lê, Trường An	Lê Trường An ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm mục tiêu đánh giá hiệu quả kỹ thuật và lựa chọn kỹ thuật xuống giống trong sản xuất lúa ở huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các kỹ thuật xuống giống vào sản xuất lúa.
8314	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của cá nhân tại thành phố Cần Thơ :	Lê, Thị Ngọc Thảo	Lê Thị Ngọc Thảo ; Võ Hoàng Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Internet banking của cá nhân tại thành phố Cần Thơ, đề xuất một số giải pháp nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ Internet banking của các ngân hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8315	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của phân hữu cơ và kali đến năng suất và chất lượng củ của khoai lang (Ipomoea batatas (L.) Lam.) Tím Nhật HL491 và Tím Lord :	Lê, Anh Duy	Lê Anh Duy ; Lê Văn Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định ảnh hưởng của việc sử dụng phân hữu cơ và đề xuất liều lượng bón phân kali phù hợp giúp gia tăng năng suất và chất lượng củ của hai dòng/giống khoai lang tím (Ipomoea batatas (L.) Lam.).

8316	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn tổ chức tín dụng gửi tiết kiệm cá nhân tại tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Hồng Cẩm	Nguyễn Thị Hồng Cẩm ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn tổ chức tín dụng gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân tỉnh Hậu Giang, từ đó đề tài đưa những giải pháp nhằm duy trì khách hàng cá nhân cũ và thu hút khách hàng cá nhân tiềm năng gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.
8317	Thạc sĩ	Pháp luật về lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện	Trần, Thanh Ngọc Tú	Trần Thanh Ngọc Tú ; Phan Trung Hiền (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung luận văn nghiên cứu về lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về nguyên tắc, chủ thể lập, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm, làm rõ mối quan hệ giữa kế hoạch sử dụng đất hàng năm với các quy hoạch kế hoạch khác, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật trên thực tế.
8318	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh bán lẻ xăng dầu- thực trạng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Trần, Thanh Tú Trân	Trần Thanh Tú Trân ; Lê Thanh Hòa (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung tập trung nghiên cứu tìm hiểu về các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu, tham khảo các công trình nghiên cứu và tác giả so sánh, đối chiếu việc áp dụng thực hiện pháp luật về kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại Thành phố Cần Thơ.
8319	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất ở	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn Ngọc Hân ; Phạm Văn Võ (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung luận văn nghiên cứu về cơ sở lý luận quy định pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất ở; làm rõ thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất ở; đề xuất những giải pháp đối với những quy định pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất ở cũng như một phần nhỏ trong vấn đề hoàn thiện pháp luật và góp phần phát triển thị trường đất ở trong điều kiện như hiện nay.
8320	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả tài chính và ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất xoài ở Tiền Giang và Đồng Tháp	Phạm, Cao Cường	Phạm Cao Cường ; Lê Cảnh Dũng (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung phân tích tình hình ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất xoài ở Tiền Giang và Đồng Tháp; phân tích hiệu quả tài chính trong sản xuất xoài ở Tiền Giang và Đồng Tháp.
8321	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của di cư lao động đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh An Giang	Lê, Duy Linh	Lê Duy Linh ; Huỳnh Trường Huy (Người hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu tập trung phân tích tác động của di cư lao động và các yếu tố khác đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại An Giang
8322	Thạc sĩ	Quản lý chất lượng công trình giai đoạn thi công qua công tác thanh tra, kiểm tra trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Thị Phương Thảo	Nguyễn Thị Phương Thảo ; Trần Minh Thuận, Đặng Thế Gia (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung phân tích đề xuất giải pháp nâng cao công tác quản lý chất lượng công trình giai đoạn thi công và chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng công trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8323	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Brassinolide và Ca(NO ₃) ₂ lên sự sinh trưởng và năng suất của cây Lác (Cyperus tegetiformis Roxb) ở huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long và huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh.	Nguyễn, Tuấn Anh	Nguyễn Tuấn Anh ; Lâm Ngọc Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung xác định nồng độ Brassinolide và Calci nitrate cải thiện sinh trưởng và năng suất lác, có 2 thí nghiệm bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 2 nhân tố. Kết quả cho thấy, cây lác được xử lý với Brassinolide là hiệu quả nhất, gia tăng ổ cây, chiều cao cây, đường kính gốc, hàm lượng sắc tố quang hợp, năng suất khô so với đối chứng.

8324	Thạc sĩ	Phát triển hệ thống hỗ trợ giữ xe thông minh	Nguyễn, Quốc Khánh	Nguyễn Quốc Khánh ; Nguyễn Thái Nghe (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung đề tài nghiên cứu phát triển hệ thống hỗ trợ giữ xe thông minh. Trong đó, nhận dạng biển số xe tự động ở góc độ bình thường và góc độ nghiêng, xéo giữa camera và biển số xe.
8325	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng của nông hộ trồng mía tại huyện Cù Lao Dung-Sóc Trăng :	Đặng Thị Diễm Phương	Đặng Thị Diễm Phương ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của nông hộ trồng mía tại huyện Cù Lao Dung-Sóc Trăng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của những nông hộ trồng mía cũng như phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Cù Lao Dung-Sóc Trăng
8326	Thạc sĩ	Anh hưởng của hạn chế tài chính đến đầu tư của các doanh nghiệp xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Ngô, Kim Trọng	Ngô Kim Trọng, Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung xác định ảnh hưởng của hạn chế tài chính đến đầu tư tài sản cố định của các doanh nghiệp xây dựng trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam.
8327	Thạc sĩ	Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ qua kênh ngân hàng của khách hàng tại ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng-chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn, Lê Kỳ Quang	Nguyễn Lê Kỳ Quang ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nhân thọ qua kênh ngân hàng của khách hàng tại VPBank-chi nhánh Cần Thơ. Qua đó đề xuất các hàm ý quản trị giúp VPBank và AIA Việt Nam nâng cao doanh số bảo hiểm nhân thọ qua kênh ngân hàng.
8328	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của người lao động trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Nguyễn, Nhật Quỳnh Như	Nguyễn Nhật Quỳnh Như ; Phan Anh Tú (cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến ý định của người lao động trên địa bàn Thành phố Cần Thơ nhằm tìm ra các nhân tố thúc đẩy cũng như cản trở ý định của họ. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp giúp khơi dậy tiềm năng của người lao động trên địa bàn thành phố cũng như giúp các nhà hoạch định chính sách vban hành các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ và thúc đẩy tinh thần của người lao động nói chung.
8329	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế lên thu nhập của nông hộ huyện Mô Cày bắc tỉnh Bến Tre.	Huỳnh, Hoàng Duyệt	Huỳnh Hoàng Duyệt ; Vương Quốc Duy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích ảnh hưởng của quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế lên thu nhập của nông hộ tại huyện Mô Cày Bắc tỉnh Bến Tre, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần cải thiện thu nhập của hộ vay vốn từ quỹ.
8330	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp công trình bảo vệ bờ sông Gành Hào tỉnh Cà Mau	Nguyễn, Lê Duy Lễ	Nguyễn Lê Duy Lễ ; Trần Văn Tuấn (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung luận văn đánh giá hiện trạng sạt lở bờ sông Gành Hào; nghiên cứu phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng sạt lở bờ sông Gành Hào; đề xuất các giải pháp kỹ thuật bảo vệ ổn định bờ sông, áp dụng cho đoạn bờ hữu sông Gành Hào, tỉnh Cà Mau.
8331	Thạc sĩ	Đánh giá thích nghi đất đai và đề xuất sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Đặng, Quang Vinh	Đặng Quang Vinh ; Lê Cảnh Định(Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2015 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đánh giá thích nghi đất đai theo quan điểm bền vững về điều kiện tự nhiên, xã hội và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đề xuất chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp một cách hợp lý trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
8332	Thạc sĩ	Khảo sát các đặc điểm sinh học liên quan đến đặc tính không hạt của cam soan (Citrus sinensis (L.) cv.Soan) không hạt đưược phát hiện ở Hậu Giang	Nguyễn, Quốc Sĩ	Nguyễn Quốc Sĩ ; Nguyễn Bá Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung xác định khả năng thụ tinh của tiểu noãn khi được thụ phấn bổ sung các giống khác để đánh giá khả năng tự bất tương hợp; khả năng tạo hạt của tiểu noãn và xác định các nguyên nhân không hạt. Từ đó đề xuất các giải pháp.

8333	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp chống xói lở, bảo vệ đê biển huyện U Minh-tỉnh Cà Mau	Bùi, Quốc Nam	Bùi Quốc Nam ; Trần Văn Tỷ (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung phân tích, đánh giá những nguyên nhân xói lở, mức độ, thời gian, cơ chế, địa hình, đại chất và sự bồi tụ của phù sa, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp chống xói lở bờ biển.
8334	Thạc sĩ	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến kiểm soát lũ trong hệ thống đê bao vùng Bắc Vàm Nao tỉnh An Giang.	Võ, Thanh Nhân	Nguyễn Thị Phương Thảo ; Trần Minh Thuận, Đặng Thế Gia (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung đánh giá tác động của các kịch bản biến động về thời tiết cực đoan và nước biển dâng trong điều kiện BBĐKH đến hệ thống các công trình KSL của vùng Bắc Vàm Nao tỉnh An Giang
8335	Thạc sĩ	Pháp luật về thu hồi đất khi thực hiện các dự án do hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận	Đoàn, Thị Tuyết Lan	Đoàn Thị Tuyết Lan ; Phan Trung Hiền (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận và làm sáng tỏ các quy định pháp luật nhằm hoàn thiện pháp luật về thu hồi đất thi thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.
8336	Thạc sĩ	Nghiên cứu xử lý nước thải phòng thí nghiệm bằng phương pháp điện hóa	Đặng, Thúy An	Đặng Thúy An ; Thái Phương Vũ (Người hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu về cách xử lý nước thải phòng thí nghiệm bằng điện cực sắt với chi phí điện cực và chi phí năng lượng thấp; tìm ra được điều kiện tối ưu ảnh hưởng đến hiệu suất của quá trình xử lý điện hóa.
8337	Thạc sĩ	Khảo sát sự tương tác giữa các DNA Base Cluster vàng sử dụng Au6 làm mô hình phản ứng	Mai, Mạt Sơn	Mai Mạt Sơn ; Phạm Vũ Nhật (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung giải thích bản chất tương tác của Au6 và các Base DNA cũng như nghiên cứu về mặt cấu trúc điện tử, đặc điểm liên kết, tham số nhiệt động..
8338	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết về hoạt tính kháng oxy hóa của các Flavones :	Nguyễn, Thị Ngân Hiếu	Nguyễn Thị Ngân Hiếu ; Phạm Vũ Nhật (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung khảo sát và so sánh khả năng kháng oxy hóa của một số flavone tiêu biểu như apigemin, chrysin, eupatorin,...bằng tính toán hóa học lượng tử thay vì sử dụng các phương pháp thực nghiệm truyền thống.
8339	Thạc sĩ	Đánh giá ổn định hồ chứa soài chek tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	Nguyễn, Mết Sil	Nguyễn Mết Sil, Trần Minh Thuận (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung kiểm tra ổn định thấm qua thân đập công trình hiện trạng theo mực nước lũ kiểm tra, mực nước lũ vượt thiết kế do biến đổi khí hậu; kiểm tra ứng suất và biến dạng thân đập công trình hiện trạng; kiểm tra ổn định trượt mái đập công trình hiện trạng.
8340	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình SCADA cho hệ thống cung cấp nước sinh hoạt (Phần 2) :	Nguyễn, Chí Linh	Nguyễn Chí Linh ; Nguyễn Chánh Nghiệm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày một số kết quả và một số cải tiến trong việc điều khiển, giám sát, thu thập dữ liệu dựa trên nền tảng điện toán đám mây để tối ưu hóa quá trình điều khiển, vận hành hệ thống cấp nước sinh hoạt. Xây dựng hệ thống điều khiển với các tính năng gọi bơm, đảo bơm, khả năng tự chuyển đổi bơm chính PID khi bị lỗi. Đồng thời cho ta thấy được khả năng tiềm tàng to lớn và tính ưu việt trong việc sử dụng điện toán đám mây trong vấn đề giám sát và thu thập dữ liệu của hệ thống.

8341	Thạc sĩ	Dạy học giải bài tập chủ đề "Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác" của chương trình đại số và giải tích lớp 11 theo định hướng bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trường trung học phổ thông :	Đặng, Phước Vinh	Đặng Phước Vinh ; Lê Hiền Dương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học toán ở trường trung học phổ thông, từ đó xây dựng một số biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học giải bài tập chủ đề "hàm số lượng giác và phương trình lượng giác của chương trình đại số và giải tích lớp 11"
8342	Thạc sĩ	Dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong Hình học 12 :	Nguyễn, Hồng Thuận	Nguyễn Hồng Thuận ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các cơ sở lý luận về tình huống thực tiễn trong dạy học Hình học 12. Từ đó, xây dựng và tổ chức dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong Hình học 12 nhằm giúp các học sinh giải quyết được các vấn đề đã học và áp dụng toán vào thực tế cuộc sống.
8343	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa theo mô hình cách đồng lớn ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Lộc Thịnh	Nguyễn Lộc Thịnh ; Nguyễn Huỳnh Phước (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa theo mô hình cánh đồng lớn ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
8344	Thạc sĩ	Anh hưởng của nhiệt độ và thời gian đến màu sắc, tính kháng oxy hóa và sự ức chế α -amylase của dịch trích lá mật gấu (<i>Vernonia amydalina</i> Del.) :	Nguyễn, Thị Kim Phụng	Nguyễn Thị Kim Phụng ; Nguyễn Minh Chơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra một loại nguyên liệu mới cho quá trình sản xuất trà thảo dược, tạo ra sản phẩm tiện lợi, chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng hiện nay.
8345	Thạc sĩ	The impact of teaching critical thinking tasks on enhancing paragraph writing performance among efl learners	Huỳnh, Đỗ Mỹ Thuận	Huỳnh Đỗ Mỹ Thuận ; Nguyễn Huỳnh Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Luận văn nghiên cứu tác động của các bài tập tư duy phản biện đối với hiệu suất viết đoạn văn của người học và kiểm tra thái độ của người học đối với các bài tập tư duy phản biện trong việc học môn viết tiếng Anh.
8346	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả thêm cho tiêu dùng xanh: Trường hợp người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ :	Phùng, Kim Hường	Phùng Kim Hường ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự sẵn lòng chi trả thêm cho tiêu dùng xanh của người tiêu dùng và đề xuất hàm ý chính sách góp phần tác động đến thái độ và hành vi của người dân thành phố Cần Thơ đối với tiêu dùng xanh.
8347	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Sóc Trăng :	Phương, Thị Thanh Hiền	Phương Thị Thanh Hiền ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng, và đề xuất giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng tại ngân hàng.
8348	Thạc sĩ	Phân tích tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam :	Trần, Thanh Nam	Trần Thanh Nam ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tác động của nợ công đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nợ công của nước ta trong thời gian tới.
8349	Thạc sĩ	The effects of group work on non-English majors students' speaking performance :	Châu, Vĩnh Thành	Châu Vĩnh Thành ; Phạm Quang Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu điều tra những ảnh hưởng của hoạt động nhóm đến khả năng nói của sinh viên nhằm mục đích giúp họ vượt qua khó khăn và nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh.

8350	Thạc sĩ	Hiệu quả của các loại dinh dưỡng thủy canh lên cây xà lách (<i>Lactuca sativa</i> L.) và cải xanh (<i>Brassica juncea</i> (L.) Czern.) :	Nguyễn, Thành Thức	Nguyễn Thành Thức ; Trần Thị Ba (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định công thức dinh dưỡng và phương pháp pha chế dinh dưỡng đơn giản, dễ thực hiện đến sinh trưởng, năng suất của xà lách và cải xanh thủy canh.
8351	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay tín chấp tiêu dùng của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại và công ty tài chính trên địa bàn Tp. Cần Thơ :	Lâm, Ngọc Châu	Lâm Ngọc Châu ; Vũ Thị Minh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng và xác định những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay tín chấp tiêu dùng của người dân, qua đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp tăng khả năng tiếp cận vốn vay tín chấp tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại và công ty tài chính của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8352	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa hiệu quả và rủi ro trong hệ thống ngân hàng Việt Nam :	Phan, Huyền Trang	Phan Huyền Trang ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa hiệu quả và rủi ro của hệ thống ngân hàng Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho các ngân hàng.
8353	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây cỏ cút heo (<i>Ageratum conyzoides</i> L.) ở tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Phúc Huy	Nguyễn Phúc Huy ; Nguyễn Văn Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập, tuyển chọn và định danh một số dòng vi khuẩn nội sinh trong cây cỏ cút heo (<i>Ageratum conyzoides</i> L.) ở tỉnh Sóc Trăng có hoạt tính kháng khuẩn cao.
8354	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Tuấn Kiệt	Nguyễn Tuấn Kiệt ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của đô thị hóa đến kinh tế hộ tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định đời sống của người dân tại thành phố Cần Thơ.
8355	Thạc sĩ	Đề xuất mô hình chuyển đổi cây trồng hiệu quả trên nền đất lúa 2 và 3 vụ tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang :	Trần, Thị Yên Phụng	Trần Thị Yên Phụng ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đưa ra định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng hiệu quả, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nông nghiệp của huyện, đảm bảo phát triển nông nghiệp một cách bền vững.
8356	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nồng độ Uniconazole ở những thời điểm kích thích ra hoa khác nhau lên sự ra hoa xoài cát Hòa Lộc (<i>Mangifera indica</i> L.) tại huyện Châu Thành A tỉnh Hậu Giang :	Phạm, Thành Tôn	Phạm Thành Tôn ; Trần Văn Hâu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện để xác định hiệu quả của nồng độ UZC lên sự ra hoa và năng suất của cây xoài cát Hòa Lộc.
8357	Thạc sĩ	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam: Tiếp cận theo hồi quy DGMM và PMG :	Trần, Xuân Thảo	Trần Xuân Thảo ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của những yếu tố vi mô và yếu tố vĩ mô đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn từ 2006 - 2017 và đề xuất giải pháp nhằm hạn chế nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.
8358	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ thành viên nữ và tỷ lệ thành viên người nước ngoài trong hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Lê, Hồng Mỹ Ái	Lê Hồng Mỹ Ái ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ thành viên nữ và tỷ lệ thành viên người nước ngoài trong hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đề xuất hàm ý quản trị nhằm hoàn thiện hơn cấu trúc hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trong thời gian tới.

8359	Thạc sĩ	Đặc điểm truyền thuyết tại Phú Quốc - Kiên Giang :	Nguyễn, Thị Ngọc Yến	Nguyễn Thị Ngọc Yến ; Trần Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát về Phú Quốc và truyền thuyết tại Phú Quốc, đặc điểm nội dung và đặc điểm thi pháp truyền thuyết tại Phú Quốc.
8360	Thạc sĩ	Đếm số lượng trái trên cây thanh long sử dụng kỹ thuật phân đoạn ảnh và xử lý hình dáng :	Nguyễn, Thanh Phương	Nguyễn Thanh Phương ; Trương Quốc Bảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày cơ sở lý thuyết về phân đoạn ảnh và các kỹ thuật xử lý ảnh liên quan giải quyết vấn đề, thực nghiệm hệ thống đếm số lượng trái thanh long trên cây và ước lượng sản lượng vườn thanh long.
8361	Thạc sĩ	Sử dụng mô hình hóa để phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh trung học phổ thông: Trường hợp bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn :	Ngô, Thị Hồng Nga	Ngô Thị Hồng Nga ; Vũ Như Thu Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phát triển các năng lực giao tiếp toán học cho học sinh trung học phổ thông qua dạy học mô hình hóa nội dung bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn.
8362	Thạc sĩ	Dạy học khái niệm diện tích theo định hướng phát triển năng lực hiểu biết Toán cho học sinh trung học cơ sở :	Phan, Tuyết Mai	Phan Tuyết Mai ; Lê Thị Hoài Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày các quan niệm có thể gắn với khái niệm diện tích, vai trò của khái niệm và các tính chất của khái niệm diện tích.
8363	Thạc sĩ	Mối liên hệ giữa tỷ giá hối đoái và giá chứng khoán: Bằng chứng thực nghiệm tại thị trường chứng khoán một số quốc gia ASEAN :	Đàm, Mỹ Huỳnh	Đàm Mỹ Huỳnh ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và giá chứng khoán ở thị trường chứng khoán một số quốc gia ASEAN, từ đó đưa ra những khuyến nghị cho các nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro do thay đổi về tỷ giá gây ra.
8364	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất lúa tại huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ :	Đào, Thị Hồng Thu	Đào Thị Hồng Thu ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm giúp nông dân, các cơ quan, ban ngành thấy được hiệu quả trong sản xuất lúa cũng chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất lúa tại địa bàn, có những giải pháp phù hợp để quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ.
8365	Thạc sĩ	Sự vi phạm số lepton thế hệ trong quá trình vỡ Higgs của mô hình Zee-Babu :	Lâm, Hoàng Nool	Lâm Hoàng Nool ; Hoàng Ngọc Long, Trương Trọng Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu về mặt lý thuyết và các đóng góp của quá trình vỡ vi phạm số lepton thế hệ trong mô hình Zee-Babu.
8366	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực quản trị của cán bộ quản lý tại chi nhánh của các ngân hàng thương mại cổ phần thành phố Cần Thơ :	Kỳ, Nguyệt Yến	Kỳ Nguyệt Yến ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố cấu thành năng lực quản trị của cán bộ quản lý tại chi nhánh của các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trên cơ sở đó đề xuất các hàm ý quản trị góp phần nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ quản lý tại các chi nhánh của các ngân hàng thương mại cổ phần tại địa bàn nghiên cứu.
8367	Thạc sĩ	Đánh giá chất lượng dịch vụ điểm đến du lịch sinh thái Đồng Sen Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp :	Trần, Thị Mỹ Trinh	Trần Thị Mỹ Trinh ; Thái Anh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá chất lượng dịch vụ điểm đến du lịch sinh thái và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của điểm đến du lịch sinh thái Đồng Sen Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp.

8368	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự cam kết gắn bó của nhân viên làm việc tại các công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh An Giang :	Nguyễn, Bình Sơn	Nguyễn Bình Sơn ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự cam kết gắn bó của nhân viên làm việc tại các công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm đề xuất hàm ý quản trị giúp các doanh nghiệp nâng cao tinh thần gắn kết của nhân viên đối với tổ chức.
8369	Thạc sĩ	Cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Việt Chiến :	Lý, Yến Ngọc	Lý Yến Ngọc ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Những vấn đề chung về cái tôi trữ tình và vài nét chính về nhà thơ Nguyễn Việt Chiến, những cung bậc cảm xúc của cái tôi trữ tình và nghệ thuật thể hiện cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Việt Chiến.
8370	Thạc sĩ	Bảo đảm nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất :	Trương, Thị Ánh Loan	Trương Thị Ánh Loan ; Nguyễn Lan Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về các nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất, phân tích đánh giá các quy định và thực tiễn bảo đảm các nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất từ khi luật đất đai 2013 có hiệu lực đến nay.
8371	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn phân giải Cellulose để xử lý cơ chất trồng nấm rơm trong nhà :	Nhâm, Thị Thu Thủy	Nhâm Thị Thu Thủy ; Trần Nhân Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu thực hiện nhằm tìm ra những dòng vi khuẩn có khả năng phân giải cellulose để chuyển hóa các thành phần cấu tạo của cơ chất thành nguồn dinh dưỡng cho nấm, giúp rút ngắn thời gian trồng và thu hoạch.
8372	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của sự manh mún đất đai đến hiệu quả kinh tế của các hộ trồng lúa tại tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thị Hoàng Vi	Nguyễn Thị Hoàng Vi ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của các hộ trồng lúa và đề ra các hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của hộ trồng lúa ở tỉnh An Giang trong thời gian tới.
8373	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định vay vốn mua xe ô tô của người tiêu dùng ở các ngân hàng thương mại tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Lê Trần	Nguyễn Lê Trần ; Nguyễn Thiện Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định vay vốn mua ô tô của người tiêu dùng ở các ngân hàng thương mại tại thành phố Cần Thơ, từ đó đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến việc vay vốn mua xe ô tô.
8374	Thạc sĩ	Phân tích tác động của lương, thưởng đến sự gắn kết của nhân viên tại VNPT Cần Thơ :	Trương, Thị Xuân Ngân	Trương Thị Xuân Ngân ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng mô hình nghiên cứu và thang đo cho các nhân tố tác động đến sự gắn kết của các nhân viên tại VNPT Cần Thơ bao gồm: lương, thưởng, bản chất công việc, phong cách lãnh đạo, môi trường làm việc, đào tạo và phát triển và quan hệ với đồng nghiệp.
8375	Thạc sĩ	Đặc điểm sinh học sinh sản cá dù kềm Nibea soldado (Lacepède, 1802) :	Trần, Hữu Học	Trần Hữu Học ; Mai Việt Văn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định mối quan hệ hồi quy giữa chiều dài và khối lượng thân cá dù kềm, mùa vụ sinh sản và sức sinh sản của cá dù kềm phân bố ở vùng biển Sóc Trăng.
8376	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả sản xuất sen tại huyện Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp :	Cao, Thanh Tờ	Cao Thanh Tờ ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng canh tác sen trên địa bàn huyện Tháp Mười, phân tích hiệu quả sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng sen trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
8377	Thạc sĩ	Phân tích giá trị giải trí của vườn quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp :	Lê, Ngô Như Tuyền	Lê Ngô Như Tuyền ; Ngô Thị Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp thu hút khách du lịch, tăng chi tiêu và giá trị giải trí của vườn quốc gia Tràm Chim.

8378	Thạc sĩ	Nghiên cứu thiết kế đập thép ngăn mặn tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Bùi, Minh Nhựt	Bùi Minh Nhựt ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng xâm nhập mặn và xây dựng mô hình đập thép. Sử dụng phần mềm ETABS và PLAXIS để kiểm tra kết cấu và độ ổn định của mô hình.
8379	Thạc sĩ	Đánh giá mối quan hệ giữa hiện trạng sử dụng đất và loại đất trên cơ sở các đặc điểm ảnh viễn thám tỉnh Hậu Giang :	Bùi, Minh Tân	Bùi Minh Tân ; Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu khả năng ứng dụng ảnh viễn thám xây dựng bản đồ đất dựa trên sự tương quan với lớp thực vật che phủ với sự hiện diện của đất.
8380	Thạc sĩ	Ứng dụng kích thích tố điều trị bệnh chậm sinh sản trên bò tại tỉnh Tiền Giang :	Đoàn, Thị Ngọc Nga	Đoàn Thị Ngọc Nga ; Nguyễn Trọng Ngữ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá tình trạng sinh sản của đàn bò tại tỉnh Tiền Giang và tình trạng hoạt động của buồng trứng ở bò chậm sinh, từ đó giúp cho người chăn nuôi có được thông tin và hướng tác động đúng nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi.
8381	Thạc sĩ	Sử dụng biến đổi wavelet trên số đo trọng lực khảo sát cấu trúc địa chất dọc theo hai bờ sông Long Bình thành phố Trà Vinh :	Diệp, Thanh Tuấn	Diệp Thanh Tuấn ; Dương Hiếu Đầu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày dị thường trọng lực, phép biến đổi wavelet đa phân giải, áp dụng biến đổi wavelet liên tục xử lý dị thường trọng lực trên các mô hình.
8382	Thạc sĩ	Nhận thức của giáo viên tiếng Anh về sử dụng bài hát trong dạy từ vựng cho trẻ em :	Nguyễn, Cẩm Tiên	Nguyễn Cẩm Tiên ; Nguyễn Bửu Huân (Giáo viên hướng dẫn)	2019	Nội dung khảo sát về nhận thức của giáo viên về việc sử dụng bài hát trong giảng dạy từ vựng cho trẻ em ở một trung tâm Anh ngữ ở đồng bằng sông Cửu Long.
8383	Thạc sĩ	Ứng dụng GIS và MCE trong đánh giá thích nghi đất đai, đề xuất sử dụng đất hợp lý tỉnh Cà Mau :	Vũ, Hoàng Trung	Vũ Hoàng Trung ; Lê Cảnh Định, Vũ Ngọc Hùng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung ứng dụng GIS và MCE trong đánh giá thích nghi đất đai theo quan điểm bền vững và đề xuất chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp một cách hợp lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
8384	Thạc sĩ	Tác động của cạnh tranh đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam :	Dương, Trường An	Dương Trường An ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của sức cạnh tranh đến hiệu quả hoạt động trong hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, từ đó đề ra một số khuyến nghị nhằm giúp các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam nâng cao hiệu quả hoạt động trong môi trường cạnh tranh hiện nay.
8385	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của tuổi cây và liều lượng Chlorate kali (KClO3) lên sự ra hoa và năng suất nhãn E-Dor (Dimocarpus longan Lour) huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Thanh Dụ	Nguyễn Thanh Dụ ; Trần Văn Hâu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định liều lượng Chlorate kali có hiệu quả lên sự ra hoa và năng suất cho cây nhãn E-Dor 8 và 11 năm tuổi.
8386	Thạc sĩ	Tuyển chọn các dòng quýt đường (Citrus reticulata Blanco) ưu tú từ quần thể quýt đường trồng hạt tại tỉnh Trà Vinh :	Nguyễn, Thị Ngọc Diễm	Nguyễn Thị Ngọc Diễm ; Nguyễn Lộc Hiền, Trần Thị Oanh Yến (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng canh tác cây quýt đường và chọn 2-3 cá thể quýt đường ưu tú được trồng từ hạt tại tỉnh Trà Vinh, làm cơ sở cho việc chọn ra cây đầu dòng phục vụ cho sản xuất
8387	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị hạt sen tươi tỉnh Đồng Tháp :	Đoàn, Ngọc Trinh	Đoàn Ngọc Trinh ; Ngô Thị Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm hiểu rõ hoạt động thị trường của các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị và tìm ra các lỗ hổng trong chuỗi, từ đó đề xuất giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị sen tỉnh Đồng Tháp.

8388	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Trường Thịnh	Nguyễn Trường Thịnh ; Lê Nguyễn Đoàn Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bất động sản Việt Nam
8389	Thạc sĩ	Improving larval performance of <i>Macrobrachium rosenbergii</i> (De Man 1879) through treating broodstock with phloroglucinol :	Ngatunga, Bernard Benjamin	Bernard Benjamin Ngatunga ; Hua Thai Nhan, Vu Ngoc Ut (Supervisor)	2019	The overall objective of this study was to examine the possibility of using phloroglucinol treating (conditioning) on giant freshwater prawn <i>M. rosenbergii</i> broodstock to improve larval performance.
8390	Thạc sĩ	Water quality assessment in shrimp culture areas of Soc Trang province :	Olueadamilare, Aina Ayyotunde	Aina Ayyotunde Olueadamilare ; Vu Ngoc Ut (Supervisor)	2019	This research is performed to investigate water quality in the shrimp culture areas of Soc Trang Province in order to provide a baseline for water quality management ensuring a sustainable shrimp culture in the area.
8391	Thạc sĩ	Effects of dietary feed LP20 (Heat-Killed <i>Lactobacillus plantarum</i>) on growth performance and health of juvenile striped catfish (<i>pangasianodon hypophthalmus</i>) :	Myo, Halley Nay	Halley Nay Myo ; Tran Thi Thanh Hien, Pham Minh Duc (Supervisor)	2019	The present study was conducted to determine the effects of dietary feed LP20 (20% heat-killed <i>Lactobacillus plantarum</i> , HK L-137) on growth performance, immune response and disease resistance of juvenile striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>).
8392	Thạc sĩ	Evaluating genetic diversity of black shark minnow (<i>Labeo chrysophekadion</i>) in the Mekong delta :	Anicet, Mashyaka	Mashyaka Anicet ; Duong Thuy Yen, Bui Minh Tam (Supervisor)	2019	This study evaluated levels of genetic diversity of <i>L. chrysophekadion</i> in the Mekong River using Inter-Simple Sequence Repeat (ISSR) markers. Fish samples were collected from four populations comprising three populations in the Mekong Delta of Viet Nam (An Giang, Can Tho and Dong Thap provinces) and one population in Laos as an outgroup comparison.
8393	Thạc sĩ	Pháp luật điều chỉnh hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong mua bán hàng hóa trên internet :	Nguyễn, Thị Na	Nguyễn Thị Na ; Đặng Thanh Hoa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong mua bán hàng hóa trên internet, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam hiện nay phù hợp với đặc thù của lĩnh vực kinh doanh này.
8394	Thạc sĩ	Đặc điểm thơ của Vũ Thiên Kiêu :	Võ, Thanh Ngoan	Võ Thanh Ngoan ; Lê Ngọc Thúy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích những cảm hứng nổi bật trong thơ Vũ Thiên Kiêu, bao gồm cảm hứng trữ tình thiên nhiên, trữ tình yêu bao gồm tình yêu thương con người và tình yêu nam nữ. Bên cạnh đó là cảm hứng về cuộc sống, những khát vọng như khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc.
8395	Thạc sĩ	Nhận thức của sinh viên sư phạm tiếng Anh về tác động của khóa học nghề nghiệp lên việc thực hành giảng dạy	Trần, Thị Dương Diệp	Trần Thị Dương Diệp ; Trịnh Quốc Lập (Giảng viên hướng dẫn)	2019	The report of the present study is presented in five chapters: Introduction, Literature Review, Research Methods, Results, and Discussion and Conclusion Chapter 1 presents the rationale, the aims, the significance and the rganization of the study.
8396	Thạc sĩ	The effects of plant extracts in feeding diet under different temperature on the physiological parameter and stress tolerance in striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) :	Tran, Thi Phuong Hang	Tran Thi Phuong Hang ; Do Thi Thanh Huong (Supervisor)	2019	To evaluate the effectiveness of plant extracts <i>Psidium guajava</i> and <i>Phyllanthus amarus</i> in feeding diet on physiological and stress parameters of striped catfish (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) under different temperature, thereby contributing basic information for farming this species..

8397	Thạc sĩ	Một nghiên cứu về việc sử dụng phần mềm thống kê trong việc so bằng để kiểm tra trắc nghiệm khách quan chương Nguyên hàm – Tích phân và ứng dụng lớp 12 :	Tăng, Hòa Thái	Tăng Hòa Thái ; Bùi Anh Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thực nghiệm và sử dụng phần mềm thống kê xử lý số liệu, tính toán xác lập thang đo chung giữa hai đề kiểm tra, dựa vào các tham số thang đo chung tiến hành chuyển đổi điểm thô và điểm năng lực của học sinh từ đề kiểm tra này sang đề kiểm tra kia.
8398	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ Mobile banking của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Lệ Hằng	Nguyễn Thị Lệ Hằng ; Bùi Văn Trinh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ Mobile banking của khách hàng cá nhân và đề xuất hàm ý khuyến nghị phát triển dịch vụ Mobile banking tại Vietinbank chi nhánh Cần Thơ
8399	Thạc sĩ	Phân tích tình hình tiếp cận tín dụng của tiểu thương kinh doanh tại chợ truyền thống: Trường hợp trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ :	Võ, Thị Mai Phương	Võ Thị Mai Phương ; Vũ Thị Minh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tình hình tiếp cận tín dụng của tiểu thương tại chợ, tìm ra sự khác biệt giữa tiếp cận tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức của tiểu thương kinh doanh tại chợ trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ.
8400	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật của các ngân hàng thương mại Việt Nam có tham gia sáp nhập :	Nguyễn, Thị Diễm Thương	Nguyễn Thị Diễm Thương ; Nguyễn Tri Khiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật của các ngân hàng thương mại Việt Nam có tham gia sáp nhập trong giai đoạn 2010 - 2016, từ đó giúp nhà quản lý ngân hàng có thể đánh giá kết quả tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và đưa ra các chiến lược, chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động sáp nhập cũng như hiệu quả kỹ thuật cho các ngân hàng có tham gia sáp nhập, hợp nhất.
8401	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học chủ đề "Các bài toán cực trị trong chương phương pháp tọa độ trong không gian" :	Dương, Hoài Nam	Dương Hoài Nam ; Nguyễn Dương Hoàng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển năng lực dạy học nội dung "Cực trị trong chương phương pháp tọa độ trong không gian" nhằm phát triển được năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.
8402	Thạc sĩ	An investigation the value of upgraded english proficiency after professional development training: EFL teachers' perceptions :	Phạm, Đình Phương Thanh	Phạm Đình Phương Thanh ; Phạm Thị Hồng Nhung (Giảng viên hướng dẫn)	2019	The purpose of this research paper are: to investigate EFL teachers' perceptions of the value of upgraded english language proficiency after professional development training to find out how the upgraded english proficiency is perceived to support their teaching.
8403	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trừ của thực khuẩn thể và thuốc hóa học đối với bệnh héo xanh do vi khuẩn Ralstonia solanacearum Smith trên giống cúc Tiger F1 :	Trần, Thanh Tùng	Trần Thanh Tùng ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả phòng trị của thực khuẩn thể và thuốc hóa học đối với bệnh héo xanh do vi khuẩn R. solanacearum trên cây hoa cúc ở điều kiện ngoài đồng.
8404	Thạc sĩ	Tính chất vận chuyển điện tử của Penta-Graphene Nanoribbons biến dạng đơn trục :	Lê, Nhật Thanh	Lê Nhật Thanh ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm mục đích tìm hiểu và khảo sát đặc tính điện tử và vận chuyển điện tử của SSPGNRs khi bị biến dạng, làm cơ sở tham khảo để tạo ra vật liệu ứng dụng tốt cho các kinh kiện vi điện tử dựa trên SSPGNRs.

8405	Thạc sĩ	Khảo sát sự sinh trưởng, đặc tính hình thái thực vật và đặc tính không hạt của cây dòng cam sành (Citrus nobilis var. typica Hassk.) không hạt ở giai đoạn ba năm tuổi :	Lê, Trường Giang	Lê Trường Giang ; Nguyễn Bá Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm chọn ra những dòng cam sành không hạt nổi trội để tiếp tục phát triển nghiên cứu và đưa vào sản xuất.
8406	Thạc sĩ	Một nghiên cứu về việc sử dụng phần mềm thống kê trong so sánh đề trắc nghiệm khách quan chương giới hạn lớp 11 :	Cao, Thị Ngọc	Cao Thị Ngọc ; Bùi Anh Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu biên soạn và so sánh hai đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan 'chương giới hạn lớp 11" thông qua việc sử dụng phần mềm thống kê để so sánh độ khó và mối liên hệ giữa các đề.
8407	Thạc sĩ	Một nghiên cứu về việc sử dụng phần mềm thống kê trong việc so sánh đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan chương tổ hợp - xác suất lớp 11 :	Nguyễn, Thị Trúc Giang	Nguyễn Thị Trúc Giang ; Bùi Anh Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng sự tương quan giữa các đề trắc nghiệm được cho bởi cùng một ma trận, từ đó giới thiệu về việc áp dụng so sánh các điểm số của đề trắc nghiệm trong kiểm tra, thi cử nhằm có thể giải quyết những băn khoăn, trăn trở hiện nay.
8408	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ trong mô hình cánh đồng lớn tại tỉnh An Giang :	Phạm, Thị Ngoan	Phạm Thị Ngoan ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ trong mô hình cánh đồng lớn đã và đang hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ trong mô hình cánh đồng lớn tại tỉnh An Giang.
8409	Thạc sĩ	Rèn luyện kỹ năng vận dụng mô hình hóa toán học cho học sinh: Trường hợp hệ phương trình bậc nhất hai ẩn :	Hoàng, Thụy Vân An	Hoàng Thụy Vân An ; Nguyễn Phú Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích, hệ thống sơ bộ kiến thức về phương trình được trình bày trong sách giáo khoa, thiết kế một số hoạt động dạy học hệ phương trình bậc nhất hai ẩn cho học sinh nhằm rèn luyện kỹ năng vận dụng mô hình hóa toán học.
8410	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối liên hệ giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế địa phương ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Võ, Kiều Diễm	Võ Kiều Diễm ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tình hình thu hút vốn FDI và tác động của vốn FDI lên tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đưa ra so sánh và đưa ra nhận định về tác động của FDI lên tăng trưởng kinh tế ở các địa phương.
8411	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ ở vùng bảy núi, An Giang	Lê, Thị Thu Sương	Lê Thị Thu Sương ; Phạm Thanh Vũ, Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung xác định hiện trạng của tài nguyên thực vật lâm sản ngoài gỗ vùng bảy núi An Giang; xác định khả năng khai thác lâm sản ngoài gỗ để đáp ứng yêu cầu kinh tế xã hội ở vùng bảy núi An Giang; đề xuất các giải pháp khai thác sử dụng quản lý nguồn tài nguyên thực vật lâm sản ngoài gỗ.
8412	Thạc sĩ	Ứng dụng công nghệ D-box trong gia cố nền đất yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Đặng, Lê Quân	Đặng Lê Quân ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng đường quan hệ tải trọng và độ lún của đất nền trong điều kiện gia cố bằng D-box, xây dựng đường quan hệ mô đun biến dạng và độ lún của nền trong điều kiện gia cố bằng D-box.
8413	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ công đoàn cơ sở tại các tổ chức kinh tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Trịnh, Thị Bích Phượng	Trịnh Thị Bích Phượng ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ công đoàn cơ sở tại các tổ chức kinh tế, nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa sự gắn kết của họ với tổ chức kinh tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8414	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Huỳnh, Thanh Bích Phương	Huỳnh Thanh Bích Phương ; Huỳnh Thanh Nhã (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng cấu trúc vốn và khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam, phân tích ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
8415	Thạc sĩ	Vận dụng hình thức dạy học dự án để phát triển kỹ năng tạo lập văn bản thuyết minh cho học sinh lớp 10 :	Ô, Thị Như Kha	Ô Thị Như Kha ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm hiểu hiệu quả của hình thức dạy học dự án để phát triển kỹ năng tạo lập văn bản thuyết minh cho học sinh lớp 10.
8416	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của các siêu thị điện máy trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Trương, Thanh Nga	Trương Thanh Nga ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của các siêu thị điện máy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8417	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình nuôi cá lồng bè ở xã Mỹ Hòa Hưng thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang :	Ngô, Huỳnh Nhật Toàn	Ngô Huỳnh Nhật Toàn ; Trần Văn Việt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá được tình hình các đối tượng nuôi trong lồng bè ở xã Mỹ Hòa Hưng Thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang, qua đó góp phần làm cơ sở cho việc quản lý và phát triển mô hình nuôi cá lồng bè theo hướng bền vững.
8418	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về cách tiếp cận xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang :	Cao, Hoàng Thu Thảo	Cao Hoàng Thu Thảo ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm nghiên cứu toàn diện về mức độ hài lòng đối với những kết quả đạt được của chương trình xây dựng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện xây dựng và duy trì kết quả xây dựng nông thôn mới.
8419	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao lợi nhuận sản xuất lúa của nông hộ tham gia cánh đồng lớn tại tỉnh Hậu Giang :	Huỳnh, Hà Giang	Huỳnh Hà Giang ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng sản xuất lúa của nông hộ tham gia cánh đồng lớn nhằm đưa ra giải pháp nâng cao lợi nhuận sản xuất lúa của nông hộ tham gia cánh đồng lớn tại tỉnh Hậu Giang.
8420	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Lê, Bửu Minh Quân	Lê Bửu Minh Quân ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của các hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của nhóm đối tượng này.
8421	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của hộ vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long :	Đặng, Thị Tố Hoa	Đặng Thị Tố Hoa ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn và hàm ý chính sách để hộ vay tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long trả nợ đúng hạn.
8422	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ nuôi tôm trong rừng ngập mặn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Mỹ Duyên	Nguyễn Mỹ Duyên ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ nuôi tôm trong rừng ngập mặn ở huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Từ đó đề ra các giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ tại địa bàn nghiên cứu
8423	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá lóc (Channa striata) giai đoạn cá bột lên cá hương :	Tăng, Minh Kỳ	Tăng Minh Kỳ ; Đỗ Thị Thanh Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá lóc giai đoạn cá bột lên cá hương, từ đó tìm ra được khoảng nhiệt độ và độ mặn thích hợp cho sự tăng trưởng của cá lóc giai đoạn ương từ cá bột lên cá hương.

8424	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên một số chỉ chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn từ cá bột lên cá hương :	Nguyễn, Minh Ngọc	Nguyễn Minh Ngọc ; Đỗ Thị Thanh Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ lên sinh lý và tăng trưởng của cá tra giai đoạn ương từ cá bột lên cá hương, ảnh hưởng của độ mặn lên sinh lý và tăng trưởng của cá tra giai đoạn ương từ cá bột lên cá hương, ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ và độ mặn lên sinh lý và tăng trưởng của cá tra giai đoạn ương từ cá bột lên cá hương
8425	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển du lịch huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ trên cơ sở các sản phẩm OCOP tiềm năng :	Đặng, Diễm Chinh	Đặng Diễm Chinh ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng du lịch và đề xuất giải pháp phát triển ngành du lịch của huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ trên cơ sở các sản phẩm tiềm năng của huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ.
8426	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị lúa đặc sản tại huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng :	Tô, Thị Mộng Cầm	Tô Thị Mộng Cầm ; Cao Quốc Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tăng thu nhập cho nông dân, tăng hiệu quả sản xuất và tiêu thụ bằng cách giảm chi phí, tăng chất lượng và số lượng đáp ứng yêu cầu thị trường với giá cạnh tranh thông qua mô hình liên kết kinh doanh được thực hiện.
8427	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng thích ứng sinh kế của hộ nông dân dưới xâm nhập mặn ở hai huyện An Minh và An Biên tỉnh Kiên Giang :	Trang, Minh Tú	Trang Minh Tú ; Nguyễn Duy Cẩn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần phát triển kế hoạch thích ứng với xâm nhập mặn hiệu quả hơn cho các địa phương cũng như người dân nơi đây trong thời gian tới.
8428	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất mô hình nuôi tôm Thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) tại huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng :	Ngô, Vĩnh An	Ngô Vĩnh An ; Nguyễn Hồng Tín (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả sản xuất của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng để nhận ra những yếu tố ảnh hưởng trong quá trình sản xuất từ đó đề xuất các giải pháp thích hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất và góp phần cải thiện đời sống của nông hộ nuôi tôm.
8429	Thạc sĩ	Khuynh hướng đạo đức chính trị trong thơ Nho thời Trần :	Đặng, Thanh Hùng	Đặng Thanh Hùng ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tìm hiểu nghệ thuật thể hiện khuynh hướng đạo đức chính trị Nho giáo trong thơ Nho triều Trần trên các phương diện biểu tượng nghệ thuật được sử dụng, ngôn từ nghệ thuật và giọng điệu của thơ Nho thời Trần.
8430	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 10: Trường hợp dạy học hệ thức lượng trong tam giác :	Lê, Thị Giang	Lê Thị Giang ; Dương Hữu Tòng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế và tổ chức dạy học một số tình huống thực tiễn về chủ đề hệ thức lượng trong tam giác nhằm rèn luyện năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh.
8431	Thạc sĩ	Factors influential to early English language education: The case of young language center in Can Tho city	Trần, Bảo Ngọc	Trần Bảo Ngọc ; Phạm Thị Hồng Nhung (Giảng viên hướng dẫn)	2019	This thesis attempts to The impact of language games on grade ten students' memorization of English simple past tense accuracy in their language use
8432	Thạc sĩ	EFL Students' perceptions of the impact of Service-Learning on their learning outcomes at Can Tho tourism college	Trần, Thị Bạch Ngọc	Trần Thị Bạch Ngọc ; Thái Công Dân (Hướng dẫn khoa học)	2019	The present study seeks the impacts of service-learning on students' English learning outcomes which are the following: To identify students' perceptions of the impact of service-learning on their English learning outcomes; To examine how students perceived the benefits of service-learning on their English learning outcomes; To recognize what challenges of service-learning students encountered in taking the service-learning course to improve their English learning outcomes.

8433	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Đặng, Nguyễn Tuấn Kiệt	Đặng Nguyễn Tuấn Kiệt ; Lưu Tiến Thuận (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố tác động đến đòn bẩy tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam, qua đó đưa ra các hàm ý quản trị về cấu trúc vốn và sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả.
8434	Thạc sĩ	Đánh giá nhận thức và mức sẵn lòng chi trả để giảm rủi ro do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ trồng lúa ở Sóc Trăng :	Lâm, Bảo Anh	Lâm Bảo Anh ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng nhận thức của nông hộ trồng lúa tại tỉnh Sóc Trăng về rủi ro do tác hại của thuốc bảo vệ thực vật. Ước lượng mức sẵn lòng chi trả để giảm rủi ro từ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của nông hộ ở tỉnh Sóc Trăng; Đề xuất một số hàm ý nhằm nâng cao nhận thức của nông hộ khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và giảm thiểu rủi ro sức khỏe do thuốc bảo vệ thực vật.
8435	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Trần, Hồng Ngọc	Trần Hồng Ngọc ; Lê Tấn Nghiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát thực trạng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại và xác định ảnh hưởng của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
8436	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Võ, Thị Thu	Võ Thị Thu ; Vũ Thị Minh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giúp các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tiếp cận được nguồn tín dụng chính thức dễ dàng hơn.
8437	Thạc sĩ	Thiết kế cánh tay robot hỗ trợ tập vật lý trị liệu (Phần mềm) :	Phạm, Bình Tiến	Phạm Bình Tiến ; Nguyễn Hoàng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng giải thuật PID dựa trên logic mờ điều khiển cánh tay robot 2 và 3 bậc tự do giúp hỗ trợ tập vật lý trị liệu sử dụng phần mềm Matlab.
8438	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của các yếu tố hành vi trong việc ra quyết định của các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Ngọc Thiên Kim	Nguyễn Ngọc Thiên Kim ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tác động của các yếu tố hành vi trong việc ra quyết định của các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ kết quả của phân tích trên, đưa ra những kiến nghị về việc nắm bắt tâm lý thị trường và việc làm chủ bản thân để nâng cao hiệu quả đầu tư.
8439	Thạc sĩ	Tác động của rủi ro và hiệu quả hoạt động đến sự an toàn vốn của các ngân hàng TMCP Việt Nam :	Lý, Thị Thanh Huyền	Lý Thị Thanh Huyền ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định tác động của rủi ro và hiệu quả hoạt động ngân hàng đến sự an toàn vốn, từ đó đề NHTM xuất một số hàm ý chính sách nhằm quản lý hệ số an toàn vốn trong hệ thống NHTM Việt Nam.
8440	Thạc sĩ	An investigation into opportunities to practice english outside the classroom: The case of office workers as EFL learners in Can Tho city	Kiều, Thị Ngọc Dung	Kiều Thị Ngọc Dung ; Phạm Thị Nguyên Ái, Phạm Thị Hồng Nhung (Giảng viên hướng dẫn)	2019	The study is conducted for three primary aims. Firstly, it aims to investigate opportunities office workers as EFL learners are aware of to practice English outside the classroom; Secondly, the challenges office workers face in making use of these opportunities to practice English; Finally, strategies office workers use to obtain these opportunities to practice English.
8441	Thạc sĩ	Ước lượng giá trị kinh tế đối với dự án bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Phi Vân	Nguyễn Phi Vân ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ước lượng giá trị kinh tế đối với dự án bảo tồn hệ sinh thái rừng U Minh vùng Đồng bằng sông Cửu Long nhằm hướng đến việc bảo tồn hệ sinh thái ở rừng U Minh từ đó đề xuất hàm ý chính sách để bảo tồn rừng U Minh.

8442	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục mua thực phẩm chế biến sẵn tại các siêu thị của người dân thành phố Cần Thơ :	Phạm, Hà Phương	Phạm Hà Phương ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài này được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục mua thực phẩm chế biến sẵn tại các siêu thị của người dân thành phố Cần Thơ.
8443	Thạc sĩ	EFL teachers' preceptions and use of metacognition - promoting questions in the general English classroom at a university :	Phạm, Mai Anh	Phạm Mai Anh ; Nguyễn Văn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu nhận thức của giáo viên tiếng Anh (EFL) và sử dụng các câu hỏi thúc đẩy siêu nhận thức cho sinh viên không chuyên tiếng Anh trong lớp học tiếng Anh căn bản tại một trường đại học.
8444	Thạc sĩ	Khảo sát tính kháng oxy hóa và kháng khuẩn của dịch chiết từ trái và lá cây quách (Limonia acidissima L.) :	Châu, Phong Châu	Châu Phong Châu ; Trần Nhân Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định sự hiện diện của các hợp chất tự nhiên và hoạt tính kháng oxy hóa, kháng vi sinh vật của cao chiết trái và lá cây quách.
8445	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Urea - Gold 45R đến sinh trưởng và năng suất lúa tại vùng đất phù sa ngọt, nhiễm phèn và nhiễm mặn :	Từ, Văn Dũng	Từ Văn Dũng ; Vũ Anh Pháp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu giảm lượng phân N và phân P trong canh tác lúa, so sánh hiệu quả tài chính khi sử dụng phân Urea - Gold 45R và Urea thường trong sản xuất lúa.
8446	Thạc sĩ	Quyết định sử dụng tiền mặt trong thanh toán của người dân ở tỉnh Hậu Giang :	Huỳnh, Thị Chinh	Huỳnh Thị Chinh ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng tiền mặt trong thanh toán của người dân ở tỉnh Hậu Giang, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hạn chế thanh toán bằng tiền mặt, đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại tỉnh Hậu Giang.
8447	Thạc sĩ	Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng :	Khiếu, Thị Bích Vân	Khiếu Thị Bích Vân ; Lê Thị Nguyệt Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm thông qua những thực tiễn và hạn chế trong việc xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, mức thuế suất cũng như công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm góp phần đảm bảo công bằng mức thuế suất giữa các hình thức trúng thưởng, bổ sung một số quy định đối với các hình thức trúng thưởng đồng thời giảm bớt một số tình trạng tiêu cực diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế hiện tại của nước ta.
8448	Thạc sĩ	Mối liên hệ giữa chính sách tiền tệ và tính thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam :	Lê, Phương Thảo	Lê Phương Thảo ; Đặng Thanh Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tập trung phân tích mối tương quan giữa chính sách tiền tệ với giá tài sản tài chính cụ thể là chỉ số VN-Index, HNX-Index trên hai sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thông qua đó khái quát hóa mối quan hệ giữa chính sách tiền tệ và tính thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn từ năm 2014 – 2018.
8449	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng bưởi năm roi tại huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang :	Đặng, Thùy Trang	Đặng Thùy Trang ; Quan Minh Nhứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng bưởi năm roi, đồng thời đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông hộ trồng bưởi Năm Roi trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
8450	Thạc sĩ	Nghiên cứu đa dạng nguồn cá tự nhiên trên các kiểu sử dụng đất trồng Keo Lai và trồng Tràm tại U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Thu Thùy Anh	Nguyễn Thu Thùy Anh ; Trương Hoàng Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát và đánh giá đa dạng thành phần loài cá đồng trong điều kiện đất trồng cây Keo Lai và Tràm nhằm cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý tài nguyên cá đồng tại khu vực U Minh Hạ, Cà Mau.

8451	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình SCADA cho hệ thống cung cấp nước sinh hoạt (Phần 1) :	Phan, Hồng Toàn	Phan Hồng Toàn ; Nguyễn Chánh Nghiệm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày một số kết quả và một số cải tiến trong việc điều khiển, giám sát, thu thập dữ liệu dựa trên nền tảng điện toán đám mây để tối ưu hóa quá trình điều khiển, vận hành hệ thống cấp nước sinh hoạt. Xây dựng hệ thống điều khiển với các tính năng gọi bơm, đảo bơm, khả năng tự chuyển đổi bơm chính PID khi bị lỗi. Đồng thời cho ta thấy được khả năng tiềm tàng to lớn và tính ưu việt trong việc sử dụng điện toán đám mây trong vấn đề giám sát và thu thập dữ liệu của hệ thống.
8452	Thạc sĩ	Không gian nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử :	Lê, Khánh An	Lê Khánh An ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm hiểu những biểu hiện của không gian nghệ thuật trong thơ Hàn Mặc Tử, nghệ thuật thể hiện không gian nghệ thuật và lý giải những biểu hiện đó trên cơ sở quan niệm nghệ thuật và ảnh hưởng từ những biến cố cuộc sống của nhà thơ.
8453	Thạc sĩ	Thiết kế cánh tay robot hỗ trợ tập vật lý trị liệu (Phần cứng) :	Ngô, Viết Thắng	Ngô Viết Thắng ; Nguyễn Hoàng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế thử nghiệm mô hình cánh tay robot có 2 bậc tự do dạng SCARA để hỗ trợ các chức năng vận động cơ bản. Thiết kế thử nghiệm mô hình cánh tay robot có 3 bậc tự do có thể học các quỹ đạo chuyển động để hỗ trợ bệnh nhân phục hồi chức năng vận động.
8454	Thạc sĩ	Phân loại chất lượng trái xoài dựa vào đặc tính vật lý, ứng dụng trên hệ thống nhúng :	Lê, Tấn Mỹ	Lê Tấn Mỹ ; Trương Quốc Bảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng một hệ thống thu nhận ảnh trái xoài trên băng tải chuyển động, ước tính các đặc trưng vật lý của trái xoài như: độ chín, độ tròn, độ lớn của trái và phân loại trái xoài thành các nhóm một cách tự động do người sử dụng thiết lập trước của các đặc tính vật lý.
8455	Thạc sĩ	Phát hiện và nhận dạng lỗi dây cáp trung thể bằng xử lý ảnh :	Trần, Ngọc Châu	Trần Ngọc Châu ; Nguyễn Chánh Nghiệm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế một mô hình robot để thu thập ảnh cáp lỗi, sau đó sử dụng mạng neural tích chập với mô hình AlexNet để thực hiện mục tiêu bài toán đã đặt ra là nhận dạng phân cấp bị lỗi, phân biệt được lỗi đứt sợi hay bung sợi ở cáp trung thể không có vỏ bọc cách điện.
8456	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam :	Lê, Nhật Trí	Lê Nhật Trí ; Đặng Thanh Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam từ đó đề xuất một số giải pháp định hướng giúp các ngân hàng có thể phòng ngừa, hạn chế và giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra trong hoạt động cho vay.
8457	Thạc sĩ	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Ngọc Chân	Nguyễn Thị Ngọc Chân ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch nông nghiệp trên địa bàn Cần Thơ thông qua các điều kiện về tài nguyên tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, thực trạng hoạt động du lịch hiện nay và nhu cầu du lịch của du khách, từ đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng du lịch nông nghiệp tại cần thơ. Trên cơ sở đó sẽ đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.
8458	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến lòng trung thành của khách hàng tại các ngân hàng thương mại thành phố Vĩnh Long :	Đặng, Thị Thúy An	Đặng Thị Thúy An ; Huỳnh Thanh Nhã (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội đến lòng trung thành của khách hàng nhằm đề xuất các hàm ý quản trị để làm tăng lòng trung thành của khách hàng tại các ngân hàng thương mại thành phố Vĩnh Long.
8459	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và hiệu quả của mô hình biogas-bèo-ốc-cá sặc rằn và mô hình biogas-cá sặc rằn :	Nguyễn, Duy Khang	Nguyễn Duy Khang ; Bùi Thị Nga (Người hướng dẫn khoa học)	2019	Mục tiêu của đề tài nhằm đánh giá được hiệu quả môi trường và kinh tế của mô hình biogas-bèo-ốc-cá sặc rằn với hệ thống biogas không có sử dụng nước thải, nhằm tận dụng nguồn dinh dưỡng từ nước thải biogas góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường và cải thiện sinh kế nông hộ.

8460	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả hệ thống giao thông, thủy lợi đáp ứng tiêu chí nông thôn mới huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang :	Ngô, Quốc Phục	Ngô Quốc Phục ; Nguyễn Võ Châu Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả của công trình giao thông, thủy lợi đáp ứng tiêu chí nông thôn mới huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nhằm để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện.
8461	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng dịch vụ hệ sinh thái trong vùng đệm vườn quốc gia U Minh Hạ, Cà Mau :	Phạm, Hoàng Tuấn Anh	Phạm Hoàng Tuấn Anh ; Trương Hoàng Đan (Người hướng dẫn)	2019	Nội dung nghiên cứu đánh giá hiện trạng dịch vụ hệ sinh thái gắn liền với một số mô hình kinh tế thuộc vùng đệm Vườn quốc gia U Minh Hạ tỉnh Cà Mau nhằm cảnh báo đối với người dân và chính quyền địa phương.
8462	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng mạng lưới quan trắc môi trường nước mặt tỉnh Sóc Trăng :	Hà, Thanh Liêm	Hà Thanh Liêm ; Nguyễn Văn Công (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm điều chỉnh các điểm quan trắc môi trường phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Từ đó làm cơ sở cho các cấp lãnh đạo quan tâm về nhiệm vụ công tác quan trắc môi trường trong thời gian qua.
8463	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Quốc Thịnh	Nguyễn Quốc Thịnh ; Nguyễn Võ Châu Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả dự án mang lại để đưa ra các đề xuất, các giải pháp phát triển hệ thống thủy lợi nhằm đáp ứng yêu cầu cho ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng, phục vụ đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của nước nhà.
8464	Thạc sĩ	Nâng cao năng lực tạo lập văn bản thuyết minh của học sinh trong chương trình Ngữ văn 10 thông qua các hoạt động trải nghiệm :	Trần, Bích Phượng	Trần Bích Phượng ; Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu việc tổ chức dạy học trải nghiệm trong giờ Làm văn với văn bản thuyết minh ở chương trình Ngữ văn 10, để phát triển năng lực tạo lập văn bản thuyết minh từ những gì mình trải nghiệm qua sách vở, qua thực tế.
8465	Thạc sĩ	Xây dựng bản đồ quan trắc mặn và đánh giá diễn biến mặn trên các mô hình canh tác tại vùng đệm và khu vực lân cận vùng đệm VQG U Minh Hạ - Cà Mau :	Nguyễn, Thành Long	Nguyễn Thành Long ; Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng bản đồ quan trắc độ mặn phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp ngọt, mặn tại vùng đệm và khu vực lân cận vùng đệm VQG U Minh Hạ - tỉnh Cà Mau, góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác ra quyết định điều tiết cống ngăn mặn và dẫn ngọt phù hợp với đối tượng cây trồng và nuôi trồng thủy sản.
8466	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của gốc ghép họ bầu bí dưa đến khả năng chịu ngập úng của dưa lê (Cucumis melon L.) ghép trong điều kiện nhà lưới :	Võ, Thị Hồng Loan	Võ Thị Hồng Loan ; Trần Thị Ba (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xác định gốc ghép thích hợp cho cây dưa lê trong điều kiện ngập úng, đảm bảo năng suất và chất lượng cây dưa lê ghép.
8467	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng môi trường đất, nước tại rừng tràm Mỹ Phước Sóc Trăng :	Trần, Kim Tiểu Vân Phương	Trần Kim Tiểu Vân Phương ; Trương Hoàng Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát và đánh giá sự biến động chất lượng đất, nước theo không gian và thời gian, tìm ra chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đất, nước tại vùng nghiên cứu. Chỉ ra các yếu tố môi trường đất, nước chính tác động đến hệ sinh thái rừng tràm cùng với xây dựng bản đồ chuyên đề chất lượng môi trường đất, nước từ đó phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn sinh cảnh.
8468	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ duy trì hợp đồng của khách hàng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ :	Nguyễn, Thanh Tùng	Nguyễn Thanh Tùng ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến tỷ lệ duy trì hợp đồng của khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ. Qua kết quả phân tích, đánh giá, kết luận, đề xuất ra những giải pháp để giúp cho Công ty có chiến lược kinh doanh tốt hơn phù hợp với nhu cầu của người dân.

8469	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn ngân hàng để mua nhà ở của hộ gia đình trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Huy Tùng	Nguyễn Huy Tùng ; Vũ Thị Minh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn ngân hàng để mua nhà ở của hộ gia đình, qua đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần phát triển tín dụng mua nhà và đáp ứng nhu cầu về nhà ở của hộ gia đình ở thành phố Cần Thơ.
8470	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng :	Lâm, Hòa My	Lâm Hòa My ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm thúc đẩy nhân viên làm việc tích cực hơn, mang lại hiệu quả cao cho nhân viên cũng như hoạt động của công ty, đồng thời nâng cao lòng trung thành của nhân viên đối với công ty. Từ đó có những chính sách tốt nhất tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa tiềm lực để đóng góp cho sự phát triển chung của công ty.
8471	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Dương, Thành Nhân	Dương Thành Nhân ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đề xuất những hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy việc thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
8472	Thạc sĩ	Xây dựng chiến lược kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho công ty TNHH Uni President tại Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2023 :	Kiều, Hoàng Minh Kha	Kiều Hoàng Minh Kha ; Đặng Thanh Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh và các yếu tố môi trường tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tác động đến ngành kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Công ty TNHH Uni President. Xây dựng chiến lược kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho Công ty TNHH Uni President tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2023.
8473	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hài lòng của nhân viên ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp đối với dịch vụ tài chính trong hệ thống ngân hàng thương mại :	Võ, Thanh Trúc	Võ Thanh Trúc ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sự hài lòng của nhân viên ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp đối với dịch vụ tài chính trong hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM); từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng doanh nghiệp đối với dịch vụ tài chính.
8474	Thạc sĩ	Đánh giá sự sinh trưởng, năng suất và khả năng chống chịu bệnh héo xanh vi khuẩn (Ralstonia solanacearum) của ớt ghép tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thanh Tùng	Nguyễn Thanh Tùng ; Trần Thị Ba (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng canh tác cây rau họ cà ớt tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, xác định sự sinh trưởng, năng suất và khả năng chống chịu bệnh héo xanh của ớt ghép tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
8475	Thạc sĩ	EFL teachers' perception about implementing active learning techniques in teaching speaking :	Ho, Xuan Huong	Ho Xuan Huong ; Nguyen Trung Cang (Supervisor)	2019	The present research was conducted to obtain two research aims. The first aim is to find out teachers' perceptions about active learning techniques in teaching speaking. The second aim is to investigate the benefits and difficulties teachers face when they implemented active learning techniques in their speaking classrooms. The following hypotheses have been established: The teachers' perceptions about active learning techniques are somewhat high;The teachers reveal the advantages and disadvantages when implementing active learning techniques in their speaking classrooms and recommend some adaptations and solutions to enhance their teaching experiences

8476	Thạc sĩ	The impact of Moodle-Assisted activities for Vocabulary recycling on EFL Grade-11 vocabulary retention :	Nguyễn, Tuấn Hải	Nguyễn Tuấn Hải ; Nguyễn Văn Lợi (giảng viên hướng dẫn)	2019	This experimental study was conducted in order to measure the impact of Moodle-assisted activities for vocabulary recycling on EFL grade-11 students' vocabulary retention. Having collected the study data, the results of the study are further analyzed to observe 1) to what extent do Moodle-assisted multiple activities for vocabulary recycling enhance Ss' vocabulary retention, and 2) what the effect size of Moodle-based vocabulary quiz was when vocabulary retention is considered.
8477	Thạc sĩ	The effect of flipped classroom instruction on the English speaking performance of University students	Trương, Hoàng Hậu	Trương Hoàng Hậu ; Nguyễn Văn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm tìm ra tác động của mô hình lớp học đảo ngược đối với việc học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên đại học. Đây là một nghiên cứu thực nghiệm kéo dài trong suốt 15 tuần với sự tham gia của 30 sinh viên của trường đại học và 2 giảng viên đại học có nhiều kinh nghiệm về mô hình dạy lớp học đảo ngược.
8478	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa trong và ngoài liên kết của nông hộ tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang :	Cao, Quang Tường	Cao Quang Tường ; Võ Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả sản xuất lúa trong và ngoài liên kết của nông hộ, xác định được tính hiệu quả của mô hình để thấy được hướng đi hiệu quả nhất và ổn định lâu dài.
8479	Thạc sĩ	EFL teachers' evaluation and adaptation of the listening tasks in the piloted tiếng Anh 10: A case of high schools in Kiên Giang province.	Phan, Thị Phương Lan	Phan Thị Phương Lan ; Thái Công Dân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	The study aims to investigate the EFL teachers' evaluation of the listening tasks in the piloted Tiếng Anh 10 and identify how they adapt these tasks in their process of teaching.
8480	Thạc sĩ	An investigation into the challenges faced by EFL English major students at Soc Trang teachers' training college when writing argumentative essays	Lâm, Anh Toàn	Lâm Anh Toàn ; Thái Công Dân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục đích chính của nghiên cứu này là xác định những khó khăn khi viết bài văn nghị luận của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh. Luận văn khảo sát để tìm ra những thách thức mà sinh viên gặp phải khi viết bài nghị luận.
8481	Thạc sĩ	Nghiên cứu thiết kế bộ đọc và giải mã tọa độ 2D sang G-code cho trục chính máy CNC :	Nguyễn, Huỳnh Viên Thông	Nguyễn Huỳnh Viên Thông ; Nguyễn Hữu Cường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế hệ thống đọc tọa độ 2D của quỹ đạo trục chính máy CNC; từ đó chuyển dữ liệu tọa độ đã đọc được thành chương trình G-code cho phép lưu trữ và vận hành máy. Hệ thống đọc và giải mã tọa độ này ứng dụng được vào hệ thống sao chép biên dạng phục vụ cho máy cắt plasma CNC.
8482	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam trên địa bàn Thành phố Cần Thơ :	Phạm, Duy Phương Thảo	Phạm Duy Phương Thảo ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trên địa bàn TP. Cần Thơ, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng cho các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP. Cần Thơ.
8483	Thạc sĩ	EFL students' perceptions about classroom participation in speaking classes :	Nguyễn, Thị Thanh Nhân	Nguyễn Thị Thanh Nhân ; Nguyễn Bửu Huân (Supervisor)	2019	This study consists of two main purposes: exploring students' perceptions about classroom participation in speaking classes; seeking factors influencing students' classroom participation in speaking classes

8484	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam :	Phạm, Minh Thủy	Phạm Minh Thủy ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm ra mối quan hệ giữa hoạt động trách nhiệm xã hội và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam nhằm đưa ra hàm ý nghiên cứu cho các nhà hoạch định chính sách, chiến lược nhằm góp phần nâng cao kết quả kinh doanh dưới vai trò của trách nhiệm xã hội.
8485	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học hình học lớp 7 :	Lê, Hoàng Anh Thơ	Lê Hoàng Anh Thơ ; Nguyễn Dương Hoàng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp sư phạm góp phần rèn luyện và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học hình học lớp 7.
8486	Thạc sĩ	Hệ thống thu thập chỉ số đồng hồ nước từ xa sử dụng công nghệ iBeacon :	Lê, Hữu Nghĩa	Lê Hữu Nghĩa ; Lương Vinh Quốc Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thiết kế ứng dụng chạy trên hệ điều hành Android có thể quét các Beacon ở gần, thu thập dữ liệu từ những module Bluetooth và xuất dữ liệu ra file Excel. Thiết kế mạch đọc chỉ số nước bằng vi điều khiển MSP430G2553 và gán chỉ số nước vào thông số Major và Minor của module Bluetooth bằng giao thức iBeacon. Lưu chỉ số nước vào bộ nhớ khi có sự cố, mất nguồn.
8487	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các loại gốc ghép họ bầu bí đưa đến sự sinh trưởng, năng suất và chất lượng dưa lê (Cucumis melon L.) canh tác trong điều kiện nhà lưới :	Nguyễn, Thị Bích Nhung	Nguyễn Thị Bích Nhung ; Trần Thị Ba (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định độ tuổi của ngọn ghép và loại gốc ghép phù hợp, có khả năng tiếp hợp tốt để cây ghép gia tăng sinh trưởng năng suất và đảm bảo chất lượng.
8488	Thạc sĩ	Hiệu quả sử dụng vốn vay chính thức của nông hộ ở huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre :	Nguyễn, Huỳnh Cẩm Tú	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú ; Lê Cảnh Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay chính thức trong phát triển nông nghiệp của nông hộ tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Việc nghiên cứu giúp tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay chính thức trong phát triển nông nghiệp của nông hộ.
8489	Thạc sĩ	High school students' motivation for learning English in classes with Native and Non-native English speaking teachers :	Lê, Lưu Tố Quyên	Lê Lưu Tố Quyên ; Huỳnh Thị Nhĩ (Supervisor)	2019	The research aims at finding out high school students' attitudes towards Native and Non-native English speaking teachers and whether students are more motivated in learning English with Native or Non-native English speaking teachers.
8490	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến chi phí đại diện: Trường hợp tại các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Khải Ngọc Phương	Nguyễn Khải Ngọc Phương ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến chi phí đại diện của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), trên cơ sở đó đề xuất một vài khuyến nghị nhằm giảm thiểu chi phí đại diện cho các công ty.
8491	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và kháng khuẩn của cao chiết lá Bình Bát nước (Annona glabra L.) :	Lương, Phong Dũ	Lương Phong Dũ ; Nguyễn Đức Độ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu đánh giá được sự hiện diện của các nhóm hợp chất thực vật quan trọng, hàm lượng phenol tổng, saponin tổng, khả năng khử các gốc tự do (DPPH, H ₂ O ₂ , ion Fe ³⁺) và khả năng kháng các dòng vi khuẩn Escherichia coli, Erwinia carotovora, Klebsiella variicola và Staphylococcus aureus của cao chiết từ lá Bình Bát nước.
8492	Thạc sĩ	Tích hợp dạy đọc hiểu vào dạy tạo lập văn bản để phát triển kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận văn học cho học sinh lớp 11 :	Nguyễn, Bình An	Nguyễn Bình An ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết, thiết kế các hoạt động tích hợp dạy đọc hiểu vào dạy tạo lập văn bản để phát triển kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận văn học cho học sinh lớp 11

8493	Thạc sĩ	Ảnh dụ cấu trúc trong văn bản dân gian Nam Bộ :	Nguyễn, Thị Anh Thư	Nguyễn Thị Anh Thư ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phương thức vận dụng ảnh dụ cấu trúc và giá trị biểu đạt của ảnh dụ cấu trúc trong văn bản dân gian Nam Bộ
8494	Thạc sĩ	Pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư :	Dur, Phước Thoại	Dur Phước Thoại ; Nguyễn Lan Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tạo cơ sở lý luận, thực tiễn và làm sáng tỏ thực trạng quy định của pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. Đánh giá vai trò của đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai, vốn hóa đất đai cũng như đối với thị trường bất động sản. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hơn nữa hiệu quả đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư ở nước ta hiện nay.
8495	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO) :	Trần, Thy Linh Giang	Trần Thy Linh Giang ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định những đối tác thương mại tiềm năng của Việt Nam, đồng thời các hàm ý chính sách giúp tăng cường hoạt động thương mại của Việt Nam sẽ được đề xuất.
8496	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng dẫn của dịch trích cây hương nhu tía (<i>Ocimum sanctum</i> L.) và hiệu quả tiêu diệt một số loại dịch trích thực vật đối với chi ruồi đục trái <i>Bactrocera</i> :	Từ, Ngọc Thiện	Từ Ngọc Thiện ; Trần Văn Hai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Lựa chọn dung môi hữu cơ hữu hiệu để ngâm hương nhu tía và chọn được bộ phận hương nhu tía khi ngâm trong dung môi hữu cơ hữu hiệu cho hiệu quả hấp dẫn ruồi đục trái cao; Lựa chọn dịch trích thực vật có khả năng giết ruồi đục trái cao khi kết hợp với dịch trích hương nhu tía.
8497	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm sinh học từ vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. để quản lý bệnh đốm nâu do nấm <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> trên thanh long ruột đỏ (<i>Hylocereus polyrhizus</i>) :	Đỗ, Hoàng Duy	Đỗ Hoàng Duy ; Trần Vũ Phấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả đối kháng của chế phẩm sinh học từ vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. đối với nấm <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> gây bệnh đốm nâu trên thanh long trong điều kiện phòng thí nghiệm. Đánh giá hiệu quả kiểm soát của chế phẩm sinh học từ vi khuẩn <i>Bacillus</i> sp. đối với bệnh đốm nâu gây hại trên thanh long trong điều kiện nhà lưới và ngoài đồng.
8498	Thạc sĩ	Sử dụng biến đa tỉ lệ và biến đổi wavelet liên tục của tín hiệu ra đa để xác định các dị vật ở tầng nông tại khu vực Hưng Phú - Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Đỗ Bích Tuyền	Nguyễn Đỗ Bích Tuyền ; Dương Hiếu Đầu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày phép biến đổi wavelet đa phân giải, nguyên lý hoạt động – xử lý và minh giải số liệu của ra đa xuyên đất (GPR). Mô phỏng việc xử lý tín hiệu ra đa xuyên đất (GPR), phân tích các tín hiệu ra đa xuyên đất (GPR) tại các tuyến đo ở một số khu vực Hưng Phú – Thành Phố Cần Thơ
8499	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của dịch trích Methanol từ một số giống lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) lên ba loại cỏ gây hại chính trên ruộng lúa; phân lập và định danh các hợp chất kháng cỏ :	Nguyễn, Thị Thùy Trang	Nguyễn Thị Thùy Trang ; Hồ Lệ Thi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định khả năng đối kháng thực vật của tám giống lúa OM (2395, 3536, 4498, 5451, 5930, 6976, 7347, N406) lên ba loại cỏ gây hại chính trên ruộng lúa là cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i> (L.) Beauv), cỏ đuôi phụng (<i>Leptochloa chinensis</i> L. Nees) và cỏ chác (<i>Fimbristylis miliacea</i> L. Vahl).
8500	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có khả năng phân hủy benzene, toluene, xylene trong hệ thống xử lý nước thải của nhà máy lọc hóa dầu Nam Việt :	Võ, Phát Tài	Võ Phát Tài ; Nguyễn Thị Phi Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn có khả năng phân hủy hiệu quả hỗn hợp BTX. Các dòng vi khuẩn tiềm năng được khảo sát khả năng phân hủy sinh học hỗn hợp BTX ở các điều kiện nuôi cấy khác nhau và định danh khoa học.

8501	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ứng dụng gói kỹ thuật 1 phải 5 giảm của các hộ trồng lúa huyện Châu Phú, tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thúy Vy	Nguyễn Thúy Vy ; Đương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia ứng dụng gói kỹ thuật 1P5G của các hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thu hút nông dân quyết định tham gia ứng dụng kỹ thuật này trên địa bàn nghiên cứu.
8502	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả vi khuẩn cố định đạm Klebsiella pneumonia MK601676 đến sự sinh trưởng và năng suất cây dưa leo (Cucumis sativus L.) trồng ngoài đồng ở huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre :	Lê, Thị Minh Kiều	Lê Thị Minh Kiều ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định hiệu quả cố định đạm Klebsiella pneumonia MK601676 trên cây dưa leo trồng ngoài đồng ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, nhằm giảm lượng phân bón vô cơ trong canh tác dưa leo..
8503	Thạc sĩ	Anh hưởng vi khuẩn Pseudomonas stutzeri A15 và Pantoea agglomerans HP1 lên sinh trưởng và năng suất của giống lúa Đài Thơm 8 trồng vụ Đông Xuân ở Lấp Vò - Đồng Tháp :	Trần, Thị Lan Chi	Trần Thị Lan Chi ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định hiệu quả của hai dòng vi khuẩn cố định đạm và hòa tan lân kết hợp với phân bón vô cơ lên sinh trưởng và năng suất của giống lúa Đài Thơm 8 trồng vụ Đông Xuân tại huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp.
8504	Thạc sĩ	Phân tích đánh giá ổn định bờ kênh Nàng Mau tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Nhã	Nguyễn Nhã ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích đánh giá nguyên nhân mất ổn định, đề xuất giải pháp bảo vệ bờ, cảnh báo sạt lở và dự báo xói cục bộ tại trụ cầu Nàng Mau.
8505	Thạc sĩ	Tác phẩm của Phi Vân từ góc nhìn văn hóa :	Nguyễn, Chí Sỹ	Nguyễn Chí Sỹ ; Đoàn Lê Giang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Những vấn đề chung về văn hóa xã hội Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX, làm nền cho các sáng tác của Phi Vân ra đời, không gian và thời gian trong các tác phẩm của Phi Vân từ góc nhìn văn hóa, tính cách con người trong tác phẩm của Phi Vân từ góc nhìn văn hóa.
8506	Thạc sĩ	Từ địa phương Nam Bộ trong kí của Phan Trung Nghĩa :	Nguyễn, Hồng Huyền	Nguyễn Hồng Huyền ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đặc điểm của lớp từ địa phương Nam Bộ và giá trị biểu đạt của từ địa phương Nam Bộ trong kí của Phan Trung Nghĩa.
8507	Thạc sĩ	The EFL teachers' challenges in implementing cooperative learning in reading classes :	Châu, Miêu Thanh	Châu Miêu Thanh ; Thái Công Dân (người hướng dẫn)	2019	Based on the analysis of the researcher's English learning and teaching context and results of previous studies, the present study was designed to reach two research aims. The first aim was to figure out the teachers' challenges in implementing cooperative learning in reading classes. The second one was to study EFL teachers' strategic system of how to have an effective implementation of cooperative learning in reading classes.
8508	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and practices of reflective teaching as a tool to professional development :	Nguyễn, Thị Hà	Nguyễn Thị Hà ; Tôn Nữ Như Hương (Supervisor)	2019	The main purpose of this study is to indicate (1) EFL teachers' perceptions of the roles of reflective teaching for their professional development, and (2) their practices of reflective teaching for their professional development. From the findings of this study, some implications for teacher training courses will be evident

8509	Thạc sĩ	Tiểu thuyết lịch sử của Phạm Minh Kiên :	Đinh, Quang Phương	Đinh Quang Phương ; Đoàn Lê Giang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Giới thiệu khái quát đôi nét về tiểu sử, văn nghiệp cũng như quan niệm của nhà văn Phạm Minh Kiên khi viết tiểu thuyết lịch sử, tìm hiểu một số vấn đề lí luận chung như khái niệm về tiểu thuyết lịch sử, nguyên nhân ra đời và phát triển dòng tiểu thuyết lịch sử Nam Bộ cũng như diện mạo tiểu thuyết lịch sử Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX
8510	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn Bacillus spp. có khả năng sinh tổng hợp carotenoid ở vùng duyên hải huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang :	Huỳnh, Thị Hồng Thu	Huỳnh Thị Hồng Thu ; Nguyễn Minh Chon, Bằng Hồng Lam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tuyển chọn một số dòng vi khuẩn Bacillus spp. có khả năng sinh tổng hợp carotenoid cao và có khả năng kháng oxy hóa ở vùng duyên hải huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang.
8511	Thạc sĩ	Tiểu thuyết của Đoàn Minh Phượng, Linda Lê, Thuận nhìn từ lý thuyết hậu thuộc địa :	Phạm, Nguyễn Anh Thư	Phạm Nguyễn Anh Thư ; Bùi Thanh Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày một số khái quát về lý thuyết hậu thuộc địa, biểu hiện và phương thức thể hiện của lý thuyết hậu thuộc địa trong tiểu thuyết của Đoàn Minh Phượng, Linda Lê, Thuận.
8512	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của kiến thức tài chính cá nhân đến hành vi sử dụng thẻ tín dụng của người dân tại Thành phố Cần Thơ :	Trần, Huân	Trần Huân ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của kiến thức tài chính cá nhân đến hành vi sử dụng thẻ tín dụng của người dân tại Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển thị trường thẻ tín dụng và đưa ra một số ý kiến giúp người dân tối đa hóa hiệu quả sử dụng thẻ tín dụng.
8513	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư bất động sản của nhà đầu tư cá nhân tại Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Quỳnh Như	Nguyễn Thị Quỳnh Như ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích khái quát thực trạng thị trường bất động sản tại địa bàn Thành phố Cần Thơ. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư bất động sản của nhà đầu tư cá nhân tại Cần Thơ. Đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp nhằm phát triển thị trường bất động sản tại Cần Thơ.
8514	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của mức độ điều chỉnh lợi nhuận đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh :	Trần, Phú Khánh	Trần Phú Khánh ; Vũ Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của mức độ điều chỉnh lợi nhuận đến hiệu quả hoạt động của công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất giải pháp quản trị điều chỉnh lợi nhuận để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty được niêm yết.
8515	Thạc sĩ	Yếu tố tính dục trong ca dao và câu đố dân gian :	Võ, Thị Minh Thư	Võ Thị Minh Thư ; Lê Thị Diệu Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát những biểu hiện cơ bản của yếu tố tính dục ở phương diện nội dung và hình thức thể hiện của yếu tố này trong ca dao và câu đố.
8516	Thạc sĩ	Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn Võ Diệu Thanh :	Lê, Thùy Trang	Lê Thùy Trang ; Nguyễn Hoa Bằng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát, phân tích và đánh giá tư liệu về truyện ngắn Võ Diệu Thanh, tìm hiểu một cách có hệ thống về truyện ngắn của tác giả, chỉ ra những đặc điểm nổi bật về phương diện nghệ thuật trong sáng tác truyện ngắn của nhà văn.
8517	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn nội sinh có tính kháng khuẩn trong cây Chùm ngây (Moringa oleifera Lam.) tại tỉnh Bến Tre :	Phạm, Ngọc Yến Trinh	Phạm Ngọc Yến Trinh ; Nguyễn Thị Pha (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập, tuyển chọn và định danh được một số dòng vi khuẩn nội sinh trong cây Chùm ngây (Moringa oleifera Lam.) có hoạt tính kháng khuẩn cao.

8518	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn nội sinh có khả năng kháng khuẩn trong cây trinh nữ (Mimosa pudica L.) tại tỉnh An Giang :	Nguyễn, Trọng Nghĩa	Nguyễn Trọng Nghĩa ; Nguyễn Thị Pha (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập, tuyển chọn và định danh được một số dòng vi khuẩn nội sinh trong cây trinh nữ (Mimosa pudica L.) có hoạt tính kháng khuẩn cao tại tỉnh An Giang.
8519	Thạc sĩ	Khối lượng và ma trận trộn lepton trong cơ chế seesaw loại I với mô hình đối xứng A4 :	Đỗ, Thị Mỹ Duyên	Đỗ Thị Mỹ Duyên ; Nguyễn Thanh Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày tổng quan về mô hình chuẩn và cơ chế seesaw loại I, mô hình chuẩn với đối xứng A4, khối lượng và ma trận trộn lepton trong mô hình đối xứng A4 với cơ chế seesaw loại I.
8520	Thạc sĩ	Dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong Đại số 10 :	Tô, Văn Tâm	Tô Văn Tâm ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về tình huống thực tiễn, tình huống thực tiễn trong dạy học môn Toán. Từ đó, xây dựng và tổ chức dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong “Đại số 10” nhằm giúp học sinh gắn kết Toán học vào thực tiễn, vận dụng kiến thức Toán học vào các tình huống thực tiễn, góp phần đổi mới phương pháp dạy học.
8521	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn :	Châu, Thị Mộng	Châu Thị Mộng ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tổng quan và cơ sở lý thuyết, thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn 11 nhằm phát triển năng lực tự học của học sinh
8522	Thạc sĩ	Phân tích tác động của tỷ trọng sở hữu nước ngoài đến năng suất nhân tố tổng hợp của doanh nghiệp được phẩm tại Việt Nam :	Nguyễn, Quang Duy	Nguyễn Quang Duy ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích tác động của tỷ trọng sở hữu nước ngoài đến năng suất nhân tố tổng hợp của các doanh nghiệp được phẩm tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp được phẩm tận dụng hiệu quả nguồn đầu tư nước ngoài vào việc nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp.
8523	Thạc sĩ	Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học văn học nước ngoài nhằm phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh :	Huỳnh, Vũ Kha	Huỳnh Vũ Kha ; Trần Thị Nâu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu lý luận về phương pháp dạy học bằng sơ đồ tư duy, về những biểu hiện của năng lực sáng tạo và biện pháp rèn luyện năng lực đó cho học sinh.
8524	Thạc sĩ	Dạy học khám phá khái niệm các mặt tròn xoay trong chương trình Hình học 12 :	Nguyễn, Hiếu Tròn	Nguyễn Hiếu Tròn ; Nguyễn Phương Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng một số tình huống dạy học giúp học sinh khám phá khái niệm các mặt tròn xoay trong chương trình Hình học 12. Thông qua đó, góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh, giúp các em nắm vững kiến thức và liên hệ với thực tiễn cuộc sống.
8525	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển du lịch chợ nổi Cái Răng - Tp. Cần Thơ thuộc Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm :	Huỳnh, Thị Kiều	Huỳnh Thị Kiều ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng về tình hình phát triển du lịch Chợ Nổi Cái Răng – TP. Cần Thơ trong những năm qua. Xây dựng kế hoạch phát triển chợ nổi Cái Răng –TP. Cần Thơ. Đề xuất giải pháp phát triển du lịch Chợ nổi Cái Răng –TP. Cần Thơ bền vững hơn trong thời gian tới.
8526	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông hộ ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang :	Tô, Thị Ngọc Muội	Tô Thị Ngọc Muội ; Nguyễn Hữu Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, khảo sát xu hướng đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trong điều kiện sinh thái, kinh tế của vùng và tìm ra giải pháp nâng cao và ổn định thu nhập cho nông hộ ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.
8527	Thạc sĩ	Đánh giá tính tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu đến hộ trồng dâu Hạ Châu tại thành phố Cần Thơ :	Võ, Mỹ Linh	Võ Mỹ Linh ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá tính tổn thương của biến đổi khí hậu đối với hộ trồng dâu Hạ Châu, các yếu tố ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương của hộ trồng dâu Hạ Châu; đề xuất các giải pháp giúp hộ trồng dâu Hạ Châu thích ứng với biến đổi khí hậu.

8528	Thạc sĩ	Employers' requirements for bachelor graduates of English translation and Interpretation program: A case in the Mekong Delta of Vietnam :	Trần, Thị Diễm My	Trần, Thị Diễm My ; Phương Hoàng Yến (Hướng dẫn khoa học)	2019	This study aims to investigate the employability attributes employers require for bachelor graduates of an ETI program in the Mekong Delta of Vietnam. In addition, it also explores the suggestions of these employers for the ETI program in the Mekong Delta of Vietnam.
8529	Thạc sĩ	EFL gifted high school students' perceptions about making oral presentations in speaking classes :	Thái, Dương Hoàng Oanh	Thái Dương Hoàng Oanh ; Nguyễn Trung Cang (Supervisor)	2019	This study is aimed to investigate students' perceptions about making oral presentations in speaking classes and find out the difficulties students encounter while making oral presentations.
8530	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng :	Huỳnh, Trịnh Thanh Trúc	Huỳnh Trịnh Thanh Trúc ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giảm mức độ hạn chế tín dụng chính thức đối với nông hộ trồng lúa trên địa bàn này.
8531	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định phát hành cổ phiếu bổ sung của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Thị Bình Nhi	Nguyễn Thị Bình Nhi ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định phát hành cổ phiếu bổ sung của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
8532	Thạc sĩ	Challenges faced by English majors of gifted high schools in writing argumentative essays	Phạm, Trương Thanh Tùng	Phạm Trương Thanh Tùng, Phạm Thị Nguyên Ái (Giảng viên hướng dẫn)	2019	This study aimed to find out the challenges encountered by the English majors of gifted high schools in writing argumentative essays and investigate the underlying causes of these challenges.
8533	Thạc sĩ	Văn xuôi Nguyễn Thị Thụy Vũ từ góc nhìn phê bình nữ quyền :	Nguyễn, Thị Mộng Trinh	Nguyễn Thị Mộng Trinh ; Bùi Thanh Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nội dung biểu hiện yếu tố nữ quyền và phương thức thể hiện yếu tố nữ quyền trong văn xuôi của nữ tác giả.
8534	Thạc sĩ	Khảo sát sự đa dạng di truyền của cỏ lông vực (Echinochloa spp.) ở thành phố Cần Thơ và sự miễn cảm của chúng đối với quinclorac :	Nguyễn, Thị Thảo Nguyên	Nguyễn Thị Thảo Nguyên ; Nguyễn Minh Chơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm cung cấp những thông tin khoa học về đặc điểm hình thái và sự miễn cảm với thuốc trừ cỏ của cỏ lông vực (Echinochloa spp.) làm cơ sở cho công tác phòng trừ cỏ dại trong vùng đạt hiệu quả cao.
8535	Thạc sĩ	Thơ Nguyễn Bình Khiêm từ góc nhìn phê bình sinh thái :	Châu, Ngô Mỹ Tiên	Châu Ngô Mỹ Tiên ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát về phê bình sinh thái, những khả năng và xu hướng ứng dụng trong nghiên cứu văn học Việt Nam, mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong thơ Nguyễn Bình Khiêm từ góc nhìn phê bình sinh thái, sự kiến lập hình tượng, ngôn từ nghệ thuật và giọng điệu trong thơ Nguyễn Bình Khiêm từ góc nhìn phê bình sinh thái.
8536	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kinh tế của hộ đan lưới tại làng nghề đan lưới Thơm Rơm, phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Xuân Nhã	Nguyễn Xuân Nhã ; Lưu Tiến Thuận (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả kinh tế của hộ đan lưới tại Làng nghề đan lưới Thơm Rơm ở phường Tân Hưng, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của hộ đan lưới tại làng nghề trong thời gian tới.

8537	Thạc sĩ	EFL Students' Perceptions of the Impact of ServiceLearning on Their Learning Outcomes at Can Tho Tourism College :	Võ, Thị Ngọc Châu	Trần Thị Bạch Ngọc ; Thái Công Dân (Hướng dẫn khoa học)	2019	The present study seeks the impacts of service-learning on students' English learning outcomes which are the following: To identify students' perceptions of the impact of service-learning on; their English learning outcomes. - To examine how students perceived the benefits of service-learning on their English learning outcomes.To recognize what challenges of service-learning students encountered in taking the service-learning course to improve their English learning outcomes.
8538	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của hoạt động nghiên cứu và phát triển đến xuất khẩu của các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Xuân Tiên	Nguyễn Xuân Tiên ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng xuất khẩu của doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích tác động của hoạt động nghiên cứu và phát triển đến xuất khẩu của các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất một số hàm ý chính sách góp phần đẩy mạnh xuất khẩu của các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
8539	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam :	Phạm, Lê Anh Duy	Phạm Lê Anh Duy ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Phân tích tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Đề xuất một số hàm ý chính sách góp phần tăng cường thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.
8540	Thạc sĩ	Ứng dụng kỹ thuật phân tử trong đánh giá tính chống chịu mặn trên một số giống lúa mùa :	La, Hoàng Trúc Ngân	La Hoàng Trúc Ngân ; Đỗ Tấn Khang, Nguyễn Thị Pha (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá được mức độ đa dạng di truyền của 40 giống lúa nghiên cứu. Khảo sát được sự khác biệt ở cấp độ phân tử của đoạn gen OsHKT1;5 trên một số giống lúa mùa so với giống chuẩn mặn cảm mặn.
8541	Thạc sĩ	Đánh giá tình trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn gây bệnh gan thận mũ và xuất huyết trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) tại huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ :	Ung, Thị Anh Thư	Ung Thị Anh Thư ; Nguyễn Minh Chơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm điều tra thông tin về tình trạng bệnh trên cá tra và sử dụng kháng sinh trên cá tra nuôi ở huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Phân lập vi khuẩn E.ictaluri từ cá tra bệnh gan thận mũ và A. hydrophila từ cá tra bệnh xuất huyết. Đánh giá tính nhạy cảm và nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh enrofloxacin và levofloxacin trên E.ictaluri và A. hydrophila. Đồng thời, khảo sát sự hiện diện gen kháng quinolone trên E.ictaluri và A. hydrophila.
8542	Thạc sĩ	Đánh giá hoạt tính ức chế sinh trưởng thực vật của dịch chiết cây mai dương (Mimosa pigra L.) :	Huỳnh, Thị Nhung	Huỳnh Thị Nhung ; Đỗ Tấn Khang, Trần Thanh Mến (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát hoạt tính ức chế thực vật từ dịch chiết cây Mai dương trong điều kiện phòng thí nghiệm với dịch trích với nước cất và cao chiết từ đó so sánh hoạt tính kháng cỏ ở các bộ phận khác nhau của cây như: rễ, thân, lá, hoa, trái, hạt.
8543	Thạc sĩ	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong đánh giá tính chống chịu mặn của một số giống lúa cao sản :	Nguyễn, Thị Ngọc Trúc	Nguyễn Thị Ngọc Trúc ; Trương Thị Bích Vân, Nguyễn Thị Anh Thi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu chọn các dòng chống chịu mặn qua phân tích đánh giá kiểu hình ở giai đoạn mạ, đánh giá mức độ đa dạng di truyền của tập đoàn lúa cao sản địa phương bằng chỉ thị phân tử SSR. Khảo sát sự khác biệt ở cấp độ phân tử của đoạn gen OsHKT1;5 trên các giống lúa cao sản có khả năng chống chịu mặn nhờ kỹ thuật giải trình tự gen từ đó tìm ra các dấu SNP.

8544	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến chỉ tiêu y tế cho trẻ em vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thanh Tuyền	Nguyễn Thanh Tuyền ; Thái Anh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố tác động đến chỉ tiêu y tế cho trẻ em vùng Đồng bằng sông Cửu Long, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình chỉ tiêu y tế cho trẻ em vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
8545	Thạc sĩ	Bảo đảm nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường khi xác định giá đất tính bồi thường :	Nguyễn, Đắc Thắng	Nguyễn Đắc Thắng ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, các tiêu chí cần phải đảm bảo khi xây dựng và triển khai thực hiện nguyên tắc phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường trong quá trình xác định giá đất tính bồi thường, qua đó đối chiếu với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam nhằm phát hiện những bất cập và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề này.
8546	Thạc sĩ	Khối lượng và ma trận trộn lepton trong mô hình đối xứng A4 với cơ chế Inverse seesaw :	Ngô, Minh Kết	Ngô Minh Kết ; Nguyễn Thanh Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày tổng quan về lepton trong mô hình chuẩn, mô hình đối xứng A4, khối lượng và ma trận trộn lepton.
8547	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự đa dạng hóa sinh kế của các nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Thùy Liên	Nguyễn Thị Thùy Liên ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách để có hướng hỗ trợ phù hợp với từng tiềm năng sẵn có nhằm góp phần vào việc đa dạng hoá sinh kế của các nông hộ, giảm đi hộ nghèo và nâng cao đời sống cho người dân.
8548	Thạc sĩ	Phân tích sự khác nhau trong chỉ tiêu giữa hộ thuần nông và hộ khác ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long :	Hồ, Nhật Phương Nhi	Hồ Nhật Phương Nhi ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm phân tích sự mất cân đối trong chỉ tiêu giữa hộ thuần nông và hộ khác nhằm xác định các yếu tố gây ra sự bất bình đẳng giữa hai nhóm hộ gia đình ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long.
8549	Thạc sĩ	Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch trong lập và thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện :	Phạm, Hữu Nhân	Phạm Hữu Nhân ; Nguyễn Lan Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch trong lập và thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.
8550	Thạc sĩ	Hoàn thiện pháp luật về thuế tài sản :	Trần, Thị Bé Duyên	Trần Thị Bé Duyên ; Lê Thị Nguyệt Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích hệ thống hóa, tạo cơ sở lý luận chung về thuế tài sản và tìm hiểu các quy định pháp luật có liên quan đến thuế tài sản.
8551	Thạc sĩ	Lập trình mô phỏng dựa trên phương pháp phổ phát xạ để xác định đặc tính của Plasma Helium :	Nguyễn, Thị Ngọc Tuyền	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền ; Trần Thanh Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phổ phát xạ nguyên tử, phổ quay phân tử, sử dụng mở rộng Stark và mô hình va chạm phát xạ để xác định các đặc tính của nguồn plasma.
8552	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với nấm Fusarium moniliforme Sheldon gây bệnh lúa von :	Võ, Duy Hoàng	Võ Duy Hoàng ; Trần Văn Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục tiêu xác định khả năng gây hại chủng nấm Fusarium moniliforme gây von phân lập được và tìm ra chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng cao đối với chủng nấm Fusarium moniliforme gây von trên lúa trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới.
8553	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả phòng trừ của thực khuẩn thể đối với bệnh thối hạt trên lúa do vi khuẩn Burkholderia glumae ở điều kiện ngoài đồng :	Nguyễn, Minh Nhựt	Nguyễn Minh Nhựt ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả phòng trị bệnh thối hạt của thực khuẩn thể so với thuốc hóa học trên đồng ruộng, từ đó có thể áp dụng vào thực tế sản xuất.

8554	Thạc sĩ	Nghiên cứu hiện tượng hấp phụ phân tử khí trên Penta-Graphene Nanoribbon :	Lê, Võ Phương Thuận	Lê Võ Phương Thuận ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nhằm mục đích tìm hiểu và nghiên cứu hiện tượng hấp phụ phân tử khí để tạo ra hệ vật liệu định hướng ứng dụng tốt các cảm biến khí thông qua khảo sát đặc tính vận chuyển điện tử của Penta-Graphene nanoribbon hấp phụ các phân tử khí.
8555	Thạc sĩ	Nghiên cứu hiệu ứng bão hòa của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Lâm, Tú Anh	Lâm Tú Anh ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu kiểm định sự tồn tại hiệu ứng bão hòa của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đề xuất một số khuyến nghị góp phần phát triển bền vững hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai.
8556	Thạc sĩ	Xử lý hành vi vi phạm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm – Thực tiễn tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Võ Ngân Tâm	Nguyễn Võ Ngân Tâm ; Phạm Văn Beo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm phân tích những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh vấn đề về an toàn thực phẩm trong hoạt động kinh doanh, qua đó đưa ra những giải pháp góp phần xử lý hành vi vi phạm an toàn thực phẩm trong hoạt động kinh doanh thực phẩm.
8557	Thạc sĩ	Phân lập các hợp chất và góp phần xây dựng dấu vân tay của cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> Linn.) bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao :	Nguyễn, Thị Bảo Ngân	Nguyễn Thị Bảo Ngân ; Tôn Nữ Liên Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các thành phần có trong cây Cam thảo đất (<i>Scoparia dulcis</i> Linn.). Sử dụng các chất được phân lập và các chất chuẩn chiết từ dược liệu như là “chất đánh dấu” để góp phần đánh giá và xây dựng dấu vân tay của cây Cam thảo đất bằng kỹ thuật Sắc ký lỏng hiệu năng cao.
8558	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng công việc của người lao động tại Công ty TNHH Vinataba – Philip Morris :	Lê, Duy Phương	Lê Duy Phương ; Lê Quang Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tìm hiểu và đo lường mức độ hài lòng công việc của người lao động tại công ty TNHH Vinataba – Philip Morris. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của người lao động đối với công việc tại Công ty TNHH Vinataba – Philip Morris.
8559	Thạc sĩ	Tổ chức thảo luận nhóm trong dạy học hiểu văn bản nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh lớp 11 :	Lê, Vạn Quới	Lê Vạn Quới ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng quan về tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, thiết kế giáo án dạy học tác phẩm truyện ngắn và trích đoạn tiểu thuyết theo hướng sử dụng biện pháp tổ chức thảo luận nhóm
8560	Thạc sĩ	Rã Higgs vi phạm số lepton thế hệ trong mô hình A4 với cơ chế Inverse seesaw :	Hồ, Việt Thắng	Hồ Việt Thắng ; Lê Thọ Huệ, Đặng Trung Sĩ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày sơ lược về mô hình chuẩn, phổ Higgs trong mô hình A4 với cơ chế Inverse seesaw, rã Higgs vi phạm số lepton thế hệ.
8561	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc điện tử của dây penta-silicene đơn lớp bằng phương pháp phiếm hàm mật độ dựa trên liên kết mạnh :	Lê, Thị Thúy My	Lê Thị Thúy My ; Huỳnh Anh Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Giới thiệu tổng quan về penta-silicene, phương pháp tính toán mô phỏng, cấu trúc tinh thể và tính chất điện tử của dây penta-silicene.
8562	Thạc sĩ	Dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong Giải tích 12 :	Huỳnh, Thị Định	Huỳnh Thị Định ; Nguyễn Văn Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các cơ sở lý luận về tình huống thực tiễn trong dạy học môn toán. Từ đó, xây dựng và tổ chức dạy học một số tình huống gắn với thực tiễn trong Giải tích 12 nhằm tạo cơ hội để học sinh được trải nghiệm, vận dụng toán học vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán.
8563	Thạc sĩ	Phân lập chất từ cây Thù lù cạnh (<i>Physalis angulata</i> L.), họ Cà (<i>Solanaceae</i>) :	Nguyễn, Thị Minh Thùy	Nguyễn Thị Minh Thùy ; Tôn Nữ Liên Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập và xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất trên cây Thù lù cạnh (<i>Physalis angulata</i> L.) nhằm đóng góp thêm thông tin về thành phần hóa học của các hợp chất có trong cây.

8564	Thạc sĩ	Pháp luật về thu hồi đất để thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài :	Nguyễn, Quốc Khải	Nguyễn Quốc Khải ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích làm rõ các vấn đề lý luận về thu hồi đất, phân tích, đánh giá những quy định của pháp luật về thu hồi đất, về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta. Trên cơ sở đó đánh giá thực trạng pháp luật hiện nay về vấn đề này để đưa ra giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về thu hồi đất nhằm giải quyết hài hòa hơn mối quan hệ giữa lợi ích Nhà nước, lợi ích người bị thu hồi đất và lợi ích của nhà đầu tư.
8565	Thạc sĩ	Sự ảnh hưởng của đặc điểm hội đồng quản trị và cấu trúc vốn đến sự lựa chọn công ty kiểm toán quốc tế (Big Four) trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Hồ, Kim Lợi	Hồ Kim Lợi ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các đặc điểm của hội đồng quản trị và cấu trúc vốn trong công ty có ảnh hưởng đến việc lựa chọn các công ty kiểm toán quốc tế Big Four trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao sự lựa chọn các công ty kiểm toán quốc tế Big Four, góp phần đảm bảo chất lượng kiểm toán cho các báo cáo tài chính được công bố của các công ty trong thời gian sắp tới.
8566	Thạc sĩ	Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính trong pháp luật cạnh tranh :	Nguyễn, Ngọc Hân	Nguyễn Ngọc Hân ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu vấn đề lý luận và quy định pháp luật liên quan đến hành vi lôi kéo khách hàng bất chính theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam; làm rõ những tác động tiêu cực của hành vi lôi kéo khách hàng bất chính làm ảnh hưởng đến doanh nghiệp cạnh tranh khác trên thị trường.
8567	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến tần số họp hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Thị Đẹp	Nguyễn Thị Đẹp ; Ngô Mỹ Trân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của tần số cuộc họp hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên HOSE, từ đó đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết trên HOSE.
8568	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh thực phẩm chức năng :	Triệu, Thị Thùy Trang	Triệu Thị Thùy Trang ; Nguyễn Ngọc Điện (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích hoàn thiện về mặt pháp luật để nhà nước kiểm soát hiệu quả các hoạt động kinh doanh thực phẩm chức năng có ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người.
8569	Thạc sĩ	Đo lường hiệu quả các trường đại học Việt Nam và nghiên cứu tác động của các yếu tố môi trường đến hiệu quả :	Phạm, Thị Ngọc Sương	Phạm Thị Ngọc Sương ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá hiệu quả các trường đại học Việt Nam và từ đó đề xuất một số khuyến nghị giúp cải thiện hiệu quả các trường đại học Việt Nam.
8570	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 11 :	Ngô, Như Bích	Ngô Như Bích ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng quan về tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, thiết kế hoạt động trải nghiệm đối với một số bài học trong chương trình Ngữ văn 11
8571	Thạc sĩ	Từ tính và sự vận chuyển điện tử của Penta-Graphene Nanoribbons :	Nguyễn, Thanh Tuấn	Nguyễn Thanh Tuấn ; Lê Minh Tùng, Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu khảo sát tính chất vận chuyển điện tử của P-GNRs có cấu trúc biên ZZ có xét đến hiệu ứng spin và sử dụng nguyên tử hydro tôi hóa biên cây trúc, thông qua việc phân tích giản đồ cấu trúc vùng năng lượng, mật độ trạng thái, đồ thị phổ truyền qua và giản đồ I-V.

8572	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc vùng năng lượng và tính chất điện tử của vật liệu 2D Silicene bằng phương pháp gần đúng liên kết mạnh :	Danh, Tân Xuân	Danh Tân Xuân ; Vũ Thanh Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Cơ sở lý thuyết về cấu trúc vùng năng lượng và tính chất điện tử của vật liệu hai chiều (2D) trong Vật lý chất rắn. Mô hình tính toán về cấu trúc vùng năng lượng và các tính chất điện tử của armchair silicene nanoribbons.
8573	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học dựa trên dự án :	Phạm, Văn Tính	Phạm Văn Tính ; Dương Thị Hồng Hiếu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng quan vấn đề nghiên cứu và Cơ sở lí luận, thiết kế dự án dạy tạo lập văn bản nghị luận xã hội trong chương trình Ngữ văn 11
8574	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần loài bọ rùa thiên địch (Coleoptera: Coccinellidae) và nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học của loài bọ rùa phổ biến trên cây thanh long :	Lương, Thị Duyên	Lương Thị Duyên ; Nguyễn Văn Hòa, Lê Văn Vàng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm làm cơ sở cho việc sử dụng, bảo tồn, duy trì nguồn giống các loài bọ rùa thiên địch này, làm tiền đề cho việc xây dựng quy trình IPM, ứng dụng trong công tác phòng trừ sinh học để quản lý nhóm côn trùng gây hại trên cây thanh long
8575	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điện trường lên tính chất quang của graphene hai lớp :	Trần, Minh Trung	Trần Minh Trung ; Vũ Thanh Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sử dụng phương pháp gần đúng liên kết mạnh để tính cấu trúc vùng năng lượng của graphene hai lớp biên cắt dạng armchair. Dựa trên cơ sở đó, nghiên cứu tính chất quang và sự ảnh hưởng của điện trường ngoài đối với tính chất quang của graphene hai lớp biên cắt dạng armchair.
8576	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng đối kháng của một số giống lúa (Oryza sativa L.) trên ba loài cỏ dại gây hại chính trong ruộng lúa; nghiên cứu và phát triển chế phẩm thuốc trừ cỏ sinh học ở dạng đơn giản :	Nguyễn, Thị Cẩm Tú	Nguyễn Thị Cẩm Tú ; Hồ Lệ Thi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu hiệu quả quản lý cỏ dại của các dạng sản phẩm thuốc trừ cỏ sinh học ở dạng đơn giản (dung dịch hoặc bột) của giống lúa có triển vọng đối kháng cỏ dại cao nhất trong 8 giống lúa (Oryza sativa L.) để bước đầu thử nghiệm khả năng đối kháng cỏ dại trong nhà lưới.
8577	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với bệnh thối gốc thân cây khoai môn do nấm Sclerotium sp. :	Nguyễn, Phước Triền	Nguyễn Phước Triền ; Trần Văn Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá khả năng gây hại và tìm ra chủng nấm Sclerotium sp. và tìm chủng nấm gây bệnh thối gốc thân nặng nhất trên khoai môn.
8578	Thạc sĩ	Phân tích tác động của việc đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam :	Cao, Minh Hải	Cao Minh Hải ; Phạm Lê Thông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài phân tích và xem xét các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào phân tích tác động của việc đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.
8579	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh héo rũ trên khoai lang do nấm Fusarium oxysporum tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long :	Đỗ, Nguyễn Trường Đức Minh	Đỗ Nguyễn Trường Đức Minh ; Trần Văn Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng phòng trừ bệnh héo rũ trên khoai lang của 2 chủng xạ khuẩn ở điều kiện ngoài đồng, góp phần vào việc đưa biện pháp sinh học vào phòng trừ nấm bệnh trên khoai lang ở hiện tại và tương lai.
8580	Thạc sĩ	Pháp luật về ứng vốn của chủ đầu tư để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ nguồn kinh phí ngân sách và ngoài ngân sách nhà nước để tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác thực thi pháp luật trong thực tế là việc làm cần thiết ở nước ta hiện nay.	Nguyễn, Kim Ngân	Nguyễn Kim Ngân ; Phan Trung Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu hoàn thiện các quy định về ứng vốn của chủ đầu tư để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ nguồn kinh phí ngân sách và ngoài ngân sách nhà nước để tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác thực thi pháp luật trong thực tế là việc làm cần thiết ở nước ta hiện nay.

8581	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh vàng lá thối rễ trên cây cam Sành và cam Xoàn gốc ghép Chanh Volka do nấm Fusarium solani gây ra ở điều kiện ngoài đồng :	Nguyễn, Cô Băng	Nguyễn Cô Băng ; Lê Minh Tường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu tìm ra các chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh vàng lá thối rễ trên cây cam Sành và cam Xoàn gốc ghép Chanh Volka do nấm F. solani ở điều kiện ngoài đồng.
8582	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn du lịch học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ tại trung tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân và Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng :	Trần, Minh Quân	Trần Minh Quân ; Ngô Thị Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn du lịch học tập của sinh viên trường đại học Cần Thơ tại Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng và trung tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân nhằm đề xuất giải pháp để đáp ứng nhu cầu du lịch học tập và giúp cho Khu bảo tồn Lung Ngọc Hoàng và Trung tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân có định hướng phát triển du lịch trong tương lai.
8583	Thạc sĩ	Khảo sát định tính thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây Sống đời (Kalanchoe pinnata), cây Rau mọng (Ludwigia hyssopifolia), cây Cối xay (Abutilon indicum) và cây Sài đất (Wedelia chinensis) :	Trần, Thị Bảo Ngân	Trần Thị Bảo Ngân ; Nguyễn Trọng Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát định tính thành phần hóa học, xác định hàm lượng polyphenol tổng, hàm lượng flavonoid tổng và hoạt tính sinh học: kháng oxy hóa, kháng khuẩn, kháng nấm của cao chiết từ cây Sống đời, cây Cối xay, cây Rau mọng và cây Sài đất.
8584	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của thân củ nghệ Java (Curcuma xanthorrhiza Roxb.) :	Lê, Thị Quyền	Lê Thị Quyền ; Nguyễn Trọng Tuấn, Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu so sánh ảnh hưởng của phương pháp ly trích tinh dầu bằng công nghệ khí CO ₂ và chưng cất lôi cuốn hơi nước lên thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của tinh dầu và cao chiết từ thân củ nghệ Java (Curcuma xanthorrhiza Roxb.)
8585	Thạc sĩ	Tổng hợp một số dẫn xuất quinazolinone và thử nghiệm hoạt tính sinh học :	Lâm, Hoàng Phượng Mai	Lâm Hoàng Phượng Mai ; Bùi Thị Bửu Huê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra nhóm hoạt chất mới có tác dụng sinh học dựa trên cấu trúc cơ bản của quinazolinone và góp phần làm phong phú thêm các dẫn xuất của khung sườn quinazolinone.
8586	Thạc sĩ	Việc sử dụng câu hỏi trong dạy học văn học nước ngoài ở trường trung học phổ thông: Thực trạng – nguyên nhân – giải pháp :	Nguyễn, Linh Đãi	Nguyễn Linh Đãi ; Trần Thị Nâu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng quan vấn đề nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, khảo sát thực trạng việc sử dụng câu hỏi trong dạy học văn học nước ngoài lớp 11 ở trường THPT Nguyễn Bình Khiêm tỉnh Quảng Bình.
8587	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của canxi oxit và silic dioxit trong phòng trừ bệnh cháy lá do vi khuẩn Xanthomonas sp. trên cây hành lá ở điều kiện nhà lưới và ngoài đồng :	Tạ, Duy Hùng	Tạ Duy Hùng ; Nguyễn Thị Thu Nga (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá nồng độ xử lý cho hiệu quả cao nhất trong phòng trừ bệnh cháy lá trên cây hành đồng thời khảo sát hoạt tính enzyme phenylalanine ammonia lyase có liên quan đến khả năng kích thích tính kháng của canxi oxit và silic dioxit đối với bệnh cháy lá do vi khuẩn Xanthomonas sp.
8588	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển giao hợp đồng huy động vốn phục vụ cho phát triển nhà ở thương mại theo dự án :	Nguyễn, Quốc Sử	Nguyễn Quốc Sử ; Nguyễn Ngọc Điện (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu những quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam (trong đó có tham khảo những quy định pháp luật trước đó) về chuyển giao hợp đồng huy động vốn phục vụ cho phát triển nhà ở thương mại theo dự án.

8589	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa của cây Mãnh cộng (<i>Clinacanthus nutans</i> (Burm. f.) Lindau) và cây Mắc cỡ tàn dư (<i>Biophytum sensitivum</i> (L.) DC) ở tỉnh An Giang :	Huỳnh, Thanh Thiên	Huỳnh Thanh Thiên ; Đái Thị Xuân Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa của từng bộ phận như thân, lá và thân + lá của cao chiết Mãnh cộng núi, Mãnh cộng đồng bằng và cao chiết cây Mắc cỡ tàn dư ở mức độ in vitro.
8590	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase và enzyme α -glucosidase của các cao chiết cây Thù lù cạnh (<i>Physalis angulata</i> L.) và cây Thù lù lông (<i>Physalis peruviana</i> L.) tại tỉnh An Giang :	Phạm, Văn Luân	Phạm Văn Luân ; Đái Thị Xuân Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá và khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase, enzyme α -glucosidase của cao chiết các bộ phận rễ, thân, lá, quả, bao quả và cả cây của cây Thù lù lông và Thù lù cạnh in vitro. Định tính các nhóm hợp chất có trong cao chiết và định lượng polyphenol tổng, flavonoid tổng của các cao chiết các bộ phận cây Thù lù cạnh và Thù lù lông.
8591	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của tính vị chừng, giá trị cảm nhận đến ý định tiếp tục mua thịt bò nhập khẩu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Phạm Quỳnh Như	Nguyễn Phạm Quỳnh Như ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của tính vị chừng và giá trị cảm nhận của người tiêu dùng đến ý định tiếp tục mua thịt bò có nguồn gốc nhập khẩu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ, nhằm đề xuất giải pháp để nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm thịt bò được sản xuất trong nước.
8592	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả của việc đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp từ công tác bồi thường đất nông nghiệp tại thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Hoàng Tuấn	Nguyễn Hoàng Tuấn ; Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả của chính sách hỗ trợ đào tạo và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, xác định những khó khăn, vướng mắc trong công tác đào tạo và tìm kiếm việc làm, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách và công tác đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm.
8593	Thạc sĩ	Đánh giá chỉ số tổn thương trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản và khả năng ứng phó với xâm nhập mặn - khô hạn tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Thái Ân	Nguyễn Thái Ân ; Văn Phạm Đăng Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng canh tác lúa và nuôi tôm tại huyện Trần Đề trước diễn biến xâm nhập mặn – khô hạn giai đoạn 2015 - 2018. Tính toán chỉ số tổn thương sinh kế (LVI) do xâm nhập mặn – khô hạn gây ra trong hoạt động sản xuất lúa và nuôi tôm tại vùng nghiên cứu. Đánh giá khả năng ứng phó của nông hộ trong hoạt động canh tác lúa và nuôi tôm trước diễn biến xâm nhập mặn – khô hạn tại địa phương hướng đến ổn định sản xuất.
8594	Thạc sĩ	Xác định khả năng phục hồi nông nghiệp của người dân vùng chịu ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn thông qua mô hình hệ thống - Trường hợp nghiên cứu tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng :	Trần, Văn Triễn	Trần Văn Triễn ; Văn Phạm Đăng Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định khả năng phục hồi nông nghiệp của người dân vùng chịu ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn trước diễn biến khô hạn và xâm nhập mặn đang diễn ra thông qua mô hình toán đơn giản.
8595	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng ứng dụng phần mềm Southlis trong quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai tại thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang :	Nguyễn, Phước Đạt	Nguyễn Phước Đạt ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần hiện đại hóa ngành quản lý đất đai hướng tới xây dựng hệ thống quản lý đất đai hiện đại, minh bạch, hiệu quả, cung cấp các dịch vụ công cho người dân, tăng cường tính hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai, hình thành một hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai toàn diện, hiện đại trên địa bàn thành phố Hà Tiên.
8596	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến tính hiệu quả sản xuất các mô hình sử dụng đất tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long :	Võ, Ngọc Trọn	Võ Ngọc Trọn ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất các mô hình sử dụng đất nhằm tìm ra những khó khăn, thuận lợi từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả góp phần phát triển kinh tế xã hội huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

8597	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo và ứng dụng bê tông cốt sợi thép cho các công trình thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Đinh, Phạm Gia Bảo	Đinh Phạm Gia Bảo ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu chế tạo bê tông cốt sợi thép từ nguồn vật liệu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bằng phương pháp thêm khối lượng cốt sợi thay thế đá 1x2 theo khối lượng thể tích vào hỗn hợp bê tông.
8598	Thạc sĩ	Khảo sát kháng thể kháng virus gây bệnh tiêu chảy cấp trên heo (Porcine Epidemic Diarrhea, PED) tại hai tỉnh Vĩnh Long và Sóc Trăng :	Huỳnh, Đăng Khoa	Huỳnh Đăng Khoa ; Nguyễn Đức Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định tỷ lệ nhiễm PED và các yếu tố nguy cơ đối với bệnh PED trên địa bàn hai tỉnh Sóc Trăng, Vĩnh Long
8599	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến công tác bố trí tái định cư trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu giang :	Đoàn, Phi Hải	Đoàn Phi Hải ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bố trí tái định cư, đồng thời xác định những thuận lợi và khó khăn làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác bố trí tái định cư trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
8600	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Duy Thảo	Nguyễn Duy Thảo ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và góp phần hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng và đảm bảo hài hòa lợi ích cho người có đất bị thu hồi và cho Nhà nước.
8601	Thạc sĩ	Khả năng chịu hạn của 06 giống lúa mùa giai đoạn sinh trưởng sinh dưỡng trong điều kiện hạn nhân tạo :	Lưu, Hoài Nam	Lưu Hoài Nam ; Võ Công Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được tiến hành nhằm tìm hiểu về biểu hiện sinh hóa, hình thái giải phẫu, cơ sở phân tử của 6 giống lúa mùa đáp ứng trong điều kiện hạn nhân tạo giai đoạn sinh trưởng dinh dưỡng.
8602	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của nhóm Triazoles và Glyphosate đến sinh trưởng và năng suất cây khoai lang tím HL491 (Ipomoea batatas (L.) Lam.) tại huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Thanh Bình	Lê Thanh Bình ; Lê Văn Bé (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát tình hình sử dụng các hoạt chất mà người dân dùng để xử lý cho khoai lang hình thành củ và so sánh ảnh hưởng của các hoạt chất đến sinh trưởng và năng suất của cây khoai lang tím HL491.
8603	Thạc sĩ	Xác định mối quan hệ giữa hiện trạng sử dụng đất từ kết quả giải đoán ảnh viễn thám làm cơ sở chuyển đổi thành lập bản đồ đất :	Trần, Thị Ngọc Diệu	Trần Thị Ngọc Diệu ; Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định hiện trạng phân bố sử dụng đất tỉnh An Giang từ cơ sở giải đoán ảnh viễn thám. Xác định mối quan hệ giữa hiện trạng sử dụng đất trên cơ sở đặc điểm ảnh viễn thám và các loại đất. Thành lập bản đồ phân loại đất từ mối quan hệ được xác lập.
8604	Thạc sĩ	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây Huyết giác (Dracaena cambodiana Pierre ex Gagnep.), họ Bông Bông (Asparagaceae) :	Nguyễn, Trương Thủy An	Nguyễn Trương Thủy An ; Tôn Nữ Liên Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây Huyết giác bằng các phương pháp sắc ký để làm phong phú dữ liệu hóa thực vật và tìm thêm những chất có cấu trúc mới trên loài cây này.
8605	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp Platinum nanotriangular trên nano tấm Palladium với tính chất quang cao :	Cao, Thị Huyền Trân	Cao Thị Huyền Trân ; Trần Thị Bích Quyên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tổng hợp nano tấm Pd/Pt nanotriangular có khả năng tăng cường đáng kể tính chất quang của chúng; định hướng ứng dụng trong lĩnh vực y sinh học, nhằm tăng cường tín hiệu Raman (SERS) cho sự phát hiện của các chất màu, các kháng nguyên trong việc chẩn đoán và phát hiện sớm các bệnh hiểm nghèo.

8606	Thạc sĩ	Xử lý ion F- trong nước giả thải bằng phương pháp tạo kết tủa cryolite và tìm hiểu ứng dụng kết tủa vào vật liệu trám răng :	Nguyễn, Đặng Thy Thy	Nguyễn Đặng Thy Thy ; Lương Huỳnh Vũ Thanh, Ngô Trương Ngọc Mai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xử lý ion fluoride trong nước giả thải bằng cách tạo kết tủa cryolite. Xác định thành phần kết tủa thu được sau phản ứng. Tìm hiểu ứng dụng của cryolite trong lĩnh vực vật liệu nha khoa (xi măng trám răng).
8607	Thạc sĩ	Giải thuật song song phân rã ma trận trên nền Apache Spark :	Nguyễn, Duy Linh	Nguyễn Duy Linh ; Đỗ Thanh Nghị (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tiến hành cải thiện hiệu quả về thời gian các giải thuật phân rã ma trận áp dụng cho quá trình xây dựng các hệ thống gợi ý.
8608	Thạc sĩ	Hệ thống dự báo mực nước trên sông Cừu Long :	Nguyễn, Hồng Hải	Nguyễn Hồng Hải ; Nguyễn Minh Thư (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu mô hình mạng nơ-ron và mạng nơ-ron Long Short-Term Memory Networks với đầu vào là dữ liệu của 1 trạm, nhiều trạm và đầu ra là dữ liệu dự báo cho một trạm. Ứng dụng mạng nơ-ron dự báo mực nước trạm Cần Thơ.
8609	Thạc sĩ	Chế tạo Nanocellulose từ giấy vụn phòng đã qua sử dụng và ứng dụng chế tạo sợi Nanocellulose bằng công nghệ Electrosinning :	Nguyễn, Văn Việt	Nguyễn Văn Việt ; Văn Phạm Đan Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm sử dụng nguồn nguyên liệu tái tạo và tăng thêm khả năng ứng dụng của vật liệu nanocellulose.
8610	Thạc sĩ	Cải tiến phương pháp xác định thành phần khí hóa lỏng LPG trên thiết bị sắc ký khí bằng phương pháp nạp mẫu lỏng và sử dụng khí nang nitơ :	Nguyễn, Hữu Thịnh	Nguyễn Hữu Thịnh ; Đặng Huỳnh Giao (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cải tiến phương pháp xác định thành phần khí hóa lỏng LPG trên thiết bị sắc ký khí bằng phương pháp nạp mẫu lỏng và sử dụng khí mang Nitơ để tiết kiệm chi phí mua sắm trang thiết bị và khí mang.
8611	Thạc sĩ	Khảo sát phương pháp xác định hàm lượng Patulin trong các sản phẩm đồ uống bằng sắc ký lỏng ghép khối phổ LC/MS-MS :	Tôn, Nữ Phương Du	Tôn Nữ Phương Du ; Đặng Huỳnh Giao (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng phương pháp xác định hàm lượng patulin trong các loại nước uống trái cây, rượu bằng sắc ký lỏng ghép khối phổ hai lần (LC-MS/MS) dựa trên khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố lên quá trình phân tích.
8612	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp Zeolite NaA từ tro trấu và ứng dụng trong xử lý nước nhiễm kim loại nặng :	Lê, Dũ Chiềc	Lê Dũ Chiềc ; Trần Nguyễn Phương Lan, Lương Huỳnh Vũ Thanh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tận dụng hiệu quả nguồn phụ phẩm nông nghiệp khổng lồ, giảm thiểu khả năng gây ô nhiễm môi trường, nâng cao giá thành của tro trấu, đồng thời ứng dụng zeolite làm vật liệu hấp phụ ion kim loại nặng trong nước.
8613	Thạc sĩ	Một đề xuất cải tiến thuật toán Join đệ qui trên tập dữ liệu lớn :	Triệu, Thanh Ngoan	Triệu Thanh Ngoan ; Phan Thượng Cang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tiến hành thực hiện cải tiến giải thuật Semi-Naive cho Join đệ qui trên tập dữ liệu lớn bằng cách sử dụng giải thuật Join ba chiều và bộ lọc trong môi trường MapReduce của Spark. Sự cải tiến này nhằm làm giảm số lần lặp, số công việc MapReduce cần thiết, và giảm dữ liệu dư thừa.
8614	Thạc sĩ	Đánh giá công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang :	Lê, Quốc Việt	Lê Quốc Việt ; Phạm Thanh Vũ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

8615	Thạc sĩ	Xây dựng công cụ phát hiện sớm hỏa hoạn sử dụng xử lý ảnh và nhận dạng :	Trang, Minh Thừa	Trang Minh Thừa ; Trương Quốc Định (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng công cụ phát hiện sớm hỏa hoạn kết hợp phát hiện nhận dạng khói và lửa để cảnh báo sớm, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.
8616	Thạc sĩ	Nghiên cứu hệ thống xác nhận thanh toán chuyển khoản cho ứng dụng thương mại điện tử :	Lê, Thị Mỹ Ngọc	Lê Thị Mỹ Ngọc ; Ngô Bá Hùng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng hệ thống xác nhận thanh toán chuyển khoản một cách tự động cho các ứng dụng thương mại điện tử. Khi một ứng dụng thương mại điện tử muốn sử dụng được hệ thống thì ứng dụng đó cần phải đăng ký thông tin với hệ thống. Đồng thời thông qua hệ thống thì các ứng dụng thương mại điện tử này sẽ nhận được xác nhận chuyển khoản tự động.
8617	Thạc sĩ	Xây dựng công cụ nhận dạng một số loại bệnh hại trên lá lúa :	Tổng, Thành Thống	Tổng Thành Thống ; Nguyễn Thái Nghe (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xây dựng một công cụ nhận dạng một số loại bệnh trên lá lúa, làm nền tảng để phát triển các ứng dụng thực tế, giúp phát hiện một số loại bệnh hại trên lá lúa dựa trên công nghệ xử lý ảnh và máy học.
8618	Thạc sĩ	Khảo sát thời gian tồn trữ và đánh giá hiệu quả của chế phẩm đậm sinh học dạng lỏng từ dòng vi khuẩn <i>Burkholderia kururiensis</i> KG8 và CM1 trên cây lúa trồng trong chậu :	Nguyễn, Như Ý	Nguyễn Như Ý ; Ngô Thanh Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định được thời gian tồn trữ tối ưu của chế phẩm đậm sinh học dạng lỏng từ hai dòng vi khuẩn <i>Burkholderia kururiensis</i> KG8 và CM1. Xác định được hiệu quả của chế phẩm đậm sinh học dạng lỏng từ hai dòng vi khuẩn <i>Burkholderia kururiensis</i> KG8 và CM1 (sau khi tồn trữ tối thiểu 3 tháng) trên cây lúa OM5451 trồng trong chậu.
8619	Thạc sĩ	Development and quality analysis of protein enriched instant soup mix :	Manvilay, Saphaothong	Saphaothong Manvilay ; Nguyen Minh Thuy (Supervisor)	2019	This research also carried out method cooking and the type of packaging of soup powder. The “Tra” fish and moringa leaf were prepared by drying using a cabinet dryer at constant airflow rate and different temperatures (60, 70 and 80oC) or freeze-drier (especially for “Tra” fish) with varying time (from 12 to 60 hours). The chemical-physical characteristics and sensory value of the products were analyzed.
8620	Thạc sĩ	Evaluation of the food safety of Vietnamese sandwich and sugarcane juice vended from four districts in Can Tho city of Vietnam :	Kittirath, Pisavanh	Pisavanh Kittirath ; Tong Thi Anh Ngoc (Supervisor)	2019	The objective of this study was to investigate the street food consumption by consumers (n=410) to get insight into two popular street foods are Vietnamese sandwiches (34.63%) and sugarcane juice (24.51%) were consumed popularly and possibly high risk of food safety by means of surveys.
8621	Thạc sĩ	Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa và bảo vệ gan của cao chiết thân cây Móp gai (<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thwaite) tại tỉnh An Giang :	Huỳnh, Ngọc Thảo Vi	Huỳnh Ngọc Thảo Vi ; Đái Thị Xuân Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát được khả năng kháng oxy hóa của cao chiết thân cây Móp gai ở mức độ in vitro; Khảo sát khả năng bảo vệ gan in vivo của cao chiết thân cây Móp gai trên mô hình chuột nhắt trắng bị tổn thương gan bởi CCl4.
8622	Thạc sĩ	A comparative study on nutrient profile, physico-functional, phytochemical properties and injera making quality of millet varieties grown in Ethiopia :	Dase, Fikiru Waldageorgis	Fikiru Waldageorgis Dase ; Ly Nguyen Binh (Supervisor)	2019	The aim of this study was to evaluate the rheological, functional, proximate compositions, injera making quality, polyphenols content, antioxidant activity and color characteristics of improved millet varieties grown in Ethiopia.

8623	Thạc sĩ	Potential of milk fat globule membrane fragments to improve the quality of set yoghurt :	Odalapo, Ibitoye Joshua	Ibitoye Joshua Odalapo ; Phan Thi Thanh Que, Ly Nguyen Binh, Koen Dewettinck (Supervisor)	2019	Lacprodan®PL20, a material rich in protein and polar lipids, was incorporated into processed milk and raw milk to produce set yoghurt. The set yoghurts were prepared using 2%, 4%, and 6% Lacprodan®PL20 concentrations, but the control sample was only supplemented with skim milk powder. The effect of Lacprodan®PL20 on the physical, chemical properties, sensory properties, rheology and microstructure of set yoghurts was thoroughly investigated to examine some likely improvement and changes.
8624	Thạc sĩ	Studies on antibiotics resistance of escherichia coli collected from pangasius fish during processing :	Abiola, Salako Damilola	Salako Damilola Abiola ; Tong Thi Anh Ngoc (Supervisor)	2019	Seventy-one (71) isolates of Escherichia coli (E. coli) collected from different samples and processing steps taken from two Pangasius processing factories PPF1, n = 36 and PPF2, n = 35 were randomly selected to study the prevalence of antibiotics resistance among them. They were tested against fifteen antibiotics commercially available and frequently used in Pangasius aquaculture, using disk agar diffusion method. High resistance response was observed among both PPF1 and PPF2 isolates to ampicillin (47.22% and 42.86%), followed by cefotaxime (33.33% and 40.00%), respectively. Varying resistance response to all other tested antibiotics such as streptomycin, meropenem, tetracycline, sulfamethoxazole/trimethoprim and nalidixic acid was also observed among E. coli isolates from both factories except to colistin from PPF1 and kanamycin from PPF2.
8625	Thạc sĩ	Preparation of dried vegetarian soup supplemented with mushroom and some legumes :	Keomixay, Phoukham	Phoukham Keomixay ; Nguyen Minh Thuy (Supervisor)	2019	The investigations were carried out to study on the preparation dried vegetarian soup supplemented with mushroom and some legumes, and evaluate their nutritional, and sensorial properties, and quality change during storage of these products in different packages.
8626	Thạc sĩ	Dynamics of microbial safety of pangasius fillet during processing and new approaches in evaluating the effective operation of food quality management system :	Arturu, Anna Minja	Anna Minja Arturu ; Tong Thi Anh Ngoc (Supervisor)	2019	This study was conducted to assess the dynamics of microbial quality and safety of frozen Pangasius fillet throughout processing and to understand the transmission routes of bacteria during the handling of Pangasius products.
8627	Thạc sĩ	Tối ưu hóa quy trình chế tạo Nanocellulose từ giấy loại bằng phương pháp bề mặt đáp ứng :	Nguyễn, Thanh Việt	Nguyễn Thanh Việt ; Văn Phạm Đan Thùý (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phương pháp chế tạo nanocellulose từ giấy loại, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng như thời gian, nhiệt độ, nồng độ NaOH, NaClO, tỉ lệ giữa khối lượng giấy/ thể tích dung dịch H2SO4, thời gian thủy phân, dựa trên phần mềm design expert.
8628	Thạc sĩ	Phân lập và khảo sát khả năng phân giải cellulose của vi khuẩn từ ruột mối ở huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long :	Dương, Hồng Vĩ	Dương Hồng Vĩ ; Ngô Thanh Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tuyển chọn những dòng vi khuẩn có khả năng phân giải tốt cellulose để ứng dụng phân giải nhanh phụ phẩm nông nghiệp và tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại huyện Trà Ôn
8629	Thạc sĩ	Dạy học phương trình mặt phẳng trong không gian với sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra :	Phan, Hồng Lĩnh	Phan Hồng Lĩnh ; Bùi Phương Uyên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích và hệ thống hóa cơ sở lý luận về dạy học phương trình mặt phẳng với sự hỗ trợ của phần mềm GeoGebra. Phân tích bài phương trình mặt phẳng trong sách giáo khoa. Nghiên cứu và vận dụng phần mềm GeoGebra vào dạy bài phương trình mặt phẳng.

8630	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vanamei</i>) thâm canh ở tỉnh Cà Mau :	Trịnh, Minh Thiên	Trịnh Minh Thiên ; Trần Minh Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện với mục đích đánh giá tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ thâm canh ở tỉnh Cà Mau nhằm cung cấp thông tin cho việc quản lý tốt về sử dụng thuốc và hóa chất, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng, đồng thời làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo.
8631	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả tài chính và kỹ thuật nuôi lươn đồng (<i>Monopterus albus</i> Zuiew, 1793) theo tiêu chuẩn VietGAP ở An Giang :	Nguyễn, Minh Thu	Nguyễn Minh Thu ; Dương Nhật Long, Lam Mỹ Lan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiệu quả của mô hình nuôi lươn đồng trong bể lót bạt có đất và không đất theo tiêu chuẩn VietGAP ở An Giang làm cơ sở đề xuất phát triển mô hình nuôi lươn đồng.
8632	Thạc sĩ	Mở rộng lưới truyền tải bằng giải thuật Heuristic :	Bùi, Quang Hà	Bùi Quang Hà ; Trương Việt Anh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu quy hoạch mở rộng lưới điện truyền tải là xác định được nơi nào cần quy hoạch và mở rộng, công suất cần phải mở rộng, xác định được tổng chi phí quy hoạch, độ tin cậy của hệ thống phải được cải thiện... Quy hoạch mở rộng mạng lưới truyền tải là bài toán tối ưu hóa phi tuyến rất phức tạp, tập trung chính vào việc tìm ra cấu trúc tối ưu để hệ thống điện vận hành ổn định với chi phí đầu tư thấp nhất trong hệ thống điện.
8633	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của điện áp quá độ phục hồi và biện pháp hạn chế khi cắt cuộn kháng bù ngang ở trạm biến áp 500 KV Ô Môn :	Trần, Tấn Phát	Trần Tấn Phát ; Võ Ngọc Điều (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài tập trung phân tích ảnh hưởng của TRV xảy ra khi cắt máy cắt tải có tính cảm với dòng điện nhỏ, cụ thể là phân tích TRV xảy ra khi cắt máy cắt cuộn kháng bù ngang 500 kV – 128 MVar tại trạm biến áp 500 kV Ô Môn bằng phần mềm phân tích quá độ ATP/EMTP.
8634	Thạc sĩ	Nghiên cứu ổn định bờ sông Hậu, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang :	Nguyễn, Phương Tín	Nguyễn Phương Tín ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu, đánh giá nguyên nhân, cơ chế sạt lở bờ, kiểm tra tính ổn định mái bờ và đề xuất giải pháp bảo vệ bờ.
8635	Thạc sĩ	Phân tích đánh giá hiện trạng sạt lở bờ kênh Xáng khu vực xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang :	Nguyễn, Quốc Triệu	Nguyễn Quốc Triệu ; Văn Hữu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát thực địa, đo đạc thủy văn khu vực nghiên cứu nhằm phân tích và đánh giá nguyên nhân, cơ chế gây sạt lở bờ kênh Xáng khu vực xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Lập mô hình tính toán các tình huống có thể xảy ra dẫn đến việc làm mất ổn định mái bờ kênh. Đề xuất các giải pháp công trình, phi công trình để giảm thiểu rủi ro thiệt hại do hiện tượng sạt lở của khu vực gây ra.
8636	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Màu	Nguyễn Thị Màu ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm từ đó xác định thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm tỉnh Hậu Giang.
8637	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2018 trên địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long :	Quách, Thái Vạn Thuận	Quách Thái Vạn Thuận ; Lê Ngọc Thạch (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố tác động đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ đó xác định những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
8638	Thạc sĩ	Điều tra cây thuốc và sưu tầm bài thuốc dân gian điều trị bệnh đái tháo đường ở vùng Bảy Núi tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thanh Thi	Nguyễn Thanh Thi ; Đặng Minh Quân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá được thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc và bài thuốc điều trị bệnh đái tháo đường của người dân địa phương. Qua đó, cung cấp thêm tri thức về sử dụng cây thuốc và bài thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường cho người dân ở vùng Bảy Núi tỉnh An Giang.

8639	Thạc sĩ	Điều tra cây thuốc và sưu tầm bài thuốc dân gian điều trị các bệnh về gan ở vùng Bảy Núi tỉnh An Giang :	Huỳnh, Thế Phương	Huỳnh Thế Phương ; Đặng Minh Quân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích và đánh giá được sự đa dạng về nguồn tài nguyên cây làm thuốc và sưu tầm bài thuốc dân gian điều trị các bệnh về gan ở vùng Bảy Núi tỉnh An Giang làm cơ sở khoa học cho việc quản lý, bảo tồn và sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc ở địa phương có hiệu quả hơn.
8640	Thạc sĩ	Khảo sát cấu trúc hợp kim Al-Cu hai chiều bằng phương pháp động lực học phân tử :	Trầm, Mỹ Phước	Trầm Mỹ Phước ; Võ Văn Hoàng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài thực hiện mô phỏng động lực học phân tử hiện tượng chuyển pha từ trạng thái lỏng bằng cách làm lạnh mô hình từ nhiệt độ 5000K xuống 300K với tốc độ 1010 K/s của mô hình hợp kim Al-Cu hai chiều gồm 10000 nguyên tử (tỉ lệ 50%Al: 50%Cu) với thể tương tác hai loại nguyên tử là thể EAM.
8641	Thạc sĩ	Ôn định bờ kênh Ranh Tam Nông - Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp bằng lưới địa kỹ thuật :	Ngô, Phú Quý	Ngô Phú Quý ; Lê Gia Lâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu, đánh giá phương pháp gia cố đất bờ sông bằng lưới địa kỹ thuật, khắc phục và hạn chế hiện tượng sạt lở bờ sông.
8642	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình ANN mô phỏng quá trình xâm nhập mặn tại Thị trấn Đại Ngãi - tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Tuấn Anh	Nguyễn Tuấn Anh ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu về chu trình thủy văn về biển Đông và biển Tây tác động lên các sông, cửa biển và lưu lượng nước từ thượng nguồn các sông đổ ra biển và tình hình xâm nhập mặn tại thị trấn Đại Ngãi – huyện Long Phú - tỉnh Sóc Trăng và các huyện lân cận thị trấn Đại Ngãi.
8643	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả khai thác và sử dụng của mạng lưới kênh dẫn nước trong vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp :	Nguyễn, Truyền	Nguyễn Truyền ; Nguyễn Võ Châu Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng quản lý nguồn nước trong vườn quốc gia Tràm Chim; Đánh giá chất lượng nước dựa vào chỉ số chất lượng nước WQI; Đề xuất một số biện pháp thích hợp góp phần bảo vệ môi trường nước và sự đa dạng sinh học của vườn quốc gia Tràm Chim.
8644	Thạc sĩ	Xác định vị trí sự cố trên đường dây truyền tải sử dụng phương pháp trở kháng :	Huỳnh, Thúc Dinh	Huỳnh Thúc Dinh ; Trương Việt Anh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đề xuất một phương pháp xác định vị trí sự cố sử dụng dữ liệu từ cả hai đầu của đường dây truyền tải và không yêu cầu dữ liệu phải được đồng bộ hóa. Phương pháp được mô tả không yêu cầu giao tiếp thời gian thực mà chỉ phân tích sau khi xảy ra sự cố. Để phân tích phương pháp này, nhiều loại sự cố khác nhau đã được mô hình hóa và mô phỏng tại các vị trí khác nhau trên hệ thống gồm hai trạm bằng phần mềm Matlab/Simulink.
8645	Thạc sĩ	Dạy học các bài toán có nội dung thực tiễn chủ đề Phương trình mũ – Phương trình lôgarit theo định hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 12 :	Lê, Thị Ngọc Yến	Lê Thị Ngọc Yến ; Bùi Phương Uyên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu, xây dựng các bài toán có nội dung thực tiễn chủ đề phương trình mũ – phương trình lôgarit và thiết kế tình huống dạy học chúng nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông.
8646	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả giải pháp kè Busadco tại bờ biển Tây tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Văn Nghĩa	Nguyễn Văn Nghĩa ; Trần Văn Tỷ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu diễn biến đường bờ biển Tây tỉnh Cà Mau trong các năm đã qua. Đánh giá thiệt hại do xói lở bờ biển, đề biển Tây tỉnh Cà Mau trong các năm đã qua. So sánh hiệu quả kinh tế, hiệu quả về mặt gây bồi tạo bãi của các giải pháp công trình đã làm ở biển Tây, tỉnh Cà Mau trong những năm vừa qua.
8647	Thạc sĩ	Dưới vi phân của hàm giá trị tối ưu của các bài toán tối ưu có tham số :	Nguyễn, Thị Thùy Nguyên	Nguyễn Thị Thùy Nguyên ; Nguyễn Thành Quý (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các tính chất vi phân suy rộng theo nghĩa B. S. Mordukhovich của các hàm giá trị tối ưu.
8648	Thạc sĩ	Bài toán 1-median trên mặt phẳng với khoảng cách l1 :	Lâm, Sà Rinh	Lâm Sà Rinh ; Nguyễn Trung Kiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Giới thiệu về bài toán nhỏ Fermat, bài toán vị trí và đưa ra mô hình tổng quát của bài toán 1-median, trình bày lý thuyết bài toán 1-median trên mặt phẳng với khoảng cách l1 ràng buộc hình chữ nhật; có đưa ra phương pháp và thuật toán tìm nghiệm tối ưu.

8649	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng phân hủy cellulose của một số dòng nấm phân lập từ đất nông nghiệp ở tỉnh Sóc Trăng :	Quách, Thị Trúc Ly	Quách Thị Trúc Ly ; Nguyễn Khởi Nghĩa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập và đánh giá hiệu quả phân hủy một số phụ phế phẩm nông nghiệp chứa cellulose của một số dòng nấm bản địa thu thập từ các hệ vi sinh vật trong đất nông nghiệp của tỉnh Sóc Trăng.
8650	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α - Amylase và α - Glucosidase của các cao chiết cây Nam huỳnh bá (Oroxylum indicum (L).Kurz) tại tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thị Thùy Oanh	Nguyễn Thị Thùy Oanh ; Đái Thị Xuân Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu định tính các hợp chất có trong cao chiết và định lượng polyphenol tổng, flavonoid tổng của các bộ phận của cây Nam huỳnh bá, đánh giá và khảo sát khả năng ức chế enzyme α - Amylase và α - Glucosidase của các cao chiết các bộ phận lá, gỗ, vỏ thân và rễ của cây Nam huỳnh bá in vitro.
8651	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và điều hòa lipid huyết của Dây vác (Cayratia trifolia) trên chuột đái tháo đường :	Dương, Hoàng Trung	Dương Hoàng Trung ; Đái Thị Xuân Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá một cách khoa học về tiềm năng dược liệu của Dây vác, để từ đó có những định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm góp phần tích cực cho việc khai thác và bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật một cách hiệu quả.
8652	Thạc sĩ	Nghiên cứu lắp đặt tối ưu thiết bị đo góc pha với phương pháp qui hoạch nguyên :	Trần, Ngọc Thoa	Trần Ngọc Thoa ; Nguyễn Xuân Vinh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày tóm tắt vai trò của thiết bị đo lường góc pha đồng bộ (Phasor measurement unit – PMU) ứng dụng trong nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điện và các vấn đề liên quan khi lựa chọn số lượng và vị trí đặt các thiết bị PMU trên lưới điện.
8653	Thạc sĩ	The effect of lemongrass and mint essential oils combined with food additives soaking solution on the quality of pangasius fillets during cold storage :	Sarnes, Risa	Risa Sarnes ; Ly Nguyen Binh, Tong Thi Anh Ngoc (Supervisor)	2019	This research aimed to establish the optimum concentration of sorbitol (1.32-4.68%), STPP (0.32-3.68%) and NaCl (1.32-4.68%) by response surface methodology and optimum soaking time of 15-60 min. The optimized condition for soaking was NaCl 1.32%, STPP 1.88% and sorbitol 4.68% for 30 minutes which give a significant effect ($p < 0.05$) to the yield and improvement in the sensory of treated fillet.
8654	Thạc sĩ	Improvement of healthy rice (purple rice) milk drink processing :	Banyavongsa, Anna	Anna Banyavongsa ; Nguyen Minh Thuy (Supervisor)	2019	The main objective of this study was to develop purple rice milk from purple rice with higher nutritional and good quality. Purple rice (ST) which was cultivated in Soc Trang province, Viet Nam was used for this research because this variety of rice has high amount of nutrients and a lot of benefits for health.
8655	Thạc sĩ	Định lượng Parabens trong một số loại sữa rửa mặt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) :	Đỗ, Thúy An	Đỗ Thúy An ; Nguyễn Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tiến hành khảo sát các điều kiện HPLC thích hợp để định lượng 8 hợp chất thuộc nhóm parabens, bao gồm: methylparaben, propylparaben, isopropylparaben, butylparaben, isobutylparaben, phenylparaben, benzylparaben, pentyparaben có trong sữa rửa mặt góp phần cung cấp thêm thông tin giúp các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, giúp người sử dụng sản phẩm ý thức hơn trong việc chọn sản phẩm có nguồn gốc.
8656	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án thủy lợi – Trường hợp nghiên cứu dự án hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1, tỉnh Kiên Giang :	Trần, Minh Điền	Trần Minh Điền ; Đặng Thế Gia (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án từ khi chuẩn bị dự án, chuẩn bị kỹ thuật và triển khai thi công các công trình thuộc dự án. Phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố đến tiến độ thực hiện dự án thông qua phân tích các kết quả nghiên cứu và hiện trạng đang xảy ra.
8657	Thạc sĩ	Nghiên cứu tối ưu công suất nguồn pin mặt trời dùng thuật toán lai P&O mờ nâng cao :	Lữ, Thái Trân	Lữ Thái Trân ; Hồ Phạm Huy Ánh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích tính cần thiết của điểm làm việc cực đại của pin quang điện PV. Nghiên cứu các giải thuật dò tìm điểm làm việc cực đại của pin mặt trời. Dùng phần mềm Matlab/Simulink nghiên cứu xây dựng mô hình pin mặt trời, xây dựng giải thuật dò tìm điểm làm việc cực đại.

8658	Thạc sĩ	Nghiên cứu phương pháp phân tích Dioxin trong thủy sản bằng thiết bị GC-MS/MS :	Nguyễn, Hoàng Đạo	Nguyễn Hoàng Đạo ; Hồ Quốc Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phương pháp phân tích dioxins trong thủy sản bằng thiết bị GC – MS/MS. So sánh, đánh giá hiệu năng của phương pháp phân tích dioxins trong thủy sản bằng thiết bị GC – MS/MS và phương pháp tiêu chuẩn EPA 1613[9] sử dụng thiết bị GC – HRMS.
8659	Thạc sĩ	Khảo sát các điều kiện tối ưu để định lượng Fe, Ca, Se có trong sâm Ngọc Linh (panax vietnamensis) ở Việt Nam bằng phương pháp ICP-OES :	Lê, Thị Phụng	Lê Thị Phụng ; Nguyễn Thị Thu Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm điều kiện tối ưu để định lượng Fe, Ca, Se có trong sâm Ngọc Linh ở Việt Nam bằng phương pháp ICP-OES là một trong những phương pháp phân tích hiện đại cho kết quả đáng tin cậy, góp phần bổ sung các thông tin về giá trị dinh dưỡng của sâm Ngọc Linh.
8660	Thạc sĩ	Thơ Nguyễn Duy từ góc nhìn phê bình sinh thái :	Lưu, Phan Thị Huỳnh Như	Lưu Phan Thị Huỳnh Như ; Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tập trung tìm hiểu toàn bộ những biểu hiện sinh thái tự nhiên và sinh thái tinh thần trong suốt chặng đường sáng tác của nhà thơ.
8661	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học của vỏ cây Tra bồ đề (Thespesia populnea (L.) Soland. ex correa), họ Bông (Malvaceae) thu hái tại Cà Mau :	Lê, Kiều Ý	Lê Kiều Ý ; Nguyễn Phúc Đảm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất benzoxazole mới hướng tới hợp chất có hoạt tính gây độc tế bào ung thư vú (MCF-7), ung thư gan (Hep-G2) và ung thư phổi (Lu-1), tiềm năng ứng dụng trong y học cũng như phát triển phương pháp vi sóng trong tổng hợp các dẫn xuất benzoxazole.
8662	Thạc sĩ	Đánh giá mối quan hệ giữa hiện trạng ngập lũ và xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng ảnh vệ tinh sentinel-1 giai đoạn 2016-2018 :	Trần, Anh Tuấn	Trần Anh Tuấn ; Võ Quốc Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Sử dụng công nghệ viễn thám xây dựng mối quan hệ giữa hiện trạng ngập lũ với tình hình xâm nhập mặn của năm kế tiếp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
8663	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của đầu tư bất hợp lý đến hiệu quả kinh doanh của các công ty phi tài chính niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh :	Võ, Lý Thúy Hằng	Võ Lý Thúy Hằng ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của đầu tư bất hợp lý đến hiệu quả kinh doanh của các công ty phi tài chính niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Trên cơ sở đó, đề xuất một số khuyến nghị đối với chính sách hoạt động quản trị của công ty.
8664	Thạc sĩ	Lý thuyết Ergodic và ứng dụng :	Lưu, Thị Hồng Trang	Lưu Thị Hồng Trang ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu bản chất và nội dung cơ bản của lý thuyết ergodic, tìm hiểu các ứng dụng của nó trong liên phân số, entropy.
8665	Thạc sĩ	Kiểm soát sáp nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật cạnh tranh Việt Nam :	Huỳnh, Thị Thu Thảo	Huỳnh Thị Thu Thảo ; Nguyễn Ngọc Điện (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu pháp luật cạnh tranh về kiểm soát sáp nhập doanh nghiệp ở Việt Nam trên các phương diện về phân loại việc sáp nhập, ngưỡng thông báo việc sáp nhập, thẩm định việc sáp nhập thông qua quá trình đánh giá tác động của việc sáp nhập và cơ chế xử lý vi phạm.
8666	Thạc sĩ	Ứng dụng các thuật toán Gibbs để tạo mẫu mô phỏng :	Nguyễn, Dương Thanh Phú	Nguyễn Dương Thanh Phú ; Trần Văn Lý (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày các kiến thức cơ bản về xác suất, các thuật toán chọn mẫu Gibbs phổ biến, cách thức tạo lập một mô hình lấy mẫu Gibbs và đánh giá mô hình mẫu được tạo lập từ các thuật toán Gibbs.

8667	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi giá cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh :	Trần, Hoàng Phương Đài	Trần Hoàng Phương Đài ; Trương Đông Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi giá cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các nhà đầu tư có quyết định hợp lý hơn trong giao dịch chứng khoán trên thị trường Việt Nam.
8668	Thạc sĩ	Đặc điểm văn xuôi Nguyễn Thị Thụy Vũ :	Trương, Thị Phụng	Trương Thị Phụng ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu những nỗi niềm tình cảm, cung bậc cảm xúc đặc sắc của nhà văn trước cuộc đời. Thấy được sự phát triển của văn xuôi trong hành trình văn xuôi của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Thấy được đóng góp cả về nội dung, nghệ thuật của văn xuôi Nguyễn Thị Thụy Vũ. Từ đó góp thêm một tiếng nói trong việc đọc lại, đánh giá lại, giới thiệu lại một số giá trị của văn học miền Nam nói chung cũng như đặc điểm truyện của Nguyễn Thị Thụy Vũ nói riêng.
8669	Thạc sĩ	Điều kiện tối ưu cho bài toán tối ưu đa mục tiêu với ràng buộc cân bằng :	Cao, Hữu Lam Giang	Cao Hữu Lam Giang ; Lê Thanh Tùng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày một số kiến thức cơ bản về giải tích lồi, giải tích đa trị, bài toán tối ưu hóa vector MOSIPEC và mở rộng các hạn chế ràng buộc loại MPEC hiện có cho MMPEC và sau đó kiểm tra các mối quan hệ giữa các định tính ràng buộc của chúng.
8670	Thạc sĩ	Từ xưng hô trong truyện dài Nguyễn Nhật Ánh :	Lê, Thị Kim Ngân	Lê Thị Kim Ngân ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu những kiến thức về ngôn ngữ vào việc khai thác, khám phá những nét nổi bật về phương diện sử dụng từ xưng hô trong tác phẩm Nguyễn Nhật Ánh. Qua việc nghiên cứu đề tài, người viết có thể bổ sung, nâng cao thêm những kiến thức về mảng từ xưng hô đồng thời có thể tìm hiểu thêm về văn phong, lối dùng từ trong đó có việc vận dụng từ xưng hô khi xây dựng hình tượng nhân vật.
8671	Thạc sĩ	Áp dụng một số suy luận thống kê đối với chuỗi Markov :	Cao, Đức Linh	Cao Đức Linh ; Trần Văn Lý (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày các kiến thức cơ bản về xác suất, áp dụng một số suy luận thống kê đối với chuỗi Markov và ứng dụng cho mô hình thực nghiệm 29 tham số.
8672	Thạc sĩ	Ứng dụng bài toán phân tích chùm trong xây dựng mô hình chuỗi thời gian mờ :	Nguyễn, Huỳnh Luận	Nguyễn Huỳnh Luận ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết các ứng dụng của bài toán phân tích chùm vào việc xây dựng mô hình chuỗi thời gian mờ, thiết lập các thuật toán và xem xét các ứng dụng thực tế.
8673	Thạc sĩ	Điều chế và nghiên cứu tính chất và hoạt tính hệ xúc tác lai Al ₂ TiO ₅ -TiO ₂ trong phản ứng quang phân hủy dung dịch cinnamic acid :	Nguyễn, Thị Kiều Hoa	Nguyễn Thị Kiều Hoa ; Hà Cẩm Anh, Hoàng Tiến Cường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Điều chế các xúc tác lai TiO ₂ -Al ₂ TiO ₅ với tỷ lệ TNP/ATO khác nhau điều chế bằng phương pháp sol-gel kết hợp thủy nhiệt, và được nghiên cứu các đặc trưng lý – hóa, gồm thành phần pha (XRD), phổ Raman, diện tích bề mặt riêng, kích thước lỗ xốp (BET), các nhóm chức của xúc tác (IR), hình thái bề mặt (SEM) và vùng hấp thụ ánh sáng (UV-Vis).
8674	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ kê khai Thuế điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Tú Trân	Nguyễn Tú Trân ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng việc sử dụng dịch vụ Kê khai Thuế điện tử của các doanh nghiệp; Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ Kê khai Thuế điện tử trên địa bàn TP. Cần Thơ. Từ đó, đề xuất các hàm ý quản trị để nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ Kê khai Thuế điện tử.
8675	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định phẫu thuật thẩm mỹ của nữ giới tại thành phố Cần Thơ :	Phạm, Thị Bình An	Phạm Thị Bình An ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định phẫu thuật thẩm mỹ của nữ giới tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất hàm ý quản trị hữu ích cho các doanh nghiệp trong ngành phẫu thuật thẩm mỹ trong vùng nghiên cứu.

8676	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ :	Phạm, Xuân Thanh	Phạm Xuân Thanh ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị giúp các doanh nghiệp cung ứng và phân phối thực phẩm hữu cơ có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.
8677	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất của vật liệu nano TiO ₂ và TiO ₂ pha tạp ứng dụng cho pin năng lượng mặt trời :	Vũ, Thị Hằng	Vũ Thị Hằng ; Nguyễn Trí Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng hợp thành công vật liệu nano TiO ₂ , vật liệu nano TiO ₂ pha tạp Mn ²⁺ và Eu ³⁺ bằng phương pháp sol – gel. Nghiên cứu tính chất, cấu trúc của vật liệu TiO ₂ , TiO ₂ pha tạp Mn ²⁺ và Eu ³⁺ có cấu trúc nano và sự ảnh hưởng của các điều kiện tổng hợp đến tính chất vật liệu.
8678	Thạc sĩ	Tổng hợp một số dẫn xuất benzoxazole và thử nghiệm hoạt tính sinh học :	Tô, Thị Diễm Sương	Tô Thị Diễm Sương ; Bùi Thị Bửu Huệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần nghiên cứu tổng hợp các dẫn xuất benzoxazole mới hướng tới hợp chất có hoạt tính gây độc tế bào ung thư vú (MCF-7), ung thư gan (Hep-G2) và ung thư phổi (Lu-1), tiềm năng ứng dụng trong y học cũng như phát triển phương pháp vi sóng trong tổng hợp các dẫn xuất benzoxazole.
8679	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của thân củ Nghệ trắng (Curcuma aromatica Salisb.) :	Nguyễn, Trần Thanh Uyên	Nguyễn Trần Thanh Uyên ; Nguyễn Trọng Tuấn, Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu so sánh ảnh hưởng của phương pháp ly trích tinh dầu bằng công nghệ khí CO ₂ và chưng cất lôi cuốn hơi nước lên hiệu suất ly trích, thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của tinh dầu và cao chiết từ thân củ Nghệ trắng (Curcuma aromatica Salisb.).
8680	Thạc sĩ	Từ khẩu ngữ trong sáng tác của Lê Văn Thảo :	Nguyễn, Thị Cẩm Hương	Nguyễn Thị Cẩm Hương ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu những lí luận chung về từ khẩu ngữ, giá trị của từ khẩu ngữ trong tác phẩm văn chương. Trên nền tảng nghiên cứu này sẽ đi sâu hơn, kĩ hơn về việc vận dụng từ khẩu ngữ trong truyện ngắn, tiểu thuyết của nhà văn Lê Văn Thảo.
8681	Thạc sĩ	Lý thuyết độ lệch lớn, sự kiện hiếm và ứng dụng :	Trà, Đức Phô	Trà Đức Phô ; Trần Văn Lý (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu vận dụng các phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong lý thuyết độ lệch lớn, khảo sát một số thông tin về các sự kiện, hiện tượng hiếm.
8682	Thạc sĩ	Nghiên cứu, thiết kế hệ thống SCADA cho trạm biến áp 500kV Duyên Hải :	Tạ, Minh Hiện	Tạ Minh Hiện ; Nguyễn Phúc Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu nguyên lý kết nối SCADA hiện hữu của trạm 500kV Duyên Hải, phục vụ cho công tác quản lý vận hành tại trạm, làm cơ sở để đào tạo cho đội ngũ vận hành.
8683	Thạc sĩ	Biểu tượng nghệ thuật trong thơ Nguyễn Khuyến :	Nguyễn, Minh Giáp	Nguyễn Minh Giáp ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu trình bày các vấn đề về lí thuyết biểu tượng và giới thiệu chung về nhà thơ Nguyễn Khuyến, biểu tượng có nguồn gốc từ hình ảnh thiên nhiên, từ vật thể nhân tạo và con người trong thơ Nguyễn Khuyến
8684	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển thị trường chứng khoán và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam :	Đỗ, Thị Thúy Liễu	Đỗ Thị Thúy Liễu ; Huỳnh Việt Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ giữa phát triển thị trường chứng khoán và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển thị trường chứng khoán gắn với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong tương lai.

8685	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and practice of using physical activities to teach vocabulary to young learners :	Đặng, Thị Tú Quyên	Đặng Thị Tú Quyên ; Nguyễn Thị Phương Hồng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sử dụng các hoạt động thể chất ảnh hưởng tích cực đến việc học từ vựng tiếng nước ngoài của trẻ em. Những ảnh hưởng của nó lên nhận thức và tình cảm của trẻ nhỏ cũng được ghi nhận. Tuy nhiên, câu hỏi vẫn là cách giáo viên nhận thức và thực hành việc sử dụng các hoạt động thể chất để dạy từ vựng cho trẻ em như thế nào trong bối cảnh Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu nhận thức và thực hành của giáo viên về vấn đề này như thế nào ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.
8686	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions of the application of the CEFR-Based proficiency levels to set professional standards :	Dung, Thị Cẩm Phương	Dung Thị Cẩm Phương ; Phạm Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện với sự kết hợp của hai phương pháp định tính và định lượng về nhận thức của giáo viên tiếng Anh về việc áp dụng các cấp độ năng lực của CEFR về ngôn ngữ để thiết lập các tiêu chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên.
8687	Thạc sĩ	EFL teachers' questioning techniques and students' attitudes towards questioning techniques: Two cases in Vietnamese high school classrooms :	Lê, Thị Thùy Linh	Lê Thị Thùy Linh ; Nguyễn Thị Văn Sử (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu điều tra tần suất giáo viên sử dụng các loại câu hỏi và những kỹ thuật đặt câu hỏi, những lý do dẫn đến việc giáo viên sử dụng các câu hỏi và các kỹ thuật đặt câu hỏi, và thái độ của học sinh với việc sử dụng các câu hỏi và kỹ thuật đặt câu hỏi của giáo viên.
8688	Thạc sĩ	EFL teacher' uses of project activities in the English new textbook grade 10 :	Lê, Thị Hồng Yên	Lê Thị Hồng Yên ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm ra những hoạt động phổ biến nhất mà giáo viên thường sử dụng trong tiến trình dạy học dự án và xác định các cách thức mà họ sử dụng để thực hiện các hoạt động dự án này.
8689	Thạc sĩ	Effects of negotiation episodes in writing conferences on immediate error correction and delayed language uptake: A case study with EFL lower secondary students at a language learning center at the Mekong Delta :	Lê, Thị Thúy Hằng	Nguyễn Thị Thúy Hằng ; Nguyễn Chí Đức (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu trường hợp này được thực hiện để điều tra các ảnh hưởng của các giai đoạn trao đổi ý kiến, được diễn ra trong các cuộc gặp giữa giáo viên với học sinh hoặc giữa học sinh với nhau về việc sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp trong bài viết và việc tiếp thu hai loại kiến thức ngôn ngữ này về sau.
8690	Thạc sĩ	High school EFL teachers' understanding and application of strategies to maximize students' use of English in speaking classes :	Trần, Tô Quyên	Trần Tô Quyên ; Nguyễn Duy Khang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu điều tra các giáo viên tiếng Anh ở trường trung học phổ về sự hiểu biết và vận dụng các chiến lược nhằm tối đa hóa học sinh sử dụng tiếng Anh trong các lớp học nói ở đồng bằng sông Cửu Long.
8691	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Mỹ Tiên	Nguyễn Thị Mỹ Tiên ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát thực trạng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo trên địa bàn nghiên cứu giai đoạn 2014-2018. Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của hộ chăn nuôi heo và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng tiền vay của nông hộ nuôi heo nhận được từ nguồn vốn tín dụng chính thức trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đề xuất một số khuyến nghị góp phần giúp hộ chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tiếp cận tốt hơn vốn tín dụng chính thức.
8692	Thạc sĩ	Ảnh hưởng kết hợp của độ mặn và nhiệt độ lên tăng trưởng, tiêu hóa của tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii) :	Nguyễn, Viết Hiền	Nguyễn Viết Hiền ; Trần Thị Thanh Hiền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá sự ảnh hưởng của độ mặn và nhiệt độ lên tỉ lệ sống, tăng trưởng và khả năng tiêu hóa thức ăn của tôm càng xanh được nuôi ở điều kiện kết hợp độ mặn và nhiệt độ khác nhau nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo ở điều kiện thực địa dưới tác động của biến đổi khí hậu.

8693	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions and practice of reflective teaching in professional development :	Phạm, Trút Thùy	Phạm Trút Thùy ; Đỗ Minh Hùng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài này tập trung khai thác vấn đề về nhận thức, mức độ và việc thực hiện dạy học chiêm nghiệm của giáo viên dạy Tiếng Anh.
8694	Thạc sĩ	EFL teachers' expectations and satisfaction about professional development activities in a foreign language center :	Cao, Thị Mai Thy	Cao Thị Mai Thy ; Phương Hoàng Yên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra những mong đợi của giáo viên từ các hoạt động phát triển nghiệp vụ và mức độ hài lòng của giáo viên về những hoạt động phát triển nghiệp vụ mà họ đã tham gia.
8695	Thạc sĩ	The role of cohesive devices towards students' reading comprehension: EFL teachers' perceptions and practices of selecting and adapting reading materials :	Dương, Công Triệu	Dương Công Triệu ; Nguyễn Huỳnh Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra nhận thức của giáo viên dạy Tiếng Anh như ngoại ngữ ở Đồng bằng sông Cửu Long về vai trò của các phương tiện liên kết văn bản đối với khả năng đọc hiểu của người học. Ngoài ra, nghiên cứu này còn điều tra quá trình giảng dạy của giáo viên về các phương tiện liên kết văn bản qua đó đánh giá xem quá trình này có tác động đến việc chọn lọc ngữ liệu giảng dạy của giáo viên hay không.
8696	Thạc sĩ	Động lực của các mô hình lan truyền virus :	Bùi, Thị Tố Uyên	Bùi Thị Tố Uyên ; Nguyễn Hữu Khánh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu trình bày các dạng mô hình toán học đã được sử dụng để nghiên cứu sự lan truyền virus thông qua các mô hình thuần nhất, mô hình mờ và mô hình ngẫu nhiên. Xác định động lực của hệ thống qua xác định số sinh sản cơ sở, phân tích tính ổn định của các điểm cân bằng, xác định biểu đồ phân nhánh, khảo sát số. Từ đó giải thích được cơ chế của sự lan truyền.
8697	Thạc sĩ	Tổng hợp và khảo sát tính chất của bột huỳnh quang phát ánh sáng trắng trên cơ sở ZnO pha tạp Eu và Mn :	Lê, Thị Lượm	Lê Thị Lượm ; Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Trí Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Bột huỳnh quang phát ánh sáng trắng dựa trên cơ sở que nano ZnO pha tạp Eu3+ và Mn2+ được tổng hợp bằng phương pháp thủy nhiệt. Sản phẩm bột nano ZnO:Eu3+; ZnO:Mn2+ được phân tích nhiễu xạ tia X (XRD), ảnh hiển vi quét phát xạ trường (FESEM), đo phổ huỳnh quang (PL) để xác định cấu trúc pha tinh thể, kích thước tinh thể, hình thái học và nghiên cứu tính chất quang của vật liệu tổng hợp được. Phổ huỳnh quang của những que nano ZnO:Eu3+ và ZnO:Mn2+ phát xạ mạnh trong vùng khả kiến. Nguồn gốc phát quang của các đỉnh phát xạ này do những sai hỏng, khuyết tật oxi trong mạng nền.
8698	Thạc sĩ	Đặc điểm truyện ngắn nhóm Việt ở đô thị miền Nam 1965 - 1975 :	Nguyễn, Hoa Nu	Nguyễn Hoa Nu ; Bùi Thanh Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm tòi, khám phá giá trị mới mẻ về nội dung và nghệ thuật của một nhóm văn trẻ - nhóm Việt đã có nhiều đóng góp cho phong trào đấu tranh; thêm vào đó, mảng văn học này đã có nhiều đóng góp cho văn học nước nhà nhưng lại được nhắc đến không nhiều và nếu có nhắc đến thì cũng rất dè dặt.
8699	Thạc sĩ	Khảo sát bệnh và xác định type Parvovirus gây bệnh trên chó tại thành phố Bến Tre :	Nguyễn, Thị Hiếu Dân	Nguyễn Thị Hiếu Dân ; Trần Ngọc Bích (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định tỷ lệ nhiễm bệnh do Canine Parvovirus, type virus và đánh giá hiệu quả liệu pháp điều trị hỗ trợ để có giải pháp chẩn đoán sớm, can thiệp kịp thời, góp phần hạn chế tỷ lệ chết trên quần thể chó tại thành phố Bến Tre bởi Canine Parvovirus.
8700	Thạc sĩ	Pháp luật lao động về trách nhiệm bồi thường khi vi phạm hợp đồng đào tạo nghề :	Hồ, Thị Mai Khanh	Hồ Thị Mai Khanh ; Đoàn Thị Phương Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung pháp luật lao động về trách nhiệm bồi thường khi vi phạm hợp đồng đào tạo nghề; phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật lao động về trách nhiệm bồi thường khi vi phạm hợp đồng đào tạo nghề. Trên cơ sở những nghiên cứu này, từ đó đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật lao động về hợp đồng đào tạo nghề trong doanh nghiệp và trách nhiệm bồi thường khi vi phạm hợp đồng đào tạo nghề để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

8701	Thạc sĩ	Tình hình nhiễm aflatoxin trong thức ăn chăn nuôi và hiệu quả của một số chất hấp phụ lên Aflatoxin bằng phương pháp in vitro :	Phạm, Ngọc Thảo Vy	Phạm Ngọc Thảo Vy ; Lưu Hữu Mạnh, Nguyễn Nhựt Xuân Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tình trạng nhiễm aflatoxin trong các loại thức ăn chăn nuôi được bày bán tại cửa hàng và thức ăn tồn đọng trong máng và hiệu quả hấp phụ aflatoxin của một số khoáng sét (zeolite, bentonite và kaolinite) và biochar (tre, trầm, vỏ trấu và lục bình) trong thử nghiệm in vitro mô phỏng sinh lý tiêu hóa của động vật không nhai lại.
8702	Thạc sĩ	Khảo sát sự lưu hành các serotype của virus gây bệnh Marek trên gà ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long :	Phan, Tiểu Lam	Phan Tiểu Lam ; Hồ Thị Việt Thu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định tình hình bệnh Marek trên gà ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Xác định các serotype virus gây bệnh và khảo sát các đặc điểm bệnh lý của bệnh Marek.
8703	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành dược phẩm được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Nguyễn, Thị Nga	Nguyễn Thị Nga ; Đặng Thanh Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành Dược phẩm trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm giúp các doanh nghiệp xây dựng một cấu trúc vốn tối ưu.
8704	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc vùng năng lượng của A-A Stacking graphene hai lớp :	Đào, Thụy Tường Vi	Đào Thụy Tường Vi ; Vũ Thanh Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày tổng quan về graphene, Graphene hai lớp, cơ sở lý thuyết về phương pháp gần đúng liên kết mạnh, cấu trúc vùng năng lượng của Armchair Graphene hai lớp AA stacking, cách xây dựng mô hình Hamiltonian để tính toán cấu trúc vùng năng lượng của Armchair Graphene hai lớp AA stacking thông qua phương pháp gần đúng liên kết mạnh.
8705	Thạc sĩ	Pháp luật về trách nhiệm của thương nhân đối với chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh trực tuyến :	Nguyễn, Thị Thu Nga	Nguyễn Thị Thu Nga ; Đặng Thanh Hoa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát về trách nhiệm của thương nhân đối với chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh trực tuyến, thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật trách nhiệm của thương nhân đối với chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh trực tuyến
8706	Thạc sĩ	Vietnamese EFL teachers' prioritized aspects in teaching content vocabulary to young learners: Teachers' perceptions and practices :	Lê, Thị Tuyết Nhi	Lê Thị Tuyết Nhi ; Trương Viên, Nguyễn Hải Quân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu của đề tài này nhằm khảo sát quan điểm và sự vận dụng của giáo viên dạy Tiếng Anh ở Việt Nam về những khía cạnh được ưu tiên trong việc dạy từ vựng (từ mang nội dung) cho trẻ con và những lý do làm cơ sở cho việc lựa chọn ưu tiên những khía cạnh trong dạy từ vựng.
8707	Thạc sĩ	Xây dựng tình huống giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học toán hình học lớp 8 :	Trần, Thị Yến Nhi	Trần Thị Yến Nhi ; Nguyễn Phương Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xây dựng một số tình huống giao tiếp toán học cho học sinh lớp 8 góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Toán hình học.
8708	Thạc sĩ	Phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn :	Trần, Văn Trung	Trần Văn Trung ; Dương Kim Thế Nguyên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khái quát chung về phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn, quy định pháp luật về phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn, thực trạng bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện quy định về phá sản doanh nghiệp theo thủ tục rút gọn.
8709	Thạc sĩ	Pháp luật về logistics liên quan đến vận tải đường bộ :	Nguyễn, Giang Nam	Nguyễn Giang Nam ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu về cách thức pháp luật quy định về chủ thể kinh doanh, điều kiện hoạt động kinh doanh của loại hình này qua đó tìm ra các giải pháp hoàn thiện hơn về các quy định Logistics nhằm hạn chế các rủi ro cũng như hoạt động của ngành kinh doanh này ngày càng phát triển.

8710	Thạc sĩ	Pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền :	Nguyễn, Khắc Nguyên	Nguyễn Khắc Nguyên ; Lưu Quốc Thái (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích về hoạt động phân lô, bán nền và trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua phân lô, bán nền. Từ đó đề xuất được những điểm bất cập, hạn chế của pháp luật chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền và đề ra những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật.
8711	Thạc sĩ	Pháp luật về thuế đối với xăng nhập khẩu - Thực trạng và giải pháp :	Võ, Trung Hậu	Võ Trung Hậu ; Nguyễn Tấn Phát (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tạo cơ sở lý luận, thực tiễn và làm sáng tỏ thực trạng quy định của pháp luật về thuế đối với xăng nhập khẩu, tìm ra những hạn chế của thuế áp dụng trên xăng nhập khẩu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế đối với xăng nhập khẩu.
8712	Thạc sĩ	Xác định thành phần và tỉ lệ phối trộn các vật liệu để sản xuất phân hữu cơ từ phân gà :	Nguyễn, Hồng Giang	Nguyễn Hồng Giang ; Dương Minh Viễn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu: xác định thành phần và tỉ lệ phối trộn các nguyên liệu ủ với phân gà và đánh giá khả năng sản xuất phân hữu cơ dạng ép viên với quy mô thí nghiệm các sản phẩm sau ủ của phân gà với các nguyên liệu này.
8713	Thạc sĩ	Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý do vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế :	Huỳnh, Việt Thy	Huỳnh Việt Thy ; Trần Việt Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu, phân tích và đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến trách nhiệm pháp lý do vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam.
8714	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu :	Trần, Thủy Tiên	Trần Thủy Tiên ; Phan Ngọc Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích và làm rõ những vấn đề mang tính chất lý luận về xuất xứ hàng hóa, cũng như đặc điểm, vai trò của xuất xứ hàng hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, làm rõ những vấn đề pháp lý về xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, pháp luật thương mại Việt Nam, các hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế khác, cũng như cơ chế thực thi các cam kết đó.
8715	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến dòng tiền tự do của các công ty bất động sản niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Trịnh, Hữu Đầy	Trịnh Hữu Đầy ; Trần Ái Kết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến của dòng tiền tự do của các doanh nghiệp bất động sản trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
8716	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng :	Trần, Anh Đào	Trần Anh Đào ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng nhằm đề xuất một số hàm ý chính sách góp phần cải thiện thu nhập cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.
8717	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Phạm, Diễm Khánh Tường	Phạm Diễm Khánh Tường ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức; Đồng thời tìm ra các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ.
8718	Thạc sĩ	Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm chuỗi xiêm tỉnh Cà Mau :	Huỳnh, Đình Tuân	Huỳnh Đình Tuân ; Nguyễn Hữu Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Dựa trên các hoạt động trong chuỗi nhằm phân tích và làm rõ sự phân phối giá trị gia tăng giữa các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị sản phẩm chuỗi xiêm tỉnh Cà Mau. Đồng thời phát hiện các cơ hội, thách thức và điểm nghẽn cần thiết phải cải thiện để nâng cao mối liên kết trong chuỗi cũng như giá trị kinh tế của chuỗi.

8719	Thạc sĩ	Giải pháp hạn chế rủi ro liên kết sản xuất - tiêu thụ lúa giữa nông hộ và doanh nghiệp trong mô hình cánh đồng lớn ở thành phố Cần Thơ :	Trương, Thị Xuân Thanh	Trương Thị Xuân Thanh ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng liên kết sản xuất – tiêu thụ lúa giữa nông hộ và doanh nghiệp trong mô hình cánh đồng lớn ở TP. Cần Thơ, các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro liên kết sản xuất – tiêu thụ lúa giữa nông hộ và doanh nghiệp trong mô hình cánh đồng lớn. Đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro liên kết sản xuất – tiêu thụ lúa giữa nông hộ và doanh nghiệp trong mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn TP. Cần Thơ.
8720	Thạc sĩ	Pháp luật về cắt giảm lao động :	Đoàn, Nguyễn Quốc Vinh	Đoàn Nguyễn Quốc Vinh ; Đoàn Thị Phương Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Cung cấp một cách tổng thể các quy định của pháp luật về cắt giảm lao động đã được quy định trong bộ luật lao động. Trên cơ sở đó, nghiên cứu thực trạng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động cũng như người sử dụng lao động để đánh giá được mức độ hợp lý của các quy định của pháp luật đã được áp dụng trên thực tế.
8721	Thạc sĩ	Tác động của tự do kinh tế đến rủi ro và hiệu quả của các ngân hàng thương mại Việt Nam :	Huỳnh, Ngọc Thu	Huỳnh Ngọc Thu ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của tự do kinh tế đến rủi ro và hiệu quả ngân hàng từ sự thay đổi trong môi trường vận hành được tạo ra bởi tự do kinh tế tài chính. Từ đó, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp cho nhà quản trị ngân hàng và cơ quan làm chính sách.
8722	Thạc sĩ	Pháp luật về tuyển dụng và sử dụng lao động nước ngoài - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện :	Hà, Thị Phương Thanh	Hà Thị Phương Thanh ; Đoàn Thị Phương Diệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc tuyển dụng và sử dụng lao động nước ngoài, các điều kiện được tuyển dụng đối với người lao động và đối với cả người sử dụng lao động, trình tự thủ tục tuyển dụng. Trên cơ sở đó xác định những hạn chế và đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục nhưng khó khăn hạn chế vướng phải trong thực tiễn nhằm thu hút nguồn lao động chất lượng cao góp phần phát triển kinh tế xã hội.
8723	Thạc sĩ	Xử lý hành vi lừa đảo trong kinh doanh hàng đa cấp :	Lê, Hoài Đức	Lê Hoài Đức ; Phạm Văn Beo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm rõ những điểm tiến bộ và nêu lên những bất cập đang tồn tại trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động phòng chống hành vi lừa đảo trong hoạt động kinh doanh hàng đa cấp.
8724	Thạc sĩ	Teachers' perceptions of the use of e-textbooks in EFL classes at lower secondary schools in Dong Thap province :	Đinh, Thanh Hưng	Đinh Thanh Hưng ; Lê Xuân Mai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra nhận thức của các giáo viên tiếng Anh về việc sử dụng sách giáo khoa điện tử trong các lớp học ngoại ngữ tại các trường Trung học cơ sở ở tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu cũng tìm hiểu xem giáo viên nghĩ gì về lợi ích và thách thức trong việc sử dụng phiên bản điện tử của sách giáo khoa hiện nay.
8725	Thạc sĩ	Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong thủ tục giải quyết phá sản :	Phùng, Kim Toan	Phùng Kim Toan ; Cao Nhất Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu những vấn đề khái quát chung về hoạt động kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong thủ tục giải quyết phá sản và tập trung phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động kiểm kê tài sản như thời hạn kiểm kê trên cơ sở trên cơ sở so sánh với Luật phá sản 2004.
8726	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến quyết định tham gia tổ hợp tác của biên của hộ nuôi của huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau :	Lê, Thị Ngọc Hương	Lê Thị Ngọc Hương ; Nguyễn Hữu Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tập trung phân tích các nhân tố tác động đến quyết định tham gia tổ hợp tác sản xuất của biên của hộ nuôi của trên địa bàn huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

8727	Thạc sĩ	Tình hình nhiễm cầu trùng gà ở một số cơ sở chăn nuôi tại tỉnh Hậu Giang :	Lê, Văn Trung	Lê Văn Trung ; Nguyễn Hữu Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định tình hình bệnh cầu trùng gà tại tỉnh Hậu Giang. Xác định bệnh lý bệnh cầu trùng trên đàn gà gây nhiễm thực nghiệm. Xác định hiệu quả của thuốc phòng bệnh cầu trùng gà.
8728	Thạc sĩ	Challenges faced by high school EFL teachers in teaching project section of the pilot 10th grade English textbook :	Trần, Thị Tuyền	Trần Thị Tuyền ; Trương Bạch Lê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng anh, Bộ sách giáo khoa thí điểm Tiếng anh 10 đã được xuất bản. Điểm khác biệt lớn nhất giữa cuốn sách giáo khoa này với các cuốn sách trước đó là phần project section đã được thêm vào. Đây là một hoạt động mới vì thế nó dẫn đến rất nhiều thách thức cho giáo viên và cả học sinh khi thực hiện hoạt động.
8729	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc điện tử của penta-silicene đa lớp bằng phương pháp phiếm hàm mật độ dựa trên liên kết mạnh :	Võ, Minh Tiến	Võ Minh Tiến ; Huỳnh Anh Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu và khảo sát tính chất điện tử của màng và dây penta-silicene hai lớp kiểu xếp chồng AB làm cơ sở tham khảo để tạo ra vật liệu ứng dụng tốt cho các linh kiện vi điện tử dựa trên penta-silicene.
8730	Thạc sĩ	Tác động của quản trị tri thức đến sự thỏa mãn công việc và kết quả công việc của nhân viên ngân hàng tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Quang Diệp	Nguyễn Quang Diệp ; Luu Tiến Thuận (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tác động của quản trị tri thức đến sự thỏa mãn công việc và kết quả công việc của nhân viên ngân hàng tại thành phố Cần Thơ. Từ đó đưa ra các hàm ý quản trị nhằm cải thiện kết quả công việc của nhân viên thông qua việc nâng cao sự thỏa mãn trong công việc của nhân viên.
8731	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút người lao động vào làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Xuân Yển	Lê Xuân Yển ; Võ Thành Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút người lao động tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Long, từ đó đề xuất hàm ý quản trị nhằm thu hút lực lượng lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp.
8732	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng chính thức của nông hộ ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long :	Phạm, Thị Thùy Dung	Phạm Thị Thùy Dung ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hạn chế tín dụng chính thức của nông hộ ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm làm giảm mức độ hạn chế tín dụng chính thức cho hộ nông dân trên địa bàn.
8733	Thạc sĩ	Sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học nội dung hàm số liên tục :	Trần, Thị Kim Soàn	Trần Thị Kim Soàn ; Nguyễn Phương Thảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học nội dung hàm số liên tục nhằm tăng về chất lượng cũng như tăng sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh và học sinh trong quá trình xây dựng cũng như nâng cao tính tích cực, chủ động tìm tòi tri thức, rèn luyện kỹ năng tự học cho học sinh và nâng cao được hiệu quả của mô hình.
8734	Thạc sĩ	An investigation into ESP students' perceptions of the role of community language learning on learning motivation: A study in a college of medicine and pharmacy in the Mekong Delta :	Nguyễn, Ngọc Thanh Tuyền	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền ; Nguyễn Trung Cang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu nhận thức của sinh viên chuyên ngành Y dược về vai trò của CLL đối với động lực học tập của họ, điều tra những lợi ích và khó khăn mà sinh viên y dược gặp phải khi học tiếng Anh với CLL trong một khóa học anh văn chuyên ngành.
8735	Thạc sĩ	Tính chất vận chuyển điện tử của Penta-Graphene Nanoribbons của cấu trúc Sawtooth có pha tạp :	Ngô, Vũ Hào	Ngô Vũ Hào ; Nguyễn Thành Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu và khảo sát tính chất vận chuyển điện tử khi có pha tạp của PGNRs. Nhằm tạo ra vật liệu ứng dụng tốt cho các linh kiện điện tử thông qua tính chất vận chuyển điện tử của PGNRs.

8736	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến thực phẩm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long :	Trần, Công Luận	Trần Công Luận ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến thực phẩm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
8737	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam :	Lâm, Minh Thư	Lâm Minh Thư ; Quan Minh Nhật (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngành xây dựng ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, cải thiện tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp.
8738	Thạc sĩ	Ảnh của mật độ trồng lên dinh dưỡng khoáng và năng suất của cam sành trồng trên đất liếp ở huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long :	Trần, Minh Lạc	Trần Minh Lạc ; Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hiện trạng hiện trạng canh tác cam sành trên đất liếp và 2 mật độ trồng phổ biến ở Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đến tình trạng dinh dưỡng khoáng trong đất và của lá của cây cam sành.
8739	Thạc sĩ	Khảo sát đặc tính hình thái thực vật, nguyên nhân và sự ổn định đặc tính không hạt của Hạnh (Citrus microcarpa (Hassk.) Bunge) không hạt được phát hiện tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang :	Lê, Minh Trí	Lê Minh Trí ; Nguyễn Bá Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mô tả đặc tính hình thái thực vật của cây Hạnh không hạt, tìm nguyên nhân không hạt, bước đầu đánh giá sự ổn định đặc tính không hạt ở thế hệ nhân giống tiếp theo.
8740	Thạc sĩ	The impact of using analytic rubrics for peer assessment and for self-assessment on students' essay writing :	Phan, Quốc Toàn	Phan Quốc Toàn ; Phương Hoàng Yến (Cán bộ hướng dẫn)	2019	The current study was conducted to investigate into the impact of using analytic rubrics for peer assessment and for self-assessment on students' essay writing performance. It was carried out with the participation of 38 students who were students from high schools and universities. They registered for the B1-level learning course at an English language center in Can Tho city in Vietnam.
8741	Thạc sĩ	Primary school EFL teachers' use of the pilot textbook series :	Nguyễn, Kim Thư	Nguyễn Kim Thư ; Tôn Nữ Như Hương, Phạm Thị Hồng Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	This study aimed at using of primary EFL textbook series for the 3rd graders 4th graders and 5th graders are English 3, English 4 and English 5 by Vietnam National Education Publishing House about the curriculum of primary school EFL teachers in Kien Giang Province. Participants consist of 60 primary school EFL teachers. The tool of study designed to cover the quantity of textbook content that primary school EFL teachers use for their teaching and the reasons for the teachers' selection for such section from the book.
8742	Thạc sĩ	EFL teachers' evaluation of the coursebook "Skillful 02" for English foundation program at a university in Can Tho :	Nguyễn, Thị Tú Quyên	Nguyễn Thị Tú Quyên ; Lê Xuân Mai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này phần lớn dựa vào phương pháp định tính để khảo sát về đánh giá của giáo viên dạy tiếng Anh về giáo trình Skillful – Đọc & Viết 02 và đánh giá của giáo viên dạy tiếng Anh về giáo trình Skillful – Nghe & Nói 02.
8743	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng chi tiêu kiểu hồi của hộ gia đình có thân nhân kết hôn với người nước ngoài trên địa bàn quận Thốt Nốt :	Nguyễn, Thúy Hằng	Nguyễn Thúy Hằng ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu thực trạng chi tiêu kiểu hồi (liên quan đến mục đích chi tiêu hộ gia đình cho thực phẩm, giáo dục, y tế...) của những hộ gia đình có thân nhân kết hôn với người nước ngoài.

8744	Thạc sĩ	An investigation into EFL students' strategies for reading the texts from the new textbook tiếng Anh 10 :	Trương, Minh Châu	Trương Minh Châu ; Nguyễn Thị Phương Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra nhận thức của học sinh trung học phổ thông về tầm quan trọng của việc sử dụng những chiến lược cho việc đọc những bài đọc trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10 mới và tìm ra những chiến lược mà học sinh sử dụng khi học đọc những bài đọc trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10 mới.
8745	Thạc sĩ	Challenges EFL learners face when writing at B1 level and their causes :	Nguyễn, Anh Thư	Nguyễn Anh Thư ; Nguyễn Duy Khang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm ra những nguyên nhân dẫn đến các khó khăn chủ yếu mà người học gặp phải khi viết, trong bối cảnh ở thành phố Cần Thơ.
8746	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của bảo hiểm y tế đến chi tiêu cho sức khỏe của hộ gia đình trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Thanh Thảo	Nguyễn Thị Thanh Thảo ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng tham gia bảo hiểm y tế và chi tiêu y tế của hộ gia đình. Đánh giá tác động của bảo hiểm y tế đến chi tiêu cho y tế của hộ gia đình. Đề xuất các biện pháp nhằm đẩy mạnh việc tham gia bảo hiểm y tế của hộ gia đình
8747	Thạc sĩ	Vietnamese adolescent EFL learners' motivation: An investigation from learners' and teachers' perceptions :	Nguyễn, Thị Kim Phụng	Nguyễn Thị Kim Phụng ; Nguyễn Hải Quân, Trương Viên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này muốn tìm hiểu những động lực học tập chủ đạo của học sinh ở độ tuổi thiếu niên đang theo học tiếng Anh tại trung tâm ngoại ngữ và nhận thức của giáo viên đang dạy các học viên này về động lực học tập của học trò.
8748	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình trồng hoa kiểng ở Làng hoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Phước Thuận	Nguyễn Phước Thuận ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình trồng hoa dân bụt ở Làng hoa Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp nhằm đề xuất giải pháp góp phần khắc phục khó khăn trong sản xuất và nâng cao thu nhập cho hộ gia đình trồng hoa dân bụt trong thời gian tới.
8749	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút du khách tại thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Thanh Thúy	Trần Thị Thanh Thúy ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng các hoạt động du lịch của địa phương, đồng thời xác định nhu cầu của du khách trên địa bàn thành phố từ đó đề xuất các hàm ý chính sách thu hút du khách để góp phần phát triển du lịch TP. Cần Thơ cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2020, đóng góp quan trọng trong cơ cấu khu vực dịch vụ và tăng trưởng kinh tế của thành phố.
8750	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật của các hộ nuôi tôm sú ở tỉnh Bạc Liêu :	Thị, Thị Mỹ Duyên	Thị Thị Mỹ Duyên ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả kỹ thuật của phương thức nuôi tôm sú ở tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp nông hộ nâng cao hiệu quả sản xuất, và do vậy sẽ góp phần cải thiện thu nhập cho các hộ nuôi tôm sú ở tỉnh Bạc Liêu.
8751	Thạc sĩ	Mô phỏng động học phi cân bằng của vật liệu Penta-Graphene theo thời gian :	Lê, Hoàng Nhân	Lê Hoàng Nhân ; Đặng Minh Triết (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trình bày các dạng thù hình của Cacbon, cấu trúc của Penta-Graphene được hình thành từ sự lai hóa trong Cacbon, một số cơ sở lý thuyết về chuyển pha và giới thiệu phương pháp mô phỏng động lực học phân tử; các tính toán về mặt cấu trúc được sử dụng trong luận văn, trình bày hàm thế Tersoff và điều kiện biên tuần hoàn-biên cứng.

8752	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của đặc điểm hội đồng quản trị đến thu nhập trên mỗi cổ phần của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Dương, Ngọc Minh	Dương Ngọc Minh ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mô tả thực trạng đặc điểm hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu tác động của các đặc điểm của hội đồng quản trị đến thu nhập trên mỗi cổ phần của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
8753	Thạc sĩ	The effect of teacher - student conferencing feedback on descriptive paragraph writing performance in English as a foreign language learning :	Trần, Thị Thúy Diễm	Trần Thị Thúy Diễm ; Đỗ Minh Hùng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra tính hiệu quả của phương pháp phản hồi qua thảo luận giữa giáo viên và sinh viên trong môi trường viết Tiếng Anh như là một ngoại ngữ.
8754	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động thuyết trình nhằm phát triển kĩ năng nói, nghe cho học sinh lớp 10 :	Nguyễn, Thị Thanh Lý	Nguyễn Thị Thanh Lý ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phát triển kĩ năng nghe, nói cho học sinh lớp 10 qua việc tổ chức hoạt động thuyết trình cho học sinh trong dạy chủ đề văn học trung đại và phần Làm văn. Kĩ năng nói và nghe rất cần thiết để học sinh có thể nghe hiểu nội dung người nói trình bày và trình bày trực tiếp ý kiến, quan điểm của mình.
8755	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục gửi tiền ngân hàng của khách hàng cá nhân tại thành phố Cần Thơ :	Lê, Thị Mỹ Hạnh	Lê Thị Mỹ Hạnh ; Ngô Thị Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục gửi tiền Ngân hàng của khách hàng cá nhân tại thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề ra những giải pháp giúp ngân hàng biết được các nhân tố có ảnh hưởng đến ý định tiếp tục gửi tiền của khách hàng và có những chính sách phù hợp làm cho khách hàng gắn bó với Ngân hàng hơn.
8756	Thạc sĩ	Tác động của thực hành quản lý đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Văn Toàn	Nguyễn Văn Toàn ; Nguyễn Tuấn Kiệt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng thực hành quản lý tại các ngân hàng thuộc địa bàn Thành phố Cần Thơ. Phân tích ảnh hưởng của thực hành quản lý đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý của các ngân hàng đang hoạt động trên địa bàn Thành phố Cần Thơ hiện nay và trong giai đoạn sắp tới.
8757	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của di cư lao động đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Lê, Thị Chúc Mai	Lê Thị Chúc Mai ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của di cư lao động đến mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình vùng đồng bằng sông Cửu Long và từ đó chỉ ra một vài đề xuất cải thiện thu nhập của hộ gia đình của vùng thông qua đa dạng hóa thu nhập.
8758	Thạc sĩ	Phát triển một số năng lực tư duy toán học cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học bất đẳng thức :	Thạch, Hồng Sơn	Thạch Hồng Sơn ; Dương Hữu Tòng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu về cơ sở lý luận của phát triển một số năng lực tư duy toán học và chủ đề bất đẳng thức trong chương trình toán Đại số 10 cơ bản. Đề xuất các cách phát triển năng lực tư duy có bản, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học các kiểu nhiệm vụ gắn liền với bất đẳng thức.
8759	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Selenium (Se) lên khả năng chịu hạn của giống mè đen ĐH1 trồng trên đất phù sa trong chậu tại Cần Thơ :	Lê, Thanh Hùng	Lê Thanh Hùng ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra nồng độ, thời điểm phun và số lần phun Se trên mè đen ĐH1 giúp cây gia tăng khả năng chịu hạn.
8760	Thạc sĩ	The impact of doing action research on EFL teachers' professional identity :	Nguyễn, Khương Nhật Anh	Nguyễn Khương Nhật Anh ; Trịnh Quốc Lập (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu tác động của việc thực hiện các nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm đối với việc xây dựng và tái cấu trúc bản sắc của người giáo viên tiếng Anh.

8761	Thạc sĩ	Nghiên cứu kích thích sinh sản nhân tạo cá Chốt giấy (<i>Mystus albolineatus</i> Roberts, 1994)	Nguyễn, Văn Tiền	Nguyễn Văn Tiền ; Nguyễn Văn Triều (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định các thông số kỹ thuật về việc nuôi vỗ thành thực sinh dục, xác định loại hormone và liều lượng hợp lý để kích thích sinh sản nhân tạo cá Chốt giấy. Đây là tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo về ương giống và nuôi thương phẩm đối tượng này.
8762	Thạc sĩ	Teachers' perceptions and practices of technology-supported writing instruction in EFL writing classes at a high school :	Lương, Võ Nhật Quang	Lương Võ Nhật Quang ; Nguyễn Hồ Hoàng Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu nhận thức và thực hành của giáo viên về việc giảng dạy viết có sự hỗ trợ của công nghệ tại một trường trung học phổ thông.
8763	Thạc sĩ	The interaction between EFL teachers' efficacy and their choice of instructional strategies and classroom management :	Nguyễn, Thị Hồng Liên	Nguyễn Thị Hồng Liên ; Trịnh Quốc Lập (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này điều tra sự tương tác giữa hiệu quả của giáo viên Tiếng Anh lên sự lựa chọn của họ về những chiến thuật hướng dẫn trong giảng dạy và quản lý lớp học tại Đồng bằng sông Cửu Long.
8764	Thạc sĩ	Perceptions of Vietnamese EFL high school teachers on their technological pedagogical and content knowledge (TPACK) :	Lưu, Hữu Thọ	Lưu Hữu Thọ ; Trương Viên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	A mixed-methods study was conducted in a Vietnamese city to survey the erceptions of EFL high school teachers and their experience in TPACK clusters.
8765	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kinh tế của hộ chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học tại tỉnh Sóc Trăng :	Võ, Minh Sơn	Võ Minh Sơn ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích hiệu quả kinh tế của hộ nuôi heo trên đệm lót sinh học ở tỉnh Sóc Trăng, từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế cho hộ chăn nuôi heo tại địa phương.
8766	Thạc sĩ	Chọn lọc và đánh giá các dòng lúa thơm năng suất cao, phẩm chất tốt thể hệ F6–F8 :	Nguyễn, Thị Thu Hương	Nguyễn Thị Thu Hương ; Nguyễn Thúy Kiều Tiên, Lê Thanh Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp PCR kết hợp sử dụng bốn môi EAP, ESP, IFAP, INSP để xác định gen thơm của 180 dòng lúa thơm thuộc 18 tổ hợp lai. Phương pháp đánh giá mùi thơm bằng cách thanh lọc sử dụng dung dịch KOH 1,7% cũng được áp dụng. Các dòng triển vọng đã được chọn để khảo sát các chỉ tiêu nông học qua thí nghiệm ngoài đồng nhằm tìm ra các dòng lúa mang gen thơm, năng suất cao và phẩm chất tốt.
8767	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các nguồn cơ chất đến sinh trưởng và năng suất nấm rom (<i>Volvariella volvacea</i>) trong điều kiện ngoài trời :	Bùi, Trần Ngân Phụng	Bùi Trần Ngân Phụng ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra ưu điểm của cơ chất trồng nấm rom từ giống lúa Đài Thơm 8 và Jasmine 85 kết hợp với biện pháp canh tác trong sản xuất lúa.
8768	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của silic đến sinh trưởng và năng suất giống mè DH1 khi bị Stress mặn :	Trần, Thị Mộng Tuyền	Trần Thị Mộng Tuyền ; Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra liều lượng Silic thích hợp nhất cho sinh trưởng và năng suất của giống mè DH1 trong điều kiện mặn.
8769	Thạc sĩ	Thử nghiệm hiệu quả của Probiotics trong phòng bệnh do vi khuẩn <i>Salmonella</i> gây ra trên gà Nòi lai :	Trần, Văn Bé Năm	Trần Văn Bé Năm ; Nguyễn Trọng Ngữ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm xây dựng qui trình sản xuất chế phẩm sinh học chứa hai dòng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Lactobacillus plantarum</i> và khảo sát khả năng phòng bệnh đường ruột của chế phẩm probiotic đối với vi khuẩn <i>Salmonella</i> gây bệnh trên gà Nòi lai.

8770	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối quan hệ giữa kỹ thuật canh tác với tình trạng dinh dưỡng khoáng và năng suất của cây bưởi Năm Roi ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Thúy Kiều	Nguyễn Thị Thúy Kiều ; Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm ra mối quan hệ giữa kỹ thuật canh tác với tình trạng dinh dưỡng khoáng ở 2 nhóm năng suất của cây bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
8771	Thạc sĩ	Sự lưu hành và sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn Salmonella Typhimurium và Salmonella Weltevreden trên gà và môi trường chăn nuôi tại một số trại thuộc tỉnh Vĩnh Long :	Hồ, Xuân Yên	Hồ Xuân Yên ; Lý Thị Liên Khai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định sự lưu hành của vi khuẩn Salmonella Typhimurium và Salmonella Weltevreden trên gà và môi trường tại các cơ sở chăn nuôi thuộc tỉnh Vĩnh Long. Xác định sự đề kháng của các chủng Salmonella phân lập được đối với một số loại kháng sinh và sự hiện diện của các gene kháng kháng sinh bằng phương pháp PCR.
8772	Thạc sĩ	Vietnamese EFL teachers' perceptions of task-based language teaching and its implementation :	Võ, Phương Anh	Võ Phương Anh ; Nguyễn Anh Thi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra mức độ hiểu biết của giáo viên phổ thông về khái niệm “nhiệm vụ” và những nguyên tắc cơ bản của “phương pháp dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ”. Ngoài ra, nghiên cứu cũng tìm hiểu thái độ của giáo viên phổ thông trong việc thực thi “phương pháp dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ” cũng như những mối bận tâm nếu như thực thi phương pháp này trong bối cảnh dạy học của họ.
8773	Thạc sĩ	Điều chế xúc tác NiO/y-Al ₂ O ₃ cho phản ứng Methane hóa CO ₂ và nghiên cứu động học phản ứng :	Nguyễn, Việt Hưng	Nguyễn Việt Hưng ; Lưu Cẩm Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu các xúc tác NiO/y-Al ₂ O ₃ điều chế bằng phương pháp tâm và khảo sát hoạt tính trong phản ứng methane hóa carbon dioxide nhằm đưa ra được hàm lượng NiO phù hợp nhất. Trên cơ sở xúc tác phù hợp, động học cho phản ứng methane hóa CO ₂ được tiến hành nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ mối quan hệ giữa bản chất xúc tác và các quy luật động học phản ứng.
8774	Thạc sĩ	Ứng dụng của bài toán phân loại và phân tích sự sống sót trong y học :	Hồ, Tấn Nghiêm	Hồ Tấn Nghiêm ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết một cách có hệ thống, rõ ràng các phương pháp phân loại cho các đối tượng khác nhau và thuật toán phân tích sự sống sót. Giải quyết vấn đề tính toán liên quan đến các thuật toán và ứng dụng phân tích tình trạng bệnh suy thận.
8775	Thạc sĩ	Tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho công tác chọn giống lúa thơm (Oryza sativa L.) chịu phèn mặn :	Võ, Thị Thảo Nguyên	Võ Thị Thảo Nguyên ; Quan Thị Ái Liên, Trần Thị Thanh Xà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho công tác chọn giống lúa thơm chịu phèn mặn bằng chỉ thị phân tử và kỹ thuật thanh lọc kiểu hình trong phòng thí nghiệm là phương pháp mang lại hiệu quả nhanh, chính xác cao.
8776	Thạc sĩ	Ứng dụng dấu phân tử và lai hồi giao để chuyển gen chống chịu mặn Saltol vào giống lúa OM4900 :	Trần, Thu Thảo	Trần Thu Thảo ; Quan Thị Ái Liên, Nguyễn Thúy Kiều Tiên (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tạo giống lúa mới có khả năng chịu mặn trên nền di truyền của giống lúa OM4900 bằng phương pháp lai hồi giao kết hợp sử dụng các chỉ thị phân tử (MABC).
8777	Thạc sĩ	Thiết kế bộ điều khiển tay quay máy cắt hợp bộ 22 kV từ xa qua mạng Internet :	Tăng, Hoàng Phong	Tăng Hoàng Phong ; Lương Vinh Quốc Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm hoàn thiện triển khai áp dụng vận hành Trạm 110/22 kV không người trực, cải thiện thời gian mất điện khi xử lý sự cố, khi công tác trên lưới điện.

8778	Thạc sĩ	Phát triển năng lực viết của học sinh trung học phổ thông qua dạy học dựa trên dự án :	Phạm, Minh Trung	Phạm Minh Trung ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần nâng cao năng lực viết (tạo lập) văn bản thuyết minh cho học sinh trung học phổ thông.
8779	Thạc sĩ	Phân tích sự lan truyền thông tin trên mạng xã hội Facebook sử dụng công nghệ xử lý dữ liệu lớn Apache Spark :	Lai, Út Bé	Lai Út Bé ; Huỳnh Xuân Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích dữ liệu có thể đánh giá được các thông tin hữu ích hoặc thông tin xấu từ mạng xã hội. Từ đó xây dựng công cụ có thể tự động hóa trợ giúp việc phát hiện sự lan truyền thông tin một cách hiệu quả nhất.
8780	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo vật vật liệu Bioceramic sử dụng Hydroxyapatite từ xương cá :	Nguyễn, Việt Bách	Nguyễn Việt Bách ; Hồ Quốc Phong (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu chế tạo vật vật liệu Bioceramic sử dụng Hydroxyapatite từ xương cá tra để làm vật liệu y sinh dùng trong cấy ghép xương.
8781	Thạc sĩ	Ma trận ngẫu nhiên và ứng dụng :	Dương, Văn Cười	Dương Văn Cười ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết một cách có hệ thống, làm rõ các đặc tính của ma trận ngẫu nhiên và ứng dụng của nó trong các lĩnh vực đời sống hiện nay.
8782	Thạc sĩ	Phân tích chùm cho dữ liệu khoảng :	Nguyễn, Hoàng Vũ	Nguyễn Hoàng Vũ ; Võ Văn Tài (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết một cách có hệ thống, rõ ràng các thuật toán phân tích chùm cho dữ liệu khoảng, giải quyết vấn đề tính toán của các thuật toán và áp dụng chúng trong nhận dạng ảnh.
8783	Thạc sĩ	Lý thuyết xếp hàng và ứng dụng :	Lê, Thị Thảo Trang	Lê Thị Thảo Trang ; Lâm Hoàng Chương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn về lý thuyết xếp hàng trong các lĩnh vực đời sống hàng ngày, giải quyết cũng như trình bày một số mô hình ứng dụng tiêu biểu cho lý thuyết xếp hàng.
8784	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của thay đổi dự trữ ngoại hối đến đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Trần, Lăng Hoàng Hạc	Trần Lăng Hoàng Hạc ; Lê Long Hậu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của thay đổi dự trữ ngoại hối đến đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các khuyến nghị chính sách có thể thận trọng hơn khi sử dụng công cụ dự trữ ngoại hối cho nền kinh tế quốc gia trở nên hiệu quả hơn.
8785	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và yếu tố ảnh hưởng hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng bắp ở các huyện phía Đông tỉnh Tiền Giang :	Huỳnh, Thu Hường	Huỳnh Thu Hường ; La Nguyễn Thùy Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của mô hình trồng bắp trên địa bàn các huyện phía Đông thuộc tỉnh Tiền Giang; từ đó đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các hộ trồng bắp trên địa bàn nghiên cứu.
8786	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác động của sự đa dạng hóa đặc điểm Hội đồng quản trị và vai trò của sự kiểm nhiệm đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Phạm, Đỗ Trung	Phạm Đỗ Trung ; Võ Văn Dứt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng về sự đa dạng hóa đặc điểm trong hội đồng quản trị và tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Phân tích tác động của sự đa dạng hóa đặc điểm trong hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, và nghiên cứu vai trò của sự kiểm nhiệm đến mối quan hệ này.

8787	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hài lòng của các hộ gia đình sử dụng điện sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Lê, Thu Trang	Lê Thu Trang ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các hộ gia đình sử dụng điện sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ; đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và đưa ra hàm ý quản trị nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng sử dụng điện sinh hoạt.
8788	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ tại Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Cần Thơ :	Phạm, Quốc Khánh	Phạm Quốc Khánh ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu nhằm mục tiêu xây dựng thang đo và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Bệnh viện Quốc tế Phương Châu Cần Thơ, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Bệnh viện.
8789	Thạc sĩ	Pháp luật về đánh giá tác động môi trường :	Trần, Thị Lệ Hằng	Trần Thị Lệ Hằng ; Phạm Văn Võ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu của đề tài là nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề về lý luận và thực tiễn pháp luật về đánh giá tác động môi trường; chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của các quy định pháp luật về đánh giá tác động môi trường. Từ đó, đưa ra những giải pháp cho việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về đánh giá tác động môi trường phù hợp với tình hình hiện nay.
8790	Thạc sĩ	Pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với người nước ngoài :	Phạm, Thị Thúy	Phạm Thị Thúy ; Nguyễn Tấn Phát (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu cơ sở lý luận và những quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với người nước ngoài là cần thiết, từ đó rút ra được những nhận xét, đánh giá và là cơ sở để đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế tại Việt Nam.
8791	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động trong Tổng công ty Phát điện 2 :	Lê, Thị Hòa	Lê Thị Hòa ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến động lực làm việc của người lao động Tổng công ty Phát điện 2. Từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao động lực làm việc cho người lao động trong Tổng công ty Phát điện 2.
8792	Thạc sĩ	Ổn định công suất ngõ ra của nhà máy điện năng lượng mặt trời sử dụng hệ thống tích trữ năng lượng pin Lithium-ion :	Nguyễn, Văn Cơi	Nguyễn Văn Cơi ; Quách Ngọc Thịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm cắt giảm dao động công suất ngõ ra của nhà máy điện mặt trời nằm trong giới hạn $\pm 10\%$ công suất định mức bằng hệ thống tích trữ năng lượng pin Lithium-ion trước khi hòa vào hệ thống điện IEEE_30_Bus, góp phần giảm dao động điện áp và tần số trên lưới điện.
8793	Thạc sĩ	Cải tiến mô hình mờ hóa dữ liệu chuỗi thời gian và ứng dụng :	Đinh, Công Chánh	Đinh Công Chánh ; Nguyễn Hữu Khánh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng kết và cải tiến mô hình mờ hóa dữ liệu chuỗi thời gian mờ để có được mô hình hiệu quả hơn cho một số trường hợp, giải quyết vấn đề tính toán của mô hình cải tiến, ứng dụng cho một số dự báo cụ thể
8794	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống tự động hóa lưới điện phân phối để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện :	Lê, Thị Ngọc Nguyễn	Lê Thị Ngọc Nguyễn ; Nguyễn Phúc Khải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài sẽ trình bày mô hình và chạy mô phỏng cho giải pháp tự động hóa mạch vòng dạng phân tán dựa trên phần mềm Matlab/simulink. Ưu điểm lớn nhất của mô hình mô phỏng là xét đến việc phối hợp bảo vệ khi có sự cố xếp chồng.
8795	Thạc sĩ	Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức và lượng vốn vay khi mua nhà trên địa bàn Thành phố Cần Thơ :	Lê, Trúc Đào	Lê Trúc Đào ; Mai Văn Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá thực trạng tiếp cận tín dụng chính thức khi mua nhà và đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng chính thức, hướng đến mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Cần Thơ.
8796	Thạc sĩ	Tối ưu hóa các điều kiện phân tích hàm lượng một số ion kim loại trong nấm Linh chi (Ganoderma lucidum) ở Việt Nam bằng phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử AAS :	Nguyễn, Thị Thúy Diễm	Nguyễn Thị Thúy Diễm ; Nguyễn Thị Tuyết Nhung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm góp phần minh chứng cho giá trị sử dụng của nấm Linh chi đồng thời bước đầu xây dựng cơ sở khoa học vào công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm nấm Linh chi ở Việt Nam.

8797	Thạc sĩ	Đặc điểm tiểu thuyết Nguyễn Mạnh Tuấn :	Lê, Nguyễn Trà Giang	Lê Nguyễn Trà Giang ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm khẳng định những đóng góp của Nguyễn Mạnh Tuấn ở thể loại tiểu thuyết trong văn học Việt Nam hiện đại sau 1975. Đồng thời, qua việc khảo sát một số tiểu thuyết tiêu biểu, chúng tôi có cái nhìn khái quát về tiểu thuyết của Nguyễn Mạnh Tuấn; từ đó, trình bày một cách hệ thống về những đặc điểm tiểu thuyết của ông ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.
8798	Thạc sĩ	Tính chất và hoạt tính của màng mỏng xúc tác TiO2 biến tính oxit kim loại trong phản ứng quang phân hủy p-xylene trong pha khí :	Dương, Hoàng Nam	Dương Hoàng Nam ; Nguyễn Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu màng mỏng xúc tác TiO2 biến tính CeO2 và MnO2 với hàm lượng khác nhau được điều chế bằng phương pháp nhúng phủ dung dịch sol-gel và được nghiên cứu các đặc trưng lý – hóa: Thành phần pha (XRD), phổ Raman, diện tích bề mặt riêng, kích thước lỗ xốp (BET), các nhóm chức của xúc tác (FT-IR), hình thái bề mặt (SEM và TEM) và vùng hấp thụ ánh sáng (UV-Vis).
8799	Thạc sĩ	Đặc điểm nghệ thuật truyện thơ Nôm Bích Câu kỳ ngộ :	Phạm, Thị Phúc Trinh	Phạm Thị Phúc Trinh ; Nguyễn Kim Châu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tìm hiểu sâu sắc hơn những đóng góp về đặc điểm nội dung cũng như hình thức nghệ thuật của văn bản.
8800	Thạc sĩ	Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam dưới góc nhìn phê bình sinh thái :	Nguyễn, Thị Phương Lam	Nguyễn Thị Phương Lam ; Nguyễn Thị Hồng Hạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm mục đích tiếp cận tập truyện ngắn theo góc nhìn mới, để có những đánh giá, nhìn nhận phong phú và toàn diện hơn các tác phẩm của Sơn Nam.
8801	Thạc sĩ	Nghiên cứu kỹ thuật điều chế PWM cho nghịch lưu đa bậc cascade :	Nguyễn, Lê Đăng Khoa	Nguyễn Lê Đăng Khoa ; Quách Ngọc Thịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài xây dựng mô hình mô phỏng cấu trúc mạch nghịch lưu 11 bậc dạng cascade trên phần mềm MATLAB với các phương pháp điều khiển PWM khác nhau. Nghiên cứu này có thể làm tiền đề cho việc ứng dụng tạo ra các bộ biến tần đa bậc trong thực tế với khả năng điều chỉnh điện áp tốt và có công suất cao.
8802	Thạc sĩ	Molecular docking studies of synthesized benzimidazole derivatives as Hepatitis C virus NS5B inhibitors :	Huỳnh, Duy Thiện	Huỳnh Duy Thiện ; Tran Quang De (Supervisor)	2019	In the field of computational chemistry and molecular modelling, this study is to provide more information about the interactions between some novel synthesized benzimidazole derivatives with NS5B polymerase of HCV, thereby evaluating the potential for developing into a novel HCV inhibitor.
8803	Thạc sĩ	Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của toàn cây Sâm đất (Ruellia tuberosa L.) :	Hoàng, Thị Thu Hằng	Hoàng Thị Thu Hằng ; Lê Tiến Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá hoạt tính kháng viêm theo cơ chế ức chế quá trình sản sinh NO. Đánh giá khả năng ức chế α -glucosidase. Phân lập và xác định cấu trúc của các hợp chất
8804	Thạc sĩ	Đánh giá tác động của nhà máy điện mặt trời Số 1 đến hệ thống điện của tỉnh Hậu Giang :	Huỳnh, Thị Thanh Liễu	Huỳnh Thị Thanh Liễu ; Trần Văn Tấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu là mô phỏng tiềm năng năng lượng của nhà máy điện mặt trời Số 1 tỉnh Hậu Giang. Dựa vào các nguồn dữ liệu như SolarGis, Meteonorm...xác định số giờ nắng trong năm, cường độ bức xạ, xác định số giờ nắng trung bình của từng tháng tại vị trí quy hoạch nhà máy.
8805	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn cửa hàng Vinmart+ khi mua thực phẩm tươi sống của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Trí Đại	Nguyễn Trí Đại ; Nguyễn Hữu Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn cửa hàng Vinmart+ khi mua thực phẩm tươi sống của người tiêu dùng Thành phố Cần Thơ. Từ đó, đề xuất một số hàm ý cho nhà quản trị hệ thống cửa hàng lựa chọn để làm giải pháp nhằm thu hút hơn người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ đến mua thực phẩm tươi sống.

8806	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên tại các trường Đại học và Cao đẳng ở Kiên Giang :	Nguyễn, Thành Núi	Nguyễn Thành Núi ; Lê Tấn Nghiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên tại trường Đại học và Cao đẳng ở Kiên Giang. Qua đó tác giả đề xuất hàm ý chính sách trang bị cho sinh viên những kỹ năng, kiến thức cần thiết cho quá trình khởi sự kinh doanh.
8807	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm tự nguyện vật chất xe ô tô của chủ phương tiện tại Thành phố Cần Thơ :	Hồ, Ngọc Kiển	Hồ Ngọc Kiển ; Lê Tấn Nghiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài nghiên cứu thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm tự nguyện vật chất xe ô tô của chủ phương tiện tại thành phố Cần Thơ.
8808	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động chỉnh sửa bài làm văn để góp phần khắc phục những hạn chế trong viết văn nghị luận của học sinh trung học phổ thông :	Phùng, Thị Kim Anh	Phùng Thị Kim Anh ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu giúp cho học sinh khắc phục được một số những hạn chế trong bài làm văn nghị luận, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện, nâng cao năng lực tạo lập văn bản.
8809	Thạc sĩ	Đặc điểm truyện ngắn Dương Thụy :	Nguyễn, Thị Mỹ Khánh	Nguyễn Thị Mỹ Khánh ; Trần Văn Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Giới thiệu nhà văn Dương Thụy và quá trình sáng tác, đặc điểm nội dung và nghệ thuật truyện ngắn Dương Thụy.
8810	Thạc sĩ	Tổ chức thảo luận nhóm trong dạy học văn học dân gian để góp phần phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông :	Huỳnh, Thanh Hải	Huỳnh Thanh Hải ; Nguyễn Lâm Điền (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu góp phần phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học các tác phẩm văn học dân gian qua hình thức thảo luận nhóm. Đồng thời, chỉ ra những ưu điểm riêng và hạn chế của việc sử dụng hình thức thảo luận nhóm trong dạy học các tác phẩm văn học dân gian.
8811	Thạc sĩ	Hiệu quả của phương pháp dạy tạo lập văn bản dựa trên tiến trình đối với chất lượng bài văn nghị luận của học sinh lớp 11 :	Phan, Thị Tinh	Phan Thị Tinh ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tiến hành thực nghiệm theo kế hoạch để thu về dữ liệu làm cơ sở cho việc đánh giá phân tích. Phân tích dữ liệu theo từng giai đoạn, chú trọng phân tích bài viết ở giai đoạn hoàn chỉnh bằng các mẫu điển hình
8812	Thạc sĩ	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ cầm đồ :	Trần, Thùy Lam	Trần Thùy Lam ; Nguyễn Văn Tráng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm rõ những lý luận, quy định của pháp luật cũng như thực tiễn về pháp luật kinh doanh dịch vụ cầm đồ, đồng thời đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật kinh doanh trong lĩnh vực này.
8813	Thạc sĩ	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo pháp luật Việt Nam :	Nguyễn, Tuyết Mai	Nguyễn Tuyết Mai ; Lê Vũ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của các quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từ đó thấy được những bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới, phát triển kinh tế đất nước.
8814	Thạc sĩ	Bảo đảm quyền của người nộp thuế theo pháp luật Việt Nam :	Võ, Thị Hồng Vân	Võ Thị Hồng Vân ; Lê Vũ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về quyền của người nộp thuế, bảo đảm quyền của người nộp thuế, đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền của người nộp thuế. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra một số định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền của người nộp thuế ở Việt Nam.
8815	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy của học sinh thông qua hệ thống câu hỏi trong dạy học Ngữ văn :	Ngô, Thị Ngọc Oanh	Ngô Thị Ngọc Oanh ; Nguyễn Văn Nở (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết, thiết kế câu hỏi để nâng cao năng lực tư duy của học sinh trong dạy học Ngữ văn lớp 10.

8816	Thạc sĩ	Pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu – Thực trạng và giải pháp :	Châu, Văn Vĩ	Châu Văn Vĩ ; Trần Lê Đăng Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu và nâng cao hiệu quả trong việc bảo hộ nhãn hiệu ở Việt Nam giai đoạn tới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.
8817	Thạc sĩ	Pháp luật điều chỉnh hành vi cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – thực trạng và giải pháp hoàn thiện :	Nguyễn, Bích Tiên	Nguyễn Bích Tiên ; Trần Thăng Long (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích tìm hiểu những hành vi cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch, từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh để hoạt động kinh doanh du lịch nội địa được phát triển một cách tốt hơn.
8818	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trên ao lót bạt tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau :	Phạm, Nhật Trường	Phạm Nhật Trường ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu là ước lượng hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả chi phí cho các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bằng phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên. Bên cạnh đó nghiên cứu còn xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 164 hộ nuôi tôm tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thông qua bảng câu hỏi soạn sẵn để thu thập thông tin về chi phí sản xuất, khó khăn và tồn tại trong sản xuất và tiêu thụ của các nông hộ.
8819	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng hành tím ở thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng :	Lý, Kim Phượng	Lý Kim Phượng ; Lê Tấn Nghiêm (Hướng dẫn khoa học)	2019	Luận văn tập trung vào ước lượng hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả theo quy mô và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất hành tím tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Số liệu sơ cấp của đề tài được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 130 nông hộ có tham gia sản xuất hành tím ở Xã Vĩnh Hải, Phường Vĩnh Phước và Phường 1 của thị xã Vĩnh Châu. Phương pháp màng bao dữ liệu (DEA) được sử dụng để ước lượng hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả theo quy mô. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức hiệu quả kỹ thuật đạt được bình quân đối với nông hộ là 83% và hiệu quả theo quy mô trung bình là 94%. Thêm vào đó kết quả của mô hình ước lượng hồi quy Tobit chỉ ra rằng các yếu tố về tham gia đoàn hội, tham gia tập huấn, kinh nghiệm của chủ hộ và tham gia hợp tác xã có tác động tích cực đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng hành tím ở thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
8820	Thạc sĩ	Ảnh hưởng liều lượng phân hữu cơ đến sinh trưởng, năng suất, hàm lượng tinh dầu và Curcumin trên giống nghệ Xà Cừ (Curcuma longa L.) trồng trong bao :	Nguyễn, Thanh Quý	Nguyễn Thanh Quý ; Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghệ Xà Cừ là một loài cây dược liệu đã được biết đến như là nguồn nguyên liệu dùng trong thực phẩm và nhiều loại thuốc chữa bệnh. Kết hợp sử dụng phân hữu cơ trong canh tác sẽ giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu sạch. Đề tài được thực hiện nhằm tìm ra liều lượng phân hữu cơ thích hợp cho sự sinh trưởng giúp tăng năng suất củ, tinh dầu và curcumin trên giống nghệ Xà Cừ.

8821	Thạc sĩ	EFL teachers' practices of teaching functional words to young language learners: A case at an English center :	Trần, Văn Hậu	Trần Văn Hậu ; Nguyễn Duy Khang (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hiểu rõ hơn về cách dạy những từ functional words của giáo viên tiếng Anh cho học viên nhỏ tuổi một trung tâm tiếng Anh ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là nghiên cứu miêu tả thực hiện sử dụng hai công cụ: quan sát (có quay hình) và phỏng vấn sâu giáo viên trực tiếp giảng dạy. Khi quan sát, người nghiên cứu ghi nhận và phân tích cách dạy functional words của giáo viên cho đối tượng học viên nhỏ tuổi. Ngoài ra, nghiên cứu thực hiện phỏng vấn giáo viên sau khi dạy xong bài học có functional words để biết được những suy nghĩ của họ về việc dạy functional words.
8822	Thạc sĩ	Khảo sát đặc tính hình thái, năng suất và hoạt tính sinh học của bốn giống nghệ vàng (<i>Curcuma longa</i> L.) :	Tiết, Bảo Long	Tiết Bảo Long ; Lưu Thái Danh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghệ từ lâu đã được sử dụng như một loại gia vị, một loại thảo dược quen thuộc đối với người dân Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Hiện nay nhu cầu về sản xuất dược phẩm có nguồn gốc từ tự nhiên đang ngày càng tăng cao nên việc tìm ra giống nghệ có năng suất, hoạt tính sinh học cao là việc rất cần thiết. Đề tài được thực hiện nhằm xác định đặc tính hình thái, sinh trưởng, năng suất và hoạt tính sinh học của bốn giống nghệ vàng gồm nghệ Phú Quốc, nghệ Thái, nghệ Cần Thơ và nghệ Xà Cừ.
8823	Thạc sĩ	Chọn giống lúa mùa chịu mặn tại vùng Bán đảo Cà Mau :	Lê, Thị Bích Hạnh	Lê Thị Bích Hạnh ; Huỳnh Kỳ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm chọn ra giống lúa có khả năng chống chịu mặn, có năng suất cao, phẩm chất khá để có thể bổ sung nguồn giống cho sản xuất để nâng cao hiệu quả mô hình canh tác lúa-tôm cho vùng đất nhiễm mặn. Đề tài được thực hiện từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 6 năm 2019 tại vùng bán đảo Cà Mau và đánh giá khả năng chịu mặn dinh dưỡng Yoshida có bổ sung 6‰ muối NaCl trong phòng thí nghiệm Viện nghiên cứu và Phát triển ĐBSCL.
8824	Thạc sĩ	Khám phá những chiến lược chiêm nghiệm trong việc giảng dạy ngôn ngữ của giáo viên ngoại ngữ tại trường trung học phổ thông :	Nguyễn, Trúc Ly	Nguyễn Trúc Ly ; Phan Thị Tuyết Vân (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện để khám phá giáo viên Nhận thức về chiến lược tự phản ánh trong thực tiễn giảng dạy của họ, chiến lược gia tự phản xạ phổ biến trong quá trình giảng dạy thường xuyên thực hiện cũng như các rào cản cản trở việc thực hiện chiến lược tự phản ánh. Dữ liệu định lượng và định tính thu được bằng cách sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc. Nghiên cứu diễn ra trong bối cảnh của các trường trung học ở hầu hết các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long. Những người được hỏi liên quan đến nghiên cứu này là năm mươi giáo viên EFL đang giảng dạy tại các trường trung học.
8825	Thạc sĩ	Những kỹ năng làm việc thiết yếu dành cho sinh viên Tiếng anh vào thế kỷ 21 tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Đặng Thùy Linh	Nguyễn Đặng Thùy Linh ; Phan Thị Tuyết Vân (Hướng dẫn khoa học)	2019	Kỹ năng việc làm là một trong những kỹ năng mềm quan trọng được các nhà tuyển dụng yêu cầu trong nhiều loại công việc trong thế kỷ 21. Thật không may, sinh viên EFL ở Đồng bằng sông Cửu Long đã gặp phải một số khó khăn khi tìm kiếm việc làm khi tốt nghiệp do không có kỹ năng sử dụng lao động. Mục đích chính của nghiên cứu này là điều tra các kỹ năng việc làm phổ biến và cần thiết cho sinh viên EFL ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh thế kỷ 21. Nghiên cứu này cũng nhằm xác định sự tương đồng và khác biệt giữa các kỹ năng sử dụng lao động quan trọng từ quan điểm của nhà tuyển dụng và sinh viên EFL chuẩn bị.

8826	Thạc sĩ	A Comparison of extrinsic and intrinsic motivations to speak English: A case study of a University in the Mekong Delta, Vietnam :	Phạm, Quốc Thịnh	Phạm Quốc Thịnh ; Nguyễn Thị Văn Sử (Hướng dẫn khoa học)	2019	Động lực đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được bất kỳ mục tiêu nào trong tất cả các lĩnh vực. Hơn nữa, nó là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tích cực đến quá trình dạy và học, đặc biệt là trong học tập ngôn ngữ thứ hai (Rehman, et al., 2014). Cụ thể, động lực tác động mạnh mẽ đến việc học tập kỹ năng nói của sinh viên, dưới dạng Động lực ngoại lai và Động lực nội tại. Nghiên cứu này nhằm (1) so sánh mức độ của Động lực ngoại lai và Động lực nội tại và những yếu tố quyết định của chúng trong kỹ năng nói của sinh viên và (2) tìm hiểu thái độ của giáo viên và sinh viên về động lực nói tiếng Anh và những gợi ý của họ về những chiến lược động lực nhằm nâng cao năng lực nói tiếng Anh của sinh viên. Để đạt được những mục tiêu này, phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được áp dụng với việc sử dụng bảng câu hỏi động lực cho sinh viên và phỏng vấn bán cấu trúc cho giáo viên và sinh viên.
8827	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng bưởi ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang :	Phạm, Lê Huỳnh Anh	Phạm Lê Huỳnh Anh ; Quan Minh Nhựt (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài Đánh giá hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng bưởi ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu thực hiện mục tiêu thông qua các phương pháp bao gồm: thống kê mô tả, phương pháp phân tích chi phí - doanh thu, Nghiên cứu đã sử dụng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên Cobb-Douglas kết hợp với hàm hiệu quả phi kỹ thuật (technical inefficiency model) theo phương pháp ước lượng một giai đoạn bằng chương trình Frontier 4.1. Nghiên cứu khảo sát 190 nông hộ trồng bưởi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Kết quả ước lượng cho thấy hiệu quả kỹ thuật của các hộ trồng bưởi dao động trong khoảng 31,07% - 99,97%, trung bình là 78,58%. Bên cạnh đó, các yếu tố như lượng giống, diện tích, lượng phân kali có tác động tích cực đến năng suất bưởi.
8828	Thạc sĩ	High School EFL Students' Experience of Taking the English Test in the National Graduation Exam :	Võ, Thị Thắm	Võ Thị Thắm ; Lưu Nguyễn Quốc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia được xem như một sự kiện quan trọng của ngành Giáo dục Việt Nam, nhằm mục đích đánh giá năng lực và một số kỹ năng của học sinh trung học phổ thông qua một vài môn học bắt buộc. Đối với hầu hết các học sinh trung học phổ thông, việc tham gia thi môn Tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia thật sự đã tạo cho các em nhiều áp lực trong học tập. Có thể thấy rằng có nhiều trở ngại đã ảnh hưởng đến việc làm bài kiểm tra Tiếng Anh của các em học sinh. Đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến việc chuẩn bị và một số kinh nghiệm cho học sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp. Các nhà nghiên cứu cho rằng học sinh không những phải có sự chuẩn bị tốt trước và trong kỳ thi mà còn phải có kinh nghiệm và chiến lược hiệu quả để làm bài thi.

8829	Thạc sĩ	EFL Primary school teachers' practice of assessing students' learning outcomes :	Nguyễn, Thị Mỹ Phụng	Nguyễn Thị Mỹ Phụng ; Nguyễn Huỳnh Trang (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đánh giá là một khía cạnh quan trọng của quá trình dạy và học nhằm thu thập thông dịch và phân tích hiệu suất của học sinh. Đánh giá có nghĩa là đóng góp cho học sinh học tập và do đó cần được tích hợp trong quá trình dạy và học hàng ngày trong lớp học. Do đó, nghiên cứu hiện tại nhằm mục đích điều tra làm thế nào các giáo viên tiểu học EFL thực hành đánh giá kết quả học tập của học sinh. Một nghiên cứu theo phương pháp hỗn hợp đã được thực hiện để giải quyết hai vấn đề: (1) các hình thức đánh giá học sinh phổ biến là gì Kết quả học tập được giáo viên tiểu học EFL sử dụng và (2) lý do nào khiến giáo viên chọn các hình thức đánh giá này. Có 50 giáo viên ở thành phố Cần Thơ tham gia nghiên cứu. Một bảng câu hỏi và phỏng vấn được thiết kế và phân tích định lượng để tìm ra các hình thức đánh giá học sinh phổ biến Kết quả học tập của giáo viên tiểu học EFL và lý do tại sao giáo viên chọn các hình thức đánh giá này.
8830	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của hệ thống Lúa - Tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Trần, Ngọc Lâm	Trần Ngọc Lâm ; Đặng Kiều Nhân (cán bộ hướng dẫn)	2019	Hệ thống canh tác Lúa - Tôm (L-T) ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được xem là hệ thống canh tác bền vững, giúp cải thiện sinh kế của nông hộ dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH). Tuy nhiên, sự ổn định của hệ thống L-T còn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: nông hộ, chính quyền địa phương, sinh kế, môi trường sinh thái, giàu, nghèo, các hoạt động thích ứng,... Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của hệ thống lúa - tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của hệ thống L-T ở ĐBSCL, nhận ra xu hướng chung của phát triển hệ thống L-T trong các vùng khác nhau ở ĐBSCL, từ đó nhận ra những tác động và những nguyên nhân của những khó khăn cần giải quyết.
8831	Thạc sĩ	ELFhHigh school Teachers teaching communication and culture section in the pilot English textbook series :	Nguyễn, Thị Triệu	Nguyễn Thị Triệu ; Phạm Thị Hồng Nhung (Giáo viên hướng dẫn)	2019	Dạy văn hóa nên là một phần thiết yếu của việc dạy và học tiếng Anh vì văn hóa luôn được gắn kết và tích hợp vào bối cảnh học ngôn ngữ (Nault, 2006). Nghiên cứu này là một cuộc điều tra về nhận thức của giáo viên tiếng Anh ở trường trung học của Việt Nam về sự cần thiết phải cung cấp kiến thức văn hóa cho người học ngoại ngữ và cách giáo viên dạy phần Communication and Culture trong bộ sách giáo khoa mới. Đồng thời, bài nghiên cứu cũng nhằm tìm ra những khó khăn và giải pháp của giáo viên khi dạy phần Communication and Culture.
8832	Thạc sĩ	Đánh giá sự chuyển đổi các mô hình sử dụng đất có hiệu quả trong điều kiện xâm nhập mặn trên địa bàn thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng :	Huỳnh, Anh Võ	Huỳnh Anh Võ ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu xác định các yếu tố tác động đến sản xuất nông nghiệp trong điều kiện xâm nhập mặn và đề xuất các giải pháp và mô hình có hiệu quả trong điều kiện tác động của xâm nhập mặn tại Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu đã thu thập các số liệu về tình hình sản xuất nông nghiệp và xâm nhập mặn tại vùng nghiên cứu. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 160 nông hộ là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại vùng nghiên cứu để tìm hiểu tình hình sử dụng đất nông nghiệp và những thuận lợi, khó khăn trong quá trình canh tác.

8833	Thạc sĩ	High school teachers' use of motivational strategies in English speaking lessons and factors affecting their practices :	Trần, Ngọc Phương Dung	Trần Ngọc Phương Dung ; Trần Quang Ngọc Thúy (Hướng dẫn khoa học)	2019	Động lực học là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự thành công của việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Giáo viên có thể tạo ra và tăng cường động lực học tập của học sinh thông qua các chiến lược khác nhau. Nghiên cứu này được thực hiện để điều tra cách giáo viên sử dụng các chiến lược thúc đẩy động lực học trong các bài dạy kỹ năng nói tiếng Anh, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn sử dụng MS, cũng như tìm hiểu nhận thức của giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các chiến lược này.
8834	Thạc sĩ	Pháp luật về miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu - Thực trạng và giải pháp :	Nguyễn, Thị Kim Pha	Nguyễn Thị Kim Pha ; Lê Thị Nguyệt Châu (Hướng dẫn khoa học)	2019	Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước, vì vậy trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm về vấn đề hoàn thiện chính sách và cơ chế thu thuế nói chung và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nói riêng để đáp ứng yêu cầu mới của sự phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Trong tình hình hiện nay, việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa diễn ra ngày càng đa dạng và phong phú, chính vì vậy, Đảng và Nhà nước cũng chú trọng, quan tâm đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững bằng nhiều biện pháp, một trong những biện pháp đó là quy định về miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu.
8835	Thạc sĩ	Xác định các yếu tố tác động đến mức sẵn lòng trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành không biến đổi gen ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Lan Hương	Trần Thị Lan Hương ; Tống Yên Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm Xác định các yếu tố tác động đến mức sẵn lòng trả của người tiêu dùng cho sản phẩm sữa đậu nành không biến đổi gen ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”, qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về rủi ro sức khỏe liên quan đến thực phẩm biến đổi gen và thúc đẩy việc sản xuất thực phẩm an toàn trên cả nước nói chung và địa bàn thành phố Cần Thơ nói riêng. Đề tài nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling): dựa trên tính dễ tiếp cận của đối tượng, ở những nơi điều tra có khả năng gặp được nhiều đối tượng như quán cà phê, công viên và khu công nghiệp để tập hợp 10 người xin thực hiện cuộc đấu giá sản phẩm sữa đậu nành không bị biến đổi gen.
8836	Thạc sĩ	Ảnh hưởng đồng thời của điện trường vuông góc và song song lên cấu trúc vùng năng lượng của zigzag graphene hai lớp nanoribbons :	Huỳnh, Thị Huyền Trân	Huỳnh Thị Huyền Trân ; Vũ Thanh Trà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Ngày nay, công nghệ điện tử ngày càng phát triển mạnh mẽ, sự phát triển này mang đến những lợi ích to lớn như: tăng tốc độ xử lý số liệu, khả năng kết nối giữa người với người, kết nối giữa người với máy móc... điều này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của lĩnh vực công nghệ điện tử đòi hỏi các nhà khoa học không ngừng tìm kiếm, khám phá ra những loại vật liệu mới ưu việt hơn để thay thế cho những vật liệu trước đó. Những vật liệu này giúp giảm kích thước linh kiện tạo sự gọn nhẹ cho sản phẩm nhưng lại phải tăng số lượng chip trên một đơn vị diện tích để tăng tốc độ xử lý. Silicon là loại vật liệu quen thuộc được dùng rộng rãi trong công nghệ điện tử, tuy nhiên công cuộc khai thác ứng dụng của silicon đang dần tới giới hạn vật lý của nó, không thể thu nhỏ hơn được nữa.

8837	Thạc sĩ	Khảo sát năng lực tạo lập văn bản thuyết minh của học sinh lớp 10 trên địa bàn thành phố Cần Thơ – Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp :	Nguyễn, Hồng Lãm	Nguyễn Hồng Lãm ; Nguyễn Thị Hồng hạnh (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích khảo sát năng lực tạo lập văn bản thuyết minh của học sinh lớp 10 trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Trước tiên, chúng tôi tiến hành lập kế hoạch khảo sát, chọn địa điểm khảo sát, xây dựng nội dung khảo sát. Sau đó, trên cơ sở chuẩn bị, chúng tôi tiến hành khảo sát tại trường THPT Bùi Hữu Nghĩa thành phố Cần Thơ thông qua hình thức cho học sinh và giáo viên làm phiếu khảo sát, phỏng vấn học sinh và dự giờ giáo viên. Với luận văn này, chúng tôi hướng đến mục tiêu giúp học sinh nắm bắt được kiến thức lí thuyết về văn bản thuyết minh, quá trình tạo lập văn bản thuyết minh qua đó nâng cao kỹ năng tạo lập văn bản của học sinh.
8838	Thạc sĩ	Hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm của pháp nhân thương mại :	Nguyễn, Anh Thư	Nguyễn Anh Thư ; Phạm Văn Beo (Hướng dẫn khoa học)	2019	Trong bối cảnh hiện nay, nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đặc biệt với việc Việt Nam gia nhập tổ chức WTO, AFTA, AEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ... Song song đó, là việc mở rộng hoạt động giao lưu, trao đổi thương mại quốc tế, xóa bỏ hàng rào thuế quan giữa các nước trong khu vực ASEAN, hàng hóa sẽ được tạo điều kiện lưu thông tốt hơn. Đồng thời kéo theo khả năng xâm nhập lớn hơn của các loại hàng giả, hàng kém chất lượng từ các nước khác.
8839	Thạc sĩ	Khảo sát ảnh hưởng của giống lúa và mật độ sạ lên sự phát triển mật số của nhện gié Steneotarsonemus spinki (Smiley) gây hại lúa :	Nguyễn, Thanh Long	Nguyễn Thanh Long ; Lăng Cảnh Phú (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài được thực hiện trong điều kiện nhà lưới và phòng thí nghiệm từ tháng 08/2018 đến tháng 06/2019 nhằm đánh giá ảnh hưởng của giống lúa và mật độ sạ lên sự phát triển mật số nhện gié Steneotarsonemus spinki (S. spinki). Qua điều tra hiện trạng canh tác lúa và tình hình gây hại của nhện gié S. spinki tại 12 huyện thuộc 4 tỉnh An Giang, Long An, Kiên Giang và Đồng Tháp, ghi nhận đất canh tác là đất phù sa, nông dân canh tác chủ yếu là chuyên canh 2 và 3 vụ lúa trong năm với phương pháp sạ lan, có vệ sinh đồng ruộng trước khi gieo sạ và lượng giống gieo sạ phổ biến trong khoảng từ 120-200 kg/ha.

8840	Thạc sĩ	Vận dụng một số kĩ thuật dạy học hướng dẫn học sinh trong tiến trình đọc văn bản văn xuôi nhằm phát triển năng lực đọc :	Liêu, Ngọc Châu	Liêu Ngọc Châu ; Nguyễn Văn Nở (Hướng dẫn khoa học)	2019	Giáo dục thời hội nhập là giáo dục chú trọng đến dạy học theo hướng phát triển năng lực cho người học. Chính vì vậy, việc giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học hướng đến phát triển năng lực cho HS là một vấn đề luôn được quan tâm trong giảng dạy và nghiên cứu hiện nay. Tuy nhiên, trong nhà trường PT, việc sử dụng phương pháp dạy học được nhiều GV chú ý quan tâm sử dụng, nhưng các kĩ thuật dạy học thì ít GV quan tâm và sử dụng, trong đó có cả môn Ngữ văn. Chính vì thế, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu “Vận dụng các kĩ thuật dạy học hướng dẫn HS trong tiến trình đọc văn bản văn xuôi nhằm phát triển năng lực đọc”. Khi tiến hành nghiên cứu, chúng tôi đi sâu nghiên cứu: Cơ sở lí luận về đọc hiểu, năng lực đọc hiểu, văn bản văn xuôi ở nhà trường phổ thông, một số kĩ thuật dạy học hướng dẫn HS trong tiến trình đọc văn bản văn xuôi; Thiết kế giáo án vận dụng kĩ thuật dạy học hướng dẫn HS trong tiến trình đọc văn bản văn xuôi nhằm phát triển năng lực đọc; Tiến hành thực nghiệm ở đối tượng HS lớp 11 để kiểm chứng hiệu quả của việc vận dụng các kĩ thuật dạy học hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản. Qua thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy việc sử dụng kĩ thuật dạy học hướng dẫn HS trong tiến trình đọc văn bản văn xuôi đã tạo ít nhiều sự hứng thú cho học sinh, quan trọng hơn hết là các kĩ thuật dạy học này đã phát triển được năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh.
8841	Thạc sĩ	Tổng hợp và khảo sát tính chất của vật liệu Nano SnO ₂ pha tạp Eu và Mn :	Nguyễn, Thanh Lam	Nguyễn Thanh Lam ; Đỗ Quang Trung, Nguyễn Trí Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tổng hợp thành công vật liệu nano SnO ₂ pha tạp Eu ³⁺ và Mn ²⁺ bằng phương pháp thủy nhiệt. Vật liệu được đem đo nhiễu xạ tia X (XRD), ảnh hiển vi điện tử quét (FESEM), phổ huỳnh quang (PL) để xác định cấu trúc mạng, kích thước tinh thể, hình thái và tính chất quang. Nhiệt độ ủ và nồng độ pha tạp có ảnh hưởng đáng kể đến tính chất, cấu trúc vật liệu nano. Vật liệu SnO ₂ :Eu ³⁺ có kích thước tinh thể tăng từ 8 nm lên 39 nm khi tăng nhiệt độ ủ từ 200 °C – 1000 °C, phổ huỳnh quang cho thấy các đỉnh phát xạ lưỡng cực từ ở 586 nm, 591nm, 597 nm (⁵ D ₀ 7F ₁) và lưỡng cực điện ở 607 nm (⁵ D ₀ → ⁷ F ₂) đặc trưng của ion Eu ³⁺ . Vật liệu SnO ₂ :Mn ²⁺ có kích thước tinh thể tăng từ 8 nm lên 35 nm khi tăng nhiệt độ ủ từ 200 °C – 1000 °C, phổ huỳnh quang cho thấy phát xạ trong vùng khả kiến 470 – 625 nm do những sai hỏng, khuyết tật oxy.
8842	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của liều lượng và loại chế phẩm phân đạm đến năng suất lúa và phát thải khí CH ₄ và N ₂ O trên đất nhiễm mặn tại huyện Trần Đề, Sóc Trăng :	Vũ, Ngọc Minh Tâm	Vũ Ngọc Minh Tâm ; Ngô Ngọc Hưng, Trịnh Quang Khương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Chế phẩm phân đạm chứa chất ức chế enzyme urease nBTPT và chất ức chế tiên trình nitrate hóa DCD được nghiên cứu và ứng dụng ở nhiều nơi cho thấy hiệu quả sử dụng phân đạm được gia tăng đồng thời giảm sự phát thải khí nhà kính. Đề tài được thực hiện trên đất lúa nhiễm mặn ở Trần Đề, Sóc Trăng trong vụ Hè Thu 2018 và Đông Xuân 2018 -2019. Mục tiêu đề tài: (1) Đánh giá hiệu quả của các chế phẩm phân bón có phối trộn nBTPT và DCD đến năng suất lúa và hiệu quả kinh tế; và (2) Đánh giá ảnh hưởng của sử dụng các chất ức chế đến khả năng phát thải CH ₄ và N ₂ O trên đất lúa.

8843	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục sử dụng ứng dụng mua sắm trên thiết bị di động của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Hà Giang	Nguyễn Thị Hà Giang ; Lê Tấn Nghiêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục sử dụng ứng dụng mua sắm trên thiết bị di động của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ” dựa trên lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng mô hình công nghệ được Venkatesh et al (2003) phát triển. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục sử dụng ứng dụng mua sắm trên thiết bị di động của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ và đề xuất các hàm ý quản trị để cải thiện ứng dụng mua sắm trên thiết bị di động.
8844	Thạc sĩ	The Effect of a text-driven approach to task-based language teaching on EFL teenager learners’ reading comprehension :	Đặng, Thị Kim Thành	Đặng Thị Kim Thành ; Nguyễn Văn Lợi (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra xem việc sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên văn bản để giảng dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ có thể tăng cường khả năng đọc hiểu của người học Tiếng Anh như là một ngoại ngữ ở độ tuổi thiếu niên hay không. Nó dựa trên cách tiếp cận dựa trên văn bản được đề xuất bởi Tomlinson, để thiết kế các nhiệm vụ giảng dạy một khóa học tiếng Anh cho một lớp nguyên vẹn gồm 31 học viên thiếu niên (tuổi từ 14-16) trong một trung tâm ngôn ngữ. Một lớp khác với 31 người học khác đóng vai trò là nhóm kiểm soát. Nghiên cứu đã so sánh điểm số bài kiểm tra sau thực nghiệm về khả năng đọc hiểu của cả hai nhóm trong hơn 13 tuần thực nghiệm trong đó các học viên đã tham gia việc học với cách tiếp cận dựa trên văn bản để học tập dựa trên nhiệm vụ. Kết quả cho thấy, điểm số kiểm tra khả năng đọc hiểu trong nhóm thực nghiệm cao hơn điểm số kiểm tra khả năng đọc hiểu sau thực nghiệm trong nhóm kiểm soát.
8845	Thạc sĩ	Ứng dụng vi khuẩn Bacillus spp. Để quản lý bệnh đạo ôn và cháy bìa lá lúa tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ	Võ, Minh Luân	Võ Minh Luân ; Trần Vũ Phấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2018 nhằm đánh giá hiệu quả của chế phẩm sinh học từ vi khuẩn Bacillus spp. Khi được xử lý với khoảng cách thời gian khác nhau trong kiểm soát bệnh cháy bìa lá do vi khuẩn Xanthomons oryzae pv. oryzae (Xoo) và bệnh đạo ôn do nấm Pyricularia oryzae gây ra Khả năng đối kháng của các chủng Bacillus trong chế phẩm được đánh giá trong điều kiện phòng thí nghiệm của bộ môn Bảo vệ thực vật. Khoa Nông nghiệp. Trường Đại học Cần Thơ.
8846	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất đậu nành rau trên địa bàn tỉnh An Giang :	Lê, Hoàng Anh Tuấn	Lê Hoàng Anh Tuấn ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất Đậu nành rau tỉnh An Giang” với mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ sản xuất Đậu nành rau tỉnh An Giang, sử dụng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên Cobb – Douglas kết hợp với hàm phi hiệu quả kỹ thuật theo phương pháp ước lượng một giai đoạn bằng phần mềm Frontier 4.1 dựa trên bộ số liệu thu thập phỏng vấn trực tiếp 70 nông hộ sản xuất Đậu nành rau tại 2 huyện Châu Phú và Chợ Mới nơi có diện tích trồng Đậu nành rau lớn nhất tỉnh An Giang.

8847	Thạc sĩ	EFL students' perceptions of teachers' use of warm up activities in language classroom :	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ; Nguyễn Thị Phương Nam (Hướng dẫn khoa học)	2019	Các hoạt động khởi động thường được gọi là các hoạt động trong lớp trong một thời gian dài trong lĩnh vực giảng dạy và học tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài. Đóng góp quan trọng của họ để tạo điều kiện cho quá trình tiếp thu ngôn ngữ của người học tiếng Anh đã được chứng minh trong văn học. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có bất kỳ nghiên cứu tương tự nào được thực hiện trong bối cảnh của một trường đại học ở đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra các sinh viên EFL Nhận thức về giáo viên của họ về việc sử dụng các hoạt động khởi động trong lớp học tiếng Anh.
8848	Thạc sĩ	Xác định khả năng chịu mặn của một số loài cỏ trong điều kiện nhà lưới :	Phạm, Thị Hân	Phạm Thị Hân ; Ngô Thụy Diễm Trang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm (i) đánh giá khả năng chịu mặn NaCl của bốn loài cỏ ngập nước (Bồn bồn, cỏ Bàng, Năn bộp và Năn tượng); và (ii) đánh giá khả năng chịu mặn NaCl của ba loài cỏ thức ăn gia súc (cỏ Lông tây, cỏ Paspalum và cỏ sữa Setaria). Cây được trồng bằng phương pháp thủy canh trong dung dịch dinh dưỡng Hoagland ở bốn mức nồng độ mặn 5, 10, 15 và 20‰, với nghiệm thức đối chứng (ĐC) là dung dịch dinh dưỡng không bổ sung NaCl (0‰). Tương ứng với lượng NaCl bổ sung cho năm nghiệm thức là 0; 2,4; 6,9; 12,6 và 18,0 g NaCl/L. Mức nồng độ mặn 5‰ (2,4 g NaCl/L) được tăng dần mỗi tuần đến khi đạt mức 20‰. Hai thí nghiệm này được bố trí cùng thời điểm và trong điều kiện nhà lưới theo kiểu bố trí nhân tố hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại.
8849	Thạc sĩ	Bước đầu đánh giá ảnh hưởng của nước tưới từ tính đến một số tính chất hóa học đất và năng suất cải xanh (Brassica juncea L.) trồng trên đất phù sa nhiễm mặn trong điều kiện nhà lưới :	Trần, Văn Nhân	Trần Văn Nhân ; Nguyễn Minh Đông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Sử dụng nước nhiễm mặn tưới cho cây trồng là nguyên nhân làm mặn hóa đất. Tưới nước từ tính, là nước được xử lý bằng cách cho nước bình thường chạy qua trường điện từ, là một giải pháp hữu ích để khắc phục vấn đề này. Đề tài được thực hiện qua 3 thí nghiệm nhằm mục tiêu: (i) Thử nghiệm khả năng xử lý nước sông nhiễm mặn của hệ thống tích hợp điện phân và từ trường trên 3 mẫu nước sông nhiễm mặn nhân tạo (0, 3 và 5‰), (ii) Thử nghiệm trong cột đất nhằm đánh giá khả năng rửa mặn đất phù sa bị nhiễm mặn bằng nước đã được xử lý điện từ trường kết hợp bón bổ sung vôi (CaCO_3) và (iii) Đánh giá hiệu quả của nước tưới từ tính trong cải thiện hóa học đất phù sa nhiễm mặn, sinh trưởng và năng suất cải xanh trong điều kiện nhà lưới.
8850	Thạc sĩ	Pháp luật về bảo vệ quyền của người gửi tiền tại các tổ chức tín dụng :	Huỳnh, Thị Thắm	Huỳnh Thị Thắm ; Lê Vũ Nam (Hướng dẫn khoa học)	2019	Việt Nam đang thực hiện công cuộc đổi mới, trong quá trình hội nhập quốc tế đặc biệt là sau khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đối với nền kinh tế nói chung và hệ thống tổ chức tín dụng nói riêng đã đặt ra nhiều cơ hội to lớn nhưng cũng tiềm ẩn nhiều thách thức. Những cơ hội đến từ hội nhập nếu được tận dụng tốt có thể đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển tới một tầm cao mới. Bên cạnh đó, thách thức được đặt ra cũng không ít. Nếu không vượt qua những thách thức này, hệ thống tổ chức tín dụng sẽ phát triển thiếu ổn định, kém hiệu quả và có thể dẫn tới sự sụp đổ của thị trường tài chính Việt Nam. Bảo vệ quyền của người gửi tiền có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc phòng ngừa rủi ro cho hệ thống tín dụng, đảm bảo sự an toàn nền tài chính - tiền tệ quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội.

8851	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tạo lập văn bản nghị luận bằng biện pháp phân tích mẫu cho học sinh THCS :	Huỳnh, Minh Khánh	Huỳnh Minh Khánh ; Nguyễn Hoa Bằng (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài chúng tôi thực hiện với mục đích nghiên cứu phương pháp dạy học bằng biện pháp phân tích mẫu đạt được hiệu quả như thế nào đối với việc phát triển năng lực tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh THCS. Hiện nay, năng lực tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh còn nhiều hạn chế, để khắc phục những hạn chế đó đòi hỏi giáo viên cần có những phương pháp dạy học phù hợp. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn biện pháp phân tích mẫu nhằm giúp cho học sinh phát triển được năng lực tạo lập văn bản nghị luận.
8852	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng phòng trừ nhện gié Steneotarsonemus spinki (Smiley) gây hại trên lúa của vi khuẩn phát huỳnh quang	Bùi, Thị Huyền Trang	Bùi Thị Huyền Trang ; Nguyễn Văn Huỳnh (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài được thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2019 trong điều kiện phòng thí nghiệm thuộc Bộ môn Bảo vệ thực vật, trường Đại học Cần Thơ với mục tiêu: Tìm ra các chủng vi khuẩn Pseudomonas phát huỳnh quang trong thân và xung quanh vùng rễ của cây lúa và cây cỏ có khả năng phòng trừ nhện gié trong điều kiện phòng thí nghiệm. Là tiền đề cho các nghiên cứu và ứng dụng chúng như một tác nhân sinh học trong phòng trừ nhện gié, góp phần giảm thiểu sử dụng thuốc hóa học, bảo vệ môi trường.
8853	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất lúa của nông dân trong và ngoài Hợp tác xã nông nghiệp Phước Trung, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang :	Phan, Thành Lâm	Phan Thành Lâm ; Vũ Anh Pháp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Trong thời gian qua, nông dân sản xuất lúa ở Hậu Giang chủ yếu là nhỏ lẻ, không sản xuất theo quy trình kỹ thuật chung, chất lượng không đồng đều, số lượng ít nên ảnh hưởng đến giá bán và thu nhập. Do đó nông dân phải tổ chức lại sản xuất, cùng nhau tham gia hợp tác xã áp dụng quy trình canh tác nhằm tạo ra khối lượng hành hóa lớn, chất lượng đồng đều, giảm chi phí, góp phần tăng thu nhập cho nông hộ và cải tiến chuỗi ngành hàng lúa gạo.
8854	Thạc sĩ	Xác định đặc điểm Probiotic của vi khuẩn được phân lập từ cá tra nuôi (Pangasianodon hypophthalmus) :	Nguyễn, Thị Ánh Ngọc	Nguyễn Thị Ánh Ngọc ; Phạm Thị Tuyết Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Xác định đặc điểm Probiotic của vi khuẩn được phân lập từ cá tra nuôi (Pangasianodon hypophthalmus)” đã được thực hiện tại công ty Nam Việt. Nghiên cứu này nhằm chọn lọc vi khuẩn có khả năng phân hủy hữu cơ và kháng vi khuẩn gây bệnh tạo cơ sở cho việc sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ nuôi cá tra tại vùng nuôi An Giang. Nội dung của đề tài xác định đặc tính Probiotic của các chủng vi khuẩn phân lập được từ ao nuôi cá tra thâm canh. Kết quả đã chọn lọc được 1 chủng Bacillus subtilis B3CT và 1 chủng Lactobacillus plantarum L3 có khả năng phân hủy hữu cơ và kháng khuẩn tốt. Tiếp đó một thí nghiệm kiểm chứng được thực hiện trong bể xi măng với 3 nghiệm thức: (1) đối chứng (không bổ sung vi khuẩn); (2) nghiệm thức bổ sung kết hợp Bacillus subtilis B3CT và Lactobacillus plantarum L3 với tỉ lệ 50/50. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống của cá ở nghiệm thức có bổ sung vi khuẩn (85,21%) cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức không bổ sung vi khuẩn (70,75%). Tốc độ tăng trưởng tương đối của cá ở nghiệm thức có bổ sung vi khuẩn (0,267±0,02 g/ngày) tốt hơn nghiệm thức không bổ sung vi khuẩn (0,228±0,01 g/ngày). Hệ số chuyển hóa thức ăn (FCR) ở nghiệm thức bổ sung vi khuẩn (0,86) thấp hơn có ý nghĩa thống kê (p<0,05) so với nghiệm thức không bổ sung (1,25).

8855	Thạc sĩ	Nghiên cứu kỹ thuật ương cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn hương lên giống trong điều kiện có mái che :	Hứa, Huy Bình	Hứa Huy Bình ; Võ Nam Sơn, Nguyễn Thanh Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Cải tiến kỹ thuật ương cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) giai đoạn hương lên giống góp phần nâng cao tỉ lệ sống và chất lượng giống. Nghiên cứu được thực hiện trong bể có mái che nhằm ổn định nhiệt độ nước. Nghiên cứu được thực hiện với 2 thí nghiệm Thí nghiệm 1 gồm 3 nghiệm thức ương cá trong điều kiện (i) nhà lưới có che tôn sáng và lưới bao quanh để giữ nhiệt, (ii) mái che chỉ có che tôn sáng, (iii) ngoài trời hoàn toàn, với 4 lần lặp lại được bố trí ngẫu nhiên. Cá hương trong thí nghiệm có khối lượng trung bình $4,42 \pm 2,06$ g/con, ương trong bể composite có thể tích 2m^3 , thời gian ương là 60 ngày. Thí nghiệm 2 bố trí 3 nghiệm thức với 3 mật độ khác nhau là 800 con/ m^3 , 1.200 con/ m^3 và 1.600 con/ m^3 trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm được bố trí 3 lần lặp lại, ương trong bể composite có thể tích 2m^3 , thời gian ương là 60 ngày, cá tra hương có khối lượng trung bình $3,67 \pm 1,74$ g/con.
8856	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của bột dinh dưỡng lên thành phần và mật độ phiêu sinh vật trong bể ương cá tra (Pangasianodon hypophthalmus)	Hà, Đức Sơn	Hà Đức Sơn ; Nguyễn Văn Triều (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định loại và liều lượng bột dinh dưỡng bổ sung trong ương cá tra giống giai đoạn bột lên hương đến sự phát triển của phiêu sinh vật làm thức ăn tự nhiên cho cá. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2019 với 2 thí nghiệm bao gồm (1) ảnh hưởng loại bột dinh dưỡng lên thành phần và mật độ phiêu sinh vật trong ương cá tra tương ứng với 3 nghiệm thức: NT-SUPASTOCK®, NT-TÃ Micro 0 và NT-Aqua Moina; (2) xác định liều lượng bột dinh dưỡng ảnh hưởng lên thành phần và mật độ phiêu sinh vật trong ương cá tra: NT-1 lần (ĐC), NT-0,5 lần và NT-2 lần. Mỗi nghiệm thức được lặp lại 3 lần. Kết quả thí nghiệm 1, TVPD ghi nhận được 115 loài tảo thuộc 5 ngành, thành phần loài, mật độ tảo lục chiếm ưu thế và tảo giáp thấp nhất; ĐVPD phát hiện 100 loài thuộc 4 nhóm, Rotifera chiếm cao nhất. Chiều dài cá, kích cỡ miệng và khối lượng thân cá ở NT-SUPASTOCK® cao hơn và không khác biệt ($p < 0,05$) so với 2 NT-TÃ Micro 0 và NT-Aqua Moina; thí nghiệm 2, TVPD ghi nhận được 177 loài tảo thuộc 5 ngành, thành phần loài, mật độ tảo lục chiếm ưu thế và tảo giáp thấp nhất; ĐVPD phát hiện 117 loài thuộc 4 nhóm, Rotifera chiếm cao nhất. Chiều dài cá, kích cỡ miệng và khối lượng thân cá ở NT-1 lần (ĐC) cao hơn và không khác biệt ($p < 0,05$) so với 2 NT-0,5 lần và NT-2 lần. Nghiệm thức Aqua Moina và NT-2 lần tảo lam và Protozoa phát triển rất cao về các ngày cuối thí nghiệm.

8857	Thạc sĩ	Xác định khả năng xử lý nước của vi khuẩn Bacillus phân lập từ ao nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus).	Nguyễn, Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà ; Phạm Thị tuyết Ngân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định khả năng xử lý nước của vi khuẩn Bacillus phân lập từ ao nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus), được thực hiện gồm 3 nội dung. Nội dung 1: Phân lập các dòng vi khuẩn thuộc giống Bacillus từ ao nuôi cá tra thịt. Nội dung 2: Kiểm tra hoạt tính probiotic của các dòng vi khuẩn Bacillus sau khi được phân lập trong phòng thí nghiệm, chọn lọc dòng vi khuẩn tốt nhất để tăng sinh. Nội dung 3: Đánh giá hiệu quả xử lý của vi khuẩn Bacillus (B77), biến động mật độ vi khuẩn, tỷ lệ sống và tăng trưởng của cá trong ương nuôi cá tra giống trên bể. Ở nội dung 1: Phân lập các dòng vi khuẩn thuộc giống Bacillus từ ao nuôi cá tra thịt kết quả đã thu thập được 77 chủng vi khuẩn. Ở nội dung 2, đã chọn lọc được một chủng Bacillus subtilis ký hiệu là B77 có hoạt tính tốt hơn các chủng còn lại. Chủng B77 được nuôi tăng sinh trong phòng thí nghiệm và được sử dụng vào thí nghiệm 3. Nội dung 3: Các chỉ số nhiệt độ, pH, DO khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa các nghiệm thức. Chỉ số TAN, NH ₃ ở nghiệm thức có bổ sung B77 cao hơn nghiệm thức đối chứng và vượt ngưỡng cho phép nên đã được khống chế bằng cách thay nước vào ngày 30 và 40 của thí nghiệm. Chỉ số NO ₂ ở các bể đối chứng cao hơn các bể có bổ sung Bacillus B77. Nghiệm thức có bổ sung Bacillus chất lượng nước tốt hơn và khác biệt có ý nghĩa (p<0,05) so với đối chứng. Sau 45 ngày nuôi mật độ Bacillus và tổng vi khuẩn trong nước ở nghiệm thức B77 cao hơn ở ĐC. Tăng trưởng về khối lượng của cá tra giống ở nghiệm thức bổ sung vi khuẩn B77 (0,312±0,01 g/ngày) cao hơn ở đối chứng (0,261±0,01 g/ngày) và khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0.05). Tỷ lệ sống của cá khi bổ sung B77 (83,44 %) cũng cao hơn đối chứng (74,94%).
8858	Thạc sĩ	Nghiên cứu lên men sản phẩm rượu ca cao (Theobroma cacao) :	Nguyễn, Đoàn Ngọc Bích	Nguyễn Đoàn Ngọc Bích ; Nguyễn Bảo Lộc (cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu xây dựng quy trình lên men rượu từ dịch quả ca cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc kết hợp lên men của giống nấm men thương mại và giống men tự nhiên có sẵn trong dịch quả sẽ cho sản phẩm lên men có hương vị tốt được người tiêu dùng ưa chuộng. Đồng thời, quy trình lên men được thực hiện với một số thông số sau sẽ cho sản phẩm sau khi lên men có được các giá trị tốt nhất:

8859	Thạc sĩ	Tình hình bệnh Viêm phế quản truyền nhiễm và khả năng đáp ứng miễn dịch sau khi tiêm phòng ở gà thương phẩm tại tỉnh Sóc Trăng và Tiền Giang	Huỳnh, Thị Ngọc Dũng	Huỳnh Thị Ngọc Dũng ; Nguyễn Phúc Khánh, Phạm Ngọc Du (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 ở 2 tỉnh Sóc Trăng và Tiền Giang. Nhằm mục đích xác định tình hình bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB), tính gây bệnh của virus IB; và đánh giá khả năng đáp ứng miễn dịch của gà sau khi phòng bệnh bằng 2 lần chủng ngừa vaccine Massachusetts H120 hoặc kết hợp vaccine Massachusetts H120 và vaccine 4/91. Kết quả kiểm tra 246 mẫu gà nghi mắc IB tại 2 tỉnh Tiền Giang và Sóc Trăng cho thấy tỷ lệ bệnh IB chiếm 50%; tỷ lệ bệnh ở giống gà Nòi lai là 77,27%, cao hơn gà màu (30,95%) ($P<0,05$). Ngoài ra kết quả nghiên cứu còn cho thấy có sự lưu hành của các chủng virus IB genotype Massachusetts, 793/B và QX-like ở Sóc Trăng (Các chủng phân lập được có độ tương đồng hơn 92% so với chủng tham chiếu); và chỉ có chủng QX-like được phát hiện ở Tiền Giang (với độ tương đồng 95% về nucleotide và amino acid). Kết quả đánh giá khả năng đáp ứng miễn dịch trên gà sử dụng quy trình chủng ngừa 2 lần vaccine Massachusetts H120 hoặc kết hợp vaccine Massachusetts H120 và vaccine 4/91 chứng tỏ sau 21 ngày tiêm phòng lần 2, hàm lượng kháng thể và tỷ lệ kháng thể dương tính ở gà được chủng ngừa là cao so với gà không được tiêm phòng. Hơn nữa không có sự khác biệt ý nghĩa về khả năng đáp ứng miễn dịch ở cả 2 quy trình. Kết quả kiểm tra triệu chứng lâm sàng, bệnh tích gà bệnh IB cho thấy gà bệnh biểu hiện các triệu chứng và bệnh tích trên đường hô hấp và tiết niệu như: thở khó, chảy nước mắt, nước mũi, viêm kết mạc mắt; xuất huyết khí quản (84,21%), phổi tụ huyết, xuất huyết (47,39%); viêm thận kẽ, thoái hóa tế bào thận.
8860	Thạc sĩ	Khảo sát quá trình thủy phân của enzyme amylase thương mại để sản xuất mật tinh bột sử dụng trong sản phẩm kẹo mềm :	Lê, Thanh Thúy	Lê Thanh Thúy ; Huỳnh Thị Phương Loan (cán bộ hướng dẫn)	2019	Qua thời gian thực hiện nghiên cứu, đề tài “Khảo sát quá trình thủy phân của enzyme amylase thương mại để sản xuất mật tinh bột sử dụng trong sản phẩm kẹo mềm” đã được hoàn thành, các kết quả đạt được như sau: Trong quá trình thủy phân tinh bột sản bằng enzyme α – amylase, dịch thủy phân có hàm lượng chất khô cao nhất là 20 ⁰ Bx, trong đó hàm lượng glucose là 7,1 % và maltose là 12,4%, chỉ số DE là 93,36.
8861	Thạc sĩ	Khảo sát tình hình bệnh dại tại tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Lê Nhật Trường	Nguyễn Lê Nhật Trường ; Trần Ngọc Bích (Hán bộ hướng dẫn)	2019	Bệnh dại là một bệnh lây truyền trực tiếp từ động vật sang người và có hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe của con người và động vật. Xác định mối quan hệ giữa tiêm phòng dại trên chó và bệnh dại trên người. Đánh giá nhận thức của cộng đồng về hiểu biết cách phòng chống bệnh dại, khảo sát tình hình chó mắc bệnh dại. Nghiên cứu thực hiện từ tháng 10/2018 đến tháng 04/2019. Các số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập bằng cách điều tra cắt ngang trên chó được nuôi dưỡng tại tỉnh Cà Mau, điều tra hồi cứu số ca tử vong do chó mắc bệnh dại cắn và phỏng vấn trực tiếp. Những người trả lời cho các cuộc khảo sát trong nghiên cứu này là những chủ chó và người dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

8862	Thạc sĩ	Tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thế Minh Châu	Nguyễn Thế Minh Châu ; Nguyễn Thiện Phong (cán bộ hướng dẫn)	2019	Với mục tiêu đánh giá tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ, bài phân tích được thực hiện dựa trên dữ liệu thu thập về thành phố Cần Thơ từ năm 1995 – 2017 thông qua Niên giám thống kê của thành phố. Tác giả đã sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với 3 biến độc lập là đầu tư Nhà nước, đầu tư tư nhân và đầu tư có vốn nước ngoài để xem xét mức độ tác động của đầu tư công đến tăng trưởng của thành phố Cần Thơ.
8863	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm gas Petrolimex tại thị trường quận Ô Môn, tp Cần Thơ :	Huỳnh, Thanh Nam	Huỳnh Thanh Nam ; Quan Minh Nhựt (cán bộ hướng dẫn)	2019	Luận văn “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mua sản phẩm gas Petrolimex của NTD tại địa bàn Quận Ô Môn, TP Cần Thơ bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng (stratified sampling). Số liệu được thu thập từ 205 khách hàng là những hộ gia đình đã và đang sử dụng gas Petrolimex tại địa bàn ba phường là Phường Châu Văn Liêm (100 hộ), hai phường còn lại là Phường Phước Thới (65 hộ) và Thới Long (40 hộ).
8864	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng phòng trị của các chủng xạ khuẩn đối với bệnh thối củ khoai môn do vi khuẩn Erwinia sp. gây ra	Lê, Minh Phương	Lê Minh Phương ; Lê Minh Tường (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới thuộc bộ môn Bảo vệ thực vật, trường Đại học Cần Thơ từ tháng 06/2018 đến tháng 9/2019 nhằm tìm ra chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh thối củ khoai môn do vi khuẩn Erwinia sp. gây ra. Kết quả đã phân lập được 8 chủng vi khuẩn Erwinia spp. từ những mẫu cây khoai môn có ghi nhận triệu chứng bị bệnh thối củ tại tỉnh Đồng Tháp và An Giang. Khả năng gây hại của 8 chủng vi khuẩn trên được thực hiện trong điều kiện nhà lưới. Kết quả cho thấy, chủng ErĐT4 (được thu thập tại xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp) là chủng vi khuẩn thể hiện khả năng gây hại cao nhất trong 8 chủng vi khuẩn phân lập với tỷ lệ diện tích vết bệnh là 77,79% ở thời điểm 4 ngày sau khi lây bệnh nhân tạo.
8865	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của Ergothioneine trích ly từ nấm kim châm, điều kiện rang và bảo quản đến chất lượng bột gạo mầm rang :	Huỳnh, Thiên Trúc	Huỳnh Thiên Trúc ; Nguyễn Công Hà (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Rang là công đoạn quan trọng trong quy trình chế biến bột gạo mầm rang từ giống lúa IR50404, dưới tác dụng của nhiệt độ và thời gian sẽ góp phần tạo màu sắc, mùi vị của sản phẩm. Gạo mầm được rang ở 160°C, 200°C, 240°C với thời gian 10 phút, 20 phút, 30 phút. Kết quả nghiên cứu cho thấy, gạo mầm rang ở 200°C trong 30 phút có chất lượng bột tốt nhất về giá trị cảm quan và hàm lượng γ -aminobutyric acid (GABA).
8866	Thạc sĩ	Xây dựng ứng dụng mô hình hóa và mô phỏng dòng thông tin với tiếp cận LINQ	Trần, Anh Trí	Trần Anh Trí ; Nguyễn Hoàng Thuận, Nguyễn Hữu Hoàn (Hướng dẫn khoa học)	2019	Mô hình dòng thông tin LINQ được giới thiệu trong thời gian gần đây với các đặc điểm nổi bật như thể hiện tốt khung nhìn tổng quát, chỉ với bốn đối tượng chính là Thông tin, Hành động, Con người và Hệ thống, LINQ đã mô hình hóa được toàn bộ hoạt động của một tổ chức hay doanh nghiệp với đầy đủ các thành phần tham gia. Các đối tượng với các màu sắc đặc trưng giúp người dùng dễ dàng nhận biết. So sánh với các phương pháp mô hình hóa trước đây chỉ chú trọng đến việc làm sao để vẽ mô hình mà thiếu đi tính trực quan, tính dễ dàng tiếp cận đối với người sử dụng.

8867	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của độ mặn lên quần thể vi khuẩn vibrio tự nhiên ở vùng sông Mỹ Thanh :	Trần, Văn Trọng	Trần Văn Trọng ; Phạm Thị Tuyết Ngân (cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ mặn lên thành phần loài và sự phát triển của nhóm vi khuẩn gây bệnh Vibrio ở vùng sông Mỹ Thanh đã được thực hiện nhằm cung cấp thông tin về tác động tiêu cực của mầm bệnh Vibrio trong tự nhiên đến nuôi trồng thủy sản. Nội dung nghiên cứu bao gồm: (i) khảo sát biến động thành phần Vibrio trong tự nhiên ở vùng sông Mỹ Thanh được thực hiện thông qua 12 đợt thu mẫu (mẫu nước và bùn) (7/2017 – 6/2018) tại 3 điểm Cầu Nhu Gia (Nhu Gia), Cầu Mỹ Thanh 1 (Mỹ Thanh 1) và Cầu Mỹ Thanh (Mỹ Thanh 2), (ii) phân lập một số dòng vi khuẩn chính và định danh bằng kit API 20E; và (iii) khảo sát ảnh hưởng của độ mặn lên sự phát triển của các chủng vi khuẩn trong phòng thí nghiệm được bố trí với 9 nghiệm thức ở độ mặn khác nhau (5, 10, 15, 20, 25, 30,35, 40 và 45‰) với 3 lần lặp lại được thực hiện trên 6 chủng vi khuẩn được phân lập (3 chủng Vibrio cholerae: NG1.4, NG2.4 và NG2.7; 3 chủng Vibrio parahaemolyticus: NU1, MT3 và MT2.1).
8868	Thạc sĩ	Khảo sát tác động của Natri sulfite đến chất lượng mầm lúa IR50404 :	Nguyễn, Thành Lâm	Nguyễn Thành Lâm ; Nguyễn Công Hà (Giảng viên hướng dẫn)	2019	Ảnh hưởng của nồng độ và thời gian sử dụng phụ gia Natri sulfite (Na_2SO_3) trong quá trình xử lý (ngâm, ủ) có ảnh hưởng đến chất lượng quá trình nảy mầm của giống IR50404 được khảo sát. Kết quả cho thấy lúa được ngâm trong dung dịch Na_2SO_3 nồng độ 400 ppm ở nhiệt độ phòng ($30\text{ }^\circ\text{C} \pm 2\text{ }^\circ\text{C}$) trong 72 giờ sau đó ủ yếm khí, trong bóng tối ở nhiệt độ $37\text{ }^\circ\text{C}$ trong 48 giờ giúp làm giảm mật số tổng số vi sinh vật hiếu khí, nấm men nấm mốc và hàm lượng peroxyde. Tuy nhiên, nếu nồng độ natri sulfite càng cao sẽ càng làm ức chế hoạt tính enzyme α -amylase, protease và <u>hàm lượng GABA sinh ra</u> .
8869	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình sử dụng đất nông nghiệp bền vững ở 3 vùng sinh thái khác nhau tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu :	Trần, Minh Sự	Trần Minh Sự ; Lê Quang Trí (cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích cải thiện các mô hình sử dụng đất đai, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng bền vững, nghiên cứu được tiến hành. Vùng nghiên cứu là 03 vùng sinh thái nông nghiệp (mặn, lợ, ngọt) của huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

8870	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nâng cao tỷ lệ sống trong ương cá tra bột (Pangasianodon hypophthalmus) :	Võ, Thanh Toàn	Võ Thanh Toàn ; Phạm Thanh Liêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Các yếu tố ảnh hưởng đến tập tính ăn thịt lẫn nhau của cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) bột được khảo sát nhằm tìm kiếm các giải pháp nâng cao tỉ lệ sống (TLS) của cá tra. Trong tất cả các thí nghiệm, cá bột được cho ăn bằng thức ăn tự nhiên, và tảo được lấy từ bể nuôi cá rô phi. Với các mật độ ương khác nhau (5, 10, 15 và 20 cá/L), TLS đạt cao nhất (30,1%) ở mật độ ương 5 cá/L, nhưng tốc độ tăng trưởng lại không có sự khác biệt. TLS của cá tra bột chịu tác động tương tác có ý nghĩa ($p < 0,05$) của mật độ và kích cỡ con mồi, tỉ lệ sống cao nhất ($33,6 \pm 6,6\%$ và $27,9 \pm 1,9$) quan sát được khi cá ăn cỡ mồi 100-120 μm ở mật độ mồi là 10 và 15 con/mL. Tăng trưởng của cá không chịu ảnh hưởng của mật độ nhưng chịu ảnh hưởng bởi kích cỡ con mồi, tăng trưởng đạt cao nhất ($33,0 \pm 0,9 \%$ /ngày) ở các thí nghiệm thức ăn cỡ mồi 60-90 μm , điều này có thể do khả năng tiêu hóa thức ăn của cá bột trong giai đoạn ống tiêu hóa chưa hoàn thiện. Kết quả thí nghiệm cuối chứng minh rằng mật độ tảo cao có khả năng cải thiện tỉ lệ sống của cá tra bột. Mật độ tảo $1,0 \times 10^6$ tế bào/mL cho tỉ lệ sống cao nhất (33,1%) và khác biệt có ý nghĩa so với thí nghiệm thức ăn đối chứng và các mật độ tảo khác (0,15 đến 0,5 triệu tế bào/mL). Gia tăng mật độ tảo giúp cá bột phân tán đều trong bể nuôi, giảm cơ hội tiếp xúc giữa các cá thể và có ảnh hưởng gián tiếp đến giá trị dinh dưỡng của thức ăn tự nhiên.
8871	Thạc sĩ	Khảo sát sự biến đổi mật số vi sinh vật trong quá trình sản xuất cá tra đông IQF bằng phương pháp Mas (Microbial Assessment Scheme) :	Nhan, Thị Mỹ Hằng	Nhan Thị Mỹ Hằng ; Huỳnh Ngọc Thanh Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Cá Tra (Pangasius hypophthalmus) đã trở thành sản phẩm thủy sản cá nước ngọt có giá trị kinh tế cao. Sản lượng và giá trị xuất khẩu ngày càng gia tăng cá Tra đã và đang xuất khẩu rất nhiều nơi trên thế giới. Tuy nhiên, các thông tin khoa học về chất lượng vi sinh vật (vsv) của sản phẩm cá Tra phi lê còn nhiều hạn chế. Vì thế, sự biến đổi chất lượng vsv trong quá trình chế biến cá Tra tại nhà máy A và nhà máy B có qui mô sản xuất 100 tấn nguyên liệu/ngày được khảo sát trong suốt quá trình chế biến bằng kế hoạch đánh giá vsv (MAS).

8872	Thạc sĩ	Nghiên cứu giảm tỷ lệ lượng thức ăn viên và chế độ che sáng trong nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc :	Cao, Nhựt Trường	Cao Nhựt Trường ; Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ lượng thức ăn viên và cường độ ánh sáng thích hợp nhất cho sự sinh trưởng và tỷ lệ sống của tôm thẻ chân trắng để áp dụng vào thực tiễn sản xuất. Nghiên cứu gồm 02 thí nghiệm với mỗi nghiệm thức được lập lại 03 lần, bể nuôi có thể tích 10m ³ , thể tích nuôi 6m ³ , độ mặn 15‰, tỉ lệ C:N=12:1 được bố trí có mái che bằng cao su. Thí nghiệm 01 giảm lượng thức ăn viên, gồm 04 nghiệm thức (đối chứng, giảm 5%, giảm 10% và giảm 15% lượng thức ăn viên). Thí nghiệm 02 giảm chế độ che sáng, gồm 04 nghiệm thức (đối chứng, che 01 lớp lưới, che 02 lớp lưới và che 03 lớp lưới). Kết quả thí nghiệm 01 cho thấy nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên tôm có chiều dài 11,67 cm, khối lượng 14,66 g/con lớn nhất nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống (70,93%) và năng suất (3,79kg/m ³) của tôm ở nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với nghiệm thức đối chứng, tuy nhiên khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với 02 nghiệm thức còn lại. Hệ số thức ăn FCR của nghiệm thức giảm 5% lượng thức ăn viên (1,08) thấp nhất, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Kết quả thí nghiệm 02 cho thấy nghiệm thức không che lưới tôm có chiều dài 11,07cm, khối lượng 10,11g/con tương đối tốt nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Tỷ lệ sống (82,70%) và năng suất (4,17kg/m ³) của tôm ở nghiệm thức không che lưới khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) so với nghiệm thức che 03 lớp lưới, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với 02 nghiệm thức còn lại. Hệ số thức ăn FCR của nghiệm thức không che lưới (1,07) thấp nhất, khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) so với các nghiệm thức còn lại.
8873	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự phát triển ống tiêu hóa và bóng hơi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) giai đoạn cá bột lên cá hương :	Nguyễn, Thị Quỳnh	Nguyễn Thị Quỳnh ; Phạm Thanh Liêm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được tiến hành trên mẫu cá tra <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> (Sauvage, 1878) được thu từ 1 trại ương cá giống ở công ty cổ phần Nam Việt nhằm ghi nhận sự phát triển về hình thái và cấu trúc mô của ống tiêu hóa và bóng hơi từ giai đoạn cá mới nở đến 30 ngày tuổi. Cá được ương nuôi bằng thức ăn tự nhiên trong ao kết hợp với thức ăn nhân tạo.

8874	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của đồng (Cu^{2+}) trong điều kiện nhiệt độ cao đến loài giáp xác chân chèo Pseudodiaptomus annandalei :	Nguyễn, Thị Thanh Quyên	Nguyễn Thị Thanh Quyên ; Vũ Ngọc Út, Đinh Văn Khương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phơi nhiễm giáp xác chân chèo nhiệt đới Pseudodiaptomus annandalei với đồng (Cu^{2+} , có nồng độ 30 $\mu\text{g/L}$) ở hai điều kiện nhiệt độ (30 và 34 °C) qua hai thế hệ nhằm đánh giá ảnh hưởng của Cu^{2+} và nhiệt độ lên tỷ lệ sống, sinh sản và sinh trưởng của loài copepod P.annandalei. Nồng độ Cu^{2+} 30 $\mu\text{g/L}$ được chọn dựa trên kết quả của thí nghiệm kiểm tra độc cấp tính trong 24 giờ với các mức nồng độ Cu^{2+} (0, 30, 100, 250, 500, 750 $\mu\text{g/L}$). Chênh lệch nhiệt độ 4 °C mô phỏng mức tăng nhiệt độ dự đoán vào năm 2100 (kịch bản IPCC RPC8.5, 2013). Copepod cái mang trứng và copepod đực trưởng thành được tiếp xúc với một trong hai nồng độ đồng (0; 30 $\mu\text{g/L}$) ở 2 mức nhiệt độ 30 và 34 °C trong năm ngày. Sau đó copepod cái sống sót sẽ cho sinh sản ở nước biển sạch, thu copepod F_1 nuôi trong nước biển sạch ở 2 mức nhiệt độ tương ứng cho đến khi trưởng thành. Kết quả cho thấy: Ở thế hệ F_0 , tỉ lệ sống, sức sản xuất naupli bị giảm mạnh khi phơi nhiễm với Cu^{2+} , đặc biệt trong điều kiện nhiệt độ cao. So với đối chứng, tổng số naupli ở nghiệm thức Cu^{2+} giảm 12 lần ở 30°C và giảm 180 lần ở 34 °C. Tuy nhiên tốc độ dinh dưỡng của P.annandalei ở 34 °C cao hơn so với 30 °C. Ở thế hệ F_1 , số lượng cá thể phát triển đến giai đoạn trưởng thành thấp hơn ở các nghiệm thức Cu^{2+} - F_0 và nhiệt độ so với đối chứng. F_0 phơi nhiễm với Cu^{2+} làm F_1 phát triển thành cá thể có kích thước lớn hơn so với đối chứng. Trong khi đó, nhiệt độ cao làm P.annandalei sinh ra cá thể nhỏ hơn.
8875	Thạc sĩ	Khảo sát chỉnh lý bản đồ đất và đề xuất phân vùng phát triển cơ cấu cây trồng thành phố Vị Thanh, Hậu Giang :	Nguyễn, Trọng Tuệ	Nguyễn Trọng Tuệ ; Trần Văn Dũng (Giảng viên hướng dẫn)	2019	Khảo sát chỉnh lý bản đồ đất để thay đổi cơ cấu cây trồng là hướng đi mới trong sản xuất nhằm hạn chế thiệt hại rủi ro do tác động của môi trường đặc biệt với vùng đất bị nhiễm mặn, phèn như vùng đất Thành phố Vị Thanh tỉnh Hậu Giang. Đề tài được thực hiện trên địa bàn Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang mục tiêu đề tài là: (1) Xác định thực trạng đất, nước phục vụ cho sản xuất trồng lúa tại Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (đặc điểm thổ nhưỡng, chất lượng nguồn nước mặt và chế độ thủy văn). (2) Đề xuất phân vùng chi tiết cho chuyển đổi trồng lúa (hoặc cây trồng khác) phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, chế độ thủy văn trên địa bàn Thành phố. (3) Đề xuất các biện pháp cải tạo và nâng cao chất lượng đất ở các vùng đất chuyên trồng lúa, các vùng đất bỏ hoang chưa được khai thác và các khu vực có các mô hình canh tác không hiệu quả chuyển đổi sang trồng lúa.
8876	Thạc sĩ	Xây dựng chỉ số phát triển không gian thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh :	Võ, Chí Tài	Võ Chí Tài ; Phạm Thanh Vũ (cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện với 3 mục tiêu chính: (1). Thực trạng sử dụng đất và quá trình đô thị hóa thị trấn Cầu Kè giai đoạn 2010 – 2018; (2). Xác định chỉ số và đánh giá hiện trạng các chỉ số phát triển không gian thị trấn Cầu Kè năm 2018; (3). Phân tích và đề xuất hướng phát triển không gian thị trấn Cầu Kè. Với phương pháp chuyên gia qua phỏng vấn trực tiếp về xác định và phân cấp các chỉ số phát triển không gian thị trấn, ứng dụng kỹ thuật phân tích thứ bậc trong ra quyết định nhóm (AHP-GDM) để tính trọng số các chỉ số và sử dụng phương pháp GIS trong diễn giải và đánh giá hiện trạng các chỉ số qua xây dựng cơ sở dữ liệu bộ chỉ số và phân tích không gian.

8877	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng nấm bào ngư (<i>Pleurotus spp</i>) tiệt trùng trong bì PA :	Lê, Hùng Mến	Lê Hùng Mến ; Võ Tấn Thành (giảng viên hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng nấm bào ngư tiệt trùng trong bao bì PA được thực hiện tại phòng thí nghiệm. Nấm bào ngư được chần trong nước có bổ sung canxi clorua nồng độ từ 0, 0,5, 1,0, 1,5% tại các mức nhiệt độ 70, 80, 90°C và thời gian chần được lựa chọn dựa trên cấu trúc cần đạt được.
8878	Thạc sĩ	Sử dụng enzyme maltogenic amylase và cyclodextrin glycosyltransferase biến tính bột gạo mầm và thử nghiệm trên mô hình in Vivo	Nguyễn, Dương Thanh Bình	Nguyễn Dương Thanh Bình ; Nguyễn Công Hà (cán bộ hướng dẫn)	2019	Tốc độ tiêu hóa và hấp thu tinh bột quyết định phản ứng trao đổi trong quá trình tiêu hóa thực phẩm. Trong nghiên cứu, enzyme maltogenic amylase (MAase) và cyclodextrin glycosyltransferase (CGTase) được sử dụng để biến tính tinh bột trong gạo nảy mầm.
8879	Thạc sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm, hòa tan lân và chịu mặn trong rễ cây Vẹt (<i>Bruguiera sexangula</i>) và cây Dà (<i>Ceriops decandra</i>) ở rừng ngập mặn tỉnh Sóc Trăng	Lâm, Ngọc Tú	Lâm Ngọc Tú ; Cao Ngọc Diệp, Hồ Thành Tâm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm, hòa tan lân và chịu mặn trong rễ cây Vẹt (<i>Bruguiera sexangula</i>) và cây Dà (<i>Ceriops decandra</i>) ở rừng ngập mặn tỉnh Sóc Trăng” đã thực hiện, với kết quả phân lập được 68 dòng vi khuẩn từ 16 mẫu rễ trên 2 môi trường Burk không đạm và NBRIP ở dạng môi trường bán rắn qua sự xuất hiện của vòng pellicle cách bề mặt môi trường 1-2 mm. Khuẩn lạc vi khuẩn có hình dạng tròn, bìa nguyên, độ nổi mô, màu trắng (trên môi trường Burk không N) hay vàng nhạt (trên môi trường NBRIP), kích thước khuẩn lạc biến động từ 0,2 đến 3 mm. Tất cả vi khuẩn đều có khả năng chuyển động, gram âm, 36/68 dòng vi khuẩn có dạng hình que và 32/68 có dạng hình cầu. 38/68 dòng vi khuẩn phát triển trên môi trường NBRIP, 30/68 dòng vi khuẩn phát triển trên môi trường Burk không đạm và tất cả vi khuẩn đều không tạo siderophore. Kết quả chọn được 6 dòng vi khuẩn cố định đạm cao, 8 dòng hòa tan lân tốt, 9 dòng sản xuất IAA trên môi trường NBRIP không bổ sung tryptophan; trên môi trường Burk không đạm chọn được 11 dòng vi khuẩn hòa tan lân mạnh, 8 dòng sản xuất IAA trên môi trường này và không có tryptophan. Chín dòng vi khuẩn nội sinh tốt được chọn để nhận diện, giải trình tự đoạn gen 16s-rRNA và so sánh với các dòng vi khuẩn chuẩn trong ngân hàng dữ liệu NCBI qua phần mềm BLAST N. Kết quả cho thấy 9 dòng vi khuẩn nội sinh thuộc 7 chi là: <i>Mangrovibacter</i> , <i>Acinetobacter</i> , <i>Gallaecimonas</i> , <i>Martelella</i> , <i>Stenotrophomonas</i> , <i>Curtobacterium</i> và <i>Defluviimonas</i> với tỷ lệ tương đồng là 99%.
8880	Thạc sĩ	Xây dựng mô hình 3D từ mô tả văn bản :	Huỳnh, Ngọc Thái Anh	Huỳnh Ngọc Thái Anh ; Phạm Nguyên Khang (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài xây dựng video 3D từ các mô tả văn bản trình bày việc xây dựng mô hình phân loại văn bản dựa trên nền tảng kiến thức về thị giác máy tính và xử lý hình. Đề tài được thực hiện với mục tiêu nghiên cứu và xây dựng mô hình tự động phân tích các đoạn văn bản tiếng Anh có cấu trúc đơn giản.

8881	Thạc sĩ	Ảnh hưởng thuốc bảo vệ thực vật Vitashield 40EC đến enzyme Cholinesterase và sinh trưởng cá mè vinh (Barbonymus gonionotus) :	Đinh, Thái Danh	Đinh Thái Danh ; Nguyễn Văn Công (Hướng dẫn khoa học)	2019	Ảnh hưởng của Vitashield 40EC đến cholinesterase (ChE) và sinh trưởng của cá Mè Vinh (Barbonymus gonionotus) được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm nhằm xác định nồng độ thuốc gây ức chế enzyme cholinesterase, sinh trưởng và gây chết cá Mè Vinh (Barbonymus gonionotus) để làm cơ sở cho đề xuất nồng độ thuốc an toàn loài cá này. Thí nghiệm xác định LC ₅₀ -96h được tiến hành theo phương pháp nước tĩnh. Nhạy cảm của hoạt tính ChE ở cá Mè Vinh đối với Vitashield 40EC được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên trong bể kiếng với 3 mức nồng độ 1%, 10% và 20% LC ₅₀ -96h và lặp lại 3 lần trong 96 giờ, thu mẫu cá tại các thời điểm 0 (trước bố trí), 3, 6, 9, 12, 24, 48, 72, 96, 168 và 336 giờ sau bố trí giờ để xác định hoạt tính ChE.
8882	Thạc sĩ	Nhận biết các loại thực phẩm qua hình ảnh :	Nguyễn, Thanh Hoàng	Nguyễn Thanh Hoàng ; Phan Anh Cang (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài nghiên cứu “Nhận biết các loại thực phẩm qua hình ảnh” có thể ứng dụng thành công các mô hình học sâu hiện đại để xây dựng một hệ thống nhận dạng thực phẩm tự động, đặc biệt là nhận dạng các thành phần có chứa trong ảnh. Giải pháp được đề cập đến là kỹ thuật phát hiện đối tượng trong ảnh dựa theo mô hình mạng Faster R-CNN và YOLO.
8883	Thạc sĩ	Ước tính sự phát thải khí CH ₄ trong mùa khô ở Vườn Quốc Gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang :	Huỳnh, Thị Diễm	Huỳnh Thị Diễm ; Nguyễn Xuân Lộc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Ước tính sự phát thải khí CH ₄ trong mùa khô ở vườn quốc gia U Minh Thượng, Kiên Giang” được thực hiện nhằm khảo sát lượng khí CH ₄ phát thải của Vườn Quốc gia U Minh Thượng trong mùa khô và ảnh hưởng của các yếu tố lý, hóa nước, đất và mực nước đến sự phát thải CH ₄ . Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019 với tần suất thu mẫu 2 tuần/lần. Kết quả nghiên cứu cho thấy nước trong khu vực vùng lõi VQG U Minh Thượng có pH > 5, Eh thấp, hàm lượng oxy hòa tan trong nước thấp (trạng thái thiếu khí) và hàm lượng chất hữu cơ đang phân hủy lớn cho thấy nguồn nước bị ô nhiễm hữu cơ. Nước trong kênh có dấu hiệu nhiễm mặn vào mùa khô.
8884	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của một số vật liệu đến tính chất hóa học đất và năng suất lúa trong hệ thống canh tác lúa-tôm tại huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang 2019	Trương, Thị Phúc Yên	Trương Thị Phúc Yên ; Nguyễn Minh Đông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mô hình canh tác lúa-tôm hiện đang được phát triển và được xem là bền vững, đã được áp dụng rộng rãi nhiều năm trước đây ở Đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình này cũng được đánh giá là mô hình canh tác hiệu quả, mức đầu tư thấp và có lợi nhuận kinh tế cao. Tuy nhiên hệ thống lúa-tôm vùng ĐBSCL cũng đang gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sự bền vững trong những năm gần đây do sự bất lợi của hiện tượng biến đổi khí hậu gây ra xâm nhập mặn sớm và ngày càng nghiêm trọng ở các vùng canh tác mô hình này; cùng với việc dẫn nước mặn nuôi tôm vào mùa khô dẫn đến sự tích lũy Natri nhiều trong dung dịch đất và trên keo đất; do đó cần sử dụng biochar, vôi, regent soil và phân sinh học để tăng hiệu quả rửa mặn.
8885	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp lượng lớn chấm lượng tử Carbon :	Phạm, Trường Long	Phạm Trường Long ; Mai Xuân Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Chấm lượng tử carbon (CQDs: carbon quantum dots) đang được quan tâm nghiên cứu vì chúng có khả năng phát xạ huỳnh quang trong vùng nhìn thấy với hiệu suất cao và đặc biệt là không độc hại như CdSe QDs. Thiết kế thí nghiệm cho thấy đã tổng hợp thành công CQDs lượng lớn hơn 10 gram mỗi mẻ bằng phương pháp thủy nhiệt citric acid và ethylenediamine trong dung môi glycerol.

8886	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng hấp phụ Chlorpyrifos ethyl của than trấu :	Nguyễn, Thị Mỹ Tiên	Nguyễn Thị Mỹ Tiên ; Nguyễn Văn Công (cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu khả năng hấp phụ Chlorpyrifos ethyl của than trấu được thực hiện trong điều kiện phòng thí nghiệm. Ba nghiệm thức than trấu (được sản xuất ở 500°C, 700°C và 900°C) và đối chứng (không than) được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lập lại.
8887	Thạc sĩ	Khảo sát quy trình xử lý chất và đánh giá chất lượng nước thải tại một số cơ sở giết mổ gia súc trên địa bàn tỉnh Trà Vinh :	Nguyễn, Hữu Thuận	Nguyễn Hữu Thuận ; Huỳnh Kim Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu “Khảo sát quy trình xử lý chất và đánh giá chất lượng nước thải tại một số cơ sở giết mổ gia súc trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” được thực hiện tại các cơ sở giết mổ gia súc ở thành phố Trà Vinh và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Trà Vinh nhằm mục đích khảo sát - đánh giá các chỉ tiêu lý, hóa, vi sinh của nước thải sau khi qua xử lý bằng biogas gồm 6 chỉ tiêu (pH, COD, BOD5, TSS, nitơ, coliforms) và nước sông, kênh rạch gần cơ sở giết mổ đã qua xử lý gồm 6 chỉ tiêu (pH, amoni tính theo N, hàm lượng Fe tổng số, Asen, Flo và coliforms). Kết quả cho thấy trung bình giá trị các chỉ tiêu nước thải của 2 cơ sở giết mổ sau khi được xử lý bằng hầm ủ biogas (vị trí 1) so với Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 01-150:2017/BNNPTNT). Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi đạt 3/3 chỉ tiêu là pH, nitơ và coliforms; 3/3 chỉ tiêu không đạt gồm COD, BOD5, TS. Nước thải đã qua hệ thống xử lý bằng hầm ủ biogas, ao lắng, ao sinh học, hóa chất (chlorin) để hạn chế nguồn vi khuẩn trước khi thải ra môi trường (vị trí 2) và nước sông, kênh rạch gần nguồn nước thải của các cơ sở giết mổ gia súc (vị trí 3) theo Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 02:2009/BYT) về nước sinh hoạt có 5/6 chỉ tiêu đạt là các chỉ số về pH, Fe tổng số, Asen, Flo và Amoni. Giá trị trung bình coliforms của nước thải từ cơ sở giết mổ đã qua xử lý ở vị trí 2 cao hơn so với QCVN 02:2009/BYT nhưng vẫn thấp so với giá trị coliforms thu được từ mẫu nước sông, kênh rạch ở cùng thời điểm khảo sát (vị trí 3).

8888	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của cá lười trâu (<i>Cynoglossus arel</i>) :	Hồ, Huỳnh Hoa	Hồ Huỳnh Hoa	2019	Cá lười trâu vây to <i>Cynoglossus arel</i> là loài sống vùng ven biển, có kích thước khá lớn trong họ cá hình lưỡi và là một loài có giá trị thương mại ở vùng biển Rạch Giá, Kiên Giang. Vì vậy đề tài “Nghiên cứu đặc điểm sinh học của cá lười trâu (<i>Cynoglossus arel</i>)” được thực hiện. Mục tiêu của đề tài nhằm xác định các đặc điểm sinh học dinh dưỡng và đặc điểm sinh học sinh sản của cá lười trâu (<i>Cynoglossus arel</i>) làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo, đặc biệt là sự phân bố, quản lý, khai thác nguồn lợi loài cá này. Mẫu cá lười trâu được thu bằng lưới kéo đáy từ các ghe khai thác của ngư dân trong vùng Vịnh Rạch Giá ở các tọa độ 09o.52'.51”, 10o.00'.02”, 10o.30'.36” và 10o.03'.40”, mẫu cá được thu định kỳ ít nhất 65 mẫu/tháng và kéo dài trong 12 tháng (từ tháng 9/2017 đến tháng 8/2018). Kết quả nghiên cứu cho thấy cá lười trâu <i>C. arel</i> thân dài, dẹp về hai bên cơ thể. Hai mắt nhỏ, nằm một bên đầu. Hàng vây ở đường bên giữa khoảng 56-70. Hàng vây giữa 2 đường bên ở bên có mắt là 7-9. Phương trình tương quan giữa chiều dài (mm) và khối lượng (g) của cá lười trâu cái $W = 0,0000067L^{2,9168}$ ($R^2 = 0,8095$) và cá lười trâu đực: $W = 0,0000045L^{2,9945}$ ($R^2 = 0,8250$). <i>C. arel</i> là loài sống đáy. Thành phần thức ăn chủ yếu là động vật. Hệ thống ống tiêu hóa của cá gồm miệng nhỏ có dạng móc câu, dạ dày nhỏ (không phân biệt rõ rệt) và ruột non, không có lược mang, manh tràng và thành ruột mỏng. <i>C. arel</i> có thời gian sinh sản tập trung chủ yếu vào tháng 4. Sức sinh sản tuyệt đối (F) trung bình 11.938 ± 1.523 trứng/cá thể cái, sức sinh sản tương đối (Fa) trung bình khoảng 112 ± 15 trứng/g cá cái với khối lượng thân 88,03-154,23 g/con.
8889	Thạc sĩ	Thu thập, phân lập và đánh giá hiệu quả một số chủng vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> đối với sâu xanh da láng (<i>Spodoptera exigua</i> Hübner) trong điều kiện phòng thí nghiệm và nhà lưới :	Trương, Thành Nhân	Trương Thành Nhân ; Trần Văn Hai (cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 nhằm mục đích: (i) thu thập và phân lập được các chủng vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> gây bệnh đối với sâu xanh da láng (<i>Spodoptera exigua</i> Hübner), (ii) tìm và xác định được giá trị LC50, LT50 của chủng <i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai đối với sâu xanh da láng, (iii) đánh giá hiệu lực của chủng <i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai đối với sâu xanh da láng. Kết quả cho thấy đề tài thu thập được 04 chủng vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> gây bệnh trên sâu xanh da láng (<i>Spodoptera exigua</i> Hübner) tại Cần Thơ, Sóc Trăng và Vĩnh Long. Khuẩn lạc của các chủng thu thập được có hình tròn, màu trắng sữa, viền răng cưa, bề mặt khô và nhẵn. Tế bào hình que, xếp thành chuỗi, tinh thể độc hình thoi. Trong điều kiện phòng thí nghiệm, ở nồng độ 103 CFU/mL của chủng vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> var. aizawai đối với ấu trùng sâu xanh da láng tuổi 1 cho hiệu lực phòng trừ trên 90%, ở nồng độ 104 CFU/mL cho hiệu lực phòng trừ trên 98% đối với sâu tuổi 2, ở nồng độ 105 CFU/mL cho hiệu quả phòng trừ trên 80% đối với sâu tuổi 3 sau 7 ngày lây nhiễm; ở nồng độ 106 CFU/mL cho hiệu quả phòng trừ trên 70% đối với sâu tuổi 4 sau 9 ngày lây nhiễm.

8890	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt lên thành phần hợp chất bay hơi của nước xoài	Trần, Phương Duy	Trần Phương Duy ; Lý Nguyễn Bình (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nhằm xác định ảnh hưởng của việc xử lý nhiệt nguyên liệu xoài lên thành phần các hợp chất bay hơi và sự biến đổi của chúng trong nước xoài thanh trùng, đề tài nghiên cứu các vấn đề sau: Khảo sát ảnh hưởng của chế độ ủ mẫu ở các mức hàm lượng muối NaCl bão hòa bổ sung khác nhau 20, 30 và 40%, nhiệt độ ủ 30, 40 và 50°C và thời gian ủ 10, 20 và 30 phút đến số lượng hợp chất bay hơi trong nước xoài nguyên liệu.
8891	Thạc sĩ	Xây dựng quy trình chế biến nước uống lên men từ nếp than và gạo nếp mầm	Hồ, Thị Thu Thảo	Hồ Thị Thu Thảo ; Lý Nguyễn Bình (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm mục đích xác định các thông số cơ bản của quy trình chế biến nước uống lên men từ nếp than và gạo nếp mầm, từ công đoạn dịch hóa và đường hóa nguyên liệu gạo mầm nhằm tạo ra hàm lượng đường khử cao và dịch đường sẽ được khảo sát pH trong quá trình lên men rượu nếp than và gạo mầm.
8892	Thạc sĩ	Khảo sát quy trình chế biến nước dưa lưới (Cucumis melo L.) đóng chai	Trần, Minh Tuấn	Trần, Minh Tuấn ; Nhan Minh Trí (Hướng dẫn khoa học)	2019	Dưa lưới (Cucumis melo L.) có chứa hàm lượng lớn các chất chống oxy hóa như vitamin C và β -carotene. Những chất này có tác dụng trong việc cải thiện sức khỏe, giảm nguy cơ bệnh ung thư và một số bệnh mãn tính khác. Hiện nay, đây là loại trái cây đang được phát triển tại Việt Nam cả về số lượng và chất lượng. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm từ dưa lưới vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy, đề tài nghiên cứu sản phẩm nước ép dưa lưới đóng chai được thực hiện.
8893	Thạc sĩ	Pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề :	Lư, Huy Toàn	Lư Huy Toàn ; Đương Kim Thế Tuyền (Hướng dẫn khoa học)	2019	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài năm 2006 có tác động sâu đến hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề đã xuất hiện từ nhiều năm qua ở nước ta. Việc đưa người lao động nước ta đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực tập nâng cao tay nghề mang tính xã hội và tính kinh tế, nó ảnh hưởng đến cả nước tiếp nhận lao động và nước phái cử lao động với tác động tích cực và mặt trái của nó.
8894	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và tốc độ đô thị hoá tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2005 - 2015 :	Lê, Thị Thanh Trúc	Lê, Thị Thanh Trúc ; Phạm Thanh Vũ (cán bộ hướng dẫn)	2019	Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2015 quận Cái Răng vẫn giành diện tích lớn cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Đất phi nông nghiệp có hiện tượng giảm trong giai đoạn năm 2005 đến năm 2015 do cách thức kiểm kê đất đai có sự khác nhau trong 3 giai đoạn, một phần là do quy hoạch sử dụng đất thay đổi. Việc giảm diện tích đất nông nghiệp để phát triển các khu công nghiệp cũng như phát triển các khu đô thị mới để đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân trên địa bàn đã góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa tăng nhanh trong giai đoạn 2005 – 2015. Tốc độ đô thị hóa ở quận Cái Răng tăng nhanh trong giai đoạn 2005 – 2015 (từ 3,09% lên đến 23,96%). Quá trình đô thị hóa góp phần làm tăng năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế của quận, giải quyết vấn đề việc làm cũng như vấn đề về sinh kế của người dân trên địa bàn quận Cái Răng. Bên cạnh đó, đề tài đưa ra được những giải pháp hạn chế ảnh hưởng của đô thị hóa đến thay đổi sử dụng đất, phát triển đô thị bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn quận Cái Răng.

8895	Thạc sĩ	So sánh tính chất vật lý, hóa học đất trong và ngoài đê bao huyện Tri Tôn và Tịnh Biên tỉnh An Giang :	Lâm, Văn Hậu	Lâm Văn Hậu ; Trần Bá Linh, Trần Sỹ Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Kết quả phân tích đất cho thấy việc canh tác lúa 3 vụ trong đê bao đã làm tích tụ axit và muối hòa tan cao hơn so với vùng canh tác lúa 2 vụ ngoài đê bao, thể hiện qua giá trị pH đất trong đê thấp hơn so với pH đất ngoài đê; EC của đất trong đê cao hơn so với EC của đất ngoài đê, tuy nhiên giá trị pH và EC vẫn nằm trong giới hạn phát triển tốt cho cây lúa. Thành phần cơ giới đất trong đê có hàm lượng sét cao hơn so với đất ngoài đê, đất trong và ngoài đê ở Tri Tôn được phân loại là đất sét, còn ở Tịnh Biên đất trong đê là đất sét pha thịt và ngoài đê là đất thịt trung bình pha sét. Hàm lượng chất hữu cơ tại Tri Tôn của khu vực trong đê bao và ngoài đê bao đều nằm trong mức từ trung bình đến khá, còn tại Tịnh Biên chất hữu cơ ở mức trung bình đến nghèo. Hàm lượng chất hữu cơ tầng mặt trong đê (3 vụ lúa) cao hơn so với đất ngoài đê (2 vụ lúa) do lượng gốc rạ được vùi vào đất nhiều hơn ở đất lúa 3 vụ canh tác trong đê. Từ đó dẫn đến khả năng trao đổi cation (CEC), đạm tổng số của đất trong đê cũng cao hơn so với đất ngoài đê, đặc biệt ở tầng đất mặt Ap. Trong khi đó hàm lượng lân tổng số và kali tổng số chưa thấy được sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở cả hai điểm nghiên cứu. Độ nén dẽ của tầng đất Bg luôn cao hơn ở đất trong đê so với đất ngoài đê ở cả hai điểm nghiên cứu Tri Tôn và Tịnh Biên thể hiện qua độ xốp và hệ số thấm thấp, dung trọng và độ chặt của đất cao.
8896	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng oxy hóa và bảo vệ gan trên mô hình chuột bạch của cao chiết lá và củ cây Bông phần (Mirabilis jalapa L.) :	Phạm, Hiếu Trinh	Phạm Hiếu Trinh ; Trần Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện để khảo sát khả năng kháng oxy hóa và bảo vệ gan của cao chiết lá và cao chiết củ cây Bông phần (Mirabilis jalapa L.). Định tính thành phần hóa học xác định lá và củ Bông phần có chứa các hợp chất alkaloid, flavonoid, polyphenol, saponin, tannin, và triterpenoid - sterol. Hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết được xác định bằng phương pháp DPPH, ABTS và khử sắt (RP) với cao chiết lá Bông phần lần lượt có EC50 là 66,80 µg/mL, 145,64 µg/mL và 8,5 µg/mL và cao chiết củ Bông phần lần lượt có EC50 là 13,67 µg/mL, 96,54 µg/mL và 6,97 µg/mL. Cao chiết lá Bông phần liều 5000 mg/kg và cao chiết củ Bông phần liều 2000 mg/kg không gây độc cho chuột, các chỉ tiêu sinh lý máu, sinh hóa gan và thận tương tự chuột bình thường. Cao chiết củ Bông phần liều 5000 mg/kg gây độc và làm chuột chết. Khả năng bảo vệ gan của lá Bông phần và củ Bông phần được khảo sát trên mô hình chuột tổn thương gan bằng carbon tetrachloride (CCl4) và được so sánh với silymarin là đối chứng dương. Sau 4 tuần thử nghiệm, hàm lượng enzyme ALT và AST được cải thiện khi nồng độ cao chiết tăng dần. Chuột uống cao chiết liều 400 mg/kg khối lượng chuột cho hiệu quả cao nhất (cao chiết lá Bông phần có ALT = 131,40±29,60 U/L; AST = 271,60±34,50 U/L và cao chiết củ Bông phần có ALT = 91,80±30,80 U/L; AST = 193,60±42,60 U/L) và tương đương với chuột được điều trị bằng silymarin (ALT = 94,20±5,45 U/L, AST = 173,60±32,10 U/L). Trạng thái stress oxy hóa trong gan được cải thiện theo xu hướng giảm hàm lượng MDA và tăng GSH. Hàm lượng ure và creatinin trong huyết thanh của chuột ở các nghiệm thức tương đương nhau và tương đương với chuột bình thường.

8897	Thạc sĩ	Sử dụng đất phèn tiềm tàng hấp phụ lân trong nước :	Trần, Kim Trang	Trần Kim Trang ; Nguyễn Hữu Chiếm (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nước thải sau túi ủ biogas có hàm lượng lân khá cao, khi thải trực tiếp ra môi trường mà không có biện pháp xử lý sẽ dẫn đến nguy cơ gây phú dưỡng hóa thủy vực tiếp nhận. Phương pháp sử dụng vật liệu hấp phụ lân làm giảm ô nhiễm được nghiên cứu phổ biến hiện nay. Trên cơ sở tận dụng nguồn tài nguyên đất phèn sẵn có ở đồng bằng sông Cửu Long, đề tài “Sử dụng đất phèn tiềm tàng hấp phụ lân trong nước” được thực hiện với mục tiêu: (I) Đánh giá hiệu suất hấp phụ lân của đất phèn tiềm tàng nung dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố: giá trị pH, thời gian hấp phụ, nồng độ dung dịch lân và các mức khối lượng khác nhau của vật liệu hấp phụ; (II) Khảo sát khả năng hấp phụ lân trong nước thải biogas bằng vật liệu đất phèn tiềm tàng nung. Kết quả cho thấy giá trị pH của dung dịch lân có ảnh hưởng đến khả năng hấp phụ lân của đất phèn nung, pH quá cao hay quá thấp đều làm giảm hiệu suất hấp phụ, trong đó dung dịch lân có pH = 7 cho kết quả hấp phụ lân tốt nhất (đất phèn tiềm tàng nung không rửa nước cất). Thời gian hấp phụ lân đạt trạng thái cân bằng là 10 giờ. Nồng độ dung dịch lân càng cao thì hiệu suất hấp phụ lân càng giảm. Khối lượng đất phèn nung hấp phụ tốt nhất dung dịch lân 120 mgPO₄ 3-/L là 5 gram. Khi cho đất phèn tiềm tàng nung hấp phụ lân nước thải biogas có nồng độ khoảng 120 mgPO₄3-/L, pH dung dịch = 7, khối lượng 5 gram, thời gian hấp phụ 10 giờ. Hiệu suất hấp phụ lân là 98,34% và lượng lân hấp phụ là 0,324 mgP-PO₄/g đất. Dựa và kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng đất phèn tiềm tàng nung xử lý các loại nước thải có nồng độ lân cao.
8898	Thạc sĩ	Phân lập và nhận diện vi khuẩn có khả năng phân hủy fenobucarb trong đất lúa ở Cần Thơ :	Bùi, Nhi Bình	Bùi Nhi Bình ; Nguyễn Thị Phi Oanh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thuốc trừ sâu fenobucarb được sử dụng phổ biến để diệt rầy nâu trên ruộng lúa. Khi lưu tồn trong đất và bị rửa trôi vào môi trường nước, fenobucarb gây độc đến các loài động vật thủy sinh do làm giảm hoạt tính của enzyme holinesterase. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân lập, tuyển chọn và nhận diện các dòng vi khuẩn bản địa trong đất trồng lúa có khả năng phân hủy hiệu quả fenobucarb. Từ tám mẫu đất được thu tại hai huyện Cờ Đỏ và Vĩnh Thạnh, Cần Thơ, 20 dòng vi khuẩn có khả năng phát triển trên môi trường khoáng tối thiểu có bổ sung fenobucarb 100 mg/L như nguồn carbon duy nhất đã được phân lập. Hai dòng vi khuẩn CĐ5.2 và CĐ5.3 được phân lập từ đất trồng lúa ở Cờ Đỏ có khả năng phân hủy fenobucarb hiệu quả hơn so với các dòng còn lại, đạt 58,2% và 60,1% sau 9 ngày nuôi cấy. Dựa vào trình tự gen 16S-rRNA và các đặc điểm sinh hóa như hoạt tính gelatinase, urease, oxidase, đồng hóa citrate và lên men đường, hai dòng vi khuẩn CĐ5.2 và CĐ5.3 được định danh khoa học lần lượt là Burkholderia arboris và Micrococcus terreus.

8899	Thạc sĩ	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến quy trình chế biến surimi từ thịt cá sấu nước ngọt (<i>Crocodylus siamensis</i>) :	Phạm, Văn Hòa	Phạm Văn Hòa ; Nhan Minh Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Surimi là sản phẩm được sản xuất từ thịt cá. Theo truyền thống nguyên liệu dùng sản xuất surimi chủ yếu từ nguồn cá biển. Tuy nhiên, sự khai thác quá mức cùng với phương pháp khai thác không phù hợp đã làm cho nguồn nguyên liệu này có nguy cơ cạn kiệt trong thời gian gần đây. Sản xuất surimi từ cá nước ngọt vẫn còn mới mẻ và là một trong những hướng mới trong công nghệ sản xuất surimi. Mục tiêu của luận văn này nhằm xác định ảnh hưởng một số yếu tố đến quy trình chế biến surimi từ cá sấu nước ngọt bằng cách khảo sát (i) ảnh hưởng của nồng độ dung dịch NaCl và tỷ lệ thịt cá xay / dung dịch NaCl, nồng độ dung dịch CH ₃ COOH và tỷ lệ thịt cá xay / dung dịch CH ₃ COOH trong công đoạn rửa, (ii) ảnh hưởng tinh bột biến tính và sodium tripolyphosphate, (iii) ảnh hưởng thời gian bảo quản lạnh đến chất lượng surimi (giá trị màu sắc L a b, độ ẩm, khả năng giữ nước, cường độ gel). Kết quả nghiên cứu cho thấy rửa lần 1 sử dụng dung dịch NaCl 0,3% và tỷ lệ dung dịch rửa so với thịt cá là 5:1; lần 2 dùng dịch axit acetic 0,02% và tỷ lệ dung dịch rửa so với thịt cá là 4:1 ở nhiệt độ 10-150C. Thời gian ly tâm tách nước là 1,5 phút (500 vòng/phút). Phụ gia sử dụng bao gồm tinh bột biến tính 6%, Sodium tripolyphosphate 0,2%. Bảo quản lạnh (0-10 0C) trong thời gian 6 ngày chất lượng surimi vẫn đảm bảo an toàn và tốt
8900	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điều kiện chế biến đến chất lượng và thời gian bảo quản sản phẩm cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) phi lê tươi tẩm gia vị :	Huỳnh, Thị Thủy Tiên	Huỳnh Thị Thủy Tiên ; Phan Thị Thanh Quế (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Cá rô phi là một trong những loài thủy sản có sản lượng lớn ở nước ta, tuy nhiên các sản phẩm chế biến vẫn chưa đa dạng. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các điều kiện chế biến phù hợp đảm bảo dinh dưỡng, cảm quan và chất lượng cho sản phẩm. Trong phạm vi nghiên cứu, đề tài đã tiến hành (i) tối ưu hóa nồng độ các loại phụ gia (muối-NaCl, natri tripolyphosphate-STPP và sorbitol) được thực hiện bằng phương pháp bề mặt đáp ứng RSM (Response Surface Method), (ii) ảnh hưởng của thời gian ngâm phụ gia, (iii) khảo sát khả năng kháng khuẩn của tinh dầu sả chanh và tinh dầu bạc hà với vi khuẩn gây bệnh và gây hư hỏng thực phẩm, (iv) ảnh hưởng của tinh dầu sả chanh và tinh dầu bạc hà đến chất lượng của cá rô phi theo thời gian bảo quản. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điều kiện thích hợp để ngâm phụ gia khi nồng độ muối 3,46%, sorbitol 9,22%, natri tripolyphosphate 0,39% và thời gian ngâm 40 phút. Tinh dầu sả chanh và bạc hà có khả năng kháng khuẩn tốt đối với vi khuẩn thử nghiệm ngoại trừ đối với <i>Pseudomonas aeruginosa</i> . Với nồng độ tinh dầu sả chanh hoặc bạc hà là 0,3% kết hợp ngâm phụ gia (40 phút) sau 12 ngày bảo quản ở nhiệt độ 4±10C vẫn đảm bảo cảm quan sản phẩm, hạn chế sự oxy hóa chất béo của sản phẩm với chỉ số peroxide của thịt cá rô phi lần lượt là 1,401±0,015 hoặc 1,380±0,009 meqO ₂ /kg; tổng nitơ bazo bay hơi (TVB-N) là 22,19±0,94 hoặc 20,80±0,46 mg/100g và vi sinh vật tổng số hiếu khí là 5,89 hoặc 5,85 log(CFU/g). Vì vậy, sử dụng tinh dầu trên trong ngâm phụ gia có thể cải thiện chất lượng cá rô phi phi lê cũng như kéo dài thời gian bảo quản được đề nghị áp dụng trong công nghiệp.

8901	Thạc sĩ	Hệ thống trả lời câu hỏi tự động sử dụng các bộ máy tìm kiếm trên nền Web :	Hứa, Phước An	Hứa Phước An ; Phạm Thế Phi (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nội dung đề tài là xây dựng được một công cụ hỗ trợ việc tìm kiếm câu trả lời tiềm năng từ Web để đáp ứng các truy vấn của người dùng. Đề tài phân lớp các câu trả lời tiềm năng kết xuất từ bộ máy tìm kiếm theo đúng 1 trong 10 chủ đề.
8902	Thạc sĩ	Sử dụng mạng Neural tích chập để nhận dạng Ký tự viết tay chữ Hoa tiếng Việt :	Trần, Văn Út Chính	Trần Văn Út Chính ; Trần Cao Đệ (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nhận dạng chữ viết tay là một lĩnh vực nghiên cứu tích cực về trí tuệ nhân tạo, nhận dạng mẫu và thị giác máy tính. Lĩnh vực nhận dạng văn bản đã đạt được thành công lớn trong các ứng dụng thực tiễn, đặc biệt là trong hệ thống chính phủ điện tử, ứng dụng bảo mật và các lĩnh vực khác. Các hệ thống nhận dạng ký tự viết tay tiếng Việt phải đối mặt với một số thách thức do sự thay đổi phong cách trong chữ viết tay của con người và chưa có bộ cơ sở dữ liệu chuẩn. Trong luận văn này, mô hình hóa một kiến trúc học tập sâu được áp dụng hiệu quả để nhận ra các ký tự viết tay chữ hoa tiếng Việt. Mạng nơ ron tích chập (CNN) là một loại đa lớp chuyển tiếp đặc biệt được huấn luyện ở chế độ giám sát. Mô hình CNN đã huấn luyện và thử nghiệm cơ sở dữ liệu của chúng tôi có chứa 17.800 ký tự viết tay chữ hoa tiếng Việt. Trong luận văn này, các phương pháp tối ưu hóa được triển khai để tăng hiệu suất của CNN. Các phương pháp máy học thông thường thường áp dụng kết hợp trình trích xuất tính năng và trình phân loại có thể huấn luyện. Việc sử dụng CNN đưa đến kết quả nhận dạng được cải tiến đáng kể so với một số giải pháp dùng thuật toán phân loại máy học khác. Mô hình CNN được đề xuất với kết quả 97% trên dữ liệu kiểm tra.

8903	Thạc sĩ	Phân lập vi khuẩn nội sinh có khả năng kháng khuẩn trong cây Sả (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf) tại vùng Bảy núi, tỉnh An Giang	Nguyễn, Diễm My	Nguyễn Diễm My ; Nguyễn Hữu hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Ngày nay, việc sử dụng kháng sinh không phù hợp đã tạo ra vi khuẩn kháng kháng sinh. Cây dược liệu dùng điều trị bệnh không gây ra hiện tượng kháng thuốc nhưng hầu hết các nghiên cứu chỉ tập chung về tinh dầu hoặc cao chiết cây dược liệu. Việc nghiên cứu về vi khuẩn nội sinh trong cây dược liệu chưa được quan tâm nhiều. Cây dược liệu có khả năng kháng khuẩn tốt và dược liệu ở vùng đất Bảy núi của tỉnh An Giang thường có dược tính cao nên việc phân lập vi khuẩn nội sinh ở cây Sả (<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf) thu tại tỉnh An Giang được thực hiện nhằm tạo tiền đề cho việc tìm ra kháng sinh có nguồn gốc từ vi sinh vật. Trong nghiên cứu này vi khuẩn nội sinh được phân lập từ các bộ phận rễ thân lá của cây Sả trên môi trường PDA. Khảo sát khả năng kháng khuẩn bằng phương pháp khuếch tán qua giấy lọc với ba dòng vi khuẩn gây bệnh <i>Aeromonas hydrophyla</i>, <i>Escherichia coli</i> và <i>Staphylococcus aureus</i>. Trong tổng số 38 dòng vi khuẩn nội sinh phân lập được hầu hết đều là vi khuẩn hình que, Gram âm và đều có khả năng chuyển động. Sau khi ủ 24, giờ với khuẩn gây bệnh, có 19/38 dòng kháng <i>A. hydrophyla</i>, 30/38 dòng kháng <i>E. coli</i> và có 29/38 dòng kháng <i>S. aureus</i>. Trong đó, dòng LA33, RC15 và TC34 có khả năng kháng <i>A. hydrophyla</i> tốt nhất, dòng LA33, LC19 và TC37 kháng <i>E. coli</i> tốt nhất và dòng LSA33, RC15 và TC37 kháng <i>S. aureus</i> tốt nhất. Ba dòng vi khuẩn LSA33, RC15 và TC37 được nhận diện theo thứ tự tương đồng với <i>Enterobacter cloacae</i>, <i>Bacillus megaterium</i> và <i>Burkholderia gladioli</i>, với độ tương đồng là 98,61%, 98,74% và 95,76%.
8904	Thạc sĩ	Phân tích giọng hát từ hỗn hợp âm nhạc :	Nguyễn, Tấn Phú	Nguyễn Tấn Phú ; Nguyễn Nhị Gia Vinh (Hướng dẫn khoa học)	2019	Trong luận văn này, xây dựng một hệ thống phân tách giọng hát từ hỗn hợp âm nhạc bằng mô hình mạng neural tích chập (CNN) của kỹ thuật học sâu (deep learning). Đồng thời, kết hợp mặt nạ nhị phân vào quá trình phân tách giọng hát. Việc kết hợp mặt nạ nhị phân vào quá trình phân tách để ước lượng mặt nạ tần số thời gian được áp dụng cho tách nguồn. Bộ dữ liệu Demixing Secrets Dataset 100 (DSD100) [8] được sử dụng để đánh giá. Kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình CNN kiểm thử đạt độ chính xác là 97.24%. Hiệu suất của hệ thống tương đương với các thuật toán tiên tiến khác như nhân tố ma trận không âm về mặt phân tích hiệu suất. Luận văn này là một bước tiến để nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực này, đặc biệt là thực hiện các thuật toán tách nguồn cho các mục đích y tế như căng cường lời nói cho cây ốc tai điện tử, một nhiệm vụ đòi hỏi độ trễ thấp. Từ khóa: Mặt nạ nhị phân, mạng neural tích chập, học sâu, độ trễ thấp.

8905	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng giải pháp tích hợp các phần mềm quản lý văn bản điều hành vào trực liên thông cục bộ của một tỉnh thành :	Nguyễn, Thanh Tài	Nguyễn Thanh Tài ; Ngô Bá Hùng (Hướng dẫn khoa học)	2019	Hiện nay, tại tỉnh An Giang các hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành được triển khai hầu hết tại các đơn vị hành chính nhà nước. Tuy nhiên, các hệ thống phần mềm quản lý văn bản này không giống nhau về công nghệ, đơn vị phát triển và triển khai. Do đó, những hệ thống này không được kết nối, gửi, nhận văn bản điện tử với nhau. Từ năm 2017, trực liên thông cục bộ AG-ESB được thực hiện nhằm mục đích thử nghiệm kết nối một số phần mềm tại tỉnh An Giang. Trong đề tài này, chúng tôi muốn tạo ra một giải pháp tổng thể giúp tích hợp các hệ thống phần mềm quản lý văn bản khác nhau đang được triển khai 3 cấp tại tỉnh An Giang vào trực liên thông AG-ESB của tỉnh. Giải pháp sẽ bao gồm: Một là, Giải pháp phát triển một bộ công cụ tích hợp Adapter(SDK) với các hàm được chuẩn hóa dữ liệu đầu vào và kết quả đầu ra. Bộ công cụ tích hợp Adapter(SDK) được sử dụng để tích hợp các hệ thống quản lý văn bản điều hành dựa trên 2 nền tảng công nghệ chính là JAVA và dotNET. Adapter(SDK) sử dụng công nghệ Web Services SOAP/HTTP để thực hiện gửi, nhận gói tin lên trực liên thông AGESB thông qua các endpoint được thiết kế sẵn trên trực. Hai là, Giải pháp thử nghiệm tích hợp hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh An Giang kết nối vào trực AG-ESB. Cuối cùng, Giải pháp phát triển một hệ thống dịch vụ khai thác dữ liệu. Hệ thống này phục vụ cho việc tra cứu, kiểm tra trạng thái văn bản điện tử, và thông kê tổng hợp tình hình gửi nhận văn bản điện tử qua trực liên thông AG-ESB.
8906	Thạc sĩ	Nhận diện trạng thái tài xế buồn ngủ sử dụng kỹ thuật học sâu :	Lê, Quang Nhường	Lê Quang Nhường ; Huỳnh Xuân Hiệp (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu trạng thái mắt, miệng và hướng đầu của tài xế
8907	Thạc sĩ	Tìm hiểu tác động của chất chiết thảo dược lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra :	Quách, Thị Thanh Tâm	Quách Thị Thanh Tâm ; Bùi Thị Bích Hằng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu khả năng ảnh hưởng của chất chiết thảo dược trướng cá (Muntingia calabura), bàng (Terminalia catappa), lựu (Punica granatum), diệp hạ châu (Phyllanthus urinaria) và lá cách (Premna integrifolia) lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây bệnh trên cá tra (Pangasianodon hypophthalmus). Nghiên cứu bao gồm 2 thí nghiệm, thí nghiệm 1 được thực hiện nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của chất chiết thảo dược lên tăng trưởng, đáp ứng miễn dịch của cá tra.

8908	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh và urea đến khả năng phân hủy rơm rạ, sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn và đất phù sa canh tác lúa 3 vụ, tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Thị Ngọc Duyên	Nguyễn Thị Ngọc Duyên ; Nguyễn Thành Hối, Nguyễn Bảo Vệ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện với mục tiêu: Tìm ra loại chế phẩm sinh học và urea trong phân hủy rơm rạ đến sinh trưởng và năng suất lúa 3 vụ trồng trên đất phèn và đất phù sa tại huyện Tam Nông và Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thí nghiệm thừa số 2 nhân tố được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 3 lần lặp lại, 8 nghiệm thức. Nhân tố thứ nhất là loại chế phẩm sinh học: Trichomix-DT, TricôDHCT-Lúa Von và Dascela; nhân tố thứ hai là urea (25kg/ha): có sử dụng và không có sử dụng. Kết quả cho thấy, vùi rơm có xử lí Dascela có hiệu quả gia tăng số hạt/bông (78 hạt/bông), số bông/m ² (447,7 bông/m ²), năng suất lúa (5,95 tấn/ha) tại Tam Nông. Tương tự, vùi rơm có xử lí Dascela có hiệu quả gia tăng số hạt/bông (86 hạt/bông), số bông/m ² (491 bông/m ²), năng suất lúa (5,87 tấn/ha) tại Thanh Bình. Xử lý chế phẩm vi sinh Dascela kết hợp với sử dụng Urea có hiệu quả gia tăng mật số vi khuẩn Cellulomonas flavigena và số chồi. Xử lí Urea gia tăng mật số vi khuẩn Cellulomonas flavigena.
8909	Thạc sĩ	Khảo sát hiệu quả phân Polyhalite đến hàm lượng kali, canxi, magie trao đổi, lưu huỳnh trong đất và sinh trưởng lúa trên đất phèn và đất bạc màu :	Nguyễn, Thị Huỳnh Như	Nguyễn Thị Huỳnh Như ; Châu Minh Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Hiện nay, mất cân bằng các nguyên tố dinh dưỡng trong đất sản xuất nông nghiệp đặt biệt trong canh tác lúa đang ngày càng nghiêm trọng hơn. Do tập quán canh tác, nông dân thường không bổ sung những nguyên tố cation kiềm (Ca và Mg) cho đất. Bên cạnh đó, đất phèn và đất bạc màu có các nguyên tố: K, Ca, Mg và S rất thấp hoặc ở dạng cây không hấp thu được làm hạn chế sự sinh trưởng, năng suất cây trồng và gây nguy cơ mất cân bằng dinh dưỡng trong đất. Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả phân Polyhalite đến việc bổ sung các nguyên tố cation (K, Ca, Mg) trao đổi, S trong đất và sự sinh trưởng, năng suất lúa.
8910	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của bón kết hợp phân vô cơ và hữu cơ đến sự cải thiện một số tính chất đất và năng suất hồ tiêu (Piper nigrum) trên đất phèn tại huyện Giồng Riềng - Kiên Giang :	Nguyễn, Việt Xô	Nguyễn Việt Xô ; Châu Minh Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Kỹ thuật trồng Tiêu đen trên vùng đất thấp sử dụng cây tràm sống làm trụ cột đang được nông dân ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang phát triển. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, trồng Tiêu tại khu vực này vẫn có năng suất thấp do hạt giống chất lượng thấp và phân bón mất cân đối. Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để đánh giá tình trạng kinh tế - xã hội của trồng Tiêu và để xác định hiệu quả của việc sử dụng bón kết hợp phân vô cơ và hữu cơ đến những thay đổi của một số tính chất đất và năng suất Tiêu.
8911	Thạc sĩ	Nghiên cứu biện pháp cải thiện một số tính chất của đất nhiễm mặn và năng suất lúa trong hệ thống canh tác lúa-tôm tại Thạnh Phú, Bến Tre	Khuru, Thế Nhã	Khuru Thế Nhã ; Nguyễn Minh Đông (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mô hình canh tác tôm-lúa là mô hình được xem là bền vững và đã được áp dụng rộng rãi nhiều năm trước đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Tuy nhiên, trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đất canh tác lúa vùng ven biển bị nước mặn xâm nhập sớm và với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Natri tích lũy nhiều trong dung dịch đất và trên keo đất trong vụ nuôi tôm trước đó do đó cần sử dụng biochar, vôi và regent soil để tăng hiệu quả rửa mặn.

8912	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo bê tông nhẹ tự lèn cho công trình thủy lợi :	Hồng, Minh Phúc	Hồng Minh Phúc ; Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu chế tạo cốt liệu nhẹ nhân tạo từ nguồn vật liệu địa phương và tro bay từ nhà máy nhiệt điện tại khu vực Đồng bằng sông Cửu long bằng phương pháp liên kết nguội. Qua các thử nghiệm cho thấy có thể sản xuất cốt liệu nhẹ từ tro bay có khối lượng thể tích thấp (1002 kg/m³), độ hút nước của cốt liệu nhân tạo đạt 15.67% cao hơn so với đá tự nhiên (5.21%) và cường độ nén từng viên của cốt liệu nhẹ được sản xuất cho thấy với hàm lượng chất kết dính chiếm 8% trong hỗn hợp cấp phối của cốt liệu đạt 1.08 mpa và cốt liệu nhẹ nhân tạo được ứng dụng vào thay thế 100% khối lượng thể tích của đá mi trong hỗn hợp bê tông tự lèn với các tỷ lệ w/cm khác nhau. Kết quả cho thấy bê tông nhẹ tự lèn được sản xuất trong nghiên cứu có độ sụt cao nằm trong khoảng từ 250-270mm và đường kính chảy loang từ 550mm đến 650mm đạt yêu cầu về bê tông tự lèn theo tiêu chuẩn TCVN 12209:2018, khối lượng thể tích khô của bê tông sử dụng cốt liệu nhẹ nhỏ hơn 12-16% so với các trường hợp cấp phối bê tông sử dụng đá tự nhiên. Độ hút nước thấp và cường độ đạt khoảng 90-97% so với các cấp phối bê tông sử dụng đá tự nhiên và tất cả các cấp phối bê tông nhẹ tự lèn được sản xuất đạt tiêu chuẩn ASTM C330 và ACI 318. Qua các kết quả phân tích đánh giá tính chất của cốt liệu nhẹ và bê tông nhẹ tự lèn được sản xuất trong nghiên cứu có thể chứng minh được tiềm năng ứng dụng tro bay vào sản xuất cốt liệu nhẹ nhân tạo và ứng dụng vào chế tạo bê tông nhẹ tự lèn với thành phần thay thế chất kết dính trong nghiên cứu giúp cải thiện đáng kể được tính chất của bê tông.
------	---------	---	-----------------	---	------	--

8913	Thạc sĩ	Hiệu quả của phân hữu cơ và mật độ trồng đến tính chất vật lý, hóa học đất và năng suất bắp lai canh tác trên đất phù sa không bồi ở An Giang và Vĩnh Long :	Trần, Thị Kim Cương	Trần, Thị Kim Cương ; Trần Bá Linh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Việc chỉ sử dụng phân bón hóa học trên đất phù sa thâm canh bắp đã làm gia tăng sự suy thoái đất, độ phì nhiêu đất giảm dẫn đến năng suất bắp ngày càng suy giảm. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của mật độ trồng thích hợp và cung cấp phân hữu cơ vào đất đến việc cải thiện các tính chất vật lý và hóa học và năng suất cây bắp lai. Thí nghiệm được bố trí khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 4 nghiệm thức và 3 lần lặp lại gồm nghiệm thức: không bón phân hữu cơ với mật độ trồng là 70x25 cm (2 cây/hốc) và các nghiệm thức bón phân hữu cơ 5 tấn/ha với mật độ trồng lần lượt là 70x25 cm (2 cây/hốc), 70x25 cm (1 cây/hốc), 70x12,5 cm (1 cây/hốc), tất cả các nghiệm thức được bón cùng liều lượng phân vô cơ theo khuyến cáo là 200N - 90P2O5 - 80K2O. Thí nghiệm được thực hiện liên tiếp 2 vụ Đông Xuân và Hè Thu tại 2 tỉnh An Giang và tỉnh Vĩnh Long. Kết quả thí nghiệm cho thấy bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ với các mật độ khác nhau chưa cải thiện các đặc tính đất như phân vô cơ. Tuy nhiên việc bón phân hữu cơ kết hợp phân hữu cơ và phân vô cơ với các mật độ khác nhau đã làm cải thiện hàm lượng chất hữu cơ, đạm hữu dụng và lân dễ tiêu trong đất so với nghiệm thức đối chứng, đặc biệt là tầng đất mặt. Bên cạnh đó, bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ với các mật độ 70x25cm (2cây/hốc) và 70x12,5cm (1cây/hốc) cải thiện sinh khối thân lá và năng suất bắp so với nghiệm thức đối chứng chỉ bón phân vô cơ với liều lượng và mật độ 70x25cm (2cây/hốc). Bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ nhưng trồng với mật độ thấp 70x25cm (1cây/hốc) đã làm giảm năng suất và sinh khối thân lá so với nghiệm thức đối chứng chỉ bón phân vô cơ và mật độ 70x25cm (2cây/hốc). Bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ với mật độ 70x25cm (2 cây/hốc) cho năng suất và sinh khối thân lá không khác biệt có ý nghĩa thống kê so với nghiệm thức bón phân hữu cơ kết hợp phân vô cơ (với mật độ 70x12,5 cm (1 cây/hốc)).
8914	Thạc sĩ	Khảo sát lưu tồn của Paclobutrazol (PBZ) và ảnh hưởng của phân hữu cơ lên lưu tồn PBZ trong đất trồng xoài Cát Hòa Lộc tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Trần, Duy Khánh	Trần Duy Khánh ; Đỗ Thị Xuân (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu là khảo sát sự lưu tồn của Paclobutrazol (PBZ) và ảnh hưởng của phân hữu cơ lên sự lưu tồn PBZ trong đất trồng xoài Cát Hòa Lộc tại tỉnh Hậu Giang. Các nội dung nghiên cứu bao gồm (i) khảo sát hiện trạng canh tác xoài Cát Hòa Lộc và khảo sát sự lưu tồn của PBZ tại một số huyện thuộc tỉnh Hậu Giang; (ii) đánh giá phương pháp xử lý ra hoa xoài trái vụ lên một số chỉ tiêu dinh dưỡng và sự lưu tồn của PBZ trong đất và (iii) ảnh hưởng của phân hữu cơ lên mật số nhóm vi khuẩn và nấm tổng số và sự lưu tồn PBZ trong đất trồng xoài.

8915	Thạc sĩ	Chỉnh lý bản đồ đất năm 1999 theo phân loại FAO tại tỉnh Hậu Giang :	Lê, Minh Khởi	Lê Minh Khởi ; Trần Văn Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Bản đồ đất của tỉnh Hậu Giang trước đây (năm 1999) được Phân Viện Thiết Kế và Quy Hoạch Nông Nghiệp thực hiện do rất nhiều yếu tố tác động hiện nay đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, đề tài được thực hiện với mục đích: cập nhật lại bản đồ đất của tỉnh trên nền bản đồ đất năm 1999 và đánh giá biến động các biểu loại đất năm 2018 so với năm 1999. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu, khoan khảo sát đất tại 100 điểm và phân tích một số đặc tính lý, hóa học của 50 mẫu điển. Các biểu loại đất được phân loại theo hệ thống WRB (FAO, 2006). Kết quả cho thấy, ở tỉnh Hậu Giang có 2 nhóm đất chính là nhóm đất Gleysols có diện tích 96.709,98 ha (chiếm 59,34%) với 14 biểu loại đất và nhóm đất Anthrosols chỉ có 1 biểu loại đất là Gleyic - Anthrosols với diện tích 66.252,91 ha (chiếm 40,66%). Trong nhóm đất Gleysols, biểu loại đất Hapli - Mollic - Gleysols có diện tích lớn nhất (49.313,83 ha), chiếm 30,26% và biểu loại đất Umbri - BathiProto Thionic - Gleysols có diện tích thấp nhất (86,63 ha), chiếm 0,05%. Bên cạnh đó, nhóm đất Cambisols trước đây (60.368,33 ha) đã chuyển sang nhóm Gleysols (44.273,01 ha) và Anthrosols (16.095,32 ha). Diện tích nhóm đất Gleysols tăng 50.908,51 ha và nhóm Anthrosols tăng 3.459,82 ha. Sự thay đổi các nhóm đất chủ yếu do kỹ thuật phân loại, kỹ thuật canh tác của người dân, thay đổi điều kiện tự nhiên và thay đổi hiện trạng sử dụng đất địa phương. Qua đó, đề tài đã cập nhật được bản đồ đất mới và xác định được sự biến động các biểu loại đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
8916	Thạc sĩ	Nghiên cứu chế tạo vữa chất lượng cao dùng trong sửa chữa và gia cường các kết cấu bê tông thủy công bị ăn mòn :	Nguyễn, Đình Thắng	Nguyễn Đình Thắng ; Huỳnh Trọng Phước (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Các vấn đề liên quan đến hư hỏng và sửa chữa các kết cấu bê tông cốt thép làm việc trong môi trường thủy lợi nói chung, song song đó là việc đưa ra một giải pháp kịp thời góp phần tận dụng các nguồn phế thải công nghiệp đang gây ô nhiễm môi trường một cách trầm trọng. Bấy cấp phối vữa chất lượng cao được thiết kế và thí nghiệm bao gồm một cấp phối đối chứng, ba cấp phối với lượng xỉ lò cao nghiền mịn để thay thế xỉ măng ở các tỷ lệ 10%, 20% và 30% và ba cấp phối còn lại với muội silic được thêm vào ở 5%, 10% và 15%.
8917	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định mua sản phẩm quần, áo An Phước của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ	Trần, Xuân Thu	Trần Xuân Thu ; Mai Văn Nam (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài "Nghiên cứu sự ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định mua sản phẩm quần, áo An Phước của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ" được thực hiện nhằm khái quát tình hình mua sắm sản phẩm quần, áo An Phước tại TP. Cần Thơ, nghiên cứu sự ảnh hưởng của giá trị thương hiệu đến quyết định mua sản phẩm quần, áo An Phước từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm duy trì và phát triển thương hiệu An Phước trong thời gian sắp tới.
8918	Thạc sĩ	Đánh giá khả năng áp dụng ba loại ảnh viễn thám MODIS, LANDSAT, SENTINEL trong xác định hiện trạng sử dụng đất tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn Văn Chiến	Nguyễn Văn Chiến ; Võ Quang Minh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá khả năng áp dụng ba loại ảnh viễn thám MODIS, LANDSAT, SENTINEL trong xác định hiện trạng sử dụng đất ở Sóc Trăng để làm cơ sở đề xuất giải pháp khai thác và ứng dụng hợp lý ảnh viễn thám trong công tác quản lý sử dụng đất ở vùng nghiên cứu.

8919	Thạc sĩ	Effects of aqueous minerals supplementation on growth, survival and biochemical composition of flesh of the white shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) at different densities, reared in low salinity water :	Touch, Nget	Nget Touch ; Huỳnh Trường Giang (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề làm sáng tỏ vai trò của các khoáng chất chứa Mg^{2+} , Ca^{2+} và K^{+} trong việc cải thiện khả năng sống sót và tăng trưởng của tôm thẻ chân trắng, <i>Litopenaeus vannamei</i> , hai thí nghiệm đã được bao gồm. Trong thí nghiệm đầu tiên, tôm thẻ chân trắng được nuôi ở độ mặn thấp 2 với việc bổ sung các liều khoáng khác nhau, bao gồm $Mg^{2+} + -Ca^{2+} + -K^{+}$ với liều 19,6-5,8-5,4 mg L ⁻¹ (T2); 58,7-17,4-16,1 L L 1 (T3); và 95,5-29-26,8 mg L ⁻¹ (T4); và (T1) là nhóm đối chứng mà không cần bổ sung khoáng chất.
8920	Thạc sĩ	Effect of medicinal plant extracts on immune responses and bacterial resistance of snakehead fish (<i>Channa striata</i>) :	Sothea, Mey	Mey Sothea ; Bùi Thị Bích Hằng (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích so sánh tác dụng của chiết xuất cây thuốc trong điều chỉnh hiệu suất tăng trưởng, đáp ứng miễn dịch cũng như khả năng kháng bệnh ở cá lóc (<i>Channa striata</i>) chống lại nhiễm trùng <i>Aeromonas schubertii</i> . Thí nghiệm được thiết kế ngẫu nhiên với 10 phương pháp điều trị, với mỗi lần điều trị là ba lần. Cá giống cá lóc (7-10g) được cho ăn với chế độ ăn bổ sung với các liều khác nhau của mỗi chiết xuất thực vật bao gồm 0,01%, 0,1% và 1% và kiểm soát điều trị (0%) trong 4 tuần. Hiệu suất tăng trưởng của cá đã được quan sát trong tuần 2 (W2) và W4 Thông số máu (RBC, WBC, tế bào lympho, bạch cầu đơn nhân, bạch cầu trung tính cũng như lysozyme đã được phân tích trong W2 và W4 sau khi cho ăn. Tỷ lệ tử vong được ghi nhận trong 14 ngày.
8921	Thạc sĩ	Effects of broodstock sources of bighead catfish (<i>Clarias macrocephalus</i>) on reproductive traits and larval development :	Nguyễn, Thanh Tuấn	Nguyễn Thanh Tuấn ; Dương Thúy Yên (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá các đặc điểm sinh sản, hiệu suất tăng trưởng và tỷ lệ sống của con của ba giống cá trê đầu bò <i>Clarias macrocephalus</i> thu được từ Cà Mau, Cần Thơ và Hậu Giang thông qua việc lai tạo từ cá con đến giai đoạn cá giống. Ba chủng đã được lai và cá con từ chín con lai được nuôi trong 39 ngày trong các thùng chứa 50 lít với sáu lần lặp lại cho mỗi con lai. Kết quả cho thấy sự phù hợp tương đối của chủng Cần Thơ là cao nhất trong khi chủng Cà Mau là thấp nhất.
8922	Thạc sĩ	An Investigation on Efl Teachers' Expectationsand Satisfaction on the Teaching Pedagogy Training Courses in Can Tho :	Phan, Thành Đạt	Phan Thành Đạt ; Lê Xuân Mai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát những mong đợi và sự hài lòng của giáo viên giảng dạy tiếng Anh đối với các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở Cần Thơ. Nghiên cứu được thực hiện với 51 giáo viên dạy tiếng Anh ở Cần Thơ, trong đó 51 giáo viên trả lời câu hỏi khảo sát và 6 giáo viên được chọn ngẫu nhiên để phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo viên giảng dạy tiếng Anh thể hiện sự mong đợi cao đối với các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy. Đặc biệt, phương pháp dạy ngôn ngữ, soạn giáo án và sử dụng công nghệ trong giảng dạy là những nội dung giáo viên mong đợi cao nhất.
8923	Thạc sĩ	Nghiên cứu, ứng dụng thuật toán bầy ong nhân tạo tìm điểm mở vận hành tối ưu lưới điện phân phối Điện lực Ninh Kiều :	Nguyễn, Hoài Nam	Nguyễn Hoài Nam ; Đỗ Nguyễn Duy Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Việc nâng cao chất lượng điện năng và đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện cho khách hàng có thể thực hiện bằng nhiều phương pháp hiệu quả như nâng cao điện áp đầu nguồn của lưới điện, tăng tiết diện dây dẫn, bù kinh tế trên lưới điện, cải thiện cấu trúc và vật liệu để sản xuất các thiết bị điện có tổn thất nhỏ, ... nhưng yêu cầu vốn đầu tư nâng cấp cũng như mua sắm thiết bị quá lớn.

8924	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng rau an toàn của người dân thành phố Cần Thơ :	Đinh, Thị Ý Nhi	Đinh Thị Ý Nhi ; Phan Anh Tú (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng rau an toàn của người dân thành phố Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu xác định rõ nhu cầu của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ về sản phẩm rau an toàn, đồng thời đề tài cũng mong muốn xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua rau an toàn và đề xuất một số giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng cho sản phẩm này.
8925	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của di cư lao động đến đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng :	Nguyễn, Lư Quỳnh Vy	Nguyễn Lư Quỳnh Vy ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài Nghiên cứu ảnh hưởng của di cư lao động đến đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 120 nông hộ có đa dạng hóa thu nhập thuộc các xã huyện Trần Đề. Trong đó, 60 hộ có thành viên di cư lao động và 60 hộ không có thành viên di cư lao động. Với phương pháp thống kê mô tả, kết quả nghiên cứu cho thấy đa số các hộ gia đình ở nông thôn đa dạng hóa thu nhập bằng cách tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.
8926	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch đối với điểm đến du lịch tâm linh tỉnh Bạc Liêu :	Lê, Nhật Tân	Lê Nhật Tân ; Nguyễn Thị Phương Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Du lịch tâm linh đang là xu thế phát triển của du lịch Việt Nam và sự phát triển của loại hình du lịch này không những mang lại các lợi ích về kinh tế, xã hội, văn hóa mà còn góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho du khách. Bạc Liêu cũng là nơi có nhiều điều kiện để phát triển du lịch tâm linh. Tuy nhiên, thời gian qua, Bạc Liêu cũng như nhiều tỉnh thành khác ở Việt Nam vẫn chưa thật sự phát triển có chất lượng và hiệu quả loại hình du lịch này.
8927	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng Ớt tại tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thiện Thắng	Nguyễn Thiện Thắng ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng sản xuất, hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng Ớt, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kỹ thuật của những hộ trồng Ớt ở tỉnh An Giang. Đề tài sử dụng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên Cobb – Douglas được sử dụng để phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng Ớt.
8928	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của các công cụ của chính sách tiền tệ đến tăng trưởng tín dụng của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam :	Nguyễn, Thị Hoàng Mai	Nguyễn Thị Hoàng Mai ; Phan Đình Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Tín dụng của ngân hàng thương mại (NHTM) đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế như đầu tư, mua sắm, tiêu dùng. Do vậy, lượng cung tín dụng của NHTM là một trong những đối tượng điều tiết của chính sách tiền tệ (CSTT) để tác động đến nền kinh tế. Tuy nhiên, các NHTM với những đặc điểm riêng khác nhau sẽ có những phản ứng khác nhau trước sự thay đổi của CSTT vì mục tiêu lợi nhuận và sự phát triển lâu dài của chính ngân hàng.
8929	Thạc sĩ	Nghiên cứu đề xuất giải pháp vận hành hệ thống công trình thủy lợi thuộc dự án Đông - Tây Ba Rài trong bối cảnh biến đổi khí hậu :	Ngô, Văn Dương Điền	Ngô Văn Dương Điền ; Trần Vũ An (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này được thực hiện tại ô bao Đông-Tây Ba Rài, thuộc địa bàn huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy và Thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Mục tiêu của nghiên cứu này là: (1) Đánh giá hiện trạng thủy lợi (HTTL) và hiện trạng sản xuất nông nghiệp (SXNN) tại ô bao Đông-Tây Ba Rài; (2) Phân tích số liệu để đánh giá diễn biến mặn, mực nước lũ, triều cường ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh trong ô bao; (3) Phân tích tương quan mực nước trạm Vàm Kênh, Xuân Hòa, Tam Bình và Cầu Ván làm cơ sở để dự báo theo các kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH), tìm lệch pha giữa nồng độ mặn và mực nước trạm Vàm Kênh; và (4) Đề xuất giải pháp vận hành hệ thống công trình thủy lợi (HTCTTL) và giải pháp vận hành một công trình cống đại diện.

8930	Thạc sĩ	Nghiên cứu vận hành công trình thủy lợi trong điều kiện xâm nhập mặn trên hệ thống sông Cái Lớn – Cái Bé, Hậu Giang - Kiên Giang :	Trần, Minh Hậu	Trần Minh Hậu ; Nguyễn Đình Giang Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu là (1) đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi và tình hình sản xuất nông nghiệp đối với các địa bàn chịu ảnh hưởng từ hệ thống sông Cái Lớn – Cái Bé; (2) đánh giá hiện trạng xâm nhập mặn trên hệ thống sông Cái Lớn – Cái Bé đối với sản xuất nông nghiệp; (3) phân tích, đánh giá hệ thống công trình thủy lợi theo các kịch bản biến đổi khí hậu; (4) đề xuất những giải pháp vận hành công trình thủy lợi trong điều kiện xâm nhập mặn đối với các địa bàn chịu ảnh hưởng từ hệ thống sông Cái Lớn – Cái Bé.
8931	Thạc sĩ	Nghiên cứu chuỗi cung ứng sản phẩm tôm xuất khẩu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta :	Nguyễn, Ngọc Tân	Nguyễn Ngọc Tân ; Nguyễn Phú Sơn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của đề tài là phân tích chuỗi cung ứng ngành hàng tôm xuất khẩu của Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta, từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy ngành hàng tôm xuất khẩu của công ty phát triển. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Thống kê mô tả nhằm đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng tôm xuất khẩu của công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta, phương pháp lấy ý kiến chuyên gia là các lãnh đạo Công ty, phỏng vấn trực tiếp các hộ dân cung cấp tôm nguyên liệu, xây dựng ma trận đánh giá các yếu tố ngoại vi EFE (External Factors Evaluation Matrix) và ma trận đánh giá các yếu tố nội bộ IFE (Internal Factors Evaluation Matrix).
8932	Thạc sĩ	Nghiên cứu vận hành hồ chứa nước Ô Tà Sóc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang :	Lê, Hải Trí	Lê Hải Trí ; Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm đánh giá cân bằng nước hồ chứa Ô Tà Sóc thuộc vùng Bảy Núi tỉnh An Giang phục vụ các nhu cầu dùng nước; từ đó, đề xuất các phương án (PA) vận hành hồ hiện tại và trong tương lai. Để đạt được mục tiêu trên, (1) trước tiên tính toán trữ lượng nước hồ chứa và các nhu cầu sử dụng nước; và (2) tính toán điều tiết hồ chứa theo các PA dùng nước và các kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH).
8933	Thạc sĩ	Nghiên cứu phương pháp tính toán ổn định đập hồ chứa Ô Tà Sóc ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang :	Lê, Thị Thanh Thùy	Lê Thị Thanh Thùy ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phương pháp tính toán ổn định đập hồ chứa nước Ô Tà Sóc ở huyện Tri Tôn tỉnh An Giang. Sử dụng phương pháp giải tích Bishop, Fellenius và Spencer để tính ổn định thân đập và phương pháp phần tử hữu hạn là phần mềm GeoStudio 2012 để mô phỏng tính toán thấm (Seep/W), ứng suất biến dạng (SIGMA/W) và ổn định (SLOPE/W) trong trường hợp thay đổi thời gian rút nước phía thượng lưu đây là một trong những nguyên nhân làm mất ổn định thân đập. Kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ổn định đập như gradient thấm, áp lực nước lỗ rỗng, biến dạng, chuyển vị và hệ số ổn định bé nhất kiểm tra với hệ số ổn định nêu trong quy phạm và đưa ra đề xuất thời gian rút nước phía thượng lưu hợp lý và an toàn.

8934	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của việc hạ thấp mực nước ngầm tầng nông đến lún của móng nông ở ĐBSCL :	Nguyễn, Thị Huỳnh Anh	Nguyễn Thị Huỳnh Anh ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này là nghiên cứu ảnh hưởng của việc hạ thấp mực nước ngầm tầng nông đến lún của móng nông. Có nhiều phương pháp để tính lún nền móng, cũng như để xác định hậu quả của vấn đề hạ thấp nước ngầm. Luận văn này áp dụng: Phương pháp tính lún móng dựa trên kết quả thí nghiệm nén cố kết một chiều (sử dụng đường cong e-logp) và sự thay đổi ứng suất hữu hiệu trung bình trong từng lớp tương ứng và Phương pháp Riley được sử dụng để tính toán độ lún của đất trong điều kiện hạ thấp mực nước ngầm cho đất đồng nhất và đất nhiều lớp (đất của ĐBSCL). Tổng độ lún cuối cùng của nền móng là tổng độ lún của nền móng trong điều kiện cố kết bình thường và độ lún của nền đất trong điều kiện hạ thấp mực nước ngầm. Kết quả cho thấy độ lún của nền móng nông được tăng lên khi mực nước ngầm hạ thấp. Ngoài ra, cũng áp dụng Plaxis 2D dự đoán để xem xét tính nhất quán giữa dự đoán và đo lường.
8935	Thạc sĩ	Dự báo mực nước tại thành phố Cần Thơ trong bối cảnh biến đổi khí hậu bằng mô hình ANN :	Nguyễn, Phú Cường	Nguyễn Phú Cường ; Trần Vũ An (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Mục tiêu của nghiên cứu này là sử dụng mô hình mạng trí tuệ nhân tạo (ANN) để dự báo cao trình mực nước tại thành phố Cần Thơ. Để đạt được mục tiêu trên, (1) trước tiên đánh giá hiện trạng ngập tại thành phố Cần Thơ; (2) phân tích mối tương quan giữa các trạm đo mực nước và cường độ mưa để chọn số liệu đầu vào ANN; (3) ANN được thiết lập, cấu trúc tối ưu được lựa chọn và mô hình được hiệu chỉnh (2009-2015), kiểm định (2016-2019) theo ngày, và hiệu chỉnh (2009-2012), kiểm định (2013-2014) theo giờ; và (4) dự báo mực nước sử dụng các thông số trên theo thời gian t+1, t+2, và t+3.
8936	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của hệ sinh thái dọc bờ đến ổn định mái (bờ) sông ở Hậu Giang :	Nguyễn, Văn Phúc	Nguyễn Văn Phúc ; Nguyễn Đình Giang Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện tại xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nhằm đánh giá ảnh hưởng của hệ sinh thái ven bờ đến ổn định mái (bờ) sông tại sông Nàng Mau (xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang) với mục tiêu: (1) thiết kế, thi công mô hình kè sinh thái; (2) phân tích, khảo sát hiện trạng, quan trắc sóng, TDS trong trường hợp trong và ngoài kè sinh thái; (3) đánh giá, nhận xét năng lượng sóng qua kè, khả năng giữ phù sa của mô hình, đề xuất phương pháp tối ưu cho trường hợp nghiên cứu. Bằng các phương pháp tiến hành thu thập số liệu (sóng, TDS, lưu tốc...) để nghiên cứu và đánh giá một cách cụ thể, khoa học về sự ảnh hưởng của hệ sinh thái ven bờ đến ổn định mái (bờ) sông ở nơi thực nghiệm.

8937	Thạc sĩ	Vietnamese EFL pre-service teachers' perceptions of the effects of teaching practicum experiences on their professional identity development :	Lý, Thị Minh Trang	Lý Thị Minh Trang ; Trần Thị Thanh Huê (Hướng dẫn khoa học)	2019	This study explored Vietnamese English as a foreign language (EFL) pre-service teachers' perceptions of the effects of teaching practicum experiences on their professional identity development. Particularly, the study aimed to find out the supports and challenges of teaching practicum that affect the development of the professional identity of English teachers of pedagogy. Currently, the training of educational human resources, especially English teachers, plays a huge role in the implementation of the national language project. However, studies on the professional identity of English pre-service teachers still remain scarce in the Vietnamese context. Therefore, this paper reports a descriptive research to explore the perceptions of Vietnamese EFL pre-service teachers on the development of professional identities before and after English teaching practicum at high schools in Mekong Delta. The study employed semi-structured interviews and document analysis to collect data from 10 pre-service teacher participating on teaching practicum at high schools. The findings provide deep insights into the English pre-service teachers' practicum experiences which provided a perceived enhancement in their own professional identities. The study has an important contribution to research on teachers' professional identities as well as recommendations for pre-service teachers and stakeholders to improve the effectiveness of teaching practicum in the professional development and professional competencies of pre-service teachers in Vietnam.
8938	Thạc sĩ	EFL teachers' perceptions of doing action research in relation to teaching quality :	Đinh, Thị Hồng Nhung	Đinh Thị Hồng Nhung ; Phương Hoàng Yến, Huỳnh Thị Nhĩ (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Action research in English language teaching has played a significant role in improving teachers' quality as well as their professional development. This paper examines the perceptions of EFL teachers about the role of doing action research to improve their teaching quality. Both qualitative and quantitative, including questionnaires and interviews were use in this study. Sixty-five EFL teachers who are following an MA program at Can Tho University got involved in the study as participants. The findings revealed the positive perceptions of EFL teachers of doing action research. However, there were certain challenges faced by these lecturers with their action research practices. As a result, appropriate measures to tackle such challenges in the current teaching context regarding the roles of teachers and administrators are proposed.

8939	Thạc sĩ	EFL Teachers' perceptions towards influential factors on the application of blended learning in high schools :	Trần, Nguyễn Văn Thông	Trần Nguyễn Văn Thông ; Phạm Quang Huy (Giảng viên hướng dẫn)	2019	The use of Blended learning in education has advanced significantly since the late 1990s. At present, it is much unknown about the use of Blended learning in high school in Vietnam. This thesis investigates the perceptions of English as Foreign Language (EFL) teachers towards factors affecting the application of Blended learning in Vietnamese high schools. The research aim is to (1) identify EFL teachers' perceptions of factors affecting the application of Blended learning and (2) find out the most promoting and challenging among these factors on the application of Blended learning. A mixed-methods approach was conducted, which involved quantitative and qualitative data collection from 45 EFL teachers (n=45). The data was collected via questionnaire and interview. The participants are 45 teachers from high schools in the Mekong Delta. The findings indicate factors affect most the application of Blended learning and determine supports needed by teachers to facilitate the application of Blended learning.
8940	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ứng dụng của vi tảo (Botryococcus braunii) trong xử lý một số chỉ tiêu của nước thải sinh hoạt :	Trần, Lê Quang Thái	Trần Lê Quang Thái ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xử lý nước thải sinh hoạt bằng vi tảo dựa vào khả năng của vi sinh vật quang dưỡng nhằm cung cấp thêm oxygen cho quá trình phân giải hiếu khí các chất ô nhiễm hữu cơ và tăng cường loại bỏ các chất dinh dưỡng. Quang hợp vi tảo cũng gia tăng sinh khối, do đó cung cấp hướng đi mới cho việc tái tạo năng lượng, chất dinh dưỡng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Đề tài được thực hiện với mục tiêu đánh giá khả năng xử lý nước thải sinh hoạt tại điều kiện thích hợp cho sự phát triển của vi tảo <i>Botryococcus braunii</i> .
8941	Thạc sĩ	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất nền dự án tại thành phố Cần Thơ :	Đỗ, Thiện Mỹ Trinh	Đỗ Thiện Mỹ Trinh ; Lê Cảnh Dũng (Hướng dẫn khoa học)	2019	Mục tiêu của đề tài nhằm phân tích thực trạng thị trường đất nền và các yếu tố tác động đến giá đất nền dự án tại thành phố Cần Thơ – Diễn hình là Khu đô thị Nam Cần Thơ. Từ đó đề xuất một số giải pháp thúc đẩy thị trường đất nền tại khu đô thị Nam Cần Thơ phát triển ổn định hơn trong thời gian tới.
8942	Thạc sĩ	Phân tích ổn định mái trong điều kiện đất thay đổi tình Hậu Giang.	Lưu, Vĩnh Thái	Lưu Vĩnh Thái ; Phạm Hữu Hà Giang (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của sự thay đổi độ ẩm đến cường độ và sức chống cắt của đất. Mẫu đất thực nghiệm được lấy ở Kênh Xáng Nàng Mau, Xã Bài Thành, huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang. Sử dụng các thí nghiệm cắt trực tiếp, nén đơn trực để tìm ra các hệ số sức chống cắt cũng như là lực dính và góc ma sát của đất. Kết quả nghiên cứu cho thấy lực dính và góc ma sát của đất giảm đáng kể khi độ ẩm tăng hay độ bão hòa tăng lên trên 68%. Ngoài ra, áp dụng các hệ số chống cắt và cường độ vào tính toán ổn định cho mái sử dụng phần mềm PLAXIS.
8943	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng công thức tính hệ số nhóm của nhóm cọc trong đất ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Đỗ, Thành Sấm	Đỗ Thành Sấm ; Trần Văn Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Sự làm việc của một cọc đơn và một cọc trong nhóm cọc khác nhau rất nhiều. Trong các phương pháp tính toán móng cọc hiện nay đều coi sức chịu tải của cọc trong nhóm cọc như sức chịu tải của cọc đơn, như vậy độ chính xác chưa cao, do vậy đây là vấn đề cần nghiên cứu hoàn chỉnh để đưa vào tính toán và đặc biệt cần chú ý đối với cọc ma sát ở đây ta nghiên cứu một số vấn đề tương tác giữa các cọc trong nhóm cọc gọi là hệ số nhóm.

8944	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị nhãn Idor ở Vĩnh Long và Tiền Giang :	Triệu, Ngọc Lợi	Triệu Ngọc Lợi ; Ngô Thị Thanh Trúc (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích chuỗi giá trị sản phẩm nhãn Idor ở Vĩnh Long và Tiền Giang. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập bao gồm các tác nhân như nông hộ, thương lái, vựa, tác nhân sỉ, tác nhân bán lẻ, công ty sơ chế, siêu thị, cửa hàng tiện ích, người tiêu dùng ở TP Hồ Chí Minh và ĐBSCL.
8945	Thạc sĩ	Các nhân tố rào cản chuyển đổi ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ :	Lê, Huyền Lan	Lê Huyền Lan ; Phước Minh Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu này tập trung phân tích các yếu tố rào cản chuyển đổi ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ (VietinBank Cần Thơ). Số liệu của nghiên cứu thông qua phỏng vấn trực tiếp 320 khách hàng cá nhân gửi tiết kiệm tại VietinBank Cần Thơ theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện.
8946	Thạc sĩ	Tác động của marketing địa phương đến lựa chọn điểm đến của du khách: trường hợp thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Đoàn Trang	Nguyễn Thị Đoàn Trang ; Huỳnh Trường Huy (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định tác động của các yếu tố marketing địa phương trong việc lựa chọn điểm đến thành phố Cần Thơ của du khách. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp với hồi quy Poisson được sử dụng để thực hiện mục tiêu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hai nhóm yếu tố marketing địa phương có tác động tích cực đến việc lựa chọn điểm đến thành phố Cần Thơ là yếu tố Hình tượng địa phương và Con người địa phương.
8947	Thạc sĩ	Phân tích chuỗi giá trị ngành hàng lúa nếp huyện Phú Tân, tỉnh An Giang :	Trương, Chí Thuận	Trương Chí Thuận ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Phân tích chuỗi giá trị ngành hàng lúa nếp huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được thực hiện với tổng số quan sát là 170 bao gồm các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cùng các nhà hỗ trợ, dịch vụ hỗ trợ. Mục tiêu chính của đề tài là phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ lúa nếp ở huyện Phú Tân; phân tích giá trị gia tăng và phân phối giá trị gia tăng giữa các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị; từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao giá trị gia tăng từ đó nâng cao thu nhập và cải thiện hiệu quả hoạt động của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị lúa nếp.
8948	Thạc sĩ	Tác động của nguồn vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Kim Thuyền	Nguyễn Thị Kim Thuyền ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xem xét tác động của nguồn vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Dữ liệu được thu thập theo cả hai chiều không gian và thời gian nên việc ứng dụng phương pháp hồi quy dữ liệu bảng để ước lượng mô hình nghiên cứu là phù hợp.
8949	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ hệ thống rạp chiếu phim cgv tại thành phố Cần Thơ :	Tài, Hoàng Nhật Quang	Tài Hoàng Nhật Quang ; La Nguyễn Thùy Dung (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ rạp chiếu phim CGV trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở dữ liệu được phỏng vấn 204 khách hàng đã sử dụng dịch vụ rạp chiếu phim CGV tại Cần Thơ. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng: xây dựng mô hình, giả thuyết nghiên cứu, kiểm định các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố (EFA), giả thuyết nghiên cứu được kiểm định bằng hồi quy tuyến tính bội.

8950	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự căng thẳng (stress) công việc của người lao động tại Tổng Công ty Phát điện 2 :	Phan, Thị Bích Trâm	Phan Thị Bích Trâm ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự căng thẳng (stress) công việc của người lao động tại Tổng Công ty Phát điện 2” được thực hiện thông qua bảng khảo sát 164 người lao động đang làm việc tại khối văn phòng của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Tp. Cần Thơ. Mục đích của nghiên cứu này nhằm tìm ra các nguyên nhân gây ra căng thẳng công việc của người lao động đang làm việc tại Tổng Công ty Phát điện 2 và qua đó đưa ra các hàm ý quản trị nhằm giảm căng thẳng công việc.
8951	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng sử dụng nông dược trong canh tác lúa tại tỉnh Vĩnh Long :	Phạm, Thanh Nhân	Phạm Thanh Nhân ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài này thực hiện nhằm đánh giá thực trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) của nông hộ trồng lúa tại tỉnh Vĩnh Long nhằm cung cấp những thông tin thực tiễn tại địa bàn nghiên cứu từ đó có những giải pháp phù hợp thúc đẩy sản xuất an toàn và hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông hộ không có chưa thực sự hiểu biết rõ về thuốc BVTV về cách thức sử dụng thuốc, bảo quản thuốc và xử lý thuốc BVTV còn dư thừa, cách thức xử lý chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng xong.
8952	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Trà Vinh :	Viên, Quốc Bình	Viên Quốc Bình ; Dương Ngọc Thành (Hướng dẫn khoa học)	2020	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Trà Vinh, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 154 nông hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ở tỉnh Trà Vinh theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Phương pháp phân tích chi phí – doanh thu được sử dụng để đánh giá hiệu quả tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh. Phương pháp phân tích màng bao dữ liệu (Data Envelopment Analysis) được sử dụng để ước lượng hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả theo quy mô.
8953	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng khoai lang ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long :	Võ, Thị Tường Vy	Võ Thị Tường Vy ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Mục tiêu của nghiên cứu là ước lượng hiệu quả kỹ thuật và phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả kỹ thuật của các nông hộ trồng khoai lang dựa trên bộ dữ liệu thu thập từ 120 hộ trồng khoai lang ở huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Hàm sản xuất biên Cobb - Douglas kết hợp với hàm hiệu quả phi kỹ thuật (technical inefficiency model) được sử dụng để phân tích bằng chương trình FRONTIER 4.1. Kết quả phân tích cho thấy, hiệu quả kỹ thuật trung bình của các hộ trồng khoai lang là 90,9%. Bên cạnh đó, các yếu tố diện tích, phân đạm và số ngày công lao động có tác động tích cực đến năng suất khoai lang.
8954	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng củ sắn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long :	Huỳnh, Thị Hồng Nhi	Huỳnh Thị Hồng Nhi ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng củ sắn tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 11/2018 đến tháng 12/2019. Mục tiêu của đề tài là phân tích hiệu quả kỹ thuật và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng củ sắn dựa trên số liệu sơ cấp được thu thập từ 139 hộ trồng củ sắn tại hai xã Lục Sĩ Thành và xã Phú Thành huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trên cơ sở đó, đề xuất hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật cho các hộ trồng củ sắn tại địa bàn nghiên cứu.

8955	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam :	Lương, Trần Phong	Lương Trần Phong ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2019. Để đánh giá giá trị thương hiệu Agribank tác giả đã tiến hành xây dựng thang đo cho các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu Agribank dựa trên mô hình giá trị thương hiệu của David Aaker (1991). Sử dụng phương pháp so sánh, thống kê mô tả, phân tích hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy.
8956	Thạc sĩ	Hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng ớt tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp :	Trần Thị Thanh Thùy	Trần Thị Thanh Thùy ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Mục tiêu của bài nghiên cứu này là phân tích hiệu quả kỹ thuật của nông hộ trồng ớt ở huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp từ việc thu thập số liệu từ 105 hộ trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu được đánh giá qua công cụ phân tích thống kê: thống kê mô tả, hàm sản xuất Cobb – Douglas và hàm phi hiệu quả kỹ thuật (TIE), các chỉ số tài chính.
8957	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người quản lý doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Huỳnh, Ngọc Tú Lan	Huỳnh Ngọc Tú Lan ; Nguyễn Quốc Nghi (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người quản lý doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Với phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 164 nhà quản lý doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tình hình thực thi chính sách thuế thu nhập cá nhân, đặc điểm của người quản lý doanh nghiệp, sự hiểu biết và nhận thức của họ đối với hành vi tuân thủ thuế.
8958	Thạc sĩ	Phân tích ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó với tổ chức của nhân viên tại các Ngân hàng ở tỉnh An Giang :	Phan, Thanh Trúc	Phan Thanh Trúc ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài thực hiện nhằm nghiên cứu tác động của các nhân tố văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên với tổ chức tại các ngân hàng ở tỉnh An Giang. Nghiên cứu thực hiện trên cơ sở dữ liệu được phỏng vấn 206 nhân viên đang công tác tại các ngân hàng TMCP ở tỉnh An Giang. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng: Xây dựng mô hình, giả thuyết nghiên cứu, kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, giả thuyết nghiên cứu được kiểm định bằng hồi quy tuyến tính bội.
8959	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dược phẩm của các đơn vị phân phối thuốc tại thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Ngọc Phương Thảo	Nguyễn Ngọc Phương Thảo ; Lưu Thanh Đức Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định quyết định lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dược phẩm của các đơn vị phân phối thuốc tại thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dược phẩm, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phân phối thuốc của các doanh nghiệp dược phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các đơn vị phân phối thuốc.
8960	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp :	Võ, Thị Mộng Linh	Võ Thị Mộng Linh ; Nguyễn Hữu Đăng (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp” sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn bó của người lao động. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ bảng câu hỏi gửi cho 250 lao động trực tiếp đang làm việc tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Phương pháp phân tích sử dụng trong nghiên cứu này là mô hình hồi quy tuyến tính sau khi được kiểm định bởi hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố.

8961	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố tác động đến sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên y tế tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ :	Lê, Hồng Thảo Nguyên	Lê Hồng Thảo Nguyên ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố tác động đến sự cam kết gắn bó với tổ chức của nhân viên y tế đang công tác tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ. Cuộc khảo sát được tiến hành với sự tham gia phỏng vấn của 250 nhân viên trực tiếp cung cấp dịch vụ y tế tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ. Phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm thống kê mô tả, kiểm tra độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy tuyến tính, và kiểm định Independent T-Test, phân tích ANOVA kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng khác nhau.
8962	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam :	Dương, Bích Tuyền	Dương Bích Tuyền ; Nguyễn Thị Phương Dung (Hướng dẫn khoa học)	2020	Bài nghiên cứu chỉ ra mức độ công bố thông tin tự nguyện cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Công bố thông tin tự nguyện là công cụ hữu ích để các ngân hàng thương mại tạo niềm tin trong lòng công chúng và tác động đến quyết định của các nhà đầu tư, đồng thời các ngân hàng thương mại Việt Nam thực hiện công khai thông tin là một trong các tiêu chí quan trọng đạt được tiêu chuẩn Basel II.
8963	Thạc sĩ	Thanh khoản cổ phiếu, quản trị Công ty và giá trị Công ty của các Công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh :	Nguyễn, Thùy Khả Linh	Nguyễn Thùy Khả Linh ; Võ Vất Dứt (Hướng dẫn khoa học)	2020	Đề tài nghiên cứu mối quan hệ giữa tính thanh khoản cổ phiếu, quản trị công ty và giá trị công ty của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Các biến dùng để ước lượng mối quan hệ này bao gồm: tỷ lệ ngày không có tỷ suất sinh lợi đại diện cho tính thanh khoản cổ phiếu, tính kém minh bạch thông tin đại diện cho quản trị công ty và Tobin's Q đại diện cho giá trị công ty. Số liệu được phân tích bằng phương pháp hồi quy đường như không liên quan (SUR) với mô hình gồm 2 phương trình dùng để ước lượng 2 mối quan hệ: Mối quan hệ giữa thanh khoản cổ phiếu và quản trị công ty, mối quan hệ giữa quản trị công ty và giá trị công ty dựa trên mẫu dữ liệu gồm 104 công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong giai đoạn từ 2009 – 2017.
8964	Thạc sĩ	Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng hành lá ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long :	Lê, Thanh Tâm	Lê Thanh Tâm ; Dương Ngọc Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Đánh Phân tích hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng hành lá ở huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long” được thực hiện từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá hiệu quả sản xuất và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của hộ trồng hành, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống và phát triển trồng hành lá một cách bền vững hơn.
8965	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển du lịch sinh thái Cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Thị Mãi	Nguyễn Thị Mãi ; Võ Hùng Dũng (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài “Giải pháp phát triển du lịch sinh thái Cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ” được đưa ra với nhiều giải pháp cụ thể để phân tích, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, lợi thế sẵn có và những mặt còn tồn tại về du lịch sinh thái Cù lao Tân Lộc. Trong đó đề tài tập trung khảo sát và thu thập số liệu dựa vào dữ liệu khách hàng ngẫu nhiên để đánh giá các tiêu chí khác nhau như: kênh quảng bá du lịch, mục đích, sở thích tham quan, dịch vụ du lịch, chi phí, yếu tố ảnh hưởng,... Đề tài sử dụng các phương pháp phân tích khác nhau như phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích SWOT, phương pháp mô hình kim cương.

8966	Thạc sĩ	Ứng dụng mô hình SWMM để nghiên cứu đề xuất quy hoạch hệ thống thoát nước nhằm giảm ngập cho quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ :	Hoàng Tiến Thịnh	Hoàng Tiến Thịnh ; Nguyễn Đình Giang Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đời sống người dân, nhất là ở các đô thị, đã được cải thiện rất nhiều. Nhu cầu xây dựng tăng nhanh, mạnh cùng với nhu cầu tiện nghi để đảm bảo chất lượng cuộc sống. Khu vực nghiên cứu dự án đang trong giai đoạn xây dựng, đô thị hóa khá nhanh, nhưng hầu như hệ thống thoát nước vẫn chưa đảm bảo. Nhiều khu vực thường bị ngập úng nặng nề về mùa mưa gây nhiều thiệt hại cho người dân và ô nhiễm môi trường trầm trọng. Mục đích của nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng thoát nước và đề xuất các giải pháp giảm ngập cho mạng lưới thoát nước đô thị tại khu vực trung tâm Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
8967	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế tyrosinase của cao chiết từ cây rau sam (Portulaca oleracea L.) :	Phan, Lâm Diễm Nghi	Phan Lâm Diễm Nghi ; Nguyễn Đức Độ (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Cây rau sam (Portulaca oleracea L.) chứa nhiều hợp chất có hoạt tính sinh học, đặc biệt là các hợp chất polyphenol đã được chứng minh có khả năng ức chế tyrosinase - enzyme chính trong quá trình hình thành melanin. Nghiên cứu đã được thực hiện với mục tiêu đánh giá khả năng kháng oxy hóa và ức chế tyrosinase của cao chiết từ cây rau sam in vitro. Thân và lá cây rau sam được ngâm dầm trong ethanol 90° để thu lấy cao thô. Nghiên cứu cho thấy hiệu suất trích cao thô ethanol từ cây rau sam đạt 0,74%.
8968	Thạc sĩ	Hiệu quả của phương pháp phân tích văn bản mẫu đối với việc phát triển kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh lớp 11 :	Mã, Thành Thắng	Mã Thành Thắng ; Nguyễn Thị Hồng Nam (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Với đề tài: Hiệu quả của phương pháp phân tích văn bản mẫu đối với việc phát triển kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh lớp 11, chúng tôi thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu phương pháp dạy học phân tích văn bản mẫu mang lại hiệu quả như thế nào đối với việc phát triển kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh. Như chúng ta biết, năng lực tạo lập văn bản nghị luận của học sinh THPT hiện nay còn nhiều hạn chế, để khắc phục những hạn chế đó, người giáo viên cần có những phương pháp dạy học phù hợp. Với chúng tôi, một trong những phương pháp dạy học mang lại hiệu quả cao, giúp phát triển được các kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận cho học sinh là phương pháp phân tích văn bản mẫu. Nhận thấy được những mặt tích cực của phương pháp này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu trên đối tượng học sinh lớp 11A4 của trường THPT Nguyễn Trung Trực, Kiên Giang. Với nghiên cứu này, việc trước tiên chúng tôi sẽ làm là thông qua dạy đọc hiểu văn bản nghị luận, sử dụng phương pháp phân tích mẫu nhằm giúp học sinh nhận biết được thể loại văn bản, nhận biết được những đặc trưng cơ bản của thể loại này, phát hiện và đánh giá được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, trên cơ sở đó, chúng tôi hướng dẫn học sinh tạo lập văn bản nghị luận. Thông qua kết quả các bài thực hành, các bài kiểm tra viết trước và sau thực nghiệm chúng tôi nhận thấy phương pháp dạy học này đã giúp học sinh phát triển được các kỹ năng đọc và viết văn nghị luận. Không chỉ vậy, phương pháp này còn giúp phát triển được tư duy logic, khả năng phản biện, hợp tác, giúp học sinh bày tỏ được chính kiến, quan điểm của mình. Tóm lại, qua quá trình thực nghiệm, chúng tôi đã thu được những kết quả khả qua, từ đó chúng tôi mạnh dạn khẳng định phương pháp phân tích văn bản mẫu thực sự giúp phát triển được kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận của học sinh.

8969	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng ức chế enzyme α -amylase và α -glucosidase từ cao chiết cây Lộc vừng (<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn.) :	Nguyễn, Thị Kim Thanh	Nguyễn Thị Kim Thanh ; Nguyễn Minh Chon (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài được thực hiện với mục đích đánh giá khả năng ức chế α-amylase và α-glucosidase từ cao chiết cây Lộc vừng (<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn.) ở mức độ in-vitro. Bằng phương pháp so màu với nhôm chloride cho thấy hàm lượng flavonoid tổng trong cao chiết ethanol vỏ và lá lần lượt là 63,6 mgQE/g và 121,6 mgQE/g. Bằng phương pháp khử gốc tự do DPPH cho thấy, cả cao vỏ và lá đều có khả năng kháng oxy hóa với giá trị IC50 lần lượt là 0,124 mg/mL và 0,113 mg/mL. Phân đoạn n-hexan, ethyl acetate và nước từ cao chiết ethanol lá cây Lộc vừng có khả năng ức chế hoạt động của enzyme α-amylase và α-glucosidase. Tương ứng, các giá trị IC50 là 2,179; 0,458; 0,109 mg/mL và 0,334; 0,158; 0,074 mg/mL.
8970	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và Tiềm năng sử dụng đất ở đô thị - đất khu công nghiệp Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Kim Khánh	Nguyễn Kim Khánh ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố tác động đến sự phát triển của việc sử dụng đất ở đô thị và đất khu công nghiệp trên địa bàn quận Ô Môn làm cơ sở đề xuất các giải pháp hướng đến phát triển đô thị bền vững trong tương lai. Nghiên cứu đã thu thập và kế thừa số liệu về thực trạng đất ở đô thị và khu công nghiệp. Đồng thời tham vấn ý kiến 36 chuyên gia để xác định các yếu tố tác động bằng phương pháp đánh giá đa tiêu chí MCA và phương pháp phân tích thứ bậc xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố lên sử dụng đất (AHP). Kết quả cho thấy trong giai đoạn từ năm 2014 - 2018 đất ở đô thị có xu hướng tăng lên và đất khu công nghiệp ít biến động. Kết quả đã xác định được ba nhóm yếu tố chính tác động đến quá trình sử dụng đất ở đô thị và đất khu công nghiệp bao gồm về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội. Trong đó yếu tố kinh tế có mức độ tác động nhiều nhất, kế đến là yếu tố về xã hội và yếu tố tự nhiên là yếu tố ít tác động. Đồng thời kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được 13 yếu tố phụ từ các yếu tố chính điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội, kết quả đánh giá mức độ tác động cho thấy các yếu tố về nguồn lực tài chính, lãi suất ngân hàng, giá đất là những yếu tố phụ tác động đến quá trình sử dụng đất ở đô thị và đất khu công nghiệp, và yếu tố phụ về chính sách ưu đãi là yếu tố có mức độ tác động thấp nhất tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu cũng đã đề xuất được vùng phát triển đất ở đô thị tại vùng nghiên cứu và định hướng mở rộng diện tích đất khu công nghiệp tại phường Phước Thới hướng đến phát triển bền vững. Trên cơ sở những thuận lợi, khó khăn trong quá trình sử dụng đất ở đô thị và đất khu công nghiệp trên địa bàn quận Ô Môn và kết quả đánh giá mức độ tác động của các yếu tố, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị bền vững cho quận Ô Môn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

8971	Thạc sĩ	Khảo sát hoạt tính sinh học của cây Đinh Lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> L harms) và đa dạng di truyền của Đinh lăng (<i>Polyscias</i> sp.) :	Trần, Thị Trọng Nghĩa	Trần Thị Trọng Nghĩa ; Nguyễn Văn Ấy (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Các yếu tố môi trường sống và thời gian sinh trưởng có tác động rất đến quá trình hình thành các hợp chất trong cây cũng như sự đa dạng sinh học. Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của điều kiện địa lý và thời gian sinh trưởng lên hàm lượng một số hợp chất trong cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> L. Harms) bằng phương pháp sắc lý lỏng cao áp, cũng như sự đa dạng di truyền của cây Đinh lăng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Thời gian sinh trưởng và bộ phận của cây có ảnh hưởng đáng kể đến tổng hàm lượng thiamine, axit tannic, quercetin và hợp chất veratrine trong cây bằng phương pháp HPLC. Trong đó, cây Đinh lăng 5 năm tuổi có hàm lượng tannic acid (61,43 mg/g) và veratrine (0,76 mg/g) cao hơn cây 1, 2 và 3 năm tuổi. Hàm lượng tannic acid, quercetin và veratrine ở lá của mẫu Đinh lăng (lần lượt là 75,87; 1,02 và 0,84 mg/g) cao hơn so với ở thân và rễ, trong khi đó hàm lượng thiamine ở rễ thì cao hơn (0.03 mg/g); (2) Cây Đinh lăng 5 năm tuổi trồng tại Cà Mau có hàm lượng các chất saponin, veratrine và thiamine (lần lượt là 40,12; 0,86 và 0,03 mg/g) cao hơn so với các cây trồng ở các địa điểm khác. (3) Cao chiết từ cây Đinh lăng có khả năng kháng oxy hóa và kháng khuẩn cao và có tiềm năng trong nghiên cứu điều trị bệnh kháng khuẩn và tác nhân oxy hóa. (4) Dựa vào trình tự ITS, cho thấy có sự đa dạng di truyền của các 9 mẫu Đinh lăng thu thập tại các tỉnh Cà Mau, Cần Thơ, Hậu Giang và An Giang, thuộc các loài <i>Polyscias</i> sp., <i>Polyscias fruticosa</i>, <i>Polyscias quilfoylei</i> và <i>Polyscias scutellaria</i>. Từ khóa: đa dạng di truyền, hoạt chất sinh học, kỹ thuật ITS, <i>Polyscias fruticosa</i> L. Harms, sắc ký lỏng cao áp.
------	---------	--	-----------------------	---	------	--

8972	Thạc sĩ	Nghiên cứu nâng cao tính chống thấm và cường độ của hạt cốt liệu nhẹ được sản xuất từ tro bay phục vụ cho các công trình xây dựng, giao thông và thủy lợi :	Trần, Thiện Thuật	Trần Thiện Thuật Bùi Lê Anh Tuấn (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu các phương pháp bảo dưỡng/xử lý bề mặt để nâng cao khả năng chống thấm và cường độ của cốt liệu nhân tạo được sản xuất từ tro bay bằng phương pháp liên kết nguội. Mười bốn trường hợp cấp phối với năm phương pháp bảo dưỡng/xử lý bề mặt cốt liệu khác nhau đã được thực hiện bao gồm: ngâm trong CaO, muối silic, thủy tinh lỏng (Na₂SiO₃), epoxy kết hợp với lá dăm bột và trong môi trường nước. Kết quả cho thấy cường độ của cốt liệu có thể đạt được sau khi xử lý bề mặt bằng dung dịch CaO (1,95 MPa), dung dịch muối silic (1,83 MPa), thủy tinh lỏng (1,73 MPa) và trường hợp epoxy kết hợp với lá dăm bột có cường độ 1,63-1,84 MPa cao hơn khoảng 45-75% so với trường hợp cấp phối đối chứng được bảo dưỡng ở môi trường nước (1,05 MPa). Bên cạnh đó, độ hút nước của cốt liệu sau khi được xử lý bề mặt bằng thủy tinh lỏng có độ hút nước thấp (4,1%) và trường hợp cốt liệu được xử lý bề mặt bằng epoxy kết hợp với lá dăm bột thấp hơn khoảng 67% so với các trường hợp bảo dưỡng/xử lý bề mặt trong silic, CaO và trong nước. Ngoài ra, các phân tích SEM, FTIR và XRD cũng đã được thực hiện để chứng minh khả năng cải thiện cường độ và độ hút nước của cốt liệu nhẹ bằng phương pháp xử lý bề mặt bằng epoxy kết hợp với lá dăm bột. Bên cạnh đó, cốt liệu được xử lý bề mặt ở trường hợp cấp phối FNS (xử lý bề mặt bằng thủy tinh lỏng) và trường hợp cấp phối FE30 (30% epoxy+70% nước lá dăm bột) đã được chọn làm đại diện cho cấp phối cốt liệu tối ưu thay thế 100% khối lượng thể tích của đá tự nhiên của cấp phối đối chứng trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy độ hút nước của bê tông sử dụng cốt liệu nhân tạo thấp từ 8,14-8,62%, khối lượng thể tích khô của bê tông giảm 22-24% so với mẫu đối chứng và được phân loại là bê tông nhẹ theo tiêu chuẩn EN 206-1:2013, cường độ nén của bê tông với tỷ lệ w/cm 0,30 đạt 30,1-34,7 MPa ở 28 ngày tuổi đạt khoảng từ 61-62% so với trường hợp bê tông đối chứng. Từ khóa: cốt liệu nhẹ, bê tông nhẹ, xử lý bề mặt, cường độ, độ hút nước.
8973	Thạc sĩ	Khảo sát khả năng kháng khuẩn <i>Probionibacterium acnes</i> , kháng Oxi hóa và ức chế Enzyme Tyrosinase từ cao chết vi tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> :	Huỳnh, Duy Phúc	Huỳnh Duy Phúc ; Nguyễn Minh Chon (Cán bộ hướng dẫn)	2020	<i>Probionibacterium acnes</i> và tyrosinase là hai tác nhân chính gây ra các vấn đề rối loạn về da ở người, chúng làm hình thành rất nhiều gốc tự do và tạo ra chuỗi các phản ứng viêm. Đây là nguyên nhân dẫn đến các căn bệnh như: rối loạn sắc tố, viêm da, lão hóa và ung thư da. Hiện nay, các hợp chất có nguồn gốc từ thiên nhiên có khả năng kháng khuẩn, trung hòa gốc tự do và ức chế enzyme dùng trong chăm sóc và bảo vệ làn da đang được đặc biệt quan tâm. Astaxanthin là hợp chất carotenoid có hoạt tính kháng oxy hóa mạnh mẽ và được tổng hợp một lượng lớn ở vi tảo <i>Haematococcus pluvialis</i>.

8974	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của điều kiện xử lý đến khả năng bảo quản xoài Ba Màu cắt miếng (Mangifera indica L.) :	Trần, Văn Thành	Trần Văn Thành ; Hồ Thanh Bình, Võ Tấn Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Trong phạm vi đề tài, ảnh hưởng của điều kiện xử lý đến khả năng bảo quản xoài ba màu cắt miếng được khảo sát. Đầu tiên là sự kết hợp của muối calcium ascorbate (nồng độ 0,01%, 0,02%, 0,03%, 0,04%) và acid citric (nồng độ 0,005%, 0,01%, 0,015%, 0,02%) nhằm ngăn chặn sự hóa nâu của miếng xoài và bảo quản được màu sắc, cấu trúc giống như ban đầu. Dung dịch xử lý hóa nâu có nồng độ calcium ascorbate – acid citric là 0,02:0,015 thể hiện được hiệu quả chống hóa nâu, mẫu có giá trị cảm quan cao, đồng thời đảm bảo yếu tố kinh tế so với các nồng độ khác. Bên cạnh đó, đề tài cũng tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của các chất bao màng CMC (nồng độ 0,05%, 0,01%, 0,015%, 0,02%); carrageenan (nồng độ 0,05%, 0,01%, 0,015%, 0,02%) và chitosan (nồng độ 0,05%, 0,01%, 0,015%, 0,02%) đến chất lượng sản phẩm khi bảo quản. Cả ba dung dịch bao màng CMC, carrageenan và chitosan đều giúp ổn định chất lượng sản phẩm được tốt. Tuy nhiên, dung dịch CMC có nồng độ 0,02% có hiệu quả trong việc đảm bảo giá trị cảm quan của sản phẩm cao nên được chọn làm dung dịch bao màng trong phạm vi nghiên cứu này. Cuối cùng, đề tài khảo sát ảnh hưởng của việc xử lý trong dung dịch kali sorbate với nồng độ 0,02%, 0,04%, 0,06%, 0,08% đến khả năng bảo quản của xoài cắt miếng. Ở nồng độ kali sorbate sử dụng từ 0,04% có giới hạn tổng số VSV hiếu khí nằm trong mức cho phép. Do đó, nồng độ kali ascorbate là 0,04% được chọn do thể hiện được hiệu quả chống vi sinh vật, đồng thời đảm bảo yếu tố kinh tế so với các nồng độ khác.
8975	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng công tác lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu ở thành phố Cần Thơ :	Đặng, Nhất Khả Uyên	Đặng Nhất Khả Uyên ; Nguyễn Hoàng Anh (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Kết quả phân tích cho thấy nhóm yếu tố ảnh hưởng nhất đến chất lượng công tác lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu là các văn bản quy phạm pháp luật và năng lực của các chủ thể tham gia thực hiện. Vì vậy, có thể hoàn thiện công tác quản lý chất lượng hồ sơ mời thầu cũng như đánh giá hồ sơ dự thầu thông qua giải pháp tuân thủ các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia thực hiện đấu thầu cũng như quản lý, kiểm soát tốt số liệu đầu vào để nâng cao chất lượng đấu thầu trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
8976	Thạc sĩ	Pháp luật về định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp :	Bùi, Thị Kim Trúc	Bùi Thị Kim Trúc ; Trần Lê Đăng Phương (Hướng dẫn khoa học)	2020	Qua quá trình nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về về vốn, góp vốn và định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Từ đó, tác giả đã phân tích làm rõ các chủ thể, điều kiện, nguyên tắc, phương pháp định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp và các loại tài sản cần phải định giá để góp vốn vào doanh nghiệp để khi tiến hành góp vốn việc xác định được giá trị tài sản đem góp vốn và quy định pháp luật điều chỉnh vấn đề định giá tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Tác giả đã tiến hành phân tích cụ thể từng quy định điều chỉnh quy định của pháp luật về định giá tài sản hữu hình và định giá tài sản vô hình tác giả đi sâu phân tích từng khía cạnh liên quan và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật có liên quan.

8977	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý đấu thầu dự án ODA – trường hợp Ban quản lý dự án ODA thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Trần Việt Thắng	Nguyễn Trần Việt Thắng ; Đặng Thế Gia (cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu này thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đấu thầu tại Ban quản lý dự án ODA thông qua việc tìm hiểu kinh nghiệm đấu thầu của Ngân hàng thế giới, và đề xuất giải pháp cho hoạt động đấu thầu của các dự án ODA trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho những năm tiếp theo. Luận văn tốt nghiệp này sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính gồm quan sát bằng sự tham gia (participant observation) và trường hợp nghiên cứu (case study) bằng cách phân tích các số liệu của dự án ODA tại Thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2012 – 2019 nhằm so sánh các qui định về đấu thầu của Việt Nam và nhà tài trợ (World Bank). Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý đấu thầu bao gồm sự không thống nhất trong hệ thống văn bản pháp lý, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, năng lực thực tế của nhà thầu tham dự, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đấu thầu; trong đó chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đấu thầu chưa cao là nguyên nhân nổi trội. Phân tích từ luận văn cũng cho thấy, để có thể nâng cao chất lượng công tác quản lý đấu thầu cần thực hiện các giải pháp: tuân thủ các quy định về quản lý đấu thầu trong việc xác định các tiêu chí hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, và đặc biệt là nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đấu thầu là giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu trên địa bàn thành phố Cần Thơ nói chung và tại Ban QLDA ODA nói riêng. Từ khóa: Ngân hàng Thế giới (WB), ODA, Ban QLDA, đấu thầu
8978	Thạc sĩ	Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tiến độ giai đoạn thực hiện dự án ODA tại thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Tuyết Thu	Trần Thị Tuyết Thu ; Đặng Thế Gia (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu này thực hiện nhằm đánh giá thực trạng các dự án ODA trên địa bàn thành phố Cần Thơ, qua đó phân tích và đánh giá chi tiết các nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ giai đoạn thực hiện dự án sử dụng nguồn vốn ODA và đề xuất một số giải pháp thực hiện nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đúng theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chi phí và đạt hiệu quả cao nhất, phát huy tối đa mục tiêu, nhiệm vụ dự án. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nguyên nhân ảnh hưởng lớn đến giai đoạn thực hiện dự án ODA là quy định pháp lý về thực hiện và sử dụng nguồn vốn ODA hiện nay chưa bảo đảm tính đồng bộ, tàn mạn, tính pháp lý chưa cao; công tác lập thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế kéo dài; việc cân đối ngân sách nhà nước, bố trí vốn chưa đầy đủ, kịp thời và phù hợp nhu cầu thực tế, trong khi đối với Nhà tài trợ, nguồn vốn luôn sẵn sàng theo nhu giải ngân của bên vay; công tác đấu thầu có nhiều điểm khác biệt so với quy định Việt Nam nên không phản ánh đầy đủ, chính xác năng lực của các nhà thầu tham dự; công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu dẫn đến không đáp ứng tiến độ thực hiện.

8979	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng xử xỉ măng - đất trong điều kiện môi trường thay đổi ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Đoàn, Chánh Thiện	Đoàn Chánh Thiện	2020	Phương pháp xử lý nền bằng cọc xi măng đất đã được nghiên cứu và triển khai rộng rãi trên thế giới và cả ở Việt Nam. Tuy nhiên với tình hình nhiễm mặn và nhiễm phèn xảy ra ngày càng nghiêm trọng ở các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, do đó cần triển khai nghiên cứu về những tác động của môi trường đối với cọc xi măng đất, từ đó bổ sung thêm cơ sở khoa học và số liệu phục vụ cho công tác thiết kế và thi công cọc xi măng đất trong các môi trường đất có độ pH khác nhau. Nghiên cứu này sẽ tiến hành đánh giá sự phát triển cường độ của cọc xi măng đất trong các môi trường khác nhau:
8980	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu :	Lại, Hoàng Thương	Lại Hoàng Thương ; Nguyễn Hoàng Anh (cán bộ hướng dẫn)	2020	Mục tiêu của đề tài là phân tích và đánh giá nguyên nhân gây ra những tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu và đề xuất giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng. Phương pháp “Nghiên cứu bằng sự tham gia” được sử dụng để thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu được thu thập từ báo cáo của Ban Quản lý dự án, các cơ quan quản lý chuyên môn về xây dựng có liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn thực hiện đề tài từ năm 2015 tới năm 2019.
8981	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Đức Hiệp	Nguyễn Đức Hiệp ; Nguyễn Hoàng Anh (cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài nghiên cứu này thực hiện nhằm đánh giá thực trạng công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cờ Đỏ như: quản lý tổng mức đầu tư, quản lý dự toán xây dựng công trình, quản lý gói thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng và vốn đầu tư dự án hoàn thành. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế để từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cờ Đỏ. Sử dụng phương pháp phân tích định tính và phân tích định lượng trong lĩnh vực nghiên cứu nhằm tìm ra những giải pháp tối ưu nhất để nâng cao chất lượng công tác quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cờ Đỏ. Kết quả phân tích của đề tài nghiên cứu cho thấy nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế về công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cờ Đỏ là lựa chọn nhà thầu tư vấn chưa phù hợp, phân công cán bộ quản lý chưa đúng khả năng chuyên môn, kinh nghiệm, sử dụng phương pháp lập tổng mức đầu tư chưa hợp lý, hình thức hợp đồng được ký kết chưa phù hợp với thực tế,...

8982	Thạc sĩ	Phân tích đánh giá các quy định về quản lý chất lượng công trình thủy lợi trong giai đoạn thi công trên địa bàn thành phố Cần Thơ :	Trần, Đông Minh	Trần Đông Minh ; Trần Minh Thuận, Đặng Thế Gia (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Chất lượng công trình xây dựng không những có liên quan trực tiếp đến an toàn sinh mạng, an toàn cộng đồng, hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình mà còn là yếu tố quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Do có vai trò quan trọng như vậy nên luật pháp về xây dựng của các nước trên thế giới đều coi đó là mục đích hướng tới. Ở Việt Nam, Luật Xây dựng 2014 có nhiều điểm đổi mới so với Luật Xây dựng 2003 được Quốc Hội Khóa XIII thông qua năm 2014, trong đó chất lượng công trình xây dựng cũng là nội dung trọng tâm, xuyên suốt.
8983	Thạc sĩ	Xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bồi thường và hỗ trợ tái định cư trên địa bàn thị Xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang :	Đỗ, Trung Kiên	Đỗ Trung Kiên ; Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Đề tài được thực hiện với mục tiêu đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công tác bồi thường và hỗ trợ tái định cư, xác định những thuận lợi và khó khăn để từ đó làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác bố trí tái định cư trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Đề tài được thực hiện dựa trên phương pháp phỏng vấn hộ dân bị ảnh hưởng dự án (số mẫu dự kiến 30 phiếu x 3 loại hình= 90 phiếu), phỏng vấn chuyên gia và tiến hành phân tích phương pháp xếp hạng (15 phiếu), phương pháp so sánh từng cặp, phân tích phân cấp (Analytical Hierarchy Process-AHP) từ kết quả phỏng vấn trên, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đến công tác bồi thường và hỗ trợ tái định cư của các dự án. Kết quả nghiên cứu cho thấy về quan điểm của chuyên gia đã xác định được 3 nhóm yếu tố chính là con người, chính sách và tài chính, trong đó vai trò của con người là quan trọng nhất.
8984	Thạc sĩ	Nghiên cứu, xây dựng bản đồ phân vùng địa chất công trình thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang :	Phạm, Minh Triết	Phạm Minh Triết ; Nguyễn Hiếu Trung (cán bộ hướng dẫn)	2020	Mục tiêu của nghiên cứu này là xây dựng bản đồ phân vùng địa chất công trình thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Dữ liệu về các hồ khoan địa chất, kết hợp với việc sử dụng phương pháp nội suy dạng điểm - phần mềm QGIS để xây dựng bản đồ địa chất công trình nhằm làm cơ sở đánh giá đặc điểm địa chất công trình cho các dự án xây dựng. Kết quả nghiên cứu là các bản đồ địa chất sau khi hoàn chỉnh có thể được sử dụng để trích xuất dữ liệu/thông tin hỗ trợ xác định nhanh các chỉ tiêu cơ lý, sức chịu tải đất nền tương ứng trong phạm vi khu vực nghiên cứu. Từ đó có thể đánh giá được địa chất của vùng khảo sát một cách khách quan, làm cơ sở để xây dựng dự án tiền khả thi.

8985	Thạc sĩ	Ứng dụng mô hình SWMM đề xuất cải tạo hệ thống thoát nước nhằm giảm ngập ở quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ :	Nguyễn, Ngọc Toàn	Nguyễn Ngọc Toàn ; Nguyễn Võ Châu Ngân (cán bộ hướng dẫn)	2020	Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội cùng với biến đổi khí hậu đã và đang đặt lên áp lực lên khả năng thoát nước đô thị và sự quản lý của các cơ quan, ban ngành. Trong đó, vấn đề ngập lụt đô thị là một trong vấn đề chính. Mục đích của nghiên cứu nhằm đánh giá khả năng thoát nước và đề xuất các giải pháp giảm ngập cho mạng lưới thoát nước đô thị tại khu vực trung tâm quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Bằng việc sử dụng phần mềm Storm Water Management Model (SWMM) mô phỏng dòng chảy nhằm mô phỏng mực nước và diễn biến dòng chảy đô thị do mưa, triều cường và hệ thống thoát nước thải chung nhằm tìm ra những giải pháp giảm thiểu tình trạng ngập lụt và cải thiện nguồn nước ô nhiễm ở quận Bình Thủy nói riêng và TP Cần Thơ nói chung là điều hết sức cần thiết nhằm đảm bảo khả năng thoát nước, hạn chế tác động đến môi trường và phát triển đô thị một cách bền vững.
8986	Thạc sĩ	Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước trên các sinh cảnh tại Vườn quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp :	Nguyễn, Phương Nhã	Nguyễn Phương Nhã ; Trương Hoàng Đan (Cán bộ hướng dẫn)	2020	Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước trên các sinh cảnh tại vườn quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thông qua các chỉ tiêu độ ngập sâu, nhiệt độ, pH, EC, độ đục, DO, COD, $N-NH_4^+$, $P-PO_4^{3-}$ trong nước tại 10 sinh cảnh vào 2 mùa mưa (tháng 8/2018) và khô (tháng 4/2019). Đồng thời, chất lượng môi trường đất cũng được đánh giá thông qua các chỉ tiêu pH, tổng đạm, tổng lân, độ chua trao đổi, chất hữu cơ, Al trao đổi, Fe tổng tại 2 tầng đất của 7 sinh cảnh vào mùa khô. Kết quả phân tích cho thấy pH của nước ở mức trung tính, giá trị EC cao và trong vùng lõi thấp hơn ở các kênh ngoài vùng đệm. Hàm lượng $P-PO_4^{3-}$ thấp và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A1), tuy nhiên hàm lượng $N-NH_4^+$, DO và COD đều không đạt qui chuẩn cho phép.
8987	Tiến sĩ	Nghiên cứu mô hình quản lý nước trong hệ thống canh tác tổng hợp vùng ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long để thích ứng với biến đổi khí hậu :	Nguyễn, Văn Tuyền	Nguyễn Văn Tuyền ; Văn Phạm Đăng Trí, Phạm Văn Toàn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định nhu cầu tưới cho cây màu và đánh giá hiệu quả sử dụng nước tưới trong nông nghiệp để phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh nguồn nước không ổn định ở đầu nguồn tỉnh An Giang.
8988	Tiến sĩ	Nghiên cứu vi nấm trong nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) và cá lóc (Channa striata) thâm canh :	Đặng, Thụy Mai Thy	Đặng Thụy Mai Thy ; Phạm Minh Đức, Trần Thị Tuyết Hoa (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Nghiên cứu thành phần giống vi nấm trong môi trường nuôi và trên cá tra bệnh và cá lóc bệnh, đặc điểm bệnh học và sinh học của vi nấm gây bệnh, ảnh hưởng của hóa chất và thảo dược đến vi nấm gây bệnh và thử nghiệm phòng bệnh do nấm trong điều kiện phòng thí nghiệm.
8989	Tiến sĩ	Đặc điểm sinh học và kỹ thuật sản xuất giống cá chanh dục Channa gachua (Hamilton, 1822) :	Hồ, Mỹ Hạnh	Hồ Mỹ Hạnh ; Bùi Minh Tâm, Dương Thúy Yên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định các đặc điểm hình thái, sinh học sinh trưởng, dinh dưỡng và sinh sản cá chanh dục, loại thức ăn cho kết quả nuôi vỗ thành thực, loại và liều lượng chất kích thích sinh sản thích hợp trong sinh sản nhân tạo cá chanh dục và một số yếu tố kỹ thuật.

8990	Tiến sĩ	Biện pháp kỹ thuật giảm lượng axit hữu cơ và phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa trên đất phèn và đất phù sa tại tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Thị Kiều	Nguyễn Thị Kiều ; Trần Kim Tính (người hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận án nghiên cứu biện pháp kỹ thuật giảm lượng axit hữu cơ và phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa trên đất phèn và đất phù sa tại tỉnh Hậu Giang .
8991	Tiến sĩ	Đánh giá ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật trên ruộng lúa và các sông rạch chính tỉnh Hậu Giang :	Nguyễn, Phan Nhân	Nguyễn Phan Nhân ; Bùi Thị Nga, Phạm Văn Toàn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận án nghiên cứu, đánh giá ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật trên ruộng lúa và các sông rạch chính tỉnh Hậu Giang.
8992	Tiến sĩ	Tích hợp mô hình Aquacrop và ảnh viễn thám Modis trong xác định cơ cấu mùa vụ và năng suất lúa trên các vùng đất Đồng bằng Sông Cửu Long :	Trần, Thị Hiền	Trần Thị Hiền ; Võ Quang Minh (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận án nghiên cứu tích hợp mô hình Aquacrop và ảnh viễn thám Modis trong xác định cơ cấu mùa vụ và năng suất lúa trên các vùng đất Đồng bằng Sông Cửu Long.
8993	Tiến sĩ	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thơm (<i>Oryza sativa</i> L.) kháng rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal.) bằng dấu phân tử SSR :	Nguyễn, Trí Yên Chi	Nguyễn Trí Yên Chi ; Trương Trọng Ngôn (cán bộ hướng dẫn)	2018	Nội dung luận án nghiên cứu chọn tạo giống lúa thơm (<i>Oryza sativa</i> L.) kháng rầy nâu (<i>Nilaparvata lugens</i> Stal.) bằng dấu phân tử SSR.
8994	Tiến sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh, sự sinh trưởng, năng suất và chất lượng cây ớt cay (<i>Capsicum</i> spp.) :	Võ, Thị Bích Thủy	Võ Thị Bích Thủy ; Trần Thị Ba, Nguyễn Thị Thu Nga (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu ảnh hưởng của gốc ghép đến khả năng chống chịu bệnh héo xanh, sự sinh trưởng, năng suất và chất lượng cây ớt cay (<i>Capsicum</i> spp.). Kết luận và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả.
8995	Tiến sĩ	Chọn lọc nâng cao năng suất sinh sản của Cút Nhật Bản bằng chỉ thị phân tử :	Lý, Thị Thu Lan	Lý Thị Thu Lan ; Nguyễn Thị Hồng Nhân, Nguyễn Trọng Ngữ (người hướng dẫn)	2018	Nội dung luận văn giới thiệu cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu. Phát hiện những điểm đa hình của một số gen liên quan đến năng suất sinh sản cút. Xác định mối liên quan giữa các gen ứng viên liên quan đến năng suất sinh sản và năng suất trứng. Chọn lọc nhóm cút có năng suất cao.
8996	Tiến sĩ	Nghiên cứu chế biến các sản phẩm thực phẩm có hoạt tính sinh học cao từ hạt đậu nành mầm :	Dương, Thị Phụng Liên	Dương Thị Phụng Liên ; Hà Thanh Toàn, Phan Thị Bích Trâm (hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng qui trình trích ly polyphenol và khảo sát khả năng chống oxy hóa trong hạt đậu nành nhằm tuyển chọn giống đậu nành tốt nhất làm nguyên liệu chế biến sữa đậu nành và tàu hũ lụa. Xác định điều kiện nảy mầm đậu nành tối ưu cho hoạt tính chống oxy hóa cao. Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến khả năng chống oxy hóa trong qui trình chế biến sữa đậu nành đóng chai tiệt trùng và tàu hũ lụa từ đậu nành nảy mầm. Thử nghiệm khả năng hỗ trợ điều trị tổn thương viêm gan mạn trên chuột của sữa đậu nành và tàu hũ lụa từ đậu nành nảy mầm.
8997	Tiến sĩ	Tuyển chọn chủng <i>Bacillus subtilis</i> ứng dụng trong phòng bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gà :	Lê, Thị Hải Yến	Lê Thị Hải Yến ; Nguyễn Đức Hiền (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận án phân lập được ít nhất 01 chủng <i>Bacillus subtilis</i> tại một số tỉnh ĐBSCL có các đặc tính probiotic như: khả năng sinh enzyme tiêu hóa (amylase, protease, lipase); chịu được tác động của dịch tiêu hóa (dịch vị, muối mật), khả năng bám vào niêm mạc ruột và đối kháng với một số vi khuẩn gây bệnh đường ruột (<i>S. enterica</i> , <i>E. coli</i>). Xác định được liều dùng hiệu quả của chủng probiotic phân lập được trong phòng bệnh đường ruột ở gà do <i>E. coli</i> và <i>S. enterica</i> gây ra.

8998	Tiến sĩ	Nghiên cứu sự di truyền các đột biến gây bệnh ở bệnh nhân Beta thalassemia vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng kỹ thuật sinh học phân tử :	Phạm, Thị Ngọc Nga	Nguyễn Thị Kiều ; Nguyễn Trung Kiên (hướng dẫn khoa học)	2018	Xác định tỷ lệ các kiểu đột biến gen β -globin gây bệnh và các thể bệnh ở các bệnh nhân β -Thal vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng các kỹ thuật sinh học phân tử. Xây dựng phả hệ di truyền 3 thế hệ của một số bệnh nhân β -Thal và xác định tỷ lệ người mang gen bệnh, các kiểu đột biến, các thể bệnh và kiểu hình huyết học của các thể bệnh ở người mang gen bệnh β -Thal trong phả hệ. Đánh giá sự thay đổi kiến thức về bệnh β -Thal sau tư vấn di truyền cho những người mang gen bệnh và thực hiện chẩn đoán trước sinh cho các cặp vợ chồng mang gen có thai giai đoạn đầu trong các phả hệ nghiên cứu.
8999	Tiến sĩ	The effects of elevated temperature and hypoxia on the respiratory organs of pangasianodon hypophthalmus :	Le, My Phuong	Le My Phuong ; Đỗ Thị Thanh Hương, Mark Baylay (Supervisors)	2018	This is the first documentation which applied stereology to investigate morphometrics such as volume, respiratory surface area, harmonic mean diffusion distance of gills and swim bladder of striped catfish at normal condition and under elevated temperature or hypoxic conditions. Through these metrics, the capacity for respiration of this species can be evaluated and compared with other species.
9000	Tiến sĩ	Đặc điểm ngoại hình, đa hình gen và ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn lọc cải thiện năng suất sinh sản của gà Nòi :	Châu, Thanh Vũ	Châu Thanh Vũ ; Nguyễn Trọng Ngữ, Nguyễn Thị Hồng Nhân (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận án xác định đặc điểm ngoại hình và đánh giá đa dạng di truyền giữa các nhóm gà Nòi tại ĐBSCL. Xác định sự ảnh hưởng của một số gen ứng viên liên quan đến năng suất sinh sản ở gà Nòi. Chọn lọc và tạo giống để cải thiện năng suất sinh sản gà Nòi.
9001	Tiến sĩ	Nghiên cứu sử dụng vật liệu keo tụ sinh học chế tạo từ hạt Muồng Hoàng Yến (Cassia fistula L.) để cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp :	Đào, Minh Trung	Đào Minh Trung ; Nguyễn Võ Châu Ngân, Ngô Kim Định (hướng dẫn khoa học)	2018	Xác định khả năng ứng dụng vật liệu có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với môi trường (vật liệu nano sinh học được chế tạo từ gum trích ly từ hạt Muồng Hoàng Yến và Nano từ tính) và có khả năng thu hồi, tái sử dụng trong quá trình cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp dệt nhuộm và xi mạ. Với kết quả nghiên cứu đạt được, đề xuất một quy trình công nghệ ứng dụng vật liệu này trong công nghệ để cải thiện thành phần ô nhiễm độ màu và kim loại nặng có trong nước thải.
9002	Tiến sĩ	Xác định cấu trúc hóa học, tổng hợp và ứng dụng pheromone giới tính để quản lý một số loài thuộc bộ cánh vảy (Lepidoptera) ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Châu, Nguyễn Quốc Khánh	Châu Nguyễn Quốc Khánh ; Lê Văn Vàng (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận văn thực hiện nhằm tạo tiền đề để ứng dụng hóa chất tín hiệu trong việc quản lý một số loài côn trùng gây hại ở ĐBSCL cũng như tạo cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu tiếp theo tại ĐBSCL và xa hơn là Việt Nam và các nước thuộc bán đảo Đông Dương.

9003	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của sử dụng kết hợp thuốc bảo vệ thực vật hoạt chất Chlorpyrifos Ethyl và Fenobucarb đến hoạt tính Enzyme Cholinesterase ở cá lóc (<i>Channa striata</i>) :	Nguyễn, Văn Toàn	Nguyễn Văn Toàn ; Nguyễn Văn Công (cán bộ hướng dẫn)	2018	Luận án “Ảnh hưởng của sử dụng kết hợp thuốc bảo vệ thực vật hoạt chất Chlorpyrifos ethyl và Fenobucarb đến hoạt tính enzyme Cholinesterase cá lóc (<i>Channa striata</i>)” được thực hiện ở điều kiện phòng thí nghiệm và đồng ruộng từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 12 năm 2016 nhằm đánh giá sự ảnh hưởng riêng lẻ, phối trộn của hai hoạt chất trên đến enzyme ChE của cá lóc và khả năng sử dụng ChE ở cá lóc như phương pháp sinh học để đánh giá sự phơi nhiễm của cá lóc với thuốc BVTV lân hữu cơ Chlorpyrifos ethyl và Carbamate Fenobucarb. Nội dung điều tra hiện trạng sử dụng thuốc BVTV ở một số vùng canh tác lúa ĐBSCL được thực hiện qua phỏng vấn 939 hộ dân trồng lúa ở 4 tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp và Hậu Giang. Ảnh hưởng đơn lẻ và phối trộn của thuốc BVTV chứa hoạt chất Fenobucarb và Chlorpyrifos ethyl đến hoạt tính ChE ở điều kiện phòng thí nghiệm được thực hiện ở bốn mức nồng độ 1%, 2%, 5% và 10% LC50-96 giờ và hỗn hợp giữa chúng cùng đối chứng được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên. Ảnh hưởng của phun Fenobucarb, Chlorpyrifos Ethyl hay kết hợp hai hoạt chất này đến ChE cá lóc được triển khai trên ruộng lúa vụ Hè Thu 2013 ở Phụng Hiệp, Hậu Giang.
9004	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc tính và hiệu quả phòng trừ của Nucleopolyhedrosis virus (NPV) trên sâu ăn tạp (<i>Spodoptera litura</i> Fabr.) và sâu xanh da láng (<i>Spodoptera exigua</i> Hubn.) tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Trịnh, Thị Xuân	Trịnh Thị Xuân ; Trần Văn Hai (hướng dẫn khoa học)	2018	Thu thập, phân lập và tuyển chọn được chủng virus NPV cho hiệu quả cao đối với sâu ăn tạp và sâu xanh da láng tại ĐBSCL. Xây dựng được quy trình sản xuất chế phẩm sinh học NPV dạng lỏng và dạng khô trong điều kiện phòng thí nghiệm. Ứng dụng được chế phẩm sinh học NPV trong quản lý sâu ăn tạp (SAT) và sâu xanh da láng (SXDL) trên đồng ruộng.
9005	Tiến sĩ	Ứng dụng mô hình hóa xác định nhu cầu năng lượng và protein để phát triển thức ăn cho cá lóc (<i>Channa striata</i>) :	Ngô, Minh Dung	Nguyễn Thị Kiều ; Trần Thị Thanh Hiền, Bùi Minh Tâm (hướng dẫn khoa học)	2018	Xác định nhu cầu dinh dưỡng (năng lượng, protein, acid amin) của cá lóc (<i>Channa striata</i>) và khả năng tiêu hóa một số nguồn nguyên liệu phổ biến nhằm làm cơ sở xây dựng công thức thức ăn cho các giai đoạn nuôi cá lóc thương phẩm.
9006	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc tính thực vật, nông học và đông lạnh trái của dòng nhãn mới phát hiện trên giống nhãn Bạc Liêu :	Nguyễn, Thị Kiều	Nguyễn Thị Kiều ; Nguyễn Bảo Vệ, Huỳnh Minh Hoàn (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận án xác định và phân biệt được đặc điểm của giống và dấu phân tử ADN của dòng nhãn mới. Đánh giá được sinh trưởng và phát triển của dòng nhãn mới ở các độ tuổi của cây, các phương pháp nhân giống vô tính và các vùng canh tác khác nhau. Tìm ra biện pháp canh tác nâng cao khả năng đông lạnh của dòng nhãn mới.
9007	Tiến sĩ	Ảnh hưởng biện pháp tưới nước mặn kết hợp hỗ trợ dinh dưỡng và chất điều hòa sinh trưởng thực vật để cải thiện năng suất lúa (<i>Oryza sativa</i>) trên đất nhiễm mặn :	Nguyễn, Văn Bo	Nguyễn Văn Bo ; Lê Văn Bé (hướng dẫn khoa học)	2018	Tưới nước nhiễm mặn cho cây lúa trong thực tế sản xuất lúa hiện nay là việc làm bất buộc nhưng không mong muốn. Giai đoạn 10-20 NSKS là giai đoạn cây lúa mẫn cảm với mặn nhiều nhất. Đây là giai đoạn lúa đẻ nhánh do đó mặn làm giảm số chồi, khả năng phục hồi của cây lúa chậm dẫn đến năng suất thấp. Trước khi tưới mặn cung cấp các chất CaO, humate kali, KNO ₃ , n-Triacontanol và brassinolide để năng suất lúa không giảm hoặc giảm ít. Đây là tính mới và sáng tạo của đề tài.

9008	Tiến sĩ	Nghiên cứu các mức năng lượng trao đổi và các acid amin trong khẩu phần lên năng suất sinh trưởng của vịt Xiêm địa phương nuôi thịt :	Nguyễn, Thùy Linh	Nguyễn Thùy Linh ; Nguyễn Thị Kim Đông, Phạm Ngọc Du (hướng dẫn khoa học)	2018	Nội dung luận án xác định các mức hợp lý của năng lượng trao đổi và các acid amin trong khẩu phần để nuôi vịt Xiêm địa phương cho năng suất thịt và đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần làm tăng thu nhập cho người chăn nuôi, đồng thời phát triển ngành chăn nuôi vịt Xiêm địa phương ở nước ta thêm đa dạng và phong phú.
9009	Tiến sĩ	Nghiên cứu sự hấp thu canxi của chôm chôm Rongrien (<i>Nephelium lappaceum</i> Linn) trong hạn chế hiện tượng nứt trái :	Trần, Thị Bích Vân	Trần Thị Bích Vân ; Nguyễn Bảo Vệ (hướng dẫn khoa học)	2018	Tìm ra các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến sự thiếu hụt canxi ở trái chôm chôm Rongrien. Tìm ra biện pháp cung cấp canxi hiệu quả để hạn chế hiện tượng nứt trái chôm chôm Rongrien.
9010	Tiến sĩ	Đánh giá khả năng cung cấp lân của đất lúa trong điều kiện bón giảm lân, tưới khô - ngập luân phiên và luân canh với cây màu :	Vũ, Văn Long	Vũ Văn Long ; Châu Minh Khôi (hướng dẫn khoa học)	2018	Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cung cấp P hữu dụng trong đất, sự thay đổi tổng hấp thu P của lúa và năng suất lúa dựa trên các thí nghiệm đồng ruộng dài hạn trên các nhóm đất chính ở ĐBSCL. Qua đó có thể khuyến cáo người dân sử dụng các phương pháp, kỹ thuật trong canh tác lúa để tăng hiệu quả sử dụng phân P, tiết kiệm được nguồn nước tưới và thích ứng với biến đổi khí hậu.
9011	Tiến sĩ	Bệnh tiểu đường trên chó tại các quận huyện thành phố Cần Thơ :	Trần, Thị Thảo	Trần Thị Thảo ; Trần Ngọc Bích (hướng dẫn khoa học)	2018	Xây dựng thang chuẩn nồng độ glucose, HbA1c (glycohemoglobin) insulin trong máu chó, xác định tần suất lưu hành, đánh giá mức độ biến chứng cũng như hiệu quả kiểm soát đường huyết bệnh tiểu đường trên đàn chó được nuôi dưỡng tại Thành phố Cần Thơ.
9012	Tiến sĩ	Nghiên cứu một số dạng bất thường nhiễm sắc thể Y ở nam giới khám vô sinh tại Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ :	Cao, Thị Tài Nguyên	Cao Thị Tài Nguyên ; Nguyễn Trung Kiên (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xây dựng và kiểm định quy trình kỹ thuật QF-PCR để phát hiện một số dạng bất thường nhiễm sắc thể Y ở nam giới khám vô sinh có $\leq 5 \times 10^6$ tinh trùng/mL tinh dịch, xác định tỷ lệ một số dạng bất thường nhiễm sắc thể Y ở nam giới khám vô sinh có $\leq 5 \times 10^6$ tinh trùng/mL tinh dịch bằng quy trình kỹ thuật QFPCR đã được xây dựng và kiểm định, mô tả đặc điểm tinh dịch đồ, nội tiết tố và một số yếu tố liên quan đến bất thường nhiễm sắc thể Y ở nam giới khám vô sinh có $\leq 5 \times 10^6$ tinh trùng/mL tinh dịch.
9013	Tiến sĩ	Biện pháp quản lý nước, bón đạm, xử lý rơm rạ để giảm bốc thoát khí ammoniac, phát thải khí mêtan và ôxit nitơ trong canh tác lúa :	Trần, Thị Hồng Huyền	Trần Thị Hồng Huyền ; Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định ảnh hưởng của kỹ thuật tưới khô ngập luân phiên trên lượng bốc thoát khí NH ₃ , phát thải khí CH ₄ và N ₂ O, xác định ảnh hưởng của biện pháp bón thăm urê trên hiệu quả sử dụng phân N và khả năng phát thải khí nhà kính, xác định ảnh hưởng của việc sử dụng phân hữu cơ có xử lý chế phẩm nấm <i>Trichoderma</i> sp. đến khả năng giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện sinh trưởng lúa.
9014	Tiến sĩ	Nghiên cứu khả năng chịu tải môi trường của sông phù sa, dưới ảnh hưởng của thủy triều :	Phạm, Thành Nhơn	Phạm Thành Nhơn ; Nguyễn Hiếu Trung (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Khả năng chịu tải môi trường của sông vùng nghiên cứu và các giải pháp nhằm ổn định môi trường nước trong điều kiện phát triển về kinh tế xã hội và biến đổi khí hậu trong tương lai, ứng dụng mô hình toán ba chiều mô phỏng đặc tính thủy lực dòng chảy và diễn biến chất lượng nước Sông Hậu (đoạn qua từ Phà Vàm Cống đến Cầu Cần Thơ).

9015	Tiến sĩ	Tuyển chọn vi khuẩn lactic kháng với vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (<i>Vibrio parahaemolyticus</i>) trên tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>) :	Nguyễn, Thị Trúc Linh	Nguyễn Thị Trúc Linh ; Trương Quốc Phú (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân lập vi khuẩn lactic từ ruột tôm thẻ, ruột cá rô phi và bùn đáy ao nuôi tôm thẻ, nghiên cứu một số đặc điểm hình thái, sinh lý, sinh hóa và khả năng đối kháng vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> của các chủng vi khuẩn lactic, thử nghiệm khả năng kháng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính khi bổ sung các chủng LAB vào thức ăn. Định danh loài vi khuẩn lactic có khả năng đối kháng mạnh nhất với vi khuẩn <i>V. parahaemolyticus</i> .
9016	Tiến sĩ	Một số đặc điểm dịch tễ học và sinh học bệnh sán lá gan lớn trên bò ở Đồng bằng sông Cửu Long và thử hiệu quả của thuốc tẩy trừ :	Hà, Huỳnh Hồng Vũ	Hà Huỳnh Hồng Vũ ; Nguyễn Hữu Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định được loài, sự phân bố, đặc điểm sinh học và các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn trên bò tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất được biện pháp tẩy trừ bệnh sán lá gan lớn trên bò tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.
9017	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của các dạng lập địa và chế độ triều lên khả năng tích lũy cacbon của rừng ngập mặn tại tỉnh Cà Mau :	Nguyễn, Hà Quốc Tín	Nguyễn Hà Quốc Tín ; Lê Tấn Lợi (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định những yếu tố môi trường cụ thể trên các dạng lập địa và chế độ triều biển Đông (cửa sông Vàm Lũng) và biển Tây (cửa sông Ông Trang) từ đó tìm ra ảnh hưởng cũng như mối liên hệ giữa các yếu tố môi trường đến khả năng tích lũy Cacbon của rừng ngập mặn tại Cà Mau.
9018	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và biện pháp quản lý sâu đục củ khoai lang tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long :	Nguyễn, Thị Hồng Linh	Nguyễn Thị Hồng Linh ; Lê Văn Vàng, Lê Vĩnh Thúc (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định tình hình gây hại và mức độ thiệt hại do sâu đục củ gây ra trên các địa bàn canh tác khoai lang tại Vĩnh Long, xác định một số đặc điểm hình thái, sinh học và định danh của sâu đục củ khoai lang, xây dựng được biện pháp quản lý sâu đục củ khoai lang theo hướng an toàn và thân thiện với môi trường.
9019	Tiến sĩ	Đánh giá hiệu quả sản xuất và những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ trồng rau màu tại thành phố Cần Thơ :	Đoàn, Hoài Nhân	Đoàn Hoài Nhân ; Đỗ Văn Xê (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá hiệu quả sản xuất, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất rau màu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất rau màu tại thành phố Cần Thơ.
9020	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc tính môi trường đất, nước ảnh hưởng đến khả năng phát triển cây Mầm đen (<i>Avicennia officinalis</i> L.) vùng biển Tây Đồng bằng sông Cửu Long :	Thái, Bình Hạnh Phúc	Thái Bình Hạnh Phúc ; Thái Thành Lượm, Lê Quang Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Xác định các yếu tố môi trường đất và nước làm cơ sở phân vùng sinh thái rừng ngập mặn với loài cây Mầm đen (<i>Avicennia officinalis</i> L.) trong quần xã. Sự hiện diện, sinh trưởng, tái sinh, trồng rừng và đánh giá thích nghi cây Mầm đen trên các tiểu vùng sinh thái biển Tây dưới tác động của các điều kiện tự nhiên của vùng nghiên cứu, làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp tái sinh phục hồi, trồng rừng mới, quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững rừng ngập mặn trước mắt và lâu dài tại vùng nghiên cứu và các vùng khác có điều kiện tương tự.
9021	Tiến sĩ	Tạo dòng hoa huệ (<i>Polianthes tuberosa</i> L.) đột biến bằng tia gamma (60Co) trong điều kiện in vitro :	Đào, Thị Tuyết Thanh	Đào Thị Tuyết Thanh ; Nguyễn Bảo Toàn (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Đánh giá kỹ thuật nuôi cấy đỉnh sinh trưởng để tạo nguồn vật liệu mô sẹo và cụm chồi cho xử lý chiếu xạ tia gamma (60Co). Xác định liều gây chết 50% (LD50) của tia gamma (60Co) trên mô sẹo và cụm chồi hoa huệ sau 150 ngày nuôi cấy. Xác định các dạng bất thường về kiểu hình của cây giai đoạn thuần dưỡng.
9022	Tiến sĩ	Phân vùng sinh thái nông nghiệp dựa trên động thái tài nguyên nước ở vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Mỹ Linh	Nguyễn Thị Mỹ Linh ; Văn Phạm Đăng Trí, Nguyễn Văn Bé (Cán bộ hướng dẫn)	2018	Phân vùng sinh thái nông nghiệp dựa trên động thái tài nguyên nước mặt nhằm đánh giá sự thay đổi của các vùng sinh thái nông nghiệp do công tác quản lý tài nguyên nước mặt từ đó có cơ sở hỗ trợ quyết định trong định hướng, hoạch định chính sách, bố trí sản xuất nông nghiệp theo hướng phù hợp với từng vùng sinh thái nông nghiệp trong điều kiện xâm nhập mặn.

9023	Tiến sĩ	Phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu :	Nguyễn, Văn Tuấn	Nguyễn Văn Tuấn ; Nguyễn Văn Sánh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tìm hiểu được tiềm năng, thế mạnh, cũng như những hạn chế của các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương.
9024	Tiến sĩ	Nâng cao hiệu quả sản xuất mô hình nuôi tôm nước lợ ở vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng :	Trần, Ngọc Tùng	Trần Ngọc Tùng ; Bùi Văn Trịnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân tích thực trạng phát triển nghề nuôi tôm nước lợ, những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của nông hộ nuôi tôm nước lợ ở vùng ven biển. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần cải thiện hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người nuôi tôm nước lợ tỉnh Sóc Trăng.
9025	Tiến sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình thu hoạch và chế biến đến hàm lượng các chất có hoạt tính sinh học trong cây thuốc dòi (Pouzolzia zeylanica L. Benn) :	Nguyễn, Duy Tân	Nguyễn Duy Tân ; Nguyễn Minh Thủy (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định thời điểm thu hoạch và phương pháp xử lý sau thu hoạch thích hợp cho cây thuốc dòi nhằm thu nhận tối đa hàm lượng các hợp chất có hoạt chất sinh học và xây dựng quy trình sản xuất hai dạng sản phẩm (cao lỏng và bột hòa tan) chất lượng cao và có khả năng hỗ trợ sức khỏe.
9026	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc tính cứng cây kháng đổ ngã của một số dòng lúa nếp thuộc hai tổ hợp lai CK92 x Nhật và NK2 x Nhật :	Nguyễn, Thị Thuở	Nguyễn Thị Thuở ; Lê Văn Hòa, Võ Công Thành (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định nguyên nhân có liên quan đến tính kháng đổ ngã để có hướng chọn tạo ra giống mới cứng cây, kháng đổ ngã và hiệu quả của tính cứng cây đối với cây lúa nếp.
9027	Tiến sĩ	Chọn tạo dòng/giống lúa hàm lượng amylose thấp bằng dấu chuẩn phân tử SSR trên quần thể lai hồi giao :	Hồ, Văn Được	Hồ Văn Được ; Nguyễn Thị Lang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu, chọn tạo các dòng/giống lúa có phẩm chất tốt liên quan đến chỉ tiêu hàm lượng amylose thấp dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp lai hồi giao và chọn giống bằng chỉ thị phân tử
9028	Tiến sĩ	Khảo sát vi khuẩn Erscherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên gà tại một số trại chăn nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Bùi, Thị Lê Minh	Bùi Thị Lê Minh ; Lưu Hữu Mạnh (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu xác định sự lưu hành vi khuẩn Erscherichia coli sinh beta-lactamase phổ rộng trên gà nuôi ở quy mô trang trại, hộ gia đình, các yếu tố có liên quan như trứng gà, người chăn nuôi gà, thịt gà ở cơ sở giết mổ và các yếu tố môi trường tại các cơ sở chăn nuôi và giết mổ ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.
9029	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của giống và biện pháp canh tác đến năng suất và phẩm chất khoai lang tím (Ipomoea batatas (L.) Lam.) ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Phạm, Thị Phương Thảo	Phạm Thị Phương Thảo ; Lê Văn Hòa, Phạm Phước Nhẫn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp để nâng cao năng suất, phẩm chất và hàm lượng anthocyanins trong thịt củ các dòng/giống khoai lang tím được tuyển chọn.
9030	Tiến sĩ	Effects of nitrite, temperature and hypercapnia on physiological processes and growth on clown knifefish (Chitala ornata, Gray 1831) :	Lê, Thị Hồng Gấm	Le Thi Hong Gam ; Nguyen Thanh Phuong (Supervisor)	2019	Nghiên cứu ảnh hưởng của nitrit, nồng độ CO2 cao và sự tăng nhiệt độ lên các chỉ tiêu sinh lý máu và tăng trưởng của cá thát lát còm.
9031	Tiến sĩ	Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý rác hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng :	Mai, Thi	Mai Thi ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Ứng dụng công nghệ sinh học để phân lập và chọn lọc các dòng vi khuẩn bản địa để xử lý rác hữu cơ và ứng dụng phân hữu cơ vi sinh trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng.

9032	Tiến sĩ	Đánh giá sự lưu tồn và phân lập vi khuẩn có khả năng phân hủy Chlorpyrifos ethyl trên ba mô hình canh tác: Chuyên lúa, lúa - màu và chuyên màu ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Trương, Quốc Tất	Trương Quốc Tất ; Dương Minh Viễn, Lê Hữu Hải (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đánh giá sự tương tác giữa loại đất (đất phèn và đất phù sa), loại cây trồng (lúa và màu) với dư lượng chlorpyrifos ethyl trong đất và vi khuẩn phân hủy chlorpyrifos ethyl trong đất.
9033	Tiến sĩ	Nghiên cứu tác động của văn hóa doanh nghiệp đến động lực làm việc và lòng trung thành của người lao động thuộc tổng công ty lắp máy Việt Nam :	Bùi, Thị Minh Thu	Bùi Thị Minh Thu ; Lê Nguyễn Đoan Khôi (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu tác động của văn hóa doanh nghiệp đến động lực làm việc và lòng trung thành của người lao động tại LILAMA, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh tại LILAMA.
9034	Tiến sĩ	Nghiên cứu khả năng giảm đạm, lân của mồm mỡ (Hymenachne acutigluma) trong nước thải ao nuôi thâm canh cá tra :	Lê, Diễm Kiều	Lê Diễm Kiều ; Ngô Thụy Diễm Trang, Hans Brix (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm tìm hiểu khả năng loại bỏ N,P trong nước thải ao nuôi cá tra thâm canh của cỏ mồm mỡ và có thể sử dụng loài thực vật này vào xử lý nước thải, góp phần hạn chế tác động đến môi trường.
9035	Tiến sĩ	Nghiên cứu chọn tạo và biện pháp nâng cao năng suất, phẩm chất dòng dưa hấu (Citrullus vulgaris L.) tam bội in vitro :	Trần, Thanh Truyền	Trần Thanh Truyền ; Lâm Ngọc Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định môi trường thích hợp để nhân giống các dòng dưa hấu tứ bội và tam bội in vitro, khảo sát và đánh giá khả năng sinh trưởng, phẩm chất trái của 2 dòng dưa hấu tam bội tạo thành cây mô ở điều kiện ngoài đồng.
9036	Tiến sĩ	Khảo sát xoắn khuẩn Leptospira và Leptospirosis trên chó ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Thị Bé Mười	Nguyễn Thị Bé Mười ; Hồ Thị Việt Thu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Khảo sát sự lưu hành của xoắn khuẩn Leptospira trên chó và chuột, nghiên cứu những biến đổi bệnh lý và biện pháp điều trị bệnh Leptospirosis trên chó.
9037	Tiến sĩ	Study on the resistance mechanism of barnyardgrass (Echinochloa crus-galli) to quinclorac in the Mekong delta of Vietnam :	Lê, Duy	Le Duy ; Nguyen Minh Chon (Supervisor)	2019	Đánh giá đa dạng hình thái và đa dạng di truyền của quần thể cỏ lồng vực, tính kháng của cỏ lồng vực với bispyribac, penoxsulam và quinclorac trên ruộng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long.
9038	Tiến sĩ	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn liên kết với thực vật (plant associated bacteria) ở lúa, khoai trồng trên đất phèn vùng Đồng bằng sông Cửu Long :	Lý, Ngọc Thanh Xuân	Lý Ngọc Thanh Xuân ; Trần Văn Dũng, Ngô Ngọc Hưng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Phân lập các chủng vi khuẩn cố định đạm, hòa tan lân hiện diện trong đất và nội sinh trong cây lúa, khoai lang trên đất phèn; xác định và tuyển chọn các dòng vi khuẩn cố định đạm, hòa tan lân có ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất của cây lúa và khoai lang trồng trên đất phèn trong điều kiện nhà lưới và ngoài đồng.
9039	Tiến sĩ	Khảo sát tình hình gây hại, đặc điểm sinh học và hóa chất tín hiệu trong quản lý sâu kén màng, Hellula undalis Fabricius (Lepidoptera: Crambidae) hại cải tại đồng bằng sông Cửu Long.	Trần, Thanh Thy	Trần Thanh Thy ; Nguyễn Lộc Hiền, Lê Văn Vàng (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nội dung luận án điều tra và khảo sát tình hình gây hại của sâu kén màng gây hại rau cải tỉnh Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang. Khảo sát ảnh hưởng của giống cải, nhiệt độ lên sự phát triển của sâu kén màng và khả năng nhân nuôi phạm vi hẹp của đối tượng này. Xác định sự đa dạng di truyền của quần thể sâu kén màng được thu thập tại đồng bằng sông Cửu Long bằng dấu phân tử ISSR. Xác định thành phần hóa học của pherômone giới tính của sâu kén màng hại rau cải. Tổng hợp thành phần pheromone giới tính chính, hợp chất E11, E13-16:Ald.

9040	Tiến sĩ	Sử dụng bùn thải từ quá trình xử lý nước thải nhà máy sản xuất bia và chế biến thủy sản trong ủ phân hữu cơ vi sinh.	Nguyễn, Thị Phương	Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Mỹ Hoa	2019	Nội dung nghiên cứu sử dụng bùn thải từ quá trình xử lý nước thải nhà máy bia và chế biến thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long để sản xuất phân hữu cơ vi sinh và đánh giá hiệu quả sử dụng phân hữu cơ vi sinh sản xuất được trên năng suất cây trồng.
9041	Tiến sĩ	Sử dụng thịt đầu tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) để chế biến chế phẩm giàu protein :	Hà, Thị Thụy Vy	Hà Thị Thụy Vy ; Nguyễn Văn Mười (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Xác định tính chất và khả năng thủy phân của protease nội tại được trích ly từ thịt đầu tôm thẻ để thu nhận dịch chế phẩm giàu protein. Trên cơ sở đó, protease nội tại được kết hợp với enzyme thương mại trong thủy phân thịt đầu tôm thẻ nhằm gia tăng hiệu suất quá trình và nâng cao tính chất chức năng của dịch đậm thu nhận được.
9042	Tiến sĩ	Phân tích phản ứng cung tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long :	Lê, Nhị Bảo Ngọc	Lê Nhị Bảo Ngọc ; Lê Quang Thông, Thái Anh Hòa (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu phân tích phản ứng cung tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách, cũng như các nhà kinh doanh và người nuôi tôm có thể tham khảo và vận dụng với điều kiện của địa phương một cách hợp lý.
9043	Tiến sĩ	Sưu tầm, tuyển chọn và nghiên cứu quy trình nuôi trồng hai loại nấm ăn và nấm dược liệu hoang dại ở vùng Thất Sơn, An Giang :	Hồ, Thị Thu Ba	Hồ Thị Thu Ba ; Trần Nhân Dũng, Bùi Thị Minh Diệu (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Sưu tầm, tuyển chọn, xác định độc tính cấp, xác định thành phần dinh dưỡng, thành phần dược tính, phân tích độc tính bán trường diễn, thử nghiệm trên dòng tế bào ung thư và đưa vào nuôi trồng một loại nấm ăn và một loại nấm dược liệu thu thập hoang dại ở vùng Thất Sơn, An Giang.
9044	Tiến sĩ	The effects of temperature, hypoxia and hypercarbia on respiration and physiology of Clown knifefish <i>Chitala ornata</i> (Gray, 1831) :	Đặng, Diễm Tường	Dang Diem Tuong ; Tran Ngoc Hai (Supervisors)	2019	Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề được quan tâm nhất trong nghiên cứu khoa học về phương diện ảnh hưởng lên sinh lý, tăng trưởng, thích nghi và hoặc diệt vong của động vật thủy sản. Cá thát lát còm (<i>Chitala ornata</i>) là một loài quan trọng trong nuôi trồng thủy sản đã được chọn trong nghiên cứu này để cung cấp các thông tin chuyên sâu về đánh giá tác động của sự tăng nhiệt độ và nồng độ CO ₂ . Các chỉ tiêu sinh lý hô hấp, các phản ứng hô hấp tim mạch, sự thích nghi hình thái mang cá và tăng trưởng là các chỉ tiêu đã được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu
9045	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, sinh học và đánh giá hiệu quả của các chủng nấm <i>Beauveria</i> và <i>Paecilomyces</i> ký sinh trên côn trùng gây hại được phân lập tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Huỳnh, Hữu Đức	Huỳnh Hữu Đức ; Trần Văn Hai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Thu thập và định danh đến loài của các chủng nấm thuộc hai chi <i>Beauveria</i> và <i>Paecilomyces</i> ký sinh trên một số loài côn trùng gây hại, nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của các chủng nấm <i>Beauveria</i> và <i>Paecilomyces</i> bản địa đã được định danh.
9046	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của CO ₂ , nhiệt độ và Nitrit lên sự cân bằng axit bazơ và các chỉ tiêu sinh lý máu của lươn đồng <i>Monopterus albus</i> (Zuiew, 1793) :	Phan, Vĩnh Thịnh	Phan Vĩnh Thịnh ; Nguyễn Thanh Phương, Tobias Wang (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học về cơ chế điều hòa axit bazơ trong máu lươn dưới tác động riêng lẻ và kết hợp của CO ₂ , nhiệt độ và nitrit tăng cao; khảo sát sự thay đổi sinh lý của lươn đồng dưới những tác động của điều kiện sống như trên

9047	Tiến sĩ	EFL (high school) teachers' perception of the alignment of the pilot English grade 10 textbook with the new National English language curriculum :	Nguyễn, Thị Thoại	Nguyễn Thị Thoại ; Phạm Thị Hồng Nhung (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu được thực hiện với mục đích điều tra nhận thức của giáo viên tại các trường trung học phổ thông ở Đồng bằng sông Cửu Long về sự tương thích của sách Tiếng Anh 10 thí điểm với chương trình mới của Bộ Giáo Dục. Khách thể của nghiên cứu gồm 60 giáo viên tiếng Anh trung học phổ thông. Số liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi và phỏng vấn với giáo viên ở các trường trung học phổ thông ở Đồng bằng sông Cửu Long.
9048	Tiến sĩ	Nghiên cứu trích ly polyphenol từ củ Hà Thủ Ô Đỏ (<i>Polygonum multiflorum</i> Thunb.) và ứng dụng trong thực phẩm :	Lê, Phạm Tấn Quốc	Lê Phạm Tấn Quốc ; Nguyễn Văn Mười (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định phur ng pháp trích ly tối ưu để thu nhận dịch chiết cao hàm lượng polyphenol tổng số và hoạt tính kháng oxy hóa cao từ củ Hà Thủ Ô đỏ (<i>Polygonum multiflorum</i> Thunb.) (HTOD). Đồng thời xác định tính chất kháng khuẩn, sự tương tác với protein, khả năng ứng dụng của dịch chiết trong bảo quản rau quả, chế biến thịt cá cũng như kiểm tra độc tính của dịch chiết polyphenol. Bên cạnh đó, việc tạo ra bột sẩy phun và thiết lập mô hình suy giảm chất lượng cho dịch chiết và chế phẩm sẩy phun cũng được nghiên cứu. . Nội dung đầu tiên gồm các thí nghiệm theo dõi sự ổn định hàm lượng polyphenol tổng số và hoạt tính kháng oxy hóa của củ Hà Thủ Ô ở 3 dạng bảo quản khác nhau (củ tươi xắt lát lạnh đông, Hà Thủ Ô xắt lát sấy khô và dạng bột ở nhiệt độ môi trường). Trong nội dung thứ hai, sử dụng các phur ng pháp trích ly khác nhau như ngâm trích, trích ly có hỗ trợ vi sóng và siêu âm nhằm tìm ra phương pháp trích ly tối ưu để có được hàm lượng polyphenol tổng số và hoạt tính kháng oxy hóa cao nhất.
9049	Tiến sĩ	Nghiên cứu đặc tính sinh học và biện pháp phòng trừ bọ vòi voi <i>Diocalandra frumenti</i> (Coleoptera: Curculionidae) hại dừa tại Đồng bằng sông Cửu Long :	Nguyễn, Hồng Ứng	Nguyễn Hồng Ứng ; Trần Văn Hai (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Bọ vòi voi hại dừa <i>Diocalandra frumenti</i> Fabricius đã gây hại nghiêm trọng đến năng suất và chất lượng của dừa. Đề tài “Nghiên cứu đặc tính sinh học và biện pháp phòng trừ bọ vòi voi <i>Diocalandra frumenti</i> (Coleoptera: Curculionidae) hại dừa tại Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện từ năm 2014 đến năm 2018 nhằm mục tiêu: 1/ Xác định được khả năng gây hại của bọ vòi voi hại dừa tại 03 tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long và Trà Vinh, 2/ Xác định được đặc điểm hình thái, sinh học và gây hại của bọ vòi voi hại cây dừa, 3/ Khảo sát sự đa dạng di truyền của <i>D. frumenti</i> bằng các chỉ thị phân tử ISSR, 4/ Xác định đối tượng nấm ký sinh trong tự nhiên của bọ vòi voi và hiệu quả của một số chế phẩm sinh học trên bọ vòi voi hại dừa, 5/ Xây dựng mô hình quản lý bọ vòi voi bằng các giải pháp an toàn, thân thiện với môi trường.
9050	Tiến sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn Lactic có khả năng kháng vi sinh vật gây bội nhiễm mụn trứng cá do sử dụng sản phẩm chứa Corticoid :	Dương, Thị Bích	Dương Thị Bích ; Nguyễn Văn Bá, Huỳnh Văn Bá (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Qua khảo sát 148 bệnh nhân mụn trứng cá tình nguyện cho thấy tỷ lệ mụn trứng cá sử dụng sản phẩm bôi chứa corticoid chiếm 53,4% nam (trong đó nữ: 58,8%; nam: 43,1%). Dạng lâm sàng phổ biến là mụn trứng cá đỏ (23,6%). Tỷ lệ nhiễm <i>P. acnes</i> trên mụn trứng cá sử dụng sản phẩm bôi chứa corticoid là 42,6%, <i>S. epidermidis</i> là 49,9%, <i>S. aureus</i> là 32,4%, <i>Demodex</i> là 4,8% và tỷ lệ đồng nhiễm gồm <i>P. acnes</i> , <i>S. epidermidis</i> , <i>S. aureus</i> là 24,3%. Các dòng vi khuẩn này đều thể hiện tính kháng với các kháng sinh gồm: erythromycin, clindamycin, doxycyclin, tetracyclin, oxacillin và Trimethoprim/sulfamethoxazol với tỷ lệ từ 55,6% đến 95,4%.

9051	Tiến sĩ	Chọn tạo các dòng đậu xanh (<i>Vigna radiata</i> L.) bằng đột biến EMS trên hai giống ĐX208 và Taichung :	Trần, Thị Thanh Thủy	Trần Thị Thanh Thủy ; Trương Trọng Ngôn (Hướng dẫn khoa học)	2019	Chọn tạo giống đậu xanh bởi hóa chất Ethyl Methane Sulphonate (EMS) đã được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới. Việc lựa chọn và phát triển các thể đột biến thành các giống triển vọng được đề xuất cho nông dân đã được thực hiện thành công trên nhiều quốc gia, tuy nhiên ở Việt Nam vẫn còn ít thông tin. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tạo nguồn vật liệu khởi đầu cho chọn giống đậu xanh và chọn được từ 2 đến 4 dòng đậu xanh đột biến ngắn ngày, năng suất cao, trái chín đồng loạt. Luận án được tiến hành từ năm 2013 đến năm 2017 tại Trường Đại học Cần Thơ và Công ty Sinh Hóa Phù Sa. Các thí nghiệm ngoài đồng từ thể hệ M ₂ -M ₆ được bố trí theo thể thức khối hoàn toàn ngẫu nhiên (RCBD), 1 nhân tố, 3 lần lặp lại, khoảng cách gieo 45x20 cm, 2 cây/hốc, sử dụng công thức phân 60N-60P ₂ O ₅ -40K ₂ O.
9052	Tiến sĩ	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn chịu mặn có khả năng cố định đạm, tổng hợp indole acetic acid trên mô hình canh tác lúa – tôm ở Bạc Liêu, Sóc Trăng và Kiên Giang :	Nguyễn, Anh Huy	Nguyễn Anh Huy ; Nguyễn Hữu Hiệp (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Đề tài được thực hiện nhằm tuyển chọn được một số dòng vi khuẩn bản địa, chịu mặn có khả năng cố định đạm và tổng hợp IAA hiệu quả trên cây lúa chịu mặn, sản xuất theo mô hình canh tác lúa – tôm. Vi khuẩn chịu mặn bản địa được phân lập bằng môi trường Burk không đạm có độ mặn 10‰ từ các mẫu đất được thu thập từ đất trồng lúa bị nhiễm mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng và Kiên Giang. Khảo sát khả năng tổng hợp NH ₄ ⁺ bằng phương pháp Indophenol blue, khảo sát khả năng tổng hợp IAA bằng phương pháp Salkowski.

9053	Tiến sĩ	Kiến thức bản địa và khả năng thích ứng với lũ của nông dân tỉnh An Giang :	Phạm, Xuân Phú	Phạm Xuân Phú ; Nguyễn Ngọc Đệ (Hướng dẫn khoa học)	2019	An Giang là một trong 13 tỉnh của Đồng Bằng Sông Cửu Long chịu ảnh hưởng bởi lũ hàng năm và là một trong những tỉnh đầu nguồn có biên giới giáp với Campuchia. Hàng năm, khi lũ từ thượng nguồn đổ xuống cùng với lượng nước mưa đã gây ngập lũ. Khi lũ về đã gây ra không ít những khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh kế của nông dân. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm hệ thống hóa và đánh giá tính phù hợp của kiến thức bản địa và khả năng thích ứng với lũ của nông dân ở tỉnh An Giang, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy hiệu quả sử dụng kiến thức bản địa trong việc giảm thiểu tổn thương của nông dân vùng lũ. Bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận khung sinh kế bền vững để đánh giá tính tổn thương sinh kế của kiến thức bản địa do lũ, sử dụng chỉ số tổn thương (LVI) đánh giá tính tổn thương sinh kế thay đổi do lũ đối với cộng đồng địa phương và áp dụng phương pháp thống kê mô tả, bảng chéo, kiểm định T-test và phân tích phương sai (ANOVA) và tương quan đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân ở địa bàn nghiên cứu vẫn còn lưu giữ nhiều kiến thức bản địa có giá trị trong thích ứng với lũ. Tuy nhiên, những kiến thức này chưa được ghi chép cụ thể và lưu trữ phù hợp để truyền lại cho các thế hệ sau và chia sẻ rộng rãi trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cũng có một số kiến thức bản địa của người dân không còn phù hợp và đã sai lệch so với hiện nay cần xem xét trong điều kiện hiện tại. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số tổn thương sinh kế của khu vực nghiên cứu giảm dần theo các yếu tố chính là mạng lưới xã hội, kiến thức - kỹ năng, nguồn tài nguyên thiên nhiên, thu nhập và tài chính, chiến lược sinh kế, thảm họa thiên nhiên và khác nhau ở vùng đầu, giữa và cuối nguồn. Vì thế nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp bảo tồn kiến thức bản địa có giá trị, ứng dụng kết hợp kiến thức bản địa với các biện pháp thích nghi hiện tại để nâng cao khả năng chủ động thích nghi với lũ trong điều kiện khí hậu biến đổi.
9054	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của nitrite, CO_2 , nhiệt độ lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá basa giống (<i>Pangasius bocourti</i> Sauvage, 1880) :	Nguyễn Thị Kim Hà	Nguyễn Thị Kim Hà ; Đỗ Thị Thanh Hương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố môi trường như nitrite, nhiệt độ và CO_2 lên các chỉ tiêu sinh lý, tăng trưởng, hoạt tính enzyme tiêu hóa của cá basa (<i>Pangasius bocourti</i>) trong điều kiện thí nghiệm. Nghiên cứu gồm các nội dung như: (i) ảnh hưởng đơn và kết hợp của nitrite và nhiệt độ, nitrite và CO_2 lên sinh lý và tăng trưởng của cá basa; (ii) ảnh hưởng của nitrite lên enzyme metHb reductase và tiêu hao oxy của cá basa; (iii) khảo sát biến động các yếu tố môi trường ao ương cá basa giống.

9055	Tiến sĩ	Định vị sự cố trên đường dây dùng phần mềm Digsí :	Nguyễn, Minh Thông	Nguyễn Minh Thông ; Võ Ngọc Điều (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – kỹ thuật thì điện năng đóng một vai trò không nhỏ trong sự phát triển đó. Song song đó, điện năng còn có vai trò quan trọng trong nền công nghiệp hiện đại, cũng như trong đời sống, sinh hoạt hàng ngày và góp phần nâng cao đời sống của nhân dân. Hệ thống lưới điện truyền tải là một mắt xích quan trọng trong hệ thống điện Việt Nam, phụ tải ở nước ta ngày một tăng lên dẫn theo đó là sự phát triển, mở rộng của hệ thống các đường dây cao thế và các trạm biến áp ở khắp cả nước. Do hệ thống lưới điện truyền tải được mở rộng, nên tổng chiều dài các đường dây vận hành tăng lên, vì thế trong quá trình vận hành sự cố lưới điện là điều không tránh khỏi.
9056	Tiến sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố thời tiết đến dự báo phụ tải tỉnh Cà Mau :	Liêu, Tài	Liêu Tài ; Võ Ngọc Điều (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Các yếu tố thời tiết như: Nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, tốc độ gió và độ mây che phủ, ảnh hưởng tới chu kỳ sinh hoạt của con người và hiệu suất trao đổi nhiệt của thiết bị điện, từ đó ảnh hưởng tới phụ tải điện. Các yếu tố thời tiết thay đổi liên tục, tác động qua lại lẫn nhau, ở mỗi vùng miền lại khác nhau. Do thời tiết còn thay đổi theo mùa, theo từng năm nên trong nghiên cứu này chỉ tập trung vào sự thay đổi thời tiết làm thay đổi phụ tải ngắn hạn, nắm được quy luật này có thể sử dụng xu hướng đó cho dự đoán phụ tải ngắn hạn.
9057	Tiến sĩ	Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác bằng phương pháp điện hóa :	Hồ, Quốc Hùng	Hồ Quốc Hùng ; Nguyễn Văn Dũng, Phạm Văn Toàn (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Công nghệ điện hóa đã được ứng dụng vào xử lý nước thải ở Việt Nam trong những năm gần đây. Nước rỉ rác không chỉ chứa các chất hữu cơ mà còn chứa các chất vô cơ hòa tan, kim loại nặng và các chất hữu cơ độc hại. Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ điện hóa nhằm tăng tính hiệu quả của việc xử lý nước thải.
9058	Tiến sĩ	Đánh giá ổn định điện áp lưới điện truyền tải Miền Tây :	Nguyễn, Nhân Anh	Nguyễn Nhân Anh ; Đỗ Nguyễn Duy Phương (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Ổn định điện áp là chỉ tiêu quan trọng trong quy hoạch, thiết kế và vận hành hệ thống điện. Đối với lưới Truyền Tải Miền Tây có vai trò quan trọng cấp điện cho phụ tải các tỉnh Miền Tây Nam Bộ. Lưới truyền tải Miền Tây ngày càng có quy mô lớn và kết cấu phức tạp hơn, đối mặt với các chế độ vận hành đầy tải và gần giới hạn ổn định dẫn đến nguy cơ mất ổn định điện áp khi có sự cố đường dây truyền tải, hay sự cố các tổ máy phát, sự cố mất nút trung gian quan trọng...
9059	Tiến sĩ	Chọn tạo giống lúa chịu mặn có hàm lượng sắt trong gạo cao và amylose thấp :	Nguyễn, Thị Mỹ Duyên	Nguyễn Thị Mỹ Duyên ; Trần, Thị Cúc Hòa (Hướng dẫn khoa học)	2019	Đề tài nhằm mục đích lai tạo và chọn lọc giống lúa mới vừa có khả năng trồng được trên đất nhiễm mặn, vừa giàu sắt và có hàm lượng amylose thấp. Mặt khác, nghiên cứu giống lúa có khả năng chịu mặn thông qua sự kết hợp giữa phương pháp lai tạo truyền thống và chọn lọc hiện đại bằng chỉ thị phân tử cho phép rút ngắn thời gian và tăng hiệu quả chọn tạo giống lúa.
9060	Tiến sĩ	EFL teachers' learning needs in relation to pedagogical knowledge for their professional development to prepare for the new National curriculum for general education	Phạm, Minh Hải	Phạm Minh Hải ; Trịnh Quốc Lập (Hướng dẫn khoa học)	2019	Nghiên cứu này nhằm tìm ra nhu cầu học tập về phương pháp dạy học tiếng Anh của Thầy Cô giáo tiếng Anh tại thành phố Cần Thơ hướng tới việc giáo viên được bồi dưỡng để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới môn tiếng Anh được tốt hơn. Là một nghiên cứu mô tả, cả dữ liệu định tính và định lượng được thu thập và phân tích. Công cụ nghiên cứu bao gồm bảng câu hỏi và phỏng vấn.

9061	Tiến sĩ	Ảnh hưởng của dầu vỏ hạt điều thô (<i>Anacardium occidentale</i> L.) đến sự phát thải khí hiệu ứng nhà kính và tận dụng thức ăn của cừu :	Phạm, Huỳnh Khiết Tâm	Phạm Huỳnh Khiết Tâm ; Nguyễn Văn Thu (cán bộ hướng dẫn)	2019	Nghiên cứu này bao gồm 1 thí nghiệm (TN) sinh khí in vitro và 1 thí nghiệm tiêu hóa và phát thải khí hiệu ứng nhà kính ở in vivo. Thí nghiệm 1 gồm 2 thí nghiệm 1A và 1B, được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Các nghiệm thức gồm DD0, DD2, DD4, DD6 và DD8 tương ứng với các mức độ dầu vỏ hạt điều là 0, 2, 4, 6 và 8% được thêm vào cỏ lông tây (1), và 80% cỏ lông tây với 20% thức ăn hỗn hợp dựa trên vật chất khô. Thí nghiệm 2 được tiến hành trên 04 con cừu cái 6 tháng tuổi, được bố trí theo kiểu hình vuông Latin (4x4) với 4 nghiệm thức và 4 giai đoạn, các nghiệm thức là mức độ dầu vỏ hạt điều 0; 0,5; 1,0; 1,5% (vật chất khô) được cho vào khẩu phần, tương ứng với các nghiệm thức DD0; DD0,5; DD1; DD1,5. Mỗi giai đoạn thí nghiệm là 14 ngày, trong đó 7 ngày đầu cho cừu thích nghi với khẩu phần và 7 ngày sau tiến hành lấy mẫu phân tích và đo khí thải (02 ngày/con/giai đoạn). Theo dõi các chỉ tiêu là tỷ lệ tiêu hóa đường chất, khí thải tổng số, CH4 và CO2, tích lũy đạm và thông số dịch dạ cỏ.
9062	Tiến sĩ	Ứng dụng GIS trong quản lý hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp :	Huỳnh, Minh Đường	Huỳnh Minh Đường ; Văn Phạm Đăng Trí (Cán bộ hướng dẫn)	2019	Hệ thống công trình thủy lợi (CTTL) đã giúp lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp phát triển và trở thành một trong những tỉnh cung cấp sản lượng nông sản (đặc biệt là lúa) lớn nhất ở ĐBSCL nhưng công tác quản lý và vận hành còn nhiều hạn chế. Đề tài thực hiện nhằm đồng bộ và thống nhất cơ sở dữ liệu CTTL trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) làm cơ sở cho công tác quản lý và đánh giá ảnh hưởng của hệ thống CTTL đến hoạt động canh tác nông nghiệp trong tương lai ở tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hệ thống thông tin địa lý GIS thông qua công cụ QGIS để tổng hợp và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống CTTL.
9063	Tiến sĩ	Nghiên cứu sự phân bố và đa dạng thực vật bậc cao trên các vùng sinh thái khác nhau tại tỉnh An Giang :	Nguyễn, Thị Hải Lý	Nguyễn Thị Hải Lý ; Nguyễn Hữu Chiêm (Hướng dẫn khoa học)	2020	Nghiên cứu được thực hiện từ năm 2015 đến năm 2017 với 460 ô tiêu chuẩn (OTC) 100 m ² nhằm xác định sự phân bố và đa dạng thực vật có mạch trên ba vùng sinh thái tiêu biểu, làm cơ sở cho việc khai thác bền vững và bảo tồn đa dạng thực vật của tỉnh An Giang. Dựa vào bản đồ phân vùng sinh thái nông nghiệp và phân bố đất, các OTC khảo sát cây thân gỗ (10m x 10m) và thân thảo (1m x 1m) được bố trí ở từng nhóm đất của vùng đồi núi, vùng đồng lụt ven sông và vùng đồng lụt hờ. Tại mỗi OTC thu thập số loài, số cá thể và D1,3, giá trị sử dụng và tác động của người dân, mẫu thực vật và đất. Xác định tên loài bằng phương pháp so sánh hình thái và các thông số hóa lý của đất được phân tích trong phòng thí nghiệm. Số liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê là ANOVA, Regression, PCA, CCA và RDA.

9064	Tiến sĩ	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu việc làm của lao động nông thôn ở thành phố Cần Thơ :	Phạm, Đức Thuần	Phạm Đức Thuần ; Dương Ngọc Thành (Hướng dẫn khoa học)	2020	Luận án “Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu việc làm của lao động nông thôn ở thành phố Cần Thơ” được thực hiện với các mục tiêu nghiên cứu bao gồm: (i) đánh giá thực trạng nhu cầu việc làm của lao động nông thôn (lao động nông nghiệp, lao động làm thuê trong nông nghiệp) trên địa bàn thành phố Cần Thơ, (ii) đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ, (iii) đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu việc làm cho lao động nông thôn trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu dựa vào phỏng vấn trực tiếp 530 người trong độ tuổi lao động (gồm: 210 lao động nông nghiệp, 110 lao động làm thuê trong nông nghiệp và 210 lao động phi nông nghiệp) được chọn một cách phi ngẫu nhiên phân tầng ở 04 huyện (Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ và Vĩnh Thạnh); kết hợp với các phương pháp phân tích thống kê mô tả về thực trạng của lao động nông thôn, phân tích bảng chéo, phương pháp phân tích mô hình hồi quy Tobit về thời gian làm việc của lao động nông thôn, phương pháp phân tích mô hình hồi quy Binary Logistics về nhu cầu việc làm của người lao động nông thôn để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và các giả thuyết đã được đặt ra.
------	---------	--	-----------------	--	------	---

Ghi chú